

William MacDonald

Believer's Bible Commentary - Old and New Testament in Vietnamese Language

The printed book is available through:

Christian Reading Room

P. O. Box 95413

Hong Kong SAR of China

Email: cbrhk@netvigator.com

KINH THÁNH CHỦ GIẢI

TÂN ƯỚC

*"... Một quyển sách hữu dụng cho sinh viên
nghiêm túc học biết Đấng Christ trong
Lời Chúa để chia sẻ về Ngài cho người khác."*

- WARREN WIERSBE -

WILLIAM MACDONALD

Art Farstad Biên Tập

KINH THÁNH CHÚ GIẢI TÂN ƯỚC

**WILLIAM MACDONALD
ART FARSTAD BIÊN TẬP**

Được viết cho nhiều người từ mỗi bước đi trong cuộc sống, quyển Kinh Thánh Chú Giải rõ ràng và dễ hiểu để đọc mỗi ngày, nó cung cấp dồi dào nguồn tư liệu cho sinh viên cũng như cho người giảng, giáo sư, nhà truyền giáo và nhà văn. Quyển Kinh Thánh Chú Giải phối hợp một cách cẩn trọng sự giải thích mỗi câu Kinh Thánh với ý tưởng thành tâm nhằm hướng bạn đến mối quan hệ sâu xa hơn với Chúa. Giáo sư William MacDonald không né tránh những vấn đề gây tranh luận trong Tân Ước, nhưng thảo luận cách trực diện vấn đề, dùng lập trường thần học bảo thủ để trình bày lần lượt quan điểm của mình cách ngay thẳng.

Hãy thực hiện sự học hỏi cá nhân Lời Chúa cách hệ thống như là một phần trong cuộc sống hàng ngày của bạn với quyển Kinh Thánh Chú Giải.

WILLIAM MACDONALD

CHÚ GIẢI
KINH THÁNH

DÀNH CHO TÍN HỮU

(Believer's Bible Commentary)

TÂN ƯỚC

ART FARSTAD biên tập

Believer's Bible Commentary by William MacDonald
Edited by Art Farstad – Thomas Nelson Publishers
Translated into Vietnamese in 2004

Made and Printed in Hong Kong
March 2005
Belteshazzar

Achieve Printing Company

NỘI DUNG

3

Lời Mở Đầu của Tác Giả	5
Lời Tựa của Nhà Xuất Bản	6
GIỚI THIỆU PHẦN TÂN ƯỚC	9
GIỚI THIỆU CÁC SÁCH TIN LÀNH	13
Mathiơ	18
Nước Thiên Đàng	30
Tin Lành	40
Mối Quan Hệ Của Tin Hữu với Luật Pháp	45
Ly Dị và Tái Kết Hôn	50
Kiêng Ăn	57
Phụ Lục Về Ngày Sabát	93
Mác	201
Luca	273
Giăng	421
Công Vụ	595
Sự Cầu Nguyện Trong Sách Công Vụ Các Sứ Đồ	605
Hội Thánh Tại Tự Gia Và Các Tổ Chức SongSong Hội Thánh	618
Cơ Đốc nhân Và Chính Quyền	635
Phụ Lục Về Phép Báptem Cho Tin Hữu	648
Chức Vụ Của Nhân Sứ	651
Chiến Lược Truyền Giáo	678
Sự Tự Trị Của Hội Thánh Địa Phương	685
Sự Hướng Dẫn Thiên Thượng	688
Các Phép Lạ	690
Các Bài Giảng Bất Thường	698
Sứ Điệp Của Sách Công Vụ	737
Rôma	747
Dân Ngoại chưa nghe về Tin Lành	758
Phụ Lục Về Tội Lỗi	771
Quyền Tế Trị Thiên Thượng Và Trách Nhiệm Của Con Người	816
I Côrinhtô	866
II Côrinhtô	982
Galati	1069
Chủ Nghĩa Duy Luật Pháp	1112
Êphêô	1117
Sự Lựa Chọn Thiên Thượng	1125

Philíp	1207
Côlôse	1250
Sự Giải Hoá	1267
Gia Đình Cơ Đốc	1297
I Têsalônica	1309
Sự Hiện Đến Của Chúa	1322
Những Dấu Hiệu của Thời Kỳ Sau Cùng	1337
Sự Nền Thánh	1346
II Têsalônica	1351
Sự Cử Lên Và Sự Hiện Ra	1354
Sự Cử Lên Của Hội Thánh	1370
GIỚI THIỆU CÁC THƯ TÍN MỤC VỤ	1383
I Timôthê	1389
II Timôthê	1438
Tít	1473
Các Trưởng Lão	1477
Cơ Đốc Nhân và Thế Giới Đây	1490
Philêmon	1498
Hêbơrơ	1508
Sự Bội Đạo	1539
Sự Điệp Của Thư Hêbơrơ Cho Ngày Nay	1598
Giacô	1603
Mười Điều Răn	1622
Sự Chữa Lành Thiên Thượng	1647
I Phierơ	1656
Cách Ăn Mặc Của Cơ Đốc Nhân	1689
Phép Báptem	1699
II Phierơ	1717
I Giăng	1750
Tội Đáng Chết	1780
II Giăng	1784
III Giăng	1790
Giude	1795
Khải Huyền	1812
THƯ MỤC TỔNG QUÁT	1868
CÁC MINH HOẠ	1875

LỜI MỞ ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

Sách Chú Giải Kinh Thánh được soạn thảo nhằm giúp Cơ Đốc nhân học hỏi Lời Chúa cách nghiêm túc. Tuy nhiên, không có sách nào có thể thay thế Kinh Thánh. Điều tốt nhất mà sách Chú Giải mong đạt đến là giải nghĩa tổng quát cách dễ hiểu, rồi đưa người đọc trở về với Kinh Thánh để học hỏi sâu nhiệm hơn.

Sách Chú Giải được viết giản dị, dùng từ ngữ dễ hiểu. Sách không nhằm phô bày tính uyên bác hay nền thần học sâu xa. Tuy đa số các Cơ Đốc nhân không hiểu được nguyên ngữ để viết ra Cựu và Tân Ước, song họ vẫn hưởng được các lợi ích thiết thực từ Kinh Thánh. Tôi tin quyết rằng qua sự học hỏi Lời Chúa một cách có hệ thống, mỗi Cơ Đốc nhân đều có thể trở thành *"người làm công không chỗ trách được, lấy lòng ngay thẳng giảng dạy Lời của Lê thật"* (II Tim 2.15).

Các lời chú giải đều ngắn gọn, súc tích và thích hợp. Nhằm giúp người học khi đọc đoạn Kinh Thánh không phải vất vả tra cứu các trang giải thích dài. Nhịp sống hiện đại đòi hỏi cung ứng lẽ thật theo những phần tóm tắt ngắn gọn được sắp xếp có hệ thống.

Phần chú thích không né tránh các phần đoạn khó. Trong nhiều trường hợp, sách ghi ra nhiều lời chú giải khác nhau và người đọc tự chọn điều thích hợp nhất theo mạch văn và cả phần còn lại của Kinh Thánh.

Hiểu biết về Kinh Thánh chưa đủ. Cần phải thực hành Lời Chúa trong đời sống. Vì vậy, sách này tìm cách gợi ý để Lời Chúa thành hình trong đời sống của dân Chúa.

Nếu chỉ dùng sách để tìm lời chú giải thì sách trở nên như cái bẫy thay vì giúp đỡ, song nếu dùng sách để khơi dậy sự hào hứng học hỏi Lời Thánh cách cá nhân và mau mắn vâng theo Lời Chúa dạy thì mục đích của sách đã được hoàn tất.

Nguyện xin Chúa Thánh Linh, Đấng hà hơi trên Thánh Kinh soi sáng tâm trí người đọc trong sự theo đuổi kỳ diệu này để biết Đức Chúa Trời qua Lời Ngài.

LỜI TỰA CỦA NHÀ XUẤT BẢN

"Đừng xem thường các sách chú giải". Đây là lời khuyên của một giáo sư Trường Kinh Thánh Emmaüt vào cuối thập niên 1950 (nay là Chung Viện). Ít nhất một sinh viên đã ghi nhớ lời này trải nhiều thập niên sau đó. Vị giáo sư là William MacDonald, tác giả quyển Chú Giải Kinh Thánh Cho Tin Hữu. Người sinh viên là Arthur Farstad, biên tập, khi ấy là tân sinh viên. Anh chỉ một đọc một quyển chú giải trong đời là *Trên Thiên Đàng* (chú giải thư Êphêsô) của Harry A. Ironside. Đọc sách chú giải này mỗi đêm suốt kỳ hè khi còn là một thiếu niên, Art Farstad đã khám phá ra sách chú giải là gì.

Sách Chú Giải Là Gì

Vậy chính xác thì sách chú giải là gì và vì sao chúng ta không nên xem thường nó? Gần đây, một nhà xuất bản sách Cơ Đốc nổi tiếng đã liệt kê 15 loại sách liên quan đến Kinh Thánh. Nếu có người không biết phân biệt chính xác sách chú giải với sách Học Kinh Thánh hoặc Thánh Kinh đối chiếu, Thánh Kinh địa lý, Thánh Kinh tự điển (chỉ nêu 4 loại) thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Sách chú giải *giải luận* hay nêu các nhận xét hữu ích về bài văn, theo từng câu hay từng phần đoạn Kinh Thánh (mong được như vậy). Vài Cơ Đốc nhân chế nhạo sách chú giải và nói: "Tôi chỉ muốn nghe lời đã phán và đọc chính Kinh Thánh." Nghe như là mộ đạo, song lại không phải. Sách chú giải đơn thuần phổ bày lời giải luận Kinh Thánh tốt

nhất (*và khó nhất!*) - từng câu trong sự giảng dạy Lời Chúa. Vài loại chú giải (chẳng hạn như của Ironside) hoàn toàn là các bài giảng được in ra thành chữ. Thêm nữa, các bài giải luận Kinh Thánh tuyệt hay trải mọi thời đại và ngôn ngữ đã có trong Anh ngữ. Song không may là nhiều bài quá dài, quá cũ và khó hiểu đến mức làm Cơ Đốc nhân bình thường nản lòng, quá tải. Vì vậy mà có quyển Chú Giải Kinh Thánh Cho Tin Hữu.

Các Loại Sách Chú Giải

Theo lý thuyết, bất cứ ai quan tâm đến Kinh Thánh đều có thể viết chú giải. Vì vậy, có loại sách đi từ cực điểm tự do đến mức rất bảo thủ - với mọi sắc thái tư tưởng giao động giữa hai thái cực đó. Quyển Chú Giải Kinh Thánh Cho Tin Hữu này rất bảo thủ, chấp nhận Kinh Thánh là Lời vô ngộ, được hà hơi của Đức Chúa Trời, hoàn toàn đầy đủ cho niềm tin và sự thực hành.

Sách chú giải có thể đi từ chỗ chú trọng về kỹ thuật cao cấp (như xem xét từng chi tiết nhỏ trong cú pháp của tiếng Hylạp và Hybálai) đến các phúc thảo rất sơ lược. Quyển Chú Giải Kinh Thánh Cho Tin Hữu này ở giữa hai thái cực đó. Chỗ nào cần xem xét về kỹ thuật đều có chú thích đầy đủ ở phần cuối, song sự ảnh hưởng quan trọng đến các chi tiết của bản văn đều được cung ứng cho các phần đoạn khó mà không né tránh hay áp dụng sự lên án. Sách của Thầy Mac Donald *phong phú về mặt giải luận*. Mục đích của nó là giúp tạo ra không chỉ là các Cơ Đốc nhân phổ thông, đa dạng mà là *các môn đồ*.

Các sách chú giải cũng khác nhau về mặt thần học- bảo thủ hay tự do, Tin Lành hay Công giáo, tiến thiên hay niên hay vô thiên hay niên. Quyển Chú Giải Kinh Thánh này theo quan điểm bảo thủ, Tin Lành và tiến thiên hay niên.

Cách Sử Dụng Sách Này

Có nhiều cách tiếp cận quyển sách này. Chúng tôi gợi ý, theo thứ tự như sau:

Sơ Lược. Nếu yêu mến Kinh Thánh, bạn sẽ vui thích lướt qua quyển Chú Giải này, đọc chỗ này một chút, chỗ kia một chút, để nếm hương vị tổng quát của cả tác phẩm.

Một Phần Đoạn Cụ Thể. Có thể bạn cần sự giúp đỡ liên quan đến một câu hay một phần đoạn Kinh Thánh. Hãy tra cứu đúng chỗ theo mạch văn và chắc chắn bạn sẽ tìm được các dữ liệu thích hợp.

Một Giáo Lý. Nếu bạn đang học về ngày Sabát, lễ Báptem, sự tuyển chọn hay giáo lý Ba Ngôi, hãy xem xét các phần đoạn liên hệ với chủ đề đó. Bảng Nội dung liệt kê phần giải luận hay sơ lược về các đề mục đó. Hãy dùng Kinh Thánh đối chiếu để xác định chữ chia khóa dẫn đến khúc Kinh Thánh chính theo đề mục thay vì xem cả 37 phần sơ lược.

Một Sách Của Kinh Thánh. Có thể lớp Trưởng Chúa Nhật hay ban ngành của bạn đang học một sách trong Tân Ước. Bạn sẽ khiến mình phong phú cách đáng kể (và có thể dự phần thảo luận) nếu bạn chịu khó đọc trước mỗi tuần khúc sách sẽ học. (Tất nhiên, nếu người hướng dẫn cũng sử dụng quyển sách Chú Giải này làm căn bản để nghiên cứu, thì bạn có thể muốn có hai chú giải khác nhau!)

Toàn Bộ Kinh Thánh. Cuối cùng mới Cơ Đốc nhân phải đọc qua *toàn bộ Kinh Thánh*. Rải rác, có những khúc khó hiểu và một quyển chú giải cần thận, theo quan điểm bảo thủ như quyển Chú Giải Kinh Thánh Cho Tin Hữu này sẽ giúp bạn rất nhiều trong sự nghiên cứu.

Học Kinh Thánh có thể bắt đầu từ chỗ "lướt bánh vụn" – bỏ đường và khô khan, song khi đã kiên trì tiến bước việc học sẽ trở thành như "bánh nhân sôcôla" cho bạn!

Ba mươi năm trước, Thầy MacDonald đã khuyên tôi: "Đừng xem thường các sách chú giải". Sau khi hết sức cẩn thận nghiên cứu quyển Chú Giải phần Tân Ước của Thầy để xuất bản cùng với bản dịch Kinh Thánh New King James, tôi có thể nói thêm nữa. Lời khuyên của tôi: Hãy vui thích đọc nó!

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

của Các Bản Dịch Kinh Thánh, Giải Nghĩa và Chú Giải

ASV American Standard Version - Bản Dịch Kinh Thánh ASV
FWG F.W Grant's <i>Numerical Bible</i>
JND John Nelson Darby's <i>New Translation</i>
JBP J.B Phillips' Paraphrase
KJV King James Version - Bản Dịch Kinh Thánh King James
KSW Kenneth S. Woest's <i>An Expanded Translation</i>
LB Living Bible - Bản Dịch Kinh Thánh LB
NASB New American Standard Bible - Bản Dịch Kinh Thánh NASV
NEB New English Bible - Bản Dịch Kinh Thánh NEB
NIV New International Version - Bản Dịch Kinh Thánh NIV
NKJV New King James Version - Bản Dịch Kinh Thánh New King James
RSV Revised Standard Version - Bản Dịch Kinh Thánh RSV
RV Revised Version (England) - Bản Dịch Kinh Thánh RV England

GIỚI THIỆU TÂN ƯỚC

"Giá trị của các bản viết này, về lịch sử và thuộc linh, đều vượt xa mọi tầm cỡ về khối lượng và bề dày; có ảnh hưởng không dò hết được trên cuộc đời lẫn lịch sử. Có thể xem đây là dòng giữa trau mà lúc bắt đầu tại Eden là bình minh. Đấng Christ được tiên tri trong Cựu Ước trở thành thực thể qua các sách Tin Lành; thành kinh nghiệm sống qua các thư tín và được vinh hiển qua sách Khải Huyền".

W. Graham Scroggie

I. Tên Gọi "Tân Ước"

Trước khi học hỏi sâu xa về Tân Ước hay cả khi xem xét một sách trong phạm vi tương đối nhỏ, thiết tưởng nên sơ lược vấn đề vài nét tổng quát về phần Sách Thánh được gọi là Tân Ước.

"Chức thư" hay "giao ước" đều chuyển nghĩa cùng một từ Hylạp là *diathékē*; ở vài chỗ trong tiếng Hêbrơ có thể xem xét việc dùng từ nào tốt hơn. Theo tựa của Kinh Thánh thì ý "giao ước" dường hoàn toàn thích hợp hơn vì sách viết về *giao ước* hay hiệp ước, liên kết Đức Chúa Trời với dân Ngài.

Phần này được gọi là Tân Ước, để đối lại với Cựu Ước hay giao ước cũ hơn.

Cả hai giao ước đều do Đức Chúa Trời linh cảm và vì vậy, thấy đều ích lợi cho mọi Cơ Đốc nhân. Song dĩ nhiên kẻ tin Đấng Christ thường thích tra xem phần Kinh Thánh đặc biệt nói về Chúa chúng ta và Hội Thánh Ngài, và cách Ngài muốn môn đệ mình sống thế nào.

Mối liên hệ giữa Tân và Cựu Ước đã được Augustine mô tả cách thú vị như sau:

Cái Mới ở trong Cái Cũ được che phủ;

Cái Cũ ở trong Cái Mới được tỏ bày.

II. Kinh Điển Tân Ước

Từ *kinh điển* (theo Hy văn là *kanon*) chỉ về "tiêu chuẩn" để đo lường hay lượng giá một vật. Kinh điển của Tân Ước là tập hợp các sách được linh cảm. Làm sao chúng ta biết được *chỉ* có các sách này được kể vào hàng kinh điển hay tất cả 27 sách đều được kể như vậy? Vì lẽ, cũng có các bức thư Cơ Đốc khác xuất hiện từ rất sớm (kể cả các thư giả mạo và sai lạc nữa). Làm sao để có thể biết chắc đây là các sách đúng.

Chúng ta thường nghe Giáo Hội Nghị đã lập danh sách kinh điển vào cuối năm 300SC. Thật ra, các sách được kể là *kinh điển* ngay khi được viết ra. Các môn đồ tin kính và sáng suốt nhận biết ngay từ đầu những Lời được linh cảm, như Phlêrơ đã viết về các thư tín của Phaolô (II Phi 3.15-16). Tuy nhiên, giữa vòng vài Hội Thánh trong một thời gian, đã có sự tranh luận về tính kinh điển của vài sách như thư Giuđe, II và III Giăng ...

Thông thường, nếu sách do một sứ đồ viết như Mathiơ, Phierơ, Giăng hay Phaolô, hoặc do một môn đồ thân cận các sứ đồ viết ra như Mác hay Luca, thì linh kinh điển của sách đó không bị nghi ngờ.

Hội nghị chính thức phê chuẩn kinh điển thật ra chỉ *xác nhận* điều mà Hội Thánh chung đã luôn nhìn nhận từ rất nhiều năm trước. Hội nghị không cố lập một *bảng liệt kê được linh cảm* về các sách, mà bên là *bảng liệt kê các sách được linh cảm*.

III. Quyền Tác Giả (*Tác Quyền*)

Tác giả tối cao của Tân Ước là Đức Thánh Linh. Ngài hà hơi trên Mathiơ, Mác, Luca, Giăng, Phaolô, Giacô, Phierơ, Giude và trước giả ẩn danh của thư Hêbơơ (xin xem dẫn nhập thư Hêbơơ) để viết Kinh Thánh. Để trả lời đúng nhất câu hỏi: Các sách Tân Ước đã được viết ra sao, phải chấp nhận "Tác quyền kép". Tân Ước không phải một phần do con người và một phần do Đức Chúa Trời viết ra, song cùng một lúc hoàn toàn do con người và hoàn toàn do Chúa viết ra. Yếu tố thiên thượng đã giữ cho yếu tố con người không vương bất kỳ sai phạm nào. Kết quả: Chúng ta có một tác phẩm vô ngộ, toàn bích trong nguyên bản.

Một liên tưởng hữu ích về Lời thành văn là bản chất kép của Lời Hằng Sống tức là Jêsus Christ, Chúa chúng ta. Ngài không phải một phần là người và một phần là thần (như thần thoại Hylap), song cùng một lúc vừa là con người trọn vẹn vừa là Đức Chúa Trời trọn vẹn. Bản chất thiên thượng khiến cho bản chất con người không thể sai lạc hay phạm tội dưới bất cứ hình thức nào.

IV. Thời Gian (*Niên Hiệu*)

Không như Cựu Ước, phải mất khoảng một ngàn năm để hoàn tất (từ năm 1.400 đến 400 TC), Tân Ước chỉ

viết trong vòng nửa thế kỷ (từ năm 50-100SC).

Thứ tự hiện có của các sách trong Tân Ước thích hợp nhất cho Hội Thánh trải mọi thời đại. Phần này bắt đầu bằng cuộc đời Chúa Cứu thế, rồi giải bày về Hội Thánh, tiếp theo là chỉ dẫn cho Hội Thánh và cuối cùng, khải thị về tương lai của Hội Thánh và thế giới. Tuy vậy, các sách không xuất hiện theo đúng trình tự đã viết. Sách được viết khi nảy sinh nhu cầu cần có các chỉ dẫn.

Những sách đầu tiên là "các bức thư cho những Hội Thánh non trẻ" như Philiphps gọi là thư tín. Thư Giacô, Galatê và Têsalônica có lẽ được viết sớm nhất, khoảng gần giữa thế kỷ thứ 1 SC.

Tiếp theo, các sách Tin Lành đã được viết. Trước tiên là Tin Lành Mathiơ hoặc Mác, rồi đến Luca và sau hết là Giăng. Cuối cùng là sách Khải Huyền, vào khoảng gần cuối thế kỷ thứ 1 SC.

V. Nội Dung

Nội dung của Tân Ước có thể tóm lược cụ thể như sau:

Sách Lịch Sử:

*Các Sách Tin Lành
Công Vụ*

Các Thư Tín:

*Các Thư Tín của Phaolô
Các Thư Tín Tổng Quát*

Sách Tiên Tri:

Khải Huyền

Cơ Đốc nhân nào nắm bắt được các sách trên "sẽ được chuẩn bị sẵn sàng cho mọi việc lành".

Cấu mong sách Chú Giải này giúp ích hữu hiệu cho nhiều tín hữu được nên như vậy.

VI. Ngôn Ngữ

Tân Ước được viết theo ngôn ngữ hàng ngày (gọi là *koiné* hay là “tiếng Hylạp phổ thông”). Đây gần như là ngôn ngữ quốc tế thứ hai trong thế kỷ đầu của Đức Tin, cũng phổ quát và thông dụng như tiếng Anh ngày nay.

Cũng như tiếng Hybálai âm áp và nhiều màu sắc hoàn toàn thích hợp với lời tiên tri, thi ca và các câu chuyện của Cựu Ước, thì tiếng Hylạp bởi Thần Hựu được chuẩn bị như chiếc xe kỹ diệu để chuyển tải Tân Ước. Tiếng Hylạp được truyền bá qua các cuộc trưng chinh của Alíchson Đại Đế, các binh lính của ông đã giản lược và phổ cập tiếng Hylạp cho quần chúng.

Sự chính xác của các thì trong động từ Hylạp, các ngữ cách, ngữ vựng và nhiều chi tiết khác khiến Hy văn trở thành lý tưởng để truyền đạt các lẽ thật quan trọng về giáo lý qua các Thư Tin – đặc biệt như trong thư Rôma.

Dù không là ngôn ngữ văn chương xuất chúng, tiếng Hylạp phổ thông – *koiné* cũng không là “ngôn ngữ hè phố” hay thứ ngôn ngữ Hylạp nghèo nàn. Vài phần trong Tân Ước như thư Hêbơơ, Giacơ, II Phiêrơ thật sự đạt đến trình độ văn chương. Cũng vậy, Tin Lành Luca đôi khi gần như trở thành cổ điển và ngay cả bức thư của Phaolô có lúc viết rất trau chuốt như I Cô 13; 15 ...

VII. Dịch Thuật

Tiếng Anh được chúc phước vì có nhiều bản dịch Kinh Thánh (có lẽ quá nhiều!). Các bản dịch được xếp thành 4 loại:

I. Theo Sát Nghĩa Đen.

Bản dịch “Mới” của J.N. Darby (năm 1871) và Bản Anh Ngữ Nhuận Chánh (English Revised Version) năm 1881 cùng các bản dịch khác của Mỹ: American Standard Version năm 1901 đều theo sát nghĩa đen. Các bản dịch này giúp nhiều cho việc nghiên cứu, song không nhiều cho sự thờ phượng, đọc giữa công chúng và việc học thuộc lòng. Đa số Cơ Đốc nhân vẫn trung thành với bản dịch King James Version hoành tráng và đẹp đẽ.

2. Hoàn Toàn Tương Đương

Các bản dịch này theo nghĩa đen và bám sát bản văn Hybálai hay Hylạp khi trong tiếng Anh có từ tương đương, song vẫn cho phép dịch thoáng hơn theo văn phong và thành ngữ của văn dịch, bao gồm các bản King James Version, Revised Standard Version, New American Standard Bible và New King James Version. Tuy nhiên, bản dịch Revised Standard Version nhìn chung đáng tin cậy về Tân Ước lại tầm giảm mức quan trọng của nhiều lời Tiên tri về Đấng Mêsia khi liên kết với Cựu Ước. Ngày nay, khuynh hướng nguy hiểm này thể hiện ngay giữa vòng vài học giả đứng dẫn trước đây. Quyển Chú Giải này được ấn hành để thích hợp với bản dịch New King James Version là bản dịch có chỗ đứng sống động nhất ở khoảng giữa bản dịch King James Version hay (và cổ điển) với các bản dịch thông dụng ngày nay, mà không dùng các từ cổ như “thee’s, thou’s”. Quyển Chú Giải Kinh Thánh này cũng giữ lại nhiều câu và từ ngữ mà các bản dịch hiện đại nhất đã loại bỏ (xin xem

các ghi chú về bản văn suốt quyển Chú Giải).

3. Tương Đồng Cách Sinh Động

Loại bản dịch này phóng khoáng hơn loại Hoàn Toàn Tương Đồng nêu trên và đôi khi liên hệ với loại diễn ý, một kỹ thuật có giá trị mà người đọc được nhắc nhở về nó. Bản dịch Moffatt, New English Bible, New International Version và Jerusalem Bible đều thuộc loại Tương Đồng Cách Sinh Động này. Đây là nỗ lực để diễn tả toàn bộ tư tưởng của Giăng và Phaolô theo cấu trúc hiện tại, mà hai sứ đồ có thể dùng nếu viết Kinh Thánh ngày nay và qua Anh ngữ. Phương thức luận này có thể hữu hiệu khi được tiến hành trong tinh thần bảo thủ, cẩn trọng.

4. Diễn ý

Bản Diễn Ý tìm cách dịch từng ý

tưởng của bản văn, song thường tự do *cộng thêm* từ liệu. Một khi từ ngữ rời xa nguyên bản, thì luôn nguy hiểm khi có *quá nhiều diễn dịch*. Như bản dịch Living Bible dù vẫn là Tin Lành, song lại khiến cho nhiều vấn đề diễn dịch trở thành *đáng tranh cãi*.

Bản diễn ý của JB Phillips (mà ông gọi là bản dịch) được dịch rất tốt từ cái nhìn theo nghĩa đen. Ông cũng thường ghi chú rõ: Ông tin rằng Phierơ và Phaolô muốn nói như vậy qua *lời văn của họ*.

Nên có các bản Kinh Thánh thuộc ít nhất 3 loại dịch thuật nêu trên để so sánh, đối chiếu. Dầu vậy, chúng tôi tin rằng bản dịch Hoàn Toàn Tương Đồng là an toàn hơn khi nghiên cứu Kinh Thánh cách chi tiết, như đã được giải bày qua quyển Chú Giải này.

GIỚI THIỆU CÁC SÁCH TIN LÀNH

"Các sách Tin Lành là trái đầu mùa của mọi văn bản". - Origen

I. Các Sách Tin Lành Về Vàng Của Chúng Ta

Khi học văn chương, mỗi chúng ta đều quen thuộc với các chuyện kể, tiểu thuyết, kịch, thơ, tiểu sử hay các thể loại văn học khác. Song khi Chúa Jêsus Christ chúng ta vào đời thì cần có một loại văn học hoàn toàn mới là: *Sách Tin Lành*. Các sách Tin Lành không thuộc loại tiểu sử, dù chứa đựng nhiều chất liệu rất có giá trị về tiểu sử. Sách này không thuộc loại truyện kể dù có các câu chuyện ngụ ngôn như Người Con Trai Hoang Đàng hay Người Samari Nhân Lành rất hấp dẫn như bất kỳ câu chuyện văn chương nào khác. Vai ngụ ngôn còn được viết thành tiểu thuyết hay truyện ngắn nữa. Các sách Tin Lành không thuộc loại kỹ thuật các tư liệu, dấu chứa đựng nhiều bản tượng thuật chính xác, súc tích về nhiều cuộc đối thoại hay thảo luận của Chúa chúng ta.

"Sách Tin Lành" không chỉ là thể loại văn chương duy nhất, song sau khi bốn nhà truyền giảng Tin Lành viết các sách Mathiơ, Mác, Luca và Giăng thì khuôn mẫu chọn kinh điển đã bị phá vỡ. Bốn sách Tin Lành và chỉ có bốn sách này được các Cơ Đốc nhân chính thống nhìn nhận suốt hơn 2.000 năm qua. Nhiều người theo tà giáo viết các sách mà họ gọi là tin lành, song chỉ là các cỗ xe nghèo nàn để cao vãi tà thuyết như tri huệ giáo.

Song vì sao chỉ có bốn sách Tin Lành mà không phải là năm, tương ứng với Ngũ Kinh Mōise, để lập thành Ngũ Kinh Cơ Đốc? Hay vì sao không chỉ có một sách Tin Lành dài, cất bỏ mọi sự trùng lặp, dành chỗ ghi nhiều phép lạ hoặc ngụ ngôn khác nữa. Thật ra, nỗ lực "hoà hợp" hay hợp nhất cả bốn sách Tin Lành đã có từ thời Tatian vào thế kỷ II *Diatessaron* (theo Hy Lạp là "gồm cả bốn").

Irenaeus lý luận rằng có bốn sách Tin Lành để phù hợp với bốn phương và bốn hướng của thế giới, bốn là con số chỉ về toàn cầu.

II. Bốn Biểu Tượng

Nhiều người, nhất là giới mỹ thuật, chấp nhận bằng so sánh liên kết bốn sách Tin Lành với bốn biểu tượng trong sách Êxêchiên và Khải Huyền: mặt sư tử, mặt bò, mặt người và mặt chim ưng. Dầu vậy, các Cơ Đốc nhân lại kết hợp cách hoàn toàn khác nhau các biểu tượng này với bốn sách Tin Lành. Nếu chú ý đến các *thuộc tính*, theo cách gọi của mỹ thuật, thì sư tử phù hợp với sách Mathiơ, Tin Lành về Vua, Sư tử của Giuđa. Con bò, như con vật mang gánh nặng, thích hợp với sách Mác, Tin Lành về Người Đầy Tớ. Con người chính là hình ảnh chủ yếu của sách Luca, Tin Lành về Con Người. Ngay cả cuốn *Standard Handbook of Synonyms, Antonyms & Prepositions (Chỉ Nam Tiêu*

Chuẩn về các từ Đồng nghĩa, Phần nghĩa & Giới từ) cũng viết: "chìm trong là thuộc tính của thành Giê-rô-sô-lôm như *tiêu biểu* cho khả tượng thuộc linh cao cả".¹

III. Bốn Nhóm Đọc Giả

Có lẽ lời giải thích tốt nhất cho sự kiện có đến bốn sách Tin Lành là Đức Thánh Linh tìm cách tiếp cận bốn nhóm dân khác nhau - bốn nhóm dân cổ xưa mà nay rõ ràng vẫn còn sự tương ứng.

Mọi người đều nhìn nhận sách Mathơ là Tin Lành thích hợp với người Do Thái nhất. Các trung dẫn từ Cựu Ước, lời thảo luận chi tiết, gia phả của Chúa chúng ta, và giọng điệu của người Semitic (*Do Thái & Ả rập*) được ghi nhận ngay từ người mới đọc lần đầu.

Sách Mác có lẽ được viết từ chính thủ đô của cả đế quốc, nhắm vào người Lamã và đồng thời vào cả triệu triệu người giống như người Lamã, thích hành động hơn là suy nghĩ. Vì vậy, Tin Lành này ghi lại nhiều phép lạ hơn là lời giảng. Sách không có gia phả, vì lẽ người Lamã cần gì về gia phả Do Thái để nhận biết một Người Đầy Tờ sinh động?

Sách Luca chính là Tin Lành cho người Hy Lạp và rất nhiều người Lamã vốn yêu mến và ganh đua về văn chương và mỹ thuật Hy Lạp. Những kẻ như vậy yêu mến vẻ đẹp, tính nhân bản, phong cách văn hoá và văn chương trác tuyệt. Bác sĩ Luca đáp ứng mọi đòi hỏi này. Tương ứng với người Hy Lạp hiện nay, đối tác hiển nhiên là tiếng Pháp. Không có gì ngạc nhiên khi một *người Pháp* tuyên bố Tin Lành Luca là "sách viết hay nhất trên đất" (xin xem phần Dẫn Nhập Sách Luca).

Còn sách Giê-rô-sô-lôm thì sao? Đây là Tin Lành toàn cầu, có chất liệu cho mọi người. Sách nhằm rao truyền Tin Lành (20.30,31), song vẫn được những người Cơ Đốc suy gẫm sâu sắc Lời Chúa yêu mến. Có lẽ, đây là lời giải đáp: Tin Lành Giê-rô-sô-lôm dành cho "dân tộc thứ ba" - là cách người ngoại đạo gọi các Cơ Đốc nhân đầu tiên khi họ không là Do Thái hay Ngoại bang.

IV. Các Chủ Đề Bốn Khác

Còn có các chủ đề bốn khác trong Cựu Ước ăn khớp tuyệt vời với các điểm nhấn mạnh trong bốn sách Tin Lành.

"Nhánh" là danh hiệu của Chúa chúng ta được chép trong các phần đoạn sau:

Giê 23.5-6: "... cho Đavít một Nhánh ... một Vua"

Xa 3.8: "Đấy tớ của Ta, Nhánh"

Xa 6.12: "Con người ... Nhánh"

Êsai 4.2: "Nhánh của Chúa Giê-hô-va"

Cũng có bốn câu "Hãy nhìn xem" trong Cựu Ước hoàn toàn ăn khớp với các chủ đề của bốn sách Tin Lành:

"Hãy nhìn xem, Vua các người" (Xa 9.9)

"Hãy nhìn xem, Đấy tớ của Ta" (Êsai 42.1)

"Hãy nhìn xem, Con Người" (Xa 6.12)

"Hãy nhìn xem, Đức Chúa Trời của các người" (Êsai 40.9)

Cuối cùng là sự so sánh tuy ít rõ ràng, song vẫn tỏ ra phước hạnh cho nhiều người. Bốn màu sắc của các vật liệu trong đền thờ với các ý nghĩa biểu tượng cũng tỏ ra ăn khớp với cách trình

bày của bốn sách Tin Lành về các thuộc tánh của Chúa chúng ta:

Màu tím hiển nhiên thuộc về sách *Mathiơ*, Tin Lành của Nhà Vua. Sách Các Quan Xét 8.26 bày tỏ tính bảo hoàng của màu sắc này.

Màu đỏ điều có được thời xưa khi nghiền một con trùng cochineal. Điều này khiến nghĩ đến sách Mác, Tin Lành của Người Đầy Tớ Chân Thật, "con trùng chớ chẳng phải người đâu" (Thi 22.6)

Màu trắng nói về các việc nghĩa của các thánh đồ (Khải 19.8). Luca mô tả Đấng Christ là Con Người Toàn Hảo.

Màu xanh tượng trưng cho vòm ngọc bích mà chúng ta gọi là thiên đàng (Êxêchêlên 24.10), một sự mô tả lời cuốn về Thần Thánh của Đấng Christ, chủ đề của Tin Lành Giảng.

V. Thứ Tự và Sự Nhấn Mạnh

Trong các sách Tin Lành, chúng ta thấy các sự việc thường không được sắp đặt theo thứ tự đã xảy ra. Khởi đầu, nên biết rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời thường gom các biến cố theo sự dạy dỗ về đạo đức. Ông Kelly viết:

Khi xem xét, chúng ta sẽ thấy rằng sách Luca được viết chủ yếu theo trình tự đạo đức và ông sắp xếp các dữ kiện, cuộc trò chuyện, câu hỏi, lời đáp và cuộc thảo luận của Chúa chúng ta theo mối liên kết bề ngoài, không chỉ theo sự diễn tiến bề ngoài của các biến cố, vì điều này thật ra là lối kỹ thuật khô khan và ấu trĩ nhất. Song khi gom các biến cố với các nguyên nhân và hậu quả, theo ý nghĩa đạo đức, là công việc khó hơn nhiều cho các sử gia, để phân biệt với

người chỉ viết phóng sự. Đức Chúa Trời có thể dùng Luca để hoàn tất công trình này cách hoàn hảo.²

Những khác biệt trong cách nhấn mạnh và tiếp cận này giúp giải thích các Tin Lành khác nhau. Trong khi ba sách Tin Lành đầu được gọi là "Tin Lành Cộng Quan" (cùng quan điểm) giống nhau về cách tiếp cận cuộc đời Đấng Christ, thì Tin Lành Giảng lại khác hẳn. Ông viết sau và không hề muốn nhắc lại những gì đã được giải bày đầy đủ. Sách của ông phó bày cuộc đời và bài giảng của Chúa chúng ta với tính cách thần học và sâu nhiệm hơn.

VI. Câu Hỏi về Tin Lành Cộng Quan

Vì sao có quá nhiều sự *giống nhau* (trùng lặp) – đến mức gần như có cùng chữ trong các phần đoạn tương đối dài – và rồi cũng có quá nhiều sự *khác biệt* giữa ba sách Tin Lành đầu, mà người ta thường gọi là "Văn Đế của Tin Lành Cộng Quan". Vấn nạn này thường xảy đến cho kẻ chối bỏ việc Kinh Thánh được hạ hơi (linh cảm) hơn là cho các Cơ Đốc nhân bảo thủ. Nhiều giả thuyết phức tạp đã được nêu, kể luôn việc cho rằng do lạc mất tài liệu, song điều này không hề lưu dấu trong thủ bản viết tay. Vài ý tưởng đó trùng khớp với Luca 1.1 và ít nhất *có thể xảy ra* theo quan điểm chính thống. Dầu vậy, vài lý thuyết trên được đẩy xa đến mức cho rằng Hội Thánh vào thế kỷ 1 đã gom góp các "truyền thuyết" về Chúa Jesus Christ. Ngoài việc bất trung với toàn bộ Kinh Thánh và lịch sử Hội Thánh mà các lý thuyết "cơ dạng phê bình" này nêu ra, cần nói rõ rằng không có tài liệu hay

chứng cứ gì xác nhận bất cứ điều nào đã nêu trên. Cũng vậy, *không hề có hai học giả nào đồng ý với nhau* về cách sắp xếp và phân đoạn các sách Tin Lành Cộng Quan.

Lời giải đáp tốt hơn cho câu hỏi trên ở trong Lời của Chúa chúng ta theo Giảng 14.26: "Nhưng Đấng Yên ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh Ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự, nhắc lại cho các ngươi nhớ mọi điều Ta đã phán cùng các ngươi".

Điều này bao gồm các hỏi tường do được nhìn thấy tận mặt của Mathiơ và Giảng, và có thể kể luôn cả Mác, khi ông ghi lại các hỏi tường của Phierơ, như Hội Thánh đầu tiên đã tin. Ngoài việc được Thánh Linh trực tiếp giúp đỡ, theo các chứng cứ đã nêu ở Luca 1:1, sự chính xác tuyệt vời trong *lời truyền khẩu* của dân Do Thái và vấn nạn về Tin Lành Cộng Quan đã được giải đáp. Các chân lý căn cơ, theo chi tiết hay diễn giải ngoài các nguồn này, có thể do sự mặc khải trực tiếp "mà Đức Thánh Linh đã dạy bằng tiếng thiêng liêng" (1 Cô 2:13).

Vậy, khi thấy có sự mâu thuẫn *hiển nhiên* hay những khác biệt trong chi tiết, chúng ta cần hỏi: "Vì sao sách Tin Lành này lại bỏ sót, bao hàm hay nhấn mạnh sự vệc hoặc câu nói này?" Thí dụ, hai lần Mathiơ ghi có hai người đã được chữa lành (khởi bệnh mù loà và bị quỷ ám), trong khi Mác và Luca ghi chỉ có một người. Vài người cho đây là sự mâu thuẫn. Tốt hơn là nên thấy rằng sách Mathiơ, Tin Lành cho dân Do Thái ghi nhận cả hai vì luật pháp đòi phải có

"hai hay ba người chứng", còn hai Tin Lành kia chỉ ghi lại người *có tên* và nổi bật nhất (người mù Batmê).

Các khúc được chọn sau đây cho thấy đôi khi sự kiện dường như trùng lặp trong các sách Tin Lành thật ra lại nhấn mạnh những khác biệt có ý nghĩa:

Lu 6.20-23 dường như lặp lại Bài Giảng Trên Núi, song ước đó là Bài giảng tại đồng bằng (Lu 6:17). Các phước lành mô tả đặc tính lý tưởng của công dân Nước Trời, trong khi Luca chỉ ra nếp sống của môn đồ Đấng Christ.

Lu 6:40 dường như giống y Mat 10:24. Song ở Mathiơ, Chúa Jêsus là Thầy và chúng ta là môn đồ của Ngài. Còn theo Luca, sứ đồ hay người dạy là thầy và người được dạy là môn đồ. Math 7:22 nhấn mạnh sự phục vụ Vua, còn Lu 13:25-27 mô tả mối tương giao với Thầy hay Chủ.

Trong khi Luca 15:4-7 là sự lên án mạnh mẽ người Pharisi thì Math 18:12-13 đề cập đến con trẻ và tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho chúng.

Khi chỉ các tín hữu có mặt, Giảng nói: "Ngài sẽ làm báptem cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh" (Mác 1.8; Giảng 1.33). Khi một đám đông lẫn lộn, nhất là có người Pharisi, ông tuyên bố: "Ngài sẽ làm báptem cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa" (báptem của sự đoán phạt) Math 3:11; Lu 3:16.

Thành ngữ "Với lương các ngươi dùng ..." áp dụng cho *thái độ* chúng ta xét đoán người khác theo Math 7:2; việc chúng ta *nhém giữ Lời Chúa* theo Mác 4.24; và *quan điểm tự do* của chúng ta theo Lu 6.38.

Vậy, các sự khác biệt này không mâu thuẫn, song là linh lương được cung ứng có chủ đích cho tín hữu hay suy gẫm.

VI. Tác Quyền của Các Sách

Khi thảo luận xem ai đã viết các sách Tin Lành – hay toàn bộ Kinh Thánh, thì cần phải tìm ra các *nội chứng* và *ngoại chứng*. Chúng tôi đề nghị xem xét toàn bộ 27 sách của Tân Ước y như vậy. *Ngoại chứng* được trưng dẫn là của những người sống gần với niên hiệu của sách – thường là “các giáo phụ” vào thế kỷ thứ II và III, cũng vài tà giáo hay giáo sư giả. Họ trưng dẫn, hàm ý và đôi khi nói rõ về các sách cùng tác giả mà chúng ta quan tâm. Thí dụ, nếu Clement ở Rôma trưng dẫn thư I Côrintô vào gần cuối thế kỷ I, thì hiển nhiên không thể cho rằng Phaolô đã viết thư đó vào thế kỷ II. Với các *nội chứng*, chúng ta chú ý đến văn phong, ngữ vựng, lịch sử và nội dung của sách để xem những điều này hỗ trợ hay phản bác lời công bố của các tác giả hay tài

liệu bên ngoài. Thí dụ, văn phong của Tin Lành Luca và sách Công Vụ cho thấy trước giả là một y sĩ người ngoại bang và có học vấn.

Trong nhiều sách “kinh điển” hay bảng liệt kê các sách được chấp nhận theo ý kiến dị giáo của Marcion vào thế kỷ thứ II được trích dẫn. Ông này chỉ chấp nhận ấn bản trần trụi của Tin Lành Luca và 10 thư tín của Phaolô, dầu vậy, ông cũng là nhân chứng hữu ích cho thấy các sách được chọn lúc bấy giờ. Kinh điển Muratorian (gọi theo tên của vị Hồng y người Ý là Muratori, người đã tìm ra tài liệu) là bản liệt kê chính thống, dù đôi khi chấp vá, nằm trong danh sách của các sách Cơ Đốc kinh điển.

CHÚ THÍCH

¹James, C.Fernald, ed, “Emblem”, Funk & Wagnalls Standard Handbook of Synonyms, Antonyms & Prepositions, p175.

²William Kelly, An Exposition of the Gospel of Luke, p16.

TIN LÀNH THEO MATHIÔ

Giới Thiệu

"Trong cả Tân và Cựu Ước, không tác phẩm nào viết về chủ đề lịch sử sánh nổi với Mathiô về tính vĩ đại của sự hình thành khái niệm và sức mạnh để bắt phục một khối lượng tài liệu đồ sộ phục dưới các ý tưởng vĩ đại."

- Theodor Zahn

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Sách Tin Lành Mathiô là cầu nối hoàn hảo giữa Cựu và Tân Ước. Ngay những dòng chữ đầu tiên đã đưa chúng ta về với vị tổ phụ dân sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời - là Ápraham - và với vị vua vĩ đại đầu tiên của Ysraên, là Đavít. Với điểm nhấn mạnh của sách mang đậm nét Do Thái, rất nhiều câu trích từ Kinh Thánh tiếng Hêbơơ trong sách, và với vị trí đứng đầu các sách Tân Ước, Mathiô là khởi điểm hợp lý để bắt đầu sử điệp Cơ Đốc cho thế giới.

Từ lâu, sách Mathiô đã giữ vị trí đầu tiên này trong thứ tự bốn sách Tin Lành. Sở dĩ như vậy vì mãi đến tận thời hiện đại, người ta vẫn tin cách phổ thông đây là sách Tin Lành đầu tiên được viết ra. Hơn nữa, bút pháp rõ ràng thứ tự của Mathiô khiến sách rất phù hợp để đọc trong hội chúng. Vì vậy, đây là sách Tin Lành được mến mộ nhất, đôi khi còn tranh địa vị đó với sách Giăng nữa.

Không nhất thiết phải tin Mathiô là sách Tin Lành được viết đầu tiên thì mới là người có niềm tin chánh thống. Tuy nhiên, những Cơ Đốc nhân đầu tiên nhất hầu như toàn là người Do Thái, và số lượng lên đến hàng ngàn người. Đáp ứng nhu cầu

cho những Cơ Đốc nhân đầu tiên trước hết thực sự là hoàn toàn hợp lý.

II. Quyển Tác Giả

Ngoại chứng lâu đời và phổ thông cho rằng Mathiô là người thu thuế, còn gọi là Lêvi, đã viết sách Tin Lành Thứ Nhất. Vì ông không phải là thành viên nổi bật trong nhóm các sứ đồ, nên sẽ rất kỳ lạ nếu gán sách Tin Lành Thứ Nhất cho ông nếu như ông không liên quan gì đến sách ấy.

Ngoài văn kiện cổ được gọi là "Didache" (Sự Dạy Đồ Của Mười Hai Sứ Đồ), Justin Martyr, Dionysius ở Corinth, Theophilus ở Antioch, và Athenagoras người Athên còn trích dẫn sách Tin Lành này là sách xác thực. Eusebius, một sứ gia hội thánh, trích lời Papias nói rằng "Mathiô soạn Logia bằng tiếng Hêbơơ, và mỗi người đều thông dịch những câu nói ấy tùy theo sức mình." Ignatius, Pantaenus, và Origen về cơ bản đồng ý với câu nói này. "Tiếng Hêbơơ" được xem rộng rãi là thổ ngữ Aramaic được người Hêbơơ thời Chúa chúng ta sử dụng, theo như cách chữ này được dùng trong Tân Ước. Nhưng còn "Logia" là gì? Thông thường, từ ngữ Hylạp này có nghĩa "những câu sấm truyền," giống như Cựu Ước chứa những lời sấm truyền của Đức Chúa

Trời. Trong câu nói của Papias, chữ này không thể mang nghĩa đó. Có ba quan điểm chính về tuyên bố của ông: (1) Chữ này nói đến Tin Lành của Mathiơ. Có nghĩa: Mathiơ đã viết sách Tin Lành bằng tiếng Aram của ông đặc biệt để chinh phục những người Do Thái về với Đấng Christ và gây dựng đức tin của những Cơ Đốc nhân người Hêbơrơ, và chỉ về sau mới xuất hiện bản Hylạp. (2) Chữ này nói đến chỉ những lời phán của Chúa Jêsus thời, là điều về sau được kết hợp vào trong sách Tin Lành của ông. (3) Chữ này nói đến *testimonia*, tức là những câu trích Kinh Thánh Cựu Ước để chứng minh Chúa Jêsus là Đấng Mesi. Quan điểm 1 và 2 khá dĩ hơn quan điểm 3.

Bản Kinh Thánh Mathiơ tiếng Hylạp không giống bản dịch suông, nhưng lời truyền khẩu phổ biến rộng rãi đến như thế [không có một ý kiến bất đồng từ trước nào] ít phải có cơ sở thực tế. Lời truyền khẩu này nói Mathiơ đã giảng mười lăm năm tại Palestine, sau đó ra đi giảng Tin Lành ở ngoại quốc. Có thể vào năm 45, ông để lại cho những người Do Thái đã tiếp nhận Chúa Jêsus làm Đấng Mesi bản thảo đầu tiên của sách Tin Lành của ông bằng tiếng Aram (hoặc chỉ là những bài giảng về Đấng Christ), rồi sau đó viết bản tiếng Hylạp để sử dụng phổ thông. Một người đương thời với Mathiơ - là Josephus - đã làm một việc tương tự. Sử gia Do Thái này viết bản thảo đầu tiên cho tác phẩm Những Cuộc Chiến Tranh Do Thái của mình bằng tiếng Aram, rồi về sau viết sách hoàn chỉnh bằng tiếng Hylạp.

Nội chứng cho sách Tin Lành Thứ Nhất rất phù hợp với một người Do Thái mộ đạo yêu mến Cựu Ước, là một văn sĩ và nhà biên soạn đầy tài năng. Với tư cách một công chức của Rôma, Mathiơ ít hẳn thông thạo cả ngôn ngữ của dân mình (tiếng Aram) lẫn tiếng của giai cấp cầm quyền. (Người Lamã dùng tiếng Hylạp, chứ không phải tiếng Latin, ở Phương Đông.) Những chi tiết về con số, các ẩn dụ liên quan đến tiền bạc, và những thuật ngữ về tiền tệ thấy đều rất phù hợp với một người thu thuế. Bút pháp súc tích và có thứ tự cũng hoàn toàn phù hợp như thế. Goodspeed, một học giả không thuộc phái bảo thủ, đã chấp nhận Mathiơ là tác giả sách Tin Lành này một phần do nội chứng đầy thuyết phục này.

Đầu có ngoại chứng phổ thông và nội chứng thuận lợi đến như thế, hầu hết các học giả không thuộc phái bảo thủ đều bác bỏ quan điểm truyền thống xem Mathiơ, người thu thuế, đã viết sách này. Họ bác bỏ như vậy vì hai lý do chính.

Trước hết, giả sử Mác là sách Tin Lành đầu tiên được viết ra (được dạy như là "lẽ thật Tin Lành" trong rất nhiều giới ngày nay), làm sao một vị sử đồ và một nhân chứng trực tiếp lại sử dụng rất nhiều tài liệu của Mác (93% của Mác cũng xuất hiện trong các sách Tin Lành khác) đến như vậy? Để trả lời, trước hết người ta không chứng minh được Mác là sách đầu tiên. Lời chứng cổ xưa nói Mathiơ là sách đầu tiên, và vì các Cơ Đốc nhân đầu tiên hầu như toàn là người Do Thái, nên điều này lại càng có ý nghĩa

lớn lao. Nhưng cho dầu chúng ta chấp nhận điều được gọi là quyển ưu tiên của Mác kia (và rất nhiều người thuộc giới bảo thủ đã chấp nhận như vậy), chắc hẳn Mathiơ có thể công nhận tác phẩm của Mác hầu như là những tập hồi ký của Simôn Phierơ năng động, một người cùng là sứ đồ với Mathiơ, đúng như truyền thống của hội thánh đầu tiên đã công nhận (xem giới thiệu sách Mác).

Lập luận thứ hai phản đối sách này do Mathiơ viết ra (hay bất kỳ một nhân chứng trực tiếp nào) chính là lập luận cho rằng sách này thiếu những chi tiết sinh động. Mác - là người mà không ai tuyên bố ông đã chứng kiến chức vụ của Đấng Christ - có nhiều chi tiết sinh động đặc sắc mà chúng gợi ý ông đã có mặt chứng kiến. Làm thế nào một nhân chứng trực tiếp lại hết sức thần nhiên đến như thế? Có lẽ cá tánh của một nhân viên thu thuế giải thích rất rõ điều này. Để có thêm chỗ cho các bài giảng của Chúa chúng ta, Lêvi chắc đã cắt bớt những chi tiết không cần thiết. Điều này lại càng đặc biệt đúng như vậy nếu sách Mác được viết trước tiên và Mathiơ thấy những tập hồi ký trực tiếp của Phierơ đã được trình bày rất tốt rồi.

III. Thời điểm viết

Nếu có niềm tin rộng rãi cho rằng Mathiơ viết sách Tin Lành đầu tiên của mình trong tiếng Aram (hoặc ít nhất những câu nói về Chúa Jêsus), thì thời điểm viết sách đó vào khoảng năm 45 S.C. - tức mười lăm năm sau khi Chúa Thánh Thiên - sẽ phù hợp với lời truyền khẩu xưa. Có thể ông

đã viết sách Tin Lành bằng tiếng Hy Lạp đầy đủ hơn và có trong bộ kinh điển vào năm 50 hoặc 55, hoặc thậm chí muộn hơn nữa.

Quan điểm xem sách Tin Lành này át phải viết sau khi Giêrusalem bị phá (năm 70 S.C.) phần lớn căn cứ trên sự không tin Đấng Christ có khả năng tiên đoán biến cố tương lai ấy cách chi tiết, và căn cứ trên nhiều lý thuyết duy lý khác nữa để phớt lờ hay phủ nhận sự soi dẫn thiên thượng.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Mathiơ là một chàng trai trẻ khi được Chúa kêu gọi. Dầu là người thuộc dòng dõi Do Thái, và là người thu thuế nhờ học hỏi và thực hành, ông vẫn bỏ hết mọi sự đi theo Đấng Christ. Một trong rất nhiều khoản đền bồi cho ông ấy là ông trở thành một trong mười hai sứ đồ. Một điều nữa là ông được chọn làm tác giả viết tác phẩm mà ngày nay chúng ta gọi là sách Tin Lành Thứ Nhất. Người ta thường tin Mathiơ này cũng chính là Lêvi (Mác 2:14; Luca 5:27).

Trong sách Tin Lành của mình, Mathiơ bắt đầu chứng minh Chúa Jêsus là Đấng Mêsai mà dân Ysraên từ lâu mong đợi, là người có quyền thừa kế hợp pháp duy nhất ngôi Đavít.

Sách này không tuyên bố là một câu chuyện đầy đủ trọn vẹn về đời sống Đấng Christ. Sách bắt đầu với gia phả và những năm đầu tiên của Chúa Jêsus, rồi đi thẳng vào bước khởi đầu chức vụ công khai của Ngài khi Ngài khoảng ba mươi tuổi. Được Thánh Linh dẫn dắt, Mathiơ chọn những phương diện trong đời sống và chức

vụ của Cứu Chúa để kháng Đấng Ngài là Đấng Chịu Xức Dầu của Đức Chúa Trời (và đó chính là ý nghĩa của Đấng Mêsi và Đấng Christ). Sách này tiến đến đỉnh điểm: sự xét xử, sự chết, sự chôn, sự sống lại, và sự thăng thiên của Chúa Jêsus. Và đương nhiên, nền tảng cho sự cứu rỗi con người được thiết lập trong đỉnh điểm đó. Đây là nguyên nhân khiến sách được gọi là sách Tin Lành - không phải vì sách trình bày con đường để bởi đó con người tội lỗi nhận được sự cứu rỗi, nhưng đúng hơn vì sách mô tả công tác hy sinh của Đấng Christ để bởi đó thực hiện được sự cứu rỗi.

Tác phẩm Sách Giải Nghĩa Kinh Thánh Của Tin Hữu này không nhằm làm bộ sách giải nghĩa tường tận hay về thuật ngữ chuyên môn, nhưng đúng hơn để kích thích sự suy gẫm độc lập. Và trên hết, sách mong mỗi tạo trong lòng độc giả nổi khao khát mãnh liệt chờ đón sự tái lâm của Vua.

Với tấm lòng càng bùng cháy hơn,

Với sự trông cậy ngọt ngào hơn,

Tôi càng thờ than hơn nữa chờ đợi giờ Ngài tái lâm, Đấng Christ ôi!

Choáng ngợp chờ đợi ngọn lửa tái lâm Ngài.

Trích từ St. Paul, bởi F. W. H. Myers

BỐ CỤC

I. GIA PHỐ VÀ SỰ GIÁNG SINH CỦA VUA MÊSI (Đoạn 1)

II. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA VUA MÊSI (Đoạn 2)

III. NHỮNG SỰ CHUẨN BỊ CHO CHỨC VỤ CỦA ĐẤNG MÊSI VÀ LỄ NHÂM CHỨC CỦA NGÀI (Đoạn 3,4)

IV. HIẾN CHƯƠNG CỦA NƯỚC THIÊN ĐÀNG (Đoạn 5-7)

V. CÁC PHÉP LẠ ĐẤY QUYỀN NĂNG VÀ ÂN ĐIỂN CỦA ĐẤNG MÊSI, VÀ NHỮNG PHẢN ỨNG KHÁC NHAU TRƯỚC CÁC PHÉP LẠ ẤY (8:1-9:34)

VI. CÁC SỨ ĐỒ CỦA VUA MÊSI ĐƯỢC SAI ĐẾN VỚI YSRAËN (9:35-10:42)

VII. SỰ CHỐNG ĐỐI VÀ KHƯỚC TỬ NGÀY Càng GIA TĂNG (Đoạn 11,12)

VIII. VUA CỐNG BỐ HÌNH THỨC LÂM THỜI MỚI CỦA NƯỚC THIÊN ĐÀNG VÌ CỐ SỰ KHƯỚC TỬ CỦA YSRAËN (Đoạn 13)

IX. ÂN ĐIỂN KHÔNG MỆT MỎI CỦA ĐẤNG MÊSI ĐÃ ĐƯỢC ĐÁP LẠI BẰNG SỰ THỪ ĐỊCH NGÀY Càng TĂNG (14:1-16:12)

X. VUA CHUẨN BỊ CÁC MÓN ĐỒ NGÀI (16:13-17:27)

XI. VỊ VUA TRUYỀN DẠY CÁC MÓN ĐỒ (Đoạn 18-20)

XII. SỰ BAN TẶNG VÀ SỰ ĐỀ KHÁNG NHÀ VUA (Đoạn 21-23)

XIII. BÀI GIẢNG TRÊN NÚI ÔLIVE CỦA VỊ VUA (Đoạn 24,25)

XIV. SỰ THƯƠNG KHÓ VÀ SỰ CHẾT CỦA NHÀ VUA (Đoạn 26,27)

XV. CHIẾN THẮNG CỦA VỊ VUA (Đoạn 28)

CHÚ GIẢI

1. Gia Phổ Và Sự Giáng Sinh Của Vua Mési (Đoạn 1)

A. Gia Phổ Của Chúa Jêsus Christ (1:1-17)

Đọc sơ qua Tân Ước có thể khiến người ta thắc mắc vì sao Tân Ước lại bắt đầu với điều có vẻ như tế nhị của phả hệ gia đình. Có thể người ta kết luận danh sách các tên gọi này chẳng đáng rút ra được ý nghĩa nào, nên bỏ qua phần đó để tiến tới chỗ bắt đầu có hành động.

Tuy nhiên, gia phả này là điều không thể thiếu được. Nó thiết lập nền tảng cho toàn bộ những điều đi sau. Nếu không thể chứng minh Chúa Jêsus là hậu tự hợp pháp của Đavit qua dòng dõi nhà vua, thì không thể chứng minh Ngài là Đấng Mési kiêm vị Vua của Ysraên. Mathiô đã bắt đầu câu chuyện của mình đúng ngay tại chỗ buộc phải bắt đầu - từ chứng cứ tư liệu chứng minh Chúa Jêsus thừa hưởng quyền hợp pháp nối ngôi Đavit thông qua người cha dưỡng của mình là Giôxép.

Gia phả này truy dòng dõi pháp lý của Chúa Jêsus với tư cách Vua của Ysraên; gia phả trong sách Tin Lành Luca lần theo dòng dõi trực hệ của Ngài trong tư cách Con vua Đavit. Gia phả trong Mathiô đi theo dòng dõi nhà vua từ Đavit qua con trai của vua là Salômôn, vị vua kế tiếp; gia phả trong sách Luca đi theo dòng dõi huyết thống từ Đavit qua con trai khác của ông, là Nathan. Gia phả này kết thúc với Giôxép, mà Chúa Jêsus là Con nuôi của Giôxép; gia phả trong Luca 3 chắc hẳn theo tổ tiên của Mari,

là người mà Chúa Jêsus là Con thật của bà.

Một ngàn năm trước, Đức Chúa Trời đã lập giao kết vô điều kiện với Đavit, hứa ban cho ông một nước còn đến đời đời và một dòng dõi cai trị vinh viễn (Thi Thiên 89:4,36,37). Giao ước đó giờ đây ứng nghiệm trong Đấng Christ: Ngài là người thừa kế hợp pháp ngài Đavit qua Giôxép và là dòng dõi thực sự của Đavit qua Mari. Vì Ngài sống đời đời, nước Ngài sẽ còn đến đời đời và Ngài sẽ cai trị đời đời với tư cách Con cao trọng hơn của Đavit. Chúa Jêsus đã kết hiệp trong Thân Vị Ngài hai cơ sở duy nhất để khẳng định quyền nối ngôi Vua Ysraên (cơ sở pháp lý và cơ sở dòng dõi trực tiếp); vì Ngài vẫn sống, nên không thể có người kế vị nào khác.

1:1-15 Lời tuyên bố gia phả Đức Chúa Jêsus Christ, con cháu Đavit và con cháu Ápraham tương tự với cụm từ trong Sáng Thế Ký 5:1: "Đây là sách chép dòng dõi của Adam." Sáng Thế Ký giới thiệu Adam thứ nhất; Mathiô giới thiệu Adam sau hết. Adam thứ nhất là đầu của tạo vật đầu tiên hay tạo vật thuộc thể. Đấng Christ, với tư cách Adam sau hết, là Đầu của tạo vật mới, hay tạo vật thuộc linh.

Đề tài của sách Tin Lành này là Chúa Jêsus Christ. Tên gọi Jêsus trình bày Ngài là Cứu Chúa - Giêhôva;¹ danh xưng Christ ("được xức dầu"), trình bày Ngài với tư cách Đấng Mési từ lâu mong đợi của Ysraên. Danh xưng con vua Đavit liên hệ với các vai trò của cả Đấng Mési lẫn Vua trong

Cựu Ước. Danh xưng con cháu Ábraham giới thiệu Chúa chúng ta là Đấng làm ứng nghiệm tối hậu những lời hứa đã lập với tổ tiên của dân Hêbrơ.

Bảng gia phả này được chia làm ba phần lịch sử: từ Ábraham đến Giesê, từ Đavit đến Giêchônias, và từ Giêchônias đến Giôsép. Phần thứ nhất dẫn đến Đavit; phần thứ nhì gồm thời kỳ vương quốc; phần thứ ba bảo tồn dòng dõi nhà vua trong cuộc lưu đày (586 T.C. và tiếp theo đó).

Có nhiều đặc trưng thú vị trong danh sách này. Lấy ví dụ, trong phần đoạn này nhắc tên bốn người nữ: Tama, Raháp, Rutơ, và Bắtsêba (vợ của Uri). Vì phụ nữ hiếm khi được nhắc đến trong các bảng gia phả Đông phương, nên việc đưa tên bốn người này vào lại càng đáng kinh ngạc hơn ở chỗ hai trong số họ là kỹ nữ (Tama và Raháp), một người đã phạm tội ngoại tình (Bắtsêba), và hai người là dân ngoại bang (Raháp và Rutơ). Việc đưa tên họ vào trong phần giới thiệu của Mathiơ có lẽ là gợi ý tinh tế rằng sự hiện diện của Đấng Christ sẽ đem sự cứu rỗi cho tội nhân, ân điển cho dân ngoại, và gợi ý rằng trong Ngài, các rào cản chủng tộc và giới tính sẽ bị triệt hạ.

Phần nhắc đến một vị vua tên Giêchônias cũng rất thú vị. Trong Giêrêmi 22:30, Đức Chúa Trời công bố lời rủa sả nhân vật này:

Đức Giêhôva phán như vậy:

Hãy ghi người này trong những kẻ không có con cái,

Trong những kẻ cả đời không thành vương;

Vì con cháu nó sẽ không một người nào thành vương,

Ngồi ngai Đavit

Và cai trị trong Giuđa nữa!"

Nếu Chúa Jêsus là con thật của Giôsép, Ngài sẽ mắc lời rủa sả này. Thế nhưng Ngài phải là con về mặt pháp lý của Giôsép để thừa hưởng các quyền nối ngai Đavit. Nan để được giải quyết bởi phép lạ sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh: Chúa Jêsus là người nối ngai về mặt pháp lý qua Giôsép. Ngài là Con Thật của Đavit qua Mari. Lời rủa sả Giêchônias không giáng trên Mari hay con cái của bà vì bà không ra từ Giêchônias.

1:16 Trong Anh ngữ, có thể giải thích chữ "là người" chỉ về cả Giôsép lẫn Mari. Tuy nhiên, trong nguyên văn Hylạp, chữ "người" này ở số ít và là giống cái, vì vậy cho thấy Chúa Jêsus được sinh ra bởi Mari, chứ không bởi Giôsép. Nhưng ngoài những đặc điểm thú vị này của bảng gia phả, cũng cần đề cập đến những điều khó hiểu do bảng gia phả này đưa ra.

1:17 Mathiơ chú ý đặc biệt đến sự kiện có ba phần, mỗi phần gồm mười bốn đời. Tuy nhiên, từ Cựu Ước, chúng ta biết có nhiều nhân vật đã không có tên trong danh sách của Mathiơ. Chẳng hạn như, giữa Giôram và Ôxia (câu 8), có Achaxia, Giôách và Amaxia đã làm vua (xem II.Các vua 8-14; II.Sử ký 21-25).

Các bảng gia phả của Mathiơ và Luca dường như trùng lặp với nhau khi nhắc đến hai tên: Salathien và Xôrôbabên (Mathiơ 1:12,13; Luca 3:27). Thật kỳ lạ khi tổ tiên của

Giôsep và Mari lại hội nhập vào nhau trong hai người nam này rồi sau đó lại tách ra. Khó hiểu càng gia tăng khi chúng ta thấy cả hai sách Tin Lành đều đi theo Êxora 3:2 khi liệt kê Xorôbabên là con trai của Salathiên, trong khi L.Sứ ký 3:19 nói ông là con trai của Phêđagla.

Điều khó hiểu thứ ba: Mathiơ tính hai mươi bảy đời từ Đavít đến Chúa Jêsus, còn Luca tính ra bốn mươi hai. Dấu các tác giả sách Tin Lành này đang nêu các phả hệ khác nhau, dường như vẫn kỳ lạ vì có khác biệt lớn đến như thế về số các đời.

Người nghiên cứu Kinh Thánh nên có thái độ nào đối với những điều khó hiểu và có vẻ như thiếu nhất quán này? Trước hết, tiền đề cơ bản của chúng ta là: Kinh Thánh là Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời. Do đó, Kinh Thánh không thể chứa các lỗi sai. Thứ nhì, Kinh Thánh là vô hạn vì phản ánh tính vô hạn của Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể hiểu những chân lý cơ bản của Lời Chúa, nhưng chúng ta không bao giờ hiểu hết mọi điều có trong Lời ấy.

Vì vậy, cách chúng ta tiếp cận với những điều khó hiểu này buộc chúng ta kết luận nan đề do chúng ta thiếu hiểu biết, chứ không do (lính) có thể sai của Kinh Thánh. Các nan đề trong Kinh Thánh đáng phải thách thức chúng ta nghiên cứu và tra tìm câu trả lời. "Giấu kín việc nào, ấy là vinh hiển của Đức Chúa Trời; nhưng dò xét điều nào, ấy là vinh hiển của các vua" (Châm Ngôn 25:2).

Nghiên cứu cẩn thận của các sử gia và những cuộc khai quật của

những nhà khảo cổ vẫn không thể chứng minh những câu nói của Kinh Thánh là sai. Những điều dường như khó hiểu và mâu thuẫn đối với chúng ta thật ra đều có những lời giải đáp thỏa đáng và hợp lý, và những lời giải thích ấy đầy ý nghĩa và lợi ích thuộc linh.

D. Chúa Jêsus Được Sinh Ra Bởi Mari (1:18-25)

1:18 Sự giáng sinh của Chúa Jêsus Christ khác với mọi sự chào đời được nhắc đến trong bảng gia phả này. Tại đó chúng ta thấy có một công thức lặp đi lặp lại: "A sanh B." Nhưng giờ đây chúng ta có bản kỹ thuật sự chào đời mà không có một con người làm cha. Những sự kiện chung quanh sự thai dựng đầy phép lạ này được nói lên với vẻ uy nghi và đơn giản. Mari đã hứa gả cho Giôsep, nhưng vẫn chưa cưới nhau. Trong thời Tân Ước, hứa hôn là hình thức đính hôn (nhưng ràng buộc nhiều hơn sự đính hôn ngày nay) và chỉ có thể hủy bởi lý dị. Dẫu cặp vợ chồng đã đính hôn chưa sống với nhau khi chưa có lễ cưới, nhưng sự không chung thủy của người đã hứa hôn bị xem như phạm tội ngoại tình và bị trừng phạt bằng án tử hình.

Trong thời kỳ hứa hôn, Trinh Nữ Mari chịu thai bởi phép lạ của Thánh Linh. Một thiên sứ trước đó công bố biến cố huyền nhiệm này cho Mari: "Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng rất cao sẽ che phủ ngươi dưới bóng mình" (Luca 1:35). Đám mây nghi ngờ và tai tiếng đang treo trên đầu Mari. Suốt lịch sử loài người, chưa hề có sự sanh hạ bởi

nữ đồng trinh. Khi nhìn thấy một phụ nữ chưa chồng mà có thai, người ta chỉ có một lời giải thích khả dĩ duy nhất.

1:19 Ngay cả **Giôsép** vẫn chưa biết lời giải thích đúng về tình trạng của Mari. Có lẽ ông đang phẫn nộ, cảm tức vì hôn thê vì hai lý do. Thứ nhất, tình trạng có vẻ như nàng không chung thủy với mình. Và thứ nhì, dấu vô tội, ông hầu như không tránh khỏi bị kết tội đồng lõa. Tình yêu dành cho Mari và lòng khao khát đòi công lý khiến ông quyết định phải hủy sự hứa hôn bằng cách âm thầm ly dị. Ông muốn tránh nổi sĩ nhục công khai thường đi kèm với một hành động như thế.

1:20 Đang khi con người dịu dàng và thận trọng này tìm cách bảo vệ Mari, thiên sứ của Chúa hiện đến cùng **Giôsép** trong giấc chiêm bao. Lời chào: "**Hỡi Giôsép, con cháu Davit,**" rõ ràng muốn khơi dậy ý thức dòng dõi nhà vua trong ông và chuẩn bị cho ông đón sự hiện đến phi thường của vị Vua kiêm Đấng Mêsi của Ysraên. Ông đứng nghi ngờ việc cưới Mari. Mọi nghi ngờ lòng trinh khiết của nàng đều không có cơ sở. Nàng thọ thai chính do phép lạ của **Đức Thánh Linh**.

1:21 Kế đó, thiên sứ cho biết phải tinh, tên gọi và sứ mạng của Con khi chào đời. Mari sẽ sanh **Một Con Trai**. Con trai ấy sẽ được đặt tên là **JÉSUS**, (có nghĩa "Giêhôva là sự cứu rỗi" hay "Giêhôva, Cứu Chúa").

Đừng với Tên của Ngài, Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội. Đứa Con

của số phận này chính là Đức Giêhôva giáng lâm trần gian cứu con người khỏi án phạt của tội lỗi, khỏi quyền lực của tội, và cuối cùng khỏi chính hiện diện của tội.

1:22 Khi Mathio ghi lại những biến cố này, ông nhận thấy một kỳ nguyên mới đã lộ dạng trong lịch sử về cách Đức Chúa Trời đối đãi với nhân loại. Những lời lẽ của tiên tri về Đấng Mêsi - đã ngủ yên từ lâu - nay lại bật lên sức sống. Lời tiên tri bí ẩn của Êsai giờ đây được ứng nghiệm trong Đứa Con Trai của Mari: **Mọi việc đã xảy ra như vậy, để cho ứng nghiệm lời Chúa đã phán qua đấng liên tri. Mathio tuyên bố sự soi dẫn thiên thượng cho những lời lẽ của Êsai - Chúa đã phán qua vị tiên tri này ít nhất bảy trăm năm trước Đấng Christ.**

1:23 Lời tiên tri của Êsai 7:14 bao gồm việc nói trước sự giáng sinh độc nhất vô nhị ("Này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai"), phải tinh của Con Trẻ Này ("và sanh một con trai"), và tên của người con ("Rồi người ta [nàng] sẽ đặt tên con trai đó là Emmanuên"). Mathio giải thích thêm Emmanuên nghĩa là: **Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.** Không có bản kỹ thuật nào về Đấng Christ từng được gọi là "Emmanuên" đang khi Ngài còn trên đất; Ngài luôn luôn được gọi là "Jêsus." Tuy nhiên, ý nghĩa của tên Jêsus (xem ở câu 21 trên đây) hàm ý sự hiện diện của **Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta.** Emmanuên có thể cũng là tước hiệu của Đấng Christ, một tước hiệu sẽ được dùng chủ yếu cho Sự Tái Lâm của Ngài.

1:24 Do sự can thiệp của thiên sứ, Giôsep bỏ kế hoạch ly dị Mari. Ông tiếp tục công nhận sự hứa hôn của họ cho đến khi Chúa Jêsus ra đời, sau đó ông cưới nàng.

1:25 Lời dạy rằng Mari vẫn đồng trinh trọn đời bị bác bỏ với sự qua đê mê tâm hồn trong đám cưới của họ được nhắc đến trong câu này. Nhiều câu Kinh Thánh khác cho thấy Mari đã có con với Giôsep, được chép trong Mathiơ 12:46; 13:55,56; Mác 6:3; Giảng 7:3,5; Công Vụ 1:14; I.Côrinthô 9:5; và Galati 1:19.

Khi cưới Mari làm vợ, Giôsep cũng nhận Con Trai của nàng làm Con Trai nuôi của mình. Đây là cách Chúa Jêsus trở thành người nối ngôi hợp pháp của Đavít. Vâng theo lời thiên sứ, **ông đặt tên con trẻ là Jêsus.**

Như vậy, Vua Kiêm Đấng Mêsi ra đời. Đấng Đời Đời đã bước vào cõi thời gian. Đấng Toàn Năng đã trở thành Hội Nhi bé xiu. Chúa vinh hiển đã che sự vinh hiển ấy trong thân thể con người, và "sự đẩy dẩy của bốn táng Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình" (Côlôse 2:9).

II. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA VUA MÊSI (Đoạn 2)

A. Những Nhà Thông Thái Đến Thờ Phụng Vua (2:1-12)

2:1,2 Rất dễ lẫn lộn thứ tự thời gian các biến cố chung quanh sự giáng sinh của Đấng Christ. Tuy câu 1 có vẻ cho thấy Hêrôt cố giết Chúa Jêsus đang khi Mari và Giôsep ở tại chuồng gia súc ở Bêtlêhem, bằng chứng tổng hợp sẽ cho thấy thời điểm khoảng một hoặc hai năm sau. Mathiơ nói trong

câu 11 rằng những nhà thông thái thấy Chúa Jêsus ở trong nhà. Lệnh vua Hêrôt truyền giết mọi bé trai dưới hai tuổi (câu 16) cũng là dấu hiệu cho thấy khoảng thời gian không xác định nó đã trôi qua kể từ sự giáng sinh của Vua.

Hêrôt Đại Đế là đồng đội của Iisau, do đó là kẻ thù truyền kiếp của người Do Thái. Ông là người cải đạo Do Thái giáo, nhưng sự cải đạo của ông có lẽ vì động cơ chính trị. Vào cuối thời trị vì của ông, các nhà thông thái từ Đông phương đến để tìm Vua dân Giuđa. Có lẽ đây là những thầy tư tế ngoại giáo mà nghi lễ của họ tập trung quanh các hiện tượng trong cõi tự nhiên. Nhờ trí thức và năng lực đoán trước, họ thường được chọn làm quân sư cho các vua. Chúng ta không biết họ sống ở đâu tại Đông phương, có bao nhiêu người đến, hay hành trình của họ mất bao lâu.

Chính ngôi sao bên Đông phương bằng cách nào đó cho họ biết sự ra đời của một vị Vua, và họ đến thờ lạy Ngài. Có lẽ họ quen thuộc những lời tiên tri Cựu Ước về sự hiện đến của Đấng Mêsi. Có lẽ họ biết lời dự ngôn của Balaam rằng một ngôi sao sẽ ra từ Giacóp (Dân số Kỳ 24:17) và đã liên kết điều này với lời tiên tri về bảy mươi tuần lễ vốn báo trước thời điểm hiện đến lần thứ nhất của Đấng Christ (Dân số Kỳ 9:21,25). Nhưng có vẻ như hiểu biết này chắc đã được truyền cho họ cách siêu nhiên.

Người ta đưa ra nhiều giải thích khoa học khác nhau về ngôi sao này. Lấy ví dụ, có người nói đây là sự liên kết của các hành tinh. Nhưng lộ trình

của ngôi sao hết sức bất thường; ngôi sao đi trước những nhà thông thái, dẫn họ từ Giêrusalem đến ngôi nhà Chúa Jêsus đang sống (câu 9). Rồi ngôi sao đứng lại tại đó. Trên thực tế, điều này phi thường đến độ chỉ có thể giải thích đây là một phép lạ.

2:3 Khi nghe tin một Hải Nhi sinh ra làm vua dân Giuđa, vua Hêrôt bối rối. Một Hải Nhi như thế là mối đe dọa quyền cai trị vốn đầy bất ổn của ông. **Cả thành Giêrusalem** cũng bối rối với vua. Thành phố đang ra vui mừng đón nhận tin này thì nay lại lo lắng bởi bất kỳ điều nào có thể khuấy rối hiện trạng của nó hay gây nguy cơ méch lòng những quan cai trị Lamã đáng ghét kia.

2:4-6 Hêrôt tập hợp các lãnh đạo tôn giáo của người Giuđa để tìm xem **Đấng Christ** sanh ra tại đâu. Các thầy tế lễ cả là thầy tế lễ thượng phẩm và các con trai của ông (và có lẽ các thành viên khác trong gia đình của ông nữa). Các thầy thông giáo là những chuyên gia về luật pháp Môise. Họ đã háo hức và dạy luật pháp Môise, và là các quan án trong Tòa Công Luận. Những thầy tế lễ và các thầy thông giáo lập tức rưng dẫn Michê 5:1-2, câu Kinh Thánh xác định **Bétlêhem xứ Giuđa** là nơi ra đời của Vua. Câu Kinh Thánh tiên tri trong Michê gọi thành này là "Bétlêhem Éprata." Vì có nhiều thành mang tên Bétlêhem trong xứ Palestine, nên câu Kinh Thánh này xác định đây là thành Bétlêhem trong quận Éprata nằm trong ranh giới chi phái Giuđa.

2:7,8 Vua Hêrôt ... bàn với mấy thầy bác sĩ cách kín nhiệm để xác

định ngôi sao đã hiện ra lần đầu vào lúc nào. Về bí mật này tiết lộ động cơ tàn ác của ông: ông sẽ cần đến thông tin này nếu không xác định được chỗ của Đấng Con Trẻ ấy. Để che đậy ý định thật của mình, vua sai mấy thầy bác sĩ ấy đi tìm và nhân tin cho vua biết thành công của họ.

2:9 Khi các thầy bác sĩ ra đi, ngôi sao họ đã thấy bên Đông phương lại xuất hiện. Điều này cho thấy ngôi sao đã không dẫn họ trọn đường từ Phương Đông đi. Nhưng giờ đây, ngôi sao thật sự dẫn họ đến ngôi nhà nơi Con Trẻ ở.

2:10 Kinh Thánh nhắc đặc biệt đến sự mừng rỡ quá bội của các bác sĩ khi họ thấy ngôi sao. Những người ngoại bang này siêng năng tìm kiếm Đấng Christ; các thầy tế lễ và các thầy thông giáo "đến bảy giờ" vẫn thờ ơ; dân thành Giêrusalem bối rối. Những thái độ này là những điểm xấu báo hiệu phương cách người ta sẽ đón nhận Đấng Mêsi.

2:11 Khi vào nhà, các thầy bác sĩ thấy Con Trẻ với Mari mẹ Ngài. Họ sắp mình xuống thờ phượng Ngài, dâng những lễ vật đắt giá là vàng, nhũ hương và một dược. Hãy để ý họ thấy Chúa Jêsus với mẹ Ngài. Thông thường, người ta sẽ nhắc đến mẹ trước rồi con sau, nhưng Con Trẻ này là độc nhất vô nhị và phải được dành địa vị cao nhất (cũng xem câu 13,14,20,21). Các thầy bác sĩ thờ phượng Chúa Jêsus, chứ không phải thờ phượng Mari hay Giôsép. (Thậm chí Giôsép còn không được nhắc đến trong câu chuyện này; ông sẽ nhanh

chúng biến mất hoàn toàn khỏi bản kỹ thuật của sách Tin Lành này.) Chính Chúa Jêsus mới là Đấng xứng đáng nhận tôn ngợi và thờ phượng của chúng ta, chứ không phải Mari và Giôxép.

Các báu vật họ đem đến nói lên rất nhiều điều. **Vàng** là biểu tượng về thần thánh và vinh hiển, nói đến sự hoàn hảo rạng ngời từ Thân Vj thiên thượng của Ngài. **Nhũ hương** là dấu xúc hay dấu thơm, gợi ý hương thơm từ đời sống hoàn hảo vô tội. **Một được** là loại được thảo đáng, báo trước những thương khó Ngài sẽ chịu để gánh tội lỗi của thế gian. Việc đem các lễ vật của người ngoại bang gợi nhớ lời nói của Êsai 60:6. Êsai dự ngôn người ngoại bang sẽ đem lễ vật đến với Đấng Mêsi, nhưng chỉ nói đến vàng và nhũ hương: "... Họ sẽ đem vàng và nhũ hương đến, và rao truyền lời ngợi khen Đức Giêhôva." Vì sao không nói đến một được? Vì Êsai đang nói đến sự hiện đến lần thứ nhì của Đấng Christ - Ngài đến trong quyền năng và vinh hiển lớn. Bấy giờ sẽ không có một được, vì bấy giờ Ngài sẽ không chịu khổ. Nhưng trong Mathio, một được được nói đến vì đang nói tới sự hiện đến lần thứ nhất của Ngài. Trong Mathio, chúng ta có những họa nạn thương khó của Đấng Christ; trong phần đoạn này của Êsai nói đến những vinh hiển sẽ đến theo sau.

2:12 Các bác sĩ được Chúa mách báo **một cách siêu nhiên** trong giấc chiêm bao... đứng trở lại với **Hêrốt**, vì vậy họ vâng lời quay về quê hương bằng con đường khác. Không hề có

người nào gặp Đấng Christ với tâm lòng thành thật mà lại quay về bằng con đường cũ. Gặp gỡ thật với Chúa sẽ biến đổi toàn bộ đời sống.

B. Giôxép, Mari và Chúa Jêsus Lành Saog Êđiô (2:13-15)

2:13,14 Ngay từ lúc còn sơ sinh, nguy cơ chết chóc đã treo trên Chúa chúng ta. Rủ ràng Ngài sinh ra để chịu chết, nhưng đúng vào thời điểm đã định. Bất kỳ ai bước đi theo ý muốn của Đức Chúa Trời cũng đều bắt tử cho đến khi công tác người ấy được hoàn tất. **Một thiên sứ của Chúa** hiện đến cùng **Giôxép trong giấc chiêm bao** truyền ông đem gia đình trốn sang **Êđiô**. Hêrốt sẵn sàng chiến dịch "truy lùng và tiêu diệt." Gia đình này trở thành những người tị nạn trốn khỏi cơn thịnh nộ của Hêrốt. Chúng ta không biết họ ở tại đó bao lâu, nhưng khi Hêrốt qua đời, họ có thể hồi hương an toàn.

2:15 Như vậy, một lời tiên tri Cựu Ước khác nữa đã mang ý nghĩa mới. Chúa phán **qua tiên tri Ôsê**: "Ta gọi con trai ta ra khỏi Êđiô" (Ôsê 11:1). Trong khung cảnh nguyên thủy, câu này nói đến sự giải cứu Ysraên khỏi Êđiô vào thời kỳ Xuất Êđiô. Nhưng câu này có thể mang nghĩa kép - lịch sử của Đấng Mêsi sẽ song song sát sao với lịch sử của Ysraên. Lời tiên tri được ứng nghiệm trong cuộc đời của Đấng Christ bởi việc Ngài từ Êđiô trở về Ysraên.

Khi Chúa trở lại cai trị trong công bình, Êđiô sẽ là một trong những quốc gia dự phần các phước hạnh của Thiên Hy Niên (Êsai 19:21-25; Sôphôn 3:9,10; Thi Thiên 68:31). Vì

sao quốc gia ấy - kẻ thù truyền kiếp của Ysraên - lại được hưởng ơn lớn đến như vậy? Có phải đây là lòng biết ơn Thiên Thượng vì quốc gia này đã cung cấp nơi ẩn náu cho Chúa Jêsu?

C. Hêrốt Tàn Sát Các Hài Nhi Ở Bêlêhem (2:16-18)

2:16 Khi các bác sĩ không quay lại, Hêrốt thấy mình bị lừa trong âm mưu phát hiện chổ của Ấu Chúa. Tức giận đến cuồng, ông ra lệnh giết hết **thầy con trai từ hai tuổi sắp xuống ở thành Bêlêhem và cả hạt**. Có nhiều phỏng đoán khác nhau về số hài nhi bị giết; một tác giả gợi ý khoảng hai mươi sáu. Chắc không thể lên đến hàng trăm em.

2:17,18 Tiếng kêu la than khóc sau vụ tàn sát hài nhi làm ứng nghiệm lời **liên tri Giêrêmi**:

Đức Giêhôva phán như vậy:

"Tại Rama nghe có tiếng than thở, khóc lóc đấng cay,

Rachên khóc con cái mình, mà không chịu yên ủi về con cái mình,

vì chúng nó không còn nữa!"

(Giêrêmi 31:15).

Trong lời tiên tri, **Rachên** đại diện cho dân Ysraên. Đau khổ của dân này được gán cho Rachên, là người được chôn tại Rama (gần Bêlêhem, nơi xảy ra cuộc tàn sát). Khi những cha mẹ mất con đi ngang mộ Rachên, Rachên được mô tả như **đang khóc** cùng họ. Với nỗ lực loại bỏ Người Tranh Ngôi non trẻ này, Hêrốt chẳng được lợi gì ngoại trừ được nhắc tên cách nhơ nhục trong biên niên sử của ông tộc.

D. Giôsêp, Mari và Chúa Jêsu đến ở tại Naxarét (2:19-23)

Sau khi Hêrốt qua đời, thiên sử của Chúa bảo đảm với Giôsêp giờ đây đã an toàn cho ông trở về. Tuy nhiên, khi đến xứ Ysraên, ông nghe tin vua Achêlau, con trai Hêrốt, lên nối ngôi vua Giuđê. Giôsêp rất miễn cưỡng đặt chân vào vùng này và vì vậy, sau khi được Chúa mách báo trong giấc chiêm bao, ông đi lên phía bắc vào vùng Galilê rồi định cư tại Naxarét.

Lần thứ tư trong đoạn này, Mathiơ nhắc chúng ta nhớ lời tiên tri đang được ứng nghiệm. Ông không nhắc đích danh đến **liên tri** nào cả, nhưng nói các tiên tri đã báo trước Đấng Mêsi sẽ được gọi là người Naxarét. Không một câu Kinh Thánh Cựu Ước nào trực tiếp nói điều này. Nhiều học giả gợi ý Mattheo đang nói đến Êsai 11:1: "Cò một chồi sẽ nức lên từ gốc Ysai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái." Chữ Hêbrêlai được dịch là "Chồi" ở đây là netzer, nhưng dường như mối liên kết quá xa. Có lời giải thích khá đi hơn: "Người Naxarét" được dùng mô tả bất cứ ai sống tại Naxarét, một thành phố bị cả dân chúng ngoài vùng đó xem thường. Nathanaên đã diễn tả điều này qua một câu hỏi của tục ngữ: "Hả có điều gì tốt ra từ Naxarét sao?" (Giăng 1:46). Sự nhạo báng chế giễu đôn trên thành phố "hèn kém" này cũng giáng trên những cư dân của thành ấy nữa. Vì vậy khi câu 23 nói người ta sẽ gọi Ngài là người Naxarét, điều đó có nghĩa Ngài sẽ bị khinh thường. Dấu chúng ta không thể tìm lời tiên tri nào cho biết Ngài sẽ được

gọi là người Naxarét, chúng ta có thể thấy lời tiên tri nói Ngài sẽ bị "người ta khinh dể và chán bỏ" (Êsai 53:3). Một lời tiên tri khác nói Ngài sẽ là một con sâu chứ không phải con người, bị con người khinh dể và khước từ (Thi Thiên 22:6). Vì vậy, tuy các tiên tri không đúng chính xác những chữ này, rõ ràng đây là tinh thần của rất nhiều lời tiên tri, không chối cãi vào đâu được.

Thật lạ lùng, khi Đức Chúa Trời quyền năng đến trần gian, Ngài được đặt biệt danh đầy hổ nhục. Những người đi theo Ngài được đặc ân chia sẻ sự sỉ nhục của Ngài (Hêbơơ 13:13).

III. NHỮNG SỰ CHUẨN BỊ CHO CHỨC VỤ CỦA Đấng MÊSI VÀ LỄ NHẬP CHỨC CỦA NGÀI (Đoạn 3, 4)

A. Giảng Báp-tít Đơn Đương (3:1-12)

Giữa đoạn 2 và 3 là khoảng thời gian hai mươi tám hoặc hai mươi chín năm không được Mathio nhắc đến. Trong thời gian này, Chúa Jêsus ở tại Naxarét, chuẩn bị cho công tác phía trước. Đó là những năm Ngài không làm phép lạ nào, nhưng Ngài đẹp lòng Đức Chúa Trời mọi ngày (Mathio 3:17). Với đoạn này, chúng ta bước vào ngưỡng cửa chức vụ công khai của Ngài.

3:1,2 Giảng Báp-tít lớn hơn người em họ Jêsus của mình sáu tháng (xem Luca 1:26,36). Ông đã bước vào giai đoạn lịch sử này để làm sứ giả đi trước mở đường cho Vua Ysraêl. Giáo phận khô tương tượng nổi của ông chính là **đồng vắng xứ Giuđê** - một vùng khô khan từ Giêrusalem cho

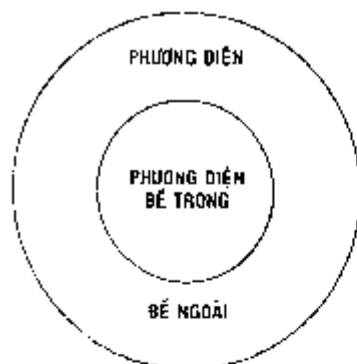
đến sông Giôđanh. Sứ điệp của Giảng là: "**Các người phải ăn năn, vì nước Thiên đàng đã đến gần.**" Vua sắp hiện đến, nhưng Ngài không thể và sẽ không cai trị trên những người nào còn bám chặt lấy tội lỗi họ. Họ phải thay đổi phương hướng, phải xưng tội và từ bỏ tội. Đức Chúa Trời đang kêu gọi họ ra khỏi nước tối tăm để đến với nước Thiên đàng.

NƯỚC THIÊN ĐÀNG

Trong câu 2, chúng ta có cụm từ nước Thiên đàng xuất hiện lần đầu tiên, và được dùng khoảng ba mươi hai lần trong sách Tin Lành này. Vì không thể hiểu đúng về Mathio nếu chưa hiểu được khái niệm này, nên định nghĩa và mô tả thuật ngữ này được dùng lại đây.

Nước Thiên đàng là nơi quyền cai trị của Đức Chúa Trời được công nhận. Chữ "Thiên đàng" được dùng để biểu thị Đức Chúa Trời. Điều này được bày tỏ trong Đaniên 4:25, nơi đó Đaniên nói rằng "Đấng rất cao" cai trị trong nước loài người. Trong câu kế tiếp, ông nói rằng "trời" cai trị. Nơi nào con người thuận phục quyền cai trị của Đức Chúa Trời, nơi đó có nước Thiên đàng.

Có hai phương diện của nước Thiên đàng. Theo ý nghĩa bao quát nhất, nước Thiên đàng bao gồm mọi người nào công nhận Đức Chúa Trời là Đấng cai trị tối cao. Trong phương diện hẹp hơn, nước Thiên đàng chỉ bao gồm những người nào thực lòng hoán cải. Chúng ta có thể mô tả hình ảnh này qua hai vòng tròn đồng tâm.



Vòng tròn lớn là phạm vi sự tuyên xưng; nó bao gồm mọi người là thần dân thật của Vua, và cũng có cả những người chỉ tuyên xưng trung thành với Ngài. Điều này được thấy qua các ẩn dụ về người gieo giống (Mathiơ 13:3-9), hạt cải (Mathiơ 13:31,32), và men (Mathiơ 13:33). Vòng tròn nhỏ chỉ gồm những người đã được tái sanh qua đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Nước Thiên đàng theo phương diện bề trong thì chỉ có những người đã hoán cải mới được vào (Mathiơ 18:3).

Nhờ kết hợp mọi câu nói đến nước này trong Kinh Thánh, chúng ta có thể truy ra sự phát triển nước ấy trong lịch sử qua năm giai đoạn đặc biệt:

Thứ nhất, nước Thiên đàng được nói liên mi trong Cựu Ước. Đaniên dự ngôn Đức Chúa Trời sẽ thiết lập nước không bao giờ bị hủy diệt, cũng không bao giờ giao chủ quyền nước ấy cho dân khác (Đaniên 2:44). Ông cũng nhìn thấy trước sự hiện đến của Đấng Christ để nắm quyền thống trị đời đời trên cả vũ trụ (Đaniên 7:13,14; cũng xem Giê-rê-mi 23:5,6).

Thứ nhì, nước Thiên đàng được Giăng Báp-tít, Chúa Jêsus và mười hai sứ đồ mô tả là đến gần rồi hoặc đang hiện diện (Mathiơ 3:2; 4:17; 10:7). Trong Mathiơ 12:28, Chúa Jêsus phán: "...Mà nếu ta cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời để trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các ngươi." Trong Luca 17:21, Ngài phán: "Vì này, nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi" hay ở giữa các ngươi. Nước Thiên đàng đang hiện diện trong Thân Vị Của Vua. Như chúng ta sẽ thấy về sau, thuật ngữ nước Đức Chúa Trời và nước Thiên đàng được sử dụng luân phiên với nhau.

Thứ ba, nước Thiên đàng được mô tả trong hình thức thời gian chuyển tiếp. Sau khi bị dân Y-sơ-ra-ên khước từ, Vua trở về Thiên đàng. Tuy Vua vắng mặt, Nước Thiên đàng hiện hữu ngày nay trong lòng những người công nhận quyền làm Vua của Ngài, và những nguyên tắc đạo đức luân lý của Ngài, được bao gồm trong Bài Giảng Trên Núi, và có thể áp dụng cho chúng ta ngày nay. Giai đoạn chuyển tiếp này của nước Thiên đàng được mô tả trong các ẩn dụ của Mathiơ 13.

Giai đoạn thứ tư của nước Thiên đàng có thể được gọi là biểu hiện của nước Thiên đàng. Đây là sự cai trị một ngàn năm của Đấng Christ trên đất, được mô tả bởi sự hóa hình của Đấng Christ khi Ngài được nhìn thấy trong vinh hiển về sự cai trị hầu đến của Ngài (Mathiơ 17:1-8). Chúa Jêsus nói đến giai đoạn này trong Mathiơ 8:11 khi Ngài phán: "... Có nhiều người từ đông phương tây phương sẽ đến, ngồi đồng bàn với Áp-ra-ham, Y-sác và

Giacóp trong nước thiên đàng." Hình thức cuối cùng se là nước đời đời. Nước này được mô tả trong II.Phiêrơ 1:11 là "Nước đời đời của Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa của chúng ta."

Cụm từ "nước Thiên đàng" chỉ thấy trong sách Tin Lành của Mathiô, nhưng "nước Đức Chúa Trời" có trong cả bốn sách Tin Lành. Trên thực tế, không có sự khác biệt nào cả - những điều giống y như nhau được nói đến cho cả hai nước này. Ví dụ, trong Mathiô 19:23, Chúa Jêsus phán người giàu khó vào nước Thiên đàng. Cả Mác (10:23) là Luca (18:24) ghi lại Chúa Jêsus nói điều này về nước Đức Chúa Trời (cung xem Mathiô 19:24, có dùng câu châm ngôn tương tự "nước Đức Chúa Trời").

Trên đây, chúng ta đã nói nước Thiên đàng có một phương diện bề ngoài và một thực tại bề trong. Vì điều này cũng đúng cho nước Đức Chúa Trời, nên đây là bằng chứng thêm nữa cho thấy hai từ ngữ này giống nhau. Nước Đức Chúa Trời cũng bao gồm cả thần dân thật và giả. Điều này được thấy qua các ẩn dụ về người gieo giống (Luca 8:4-10), hạt cải (Luca 13:18,19), và men (Luca 13:20,21). Về thực tại chân thật bề trong, chỉ những người nào được tái sanh mới được vào nước Đức Chúa Trời (Giăng 3:3,5).

Một ý cuối: nước này không phải là một hội thánh. Nước này bắt đầu khi Đấng Christ bắt đầu chức vụ công khai của Ngài: hội thánh bắt đầu vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 2). Nước này sẽ tiếp tục trên đất cho đến

khi trái đất bị tiêu diệt; hội thánh tiếp tục trên đất cho đến Sự Cất Lên (việc cất hội thánh lên khỏi đất khi Đấng Christ từ trời giáng xuống và đón mọi tín hữu về quê hương với Ngài - I.Têsalônica 4:13-18). Hội thánh sẽ cùng Đấng Christ trở lại trong Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai Của Ngài để cùng Ngài cai trị với tư cách Tân Nương của Ngài. Hiện nay, những người nào ở trong thực tại chân thật bề trong của nước này thì cũng ở trong hội thánh.

3:3 Để quay về với phần giải luận Mathiô 3, lưu ý chức vụ mở đầu của Giăng đã được Êsai nói tiên tri bảy trăm năm trước:

Có tiếng kêu rằng: Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đức Giêhôva; hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta! (40:3)

Giăng là tiếng kêu. Nói về mặt thuộc linh, dân Ysraên là đồng vắng - khó hạn và cằn cỗi. Giăng kêu gọi dân sự dọn đường cho Chúa bằng cách ăn năn và từ bỏ tội của họ, và ban bằng các nẻo cho Ngài bằng cách loại khỏi đời sống họ mọi điều nào ngăn trở quyền tể trị trọn vẹn của Ngài.

3:4 Áo của Giăng Báp-ti-sta làm bằng lông lạc đà - không phải thú vải lạc đà mềm mại xa xỉ của thời chúng ta, nhưng là thú vải thô ráp của người sống ngoài trời. Ông cũng buộc dây lưng bằng da. Dây cũng là loại áo xống như của Êli (II.Các Vua 1:8) và có lẽ nhằm cảnh tỉnh những người Do Thái có lòng tin về sự tương tự giữa sứ mạng của Giăng và sứ mạng của Êli (Malachi 4:5; Luca 1:17; Mathiô 11:14; 17:10-12). Giăng ăn châu chấu

và **mặt ong rùng**, chế độ ăn kiêng cơ bản của người đã bị cuốn hút vào sự mạng của mình đến nỗi chế ngự cả những tiện nghi và thú vui bình thường của đời sống.

Át phải là một tảng trái chấy bông đầy cáo trách khi người ta được gặp Giảng - một người không quan tâm đến những thứ vật chất mà con người thường sống vì chúng. Sự cuốn hút vào các thực tại thuộc linh của ông ắt hẳn khiến người khác nhận thấy họ nghèo nàn biết bao. Sự tự bỏ mình của ông là lời quả trách thức nhắc cho tính thần bất chước thể gian của thời ông.

3:5,6 Người ta ùa đến nghe Giảng từ **Giêrusalem đến cả xứ Giuđê**, và vùng bên kia sông Giôđanh. Một số người đáp ứng sứ điệp của ông và **chịu ông làm phép báp têm dưới sông Giôđanh**, trên thực tế họ tuyên bố sẵn sàng dâng trọn lòng trung thành và vâng phục cho Vua bầu đến.

3:7 Với người **Pharisi và Saduse** lại khác hẳn. Khi họ đến nghe Giảng, Giảng biết họ không thật lòng. Ông nhận ra bản chất thật của họ: **Người Pharisi** tự xưng hết lòng với luật pháp, nhưng bé trong họ hư nát, hé phái, giả hình, và tự cho mình công bình; **người Saduse** là giai cấp quý tộc trong xã hội và là những người hoài nghi tôn giáo, phủ nhận những giáo lý cơ bản như sự sống lại của thân thể, sự hiện hữu của các thiên sứ, tinh bất tử của linh hồn và sự hình phạt đời đời. Do vậy, ông lên án cả hai phái này là **đồng dôi rắn lục**, những người vờ như muốn thoát khỏi **cơn thanh nộ hầu đến**, nhưng chẳng hề tỏ dấu hiệu ăn năn thật.

3:8 Ông thách thức họ chứng minh lòng thành tâm bằng cách sinh **kết quả xứng đáng với sự ăn năn**. Như J. K. Müller viết, ăn năn thật "sẽ chẳng đi đến đâu nếu chỉ sinh ra vài giọt nước mắt, cơn hồi tiếc pha chút hoảng sợ. Chúng ta phải lia bỏ những tội lỗi mà mình đã ăn năn rồi bước đi trong những đường lối thành khiết tươi mới và thanh sạch."

3:9 Người Giuđa phải thôi lạm dụng dòng dõi **Ápraham** như một giấy thông hành cho họ đi Thiên Đàng. Cơn cứu rỗi không lưu truyền qua sự ra đời tự nhiên. Đức Chúa Trời có thể khiến đá dưới sông Giôđanh trở nên **con cái Ápraham** bởi tiến trình kèm dữ dội hơn sự hoán cải của những người Pharisi và Saduse.

3:10 Khi nói cái **búa đã kể rẽ cây**, Giảng đang bảo công tác đoàn phạt thiên thượng sắp bắt đầu. Sự đi đến và hiện diện của Đấng Christ sẽ thử nghiệm mọi người. Những người không có kết quả sẽ bị tiêu diệt như cây không kết quả... **phải bị đốn và chum**.

3:11,12 Trong câu 7-10, Giảng đang nói riêng cho người Pharisi và Saduse (xem câu 7), nhưng giờ đây dường như ông nói với toàn bộ thính giả, tức nhóm người gồm cả người tin thật lẫn giả. Ông giải thích rằng có sự khác biệt quan trọng giữa chức vụ của ông với chức vụ của Đấng Mési là Đấng sắp đến. Giảng làm phép báp têm **bằng nước cho sự ăn năn**; nước mang tính lễ nghi và không có quyền năng tẩy sạch; sự **ăn năn** đầu là thực, vẫn không đem người đến sự

cứu rồi trọn vẹn. Giăng xem chức vụ của mình là chức vụ chuẩn bị và chưa đầy đủ. Đấng Mesi sẽ che khuất Giăng hoàn toàn. Ngài là Đấng có quyền phép hơn, Ngài sẽ xứng đáng hơn, công tác của Ngài sẽ vượt xa hơn, vì Ngài sẽ làm báp-têm... bằng Thánh Linh và bằng lửa.

Phép báp-têm bằng Thánh Linh khác với phép báp-têm bằng lửa. Phép báp-têm bằng Thánh Linh là phép báp-têm phước hạnh, phép báp-têm bằng lửa là phép báp-têm của sự đoán xét. Phép báp-têm bằng Thánh Linh xảy ra trong Lễ Ngũ Tuần, phép báp-têm bằng lửa vẫn còn trong tương lai. Phép báp-têm bằng Thánh Linh dành cho mọi tín hữu thật trong Chúa Jê-sus được vui hưởng, phép báp-têm bằng lửa là số phận của mọi người vô tín. Phép báp-têm bằng Thánh Linh sẽ dành cho người Ysra-ên nào có phép báp-têm làm dấu hiệu bề ngoài cho sự an nạn bề trong, phép báp-têm bằng lửa sẽ dành cho những người Pharisi, người Saduse và mọi người nào không tỏ bằng chứng ân nân thật.

Có người dạy rằng phép báp-têm bằng Thánh Linh và phép báp-têm bằng lửa là cùng một sự kiện, tức là: liệu chẳng phải phép báp-têm bằng lửa nói đến những lời bằng lửa đã hiện ra khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong ngày Lễ Ngũ Tuần sao? Theo câu 12 vốn xem lửa tương đương với sự đoán xét, thì chắc không phải như vậy.

Ngay sau khi nói đến phép báp-têm bằng lửa, Giăng nói đến sự đoán xét. Chúa được mô tả ở đây là đang sử

dụng cái nia để tung những hạt lúa đã đập lên trước gió. Lúa (tín hữu thật) rơi ngay xuống đất và được chôn vào kho. Sơm rạ (người vô tín) bị đũa đi một khoảng ngắn trước gió, rồi được gom lại và đốt trong lửa chẳng hề tắt. Lửa trong câu 12 nói đến sự đoán xét, và vì câu này là phần nhấn mạnh câu 11, nên hợp lý để kết luận phép báp-têm bằng lửa là phép báp-têm của sự đoán xét.

B. Giăng Làm Phép Báp-têm Cho Chúa Jê-sus (3:13-17)

3:13 Chúa Jê-sus đi khoảng sáu mươi dặm từ Galilê đến hạ nguồn sông Giô-dan để chịu phép báp-têm bởi Giăng. Điều này cho thấy tầm quan trọng được Ngài gắn liền với nghi lễ này và đáng phải tỏ ra tầm quan trọng của phép báp-têm dành cho các môn đồ Ngài ngày nay.

3:14,15 Nhận thấy Chúa Jê-sus không có tội nào để phải ăn năn, Giăng phản đối, không làm báp-têm cho Ngài. Chính bản năng thật đã khiến ông gờ ý thứ tự phải lẽ sẽ là Chúa Jê-sus làm phép báp-têm cho ông. Chúa Jê-sus không phủ nhận điều này; Ngài chỉ lặp lại yêu cầu làm phép báp-têm cho Ngài như phương cách thích hợp để làm trọn mọi việc công bình. Ngài cảm thấy thích hợp để trong phép báp-têm, Ngài đồng hóa với những người Ysra-ên tin kính đang đến chịu phép báp-têm để ăn năn tội.

Nhưng còn ý nghĩa sâu xa hơn nữa. Phép báp-têm cho Ngài là biểu tượng lệ nguyền về phương cách Ngài sẽ làm trọn mọi đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi con

người. Sự dim mình của Ngài làm hình bóng phép báp-têm của Ngài trong những dòng nước đoan phạt của Đức Chúa Trời tại Gô-gô-tha. Việc Ngài lên khỏi nước báo trước hình bóng sự sống lại của Ngài. Bởi sự chết, sự chôn và sự sống lại, Ngài sẽ làm thỏa mãn những đòi hỏi của công lý thiên thượng và cung cấp cơ sở công bình để bởi đó tội nhân được xưng công bình.

3:16,17 Ngay khi Ngài lên khỏi nước, Chúa Jê-sus thấy Thánh Linh Đức Chúa Trời từ trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Những con người và đồ vật trong Cựu Ước được cung hiến vào những mục đích thiêng liêng bởi "sự xúc dầu thánh" (Xuất Ê-díp-tô Ký 30:25-30) thế nào, thì Ngài cũng là Đấng Mê-si được xúc dầu bởi Thánh Linh thế ấy.

Đây là dịp tiện thiêng liêng khi cả ba ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều thể hiện rõ ràng. Con yêu dấu có mặt tại đó. Đức Thánh Linh hiện diện tại đó dưới hình bồ câu. Tiếng nói của Đức Chúa Cha được nghe từ trời công bố sự chúc phước của Ngài trên Chúa Jê-sus. Đây là dịp tiện đáng ghi nhớ vì người ta nghe tiếng của Đức Chúa Trời trích dẫn Kinh Thánh: "**Này là Con yêu dấu của ta** (từ Thi Thiên 2:7), **đẹp lòng ta mọi đàng**" (từ Ê-sai 42:1). Đây là một trong ba lần Đức Chúa Cha từ trời phán để công nhận yêu thích Con độc nhất vô nhị của Ngài [những nơi khác là Mathiơ 17:5 và Giăng 12:28].

C. Chúa Jê-sus Bị Satan Cám Dỗ (4:1-11)

4:1 Dương như thật kỳ lạ vì Chúa Jê-sus được Thánh Linh dẫn dắt vào sự

cám dỗ. Vì sao Đức Thánh Linh lại phải dẫn Ngài vào cuộc gặp gỡ như thế? Câu trả lời ấy là cám dỗ này cần thiết để chứng minh sự xứng đáng về mặt đạo đức của Ngài để thực hiện công tác mà vì đó Ngài vào thế gian. Adam thứ nhất đã tỏ ra không xứng đáng cai trị khi gặp kẻ thù trong vườn Ê-đen. Ở đây, Adam sau rớt đã gặp ma quỷ trong cuộc đụng độ trực diện và không bị tổn hại gì.

Từ ngữ Hylạp được dịch là "cám dỗ" hay "thử thách" có hai nghĩa: (1) Để thử nghiệm hay chứng minh (Giăng 6:6; II.Cô-rin-thô 13:5; Hê-bơ-rơ 11:17); và (2) Để dụ dỗ gạ gẫm vào điều ác. Đức Thánh Linh thử nghiệm hay đã chứng minh Đấng Christ. Ma quỷ tìm cách dụ Chúa Jê-sus làm điều ác.

Có sự mâu thuẫn lớn lao liên quan đến sự cám dỗ Chúa chúng ta. Đứt khoát không thể tránh khỏi thắc mắc: "Liệu Ngài có thể phạm tội được không?" Nếu trả lời: "Không," thì chúng ta phải đối diện với một câu hỏi nữa: "Vậy nếu Ngài không thể thua, thì làm sao là cám dỗ thực sự được?" Nếu trả lời "Có," chúng ta đối diện với nạn đề làm thế nào Đức Chúa Trời nhập thể lại có thể phạm tội được.

Điều quan trọng hơn hết là phải nhớ Chúa Jê-sus Christ là Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời không thể phạm tội. Đương, Ngài cũng là con người; tuy nhiên, nói Ngài có thể phạm tội trong tư cách con người nhưng không thể phạm tội trong tư cách Đức Chúa Trời tức là đã đưa ra một tương hợp không có nền tảng

Kinh Thánh. Các tác giả Tân Ước đã rất nhiều lần viết về sự vô tội của Đấng Christ. Phaolô viết rằng Ngài "chẳng hề biết tội lỗi" (II.Côrinthô 5:21); Phierơ nói rằng Ngài "chẳng hề phạm tội" (I.Phierơ 2:22); và Giảng nói: "Trong Ngài không có tội lỗi" (I.Giăng 3:5).

Giống như chúng ta, Chúa Jêsus có thể bị cám dỗ từ bên ngoài: Satan đến với Ngài cùng với những đề nghị trái ngược với ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng khác với chúng ta, Ngài không thể bị cám dỗ từ bên trong – không một tham muốn tội lỗi hay đam mê tội lỗi nào có thể bắt nguồn từ bên trong Ngài. Hơn nữa, trong Ngài không hề có điều nào đáp ứng với những dẫn dụ của ma quỷ (Giăng 14:30).

Tuy Chúa Jêsus không thể phạm tội được, nhưng cảm dỗ này rất thật. Ngài có thể gặp những dụ dỗ để phạm tội, nhưng về mặt đạo đức Ngài không thể đầu hàng cảm dỗ đó. Ngài chỉ có thể làm việc Ngài thấy Cha làm (Giăng 5:19), và không thể nào hình dung Ngài lại từng thấy Đức Chúa Cha phạm tội. Ngài không thể tự quyền làm bất kỳ việc gì (Giăng 5:30), và Cha sẽ không bao giờ ban cho Ngài quyền để đầu hàng cảm dỗ.

Mục đích của cảm dỗ không phải là để xem Ngài có phạm tội hay không, nhưng để chứng minh ngay cả dưới áp lực lười lao, Ngài cũng không thể làm điều nào khác hơn là vâng lời Đức Chúa Trời.

Nếu Chúa Jêsus có thể phạm tội trong tư cách một con người, chúng ta gặp phải nan đề về việc Ngài vẫn là

con người trên Thiên đàng. Liệu Ngài có vẫn phạm tội không? Hiển nhiên là không.

4:2,3 Sau khi kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm, Chúa Jêsus đói. (Con số "bốn mươi" trong Thánh Kinh thường được dùng trong các văn mạch về sự thử nghiệm hay thử thách, tập sự.) Sự thèm ăn tự nhiên này tạo cho kẻ cám dỗ lợi thế mà hắn có thể lợi dụng trong rất nhiều người. Hắn đề nghị Chúa Jêsus dùng quyền năng làm phép lạ của Ngài để biến đá trong sa mạc thành bánh. Lời giới thiệu: "Nếu người phải là Con Đức Chúa Trời" không hàm ý sự nghi ngờ. Chúng thực sự có nghĩa: "Vì người là Con Đức Chúa Trời." Ma quỷ đang ám chỉ những lời Đức Chúa Cha phán với Chúa Jêsus lúc Ngài chịu báp têm: "Đây là Con yêu dấu của ta." Satan sử dụng cấu trúc trong tiếng Hy Lạp² thừa nhận lời tuyên bố này là thật, và bởi đó, hắn mới gọi Chúa Jêsus vận dụng quyền năng Ngài để làm dịu cơn đói.

Làm thỏa mãn cơn thèm ăn tự nhiên bằng cách sử dụng quyền năng thiên thượng để đáp lại lời thúc giục của Satan thì đây chính là bất tuân trực tiếp đối với Đức Chúa Trời. Ý tưởng đáng sợ tới: gợi ý của Satan chính là lời vọng lại Sáng Thế Ký 3:6 ("ăn ngon"). Giảng phân loại sự cám dỗ này là "sự tham muốn của xác thịt" (I.Giăng 2:16). Cảm dỗ tương ứng của chúng ta ấy là sống để làm thỏa mãn những ham muốn tự nhiên, để chọn lối đi thoải mái liên nghi thay vì tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài. Ma quỷ tới: "Người phải sống, đúng không?"

4:4 Chúa Jêsus **đáp lại** cám dỗ này bằng cách trích Lời Đức Chúa Trời. Tấm gương của Chúa dạy rằng chúng ta không buộc phải sống, nhưng chúng ta thật sự phải vâng lời Đức Chúa Trời! Có bánh không phải là quan trọng nhất trong đời sống. Vâng phục mọi lời **phán** của Đức Chúa Trời mới quan trọng nhất. Vì Chúa Jêsus không nhận được chỉ thị nào từ Đức Chúa Cha để biến đá thành bánh, nên Ngài sẽ không tự hành động để bởi đó vâng theo lời Satan, bất luận cơn đói của Ngài có dữ dội đến đâu đi nữa.

4:5,6 Cám dỗ thứ nhì xảy ra tại Giêrusalem trên nóc đền thờ. Ma qui thách Chúa Jêsus gieo mình xuống như cuộc biểu diễn ngoạn mục về quyền làm Con Đức Chúa Trời của Ngài. Một lần nữa, lời mở đầu "nếu" không hàm ý nghi ngờ, như ta thấy trong lời Satan trưng dẫn sự bảo vệ Đức Chúa Trời đã hứa cho Đấng Mêsê trong Thi Thiên 91:11,12.

Cám dỗ này nhằm khiến Chúa Jêsus chứng minh Ngài là Đấng Mêsê bằng cách biểu diễn trò nguy hiểm thật giết gân. Ngài có thể được vinh hiển mà không phải chịu khổ; Ngài có thể bỏ qua thập tự giá mà vẫn đến được ngai vua. Nhưng hành động này nằm ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời. Giảng mô tả lời mời gọi này là "sự kiêu ngạo của đời" (1.Giăng 2:16). Nó tương tự với "quy vi để mở trí khôn" (Sông Thế Kỳ 3:6) trong vườn Êden, vì cả hai đều là phương tiện tìm vinh hiển cho bản thân bất chấp ý muốn của Đức Chúa Trời. Cám dỗ này đến với chúng ta trong sự ham muốn được nổi bật về tôn giáo mà

không có sự thông công trong sự thương khó của Ngài. Chúng ta tìm những điều vi đại cho bản thân mình, rồi chạy trốn khi khó khăn xảy đến trên đường lối mình. Khi phớt lờ ý muốn của Đức Chúa Trời và tôn cao chính mình, chúng ta đang thử Đức Chúa Trời.

4:7 Một lần nữa, Chúa Jêsus chống cự cuộc tấn công này bằng cách trích Kinh Thánh: "**Cũng có lời chép rằng: Người đứng thử Chúa là Đức Chúa Trời người.**" (Xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:16). Đức Chúa Trời đã hứa bảo vệ Đấng Mêsê, nhưng lời bảo đảm đó đòi hỏi sống theo ý muốn Đức Chúa Trời. Đôi một lời hứa bằng cách hành động bất tuân thì đây là đang thử Đức Chúa Trời. Sẽ có lúc Chúa Jêsus được bày tỏ ra là Đấng Mêsê, nhưng thập tự giá phải đến trước. Bản thờ của lé hy sinh phải xảy ra trước ngai vua. Mào gai phải đến trước mào triều thiên vinh hiển. Chúa Jêsus sẽ chờ đợi thời điểm của Đức Chúa Trời và sẽ hoàn thành ý muốn của Đức Chúa Trời.

4:8,9 Trong cám dỗ thứ ba, ma qui đem Ngài lên trên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế gian, cùng sự vinh hiển các nước ấy. Ma qui để nghị trao chúng cho Chúa Jêsus để đổi lấy sự thờ phượng của Ngài. Dấu cám dỗ này liên quan đến sự thờ phượng, một sự vận động của tâm linh, nhưng đây là nỗ lực để dụ dỗ Chúa chúng ta nắm lấy vương quyền trên thế gian này bằng cách thờ lạy Satan. Phần thưởng nhận được ấy là mọi nước thế gian cùng với vẻ huy hoàng tráng lệ của

chúng, vốn rất hấp dẫn "sự tham muốn của mắt" (I.Giăng 2:16).

Trên một phương diện, các nước thế gian hiện nay thật sự thuộc về ma quỷ. Ma quỷ được nói đến như là "chúa đời này" (II.Côrinthô 4:4), và Giăng bảo chúng ta "cả thế gian đều phục dưới quyền ma quỷ" (I.Giăng 5:19). Khi Chúa Jêsus hiện ra trong Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai với tư cách Vua muôn vua (Khải Huyền 19:16), thì "các nước của thế gian này" sẽ thuộc về Ngài (Khải Huyền 11:15). Chúa Jêsus sẽ không vi phạm thời khóa biểu thiên thượng, và đương nhiên Ngài sẽ không bao giờ thờ lạy Satan!

Đối với chúng ta, sự cám dỗ này có hai mặt: đối quyền thừa kế thuộc linh của chúng ta để lấy vinh hiển thoát qua của thế gian này, và thờ lạy hầu việc loài thọ tạo thay vì Đấng Tạo Hóa.

4:10 Lần thứ ba, Chúa Jêsus chống cự cám dỗ bằng cách sử dụng Cựu Ước: "Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi." Thờ phượng và sự hầu việc xuất phát từ sự thờ phượng ấy chỉ dành cho một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Thờ phượng Satan cũng tương đương công nhận Satan là Đức Chúa Trời.

Thứ tự những cám dỗ này được Mathiơ ghi lại khác với thứ tự trong (Luca 4:1-13). Có người gợi ý thứ tự những cám dỗ mà Ysraên đã gặp trong đồng vắng (Xuất Êdíphtô Ký 16:17;32). Chúa Jêsus đã tự bày tỏ Ngài trái ngược hoàn toàn với đáp ứng của Ysraên trước sự gian khó.

4:11 Khi Chúa Jêsus bác bỏ thành công những cám dỗ của Satan, ma quỷ bèn bỏ đi. Những cám dỗ xảy đến như những cơn sóng ập tới hơn là một dòng sông êm ả. "Khi kẻ thù ập đến như nước lụt, Thánh Linh của Đức Giêhôva sẽ giương cao ngọn cờ chống hẳn" (Êsai 59:19 - Bản NKJV). Đây là niềm khích lệ lớn biết bao cho những thánh đồ của Đức Chúa Trời đang chịu thử nghiệm!

Kinh Thánh cho chúng ta biết các thiên sứ đến hầu việc Ngài, nhưng không giải thích gì về sự trợ giúp siêu nhiên này. Chắc câu này muốn nói thiên sứ cung cấp chất bổ thuộc thể cho Ngài, là điều Ngài đã không chịu chu cấp theo đề nghị của Satan.

Từ sự cám dỗ Chúa Jêsus, chúng ta biết ma quỷ có thể tấn công nhưng người đang ở dưới quyền điều khiển của Thánh Linh, nhưng ma quỷ vô quyền trước những người dùng Lời Đức Chúa Trời chống cự hẳn.

D. Chúa Jêsus Bắt Đầu Chức Vụ Của Ngài Tại Nê Galilê (4:12-17)

Chức vụ tại xứ Giuđê của Chúa Jêsus, kéo dài gần một năm, không được Mathiơ nói đến. Thời kỳ một năm này được nói đến trong Giăng 1:4 và nằm giữa Mathiơ 4:11 và 4:12. Mathiơ đưa chúng ta từ sự cám dỗ đến thẳng với chức vụ tại xứ Galilê.

4:12 Khi Chúa Jêsus nghe Giăng Báphtit bị tù rồi, Ngài thấy đây là điểm xấu báo hiệu sự khước từ chính Ngài. Khi khước từ vị sứ giả mở đường của Vua, thì trên thực tế dân chúng cũng đang khước từ chính vị Vua. Nhưng không phải vì sợ mà Ngài đi lên phía bắc đến xứ Galilê. Thực ra, Ngài đang

đi đến ngay trung tâm nước của Hêrôđê - chính vị vua vừa bắt Giăng bỏ tù. Khi đi đến xứ Galilê của dân ngoại bang, Ngài đang chứng minh việc người Do Thái khước từ Ngài sẽ dẫn đến kết quả là Tin Lành đi đến với dân ngoại bang.

4:13 Chúa Jêsus vẫn ở tại Naxarê cho đến khi dân chúng cố giết Ngài vì Ngài rao giảng sự cứu rỗi cho dân ngoại bang (xem Luca 4:16-30). Bấy giờ, Ngài đi đến **Cabênaum** bên bờ biển Galilê, là khu vực lúc đầu được chia cho các chi phái **Sabulôn và Nêptali**. Từ thời điểm này, Cabênaum trở thành trụ sở của Ngài.

4:14-16 Việc Chúa Jêsus đi đến Galilê làm ứng nghiệm **Êsai 9:1,2**. Những người ngoại bang ngu dốt và mê tín sống tại Galilê đã nhìn thấy ánh sáng lớn - tức là Đấng Christ, **Sự Sáng** của thế gian.

4:17 Từ đó trở đi, **Chúa Jêsus** tiếp tục sử dụng Giăng đã giảng: "**Các người hãy ăn năn, vì nước Thiên đàng đã đến gần.**" Đây là lời kêu gọi thêm nữa để đối mặt đạo đức nhằm chuẩn bị nước Ngài. Nước Thiên đàng đã đến gần theo ý nghĩa Vua đã hiện diện.

E. Chúa Jêsus Gọi Bốn Ngự Phò (4:18-22)

4:18-19 Thực ra đây là lần thứ nhì Chúa Jêsus gọi **Phiêrô và Anhrê**. Trong Giăng 1:35-42, họ được gọi đến sự cứu rỗi; ở đây họ được kêu gọi để phục vụ. Sự kêu gọi lần đầu xảy ra tại Giuđê; lần này tại Galilê. Phiêrô và Anhrê là những người đánh cá, nhưng Chúa Jêsus gọi họ làm những tay đánh lưới người. Trách nhiệm của họ là

theo Đấng Christ. Trách nhiệm của Ngài là khiến họ trở thành những tay đánh lưới người thành công. Việc họ đi theo Đấng Christ đòi hỏi còn nhiều hơn cả sự gắn gũi thuộc thể. Nó bao gồm việc bắt chước đặc tính của Đấng Christ. Chức vụ của họ phải là chức vụ về tình cách. Con người họ ra sao sẽ quan trọng hơn cả điều họ nói hoặc làm. Cùng giống như đối với Phiêrô và Anhrê, chúng ta phải tránh cảm đó đem hung biện, cá tính hay những lập luận khôn khéo để thay thế cho đời sống thuộc linh thật. Khi theo Đấng Christ, môn đồ học tập đi đến nơi cá đang bơi, sử dụng đúng thứ lưới, chịu đựng sự bất tiện và không thoả mái, phải kiên nhẫn, và cứ phải tránh mặt.

4:20 Phiêrô và Anhrê nghe lời Chúa gọi và đáp ứng ngay lập tức. Với đức tin thật, họ bỏ lưới của mình. Với lòng tận hiến và kết ước thật, họ đi theo Chúa Jêsus.

4:21,22 Tiếp theo Chúa gọi **Giaco và Giăng**. Họ cũng trở thành các môn đồ ngay lập tức. Bỏ lại không những phương tiện kiếm sống mà cả cha họ nữa, họ công nhận quyền ưu tiên của Chúa Jêsus trên mọi mối ràng buộc của trần thế.

Khi đáp lại lời gọi của Đấng Christ, những người đánh cá này trở thành những nhân vật then chốt trong công cuộc truyền giảng Tin Lành cho thế giới. Nếu họ vẫn cứ ở bên lưới của họ, chúng ta sẽ không bao giờ nghe đến họ cả. Công nhận quyền tể trị của Đấng Christ sẽ tạo nên khác biệt quan trọng trong thế giới này.

F. Chúa Jêsus Chữa Lành Rất Nhiều Người (4:23-25)

Chức vụ của Chúa Jêsus gồm ba phần: Ngài dạy Lời Đức Chúa Trời trong các nhà hội; Ngài giảng Tin Lành của Nước Đức Chúa Trời; và Ngài chữa lành kẻ bệnh. Một mục đích của các phép lạ chữa bệnh là để các chứng thân vị và chức vụ của Ngài (Hêbrơ 2:3,4). Đoạn 5-7 là ví dụ về chức vụ dạy đạo của Ngài và đoạn 8-9 là mô tả các phép lạ của Ngài.

4:23 Câu 23 là nơi lần đầu tiên sử dụng chữ Tin Lành trong Tân Ước. Chữ này có nghĩa "tin tức tốt lành của sự cứu rỗi." Trong mọi thời đại của lịch sử thế giới chỉ có một Tin Lành duy nhất, một con đường cứu rỗi duy nhất.

TIN LÀNH

Tin Lành phát nguồn từ ân điển của Đức Chúa Trời (Êphêso 2:8). Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời cách nhưng không cho con người; tội lỗi vốn không xứng đáng nhận được sự sống ấy.

Cơ sở của Tin Lành chính là công tác của Đấng Christ trên thập tự giá (I.Côrintô 15:1-4). Cứu Chúa chúng ta đã làm thỏa mãn mọi đòi hỏi công lý thiên thượng, giúp Đức Chúa Trời xưng công bình những tội nhân nào tin Ngài. Các tín hữu Cựu Ước được cứu qua công tác của Đấng Christ, dấu công tác ấy vẫn còn trong tương lai. Họ chắc không biết nhiều về Đấng Mêsi, nhưng Đức Chúa Trời biết - và Ngài kể giá trị công tác của Đấng Christ cho họ. Trên mọi phương diện,

họ được cứu "theo cách ứng trước." Chúng ta cũng được cứu qua công tác của Đấng Christ, nhưng trong tương hợp của chúng ta, công tác này đã hoàn tất rồi.

Nhận lãnh Tin Lành chỉ bởi duy một mình đức tin mà thôi (Êphêso 2:8). Trong Cựu Ước, dân chúng được cứu bằng cách tin mọi điều nào Chúa đã phán với họ. Trong thời đại này, con người được cứu bởi tin nơi lời chứng của Đức Chúa Trời về Con Ngài trong tư cách con đường cứu rỗi duy nhất (I.Giăng 5:11,12). Mục tiêu tối hậu của Tin Lành là Thiên đàng. Chúng ta có sự trông cậy về cõi đời trên Thiên đàng (I.Côrintô 5:6-10), cũng giống như các thánh đồ Cựu Ước đã trông cậy (Hêbrơ 11:10,14-16).

Tuy chỉ có một Tin Lành duy nhất, nhưng có rất nhiều đặc trưng khác nhau của Tin Lành trong nhiều thời kỳ khác nhau. Lấy ví dụ, có điểm nhấn mạnh khác nhau giữa Tin Lành của nước Thiên đàng và Tin Lành của ân điển Đức Chúa Trời. Tin Lành của nước Thiên đàng nói rằng: "Hãy ăn năn và tiếp nhận Đấng Mêsi; thì các ngươi sẽ được vào nước Ngài khi nước ấy được thiết lập trên trên gian." Tin Lành của ân điển nói: "Hãy ăn năn và tiếp nhận Đấng Christ; thì các ngươi sẽ được cất lên để gặp Ngài và được ở với Ngài đời đời." Về cơ bản, cả hai cùng là một Tin Lành - sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin - nhưng chúng cho thấy có nhiều sự thi hành khác nhau của Tin Lành tùy theo các mục đích trong từng định kỳ của Đức Chúa Trời.

Khi Chúa Jêsus rao giảng Tin Lành Nước Thiên đàng, Ngài đang công bố sự hiện diện của Ngài trong tư cách Vua của dân Giuđa và giải thích các điều khoản để gia nhập nước Thiên đàng. Các phép lạ của Ngài cho thấy bản chất toàn diện của nước Thiên đàng.³

4:24,25 Danh tiếng Ngài đồn ra khắp cả xứ Síp (bán đảo phía bắc và đông bắc của Ysraên). Mọi người đau ốm, những kẻ bị quỷ ám, và những kẻ tật nguyền cảm nhận được sự chữa lành của Ngài. Dân chúng ủa đến với Ngài từ xứ **Gallilê, xứ Decabôl** (tiên minh mười thành phố dân ngoại ở vùng đông bắc Palestine), **thành Giêrusalem, xứ Giuđê** và vùng phía đông sông **Giôđanh**. Đúng như B. B. Warfield viết: "Bệnh tật và sự chết hầu như bị xóa sổ trong một thời gian ngắn khò!... vùng này." Chẳng lấy gì làm lạ, dân chúng hết sức kinh ngạc trước những tin đồn: họ đang nghe từ xứ Galilê!

IV. HIẾN CHƯƠNG CỦA NƯỚC THIÊN ĐÀNG (Đoạn 5-7)

Không phải ngẫu nhiên mà Bài Giảng Trên Núi được đặt gần phần mở đầu của Tân Ước. Vị trí này nổi lên tầm quan trọng của bài giảng ấy. Trong Bài Giảng Trên Núi, Vua tóm tắt đặc tính và nếp cư xử Ngài muốn có nơi thần dân của Ngài.

Bài giảng này không phải là phần trình bày kế hoạch cứu rỗi; sự dạy dỗ của bài giảng này cũng không dành cho người chưa được cứu. Bài giảng được truyền cho các môn đồ (5:1,2) và nhằm làm hiến chương, hay hệ thống các luật và các nguyên tắc, để

cai trị trên thần dân của Vua trong thời trị vì của Ngài. Bài giảng này nhằm dành cho mọi người nào công nhận Đấng Christ là Vua có trong quá khứ, hiện tại hoặc tương lai. Khi Đấng Christ còn ở trần gian, bài giảng này có áp dụng trực tiếp cho các môn đồ Ngài. Giờ đây, khi Chúa chúng ta trị vì trên Thiên đàng, bài giảng áp dụng cho mọi người nào tôn Ngài làm vua trong lòng họ. Cuối cùng, bài giảng này sẽ là bộ luật cơ sở cho các môn đồ của Đấng Christ trong Thời kỳ khổ nạn và trong thời trị vì của Ngài trên đất.

Bài giảng này mang đậm nét Do Thái đặc trưng, như được nhìn thấy qua các câu nói ám chỉ đến Tòa Công Luận (trong 5:22, bản thơ [5:23,25], và Giêrusalem [5:35]). Nhưng nội sự dạy dỗ của bài giảng này chỉ dành độc quyền cho những người Do Thái tin Chúa trong quá khứ hoặc trong tương lai thì đã nói sai; bài giảng này dành cho người thuộc mọi thời đại đã công nhận Đức Chúa Jêsus Christ là Vua.

A. Các Phước Lành (5:1-12)

5:1,2 Bài giảng mở đầu với Các Phước Lành, hoặc các ơn phước. Các phước lành này trình bày về người công dân lý tưởng trong vương quốc của Đấng Christ. Các phẩm chất được mô tả và phê chuẩn ở đây trái ngược với những phẩm chất mà thế gian quý trọng. A. W. Tozer mô tả các phước lành này: "Có lẽ người ta có thể cung cấp bản mô tả khả chinh xác về nhân loại cho người chưa quen biết nhân loại bằng cách lấy Các Phước Lành này lật ngược nó lại rồi bảo: 'Đây là nhân loại của anh đấy.'"

5:3 Phước lành thứ nhất được công bố cho những kẻ có lòng khó khăn. Câu này không nói đến tình khi tự nhiên, nhưng nói đến sự chọn lựa và tinh thần kỷ luật có chủ tâm của một người. Người có lòng khó khăn là người công nhận tình trạng bất lực của chính mình và dương dậy nơi sự toàn năng của Chúa. Ý thức được nhu cầu tâm linh của mình và thấy nhu cầu ấy được chu cấp trong Chúa. **Nước Thiên đàng**, là nơi sự tự mãn không hề có ích gì và tư tôn là thói xấu, thuộc về những con người như thế.

5:4 Những kẻ than khóc thì được **phước**: ngày của sự yên ủi đang chờ họ. Câu này không nói đến sự than khóc vì những thăng trầm của cuộc sống. Đây là sự buồn rầu vì cơ mối thông công với Chúa Jesus. Đây là sự chia sẻ tích cực với Chúa Jesus về vết thương và tội lỗi của thế gian. Do đó, đây không những gồm sự buồn rầu về tội lỗi của chính mình, mà còn buồn rầu vì tình trạng đáng kinh khiếp của thế gian, sự khước từ Cứu Chúa của thế gian, và số phận của những người khước từ lòng thương xót của Ngài. Những người than khóc này sẽ được yên ủi trong ngày hầu đến khi: "Đức Chúa Trời sẽ lau rã hết nước mắt khỏi mắt chúng" (Khải Huyền 21:4). Tin hứa chỉ than khóc trong đời này; đối với người vô tín, sự đau buồn ngày hôm nay chỉ là tiền vị của đau buồn đời đời.

5:5 Phước lành thứ ba được công bố cho kẻ nhu mì: Họ sẽ hưởng được đất. Theo bản tánh tự nhiên, nhưng người này có lẽ hay thay đổi, tình khi thay đổi thất thường, và cộc cằn.

Nhưng nhờ cố ý mặc lấy tinh thần của Đấng Christ, họ trở nên nhu mì hay mềm mại (đối chiếu Mathiơ 11:29). Sự nhu mì hàm ý chấp nhận địa vị thấp thỏm của mình. Người nhu mì thì dịu dàng mềm mại trong chính sự nghiệp của mình, dẫu vậy người có thể là con sư tử trong sự nghiệp của Chúa hay trong việc bình vực người khác.

Người nhu mì thực ra hiện nay chưa hưởng được đất; đúng hơn, họ hưởng sự thành hung và bị tước đoạt của cải. Nhưng họ sẽ hưởng được đất theo nghĩa đen khi Đấng Christ, tức Vua, cai trị một ngàn năm trong bình an và thịnh vượng.

5:6 Tiếp theo, phước hạnh được công bố cho những kẻ đói khát sự công bình: Họ được hứa ban sự thỏa mãn. Những người này sốt sắng vì sự công bình trong chính đời sống họ; họ khao khát nhìn thấy sự trung thực, ngay thẳng và công lý trong xã hội; họ tìm kiếm đức thành khiết thực tiễn trong hội thánh. Giống như những người đã được Gamaliel Bradford viết về họ, họ có "cơn khát mà không dòng suối nào trên trần gian làm đã khát, chịu cơn đói mà bất buộc phải được nuôi bằng chính Đấng Christ nếu không thì họ chết." Những người này sẽ được thỏa mãn dư dật trong vương quốc hầu đến của Đấng Christ: họ sẽ được no đủ, vì sự công bình sẽ trị vì và sự bại hoại phải nhường đường cho những tư tưởng đạo đức cao cả nhất.

5:7 Trong nước của Chúa chúng ta, những kẻ hay thương xót sẽ được phước... vì họ sẽ được thương xót.

Người hay **thương xót** có nghĩa là người tỏ lòng thương xót cách chủ động. Trên một phương diện, điều này có nghĩa rút lại hình phạt khỏi người phạm tội xứng đáng phải chịu lấy hình phạt ấy. Theo ý nghĩa rộng hơn, chữ này nói đến việc giúp những người túng thiếu mà họ không tự giúp được. Đức Chúa Trời tỏ lòng thương xót khi miễn cho chúng ta sự đọa phạt mà những tội lỗi chúng ta đáng phải gánh chịu và khi Ngài bày tỏ lòng nhân từ đối với chúng ta qua công tác cứu chuộc của Đấng Christ. Chúng ta bắt chước Đức Chúa Trời khi tỏ lòng thương xót.

Người hay thương xót sẽ được **thương xót**. Ở đây, không phải Chúa đang nói đến sự thương xót của ơn cứu rỗi mà Ngài ban cho một tội nhân biết tin Ngài; sự thương xót ấy không lệ thuộc đức thánh hay lòng thương xót của một con người - đây là sự ban cho miễn phí, vô điều kiện. Đùng hơn, Chúa đang nói đến sự **thương xót** hàng ngày cần có cho nếp sống Cơ Đốc, và sự **thương xót** trong ngày tương lai khi công việc của mình sẽ được duyệt xét (I.Côrinthô 3:12-15). Nếu một người không có lòng thương xót, người đó sẽ không nhận được sự thương xót; có nghĩa những phần thưởng của người ấy sẽ bị giảm đi tương xứng.

5:8 **Kẻ có lòng trong sạch** được ban lời bảo đảm họ sẽ **thấy Đức Chúa Trời**. Người có lòng trong sạch là người có động cơ thuần khiết, có tư tưởng thành khiết, có lương tâm trong sạch. Cụm từ **họ sẽ thấy Đức Chúa Trời** có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, người có lòng trong sạch thấy

Đức Chúa Trời hiện nay qua mỗi thông công trong Lời Chúa và Thành Linh. Thứ nhì, đôi khi họ nhận được sự hiện ra siêu nhiên của Chúa, hay sự hiện thấy về Chúa. Thứ ba, **họ sẽ thấy Đức Chúa Trời** trong Thân Vị của Chúa Jesus khi Ngài tái lâm. Thứ tư, **họ sẽ thấy Đức Chúa Trời** trong cõi đời đời.

5:9 Phước hạnh được công bố cho **kẻ làm cho người hòa thuận**: Họ sẽ được gọi là **con Đức Chúa Trời**. Lưu ý, không phải Chúa đang nói đến những người có tính khi hòa thuận hay những người yêu mến sự hòa bình. Ngài đang nói đến những người chủ động can thiệp để đem lại sự hòa hợp. Lối tiếp cận tự nhiên là đứng từ bên ngoài để theo dõi xung đột. Lối tiếp cận thiên thượng là hành động cách tích cực để tạo ra sự **hòa thuận**, cho dầu điều đó đồng nghĩa với bị lạm dụng hành hung và bị thóa mạ.

Kẻ làm cho người hòa thuận được gọi là con Đức Chúa Trời. Đây không phải là cách để họ trở nên con Đức Chúa Trời - việc đó chỉ có thể diễn ra bởi tiếp nhận Đức Chúa Jesus Christ làm Cứu Chúa (Giăng 1:12). Khi đem lại sự hòa thuận, tín hữu chứng tỏ chính mình là **con Đức Chúa Trời**, và Đức Chúa Trời một ngày kia công nhận họ là những người mang lấy hình ảnh gia đình giống nhau.

5:10 Phước lành kể tiếp luận đến những **kẻ chịu bất cứ**, không phải vì những việc làm sai quấy của họ, nhưng vì cố sự công bình. Nước Thiên Đàng được hứa ban cho những tín hữu nào chịu khổ vì làm điều công bình.

Lòng trung thực của họ lên án thế gian không tin kính này và khiến thế gian ấy thù địch họ. Người ta ghét đời sống công bình vì nó vạch trần sự không công bình của chính họ.

5:11 Phước lành cuối đường như lập lại phước lành trước. Tuy nhiên, có một điểm khác. Trong câu trước, để tài là chịu bắt bớ vì sự công bình; ở đây, chịu bắt bớ vì cơ Đấng Christ. Chúa biết các môn đồ Ngài sẽ bị ngược đãi vì có liên hệ và trung thành với Ngài. Lịch sử đã khẳng định điều này: ngay từ đầu thế gian đã bắt bớ, hổ tù và giết các môn đồ của Chúa Jêsus.

5:12 Chịu khổ vì cơ Đấng Christ là một đặc ân đáng phải đem đến sự vui mừng. **Phần thưởng lớn** chờ những người chịu khổ như thế để trở nên bạn đồng hành của các liệt tri trong cơn hoạn nạn. Các phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời trong thời Cựu Ước vẫn trung tín bất chấp bị bắt bớ. Mọi người nào bắt chước lòng can đảm trung thành của họ thì sẽ chưa sẽ sự vui mừng hiện tại của họ và sự tôn cao trong tương lai.

Các Phước Lành trình bày bức chân dung một công dân lý tưởng trong vương quốc Đấng Christ. Để ý những điểm nhấn mạnh về *sự công bình* (câu 6), *đình an* (câu 9), và *vui mừng* (câu 12). Chắc Phaolô nghĩ đến phần đoạn này khi viết: "Vì nước Đức Chúa Trời chẳng tại sự an uống, nhưng tại sự công bình, bình an, vui vẻ bởi Đức Thánh Linh vậy" (Rôma 14:17).

8. Tin Hữu Là Muối Và Sự Sống (5:13-16)

5:13 Chúa Jêsus ví môn đồ Ngài với **muối**. Họ đối với thế gian cũng

giống như muối trong nếp sống hàng ngày: muối nêm gia vị cho thức ăn; muối ngăn sự hư hoại lan rộng; muối làm cho khát; muối đem lại hương vị. Vì vậy, các môn đồ Ngài càng thêm hương vị cho xã hội loài người, đóng vai trò chất bảo quản, và khiến người khác khao khát sự công bình được mô tả trong những câu trước.

Nếu muối mất mặn đi, làm sao khôi phục được vị mặn ấy? Không còn cách nào khôi phục được vị tự nhiên thật của nó. Một khi đã mất mặn, muối **không dùng chỉ được nữa**. Muối ấy bị vứt trên đường đi. Lời giải nghĩa phần đoạn này của Albert Barnes rất hữu ích:

Muối được dùng tại quốc gia này là một hợp chất hóa học và nếu vị mặn mất, hay nếu bị mất đi hương vị của nó, thì muối chẳng còn lại gì nữa. Tuy nhiên, tại các quốc gia Đông Phương, loại muối được dùng có tạp chất, pha lẫn với vôi quã và nhiều chất khác trong đó; vì vậy, muối có thể mất đi toàn bộ vị mặn của nó mà vẫn còn lại khối lượng dùng để [cứu] muối không còn vị mặn [Thật] muối này không ích lợi gì cả ngoài trừ dùng rải trên các lối đi. Như Kinh Thánh đã nói, giống như cách chúng ta dùng vôi rải đường đi vậy.⁹

Môn đồ có một chức năng vĩ đại là **muối của đất** bằng cách sống thể hiện ra những điều khoản của môn đồ được liệt kê trong Các Phước Lành và trong suốt phần còn lại của Bài Giảng này. Nếu không thể hiện được thực tại thuộc linh này, người ta sẽ giẫm lờ chừng của người ấy dưới chân. Thế

gian hoàn toàn coi thường một tín hữu thiếu tận tụy.

5:14 Chúa Jêsus cũng gọi Cơ Đốc nhân là sự sáng của thế gian. Ngài phán: Ngài là "sự sáng của thế gian" (Giăng 8:12; 12:35,36,46). Mỗi liên hệ giữa hai câu nói này ấy là: Chúa Jêsus là nguồn của sự sáng; Cơ Đốc nhân là sự phản chiếu ánh sáng của Ngài. Chức năng của họ là soi sáng cho Ngài cũng giống như mặt trăng phản chiếu vinh quang của mặt trời vậy.

Cơ Đốc nhân giống như một cái **thành ở trên núi**: Nó được nâng lên cao hơn các vùng chung quanh và chiếu sáng giữa bóng tối. Nhưng ai có đời sống bày tỏ được những đặc điểm lời dạy của Đấng Christ thì họ **không thể bị khuất phục**.

5:15,16 Người ta không ai **hấp đèn mà để dưới cái thùng**. Song người ta để trên chân đèn, thì nó soi sáng cho mọi người ở trong nhà. Chúa không muốn chúng ta tích trữ ánh sáng lời dạy của Ngài cho riêng mình, nhưng muốn chúng ta chia sẻ cho người khác. Chúng ta phải để sự sáng của mình soi sáng trước mặt người: ta như vậy, đang khi thấy những việc lành của chúng ta, họ sẽ **ngợi khen Cha chúng ta trên trời**. Điểm nhấn mạnh nhắm vào chức vụ đặc thánh của Cơ Đốc nhân. Tình hấp dẫn của những đời sống qua đó người ta nhìn thấy Đấng Christ sẽ hiệu quả hơn tình thuyết phục của lời nói.

C. Đấng Christ Lam Trọn (Luật Pháp) (5:17-20)

5:17,18 Hầu hết những lãnh tụ cách mạng chạt đứt mọi mối ràng

buộc với quá khứ và bác bỏ trật tự truyền thống hiện có. Chúa Jêsus không làm như vậy. Ngài để cao luật pháp của Môise và quả quyết luật pháp ấy phải được làm trọn. Chúa Jêsus không đến để phá hủy Luật Pháp hay các Lối Tiên Tri, nhưng để làm trọn. Ngài quả quyết rõ ràng một **chấm một nét** trong luật pháp cũng không qua đi cho đến khi được ứng nghiệm trọn vẹn. Một **chấm** hay **yađ** là mẫu tự nhỏ nhất trong bảng mẫu tự Hêbrai; một **nét** là một dấu nhỏ hay một dấu nhỏ ra để phân biệt mẫu tự này với mẫu tự khác, cũng giống như một nét ở dưới cuối mẫu tự E hoa để phân biệt nó với mẫu tự F hoa. Chúa Jêsus tin sự soi dẫn theo tự nghĩa của Kinh Thánh, ngay cả trong điều có vẻ như những chi tiết nhỏ và không quan trọng. Không một điều nào trong Kinh Thánh, ngay cả một dấu nhỏ nhất, mà không có ý nghĩa.

Điều quan trọng đáng lưu ý là Chúa Jêsus không nói luật pháp sẽ không bao giờ qua đi. Ngài nói rằng luật pháp sẽ không bao giờ qua đi cho đến khi mọi sự được trọn. Sự phân biệt này có nhiều hệ quả cho tín hữu ngày nay, và vì mối quan hệ của tín hữu với luật pháp là khá phức tạp, nên chúng ta sẽ dành thì giờ tóm tắt sự dạy dỗ của Kinh Thánh về đề tài này.

MỐI QUAN HỆ CỦA TÍN HỮU VỚI LUẬT PHÁP

Luật pháp này chính là hệ thống lập pháp do Đức Chúa Trời ban qua Môise cho dân Ysraên. Toàn thể bộ luật được chép trong Xuất Êđiptô Ký

20:31, Lévi Ký và Phục truyền Luật lệ Ký, dấu vậy bản chất luật ấy được bao gồm trong Mười Điều Răn.

Luật pháp được ban ra không phải để làm phương tiện cứu rỗi (Công Vụ 13:39; Rôma 3:20a; Galati 2:16,21; 3:11); luật pháp nhằm bày tỏ cho con người thấy tình trạng tội lỗi của họ (Rôma 3:20b; 5:20; 7:7; 1.Côrinthô 15:56; Galati 3:19) rồi thúc họ đến với Đức Chúa Trời để nhận sự cứu rỗi khoan dung của Ngài. Luật pháp đã được ban cho dân Ysraên, dấu vậy luật pháp ấy chứa những nguyên tắc đạo đức hiệu lực cho con người thuộc mọi thời đại (Rôma 2:14, 15). Đức Chúa Trời đã thử nghiệm Ysraên dưới luật pháp này như một mẫu của nhân loại, và sự phạm tội của Ysraên chứng minh sự phạm tội của thế gian (Rôma 3:19).

Luật pháp gắn liền với án phạt sự chết (Galati 3:10); và phạm một điều răn tức là đã phạm tất cả (Giacô 2:10). Vì con người đã phạm luật pháp này, nên họ gánh lấy sự rủa sả của sự chết. Sự công bình và thành khiết của Đức Chúa Trời đòi hỏi án phạt ấy phải được trả xong. Chính vì vậy mà Chúa Jêsus vào thế gian: để đến trả án phạt ấy bằng chính sự chết của Ngài. Ngài đã chết với tư cách Đấng Thay Thế cho những người phạm pháp đã có tội, dấu chính Ngài là vô tội. Ngài không gạt bỏ luật pháp; trái lại, Ngài đáp ứng trọn những đòi hỏi của luật pháp bằng cách làm trọn những đòi hỏi nghiêm khắc của luật pháp trong đời sống và sự chết của Ngài. Như vậy, Tin Lành không lật đổ luật pháp; Tin Lành ủng hộ giữ gìn luật pháp và

cho thấy những đòi hỏi của luật pháp đã được làm thỏa mãn trọn vẹn như thế nào bởi công tác cứu chuộc của Đấng Christ.

Do đó, người nào tin Chúa Jêsus thì không còn ở dưới luật pháp nữa; người ấy ở dưới ân điển (Rôma 6:14). Người ấy chết với luật pháp qua công tác của Đấng Christ. Án phạt của luật pháp đã được trả xong chỉ một lần duy nhất; vì Đấng Christ đã trả xong án phạt ấy, nên tin hữu không phải trả nữa. Chính theo ý nghĩa này mà luật pháp đã biến mất đối với Cơ Đốc nhân (1.Côrinthô 3:7-11). Luật pháp là thấy giáo cho đến khi Đấng Christ đến, nhưng sau sự cứu rỗi, thì không cần đến thấy giáo này nữa (Galati 3:24,25). Thế nhưng, tuy Cơ Đốc nhân không ở dưới luật pháp, nhưng không có nghĩa người ấy sống vô luật pháp. Cơ Đốc nhân này bị ràng buộc bởi sợi xích cốt tủy mạnh mẽ hơn luật pháp, vì đang ở dưới luật pháp của Đấng Christ (1.Côrinthô 9:21). Hành vi của Cơ Đốc nhân này được định hình không phải bởi sợ hình phạt, nhưng bởi lòng khao khát đầy triu mến để làm đẹp lòng Cứu Chúa của mình). Đấng Christ đã trở thành Đấng cai trị đời sống người ấy (Giăng 13:15; 15:12; Êphêso 5:1-2; 1.Giăng 2:6; 3:10).

Câu hỏi phổ biến khi bàn về mối quan hệ của tin hữu với luật pháp ấy là: "Tôi có nên vâng giữ Mười Điều Răn không?" Câu trả lời là: Có những nguyên tắc nhất định ở trong luật pháp mang tính thích ứng lâu dài. Trộm cắp, tham lam hay giết người vẫn luôn luôn là điều quấy. Chín

trong số Mười Điều Răn được lập lại trong Tân Ước, với sự phân biệt rất quan trọng - chúng được bao không phải với tư cách luật pháp (kèm với hình phạt), nhưng với tư cách sự huấn luyện trong công bình dành cho dân sự Đức Chúa Trời (II.Timôthê 3:16b). Một điều rất không được lập lại ấy là luật về ngày Sabát: Cơ Đốc nhân *không hề* được dạy bảo phải giữ ngày Sabát (tức là ngày thứ bảy của tuần, hay ngày Thứ Bảy dương lịch).

Chức vụ của luật pháp đối với người chưa được cứu vẫn chưa chấm dứt: "Vả, chúng ta biết luật pháp vẫn tốt lành cho kẻ dùng ra cách chánh đáng" (I.Timôthê 1:8). Công dụng hợp pháp của luật pháp ấy là đem đến sự hiểu biết về tội lỗi bởi đó dẫn đến sự ăn năn. Nhưng luật pháp không dành cho những người đã được cứu rồi: "Biết rõ rằng luật pháp không phải lập ra cho người công bình" (I.Timôthê 1:9).

Sự công bình do luật pháp đòi hỏi đã được làm trọn trong những người "chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh" (Rôma 8:4). Trên thực tế, những lời dạy của Chúa chúng ta trong Bài Giảng Trên Núi đưa ra tiêu chuẩn cao cả hơn tiêu chuẩn do luật pháp quy định. Chẳng hạn, luật pháp nói: "Chớ giết người"; Chúa Jesus phán: "Thậm chí đừng ghét nữa." Vì vậy, Bài Giảng Trên Núi không những giữ gìn ủng hộ Luật Pháp và các tiên tri, mà còn nhấn mạnh và triển khai những hàm ý sâu nhiệm hơn của chúng.

5:19 Quay về với Bài Giảng Trên Núi, chúng ta thấy Chúa Jesus đã tiến

liệu trước khuyêt hướng tự nhiên muốn buông lơi các điều răn của Đức Chúa Trời. Vì những điều răn này mang bản chất siêu nhiên đến như thế, người ta có khuyêt hướng giải thích để loại bỏ chúng, hợp lý hóa ý nghĩa của chúng. Nhưng ai hủy một phần nào của luật pháp, và dạy người khác cũng hủy một phần của luật pháp như vậy, thì sẽ bị xưng là **cực nhỏ trong nước Thiên đàng**. Điều kỳ diệu ấy là những con người như thế lại được phép vào Thiên đàng - Thế nhưng, đường vào nước Thiên đàng chính là bởi đức tin nơi Đấng Christ. Địa vị của một người trong nước Thiên đàng được xác định bởi sự vâng lời và trung tín của người ấy lúc đang còn trên đất. Ai vâng giữ luật pháp của nước Thiên đàng - người ấy sẽ được xưng là **lớn trong nước Thiên đàng**.

5:20 Muốn được vào nước Thiên đàng, sự công bình của chúng ta phải trội hơn sự công bình của các thầy thông giáo và người dòng Pharisi (là những người thỏa mãn với các lễ nghi tôn giáo vốn đem cho họ sự tẩy sạch theo nghi lễ ở bề ngoài, nhưng không bao giờ thay đổi được lòng họ). Chúa Jesus dùng phép ngoa dụ (phép cường điệu) để làm sáng tỏ chân lý: công bình bề ngoài mà không có thực tại ở bề trong thì sẽ không được vào nước Thiên đàng. Sự công bình duy nhất mà Đức Chúa Trời chịu chấp nhận chính là sự hoàn hảo mà Ngài đã quy kể cho những người nào tiếp nhận Con Ngài làm Cứu Chúa (II.Côrinthô 5:21). Hương nhiên, nơi đâu có đức

tin thật trong Đấng Christ, nơi đó cũng sẽ có sự công bình thực tiễn mà Chúa Jêsus đã mô tả qua phần còn lại của Bài Giảng Trên Núi.

D. Chúa Jêsus Cảnh Cáo Về Sự Tắc Biện (5:21-26)

5:21 Người Do Thái thời Chúa Jêsus biết tội giết người bị Đức Chúa Trời cấm và kẻ sát nhân phải bị trừng phạt. Điều này đã đúng trước khi ban luật pháp (Sáng Thế Ký 9:6) và về sau được kết hợp vào luật pháp (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13; Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:17). Với những lời: "**Song ta phân cho các người,**" Chúa Jêsus thiết lập bản tu chính cho lời dạy về tội giết người. Con người không còn có thể kiêu hãnh vì mình chưa hề phạm tội sát nhân. Giờ đây Chúa Jêsus bảo: "Trong nước của ta, các người không được phép có ngay cả những ý tưởng giết người." Ngài truy tìm hành động sát nhân đến tận nguồn của nó và cảnh cáo ba dạng tức giận không công bình.

5:22 Dạng thứ nhất là trường hợp người giận anh em mình cách vô cớ (Bản Việt Ngữ không có chữ "cách vô cớ"). Người bị kết tội này đang **gặp nguy cơ bị xử đoán** - tức là có thể bị đưa ra tòa. Hầu hết mọi người đều có thể tìm ra cơ lý nghi là nguyên nhân hợp lý cho cơn giận của mình. Nhưng cơn giận được tỏ ra là hợp lý chỉ khi nào danh dự của Đức Chúa Trời bị lâm nguy hay chỉ khi nào người khác đang bị đối đãi bất công. Chẳng bao giờ là đúng hay phải lẽ nếu nổi giận để trả đũa những điều bất công cho bản thân mình.

Tội lắng mạ anh em lại càng nguy kịch hơn nữa. Trong thời Chúa Jêsus, người ta dùng chữ **Raca** (từ ngữ tiếng Syri có nghĩa "kẻ rổng tuếch") như một từ ngữ khinh thường và lăng mạ. Những người sử dụng tình ngữ này đáng bị **Tòa Công Luận xử đoán** - tức là: Họ đáng phải được xét xử trước Tòa Công Luận, tòa án cao nhất trong xứ.

Cuối cùng, gọi người khác là **đồ điên** là dạng cơn giận không công bình thứ ba bị Chúa lên án. Ở đây chữ "**đồ điên**" (trong Bản Anh ngữ là chữ "đại, ngu,") mang ý nghĩa còn nặng hơn cả "người tối dạ, chậm hiểu." Chữ này nói đến người đại về đạo đức đáng phải chết và diễn tả ước muốn người ấy chết quách cho rồi. Ngày nay, ta thường nghe người này rủa người khác bằng những chữ: "Chúa rủa người!" Người ấy đang kêu cầu Chúa đày nạn nhân ấy xuống địa ngục. Chúa Jêsus phản rằng ai nói lời rủa sả như thế thì đáng bị **lửa địa ngục hình phạt**. Thi thể của những tội phạm bị hành hình thường bị ném vào đống rác đang cháy ở bên ngoài Giêrusalem gọi là trũng Hinnôm hay Gehenna. Đây là hình ảnh lửa của địa ngục sẽ chẳng bao giờ tắt.

Không thể hiểu lầm được tình nguên khác trong những lời phản của Cứu Chúa. Ngài dạy rằng cơn giận chứa những mầm mống sát nhân, và ngôn ngữ lăng mạ mang tình thần sát nhân, ngôn ngữ rủa sả hàm ý chính ước muốn giết người. Sự lắng dần lên các tội phạm đòi hỏi ba mức độ của hình phạt: *Tòa án xử đoán, Tòa Công*

Luận, và *lửa địa ngục*. Trong nước Thiên đàng, Chúa Jêsus sẽ xử lý các tội đã phạm tùy theo tính trầm trọng.

5:23,24 Nếu người này xúc phạm người khác, hoặc trong cơn giận hay bởi một nguyên cớ nào đó, thì đem dâng của lễ cho Đức Chúa Trời cũng vô ích. Chúa sẽ không đẹp lòng của lễ ấy. Người xúc phạm trước hết phải đi sửa lại sai quấy của mình trước đã. Chỉ khi đó thì của lễ dâng mới đáng được chấp nhận.

Dẫu những lời này được viết trong bối cảnh Do Thái, nhưng không có nghĩa chúng không áp dụng được cho ngày nay. Phaolô giải thích khái niệm này trong mối liên quan với Tiệc Thánh (xem I.Côrinthô 11). Đức Chúa Trời không nhận sự thờ phượng từ tín hữu nào không giao hảo thân thiện với người khác.

5:25,26 Ở đây, Chúa Jêsus cảnh cáo tình thần kiện tụng và miễn cưỡng thừa nhận tội đã phạm. Thà lập tức giải quyết cho xong với người kiện cáo mình hơn là liều lĩnh để bị xử trước tòa. Nếu điều đó xảy ra, chắc chắn chúng ta thua. Tuy có các học giả bất đồng ý kiến với nhau về việc nhận diện những nhân vật ở trong ẩn dụ này, nhưng đại ý rất rõ: nếu bạn sai quấy, hãy nhanh chóng thừa nhận và sửa chữa. Nếu vẫn cứ không chịu ăn năn, tội của bạn cuối cùng sẽ bắt kịp bạn và không những bạn phải bồi thường hoàn toàn thiệt hại mà còn phải chịu thêm nhiều hình phạt khác nữa. Và đứng vội vàng ra tòa. Nếu bạn làm vậy luật pháp sẽ phát hiện bạn, và bạn sẽ trả đến đống xu cuối cùng.

E. Chúa Jêsus Lên Áo Tội Ngoại Tình (5:27-30)

5:27,28 Luật pháp Môisê cấm rõ ràng tội ngoại tình (Xuất Êđíphtô Ký 20:14; Phụctruyền Luậtđệ Ký 5:18). Có lẽ có người tự hào rằng mình chưa hề phạm điều răn này, thế nhưng lại có "cặp mắt đầy sự gian dâm" (II.Phiêrô 2:14). Tuy bề ngoài đáng kính trọng, tâm trí có thể luôn đi lang thang trong các mê cung của sự bất khiết. Vì vậy, Chúa Jêsus nhắc các môn đồ rằng chỉ kiêng suông hành động thuộc thể thì chưa đủ - phải có sự thanh sạch bề trong. Luật pháp cấm hành động ngoại tình; Chúa Jêsus cấm ham muốn ấy: **Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi.** E. Stanley Jones nắm được tầm quan trọng của câu này khi viết: "Nếu suy nghĩ đến hành động ngoại tình, bạn không làm thỏa mãn những ham muốn thô tục của tình dục; bạn đã dập lửa bằng cách đổ dầu vào lửa." Tội lỗi bắt đầu trong tâm trí, và nếu nuôi dưỡng chúng, cuối cùng chúng ta sẽ phạm hành động đó.

5:29,30 Muốn duy trì nếp sống tư tưởng không bị ô uế đòi hỏi phải có tình thần tự kỷ luật nghiêm khắc. Vì vậy, Chúa Jêsus dạy rằng nếu phần nào của thân thể chúng ta khiến chúng ta phạm tội, thì thà mất chi thể đó trong đời này còn hơn mất tình hồn trong cả cõi đời đời. Phải chăng chúng ta phải hiểu Lời Chúa theo nghĩa đen? Có phải Ngài thực sự ủng hộ việc tự làm mình tàn tật? Lời lẽ trên theo nghĩa đen đến mức độ này; nếu cần thiết phải mất chi thể còn

hơn mất linh hồn, thì chúng ta nên vui vẻ bỏ đi chi thế đó. May mắn thay, không bao giờ cần thiết điều đó cả, vì Đức Thánh Linh ban quyền năng cho tin hữu sống cuộc đời thánh khiết. Tuy nhiên, tin hữu ấy phải cộng tác và có tinh thần kỷ luật nghiêm khắc.

F. Chúa Jêsus Quả Trách Sự Ly Dị (5:31, 32)

5:31 Dưới luật pháp Cựu Ước, ly dị được phép theo Phục truyền Luật lệ Ký 21:1-4. Phần đoạn này không liên quan trường hợp người vợ phạm tội ngoại tình (hình phạt cho tội ngoại tình là tử hình, xem Phục truyền Luật lệ Ký 22:22). Đúng hơn, phần đoạn này giải quyết sự ly dị vì cơ không thích nhau hay “không hợp nhau.”

5:32 Tuy nhiên, trong nước Đấng Christ, nếu người nào ly dị vợ không vì cơ ngoại tình, thì làm cho vợ mình ra người tà dâm. Điều này không có nghĩa nâng tự động trở thành người phạm tội ngoại tình; câu này giả định rằng khi không có phương tiện chu cấp, nâng huộc phải sống với một người nam khác. Khi làm như vậy, nâng trở thành người phạm tội ngoại tình. Không những người vợ trước sống trong tội ngoại tình, mà người nào cưới đàn bà bị dâm, thì cũng phạm tội tà dâm.

Để tài về ly dị và tái hôn là một trong những đề tài phức tạp nhất trong Kinh Thánh. Hầu như không thể giải đáp mọi thắc mắc đã nảy sinh, nhưng có lẽ nó hữu ích khi nghiên cứu và tóm tắt điều chúng ta tin Kinh Thánh đã dạy.

LY DỊ VÀ TÁI KẾT HÔN

Ly dị không hề là ý định của Đức Chúa Trời dành cho con người. Lý tưởng của Ngài là một nam và một nữ vẫn kết hôn với nhau cho đến khi mối liên hiệp của họ bị phá vỡ bởi sự chết (Rôma 7:2,3). Chúa Jêsus đã nói rõ điều này cho người Pharisai bằng cách viện đến thứ tự thiên thượng lúc tạo dựng (Mathiô 19:4-6).

Đức Chúa Trời ghét ly dị (Malachi 2:16), tức là sự ly dị trái với Kinh Thánh. Ngài không ghét mọi sự ly dị vì Ngài nói chính Ngài như đã ly dị Ysraên (Giêrêmi 3:8). Sở dĩ như vậy vì dân tộc này đã từ bỏ Ngài để thờ lạy hình tượng. Ysraên đã không chung thủy.

Trong Mathiô 5:31-32 và 19:9, Chúa Jêsus dạy rằng ly dị bị cấm trừ khi một bên phạm tội gian dâm. Mác 10:11,12, và Luca 16:18 bỏ qua điều khoản ngoại lệ này.

Có lẽ cách giải thích tốt nhất cho sự thiếu nhất quán này là: cả Mác lẫn Luca đều không ghi lại toàn bộ lời phán. Do đó, dấu ly dị không phải là điều lý tưởng, nhưng được phép trong trường hợp một bên không chung thủy. Chúa Jêsus cho phép ly dị trong trường hợp này, nhưng Ngài không truyền lệnh ấy.

Một số học giả xem 1.Côr:nhô 7:12-16 dạy rằng ly dị là điều có thể chấp nhận được khi tin hữu bị người không tin Chúa bỏ. Phaolô nói người còn lại “trung cơn đó... chẳng phải cấm buộc gì,” tức là người chồng hay người vợ ấy được tự do ly dị (vì đã bị bỏ). Quan điểm của tác giả đang viết bài này ấy là: trường hợp này cũng

chính là ngoại lệ được chấp thuận trong Mathio 5 và 19; tức là người không tin Chúa bỏ đi sống với người khác. Do đó, người tin Chúa có thể được phép ly dị dựa trên cơ sở Kinh Thánh chỉ khi nào bên kia phạm tội ngoại tình.

Người ta thường nói dẫu ly dị được cho phép trong Tân Ước, nhưng không hề tinh đến chuyện tái kết hôn. Tuy nhiên, lập luận này làm nảy sinh thắc mắc. Tại kết hôn không bị lên án cho bên vô tội trong Tân Ước - chỉ lên án cho bên có tội. Hơn nữa, một trong những mục đích chính của sự ly dị hợp Kinh Thánh ấy là để cho phép tái kết hôn; nếu không, ly thân cũng đã đủ phục vụ mục đích này rồi.

Trong bất kỳ phần thảo luận nào về đề tài này, dứt khoát không thể tránh khỏi thắc mắc: "Còn những người bị ly dị trước khi họ được cứu thì sao?" Nên thấy rõ ràng những vụ ly dị và tái kết hôn bất hợp pháp xảy ra trước khi hoàn cải là những tội mà chúng đã được tha thứ hoàn toàn (ví dụ xem I.Côrintô 6:11, trong đó Phaolô bao gồm tội ngoại tình trong danh sách các tội mà tín hữu Côrintô đã phạm ngày trước). Những tội trước khi hoàn cải không ngăn cản tín hữu dự phần đầy đủ vào trong hội thánh địa phương.

Một thắc mắc khó hơn về Cơ Đốc nhân đã ly dị vì những nguyên nhân trái với Kinh Thánh và rồi tái hôn. Liệu có thể nhận họ trở lại vào mối thông công của hội thánh địa phương không? Câu trả lời tùy thuộc vào liệu tội ngoại tình là hành động bước đầu của sự liên hiệp thể xác hay một tình

trạng tiếp tục. Nếu những người này đang sống trong tình trạng ngoại tình, thì họ không những phải xưng tội mình mà còn phải từ bỏ tình nhân hiện tại của họ nữa. Nhưng giải pháp của Đức Chúa Trời cho một nạn để không bao giờ là một giải pháp tạo ra nhiều nạn để tệ hại hơn. Nếu như để gỡ rối mở bong bóng hôn nhân, những người nam hay người nữ bị đẩy vào tội lỗi, hay phụ nữ và con trẻ rơi vào tình trạng vô gia cư và không một xu dính túi, thì phương pháp chữa bệnh lại còn tệ hại hơn cả căn bệnh.

Theo quan điểm của tôi, những Cơ Đốc nhân nào đã ly dị trái với Kinh Thánh rồi sau đó tái kết hôn thì họ có thể thật lòng ăn năn tội mình và được khôi phục với Chúa và với mối thông công của hội thánh. Trong vấn đề ly dị, dường như mọi trường hợp đều khác nhau. Do đó, trưởng lão của hội thánh địa phương phải điều tra từng trường hợp riêng biệt và đánh giá theo đúng Lời Đức Chúa Trời. Nhiều khi, nếu cần phải có biện pháp kỷ luật, tất cả mọi người liên quan đều phải vâng phục quyết định của các trưởng lão.

6. Chúa Jesus Lên Án Lời Thề (5:33-37)

5:33-36 Luật pháp Môisê có rất nhiều điều cấm lấy danh Đức Chúa Trời thề dối (Lêvi Ký 19:12; Dân số Ký 30:22; Phục truyền Luật lệ Ký 23:21). Lấy danh Chúa mà thề có nghĩa Ngài là nhân chứng của bạn để làm chứng rằng bạn đang nói sự thật. Người Do Thái tìm cách tránh sự sai trái của việc lấy danh Đức Chúa Trời thề dối bằng cách thay thế bằng chữ **trời**, **đất**, **Giêrusalem** hay **đầu** của họ để mà thề.

Chúa Jêsus lên án những thói lẩn tránh luật pháp như thế là thói hoàn toàn giả hình, và cấm mọi hình thức thế hay thế thốt trong cuộc đối thoại thông thường. Không những là giả hình mà còn vô dụng khi cố tránh lấy danh Đức Chúa Trời thế bằng cách đem một danh từ khác thay cho danh Ngài. **Lấy trời** mà thế tức là **lấy ngôi của Đức Chúa Trời** mà thế. **Chi đấi** mà thế tức là **lấy bộ chấn của Ngài** mà thế. **Chi thành Giêrusalem** mà thế tức là **chi kinh đô của vua** mà thế. Ngay cả lấy **đầu** mình mà thế thì cũng liên quan đến Đức Chúa Trời, vì Ngài là **Đấng Tạo Hóa muôn loài**.

5:37 Đối với Cơ Đốc nhân, lời thế là không cần thiết. Câu nói "**Có**" của Cơ Đốc nhân ấy phải có nghĩa là "**Có**," và câu nói "**Không**" phải có nghĩa là "**Không**." Dùng lối nói mạnh hơn tức là thừa nhận Satan · **quý dữ** · cai trị đời sống chúng ta. Tuyệt đối không có hoàn cảnh nào là chính đáng cho Cơ Đốc nhân nói dối.

Phần đoạn này cũng cấm mọi kiểu che bốt sự thật hay lừa dối. Tuy nhiên, phần đoạn này không cấm thế trước tòa án luật pháp. Chính Chúa Jêsus đã làm chứng bằng lời thế trước **chầy tế lễ thượng phẩm** [Mathiô 26:63 trở đi]. Pharisêu cũng dùng lời thế để mới Đức Chúa Trời làm chứng điều ông đang viết là đúng sự thật (II.Côrinthô 1:23; Galatê 1:20).

N. Bị Thèm Dâm Thử Nhì (5:38-42)

5:38 Luật pháp nói: "**Mắt đến mắt, răng đến răng**" [Xuất Êdíphtô Ký 21:24; Lêvi Ký 24:20; Phục-truyền Luậtlệ Ký 19:21]. Đây vừa là trang

lịnh để hình phạt và vừa là giới hạn về hình phạt · hình phạt không được phép vượt quá tội phạm. Tuy nhiên, theo Cựu Ước, thẩm quyền để hình phạt được giao cho chính quyền, chứ không giao cho cá nhân.

5:39-41 Chúa Jêsus đi xa hơn luật pháp để đến sự công bình cao cả hơn bằng cách bãi bỏ hoàn toàn sự trả đũa. Ngài cho các môn đồ thấy rằng, tuy báo thù đã từng được luật pháp cho phép, nhưng giờ đây đã có thể bởi ơn của Chúa không chống cự lại. Chúa Jêsus dạy các môn đồ đừng chống cự **kẻ dữ**. Nếu bị vả bên **má** này, họ **sẽ đưa luôn má bên kia nữa**. Nếu bị kiện để lột chiếc **áo vải** (áo mặc ở bên trong), họ sẽ đưa luôn cả **áo dài** (áo xống ở bên ngoài dùng để mặc ban đêm) nữa. Nếu một sĩ quan bắt họ mang hành lý đi **một dặm**, họ sẽ tình nguyện mang hành lý đi **hai dặm**.

5:42 Mạng lịnh cuối của Chúa Jêsus trong phần đoạn này dường như phi thực tiễn nhất đối với chúng ta ngày nay. **Ai xin của người, hãy cho, ai muốn mượn của người, thì đừng từ**. Nỗi ám ảnh của chúng ta với của cải vật chất và tài sản khiến chúng ta đôi ngược khi nghĩ đến việc bỏ đi những điều mình đã có được. Tuy nhiên, nếu sẵn lòng tập trung vào của cải trên Thiên đàng và thỏa lòng với chỉ những thức ăn áo mặc cần thiết, chúng ta sẽ sẵn lòng chấp nhận những lời này theo nghĩa đen nhiều hơn nữa. Lời phán của Chúa Jêsus bao hàm việc người xin được giúp đỡ phải có một nhu cầu thật. Vì không thể biết liệu

như cầu ấy có hợp pháp không trong mọi trường hợp, nên thà (như có người đã nói): "Giúp nhiều bánh khắt giầu gạo hơn là liều lĩnh xây dựng với một người đang thực sự túng thiếu."

Nói theo cách con người, lối cư xử như Chúa yêu cầu ở đây là không thể làm được. Chỉ khi nào được kiểm soát bởi Thánh Linh thì mới có thể sống cuộc đời tự hy sinh chính mình như thế. Chỉ khi nào để cho Cứu Chúa sống sự sống của Ngài trong tin hữu, thì mới có thể lấy tình yêu mà báo đáp sự lãng mạng (câu 39), bất công (câu 40) và sự phiền phức (câu 41). Đây là "Tin lành về đạtn thứ nhì."

I. Yêu Kẻ Thù Mình (5:42-48)

5:43 Ví dụ cuối cùng của Chúa chúng ta về sự công bình cao cả hơn phải có trong vương quốc của Ngài liên quan đến cách đối đãi kẻ thù mình, một đề tài tự nhiên nảy sinh từ phần đoạn đi trước. Luật pháp đã dạy người Ysraên yêu kẻ lân cận của họ (Lêvi Ký 19:18). Dầu họ không bao giờ được truyền lệnh tỏ tường phải ghét kẻ thù, nhưng tinh thần này là căn bản cho phần lớn giáo huấn của họ. Thái độ này là phần tóm tắt quan điểm Cựu Ước đối với những người bất bớ dân sự Đức Chúa Trời (xem Thi Thiên 139:21,22). Đây là sự thù địch công bình nhằm vào những kẻ thù của Đức Chúa Trời.

5:44-47 Nhưng giờ đây Chúa Jêsus công bố chúng ta phải yêu kẻ thù mình và phải cầu nguyện cho kẻ bất bớ chúng ta. Chính sự kiện yêu thương được Chúa truyền lệnh cho

thấy yêu thương là vấn đề của ý chí chứ không phải chủ yếu thuộc cảm xúc. Tình yêu này không phải là một với tình cảm tự nhiên, vì lẽ tự nhiên là không yêu người đã ghét và làm hại mình. Đây là ân điển siêu nhiên và chỉ có thể bày tỏ bởi những người có sự sống thiên thượng.

Nếu chúng ta yêu những kẻ yêu mình thì chẳng có phần thưởng gì cả. Chúa Jêsus nói ngay cả những người thâu thuế⁶ chưa tin Ngài cũng làm điều đó! Thế loại tình yêu này chẳng cần đòi hỏi quyền năng thiên thượng. Cũng chẳng có đức hạnh cao quý gì khi chỉ tiếp đãi anh em mình⁷ mà thôi, tức là chỉ những bà con và bạn hữu của mình thôi. Người chưa được cứu có thể làm việc đó; điều đó chẳng mang nét đặc trưng Cơ Đốc nào cả. Nếu tiêu chuẩn của chúng ta không cao hơn tiêu chuẩn của thế gian, chắc chắn chúng ta chẳng bao giờ tạo được ảnh hưởng trên thế gian cả.

Chúa Jêsus phân các môn đồ của Ngài phải lấy điều thiên hận điều ác để họ có thể là con của Cha trên trời của họ. Ngài không phân rằng đây là cách để trở nên con của Đức Chúa Trời; trái lại, đây là cách chúng ta chứng tỏ mình là con cái Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời không thiên vị đối với cả kẻ dữ và người lành (ở chỗ cả hai đều nhận được ierh lời từ mặt trời và mưa), thì chúng ta cũng nên đối xử khoan dung và công bình đối với hết thảy mọi người.

5:48 Chúa Jêsus kết thúc phần này với lời khuyên cáo: Thế thì các người hãy nên trọn vẹn, như Cha các người

ở trên trời là trọn vẹn. Chữ trọn vẹn phải hiểu theo văn mạch. Chữ này không có nghĩa là vô tội hay không bị vết. Các câu Kinh Thánh trước giải thích trọn vẹn có nghĩa là yêu những người ghét chúng ta, cầu nguyện cho những người bắt bớ chúng ta, và tỏ lòng nhân từ đối với cả bạn hữu lẫn kẻ thù. Sự trọn vẹn ở đây chính là sự trưởng thành thuộc linh giúp Cơ Đốc nhân có thể bắt chước Đức Chúa Trời để ban phát phúc hạnh cho mọi người cách không thiên vị.

J. Ban Cho Với Lòng Thành Thật (6:1-4)

6:1 Trong nửa đầu đoạn này, Chúa Jêsus bàn đến ba lãnh vực cụ thể của sự công bình thực tiễn nơi đời sống cá nhân: Nhưng việc làm từ thiện (câu 1-4), cầu nguyện (câu 5-15), và kiêng ăn (câu 16-18). Chữ **Cha** xuất hiện mười lần trong mười tám câu này, và là chìa khóa để hiểu chúng. Những việc làm thực tiễn của sự công bình phải được làm để nhận sự chấp thuận của Ngài, chứ không phải để được người ta chấp thuận.

Ngài mở đầu phần này trong bài giảng bằng lời cảnh cáo sự cảm dỗ để phô diễn lòng kính kiến của mình bằng cách biểu diễn **những việc làm từ thiện** nhằm mục đích cho người khác thấy. Không phải Chúa lên án việc làm, nhưng lên án động cơ. Nếu được chủ ý trước công chúng là yếu tố thúc đẩy, thì đó là **phản thưởng** duy nhất, vì Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho sự giả hình.

6:2 Dường như thật kỳ quái khi những người giả hình lại ám i thu hút chủ ý về chính mình khi họ dâng hiến

trong nhà hội hay bố thí cho bệnh khất ngoài đường phố. Chúa xem thường nếp cư xử của họ bằng lời bình luận ngắn gọn: "**Bạn đó đã được phần thưởng của mình rồi**" (tức là phần thưởng duy nhất của họ chính là danh tiếng họ có được khi đang ở trên đất này).

6:3,4 Khi môn đồ Đấng Christ **bố thí**, thì nên bố thí **cách kín nhiệm**. Việc làm ấy nên kín nhiệm đến độ Chúa báo các môn đồ: "**Đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì.**" Chúa Jêsus dùng biện pháp tu từ sinh động này để cho thấy **việc bố thí của chúng ta phải là vì Đức Chúa Cha**, chứ không phải để kiếm danh tiếng cho người bố thí.

Đừng nên ép phần đoạn này để cấm tặng tội môn đồ mà người khác có thể nhìn thấy, vì hầu như không thể nào giữ ẩn danh hoàn toàn cho mọi sự quyên góp của mình. Phần đoạn này chỉ lên án sự phô diễn trắng trợn hành động bố thí.

N. Cầu Nguyện Với Lòng Thành Thật (6:5-8)

6:5 Tiếp theo, Chúa Jêsus cảnh cáo môn đồ về tội giả hình khi họ **cầu nguyện**. Họ đừng nên cố ý phô mình trước công chúng để người khác nhìn thấy họ cầu nguyện và chịu ấn tượng mạnh trước lòng kính kiến của họ. Nếu động cơ duy nhất trong sự cầu nguyện là thích được nổi bật, thì Chúa Jêsus tuyên bố: sự nổi bật họ nhận được chính là **phản thưởng** duy nhất.

6:6 Trong câu 5 và 7, đại từ Hy văn được dịch là "**các người**" ở số nhiều. Nhưng trong câu 6, để nhấn mạnh sự tương giao cá nhân và riêng

tư với Đức Chúa Trời, đại từ này chuyển sang ngôi thứ hai số ít. Bí quyết cho lời cầu nguyện được nhậm chính là cầu nguyện trong nơi kín nhiệm (tức là đi vào phòng riêng đóng cửa lại). Nếu động cơ thật của chúng ta là để đến với Đức Chúa Trời, Ngài sẽ nghe và nhậm lời.

Nếu dùng phần đoạn này để cảm cầu nguyện trước công chúng thì đã lý giải thêm quá đáng vào Kinh Thánh. Hội thánh đầu tiên nhóm lại với nhau để cầu nguyện chung (Công Vụ 2:42; 12:12; 13:3; 14:23; 20:36). Ý chính ở đây không phải là nơi chúng ta cầu nguyện. Vấn đề ở đây là, *Vì sao* chúng ta cầu nguyện được người ta nhìn thấy hay để được Đức Chúa Trời nghe.

6:7 Lời cầu nguyện đứng nên gồm những lời lập vô ích tức là những câu nói nhảm và cú rích hay những cụm từ trống rỗng. Người chưa được cứu cầu nguyện giống như thế, nhưng không gây được ấn tượng cho Đức Chúa Trời bằng nhiều lời như thế. Ngài muốn nghe những biểu hiện thành thật của tấm lòng.

6:8 Vì Cha chúng ta biết chúng ta cần sự gì, ngay cả trước khi chúng ta chưa xin Ngài, nên thật hợp lý để nêu câu hỏi: "Vì sao lại cầu nguyện kia chứ?" Lý do là: khi cầu nguyện, chúng ta công nhận nhu cầu của mình và sự nương cậy nơi Ngài. Đây là cơ sở để chúng ta truyền thông với Ngài. Đức Chúa Trời cũng làm nhiều việc để nhậm lời cầu nguyện mà ắt Ngài sẽ không làm nếu không cầu nguyện (Giacơ 4:2d).

L. Chúa Jesus Hay Bài Cầu Nguyện Mềm (8:9-15)

6:9 Trong câu 9-13, chúng ta có điều thường được gọi là "Bài Cầu Nguyện Của Chúa." Tuy nhiên, khi dùng nhan đề này, chúng ta phải nhớ Chúa Jesus không hề dịch thân cầu nguyện bài ấy. Bài cầu nguyện này được ban cho các môn đồ của Ngài để làm mẫu cho họ cầu nguyện theo. Chúa không ban bài này để họ phải sử dụng chính xác những lời lẽ của bài mẫu (câu 7 dường như loại bỏ điều này), vì rất nhiều từ ngữ được lặp lại theo kiểu học vẹt thì có thể trở thành những cụm từ trống rỗng.

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời. Lời cầu nguyện phải dâng lên Đức Chúa Cha để công nhận quyền tể trị tối cao của Ngài trên vũ trụ.

Danh Cha được thánh. Chúng ta phải mở đầu lời cầu nguyện bằng sự thờ phượng, quy sự ngợi khen và tôn kính lên Ngài là Đấng xứng đáng với lời ngợi khen ấy.

6:10 Nước Cha được đến. Sau khi thờ phượng, chúng ta nên cầu nguyện cho tiến bộ của sự nghiệp nước Ngài, đặt những ích lợi của Ngài lên trên hết. Nói cụ thể, chúng ta nên cầu nguyện cho ngày mà Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của chúng ta, là Đức Chúa Jesus Christ, sẽ thiết lập vương quốc Ngài trên đất và trị vì trong sự công bình.

Ý Cha được nên. Trong lời cầu xin này, chúng ta công nhận Đức Chúa Trời biết điều gì tốt nhất và chúng ta đem ý chí mình đầu phục ý muốn Ngài. Lời cầu nguyện này cũng bày tỏ lòng khao khát nhìn thấy ý muốn Ngài được công nhận trên khắp thế gian.

Ở đời như trời. Cụm từ này bổ nghĩa toàn bộ ba lời thỉnh cầu đi trước. Sự thờ phượng Đức Chúa Trời, quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời, và sự thi hành ý muốn của Ngài thảy đều là thực tại của Thiên đàng. Lời cầu nguyện này cầu xin cho những tình trạng đó được tồn tại trên đất như đã tồn tại trên Thiên đàng.

6:11 Xin cho chúng tôi hôm nay đỡ ăn đủ ngày. Sau khi đạt những lời ích của Đức Chúa Trời lên trên hết, chúng ta được phép trình dâng những nhu cầu của chính mình. Lời thỉnh cầu này công nhận chúng ta nương cậy nơi Chúa về lương thực hàng ngày, cả lương thực thuộc linh lẫn thuộc thể.

6:12 Xin tha tội lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi. Câu này không nói đến sự tha thứ pháp lý khỏi hình phạt của tội lỗi (sự tha thứ ấy đã nhận được bởi đức tin nơi Con Đức Chúa Trời). Đúng hơn, câu này nói đến sự tha thứ của người cha vốn phải có nếu muốn duy trì được sự thông công với Cha chúng ta. Nếu tin hữu không sẵn lòng tha thứ những người đối xử bất công với mình, làm sao họ mong tương giao với Cha của họ, là Đấng đã tha thứ họ vô điều kiện về những việc làm sai quấy của họ?

6:13 Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ. Lời cầu xin này có vẻ mâu thuẫn với Giacô 1:13, là câu nói Đức Chúa Trời sẽ không hề cám dỗ bất cứ ai. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời thực sự cho phép dân sự Ngài chịu thử nghiệm và thử thách. Lời cầu nguyện

này diễn tả rõ sự không tin cậy nơi năng lực riêng của mình để chống cự cám dỗ hay để đứng vững trước thử thách. Lời cầu nguyện này công nhận mình nương cậy hoàn toàn nơi Chúa để được Chúa giữ gìn.

Mà cứu chúng tôi khỏi điều ác. Đây là lời cầu nguyện của tất cả những ai hết sức khao khát được quyền năng của Đức Chúa Trời gìn giữ khỏi tội lỗi. Đây là tiếng kêu từ tận đáy lòng cầu xin sự cứu rỗi hàng ngày ra khỏi quyền lực của tội lỗi và Satan trong đời sống mình.

Vì nước, quyền, vinh hiển đều thuộc về Cha đời đời. Amen. Câu cuối cùng trong bài cầu nguyện bị bỏ qua trong Kinh Thánh của Công Giáo Lamã và hầu hết các bản Kinh Thánh Tin Lành hiện đại nhất. Tuy nhiên, lời chúc tụng như thế là kết thúc hoàn hảo cho lời cầu nguyện này, và có trong đa số các thủ bản.⁸ Đúng như John Calvin viết: Lời cầu nguyện này "không những sưởi ấm lòng chúng ta để cấp bách tiến tới vinh hiển của Đức Chúa Trời... nhưng cũng dạy chúng ta rằng mọi lời cầu nguyện của chúng ta... không có nền tảng nào khác hơn chỉ một mình Đức Chúa Trời mà thôi."

6:14,15 Phần này nhằm làm chủ thích giải nghĩa cho câu 12. Phần này không thuộc trong bài cầu nguyện, nhưng thêm vào để nhấn mạnh sự tha thứ của người cha nhắc đến trong câu 12 là sự tha thứ có điều kiện.

M. Chúa Jêsus Dạy Cách Kiêng Ăn (8:18-19)

6:16 Hình thức giả hình tôn giáo thờ ba bị Chúa Jêsus lên án ấy là chủ

ý cố tạo ra vẻ bề ngoài của sự **kiêng ăn**. Bọn giả hình nhân mặt khi kiêng ăn để tạo dáng vẻ liếc liếc, phờ phạc và sâu thẳm. Nhưng Chúa Jêsus phán rằng thật buồn cười khi cố gắng làm ra vẻ thành khiết.

6:17,18 Tin hữu thật nên **kiêng ăn** trong nơi kín nhiệm, chớ hề tạo vẻ bề ngoài của sự kiêng ăn. **Xức dầu trên đầu và rửa mặt** là cách xuất hiện trong dáng vẻ bình thường của mình. **Cha biết là đủ rồi; sự ban thưởng** của Ngài tốt hơn sự tán thưởng của con người.

KIÊNG ĂN

Kiêng ăn là kiêng làm thỏa mãn mọi sự thèm ăn của cơ thể. Kiêng ăn có thể do tự nguyện, như trong phần đoạn này, hay không tự nguyện (như trong Công Vụ 27:33 hoặc H.Côrinthô 11:27). Trong Tân Ước, kiêng ăn thường gắn liền với than khóc (Mathiơ 9:14,15) và cầu nguyện (Lúc 2:37; Công Vụ 14:23). Trong những phần đoạn này, kiêng ăn đi kèm với cầu nguyện như một sự công nhận cách sốt sắng của mình muốn nhìn biết ý muốn của Đức Chúa Trời.

Kiêng ăn không hề có công đức nào để được cứu rỗi; kiêng ăn cũng không ban cho Cơ Đốc nhân địa vị đặc biệt trước mặt Đức Chúa Trời. Một người Pharisai đã từng khoe khoang mình kiêng ăn một tuần hai lần; tuy nhiên, sự kiêng ăn ấy không đem cho ông sự xưng công bình ông tìm (Lúc 18:12,14). Nhưng khi Cơ Đốc nhân kiêng ăn cách kín nhiệm như bài chuyện tập tâm linh, Đức Chúa Trời nhìn thấy và ban thưởng. Tuy Kinh

Thánh không truyền lệnh, nhưng kiêng ăn được khích lệ bởi lời hứa về sự ban thưởng. Có thể thêm kiêng ăn vào nếp sống cầu nguyện của mình bằng cách đẹp bỏ sự nhàm chán và ngái ngủ. Kiêng ăn có giá trị trong những thời điểm khủng hoảng khi mình muốn nhìn biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Và kiêng ăn có giá trị trong việc đẩy mạnh tinh thần tự kỷ luật. Kiêng ăn là vấn đề giữa cá nhân với Đức Chúa Trời, và chỉ nên thực hiện với lòng khao khát làm đẹp lòng Ngài. Kiêng ăn mất giá trị của nó khi bị ép buộc từ bên ngoài hay khi được trình diễn từ động cơ sai lầm.

H. Chái Chứa Khu Bầu Trên Trời (6:19-21)

Phần đoạn này chứa một số lời dạy cách mạng nhất của Chúa chúng ta - và một số những lời dạy bị bỏ lơ nhiều nhất. Chủ đề phần còn lại của đoạn này là cách tìm được an toàn cho tương lai.

6:19,20 Trong câu 19-21, Chúa Jêsus nói ngược lại với mọi lời khuyên người khuyển: để cung cấp một tương lai an toàn về tài chính. Khu Ngà: phán: "**Chớ chứa của cải ở dưới đất.**" Ngài đang cho thấy trong của cải vật chất không hề có sự an toàn. Mọi loại của báu vật chất **trên đất** đều có thể bị phá hủy bởi các yếu tố thiên nhiên (**sâu mồi hay ten rết**) hoặc bị kẻ trộm đánh cắp. Chúa Jêsus phán rằng những của báu tư duy nhất không bị mất chính là **những của cải ở trên trời**.

6:21 Chín lời sách tài chính cấp bậc này được căn cứ trên nguyên tắc căn bản là **vì chúng của cải người ở đâu,**

thì lòng người cũng ở đó. Nếu tiền của bạn ở trong két an toàn, thì tâm lòng và ước ao của bạn cũng ở đó nữa. Nếu những cửa của của bạn ở trên Thiên đàng, những mối quan tâm của bạn cũng tập trung vào Thiên đàng. Lời dạy này buộc chúng ta phải xác định xem Chúa Giêsu có muốn nói đúng ý như lời Ngài đã phán không. Nếu Ngài nói đúng như lời đã phán, thì chúng ta đối diện với câu hỏi:

"Chúng ta sẽ làm gì với của cải trên trần thế này của mình?" Nếu Ngài không định ý nói đúng như lời đã phán, thì chúng ta đối diện với thắc mắc: "Chúng ta sẽ phải làm gì với Kinh Thánh của mình?"

O. Bên Cửa Thiên Thế (8:22,23)

Chúa Giêsu biết các môn đồ rất khó hiểu được lời dạy đó trái với quy ước của Ngài về sự an toàn trong tương lai có thể hoặc động như thế nào. Vì vậy, Ngài dùng cách ví sánh về mắt người để dạy bài học về thị lực thuộc linh. Ngài phán rằng **mắt là đèn của thân thể**. Chính nhờ mắt mà thân thể nhận được sự soi sáng và có thể thấy. **Nếu mắt sáng sủa, cả thân sẽ tràn đầy ánh sáng. Nhưng nếu mắt xấu**, thì sức nhìn suy kém. Thay vì có ánh sáng, chỉ có **lối tăm**.

Áp dụng lời dạy là thế này: mắt tốt thuộc về người có đức cơ thanh sạch, người có một ao ước độc nhất vì lợi ích của Đức Chúa Trời, và người sẵn lòng chấp nhận lời dạy của Đấng Christ theo đúng nghĩa đen. Toàn bộ đời sống của người ấy tràn đầy ánh sáng. Người ấy tin lời của Chúa Giêsu, từ bỏ sự giàu có trần gian, chất chứa

của cải mình trên Thiên đàng, và biết đây là sự an toàn thật duy nhất. Mặt khác, mắt xấu thuộc về người đang cố gắng sống cho cả hai thế giới. Người ấy không muốn buông của cải trần thế của mình, nhưng lại muốn chữa của cải trên trời nữa. Đối với người, những lời dạy của Chúa Giêsu dường như không thực tế và không thể thực hiện. Người ấy thiếu sự dẫn dắt rõ ràng vì người đẩy đẩy sự tốt tâm.

Chúa Giêsu nói thêm, **nếu sự sáng láng trong người chỉ là lối tăm, thì sự tối tăm này sẽ lớn biết dường bao!** Nói cách khác, nếu bạn biết Đấng Christ cầm tin cậy của cải trần gian này để tìm sự an toàn, mà bạn vẫn cứ làm, thì lời dạy mà bạn không vâng theo ấy sẽ trở thành sự tối tăm, một hình thức đui mù thuộc linh hết sức kinh khiếp. Bạn không thể nhìn thấy những sự giàu có theo đúng góc độ thật của chúng.

P. Bạn Không Thể Vừa Phục Vụ Đức Chúa Trời Vừa Phục Vụ Mamôn (8:24)

Tình trạng không thể vừa sống cho Chúa vừa sống cho tiền bạc được nói rõ ở đây qua những từ ngữ chủ và nó lệ. **Chẳng ai được làm tôi hai chủ. Một sẽ dửng khoát chiếm ưu thế trên lòng trung thành và vàng lời của tôi tớ ấy.** Đối với Đức Chúa Trời và Mamôn cũng vậy. Cả hai đều có những đòi hỏi kinh điển nhau, và phải chọn tựa một bên. Hoặc chúng ta phải đặt Đức Chúa Trời lên trên hết và khước từ quyết cai trị của chủ nghĩa duy vật, hoặc phải sống cho những vật chất tạm bợ và khước từ đòi hỏi của Đức Chúa Trời trong đời sống mình.

§. Bùng lo (lãng) (6:25-34)

6:25 Trong phần đoạn này, Chúa Jêsus đánh vào khuynh hướng tập trung đời sống chúng ta quanh thức ăn và áo mặc, để rồi đánh mất ý nghĩa thật của đời sống. Nan đề không phải là những gì chúng ta ăn hay mặc ngày hôm nay, nhưng là những gì chúng ta sẽ ăn và mặc mười, hai mươi hoặc ba mươi năm sau. Sự lo lắng như thế cho tương lai là tội lỗi vì phủ nhận tình yêu thương, sự khôn ngoan và quyền năng của Đức Chúa Trời. Nó phủ nhận tình yêu của Đức Chúa Trời vì hàm ý Ngài không chăm sóc chúng ta. Nó phủ nhận sự khôn ngoan của Ngài bằng cách hàm ý Ngài không biết Ngài đang làm gì. Và nó phủ nhận quyền năng của Ngài bằng cách hàm ý Ngài không thể chu cấp những nhu cầu của chúng ta.

Loại lo lắng này khiến chúng ta đánh hết sức lực tối nhất của mình để bảo đảm mình có thể sống đầy đủ. Và rồi trước khi chúng ta biết ra, đời sống của chúng ta đã trôi qua rồi, và chúng ta đã trót mất mục đích trọng tâm mà vì đó chúng ta được dựng nên. Đức Chúa Trời dựng nên chúng ta theo hình ảnh Ngài không phải chỉ để cho chúng ta có số phận chẳng cao cả hơn gì chuyện ăn uống. Chúng ta ở đây để yếu miễn, thờ phượng và phục vụ Ngài và đại diện cho những mối quan tâm của Ngài trên trần gian. Thân thể chúng ta nằm làm tô-lớ của chúng ta, chứ không phải làm chứng ông chủ của chúng ta.

6:26 Loài chim trời mình họa sự chăm sóc của Đức Chúa Trời cho những tạo vật của Ngài. Chúng giảng

cho chúng ta biết mình lo lắng là thừa và không cần thiết biết bao. Chúng **chẳng gieo cũng chẳng gặt**, thế nhưng Chúa **nuôi chúng**. Vì trong đẳng cấp tạo vật của Chúa, chúng ta còn **quý trọng hơn** loài chim, nên chúng ta có thể chắc chắn trông chờ Chúa chăm sóc nhu cầu của mình.

Nhưng chúng ta đừng nên suy ra từ đây để không cần làm việc chu cấp cho những nhu cầu hiện tại của mình. Phaolô khuyên: "Nếu ai không kường làm việc, thì cũng không nên ăn nữa" (I.Têsalônica 3:10). Chúng ta cũng không nên kết luận rằng một nông gia gieo, gặt và thu hoạch mùa màng là sai. Những hoạt động này là phần cần thiết để chu cấp những nhu cầu hiện tại của người ấy. Điều Chúa Jêsus cấm ở đây chính là tăng các kho vừa lên nhằm tạo an toàn cho tương lai mà không nhờ cậy Đức Chúa Trời (một nếp sống bị Ngài lên án trong câu chuyện nông gia giàu có ở Luca 12:16-21.) *Daily Notes of the Scripture Union* tóm tắt sức tích câu 26 như sau:

Lập luận ở đây ấy là: nếu Đức Chúa Trời bảo tồn nuôi dưỡng những loài tạo vật thấp kém hơn - mà không cần sự dạt phần cơ ý thực của chúng, thì Ngài lại càng bảo tồn nuôi dưỡng - cũng với sự dạt phần chủ động của họ - cho những người vĩ đại - mà có sự sáng thế.

6:27 Lo lắng về ngày mai không những thiếu tôn trọng Đức Chúa Trời - mà còn vô ích nữa. Chúa chứng minh điều này bằng câu hỏi: "Có ai trong vòm các người lo lắng mà có thể thêm cho vóc dáng mình một

cubic không?" (Bản Anh ngữ: 1 cubic = 45,72 cm³). Một người thấp không thể nhor lo lắng mà làm mình cau thêm mười tám inches (khoảng nửa mét). Thế nhưng, rõ: tương đối, thực hiện kỳ công này còn dễ hơn nhờ lo lắng mà có được những sự chu cấp nhu cầu tương lai của mình.

6:28-30 Tiếp theo, Chúa giải quyết tình vô lý của việc lo lắng mình không có đủ **quần áo** trong tương lai. **Những hoa huệ ngoài đồng** (cô lê là có chân ngỗng đại) **chẳng làm khó nhọc, cũng không kéo chỉ**, thế nhưng vẻ đẹp của chúng còn hơn cả áo bào của Salômôn. Nếu Đức Chúa Trời có thể chu cấp áo xống thanh nhả đến như thế cho hoa dại, là thứ sống thật ngắn ngủi và được dùng để đốt trong lò lửa, thì chắc chắn Ngài sẽ chăm sóc cho dân sự của Ngài là những người thờ phượng và phục vụ Ngài.

6:31,32 Tóm lại là chúng ta chớ sống trong lo lắng để theo đuổi đồ ăn, thức uống và quần áo cho tương lai. **Những dân ngoại** chưa tin Chúa sống để say mê tích lũy của cải vật chất, dường như thế đó ăn và áo mặc là toàn bộ sự sống vậy. Nhưng Cơ Đốc nhân đừng làm như thế, vì có **Chúa trên trời** là Đấng **biết** những nhu cầu cơ bản của họ.

Nếu Cơ Đốc nhân phải đặt trước mặt mình mục tiêu chu cấp trước cho mọi nhu cầu tương lai, thì thời gian và sức lực của họ sẽ phải dành tích lũy tài chánh để dự trữ. Họ không hề biết chắc chắn đã dành được đủ chưa, vì luôn luôn có nguy cơ sụt giá thị trường, làm phát, tai ương, bệnh tật kéo dài, tai nạn hay bại liệt. Điều này

có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ bị tước mất sự phục vụ của dân sự Ngài. Mục đích thật khiến họ được dựng nên và hoàn cải sẽ bị tước mất đi. Những người nam nữ mang hình ảnh của Đức Chúa Trời sẽ sống cho tương lai bấp bênh trên đất này trong khi đang ra họ phải đang sống với những giá trị của cõi đời đời.

6:33 Do đó, Chúa lập giao ước với môn đồ Ngài. Trên thực tế, Ngài phán: "Nếu các người đặt những lợi ích của Đức Chúa Trời lên hàng đầu trong đời sống các người, ta sẽ bảo đảm những nhu cầu của tương lai các người. Nếu các người **trước hết tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài**, thì ta sẽ lo liệu cho các người không bao giờ thiếu nhu cầu thiết yếu của đời sống."

6:34 Đây là chương trình "an sinh xã hội" của Đức Chúa Trời. Trách nhiệm của tín hữu là sống cho Chúa. tin cậy phó thác cho Chúa tương lai với niềm tin quyết không chút rùng động rằng Ngài sẽ chu cấp. Công việc làm ăn của mình chỉ đơn giản là phương tiện để cung cấp những nhu cầu hiện tại; mọi điều trên việc này sẽ được đầu tư vào công việc Chúa. Chúng ta được kêu gọi để sống từng ngày một. **Ngày mai sẽ lo về việc ngày mai.**

R. Chớ Đoán Xét (7:1-6)

Phần nói về sự xét đoán đi tiếp ngay sau lời dạy gây kích động của Chúa chúng ta về sự giàu có trong trần gian. Mối liên kết giữa hai chủ đề này thật quan trọng. Rất dễ cho Cơ Đốc nhân để từ bỏ mọi sự quay sang

chỉ trích những Cơ Đốc nhân giàu có. Ngược lại, những Cơ Đốc nhân nào xem trọng bốn phân phái; chu cấp nhu cầu tương lai cho gia đình thì có khuynh hướng xem thường ý nghĩa mà một số người hiểu những lời của Chúa Giêsu trong đoạn trước. Vì không ai sống hoàn toàn bởi đức tin, nên sự chỉ trích như thế là không đúng.

Mạng linh truyền đứng đoán xét người khác bao gồm các lãnh vực sau: chúng ta đừng nên đoán xét các động cơ; chỉ Đức Chúa Trời mới có thể đọc được chúng; chúng ta không nên đoán xét theo vẻ bề ngoài (Giăng 7:24; Giacô 2:1-4); chúng ta đừng đoán xét người có nhiều dẫn đo trong lương tâm về những vấn đề mà tự bản thân chúng không đúng cũng không sai (Rôma 14:1-5); chúng ta đừng nên đoán xét sự phục vụ của Cơ Đốc nhân khác (1.Côrintô 4:1-5); và đừng đoán xét người cũng đức tin bằng cách nói xấu người ấy (Giacô 4:11,12).

7:1 Đôi khi những lời này của Chúa bị hiểu sai bởi những người cảm mọi hình thức đoán xét. Bất luận điều gì xảy ra, họ đều kinh kiến nói: "**Đừng đoán xét ai, để mình khỏi bị đoán xét.**" Nhưng Chúa Giêsu không dạy chúng ta phải làm những Cơ Đốc nhân không biết biện biệt. Ngài không hề định cho chúng ta từ bỏ khả năng phê bình hay biện biệt của mình. Tàn Ước có rất nhiều minh họa cho sự đánh giá hợp pháp về hoàn cảnh, nếp ăn ở, hay sự dạy dỗ của người khác. Hơn nữa, có nhiều lãnh vực mà Cơ Đốc nhân được truyền lệnh phải có quyết định, phải phân biệt giữa tốt và xấu hay giữa tốt và tồi

nhất trong những lãnh vực đó. Một số những lãnh vực này bao gồm:

1. Khi tranh cãi xuất hiện giữa các tín hữu, cần dần xếp chúng trong hội thánh trước mặt những thuộc viên nào có thể quyết định được vấn đề (1.Côrintô 6:1-8).

2. Hội thánh địa phương phải đoán xét những tội lỗi nghiêm trọng của thuộc viên hội thánh và có biện pháp thích hợp (Mathiơ 18:17; 1.Côrintô 5:9-13).

3. Tin hữu phải dùng Lời Đức Chúa Trời để đánh giá lời dạy giáo lý của các giáo sư và những người truyền đạo (Mathiơ 7:15-20; 1.Côrintô 14:29; 1.Giăng 4:1).

4. Cơ Đốc nhân phải biện biệt: xem những người khác có phải là tín hữu không để vâng theo mạng linh của Phaulô trong 11.Côrintô 6:14.

5. Những người ở trong hội thánh phải đánh giá xem những người nào có những phước cách cần thiết cho trưởng lão và chấp sự (1.Timôthê 3:1-13).

6. Chúng ta phải nhận diện người nào là ngang bướng, nhút nhát, yếu đuối, v.v..., và đối đãi với họ đúng theo những lời dạy trong Kinh Thánh (ví dụ như 1.Têsalônica 5:14).

7:2 Chúa Giêsu cảnh báo sự đoán xét không công bình sẽ được báo đáp tương xứng: "**Vì các người đoán xét người ta thế nào, thì họ cũng đoán xét lại thế ấy.**" Nguyên tắc gặt lại đều đã gieo đã trở thành phần cấu thiết trong toàn bộ đời sống và công việc của con người. Mặc áp dụng nguyên tắc này cho việc chúng ta nắm lấy Lời Đức Chúa Trời (4:24) và Luca áp dụng cho

tình rộng rãi của chúng ta khi ban cho (ô:38).

7:3-5 Chúa Jêsus vạch trần khuyh hường của chúng ta là nhìn thấy lỗi; nhỏ nơi người khác trong khi làm ngay chính lỗi ấy trong mình. Ngài có ý cường điệu tình huống (đùng bệ: pháp tu tử được gọi là cường điệu) để làm sáng tỏ ý này. Người có **cây đũa** trong **mắt** mình thường bắt lỗi **cái rác** trong mắt người khác, thậm chí không thấy tình trạng của mình nữa. Thật là giả hình khi cho rằng chúng ta có thể giúp một người mắc một lỗi lớn hơn họ. Chúng ta phải sửa chữa những lỗi lầm của chính mình trước khi phê phán chúng nơi người khác.

7:6 Câu 6 chứng minh Chúa Jêsus không có ý cấm mọi thể loại đoán xét. Ngài cảnh cáo các môn đồ đừng **cho chó** những đồ thánh và đừng **quảng hội trai** mình **trước mặt heo**. Dưới luật pháp Môisê, chó và heo là những thú vật không tinh sạch và ở đây, những từ ngữ này được dùng để mô tả kẻ ác. Khi chúng ta gặp người xấu hết sức xem thường các chức lý thiêng liêng, lấy sự hành hung và bạo lực đáp lại lời chúng ta giảng về những tuyên bố của Đấng Christ, chúng ta không có bản phận tiếp tục chia sẻ Tin Lành cho họ. Cứu nhân mạnh vấn đề thì chỉ cần làm tăng sự định tội của những người phạm tội.

Khởi cần phải nói, các phải có nhận thức thuộc linh thì mới nhận biết và phân biệt được những người này. Có lẽ đây là nguyên nhân những cầu tiếp theo bàn về để tại cầu

nguyện, để bởi lời cầu nguyện chúng ta có thể cầu xin sự khôn ngoan.

S. Cứ Tiếp Tục Xin, Tìm, Gõ Cửa (7:7-12)

7:7,8 Nếu nghi mình có thể sống thực hành được những lời dạy của Bài Giảng Trên Núi bằng sức riêng, chúng ta đã không nhận thấy đặc tính siêu nhiên của sự sống mà Chúa kêu gọi: chúng ta bước vào. Khôn ngoan hay nang, quyển để sống cuộc đời như thế phải được ban cho từ trên. Vì vậy, ở đây có lời mời hay xin và cứ tiếp tục cầu xin; hãy **tìm** và cứ tiếp tục tìm; hãy **gõ cửa** và cứ tiếp tục gõ. Khôn ngoan và quyển nang để sống cuộc đời Cơ Đốc sẽ được ban cho mọi người nào sốt sắng và kiên trì cầu xin.

Nếu lấy ra khỏi văn mạch, câu 7 và câu 8 có vẻ như tầm chi phiếu chưa đúng cho rún hữu vậy, tức là chúng ta có thể nhận lấy mọi điều mình cầu xin. Nhưng điều này hoàn toàn không đúng. Phải hiểu như câu Kinh Thánh này trong văn mạch gần của chúng và đưa vào lời dạy của toàn Kinh Thánh về sự cầu nguyện. Do đó, điều có vẻ như những lời hứa không hạn chế ở đây thực ra bị giới hạn bởi các phân đoạn khác. Lấy ví dụ, từ Thi Thiên số:18, chúng ta biết người cầu nguyện phải không còn tội lỗi nào chưa xưng ra trong đời sống mình. Cơ Đốc nhân phải cầu nguyện trong đức tin (Giacô 1:6-8) và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (Giăng 5:14). Lời cầu nguyện phải được dâng lên kiên trì (Luca 18:1-8) và thành thật (Hêbrơ 10:22a).

7:9,10 Khi đáp ứng xong những điều xin cho sự cầu nguyện. Cơ Đốc

nhân: ấy có thể hoàn toàn tin quyết Chúa sẽ nghe và nhậm lời. Lời bảo đảm này được căn cứ trên đặc tánh của Đức Chúa Trời là Cha chúng ta. Xét trên bình diện loài người, chúng ta biết nếu đưa con xin bánh, cha nó sẽ không cho đá. Người cha cũng không cho rắn nếu người con xin cá. Một người cha trên trần gian này cũng không bao giờ lừa dối: đưa con đang đói của mình hay cho nó bất kỳ điều gì gây ra đau đớn.

7:11 Chúa lập luận từ chỗ kém hơn đến nhiều hơn. Nếu bậc cha mẹ là loài người thường những lời cầu xin của con cái mình bằng điều tốt nhất cho chúng, Cha chúng ta ở trên trời lại càng muốn làm như vậy nhiều biết dường nào.

7:12 Mỗi liên kết gần của câu 12 với câu trước dường như thế này: vì Cha chúng ta là Đấng ban phát những điều tốt lành cho chúng ta, chúng ta nên bắt trước Ngài bày tỏ sự nhân từ cho người khác. Cách kiểm tra xem một hành động có đem lại lợi ích cho người khác hay không ấy là liệu chúng ta có muốn nhận điều đó cho chính mình không. "Luật Vàng" này đã được diễn tả bằng những từ ngữ tiêu cực ít nhất một trăm năm trước bởi Rabi Hillel. Tuy nhiên, bằng cách phản biểu luật này theo thuật ngữ tích cực, Chúa Jêsus vượt qua những giới hạn thị độ để tiến đến lòng nhân từ chủ động. Cơ Đốc nhân không chỉ là kiêng phạm tội. Cơ Đốc nhân còn làm sự nhân lành tích cực.

Chúa Jêsus nói: đây là luật pháp và lời tiên tri, tức là tóm tắt những lời

đạy đạo đức của luật pháp Môise và các tác phẩm của các Tiên Tri của dân Ysraên. Sự công bình đòi hỏi bởi Cựu Ước được làm ứng nghiệm trong những tin hữu đã hoàn cải, là những người bước đi theo Thánh Linh (Rôma 8:4). Nếu câu này được vàng giữ cách phổ thông, nó sẽ biến đổi mọi lãnh vực của những mối quan hệ quốc tế, các chính sách quốc gia, đời sống gia đình và sinh hoạt lợi thành.

I. Đường Hẹp (7:13,14)

Giờ đây Chúa cảnh báo rằng cảnh cửa dành cho môn đồ Đấng Christ là hẹp và đường đi thì khó.² Nhưng những ai trung tín vâng theo lời dạy của Ngài thì tìm được sự sống dư dật. Mặt khác, có cửa rộng - là nếp sống tư buông thả và lạc thú. Kết cuộc một đời sống như thế là sự hư mất. Đây không phải là phần luận về việc đánh mất linh hồn, nhưng về sự thất bại không sống đúng theo mục đích hiện hữu của mình.

Những câu này cũng có áp dụng cho Tin Lành bằng cách mô tả hai con đường và hai số phận của nhân loại. Cửa rộng và đường khoáng khoáng dẫn đến sự hủy diệt (Châm Ngôn 10:25). Cửa hẹp và đường khó dẫn đến sự sống. Chúa Jêsus vừa là cửa (Giăng 10:9) vừa là con đường (Giăng 14:6). Nhưng tuy đây là áp dụng hiệu lực của phần đoạn này, cách giải thích là nhằm cho tin hữu. Chúa Jêsus đang phân rằng muốn theo Ngài sẽ đòi hỏi phải có đức tin, kỷ luật và sức bền bỉ chu đáo. Nhưng cuộc sống gian khó này là sự sống duy nhất đáng sống. Nếu chọn con đường dễ dàng, hạn sẽ có rất nhiều bạn đồng hành, nhưng sẽ

trước mặt điều tốt nhất của Đức Chúa Trời dành cho bạn.

U. Bồi Trại Của Họ Mà Người Biết Và Họ (7:15-20)

7:15 Mỗi khi dạy đến đòi hỏi khắc khe của môn đồ thật, thì có **những tiên tri giả** sẽ hậu thuẫn của rộng và đường dễ dàng. Họ pha loãng chân lý cho đến khi - như C. H. Sprurgeon nói - "Còn lại không đủ để nấu súp cho một con cháu bị bệnh." Những người tự xưng mình phát ngôn cho Đức Chúa Trời xuất hiện trong **lối chiền** tạo dáng vẻ là tín liệu thật. Nhưng **hề trong**, họ là **muông sói hay cẩu xé**, tức là, họ là những người vô tín xấu xa đang săn bắt người chưa trưởng thành, người bất ổn và người cả tin.

7:16-18 Câu 16-18 nói đến cách phát hiện các tiên tri giả. Các người nhờ **những trái nó mà nhận biết được**. Đời sống buồn tẻ và lời dạy trái loại của họ sẽ vạch mặt họ. Cây sinh ra trái tùy theo đặc tính của nó. **Bụi gai không thể sinh trái nho; bụi tạt lè không sinh trái vả. Cây tốt sinh trái tốt và cây xấu sinh trái xấu.** Nguyên tắc này đúng trong thế giới thiên nhiên và trong thế giới thuộc linh. Đời sống và lời dạy của những người tuyên bố mình phát ngôn cho Đức Chúa Trời phải được thử nghiệm bởi chính Lời của Đức Chúa Trời: "Nếu dân chẳng nói như vậy, chắc sẽ chẳng có rặng đồng cho nó" (Êsai 8:20).

7:19,20 Số phận của các tiên tri giả ấy là **bị ném vào lửa**. Số phận của các giáo sư giả và tiên tri là "sự hủy phá linh thành" (Ê.Phiêrô 2:1). Có thể nhận biết họ bởi trái của họ.

V. Ta Chẳng Biết Các Người Bao Giờ (7:21-23)

7:21 Tiếp theo, Chúa Jêsus cảnh cáo những người mạo xưng đã công nhận Ngài là Cứu Chúa, nhưng họ chưa hề bỏn cái. **Chẳng phải hề ai** nói cùng Chúa Jêsus: "**Lạy Chúa, lạy Chúa.**" thì **đều được vào nước Thiên đàng đàu**. Chỉ những người làm theo ý **muốn của** Đức Chúa Trời mới được vào nước Thiên đàng. Bước đầu tiên để làm theo ý muốn Đức Chúa Trời chính là tin Đức Chúa Jêsus (Giăng 6:29).

7:22-23 Trong ngày đoán xét khi những người không tin Chúa đứng trước mặt Đấng Christ (Khải Huyền 20:11-15), rất nhiều người sẽ nhắc Ngài nhớ họ đã **nói tiên tri**, hay đã **đuối quỷ**, hoặc đã làm **những dấu kỳ phép lạ** - hết thảy đều nhân danh Ngài mà làm. Nhưng lời phản kháng của họ vẫn vô ích. Chúa Jêsus sẽ **phân rõ ràng cùng họ** rằng Ngài **chẳng hề biết** họ, cũng chẳng hề công nhận họ thuộc về Ngài.

Từ những câu này, chúng ta biết không phải mọi phép lạ đều bắt nguồn từ Đức Chúa Trời, và không phải mọi người làm phép lạ đều được Đức Chúa Trời chỉ định. Phép lạ chỉ đơn giản nói lên có một quyền năng siêu nhiên đang hành động. Quyền năng ấy có thể thuộc về Đức Chúa Trời hoặc thuộc về Satan. Satan có thể ban quyền năng cho nhân sự hèn đuối *lạm thời*, để tạo ảo tưởng là phép lạ ấy của Đức Chúa Trời. Trong trường hợp như thế, người phải mà quý đang chia rẽ vương quốc của nó để tự chống nó, nhưng đang âm mưu cho

cuộc xâm lược thậm chí còn tệ hại hơn nhiều cho các quý trong tương lai.

W. Kay Khat Tron Bb (7:24-29)

7:24,25 Chúa Jêsus kết thúc bài giảng bằng một ẩn dụ để làm sáng tỏ tầm quan trọng của sự vâng lời. Chỉ nghe những lời **phản** này thôi thì chưa đủ; chúng ta phải thực hành chúng. Môn đồ nào nghe và **lắm** theo mạng linh của Chúa Jêsus thì giống như người khôn ngoan cất nhà mình trên hòn đá. Căn nhà (đời sống) người có nền tảng vững chắc, và khi bị **gió** mưa xô động, nhà ấy **không sụp xuống**.

7:26,27 Người nào nghe lời **phản** của Chúa Jêsus mà **không** lắm theo thì giống như người dại kia cất nhà mình trên đất cát. Người này không thể đứng vững trước những cơn bão của nghịch cảnh: Khi **mưa** sa và **gió** thổi, nhà ấy **sụp đổ** vì không có nền chắc chắn.

Nếu một người sống theo các nguyên tắc của Bài Giảng Trên Núi, thế gian gọi người ấy là kẻ ngu dại; Chúa Jêsus gọi người ấy là người khôn ngoan. Thế gian xem người khôn ngoan là người sống bởi mắt thấy, người sống chu hiện tại, và sống cho chính bản thân; Chúa Jêsus gọi người như thế là kẻ ngu dại. Thật hợp lý để sử dụng người xây nhà khôn ngoan và ngu dại để minh họa Tin Lành. Người khôn ngoan đặt trọn lòng tin quyết nơi Vâng Đấng, tức Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa và Cứu Chúa. Người ngu dại không chịu an toàn và không nhận Chúa Jêsus làm hy vọng cứu rỗi duy nhất của mình. Nhưng lời giải thích ẩn dụ này thực sự đưa chúng ta

vượt qua khỏi sự cứu rỗi để đến với kết quả thực hiện của sự cứu rỗi trong đời sống Cơ Đốc Nhân.

7:28,29 Khi Chúa chúng ta **kết thúc** sứ điệp Ngài, **dẫn chúng** lấy làm lạ. Nếu đọc Bài Giảng Trên Núi mà không lấy làm lạ trước tinh chất cách mạng của nó, thì chúng ta vẫn chưa nắm được ý nghĩa của bài giảng ấy.

Đám chúng nhận thấy có sự khác biệt giữa lời dạy của Chúa và lời dạy của thầy thông giáo. Ngài **phản** có thẩm quyền; những lời của thầy thông giáo vô quyền. Lời dạy của Ngài có tiếng nói; lời dạy của họ là tiếng vọng. Jamieson, Fausset và Brown nhận định:

Ý nghĩa về thẩm quyền thần thiêng – với tư cách Đấng Bồi Phái luật pháp, Đấng Tạo Hóa và Chúa An, chúng ta qua lời dạy của Ngài đến nỗi lời dạy của thầy thông giáo không qua chỉ là những lời ngỗng ngạ đưa trước ánh sáng tuyệt vời như thế.¹⁰

V. CÁC PHÉP LẠ ĐẤY QUYỀN NĂNG VÀ ẨN DIỄN CỦA Đấng MÊSI. VÀ NHỮNG PHẢN ỨNG KHÁC NHAU TRƯỚC CÁC PHÉP LẠ ẤY (8:1- 9:34)

Trong đoạn 8 12, Chúa Jêsus nêu bằng chứng dứt khoát cho dân Ysraên thấy Ngài thật sự là Đấng Mesi mà các tiên tri đã viết về Ngài. Ví dụ, Êsa: Bấy giờ Đấng Mesi sẽ mở mắt kẻ mù, khai thông tai cho kẻ điếc, chữa lành kẻ què, và khiến kẻ câm hát lên (35:5,6). Khi làm ứng nghiệm mọi lời tiên tri này, Chúa Jêsus chứng minh Ngài là Đấng Mesi. Khi tham khảo Kinh Thánh của mình, Ysraên đang ra không khó để nhận

thấy Ngài là Đấng Christ. Nhưng không ai mù cho bằng người không chịu nhìn thấy.

Những biến cố ghi lại trong các đoạn này được trình bày theo khung chủ đề lớn là theo trật tự chặt chẽ của thời gian. Đây không phải bản tường trình đầy đủ chức vụ của Chúa, nhưng là phần trình bày những biến cố được Thánh Linh tuyển chọn để phác họa những chủ đề nhất định trong đời sống của Cứu Chúa. Trong phần trình bày này có những điểm sau:

1. Thấm quyền tuyệt đối của Đấng Christ trên bệnh tật, ma quỷ, sự chết và các hiện tượng trong thế giới trần nhiên.

2. Lời tuyên bố về quyền tể trị tuyệt đối của Ngài trong đời sống những người chịu theo Ngài.

3. Sự chống đối Chúa Giêsu ngay cả từ phía dân Ysraên, đặc biệt từ phía các lãnh đạo tôn giáo.

4. Sự sẵn lòng tiếp nhận Cứu Chúa của các cá nhân dân ngoại bang.

A. Quyền Năng Trên Bệnh Phung (8:1-4)

8:1 Dấu lời dạy của Chúa Giêsu là cấp tiến và cực kỳ nghiêm khắc, lời dạy ấy có quyền năng thu hút đến nỗi đoàn dân đông lắm đi theo Ngài. Chân lý có tính tự xác minh, dấu có thể không thích chân lý ấy, người ta không bao giờ quên được nó.

8:2 Một người phung quỳ gối trước mặt Chúa khấn thiết xin Chúa chữa lành. Người phung này có đức tin rằng Chúa có thể chữa lành cho mình, và đức tin thật sẽ không bao giờ bị thất vọng. Bệnh phung là hình ảnh thích hợp về tội lỗi vì trông ghê tởm, tàn

hại, lây nhiễm, và có một số hình thức con người không thể chữa được.¹¹

8:3 Người phung không ai dám rờ đến. Đụng chạm đến có thể bị lây bệnh. Trong trường hợp người Giuđa, sự đụng chạm này khiến người đụng bị ô uế về lễ nghi, tức là không xứng đáng để được thờ phượng chung với hội chúng Ysraên. Nhưng khi Chúa Giêsu rờ đến người phung và phán 'Ờ chữa lành, bệnh phung biến mất ngay tức thì. Cứu Chúa có quyền năng tẩy sạch tội lỗi, và cho người được tẩy sạch được quyền thờ phượng Ngài.

8:4 Đây là trường hợp đầu tiên trong sách Tin Lành Mathiô ghi rằng Chúa truyền lệnh **không được kể lại cho ai** nghe phép lạ họ đã nhân chứng như những điều đã thấy (cũng xem 9:30; 12:16; 17:9; Mác 5:43; 7:36; 8:26). Có lẽ vì Ngài biết rất nhiều người chỉ muốn được giải thoát khỏi ách của người Lamã, muốn tôn Ngài lên làm vua. Nhưng Chúa biết Ysraên vẫn chưa ăn năn, dân này sẽ khước từ quyền lãnh đạo thuộc linh của Ngài, và Ngài phải đi đến thập tự giá trước đã.

Dưới luật pháp Môisê, thấy tế lễ cũng giữ vai trò thấy thuốc. Khi người phung được sạch, người ấy có bổn phận đem một của dâng đến trình diện thầy tế lễ để được tuyên bố mình đã sạch (Lêvi Ký 14:4-6). Rõ ràng, người phung được chữa lành quả là biến cố hiếm, thực ra là phi thường đến nỗi dâng lễ phải báo cho thầy tế lễ này biết để điều tra xem Đấng Mêsê cuối cùng đã hiện ra. Nhưng chúng ta

không đọc thấy một phản ứng như thế. Chúa Jêsus bảo người phung vãng giữ luật pháp trong vấn đề này.

Những hàm ý thuộc linh của phép lạ này thật rõ ràng: Đấng Mêsi đã đến với Ysraen bằng quyền năng chữa lành tại bệnh cho dân tộc này. Ngài thi hành phép lạ này như một trong những hàng chứng giới thiệu Ngài. Nhưng dân Ysraen vẫn không sẵn lòng đón nhận Đấng Giải Cứu của họ.

B. Quyền Năng Trên Bệnh Bại (8:5-13)

8:5,6 Đức tin của thầy đội người ngoại bang được giới thiệu tương phản to nét với lòng cứng cõi không chịu tiếp nhận của dân Do Thái. Nếu Ysraen không chịu công nhận vua của mình, những người ngoại giáo bị khinh bị xia sẽ công nhận. Thầy đội là một sĩ quan quân đội Lamã thống lĩnh khoảng một trăm người, và đồn trú trong hoạc gần Cabénaum. Ông ta đến với Chúa Jêsus để xin chữa lành cho **đấy** lờ mình vì nó mắc bệnh bại rất nặng và đau đớn lắm. Đây là biểu hiện khác thường về lòng thương xót hầu hết các sĩ quan không quan tâm đến từ mình đến như thế.

8:7-9 Khi Chúa Jêsus đề nghị đến thăm **đấy** từ mức bệnh, thầy đội đã bày tỏ thực tại và chiều sâu đức tin của mình. Trên thực tế ông ta nói: "Tôi **chàng** xứng đáng cho Chúa đến nhà. Dầu sao đi nữa, chuyện đó không cần thiết, vì Ngài có thể đề dang chữa lành **đấy** từ tôi bằng một lời phán ra thôi. Tôi biết về **thẩm quyền**. Tôi nhận lệnh từ cấp trên, và ra lệnh cho những người dưới quyền. Các linh của tôi được tuân thủ tuyệt đối. Những lời

phán của Ngài lại càng có quyền trên bệnh tật rồi tôi tôi biết đường nào!"

8:10-12 Chúa Jêsus **lấy làm lạ** trước đức tin của người ngoại bang này. Đây là một trong hai lần Kinh Thánh ghi lại Chúa Jêsus lấy làm lạ; một lần nữa Ngài lấy làm lạ trước lòng vô tin của dân Giuda (Mác 6:6). Ngài **chưa** hề thấy đức tin lớn **đấy** giữa tuyến dân của Đức Chúa Trời, tức **dân Ysraen**. Điều này khiến Ngài nói rõ trong nước hậu đồn của Ngài, dân ngoại sẽ từ khắp nơi trên thế giới đổ về thông công với các tổ phụ của dân Giuda, còn **các con bốn quốc** sẽ bị liệng **ra chốn tối tăm ở ngoài**, tại đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng. **Các con bốn quốc** là những người thuộc dòng dõi Giuda, là những người xưng mình công nhận Đức Chúa Trời là Vua, nhưng chưa hề thực sự hoán cải. Nhưng nguyên tắc này vẫn áp dụng cho ngày nay. Rất nhiều trẻ em được đặc ân sinh ra và lớn lên trong gia đình Cơ Đốc lại hư mất trong địa ngục vì họ khước từ Đấng Christ, còn những người hung tàn man rợ nơi rừng sâu sẽ được hưởng vinh quang đời đời của Thiên đàng vì họ tin nơi Tin Lành.

8:13 Đức Chúa Jêsus bèn phán cũng thầy đội rằng: **Hãy về, theo như điều người tin thì sẽ được thành vậy.**" Đức tin được ban thưởng tương xứng với niềm tin của nó nơi đặc ân của Đức Chúa Trời. **Đưa **đấy** từ được lành** tức thì, dân Chúa Jêsus ở rất xa. Qua điều này, chúng ta có thể nhìn thấy hình ảnh chức vụ hiện tại của Đấng Christ; chữa cho những người ngoại bang không được hưởng đặc ân được

lành bệnh bại liệt của tội lỗi, dấu chính Ngài không đích thân có mặt.

C. Quyền Năng Trên Côn Sốt (8:14,15)

Khi vào nhà Phierơ, Chúa Jêsus thấy bà gia ông đang đau sốt. Ngài rời lay bà, bệnh sốt liền mất đi. Thông thường, bệnh sốt sẽ khiến người bệnh rất yếu, nhưng sự chữa lành này lúc thời và hoàn toàn đến nỗi bà có thể ra khỏi giường bệnh và phục vụ Ngài - biểu hiện xứng đáng về lòng biết ơn việc Chúa đã làm cho bà. Chúng ta nên bắt chước bà, bắt cứ khi nào mình được chữa lành, bằng cách phục vụ Ngài với lòng tận hiến và sự sống mới mẻ.

D. Quyền Năng Trên Ma Quỷ Và Nhiều Bệnh Tật Khác (8:16,17)

Đến chiều, khi ngày Sabát đã hết (xem Mác 1:21-34), dân chúng ủa lời, đem cho Ngài rất nhiều người bị quỷ ám. Những người đáng thương này bị các tà linh ở bên trong điều khiển họ. Thông thường, những người bị quỷ ám có hiểu biết và sức mạnh siêu phàm; có khi họ bị tra tấn hành hạ. Hành vi của họ đôi khi giống người mất trí, nhưng nguyên nhân là do ma quỷ chứ không do thể chất hay tình thần. Ngài lấy lời nói mà đuổi quỷ ra.

Ngài cũng chữa lành hết thầy những người bệnh, lần ứng nghiệm lời tiên tri Êsai 53:4: "Chính Ngài đã lấy tội nguyên của chúng ta, và gánh bệnh hoạn của chúng ta." Câu 17 thường được những người chữa lành bằng đức tin sử dụng để cho thấy sự chữa bệnh thuộc trong sự chuộc tội, nên do đó chữa lành thể xác là điều tin hữu cơ thể lấy đức tin đòi hỏi.

Nhưng ở đây, Thành Linh Đức Chúa Trời áp dụng lời tiên tri cho chức vụ chữa bệnh trên trần thế của Cứu Chúa chúng ta chứ không phải cho công tác của Ngài trên thập tự giá.

Tới đây trong đoạn này, chúng ta thấy bốn phép lạ như sau:

1. Chữa lành người Giuđa mắc bệnh phong, và có mặt của Đấng Christ.

2. Chữa lành đầy tớ của thầy đội, và Đấng Christ ở cách xa.

3. Chữa lành bà gia Phierơ, và Chúa Jêsus có mặt trong nhà.

4. Chữa lành mọi người bị quỷ ám và bệnh tật, có mặt Chúa Jêsus.

Gaebelein gợi ý các phép lạ này làm hình bóng bốn giai đoạn trong chức vụ của Chúa chúng ta.

1. Đấng Christ trong Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất của Ngài, thi hành chức vụ cho dân Ysraên của Ngài.

2. Thời kỳ dân ngoại, lúc đó Chúa Jêsus vắng mặt.

3. Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Ngài, khi Ngài sẽ vào nhà, khôi phục những mối quan hệ của Ngài với Ysraên và chữa lành con gái mắc bệnh của Sion.

4. Thiên Hy Niên, khi mọi người bị quỷ ám và tật bệnh sẽ được chữa lành.¹²

Đây là phần phân tích hấp dẫn về tiến triển của lời dạy đó trong các phép lạ, và đáng khiến chúng ta tỉnh thức trước những chiều sâu ẩn kín của ý nghĩa trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, chúng ta cần cảnh tỉnh đứng đưa phương pháp này đến chỗ quá khích bằng cách áp đặt ý nghĩa đến mức chúng trở thành lối bịch.

E. Phép lạ về sự khước từ của con người (8:18-22)

Chúng ta đã thấy Đấng Christ thi hành thẩm quyền trên bệnh tật và ma quỷ. Chỉ khi Ngài đến tiếp xúc với người nam và nữ thì Ngài mới gặp sự kháng cự - phép lạ về sự khước từ của con người.

8:18-20 Khi Chúa Jêsus chuẩn bị vượt biển Galilê từ Cabênaum đến bờ phía đông, một **thầy thông giáo** đẩy tự tin bước lên phía trước nài nỉ xin theo Ngài "trộn đường." Câu trả lời của Chúa thách thức ông tình đến giá phải trả - một đời sống tự bỏ mình. "**Con cáo có hang, chim trời có ổ; song Con người không có chỗ mà gối đầu.**" Trong chức vụ công khai của Ngài, Ngài không có nhà riêng của mình; tuy nhiên, có nhiều căn nhà nơi đó Ngài trở thành vị khách được hoan nghênh và Ngài thường có nơi để ngủ. Sự mai mỉa thật trong lời phán của Ngài dường như mang linh thuộc linh: thế gian này không thể cung cấp cho Ngài nơi nghỉ thật và lâu dài. Ngài còn nhiều việc phải làm và không thể nghỉ ngơi cho đến khi làm xong. Điều này cũng đúng cho các môn đồ Ngài; thế gian không phải là nơi yên nghỉ cho họ - hay ít nhất, đừng nên để thế gian trở thành nơi yên nghỉ!

8:21 Một môn đồ đầy thiện ý khác tỏ lòng sẵn sàng theo Ngài, nhưng còn một điều ưu tiên cao hơn: "**Lạy Chúa, xin Chúa cho phép tôi về chôn cha trước đã.**" Dù cha người đã chết hay chưa cũng không khác biệt gì. Kác rôi cơ bản được diễn tả qua những lời nói mâu thuẫn nhau: "**Chúa... lời trước**

đã." Người này đặt bản thân mình trước cả Đấng Christ. Tuy hoàn toàn chính đáng để chôn cất đấng hoàng cho cha mình, nhưng việc đó trở thành sai khi một hành động xứng đáng như thế lại chiếm ưu tiên hơn sự kêu gọi của Cứu Chúa.

8:22 Trên thực tế, Chúa Jêsus trả lời người này: "**Bốn phần trước hết của ngươi là theo ta. Hãy để kẻ chết về mặt thuộc linh chôn kẻ chết thuộc thể.** Người chưa được cứu có thể làm việc đó. Nhưng còn một việc mà chỉ một mình người mới làm được. Hãy dâng điều tốt nhất của đời sống người cho điều thật sự còn đến lâu dài. Đừng phí đời sống ấy vào những chuyện vụn vặt." Kinh Thánh không kể cho chúng ta biết hai môn đồ này trả lời ra sao. Nhưng hàm ý vững chắc ấy là: họ đã bỏ Đấng Christ để đi kiếm cho mình nơi tiện nghi thoải mái trong thế gian này và để đời sống họ ôm ấp những điều thấp kém hơn. Trước khi lên án họ, chúng ta nên xét lại chính mình về hai điều khoản của tư cách môn đồ được Chúa Jêsus nói rõ trong phần đoạn này.

F. Quyền Năng Trên Các Biện Tượng Thiên Nhiên (8:23-27)

Biển Galilê nổi tiếng về cơn bão dữ tợn bất ngờ làm biển dậy sóng ba đào. Gió từ phía bắc tràn xuống thung lũng Giôđanh, thổi ngày càng mạnh trong hẻm núi hẹp này. Khi gió thổi vào biển, tàu bè đi trên biển sẽ hết sức nguy hiểm.

Trong dịp này, Chúa Jêsus vượt từ bờ tây sang bờ đông. Khi bão nổi lên, Ngài đang ngủ trên thuyền. Các môn

đó hoảng kinh dânh thức Ngài đây, hỏi hoảng nài nì Ngài cứu giúp. Điều đáng khen là họ đã đến với đưng Đấng họ cần đến. Sau khi quở đức tin yếu ớt của họ, **Ngài quở gió và biển**. Khi biển **yên lặng như tờ**, những người này lấy làm lạ vì ngay cả thiên nhiên cũng vâng lệnh Vị Hành Khách Khiếm tớn của họ. Họ hiểu biết kém cõi biết bao khi không biết: Đấng Tạo Hóa và Đấng Bảo Tồn cõi vũ trụ đã ở trong con tàu ngày hôm ấy!

Mọi môn đồ sớm muộn cũng gặp bão. Nhiều lúc, dường như chúng ta sắp bị những cơn sóng nhận chìm. Thật được yên ủi tuyệt vời biết bao khi biết Chúa Jêsus ở trong con thuyền với chúng ta: "Không cơn sóng nào nhận chìm được con thuyền cả Chủ của đại dương, của đất và các tầng trời đang nắm ghì trên đó." Không ai có thể dẹp yên những cơn bão cuộc đời được như Chúa Jêsus.

6. Chúa Jêsus Chúa Lành Hai Người Bị Quỷ Ám (8:28-34)

8:28 Ở bờ đông biển Galilê là xứ của dân Gadara.¹³ Khi Chúa Jêsus đến, Ngài gặp hai trướng hợp quỷ ám hung dữ khác thường. Hai người bị quỷ ám này sống trong những hang động giống như **mổ mả**, và hung dữ đến nỗi không ai dám đi ngang qua đường đó.

8:29-31 Khi Chúa Jêsus đến gần, những ma quỷ **kêu lên**: "**Lạy Con Đức Chúa Trời, chúng tôi với Ngài có can hệ gì chẳng? Có phải Ngài đến đây để làm khổ chúng tôi trước kỳ không?**" Chúng biết Chúa Jêsus là ai, và Ngài cuốn cùng sẽ tiêu diệt chúng.

Trên phương diện này, thần học của chúng còn chính xác hơn cả thần học của rất nhiều người theo thần học tự do tân phái. Cảm thấy Chúa sắp đuổi chúng ra khỏi người này, chúng xin được chuyển sang **bầy heo đang ăn gần đó**.

8:32 Thái kỳ lạ thay, Chúa chấp thuận lời cầu xin của chúng. Nhưng vì sao Chúa tế tội tội thượng lại tân thành lời cầu xin của ma quỷ? Để hiểu hành động của Ngài, chúng ta phải nhớ hai sự thực. Ma quỷ lần tránh tình trạng không có thân thể; chúng muốn ở trong con người, hoặc nếu không được như vậy, chúng muốn ở trong súc vật hoặc các loài tạo vật khác. Thứ nhì, mục đích của ma quỷ là phá hủy, không xây; ngoại lệ nào. Nếu Chúa Jêsus chỉ việc đuổi chúng ra khỏi những người bị quỷ ám, nhưng quỷ này sẽ trở thành mối đe dọa cho nhiều người khác trong vùng. Khi cho phép chúng nhập vào bầy heo, Ngài đã ngăn không cho chúng nhập vào người nam người nữ và giới hạn quyền lực tiêu diệt của chúng vào súc vật. Vẫn chưa đến lúc Chúa tiêu diệt chúng chung cuộc. Ngay khi sự chuyển dời này xảy ra, **bầy heo ở trên dốc núi nhảy xuống biển, thấy đều chết chìm dưới nước**.

Sự kiện này chứng minh mục đích tối hậu của ma quỷ là tiêu diệt, và nhấn mạnh khả năng kinh khiếp ấy là hai người này có thể bị nhập bởi số lượng quỷ cần để tiêu diệt hai ngàn con heo (Mác 5:13).

8:33,34 Những đứa con heo chạy về báo tin chuyện đã xảy ra. Kết quả là đàn thành ồn ào với Chúa Jêsus, xin

Ngài lìa khỏi xứ họ. Kể từ đó, Chúa Jêsus đã bị chỉ trích Ngài giết bầy heo cách không cần thiết và được lìa khỏi họ vì Ngài quý mạng người hơn súc vật. Nếu những người dân Gadara này là người Giuđa, nuôi heo sẽ là việc bất hợp pháp. Nhưng bất luận họ có là người Giuđa hay không, điều họ đáng bị lên án ấy là: họ quý bầy heo hơn việc chữa lành cho hai người bị quý âm.

H. Quyền Năng Bỏ Tha Tội (9:1-8)

9:1 Bầy dân Gadara khước từ. Chúa vượt qua biển Galilê lần nữa đến Cabênaum, là nơi đã trở nên thành của Ngài sau khi dân Naxarét cố giết Ngài (Luca 4:29-31). Chính tại đây, Ngài thi hành một số những phép lạ quyền năng nhất của Ngài.

9:2 Bốn người đến với Ngài, khéng theo một người bại trên chiếc vác hay lăm thẳm. Câu chuyện của Mác cho biết vì đoàn dân rất đông, họ phải dựng mái nhà và đồng người bại xuống trước mặt Chúa Jêsus (2:1-12). Khi Chúa Jêsus thấy đức tin của họ, Ngài phán cùng người bại: "Hỡi con, hãy vững lòng, tội lỗi con đã được tha." Lưu ý rằng Ngài đã thấy đức tin của họ. Đức tin thôi thúc những người này đưa người bại đến với Chúa, và đức tin của người bại để đi đến nhà Chúa Jêsus chữa lành. Chúa chúng ta trước hết ban thưởng đức tin ấy bằng cách công bố tội lỗi người được tha. Vì thấy thuộc đấng tài đẹp bỏ quyền nhân trước khi chữa trị những triệu chứng, trước tiên Ngài đã ban những phước hạnh lớn hơn. Điều này làm nảy sinh câu hỏi: liệu có bao giờ

Đấng Christ chữa lành một người mà Ngài không ban kèm theo sự cứu rỗi không?

9:3-5 Kh: vài thầy không giáo nghe Chúa tuyên bố tội lỗi của người bại đã được tha, họ nghi **hăm** Ngài phạm tội lộng ngôn. Suy cho cùng, chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể tha thứ tội lỗi – và đương nhiên họ sẽ không tiếp nhận Ngài như Đức Chúa Trời! Chúa Jêsus toàn tri biết được ý tưởng của họ, quả trách **ác tưởng** trong lòng vô tin của họ, rồi hỏi họ xem điều nào để nói hơn: "Tội lỗi người đã được tha," hay nói "Hãy đứng dậy mà đi." Thật ra, *những* câu nào cũng dễ như nhau, nhưng câu nào để *làm* hơn? Cả hai đều là việc con người không làm được, nhưng kết quả của mạng lệnh thứ nhất không thấy bằng mắt được, còn công dụng của mạng lệnh thứ hai sẽ được nhìn thấy ngay tức khắc.

9:6,7 Để tỏ cho các thầy thông giáo biết Ngài có quyền **tha tội ở thế gian này** (nên bởi đó đáng được tôn kính như Đức Chúa Trời), Chúa Jêsus đã hạ cố ban cho họ một phép lạ để họ có thể *nhìn thấy*. Quay sang người bại, Ngài phán: "Hãy đứng dậy, vác lấy giường, mà trở về nhà người."

9:8 Khi đoàn dân thấy người bại vác giường trở về nhà, họ biểu lộ hai cảm xúc - sợ và lấy làm lạ. Họ sợ khi đối diện với sự thần viêng siêu nhiên cách tỏ tường. Họ **ngợi khen Đức Chúa Trời** đã ban **quyền năng lớn dường ấy** cho con người. Nhưng họ đã hoàn toàn trượt mắt ý nghĩa của phép lạ ấy. Sự chữa lành *số tưởng* cho người bại nhằm khẳng định tội lỗi của người

này đã được tha thứ, tức mỗi phép lạ *vô hình*. Từ điều này, đáng ra họ phải nhận biết: điều mình chứng kiến không phải là biểu hiện việc Đức Chúa Trời ban thẩm quyền cho con người, nhưng là minh chứng sự hiện diện của Đức Chúa Trời giữa vòng họ trong thân vị của Chúa Jêsus Christ. Nhưng họ đã không hiểu.

Về phần các thầy thông giáo, từ các biến cố sau đó, chúng ta biết họ chỉ ngày càng cứng lòng hơn trong vô tin và thù ghét.

1. Chúa Jêsus Gọi Người Thâu Thuế Tên Mathiơ (9:9-13)

9:9 Bấy giờ không khi nào thánh dâng lên quanh Cửa Chúa đã lặn thoi dâng địu bởi câu chuyện đời sơ và khiêm nhượng của Mathiơ về sự kêu gọi chính ông. Là người thâu thuế hay một nhân viên sở thuế, ông và các quan chức đồng ban bị người Giuda hết sức thù ghét bởi cơ sự gian xảo, bởi những khoản thuế chèn ép họ đã thu, và trên hết bởi họ phục vụ lợi ích của đế quốc Lamã, là lãnh chúa của Ysraên. Khi Chúa Jêsus đi ngang qua sở thuế, Ngài nói với Mathiơ: "**Hãy theo ta.**" Ông đáp ứng ngay tức khắc; ông liền **đứng dậy và đi theo Ngài**; bỏ lại công việc bán lương truyền thống này để lập tức trở thành môn đồ của Chúa Jêsus. Có người nói: "Ông mất công việc thâu thuế mãi tiện nài, nhưng tìm được một định mệnh. Ông mất nguồn thu nhập cao, nhưng tìm được danh dự. Ông mất sự an ninh đầy tiện nghi, nhưng tìm được chuyển mạng hiển chưa bao giờ mơ ước tới." Quan trọng trong số phần thưởng của ông

ấy là: ông trở nên một trong mười hai sứ đồ và được vinh dự viết sách Tin Lành mang tên ông.

9:10 Bữa ăn được mô tả ở đây do Mathiơ xếp đặt để tôn trọng Chúa Jêsus (Luca 5:29). Đây là cách ông tuyên xưng Đấng Christ công khai và giới thiệu các đồng nghiệp của mình với Đức Chúa. Do đó, tất nhiên các khách mời cũng là **những người thâu thuế** và nhiều người khác nữa mà người ta thường gọi là kẻ xấu xí! (Bản Anh ngữ ghi là "**tội nhân**").

9:11 Thời đó có phong tục ngồi ăn nằm tựa trên những chiếc ghế nhỏ đối mặt với bàn ăn. **Khi những người Pharisai thấy** Chúa Jêsus kết bạn theo kiểu đó với đám hạ lưu trong xã hội, họ đến với các môn đồ Ngài, kết tội: Ngài "phạm tội đáng lìa"; chắc chắn không một tiên tri nào lại ngồi ăn với **những tội nhân**!

9:12 Chúa Jêsus nghe tiếng đó và trả lời: "**Chẳng phải là người khỏe mạnh cần thấy thuốc đau, song là người có bệnh.**" Người Pharisai xem mình là người khỏe mạnh và không chịu xưng nhận nhu cầu cần Chúa Jêsus. (Thực ra, họ đang bị bệnh tâm linh hết sức nặng và hết sức cần được chữa lành.) Trái lại, những người thâu thuế và tội nhân lại sẵn sàng hơn để công nhận tình trạng thật của họ và tìm kiếm ơn cứu chuộc của Đấng Christ. Vì vậy lời buộc tội này đã đúng! Chúa Jêsus **đã** thực sự ăn với tội nhân. Nếu Ngài ngồi ăn với người Pharisai, lời buộc tội ấy cũng vẫn đúng! Có lẽ còn đúng nhiều hơn nữa! Nếu Chúa Jêsus không ăn với tội nhân

trong thế giới như thế giới của chúng ta, ắt hẳn Ngài phải luôn luôn ngồi ăn một mình. Nhưng điều quan trọng phải nhớ là khi Ngài ăn với tội nhân, Ngài không bao giờ buông mình vào những dương lối gian ác của họ hay trở thành lời chứng của Ngài. Ngài tận dụng cơ hội ấy kêu gọi con người đến chân lý và sự thánh khiết.

9:13 Rắc rối của người Pharisi là: đều họ tuân thủ các nghi lễ của Do Thái giáo cách hết sức chính xác, lòng họ vẫn cứng cõi, lạnh lùng và nhân tâm. Vì vậy, Chúa Jesus thách thức họ hãy học biết ý nghĩa nhưng lời phản của Đức Giêhôva: "**Ta muốn sự thương xót, nhưng chẳng muốn của lễ**" (được trích từ Ôse 6:6). Dầu Đức Chúa Trời đã thiết lập hệ thống dâng lễ lễ. Ngài không muốn những nghi lễ trở thành vật thay thế cho sự công bình ở bề trong. Đức Chúa Trời không phải Đấng Cầu Nê Ngài Lễ, và Ngài không hài lòng với những nghi lễ mà thiếu lòng tin kính cá nhân - nhưng đây đích xác là điều người Pharisi đã làm. Họ tuân giữ văn tự của luật pháp nhưng không có lòng thương xót nhưng người cần sự giúp đỡ thuộc lòng. Họ chỉ kết bạn với những người tự cho mình là công bình giống như chính họ vậy.

Trái lại, Chúa Jesus nói rất rõ với họ: "**Vi ta đến đây không phải để kêu kẻ công bình, song kêu kẻ có tội.**" Ngài làm trọn hoàn toàn cực muốn của Đức Chúa Trời đối với sự thương xót cũng như của tế lễ. Trên một phương diện, không có một người công bình nào trên thế gian này, vì

vậy Ngài đến để kêu gọi mọi người ăn năn. Nhưng ý tưởng ở đây ấy là: sự kêu gọi của Ngài chỉ hiệu quả cho những người nào công nhận mình là tội nhân. Ngài không thể chữa lành cho những người nào kiêu ngạo, tự cho mình công bình và không chịu ăn năn - giống như những người Pharisi này.

J. Chúa Jesus Bị Chối Vãn Về Sự Kiêng Ăn (9:14-17)

9:14 Đến lúc này, Giảng Báp-tít chắc đang ở tù. Các môn đồ Giảng Báp-tít đến với Chúa Jesus mang theo một thác mắc. Bản thân họ **thường xuyên** kiêng ăn, nhưng **môn đồ** của Chúa Jesus thì **không**. Vì sao họ không kiêng ăn?

9:15 Chúa Jesus trả lời bằng một mình họa. Ngài là **chàng rể** và các môn đồ Ngài là những khách đến dự lễ cưới. **Chúng nào** Ngài **còn ở với họ**, thì không có cơ gì để kiêng ăn như dấu hiệu của sự than khóc, nhưng Ngài sẽ bị đem đi **khỏi họ**; **bấy giờ** các môn đồ Ngài sẽ **kiêng ăn**. Ngài **trở** đi **khỏi họ** trong sự chết và chôn, và kể từ khi Ngài thăng thiên, Ngài không còn ở với các môn đồ Ngài trong thân xác của Ngài nữa. Tuy những lời phản của Chúa Jesus không **truyền lại** phải kiêng ăn, nhưng những lời ấy chắc chắn **tôn thành** kiêng ăn là sự luyện tập thích đáng cho những người chờ đợi Chàng rể trở lại.

9:16 Thác mắc từ các môn đồ của Giảng Báp-tít càng thời thác Chúa Jesus nói rõ Giảng đã định dấu kết thúc của một định kỳ, công bố Thời

Đại Ân Điển mới, và Ngài cho thấy nhưng nguyên tắc tương ứng của chúng không thể pha trộn với nhau được. Cố pha trộn luật pháp và ân điển cũng giống như dùng một miếng ni mới chưa co rút (Bản Anh ngữ) để vá vào chiếc áo cũ. Khi giặt, miếng vá sẽ co rút, tự xé toạc khỏi miếng vải cũ. Sẽ hư nặng hơn hơn trước nữa. Gaehelein than phiền rất đúng:

Cơ Đốc giáo thөн về Do Thái giáo với lời tuyên xưng Ân Điển và Tin Lành, cố gắng giữ luật pháp và nuôi dưỡng sự công bình theo luật pháp, đây là sự găm ghềnh trước mặt Đức Chúa Trời còn hơn cả sự xưng mình là Ysraên trong quá khứ và thờ lạy hình tượng.¹⁴

9:17 Hoặc sự pha trộn này giống như đổ rượu mới vào bầu da cũ. Áp lực do sự lên men của rượu mới sẽ làm bể bầu da cũ vì da cũ đã hết độ đàn hồi. Sự sống và sự tự do của Tin Lành sẽ phá hủy bầu da của chủ nghĩa duy lễ nghi.

Việc giới thiệu kỷ nguyên Cơ Đốc dứt khoát dẫn đến sự căng thẳng. Niềm vui Đấng Christ mang lại không thể chứa trong hình thức và nghi lễ của Cựu Ước. Phải có một trật tự sự việc hoàn toàn mới. Pettingill nói rõ điều này:

Vì vậy Vua cảnh cáo môn đồ Ngài đừng pha trộn cái cũ... và cái mới.... Thế nhưng đây chính là điều người ta đã làm trong khắp Cơ Đốc giáo thời Do Thái được đem vá vào và điều chỉnh cho thích nghi ở khắp nơi như giữa các hôn thê và cặp vợ chồng, gọi là "Cơ Đốc giáo." Kể

quá là một hỗn hợp tạp nham, chẳng ra Do Thái giáo cũng chẳng ra Cơ Đốc giáo, nhưng là sự thay thế về nghi lễ của những công việc chết để thay cho lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Rồi sau mới vào sự cứu rỗi tự do được đem đổ vào bầu da cũ của chủ nghĩa duy luật, rồi dẫn đến kết quả gì? Làm chi vậy. Hầu như tất cả đi còn ruồng rẫy ra ngoài hết và thứ rượu quý báu đem lại sự sống ấy bị mất đi. Luật pháp đã mất về kinh khuyển của nó vì được pha trộn với ân điển, còn ân điển mất đi về đẹp và đẹp tình của ân điển, vì đã bị pha trộn với việc làm theo luật pháp.¹⁵

N. Quyền Năng Đấng Chúa Lành Đấng Vô Phương Cứu Chữa Và Kêu Gọi Chết Sống Lại (3:18-26)

9:18,19 Bài giảng của Chúa Jêsus về sự thay đổi những định kỳ bị ngắt ngang bởi người cai nhà hội đau buồn đến quản trị vì con gái của ông vừa mới chết. Ông quý trước mặt Chúa, xin Ngài đến cứu sống con gái mình. Hiếm có khi người cai nhà hội này lại nhờ Chúa Jêsus cứu giúp; hầu hết các lãnh đạo Do Thái sẽ sợ bị đóng nghiệp của mình nhạo báng và khinh thường nếu đến nhờ Chúa Jêsus. Chúa Jêsus tôn trọng đức tin của ông bằng cách cùng với môn đồ đi đến nhà người cai nhà hội.

9:20 Lại một gián đoạn khác nữa! Lần này là người đàn bà mắc bệnh mất huyết đã mười hai năm. Chúa Jêsus không hề bực mình trước những sự ngắt ngang như thế. Ngài luôn luôn điềm đạm, sẵn sàng chờ đón và ai cũng có thể đến với Ngài được.

9:21,22 Y khoa không thể giúp người đàn bà này; thật ra, tình trạng của bà đang xấu đi (Mác 5:26). Trong cơn cùng cực, bà gặp Chúa Giêsu hoặc ít nhất bà đã nhìn thấy Ngài bị vấy giữa đám đông. Tin rằng Ngài có thể và sẵn lòng chữa lành bà, bà lách qua đám đông và đến rờ trôn áo của Chúa Giêsu. Đức tin thật sẽ không bao giờ bị Ngài làm ngưng. Ngài quay lại tuyên bố bà được chữa lành; lập tức người đàn bà được lành lần đầu tiên trong suốt mười hai năm.

9:23,24 Câu chuyện giờ đây chuyển sang người cai nhà hội có đứa con gái vừa mới chết. Khi Chúa Giêsu đến nhà, những người khóc mướn chuyên nghiệp đang la ré và có người đã gọi đó là "nổi sầu khổ tổng hợp." Ngài truyền khách ra khỏi phòng, đồng thời tuyên bố bé gái này chẳng chết đâu, nhưng đang ngủ. Hậu hết những người nghiến cứu Kinh Thánh đều tin rằng Chúa Giêsu dùng chữ "ngủ" ở đây theo nghĩa bóng để chỉ về sự chết. Tuy nhiên, có người tin bé gái này đang hôn mê. Lời giải thích này không phủ nhận Chúa Giêsu ắt đã có thể khiến bé gái từ kẻ chết sống lại nếu bé chết rồi, nhưng lối giải thích này nhấn mạnh Chúa Giêsu trung thực đến nỗi Ngài không nhận lấy công đã gọi người chết sống lại khi bé gái này thực ra chưa chết. Sir Robert Anderson theo quan điểm này. Ông nói người cha và mọi người khác nói đứa bé đã chết, nhưng Chúa Giêsu nói bé gái chưa chết.

9:25,26 Dẫu trường hợp nào đi nữa, Chúa Giêsu cũng đã cầm tay của bé gái và phép lạ diễn ra - bé gái ngồi

đậy. Chẳng mấy chốc tin đồn về phép lạ lan khắp cả xứ đó.

I. Quyền Maug Đế Ban Sự Sống Mới (9:27-31)

9:27,28 Khi Chúa Giêsu rời khỏi vùng cửa người cai nhà hội, có hai người mù đi theo Ngài, để xin Chúa chữa cho sáng mắt. Dẫu bị mất thị lực tự nhiên, những người này có khả năng phân biệt thuộc linh rất tinh tế. Khi gọi Chúa Giêsu là con Đavít, họ công nhận Ngài là Đấng Mési đã chờ đợi lâu nay và là Vua hợp pháp của Ysraên. Và họ biết khi Đấng Mési đến, một trong những tư cách của Ngài sẽ là cho kẻ mù được thấy (Êsai 61:1, chú thích ngoài lề của bản RSV). Khi Chúa thử nghiệm đức tin của họ bằng cách hỏi họ có tin rằng Ngài làm được điều này không (tức cho họ được sáng mắt), họ trả lời không chút lưỡng lự: "**Lạy Chúa, được.**"

9:29,30 Sau đó, Vị Bác Sĩ Đại Tài rờ mắt họ và quả quyết với họ rằng vì họ tin, họ sẽ thấy. Ngay lập tức, mắt họ liền mở trở nên hoàn toàn bình thường.

Con người nói: "Thấy tức là tin." Đức Chúa Trời phán: "Tin là thấy." Chúa Giêsu phán với Mathê: "Ta há chẳng từng nói với người rằng nếu người tin thì sẽ thấy sự vinh hiển của Đấng Chúa Trời sao?" (Giăng 11:40). Tác giả thư Hêbơrơ lưu ý: "Bởi đức tin, chúng ta biết..." (11:3). Sử đồ Giăng viết: "Ta đã viết những điều này cho các con [...] là kẻ nào [tin], hầu cho các con biết..." (1.Giăng 5:13). Đức Chúa Trời không đẹp lòng loại đức tin đòi hỏi phải có phép lạ trước

đã. Ngài muốn chúng ta tin Ngài chỉ vì cơ Ngài là Đức Chúa Trời.

Vì sao Chúa Jêsus đã **nghiêm khắc** cảnh cáo những người được chữa lành không được phép kể cho người khác? Trong phần chú thích cho 8:4, chúng ta gợi ý rằng chắc Chúa không muốn khuấy động phong trào quá sớm để tôn Ngài lên làm vua. Dân chúng vẫn chưa chịu ăn năn; Ngài không thể trị vì trên họ cho đến khi họ được tái sanh. Hơn nữa, một biến loạn cách mạng để ủng hộ Chúa Jêsus sẽ dẫn đến sự trả đũa khủng khiếp từ tay chính quyền Lama trên người Giuđa. Ngoài ra, Chúa Jêsus phải lên thập tự giá trước khi Ngài có thể cai trị trong tư cách Vua; bất kỳ điều gì cản lối Ngài đến Gôgôtha đều mâu thuẫn với kế hoạch định sẵn của Đức Chúa Trời.

9:31 Với lòng biết ơn khôn tả vì được thấy trở lại, hai người này **loan truyền tin** lúc về phép lạ đã chữa lành họ. Tuy có vẻ chúng ta bị cảm dỗ để đồng cảm, và thậm chí ngưỡng mộ lời làm chứng hổ bởi của họ, sự thật phũ phàng là họ hoàn toàn không vâng lời và không thể tránh khỏi chuyện gây hại hơn là làm ích lợi, bằng cách khơi dậy tính hiếu kỳ nông nổi hơn là sự quan tâm do Thánh Linh dẫn dắt. Ngay cả lòng biết ơn cũng không phải là cơ biện hộ hợp lý cho sự không vâng lời.

M. Quyền Năng Đệ Ba Lời Nói (9:32-34)

9:32 Trước hết, Chúa Jêsus ban sự sống cho người chết; kể đến, ban sự sáng mắt cho kẻ mù; giờ đây Ngài cho kẻ câm nói được. Dường như có trình tự thuộc linh trong các phép lạ tại đây - sự sống đến trước hết, sau đó đến sự

hiểu biết, và sau đó đến lời làm chứng.

Một tà linh làm cho người này bị câm. Có ai đó quan tâm đủ để đưa người bị quỷ ám này đến với Chúa Jêsus. Đức Chúa Trời ban phước cho nhóm người vô danh cao quý đã trở thành những công cụ của Ngài để đưa người khác đến với Chúa Jêsus!

9:33 Ngay khi **quỷ bị đuổi ra**, người **câm nói được**. Chắc chắn chúng ta có thể cho rằng người này sử dụng năng lực lời nói vừa được phục hồi của mình để thờ phượng và làm chứng cho Đấng rất khoan dung chữa lành cho mình. Dân chúng công nhận Ysoraên đang chứng kiến những phép lạ chưa từng thấy.

9:34 Nhưng người Pharisi trả lời bằng cách nói Chúa Jêsus **đuổi quỷ bởi phép của chúa quỷ**. Đây chính là điều về sau Chúa Jêsus gọi là tội không thể tha được (12:32). Gần những phép lạ Ngài thực hiện bởi Thánh Linh cho quyền năng của Satan tức là tội lộng ngôn phạm đến Đức Thánh Linh. Trong khi người khác được phục bởi sự rửa sạch để chữa lành bệnh của Đấng Christ, người Pharisi vẫn chết mắt, đui mù và cảm lạnh về mặt thuộc linh.

VI. CÁC SỰ DỐ CỦA VUA MÊSI ĐƯỢC SAI ĐẾN VỚI YSORAÊN (9:35 - 10:42)

A. Như Cầu Vó Con Gai (9:35-36)

9:35 Câu này mở đầu điều được gọi là Chuyến Lưu Hành Lần Thứ Ba tại xứ Galilê. Chúa Jêsus đi khắp các thành và các làng, giảng Tin Lành về Nước Đức Chúa Trời, tức là: Ngài là Vua của Ysoraên, nếu dân sự ăn năn và công nhận Ngài, Ngài sẽ cai trị họ.

Sự ban nước Thiên đàng xác thực được dành cho Ysraên lần này. Điều gì xảy ra nếu Ysraên đáp ứng? Kinh Thánh không giải đáp thắc mắc này. Chúng ta thực sự biết Đấng Christ vẫn phải chịu chết để cung cấp cơ sở công bình, nhờ đó Đức Chúa Trời có thể xưng công bình cho tội nhân thuộc mọi thời đại.

Khi Đấng Christ giảng dạy, Ngài chưa lành mọi loại tật bệnh. Các phép lạ đã là đặc trưng cho Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất của Đấng Mesi trong ơn thấp hơn, thì cũng vậy, chúng cũng sẽ đánh dấu Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Ngài trong đại quyền đại vinh (đối chiếu Hêbơơ 6:5 "quyền phép của đời sau").

9:36 Khi nhìn vào những đám dân đông Ysraên, bị hà hiếp và bắt lức, Ngài thấy họ như chiên không có người chăn. Ngài động lòng thương xót họ. Ó, điều đó khiến chúng ta có thể biết nhiều hơn nữa tấm lòng khao khát phục lợi thuộc linh cho kẻ lầm lạc và chết mất. Chúng ta rất cần cầu nguyện liên tục:

*Xin cho tôi nhìn vào đám đông,
như Cừu Chúa của tôi đã nhìn.*

Cho đến khi mắt tôi nhạt nhòa đi;

*Xin cho tôi nhìn đây lòng thương
đàn chiên đi lang thang,*

*Và yêu chúng bằng tình yêu của
Ngài.*

9:37 Công tác vĩ đại của mùa gặt thuộc linh cần phải thực hiện xong, nhưng con gặt có quá ít. Đường như nạn đói ấy còn mãi đến ngày nay. Nhu cầu vẫn luôn lớn hơn lực lượng làm việc.

9:38 Chúa Jêsus bảo các môn đồ xin chủ của mùa gặt sai con gặt đến

trong mùa mình. Để ý ở đây là nhu cầu không tạo thành sự kêu gọi. Con gặt đứng đờ cho tới khi được sai đi.

*Đấng Christ. Con Đêc Chúa
Trời đã sai tôi*

*Đến những vùng đất tôi khuya
mưa đêm;*

*Sự phong chức của tôi là sự
phong chức đầy quyền năng*

Từ bàn tay bị dính máu.

- Frances Bevan

Chúa Jêsus không xác định Chủ mùa gặt là ai. Có người nghi đây là Đức Thánh Linh. Trong 10:5, chính Chúa Jêsus sai các môn đồ đi, vì vậy dường như rõ ràng chính Chúa Jêsus là Đấng mà chúng ta nên cầu nguyện với Ngài trong vấn đề truyền giảng Tin Lành thế giới này.

B. Mười Hai Môn Đồ Được Kêu Gọi (10:1-4)

10:1 Trong câu cuối đoạn 9, Chúa dạy các môn đồ cầu nguyện xin thêm con gặt. Để thành tâm dâng lên lời cầu xin ấy, tín hữu phải đích thân sẵn lòng ra đi. Vì vậy, ở đây chúng ta thấy Chúa gọi mười hai môn đồ của Ngài. Trước đó Ngài đã chọn họ, nhưng giờ đây Ngài gọi họ đến sứ mạng truyền giảng đặc biệt cho Ysraên. Đi kèm với sự kêu gọi là thẩm quyền để đuổi các tà linh và chữa lành mọi thứ bệnh tật. Ta thấy tình độc nhất vô nhị của Chúa Jêsus tại đây. Những người khác đã thì hành nhiều phép lạ, nhưng chưa người nào ban được quyền năng này cho người khác.

10:2-4 Mười hai sứ đồ là:

1. **Simôn**, cũng gọi là **Phierơ**. Vốn là người nông nổi, rộng lượng, đầy linh cảm, ông là một lãnh đạo bẩm sinh.

2. **Anhrê là em người.** Ông được Giang Báp-tít giới thiệu đến với Chúa Jê-sus (Giang 1:36,40), sau đó đem Phiê-rơ anh mình đến với Ngài. Từ đó trở đi, ông đã chọn công việc đưa người đến với Chúa Jê-sus.

3. **Giacơ, con của Xê-bê-đê,** là người về sau bị vua Hê-rốt giết chết (Công Vụ 12:2) là người đầu tiên tuôn máu trong số mười hai sứ đồ.

4. **Giăng là em Giacơ.** Cũng là con trai của Xê-bê-đê, ông là môn đồ được Chúa Jê-sus yêu. Chúng ta mang ơn ông về sách Tin Lành Thứ Tư, ba Thư Tin, và sách Khải Huyền.

5. **Philip.** Là dân thành Bê-tsa-da, ông đưa Nathana-ên đến với Chúa Jê-sus. Đừng nhầm ông với Philip thấy giảng Tin Lành trong sách Công Vụ.

6. **Ba-tê-lê-mi.** Người ta tin ông cũng chính là Nathana-ên, người Y-sơ-ra-ên mà Chúa Jê-sus thấy trong ông không có chút chi dối trá (Giang 1:47).

7. **Thô-ma,** còn gọi là Đidim, nghĩa là "con sinh đôi." Thường được gọi là "Thô-ma hoài nghi," nhưng sự nghi ngờ của ông đã dọn đường cho lời tuyên xưng phi thường về Đấng Christ (Giang 20:28).

8. **Mathiô.** Trước kia là người thu thuế, và là người viết sách Tin Lành này.

9. **Giacơ, con của Aphê.** Chúng ta không biết thêm điều gì nữa về ông.

10. **Tha-dê.** Ông còn được gọi là Giuđe con của Giacơ (Luca 6:16). Lời nói được ghi lại duy nhất của ông chép ở Giang 14:22.

11. **Simôn là người Canaan,** Luca gọi ông là Xê-ô-t (Luca 6:15).

12. **Giuđa Ich-ca-ri-ô-t,** là kẻ phản Đức Chúa Jê-sus.

Lúc này, chắc các sứ đồ đang ở độ tuổi hai mươi. Được chọn từ nhiều tầng lớp khác nhau và chắc là những người trẻ tuổi có năng lực trung bình, sự vĩ đại thật của họ cốt ở chỗ họ liên hệ với Chúa Jê-sus.

C. Sứ Mạng Cho Y-sơ-ra-ên (10:5-23)

10:5,6 Phần còn lại của đoạn này chép những lời dạy của Chúa Jê-sus về chuyến giảng đạo đặc biệt cho **nhà Y-sơ-ra-ên.** Đừng nên lầm lẫn với lần sai bảy mươi người ra đi về sau (Luca 10:1) hay với Đại Mạng Lệnh (Mathiô 28:19,20). Đây là chuyến truyền giáo tạm thời với mục đích cụ thể công bố nước Thiên đàng đã đến gần. Tuy mọi số nguyên tắc này có giá trị lâu dài cho dân Chúa trong mọi thời đại, nhưng chính việc một số nguyên tắc về sau được Chúa Jê-sus thu hồi chứng minh chúng không nhằm làm nhưng nguyên tắc vĩnh viễn (Luca 22:35,36).

Thứ nhất, nếu *tu lệ tính.* Họ **không** được phép đến với dân ngoại cũng, không đến với người **Samari,** là dân tạp chủng bị người Giuđa ghét. Lúc này, chức vụ của họ được giới hạn cho con **chiên lạc** của **nhà Y-sơ-ra-ên.**

10:7 *Sứ điệp* là rao giảng nước Thiên đàng đã đến gần. Nếu dân Y-sơ-ra-ên khước từ, sẽ không còn cơ biên hệ nào cả vì lời công bố chính thức này được tuyên rao cho riêng họ. Nước Thiên đàng đến gần trong thân vị của vua. Y-sơ-ra-ên phải quyết định tiếp nhận hay khước từ Ngài.

10:8 Các môn đồ được ban những *phẩm chất thích hợp* để khăng định sứ điệp của họ. Họ sẽ **chứa** lãnh kẻ

đau, làm sạch kè phung, khiến sống kè chết¹⁰ và **đuổi các quỷ**. Người Do Thái đòi hỏi các dấu lạ (L.Côrintô 1:22) vì vậy Đức Chúa Trời đã gia ơn chiếu cố để ban cho họ những dấu lạ.

Về **phần thú lao**, những đại diện của Chúa sẽ không đòi tiền công phục vụ của họ. Họ đã nhận phước hạnh của mình không phải trả tiền, nên sẽ ban phát chúng trên cùng một cơ sở như vậy.

10:9-10 Họ sẽ không cần phải *đi bị trước* cho hành mình. Suy cho cùng, họ là người Ysraen giảng cho người Ysraen, và có một nguyên tắc được thừa nhận giữa vòng người: Giada là người làm công đáng được đó ân. Vì vậy, họ không cần mang theo **vàng**, hoặc **bạc**, hoặc **liền** trong lưng; cũng đừng đem **cái bao** đi đường, hoặc **hai áo**, hoặc **giày**, hoặc **gậy**. Chắc ý nghĩa ở đây là đôi giày *dự phòng* hay một cây gậy *dự phòng*; nếu đã có sẵn một cây gậy rồi, họ được phép mang theo (Mác 6:8). Ý chính ở đây là nhu cầu của họ sẽ được chu cấp hàng ngày.

10:11 Họ sẽ phải thu xếp thể nào về *chỗ ở*. Khi vào một **hành** nào đó, họ phải tìm một chủ nhà **xứng đáng** người sẽ tiếp họ như môn đồ của Chúa và sẽ mở lòng ra với sự giúp của họ. Một khi đã tìm gặp chủ nhà như thế, họ sẽ ở cùng với người ấy chừng nào còn ở trong thành, chứ không vì tìm được điều kiện sống thuận lợi hơn mà ra khỏi nhà đó.

10:12-14 Nếu **nhà nào** tiếp họ, các môn đồ sẽ **chào** gia đình, lịch sự và biết ơn đến nhân lòng mến khách ấy. Mặt khác, nếu nhà nào không chịu tiếp đại sứ *gả* của Chúa, họ không có

bổn phận cầu xin sự **bình an** của Đức Chúa Trời cho nhà ấy. Cố nghĩa họ không chúc phước cho gia đình ấy. Không nhưng thế thôi, họ còn diệt là sự buồn lòng của Đức Chúa Trời bằng cách phải **bại** dưới **chân**. Khi khước từ món đồ của Đấng Christ, gia đình ấy đang khước từ chính Ngài.

10:15 Ngài báo trước sự khước từ ấy sẽ đem lại hình phạt trong **ngày phán xét** còn kinh khiếp hơn cả hình phạt cho sự bại hoại của thành **Sôđôm và Gômôr**. Điều này chứng minh có nhiều mức độ hình phạt trong địa ngục; nếu không, làm sao có người lại chịu nhẹ **hơn** người khác?

10:16 Trong phần này, Chúa Jêsu khuyên mười hai sứ đồ về *hành vi* của họ *khí đối diện với sự bất hòa*. Họ sẽ giống như **chiến giữa bảy muông sói**, bị bao vây giữa những người gian ác rắp tâm tiêu diệt họ. Họ nên **khôn ngoan như rắn**, tránh tạo ra những xúc phạm không cần thiết hay bị mắc vào những tình huống đầy thỏa hiệp. Và họ cũng phải **vô hại** (Bản Việt Ngữ ghi là "đen sơ") **như chim bồ câu**, được bảo vệ bởi binh giáp của đức tin công bình và đức tin không chút giả mạo.

10:17 Họ phải cảnh giác trước những người Do Thái vô tín, là người sẽ lôi họ vào tòa án hình sự và đánh đòn họ trong nhà **hội**. Họ sẽ bị tấn công cả về mặt dân sự lẫn tôn giáo.

10:18 Họ sẽ kéo lê đến trước **mặt quan tổng đốc và các vua** vì cơ Đấng Christ. Nhưng sự nghiệp của Đức Chúa Trời sẽ chiến thắng gian ác của các người. "Con người có sự gian ác của mình, nhưng Đức Chúa Trời có

đường lối Ngài." Trong giờ phút thất bại, các môn đồ sẽ được hưởng đặc ân vô song để làm chứng trước mặt các vua và người ngoại bang. Đức Chúa Trời sẽ hiệp mọi sự lại làm ích. Cơ Đốc giáo đã chịu khổ rất nhiều từ tay quan chức dân sự, thế nhưng "chẳng còn giáo lý nào bổ ích hơn thế nữa cho những người được lập lên để cai trị."

10:19,20 Họ không cần phải tập luyện trước những gì phải nói khi ra tòa. Nhưng thời điểm đến, Thánh Linh Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ khôn ngoan thiên thượng để trả lời thế nào cho tôn vinh Đấng Christ và hoàn toàn làm bớt rối và nãn lòng những người vu cáo họ. Nên tránh hai thái cực quá khích khi giải thích câu 19. Quá khích thứ nhất là giả định ngay thơ cho rằng Cơ Đốc nhân không bao giờ cần chuẩn bị trước sự điệp của mình. Điều quá khích thứ hai là quan điểm cho rằng câu này không thích ứng cho chúng ta ngày nay. Điều phải lẽ và đáng ao ước ấy là người giảng chữ đạo trong tinh thần cầu nguyện trước mặt Chúa để nhận được lời thích hợp cho một dịp cụ thể. Nhưng cũng đúng là trong những khủng hoảng, mọi tín hữu đều có thể nắm lấy lời hứa của Đức Chúa Trời để xin Ngài ban cho họ khôn ngoan nói ra với trực giác thiên thượng. Họ trở thành những chiếc loa phát ngôn cho Thành Linh của Cha họ.

10:21 Chúa Jêsus báo trước cho các môn đồ biết sẽ phải đối diện với sự phản bội xảo trá và lừa gạt. Anh sẽ vu cáo em. Cha sẽ phản con. Con cái sẽ trở thành kẻ tố giác cha mẹ, khiến cha mẹ bị xử tử.

J. C. Macaulay diễn tả điều này rất hay:

*Chúng ta đang vì có đồng minh cùng chịu sự thù ghét của thế gian... đây là không được phép đòi hỏi được kẻ thù đòi dãi tới hơn họ đã đòi dãi với chính Chúa. Nếu thế gian này không còn diễn gì tồi hơn thập tự giá để dành cho Chúa Jêsus, thế gian sẽ không dành cho môn đồ Ngài chiếc xe ngựa của vua; nếu chỉ có máu gói dành cho Ngài, sẽ không có những vòng hoa dành cho chúng ta đâu ... Chỉ có đến chúng ta phải thấu sự thù ghét của thế gian dãi với chúng ta thôi; sự là "vì có Đấng Christ," chứ không phải ghét vì có bất kỳ điều gì đáng ghét với chúng ta hay diễn gì không xứng đáng với Chúa dãi vì là Đấng mà chúng ta đang đòi dãi.*¹⁷

10:22,23 Các môn đồ sẽ bị mọi người ghét - không phải mọi người theo nghĩa không có ngoại lệ, nhưng bị ghét bởi mọi nền văn hóa, mọi dân tộc, mọi tầng lớp, v.v..., của con người. "Song ai bền lòng cho đến cuối cùng thì sẽ được rồi." Nếu chỉ hiểu riêng câu này, dường như câu này ám chỉ có thể kiếm được sự cứu rỗi bởi bền lòng kiên trì. Chúng ta biết câu này không nói điều ấy vì trong suốt Kinh Thánh, sự cứu rỗi được trình bày như món quà tặng không của ân điển Chúa qua đức tin (Êphêso 2:8-9). Câu này cũng không thể có nghĩa ai cứ trung tin với Đấng Christ thì sẽ được cứu khỏi sự chết thuộc thế; câu Kinh Thánh trước đã báo trước sự chết của một số môn đồ trung tin rồi. Cách giải thích đơn giản nhất là: sự bền lòng là dấu hiệu của

người thật sự được cứu. Những người bền lòng đến cuối cùng trong lúc bị bắt bớ đã dùng chính sự bền đó chứng minh họ là tin hữu thật. Lời tuyên bố này cũng có trong Mathiơ 24:13, nói đến dân Giuđa trung tín sót lại trong Cơ Đai Nạn không chịu thỏa hiệp lòng trung thành với Chúa Jêsus của họ. Sự bền lòng của họ chứng minh họ là môn đồ thật.

Trong những đoạn Kinh Thánh nói đến tương lai, Thánh Linh Đức Chúa Trời thường chuyển từ tương lai gần sang tương lai xa. Lời tiên tri có thể mang ý nghĩa một phần và trước mắt đồng thời có cả sự ứng nghiệm đầy đủ và xa hơn. Nói ví dụ, Hai Sự Hiện Đến của Đấng Christ có thể kết hợp với nhau trong cùng một phần đoạn mà không giải thích thêm gì cả (Êsai 52:14,15; Michê 5:2-4). Trong câu 22 và 23, Chúa Jêsus đã dùng thể loại chuyển tiếp mang tính liên tri này. Ngài báo trước cho mười hai môn đồ về họa nạn thương khốc họ sẽ chịu vì cơ Ngài, rồi dường như Ngài thấy họ làm hình bóng về những môn đồ Do Thái tận hiến của Ngài trong Cơ Đai Nạn. Ngài đã nhảy vọt từ những thử thách của các Cơ Đốc nhân đầu tiên đến những thử thách của những tin hữu trước Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Ngài.

Phần đầu câu 23 có thể nói đến mười hai sứ đồ: nhưng "**Khi nào người ta bắt bớ các người trong thành này, thì hãy trốn qua thành kia...**" Họ không buộc phải cứ chịu thôi bạo ngược của kẻ thù nếu còn lối thoát đáng trọng. "Tránh thoát nguy hiểm thì không sai - chỉ sai khi trốn tránh nhiệm vụ!"

Phần cuối câu 23 đưa chúng ta hướng trước tới những ngày ngay trước khi Đấng Christ trở lại để cai trị: "... **Các người đi chưa khắp các thành dân Ysraên thì Con người đã đến rồi.**" Câu này không có thể nói đến sự mạng của mười hai sứ đồ vì Con Người đã đến rồi. Một số giáo sư Kinh Thánh hiểu câu này nói đến sự phá hủy Giêrusalem vào năm 70 S.C. Tuy nhiên, thật khó nhìn thấy làm sao nói đến trận thảm sát này như "sự hiện đến của Con Người." Dường như khả dĩ hơn nhiều nếu xem câu này nói đến sự Tái Lâm của Chúa. Trong Cơ Đai Nạn, những anh em Do Thái trung tín của Đấng Christ sẽ ra đi rao giảng Tin Lành của nước Thiên đàng. Họ sẽ bị bắt bớ và săn đuổi. Trước khi có thể đi hết mọi thành của Ysraên, Chúa Jêsus đã trở lại để đoán xét kẻ thù Ngài và thiết lập vương quốc Ngài.

Có vẻ như có mâu thuẫn giữa câu 23 và Mathiơ 24:14. Ở đây nói họ đi **chưa khắp các thành của Ysraên thì Con Người đã đến rồi.** Ở Mathiơ 24:14 nói rằng Tin Lành về Nước Trời sẽ được giảng ra khắp đất trước khi Ngài tái lâm. Tuy nhiên, không có mâu thuẫn nào cả. Tin Lành sẽ được giảng trong mọi dân tộc, dầu vậy không nhất thiết phải giảng cho mọi cá nhân. Nhưng sứ điệp này sẽ bị chống đối rất ngoan cố, và sứ giả sẽ bị bắt bớ kinh khiếp và bị cản trở trong Ysraên. Vì vậy, không phải họ sẽ đến được tất cả mọi thành của Ysraên.

10:24,25 Môn đồ của Chúa sẽ gặp dịp thác mắc vì sao mình phải chịu ngược đãi. Nếu Chúa Jêsus là Đấng

Mêsi, vậy sao môn đồ Ngài phải chịu khổ thay vì đang cai trị? Trong câu 24 và 25, Chúa lương trước thác mắc của họ và trả lời bằng cách nhắc họ nhớ mối quan hệ của họ với Ngài. Họ là môn đồ; Ngài là Thầy của họ. Họ là đầy tớ; Ngài là Chủ của họ. Họ là người trong nhà; Ngài là chủ nhà. Làm môn đồ có nghĩa đi theo Thầy, chứ không phải làm người cao trọng hơn thầy. Đầy tớ không nên đòi hỏi được ưu đãi hơn Chủ mình. Nếu con người gọi Chủ Nhà đáng kính là "Bēōnxēbun" ["chùa của loài ruồi," một vị thần của người Êcrôn mà người Giuđa dùng tên ấy để chỉ về Satan], thì họ sẽ dùng những lời lẽ lang mạ càng ghê gớm hơn nữa cho người nhà của Ngài. Làm môn đồ bao gồm cả chia sẻ sự hắt hủi Thầy mình đang chịu.

10:26,27 Ba lần Chúa dạy các môn đồ đứng sợ (câu 26, 28, 31). Trước hết, họ **đứng sợ** điều có vẻ như chiến thắng của kẻ thù; sự nghiệp của Ngài sẽ được định vực cách vinh quang trong ngày hầu đến. Mãi đến lúc này, Tic. Lành vẫn tương đối **bị giấu** và những sự dạy dỗ của Ngài tương đối **bị che khuất**. Nhưng chẳng mấy chốc, các môn đồ sẽ dạn dìa rao giảng sứ điệp Đấng Christ mà đến lúc này vẫn đang được dạy bảo cho họ trong nơi kín nhiệm, tức dạy cách riêng tư.

10:28 Thứ nhì, các môn đồ **đứng sợ** cơn tức giận đầy sát khí của con người. Điều tệ hại nhất con người làm được là **giết thân thể**. Sự chết thuộc thể không phải là thân kịch lỗi cao đối với Cơ Đốc nhân. Chết là được ở với Đấng Christ và vì vậy tốt hơn

nhiều. Đây chính là sự giải cứu khỏi tội lỗi, buồn rầu, bệnh tật, hoạn nạn và sự chết; đây là sự chuyển dời vào vĩnh viễn đời đời. Vì vậy, theo ý nghĩa thực tế, điều tệ hại nhất mà con người làm được chính là điều tốt nhất có thể xảy ra cho con cái Đức Chúa Trời.

Các môn đồ đứng nên sợ con người nhưng nên **kính sợ Đấng có thể diệt được cả linh hồn và thân thể trong địa ngục**. Đây là sự mất mát lớn nhất - bị phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời, khỏi Đấng Christ và khỏi hy vọng. Sự chết thuộc linh là mất mát không thể lường được, là số phận phải tránh bằng mọi giá.

Những lời của Chúa Jêsus trong câu 28 nhắc ta nhớ đến John Knox thành thệt, trên bia mộ ông ghi dòng chữ: "Đây là nơi an nghỉ của người sợ Đức Chúa Trời đến nỗi không bao giờ sợ bất kỳ ai."

10:29 Giữa những thử thách khủng khiếp, các môn đồ có thể tin cậy sự chăm sóc của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus dạy điều này từ loài chim sẽ vốn có khắp mọi nơi. Hai con chim lẩn thừng này được **bán với giá một đồng tiền**. Thế nhưng **không một con nào chết ngoài ý muốn của Cha**, không được Cha biết đến hay không có mặt của Cha. Có người nói: "Đức Chúa Trời dự tang lễ của mỗi con chim sẽ."

10:30,31 Chính Đức Chúa Trời quan tâm cách cá nhân đến loài chim sẽ bé xiu kia cũng là Đấng đếm chính xác tóc trên đầu của mỗi con cái Ngài. Sợ tóc kém giá trị hơn con chim sẽ nhiều. Điều này cho thấy dân sự Ngài **quý trọng hơn nhiều chim sẽ**, vậy sao họ phải sợ?

10:32 Với những nhận định trước đó, còn gì hợp lý hơn cho môn đồ Đấng Christ phải **xưng** Ngài ra trước **mặt thiên hạ** cách không chút sợ hãi? Bất kỳ xấu hổ hay nhục nhã nào họ có thể chịu đều sẽ được ban thưởng dư dật trên Thiên đàng khi Chúa Jêsus xưng họ ra trước mặt Cha Ngài. Xưng Đấng Christ ra ở đây bao gồm lòng tận hiến cho Ngài là Chúa và Cứu Chúa và công nhận Ngài bằng đời sống và hàng mô: miệng. Trong trường hợp của hầu hết mười hai sứ đồ, điều này dẫn đến sự tuyên xưng tối hậu về Chúa trong sự tuận đạo.

10:33 Chối Đấng Christ trên trần gian sẽ được báo đáp bởi bị chối trước mặt Đức Chúa Trời trên trời. Chối Đấng Christ theo ý nghĩa này tức là không chịu công nhận những đòi hỏi của Ngài trên đời sống mình. Trên thực tế, những ai sống cuộc đời tuyên bố: "Tôi không hề biết Ngài" cuối cùng sẽ nghe Ngài phán: "Ta không hề biết ngươi." Ở đây, không phải Chúa đang nói đến sự chối Ngài tạm thời khi gặp áp lực, như trong trường hợp của Phêrô, nhưng nói đến kiểu chối bỏ trở thành thói quen chung cuộc.

D. Không Phải Bình An Nhưng Thanh Gươm (10:34-38)

10:34 Phải hiểu những lời phán của Chúa chúng ta như biện pháp tu từ mà trong đó những kết quả mắt thấy được về sự hiện đến của Ngài được nói đến như mục đích hiển nhiên về sự hiện đến của Ngài. Chúa nói rằng Ngài **không đến để đem sự bình an, mà là đem gươm giáo**. Thật

ra, Ngài đã đến để đem lại bình an (Êphêso 2:14-17); Ngài đã đến để thế gian có thể được cứu bởi Ngài (Giăng 3:17).

10:35-37 Nhưng ý chính ở đây ấy là: bất cứ khi nào các cá nhân trở nên môn đồ Ngài, gia đình họ sẽ quay sang chống đối họ. Một người cha trở lại tin Chúa sẽ bị người con trai vô tín của mình chống đối, một người mẹ tin Đấng Christ bị con gái chưa được cứu của mình chống đối. Bà gia được tái sanh sẽ bị con dâu chưa được tái sanh thù ghét. Vì vậy, thường phải chọn lựa giữa Đấng Christ và gia đình. Không mối ràng buộc tự nhiên nào được phép lung lạc tin đổ khỏi lòng hoàn toàn trung thành với Chúa. Cứu Chúa phải ưu tiên hơn cha, mẹ, con trai hay con gái mình. Một trong những giá phải trả để làm môn đồ là kinh nghiệm sự căng thẳng, xung đột, xa lánh từ chính gia đình mình. Sự thù địch này thường cay đắng hơn sự thù địch trong các lãnh vực khác của đời sống.

10:38 Nhưng còn một điều thường cướp đi địa vị hợp pháp của Đấng Christ hơn cả gia đình nữa - đây chính là yêu sự sống mình. Vì vậy Chúa Jêsus nói thêm: "**Ái không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta.**" Đương nhiên, thập tự giá là phương tiện tử hình. Vác thập tự giá đi theo Đấng Christ có nghĩa sống trong sự từ bỏ mình tận tụy với Ngài đến nỗi ngay cả sự chết cũng không phải là một giá cao quá không trả nổi. Không phải tội môn đồ đều bị đòi hỏi phải bỏ mạng sống vì Chúa, nhưng bất thầy đều được kêu

gọi để quý trọng Ngài đến nỗi không kể sự sống mình làm quý nữa.

10:39 Lòng yêu mến Đấng Christ phải áp đảo bản năng bảo tồn chính mình. **Ai gìn giữ sự sống mình, thì sẽ mất; còn ai vì cơ Đấng Christ mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được.** Cảm dỗ ở đây là giữ chặt lấy sự sống mình bằng cách cố gắng tránh nỗi đau đớn mất mát của một đời sống tận hiến hoàn toàn. Nhưng đây là sự phung phí đời sống lớn nhất - sống cuộc đời làm thỏa mãn bản ngã. Công dụng lớn nhất của đời sống là sống phục vụ Đấng Christ. Người nào mất sự sống mình để tận hiến cho Ngài thì sẽ tìm lại được cách đầy dẫy trọn vẹn.

E. Một Chén Nước Lạnh (10:40-42)

10:40 Không phải mọi người đều khước từ sứ điệp của các môn đồ. Có người sẽ công nhận họ là đại diện của Đấng Mêsi và tiếp đãi họ tử tế. Các môn đồ sẽ rất hạn chế trong khả năng đền đáp lại lòng tử tế như thế, nhưng họ không phải lo lắng; bất kỳ điều gì làm cho họ sẽ được kể là làm cho Chúa, và sẽ được ban thưởng xứng đáng.

Đón tiếp môn đồ Đấng Christ sẽ tương đương với đón tiếp chính Đấng Christ, và đón tiếp Ngài cũng chính là đón tiếp Đức Chúa Cha là **Đấng đã sai** Ngài, vì người được sai đi đại diện cho người sai phái. Đón tiếp một đại sứ - là người thay mặt cho chính quyền đã sai phái đại sứ ấy đi - tức là hướng những mối quan hệ ngoại giao với đất nước của đại sứ ấy.

10:41 Ai rước một đấng tiên tri vì người ấy là đấng tiên tri thì sẽ lãnh

phần thưởng của đấng Hên Iri. A. T. Peterson bình luận:

Người Do Thái xem phần thưởng của đấng tiên tri là lớn nhất; vì trong khi các vua cai trị trong danh Chúa, các thầy tế lễ nhân danh Chúa thì hành chức vụ, thì các tiên tri đến từ Chúa và dạy các thầy tế lễ lẫn vua. Đấng Christ nói rằng nếu bạn chỉ cứu dùm nước vì tiên tri vì cơ người ấy là tiên tri, thì chắc phần thưởng được ban cho tiên tri cũng sẽ được ban cho bạn, nếu bạn giúp người tiên tri ấy. Hãy suy nghĩ đến điều đó nếu bạn có khuyến khích chi trích điển giết. Nếu bạn giúp ông phát ngôn cho Đức Chúa Trời, và khích lệ ông, bạn sẽ nhận một phần trong phần thưởng của ông; nhưng nếu bạn gây cho người ấy khó thì hành chức vụ, bạn sẽ mất phần thưởng của bạn. Thật tuyệt vời khi giúp một người đang tìm cách làm điều ích lợi. Bạn đừng nhìn vào ý phục, thái độ, cung cách hay giọng nói của người ấy; nhưng bạn nên nhìn vượt qua những thứ đó để nói: "Đây có phải là sứ điệp của Chúa dành cho tôi không? Người này có phải là tiên tri của Đức Chúa Trời cho linh hồn tôi không?" Nếu người ấy là tiên tri của Chúa, hãy đón tiếp người, tôn trọng lời nói và công việc của người, và rồi nhận một phần trong phần thưởng của người.¹⁸

Ai rước một người công chính vì người ấy là một người công chính, thì sẽ lãnh phần thưởng của người công chính. Nhưng ai đoán xét người khác bởi vẻ hấp dẫn thuộc thể hay sự sung túc của cải vật chất, thì không nhận thấy được giá trị đạo đức thật sự được

che khuất sau dáng vẻ rất tầm thường. Cách một người đối đãi với một môn đồ giản dị nhất cũng chính là cách người ấy đối đãi với chính Chúa.

10:42 Hành vi tử tế đối với môn đồ của Chúa Jêsus sẽ không hề bị bỏ qua. Ngay cả **một chén nước lạnh** đem cho một người vì cố người ấy là môn đồ của Chúa cũng sẽ được ban thưởng lớn lao.

Như vậy, Chúa kết thúc mạng lệnh đặc biệt của Ngài cho mười hai sứ đồ bằng cách trao cho họ phẩm cách của bậc vương giả. Đúng là họ sẽ bị chống đối, hắt hủi, bắt giữ, xét xử, bỏ tù và thậm chí bị giết nữa. Nhưng họ đừng bao giờ quên mình là những đại diện của Vua và đặc ân vinh diệu của họ là phát ngôn và hành động thay cho Ngài.

VII. SỰ CHỐNG ĐỐI VÀ KHƯỚC TỬ NGÀY CÀNG GIA TĂNG (Đoạn 11,12)

A. Giảng Báp-tít bị bỏ tù (11:1-19)

11:1 Sau khi sai mười hai sứ đồ thu hành sứ mạng đặc biệt và tạm thời cho nhà Ysraêl, Chúa Jêsus rời khỏi **chỗ đó đi giảng dạy trong các thành** trong xứ Galilê, là nơi các môn đồ đã sống trước đó.

11:2,3 Giờ đây, Giảng bị Hê-rốt bỏ tù. Ngã lòng và có đơn, ông bắt đầu thối nát. Nếu Chúa Jêsus thật là Đấng Mêsê, vì sao Ngài để sứ giả mở đường cho Ngài khốn khổ trong tù? Giống như rất nhiều bậc vĩ nhân của Đức Chúa Trời, Giảng đã gặp lúc đức lùn tạm thời bị sụp đổ. Vì vậy, Giảng sai hai **trong số các môn đồ** mình (Bản Việt ngữ: sai môn đồ mình) đến hỏi Chúa Jêsus có thật là Đấng các

tiên tri đã hứa không, hay họ vẫn phải chờ Đấng Hứa Xức Dầu.

11:4,5 Chúa Jêsus trả lời bằng cách nhắc Giảng nhớ Ngài đang làm các phép lạ được dự ngôn về Đấng Mêsê: **kẻ mù được thấy** (Êsai 35:5); **kẻ què được đi** (Êsai 35:6); **kẻ phong được sạch** (Êsai 53:4; cũng xem Mathiô 8:16,17); **kẻ điếc được nghe** (Êsai 35:5); **kẻ chết được sống lại** (không có nói tiên tri cho Đấng Mêsê; phép lạ này còn vĩ đại hơn cả những phép lạ được dự ngôn trước). Chúa Jêsus nhắc Giảng nhớ Tin Lành đang được rao giảng cho kẻ nghèo khổ để làm ứng nghiệm lời tiên tri về Đấng Mêsê trong Êsai 61:1. Các lãnh tụ tôn giáo thường hay chú ý vào giới giàu có quyền quý. Đấng Mêsê đem tôn giáo đến cho kẻ khó khăn.

11:6 Rồi Cứu Chúa nói thêm: "**Phước cho ai chẳng vấp phạm vì cơ lai!**" Trên môi miệng của người khác, đây sẽ là lời khoe khoang của người ích kỷ tốt bụng. Trên môi miệng Chúa Jêsus, đây là lời nói hợp lý về sự hoàn hảo của cá nhân Ngài, thay vì xuất hiện như một đại tướng hào hùng, Đấng Mêsê đã đến như Người Thợ Mộc tầm thường. Sự dịu dàng, địa vị thấp kém và khiêm nhường của Ngài không phải là đặc điểm một thần tượng nổi bật về một Đấng Mêsê cầm quân. Những người bị thúc đẩy bởi những tư đục của xác thịt có lẽ nghi ngờ lời Ngài tuyên bố là Vua. Nhưng phước hạnh của Đức Chúa Trời sẽ giảng trên những ai dùng sự hiểu biết thuộc linh để công nhận Chúa Jêsus ở Naxarét là Đấng Mêsê đã hứa ban.

Đừng nên giả: nghĩa câu ó như lời quả trách Giăng Báp-tít. Đức tin của mọi người cần được nhiều lần khẳng định và làm vững mạnh. Sự đổ đức tin tạm thời là một chuyện, vấp ngã vinh viễn vì chân điển thật của Chúa Jê-sus lại là chuyện hoàn toàn khác. Không một chương đơ: tế nào trở thành câu chuyện của trọn đời người. Khi xét đến toàn bộ đời sống Giăng, chúng ta thấy bản kỹ thuật về sự trung tín và bền đỗ.

11:7,8 Ngay khi các môn đồ Giăng ra về đem theo lời trấn an của Chúa Jê-sus, Chúa quay sang đoàn dân đông để khen Giăng Báp-tít. Cũng chính đoàn dân này đã ùa vào đóng vắng khi Giăng rao giảng tại đó. Vì sao vậy? **Để xem** một người như **cây sậy** yếu đuối và lay động, **bị rung** trước mọi **cơn gió** thoáng qua của dư luận con người chẳng? Đương nhiên không! Giăng là vị truyền đạo không biết sợ, một lương tâm tiêu biểu, người tha chịu khổ hơn là nín lặng, tha chết hơn là nói dối. Có phải họ **đến để xem** một triều thần ăn mặc đẹp, sang trọng? Đương nhiên không! Giăng là con người bình dị của Đức Chúa Trời, cuộc sống khác khổ của ông là lời quả trách tinh thần bất chước thế gian cực kỳ trầm trọng của dân chúng.

11:9 Có phải họ ra đóng vắng để xem **đấng tiên tri** chẳng? Ó. Giăng là đấng tiên tri trên thực tế, là tiên tri vĩ đại nhất. Ở đây Chúa không hàm ý ông còn hơn đấng tiên tri về mặt tính cách cá nhân. Thuật hùng biện hay tính thuyết phục; ông cao trọng hơn vì địa vị làm sứ giả mở đường cho Vua Mê-si.

11:10 Điều này được giải thích rõ trong câu 10; Giăng làm ứng nghiệm lời tiên tri của Malachi (3:1) làm vị **sứ giả** đi trước Chúa và **chuẩn bị** cho dân sự đón Ngài hiện đến. Nhiều người khác đã nói tiên tri về Sự Hiện Đến của Đấng Christ, nhưng Giăng là người được chọn để công bố sự hiện ra thật của Ngài. Có người nói rất hay: "Giăng đã mở đường cho Đấng Christ và rồi ông *nhường đường* cho Đấng Christ."

11:11 Câu nói "**Kẻ rất nhỏ** hèn **trong nước thiên đàng** còn được tôn **trọng hơn người**," chứng tỏ là Chúa Jê-sus đang nói đến đặc ân của Giăng, chứ không phải tính cách của ông. **Kẻ rất nhỏ hèn trong nước Thiên đàng** không nhất thiết có tính cách tốt hơn Giăng, nhưng người ấy có đặc ân **tôn trọng** hơn. Làm công dân nước Thiên đàng thì cao trọng hơn công bố sự hiện đến của nước ấy. Đặc ân của Giăng thật vĩ đại trong việc dọn đường cho Chúa, nhưng ông không cần sống để hưởng các phước hạnh của nước Thiên đàng.

11:12 Từ đầu chức vụ của Giăng cho đến khi bị cầm tù vào lúc này, nước **Thiên đàng** bị **bạo lực** hãm ép. Người Pharisai và thầy thông giáo chống đối nước ấy dữ ợn. Vua Hê-rốt đã vui dập nước Thiên đàng bằng cách bắt giữ sứ giả của nước ấy.

"... **Và kẻ hãm ép đó chiếm lấy bằng sức mạnh.**" (Bản Việt ngữ: "... và là kẻ hãm ép đó chiếm lấy.") Câu này có thể giải nghĩa theo hai cách. Thứ nhất, kẻ thù nước Thiên đàng đã đốt hết sức hãm ép nước Thiên đàng để tiêu diệt nước ấy. Việc họ khước từ

Giăng báo trước việc khước từ chính vị Vua và bởi đó khước từ luôn vương quốc. Nhưng cũng có thể câu này nói rằng những ai sẵn sàng đón sự hiện ra của Vua thì đã đáp ứng mạnh mẽ với lời công bố và ràng hết sức để vào nước Thiên đàng. Đây là ý nghĩa trong Luca 16:16: "Luật pháp và các lời tiên tri co đến đời Giăng mà thôi; từ đó, tin lành của nước Đức Chúa Trời được truyền ra, và ai nấy dùng sức mạnh mà vào đó." Ở đây, nước Thiên đàng được mô tả như thành phố bị vây, và mọi hạng người từ bên ngoài đang đập cửa, cố chen vào trong. Cửa phải có sự hâm ép thuộc linh nhất định.

Đầu chấp nhận ý nào đi nữa, ý chính vẫn là: sự giảng đạo của Giăng đã gặp phải phản ứng mạnh mẽ, và đem lại một ảnh hưởng sâu xa và lan rộng.

11:13 "Vi hết thầy các đấng tiên tri và sách luật đã nói trước cho đến đời Giăng." Toàn bộ sách từ Sáng Thế Ký đến Malachi báo trước sự hiện đến của Đấng Mêsai. Khi Giăng xuất hiện tiên đoán dân lịch sử, vai trò độc đáo của ông không phải chỉ nói tiên tri; vai trò của ông là công bố sự ứng nghiệm toàn bộ những lời tiên tri về Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất của Đấng Christ.

11:14 Malachi đã dự ngôn trước khi Đấng Mêsai hiện ra, Êli sẽ đến trước làm người mở đường (Malachi 4:5, 6). Nếu dân chúng sẵn lòng đón nhận Chúa Jêsus là Đấng Mêsai, thì Giăng hẳn sẽ đi vào vai trò của Êli. Giăng không phải là Êli tái thế - ông khẳng định mình không phải là Êli trong Giăng 1:21. Nhưng ông đã đến

trước Đấng Christ trong tinh thần và quyền năng của Êli (Luca 1:17).

11:15 Không phải tất cả mọi người đều quý trọng Giăng Báp-tít hay hiểu ý nghĩa sâu nhiệm của chức vụ ông. Do đó, Chúa nói thêm: "Ai có tai mà nghe, hãy nghe." Nói cách khác, hãy chú ý. Đừng bỏ sót ý nghĩa điều các người đương nghe. Nếu Giăng làm ứng nghiệm lời tiên tri về Êli, thì Chúa Jêsus là Đấng Mêsai đã hứa ban! Khó công nhận Giăng Báp-tít như vậy. Chúa Jêsus đang tái khẳng định lời Ngài tuyên bố là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Chấp nhận điều này sẽ dẫn đến chấp nhận cả điều kia.

11:16,17 Nhưng đồng đời đang nghe Chúa Jêsus phân không quan tâm chấp nhận điều nào cả. Nhưng người Do Thái được đặc ân nhìn thấy Sự Hiện Đến của Vua Mêsai của họ đã không quan tâm đến cả Ngài lẫn người mở đường cho Ngài. Họ là một câu đố hóc búa. Chúa Jêsus vì họ với con trẻ hay hơn đối ngộ giữa chợ không chịu thỏa lòng với bất kỳ sự tiếp xúc kết thân nào cả. Nếu bạn chúng muốn thổi sáo để chúng có thể nhảy múa, thì chúng không chịu. Nếu bạn chúng muốn diễn kịch đám tang, chúng không chịu **than khóc**.

11:18,19 Giăng đến như một người khổ tu thì người Giuda lên án ông bị quỷ ám. Mặt khác, **Con Người** ăn uống theo cách bình thường. Nếu nếp sống khổ tu của Giăng khiến họ thấy khó chịu, thì chắc hẳn họ phải hài lòng với thói quen ăn uống bình thường hơn của Chúa Jêsus. Nhưng không! Họ gọi Ngài là người **ham mê ăn uống**, kẻ say rượu, bạn bè với

người thu thuế cùng kẻ xấu nề. Đương nhiên, Chúa Giêsu không hề ăn uống quá đáng; lời buộc tội của họ hoàn toàn bị gạt. Đùng Ngài làm **bạn với người thu thuế cùng kẻ xấu nề** nhưng không theo cách họ muốn nói. Ngài kết bạn với tội nhân để cứu họ khỏi tội, nhưng Ngài không hề chia sẻ hay tàn thành tội lỗi của họ.

"Song le, sự khôn ngoan được xưng là phải, bởi những việc làm của sự ấy." Đương nhiên, Chúa Giêsu là Sự Khôn Ngoan hiện thân (I.Côrinthô 1:30). Dầu những người vô tín có thể vu cáo Ngài, Ngài được bình vực bởi công việc của Ngài và qua đời sống các môn đồ Ngài. Dầu đoàn dân Giuđa không chịu công nhận Ngài là Vua Mêsi, nhưng lời tuyên bố của Ngài hoàn toàn được xác minh: bởi các phép lạ của Ngài và bởi sự hiển lộ tâm linh của các môn đồ tận tụy của Ngài.

B. Những Lời Rủa Sả Trên Các Thành Không Ăn Nạn Ở Xứ Galilê (11:20-24)

11:20 Đặc ân (ơn lao đem lại trách nhiệm lớn lao. Không thành phố nào có đặc ân hơn Côraxin, Betsaida và Cabénaum. Con Đức Chúa Trời nhập thể đã bước đi trên những con đường đầy bụi của họ, dạy dỗ dân sự được sung ái của họ, và thi hành hầu hết các phép lạ quyền năng của Ngài giữa các vách thành của họ. Trước bằng chứng tràn ngập như thế, họ vẫn ngoan cố không chịu ăn năn. Như vậy, chẳng lấy gì làm lạ khi Chúa công bố số phận nghiêm trọng nhất trên họ.

11:21 Ngài bắt đầu với **Côraxin** và **Betsaida**. Các thành này đã nghe hiệp

ước đầy ơn của Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của họ, thế nhưng vẫn xây dựng lại với Ngài. Suy nghĩ của Ngài quay về với thành **Tyro và Sidôn**, là những thành chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời vì cố thờ lạy hình tượng và gian ác. Nếu được đặc ân nhìn thấy các phép lạ của Chúa Giêsu, ít họ đã tự hạ mình ăn năn cách sâu xa nhất. Do vậy, **trong ngày phán xét, Tyro và Sidôn** sẽ bị đoán phạt nhẹ hơn **Côraxin và Betsaida**.

11:22 Những chữ "**đến ngày phán xét... sẽ chịu đoán phạt nhẹ hơn**" cho thấy sẽ có nhiều mức độ hình phạt trong địa ngục, cũng như sẽ có nhiều mức độ ban thưởng trên Thiên đàng (I.Côrinthô 3:12-15). Một tội duy nhất đưa con người vào địa ngục chính là không chịu vâng phục Đức Chúa Giêsu Christ (Giăng 3:36b). Nhưng cường độ chịu khổ trong địa ngục sẽ tùy thuộc vào đặc ân đã bị khước từ và những tội họ đã buông mình vào.

11:23,24 Có rất ít thành phố hưởng đặc ân như **Cabénaum**. Thành này đã trở nên quê hương của Chúa Giêsu sau khi Ngài bị khước từ tại Naxarét (9:1; cũng xem Mác 2:1-12), và một số các phép lạ phi thường nhất của Ngài — tức những bằng chứng không thể hắc bệ vào đâu được về tư cách Đấng Mêsi của Ngài — đã được thi hành tại đó. Nếu thành Sôdôm gian ác kia — tức kinh đô của đồng tính luyến ái — được hưởng đặc ân như thế, ít ra đã ăn năn và được dung tha. Nhưng đặc ân của Cabénaum, còn lớn hơn. Đấng ra dân chúng phải ăn năn và vui mừng công nhận Chúa. Nhưng

Cabênaum đã bỏ lỡ mất ngày cơ hội của mình. Tôi lỗi bại hoại của Sôđôm rất lớn. Nhưng không tội nào lớn hơn tội khước từ Con Đức Chúa Trời thành khiết của Cabênaum. Do đó, Sôđôm sẽ không bị hình phạt nghiêm khắc như Cabênaum trong ngày đoán phạt. Được nhắc cao **lời Trời** về đặc ân, Cabênaum sẽ bị hạ xuống lời **âm phủ** trong sự đoán phạt. Nếu điều này đúng cho Cabênaum, thì lại càng đúng hơn biết bao cho những nơi có dư dật Kinh Thánh, những nơi Tin Lành được rao giảng trên truyền thanh truyền hình, và những nơi có rất ít người - nếu như có - không có cơ để bào chữa.

Trong thời Chúa chúng ta, có bốn thành phố nổi bật trong xứ Galilê: Côraxin, Bếtsaida, Cabênaum, và Tibêriat. Chúa phán nhưng lời của sã trên ba thành đầu, nhưng không nói cho Tibêriat. Kết quả là gì? Côraxin và Bếtsaida bị phá hủy hoàn toàn đến nỗi người ta không biết được địa điểm chính xác của chúng. Địa điểm của Cabênaum không rõ lắm, Tibêriat vẫn đứng vững. Sự ứng nghiệm đáng kể của lời tiên tri này là một bằng chứng nữa về sự toàn trí của Cứu Chúa và sự soi dẫn của Kinh Thánh.

C. Phản Ứng Của Cứu Chúa Trước Sự Khước Từ (11:25-30)

11:25,26 Ba thành phố của Galilê không có mắt để thấy cũng không có lòng để yêu mến Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Ngài biết thái độ của họ chẳng qua là tiền vì cho sự khước từ ở một tâm mức rộng hơn. Ngài đã phản ứng thế nào với sự không ăn năn của

họ? Ngài không phản ứng với sự cay đắng, tinh thần yếm thế, hay hận thù. Trái lại, Ngài cất tiếng tạ ơn Đức Chúa Trời vì không điều nào có thể làm hỏng những mục đích tối thượng của Ngài. **"Hỡi Cha! Là Chúa của trời đất, tôi khen ngợi Cha, vì Cha đã giấu những điều này với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho những con trẻ hay."**

Chúng ta nên tránh hai hiểu lầm khả dĩ ở đây. Thứ nhất, không phải Chúa Jêsus đang tỏ ra vui sướng trước sự đoán phạt không thể tránh khỏi cho các thành của xứ Galilê. Thứ nhì, Ngài không hàm ý Đức Chúa Trời ý quyền để rút sự sáng khỏi kẻ khôn ngoan và người sáng dạ.

Các thành này có mọi cơ hội để nghênh đón Chúa Jêsus. Họ cố ý không chịu thuật phục Ngài. Khi họ khước từ sự sáng, Đức Chúa Trời đã rút sự sáng khỏi họ. Nhưng những kế hoạch của Ngài sẽ không thất bại. Nếu giới trí thức không chịu tin, thì Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ Ngài cho những tâm lòng kém thương. Ngài sẽ làm cho kẻ đời được đầy những vật ngon và đuổi kẻ giàu đi tay không (Luce 1:53).

Những người tự xem mình rất khôn ngoan và hiểu biết đến đó không cần Đấng Christ thì đã bị dui mù về lý trí phán đoán. Nhưng những ai thừa nhận mình thiếu khôn ngoan thì đã nhận được sự bày tỏ về Ngài. "Trong Ngài đã giấu kín mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng" (Côlôse 2:3). Chúa Jêsus cảm tạ Cha vì Cha đã chỉ định rằng nếu số người này không có Ngài, thì người khác sẽ có. Khi đó:

diện với lòng vô tín lớn lao, Ngài tìm được niềm an ủi nơi kế hoạch và mục đích tối cao của Đức Chúa Trời.

11:27 Mọi việc đã được Cha giao cho Đấng Christ. Đây sẽ là lời tuyên bố ngạo mạn nếu do bất kỳ ai khác nói ra, nhưng khi do Chúa Jesus tuyên bố, đây chính là lời tuyên bố đơn giản về sự thật. Tại giờ phút đó, lúc sự chống đối càng gia tăng, nhìn không có vẻ như Ngài đang nắm quyền kiểm soát; dấu vậy đúng là Ngài đang kiểm soát. Chương trình đời sống Ngài đang tiến tới phía trước không cưỡng lại được để tiến tới sự đắc thắng vinh quang cuối cùng. **"Ngoài Cha không có ai biết Con."** Có sự mâu nhiệm không thể hiểu hết về Thân Vị Đấng Christ. Sự liên hiệp về thần tánh và nhân tánh trong một Thân Vị gây ra nhiều nan đề làm lúng túng lý trí con người. Chẳng hạn, có nan đề về sự chết, Đức Chúa Trời không thể chết. Nhưng Chúa Jesus là Đức Chúa Trời và Chúa Jesus đã chết. Thế nhưng thần tánh và nhân tánh của Ngài không thể tách rời. Vì vậy dấu chúng ta có thể biết Ngài, yêu mến Ngài và tin cậy Ngài, vẫn còn một phương diện mà trong đó chỉ một mình Đức Chúa Cha mới có thể thực sự hiểu Ngài.

Nhưng những huyền nhiệm nào của Cha Đấng Ngài?

Vượt quá sự hiểu biết của tạo vật?

Chỉ một mình Đức Chúa Cha (hội thánh bố vinh hiển thay!)

Mọi có thể hiểu Con.

Ồ, Chúa Con của Đức Chúa Trời, Ngài thật sự xứng đáng,

Mọi dấu gờ phải quý trước Ngài!

Josiah Conder

"Ngoài Cha không có ai biết Con; ngoài Con và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không ai biết Cha." Đức Chúa Cha cũng là Đấng không ai hiểu thấu. Cuối cùng, chỉ một mình Đức Chúa Trời là đủ vì đại để hiểu Đức Chúa Trời. Con người không thể biết Ngài bởi sức riêng hay trí thông minh riêng của mình. Nhưng Chúa Jesus có thể và thực sự bày tỏ Cha cho những người mà Ngài muốn. Ai biết được Con thì cũng biết được Cha nữa (Giăng 14:7).

Thế nhưng sau khi nói toàn bộ điều này, chúng ta phải thừa nhận rằng khi tìm cách giải nghĩa câu 27, chúng ta đang đề cập đến những chân lý cao quá sức mình. Chúng ta nhìn xem trong gương cách mặt mờ. Thậm chí trong cõi đời đời, lý trí hữu hạn của chúng ta cũng không thể hiểu hết sự vĩ đại của Đức Chúa Trời hay lẽ mâu nhiệm về Sự Nhập Thế. Khi chúng ta đọc thấy Đức Chúa Cha được bày tỏ chỉ cho những người nào mà Con muốn, có lẽ chúng ta bị cảm động nghĩ đến sự chọn lựa độc đoán dành cho một vài người được ưu đãi. Câu Kinh Thánh tiếp theo ngăn ngừa lối giải thích như thế. Chúa Jesus đưa ra lời mời phổ thông cho mọi người nào một mời và gánh nặng hãy đến với Ngài để được yên nghỉ. Nói cách khác, những ai được Ngài chọn để bày tỏ Đức Chúa Cha cho họ chính là những người: tin cậy Ngài là Chúa và Cứu Chúa. Khi khảo sát lời mời dịu dàng vô hạn này, chúng ta hãy nhớ

đây là lời mời ngay sau sự khước từ Chúa Jêsus cách trắng trợn của những thành được ưu đãi trong xứ Galilê. Sự thù ghét và ngoan cố của con người không đập tắt nổi tình yêu và ân điển của Ngài. A. J. McClain nói:

Dẫu Ysrahên đang tiến tới cảnh khố vì bị Đức Chúa Trời đoán phạt, qua lần cuối cùng của Ngài vì Vua vẫn mở rộng cánh cửa cứu rỗi cá nhân. Và bởi đó, Ngài chuẩn mệnh Ngài là Đức Chúa Trời đầy ơn, ngay cả trước ngưỡng cửa của sự đoán phạt.¹⁹

11:28 Hãy đến. Đến có nghĩa là tin (Công Vụ 16:31); là nhận lãnh (Giăng 1:12); là ăn (Giăng 6:35); là uống (Giăng 7:37); là nhìn xem (Êsai 45:22); xưng (1.Giăng 4:2); nghe (Giăng 5:24,25); vào cửa (Giăng 10:9); mở cửa (Khải Huyền 3:20); rờ rôn áo Ngài (Mathiơ 9:20,21); tiếp nhận món quà sự sống đời đời qua Đức Chúa Jêsus Christ Chúa chúng ta (Rôma 6:23).

Đến cùng Ta. Đối tượng của đức tin không phải là giáo hội, bài Tin Điều, hay một tu sĩ, nhưng là Đấng Christ hằng sống. Sự cứu rỗi ở trong một Đấng. Ai có Chúa Jêsus thì được cứu y như cách Đức Chúa Trời có thể khiến họ được cứu vậy.

Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng. Để thực sự đến với Chúa Jêsus, con người phải thừa nhận mình đang nặng gánh tội lỗi. Chỉ những người công nhận mình bị hư mất thì mới được cứu. Đức tin nơi Đức Chúa Jêsus đến tiếp theo sau sự ăn năn với Đức Chúa Trời.

Ta sẽ cho các người được yên nghỉ. Để ý "yên nghỉ" ở đây là một món quà; không thể làm việc để kiếm nó hay có công đức để hưởng được nó. Đây là sự yên nghỉ của sự cứu rỗi xuất phát từ chỗ nhận biết Đấng Christ đã hoàn tất công tác cứu chuộc trên thập tự giá ở đồi Gôgôtha. Đây là sự yên nghỉ của lương tâm đến tiếp sau sự nhận biết ân phạt tội lỗi mình đã được trả một lần đủ cả và biết Đức Chúa Trời sẽ không đòi đền trả hai lần.

11:29 Trong câu 29 và 30, lời mời thay đổi từ sự cứu rỗi sang phục vụ.

Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường. Trái với những người Pharisai vốn hà khắc và kiêu ngạo, Vị Thấy chân chính là Đấng nhu mì và khiêm nhường. Nhưng ai mang lấy ách Ngài sẽ học cách nhận lấy địa vị thấp hèn nhất.

Nên hãy gánh lấy ách của Ta. Điều này có nghĩa bước vào sự đầu phục ý muốn Ngài, trao quyền kiểm soát đời mình cho Ngài (Rôma 12:1,2).

Và học theo Ta. Khi chúng ta công nhận quyền tể trị của Ngài trên mọi lãnh vực của đời sống mình, Ngài huấn luyện chúng ta đi trong đường lối Ngài.

Thì linh hồn các người sẽ được yên nghỉ. Đây không phải là sự yên nghỉ của lương tâm, nhưng sự yên nghỉ của tấm lòng mà họ tìm được do nhận lấy địa vị hèn kém nhất trước mặt Đức Chúa Trời và con người. Đây cũng là sự yên nghỉ mà người ấy kinh nghiệm trong sự phục vụ Đấng Christ

khí thổi không cố làm một người quan trọng.

11:30 "Vi ách Ta dễ chịu và gánh Ta nhẹ nhàng." Một lần nữa có sự tương phản rõ nét với người Pharisi. Chúa Jêsus nói về họ: "Bọn ấy huộc những gánh nặng khó chịu, để trên vai người ta, còn mình thì không muốn động ngón tay vào" (Mathiô 23:4). Ách của Chúa Jêsus dễ chịu; ách ấy không làm xây xát. Có người gợi ý nếu Chúa Jêsus có bằng hiệu bên ngoài tiệm rượu của Ngài, bằng hiệu ấy chắc sẽ ghi: "Những ách của ta rất vừa vặn."

Gánh của Ngài nhẹ nhàng. Câu này không có nghĩa không có nạn đói, thử thách, lao nhọc hay đau lòng não trong đời sống Cơ Đốc nhân. Nhưng câu này nói chúng ta không gánh những điều ấy một mình. Chúng ta mang ách chung với Đấng ban ân điển đầy đủ cho mọi lúc có cần. Phục vụ Ngài không phải là ách nô lệ, nhưng là sự tự do trọn vẹn. J. H. Jowett nói:

*Lên thăm chết người của tin hữu
 ấy là tìm cách mang vảnh mang của
 cuộc đời trên một chiếc vòng cổ duy nhất.
 Đức Chúa Trời không dành cho
 con người mang gánh nặng một
 mình. Do đó, Đấng Christ chỉ giải
 quyết hàng những chiếc ách! Ách là
 một cái vòng cổ trên cổ hai người,
 và chính Chúa an ủi bạn một trong
 hai người ấy. Ngươi muốn chúa sẽ nổi
 lao nhọc của mọi công tác nông
 nhọc xây xây đá. Bị quyết của sự
 bình an và chiến thắng trong cuộc
 đời Cơ Đốc dựa vào phần trọng việc
 của họ vòng cổ đang để nặng của
 "bạn họ" và nhận lấy "ách" nhẹ
 nhàng của Chúa.²⁰*

B. Chúa Jêsus Là Chúa Của Ngày Sabát (12:1-8)

12:1 Đoạn này ghi lại khủng hoảng chống đối ngày càng gia tăng. Sự hiềm ác và thù địch ngày càng tăng của người Pharisi giờ đây sẵn sàng tràn bờ. Vấn đề mở cửa đập chính là vấn đề ngày Sabát.

Vào ngày Sabát hôm ấy, **Chúa Jêsus** và các môn đồ đi qua **giữa đồng lúa mì. Các môn đồ cúi, bứt bông lúa mà ăn. Luật pháp cho phép họ tự giúp mình một lúa trong đồng ruộng của người lân cận miễn không dùng liềm để cắt** (Phục truyền Luật lệ Ký 23:25).

12:2 Nhưng người Pharisi - là những người bứt lòng tìm vết vế luật pháp - lên án họ đã phạm **ngày Sabát**. Dấu Kinh Thánh không ghi lời kết tội; cụ thể của họ, nhưng có thể họ kiện các môn đồ về: (1) Tội đã gặt (bứt bông lúa); (2) Đạp lúa (vò bông lúa trong tay); (3) dẽ lúa (tách hạt lúa ra khỏi vỏ trấu).

12:3,4 Chúa đáp lại lời than phẫn lộ lịch của họ bằng cách nhắc họ nhớ lại một trường hợp trong đời **Đavit**. Một lần họ, đang khi lưu vong, ông cũng thú hạ vào đồng vắng **và đã ăn bánh bày ra**, tức mười hai ổ bánh để làm kỷ niệm mà không ai ngoài các thầy tế lễ được phép ăn. Đavit lần thú hạ của ông đều không phải là thầy tế lễ, thế nhưng Đức Chúa Trời không hề bất lỗi họ vì đã làm như vậy. Vì sao Ngài không bắt lỗi?!

Nguyên nhân vì luật pháp của Đức Chúa Trời không hề nhằm làm khó cho dân sự trung tín của Ngài. Không phải vì lời của Đavit mà ông bị lỗi đây. Một dân tộc tội lỗi đã khước từ

ông. Nếu ông được giao địa vị hợp pháp của mình, ông và thủ hạ sẽ không phải ăn bánh trần thiết. Vì có tội lỗi trong Ysraên, nên Đức Chúa Trời cho phép một việc làm mà trong trường hợp khác sẽ bị cấm.

Sự tương tự nổi bật rõ ràng. Chúa Jêsus là vị vua hợp pháp của Ysraên, nhưng dân này không công nhận Ngài là Đấng Tể Trị của họ. Nếu Ngài được nhận địa vị phải lễ của Ngài, môn đồ Ngài sẽ không phải ăn kiêu đó trong ngày Sabát hay vào bất cứ ngày nào trong tuần. Lịch sử đang tự lặp lại. Chúa không đổ trách các môn đồ, vì họ không làm gì sai cả.

12:5 Chúa nhắc người Pharisi như các thầy tế lễ đã xúc phạm ngày Sabát vì giết và dâng các con thú làm tế lễ cũng làm rất nhiều bổn phận phục vụ khác nữa (Dân số Ký 28:9, 10), thế nhưng họ không phải mắc tội vì đang dự phần phục vụ Đức Chúa Trời.

12:6 Người Pharisi biết các thầy tế lễ làm việc vào mọi ngày Sabát trong đền thờ mà không phạm đến ngày ấy. Vậy vì sao họ chỉ trích các món đồ về hành động họ đã làm trước hiện diện của **Đấng lớn trọng hơn đền thờ?** Chữ in nghiêng *Đấng* (Bản Việt Ngữ không in nghiêng) có lẽ nên hiểu là: "Tại chỗ này có một điều tôn trọng hơn cả đền thờ." "Điều" ở đây là nước Đức Chúa Trời, hiện diện trong Thân Vị của Vua.

12:7 Người Pharisi không hề hiểu được cảm lòng của Chúa. Trong Ô-sê 6:6, Ngài phán: "**Ta muốn lòng nhân từ, không muốn của tế lễ.**" Chúa đặt sự tương xốt trước nghi lễ. Ngài

muốn thấy dân Ngài bứt bông lúa trong ngày Sabát để làm thỏa cơn đói hơn là tuân giữ ngày ấy nghiêm khắc đến nỗi phải bị đau đớn về thể xác. Nếu người Pharisi nhận ra được điều này, ắt họ chẳng lên án các môn đồ. Nhưng họ quý trọng sự tuân thủ câu nệ bề ngoài hơn cả phúc lợi của con người.

12:8 Rồi Cứu Chúa nói thêm: "**Vì Con Người là Chúa ngày Sabát.**" Chính Ngài là Đấng đã thiết lập luật này từ đầu, bởi đó Ngài là Đấng có đủ tư cách nhất để giải thích ý nghĩa thật của ngày ấy. E. W. Rogers nói:

Đương như thế Mathiô ở đây đưa Thành Linh dạy dỗ, dù ôn lại nhanh chóng rất nhiều danh xưng và chức vụ của Chúa Jêsus: Ngài là Con Người; Chúa của ngày Sabát; tôn tể trị người và dấu của Ta; con David; tôn trọng hơn đền thờ; tôn trọng hơn Gôbua; tôn trọng hơn Salômôn. Ông ôn nhanh như vậy để cho thấy trong tất cả việc không chịu tiếp nhận Ngài và không đứng lên Ngài những quyền hạn sống động của Ngài.²¹

Trước khi đi qua câu chuyện kế tiếp - Chúa Jêsus chữa lành người teo tay vào ngày Sabát - chúng ta dừng lại để ôn vắn tắt sự dạy dỗ của Kinh Thánh về ngày Sabát.

PHỤ LỤC VỀ NGÀY SABÁT

Ngày Sabát đã là - và sẽ luôn luôn là - ngày thứ bảy trong tuần (ngày thứ bảy dương lịch).

Đức Chúa Trời nghỉ ngày thứ bảy, sau sáu ngày sáng thế (Sáng Thế Ký 2:2). Lúc đó, Ngài không truyền con người giữ ngày Sabát. Dầu vậy có lẽ

Ngài đã định cho con người tuân giữ nguyên tắc này - một ngày nghỉ cho mỗi bảy ngày.

Dân Ysraêl được truyền lệnh giữ ngày Sabát. Khi Mười Điều Răn được ban cho họ (Xuất: Êđiptô Ký 20:8-11). Luật ngày Sabát khác với chín điều răn kia; đây là luật lệ nghỉ trong khi các luật kia là luật đạo đức. Nguyên nhân duy nhất khiến làm việc trong ngày Sabát trở nên sai quấy chính là vì Đức Chúa Trời đã phán như vậy. Các điều răn kia liên quan đến những điều vốn dĩ đã là sai quấy.

Lệnh cấm làm việc ngày Sabát không hề có ý định áp dụng cho: sự phục vụ Đức Chúa Trời (Mathiô 12:5), những việc làm cần thiết (Mathiô 12:3,4), hay những việc làm của lòng thương xót (Mathiô 12:1', 12). Chín trong Mười Điều Răn được lặp lại trong Tân Ước, không phải với tư cách luật pháp nhưng với tư cách những chỉ dẫn cho Cơ Đốc nhân sống tươi ân điển. Điều răn duy nhất không hề truyền cho Cơ Đốc nhân phải tuân giữ chính là điều răn về ngày Sabát. Trái lại, Phaolô dạy rằng không thể kết tội Cơ Đốc nhân vì không giữ ngày ấy (Côlôse 2:16).

Ngày đặc trưng của Cơ Đốc giáo là ngày thứ nhất của tuần lễ. Chúa Jêsus đã từ kẻ chết sống lại vào ngày này (Giăng 20:1), một bằng chứng cho thấy công tác cứu chuộc đã hoàn tất và được Đức Chúa Trời phê chuẩn. Trong hai Ngày Của Chúa, Ngài gặp các môn đồ (Giăng 20:19,26). Đức Thánh Linh được ban xuống vào ngày thứ nhất trong tuần lễ (Công Vụ 2:1;

công Lêvi Ký 23:15,16). Các môn đồ đầu tiên nhóm lại trong ngày đó để bẻ bánh, rao giảng về sự chết của Chúa (Công Vụ 20:7). Đây là ngày Đức Chúa Trời đã chỉ định để trong ngày đó, Cơ Đốc nhân hiến dâng ngàn quý cho công việc Chúa (I.Côrinthô 16:1-2).

Ngày Sabát hay ngày thứ bảy đến vào cuối một tuần làm việc nặng nhọc; Ngày Của Chúa, hay ngày Chúa Nhật, bắt đầu một tuần với sự hiểu biết đầy vên nghỉ rằng công tác cứu chuộc đã hoàn tất. Ngày Sabát kỷ niệm sự sáng thế thứ nhất; Ngày Của Chúa được liên kết với sự dựng nên mới. Ngày Sabát là ngày của trách nhiệm; Ngày Của Chúa là ngày của đặc ân.

Cơ Đốc nhân không "giữ" Ngày Của Chúa như phương tiện để kiểm sự cứu rỗi hay đạt được sự thánh khiết, cũng không phải vì sợ bị phạt. Họ biết riêng Ngày Của Chúa ra vì lòng tận hiến đầy tận tụy với Đấng đã phủ chính Ngài vì họ. Vì chúng ta được giải thoát khỏi những công việc thông lệ thế tục của đời sống vào ngày này, nên có thể hiến riêng nó ra theo cách đặc biệt để thờ phượng và phục vụ Đấng Christ.

Nói rằng ngày Sabát được đổi thành Ngày Của Chúa thì rất không đúng. Ngày Sabát là Ngày Thứ Bảy được lịch, và Ngày Của Chúa là ngày Chúa Nhật. Ngày Sabát là cá, bông, hình thái là Đấng Christ (Côlôse 2:16,17). Sự sống lại của Đấng Christ đánh dấu một khởi đầu mới, và Ngày Của Chúa biểu thị sự khởi đầu ấy.

Là một người Do Thái trung tín sống dưới luật pháp, Chúa Jêsus đã giữ ngày Sabát (mặc dầu có những lời kết tội ngược lại của người Pharisi). Với tư cách Chúa của ngày Sabát, Ngài giải thoát ngày ấy khỏi những quy tắc và luật lệ sai lầm đã bó chặt quanh ngày ấy.

E. Chúa Jêsus Chữa Lành Vào Ngày Sabát (12:9-14)

12:9 Từ đồng lúa mì, Chúa vào nhà hội. Luca cho chúng ta biết các thầy thông giáo và người Pharisi đã có mặt tại đó theo dõi Ngài để mong tìm cơ kết tội Ngài (Luca 6:6,7).

12:10 Trong nhà hội có một người teo một bên tay - một bằng chứng không lời cho thấy người Pharisi vô quyền không giúp được người ấy. Mỗi đến giờ, họ vẫn xem thường anh cách lạnh nhạt. Nhưng đột nhiên, người này trở nên quý giá với họ vì trở thành phương tiện để gây bậy Chúa Jêsus. Họ biết Cứu Chúa luôn luôn chủ động trước để làm vui bờ cõi khổ của con người. Họ nghĩ: nếu Ngài chữa bệnh trong ngày Sabát, thì họ sẽ bắt tại trận Ngài phạm tội đáng bị hình phạt. Vì vậy họ bắt đầu đặt câu hỏi vô pháp lý: "Trong ngày Sabát, có phép chữa kẻ bệnh hay không?"

12:11 Cứu Chúa trả lời bằng cách hỏi họ có kéo con chiên của mình lên chỗ, hãm trong ngày Sabát không. Thông nhiên họ kéo chứ! Nhưng tại sao? Có lẽ họ nêu lý do đây là công việc của lòng thương xót - nhưng có lẽ còn một suy tính khác nữa: con chiên đã đang tiến và họ không muốn mất tiền, ngay cả trong ngày Sabát.

12:12 Chúa chúng ta nhắc họ nhớ con người còn quý trọng hơn cả con chiên. Nếu có phép tỏ lòng thương xót sức vật, thì làm điều lành cho con người trong ngày Sabát lại càng đáng hơn biết dường nào!

12:13,14 Khi đã bắt tại trận nhưng lành tự Do Thái trong hố sâu thăm lại: của họ, Chúa chữa lành bên tay bị teo. Khi bảo người này giơ tay ra, đức tin và ý chí con người đều được kêu gọi phải hành động. Lúc đó, sự vắng lời được thưởng bằng sự chữa lành. Bên tay này được lành như bên tay kia bởi Đấng Tạo Hóa kỳ diệu. Chắc bạn nghĩ người Pharisi sẽ sung sướng vì người mà họ vốn không có quyền giúp cũng không cảm thấy muốn giúp nay đã được chữa lành. Trả lời, người Pharisi hết sức tức giận: Chúa Jêsus và lập mưu để giết Ngài. Nếu có bên tay bị teo, ắt hẳn họ rất vui sướng để được chữa lành bất kỳ ngày nào trong tuần.

F. Chúa Lành Bệnh Cho Mọi Người (12:15-21)

12:15,16 Khi Chúa Jêsus biết ý tưởng của kẻ thù, Ngài bỏ đi khỏi chỗ đó. Thế nhưng đi đến đâu, đám đông cũng vây quanh; và nơi nào người bệnh nhóm lại, Ngài đều chữa lành cả. Nhưng Ngài truyền họ không loan báo những sự chữa lành bằng phép lạ của Ngài, không phải để giữ Ngài khỏi gặp nguy hiểm nhưng để tránh mọi phùng hùa nhất thương tôn Ngài lên làm Vị Anh Hùng cách mạng của quần chúng. Phải giữ đồng thời khóa biểu miễn thương. Cuộc cách mạng của Ngài sẽ đến, không phải bởi cách đổ máu người La-ma, nhưng bằng cách đổ chính huyết của Ngài.

12:17, 18 Chức vụ đầy ơn của Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri **Êsai 41:9; 42:1-4**. **Tiên tri** đã thấy trước Đấng Mesi như Đấng Chính Phục dịu dàng. Ông mô tả Chúa Jêsus là **Tôi Tớ mà Giêhova đã chọn**, là người **rất yêu dấu đẹp lòng** Đức Chúa Trời **mọi đàng**. Đức Chúa Trời sẽ **ban Thánh Linh ngự trên Ngài** - lời tiên tri được ứng nghiệm tại phép báp têm của Chúa Jêsus. Và chức vụ của Ngài sẽ vượt ra ngoài ranh giới Ysraên: **Ngài sẽ rao giảng sự công chính cho dân ngoại**. Tính chất thứ nhì này trở nên nổi bật khi tiếng trả lời "Không" của Ysraên ngày càng lớn hơn.

12:19 Êsai nói tiên tri thêm rằng Đấng Mesi sẽ **chàng cây lấy hay kêu la**, và không ai nghe được **tiếng Ngài ngoài đường cái**. Nói cách khác, Ngài sẽ không phải là người kích động quần chúng về chính trị, Ngài sẽ không khuấy động quần chúng. McClain viết:

Vì vậy nó - là "đầy tớ" của Đức Chúa Trời - sẽ không tiến lên đường vì nổi bất hợp pháp của Ngoại hoặc bất kỳ phương tiện thông thường của sức mạnh và thế lực hay biện pháp mà dân chúng tin vào - cũng không bằng những thủ tục siêu nhiên đích thực của Ngài.²²

12:20 Ngài sẽ **chàng bẻ cây gãy đã gãy hay đập tắt ngọn đèn gần tàn**. Ngài sẽ không giầy đạp những người bị tước đoạt của cải hay hạ người bị xã hội ruồng bỏ để đạt mục tiêu của Ngài. Ngài sẽ khuyến khích và làm vững mạnh người tan vỡ cõi lòng và bị hà hiếp. Thậm chí Ngài còn thổi tắt lửa đức tin bùng lên thành ngọn lửa.

Chức vụ của Ngài sẽ tiếp tục cho đến khi Ngài khiến **sự công chính được thắng**. Sự chăm sóc trời miền và khiêm nhường của Ngài cho người khác sẽ không bị dập tắt bởi lòng thù ghét và vọng ơ của con người.

12:21 **Và dân ngoại sẽ tin cậy Danh Ngài**. Trong Êsai, cụm từ này là: "Và các vùng bờ biển sẽ chờ đợi luật pháp Ngài," nhưng ý nghĩa cũng là như nhau. Các vùng bờ biển nói đến các nước ngoại bang. Họ được tả là đang chờ đợi sự cai trị của Ngài để có thể trở nên thần dân trung thành của Ngài. Kleist và Lilly ca ngợi câu trích này từ Êsai là:

... Một trong những ngọn lửa của sách Tin Lành, bắt tranh to Đấng Christ với vẻ đẹp tuyệt vời. Êsai mô tả sự liên hiệp của Đấng Christ với Cha, sẽ mang cứu Ngài để duy trì con dân, sự đau đớn của Ngài khi đối đầu với nhân loại đang chìm khổ và chiến thắng cuối cùng của Ngài không chỉ bị công nhận khắp cho thế giới người trí trong Danh Ngài. Đấng Christ - là Cứu Chúa của thế giới - không đánh đuổi tà ma bằng những tư tưởng khô khan của triết học kinh viện, nhưng đưa khoa trong ngôn ngữ bình thường thông phàm của Đấng phương.²³

6. Tội Không Thế Tha Được (12:22-32)

12:22-24 Khi Chúa chĩa ánh người mù và cảm bị quỷ ác, ước chừng hải đảo suy nghĩ nghiêm túc Ngài có thể là **Con của Davit**, Đấng Mesi của Ysraên. Điều này chọc giận người **Pharisi**. Không thể nhìn chịu thêm hải kỳ lạ? gợi ý đồng cảm của với Chúa Jêsus, họ kết tội phép lạ ấy

được thực hiện bởi quyền năng của **Bêênxêbun**, là **chúa quý**. Bản cáo trạng đáng ngại này là lời kết tội công khai đầu tiên rằng Chúa Jêsus được ma quỷ ban quyền năng.

12:25,26 Khi biết **ý tưởng họ**, Chúa Jêsus tiếp tục vạch trần sự ngu dại của họ. Ngài nói rằng không một nước nào, thành nào hay nhà nào **lự chia xé nhau** mà tiếp tục còn được. Nếu Ngài đuổi quỷ của Satan bằng quyền năng của Satan, thì Satan đang hành động **chống lại chính hắn**. Điều ấy thật phi lý.

12:27 Chúa có câu trả lời sắc bén như nhĩ cho người Pharisi. Một số đồng nghiệp của họ, được gọi là những thầy trừ quỷ, tuyên bố có quyền năng để đuổi quỷ. Chúa Jêsus không thừa nhận cũng không phủ nhận lời tuyên bố của họ, nhưng dùng điều đó để nói rõ rằng **nếu** Ngài như **Bêênxêbun** mà **trừ quỷ**, thì các con trai của người Pharisi (trừ những thầy trừ quỷ ấy) cũng nhờ quyền phép của Bêênxêbun. Người Pharisi không bao giờ thừa nhận điều này, nhưng không thể tránh né lối giải thích hợp lý của lý lẽ này. Những đồng nghiệp của người Pharisi sẽ lên án họ khi ám chỉ họ đuổi quỷ với tư cách tay sai của Satan. Scofield nói:

Người Pharisi cấp tốc phản nê trước mặt họ mà chỉ vào những quyền năng Satan có lực quyền đến họ và con cái họ, nhưng điều trên cơ sở mà họ đang chấp nhận, là họ Đấng Christ được gọi nhờ quyền của Bêênxêbun, thì chính những con con họ sẽ đánh giá họ là không như Đấng Christ. Vì nên quyền, điều gọi là

quyền của Satan, thì bất cứ ai vì được quyền phép ấy đều liên minh với quyền của quyền năng đó.²⁴

Họ đang nói không hợp lý luận khi gán những kết quả tương tự nhau cho các nguyên nhân khác nhau.

12:28 Đương nhiên, sự thật là Chúa Jêsus **cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời để trừ quỷ**. Toàn bộ đời sống của Ngài với tư cách Con Người trên đất đều sống bởi quyền năng của Thánh Linh. Ngài là Đấng Mêsi đầy đầy Thánh Linh, là Đấng Êsai đã báo trước (Êsai 11:2; 42:1; 61:1-3). Do đó, Ngài phản với người Pharisi: "**nếu Ta cậy Thánh Linh của Đức Chúa Trời để trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các ngươi.**" Lời công bố này chắc chắn là đòn chi mạng. Họ tự khoe khoang kiến thức thần học. Thế nhưng nước Đức Chúa Trời đã đến với họ vì Vua ở giữa họ, thế mà họ thậm chí còn chẳng biết Ngài đang có mặt lại đó nữa!

12:29 Thay vì kết liên minh với Satan, chính Chúa Jêsus là Đấng Chinh Phục Satan. Ngài minh họa điều này bằng câu chuyện về **người mạnh sức**. Người mạnh sức là Satan. Nhà của người mạnh sức là phạm vi hắn tung hoành. Cửa cái của hắn chính là những ma quỷ của hắn. Chúa Jêsus là Đấng **trừ người mạnh sức**, vào nhà của hắn, và cướp của cái hắn. Thực ra, việc trừ Satan diễn ra theo nhiều giai đoạn. Việc này bắt đầu trong chức vụ công khai của Chúa Jêsus. Được bảo đảm dứt khoát bởi sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ. Công việc này sẽ tăng đáng kể hơn nữa trong thời trị vì một ngàn năm

của Vua (Khải Huyền 20:2). Cuối cùng, công việc này sẽ thành hiện thực đời đời khi Satan bị quăng xuống hồ lửa (Khải Huyền 20:10). Hiện tại, ma quỷ dường như không bị trói; nó vẫn có quyền hành đáng kể. Nhưng số phận của nó đã được định đoạt và thi giờ của nó còn ngắn ngủi.

12:30 Rồi Chúa Jêsus phán: **"Ái không ở với ta, thì nghịch cùng ta; ai không thấu hiệp với ta, thì lan ra."** Thái độ phạm thượng của họ cho thấy người Pharisi không ở với Chúa; vì vậy, họ đang **ngịch** cùng Ngài. Khi không chịu thu hoạch mùa màng cùng với Ngài, họ đang làm tan lạc các hạt lúa. Họ vu cáo Chúa Jêsus đui địt quỷ bằng quyền năng của Satan trong khi trên thực tế, chính họ là những tội tử của Satan, tìm cách phá hỏng công tác của Đức Chúa Trời.

Trong Mác 9:40, Chúa Jêsus phán: "... Hễ ai không nghịch cùng ta là thuộc về ta." Câu này dường như đảo ngược thẳng thừng những lời Ngài phán trong Mathiô 12:30. Điểm khó hiểu được giải quyết khi chúng ta thấy trong Mathiô, đây là vấn đề về *sự cứu rỗi*. Một người hoặc ủng hộ Đấng Christ hoặc chống nghịch Ngài; không hề có sự trung lập. Trong Mác, vấn đề là *sự phục vụ*. Có nhiều điểm khác biệt lớn lao giữa vòng các môn đồ Chúa Jêsus - những khác biệt trong sự thông công lại hội thánh địa phương, với những phương pháp, trong lối giải thích các giáo lý. Nhưng quy luật ở đây ấy là nếu người nào không chống lại Chúa, thì người ấy đang ủng hộ Ngài và nên được tôn trọng cách xứng đáng.

12:31,32 Những câu này đánh dấu sự khủng hoảng trong cách Chúa đối đãi với những lãnh đạo của Ysraên. Ngài lên án họ đã phạm vào tội không thể tha được bằng cách nói phạm đến Đức Thánh Linh, tức là kết án Chúa Jêsus thi hành các phép lạ của Ngài bằng quyền năng Satan chứ không bởi quyền phép Đức Thánh Linh. Trên thực tế, đây chính là gọi Thánh Linh là Béênxêbun, chúa của quỷ.

Có sự tha thứ cho mọi hình thức khác của **tội lỗi và lời phạm thượng**. Một người thậm chí có thể nói phạm đến **Con Người** mà vẫn được tha. Nhưng nói phạm thượng đến Đức Thánh Linh là tội mà không còn có sự tha thứ nào khác **trong đời này hay trong Thiên Hy Niên sắp đến**. Khi Chúa nói trong đời này, Ngài đang nói đến những ngày Ngài thi hành chức vụ công khai trên đất. Quá là thất lạc hợp lý: Ngày nay người ta có thể phạm vào tội không tha thứ được này không, vì Ngài đang không đích thân hiện diện trong thân thể để thi hành các phép lạ.

Tội không thể được tha không phải là một với tội khước từ Tin Lành; có thể một người cự tuyệt Cứu Chúa suốt nhiều năm, sau đó an nạn, tin và được cứu. (Dương nhiên, nếu chết đi mà vẫn chưa tin người ấy vẫn không được tha thứ.) Cũng không phải là tội sa ngã; tin hữu cơ thể đi lạc xa Chúa, thế nhưng vẫn có thể được khôi phục mỗi tương giao trong gia đình của Đức Chúa Trời. Nhiều người lo sợ có thể phạm phải tội không thể tha được. Dầu ngày nay người ta có thể phạm vào tội này, nhưng sự kiện người ấy lu

lãng chính là bằng chứng người ấy không phạm vào tội này. Nhưng người đã phạm vào tội này là người cứng lòng và không ngừng chống đối Đấng Christ. Họ chẳng hề bán khoản đay dứt vì đã lãng mạ Thành Linh, cũng không ngần ngại lập mưu giết chết Con Đức Chúa Trời. Họ chẳng hề hối hận, cũng chẳng ăn năn.

H. Kem Trái Bưởi Cây (12:33-37)

12:33 Ngay cả người Pharisi chắc cũng đã thừa nhận Chúa Jêsus làm điều lành khi đuổi quỷ. Thế nhưng họ kết tội Ngài đã làm điều dữ. Ở đây, Chúa vạch trần tình trạng không nhắc quên của họ, và trên thực tế Ngài phán: "Các người hãy quyết định đi. Nếu **cây tốt, trái của nó cũng tốt**, và ngược lại." Trái phản ánh phẩm chất của cây đã sinh ra trái đó. Trái của chức vụ Ngài là tốt. Ngài đã chữa lành kẻ bệnh, kẻ mù, kẻ điếc, kẻ câm, đã đuổi nhiều quỷ và kêu kẻ chết sống lại. Một cây hư hoại có sinh ra được trái tốt không? Hoàn toàn không thể! Vậy sao họ lại ngoan cố không chịu công nhận Ngài?

12:34,35 Sở dĩ như vậy vì họ là đồng đội **rắn lọc**. Thói hiểm ác của họ chống lại Con Người, thể hiện rõ bởi những lời nói đầy nọc độc của họ, chính là sự tuôn trào từ tấm lòng gian ác của họ.²⁵ Tấm lòng đầy đầy điều thiện sẽ thể hiện bằng chứng qua lời nói đầy ơn và công bình. Tấm lòng gian ác tự thể hiện qua lời nói phạm thượng, cay đắng và ngôn ngữ hung hạo.

12:36 Chúa Jêsus long trọng cảnh cáo họ (và chúng ta) rằng mọi người sẽ **khai trình mọi lời hư không** mình

đã nói, vì những lời người ta nói ra là đồng hồ đo lường chính xác về đời sống họ, nên chúng lập thành cơ sở thích hợp để định tội hoặc tha bổng. Sự định tội để đoán phạt người Pharisi sẽ lớn biết dường nào vì những lời nói gian ác và khinh thường của họ đối cùng Con Thánh của Đức Chúa Trời!

12:37 "Vì bởi lời nói mà người sẽ được xưng là công bình, cũng bởi lời nói mà người sẽ bị phạt." Trong trường hợp tín hữu, hình phạt cho lời nói bất cẩn đã được trả xong qua sự chết của Đấng Christ; tuy nhiên, lời nói bất cẩn của chúng ta, chưa được xưng ra và chưa được tha, sẽ khiến mất phần thưởng tại Ngài Đấng Xét của Đấng Christ.

I. Dấu lạ của Thiên Trại Giônã (12:38-42)

12:38 Bất chấp mọi phép lạ Chúa Jêsus đã làm, các thầy thông giáo và người Pharisi vẫn cả gan xin Ngài một dấu lạ, hàm ý sẽ tin nếu Ngài chứng minh được chính Ngài là Đấng Mêsia! Những sự giả hình của họ quá biến nhiên. Nếu không tin sau khi thấy rất nhiều phép lạ như thế, làm sao họ chịu tin chỉ bởi thêm một phép lạ nữa? Thái độ đòi hỏi các dấu lạ để làm điều kiện cho lòng tin là thái độ không làm đẹp lòng Chúa. Đùng như Chúa Jêsus đã phán với Thôma: "Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy!" (Giăng 20:29). Trong cơ cấu tổ chức của Đức Chúa Trời, thấy đến sau tin.

12:39 Chúa gọi họ là đồng đội **hung ác gian dâm**; **hung ác** vì họ cố tình bị mả trước chính Đấng Mêsia của họ, **gian dâm** vì không chung thủy về mặt thuộc linh với Đức Chúa Trời!

của họ. Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa của họ, Đấng độc nhất vô nhị kết hợp thần thánh tuyệt đối và nhân thánh trọn vẹn, đứng giữa họ, đang phán với họ, thế mà họ còn dám xin Ngài một dấu lạ.

12:40 Chúa nói ngắn gọn với họ rằng không một dấu lạ nào khác được ban cho họ ngoài dấu lạ của liên tri Giônna, để nói đến sự chết, chôn và sự sống lại của Ngài. Từng trải bị cá nuốt rồi sau đó được nôn ra của Giônna (Giônna 1:17; 2:10) làm hình bóng trước về sự thương khó và sống lại của Chúa. Việc Ngài sống lại từ kẻ chết sẽ là dấu lạ chung quyết, đạt đến đỉnh điểm trong chức vụ của Ngài cho dân Ysraên.

Giônna bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm thế nào thì Chúa cũng báo trước Ngài sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm thế ấy. Câu này gây ra nan đề. Theo cách người ta thường tin, nếu Chúa Jêsus được chôn vào trưa thứ sáu rồi sống lại vào sáng Chúa Nhật, làm sao có thể nói Ngài ở ba ngày ba đêm trong mộ? Câu trả lời thế này: theo cách tính của người Do Thái, bất kỳ phần nào của ban ngày và đêm cũng đều được kể như một khoảng thời gian đầy trọn. "Một ngày và đêm tạo thành một *onah*, và một phần của một *onah* thì cũng giống như toàn bộ một *onah* vậy" (Tục ngữ Do Thái).

12:41 Chúa Jêsus mô tả tội phạm của các lãnh đạo Do Thái bằng hai điểm tương phản nhau. Thứ nhất, dân ngoại của thành Ninive được hưởng ít đặc ân hơn, thế nhưng họ đã nghe lời giảng của Đấng Thiên trị có mắc sai lầm

là Giônna này, họ đã hết sức đau đớn ăn năn. Họ sẽ đứng dậy trong ngày phán xét để đinhl tội những người trong thời của Chúa Jêsus vì không chịu tiếp nhận Đấng tôn trọng hơn Giônna - ước là Con Đức Chúa Trời Nhập Thể.

12:42 Thứ nhì, nữ hoàng Sêba, một người ngoại bang ở bên ngoài vòng đặc ân của Do Thái, đã đi từ phương Nam, với nỗ lực và chi phí rất lớn, để đến phỏng vấn Salômôn. Người Do Thái trong thời Chúa Jêsus không cần phải đi đâu xa để thấy Ngài; Ngài đã đi từ Thiên đàng đến nơi ở của họ để làm Vua Mêsi của họ. Thế nhưng họ không dành chỗ nào trong đời sống họ cho Ngài - là Đấng vô vàn tôn trọng hơn Salômôn. Một nữ hoàng ngoại bang sẽ lên án họ trong ngày đoán xét về tội cố ý thờ ơ như thế.

Trong đoạn này, Chúa chúng ta được trình bày như Đấng cao trọng hơn đến thờ (câu 0); cao trọng hơn Giônna (câu 41); và cao trọng hơn Salômôn (câu 42). Ngài "cao trọng hơn kẻ cao trọng nhất, và tốt hơn vô cùng so với người tốt nhất."

J. Một Tà Linh Quay Trở Lại (12:43-45)

12:43,44 Giờ đây Chúa dùng ẩn dụ để tóm tắt quá khứ, hiện tại và tương lai của dân Ysraên vô tín. Người này tượng trưng cho dân Do Thái, là linh tượng trưng cho hình tượng vốn đặc trưng cho dân tộc này kể từ thời làm nô lệ tại Êđiptô cho đến cuộc lưu đày Babytôn (là điều tạm thời chữa trị dân Ysraên khỏi tội thờ lạy hình tượng). Dường như tà linh đã

ra khỏi người này. Từ cuối cuộc lưu đày cho đến ngày nay, dân Do Thái không còn là người thờ lạy hình tượng nữa. Họ giống như căn nhà trống không, quét sạch và sửa soạn lữ lế.

Hơn một ngàn chín trăm năm trước, Cứu Chúa tìm cách vào trong nhà trống đó. Ngài là Người Ở Trong Nhà và Chủ Nhà, nhưng dân chúng kiên quyết không chịu cho Ngài vào. Dấu không còn thờ lạy hình tượng nữa, nhưng họ cũng không thờ lạy Đức Chúa Trời chân thật.

Căn nhà trống không nói đến khoảng trống thuộc linh - tình trạng nguy hiểm, như câu tiếp theo cho thấy. Cần cách vãn chưa đủ. Phải có sự tiếp nhận Cứu Chúa cách tích cực.

12:45 Sẽ có ngày linh của hình tượng quyết định quay lại căn nhà, đi kèm với bảy quý khác dữ hơn nó nữa. Vì bảy là con số của sự trọn lành hoặc sự hoàn chỉnh, có lẽ câu này nói đến tội thờ lạy hình tượng trong hình thức phát triển trọn vẹn của nó. Câu này nhìn hướng tới Con Đai Nạn khi quốc gia bội đạo này thờ lạy Antichrist. Sắp mình xuống trước con người tội ác và thờ phượng hắn như Đức Chúa Trời là một hình thức thờ lạy hình tượng còn kinh khiếp hơn cả tội dân sự từng phạm trong quá khứ. Vì vậy, số phận người ấy sau lại xấu hơn trước. Ysraên vô tín sẽ gánh chịu những đoán phạt kinh khiếp của Con Đai Nạn, và sự chịu khổ của họ còn vượt trội hơn cả sự chịu khổ trong cảnh Lưu Đày Tại Babilôn. Phần dân sự thờ lạy hình tượng sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn tại Sự Tái Lâm của Đấng Christ.

"Dòng dõi dữ này cũng như vậy." Chúng tộc bội đạo khước từ Đấng

Christ vốn cự tuyệt khinh thường Con Đức Chúa Trời trong Sự Hiện Ra Lần Thứ Nhất Của Ngài cũng chính là chủng tộc sẽ chịu sự đoán phạt kinh khiếp khi Ngài Hiện Đến Lần Thứ Nhì.

N. Mẹ Và Anh Em Trai Của Chúa Jêsus (12:46-50)

Những câu này mô tả một sự kiện có vẻ như tầm thường, trong đó gia đình Chúa đến nói chuyện với Ngài. Vì sao họ đến? Có lẽ Mác cho chúng ta manh mối. Một số bạn hữu của Chúa Jêsus xác định Ngài đã mất trí (Mác 3:21,31-35), và có lẽ gia đình Ngài đến để âm thầm đưa Ngài đi (cũng xem Giăng 7:5). Khi nghe báo mẹ và anh em trai Ngài đang chờ bên ngoài muốn nói chuyện cùng Ngài, Chúa trả lời bằng cách hỏi: "Ai là mẹ ta, ai là anh em ta?" Rồi chỉ vào các môn đồ, Ngài phán: "Vì hề ai làm theo ý muốn Cha ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em ta, cùng là mẹ ta vậy."

Lời công bố đáng sững sốt này mang đầy ý nghĩa thuộc linh; nó đánh dấu bước ngoặt đặc biệt trong cách Chúa đối đãi với Ysraên. Mari và các con trai của bà đại diện cho dân Ysraên, tức những người bà con cùng huyết thống của Chúa Jêsus. Mãi đến lúc này, Ngài vẫn giới hạn chức vụ Ngài hầu hết cho chiên lạc mất của nhà Ysraên. Nhưng ngày càng thấy rõ chính dân sự Ngài sẽ không có được Ngài. Thay vì sắp mình xuống trước Đấng Mési của họ, người Pharisi đã kết tội Ngài đang bị Satan kiểm soát.

Vì vậy giờ đây Chúa Jêsus công bố một trật tự mới. Kể từ đó trở đi, nhưng mối ràng buộc của Ngài với Ysraên sẽ không còn là yếu tố chi phối việc Ngài đi ra rao giảng nữa. Dầu tấm lòng thương xót của Ngài vẫn tiếp tục nài nỉ đóng bảo theo xác thịt của Ngài, đoạn 12 báo hiệu sự đoạn tuyệt không làm lẫn vào đâu được với Ysraên. Kết quả ấy giờ đây hiện rõ. Ysraên sẽ không có Ngài, nên Ngài sẽ quay sang những người chịu có Ngài. Những mối quan hệ huyết thống sẽ bị thay thế bởi những suy luận thuộc linh. Sự vâng lời Đức Chúa Trời sẽ đem những người nam người nữ bất luận người Do Thái hay ngoại bang vào mỗi quan hệ sống động với Ngài.

Trước khi rời khỏi biển cả này, chúng ta nên nhắc hai ý về mẹ của Chúa Jêsus. Trước hết, rõ ràng Măc không giữ bất kỳ địa vị hưởng ưu tiên đặc biệt nào khi ra mắt Ngài.

Thứ nhì, việc nhắc đến những em trai của Chúa Jêsus giảng một đến vào giáo lý dạy Măc: là sự đồng tình vĩnh viễn. Có hàm ý rất mạnh mẽ: đây là những con trai thật sự của Mari và do đó là em cùng mẹ khác cha của Chúa chúng ta. Quan điểm này được củng cố bởi những câu Kinh Thánh như Thi Thiên 69:8; Mathiơ 13:55; Măc 3:31, 32; 6:3; Giăng 7:3,5; Công Vự 1:14; I.Côrinthiô 9:5; Galati 1:19.

VHỊ. VUA CÔNG BỐ HÌNH THỨC LÂM THỜI MỚI CỦA NƯỚC THIÊN ĐĂNG VÀ CÓ SỰ KHƯỚC TỬ CỦA YSRAËN (Đoạn 13)

Các Ấn Độ Về Nước Thiên Đàng

Chúng ta sẽ tiếp đến thời điểm khủng hoảng trong sách Tin Lành của

Mathiơ. Chúa cho thấy các mối quan hệ trên trần gian giờ đây được thay thế bởi những mối quan hệ thuộc linh, cho thấy không còn vấn đề đồng doi huyết thống của người Do Thái nhưng là vấn đề vâng phục Đức Chúa Cha. Khi khước từ Vua, các thầy thông giáo và người Pharisi tái nhện khước từ luôn nước Thiên đàng. Giờ đây qua một loạt ẩn dụ, Chúa Jêsus cho thấy trước hình thức mới của nước Thiên đàng sẽ diễn ra trong thời kỳ giữa lúc Ngài bị khước từ với sự hiện ra cuối cùng của Ngài trong tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa. Sáu trong các ẩn dụ này bắt đầu với những chữ "Nước Thiên đàng giống như..."

Để thấy những ẩn dụ này trong đúng góc độ của chúng, chúng ta xem lại nước Thiên đàng được thảo luận trong đoạn 3. Nước Thiên đàng là phạm vi trong đó quyền cai trị của Đức Chúa Trời được công nhận. Nước ấy có hai phương diện: (1) lời tuyên xưng bề ngoài, bao gồm tất cả những ai tuyên bố công nhận quyền cai trị của Đức Chúa Trời; và (2) Thực tại bề trong, chỉ gồm những người đã bước vào nước này bởi trở lại tin nhận Chúa. Nước này được nhìn thấy trong năm giai đoạn: (1) Giai đoạn Cựu Ước trong đó nước được nói tiên tri đến; (2) Giai đoạn "đến gần" hay hiện tại trong Thiên Vự của Vua; (3) Giai đoạn lâm thời, gồm có những người trên đất xưng mình là thật dân của Ngài tiếp sau khi Vua bị khước từ và trở về Thiên đàng; (4) Sự hủy bỏ nước Thiên đàng ra trong Thiên Hạ Niên; và (5) Vương quốc cuối cùng và đời đời. Mọi

câu Kinh Thánh nói đến nước này đều thuộc vào một trong những giai đoạn trên. Đoạn 13 ở đây đang thảo luận đến giai đoạn thứ ba, tức giai đoạn trung gian. Trong giai đoạn này, nước Thiên đàng trong thực tại bề trong của nó - (các tín hữu thật) - từ Lễ Ngũ Tuần cho đến Sự Cát Lành - được hợp bởi những người vốn cùng chính là hội thánh. Đây là sự nhận diện duy nhất giữa nước Thiên đàng và hội thánh; ngoài ra, nước Thiên Đàng không phải là một cùng không giống liêt nhau.

Ghi nhớ nhưng bối cảnh này, chúng ta hãy cùng nhau xem các ẩn dụ.

A. Ẩn Dụ Người Gieo Giống (13:1-9)

13:1 Chúa Jêsus ra khỏi nhà mà Ngài đã chưa lành cho người bị quỷ ám và ngồi bên mé biển Galilê. Rất nhiều người nghiên cứu Kinh Thánh nhìn thấy ngôi nhà này đang mô tả dân Ysraêl và biển rìu của dân ngoại. Vì vậy, sự di chuyển của Chúa làm hiệu tượng về sự đoạn tuyệt với Ysraêl: trong hình thức lâm thời, nước Thiên đàng sẽ được rao giảng cho các dân.

13:2 Khi đoàn dân đông lắm tụ tập trên bãi biển, Ngài xuống thuyền và bắt đầu dạy dân chúng bằng các ẩn dụ. Ẩn dụ là câu chuyện có sự dạy dỗ ngầm về thuộc linh hay đạo đức mà không phải luôn luôn thấy rõ tức khắc. Bấy ắt đi sau kể cho chúng ta biết nước Thiên đàng ra sao trong khoảng thời gian giữa Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất Và Thứ Nhì của Ngài.

Bốn ẩn dụ đầu tiên được kể cho toàn dân; ba ẩn dụ cuối được Chúa kể

cho riêng các môn đồ mà thôi, Chúa giải thích hai ẩn dụ đầu và ẩn dụ thứ bảy cho các môn đồ, để cho họ (và chúng ta) giải nghĩa các ẩn dụ còn lại bằng những chìa khóa mà Ngài đã ban rồi.

13:3 Ẩn dụ thứ nhất nói về người gieo giống định gieo trên bốn loại đất khác nhau. Và có thể mong đợi mỗi trường hợp đem lại kết quả khác nhau.

13:4-8

LOẠI ĐẤT

1. Đường bị đá cứng
2. Lớp da sỏi mỏng.
3. Đất có bụi gai
4. Đất tốt.

KẾT QUẢ

1. Hạt giống bị chân trời ăn mất
2. Hạt giống nảy mầm nhưng không có rễ, một trời mưa lên thì bị đứt và phơi khô.
3. Hạt giống nảy mầm nhưng không thể sống, tương tự gai.
4. Hạt giống nảy mầm, lớn lên, đem lại vụ mùa bội thu.

13:9 Chúa Jêsus kết thúc ẩn dụ bằng lời khuyên cáo bi ảm: "Ai có tai, hãy nghe!" Trong ẩn dụ này, Ngài đang truyền đạt sứ điệp quan trọng cho đoàn dân, và một sứ điệp khác cho các môn đồ. Đừng ai trượt mắt ý nghĩa của lời Ngài phán.

Vì chính Chúa giải thích ẩn dụ trong câu 18-23, chúng ta sẽ kiểm soát rõ mô của mình cho đến khi đọc tới phần đoạn đó.

B. Mục Bích Của Các Ẩn Dụ (13:10-17)

13:10 Các môn đồ không hiểu vì sao Chúa lại phân cho đoàn dân bằng thứ ngôn ngữ ẩn khuất của các ẩn dụ. Vì vậy họ xin Ngài giải thích phương pháp của Ngài.

13:11 Trong câu trả lời, Chúa phân biệt giữa đoàn dân vô tội với các môn đồ đã tin Ngài. Đoàn dân, là mẫu điển hình của dân tộc này, hiển nhiên đang khước từ Ngài, dấu vậy sự khước từ của họ vẫn chưa đầy đủ cho đến khi đến thập tự giá. Họ sẽ không được phép biết những điều mẫu nhiệm (bí mật) của nước Thiên đàng, trong khi những môn đồ thật của Ngài sẽ được giúp cho hiểu.

Điều mẫu nhiệm trong Tân Ước là một sự kiện con người chưa từng biết trước đó, là điều con người không thể học hỏi được nếu không có khai thị thiên thượng, nhưng giờ đây được bày tỏ ra. **Những điều mẫu nhiệm của nước Thiên đàng** đến tận bây giờ vẫn là những chân lý chưa ai biết về nước Thiên đàng trong hình thức lâm thời của nó. Chính sự kiện nước Thiên đàng sẽ có một hình thức lâm thời vẫn là bí mật mãi cho đến tận bây giờ. Các ẩn dụ này mô tả một số đặc trưng của nước Thiên đàng trong khoảng thời gian Vua vắng mặt. Do đó, có người gọi đây là "hình thức mẫu nhiệm của nước Thiên đàng," không phải vì có điều gì huyền bí về nước ấy, nhưng đơn giản vì chưa hề có ai biết trước thời điểm đó.

13:12 Có vẻ như độc đoán khi những bí mật này bị cất khỏi đoàn dân đông để bày tỏ cho các môn đồ.

Nhưng Chúa nêu lý do: "Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ được dư dật; nhưng kẻ nào không có, thì lại cất luôn điều họ đã có nữa." Các môn đồ có đức tin nơi Chúa Jêsus; do đó, họ sẽ được ban khả năng để nhận được thêm. Họ đã tiếp nhận sự sáng; do đó họ sẽ nhận thêm sự sáng nữa. Mặt khác, dân Giuđa đã khước từ Sự Sáng của thế gian; do đó, họ không những bị ngăn không nhận được thêm sự sáng, mà còn mất cả chút ít sự sáng đã có. Khước từ sự sáng thì không được cho sự sáng nữa.

13:13 Mathew Henry vì các ẩn dụ này với trụ mây và trụ lửa để soi sáng Ysraên đúng thời gây rối cho người Í-díp-rô. Các ẩn dụ sẽ được bày tỏ cho những người thật lòng quan tâm, nhưng sẽ tỏ ra "chỉ là sự bức tức cho những người thù địch với Chúa Jêsus." Vì vậy, không phải do Chúa ước đoán, nhưng chỉ là cách hoạt động của nguyên tắc vốn có sẵn trong toàn bộ đời sống: sự dui mù của lý trí dẫn đến sự dui mù của óc phán đoán. Vì cơ đồ Ngài phân với người Giuđa bằng các ẩn dụ, H. C. Woodring nói thế này: "Vì họ không yêu mến lẽ thật, nên sẽ không nhận được sự sáng của lẽ thật."²⁹ Họ xưng mình thấy, tức là quen thuộc với chân lý thiên thượng, nhưng Chân Lý nhập thể đứng trước mặt họ mà họ cương quyết không chịu thấy Ngài. Họ xưng mình nghe Lời Đức Chúa Trời, nhưng Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời đang ở giữa họ mà họ không chịu lắng nghe Ngài. Họ không chịu hiểu sự thực vượt với sự Nhập Thể, do đó, năng lực để hiểu đã bị cất khỏi họ.

13:14,15 Họ là sự ứng nghiệm sống động lời tiên tri Êsai 6:9,10. Lòng Ysơraên đã trở nên cứng cõi và họ nạng lại trước tiếng phàn của Chúa. Họ cố tình không chịu nhìn bằng mắt mình. Họ biết nếu họ thấy, nghe, hiểu và ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ chữa lành họ. Nhưng trong cơn bệnh tật và tưng thiêu của họ, họ vẫn khước từ sự cứu giúp của Ngài. Do đó, hình phạt dành cho họ là họ sẽ nghe mà chẳng hiểu chi, và nhìn mà chẳng thấy chi.

13:16,17 Các môn đồ đã được hưởng đặc ân lớn lao, vì đang thấy điều chưa ai từng thấy trước đó. Các tên tri là những người công bình của Cựu Ước, đã khao khát được nhìn thấy Đức Mêsê đến, nhưng ao ước của họ không được thỏa mãn. Các môn đồ được đặc ân sống vào giờ phút khủng hoảng này trong lịch sử, để nhìn thấy Đức Mêsê, để chứng kiến các phép lạ của Ngài, được nghe lời dạy vô song ra từ môi miệng Ngài.

C. Lời Giải Thích Ẩn Dụ Người gieo giống (13:18-23)

13:18 Sau khi giải thích vì sao đúng các ẩn dụ, giờ đây Chúa tiếp tục giải nghĩa ẩn dụ về bốn loại đất. Ngài không xác định người gieo giống là ai, nhưng chúng ta có thể biết chắc hình ảnh này chỉ về hoặc chính Ngài (câu 17) hoặc những người rao giảng sứ điệp nước Thiên đàng. Ngài xác định hạt giống là đạo nước Thiên đàng, câu 19). Các lớp đất tượng trưng cho những người nghe sứ điệp ấy.

13:19 Lời đi bị nên cứng nề: đến những người không chịu liến nhân sự

điệp. Họ nghe Tin Lành nhưng không hiểu - không phải vì không thể hiểu, nhưng vì không chịu hiểu. Chim trời là hình ảnh về Satan; Satan cướp hạt giống khỏi lòng những người nghe này. Satan cộng tác với họ để tự làm cho lòng họ cứng cõi. Người Pharisi là những người nghe thuộc hạng đất cứng.

13:20,21 Khi Chúa nói đến lớp đất đã sỏi, Ngài nghĩ đến lớp đất phủ trên gờ đá. Lớp đất này tượng trưng cho những người nghe đạo và vui mừng chịu lấy. Và thoạt đầu, có lẽ người gieo giống rất phấn chấn vì công tác giảng đạo của mình rất thành công. Nhưng chẳng bao lâu người ấy rút ra được những bài học sâu sắc hơn: không phải là tốt khi sứ điệp được đón nhận với những ưu cười chững chảng reo mừng. Trước hết phải có sự cáo trách tội lỗi, đau buồn về tội lỗi và ăn năn. Nhìn thấy người tìm hiểu Chúa khước tặc trên con đường đến Gôgôtha thì có dấu hiệu thành công hơn là nhìn thấy người ấy đi xuống đọc lời đi trong nhà thờ với vẻ vô tư và thờ ơ. Lớp đất nông cạn này sinh ra lời tuyên xưng nông cạn, đất không đủ sâu để đâm rễ. Nhưng khi lời tuyên xưng của họ được thử nghiệm bởi cơn nóng chảy của sự chịu khổ và sự bất tử, họ quyết định không đáng phải chịu như vậy và bỏ mọi ấn tuyên xưng đầu phục Đấng Christ của mình.

13:22 Lớp đất vụn gai tượng trưng cho một hạng người khác nghe đạo hơn hạt bề ngoài. Bề ngoài họ có vẻ là những thần dân thật của nước Thiên

đàng nhưng theo thời gian, hứng thú của họ bị nhạt nhòa bởi sự to lớn về đời này và bởi mê đắm về của cải. Không có bông trái nào cho Đức Chúa Trời trong đời sống họ. Lang mình họa điều này qua hình ảnh người con trai của một người cha ham thích tiền và có một cơ sở kinh doanh lớn đồ sộ. Người con nghe giảng về Chúa trong tuổi thanh xuân nhưng rồi bị cuốn hút vào trong công việc làm ăn.

Chàng núm chóc, người con phải chọn giữa làm đẹp lòng Chúa và đẹp lòng cha mình. Như vậy, gái đã có trong lớp đất khi hạt giống được gieo ra và nảy mầm. Những lo lắng đời này và sự lo lắng của sự giàu có đã gần làm rồi. Người này đi theo những ước muốn của cha mình, dần dần hoàn toàn vào công việc kinh doanh, vươn lên làm chủ cơ sở, và khi đã thịnh vượng trong đời thì phải công nhận anh đã bỏ bê những điều thuộc về Thiên đàng. Anh sắp về hưu và tò ý dành chuyên tâm hơn trong các vấn đề thuộc linh. Nhưng Đức Chúa Trời không chịu khinh dể đâu. Người này về hưu và chết đột ngột chỉ vài tháng sau. Anh để lại 90.000 bảng Anh và đời thuộc linh bị hoang phí. Gai đã làm nhạt nhòa đạo và đạo không kết quả được.²⁷

13:23 Đất lột tợng trưng cho lín hữu thật. Người này nghe đạo và chịu tiếp nhận, và hiểu đạo qua việc làm theo những điều mình đã nghe. Dầu các tin hữu này không đồng loạt tạo ra lượng kết quả như nhau, nhưng hết thấy họ qua kết quả của mình đều cho thấy họ có sự sống thên thượng. **Kết quả** ở đây là biểu hiện của đặc tánh:

Cơ Đốc hơn là những linh hồn được chinh phục về cho Đấng Christ. Khi chữ "kết quả" được dùng trong Tân Ước, nó thường nói đến trái Thánh Linh (Galati 5:22,23).

Ấn dụ này nhằm nói gì với đoàn dân đông? Hiển nhiên, ấn dụ cảnh cáo nguy cơ của việc nghe mà không làm theo. Ấn dụ này cũng khích lệ những cá nhân thành tâm tiếp nhận Đạo, và sau đó chứng minh thực tại của họ bằng cách đem lại kết quả cho Chúa. Về phần các môn đồ, ấn dụ chuẩn bị họ và các môn đồ tương lai của Chúa Jêsus cho sự kiện đáng nản lòng là có tương đối ít người nghe sứ điệp mà được cứu thật. Ấn dụ này cứu thần dân trung thành của Đấng Christ khỏi ảo tưởng cho rằng cả thế gian đều sẽ hoàn cải qua sự truyền bá Tin Lành. Trong ấn dụ này, các môn đồ cũng được báo trước ba kẻ thù lớn của Tin Lành: (1) Ma quỷ (chim trời - quỷ dữ); (2) Xác thịt (mặt trời thiêu đốt - hoạn nạn hay bất bỡ; và (3) Thế gian (gai - những sự to lớn về đời này và mê đắm về của cải).

Cuối cùng, các môn đồ được ban khả tượng về sự đền đáp lớn lao cho việc đầu tư vào con người. Gấp ba mươi lần tức là lãi 3000 phần trăm, gấp sáu mươi lần là lãi 6000 phần trăm, và gấp trăm lần là lãi 10.000 phần trăm cho khoản đầu tư. Thực ra, không có cách nào để đo lường kết quả của riêng một trường hợp hoàn cải thật. Một giáo viên Trường Chúa Nhật nào đó đã đầu tư vào đời sống của Dwight L. Moody. Moody chinh phục nhiều người khác. Đến lượt họ lại chinh phục nhiều người khác nữa.

Vị giáo viên Trường Chúa Nhật kia đã bắt đầu một phần ứng dây chuyền không bao giờ chấm dứt.

B. Ẩn Dụ Về Lúa Mì Và Cỏ Lùng (13:24-30)

Ẩn dụ trước là minh họa sống động về sự kiện nước Thiên đàng bao gồm những người chỉ phục vụ vua trên mọi miệng mình cũng như những người là môn đồ thật của Ngài. Ba lớp đất đầu làm hình bóng về nước Thiên đàng trong phạm vi rộng nhất của nó - lời tuyên xưng bề ngoài. Lớp đất thứ tư đại diện cho nước Thiên đàng trong phạm vi nhỏ hơn - những người đã thực sự hoán cải.

13:24-26 Ẩn dụ thứ nhì - là lúa mì và cỏ lùng - cũng trình bày nước Thiên đàng trong hai phương diện này. Lúa mì mô tả tín hữu thật, cỏ lùng là những người chỉ xưng mình là tín hữu thôi. Chúa Jê-sus ví nước Thiên đàng với người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. Nhưng đương khi người ta ngủ, thì kẻ thù chủ ruộng liền đến, gieo cỏ lùng vào trong lúa mì, rồi đi. Unger nói thứ cỏ lùng phổ thông nhất có trong đồng ruộng tại Xứ Thánh là một loại cỏ có lông: "Thứ cỏ độc, hầu như không thể phân biệt với lúa mì khi cả hai đang mọc lá lên. Nhưng đến khi ra gié, thì không khó tách chúng riêng ra."²⁸

13:27,28 Khi các đầy tớ thấy cỏ lùng lộn với lúa mì, họ hỏi chủ xem chuyện đó xảy ra thế nào. Chủ lập tức nhận ra đây là việc của kẻ thù. Các đầy tớ sẵn sàng nhổ cỏ lùng lên ngay lập tức.

13:29,30 Nhưng chủ thuyết họ đợi cho đến mùa gặt. Con gặt sẽ tách

riêng hai thứ ra. Lúa mì sẽ được thâu trữ vào kho còn cỏ lùng sẽ bị đốt.

Vì sao chủ ruộng ra lệnh hoãn tách riêng ra? Trong thiên nhiên, rễ của lúa mì và cỏ lùng đan xen vào nhau và hầu như không thể nhổ cái này mà chưa được cái kia.

Ẩn dụ này được Chúa chúng ta giải thích trong câu 37-43, vì vậy chúng ta sẽ chờ đến đó rồi giải thích thêm.

E. Ẩn Dụ Về Hạt Cải (13:31,32)

Tiếp theo Cứu Chúa ví nước Thiên đàng với hạt cải mà Ngài gọi là hạt nhỏ hơn hết, tức là nhỏ hơn hết trong kinh nghiệm của những thính giả Ngài. Khi một người gieo hạt cải này, nó mọc lên thành một cái cây, một sự phát triển phi thường. Cây cải bình thường trông giống một bụi rậm hơn là một cái cây. Cây này lớn đủ để cho chim làm tổ trên các nhánh nó.

Hạt giống này tượng trưng cho khối đầu khiêm nhường của nước Thiên đàng. Lúc đầu, nước Thiên đàng tương đối nhỏ và thuận khiết do bị bắt bớ. Nhưng với sự bảo hộ và bảo vệ của chính quyền, nó đã phát triển phi thường. Rồi chơn trời đã đến làm tổ trên cây đó. Chữ dùng cho "chim trời" ở đây cũng chính là chữ được dùng trong câu 4; Chúa Jê-sus đã giải thích chơn trời muốn nói đến quỷ dữ (câu 19). Nước Thiên đàng trở nên nơi làm tổ cho Satan và những tay sai của nó. Ngày nay, chiếc dù của thế giới Cơ Đốc giáo bao trùm cả những hệ thống chối bỏ Đấng Christ như là Duy Nhất Thần Giáo (Unitarianism), Cơ Đốc Khoa Học (Christian Science),

Mormon (Mormonism), Giêhova Chứng Nhân (Jehovah's Witnesses), và Giáo Hội Thống Nhất (Unification Church của phái Moonies).

Vì vậy, ở đây Chúa báo trước cho các môn đồ biết đang khi Ngài vắng mặt, nước Thiên đàng sẽ kinh nghiệm sự phát triển phi thường. Họ đừng bị lừa dối cũng đừng đánh đồng sự tăng trưởng với thành công. Đó sẽ là sự tăng trưởng không lành mạnh. Dâu hạt giống nhỏ bé sẽ trở thành một cây to lớn phi thường, sự to lớn của nó sẽ trở thành "chỗ ở của các ma quỷ, nơi hang ổ của mọi tà thần, hang ổ của mọi giống chim dơ dáy mà người ta gớm ghiếc" (Khải Huyền 18:2).

f. Ấn Độ và Men (18:33)

Kể đến Chúa Jêsus so sánh nước Thiên đàng với men mà người đàn bà kia lấy trộn vào trong ba đấu bột. Cuối cùng, toàn bộ đồng bột đã lên men. Lời giải thích phổ thông cho rằng bột ở đây là thể gian và men là Tin Lành sẽ được rao giảng trên khắp thế gian cho đến khi mọi người đều được cứu. Tuy nhiên, quan điểm này mâu thuẫn với Kinh Thánh, với lịch sử và với những biến cố đương thời.

Men luôn luôn làm binh bóng về điều ác trong Kinh Thánh. Khi Đức Chúa Trời truyền dân sự Ngài loại men ra khỏi nhà họ (Xuất Êđiptô Ký 12:15), họ đã hiểu điều này. Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy của Lễ Bánh Không Men, nếu ai ăn vật đã lên men, người ấy sẽ bị truất khỏi dân Ysraên. Chúa Jêsus cảnh cáo về men của người Pharisi và Sadusê (Mathiơ 16:6,12) và men của Hêrốt (Mác

8:15). Trong 1.Côrinhtô 5:6-8, men được định nghĩa như điều hiểm ác và xấu xa, và vâng mạch Galatê 5:9 cho thấy *tại đó*, men có nghĩa là đạo lý giả dối. Nói chung, men nói đến hoặc giáo lý xấu xa hoặc hành vi xấu xa.

Vì vậy trong ẩn dụ này, Chúa cảnh cáo về sức mạnh thâm nhập và lan truyền của điều ác đang hoạt động trong nước Thiên đàng. Ẩn dụ về hạt cải cho thấy điều xấu trong đặc điểm bề ngoài của nước Thiên đàng; ẩn dụ này cho thấy sự bại hoại bề trong sẽ diễn ra.

Chúng ta tin rằng trong ẩn dụ này, bội đại diện cho lương thực của dân sự Đức Chúa Trời mà họ tìm được trong Kinh Thánh. Men là giáo lý xấu xa. Người đàn bà là các nữ tiên tri giả sẽ dạy và quyến dụ (Khải Huyền 2:20). Đây chẳng phải là điều đầy ý nghĩa sao khi rất nhiều phụ nữ đã là những người sáng lập rất nhiều nhóm tà giáo? Bị Kinh Thánh cấm dạy trong hội thánh (1.Côrinhtô 14:34; 1.Timôthê 2:12), một số phụ nữ vẫn ngang bướng chiếm lấy địa vị thẩm quyền giáo lý và đã pha loãng lương thực của dân sự Chúa với những tà giáo phá hoại.

J. H. Brookes nói:

Nếu phân đối rằng Đấng Christ sẽ không vì nước Thiên đàng với điều gì xấu, thì chỉ cần đáp lại thế này là đủ: Ngọn vi nước Thiên đàng với điều bao gồm cả củ gừng và lừa mì, bao gồm cả củ xấu và tốt mở rộng ra trên cả dãy từ gian ác (Mathiơ 18:23-32), là một nhân vào cả người không mặc lễ phục cưới, và người bị hư mắt (Mathiơ 22:1-11).²⁹

E. Công Dụng Của Các Ẩn Dụ Làm Ứng Nghiệm Lời Tiên Tri (13:34,35)

Chúa Jêsus phân bốn ẩn dụ đầu cho đoàn dân. Công dụng phương pháp dạy này của Chúa làm ứng nghiệm lời tiên tri của Asáp trong Thi Thiên 78:2 rằng Đấng Mèsi sẽ nói lời ví dụ, rao báo những điều kín nhiệm từ khi dựng nên trời đất. Những đặc trưng này của nước Thiên đàng trong hình thức lâm thời của nó, bị che kín mãi đến tận lúc này, giờ đây đang được bày tỏ ra.

H. Giải Thích Ẩn Dụ Cỏ Lùng (13:36-43)

13:36 Phần bài giảng còn lại của Chúa được rao giảng cho các môn đồ, ở trong nhà. Ở đây, các môn đồ có thể đại diện cho nhóm dân sót có lòng tin của Ysraên. Việc đề cập đến ngôi nhà thêm lần nữa nhắc chúng ta nhớ Đức Chúa Trời không mãi mãi bỏ dân sự Ngài, là những người Ngài đã biết trước (Rôma 11:2).

13:37 Trong lời giải thích về ẩn dụ lúa mì và cỏ lùng, Chúa xác định chính Ngài là người gieo giống. Ngài đã gieo trực tiếp trong chức vụ trên đất của Ngài, và vẫn đang gieo qua các tông đồ Ngài trong những thời đại kế tiếp.

13:38 Ruộng là thế gian. Điều quan trọng phải nhấn mạnh, ruộng là thế gian, không phải hội thánh. Giống tốt là con cái nước Thiên đàng. Có vẻ như kỳ dị và không phù hợp khi nghĩ những con người sống động đang được trồng xuống đất. Nhưng ý chính ấy là: con cái nước Thiên đàng được gieo ra trong thế gian. Trong những năm chức vụ công khai, Chúa đã gieo

vào trong thế gian những môn đồ là những thân dân trung thành của nước Thiên đàng. Cỏ lùng là con cái quỷ dữ. Satan có đồ giả cho mỗi một thực tại thiện thượng. Nó gieo vào thế gian những người trông có vẻ giống như môn đồ, nói năng giống như môn đồ, và trong một chừng mực nào đó sống giống như môn đồ. Nhưng họ không phải môn đồ thật của Vua.

13:39 Kẻ nghịch thù là Satan, là kẻ thù của Đức Chúa Trời và toàn dân sự Ngài. Mùa gặt là ngày tận thế, là lúc kết thúc thời đại vương quốc trong hình thức lâm thời của nó, và sẽ là lúc Chúa Jêsus trở lại trong quyền năng và vinh hiển để cai trị trong tư cách Vua. Không phải Chúa đang nói đến sự kết thúc thời đại hội thánh; giới thiệu hội thánh ở đây chỉ dẫn lối sự nhầm lẫn thôi.

13:40-42 Các con gặt là các thiên sứ (xem Khải Huyền 14:14-20). Trong giai đoạn hiện tại của nước Thiên đàng, không hề có sự phân rẽ cương bức nào giữa lúa mì và cỏ lùng. Chúng được phép lớn lên chung với nhau. Nhưng tại Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Đấng Christ, các thiên sứ sẽ gom mọi nguyên nhân tội lỗi và mọi kẻ làm ác rồi ném chúng vào lò lửa, tại đó họ sẽ khóc lóc và nghiêng rãnh.

13:43 Những thân dân công bình của nước Thiên đàng đang ở trên đất trong Cơn Đại Nạn sẽ được vào nước của Cha họ để hưởng Thời Trị Vị Ngàn Năm của Đấng Christ. Tại đó, họ sẽ chiếu rạng như mặt trời; có nghĩa họ sẽ được vinh hiển huy hoàng.

Một lần nữa, Chúa Jêsus nói thêm lời khuyến cáo khó hiểu bí ẩn: "Ai có tai, hãy nghe!"

Ẩn dụ này không bình vực sự dung nạp những người bất kính trong hội thánh Đấng Christ tại địa phương - như một số người đã giả định sai lầm. Nên nhớ ruộng là thế gian, không phải hội thánh. Các hội thánh địa phương được truyền lệnh rõ ràng phải loại khỏi mối thông công của họ mọi người nào phạm một số hình thức nhất định của tội ác (I.Côrinthô 5:9-13). Ẩn dụ này chỉ dạy rằng trong hình thức mẫu nhiệm, nước Thiên đàng sẽ bao gồm cả người thật lẫn người bất chước, cả người thật lẫn người giả, và tình trạng đó sẽ tiếp tục cho đến kỳ tận thế. Bấy giờ, các sứ giả của Đức Chúa Trời sẽ lách những kẻ giả - là người sẽ bị đem đi đoán phạt, khỏi kẻ thật, là người sẽ được hưởng thời trị vì vinh hiển của Đấng Christ trên đất.

I. Ẩn Dụ Về Kho Báu Bị Chôn Giấu (13:44)

Tất cả các ẩn dụ cho đến nay đều dạy rằng sẽ có điều tốt và xấu trong nước Thiên đàng, có những thần dân công bình và không công bình. Hai ẩn dụ tiếp theo cho thấy sẽ có hai hạng thần dân công bình: (1) Những người Do Thái tin Chúa trong những thời kỳ trước và sau Thời Đại Hội Thánh; (2) Những người Do Thái và ngoại bang tin Chúa trong thời đại hiện nay.

Trong ví dụ về kho báu, Chúa Jêsus ví nước Thiên đàng với của báu chôn trong đám ruộng kia. Một người kia tìm được, thì giấu đi, rồi vui mừng bán hết mọi thứ mình có mà mua đám ruộng đó.

Chúng tôi muốn gợi ý rằng người kia ở đây chính là Đức Chúa Jêsus. (Ngài là con người trong ẩn dụ về lúa mì và cỏ lùng, câu 37.) Của báu đại diện cho dân sót tin kính của dân Giuđa tin Chúa, chẳng hạn như số người đã tồn tại trong chức vụ tại thế của Chúa Jêsus và sẽ tồn tại một lần nữa sau khi hội thánh được cất lên (xem Thi Thiên 135:4, nơi đó Ysraên được gọi là cơ nghiệp riêng của Đức Chúa Trời). Họ bị chôn trong đồng ruộng theo nghĩa họ bị tán lạc trong khắp thế gian và trên thực tế, không ai biết đến họ ngoài Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus được mô tả là khám phá ra kho báu này, rồi đi lên thập tự giá phó hết mọi điều Ngài có để mua thế gian (II.Côrinthô 5:19; I.Giăng 2:2) là nơi kho báu ấy đang bị chôn giấu tại đó. Ysraên được cứu chuộc sẽ được đem ra khỏi chỗ bị chôn giấu khi Đấng Giải Cứu họ ra từ Siôn và thiết lập vương quốc của Đấng Mêsi đã từ lâu mong đợi.

Đôi khi ẩn dụ này được áp dụng cho một tội nhân, từ bỏ hết mọi điều họ có để tìm được Đấng Christ, là Kho Báu vĩ đại nhất. Nhưng lối giải nghĩa này xâm phạm giáo lý về ân điển vốn quá quyết rằng sự cứu rỗi không đổi giá (Êsai 55:1; Êphêso 2:8,9).

J. Ẩn Dụ Về Hạt Châu Quý Giá (13:45,46)

Nước Thiên đàng cũng được ví như người lái buôn kia kiếm ngọc châu lؤل. Khi thấy một hạt châu có giá trị lớn lao phi thường, ông hy sinh mọi điều mình có để mua cho được hạt châu ấy.

Trong lời của một bài Thánh ca có câu: "Tôi đã tìm được Ngọc Châu quý

già nhất," người đi tìm chính là tội nhân, và Ngọc Châu chính là Cứu Chúa. Nhưng một lần nữa, chúng ta phản đối rằng tội nhân không phải bắt tất cả và cũng không phải mua Đấng Christ.

Trái lại, chúng ta tin người lái buôn này là Chúa Jêsus. Ngọc châu tốt là hội thánh. Tại đồi Gôgôtha, Ngài bán tất cả mọi điều Ngài có để mua ngọc châu này. Ngọc châu hình thành bên trong con trai thông qua sự chịu khổ vì khó chịu thế nào, thì hội thánh cũng được hình thành thông qua vết đâm và vết thương trong thân Cứu Chúa thế ấy.

Thật thú vị vì trong ẩn dụ về kho báu, nước Thiên đàng được ví với chính kho báu. Ở đây, nước Thiên đàng không được ví với hạt châu, nhưng ví với người lái buôn. Vì sao có sự khác biệt này?

Trong ẩn dụ trước, điểm nhấn mạnh là vào kho báu - tức dân Ysraên được chuộc. Nước Thiên đàng được liên kết gắn gũi với dân Ysraên. Nước Thiên đàng lúc đầu được ban cho dân tộc ấy, và trong hình thức tương lai của nước ấy, dân Do Thái sẽ là những thân dân chính yếu của nước Thiên Đàng.

Như đã nói, hội thánh không phải là một với nước Thiên đàng. Tất cả những người ở trong hội thánh thì đều ở trong nước Thiên đàng ở hình thức lâm thời, nhưng không phải tất cả những người ở trong nước Thiên đàng đều ở trong hội thánh. *Hội thánh sẽ không ở trong nước Thiên đàng ở hình thức tương lai, nhưng sẽ đồng trị với Đấng Christ trên đất đã*

được đổi mới. Điểm nhấn mạnh trong ẩn dụ thứ nhì là chính Vua và giá lớn lao Ngài đã trả để theo đuổi và chinh phục Tân Nương, và vị Tân Nương đó sẽ chia sẻ vinh hiển của Ngài trong ngày Ngài hiện ra.

Ngọc trai ra từ biển thế nào, thì hội thánh đôi khi còn được gọi là Tân Nương dân ngoại của Đấng Christ - hầu như cung ra từ các dân thế ấy. Điều này không bỏ qua sự kiện cũng có người Ysraên hoá cải trong hội thánh, nhưng chỉ nói rằng đặc trưng chi phối của hội thánh, ấy là hội thánh là một dân tộc được kêu gọi ra khỏi các nước cho Danh Ngài. Trong Công Vụ 15:14, Giacô khẳng định đây là mục đích trọng đại của Đức Chúa Trời trong thời hiện tại.

K. ẨN DỤ VỀ MÈ LƯỚI (13:47-50)

13:47,48 Ẩn dụ cuối trong loạt này ví nước Thiên đàng với cái lưới được thả xuống biển bắt đủ mọi thứ cá. Ngư phủ lựa cả ra, chọn cá tốt bỏ vào rổ rồi vứt cá xấu.

13:49,50 Chúa giải nghĩa ẩn dụ này. Thời điểm đó là ngày lặn lễ; tức là vào cuối thời kỳ Cơ Đai Nạn. Đây là thời điểm Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Đấng Christ. Người đánh cá là các thiên sứ. Cá tốt là người công bình; tức là những người được cứu, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Cá xấu là người không công bình; tức là người vô tin thuộc mọi chủng tộc. Có sự tách riêng ra, như chúng ta cũng thấy trong ẩn dụ về lúa mì và cỏ lùng (câu 30, 39-43). Người công bình vào nước Thiên đàng của Cha họ, còn người không công bình bị

giam trong nơi có lửa, tại đó có **khóc lóc và nghiêng rặng**. Tuy nhiên, đây không phải là sự đoán xét cuối cùng; đoán xét này xảy ra ngay tại khởi đầu trước Thiên Hy Niên; sự đoán xét cuối cùng xảy ra sau thời kỳ một ngàn năm kết thúc (Khải Huyền 20:7-15).

Gaebelein giải nghĩa ẩn dụ này như sau:

Lưu ý rằng thái sống biển, là điển như chúng ta đã thấy trên đây đang tương cho các dân. Ẩn dụ này nói đến việc rao giảng Tin Lành đời đời đúng như sẽ xảy ra trong Cơn Đại Nạn (Khải Huyền 14:6, 7). Việc tách riêng cá tốt và cá xấu do thiên sứ thực hiện. Toàn bộ điều này không thể nói đến thời hiện đại cũng không nói đến hậu thành, nhưng nói đến thời điểm vương quốc sắp được thiết lập. Các thiên sứ sẽ được Chúa sử dụng, như thấy rất rõ trong sách Khải Huyền. Kẻ ác sẽ bị ném vào lửa và người công bình sẽ còn lại trên đất để hưởng mùa: Thiên Hy Niên.³⁰

I. MỘT BẦU CHÂN LÝ (13:51,52)

13:51 Khi phân xong các ẩn dụ này, Thầy hỏi các môn đồ có **hiểu không**. Họ đáp: "Có hiểu." Có lẽ điều này khiến chúng ta ngạc nhiên, hoặc thậm chí khiến chúng ta hơi ganh tị với họ. Có lẽ chúng ta không thể trả lời "có hiểu" cách rất tin quyết như thế.

13:52 Vì họ hiểu, họ có hôn phạm phải chia sẻ cho người khác. Các môn đồ phải là những kênh dẫn, chứ không phải đích cuối cùng của ơn phước. Mười hai sứ đó giờ đây là những thầy thông giáo đã được huấn

luyện cho nước Thiên đàng; có nghĩa là những thầy giáo và người giải nghĩa chân lý. Họ giống người **chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra**. Trong Cựu Ước, họ đã có của đặt cọc phong phú về điều mà chúng ta có thể gọi là chân lý cũ. Trong sự dạy dỗ bằng ẩn dụ của Đấng Christ, họ vừa nhận được điều hoàn toàn mới. Từ nhà kho kiến thức bao la này, giờ đây họ nên truyền đạt những chân lý vĩnh diệu ấy cho người khác.

M. CHÙA JÊSUS BỊ KHƯỚC TỬ TẠI NAXARÉT (13:53-58)

13:53-56 Sau khi phân các ẩn dụ này rồi, Chúa Jêsus rời bờ biển Gafitê đến Naxarét thăm lần cuối tại đó. Khi Ngài dạy dỗ trong nhà hội, dân chúng **sửng sốt** trước sự khôn ngoan của Ngài và những phép lạ được thuật lại của Ngài. Đối với họ, Ngài chỉ là **con người thợ mộc**. Họ biết mẹ Ngài là **Mari...** và các em trai của Ngài là **Glacô, Giôxép, Simôn, Giuđê và các em gái Ngài** - họ vẫn sống tại đó ở Naxarét! Làm sao một trong những chàng trai tại chính quê hương của họ có thể nói và làm những điều mà nhờ đó trở nên nổi tiếng đến như vậy? Điều này khiến họ lúng túng không hiểu, và họ thấy cứ bám chặt lấy sự ngu dốt của họ còn dễ hơn công nhận sự thật ấy.

13:57-58 Họ bị **vấp phạm vì cơ Ngài**. Điều này thực giục Chúa Jêsus nói rằng **vị liên tri** thật thương được tôn trọng hơn bên ngoài quê hương mình. Vùng quê hương của Ngài và chính những người bà con của Ngài đã để cho chỗ quen biết dẫn đến

khinh thường. Lòng vô tín hầu như ngăn trở công việc của Chúa Giêsu tại Naxarét. Ngài chỉ chữa lành một vài người bệnh tại đó (đổi chiếu Mác 6:5). Không phải vì Ngài không *thể* làm được các việc ấy; sự gian ác của con người không thể cản trở quyền năng của Đức Chúa Trời. Nhưng chắc lúc đó Ngài đang ban phước cho những người ở tại nơi không hề có lòng khao khát được phước, thỏa đáp nhu cầu nơi không hề biết họ cần, chữa lành cho những người mà ả họ rất tức giận khi bảo rằng họ mắc bệnh.

IX. ƠN ĐIỂN KHÔNG MỆT MỎI CỦA Đấng MÊSI ĐÃ ĐƯỢC ĐÁP LẠI BẰNG SỰ THÙ ĐỊCH NGÀY CÀNG TĂNG (14:1- 16:12)

A. Giảng Báp-tít Bị Chém Đầu (14:1-12)

14:1,2 Tin đồn về chức vụ Chúa Giêsu lan đến Hêrốt Chư Hầu. Người con trai không nổi tiếng này của Hêrốt Đại Đế còn được gọi là Hêrốt Antipa. Đây chính là người ra lệnh chém đầu Giảng Báp-tít. Khi nghe các phép lạ của Đấng Christ, lương tâm bắt đầu cắn rứt ông. Ký ức về Đấng tiên tri bị ông chém cứ hiện ra trước mắt. Ông bảo các đầy tớ: "Đấy là Giảng Báp-tít. Người đã từ kẻ chết sống lại. Như vậy mới giải thích được những phép lạ này."

14:3 Trong câu 3-12, chúng ta có điều được gọi là cảnh hồi tưởng của Van chương. Mathiơ ngắt ngang câu chuyện để ôn lại những hoàn cảnh xung quanh cái chết của Giảng.

14:4,5 Hêrốt đã bỏ vợ mình và đang sống trong mối quan hệ ngoại

tình loạn luân với Hêrôđia, vợ của Philip em trai mình. Với tư cách tiên tri của Đức Chúa Trời, Giảng không thể không quở trách. Phán nộ và không chút sợ hãi, Giảng công khai vạch tội Hêrốt và lên án tội gian dâm của vua.

Vua giận đến mức đủ để giết ông, nhưng như vậy không có lợi về chính trị. Dân chúng đang tuyên bố Giảng là một tiên tri, và ắt sẽ phản ứng, có lẽ phản ứng bằng bạo lực, chống hành hình Giảng. Vì vậy, tên bạo chúa này tạm thời hả giận bởi việc nhốt Giảng Báp-tít vào tù. "Người không kính sợ Chúa thích tôn giáo y như cách họ thích sự tử vậy, hoặc nó chết hoặc nó đã ở đằng sau song sắt; họ sợ tôn giáo khi nó sống chuồng và bắt đầu thách thức lương tâm họ."³¹

14:6-11 Đến ngày ăn mừng sinh nhật của Hêrốt, con gái của Hêrôđia làm vua đẹp lòng bởi điệu múa của mình đến nỗi vua bốc đồng truyền ban cho nàng mọi điều nào nàng muốn. Được người mẹ dâm đang thúc giục, nàng trắng trợn xin cái đầu của Giảng Báp-tít... để trên mâm! Đến lúc này, cơn thịnh nộ của vua đối với Giảng đã có phần nguôi đi; có lẽ ông còn ngưỡng mộ lòng can đảm và trung thực của vị tiên tri. Nhưng đầu rất tiếc, ông cảm thấy phải làm trọn lời hứa. Lệnh được truyền ra. Giảng bị chém đầu. Và lời cầu xin tàn bạo của cô gái nhảy múa này đã được ban cho.

14:12 Các môn đồ Giảng chôn xác thấy thật đáng hoàng, rồi đến báo tin cho Chúa Giêsu. Ất hẳn họ không thể đến trút nỗi buồn và phẫn nộ của mình với bất cứ ai tốt hơn Chúa được.

Và cũng để lại cho chúng ta một tấm gương còn gì tuyệt vời. Trong giờ phút bất ngờ, chống đối, chịu khổ và đau buồn, chúng ta cũng nên đến *kể cho Chúa Jêsus*.

Vé phản Hêrôđi, tội phạm của ông đã kết thúc nhưng kỳ ức vẫn còn mãi. Khi nghe về những hoạt động của Chúa Jêsus, toàn bộ câu chuyện đã quay về ám ảnh ông.

B. Cho Năm Ngàn Người Ăn (14:13-21)

14:13-14 Khi Chúa Jêsus nghe rằng Hêrôđi lo lắng vì tin đồn về các phép lạ của Ngài, thì Ngài xuống thuyền đến một khu vực yên tĩnh bên bờ biển Galilê. Chúng ta có thể biết chắc Ngài không đi vì sợ; Ngài biết không điều nào có thể xảy ra cho Ngài trước khi thời điểm của Ngài đến. Chúng ta không biết lý do chính khiến Ngài ra, nhưng còn một nguyên nhân phụ ấy là các môn đồ vừa trở về sau sứ mạng giảng đạo của họ (Mác 8:30, Luca 9:10) và cần thời giờ nghỉ ngơi yên tĩnh.

Tuy nhiên, đám đông từ các thành phố đi bộ mà ùa theo Ngài. Khi Ngài đến bờ biển, họ đang chờ tại đó. Không hề bực tức trước sự xâm nhập này, Chúa giàu lòng thương xót của chúng ta bắt tay làm việc tức khắc và *chừa lành bệnh tật cho họ*.

14:15 Đến chiều tối, tức là sau ba giờ chiều, các môn đồ cảm thấy không hoảng sắp nổ ra. Cỗ quà nhiều người, và không có gì cho họ ăn cả! Họ xin Chúa cho dân chúng trở về làng để họ tìm được thức ăn. Sau đó họ hiểu tấm lòng Đấng Christ hay nhận biết quyết năng của Ngài ít ỏi đến thế!

14:16-18 Chúa bảo đám họ không cần làm như vậy. Cớ sao dân chúng phải rời khỏi Đấng mở rộng bàn tay Ngài và chu cấp ước muốn của mọi loài sống? Kể đến Ngài lần công vào chỗ hở của họ bằng cách phán: "**Chính các người hãy cho họ ăn.**" Họ hoảng vàng. "Cho họ ăn ư? Chúng ta chẳng có gì ngoài năm ổ bánh và hai con cá." Họ quên mất họ còn có Chúa Jêsus nữa. Cứu Chúa kiên nhẫn phán: "**Hãy đem đây cho ta.**" Đó là phán việc của họ.

14:19-20 Chúng ta có thể hình dung cảnh Chúa truyền đoàn dân đồng ngồi xuống cỏ. Cắm năm ổ bánh và hai con cá, Chúa tạ ơn, bẻ ổ bánh ra, rồi trao cho các môn đồ phân phát. Có dư dật cho mọi người. Khi mọi người đều no, các môn đồ gom lại: mười hai giỏ bánh thừa. Pháo còn lại: lúc Chúa kết thúc còn nhiều hơn; phán có khi Ngài bắt đầu. Mía mai thay, có một giỏ bánh cho mỗi một môn đồ vô tội ở đây. Và đoàn dân đông có lẽ từ 10.000 người đến 15.000 đã được Chúa cho ăn (5000 người nam cộng thêm với phụ nữ và trẻ em).

Phép lạ này là bài học thuộc lòng cho các môn đồ thuộc mọi thế hệ. Đoàn dân đông đói khát vẫn luôn có mặt. Vẫn luôn có một nhóm nhỏ các môn đồ với những nguồn cung ứng dường như thật thảm hại. Và luôn luôn có Cứu Chúa giàu lòng thương xót. Khi các môn đồ sản lòng dâng cho Ngài hết phần ít ỏi của họ, Ngài nhận nó lên để nuôi hàng ngàn người. Điểm khác biệt đáng lưu ý ấy là năm ngàn người nam đã được Chúa cho ăn bên bờ Galilê chỉ được thỏa cơn đói

một lúc ngắn ngủi; ngày nay những ai được ăn Đấng Christ hằng sống thì được thỏa mãn đời đời (xem Giăng 6:35).

C. Chúa Jesus Đi Bộ Trên Mặt Biển (14:22-33)

Phép lạ trước bảo đảm cho các môn đồ biết họ đang theo Đấng có thể chi cấp dư dật nhu cầu của họ. Giờ đây họ học biết Đấng ấy có thể bảo vệ và ban quyền năng cho họ nữa.

14:22,23 Trong khi giải tán dân chúng, Chúa truyền các môn đồ vào thuyền và bắt đầu trở về bờ hồ bên kia. Rồi Ngài đi lên ngọn đồi để cầu nguyện. Đến chiều tối, tức là sau khi mặt trời lặn, Ngài ở đó một mình. (Theo cách tính của người Do Thái, có hai "buổi chiều tối," xem Xuất Êdíphtô Ký 12:6, phần chú thích ngoài lề của Bản KSV. Một buổi chiều tối được nói đến trong câu 15, bắt đầu vào giữa trưa, và buổi chiều tối kia được nói đến ở đây bắt đầu vào lúc mặt trời lặn.)

14:24-27 Trong lúc đó, cơn thuyền đã ra xa đất liền và đang gặp gió ngược. Khi nước ập vào thuyền, Chúa Jesus nhìn thấy cảnh khốn khổ của các môn đồ. Đến canh tư đêm ấy (giữa ba giờ đến sáu giờ sáng), Ngài đi bộ trên mặt biển đến cùng họ. Ngờ là ma trên các môn đồ hồi hoàng. Nhưng ngay lập tức nghe tiếng nói trấn an của Thầy và Bạn của họ: "**Các người hãy yên lòng; ấy là ta đây, đừng sợ!**"

Thật đáng cho kinh nghiệm của chúng ta biết bao! Chúng ta thường bị bao lỗ dập vùi, bối rối, tuyệt vọng. Cứu Chúa dường như ở rất xa. Nhưng Ngài vẫn luôn đang cầu

nguyện cho chúng ta. Khi bóng đêm dường như tối đen nhất, Ngài vẫn ở sát bên. Ngay cả lúc đó chúng ta cũng thường hiểu lầm Ngài và lo bám nút "cấp cứu trong lúc hồi hoàng." Lúc đó chúng ta nghe tiếng nói đầy yên ủi của Ngài và nhớ rằng những cơn sóng khiến chúng ta sợ hãi đang ở dưới chân Ngài.

14:28 Khi Phierô nghe giọng nói rất đỗi quen thuộc và triu mến, lòng cảm mến và nhiệt tình trào dâng trong ông. "**Lạy Chúa, nếu phải Chúa, xin khiến tôi đi trên mặt nước mà đến cùng Chúa.**" Thay vì cưỡng điệu chữ "nếu" của Phierô như dấu hiệu tin đức tin, chúng ta nên nhìn thấy lời yêu cầu đơn giản của ông như dấu hiệu của lòng tin cậy lớn lao. Phierô cảm thấy nhưng mạng lưới của Chúa là những sự cho phép của Ngài, Ngài ban sức mạnh cho mọi điều nào Ngài truyền lệnh.

14:29-30 Ngay khi Chúa Jesus phán: "**Hãy lại đây,**" ... Phierô nhảy ra khỏi thuyền và bắt đầu đi bộ về phía Ngài. Chúng nào mắt ông còn chăm chú vào Chúa Jesus, ông còn có thể thực hiện việc không thể làm được; nhưng chính giây phút ông lo nghĩ đến gió mạnh, ông bắt đầu chìm. Ông hoảng hốt kêu lên: "**Chúa ơi, xin cứu lấy tôi!**" Chúa nắm lấy ông, dịu dàng gỡ trách đức tin nhỏ bé của ông, và đưa ông vào thuyền. Ngay khi Chúa vào thuyền, **gió yên lặng**. Buổi nhóm thờ phượng diễn ra trên thuyền khi các môn đồ nói với Chúa Jesus: "**Thật thật là Con Đức Chúa Trời.**"

Đời sống Cơ Đốc giống như việc bước đi trên mặt nước là việc con

người không thể làm được. Chỉ có thể sống được cuộc đời ấy bởi quyền năng của Thánh Linh. Chứng nào chúng ta ngưng nhìn vào mọi vật khác để chỉ chăm chăm vào Chúa Jêsus mà thôi (Hêbơơ 12:2), chúng ta vẫn kinh nghiệm được sự sống siêu nhiên. Nhưng chính giây phút lo nghĩ đến chính mình hoặc hoàn cảnh của mình, chúng ta bắt đầu chìm. Lúc đó, chúng ta phải kêu cầu với Đấng Christ để được phục hồi và được ban năng lực thiên thượng.

B. Chúa Jêsus Chữa Bệnh Tại Ghênēsarēt (14:34-36)

Thuyền cập bến Ghênēsarēt, bờ phía tây bắc biển Galilê. Ngay khi dân chúng nhận biết Chúa Jêsus, họ lúng lúng vùng đó tìm **hết thầy những người bệnh đem đến cho Ngài** để người bệnh có thể rờ đến **viên áo của Ngài**; như nhiều người hể ai rờ đến cũng **đều được lành**. Và như vậy các bác sĩ trong vùng đó đã được kỳ nghĩ phép. Ít nhất, cũng trong ít lâu không có ai hénh. Vùng này đã hưởng được sức khỏe và sự chữa bệnh nhờ Vị **Thầy Thuốc Đại Tà** viếng thăm.

E. Sự Ủ Hộ Khởi Phát Từ Bên Trong (15:1-20)

Người ta thường nói Mathio không đi theo trình tự thời gian trong các đoạn đầu. Nhưng từ lúc bắt đầu đoạn 14 cho đến cuối, các biến cố phần lớn đi theo trình tự như chúng đã diễn ra.

Trong câu 15, thứ tự về định kỳ cũng xuất hiện. Trước hết, các cuộc tranh cãi liên tục của người Pharisi và các thầy thông giáo (câu 1-20) lên báo sự khước từ của Ysraên đối với

Đấng Mêsi. Thứ nhì, đức tin của người dân bà Canaan (câu 21-28) mô tả hình ảnh Tin Lành đến với người ngoại bang trong thời đại hiện nay. Và cuối cùng, sự chữa lành đoàn dân đông (câu 29-31) và việc hóa bánh nuôi bốn ngàn người (câu 32-39) chỉ đến thời đại Thiên Hy Niên tương lai cùng với sức khỏe và thịnh vượng trên khắp toàn cầu của thời ấy.

15:1.2 Các thầy không giáo và người Pharisi không ngớt nỗ lực gài bẫy Cứu Chúa. Một phái đoàn đến từ Giêrusalem, buộc tội các môn đồ Ngài là ó uế vì ăn mà chưa rửa tay, do đó vi phạm lời truyền khẩu của người xưa.

Để am hiểu được trường hợp này, chúng ta phải hiểu những ngụ ý nói đến tình sạch và không tình sạch, và phải biết người Pharisi muốn nói gì qua việc rửa tay. Toàn bộ khái niệm về bndi sạch và không tình sạch có từ thời Cựu Ước. Sự không tình sạch mà các môn đồ đang bị kết tội ở đây là hoàn toàn thuộc về lễ nghi. Chẳng hạn, nếu một người đụng phải xác chết, hay nếu ăn một điều gì đó, người ấy bị ó uế về lễ nghi không phù hợp về mặt lễ nghi để thờ phượng Chúa. Trước khi có thể đến gần Đức Chúa Trời, luật pháp Đức Chúa Trời đòi hỏi người ấy phải chịu qua một nghi lễ tẩy uế.

Nhưng các trường lân đã thêm truyền khẩu vào các nghi lễ tẩy uế này. Chẳng hạn, họ quả quyết trước khi một người Do Thái ăn, người ấy phải đưa đôi tay mình qua một tiểu trình tẩy uế tỉ mỉ, phải rửa không những đôi bàn tay, mà còn cả cánh tay

lên đến tận cùi chỏ. Nếu đã ở chợ, thì phải đi tắm về mặt lễ nghi. Vì vậy, người Pharisi chỉ trích môn đồ đã không tuân giữ những điều phúc tạp tỉ mỉ của việc rửa tay do truyền khẩu Do Thái quy định.

15:3-6 Chúa Jêsus nhắc những người chỉ trích Ngài: nhớ họ đã phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, chứ không phải chỉ lời truyền khẩu của người xưa mà thôi. Luật pháp truyền phải hiểu kính cha mẹ bao gồm cả chu cấp tài chánh nếu cần. Nhưng thầy thông giáo và người Pharisi (cùng nhiều người khác) không muốn trả tiền phụng dưỡng cha mẹ cao tuổi của mình. Vì vậy, họ soạn ra lời truyền khẩu để dùng nó trốn tránh trách nhiệm. Khi được yêu cầu giúp cha hay mẹ, toàn bộ những việc họ phải làm ấy là lập lại những lời như thế này: "Tất cả khoản tiền nào con có và khoản tiền nào đang ra có thể dùng chu cấp cho cha mẹ thì đều đã dâng cho Chúa rồi, nên do đó con không thể trao khoản tiền đó cho cha mẹ," và khi đã đọc xong công thức này, họ được tự do thoát khỏi trách nhiệm tài chánh đối với cha mẹ. Khi tuân giữ lời truyền khẩu xảo quyết này, họ đã vô hiệu hóa Lời của Đức Chúa Trời vốn truyền họ phải chăm sóc cho cha mẹ.

15:7-9 Bởi cách chơi chữ xảo quyết, họ đã làm ứng nghiệm: lời tiên tri Êsai 29:13. Họ xưng mình lấy môi miệng tôn kính Đức Chúa Trời, nhưng lòng họ cách xa Ngài lắm. Sự thờ phượng của họ là vô giá trị vì họ xem lời truyền khẩu của con người là quý hơn Lời Đức Chúa Trời.

15:10,11 Quay sang đoàn dân, Chúa tuyên bố một câu mang ý nghĩa hết sức lớn lao. Ngài tuyên bố chẳng phải điều chi vào miệng làm đơ đay người, nhưng trái lại là điều từ miệng ra. Chúng ta hiếm khi am hiểu hết đặc tính cách mang của lời tuyên bố này. Theo luật Lêvi, điều đi vào miệng thì thực sự đã làm ô uế một người. Người Do Thái bị cấm ăn thịt của bất kỳ súc vật nào không nhai lại và không có móng rẽ ra. Họ không được phép ăn loài cá nào không có vây và không có vây. Chúa đã ban những chỉ dẫn chi tiết về những thức ăn nào sạch hoặc không tinh sạch.

Giờ đây, Đấng Ban Phát Luật Pháp đang dọn đường để bury bỏ toàn bộ hệ thống sự ô uế về lễ nghi. Ngài phán rằng thức ăn mà các môn đồ Ngài ăn với đôi bàn tay chưa rửa không làm ô uế họ. Nhưng sự giả hình của những thầy thông giáo và người Pharisi - đó mới thực sự là thứ làm cho ô uế.

15:12-14 Khi các môn đồ bảo tin người Pharisi nổi giận vì lời lên án này, Chúa Jêsus đáp lại bằng cách ví họ với những cái cây mà Đức Chúa Trời không trồng. Họ là cỏ lùng chứ không phải lúa mì. Họ và những lời dạy dỗ của họ rốt cuộc sẽ bị nhổ lên; tức là bị tiêu diệt. Rồi Chúa nói thêm: "Hãy để vậy; đó là kẻ mù làm người dẫn đường cho kẻ mù." Dấu xưng mình là những nhà chuyên môn có thẩm quyền trong các vấn đề thuộc linh, họ lại đi mù trước những thực tại thuộc linh cũng giống như những người đang được họ dẫn đưa. Điều không thể tránh khỏi ấy là cả người

dẫn đường và người đi theo **đều sẽ té xuống hố.**

15:15 Rõ ràng, các môn đồ rùng động trước sự đảo ngược hoàn toàn này về mọi điều họ đã được dạy về thức ăn tinh sạch và không tinh sạch. Đây giống như một **án dụ** đối với họ, tức là một chuyện kể khó hiểu và bị che khuất. Phierơ nói lên sự bối rối của họ khi xin Chúa giải thích.

15:16,17 Chúa trước hết tố về lạ lùng vì họ chậm hiểu như vậy, sau đó giải thích sự ô uế thật chính là sự ô uế về đạo đức chứ không phải về thể chất. Những thức ăn ăn được vốn dĩ không phải là không tinh sạch. Trên thực tế, không một vật chất nào tự thân nó là xấu; chính việc lạm dụng một vật mới là sai. Thức ăn người ta **ăn vào miệng thì đi thẳng xuống bụng để tiêu hóa, rồi chất thải không hấp thụ được bị bỏ ra ngoài.** Đạo đức của họ không bị ảnh hưởng - chỉ thân thể bị ảnh hưởng. Ngày nay, chúng ta biết "mọi vật Đức Chúa Trời đã dựng nên đều là tốt lành cả, không một vật chi đáng bỏ, miễn là mình cảm ơn mà ăn lấy thì được; vì như lời Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện mà vật đó được nên thánh." (1.Timothê 4:4,5). Đương nhiên, phần đoán này không nói đến những thực vật có độc, nhưng về thức ăn được Đức Chúa Trời đã định cho con người dùng. Hết thầy đều tốt lành và nên ăn với lòng tạ ơn. Nếu ai bị dị ứng với thức ăn nào đó, không thể chịu được những thức ăn khác, thì đừng nên ăn, nhưng nói chung chúng ta có thể ăn với lòng bảo đảm rằng

Đức Chúa Trời dùng thức ăn để nuôi dưỡng thể chất của chúng ta.

15:18 Nếu thức ăn không làm ô uế, *thì điều gì làm cho ô uế?* Chúa Jesus trả lời: "... **Song những điều bởi miệng mà ra là lữ trong lòng, thì những điều đó làm dơ dáy người.**" Ở đây, **lòng** không phải là cơ quan để bơm máu, nhưng là nguồn bại hoại của những động cơ và tư duy của con người. Phần này trong bản chất đạo đức của con người tự bày tỏ qua những tư tưởng bất khiết, sau đó bởi những lời nói bại hoại, và rồi bởi những hành động xấu xa.

15:19,20 Một số những điều làm ô uế con người ấy là **những ác tưởng, những tội giết người, tà dâm, dâm dục, trộm cướp, làm chứng dối, và lòng ghen,** (từ ngữ Hylạp này bao gồm lời nói vu người khác).

Người Pharisi và thầy thông giáo cực kỳ quan tâm đến sự tuân thủ cách phở trương và câu nê các nghi lễ nữa tay. Nhưng đời sống bé trong của họ thật là ô uế. Họ chuyên về các tiểu tiết và xem nhẹ các vấn đề thực sự quan trọng. Họ có thể chỉ trích các môn đồ không giữ lời truyền khẩu chẳng được sợ; dẫn, thế nhưng lại âm mưu giết Con Đức Chúa Trời và phạm toàn bộ danh sách tội lỗi được liệt kê trong câu 19.

F. Mọi Người Ngoại Bang Được Phức Vi Cơ Bức Tin (15:21-28)

15:21,22 Chúa Jesus rút lui đến **vùng Tyros và Sidon,** trên bờ biển Địa Trung Hải. Theo như chúng ta biết đây là lần duy nhất trong chức vụ công khai, Chúa ra ngoài lãnh thổ Do

Thái. Tại đây trong xứ Phênixi, một người đàn bà Canaan xin Ngài chữa lành **con gái bị quỷ ám** của bà.

Điều quan trọng phải thấy là người đàn bà này không phải người Do Thái, nhưng là người ngoại bang. Bà là đồng đội của dân Canaan, một chủng tộc vô luân mà Đức Chúa Trời đã đánh dấu để tuyệt diệt. Bởi sự bất tuân của Ysraên, một số con sống sót trong con chinh phục Canaan dưới đời Gôsuê, và người đàn bà này là đồng đội của những người sống sót kia. Làm một người ngoại, bà không được hưởng những đặc ân của tuyển dân trên trần thế này của Chúa. Bà là người xa lạ, không có hy vọng. Về địa vị, bà không có quyền đòi hỏi điều gì nơi Đức Chúa Trời hay Đấng Mêsê.

Khi nói với Chúa Jêsus, bà gọi Ngài là **Chúa**, là **con cháu vua Đavít**, một danh xưng mà người Do Thái dùng để nói về Đấng Mêsê. Dẫu Chúa Jêsus là **con cháu Đavít**, một người ngoại bang, không có quyền đến gần Ngài dựa trên cơ sở đó. Đây là nguyên nhân lúc đầu Ngài không trả lời bà.

15:23 Môn đồ đến gần cố nài xin Ngài cho **bà ra về**; thật bực mình bà, đối với Ngài, bà là tấm gương đáng hoan nghênh về đức tin và là một khi mạnh để ăn điếu. Ngài của Ngài sẽ chiếu sáng trong đó. Nhưng trước hết, Ngài phải chứng minh và dạy dỗ đức tin của bà đã.

15:24,25 Chúa nhắc bà nhớ sứ mạng của Ngài là cho **những chiên lạc mất của nhà Ysraên**, chứ không cho dân ngoại; và đương nhiên cũng không dành cho người Canaan. Bà

không nản trước lời nói cô vể như từ chối này. Không dùng đến danh xưng của **con vua Đavít** nữa, bà thờ phượng Ngài rằng: "**Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi!**" Nếu không thể đến với Ngài như một người Do Thái đến với Đấng Mêsê của bà, bà sẽ đến với tư cách tạo vật đến gần Đấng Tạo Hóa của mình.

15:26 Để thăm dò thêm thực tế đức tin của bà, Chúa bảo bà rằng **thật không tốt** cho Ngài để đem bánh của con cái Ysraên cho những **con chó ngoại bang** ăn. Nếu điều này nghe có vẻ chối tai chúng ta, thì chúng ta nên nhớ rằng, cũng giống như những dao mổ của bác sĩ phẫu thuật, nó không nhằm làm đau đớn nhưng để chữa lành. Bà **đã là người ngoại bang**. Người Giuđa xem thường người ngoại bang như những con chó bởi đồng tác, lảng vảng kiếm thức ăn rơi vãi ngoài đường. Tuy nhiên, ở đây Chúa Jêsus dùng chữ "**những con chó con nuôi trong nhà.**" Câu hỏi là: "Bà có chịu công nhận mình không xứng đáng nhận ngay cả lòng thương xót nhỏ nhất của Ngài không?"

15:27 Câu trả lời của bà thật tuyệt vời. Bà đồng ý hoàn toàn với lời Ngài mô tả. Nhận lấy địa vị một người ngoại không xứng đáng, bà gieo mình xuống trước sự thương xót, yêu thương và ân điển của Ngài. Trên thực tế bà nói: "Chúa nói đúng! Tôi chỉ là một **con chó con nuôi** ăn. Nhưng tôi thấy đôi khi **những mảnh vụn trên bàn rơi xuống sàn**. Chúa cũng không để cho tôi có những mẩu vụn ấy sao? Tôi không xứng đáng để Ngài chữa lành cho con gái tôi, nhưng

rời cầu xin Ngài làm việc ấy cho một trong những tạo vật không xứng đáng của Ngài.”

15:28 Chúa Jêsus kien đức tin lớn của bà. Trong khi những người con vô tin chẳng hề đòi bánh, ở đây có một người tự xưng là “chờ con” đang kêu xin bánh. Đức tin được ban thưởng; con gái bà được chữa lành tức thì. Sự kiện Chúa chúng ta chữa lành con gái người đàn bà ngoại bang này từ đàng xa cho thấy chức vụ hiện tại của Ngài bên hữu Đức Chúa Trời, để ban sự chữa lành thuộc linh cho những người ngoại bang trong thời đại này khi dân sự ngày xưa của Chúa với tư cách dân tộc hiện bị gạt bỏ ra ngoài.

G. Chúa Jêsus Chữa Lành Những Đoàn Dân Ngoại (15:29-31)

Trong Mác 7:31 chúng ta biết Chúa rời Tyros, đi lên hướng bắc đến Sidon, rồi xuống hướng đông ngược sông Giordan, đến miền nam qua vùng Decabôli. Tại đó, gần biển Galilê, Ngài chữa lành người què, mù, câm, tàn tật và nhiều kẻ đau khác. Đoàn dân đông sùng sốt này đã làm vinh hiển Đức Chúa Trời của Ysraên. Đã có giả định rất vững chắc đây là vùng của người ngoại bang. Đoàn dân này, bên kết Chúa Jêsus và các môn đồ Ngài với Ysraên, đã suy luận đúng rằng Đức Chúa Trời của Ysraên đang hành động ở giữa họ.

H. Hòa Bình Với Bốn Ngàn Người (15:32-39)

15:32 Những độc giả bất cẩn (hay độc để chỉ trích) nhầm lẫn này với lần Chúa hóa bánh nuôi năm ngàn người, nên đã lên án Kinh Thánh là sao chép,

mâu thuẫn và tinh sai. Sự thật là hai trường hợp này rất khác nhau, và bổ sung cho nhau chứ không phải mâu thuẫn với nhau.

Sau ba ngày ở với Chúa, đoàn dân hết thức ăn. Ngài không chịu để cho họ ra về bụng đói. Họ có thể quy ngã giữa đường.

15:33,34 Một lần nữa, các môn đồ Ngài năn lòng trước nhiệm vụ không thể thực hiện nổi là cho đoàn dân đông như thế ăn; lần này, họ chỉ có **bảy ổ bánh và vài con cá nhỏ**.

15:35,36 Cũng như trong trường hợp năm ngàn người, Chúa Jêsus cho dân chúng ngồi xuống, tạ ơn, bẻ các ổ bánh và cá ra rồi **trao cho các môn đồ** đem phân phát. Ngài mong đợi các môn đồ làm việc họ làm được; sau đó Ngài bước vào và làm việc họ không làm được.

15:37-39 Sau khi đoàn dân ăn no, còn dư lại **bảy giỏ đầy**. Số người ăn là **bốn ngàn người nam, không kể đàn bà con trẻ**.

Trong đoạn tiếp theo, chúng ta sẽ thấy nhưng con số thống kê liên quan đến hai phép lạ Chúa hóa bánh là rất có ý nghĩa (16:8-12). Mỗi chi tiết trong chuyện kể của Kinh Thánh đều có nghĩa. Sau khi đoàn dân ra về, Chúa chúng ta xuống thuyền qua xứ Magadon, ở bờ tây biển Galilê.

I. Men Của Người Pharisi Và Người Saduse (16:1-12)

16:1 Người Pharisi và người Saduse là những kẻ thù triết học của nhau trong các vấn đề thần học, đại diện cho hai thái cực giáo lý. Nhưng sự thù địch của họ đã nhường lối cho sự hợp tác khi họ liên hiệp

chung trong cùng mục đích giải bày Cứu Chúa. Để thử Ngài, họ xin Ngài làm một dấu lạ từ trên trời xuống. Bằng cách nào đó không rõ, họ đang cố dụ Chúa vào chỗ thỏa hiệp. Khi xin một dấu lạ từ trời, có lẽ họ đang ám chỉ một nguồn trái ngược cho các phép lạ trước đó của Ngài. Hoặc có lẽ họ muốn có dấu lạ siêu nhiên nào đó trên bầu trời. Tất cả các phép lạ của Chúa Jêsus đều được làm trên đất này. Liệu Ngài có làm được các phép lạ trên trời nữa không?

16:2,3 Ngài trả lời bằng cách tiếp tục chủ đề về bầu trời. Khi chiều tối đến họ thấy trời đỏ, họ dự báo ngày hôm sau trời đẹp. Họ cũng biết bầu trời đỏ đầy về đe dọa buổi sáng có nghĩa ngày hôm ấy sẽ có bão.³² Họ thật lão luyện trong khi giải thích sắc trời, nhưng lại không thể giải thích các dấu chỉ thì giờ.

Các dấu này là gì? Đấng tiên tri báo tin sự hiện đến của Đấng Mêsi đã xuất hiện trong con người Giăng Báp-tít. Các phép lạ được nói tiên tri về Đấng Mêsi - nhưng điều mà không con người nào khác từng làm được - đã được thực hiện trước mắt họ. Một dấu khác nữa về thì giờ chính là sự khước từ hiển nhiên của người Giuđa đối với Đấng Mêsi và Tin Lành đã đến với người ngoại bang. hết thấy đều ứng nghiệm lời tiên tri. Thế nhưng bất kể bằng chứng không tranh cãi được này, họ chẳng hề ý thức gì đến Chúa sử đang diễn ra hay lời tiên tri đang ứng nghiệm.

16:4 Tin một dấu lạ khi chính Chúa đứng giữa họ, người Pharisi và Saduse đã tự phơi trần mình ra như

một đồng dôi hung ác gian dâm về mặt thuộc linh. Giờ đây không một dấu lạ nào được ban cho họ ngoại trừ dấu lạ của Đấng tiên tri Giôna. Như được giải nghĩa ở phần chú thích cho 12:39, đây sẽ là sự phục sinh của Đấng Christ vào ngày thứ ba. Đồng dôi hung ác gian dâm sẽ đóng đinh chính Đấng Mêsi của họ, nhưng Đức Chúa Trời sẽ khiến Đấng Mêsi tử tế chết sống lại. Đây sẽ là dấu lạ cho số phận của những người không chịu sắp mình trước mặt Ngài trong tư cách Đấng Cai Trị hợp pháp.

Phần đoạn này kết thúc với những lời lẽ đáng lo ngại: "Rồi Ngài bỏ họ mà đi." Hàm ý thuộc linh của những lời này sẽ phát hiển nhiên cho mọi người.

16:5,6 Khi các môn đồ đi đến gặp Chúa bên bờ đông của hồ, họ quên mang thức ăn theo. Do đó, khi Chúa Jêsus chào họ bằng lời cảnh cáo rằng hãy giữ mình cẩn thận về men của người Pharisi và Saduse, họ tưởng Ngài đang phán: "Đừng đến với những lãnh tụ Do Thái ấy để tìm thức ăn!" Sự mai lú nghĩ đến thức ăn khiến họ tìm lời giải thích theo nghĩa đen tự nhiên, trong khi Chúa muốn dạy bài học thuộc linh.

16:7-10 Họ vẫn lo thiếu thức ăn bất chấp sự kiến Ngài là Đấng nuôi 5000 người và 4000 người cũng chính là Đấng đang ở với họ. Vì vậy, Ngài ôn lại hai phép lạ hóa bánh để nuôi đoàn dân cho họ nghe. Bài học ấy liên quan đến phép toán số học thiên thượng và muốn chu cấp thiên thượng, vì Chúa Jêsus có càng ít để làm, thì Ngài càng

nuôi được nhiều người hơn, và lương thực dư lại càng nhiều. Khi chỉ có năm ổ bánh và hai con cá, Ngài đã hóa bánh nuôi hơn 5000 người và còn dư mười hai giỏ đầy. Khi có nhiều ổ bánh và cá hơn, Ngài hóa bánh chỉ cho hơn 4000 người và chỉ còn dư bảy giỏ đầy. Nếu chúng ta đặt những nguồn tài nguyên hữu hạn của mình trong tay Chúa, Ngài có thể nhân chúng lên tỉ lệ nghịch với lượng nguồn tài nguyên ấy. "Lì hóa ra nhiều nếu có Đức Chúa Trời trong đó."

Một từ ngữ khác được dùng ở đây để chỉ về **giò**³³ khác với lần nuôi 5000 người ăn. Bảy giỏ trong trường hợp này được xem như lớn hơn mười hai giỏ trong trường hợp trước. Nhưng bài học cơ bản vẫn là: có sao lo đói và thiếu kh: chúng ta được liên kết với Đấng có quyền năng và nguồn tài nguyên vô hạn?

16:11,12 Khi nói về men của người Pharisi và Saduse, Chúa không nói đến bánh, nhưng nói đến những giáo lý và nếp ăn ở xấu. Trong Luca 12:1, men của người Pharisai được định nghĩa là thói giả hình. Họ xưng mình đi theo trung thành với lời Đức Chúa Trời trong những chi tiết nhỏ nhất, thế nhưng sự vắng lời của họ chỉ ở bề ngoài và nông cạn. Bề trong họ là xấu xa và bại hoại.

Men của người Saduse là chủ nghĩa duy lý. Những nhà tư tưởng tự do thời họ, cũng giống như những người theo thần học tự do ngày nay, họ đã xây dựng nên hệ thống nghi ngờ và chối bỏ. Họ chối bỏ sự hiện hữu của các thiên sứ và các thần linh,

sự sống lại của thân thể, sự bất tử của linh hồn, hình phạt đời đời. Thờ men của chủ nghĩa hoài nghi này, nếu được dung nạp thì sẽ lan tràn và thâm nhập giống như men trong bột.

X. VUA CHUẨN BỊ CÁC MÔN ĐỒ NGÀI (16:13- 17:27)

A. Lời Tuyên Xương Trọng Đại Của Phiêrô (16:13-20)

16:13,14 Sēsarē Philip nằm khoảng hai mươi lăm dặm ở phía bắc biển Galilê và nằm dọc ở phía đông sông Giôđanh. Khi Chúa đến các làng xung quanh (Mác 8:27), một trường hợp thường được công nhận như tột đỉnh chức vụ dạy dỗ của Ngài đã diễn ra. Mãi đến lúc này, Ngài vẫn đưa các môn đồ đến chỗ hiểu đúng về Thân Vị Ngài. Thành công rồi, Ngài mới quyết định đi đến thập tự giá.

Ngài bắt đầu bằng cách hỏi môn đồ xem người ta đang nói Ngài là ai. Các câu trả lời trải rộng từ chỗ **Giăng Báp-tít**, đến **Êli**, đến **Giêrêmi**, đến một trong các **Đấng tiên tri**. Đối với người trung bình, Ngài là một trong số rất nhiều người. Là Đấng tốt, nhưng không phải là Đấng Tối Nhất. Là Đấng vĩ đại, nhưng không phải là Vị Đại Nhất. Là một tiên tri nào đó, nhưng không phải là Đấng Tiên Tri *đầy nhất*. Quan điểm này không bao giờ ổn cả. Nó đã lên án Ngài hàng một *lời ca* ngợi mơ hồ. Nếu Ngài chỉ là một cơ người khác, thì Ngài là kẻ lừa đảo vì đã tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Cha.

16:15,16 Vì vậy Ngài hỏi các môn đồ xem họ tin Ngài là ai. Điều này khiến **Simôn Phiêrô** có được lời tuyên

xưng lịch sử: **"Chúa là Đấng Christ. Con Đức Chúa Trời hằng sống."** Nói cách khác, Ngài là Đấng Mesi của Ysraên và là Đức Chúa Con.

16:17,18 Chúa chúng ta chúc phước cho **Simôn**, con trai **Giôna**. Ngự phủ này đã không rút ra khái niệm ấy về Chúa Jêsus nhờ tri thông mình hay sự khôn ngoan bẩm sinh; điều này đã được bày tỏ cách siêu nhiên cho ông bố: Đức Chúa Cha. Nhưng Đức Chúa Con cũng có điều quan trọng nói cho Phierơ nữa. Vì vậy Chúa Jêsus nói thêm: **"Người là Phierơ, ta sẽ lập Hội thánh ta trên đá này, các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó."** Chúng ta hãy đều biết có nhiều cuộc tranh luận nổi lên quanh câu này hơn hầu hết mọi câu khác trong các sách Tin Lành. Thắc mắc ấy là: "Ai hoặc điều gì được gọi là **đá** này?" Một phần nan đề nảy sinh từ sự kiện những từ ngữ Hy văn chỉ về Phierơ và đá là tương tự nhau, nhưng các nghĩa của chúng là khác nhau. Chữ thứ nhất là *petros*, có nghĩa một viên đá lớn và nhỏ; chữ "**đá**" *petra*, nghĩa là một vầng đá, chẳng hạn như một mạch đá. Vì vậy, điều Chúa Jêsus phán thực sự là: "... **Người là Phierơ (hòn đá nhỏ), ta sẽ lập hội thánh ta trên vầng đá này.**" Ngài không nói sẽ xây hội thánh Ngài trên một hòn đá nhỏ, nhưng trên một vầng đá.

Nếu Phierơ không phải là vầng đá này, vậy vầng đá ấy là gì? Nếu bèn vào văn mạch, câu trả lời hiển nhiên ấy là lời tuyên xưng của Phierơ rằng Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời hằng sống, là chân lý mà hội thánh được thiết lập trên đó. Êphêso 2:20

đạy rằng hội thánh được xây trên Đức Chia Jêsus Christ, là đá góc nhà. Lời tuyên bố trong câu nói chúng ta được xây trên nền của các sứ đồ và các đấng tiên tri thì không nói đến họ, nhưng nói đến nền tảng được thiết lập trong sự dạy dỗ của họ về Đức Chúa Jêsus Christ.

Đấng Christ được nói đến như vầng đá trong 1.Côrinthô 10:4. Trong sự nổi kết này, Morgan nhắc nhở một điều rất bổ ích:

Hãy nhớ, Chúa đang phán với người Do Thái. Nếu chúng ta làm theo cách dùng nghĩa bóng của chữ "vầng đá" qua Kinh Thánh Hebrew, chúng ta thấy rằng đá ấy chưa hề được dùng theo nghĩa biểu tượng để chỉ về con người, nhưng luôn luôn để chỉ về Đức Chúa Trời. Vì vậy ở đây tin Sêrê Philip, hội thánh không phải được xây trên Phierơ. Chúa Jêsus không xem thường những kiện phỉ tu nê. Ngài đã dùng mình học Hibêra cổ của họ - vầng đá, luôn luôn là biểu tượng chỉ về Đức Chúa Trời - và phán: ta sẽ lập hội thánh ta trên chính Đức Chúa Trời - tức trên Đấng Christ - Con Đức Chúa Trời hằng sống."³⁴

Phierơ không hề nói mình là nền của hội thánh. Hai lần ông gọi Đấng Christ là Hòn Đá (Công Vụ 4:11,12; Phierơ 2:4-8), nhưng lúc đó hình ảnh ấy lại khác; hòn đá này là đầu của một góc, chứ không phải nền.

"Ta sẽ lập hội thánh ta." Đây là lần đầu tiên nhắc đến hội thánh trong Kinh Thánh. Hội thánh đã không hiện hữu trong Cựu Ước. Hội thánh, vẫn còn ở trong tương lai khi Chúa Jêsus

phần những lời này, được thành lập vào ngày Lễ Ngũ Tuần và bao gồm mọi tin hữu thật trong Đấng Christ, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Là một hiệp hội riêng biệt được gọi là thân thể và Tân Ước của Đấng Christ, hội thánh có sự kêu gọi độc đáo từ trên trời và có số phận độc đáo.

Chúng ta hầu như hiếm khi rung đời hội thánh được giới thiệu trong sách Tin Lành của Mathiơ, là nơi Ysraên và nước Thiên đàng là những chủ đề nổi bật. Tuy nhiên, sau khi Ysraên chối bỏ Đấng Christ, một thời kỳ trong ngoặc - tức thời đại hội thánh

đến tiếp sau đó và sẽ tiếp tục cho đến Sự Cát Lên. Bảy giờ, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu lại cách Ngài đối đãi với dân Ysraên. Vì vậy thật phù hợp để Chúa giới thiệu hội thánh tại đây như bước kế tiếp trong chương trình theo từng định kỳ của Ngài sau khi Ysraên chối bỏ Ngài.

"Các cửa Âm phủ chẳng thắng được hội đồ" có thể hiểu theo hai cách. Thứ nhất, các cửa Âm phủ như sự tấn công không thành nhằm vào hội thánh - hội thánh sẽ vẫn cứ còn qua mọi cuộc tấn công. Hoặc chính hội thánh sẽ được mở ra như bên tấn công và là người chiến thắng. Trong trường hợp nào đi nữa, những quyền lực của sự chết đều sẽ bị đánh bại bởi sự cất lên của những tin hữu còn đang sống và bởi sự sống lại của những người đã chết trong Đấng Christ.

16:19 "Ta sẽ giao chìa khóa nước thiên đàng cho người" không có nghĩa Phierơ được trao thẩm quyền cho phép con người được vào Thiên đàng.

Điều này liên quan đến nước Thiên đàng trên đất - là phạm vi chứa đựng toàn bộ những người xưng mình trung thành với vua, mọi người nào xưng mình là Cơ Đốc nhân. Chìa khóa nói về sự đến gần hay lối vào. Chìa khóa để mở cửa cho phạm vi tuyên xưng được gợi ý trong Đại Mạng Lành (Mathiơ 28:19) - môn đồ hóa, rửa tội báp têm và dạy dỗ. (Báp têm không phải là điều thiết yếu để được cứu rỗi nhưng là nghi lễ gia nhập bởi đó con người công khai tuyên xưng lòng trung thành với Vua.) Phierơ đã sử dụng chìa khóa này lần đầu tiên vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Những chìa khóa này không phải được trao độc quyền cho ông, nhưng với tư cách đại diện của mọi môn đồ. (xem Mathiơ 18:18, trong đó chính lời hứa này được nói cho hết thầy họ.)

"Hễ điều gì mà người buộc dưới đất, thì cũng sẽ phải buộc ở trên trời, và điều gì mà người mở dưới đất, thì cũng sẽ được mở ở trên trời." Phần đoạn này và một phần đoạn tương hành trong Giăng 20:23 đôi khi được dùng để dạy rằng: Phierơ và những người được xem như kế vị ông đã được giao thẩm quyền để tha tội. Chúng ta biết không thể như vậy; chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể tha tội.

Có hai cách hiểu câu này. Thứ nhất, có thể câu này muốn nói các sứ đồ có quyền để trừ và tha mà ngày nay chúng ta không có quyền đó. Lấy ví dụ, Phierơ đã trừ tội của Anania và Saphira trên họ để họ bị hình phạt bằng cách chết ngay lập tức (Công Vụ

5:1-10), còn Phaolô đã mở cho người bị kỷ luật tại Côrintô khỏi những hậu quả của tội lỗi người ấy vì đã ăn năn (II.Côrintô 2:10).

Hoặc có thể câu này có nghĩa bất kỳ điều gì các sứ đồ buộc hoặc mở ở trên đất thì chắc chắn đã được buộc hoặc mở rồi trên trời (xem chú thích ngoài lề của Bản NKJV). Ryrie nói: "Thiên đàng - chứ không phải các sứ đồ - khởi xướng toàn bộ việc buộc và mở, còn các sứ đồ công bố những điều này."¹⁵

Cách duy nhất mà câu này dùng cho ngày nay ấy là theo ý nghĩa công bố. Khi một tội nhân thật lòng ăn năn tội và tiếp nhận Đức Chúa Jesus Christ là Chúa và Cứu Chúa, Cơ Đốc nhân có thể công bố tội lỗi người ấy đã được tha. Khi một tội nhân chối bỏ Cứu Chúa, con gậy của Đấng Christ có thể công bố tội người ấy vẫn bị giữ lại. William Kelly viết: "Hễ khi nào hội thánh nhân Danh Chúa hành động và thực sự làm theo ý muốn Ngài, thì cốt dấu chuẩn y của Đức Chúa Trời đóng trên những việc làm của họ."

16:20 Một lần nữa, chúng ta thấy Chúa Jesus truyền các môn đồ không được nói cho ai biết Ngài là Đấng Mêsê. Bởi lòng vô tín của Ysaraên, tiết lộ điều đó cũng chẳng có ích gì. Và có lẽ còn rất có hại do phong trào quần chúng tôn Ngài lên làm vua; một biện pháp không đúng thời điểm như thế sẽ bị người Lamã đập tắt không thương tiếc.

Stewart người gọi phần này là hươc ngoặc trong chức vụ Chúa Jesus, ông viết như sau:

Ngày hôm ấy tại Sêsarê Philip đánh dấu đường phân ranh dòng nước rõ ràng trong các sách Tin Lành. Từ thời điểm này trở đi các dòng suối bắt đầu đổ theo hướng khác. Xu hướng miền mộ của quần chúng mở trong thời kỳ đầu chức vụ của Ngài dường như có thể đưa Ngài lên ngôi, giờ đây đã bị bỏ lại đằng sau. Con thú triều đã dâng lên tiến về Thập Tự Giá... Tại Sêsarê, Chúa Jesus đã thực sự đóng trên lần phân ranh này. Ở đây giống như dòng suối, từ đó Ngài có thể nhìn dòng suối tiến bộ con đường đã qua và dòng nước trước Ngài con đường cầu nguyện đang chờ Ngài. Ngài vật nhừ nơi nơi ánh sáng của những ngày hạnh phúc còn vương vấn và rồi quay mặt lại tiến về những bóng tối. Đường đi của Ngài giờ đây tiến đến Giôgêtha.¹⁶

B. Chuẩn Bị Các Môn Đồ Cho Sự Chết Và Sống Lại Của Ngài (16:21-23)

16:21 Giờ đây khi các môn đồ đã biết Chúa Jesus là Đấng Mêsê, Con Đức Chúa Trời hằng sống, họ sẵn sàng nghe lời báo trước trực tiếp đầu tiên của Ngài về sự chết và sự sống lại của Ngài. Giờ đây họ biết sự nghiệp của Ngài không bao giờ thất bại được; và họ đang đứng về phe chiến thắng; bất luận điều gì xảy ra, chiến thắng vẫn bảo đảm rồi. Vì vậy, Chúa tiết lộ tin tức để dọn lòng họ. Ngài phải đi đến thành Giêrusalem, phải chịu nhiều khổ khổ từ tay giới lãnh đạo tôn giáo, phải bị giết, và đến ngày thứ ba phải sống lại. Tin tức này đủ nói rõ sự ám đạm của bất kỳ phong trào nào - tất cả ngoại trừ mạng lịnh cuối -

đến ngày thứ ba phải sống lại. Điều đó đã tạo nên khác biệt quan trọng!

16:22 Phierơ phản nộ khi nghĩ thấy mình phải bị đối đãi như thế. Nắm lấy Ngài dường như để chần chừ đi, ông phản đối: "**Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nỡ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu!**"

16:23 Điều này khiến ông bị Chúa Jesus quở trách. Ngài vào thế gian để chết thay tội nhân. Bất kỳ điều gì hay bất kỳ ai đang ngăn trở Ngài khỏi mục đích đó thì đều đi trái ý muốn của Đức Chúa Trời. Vì vậy Ngài phán với Phierơ: "**Ô Satan, hãy lui ra đằng sau ta! Người làm gương xấu cho ta; vì người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta.**" Khi gọi Phierơ là Satan, Chúa không ám chỉ vị sứ đồ này bị quỷ ám hay đang bị Satan điều khiển. Ngài chỉ đơn giản báo rằng những hành động và lời nói của Phierơ chính là điều có thể mong đợi từ nơi Satan (tên của hắn nghĩa là "*kẻ đối nghịch*"). Bằng cách phản đối đường đến Gô-gô-tha, Phierơ đã trở thành trở ngại cản trở Cứu Chúa.

Mọi Cơ Đốc nhân được kêu gọi vác thập tự giá mình đi theo Chúa Jesus, nhưng khi thập tự giá lú lù phía trước lối đi, một tiếng nói vang lên từ bên trong: "Khống dờn rảo! Hay tự cứu lấy mình." Hoặc có lẽ tiếng nói của những người thân tìm cách khiến chúng ta đi lạc khỏi con đường vác phục. Nhưng lúc như thế, chúng ta cũng phải nói: "Ô Satan hãy lui ra đằng sau ta! Người đang cản trở ta."

C. Chuẩn Bị Cho Tư Cách Môn Đồ Thập (16:24-28)

16:24 Giờ đây Chúa Jesus nói rõ ràng những điều bao gồm trong việc làm môn đồ Ngài: tự chối mình, vác thập tự giá và đi theo Ngài. Tự **chối** bản ngã không phải là một với sự tự bỏ mình! Việc đó có nghĩa đầu phục quyền tể trị của Ngài hoàn toàn đến nỗi bản ngã không còn quyền nào nữa. **Vác thập tự giá** có nghĩa sẵn lòng chịu đựng nghiệt ngã, chịu khổ và có lẽ còn chịu luận đạo vì cơ Ngài; để chết với tội lỗi, bản ngã và thế gian. **Theo** Ngài có nghĩa sống như Ngài đã sống với tất cả những điều bao gồm tự hạ mình, nghèo khổ, thương xót, yêu thương, ăn diện và mọi đức hạnh tinh khiết khác nữa.

16:25 Chúa lương trước hai cản trở trên hươc đường làm môn đồ. Chương ngại thứ nhất là cảm đồ tự nhiên để tự cứu mình khỏi cảnh không thoả: mất, không tiện nghi, đau đớn, cô đơn hay mất mát. Chương ngại thứ nhì là trở nên giàu có. Về chương ngại thứ nhất, Chúa cảnh cáo những ai giữ đời sống mình cho mục đích ích kỷ sẽ không bao giờ tìm được sự thỏa mãn; những ai liều liuth bỏ đời sống họ cho Ngài, không tính đến giá hy sinh, thì sẽ tìm được nguyên nhân khiến họ hiện hữu.

16:26 Cảm đồ thứ nhì là cảm đồ để làm giàu - thật phi lý. Chúa Jesus phán: "Giá sử **một** người kia làm ăn thành công đến nỗi có cả **toàn thế gian**. Cuộc tìm kiếm điên cuồng này cuốn hút hết thời giờ và sức lực của anh đến nỗi anh trượt mắt mục đích chính của đời sống mình. Có ích gì khi kiếm ra nhưng đó tiền rồi chết. ừ

tiền lại, và sống cả cõi đời đời tráng
tay?" Con người sống trên trần gian
này để làm một chuyện vĩ đại hơn là
kiếm tiền. Con người được kêu gọi để
đại diện lợi ích của Vua mình. Nếu
trượt mất điều đó, người ấy trượt mọi
sự.

Trong câu 24, Chúa Giêsu cho họ
biết điều tệ hại nhất. Đó là đặc trưng
của Cơ Đốc giáo; bạn biết điều tệ hại
nhất ngay từ khởi đầu. Nhưng hạn
không bao giờ ngừng khám phá những
khu báu và phước hạnh. Barnhouse
nói rất hay:

*Khi một người nhìn thấy tất cả
mọi điều đang cảm trong Kinh
Thánh, thì không còn điều gì lạ cho
giữa để có thể trở thành nữ ngọc
nhiệm. Mọi điều mới nào chúng ta sẽ
họ được trong đời này hay trong đời
sau đều sẽ xuất hiện như niềm vui
đầu tiên.³⁷*

16:27 Giờ đây Chúa nhắc về vinh
hiến của chính Ngài sẽ đến sau sự
chịu thương khó. Ngài nói về Sự Hiện
Đến Lần Thứ Nhì của Ngài khi Ngài
siang xuống cùng các thiên sứ trong
vinh hiển siêu việt của Cha Ngài. Lúc
đó, Ngài sẽ thưởng cho những ai sống
vì Ngài. Cách duy nhất để sống thành
công là hướng mình đến thời điểm
trình diễn đó, xác định điều gì sẽ thực
sự quan trọng, và rồi theo đuổi điều
đó bằng cả sức lực của mình.

16:28 Tiếp theo, Ngài tuyên bố
mộ: câu đang sống sót rằng có một số
người đứng đây với Ngài sẽ không chết
trước khi thấy Ngài đến trong nước
Ngài. Đương nhiên, nan đề ở đây là
tất cả môn đồ này đều đã chết, thế
nên Đấng Christ vẫn chưa đến

trong quyền phép và vinh hiển để
thiết lập vương quốc Ngài. Nan đề
được giải quyết nếu chúng ta không
nghĩ đến cách ngắt đoạn và xem tâm
câu đầu của đoạn tiếp theo như phần
giải thích câu tuyên bố khó hiểu này
của Ngài. Những câu này mô tả biến
cố trên Núi Hóa Hình. Tại đó, Phiêrô,
Giacơ và Giăng đã thấy Đấng Christ
hóa hình. Họ đã thực sự hưởng đặc ân
nhìn thấy trước Đấng Christ trong
vinh quang của nước Ngài.

Chúng ta có lý khi xem sự hóa
hình của Đấng Christ như là hình ảnh
mô tả trước về nước hầu đến của
Ngài. Phiêrô mô tả biến cố này là
"Quyền phép và sự đến của Đức Chúa
Giêsu Christ Chia chúng ta" (II.Phiêrô
1:10). Quyền phép và sự đến của
Chúa Giêsu nói đến sự Hiện Đến Lần
Thứ Nhì của Ngài. Và Giăng nói về
rừng trái trên Núi Hóa Hình là thời
điểm "... chúng ta đã ngắm xem sự
vinh hiển của Ngài, thật như vinh
hiến của Con một: đến từ nơi Cha"
(Giăng 1:14). Sự Hiện Đến Lần Thứ
Nhất của Đấng Christ ở trong khiêm
nường; chính Sự Hiện Đến Lần Thứ
Nhì của Ngài mới ở trong vinh hiển.
Như vậy, lời báo trước của câu 27 đã
ứng nghiệm trên Núi Hóa Hình;
Phiêrô, Giacơ và Giăng đã thấy Con
Người, không còn trung tư cách người
Naxarét (tạm thường, nhưng với tư
cách Vua Vinh Hiển).

**D. Chuẩn Bị Cho Các Môn Đồ Bón Vinh Hiển:
Sự Hóa Hình (17:1-8)**

17:1,2 Sáu ngày sau biến cố tại
Sêsarê Philip, Chúa Giêsu đưa Phiêrô,
Giacơ và Giăng lên một ngọn núi cao,

ở đâu đó trong xứ Galilê. Rất nhiều nhà giải nghĩa Kinh Thánh đã kèm thêm ý nghĩa cho sáu ngày này. Chẳng hạn như Gaebelein nói: "Sáu là con số của loài người, con số này biểu thị những ngày làm việc. Sau sáu ngày - sau khi làm việc vào ngày của con người hết đi, thì đến ngày của Chúa, nước của Ngài."

Khi Luca nói Sự Hóa Hình diễn ra "khoảng tám ngày" sau (9:28), biến thiên ông bao gồm cả ngày đầu ngày cuối lẫn những ngày ở giữa. Vì tám là con số của sự sống lại và của khởi đầu mới, nên thật phù hợp cho Luca đồng nhất hóa Thiên đàng với một khởi đầu mới.

Phierơ, Giacơ và Giăng, những người đương như mỗi nghi đến một nơi gần gũi đặc biệt với Cứu Chúa, đã được đặc ân nhìn thấy Ngài hóa hình. Cho tới lúc này, vinh hiển của Ngài vẫn được che khuất trong thân thể xác thịt. Nhưng giờ đây **mặt Ngài** và **áo Ngài** trở nên chói sáng như **mặt trời** và chiếu rạng, một biểu hiện nhìn thấy rõ bằng mắt về thân tánh Ngài, cũng như đám mây vinh hiển hay Shekinah trong Cựu Ước làm biểu tượng về hiện diện của Đức Chúa Trời. Quang cảnh này là sự nhìn thấy trước về Chúa Jêsus sẽ như thế nào khi Ngài trở lại thiết lập vương quốc Ngài. Ngài sẽ không còn hiện ra với tư cách Chiên Con lặn của lễ hy sinh nữa, nhưng với tư cách Sư Tử của chi phái Giuđa. Mọi người nhìn thấy Ngài sẽ lập tức nhận ra Ngài là Đức Chúa Con, Vua muôn vua và Chúa muôn chúa.

17:3 Môise và Êli hiện ra trên Núi Hóa Hình và trò chuyện về sự chết

sắp đến của Ngài tại Giêrusalem (Luca 9:30,31). Có thể Môise và Êli đại diện cho các thánh đó Cựu Ước. Hoặc, nếu xem Môise đại diện cho Luật Pháp, và Êli đại diện cho Các Đấng Tiên Tri, thì ở đây chúng ta có cả hai phần của Cựu Ước hướng về sự thương khó của Đấng Christ và những vinh hiển sẽ theo sau. Khả năng thứ ba là Môise, người đã về trời qua sự chết, mô tả toàn bộ những người sẽ được sống lại từ kẻ chết để bước vào Thiên Hỷ Niên, còn Êli, một người đã được đưa thẳng vào Thiên đàng, mô tả những người sẽ vào nước Thiên Hỷ Niên qua con đường của sự biến hóa.

Các môn đồ Phierơ, Giacơ và Giăng có thể đại diện tín đồ Tân Ước nói chung. Cũng có thể họ làm hình bóng trước về nhóm đầu sót Do Thái trung tín vẫn còn sống lúc Chúa Tái Lâm và sẽ cùng với Đấng Christ vào Nước Ngài.

Đoàn dân ở chân núi (câu 14, đối chiếu Luca 9:37) đã được vi với các dân ngoại, là dân cũng sẽ được dự phần các phước hạnh của thời trị vì một ngàn năm của Đấng Christ.

17:4,5 Phierơ cảm động sâu xa trước dịp này, ông đã có ý thức thật sự về lịch sử. Muốn nắm giữ về hư hoàng tráng lệ này, ông hấp tấp để nghi dưng ba **chiếc liều tam** hay liều nhỏ để làm kỷ niệm - **một liều** cho Chúa Jêsus, **một cho Môise** và **một cho Êli**. Ông đã đúng khi đặt Chúa Jêsus lên trước nhất, nhưng đã sai khi không dâng lên Ngài địa vị ưu việt các nhất. Chúa Jêsus không phải là một người giữa vòng những người bình đẳng nhau, nhưng là Chúa trên muôn

người. Để dạy bài học này, Đức Chúa Cha đã che phủ hết thầy họ trong đám mây sáng rực rỡ công bố: "Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đòi" Trong nước của Ngài, Đấng Christ sẽ là Đấng không có ai ngang bằng, là Quân Vương Tối Cao mà lời Ngài là thẩm quyền tối hậu. Cũng phải như thế trong tâm lòng của môn đồ Ngài ngay thời hiện tại này.

17:6-8 Sững sốt trước đám mây vinh hiển và tiếng phán của Đức Chúa Trời, các môn đồ **lê sắp xuống sợ hãi lắm**. Nhưng Chúa bảo họ đứng dậy và đứng sợ. Khi đứng dậy, họ không thấy ai ngoài một mình Chúa Jêsus mà thôi. Trong nước Thiên đàng cũng sẽ như vậy - Chúa Jêsus sẽ là "toàn bộ vinh hiển trong xứ Immanuel."

E. Về Sự Giả Dọa Đương (17:9-13)

17:9 Từ trên núi đi xuống, Chúa truyền các môn đồ chớ thuật lại những điều họ đã thấy cho đến khi Ngài từ kẻ chết sống lại. Người Do Thái - vốn lo lắng quá đáng để kiếm người giải phóng họ khỏi ách Lamã, ắt hẳn sẽ nghênh đón Ngài để Ngài cứu họ khỏi Lamã, nhưng không muốn Ngài làm Cứu Chúa để cứu khỏi tội. Trong thực tế, Ysraên đã chối bỏ Đấng Mêsia của họ, và thật vô ích nếu kể cho người Do Thái biết họ đã nhìn thấy vinh hiển của Đấng Mêsia như vậy. Sau khi sống lại, sự điệp này sẽ được rao giảng trên toàn thế giới.

17:10-13 Các môn đồ vừa nhìn thấy trước linh ảnh Đấng Christ đến trong quyền năng và vinh hiển.

Nhưng sự giả mở đường của Ngài vẫn chưa xuất hiện. Malachi đã nói tiên tri rằng **Êli phải đến** trước khi Đấng Mêsia hiện ra (Malachi 4:5,6), vì vậy các môn đồ hỏi Chúa Jêsus về điều này. Chúa đồng ý rằng thực ra **Êli phải đến trước** trong tư cách người cải cách, nhưng Chúa giải thích **Êli đã đến rồi**. Hiển nhiên Ngài đang nói đến **Giăng Báptil** (câu 13). Giăng không phải là Êli (Giăng 1:21), nhưng đã đến trong "tâm thần quyền phép Êli" (Luca 1:17). Nếu Ysraên tiếp nhận Giăng và sự điệp của ông, ắt ông đã làm trọn vai trò được nói tiên tri về Êli (Mathiơ 11:14). Nhưng dân này không nhận ra ý nghĩa sứ mạng của Giăng, và đã đối đãi Giăng theo ý họ thích. Cái chết của Giăng là dấu hiệu báo trước những việc họ sẽ làm với Con Người. Đã chối bỏ sứ giả mở đường, họ cũng sẽ chối bỏ Vua. Khi Chúa Jêsus giải thích điều này, các môn đồ nhận ra Ngài đang nói đến **Giăng Báptil**.

Có đủ mọi lý do để tin trước Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Đấng Christ, một đấng tiên tri sẽ đẩy lên để chuẩn bị Ysraên đón Vua hầu đến. Hầu như không thể nói được đây sẽ là đích thân Êli hay một người khác có chức vụ tương tự.

F. Chuẩn Bị Phục Vụ Quan Sự Cấm Nguyên Và Niệm Ám (17:14-21)

Cuộc đời không phải là một tầng trải cao ngất trên đỉnh núi. Sau những khoảnh khắc hân hoan thuộc linh là đến những ngày giờ làm việc nặng nhọc và hao tổn sức lực. Sẽ đến lúc chúng ta phải rời khỏi đỉnh núi để thi hành chức vụ trong thung lũng của nhu cầu con người.

17:14,15 Dưới chân núi, một người cha đau khổ đang chờ đón Chúa. **Quý xuống trước mặt Ngài**, ông dốc tuân lời khẩn nài tha thiết xin cho đứa con trai bị quý âm của mình được chữa lành. Con trai ông bị **bệnh phong điên** rất nặng đến nỗi thỉnh thoảng khiến nó té **vào lửa và thường té xuống nước**, như vậy khổ khổ của nó lại kèm với cả những vết bỏng và gán như chết đuối. Con trai ông là vi dụ kinh điển về khổ khổ gây ra bởi Satan, kẻ độc công tàn bạo hơn hết.

17:16 Người cha đã đến với các môn đồ xin cứu giúp, để rồi chỉ học biết rằng "sự cứu giúp của con người thật vô ích thay." Họ không có quyền năng để chữa lành.

17:17 "Hỡi đồng đội không tin và gian tà kia, **ta sẽ ở với các người cho đến chừng nào? Ta sẽ nhìn nhục các người cho đến khi nào?**" Được phân cho các môn đồ. Họ không có đức tin để chữa lành bệnh động kinh này, nhưng trong phương diện đó, đây cũng là mẫu tiêu biểu của dân Do Thái thời đó không có đức tin và bại hoại.

17:18 Ngay khi người bị động kinh được đem đến cho Chúa, **Chúa Jêsus quở trách quý** và nạn nhân được chữa lành tức khắc.

17:19,20 Sứng sốt trước tình trạng vô quyền của mình, **các môn đồ** đến hỏi riêng Chúa để xin Ngài giải thích. Câu trả lời của Ngài thật rõ ràng: **Lòng vô tin**. Nếu họ có **đức tin bằng hạt cải** (là hạt giống nhỏ nhất), họ có thể truyền cho ngọn núi quang xuống biển và điều ấy sẽ xảy ra. Dĩ nhiên,

nên hiểu rằng đức tin thật phải được căn cứ trên một mạng lịnh hoặc một lời hứa nào đó của Chúa. Mong thì hành một kỷ công ngoạn mục nào đó để thỏa mãn ước muốn bóc đồng của mình thì đó không phải là đức tin, nhưng là **têo tợn và xác xược**. Nhưng nếu Đức Chúa Trời hướng dẫn tín hữu theo một phương hướng nào đó hay Ngài ban một mạng lịnh, thì Cơ Đốc nhân ấy có lòng hết sức tin quyết: rằng những khó khăn như ngọn núi kia cũng sẽ được dời đi cách đầy phép lạ. Không có điều gì là không thể làm được đối với những người tin.

17:21 Câu "**Nhưng thứ quý này nếu không cầu nguyện và không kiêng ăn thì chẳng trừ nó được**" không có trong Bản RSV và hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại, vì câu này không có trong rất nhiều thư bản đầu tiên. Tuy nhiên, câu này có trong đa số các thư bản và phù hợp với văn mạch về một nạn để đặc biệt khó khăn này.

B. Chuẩn Bị Các Môn Đồ Nhận Sự Phân Bội Ngài (17:22,23)

Một lần nữa, không có vở kịch hay khúc nhạc dạo đầu, Chúa Jêsus trước cho các môn đồ biết Ngài sẽ bị giết. Nhưng một lần nữa, có lời bình vực và chiến thắng: Ngài sẽ **sống lại vào ngày thứ ba**. Nếu Ngài không ban trước cho họ sự chết của Ngài, rõ ràng họ sẽ hoàn toàn vô vọng khi việc ấy xảy ra. Sự chết nhục nhã và sự chịu khổ thật không hợp với những kỳ vọng của họ về Đấng Mêsi.

Quá thật, họ hết sức buồn nản vì Ngài sắp hạ khỏi họ và Ngài sẽ bị giết:

Họ nghe lời báo trước về sự thương khò của Ngài, nhưng dường như đã bỏ sót mất lời hứa về sự sống lại của Ngài.

II. Phierơ Và Thấy Nộp Thuế (17:24-27)

17:24,25 Tại Cabénaum, những người hầu thuế của đền thờ hỏi Phierơ xem Thấy của ông có nộp nửa siéclo đúng cho khoản phí tổn phục vụ trong đền thờ không? Phierơ đáp: "Có." Có lẽ vị môn đồ bị xử: hãy này muốn cứu Đấng Christ khỏi bị lung tung.

Sự toàn tri của Chúa được nhìn thấy qua những việc diễn ra tiếp theo. Phierơ về nhà, Chúa nói với ông trước - trước khi Phierơ có cơ hội kể lại chuyện đã xảy ra. "Hỡi Simôn, người nghĩ sao? Các vua thế gian thu lương lấy thuế ai? Thu của con trai mình hay là của người ngoài?" Phải hiểu câu hỏi này theo bối cảnh thời đó. Vua đánh thuế thân dân để chu cấp cho vương quốc và gia đình của vua, như vua không đánh thuế chính gia đình vua. Dưới hình thức chính quyền của chúng ta, mọi người đều bị đánh thuế, kể cả người cai trị lẫn người nhà của người cai trị.

17:26 Phierơ trả lời chính xác rằng các vua thu thuế của người ngoài. Bây giờ, Chúa nói rõ các con trai được miễn thuế. Đại ý là đền thờ chính là nhà của Đức Chúa Trời. Đối với Chúa Jêsus, là Con của Đức Chúa Trời, nộp thuế để lo chu cấp cho đền thờ cũng tương đương với việc nộp thuế cho chính Ngài.

17:27 Tuy nhiên, thay vì gây vấp phạm không cần thiết, Chúa đồng ý

nộp thuế này. Nhưng Ngài sẽ làm gì để kiếm tiền? Kinh Thánh không hề ghi Chúa Jêsus đích thân mang tiền đi. Ngài sai Phierơ đi ra biển Galilê và truyền ông đem lên con cá đầu tiên mà ông bắt được. Trong miệng con cá đó có một đồng bạc hay một stater, và Phierơ dùng nó để nộp thuế - một nửa nộp cho Chúa Jêsus và một nửa cho chính ông.

Phép lạ đáng kinh ngạc này, được thuật lại trong sự kiểm chế hoàn toàn, chứng minh rõ ràng sự toàn tri của Đấng Christ. Ngài biết con cá nào trong toàn bộ cá của biển Galilê có đồng bạc trong miệng. Ngài biết địa điểm có con cá đó. Và Ngài biết nó sẽ là con cá đầu tiên mà Phierơ bắt được.

Nếu có liên quan đến bất cứ nguyên tắc thiên thượng nào, hẳn Chúa Jêsus đã không nộp thuế. Nhưng đối với Ngài, đây là vấn đề vô thưởng vô phạt về tuân lý, và Ngài sẵn sàng nộp thuế thay vì làm gương xấu. Chúng ta là những Cơ Đốc Nhân đã được buông tha khỏi luật pháp. Tuy nhiên, trong những vấn đề không liên quan đến luân lý, chúng ta nên tôn trọng lương tâm người khác và đứng làm bất cứ điều gì gây vấp phạm.

XI. VỊ VUA TRUYỀN DẠY CÁC MÔN ĐỒ (18-20)

A. Về Sự Khiêm Nhường (18:1-6)

Đoạn 18 được gọi là bài giảng về sự cao trọng và sự tha thứ. Vạch ra các nguyên tắc hành xử xứng hiệp cho những ai xưng mình là thân dân của Đấng Christ, là Vua.

18:1 Các môn đồ luôn nghĩ đến nước thiên đàng như là thời kỳ vàng

son của hòa bình và thịnh vượng. Bây giờ họ bắt đầu thêm muốn được cất nhắc vào các địa vị trong nước thiên đàng. Tinh thần tự lợi của họ được bày tỏ qua câu hỏi: **"Ai là người lớn hơn hết trong nước thiên đàng?"**

18:2,3 Chúa Jêsus đã trả lời bằng một minh họa cụ thể. Sau khi đặt một đứa trẻ ở giữa vòng họ, Ngài phân rằng để vào được nước thiên đàng, con người phải hoán cải và trở nên như đứa trẻ ấy. Ngài muốn nói đến thực tế nội tại của nước thiên đàng; để làm một người tin Chúa chân thành, con người phải bỏ đi những ý tưởng cao trọng của cá nhân mình mà chọn lấy địa vị thấp hèn của một đứa trẻ. Điều này bắt đầu khi người ấy thừa nhận bản tánh tội lỗi và sự bất xứng của mình, và chấp nhận Chúa Jêsus là sự trông cậy duy nhất. Thái độ này phải tiếp diễn suốt cuộc đời người Cơ Đốc. Chúa Jêsus không có ý nói rằng các môn đồ của Ngài không được cứu. Hết thấy, trừ Giuđa, đều có đức tin thật nơi Ngài, và vì vậy đều được xưng nghĩa. Nhưng họ chưa nhận được Đức Thánh Linh là Đấng ngự trị, và vì vậy thiếu quyền phép của *sự hạ mình* thật mà chúng ta có ngày nay (nhưng chúng ta chưa sử dụng như đáng phải sử dụng). Họ cũng cần được hoán cải với ý nghĩa thay đổi tất cả những lối suy nghĩ sai sao cho phù hợp với nước trời.

18:4 Người cao trọng nhất trong nước trời là người hạ mình như một đứa trẻ nhỏ. Rõ ràng các tiêu chuẩn và giá trị trong nước trời hoàn toàn khác với những tiêu chuẩn của thế gian này. Toàn bộ lối nghĩ của chúng

ta phải được đảo ngược; chúng ta phải học theo cách nghĩ của Đấng Christ (xem Phi-líp 2:5-8).

18:5 Ở đây, Chúa Jêsus lướt qua hầu như không nhận thấy được từ chú để đưa trẻ tự nhiên sang đứa trẻ thuộc linh. Bất cứ ai vì danh Ngài tiếp nhận một trong các môn đồ bên ngoài của Ngài sẽ được thưởng như đã tiếp nhận chính mình Chúa. Những gì làm cho môn đồ được kể như đã làm cho thầy.

18:6 Mặt khác, bất cứ ai tự đổ người tin Chúa phạm tội, chuốc lấy sự đoán phạt rất lớn; **thà huộc cõi đã lớn vào cổ người ấy và quăng xuống** đáy biển còn hơn (cối đá lớn ở đây đòi hỏi sức kéo của sức vật; cối đá nhỏ thì có thể dùng tay). Phạm tội với chính mình là đã đủ tồi tệ, nhưng khiến cho người tin Chúa phạm tội là hủy hoại sự vô tội của người ấy, làm bại hoại tâm trí và vấy bẩn thanh danh người ấy. Thà chết một cái chết dữ còn hơn là đùa giỡn với sự trong sạch của người khác!

B. Về Sự Phạm Tội (18:7-14)

18:7 Chúa Jêsus tiếp tục giải thích rằng không thể tránh được việc gây ra những sự phạm tội. Thế gian, xác thịt và ma quỷ liên kết lại để cám dỗ và gây bại hoại. Nhưng nếu kẻ nào trở thành tác nhân cho các thế lực của điều ác; tội của kẻ ấy sẽ rất lớn. Vì vậy Chúa Cứu Thế Jêsus cảnh cáo con người phải có hành động quyết liệt để một con cái Chúa.

18:8,9 Dấu chỉ thể phạm tội là **tay hoặc chân** hay là **mắt**, tốt hơn hãy l-

sinh nó cho con dao của bác sĩ phẫu thuật còn hơn để nó hủy hoại công việc Chúa trong đời sống người khác. Thà thiếu tứ chi hoặc thị giác mà vào nơi hằng sống còn hơn là bị quăng vào địa ngục với đầy đủ mọi chi thể. Chúa chúng ta không có ý bảo một số người sẽ thiếu tay chân trong nước thiên đàng, Ngài chỉ muốn mô tả tình trạng thuộc thể lúc người tin Chúa rời bỏ đời này để bước vào đời tiếp theo. Chắc chắn thân thể phục sinh sẽ được đầy đủ và hoàn hảo.

18:10 Kế đó, Con Đức Chúa Trời cảnh báo việc xem thường một trong những đứa trẻ của Ngài, đầu là trẻ con hay bất cứ ai thuộc về nước trời. Để nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng, Ngài nói thêm rằng **thiên sứ của chúng** luôn ở trong sự hiện diện của Chúa, nhìn xem **một** Ngài. Các thiên sứ ở đây có lẽ hàm ý những thiên sứ canh giữ (cũng xin xem Hêborơ 1:14).

18:11 Mặc dầu bản RSV và hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại khác loại bỏ câu này, đây là câu nói về sự mạng của Chúa Cứu Thế chúng ta và là đỉnh điểm phù hợp cho phần này, có được sự hậu thuẫn rộng rãi của các thủ bản.³⁸

18:12,13 Những đứa trẻ này cũng là đối tượng chức vụ cứu rỗi của Đấng Chân Chân hiển lành. Đầu một con trong số **một trăm con chiên** này có đi lạc. Ngài cũng để **chín mươi chín** con nằm đó mà đi tìm con đã mất cho đến khi tìm được. Niềm vui của Đấng Chân Chân khi tìm được con chiên đi lạc dạy chúng ta phải trọng những con chiên nhỏ của Ngài.

18:14 Không những chúng quan trọng đối với các thiên sứ và Đấng Chân Chân, mà còn quan trọng đối với Đức Chúa Trời, là **Cha**. Ý muốn của Ngài là **không để cho một đứa nào trong chúng nó bị hư mất**. Nếu chúng đủ quan trọng để lôi kéo sự chú ý của các thiên sứ, Đức Chúa Jêsus và Đức Chúa Trời là Cha, thì rõ ràng chúng ta chớ bao giờ khinh thường chúng, đầu chúng có thể không đáng yêu hay thấp hèn đến đâu.

C. Về Sự Kỳ Luật Kê Phạm Tội (18:15-20)

Phần còn lại của đoạn này bàn đến việc giải quyết những khác biệt giữa vòng các thành viên trong hội thánh, và với nhu cầu tập tễn thứ không hạn chế.

18:15 Những buồn thị rõ ràng được ban cho liên quan đến trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân khi bị một tín hữu khác đối xử bất công. Thứ nhất, vấn đề phải được xử lý riêng tư giữa đôi bên. Nếu người phạm lỗi thừa nhận tội của mình, thì có sự giải hòa. Rắc rối ở đây là chúng ta không làm như vậy. Chúng ta ngồi lê đôi mách với mọi người khác về chuyện đó. Và rồi vấn đề lan đi như lửa gặp gió và bắt hỏa bị nhân lên. Chúng ta phải nhớ rằng bước số một là phải "**đi đến và trách người khi chỉ có người với một mình người.**"

18:16 Nếu người anh em có lỗi không chịu nghe thì người bị đối xử sai phải đem theo một hai người khác đi với mình, tìm cách gây dựng lại người ấy. Điều này nhấn mạnh tình nghiêm trọng gia tang khi người ấy

tiếp tục không chịu tan vỡ. Ngoài ra, điều đó cung cấp một lời chứng đầy đủ, như Kinh Thánh đòi buộc: "**Cứ theo lời của hai hay ba người làm chứng thì sự mới định tội được**" (Phục Truyền 19:15). Không ai lường hết được những rắc rối đã làm khổ cho hội thánh do không tuân theo nguyên tắc đơn giản này, đó là lời buộc tội một người khác phải được hậu thuẫn bởi lời chứng của hai hoặc ba người khác. Về phương diện này, các tòa án đời này thường hành động công bình hơn là hội thánh hoặc là các tập thể Cơ Đốc.

18:17 Nếu người buộc tội vẫn không chịu xưng nhận và xin lỗi, vẫn để phải được đưa ra trước **hội thánh** địa phương. Điều quan trọng phải lưu ý là hội thánh địa phương là thân thể chịu trách nhiệm nghe vụ việc, chứ không phải tòa án dân sự. Cơ Đốc Nhân bị cấm đưa người tin hữu kia ra tòa (I.Côrinthô 6:1-8).

Nếu người phạm tội không chịu thừa nhận việc làm sai trái của mình trước hội thánh, thì người ấy bị kể như **người ngoại và người đầu thuế**. Ý nghĩa rõ ràng nhất của tội diễn đạt này là người ấy bị kể như ở bên ngoài phạm vi hội thánh. Dầu có lẽ đây là người tin Chúa thật, nhưng vì đã không sống như người tin Chúa, nên phải bị cư xử thích đáng. Dầu vẫn ở trong hội thánh phổ thông, người ấy bị cấm các đặc quyền trong hội thánh địa phương. Sự kỷ luật này là một hành động nghiêm trọng; tạm thời phủ người tin đó đó cho quyền lực quỷ Satan, "để hủy hoại phần xác thịt, hầu cho linh hồn được cứu trong ngày

Đức Chúa Jêsus" (I.Côrinthô 5:5). Mục đích của kỷ luật này là để đưa người ấy đến chỗ ý thức và khiến người thừa nhận tội lỗi mình. Cho đến khi mục tiêu này đạt được, các tín hữu phải đối xử với người ấy một cách nha nhân lịch sự, nhưng cũng bày tỏ bởi thái độ của mình rằng họ không dung thứ cho tội lỗi của người ấy và không thể có mối thông công với người ấy như với một anh em tin Chúa. Hội thánh phải nhận người ấy trở lại ngay khi có bằng chứng của sự ăn năn theo ý Chúa.

18:18 Câu 18 liên hệ với những câu trước. Khi hội thánh cầu nguyện và vâng theo Lời Chúa, buộc phải hành động kỷ luật một người, thì hành động đó được **thiên đàng** tôn trọng. Khi người bị kỷ luật đã ăn năn và xưng tội mình, thì hội chúng đưa người ấy trở lại mối thông công. Hành động mở đó cũng được phê chuẩn bởi Đức Chúa Trời (Giăng 20:23).

18:19 Vấn đề nổi lên là: "Hội chúng phải lớn đến mức nào mới có thể buộc và mở trước điều này như da mó tả bên trên?" Câu trả lời là **hai** người tin Chúa có thể đưa vấn đề này ra trước mặt Ngài trong sự cầu nguyện, bảo đảm được Ngài lắng nghe. Mặc dầu câu 19 có thể được dùng như một lời hứa chung về sự đáp lời cầu nguyện, trong *bối cảnh* này, ám chỉ sự cầu nguyện liên quan đến việc kỷ luật trong hội thánh. Khi liên hệ với sự cầu nguyện chung tổng quát, câu này phải được hiểu trong ánh sáng của tất cả những sự dạy dỗ khác về cầu nguyện. Ví dụ, lời cầu nguyện của chúng ta phải:

1. Phù hợp với ý muốn đã được Đức Chúa Trời bày tỏ (1.Giăng 5:14,15).

2. Bởi đức tin (Giacơ 1:6-8)

3. Bởi lòng thành thật (Hêbơơ 10:22a), vãn vãn...

18:20 Câu 20 phải được diễn giải trong ánh sáng bối cảnh của nó. Câu này không chỉ yếu ám chỉ đến sự cầu thành của một hội thánh thời Tân Ước trong hình thức đơn giản nhất, cũng không phải là một buổi nhóm cầu nguyện chung, mà là buổi nhóm hội thánh rim cách giải hòa hai Cơ Đốc nhân đã bị phân rẽ bởi tội phạm tòn đố. Câu này có lẽ áp dụng hợp lệ cho tất cả những buổi nhóm của những người tin Chúa, nơi Đấng Christ là Trung Tâm, nhưng ở đây, một hình thức nhóm lại đặc biệt được xem xét.

Nhóm nhau lại "trong danh Ngài" có nghĩa là bởi uy quyền của Ngài, thừa nhận mọi thuộc tính của Ngài và trong sự vâng lời Ngài. Không tập thể nào có thể xưng là nhóm duy nhất nhóm nhau trong danh Ngài; nếu vậy, sự hiện diện của Ngài sẽ bị hạn chế trong những phần nhỏ của thiên thể Ngài trên đất. Bất cứ nơi nào có hai ba người nhóm nhau lại thừa nhận Ngài là Chúa và là Cứu Chúa, thì Ngài ở giữa họ.

B. Về Sự Tha Thứ Vô Hạn (18:21-35)

18:21-22 Đến đây, Phiêrơ đưa ra câu hỏi ông phải tha thứ cho một anh em phạm tội nghịch cùng ông bao nhiêu lần?

Có lẽ ông nghĩ mình đang bày tỏ sự điển lệ lung bởi sự ra con số bảy thứ một giới hạn tối đa. **Chúa Jêsus**

đã trả lời "Không phải bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy." Ngài không có ý bảo chúng ta hiểu con số 490 lần theo nghĩa đen, mà đây là một lối nói hình bóng có nghĩa là "Không giới hạn."

Vậy thì có người sẽ hỏi: "Vi sao phải bận tâm đi qua các bước để ra lên trên? Vi sao phải đến gặp người phạm tội một mình, sau đó đi với một hai người khác, và rồi đưa người ấy ra trước hội thánh? Vi sao không chỉ tha thứ, và để cho mọi sự kết thúc?"

Câu trả lời là có các giai đoạn trong việc tiến hành tha thứ như sau: 1. Khi một anh em làm hại tôi hoặc phạm tội cùng tôi, tôi phải tha thứ người ấy lập tức *trong lòng mình* (1:phêrô 4:32). Nếu đó buông tha tôi khỏi tinh thần cay đắng, và không tha thứ, rồi gieo vãi đổ trên vôi Ngài.

2. Mặc dầu trong lòng tôi đã tha thứ cho người ấy, nhưng tôi chưa nói cho người ấy biết người ấy được tha thứ. Tha thứ công khai trước khi người đó ăn năn là không công bình. Vi vậy tôi có bổn phận đến gặp người ấy, lấy tình yêu thương mà quả trách, mong đưa dắt người ấy đến chỗ xưng nhận (Luca 17:3)

3. Ngay khi người ấy xin lỗi và xưng tội mình, tôi cho người ấy biết rằng người ấy đã được tha thứ (Luca 17:4).

18:23 Sau đó Chúa Jêsus đưa ra một ví dụ về nước thiên đàng để cảnh cáo những hậu quả của tình thần không tha thứ bởi các thân dân đã được tha thứ cách nhưng không.

18:24-27 Câu chuyện liên quan đến một vị vua kia muốn tính sổ với

đẩy tờ mình. Một người đẩy tờ, **mắc nợ vua một vạn ta lạng**, không trả nổi. Vì vậy chủ ra lệnh cho ông và cả gia đình phải bán mình làm nô lệ mà trả nợ. Người đẩy tờ bức xúc này nài xin vua cho mình thời gian, hứa sẽ **trả hết** nếu được cho một cơ hội.

Cũng giống như trước cơn nợ, anh ta lao quan một cách không thể tin được về điều anh có thể làm được nếu có thời gian (1:26). Tổng thu nhập hàng năm của người dân Galilê chỉ đến 500 ta lạng mà người này nợ đến 10000 ta lạng! Cho tiền về số tiền lớn là có chủ ý. Làm cho người nghe bàng hoàng và phải lưu ý, cũng như để nhận mệnh món nợ không trả đối với Chúa. Martin Luther thường nói rằng hết thay chúng ta là những kẻ ăn uống ở trước mặt Chúa. Chúng ta không có hy vọng trả nợ (Daily Notes of the Scripture Union).

Khi người **chủ** thấy thái độ thống hối của **lên đẩy tờ**, thì đã tha cho anh hết cả 10000 ta lạng. Thật là sự bày tỏ vĩ đại của ân điển, chứ không phải của sự công bằng.

18:28-30 Bấy giờ người đẩy tờ này có một người bạn đẩy tờ mắc nợ tình **một trăm đơniê** (vài trăm mỹ kim). Thay vì tha cho bạn, anh ta **nắm bóp cổ bạn** và đòi phải trả hết. Kẻ mắc nợ xấu số này nài xin anh gia hạn, nhưng không ích gì. Anh ta bị **bỏ vào tù cho đến khi trả hết nợ**. May lắm thì cũng là một công việc khó khăn, bởi vì cơ hội kiếm tiền của anh đã không còn, bao lâu mà anh bị cầm tù.

18:31-34 Các đẩy tờ khác, bất bình bởi cách cư xử quá mâu thuẫn này,

đến thuật lại cùng chủ. Chủ nổi giận với kẻ cho mượn tàn nhẫn này. Sau khi đã được tha một món nợ lớn, anh ta đã không sẵn lòng để tha một món tiền ít thôi. Vì vậy anh đã bị giao cho chủ ngục coi giữ cho đến khi trả hết nợ.

18:35 Sự ứng dụng thật rõ ràng. Đức Chúa Trời là Vua. Hết thay các tội tử Ngài đều mắc Ngài một món nợ tội lớn, không trả nổi. Bởi ân điển và lòng thương xót kỳ diệu, Đức Chúa Trời đã trả món nợ và ban cho sự tha thứ hoàn toàn nhưng không. Bấy giờ giá sứ có một Cơ Đốc Nhân nào đó mắc lỗi với người kia, khi đã bị quở trách, anh ta xin lỗi và xin tha thứ. Nhưng người bị xúc phạm từ chối. Bản thân anh ta đã được tha cả triệu mỹ kim, nhưng không chịu tha một vài trăm. Liệu nhà vua có cho phép kẻ hành xử như vậy khỏi bị phạt không? Chắc chắn là không! Kẻ phạm tội sẽ bị phạt trong đời này và sẽ bị hư mất Trước Tòa Phán Xét của Đấng Christ.

E. Về Việc Hôn Nhân, Lý Dị Và Tình Trạng Độc Thân (19:1-12)

19:1,2 Sau khi đã kết thúc chức vụ của Ngài tại **Galilê**, Chúa hướng về phía nam đến thành Giêrusalem. Mặc dầu lộ trình chính xác của Ngài không được biết, nhưng dường như rõ ràng là Ngài đã trải qua vùng Bêrê ở phía đông sông Giôđanh. Mathiơ nói về khu vực này không xác định, như là **bờ cõi xứ Giuđê**, bên kia sông **Giôđanh**. Chức vụ tại xứ Bêrê kéo dài từ 19:1-20:16 hoặc 20:28. Phần này không nói rõ Ngài đã vượt qua sông Giôđanh để vào xứ Giuđê khi nào.

19:3 Có lẽ chính các đoàn dân đông theo Ngài để được chữa lành đã làm cho **những người Pharisi** biết chỗ ở của Chúa. Như một bầy chó hoang, họ bắt đầu vây quanh, mong bầy Ngài bằng lời nói của Ngài. Họ hỏi sự **để vợ** có hợp pháp trên bất kỳ mọi căn cứ nào chăng. Dầu Ngài có trả lời thế nào đi nữa, Ngài cũng sẽ chọc tức bộ phận nào đó trong dân Dothái. Trường phái này giữ thái độ hết sức phòng thủ đối với sự ly dị; trường phái khác lại cực kỳ nghiêm nhặt.

19:4-6 Chúa chúng ta giải thích rằng ý định ban đầu của Đức Chúa Trời là một người nam chỉ có một người vợ chung sống mãi mãi. Đức Chúa Trời là Đấng đã dựng nên **người nam và người nữ** để truyền rằng mối quan hệ hôn nhân phải thể hiện quan hệ của Cha mẹ. Ngài cũng phán rằng hôn nhân là sự kết hợp của hai người, lý tưởng của Đức Chúa Trời là mối hiệp nhất được Chúa truyền này không được phá vỡ bởi hành động hoặc sắc lệnh của loài người.

19:7 Những người Pharisi nghi họ đã bắt quả tang Chúa mâu thuẫn trái trợn với Cựu Ước. Há không phải **Môisê** đã đưa ra những qui định dành cho sự **để vợ (ly dị)** ư? Người nam chỉ việc trao cho vợ mình một tuyên bố thành văn, sau đó đuổi nàng ra khỏi nhà (Phục Truyền 24:1-4).

19:8 Chúa Jesus đồng ý là **Môisê** đã cho **phép ly dị**, đó không phải là phương cách tốt nhất của Chúa dành cho nhân loại, nhưng vì tình trạng sa bại của Ysraên: "**Môisê vì cơ sự cứng** cõi của lòng các người cho phép các người **để vợ** mình. Nhưng từ ban đầu

không phải như vậy." Lý tưởng của Chúa là không có ly dị. Nhưng Chúa thường phải dung chịu những tình huống không phải là ý muốn chỉ đạo của Ngài.

19:9 Sau đó Chúa tuyên bố với đám quyền tuyệt đối rằng sự khoan dung trong quá khứ về việc **để vợ** từ rày trở đi không tiếp tục nữa. Trong tương lai chỉ có một lý do hiệu lực cho việc ly dị — sự không trong sáng. Người bị ly dị vì bất cứ lý do nào khác mà tái hôn, sẽ phạm **lội ngoại tình**.

Dầu không nói trực tiếp, từ những lời của Chúa chúng ta, dường như nếu có ly dị bởi lý do ngoại tình, bên vô tội được tự do để tái hôn. Nói cách khác, ly dị không hơn gì mục đích của ly thân.

Tà **dâm**, hoặc thông dâm, thường được hiểu là tội ngoại tình. Tuy nhiên có nhiều người người tin Kinh Thánh có khả năng nghi rằng điều này chỉ ám chỉ đến sự vô luân tiền hôn nhân là điều được khảm phá sau hôn nhân (xem Phục Truyền 22:13-21). Những người khác tin điều này chỉ ám chỉ đến phong tục kết hôn của người Dothái mà thôi. Và đó là lý do "điều khoản ngoại lệ" chỉ có ở đây trong Mathiơ, sách Tin Lành của người Dothái.

Để thảo luận đầy đủ hơn về hôn nhân xin xem phần ghi chú ở 5:31-32.

19:10 Khi các môn đồ đã nghe sự dạy dỗ của Chúa về việc ly dị, họ tự chứng minh là những tạc vật của các thái cực bằng cách chấp nhận quan niệm ngự ngán cho rằng nếu ly dị chỉ có thể đạt được trên một lý do, thì để

tránh phạm tội trong hôn nhân, **hãy không cưới vợ** là hơn. Nhưng điều đó không cứu họ khỏi phạm tội trong tình trạng độc thân.

19:11 Vì vậy Chúa Cứu Thế nhắc nhở họ rằng khả năng sống độc thân không phải là lệ thưởng; chỉ những người đã được ban cho ân điển đặc biệt mới có thể từ bỏ hôn nhân. Câu nói: "**Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy mà thôi,**" không có nghĩa là không phải ai cũng hiểu được những điều tiếp theo, mà là họ không thể sống đời sống tiết dục nếu không được kêu gọi.

19:12 Chúa Jêsus giải thích rằng có ba loại **người hoạn**. Một số người hoạn từ trong lòng mẹ vì họ được sinh ra đã không có khả năng sinh sản. Những người khác vì đã bị thiên bởi con người; những vua chúa phương đông thường bắt những người hầu họ phụ nữ trong tư dinh của họ phải giả phẫu để trở thành những người hoạn. Nhưng Chúa Jêsus đặc biệt nói đến **những người tự mình làm nên hoạn vì cơ nước thiên đàng**. Nhưng người này có khả năng kết hôn, họ không bị khiếm khuyết về thuộc thể. Tuy nhiên khi dâng mình cho Vua và Nước Ngài, họ sẵn sàng từ bỏ hôn nhân để phó chính mình cho sự nghiệp của Đấng Christ không xao lãng. Như Phaulô đã viết sau này: "Ai không cưới vợ thì chăm lo việc Chúa, tìm phương cho Chúa đẹp lòng" (1.Côrinthô 7:32). Tình trạng độc thân của họ không do vấn đề thuộc thể mà là sự tự nguyện không nhận.

Không phải người nam nào cũng có thể sống đời sống ấy; chỉ những người được ban sức bởi Đức Chúa Trời: "Song mỗi người đã được ban riêng cho mình bởi Đức Chúa Trời, người này thể này, người kia thể khác" (1.Côrinthô 7:7).

F. Về Con Trẻ (19:13-15)

Thật thú vị vì con trẻ được đưa vào văn tắt sau bài giảng về lý dị (cũng xin xem Mác 10:1-16); thường chúng là những người chịu khổ ughem trọng nhất từ những gia đình tan vỡ.

Cha mẹ đưa **các con nhỏ** của họ đến với Chúa Jêsus để được Đấng Chấn Chiên - Giáo Sư ban phước. **Các môn đồ** thấy đây là một sự xâm phạm và quấy rầy, nên **quở trách** cha mẹ. Nhưng Chúa Jêsus đã can thiệp bằng lời phán khiến từ đó trở đi Ngài được con trẻ mọi thời đại yêu mến: "**Hãy để con trẻ đến cùng Ta, đừng ngăn trở, vì nước thiên đàng thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy.**"

Một số những bài học quan trọng nổi lên từ những lời này. Trước hết, nó gây một ấn tượng tốt cho lời tỏ của Chúa về tầm quan trọng để đến với các em, khi tâm trí đang tiếp thu nhanh nhất, bằng lời của Chúa. Thứ nhì, con trẻ muốn xưng nhận đức tin nơi Chúa Jêsus phải được khuyến khích, chứ đừng ngăn trở. Không ai biết được độ tuổi của người nhỏ nhất trong địa ngục. Nếu đứa trẻ thật sự mong muốn được cứu, thì đừng bấu chấu còn quá nhỏ. Đồng thời, không được ép chúng nói lời tuyên xưng không thật. Bởi vì chúng rất dễ bị lôi cuốn trước những sự kêu gọi tin:

cảm, nên phải bảo vệ chúng khỏi các phương pháp truyền giáo gây áp lực mạnh. Trẻ con không phải trở thành người lớn để được cứu, mà người lớn thì phải trở nên như con trẻ (18:3,4; Mác 10:15).

Thứ ba, lời này của Chúa trả lời cho câu hỏi: "Điều gì xảy ra cho những đứa trẻ chết trước khi đến tuổi chịu trách nhiệm?" Chúa Jesus đã phán: "...vì nước thiên đàng thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy." Đây phải là điều bảo đảm đầy đủ cho các bậc cha mẹ đã bị mất con khi chúng còn nhỏ.

Đôi khi, câu Kinh Thánh này được dùng để hậu thuẫn cho việc làm báp têm cho trẻ nhỏ để chúng trở thành các chi thể của Đấng Christ và là người kế thừa nước thiên đàng. Khi đọc kỹ, ta đã thấy cha mẹ đem con cái đến với Chúa Jesus không phải để làm báp têm. Điều này cho thấy, con trẻ đã sở hữu nước trời rồi. Chúng ta cũng thấy không có giọt nước nào trong câu Kinh Thánh này.

6. Về Của Cải: Vị Quan Trẻ Tuổi Giàu Có (19:16-26)

19:16 Câu chuyện này cung ứng sự học hỏi tương phản. Sau khi thấy rằng nước trời thuộc về con trẻ, giờ đây chúng ta sẽ xem người lớn vào nước thiên đàng khó như thế nào.

Một người giàu có đã ngắt lời Chúa bằng một câu hỏi có vẻ như chân thật. Sau khi gọi Chúa Jesus "Thưa Thầy Nhon Lành" anh hỏi anh phải làm việc lành chỉ để có được sự sống đời đời. Câu hỏi cho thấy sự thiếu hiểu biết của anh về chân tánh

đích thực của Chúa Jesus và phương cách cứu rỗi. Anh đã gọi Chúa Jesus là "Thầy," đặt Ngài cùng hàng với những con người vĩ đại khác. Và anh nói đến việc có được sự sống đời đời như một món nợ chứ không phải một sự ban cho.

19:17 Chúa chúng ta đã dò thử anh về hai vấn đề này. Bằng cách hỏi: "Sao người gọi ta là Nhon Lành? Chỉ có một Đấng Nhon Lành, là Đức Chúa Trời." Chúa Jesus không phủ nhận thần rành của chính Ngài, nhưng muốn cung cấp cho người này một cơ hội để thưa rằng: "Đó là lý do vì sao tôi gọi Ngài là Nhon Lành - Ngài chính là Đức Chúa Trời."

Để thử người ấy về phương cách cứu rỗi, Chúa Jesus phán: "Nếu người muốn vào sự sống, thì phải giữ các điều răn." Chúa Cứu Thế Jesus không có ý bảo con người có thể được cứu nhờ giữ điều răn. Mà Ngài muốn dùng luật pháp để cáo trách tội lỗi trong lòng của người này. Người này vẫn mang ảo tưởng rằng mình có thể thừa hưởng nước thiên đàng theo nguyên tắc *việc làm*. Vì vậy hãy để người ấy giữ luật pháp, là điều bảo người ấy nhưng gì phải *làm*.

19:18-20 Chúa chúng ta đã trưng năm điều răn chủ yếu liên quan đến đồng loại, lên đến đỉnh điểm qua câu: "Hãy yêu kẻ lân cận như mình." Mục tiêu bởi sự ích kỷ của mình, anh khoe khoang rằng anh luôn giữ các điều răn này.

19:21 Và rồi Chúa chúng ta phơi bày thất bại của anh vì chưa yêu kẻ lân cận như chính mình bằng cách bảo anh hãy đi bán hết của cải mình

và bố thí cho kẻ nghèo. Sau đó hãy đến với Chúa Jêsus mà theo Ngài.

Chúa không có ý bảo rằng người này được cứu nhờ bản đi của cải mình và lấy tiền thu được hiến cho hội từ thiên. Chỉ có một cách duy nhất để được cứu: đức tin đặt nơi Chúa.

Nhưng để được cứu, con người phải hiểu nhận rằng mình phạm tội và thiếu hụt các tiêu chuẩn thành của Đức Chúa Trời. Sự không sẵn lòng của người giàu này để chia sẻ của cải mình cho thấy anh không yêu người lân cận như mình. Đáng lẽ anh phải thưa rằng: "Lạy Chúa, nếu đó là điều phải làm, thì tôi là một tội nhân. Tôi không thể tự cứu mình bằng những nỗ lực của tôi. Vì vậy, tôi xin Ngài hãy cứu tôi bởi ân điển của Ngài." Nếu anh trả lời như vậy trước các huấn thị của Chúa Cứu Thế, anh sẽ được ban cho phương cách cứu rỗi.

19:22 Nhưng thay vào đó, anh đã bỏ đi, bỏ buồn bực.

19:23-24 Đáp ứng của người giàu đã thúc giục Chúa Jêsus nhận định rằng người giàu vào nước thiên đàng là khó lắm. Giàu có thường trở thành một thứ hình tượng. Thật khó để có của cải mà không nhờ cậy của cải. Chúa Jêsus tuyên bố rằng: "Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào nước Đức Chúa Trời." Ngài đang dùng một hình thái tu từ được gọi là phép ngoa du (hyperbole) - lối nói cường điệu - một câu nói được thực hiện bằng hình thức tăng cường để đem lại một hiệu quả sống động, không quên được.

Không rằng lạc đà không thể chui qua lỗ kim. "Lỗ kim" thường được giải

thích như là cánh cửa nhà nơi cổng thành. Lạc đà có thể đi qua cửa này bằng cách khuỵu gối xuống, nhưng hết sức khó khăn. Tuy nhiên, từ được dùng cho "kim" trong câu Kinh Thánh tương tự ở Luca có cùng với từ "kim" mà các nhà giải phẫu sử dụng. Đường như theo bối cảnh này, rõ ràng Chúa không nói đến sự khó khăn, mà nói đến tình bất khả thi. Nói theo cách loài người, người giàu hoàn toàn không thể được cứu.

19:25 Các môn đồ lấy làm lạ lắm trước lời lưu ý này. Bởi vì người Dothá: sống dưới hệ luật Mùise, qua đó, Chúa hứa ban thịnh vượng cho những người vâng lời Ngài, nên họ đã xem xét đúng đắn sự giàu có như là dấu hiệu chúc phước của Chúa. Như vậy, nếu những người hưởng phước Chúa mà không được cứu, thì ai có thể được cứu?

19:26 Chúa trả lời: "Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc điều được." Nói theo cách loài người, không thể làm được để cứu bất cứ ai; chỉ Đức Chúa Trời mới cứu được. Nhưng đối với người giàu, giao nộp ý muốn cho Đấng Christ khó hơn là người nghèo, qua thực tế rõ ràng có rất ít người giàu bỏ của cải. Họ thấy dường như không thể thay thế kinh tin cậy đặt nơi các phương tiện chu cấp thấy được bằng đức tin đặt nơi một Chúa Cứu Thế không thấy được. Chỉ Chúa mới có thể đem lại sự thay đổi ấy.

Các nhà giải kinh và giảng dạy cũ luôn tụng ra những nhận xét ở đây rằng Cơ Đốc Nhân làm giàu là điều

hoàn toàn bình thường. Thật lạ, họ dùng câu Kinh Thánh mà Chúa đã lên an giầu có như là vật cản đối với tình trạng an nguy đời đời của con người để chứng minh việc thâu trữ của cải trên đất là đúng! Và thật khó hiểu làm thế nào Cơ Đốc Nhân có thể đeo đuổi sự giầu có khi xét đến những nhu cầu khủng khiếp ở mọi nơi, sự trở lại hầu đến của Đấng Christ và lệnh cấm rõ ràng của Chúa đối với việc thâu trữ của cải trên đất. Cửa cải thâu trữ lên án chúng ta không yếu kẻ lân cận như mình.

H. Về Những Phán Thưởng Của Đời Sống Tại Bỏ (19:27-30)

19:27 Phierơ đã nắm bắt được mục đích lời dạy dỗ của Chúa Cứu Thế. Hiểu rằng Chúa Jêsus muốn nói: "Hãy bỏ mọi sự mà theo Ta," Phierơ hể hả vì ông và các môn đồ khác đã làm chính xác điều đó; và rồi ông nói thêm: "**Chúng tôi sẽ được chi?**" Sự sống bản ngã của Phierơ đang bộc lộ, con người cũ muốn khẳng định mình. Đây là thái độ mỗi người trong chúng ta phải cảnh chừng. Ông đang mặc cả với Chúa.

19:28,29 Chúa cảnh báo với Phierơ mọi điều làm cho Ngài sẽ được hưởng thưởng. Về mười hai môn đồ, cụ thể, họ sẽ có những vị trí quyền hành trong giai đoạn Một Ngàn Năm. Thời kỳ chỉ đến sự trị vì trên đất trong vương lai của Đấng Christ; được giải thích qua câu: "**khí Con Người sẽ ngự trên ngai vinh hiển của Ngài.**" Ở phần trước, chúng ta đã nói đến giai đoạn này trong nước trời như là nước trời được tỏ ra. Khi ấy, mười hai môn

đó sẽ **ngồi trên mười hai ngai, mà xét đoán mười hai chi phái Ysraên.** Các phán thưởng trong Tân Ước có liên hệ chặt chẽ với các vị trí điều hành trong giai đoạn Một Ngàn Năm (xem Luca 19:17,19). Họ được *thưởng* trước Ngai Xét Đoán của Đấng Christ, nhưng *được tỏ ra* khi Chúa trở lại thế gian trị vì.

Về những người tin Chúa nói chung, Chúa Jêsus nói thêm: rằng rất cả những ai đã **từ bỏ anh em, chị em cha mẹ, con cái, đất ruộng, nhà cửa, thì người ấy sẽ lãnh bội phần hơn, và được hưởng sự sống đời đời.** Trong đời này họ được hưởng mối thông công khắp thế giới của những người tin Chúa hơn cả những sự bù đắp cho các mối quan hệ sâu nặng trên đất. Thay cho một ngôi nhà họ từ bỏ, họ nhận được hàng trăm ngôi nhà tiếp đón ân cần của các Cơ Đốc Nhân. Vì từ bỏ đất đai hoặc những hình thức của cải khác, họ nhận được sự giầu có thuộc linh vượt quá mọi tính toán.

Phán thưởng tương lai dành cho tất cả những người tin Chúa là **sự sống đời đời.** Điều này không có nghĩa là chúng ta có được sự sống đời đời như từ bỏ tất cả và tự sinh. Sự sống đời đời là sự ban cho không thể kiếm được hay xứng đáng mới được. Ý tưởng ở đây là những ai đã từ bỏ hết thảy sẽ được thưởng nhiều hơn nữa để vui hưởng sự sống đời đời trên thiên đàng. Hết thảy những người tin Chúa đều sẽ được sự sống ấy, nhưng không phải tất cả đều được hưởng cùng mức độ như nhau.

19:30 Chúa kết thúc những lưu ý của Ngài với lời cảnh báo thái độ mặc

cả. Thực tế, Ngài đã phân với Phierô rằng: "Bất cứ điều gì người làm vì cơ Ta đều sẽ được thưởng, nhưng hãy cẩn thận đừng để bị dẫn dụ bởi những tính toán ích kỷ. Bởi vì trong trường hợp đó, nhiều kẻ đầu sẽ lên rất, và kẻ rốt sẽ lên đầu. Điều này được minh họa bởi một ví dụ trong đoạn tiếp theo. Tuyên bố này cũng là lời cảnh báo rằng khởi đầu tốt đẹp trên con đường môn đệ hóa chưa đủ. Kết thúc thế nào mới là quan trọng.

Trước khi rời phần này, chúng ta nên lưu ý cụm từ "nước thiên đàng" và "nước Đức Chúa Trời" được sử dụng thay đổi cho nhau trong các câu 23 và 24; do đó hai thuật ngữ này giống nhau.

I. Ví Các Phán Thưởng Danh Cho Người Làm Công Trong Vườn Nhọ (20:1-16)

20:1,2 Ví dụ này, nối tiếp bài giảng nói về các phán thưởng ở cuối đoạn 19, minh họa lẽ thật cho thấy mặc dầu tất cả các môn đồ thật đều được thưởng, thứ tự khen thưởng sẽ được quyết định do tình thần hầu việc của các môn đồ.

Ví dụ này mô tả người chủ nhà kia, tảng sáng đi ra, để mướn người làm công làm việc cho vườn nhọ mình. Nhưng người này thỏa thuận làm việc một đơniê mỗi ngày, mức tương hợp lý vào thời đó. Chúng ta hãy coi như họ bắt đầu làm việc từ lúc ôg giờ sáng.

20:3,4 Vào ôg giờ sáng, người chủ thấy có một số người lao động không có việc làm đứng trong chợ. Lần này không có hợp đồng giữa chủ và người lao động. Họ đi làm việc chỉ vì lời ông hứa sẽ trả tiền công phải cho.

20:5-7 Đến trưa và vào 3 giờ chiều, người chủ trại lại thuê thêm nhiều người vào trên cơ sở sẽ trả công thích đáng. Vào 5 giờ chiều ông lại tìm thấy nhiều người thất nghiệp nữa. Không phải họ lười biếng; họ cần công việc nhưng không tìm được. Vì vậy ông đưa họ vào trong vườn nhọ mà không bàn bạc về giá cả.

Điều quan trọng cần lưu ý là những người đầu tiên được thuê do kết quả của một thỏa thuận có mắc cả. Tất cả những người khác đều giao vấn đề trả công cho người chủ vườn.

20:8 Vào cuối ngày, chủ truyền cho người giữ việc trả tiền cho những người làm công, khởi từ người rốt cho đến người đầu đã được thuê làm việc (bằng cách ấy, những người được thuê đầu tiên nhìn thấy điều người khác nhận lãnh.)

20:9-12 Cùng một giá tiền được trả cho tất cả - một đơniê. Người làm việc lúc ôg giờ sáng tưởng mình sẽ nhận được nhiều hơn. Nhưng không, họ cũng lãnh được một đơniê. Họ tức giận, cay đắng; rồi lại họ đã phải làm việc lâu hơn, cả ngày đang nắng.

20:13,14 Qua câu trả lời của người chủ dành cho một người trong số họ chúng ta tìm được những bài học bên bí từ ví dụ này. Trước hết, Ngài nói: "Bạn ơi, Ta không xử tệ với người đầu; người há chẳng đã định với Ta một đơniê sao? Hãy lấy của người mà đi đi; Ta muốn trả cho kẻ rốt này bằng như đã trả cho người vậy." Nhưng người đầu mặc cả một đơniê một ngày và đã nhận được tiền theo thỏa thuận. Nhưng người kia phở

minh cho ân điển của người chủ và nhận được ân điển. Ân điển tốt hơn sự công bằng. Và giao phần thưởng của mình cho Chúa tốt hơn là giành được sự thương lượng với Ngài.

20:15 Đoạn chú nói: "**Ta há không có phép dùng của cải Ta theo ý muốn Ta sao?**" Tất nhiên bài học là Đức Chúa Trời là Đấng Tối Cao. Ngài có thể làm điều Ngài muốn. Và điều Ngài muốn luôn luôn là ngay thẳng, công bình và phải lẽ. Chú nói thêm: "**Hay là người thấy Ta ở tử tế mà lấy mắt ganh sao?**" Câu hỏi này phơi bày tình ích kỷ trong bản chất con người. Những người làm việc vào lúc óng sáng đã nhận được chính xác điều họ đáng được, tuy nhiên họ ganh tỵ bởi vì người khác cũng có cùng số tiền trả cho công việc ít giờ hơn. Nhiều người trong chúng ta đã phải thú nhận rằng dường như đối với mình như vậy cũng hơi không công bằng. Điều đó chỉ chứng minh rằng trong nước thiên đàng chúng ta cũng phải chấp nhận một lối suy nghĩ hoàn toàn mới. Chúng ta phải bỏ đi thái độ tham lam, cạnh tranh và phải suy nghĩ giống như Chúa.

Người chủ biết rằng tất cả những người này đều cần tiền, vì vậy Ngài đã trả cho họ theo nhu cầu chứ không phải theo công lương. Không ai nhận kém hơn những gì mình đáng được, nhưng tất cả đều nhận những gì họ cần cho mình và gia đình mình. Theo James Stewart, bài học là người nào "tưởng phải thương lượng về phần thưởng, cuối cùng đều luôn sai, và lòng nhân từ yêu thương của Chúa luôn luôn có được sự bảo đảm lâu

lâu, không công kích được." ³⁹ Càng nghiên cứu ví dụ trong sự soi sáng ấy kỹ hơn, chúng ta càng thấy điều này không chỉ công bình mà còn đẹp đẽ tuyệt vời. Những người đã được thuê vào lúc óng sáng phải kể đó là phần thưởng cho thêm khi được phục vụ một người chủ tuyệt vời như vậy cả ngày.

20:16 Chúa Jêsus đã kết thúc câu chuyện này với lời: "**Đó, những kẻ rồi sẽ nên đau và kẻ đau sẽ nên rồi là như vậy**" (Xem 19:30). Sẽ có những điều ngạc nhiên trong vấn đề khen thưởng. Một số người tưởng họ là kẻ đau thì sẽ trở nên tốt, vì cơ sự phục vụ của họ bị thúc đẩy bởi lòng tham vọng và vị kỷ. Những người phục vụ bởi tình yêu và lòng biết ơn sẽ được tôn cao.

Những công lao chúng ta tưởng đáng phải thưởng.

Ngài sẽ cho chúng ta thấy chỉ là tội lỗi;

Những việc nhỏ chúng ta đã quên,

Ngài sẽ cho thấy ấy là dành cho Ngài

- Amen

J. Về Sự Chết Và Sự Phục Sinh Của Ngài (20:17-19)

Dường như Chúa đang rời xứ Bêrê để hành trình đến Giêrusalem ngang qua Giêricô (xem câu 29). Một lần nữa, Ngài đem riêng theo mười hai môn đồ để giải thích điều sẽ xảy ra sau khi họ đến Thành Thánh. Ngài sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo - ám chỉ rõ đến sự phản bội của Giuđa. Ngài sẽ bị lên án chết bởi những người lãnh đạo

Do thái. Vì không có quyền thi hành án tử hình, họ sẽ giao Ngài cho dân ngoại (người Lamã). Ngài sẽ bị nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh. Nhưng sự chết không giữ được nạn nhân của nó - đến ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại.

K. Về Bạ Vị Trong Nước Trời (20:20-28)

Lời bình luận đáng buồn về bản chất của con người đó là ngay sau tuyên bố thứ ba về sự chịu khổ của Ngài, các môn đồ nghĩ đến sự vinh hiển của riêng mình nhiều hơn là sự thương khó của Ngài.

Lời báo trước lần thứ nhất của Đấng Christ về sự thương khó đã làm dấy lên lời phản đối của Phiêrô (16:22); lần thứ nhì theo sau không lâu bởi những câu hỏi của các môn đồ: "Ai là người làm hơn hết...?" Vì vậy ở đây chúng ta thấy lần thứ ba họ che phủ bởi những câu hỏi đầy tham vọng của Giacô và Giăng. Họ cứ kiên trì nhằm mãi trước những lời cảnh báo về hoàn nạn và mở to mắt với những lời hứa về sự vinh hiển - vì vậy mà đã có một cái nhìn sai trật. Dụ vật chốt về Nước Trời (Daily Notes of the Scripture Union).

20:20,21 Mẹ của Giacô và Giăng đến cùng Chúa hỏi Ngài rằng các con trai bà có thể ngồi mỗi đứa một bên Ngài trong nước Ngài chăng? Để được về vàng, bà muốn các con trai của bà ở gần bên Chúa Jêsus, và để bà không phải thất vọng về sự trị vì hầu đến của Ngài.

Nhưng bà không hiểu các nguyên tắc dựa trên đó sự tôn trọng được ban cho trong nước trời.

Mặc chệp rằng hai người con đã tự đưa ra lời yêu cầu (Mác 10:35); có thể họ làm điều đó theo sự chỉ dẫn của bà hoặc có thể cả ba người cùng nhau đến gặp Chúa. Không có sự mâu thuẫn nào liên quan.

20:22 Chúa Jêsus đã trả lời thành thật rằng họ không hiểu điều họ xin. Họ muốn mâu thuẫn mà không có thập tự giá, ngài vua mà không có bàn thờ dâng sinh tế, vinh hiển mà không có sự chịu khổ dẫn đến sự vinh hiển đó. Vì vậy Ngài thẳng thắn hỏi họ: "**Các người uống được chén mà Ta hầu uống không?**" Chúng ta không bị bỏ mặc để thắc mắc điều Ngài hàm ý bởi chén; Ngài vừa mới mở tả điều đó trong câu 18 và 19. Ngài phải chịu khổ và chịu chết.

Giacô và Giăng đã bày tỏ khả năng dự phần trong sự chịu khổ của Ngài, dấu có thể sự quả quyết của họ đặt nét lẳng trên lòng sốt sắng nhiều hơn là trên sự hiểu biết.

20:23 Chúa Jêsus quả quyết với họ rằng họ **thật sẽ uống chén** của Ngài. Giacô sẽ tuận đạo, còn Giăng sẽ bị bắt bớ và lưu đày sang đảo Bât-mô. Robert Little nói rằng: "Giacô đã chết cái chết của người tuận đạo, còn Giăng đã sống đời sống của người tuận đạo."

Sau đó, Chúa Jêsus giải thích Ngài không thể tự ý ban các vị trí tôn trọng trong nước trời; Đức Chúa Cha là người quyết định nên tặng đặc biệt trên đó các địa vị này được chỉ định. Họ nghĩ đây là vấn đề quyền bề nhiệm chính trị, rằng vì hết sức thân cận với Đấng Christ, họ có quyền đòi hỏi đặc biệt vào những vị trí cất nhắc

cao hơn. Nhưng đây không phải là vấn đề thiên vị cá nhân. Qua lời dạy của Chúa, vị trí hèn hưu và bên tả Ngài được ban cho trên cơ sở việc chịu khổ vì Ngài. Có nghĩa là những sự tôn trọng hàng đầu trong nước Chúa không chỉ giới hạn cho những Cơ Đốc Nhân của thế kỷ ban đầu; một số người sống thời nay có thể có được địa vị đó - bởi sự chịu khổ.

20:24 Mười môn đồ kia rất giận vì các con trai của Xêbêđê đã đưa ra lời cầu xin như vậy. Có thể họ phẫn nộ vì chính bản thân họ muốn là người cao trọng nhất và bực bội với bất cứ những yêu cầu nào Giăng và Giacô đã nói trước!

20:25-27 Điều này đã cho Chúa chúng ta cơ hội đưa ra một tuyên bố mang tính cách mạng về sự cao trọng trong nước Ngài. Dân ngoại xem sự cao trọng bằng hình thức điều khiển và thống trị. Trong nước Đấng Christ, sự cao trọng được bày tỏ bởi sự phục vụ. Bất cứ ai mong muốn làm lớn thì sẽ làm đầy tớ, còn kẻ nào muốn làm đầu thì phải làm nô lệ.

20:28 Con Người là gương mẫu trọn vẹn của sự phục vụ hạ mình. Ngài đến trong thế gian không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người. Toàn bộ mục tiêu của sự Nhập Thể có thể tóm gọn trong hai điều - phục vụ và ban cho. Thật sự, suốt khi nghĩ rằng Đức Chúa Trời được tôn cao đã hạ mình trong máng cỏ và lại thập tự giá. Sự cao trọng của Ngài được bày tỏ bởi chiều sâu của sự hạ mình Ngài. Và đối với chúng ta cũng phải như vậy.

Ngài đã phó sự sống mình để làm giá chuộc nhiều người. Sự chết của Ngài đã thỏa mãn tất cả những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi. Đủ để cất hết thảy tội lỗi của cả thế gian. Nhưng điều này chỉ hiệu quả cho những ai bằng lòng tiếp nhận Ngài làm Chúa và Cứu Chúa mình. Bạn đã làm điều đó chưa?

I. Việc Chúa Lãnh Hai Người Mù (20:29-34)

20:29,30 Bấy giờ Chúa Jêsus đã từ xứ Bêrê vượt qua sông Giôđanh và đến thành Giêricô. Khi Ngài đang rời khỏi thành, có hai người mù kêu lớn cùng Ngài rằng: "Lạy Chúa, con cháu vua Đavít, xin thương xót chúng tôi." Khi họ dùng danh hiệu "con cháu Đavít" cho thấy dấu mù thuộc thể, sức nhìn thuộc linh của họ rất nhạy bén khi nhận biết Chúa Jêsus là Đấng Mêsi. Có lẽ họ tượng trưng cho dân số trong số những người Ysraên mù lòa sẽ công nhận Ngài là Đấng Christ khi Ngài trở lại trị vì (Êsai 35:5; 42:7; Rôma 11:25,26; II.Côrinthô 3:16; Khải Huyền 1:7).

20:31-34 Đoàn dân ra sức bảo họ nin lang, nhưng họ kêu Ngài lớn hơn nữa. Khi Chúa Jêsus hỏi họ muốn gì, họ không thả mình trong những điều chung chung, như chúng ta vẫn thường làm khi cầu nguyện. Họ đi thẳng vào vấn đề: "Lạy Chúa, xin cho mắt chúng tôi được mở ra." Lời cầu xin cụ thể của họ đã nhận được sự đáp lời cụ thể. Đức Chúa Jêsus động lòng thương xót, bèn sờ đến mắt họ; lúc thì hai người thấy được và đi theo Ngài.

Về việc Ngài sờ đụng đến họ, Gaebelin đã đưa ra một sự nhận định bổ ích:

*Chúng ta học biết trước đây ý nghĩa đặc trưng của việc chữa lành bằng sự rít dụng trong sách Phúc Âm này. Hồ khi nào Chúa chữa lành bởi sự rít dụng, điều đó có liên quan đến sự hiện diện của cả nhân Ngài trên đất bởi ý Ngài, và sự liên hệ thường vọt của Ngài với Ysaraên. Khi Ngài chữa lành bởi Lời Ngài, không bởi thân vị... hoặc nếu Ngài được dụng chạm bởi đất tu, thì điều đó ám chỉ đến thời điểm Ngài không có mặt trên trần gian, và dân ngoại lấy đất tu đến gần Ngài được chữa lành bởi Ngài.*⁴⁶

Có những khó khăn khi dung hóa lối kỹ thuật câu chuyện này của Mathiơ với Mác 10:46-52 và Luca 18:35-43; 19:1. Ở đây có hai người mù; trong Mác và Luca chỉ có một người được nhắc đến. Người ta cho rằng Mác và Luca nhắc đến người mù nổi tiếng, là Balimé, và Mathiơ viết sách Phúc Âm của ông đặc biệt dành cho người Dothai nhắc đến hai là con, số tối thiểu của một lời chứng có giá trị (II.Côrinthô 13:1). Trong Mathiơ và Mác, câu chuyện này được chép là đã xảy ra khi Chúa Jêsus rời thành Giêricô; còn Luca chép rằng đã xảy ra khi Ngài đến gần thành. Thật ra có hai thành Giêricô, một thành Giêricô cổ và một thành mới, phép lạ chữa lành có thể đã xảy ra khi Chúa Jêsus rời thành này mà đến thành kia.

XII. SỰ BAN TẶNG VÀ SỰ ĐỀ KHÁNG NHÀ VUA (ĐOẠN 21-23)

A. Sự Vào Thành Cách Khải Hoàn (21:7-11)

21:1-3 Trên đường từ Giêricô lên, Chúa Jêsus đứng ở phía đông núi Ôlive nơi làng Bêthani và thành Bêphagia

lạ lạc. Từ đó con đường chạy dọc theo giới hạn phía nam của núi Ôlive, dốc xuống trung Giôzaphát, băng qua khe Xếtôn và leo lên thành Giêrusalem.

Ngài sai hai môn đồ đi đến làng Bêthani, biết trước rằng họ sẽ tìm được một con lừa bị cột, với một con lừa con. Họ phải mở cho hai con vật và dắt đến cho Chúa Jêsus. Nếu bị hỏi, họ phải giải thích rằng Chúa cần dùng hai con lừa đó. Người chủ sẽ bằng lòng. Có thể người chủ biết Chúa Jêsus và trước đây đã đề nghị được giúp Ngài. Hoặc câu chuyện này bày tỏ sự toàn tri và thẩm quyền tuyệt đối của Chúa. Mọi sự diễn ra đúng như Chúa Jêsus đã bảo trước.

21:4,5 Lệnh trưng dụng các con vật đã làm ứng nghiệm các lời tiên tri của Êsai và Xachari:

"Hãy nói với con gái thành Siôn rằng:

Này, vua ngươi đến cùng ngươi, nhu mì, cưỡi lừa

Và lừa con, là con của lừa cái mang àch."

21:6 Sau khi hai môn đồ đã trải áo họ trên các con vật, Chúa Jêsus leo lên lừa con (Mác 11:7) và cưỡi lừa tiến về thành Giêrusalem. Đây là một thời điểm lịch sử. Sáu mươi lăm tuần lễ của lời tiên tri Daniên nay đã hết, theo Robert Anderson (xem cách tính của ông trong quyển *The Coming Prince*). Kể đó Đấng Mêsia sẽ bị trừ đi (Đaniên 9:26).

Khi cưỡi lừa vào thành Giêrusalem theo cách ấy, Chúa Jêsus đã thực hiện một lời xưng nhận có chủ ý và không

che đậy rằng Ngài là Đấng Mêsê.
Lange ghi chú:

*Ngài có ý định làm ứng nghiệm một lời tiên tri mà vào thời của Ngài đã được giải thích nhất trí là của Đấng Mêsê. Nếu trước kia Ngài coi lời tuyên bố về chân giá trị của Ngài là nguy hiểm thì bây giờ Ngài kể sự vén lũng là không thể hiểu được... Từ nay trở đi, không thể nào hiểu rằng Ngài chưa hề tuyên bố về chính mình Ngài một cách rõ ràng. Về sau khi Giêrusalem bị buộc tội là kẻ đã giết Đấng Mêsê, họ không thể nào bào rằng Đấng Mêsê dù thiếu sót trong việc đưa ra một dấu hiệu tương tự để hiểu cho mọi người.*⁴³

21:7,8 Chúa cưỡi lừa vào thành trên tấm thảm bằng áo và các nhánh cọ, với lời reo hò của dân chúng vang rền bên tai Ngài. Ít nữa, trong một thời điểm, Ngài cũng đã được công nhận là Vua.

21:9 Đoàn dân la lên: "Hôsana con vua Davít! Đấng khen ngợi cho Đấng nhưn danh Chúa mà đến!" Lời trích từ Thi Thiên 118:25,26 này rõ ràng là áp dụng cho sự đến của Đấng Mêsê. Hôsana nguyên nghĩa là "xin cứu bây giờ"; có lẽ dân chúng muốn nói: "Xin cứu chúng tôi khỏi kẻ áp bức Lamá." Về sau thuật ngữ này đã trở thành tiếng tụng hô ngợi khen. Cụm từ: "Con vua Davít" và "Chúc cho Đấng nhưn danh Chúa mà đến," đều tỏ rõ rằng Chúa Jêsus đã được công nhận là Đấng Mêsê. Ngài là Đấng Được Ban Phước đến bởi thẩm quyền của Đức Giêhôva để làm theo ý muốn Ngài.

Ký thuật của Mác tường trình phần lớn những tiếng tụng hô ngợi

khen của đám đông: "Phước cho nước đến là nước vua Davít tổ phụ chúng ta nhưn danh Chúa mà đến" Mác 11:10 (bản Anh ngữ). Điều này cho thấy dân chúng tưởng nước trời sắp được thành lập với Đấng Christ ngồi trên ngai Davít. Khi la lên rằng: "Hôsana ở trên núi rất cao," đám đông đang kêu gọi các tầng trời cùng với đất ngợi khen Đấng Mêsê, và có lẽ kêu gọi Ngài đến cứu tử các tầng trời rất cao.

Mác 11:11 kỳ thuật rằng, ngay khi vào thành Giêrusalem, Chúa Jêsus đi lên đến thờ - không phải vào trong đền thờ, mà vào trong sân. Cho rằng đây là nhà của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài vẫn không có cảm giác ở nhà trong ngôi đền thờ này, bởi vì các thầy tế lễ và dân chúng từ chối trao cho Ngài vị trí phải lệ dành cho Ngài. Sau khi nhìn quanh, Chúa Cứu Thế lui về Bethani với mười hai môn đồ. Đó là buổi chiều ngày Chúa nhật.

21:10,11 Trong khi đó, bên trong thành có sự hoang mang về chân lành của Ngài. Những kẻ được hỏi chỉ bảo rằng ấy là Đấng tiên tri Jêsus ở thành Naxarét xứ Galilê. Từ điều này, dường như có rất ít người thật sự hiểu rằng Ngài là Đấng Mêsê. Trong vòng chưa đầy một tuần, đoàn dân mau thay đổi này sẽ la lên: "Hãy đóng đinh hắn! Hãy đóng đinh hắn!"

B. Sự Đẹp Sạch Đền Thờ (21:12,13)

21:12 Khi bắt đầu chức vụ công khai, Chúa Jêsus đã dẹp đuổi tệ buôn bán khỏi ngoại vi đền thờ (Giăng 2:13-16). Nhưng việc đấu cơ trực lợi để hưởng tiền thú lao quá mức một lần nữa lại xuất hiện trong sân ngoài của đền thờ. Các sinh tế và chim chóc

được mua và bán với giá cắt cổ. **Người đổi bạc** đổi các loại tiền khác thành ra nửa siếc lơ mà những người nam Dothai phải trả như sự đóng góp cho đền thờ (thuế) với lệ phí quá mức. Bất giờ khi chức vụ của Ngài gắn kết thúc, **Chúa Jêsus** một lần nữa đã **đuổi hết** những kẻ đầu cơ trục lợi khỏi các sinh hoạt thành.

21:13 Kết hợp các lời trích từ Êsai và Giêrêmi, Ngài đã lên án việc họ làm ở ứ nơi thánh, tệ buôn bán và tình độc quyền. Khi trích dẫn Êsai 56:7, Ngài nhắc nhở họ rằng Đức Chúa Trời có ý định khiến đền thờ phải trở thành **nhà cầu nguyện**. Họ đã biến nó thành hang **trộm cướp** (Giêrêmi 7:11).

Sự đẹp sạch đền thờ là hành động chính thức đầu tiên của Ngài sau khi vào thành Giêrusalem. Bởi điều đó Ngài đã khẳng định một cách không sai lầm quyền tể trị của Ngài trên đền thờ.

Sự kiện này có một sự điệp đi đôi cho ngày nay. Trong sinh hoạt hội thánh, chúng ta cần quyền năng thanh tẩy của Ngài để dẹp bỏ các gian hàng từ thiện, các bữa ăn tối, và rất nhiều những thủ thuật quảng cáo màu mè kiếm tiền khác. Trong đời sống cá nhân, luôn cần chức vụ thanh tẩy của Chúa trong thân thể mình, là đền thờ của Đức Thánh Linh.

C. Sự Phẫn Nộ Của Các Thầy Tế Lễ Và Thầy Thông Giêo (21:14-17)

21:14 Quang cảnh tiếp theo cho thấy Chúa chúng ta đang chữa lành cho người mù và người què trong sân đền thờ. Ngài thu hút những kẻ khờ

khôn bất cứ khi nào Ngài đi đến, và không bao giờ để họ ra đi mà không đáp ứng nhu cầu của họ.

21:15,16 Nhưng những cặp mắt thù hận đang theo dõi. Và khi các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo nghe con trẻ tung hô Chúa Jêsus là **con vua Đavit**, thì họ tức điên lên.

Họ nói: "**Thầy có nghe điều những đứa trẻ này nói không?**" - như thể họ muốn Ngài phải cấm các đứa trẻ không được gọi Ngài là Đấng Mêsi! Nếu Đức Chúa Jêsus Christ không phải là Đấng Mêsi, thì đây hẳn là thời điểm thích hợp để nói điều đó một lần nữa. Nhưng câu trả lời của Ngài cho thấy rằng những đứa trẻ đã nói đúng. Ngài trích dẫn Thi Thiên 8:2 theo bản Bảy Mươi: "**Chúa đã được ngợi khen bởi miệng con trẻ và con đương bú.**" Nếu các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo được cho là có hiểu biết không ngợi khen Ngài là Đấng Được Xức Dầu, thì Chúa sẽ được thờ phượng bởi những đứa trẻ nhỏ. Trẻ con thường có hiểu biết thuộc linh vượt trên tuổi chúng, và những lời xưng nhận bằng đức tin cũng như tình yêu của chúng đem đến sự vinh hiển lạ thường cho danh Chúa.

21:17 Bỏ lại những nhà lãnh đạo tôn giáo ngấm ngấm về lễ thật này, Chúa Jêsus trở về **Bêthani** và nghỉ đêm tại đó.

D. Cây Và Dung (21:18-22)

21:18,19 Khi quay lại thành Giêrusalem vào buổi sáng, Chúa đến gần một cây vả, mong tìm được trái vả để thỏa mãn cơn đói của Ngài. Khi

không thấy gì ngoài lá, Ngài phán: "Mấy chảng khi nào sanh ra trái nữa!" Cây vả tức thì khô đi."

Trong kỹ thuật của Mác (11:12-14) có lời bình bảo rằng đây không phải mùa vả. Vì vậy việc Ngài lên ăn cây vả không có trái có vẻ như mô tả Chúa Cứu Thế là một người vô lý và dễ cáu giận. Đây không thể là sự thật, vậy chúng ta giải thích sự khó khăn này như thế nào?

Cây vả trong các xứ sở Thánh Kinh sinh ra trái vả sớm, ăn được, trước khi lá nó xuất hiện. Đó là một dấu hiệu của mùa thu hoạch bình thường. Nếu không có các trái vả sớm xuất hiện, cho thấy rằng sẽ không có các trái vả bình thường về sau.

Đây là phép lạ duy nhất Đấng Christ rửa sả thay vì chức phước - phá hủy thay vì khôi phục sự sống. Điều này làm dấy lên một sự khó khăn. Lời bình này để lộ sự thiếu hiểu biết về Thân vị Đấng Christ. Ngài là Chúa, Đấng Chủ tể của vũ trụ. Một số hành xử của Ngài là bí mật đối với chúng ta, nhưng chúng ta phải bắt đầu với tiến để chúng luôn đúng. Trong trường hợp này, Chúa đã biết cây vả sẽ không bao giờ mang trái vả và Ngài hành động như người nông dân loại bỏ một cây đưng khỏi vườn trái của mình.

Ngay cả những người đã phê bình Chúa chúng ta vì đã rửa sả cây vả cũng thú nhận rằng đây là một hành động mang tính biểu tượng. Câu chuyện này là cách giải thích của Cứu Chúa về sự tiếp đón hỗn độn mà Ngài vừa nhận được ở tại Giêrusalem. Giống như cây nho và cây ôlive, cây

và tương trưng cho dân Ysraên. Khi Chúa Jêsus đến với dân tộc này chỉ có lá, nói lên những lời tuyên xưng mà không có trái cho Chúa. Chúa Jêsus đang khao khát những quả từ dân tộc này.

Bởi vì không có trái sớm, Ngài biết sẽ không có trái từ những con người vô tín ấy về sau, và vì vậy Ngài đã rửa sả cây vả. Điều này báo trước sự đoán phạt sẽ đổ trên dân tộc này vào năm 70 S.C..

Chúng ta phải nhớ rằng mặc dầu Ysraên vô tín sẽ không kết quả mãi mãi, dân sót của dân tộc này sẽ trở về với Đấng Mêsi sau khi hội thánh được cất lên. Họ sẽ kết những trái cho Ngài trong Cơ Đại Nạn và trong giai đoạn trị vì Ngàn Năm của Ngài.

Mặc dầu cách giải thích của đoạn này chủ yếu có liên quan đến dân tộc Ysraên, nó có sự ứng dụng cho những người thuộc mọi thời đại là những kẻ nói cao trọng mà việc làm thì thấp hèn.

21:20-22 Khi các môn đồ tỏ ra sững sốt trước sự khô đi đột ngột của cây vả, Chúa bảo họ rằng họ có thể làm phép lạ lớn hơn các phép lạ này nếu có đức tin. Vì dụ họ có thể nói cùng ngọn núi rằng: "Hãy cất mình lên và quăng xuống biển," điều đó sẽ xảy ra. "Trong khi cầu nguyện, các ngươi lấy đức tin xin việc gì bất kỳ hãy đều được cả."

Một lần nữa chúng ta phải giải thích những lời hứa dường như không đủ tiêu chuẩn này về sự cầu nguyện phải được hiểu trong ánh sáng của tất cả những gì Kinh Thánh dạy về đề tài này. Câu 22 không có nghĩa rằng bất

cứ Cơ Đốc Nhân nào cũng có thể xin bất cứ điều gì mình muốn và mong nhận được. Người ấy phải cầu nguyện phù hợp với các điều kiện đã được đặt để trong Kinh Thánh.

A. Thẩm Quyền Của Chúa Jesus Bị Chặt Vặn (21:23-27)

21:23 Khi Chúa Jesus đã vào bên trong sân, là bên ngoài đền thờ thật sự, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão làm gián đoạn sự dạy dỗ của Ngài để hỏi ai đã ban cho Ngài quyền phép để dạy dỗ, làm phép lạ và dọn sạch đền thờ. Họ mong bẫy được Ngài, dầu Ngài có trả lời như thế nào. Nếu Ngài xưng tự Ngài có quyền phép với tư cách Con Đức Chúa Trời, họ sẽ cáo Ngài là phạm thượng. Nếu Ngài xưng nhận thẩm quyền đến từ con người, họ sẽ làm mất uy tín Ngài. Nếu Ngài xưng nhận thẩm quyền đến từ Chúa, họ sẽ thách thức Ngài. Họ kể mình là người canh giữ đức tin, những nhà chuyên nghiệp bởi sự đào luyện chính qui và bổ nhiệm của loài người có quyền điều động đời sống tôn giáo của dân chúng. Chúa Jesus không qua đào tạo chính qui và chắc chắn không có các tiêu chuẩn từ giới cầm quyền Ysraên. Thách thức của họ phản ánh sự bực tức lâu đời mà những nhà tôn giáo chuyên nghiệp thường cảm nhận đối với những người được xưng đầu bằng quyền phép Đức Chúa Trời.

21:24,25 Chúa đế nghị sẽ giải thích thẩm quyền của Ngài nếu họ trả lời được câu hỏi: "Phép báp têm của Giảng bởi trời hay là bởi người ta?" **Phép báp têm** của Giảng phải được hiểu là chức vụ của Giảng. Vì vậy câu hỏi này là "Ai ban quyền cho

Giảng để thi hành chức vụ mình? Chức vụ của ông là do con người hay Đức Chúa Trời ban? Ông có những tiêu chuẩn gì từ giới lãnh đạo Ysraên?" Câu trả lời thật rõ ràng: "Giảng là người được Chúa sai đến. Quyền phép của ông bởi Đức Chúa Trời ban cho, không phải đến từ sự chấp thuận của loài người.

Các thầy tế lễ và các trưởng lão bị kẹt trong tình trạng nan giải. Nếu họ thừa nhận Giảng được Chúa sai đến, họ bị mắc bẫy. Giảng đã chỉ cho con người Chúa Jesus là Đấng Mêsê. Nếu thẩm quyền của Giảng đến từ Chúa, vì sao họ không chịu ăn năn và lìa Đấng Christ?

21:26 Trại lại, nếu họ bảo Giảng không được Chúa ủy thác, họ đã chấp nhận một quan niệm sẽ bị nhạo cười bởi dân chúng; là phần lớn những người đồng ý rằng Giảng là đấng tiên tri đến từ Đức Chúa Trời. Nếu họ trả lời Giảng đúng là người được Chúa sai đến, họ sẽ có câu trả lời cho chính câu hỏi của mình: Jesus chính là Đấng Mêsê mà Giảng đã đi trước báo tin.

21:27 Nhưng họ từ chối đối mặt với sự thật, vì vậy họ đã tự nhận là ngu dốt. Họ không thể nói lên nguồn gốc quyền phép của Giảng. Vì vậy Chúa Jesus phán: "**Ta cũng không bảo cho các ngươi bởi quyền phép nào mà Ta làm những điều này.**" Vì sao Chúa phải nói cho họ điều họ đã biết mà vẫn không chịu thừa nhận?

F. Vì Dụ Về Hai Người Con (21:28-32)

21:28-30 Câu chuyện này là một lời quở trách nhưc nhắc cho các thầy tế lễ cả và các trưởng lão vì đã không vâng theo sự kêu gọi của Giảng đến

chỗ ăn năn và có đức tin. Câu chuyện liên quan đến một người nam kia có hai đứa con trai được yêu cầu làm việc trong vườn nho. Một đứa từ chối, rồi sau đổi ý và đi ra. Đứa kia đồng ý nhưng không hề đi.

21:31,32 Khi được hỏi đứa con nào làm theo ý muốn của cha mình. Giới lãnh đạo Dothái vô tình đã tự lên án mình bằng cách trả lời: "Đứa thứ nhất."

Chúa đã giải thích ví dụ. Những kẻ thù thuế và phưởng điểm đi giống như đứa con thứ nhất. Chúng không giá vờ vâng lời Giảng Báp-tít ngay. Nhưng cuối cùng nhiều người trong số họ đã thật sự ăn năn và tin Chúa Jesus. Giới lãnh đạo tôn giáo giống như đứa con thứ hai. Họ tuyên bố tán thành sự dạy dỗ của Giảng, nhưng không bao giờ xưng tội mình hay đặt lòng tin cậy Chúa Cứu Thế. Vì vậy những tội nhân hết cỡ đã vào nước Đức Chúa Trời trong khi giới lãnh đạo tôn giáo tự mãn thì vẫn còn ở bên ngoài. Ngày nay cũng vậy, những tội nhân công khai thú nhận sẵn lòng tiếp nhận tin lành hơn là những kẻ mộ đạo giả tạo bề ngoài.

Cụm từ "Giảng đã theo đường công bình đến cùng các người" nghĩa là ông đã đến giảng dạy tinh thiết yếu của sự công bình thông qua sự ăn năn và đức tin.

6. Ví Dụ Về Những Kẻ Trồng Nho Gian Ác (21:33-45)

21:33-39 Để trả lời thêm cho câu hỏi về quyền phép, Chúa Jesus đã kể lời ví dụ về người chủ nhà kia trồng một vườn nho, rào chung quanh, ở trong đó một cái hầm ép rượu và cất

một cái tháp; rồi cho những kẻ trồng nho mướn và đi đến một xứ xa khác. Đến mùa hái trái, chủ sai đầy tớ đến cùng bọn trồng nho để lấy phần thu hoạch của mình, nhưng bọn trồng nho đánh người này, giết người kia và ném đá người nọ. Khi chủ sai các đầy tớ khác, thì họ cũng nhận đồng một cách đối xử. Lần thứ ba, chủ sai chính con trai mình, vì nghĩ rằng họ sẽ kính trọng người. Khi biết rõ đó là kẻ kế lự, họ giết người với suy nghĩ sẽ chiếm lấy phần gia tài của người.

21:40,41 Đến đây Chúa hỏi các thầy tế lễ và các trưởng lão phải xử với bọn làm vườn ấy thế nào. Họ trả lời: "Người chủ sẽ diệt bọn hung ác ấy cách khổ sở và cho bọn trồng nho khác mướn vườn ấy, là kẻ sẽ nộp hoa lợi lúc đến mùa."

Ví dụ này không khó giải thích. Đức Chúa Trời là chủ vườn, Ysraên là vườn nho (Thi Thiên 80:8; Êsai 5:1-7; Giê-rê-mi 2:21). Hàng rào là luật pháp Môisê phân rẽ Ysraên với dân ngoại và giữ gìn họ với tư cách dân biệt riêng cho Chúa. Bàn ép rượu, bằng lối lí giáo, biểu trưng cho kết quả mà Ysraên phải sinh ra cho Chúa. Chiếc tháp gợi ý sự chăm sóc canh giữ của Giêhôva dành cho dân Ngài. Những kẻ trồng nho là các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo.

Nhiều lần Chúa đã sai các tôi tớ Ngài, các đấng tiên tri, đến cùng dân Ysraên tìm kiếm từ trong vườn nho những trái của mối thông công, sự thành khiết, và tình yêu thương. Nhưng người la đã bắt bớ các đấng tiên tri và đã giết một số họ. Cuối cùng Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài,

vì bảo rằng: "Chúng sẽ kính trọng con Ta" (c.37). Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo rằng: "Người này là kẻ kẻ tự đây" - một lời thù hận chết người. Họ tin vào đồng ý rằng Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời (đầu trước công chúng họ phủ nhận điều đó) và vì vậy đã trả lời cho câu hỏi của chính họ về uy quyền của Ngài. Quyền phép của Ngài đến từ sự thật Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Trong ví dụ này họ đã được trích lời khi bảo rằng: "Người này là kẻ kẻ tự đây; há háy giết nó đi, chếm lấy phần gia tài nó" (c.38). Trong đời thật thì họ bảo rằng: "Nếu chúng ta để cho người làm, thì thiên hạ tin người, rồi dân Rôma sẽ đến diệt nơi này và cả nước chúng ta nữa." (Giăng 11:48) vì vậy họ đã khước từ Ngài, bỏ Ngài ra và đóng đinh Ngài.

21:42 Khi Chúa Cứu Thế hỏi người chủ vườn nho phải làm gì, câu trả lời của họ đã lên án họ, như Ngài đã chỉ ra trong câu 42, và 43. Ngài đã trích lời Thi Thiên 118:22: "**Hòn đá đã bị người xây nhà bỏ ra, trở nên đá đầu góc nhà; ấy là việc Chúa làm và là một sự lạ trước mắt chúng ta.**" Khi Đấng Christ, là Hòn đá ban tặng chính mình Ngài cho các thợ xây - là giới lãnh đạo Ysraên, họ không có chỗ cho Ngài trong kế hoạch xây dựng của mình. Họ gạt Ngài ra như đồ vô dụng. Nhưng sau khi chết Ngài sống lại từ trong kẻ chết và được Đức Chúa Trời ban cho vị trí cao hơn hết. Ngài đã được trở thành hòn đá chóp trong công trình của Đức Chúa Trời: "Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao và

ban cho Ngài danh trên hết mọi danh..." (Philip 2:9).

21:43 Và rồi Chúa đã công bố thẳng thừng rằng nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi dân Ysraên và cho một dân khác là dân sẽ có kết quả của nước đó. Và vì vậy điều đó đã xảy ra. Ysraên đã bị gạt bỏ với tư cách tuyển dân của Đức Chúa Trời và đã bị mù lòa về mặt suy xét. Sự cứng cõi đã đến trên đồng đội chối bỏ Đấng Mesi của họ. Lời tiên tri nói rằng Nước Đức Chúa Trời sẽ cho một dân có kết quả của nó được hiểu là ám chỉ đến: (1) hội thánh, bao gồm những người Dothai và dân ngoại tin Chúa "một dân thánh, một dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời" (1.Phiơ 2:9); hoặc (2) số những người tin Chúa trong Ysraên sống vào lúc Ngài Hiện Đến Lần Thứ Hai. Những người Ysraên được chuộc sẽ kết quả cho Đức Chúa Trời.

21:44 "**Kẻ nào rơi trên hòn đá ấy sẽ bị đập nát, còn kẻ nào bị đá ấy rơi nhằm thì sẽ tan lành như bụi.**" Trong phần đầu của câu này, đá ấy ở trên mặt đất; ở phần thứ hai, đá từ trên xuống. Điều này cho thấy hai lần hiện đến của Đấng Christ. Khi Ngài đến lần thứ nhất, giới lãnh đạo Dothai đã vấp phải Ngài và bị vỡ vụn. Khi Ngài trở lại, Ngài sẽ ngự xuống trong sự đoán phạt, tan rã kẻ thù nghịch Ngài như bụi.

21:45,46 Các thầy tế lễ cả và những người Pharisi biết các ví dụ này trực tiếp nhằm vào họ, để trả lời cho câu hỏi của họ liên quan đến quyền phép của Đấng Christ. Họ muốn bá:

Ngài ngay lúc ấy và tại đó, nhưng họ sợ thiên hạ, là những người tôn Ngài là đáng tiên tri.

B. Ví dụ Về Tiệc Cưới (22:1-14)

22:1-6 Chúa Jêsus vẫn chưa kết thúc với các thầy tế lễ cả và người Pharisai. Trong một ví dụ về **lễ cưới**, một lần nữa Ngài mô tả Ysraên được ưa chuộng đã bị gạt bỏ và dân ngoại bị khinh thường là những người khách ở bàn tiệc. Ngài liên kết **nước thiên đàng** với một **vị vua kia làm tiệc cưới cho con mình**. Lời mời gồm hai giai đoạn. Thứ nhất, một lời mời trước, được các tôi tớ đích thân truyền đạt, đã gặp phải một sự từ chối thẳng thừng. Lời mời thứ hai thông báo rằng tiệc đã được dọn rồi. Lần này cũng bị khinh thường bởi một số người, là những kẻ quá bận rộn với công việc đồng ruộng và buôn bán, một số khác đối xử bạo lực là kẻ bắt, xử tệ, và giết các đầy tớ.

22:7-10 Vị vua nổi giận đến nỗi sai **diệt những kẻ giết người và đốt phá thành của họ**. Sau khi hủy bỏ bản danh sách khách mời thứ nhất, ông đưa ra một lời mời chung cho tất cả những người bằng lòng đến. Lần này không còn một chỗ trống trong **phòng tiệc**.

22:11-13 Tuy nhiên, giữa vòng **những khách dự tiệc**, có một người không mặc áo lễ. Khi bị hỏi về sự tham gia không xứng hợp của mình, người ấy **lâm thinh**. Vua bèn ra lệnh ném người đó vào nơi tối tăm, là nơi **có khóc lóc và nghiến răng**. Những người hầu hạ trong câu 13 không phải giống với những tôi tớ trong câu 3.

22:14 Chúa chúng ta kết luận ví dụ này bằng những lời: "**Bởi vì có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn.**"

Về ý nghĩa của ví dụ này, vị vua là Đức Chúa Trời, Con Ngài là Chúa Jêsus. Tiệc cưới là lời mô tả phù hợp về niềm vui yến tiệc được đặc trưng cho nước thiên đàng. Việc giới thiệu hội thánh như có đầu của Đấng Christ trong ví dụ này làm phức tạp hình ảnh này một cách không cần thiết. Ý tưởng chính là việc loại bỏ Ysraên - không phải sự kêu gọi riêng biệt và số phận của hội thánh.

Giai đoạn đầu của lời mời mô tả Giăng Báp-tít và mười hai môn đồ đã lấy ăn điển kêu gọi Ysraên đến tiệc cưới. Nhưng dân tộc này đã từ chối nhận lời. Câu: "Nhưng họ không chịu đến" (c.3) đã được trình bày đến đỉnh điểm qua sự đóng dinh.

Giai đoạn thứ hai của lời mời cho thấy lời thông báo của Phúc Âm dành cho người Do-thái trong sách Công vụ. Một số coi thường sứ điệp này. Một số đối xử với sứ giả bằng bạo lực; hầu hết các sứ đồ đã chịu tuận đạo.

Nhà vua, nổi giận với Ysraên một cách công chính, sai "quân lính của Ngài," tức là, Titus và các quân đoàn Lamã hủy phá Giêrusalem và hầu hết dân cư nó vào năm 70 S.C. họ là "quân lính của Ngài" với ý nghĩa Ngài dùng họ như những công cụ để trừng phạt Ysraên. Họ chính thức thuộc về Ngài, dầu họ không biết Ngài một cách cá nhân.

Bấy giờ Ysraên đã bị gạt bỏ với tư cách dân tộc và Tis Lành đi đến với các dân ngoại, cả xấu lẫn tốt, nghĩa là

mọi mức độ đáng tôn trọng (Công vụ 13:45,46, 28:58). Nhưng thực trạng của mỗi cá nhân đến dự đều được thử nghiệm. Người không mặc áo lễ là người xưng mình đã sẵn sàng cho nước thiên đàng nhưng lại chưa hề mặc lấy sự công bình của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus Christ (II.Côrinthô 5:21). Thực sự trước đây (và hiện nay) không có lời bào chữa nào cho người không mặc áo lễ. Như Rylie đã lưu ý, phong tục vào thời đó là cung cấp cho khách một chiếc áo nếu họ không có. Người này rõ ràng đã không tận dụng sự cung ứng được để nghị. Không có Đấng Christ, người ấy không nói được lời nào khi bị hỏi về tư cách bước vào nước trời (Rôma 3:9). Số phận của người ấy là ở ngoài sự tối tăm, nơi có khóc lóc và nghiến răng. Sự khóc lóc gợi lên nỗi đau đớn của địa ngục, một số người cho rằng nghiến răng biểu trưng cho lòng thù ghét tiếp nối sự nổi loạn nghịch cùng Đức Chúa Trời. Nếu vậy, điều đó bác bỏ quan niệm cho rằng lửa của địa ngục có tác dụng làm sạch.

Câu 14 chỉ đến toàn bộ ví dụ chứ không chỉ câu chuyện người không mặc áo lễ. Có nhiều kẻ được gọi, tức là lời mời của Phúc Âm đến với nhiều người. Nhưng **II người được chọn**. Một số người từ chối lời mời, và thậm chí trong số những người đã đáp ứng có thiện chí, có người đã bị phơi bày là xưng nhận giả tạo. Hết thảy những người đáp ứng với tin lành đều được chọn. Cách duy nhất để một người có thể biết mình có thể được chọn hay không là bởi những gì người ấy làm

với Chúa Jêsus Christ như Jennings nói: "Tất cả đều được gọi để dự tiệc, nhưng không phải tất cả đều sẵn sàng để tin cậy Đấng Ban Cho cung ứng một chiếc áo thích hợp cho bữa tiệc."

I. Đức Chúa Trời Và Sêsa (22:15-22)

Đoạn 22 là một đoạn gồm những câu hỏi, kỹ thuật những nỗ lực của ba nhóm người đại diện khác nhau được sai đến để bẫy Con Đức Chúa Trời.

22:15,16 Đây chúng ta có nỗ lực của người **Pharisi và những người thuộc đảng vua Hêrôđê**.

Hai phe này là những kẻ thù cay cú tạm thời đến với nhau bởi mối thù chung đối với Chúa Cứu Thế. Mục tiêu của họ là cảm dỗ Đấng Christ đưa ra một lời tuyên bố chính trị có những hàm ý nguy hiểm. Họ lợi dụng sự chia rẽ của dân Giuđa trong vấn đề trung thành với Sêsa. Một số chống đối mãnh liệt việc thuận phục hoàng đế ngoại bang. Những người khác như những người thuộc đảng Hêrôđê chấp nhận một quan điểm dung hòa hơn.

22:17 Trước hết họ khen ngợi cách không thành thật sự trong sạch của tâm lành Ngài, sự ngay thẳng, và sự dạn dĩ của Ngài. Sau đó họ thả một câu hỏi mìn: "**Có nên nộp thuế cho Sêsa hay không?**" Nếu trả lời: "Không," Chúa Jêsus không chỉ gây ra sự thù địch với những người thuộc đảng Hêrôđê, mà sẽ bị tố cáo là loại nghịch cũng chính quyền Lamã. Người Pharisi hẳn sẽ xô Ngài ra và đệ những lời cáo buộc nghịch Ngài. Nếu Ngài nói: "Nên," Ngài ắt sẽ gặp rắc rối với tinh thần dân tộc cao độ của người Dothái. Ngài hẳn sẽ mãi rất

thiếu sự ủng hộ giữa vòng các thương dân - sự hậu thuẫn mà cho đến nay đã ngăn cản giới lãnh đạo trong nỗ lực của họ để khừ Ngài.

22:18,19 Chúa Giêsu thẳng thừng lên án họ là những kẻ giả hình, tìm cách bẫy Ngài. Sau đó Ngài hỏi họ hãy chỉ cho Ngài một đồng đơniê, đồng tiền được dùng để đóng thuế cho chính quyền Lamã. Mỗi khi người Giuđê nhìn thấy hình và hiệu của Sêsa trên đồng tiền, đó lại là một sự nhắc nhở khò chịu rằng họ đang ở dưới quyền của dân ngoại bang và phải chịu đóng thuế. Đồng đơniê nhắc họ phải nhớ rằng tình trạng nô lệ người Lamã là hậu quả tội lỗi của họ. Nếu như họ ngay thật với Đức Giêhôva, thì việc đóng thuế cho Sêsa sẽ không bao giờ xảy ra.

22:20,21 Chúa Giêsu hỏi họ: "Hình và hiệu trên đồng tiền này là của ai?" Họ buộc phải trả lời: "Của Sêsa." Ngài bèn phán rằng: "Vậy hãy trả cho Sêsa vật gì của Sêsa và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời."

Câu hỏi của họ đã bật ngược lại họ. Họ tưởng rằng bẫy được Chúa Giêsu về vấn đề cống nộp cho Sêsa. Ngài đã phơi bày sự thất bại của họ vì không tôn kính Chúa. Theo yêu cầu, họ sống phảng với Sêsa, nhưng đã xem thường những đòi hỏi của Chúa trong đời sống mình. Và Đấng đứng trước mặt họ là hình ảnh rõ ràng của Thần vị Đức Chúa Trời (Hêbrơ 1:3) song họ đã không dành cho Ngài vị trí phải tể.

Câu trả lời của Chúa Giêsu cho thấy người tin Chúa có tư cách công

dân kép, người ấy có trách nhiệm phải vâng phục và hỗ trợ tài chánh cho chính quyền loài người. Người ấy không được nói xấu các bậc cầm quyền hoặc hoạt động để lật đổ chính phủ. Phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền. Là công dân thiên đàng, người ấy có trách nhiệm vâng lời Chúa. Nếu có xung đột giữa hai bên, thì sự trung thành trước hết của người đó phải là đối với Chúa (Công vụ 5:29).

Khi trưng dẫn câu 21, hầu hết chúng ta nhấn mạnh phần của Sêsa mà xem nhẹ phần của Đức Chúa Trời đây chính xác là lối lầm khiến Chúa Giêsu đã quở trách người Pharisai!

22:22 Khi nghe câu trả lời của Ngài, những người Pharisai biết Ngài vượt trội họ. Tất cả những gì họ có thể làm là kinh ngạc, và bỏ đi.

J. Người Saduse Và Câu Hố Của Họ Về Sự Sống Lại (22:23-33)

22:23,24 Như đã đề cập ở phần trước, người Saduse là các nhà thần học theo phái tự do thời đó, phủ nhận sự sống lại của thân thể, sự tồn tại của các thiên sứ, và các phép lạ. Thật ra, những sự phủ nhận của họ nhiều hơn những xác quyết.

Một nhóm trong số họ đến gặp Chúa Giêsu với câu chuyện được đặt ra để làm cho ý tưởng sống lại nghe có vẻ vô ích. Họ nhắc Ngài về một điều luật liên quan đến sự kết hôn nói danh (Phục Truyền 25:5). Theo luật này, nếu một người Ysraêl chết mà không có con, thì em người phải lấy người vợ góa để bảo tồn danh của gia đình trong Ysraêl và những cơ nghiệp trong gia đình đó.

22:25-28 Câu đó liên quan đến một người nữ mất chồng, sau đó kết hôn với một trong các em chồng. Người em thứ hai qua đời, vì vậy cô lấy người thứ ba - và cứ như vậy cho đến người thứ bảy. Cuối cùng người đàn bà cũng chết. Vấn đề đặt ra để làm sử nhục Ngài là sự sống lại (Giăng 11:25): **"Vậy lúc sống lại, đàn bà ấy sẽ làm vợ ai trong bảy người? Vì cả bảy đều đã lấy người làm vợ."**

22:29 Về cơ bản, họ lập luận rằng ý tưởng sống lại làm nảy sinh những khó khăn không thể giải quyết được, vì vậy đó là vấn đề không hợp lý, cho nên không đúng. Chúa Jêsus trả lời khó khăn này không nằm ở giáo lý, mà ở tâm trí họ; họ không hiểu biết Kinh Thánh và quyền phép của Đức Chúa Trời.

Trước hết, họ không hiểu Kinh Thánh. Kinh Thánh không bao giờ nói mối quan hệ vợ chồng sẽ được tiếp tục trong thiên đàng. Mặc dầu người nam sẽ được nhận biết là nam, và nữ là nữ, họ hết thấy đều sẽ giống như các thiên sứ với ý nghĩa họ không kết hôn cũng không bị ràng buộc trong hôn nhân.

Thứ hai, họ không hiểu quyền phép của Đức Chúa Trời. Nếu Ngài có thể tạo dựng con người từ bụi đất, thì há Ngài không dấy lên từ bụi đất những người đã chết và tái tạo thành các thân thể vinh hiển một cách dễ dàng sao?

22:30-32 Kể đó, Chúa Jêsus đưa ra một lập luận từ Kinh Thánh để cho thấy rằng sự sống lại là một điều cần thiết tuyệt đối. Trong Xuất 3:6 Đức

Chúa Trời xưng mình là Đức Chúa Trời của Ápraham... Ysác... và Giacóp. Tuy nhiên Chúa Jêsus lưu ý: **"Đức Chúa Trời không phải là Chúa của kẻ chết, nhưng của kẻ sống."** Ngài đã lập giao ước với những người ấy, nhưng họ đã chết trước khi giao ước được ứng nghiệm hoàn toàn. Làm thế nào Chúa có thể phán về chính mình Ngài là Đức Chúa Trời của ba người mà thân thể họ đang nằm trong mộ? Làm sao Ngài, Đấng không thể thất hứa, làm ứng nghiệm lời hứa đã lập với những người đã chết rồi? Chỉ có một câu trả lời - sự sống lại.

22:33 Không có gì ngạc nhiên khi đoàn dân lấy làm lạ về sự dạy dỗ của Ngài; Chúng ta ngày nay cũng vậy!

M. Điều Răn (do (22:34-40))

22:34-36 Khi người Pharisai nghe nói Đức Chúa Jêsus đã làm cứng miệng đối thủ của họ là những người Saduse, thì đến với Ngài để phỏng vấn. Phát ngôn nhân của họ, một thầy dạy luật, đã xin Chúa Jêsus chỉ ra điều răn lớn hơn hết trong luật pháp.

22:37,38 Với lời te bạc chảy, Chúa Jêsus đã tóm tắt bốn phận của con người đối với Đức Chúa Trời, là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết: **"Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa là Đức Chúa Trời người."** Lời kỹ thuật của Mác có thêm cụm từ "hết sức" (Mác 12:30). Câu này hàm ý bốn phận đầu tiên của con người là yêu Đức Chúa Trời bằng tất cả con người của mình. Như đã được lưu ý: lương lòng nói lên bản chất của tình cảm, linh hồn nói lên bản chất của ý chí, tâm trí thuộc bản chất trí

tuệ và sức mạnh thuộc bản chất thần thể.

22:39,40 Sau đó Chúa Jêsus nói thêm rằng trách nhiệm thứ hai của con người là phải yêu kẻ lân cận mình như mình. Barnes nói: "Tình yêu đối với Chúa và con người bao quát toàn bộ niềm tin: Ý định của Môisê, các nhà tiên tri, Chúa Cứu Thế và các sứ đồ là để sinh ra điều đó." Chúng ta phải thường xuyên suy gẫm câu này: "Hãy yêu kẻ lân cận như mình." Chúng ta hãy suy nghĩ xem mình yêu chính mình nhiều biết chừng nào. Sinh hoạt của chúng ta đặt trọng tâm xoay quanh sự chăm sóc và lo cho bản thân nhiều biết bao. Sau đó chúng ta hãy thử hình dung sự việc sẽ như thế nào nếu chúng ta luôn đổ tình yêu ấy trên những người lân cận mình. Và rồi hãy làm điều đó. Cách cư xử như vậy không tự nhiên; mà là siêu nhiên. Chỉ có những người đã sanh lại mới có thể làm được, và chỉ bởi để Đấng Christ làm điều đó qua họ.

I. Con Của Đavít Là Chúa Của Đavít (22:41-46)

22:41,42 Khi người Pharisi vẫn còn đang kinh sợ bởi câu trả lời của Chúa đối với thầy dạy luật, thì Ngài đối diện họ với một vấn đề gây tranh cãi: "Về Đấng Christ, các người nghĩ như thế nào? Ngài là con ai?"

Hầu hết người Pharisi không tin Chúa Jêsus là Đấng Christ; họ vẫn chờ đợi một Đấng Mêsê. Vì vậy Chúa Jêsus không hỏi họ: "Các người nghĩ thế nào về Ta?" (mặc dầu, tất nhiên điều đó có liên quan). Ngài muốn hỏi cách chung chung, Đấng Mêsê là con ai khi Ngài xuất hiện.

Họ đã trả lời đúng rằng Đấng Mêsê thuộc dòng dõi vua Đavít.

22:43,44 Vì vậy Đức Chúa Jêsus trích Thi Thiên 110:1 là nơi Đavít thưa rằng: "Chúa phán cùng tôi: Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi nào Ta để kẻ thù nghịch người dưới chân người." Từ CHÚA thứ nhất chỉ đến Đức Chúa Trời là Cha, và từ thứ hai chỉ đến Đấng Mêsê. Vì vậy Đavít gọi Đấng Mêsê là Chúa mình.

22:45 Bấy giờ Chúa Jêsus nêu lên câu hỏi: "Nhu vậy nếu vua Đavít xưng Ngài là Chúa, thì Ngài làm con vua ấy thế nào?" Câu trả lời là Đấng Mêsê vừa là Chúa của vua Đavít, vừa là Con vua Đavít - vừa là Đức Chúa Trời, vừa là Người. Là Đức Chúa Trời, Ngài là Chúa của Đavít; là Người, Ngài là Con vua Đavít.

Nếu như người Pharisi có lòng mềm mại, thì họ hẳn đã nhận biết rằng Chúa Jêsus chính là Đấng Mêsê - Con vua Đavít qua dòng dõi của Mari, và là Con của Đức Chúa Trời được bày tỏ bởi lời nói, việc làm và cách sống của Ngài.

22:46 Nhưng họ vẫn không chịu hiểu. Hoàn toàn bối rối bởi sự khôn ngoan của Ngài, họ thôi tìm cách lừa Ngài bằng những câu hỏi. Từ rày trở đi họ sẽ dùng một phương kế khác: *Đạo lực*.

M. Cảnh Báo Về Việc Nói Cao Trọng, Sống Hèn Nhẹ (23:1-12)

23:1-4 Trong các câu mở đầu của đoạn này, Chúa Cứu Thế cảnh báo cho dân chúng và các môn đồ Ngài phải để phòng các thầy thông giáo và người Pharisi. Những vị lãnh đạo này

ngồi trên ngai của Môise, hay dạy dỗ Luật pháp của Môise. Nói chung, sự dạy dỗ của họ là đáng tin cậy, nhưng cách ăn ở của họ thì không đáng tin. Tin ngưỡng của họ tốt hơn là cách sống của họ. Đó là một trường hợp điển hình của việc nói cao trọng mà sống hèn hạ. Vì vậy Chúa Jêsus đã phán rằng: "... hãy làm và giữ theo mọi điều họ đã bảo các ngươi; nhưng đừng bắt chước việc làm của họ, vì họ nói mà không làm."

Họ đặt những đòi hỏi nặng nề (có thể là những cách giải thích cực đoan về văn tự của luật pháp) trên dân chúng, chứ không giúp đỡ bất cứ ai bỏ bỏ những gánh nặng không thể chịu nổi này.

23:5 Họ hoàn thành các nghi thức tôn giáo cốt để con người thấy, chứ không phải bởi sự chân thành bên trong. Việc họ dùng các thẻ bài da là một điển hình. Khi truyền cho Ysraên phải buộc Lời Chúa như một dấu ở trên tay và như một dải băng trên trán ở giữa hai mắt họ (Xuất Êđíphtô Ký 13:9, 16; Phục Truyền 6:8 - 11:18), Đức Chúa Trời hàm ý luật pháp phải giữ luôn ở trước mặt họ, chỉ dẫn các sinh hoạt của họ. Họ thu gọn mạng lệnh thuộc linh này thành ý nghĩa văn tự, thuộc thể. Sau khi bỏ các phần Kinh Thánh vào chiếc túi nhỏ bằng da, họ buộc chúng trên trán hoặc trên tay. Họ không quan tâm đến việc vâng giữ luật pháp trên là, bằng cách đeo nhưng chiếc thẻ bài da ở một cách lộ bịch, họ xuất hiện như những con người siêu thuộc linh. Luật pháp cũng truyền cho người Do thái

phải mang những cái tua màu đỏ trên các chéo áo của mình (Dân Số 15:37-41; Phục Truyền 22:12). Những vật trang sức nổi bật này có ý định nhắc nhở rằng họ là một dân biệt riêng, và họ phải bước đi phân biệt với các dân tộc. Người Pharisi đã bỏ qua bài học thuộc linh này và tự thỏa mãn bằng cách làm những tua áo dài hơn.

23:6-8 Họ phổ bày làm quan trọng của bản thân bằng cách tranh giành những chỗ tôn trọng **lại các đăm tiệc và trong nhà hội**. Họ muốn người ta chào mình giữa chợ, và đặc biệt thích được gọi bằng **thầy** (có nghĩa là "đấng bề trên của tôi" hoặc là "giáo sư")

23:9,10 Ở đây, Chúa cảnh báo các môn đồ của Ngài coi chừng việc sử dụng các danh hiệu riêng biệt chỉ xứng đáng cho Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Chúng ta chớ để người ta gọi mình là thầy như là một danh hiệu riêng biệt bởi vì chỉ có một **Thầy** là **Đấng Christ**. Chúng ta không nên gọi ai là **cha**; vì Đức Chúa Trời là **Cha** chúng ta. Weston đã viết điều này một cách khôn ngoan:

Đây là lời cảnh báo về các mối quan hệ chính của con người với Đức Chúa Trời. Ba điều của thánh một Cơ Đốc Nhân - con người của người ở, điều người ở, và, như: điều người ở làm; người ở, kinh nghiệm, sự thật hành Con người của ba điều cho đến sống thuộc linh-sự sống, lời dạy dỗ, sự che giấu; điều đang là những gì Chúa chúng ta đã tuyên bố qua con chữ của Phao-lô - "Ta là đấng đi, là thật và sự sống ... không như nhân vật của ta

la Cha, bắt không ai có thể ban cho hoặc dạy từ sự sống thuộc Trời không hợp một người nào như là giáo sư và ngài không cho phép ai đem nhậm chức và chỉ dẫn thuộc lòng một liên hệ của bạn với Đức Chúa Trời và với Đấng Christ gần gũi hơn với bất cứ người nào khác.⁴²

Ý nghĩa rõ ràng lời dạy của Chúa chúng ta đó là trong nước thiên đàng, hết thấy người tin Chúa hợp thành một quan hệ anh em bình đẳng, không có chỗ đâu các tước hiệu phân biệt để đặt người này trên người kia. Tuy nhiên, bầy nghĩ đến những tước hiệu rất kêu như là ngài, đức, cha, và rất nhiều các danh hiệu khác. Ngay cả những từ có vẻ như vô hại "Tiến sĩ" [Doctor] có nghĩa là giáo sư trong tiếng Latinh từ cảnh báo này rõ ràng áp dụng cho lãnh vực *thuộc linh*, chứ không phải trong các mối quan hệ tự nhiên, nghề nghiệp hoặc giáo dục. Vì dụ điển này không ngăn con cái gọi Cha mình là "Cha," hay là một bệnh nhân gọi người chữa bệnh cho mình là "Bác sĩ" Về các mối liên hệ thuộc đời này, nguyên tắc là "sợ kẻ mình đáng sợ, kính kẻ mình đáng kính" Rôma 13:7).

23:11-12 Một lần nữa tình chất lạc mạng của nước thiên đàng được hiển qua hiện thực cao trong thất bại hoàn toàn trái với những gì con người tưởng. Chúa Jêsus phân rã: "Song ai lớn hơn hết trong các người, thì sẽ làm đầy tớ các người. Kẻ nào lớn mình lên thì sẽ bị hạ xuống, còn kẻ hạ mình xuống thì sẽ được lớn lên." Sự cao trong thật hạ mình để phục vụ. Những người Pharisai tự tôn

mình lên sẽ bị hạ xuống. Những môn đồ thật hạ mình sẽ được tôn cao vào dùng thời điểm.

N. Những Bất Hạnh đối với Thấy Thông Giáo và Người Pharisai (23:13-38)

Kể đó Đức Chúa Jêsus Christ công bố tâm bất hạnh trên những kẻ giữ đạo giả hình kêu ngao vào thời của Ngài. Đây không phải là những lời "rửa sà," mà là bày tỏ nỗi buồn tiếc cho số phận của họ, điển tả qua cụm từ: "Khốn cho các người!"

23:13 Bất hạnh đầu tiên nhằm thẳng vào tình bướng bỉnh và gây cản trở của họ. Chính họ không chịu vào nước thiên đàng, mà ra sức ngăn trở người khác không vào được. Thật lạ lùng, giới lãnh đạo tôn giáo thường là đối thủ tích cực nhất của tin lành ăn điển. Họ có thể khoan dung dịu ngọt mọi điều, trừ tin lành của sự cứu rỗi. Con người thiên nhiên không muốn là đối tượng của ăn điển Đức Chúa Trời và không muốn Chúa bày tỏ ăn điển cho người khác.

23:14 Điều bất hạnh⁴³ thứ nhì quả trách nhiệm việc họ chiếm đoạt nhà đàn bà góa và che đậy bằng cách làm bộ đạo lời cầu nguyện cho đời. Mớ vớ là giáo này nay cũng dùng thủ thuật tương tự bằng cách khiến các bà góa, đôi khi vì không phân biệt người tin Chúa, ký giao kèo chuyển nhượng tài sản của họ cho "hội thánh." Những kẻ làm ra vẻ mộ đạo sẽ bị đoán phạt nặng hơn.

23:15 Lời buộc tội thứ ba nghịch cùng họ là lòng sốt sắng bị dấp dấp sai lạc. Họ đi những chặng đường dài không thể tưởng tượng được để làm

cho người ta hoán cải nhưng sau khi đã **khuyên** được linh hồn rồi thì họ biến người ấy trở nên gian ác **gấp** hai họ. Điều giống nhau là lòng sốt sắng của các tà giáo ngày nay. Có một nhóm sản sàng gõ 700 cánh cửa để tìm được một người đi theo nguyên lý của họ; nhưng kết quả cuối cùng thật tồi tệ. Như cô người đã nói: "Kẻ cái đạo hơn hết thường trở thành người bại hoại nhất."

23:16-22 Thứ tư, Chúa lên án họ vì tình nguy biến, hay là cố ý lập luận không thành thật. Họ đã dựng lên một hệ thống lý luận giả dối để tránh trả các hứa nguyện. Chẳng hạn, họ dạy rằng nếu bạn chỉ **đến thờ** mà thể thì bạn không phải trả lời thể nguyện đó, nhưng nếu bạn chỉ **vàng của đến thờ** mà thể, thì phải thực hiện lời hứa nguyện. Họ bảo rằng chỉ các lễ vật trên bàn thờ mà thể thì bị ràng buộc, trong khi chỉ bàn thờ trống thủ không bị buộc phải giữ lời thể. Vậy, họ coi trọng vàng hơn Đức Chúa Trời (bàn thờ là nhà của Đức Chúa Trời), và lễ vật trên bàn thờ (của cải thuộc hình thức nào đó) hơn chính bàn thờ. Họ quan tâm đến vật chất hơn tâm linh. Họ quan tâm đến việc nhân (của lễ) hơn là việc cho (bàn thờ là chỗ ban cho).

Khi gọi họ là **kẻ mù dẫn đường**, Chúa Jêsus đã phơi bày lý lẽ nguy biến của họ. Vàng của đến thờ mang giá trị đặc biệt chỉ vì nó được liên kết với nơi ngự của Đức Chúa Trời. Chính bàn thờ đã làm cho lễ vật trên đó có giá trị. Những người tưởng rằng vàng có giá trị nội tại là mù lòa; nó trở nên

giá trị chỉ vì đã được sử dụng cho sự vinh hiển của Chúa. Các lễ vật được dâng lên bởi động cơ xác thịt không có giá trị; chỉ những vật dâng cho Chúa hoặc trong Danh Chúa mới có giá trị đời đời.

Sự thật là bất cứ điều gì nhưng người Pharisi này chỉ mà thể, thì Chúa can dự vào và họ có bốn phạm phải làm trọn lời thể. Con người không thể thoát khỏi những hỗn phạm của mình bởi những lý luận đúng một phần. Thể thì phải làm và hứa thì phải giữ. Cầu viện đến những lý do kỹ thuật để trốn tránh các bổn phận chẳng ích gì.

23:23,24 **Bất hạnh** thứ năm chống lại tình thần ngời thức không thực tế. **Các thầy thông giáo và những người Pharisi** li mi trong việc dâng cho Chúa một phần mười những thứ rau mùi tâm thường nhất mà họ đã trồng. Chúa Jêsus không lên án họ vì sự quan tâm đến những chi tiết nhỏ nhặt trong sự vâng lời này. Nhưng Ngài quở trách nghiêm khắc họ vì hoàn toàn không cân nhắc khi cần phải bày tỏ **sự công bình, thương xót** và sự trung tín đối với người khác. Bằng cách dùng một hình thái tu từ cường điệu để diễn đạt, Chúa Jêsus mô tả họ là **kẻ lọc con ruồi nhỏ** mà nuốt **con lạc đà**. Ruồi là một côn trùng nhỏ thường rơi vào chén rượu ngọt, người ta lọc ra bằng cách hút qua hàm răng. Thắt lọc bịch làm sau khi cần thân như vậy với một con vật lớn thương mà lại nuốt trọn con vật không sạch lờn nhất xứ Palestine! Người Pharisi liết sự quan tâm đến những việc nhỏ nhặt, nhưng lại mù lòa trắng trợn trước những tội-

to lớn như giả hình, không ngay thẳng, độc ác và tham lam. Họ đã đánh mất ý thức về sự cân xứng.

23:25,26 Bất hạnh thứ sáu liên quan đến tinh thần bề ngoài. Người Pharisi, cần thận để giữ vẻ phò trương bề ngoài về tôn giáo và luân lý, lăm lăm lọng lạy đẩy đẩy **sự ăn cướp và sự quá độ**. Trước hết, họ phải **lau sạch** bề trong **chén và mâm**, nghĩa là phải bảo đảm lòng mình đã được thanh tẩy bởi sự ăn năn và đức tin. Khi ấy, và chỉ khi ấy, cách cư xử bề ngoài của họ mới được chấp nhận. Có một sự khác biệt giữa con người của chúng ta và nhân cách của chúng ta. Chúng ta thường nhấn mạnh đến nhân cách là những gì chúng ta muốn người khác nghĩ về mình. Đức Chúa Trời nhấn mạnh đến con người - những gì chúng ta thật sự có. Ngài muốn sự chân thật nơi bề trong (Thi Thiên 51:6).

23:27,28 Bất hạnh thứ bảy cũng nhấn mạnh vào chủ nghĩa bề ngoài. Sự khác biệt ở đây là bất hạnh thứ sáu quá trách nặng nề việc che đậy tình tham lam. Trong khi sự bất hạnh thứ bảy lại lên án việc che đậy **sự giả hình và tội lỗi**.

Mô tả được rõ ràng để người Duthai sẽ không vô ý dụng pháp chúng và vì vậy bị ô uế về mặt nghi thức. Chúa Jesus liên kết các thầy thông giáo và người Pharisi với **mô tả tô trắng bề ngoài**, trông sạch se ở bề ngoài nhưng đẩy đẩy sự bại hoại bên trong. Con người nghĩ rằng tiếp xúc với giới lãnh đạo tôn giáo này sẽ được thánh hóa, song thật ra đó là một kinh nghiệm ô uế bởi vì họ đẩy đẩy sự giả hình và độc ác.

23:29,30 Bất hạnh cuối cùng nghịch cùng những gì mà chúng ta gọi là tôn kính bề ngoài mà giết người bên trong. Các **thầy thông giáo và người Pharisi** giả vờ tôn kính các **đấng tiên tri** trong Cựu Ước bằng cách xây hoặc sửa mộ của họ và đặt các vòng hoa trên các tượng đài của họ. Trong các bài diễn văn hướng niệm, họ nói họ sẽ không hợp tác với các tổ phụ để giết các **đấng tiên tri**.

23:31 Chúa Jesus phản ứng họ rằng: "**Ấy đó, các người tự làm chứng cho mình rằng thật là con cháu những người giết các đấng tiên tri.**" Nhưng làm thế nào mà họ lại làm chứng cho điều đó? Dường như từ câu trước, họ đã không về hùa với các tổ phụ, là người đã giết các đấng tiên tri. Trước hết, họ thú nhận rằng tổ phụ của họ, mà họ là con cái những kẻ ấy về phần xác, đã làm đổ máu các đấng tiên tri. Nhưng Chúa Jesus dùng từ con cháu với hàm ý những người có cùng đặc điểm. Ngài biết đâu họ làm đẹp mô tả các đấng tiên tri, họ vẫn đang ăn mưu trong cái chết của Ngài. Thứ hai, khi phủ bày lòng tôn trọng như vậy đối với các tiên tri đã qua đời, họ muốn nói rằng: "Những tiên tri duy nhất chúng tôi ưa thích là những tiên tri đã chết." Với ý nghĩa đó, họ cũng là con cháu của tổ phụ họ.

23:32 Và rồi Chúa chúng ta nói thêm: "**Vậy thì hãy làm cho đầy đầy cái lương của tổ phụ các người.**" Tổ phụ của họ đã làm đầy một phần chén giết người bằng cách giết các đấng tiên tri. Các thầy thông giáo và những người Pharisi chẳng bao lâu sẽ làm

đầy đến miệng chén bằng việc giết Chúa Jêsus và những người theo Ngài, vì vậy, dân đến đỉnh điểm kinh khiếp những gì tổ phụ họ đã khởi làm.

23:33 Đến đây Đấng Christ của Đức Chúa Trời nói những lời như sấm dõ: "Hỡi loài rắn, đông dõ rắn lục kia, thế nào mà tránh khỏi sự đoán phạt nơi địa ngục được?" Có thể nào Đấng nhập thể yêu thương lại nói ra những lời mỉa mai cay độc như vậy? Phải, bởi vì tình yêu thật cũng phải công chính và thánh khiết. Khai niệm chung về Chúa Jêsus là một nhả cái cách vô hại, không có khả năng cảm xúc nào ngoài yêu thương, là không đúng Kinh Thánh. Tình yêu có thể rất kiên quyết và phải luôn chánh trực.

Điều nghiêm trọng phải nhớ là những lời lên án này nhắm vào giới lãnh đạo tôn giáo, chứ không phải nhắm vào những người say sưa và trụy lạc. Trong một giai đoạn hướng đến sự thống nhất toàn thể đạo Chúa trên thế giới, khi một số các Cơ Đốc Nhân tin lãnh đang gia nhập với các thế lực công khai thù địch với thập tự giá của Đấng Christ. Thật tốt để suy gẫm gương máu này của Chúa Jêsus, và hãy nhớ đến những lời của Giêhu nói cùng Giôsapnát: "Vua há giúp đỡ kẻ hung ác và thương đến kẻ ghen ghét Đức Giêhôva sao?" (II.Sứ ký 19:2).

23:34,35 Chúa Jêsus không những thấy trước sự chết của Ngài, mà còn phán tố tương cho các thầy thông giáo và người Pharisi họ sẽ giết một số các sứ giả Ngài sai đến - các tiên tri, kẻ khôn ngoan, và thầy thông giáo. Một số những người thoát khỏi sự tuấn

đạo sẽ bị đánh đòn trong nhà hội và bị bắt bỏ từ thành này sang thành kia. Như vậy giới lãnh đạo tôn giáo Ysraên sẽ chất trên họ những tội tích lũy của lịch sử tuấn đạo. Hết thầy máu vô tội bị tràn ra trên đất, đổ về các người... từ Abên... cho đến Xachari, việc giết người này được ký luật trong II.Sứ ký 24:20,21 sách cuối cùng theo sự sắp xếp Kinh Thánh Héberơ. (Đây không phải là Xachari, tác giả một sách trong Cựu Ước.)

23:36 Tội lỗi của toàn bộ quá khứ sẽ đổ trên đông dõ này hay dân tộc mà Đấng Christ đang phán với họ, như thế tất cả việc đổ huyết vô tội trước đây bằng cách nào đó tụ hợp lại và lên đến đỉnh điểm qua sự chết của Chúa Cứu Thế vô tội. Đông lữ của sự đoán phạt sẽ đổ ra trên dân tộc đã ghét bỏ Đấng Mêsi mình vô cơ và đã đóng đinh Ngài trên cây thập tự của tội phạm.

O. Chúa Jêsus Trao Khóc Về Thành Giêrusalem (23:37-39)

23:37 Điều hết sức ý nghĩa là đoạn này, chứa đựng những lời bất hạnh của Chúa Jêsus hầu như nhiều hơn bất cứ đoạn nào khác, kết thúc bằng nước mắt của Ngài! Sau những lời lên án cay đắng người Pharisi, Ngài thốt lên tiếng than xót xa cho thành phố đã đánh mất cơ hội. Tên gọi lặp đi lặp lại "Hỡi Giêrusalem, Giêrusalem" đầy cảm xúc không thể diễn đạt nổi. Nó đã giết các đấng tiên tri và ném đá các sứ giả của Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời yêu nó và vẫn nhóm họp các con cái nó về cho Ngài một cách yêu thương bảo vệ - như gà mái

túc con mình - mà chúng nó chẳng khứng.

23:38 Để kết thúc lời than thở của Ngài, Chúa Jêsus phán rằng: "Này, nhà các ngươi sẽ bỏ hoang." Trước hết, nhà ở đây là đền thờ, nhưng có thể cũng gồm cả thành Giêrusalem và chính dân tộc của họ. Sẽ có một khoảng thời gian xen vào giữa sự chết của Ngài và sự trở lại lần thứ hai. Trong thời gian đó, những người Ysraên vô tín sẽ không thấy Ngài (sau khi Ngài sống lại, chỉ có những người tin Chúa mới được thấy Ngài.)

23:39 Câu 39 hướng đến sự Trở Lại Lần Thứ Hai khi một phần những người tin Chúa trong Ysraên sẽ nhận Ngài là Đấng Mêsai - Vua của họ. Sự chấp nhận này tỏ rõ qua câu: "Phước cho Đấng nhưn danh Chúa mà đến."

Không có gợi ý cho rằng những kẻ đã giết Đấng Christ sẽ có cơ hội thứ nhì. Ngài đang nói đến Giêrusalem, vì vậy bởi phép hoán dụ, êm chỉ dân cư Giêrusalem và Ysraên nói chung. Lần tiếp theo dân cư thành Giêrusalem sẽ thấy Ngài sau khi Ngài chịu chết là khi họ nhìn xem Ngài, Đấng họ đã đâm và than khóc về Ngài như một người than khóc con trai một mình (Xachari 12:10). Theo người Do thái, không sự than khóc nào cay đắng cho bằng than khóc con trai một.

XIII. BÀI GIẢNG TRÊN NÚI ÔLIVE CỦA VỊ VUA (đoạn 24,25)

Đoạn 24 và 25 hình thành điều được gọi là Bài Giảng Trên Núi Ôlive, được đặt tên như vậy vì lời công bố quan trọng này được phán tại trên núi Ôlive. Bài giảng này hoàn toàn mang

tinh tiên tri, chỉ đến Con Đai Nạn và sự Trở Lại Lần Thứ Nhì của Chúa, chủ yếu liên quan đến dân Ysraên, dầu không phải chỉ dành riêng cho họ. Nơi xảy ra sự kiện này rõ ràng là xứ Palestine; ví dụ: "ai ở trong xứ Giuđê hãy trốn lên núi" (24:16). Bối cảnh của người Do thái rõ ràng; ví dụ: "Hãy cầu nguyện cho các ngươi khỏi trốn tránh nhằm ngày Sabát" (24:20). Khi nói đến những người được chọn (24:22) phải hiểu là *những người Do Thái được chọn*, chứ không phải hội thánh. Hội thánh không thấy trong các lời tiên tri hoặc các ví dụ của bài giảng này, khi chúng ta tìm cách chứng minh.

A. Chúa Jêsus Báo Trước Sự Tàn Phá Đền Thờ (24:1,2)

Bài Giảng này được giới thiệu bằng một câu quan trọng là Chúa Jêsus ra khỏi đền thờ, đương đi. Sự di chuyển này đặc biệt có ý nghĩa xét đến những gì Ngài vừa phán: "... nhà các ngươi sẽ bỏ hoang" (23:38). Điều này nhắc chúng ta lời mô tả của Êxêchiên về sự vinh hiển đã lìa khỏi đền thờ (Êxêchiên 9:3; 10:4; 11:23).

Các môn đồ muốn Chúa cũng họ chiêm ngưỡng vẻ đẹp kiến trúc của đền thờ. Họ mãi bận tâm với những điều chóng qua thay vì những gì còn lại đời đời, quan tâm đến hình bóng thay vì thực chất. Chúa Jêsus đã hào trước rằng công trình này sẽ hoàn toàn bị phá hủy đến nỗi không còn một hòn đá nào chống lên một hòn đá khác. Titus đã cố gắng cứu lấy đền thờ nhưng không thành, binh lính của ông đã biến nó thành ngọn đuốc, bởi

đó làm ứng nghiệm lời tiên tri của Đấng Christ. Khi lửa làm chảy các vật trang trí bằng vàng, thứ kim loại này tan chảy giữa các kẻ đá. Để lấy được vàng, binh lính phải dịch chuyển từng viên đá một, đúng như Lời Chúa chúng ta đã tiên báo. Sự đoán phạt này đã diễn ra vào năm 70 S.C. khi người Lamã dưới quyền Titus cướp phá thành Giêrusalem.

8. Nền Đáo Của Con Đại Nạn (24:3-14)

24:3 Sau khi Chúa Jêsus đã lên đến núi Ôlive, môn đồ tới riêng cùng Ngài và hỏi Ngài ba câu hỏi:

1. Lúc nào những sự đó sẽ xảy ra; tức là, khi nào thì đến thờ sẽ bị phá hủy?

2. Có điểm gì chỉ về sự Chúa đến; nghĩa là biến cố siêu nhiên nào sẽ đi trước việc Ngài trở lại thế gian để thành lập nước Ngài?

3. Điều gì sẽ là dấu hiệu ngày tận thế; nghĩa là điều gì tuyên bố sự kết thúc của thời kỳ ngay trước khi Ngài trị vì vinh hiển? (Bản chất câu hỏi thứ hai và thứ ba như nhau.)

Chúng ta phải nhớ rằng suy nghĩ của những môn đồ Dothái này xoay quanh giai đoạn vinh hiển của Đấng Mêsi trên đất. Họ không nghĩ đến việc Đấng Christ đến tiếp rước hội thánh, họ hiểu rất ít, nếu như có biết gì về giai đoạn Ngài trở lại. Sự trông đợi của họ là Ngài trở lại trong quyền phép và vinh hiển để tiêu diệt những kẻ thù nghịch và cai trị thế gian.

Chúng ta cũng phải hiểu rõ rằng họ không nói đến sự chung kết *thế giới* (như trong bản KJV) mà là sự kết thúc của thời kỳ này (*tiếng Hy Lạp, uion*).

Câu hỏi thứ nhất của họ không được trả lời một cách trực tiếp. Mà thay vào đó, Chúa Cứu Thế dường như muốn nối kết cuộc vây hãm thành Giêrusalem vào năm 70 S.C. (xem Luca 21:20-24) với một cuộc vây hãm tương tự sẽ xảy ra vào thời kỳ cuối rốt. Khi nghiên cứu lời tiên tri, chúng ta thường thấy Chúa đi một cách nhẹ nhàng hầu như không cảm nhận được từ sự ứng nghiệm ban đầu, một phần, đến sự ứng nghiệm về sau, cuối cùng.

Các câu hỏi thứ nhì và thứ ba được trả lời qua câu 4-14 của đoạn 24. Những câu này mô tả Con Đại Nạn bảy năm sẽ diễn ra trước khi Đấng Christ trở lại thế gian. Ba năm rưỡi đầu được mô tả từ câu 4-14. Ba năm rưỡi sau, được biết như là Con Đại Nạn và là Kỳ Hoạn Nạn Của Giacóp (Giêrêmi 30:7), sẽ là thời gian hoạn nạn chưa từng có cho những kẻ ở trên đất.

Nhiều điều kiện sống đặc trưng cho nửa đầu của Con Đại Nạn đã tồn tại ở một mức độ suốt lịch sử loài người, nhưng sẽ xuất hiện với hình thức tăng cường dữ dội trong giai đoạn được bàn đến. Những người ở trong hội thánh nhìn thấy triển vọng phải chịu hoạn nạn (Giăng 16:33), những điều này khác xa so với con Đại Nạn sẽ giáng trên một thế giới đã chối bỏ Con Đức Chúa Trời.

Chúng ta tin rằng hội thánh sẽ được cất khỏi thế gian (I.Têsalônica 4:13-18) trước ngày thịnh nộ của Đức Chúa Trời khởi sự (I.Têsalônica 1:10; 5:9; II.Têsalônica 2:1-12; Khải Huyền 3:10).

24:4,5 Trong nửa đầu của Cơ Đai Nạn, nhiều tiên tri giả sẽ xuất hiện, thành công trong việc lừa dối nhiều người. Sự giả tăng nhiều và giả hiện nay có thể là khúc dạo đầu của điều này, nhưng vẫn chưa phải là ứng nghiệm. Những người lãnh đạo các tôn giáo giả này là những người Dothái xưng mình là Đấng Christ.

24:6,7 Sẽ có giặc và tiếng đồn về giặc. Dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia. Để nghĩ rằng chúng ta thấy ngày nay điều này đã được ứng nghiệm, nhưng những gì chúng ta thấy còn nhẹ so với điều sẽ xảy đến. Thật ra, biến cố tiếp theo trong thời khóa biểu của Đức Chúa Trời là Sự Cát Lên của hội thánh (Giăng 14:1-6; 1.Côrinthô 15:51-57). Chưa có lời tiên tri nào được ứng nghiệm trước biến cố này. Sau khi hội thánh đã được cất lên, đồng hồ tiên tri của Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu và các điều kiện này sẽ nhanh chóng bộc lộ ra. Đối kếm, dịch lậ và động đất sẽ xảy đến ở nhiều chỗ trên thế giới. Ngày nay, thậm chí những người lãnh đạo thế giới cũng được cảnh báo bởi bóng ma âm ảnh của nạn đói do sự bùng nổ dân số. Nhưng điều này sẽ được nhấn mạnh bởi những thiếu hụt gây ra do các cuộc chiến tranh.

Những trận động đất đang thu hút sự chú ý ngày càng gia tăng - không chỉ những nơi đang xảy ra động đất mà còn những nơi có thể xảy ra động đất. Một lần nữa, đây chỉ là những cơn cơn trong gió, chứ chưa phải là sự ứng nghiệm thực sự những lời của Chúa Cứu Thế chúng ta.

24:8 Câu 8 nhận diện rõ giai đoạn này chỉ là **đầu sự tai hại** - sự bắt đầu của những cơn đau chuyển dạ là điều sẽ dẫn đến một trật tự mới dưới sự trị vì của Đấng Mési - Vua Ysraên.

24:9,10 Những tin đồn trung tin sẽ chịu sự thử nghiệm cá nhân lớn trong Cơ Đai Nạn. Các dân sẽ tiến hành một chiến dịch thù ghét cay đắng chống lại những con cái thật của Ngài. Không những họ bị xét xử trong các tòa án tôn giáo và dân sự (Mác 13:9), mà nhiều người sẽ tuẫn đạo vì không chịu công khai bỏ Chúa. Mặc dầu những thử nghiệm như vậy diễn ra trong suốt các thời kỳ có lời chứng Cơ Đốc, điều này dường như có mối liên hệ đặc biệt đến 144.000 tin đồ Dothái là người sẽ có chức vụ đặc biệt trong giai đoạn này.

Nhiều người sẽ hội đạo thay vì chịu khổ và chịu chết. Các thành viên trong gia đình sẽ tố cáo bà con mình và nộp họ vào tay những kẻ bắt bớ tàn bạo.

24:11 Nhiều liên tri giả sẽ xuất hiện và đổ dành rất nhiều người. Xin đừng nhầm lẫn những người này với các Mési giả trong câu 5. Các liên tri giả tự xưng là phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời. Họ có thể bị phát hiện bằng hai cách: các lời tiên tri của họ không luôn ứng nghiệm, và những sự dạy dỗ của họ luôn dẫn con người xa lạc khỏi Đức Chúa Trời chân thật. Việc nhắc đến các *tiên tri* giả thêm khẳng định cho tuyên bố của chúng ta rằng kỳ Đại Nạn chủ yếu mang tính chất của người Dothái. Tiên tri giả được liên kết với dân tộc Ysraên;

trong hội thánh sự nguy hiểm đến từ các *giáo sư* giả (L.Phierơ 2:1).

24:12 Khi gian ác lan tràn, tình yêu thương loài người chắc chắn sẽ ngày càng giảm bớt. Những hành động thiếu yêu thương sẽ phổ biến.

24:13 "Nhưng kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu." Điều này rõ ràng không hàm ý linh hồn con người sẽ được cứu bởi sự bền lòng của họ trong thời đó; sự cứu tối luôn được trình bày trong Kinh Thánh như một món quà của ân điển Đức Chúa Trời, nhận được bởi đức tin qua sự chết thay và sự sống lại của Đấng Christ. Điều này cũng không hàm ý rằng tất cả những ai bền lòng sẽ thoát khỏi sự tổn hại thuộc thế; chúng ta đã biết rằng nhiều Cơ Đốc Nhân sẽ phải tuận đạo (c.9). Đây là một tuyên bố chung nói rằng những người bền lòng, chịu đựng bất cứ mà không bội đạo, sẽ được giải thoát khi Đấng Christ Trở lại Lần Thứ Nhì. Không ai hình dung rằng mộ đạo là một phương tiện trốn tránh cho được an toàn. Chỉ những kẻ có đức tin thật thì mới được cứu. Mặc dầu đức tin cứu rồi có thể có lúc suy yếu, nó luôn có phẩm chất đời đời.

24:14 Trong giai đoạn này, *tin lành về nước Đức Chúa Trời* sẽ được công bố khắp thế giới, để làm chứng cho muôn dân. Như được giải thích ở phần chú thích của câu 4:23, tin lành về nước Đức Chúa Trời là tin vui mừng về Đấng Christ hầu đến để thành lập nước Ngài trên đất, và rằng những người đã lấy đức tin mà nhận Ngài trong Cơ Đại Nạn sẽ hưởng được các phúc hạnh của sự trị vì Một Ngàn Năm của Ngài.

Câu 14 thường bị lạm dụng để chứng minh rằng Đấng Christ không thể trở lại để tiếp rước hội thánh vào bất cứ thời điểm nào, bởi vì còn quá nhiều bộ tộc chưa được nghe tin lành. Sự khó khăn này đã được bỏ qua khi chúng ta nhận ra rằng điều này ám chỉ đến việc Ngài trở lại với các thánh đồ, chứ không phải để tiếp rước các thánh đồ của Ngài. Điều này chỉ về tin lành về nước Đức Chúa Trời, chứ không phải tin lành về *ân điển Đức Chúa Trời* (xem ghi chú của 4:23).

Có một sự so sánh thật ấn tượng giữa các sự kiện được liệt kê trong các câu 3-14 với những câu trong Khải Huyền 6:1-11. Người cỡi con ngựa *bạch* - Mèsi giả. Người cỡi con ngựa *hồng* - chiến tranh, người cỡi con ngựa *ô* - đói kém; người cỡi con ngựa *vàng* - dịch lệ hay sự chết. Các linh hồn ở dưới bàn thờ là những người tuận đạo. Những sự kiện được mô tả trong Khải Huyền 6:12-17 được liên kết với những câu trong Mathiơ 24:19-31.

C. Cơ Đại Nạn (24:15-28)

24:15 Vào thời điểm này chúng ta đã đến giữa Kỳ Đại Nạn. Chúng ta biết điều này bởi so sánh câu 15 với Daniên 9:27. Daniên báo trước rằng giữa tuần lễ thứ bảy mươi, tức là cuối ba năm rưỡi, một hình tượng sẽ được dựng lên trong nơi thánh, tức là đền thờ ở tại Giêrusalem. Mọi người được truyền lệnh phả thờ phượng hình tượng gốm ghêếc này. Không tuân lệnh, có thể bị tử hình (Khải Huyền 13:15).

"Khi các người sẽ thấy sự gốm ghêếc lan nạt lập ra trong nơi thánh

mà Đấng tiên tri Daniên đã nói" (ai đọc phải hiểu rõ) ... Việc dựng hình tượng này sẽ là dấu hiệu cho những người biết Lời Đức Chúa Trời rằng Con Đai Nạn đã bắt đầu. Lưu ý Chúa muốn những người đọc lời tiên tri này phải hiểu rõ.

24:16 Ai ở trong xứ Giuđê hãy trốn lên núi; ở gần Giêrusalem, việc bỏ khước từ quý lạ hình tượng có thể tránh chóng bị phát hiện.

24:17-19 Gấp rút tới đa là điều cần thiết. Nếu đang ở trên mái nhà, người ấy phải bỏ lại tất cả tài sản của mình. Thì giờ bỏ ra góp góp đồ đạc hàm ý sự khác biệt giữa sống và chết. Người đang làm việc ngoài ruộng, không nên trở về để lấy áo mình, dấu đang ở đâu, cùng hãy bỏ chúng lại. Những người dốt bà đang có thai và những bà mẹ đang cho con bú, sẽ ở trong tình huống bất lợi nhất - họ khó mà trốn thoát nhanh chóng.

24:20 Người tin Chúa phải sẵn nguyện để con khủng hoảng đứng xảy ra vào mùa đông với những cản trở thêm vào cuộc hành trình, và cũng đứng xảy ra vào ngày Sabát, khi mà khoảng cách họ có thể đi được bị giới hạn bởi luật pháp (Khuyết 16:29). Một cuộc hành trình trong ngày Sabát không đủ để đưa họ thoát khỏi khu vực nguy hiểm.

24:21 "Vì lúc ấy sẽ có hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa." Lời mô tả này đã phân cách giai đoạn này với tất cả những cuộc xét xử, những cuộc tàn sát, thanh lọc, thảm sát, và diệt chủng trong lịch sử. Lời tiên tri

này không thể được ứng nghiệm bởi những cuộc bắt bớ trước đây, bởi vì nó tuyên bố rõ ràng sẽ được kết thúc bởi Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai Của Đấng Christ.

24:22 Hoạn nạn sẽ dữ dội đến nỗi nếu những ngày ấy không giảm bớt, thì không ai sống sót. Điều này không thể bàn ý rằng Con Đai Nạn, thường nói cụ thể là kéo dài ba năm rưỡi, sẽ được cắt ngắn bớt. Điều này có lẽ hàm ý rằng Chúa sẽ bởi phép lạ rút ngắn các giờ trong ban ngày - trong thời điểm đó, hầu hết các cuộc giết chóc và chiến đấu diễn ra. Vì có những người được chọn (những người đã tiếp nhận Chúa Jêsus), Chúa sẽ ngưng sự tối tăm sớm hơn.

24:23-26 Câu 23 và 24 chứa đựng những lời cảnh báo được nhắc lại nghịch cùng những Mêsai giả và các liên tri giả. Trong bầu không khí khủng hoảng, những lời đồn đại sẽ lan đi cho rằng Đấng Mêsai đang ở trong một nơi bí mật nào đó. Những lời đồn như vậy có thể được dùng để bầy những kẻ thật thà và khao khát trông đợi Đấng Christ. Vì vậy, Chúa cảnh báo tất cả các môn đồ chớ tin những lời đồn về việc Ngài đến mang tinh địa phương hoặc bí mật. Ngay cả những người đã làm các phép lạ cũng không nhất thiết đến từ Chúa; phép lạ có thể bắt nguồn từ Satan. Con người Tội ác sẽ được ban cho quyền phép của Satan để làm các phép lạ (II. Têsalônica 2:9, 10).

24:27 Việc Chúa trở lại sẽ xảy ra không thể nhầm lẫn được - sẽ thịnh linh, công khai, toàn cầu và vĩnh viễn. Giống như ánh chớp, nó sẽ đến ngay

lập tức và được mọi người trông thấy rõ.

24:28 Không sự bại hoại luân lý nào thoát khỏi cơn thanh nộ và sự đoán phạt của nó. "Nơi nào có xác chết, (h)ì những chim ó sẽ nhóm tại đó." Xác chết mô tả Do Thái giáo, Cơ Đốc Giáo Giới hội đạo và toàn thể hệ thống thế giới liên hiệp lại nghịch cùng Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài. Chim ó hay kên kên tượng trưng cho những sự đoán phạt của Chúa sẽ được đổ xuống với sự hiện ra của Đấng Mesi.

D. Sự Hiện Ra Lần Thứ Nhì (24:29-31)

24:29 Vào cuối Cơn Đại Nạn sẽ có sự lộn tào khủng khiếp trên trời. **Mặt trời liến tảo tảm**, và bởi vì ánh sáng mặt trăng chỉ là ánh sáng phản chiếu của mặt trời, **mặt trăng** cũng không sáng. Các ngôi sao sẽ từ trời sa xuống và các hành tinh sẽ ra khỏi quỹ đạo của chúng. Không cần nói, những biến động lớn lao đột ngột như vậy của vũ trụ sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, thủy triều và các mùa màng trên đất.

Một ý tưởng mờ nhạt về diễn tiến các sự việc sẽ thế nào được nêu qua lời trình bày của Velikovsky những gì sẽ xảy ra nếu một thiên thể đến gần trái đất, khiến trái đất bị nghiêng lệch trên trục nó:

Vào thời điểm đó, một trận động đất làm cho trái đất rung động. Không khí và nước sẽ tiếp tục di chuyển như quán tính: các trận bão lớn sẽ quét qua trái đất, các biển sẽ tràn vào các lục địa, mang theo sỏi, cát, các sinh vật biển và nếu chúng vào đất liền. Sấm nóng sẽ rền rền, đá tan chảy, núi lửa bộc phát, dung

*nhham sẽ chảy từ các đường nứt trong đất đã bị rạn, bao phủ các khu vực rộng lớn. Các núi trôi lên từ đồng bằng và dịch chuyển gồ lên những núi khác, gây ra những đường đứt đoạn và rạn nứt. Các hồ bị nghiêng và khô cạn, sông sẽ đổi dòng; những khu vực đất đai rộng lớn cũng sẽ hết thủy sản cư sẽ trôi tuột xuống biển. Rừng bốc cháy và bão tốc cùng với biển dữ giạt chúng ra khỏi đất nơi chúng mọc lên và chúng chết chúng, cành và rễ, thành những đồng lùn. Biển sẽ biến thành sa mạc, mặt trời đi mất.*⁴⁵

24:30 "Khi ấy, **điểm Con Người** sẽ hiện ra ở trên trời." Chúng ta không biết **điểm** này là gì. Sự Đến Lần Thứ Nhất của Ngài được kèm theo bởi một **điểm** trên trời - đó là một ngôi sao. Có lẽ một ngôi sao lạ cũng sẽ thông báo Sự Đến Lần Thứ Nhì của Ngài. Một số người tin rằng **Con Người** chính là **điểm** ấy. Dẫu là ý nghĩa nào, **điểm** này cũng sẽ rõ rệt cho tất cả mọi người khi nó xuất hiện. **Mọi dân tộc dưới đất sẽ đấm ngực**, chác chác bởi vì họ đã chối bỏ Ngài. Nhưng chủ yếu là các dân tộc của *xứ này*⁴⁶ sẽ than khóc - đó là mười hai chi phái Ysrahên. "... chúng nó sẽ nhìn xem Ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì cỡ con đầu lòng" (Xachari 12:10).

Rồi thì "và thấy **Con Người** lấy đại quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống." Thật là một giây phút tuyệt vời! Đấng đã từng bị nhỏ trên mặt và bị đóng đinh sẽ được minh chứng là

Chúa của sự sống và Chúa vinh hiển. Chúa Jêsus khiêm nhường và hạ mình sẽ hiện ra như chính Đức Giêhôva. Chiên Con đã hy sinh sẽ ngự xuống như Sư Tử chiến thắng. Người thợ mộc bị xem thường ở tại Naxarét sẽ đến với tư cách Vua của các vua, và Chúa của các chúa. Xe của Ngài chính là mây trời. Ngài sẽ đến trong quyền phép và sự đường bệ của nhà vua - giây phút mà tạo vật đã than thở suốt hàng ngàn năm vì mong đợi.

24:31 Khi Ngài ngự xuống, Ngài sẽ sai thiên sứ mình khắp trên đất nhóm lại những kẻ đã được lựa chọn của Ngài, là người Ysraên tin Chúa, trong xứ Palestine. Từ khắp đất họ sẽ nhóm lại để chào mừng Đấng Mêsi và hưởng sự trị vì vinh hiển của Ngài.

E. VI DỤ VỀ CÂY VÀ (24:32-35)

24:32 "Hãy nghe lời ví dụ về cây vả." Một lần nữa, Chúa chúng ta rút ra bài học thuộc linh từ thiên nhiên. Khi cây vả có nhánh non, là **mới đâm** thì các người biết mùa hạ gần tới. Chúng ta hiểu rằng cây vả lượng trưng cho dân tộc Ysraên (21:18-22). Suốt hàng trăm năm, Ysraên vẫn ngủ yên, không có chính phủ riêng, không có đất đai, không đến thờ, không chức tể lễ - không có dấu hiệu sự sống của dân tộc. Dân tộc họ đã bị tan tạc khắp thế giới.

Thế rồi vào năm 1948, Ysraên trở thành một dân có đất riêng, có chính quyền, hệ thống tiền tệ, các con dấu riêng, v.v.... Về mặt thuộc linh, dân tộc này vẫn còn son sẻ và chưa có sự sống; chưa có kết quả cho Chúa; nhưng về mặt dân tộc, chúng ta có thể nói rằng nó đã có những nhánh non và lá mới đâm.

24:33 "Cũng vậy, khi các người thấy mọi điều ấy, khá biết rằng Con Người gần đến, Ngài đương ở trước cửa." Sự xuất hiện của Ysraên với tư cách một dân tộc không chỉ có nghĩa là sự bắt đầu của Cơ Đại Nạn đã gần, mà chính mình Chúa đã gần, đang đứng trước cửa!

Nếu việc Đấng Christ trở lại trị vì gần như vậy, thì sự Cất Lên của hội thánh còn gần hơn biết chừng nào? Nếu chúng ta đã nhìn thấy hình bóng của những sự kiện phải đi trước sự hiện ra vinh hiển của Ngài rồi thì chúng ta càng gần hơn đối với giai đoạn thứ nhất trong *Parousia*, hay Sự Hiện Đến của Ngài (1. Têsalônica 4:13-18) biết chừng nào?

24:34 Sau khi nhắc đến cây vả, Chúa Jêsus phân thêm: "Quả thật, Ta nói cùng các người, đòng dôi này chẳng qua trước khi mọi điều kia chưa xảy đến" "Đòng dôi này" không thể ám chỉ những người sống khi Chúa Jêsus còn ở trên đất; họ đều đã qua đời, tuy nhiên các biến cố trong chương 24 này vẫn chưa xảy ra. Vậy thì Chúa chúng ta hàm ý gì khi nói "đòng dôi này"? Có hai cách giải thích khả thi.

F. W. Grant và những người khác tin ý tưởng này có nghĩa là: "chính đòng dôi đã nhìn thấy sự bắt đầu của những điều này sẽ thấy sự kết thúc."⁴⁷ Cũng chính những người này thấy sự nổi lên của Ysraên với tư cách dân tộc (hoặc những người thấy sự bắt đầu của Cơ Đại Nạn), sẽ thấy Chúa Jêsus trở lại trị vì từ trên mây trời.

Một cách giải thích khác nữa đó là "đòng dôi" phải được hiểu là *chứng*

tộc. Đây là một cách dịch thích đáng của từ Hy Lạp này; có nghĩa là những người cùng dòng giống, huyết thống, hoặc gia đình (Mathiơ 12:45; 23:35,36). Vì vậy Chúa Giêsu muốn báo trước rằng chúng tộc Dothái sẽ tồn tại để nhìn thấy tất cả những điều này được ứng nghiệm. Sự sống còn của họ, bất chấp cơn bách hại tàn bạo, là một phép lạ của lịch sử.

Nhưng tôi nghi có một ý tưởng hổ sung. Vào thời Chúa Giêsu, "dòng dõi này" là một dân tộc luôn từ chối công nhận Ngài là Đấng Mêsê. Tôi nghĩ Ngài muốn báo trước rằng dân tộc Ysraên sẽ tiếp tục trong tình trạng chối bỏ Đấng Christ cho đến khi Ngài Trở Lại Lần Thứ Nhì. Và rồi toàn bộ sự nổi loạn này sẽ bị bẻ gãy, và chỉ những kẻ sẵn sàng thuận phục sự cai trị của Ngài sẽ được giữ gìn để bước vào giai đoạn Một Ngàn Năm.

24:35 Để nhấn mạnh tính chất không qua đi của những lời tiên báo Ngài, Chúa Giêsu nói thêm rằng trời và đất sẽ qua đi, nhưng lời Ngài sẽ không hề qua đâu. Khi nói đến trời sẽ qua đi, Ngài muốn nói đến bầu trời có các tinh tú và bầu khí quyển - bầu trời xanh ở bên trên chúng ta - chứ không phải trời là nơi ngự của Đức Chúa Trời (H.Côrinthô 12:2-4). Sự giải thể của trời và đất được mô tả trong 11.Phêrơ 3:10-13 và được nhắc đến một lần nữa trong Khải Huyền 20:11.

F. Ngày Và Giờ Không Ai Biết (24:36-44)

24:36 Về ngày và giờ chính xác sự Trở Lại Lần Thứ Hai Của Ngài, "chẳng có ai biết chỉ cả, thiên sử trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một

minh Cha biết mà thôi." Điều này cảnh báo căm dỗ ấn định ngày tháng hoặc tên nơi những người làm điều đó. Chúng ta không ngạc nhiên vì các thiên sử không biết; họ là các tạo vật hữu hạn có sự hiểu biết bị hạn chế.

Mặc dầu những người sống trước khi Chúa trở lại, không biết ngày hoặc giờ, dường như những người quen với lời tiên tri này có thể biết được năm. Chẳng hạn họ biết rằng nó sẽ xảy đến khoảng ba năm rưỡi sau khi hình tượng bị đặt trong đền thờ (Đaniên 9:27; cũng xem Đaniên 7:25; 12:7; 11; Khải Huyền 11:2,3; 12:14; 13:5).

24:37-39 Tuy nhiên, trong những ngày đó, hầu hết mọi người đều hờ hững, cũng như trong thời Nôê. Mặc dầu thời kỳ trước nước lụt là thời kỳ gian ác khủng khiếp, đó không phải là yếu tố được nhấn mạnh ở đây. Người ta ăn, uống, cưới, gả; nói cách khác, họ trải qua những thông lệ của đời sống như thế sẽ sống mãi mãi. Mặc dầu được cảnh báo rằng nước lụt sẽ đến, họ sống như thể chẳng được nước lụt. Khi nó đến, họ không được chuẩn bị, bị bỏ bên ngoài nơi an toàn duy nhất. Đó chính xác là cách sẽ tái diễn khi Đấng Christ trở lại. Chỉ những kẻ ở trong Đấng Christ, con tàu của sự an toàn, mới được giải thoát.

24:40,41 Hai người nam ở trong một đồng ruộng, một người bị đem đi để chịu phân xét; người kia được để lại để bước vào giai đoạn Một Ngàn Năm. Hai người nữ đang xay cối, lập tức bị phân rẽ. Một người sẽ bị đùa đi bởi nước lụt của sự đoán phạt, người kia được để lại để hưởng các phúc

hạnh sự trị vì của Đấng Christ. (c.40 và 41 thường được dùng như lời cảnh báo cho người chưa được cứu, liên hệ đến việc Hội Thánh được Cất Lên - giai đoạn thứ nhất trong sự Trở lại của Đấng Christ khi Ngài đưa tất cả những người tin Chúa về trời và để tất cả những người chưa tin Chúa ở lại để chịu đoán phạt. Mặc dầu đây có thể là sự ứng dụng lành mạnh của khúc Kinh Thánh này, bối cảnh nói rõ ràng cách điển giải ấy có liên quan đến việc Đấng Christ đến trị vì.)

24:42-44 Xét về tính không chắc chắn của ngày và giờ, con người phải thức canh. Nếu kẻ nào biết nhà mình sẽ bị trộm xâm nhập, thì phải sẵn sàng, dầu không biết chính xác thời điểm. Con Người sẽ đến khi quân chúng It trông đợi nhất. Vì vậy dân sự Ngài phải ở trong sự sốt sắng trông đợi.

J. Ngụ Ngạo Và Người Đầy Tở Khôn Ngoan Và Đầy Tở Gian Ác (24:45-51)

24:45-47 Trong phần kết thúc của đoạn này, Chúa Jêsus cho thấy người tội lỗi bày tỏ tâm tánh thật của mình qua cách hành xử trước sự kiện Chúa mình trở lại. Mọi tội tử đều có bốn phạm cho người nhà ăn vào đúng giờ. Nhưng không phải tất cả những người xưng mình là tôi tớ của Đấng Christ đều chân thành.

Đầy tớ khôn ngoan là người làm cách chăm lo cho dân sự Chúa. Một người như vậy sẽ được thưởng bằng cách được giao cho những trách nhiệm lớn trong nước Chúa. **Chủ sẽ đạị kẻ ấy coi sóc cả gia tài mình.**

24:48-51 **Đầy tớ xấu** tương trưng cho người tin hữu hữu danh vô thực

có cách cư xử không bị ảnh hưởng bởi triển vọng Chúa sẽ sớm trở về. Người ấy **đánh kẻ cùng làm việc với mình, và ăn uống với phường say rượu.** Hành vi ấy chứng tỏ người ấy không sẵn sàng cho nước Chúa. Khi Vua đến, Ngài sẽ phạt hẳn và **định phần nó đồng với kẻ giả hình,** là nơi người ta khóc lóc và nghiền răng.

Vi dụ này chỉ đến sự trở lại hiển hiện của Đấng Christ tại đất với tư cách Đấng Mêsai - nhà Vua. Nhưng nguyên tắc này cũng áp dụng cho việc Hội Thánh được Cất Lên. Nhiều người xưng mình là Cơ Đốc Nhân lại bộc lộ sự thù địch của họ đối với dân Chúa và kết bạn với những kẻ gian ác chứng tỏ họ không trông đợi sự Trở Lại Của Đấng Christ. Đối với họ, điều này là sự đoán phạt chứ không phải phước hạnh.

H. Vi dụ Về Mười Người Nữ Đổng Trinh (25:1-13)

25:1-5 Những chữ đầu tiên, khi ấy, liên hệ trở lại đoạn 24, rõ ràng đặt vi dụ này trong thời gian trước và trong khi Vua trở lại thế gian. Chúa Jêsus ví sánh nước thiên đàng vào lúc ấy với **Mười Người Nữ Đổng Trinh** kia **cắm đèn đi rước chàng rể.** Trong đó, **có năm người khôn có dầu trong đèn mình; năm người kia thì không; trong khi chờ đợi, tất cả đều ngủ gục.**

Năm người nữ đồng trinh khôn tương trưng cho các môn đồ thật của Đấng Christ trong Cơ Đại Nạn. **Đèn** nói lên sự xưng nhận, còn **dầu** thường được hiểu là một biểu tượng của Đức Thánh Linh. Những người nữ đồng trinh **đại** tượng trưng cho những kẻ

xưng là giữ sự trông cậy nơi Đấng Mêsi nhưng không bao giờ được hoàn cải và vì vậy không có Đức Thánh Linh. **Chàng rể** là Đấng Christ, vị Vua: sự trễ hoãn của Ngài tượng trưng cho thời kỳ giữa hai sự Hiện Đến của Ngài. Sự kiện cả mười người nữ đồng trinh **đều ngủ gục** cho thấy bề ngoài họ không phân biệt nhau lắm.

25:6 Vào nửa đêm, một lời công bố báo hiệu rằng **chàng rể đã đến**. Ở đoạn trước chúng ta biết rằng việc Ngài đến sẽ được báo trước bằng những điềm đáng sợ.

25:7-9 Các nữ đồng trinh bèn thức dậy cả, sửa soạn đèn mình - tất cả đều muốn tỏ ra sẵn sàng. Những người nữ dại, vì không có dầu, đã hỏi xin người khác một chút, nhưng đã được bảo phải đi mua. Sự từ chối của những người nữ đồng trinh khôn ngoan có vẻ như ích kỷ, nhưng trong lãnh vực thuộc linh, không ai có thể phân phát Thánh Linh cho người khác. Tất nhiên, Đức Thánh Linh không thể mua được, nhưng Kinh Thánh sử dụng lối vật chương hình bóng của việc mua lấy sự cứu rỗi mà không cần tiền và không đòi giá.

25:10-12 Song trong khi họ đang đi mua, thì chàng rể đến. Bản Syriac và bản Vulgate nói rằng Ngài đến *cùng với cô dâu*. Điều này thích hợp trọn vẹn với hình ảnh của lời tiên tri. Chúa Jêsus sẽ trở lại từ đám cưới cùng với cô dâu Ngài, là hội thánh [1. Têsalônica 3:10-13]. [Đám cưới diễn ra trên thiên đàng [Êphêso 5:27] sau khi hội thánh Được cất lên.] Dân sót trung tín gồm những thành đồ

trong Cơ Đại Nạn sẽ cùng đi với Ngài đến dự tiệc cưới. Tiệc cưới là tên gọi thích hợp của niềm vui và phước hạnh của Nước Đấng Christ trên đất. Những người nữ khôn ngoan thì đi với người cùng vào tiệc cưới, (hay đám cưới, JND); và cửa đóng lại. Đã quá trễ cho bất cứ người nào khác bước vào nước trời. Khi những người nữ đồng trinh khác cũng đến để tìm cách xin vào, thì chàng rể đã chối không biết họ - một bằng chứng rõ ràng họ chưa hề được sinh lại.

25:13 Chúa Jêsus phản bài học ở đây là phải **thức canh**, bởi vì chúng ta không biết ngày cũng không biết giờ nào Ngài trở lại. Người tin Chúa phải sống như thể Chúa có thể đến bất cứ lúc nào. Đèn của bạn có được sửa soạn và đổ đầy dầu chưa?

I. Ví Dụ Về Các Ta Lãng (25:14-30)

25:14-18 Ví dụ này cũng dạy rằng khi Chúa trở lại, sẽ có những tôi tớ thật và tôi tớ giả. Câu chuyện liên quan đến một người kia, trước khi thực hiện một chuyến đi dài, đã gọi các tôi tớ mình đến và giao cho mỗi người những lượng tiền khác nhau, tùy theo tài mỗi người. Người này năm ta lạng, người kia hai, người cuối một. Họ được dùng số tiền này để làm lợi cho chủ. Người có năm ta lạng đã làm lợi được năm ta lạng nữa. Người có hai ta lạng cũng làm lợi được hai ta lạng. Song người nhận một ta lạng thì đi đào lỗ dưới đất mà giấu tiền của chủ.

Không khó để hiểu rằng Đấng Christ chính là người chủ và chuyến đi dài là thời kỳ xen giữa hai lần đến.

Ba tôi từ đầu là người Ysraên sống trong Cơ Đại Nạn, có trách nhiệm phải nộp lại những tiền lời của người Chủ vắng mặt. Họ được giao cho trách nhiệm tùy theo khả năng riêng của mình.

25:19-23 Cách lâu ngày, chủ của những đống tiền ấy trở về khiến họ linh số. Câu này mô tả Sự Đến Lấn Thứ Hai. Hai người đầu nhận được chính xác cùng một lời khen ngợi: "**Hỡi đống tiền ngay lành trung tín kia, được lắm; người đã trung tín trong việc nhỏ; Ta sẽ lập người coi sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui mừng của Chúa người.**" Thứ nghiệm dành cho sự phục vụ của họ không phải là họ kiếm được nhiều bao nhiêu, nhưng họ đã cố gắng chăm chỉ đến đâu. Mỗi người đã dùng trọn khả năng của mình và đã làm lợi được một trăm phần trăm. Điều này tượng trưng cho các Cơ Đốc Nhân thật, là những người mà phần thưởng của họ là hưởng các phước hạnh trong nước của Đấng Mêsi.

25:24,25 Người đống tiền thứ ba chẳng có gì ngoài những lời xúc phạm và đổ lỗi cho chủ mình. Anh tố cáo chủ là nghiêm nhặt và vô lý, **gặt trong chỗ mình không gieo, lượm lặt trong chỗ mình không rải ra.** Anh bào chữa cho chính mình trên cơ sở rằng bị tể liệt bởi nỗi sợ hãi, anh đã chôn **ta** lãng của mình. Người đống tiền này chắc hẳn không tin Chúa. Không người đống tiền chân thật nào lại ấp ủ những ý tưởng như vậy về chủ mình.

25:26,27 Chủ đã quả trách anh là **dữ và biếng nhác.** Có lối nghĩ như thế về chủ mình, vì sao anh ta không đưa

bạc của mình lại cho người buôn bạc để kiếm lời? Dĩ nhiên trong câu 26, chủ không đồng ý với những lời buộc tội chống lại mình. Thay vào đó chủ muốn nói: "**Nếu ta là loại chủ như người nghĩ, thì lại càng có lý do để lấy ta lãng đó mà làm lợi. Lời của người đã lên án người chủ không bao chữa cho người.**"

25:28,29 Nếu người này kiếm được một ta lãng nhờ ta lãng của mình, hẳn sẽ nhận được cùng một lời khen ngợi như hai người kia. Thay vào đó, (tất cả những gì anh phải chứng minh cho đời sống của mình là một cái lỗ ở trong đất) **Ta lãng của anh đã bị lấy lại để cho kẻ có mười ta lãng.** Điều này tuân theo một điều cố định trong lãnh vực thuộc linh: "**Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ dư dật, nhưng kẻ nào không có, thì cũng cỗi lùn điểu họ đã có nữa.**" Những người ao ước được Chúa sử dụng cho sự vinh hiển của Ngài thì sẽ được ban cho phước tiện. Càng làm việc, họ càng được ban sức để hầu việc Ngài. Trái lại, chúng ta đánh mất điều mình không dùng. Sự tiêu môn là phần thưởng cho tính lười biếng.

Việc đề cập đến người **buôn bạc** trong câu 27 cho thấy nếu chúng ta không thể dùng các tài sản của mình cho Chúa, chúng ta phải giao chúng cho người khác là người biết sử dụng. Người buôn bạc trong trường hợp này có thể là các nhà truyền giáo, các hiệp hội in ấn Kinh Thánh, các nhà xuất bản Cơ Đốc, các chương trình phát thanh tin lành, v.v.... Trong một thế giới như thế giới của chúng ta, không

có sự bào chữa cho việc không sử dụng tiền bạc. Pierson đã khuyên như thật bổ ích:

Những linh hồn nhất nhất không thích hợp cho sự hầu việc đạo đĩ và độc lập vì cơ nước trời, có thể liên kết sự bất năng của mình với khả năng và sự khôn ngoan của những người khác, là người sẽ làm cho các ân tứ và cứu cải họ được sử dụng cho Chúa và lợi thành của Ngài... Người quản lý có tiền bạc, hoặc có thể là các ân tứ khác, có thể được tận dụng, nhưng người ấy thiếu đức tin và tâm nhĩn sa, năng lực thực tế và sự khôn ngoan. "Những người dốt ấu" của Chúa, có thể chỉ cho người ấy cách để làm lợi cho Chúa. Hội thánh nên tại một phần để ưu điểm của người này giúp cho khuyết điểm của người kia, và để cho bởi sự hợp tác của mọi người, sức mạnh của kẻ nhỏ nhất và của kẻ yếu nhất có thể được gia tăng.⁴⁰

25:30 Tên đầy tớ vô ích bị quăng ra ngoài khỏi nước Chúa. Hẳn đồng số phận đau đớn với kẻ dốt. Không phải vì không đầu tư khả năng mà hẳn bị phạt; mà vì không làm điều lành, chứng tỏ hẳn không có đức tin cứu rỗi.

J. VỊ VỤ ĐOÁN XÉT CÁC DÂN (25:31-46)

25:31 Phần này mô tả sự đoán xét các dân tộc, phải phân biệt với Ngai Phán Xét của Đấng Christ và Ngai Phán Xét Lớn Và Tráng.

Ngai phán xét của Đấng Christ, một thời kỳ để xem xét và ban thưởng cho người tin Chúa mà thôi, diễn ra sau khi Hội Thánh Được Cát Lên (Rôma 14:10; 1.Côrinhtô 3:11-15;

1].Côrinhtô 5:9,10). Sự Đoán Xét Của Tòa Án Lớn Và Tráng diễn ra trong cõi đời đời, sau Cơ Đại Nạn. Kẻ ác chết sẽ bị đoán phạt và quăng vào Hồ Lửa (Khải Huyền 20:11-15).

Sự Đoán Xét Các Dân, hoặc dân ngoại (từ Hylạp mang một trong hai nghĩa) diễn ra trên đất sau khi Đấng Christ đến trị vì, như câu 31 đã nói rõ: "**Khi Con Người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh.**" Nếu chúng ta đứng khi kể câu Kinh Thánh này với Giôên 3 là một, thì vị trí là vùng Giôsa-phát, bên ngoài thành Giêrusalem (3:2). Các dân tộc sẽ bị đoán xét tùy theo cách đối xử của họ với các anh em người Do thái của Đấng Christ trong Cơ Đại Nạn (Giôên 3:1,2, 12-14; Mathiô 25:31-46).

25:32 Điều quan trọng phải lưu ý là có ba thành phần được đề cập -- **chiên, dê, và anh em của Đấng Christ**. Hai thành phần đầu, mà Chúa ngự ngai phán xét họ, là những dân ngoại sống trong Cơ Đại Nạn. Thành phần thứ ba là những anh em người Do thái trung tín của Đấng Christ là kẻ đã không chối bỏ danh Ngài trong Cơ Đại Nạn bất chấp sự bách hại dữ dội.

25:33-40 Nhà vua để **chiên ở bên hữu và dê ở bên tả**. Sau đó Ngài mới chiến bước vào nước thiên đàng vinh hiển của Ngài, đã được **sắm sẵn** cho họ **lũ khi dựng nên trời đất**. Lý do Ngài đưa ra là họ đã cho Ngài ăn khi Ngài đói, cho Ngài uống khi Ngài khát, tiếp rước khi Ngài là khách lạ, **mặc cho** Ngài khi Ngài không có áo quần, thăm Ngài trong cơn bệnh, và đến

viếng khỉ Ngài bị lù. Những con chiên công bình xưng rằng không biết đã đối xử tử tế như vậy với nhà Vua, thậm chí Ngài cũng không ở trên đất trong đời của họ. Ngài giải thích rằng khi giúp đỡ một trong các anh em hèn mọn nhất của Ngài, họ đã giúp đỡ Ngài. Bất cứ điều gì làm cho một trong các môn đồ của Ngài sẽ được thưởng như đã làm cho chính Ngài.

25:41-45 Những con dê gian ác được truyền hãy lui khỏi Ngài, đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và những quỷ sứ nó bởi vì họ đã không lo đến Ngài trong Kỳ Hoạn Nạn khủng khiếp của Giacóp. Khi họ bảo chữa cho mình bằng cách bảo rằng họ có bao giờ thấy Ngài, Ngài nhắc họ rằng bỏ bê những người theo Ngài nghĩa là bỏ bê chính Ngài.

25:46 Vậy những con dê sẽ vào hình phạt đời đời, còn những chiên thì sẽ vào sự sống đời đời, nhưng điều này làm dấy lên hai nan đề. Thứ nhất, câu Kinh Thánh này dường như dạy rằng các dân tộc cùng nhau được cứu hoặc hư mất. Thứ hai, câu chuyện này tạo ra một ấn tượng cho thấy chiên được cứu bởi việc lành và dê bị đoán phạt vì không làm điều lành. Về sự khó khăn thứ nhất, chúng ta phải nhớ rằng Chúa *thật sự* liên hệ với các dân tộc theo cách ấy. Lịch sử Cựu Ước đầy đầy những trường hợp các dân tộc bị đoán phạt do tội lỗi của họ (Isai 10:12-19; 47:5-15; Êxêchiên 25:6,7; Amốt 1:3,6,9,11,13; 2:1,4,6; Ápđiã 10; Xachar: 14:1-5). Không vô lý khi tin rằng các dân tộc sẽ tiếp tục kinh nghiệm sự báo thù của Đức Chúa Trời. Điều này không có nghĩa là mỗi

một cá nhân riêng lẻ trong dân tộc ấy sẽ bị liên lụy vì hậu quả đó, mà là các nguyên tắc công chính của Đức Chúa Trời sẽ được áp dụng trên cơ sở dân tộc, cũng như cá nhân.

Từ *ethnè*, được dịch là "các dân" trong câu này cũng có thể được dịch là "dân ngoại." Một số người tin rằng câu Kinh Thánh này mô tả sự phân xét từng dân ngoại. Dầu là các dân tộc hay các cá nhân, vấn đề là làm thế nào một khối dân đông đảo như vậy có thể tập hợp ở trước mặt Chúa trong xứ Palestine. Có lẽ tốt nhất là nghĩ đến những người đại diện cho các dân tộc hoặc các thành phần cá nhân nhóm họp để bị phân xét.

Về vấn đề thứ nhì, câu Kinh Thánh này không được dùng để dạy sự cứu rỗi bởi việc làm. Lời chứng không đổi của Kinh Thánh đó là sự cứu rỗi do đức tin chứ không do việc làm (Êphêso 2:8,9). Nhưng Kinh Thánh thật sự nhấn mạnh sự dạy dỗ đức tin thật phải sinh ra việc lành. Nếu không có việc lành, là một dấu hiệu cho thấy người ấy chưa hề được cứu. Vì vậy, chúng ta phải hiểu rằng dân ngoại không được cứu nhờ giúp đỡ dân sót người Dothái, nhưng lòng từ tế này phản ánh tình yêu của họ đối với Chúa.

Ba điểm khác phải được đề cập. Thứ nhất, nước trời được bảo là được sẵn sẵn cho những kẻ công bình từ khi lập nền trái đất (c.34). Trong khi địa ngục sẵn sẵn cho ma quỷ và các quỷ sứ nó (c.41). Mong muốn của Chúa là con người phải được phước; địa ngục ban đầu không có ý định cho con người. Nhưng nếu con người có ý

từ chối sự sống, họ nhất định phải chọn lấy sự chết.

Vấn đề thứ nhì, Chúa Jêsus đã phân về lửa đời đời (cùng một từ với sự vinh cửu) lửa (c.41), hình phạt đời đời (c.46), và sự sống đời đời (c.46). Đấng dạy về sự sống đời đời cũng dạy về sự hình phạt đời đời. Bởi vì cùng một từ dành cho *đời đời* được dùng để mô tả mỗi lần vực, thật không nhất quán khi chấp nhận điều này mà không chấp nhận điều kia. Nếu từ được dịch là *đời đời* không có nghĩa là vĩnh hằng, thì không còn từ nào khác trong ngôn ngữ Hy Lạp để chuyển đạt ý nghĩa đó. Nhưng chúng ta biết rằng điều này *thật sự* hàm ý *đời đời* bởi vì nó được dùng để mô tả bản tánh đời đời của Đức Chúa Trời (1.Timóthê 1:17).

Cuối cùng, sự Phân Xét Dân Ngoại nhắc chúng ta một cách mạnh mẽ rằng Đấng Christ và dân sự Ngài là một; điều gì ảnh hưởng đến họ cũng ảnh hưởng đến Ngài. Chúng ta có tiềm năng to lớn để bày tỏ lòng tốt đối với Ngài bằng cách bày tỏ lòng từ tế đối với những người yêu Ngài.

XIV. SỰ THƯƠNG KHÓ VÀ SỰ CHẾT CỦA NHÀ VUA (26, 27)

A. Âm Mưu Để Giết Chúa Jêsus (26:1-5)

26:1,2 Lần thứ tư cũng là lần cuối cùng trong sách Phúc Âm này Chúa chúng ta bảo trước cho các môn đồ Ngài rằng Ngài phải chịu chết (16:21; 17:23; 20:18). Tuyên bố của Ngài hàm ý một mối quan hệ gần về thời gian giữa Lễ Vượt Qua và việc Ngài chịu đóng đinh: "Các người biết rằng còn hai ngày nữa là đến Lễ Vượt Qua, và Con Người sẽ bị nộp để chịu đóng

đinh trên cây thập tự." Năm nay Lễ Vượt Qua sẽ tìm được ý nghĩa đích thực của nó. Chiến Con của Lễ Vượt Qua cuối cùng đã đến và không bao lâu nữa sẽ chịu giết.

26:3-5 Ngay cả khi Ngài nói ra những lời này, các thầy tế lễ cả, **các thầy thông giáo và các trưởng lão** trong dân đang nhóm lại trong **tòa** **thầy cả thượng phẩm** tên là Caiphe, để hoạch ra âm mưu của họ. Họ muốn bắt Ngài cách lén lút và giết Ngài đi, nhưng không cho làm thế **trong ngày lễ** là khôn ngoan; **dân chúng** có thể phản ứng dữ dội trước việc Ngài bị hành hình. Thật không thể tin được giới lãnh đạo tôn giáo Ysraên lại cầm đầu trong âm mưu cái chết Đấng Mêsia của họ. Đáng lẽ họ phải là những người đầu tiên công nhận và đưa Ngài lên ngôi. Thay vào đó họ đã hợp hành những kẻ đi đầu trong những kẻ thù của Ngài.

B. Chúa Jêsus Được Xức Dầu Tại Bêthani (26:6-13)

26:6,7 Câu chuyện này đem lại sự khuấy khỏa do sự tiếp đãi ân cần, giữa những xào trá của các thầy tế lễ, sự tâm thương của các môn đồ, và sự phản bội của Giuđa. Khi Đức Chúa Jêsus ở làng Bêthani, lại nhà Simôn là người phung, có một người đàn bà đến và đổ một chai chứa dầu thơm rất đắt tiền trên đầu Ngài. Sự hy sinh tốn kém nhiều của bà bày tỏ chiều sâu lòng tận hiến bà dành cho Chúa, người ta thường nói, để làm cho Ngài thì không có gì là quá tốt.

26:8,9 Các môn đồ Ngài và đặc biệt là Giuđa (Giăng 12:4,5), coi hành động này như là một sự phung phí

không khiếm. Họ nghi tiền ấy để cho kẻ nghèo thì tốt hơn.

26:10-12 Chúa Jêsus đã sửa lại lối nghĩ lệch lạc của họ. Hành động của bà không phí phạm mà đẹp đẽ. Không những vậy, còn được làm hoàn toàn đúng thời gian. Kẻ nghèo có thể được giúp đỡ bất cứ lúc nào. Nhưng chỉ một lần trong lịch sử thế giới Đấng Cứu Thế được xúc đầu để chôn. Giây phút ấy vụt qua và chỉ một người đàn bà đơn độc có ơn phân biệt thuộc linh đã nắm lấy nó. Vì tin nơi những lời bảo trước của Chúa về cái chết của Ngài, hẳn bà đã nhận ra rằng hoặc bây giờ hoặc không bao giờ. Kết quả sự việc cho thấy bà đã đúng. Những người đón bà định xúc xác Ngài sau khi chôn cất, nhưng đã không làm được bởi sự phục sinh của Ngài (Mác 16:1-6).

26:13 Đức Chúa Jêsus đã làm cho hành động yêu thương đơn sơ của bà trở nên bất tử: "Quá thật, Ta nói cùng các người, khắp cả thế gian, hễ nơi nào tin lành này được giảng ra, thì công thuật lại việc người ấy đã làm để nhớ đến người." Bất cứ hành động thờ phượng thật tào cùng sẽ đẩy đẩy các ngài trên thiên đàng bằng mùi thơm và được ghi chép trong kỷ lục của Chúa không thể xóa được.

C. Sự Phê Bội Của Giuda (26:14-16)

26:14,15 Bây giờ có một người trong mười hai sứ đồ - một trong các môn đồ đã từng sống với Đức Chúa Jêsus, cũng đi với Ngài, thấy các phép lạ Ngài làm, nghe những sự dạy dỗ không gì so sánh được của Ngài, và chứng kiến phép lạ của một đời sống vô tội - một người mà Chúa Jêsus có

thể gọi là "bạn thân tôi... đã ăn bánh tôi" (Thi Thiên 41:9) - chính là kẻ đã giờ gót nghịch cùng Con Đức Chúa Trời. **Giuda Íchcariôt đến tìm các thầy tế lễ cả và đồng ý bán thầy mình để đổi lấy hạ chục bạc.** Các thầy tế lễ đã trả tiền cho hắn ngay tại chỗ - tổng số tiền đang khinh bỉ này khoảng mười lăm mỹ kim.

Thật lạ lùng khi lưu ý sự tương phản giữa người phụ nữ đã xúc đầu cho Chúa Jêsus ở tại nhà Simôn với Giuda. Bà qui trọng Chúa Cứu Thế Jêsus tội bực. Giuda lại xem nhẹ Ngài.

26:16 Vì vậy kẻ đã không nhận được gì trừ ra sự nhàn tản của Chúa Jêsus đi ra để sắp xếp phần của mình trong cuộc thương lượng khủng khiếp.

II. Lễ Vượt Qua Cuối Cùng (26:17-25)

26:17 Đó là ngày thứ nhất của kỳ lễ ăn bánh không men - một thời điểm toàn bộ men bị cất khỏi nhà của người Dothái. Những ý tưởng gì đang tràn ngập tâm trí của Chúa khi Ngài sai các môn đồ vào thành Giêrusalem để dọn... lễ Vượt Qua. Mỗi chi tiết của bữa ăn này hẳn đều có một ý nghĩa buốt rười.

26:18-20 Chúa Jêsus sai các môn đồ đi tìm một người không nêu lên, người đó sẽ dẫn họ đến nhà đã chỉ định. Có lẽ tình không rõ ràng của các huấn thị này nhằm ngăn trở những kẻ có mưu đồ. Đầu là trường hợp nào, chúng ta lưu ý sự hiểu biết trọn vẹn của Chúa Jêsus về từng người, chỗ họ đang ở và lòng sẵn sàng hợp tác của họ. Hãy để ý những lời của Ngài: "Thầy nói, Giờ Ta gần đến, Ta và môn đồ Ta sẽ giữ Lễ Vượt Qua trong nhà người." Ngài đối diện với cái chết

đang đến gần với sự điểm tĩnh. Bằng ân điển trọn vẹn, Ngài đã sắp xếp bữa ăn. Thật là một đặc ân cho người đàn ông giấu tên được cho rước nhà của mình cho Lễ Vượt Qua cuối cùng này!

26:21-24 Khi họ đang ăn, Chúa Jêsus đưa ra một tuyên bố gây bàng hoàng rằng một trong mười hai môn đồ sẽ phản Ngài. Các môn đồ đẩy dẩy sự buồn rầu, ngà lòng và tự ngờ vực mình. Từng người một, họ thưa rằng: "**Lạy Chúa có phải tôi không?**" Khi tất cả, trừ Giuđa đều đã hỏi xong, Chúa Jêsus phản ứng họ rằng chính là người để **lạy vào mâm** với Ngài. Sau đó Chúa lấy một miếng bánh, nhúng vào nước thịt và trao cho Giuđa (Giăng 13:26) - một dấu hiệu ưu ái đặc biệt của tình bạn. Ngài nhắc họ rằng đã có điều gì đó không thể cưỡng lại được sắp xảy ra với Ngài. Nhưng điều đó không bùng tha kẻ phản bội khỏi trách nhiệm; **thà nó chẳng sanh ra thì hơn**. Giuđa đã cố ý chọn bạn Chúa Cứu Thế và vì vậy phải chịu trách nhiệm cá nhân.

26:25 Cuối cùng, khi Giuđa hỏi thẳng thừng hẳn có phải là kẻ đó chăng? Chúa Jêsus đã trả lời rằng: "**Phải.**"

E. Tiệc Thánh Báu Tiên (26:26-29)

Trong Giăng 13:30 chúng ta biết rằng ngay sau khi nhận lấy miếng bánh, Giuđa đi ra ngoài, lúc ấy trời đã tối. Vì vậy chúng ta kết luận rằng ông ta không có mặt khi Bữa Ăn Tối của Chúa được tổ chức (mặc dầu có sự bất đồng đáng kể về vấn đề này).

26:26 Sau khi đã giữ Lễ Vượt Qua cuối cùng, Chúa Cứu Thế thiết lập

điều chúng ta ngày nay gọi là Tiệc Thánh. Các yếu tố chính - bánh mì và rượu - đã có sẵn trên bàn như một phần của bữa ăn Vượt Qua; Chúa Jêsus đã mặc cho chúng ý nghĩa mới. Trước hết, Ngài **lấy bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra**. Khi **trao bánh cho các môn đồ**, Ngài phán rằng: "**Hãy lấy ăn đi, này là thân thể Ta.**" Bởi vì thân thể Ngài chưa bị phò trên thập tự giá, rõ ràng là Ngài đang nói với ý nghĩa hình bóng, sử dụng bánh để biểu trưng cho thân thể mình.

26:27,28 Cũng như vậy với chén; vật chứa được dùng để bày tỏ điều được chứa. Chén đựng nước nho, sẽ trở thành biểu tượng huyết của giao ước mới. **Giao ước mới**, vô điều kiện của ân điển sẽ trở nên hiệu lực bởi huyết quý báu của Ngài đã đổ ra cho nhiều người được tha tội. Huyết Ngài **cung ứng đủ để** tha thứ cho hết thảy mọi người. Nhưng ở đây huyết ấy đã **đổ ra cho nhiều người** trong ý nghĩa chỉ **hiệu lực** để cất bỏ tội lỗi của những kẻ tin.

26:29 Sau đó, Chúa Cứu Thế nhắc nhở các môn đồ rằng Ngài sẽ **không uống trái nho** này với họ nữa **cho đến ngày** Ngài trở lại thế gian để trị vì. Và rồi nước nho sẽ có một ý nghĩa mới; nói đến sự vui mừng và phước hạnh trong nước Cha Ngài.

Câu hỏi thường nổi lên là chúng ta nên dùng bánh có men hay không men, rượu nho đã lên men hay chưa lên men cho Tiệc Thánh. Ít ai nghĩ ngờ rằng Chúa đã sử dụng bánh không men và rượu nho lên men (*tất cả rượu trong những ngày ấy đều đã lên men*). Những người lập luận rằng

bánh có men làm hỏng sự lương trung (men là hình ảnh của tội lỗi), phải biết rằng quá trình lên men của rượu cũng tương tự. Thật đáng buồn khi chúng ta quá bận tâm với *bánh và rượu* đến nỗi không thấy *chính mình Cứu Chúa*. Phaolô nhấn mạnh rằng chính ý nghĩa thuộc linh của bánh, chứ không phải bản thân bánh có giá trị. "Hãy làm cho mình sạch men cũ đi, hầu cho anh em trở nên bột nhồi mới không men, như anh em là bánh không men vậy. Vì Đấng Christ là con sinh của Lễ Vượt Qua chúng ta, đã bị giết rồi. Vậy thì, chúng ta hãy giữ lễ, chứ đừng men cũ, chứ đừng men giầu ác độc dữ, nhưng dùng bánh không men của sự thật thà và của lễ thật" (1.Côrinthô 5:7,8). Không phải men trong *bánh* là điều quan trọng, mà điều quan trọng chính là *men* trong *đời sống* của chúng ta!

I. Các Môn Đố Tự Tin (26:30-35)

26:30 Theo sau Tiệc Thánh, nhóm người nhỏ bé này hát một bài thánh ca có lẽ trích từ Thu Thiên 113-118 "Ngời Khen Chúa." Sau đó, họ rời thành Giêrusalem, băng qua khe Xêtrôn và leo lên sườn đồi phía tây núi Ôlive đến vườn Ghếtsemanê.

26:31 Suốt chức vụ trên đất của Ngài, Chúa Jêsus luôn cảnh báo các môn đồ mình về chặng đường phía trước. Bấy giờ Ngài bảo họ rằng hễ thấy họ sẽ phân rẽ Ngài trong *đêm* đó. Nói kinh sợ áp đảo họ khi nhìn thấy cơn cuồng nộ của trận bão nổ ra. Để thoát hiểm, họ đã bỏ Thầy mình. Lời tiên tri của Xachari đã được ứng nghiệm: "Hãy đánh Ké Chàn, cho những chiến tặc lạc;" (13:7)

26:32 Nhưng Ngài đã không bỏ mặc họ không hy vọng. Dầu họ xấu hổ vì đã kết bạn với Ngài, Ngài cũng không bao giờ bỏ rơi họ. Sau khi từ kẻ chết sống lại, Ngài sẽ gặp họ tại xứ Galilê. Người Bạn tuyệt vời, không bao giờ thất hứa!

26:33,34 Phiêrô hấp tấp ngắt lời Ngài để quả quyết với Chúa rằng dầu người khác có thể bỏ Ngài, ông sẽ **không bao giờ** làm điều đó. Chúa Jêsus đã sửa cơn tử "*không bao giờ*" thành ra "**chính đêm nay... ba lần.**" Trước khi gà gáy, người môn đồ hốc đồng này sẽ chối Thầy mình **ba lần**.

26:35 Văn quả quyết lòng trung thành của mình, Phiêrô nhất định rằng ông sẽ đồng **chết** với Đấng Christ chứ không chối Ngài. **Hết thầy các môn đồ** đều đồng lòng nói như vậy, họ chân thành; họ nghiêm túc khi nói điều đó. Chỉ vì họ không biết rõ chính lòng mình.

G. Núi Thống Khổ Trong Vườn Ghếtsemanê (26:36-46)

Không ai tiếp cận phần kỹ thuật ở Vườn Ghếtsemanê mà không nhận ra mình đang bước đi trên đất thánh. Bất cứ ai toan bình luận khúc Kinh Thánh này đều cảm nhận nỗi kính sợ và đè dặt lớn lao. Như Guy King đã viết: "Tính siêu nhiên của sự kiện này khiến người ta phải sợ, e rằng bằng cách nào đó, làm hỏng khi đụng đến nó."

26:36-38 Sau khi đã vào trong vườn Ghếtsemanê (cơ nghĩa là bể chứa ôliu hoặc bồn ép ôliu). Chúa Jêsus bảo tám người trong số mười một môn đồ cùng đi với Ngài ở đó và

đợi, rồi đem Phierơ và hai con trai của Xêbêđê vào sâu trong vườn. Có thể điều này cho thấy các môn đồ khác nhau có những khả năng cảm thương khác nhau đối với Chúa Cứu Thế trong nỗi thống khổ của Ngài chăng?

Tức thì Ngài buồn bực và sầu nào lắm. Ngài thật lòng nói với Phierơ Giacơ và Giăng rằng linh hồn Ngài buồn bực cho đến chết. Đây chắc chắn là điều đáng sợ không thể nói ra được trong linh hồn thánh khiết của Ngài khi dự kiến trở nên người gánh tội thay cho chúng ta. (Chúng ta là những con người tội lỗi, không thể hiểu ý nghĩa của điều này đối với Ngài, Đấng Vô tội, phải trở nên tội lỗi vì cơ chúng ta (II.Côrinthô 5:21).

26:39 Không ngạc nhiên khi Ngài để ba người lại và bước tới một ít sâu hơn trong vườn. Không ai có thể chia sẻ nỗi thương khó của Ngài hoặc cầu nguyện như Ngài: “Cha ơi, nếu chén này không thể lìa khỏi con được mà con phải uống, thì xin ý Cha được nên.”

E rằng chúng ta tưởng lời cầu nguyện này bày tỏ sự miễn cưỡng hay là muốn thoái lui, chúng tôi phải nhắc lại lời của Ngài trong Giăng 12:27,28: “Hiện nay tâm thần Ta bối rối, Ta sẽ nói gì? Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ này! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ này! Cha ơi, xin làm sáng danh Cha!” Vì vậy khi cầu nguyện rằng xin cho chén này lìa khỏi Ngài, không phải Ngài muốn được giải thoát khỏi việc phải lên thập tự giá. Vì đó chính là mục đích Ngài đến thế gian!

Lời cầu nguyện này mang tính dằn nháp, nghĩa là, không có ý định phải đòi câu trả lời, song để dạy chúng ta một bài học. Thật ra Chúa Jêsus muốn nói rằng: “Cha ơi, nếu có bất cứ phương cách nào khác để những tội nhân gian ác được cứu thay vì Con phải lên thập tự giá, thì Ngài bày bày tỏ phương cách ấy ngay bây giờ! Nhưng trong mọi sự đó, Con muốn mọi người biết rằng Con không muốn gì ngược lại với ý muốn Cha.”

Câu trả lời là gì? Không có; thiên đàng yên lặng. Bởi sự yên lặng quyết liệt đó chúng ta biết rằng không có cách nào khác để Đấng Chúa Trời xưng nghĩa những tội nhân phạm tội ngoài việc để Đấng Christ, Đấng Cứu Thế vô tội, chịu chết thay cho chúng ta.

26:40,41 Trở lại với các môn đồ, Ngài thấy họ đang ngủ, tâm thần họ thì muốn lắm; nhưng xác thì thì yếu đuối. Chúng ta không dám lên án họ khi nghĩ đến đời sống cầu nguyện của chính mình; chúng ta ngủ giỏi hơn cầu nguyện, và tâm trí chúng ta vờ vẫn khi đang lẽ phải thức canh. Đã bao lần Chúa phải phán với chúng ta như Ngài đã từng phán với Phierơ: “**Thế thì các ngươi không tỉnh thức với Ta trong một giờ được? Hãy thức canh và cầu nguyện, kẻo các ngươi sa vào chước cám dỗ.**”

26:42 Ngài lại đi lần thứ hai, mà cầu nguyện, bày tỏ sự thuận phục đối với ý muốn Cha mình. Ngài sẽ uống cạn chén thương khó và sự chết.

Ngài cần phải ở một mình trong đời sống cầu nguyện. Ngài đã dạy các môn đồ cầu nguyện, và Ngài cũng đã

cầu nguyện trước mặt họ. Nhưng Ngài chưa bao giờ cầu nguyện với họ. Tình độc ác của Thần vị và công việc Ngài đã ngăn người khác dự phần đời sống cầu nguyện của Ngài.

26:43-45 Khi Ngài đến với các môn đồ lần thứ nhì, thì thấy môn đồ còn ngủ. Lần thứ ba cũng vậy: Ngài cầu nguyện, họ ngủ. Bấy giờ Ngài mới phân cùng họ rằng: "Bây giờ các người ngủ và nghỉ ngơi ư? Nay giờ đã gần lối, Con Người sẽ bị nộp trong tay kẻ có tội."

26:46 Cơ hội được thức canh với Ngài trong giờ cầu nguyện đã qua rồi. Người ta đã nghe thấy tiếng bước chân của kẻ phản bội. Chúa Jêsus phán: "Hãy chờ đây, chúng ta phải đi." - không phải để rút lui, mà để đối mặt với kẻ thù.

Trước khi rời khu vườn này, chúng ta hãy đứng lại một lần nữa để lắng nghe tiếng thổn thức của Ngài, để suy gẫm nỗi đau buồn của Ngài và để hết lòng cảm tạ Ngài.

H. Chúa Jêsus Bị Phán Bội Và Bị Bắt Trong Vườn Ghetsêmane (26:47-56)

Việc Chúa Cứu Thế vô tội bị tạo vật của chính Ngài phản bội cho thấy một trong những điều lạ thường đáng sửng sốt nhất trong lịch sử. Ngoài sự bại hoại của con người, chúng ta hẳn phải lung túng khi giải thích sự phản bội, hèn hạ không thể bào chữa được của Giuda.

26:47 Trong khi Chúa Jêsus còn đương phán với mười một môn đồ, Giuda đến cùng một bọn người cầm gươm và gậy. Chắc chắn các khi giờ này không phải là ý tưởng của Giuda; hẳn ta chưa bao giờ thấy Chúa Cứu

Thế chống cự hoặc đánh trả. Có lẽ các khi giờ biểu trưng cho sự kiên quyết của các thầy tế lễ cả và các trưởng lão để bắt Ngài mà không có khả năng trốn thoát nào.

26:48 Giuda dùng cái hôn để làm dấu hiệu giúp bọn người này phân biệt Chúa Jêsus với các môn đồ Ngài. Biểu tượng của tình yêu đã bị bán rẻ cho sự lạm dụng hèn hạ nhất.

26:49 Khi tiến gần đến Chúa, Giuda thưa rằng: "Chào thầy!" rồi hôn Ngài một cách hào phóng. Hai từ *hôn* khác nhau được sử dụng trong đoạn này. Từ thứ nhất, trong câu 48, là một từ hôn bình thường. Nhưng trong câu 49 là một từ mạnh hơn được dùng, điển tả việc hôn lặp lại hoặc để cho chứng cứ.

26:50 Với sự thấu hiểu điểm linh và cáo trách, Chúa Jêsus hỏi: "Bạn ơi, vậy thì vì việc này mà người đến đây sao?" Chắc chắn câu hỏi đến với sức mạnh hâm nóng dành cho Giuda, nhưng bấy giờ các sự kiện diễn ra quá mau chóng. Đám đông ập đến và bắt lấy Chúa Jêsus không chần chừ.

26:51 Một trong các môn đồ - theo Giăng 18:10 chúng ta biết đó là Phiêrô - rút gươm ra và chém đứt tai của thầy cả thượng phẩm. Rất có khả năng Phiêrô đã không nhắm vào một bên tai; ông chắc chắn đã hoạch định một cú đòn chết người. Cho rằng mục tiêu của ông cũng tệ như nhận định của ông ư? Chúng ta phải quy điều ấy cho Ý Chúa.

26:52 Sự vinh hiển về đạo lý của Chúa Jêsus tỏa sáng ở đây. Trước hết Ngài đã quả trách Phiêrô: "Hãy nạp

gươm người vào vỏ; vì hễ ai cầm gươm thì sẽ chết về gươm." Trong nước của Đấng Christ, chiến thắng không giành được bởi các phương tiện xác thịt. Phái viện dẫn đến các thế lực vũ trang trong chiến trận thuộc linh là chuốc lấy tai họa. Hãy để kẻ thù của nước Chúa dùng gươm giáo; họ cuối cùng phải đối diện với sự thất bại. Người linh của Đấng Christ hãy sử dụng sự cầu nguyện, Lời Chúa, và quyền phép của một đời sống đầy dẫy Thánh Linh.

Từ bác sĩ Luca, chúng ta biết rằng sau đó Chúa Jêsus đã chữa lành tai cho Manchu - vì đó chính là tên của nạn nhân (Luca 22:51; Giăng 18:10). Há không phải là một sự bày tỏ tuyệt vời của ân điển sao? Ngài yêu những kẻ ghét Ngài và bày tỏ lòng nhân từ đối với kẻ săn đuổi mạng sống Ngài.

26:53,54 Nếu Chúa Jêsus muốn chống cự bọn người này, Ngài hẳn không bị giới hạn đối với lưỡi gươm nhỏ bé của Phierơ. Ngay lập tức Ngài có thể xin và được sai phái đến mười hai đạo thiên sứ (từ 36.000 đến 72.000). Nhưng điều đó chỉ làm hỏng chương trình của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh đã báo trước việc Ngài bị phản bội, chịu khổ, bị đóng đinh và sống lại phải được ứng nghiệm.

26:55 Bảy giờ Chúa Jêsus nhắc nhở đám người này rằng họ đã phi lý như thế nào khi đến bắt Ngài bằng khí giới. Họ chưa bao giờ thấy Ngài dùng đến vũ lực hoặc tham gia nổi loạn. Thay vào đó, Ngài là vị giáo sư điềm tĩnh, hằng ngày ngồi trong đền thờ. Họ đã có thể dễ dàng bắt Ngài lúc đó. Nhưng họ không bắt Ngài. Vì sao bày

giữ lại đem gươm và gây đến? Nói theo cách con người, hành vi của họ thật phi lý.

26:56 Tuy nhiên, Chúa Cứu Thế biết rằng sự gian ác của con người đang thành công chỉ để hoàn thành kế hoạch rõ ràng của Đức Chúa Trời. "Mọi điều ấy phải xảy đến, hầu cho những lời các Đấng liên tri đã chép được ứng nghiệm." Khi thấy không có sự giải cứu cho Thầy mình, hết thầy môn đồ bỏ Ngài mà trốn đi trong hoảng sợ.

Nếu sự hèn nhát của họ là điều không thể bào chữa được, thì sự hèn nhát của chúng ta còn hơn thế. Họ chưa có Thánh Linh ngự trong đời sống mình; còn chúng ta thì có.

1. Chúa Jêsus Trước Mặt Caiphe (26:57-68)

26:57 Có hai cuộc xét xử chính dành cho Chúa Jêsus: Một phiên xử tôn giáo trước mặt giới lãnh đạo Dothái, và một phiên xử dân sự trước mặt giới cầm quyền Lamã. Kết hợp những lời ký thuật từ cả bốn sách Phúc Âm cho thấy mỗi phiên xử đều có ba giai đoạn. Lời ký thuật của Giăng về phiên xử của người Dothái cho thấy Chúa Jêsus trước hết bị đưa đến trước mặt bố vợ của Caiphe là Anne. Lời ký thuật của Mathiơ bắt đầu bằng giai đoạn thứ hai, tại nhà của Caiphe, thấy tế lễ thượng phẩm. Tòa công luận đã nhóm họp tại đó. Thông thường, những người bị tố cáo được cho cơ hội để chuẩn bị bênh vực mình. Nhưng giới lãnh đạo tôn giáo quá nóng lòng đã vội đưa Chúa Jêsus ra khỏi nhà tù và đến tòa án (Êsai 53:8), bằng mọi cách, từ chối Ngài một cuộc xét xử công bằng.

Trong đêm đặc biệt đó, người Pharisi, Saduse, các thầy thông giáo và các trưởng lão đã hình thành Tòa công luận cho thấy sự xem thường hoàn toàn đối với những nguyên tắc mà họ có bốn phần phải tiến hành. Họ đáng ra không được phép nhóm họp vào ban đêm hoặc trong bất cứ dịp lễ nào của người Dothái, họ cũng đáng ra không được phép hối lộ cho các nhân chứng để phạm tội khai man trước tòa. Phán quyết tử hình không được phép thực hiện cho đến khi đêm đã hết. Và nếu họ không họp nhau tại Sân Đường Đá Chén (Hall of Hewn Stone), thuộc khu vực đền thờ, các phán quyết của họ sẽ không có tính ràng buộc. Vì nóng lòng muốn trừ khử Chúa Jêsus, hội đồng Dothái này đã không ngần ngại hạ thấp phẩm giá, vì phạm chính các luật lệ quy định của họ.

26:58 Caiphe là quan tòa chủ trì. Tòa công luận dường như vừa là bồi thẩm đoàn vừa là bên khởi tố, một sự kết hợp không theo nguyên tắc. Đó là nói cách nhẹ nhất. Chúa Jêsus là Người Bào Chữa. Còn Phêrô là kẻ đứng ngoài quan sát - từ một khoảng xa an toàn; ông ngồi với các kẻ canh giữ **đặng coi việc ấy ra làm sao.**

26:59-61 Giới lãnh đạo Dothái đã mất một thời gian khó khăn để tìm được các chứng đối về Chúa Jêsus. Họ hẳn đã thành công hơn nếu như làm trọn phận sự của mình trước thủ tục xét xử và tìm được bằng chứng về sự vô tội của Ngài. Cuối cùng có hai người làm chứng đối đưa ra một báo cáo xuyên tạc về các lời của Chúa

Jêsus: "Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày, Ta sẽ dựng lại" (Giăng 2:19-21). Theo những kẻ làm chứng này, Ngài đe dọa phá hủy đền thờ tại Giêrusalem rồi sau đó xây lại. Thật ra, Ngài nói tiên tri về sự chết của chính Ngài và sự sống lại sau đó. Bấy giờ, người Giuđa dùng lời tuyên bố đó để làm cơ giết Ngài.

26:62-63 Qua suốt những lời cáo buộc này, Đức Chúa Jêsus không nói một lời. "Như chiên con bị dắt đến hàng làm thịt, như chiên cằm trước mặt kẻ hút lông, Người chẳng từng mở miệng" (Êsai 53:7). Thấy tế lễ thượng phẩm tức tối vì sự yên lặng của Ngài, đấng buộc Ngài tuyên bố một lời; bởi vì Chúa Cứu Thế vẫn không trả lời. Thấy cả thượng phẩm bên nói cùng Ngài: "Ta khiến người chỉ Đức Chúa Trời hằng sống mà thế, hãy nói cho chúng ta người có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời chăng!" Luật Môisê qui định một người Dothái khi bị thấy tế lễ cả bắt phải thế thì phải tỏ ra điều mình biết (Lêvi Ký 5:1).

26:64 Là một người Dothái vàng giữ luật pháp, Chúa Jêsus đã trả lời: "Thật như lời." Và rồi Ngài khẳng định tư cách Đấng Mesi và thần tính của Ngài còn mạnh mẽ hơn nữa: "Và lại, Ta nói cùng các người, về sau các người sẽ thấy Con Người ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời và ngự lên mây từ trời mà xuống." Thực chất Ngài muốn nói: "Ta là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời như người vừa nói. Sự vinh hiển của Ta hiện nay còn che khuất trong thân thể loài người; Ta chỉ xuất hiện như một

người nào đó. Người nhìn thấy Ta trong những ngày hạ mình. Nhưng ngày hầu đến, khi các người, những người Giuđa sẽ thấy Ta là Đấng được vinh hiển, trong mọi phương diện, ngang bằng với Đức Chúa Trời, ngồi bên hữu Ngài và ngự trên mây trời mà đến."

Trong câu 64 từ người thứ nhất⁵⁰ là số ít, chỉ về Calphe. Từ người lần thứ nhì (cũng như lần thứ ba) là số nhiều, chỉ đến những người Giuđa đại diện cho những người Dothái sống vào thời điểm có sự hiện ra vinh hiển của Đấng Christ. Là những người sẽ thấy tổ tướng Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Lenski viết rằng: "Nhiều khi người ta quả quyết rằng Chúa Jêsus chưa bao giờ tự gọi mình 'Con Đức Chúa Trời.' Ở đây (trong câu 64) Ngài *thể* rằng Ngài chẳng kém hơn."⁵¹

26:65-67 Caipe không bỏ qua điểm này. Chúa Jêsus đang ám chỉ đến lời tiên tri về Đấng Mesi trong Đanien: "Ta lại nhìn xem trong những sự hiện thấy ban đêm, này, có một người giống như Con Người đến với những đám mây trên trời; người tới đến Đấng thượng cổ và bị dẫn tới trước mặt Ngài." Phản ứng của thầy cả thượng phẩm chứng tỏ ông hiểu Chúa Jêsus tuyên bố mình ngang bằng Đức Chúa Trời (xem Giăng 5:18). Ông ta bèn **xé áo lễ lễ** của mình, một dấu hiệu cho thấy đó là lời chứng phạm thượng. Nhưng lời của ông, làm dấy lên phản nộ với Tòa Công Luận, thừa nhận Chúa Jêsus đã phạm tội. Khi được hỏi phán quyết của họ, Hội Đồng đã trả lời: "**Nó đáng chết.**"

26:68 Giai đoạn thứ hai trong cuộc xét xử đã kết thúc bằng việc các luật sư đánh và nhổ trên bị cáo. Sau đó khiêu khích Ngài dùng quyền phép với tư cách **Đấng Christ** để tìm xem ai là kẻ đã đánh Ngài. Toàn bộ thủ tục tố tụng không những không đúng pháp lý, mà còn mang tính vô luân, xúc phạm.

J. Phiêrô Chối Chừa Jêsus Và Nhắc tới Bể Cay (26:69-75)

26:69-72 Giờ tối tám nhất của Phiêrô đã đến. Khi ông đang ngồi ngoài sân, một cô gái đến gần, tố cáo ông là người cùng nhóm với Chúa Jêsus. Ông mạnh mẽ chối ngay: "**Ta không hiểu người nói chi.**" Khi đi ra ngoài cửa, có lẽ để tránh bị để ý thêm. Nhưng tại đó, một **đầy tớ gái khác** lại công khai phát hiện ông là người đã ở cùng Jêsus người **Naxarét**. Lần này ông **thề** rằng ông không biết **Người Đó**. "**Người Đó**" chính là Thầy của ông.

26:73,74 Một **chập nữa**, có mấy người đứng cạnh đó đến nói rằng: "**Chắc thật, người cũng thuộc về đảng ấy, vì tiếng nói của người khai người ra.**" Một lời phủ nhận đơn sơ không còn đầy đủ nữa; lần này ông quả quyết với lời thề và lời rủa: "**Ta không biết Người Đó đâu!**" Thời điểm quyết định khó chịu, **gà gáy**.

26:75 Âm thanh quen thuộc không những chỉ chọc thủng sự yên tĩnh của giấc ngủ sáng mà còn đâm thấu vào lòng Phiêrô. Người môn đồ tiêu tan lòng tự phụ này nhớ lại điều Chúa đã phán, **bèn đi ra và khóc lóc cách đấng cay**.

Đường như có một sự mâu thuẫn trong các sách Phúc Âm liên quan đến thời gian và số lượng những lần chối Chúa này. Mathiơ, Luca và Giăng, chép rằng Chúa Jêsus đã phàn: "Trước khi gà gáy, người sẽ chối Ta ba lần" (Mathiơ 26:34; cũng xin xem Luca 22:34; Giăng 13:38). Trong Mác, lời báo trước này là: "Trước khi gà gáy hai lượt, người sẽ chối Ta ba lần" (Mác 14:30).

Có lẽ đã có hơn một lần gà gáy, trong đêm, và một lần nữa vào lúc bình minh. Cũng có thể các sách Phúc Âm kỹ thuật ít nhất sáu lần chối Chúa khác nhau của Phierơ. Ông đã chối Đấng Christ ở trước mặt (1) một người nữ trẻ (Mathiơ 26:69,70; Mác 14:66,68); (2) một người nữ trẻ khác (Mathiơ 26:71,72; Mác 14:69,70); (3) đám đông đứng kể đó (Mathiơ 26:73,74; Mác 14:70,71); (4) một người nam (Luca 22:58); (5) một người nam khác (Luca 22:59,60), (6) một đầy tớ của thầy tế lễ cá (Giăng 18:26,27). Chúng ta tin rằng người sau cùng này khác với những người kia vì ông nói rằng: "Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?" Những người khác không được tả đã nói như vậy.

K. Phiên Xử Buổi Sáng Trước Tòa Công Luận (27:1,2)

Giai đoạn thứ ba của phiên xử tôn giáo diễn ra trước Tòa Công Luận vào buổi sáng. Không vụ xử nào được hoàn tất trong ngày vụ xử bắt đầu trừ trường hợp bị cáo được tha bổng. Một đêm được cho là đã trôi qua trước khi phán quyết được công bố "để cho

những cảm xúc thương xót có thể kịp dấy lên." Trong trường hợp này, những người lành đạo tôn giáo dường như có ý định đập tắt bất cứ cảm xúc nào của lòng thương xót. Tuy nhiên, bởi vì các phiên xử ban đêm không đúng qui định, họ đã triệu tập một phiên tòa buổi sáng để làm cho phán quyết của mình có giá trị pháp lý.

Dưới sự cai trị của người Lamã, giới lãnh đạo Dothài không có quyền thi hành án tử hình. Vì vậy, háy giờ chúng ta thấy họ vội vàng giao Chúa Jêsus cho Bôn-xơ Philát, thống đốc Lamã. Dấu ghét cay ghét đặng mọi điều thuộc về người Lamã, họ sẵn sàng "sử dụng" quyền lực của người Lamã để giải quyết một mối thù lớn hơn. Việc chống lại Chúa Jêsus đã liên kết những kẻ thù cay đắng nhất.

L. Sự Mối Mạ Và Sự Chết Của Giuda (27:3-10)

27:3,4 Nhận ra tội của mình vì đã nộp huyết vô tội, Giuda trao trả tiền lại cho các thầy tế lễ cả và các trưởng lão. Những kẻ chủ mưu này cách đây vài giờ sốt sắng hợp tác với ông nay từ chối có bất cứ dính líu gì trong vụ việc này. Đây là một trong những phần thương của sự phản bội. Giuda rất ân hận, nhưng đó không phải là sự ân hận theo ý Chúa dẫn đến sự cứu rỗi. Hối tiếc vì những hậu quả ông phải chuốc lấy vì tội ác của mình, ông vẫn không sẵn sàng công nhận Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa mình.

27:5 Trong cơn tuyệt vọng, Giuda ném bạc vào đền thờ, là nơi chỉ các thầy tế lễ được phép đi lại, rồi đi ra tự tử. Đối chiếu lời thuật chuyện này với

Công vụ 1:18, chúng ta kết luận rằng ông đã treo cổ trên cây, bởi vì dây đứt hoặc cành gãy khiến thi thể ông đã nhào xuống vực, làm đổ ruột.

27:6 Các thầy tế lễ cả, "thuộc linh" đến nỗi không cho phép đưa số tiền đó vào kho của đền thờ bởi đó là **giả của huyết**, họ chính là những kẻ phạm tội đã trả số tiền đó để Giuđa giao Đấng Mêsi cho họ. Điều này dường như không làm họ bận tâm. Đúng như Chúa đã phân, họ vừa sạch bên ngoài chén, nhưng bên trong thì đầy đầy lừa dối, phản bội và giết người.

27:7-10 Họ đã dùng số tiền ấy để mua một đám ruộng của kẻ làm đĩ gồm làm nơi chôn cất những khách lạ ngoại bang không tinh sạch, mà không ý thức rằng có biết bao lũ dân ngoại bang sẽ xâm lấn xứ sở của họ và làm cho máu tuông tóe trên các đường phố của họ. Kể từ đó, nơi này đã trở thành **Ruộng Huyết** cho dân tộc phạm tội này.

Các thầy tế lễ cả vô tình đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của Xachari rằng tiền chôn cất sẽ được dùng để mua bán với một người thợ gốm (Xachari 11:12,13) Khả lạ lùng, khúc Kinh Thánh trong Xachari này có một cách viết khác - "kho" thay cho "thợ gốm" (xem bản RSV).

Các thầy tế lễ vì thiện trong việc đưa tiền huyết vào trong kho nên họ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của một cách hiểu khác bằng cách gian tiện cho người thợ gốm để đổi lấy ruộng của ông ta. (Daily Notes of the Scripture Union).

Mathio qui lời tiên tri này cho **Giêrêmi**, dấu rõ ràng lời này đến từ Xachari. Có thể ông gọi lời trích dẫn này là từ Giêrêmi bởi vì sách tiên tri đó đứng đầu các cuộn sách tiên tri ông sử dụng, theo như trật tự cổ được giữ gìn trong rất nhiều các thủ bản Hybá và rất quen thuộc với lời truyền khẩu trong bộ luật Tamul. Một cách dùng tương tự xuất hiện trong Luca 24:44 là nơi sách Thi Thiên có tên tới toàn bộ phần thứ ba của bộ kinh điển Hybá này.

M. Chúa Jesus Ra Trước Mặt Philát Lần Thứ Nhất (27:11-14)

Sự phản nộ thật sự của dân Dothái đối với Chúa Jesus mang tính *tôn giáo*, và họ đã tiến hành xét xử Ngài trên cơ sở đó. Nhưng những lời buộc tội về tôn giáo không có trọng lượng đối với tòa án Lamã. Vì biết vậy, nên khi đưa Ngài ra trước Philát, họ đã trưng ra ba cái cớ về mặt chính trị để chống lại Ngài (Luca 23:2): (1) Ngài là một nhà cách mạng, đẩy lên mối đe dọa cho đế quốc Lamã(2) Ngài xúi dục chống không đóng thuế, vì vậy làm tổn hại đến sự thịnh vượng của đế quốc; (3) Ngài tự xưng là Vua, vì vậy đe dọa đến thế lực và địa vị của hoàng đế.

Trong Phúc Âm Mathio, chúng ta nghe Philát chất vấn Ngài về lời cáo tội thứ ba này. Ông hỏi có phải Ngài là **Vua dân Giuđa** chăng? Chúa Jesus đã trả lời Ngài là Vua. Điều này làm nổi lên một loạt sự lạm dụng và vô không từ giới lãnh đạo Dothái. Philát lấy làm lạ lắm trước sự yên lặng của bị cáo này. Ngài cũng không coi một lời cáo tội nào của họ là đáng trả lời.

Có lẽ từ trước đến giờ viên thống đốc chưa từng thấy người nào yên lặng trước những tấn công như vậy.

N. Chúa Giêsu Hay Baraba? (27:15-26)

27:15-18 Giới cầm quyền Lamã có lệ **thả một tên tù** Dothái vào kỳ Lễ Vượt Qua để xoa dịu người Dothái. Tù phạm hợp lệ ấy là **Baraba**, một người Dothái phạm tội dấy loạn và giết người (Mác 15:7). Là người nổi lên chống lại sự cai trị của Lamã, có lẽ ông được đồng bào ưa chuộng. Vì vậy khi Philát cho họ chọn giữa **Chúa Giêsu** và **Baraba**, họ đã gào lên Baraba. Viên thống đốc không ngạc nhiên, ông biết quan điểm của công chúng đã bị định khuôn phần lớn bởi các thầy tế lễ cả, là những người ghen ghét Chúa Giêsu.

27:19 Thủ tục xét xử bị gián đoạn trong giây lát bởi một sứ giả đến từ vợ Philát. Bà cố nài chống mình chấp nhận một chính sách không can thiệp liên quan đến Chúa Giêsu; bà đã có một **chiếm bao** hết sức kinh động về Ngài.

27:20-23 Đứng sau sân khấu, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão đang truyền đi lệnh miệng tha **Baraba** và cái chết của Chúa Giêsu. Vì vậy khi **Philát** hỏi dân chúng một lần nữa muốn tha ai, họ đã la lên đòi tha kẻ giết người. Bị mắc bẫy trong vấn đề phức tạp do sự không dứt khoát của chính mình, Philát đã hỏi: "**Vậy, còn Giêsu gọi là Christ, thì ta sẽ xử thế nào?**" Họ đồng tình đòi đóng đinh Ngài. Một thái độ không thể hiểu được đối với viên thống đốc. Vì sao lại đóng đinh Ngài? Ngài đã phạm tội gì?

Nhưng đã quá trễ để đòi sự cân nhắc thận trọng bình tĩnh; sự cuồng loạn của đám đông đã thống trị. Tiếng la vang rền: "**Đóng đinh nó trên cây thập tự!**"

27:24 Đối với **Philát**, rõ ràng dân chúng không thể xoa dịu được, cuộc bạo loạn sắp bắt đầu. Vì vậy ông lấy **nước rửa tay** trước mặt đám đông, tuyên bố mình vô tội về **huyết** của Bị Cáo. Nhưng nước sẽ không bao giờ xóa được tội của Philát vì sự thất bại nghiêm trọng nhất trong lịch sử của công lý.

27:25 Đám đông, quá điên cuồng, không còn lo nghĩ về tội lỗi, sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm "**Xin huyết Người lại để trên chúng tôi và con cái chúng tôi!**" Từ đó trở đi, dân Ysraên di tản từ khu Dothái đến các cuộc thăm sát, từ trại tập trung đến các phòng hơi ngạt, chịu đau khổ vì tội lỗi kinh khiếp bởi huyết Đấng Mêsê bị chối bỏ của họ. Họ vẫn phải đối diện với Kỳ Hoạn Nạn đáng sợ của Giacóp - bảy năm hoạn nạn đã được mô tả trong Mathiơ 24 và Khái Huyền 6-19. Sự rửa sạch vẫn còn cho đến khi nào họ thừa nhận Chúa Giêsu đã bị chối bỏ là Đấng Mêsê - Vua của họ.

27:26 Philát đã **tha Baraba** cho dân chúng, và tinh thần của Baraba đã thống trị thế giới kể từ đó. Kẻ giết người vẫn được đưa lên ngôi; vị Vua công bình bị khước từ. Kế đó, theo thông lệ, Đấng bị kết án phải chịu **đánh đòn**. Một chiếc roi da lớn với những mảnh kim loại sắc được gắn vào đó quất xuống ngang dọc trên lưng Ngài. Mỗi lần roi làm rách thịt và

những dòng máu tràn ra. Bấy giờ viên thống đốc nhu nhược không còn gì phải làm ngoài việc giao Chúa Jêsus cho các tên lính để đóng đinh.

B. Các Tên Lính Nhạo Báng Chúa Jêsus (27:27-31)

27:27,28 Lính của quan tổng đốc bèn đem Đức Chúa Jêsus vào dinh của quan tổng đốc và nhóm cả cơ binh vây lấy Ngài - có lẽ hàng trăm người. Điều tiếp theo thật khó mà hình dung! Đáng Tạo Hóa và Đáng Bảo Tồn vũ trụ phải chịu những sự sỉ nhục không tả xiết từ những tên lính hung bạo, thô bỉ - những tạo vật tội lỗi không xứng đáng của Ngài. Họ cởi áo Ngài ra, lấy áo điều mà khoác cho Ngài, để giả chiếc áo choàng của vị vua. Nhưng chiếc áo ấy có một sự điệp cho chúng ta. Bởi vì máu đỏ liên tưởng đến tội lỗi (Êsai 1:18), tội ưa nghĩ đến chiếc áo ấy mô tả tội lỗi của tôi đặt trên mình Chúa Jêsus hầu cho chiếc áo công nghĩa của Đức Chúa Trời được mặc trên tôi (II.Côrinthô 5:21).

27:29,30 Họ đương một cái mào gai và đội trên đầu Ngài. Nhưng vượt trên sự nhạo báng thô bạo của họ, chúng ta hiểu rằng Ngài đã đội *chiếc mào gai để chúng ta được đội mào vinh hiển*. Họ nhạo báng Ngài như là Vua của Tội lỗi; chúng ta thờ phượng Ngài là Chúa Cứu Thế Jêsus của tội nhân.

Họ cũng trao cho Ngài một cây sậy vương trượng để nhạo báng. Họ không biết bàn tay giữ cây sậy chính là bàn tay cai trị thế giới này. Bàn tay đã bị đóng đinh của Chúa Jêsus hiện

nay đang giữ chiếc vương trượng thống trị vũ trụ.

Họ quỳ trước mặt Ngài và xưng Ngài là Vua dân Giuđa. Chưa thỏa mãn với điều đó, họ nhả trên mặt của Con Người trọn vẹn duy nhất đã từng sống trên đất, rồi lấy cây sậy đánh đầu Ngài.

Chúa Jêsus chịu tất cả những điều đó cách nhịn nhục; Ngài không nói một lời nào. "Vây, anh em hãy nghĩ đến Đấng đã chịu sự đối nghịch của kẻ tội lỗi đường ấy, hầu cho khỏi bị mới một sơn lông" (Hêbơơ 12:3).

27:31 Cuối cùng, họ mặc áo của Ngài lại, rồi đem Ngài đi đóng đinh trên cây thập tự.

P. Sự Đóng Đinh Vua (27:32-44)

27:32 Chúa chúng ta đã vác thập tự giả Ngài phần lớn đoạn đường (Giăng 19:17). Sau đó, những binh lính bắt một người tên là Simôn (từ thành Siren ở Bắc Phi) phải mang thập tự hình thay cho Ngài. Một số người cho rằng ông ta là người Do thái; người khác cho ông ta là một người da đen. Điều quan trọng là ông ta đã được đặc ân tuyệt vời mang cây thập tự.

27:33 Gôgôtha theo tiếng Aram là "cái sọ." Gôgôtha là cách dịch Latinh được Anh hóa của từ Hy Lạp *kranion*. Có lẽ khu vực này có hình giống như một cái sọ hoặc được mang tên này vì đó là nơi hành hình. Địa điểm không rõ.

27:34 Trước khi Ngài bị đóng đinh, các tên lính đã đưa cho Ngài rượu trộn với mật đắng được dùng cho các tội phạm bị án như một thứ thuốc có chứa á phiện làm giảm đau. Chúa

Jésus đã từ chối nhận lấy. Bởi vì Ngài cần phải mang trọn gánh nặng tội lỗi của loài người không giảm bớt cảm giác, không suy kém nổi đau.

27:35 Mathiô mô tả sự đóng đinh đơn giản và không cảm xúc. Ông không chịu theo nghệ thuật kịch; cách viển vông của nghệ viết báo gây xúc động, hoặc chìm trong những chi tiết thấp hèn. Ông chỉ nói sự thật: **Rồi thì họ đã đóng đinh Ngài.** Song cả cõi đời đời sẽ không đọc cạn hết sự sâu nhiệm của những lời ấy.

Như đã được tiên tri trong Thi Thiên 22:18, các tên lính đã **chia nhau áo xống Ngài... và bấu thăm áo dài của Ngài.** Đó là tất cả tài sản trên đất của Ngài. Denney nói rằng: "Cuộc đời toàn hảo đã từng sống trên thế gian này chính là đời sống của Ngài, Đấng không sở hữu gì cũng không để lại gì trừ bộ áo quần Ngài đã mặc."

27:36 Những tên lính đại diện cho thế giới của những con người tầm thường. Dường như họ không ý thức lịch sử đang được ghi chép. Nếu biết, họ sẽ không *ngồi đó canh giữ*; mà sẽ *quy xuống thờ lạy*.

27:37 **Phía trên đầu** của Đấng Christ họ đã ghi danh hiệu này: **NGƯỜI NÀY LÀ JÉSUS, VUA DÂN GIUDA.** Diễn đạt chính xác của lời được viết lên trên đó hơi thay đổi trong bốn sách Phúc Âm.⁵² Mác viết rằng: "Vua dân Giuda" (15:26); Luca thì viết: "Người này là Vua dân Giuda" (23:38); còn Giăng: "Jésus người Naxarét, Vua dân Giuda" (19:19). Các thầy tế lễ cả đã phán đoán, theo họ, danh hiệu này không nên viết như

một lời tuyên bố sự thật mà chỉ là lời tự xưng của Bị Cáo. Tuy nhiên, Philát đã bác bỏ đề nghị của họ; sự thật đã ở đó để mọi người đều nhìn thấy - bằng tiếng Hybá, tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp (Giăng 19:19-22).

27:38 Con Đức Chúa Trời vô tội bị đặt giữa hai tên trộm cướp hai bên, không phải Êsai đã cốt tiên tri bảy trăm năm trước rằng Ngài đã bị kể vào hàng kẻ dữ (53:12) sao? Thoạt đầu, cả hai tên trộm cướp đều buông ra những lời xúc phạm và lảng nhục Ngài (c.44). Nhưng một người đã ăn năn và được cứu kịp thời; chỉ vài giờ sau, anh đã ở với Đấng Christ trong Paradi (Luca 23:42,43).

27:39,40 Nếu thập tự giá bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời, thì nó cũng bày tỏ sự bại hoại của con người. Những kẻ đi qua đứng lại lâu đủ để nhạo báng Đấng Chân Chiên vì Ngài đã chết cho bảy chiên "**Người là kẻ phá đến thờ và đứng lại trong ba ngày, hãy cứu lấy mình đi! Nếu người là Con Đức Chúa Trời, hãy xuống khỏi cây thập tự đi.**" Đây là lối nói của kẻ vô tin theo chủ nghĩa duy lý. "Hãy cho chúng tôi xem, chúng tôi sẽ tin." Đây cũng là lối nói của thần học tự do. "Hãy xuống khỏi cây thập tự nói cách khác, hãy cất bỏ sự sỉ nhục của thập tự giá, thì chúng tôi sẽ tin." William Booth nói rằng: "Họ bảo sẽ tin nếu Ngài xuống khỏi cây thập tự; còn chúng ta tin bởi vì Ngài cứ ở trên cây thập tự".

27:41-44 Các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão cùng hòa nhập trong điệp khúc ấy.

Với sự hiểu biết không có chủ ý, họ la lên: "Nó đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được." Họ coi đó như một lời nhạo báng; còn chúng ta thì sửa đổi nó lại như một bản thánh ca ngợi khen.

*Chính Ngài không thể cứu Ngài.
Ngài phải chịu chết trên thập tự.
Nếu không, sự tương xét không
đến đâu*

*Với những tội nhân lưu lạc;
Phải. Đấng Christ Con Đức
Chúa Trời phải đổ huyết,
Để tội nhân được hưởng tha khỏi
tội lỗi.*

- Albert Midlane

Điều này đúng với đời sống của Chúa và cũng đúng với đời sống của chúng ta. Chúng ta không thể cứu người khác trong khi mãi tìm cách cứu chính mình. Giới lãnh đạo tôn giáo đã nhạo báng lời xưng nhận Đấng Cứu Thế của Ngài, Ngài xưng mình là Vua Ysraên, Ngài xưng mình là Con Đức Chúa Trời. Ngay cả những tên trộm cướp cũng hiệp với họ nhấc nước Ngài. Giới lãnh đạo tôn giáo đã liên kết với các tội phạm để phỉ báng Đức Chúa Trời của họ.

Q. Ba Giờ Tối Tam (27:45-50)

27:45 Tất cả những đau đớn và sự sỉ nhục Ngài đã chịu bởi tay con người là còn kém so với những gì hấy giờ Ngài phải đối diện. Từ giờ thứ sáu (trưa) đến giờ thứ chín (3 giờ chiều), không những khắp cả xứ Palestine, mà trong linh hồn thành khiết của Ngài đều tối tăm mù mịt. Chính trong thời điểm đó, Ngài đã gánh lấy sự rửa sả không tả xiết vì tội lỗi chúng ta. Trong

ba giờ đó, địa ngục dồn nén lại, những gì chúng ta đang phải chịu, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng mọi sự gian ác của chúng ta. Chúng ta chỉ hiểu điều đó một cách mù mịt; chúng ta hoàn toàn không thể biết điều có ý nghĩa đối với Ngài để làm thỏa mãn tất cả những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi. Chúng ta chỉ biết rằng trong ba giờ đó, Ngài đã trả giá, để giải quyết món nợ, làm trọn công việc cần thiết để cứu chuộc con người.

27:46 Ước chứng ba giờ chiều, Đức Chúa Jêsus kêu tiếng lớn lên rằng: "Đức Chúa Trời ơi, Đức Chúa Trời ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?"

Câu trả lời được tìm thấy trong Thi Thiên 22:3: "... Chúa là thánh, ngự giữa sự ngợi khen của Ysraên." Bởi vì Đức Chúa Trời là thánh khiết, Ngài không thể bỏ qua tội lỗi. Trái lại Ngài phải hình phạt tội lỗi. Đức Chúa Jêsus không phạm tội, nhưng đã gánh lấy tội lỗi của chúng ta trên chính mình Ngài. Khi Đức Chúa Trời là Đấng Phán Xét, nhìn xuống và thấy tội lỗi chúng ta chất trên Đấng Thay Thế vô tội, Ngài đã rút khỏi Đức Chúa Con tình yêu của Ngài. Đó chính là sự phân cách quân thất trong lòng Chúa Jêsus mà bà Browning đã gọi rất hay "Tiếng kêu khóc của Emmanuel mở cõi."

*Bị bỏ rơi! Đức Chúa Trời tha
phán rẽ với chính bản thể của Ngài
Tội lỗi của Adam đã trải ra giữa
Đức Chúa Con công bình với Đức
Chúa Cha.*

*Nhưng, đã có một lần, tiếng kêu
khóc của Đấng Emmanuel mở cõi*

*Vũ trụ của Ngài đã rung động –
từng khúc vọng lên, đam mê, không
một lời đáp tương xứng:*

*"Đức Chúa Trời tốt ơi, Ngài đã
tử hóa tôi."*

- Elizabeth Barrett Browning

27:47,48 Khi Đức Chúa Jê-sus kêu
lên: "Ê-li, Ê-li..." có mấy người đứng
đó nói rằng Ngài kêu Ê-li, không biết
họ thật sự nhầm lẫn các tên hay chỉ
muốn nhạo báng, chúng ta không rõ.
Một người dùng cây sậy dài để đưa
một miếng bông đã thấm đầy máu
đến miệng Ngài. Theo Thi Thiên
69:21, đây không phải là một hành
động với ý định thương xót mà chỉ là
hình thức làm đau đớn thêm.

27:49 Thái độ chung là chờ đợi và
coi như Ê-li có làm thành vai trò truyền
thống Do-thài được qui cho ông hay
không - đến để giúp kẻ công bình.
Nhưng đây không phải là lúc Ê-li đến
[Malachi 4:5] mà là thời điểm Chúa
Jê-sus phải chịu chết.

27:50 Khi Ngài kêu lên một tiếng
lớn nữa, thì Ngài trút linh hồn. Tiếng
kêu lớn chứng tỏ Ngài đã chết trong
manh mê, không phải trong sự yếu
đuối. Sự kiện Ngài trút linh hồn phân
biệt cái chết của Ngài với tất cả
những người khác. Chúng ta chết vì
phải chết; Ngài chết vì Ngài đã chọn
để chết. Há không phải Ngài đã phán
ràng: "Ấy vì Ta phó sự sống mình, để
được lấy lại. Chẳng có ai cất sự sống
Ta đi, nhưng tự Ta phó cho; Ta có
quyền phó sự sống và có quyền lấy
lại" (Giăng 10:17,18) sao?

Đấng Đáng Nên Vũ Trụ

*Là Người thay thế cho người, đã
nên sự cứu rỗi:*

*Ngài đã trả giá tận cùng cho
những đòi hỏi của những luật Ngài
đã lập*

*Ngón tay thành của Ngài đã làm
nên cây*

*Với những chiếc gai mọc lên
người ta đem đặt lên trán Ngài.*

*Những cây đinh đã đâm thấu bàn
tay Ngài đào tít trong mô*

*Trong những nơi bí mật mà Ngài
đã định:*

*Ngài làm những khu rừng tử địa
mọc lên*

cây mà thân Ngài bị treo

*Ngài đã chết trên thập tự giá
hùng vĩ.*

*Nhưng ngọn đui trên đó cây gỗ
đứng, Ngài đã làm*

*Bầu trời tối tăm bao phủ trên
đầu Ngài*

Đã được Ngài giương ra trên đất

Mặt trời ẩn mặt nó khỏi Ngài

*Bởi lệnh của Ngài đã xuất hiện
trong khoảng không.*

*Ngón giáo làm đổ tuyết bên
Ngài*

*Đã được rên trong lửa của Đức
Chúa Trời.*

Ngón mũi để đất thì thế Ngài

*Được dự trong đá tay Ngài đã
làm nên:*

*Chiếc gai trên đó bấy giờ Ngài
có hiện ra*

Là của Ngài từ các năm đời đời :

*Nhưng sự vinh hiển một đời trên
trái Ngài,*

*Và mọi đầu gối sẽ quỳ trước
Ngài.*

- F.W. Pitt

B. Bức Màn Bị Xé (27:51-54)

27:51 Vào lúc Ngài trút hồn, bức
màn dột nặng nề phân đôi hai gian
chức trong đền thờ bị xé ra bởi một

bàn tay vô hình từ trên chỉ dưới. Trước đó, bức màn này dùng để ngăn tất cả mọi người, trừ thầy tế lễ thượng phẩm, khỏi nơi chi thánh, là nơi Đức Chúa Trời ngự. Chỉ có một người có thể hươc vào đền thánh trong, và người ấy chỉ được vào đó mỗi năm một lần.

Theo Hêbơr, chúng ta biết rằng bức màn tượng trưng cho thân thể Đức Chúa Jêsus. Bức màn bị xé ra mô tả việc phò dâng thân thể Ngài qua sự chết. Bởi sự chết Ngài, chúng ta "được dọn dĩ vào nơi rất thánh, bởi đường mới và sống mà Ngài đã mở ngang qua cái màn, nghĩa là ngang qua xác Ngài" (Hêbơr 10: 19,20). Bấy giờ người tín đồ thấp hèn nhất có thể bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời qua sự cầu nguyện và ngợi khen bất cứ lúc nào. Nhưng chúng ta đừng bao giờ quên rằng đặc ân ấy đã được mua cho chúng ta với một giá rất đắt bởi huyết Đức Chúa Jêsus.

Sự chết của Con Đức Chúa Trời cũng đem lại những biến động lớn trong tự nhiên - như thể đã có một sự thương cảm giữa các tạo vật vô tri vô giác với Đấng Tạo Hóa mình. Có một trận động đất làm đá lớn bể và nhiều mỏ mở ra.

27:52,53 Nhưng phải lưu ý rằng mãi sau khi Chúa Jêsus phục sinh, những người nằm trong các ngôi mộ đó mới sống lại: và đi vào thành Giêrusalem, là nơi họ hiện ra cho nhiều người. Kinh Thánh không nói các thành đó sống lại này chết trở lại hoặc cùng với Chúa Jêsus lên thiên đàng.

27:54 Những chấn động lạ thường của tự nhiên đã thuyết phục **đội trưởng Lamã** và người của ông tin rằng Chúa Jêsus là **Con của Đức Chúa Trời** (mặc dù không có mạo từ xác định theo tiếng Hy Lạp trước chữ Con Đức Chúa Trời, thứ tự của từ đã xác định điều đó).⁵³ Viên **đội trưởng** muốn nói gì? Liệu đây có phải là một lời xưng nhận đầy đủ Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa, hay công nhận rằng Chúa Jêsus hơn con người? Chúng ta không biết chắc. Nhưng điều này thật sự cho thấy cảm nhận kính sợ thật sự và việc nhận biết rằng những điều xáo trộn của tự nhiên phần nào có liên hệ đến sự chết của Chúa Jêsus chứ không liên hệ đến cái chết của những người cùng bị đóng đinh với Ngài.

S. Những Người Nữ Trung Tín (27:55,56)

Sự đề cập đặc biệt được đưa ra về những người đàn bà đã trung tín giúp đỡ cho Chúa, là những người **đã theo** Ngài suốt chặng đường từ **Galilê** đến Giêrusalem. **Marí Maddên, Mari mẹ của Giacô và Giôxép**, và **Salômê**, vợ của Xêhêđê đều đã có mặt ở đó. Sự tận hiến không sợ sệt của những người đàn bà này nổi bật với vẻ rực rỡ đặc biệt. Họ vẫn ở cùng Đấng Christ khi những môn đồ nam đã bỏ chạy để cứu lấy mạng sống mình.

E. Sự Chôn Cát Trong Mộ Của Giôxép (27:57-61)

27:57,58 Giôxép người **Arimathê**, một người giàu có và là thành viên của Tòa Công Luận không đồng tình với quyết định của Hội Đồng giao Chúa Jêsus cho Philát (Luca 23:51).

Cho đến thời điểm này, ông vẫn còn là một môn đồ **kín giấu**, giờ đây, ông đã buông sự thận trọng theo gió. Ông mạnh dạn đến gặp **Philát** và xin phép được chôn cất Chúa mình. Chúng ta hãy cố hình dung sự ngạc nhiên đối với Philát và sự khiêu khích đối với người Dothái, một thành viên trong Tòa Công Luận đã công khai đứng về phía kẻ bị đóng đinh. Về ý nghĩa nào đó, Giôsép thực sự đã chôn cất chính mình, về mặt kinh tế, về mặt xã hội và về mặt tôn giáo, khi chôn cất xác Chúa Jêsus. Hành động này đã mãi mãi phân biệt ông với tập đoàn của những kẻ đã giết Chúa Jêsus.

27:59,60 Philát cho phép và **Giôsép** đã tận liệm thi hài Chúa một cách triu mến bằng cách **học xác trong tấm vải liệm trắng**, để các hương liệu giữa các lớp vải liệm. Sau đó ông **đặt xác vào trong phần mộ mới** của mình, đã đục trong đá. Cửa mộ được đóng bởi **một hòn đá lớn**, có hình như cối xay đá và gờ của nó nằm trong rãnh cũng được đục từ đá.

Nhiều thế kỷ trước, Êsai đã nói tiên tri rằng: "Người ta đã đặt mộ Người với những kẻ ác, nhưng khi chết, Người được chôn với kẻ giàu" (53:9). Kế thù của Ngài chắc chắn đã lên kế hoạch ném xác Ngài vào trong trùng Hinnom để bị ngọn lửa của hố rác tiêu hủy hoặc bị chôn cất ảm. Nhưng Đức Chúa Trời đã gạt bỏ kế hoạch của họ, Ngài đã dùng Giôsép để bảo đảm rằng Ngài được chôn với **kẻ giàu**.

27:61 Sau khi Giôsép đã đi rồi, **Mari Mađalen** và mẹ của Giacô và

Giăng ở lại để canh thức **đối ngang huyết**.

U. Ngồi Mộ Đứng Canh Giữ (27:62-66)

27:62-64 Ngày thứ nhất của kỳ Lễ Vượt Qua được gọi là **Ngày Sấm Sờ**, ngày Chúa chịu đóng đinh. Đến ngày mai, **các thầy tế lễ cả và người Pharisi** bốn chốn lo lắng. Vì nhớ lại những gì Chúa Jêsus đã phán về việc Ngài sẽ sống lại, họ đến gặp Philát và yêu cầu một đội lính gác đặc biệt đóng ở tại mộ. Điều này được hiểu là để ngăn ngừa các môn đồ của Ngài khỏi lấy cắp xác của Ngài để tạo ấn tượng rằng Ngài đã sống lại. Họ sợ rằng nếu điều này xảy ra, **sự gian dối sau sẽ tệ hơn sự gian dối trước**; có nghĩa là lời đồn đãi liên quan đến sự sống lại của Ngài sẽ tệ hại hơn là việc Ngài xưng là Đấng Mêsi và Con Đức Chúa Trời.

27:65,66 Philát trả lời rằng: "**Các người có linh canh; hãy đi canh giữ theo ý các người.**" Câu này có lẽ hàm ý một đội lính gác Lamã đã giao cho họ rồi, hoặc có lẽ hàm ý "Yêu cầu của các người được chấp nhận. Bây giờ ta sẽ chỉ định một đội lính gác cho các người." Có sự mùa mai trong giọng của Philát không khi ông nói "**Hãy đi canh giữ theo ý các người?**" Họ đã làm hết sức mình, họ niêm phong tảng đá và đặt linh canh giữ, nhưng các biện pháp an toàn tốt nhất của họ vẫn chưa tốt đủ. Unger nói rằng:

Những sự thận trọng mà các kẻ thù của Ngài đã thực hiện để "lìm cho huyết mộ trở nên chắc chắn, niêm phong mộ và đặt linh canh." 62-64 chỉ dẫn đến việc Chúa gạt bỏ

*các kế hoạch của kẻ ác và trong ra bằng chứng không thể tranh cãi được về sự sống lại của vị Vua.*⁵⁴

XV. CHIẾN THẮNG CỦA VỊ VUA (đoạn 28)

A. Ngồi Mộ Trống Và Cửa Chứa Phục Sinh (28:1-10)

28:1-4 Trước bình minh vào sáng Chúa Nhật, hai Mari đã đến thăm mộ. Khi họ đến nơi, đất rùng động dữ dội. Một thiên sứ... từ trời đến, lăn hòn đá ra khỏi cửa mộ và ngồi ở trên. Các lính canh Lamã, bị kinh khiếp bởi ánh sáng chói lọi này được bao phủ bởi ánh sáng trắng lấp lánh, đã ngất xỉu.

28:5,6 Thiên sứ quả quyết với các bà rằng họ không phải sợ gì cả, Đấng họ tìm kiếm đã sống lại rồi, như lời Ngài đã hứa. "Hãy đến xem chỗ Ngài đã nằm." Hòn đá đã được lăn đi, không phải để cho Chúa bước ra, mà để cho những người đàn bà nhìn thấy Ngài đã sống lại.

28:7-10 Kế đó thiên sứ nhân danh Ngài truyền cho những người đàn bà hãy đi mau để thông báo tin về vang cho các môn đồ Ngài. Chúa đã sống lại và sẽ gặp họ ở tại Galilê. Sau khi đã công bố tin tức, họ quay trở lại ngôi mộ trống. Chính lúc ấy, Chúa Jêsus đã hiện ra với họ, chào mừng họ bằng câu: "Mừng các người!"⁵⁵ họ đáp ứng bằng cách phục dưới chân Ngài và thờ lạy Ngài. Sau đó Ngài đích thân ủy thác cho họ phải đi báo cho các môn đồ rằng họ sẽ gặp Ngài ở tại Galilê.

B. Các Người Liab Bị Mua Chuộc Bé Nói Dối (28:11-15)

28:11 Ngay khi hồi tỉnh lại, mấy lính canh ngược ngặp đến gặp

các thầy tế lễ cả để tiết lộ tin tức. Họ đã thất bại trong nhiệm vụ được giao! Ngôi mộ đã trống không!

28:12,13 Thật dễ hình dung nỗi khiếp đảm của giới lãnh đạo tôn giáo. Các thầy tế lễ tổ chức một buổi họp mặt với các trưởng lão để vạch ra chiến thuật của họ. Trong cơn tuyệt vọng, họ đã mua chuộc những tên lính để rao ra lời bịa đặt kỳ quái rằng trong lúc các tên lính canh ngủ, môn đồ đã đến lấy trộm xác Chúa Jêsus.

Lời giải thích này làm dấy lên nhiều thắc mắc hơn là giải đáp. Vì sao binh lính lại ngủ trong khi phải canh gác? Làm sao các môn đồ có thể lén đi tàng đá mà không làm họ thức dậy? Làm thế nào mà tất cả các lính đều ngủ say cùng một lúc? Nếu họ đang ngủ, làm thế nào họ biết các môn đồ đã đến lấy trộm xác? Nếu câu chuyện này là thật, thì tại sao các tên lính lại được cho tiền để đôn ra? Nếu các môn đồ đã lấy trộm xác Chúa thì làm sao họ có thời gian để tháo các tấm vải liệm và cuộn khăn liệm trùm đầu lại? (Luca 24:12; Giăng 20:6, 7).

28:14 Thật ra các tên lính đã được trả tiền để thuật một câu chuyện kết tội chính mình; ngủ khi đi hành phận sự là bị hình phạt chết theo luật Lamã. Vì vậy giới lãnh đạo Dothái đã phải hứa can thiệp cho họ nếu như câu chuyện này **thấu tai quan tổng đốc**.

Tòa Công Luận biết rằng trong khu lế thật này tự chứng minh, một lời nói dối đã phải được hậu thuẫn bởi nhiều người nói dối khác.

28:15 Tuy nhiên lời đồn đại hoang đường ấy vẫn còn trong vòng nhiều

người Giuđa cho đến ngày nay, cũng như giữa vòng dân ngoại. Còn có những lời hoang đường khác. Wilbur Smith đã tóm tắt hai trong số đó:

1. *Trước hết, có người cho rằng những người dân bà đã đến nhằm mộ Hủy ngũ về diễn này trong giây lát, bạn có nhằm mộ người thân yêu nhất của mình giữa buổi chiều thứ sáu với buổi sáng Chúa Nhật không? Hơn nữa đây không phải là nghĩa trang của Giôxép người Arimathe. Đây là khu vườn riêng của ông, không có một ngôi mộ nào khác ở đó.*

Bây giờ, hãy cho là có các ngôi mộ khác nữa, là diễn không có, và giá sẽ những người dân bà với cặp mắt đăm đăm đã loạng choạng và vào nhằm mộ. Phái, cứ cho như vậy đối với những người dân bà. Nhưng Simôn Phiêrô và Giăng, hai người đánh cá, những con người cứng rắn, không khóc cũng đến nhằm mộ và tìm thấy ngôi mộ trống không. Bạn có nghĩ họ đi nhằm mộ không? Nhưng hơn thế nữa, khi đã vào trong mộ và thấy mộ trống, còn có một thiên sứ phán rằng: "Ngài không ở đây nữa, Ngài sống lại rồi. Hãy đến xem chỗ Ngài đi nằm." Bạn nghĩ thiên sứ cũng vào nhằm mộ làm chàng? Tuy nhiên, đừng quên rằng, chính những người thông thái đã đặt ra những lý luận đó. Thật là một lý thuyết vô nghĩa!

2. *Những người khác cho rằng Chúa Jesus không chết, mà chỉ ngủ đi, rằng Ngài đã hồi tỉnh bằng cách nào đó trong ngôi mộ ẩm ướt và đi ra. Người ta dùng một hòn đá lớn để chặn cửa mộ, hòn đá này được ném phồng bằng những con đũa của giới*

cầm quyền La mã. Không ai bên trong ngôi mộ có thể lăn hòn đá trở lại khi nó đã lăn xuống đường dốc và khớp vào trong rãnh. Người không ra khỏi mộ như một con người thông tại xanh xao.

Lẽ thật đơn giản là sự Phục Sinh của Đức Chúa Jesus là một sự thật được chứng thực đầy đủ trong lịch sử. Ngài đã tỏ mình sống cho các môn đồ sau khi chịu khổ bởi nhiều bằng chứng không thể sai lầm được. Hãy nghĩ đến những trường hợp cụ thể sau đây khi Ngài hiện ra:

1. Với Mari Madolen (Mác 16:9-11).

2. Với những người dân bà (Mathiô 28:8-10).

3. Với Phiêrô (Luca 24:34).

4. Với hai môn đồ trên đường đến Emmau (Luca 24:13-32).

5. Cho các môn đồ, trừ Tôma (Giăng 20:19-25).

6. Cho các môn đồ, có cả Tôma (Giăng 20:26-31).

7. Cho bảy môn đồ bên hồ Galilê (Giăng 21).

8. Cho hơn 500 tín đồ (1 Côrinthô 15:7).

9. Cho Giacô (1 Côrinthô 15:7).

10. Cho các môn đồ trên núi Ôlive (Công vụ 1:3-12).

*Một trong những viên đá nền tảng lớn nhất, không hề rung động và bất di bất dịch của đức tin Cơ Đốc của chúng ta, đó là bằng chứng lịch sử về sự sống lại của Đức Chúa Jesus Christ. Tại đây, bạn và tôi có thể đứng vững và chiến đấu cho đức tin, bởi vì chúng ta có một tình huống không thể bác bỏ được. Điều đó có thể bị con người chối bỏ, chứ không thể nào chứng minh lại sai được.*⁵⁰

C. Đại Mạng Lệnh (28:16-20)

28:16,17 Tại xứ Galilê, Chúa Jêsus phục sinh đã hiện ra với các môn đồ Ngài trên một ngọn núi không tên. Đây là lần hiện ra giống như lần được kỳ thuật trong Mác 16:15-18 và I.Côrinthô 15:6. Thật là một sự tái hợp tuyệt vời! Những đau đớn của Ngài mãi mãi đã qua đi. Bởi vì Ngài đã sống, họ cũng sẽ sống. Ngài đứng trước mặt họ trong thân thể đã được vinh hiển. Họ thờ phượng một Đức Chúa Trời yêu thương, hàng sống, mặc dầu những nghi ngờ vẫn còn ẩn khuất đâu đó trong tâm trí một số người.

28:18 Kế đó, Chúa giải thích rằng **hết thảy quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho Ngài**. Về một phương diện, tất nhiên, Ngài vẫn luôn có mọi uy quyền. Nhưng ở đây Ngài muốn nói đến quyền phép với tư cách là Đầu của tạo vật mới. Bởi sự chết và sự sống lại, Ngài có quyền ban sự sống đời đời cho hết thảy những ai Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài (Giăng 17:2). Ngài vẫn luôn có quyền phép với tư cách trái đầu mùa của muôn vật. Nhưng bây giờ Ngài đã làm trọn công tác cứu chuộc, Ngài có quyền với tư cách trái đầu mùa từ trong kẻ chết - "Hầu cho trong mọi vật, Ngài đứng đầu hàng" (Cô-lôse 1:15,18).

28:19,20 Với tư cách là Đầu của tạo vật mới, Ngài ban hành Đại Mạng Lệnh, bao gồm "những trật tự hiện hành" cho tất cả những người tin Chúa trong giai đoạn hiện tại của Nước Trời - thời gian ở giữa giai đoạn

chối bỏ vị Vua và Sự Trở Lại Lần Thứ Hai của Ngài.

Sứ mạng bao gồm ba mạng lệnh, chứ không phải là những đề xuất.

1. "Vậy hãy đi dạy dỗ muôn dân."

Câu này không giả định sự hoán cải của cá thể giới. Bằng cách rao giảng Phúc Âm, các môn đồ phải chứng kiến người khác trở thành người học tập hoặc đi theo Chúa Cứu Thế - từ mọi quốc gia, bộ tộc, chủng tộc và thứ tiếng.

2. Làm phép báp têm "cho họ như danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh." Trách nhiệm này trên các sứ giả của Đấng Christ là phải dạy dỗ phép báp têm và nhấn mạnh điều này như một mạng lệnh phải được tuân giữ. Trong phép báp têm của người tin Chúa, Cơ Đốc Nhân công khai kể mình là một với Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Họ thừa nhận rằng Đức Chúa Trời là Cha của họ, Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa họ và Đức Thánh Linh là Đấng ngự trị, ban quyền năng và dạy dỗ họ. **Danh** trong câu 19 là số ít, một danh hoặc một bản thể, song có ba thân vị - **Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh**.

3. Dạy "họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các người." Sứ mạng này vượt xa công tác truyền giảng; chỉ giúp họ qui đạo thôi rồi để họ tự nuôi mình là chưa đủ. Họ phải được dạy để vâng giữ tất cả các mạng lệnh của Đấng Christ trong Tân Ước. Bản chất của việc môn đệ hóa là trở nên giống như Thầy, điều này được thực hiện bởi: sự giảng dạy có hệ

thống lời Chúa và sự vâng giữ lời Chúa.

Kể đó, Chúa Cứu Thế ban thêm một lời hứa về sự hiện diện của Ngài với các môn đồ cho đến tận thế. Họ không phải ra đi một mình không được trợ giúp. Trong mọi sự hầu việc và đi lại của mình, họ biết có sự đồng hành của Con Đức Chúa Trời.

Hãy để ý bốn chữ "hết thầy" đi liền với Đại Mạng Lệnh: **Hết cả quyền phép, hết cả các dân tộc, hết thầy mọi sự, luôn luôn.**

Như vậy sách Phúc Âm này đã kết thúc với sứ mạng và lời an ủi đến từ Chúa vinh hiển của chúng ta. Gần hai mươi thế kỷ về sau, những lời của Ngài vẫn có cùng sức thuyết phục, cùng tính xác đáng và cùng sự ứng dụng. Công tác này vẫn chưa hoàn tất.

Chúng ta phải làm gì để thực hiện mạng lệnh sau cùng của Ngài?

CHÚ THÍCH

¹{1:1} *Giêhôva* là hình thức Anh hóa của tên Hybá *Yahweh*, theo truyền thống được dịch là "ĐỨC GIÊHÔVA". Đối chiếu tính huống tương tự với *Jesus*, hình thức Anh hóa của từ Hybá *Yeshua*.

²{4:2,3} Thể loại câu điều kiện thứ nhất, dùng *ei* với lối trình bày. Có thể được diễn ý là: "Nếu, và Ta thừa nhận điều đó, Người là Con Đức Chúa Trời" hoặc "bởi vì Người là Con Đức Chúa Trời."

³{Excursus} "Định kỳ" là sự quản lý hay quyền quản trị. Mô tả các nguyên tắc Chúa dùng liên hệ đến dòng dõi con người ở bất cứ thời điểm đặc biệt nào trong lịch sử. Từ này

không có nghĩa là một khoảng thời gian *per se* mà là chương trình của Đức Chúa Trời trong bất cứ thời kỳ nào. Cách dùng tương tự được thấy khi chúng ta nói về cách quản trị của ông Reagan, cho thấy các chính sách của tổng thống Reagan theo sau các năm chức vụ của ông.

⁴{5:13} Albert Barnes, Notes on the New Testament, Mathew and Mark, trang 47.

⁵{5:22} Bản phê bình (với tên gọi "NU" trong chú thích cuối trang của bản NKJV) loại bỏ chữ cách vô cơ, như vậy loại bỏ ngay cả *cơ giết* công bình.

⁶{5:44-47} Bản phê bình (NU) ghi là các dân ngoại thay cho những người thù thù.

⁷{5:44-47} Bản đại đa số (đặt cơ sở trên đa số các thủ bản) viết là bạn hữu thay cho anh em.

⁸{6:13} Một số các học giả dạy rằng bài ca tụng Chúa được chuyển thể từ ISử kỷ 29:11 với mục đích nghi thức. Đây chỉ là một suy đoán. Hình thức truyền thống của phái Tin Lành (KJV) cho bài cầu nguyện này là điều hoàn toàn bênh vực được.

⁹{7:13,14} Cả bản văn phê bình lẫn bản đại đa số đều có cách ghi cảm thần ở đây: "Cống hẹp làm thay, và đường dẫn đến sự sống gian khó biết bao, và ít kẻ kiếm được thay!" Khi các thủ bản cổ nhất (thường là NU) và đại đa số các thủ bản (M) đồng ý với nhau để khác với bản văn truyền thống (TR), chúng hầu như chắc chắn chính xác. Trong các trường hợp đó, truyền thống của KJV được hậu thuẫn rất yếu về bản văn.

¹⁰{7:28,29} Jamieson, Fausset và Brown, *Critical and Explanatory Commentary on the New Testament*, V: 50.

¹¹{8:2} Những hình thức phung hủi nhất định được đề cập trong Kinh Thánh không giống như chứng bệnh mà chúng ta gọi là bệnh Hansen. Ví dụ, trong Lê-vi-kỳ, bao gồm các tình trạng có thể ảnh hưởng đến nhà ở hoặc áo xống.

¹²{8:16,17} Arno C. Gaebelin, *The of Matthew*, trang 193.

¹³{8:28} Bản NU viết là Gadara, còn bản NKJV ghi là Gerasê. Tên của thành phố và khu vực bằng cách nào đó có thể trùng lặp.

¹⁴{9:16} Gaebelin, *Matthew*, trang 193.

¹⁵{9:17} W. L. Pettingill, *Simple Studies in Matthew*, trang 111, 112.

¹⁶{10:8} Đại đa số các thủ bản bỏ qua cụm từ "khiến sống kẻ chết" ở đây.

¹⁷{10:21} J. C. Macaulay, *Obedient Unto Death: Devotional Studies in John's Gospel*, 11:59.

¹⁸{10:41} Arthur T. Pierson, "The Work of Christ for the Believer," *The Ministry of Keswick, First Series*, trang 114.

¹⁹{11:27} Alva J. Gospel McClain, *The Greatness of the Kingdom*, trang 311.

²⁰{11:30} J. H. Jewett, *Quoted in Our Daily Bread*.

²¹{12:8} E. W. Rogers, *Jésus the Christ*, trang 65, 66.

²²{12:19} McClain, *Kingdom*, trang 283.

²³{12:21} Kleist và Lilly.

²⁴{12:27} Ella E. Pohle, C.I. Scofield's Question Box, trang 97.

²⁵{12:34,35} Dấu cá bản văn phê bình và bản văn đại đa số đều bỏ qua chữ "trong lòng," nhưng vẫn hiểu như vậy.

²⁶{13:13} H. Chester Woodring, những bài giải nghĩa trong lớp học và chưa xuất bản về Mathuơ, Emmaus Bible School, 1961.

²⁷{13:22} G. H. Lang, *The Parabolic Teaching of Scripture*, trang 68.

²⁸{13:24-26} Merrill F. Unger, *Unger's Bible Dictionary*, trang 1145.

²⁹{13:33} J. H. Brookes, *I Am Coming*, trang 65.

³⁰{13:49, 50} Gaebelin, *Matthew*, trang 302.

³¹{14:4,5} Không rõ nguồn tài liệu trích.

³²{16:2, 3} Dĩ nhiên, những dấu chỉ về thời tiết này có hiệu lực cho Ysraên, chứ không cho Bắc Mỹ hay cho Vương Quốc Anh!

³³{16:7-10} Mười hai kophitot của đợt 5,000 người có lẽ chưa được ít hơn bảy spurides của đợt 4,000 người.

³⁴{16:17,18} G. Campbell Morgan, *The Gospel According to Matthew*, trang 211.

³⁵{16:19} Charles C. Ryrie, chủ biên, *The Ryrie Study Bible, New King James Version*, trang 1566.

³⁶{16:20} James S. Stewart, *The Life and Teaching of Jésus Christ*, trang 106.

³⁷{16:20} Donald G. Barnhouse.

³⁸{18:11} Câu này không có trong bản văn NU, nhưng có trong đại đa số các thủ bản (M).

³⁹[20:15] James S. Stewart, *A Man in Christ*, trang 252.

⁴⁰[20:31-34] Gaebelein, *Matthew*, trang 420.

⁴¹[21:6] J.P. Lange, *A Commentary on the Holy Scriptures*, trọn bộ 25 quyển, không rõ cách xếp trang.

⁴²[23:9, 10] H. G. Weston, *Matthew, the Genesis of the New Testament*, trang 110.

⁴³[23:14] Bản văn phê bình (NU) bỏ qua lối cảm thán thứ nhì này.

⁴⁴[23:25, 26] Bản văn đại đa số ghi là không công bình (*adikia*) thay cho chữ sự quá độ (*akrasia*).

⁴⁵[24:29; 1. Velikovskiy, *Earth in Upheaval*, trang 136.

⁴⁶[24:30] Chính từ ngữ Hy Lạp này lại tương ứng với tiền tố từ "geo" trong Anh ngữ; vừa có nghĩa là "xứ" vừa có nghĩa là "đất."

⁴⁷[24:34] F. W. Grant, "Matthew," *Numerical Bible, The Gospels*, trang 230.

⁴⁸[24:36] Bản văn NU ghi thêm "Con cũng không biết."

⁴⁹[25:28, 29] *Our Lord's Teachings About Money* (truyện đạo đơn), trang J, 4.

⁵⁰[26:64] Đại danh từ số ít Hy văn *su* được dùng ở đây để nhấn mạnh. Các các người thứ nhì là *humie* (tứ số nhiều) và thứ ba diễn đạt sự kết thúc cho động từ *opsesthe*.

⁵¹[26:64] R. C. H. Lenski, *The Interpretation of St. Matthew's Gospel*, trang 1064.

⁵²[27:37] Nếu toàn bộ những phần được trích kết hợp lại với nhau, câu này sẽ ghi là: "Đây là Jesus người Nazaret, vua của dân Giuđa." Một khả

năng khác nữa ấy là mỗi tác giả sách Tin Lành đều hoàn chỉnh những trích dẫn những lời nói khác nhau, và những lời nói đó có thể đã khác nhau.

⁵³[27:54] Trong Hy văn, những danh từ vị ngữ xác định [definite predicate nouns] vốn đi trước động từ thì thường thiếu mạo từ [một phần trong "Luật Colwell"].

⁵⁴[27:65, 66] Merrill F. Unger, *Unger's Bible Handbook*, trang 491.

⁵⁵[28:8] "Mừng" là lời chào thăm tiêu chuẩn trong Hy văn; ở đây vào Buổi Sáng Phục Sinh, cách dịch nguyên văn của Bản NKJV dường như là thích hợp nhất.

⁵⁶[28:15] Wilbur Smith, "In the Study," *Moody Monthly*, April, 1969.

SÁCH THAM KHẢO

Gaebelein, A. C. *The Gospel of Matthew*. New York: Loizeaux Bros., 1910.

Kelly, William. *Lectures on Matthew*. New York: Loizeaux Bros., 1911.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of Saint Matthew's Gospel*. Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1933.

Macaulay, J. C. *Behold Your King*. Chicago: The Moody Bible Institute, 1982.

Morgan, G. Campbell. *The Gospel According to Matthew*. New York: Fleming H. Revell Company, 1929.

Pettingill, W. L. *Simple Studies in Matthew*. Hamshurg: Fred Keikel, 1910.

Tasker, R. V. G. *The Gospel According to St. Matthew, TBC*. Grand

Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1961. xuất bản.

Thomas, W. H. Griffith. *Outline Studies in Matthew.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1961.

Weston, H. G. *Matthew, the Genesis of the New Testament.* Philadelphia: American Baptist Publication Society, không rõ năm

Các Tạp Chí Định Kỳ

Và Tài Liệu Chưa Xuất Bản

Smith, Wilbur. "In the Study," *Moody Monthly*, April, 1969.

Woodring, H. Chester. Class Notes on Matthew, 1961, Emmaus Bible School, Oak Park, IL (hiện là Emmaus Bible College).

TIN LÀNH THEO MẮC

Giới Thiệu

"Trong Mác có sự tận mới và sức sống lớn cuốn người đọc Cơ Đốc, khiến ông có thể phục vụ lâu dài theo gương Chúa Kitô phước hạnh của mình".

- August Van Ryn

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Vì lẽ sách Mác là Tin Lành ngắn nhất và khoảng 90% tư liệu của ông cũng xuất hiện trong cả 2 sách Mathiơ và Luca, vậy Mác đã góp phần gì mà chúng ta không thể thiếu?

Trước tiên, sự ngắn gọn và đơn giản như nhà báo của Mác khiến Tin Lành ông viết trở thành lời giới thiệu lý tưởng về niềm tin Cơ Đốc. Tại các công trường truyền giáo mới, đây thường là sách đầu tiên được chọn để chuyển ngữ cho người bản xứ.

Song không chỉ có *văn phong* trực tiếp, sống động – rất hợp với người Lamã và các đối tác, mà *nội dung* còn khiến Tin Lành này thành đặc biệt.

Nhìn chung, trong khi Mác xử lý cùng các sự việc như Mathiơ và Luca chỉ có ít tư liệu độc quyền, - thì ông đã nêu những chi tiết sống động mà hai sách kia không có. Thí dụ, ông ghi nhận cách Chúa Giêsu nhìn các môn đệ Ngài, cách Ngài nổi giận và thể nào Ngài đi đầu để lên Giêrusalem. Chắc hẳn, Mác đã có các nhận xét tinh tế này từ Phierơ mà ông cộng tác cho đến cuối đời của vị sứ đồ. Truyền thuyết (có lẽ đúng) cho rằng Tin Lành Mác chủ yếu ghi lại các bối cảnh của Phierơ, sách giải thích các chi tiết cá nhân, hành động và hiệu quả từ nhân chứng trực tiếp.

Người ta tin rằng Mác là chàng trai trẻ đã ở trường chạy trốn (14:51) và đó chính là chữ ký khiêm tốn của ông trong cuốn sách. (Vì để tài này trong các sách Tin Lành không phải là phần đáng lưu ý). Bởi lẽ Giảng Mác sống tại Giêrusalem và không có lý do gì để kể lại chi tiết trên nếu không có liên hệ nào đó đến Tin Lành; vậy về điều này, có lẽ truyền thuyết đã đúng.

II. Quyền Tác Giả

Đa số các trước giả chấp nhận quan điểm công khai từ đầu của Hội Thánh rằng Giảng Mác là người viết sách Tin Lành thứ 2. Ông là con trai của bà Mari ở Giêrusalem, có căn nhà làm chỗ nhóm lại cho các Cơ Đốc nhân

Ngoại chứng của sách có từ sớm, rõ ràng và đến từ nhiều phần trên cả đế quốc. Giám mục Papias (khoảng 110 SC) trưng dẫn lời Trưởng lão Giảng (có lẽ là sứ đồ Giảng hay một môn đồ khác thuộc thế kỷ 1) xác nhận Mác, cộng sự viên của Phierơ đã viết Tin Lành này. Justin Martyr, Irenaeus, Tertullian, Clement ở Alexandria, Origen và *Phản Mờ Đầu Anti-Marcionite về sách Mác* đều tin như vậy.

Nội chứng về tác quyền của Mác tuy không nhiều, song khớp với truyền thuyết phổ quát của Hội Thánh đầu tiên.

Hiển nhiên, người viết biết rõ xứ Palestine, nhất là Giêrusalem. (Lời mô tả phòng cao có nhiều chi tiết hơn các sách Tin Lành khác- không ngạc nhiên nếu Mác đã sống tại đây từ nhỏ!). Sách có vài bối cảnh là tiếng Aram (ngôn ngữ của Palestine), hiểu rõ phong tục Do Thái, và lối kể chuyện sống động cho thấy rất gần với nhân chứng trực tiếp. Đại cương nội dung của sách song song với bài giảng của Phierơ trong Công Vụ đoạn 10.

Truyền thống cho rằng Mác viết Tin Lành ngay tại Lamã do sách có nhiều từ Latinh hơn các Tin Lành khác (như *centurion*, thầy đội - *census*, kỹ luật- *denarius*, đồng- *legion*, quân đoàn- và *praetorium*).

10 lần trong Tân Ước, trước giả của chúng ta được nhắc đến với tên theo tiếng Latinh là Mác và 3 lần với tên hỗn hợp theo cả Do Thái và ngoại bang, là Giảng Mác. Mác, "kẻ phục vụ" hay trợ lý lúc đầu cho Phaolô, tiếp theo cho cậu mình là Banaha, và theo truyền thuyết đáng tin, cho Phierơ trước khi sứ đó qua đời, là người lý tưởng để viết Tin Lành về Người Đầy Tơ Toàn Hào.

III. Thời Điểm Viết

Niên hiệu của sách được bàn cãi ngay giữa vòng các học giả bảo thủ. Do không có niên hiệu chính xác nên người ta chọn niên hiệu là trước năm Giêrusalem bị tàn phá.

Truyền thuyết chia 2 giữa việc Mác viết ra các bài giảng của Phierơ về cuộc đời của Chúa chúng ta trước khi sứ đó qua đời (tức là trước năm 64-68) hay sau khi Phierơ mất.

Nhất là khi sách Mác là Tin Lành đầu tiên như đa số ngày nay tin, thì cần có một niên hiệu sớm hơn hầu cho Luca có thể trưng dụng tư liệu của Mác. Vài học giả chọn niên hiệu sách này vào khoảng đầu thập niên 50, song niên hiệu ấn định từ 57-60 lại tỏ ra hợp lý hơn.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Trong Tin Lành này, chúng ta có câu chuyện tuyệt vời về Người Đầy Tơ Toàn Hào của Đức Chúa Trời là Chúa Jesus Christ của chúng ta. Đây là câu chuyện về Đấng đã gạt bỏ việc tỏ bày sự vinh hiển của Ngài trên thiên đàng để mặc lấy hình một Tội Tớ trên đất (Philíp 2:7). Đây là câu chuyện vô song về Đấng "đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người" (Mác 10:45).

Khi chúng ta nhớ lại rằng Người Đầy Tơ Toàn Hào đó cũng chính là Con Đức Chúa Trời, Ngài đã tự nguyện mặc áo của nô lệ, trở nên Đầy tớ cho loài người, thì Tin Lành sẽ bùng cháy về tục rở tiền tục. Tại đây, chúng ta thấy Con Trời nhập thể sống như một Người lệ thuộc trên đất. Mọi điều Ngài làm đều do hoàn toàn vâng theo ý của Cha Ngài và các việc quyền năng của Ngài đều được thực hiện bởi năng quyền của Đức Thánh Linh.

Trước giả, Giảng Mác là đầy tớ của Chúa, đã khởi đầu tốt, rồi chìm khuất một thời gian (Công Vụ 15:38) và cuối cùng được xem là người phục vụ hữu ích (II Tim 4:11).

Văn phong của Mác nhanh gọn, sinh động và súc tích. Ông nhấn

mạnh công việc của Chúa hơn là lời Ngài nói, được bày tỏ qua sự kiện ông ghi lại 19 phép lạ so với chỉ 4 chuyện ngụ ngôn.

Đang khi học Tin Lành Mác, chúng ta cần khám phá ba điều:

[1] Sách nói điều gì? [2] Điều này có nghĩa gì? [3] Có bài học nào cho tôi trong phân đoạn này? Với những ai muốn là *đầy tớ của Chúa*, chân thật và trung thành, sách Tin Lành này chính là cẩm nang có giá trị.

BỐ CỤC

I. SỰ CHUẨN BỊ CHO NGƯỜI ĐẦY TỚ	[1:1-13]
II. CHỨC VỤ LÚC ĐẦU TẠI GALILÊ	[1:14-3:12]
III. KÊU GỌI VÀ HUẤN LUYỆN CÁC MÔN ĐỒ	[3:13-8:38]
IV. HÀNH TRÌNH ĐẾN GIÊRUSSALEM	(đoạn 9,10)
V. CHỨC VỤ TẠI GIÊRUSSALEM	(đoạn 11,12)
VI. BÀI GIẢNG TRÊN NÚT ÔLIVE	(đoạn 13)
VII. SỰ THƯƠNG KHÓ VÀ CHỊU CHẾT	(đoạn 14,15)
VIII. KHẢI HOÀN	(đoạn 16)

CHÚ GIẢI

I. Sự Chuẩn Bị Cho Người Đầy Tớ (1:1-13)

A. Sự Giải Tội Phong Đơn Đường Cho Chúa (1:1-8)

1:1 Chủ đề sách Mác là tin lành về Chúa *Jêsus Christ, Con Đức Chúa Trời*. Vì Mác có chủ đích nhấn mạnh vai trò đầy tớ của Chúa *Jêsus* nên không mở đầu bằng gia phả song với chức vụ công khai của Chúa Cứu Thế. Điều này được tiên tri Giảng Báp-tít công bố, người phát ngôn cho tin lành.

1:2,3 Cả Malachi và Êsai¹ đều tiên báo một **sứ giả** sẽ đi trước Đấng Mesi, kêu gọi dân sự dọn lòng về mặt thuộc linh và đạo đức để chuẩn bị đón Chúa [Malachi 3:1; Êsai 40:3]. Giảng Báp-tít làm ứng nghiệm các lời tiên tri này. Ông đã là "**sứ giả... tiếng kêu trong đồng vắng**".

1:4 Ông kêu gọi mọi người ăn năn (thay đổi tâm trí và từ bỏ tội lỗi) để

nhận được sự tha thứ tội lỗi của Chúa. Nếu không, họ không thể tiếp đón Chúa. Chỉ có dân thánh mới có thể đón nhận Con Thánh của Đức Chúa Trời.

1:5 Khi dân sự bằng lòng ăn năn, Giảng làm Báp-tem cho họ như là dấu hiệu bên ngoài cho sự trở lại. Lễ báp-tem công khai: phân rẽ họ với đa số dân Ysraên đã quên Chúa. Lễ này liên kết họ với số còn lại đã sẵn sàng đón nhận Đấng Christ. Qua câu 5, dường như dân sự thuận theo lời giảng của Giảng. Song thật ra không phải vậy. Lúc đầu, có lẽ có sự bùng cháy của lòng nhiệt thành với nhiều đăm đống lư hực kéo ra sa mạc để nghe vị điển giả bốc lửa, song đa số không thật lòng xưng ra và từ bỏ tội lỗi mình.

1:6 Giảng là hạng người ra sao? Ngày nay, ông có thể bị xem là kẻ

cuồng tín và thần bí. Nhà ông là hoang mạc. Quần áo ông mặc giống như i-lit, là thứ đơn giản và bền nhất. Thức ăn của ông đủ để duy trì sự sống và sức mạnh, song ít sang trọng. Ông là hạng người đặt mọi sự dưới công tác vinh dự là tỏ bày Đấng Christ ra. Có thể ông đã giàu có, song lại chọn trở nên nghèo. Ông đã trở thành người phát ngôn thích hợp cho Đấng không có chỗ để gói đầu. Bài học tại đây là đây là Chúa cần sống giản dị.

1:7 Giảng nói về sự cao trọng của Chúa Jê-sus. Ngài lớn hơn ông về năng quyền, chức vụ và sự toàn hảo. Giảng biết mình không đáng cúi xuống cời dây giày của Ngài, là công việc nhỏ nhất của một nô lệ. Lời giảng đầy dẫy Thánh Linh tuôn tôn cao Chúa Jê-sus và hạ bệ cái Tôi (bản ngã).

1:8 Giảng làm báp-tem bằng nước. Đây là dấu hiệu bên ngoài song không đem lại sự thay đổi trong đời sống con người. Chúa Jê-sus sẽ làm báp-tem cho họ bằng Đức Thánh Linh, lễ báp-tem này sẽ tạo ra sự tuôn đổ mạnh mẽ về năng quyền thuộc linh (Công Vụ 1:8). Lễ này cũng khiến tất cả tín hữu được hiệp làm một trong Hội Thánh là thân thể Đấng Christ (L.Cô 12:13).

B. Sứ Giả Tiệp Phong Làm Báp-tem Cho Chúa (1:9-11)

1:9 Nay kết thúc thời gian 30 năm yên lặng tại Naxarét. Chúa Jê-sus đã sẵn sàng thì hành chức vụ công khai. Trước hết, Ngài trải qua chặng đường hơn sáu mươi dặm từ Naxarét đến sông Giôđanh, gần thành Jêricô. Tại đó, Giảng làm báp-tem cho Ngài. Tất nhiên, trường hợp này không có sự an

nãn, vì không có tội lỗi để xưng ra. Lễ báp-tem của Chúa là hành động biểu tượng chỉ về sự chết cuối cùng của Chúa tại đồi Gôgôtha và sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết. Vậy, ngay từ lúc mới bắt đầu, thập tự giá và ngôi mộ trống đã phủ bóng cách sống động trên chức vụ công khai của Ngài.

1:10,11 Khi vừa ra khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra và Thánh Linh giáng xuống với hình chim bồ câu đậu trên Ngài. Đức Chúa Cha lên tiếng, xác nhận Jê-sus là Con yêu dấu của Ngài.

Suốt cuộc đời của Chúa chúng ta, chẳng hề có lúc nào mà Ngài không được đầy dẫy Thánh Linh. Song nay, Chúa Thánh Linh đến trên Ngài, xác dấu Ngài cho chức vụ và phú quyền năng cho Ngài. Đây là chức vụ đặc biệt của Đức Thánh Linh, chuẩn bị cho ba năm phục vụ trước mắt. Quyền năng của Thánh Linh là cần thiết. Một người có thể được giáo dục, có tài và nói năng trôi chảy, song nếu thiếu phẩm chất bí mật mà chúng ta gọi là 'được xức dầu' thì sự phục vụ của người ấy không có sự sống và không hiệu quả. Đây là câu hỏi căn bản: 'Tôi đã từng trải kinh nghiệm được Đức Thánh Linh ban quyền năng để phục vụ Chúa chưa?'

C. Chúa Jê-sus Bị Satan Cám Dỗ (1:12-13)

Người Đầy Tớ của Đức Giê-hô-va bị Satan cám dỗ trong đồng vắng suốt 40 ngày. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đưa Ngài đến cuộc hẹn này - không phải để thấy Ngài có vấp ngã không, song để chứng tỏ Ngài không thể phạm tội. Nếu Chúa Jê-sus đã có thể

vấp ngã như một Người trên đất, thì điều gì bảo đảm cho chúng ta rằng hiện nay Ngài không thể đang phạm tội như một Người trên thuyền đang?

Vì sao Mác chép rằng Ngài đã ở với các thủ rừng? Liệu các con thú này có bị Satan kích động để tìm cách tiêu diệt Chúa không? Hay chúng trở nên ngoan ngoãn trước sự hiện diện của Đấng đã tạo ra chúng? Chúng ta chỉ có thể nêu câu hỏi.

Các thiên sứ hầu việc Ngài vào cuối 40 ngày (xem Math 4:11); suốt thời gian chịu cám dỗ Ngài đã không ăn gì (Lu 4:2).

Tin hữu không tránh khỏi các sự thử thách. Càng bước đi gần Chúa, càng được thử nghiệm khó hơn. Satan không lãng phí thuốc súng dành cho kẻ tin hữu danh, song dành đại phần cho những ai đang lẩn tránh trên chiến trường thuộc linh. Gặp thử thách không phải là tội. Tội là khi *chiếu theo* sự cám dỗ. Với sức riêng, chúng ta không thể kháng cự. Song Chúa Thánh Linh ở trong chúng ta là sức mạnh cho Cơ Đốc nhân để khuất phục các dục vọng tối tăm.

II. CHỨC VỤ BAN ĐẦU CỦA NGƯỜI ĐÃY TỐ TẠI GALILÊ (1:14-3:12)

A. Chúa Jêsu Bắt Đầu Chức Vụ (1:14,15)

Mác bỏ qua chức vụ của Chúa tại Giuđê (xem Tin Lành Giảng 1:1-4:54) và bắt đầu với chức vụ vi đại tại Galilê, khoảng 1 năm 9 tháng (1:4-9:50). Rồi ông nói ngắn gọn về phần chức vụ sau đó tại Bêrê (10:1-10:45), trước khi đến tuần lễ cuối cùng tại Giêrusalem.

Chúa Jêsu đến Galilê, giảng Tin Lành về Nước Trời². Sự điệp cụ thể của Ngài như vậy:

1. **Kỳ đã trọn.** Theo lịch đã tiên báo, thời điểm Đức Vua xuất hiện đã được ấn định. Nay giờ đã điểm.

2. **Nước Đức Chúa Trời đã đến gần.** Nhà Vua đã đến và nước Ngài được chân thành rao tặng cho quốc gia Ysraên. Nước đã đến gần theo ý nghĩa Đức Vua đã xuất hiện.

3. Con người được kêu gọi phải ăn năn và tin đạo Tin Lành. Để có tư cách bước vào nước Ngài, họ phải xoay lưng khỏi tội lỗi và tiếp nhận tin mừng về Chúa Jêsu.

B. Bắt Đầu Phò Được Mọi (1:16-20)

1:16-18 Đang khi đi trên bờ biển hồ Galilê, Chúa Jêsu thấy Simôn và Anhrê đang lưới cá. Ngài đã gặp họ trước đó, vì thật ra, họ đã là môn đệ của Ngài khi Ngài khởi đầu chức vụ (Giăng 1:40-41). Nay, Ngài kêu gọi họ theo Ngài, hứa sẽ khiến họ thành những tay đánh lưới người. Tức thì hai người bỏ chài lưới mà theo Ngài. Họ đã vâng lời cách nhanh chóng, hoàn toàn và có tinh hy sinh.

Lưới cá là một nghệ thuật và chinh phục linh hồn cũng vậy. Vì cần có:

1. **Sự kiên nhẫn.** Thường phải qua nhiều giờ cố đơn đợi chờ.

2. **Kỹ năng khéo léo** khi dùng mồi, lưới câu hay lưới.

3. **Sự phân đoán** và sự nhận biết thông thường về luồng cá.

4. **Sự kiên trì.** Một tay lưới giổ không dễ nãn lòng bỏ cuộc.

5. **Sự yên lặng.** Cách tốt nhất là tránh sự quấy rối và giấu mình ở hậu trường.

Chúng ta trở nên những tay lưới người khi theo Đấng Christ. Càng trở

nên giống Ngài, chúng ta càng thành công trong việc chinh phục người khác cho Ngài. Trách nhiệm của chúng ta là theo Chúa; và Ngài sẽ lo liệu phần còn lại.

1:19,20 Đi một đỗi xa xa, Chúa Jêsus thấy Giacô, con Xêbêđê, với em là Giảng đang và lưới trong thuyền. Ngài liền kêu hai người, họ liền từ giã cha mình mà theo Ngài.

Đấng Christ vẫn đang kêu gọi con người từ bỏ mọi sự và theo Ngài (Lu 14:33). Mọi điều chúng ta có kể suốt

cha mẹ, đều không được phép ngăn trở chúng ta vâng phục Chúa.

E. Chúa Jêsus Buổi Tà Linh (1:21-28)

Các câu từ 21-34 mô tả một ngày tiêu biểu trong cuộc đời của Chúa. Phép lạ nối tiếp phép lạ khi vị Y Sĩ Đại Tài chữa lành kẻ bị quỷ ám và các tật bệnh.

Các phép lạ chữa lành của Chúa Cứu Thế minh họa cách Ngài giải phóng con người khỏi các hậu quả bị thâm của tội lỗi. Điều này được ghi lại qua sơ đồ dưới đây.

PHÉP LẠ	GIẢI CỨU KHỎI
1. Đuổi tà linh ra khỏi một người (1:23-26)	1. Sự ở thế của tội lỗi.
2. Chữa lành bà già của Simôn (1:29-31)	2. Sự thiếu đức và không yên nghỉ của tội lỗi.
3. Chữa lành người phung (1:40-45)	3. Sự gớm ghê của tội lỗi.
4. Chữa lành người bại (2:1-12)	4. Sự bại xuôi do tội lỗi.
5. Chữa lành người teo tay (3:1-5)	5. Sự vô dụng do tội lỗi.
6. Đuổi quỷ (5:1-20)	6. Sự khốn cùng, tân bạo và kinh khiếp của tội lỗi.
7. Người đàn bà mất huyết (5:25-34)	7. Sức mạnh của tội lỗi hủy hoại sức sống.
8. Gọi con gái Giairô sống lại (5:21, 24, 35-43)	8. Sự chết thuộc linh do tội lỗi.
9. Chữa lành con gái người nữ Syrophênix (7:24-30)	9. Sự nô lệ Satan và tội lỗi.
10. Chữa lành người điếc và ngọng (7:31-37)	10. Sự cảm đức thuộc linh, không nghe hay nói lời Chúa.
11. Chữa lành người mù (8:22-26)	11. Sự mù lòa đối với ánh sáng Tin Lành.
12. Chữa lành em trai bị quỷ ám (9:14, 29)	12. Sự tàn bạo do Satan thống trị.
13. Chữa lành người mù Batinê (10:46-52)	13. Tội lỗi dẫn đến sự mù loà và đòi khát về thuộc linh.

Cho dù ngày nay, người rao giảng Tin Lành không bị đòi hỏi phải có các hoạt động chữa lành về mặt thân thể, song lại phải thường xuyên xử lý các đối tác thuộc linh. Đây há chẳng phải là các phép lạ lớn hơn mà Chúa Jêsus

đã nêu ở Giảng 14:12 sao: "Kẻ nào tin Ta cùng sẽ làm việc Ta làm; lại cùng làm những việc lớn hơn nữa".

1:21,22 Bây giờ, chúng ta trở lại câu chuyện Mác kể. Tại Cabênauim, Chúa Jêsus vào nhà hội và dạy dỗ

Trong ngày Sabát. Dân sự nhận biết đây không là một giáo sư bình thường. Có năng quyền hiển nhiên xuất phát từ lời Ngài phán truyền, không như các **thầy thông giáo** nói đều đều cách máy móc. Các câu nói của Ngài là những mũi tên ra từ Đấng toàn năng. Các bài học Ngài dạy có sức mạnh nắm bắt người nghe, thuyết phục và thách thức họ. Các thầy thông giáo như chỉ rao bán thứ tôn giáo loại hai. Lời Chúa Jêsus dạy rất thực tế. Ngài có **thẩm quyền để công bố điều đã làm** vì Ngài đã sống đúng với điều mình đã dạy.

Bất cứ ai giảng dạy Lời của Đức Chúa Trời phải dạy cách có quyền, hoặc không nói chỉ cá. Thi Thiên 116:10 viết: "Tôi tin, nên tôi nói". Phaolô lập lại điều đó trong thư 11.Có 4:13. Sứ điệp họ rao truyền phát xuất từ niềm tin quyết sâu xa.

1.23 Trong nhà hội có người bị tà ma ám. Nó được mô tả như là **một tà linh**. Điều này có lẽ là tà ma bày tỏ sự có mặt của nó bằng cách khiến cho người bị ám ở trong tình trạng ó uế về thể xác hay về luân lý, đạo đức. Chúng ta đứng lán lộn việc bị tà ma ám với nhiều hình thức khác nhau của việc mất vệ sinh. Hai việc này hoàn toàn tách biệt, rõ ràng. Người bị tà ma ám thật sự bị tà linh chiếm hữu và cai trị. Người này thường có thể thực hiện các việc siêu nhiên và thường trở nên hung bạo hay phạm thượng khi đối diện với Thần Vị và công việc của Chúa Jêsus Christ.

1:24 Căn thấy rằng tà linh nhận biết **Chúa Jêsus**, nói Ngài ở Naxarét và là **Đấng Thánh của Đức Chúa Trời**.

Cũng ghi nhận các đại danh từ đối từ số nhiều sang số ít: "Chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng? Ngài đến để **diệt chúng tôi** sao?... **Tôi biết Ngài là ai...**" Đầu tiên, tà ma nói cách liên kết với người bị ám; rồi sau đó, nói cách cá nhân.

1:25,26 Chúa Jêsus đã không chấp nhận lời chứng của tà ma cho dù lời đó là đúng. Vậy, Ngài bảo nó **hãy nín đi** và **ra khỏi** người đó. Thật lạ lùng khi thấy người đó **co quắp** và nghe tiếng hét the the của tà ma khi nó ra khỏi nạn nhân của nó.

1:27,28 Phép lạ gây kinh ngạc. Thật là mới lạ khi chỉ bởi một lệnh truyền, một Người đa có thể đuổi quỷ. Họ tự hỏi phải chăng đây là khởi đầu của một trường dạy đạo mới. Tin tức về phép lạ **lúc thì đồn ra khắp cả miền xung quanh xứ Galilê**. Trước khi rời khỏi phần đoạn này, chúng ta cần ghi nhận ba điều:

1. Sự Xuất hiện đầu tiên của Đấng Christ dường như đã đẩy lên sự bùng nổ trong hoạt động của ma quỷ trên đất.

2. Quyền năng của Đấng Christ trên các tà linh báo trước sự đặc thánh chắc chắn của Ngài trên Satan và các thuộc hạ của nó.

3. Đức Chúa Trời hành động tại đầu thì Satan chống cự tại đó. Những ai muốn hầu việc Chúa có thể chờ đợi sự chống đối ở mỗi bước đường. "Vì chúng ta đánh trận chẳng phải cùng thịt và huyết, bèn là cùng chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy" (Êph 6:12).

D. Bà Gia Của Phierơ Được Chúa Lạnh (1:29-31)

"Tức thì" là một trong các từ đặc trưng của Tin Lành Mác và rất thích hợp để nhấn mạnh đặc tính đầy tớ của Chúa Jêsus.

1:29,30 Vừa ở nhà hội ra, Chúa chúng ta đi đến nhà của Phierơ. Khi Ngài vừa tới, thì được biết bà gia Phierơ đang nằm trên giường, đau rét. Câu 30 chép: **Tức thì, chúng thưa với Ngài về chuyện người.** Họ đã không chậm trễ trình như cầu của bà cho vị Y Sĩ.

1:31 Không nói một lời, Chúa Jêsus bèn lại gần, cầm tay bà đỡ dậy. Bà được chữa lành ngay lập tức. Thông thường bệnh rét rời khỏi một người qua sự thuyết giảng dần. Tại đây, không chỉ chữa lành, Chúa còn ban sức mạnh tức thì để phục vụ. **Và bà bắt tay hầu hạ họ.** JR Miller viết:

Mỗi bệnh nhân được phục hồi cách bình thường hay khác thường, nên nhanh chóng dâng nộp đời để nhận lợi để hầu việc Chúa... Rồi nhiều người luôn chần chờ trước, các cơ hội hầu việc Chúa, mà tưởng mình sẽ bước vào một chức vụ vị đại và tế nhị. Đang khi đó họ để trôi khỏi tâm tay chính những việc mà Đấng Christ muốn họ làm cho Ngài. Sự hầu việc Chúa thật trước tiên là hoàn tất tất mọi bổn phận hằng ngày của mình.³

Có thể thấy trong mỗi phép lạ chữa bệnh, Cứu Chúa tiến hành cách khác nhau. Điều này nhắc chúng ta nhớ không hề có hai sự gọi đạo hoàn toàn giống nhau. Mỗi người cần được đối xử trên nền tảng cá nhân.

Việc Phierơ có bà gia cho thấy ý tưởng tu sĩ phải sống độc thân là xa lạ lúc bấy giờ. Đây là truyền thuyết của con người không được Lời Chúa hỗ trợ, song được số đông kẻ xấu nuôi dưỡng.

E. Chúa Lạnh Lúc Mặt Trời Lặn (1:32-34)

Các tin tức về Chúa Cứu Thế xuất hiện đã lan rộng trong ngày. Vì đang là ngày Sabát nên dân sự không dám đem kẻ bệnh đến cùng Ngài. Song khi **mặt trời đã lặn** và ngày Sabát đã qua, người ta lũ lượt kéo đến trước cửa nhà của Phierơ. Tại đó, **các kẻ bệnh và kẻ bị quỷ ám** đều kinh nghiệm quyền năng chữa lành khỏi mọi hình thức và mức độ của tội lỗi.

F. Rao Giảng Khắp Gallie (1:35-39)

1:35 Chúa Jêsus đã thức dậy rất sớm khi trời còn mờ mờ, đi vào nơi vắng vẻ và để thì giờ cầu nguyện mà không bị quấy nhiễu. Người Đầy Tớ của Đức Giêhôva lắng nghe mỗi buổi sớm mai để nhận sự dạy dỗ trong ngày từ Đức Chúa Cha (Êsai 50:4,5). Nếu Chúa Jêsus còn cần đến giờ tỉnh nguyện lúc sáng sớm, thì chúng ta lại càng cần hơn thế nữa! Cùng nên thấy rằng **Chúa đã trả giá để cầu nguyện**; Ngài đã thức dậy và đi từ khi trời còn mờ mờ. Cầu nguyện không hề theo sự thuận lợi cá nhân, song là vấn đề kỷ luật bản thân và hy sinh. Phải chăng điều này cho thấy vì sao nhiều công tác phục vụ của chúng ta lại không hiệu quả?

1:36,37 Khi Simôn và các môn đệ khác thức dậy, thì đám đông đã lại tụ tập phía ngoài căn nhà. Các môn đệ đi tìm Chúa để nói cho Ngài biết về việc quần chúng đang tìm Ngài.

1:38 Kỳ lạ thay, Chúa không trở lại thành phố, song dẫn các môn đệ đến các làng xung quanh, nói rằng Ngài cũng phải giảng đạo tại đó nữa. Vì sao Chúa đã không trở lại Cabênaum?

1. Trước tiên, Ngài vừa cầu nguyện xong và biết rõ Đức Chúa Cha muốn Ngài làm gì trong ngày đó.

2. Kế tiếp, Ngài nhận biết phong trào quần chúng tại Cabênaum là nông cạn. Chúa Cứu Thế không hề bị lôi cuốn bởi đám đông lớn. Ngài nhìn bên dưới bề mặt để tìm kiếm điều có trong lòng họ.

3. Ngài hiểu sự căm dỗ nguy hiểm khi được nổi tiếng và dạy các môn đệ qua tám gương của Ngài, phải cảnh giác khi mọi người nói tốt về họ.

4. Ngài luôn muốn tránh mọi sự hiển lộ hơi hợt của cảm xúc có thể khiến đám đông che khuất thập tự giá.

5. Ngài hết sức nhấn mạnh việc giảng đạo. Các phép lạ chữa lành, vốn có chủ đích làm giảm sự khốn khổ của con người, cũng nhằm để khiến họ chú ý đến sự đấng.

1:39 Vậy, Chúa Jêsus đã đi trải khắp xứ Galilê, giảng dạy trong các nhà hội và đuổi quỷ. Ngài phối hợp việc giảng dạy với thực hành, giữa nói và làm. Thật thú vị khi thấy Ngài thường đuổi quỷ tại các nhà hội. Liệu các Hội Thánh tự do ngày nay có giống các nhà hội chăng?

G. Mọi Người Phong Bước Sạch (1:40-45)

Câu chuyện này cho chúng ta một thí dụ có sự dạy dỗ về lời cầu nguyện được nhậm.

1. Đây là lời cầu xin sốt sắng và tuyệt vọng - nài xin Ngài.

2. Có sự tôn kính - sắp mình xuống trước mặt Ngài.

3. Hãy khiêm nhu, thuận phục - nếu Chúa muốn.

4. Với lòng tin - Ngài có thể.

5. Nhận biết nhu cầu - khiến lời được sạch.

6. Cụ thể - không phải "ban phước cho tôi" mà là "khiến lời được sạch."

7. Có tính cá nhân - "khiến lời được sạch."

8. Ngắn gọn - với 5 từ trong nguyên bản.

Hãy chú ý điều đã xảy ra!

Chúa Jêsus động lòng thương xót. Chúng ta không thể đọc những từ này mà lòng không rung động vì sự hờn hờ và biết ơn.

Ngài đưa tay mình ra. Hãy suy nghĩ điều này! Cảnh tay của Đức Chúa Trời giơ ra để đáp lời cầu nguyện khiêm nhu và rín rợn.

Ngài rờ đến người. Theo luật pháp, một người chính thức bị lấy ô uế nếu chạm đến một người phung. Tất nhiên, ở đây cũng có thể bị nguy hiểm vì lấy bệnh nữa. Song Con Người Thánh Khiết đã hòa mình với nỗi khổ của loài người, đánh tan sự tàn phá của tội lỗi mà không hề bị chúng lây nhiễm.

Ngài đáp: "Ta khờng." Ngài muốn chữa lành nhiều hơn là chúng ta muốn được lành. Và tiếp: "Hãy sạch đi." Lập tức, da người phung liền trở nên mềm mại và tinh sạch.

Ngài cảm ơn công bố phép lạ này cho đến khi trình diện trước thầy tế lễ và dân của lễ qui định (Lêvi 14:21). Trước tiên, đây là thử nghiệm sự vâng

lời của anh. Anh có làm theo như đã được chỉ dạy chăng? Anh đã không vâng lời: đi công bố việc mình và kết quả là ngăn trở công việc của Chúa (câu 45). Điều này cũng thật nghiêm sự suy xét của Thầy tế lễ. Ông có nhận biết rằng Đấng Mesi chờ đợi từ lâu nay đã đến, thì hành các phép lạ chữa lành kỳ diệu? Nếu ông tiêu biểu cho cả dân Ysraên, thì chắc đã không nhận ra Ngài.

Lần nữa, chúng ta thấy Chúa Jêsus rút khỏi đám đông và thi hành chức vụ tại nơi vắng vẻ. Ngài không đo lường sự thành công bằng các con số.

N. Chữa Lành Người Bại Bại (2:1-12)

2:1-4 Ngay sau khi Chúa trở vào thành Cabênaum... nhiều người tụ họp xung quanh ngôi nhà. Tin tức lan ra mau chóng và người ta mong thấy Người Lành Phép Lạ ra tay. Chỗ nào Đức Chúa Trời hành động thì tại đó dân sự được thu hút. Chúa Cứu Thế trung tín giảng đạo cho họ nghe khi đám đông chen chúc trước cửa nhà. Ở phía sau đám đông là một người bại, có bốn người không trên giường. Nhưng vì đông người, không ai gần Ngài được. Bốn người bạn bèn theo cầu thang bên ngoài để lên mái nhà, dỡ mái ngay chỗ Ngài ngồi, rồi do lỗ đó giòng giường người bại đang nằm xuống - có lẽ có khoảng sân ở giữa - đem anh ra đến gần Con Đức Chúa Trời. Có người đã đặt tên cho bốn người bạn tốt không giường là Cầm Thông, Phối Hợp, Sáng Tạo và Kiên Trì. Mỗi chúng ta cần nỗ lực là người bạn có các đức tính này.

2.5 Chúa Jêsus thấy đức tin họ, ... bèn phán cùng kẻ bại rằng: Hỡi con ta,

tội lỗi ngươi đã được tha. Phải chăng nói câu đó lúc này thật là kỳ lạ, vì đây là vấn đề của bệnh bại không phải là vấn đề của tội lỗi? Vâng, song Chúa Jêsus vượt trên các triệu chứng để chạm đến căn nguyên. Ngài không chữa lành thân thể mà bỏ qua phần tâm linh. Ngài không sửa lại tình trạng tạm thời mà bỏ mặc tình cảnh đời đời. Vâng, Ngài đã phán: "Tội lỗi ngươi đã được tha." Đây là lời công bố kỳ diệu. Nay - ngay trên đất - trong đời này - tội lỗi của con người đã được tha. Anh ta không cần phải đợi đến tận Ngày Phán Xét. Anh ta đã nhận sự bảo đảm ngay lúc này về sự được tha thứ. Và những ai tin cậy Chúa Jêsus đều được như vậy.

2.6,7 Lập tức, các thầy thông giáo chụp lấy ý nghĩa các lời này. Họ đã được học kỹ trong Kinh Thánh rằng chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có quyền tha tội. Cho đến lúc này thì lập luận của họ đứng. Song thay vì nhận biết Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời, họ lên án trong lòng rằng Ngài đã nói phạm thượng.

2.8-9 Chúa biết các ý tưởng của họ, một mình chứng cho quyền năng siêu nhiên của Ngài. Ngài nêu câu hỏi thách thức này: "Nay bảo kẻ bại rằng: Tội ngươi đã được tha; hay là bảo người rằng: Hãy đứng dậy vác giường mà đi; hai điều ấy điều nào dễ hơn?" Thật ra, nếu chỉ nói suông thì hai câu đều dễ như nhau. Song về mặt con người thì không thể làm bất cứ điều nào cả.

2.10-12 Chúa tuyên bố tội của anh ta đã được tha. Đúng vậy, song điều

tày có thật sự xảy ra không? Các thầy thông giáo không thể *nhìn thấy* tội của anh ta đã được tha, vì vậy họ sẽ không tin. Để chứng tỏ tội anh ta thật sự đã được tha tội, Chúa Cứu Thế cho các thầy thông giáo hiểu họ có thể thấy. Ngài bảo người bại hãy đứng dậy, vác giường và đi. Người bại vâng lời tức thì. Ai nấy đều lấy làm lạ. Họ chưa hề thấy việc thế nấy trước đây. Song các thầy thông giáo vẫn không tin, dù có chứng cứ không chối cãi được. Niềm tin bao gồm cả ý chí, và họ đã không muốn tin.

1. Chúa Gọi Lêvi (2:13-17)

2.13,14 Khi dạy dỗ dân chúng phía mé biển, Chúa thấy Lêvi đang ngồi tại sở thu thuế. Chúng ta biết Lêvi là Mathiơ, người sau này sẽ viết sách Tin Lành thứ nhất. Ông là người Do Thái, song nghề nghiệp của ông thì chống lại người Do Thái vì đang thu thuế cho chính quyền Lamã đáng ghét! Những kẻ như vậy luôn luôn không thể xem là trung thực - thật ra, họ bị xem rẻ là hạng cận bã của xã hội, như phường đi điếm. Tuy nhiên, công trạng đời đời của Lêvi là đã bỏ hết mọi sự và theo Chúa, khi được Ngài kêu gọi. Mong rằng mỗi chúng ta đều như Lêvi trong sự vâng phục tức thì, không thắc mắc. Điều này dường như là sự hy sinh lớn lúc ấy, song trong cõi đời đời hành động này không có gì là hy sinh cả. Như nhà truyền giáo tuận đạo Jim Elliot đã viết: "Kẻ cho điều mình không thể giữ hay được điều mình không thể mất, không phải là kẻ ngu dại."

2:15 Một bữa tiệc được dọn tại nhà Lêvi, để ông có thể giới thiệu các

bạn mình cho Chúa Jêsus. Hầu hết khách dự đều như ông - những người **thâu thuế và kẻ có tội**. Chúa nhận lời mời và đến với họ.

2:16 Các thầy thông giáo và người Pharisai cho rằng Ngài phạm tội trọng. Thay vì đến thẳng với Chúa, họ đến với các môn đồ của Ngài và cố làm suy giảm niềm tin và lòng trung thành của họ. Sao Thầy của các ông lại ngồi ăn uống với các **lên thu thuế và kẻ có tội**?

2:17 Đức Chúa Jêsus nghe vậy bèn nhắc họ nhớ rằng chỉ có kẻ bệnh mới cần đến thầy thuốc. Các thầy thông giáo cho mình là khỏe mạnh, nên không nhận ra mình cần đến Vị Y Sĩ Đại Tài. Người thu thuế và kẻ có tội nhận biết mình có tội và cần được giúp đỡ. Chúa Jêsus đã đến để gọi tội nhân giống như họ - không phải để gọi người công bình.

Ở đây, có hai học cho chúng ta. Chúng ta không nên khép mình giữa cộng đồng Cơ Đốc. Song tốt hơn nên làm bạn với người đời hầu có thể giới thiệu họ với Cứu Chúa của mình. Khi làm bạn với kẻ có tội, chúng ta không được làm điều gì xúc phạm lời chứng của mình hoặc để cho người chưa được cứu kéo chúng ta xuống mức độ của họ. Chúng ta cần chủ động dẫn dắt thân hữu đến chỗ được nâng đỡ tích cực về mặt thuộc linh. Tách mình khỏi thế giới bằng hoại là điều dễ dàng, song Chúa Jêsus đã không hề làm vậy và những kẻ theo Ngài cũng không nên làm như thế.

Các thầy thông giáo cho rằng họ sẽ hạ uy tín Chúa khi gọi Ngài là bạn của kẻ có tội. Song sự nhục mạ có chủ

ý này đã trở thành lời khen tặng để thưởng. Mọi kẻ được cứu đều bành diện xưng nhận Ngài là bạn của các tội nhân và đời đời yêu mến Ngài vì điều đó.

J. Cuộc Tranh Luận Về Sự Kiêng Ăn (2:18-22)

2:18 Các môn đệ của Giảng Báp-tít và của người Pharisi kiêng ăn như sự thực hành tôn giáo. Trong Cựu Ước, điều này được dạy như là sự biểu lộ niềm thống hối. Song kiêng ăn đã đánh mất phần lớn ý nghĩa và trở nên thứ nghi thức thông thường. Nhận thấy các môn đồ của Chúa Jesus không kiêng ăn và có lễ trong lòng họ nảy sinh niềm nhớ nhối về ghen tị và tự ái khi họ yên cầu Ngài giải thích.

2.19,20 Đáp lại, Chúa so sánh môn đệ Ngài với bạn hữu của chàng rể. Ngài chính là Chàng Rể. Khi Ngài còn đang ở với họ thì họ không có cơ hội biểu lộ nói buồn. Song tới kỳ khi Ngài được đem đi khỏi họ, bấy giờ họ sẽ kiêng ăn.

2:21 Liền tức thì qua hai thí dụ minh họa Chúa công bố Kỷ Nguyên Mới đã đến mà thời trước không sao bì kịp. Minh họa đầu tiên là miếng vải mới chưa có rút. Nếu được dùng để vá một cái áo cũ thì nó sẽ có rút và điều tồi yếu sẽ xảy ra. Cái áo vốn là vải cũ đã sờn, sẽ bị chằng rách ngay tại chỗ miếng vá mới được đắp vào. Chúa Jesus đã vi sinh Hệ Thống Tôn Giáo Cũ như miếng vá cũ. Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định dùng Cơ Đốc giáo và chằng lên Do Thái giáo; song đó là một khởi đầu mới. Sự buồn rầu của Kỷ Nguyên Cũ, biểu lộ qua sự

kiêng ăn, phải nhường chỗ cho niềm vui trong Thời Kỳ Mới.

2:22 Minh họa thứ hai là rượu mới chứa trong bầu da cũ. Da cũ đã hết khả năng co giãn. Khi chứa rượu mới, rượu lên men làm căng áp suất và bầu da cũ sẽ nứt ra. Rượu mới tượng trưng cho niềm vui và nâng quyền của niềm tin Cơ Đốc. Bầu da cũ chỉ về nghi lễ và hình thức của Do Thái giáo. Rượu mới cần có bầu da mới. Các môn đệ của Giảng và của người Pharisi không thể ép môn đồ của Chúa dưới cái khuôn của sự kiêng ăn và buồn rầu theo thông lệ. Niềm vui sôi sục của đời sống mới cần được tự do tuôn trào ra. Cơ Đốc giáo luôn bị tổn thất khi con người tìm cách pha trộn Cơ Đốc giáo với sự tuân thủ luật pháp một cách tuyệt đối. Chúa Jesus đã dạy rằng hai bên không thể song hành với nhau. Luật pháp và ăn điển là hai nguyên tắc đối lập nhau.

K. Tranh Luận Về Ngày Sabát (2: 23-28)

2:23,24 Biến cố này minh họa điều Chúa Jesus vừa dạy về sự xung đột giữa truyền thống của Do Thái giáo và sự tự do của Tin Lành.

Khi nhằm ngày Sabát, Đức Chúa Jesus đi qua đồng lúa mì... môn đồ Ngài bứt bông lúa mì để ăn. Điều này không vi phạm luật nào của Đức Chúa Trời. Song theo truyền thống chi li từ chân tơ kẽ tóc của các trưởng lão, các môn đồ đã phá luật Sabát bằng việc "gặt" và có thể là cả "đập lúa" (vỏ hạt lúa mì trong tay để lột bỏ lớp vỏ trấu.)

2:25,26 Chúa đã trả lời bằng một câu chuyện trong Cựu Ước. Davit, dù đã được xúc dầu để làm vua, ông đã bị

khước từ và thay cho sự trị vì lại bị săn đuổi như một con gà gô. Một ngày kia, khi đã hết lương thực, ông vào nhà của Đức Chúa Trời và dùng bánh trần thiết để nuôi mình và các thuộc hạ. Thông thường, người ngoài không được phép ăn bánh lễ ngoại trừ các thầy tế lễ mà thôi. Tuy vậy, Đức Chúa Trời không quở trách Đavít vì đã làm điều đó. Vì sao? Bởi vì những điều không đúng trong Ysraên. Khi Đavít chưa ngồi trên ngôi vua, Đức Chúa Trời cho phép ông làm điều mà thông thường là không hợp pháp.

Đây chính là trường hợp của Chúa Jêsus. Dù đã được xúc dầu, Ngài vẫn chưa trị vì. Chính việc các môn đồ Ngài phải bứt lúa mi đang khi đi tỏ ra những điều không đúng trong Ysraên. Chính các người Pharisai cần phải tiếp đón Chúa Jêsus và các môn đồ thay vì chỉ trích họ.

Nếu Đavít đã thật sự phạm luật khi ăn bánh lễ mà Đức Chúa Trời còn không quở trách, huống chi các môn đồ lại càng không đáng trách trong tình cảnh tương tự, không vì phạm điều gì ngoài các lời truyền khẩu của các trưởng lão.

Câu 26 cho biết Đavít ăn bánh lễ đang khi Abiatha làm thầy tế lễ thượng phẩm. Theo I.Samuên 21:1, Abimélec là thầy tế lễ đương thời. Abiatha là thân phụ của ông. Có lẽ sự trung thành của thầy tế lễ thượng phẩm đối với Đavít đã ảnh hưởng trên Abimélec khiến ông cho phép trường hợp ngoại lệ này.

2:27,28 Chúa của chúng ta kết thúc sự tranh luận bằng cách nhắc nhở người Pharisai rằng Đức Chúa Trời

đã lập ngày Sabát vì lợi ích cho con người, không phải để người làm nô lệ cho ngày Sabát. Ngài nói thêm vì Con Người cũng làm chủ ngày Sabát – Ngài đã lập ngày Sabát trong nơi đầu tiên. Vì vậy, Ngài trọn quyền ấn định nên làm hay không nên làm điều gì trong ngày Sabát. Chắc chắn, ngày Sabát không bao giờ có chủ ý cấm làm các việc cần hay các việc lành. Cơ Đốc nhân không bị buộc phải giữ ngày Sabát. Đây là ngày dành cho quốc gia Ysraên. Ngày tổ chức dành cho Cơ Đốc giáo là ngày của Chúa, ngày đầu tuần lễ. Tuy nhiên, đây không hề là một ngày cứng nhắc với những điều được hay không được làm cố tình luật pháp. Đùng hơn đây là ngày của đặc quyền: khi thoát khỏi công việc đời thường, các tín hữu được tự do thờ phượng, phục vụ và chăm sóc linh hồn mình. Với chúng ta, không cần phải hỏi: "Có sai khi làm điều này trong ngày của Chúa chăng?" hèn là "Làm sao để tận dụng ngày này để Đức Chúa Trời được vinh hiển, kẻ tàn cần được phục và tôi được bố ích về thuộc linh?"

L. Chúa Chữa Lành Bệnh Trong Ngày Sabát (3:1-6)

3:1,2 Một trường hợp khác cần xem xét liên quan đến ngày Sabát. Khi Chúa Jêsus vào nhà hội một lần nữa, Ngài gặp một người nam leo bàn lay. Một câu hỏi nảy ra: "Liệu Chúa Jêsus có chữa lành cho anh ta trong ngày Sabát không?" Nếu có, tất người Pharisai có cơ để chống lại Ngài – hoặc họ tự nghĩ như vậy. Hãy nghĩ đến sự giả hình và gian dối của họ. Họ đã

không thể làm gì để giúp đỡ anh ta và họ nổi giận với ai đã làm điều đó. Họ đã tìm thấy lý do để kết tội Chúa của sự sống. Nếu Ngài chữa lành trong ngày Sabát, họ sẽ ùa đến để giết hại như bầy sói đói mồi.

3:3,4 Chúa bảo người bịnh bưng lời trước. Bấu không khí chìm trong sự chờ đợi. Rồi Ngài hỏi người Pharisi rằng: "Trong ngày Sabát, nên làm việc lành hay việc dữ, cứu người hay giết người?" Câu hỏi này phơi bày tính chất độc ác của người Pharisi. Họ nghĩ Ngài đã sai khi làm phép lạ chữa lành trong ngày Sabát, song họ lại không sai khi lập mưu giết Ngài cùng trong ngày Sabát!

3:5 Không có gì lạ khi họ đều nín lặng! Sau một lúc im lặng buồn bực, Chúa Cứu Thế bảo người bịnh giờ tay ra. Khi anh vâng lời, bàn tay trở nên đầy đặn như cũ, các nếp nhăn biến mất.

3:6 Điều này còn hơn cả điều người Pharisi mong đợi. Họ đi ra, bàn luận với phe Hêrốt, là kẻ thù truyền kiếp và cùng lập mưu để giết Chúa Jêsus. Đây vẫn là ngày Sabát. Vua Hêrốt đã giết được Giăng Báp-tít. Có lẽ phe của vua cũng có thể thành công trong việc giết Chúa Jêsus. Người Pharisi hy vọng như vậy.

M. Bám Bông Tụ Họp Quanh Chúa (3:7-12)

3:7-10 Rời khỏi nhà hội, Chúa Jêsus lánh ra nơi bờ biển hồ Galilê. Biển trong Kinh Thánh thường chỉ về dân ngoại. Vì vậy, hành động này có thể muốn nói Chúa xây khối dân Do Thái để đến với dân ngoại. Một đoàn dân đông tấp nập họp lại, không chỉ từ

Galilê mà cũng từ các nơi xa khác nữa. Bởi cơ dân đông, nên Ngài biểu môn đồ sắm cho mình một chiếc thuyền nhỏ để rời xa bờ một chútặng cho khỏi bị chúng lấn ép Ngài quá.

3:11,12 Khi tà ma giữa đám đông kêu lên rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, Ngài nghiêm cấm chúng nó chờ tỏ cho ai biết mình. Như đã biết, Chúa không nhận lời chứng của tà ma. Ngài không phủ nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng Ngài chọn thời điểm và cách thức thích hợp để công bố điều đó. Chúa Jêsus có quyền năng chữa lành, song các phép lạ của Ngài chỉ được thực hiện cho những người muốn được giúp đỡ. Với sự cứu rỗi cũng vậy. Quyền năng của Chúa có đủ để cứu mọi người, song chỉ hiệu quả cho những ai tin nhận Ngài.

Chúng ta học biết từ Chúa Cứu Thế là nhu cầu không tạo nên sự kêu gọi. Nhu cầu có khắp mọi nơi. Chúa Jêsus, theo sự dẫn dắt của Đức Chúa Cha, biết phục vụ nơi đâu và khi nào. Chúng ta cũng phải như vậy.

III. CHÚA KÊU GỌI VÀ HUẤN LUYỆN CÁC MÔN ĐỆ (3:13 - 8:38)

A. Sự Chọn Mười Hai Sứ Đồ (3:13-19)

3:13-18 Đối diện với công tác truyền giảng cho thế gian, Chúa Jêsus lập mười hai sứ đồ. Bản thân họ chỉ là những người bình thường, nhưng do họ có mối liên hệ với Chúa nên họ trở nên nổi bật.

Họ là những người trẻ tuổi. James E. Stewart đã nhận xét sâu sắc về tuổi trẻ của các môn đồ:

Cơ Đốc giáo khởi đầu như phong trào của những người trẻ ... Thời đáng tiếc vì nghệ thuật Cơ Đốc và sự

giảng dạy Cơ Đốc lại thường khó hiểu. Song chắc chắn là nhóm môn đồ đầu tiên là những người trẻ. Vậy, không có gì ngạc nhiên khi Cơ Đốc giáo đã xâm nhập thế giới như một phong trào của những người trẻ. Có lẽ đa số các sứ đồ khoảng hai mươi mấy tuổi khi bắt đầu theo Chúa ... Bản thân Chúa Giêsu, chúng ta dùng quyền, bước vào chức vụ trên đất và "giết sương mai của tuổi trẻ" trên Ngài (Thi 110:3 - trích tên chính Chúa Giêsu và sau đó là Hội Thánh đã áp dụng Thi Thiên này cho Ngài). Một bản năng thật đã dẫn dắt các Cơ Đốc nhận sau này khi họ về lại hình ảnh của Thầy mình trên các tướng của hàm mộ, không gài nưa, cần cỏi và khổ hạnh, song như một người chôn trẻ tuổi bước đi trên đất bụi sương mai. Nguyên tắc bản Thánh và của Isaac Watt mô tả dùng với sự kiện:

Khí tôi ngắm nhìn cây thập tự kỷ điển.

Nói Vua vinh hiển và trẻ trung đã chịu chết.

Chưa hề có ai đã thần hiển được trải tìm trẻ trung trong sự tươi tắn, can đảm, độ lượng, hy vọng của nó, hoặc nỗi cô đơn bất chợt, cơn ác mộng, các mối văng dật âm thầm, các vấn đề như nỗi của nó. Không ai có thể hiểu rõ mọi điều đó bằng Chúa Giêsu. Và không ai có thể nhận thức rõ hơn Chúa Giêsu trong cuộc đời niên thiếu khi các ý nghĩ kỹ lạ đang say ngủ bỗng thức dậy và vì thế giới bất ổn mở ra là những cơ hội tốt nhất của Đức Chúa Trời cho linh hồn... Khi xem câu chuyện của môn đệ hai sứ đồ đầu tiên, đó là xem xét cuộc phiêu lưu của các chàng trai trẻ. Chúng ta thấy họ theo Thầy

mình bước vào việc không hề biết, họ chưa biết rõ Ngài là ai tuy vì sao lại làm như vậy, hoặc Ngài sẽ dẫn họ đến đâu; song chỉ bị thu hút bởi Ngài, bị hấp dẫn và chinh phục bởi bị cảm giữ từ sức mạnh không cường lại được các tâm linh Ngài, bị các bạn nhạo cười, bị kẻ thù âm mưu chống đối, đôi khi những nỗi hoài nghi dấy lên trong lòng, cho đến khi họ gần như mong thoát khỏi mọi sự này cách an toàn; song vẫn bám chặt lấy Ngài, vượt qua sự phủ nhận của niềm hy vọng để đạt đến sự trung thành tốt hơn và cuối cùng giữ mãi cách vech quang danh liêu mà Vị Chúa Tể (The Deem) ban cho họ là "Đội ngũ các sứ đồ vinh hiển." Thật đáng nhìn xem họ, vì chúng ta cũng có thể lấy nhiệm tình thân của họ và bắt đầu bước theo Chúa Giêsu.⁴

Chúa kêu gọi mười hai sứ đồ nhằm ba mục đích: (1) để họ ở cùng Ngài, (2) để Ngài sai đi giảng đạo, và (3) nhận quyền phép chữa lành các thứ tật bệnh và đuổi quỷ.

Trước hết, họ cần có thời gian được huấn luyện - chuẩn bị trong sự riêng tư trước khi giảng cho quần chúng. Đây là nguyên tắc phục vụ cần bản. Chúng ta phải có thì giờ ở riêng với Chúa trước khi ta đi làm sứ giả cho Ngài.

Tiếp theo, họ được sai đi giảng đạo. Việc công bố Lời của Đức Chúa Trời, phương cách truyền giảng căn bản, phải luôn là công tác trọng tâm. Không công tác nào có thể thay thế được.

Cuối cùng, họ nhận quyền phép siêu nhiên. Đuổi quỷ sẽ chứng tỏ cho mọi người là Đức Chúa Trời đang

phản bảo với họ qua các sứ đồ. Kinh Thánh chưa hoàn tất. Các phép lạ là thành tích của các sứ giả Đức Chúa Trời. Ngày nay, con người tiếp cận với toàn bộ Lời Chúa; họ có trách nhiệm phải tin nhận Lời Ngài mà *không cần sự minh chứng của các phép lạ*.

3:19 Tên của **Giuda Íchcariốt** nổi bật lên giữa vòng các sứ đồ. Đây là sự huyền nhiệm liên hệ đến một người được chọn làm sứ đồ lại trở thành kẻ phản Chúa chúng ta. Một trong các điều đau lòng nhất trong mục vụ Cơ Đốc là thấy một ai đó nổi bật, sốt sắng và có vẻ mộ đạo, sau đó lại xoay lưng với Chúa Cứu Thế để trở lại với thế gian đã đóng đinh Ngài.

Mười một người đã tỏ lòng trung thành với Chúa, và qua họ, Ngài đã làm đảo lộn cả thế giới. Chính họ đã sản sinh ra các môn đệ mỗi lần tiếp xúc truyền giảng, và trong một ý nghĩa, ngày nay chúng ta là hồng trái nối tiếp của chức vụ họ. Không thể đo lường tầm ảnh hưởng của chúng ta cho Đấng Christ cần phải lan rộng bao xa.

B. TỘI KHÔNG ĐƯỢC THA (3:20-30)

3.20,21 Chúa Jesus xuống núi, nơi Ngài đã kêu gọi các môn đồ, vào trong một căn nhà tại Galilê. Có một **đoàn dân** lại nhóm họp tại đó khiến Ngài và các môn đồ hạn rộn đến nỗi không có thì giờ để ăn. Nghe thế, **những thân nhân** Ngài nghĩ rằng Ngài bị **mất trí khôn**, nên tìm cách đưa Ngài đi. Chắc hẳn họ đã bối rối vì lòng nhiệt thành về tôn giáo của kẻ cuồng tin này trong gia đình.

J.R. Miller bình luận:

Họ chỉ có thể giải thích lòng sôi sảng không khuyến khích được của

Ngài bằng cách kê luận rằng Ngài không khỏe mạnh. Ngày nay, chúng ta cũng được nghe những lời tương tự khi vài môn đồ tin kính của Chúa hoàn toàn quên mình khi yêu mến Chúa của mình. Người ta nói: 'Cò lẽ bạn ấy không được khỏe' Họ nghĩ một người là điên dại khi say mê tôn giáo cách bất thường hoặc tỏ lòng nhiệt thành hơn một Cơ Đốc nhân trung bình trong sự phục vụ Chúa mình ...

Đây chính là loại 'không khỏe mạnh' tốt lành. Song đừng buồn là điều này lại quá hiếm. Nếu loạt này đông người hơn thì đã không có quá nhiều linh hồn hư mất vì không được cứu đang khi ở ngay dưới bóng che của các Hội Thánh chúng ta. Sẽ không quá khó khi cần kêu gọi các giáo sĩ và tài chánh để đem Tin Lành đến các lục địa tối tăm; sẽ không có quá nhiều hàng ghế trống trong các nhà thờ; không có quá nhiều giờ nghỉ dài giữa các buổi nhóm cầu nguyện; hoặc có quá ít người dạy đạo trong các buổi học Trường Chúa nhật. Sẽ thật là vinh diệu nếu tất cả Cơ Đốc nhân đều từ bỏ chính mình như Thuyết hay Phaolô đã từ bỏ. Loại 'không khỏe' tốt tề mà, thế giới đầy dẫy là không hề suy nghĩ đến người khác, là sống giữa những người hư mất, song không hề động lòng thương xót họ hay nghĩ đến tình trạng hư mất của họ hay có chút nỗ lực để cứu vớt họ. Thật dễ giữ một cái đầu tinh táo với một trái tim lạnh và không hề quan tâm đến các linh hồn hư mất, song chúng ta lo kẻ cơ giạt quai em mình ra không có sự chuyển mình nào tề hội hơn việc thờ ơ với sự cứu rỗi đến đời của họ.⁵

Khi một người bùng cháy cho Đức Chúa Trời thì dường như luôn lạc điệu với người đương thời. Càng giống Đấng Christ bao nhiêu, chúng ta lại sẽ càng kinh nghiệm nỗi buồn khi bị thân nhân và bạn bè hiểu lầm bấy nhiêu. Nếu chúng ta bùng ra để làm giàu, người đời sẽ triu mến chúng ta. Nếu chúng ta trở thành cuồng tín cho Chúa Jêsus Christ, họ sẽ chế nhạo chúng ta.

3:22 Các thầy thông giáo chẳng nghi rằng Chúa không khước. Họ lên án Ngài nhờ quyền phép của **Bêênxêbun** là chúa quỷ để trừ quỷ. Tên **Bêênxêbun** có nghĩa là 'chúa của loài phân trối' (dung flies) hay 'chúa của sự nhơ bẩn'. Đây là lời kết án nghiêm khắc, hèn hạ và phạm thượng.

3:23 Đầu tiên, Chúa Jêsus bác bỏ, rồi công bố sự định tội cho những kẻ nói lời đó. Nếu Ngài đã đuổi quỷ nhờ **Bêênxêbun** thì Satan đã tự chống lại mình, tự làm hỏng mục đích của nó. Nó nhắm mục tiêu dùng quỷ để khống chế người, không phải để giải phóng người khỏi quyền lực của quỷ.

3:24-26 Một nước, một nhà hay một người tự **phân rẽ để chống lại** chính mình thì không thể tồn tại. Sự sống còn tùy thuộc vào sự hợp tác trong nội bộ, không phải sự phân hoá.

3:27 Vì vậy, lời kết tội của các thầy thông giáo là phi lý. Thật ra, Chúa Jêsus đã làm việc đối nghịch với điều họ nói. Các phép lạ Ngài làm chứng tỏ Satan đã suy tàn không còn mạnh nữa. Chúa Cứu Thế đã nói: "Chẳng ai có thể vào nhà một người mạnh sức cướp lấy cửa người mà trước hết không trói người lại. Phải

trói người lại, rồi mới cướp nhà người được."

Satan là kẻ mạnh sức. Căn nhà là nước của nó; nó là chúa của đời này. Cửa cái nó là những người bị nó cầm tù. Chúa Jêsus là Đấng trói Satan và cướp phá nhà nó. Khi Chúa Hiện Đến Lần Thứ Hai, Satan sẽ bị trói và ném vào vực sâu không đáy trong vòng 1000 năm. Việc Chúa Cứu Thế đuổi quỷ trong chức vụ trên đất tiên báo sự kiện Ngài sẽ hoàn toàn trói buộc ma quỷ.

3:28-30 Tại đây, Chúa Jêsus công bố các thầy thông giáo mắc tội không được tha. Khi kết án Chúa Jêsus đã nhờ chúa quỷ mà đuổi quỷ, trong lúc Ngài thực sự nhờ cậy Thánh Linh, như vậy họ gọi Đức Thánh Linh là chúa quỷ. Đó là **xúc phạm đến Thánh Linh**. Mọi tội lỗi đều có thể được tha thứ, song tội đặc biệt này không hề được tha đâu. Đó là tội đời đời.

Ngày nay, người ta có thể phạm tội này không? Chắc là không. Đó là tội lúc Chúa Jêsus làm phép lạ trên đất. Vì thế ngày nay, Chúa không còn ở trong thân thể trên đất để đuổi quỷ nên không hề có một khả năng tương tự để xúc phạm Chúa Thánh Linh. Những ai đau buồn vì phạm tội không thể tha đã không vướng vào tội đó. Chính việc họ quan tâm cho thấy họ không mắc tội xúc phạm Chúa Thánh Linh.

C. Mẹ Và Anh Em Thật Của Đức Chúa Jêsus (3:31-35)

Bà Mari, mẹ của Chúa Jêsus, đi cùng các em Ngài đến để nói chuyện với Ngài. Đoàn dân đông khiến họ không đến gần Ngài được, vậy họ

nhân tín là đang đợi Ngài ở ngoài. Khi người ta nói cho Chúa biết mẹ và các em^o Ngài đang tìm Ngài, Chúa Jêsus nhìn quanh và tuyên bố rằng ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời chính là mẹ và anh em của Ngài.

Chúng ta có thể rút ra nhiều bài học ở đây:

1. Trước tiên, lời tuyên bố của Chúa Jêsus là lời quở trách việc thờ tạy bà Mari. Ngài không hề xúc phạm bà là bà mẹ về phần xác, song Ngài muốn nói rằng các mối liên hệ thuộc linh ưu tiên (được xem trọng) hơn mối liên hệ về huyết thống. Bà Mari đáng trọng khi thi hành ý chỉ của Đức Chúa Trời hơn là khi làm mẹ của Chúa Jêsus về phần xác.

2. Tiếp theo, lời này bác bỏ giáo lý cho rằng bà Mari trọn đời đồng trinh. Chúa Jêsus có các em về phần xác. Ngài là con trai đầu lòng và sau đó bà còn sanh nhiều con trai và con gái khác (xin xem Math 13:55; Mác 6:3; Giăng 2:12; 7:3,5,10; Công Vụ 1:14; 1.Cô 9:5; Gal 1:19; cũng xem Thi 69:8).

3. Chúa Jêsus đặt những việc mà Đức Chúa Trời quan tâm trên các mối liên hệ thuộc thể. Với các môn đồ, ngày nay Ngài vẫn phán: "Nếu có ai đến theo Ta mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình và chính sự sống mình nữa thì không được làm môn đồ Ta" (Lu 14:26).

4. Phần đoạn này nhắc nhở chúng ta rằng các Cơ Đốc nhân có mối liên hệ chặt chẽ với nhau còn hơn là mối liên hệ theo huyết thống, khi các thân nhân họ không tìm Chúa.

5. Cuối cùng, trong phần đoạn này Chúa Jêsus nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Tôi có đáp ứng được tiêu chuẩn này không? Tôi có đang là mẹ hoặc em của Chúa về mặt thuộc linh không?

Đ. Thi Dụ Về Người gieo giống (4:1-28)

4:1,2 Một ngày kia, Chúa Jêsus lại khởi sự giảng dạy nơi bờ biển. Đoàn dân đông khấn Ngài phải dùng một chiếc thuyền làm tòa giảng, kéo ra xa bờ một chút. Và Ngài tiếp tục dạy dỗ những bài học thuộc linh từ thiên nhiên về chính Ngài. Ngài có thể thấy được chân lý thuộc linh từ lãnh vực thiên nhiên. Nó hiện hữu cho tất cả chúng ta nhìn thấy.

4:3,4 Thi dụ này liên hệ đến người gieo giống, hạt giống và đất. Đất dửng dưng quá cứng nên hạt giống không lọt xuống được. Chim trời ... đến và ăn hết hạt giống.

4:5,6 Đất đá sỏi chỉ có một lớp đất thịt mỏng phủ trên nền nhiều sỏi đá. Lớp đất mỏng khiến hạt giống không thể bèn rễ sâu.

4:7 Đất bụi gai có nhiều gai góc mọc lên hút hết chất bổ dưỡng và ánh nắng mặt trời khiến hạt giống bị nghẹt ngòi.

4:8,9 Đất tốt màu mỡ và nhiều đất thịt với điều kiện thuận lợi cho hạt giống phát triển. Một hột ra ba chục, hột khác sáu chục và hột khác một trăm.

4:10-12 Khi Đức Chúa Jêsus ở một mình, các môn đồ hỏi Ngài vì sao Ngài phán báng thí dụ. Ngài giải thích với họ rằng sự mâu nhiệm của Nước Đức

Chúa Trời đã tỏ ra cho họ. Sự mẫu nhiệm trong Tân Ước là lẽ thật kín giấu chỉ có thể biết khi được qua mặc khải đặc biệt. Sự mẫu nhiệm của Nước Đức Chúa Trời là:

1. Chúa Jêsus đã bị khước từ khi Ngài dâng mình như Vị Vua cho dân Ysraên.

2. Cần có khoảng thời gian quá độ trước khi Nước Trời được thành lập theo nghĩa đen trên đất.

3. Trong giai đoạn lâm thời đó, Nước Trời hiện hữu dưới dạng thuộc linh. Hễ ai nhận Đấng Christ là Vua, đều ở trong Nước Trời, cho dù Vua có vắng mặt.

4. Lời của Đức Chúa Trời được gieo ra trong thời kỳ quá độ với các mức thành công khác nhau. Một số người thật sự qui đạo trong khi số khác chỉ là tin đổ hữu danh vô thực. Những ai xưng mình là Cơ Đốc nhân đều có Nước Trời theo hình thức bề ngoài, song chỉ kẻ chân thật mới thực sự có Nước Trời trong lòng.

Câu 11,12 giải thích vì sao lẽ thật này được trình bày bằng thí dụ. Đức Chúa Trời tỏ bày các bí mật của nước Ngài cho những ai có lòng cởi mở, miệt mài và vâng lời, còn với kẻ khước từ ánh sáng đã ban cho họ thì chân lý được cố ý che khuất lại. Đây là những kẻ mà Chúa để cập như là "người ngoài". Câu 12 dường như cũng và thô lỗ với người tinh cở đọc đến: "Hầu cho họ xem thì xem mà không thấy, nghe thì nghe mà không hiểu, e họ hối cải mà được tha tội chăng."

Nhưng chúng ta cần nhớ đặc ân lớn lao mà họ đã được hưởng. Con

Đức Chúa Trời đã dạy dỗ giữa vòng họ và đã thi thử nhiều phép lạ kỳ diệu trước mắt họ. Thay vì nhận biết Ngài là Đấng Mêsi chân thật thì nay họ lại khước từ Ngài. Vì khi đã xem thương Sự Sáng cho cả thế giới, họ sẽ khước từ ánh sáng của lời Ngài dạy. Do đó, họ xem các phép lạ Ngài làm mà không hiểu ý nghĩa thuộc linh bên trong, nghe các lời Ngài dạy mà không tiếp thu các bài học sâu xa từ đó.

Việc nghe Tin Lành vào thời điểm cuối cùng như vậy. Người ta vẫn có thể tiếp tục phạm tội trong ngày ăn điển. Họ rời xa khỏi điểm cứu rỗi. Có nhiều người nam và nữ đã khước từ Chúa Cứu Thế, không hề còn cơ hội để ăn năn và được tha tội. Họ có thể nghe Tin Lành, song lòng đã cứng và tai thì nặng. Chúng ta nói, "Sự sống ở đâu, niềm hy vọng ở đó," nhưng Kinh Thánh nói đến những kẻ còn sống mà không còn hy vọng ăn năn (như Hê 6:4-6 chẳng hạn).

4:13 Trở lại với thí dụ về người gieo giống, Chúa Jêsus hỏi các môn đồ nếu họ không hiểu thí dụ đơn giản đó thì thế nào hiểu mọi thí dụ được.

4:14 Chúa Cứu Thế không nói ai là người gieo giống. Có thể là chính Ngài hay người giảng đại diện cho Ngài. Chúa nói hạt giống là lời Ngài.

4:15-20 Các loại đất khác nhau chỉ về lòng người và sự tiếp nhận Lời Chúa, như sau:

Đất dẹt đường (c.15) là lòng cứng cõi. Loại người bướng bỉnh, không tan vỡ cương quyết nói 'Không' với Chúa Cứu Thế. Satan, qua binh ảnh chim trời sả xuống nuốt hết hạt giống đạo. Sứ điệp không có tác động trên tội

nhân. Sau đó, người này vẫn thờ ơ, vô cảm đối với Lời Chúa.

Đất đã sỏi (c.16,17) là loại người đáp ứng hơi hợt với Lời Chúa. Có thể do cảm xúc trước lời mới nhiệt thành của Tin Lành, họ tỏ ra tin Đấng Christ. Song đó chỉ là sự tận thành của lý trí, không hề có lòng cam kết của người đó đối với Đấng Christ. Người vui mừng nhận hạt giống đạo; song nếu có lòng ăn năn sâu xa với sự thống hối thì tốt hơn. Người này tỏ ra sốt sắng một thời gian, song khi sự bất bử hay khó khăn xảy ra, người nghĩ già phải trả quá lớn nên từ bỏ toàn bộ. Người tỏ ra là Cơ Đốc nhân khi điều này phổ biến, song sự bất bử đã chứng tỏ lòng người không thật.

Đất bụi gai (c.18,19) là hạng người có khởi đầu đầy hứa hẹn. Xé bẻ ngoài, người tỏ ra là tín hữu thật. Rồi người bận rộn với công việc làm ăn, với sự lo lắng về đời này và lòng tham muốn giàu sang. Họ mất lòng quan tâm đến các giá trị thuộc linh và cuối cùng là từ bỏ việc làm Cơ Đốc nhân.

Đất tốt (c.20) là loại người dứt khoát tiếp nhận Lời Chúa, dù có phải trả giá nào đi nữa. Họ thực sự đã được sanh lại và trung thành với Đấng Christ là Vua. Cả thế gian, xác thịt hay ma quỷ có không thể lay động niềm tin của họ nơi Ngài.

Trong các loại đất tốt cũng có các mức độ kết quả khác nhau. Có hội ra ba chục, hội khác sáu chục và hội khác một trăm. Điều gì quyết định mức kết quả? Đời sống kết quả nhất là đời sống vâng phục Lời Chúa cách

nhANH chóng, và vui mừng không thất mát.

E. Trách Nhiệm Của Kẻ Nghe Đạo (4:21-25)

4:21 Đền ở đây chỉ về các chân lý mà Chúa chia sẻ cho môn đồ. Lễ thật này là không được đem đèn để dưới cái thùng hoặc dưới cái giường, song phải để bên ngoài, chỗ khoảng ngoài để soi sáng cho mọi người. **Cái thùng** chỉ về công việc làm ăn có thể cất xén thì giờ dành cho việc của Chúa. **Cái giường** có thể nói về các tiện nghi hay sự lười biếng đều là kẻ thù của Tin Lành.

4:22 Chúa Jesus nói với đoàn dân bằng các thí dụ. Lễ thật nhấn mạnh được **che giấu**. Song chỉ đích thiên thượng là các môn đồ sẽ giải thích các lễ thật kín giấu cho những tấm lòng sâu sảng. Tuy nhiên, câu 22 cũng có thể hiểu là phải luôn nhớ rằng ngày đến sẽ tỏ ra rằng công việc làm ăn hay sự nuông chiều bản thân có được phép lẫn át công tác làm chứng cho Chúa Cứu Thế không.

4:23 Các lời trên thêm nghiêm trọng khi Chúa Jesus nhấn mạnh: **"Nếu ai có tai mà nghe, hãy nghe."**

4:24 Rồi Chúa Cứu Thế cảnh báo thêm: **"Hãy cẩn thận về điều mình nghe."** Nếu tôi nghe mạng lệnh từ Lời Chúa song không làm theo, tôi không thể chuyển lại cho người khác. Khi dân sự thấy được chân lý qua cuộc đời người giảng thì sự giảng dạy mới có năng quyền và hiệu quả.

Khi chia sẻ chân lý cho người khác, lễ chúng ta đóng cho người ta chứng nào thì sẽ nhận lại chứng ấy cộng thêm số lời. Thông thượng đang kh

chuẩn bị bài, người dạy nhận được nhiều hơn là người học. Và phần thưởng trong tương lai sẽ lớn hơn số nhỏ nhọc đã đầu tư.

4:25 Mỗi khi tiếp thu chân lý mới và thực thi trong đời sống mình, chân chúng ta sẽ được nhận thêm chân lý nữa. Mặt khác, nếu không đáp ứng với lễ thật, chúng ta sẽ mất luôn các điều đã nhận.

F. Thi Dụ Về Hạt Giống Tăng Trưởng (4:26-29)

Thi dụ này chỉ có trong Tin Lành Mặc và có ít nhất hai cách giải thích. Người **vãi** có thể là hình ảnh của Chúa Jesus **vãi giống** trên đất trong lúc thi hành chức vụ công khai, rồi trở về trời. Hạt giống bắt đầu lớn lên – cách âm thầm, kín nhiệm nhưng chắc chắn. Từ một khởi đầu nhỏ bé, phát triển thành mùa gặt; gồm các tín hữu thật. **Khi hạt đã chín... mùa gặt đã đến** cần thu hoạch vào kho lẫm trên trời.

Hoặc thi dụ này dùng để khích lệ các môn đồ. Họ có trách nhiệm gieo giống. Họ có thể **ngủ hay thức và đêm hay ngày**, biết chắc rằng Lời của Đức Chúa Trời đã gieo ra sẽ không trở về luống nhưng, song sẽ làm trọn điều Chúa muốn làm. Qua tiến trình mầu nhiệm và bí mật, hoàn toàn không đo nỗ lực hay tài khéo của con người, Lời Chúa tác động trên lòng người, làm nảy sinh bông trái cho Đức Chúa Trời. Con người trồng tía, tưới bón song Đức Chúa Trời làm cho lớn lên. Lời giải thích này gặp khó khăn ở câu 29. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể **tra lưỡi hái** vào mùa gặt. Song theo thi dụ thì chính người gieo hạt **tra lưỡi hái** vào khi hạt đã chín.

G. Thi Dụ Về Hạt Cải (4:30-34)

4:30-32 Thi dụ này minh họa sự tăng trưởng của Nước Trời, khởi đầu nhỏ như **một hạt cải** sau mọc lên, trở nên lớn hơn mọi thứ rau, và nở ra nhanh lớn, đến nỗi **chìm trời** núp dưới bóng nó được. Nước Trời bắt đầu là một thiểu số bị bắt bớ. Rồi trở thành phổ cập và được chính quyền tiếp nhận như là quốc giáo. Sự tăng trưởng này thật ngoạn mục song không lành mạnh, đa số là những kẻ phục vụ Chúa bằng môi miệng song không thật lòng qui đạo.

Như Vance Havner đã nói:

Khi Hội Thánh bị thương tích, họ làm xa. Khi họ bắt đầu được gìn giữ chăm sóc, thì chính nghĩa tìm lại. Khi các Cơ Đốc nhân bị ném làm mồi cho sự tử thù thì đời họ ngày lớn cho Hội Thánh hơn là khi họ phân phối các vé mời theo từng mùa vì ngồi chễm chệ trên khán đài.⁷

Vì vậy, cây cải minh họa những nước tự xưng là theo Cơ Đốc giáo, song lại trở thành ổ chứa cho đủ loại giáo sư giả. Đây là hệ ngoài của vương quốc như hiện có ngày nay.

4:33,34 Hai câu này dẫn chúng ta vào nguyên tắc quan trọng về dạy đạo. Chúa Jesus đã giảng cho đoàn dân tùy theo sức họ nghe được. Ngài lập nền trên bài trước, cho họ có thời gian tiêu hóa hài cũ trước khi cung ứng chất liệu mới. Nhận biết mức tiếp thu của người nghe, Ngài không nhốt nhét các lời chỉ dẫn nhiều hơn mức họ có thể nhận (cũng xem Giảng 16:12; 1.Cô 3:2; Hê 5:12). Vài điển giả đã áp dụng phương cách khiến chúng ta có thể nghi rằng Đấng Christ đã dạy,

"Hãy nuôi bầy hươu cao cổ của Ta," thay vì "Hãy nuôi chiên Ta?"

Dù Chúa thường dạy bằng thi dụ, nhưng khi ở riêng, Ngài cắt nghĩa hết cho môn đồ mình. Ngài ban ánh sáng cho kẻ thật lòng muốn nhận.

H. Sóng Và Gió đến phục vụ Chúa (4:35-41)

4:35-37 Đến chiều ngày ấy, Chúa Jê-sus và các môn đồ đi ngang qua Biển hồ Galilê từ phía Đông. Họ chưa chuẩn bị gì cả. Cũng có các thuyền khác cùng đi nữa. Thình lình có cơn bão lớn nổi lên. Sóng tạt vào thuyền, đến nỗi gấn đầy nước.

4:38-41 Chúa Jê-sus đang ngủ ở đằng sau lái. Các môn đồ sợ hãi đến đánh thức Ngài dậy, trách sao Ngài tỏ ra thiếu quan tâm đến sự an nguy của họ. Chúa bèn thức dậy, quở gió và sóng biển, lập tức gió liền dứt và biển hoàn toàn yên lặng như tờ. Rồi Chúa quở trách môn đồ vì đã sợ và không tin cậy. Họ đều kinh ngạc trước phép lạ. Dù đã biết Chúa Jê-sus là ai, song họ vẫn sững sờ trước quyền năng của Đấng trọn quyền kiểm soát mọi sự.

Biến cố này bày tỏ nhân tánh và thần tánh của Chúa Jê-sus. Ngài ngủ đằng sau lái là nhân tánh của Ngài. Ngài phân một lời và biển liền yên lặng, đó là thần tánh của Ngài.

Điều này bày tỏ năng quyền của Ngài trên thiên nhiên cũng như các phép lạ trước chỉ ra quyền năng của Ngài trên bệnh tật và ma quỷ.

Cuối cùng, câu chuyện này khích lệ chúng ta đến với Chúa Jê-sus trong mọi bão tố của cuộc đời, biết rằng con thuyền không bao giờ có thể đắm được khi có Ngài Hiện Diện trên đó.

Ngài là Chúa, Đấng đã dựa gối mà ngủ.

Ngài là Chúa, Đấng đã làm dịu biển cuồng sóng.

Nào có hề chi gió thổi với sóng nổi.

Chỉ cần Ngài ở trên thuyền với chúng ta là đủ!

- Amy Carmichael

1. Đuối Quỷ Tại Gadara (5:1-20)

5:1-5 Xứ Gadara⁸ ở bờ đông biển hồ Galilê. Tại đó, Chúa Jê-sus gặp một người nam bị quỷ ám, đặc biệt hung hãn và là nỗi kinh hoàng cho khu vực đó. Mọi nỗ lực để cầm giữ người đều thất bại. Người cứ ở nơi mồ mả và trên núi, ngày đêm kêu la và lấy đá đánh bầm mình.

5:6-13 Khi người bị quỷ ám thấy Chúa Jê-sus thì liền cư xử lễ phép, rồi than thở cách đắng cay. "Hình ảnh này mới thật và kinh khiếp thay – một con người cúi gập mình xuống để thờ lạy, nài xin và tin cậy song lại ghét bỏ, sợ hãi và nghi hoặc; một nhân cách đôi, vừa khao khát được giải phóng và vừa chìm vào sự u mê" (Ghi chú theo bản Scripture Union).

Trình tự các sự kiện diễn tiến không rõ ràng, song có thể xảy ra như sau:

1. Người bị quỷ ám bày tỏ hành động tôn kính Chúa Jê-sus (câu 6).

2. Ngài ra lệnh cho tà linh phải lìa khỏi người (câu 8).

3. Tà linh nói qua người, nhận biết Ngài là Ai, hỏi Ngài về quyền can thiệp và với lời thề thốt, nài xin Chúa đừng làm khổ nó (câu 7).

4. Chúa hỏi tên tà linh. Nó là quân đội, có nghĩa anh ta bị rất nhiều quỷ

âm [câu 9]. Điều này dường như không mâu thuẫn với câu 2 chép anh bị một tà linh âm (số ít).

5. Có lẽ người bị ám nói thay cho lũ quỷ, xin phép **nhập vào bầy heo** (câu 10-12).

6. Chúa cho phép và kết quả là bầy heo đông độ **hai ngàn con** nhào xuống bên sườn núi và **chết chìm trong biển** (câu 13).

Chúa thường bị phê phán đã gây nên sự hủy diệt bầy heo này. Song cần thấy các **điểm** sau:

1. Ngài không tạo ra sự hủy diệt. Ngài cho phép nó xảy ra. Chính quyền lực hủy diệt của Satan đã giết sạch bầy heo.

2. Không có chỗ nào ghi lại các chủ của bầy heo nhận lỗi. Có lẽ họ là người Do Thái mà việc nuôi heo bị cấm đoán.

3. Linh hồn một người quý hơn toàn bộ heo trên đất.

4. Nếu chúng ta biết như Chúa đã biết, thì tất sẽ hành động như Ngài đã hành động.

5:14-17 Nhưng kẻ đã chứng kiến sự hủy diệt cả bầy heo vội chạy về báo tin trong thành. Đám đông đổ ra đường xem điều đã xảy đến, thấy người đã bị nhiều quỷ ám **đang ngồi** nơi chân Chúa, mặc **quần áo, li hồn bình tĩnh**. Họ **bèn sợ hãi lắm**. Có người đã nói, "Họ đã kinh sợ khi Ngài dẹp yên cơn bão trên biển và nay là cơn bão trong linh hồn con người." Những người chứng kiến đã thuật lại mọi sự cho những người mới đến. Điều này quả sức chịu đựng, họ bèn nài xin Chúa ra **khỏi địa phận** mình. Chính điều này là sự kiện gây sự

sốt chừ không phải sự hủy diệt bầy heo. Đấng Christ là vị khách mời quá ư tốn kém!

"Vô số đám đông ngày nay vẫn mong Chúa rời xa họ vì sự mối tương giao với Ngài có thể tạo ra các mối mát về mặt xã hội, kinh tế hay cá nhân. Khi tìm cách cứu của cải, họ đã đánh mất linh hồn mình" (Gióp Nhật).

5:18-20 Lúc Chúa đương bước vào thuyền, người được chữa lành **xin** ở lại với Ngài. Đây là lời xin đúng, chứng tỏ người đã được biến đổi. Song Ngài sai người trở về nhà, như một nhân chứng sống về lòng thương xót và quyền năng lớn lao của Đức Chúa Trời. Người vâng lời, đem tin lành đồn ra trong xứ **Decabôlô**, một khu vực bao gồm mười thành phố.

Đây là trình tự cho những ai đã kinh nghiệm ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời: "**Hãy về nhà người, nơi bạn hữu người, mà thuật lại cho họ điều lớn lao thế nào Chúa đã làm cho người và Ngài đã thương xót người cách nào.**" Việc truyền giảng Tin Lành bắt đầu từ gia đình!

J. Chúa Lành Người Bệnh Nan Y Và Gọi Họ Chối Sống Lại (5:21-43)

5:21-23 Trở lại bờ tây biển hồ Galilê, có đoàn dân đông nhóm họp chung quanh Chúa. Một người cha tuyệt vọng chạy ào đến với Ngài. Ông tên là **Jaïrô**, một **trong những người cai nhà hội**. Con gái nhỏ của ông đang hấp hối. Chứa có sẵn lòng đến, **đặt tay trên đứa trẻ hầu cho nó được lành mạnh và sống chăng?**

5:24 Ngài thuận ý và đi với người đến nhà. Đoàn dân đông cũng đi theo

và lén ép Ngài. Thật thú vị là ngay sau sự kiện đoàn dân *lén ép* Ngài, chúng ta có câu chuyện của đức tin về việc *nở đến* Chúa để được chữa lành.

5:25-29 Một người đàn bà quần tử đã chắn ngang đường Chúa khi Ngài đang đi đến nhà Giairu. Ngài không hề tỏ ra bực bội hay khó chịu trước sự ngằn trở này. *Chúng ta* phản ứng ra sao khi bị gián đoạn?

Tôi nghĩ mình được giúp đỡ nhiều một khi thấy được mọi sự ngăn trở hay gián đoạn trên đường mình đi như là kỷ luật hay thử thách do Chúa gởi đến giúp mình thoát khỏi sự lệ kỷ trong công việc. Đây không là sự mất thì giờ, như chúng ta thường bị cảm dỗ nghĩ thế, song đó là phần việc quan trọng nhất trong ngày - phần tốt nhất mà chúng ta có thể dâng lên Đức Chúa Trời. (Hịch Góp Nhặt Tiverton Chon)

Người đàn bà này đã đau khổ vì bệnh mất huyết đã mười hai năm. Bảy lâu chịu khổ sở trong tay nhiều thầy thuốc, hao tổn hết tiền của, mà không thấy đỡ gì; bệnh lại càng nặng thêm. Niềm hy vọng hầu như đã tắt ngấm nay được phục hồi khi có người nói với bà về Chúa Jêsus. Bà không mất thì giờ tìm kiếm Ngài. Tìm cách chen vào giữa đám đông, bà rờ nhẹ **trên áo Ngài**. Lập tức, huyết liền cầm lại và bà nghe trong mình đã được lành bệnh.

5:30 Bà định lặng lẽ rút lui, song Chúa không muốn bà vượt mất phước hạnh của việc công khai xưng nhận Chúa Cứu Thế. Ngài tự biết có **sức mạnh** thiên thượng **dà** ra từ mình, khi bà rờ đến Ngài; để cho bà được lành, năng lực Ngài đã hao tổn. Vậy, Chúa

hỏi: "**Ai đã rờ áo Ta?**" Ngài biết câu trả lời, song muốn bà ra mặt trước đám đông.

5:31 Các môn đồ cho rằng đó là câu hỏi ngờ ngẩn. Đoàn dân tiến tục xô đẩy Ngài từ phía, sao lại hỏi "**Ai rờ đến Ta?**" Song có sự khác biệt giữa sự va chạm của thể xác trong đám đông với cái rờ của niềm tin tuyệt vọng. Chúng ta có thể ở rất gần bên Chúa mà không tin cậy Ngài, song không thể rờ đến Chúa bằng đức tin mà Ngài không biết và mình không được lành.

5:32,33 Người đàn bà bước đến trước, **run rẩy và sợ hãi**. Bà gieo mình dưới chân Chúa và lén đầu liền công khai xưng nhận Chúa Jêsus.

5:34 Rồi Chúa phán những lời bảo đảm cho linh hồn bà. Công khai xưng nhận Đấng Christ là việc rất quan trọng. Thiếu bước này, nếp sống Cơ Đốc sẽ ít láng trũng. Khi chúng ta dạn dĩ đứng về phía Chúa, Ngài tuân tròn linh hồn chúng ta bằng niềm tin vững chắc và trọn vẹn. Lời Chúa phán không chỉ xác nhận thân thể bà đã được chữa lành mà chắc chắn còn bao gồm cả phước hạnh lớn lao vì linh hồn được cứu nữa.

5:35-38 Cùng lúc đó, có kẻ đết bảo tin **con gái** Giairu đã chết. Không cần dẫn **Thầy** đến nữa. Chúa ân cần khôi phục lại niềm tin của Giairu, rồi đem **Phierô, Giacô và Giăng** cùng đi đến nhà ông. Họ gặp đám đông đang khóc lóc ồm sòm như thường thấy trong các đám tang ở phương Đông, đôi khi có cả nhưng kẻ khóc mướn nữa.

5:39-42 Khi Chúa bảo với họ **đứa trẻ không chết, song nó ngủ**, thì họ

quay sang nhạo báng Ngài. Không nản lòng, Chúa dẫn cha mẹ đưa bé đến chỗ nó nằm, **cắm tay và nói** bằng tiếng Aram: **"Hỡi con gái nhỏ, Ta truyền cho mày, hãy chớ dậy."** Tức thì đứa **gái** mười hai tuổi **chờ dậy và bước đi**. Các thân nhân rất lấy làm lạ và chắc chắn mừng rỡ không cùng.

5:43 Chúa cất họ đón phép lạ ra. Ngài không quan tâm đến sự tung hô của quần chúng. Ngài quyết tâm tiến đến thập tự giá.

Nếu đứa bé gái thật đã chết, thì chương này minh họa quyền năng của Chúa Jêsus trên ma quỷ, bệnh tật và sự chết. Không phải tất cả học giả Kinh Thánh đều đồng ý rằng đứa bé đã chết. Chúa Jêsus nói nó không chết song đang ngủ. Có lẽ đứa bé hôn mê sâu. Ngài đã có thể hoàn toàn để dang kêu em sống lại dậy, nhưng Ngài sẽ không nhận lời tán dương về việc đó nếu đứa trẻ chỉ bất tỉnh.

Chúng ta đứng bỏ qua câu cuối đoạn: **"Ngài... truyền cho đứa trẻ ăn."** Trong chức vụ thuộc linh, đây là công tác "chăm sóc". Các linh hồn đã nếm sự rộn ràng của đời sống mới cần được nuôi dưỡng. Môn đồ bày tỏ lòng mình yêu Chúa Cứu Thế qua việc nuôi dưỡng của Ngài.

H. Chúa Jêsus Bị Khước Từ Tại Naxarét (6:1-6)

6:1-3 Chúa Jêsus trở về Naxarét với các môn đồ Ngài. Đây là quê hương, nơi Ngài làm Người Thợ Mộc. Ngài dạy dỗ trong nhà hội nhằm ngày Sabát. Thiên hạ lấy làm lạ, không thể phủ nhận sự khôn ngoan trong việc dạy dỗ liay sự kỳ diệu trong các phép

lạ của Ngài. Song họ quyết không thừa nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời. Họ xem Ngài là người thợ mộc, con trai của Mari, mà các em trai và em gái Ngài còn ở giữa vòng họ. Nếu Ngài trở về Naxarét như một vị Anh Hùng giải phóng đầy quyền lực thì có lẽ họ dễ chấp nhận Ngài hơn. Song Ngài đến trong ân điển dịu dàng và khiêm nhu khiến họ **vấp phạm** vì cơ Ngài.

6:4-6 Song Đức Chúa Jêsus phản ứng họ rằng **Đấng** tiền tri thường không được tôn trọng ở quê hương mình. Bà con và bạn bè quá gần gũi với Ngài để có thể nhận ra thân vị và chức vụ của Ngài. "Không có chỗ nào khó hầu việc Chúa hơn là ngay tại nhà mình." Bản thân dân thành Naxarét đã là những kẻ bị khinh miệt. Cách cư xử chung tã: "Hả có gì tốt ra từ Naxarét chăng?" Ngay cả những kẻ bị xã hội ruồng bỏ đó cũng xem thường Chúa Jêsus. Điều này cho thấy lòng người vô tín và kiêu ngạo biết dường nào! Sự chẳng tìm quá đã ngăn trở công việc của Chúa Cứu Thế tại Naxarét. Ngài chỉ chữa lành vài người đau ốm và chỉ có thể thôi. Chúa ngạc nhiên về lòng vô tín của họ. J.G. Miller cảnh báo:

Lòng vô tín dường ấy dần dần các hậu quả lớn và xấu. Nó khêu chặt ân điển và sự thương xót, đến nỗi chỉ có từng giọt nhỏ thấm đến những cuộc đời đang co như cùn.⁹

Một lần nữa, Chúa Jêsus lại ném trái nài có đơn klu bị hiểu lầm và xa lánh. Nhiều kẻ theo Ngài đã chưa sẵn lòng nổi buồn này. Các thầy tớ của Chúa thường xuất hiện trong vở học rất bình dị. Chúng ta có khả năng nhìn

xuyên qua bề ngoài để nhận ra giá trị thuộc linh thật không? Không màng đến sự bị khước từ tại Naxarét, Chúa tiếp tục đi khắp các làng gần đó, giảng dạy Lời của Đức Chúa Trời.

L. Chúa Sãi Các Môn Đồ Ngươi Ra Đi (6:7-12)

6:7 Đã đến lúc mười hai sứ đồ được sai đi. Họ đã từng ở dưới sự kềm cặp không vì sách được của Chúa Cứu Thế; bây giờ họ cần ra đi như các sứ giả rao báo sứ điệp vinh hiển. Ngài sai họ đi từng đôi. Sự rao giảng cần được xác nhận từ miệng của hai chứng nhân. Đồng thời, họ có thêm sức mạnh và sự hỗ trợ lẫn nhau khi cùng đi chung. Cuối cùng, việc hai người cũng có mặt sẽ giúp nhau tại những nơi mà các phong tục đạo đức còn thấp kém. Rồi Ngài ban cho họ quyền phép trừ tà ma. Đây là điều cần lưu ý. Đuổi quỷ là một sự kiện mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể ban năng quyền này cho người khác.

6:8 Nếu Nước Trời thuộc về hạ giới, Chúa chúng ta sẽ không bao giờ nêu các chỉ dẫn như trong câu 8-10. Các câu này trái ngược hẳn các điều mà một nhà lãnh đạo trung bình trên đất có thể truyền ra. Các môn đồ được lệnh ra đi không mang theo đồ dự trữ chi hết – không bánh, không bao, không tiền bạc trong dây lưng. Họ phải tin cậy Ngài cung ứng nhu cầu cho họ.

6:9 Họ được phép mang dép, gậy có lẽ để chống lại các thú rừng và chỉ một áo choàng mà thôi. Chắc chắn, không ai thêm tài sản của các môn đồ hay muốn đến với Cơ Đốc giáo để được trở nên giàu có và thịnh vượng!

Và bất cứ quyền năng nào mà môn đồ có đều đến từ Đức Chúa Trời; họ hoàn toàn nương cậy nơi Ngài. Họ được sai đi trong sự đơn sơ, đạm bạc nhất song lại là các sứ giả của Con Đức Chúa Trời, được trang bị với quyền năng Ngài.

6:10 Họ phải nhận sự tiếp đón nơi nào đón nhận họ về cứ ở đó cho đến khi rời khỏi khu vực. Lời chỉ dẫn này ngăn họ không đi rảo để tìm nơi tạm trú tốt hơn. Sự mạng của họ là rao truyền sứ điệp về Đấng không tìm sự thỏa lòng mình hay tìm kiếm chính mình. Họ không được phép làm hỏng sứ điệp khi tìm kiếm tiện nghi sang trọng hay sự dễ chịu.

6:11 Nơi nào khước từ họ và lời dạy của họ, họ không bị buộc phải ở lại đó. Nếu cứ ở lại cũng giống như quăng ngọc trai cho heo. Khi rời khỏi nơi đó, họ cần phải bụi dơ dính chân mình, để làm dấu chỉ rằng Đức Chúa Trời khước từ những ai xây lưng khỏi Con yêu dấu của Ngài.

Đù vài lời chỉ dẫn thuộc khung cảnh nhất thời mà sau đó Chúa Jesus đã rút lại như trong Lu 22:35-36, song lại là hiện thân của các nguyên tắc lâu dài cho các đầy tớ Đấng Christ trái mọi thời đại.

6:12,13 Các môn đồ đi ra, giảng cho người ta phải ăn năn, đuổi nhiều ma quỷ, xức dầu cho nhiều kẻ bệnh và chữa cho họ được lành. Sự xức dầu, chúng ta tin đó là hành động tiêu biểu tỏ ra quyền năng xoa dịu, chữa lành của Đức Thánh Linh.

M. Sứ Giả Tiên Phong của Chúa Bị Chém Đầu (6:14-29)

6:14-16 Khi tin tức đến tại vua Hêrốt rằng một người làm phép lạ

đang trải qua xử, vua lập tức kết luận đó là **Giăng Báp-tít**... đã sống lại từ **trong kẻ chết**. Người thì cho rằng đó là Ê-li hoặc là **một trong số các tiên tri**, song vua quả quyết là **người** mà vua sai **chém đầu** đã sống lại. Giăng Báp-tít là tiếng kêu từ Đức Chúa Trời. Vua Hê-rốt đã khiến tiếng kêu ấy nín lặng. Nay, sự dân xé kinh khiếp của lương tâm đem thấu lòng vua vì việc mình đã làm. Ông nhận ra đường lối của kẻ vi phạm thật khó lắm thay.

6:17-20 Bây giờ câu chuyện trở về lúc Giăng bị hành quyết. Ông đã quả trách vua vì đã kết hôn trái luật pháp với **vợ của Philip em vua**. Bà Hê-rốt-đia, nay là **vợ của Hê-rốt**, bèn cầm gươm và thể sẽ trả thù tiên tri. Song Hê-rốt tôn trọng Giăng như là **người thánh** và ngăn trở các nỗ lực của bà.

6:21-25 Cuối cùng, cơ hội cho bà ra tay đã đến. Vào bữa tiệc yến nhân ngày sinh nhật của vua, có các quan khách địa phương tham dự, bà sắp xếp để **con gái mình nhảy múa**. Hê-rốt vui lòng đến mức buột miệng hứa ban bất cứ điều gì cô bé xin, dầu là phân nửa nước cũng được. Được mẹ xúi giục, cô liền xin **cái đầu của Giăng Báp-tít** để trên mâm.

6:26-28 Nhà vua sập bẫy và chấp thuận lời xin, trái với ý muốn của mình và trái với sự phân xử khôn ngoan. Tội lỗi đã dệt mạng xunh quanh vua và nhà vua chưa hầu đã mắc mưu một người đàn bà xấu, qua một điệu múa kịch dục.

6:29 Các môn đồ trung tín của Giăng nghe tin, bèn đến lấy **xác người** đem chôn trong mồ và đi báo tin cho Chúa Jê-sus.

N. Chúa Họa Bành Chu Năm Ngươi Người Ăn (6:30-44)

6:30 Phép lạ này được chép trong cả bốn sách Tin Lành, xảy ra vào đầu năm thứ ba chức vụ công khai của Chúa. Các sứ đồ vừa mới trở về từ Cabênaum sau khi được sai đi giảng đạo lần thứ nhất (xin xem câu 7-13). Có lẽ họ rất phấn khởi vì kết quả, song mệt và đói. Nhận biết họ cần sự yên tĩnh và nghỉ ngơi, Chúa dẫn họ xuống thuyền đến một khu tách biệt bên bờ biển hồ Galilê.

6:31,32 Chúng ta thường nghe câu này: "**Hãy đi lê ra trong nơi vắng vẻ, nghỉ ngơi một chút**" như là lời biện minh cho các kỳ nghỉ sang trọng của Cơ Đốc nhân. Ông Kelly đã viết:

Thật tôi cho chúng ta khi cần nghỉ ngơi nhiều hơn; vì nghĩa là khi các sự lao khổ của mình là quá sức, các nỗ lực từ bỏ chính mình để đem lại phúc hạnh cho người khác là liên tục thì lúc ấy, chúng ta có thể tin chắc rằng đây là lời Chúa phán cho mình.¹⁰

6:33,34 Một đoàn dân đông theo sát Chúa và các môn đồ bằng cách men theo đường bộ đi dọc bờ hồ. Chúa Jê-sus động lòng thương xót họ. Họ như chiên đi lạc vì không được chăn dắt về thuộc linh, đói khát và không được bảo vệ. **Vậy, Ngài khởi sự dạy dỗ họ.**

6:35,36 Khi ngày trôi qua, các môn đồ lo lắng về đoàn dân - quả đông và không có gì ăn. Họ búi thúc Chúa cho đoàn dân ra về. Cũng một đoàn dân làm Chúa động lòng thương xót thì lại khiến môn đồ phiền lòng. Dân sự đang là nỗi phiền cho chúng ta hay là

đổi lượng khoai tây tình yêu thương trong chúng ta?

6:37,38 Chúa Jêsus xây qua các môn đồ và phán: "**Chính các con phải cho họ ăn.**" Toàn cảnh thật lạ thường - Năm ngàn người nam chưa kể đàn bà và con trẻ và không có gì khác ngoài năm ổ bánh với hai con cá - và Đức Chúa Trời.

6:39-44 Trong phép lạ kế tiếp, các môn đồ thấy hình ảnh minh họa cách Chúa Cứu Thế ban chính Ngài làm bánh sự sống cho thế giới đói khát. Thân thể Ngài phải vỡ ra để người khác có được sự sống đời đời. Thật vậy, các tử được dùng ở đây gợi nhớ cách sâu sắc Lễ Tiệc Thánh kỷ niệm sự chết của Chúa: **Ngài lấy bánh; tạ ơn; bẻ ra; rồi trao cho.**

Các môn đồ cũng nhận những bài học quý báu về sự hầu việc Chúa của mình:

1. Các môn đồ của Chúa Jêsus không bao giờ được nghi ngờ về quyền năng Ngài sẽ chu cấp các nhu cầu cho họ. Một khi Ngài đã nuôi được **năm ngàn người nam chỉ với năm cái bánh và hai con cá** thì trong mọi cảnh ngộ, Ngài cũng có thể cung ứng cho các đầy tớ tin cậy Ngài. Họ có thể tận tụy lao khổ vì Ngài mà không cần lo nghĩ sẽ tìm ra lương thực ở đâu. Nếu trước hết, họ tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì mọi nhu cầu sẽ được Ngài lo liệu cho.

2. Làm cách nào để truyền giảng cho thế giới hư mất này? Chúa Jêsus phán: **Các người hãy cho họ ăn chứ gì đó!** Khi chúng ta dâng cho Ngài

điều mình có, dù điều đó có vẻ tầm thường, nhỏ nhặt, Ngài vẫn có thể nhân nó lên thành phước hạnh cho muôn người.

3. Ngài điều hành công việc có hệ thống bằng cách khuyến đoàn dân ngồi xuống **từng hàng, hàng thì một trăm người và hàng thì năm chục người.**

4. Ngài **tạ ơn, rồi bẻ** bánh và cá. Nếu không được Chúa ban phước, các vật thực này sẽ không bao giờ sẵn sàng. Không được bẻ ra, chúng sẽ không đủ. "Lý do khiến chúng ta chưa được tự do đến với người khác vì mình chưa tan vỡ (được bẻ ra) cách thích đáng" [Góp Nhặt].

5. Chúa Jêsus không tự mình phân phát lương thực. Ngài giao cho **các môn đồ** làm việc đó. Chương trình của Ngài là nuôi thế giới qua dân sự Ngài.

6. Có đủ lương thực cho **mọi người**. Nếu các tin hữu ngày nay dâng cho công việc Chúa mọi thặng dư so với nhu cầu thông thường, thì toàn thế giới đã có thể nghe Tin Lành ngay trong thế hệ này.

7. **Những miếng bánh** thừa lại (**12 giỏ đầy**) còn nhiều hơn số mà Chúa đã khởi đầu. Đức Chúa Trời là Đấng ban phát rộng rộng. Song hãy chú ý rằng không hề có sự phí phạm. Các vật thừa được gom lại. Phung phí là tội lỗi.

8. Một trong số các phép lạ sẽ không bao giờ xảy ra nếu các môn đồ theo đuổi chương trình nghỉ ngơi của họ. Điều này thường đúng với chúng ta biết bao!

D. Chúa Jêsus Bị Bại Trên Biển (6:45-52)

6:45-50 Chúa Cứu Thế không chỉ nuôi nấng các môn đồ Ngài mà còn lo

cho sự an toàn của họ nữa. Sau khi cho các môn đồ xuống **thuyền** qua bờ tây biển hồ, Chúa Jêsus **lên núi để cầu nguyện**. Trong đêm tối, Ngài thấy họ chèo **chống** cách mệt nhọc vì **gió ngược**. Ngài bèn **đi bộ trên biển**, để đến giúp họ. Thoạt tiên, họ sợ hoảng vì nghĩ là **ma**. Rồi Ngài bảo họ hãy yên lòng và bước lên **thuyền**. **Gió liền lặng đi**.

5:51,52 Câu chuyện kết thúc với lời nhận xét: "**Môn đồ càng lấy làm lạ hơn nữa; vì chẳng hiểu phép lạ về mấy cái bánh, bở lòng cứng cõi.**" Ý tưởng tại đây có lẽ là ngay sau khi thấy quyền năng của Chúa qua phép lạ về mấy cái bánh, họ vẫn chưa nhận ra rằng không có điều gì là bất năng cho Ngài. Họ không nén kinh ngạc khi thấy Ngài bước đi trên mặt nước. Không có phép lạ nào lớn hơn là điều họ vừa chứng kiến. Thiếu đức tin làm nảy sinh lòng cứng cõi và sự cảm nhận thuộc linh bị chai lì.

Qua phép lạ này, Hội Thánh đã thấy hình ảnh của thời đại này và sự kết thúc của nó. Chúa Jêsus trên núi tiêu biểu cho Đấng Christ trong chức vụ hiện nay trên thiên đàng, đang cầu thay cho dân sự Ngài. Các môn đồ tiêu biểu cho các đầy tớ Chúa, đang vật lộn với sóng gió và các thử thách trong đời sống. Chúa Cứu Thế sẽ sớm trở lại với dân sự Ngài, giải cứu họ khỏi sự hiểm nguy, nỗi thống khổ và dẫn đưa họ bình an đến bến bờ thiên thượng.

P. Chúa Jêsus Chữa lành Bệnh Tại Ghê-nê-xa-rét (8:53-56)

Trở lại bờ tây của biển hồ, các người **bệnh** vây quanh Chúa. Người ta

kiêng những người đau nằm trên giường, **hể nghe Ngài ở đâu** thì đem đến đó. Các chợ trở thành các bệnh viện dã chiến. Họ chỉ mong được đến gần để **rờ tròn áo Ngài**. Nhưng kẻ đã **rờ đến đâu được lành bệnh cả**.

Q. Lời Truyền Khẩu Chứng Lại Lời Của Đức Chúa Trời (7:1-23)

7:1 Những người Pharisai và... các thầy thông giáo là cấp lãnh đạo tôn giáo Do Thái, đã xây dựng cả một hệ thống khổng lồ gồm các truyền thống cứng nhắc đan xen với luật pháp của Đức Chúa Trời đến mức bấu rừ chúng có thẩm quyền ngang bằng với Thánh Kinh. Trong một số trường hợp, chúng thực sự mâu thuẫn với Kinh Thánh hay làm suy yếu luật pháp Chúa. Cấp lãnh đạo tôn giáo vui sướng áp đặt các luật lệ và dân sự vâng phục cách nhu mì, thỏa lòng với hệ thống các nghi thức không thực tế.

7:2-4 Tại đây, chúng ta thấy những người Pharisai và các thầy thông giáo chỉ trích Chúa Jêsus vì các **môn đệ Ngài ăn với tay chưa tinh sạch**. Điều này không có nghĩa là họ không rửa tay trước khi ăn, bèn là họ không giữ theo nghi thức của truyền thống. Thí dụ, nếu không rửa đến tận khuỷu tay (cúi chỏ), thì về mặt nghi thức họ bị kể là ô uế. Nếu đang ở ngoài chợ, họ phải áp dụng việc tắm theo nghi lễ. Hệ thống phức tạp về sự rửa này lan đến cả việc ngâm các bình hay xoong nổi. Về những người Pharisai, E. Stanley Jones viết:

Họ đã đi từ Giêrusalem đến đàu để gặp Ngài, mà tho tho của họ lại quá tằn tằn, vạch là tìm sâu đến mức chỉ thấy được những hàn tay

chưa vào. Họ đã không thấy được làn sóng của rối loạn nhất đã từng chạm đến hành tinh chúng ta – là làn sóng tẩy sạch cả tâm trí, linh hồn và thân thể con người... Những dấu vết to của họ chỉ chăm xem điều nhỏ nhặt, bên lề và khép kín đối với điều hề trong. Vì vậy, họ sẽ quên lòng họ là những kẻ tiêu cực – và chỉ xem họ như vài nền để làm nổi bật Đấng Christ toàn vẹn và tích cực. Họ làm lại sự chỉ trích; Ngồi để lại sự coi đạo. Họ gạt các sai lầm; Ngồi gạt các môn đệ.¹¹

7:5-8 Chúa Jêsus nhanh chóng chỉ ra sự giả hình của lối sống đó. Dân sự cư xử y như điều Êsai đã tiên báo. Họ tỏ ra sùng kính Chúa, song trong lòng đã bại hoại. Qua việc xây dựng các nghi lễ họ tự nhận là thờ phượng Đức Chúa Trời, song đã thay thế các giáo lý trong Kinh Thánh bằng các truyền thống của mình. Thay vì nhìn nhận lời của Đức Chúa Trời là thẩm quyền duy nhất trong mọi vấn đề của niềm tin và đạo đức, họ đã né tránh hoặc giải thích sai những điều Thánh Kinh đòi hỏi cách tổ chức mà giữ các lời truyền khẩu của mình.

7:9-10 Chúa Jêsus đơn cử một thí dụ lời truyền khẩu đã chống lại điều răn của Đức Chúa Trời. Một trong Mười Điều Răn dạy con cái phải tôn kính cha mẹ (bao gồm việc lo chu cấp nhu cầu cho cha mẹ). Ai rửa sả cha mẹ, thì phải bị giết.

7:11-13 Nhưng một lời truyền khẩu của người Do Thái được gọi là Co-ban, có nghĩa là sự dâng cho Đức Chúa Trời. Thí dụ như vài bạc cha mẹ người Do Thái đang túng quẫn. Con trai họ

có tiền song lại không muốn chu cấp cho họ. Anh ta chỉ cần nói Co-ban, ngụ ý rằng tiền bạc của anh đã được dâng cho Đức Chúa Trời hay cho đền thờ. Vậy, anh không còn bổn phận chu cấp cho cha mẹ mình nữa. Anh ta có quyền giữ mãi tiền bạc của mình và sử dụng trong việc kinh doanh. Dù số tiền này có được giao trả cho đền thờ hay không thì cũng không quan trọng. Kelly nhận xét:

Cấp lãnh đạo tìm cách bảo toàn tài sản cho các mục đích tôn giáo và để trấn an lương tâm họ về Lời của Đức Chúa Trời... Chính Ngài là Đấng kêu gọi con người hiến kính cha mẹ mình và là Đấng cáo trách mọi sự xem thường cha mẹ. Song đây là sự vi phạm của con người, dưới lớp vỏ tôn giáo, đối với các mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Luật truyền khẩu Co-ban, Chúa xem không chỉ là sự bất kính đối với cha mẹ mà còn là hành động phản loạn chống lại mạng lệnh thành văn của Đức Chúa Trời.¹²

7:14-16 Mở đầu câu 14, Chúa có lời công bố cách mạng rằng chẳng sự gì từ ngoài vào trong có thể làm đờ đậy người được (như là thực phẩm được ăn với tay chưa rửa) nhưng sự gì từ trong người ra, đó là sự làm đờ đậy người (như lời truyền khẩu gạt bỏ Lời của Đức Chúa Trời).

7:17-19 Ngay cả các môn đồ cũng không hiểu điều này. Theo lời dạy của Cựu Ước, họ đã luôn xem vài đồ ăn như thịt heo, thịt chó, tôm là bất khiết và sẽ khiến họ bị ô uế. Nay, Chúa công bố tổ chức rằng con người không bị ô uế do sự gì từ ngoài vào

trong người. Theo một ý nghĩa, lời này báo hiệu sự kết thúc của thời kỳ kiêng cử theo luật pháp.

7:20-23 Chính những sự gì từ trong lòng người ra là điều làm ô uế con người như những ác tưởng, sự dâm dục, trộm cướp, giết người, là dâm, tham lam, hung ác, gian dối, hoang đàng, con mắt ganh ghét, lòng ghen, kiêu ngạo, điên cuồng. Theo văn mạch, ý nghĩ để cao lời truyền khẩu của con người cũng cần được nêu trong danh sách này. Lời truyền khẩu về luật Co-ban tương tự như giết người. Cha mẹ có thể bị chết đói trước khi lời nguyện xấu xa này bị phá vỡ.

Một trong các bài học quan trọng qua phân đoạn này là chúng ta phải luôn tra xét các sự dạy dỗ và các lời truyền khẩu so với Lời của Đức Chúa Trời, vàng phục điều gì ra từ Chúa và từ bỏ những gì ra từ người. Đầu tiên, một người có thể giảng dạy một sự đẹp trong sáng, dựa trên Kinh Thánh, khiến những kẻ tin theo Kinh Thánh chấp nhận. Sau đó, người bắt đầu thêm vào vài sự dạy dỗ theo ý mình. Các môn đệ trung thành có thể nghĩ thấy mình không thể sai trật, nên theo người cách mù quáng, cho dù sự đẹp của người bị cắt cụt bởi lời sắc bén của Đức Chúa Trời hay không còn trong sáng nữa.

Vì vậy, các thầy thông giáo và người Pharisi đã nhận thẩm quyền dạy dỗ lời của Đức Chúa Trời. Song bây giờ, họ vô hiệu hoá các ý định của Kinh Thánh. Chúa Jêsus cảnh báo dân sự rằng chính Lời Đức Chúa Trời xác chứng cho con người, chứ không phải

con người xác chứng cho Lời Ngài. Hòn đá thử vàng (định chuẩn) luôn là, "Lời của Đức Chúa Trời dạy gì về điều này?"

H. Một Người Nữ Ngoại Bang Được Phức Bồi Đức Tin (7:24-30)

7:24,25 Trong biến cố trước, Chúa Jêsus đã dạy mọi thức ăn đều tinh sạch. Tại đây, Ngài cho thấy dân ngoại không còn là tầm thường hay bất khiết nữa. Bây giờ, Chúa đi vào khu vực phía Tây Bắc đi đến bờ cõi thành Tyros và thành Sidôn, cũng gọi là Syro Phênixi. Ngài vào một cái nhà, không muốn cho ai biết mình, song danh tiếng Chúa đã đồn khắp và người ta sớm nhận ra Ngài. Một người nữ ngoại bang đến gần, nài xin Ngài cứu giúp con gái bà đang bị tà ma ám.

7:26 Chúng ta nhấn mạnh sự kiện bà là một người Hy Lạp, không phải Do Thái. Người Do Thái, tuyến dân của Đức Chúa Trời, có vị trí đặc quyền trước mặt Ngài. Ngài đã lập các giao ước tuyệt với với họ, ban Thánh Kinh và tự giữ vòng họ trong Đền tạm, rồi sau đó trong Đền thờ. Ngược lại, dân ngoại bang là xa lạ với khối cộng đồng Ysraên, ở ngoài giao ước của lời hứa, không có Đấng Christ, ở thế gian không có hy vọng và không có Đức Chúa Trời (Êph 2:11,12). Chúa đến chủ yếu với quốc gia Ysraên. Ngài tự giới thiệu là Vua của họ. Trước hết, Tin Lành được rao giảng cho nhà Ysraên. Phải biết các sự kiện này để có thể hiểu cách Ngài đối xử với người dân bà Syro Phênixi. Khi bà nài xin Chúa đuổi quỷ ra khỏi con gái bà, thì dường như Ngài đã khước từ.

7:26 Chúa đáp hãy để cho con cái (dân Ysraên) ăn no nê trước đã; vì không lẽ lấy bánh của con cái quăng cho chó (dân ngoại). Đây không phải là lời từ chối. Ngài nói: **"Hãy để con cái ăn no trước đã"**. Lời này nghe phũ phàng, song thật ra đây là bài trắc nghiệm về lòng ăn năn và đức tin của bà. Lúc bấy giờ, chức vụ của Ngài chủ yếu là cho dân Ysraên. Là dân ngoại, bà không có quyền đòi hỏi Ngài hay các lợi ích từ Ngài. Bà có nhận biết điều này chăng?

7:28 Quả thật, bà biết rõ khi thưa: **"Lạy Chúa, hân vậy rồi. Con chỉ là con chó nhỏ ngoại bang. Song chó con chỉ cần ăn bánh vụn mà con cái làm rơi vãi dưới bàn ăn. Đó là tất cả những gì con cầu xin - vài miếng bánh vụn rơi vãi từ chức vụ của Ngài cho dân Ysraên!"**

7:29,30 Đức tin của bà đáng được lưu ý. Chúa lập tức ban thưởng bằng cách chữa lành con gái bà từ xa. Khi bà về nhà, thấy đứa trẻ đã hoàn toàn bình phục.

9. Người Cầm Địch Được Chữa Lành (7:31-37)

7:31,32 Từ bờ biển lớn Địa Trung Hải, Chúa chúng ta đi về bờ đông biển hồ Gallilê - đến vùng Decabôlê. Tại đó, có một việc đã xảy ra mà chỉ có sách Mác ghi lại. Người ta đem một người điếc và ngọng đến cùng Ngài. Sự ngọng nghịu này có thể do cơ quan phát âm bị thương tổn hay do không hề nghe rõ các âm thanh nên anh không thể lập lại chúng chính xác. Ở mức độ nào đó, anh tiêu biểu cho tội nhân. Điếc với tiếng phán của Đức Chúa Trời và vì vậy, không thể nói cho người khác biết về Ngài.

7:33,34 Chúa Jêsus đem riêng người ra, cách xa đám đông. Ngài đã ngón tay vào lỗ tai người và thắm nước miếng xúc lưỡi người. Bởi dấu đó Ngài cho biết sẽ mở tai và khiến lưỡi của anh được thông thả. Đoạn, Chúa Jêsus ngửa mặt lên trời, chỉ rằng hàng quyền của Ngài đến từ Đức Chúa Trời. Sự thờ dài tỏ ra Ngài buồn rầu vì nỗi khổ mà tội lỗi đã hành hại con người. Cuối cùng, Ngài phán: **Ép-pha-ta!** theo tiếng Aram có nghĩa là: **Hãy mở ra!**

7:35,36 Tức thì, tai người được mở ra và lưỡi người được thông thả. Chúa Jêsus cấm chúng chớ nói điều đó cùng ai; song họ không màng đến lời Ngài. Chúng ta không hề có thể biện minh cho sự không vâng lời, dù mình có hữu lý đến đâu đi nữa.

7:37 Những người chứng kiến đều lấy làm lạ quá đỗi về các phép lạ Ngài làm. Họ nói: **"Ngài làm mọi việc đều lối lành, khiến kẻ điếc được nghe, kẻ câm nói vậy!"** Họ thật không hiểu lời mình vừa nói. Nếu họ sống bên phía đối Gôgôtha họ sẽ nói lời đó với niềm tin quyết và cảm xúc sâu xa.

Và từ khi linh hồn chúng ta học

biết tình yêu của Ngài

Lòng thương xót của Ngài đã tỏ bày cho chúng ta

Sự nhận từ trời hơn mọi lời chúng ta cư ngụ

Chúa Jêsus của chúng ta đã làm mọi việc tốt lành.

- Samuel Medley

M. Chúa Hòa Bình Cho Bốn Ngàn Người Án (8:1-10)

8:1-9 Phép lạ này tương tự như việc hóa bánh cho năm ngàn người ăn, nhưng xin chú ý các sự khác biệt được nêu trong sơ đồ dưới đây:

NĂM NGÀN NGƯỜI	BỐN NGÀN NGƯỜI
1. Dân sự là người Do Thái (xem <u>Giăng 6:14,15</u>)	1. Dân sự có thể là ngoại bang (sống tại Đêcapôli).
2. Đám đông đã ở với Chúa Jê-sus một ngày (6:35)	2. Họ đã ở với Ngài ba ngày (8:2).
3. Ngài dùng năm ổ bánh và hai con cá (Math 14:17).	3. Ngài dùng bảy ổ bánh và vài con cá nhỏ (8:5,7).
4. Năm ngàn người nam, công các bà và con trẻ đã ăn (Math 14:21).	4. Bốn ngàn người nam, cộng với các bà và con trẻ đã ăn (Math 15:38).
5. Đồ ăn thừa chứa đầy 12 giỏ xách tay (Math 14:20).	5. Còn lại đầy 7 giỏ đan huy giỏ mây (8:8).

Chúa Jê-sus càng có ít nguyên liệu thì càng làm được nhiều thứ và còn dư lại nhiều hơn. Trong đoạn 7, chúng ta đã thấy mấy miếng bánh vụn rơi từ trên bàn xuống cho người đàn bà ngoại bang. Ở đây, đám đông dân ngoại đã được no nê. Erdman chú giải như sau:

Phép lạ đầu tiên của giai đoạn này báo trước các miếng bánh vụn sẽ từ trên bàn rơi xuống cho dân ngoại đang có nhu cầu; tại đây chúng cho thấy Chúa Jê-sus bị chính dân mình khước từ, cần phải chính sự sống mình cho cả thế giới và là Bánh hằng sống cho muôn dân.¹³

Vẫn có nguy cơ xem các biến cố như phép lạ hóa bánh cho bốn ngàn người ăn như là sự lặp lại vô nghĩa. Chúng ta cần học hỏi Lời Chúa với niềm tin quyết rằng mỗi lời Kinh Thánh đều đầy đầy chân lý thuộc linh, dù chúng ta chưa thể lãnh hội được hết theo mức độ hiểu biết hiện tại của mình.

8:10 Từ Đêcapôli, Chúa Jê-sus và các môn đồ Ngài băng qua biển hồ Galilê sang bờ tây đến một nơi gọi là **Banmanutha** (Magadan, theo Mathiơ 15:39).

D. Người Pharisi Tìm Kiếm Dấu lạ Từ Trời (8:11-13)

8:11 Có mấy người Pharisi đang chờ đón Ngài để xin **một dấu lạ từ trên trời**. Sự mù lòa và trơ trên của họ thật quá đỗi. Đứng trước mặt họ là chính Chúa Jê-sus - dấu lạ lớn nhất của mọi dấu. Ngài chính là **Dấu lạ** thật đã đến từ trời, song họ không nhận biết Ngài. Họ đã nghe những lời có một không hai của Ngài, đã thấy các phép lạ kỳ diệu Ngài làm, tiếp xúc với chính Đức Chúa Trời trong thân xác con người - với một Người hoàn toàn vô tội và rồi trong sự mù lòa của mình, yêu cầu được thấy **một dấu lạ từ trên trời!**

8:12,13 Thật không ngạc nhiên khi Chúa Cứu Thế than thở trong lòng! Nếu có dòng dõi nào trong lịch sử thế giới có đặc quyền, thì chính là dòng dõi Do Thái mà người Pharisi là một thành phần. Dấu vậy, mù lòa trước sự kiện hiển nhiên là Đấng Mê-si đã đến, họ hỏi xin một dấu lạ từ trời thay vì trên đất. Chúa đáp, "Sẽ chẳng ban cho các ngươi dấu lạ nào khác. Các ngươi đã có cơ hội cho mình rồi." Ngài bèn bỏ họ, trở vào thuyền mà qua bờ đông.

V. Men Của Người Pharisi Và Đẳng Hêrôđi (8:14-21)

8:14,15 Vả, các môn đồ quên đem bánh theo. Chúa Jêsus vẫn còn suy nghĩ về lần gặp người Pharisi vừa qua khi Ngài cảnh báo họ hãy giữ mình cẩn thận về men người Pharisi và men đấng Hêrôđi. Men trong Kinh Thánh thường chỉ về điều xấu, âm thầm lan truyền cách từ từ song ảnh hưởng đến mọi thứ nó tiếp xúc. Men của người Pharisi bao gồm sự giả hình, nghi thức, sự công bình riêng và cuồng tín. Bề ngoài, họ khoe mình là thánh sạch, song bề trong bại hoại và như nhớp. Men của đấng Hêrôđi có thể bao gồm sự nghi ngờ, vô luân và thế tục hóa. Các thành viên của họ thường khiến người ta nghĩ đến các tội này.

8:16-21 Các môn đồ hoàn toàn không hiểu. Họ chỉ có thể nghĩ về đồ ăn. Vả, Ngài phân cùngh họ chín câu hỏi nhanh. Năm câu đầu quở họ vì sự chậm hiểu. Bốn câu sau trách họ vì sự lo lắng về nhu cần khi Ngài còn đang ở với họ. Có phải Ngài đã chẳng từng nuôi năm ngàn người với năm ổ bánh và còn lại mười hai giỏ đầy bánh thừa sao? Vâng! Hay có phải Ngài đã chẳng từng nuôi bốn ngàn người với bảy ổ bánh và còn lại bảy giỏ đầy bánh thừa sao? Quả đúng thế! Vậy sao họ không hiểu rằng Ngài hoàn toàn dư sức đáp ứng nhu cầu của một nhóm môn đồ trên thuyền chỉ đầy hai bàn tay? Phải chăng họ đã không nhận ra Đấng Tạo Hóa và Bảo Tồn vạn vật đang ở trên thuyền với họ?

W. Chữa Lành Người Mù ở Betsaida (8:22-26)

Phép lạ này, chỉ được Mác ghi lại, gợi lên nhiều câu hỏi thú vị. Đầu tiên, vì sao Chúa Jêsus lại dẫn người mù ra ngoài làng trước khi chữa lành cho anh? Sao Ngài không dùng cách đơn giản chạm đến anh? Sao Ngài lại dùng một phương tiện không bình thường như nước miếng? Vì sao anh lại không thấy rõ ngay lập tức?¹⁴ (Đây là sự chữa lành duy nhất trong các sách Tin Lành cần trải qua hai giai đoạn). Sau cùng, vì sao Chúa cấm anh không được đồn phép lạ ra trong làng? Chúa chúng ta là Đấng Tự Trị và không bị buộc phải giải thích cho chúng ta các việc Ngài làm. Có lý do vững vàng cho mọi việc Ngài làm, cho dù chúng ta không nhận ra điều đó. Mỗi trường hợp chữa lành đều khác nhau, cũng như mỗi trường hợp tin Chúa vậy. Vài người có được cái nhìn thuộc linh đặc biệt ngay sau khi tin Chúa. Một số khác lúc đầu thấy mờ mờ, rồi sau chìm ngập trong sự bảo đảm được cứu rỗi.

X. Cởi Tuyến Xương Vỡ Bại Của Phêrô (8:27-30)

Hai phần đoạn cuối trong đoạn này đem chúng ta đến chỗ cao điểm của sự huấn luyện môn đồ. Cá nhân họ cần nhận biết cách sâu xa Chúa Jêsus là Ai trước khi Ngài có thể chia sẻ với họ con đường trước mắt và kêu gọi họ theo Ngài trong cuộc đời hy sinh, tận hiến. Phần đoạn này dẫn chúng ta vào trung tâm của việc môn đồ hóa. Có lẽ đây là khu vực bị bỏ quên nhiều nhất trong nếp suy nghĩ và thực hành Cơ Đốc ngày nay.

8:27,28 Chúa Jêsus và các môn đồ đi tìm sự tĩnh lặng ở xa về phía bắc. Trên đường đến thành Sêsarê Philip.

Ngài hỏi môn đồ rằng người ta nói Ngài là ai. Thông thường, người ta cho Ngài là một nhân vật vĩ đại – tương tự như **Giăng Báp-tít, Ê-li** hay các tiên tri khác. Song sự tôn trọng của con người thật ra lại là sự hạ nhục. Nếu Chúa Jê-sus không phải là Đức Chúa Trời thì Ngài là kẻ lừa gạt, người điên hay một huyền thoại. Không có sự lựa chọn nào khác.

8:29,30 Rồi Ngài chủ động hỏi môn đồ rằng họ nghĩ Ngài là ai. **Phiê-rô** mau mắn xưng Ngài là **Đấng Christ**, có nghĩa là **Đấng Mê-si** hay **Đấng được xúc dầu**. Về mặt trí thức Phiê-rô biết được điều này. Nhưng một điều gì đó đã xảy ra trong đời sống ông khiến nó trở thành niềm tin cá nhân sâu xa. Cuộc đời ông sẽ không bao giờ có thể xảy ra điều tương tự. Phiê-rô sẽ không bao giờ còn có thể thỏa lòng với cuộc sống lấy chính mình làm trung tâm. Nếu **Đấng Christ** là **Đấng Mê-si** thì ông phải sống cho Ngài, hoàn toàn tận hiến.

Y. Chúa Jê-sus Báo Trước Sự Chết Và Sự Sống Lại Của Ngài (8:31-38)

Vậy, chúng ta đã từng thấy Đấng Tờ của Đức Giê-hô-va sống cuộc đời không ngừng phục vụ người khác. Ngài bị các kẻ thù ghét bỏ, bị bạn hữu hiểu lầm. Chúng ta cũng thấy một cuộc đời đầy quyền năng, toàn bảo vệ đạo đức, trọn vẹn về yêu thương và khiêm nhường.

8:31 Nhưng con đường phục vụ Đức Chúa Trời dẫn đến sự thương khó và sự chết. Vì vậy, hãy giữ Chúa Cứu Thế nói rõ cho môn đồ rằng Ngài phải (a) **chịu khổ**, (b) **bị khước lừ**, (c) **phải chịu giết**; (d) **phải sống lại**. Với

Ngài, con đường dẫn đến sự vinh hiển trước hết phải trải qua thập tự giá và ngôi mộ. Như F.W. Grant đã nói: "Trái tim phục vụ sẽ được phơi bày qua sự hy sinh."

8:32,33 Phiê-rô không thể chấp nhận việc Chúa Jê-sus phải chịu khổ và chết vì nó trái với hình ảnh ông có về **Đấng Mê-si**. Thậm chí ông cũng không muốn nghĩ đến việc Chúa là **Thầy** mình bị kẻ thù giết hại. Ông can gián việc Chúa đã nghĩ vậy. Nhưng Chúa Jê-sus phản với ông: "**Hỡi quỷ Satan, hãy lui ra đằng sau Ta; vì người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta.**" Ngài không nói Phiê-rô là Satan hay bị Satan ám, song có ý nói, "Người đang nói điều Satan muốn. Nó luôn nỗ lực khiến chúng ta không hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Trời. Nó cảm dỗ chúng ta chọn con đường dễ để đến với Ngôi Trời." Nội dung các lời của Phiê-rô xuất phát từ Satan và điều này khiến Chúa nổi giận. Kelly chú giải như sau:

Điều gì đã khiến Chúa chúng ta nổi giận? Chính là cái bẫy mà chúng ta cứ dè dặt rơi vào: Ước muốn tự cứu lấy mình: thích hơn con đường dễ hơn là thập tự giá. Không phải tự nhiên mà chúng ta thích tránh né sự thử thách, khổ nhục và việc bị khước lừ; mà chúng ta chuyển từ sự chịu khổ khi vâng theo ý Chúa sang thế giới hiện hành, là điều phải xảy ra; mà chúng ta thích con đường yên tĩnh, được tôn trọng trên đất - nơi tôn lai, con đường tốt nhất trong cả hai thế giới đau và đời. Con người dễ sập bẫy trong điều này biết bao! Phiê-rô đã không thể hiểu vì sao

Đấng Məsi lại phải trải qua mọi thương khó này. Nếu có một ít dò, chắc chúng ta đã nói hay nghĩ điều tệ hơn thế nữa. Lời phản đối của Phierơ cũng tỏ bày tình yêu mãnh liệt của con người. Ông quả hẳn lòng yêu Chúa Cứu Thế Song ông không nhận ra dò cũng là tinh thần bất nhất (unjudged spirit) của thế gian.¹⁵

Cần lưu ý rằng trước tiên Chúa Jêsus xây lại ngộ các môn đồ, rồi quở trách Phierơ như có ý nói, "Nếu Ta không lên thập tự giá, thì làm sao các ngươi, là môn đồ của Ta, được cứu?"

8:34 Rồi Chúa Jêsus phân với họ, "Ta sắp chịu khổ và chết hầu cho con người được cứu rồi. Nếu ai muốn theo Ta, phải từ bỏ mọi sự thúc đẩy vị kỷ, quyết tâm chọn con đường của sự sỉ nhục, thương khó và sự chết mà theo Ta. Người phải từ bỏ mọi tiện nghi cá nhân, các vui thú xã hội, các ràng buộc trên đất, sự giàu sang cùng các tham vọng lớn và ngay cả chính sự sống mình nữa." Những lời này buộc chúng ta phải tự hỏi sao lại tin rằng mình vẫn có thể sống trong cảnh an nhàn, sung sướng. Làm sao chúng ta có thể biện minh cho linh duy vật, ích kỷ và lạnh lẽo của lòng mình? Lời Ngài kêu gọi chúng ta sống cuộc đời từ bỏ chính mình, đầu phục Chúa, chịu khổ và hy sinh.

8:35 Luôn có sự cảm dỗ muốn cứu sự sống mình – muốn sống tiện nghi, cung ứng cho ngày mai, tự mình quyết định, lấy chính mình làm trung tâm của mọi sự. Không có con đường nào chắc chắn hơn để đánh mất sự sống mình. Đấng Christ kêu gọi chúng

ta dốc đổ sự sống mình cho Ngài và cho Tin Lành, dâng hiến chính mình với cả tâm thần, linh hồn và thể xác cho Ngài. Ngài yêu cầu chúng ta bỏ sự sống mình khi có cần để dùng và được dùng vào sự phục vụ thánh trong việc truyền giảng Tin Lành cho thế giới. Đó chính là ý nghĩa mất sự sống mình. Không có con đường nào chắc chắn hơn để cứu sự sống mình.

8:36,37 Ngay cả khi một tín hữu có được tất cả sự sang giàu của thế gian đang lúc sống trên đất, thì điều đó có ích chi cho ta? Anh có thể đánh mất cơ hội dùng cuộc đời mình cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời để cứu rỗi những kẻ bị hư mất. Trả giá như vậy là lỗ nặng. Cuộc đời chúng ta quý hơn mọi điều thế gian cung ứng. Chúng ta sẽ dâng đời sống mình cho Đấng Christ hay cho chính mình?

8:38 Chúa biết vài môn đồ trẻ có thể bị vấp phạm trên đường theo Ngài vì sợ xấu hổ. Vậy, Ngài nhắc họ: ai hổ thẹn vì Ngài sẽ chịu nỗi hổ thẹn lớn hơn khi Ngài trở lại trong ngàn quyển. Ý tưởng tuyệt diệu thay! Chúa chúng ta sắp trở lại trần gian, lần này không phải khiêm nhu song với sự vinh hiển của chính Ngài và của Cha Ngài, cùng các thiên sứ thánh. Đây là khung cảnh rực rỡ chói loà. Khi ấy, Ngài sẽ hổ thẹn về những kẻ hiện nay đang hổ thẹn vì Ngài. Nguyên Lời Chúa "Vi giữa đông đôi gian dâm tội lỗi này... hễ ai hổ thẹn vì Ta" nhắc nhở mỗi lòng chúng ta. Thật phi lý khi hổ thẹn vì Đấng Cứu thế vô tội giữa một thế giới tiêu biểu cho sự bất trung và tội lỗi này!

IV. HÀNH TRÌNH CỦA CHÚA JESUS LÊN THÀNH GIÊRUSALEM (đoạn 9.10)

A. Chúa Jesus Hóa Hình (8:1-13)

Sau khi cho môn đồ biết con đường của sự sỉ nhục, thương khó và sự chết mà Ngài sẽ đi và kêu gọi họ theo Ngài, sống cuộc đời hy sinh và từ bỏ chính mình, bây giờ Chúa cho họ thấy mặt khác của hình ảnh. Dù việc môn đồ hóa khiến họ phải trả giá đắt trong đời này, song lại được ban thưởng bằng sự vinh hiển chỉ một lát nữa thôi.

9:17 Chúa bắt đầu công bố rằng vài môn đồ sẽ **chẳng chết trước khi chưa thấy Nước Đức Chúa Trời lấy quyền phép mà đến**. Ngài nói về **Phierơ, Giacơ và Giăng**. Trên Núi Hóa hình, họ đã thấy Nước Đức Chúa Trời trong năng quyền. Lý lẽ trong phần đoạn này là hé điều gì mà nay chúng ta chịu khổ vì Đấng Christ, sẽ được báo đáp dư dật khi Ngài trở lại và các tội từ Ngài sẽ công hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển. Các điều kiện diễn ra trên Núi hóa trước Thời Cai Trị Một Ngàn Năm của Đấng Christ.

1. Chúa Jesus hóa hình - sự rực rỡ chói lòa chiếu ra từ Bản Thể Ngài. Cả **áo xống Ngài cùng trở nên sáng rực, trắng tinh chói lóa**, mà chẳng có thợ giặt nào ở thế gian có thể phiêu trắng như vậy.

Trong Lần Đến Thứ Nhất, sự vinh hiển của Đấng Christ đã được che phủ lại. Ngài đến cách khiêm nhu, làm một Thống Khổ Nhân quen thuộc với nỗi đau buồn. Song Ngài sẽ trở lại trong vinh hiển. Lúc ấy, không ai có thể làm lẫn Ngài. Họ sẽ thấy Ngài là Vua muôn vua, Chúa muôn chúa.

2. **Êli và Môise** hiện ra. Họ tượng trưng cho: a) Các thành trong Cựu Ước hay b) Luật pháp (Môise) và các Tiên tri (Êli) hoặc c) Các thánh đã qua đời và là những con người được thể hiện lại.

3. **Phierơ, Giăng và Giacơ** có mặt tại đó. Cách tổng quát, họ có thể đại diện cho các thánh trong Tân Ước hay những kẻ còn sống khi Nước Trời được thành lập.

4. Chúa Jesus là Nhân Vật trung tâm. Lời Phierơ gợi ý dựng **ba cái trại** bị quở trách bởi **tiếng phán từ đám mây** che phủ. Trong mọi sự, Đấng Christ là ưu tiên. Ngài chính là sự vinh hiển của đất thuộc về Đấng Emmanuel.

5. **Đám mây** có thể là shekinah hay đám mây vinh hiển che phủ Nơi Chi Thánh trong đền tạm và đền thờ trong thời Cựu Ước. Đây là sự bày tỏ thấy được về sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

6. **Tiếng phán** là lời nói của Đức Chúa Cha, công bố Đấng Christ là **Con yêu dấu** của Ngài.

9:8 Khi đám mây cất lên, các môn đồ **chẳng thấy ai nữa, chỉ còn một mình Đức Chúa Jesus ở với mình mà thôi**. Đây là bức tranh về vị trí độc tôn, vinh hiển cùng siêu việt mà Ngài sẽ nắm giữ khi Nước Trời đến trong quyền năng và Ngài cần hiện diện trong lòng những ai theo Ngài trong hiện tại.

9:9,10 Khi từ trên núi xuống, Ngài **cấm môn đồ đừng nói lại với ai những điều mình đã thấy, cho đến** chứng nào Con Người từ kẻ chết sống lại. Phần cuối này làm họ rối trí. Có lẽ họ vẫn

chưa hiểu rằng Ngài cần phải bị giết và sống lại. Họ tự hỏi về thành ngữ **từ kẻ chết sống lại**. Là người Do Thái, họ biết lẽ thật là mọi người sẽ sống lại. Song Chúa Jêsus nói về một sự sống lại có tính chọn lọc. Ngài sẽ sống lại giữa vòng kẻ chết - không phải mọi người sẽ sống lại ngay khi Ngài phục sinh. Lẽ thật này chỉ thấy trong Tân Ước mà thôi.

9:11 Môn đồ gặp nan đề khác. Họ vừa được thấy hình ảnh tiên báo về Nước Trời. Song Malachi há chẳng nói tiên tri rằng **Êli phải đến trước** như là sứ giả tiên phong cho Đấng Mêsi, khởi đầu cho kỳ phục hồi muôn vật và dọn đường cho việc Ngài trị vì cả trái đất sao? (Malachi 4:5). Vậy, Êli ở đâu? Có phải ông đến trước, như các thầy **thông giáo** đã nói chăng?

9:12,13 Chúa Jêsus đáp rằng: **Thật Êli phải đến trước**. Nhưng một câu hỏi quan trọng hơn và tức thời là: "Cựu Ước há chẳng trên báo rằng **Con Người** phải chịu khổ nhiều và bị khinh để ư?" Về Êli, thật Êli đã đến rồi (trong con người và chức vụ của Giăng Báp-tít), song người ta đã đái người theo ý muốn mình - cũng như họ đã đái Êli vậy. Cát chết của Giăng Báp-tít là chứng cứ báo trước cách họ sẽ đái Con Người. Họ đã khước từ sứ giả tiên phong, tất sẽ khước từ Vua.

B. Bữa Bè Trai Bị Quỷ Âm Được Chúa Lành (9:14-29)

9:14-16 Các môn đồ không được phép ở lại trên đỉnh núi vinh quang. Ở thung lũng dưới kia là nhân loại đang kêu rên, than khóc. Cả một thế giới có nhu cầu đặt nơi chân họ. Khi

Chúa Jêsus với ba môn đồ đến cùng các môn đồ khác, thì thấy đoàn dân rất đông vây chung quanh và **mấy thầy thông giáo** đương cãi lẽ với các môn đồ ấy. Cả đoàn dân này vừa thấy Ngài, liền lấy làm lạ, thấy đều chạy đến chào Ngài. Ngài bèn hỏi rằng: "**Các người cãi lẽ với môn đồ về việc gì?**"

9:17,18 Một người cha quần trí xúc động thưa với Ngài về **con trai** mình, bị **quỷ câm** ám. Quỷ vật đứa bé xuống đất, khiến nó **nghiến răng** và **sỏi bọt mồm**. Các cơn động kinh dữ dội này khiến đứa bé hầu chết. Người cha đã xin **các môn đồ** đuổi quỷ ấy, song **đuổi không được**.

9:19 Chúa quở các môn đồ vì lòng vô tín. Ngài há đã chẳng ban cho họ quyền trừ tà ma sao? Ngài còn ở với họ **bao lâu nữa** cho đến chừng họ biết sử dụng thẩm quyền Chúa đã ban cho họ? Ngài còn phải chịu đựng những cuộc đời bất năng và thất bại **cho đến chừng nào?**

9:20-23 Khi họ đem đứa trẻ đến cho Chúa, quỷ khiến nó chịu một cơn kịch động đặc biệt nghiêm trọng. Chúa hỏi người cha điều đó đã xảy đến với nó **đã bao lâu?** Người cha thưa rằng: Từ khi nó **còn nhỏ**. **Quỷ đã làm phen quăng nó trong lửa và dưới nước**. Nhiều lúc nó hầu chết. Rồi ông nài xin Chúa làm điều gì đó, **nếu có thể được** - một tiếng kêu khóc xé lòng thoát ra từ những nẻo thẳm tuyệt vọng. **Chúa Jêsus** nói với ông là rằng nan đề ở chỗ khả năng **tin cậy** của ông, không phải ở khả năng chữa lành của Ngài. Đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống luôn được ban thưởng.

Không có trường hợp nào là quá khó cho Ngài.

9:24 Người cha bày tỏ sự mâu thuẫn giữa niềm tin và sự vô tín mà dân sự Chúa đã kinh nghiệm trải mọi thời đại. "**Lạy Chúa, lời tin, xin Chúa giúp đỡ trong sự vô tín của tôi.**" Chúng ta muốn tin song lại thấy mình đầy sự nghi ngờ. Chúng ta ghét sự mâu thuẫn bề trong, phi lý, song lại thấy mình dường không cưỡng lại nổi.

9:25-27 Khi Chúa Jêsus ra lệnh cho tà ma phải rời khỏi đứa trẻ, quỉ vật nó mạnh lắm mà ra khỏi; thân thể nhỏ bé mềm ra dường như đã chết vậy. Chúa Cứu Thế nắm tay đứa bé, nâng lên thì nó đứng dậy, rồi giao nó lại cho người cha.

9:28-29 Lát sau, khi Chúa vào nhà một mình với các môn đồ, họ hỏi riêng Ngài rằng vì sao họ đuổi quỉ ấy không được. Chúa đáp rằng vài phép lạ đời đời phải kiêng ăn và cầu nguyện. Nào ai giữa vòng chúng ta trong chức vụ Cơ Đốc của mình, chưa từng đời lần đời diện với cảm giác thất bại: ê chề? Chúng ta đã làm việc không mệt mỏi và cần mẫn, song vẫn không thấy dấu hiệu Thánh Linh của Đức Chúa Trời can thiệp bằng quyền năng. Chúng ta cũng nghe lời Chúa Cứu Thế nhắc nhớ, "**Thử quỉ này, ...**"

E. Chúa Jêsus Lại Báo Trước Về Sự Chết Và Sống Lại Của Ngài (9:30-32)

9:30 Chuyến đến thăm Sêsarê Philip của Chúa chúng ta đã kết thúc. Bây giờ, Ngài trải qua xứ Galilê – một chuyến hành trình đưa Ngài lên Giêrusalem để chịu chết. Ngài muốn đi cách lặng lẽ không ai biết. Vì tại

những nơi, chức vụ công khai của Ngài đã kết thúc. Nay, Ngài muốn có thì giờ ở riêng với các môn đồ, dạy dỗ và chuẩn bị họ cho chức vụ sắp đến.

9:31,32 Ngài nói với họ cách rõ ràng rằng Ngài sẽ bị nộp trong tay người ta và bị giết đi, song đến ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại. Nhưng môn đồ không hiểu lời ấy, lại sợ không dám hỏi Ngài. Chúng ta cũng thường ngại hỏi, vì vậy hay làm mất phúc hạnh.

D. Sự Can Trọng Trong Nước Trời (9:33-37)

9:33,34 Đến thành Cabênaum, đang ở trong nhà, Chúa Jêsus hỏi môn đồ lúc đi đường họ đã cãi nhau điều gì? Họ hổ thẹn khi xưng nhận dọc đường đã cãi nhau cho biết ai là lớn nhất trong bọn mình. Có lẽ Sự Hoà Bình đã nhen lên trong họ niềm hy vọng về Nước Thiên Đàng sắp đến và họ chuẩn bị để nhận chỗ dành dự trong đó. Thật đau đớn khi nhận ra chính lúc Chúa báo trước sự chết kề cận của Ngài thì họ lại xem mình là tốt hơn người khác. Như Giêrêmi đã nói, "Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật và rất là xấu xa."

9:35-37 Chúa Jêsus biết họ đã tranh cãi về việc gì nên dạy họ bài học về sự khiêm nhường. Ngài phán rằng cách để trở nên đầu là tự nguyện nhận chỗ phục vụ thấp nhất và sống cho người khác, chứ không phải cho chính mình. Đoạn, Ngài bắt một đứa trẻ để ở giữa môn đồ; rồi ôm nó trong tay. Ngài nhấn mạnh rằng: "hễ ai vì danh ta tiếp một đứa trong những đứa trẻ này, tức là tiếp ta; còn ai tiếp ta, thì chẳng phải tiếp ta, bèn là tiếp

Đấng đã sai ta, chính là Đức Chúa Cha vậy". "Thưa Chúa đáng chúc tụng, lời dạy của Ngài đó xét và phơi trần tấm lòng bằng thịt của con. Xin đập vỡ cái tôi của con, để sự sống của Ngài tràn qua con."

E. Chúa Jêsus Nghiêm Cấm Tinh Bê Phái (9:38-42)

Đoạn này dường như đẩy đẩy các thất bại. Phiêrô đã đề nghị cách vụng về trên Núi Hóa Hình (câu 5,6). Các môn đồ không đuổi được quỷ cám (c18). Họ tranh cãi xem ai là lớn nhất (c34). Rồi từ câu 38-40, chúng ta thấy họ có tinh thần bê phái.

9:38 Sử đồ **Giăng**, người được Chúa yêu bảo cho Chúa biết họ đã thấy có người đã lấy danh Ngài mà trừ quỷ. Các môn đồ bèn người ấy đừng lại vì không thuộc nhóm của họ. Người ấy không dạy tà giáo hay sống trong tội lỗi. Anh ta chỉ đơn thuần không gia nhập nhóm các sứ đồ.

Họ khoan dung tròn dè loại tôi

và

Cho tôi ta phản nghịch, từ đạo, đảng, khinh:

Song tinh của tôi có trí khôn để thuộc họ:

Hãy chúng tôi khoan một trong để đưa họ vào.

9:39 Chúa **Jêsus phán**: Đừng cần làm chi. Nếu anh ta đủ đức tin nơi Ta để nhờ danh Ta mà trừ quỷ thì anh ở cùng phía với Ta và đang làm việc để chống lại Satan. Anh ta không thích hợp với việc nhanh chóng trở mặt để **nổi xấu Ta** hay làm kẻ thù nghịch Ta.

9:40 Câu 40 có vẻ mâu thuẫn với Mathew 12:30 mà Chúa đã dạy: "Ai

không ở với Ta, thì nghịch cùng Ta; ai không thù hiệp với Ta, thì tan ra." Nhưng thật ra không có gì trái ngược. Ở Mathew, vấn đề là sức mạnh của Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hay của chúa quỷ. Nền tảng của vấn đề, bất kỳ ai không hiệp với Ngài là đang nỗ lực chống lại Ngài.

Ở Tin Lành Mác, vấn đề không liên quan đến Thân Vị hay công việc của Đấng Christ, bèn là người ta có hiệp lại trong sự phục vụ Chúa không. Ở đây cần có sự yêu thương và chấp nhận nhau. Hễ ai **không chống lại** Chúa trong sự phục vụ tất nghịch với Satan và vì vậy, **ở về phía** Đấng Christ.

9:41 Ngay cả sự tử tế nhỏ nhất, làm **trong** danh Chúa cũng sẽ được ban thưởng. Việc cho môn đồ **một chén nước** vì người thuộc **về Chúa** cũng được Ngài ghi nhận. Nhân danh Chúa đuổi quỷ là điều ngoạn mục. Cho một chén nước là việc bình thường. Song cả hai việc đều được Ngài qui trọng khi được làm vì sự vinh hiển Ngài. "**Vì các người thuộc về Đấng Christ**" là sợi dây thắt chặt các tin hữu lại với nhau. Khắc ghi lời này khiến chúng ta thoát khỏi tinh thần bê phái, các tranh cãi nhỏ nhất và ganh tị trong sự phục vụ Chúa.

9:42 Đấy tự Chúa luôn cần xem xét các lời nói và hành động của mình có hiệu quả gì trên kẻ khác. Chúng ta có thể gây vấp phạm cho anh em mình, khiến tâm linh họ bị tổn thương lâu dài. Hễ ai làm cho một trong những đứa nhỏ này đã tin, phải trôi dạt khỏi đường thánh và chần lỳ, thì **lành buộc cổ đá lớn vào cổ** kẻ gây vấp phạm mà **bỏ xuống biển** còn hơn.

F. Tự Khép Mìch Liên Tục Vào Kỷ Luật (9:43-50)

9:43 Phần cuối đoạn này nhấn mạnh cần có kỷ luật và tiết độ. Ai muốn tiến xa trên con đường làm môn đệ thật sự cần thường xuyên đánh trận với các tham muốn tự nhiên và thói mê ăn uống. Chiều theo chúng dẫn đến thảm bại. Quản lý chúng bảo đảm sự đắc thắng thuộc linh.

Chúa nói đến **tay, chân và mắt**, giải thích rằng thà mất một phần còn hơn là vì chúng mà phải sa xuống địa ngục. Để đi đến mục tiêu thì mọi hy sinh đều xứng đáng.

Tay có thể chỉ về các việc chúng ta làm, **chân** là các bước hay đường đi và **mắt** là điều chúng ta khao khát. Đây là các điểm tiềm ẩn sự nguy hiểm. Nếu không được quản lý chặt chẽ, chúng có thể dẫn đến sự phá sản đời đời.

Phải chăng phần đoạn này dạy rằng một tín hữu thật có thể cuối cùng bị hư mất đời đời trong địa ngục? Nếu chỉ xem ở đây thì có thể là như vậy. Song so với lời dạy nhất quán của Tân Ước, chúng ta phải kết luận rằng kẻ sa vào địa ngục không hề là một Cơ Đốc nhân thật. Một người có thể xưng mình đã tái sinh và tỏ ra tiến bộ trong một thời gian. Nhưng nếu người ấy cứ liên tục chiều dài xác thịt, rõ ràng là người ấy chưa bao giờ được cứu rỗi.

9:44-48 Chúa thường lặp lại¹⁶ về địa ngục như là nơi **sầu bọ của chúng thán**g hệ chết và là nơi lửa **chán**g hệ tắt. Đây là điều vô cùng hệ trọng. Khi thật sự tin điều này, chúng ta sẽ

không sống cho vật chất, nhưng sống cho những linh hồn không bao giờ chết. "Lạy Chúa, xin ban cho con khát vọng về những linh hồn."

May thay là về mặt đạo đức, chúng ta không hao giờ cần phải chặt tay chân hay mù mắt. Chúa Jêsus không dạy chúng ta phải thực hành đến cực điểm đó. Mọi điều Ngài nói là hy sinh việc sử dụng các bộ phận đó *tốt hơn* là do lạm dụng chúng mà bị sa vào địa ngục.

9:49 Hai câu 49, 50 đặc biệt khó giải nghĩa. Vì vậy, cần xem xét từng mệnh đề.

"**Vì mỗi người sẽ bị muối bằng lửa.**" Ba vấn đề chính là: (1) **Lửa** chỉ về gì? (2) **Bị muối** có nghĩa gì? (3) **Mỗi người** là kẻ được cứu hay kẻ bị hư mất hoặc cả hai?

Lửa có thể chỉ về địa ngục (như trong câu 44,46,48) hay bất kỳ sự phán xét nào, bao gồm sự phán xét của Chúa dành cho các việc tín hữu làm hay sự tự xét mình.

Muối có đặc tính bảo tồn, tẩy sạch và ướp. Ở phương đông, muối còn là vật bảo đảm về lòng trung thành, tình bằng hữu và cam kết giữ lời hứa.

Nếu **mỗi người** là kẻ chưa được cứu, thì gợi ý sẽ là họ sẽ bị lưu giữ trong hồ lửa, tức là bị đau đớn trong sự đoán phạt đời đời.

Nếu **mỗi người** là kẻ đã được cứu, thì gợi ý sẽ là họ phải: (1) được tinh sạch trong lửa thử thách của Đức Chúa Trời trong đời này; hay (2) giữ mình khỏi sự tha hóa bằng cách khép mình vào kỷ luật và từ bỏ chính mình; hoặc (3) được thử nghiệm tại Tòa Phán Xét của Đấng Christ.

"Phải nếm muối các cửa lễ chay." Mệnh đề này¹⁷ được trích dẫn từ Lêvi 2:13 (cũng xem Dân 18:19; II.Sử 13:5). Muối là dấu chỉ về giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân Ngài, để nhắc họ rằng giao ước là bản hợp đồng trang trọng không thể vi phạm. Khi dâng thân thể mình làm của lễ sống cho Đức Chúa Trời (Rô 12:1,2), phải nếm thêm muối để khiến của lễ thành sự cam kết không thể hủy bỏ được.

9:50 "Muối là vật lớt." Cơ Đốc nhân là muối của đời (Math 5:13). Đức Chúa Trời trông mong họ rải ảnh hưởng lành sạch, lành mạnh ra. Bao lâu còn tiếp tục học theo Chúa, họ là nguồn phước cho muôn người.

"Nhưng nếu muối mất mặn đi, thì lấy chi làm cho mặn lại được?" Muối mất mặn không còn giá trị gì nữa. Cơ Đốc nhân nào không tròn bốn phận làm môn đồ thật: thì bị hư hoại và vô hiệu. Khởi đầu tốt trong nếp sống Cơ Đốc chưa đủ. Nếu không liên tục và nghiêm túc tự xét mình thì con cái Chúa không hoàn thành được mục đích mà Chúa đã cứu mình.

"Phải có muối trong lòng mình." Hãy là sức mạnh cho Chúa trong thế gian, rải ảnh hưởng thuận lợi cho sự vinh hiển của Đấng Christ. Đừng chấp nhận bất cứ điều gì trong đời có thể làm giảm sút mức hiệu quả của bạn cho Ngài.

"Lại phải hòa thuận cùng nhau." Điều này dường như liên hệ với câu 33-34, khi môn đồ cãi nhau xem ai là lớn nhất. Hãy loại bỏ lòng kiêu ngạo thay vào đó bằng sự khiêm nhường phục vụ mọi người.

Tóm lại, câu 49-50 dường mô tả cuộc đời Cơ Đốc nhân như của lễ dâng lên Đức Chúa Trời. Nó được muối bằng lửa, tức là gồm cả sự tự tra xét và từ bỏ chính mình. Nó được nếm bằng muối, có nghĩa dâng với vật báo đảm là lòng tận tụy không đời đời. Nếu người nuốt lời hay thất bại không quản lý được các ước muốn tội lỗi thì cuộc đời họ sẽ vô vị, vô nghĩa và không giá trị. Vì vậy, người phải loại bỏ khỏi đời mình bất cứ điều gì ngăn trở sự mạng Chúa giao và sống hòa thuận với các tín hữu khác.

6. Hôn Nhân Va Ly Dị (10:1-12)

10:1 Từ Galilê, Chúa đi về phía đông nam đến xứ Bêrê ở bờ đông sông Giôđanh. Chúc vạ của Ngài tại đây được ghi lại đến câu 10:45.

10:2 Những người Pharisi sớm tìm ra Ngài. Như bầy sói đói mới, họ đang tìm cách giết Ngài. Với nỗ lực gài bẫy Chúa, họ hỏi Ngài luật pháp có cho phép ly dị không? Ngài dẫn họ trở về với Ngũ Kinh. **Môisê dạy các người điều chi?**

10:3-9 Họ lách câu Ngài hỏi và nói ra điều Môisê cho phép. Môisê cho phép người nam ly dị vợ mình và cấp cho nàng một chứng thư ly dị. Song đó không phải là ý định của Đức Chúa Trời; Môisê chỉ chấp thuận điều này vì lòng người cứng cõi. Chương trình thiên thượng là kết hợp một người nam với một người nữ trong hôn nhân trọn đời. Điều này nhắc lại ý định của Đức Chúa Trời khi dựng nên con người có phái tính. Người nam phải là cha mẹ và gần gũi với vợ mình trong hôn nhân đến mức cả hai thành

một thì. Vậy, họ đã do Đức Chúa Trời kết hiệp thì không thể bị phân rẽ theo ý muốn của con người.

10:10 Rõ ràng, ngay cả các môn đồ Ngài cũng khó chấp nhận điều này. Thời đó, phụ nữ không hề được tôn trọng hay bảo vệ. Ít nhiều, họ thường bị xem nhẹ. Người nam có thể ly dị khi vợ không làm vừa ý mình. Nàng không có chỗ để bám víu. Thường thì, nàng được xem như vật sở hữu của chồng.

10:11,12 Khi môn đồ hỏi thêm, Chúa quả quyết rằng ai ly dị vợ mình mà cưới vợ khác thì phạm tội tà dâm với người, cho dù đối với người nam hay nữ. Tại đây, câu này muốn nói Chúa cấm ly dị trong mọi trường hợp. Song Ngài nêu một ngoại lệ ở Mathê 19:9. Khi một người phạm tội ngoại tình thì người kia được phép ly dị và đứng là được tự do tại hôn. Cũng có thể 1.Cô 7:15 cho phép ly dị khi một người không tin Chúa muốn sống bỏ bạn đời của mình là Cơ Đốc nhân.

Chắc chắn là có khó khăn khi đề cập đến toàn bộ để rài ly dị và tài hôn. Con người tạo ra nhiều rắc rối về hôn nhân đến mức cần sự khôn ngoan như của vua Salômôn để giải quyết chúng. Cách tốt nhất để tránh rắc rối là tránh ly dị. Sự ly dị tạo ra mây mù và dấu hỏi trên đời sống của những kẻ trong cuộc. Khi một người ly dị tìm kiếm sự long công trong chi hội địa phương, các trưởng lão phải cẩn thận xem xét gia cảnh của họ với lòng kính sợ Chúa. Mỗi trường hợp đều khác nhau và cần xét cách riêng.

Phần đoạn này cho thấy Đấng Christ không chỉ quan tâm đến sự

thanh khiết trong hôn nhân mà còn chú ý đến các quyền lợi của phụ nữ. Cơ Đốc giáo dành cho phụ nữ địa vị tôn trọng mà các tôn giáo khác không hề có.

B. Chúc Phước Cho Con Trẻ (10:13-18)

10:13 Bây giờ chúng ta thấy Chúa Jêsus quan tâm đến những con trẻ. Các cha mẹ khi đem những con trẻ mình đến để được Người Thấy Đấng Chân Chân chúc phước, đã bị các môn đồ xua đuổi.

10:14-16 Chúa thấy vậy, bèn giận và giải thích cùng môn đồ rằng: **Nước Đức Chúa Trời** thuộc về những con trẻ và những ai có niềm tin cùng sự khiêm nhường giống như con trẻ. Họ phải trở nên giống như con trẻ để được vào Nước Đức Chúa Trời.

George MacDonald thường nói ông không hề tin nơi Cơ Đốc giáo của một ai đó cho đến chừng thấy các con trẻ chơi đùa xung quanh cửa nhà người ấy. Chắc hẳn nhận xét này khiến các đấng tử Chúa chú trọng việc chinh phục con trẻ bằng Lời của Đức Chúa Trời. Tâm trí con trẻ thường mềm dẻo, dễ dạy. W.Graham Scroggie đã nói: "Hãy sống tốt nhất và chia sẻ điều tốt nhất của bạn cho con trẻ."

I. Người Trẻ Giàu Có (10:17-31)

10:17 Một người giàu có đến gặp Chúa với một câu hỏi tỏ ra sự chân thành. Gọi Chúa Jêsus là "Thầy nhân lành," người hỏi Ngài mình phải làm gì để hưởng được sự sống đời đời.

10:18 Chúa nắm lấy các từ "Thầy nhân lành." Ngài không khước từ, song dùng danh hiệu này để trắc nghiệm đức tin của người. Chỉ có Đức

Chúa Trời là nhân lành. Phải chăng người muốn xưng Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời? Rõ ràng là không phải.

10:19,20 Tiếp theo, Chúa Cứu Thế dùng luật pháp để dẫn đến sự nhận biết tội. Người vẫn nuôi ảo tưởng rằng mình có thể hưởng nước Trời dựa trên nguyên tắc *làm*. Rồi để cho người vi phạm luật pháp, là bộ luật dạy người *phải làm* điều gì. Chúa trưng dẫn năm điều răn, về việc liên hệ của chúng ta với người khác. Năm điều răn này là: "Hãy yêu người lân cận như chính mình." Người nói mình **đã giữ** mọi điều đó từ khi còn nhỏ.

10:21,22 Song có thật người đã yêu họ như chính mình chưa? Nếu đúng như vậy, người hãy chứng tỏ bằng cách bán tất cả tài sản mình mà bố thí **cho kẻ nghèo khổ**. Song đó lại là chuyện khác. Người **đi ra rất buồn bã**, vì có **những cửa lấm**.

Chúa Jêsus không có ý nói rằng người có thể được cứu bằng cách bán tài sản để làm từ thiện. Chỉ có một con đường cứu rỗi duy nhất là tin nơi Chúa. Để được cứu, người phải biết mình là một tội nhân, thiếu hụt tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời. Chúa nhắc lại Mười Điều Răn để người thấy được tội lỗi mình. Việc không muốn chia sẻ tài sản cho thấy người không yêu người lân cận như mình. Lê ra người phải thưa: "Lạy Chúa, nếu đây là sự yêu cầu thì con là một tội nhân. Con không thể tự cứu bằng nỗ lực bản thân. Vậy, xin cứu con bởi ân điển Ngài". Song người yêu tài sản mình hơn tất cả và không muốn từ bỏ nó. Người từ chối sự thay đổi.

Khi Chúa Jêsus bảo người bán tất cả tài sản, Ngài *không* có ý nói đây là con đường cứu rỗi. Song Ngài cho người thấy mình đã vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, vì vậy người cần được cứu. Nếu vâng lời Chúa Cứu Thế, người sẽ thấy con đường cứu rỗi.

Song có một nan đề ở đây. Là tín hữu, chúng ta có phải yêu người lân cận như mình không? Phải chăng Chúa phán với chúng ta: "**Hãy bán mọi điều con có rồi đem cho kẻ nghèo, con sẽ có kho báu trên trời; rồi hãy đến, vác thập tự giá mà theo Ta?**" Mỗi người phải tự trả lời cho mình, song trước đó cần xem xét các sự kiện tỏ tường như sau:

1. Hàng vạn người chết đói mỗi ngày.
2. Hơn nửa địa cầu chưa từng nghe Tin lành.
3. Hiện nay tài vật của chúng ta có thể được dùng để làm giảm bớt nhu cầu vật chất và tâm linh của con người.
4. gương của Đấng Christ dạy chúng ta nên trở nên nghèo để người khác được giàu có (1.Cô 8:9)
5. Sự ngăn ngại của đời sống và việc Chúa sắp trở lại dạy chúng ta nên đầu tư tiền của mình để làm việc cho Ngài ngay. Để đến lúc Ngài đến thì quả trễ.

10:23-25 Khi người giàu đã đi khuất vào đám đông, Chúa Jêsus nhận xét rằng kẻ giàu vào **Nước Đức Chúa Trời** khó là dường nào. Môn đó lấy làm lạ vì họ đã liên kết sự giàu có với ơn phước Chúa ban. Vì vậy, Ngài nhắc lại: "**Hỡi các con, những kẻ cậy sự giàu có^{1a} vào Nước Trời** khó là dường nào!" "Thật vậy." Rồi Ngài nói tiếp:

"Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Đức Chúa Trời."

10:26-27 Môn đồ lại càng lấy làm lạ, nói cùng nhau rằng: **Vậy thì ai được cứu?** Là người Do Thái sống dưới luật pháp, họ thật sự xem sự giàu có là biểu thị những gì Chúa ban cho. Theo luật Môisê, Đức Chúa Trời hứa ban sự thịnh vượng cho kẻ vâng lời Ngài. Môn đồ suy luận rằng thiếu một người giàu không vào Nước Trời thì **chẳng ai có thể vào được**. Chúa đáp: Sự đó loài người **không thể làm được**, nhưng Đức Chúa Trời **thì chẳng thể**; vì Đức Chúa Trời **làm mọi sự được cả**.

Tóm lại, phân đoạn này dạy điều gì?

Thứ nhất, kẻ giàu thật rất khó được cứu (câu 23), vì họ dễ yêu của cải hơn yêu Chúa. Họ dễ bỏ Chúa hơn từ bỏ tài sản mình. Họ tin cậy của cải mình hơn tin cậy Chúa. Khi nào những điều này còn tồn tại thì họ không thể được cứu.

Quả thật trong Cựu Ước, sự giàu có là dấu hiệu bày tỏ ơn phước Chúa ban. Song nay đã thay đổi. Thay vì là dấu hiệu chỉ về ơn phước, thì nay giàu có là bản thử nghiệm lòng tận hiến cho Chúa.

Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn kẻ giàu vào Nước Trời. Nói theo con người thì đơn giản là kẻ giàu có thể không được cứu. Vài người có thể phản đối rằng nói theo con người thì *không ai* có thể được cứu. Đúng như vậy. Và điều này còn đúng hơn cho kẻ giàu. Họ đối mặt với các trở lực mà kẻ

nghèo không gặp. Thần Mamôn (tiền tài) phải được cất bỏ khỏi lòng và người ra mắt Chúa như một kẻ cơ hàn. Sự thay đổi này quả là bất khả cho con người. Chỉ mình Đức Chúa Trời có thể làm điều đó.

Cơ Đốc nhân nào trông cậy của cải trên đất, thường trả giá cho sự không vâng lời của mình qua cuộc đời của con cái họ. Con cái họ rất hiếm có người tiếp tục theo Chúa tốt.

10:28-30 Phierơ hiểu được ý nghĩa của lời Chúa dạy. Ông nhận ra điều Chúa muốn nói, "Hãy bỏ mọi sự mà theo Ta." Chúa Jêsus xác nhận điều này qua lời hứa ban thưởng trong hiện tại và đời đời cho kẻ vì Ngài và Tin Lành mà bỏ hết mọi sự.

1. Phần thưởng trong đời này là 100 lần hơn, không phải về bạc tiền, song về:

a. **Nhà cửa** – nhà của dân sự, nơi người được tiếp đón như là đầy tớ Chúa.

b. **Anh chị em, mẹ và con cái** – là các bạn bè Cơ Đốc mà mối tương giao làm cho phong phú cả cuộc đời.

c. **Đất đai** – các xứ sở trên đất mà người đã yêu cầu cho Nhà Vua.

d. **Sự bất bứ** – đây là một phần của sự ban thưởng trong hiện tại. Thật nên vui mừng khi một người được kể là xứng đáng chịu khổ vì Đấng Christ.

2. Phần thưởng tương lai là **sự sống đời đời**. Đây không có nghĩa là chúng ta được sống đời đời khi từ bỏ mọi sự. Sự sống đời đời là quà tặng. Ý nghĩa tại đây là kẻ từ bỏ mọi sự được ban thưởng một khả năng lớn hơn để vui hưởng sự sống đời đời trên trời. Mỗi Cơ Đốc nhân đều có điều này,

song không phải ai cũng tận hưởng cùng mức độ như nhau.

10:31 Rồi Chúa cảnh báo thêm: “**Nhưng có nhiều kẻ đầu sẽ nên rất; có kẻ rất sẽ nên đầu.**” Khởi đầu tốt trên đường làm môn đệ chưa đủ. Quan trọng là chúng ta kết thúc ra sao. Ironside đã nói:

Không phải mỗi kẻ tạo ấn tượng hứa hẹn tận tâm và trung thành theo Chúa sẽ tiếp tục con đường vì danh Đấng Christ mà từ bỏ chính mình, song vài người lết dẹt đi sau và bị e ngại về lòng tận hiến lại phơi bày sự giảu mình chân thật trong giờ thử thách.¹⁹

J. Chôn Jesus Bào Trước Lão Thủ Ba Về Sự Thương Khó Của Ngài (10:32-34)

10:32 Nay đã đến thời điểm phải lên thành Giêrusalem. Với Chúa Jesus, đã đến lúc chịu đau thương và buồn bã tại Ghêtsêmanê, chịu sỉ nhục và hấp hối trên thập tự giá.

Khi ấy, Ngài có cảm nghĩ gì? Chúng ta há không thấy được gì trong câu “**Chúa Jesus đi trước họ**” sao? Ngài quyết tâm vâng theo ý Cha, dù biết rõ giá phải trả. Đầu tiên là sự cô đơn – Ngài bước đi một mình, vượt trước các môn đồ. Rồi là niềm vui – một niềm vui sâu lắng vì ở trong ý Cha, một niềm vui mừng về sự vinh hiển hầu đến, vì cứu được có đầu cho chính Ngài. Vì niềm vui đã đặt trước mặt mình, Ngài chấp nhận thập tự giá, khinh diếu sỉ nhục.

Khi nhìn xem Ngài sắp bước tiền phong, chúng ta cũng **kinh ngạc**. Đấng Lãnh Đạo đứng màn hình của chúng ta, Đấng Khởi Đầu và Chu Toàn đức tin chúng ta, vị Thầy vinh diệu, Vua thiên thượng của chúng ta. Erdman viết:

Hãy dừng lại một chút để ngắm xem gương mặt ấy, đáng đập ấy của Con Đức Chúa Trời bước đi cách quả quyết về hướng Thập Tự Giá! Điều này há không khơi dậy trong chúng ta tình thần anh hùng mới, như ta đang theo đuổi; hay khơi dậy tình yêu mới như ta thấy Ngài đã tự nguyện chịu chết vì chúng ta; mà ta lại chẳng lúng túng về ý nghĩa cùng lẽ huyền nhiệm của sự chết đó sao?²⁰

Những kẻ đi theo đều thất kinh. Họ biết cấp lãnh đạo tôn giáo tại Giêrusalem đang tìm cách giết Ngài.

10:33,34 Lần thứ ba, Chúa Jesus cho môn đồ biết chi tiết về các biến cố sắp đến. Lời tiên tri đại cương này cho thấy Ngài còn hơn là một người thương:

1. “**Này, chúng ta lên thành Giêrusalem,**” (11:1-13:37)

2. “**Con người sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ và cùng các thầy thông giáo;**” (14:1-2, 43-53)

3. “**Họ sẽ định Ngài phải bị tử hình,**” (14:55-65)

4. “**Và giao Ngài cho dân ngoại.**” (15:1)

5. “**Người ta sẽ nhạo báng Ngài, nhổ trèn Ngài, đánh đập Ngài mà giết đi;**” (15:2-38)

6. “**Sau ba ngày, Ngài sẽ sống lại.**” (16:1-11)

K. Phục Vụ Là Cao Cả (10:35-45)

10:35-37 Tiếp theo lời tiên báo cảm động về sự chịu đóng đinh sắp đến của Ngài, Giacô và Giảng đến nêu một lời cầu xin thoát nghe là cao cả nhưng không đúng thời điểm. Cao cả vì họ muốn được ở gần Đấng Christ,

song không hợp thời khi muốn tìm sự cao trọng cho chính mình. Họ bày tỏ niềm tin rằng Chúa Jêsus sẽ lập Nước Ngài song họ nên suy nghĩ về sự thương khó sắp đến của Ngài.

10:38,39 Chúa Jêsus hỏi họ có thể sống được chên Ngài uống, liên hệ đến sự thương khó của Ngài và chịu được phép báptem Ngài chịu, tức là sự chết. Họ thưa rằng họ có thể và Ngài cho rằng họ nói đúng. Họ sẽ chịu khổ vì trung thành theo Ngài và ít ra Giacô sắp bị tử vì đạo (Công Vụ 12:2)

10:40 Rồi Ngài giải thích các vị trí cao trọng trong Nước Trời không thể ban tặng cách tùy tiện. Họ phải chiếm lấy. Ở đây, cần nhớ rằng được tiếp vào Nước Trời do ân điển bởi đức tin, song vị trí trong Nước Trời được xác nhận do lòng trung thành với Đấng Christ.

10:41-44 Mười sứ đồ kia nghe sự xin đó thì giận Giacô và Giăng vì đã tìm cách qua mặt họ. Song sự bất bình này tỏ ra họ cũng có tình thần đó. Đây là cơ hội để Chúa Jêsus dạy họ bài học tuyệt vời về tinh cách mạng về sự cao trọng. Ngoài đời, kẻ cao trọng là người cai trị với quyền lực chuyên chế, áp bức thống trị. Song sự cao trọng trong nước của Đấng Christ được đánh dấu bằng sự phục vụ. Hễ ai... muốn làm đầu thì sẽ làm tôi mọi người.

10:45 Chính Con Người là gương Tồi Thượng. Vì Con Người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. Hãy suy gẫm điều này! Ngài đã đến bằng sự giăng sinh mẫu nhiệm. Ngài thì hành chức vụ suốt đời. Và

Ngài phó sự sống mình qua sự chết tiêu biểu.

Như đã nêu trước đây, câu 45 là chìa khóa của toàn bộ sách Tin Lành. Đây là phần học trong mô hình thu nhỏ, phóng ảnh của một Cuộc Đời vĩ đại nhất mà thế giới đã từng biết.

L. Chữa Lành Người mù Batimê (10:46-52)

10:46 Bây giờ, khung cảnh chuyển từ vùng Bêrê qua Giudê. Chúa và các môn đồ đã đi qua sông Giordan và đến thành Giêricô. Tại đó, Ngài gặp một người mù tên Batimê, là người có sự khao khát mãnh liệt, biết rõ điều mình cần và quyết tâm cho đến khi được đáp ứng.

10:47 Người nhận biết và xưng Chúa là Con vua Đavít. Thật mỉa mai khi cả nhà Ysaraên đui mù trước sự hiện diện của Đấng Mêsai, thì một người Do Thái mù lòa lại có cái nhìn thuộc linh chân thật!

10:48-52 Lời khẩn cầu kiên trì xin được thương xót không phải lòng công. Lời cầu nguyện cụ thể xin được sáng mắt đã dẫn đến sự đáp lời cụ thể. Người tỏ lòng biết ơn bằng sự trung thành làm môn đồ theo Chúa trong chuyến Ngài lên thành Giêrusalem lần cuối. Điều này chắc đã làm ấm lòng Chúa khi thấy một đức tin đường ấy tại Jericô trên đường đến thập tự giá. Thật tốt cho Batimê đã gặp Chúa ngày ấy vì Ngài không còn trở lại nơi đó lần nữa.

V. CHỨC VỤ CỦA CHÚA JÊSUS TẠI THÀNH GIÊRUSALEM (đoạn 11-12)

A. Vào Thành Cách Khả Hoàn (11:1-11)

11:1-3 Phần kỹ thuật về tuần cuối bắt đầu từ đây. Chúa Jêsus đã nghỉ chân bên sườn phía đông núi Ôlive,

gần làng Bêphagiê (có nghĩa là nhà cửa cây và không trái) và làng Bêthani (nhà cửa kẻ nghèo nàn, khiêm nhu và bị ngược đãi).

Giờ đã đến để Ngài công khai tỏ mình ra cho dân Do Thái rằng Ngài là Đấng Mêsê của họ. Ngài thực hiện điều này để làm ứng nghiệm lời của tiên tri Xachari (9:9) là cỡi **lừa con**. Vậy, Ngài sai **hai môn đồ** đi từ Bêthani đến Bêphagiê. Với tri thức toàn hảo và uy quyền tuyệt đối, Ngài bảo họ dẫn về một **con lừa con** chưa mang ách mà họ thấy đang bị cột. Nếu có ai hỏi, thì họ hãy đáp lại: **Chúa cần dùng nó**. Sự toàn tri của Chúa tại đây đã khiến có kẻ hồ nghi, "Đây không phải là Đấng Christ của hiện tại, song bên là của lịch sử và thiên đàng."

11:4-6 Mọi sự xảy ra như Chúa đã bảo trước. Họ **thấy lừa con** đang buộc tại giao lộ chính trong làng. Khi được hỏi, họ đáp lại như Chúa đã dặn. Rồi người ta **để cho họ dắt lừa đi**.

11:7-8 Dù là lừa con chưa từng mang ách, nó vẫn không ngại đưa Đấng Tạo Hóa của mình lên Giêrusalem. Chúa vào thành trên con đường **trải đầy áo và nhánh cây**, với lời tung hô của dân sự reo vang bên tai Ngài. Trong một khoảnh khắc, ít ra Ngài đã được nhận biết là một Vị Vua.

11:9,10 Dân chúng kêu lên:

1. **Hôsana** - lúc đầu có nghĩa là: "Xin hãy cứu chúng tôi," song về sau trở thành lời cảm thần tỏ bày sự ngợi khen. Có lẽ, dân sự muốn nói: "Xin cứu chúng tôi khỏi ách thống trị của La-mã."

2. **Đàng ngợi khen cho Đấng nhân danh Chúa mà đến** (Thi 118:26) - Lời

nhận biết tỏ tường rằng Chúa Jêsus là Đấng Mêsê đã hứa.

3. **Phước cho nước đến, là nước vua Đavít, tỏ phụng chúng ta!** - Họ nghĩ rằng nước sắp thành lập với Đấng Christ ngồi trên ngôi vua Đavít.

4. **Hôsana ở trên nơi rất cao!** - Lời mời tôn vinh Chúa trên thiên đàng rất cao hay nài xin Ngài cứu giúp từ trên thiên đàng rất cao.

11:11 Khi vừa đến thành Giêrusalem, Chúa Jêsus liền vào đền thờ - không phải vào trong nơi thánh song là vào trong sân của đền thờ. Đền ra đây là nhà của Đức Chúa Trời, song Ngài đến không phải như về nhà mình vì các thầy tế lễ và dân sự không giao cho Ngài nơi thuộc về Ngài. **Vì vậy, sau khi liếc mắt xem mọi sự chung quanh, Chúa Cứu Thế trở về làng Bêthani với mười hai sứ đồ.** Đó là tối Chúa Nhật.

B. Cây Và Không Trái (11:12-14)

Biến cố này là lời Chúa Cứu Thế giải thích về sự đôn tiếp ỏn ào mà Ngài vừa nhận được tại Giêrusalem. Ngài thấy cả quốc gia Ysraên như một **cây và không trái** - họ nhiều cành lá báo trước mùa gặt song không có trái. Lời ca tung Hôsana sẽ sớm trở thành tiếng kêu gào sắt máu, "Hãy đóng đinh hán trên cây thập tự!"

Thật khó giải thích khi Ngài quở cây và không trái, dù Kinh Thánh ghi rõ vì **bấy giờ không phải mùa và**. Dường như điều này tỏ ra Chúa Cứu Thế đã cư xử cách bất công và nóng vội theo kiểu giận lẫy. Chúng ta biết điều này không đúng; vậy giải thích thế nào về trường hợp kỳ lạ nêu trên?

Cây vả trong xứ thành thường có trái non, ăn được trước khi ra lá. Nó báo trước mùa gặt như lệ thường mà ở đây mở tả là mùa vả. Nếu không có trái non, nghĩa là sẽ không có mùa vả thông thường. Khi Chúa Jêsus đến với quốc gia Ysraên, họ có nhiều lá, là dấu báo trước mùa gặt song lại không có trái cho Đức Chúa Trời. Ở đây có lời hứa song không có sự hoàn nguyên, có dấu báo trước song không có thực tế. Chúa Jêsus muốn thấy Nước Ngài kết quả. Song vì không thấy trái non, Ngài biết rằng dân vô tin về sau sẽ vẫn không ra trái nên Ngài quở cây vả. Lời này báo trước sự phán xét sẽ đổ trên Ysraên vào năm 70 S.C.

Tuy nhiên, biết cố này không dạy rằng Ysraên bị rủa sả sẽ vĩnh viễn không ra trái. Dân Do Thái *lạ thời* bị để qua một bên, song khi Đấng Christ trở lại để cai trị, cả quốc gia sẽ hồi sinh và phục hồi địa vị được ơn trước mặt Đức Chúa Trời.

Đây là phép lạ duy nhất mà trong đó Đấng Christ rủa sả thay vì chúc phước, cất bỏ sự sống thay vì phục hồi nó. Phần đoạn này được xem như khó giải thích, song không thể loại bỏ. Đấng Tạo Hóa có toàn quyền cất bỏ một vật bất động, vô dụng để dạy một bài học thuộc linh quan trọng và để cứu con người khỏi sự chết đời đời.

Dù lời giải thích chủ yếu của phần đoạn này liên hệ đến quốc gia Ysraên, song cũng có thể áp dụng cho dân sự ở mọi thời đại sa vào tình cảnh 'mười voi không được bắt nước sáo' (nguyên ý: nói nhiều, làm ít).

C. Chúa Jêsus Đẹp Sạch Bền Thờ (11:15-19)

11:15,16 Lúc khởi đầu chức vụ công khai Chúa Jêsus đã quét sạch sự

mua bán ra khỏi khuôn viên đền thờ (Giăng 2:13-22). Nay, khi chức vụ của Ngài đến hồi kết thúc, một lần nữa Ngài bước vào sân đền thờ và xua đuổi những kẻ lợi dụng các sinh hoạt thánh. Ngài cũng cấm người ta đem các hàng hóa thông thường đi ngang qua khu vực đền thờ.

11:17 Kết hợp các lời trích dẫn sách Êsai và Giêrêmi, Ngài lên án việc làm ô uế đền thờ, biến đền thờ thành cái chợ và chủ nghĩa độc quyền. Đức Chúa Trời có ý muốn đền thờ là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc (Êsai 56:7), không chỉ riêng cho dân Ysraên. Họ đã biến đền thờ thành khu chợ tôn giáo, hang ổ trộm cướp (Giêrêmi 7:11).

11:18 Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo cầm gậy lời kết tội này. Họ muốn diệt Ngài, song không thể làm việc này cách công khai vì đoàn dân vẫn kính sợ Ngài lắm.

11:19 Đến chiều... Ngài ra khỏi thành. Thì của động tứ trong nguyên ngữ cho thấy Ngài thường làm như vậy, có lẽ vì lý do an ninh. Ngài không cần bảo vệ mình. Chúng ta cần nhớ rằng một phần của chức vụ Ngài là bảo vệ bảy chiên, chính là các môn đệ Ngài (Giăng 17:6-19). Vả lại, thật là bực khi chịu theo ý kẻ thù lúc giờ chưa đến.

B. Bài Học Về Cây Vả Không Trái (11:20-26)

10:20-23 Sáng hôm sau ngày Chúa quở cây vả, các môn đồ đi ngang qua trên đường lên thành Giêrusalem, thấy cây vả đã khô cho tới rễ. Bấy giờ Phiêrô nhắc lại chuyện đã qua, Chúa đáp ngắn gọn, "Hãy có đức tin nơi

Đức Chúa Trời." Song lời này liên hệ gì với cây vả? Những câu kể tiếp cho thấy Chúa Jêsus khích lệ đức tin như phương tiện cất bỏ các trở lực. Nếu môn đồ có **đức tin nơi Đức Chúa Trời**, họ có thể xử lý nan đề không ra trái và cất bỏ các trở ngại lớn như núi vậy.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa chúng ta có quyền cầu xin năng lực siêu phàm cho lợi ích bản thân hay để được hoan nghênh. Mỗi hành động của đức tin phải dựa trên lời hứa của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta biết Chúa muốn cất bỏ sự khó khăn nào đó, thì chúng ta có thể nài xin với lòng tin quyết rằng điều đó sẽ xảy ra. Thật ra chúng ta có thể bền lòng nài xin bất kỳ điều gì khi mình tin chắc điều đó phù hợp với ý Chúa đã được tỏ ra trong Kinh Thánh hay theo lời chứng nội tâm của Đức Thánh Linh.

11:24 Khi chúng ta thật sự sống gần Chúa và cầu nguyện trong Thánh Linh, chúng ta có thể tin chắc lời mình xin đã được nhận trước khi cầu trả lời thực thụ đến.

11:25,26 Song cần nhớ một đôi hỏi cần bàn cho lời cầu xin được nhận là tình thật tha thứ. Khi chúng ta nuôi dưỡng thái độ trả thù, gay gắt với người khác, chúng ta không thể trông mong Chúa nghe và trả lời cho mình. Chúng ta phải tha thứ nếu mong mình cũng được tha. Điều này không liên hệ đến sự tha tội về mặt pháp lý khi chúng ta tin Chúa, vốn chỉ thuần túy do ân điển bởi đức tin. Song liên hệ đến cách Đức Chúa Trời đối xử như Cha với các con cái Ngài. Tình thần cố chấp trong kẻ tin ngăn trở mối tương giao với **Cha trên trời** và ngăn nguồn phúc tuôn trào.

E. Lời Hải Vê Quyền Phép Của Chúa Jêsus (11:27-33)

11:27,28 Ngay khi Chúa bước vào khu vực **đền thờ**, cấp lãnh đạo tôn giáo đến gần Ngài và tra hạch về quyền phép của Ngài qua hai câu hỏi: (1) "**Thấy lấy quyền phép nào làm những điều này?**" (2) "**Ai đã cho Thấy quyền phép làm những điều ấy?**" (như dọn sạch đền thờ, quở cây vả và vào Giêrusalem cách khải hoàn). Họ muốn gài bẫy Ngài, dù có trả lời thế nào đi nữa. Nếu tuyên bố bởi uy quyền của chính Ngài là Con Đức Chúa Trời, họ sẽ kết Ngài tội phạm thượng. Còn đáp rằng từ quyền phép của con người, thì họ làm Ngài mất uy tín. Nếu đáp từ Đức Chúa Trời, họ sẽ thách thức lời công bố đó, vì họ tự xem mình được Đức Chúa Trời chọn làm các nhà lãnh đạo tôn giáo cho dân sự.

11:29-32 Nhưng Đức Chúa Jêsus trả lời bằng một câu hỏi. Phép báptem của Giăng đến bởi trên trời hay là bởi người ta? (Phép báptem của Giăng chỉ về toàn bộ chức vụ của ông). Họ không thể trả lời mà không bối rối. Nếu chức vụ của Giăng được Đức Chúa Trời giao phó, họ phải nghe theo lời ông kêu gọi ân nần. Nếu họ hạ thấp chức vụ của ông, họ phải chấp nhận cơn giận của dân sự vẫn xem **Giăng** là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời.

11:33 Khi họ từ chối trả lời câu hỏi trên, nói mình không biết, Chúa cũng từ chối không cho họ biết về quyền phép của Ngài. Bao lâu họ không muốn nhìn nhận phẩm chất của sứ giả tiên phong, thì họ khó có

thể công nhận phẩm chất cao cả hơn của Chính Vị Vua!

F. Ví Dụ Về Những Người Làm Vườn Nho Gian Ác (12:1-12)

12:1 Chúa Jêsus chưa yên với các nhà lãnh đạo Do Thái, dù Ngài đã từ chối trả lời câu hỏi của họ. Nay, Ngài dùng **ví dụ** để công bố lời cáo buộc sâu sắc về việc họ đã khước từ Con Đức Chúa Trời. **Người trồng vườn** nho là chính Đức Chúa Trời. **Vườn** nho là địa vị ưu việt mà dân Ysraên đã nắm giữ. **Hàng rào** là Luật Pháp Môise, đá ngăn cách Ysraên với dân ngoại và bảo vệ họ như là dân thuộc riêng về Chúa. **Những kẻ làm vườn** là các nhà lãnh đạo tôn giáo như những người Pharisi, các thầy thông giáo và các trưởng lão.

12:2-5 Đức Chúa Trời tuân tự sai các đầy tớ Ngài, các tiên tri đến với dân Ysraên để xây dựng mối tương giao thanh khiết và yêu thương. Song dân sự đã bắt bớ các tiên tri và **giết** vài người trong số này.

12:6-8 Sau cùng, Đức Chúa Trời sai chính Con yêu dấu của Ngài. Chắc họ phải **nhề** vì Con ấy. Song họ đã không cư xử như vậy. Họ âm mưu chống nghịch, rồi **giết Con** ấy đi. Như vậy, Chúa báo trước sự chết của chính Ngài và phơi bày những kẻ sát nhân tội đồ.

12:9 Đức Chúa Trời sẽ xử thế nào với những kẻ gian ác như vậy? Ngài sẽ đến hủy diệt kẻ gian ác đó và giao nơi đặc quyền cho người khác. Người khác có thể chỉ về dân ngoại hay số dân sót lại đã ăn năn của Ysraên trong những ngày cuối.

12:10,11 Tất cả những điều này làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh Cựu Ước. Chẳng hạn như, trong Thi 118:22-23 tiên báo Đấng Mêsi sẽ bị cấp lãnh đạo Do Thái khước từ trong các kế hoạch xây dựng của họ. Họ không có chỗ cho **Đá** này. Song sau khi chịu chết, Ngài sẽ sống lại từ trong kẻ chết và được Đức Chúa Trời ban cho địa vị tối cao. Ngài thành **đá góc nhà** trong ngôi nhà của Đức Chúa Trời.

12:12 Cấp lãnh đạo Do Thái hiểu điều Ngài muốn nói. Họ tin Thi Thiên 118 nói về Đấng Mêsi. Nay họ nghe Chúa Jêsus áp dụng cho chính Ngài. Họ tìm cách **bắt** Ngài, song giờ Ngài chưa đến. **Dân chúng đông đảo** vẫn đứng bên Chúa. Vì vậy, lúc này họ **bèn bỏ** Ngài mà đi.

G. Tra Cho Sẵn Và Cho Bức Chứa Trời (12:13-17)

Đoạn 12 nói về phe Pharisi hiệp với đảng Hêrốt và phe Sadduce tấn công Chúa. Đây là đoạn sách của những câu hỏi. (Xin xem các câu 9,10,14,15,16,23,24,26,28,35,37).

12:13,14 **Phe Pharisi và đảng Hêrốt**, những kẻ thù cay đắng, nay lại hiệp với nhau do có cùng một lòng căm ghét Chúa Cứu Thế. Họ hết sức cố ép Ngài nói hớ khiến họ có cơ tố cáo Ngài. Vậy, họ hỏi Ngài **theo** luật có **nhận nộp thuế** cho chính quyền Lamã không.

Không hề có người Do Thái nào *vui* sống dưới sự cai trị của dân ngoại. Phe Pharisi ghét điều này cách thậm tệ, trong khi đảng Hêrốt có cái nhìn khoan dung hơn. Nếu Chúa Jêsus công khai thừa nhận việc **nộp thuế** cho

Sêsa, nhiều người Do Thái sẽ ghét bỏ Ngài. Nếu Ngài phát biểu chống lại Sêsa, họ sẽ điệu Ngài ra chính quyền Lamã để Ngài bị bắt và xét xử như kẻ phản nghịch.

12:15,16 Chúa Jêsus bảo họ đem cho Ngài xem **một đồng đơnlê**. (Điều này tỏ ra bản thân Chúa không có đồng nào). Đồng tiền mang hình của hoàng đế Tiberius, nhắc người Do Thái nhớ rằng họ là dân bị trị. Vì sao dân Chúa lại chịu thảm cảnh đó? Vì họ bất trung và tội lỗi. Họ đang phải chịu hạ mình nhìn nhận rằng đồng bạc họ dùng mang hình của một nhà độc tài ngoại lai.

12:17 Chúa Jêsus bèn phân với họ rằng: "**Hãy trả lại cho Sêsa vật chi của Sêsa và trả lại cho Đức Chúa Trời vật chi của Đức Chúa Trời.**" Sự thất bại lớn nhất của họ nằm ở phần sau, không phải ở về đầu. Họ đã nộp thuế cho Lamã dù miễn cưỡng, song không hề để ý đến những điều Đức Chúa Trời đòi hỏi mình. Đồng bạc có hình của Sêsa nên thuộc về Sêsa. Con người mang hình ảnh của Đức Chúa Trời – vì Đức Chúa Trời đã dựng nên con người theo hình ảnh của chính Ngài (Sáng 1:26,27) – nên con người thuộc về Đức Chúa Trời.

Tin hữu phải vâng phục và hỗ trợ nhà cầm quyền trên đất nước mình. Người không được phép nói xấu họ hay hoạt động để lật đổ họ. Người phải đóng thuế và cầu nguyện cho nhà cầm quyền. Nếu bị ép làm điều chi nghịch lại lòng trung thành cao hơn với Đấng Christ, người phải biết từ chối và sẵn sàng chịu phạt. Đặt ưu tiên cho các yêu cầu của Đức Chúa

Trời. Khi xem trọng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời, Cơ Đốc nhân cần phải luôn duy trì lời chứng tối trước thế gian.

H. Phe Sadusê Với Câu Đố Về Sự Sống Lại (12:18-27)

12:18 Thời đó, phe Sadusê là phái tự do cấp tiến hay duy lý. Họ chế giễu ý tưởng về sự sống lại của thân thể. Vậy, họ đến gặp Chúa với một câu chuyện hết sức phi lý, cố giễu cợt toàn bộ ý tưởng trên.

12:19 Họ nhắc Chúa nhớ rằng Luật Môisê đặc biệt chú ý đến các bà góa trong dân Ysraên. Để lưu danh và gìn giữ sản nghiệp của gia đình, Luật qui định rằng nếu một người nam qua đời mà không có con thì em trai của người phải cưới bà góa đó (Phục 25:5-10).

10:20-23 Đây là trường hợp quái dị mà một bà lấy bảy anh em kế tiếp nhau làm chồng. Sau hết, người đàn bà cũng chết. Bây giờ là câu hỏi thông minh của họ: "**Lúc sống lại, đàn bà đó là vợ ai trong bảy anh em?**"

12:24 Họ tự cho mình là thông sáng; song Chúa Cứu Thế đã nói với họ rằng họ dốt hoàn toàn cả về Kinh Thánh vốn dạy về sự sống lại, lẫn về quyền phép của Đức Chúa Trời khiến kẻ chết sống lại.

12:25 Trước hết, họ cần biết rằng quan hệ hôn nhân không tiếp tục trong thiên đàng. Các tin hữu sẽ nhận ra nhau trong thiên đàng và vẫn giữ các khác biệt là người nam hay nữ, song chẳng cưới vợ cùng chẳng lấy chồng. Về mặt này, họ sẽ giống như các thiên sứ trên Trời vậy.

12:26,27 Rồi Chúa chúng ta nhắc người Saduse, vốn xem Ngũ Kinh Môise cao trọng hơn cả phần còn lại của Cựu Ước, trở lại với việc của Môise tại bụi gai cháy (Xuất 3:6). Nơi đó, Đức Chúa Trời tỏ Ngài là Đức Chúa Trời của Ápraham, Đức Chúa Trời của Ysác và Đức Chúa Trời của Giacóp. Chúa Cứu Thế giải thích rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của kẻ sống, không phải của kẻ chết.

Nhưng thế nào như vậy? Phải chăng Ápraham, Ysác và Giacóp không chết khi Đức Chúa Trời hiện ra cho Môise? Quả thật, thân xác họ đã chôn trong huyết mộ tại đồng Mạcbêla ở Hêbrôn. Vậy làm sao Đức Chúa Trời lại là Chúa của kẻ sống được?

Sự tranh luận dường như là:

1. Đức Chúa Trời đã phản hứa với các tổ phụ về đất đai và Đấng Mêsi.
2. Những lời hứa này chưa ứng nghiệm trong cuộc đời họ.
3. Khi Đức Chúa Trời phản với Môise từ giữa bụi gai cháy, thân xác các tổ phụ còn trong mộ.
4. Song Chúa tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời của kẻ sống.
5. Ngài phải làm trọn những lời đã hứa với các tổ phụ.
6. Vậy, sự sống lại là điều tối cần từ đặc điểm chúng ta biết được về bản tánh của Đức Chúa Trời.

Rồi, Chúa phán với người Saduse: "Thật các ngươi lầm to."

I. ĐIỀU RÀN LỚN (12:28-34)

12:28 Có một thầy thông giáo, ấn tượng vì Chúa xử lý các câu hỏi hiểm hóc cách khôn ngoan, bèn hỏi Ngài

trong các điều răn, điều nào là đầu hết? Đây là câu hỏi trung thực và căn bản nhất của đời sống. Thật ra, ông đang mong có một lời giải sức tích về mục đích chính cho sự hiện hữu của con người.

12:29 Chúa Jêsus bắt đầu trưng dẫn *Shema*, tuyên ngôn đức tin của người Do Thái theo Phục Truyền 6:4: "Hỡi Ysraên, hãy nghe: Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta là Chúa có một."

12:30 Rồi Ngài tóm tắt trách nhiệm con người đối với Đức Chúa Trời: **Hãy yêu Ngài với hết cả tâm lòng, linh hồn, tâm trí và sức lực mình.** Đức Chúa Trời phải có vị trí tối cao trong đời sống con người. Không có tình yêu nào khác được phép cạnh tranh với lòng yêu Chúa.

12:31 Phần còn lại của Mười Điều Răn dạy chúng ta phải yêu người lân cận như chính mình. Phải yêu Chúa hơn yêu mình và yêu người lân cận như yêu mình. Vậy, cuộc đời có giá trị thật trước hết liên quan đến Đức Chúa Trời rồi đến người khác. Vật chất không được đề cập đến. Đức Chúa Trời quan trọng hàng đầu, kế đến là con người.

12:32,33 Thấy không giáo đồng ý với tất cả tâm lòng và phải biểu một cách rõ ràng đáng khen ngợi rằng yêu Chúa và yêu người lân cận quan trọng hơn các nghi lễ. Ông nhận biết con người có thể giữ nghi lễ tôn giáo và tỏ ra mộ đạo mà lòng không có sự thánh khiết cá nhân. Ông nhận biết Đức Chúa Trời quan tâm đến con người, cả bề trong lẫn bề ngoài.

12:34 Khi Chúa Jêsus nghe lời nói khôn ngoan này, Ngài phán: Người

chẳng xa Nước Đức Chúa Trời đâu. Công dân thật của Nước Trời không tìm cách lừa dối Chúa, con người hay chính mình bằng lớp vỏ tôn giáo. Biết Chúa xem thấu lòng người, họ đến với Ngài để được tẩy sạch khỏi tội và nhận năng quyền để sống đẹp lòng Ngài.

Sau đó, không ai dám gài bẫy Chúa bằng câu hỏi thông thái nào nữa.

J. Con Cháu Đavit Là Chúa Của Đavit (12:35-37)

Các thầy thông giáo luôn dạy rằng Đấng Mêsi xuất thân từ dòng dõi nhà Đavit. Điều này đúng, song không là toàn bộ chân lý. Vậy, Chúa Jêsus nêu một câu hỏi cho những kẻ đang vây quanh Ngài, trong sản đến thờ. Trong Thi Thiên [110:], Đavit nói về Đấng Mêsi sẽ đến như là **Chúa** của ông. Điều này thế nào có được? Làm sao Đấng Mêsi cùng lúc vừa là *con cháu* vừa là *Chúa* của Đavit được? Với chúng ta, câu trả lời rất rõ. Đấng Mêsi vừa là Con Người vừa là Đức Chúa Trời. Về nhân tánh, Ngài là **con cháu** Đavit, còn về thần tánh là **Chúa** của Đavit.

Đoàn dân đông vui lòng mà nghe Ngài. Họ tỏ ra chấp nhận sự kiện tuy có thể không hiểu hết lời Ngài dạy. Song người Pharisi và các thầy thông giáo không nói gì cả. Sự im lặng của họ thật đáng ngại.

K. Cảnh Báo Về Các Thầy Thông Giáo (12:38-40)

12:38,39 Các thầy thông giáo tỏ ra mộ đạo. Họ thích điều hành với áo chùng dài. Điều này phân biệt họ với đám dân thường và tạo cho họ vẻ mộ

đạo. Họ thích được chào nơi công cộng với những chức danh nghe thật kêu. Điều này thỏa mãn cái tôi của họ. Họ tìm kiếm chỗ tôn trọng **trong nhà hội**, như thế chỗ đứng vật thể có liên hệ với sự thành kính. Họ không chỉ muốn nổi bật về mặt tôn giáo mà luôn cả sự tôn trọng trong xã hội nữa. Họ muốn **chỗ cao nhất trong các đám liệt**.

12:40 Lòng họ tham lam và không trung thực. Họ **nuôi** tài sản và sinh kế của các bà góa để làm giàu cho chính mình, dưới chiêu bài cung hiến tiền bạc cho Chúa! Họ đọc những lời **cầu nguyện dài** - những lời khoe khoang vênh vao - chỉ gồm toàn ngôn từ rỗng tuếch. Tóm lại, họ thích *trang phục đặc biệt* (áo choàng dài); *hào danh* (những lời chào); *sự nổi bật* (ghế cao nhất); *sự ưu tiên* (chỗ quan trọng nhất); *cửa cái* (nhà các bà góa) và *coi thường sự thành kính* (những bài cầu nguyện dài).

L. Hai Đấng Ku Của Bà Góa (12:41-44)

Trái ngược hẳn với tình tham lam của các thầy thông giáo là lòng tận hiến của người đàn bà góa. Các thầy thông giáo nuốt nhà các bà góa, còn bà thì dâng mọi **điều mình có** cho Chúa. Câu chuyện tỏ ra Chúa toàn tri. Ngài xem những người **giàu** bỏ những túi bạc đáng kể vào **rương liễn dâng** của đền thờ, Ngài biết lẽ vật họ dâng không mang tính chất của lễ hy sinh. Họ chỉ dâng của dư mình có. Ngài cũng biết bà dâng hai xu là dâng hết **cửa có để nuôi mình**, nên công bố bà đã dâng **nhiều hơn hết thầy** những người kia cộng lại. Về trị giá tiền bạc,

bà đã dâng rất ít. Song Chúa lượng giá sự dâng hiến theo động cơ, phương tiện và số chúng ta còn giữ lại. Điều này là sự khích lệ lớn cho những ai vốn ít tài sản vật chất mà có lòng dâng hiến rộng rộng cho Chúa.

Thật kinh ngạc khi chúng ta tán đồng hành động của bà góa và nhận định của Chúa Cứu Thế mà lại không noi theo gương của bà! Nếu thật lòng tin những điều mình đã nói, chúng ta ắt sẽ làm đúng như điều bà đã làm. Cửa lễ bà dâng tỏ ra rằng bà tin quyết mọi sự đều thuộc về Chúa, Ngài xứng đáng với mọi điều và phả: sở hữu mọi sự. Nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay có thể phê bình bà không dự trữ cho lương lai mình. Người ta sẽ tranh luận điều này có tỏ ra sự thiếu cần trọng hay thiếu tiên hiệu không? Song đây là sống bởi đức tin – lao mình vào công việc Chúa ngày hôm nay và tin cậy Ngài cho tương lai mình. Chúa há chẳng từng hứa cung ứng nhu cầu cho những ai trước hết tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài sao? (Math 6:33).

Cách mạng hay cấp tiến? Nếu không thấy những điều Đáng Christ dạy là cách mạng và cấp tiến, thì chúng ta sẽ không hiểu điều mà chức vụ của Ngài nhấn mạnh.

VI. BÀI GIẢNG CỦA CHÚA JÊSUS TRÊN NÚI ÔLIVE (đoạn 13)

A. Chúa Jesus Báo Trước Sự Hủy Phá Đến Thờ (13:1,2)

13:1 Lúc Chúa Jesus rời khu vực đền thờ lần cuối trước khi Ngài chịu chết, **mọi môn đồ** cổ khời dậy lòng ghê tởm thành trong Ngài bằng sự nguy nga của đền thờ và phần thượng tầng

kiến trúc. Môn đồ bị mê hoặc bởi kiến trúc kỳ vĩ trong việc dựng lên những lăng đá khổng lồ.

13:2 Chúa Cứu Thế nói rõ mọi sự đó rồi sẽ bị hủy phá. **Sẽ không còn một hòn đá sót lại trên một hòn khác nữa** khi quân đội Lamã chinh phục Giêrusalem vào năm 70. Sao lại bận lòng về những vật chỉ là các bóng thoáng qua?

B. Nhặt Báu Của Những Đau Khổ (13:3-8)

Trong bài giảng trên núi Ôlive, Chúa khiến môn đồ chú ý đến những hiến có quan trọng hơn. Vài lời tiên tri dường như tả về sự hủy phá Giêrusalem vào năm 70; đa phần hiển nhiên nói xa hơn nữa, nhằm Thời Kỳ Đại Nạn và Sự Tái Lâm của Đáng Christ với năng quyền và vinh hiển. Những *lời cảnh báo* trong bài giảng, áp dụng cho kẻ tin trong mọi thời đại là: (1) *hãy giữ mình (câu 5, 23, 33)*; (2) *đừng bối rối (câu 7)*; (3) *cứ bền lòng nhịn nhục (câu 13)*; (4) *hãy cầu nguyện (câu 18,33)*; *hãy tỉnh thức (câu 9, 33, 35, 37)*.

13:3,4 Bài giảng bắt đầu bằng câu hỏi của Phierô, Giacô, Giăng và Anhrô. **Khi** nào thì đền thờ bị phá hủy và **có** điểm chỉ báo trước điều đó? Lời đáp của Chúa bao gồm sự phá hủy đền thờ về sau này, được xây trong thời kỳ Đại Nạn trước khi Chúa Đến Lần Thứ Hai (Tái lâm).

13:5,6 Trước hết, họ phải giữ mình **để không bị** mọi ai lừa dối khi nhân tự xưng là Chúa Cứu Thế. **Nhiều** Christ giả sẽ hiện ra, như đã thấy qua sự giả lảng của quá nhiều sứ sùng bài cùng tế, mỗi cái với một anti-Christ riêng của mình.

13:7,8 Thứ hai, họ không được phép nghĩ rằng **giặc và tiếng đồn về giặc** là dấu báo hiệu ngày tận thế. Trong giai đoạn chuyển tiếp, sẽ có chiến cuộc quốc tế. Thêm vào đó, cũng sẽ có những thiên tai lớn: **động đất, đói kém và tình trạng rối loạn**. Đó mới chỉ là báo trước cơn quạn thối như đau đẻ, dẫn vào kỳ khổ nạn không chỉ vì sánh được.

C. Môn Đệ Bị Bại Nạn (13:9-13)

13:9 Thứ ba, Chúa báo trước sự thử thách lớn sẽ đến trên mỗi người không lùi bước trong lời chứng cho Ngài. Họ sẽ bị nộp ra trước tòa án tôn giáo và dân sự.

Trong khi phân đoạn này thích hợp với mọi thời kỳ của việc chứng đạo Cơ Đốc, nó dường như có liên hệ đặc biệt đến chức vụ của 144.000 tín hữu Do Thái sẽ mang Tin Lành về Nước Trời đến với mọi quốc gia trên đất trước khi Đấng Christ tái lâm để trị vì.

13:10 Ta không thể dùng câu 10 để dạy rằng Tin Lành phải... được giảng ra cho khắp muôn dân trước Sự Gai Lên. Cần phải rao giảng khắp đất và có lẽ sẽ như vậy, song khẳng định phải có nghĩa là nói ra điều Kinh Thánh không nói. Không có lời tiên tri nào cần được ứng nghiệm trước ngày Đấng Christ trở lại đón các thánh đó; Ngài có thể tái lâm bất cứ lúc nào!

13:11 Chúa hứa rằng những tín hữu chịu bách hại vì cơ Ngài sẽ nhận sự trợ giúp thiên thượng để bình vực mình. Họ không cần phải chuẩn bị trước lời hiện họ; có lẽ không có thời

gian. Đức Thánh Linh sẽ ban cho họ chính xác lời để nói. Không thể dùng lời hứa này để bào chữa việc không soạn bài giảng hay sứ điệp Tin Lành ngày nay, song đây là lời báo đảm nhận sự giúp đỡ siêu nhiên vào lúc nguy hiểm. Đây là lời hứa cho các thánh tử đạo, không phải cho việc thi hành chức vụ!

13:12,13 Một điểm đặc trưng khác trong kỳ khổ nạn là nhiều kẻ trung thành với Chúa Cứu Thế sẽ bị đạo. Các thành viên trong gia đình trở thành kẻ tố cáo chống lại nhau. Một lần sóng lớn chống lại tình cảm Cơ Đốc sẽ quét qua toàn cầu. Phải thật can đảm mới trung thành với Chúa Jêsus được, song ai cứ bền lòng đến cuối cùng, người ấy sẽ được cứu. Đây không có nghĩa họ được cứu đời đời vì sự bền đỗ mình; điều này là Tin Lành giả. Cũng không có nghĩa là kẻ trung tín sẽ không chết về thể xác trong Kỳ Đại Nạn, vì có chỗ chếp nhiều kẻ sẽ dùng huyết đồng ấn lời chứng mình. Có lẽ điều này có nghĩa là sự bền lòng đến cùng làm lộ ra thực chất, bày tỏ tình chất của kẻ đã thật sự được cứu.

D. Thời Kỳ Bại Nạn (13:14-23)

13:14-18 Câu 14 đánh dấu giữa Giai Đoạn Chịu Khổ, khởi đầu kỳ Đại Nạn. Chúng ta biết điều này do đối chiếu Daniên 9:27. Lúc ấy, một bức tượng lớn, khá ó sẽ được dựng lên trong đền thờ Giêrusalem. Dân sự bị ép phải thờ lạy nó hoặc bị giết. Tất nhiên, kẻ thật lòng tin Chúa sẽ từ chối.

Việc dựng tượng khởi nguồn cho sự hất bỡ lộn. Những ai đọc và tin lời Kinh Thánh biết đã đến lúc trốn khỏi

xử **Giudê**. Không đủ thì giờ để thu góp tài sản cá nhân. Các bà mẹ **đangthal** nghén hay **cho con bú** sẽ gặp khó khăn. Nếu xảy ra **vào mùa đông**, dân sẽ thêm khổ.

13:19 Đó sẽ là kỳ **khổ nạn** lớn chưa từng có trong quá khứ hay tương lai. Đó là kỳ **Đại Nạn**. Tại đây, Chúa Jêsus không nói về loại khổ nạn tương gặp ở mọi thời cho tin hữu. Đây là kỳ đặc biệt cực khổ vì tập trung cường độ cao.

Chú ý **sự khổ nạn** chủ yếu dành cho người Do Thái. Chúng ta đọc thấy đến thờ (câu 14 so với Math 24:15) và xứ Giudê. Đây là kỳ tai hại của Giacốp (Giêrêmi 30:7). Không thấy nói về Hội Thánh ở đây. Hội Thánh đã được cất lên thiên đàng trước ngày của Chúa khởi động (I.Tê 4:13-18 so với I.Tê 5:1-3).

13:20 Khi ấy, các chén thanh nộ của Đức Chúa Trời sẽ được trút xuống trên đất. Đây là thời kỳ tai họa, hỗn loạn và đổ huyết. Quả thật, sự lưu huyết lên đến mức Đức Chúa Trời phải khiến ngày ngắn lại cách siêu nhiên; nếu không, *không ai có thể sống sót*.

13:21,22 Vào kỳ Đại Nạn cùng xuất hiện các **christ giả**. Dân sự tuyệt vọng đến mức chạy theo bất cứ ai hứa ban sự an toàn. Song tin hữu biết rõ Đấng Christ sẽ không âm thầm hiện ra mà không báo trước. Cho dù các **christ giả** có làm nhiều dấu lạ (chắc chắn như vậy), **những người được chọn** sẽ không bị lừa gạt. Họ sẽ nhận ra các dấu lạ đó đến từ Satan.

Các phép lạ không nhất thiết ra từ trời. Chúng tiêu biểu cho các nguồn

lực siêu nhân vượt trên định luật thiên nhiên, song có thể là công việc của Satan, các thiên sứ hay quỉ sứ. Kẻ Tội Lỗi được ban cho quyền lực của Satan để làm phép lạ (II.Tê 2:9).

13:23 Vậy, các tin hữu phải **giữ mình** vì được cảnh báo trước.

E. Chúa Đến Lúc Thế Nại (13:24-27)

13:24,25 Sau sự khổ nạn đó, có những xáo động giữa các tinh tú trên trời. Bóng tối phủ trùm trên đất cả ngày lẫn đêm. Các ngôi sao sẽ **tự trên trời rớt xuống** và **thế lực các tầng trời** (lực giữ các thiên thể theo quỹ đạo) sẽ **rung động**.

13:26,27 Rồi, thế giới kinh hoàng sẽ thấy **Con Người** trở lại trên đất, nay không là người Naxarét tầm thường song là Đấng Đắc Thắng vinh hiển. Ngài sẽ ngự đến **trên đám mây** cùng với hàng muôn thiên binh và các thánh đồ vinh hiển. Đây sẽ là cảnh rực rỡ, hoành tráng với sức mạnh thống trị. Ngài sẽ sai các thiên sứ **đặng nhóm những kẻ được chọn**, tức là những ai đã nhận Ngài làm Cứu Chúa và Chủ trong Kỳ Khổ Nạn. Từ đầu cùng đất cho đến đầu cùng trời – từ Trung Hoa đến Colombia – họ sẽ đến vui hưởng những lợi ích từ ngàn năm Ngài cai trị cách kỳ diệu trên đất. Còn các kẻ thù nghịch Ngài đều bị hủy diệt cùng lúc đó.

F. Ẩn Dụ Về Cây Vê (13:28-31)

13:28 Cây vê là dấu hay biểu tượng của quốc gia Ysraên. Ở đây, Chúa Jêsus đã dạy rằng trước khi Ngài tái lâm, cây vê sẽ **nứt lốc**. Năm 1948, quốc gia Ysraên độc lập đã thành hình. Ngày nay, quốc gia này có ảnh

hưởng trên các việc của thế giới vượt xa tầm cỡ mình. Ysraên có thể được xem là "đang đâm chồi, nảy lộc". Dầu vậy, vẫn chưa có trái; quả thật, nó sẽ không ra trái cho đến khi Đấng Mêsi trở lại với dân tộc sẵn sàng đón nhận Ngài.

13:29 Sự thành hình và tăng trưởng của quốc gia Ysraên cho biết Vua²¹ đã tới gần - ở nơi cửa. Nếu việc Ngài đến để cai trị đã cận kề thế ấy, thì sự Ngài đến đón Hội Thánh còn gần hơn biết bao!

13:30 Câu 30 thường được hiểu là mọi tội tiên tri trong đoạn này sẽ xảy ra đang khi những người trong ngày của Đấng Christ vẫn còn sống. Song thật ra không thể hiểu như vậy vì nhiều biến cố, đặc biệt từ câu 24-27, đơn giản không xảy ra vào lúc đó. Một số khác cho rằng **thế hệ** đang sống khi cây vả nứt lộc, tức là khi nước Ysraên được thành lập vào năm 1048 là thế hệ sẽ thấy Chúa tái lâm. Chúng tôi thích cách nhìn thứ ba hơn. **Dòng dõi** này có thể là chủng tộc này. Chúng tôi tin điều này có nghĩa là "chủng tộc Do Thái này tiêu biểu bởi sự vô tín và khước từ Đấng Mesia." Lịch sử minh chứng "dòng dõi này" chưa qua đi. Cả quốc gia không chỉ sống sót, tồn tại như một dân tộc riêng biệt mà còn tiếp tục chìm sâu trong sự thù hận Chúa Jesus. Ngài tiên báo quốc gia Ysraên và đặc tính quốc gia của nó vẫn tiếp tục cho đến ngày Ngài tái lâm.

13:31 Chúa chúng ta nhấn mạnh tính chắc chắn tuyệt đối của từng điều Ngài tiên báo. Bầu trời và các tinh tú trên trời sẽ qua đi. Còn trái đất sẽ bị

thiên hủy. Song lời Ngài đã phán không bao giờ qua đâu.

6. Không Biết Ngày Và Giờ (13:32-37)

13:32 Chúa Jesus phán: "Về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa, song chỉ Cha mà thôi." Các kẻ thù của Tin Lành thường dùng câu này để chứng minh Chúa Jesus cũng chỉ là một người bình thường với tri thức hạn hẹp như chúng ta mà thôi. Qua câu này, các tín hữu chân thật song thiếu hiểu biết cũng cho rằng Chúa Jesus tự tử bỏ thân thánh khi nhập thế như một người.

Các lời giải thích nêu trên đều không đúng. Chúa Jesus đã và đang đồng thời là Đức Chúa Trời và là Người. Ngài có thân thánh trọn vẹn và nhân thánh trọn vẹn. Quả là thân thánh Ngài được che phủ bởi một thân thể vật chất, song vẫn đầy trọn tại đó. Không hề có thời điểm nào mà Ngài không là Đức Chúa Trời trọn vẹn.

Vậy, sao có thể nói Ngài không biết thời điểm tái lâm? Chúng tôi tin rằng chìa khoá lời giải như Giăng 15:15: "... đây tớ không biết việc chủ mình làm..." Là Người Đầy Tơ Toàn Hảo, Chúa Jesus đã không được cho biết thi giờ tái lâm. Là Đức Chúa Trời, dĩ nhiên Ngài biết rõ điều đó. Song là Người Đầy Tơ, Ngài không được biết điều đó với mục đích để tỏ ra cho người khác. Ông James H. Brookes giải thích như sau:

Điều này không phủ nhận Chúa chúng ta là thần trí, song đơn giản là lời chứng thu gọn về sự cứu rỗi loài người. Ngài không cần biết ngày giờ hay kỳ hạn mà Cha đã ra quyết

định lấy" (Công Vu 1, 7). Chúa Jesus biết Ngài sẽ trở lại và thường nói về Sự Tái Lâm, song công tác của Con không là chọn ngày tái lâm và vì vậy. Ngài đã nêu cho môn đệ như một ước muốn, mong đợi thường xuyên.²²

13:33-37 Đoạn này kết thúc với lời thề giục thề canh và cầu nguyện chờ đợi ngày Chúa trở lại. Sự kiện mà chúng ta không biết rõ kỹ đó đến khi nào đáng khiến chúng ta phải tỉnh thức.

Tình trạng tương tự thường xảy ra hàng ngày trong đời. Một người xa nhà trong một chuyến đi lâu dài. Ông chỉ dẫn các đầy tớ mình và dặn người giữ cửa canh chừng ngày ông trở lại. Chúa Jesus giống như người đi xa. Ngài có thể trở về vào bất cứ giờ nào đang đêm. Dân sự Ngài như người canh đêm không được để bị bất gặp khi đang ngủ mê. Vậy, Ngài phán một lời với môn đệ, "Hãy tỉnh thức!"

VII. NGƯỜI ĐẦY TỖ CHỊU KHỔ VÀ CHẾT (đoạn 14, 15)

A. Âm Mưu Biết Chúa Jesus (14:1,2)

Bây giờ là Thứ Tư của tuần lễ định mệnh đó. Hai ngày trước Lễ Vượt Qua, mở đầu tuần lễ Ăn Bánh Không Men. Các nhà lãnh đạo tôn giáo quyết tâm tìm cách giết Chúa Jesus, song không muốn làm điều đó đang kỳ lễ vì đoàn dân vẫn xem Ngài là một tiên tri.

Dù các thầy lễ lễ cả và thầy không giáo quyết định không giết Ngài trong ngày lễ, song sự Thán hỷ vẫn tế tri họ và Chiên Con của Đức Chúa Trời trong lễ Vượt Qua đã bị giết chính thời điểm đó (xem Math 26:2).

B. Chúa Jesus Chịu Khổ Đau Tại Bethani (14:3-8)

Giống như nhà buôn kim hoàn đặt viên kim cương trên nền nhung đen, Đức Thánh Linh và người viết là Mác khéo léo làm nổi bật sự rạng rỡ về lòng yêu Chúa của một nữ môn đồ giữa những âm mưu đen tối của cấp lãnh đạo tôn giáo và người Giuđa.

14:3 Simôn là kẻ phung dọn tiệc thết đãi Chúa Cứu Thế, có lẽ vì muốn tạ ơn Ngài đã chữa lành ông. Một người nữ vô danh (có lẽ là Mari ở Bethani, Giăng 12:3) đến, hào phóng đổ trên đầu Chúa một loại dầu thơm rất quý giá. Lòng bà kính yêu Chúa biết bao.

14:4,5 Vài người khách nghi đây là sự hoang phí lố. Bà là người nữ hấp tấp và phóng đãng. Sao không bán dầu thơm đó để bố thí cho kẻ nghèo? (300 đơni là lương của một năm làm việc). Con người vẫn nghĩ rằng dâng một năm của đời mình cho Chúa là hoang phí. Vậy, họ xem việc dâng cả cuộc đời mình cho Chúa còn hoang phí hơn dường bao!

14:6-8 Chúa Jesus quả trách về những lời xầm xì của họ. Bà đã nhận ra cơ hội bằng vàng của mình để dâng dầu thơm cho Chúa Cứu Thế. Nếu đã quan tâm như thế đến kẻ nghèo, họ buôn có cơ hội giúp đỡ vì kẻ nghèo luôn có mặt. Song Chúa sắp chết và được chôn. Bà muốn bày tỏ lòng cốt đang lúc còn kịp thời. Có thể bà không có cơ hội chăm sóc thân thể Chúa khi Ngài chịu chết nên tỏ lòng yêu Chúa đang khi Ngài còn sống.

14:9 Mùi hương của dầu thơm này lan tỏa đến tận thời đại chúng ta. Chúa Jêsus phán bà sẽ được nhắc đến khắp cả thế gian. Bà đã được điều đó - qua các bản kỷ thuật Tin Lành.

C. Giuda Phản Chúa (14:16,17)

Người nữ nêu trên đã tôn cao Chúa Cứu Thế. Còn **Giuda**, ngược lại đã xem Ngài rất nhẹ. Dù đã từng sống với Chúa Jêsus ít nhất cả năm qua và đã được Ngài luôn đối xử tử tế, nay Giuda lên đi gặp các thầy tế lễ cả để **nộp** Con Đức Chúa Trời cho họ. Họ vui mừng chụp lấy lời để nghị rồi hứa cho hắn tiền bạc. Hắn bèn lên kế hoạch chi tiết tìm dịp tiện để nộp Ngài.

D. Chuẩn Bị Cho Lễ Vượt Qua (14:12-18)

Dù không có thời gian chính xác, song có lẽ đây là ngày Thứ Năm của tuần lễ Vượt Qua. Món đồ ít nhận ra rằng nay là cao điểm và sự hoàn tất của tất cả các kỳ lễ Vượt Qua đã có. Họ hỏi Chúa phải tổ chức **lễ Vượt Qua** tại đâu. Ngài bèn sai họ vào thành Giêrusalem, họ sẽ **gặp một người nam... mang xô nước** - là điều hiếm có vì thường là việc của nữ giới. Người sẽ dẫn đến nơi thích hợp. Họ sẽ tuii thâm chủ nhà và sẽ thấy căn phòng mà **Thầy sẽ dự lễ Vượt Qua** với các môn đồ mình.

Thật lạ lùng khi thấy Chúa chọn cách điều động như vậy. Ngài tổ ra Quyển Cai Trị Tối Cao trên con người và tài sản. Cung thú vì khi thấy các tấm lòng đáp ứng sẵn sàng đặt: chính mình và tài sản mình trong tay Ngài. Thật tốt cho chúng ta khi Ngài toàn quyền sử dụng ngay mọi căn phòng của cuộc đời mình!

E. Chúa Jêsus Bào Trước Sự Phán Bội Của Giuda (14:17-21)

Buổi chiều ngày đó, Ngài đến với **mười hai sứ đồ** tại phòng cao đã được chuẩn bị sẵn. Đang khi dựa ghế và ăn, Chúa Jêsus tuyên bố có một môn đồ sẽ phản Ngài. Mọi người đều nhận biết khuynh hướng xấu của bản chất mình. Với sự e ngại chính đáng, mỗi người hỏi Chúa xem mình có là tội đồ không. Chúa Jêsus bèn nói rõ đó là kẻ cùng nhúng bánh vào nước thịt với Ngài, tức là kẻ mà Ngài trao miếng bánh cho. Ngài nói tiếp, **Con Người** chết như đã báo trước về Ngài, song sự hủy diệt dành cho kẻ phản Ngài thật lớn thay. Quả thật, ... **thà tấn chẳng sanh ra còn hơn.**

F. Lễ Tiệc Thành Đáo Tiên Của Chúa (14:22-25)

14:22-25 Sau khi nhận miếng bánh, Giuda đi ra chìm vào bóng đêm (Giăng, 13:30). Rồi Chúa Jêsus bèn thiết lập lễ Tiệc Thành như chúng ta đã biết. Ý nghĩa của lễ này được tóm tắt tuyệt vời trong ba từ: (1) Ngài **lấy** - gánh nhân loại trên chính Ngài; (2) Ngài **bẻ ra** - chính Ngài sắp tác vỡ trên thập tự giá; (3) Ngài **trao cho** - Ngài ban chính Ngài cho chúng ta.

Bánh là **Thân** Ngài vỡ ra, chén là **huyết** Ngài tuôn tràn. Bởi huyết mình, Ngài đóng ấn trên Giao Ước Mới. Ngài se không vui mừng dự tiệc nữa cho đến ngày Ngài tái lâm trên đất để lập **Nước** Ngài.

14:26 Lúc ấy, họ hát **một bài Thánh ca** - có lẽ là một khúc trong bài hát ca ngợi Chúa vi đại - Thi Thiên 113-118. Rồi họ rời khỏi Giêrusalem, qua thung lũng Két-rôn đến **Núi Olive**.

G. Lòng Tin Của Phierô (14:27-31)

14:27,28 Trên đường đi, Chúa Cứu Thế cảnh báo trong vài giờ sắp đến, hết thầy môn đồ sẽ đều bỏ thẹn và sợ hãi khi bị xem là những kẻ theo Ngài. Như tiên tri Xachari đã loan báo: Ta sẽ đánh kẻ chần chừn thì bấy chừn sẽ tan lạc (Xa 13:7). Song Chúa ân cần báo đảm Ngài sẽ không bỏ rơi họ; sau khi sống lại từ trong kẻ chết, Ngài sẽ chờ đón họ tại **Galilê**.

14:29,30 Phierô bác bình trước ý nghĩ chối Chúa. Kẻ khác thì có thể, nhưng còn ông? – Chẳng hề làm vậy! Chúa Jêsus sửa lại câu “Chẳng hề làm vậy!” thành “Chẳng bao lâu nữa.” Trước khi gà gáy hai lượt, Phierô sẽ chối **Chúa ba lần**.

14:31 “Thật phi lý,” Phierô kêu lên, dấu tội phải chết cùng Thầy, tôi cũng **chẳng chối Thầy đâu!** Không chỉ có Phierô lớn tiếng khoe khoang điều này. Hết thầy các môn đồ khác đều hăng hái quả quyết đầy tự tin như vậy. Đừng bao giờ quên rằng chúng ta không hơn gì họ. Hết thầy chúng ta phải nhận biết lòng mình là bèn nhát và yếu đuối.

H. Xếp Hội Trong Vườn Ghêlsêmanê (14:32-42)

14:31 Bóng tối bao trùm cả đất. Lúc này là tối thứ Năm, rạng sáng thứ Sáu. Khi họ đến một khu vườn được rào kín gọi là **Ghêlsêmanê**, Chúa Jêsus để tám môn đệ lại gần nơi cửa vào vườn.

14:33,34 Ngài đem Phierô, Giacô và Giăng đi với Ngài vào sâu trong vườn. Tại đó, Ngài trải qua một gánh nặng kinh khiếp trên linh hồn thành khiết của Ngài khi thấy trước cảnh

Ngài sẽ làm của lễ chuộc tội cho chúng ta. Ta không thể hiểu được điều này có nghĩa gì đối với Ngài: **Đấng Vô Tội** trở nên tội lỗi vì chúng ta. Ngài rời ba môn đệ, dặn họ ở đó và tỉnh thức. **Ngài đi một đôi xa** hơn vào trong vườn – cô độc. Rồi từ đó, Ngài bước lên cây thập tự một mình, gánh hết sự đoàn phạt kinh khiếp của Đức Chúa Trời vì tội lỗi chúng ta.

14:35 Với ngạc nhiên và thần phục, chúng ta thấy Chúa Jêsus sấp mình trên đất, cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Có phải Ngài nài xin cho khỏi phải lên thập tự không? Không hề; vì đây là mục đích Chúa đến trần gian. Trước hết, **Ngài cầu xin nếu có thể được, xin giữ này qua khỏi mình**. Nếu còn phương cách khác để tội nhân có thể được cứu tốt hơn là qua sự chết, chôn và sống lại của Ngài, thì xin Đức Chúa Trời khỏi thi điều đó. Thiên đàng im lặng. Không hề có con đường nào khác để chúng ta nhờ đó mà được cứu.

14:36 Ngài cầu nguyện tiếp: “**A-ba, lạy Cha, mọi việc Cha làm được cả. Xin Cha cất chôn này khỏi con; nhưng không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn.**” Chú ý Ngài xưng Đức Chúa Trời là **Cha** yêu dấu của Ngài, **Đấng làm mọi sự đều được cả**. Đây không là vấn đề về khả năng vật lý mà là đạo đức. Cha Toàn Năng có thể tìm ra một nền tảng công bình nào khác để cứu những tội nhân vô đạo? Sự im lặng của thiên đàng cho thấy không có đường lối nào khác. Con Thánh của Đức Chúa Trời phải đổ huyết để cho tội nhân có thể được giải phóng khỏi tội lỗi!

14:37-40 Trở lại với ba môn đồ. Ngài thấy họ đang ngủ - một lời dẫn giải buồn về bản chất sa ngã của con người. Chúa Jêsus đã cảnh báo Phierơ về việc ngủ vào giờ phút quyết định đó. Vừa mới đây, Phierơ khoe khoang sự vững vàng không gì lay chuyển nổi của ông. Nay, chỉ cần tỉnh thức ông cũng không thể. Nếu không thể cầu nguyện trong một giờ, thì không ai có thể chống lại sự cám dỗ với áp lực tột bực. Dù tinh thần có hưng phấn đến đâu, song phải nhận biết thế xác mình thật yếu đuối.

14:41,42 Ba lần trở lại, Chúa Jêsus đều thấy môn đồ đang say ngủ. Rồi Ngài phán: "**Bây giờ các người ngủ và nghỉ ngơi ư! Thôi, giờ đã tới rồi; nầy, Con Người hầu bị nộp trong tay kẻ có tội.**" Khi ấy, họ bèn thức dậy như thể đã sẵn sàng. Nhưng họ không cần đi đâu xa.

I. Chúa Jêsus Bị Nộp Và Bị Bắt (14:43-52)

14:43 Giuđa thoát đến với một toán vũ trang. Toán đóng cầm gươm và gậy, như thể đi bắt một can phạm nguy hiểm.

14:44,45 Kẻ phản bội đã chọn trước một dấu hiệu. Hắn sẽ hôn Người mà chúng phải bắt giữ. Vậy, hắn bước đến gần Chúa Jêsus mà nói rằng: **Lạy Thầy! Rồi nó hôn Ngài** cách thấn thiết. (Thế nhân mạnh được dùng trong nguyên bản cho thấy là hôn nhiều lần, hoặc cái hôn có tính cách giải bày tâm sự). Vì sao Giuđa phản Chúa? Phải chăng do thất vọng vì Ngài không chịu nắm lấy chính quyền? Hay vì theo tan hý vọng được vị trí cao trong Nước Ngài? Hay do bị

lòng tham chế ngự? Tất cả mọi điều đó có lẽ đã dẫn đến hành động ô nhục của y.

14:46-50 Đám tay sai có vũ trang của kẻ phản bội bèn ra tay bắt Chúa. Phierơ nhanh chóng rút gươm và chém đứt lại dây dây tở của thầy cả thượng phẩm. Đây là phản ứng tự nhiên, không phải thuộc linh. Ông đã dùng vũ khí của xác thịt để đánh trận thuộc linh. Chúa quả Phierơ và làm phép lạ chữa lành cái tai bị đứt (Lu 22:5); (Giang 18:11). Rồi Chúa nhắc các người bắt giam Ngài rằng thật phi lý khi dùng vũ lực để bắt Ngài! **Hằng ngày**, Ngài đã ở giữa họ giảng dạy trong đền thờ. Sao họ không bắt Ngài lúc đó? Ngài biết câu trả lời. **Thánh Kinh phải được ứng nghiệm** khi tiên báo rằng Ngài sẽ bị phản bội (Thi 49:1), bị bắt (Êsai 53:7), bị cư xử thô bạo (Thi 22:12) và bị tử bỏ (Xa 13:7).

14:51,52 Chỉ có Tin Lành Mác ghi lại chi tiết này. Nhiều người tin rằng Mác chính là người trẻ tuổi đang lúc vội vàng tháo chạy đã bỏ cả cái khăn gai trùm mình lại trong tay các sai nha. Khăn trùm bằng vải gai không là trang phục thông thường, song chỉ là tấm khăn quơ vôi để tạm dùng làm khăn trùm.

Jerôman chủ giải: "Có lẽ chi tiết tượng hình này được ghi lại để cho thấy Chúa Jêsus hoàn toàn bị bỏ rơi trong giờ Ngài chịu nguy khốn và đau khổ. Chắc chắn Ngài biết rõ một mình chịu thống khổ có nghĩa gì."

J. Chúa Jesus Trước Mọi Thầy Cả Thượng Phẩm (14:53,54)

Phần kỹ thuật về tòa án tôn giáo kéo dài từ câu 14:53 đến 15:1 và

được chia làm ba phần: (1) Bị xét xử trước mặt thầy cả thượng phẩm (câu 53,54); (2) Tòa Công Luận họp lúc nửa đêm (câu 55-65); (3) Tòa Công Luận họp lúc hừng sáng (15:1).

14:53 Câu này thường được xem là Mác ghi lại phiên tòa Caiphe. Phiên tòa trước mặt Anne được ghi ở Giảng 18:13, 19-24.

14:54 Phiêrô theo Jêsus xa xa đến nơi sân trong của thầy cả thượng phẩm, có lẽ theo điều ông nghĩ đây là khoảng cách an toàn. Có người tóm tắt sự trượt dốc của ông như sau:

1. Trước hết, ông đã chiến đấu - lòng nhiệt thành lạc hướng.

2. Rồi ông chạy trốn - rút lui cách hèn nhát.

3- Cuối cùng, ông theo xa xa - làm môn đệ nửa vời trong bóng đêm.

Ông ngồi bên đồng lửa với quân lính, để sưởi ấm với các kẻ thù nghịch của Chúa mình).

K. Chúa Jêsus Trước Tòa Công Luận (14:55-65)

14:55-59 Dù không nói rõ, câu 55 dường như bắt đầu phần kỹ thuật phiên họp lúc nửa đêm của Tòa Công Luận. Đây là cơ quan gồm 71 nhà lãnh đạo tôn giáo do thầy tế lễ thượng phẩm chủ trì. Vào đêm đặc biệt đó, các thành viên của Tòa Công Luận chủ gồm có phe Pharisai, phe Saduscê, các thầy thông giáo và trưởng lão; chứng tỏ rằng họ hoàn toàn không đếm xỉa gì đến các luật lệ hiện hành. Họ không được phép nhóm họp ban đêm hay giữa bất cứ kỳ lễ nào của người Do Thái. Họ không được phép mua耦 hoặc các nhân chứng để vu cáo. Không thể tiến hành án tử hình cho

đến khi đêm đã trôi qua. Nếu không họp mặt trong Đại Sân bằng Đá (the Hall of Hewn Stone) trong khu vực đền thờ thì các bản án không thể ràng buộc được.

Với quyết tâm loại bỏ Chúa Jêsus, nhà cầm quyền tôn giáo không ngần ngại hạ cố phá bỏ các luật lệ của họ. Với nỗ lực kiên quyết, họ tạo ra một nhóm nhân chứng đối song các lời họ khai chẳng biệp nhau. Vài kẻ tố cáo Chúa dọ sẽ **phá hủy** đền thờ này **bởi tay người ta cất lên** và sau **ba ngày** sẽ **cất một đền thờ khác không phải bởi tay người ta cất**. Giảng 2:19 ghi lại lời Chúa Jêsus thật sự tuyên bố. Họ đã cố tình nhắm mắt đến thờ Giêrusalem với đền thờ của thần thể Ngài.

14:60-62 Khi **thầy cả thượng phẩm** đầu tiên chất vấn, Chúa Jêsus không trả lời. Nhưng khi họ buộc phải thề (Math 26:63) rằng Ngài có phải là Đấng Mêsia, Con Đức Chúa Trời đang ngự khen không? Chúa Cứu Thế đáp rằng Ngài chính là Đấng đó, vì vàng theo Lêviký 5:1. Rồi để xác quyết lời xưng nhận này, Chúa Jêsus nói với thầy cả thượng phẩm rằng ông sẽ **thấy Con Người** ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời và **ngự giữa đám mây trên trời mà đến**. Vậy Chúa muốn nói ông sẽ thấy Ngài công khai tỏ mình là Đức Chúa Trời. Khi Chúa đến lần thứ nhất, vinh quang của thần thánh Ngài được che khuất trong thân xác con người. Song khi tái lâm với đấng quyền đại vinh, tấm màn được cất đi và mọi người sẽ nhận biết Ngài chính là Ai.

14:63,64 **Thầy cả thượng phẩm** hiểu rõ lời Chúa phán. Ông ta **xé áo mình ra** dấu hiệu tố sự phản nộ trước

điều được cho là **phạm thượng** đó. Người Do Thái đáng ra là người phải sẵn sàng nhất để nhận ra và tiếp đón Đấng Mêsai lại lớn tiếng kết tội Ngài. Không chỉ có ông, cả Tòa Công Luận²³ đều nhất trí: Chúa Jêsus đã phạm thượng và **kết án Ngài đáng tội chết**.

14:65 Mòn tiếp theo thật lộ bịch đến cực điểm. Vài thành viên Tòa Công Luận bắt đầu **nhổ trên Con Đức Chúa Trời, đậy mặt Ngài lại** và thách Ngài nêu tên những ai đã đánh mình. Thật không thể tin rằng Chúa Cứu Thế đang tôn thờ đã phải chịu sự chống đối đương áy của tội nhân. Các sĩ quan (cảnh vệ của đền thờ) dự phần tra tấn Ngài bằng những cái tát tại.

L. Phiêrô Chối Chứa Jêsus Và Khóc Lúc Cách Đồng Cay (14:66-72)

14:66-68 Phiêrô đang ở dưới nơi sân. Một đay lờ gái của Thấy cả thượng phẩm đến. Cô nhìn ông chăm chú rồi la to ông là kẻ theo Jêsus, người Naxarét. Người môn đồ thản nhiên chối không hiểu cô nói gì, vừa lẩn ra phía cửa để nghe tiếng gà gáy. Đây là thời khắc đau thương. Thời cơ kinh khiếp của tội lỗi đã điểm.

14:69,70 Đay lờ gái đó lại thấy Phiêrô và chỉ ra ông là môn đồ của Chúa Jêsus. Phiêrô lạnh lùng chối Chúa lần nữa và có lẽ tự hỏi sao họ lại không để yên cho mình. Rồi đám đông nói cùng Phiêrô rằng: "**Chắc thật, người cũng là bọn đó: vì người là người Galilê và giọng nói của người tỏ ra điều đó.**"

14:71,72 Phiêrô bèn rửa má thể rằng ông **chẳng hề quen biết người đó**.

Ông vừa dứt lời thì gà liền gáy. Thiên nhiên dường như chống lại sự nổi đời hèn nhất. Bất chợt Phiêrô nhớ lại điều Chúa báo trước đã xảy ra. **Lòng ông tan vỡ và ông óa khướ.** Đáng chú ý là cả bốn sách Tin Lành đều ghi lại việc Phiêrô chối Chúa. Chúng ta học được một bài học ở đây là lòng tự tin quá đáng dẫn đến tình trạng bị sỉ nhục. Chúng ta phải học bài học không cậy mình mà hoàn toàn nương nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời.

M. Phiên Tòa Trước Sông Trước Tòa Công Luận (15:1)

Câu này mô tả phiên họp **buổi sáng** của Tòa Công Luận, có lẽ để hợp thức hóa phiên tòa bất hợp pháp đêm trước. Kết quả là Chúa Jêsus bị **trời** và dẫn đến **chỗ Philát**, tổng đốc Lamã cai trị xứ Palestine.

N. Chúa Jêsus Trước Mặt Philát (15:2-5)

15:2 Trước lúc này, Chúa Jêsus chỉ nói ra trước tòa án tôn giáo và bị cáo là **phạm thượng**. Bây giờ, Ngài bị đưa ra trước tòa án dân sự với tội **phản loạn**. Phiên tòa dân sự trải qua ba giai đoạn - đầu tiên ra mắt Philát, rồi đến vua Hêrốt và cuối cùng lại trở về nơi Philát.

Philát hỏi Chúa Jêsus có phải là **Vua dân Giuđa** không. Nếu Ngài là vua, chắc Ngài sẽ phải chống lại Sêsa và vậy là phạm tội phản loạn.

15:3-5 Các **thầy lễ lễ** cả tuân ra như thác các lời cáo buộc Chúa Jêsus. Philát không khỏi làm lạ vì sự trảm tình của Ngài trước những lời cáo tội ó ạt như vậy. Philát hỏi sao Ngài không biện hộ cho mình, song Chúa Jêsus từ chối không đáp lại các lời phê phán Ngài.

Q. Jêsus Hay Baraba? (15:8-15)

15:8-8 Theo không lệ, tổng đốc Ianna thường tha một lên tù Do Thái vào dịp lễ này - một loại tiểu xảo chính trị đối với dân bị trị. Một tù nhân được nêu tên là **Baraba**, phạm tội nổi loạn và giết người. Philát tỏ ý muốn tha Chúa Jêsus để điều cốt các thấy tế lễ cả ganh tị thì dân sự được thúc đẩy để xin tha Baraba. Chituh những kẻ tố cáo Chúa Jêsus phản loạn chống Sêsa lại xin tha cho kẻ đã *thất sự* phạm tội đó! Cáo trạng của các thấy tế lễ cả thật phi lý và khôi hài - nhưng tội lỗi là như thế đó. Đùng ra, họ ghen ghét sự nổi tiếng của Ngài.

15:9-14 Philát bèn hỏi vậy phải làm gì với Đấng mà họ gọi là **Vua dân Giuđa**. Đoàn dân gào lên cách man rợ: "Hãy đóng đinh nó vào thập tự giá!" Philát hỏi vì sao, song không có lý do nào được trưng ra. Sự ồn ào càng tăng. Chúng lai kêu lớn tiếng hơn rằng: "Hãy đóng đinh nó vào thập tự giá!"

15:15 Philát nhượng bộ làm theo điều chúng muốn - bèn **tha lên Baraba**, và sai đánh đòn Đức Chúa Jêsus rồi giao Ngài cho chúng đem đóng đinh trên cây thập tự. Đây là bản án gớm ghiếc của sự bất công. Và đó là một ẩn dụ cho sự cứu rỗi chúng ta - Đấng vô tội đã chịu chết hầu cho tội nhân được giải phóng.

P. Quân lính Chế Nhạo Chúa Jêsus (15:16-21)

15:16-19 Quân lính điệu Đức Chúa Jêsus vào sảnh đường trong tư dinh Tổng Đốc. Sau khi họp cả cơ binh tại đó, họ dựng một màn kịch đang quang để điều cốt Vua dân Do Thái. Ôi, ước chi họ biết được! Họ đã chuàng một

cái áo điều cho chính Con Đức Chúa Trời. Họ đã đội cho chính Đấng Sáng Tạo một cái mũ bằng gai. Họ đã chế nhạo chính Đấng Bào Tồn vũ trụ là **Vua dân Giuđa**. Họ đã đánh lên đầu Chúa của sự sống và vinh hiển. Họ đã nhổ lên Vua hòa bình. Họ nhạo cười khi quí gối trước mặt Vua muôn vua, Chúa muôn chúa.

15:20,21 Khi đã xong các trò điều cốt thô bỉ, họ bèn mặc áo của Ngài lại cho Ngài và đem ra để đóng đinh trên cây thập tự. Mặc kể lại ở đây rằng quân lính bắt một người đi ngang qua đó tên là Simôn, dân thành Syren (ở Bắc Phi) vác cây thập tự của Ngài. Có lẽ da ông đen song rất có thể ông là người Do Thái Hêlênit. Hai con trai của ông là **Alexandro** và **Ruphu**, có thể đã tin Chúa (nếu Ruphu là người được nêu tên trong thư Rôma 16:13). Khi vác cây thập tự theo Jêsus, ông để lại hình ảnh tiêu biểu cho *chúng ta* là môn đồ của Chúa Cứu thế.

Q. Chúa Jêsus Bị Đóng Đinh Trên Cây Thập Tự (15:22-32)

Thành Linh của Đức Chúa Trời đã mở ra sự đóng đinh cách đơn giản và không cảm xúc. Ngài không nói đến sự tàn khốc cùng cực của cách hành hình này hay nỗi thống khổ kinh khiếp theo sau đó.

Ngày nay, chúng ta không biết địa điểm chính xác. Dù theo vị trí truyền thống Hội Thánh Ngôi Mộ Thánh (Church of the Holy Sepulchre) là phía trong tường thành, song vào thời Đấng Christ thì tỏ ra là bên ngoài. Một vị trí giả định khác là Đồi Gordon Calvary, ở phía bắc tường thành giáp ranh một khu vườn.

15:22 Gōgōtha theo tên Aram là chỗ Sọ. Calvary là tiếng Latinh. Có lẽ khu vực này có hình sọ người bay đây là nơi hành hình phạm nhân.

15:23 Quân lính cho Ngài uống rượu hòa với mật được. Đây là thứ thuốc làm suy giảm cảm giác. Quyết tâm gánh tội lỗi nhân loại với ý thức toàn vẹn nên Ngài không uống.

15:24 Quân lính bắt thăm áo xống của phạm nhân. Khi lấy áo của Chúa Cứu Thế, họ đã lấy hết tất cả mọi vật mà Ngài có.

15:25-28 Lúc đóng đinh Ngài là giờ thứ ba (9 giờ sáng). Trên đầu Ngài có treo băng để **VUA DẪN GIUDA**. (Mặc không ghi lại trọn câu, song đúng ý với nội dung chính; xin xem Math 27:37, Luca 23:38, Giăng 19:19). Hai tên cướp bị đóng đinh cùng với Ngài, mỗi bên một tên – như Êsai đã nói tiên tri là khi chết, Ngài bị kẻ vào hàng kẻ dư (Êsai 53:12).²⁴

15:29,30 Những kẻ đi ngang qua đó chế háng Chúa Jêsus; các thấy lễ lẽ cả và các thấy thông giáo (câu 31,32a) và hai tên cướp đều làm như vậy (câu 32b).

Những kẻ đi ngang qua có thể là những người Do Thái đã dọn mình để dự lễ Vượt Qua trong thành. Họ nghỉ ngoài thành một khoảng thời gian đủ để trott sĩ nhọc lên Chiên Con của lễ Vượt Qua. Họ cho rằng Ngài đã dọa phá hủy đền thờ yêu dấu của họ và cất lại trong 3 ngày. Nếu đã vĩ đại như vậy thì Ngài bay tự cứu mình bằng cách xuống khỏi cây thập tự đi.

15:31 Các thấy tế lễ cả và các thấy thông giáo nhạo cười lời Ngài

tuyên bố cứu kẻ khác. "Hắn đã cứu kẻ khác; mà cứu mình không được!" Lời này thật độc ác song vô tình lại thật đúng. Điều này cũng đúng trong cuộc đời của Chúa như của chúng ta. Chúng ta không thể cứu người khác đang khi tìm cách tự cứu mình.

15:32 Cấp lãnh đạo tôn giáo cũng thách Chúa xuống khỏi cây thập tự nếu Ngài là Đấng Mesi, Vua Ysuraên. Họ nói khi ấy, họ sẽ tin. Hãy để chúng ta thấy thì mới tin.²⁵ Nhưng trình tự của Đức Chúa Trời là, "Hãy tin thì các người sẽ thấy."

Ngay cả hai đứa bị đóng đinh cùng Ngài cũng nhiech mồm Ngài nữa.

R. Ba Giờ Tăm Tối (15:33-41)

15:33 Từ giữa trưa đến 3 giờ chiều khắp đất đều chìm trong bóng tối. Lúc ấy, Chúa Jêsus gánh toàn bộ sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên tội lỗi chúng ta. Ngài thống khổ vì sự ngăn cách và cô độc trong tâm linh với Đức Chúa Trời. Không một tâm trí hư nát nào có thể hiểu thấu cơn hấp hối Chúa đã trải qua khi linh hồn Ngài được dâng làm của lễ chuộc tội.

15:34 Kết thúc cơn hấp hối, Chúa Jêsus kêu lớn tiếng rằng, (bằng tiếng Aram) "Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi?" Đức Chúa Trời đã lìa bỏ Chúa Jêsus vì theo đức thánh khiết, Ngài phải phân rẽ với tội lỗi. Chúa Jêsus đã tự đồng hoá với tội lỗi chúng ta và trả xưng đầy đủ mọi hình phạt của tội lỗi con người.

15:35,36 Vài kẻ ác cho rằng Ngài gọi Êli khi nghe Chúa kêu: Êlôi, Êlôi. Như nổi bất định cuối, một người bên

lấy bông đá thấm đầy đấm để trên đầu cây sậy, đưa cho Ngài uống.

15:37 Chúa Jêsus kêu một tiếng lớn đặc thủng - rồi trút linh hồn. Ngài chịu chết theo hành động của ý chí Ngài, không phải là sự đột quỵ vô tình.

15:38 Ngay lúc đó, màn trong đền thờ xé ra làm đôi từ trên chí dưới. Đây là việc Đức Chúa Trời làm để bày tỏ rằng qua sự chết của Đấng Christ, từ nay mọi kẻ tin được đặc quyền bước vào nơi chí thánh của Đức Chúa Trời (xem Hêbơr 10:19-22). Một kỷ nguyên mới vĩ đại đã mở ra. Đây là thời đại con người gần gũi với Đức Chúa Trời, không còn xa cách Ngài nữa.

15:39 Lời xưng nhận của viên sĩ quan Lamã tuy trang trọng, song không nhất thiết nhận nhận Chúa Jêsus bình đẳng với Đức Chúa Trời. Thấy Đội ngoại bang nhận biết Ngài là Con Đức Chúa Trời. Chắc ông cảm nhận đã có một biến cố lịch sử. Song việc có niềm tin thật hay không thì không được ghi rõ.

15:40,41 Mặc ghi lại có những đàn bà còn ở lại bên chân thập tự. Cần nhớ rằng phái nữ nổi bật trong các câu chuyện Phúc Âm. Lo lắng cho sự an toàn bản thân khiến phái nam đi ẩn mình. Lòng nhiệt thành của các bà đã đặt lòng yêu mến Đấng Christ trên quyền lợi cá nhân. Họ là những người cuối cùng ở lại bên thập tự giá và là những người đầu tiên có mặt bên mộ Ngài.

S. Sự Chôn Chứa Trong Mộ Của Giôsep (15:42-47)

15:42 Ngày Sabát bắt đầu lúc mặt trời lặn vào chiều thứ sáu. Ngày trước

ngày Sabát hay các ngày lễ khác được gọi là Ngày Sấm Súa.²⁰

15:43 Việc cần phải hành động ngay có lẽ đã thôi thúc Giôsep người Arimathê xin phép Philát để được chôn thân thể Đức Chúa Jêsus. Ông là một người Do Thái mộ đạo, có lẽ là một nghị viên Tòa Công Luận (Luca 23:50,51; cũng xem Math 27:57; Giăng 19:38).

15:44,45 Philát không tin Chúa Jêsus lại chết mau như vậy. Sau khi nghe thấy đội xác nhận, quan bèn giao xác cho Giôsep. (Tại đây, hai tứ khúc nhau đã được dùng để chỉ về thân thể Chúa Jêsus. Giôsep xin thân thể Chúa Jêsus và Philát giao xác Ngài cho ông).

15:46 Với sự cẩn trọng đầy yêu thương, Giôsep (và Nicôđem - Giăng 19:38,39) dùng thuốc thơm ướp thân thể Chúa, lấy vải gai mịn liệm lại rồi đặt Ngài trong ngôi mộ mới của ông. Mộ là một căn phòng nhỏ đục trong hòn đá lớn. Cửa được niêm phong bằng một hòn đá hình đóng xu có thể trượt trên một rãnh cung khác trên đá.

15:47 Một lần nữa, phụ nữ lại có mặt là hai bà Mari. Chúng ta khâm phục họ vì lòng yêu mến Chúa không suy giảm và không sợ hãi. Chúng ta được biết ưu thế giữa vòng các nhà truyền giáo ngày nay thuộc về phái nữ. Còn phái nam ở đâu?

VIII. SỰ ĐẮC THẮNG CỦA CHÚA JÊSUS (16:1-20)

A. Các Bà Bên Ngôi Mộ Trống (16:1-8)

16:1-4 Vào tối thứ bảy, hai bà Mari và Salômê đến mộ để xúc thân xác Chúa Jêsus bằng thuốc thơm. Họ biết việc này không dễ vì có hòn đá lớn đã che kín cửa mộ. Họ biết có ẩn

Là niềm phong cùng với các linh canh giữ. Nhưng lòng yêu mến vượt lên trên mọi núi khó khăn để chạm đến đối tượng mà họ tôn qui.

Từ mở sáng Chúa Nhật, họ nói với nhau ai sẽ lăn hòn đá lấp cửa mộ ra. Khi ngó xem, thấy hòn đá đã lăn ra rồi. Điều thương xảy ra khi ta có ý định tôn cao Chúa Cứu Thế, là các trở lực được cất bỏ trước khi ta chạm đến chúng.

16:5,6 Đoạn, họ vào nơi mộ, họ thấy thiên sứ dưới hình dung một người trẻ tuổi mặc áo dài trắng. Người mau chóng xua tan nỗi sợ trong họ và báo tin: **Chúa Jêsus đã sống lại rồi.** Ngôi mộ trống không.

16:7 Rồi thiên sứ bảo họ đi báo tin mừng này. Họ phải nói cho các môn đồ – và cho Phierô rằng Chúa Jêsus sẽ gặp lại họ tại xứ Galilê. Cần lưu ý tên của Phierô, người đã chối Chúa được tách riêng ra với chủ ý đặc biệt. Đáng Cứu Chuộc sống lại đã không loại bỏ ông song vẫn yêu thương và tha thiết muốn gặp lại ông. Công tác phục hồi chuyên biệt cần được thực hiện. Con chiên đi lạc cần được dắt về bày nói lại mối tương giao với Người Chân. Đứa con hoang đàng cần trở về nhà Cha.

16:8 Các bà ra khỏi mộ, trốn đi vì run sợ sững sốt. Họ kinh khiếp đến nỗi không dám nói cùng ai việc đã xảy ra. Điều này không bất ngờ. Song thật kỳ diệu là họ đã hết mực can đảm, trung thành và tận tụy cho đến lúc này.

Vì lẽ hai bản sao cổ nhất của Tin Lành Mác không có từ câu 9-20, nên nhiều học giả đương thời tin rằng

phần đoạn này không xác thực. Dù vậy, vẫn có những luận cứ vững chắc về việc phần đoạn này được bao gồm trong bản văn:

1. Thật ra tất cả các bản sao Hy văn khác và nhiều giáo phụ đều *ghi nhận* phần đoạn này.

2. Câu 8 là lời kết lạ lùng nhất, đặc biệt theo Hy văn khi từ cuối là (*gar - vi*). Từ này rất ít khi ở gần cuối câu, mà ở cuối sách lại càng hiếm hơn nữa.

3. Nếu, như vài người dạy, phần cuối của nguyên bản Tin Lành Mác đã *thất lạc* và đây là phần tóm lược sau này thì câu Math 24:35, Chúa phán về sự bền tồn sẽ là không đúng.

4. Nội dung của phần đoạn này là chính thống.

5. Văn phong, đặc biệt là từ vựng, song hành chặt chẽ với Mác đoạn 1.²⁷ Điều này minh họa cấu trúc được gọi là *song hành đối xứng (chiasm)*, theo đó phần mở đầu và kết thúc của công việc được đặt song song (abcd dcba).

B- Chúa Hiện Ra Cho Mari Maddên (16:9-11)

16:9 Chúa Cứu thế trước hết hiện ra cho Mari Maddên. Lần đầu gặp Chúa Jêsus, Ngài đã *đuổi bầy qui* ra khỏi bà. Từ đó, bà dùng của cải mình hầu việc Ngài cách yêu kính. Bà đã chứng kiến Ngài bị đóng đinh và thấy chỗ đã táng xác Ngài.

Qua các sách Tin Lành khác, chúng ta biết sau khi thấy ngôi mộ trống, bà liền chạy đi báo tin cho Phierô và Giăng. Cùng chạy đến phần mộ với bà, họ thấy ngôi mộ trống như bà đã nói. Họ bèn trở về nhà mình, còn Mari thì ở lại bên mộ. Chính lúc ấy, Chúa Jêsus đã hiện ra cho bà.

16:10,11 Lần nữa, bà lại chạy về thành loan báo tin mừng cho các môn đồ đang sâu thẳm. Với họ, tin này lại *quá* tốt nên khó có thể là sự thật. Và họ đã không tin lời bà.

C. Chúa Hiện Ra Cho Hai Môn Đồ (16:12,13)

16:12 Bản tường thuật đầy đủ về lần Chúa hiện ra này được ghi ở Luca 24:13-31. Tại đây, Luca ghi Ngài lấy hình thể khác để hiện ra cho hai môn đồ trên đường về làng Emmaut. Với Mari, Ngài hiện ra như một người làm vườn. Nay, Ngài trông như một người bạn đi cùng đường. Song đó cũng chỉ là một Chúa Jêsus trong thân thể vinh hiển của Ngài.

16:13 Khi hai môn đồ trở về Giêrusalem, thuật lại việc họ tương giao với Chúa Cứu Thế đã sống lại, họ cũng đưng phải sự vô tin y như Mari đã gặp.

B. Chúa Hiện Ra Cho Mười Một Sứ Đồ (16:14-18)

16:14 Lần hiện ra này xảy ra vào cùng tối Chúa Nhật đó (Luca 24:36; Giăng 20:19-24; I.Cô 15:5). Dù được ghi là mười một song thật ra chỉ mười người có mặt. Thôma vắng mặt lúc đó. Chúa Jêsus quả trách các môn đồ vì đã không tin lời báo của Mari và những kẻ khác.

16:15 Câu này ghi lại mạng lệnh Chúa truyền vào buổi chiều trước ngày Ngài thăng thiên. Vậy, có một khoảng cách giữa câu 14 và 15. Các môn đồ được lệnh phải giảng Tin Lành cho mọi người. Mục tiêu của Chúa Cứu Thế là truyền giảng toàn cầu. Ngài quyết định hoàn tất điều này với mười một môn đồ là những

người đã thật sự bỏ hết tất cả để theo Ngài.

16:16 Kết quả truyền giảng sẽ là hai điều. Ai tin và chịu phép báptem, sẽ được cứu; nhưng ai chẳng tin sẽ bị đoán phạt.

Một số người dùng câu 16 để dạy cần phải nhận lễ báptem bằng nước để được cứu. Chúng ta biết câu này không có nghĩa như trên vì các lý do sau:

1. Tên cướp trên cây thập tự chưa nhận báptem song đã được bảo đảm ở trong Pa-ra-đi cùng với Đấng Christ (Lu 23:43).

2. Dân ngoại tại Sêsarê nhận báptem *sau* khi đã được cứu (Công Vụ 10:44-48).

3. Chính Chúa Jêsus không hề làm báptem cho ai cả (Giăng 4:1,2) - là sự thiếu sót kỳ lạ nếu cần phải nhận báptem mới được cứu.

4. Phaolô tạ ơn Đức Chúa Trời vì ông đã làm báptem cho một số rất ít người Côrinthô (I.Cô 1:14-16) - sự tạ ơn phi lý nếu lễ báptem là thiết yếu cho sự cứu rỗi.

5. Khoảng 150 phần đoạn Kinh Thánh trong Tân Ước công bố rằng chỉ bởi đức tin mà được cứu rỗi. Không hề có câu nào phản bác lời chứng phủ trùm này.

6. Báptem liên hệ với sự chết và chôn trong Tân Ước, không phải với sự sanh ra về thuộc linh.

Vậy, câu 16 có nghĩa gì? Chúng tôi tin câu này nêu báptem như sự biểu lộ bên ngoài được mong đợi của niềm tin. Đây không là *điều kiện* để được cứu, song như sự *công bố* bên ngoài rằng mình đã được cứu.

16:17,18 Tại đây, Chúa Jêsus mô tả vài phép lạ sẽ cấp theo những ai tin nhận Tin Lành. Đang khi đọc những lời này, câu hỏi tất nhiên sẽ là, "Ngày nay, còn có các dấu lạ này không?" Chúng tôi tin rằng **các dấu lạ này** chủ yếu được dành cho thời các sứ đồ, trước khi toàn bộ Thánh Kinh được viết ra. Đa phần các dấu lạ này được ghi lại trong sách Công vụ:

1. **Đuổi quỷ** (Công Vụ 8:7; 16:18; 19:11-16).
2. **Nói tiếng mới** (Công Vụ 2:4-11; 10:46; 19:6)
3. **Bắt rắn trong tay** (Công Vụ 28:5)
4. **Uống thuốc độc mà không bị tổn hại gì** - sách Công Vụ không ghi, song sử gia của Hội Thánh là Eusebius đã nêu trường hợp của Giăng và Banaba.
5. **Đặt tay trên kẻ đau để chữa lành họ** (Công Vụ 3:7; 19:11; 28:8-9).

Các phép lạ này có mục đích gì? Chúng tôi tin lời đáp theo thư Hêbrơ 2:3-4. Trước khi Kinh Thánh Tân Ước được viết xong, người ta sẽ hỏi các sứ đồ và môn đồ về chứng cứ xác định nguồn gốc thiên thượng của Tin Lành. Để xác chứng lời giảng, Đức Chúa Trời củng ứng chứng cơ qua các dấu kỳ, phép lạ và các ấn tứ khác nhau của Đức Thánh Linh.

Ngày nay, không cần các dấu lạ này nữa. Chúng ta đã có Thánh Kinh toàn thư. Nếu họ không tin Lời Ngài thì sẽ không tin bất cứ điều gì khác. Mặc *không hề nói* rằng các phép lạ sẽ tiếp tục. Cụm từ "cho đến tận thế" *không thấy ghi ở đây* như đã có trong Math 28:18-20.

Dù vậy, Martin Luther gọi y rằng "các dấu lạ được nói đến ở đây được ban cho tùy theo nhu cầu. Khi có nhu cầu này sinh và Tin Lành bị áp chế thì chúng ta dặt khoát cần thực thì các dấu lạ này, trước khi chúng ta để cho Tin Lành bị vu khống và hạ gục."

E. Chúa Jêsus Thăng Thiên Ngồi Bên Hữu Đức Chúa Trời (18:19,20)

16:19 Bốn mươi ngày sau khi đã sống lại, Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta **được đem lên trời, ngồi bên Hữu Đức Chúa Trời**. Đây là vị trí vinh hiển và quyền năng.

16:20 Vàng theo mạng lệnh Ngài, các môn đồ **đi ra** như ngọn lửa bùng cháy, rao giảng Tin Lành và dẫn đưa mọi người đến với Chúa Cứu thế. Năng quyền của Chúa ở cùng họ. **Các dấu lạ** được hứa cấp theo lời giảng, **xác chứng** lời họ đã rao truyền.

Phần kỹ thuật dừng tại đây - với Đấng Christ trên thiên đàng, cùng với một ít môn đồ được ủy thác trên đất, cư mang và tận hiến cho công cuộc truyền giảng toàn cầu, và với những kết quả có giá trị đời đời.

Chúng ta được giao phó Đại Mạng lệnh trong thế hệ của mình. Nhiệm vụ chúng ta là đem Tin Lành đến cho từng người. Một phần ba trong tổng số những người đã từng sống hiện vẫn đang còn sống. Vào năm 2000, thì phần nửa số người sống trên đời này cũng vẫn còn sống lúc đó. Dân số càng bùng nổ, nhiệm vụ càng gia tăng. Song phương cách vẫn y nguyên - môn đồ với lòng yêu mến và hận đã xem nhẹ mọi hy sinh để tận hiến cho Đấng Christ.

Ý chỉ của Đức Chúa Trời là toàn cầu hóa bằng Tin Lành. Chúng ta đang làm gì với trách nhiệm đó?

CHÚ THÍCH

¹(1:2,3) Bản phê bình NU đọc là "tiên tri İsaia", song lời trưng dẫn đầu từ Malachi; cách đọc theo truyền thống là "các Tiên Tri", được đa số các bản văn hỗ trợ thì chính xác hơn.

²(1:14,15) bản NU không ghi "của vương quốc."

³(1:31) J. R. Miller, *Hãy Đến Cách Riêng*, xem ngày 28 tháng 3.

⁴(3:13-18) James E. Stewart, *Cuộc Đời Cùng Sự Giảng Dạy Của Chúa Jesus Christ*, trang 55-56.

⁵(3:20,21) Miller, *Hãy Đến*, xem ngày 6 tháng 6.

⁶(3:31-35) Cả bản NU (cổ nhất) và bản M (majority) đều ghi thêm "và các chị em của Ta". Đây chính là cách đọc đúng nhất.

⁷(4:30-42) Vance Havner, không thể cung ứng thêm tài liệu.

⁸(5:1-5) Bản NU đọc là Giêrasê.

⁹(6:4-6) J.G. Miller, không thể cung ứng thêm tài liệu.

¹⁰(6:31,32) William Kelly, *Trình Bày Tin Lành Mác*, trang 85.

¹¹(7:2-4) E. Stanley Jones, *Tăng Trưởng Thuộc Linh*, trang 109.

¹²(7:11-13) Kelly, *Mác*, trang 105.

¹³(8:1-9) Charles R. Erdman, *Tin Lành Mác*, trang 116.

¹⁴(8:22-26) Có thể người *đó* được dịch hỏi thì giác tương tự như một em bé sơ sinh có cặp mắt toàn hảo *vẫn phải học cách điểu chính*.

¹⁵(8:32,33) Kelly, *Mác*, trang 136.

¹⁶(9:44-48) ba lần (câu 44,46,48) Chúa chúng ta trưng dẫn İsaia 66:24 để cảnh báo về hỏa ngục. Lời song hành nhấn mạnh này (có trong bản TR và bản chính) được giảm nhẹ, chúng ta tin, bởi bản phê bình NU, đã hai lần bỏ qua bản văn.

¹⁷(9:49) bản NU không ghi mệnh đề này.

¹⁸(10:23-25) bản NU không ghi "cho những kẻ cậy sự giàu có", song đây chính là sự nhấn mạnh quan trọng của phần đoạn.

¹⁹(10:31) Harry A. Ironside, *Các Ghi Chú Trình Bày Tin Lành Mác*, trang 157.

²⁰(10:32) Erdman, *Mác*, trang 147.

²¹(13:29) Chú đề ở đây theo Hy văn chỉ là mạo tự ở cuối động từ 'là' (estin), theo mạch văn có thể là 'Ngài' (Đấng Christ) hay 'nó' (mùa hè - sự kiện được báo trước). Ý nghĩa kết cuộc là tương đồng.

²²(13:32) James H. Brookes, "Ta Đang Đến", trang 40.

²³(14:63,64) Người ta tin rằng Giôsep Arimatê và Nicôđem vắng mặt trong buổi họp bất hợp pháp này.

²⁴(15:25-28) bản phê bình NU không ghi lời trưng dẫn này trong sách Mác.

²⁵(15:32) Phần nhiều các bản văn thêm "Ngài", nhân cách hóa lời hứa của Lành đạo (có lẽ là giả mạo).

²⁶(15:42) Trong Hy văn hiện đại, từ "Sấm Sứ" là ngày thứ sáu.

²⁷(16:8) Xem thêm Giới thiệu lịch sử về sự nghiên cứu các sách trong Tân Ước của George Salmon, trang 144-151.

SÁCH THAM KHẢO

Alexander, Joseph Addison: Tin Lành theo Mác. Edinburgh: Ngon Cờ Cửa lễ Thật Đáng Tin, 1960.

Coates, C.A. Đại Cương Tin Lành Mác Và Các Chức Vụ Khác. Kingston-on-Thames: Stow hill Bible & Tract Depot, 1964.

Cole, Alan. Tin Lành Theo Thánh Mác. Grand Rapids: Wm.B Eerdmans Publishing Company, 1961.

Erdman, Charles R. Tin Lành Mác,

Philadelphia: The Westminster Press, 1917.

Ironside, Harry A. Các Ghi Chú Giải Bày Tin Lành Mác. Neptune NJ. Loizeaux Brothers Publishers, 1948.

Kelly, William. Trình Bày Tin Lành Mác. London, CA. Hammond, 1934.

Lenski, RCH. Giải Nghĩa Tin Lành Theo Thánh Mác. Minneapolis: Ausburg Publishing House, 1946.

Swale, Henry Barclay. Tin Lành Theo Thánh Mác. London: MacMillan and Company, Limited, 1902.

TIN LÀNH THEO LUCA

Giới Thiệu

"Quyển sách hiền hậu tuyệt vời nhất" - Ernest Renan,

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

"Quyển sách hiền hậu tuyệt vời nhất" là lời ca ngợi mạnh mẽ, đặc biệt ra từ một con người theo chủ nghĩa hoài nghi. Đây chính là sự đánh giá của Renan, một nhà phê bình người Pháp, về sách Tin Lành Luca. Còn người tín hữu nhạy cảm nào sẽ có lời muốn tranh luận khi đọc tác phẩm được Thánh Linh soi dẫn của vị truyền giáo Luca này? Luca chắc chắn là một tác giả Ngoại Bang duy nhất được Chúa chọn để viết ra Lời Kinh Thánh của Ngài và điều này phần nào giải thích được sự hấp dẫn thật đặc biệt của ông đối với chúng ta, những con người phương Tây được thừa hưởng nền văn hóa Hy-La.

Về mặt tâm linh có lẽ chúng ta sẽ không cảm kích nhiều về Chúa Giêsu và chức vụ của Ngài nếu chúng ta không có sự nhấn mạnh cách độc đáo của bác sĩ Luca. Tình yêu của Chúa và sự cứu rỗi Ngài dành cho toàn thể nhân loài chứ không chỉ riêng cho người Do Thái, sự quan tâm đặc biệt của Ngài cho từng cá nhân, ngay cả những con người nghèo khổ, những con người bị xã hội ruồng bỏ được nêu bật lên. Luca cũng nhấn mạnh đến sự ngợi khen (cho chúng ta những tấm gương về những Cơ Đốc Nhân đầu tiên với những "ca vịnh" trong Luca chương 1 và 2), sự cầu nguyện và Đức Thánh Linh.

II. Quyển Tác Giả

Luca, người gốc Antioch hành nghề v. là một người bạn đường lâu năm với Phaulô và là người có những cuộc trò chuyện rất cần thận với các sứ đồ khác. Trong hai quyển sách của mình người đã để lại cho chúng ta những tài liệu cho linh hồn ma người tinh hội được từ các sứ đồ.

Theo Eusebius trong *Historia Ecclesiastica* của ông thì ngoại chứng này là quyển tác giả của sách Tin Lành Thứ Ba được chấp nhận bởi truyền thống Cơ Đốc phổ thông đầu tiên. Irenaeus trích dẫn cách rộng rãi rằng sách Tin Lành Thứ Ba được viết bởi Luca. Những người ủng hộ quyển tác giả cho Luca trước đây gồm có Justin Martyr, Hegesippus, Clement of Alexandria và Tertullian. Trong ấn bản sức tích và có quan điểm thành kiến của Marcion thì sách Luca là sách Tin Lành duy nhất được chính người theo dị giáo nói danh này chấp nhận. Kinh Điển Muratorian gọi sách Tin Lành Thứ Ba này là sách "Luca".

Luca là nhà truyền giáo duy nhất viết thêm một quyển sách tiếp theo cho Tin Lành của ông và cũng chính từ quyển sách này, Sách Công Vụ Các Sứ Đồ, mà quyển tác giả của Luca càng được bày tỏ rõ ràng nhất. Những từ ngữ gọi là "Chúng ta" trong sách Công Vụ là những phân đoạn trong đó

cá nhân người viết có liên quan (16:10; 20:5,6; 21:15; 27:1; 28:16; II.Tim 4:11). Bằng phương pháp loại trừ cho thấy chỉ có Luca là người phù hợp với tất cả những khoảng thời gian này. Qua lời đề tặng gửi cho Thêôphilo và lối hành văn thì thật khá rõ ràng là tác giả của sách Tin Lành Luca và sách Công Vụ là một.

Sứ đồ Phaolô gọi Luca là "thầy thuốc rất yêu dấu" và tách ông khỏi danh sách các Cơ Đốc nhân người Do Thái (Côl 4:14) đã làm cho ông trở thành tác giả Ngoại Bang duy nhất trong Tân Ước. Nếu cộng hai sách Tin Lành Luca và Công Vụ lại thì kích cỡ lớn hơn tất cả các thư tín của sứ đồ Phaolô.

Nội chứng làm chắc chắn thêm những tài liệu bên ngoài và truyền thống của Hội Thánh. Từ vựng (thường chính xác trong những thuật ngữ mang tính y học hơn những tác giả khác trong Tân Ước) cùng với phong cách của một người Hy Lạp cổ giáo dục cao xác nhận quyền tác giả của vị bác sĩ Cơ Đốc người ngoại có học thức này và là một người rất thông thạo những đề tài Do Thái. Tình ham thích của Luca đối với ngày tháng và sự nghiên cứu kỹ lưỡng chính xác (1:1-4; 3:1) đã làm cho ông trở thành một nhà lịch sử Hội Thánh đầu tiên.

III. Thời Điểm Viết

Sách Luca có thể được viết vào đầu thập niên 60 trong thế kỷ đầu tiên. Một số người cho là Sách Luca được viết vào khoảng giữa 75-85 (hay ngay cả vào thế kỷ thứ hai), thường

một phần là do sự phù nhận rằng Đấng Christ có thể lên đoàn chinh xác về sự hủy diệt thành Giêrusalem. Thành bị tàn phá vào năm 70 sau Công Nguyên, vì thế lời tiên tri của Chúa phải được ghi lại trước ngày đó.

Hầu hết mọi người đều đồng ý là sách Luca phải được viết trước Sách Công Vụ về phương diện thời gian và sách Công Vụ kết thúc vào năm 63 sau Công Nguyên khi Phaolô ở thành Rôma, nên chắc sách Luca phải được viết trước đó. Cuộc hỏa hoạn lớn ở thành Rôma gây hậu quả là vua Nêrôn đổ tội cho Cơ Đốc nhân và bắt bớ họ (Năm 64 sau Công Nguyên) Và sự tuột đạo của Phi-e-rơ và Phaolô chắc chắn sẽ không bị nhà sử gia đầu tiên của Hội Thánh bỏ qua nếu nó xảy ra trước đó. Do đó thời điểm viết quyển sách này có thể vào năm 61-62 sau Công Nguyên.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Người Hy Lạp đang tìm kiếm một con người thiêng liêng hoàn hảo - một con người có những đặc tính tốt đẹp nhất của cả nam lẫn nữ mà không có một khiếm khuyết nào. Như lời trình bày của Luca về Đấng Christ như là Con của Loài Người - mạnh mẽ nhưng đầy lòng thương xót. Tình con người của Ngài thật nổi bật.

Điển hình là đời sống cầu nguyện của Ngài được nhắc đến nhiều hơn những sách Tin Lành khác. Sự đồng cảm và thương xót của Ngài luôn được đề cập đến. Có lẽ vì thế mà phụ nữ và trẻ con có một vai trò nổi bật. Tin Lành Luca cũng được biết đến như là sách Tin Lành có tình truyền giáo. Tại nơi đây Tin Lành đến với người ngoại:

và chính Chúa Jêsus được trình bày như là Cứu Chúa của toàn thế giới. Sau cùng thì sách Tin Lành này được xem như một sách môn đồ hóa. Chúng ta lần theo con đường môn đồ hóa trong cuộc đời của Chúa chúng ta và nghe được sự dạy dỗ của Ngài khi Ngài huấn luyện các môn đệ mình. Đây là điểm đặc trưng mà chúng ta phải noi theo đặc biệt là trong sự bày tỏ của mình. Trong đời sống của Con Người Hoàn Hảo, chúng ta nên tìm kiếm những yếu tố tạo nên một đời sống lý tưởng cho toàn thể loài người.

Trong những lời dạy dỗ vô song của Ngài, chúng ta cũng sẽ tìm ra con đường thập tự mà qua đó Ngài kêu gọi mỗi một chúng ta.

Khi bắt đầu nghiên cứu sách Tin Lành Luca, nguyện xin Chúa cho chúng ta nghe được sự kêu gọi của Ngài, từ bỏ tất cả để theo Ngài. Sự vàng phục là tiếng nói của tri thức thuộc linh. Ý nghĩa của Lời Thánh Kinh trở nên rõ ràng và quý báu hơn đối với chúng ta một khi chúng ta bước vào trong những kinh nghiệm được mô tả.

BỐ CỤC

I. LỜI MỞ ĐẦU: MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA SÁCH LUCA (1:1-4)

II. SỰ GIÁNH SINH CỦA CON NGƯỜI VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA SỨ GIẢ MỒ ĐƯỜNG CHO NGÀI (1:5-2:52)

III. SỰ CHUẨN BỊ CHỨC VỤ CỦA CON NGƯỜI (3:1-4:30)

IV. CON NGƯỜI BÀY TỎ QUYỀN NĂNG NGÀI (4:31-5:26)

V. CON NGƯỜI GIẢI THÍCH CHỨC VỤ NGÀI (5:27-6:49)

VI. CON NGƯỜI MỞ RỘNG CHỨC VỤ NGÀI (7:1-9:50)

VII. GIA TĂNG SỰ CHỐNG ĐỐI NGHỊCH CÙNG CON NGƯỜI (9:51-11:54)

VIII. DẠY DỖ VÀ CHỮA LÀNH TRÊN ĐƯỜNG TỚI THÀNH GIÊRUSALEM (Từ chương 12-16)

IX. CON NGƯỜI CHỈ DẪN MÔN ĐỒ NGÀI (17:1-19:27)

X. CON NGƯỜI TẠI THÀNH GIÊRUSALEM (19:28-21:38)

XI. KHỔ HÌNH VÀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI (Chương 22,23)

XII. SỰ ĐẮC THẮNG CỦA CON NGƯỜI (Chương 24)

CHÚ GIẢI

I. LỜI MỞ ĐẦU: MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA SÁCH LUCA (1:1-4)

Trong lời mở đầu, bác sĩ Luca tỏ cho thấy ông là một sứ giả. Ông mô tả

những từ hiệu gốc mà ông có được và phương pháp mà ông áp dụng. Sau đó, ông giải thích mục đích mà ông viết. Từ quan điểm con người thì ông có hai loại tư liệu gốc. Những bản viết

thuật lại đời sống của Đấng Christ và lời kể của những con người đã chứng kiến các sự kiện trong cuộc đời Ngài.

1:1 Nhưng bản thuật lại được mô tả trong câu 1: **Vì có nhiều kẻ đố kỵ lòng chộp sữ về những sự đã làm nên trong chúng ta...Chúng ta không biết những người chép sữ này là ai. Mathiơ và Mác có lẽ là những người trong nhóm người đó, nhưng hiển nhiên là những người khác thì không được soi dẫn bởi Thánh Linh.** (Sách Giảng được viết sau này)

1:2 Luca cũng căn cứ vào những lời kể lại **theo như các người chứng kiến từ lúc ban đầu và trở nên người giảng đạo (Lời) đã truyền lại cho chúng ta.** Chính Luca không cho mình là nhân chứng nhưng ông đã gặp gỡ những nhân chứng. Ông mô tả những con người gặp gỡ Chúa chúng ta là người chứng kiến và người giảng đạo. Tại đây ông dùng chữ "Lời" như là danh xưng của Đấng Christ, giống như Giảng đã dùng trong Tin Lành của ông. Từ lúc "ban đầu" ở đây có nghĩa là sự khởi đầu kỷ nguyên Cơ Đốc được Giảng Báp-tít báo trước. Sự kiện Luca dùng những sự thuật lại bằng văn viết hay truyền miệng không phủ nhận sự soi dẫn từng chữ một về những gì ông viết ra. Nó chỉ có nghĩa là Đức Thánh Linh dẫn dắt ông trong sự lựa chọn và sắp xếp các tài liệu mình.

James S. Stewart bình luận:

Luca đã cho thấy thật rõ ràng những tác giả được Thánh Linh soi dẫn không phải không cần thiết tra cứu kỹ càng những yếu tố mang tính

lịch sử. Sự soi dẫn không phải là Đức Chúa Trời một cách huyền bí phủ lấp hết tâm trí và tài lực của con người nhưng lại là sự diễn đạt của Ngài thông qua sự tận hiến tâm trí và tài lực của con người. Sự soi dẫn không bỏ qua nhân cách của chính tác giả thánh và làm ông trở thành cỗ máy của Đức Chúa Trời nhưng nó làm mạnh thêm nhân cách của tác giả và làm ông trở thành nhân chứng sống của Ngài.¹

1:3 Luca đưa ra lời phát biểu ngắn gọn về động cơ và về phương pháp ông dùng: **Vậy, sau khi đã xét kỹ càng từ đầu mọi sự ấy, tôi cũng tưởng nên theo như tự viết mà tỏ ra cho ông.** Đối với động cơ mình, ông giản dị cho biết là **tôi cũng tưởng.** Theo cách của con người thì chắc phải có một sự thôi thúc để ông viết Sách Tin Lành. Dương nhiên là chúng ta nhận biết rằng sự thôi thúc thiên thượng được hóa quyền cách lạ lùng với quyết định này của con người.

Đối với phương pháp mình, trước tiên ông tra cứu thật kỹ càng **từ đầu mọi sự ấy** và rồi ông viết ra theo thứ tự. Công việc của ông đòi hỏi phải có sự tra cứu kỹ lưỡng và mang tính khoa học về một chuỗi những sự kiện trong cuộc đời của Cứu Chúa chúng ta. Luca kiểm chứng tình chính xác các nguồn tư liệu của ông và loại bỏ những gì không mang tính thực sự về phương diện lịch sử hay không thích hợp về phương diện thuộc linh và sau đó thì biên soạn thành sách mà ngày nay chúng ta có được. Khi Luca nói rằng ông **theo như tự viết** không có nghĩa là ông cần phải theo thứ tự thời

gian. Những sự kiện trong sách Tin Lành này không phải luôn luôn được sắp đặt theo trình tự mà nó xảy ra. Đúng hơn những sự kiện đó được sắp đặt theo trật tự mang tính đạo đức hay thuộc linh, nghĩa là nó được liên kết bởi vấn đề chủ thể và sự dạy dỗ mang tính đạo đức hơn là liên kết bởi thời gian. Tuy nhiên sách Tin Lành này và sách Công Vụ được gửi cho **Thêôphilo** làm cho chúng ta ngạc nhiên nhận biết thêm về con người này một ít. Danh xưng quý nhân của ông cho thấy ông là một quan chức chính phủ. Tên ông nghĩa là *người bạn của Đức Chúa Trời*. Ông có thể là một Cơ Đốc nhân có quyền cao chức trọng và có trọng trách trong công việc đối ngoại của Hoàng Đế Lamã.

1:4 Mục đích của Luca là cho Thêôphilo một bản tường thuật để xác chứng tính đáng tin cậy của tất cả những gì ông đã được dạy dỗ liên quan đến cuộc đời và chức vụ của Chúa Jesus. Thông điệp được viết ra sẽ tạo nên tình ổn định giữ cho câu chuyện không bị sai lạc khi luôn được truyền miệng.

Và cũng trong câu 1-4 cho chúng ta một bối cảnh tuy ngắn gọn nhưng thật rõ ràng về những chi tiết mang tính con người mà qua đó quyển sách trong Kinh Thánh được viết ra. Chúng ta biết rằng Luca viết bởi sự cảm động của Đức Thánh Linh nhưng ông không đề cập đến ngoại trừ ông chỉ ngụ ý điều đó trong những từ như *từ đầu* (câu 3) mà có thể được dịch như *từ trên cao*.²

II. SỰ GIẢNG SINH CỦA CON NGƯỜI VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA SỨ GIẢ MỒ ĐƯỜNG CHO NGÀI (1:5-2:52)

A. Luận Báo Về Sự Sinh Ra Của Sứ Giả Mồ Đường (1:5-2:52)

1:5,6 Luca bắt đầu bài tường thuật mình bằng cách giới thiệu cho chúng ta về cha mẹ của Giáng Báp-tít. Họ sống trong thời Hêrốt gian ác là vua nước Giuđê. Ông là người Idumean, thuộc dòng dõi của Ê-sau.

Xachari (nghĩa là *Chúa nhờ*) làm chức lễ lễ thuộc về ban A-bi-gia, một trong hai mươi bốn ban thứ mà Vua Đavít phân chia trong chức vụ lễ lễ của dân Do Thái (1.Sử Ký 24:10)

Mỗi ban thứ được gọi hầu việc tại đền thờ trong thành GIÉRUSALEM hai lần mỗi năm theo ngày Sa-bát. Vào thời đó có rất nhiều thầy tế lễ nên đặc ân được dâng hương trong nơi Chí Thánh chỉ đến một lần trong suốt cả đời.

Êlisabét (nghĩa là *lời thề của Đức Chúa Trời*) cũng là dòng dõi gia đình tế lễ Arôn. Bà và chồng bà là những người Do Thái tin kính Chúa, cẩn thận làm theo lời Thánh Kinh Cựu Ước dạy về lễ nghi và điều răn. đương nhiên là họ phải không phạm tội nhưng hễ khi họ phạm tội thì họ biết chắc là phải dâng của lễ hay nói một cách khác là làm theo những nghi thức đòi hỏi.

1:7 Đối vợ chồng này *không có con cái*, một sự xấu hổ đối với bất kỳ người Do Thái nào. Bác sĩ lưu ý đến nguyên nhân là vì bà Êlisabét son sẻ. Nan đề này càng thêm nặng nề hơn khi cả hai đều cao tuổi.

1:8-10 Một ngày kia khi Xachari đang thi hành chức tế lễ mình trong đền thờ. Đây là một ngày trọng đại trong cuộc đời ông bởi vì ông được bắt trúng thăm để được **đăng hương** trong nơi chí thánh. Đoàn dân đông đang tập trung ở ngoài đền thờ và đang cầu nguyện. Hình như không một ai biết chính xác thời gian được biểu thị ở đây là **đương giờ đăng hương**.

Thật cảm động khi chúng ta để ý là sách Tin Lành này được mở ra bằng đoàn dân đông ở ngoài cầu nguyện lại đến thờ và kết thúc bằng đoàn dân ngợi khen Đức Chúa Trời tại đền thờ. Những phân đoạn giữa cho thấy lời cầu nguyện của họ được nhậm trong Con Người và công việc của Chúa Jêsus.

1:11-14 Bởi sự cầu nguyện của thầy tế lễ và đoàn dân đông đó chính là thời điểm thích hợp cho sự mặc khải thiên thượng. **Bấy giờ có một thiên sứ của Chúa hiện ra cùng Xachari, đứng bên hữu bàn thờ xông hương** là nơi thiêng liêng. Mới đầu thì Xachari rất kinh hãi vì chưa có người nào cùng thờ với ông đã thấy được thiên sứ. Nhưng thiên sứ loan báo cho ông một tin tức tuyệt vời: **Một con trai** sẽ được sanh cho Êlisabê và được đặt tên là **Giăng** (Ấn huệ hay hồng ân của Đức Giêhôva). Ngoài việc đem sự vui mừng và niềm hoan hỉ cho cha mẹ ông thì Giăng cũng trở nên một nguồn phước cho **những kẻ**.

1:15 Đứa trẻ này sẽ **nên lớn trọng trước mặt Chúa** (một sự tôn trọng duy nhất đáng kể). Trước tiên thì ông phải trở nên tôn trọng bởi sự biệt riêng cá

nhân ông cho Chúa. Ông **không được uống rượu** (làm từ nho) **hay là giống gi làm cho say** (làm từ lúa mì).

Thứ hai, ông được trở nên tôn trọng qua tâm linh Chúa ban; ông sẽ **được đầy dẫy Đức Thánh Linh từ khi còn trong bụng mẹ**. (Điều này không có nghĩa là Giăng được cứu hay tin Chúa từ lúc được sinh ra nhưng chỉ bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trong ông từ ban đầu để sửa soạn ông cho một nhiệm vụ đặc biệt làm người loan báo cho Đấng Christ.)

1:16,17 Thứ ba, ông được tôn trọng bởi vai trò làm sứ giả cho Đấng Mê-si. Ông sẽ **làm cho nhiều người dân Do Thái trở lại cùng Chúa**. Chức vụ ông giống như chức vụ của tiên tri Êli – tìm kiếm và đưa dắt nhiều người bước vào trong mối thông công đứng đắn với Đức Chúa Trời qua sự ăn năn. G. Coleman Luck nhận định:

Sự dạy dỗ của ông làm cho lòng của những người cha mẹ không quan tâm đến con cái quay lại quan tâm đến tình trạng thuộc linh thật sự của con cái mình. Cũng vậy, ông mang những tâm hồn bại mướn và chông chênh của con cái trở lại vào sự "khôn ngoan của những người công bình" ³

Nói một cách khác, ông nỗ lực tập hợp một nhóm tín hữu ra khỏi thế gian là những con người sần sàng gặp gỡ Chúa khi Ngài hiện đến. Đây là một chức vụ thật xứng đáng cho mỗi một chúng ta.

Trong câu 16 và 17 chúng ta lưu ý cách thần tình của Đấng Christ được ám chỉ. Trong câu 16, Kinh Thánh nói rằng Giăng sẽ **làm cho nhiều con trai**

Ysaraên trở lại cùng Chúa, là Đức Chúa Trời của họ. Và rồi trong câu 17 nói rằng Giăng sẽ đi trước mặt Chúa. Từ Chúa ở đây chỉ về ai? Rõ ràng là Chúa, Đức Chúa Trời của họ trong câu kế tiếp. Tuy nhiên chúng ta cũng nhận biết Giăng là người dọn đường cho Chúa Jêsus. Vậy suy luận ra thật rất rõ ràng, Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời.

1:18 Xa-cha-ri hết sức kinh ngạc bởi lời hứa hoàn toàn không thể xảy ra được. Cả ông và vợ ông đã quá già để làm cha mẹ một đứa trẻ. Câu hỏi buồn rầu của ông đã bộc lộ hết tất cả sự nghi ngờ dồn nén trong lòng.

1:19 Trước tiên thiên sứ đáp lại qua sự giới thiệu chính mình là Gápriên (mạnh mẽ trong Đức Chúa Trời). Mặc dù được mô tả chung chung như là thiên sứ trưởng, vị thiên sứ này được đề cập trong Kinh Thánh chỉ như đứng trước mặt Đức Chúa Trời và mang thông điệp của Ngài cho loài người. (Đaniên 8:16; 9:21)

1:20 Vì cơ Xachari nghi ngờ nên ông bị mất quyền được nói cho đến ngày đứa trẻ được sanh ra. Bất cứ khi nào người tin hữu chứa đựng nghi ngờ về Lời Chúa thì người đó mất đi lời chứng và bài hát mình. Sự vô tin bịt kín mọi miệng và nó bị bịt kín như thế cho tới khi nào đức tin trở lại làm mở mọi miệng ra trong sự ngợi khen và làm chứng.

1:21,22 Bên ngoài, dân chúng đồng lòng chờ đợi. Thường thì thấy tế lễ dâng hương xong và đi ra lâu rồi. Nhưng cuối cùng Xachari cũng bước ra, ông phải nói cho họ bằng cách ra

dấu. Rồi họ mới hiểu rằng người đã thấy sự hiện thấy gì trong đền thánh.

1:23 Sau khi phần việc ông tại đền thờ đã trọn, thấy tế lễ này trở về nhà vẫn không nói được như thiên sứ đã báo trước.

1:24,25 Khi Élisabét mang thai thì bà ẩn mình tại nhà bà trong năm tháng, tràn đầy niềm vui trong bà vì Chúa đã thấy và cất sự xấu hổ của bà son sẻ vì.

II. Loan Báo Sự Giáng Sinh Của Con Người (1:26-38)

1:26-27 Đến tháng thứ sáu sau khi hiện ra cùng Xachari (hoặc sau khi Élisabét mang thai), thiên sứ Gápriên lại xuất hiện và lần này tới cùng một nữ đồng trinh tên là Mari sống trong thành Naxarét xứ Galilê. Mari đã hứa gả cho một người nam tên là Giôsêp, con cháu trực hệ với vua Đavit, người thừa hưởng những quyền lợi hợp pháp đối với ngôi của vua Đavit cho dù chính ông lại là một người thợ mộc. Sự hứa gả được coi như là một kết ước ràng buộc hơn sự đính hôn ngày nay. Trong thực tế thì nó chỉ có thể bị phá vỡ bởi sắc lệnh hợp pháp giống như ly dị.

1:28 Thiên sứ báo cho Mari biết bà được ơn và bà là người được Chúa viếng thăm bởi đặc ân Ngài. Hai điểm được lưu ý tại đây: (1) Thiên sứ không thờ lạy Mari hay cầu nguyện cùng bà; thiên sứ chỉ chào chào bà. (2) Thiên sứ không nói rằng bà "đầy ơn" nhưng được ơn.⁴

1:29,30 Thật dễ hiểu khi Mari bối rối bởi lời chào thăm này; bà không hiểu lời đó có nghĩa gì. Thiên sứ làm

đi sứ sợ hãi của bà rồi báo cho bà biết Đức Chúa Trời chọn bà để làm mẹ của Đấng Mêsê mà người ta chờ đợi từ lâu.

1:31-33 Hãy chú ý đến những lẽ thật quan trọng được coi như thiên liêng trong việc loan báo này:

Tinh con người thật sự của Đấng Mêsê - người sẽ chịu nhai và sanh một con trai.

Thần tính và sứ mệnh của Ngài là làm Cứu Chúa - mà đại tên là Jêsus (nghĩa là Đức Giêhôva là Cứu Chúa).

Sự cao cả chính yếu của Ngài Con trai ấy sẽ nên tôn trọng, cả trong Thân Vị và công việc Ngài.

Ngài được nhận diện là Con Đức Chúa Trời - và được xưng là Con của Đấng Rất Cao.

Tước hiệu của Ngài đối với ngôi Đavít - và Chúa, là Đức Chúa Trời sẽ ban cho Ngài ngôi Đavít là lối phụ Ngài. Điều này lập Ngài làm Đấng Mêsê.

Vương quốc rộng lớn và đời đời của Ngài - Ngài sẽ trị vì nhà Gia-đóp, nước Ngài vô cùng.

Câu 31 và 32a nói rõ ràng đến sự Giáng lâm lần thứ nhất của Ngài trong khi câu 32b và 33 mô tả sự tái lâm của Ngài như Vua muôn vua và Chúa muôn chúa.

1:34,35 Câu hỏi của Mari "làm sao có được sự đó?" là một sự kinh ngạc chứ không phải nghi ngờ. Làm sao bà có thể mang thai một đứa trẻ khi bà chưa hề có quan hệ với một người nam nào? Mặc dù thiên sứ không nói nhiều lời về điều này nhưng câu trả lời lại là sự sinh ra

trong tinh trắng. Đó là phép nhiệm mầu của Đức Thánh Linh. Ngài sẽ đến trên bà và quyền phép của Chúa sẽ che phủ bà. Đối với nan đề "làm sao" của Mari thì dường như loài người không thể nào lường được nhưng với Chúa câu trả lời là "Đức Thánh Linh":

"Cho nên Con Thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời." Vậy, tại đây chúng ta có một lời tuyên bố cao siêu về sự biện thần. Con Trai của Mari sẽ là Đức Chúa Trời thể hiện trong xác thịt. Ngôn ngữ không thể nói lên hết sự nhiệm mầu được bao phủ ở đây.

1:36,37 Rồi thiên sứ lại báo tin cho Mari rằng Êlisabét, bà con của bà được cứu mang sáu tháng rồi - bà trước đây bị son sè. Phép lạ này báo đảm cho Mari rằng không việc gì Đức Chúa Trời chẳng làm được.

1:38 Trong sự đau phục đẹp đẽ này, Mari dâng mình cho Chúa để Ngài làm thành mục đích lạ lùng của Ngài. Đoạn thiên sứ lìa khỏi Mari.

C. Mari Viếng Thăm Êlisabét (1:39-45)

1: 39,40 Chúng ta không được cho biết tại sao Mari đi đến thăm Êlisabét vào lúc này. Chắc có lẽ là để tránh đi tai tiếng trong dư luận chắc sẽ xôn xao tại thành Naxarét khi sự việc của bà được mọi người biết đến. Và nếu như thế thì sự chào đón của Êlisabét và sự ân cần được bày tỏ chắc có lẽ sẽ ngọt ngào gấp đôi.

1:41 Ngay khi Êlisabét nghe tiếng của Mari thì con nhỏ ở trong lòng liền nhảy nhót - một sự hưởng ứng thật tự nhiên và kỳ diệu của người sứ giả chưa chào đời về sự đến của Đấng

Məsi chưa được sinh ra. **Élisabét được đầy Đức Thánh Linh** có nghĩa là Ngài kiểm soát bà, hướng dẫn bà trong lời nói và hành động.

Có ba người được nói là đầy đầy Đức Thánh Linh trong chương 1: Giăng Báp-tít (câu 15); Élisabét (câu 41); và Xachari (câu 67).

Một trong những dấu hiệu đời sống đầy đầy Đức Thánh Linh là hát thi thiên, thơ vịnh và những bài hát tâm linh (Êphê-sô 5:18,19). Vì vậy chúng ta cũng không ngạc nhiên gì khi thấy trong chương này có tới ba bài hát cũng như hai bài hát trong chương kế tiếp. Bốn trong những bài hát này có tiêu đề chung bằng tiếng La-tin được trích dẫn trong hàng đầu tiên: (1) Sự chào thăm của Élisabét [1:42-45]; (2) *Bài ca của Mari* [1:46-55]; (3) *Chức phước* [1:68-79]; (4) *Tụng ca Chúa trên các tầng trời cao* [2:14]; và (5) *Nunc Dimittis* (Giã Ngài cắt con đi) [2:29-32].

1:42-45 Được cảm động từ Chúa một cách thật đặc biệt để nói, Élisabét chào đón Mari như là "mẹ Chúa ta." Chẳng có một dấu hiệu ganh tị nào trong lòng bà; chỉ có niềm vui mừng hoan hỉ vì đứa bé chưa ra đời đó sẽ là **Chúa** của bà. Mari có phước trong đám đàn bà vì bà được ban đặc ân để mang thai Đấng Mê-si. **Thai trong lòng** bà cũng được phước vì Ngài là Chúa và là Đấng Cứu rỗi. Thánh Kinh *không bao giờ* nói về Mari như là "mẹ của Đức Chúa Trời." Việc bà là mẹ của Chúa Jê-sus là thật và Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời, tuy nhiên thật là một điều phi lý khi nói rằng Đức Chúa

Trời có một người mẹ. Chúa Jê-sus đã hiện hữu từ đời đời trong khi đó Mari là loài thọ tạo hữu hạn với thời gian rõ ràng cho sự bắt đầu hiện hữu của bà. Bà chỉ làm mẹ của Chúa Jê-sus qua sự biến thể của Ngài mà thôi.

Élisabét thuật lại sự vui mừng có vẻ mang tính trực giác của bà về đứa trẻ chưa chào đời khi Mari mở lời. Rồi bà tin quyết rằng đức tin của Mari sẽ được trọng thưởng. Sự trông đợi của bà sẽ được làm trọn. Niềm tin bà không vô ích đâu. Con Trẻ của bà sẽ được sinh ra như đã hứa.

B. Mari Ca Tụng Chúa (1:46-56)

1:46-49 Bài ca của Mari rất giống bài ca của bà An-na (1.Sam 2:1-10). Trước tiên Mari ngợi khen **Chúa** vì những gì Ngài đã làm cho bà (Câu 46b-49). Hãy lưu ý những gì bà nói (câu 48) "muôn đời sẽ khen tôi là kẻ cô phước." Bà không phải là người ban phước nhưng là người được phước. Bà nói về Chúa như là **Đấng Cứu Rỗi**, phản bác ý tưởng cho rằng Mari là người không hề phạm tội.

1:50-53 Thứ hai, bà ngợi khen Chúa vì Ngài thương xót kẻ kính sợ Ngài từ đời này sang đời kia. Ngài hạ kẻ kiêu ngạo và có quyền xuống và nhắc kẻ khiêm nhường và kẻ đói lên.

1:54,55 Sau cùng, bà tán tụng Chúa vì sự thành tín Ngài cho Y-srahên trong việc giữ lời hứa Ngài đã lập với **Áp-ra-ham cùng con cháu người**.

1:56 Sau khi ở cùng Élisabét chừng ba tháng thì Mari trở về nhà mình ở Naxarét. Bà cũng vẫn chưa kết hôn. Chẳng nghi ngờ gì khi bà trở nên một đối tượng bị ngờ vực và vu cáo trong

làng xóm mình. Nhưng Chúa sẽ bênh vực bà nên bà chịu đựng và chờ đợi.

E. Sự Sinh Ra Của Sơ Giã Mừ Đường (1:57-66)

1:57-61 Đến ngày mãn nguyệt, Êlisabét sinh được một con trai. Bà con và bạn hữu đến chia vui. Qua ngày thứ tám, khi con trẻ chịu cắt bì, họ nghĩ rằng như đã định trước thì đứa trẻ này phải đặt tên là Xachari, theo tên của cha. Khi người mẹ nói cho họ biết đứa trẻ này sẽ được đặt tên Giăng thì họ lấy làm lạ bởi vì trong vòng bà con không ai có tên đó.

1:62,63 Để có được quyết định sau cùng thì họ ra dấu cho Xachari. (Điều này cho thấy rằng ông không chỉ câm mà còn điếc nữa) Xachari biểu lấy bảng nhỏ, ông giải quyết vấn đề – tên đứa trẻ là Giăng. Mọi người đều kinh sợ.

1:64-66 Nhưng lại càng kinh ngạc hơn khi họ thấy Xachari cất tiếng nói ngay khi ông viết chữ "Giăng." Tin tức lan nhanh khắp miền núi xứ Giuđê, và mọi người muốn biết công việc tương lai của đứa trẻ lạ thường này. Họ nhận biết rằng tay Chúa ở cùng con trẻ ấy.

F. Lời Tiên Tri Của Xachari Liên Quan Đến Giăng (1:67-80)

1:67 Bây giờ Xachari được tự do khỏi gông cùm của sự vô tin và được đầy đầy Đức Thánh Linh. Ông cảm hứng thốt ra một bài ca tụng Chúa có tính hùng biện và phong phú trong sự trích dẫn từ Cựu ước.

1:68,69 *Ngợi khen Chúa vì những việc Ngài đã làm.* Xachari nhận thức được sự ra đời của con trai mình,

Giăng, báo trước việc Đấng Mêsê sắp đến. Ông nói về sự giáng sinh của Đấng Christ như một việc đã được làm trọn trước khi nó xảy đến. Đức tin đã cho phép ông nói rằng Đức Chúa Trời đã **tham viếng và chuộc dân** Ngài bằng cách sai Đấng Cứu Chuộc đến. Giêhôva đã **sanh ra một Đấng Cứu Thế có quyền phép** trong nhà Davit. (Bản Anh ngữ dùng chữ "cải sinh". Cải: sinhng dòng để dựng dấu xức cho các vị vua; vì thế trong câu này có lẽ có nghĩa là Vua của sự cứu rỗi từ dòng dõi nhà vua của Đa-vit. Hoặc cũng có nghĩa là một biểu tượng của sức mạnh "Đấng Cứu Thế có quyền phép.")

1:70,71 *Ngợi khen Chúa vì Ngài làm trọn lời tiên tri Ngài.* Sự đến của Đấng Mêsê đã được tiên đoán trước bởi các thánh tiên tri... từ thuở trước. Nó có nghĩa là sự cứu chuộc khỏi kẻ thù và sự an ninh khỏi kẻ nghịch.

1:72-75 *Ngợi khen Chúa vì Ngài thành tín giữ lời hứa Ngài.* Chúa đã lập giao ước cứu rỗi không điều kiện với Ápraham. Lời hứa này được làm trọn qua sự đến của con cháu Ápraham, ấy là Chúa Jesus Christ. Sự cứu rỗi Ngài đem đến cho cả nội cảnh và ngoại cảnh. Ngoại cảnh là cứu khỏi tay kẻ thù nghịch họ. Nội cảnh là hầu việc Ngài không sợ hãi gì hết và trong sự thánh khiết và công bình.

G. Campbell Morgan nêu lên hai ý tưởng nổi bật trong phân đoạn này.⁵ Trước tiên, ông chỉ ra một sự liên kết thu hút chủ ý giữa tên Giăng và chủ đề của bài ca – cả hai đều là ẩn điển của Chúa. Sau đó ông tìm thấy hàm ý

của các tên Giăng, Xachari và Élisabét trong các câu 72 và 73.

Giăng - Tổ lòng lương xót (câu 72)

Xachari - Nhớ lại (câu 72)

Élisabét - Thế nguyện (câu 73)

Ăn huê của Chúa, được Giăng loan báo, là kết quả từ sự nhớ lại lời thề của giao ước thánh Ngài.

1:76,77 *Sứ mạng của Giăng là sứ giả của Đấng Cứu Thế.* Giăng sẽ là tiên tri của Đấng Rất Cao, dọn lòng dân chúng cho sự đến của Chúa, và công bố sự cứu rỗi đến dân Ngài bởi sự tha tội họ. Tại đây, một lần nữa chúng ta thấy có nhắc đến Giêhôva trong Cựu Ước được thích ứng với Chúa Jêsus trong Tân Ước. Ma-la-chi liên đoàn một sứ giả dọn đường cho Giêhôva (3:1). Xachari nhận diện Giăng như là sứ giả. Chúng ta biết rằng Giăng đến để dọn đường cho Chúa Jêsus. Kết luận hiển nhiên đó là Chúa Jêsus là Đức Giêhôva.

1:78, 79 *Sự đến của Đấng Christ được ví như mặt trời mọc lên.* Hàng thế kỷ qua, thế gian chìm trong chỗ tối tăm. Giờ vì Đức Chúa Trời chúng tôi động lòng lương xót bình minh sắp lộ dạng. Điều này được đến qua Con Người của Đấng Christ, soi sáng cho dân ngoại bang đang ở trong chỗ tối tăm và trong bóng sự chết và dẫn dắt bàn chân của dân Ysraên đi đường bình an. (Xem Malachi 4:2).

1:80 Chương này kết thúc bằng lời công bố giản dị là con trẻ ấy lớn lên về hình dáng và tâm linh và ở nơi đồng vắng cho tới ngày tỏ mình ra cùng dân Ysraên.

E. Sự Giáng Sinh Của Con Người (2:1-7)

2:1-3 Sê-sa Augút-tơ ra chiếu chỉ phải lập sổ dân trong cả thiên hạ. Đó là việc lập sổ dân này được thực hiện trên toàn đế chế ông. Việc lập sổ dân này là trước hết và nhằm khi Quiriniu làm quan tổng đốc xứ Syria. Trong nhiều năm tinh chính xác của sách Tin Lành Luca đã bị đặt câu hỏi vì sự đề cập này về Qui-ri-ni-u. Tuy nhiên sau này những sự phát hiện của khảo cổ học có xu hướng xác thực sự ghi lại này. Theo quan điểm của ông thì Sê-sa Augút-tơ đang tỏ uy thế mình ra cho thế giới Hylạp Lamã. Nhưng từ quan điểm của Chúa thì vị Hoàng đế ngoại bang này chỉ là con rối cho chương trình thiên thượng cao hơn (xem Châm ngôn 21:1)

2:4-7 Chiếu chỉ của Augút-tơ đưa Giô-sép và Mari đến Bêlêhem chính xác vào đúng thời điểm mà Đấng Mê-si được sinh ra tại đó để làm trọn lời tiên tri (Michê 5:2). Thành Bêlêhem đông đúc khi họ lữ xứ Galilê đến. Nơi duy nhất mà họ tìm thấy để qua đêm là cái chuồng chiên trong nhà quán. Đó chính là điểm báo, cho thấy trước cách thức con người tiếp nhận Cứu Chúa của mình. Trong lúc cặp vợ chồng lữ hành Naxarét trú lại đó thì Mari sanh Con Trai đầu lòng. Lấy khăn bọc con mình, bà đặt nằm trong máng cỏ.

Thế đó, Chúa đã thăm viếng hành tinh của chúng ta trong hình hài Con Người một Đứa Trẻ, trong sự nghèo nàn của chuồng chiên hơi ấm. Sự tuyệt vời của điều này được Darby diễn tả thật chính xác:

Ngài bắt đầu với máng cỏ, kết thúc trên cây thập tự và trong vị chạng vạng đời không có chỗ kê đầu Ngài.⁶

8. Thiên Sứ Và Những Kẻ Chân Chân (2:8-20)

2:8 Sự báo trước thứ nhất của việc hạ sinh lạ lùng này không được ban cho những người lãnh đạo tôn giáo trong thành Giêrusalem, nhưng lại là **những kẻ chân chân** trộm tư bên sườn đồi xứ Giuđê - những con người khiêm nhường trung tín trong công việc thường nhật của mình. James S. Stewart nhận xét:

Trong thực tế, họ không có nhiều ý nghĩa về những con người bình thường, bần rận với các công việc bình dị lại là những người trước tiên được thấy vinh quang Chúa đến đó sao? Thứ nhất, ý nghĩa về nơi làm việc của họ, tuy thật bần tiện lại là nơi của sự kiện thấy. Và thứ hai là những con người đã giữ được sự giản dị sâu sắc trong cuộc sống, không mất đi tâm hồn con trẻ mà công thiên đúng luân sâu sắc mở ra cho họ.⁷

2:9-11 Một thiên sứ của Chúa đến với những kẻ chân chân, và một ánh sáng rực rỡ huy hoàng chói lòa xung quanh. Khi họ cúi lại kính sợ thì thiên sứ an ủi họ và loan báo một tin tức tốt lành. Đó là **một sự vui mừng lớn** cho muôn dân. Ấy là ngày hôm nay, lại thành Bết-lê-hem, một Con Trẻ được sanh. Con Trẻ này là **Đấng Cứu Thế**, là **Christ**, là **Chúa!** Tại đây chúng ta có hệ thống thần học được thu nhỏ. Trước hết, Ngài là **Đấng Cứu Thế**, được mô tả trong danh xưng của Ngài

là Jêsus. Kế đến, Ngài là **Christ**, Đấng được xúc đầu, Đấng Mèsi của dân Ysraên. Sau cùng, Ngài là **Chúa**, Đức Chúa Trời bày tỏ trong xác thịt.

2:12 Làm sao những kẻ chân chân nhận biết Ngài? Thiên sứ ban cho họ một **đấu hiệu** có hai phần. Trước tiên là Con Trẻ được bọc **bằng khăn**. Trước đây họ cũng đã thấy những đứa trẻ được quấn bằng khăn. Nhưng thiên sứ lại loan báo rằng Con Trẻ ấy là Chúa. Chưa từng có ai thấy Chúa như là một **Con Trẻ được bọc bằng khăn**. Phần thứ hai của dấu hiệu là Ngài **nằm trong máng cỏ**. Việc những kẻ chân chân đã từng thấy một đứa trẻ ở một nơi không ai nghĩ đến như thế thật khó tin. Sự si nhục này được dành cho Chúa của sự sống hiển vinh khi Ngài bước vào trong trần thế của chúng ta. Điều này làm cho tâm trí chúng ta quay cuồng khi nghĩ về Đấng Tạo Hóa và Đấng Vua Gióp đã bước vào trong lịch sử nhân loại không như một vị anh hùng viên chính nhưng lại là một **Con Trẻ**. Tuy nhiên đây chính là lẽ thật của Sự Biến Thế.

2:13,14 **Bổn chức** niềm vui ngất ngây bị dồn nén trên thiên đàng được tuôn trào ra. **Muôn vạn thiên binh** với **thiên sứ** xuất hiện ngợi khen Đức Chúa Trời. Bài ca của họ, ngày nay được mọi người biết với tiêu đề *Tụng ca Chúa trên các tầng trời rất cao*, bọc lộ hết ý nghĩa đầy trọn của việc Con Trẻ sinh ra. Cuộc đời và chức vụ của Ngài sẽ làm sáng danh Chúa trên **các tầng trời rất cao**, và bình an dưới đất. **Ấn trách** cho loài người, hay đối với loài người thì Ngài cũng được thừa lòng.⁸ Những con người mà Chúa thừa

lòng là những ai ăn năn tội lỗi mình và tiếp nhận Chúa Jêsus Christ làm Chúa và Đấng Cứu Thế.

2:15-19 Ngay khi các thiên sứ là khỏi, **bạn chạn chiên** vội vàng tới thành Bêlêhem thấy Mari Giôxép, và Jêsus đang nằm trong máng cỏ. Họ thuật lại đầy đủ về sự viếng thăm của các thiên sứ, gây ngạc nhiên đáng kể giữa những người đang quây quần trong chuồng chiên. **Còn Mari** có thêm sự hiểu biết sâu sắc hơn về những gì đang xảy ra; bà chắt chũa mọi lời ấy, và suy nghĩ trong lòng.

2:20 **Bạn chạn chiên** trở về với bảy chiên mình, vui mừng khôn tả về mọi điều mình đã nghe và thấy, và tuôn tràn niềm vui thờ phượng Đức Chúa Trời.

I. Sự Cài Bì Và Đấng Con Trê Jêsus (2:21-24)

Ít nhất là có ba nghi lễ khác nhau được mô tả trong phần đoạn này:

1. Trước hết là **lễ cài bì** cho Chúa Jêsus. Lễ này được thực hiện khi Ngài được ngày thứ tám. Đó là dấu hiệu giao ước mà Đức Chúa Trời lập cùng Ápraham. Cũng cùng ngày đó thì **Con Trê** được đặt tên theo phong tục của người Do Thái. Trước đây thiên sứ đã truyền cho Mari và Giôxép gọi Ngài là **JÊSUS**.

2. Nghi lễ thứ hai liên quan đến sự **linh sạch** của Mari. Điều này xảy ra bốn mươi ngày sau sự sinh ra của Chúa Jêsus [xem Lêvi Ký 12:1-4]. Thông thường thì cha mẹ phải mang một chiên con lam của lễ thiếu và một hồ câu con hoặc cừ con lam của lễ chuộc tội.

Nhưng trong trường hợp nghèo khó thì họ được phép mang "**một cặp chim cừ hoặc chim bồ câu con**" (Lêvi 12:6-8). Thực tế thì Mari không mang theo một chiên con mà chỉ có **một cặp chim bồ câu con** phản ánh việc Chúa Jêsus được sinh ra trong nghèo khó.

3. Nghi thức thứ ba là dâng Chúa Jêsus ở đền thờ tại thành Giêrusalem. Từ lúc ban đầu Đức Chúa Trời ban lệnh là những đứa con trai đầu lòng phải thuộc về Ngài; chúng nó phải được đào tạo thành các thầy tế lễ (Xuất 13:2). Sau này Ngài biệt riêng một bộ tộc Lê-vi làm thầy tế lễ hầu việc (Xuất 28:1,2). Vậy thì cha mẹ được phép trả năm đồng shekel (đồng bạc Do Thái cổ) để "mua lại" hay "chuộc lại" con trai đầu lòng họ. Họ làm điều này khi họ dâng con cho Chúa.

J. Simêôn Sống Để Thấy Được Đấng Mesi (2:25-35)

2:25,26 Simêôn là một trong những người Do Thái tin kính Chúa còn sống sót và đang trông đợi Đấng Mesi đến. Đức Thánh Linh đã báo trước cho người biết mình sẽ không chết trước khi thấy **Đấng Christ** của Chúa hay Đấng Chịu Xức Dầu. "Đức Giêhôva kết bạn thiết cùng người kính sợ Ngài" (Thi 25:14). Có một sự truyền đạt lạ lùng những tri thức thiên thượng cho những ai bước đi cách yên lặng và suy tư trong sự tương giao với Chúa.

2:27,28 Điều này đã xảy đến khi Si-mê-ôn bước vào trung **đền** thờ dùng vào ngày **cha mẹ** của Chúa Jêsus dâng Ngài lên cho Chúa. Cách siêu nhiên,

ông được truyền cho biết rằng Con Trẻ nấy là Đấng Mêsi được hứa ban. **Người bồng ẵm con trẻ**, và thốt lên một bài ca dâng nhớ ngày nay được biết như The Nunc Dimittis (*Giờ Ngài cất con đi*).

2:29-32 Điệp khúc của bài ca như sau: **Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi từ Chúa được qua đời bình an. Tôi đã thấy được sự cứu vớt của Ngài trong Con Người của Đứa Trẻ nấy, Đấng Cứu Thế được hứa ban, như Ngài đã hứa với tôi. Chúa đã nhắc Ngài lên tâm sự cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Ngài sẽ làm ánh sáng trước mặt muôn dân** (Sự Giáng Sinh của Ngài) và chiếu sáng vinh hiển cho **dân Ysraên là dân Ngài** (Sự Tái Lâm của Ngài). Simêôn sẵn sàng chết sau khi ông đã gặp Chúa Jêsus. Nọc của sự chết đã biến mất.

2:33 Luca đã cẩn thận bảo vệ tín lý sự Sinh hạ Đồng Trinh bằng lời viết **Giôsêp và mẹ con trẻ**, như được đọc trong bản King James truyền thống theo phần lớn các bản thảo.⁹

2:34,35 Sau khi liên tục ngợi khen Chúa vì Đấng Mêsi, **Simêôn chúc phước** cho cha mẹ, kể đó ông nói lời tiên tri với **Marl**. Lời tiên tri này gồm bốn phần:

1. **Con Trẻ nấy đã định làm một cơ cho nhiều người trong Ysraên vấp ngã hoặc dậy lên.** Cho những kẻ kiêu ngạo, không chịu ăn năn và không lìn nhận sẽ bị **vấp ngã** và bị trừng phạt. Cho những người khiêm nhường, ăn năn tội lỗi mình và tiếp nhận Chúa Jêsus Christ thì sẽ được **dậy lên** và sẽ được **phước**.

2. **Con Trẻ định làm... một dấu gây nên sự cãi vả.** Có một tầm quan trọng đặc biệt liên quan đến Con Trẻ của Đấng Christ. Chính sự hiện diện của Ngài trên đất ra sự quả trách mạnh mẽ đến tội lỗi và sự bất khiết, điều nấy đã làm lộ ra sự hận thù cay đắng trong lòng của con người.

3. **Còn phần người, cơ một thanh gươm sẽ đâm thấu qua lòng người.** Tại đây, Simêôn đang tiên đoán đến một nỗi đau buồn sẽ ngập tràn trong lòng của Mari khi bà chứng kiến sự đóng đinh của Con Trai mình (Giăng 19:25).

4. **tư tưởng trong lòng nhiều người sẽ được bày lộ.** Cách thức mà con người phản ứng lại với Đấng Cứu Thế sẽ là một sự thử nghiệm về động cơ bên trong và lòng yêu mến của họ.

Vì thế, bài ca của Simêôn chứa đựng những ý tưởng của đá thử vàng, hòn đá vấp chân, đá kê chân và gươm.

K. Nữ liên tri Anna (2:36-38)

2:36,37 Bà liên tri Anne, cũng như Simêôn, là một thành viên trung tín còn sót lại giữa dân Ysraên và bà đang trông mong sự giáng sinh của Đấng Mêsi. Bà thuộc chi **phái Ase** (Nghĩa là hạnh phúc, được phước), là một trong mười chi phái bị bắt đưa sang xứ Asiri làm phu tù vào năm 721 trước CN. Có lẽ bà Anne phải sống hơn một trăm tuổi, bà đã kết hôn được **bảy năm** và sau đó thì ở góa cho tới **tám mươi bốn tuổi**. Là một **nữ liên tri**, chắc chắn bà nhận được những sự mặc khải thiên thượng và **hầu việc Đức Chúa Trời** như là người phát ngôn cho Ngài. Bà trung tín tham gia những

buổi lễ chung tại **đền thờ**, thờ phượng bằng sự **kiêng ăn và nài xin đêm ngày**. Tuổi cao không ngăn trở bà hầu việc Chúa.

2:38 Ngay khi **Jésus** được dâng lên cho Chúa và ngay khi **Siméon** đang trò chuyện cùng **Mari** thì bà **Anne** tới gần nhóm nhỏ này. Bà **ngợi khen Đức Chúa Trời** vì **Đấng Cứu Thế** được hứa ban nấy, rồi **nói chuyện về Jésus** với mọi người trung tín của **thành Giêrusalem** đang trông đợi sự **giải cứu**.

2:39 Sau khi **Giôsép** và **Mari** đã làm trọn những nghi lễ tinh sạch và dâng con rồi thì **trở về thành của mình** là **Naxarét** trong xứ **Galiê**. Luca không đề cập đến sự thăm viếng của các nhà thông thái hay sự trốn sang xứ Ai-cập.

L. Thời Miên Thiếu Của Chúa Jésus (2:40-52)

2:40 Sự trưởng thành của **Con Trẻ Jésus** được trình bày như sau: *Về thể chất, Con Trẻ lớn lên, và mạnh mẽ.*¹⁰ Ngài trải qua những giai đoạn thông thường trong việc phát triển thể chất, tập đi, tập bước, vui đùa và làm việc. Vì cơ đó mà Ngài có thể đồng cảm với chúng ta trong từng giai đoạn trưởng thành. *Về tâm trí*, Ngài được **đầy đầy sự khôn ngoan**. Ngài không chỉ học đánh vần bằng chữ cái, học những con số hay tất cả những tri thức phổ biến trong thời đó nhưng Ngài lớn lên trong **sự khôn ngoan**, đó là trong sự ứng dụng thực tiễn tri thức này cho những nan đề của đời sống. *Về tâm linh*, **Ơn Đức Chúa Trời ngự trên Ngài**. Ngài đồng công, đồng hành với Đức

Chúa Trời và tương dựa vào Đức Thánh Linh. Ngài học Kinh Thánh, dành thời gian cầu nguyện và vui thích làm theo Thánh ý của Cha Thiên Thượng.

2:41-44 Một đứa bé trai người Do Thái sẽ trở nên con của luật pháp vào tuổi mười hai. Khi Chúa chúng ta **lên mười hai tuổi** thì gia đình Ngài làm một chuyến hành hương hàng năm lên **thành Giêrusalem** dự **Lễ Vượt Qua**. Nhưng khi họ rời nơi đó để trở về xứ **Galiê** thì họ chẳng để ý rằng **Jésus** không có trong những người cùng đi. Điều này dường như hơi kỳ lạ với chúng ta trừ phi chúng ta nhận biết rằng chắc có lẽ gia đình đang hành trình cùng với một đoàn người khá đông. Họ không nghi ngại vì cho là Chúa **Jésus** đang cùng đi với những đứa trẻ khác tạc tuổi Ngài.

Trước khi chúng ta chê trách **Giôsép** và **Mari** thì chúng ta cũng nên nhớ rằng chúng ta thật dễ dàng đi **lối** một ngày mà cứ tưởng rằng Chúa **Jésus** cũng đồng đi trong khi thật ra chúng ta đã mất hút Ngài bởi tội lỗi không chịu xưng nhận trong đời sống chúng ta. Để thiết lập lại sự gặp gỡ Ngài chúng ta phải trở lại nơi mà mối thông công bị đổ vỡ, rồi xưng nhận và từ bỏ tội lỗi mình.

2:45-47 Trở lại **thành Giêrusalem**, cha mẹ hoang hốt: **gặp Chúa Jésus** tại **trung đền thờ**, **đang ngồi** giữa mấy thầy **hùng thái**, vừa nghe vừa hỏi. Không có hàm ý rằng Ngài hành động như một đứa trẻ sồni nhận thức, đang tranh luận với những người lớn tuổi hơn Ngài. Đúng hơn Ngài giữ lấy

vị trí của một đứa trẻ bình thường, khiêm nhường và yên lặng học hỏi từ những người thầy của Ngài. Tuy nhiên trong quá trình học hỏi thì Ngài chắc phải có những câu hỏi bởi vì dân chúng đều lạ khen về sự khôn ngoan và lời đối đáp của Ngài.

2:48 Ngay cả cha mẹ Ngài cũng lấy làm lạ. Khi họ thấy Chúa Jêsus dự phần cách thông minh vào cuộc thảo luận với những con người nhiều tuổi hơn Ngài. Nhưng mẹ Ngài biểu lộ sự lo lắng chống chọi và bực dọc qua sự khiển trách Ngài. Ngài không biết rằng họ rất lo lắng cho Ngài hay sao?

2:49 Chúa đáp lại. Đây là những lời nói đầu tiên của Ngài được ghi lại cho thấy rằng Ngài nhận biết thật rõ ràng Ngài chính là Con của Đức Chúa Trời cũng như sứ mạng thiên thượng của Ngài. "Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?" *Mari* nói, "Cha và mẹ" *Ngài* nói, "việc Cha tôi sao?"

2:50 Lúc đó, hai người không hiểu Ngài có ý muốn nói gì qua lời nói khó hiểu đó. Thật là một điều bất thường khi một đứa trẻ mười hai tuổi nói như thế!

2:51 Dù sao thì họ đoàn tụ lại và cùng nhau trở về thành Naxarét. Tình ưu việt về đạo đức của Chúa Jêsus được thấy qua những lời "Ngài... chịu lụy cha mẹ." Dầu Ngài là Đấng Tận Hóa của vũ trụ nhưng Ngài mang lấy vị trí làm Con Trẻ biết vâng lời trong gia đình Do Thái hiền hạ nấy. Nhưng mọi lúc Mẹ Ngài ghi các lời ấy vào lòng.

2:52 Một lần nữa chúng ta được mô tả về nhên tính thật và sự tăng

trưởng bình thường của Chúa Jêsus chúng ta được mô tả:

1. Sự trưởng thành về tâm trí - **khôn ngoan càng thêm.**

2. Sự trưởng thành về thể chất - **lân hình càng lớn.**

3. Sự trưởng thành về tâm linh - **càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời.**

4. Sự trưởng thành về mặt xã hội - **đẹp lòng người ta.**

Ngài hoàn hảo cách tuyệt đối trong mọi phương diện trưởng thành của Ngài. Tại đây, bài tường thuật của Luca đã bỏ qua mười tám năm yên lặng của Chúa Jêsus tại thành Naxarét làm Con Trai của người thợ mộc. Những năm tháng này dạy dỗ chúng ta tầm quan trọng của việc chuẩn bị và tối luyện, một nhu cầu cho sự nhẫn nhục và chân giả trị của một công việc thông thường. Nó cảnh báo sự cám dỗ về việc từ sự sinh hạ thuộc linh nhẩy ngay vào trong chức vụ công khai. Những ai không có thời thơ ấu và niên thiếu với tâm linh bình thường thì sẽ chuốc lấy thảm họa trong đời sống và đời chứng sau này của mình.

III. SỰ CHUẨN BỊ BƯỚC VÀO CHỨC VỤ CỦA CON LOÀI NGƯỜI (3:1 - 4:30)

A. Sự Chuẩn Bị Của Sơ Giã Ngài (3:1-20)

3:1,2 Là một nhà sử học, Luca xác định được năm mà Giăng bắt đầu tác giảng qua việc nói rõ tên của những nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo đang nắm quyền. Hoàng đế Sêsa, quan tổng đốc, ba chư hầu, hai thầy cả thượng phẩm. Những người lãnh đạo được đề cập có hàm ý nói lên sự kiểm soát sắt đá mà xứ Ysraên chịu được

khi bị làm nô dịch. Dữ kiện về hai thầy tế lễ thượng phẩm chứng tỏ rằng đất nước đang ở trong tình trạng hỗn loạn về phương diện chính trị lẫn tôn giáo. Mặc dù có những con người vĩ đại bởi sự kính trọng của thế gian nhưng họ là những con người gian ác, vô tâm trong con mắt của Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi Ngài muốn phán với con người, Ngài chẳng hề quan tâm đến nơi cung điện hay nhà hội nhưng lại gửi sứ điệp của Ngài cho **Giăng, con Xachari, ở nơi đồng vắng.**

3:3 Tức thì Giăng đi khắp miền lân cận sông Giôđanh, chắc gấn thành Giêri-ô. Tại đó, ông kêu gọi dân Ysraên hãy an nản tội mình để được tha và hãy chuẩn bị vì Đấng Mési sắp đến. Ông cũng kêu gọi dân chúng hãy làm lễ báp-tem như một dấu hiệu bên ngoài tỏ cho thấy rằng họ thật sự ăn năn. Giăng là một tiên tri thật, một lương tâm được biểu hiện, kêu la chống nghịch tội lỗi, kêu gọi sự tươi mới làm linh.

3:4 Vì thế, chức vụ ông là một sự đáp ứng lời tiên tri trong **Êsai 40:3-5**. Ông là **tiếng kêu la trong đồng vắng**. Nói theo thuật linh thì Ysraên đang ở trong **đồng vắng** vào lúc này. Là một nước nhưng Ysraên thật khó cần và âm đạm, không sinh trái cho Đức Chúa Trời. Hấu để chuẩn bị cho sự đến của Đấng Christ thì dân sự phải trải qua sự thay đổi đạo đức. Trong những ngày đó, khi một vị vua sắp đi tham viếng một nơi nào thì những sự chuẩn bị thật tỉ mỉ để làm hàng phủng con đường cho lối đi của vua càng sớm càng tốt. Đây là điều mà Giăng

kêu gọi dân sự phải làm. Đây không phải là vấn đề sửa chữa lại con đường theo nghĩa đen nhưng là chuẩn bị lòng họ để tiếp nhận Ngài.

3:5 Những ảnh hưởng của việc Đấng Christ đến được mô tả như sau:

Mọi nơi sừng thấp sẽ lấp cho đầy
 .. Những ai thật sự ăn năn và hạ mình thì sẽ được cứu và thỏa lòng.

Các núi gò thì bị hạ xuống – Những con người như người Pharisai và thầy thông luật cao ngạo sẽ bị hạ xuống.

Đường quanh quẹo thì làm cho ngay – Những người bất lương như người thu thuế thì phẩm tính của họ sẽ được làm ngay lại.

Đường gập ghềnh thì làm cho bằng – Những người linh hay những con người có tính khi hung dữ thô bạo, sẽ được chế ngự và được làm cho hiền hòa hơn.

3:6 Kết quả sau cùng sẽ là **mọi loài xác thịt** – cả dân Do Thái lẫn ngoại bang – sẽ **thấy sự cứu của Đức Chúa Trời**. Trong sự đến lần thứ nhất của Ngài thì sự cứu rồi được ban cho tất cả mọi người mặc dù không phải ai cũng tiếp nhận Ngài. Khi Ngài trở lại để cai trị thì câu này sẽ có sự đáp ứng trọn vẹn của nó. Rồi thì tất cả dân Ysraên được cứu và dân ngoại bang sẽ được chia sẻ những ơn phước trong vương quốc sáng láng của Ngài.

3:7 Khi đoàn dân đến để Giăng làm phép báp-tem, ông nhận thấy không phải tất cả trong bọn họ đều thật lòng. Một số người chỉ giả vờ mà không hề có sự đòi khát công bình. Với những con người như thế thì

Giăng gọi họ là đồng dôi rần lục. Câu hỏi: "ai đã dạy các người tránh khỏi cơn thanh nộ ngày sau?" hàm ý rằng Giăng đã không dạy họ; sự điệp của ông dạy dỗ cho những ai sẵn lòng xưng ra tội lỗi mình.

3:8 Nếu họ thật lòng với Chúa thì họ nên bày tỏ cho thấy họ thật sự ăn năn qua sự biến đổi đời sống. Sự ăn năn thật sẽ sinh bông trái. Họ không nên tự nghĩ rằng họ là đồng dôi của **Ápraham** là đủ rồi, quan hệ với những con người thánh không làm cho họ trở nên thánh. Đức Chúa Trời không giới hạn phái là con cháu của Ápraham mới thực hiện được mục đích của Ngài. Ngài có thể dùng **những đá nẩy** ở sông Giôđanh và **sanh ra con cái cho Ápraham**. *Nhưng đá nẩy* ở đây chắc chắn là hình ảnh của những người ngoại bang được Chúa biến đổi bởi phép lạ qua ân điển thiên thượng để trở nên những con người tin Ngài với cùng một đức tin như Ápraham. Đây là điều đã xảy ra đúng như vậy. Đồng dôi tự nhiên của Ápraham, đã trở nên một dân tộc chối bỏ Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Nhưng có nhiều người dân ngoại tin nhận Ngài làm Cứu Chúa và vì thế cho nên họ đã trở thành đồng dôi thuộc linh của Ápraham.

3:9 Cái búa đã để kể gốc cây là một sự diễn tả bóng bẩy, có ý rằng khi Đấng Christ đến sẽ thử xem sự ăn năn thật của con người. Những cá nhân nào không biểu hiện được bông trái của sự ăn năn thì sẽ bị định tội.

Những lời nói ra từ miệng Giăng như những thanh gươm. "đồng dôi rần lục" "cơn thanh nộ ngày sau"

"búa" "bị đốn" "chục.." Tiên tri của Chúa không bao giờ ăn nói quanh co: Họ là những con người đạo đức, và lời nói của họ đập vỡ con người như những cây riu mà ông cha ta đập vào mào trụ của quân thù (Bản ghi chú đường ngày của Liên Đoàn Đọc Kinh Thánh).

3:10 Cẩn rứt bởi sự nhận thức tội lỗi, **chúng bèn** hỏi Giăng những để nghị thực tiễn như làm thế nào để chứng minh được sự ăn năn thật của mình.

3:11-14 Trong câu 11-14, ông đã cho họ những phương cách thật rõ ràng qua đó họ có thể chứng minh được sự thành thật của mình. Nói chung, họ phải yêu thương kẻ lân cận như mình qua việc chia sẻ quần áo và **đổ ăn** cho những người nghèo khổ.

Đối với **những người thu thuế** thì họ phải thành thật trong công việc mình. Giai cấp của họ khét tiếng là không thật thà. Đây là một bằng chứng hiển nhiên cho sự thay đổi thật.

Sau cùng là với **quân lính** đang thi hành nhiệm vụ, họ được dạy phải tránh ba tội thông thường đối với những con người trong quân ngũ - Hả hiếp, phẫn gạt và sự không thờ a tòng. Thật rất quan trọng khi nhận thức rằng con người không được sự cứu rỗi bởi những việc làm này; đúng hơn đây chỉ là những bằng chứng bên ngoài cho thấy lòng họ thật ngay thẳng trước Chúa.

3:15,16a Sự khiêm nhường của Giăng thật đáng chú ý. Ít ra thì vào thời điểm đó, ông có thể tự cho mình

là Đấng Mêsi và thu hút một đám đông người theo ông. Nhưng thay vào đó thì ông so sánh mình chẳng đáng gì so với Đấng Christ. Ông giải thích rằng phép báptem của ông chỉ là bề ngoài và mang tính thuộc thế, trái lại phép báptem của Đấng Christ sẽ là bên trong và thuộc linh. Ông tuyên bố rằng ông không đáng mở đầy giày Ngài.

3:16b,17 Phép báptem của Đấng Christ sẽ bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa. Phép báptem của Ngài là một chức vụ có hai phần. Trước hết, Ngài sẽ làm phép báptem cho tín hữu bằng Đức Thánh Linh – một lời hứa cho những gì sẽ xảy đến trong Ngày Lễ Ngũ Tuần khi những tín hữu được làm phép báptem trở nên thân thể của Đấng Christ. Nhưng điều thứ hai là Ngài sẽ làm báptem bằng lửa.

Từ câu 17, dường như nói rõ rằng phép báptem bằng lửa là phép báptem của sự phán xét. Tại đó, Chúa được phác họa như là một người giẽ lúa. Khi Ngài sảy lúa lên thì trấu sẽ bị thổi qua hai bên sân đập lúa. Sau đó nó được quét sạch và mang đi đốt.

Khi Giảng nói những điều đó với một đám đông lẫn lộn những người tin và người không tin – Ông đề cập đến cả phép báptem bằng Đức Thánh Linh và phép báptem bằng lửa. (Mat 3:11 và câu này). Tuy nhiên khi nói với các tín hữu (Mác 1:5) thì ông bỏ qua phép báptem bằng lửa (Mác 1:8). Không có một tín hữu thật nào sẽ phải trải qua báptem bằng lửa cả.

3:18-20 Giờ thì Luca sẵn sàng quay ánh đèn pha từ Giảng sang Chúa Jêsus. Vì vậy, trong những câu này,

Luca tóm tắt phần còn lại của chức vụ Giảng và đưa chúng ta tiến tới thời điểm Giảng bị Hêrốt cầm tù. Thật ra việc Giảng bị tù xảy ra vào thời điểm mười tám tháng sau đó. Ông đã can gián Hêrốt vì phạm tội tà dâm với em dâu mình. Sau đó Hêrốt lại chất thêm lên cho những tội lỗi của mình bằng cách bắt Giảng bỏ tù.

B. Sự Chuẩn Bị Qua Phép Báptem (3:21,22)

Khi Giảng từ ẩn khỏi sự chú ý của chúng ta thì Chúa Jêsus chuyển vào vị trí nổi bật. Ngài mở ra chức vụ công khai của Ngài ở tuổi ba mươi bởi phép báptem tại Sông Gio-đanh.

Có một vài điểm thật thú vị: Trong sự tường thuật về phép báptem của Ngài.

1. Cả Ba Thân Vị của Ba Ngôi Đức Chúa Trời được thấy tại đây: Chúa Jêsus (câu 21); Đức Thánh Linh (câu 22a); Đức Chúa Cha (câu 22b).

2. Chỉ có một mình Luca ghi nhận lại dữ kiện Chúa Jêsus cầu nguyện trong lễ báptem của Ngài (câu 21). Điều này giống như ý định của Luca khi trình bày Đấng Christ là Con Loài Người, luôn phụ thuộc vào Đức Chúa Cha. Đời sống cầu nguyện của Chúa chúng ta thật là một chủ đề vượt trội trong Sách Tin Lành này. Ngài cầu nguyện tại đây, khởi đầu chức vụ công khai của Ngài. Ngài cầu nguyện khi Ngài trở nên có tiếng tăm và khi những đoàn dân đông đi theo Ngài (5:16). Ngài thức và đêm cầu nguyện trước khi Ngài chọn mười hai môn đồ mình (6:12). Ngài cầu nguyện trước khi vụ việc xảy ra ở Sêsarê Philip, cao điểm trung chức vụ giảng dạy của

Ngài (9:18). Ngài cầu nguyện trên Núi Hôa Hinh (9:28). Ngài cầu nguyện trước sự hiện diện của môn đồ, và điều này tạo ra bài cầu nguyện chung (11:1). Ngài cầu nguyện khi Phi-ê-rô thối lui (22:32). Ngài cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-manê (22:41,44)

3. Phép báp-têm của Chúa Jê-sus là một trong ba lần mà Đức Chúa Trời phán **lời** về chức vụ của chính **Con** yếu đuối Ngài. Trong ba mươi năm mắt Chúa đã dõi xem một Đời Sống vô tội tại Naxarét; Đây là lời phán quyết "**đẹp lòng Ta mọi đấng.**" Thêm hai lần nữa Đức Chúa Cha phán trước mặt mọi người từ trời là: Khi Phi-ê-rô đề nghị dựng lên ba lều tạm trên Núi Hôa Hinh (Luca 9:35), và khi những người Gô-réc đến với Phi-líp, ao ước được thấy Chúa Jê-sus (Giăng 12:20-28).

C. Sự Chứng B) Bởi Việc Dạy Phán Vào Nhân Tính Con Người (3:23-28)

Trước khi khởi sự chức vụ của Chúa chúng ta, Luca tạm dừng để trình bày gia phả của Ngài. Néc Chúa Jê-sus thật là con người thì Ngài phải thuộc dòng dõi của **Adam**. Bằng gia phả này cho thấy Ngài thật như vậy. Bản gia phả này được tin một cách rộng rãi rằng Chúa Jê-sus được kế qua dòng dõi của Mari. Hãy lưu ý trong câu 23 không nói Chúa Jê-sus là con trai của Giô-sép nhưng ("**được cho là**) **con Giô-sép.**" Nếu quan điểm này là đúng thì **Hê-li** (câu 23) là cha vợ của Giô-sép và là cha của Mari.

Nhiều học giả tin rằng đây là bản gia phả của Chúa qua Mari vì những lý do sau đây:

1. Thật hiển nhiên nhất là dòng dõi gia đình Giô-sép được truy nguyên trong Tin Lành Mathiơ (1:2-16).

2. Những chương đầu của Tin Lành Luca Mari nổi bật hơn Giô-sép nhưng ở Sách Mathiơ thì ngược lại.

3. Tên của phụ nữ thường không được dùng giữa vòng người Do thái như là mối quan hệ gia phả. Điều này lý giải cho việc tên bà Mari bị loại bỏ.

4. Trong Mathiơ 1:16 được trình bày rõ ràng rằng Giacôp sanh Giô-sép. Còn tại đây trong Sách Luca thì không nói rằng Hê-li sanh Giô-sép nhưng nói Giô-sép là con của Hê-li. *Con ở đây có thể có ý là con rể.*

5. Trong ngôn ngữ gốc, mạo từ hạn định (*tou*) trong hình thức sở hữu (*của*) xuất hiện trước mỗi tên trong gia phả ngoài trừ *một tên*. Tên đó là Giô-sép. Sự ngoại lệ hiếm có này cho chúng ta giả thuyết mạnh mẽ rằng Giô-sép được kể đến chỉ bởi vì ông kết hôn cùng Mari mà thôi.

Mặc dù không cần thiết để xem xét kỹ lưỡng từng chi tiết nhưng thật hữu ích nếu chúng ta lưu ý một vài điểm thật quan trọng sau đây:

1. Bản danh sách này cho thấy Mari thuộc dòng dõi Davít qua con trai người là Nathan (câu 31). Trong Tin Lành Mathiơ thì Chúa Jê-sus được thừa hưởng quyền hợp pháp của Ngài Davít qua Salômôn.

Là Con Trai hợp pháp của Giô-sép, Chúa đã làm trọn phần giao ước của Đức Chúa Trời cho Davít qua lời hứa là ngài ông sẽ còn tiếp tục đến đời đời. Nhưng Chúa Jê-sus không thể là con trai thật của Giô-sép mà không chịu sự rửa sã của Đức Chúa Trời trên

Giêcônias rằng không một ai trong dòng dõi vua gian ác đó sẽ thịnh vượng (Giêrêmi 22:30)

Là Con Trai thật của Mari, Chúa Jêsus đã làm trọn phần giao ước của Đức Chúa Trời đối với Đavít mà Ngài hứa rằng *dòng dõi* ông sẽ ngự trên ngai mãi mãi. Và là dòng dõi của Đavít qua Na-than, Ngài không chịu sự rủa sả của Giêcônias.

2. **Adam** được mô tả là **con Đức Chúa Trời** (câu 38). Điều này đơn giản là ông được Đức Chúa Trời tạo dựng nên.

3. **Thật hiển nhiên** là dòng dõi Mêsai được chấm dứt qua Chúa Jêsus. *Không có ai khác* có thể tuyên bố cách hợp pháp và có hiệu lực về quyền thừa hưởng ngai Đavít.

D. Sự Chuẩn Bị bởi Thờ Thánh (4:1-13)

4:1 Không có lúc nào trong cuộc đời Chúa Chúng ta mà Ngài không đẩy dầy Thánh Linh, nhưng ở đây là việc để cập thật chi tiết về sự cảm dỗ của Ngài. Được **đẩy dầy Đức Thánh Linh** có nghĩa là hoàn toàn đầu phục Ngài, hoàn toàn vâng theo mỗi lời của Đức Chúa Trời. Một người được đẩy dầy Thánh Linh thì phải từ bỏ chính mình và mọi tội lỗi, sống dư dật trong Lời Chúa. Khi Chúa Jêsus ở bờ sông Giôđanh về, nơi Ngài chịu phép báptem thì Ngài được **Đức Thánh Linh** đưa đến trong **đồng vắng** - có lẽ là Đồng Vắng xứ Giuđê, dọc theo bờ biển phía tây Biển Chết.

4:2,3 Tại đó, Ngài bị **ma quỷ** cảm dỗ trong bốn mươi ngày - **Những ngày** mà Chúa chúng ta **không ăn gì hết**. Sau bốn mươi ngày đó, một sự cảm dỗ có ba phần xảy đến mà chúng ta ai

cũng quen thuộc với nó. Thật sự nó xảy ra ở ba địa điểm khác nhau - trong đồng vắng, trên núi và đến thờ tại Giêrusalem. Tinh con người thật của Chúa Jêsus được phản ánh qua những từ **Ngài đói**. Đây là mục tiêu của sự cảm dỗ iến đầu. Satan để nghị Chúa có thể dùng quyền phép thiên thượng để thỏa mãn cơn đói của cơ thể. Sự cảm dỗ này thật tinh tế vì hành động này trong chính nó là sự hoàn toàn hợp lý. Nhưng nó sẽ sai trật nếu Chúa Jêsus làm trong sự vâng phục Satan; Ngài phải hành động theo ý chỉ của Cha Ngài.

4:4 **Đức Chúa Jêsus** chống trả sự cảm dỗ bằng việc trích dẫn Kinh Thánh (Phục Truyền 8:3). Vâng theo Lời Đức Chúa Trời thì quan trọng hơn là làm thỏa mãn sự thèm muốn thể chất. Ngài không tranh cãi. Darby nói "Lời Kinh Thánh làm cho miệng cảm lặng khi đứng trong quyền năng Thánh Linh. Tất cả bi quyết của sức mạnh trong xung đột là dùng Lời Chúa một cách đúng đắn."

4:5-7 Với cảm dỗ thứ hai, **ma quỷ... cho Chúa Jêsus xem mọi nước thế gian trong giây phút**. Đối với Satan thì không mất nhiều thời giờ để cho xem hết tất cả những gì nó muốn ban. Không phải là chính thế gian nhưng là mọi nước thế gian mà nó hứa ban. Điều này cho thấy rằng nó có **quyền phép** trên **các nước** trong thế gian. Vì cơ tội lỗi con người mà Satan đã trở thành "vua chúa của thế gian" (Giăng 12:31; 14:30; 16:11), "chúa đời này" (1Ti. Côr 4:4), và "vua cảm quyền chốn không trung" (Êphêsô 2:2). Chương trình của Đức Chúa Trời là "nước của

thế gian" sẽ có một ngày "thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài" (Khải 11:15). Vì vậy Satan đang hứa ban cho Đấng Christ những gì mà sau này cũng sẽ thuộc về Ngài.

Nhưng đương nhiên là không có con đường tắt đến ngôi vua. Thập tự giá phải đi trước. Theo ý định của Đức Chúa Trời Chúa Jêsus phải chịu khổ nạn trước khi Ngài bước vào trong mọi vinh hiển Ngài. Ngài không thể có được sự kết thúc hợp pháp bằng bất cứ phương tiện sai trật nào. Ở bất cứ hoàn cảnh nào Ngài cũng không **sấp mình** trước ma quỷ dù phải trả một giá như thế nào đi nữa.

4:8 Chính vì thế, Chúa đã trưng dẫn trong Phục Truyền 6:13 bày tỏ cho thấy rằng là Con Người, Ngài chỉ **thờ phượng** và **hầu việc** Đức Chúa Trời mà thôi.

4:9-11 Trong lần cảm dỗ thứ ba, Satan đem Chúa Jêsus lên **hành Giêrusalem**, để Ngài **trên nóc đền thờ**, và để nghị Ngài **gieo mình xuống**. Có phải Đức Chúa Trời có hứa trong Thi Thiên 91:11, 12 rằng Ngài sẽ gìn giữ Đấng Mêsai không? Đương nhiên là Satan cố cảm dỗ để Chúa Jêsus tố chính Ngài là Đấng Mêsai bởi cú nhảy hồi hộp chết người này. Trên tri Malachi báo trước rằng Đấng Mêsai thình lình đến đến thờ (Malachi 3:1). Vậy thì ở đây Chúa Jêsus có cơ hội để có được danh tiếng và nhiều người biết đến như là Đấng Giải Cứu được hứa mà không cần phải lên đồi Gôgôtha.

4:12 Trong lần thứ ba này, Chúa Jêsus chống lại sự cảm dỗ bằng cách

trích dẫn lời Kinh Thánh. Trong Phục Truyền 6:16 cảm không được **thờ Đức Chúa Trời**.

4:13 Bị đánh bại bởi gương Thánh Linh, **ma quỷ bèn tạm lìa** Chúa Jêsus. Sự cảm dỗ thường đến theo từng đợt chứ không liên tục.

Thêm một vài điểm nên được để cập liên quan đến sự cảm dỗ:

1. Sự sắp xếp trong sách Luca khác với sách Mathew. Sự cảm dỗ lần thứ hai và thứ ba đảo ngược nhau; không hiểu lý do.

2. Trong ba trường hợp thì rauc địch đưa ra đều chính đáng cả, nhưng phương cách để đạt được nó thì hoàn toàn sai. Nghe theo Satan, thờ lạy nó và những vật khác là hoàn toàn sai trật. Thờ Chúa cũng là sai trật.

3. Sự cảm dỗ lần thứ nhất là cảm dỗ về thân thể, lần thứ hai là linh hồn và thứ ba là tâm linh. Nó lôi cuốn trước hết là sự ham mê xác thịt, ham mê của mắt và sự kiêu ngạo của đời.

4. Ba sự cảm dỗ này xoay vào ba nghị lực mạnh mẽ nhất của sự hiện hữu con người -- Tham mê của thể xác, ham muốn quyền lực và của cải, ham muốn sự công nhận của công chúng. Các môn đồ thường bị cảm dỗ để chọn lấy con đường dễ dàng và thoải mái, tìm kiếm vị trí nổi bật trong thế gian và kiếm được chức vị cao trong Hội Thánh.

5. Trong tất cả ba sự cảm dỗ này, Satan dùng những lời lẽ mang tính tôn giáo và thế là nó mặc lấy sự cảm dỗ bằng trang phục của sự kính trọng bề ngoài. Ngay cả nó cũng trích dẫn Kinh Thánh (câu 10 và 11).

James Stewart khéo léo nêu lên:

Khi nghiên cứu về sự cảm dỗ được thuật lại đã làm sáng tỏ hai điểm rất quan trọng. Nói cách khác, điều này minh chứng rằng sự cảm dỗ không nhất thiết là tội lỗi. Hay đáng hơn sự thuật lại này đã giúp thúc đẩy kể lời dạy của một môn đồ sau này: "Và, chính mình Ngài chịu khổ trong khi bị cảm dỗ, nên có thể vượt những kẻ bị cảm dỗ vậy" (Hêbơrô 2:18).¹¹

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng sự cảm dỗ sẽ trở nên vô nghĩa nếu Chúa Jêsus không thể phạm tội được. Thực tế Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời thì không thể phạm tội. Chúa Jêsus không bao giờ từ bỏ thuộc tính thiên thượng của Ngài. Tình Đức Chúa Trời trong Ngài được giấu kín trong suốt cuộc đời Ngài trên đất nhưng nó không bị hay không thể bị bỏ qua một bên. Một số người nói rằng Ngài không thể phạm tội vì Ngài là Đức Chúa Trời nhưng Ngài có thể phạm tội vì Ngài là Con Người. Nhưng Ngài vẫn vừa là Đức Chúa Trời và vừa là Con Người, và không thể nghĩ rằng ngày nay Ngài có thể phạm tội. Mục đích của sự cảm dỗ không phải để nhận biết Ngài có thể phạm tội hay không nhưng để minh chứng rằng Ngài không thể phạm tội. Chỉ có Con Người thánh khiết và không hề phạm tội mới có thể làm Đấng Giải Cứu của chúng ta.

E. Chuẩn Bị Bởi Sự Giảng Dạy (4:14-30)

4:14,15 Giữa câu 13 và 14 có sự gián đoạn khoảng một năm. Trong suốt thời gian này Chúa giảng dạy

khắp xứ Giu-đa. Chức vụ này chỉ được ghi lại duy nhất trong Giăng 2-5.

Khi Đức Chúa Jêsus được quyền **phép Đức Thánh Linh**, trở về xứ Galilê để bắt đầu năm thứ hai trong chức vụ của Ngài thì danh tiếng Ngài đồn **khắp các xứ chung quanh**. Khi Ngài **đầy đở trong các nhà hội** Do Thái thì Ngài được dân chúng hoan nghinh.

4:16-21 Tại thành **Nazarét**, nơi ở trong thời niên thiếu của Ngài. **nhằm ngày Sabát**, là ngày thứ bảy. Chúa Jêsus thường **vào nhà hội**. Chúng ta đọc thấy có hai điều nữa Ngài thường làm. Ngài thường cầu nguyện (Luca 22:39) và Ngài lập thói quen giảng dạy người khác (Mác 10:1). Trong một lần đến thăm **nhà hội**, Ngài đứng dậy **đọc Kinh Thánh** trong Cựu Ước. Một người đưa cho Ngài một cuộn da mà Êsai đã viết lời tiên tri ông trong đó. Chúa đã mở cuộn da ra ở phần đoạn Kinh Thánh mà ngày nay chúng ta biết đến là Êsai 61. Ngài đọc từ câu 1 cho đến nửa câu 2. Phần đoạn này luôn được thừa nhận như là sự mô tả chức vụ của Đấng Mêsi. Khi Chúa Jêsus nói, "**Hôm nay đã được ứng nghiệm lời Kinh Thánh mà các người mới vừa nghe đó.**" Ngài phán theo một phong cách thật rõ ràng rằng Ngài chính là Đấng Mêsi của Ysraên.

Hãy lưu ý đến sự quan hệ mật thiết mang tính cách mạng trong sứ mạng của Đấng Mê-si. Ngài đến để giải quyết những nạn để tu tác gây đau khổ cho nhân loại suốt quá trình lịch sử:

Nghèo đói. Truyền tin lành cho kẻ nghèo.

Đau buồn. Rỉ lành kẻ vỡ lòng.

Nó lệ. Rao cho kẻ bị cấm được tha.

Thống khổ. Kẻ mù được sáng.

Áp bức. Kẻ bị hà hiếp được tự do.

Và để đồn ra năm lành của Chúa

- Bình minh của một kỷ nguyên mới cho vô số người đang than thở ở trần gian này. Ngài tỏ mình ra như là lời giải đáp cho tất cả bệnh tật đau khổ dây vò của chúng ta. Thật như vậy, Đấng Christ là lời giải đáp cho bất cứ những bệnh tật về thể chất hay về tâm linh nào chúng ta nghĩ đến.

Thật đầy ý nghĩa khi Ngài đứng lại ở những từ "**Và để đồn ra năm lành của Chúa.**" Ngài không đọc thêm những từ còn lại trong sách Êsai "...và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta." Mục đích của sự Đến Lần Đầu Tiên của Ngài là **để đồn ra năm lành của Chúa.** Thời đại ân điển hiện nay là thời điểm tốt lành và ngày của sự cứu rỗi. Khi Ngài trở lại thế gian lần thứ hai thì sẽ rao ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta. Chú ý rằng thời gian tốt lành được phân theo năm nhưng thời gian báo thù được phân theo ngày.

4:22 Rõ ràng dân chúng thật cảm động. Họ nói tốt về Ngài, bị thu hút bởi các lời dạy ơn lành của Ngài. Thật là một điều kỳ lạ đối với họ là làm sao mà con Giôxép, người thợ mộc lại giỏi đến thế.

4:23 Chúa biết sự yêu mến của dân chúng chỉ hơi hợt mà thôi. Không có sự cảm kích đúng về việc nhận biết giá trị thật của Ngài. Đối với họ Ngài chỉ là một trong những đứa bé trai

trong xứ, rồi làm được điều tốt ở xứ Cabênaum mà thôi. Ngài đoán trước được những gì họ sẽ nói với Ngài, "Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lấy mình!" Nói chung thì những lời này sẽ có nghĩa "hãy làm cho ông những gì ông làm cho người khác. Hãy tự chữa tình trạng của mình đi vì ông cũng đã chữa lành người khác." Nhưng ở đây ý nghĩa hơi khác một chút và nó được giải thích qua những lời sau: "**Mọi điều chúng ta nghe người đã làm tại Cabênaum thì cũng hãy làm tại đây, là quê hương người.**" là xứ Naxarét. Đây là một sự thách thức khinh miệt đối với Ngài để cho Ngài thực hiện phép lạ ở Naxarét như Ngài đã làm ở những nơi khác và như vậy thì Ngài sẽ cứu mình khỏi sự chế giễu.

4:24-27 Chúa đáp lại bằng cách tuyên bố một nguyên tắc đã an sâu trong sự quan tâm của con người: Những vì nhân không được kính trọng ở quê hương mình. Rồi Ngài trích dẫn hai sự việc thật hiển nhiên trong Cựu Ước khi những tiên tri của Đức Chúa Trời không được dân Ysraên trọng đãi và vì thế họ được sai đến với dân Ngoại. Khi cả xứ bị đối kềm trong dân Ysraên, Êli không được sai đến với người đàn bà góa nào của dân Ysraên mặc dầu có rất nhiều bà góa nhưng ông lại được sai đến với một đàn bà góa ở xứ Siđôn. Và mặc dầu dân Ysraên có nhiều kẻ mắc tội phung khi Êlisê đang giảng dạy nhưng ông không được sai đến với bất cứ ai trong họ. Thay vào đó, ông được sai tới một người ngoại bang là Na-a-man, quan tổng binh xứ Syria. Hay tướng

tương sự tác động mạnh mẽ của lời Chúa Jesus trên tâm trí dân Do Thái. Họ đặt đàn bà, dân ngoại bang và người mắc bệnh phong tị dày cùng của xã hội. Nhưng tại đây Chúa đã thẳng thắn đặt ba điều đó lên trên những người Do Thái vô tín! Những gì Ngài nói đó là lịch sử Cựu Ước đang sắp lụp lại. Bất chấp những phép lạ của Ngài, Ngài cũng sẽ bị chối từ không chỉ tại thành Naxarét nhưng cả đất nước Ysraên. Ngài sẽ đến với dân ngoại bang cũng như tiên tri Êli và Êlisê đã làm.

4:28 Dân thành Naxarét hiểu thật chính xác những gì Ngài muốn nói. Họ giận dữ chỉ vì những đặc ân được tỏ ra cho dân Ngoại Bang. Giám Mục Ryle chú giải:

*Con người ghét cay ghét đắng tin lý về sự tế trị của Đức Chúa Trời mà Đấng Christ công bố. Đức Chúa Trời không bắt buộc phải thi hành phép lạ giữa với họ họ.*¹²

4:29,30 Dân chúng kéo Ngài ra ngoài thành... lên đến chót núi, định quăng Ngài xuống. Chẳng nghi ngờ gì, đây chính là sự xúi giục của Satan khi nó cố gắng thêm một lần nữa để hủy diệt đi Đấng Kế Tự Hoàng tộc. Nhưng Chúa Jesus qua khỏi họ cách lạ lùng và rời khỏi thành. Kẻ thù nghịch Ngài bất lực trong việc ngăn cản Ngài. Như chúng ta đều biết Ngài không bao giờ trở lại thành Naxarét nữa.

IV. CON NGƯỜI CHỨNG MINH QUYỀN NĂNG NGÀI (4:31 - 5:26)

A. Quyền Năng Trên Tà Linh (4:31-37)

4:31-34 Sự mất mát của Naxarét lại là sự nhận được của Cabênaur.

Dân chúng tại thành thứ hai này nhìn nhận sự dạy dỗ của Ngài đầy uy quyền. Lời Ngài làm cho họ nhận thức được tội lỗi. Câu 31-41 mô tả một ngày Sa-bát điển hình trong cuộc đời của Chúa. Ngài tỏ cho thấy Ngài có uy quyền trên ma quỷ và bệnh tật. Trước tiên, Ngài đến nhà hội và gặp một người bị tà ma ám. Tinh tứ tà thương được dùng để diễn tả những tà linh; có nghĩa là chính những linh đó là ô uế và nó sẽ tạo ra những sự bất khiết trong đời sống những nạn nhân của nó. Hiện thực của sự bị ma quỷ ám được thấy qua phần đoạn này. Trước hết có tiếng kêu la kinh hãi - "chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng?" Rồi ma quỷ bày tỏ sự nhận biết thật rõ ràng rằng Chúa Jesus là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời, cuối cùng Ngài sẽ hủy diệt hết đạo binh của Satan.

4:35 Chúa Jesus ban ra một mệnh lệnh có hai phần, "Hãy nín đi, và ra khỏi người này!" Quả làm theo, sau khi vật ngã người này xuống đất, nó rời khỏi người mà chẳng làm hại chi.

4:36,37 Mọi người đều sửng sốt lời của Chúa khác biệt như thế nào mà tà linh vâng theo Ngài? Quyền và phép nào để Ngài phán như thế? Hèn chi mà danh tiếng Ngài đồn khắp các nơi xung quanh!

Tất cả những phép lạ thuộc thể mà Chúa Jesus làm là hình ảnh của những phép lạ tương tự mà Ngài thi hành trong lĩnh vực thuộc linh. Thi dụ, những phép lạ sau đây trong sách Luca truyền đạt những bài học thuộc linh:

Đuổi tà linh (4:31-37) - Giải cứu khỏi sự thọc bản và ô uế của tội lỗi.

Chữa lành bệnh sốt cho bà gia Phi-e-rơ (4:38, 39) - làm giảm nhẹ đi sự lo lắng và suy nhược mà tội lỗi gây ra.

Chữa lành người phong (5:12-16) - Phục hồi từ sự ghê tởm và tuyệt vọng của tội lỗi (xem 17:11-19).

Người bị liệt (5:17-26) - Tự do khỏi sự tê liệt của tội lỗi và có khả năng hầu việc Đức Chúa Trời.

Làm sống lại con trai mù quáng (7:11-17) - Những tội nhân chết trong tội lỗi và cần sự sống (xem 8:49-56).

Làm yên cơn bão (8:22-25) - Đáng Christ có thể kiểm soát những cơn bão dậy sóng trong cuộc đời các môn đệ Ngài.

Quản đội, người bị Quỷ ám (8:26-39) - tội lỗi sinh bạo lực và điên loạn, loại bỏ con người khỏi xã hội văn minh. Chúa mang lại sự chính tế, tỉnh táo và mối thông công với Chính Ngài.

Người đàn bà rờ vạt áo Ngài (8:43-48) - Sự nghèo đói và ngã lòng bởi tội lỗi gây ra.

Cho 5000 người ăn (9:10-17) - Trấn gian đầy tội lỗi đang đòi khát bành của Đức Chúa Trời. Đáng Christ làm thỏa nhu cầu qua các môn đồ Ngài.

Đứa con trai bị quỷ ám (9:37-43a) - Sự gian ác và bạo lực của tội lỗi. Quyển năng chữa lành của Đáng Christ.

Người đàn bà mắc quỷ ám (13:10-17) - tội lỗi làm biến dạng và làm cho tàn tật nhưng sự rờ chạm của Chúa Jê-sus đem lại sự khôi phục hoàn toàn.

Người bị thủy thũng (14:1-6) - tội lỗi gây nên điều khó chịu, đau buồn và nguy hiểm.

Người xin ăn mù loà (18:35-43) - Tội lỗi làm con người mù loà không thấy những sự hiện hữu đời đời. Sự tái sinh làm cho mắt mở ra.

D. Quyển Năng Trên Bệnh Sốt (4:38,39)

Kể đến, Chúa Jê-sus kêu gọi người bệnh tại nhà Simôn nơi **bà gia Simôn đang đau rất nặng lắm**. Ngay khi Chúa Jê-sus **truyền cho cơn rét, rã liền lia khỏi**. Sự chữa lành này không chỉ ngay tức thì mà còn hết hoàn toàn vì trước đây bà không thể ngồi dậy làm công việc gia đình. Thông thường cơn sốt nặng làm cho con người cảm thấy yếu ớt và bơ phờ. (Các cha đạo có thể cảm thấy thoải mái một ít trong phần đoạn này rằng Phierơ là một người đàn ông có vợ!)

E. Quyển Năng Trên Cả Bệnh Tật Và Ma Quỷ (4:40,41)

4:40 Khi ngày Sa-bát đã qua dần chúng được tự do khỏi sự cấm đoán không được hoạt động thì họ **đem đến cùng Ngài** những người bị đau bệnh và quỷ ám. Không ai đến với Ngài cách vô ích cả. Ngài **chữa** cho từng người bị bệnh và đuổi quỷ. Ngày nay nhiều người tự xưng mình là những người chữa lành bởi đức tin hạn chế phép lạ của họ với những người tham dự được chọn trước. Chúa Jê-sus chữa lành *từng người*.

4:41 Quỷ bị đuổi nhận biết Chúa Jê-sus là **Đáng Christ, Con Đức Chúa Trời**. Nhưng Ngài không chấp nhận lời chứng của ma quỷ. Chúng nó phải cảm lặng. **Chúng nó biết rằng Ngài là Đáng Mêsê**, nhưng Đức Chúa Trời có những công cụ khác và tốt lành hơn để công bố lẽ thật đó.

B. Quyền Năng Qua Sự Giảng Dạy Lưu Bịng (4:42-44)

Ngày hôm sau, Chúa Jêsus ngồi nơi ở **vắng vẻ** và gần thành Cabernaum. Đoàn dân đông kéo đi tìm cho đến khi họ theo kịp Ngài. Họ kêu Ngài dừng đi. Nhưng Ngài nhắc họ rằng Ngài có công việc để làm ở các thành khác... xứ Galilê. Vì thế từ nhà hội này sang nhà hội khác, Ngài đi giảng dạy tin lành về nước Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus chính là Vua. Ngài trong muốn trị vì họ. Nhưng trước tiên họ phải ăn năn. Ngài không thể trị vì một dân luôn bằm lầy tội lỗi. Đây là sự ngăn trở. Họ muốn được cứu khỏi những nan đề chính trị chứ không phải được cứu khỏi tội lỗi mình.

E. Quyền Năng Qua Sự Hoán Luyện Người Khác: Các Môn Đồ Được Kêu Gọi (5:1-11)

Một vài bài học quan trọng được thể hiện rõ từ việc thuật lại thật giản dị sự kêu gọi Phiêrô.

1. Chúa đứng chiếc thuyền của Phiêrô làm nơi để Ngài giảng dạy cho đoàn dân. Nếu chúng ta dâng hết những của cải tài sản mình cho Chúa Cứu Thế thì thật là tuyệt vời khi Ngài sử dụng chúng và ban thưởng lại cho chúng ta.

2. Ngài bảo Phi-e-rô chính xác chỗ để đánh lưới cá sau khi Phiêrô và những tay lưới khác đã đánh suốt đêm mà chẳng được con cá nào. Chúa toàn tri biết cá đang bơi ở đâu. Hầu việc Chúa mà bởi sức và sự khôn ngoan riêng của chúng ta thì thật là vô ích. Bị quyết thành công trong công việc Chúa là được dẫn dắt bởi Ngài.

3. Mặc dù chính mình là một tay đánh lưới đầy kinh nghiệm nhưng Phiêrô chấp nhận lời khuyên của một Người Tin Mọc và kết quả là lưới đầy cá. "...tôi cũng theo lời thấy mà thả lưới." Điều này cho thấy giá trị của sự khiêm nhường, của sự chịu học hỏi và sự vâng phục tuyệt đối.

4. Ở ngoài sâu thì lưới được đẩy cả cho đến nỗi muốn đứt ra. Vì thế chúng ta phải bỏ việc cứ ôm sát bờ mà hãy lao vào trong cơn thủy triều đầu phục hoàn toàn. Đức tin phải có nước sâu của nó thì sự đau khổ, buồn phiền và mất mát cũng phải thế. Những điều này sẽ làm cho lưới thêm đầy.

5. Lưới bắt đầu đứt ra và thuyền gần chìm (câu 6,7). Đấng Christ dạy rằng sự bấu việc sẽ sinh nan đề nhưng đây là những nan đề thú vị. Đó chính là nan đề làm cho lòng của tay lưới thật cảm thấy hồi hộp thích thú.

6. Nhìn thấy sự vinh hiển của Chúa Jêsus làm cho Phiêrô có một cảm giác không cưỡng lại được về sự không xứng đáng của chính mình. Với Êsai cũng thế (6:5); với tất cả những ai thấy được Vị Vua trong sự đẹp đẽ Ngài.

7. Đấng Christ gọi Phiêrô trở nên tay đánh lưới người lúc ông đang làm công việc thương nhặt. Trong lúc bạn đang chờ đợi sự dẫn dắt thì hay làm công việc gì mà tay bạn thấy phải làm. Hãy làm điều đó với hết sức của mình. Hãy làm hết lòng như làm cho Chúa vậy. Cũng giống như bánh lái điều khiển con thuyền khi nó ở trong sự vận hành thì Chúa cũng dẫn dắt con người khi họ đang ở trong công việc.

8. Đấng Christ kêu gọi Phierơ từ việc đánh lưới cá sang đánh lưới người hay nói một cách rõ nghĩa hơn là "bắt người còn sống" Hết tất cả cá ở đại dương cũng không thể nào so sánh được với đặc ân vô song khi nhìn một linh hồn được chinh phục cho Đấng Christ và cho cõi đời đời!

9. Phierơ, Giacơ và Giăng đem thuyền mình vào bờ và bỏ hết thủy mã theo Chúa Jêsus vào một trong những ngày tốt nhất trong cuộc đời họ. Và chính quyết định của họ đáng giá biết chừng nào. Chắc có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết đến họ nếu họ chọn việc ở lại giữ thuyền mình.

F. Quyền Năng Trên Bệnh Phung (5:12-16)

5:12 Bác sĩ Luca để cập thật đặc biệt về dữ kiện một người mắc bệnh phung đẩy mình. Nói theo loài người thì đây là một trường hợp tuyệt vọng nhưng đức tin của người mắc bệnh phung này thì thật đáng chú ý. Ông nói, "chắc có thể làm cho tôi được sạch." Không, ta không thể nói như thế với bất kỳ một con người nào trên trần gian này. Tuy nhiên ông có niềm tin tuyệt đối vào quyền năng của Chúa. Khi ông nói, "Nếu Chúa khứng." Ông chẳng hề tỏ chút nghi ngờ về sự khứng của Chúa. Đúng hơn là ông đến như một người van xin không có quyền đòi hỏi được chữa lành nhưng ông hạ mình nài xin sự thương xót và ân điển của Chúa.

5:13 Chạm vào người phung thì nguy hiểm về mặt sức khỏe. Ở về về mặt tôn giáo và hạ cấp về mặt xã hội. Nhưng Cứu Chúa không nhiễm sự ô uế mà thay vào đó trong thân thể của

người phung trào dâng một luồng thác của sự chữa lành và mạnh khỏe. Đây không phải là sự lành bệnh dần dần: **Tức thì, bệnh phung liền hết.** Thủ nghị điều này thật ý nghĩa như thế nào đối với người mắc bệnh phung bất lực và vô vọng đó đột nhiên được lành và mạnh khỏe hoàn toàn chỉ trong giây lát!

5:14 Chúa Jêsus cảm người đó học chuyện lại với ai về sự chữa lành. Cứu Chúa không muốn thu hút một đám đông những người tìm kiếm sự hiếu kỳ hay khuấy động phong trào công chúng muốn tôn Ngài làm Vua. Thực tế thì Chúa dân người phung đó hãy đi tới... thấy tế lễ và dâng của lễ như Môise dạy (Lêvi 14:4). Mỗi một chi tiết về của lễ nói về Đấng Christ. Chức năng của thấy tế lễ là xem xét người phung và quyết định rằng anh ta có thật sự khỏi bệnh hay chưa. Thấy tế lễ không thể chữa lành bệnh và những gì ông có thể làm là công bố người này được lành bệnh. Thấy tế lễ này trước đây chưa thấy người phung được sạch bao giờ. Cảnh tượng này thật độc đáo và nó có thể làm cho ông nhận thấy rằng Đấng Mêsai sau cùng đã xuất hiện. Điều này có thể trở nên một lời chứng cho những thấy tế lễ khác. Nhưng lòng họ mù lòa bởi sự vô tin mình.

5:15,16 Dù cho Chúa cảm không cho đồn ta phép lạ này nhưng tin tức truyền đi rất nhanh, và một đoàn dân đông đến với Ngài để được chữa lành. Chúa Jêsus lánh đi nơi đồng vắng để dành thời gian cầu nguyện. Cứu Chúa của chúng ta là Con Người của sự cầu

nguyên. Điều này phù hợp với sách Tin Lành này, trình bày Ngài là Con Người, để cập nhiều về đời sống cáu nguyên của Ngài hơn bất cứ con người nào khác.

G. Quyền Năng Trên Kẻ Bại (5:17-26)

5:17 Khi tin tức về chức vụ Chúa Iêsus được đồn ra, người Pharisai và mấy thầy dạy luật ngày càng trở nên thù nghịch. Tại đây chúng ta thấy họ đang hội họp tại xứ Galilê với mục đích để thấy đó là tìm cách buộc tội Ngài. Quyền phép Chúa ở trong Ngài để chữa các bệnh. Thực ra Chúa Iêsus luôn có quyền phép chữa bệnh, nhưng không phải lúc nào hoàn cảnh cũng thuận tiện. Như ở thành Naxarét, Ngài không thể thực hiện công việc uy quyền Ngài vì sự vô tín của dân chúng (Math 13:58).

5:18,19 Bốn người khiêng một kẻ bại trên giường đến ngôi nhà mà Chúa Iêsus đang giảng dạy. Không biết bởi đâu mà đến cùng Ngài vì người ta đóng lăm nên họ phải theo cầu thang bên ngoài để lên nóc nhà. Rồi họ dùng người bại qua cái lỗ ngói mà họ vừa mới dỡ ra.

5:20,21 Chúa Iêsus quan tâm đến đức tin, phải mất một đoạn đường dài để đem nhu cầu này đến sự chú ý của Ngài. Đức Chúa Iêsus thấy đức tin của họ, đó là đức tin của bốn người cộng với người bất lực, bèn phán với người bại: "Hỡi người, tội lỗi ngươi đã được tha." Lời tuyên bố chưa từng nghe từ trước đến nay đã khuấy động các thầy thông giáo và người Pharisai. Họ biết không ai ngoài Đức Chúa Trời có thể

tha tội. Không muốn công nhận Chúa Iêsus là Đức Chúa Trời, họ gào thét rằng Ngài phạm thượng.

5:22,23 Rồi Chúa tiếp tục minh chứng cho họ thấy rằng Ngài thật sự đã tha tội cho người này. Trước hết Ngài hỏi họ điều nào dễ hơn: "Tội người đã được tha." hoặc: "Người hãy đứng dậy mà đi?" Theo nhận thức thì nói điều này hay điều kia cũng đều dễ như nhau nhưng làm thì thật khó, vì cả hai điều này vượt quá sự có thể của con người. Nhưng ở điểm này, có vẻ dễ hơn khi nói: "Tội người đã được tha" bởi vì không có cách nào để chứng minh là nó có xảy ra hay không. Nếu bạn nói: "Người hãy đứng dậy mà đi" thì dễ nhận thấy hơn nếu bệnh nhân có được chữa lành hay không.

Người Pharisai không thể thấy tội lỗi người này có được tha không nên họ sẽ không tin. Nên, Chúa Iêsus thực hiện phép lạ mà họ có thể thấy để chứng minh rằng Ngài thật sự tha tội người này. Ngài ban cho người bại sức lực để bước đi.

5:24 "Và, hầu cho các người biết Con Người ở thế gian có quyền tha tội" Danh xưng Con Người nhấn mạnh tính con người hoàn hảo của Chúa. Trong cùng một ý nghĩa thì tất cả chúng ta đều là con loài người nhưng với danh xưng "Con Người" đã làm Chúa Iêsus nổi bật hơn bất cứ con người nào sống trên đời này. Danh đó mô tả Ngài là Con người mà theo Đức Chúa Trời, Đáng có chân giá trị đạo đức hoàn hảo, Đáng chịu thương khó, đổ huyết và chết. Đáng mà quyền cai quản vũ trụ đã được ban cho.

5:25 Vâng lời Ngài, người bại đứng dậy, vác giường mình và đi về nhà, **ngợi khen Đức Chúa Trời.**

5:26 Đám đông thật sững sờ, **ngợi khen Đức Chúa Trời**, nhìn nhận rằng ngày hôm đó họ đã thấy những việc lạ thường, ấy là sự công bố tha thứ và phép lạ cấp theo.

V. CON NGƯỜI GIẢI THÍCH CHỨC VỤ NGÀI (5:27-6:49)

A. Sự Kêu Gọi Lêvi (5:27,28)

Lêvi là người Do Thái làm nghề **thâu thuế** cho chính quyền Lamã. Những con người này bị những người Do Thái đồng hương mình căm ghét, không chỉ vì họ cộng tác với Lamã nhưng họ lại còn có những hành vi gian lận. Một ngày kia khi Lêvi đang làm công việc mình thì Chúa Jêsus đi ngang qua và gọi ông làm môn đồ Ngài. Với một sự thúc giục lạ lùng, Lêvi bỏ hết mọi sự, **đứng dậy đi theo Ngài.** Hãy nghĩ đến những kết quả lớn lao bắt nguồn từ một quyết định giản đơn này. Lêvi, hay Mathiơ, đã trở nên tác giả sách Tin Lành Đầu Tiên. Nghe Ngài gọi và theo Ngài thì thật đáng biết bao!

B. Lý Do Con Người Kêu Gọi Tội Nhân (5:29-32)

5:29,30 Người ta cho rằng Lêvi có ba mục đích trong việc đơn **liệt** trong thế này. Ông muốn thể hiện sự kính trọng đối với Chúa, để công khai làm chứng lòng trung thành mới mẻ của ông và ông muốn giới thiệu Chúa cho bạn hữu ông. Hầu hết những người Do Thái không an cùng bạn với nhóm người **thâu thuế**. Chúa Jêsus ăn uống với người **thâu thuế** và kẻ phạm tội.

Đương nhiên Ngài không kết bạn với họ trong tội lỗi họ hay làm bất cứ điều gì để thỏa hiệp lời chứng của Ngài, nhưng Ngài dùng những dịp như thế này để dạy dỗ, quở trách và chúc phước.

Các người Pharisi và các thầy **không giáo**¹³ chỉ trích Chúa Jêsus vì Ngài giao hảo với những con người bị khinh khi và là cặn bã của xã hội.

5:31 Đức Chúa Jêsus phán rằng hành động Ngài thật hoàn hảo với mục đích Ngài đến thế gian này. Người khỏe không cần bác sĩ, chỉ **người đau ốm cần.**

5:32 Người Pharisi cho mình là kẻ **công bình**. Họ không có cảm nhận sâu sắc về tội lỗi hay thiếu thốn. Vì vậy, họ đâu có được lợi ích gì từ Người Thầy Thuốc Vì Đại. Nhưng những người **thâu thuế** và tội nhân nhận biết mình là kẻ **có tội** và họ cần được cứu khỏi tội mình. Đáng Cừ Thế đã đến vì những con người như họ. Thực chất thì người Pharisi **chẳng** công bình gì. Họ cũng cần được cứu như những người **thâu thuế**. Nhưng họ lại không chịu xưng nhận tội lỗi và nhìn nhận những sai phạm của họ. Và họ chỉ biết chỉ trích Vị **Bác Sĩ** đến với bệnh nhân.

C. Chúa Jêsus Giải Thích Về Việc Các Môn Đồ Ngài Không Kiêng Ăn (5:33-35)

5:33 Chiến thuật kế tiếp của người Pharisi là thẩm vấn Chúa Jêsus về tục lệ **kiêng ăn**. Xét cho cùng thì môn đồ của **Giăng Báp-tít** đã noi theo đời sống khổ hạnh của thầy mình. Và môn đồ của người Pharisi giữ những hình thức **kiêng ăn** theo nghi lễ khác

nhau. Nhưng môn đồ của Chúa thì không. Tại sao?

5:34-35 Để **đáp lại**, Chúa nói không có lý do gì cho các môn đồ Ngài phải kiêng ăn khi Ngài vẫn còn ở cùng. Tại đây, Ngài liên kết sự kiêng ăn với đau buồn và thương tiếc. Khi Ngài phải **đem đi khỏi họ**, bởi sự chết đau đớn Ngài thì họ sẽ **kiêng ăn để tỏ sự đau buồn** mình.

II. Ba Ẩn dụ Về Thời Kỳ Mới (5:36-39)

5:36 Ba ẩn dụ sau đây về thời kỳ mới đã bắt đầu và sẽ không có sự hòa lẫn giữa cái cũ và cái mới.

Trong **ẩn dụ áo quần**, áo cũ nói về hệ thống hay thời kỳ luật pháp trong khi đó **áo mới** là hình ảnh của một kỷ nguyên ăn điển. Cả 2 không thể hòa hợp với nhau. Mọi cố gắng hòa hợp giữa luật pháp với ăn điển chỉ làm cho cả hai hư hỏng mà thôi. Xé một miếng áo mới sẽ làm hư đi chiếc áo cũ, và nó **cũng không xứng với áo cũ**, về phương diện bên ngoài cũng như độ chắc. J.N Darby giải thích rõ về điều này: "Chúa Jêsus sẽ không tạo nên sự chấp và Cơ Đốc giáo với người Do Thái giáo, xác thịt và luật pháp đi cùng với nhau nhưng ăn điển và luật pháp, sự công nghĩa của Đức Chúa Trời và ý muốn của con người thì sẽ không bao giờ hòa hợp được."

5:37,38 Ẩn dụ **thứ hai** dạy về sự ngu dại khi **đổ rượu mới vào bầu da cũ**. Tác động lên men của **rượu mới** tạo áp lực lên trên bầu da cũ nên nó không còn tinh mềm dẻo và độ đàn hồi tạo nữa. Bầu cũ **phải hư đi** và **rượu chảy mãi**. Những hình thức lỗi thời, lễ nghi, truyền thống và nghi

thức của Do Thái giáo thì quá khắt khe, cứng nhắc không thể giữ lấy được niềm vui, sự thỏa thích và sinh lực của hệ thống tôn giáo mới này. Trong chương này, **rượu mới** được xem như những phương cách không có quy ước của bốn người đem một người bại liệt đến cho Chúa Jêsus. Nó được thấy trong sự tươi mới và nhiệt thành của Lêvi. **Bầu rượu cũ** mô tả sự tê nhạt và chủ nghĩa hình thức nguội lạnh của người Pharisai.

5:39 Ẩn dụ **thứ ba** công bố rằng **không ai uống rượu cũ lại đòi rượu mới**. Vì người ta nói rằng: **Rượu cũ ngon hơn**. Điều này mô tả sự miễn cưỡng tự nhiên của con người trong việc bỏ cũ lấy mới, bỏ Do Thái giáo để có Tin Lành, luật pháp đối ăn điển, bình bóng đối thực thể! Darby nói rằng, "một người quen thuộc với hình thức, sự sắp đặt của con người, tôn giáo của ông cha và v.v... thì không bao giờ thích nguyên tắc mới và quyền phép của Vương Quốc."

E. Con Ngươi Là Chúa Của Ngày Sabát (6:1-11)

6:1,2 Hai sự kiện của ngày Sabát được nêu lên để chúng ta thấy sự chống đối ngày càng gia tăng của những nhà lãnh đạo tôn giáo đang lên đến đỉnh điểm. Sự kiện thứ nhất xảy ra vào "ngày Sabát thứ hai" (dịch theo nghĩa đen). Điều này được giải thích như sau: Ngày Sabát thứ nhất là ngày Sabát đầu tiên sau ngày Lễ Vượt Qua. **Nhằm ngày Sabát thứ hai** sau cái **thứ nhất**, Chúa và các môn đồ Ngài đi **qua** giữa đồng lúa mì. Môn đồ **bứt bông** lúa, chà hạt lúa trong tay và ăn. Có

mấy người Pharisai không thể tranh cãi về việc bứt bông lúa vì điều này được luật pháp cho phép (Phục Truyền 23:25). Họ chỉ trích là sao lại làm việc này vào ngày Sabát. Đôi lúc họ xem việc bứt bông lúa mì là hành động thâu hoạch và sự vờ là hành động đập lúa.

6:3-5 Để đáp lại, Chúa Giêsu dùng một sự việc trong cuộc đời của vua Đavít để nói lên rằng luật pháp của ngày Sabát chưa bao giờ có ý định cấm đoán một công việc cần thiết. Bị hát húi và truy đuổi, Đavít và người của ông bị đói. Họ vào đến Đức Chúa Trời và lấy bánh bày ra mà ăn. Bánh này chỉ dành riêng cho các thầy tế lễ. Đức Chúa Trời tạo sự ngoại lệ trong trường hợp của Đavít. Vì tội lỗi trong dân Ysraên, Vua bị chối từ. Luật pháp về bánh được bày ra không có ý định quá khắt khe đến nỗi làm cho một vị vua của Đức Chúa Trời bị chết đói.

Đây cũng là tình huống tương tự. Đấng Christ và môn đồ Ngài đói. Người Pharisai thì thấy môn đồ Chúa chết đói hơn là thấy họ bứt bông lúa mình vào ngày Sabát. Nhưng Con Người cũng là Chúa ngày Sabát. Trước hết, Ngài là Đấng ban cho luật pháp nên không ai có đủ tư cách hơn Ngài để giải thích ý nghĩa thuộc linh thật của luật pháp cũng như làm cho luật pháp không bị hiểu sai lạc.

6:6-8 Sự kiện thứ hai xảy ra vào một ngày Sabát khác về sự chữa lành lạ lùng. Các thầy thông giáo và người Pharisai chăm chỉ xem Chúa Giêsu với ác ý thử Ngài có chữa bệnh cho một người với bàn tay bấu bị teo... trong

ngày Sabát. Từ kinh nghiệm quá khứ và từ sự hiểu biết của họ về Ngài nên họ có đầy đủ lý do tin rằng Ngài sẽ làm. Chúa đã không làm cho họ thất vọng. Trước tiên Ngài phán cùng người hãy chớ dấy giữa đám đông trong nhà hội. Hành động đầy kịch tính này gây cho mọi người hết sức chú ý về những gì sắp xảy ra.

6:9 Đức Chúa Giêsu liền hỏi những kẻ chỉ trích Ngài rằng trong ngày Sabát, nên làm điều lành hay là làm điều dữ. Nếu họ phải trả lời thì họ nên nói rằng thật đúng khi làm điều lành trong ngày Sabát và sai nếu làm điều dữ. Làm điều lành là đúng thì Ngài đang làm điều lành là chữa lành cho người teo tay. Nếu làm điều dữ trong ngày Sabát là sai thì họ đang phạm vào ngày Sabát qua âm mưu giết Chúa Giêsu.

6:10 Không có câu trả lời từ kẻ thù địch. Kể đó Chúa Giêsu biểu người đàn ông giơ tay ra (chỉ có bác sĩ Luca đề cập đó là tay hữu). Mệnh lệnh cấp theo quyền phép cần thiết. Khi người bệnh vâng lời, thì tay được lành.

6:11 Các thầy tế lễ và thầy thông giáo giận lắm. Họ muốn buộc tội Chúa Giêsu phạm ngày Sabát, tất cả những gì Ngài làm là phản vâng lời và người teo tay được lành. Không cần phải làm việc nặng nhọc. Tuy nhiên, họ bàn luận nhau để "bất" Chúa Giêsu.

Ngày Sabát được Đức Chúa Trời dựng nên vì sự tốt lành của con người. Hiểu cách đúng đắn thì ngày Sabát không cấm những việc cần thiết và những việc lành.

F. Mười Hai Sứ Đồ Được Chọn (8:12-19)

8:12 Chúa Giêsu thức thâu đêm cầu nguyện trước khi chọn mười hai sứ đồ. Điều này thật là lời quả trách về tính bốc đồng và không phụ thuộc vào Đức Chúa Trời của chúng ta! Luca là một nhà truyền giáo duy nhất để cập đến **đêm cầu nguyện** này.

8:13-16 Mười hai người mà Ngài chọn từ nhiều môn đồ theo Ngài là:

1. **Simôn**, Ngài đặt tên là **Phierơ**, con trai của Giônã và là một trong những sứ đồ nổi bật nhất.

2. **Anhrê**, em ruột của **Phierơ**. Đó là Anb-rê, người giới thiệu Phierơ cho Chúa.

3. **Giacơ**, con trai Xêbêdê. Ông được ban đặc ân đi cùng Phierơ và Giảng lên núi Hòa Bình. Ông bị vua Hêrốt Aripa I giết.

4. **Giăng**, con trai của Xêbêdê. Chúa Giêsu gọi Giacơ và Giăng là "Các con trai của Thập Sấm" Chính Giăng này là người viết sách Tin Lành và các thư tin mang tên ông và sách Khải Huyền.

5. **Philip**, quê ở Bêtsatda, người giới thiệu Nathanzên cho Chúa Giêsu. Xin đừng lầm lẫn với Philip, nhà truyền đạo, trong sách Công Vụ.

6. **Bathêlêmy**, ai cũng biết người có tên khác là Nathanaên. Ông chỉ được đề cập trong danh sách các Sứ đồ.

7. **Mathiơ**, người thu thuế, cũng có tên là Lêvi. Ông viết sách Tin Lành đầu tiên.

8. **Thôma**, còn được gọi là "sinh đôi" Ông nói ông sẽ không tin rằng Chúa đã sống lại cho đến khi ông thấy chứng cứ thuyết phục.

9. **Giacơ**, con trai của **Aphê**. Ông chắc có lẽ là người giữ trọng trách tại Hội Thánh Giêrusalem sau Giacơ, con của Xêbêdê, bị vua Hêrốt sát hại.

10. **Simôn gọi là Xêlôl**. Ít được biết về ông, theo Kinh Thánh ghi nhận.

11. **Giude**, con trai của **Giacơ**, có khả năng là tên của tác giả một Thư Tin và người ta tin đó là Kêbaut có họ là Thạt đê (Mathiơ 10:3, Mác 3:18).

12. **Giuda Ixhcarilôt**, được cho là đến từ Keriôt xứ Giude và vì vậy ông là môn đồ duy nhất không đến từ Galilê. Kế phẩn Chúa này được Chúa gọi là "Con của sứ diệt vong".

Không phải các sứ đồ đều là những con người tri thức và năng lực vượt trội. Họ đại diện cho cơ sở tiêu biểu của tình con người. Điều làm cho họ trở nên vĩ đại là mối thông công của họ với Chúa Giêsu và kết ước của họ với Ngài. Họ chắc có lẽ là những chàng trai độ tuổi hai mươi khi Cứu Chúa chọn họ. Tuổi trẻ là thời điểm mà con người có nhiệt huyết nhất, dễ học hỏi và có khả năng chịu đựng khó khăn. Ngài chỉ chọn lựa mười hai sứ đồ. Ngài quan tâm nhất là chất lượng hơn số lượng. Được ban cho năng lực đúng đắn của con người, Ngài có thể sai họ đi ra và bởi quá trình sản sinh thuộc linh có thể truyền giáo cho thế giới.

Một khi các sứ đồ được chọn, thì việc quan trọng là họ phải được huấn luyện kỹ năng theo những nguyên tắc của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Phần còn lại của chương này được dành hết để tóm lược về kiểu mẫu hình cách đạo đức được tìm thấy trong các môn đồ của Chúa Giêsu.

6:17-19 Bài giảng luận sau đây và Bài giảng trên núi không như nhau (Mathiơ 5-7). Bài đó được Chúa giảng trên núi nhưng bài này được giảng nơi **đồng vắng**. Bài giảng trên núi chỉ có sự chúc phước chứ không có sự khốn khổ, nhưng bài này có cả hai. Có những sự khác biệt nữa như từ ngữ, độ dài và sự nhấn mạnh.¹⁴

Hãy lưu ý về sự môn đồ hóa khác khe này ban cho **đoàn dân rất đông** cũng như mười hai sứ đồ. Dường như là bất cứ khi nào mà đoàn dân đông theo Chúa Jêsus thì Ngài thử sự chân thành họ qua sự phân dạy cách thẳng thừng cho họ. Có người đã từng nói "Trước hết Đấng Christ thuyết phục sau đó Ngài chọn ra."

Dân từ khắp xứ Giuđê, thành Giêrusalem ở miền Nam và miền Biển Tyros, Sidôn phía Tây Bắc, người Ngoại Bang cũng như người Do Thái. Những người bị bệnh tật, bị quỷ ám thì chen lấn gần Chúa để sờ chạm Ngài, họ biết rằng **quyền phép** Chúa lãnh tuôn ra từ Ngài.

Thật rất quan trọng để nhận thấy những sự dạy dỗ của Cứu Chúa có tinh cách mạng như thế nào. Nên nhớ rằng Ngài sập lên cây thập tự, Ngài sẽ bị chết, chôn và ngày thứ ba sẽ sống lại và về lại Thiên đàng. Tin Lành Cứu Rỗi phải lan truyền trong thế gian. Sự cứu chuộc của con người phụ thuộc vào việc nghe sứ điệp của họ. Làm sao để thế gian này sẽ được truyền giảng? Những nhà lãnh đạo sắc sảo của thế gian này sẽ tổ chức một quân đội đông đúc, cung cấp tài chính rộng rãi và lương thực dồi dào cũng như

những sự tiêu khiển cho tinh thần của con người và những mối quan hệ công chúng tốt đẹp.

6. Những Phước Lành Và Những Quả Trách (6:20-26)

6:20 Chúa Jêsus chọn mười hai môn đồ và sai họ đi ra trong sự nghèo khổ, đói khát và bị bắt bớ. Thế gian có thể được rao truyền theo cách đó không? Vâng, không có cách nào khác! Cứu Chúa bắt đầu bằng bốn phước hạnh và bốn sự khốn khổ. "**Phước cho các người nghèo khổ**" không phải phước cho những người nghèo khổ mà phước cho *các người* nghèo khổ. Sự nghèo khổ chính nó không phải là phước, nó thường là sự rửa sã hơn. Ở đây Chúa Jêsus dạy về sự trở nên nghèo khổ vì cơ Danh Ngài. Ngài không nói đến những con người nghèo nàn vì sự biếng nhác, vì thảm kịch hay bất cứ lý do gì ngoài tầm kiểm soát của họ. Đấng hơn Ngài nói đến những con người có ý chọn lấy sự nên nghèo hầu để của sẽ Cứu Chúa mình cho những người khác. Và khi bạn nghĩ về điều này thì đó là sự liếp cận hợp lý và thích đáng. Giả sử các môn đồ đi ra như những người giàu có thì dân chúng chắc sẽ lù lượm đương cao biểu ngữ đến với Đấng Christ với niềm hy vọng trở nên giàu có. Ra đi như lúc này thì các môn đồ không thể hứa vàng bạc gì cho họ. Nếu họ đến họ sẽ tìm kiếm được ơn phước thuộc linh. Cũng vậy, nếu các môn đồ giàu có thì họ có thể mất đi ơn phước liên tục lệ thuộc vào Chúa, và bày tỏ sự thành tín Ngài. Nước Đức Chúa Trời thuộc về những ai hiểu

lòng với sự chu cấp nhu cầu hiện có của mình hầu cho mọi sự khác đều được dùng trong công việc Chúa.

6:21 "Phước cho các người hiện đang đói." Một lần nữa điều này không có nghĩa có một đám đông vô số những con người khốn khổ vì thiếu ăn. Đúng hơn điều này nói đến các món đồ của Chúa Jesus Christ, những con người sẵn sàng chấp nhận một đời sống tự chối bỏ mình hầu để giúp làm giảm bớt đi nhu cầu của con người cả phần thuộc linh lẫn thuộc thể. Đó là những con người sẵn sàng sống một đời sống gần gũi hơn là tước bỏ Phúc Âm của người khác bởi đời sống hoan phi của mình. Tất cả những sự tự chối bỏ như thế một ngày nào đó sẽ được ban thưởng lại. "Phước cho các người hiện đang khóc lóc." Không phải sự đau buồn tự nó là ơn phước; sự khóc lóc của người chưa được cứu cũng chẳng liên quan gì ở đây. Chúa Jesus dạy về những giọt nước mắt đổ ra vì cơ Danh Ngài. Khóc cho người hư mất, cho nhân loại đang bị huy diệt. Những giọt nước mắt cho tình trạng chia rẽ, bất lực của Hội Thánh. Tất cả những sự thống khổ chịu đựng trong công tác hầu việc Chúa Jesus Christ. Ai gieo trong nước mắt sẽ gặt lấy vui mừng.

6:22 "Phước cho các người vì cơ Con Người, thiên hạ sẽ ghét, đuổi, mắng nhiếc các người, bỏ tên các người như đồ ô uế." Ơn phước này không ban cho những ai khốn khổ vì cơ tội lỗi hay sự ngu dại của mình. Nó dành cho những ai vì lòng trung thành của họ với Đấng Christ mà bị khinh

khị; loại bỏ, bị mắng nhiếc và vu khống.

Chìa khóa để thông hiểu bốn ơn phước này được tìm thấy ở cụm từ "vì cơ Con Người". Những điều mà chính nó là sự rửa sạch sẽ trở nên nguồn phước khi sẵn lòng chịu khổ cho Ngài. Nhưng động cơ phải là tình yêu dành cho Đấng Christ, nếu không thì dấu sự hy sinh cao cả nhất cũng chẳng đáng chi.

6:23 Bất cứ vì Đấng Christ là cơ để vui mừng lớn. Phước hết nó mang đến phần thưởng trên trời sẽ lớn lắm. Thứ hai là nó liên kết người chịu đựng bất cứ với những nhân chứng trung tín của Ngài trong những thời đại trước kia.

Hồn ơn phước mô tả một con người lý tưởng trong nước Đền Chúa Trời, con người sống cách hy sinh, khải khổ, khiêm tốn và chịu đựng.

6:24 Nhưng, ngược lại có bốn sự quả trách cho thấy những con người không được kính trọng trong xã hội mới của Đấng Christ. Thật bị thảm đó lại chính là những con người mà thế gian ngày nay cho là lớn! "khốn cho các người là người giàu có" Có những nạn để luân lý nghiêm trọng liên quan đến việc tích trữ của cải trong thế gian nơi có vài ngàn người chết mỗi ngày vì đói và cũng là nơi mà nhiều người khác bị tước đoạt Tin Lành cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ. Những lời dạy đó này của Chúa Jesus phải được các Cơ Đốc nhân, người luôn bị cám dỗ tham đắm của cải trên đất, tích trữ và chặt bóp cho những lúc khó khăn suy nghĩ thật cẩn thận.

Làm điều này là sống cho một thế giới sai trật. Nhân thế, sự khốn này trên người giàu có mình chứng khá thuyết phục rằng khi Chúa phán "phước cho các người nghèo khó" trong câu 20, Ngài không nói về nghèo khó trong tâm linh. Nói cách khác thì câu 24 phải là "khốn cho các người là người giàu có tâm linh", ý nghĩa như thế không cần phải bàn luận nữa. Những ai có gia tài của cải mà không dùng nó cho sự giàu có đời đời vì người khác thì đã được phần thưởng của mình rồi, đó là sự thỏa mãn dục vọng tư kỷ mình.

6:25 "Khốn cho các người là kẻ hiện dương no." Có nhiều con cái Chúa an uống ở những nhà hàng đắt tiền, sống bằng cao lương mỹ vị, không tiếc tiền đi mua sắm cho mình phương chằm của họ là "không có gì quá tốt lành cho dân sự của Đức Chúa Trời!" Chúa nói rằng họ sẽ **đói** khi ngày đó đến, ngày mà sự ban thưởng dành cho những môn đồ hy sinh cách trung tín.

"**Khốn cho các người là kẻ hiện dương cười.**" Sự khốn cùng nhắm vào những con người có đời sống luôn ở trong vòng vui chơi, giải trí và hoan lạc. Họ làm như cuộc sống này được tạo ra để vui chơi hoan lạc và họ dường như quên đi hoàn cảnh tuyệt vọng của những con người không có Đấng Christ. Những người hiện dương cười sẽ **để tang và khóc lóc** khi họ nhìn lại những cơ hội hoang phí, tự chịu chuộc cách vị kỷ và sự nghèo nàn tâm linh của chính họ.

6:26 "Khốn cho các người, khi mọi¹⁵ người sẽ khen các người." Tại

sao vậy? Bởi vì đây là dấu hiệu chắc chắn rằng bạn không sống một đời sống công bố sự điệp cách trung tín.

Bản chất tự nhiên của Tin Lành luôn làm cho những kẻ không tin cảm thấy khó chịu. Những ai nhận lãnh sự hoan hô nhiệt liệt từ thế gian là những kẻ đồng hành với các **liên trí giả** trong thời Cựu Ước, những người làm thích thú tai dân sự bằng cách nói những gì họ muốn nghe. Họ quan tâm đến sự yêu thích của con người hơn là sự khen ngợi của Đức Chúa Trời.

H. Vô Khi Bí Mật Của Con Người: Tinh Yêu Thượng (6:27-38)

6:27-29a Giờ đây Chúa Jêsus tiết lộ cho các môn đồ Ngài một loại vũ khí bí mật từ kho vũ khí của Đức Chúa Trời – Vũ khí của **Tinh Yêu**. Đây sẽ là một trong những loại vũ khí hiệu quả của việc truyền giáo cho thế gian. Tuy nhiên khi Ngài nói về **tinh yêu**, Ngài không nói đến tình cảm con người về danh từ đó. Đây là một tình yêu *siêu nhiên*. Chỉ có những con người được tái sinh mới nhận biết hay biểu lộ được. Điều này sẽ tuyệt đối không thể nào xảy ra với những con người mà Đức Thánh Linh không ở bên trong họ. Kẻ sát nhân có thể yêu thương con cái của chính mình, nhưng đó không phải là tình yêu mà Chúa Jêsus muốn nói đến. Tình yêu đó chỉ là tình cảm con người mà thôi nhưng điều Chúa nói ở đây là tình yêu thiên thượng. Tình yêu con người đòi hỏi đời sống thể chất nhưng tình yêu thiên thượng đòi hỏi đời sống thiêng liêng. Tình yêu con người phần nhiều thuộc vấn đề cảm xúc; nhưng tình yêu

chiên thượng phẩm lớn là thuộc về ý chí. Bất cứ ai cũng có thể yêu bạn hữu mình, nhưng cần phải có sức mạnh siêu nhiên để yêu kẻ thù mình. Và đó là tình yêu (tình Hy Lạp là Agape) của Tân Ước. Nó có nghĩa là làm ơn cho kẻ ghét mình, chúc phước cho kẻ rửa mình, và cầu nguyện cho kẻ sỉ nhục mình và cũng phải đưa luôn má bên kia.

G. B. Mayer giải thích:

Cảm nhận sâu sắc nhất về tình yêu là đức quên của Cơ Đốc giáo. Cảm nhận kẻ thù như người khác cảm nhận bạn hữu; năng lực đều từ trên đổ xuống cho cả người gian ác lẫn công bình. Giảng dạy và chăm sóc cho những con người không thiện cảm và ghê tởm như người khác giảng dạy và chăm sóc cho những con người hợp dẫn và quen rũ. Phán đoán không thay đổi. Không tùy thuộc vào tâm trạng, sở thích hay tính bất chợt. Hãy chịu đựng bền bỉ; không gì nhỏ điều gian ác. Hãy vui trong lễ thật, chịu đựng, tin cậy, hy vọng và nhân nhượng trong tất cả mọi sự, không hề hốt mất – đây chính là tình yêu và tình yêu như thế là một sự ban cho của Đức Thánh Linh. Bởi sự riêng của chúng ta, chúng ta không thể nào có được tình yêu này.¹⁰

Tình yêu như thế không thể nào bị đánh bại được. Thế gian thường có thể chinh phục được những con người chống trả lại nó. Nó quen thuộc với những cuộc chiến hỗn tạp và nguyên tắc trả đũa. Nhưng nó không biết phải đối xử ra sao với con người lấy sự nhân từ mà đáp trả cho sự sai trái. Nó

hoàn toàn bị xáo trộn và mất tổ chức bởi cách cư xử quá khác với trần tục.

6:29b-31 Khi bị cướp mất chiếc áo ngoài thì tình yêu cũng đáng luôn chiếc áo trong. Nó không bao giờ xoay lưng lại khỏi những trường hợp có nhu cầu thật sự. Khi kẻ gian ác tước đoạt của cải của nó thì nó sẽ không bao giờ đòi lại. Luật vàng của nó là đối xử với người khác cũng một sự nhân từ và ân cần chu đáo theo cách mà nó muốn được nhận lấy.

6:32-34 Những người chưa được cứu có thể yêu kẻ yêu mình. Đây là một hành vi thật tự nhiên và bình thường đến nỗi nó chẳng gây tác động nào cho thế giới của những con người chưa được cứu. Ngân hàng và những công ty cho vay sẽ cho mượn tiền với hy vọng thu được tiền lời. Điều này không đòi hỏi một đời sống thiên liêng.

6:35 Vì thế Chúa Jêsus nhắc lại rằng chúng ta nên yêu kẻ thù mình, hãy làm ơn, hãy cho mượn và đừng ngã lòng. Cách cư xử như thế rõ ràng là của Cơ Đốc nhân và đánh dấu những con người như thế là con của **Đấng Rất Cao**. đương nhiên đây không phải là phương cách để con người trở nên con của Đấng Rất Cao. Điều đó chỉ có thể xảy ra qua sự tiếp nhận Chúa Jêsus Christ làm Chúa và Đấng Cứu Thế (Giăng 1:12). Nhưng đây là cách thức mà những con cái Chúa thực sự *hãy tỏ* chính mình cho thế gian biết mình là con của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta theo cách được mô tả trong câu 27-35. **Ngài lấy nhân từ đối đãi kẻ bạc và kẻ dữ.** Khi chúng ta hành

động như thế, chúng ta tỏ bày sự giống nhau trong cùng một gia đình. Chúng ta cho người ta thấy rằng chúng ta đã được Đức Chúa Trời sinh lại.

6:36 Hãy thương xót có nghĩa là hãy tha thứ khi chúng ta có thể báo thù. **Cha** mặc khải cho chúng ta thấy sự thương xót bằng sự tha thứ hình phạt chúng ta đáng phải nhận lãnh. Ngài muốn chúng ta bày tỏ sự thương xót với những người khác.

6:37 Có hai điều mà tình yêu không làm đó là nó không **đoán xét** và **lên án**. Chúa Jesus phán, "Đừng đoán xét ai thì các người khỏi bị đoán xét." Trước hết, chúng ta không nên đoán xét động cơ của người ta. Chúng ta không đọc được trong lòng và cũng không thể biết tại sao một người hành động như thế. Vậy chúng ta không nên đoán xét sự quản trị hay sự hầu việc Chúa của các Cơ Đốc nhân khác (1.Côr 4:1-5); Đức Chúa Trời là Đấng đoán xét trong mọi trường hợp, và nói chung, chúng ta không nên chỉ trích. Tinh thần chỉ trích phê bình và mọi móc ví phạm luật yêu thương.

Tuy nhiên có một vài lĩnh vực mà Cơ Đốc nhân nên đoán xét. Chúng ta phải thường nên đoán xét xem người khác có phải là một Cơ Đốc nhân thật hay không, nếu không thì chúng ta không thể nhận ra một cái ách không đồng đều (11.Côr 6:14). Tội lỗi cần phải bị đoán xét trong gia đình và trong hội chúng. Tóm lại, chúng ta phải phán xét giữa thiện và ác nhưng chúng ta không nên nghi ngờ động cơ hay cố giết một cá tính.

"Hãy tha thứ, người sẽ tha thứ mình" Điều này làm cho sự được tha

thứ của chúng ta lệ thuộc vào sự sẵn lòng tha thứ của chúng ta. Nhưng những câu Kinh Thánh khác dường như dạy dỗ chúng ta rằng khi chúng ta tiếp nhận Đấng Christ bởi đức tin thì chúng ta được tha thứ cách như không và vô điều kiện. Làm sao để chúng ta làm tương đồng điều có vẻ mâu thuẫn này? Lý giải ở đây là chúng ta nói về mặt tha thứ của hai hình thức khác nhau. *Của Chúa và của Cha*. Sự tha thứ của Chúa được Đức Chúa Trời là Đấng phán xét ban cho mọi người tin nhận Chúa Jesus Christ. Nó có nghĩa là hình phạt tội lỗi được Đấng Christ gánh rồi và tội nhân tin nhận Ngài sẽ không phải gánh nữa. Sự tha thứ vô điều kiện.

Sự tha thứ của Cha được ban bởi Đức Chúa Trời là Cha cho con cái sai phạm của Ngài khi họ biết xưng nhận và từ bỏ tội lỗi mình. Nó đưa đến sự khôi phục lại mối thông công trong gia đình của Chúa và nó không liên quan gì đến hình phạt tội lỗi. Là Cha, Đức Chúa Trời không thể tha thứ chúng ta khi chúng ta không chịu tha thứ cho nhau. Ngài không hành động như thế và cũng không thể đồng hành với những con người làm như vậy. Đây là sự tha thứ của Cha mà Chúa Jesus nói đến trong những lời "**Người sẽ tha thứ mình.**"

6:38 Tinh yêu tư bày tỏ chính nó qua sự ban cho (xem Giảng 3:16; Êphê-sô 5:25). Chức vụ Cơ Đốc là chức vụ tiêu tốn. Những ai **cho** rộng rãi thì được thưởng rộng rãi. Hình ảnh này như một người mang trước mình một túi hạt giống đựng đầy hạt. Ông

càng gieo giống nhiều chừng nào thì ông sẽ thu hoạch nhiều chừng ấy. Ông được ban thưởng lại bằng **đậu lớn, nhận, lác cho đầy tràn**. Ông nhận lấy vào **trong lòng** tức là vào trong cái túi trước ngực mình. Đây là một nguyên tắc bất di bất dịch trong cuộc đời là chúng ta gặt lấy những gì chúng ta gieo, rằng hành động chúng ta tác động trở lại trên chúng ta, rằng **mục nào** chúng ta **lượng** cho người khác thì được **lượng** lại cho chúng ta. Nếu chúng ta gieo vật chất, chúng ta gặt kho báu thuộc linh vô giá. Điều này cũng đúng là khi chúng ta giữ lấy chúng ta sẽ mất và những gì chúng ta ban cho chúng ta sẽ có lại.

I. Ấn Độ Về Kế Biê Hình Mù Loà (6:38-45)

6:39 Trong phần đoạn trước, Chúa Jêsus dạy dỗ rằng môn đồ phải có nhiệm vụ ban cho. Giờ Ngài cảnh báo rằng chừng mục mà họ có thể làm nguồn phước cho người khác bị hạn chế bởi điều kiện thuộc linh của chính họ. **Kẻ mù không thể dắt kẻ mù; cả hai sẽ cùng té xuống hố**. Chúng ta không thể ban cho những gì mà chúng ta không có được. Nếu chúng ta mù loà trong lẽ thật của Lời Chúa, thì chúng ta không thể giúp một ai trong linh vực này. Nếu trong đời sống thuộc linh chúng ta có những vết đốm thì có thể chắc chắn rằng sẽ có những vết đốm đó trong đời sống thuộc linh của học trò chúng ta.

6:40 "Môn đồ không hơn thầy, nhưng hề môn đồ được **trọn vẹn** thì sẽ **bằng** thầy mình." Một người không thể dạy những gì anh ta không biết. Anh ta không thể nào dẫn dắt học trò

minh tới một cấp bậc cao hơn chính anh ta đã đạt được. Anh ta càng dạy họ thì họ càng giống anh ta. Nhưng chính giai đoạn phát triển của anh ta hình thành sự hạn chế bên trên mức độ mà anh có thể đưa họ đến. Một học trò được **trọn vẹn** là môn đồ thì sẽ trở thành giống thầy. Sự thiếu hụt trong tin lý hay đời sống của thầy sẽ được truyền sang đời sống của học trò mình và khi sự dạy dỗ hoàn thành thì môn đồ không thể được cho rằng hơn thầy mình.

6:41-42 Lẽ thật quan trọng này vẫn nêu lên một minh họa đầy sức hấp dẫn về **cái rác và cây đã**. Một ngày nọ, có một người đi ngang qua sân đập lúa lúc người ta đang đập lúa. Một cơn gió thổi qua làm cho một **cái rác** bé xíu rơi ngang vào mắt anh ta. Anh ta dụi mắt cho bớt cơn khó chịu, nhưng anh ta càng khó chịu. Ngay lúc đó có một người đàn ông nọ đi ngang qua, thấy nỗi khổ của người kia và muốn ra tay giúp. Nhưng người này lại có **cây đã** đâm từ mắt mình ra! Chắc chắn là anh ta không thể giúp gì được vì anh ta không biết mình đang làm gì.

Bài học hiển nhiên ở đây là người thầy không thể dạy cho môn đồ mình về những thiếu sót trong đời sống họ khi mà người thầy lại có những thiếu sót đó trong đời sống mình ở mức độ lớn hơn mà ông không nhận thấy được. Nếu chúng ta là sự giúp đỡ cho người khác thì đời sống chúng ta phải mẫu mực. Nếu không họ sẽ coi vớ chúng ta "thầy thuốc, hãy tự chữa mình đi!"

6:43-45 Minh họa thứ tư Chúa dùng là cây và trái. Cây sanh trái, xấu hay tốt là tùy thuộc chính nó. Chúng ta đánh giá cây qua loại và chất lượng của trái nó sinh ra. Vì vậy điều này nằm trong linh vực môn đồ hóa. Một người trong sạch về đạo đức và mạnh khỏe phần thuộc linh có thể sẵn sàng phước hạnh cho người khác bởi lòng **chứa điều thiện mà phát ra điều thiện**. Hay ngược lại, một người ô uế thì **phát ra điều ác**.

Vì vậy trong câu 39-45, Chúa dạy dỗ môn đồ Ngài rằng chức vụ họ phải là chức vụ của phẩm tính. Họ như thế nào thì quan trọng hơn bất cứ điều gì họ nói hay làm. Kết quả sau cùng về sự hầu việc của họ sẽ được quyết định bởi những gì có bên trong chính họ.

J. Chúa Đợi Hồi Sự Vâng Phục (6:46-49)

6:46 "Sao các người gọi ta: Chúa, Chúa, mà không làm theo lời ta phân?" Từ *Chúa* có nghĩa là *Thầy* nghĩa là Ngài có trọn quyền trên cuộc đời chúng ta, chúng ta thuộc về Ngài và chúng ta buộc phải làm theo những gì Ngài phân dạy. Gọi Ngài là **Chúa** và rồi không vâng phục Ngài thì thật là một nghịch lý. Chỉ xưng nhận quyền làm Chúa của Ngài thì chưa đủ. Tình yêu và đức tin thật gồm luôn sự vâng phục. Chúng ta không thật yêu Ngài và không thật tin Ngài nếu chúng ta không làm theo những gì Ngài phân.

Các người gọi Ta là "Đường Đi" mà chẳng đi trong Ta.

Các người gọi Ta là "Sự Sống" mà chẳng sống trong Ta.

Các người gọi Ta là "Thầy" mà chẳng vâng lời Ta.

Nếu Ta định tội các người thì một lần nữa đừng trách Ta.

Các người gọi Ta là "Bánh" mà chẳng ăn Ta.

Các người gọi Ta là "Lê Thật" mà chẳng tin Ta.

Các người gọi Ta là "Chúa" mà chẳng hầu việc Ta.

Geoffrey O'Hara.

6:47-49 Để làm mạnh mẽ hơn nữa về lẽ thật quan trọng này, Chúa kể một câu chuyện về hai người xây nhà. Chúng ta thường áp dụng câu chuyện này cho phúc âm; chúng ta nói rằng người khôn ngoan mô tả về người tin và được cứu, còn người ngu dại là người chối Chúa và hư mất. Dĩ nhiên đây là một *ứng dụng* hợp lý. Nhưng nếu chúng ta giải nghĩa câu chuyện theo bối cảnh của nó thì chúng ta nhận thấy có một ý nghĩa sâu sắc hơn.

Người khôn ngoan là người đến cùng Đấng Christ (sự cứu rỗi), nghe lời Ngài (sự dạy dỗ) và làm theo (vâng phục). Anh ta là người xây dựng cuộc đời mình trên những nguyên tắc môn đồ hóa của Cơ Đốc nhân như được trình bày trong chương này. Đây là cách đúng nhất để xây dựng đời sống. Khi ngôi nhà bị giông bão xô đẩy thì nó vẫn đứng vững vì **xây nền trên vầng đá** Đấng Christ và sự dạy dỗ của Ngài.¹⁷

Người ngu dại là người nghe (sự dạy dỗ) nhưng không làm theo (bất tuân). Anh ta xây dựng cuộc đời mình trên những gì anh ta cho là tốt nhất, theo những nguyên tắc xác thịt của thế gian này. Khi giông bão cuộc đời nổi lên, nhà anh không xây nền bị cuốn trôi đi. Linh hồn anh có thể

được cứu nhưng cuộc đời anh bị mất đi.

Người khôn ngoan là người đối khất, than khóc, và bị bắt bớ tất cả vì cô Con Người. Thế gian gọi người như thế là rồ dại nhưng Chúa Jêsus gọi là người khôn ngoan.

Người ngu dại là người giàu có, ăn uống say sưa, sống vui tươi và được mọi người biết đến. Thế gian gọi anh ta là khôn ngoan nhưng Chúa Jêsus lại gọi là khờ dại.

VI. CON NGƯỜI MỞ RỘNG CHÚC VỤ NGÀI (7:1-9:50)

A. Chúa Lành Người Bảy Tờ Cửa Thấy Bội (7:1-10)

7:1-3 Sau khi kết thúc bài giảng luận của Ngài, Chúa Jêsus rời khỏi đám đông và vào thành Cabênaum. Tại đó, Ngài bị bao vây bởi mấy trưởng lão đến cầu xin Ngài chữa lành cho đầy tớ của thầy đội dân Ngoại Bang. Dương như thầy đội này đặc biệt tốt với người Do thái đến nỗi cất nhà hội cho họ. Như tất cả những thầy đội khác trong Tân Ước, ông được trình bày với khái niệm tốt (Luca 23:47; Công vụ 10:1-48).

Việc một người chủ có thiện ý đối với đầy tớ như thầy đội này chẳng phải thông thường. Khi đưa đầy tớ đau gần chết, người thầy đội sai các trưởng lão trong dân Giuđa nài ni Chúa Jêsus chữa lành đầy tớ mình. Quan chức Lamã này là người duy nhất tìm kiếm ơn phước từ Chúa Jêsus cho đưa đầy tớ như chúng ta đã thấy.

7:4-7 Các trưởng lão trong dân đang ở trong một tình cảnh khá kỳ lạ. Họ không tin Chúa Jêsus, tuy nhiên

tình bằng hữu đối với người thầy đội buộc họ phải đi tới Chúa Jêsus trong lúc cầu. Họ nói về người thầy đội thật đáng cho thấy nhậm lời. Nhưng khi người thầy đội gặp Chúa Jêsus, ông ta thưa "lời không đáng." Có nghĩa là "lời chẳng quan trọng gì đâu."

Theo Tin Lành Mathiơ thì người thầy đội này trực tiếp đến gặp Chúa Jêsus. Nhưng trong sách Luca, ông sai các trưởng lão. Cả hai đều đúng. Trước tiên ông sai các trưởng lão, sau đó tự ông đi đến với Chúa Jêsus.

Sự khiêm nhường và đức tin của người thầy đội này thật đáng nể. Ông đã không xem mình đáng để Chúa Jêsus vào nhà ông. Ông cũng không xem mình đáng đến cùng Chúa Jêsus. Nhưng ông tin rằng Chúa Jêsus sẽ chữa lành mà không cần phải biện diện tại đó. Mọi lời từ Ngài sẽ đuổi xa bệnh tật.

7:8 Người thầy đội tiếp tục giải thích rằng ông hiểu biết về uy quyền và trách nhiệm. Ông có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Chính ông thuộc dưới quyền của chính quyền Lamã và có trách nhiệm thực thi lệnh của họ. Hơn nữa, ông có quân lính dưới mình nghe theo lệnh ông tức thì. Ông nhận thấy rằng Chúa Jêsus cũng có uy quyền như thế trên bệnh tật giống chính quyền La mã có uy quyền trên ông cũng như ông có trên thuộc hạ mình.

7:9,10 Chính vì thế nên Chúa Jêsus lấy làm lạ bởi đức tin của người thầy đội Lamã này. Không một ai trong dân Ysaraên có một sự xưng xưng dạn dĩ về uy quyền tuyệt đối của

Chúa Jêsus. **Mỗi đức tin lớn đường ấy** chẳng bao giờ mà không được ban thưởng cả. Khi họ trở về **nhà** của thấy đội, họ thấy rằng **đầy tớ lành mạnh**.

Đây là một trong hai lần chúng ta đọc thấy trong các sách Tin Lành rằng Chúa Jêsus lấy làm lạ. Ngài lấy làm lạ bởi đức tin của người thấy đội Ngoại Bang này và Ngài lấy làm lạ bởi sự vô tin của dân Ysraên (Mác 6:6).

B. Sự Sống Lại Của Con Trai Bà Góa (7:11-17)

7:11-15 Na-in là một thị trấn nhỏ phía tây bắc thành Cabênaum. Khi Chúa Jêsus đến gần thành thì Ngài thấy một đám tang đang rời thành. Đó là đám tang con trai của mẹ góa kia. Chúa **động lòng thương xót** cho người mẹ mất con. Rờ vào quan tài mà người ta **khâng** cái xác trong đó để dừng đoàn người lại. Chúa Jêsus ra lệnh cho **người trẻ... chớ dậy**. Ngay tức thì, sự sống trở lại cùng cái xác và chàng trai trẻ ngồi dậy. Thế đó, Đấng Chúa Tể trên sự chết cũng như bệnh tật đã phục hồi đưa trẻ **cho người mẹ**.

7:16,17 Dân chúng **sự hãi**, họ đã chính mắt thấy một phép lạ đầy năng quyền. Người chết sống lại. Họ tin Chúa Jêsus là một **Đấng tiên tri** lớn được Đức Chúa Trời sai đến. Nhưng khi họ nói: "**Đức Chúa Trời đã thăm viếng dân Ngài**". Họ chắc không hiểu rằng **chính Chúa Jêsus** là Đức Chúa Trời. Đúng hơn là họ cảm nhận rằng phép lạ là bằng chứng Đức Chúa Trời đang hành động giữa họ trong một phương thức không mang tính cách con người. **Tin nấy** về phép lạ được họ đồn ra **khắp xứ xung quanh**.

Sách của bác sĩ Luca ghi nhận ba trường hợp sống lại "của con trẻ"; con trai người đàn bà góa, con gái Giairu (8:42) và đứa bé bị quỷ ám (9:38).

C. Con Người Tại Các Nhận Cho Sai Giã Ngại (7:18-23)

7:18-20 Tin tức về phép lạ của Chúa Jêsus lọt đến tai của **Giăng** Báp-tít đang trong ngục tại lâu đài, bên bờ phía đông Biển Chết. Nếu Chúa Jêsus thật là Đấng Mêsi, sao Ngài không thực thi quyền năng Ngài trong việc giải cứu Giăng khỏi tay Hêrốt? Vì thế nên Giăng sai **hai môn đồ mình** đi hỏi Chúa Jêsus xem Ngài có thật là Đấng Mêsi không hay Đấng Christ vẫn còn đang đến. Việc Giăng thắc mắc quyền làm Đấng Mêsi dường như thật lạ đối với chúng ta. Nhưng chúng ta, phải nhớ rằng những con người vĩ đại nhất cũng có những lúc suy giảm đức tin. Cùng vậy,...

7:21-23 Chúa Jêsus trả lời câu hỏi của Giăng bằng cách nhắc nhở với ông rằng Ngài thực hiện phép lạ giống như những gì mà các tiên tri đã nói trước về những phép lạ được Đấng Mêsi thi hành (Êsai 35:5,6; 61:1). Rồi Ngài thêm vào "**phước cho kẻ không vấp phạm vì cớ ta!**" như là một lời tái bút cho Giăng. Điều này có lẽ được hiểu như lời quả trách vì Giăng đã bị **vấp phạm** vì Chúa Jêsus đã không đoạt lấy uy quyền cai trị và tó mình ra theo cách mà dân chúng đang trông đợi. Nhưng nó cũng được giải nghĩa như một lời khích lệ cho Giăng đứng bỏ đức tin, mình.

C.G. Moose nói:

Tôi biết không có sự phut nào thử thách đức tin nhiều hơn là

những giờ phút Chúa Jêsus tăng thêm bằng chứng của năng quyền Ngài mà lại không sử dụng năng quyền ấy... Các ân điển nhiều hơn biết bao khi các sứ giả trở về nói rằng: "Vâng Ngài có toàn bộ quyền năng, và Ngài có toàn bộ những điều thầy đã nghĩ về Ngài nhưng Ngài chẳng nói một lời nào về việc sẽ xảy ra khỏi tù..." Không có lời giải thích nào cả, đức tin được nuôi dưỡng: cửa ngục vẫn đóng; và rồi sự diệp: "Phước cho kẻ không sụp phụng vì cơ ta." Tất cả chỉ có thể thôi!"¹⁸

D. Cao Ngợi Khoa Ngợi Người Dọn Đường Cho Ngài (7:24-28)

7:24 Bất cứ điều gì Chúa Jêsus có lẽ nói với Giăng riêng tư thì Ngài không nói gì hơn ngoài sự khen ngợi ông trước công chúng. Khi dân chúng kéo nhau vào trong sa mạc gần sông Giôđanh, họ được trông thấy gì? Một kẻ cơ hội như nước, không kiên định và dễ bị lay động? Chưa có ai cáo buộc Giăng là người một cây sậy bị gió rung chông.

7:25 Vậy thì có phải họ đã trông đợi một dân chơi theo kiểu Hollywood, ăn mặc thời trang và đám mình trong xa hoa và thanh thản không?

Không, đó là loại người chỉ quanh quẩn trong đến dãi các vua, tìm kiếm sự vui hưởng xa hoa của cung điện và những cuộc gặp gỡ liên tục vì lợi ích và vui thỏa của riêng mình.

7:26 Đó là một đáng liên tri mà họ đi xem một nguyên tắc đạo đức hiện thân, người công khai lời Đức Chúa Trời hằng sống bất chấp phải trả mô:

giá như thế nào. Thật, ông đáng trọng hơn tiên tri nữa.

7:27 Chính ông là chủ đề nói tiên tri và ông có đặc ân riêng để giới thiệu một vị vua, Chúa Jêsus trưng dẫn từ Malachi 3:1 để tỏ rằng Giăng đã được hứa ban trong Cựu ước, nhưng để làm thế, Ngài đã có một sự thay đổi rất thú vị trong những đại từ. Trong Malachi 3:1, chúng ta đọc, "Nầy, ta sai sứ giả ta, người sẽ dọn đường trước mặt ta." Nhưng Chúa Jêsus trích dẫn "Nầy, ta sai sứ giả ta, người sẽ dọn đường trước mặt người." Đại từ Ta được đổi thành Người.

Godet giải thích sự thay đổi này như sau:

Trong quan điểm của vị tiên tri, Đấng đang sai phái, và là Đấng trước mặt Ngài có đường dọn sẵn, đã là một và chỉ một Đấng mà thôi, tức Đức Giêhôva. Vì vậy có chữ trước mặt ta trong Malachi. Nhưng đối với Chúa Jêsus, là Đấng khi nói về chính Ngài thì không bao giờ lẫn lộn chính Ngài với Đức Chúa Cha, sự phân biệt này trở nên hết sức cần thiết. Không phải Đức Giêhôva phân về chính Ngài, nhưng Đức Giêhôva phân về chính Chúa Jêsus; vì vậy có hình thức trước mặt Người Tít bằng chứng ấy, chẳng phải từ câu trích này suy ra được trong ý nghĩ của đấng tiên tri, cũng như trong ý nghĩ của Chúa Jêsus, sự xuất hiện của Đấng Mới chính là sự xuất hiện của Đức Giêhôva sao?"¹⁹

7:28 Chúa Jêsus tiếp tục khen Giăng bằng cách xác nhận rằng trong những người bởi đàn bà sanh ra,

không có ai lớn hơn Giăng Báp-tít đâu. Tinh ưu việt này không nói đến tính cách cá nhân ông nhưng nói đến chức vụ ông là người dọn đường cho Đấng Mêsê. Cũng có những con người khác tốt sáng, được tôn trọng và tin kính Chúa như ông. Nhưng ngoài ông thì không ai được đặc ân công bố sự đến của vị Vua. Về phần này duy nhất chỉ có Giăng. Tuy nhiên, Chúa thêm vào, **nhưng trong nước Đức Chúa Trời, kẻ rất nhỏ còn lớn hơn Giăng vậy**. Hưởng ơn phước của nước Đức Chúa Trời thì lớn hơn là làm người dọn đường cho Vua.

7:29 Chúa Jê-sus có lẽ vẫn tiếp tục phân trong câu 29 và vì thế tứ (bổ sung) Ngài phải nên viết là Ông. Chúa đang nhắc lại nhận thức được nói trong sự giảng dạy của Giăng. **Dẫn chúng** và những người có tội như **kẻ thâu thuế**, ăn năn và được **lâm phép báp-tem** ở sông Giô-đan. Tin nhận sứ điệp của Giăng và làm theo, họ **đều xưng Đức Chúa Trời là công bình**, đó là, họ tin cậy Đức Chúa Trời là Đấng công bình đòi hỏi dân Y-sơ-ra-ên phải ăn năn trước khi Đấng Christ cai trị họ. Công dụng của tử xưng công bình này bày tỏ rõ ràng rằng nó không có ý nghĩa là làm trở nên công bình; không ai có thể làm cho Đức Chúa Trời trở nên công bình cả. Nói đúng ra là xem Đức Chúa Trời là Đấng công bình trong mạng lệnh và luật lệ Ngài.

E. Con Người Chỉ Trích Thế Bộ Của Chính Ngài (7:30-38)

7:30-34 **Người Pharisi** và thầy thông giáo không chịu nhận phép báp-tem của Giăng và thế là **chê bỏ**

chương trình của Đức Chúa Trời dành cho lợi ích mình.

Thật ra, không thể nào làm thỏa lòng **đôi nấy** mà trong đó họ là người lãnh đạo. Chúa liên kết họ với con trẻ chơi đùa **ngoài chợ**. Họ không muốn tham gia vào lễ cưới hay lễ tang. Họ trái thời, bướng bỉnh, hay thay đổi và ương ngạnh. Bất kỳ chức vụ nào Đức Chúa Trời sử dụng giữa vòng họ họ đều chống đối lại. **Giăng Báp-tít** cho họ thấy một tấm gương trong đời sống khổ hạnh, khác khổ và tự chối bỏ mình. Họ chẳng thích nó nhưng lại còn chỉ trích ông là bị quỷ ám. **Con Người** ăn và uống với người **thâu thuế** và **kẻ có tội**. Có nghĩa là Ngài bày tỏ chính mình Ngài cho những ai đến để được ban phước. Nhưng người Pharisi vẫn không vui; họ lại gọi Ngài là người **ham ăn mê uống**. Kiêng ăn hay tiệc tùng, cưới hỏi hay tang chế. Giăng hay Chúa Jê-sus, không điều gì hay bất cứ ai làm vừa lòng họ!

Ryle khuyên:

Chúng ta phải bỏ ý tưởng cố gắng làm đẹp lòng mọi người. Đây là việc không thể được, và nỗ lực như thế chỉ phí thời giờ. Chúng ta phải thỏa lòng đi theo những bước chân của Đấng Christ, và mặc cho thế gian muốn nói gì thì thích. Hãy làm những việc chúng ta sẽ làm, chúng ta sẽ không bao giờ làm thỏa mãn thế gian được, cũng không bị miệng được những lời bình phẩm ác ý của thế gian. Thế gian reo hét bởi lòng tìm vết Giăng Báp-tít, rồi bôn lỏng tìm vết Chai dầy ơn của Giăng. Và thế gian sẽ tiếp tục cải bường và bôn lỏng tìm vết các môn đồ của Vị Thầy ấy chừng nào vẫn

*còn một mẫu đồ ấy trên trần gian này.*²⁰

7:35 *"Song sự khôn ngoan được xưng công bình nhờ những việc làm của nó."* Sự khôn ngoan ở đây tiêu biểu cho chính mình Chúa Cứu Thế. Thiếu số các môn đồ tôn cao danh Ngài là *con cái* của sự khôn ngoan. Mặc dù số đông dân chúng chối từ Ngài nhưng những môn đồ thật của Ngài sẽ chứng minh những lời tuyên bố của Ngài là đúng qua đời sống yêu thương, thánh khiết và tận hiến của họ.

F. Tội Nhân Xức Dầu Cho Đấng Cứu Thế (7:36-39)

7:36 Trong sự kiện theo sau, chúng ta có được minh họa của sự khôn ngoan được xưng công bình qua một trong những người con, ấy là một người đàn bà có tội. Như tiến sĩ H.C. Woodring nói thật sâu sắc: "Khi Đức Chúa Trời không làm cho những người lãnh đạo tôn giáo cảm kích Đấng Christ thì Ngài dùng những gài điểm làm điều đó." Simôn, một người Pharisi mời Chúa Jêsus ăn lại nhà mình, chắc có lẽ ông bị tò mò hay có lẽ do thái độ thù địch của ông.

7:37,38 Người đàn bà tội lỗi xuất hiện cùng lúc trong căn phòng. Chúng ta không biết bà là ai; theo truyền thống thì bà là Mari Madalen nhưng thiếu sự hỗ trợ của Kinh Thánh. Người đàn bà này đem đến một bình ngọc trắng đựng đầy dầu thơm. Khi Chúa Jêsus đang dựa vào bàn và ăn, dầu Ngài để cạnh bàn, bà đứng nơi chân Đức Chúa Jêsus, lấy tóc mình mà chùi, lại hôn chân Ngài. Rồi bà

xức dầu thơm cho. Sự tôn thờ và hy sinh như thế bày tỏ sự tin chắc của bà là chẳng có gì quá tốt cho Chúa Jêsus cả.

7:39 Thái độ của Simôn thì hoàn toàn khác. Ông cảm nhận rằng những tiên tri, cũng giống như người Pharisi, phải nên xa cách khỏi những kẻ có tội. Nếu Chúa Jêsus là **đấng nên tri** thật, ông kết luận, thì Ngài không để cho người **xấu nổi** tặng cho một sự triu mến như thế đối với Ngài.

G. VÍ DỤ VỀ HAI NGƯỜI MẮC NỢ (7:40-50)

7:40-43 Chúa Jêsus biết được tâm trí ông và Ngài nhã nhặn xin phép Simôn được nói vài lời với ông. Với sự khéo léo tốt bụng, Chúa kể một câu chuyện về một chủ nợ và hai người mắc nợ. **Một người** mắc năm chục đồng và người kia mắc năm đồng. **Vì** hai người không có chi mà trả nên chủ nợ tha cả hai. Lúc này thì Chúa Jêsus hỏi Simôn rằng **ai yêu chủ nợ hơn**. Người Pharisi này đáp đúng **"tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều nợ hơn."** Rõ ràng là ông tự cáo trách mình khi Chúa Jêsus tiếp tục bày tỏ cho ông thấy.

7:44-47 Từ lúc Chúa bước vào nhà thì người đàn bà đã có sự triu mến vô vàn đối với Ngài. Trái lại, người Pharisi lại đón tiếp Ngài cách lạnh lùng, ngay cả những cử chỉ lịch sự thông thường như rửa chân khách, hôn má Ngài và xức dầu cho đầu Ngài cũng không được thực hiện. Tại sao thế? Lý do là người đàn bà có được nhận thức rằng mình được tha nhiều hơn ngược lại thì Simôn lại không cảm thấy mình là một kẻ có tội trọng gì cả. **"Song kẻ được tha ít thì yêu mến ít."**

Chúa Jêsus không ám chỉ người Pharisi là một kẻ tội trọng. Đúng hơn Ngài nhấn mạnh rằng Simôn chưa bao giờ nhận biết thật sự rằng tội lỗi rất lớn của ông đã được tha thứ rồi. Nếu ông nhận biết được như thế thì chắc có lẽ ông sẽ yêu mến Chúa sâu sắc như người kỵ nữ đó. Chúng ta đều là những kẻ có nhiều tội. Tất cả chúng ta khi nhận biết sự tha thứ vĩ đại thì chúng ta yêu mến Chúa càng hơn.

7:48 Rồi Chúa Jêsus công khai tuyên bố cho người đàn bà rằng **lỗi** bà đã được tha. Bà không phải được tha vì tình yêu bà đối với Đấng Christ nhưng tình yêu bà là **kết quả** của sự tha thứ của bà. Bà yêu mến nhiều vì bà được tha nhiều. Chúa Jêsus công khai này tuyên bố công khai về sự tha thứ tội lỗi bà.

7:49-50 Những người khác thắc mắc hỏi rằng Chúa Jêsus lấy quyền gì mà tha tội. Lòng tự nhiên cam ghét ăn điển. Nhưng một lần nữa Chúa Jêsus bảo đảm cho người đàn bà rằng đức tin của bà đã cứu bà và rằng bà hãy đi cho bình an. Đây là điều mà các nhà tâm thần học không thể làm được. Họ có thể cố giải thích để làm cho mất đi mặc cảm tội lỗi nhưng họ không thể ban cho niềm vui và sự bình an mà Chúa Jêsus ban được.

Việc Chúa chúng ta ngồi an công bàn với người Pharisi này bị sử dụng một cách sai lầm bởi một vài Cơ Đốc nhân để biện minh cho việc gắn gù thần mặt của họ với những người chưa tin, với những trò vui chơi và chịu theo sự ham muốn mình. Ryle cho một lời cảnh báo:

Những ai lập luận như thế nên nhớ hình sự của Chúa chúng ta trong dịp này. Ngài đã mang theo "cây viết của Cha" Ngài đến nên ban tặng của người Pharisi. Ngài làm chúng ngich cùng tội lỗi trên miền của người Pharisi. Ngài đã giải thích cho người Pharisi biết bản chất sự tha tội vô điều kiện, bí quyết tình yêu thật dành cho Ngài. Ngài đã công bố bản chất của nỗi của đức tin. Nếu những Cơ Đốc nhân muốn lý luận bình vạc mỗi liên hệ mật thiết với người chưa tin Chúa thì hãy chịu đến thăm nhà họ với tình thần của Chúa chúng ta. Hãy nói và cư xử như cách Chúa chúng ta đã làm, nguyên họ dùng mọi phương tiện để tiếp xúc, nề nếp đó. Nhưng họ có nói và cư xử theo bản tính những người ban chưa tin Chúa của họ như cách Chúa Jêsus đã làm bên bàn tiệc của Simôn không? Họ nên trả lời chính của họ này.²¹

H. Những Người Đàn Bà Mắm Việc Chúa Jêsus (8:1-3)

Thật tốt để nhớ rằng sách Tin Lành chưa được chỉ một ít sự kiện từ cuộc đời và chức vụ của Chúa chúng ta. Đức Thánh Linh chọn lựa những để rồi mà Ngài muốn nói đến, nhưng cũng bỏ qua nhiều sự kiện khác. Ở đây chúng ta có một lời trình bày mớ mớ về chức vụ của Chúa Jêsus cũng với mớ đó Ngài tại thành này đến thành kia, làng này đến làng khác của xứ Galilê. Khi Ngài giảng dạy và rao truyền Tin Lành của nước Đức Chúa Trời, thì Ngài cũng được hầu việc về việc ăn và chỗ ở bởi những người đàn bà được Ngài ban phước. Một hình như bà Mari gọi là Madolen. Một số

người nghĩ rằng bà là một người nữ có biệt danh từ xứ Magdala (Magdol). Dù sao thì bà đã được giải cứu một cách diệu kỳ từ **bảy quỷ dữ**. Và bà **Giannô** có chồng là **quan nội vụ của vua Hêrôt, Suxanô** và nhiều người khác nữa. Lòng tốt của họ đối với Chúa đã không qua đi mà không được lưu giữ. Khi họ chia sẻ của cải mình cho Chúa Giêsu họ không nghĩ rằng các Cơ Đốc nhân ở những thời đại kế tiếp sẽ đọc và biết được lòng rộng rãi và mến khách của họ.

Để tài cho chức vụ của Chúa Giêsu là tin lành về **nước Đức Chúa Trời**. **Nước Đức Chúa Trời** là một vương quốc, hữu hình hay vô hình, nơi mà sự cai trị của Đức Chúa Trời được nhận biết. Mathơ dùng từ "nước thiên đàng" nhưng cơ bản thì ý tưởng đều như nhau; đơn giản là nó có ý nghĩa "Đấng Rất Cao cai trị trong nước của loài người" (Đaniên 4:17) hay "các tầng trời cảm quyền" (Đaniên 4:26).

Có nhiều giai đoạn phát triển nước thiên đàng khác nhau trong Tân Ước:

1. Trước tiên, nước thiên đàng được Giảng Báp-tít công bố như đã đến gần rồi (Mathơ 3:1, 2).

2. Rồi thì nước thiên đàng thật ra đang hiện diện trong Con Người Của Vua ("nước Đức Chúa Trời ở trong các người," Luca 17:21). Đây là Tin Lành về nước Đức Chúa Trời mà Chúa Giêsu rao truyền. Ngài tố ý Chính Ngài là Vua Ysraên (Luca 23:3).

3. Kế đến chúng ta thấy nước Đức Chúa Trời bị đả Ysraên chối bỏ (Luca 19:14; Giảng 19:15).

4. Ngày nay nước thiên đàng đang trong hình thái mẫu nhiệm (Mathơ 13:11). Đấng Christ là Vua, đang tạm thời vắng mặt nhưng sự cai trị của Ngài được nhận biết trong lòng của một số người trên đất. Nói cách khác ngày nay nước thiên đàng bao gồm hết tất cả những ai xưng mình tiếp nhận sự cai trị của Đức Chúa Trời dù họ thật sự chưa hoàn cải. Phạm vi tuyên xưng bên ngoài này được nhìn thấy trong ẩn dụ về người gieo giống và hạt giống (Luca 8:4-15), lúa mì và cỏ dại (Mathơ 13:24-30), và cá trong lưới (Mathơ 13:47-50). Nhưng trong ý nghĩa sâu xa hơn, thật hơn thì nước thiên đàng chỉ dành cho những ai đã tin Chúa (Mathơ 18:3) hay được tái sinh (Giăng 3:3). Đây chính là tâm ảnh hưởng của thực tại bên trong. (Tham khảo biểu đồ trong Mathơ 3:1, 2.)

5. Một ngày nào đó nước thiên đàng theo ý nghĩa thực sẽ được thành lập, trên đất này và Chúa Giêsu sẽ trị vì như Vua muôn vua và Chúa muôn chúa một nghìn năm (Khải Huyền 11:15; 19:16; 20:4).

6. Thời kỳ sau cũng được biết như là vương quốc đời đời của Chúa chúng ta và Cha Chúa Giêsu Christ (I. Phi 1:11). Đây là vương quốc trong cõi vĩnh hằng.

I. Ví Dụ về Người Gieo Giống (8:4-15)

8:4-8 Ẩn dụ về người gieo mô tả nước thiên đàng trong khía cạnh hiện tại của nó. Điều này dạy chúng ta rằng nước Đức Chúa Trời bao gồm sự tuyên xưng cũng như tình xác thực. Và nó thiết lập nền tảng cơ bản để

cảnh báo cách nghiêm túc cho chúng ta trong việc **nghe** lời của Đức Chúa Trời. Nghe Lời Kinh Thánh được giảng dạy thì không phải là chuyện xem nhẹ. Nhưng ai nghe phải có nhiều trách nhiệm hơn trước khi chưa nghe. Nếu họ coi khinh sự điệp hay coi việc vâng theo là một vấn đề không bắt buộc thì chính họ sẽ bị tổn thất khi làm như thế. Nhưng nếu họ nghe và vâng theo thì họ đặt mình vào trong vị trí tiếp nhận thêm nữa sự sáng của Đức Chúa Trời. **Ấn dụ** được kể cho **đàn dân đông** nhưng sau đó thì được giải thích cho các môn đồ.

Ấn dụ kể về người gieo, **hột giống**, đổn toại đất mà **hột giống** được gieo ra và bốn kết quả.

LOẠI ĐẤT

1. Dọc đường

2. Đá sỏi

3. Bụi gai

4. Đất tốt

KẾT QUẢ

Bị giày đạp và
chìm trôi ãn hết.

Bị héo đi vì thiếu
hơi ẩm.

Bị nghẹt ngòi vì
gai góc.

Kết quả một
thành trăm.

Chúa kết thúc ấn dụ với những lời này: "Ai có tai mà nghe, hãy nghe!" Nói cách khác, khi bạn nghe lời Chúa thì hãy thận trọng xem mình đang tiếp nhận Lời ấy như thế nào. Hột giống phải rơi vào trong **đất tốt** hầu để có kết quả.

8:9,10 Khi môn đồ hỏi Ngài về ý nghĩa của **ấn dụ**, Chúa Jesus giải thích rằng không phải ai cũng hiểu được những sự **mầu nhiệm** của nước Đức Chúa Trời. Vì cơ những môn đồ sẵn

sàng tin cậy và vâng lời họ được ban cho khả năng để hiểu những sự dạy dỗ của Đấng Christ. Nhưng Chúa Jesus trình bày cách có chủ đích nhiều lẽ thật **đùng ẩn dụ để** những ai không thật sự yêu Ngài sẽ **không hiểu**; hầu họ **xem mà không thấy; nghe mà không hiểu**. Nhìn chung họ thấy và nghe. Thí dụ như họ biết Chúa Jesus đã nói về người gieo và hột giống. Nhưng họ **không hiểu** ý nghĩa sâu xa của mình họa này. Họ không nhận biết rằng lòng mình cứng cõi, không an nản và là đất đầy bụi gai vậy, họ không nhận được ích lợi gì qua lời mà họ được nghe.

8:11-15 Chỉ đối với môn đồ thì Chúa giải nghĩa **ấn dụ**. Họ đã tiếp sự dạy dỗ mà họ nhận lấy và vì thế họ được ban cho nhiều thêm nữa. Chúa Jesus giải thích rằng **hột giống là đạo Đức Chúa Trời**, đó là lẽ thật của Đức Chúa Trời -- sự dạy dỗ của Chính Ngài.

Những kẻ nghe **đọc đường** nghe lời nhưng chỉ theo cách nông cạn, hơi hợt. Nó chỉ ở trên bề mặt cuộc đời họ và để bị **ma quỷ** (chìm trôi) đến cướp đi.

Những kẻ nghe **đá sỏi** cùng nghe lời nhưng họ không để cho lời đó làm tan vỡ họ. Họ vẫn không an nản. Hột giống không có được sự kích lệ (hơi ẩm) nên nó sẽ khó héo và chết đi. Có lẽ lúc ban đầu họ tuyên xưng mạnh mẽ nhưng không thật trong lòng. Dường như có sự sống nhưng **không có rễ** bên dưới đất. Khi hoạn nạn đến thì họ chối bỏ niềm tin Cơ Đốc của mình.

Những kẻ nghe bụi gai đường như lớn lên tươi tốt trong một lúc nhưng họ lại tỏ ra rằng mình không phải là kẻ tin thật bởi không thể tiếp tục cách vững vàng. **Sự lo lắng, giàu sang, sung sướng đời nấy** kiểm soát làm cho Lời bị nghẹt ngói.

Đất tốt tượng trưng cho những người tin thật có lòng **thật thà, tử tế**. Họ không chỉ tiếp nhận lời nhưng còn cho phép nó uốn nắn cuộc đời họ. Họ là những người ham học hỏi và vàng phục, **phát triển đức tình Cơ Đốc thật** và **sanh kết quả** cho Chúa.

Darby tóm tắt sự điệp của phần đoạn này như sau:

Nếu khi nghe, tôi có được điều mình nghe, không chỉ đem thuận được niềm vui khi nhận lãnh, nhưng có được nó cho riêng mình, thì điều tôi nghe trở thành một phần bản chất của linh hồn tôi, và tôi sẽ nhận thêm nhiều nữa; vì khi chân lý đã trở thành một thực thể trong linh hồn tôi, thì tôi có khả năng để nhận được thêm nhiều nữa.²²

J. Trách Nhiệm Của Những Ai Nghe Lời (8:18-21)

8:16 Ngay cái nhìn lướt đầu tiên thì dường như không có mối liên hệ nhiều giữa phần đoạn này và những gì trước đó. Tuy nhiên, có một dòng chảy ý tưởng liên tục. Cứu Chúa vẫn tiếp tục nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những gì các môn đệ Ngài thực hành qua những sự dạy dỗ của Ngài. Ngài liên kết Chính Ngài với một người **đã thắp đèn**, nhưng lại không đặt nó dưới **thùng** hay là **để dưới giường**, nhưng **để trên chân đèn**

cho tất cả mọi người **đều thấy sáng**. Trong việc dạy dỗ môn đồ những nguyên tắc của nước Đức Chúa Trời, **Đấng thắp sáng ngọn đèn**. Họ phải nên làm gì với đèn ấy?

Trước hết, họ không được **lấy thùng** úp lại. Trong Mathiơ 5:15, Mác 4:21 và Luca 11:33, cái thùng được ví như cái thùng. Cái thùng đương nhiên là một công cụ đo lường được dùng trong giới thương mại. Vì thế giấu đèn dưới cái thùng có thể nói đến sự cho phép lời làm chứng của mình bị che khuất hay bị phủ lấp bởi sự bận rộn trong đời sống mưu sinh. Tốt hơn là nên để ngọn đèn trên cái thùng, đó là, **bày tỏ Tin Lành** nơi cửa chợ hay dùng công việc mình như bực giảng để **truyền bá Tin Lành**.

Thứ hai là **món đồ** không nên giấu đèn mình **dưới giường**. Giường nói về sự nghỉ ngơi, thoải mái, lười biếng và ham mê. Những điều như thế này thật ngăn trở làm cho đèn không tỏa sáng! Món đồ phải để đèn mình trên chân đèn. Nói cách khác thì anh ta phải sống và giảng về lẽ thật hầu cho mọi người **đều thấy được**.

8:17 Câu 17 dường như muốn nói rằng nếu chúng ta cho phép sự điệp bị giới hạn bởi vì công việc hay sự lười biếng thì sự hờ hững và thất bại của chúng ta sẽ bị phơi trần. Che giấu lẽ thật sẽ phải **lộ ra** và giữ kín nó sẽ bị **biết và tỏ ra**.

8:18 Vì vậy chúng ta phải cẩn thận về **cách** chúng ta **nghe**. Nếu chúng ta thành tín chia sẻ lẽ thật với người khác thì Đức Chúa Trời sẽ tỏ ra những lẽ thật mới mẻ và sâu sắc hơn

cho chúng ta. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta không có tinh thần nhiệt huyết truyền giáo thì Đức Chúa Trời sẽ ước khởi chúng ta lệ thật mà chúng ta sở hữu. Những gì chúng ta không dùng thì chúng ta sẽ mất đi. G.H. Lang dẫn giải:

Các môn đồ lắng nghe với một tâm trí hào hứng muốn hiểu biết và sẵn sàng tin nhận và vâng theo. Những người còn lại thì lắng nghe với vẻ lơ phờ một mặt, tỏ ra hay cương quyết chống đối. Đối với những người trước thì nhiều tri thức được ban cho, còn những kẻ sau thì bị ước đi trí thức mà họ dường như có được.²³

Nếu muốn giữ thì hãy sẽ chia

Đó là điều tốt từ trên cao:

Không cho nữa, chúng ta không có nữa;

Đó chính là luật của yêu thương.

R.C. French

K. Mẹ và Anh Em Thật Của Chúa Jêsus (8:19-21)

Khi Ngài giảng dạy tới đây thì Chúa Jêsus được báo là mẹ và anh em Đức Chúa Jêsus đang chờ để gặp Ngài. Song vì người ta đông lắm, họ không đến gần Ngài được. Câu trả lời của Chúa là mối quan hệ thật với Ngài không phụ thuộc vào mối quan hệ ruột thịt, nhưng phụ thuộc vào sự vâng theo đạo Đức Chúa Trời. Ngài công nhận tất cả những ai tin sự ở lời ấy, tiếp nhận với lòng nhu mì và vâng phục cách tuyệt đối là những thành viên trong gia đình của Ngài. Không có đảm đông nào có thể ngăn trở gia đình thuộc linh của Ngài khi họ nghe lời Ngài.

L. Con Người Lên Yên Cơn Bão (8:22-25)

8:22 Trong phần còn lại của chương này, người ta thấy Chúa Jêsus thực thi quyền làm chúa của Ngài trên những hiện tượng khí tượng, trên ma quỷ, trên bệnh tật và trên cả sự chết. Tất cả những điều này nghe theo lời Ngài; chỉ có con người là từ chối.

Những cơn bão dữ thường nổi lên rất nhanh trên vùng Biển Galilê, làm nguy hiểm cho thuyền bè qua lại. Nhưng có lẽ cơn bão đặc biệt này bắt nguồn từ Satan; Nó chắc có lẽ cố muốn hủy diệt Cứu Chúa của thế gian.

8:23 Chúa Jêsus ngủ khi cơn bão nổi lên; sự kiện Ngài ngủ chứng thực nhân tính thật của Ngài. *Cơn bão* lặng đi khi Chúa Jêsus Phán. Sự kiện này chứng thực thần tính tuyệt đối của Ngài.

8:24 Mổn đồ **lức** Cứu Chúa dậy, biểu lộ nỗi sợ hãi kinh hoàng về sự an toàn. Với tư thế hoàn toàn đĩnh đạc, Ngài khiến gió và sóng yên lặng; và tất cả trở nên bình tĩnh. Những gì Ngài đã làm đối với biển Galilê ngày xưa thì ngày nay Ngài có thể làm đối với môn đồ bị hoạn nạn, bị chóng chành trong cơn bão tố.

8:25 Ngài hỏi môn đồ Ngài, "**Đức tin các người ở đâu?**" Họ không nên lo lắng. Họ không cần phải đánh thức Ngài. "Không có nước nào nuốt lấy được con thuyền mà Chúa của đất trời và biển đang ở trên đó." Được ở cùng Đấng Christ trên con thuyền thì tuyệt đối an toàn và yên tâm.

Các môn đồ không hiểu đầy đủ về quyền năng của Chúa họ. Sự hiểu biết của họ về Ngài thật khiếm khuyết.

Món đồ sợ hãi và bờ ngỡ sao các hiện tượng thời tiết lại vắng lời Ngài. Họ cũng không khác gì chúng ta. Trong những cơn bão của cuộc đời, chúng ta thường tuyệt vọng. Rồi khi Chúa đến trợ giúp chúng ta thì chúng ta kinh ngạc bởi sự bày tỏ của quyền năng Ngài. Và chúng ta tự hỏi rằng tại sao chúng ta không tin cậy Ngài cách trọn vẹn.

M. Người Giê-ru-sê Bị Quỷ Ám Được Chúa Lành (8:28-39)

8:26,27 Khi Chúa Jêsus cùng các môn đồ tới bờ biển, họ đang ở trong xứ của dân Giê-rasê.²⁴ Tại đó họ gặp một người bị nhiều quỷ ám. Mathiêu đề cập đến hai người bị quỷ ám, trong khi Mác và Luca chỉ nói về một người mà thôi. Những sự có vẻ như trái ngược nhau như thế có thể cho biết đó thực ra là hai sự kiện khác nhau, hay một người viết ra đầy đủ hơn những người kia. Trường hợp bị quỷ ám đặc biệt này làm cho nạn nhân vứt bỏ quần áo, sống lánh xa xã hội và ở nơi mồ mả.

8:28,29 Người ấy vừa thấy Đức Chúa Jêsus, thì vội xin Ngài để cho nó yên. Đương nhiên, nó là **là ma** nói qua người đàn ông đáng thương đó.

Việc quỷ ám là thật. Ma quỷ không chỉ là những thế lực nhưng nó còn là thực thể siêu nhiên chiếm hữu bên trong con người, kiểm soát tư tưởng, lời nói và hành vi. Những con quỷ làm cho con người này dữ tợn vô cùng đến nỗi người này bị cơ giết dữ dội, người cũ **bé xiềng tháo còng** và chạy vào nơi **đông vắng**. Không có gì ngạc nhiên khi chúng ta biết rằng số lượng quỷ

trong người đàn ông này đủ để hủy diệt khoảng hai ngàn con heo (xem Mác 5:13).

8:30,31 Tên người này là **Quản đội** bởi vì ông ta đã bị một quân đội **quỉ** ám. **Đội quỉ** nhận biết Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời Rất Cao. Chúng nó cũng biết rằng ngày tận số của chúng nó thì không thể tránh khỏi và rằng Ngài sẽ làm cho điều này xảy ra. Nhưng chúng nó cố xin Ngài **án xá** **đừng khiến mình xuống vực sâu**.

8:32,33 Khi bị đuổi ra khỏi người đàn ông thì chúng nó xin phép được **nhập vào một bầy heo đông dương ăn trên núi**. Chúng nó được phép và hậu quả là **bầy heo lữ trên vực cao đâm đầu xuống hồ và chết chìm**. Ngày nay Chúa bị người ta chỉ trích là hủy hoại tài sản của người nào đó. Tuy nhiên, nếu người chân heo là người Do Thái thì họ đang làm một công việc không trong sạch và bất hợp pháp. Dù họ là người Do Thái hay người Ngoại thì họ phải thấy giá trị của một con người hơn hẳn với hai nghìn con heo.

8:34-35 Tin tức nhanh chóng được truyền ra khắp vùng. Khi đám đông họp lại thì họ thấy con người trước đây bị quỷ ám được hồi phục, lành toàn. **Người Giê-rasê** trở nên tức giận và họ xin Chúa Jêsus **lìa khỏi**. Họ nghi về bầy heo mình nhiều hơn Cứu Chúa; về heo của họ hơn hỗn của họ. **Darby nhận xét:**

Thế gian van nài Chúa Jêsus ra đi, khao khát được để chịu thoát khỏi, họ bị khuấy động bởi hiện diện và quyền năng của Đấng Chúa Trời còn nhiều hơn bởi một quân đoàn quỉ.

*Ngài ra đi, Người được chữa lành...
 cả sung sướng ngẩng ngẩng để được ở
 bên Ngài; nhưng Chúa sai anh trở
 về... để làm chứng ăn điển và quyền
 năng anh đã được nhận.²⁵*

Sau này khi Chúa viếng thăm thành Đécabôlơ, một đám đông đông tình ủng hộ đến gặp Ngài (Mác 7:31-37). Đây có phải là kết quả của những chứng nhân trung tín trong sự kiện người bị què âm được chữa lành không?

M. Chữa Lành Bệnh Nan Y Và Lạ Người Chết Sống Lại (8:40-56)

8:40-42 Đức Chúa Jêsus đi trở lại bờ Biển Galilê về hướng tây. Có một đám đông đang trông đợi Ngài. Có người cai nhà hội tên là Giairu rất nôn nóng được gặp Ngài vì ông có con gái mười hai tuổi gần chết. Ông xin Chúa Jêsus đi với ông ngay. Nhưng **dân chúng lấn ép Ngài**, cản bước tiến của Ngài.

8:43 Trong đám đông có một người đàn bà nhút nhát nhưng lại tuyệt vọng vì bà bị bệnh **mất huyết mười hai năm rồi**. Bác sĩ Luca thưa nhận rằng bà đã **lấn hết tiền của về thầy thuốc** mà không ai chữa lành được. [Mác thêm chi tiết nhỏ rằng thật ra bệnh bà ngày càng nặng hơn!]

8:44,45 Bà cảm nhận trong Chúa Jêsus có quyền năng chữa lành bệnh cho bà, vì vậy bà thận trọng leo lên qua đám đông để đến gần Ngài. Cúi xuống, bà **rờ tròn áo Chúa**, tròn áo là cái đường viền hay cái tua tạo thành cái lai áo của người Do Thái (Dân Số 15:38,39; Phục 22:12). Tức thì **huyết cầm lại** và bà hoàn toàn được chữa

lành. Bà cố nhanh chân rời khỏi nơi ấy nhưng câu hỏi của Chúa Jêsus làm bà đứng lại, **"Ai rờ đến Ta?"** Pharisêu và các môn đồ khác nghĩ đây là một câu hỏi thừa vì mọi người đang xô lấn, chen chúc và chạm vào Ngài!

8:46 Đức Chúa Jêsus nhận biết sự đụng chạm khác biệt này. Như một ai đó đã nói "Xác thịt thì va chạm nhưng đức tin là rờ chạm." Ngài nhận biết rằng đức tin đã rờ Ngài, vì Ngài cảm nhận được **quyền phép** từ Ngài tuôn tràn ra – quyền phép chữa lành người đàn bà. Ngài nhận biết **quyền phép** đó từ Ngài mà ra. đương nhiên không phải Ngài sẽ còn ít năng quyền hơn trước nhưng đơn giản là để chữa lành thì Ngài phải tốn. Có sự tiêu dùng.

8:47,48 Người đàn bà... thì run sợ... **nơi chân Ngài** và đưa ra một lời xin lỗi giải thích lý do tại sao **minh đã rờ đến** và một lời làm chứng đầy lòng biết ơn về những gì đã xảy ra. Sự thú nhận cách công khai của bà được khen thưởng qua lời tuyên dương công khai của Chúa Jêsus về đức tin của bà và lời công bố công khai về sự bình an Ngài trên bà. Không ai bởi đức tin mình rờ chạm Chúa mà Ngài không biết và người đó không nhận được phúc hạnh. Không ai tuyên xưng Ngài một cách công khai lại không được mạnh mẽ trong sự bảo đảm về sự cứu rỗi mình.

8:49 Sự chữa lành người đàn bà bị xuất huyết chắc cũng không làm cho Chúa Jêsus chậm bước nhưng nó đủ thời gian để cho người đến báo rằng **con gái Giairu đã chết** và vì vậy thì không phiền đến Thầy nữa. Có đức

tin rằng Ngài có năng quyền chữa lành nhưng lại chưa tin rằng Ngài sẽ làm cho người chết sống lại.

8:50 Tuy nhiên, Đức Chúa Jêsus không bỏ qua cách để dàng như thế. Ngài phản với lời an ủi, khích lệ và hứa hẹn. **"Đừng sợ, hãy tin mà thôi, thì con người sẽ được cứu."**

8:51-53 Ngay khi Ngài đến nhà thì Ngài đi vào phòng, mang theo Phierô, Giacô và Giăng, cùng với cha mẹ. Mọi người khóc lóc trong tuyệt vọng nhưng Chúa Jêsus bảo họ đừng khóc lóc nữa vì đứa bé **không phải chết, song nó ngủ**. Điều này làm cho họ chế giễu Ngài bởi vì họ quả quyết rằng nó **thật chết rồi**.

Bé gái đó có chết thật không hay cô ấy đang trong một giấc ngủ sâu giống như đang hôn mê. Hầu hết những nhà bình luận nói rằng cô bé đã chết rồi. Họ chỉ ra rằng Chúa Jêsus có ý nói đến Laxarê như đang ngủ, có nghĩa là ông ta đã chết rồi. Ngài Robert Anderson nói rằng bé gái ấy thật ra chưa chết.²⁰ Sự tranh luận của ông như sau:

1. Chúa Jêsus nói rằng đứa bé sẽ "được cứu". Lời này cũng giống như lời trong câu 48 của chương này để cập đến sự chữa lành chứ không phải là sự sống lại. Lời này không được dùng trong Tân Ước về sự làm sống lại kẻ chết.

2. Chúa Jêsus dùng lời khác cho chữ ngủ trong trường hợp của Laxarê.

3. Người ta nghĩ rằng cô bé đã chết, nhưng Chúa Jêsus sẽ không bao giờ làm tàng uy tín của mình trong việc làm cho cô bé sống lại khi thật ra

Ngài biết rằng cô bé đó chỉ đang ngủ mà thôi.

Anderson nói rằng đây đơn giản chỉ là vấn đề bạn tin ở ai mà thôi. Chúa Jêsus nói rằng cô bé chỉ đang ngủ nhưng những người khác nói rằng cô bé đã chết.

8:54-56 Nhưng dù trong trường hợp nào đi nữa, khi Chúa Jêsus phản với cô bé: **"Con ơi, hãy chờ dậy!" Con ấy chờ dậy liền**. Sau khi hoàn trả cô bé lại cho cha mẹ cô Ngài bảo họ không được cho mọi người biết phép lạ này. Ngài không quan tâm đến sự nổi tiếng, sự nhiệt tình luôn đòi đổi của công chúng, và tính hiếu kỳ vẩn vơ.

Như vậy, kết thúc năm thứ hai chức vụ công khai của Chúa Jêsus. Chương 9 mở ra năm thứ ba với việc sai mười hai sứ đồ ra đi.

9. Con Người Sai Các Môn Đệ Minh Ra Đi (9:1-11)

9:1-2 Sự kiện này cũng gần giống như việc sai **mười hai sứ đồ** trong sách Mathiô 10:1-15, nhưng có một vài điểm khác biệt đáng chú ý. Thứ dụ như trong Mathiô thì các môn đồ được dạy là chỉ đến với người Do Thái và được phân bổ làm cho kẻ chết sống lại cũng như **chữa bệnh**. Hẳn là có lý do cho việc tường thuật súc tích trong Luca nhưng lý do đó thì không rõ ràng. Chúa không chỉ có quyền năng và uy quyền thì hành phép lạ nhưng Ngài còn **trao năng lực và quyền phép** này cho kẻ khác. **Năng lực** có nghĩa là sức mạnh hay khả năng. **Quyền phép** ngụ ý là có quyền dùng nó. Sự điệp của môn đồ được các dấu kỳ phép lạ

lần cho vũng (Hêbơơ 2:3,4) trong tình hình khi mà cả Kinh Thánh chưa được viết ra. Đức Chúa Trời có năng quyền chữa lành lạ lùng, nhưng có phải sự chữa lành vẫn còn phải cập theo với sự giảng dạy Tin Lành hay không thì hẳn đang bị đặt câu hỏi.

9:3-5 Giờ thì các môn đệ sẽ có dịp thực hành những nguyên tắc mà Chúa đã dạy cho họ. Họ phải tin cậy Ngài chu cấp mọi nhu cầu vật chất – không bao, bánh hoặc liễn bạc. Họ phải sống thật giản dị – không gậy, cũng không được có hai áo. Họ phải ở trong nhà đầu tiên họ được tiếp đón – không được di chuyển đây đó hy vọng tiếp kiếm chỗ ở thoải mái hơn. Họ không được ở lâu hơn hay tạo sức ép với những ai từ chối sự điệp, nhưng được dạy là phải phải bụi chân mình để làm chứng nghịch cùng họ.

9:6 Có lẽ các môn đồ giảng Tin Lành và chữa lành người có bệnh từ làng này đến làng kia tại xứ Galilê. Sự điệp của họ về một nước thiên đàng – công bố sự hiện diện của Vị Vua sống giữa họ và Ngài sẵn lòng trị vì trên những con người biết ăn năn tội.

9:7 Lúc này, Hêrốt Antipa là chủ hầu tại xứ Galilê và Pêria. Ông cai trị một phần tư lãnh thổ của cha ông, vương quốc Hêrốt Đại Đế. Lời đồn đến ông rằng có một Đấng đang làm những phép lạ quyền năng trong lãnh thổ ông. Tức thì lương tâm ông bắt đầu nêu lên những thắc mắc. Hình ảnh của Giảng Báp-tít vẫn còn lẩn ông khó chịu. Hêrốt đã làm câm đi tiếng nói can đảm đó bằng việc chém đầu Giảng, nhưng quyền năng của cuộc

đời đó vẫn ám ảnh ông. Người nào đã làm cho Hêrốt tiếp tục nghĩ về Giảng? Người ta đồn rằng Giảng đã từ kẻ chết sống lại.

9:8,9 Những người khác đoán rằng Êli hay các đấng liên tri trong Cựu Ước. Hêrốt cố trấn an nỗi lo sợ mình bằng cách nhắc nhở cho mọi người biết rằng ông đã chém đầu Giảng Báp-tít rồi. Nhưng nỗi sợ hãi vẫn còn đó. Vậy người này là ai? Ông tìm cách thấy Đức Chúa Jê-sus nhưng không được thấy Ngài chỉ cho tới khi trước lúc Đấng Cứu Thế bị đóng đinh.

Thật là quyền năng của một đời sống đầy đầy Đức Thánh Linh! Chúa Jê-sus, Một Người Thợ Mộc ít tiếng tăm, lại làm cho vua Hêrốt run sợ cho bao giờ đáng giả thấp tằm ảnh hưởng của một người đầy đầy Đức Thánh Linh!

9:10 Khi các sứ đồ trở về... thì họ trực tiếp trình cùng Chúa mọi việc họ đã làm trong cuộc hành trình. Có lẽ đây là một phương cách đúng cho tất cả những nhân sự hầu việc Chúa. Thường thì sự công khai tường trình công việc luôn dẫn đến sự ganh ghét và chia rẽ. Và G. Campbell Morgan dẫn giải rằng "Sự đam mê số liệu thống kê của chúng ta tức là tự cho mình là trung tâm, nó thuộc về xác thịt chứ không thuộc về Thánh Linh." Chúa chúng ta đem các môn đồ đi liê ra với mình tại một nơi gần thành Bêtsalđã (*ngôi nhà dành lưới*). Hình như vào thời điểm này có hai thành đều gọi là Bết-sai-đa, một ở tại hướng tây bờ biển Galilê và một cái ở hướng

đóng. Nạn chốn chính xác vẫn chưa được biết.

9:11 Bất cứ hy vọng được có thời gian yên bình chung với nhau giữa Chúa và các môn đồ thường nhanh chóng tan biến. Một đám đông liến tu tập. Chúa Jêsus luôn luôn sẵn sàng. Ngài không xem điều này như là một sự can thiệp đầy phiền toái. Ngài không hao giờ quá bận rộn đến nỗi không chúc phước cho người ta. Thực tế điều này được mô tả thật rõ ràng rằng Đức Chúa Jêsus Hiệp đái dân chúng, giảng cho họ về nước Đức Chúa Trời và chữa cho những kẻ cần được lành bệnh.

P. Cho Năm Ngàn Người Ăn (9:12-17)

9:12 Khi trời dần tối, mười hai sứ đồ trở nên bất an. Nhiều người cần thức ăn quá! Một tình thế quá nan giải. Nên họ xin Chúa truyền cho dân chúng về. Thật giống như lòng của chúng ta! Trong những vấn đề thuộc về chúng ta thì chúng ta thường nói như Phierô "Xin Chúa khiến cho con đến với Ngài..." Nhưng với những người khác thì chúng ta dễ dàng hứa với Chúa rằng: "truyền cho dân chúng về."

9:13 Chúa Jêsus không truyền cho họ đi vào những làng ấp quanh vùng để kiếm thức ăn. Tại sao các môn đồ đi ra để phục vụ cho dân chúng trong khi họ lại làm ngơ với những con người đang ở xung quanh mình? Hãy để các môn đồ cho đoàn dân đóng này ăn. Họ phản đối lại, nói rằng họ chỉ có được năm cái bánh và hai con cá mà thôi, nhưng lại quên rằng họ đang có được Chúa Jêsus là nguồn ban cho vô hạn mà họ có thể nhận lãnh.

9:14-17 Ngài bảo các môn đồ cho đoàn dân năm ngàn người nằm ngồi xuống chưa tính đàn bà và con nít. Và sau khi tạ ơn, Ngài bẻ ra và cứ thế mà trao cho môn đồ. Và họ cứ lần lượt phân phát cho dân chúng. Mọi người ăn no đủ. Thực tế là sau bữa ăn thức ăn thừa còn nhiều hơn lúc bắt đầu. Thức ăn thừa tới mười hai giỏ đầy, mỗi giỏ cho một môn đồ. Những ai cố gắng giải thích phép lạ này chỉ ngày càng bối rối thêm mà thôi.

Sự kiện này có một tầm ảnh hưởng đối với các môn đồ là những người có trách nhiệm phát truyền giáo cho thế gian. Năm ngàn người đại diện cho một nhân loại đang bị hư mất, đói khát bánh của Đức Chúa Trời. Những môn đồ là hình ảnh của những Cơ Đốc nhân bất lực, dường như bị giới hạn nguồn tài nguyên nhưng lại sản sinh chia sẻ những gì họ có. Điều răn của Chúa, "Các ngươi hãy cho họ ăn" là một lời nói nhấn mạnh về đại mạng lệnh. Bài học đó là nếu chúng ta dâng cho Chúa Jêsus những gì mình có thì Ngài có thể nhân cấp nó lên để cho đoàn dân đói khát thuộc linh an. Chiếc nhẫn kim cương đó, hợp đồng bảo hiểm đó, tài khoản ngân hàng đó, những dụng cụ thể dục đó! Nhưng thứ đó có thể biến đổi thành những văn hóa phẩm Cơ Đốc đem đến kết quả về sự cứu rỗi linh hồn, những con người tin Chúa sẽ trở thành những con người thờ phượng Chiên Con của Đức Chúa Trời trong cõi đời đời.

Trong thế hệ này, thế gian có thể được nghe Tin Lành nếu những Cơ Đốc nhân đầu phục trọn vẹn chính

minh và những gì mình có cho Đấng Christ. Đó là bài học tồn tại lâu dài về việc hóa bánh cho năm ngàn người ăn.

Q. Lời Tuyên Kỵ Trọng Đại Của Phiêrô (9:18-22)

9:18 Ngay sau phép lạ hóa bánh nuôi đoàn dân, chúng ta có lời tuyên xưng trọng đại của Phiêrô về Đấng Christ tại Sêsarê Philip. Có phải phép lạ những ổ bánh và cá đã mở mắt các môn đồ cho họ thấy vinh hiển của Chúa Jêsus trong tư cách Đấng Chịu Xức Dầu của Đức Chúa Trời? Biến cố tại Sêsarê Philip ở đây thường được công nhận là mốc phân ranh chức vụ dạy dỗ của Cứu Chúa với mười hai sứ đồ. Mãi đến thời điểm này, Ngài vẫn kiên nhẫn dẫn họ đến chỗ am hiểu Ngài là ai và Ngài có thể làm gì trong và qua họ. Giờ đây Ngài đã đạt mục tiêu đó, vì vậy, từ nay trở đi Ngài kiên quyết tiến đến thập tự giá. Chúa Jêsus đã cầu nguyện một mình. Kinh Thánh không ghi lại Chúa Jêsus từng cầu nguyện với các môn đồ. Ngài đã cầu thay cho họ, cầu nguyện trước mặt họ, và dạy họ cầu nguyện, nhưng đời sống cầu nguyện của chính Ngài tách biệt khỏi đời sống cầu nguyện của họ. Sau một bữa cầu nguyện, Ngài hỏi các môn đồ xem dân chúng nói rằng Ngài là ai.

9:19,20 Họ báo lại những ý kiến khác nhau: có người nói là Giảng Báp-tít, người khác nói Ê-li; người khác nữa nói một trong các Đấng liên tri Cựu Ước sống lại. Nhưng khi Ngài hỏi các môn đồ, Phiêrô đáp đi xưng Ngài là Đấng Christ (hay Đấng Mê-si) của Đức Chúa Trời.

Những nhận định của James Stewart về biến cố tại Sêsarê Philip xuất sắc đến nỗi chúng ta trích đây đủ chi tiết:

Ngài nữ đầu với câu hỏi không liên quan đến ai - "Người ta nói ta là ai?" Đó không hề là câu hỏi trả lời. Khắp nơi người ta đang đồn đại nhiều điều về Chúa Jêsus. Hàng tá nhận định lan tràn khắp nơi. Dù mọi loại tin đồn và dư luận, Jêsus đang nằm trên mọi môi miệng. Và không những nói về Chúa Jêsus, người ta còn nói những điều tuyệt vời về Ngài. Có người nghĩ Ngài là Giảng Báp-tít sống lại. Người khác nói Ngài như họ nhớ đến Ê-li. Người khác nữa nói Ngài là Giê-rê-mi hay một đấng tiên tri nào khác. Nói cách khác, tuy dư luận không hề nhất trí với nhau về Chúa Jêsus là ai, nhưng họ nhất trí rằng Ngài là vì nhân nào đó. Ngài thuộc vào hàng những anh hùng của chúng tộc.

Điều đáng nói ở đây là học sư đang tu tập lại. Một tuần nữa, Chúa Jêsus đang ở trên mọi môi lưỡi. Ngày nay, Ngài đang được nói đến bên ngoài phạm vi Hội Thánh Cơ Đốc. Và những nhận định về Ngài thật đa dạng biết bao. Poppi nhìn Chúa Jêsus, ông thấy Thi Sĩ Bruce Barton thấy, Con Người Hành Động Middleton Murry nhìn thấy Đấng Thần Bí. Những người không hề tin giáo lý chính thống đã sẵn sàng tôn Chúa Jêsus là mẫu mực của các thành đồ và nguyên uỷ của mọi lãnh tụ đạo đức trời muốn đất. John Stuart Mill nói, "Ngay cả giờ đây, người vô tín không dễ tìm điều tu đức trau dồi ngay sang cụ thể nào tốt

hơn là nỗ lực sống cuộc đời mà Đấng Christ đã phê chuẩn cho đời sống chúng ta." Giống như những người thời Ngài đã gọi Ngài là Giăng, Êli, Giêrêmi, con người ngày nay cũng đồng ý Chúa Jêsus đứng đầu hàng các anh hùng và thành đồ của mọi thời đại.

Nhưng Chúa Jêsus không thỏa lòng với sự công nhận như thế. Người ta đang nói Ngài là Giăng, Êli, Giêrêmi. Nhưng như vậy có nghĩa Ngài chỉ là một thành phần trong một chuỗi. Điều đó có nghĩa đã có nhiều tiền lệ và những nhân vật song song, và cho dầu Ngài đứng đầu hàng, Ngài vẫn chỉ là *primus inter pares*, tức là hàng thứ nhất giữa cùng những người bình đẳng với Ngài. Nhưng hoàn toàn chức chủ đạo không phải là điều mà Đấng Christ của Tân Ước đòi hỏi. Con người có thể đồng ý, hoặc có thể bất đồng với những lời tuyên bố của Đấng Christ; nhưng về sự thật của chính lời tiên tri này thì không có chút nghi ngờ nào. Đấng Christ đã tuyên bố Ngài là một Đấng trước đây chưa từng có, vô địch, độc nhất vô nhị (Vĩ đại *Matth 10:37; 11:27; 24:35; Giăng 10.30. 14.6*).²⁷

9:21,22 Sau lời tuyên bố lịch sử của Phierơ, Chúa cấm môn đồ nói cho người khác; không điều nào được phép làm gián đoạn con đường đến lập tự giá của Ngài. Rồi Chúa tiết lộ cho họ biết tương lai trước mắt của Ngài. Ngài phải chịu khổ, phải bị các lãnh tụ tôn giáo của Ysraên bỏ ra, phải bị giết, và được sống lại vào ngày thứ ba. Đây là lời công bố đáng sợng sốt. Chúng ta đừng quên những

lời này được phán ra bởi Con Người duy nhất vô tội và công nghĩa đã từng sống trên đất này. Chúng được phán ra bởi Đấng Mêsi thật của Ysraên. Đây là những lời phán của Đức Chúa Trời hiện thân trong xác thịt. Chúng cho biết sự sống thỏa mãn, sự sống trọn lành, sự sống vắng phục theo ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ bao gồm sự chịu khổ, bị khước từ, sự chết dưới hình thức này hoặc hình thức khác, và sự sống lại đến một sự sống không còn chết nữa. Đây là sự sống được tuôn đổ ra cho người khác.

Đương nhiên điều này trái ngược với quan niệm phổ thông về vai trò của Đấng Mêsi. Con người tìm kiếm một lãnh tụ đầy uy lực được dọa để tiêu diệt kẻ thù. Ất hẳn đây là cú sốc lớn cho các môn đồ. Nhưng nếu Chúa Jêsus thật sự là Đấng Christ của Đức Chúa Trời - như họ đã tuyên xưng - thì họ không có cơ gì để vỡ mộng hay ngã lòng. Nếu Ngài là Đấng Chịu Xức Dầu Của Đức Chúa Trời, thì sự nghiệp của Ngài không bao giờ thất bại. Bất luận điều gì xảy đến cho Ngài hay cho họ đi nữa, họ vẫn ở bên chiến thắng. Chiến thắng và sự bình vực là điều không thể tránh khỏi.

R. Lời Mời Vác Thập Tự Giá (9:23-27)

9:23 Sau khi phác họa tương lai của chính Ngài, Chúa mới các môn đồ theo Ngài. Điều này có nghĩa là họ phải tự phủ nhận bản thân và vác thập tự giá mình. Tự bỏ mình có nghĩa sẵn lòng từ bỏ bất kỳ điều gì có thể gọi là quyền lợi trong kế hoạch hoặc sự chọn lựa, để công nhận quyền tể trị của Ngài trong mọi lãnh vực của

đời sống. **Vác thập tự giá** có nghĩa quyết tâm chọn loại sự sống Ngài đã sống. Điều này bao gồm:

- Sự chống đối của những người thân.

- Sự khinh chê của thế gian.

- Từ bỏ gia đình nhà cửa đất đai và những tiện nghi của đời này.

- Hoàn toàn nương cậy Đức Chúa Trời.

- Vâng phục sự dẫn dắt của Thánh Linh.

- Rao giảng một sứ điệp không được mền mọ.

- Lối đi cô đơn.

- Những cuộc công kích có tổ chức từ các lãnh tụ tôn giáo đã được vững lập.

- Chịu khổ vì sự công bình.

- Bị vu cáo và sỉ nhục.

- Tuôn đổ sự sống của mình cho người khác.

- Chết với bản ngã và với thế gian.

Nhưng còn bao gồm cả việc nắm chặt sự sống vốn là sự sống thật sự nữa! Điều này có nghĩa cuối cùng tìm được nguyên nhân chúng ta hiện hữu. Và điều này nói đến phần thưởng đời đời. Theo bản năng, chúng ta rút lại không thích sự sống vác thập tự giá. Tâm trí chúng ta miễn cưỡng để tin đây có thể là ý muốn của Chúa dành cho mình. Thế nhưng những lời của Đấng Christ: **"Nếu ai muốn theo ta"** có nghĩa không ai được miễn và không ai bị loại trừ.

9:24 Khuyết hướng tự nhiên là cứu lấy mạng sống chúng ta bằng cách sống ích kỷ, tự mãn, theo thông lệ và nhỏ nhen. Chúng ta có thể nương

chịu những vui thú và ham muốn bằng cách đùn mình vào cảnh tiện nghi, sang trọng và dễ chịu, bằng cách sống cho hiện tại, bán rẻ những tài năng tốt nhất của chúng ta cho thế gian để đổi lấy một vài nato an toàn giả tạo. Nhưng bằng chính hành động đó, chúng ta **đánh mất** sự sống mình, tức là chúng ta trượt mất mục đích chân chính của sự sống mà niềm vui thỏa tâm linh sâu nhiệm đang ra đi kèm theo đó! Mặt khác, chúng ta có thể mất sự sống mình vì cơ Chúa. Con người nghi chúng ta điên dại nếu tung những tham vọng ích kỷ của mình theo gió, nếu tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài trước, nếu chúng ta đầu phục Ngài không chút e dè. Nhưng nếp sống từ bỏ thế này mới chính là thật sống. Nếp sống ấy có sự vui mừng, vô tư thánh khiết, và thỏa mãn sâu xa trong lòng, mà không lời nào tả nổi.

9:25 Khi Cứu Chúa nói chuyện với mười hai sứ đồ, Ngài nhận thấy lòng khao khát giàu có của cải vật chất có thể là trở ngại mạnh mẽ cho sự đầu phục trọn vẹn. Và như vậy trên thực tế Ngài phán: "Giả sử các ngươi có thể chắt chũa mọi vàng bạc trong **cả thế gian này**, có thể sở hữu toàn bộ điền trang và bất động sản, mọi cổ phiếu và trái phiếu mọi thứ quý báu của vật chất của cải - và giả sử trong nỗ lực cật lực để có được mọi điều ấy, người trượt mất mục đích thật của đời sống, vậy ích gì cho các ngươi? Các ngươi sẽ có nó trong ít lâu, rồi rời bỏ nó mãi mãi. Đây sẽ là cuộc mặc cả điên rồ để bán cuộc sống ngắn ngủi:

duy nhất ấy lấy một vài món đồ chơi bằng bụi đất.”

9:26 Một chương ngại khác nữa cản trở sự tận hiến hoàn toàn cho Đấng Christ chính là sự hổ thẹn. Thật hoàn toàn phi lý khi một tạo vật lại hổ thẹn về Đấng Tạo Hóa của mình, khi một tội nhân **hổ thẹn** về Cứu Chúa của mình. Thế nhưng ai trong chúng ta không đang trách về những điều ấy? Chúa công nhận khả năng bị hổ thẹn và long trọng cảnh cáo khả năng đó. Nếu chúng ta tránh sự hổ thẹn này bằng cách sống cuộc đời Cơ đốc trên danh nghĩa, bằng cách làm theo đám đông, thì Con Người sẽ **hổ thẹn** về chúng ta, khi Ngài ngự đến trong **vinh hiển của mình**, trong vinh hiển của Cha, và trong vinh hiển của thiên sứ thánh Ngài. Ngài nhấn mạnh sự vinh hiển gồm ba phần trong sự tái lâm của Ngài dường như để nói rằng bất kỳ hổ thẹn hay si nhục nào chúng ta có thể chịu vì Ngài hiện nay sẽ dường như thật bé nhỏ khi Ngài hiện ra trong vinh hiển so với sự hổ thẹn của những người giờ đây chối bỏ Ngài.

9:27 Câu nhắc đến vinh hiển của Ngài hình thành mối liên kết với điều đi sau. Giờ đây Ngài báo trước **một vài môn đồ** đang đứng tại đó sẽ thấy nước Đức Chúa Trời trước khi họ chết. Lời Ngài được ứng nghiệm trong câu 28-36, tức biến cố diễn ra trên Núi Hóa Hình. Các môn đồ này là Phiêrô, Giacô và Giăng. Trên Núi Hóa Hình họ được nhìn thấy trước hình ảnh sẽ đến khi Chúa Jesus thiết lập vương quốc Ngài trên đất. Thật ra, Phiêrô đã

nói điều này trong Thư Thứ Nhì của ông:

Và, khi chúng tôi đã làm cho anh em biết quyền phép và sự đến của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta, thì chúng phải là theo những chuyện khó đặt để, bên là chính mặt chúng tôi đã ngộ thấy sự oai nghiêm Ngài. Vì Ngài đã nhận lãnh sự tôn trọng vinh hiển từ nơi Đức Chúa Trời, Cha Ngài, khi Đấng tôn nghiêm rất cao phán cùng Ngài rằng: "Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường." Chính chúng tôi cũng từng nghe tiếng ấy đồn từ trời, lúc chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh (1. 16-18).

Để ý chuỗi diễn tiến lời dạy của Ngài trong phần đoạn này. Ngài vừa mới công bố sự khước từ, chịu khổ và sự chết sắp đến của chính Ngài. Ngài đã gọi các môn đồ theo Ngài trong một đời sống tự bỏ mình, chịu khổ và hy sinh. Giờ đây trên thực tế Ngài phán: "Nhưng hãy nhớ! Nếu các người chịu khổ với ta, các người sẽ đồng trị với ta. Bên kia thập tự là vinh hiển. Phán thưởng lớn hơn vô cùng so với giá hy sinh phải trả."

8. Con Người Hóa Hình (9:28-36)

9:28,29 Khoảng tám ngày sau, Đức Chúa Jesus đem Phiêrô, Giăng và Giacô đi với mình lên trên núi để cầu nguyện. Không rõ địa điểm của ngọn núi này, dầu vậy rất có thể là núi Hếtmôn cao và phủ tuyết. Khi Chúa đang cầu nguyện, **điện mạo** bề ngoài của Ngài bắt đầu thay đổi. Một chân lý thật hấp dẫn - ấy là trong số những điều mà sự cầu nguyện đã biến đổi còn có chính cả diện mạo của một

người. Mặt Ngài sáng chói, và áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa. Như đã nói ở trên, điều này cho thấy trước vinh hiển Ngài vốn sẽ có trong vương quốc hầu đến của Ngài. Khi Ngài còn trên đất này, vinh hiển của Ngài thường bị che khuất trong thân thể xác thịt của Ngài. Ngài ở trên đất này trong sự hạ mình, như một đày tớ. Nhưng trong Thiên Hy Niên, vinh hiển Ngài sẽ được bày tỏ trọn vẹn. Mọi người sẽ thấy Ngài trong toàn bộ vẻ oai nghiêm huy hoàng của Ngài. Giáo sư W. H. Rogers nói rất hay:

Trong Sứ Hứa Hinh, chúng ta thấy thể hiện hình thức thu nhỏ toàn bộ những đặc trưng nổi bật của vương quốc tương lai. Chúng ta thấy Chúa mặc lấy vinh hiển chứ không phải ở trong những mảnh giẻ của sự hạ mình. Chúng ta ngắm xem Môisê trong tình trạng được tôn vinh hiển, là đại diện của những người được tín tạo đã trải qua sự chết để vào vương quốc Ngài. Chúng ta thấy Êli được bao phủ trong vinh quang, và ông là đại diện những người được chuộc đời vào vương quốc bởi sự hiến hóa. Có ba môn đồ - là Phiêrô, Giacô và Giăng, là những người chưa được tôn vinh hiển, là đại diện cho Ysaraên trong xác thịt trong Thiên Hy Niên. Rồi cả đoàn dân đang ở dưới chân núi, đại diện những dân sẽ được đem vào vương quốc sau khi vương quốc ấy khai mạc.²⁸

9:30,31 Môisê và Êli trò chuyện với Chúa Jêsus về sự qua đời của Ngài (nguyên văn là exodus), là sự sẽ phải ứng nghiệm tại thành Giêrusalem. Lưu ý sự chết của Ngài được nói đến ở đây

như một sự hoàn thành rồi. Cũng để ý sự chết chỉ là một cuộc xuất hành (exodus) - không phải là chấm dứt sự hiện hữu nhưng là từ nơi này đi sang nơi khác.

9:32,33 Các môn đồ buồn ngủ đang khi mọi chuyện này diễn ra. Giám mục Ryle nói:

Lưu ý rằng chính những môn đồ ngài ngủ trong sự hiện thấy vinh quang ở đây cũng sẽ là người ngủ trong cảnh đau thương tại vườn Ghết-sê-manê. Thịt và huyết thật sự cần được biến đổi trước khi có thể vào Thiên đàng. Những sắc thịt yếu đuối tội nghiệp của chúng ta không bao giờ có thể thực cạnh với Đấng Christ trong những giờ thử thách của Ngài, cũng không thể thực với Ngài trong sự tôn vinh hiển Ngài. Tổ chức thuộc thể của chúng ta phải được thay đổi lớn lao trước khi chúng ta có thể thường thức Thiên đàng.²⁹

Khi đã tỉnh hoàn toàn, họ thấy sự chói sáng của vinh hiển Đấng Christ. Với nỗ lực giữ lại đặc điểm thiêng liêng của dịp này, Phiêrô đề nghị dựng ba chiếc lều hay ba chiếc lều, một cái cho Chúa Jêsus, một cái cho Môisê và một cái cho Êli. Nhưng ý kiến của ông dựa vào lòng sốt sắng mà thiếu hiểu biết.

9:34-36 Tiếng phán của Đức Chúa Trời ra từ đám mây bao phủ họ, công nhận Chúa Jêsus là Con yêu dấu của Ngài, và truyền họ nghe theo hay vâng lời Ngài. Ngay khi tiếng ấy vừa phát ra, Môisê và Êli biến mất. Chỉ còn lại một mình Chúa Jêsus đứng đó. Trong vương quốc Ngài sẽ như thế. Ngài sẽ

đứng đầu hàng trong mọi sự. Ngài sẽ không chia sẻ vinh hiển của Ngài.

Các môn đồ có cảm giác kính sợ sâu xa đến nỗi không thảo luận biến cố này với người khác.

7. Cậu Bé Bị Quỷ Ám Được Chúa Lành (9:37-43a)

9:37-39 Từ đỉnh núi vinh quang, bữa sau Chúa Giêsu và các môn đồ quay về trũng nhu cầu con người. Đời sống có những khoảnh khắc cao ngất ưuược linh của nó, nhưng Đức Chúa Trời cân bằng chúng với sự lao động khó nhọc và chi tiêu mỗi ngày. Từ **đám đông đến gặp Ngài**, có một người cha đau thương đến quẩn trí, đang nài nỉ Chúa Giêsu cứu giúp **đứa con trai** bị quỷ ám của mình. Đây là con **một**, do đó là đứa con yêu quý của ông. Thật đau buồn khôn tả khi chính người cha nhìn thấy con mình nằm trong gọng kiềm những cơn động kinh do ma quỷ làm. Những cơn động kinh này đến không báo trước. Cậu bé cứ kêu la, rồi sùi bọt **mêp**. Chỉ sau khi đã hành hạ kinh khiếp thì quỷ mới ra đi, bỏ lại cậu bé bầm nát hết.

9:40 Người cha đau đớn đến quẩn trí đã đến xin **các môn đồ** giúp, nhưng họ không giúp được. Vì sao các môn đồ không giúp được cậu bé? Có lẽ họ đã trở thành những nhà chuyên môn trong chức vụ của họ. Có lẽ họ nghĩ họ có thể dựa vào chức vụ đầy đầy Thánh Linh mà không cần luyện tập tâm linh liên tục. Có lẽ họ xem điều này là quá đương nhiên.

9:41 Chúa Giêsu đau lòng trước quang cảnh này. Không nói cụ thể tên ai, Ngài phán: "**Hỡi đờng dãi không tin**

và bội nghịch kia..." Nhưng lời này có lẽ phản cho các môn đồ, dân chúng, cho người cha, hay cho tất cả họ cộng lại. Hết tẩy họ đều bất lực khi đối diện nhu cầu của con người, đầu sự thật là họ có thể như cây đến nguồn quyền năng vô hạn của Ngài. Ngài sẽ phải ở với họ và nhìn họ **cho đến chừng nào?** Rồi Ngài phán với người cha: "**Hãy đem con của người lại đây.**"

9:42,43a Khi đưa con trai lại gần Chúa Giêsu, cậu bị quỷ tóm lấy và ném xuống đất cách hung dữ. Nhưng sự phò bày năng quyền của tà linh như thế không khiến Chúa Giêsu sợ; chính lòng vô tín của con người mới cản trở Ngài, chứ không phải quyền lực của ma quỷ. Chúa đuổi là **ma, chữa lành con trẻ ấy, và giao lại cho cha nó**. Dân chúng lấy làm lạ. Họ công nhận Đức Chúa Trời đã làm phép lạ. Qua phép lạ họ thấy sự cao trọng của Đức Chúa Trời.

U. Con Người Sào Trước Sự Chết Và Sự Sống Lại Của Ngài (9:43b-45)

9:43b-44 Có lẽ các môn đồ có khuynh hướng cho rằng thấy của họ sẽ tiếp tục làm các phép lạ đến khi cuối cùng đoàn dân này sẽ tôn Ngài làm vua. Để khiến họ tỉnh ngộ đứng nghĩ như thế nữa, Chúa lại nhắc họ nhớ **Con Người** phải bị **nộp** trong tay người ta, tức là sẽ bị giết.

9:45 Vì sao họ không hiểu lời dụ ngôn này? Đơn giản vì họ lại chìm đắm trong tư tưởng xem Đấng Mêsai là một anh hùng của quần chúng. Nổi hứng hy vọng của riêng họ mạnh mẽ đến nỗi họ không thể chịu một quan điểm

nào trái ngược. Không phải Đức Chúa Trời che khuất lễ thật khỏi họ, nhưng là do sự cương quyết khước từ không chịu tin của chính họ. Thậm chí họ còn sợ không dám hỏi cho rõ - hầu như e rằng những mối lo sợ của họ sẽ được khẳng định!

V. Sự Cao Trọng Thật Trong Nước Thiên Đàng (9:46-48)

9:46 Các môn đồ không những trông đợi vương quốc vinh diệu mau chóng khai mạc, họ còn khao khát những địa vị cao trọng trong nước đó nữa. Họ đang tranh cãi nhau xem ai sẽ là người lớn hơn hết.

9:47,48 Biết vấn đề gây cho họ tranh luận, Chúa Jêsus đem một đứa trẻ đến bên cạnh Ngài và giải thích rằng ai vì danh Ngài tiếp đứa trẻ này tức là tiếp Ngài. Thoạt nhìn, việc này dường như không liên quan đến vấn đề ai là người lớn hơn hết giữa các môn đồ. Nhưng dấu không thấy tỏ rõ ràng, mối liên kết dường như thế này: sự cao trọng thật được nhìn thấy qua việc chăm sóc trau dồi cho những người nhỏ, cho những người bất lực, cho những người mà thế gian này không đếm xỉa đến. Vì vậy khi Chúa phán "Vi kẻ nào hèn mọn hơn hết trong vòng các người, ấy chính người đó là kẻ cao trọng," Ngài đang nói đến người hạ mình để gần bó với những tín hữu không có gì đặc biệt, tâm thương và bị khinh thương.

Trong Mathê 18:4, Chúa phán người lớn hơn hết trong nước Thiên Đàng là người tự hạ mình như một đứa trẻ. Ở Luca đây, đây là vấn đề đồng nhất hóa chính mình với những

người hèn mọn hơn hết trong số con cái Đức Chúa Trời. Cả hai trường hợp đều liên quan đến việc nhận lấy địa vị khiêm nhường, như chính Cứu Chúa đã làm.

W. Cao Người Nghiêm Cấm Khuyết Hưởng Bê Phái (9:49,50)

9:49 Biện cố này dường như mình họa hành vi mà Chúa vừa bào chữa môn đồ phải tránh. Trước đó họ từng thấy có người nhận danh Chúa Jêsus mà trừ quỷ. Họ cấm người kia không ngoài lý do nào khác hơn người kia không thuộc trong số môn đồ của họ. Nói cách khác, họ không tiếp nhận con cái của Chúa trong danh Ngài. Họ có tinh thần bê phái và thiên cận. Đáng ra họ phải vui mừng vì quỷ được đuổi khỏi con người. Đáng ra họ đừng bao giờ ganh tị bất kỳ ai hay nhòm nào đuổi được nhiều quỷ hơn họ đã đuổi. Nhưng hãy giữ mọi môn đồ phải coi chừng khát vọng mong độc quyền thế này - muốn có một tập đoàn độc quyền về quyền năng và đặc ân thuộc linh.

9:50 Đức Chúa Jêsus phán: "Ừng cấm họ, vì ai không nghịch cùng các người, là thuận với các người." Xét về Thân Vị và công tác của Đấng Christ, tuyệt đối không thể giữ lập trường trung lập. Nếu người ta không thuận với Đấng Christ, thì họ đang chống Ngài. Nhưng khi nói đến sự phục vụ Cơ Đốc, A. L. Williams nói:

Những Cơ Đốc nhân sùng sục cần nhớ rằng khi người ngoại làm bất kỳ điều gì trong danh Đấng Christ, thì nên chúng phải đặt sự nghiệp của Ngài lên lên. . . Cầu trì

lời của Thầy chưa đem chôn lý lẽ và mạnh mẽ ảnh hưởng sâu rộng. Không một hiệp hội trần gian nào - cho dù thánh khiết đến đâu - sẽ có thể đòi hỏi được quyền những quyền năng của Đức Chúa Trời vốn liên kết không thể tách rời với việc sử dụng danh Ngài cách chân thật và trung tín.³⁶

VII. SỰ CHỐNG ĐỐI CON NGƯỜI NGÀY CÀNG TĂNG (9:51-11:54)

A. Xứ Samari Khước Từ Con Người (9:51-58)

9:51 Kỳ Chúa Jêsus về trời giờ đây đang đến gần. Ngài biết rất rõ điều này. Ngài cũng biết thập tự giá đang đứng giữa, vì vậy Ngài quyết định đến Giêrusalem và mọi điều đang chờ Ngài tại đó.

9:52,53 Mọi làng của người Samari nằm trên lộ trình của Ngài tỏ ra không hiếu khách với Con Đức Chúa Trời. Dân Samari ở đây biết Ngài đang đến Giêrusalem, và đối với họ, chứng đó là đủ lý do để cản trở Ngài nữa. Suy cho cùng, có sự thù ghét dữ dội giữa người Samari và người Do Thái. Tinh thần hờn ghét và cố chấp hẹp hòi của họ, thái độ kỳ thị, lòng kiêu hãnh dân tộc của họ, khiến họ không chịu tiếp rước Chúa Của Sự Vinh Hiển.

9:54-56 Giacô và Giăng tức giận trước sự vô lễ này đến nỗi họ để nghị sai lữa từ **lời xuống** thiêu những kẻ có tội này. Chúa Jêsus lập tức quở họ. Ngài đã đến không phải để **liều điếu đời sống con người nhưng để cứu họ**. Đây chính là năm để chấp nhận của Chúa, chứ không phải ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta. Chúng đang được đặc trưng bởi ăn điển chứ không bởi hận thù.

B. Những Chương Ngại Cản Trở Từ Cách Môn Bó (9:57-62)

9:57 Trong những câu này, chúng ta gặp ba người đáng ra sẽ là môn đồ, họ minh họa cho ba trở ngại chính cản trở tình trạng làm môn đồ hết lòng. Người thứ nhất chắc chắn rằng mình muốn theo Chúa Jêsus đi bất kỳ nơi đâu. Anh không chờ được gọi, nhưng nằng nổ tự đề nghị. Anh tự tin, sốt sắng quá mức, và chưa lưu tâm giá hy sinh phải trả. Người này không biết ý nghĩa những điều mình nói.

9:58 Thuật đầu, câu trả lời của Chúa Jêsus dường như không liên quan đến lời đề nghị của người này. Tuy nhiên, thực ra có sự liên kết rất gần gũi. Trên thực tế, Chúa Jêsus đang phán: "Người có biết đi theo ta thật sự có nghĩa gì không? Có nghĩa từ bỏ những tiện nghi và thoải mái của cuộc sống. Ta không có một căn nhà gọi là nhà riêng của ta. Thế gian này không cho ta chỗ nghỉ ngơi. **Con cáo và chim trời** còn có phương cách để kiếm được thoải mái và an toàn hơn cả ta. Người có sẵn lòng theo ta, cho dù điều đó có nghĩa từ bỏ những điều mà hầu hết con người xem là những quyền lợi không thể chuyển nhượng được của họ?" Khi đọc thấy dòng chữ **Con Người không có chỗ gối đầu**, chúng ta có khuynh hướng thương hại Ngài. Một nhà giải kinh nhận định: "Ngài không cần sự thương hại của bạn. Hãy tự thương hại bạn thì hơn nếu bạn đang có căn nhà mà nó kiếm giữ bạn lại khi Đấng Christ muốn bạn ra đi lên trên những nơi cao của thế gian này." Chúng ta không còn nghe

gì về người này nữa, và chỉ có thể giả định người này không sẵn lòng từ bỏ nhưng tiện nghi phổ thông của đời sống để đi theo Con Đức Chúa Trời.

9:59 Người thứ nhì đã nghe Đấng Christ kêu gọi đi theo Ngài. Người này sẵn lòng, trên một phương diện nào đó, nhưng còn việc mà anh muốn làm trước đã. Anh muốn xin Ngài để được đi chôn cha anh trước đã. Lưu ý điều anh nói. "**Lạy Chúa xin cho phép tôi... trước đã.**" Nói cách khác, "**Lạy Chúa, tôi trước đã.**" Người này gọi Chúa Jêsus bằng danh xưng Chúa, nhưng thật ra đặt những ước muốn và sở thích của mình lên trước. Nhưng chữ "Chúa" và "tôi trước đã" hoàn toàn chống đối nhau; chúng ta phải chọn bên này hoặc bên kia. Dù cha người ấy đã chết rồi hay người con này dự định ở nhà để đến khi ông chết, vấn đề vẫn như nhau - người này đang để một người khác đứng ưu tiên hơn sự kêu gọi của Đấng Christ. Hoàn toàn hợp pháp và xứng đáng để tỏ lòng tôn trọng người cha đã chết hoặc sắp chết, nhưng khi để cho bất kỳ ai và bất kỳ điều gì cạnh địch với Đấng Christ, thì việc đó trở nên hoàn toàn có tội. Người này còn việc khác phải làm - chúng ta có thể nói như vậy, một công việc hoặc một nghề nghiệp - và điều này như anh ra khó: con đường làm môn đồ hoàn tâm.

9:60 Chúa quở sự hai lòng của anh bằng những lời này: "**Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết; còn người, hãy đi rao giảng nước Đức Chúa Trời.**" Kẻ chết thuộc linh có thể chôn kẻ chết thuộc thế, nhưng họ không thể giảng Tin

Lành. Các môn đồ đứng nên dành ưu tiên cho những công việc mà người chưa được cứu cũng như Cơ Đốc nhân đều có thể làm được. Tin hữu nên nhớ chắc chắn mình là người không thể thiếu được xét về mục đích chính của đời sống mình. Công việc chính yếu của tin đồ phải là phát triển sự nghiệp của Đấng Christ trên đất.

9:61 Người thứ ba đang ra là môn đồ giống người thứ nhất ở chỗ tình nguyện đi theo Đấng Christ. Anh giống người thứ nhì ở chỗ đã nói lời mâu thuẫn: "**Lạy Chúa... tôi trước.**" Anh muốn trước hết phải chào tạm biệt gia đình đã. Bản thân lời yêu cầu này là hợp lý và chính đáng, nhưng ngay cả những hành vi lịch sự phổ thông của đời sống cũng sai quấy nếu đem đặt lên trên cả sự vâng lời tức khắc và hoàn toàn.

9:62 Chúa Jêsus bảo người này một khi đã **tra lay cắm cây** của nếp sống môn đồ, thì không được phép ngó lại³¹ đằng sau; nếu không, anh không xứng đáng cho nước Đức Chúa Trời. Môn đồ Đấng Christ không phải hạ người thiếu nhiệt tình hay ủy mị mơ mộng. Không một suy tính nào về gia đình hay bạn bè - dù tự chúng có hợp pháp đến đâu đi nữa - được phép đưa họ ra xa khỏi sự từ bỏ hoàn toàn cho Ngài. Cụm từ "**không xứng đáng với Nước Đức Chúa Trời**" không nói đến sự cứu rỗi nhưng nói đến sự phục vụ. Đây không hề là vấn đề vào Nước Đức Chúa Trời, nhưng là vấn đề phục vụ trong nước ấy sau khi vào. Sự xứng đáng để chúng ta được vào Nước Đức Chúa Trời là ở trong Thân Vĩ và công

tác của Chúa Jêsus. Sự xứng đáng ấy trở nên của chúng ta thông qua đức tin nơi Ngài.

Và như vậy chúng ta có ba trở ngại chính cản trở bước đường học làm môn đồ được minh họa qua từng trải của ba người này:

1. Những tiện nghi của cái vật chất.

2. Công việc làm hay nghề nghiệp.

3. Gia đình và bạn hữu.

Đấng Christ phải cai trị trong tâm lòng không còn một kinh địch nào. Mọi tình yêu khác và mọi lòng trung thành khác phải là thứ yếu.

C. Bảy Mươi Môn Đồ Được Sai Đi (10:1-10)

10:1-12 Đây là câu chuyện duy nhất của các sách Tin Lành về việc Chúa sai bảy mươi³² môn đồ ra đi. Câu chuyện này rất giống với việc sai ba mươi hai sứ đồ trong Mathiơ 10. Tuy nhiên, trong Mathiơ, các môn đồ được sai đi vào các vùng phía bắc, còn bảy mươi người giờ đây được sai xuống phía nam dọc theo lộ trình Chúa đang đi đến Giêrusalem. Sự mang này dường như nhằm dọn đường cho Chúa trong hành trình từ Sêsarê Philip ở phía bắc, băng qua Galilê và Samari, vượt sông Giôđanh, xuống phía nam qua Bêrê, rồi vượt sông Giôđanh lần nữa để đến Giêrusalem.

Tuy mục vụ và chức vụ của bảy mươi người chỉ tạm thời, nhưng những lời dạy của Chúa chúng ta cho những người này gợi ý rất nhiều nguyên tắc sống để áp dụng cho Cơ Đốc nhân trong mỗi một thời đại.

Có thể tóm tắt một số các nguyên tắc này như sau:

1. Ngài sai họ đi từng đôi (câu 1). Điều này gợi ý một lời chứng rất tốt. "Mọi việc sẽ định cứ lời khai của hai hoặc ba người làm chứng" (II Côrinthô 13:1).

2. Tôi tớ Chúa nên luôn luôn cầu nguyện để Ngài sẽ sai con gặt đến trong cánh đồng vụ mùa của Ngài (câu 2). Như câu vãn luôn luôn lớn hơn sự cung ứng nhân công. Khi cầu nguyện xin con gặt, hiển nhiên chúng ta phải sẵn lòng đích thân ra đi. Lưu ý, xin (câu 2) đi (câu 3).

3. Môn đồ Chúa Jêsus được sai đi vào môi trường thù địch (câu 3). Nhìn bề ngoài, họ giống như chiến vô phương tự vệ giữa vùng hoang dã. Họ không thể đòi hỏi thế gian đối đãi với họ như với vua, nhưng trái lại họ có thể chờ đợi bị bắt bớ và thậm chí bị giết chết.

4. Những suy tính cho tiện nghi cá nhân sẽ là điều không được phép làm (câu 4a). "Đừng đem túi, bao, giày." Tôi tiến (Bản Việt Ngữ chỉ ghi là "túi") nói đến nhưng dự trữ tài chính. Bao gợi ý dự trữ lương thực. Giày có thể nói đến một đôi dự phòng, hoặc nói đến lớp bọc giày để tăng thêm thoải mái. Cả ba nói đến cảnh nghèo khó, mà tuy không có gì, thế nhưng có mọi sự và khiến cho nhiều người giàu có (II Côrinthô 6:10).

5. "Đừng chào ai dọc đường" (câu 4b). Đây tớ Đấng Christ không được phi thi giờ vào những cuộc chào thăm theo lễ nghi dài dòng, như vốn phổ biến ở Phương Đông. Tuy phải nhã nhặn lịch sự, nhưng họ phải tận dụng thì giờ trong công tác vinh quang là

rao giảng Tin Lành hơn là trò chuyện vô ích. Không có thì giờ cho những trò hoàn không cần thiết.

6. Họ nên tiếp nhận lòng hiếu khách tại bất cứ đâu được dành cho họ (câu 5, 6). Nếu lời chào thăm ban đầu của họ được đón nhận đầy thiện cảm, thì chủ nhà đó là **con của sự hòa bình**. Người đó có đặc tính bình an, và là người nhận lãnh sứ điệp của sự bình an. Nếu các môn đồ bị khước từ, họ đừng ngã lòng, sự bình an của họ sẽ trở về lại với họ, tức không hề phạm hoặc mất mát, và người khác sẽ nhận lãnh nó.

7. Các môn đồ nên **cử ở lại nhà đã mời ở lại đầu tiên** (câu 7). Đi từ nhà này sang nhà khác có lẽ sẽ mô tả đặc tính của họ như những người đang đi tìm mua những chốn an ở sang trọng nhất, trong khi họ đáng ra phải sống bình dị và biết ơn.

8. Họ đứng nên lương lý ăn mọi đồ ăn uống được dọn ra cho mình (câu 7). Là tôi tớ Chúa, họ có quyền được nuôi dưỡng.

9. Các thành phố thị trấn giữ quan điểm hoặc thuận theo Chúa hoặc chống Chúa, cũng giống như những cá nhân vậy (câu 8, 9). Nếu một vùng chịu tiếp nhận sứ điệp, các môn đồ nên giảng tại đó, đón nhận lòng hiếu khách của thành ấy, và đem những phúc hạnh của Tin Lành đến cho thành ấy. Tôi tớ Chúa nên **ăn đồ họ sẽ dọn cho**, đừng khó chịu kén chọn thức ăn hay gây ra bất tiện trong nhà ấy. Suy cho cùng, thức ăn không phải vấn đề chính trong đời sống họ. Nhưng thành đón nhận sứ giả của

Chúa thì vẫn có những cư dân đang mang căn bệnh tội lỗi cần được chữa lành. Vua cũng đến **rất gần** họ (câu 9).

10. Một thành phố có thể khước từ Tin Lành và rồi không có đặc ân được nghe Tin Lành lần nữa (câu 10-12). Trong cách đối xử của Đức Chúa Trời sẽ có lúc người ta được nghe sứ điệp lần cuối cùng. Đừng nên coi thường Tin Lành, vì có thể Tin Lành bị rút lại đời đời. Khước từ sự sáng tối không được cho sự sáng nữa. Những thành và làng nào được đặc ân nghe Tin Lành nhưng lại khước từ thì sẽ bị đoán xét càng nghiêm khắc hơn thành **Sôđôm**. Đặc ân càng cao, trách nhiệm càng lớn.

10:13,14 Khi Chúa Jesus phán những lời này, Ngài nhớ lại ba thành ở xứ Galilê mà trước đó đã hưởng nhiều đặc ân hơn bất kỳ thành nào khác. Họ đã thấy Ngài thi hành những phép lạ đầy quyền năng của Ngài giữa các đường phố. Họ đã nghe lời dạy đầy ơn của Ngài. Thế nhưng họ hoàn toàn khước từ Ngài. Nếu các phép lạ Ngài đã làm tại Cỗraxin và Bếtsaida được đem làm trong thành Tyros và Sidôn thuở xưa, những thành phố ven biển này đã hạ mình xuống trong sự ăn năn sâu xa nhất. Vì các thành của xứ Galilê không hề cảm động trước công tác Chúa Jesus, nên sự đoán xét họ càng nghiêm hơn sự đoán xét thành Tyros và Sidôn. Như một sự kiện lịch sử, Cỗraxin và Bếtsaida đã bị tiêu diệt hoàn toàn đến nỗi ngày nay không thể biết rõ địa điểm chính xác của các thành này.

10:15 Cabênaum đã trở thành quê hương của Chúa Jesus sau khi Ngài rời

khỏi Naxarét. Thành này được nhắc lên đến tận trời về đặc ân. Nhưng thành này đã khinh bỉ Công Dân cao quý nhất của nó và đã bỏ lỡ mất ngày cơ hội. Vì vậy thành này sẽ bị hạ xuống tới dưới âm phủ trong sự đoán xét.

10:16 Chúa Jêsus kết thúc những lời dạy cho bảy mươi môn đồ bằng lời tuyên bố họ là đại sứ của Ngài. Khước từ họ tức là khước từ Ngài, và khước từ Ngài tức là khước từ Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Cha.

Nhale nhận định:

Chắc trong Tân Ước không còn ngôn ngữ nào mạnh hơn thế để nói đến chân giá trị chức vụ của một mục sư trung tín, và sự mất tội của những ai không chịu nghe sứ điệp của người. Chúng ta phải nhớ, đây là lời nói - không phải nói cho mười hai sứ đồ - nhưng cho bảy mươi môn đồ, là những người mà chúng ta không hề biết tên cũng như lịch sử tiếp sau đó của họ. Scott nhận định: "Khước từ một đại sứ, hay từ sự khinh thường đại sứ, chính là cố ý lãng mạng vì vua đã ủy nhiệm và sai phái người ấy, cũng như lãng mạng người mà đại sứ ấy đại diện. Các sứ đồ và bảy mươi môn đồ là những đại sứ, là người đại diện của Đấng Christ; và những ai khước từ và khinh bỉ họ thì trên thực tế đã khước từ và khinh bỉ chính Ngài."³³

D. Bảy Mươi Môn Đồ Trở Về (10:17-24)

10:17,18 Khi thi hành sứ mạng xong trở về, bảy mươi môn đồ vui vẻ vì ngay cả ma quỷ cũng phục họ. Có thể hiểu câu trả lời của Chúa Jêsus theo hai cách. Thứ nhất, có thể câu

này muốn nói Ngài đã thấy trong thành công của họ điểm báo hiệu sự sa xuống sau cùng từ trời của Satan. Jamieson, Fausset, Brown diễn ý những lời phán của Ngài:

Ta đã theo dõi các người đang khi thi hành sứ mạng, và đã nhìn thấy những chiến thắng ấy, trong khi các người đang kinh ngạc vì ma quỷ phục các người trong Danh Ta, một quang cảnh tuyệt vời hơn đang mở ra trước mắt ta; Nay, Satan từ trời sa xuống dệt ngọt như chớp từ trời xuống đất. Sự rớt xuống này của Satan vẫn còn trong tương lai. Hắn sẽ bị Michael và các thiên sứ người quang xuống khỏi trời (Khải Huyền 12:7-9). Điều này sẽ xảy ra trong Thời Kỳ Đại Ngạc, và trước Thời Trị Vĩ Vinh Hiển Của Đấng Christ trên đất.

Lời giải thích khả dĩ thứ nhì xem lời Chúa phán ở đây như lời cảnh cáo sự kiêu ngạo. Dường như thể Ngài đang phán: "Được rồi, các người đang ngày ngất vì ngay cả quỷ cũng phục các người. Nhưng hãy nhớ - kiêu ngạo là tội để ra những tội khác. Chính kiêu ngạo đã dẫn đến sự sa ngã của Lulxiphe, khiến hắn bị quăng xuống khỏi trời. Hãy cẩn thận sao cho các người tránh được hiểm họa này."

10:19 Trước đó Chúa đã ban cho các môn đồ quyền năng đặc biệt các thể lực gian ác. Họ được ban quyền để khỏi bị tổn hại trong khi thi hành sứ mạng. Điều này đúng cho mọi đầy tớ Chúa; họ được bảo vệ.

10:20 Thế nhưng họ đứng vui mừng về quyền năng của họ trên các quỷ, nhưng hãy vui mừng về chính sự

cứu rỗi của họ **lớn hơn**. Ấy là trường hợp được ghi lại duy nhất khi Chúa truyền các môn đồ đứng vui mừng. Có những nguy hiểm tiềm ẩn gắn liền với thành công trong sự phục vụ Cơ đốc, còn sự kiện **lớn** chúng ta được **ghi trên Thiên đàng** nhắc chúng ta nhớ món nợ vô hạn của mình đối với Đức Chúa Trời và Con Ngài. Vui mừng trong sự cứu rỗi bởi ân điển thì an toàn.

10:21 Khi bị đoàn dân đông khước từ, **Chúa Jesus** nhìn vào những môn đồ khiêm nhường của Ngài và **vui mừng trong Thánh Linh**, cảm tạ **Cha** về sự khôn ngoan vô song của Ngài. Bảy mươi môn đồ không phải là những người **khôn ngoan** và **sáng dạ** của thế gian này. Họ không phải là những người trí thức hay những học giả. Họ chỉ là **những trẻ nhỏ**! Nhưng họ là những trẻ nhỏ có đức tin, lòng tận hiến và sự vâng lời không chút thối nát. Những người trí thức quá **khôn ngoan**, hiểu biết quá **khôn khéo** để kiếm lợi riêng cho họ. Lòng kiêu ngạo khiến họ đui mù trước giá trị thật của Con Yêu Dấu của Đức Chúa Trời. Chính bởi những trẻ nhỏ mà Đức Chúa Trời có thể hành động cách hữu hiệu nhất. Chúa chúng ta vui sướng về mọi người do Cha ban cho Ngài, và vui sướng về thành công bước đầu này của bảy mươi người, là điều báo trước sự sụp đổ sau cùng của Satan.

10:22 Mọi sự đã được giao cho Con bởi Cha Ngài, bất luận sự ở trên trời, hay trên đất hay dưới đất. Đức Chúa Trời đã đặt toàn cõi vũ trụ dưới **chân quyền** của Con Ngài. **Ngoài Cha**

không ai biết Con. Có sự mâu nhiệm gắn liền với Sự Nhập Thể mà không ai ngoài **Cha** có thể dò thấu. Làm sao Đức Chúa Trời có thể thành Con Người và ở trong một thân thể người, đó là điều vượt quá hiểu biết của loài thọ tạo. Không ai biết **Cha là ai**; ngoài **Con**, và người nào mà **Con muốn tỏ ra cùng**, thì **cũng không có ai biết Cha là ai**. Đức Chúa Trời hoàn toàn vượt trên hiểu biết của con người. Con biết Đức Chúa Trời cách hoàn hảo, và Con đã bày tỏ Đức Chúa Trời cho những người yếu đuối, những con người tâm thương, và những con người bị khinh bỏ nào đặt đức tin nơi Ngài (1 Côrinthô 1:26-29). Ai thấy Con tức là đã thấy Cha. Con đọc sanh Hằng ở trong lòng Cha - đã rao báo đầy đủ về Cha (Giăng 1:18).

Kelly nói: "Con thật sự bày tỏ Cha; nhưng tâm trí con người luôn luôn vô tận thành muôn mảnh khi cố gắng làm sáng tỏ điều khó hiểu không thể giải quyết được về vinh hiển cá nhân của Đấng Christ."

10:23,24 Chúa đã phán **tiếng** với các môn đồ rằng họ đang sống trong ngày hưởng đặc ân chưa từng có. **Các tiên tri và các vua Cựu Ước ước ao nhìn thấy** ngày của Đấng Mesi, nhưng chưa **lừng thấy**. Ở đây, Chúa Jesus tuyên bố Ngài chính là Đấng mà các tiên tri Cựu Ước đã trông mong - tức Đấng Mesi. Các môn đồ được đặc ân nhìn thấy các phép lạ và nghe sự dạy dỗ của Niềm Hy Vọng của Ysraên.

E. Thấy Dạy Luật Ya Người Pharisi Nhân Lãnh (10:25-37)

10:25 Thấy dạy luật, một chuyên gia trong những lời dạy về Luật Pháp

Môise, chắc chắn không thật lòng khi hỏi. Ông đang cố gài bẫy Chúa, để thử Ngài. Có lẽ ông nghĩ Chúa sẽ bác bỏ luật pháp. Đối với ông, Chúa Giêsu chỉ là một người **Thầy**, và sự sống đời đời là một điều ông sẽ tìm được hoặc có công lao xứng đáng nhận được.

10:26-28 Chúa Giêsu đã tỉnh đến toàn bộ điều này khi trả lời ông. Nếu thầy dạy luật này khiêm nhường và biết an nã, Cứu Chúa hẳn đã trả lời trực tiếp hơn. Trong hoàn cảnh này, Chúa Giêsu khiến ông chú ý vào **luật pháp**. Luật pháp đòi hỏi điều gì? Luật pháp đã hỏi con người **yêu mến Đức Chúa Trời** trên hết, và **yêu người lân cận** như mình. Chúa bảo ông nếu như ông làm **điều này**, ông sẽ **sống**.

Thoạt nhìn, có vẻ như Chúa đang dạy sự cứu rỗi bởi tuân giữ luật pháp. Không phải vậy đâu. Đức Chúa Trời không hề định cho bất cứ ai sẽ được cứu nhờ giữ luật pháp. Mười Điều Răn được ban cho những người đã là tội nhân rồi. Mục đích của luật pháp không phải để cứu khỏi tội, nhưng để đem lại sự hiểu biết về tội. Chức năng của luật pháp là bày tỏ cho con người thấy mình là một tội nhân có tội đến dường nào.

Con người tội lỗi không thể yêu mến Đức Chúa Trời **hết lòng**, cũng không thể yêu mến **người lân cận** như mình. Nếu có thể làm việc này từ lúc sinh ra đến khi qua đời, người ấy đâu cần sự cứu rỗi. Người ấy sẽ không bị hư mất. Nhưng thậm chí như thế, phần thưởng của người cũng chỉ là cuộc sống trường thọ ở trên đất. Không phải sự sống đời đời trong Thiên đàng. Chứng nào còn sống cách

vô tội, người ấy vẫn cứ tiếp tục sống. Sự sống đời đời chỉ dành cho những tội nhân nào công nhận tình trạng hư mất của mình và được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời.

Như vậy lời phán của Chúa Giêsu "**hãy làm điều đó thì được sống**" là thuần túy giả thuyết. Nếu câu Ngài nói đến luật pháp ở đây đạt được ảnh hưởng mong muốn của nó trên thầy dạy luật, át ông đã nói: "Nếu đó là điều Đức Chúa Trời đòi hỏi, thì tôi bị hư mất, bất lực và tuyệt vọng. Tôi xin gieo mình trong tình yêu và lòng thương xót của Ngài. Xin hãy cứu tôi bởi ân điển Ngài!"

10:29 Thay vì vậy, người này tìm cách xưng mình là **công bình**. Vì sao ông lại làm như thế? Có ai lên án kết tội ông đâu. Đã có sự ý thức về lỗi lầm và làm ông dấy lên sự kêu nại để chống cự. Ông hỏi: "**Ái là người lân cận tôi?**" Đây là chiến thuật tránh né của ông.

10:30-35 Để trả lời câu hỏi đó, Chúa Giêsu kể câu chuyện về người Samari nhân lành. Những chi tiết trong câu chuyện rất quen thuộc. Nạn nhân bị cướp (hầu như chắc chắn là một người Do Thái) bị bỏ lại **nửa sống nửa chết** trên đường đến **Giêricô**. **Thầy tế lễ** Do Thái và **người Lêvi** không chịu giúp; có lẽ họ sợ đó là một âm mưu, hoặc sợ có lẽ mình cũng bị cướp nếu nấn ná tại đó. Chính người **Samari** đáng ghét kia lại đến giải cứu, sơ cứu cho nạn nhân, đưa nạn nhân đến quán trọ, và chu cấp để **sân sóc** cho nạn nhân. Đối với người Samari này, người Do Thái đang có nhu cầu kia chính là người lân cận của ông.

10:35,37 Sau đó Cứu Chúa đặt một câu hỏi không thể tránh né vào đầu được. Trong ba người đó, ai là người lân cận của con người bất lực này? Đương nhiên, chính là người đã tỏ lòng thương xót. Vâng, đương nhiên như thế. Như vậy, thầy dạy luật nên đi và làm theo như vậy. "Nếu người Samari có thể chứng minh mình là người lân cận thật của một người Do Thái bằng cách tỏ lòng thương xót người, thì mọi người đều là những người lân cận."³⁴

Thật không khó cho chúng ta nhìn thấy trong thầy tế lễ và người Lêvi hình ảnh của luật pháp không có quyền để giúp đỡ tội nhân chết mất này; luật pháp đòi hỏi "Hãy yêu kẻ lân cận như mình" nhưng không ban quyền năng để làm theo. Cũng không khó để đồng nhất hóa người Samari này với Chúa Giêsu, là Đấng đã đến ngay hiện trạng của chúng ta, cứu chúng ta khỏi tội lỗi của mình, và cung cấp đầy đủ cho chúng ta từ đất đến Thiên đàng và qua suốt cõi đời đời. Những thầy tế lễ và người Lêvi có thể làm chúng ta thất vọng, nhưng Người Samari Nhân Lành này không bao giờ.

Câu chuyện người Samari nhân lành có một chuyển biến bất ngờ trong đó. Câu chuyện khởi đầu để trả lời câu hỏi: "Ai là người lân cận tôi?" Nhưng câu chuyện kết thúc bằng cách nêu câu hỏi: "Người chứng minh mình là người lân cận của ai?"

F. Mari và Ma-thê (10:38-42)

10:38-41 Giờ thì Chúa hướng sự chú ý Ngài vào lời của Đức Chúa Trời

và sự cầu nguyện như là hai phương tiện để được ơn phước (10:38-11:13).

Mari ngồi dưới chân Chúa mà nghe lời Ngài, trong khi Mathê mang lo chuẩn bị cho Khách Quý. Mathê muốn Chúa khiển trách em gái vì không phụ giúp bà nhưng Chúa Giêsu lại nhẹ nhàng khiển trách Mathê vì tính cáu kỉnh của bà!

10:42 Chúa chúng ta quý trọng tình cảm hơn sự phục vụ của chúng ta. Sự phục vụ có thể bị sự kiêu căng và ngạo mạn làm hư hại đi. Được ở với Chính Mình Ngài là một việc cần, là phần không có ai cãi lấy được. "Chúa muốn biến đổi chúng ta từ những Ma-thê thành những Mari," C. A. Coates phát biểu "Cùng như Ngài muốn biến đổi chúng ta từ những luật sư thành người láng giềng."³⁵

Charles R. Erdman viết:

Trong khi Chúa cảm kích những gì chúng ta làm nhân cho Ngài thì Ngài biết rằng nhu cầu trước hết của chúng ta là ngồi dưới chân Ngài và học hỏi ở trước Ngài để rồi trong công việc, chúng ta sẽ nên điềm tĩnh, bình an và ân cần, và sau cùng sự phục vụ của chúng ta phải và được sự hoàn hảo như của Mari khi những ngày sau đó bà đã sức dầu cho chân Chúa và chính hương vị dầu đó vẫn còn thơm cho tới ngày nay.³⁶

G. Lời Cầu Nguyện Của Các Môn Bá (11:1-4)

Giữa chương 10 và 11, có một thời gian tạm dừng nhưng được chép lại trong sách Giăng 9:1-10:21.

11:1 Đây lại là một trong những sự việc trong đời sống cầu nguyện của Chúa chúng ta mà Luca thường xuyên đề cập đến. Điều này phù hợp với

mục đích của Luca khi trình bày Đấng Christ là Con Người luôn luôn phụ thuộc vào Đức Chúa Trời, Cha Ngài. Các môn đệ nhận biết rằng sự cầu nguyện là một sức mạnh hiện hữu và sống còn trong cuộc đời của Chúa Jêsus. Khi họ nghe Ngài cầu nguyện làm họ cũng muốn cầu nguyện. Và vì thế nên mọi môn đồ xin Ngài **đạy họ cầu nguyện**. Ông không xin, "Xin dạy chúng tôi cách cầu nguyện," nhưng **"Xin dạy chúng tôi cầu nguyện."** Tuy nhiên, chần chừ sự cầu xin này gồm luôn cả cách cầu nguyện.

11:2 Lời cầu nguyện kiểu mẫu mà Chúa Jêsus ban cho họ vào lúc này thì khác với Lời Cầu Nguyện Chung trong Tin Lành Malhiơ. Tất cả những sự khác biệt này đều có mục đích và ý nghĩa. Không có điều nào mà không quan trọng cả.

Trước tiên, Chúa dạy các môn đồ xưng Đức Chúa Trời là **Cha**. Đây là mối quan hệ gia đình thân thiết mà những tín đồ trong thời Cựu Ước không được biết đến. Đơn giản là ngày nay những người lín đồ được gọi Đức Chúa Trời là **Cha** thiên thượng kính yêu. Kế đến, chúng ta được Chúa dạy cầu nguyện rằng **danh Đức Chúa Trời được thánh**. Điều này nói lên sự khao khát trong lòng tín đồ là Ngài phải được tôn kính, tôn dương và tôn thờ. Trong lời thỉnh cầu, "nước Cha được đến," lời cầu nguyện của chúng ta xin ngày đó sẽ đến sớm khi Đức Chúa Trời hủy diệt các lực lượng ma quỷ và trong Con Người của Đấng Christ, Ngài trị vì trên **đất** nơi mà ý Ngài sẽ **được nên ở đời như trời**.

11:3 Trước hết phải tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, người thỉnh cầu được dạy cần phải bày tỏ những nhu cầu và ước vọng riêng tư mình. Nhu cầu lương thực thường ngày, nhu cầu thể chất và tâm linh cũng được Chúa để cập đến. Chúng ta phải sống mỗi ngày phụ thuộc nơi Ngài, nhận biết Ngài là nguồn của mọi sự tốt lành.

11:4 Kế đến là cầu nguyện xin sự tha tội theo cơ sở là chúng ta phải bày tỏ lòng thần tha thứ cho người khác. Rõ ràng là điều này không có ý muốn nói đến sự tha thứ khỏi hình phạt tội lỗi. Sự tha thứ đó chỉ dựa trên công việc mà Đấng Christ đã làm trọn trên đống Gôgôtha và chỉ được nhận lãnh bởi đức tin mà thôi. Nhưng ở đây chúng ta đang để cập đến sự tha thứ của cha mẹ hay nhà cầm quyền. Sau khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta như con cái của Ngài. Nếu Ngài thấy tình thần cứng cõi không tha thứ trong lòng chúng ta thì Ngài sẽ trừng phạt chúng ta cho đến khi chúng ta tan vỡ và quay trở lại mới thông công cùng Ngài. Sự tha thứ này cần phải có sự thông công với Chúa hơn là mối quan hệ với Ngài.

Lời cầu xin "xin chờ đem chúng tôi vào sự cảm ơn" đưa ra khó khăn cho một số người. Chúng ta biết là Đức Chúa Trời chẳng hề cảm ơn ai phạm tội bao giờ. Nhưng Ngài lại cho phép chúng ta trải qua những khó khăn thách thức trong cuộc sống và những điều đó chỉ tốt cho chúng ta mà thôi. Ở đây, ý tưởng có lẽ là để chúng ta luôn cảnh tỉnh về xu hướng hay lạc lối và sa vào tội lỗi của chính

chúng ta. Chúng ta nên cầu xin Chúa giữ chúng ta khỏi sự cảm dỗ ngay cả khi chính chúng ta cũng luôn muốn làm điều đó. Chúng ta phải nên cầu nguyện rằng cơ hội phạm tội và dục vọng phạm tội sẽ không bao giờ xảy ra trùng thời điểm với nhau. Lời cầu nguyện lành mạnh biểu lộ sự không tin cậy năng lực của chúng ta để chống lại sự cảm dỗ. Lời cầu nguyện kết thúc với lời cầu xin được giải cứu khỏi những điều ác.¹⁷

B. Hai Ấn Độ Về Sự Cầu Nguyện (11:5-13)

11:5-8 Tiếp tục với chủ đề cầu nguyện, Chúa ban cho một minh họa để cho thấy Đức Chúa Trời hài lòng như thế nào khi nghe và nhậm những sự cầu khẩn của con cái Ngài. Câu chuyện về một người có một bạn hữu đến nhà chơi **vào lúc nửa đêm**. Không may là ông không có sẵn thức ăn nên ông sang nhà hàng xóm, gõ cửa mượn **ba cái bánh**. Lúc đầu thì người hàng xóm bực mình vì giấc ngủ ông bị phá và ông cũng chẳng muốn ngồi dậy. Nhưng vì người khách cứ gõ cửa và nài xin nên cuối cùng thì ông cũng ngồi dậy **và cho người** điếu người đó cần.

Để áp dụng minh họa này chúng ta cần phải cẩn thận tránh những kết luận nhất định. Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời khó chịu khi chúng ta cứ kêu tri cầu xin Ngài. Và nó cũng không có gợi ý là cách thức duy nhất để lời cầu xin của chúng ta được nhậm là phải kiên trì.

Nó dạy rằng nếu con người sẵn sàng giúp đỡ bạn hữu mình vì sự nài nỉ dai dẳng của ông thì Đức Chúa Trời

sẵn sàng nhiều *hơn* để nghe lời kêu cầu của con cái Ngài.

11:9 Điều đó dạy chúng ta rằng không nên ngã lòng mệt mỏi trong đời sống cầu nguyện mình. "Hãy cứ cầu xin... hãy cứ tìm kiếm... hãy cứ gõ cửa..."¹⁸ Đôi khi Chúa nhậm lời cầu nguyện chúng ta ngay lần đầu tiên. Nhưng trong những trường hợp khác thì Ngài nhậm lời sau một thời gian dài cầu nguyện.

Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện

*Đôi khi, lúc tâm lòng yếu đuối,
Ngài ban chính những ân tứ mà tin
hữu tìm kiếm:*

*Nhưng thường đức tin phát học
tập sự yên nghỉ sâu nhiệm hơn.*

*Và tin cậy mà sự yên lặng của
Đức Chúa Trời khi Ngài không
phản:*

*Vì Nếu - Đấng mang danh xưng
là tình yêu - sẽ sai đến điều tốt nhất.*

*Các vì sao có thể cháy rụi, các
vách núi cũng không còn.*

*Nhưng Đức Chúa Trời là thật:
những lời hứa của Ngài chắc chắn.*

Ngài là sức mạnh của chúng ta.

M. G. P.

Ấn dụ này dường như dạy chúng ta gia tăng mức độ nài xin - cầu xin tới tìm kiếm rồi tới gõ cửa.

11:10 Điều đó dạy **hãy xin sẽ ban cho; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho**. Đây là lời hứa trong khi chúng ta cầu nguyện, Đức Chúa Trời luôn ban cho điếu chúng ta cầu xin và đôi khi còn tốt hơn nữa. Cầu trả lời "không" có nghĩa là Ngài biết sự cần xin của chúng ta không tốt đẹp cho chúng ta nên sự từ chối của Ngài tốt hơn lời thỉnh cầu của chúng ta.

11:11,12 Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời không bao giờ lừa dối chúng ta. Ngài không ban cho chúng ta **đá** khi chúng ta xin **bánh**. Trong thời đó, bánh được làm có hình hài giống như một cục đá. Đức Chúa Trời không xem thường chúng ta ban cho chúng ta những gì không ăn được khi chúng ta cầu xin thức ăn. Nếu khi chúng ta xin **cá**, Ngài sẽ không cho chúng ta **rắn**, điều có thể làm hủy hoại chúng ta. Và nếu chúng ta xin **trứng**, Ngài sẽ không cho **bò cạp**, điều gây cho chúng ta hết sức đau đớn.

11:13 Người cha xác thịt sẽ không cho những vật xấu tuy ông ta có bản chất tội lỗi. Ông còn biết cho **con cái** mình **vật tốt thay**, **huống chi Cha** các người ở **trên trời** lại chẳng **ban Đức Thánh Linh** cho người xin Ngài. J. G. Bellet nói rằng "Đáng chú ý điều Ngài ban cho là điều mà chúng ta cần nhất và cũng là điều mà Ngài mong muốn ban cho nhất, chính là Đức Thánh Linh." Khi Chúa Jesus phán những lời này thì Đức Thánh Linh chưa được ban cho (Giăng 7:39). Ngày nay chúng ta không cần cầu xin được ban cho Đức Thánh Linh đến ngự trong chúng ta vì Ngài đến ngự trong chúng ta ngay khi chúng ta tiếp nhận Chúa (Rôma 8:9b; Êphêso 1:13,14).

Nhưng thật cần thiết và thích hợp để chúng ta cầu xin Đức Thánh Linh theo những cách khác. Chúng ta nên cầu xin cho mình được Đức Thánh Linh dạy dỗ, được dẫn dắt bởi Ngài và xin Ngài đổ năng quyền cho chúng ta trong sự hầu việc Đấng Christ.

Thật khả hợp lý khi Chúa Jesus dạy môn đồ Ngài cầu xin **Đức Thánh**

Linh, Ngài muốn dạy rằng *năng quyền* Thánh Linh làm cho họ sống một đời sống môn đệ mà Ngài đang dạy dỗ trong những chương qua và kế tiếp. Lúc này đối với họ, họ chắc cảm nhận được thật hoàn toàn không thể nào đáp ứng những thách thức của việc môn đồ hóa bởi sức riêng mình. Và đương nhiên điều này là sự thật. **Đức Thánh Linh** là quyền năng làm cho chúng ta sống được một đời sống Cơ Đốc. Vì thế, Chúa Jesus mô tả một Đức Chúa Trời nồng lòng ban năng quyền này cho những ai cầu xin Ngài.

Trong ngôn ngữ gốc Hy Lạp câu 13 không nói rằng Đức Chúa Trời sẽ ban *một* Đức Thánh Linh nhưng đúng hơn là Ngài sẽ "ban Đức Thánh Linh" (không có mạo từ). Giáo sư H. B. Swete chỉ cho thấy khi mạo từ hiện hữu thì có ý nói đến Chính Thần Vị của Ngài nhưng nếu không có mạo từ thì có ý muốn nói đến ân tứ của Ngài hay sự hành động thay cho chúng ta. Vì thế trong phần đoạn này, không có nói nhiều đến sự cầu nguyện với *Thần Vị* của Đức Thánh Linh nhưng đúng hơn là những chức vụ của Ngài trong đời sống chúng ta. Điều này được xác nhận thêm hơn qua phần đoạn tương tự trong Matthi 7:11 như sau, "...huống chi Cha các người ở trên trời lại chẳng ban *các vật tốt* cho những người xin Ngài sao?"

I. Chúa Jesus Bap Lai Nhưng Không Chỉ Trích Ngài (11:14-26)

11:14-16 **Đuổi một quỷ**. con quỷ này đã làm cho nạn nhân của nó bị **cảm**, Chúa Jesus đã tạo ra một sự kích động giữa vòng dân chúng. Trong lúc **dân**

chúng đều lấy làm lạ thì những kẻ khác lại càng công khai chống đối Chúa. Sự chống đối có hai hình thức chính. **Mấy kẻ** cáo buộc Ngài trừ **quỉ nhờ** quyền lực của **Bêênxêbun là chúa quỉ. Kẻ khác** xin: Ngài một dấu lạ từ **trời xuống**; Có lẽ họ nghĩ rằng như vậy có thể bác bỏ lời buộc tội chống lại Ngài.

11:17,18 Lời buộc tội Ngài đuổi quỉ vì Ngài bị quỉ **Bêênxêbun** ám được giải đáp trong câu 17-26. Và sự cầu xin một dấu lạ được giải đáp trong câu 29. Trước tiên, Chúa nhắc nhở họ rằng **nước nào tự chia rẽ nhau thì tan hoang, nhà nào tự chia rẽ nhau thì đổ xuống**. Nếu như Ngài chỉ là công cụ của Satan để đuổi quỉ thì **Satan** đang đánh lại với những kẻ dưới quyền mình. Thật là buồn cười khi nghĩ rằng ma quỉ sẽ làm thế để tự chống lại mình và phá rối mục đích của chính nó.

11:19 Thứ hai là, Chúa nhắc nhở cho những kẻ chỉ trích Ngài rằng có một số người cũng đuổi quỉ vào lúc bấy giờ. Nếu Ngài làm điều này bởi quyền lực của Satan thì những người kia cũng đang sử dụng quyền lực này. Đương nhiên là người Do Thái không sẵn lòng chấp nhận điều này. Nhưng làm sao họ có thể phủ nhận sức mạnh của sự tranh cãi. Quyền lực đó không đến từ Đức Chúa Trời thì cũng từ ma quỉ. Không thể đến từ cả hai nguồn. Nếu Chúa **Jêsus** hành động bởi quyền lực của Satan thì những người đuổi quỉ Do Thái cũng dựa vào quyền lực đó. Cáo buộc Ngài là cáo buộc luôn cả họ.

11:20 Sự giải thích đúng là Chúa **Jêsus** **cậy** ngón tay của **Đức Chúa Trời** mà trừ quỉ. Ngài muốn nói gì về **ngón tay của Đức Chúa Trời**? Trong sự tương thuật ở Tin Lành **Mathiô** (12:28), chúng ta đọc: "Mà nếu ta cậy **Thánh Linh của Đức Chúa Trời** để trừ quỉ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các người." Vì thế chúng ta kết luận rằng **ngón tay của Đức Chúa Trời** thì giống như **Thánh Linh của Đức Chúa Trời**. Thực tế là Chúa **Jêsus** trừ tà ma bằng **Thánh Linh của Đức Chúa Trời** là bằng chứng rõ ràng **nước Đức Chúa Trời** đã đến với dân chúng thế hệ lúc bấy giờ rồi. Nước Đức Chúa Trời đã đến trong Thân Vị của Vua. Chắc chắn rằng Chúa **Jêsus** đang sống và làm những phép lạ như thế, là chứng cứ xác thực **Đấng Trị Vị** được Đức Chúa Trời xức dầu đã xuất hiện trong một giai đoạn lịch sử.

11:21,22 Cho đến lúc này, **Satan** là một người mạnh sức, **cắm khi giới**, giữ quyền lực tuyệt đối trong vương quốc của nó. Những ai bị quỉ ám đều nằm trong sự kềm kẹp của Satan và chẳng một ai chống lại nó. **Của cải** nó vững vàng và không ai có sức mạnh kháng cự sự cai trị của nó. Chúa **Jêsus** mạnh hơn Satan, đến trên nó và thắng được nó, Ngài cướp lấy khi giới từ nó và phân phát sạch **của cải**.

Ngay cả những kẻ chỉ trích Ngài cũng không tin rằng tà linh bị Chúa **Jêsus** đuổi khỏi. Điều này cũng có nghĩa rằng Satan đã bị chinh phục và những nạn nhân của nó được giải phóng. Đó chính là ý nghĩa thiết yếu của những câu Kinh Thánh này.

11:23 Kêu Chúa Jêsus nói thêm ai không theo Ngài thì nghịch với Ngài, và ai không thấu hiệp với Ngài thì lan lạc khắp nơi. Có người nói: "Người ta một là đi đường, hai là chặn đường." Chúng ta đã đề cập điều dường như mâu thuẫn giữa câu này với 9:50 rồi. Nếu vấn đề là Thân Vị và công tác của Đấng Christ, thì không hề có sự trung lập. Ai không thuận theo Đấng Christ tức là đang nghịch với Ngài. Nhưng khi nói đến sự phục vụ Đấng Christ, ai không chống lại đẩy tớ của Đấng Christ thì đang ủng hộ đẩy tớ Ngài. Trong câu thơ nhất, đó là vấn đề sự cứu rỗi; trong câu thứ nhì là vấn đề phục vụ.

11:24-26 Dường như Chúa đang đảo ngược tình thế trước mặt những kẻ phê bình Ngài. Họ đã kết tội Ngài bị quỷ ám. Giờ đây Ngài vì dân tộc của họ với người vừa mới được tạm thời cứu chữa khỏi quỷ ám. Đây là sự thật trong lịch sử của họ. Trước khi bị lưu đày, dân Ysraên đã bị ám bởi quỷ thờ lạy hình tượng. Nhưng cuộc lưu đày đã loại bỏ khỏi họ là ma ấy, và kể từ đó, người Do Thái không bế sa vào tội thờ lạy hình tượng nữa. Nhà của họ đã được quét sạch và dọn dẹp lử tử, nhưng họ không chịu cho Chúa Jêsus vào và sở hữu. Do đó, Ngài bảo trước rằng trong ngày hầu đến, là ma ấy sẽ bị bày quí khác dữ hơn mình, và chúng sẽ vào nhà này mà ở. Điều này nói đến hình thức thờ lạy hình tượng kinh khiếp mà dân Do Thái sẽ tiếp nhận trong Thời Kỳ Đại Nạn; họ sẽ công nhận Antichrist là Đức Chúa Trời (Giăng 5:43) và sự hình phạt tới

ấy sẽ kinh khiếp đến nỗi dân tộc này chưa hề chịu đựng trước đó.

Tuy minh họa này chủ yếu nói đến lịch sử dân tộc của Ysraên, nhưng cũng nêu lên tình không đầy đủ của việc chỉ ăn năn suông hay cải cách trong đời sống của cá nhân. Lật sang một trang mới thì không đủ. Đức Chúa Jêsus Christ phải được mời vào tâm lòng và đời sống. Nếu không, đời sống ấy sẽ mở cửa cho những hình thức tội lỗi gian ác mà trước kia người ấy chưa từng buông mình vào.

J. Phước Phúc Non Mari (11:27,28)

Một phụ nữ nọ ở giữa dân chúng đến chúc tôn Chúa Jêsus với những lời lẽ: "Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú!" Câu trả lời của Chúa chúng ta rất quan trọng. Ngài không phủ nhận Mari - tức mẹ Ngài - là người có phước, nhưng Ngài còn tiến xa hơn thế để nói rằng nghe và giữ Lời Đức Chúa Trời còn quan trọng hơn. Nói cách khác, ngay cả Trinh Nữ Mari khi tin nơi Đấng Christ và bước theo Ngài thì bà đã được phước còn hơn là vì bà làm mẹ Ngài. Mối quan hệ ruột thịt không quan trọng bằng mối quan hệ thuộc linh. Chắc điều này đủ để làm nín lặng những người nào muốn tôn Mari lên làm đối tượng để chúc tụng.

K. Dầu Lạ Của Giôna (10:29-32)

11:29 Trong câu 16, có người đã thử Chúa Jêsus, xin Ngài ban một dấu lạ từ trời. Giờ đây, Ngài trả lời yêu cầu đó bằng cách quy lời yêu cầu ấy cho một dòng dõi độc ác. Ngài đang nói; chủ yếu về dòng dõi Do Thái đang sống thời bấy giờ. Dân này được đặc

ăn hưởng hiện diện của Con Đức Chúa Trời. Họ đã nghe những lời phân của Ngài và chứng kiến các phép lạ Ngài. Nhưng họ không thỏa lòng với điều này. Giờ đây họ giả vờ như giả có thể chỉ nhìn thấy một công việc quyền năng siêu nhiên ở trên trời, họ sẽ tin Ngài. Câu trả lời của Chúa là sẽ không ban thêm cho họ một dấu lạ nào nữa ngoại trừ dấu lạ của tiên tri Giôna.

11:30 Ngài đang nói đến chính sự sống lại của Ngài từ kẻ chết. Như Giôna được cứu khỏi biển cả sau khi ở trong bụng cá ba ngày ba đêm thể nào, thì Chúa Jêsus cũng sẽ sống lại từ kẻ chết sau khi đã ở trong mộ ba ngày ba đêm thể ấy. Nói cách khác, phép lạ cuối và kết thúc dứt khoát chức vụ tại thế của Chúa Jêsus sẽ là sự phục sinh của Ngài. **Giôna là dấu lạ cho dân thành Ninive.** Khi đến giảng cho thủ phủ ngoại bang này, ông đã đến với tư cách một người đã sống lại từ kẻ chết - ít nhất cũng theo nghĩa bóng.

11:31,32 Nữ hoàng Nam Phương, là nữ hoàng ngoại bang của xứ Sêba, đã đi rất xa để đến nghe sự khôn ngoan của Salômôn. Bà không hề thấy một phép lạ nào. Nếu bà được đặc ân sống trong thờ của Chúa, bà còn sẵn lòng tiếp nhận Ngài đến dường nào! Do đó, bà sẽ đứng dậy trong ngày phán xét, lên án những con người gian ác vốn có đặc ân chứng kiến những công việc siêu nhiên của Chúa Jêsus thế nhưng lại khước từ Ngài. **Đấng hơn Giôna,** và **Đấng hơn Salômôn** đã bước đi trên diễn đàn lịch

sử nhân loại. Trong khi dân thành Ninive ăn năn khi nghe lời Giôna giảng, dân Ysraên lại không chịu ăn năn trước lời giảng của Đấng còn lớn hơn Giôna.

Lòng vô tín ngày nay nhạo báng câu chuyện Giôna, gán nó cho huyền thoại Hibálai. Chúa Jêsus đã phân về Giôna như một con người thật của lịch sử, cũng như cách Ngài đã phân về Salômôn vậy. Những ai nói họ sẽ tin nếu có thể chứng kiến một phép lạ thì họ đã sai lầm. Đức tin không căn cứ trên những bằng chứng của giác quan nhưng trên Lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nếu một người không chịu tin Lời Đức Chúa Trời, người ấy sẽ không tin cho dù có người sống lại từ kẻ chết đi nữa. Thái độ đòi phải có dấu lạ là thái độ không làm đẹp lòng Chúa. Đó không phải là đức tin nhưng là mắt thấy. Lòng vô tín nói: "Cho tôi thấy thì tôi sẽ tin." Đức Chúa Trời phán: "Hãy tin thì người sẽ thấy."

L. Ấp Dụ Về Đèn Được Thắp Sáng (11:33-36)

11:33 Thoạt tiên, có lẽ chúng ta nghi chẳng có mối liên kết nào giữa những câu này với những câu đi trước. Nhưng khi khảo sát kỹ, chúng ta sẽ thấy mối nối kết hết sức quan trọng. Chúa Jêsus nhắc thính giả của Ngài rằng không ai thắp đèn mà để trong căn hầm chứa hay để dưới thùng. Người ấy đặt nó trên chân đèn để từ đó người ta sẽ thấy ánh sáng và đèn cung cấp ánh sáng cho mọi người bước vào nhà.

Ứng dụng thế này: Đức Chúa Trời là Đấng đã thắp đèn. Trong Thật Vĩ và công tác của Chúa Jêsus, Ngài đã

cung cấp ánh nức rõ của sự soi sáng cho thế gian này. Nếu ai không nhìn thấy sự sáng ấy, **đấy không phải là lỗi của Đức Chúa Trời.** Trong đoạn 8, Chúa Jêsus nói về trách nhiệm của những người đã làm môn đồ Ngài phải truyền bá đạo chứ không được giấu nó. Trong 11:33 ở đây, Ngài đang phơi trần lòng vô tin của những người phê bình đang đi tìm phép lạ như là lòng vô tin gây ra bởi sự tham lam và sự sợ hổ thẹn của họ.

11:34 Lòng vô tin là kết quả từ những động cơ bất khiết của họ. Trong thế giới vật lý, **mắt** chính là thứ đem sự sáng đến cho **toàn thân**. Nếu mắt khỏe mạnh, thì người ấy có thể thấy ánh sáng. Nhưng nếu mắt bị bịt, tức là bị mù, thì sự sáng không thể chiếu vào.

Trong lãnh vực thuộc linh cũng vậy. Nếu một người thật lòng khao khát muốn biết Chúa Jêsus có phải là Đấng Christ của Đức Chúa Trời không, thì Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ điều ấy cho người. Nhưng nếu những động cơ của người ấy không thanh sạch, nếu người muốn bám vào lòng tham của mình, nếu tiếp tục sự những điều người khác sẽ nói, thì người ấy bị mù trước giá trị thật của Cứu Chúa.

11:35 Những người đang nghe Chúa phán ở đây nghĩ họ rất khôn ngoan. Họ cho rằng họ có rất nhiều ánh sáng. Nhưng Chúa Jêsus cảnh cáo họ phải xem xét sự thật là sự **sáng** trong mình họ thật ra là sự **tối tăm**. Sự khôn ngoan và sự ưu việt ngụy tạo của chính họ đã ngăn họ khỏi Ngài.

11:35 Người nào có động cơ thanh sạch, người nào rộng mở trọn cả con

người mình cho Chúa Jêsus, tức Sự Sáng của thế gian, người ấy sẽ tràn đầy sự soi sáng thuộc linh. Đời sống bề trong của người được soi sáng bởi chính Đấng Christ cũng như thân thể người được soi sáng khi ngồi trước ánh sáng trực tiếp của chiếc đèn.

M. Sự Tẩy Rửa Bên Ngoài Và Bên Trong (11:37-41)

11:37-40 Khi Chúa Jêsus nhận lời mời của một người **Pharisi** nọ để đến dùng bữa, người chủ mời Ngài sửng sốt **khi Ngài không rửa ly nước rửa chân.** Chúa Jêsus biết ý tưởng của ông và đã quở trách tới nơi tới chốn vì sự giả hình của thói cầu nệ bề ngoài như thế. Chúa Jêsus nhắc ông nhớ điều thật sự không phải là rửa **sạch bề ngoài chén**, nhưng rửa **bề trong**. Bên ngoài, người Pharisi có vẻ rất công bình, nhưng bề trong họ thật quỉ quyệt và gian ác. Đức Chúa Trời đã dựng nên bề ngoài của con người cũng chính là Đức Chúa Trời đã dựng nên bề trong nữa, và Ngài muốn đời sống bề trong của chúng ta phải thanh sạch. "Đức Giêhôva chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giêhôva nhìn thấy trong lòng." (1.Samuel 16:7).

11:41 Chúa biết chứng người Pharisi này tham lam và ích kỷ biết bao, nên Ngài bảo vị chủ nhà trước hết hãy **lấy những cửa cài** ông có mà **bỏ** thì. Nếu ông có thể vượt qua được thử nghiệm: cơ bản này về lòng yêu thương người khác thì **thật sự mọi điều sẽ sạch** cho ông. H. A. Ironside nhận định:

*Khi tình yêu của Đức Chúa Trời
đầy đầy tâm lòng để mình biết quan*

tâm đến những nhu cầu của người khác, thì chỉ lúc bấy giờ những sự môn giả bề ngoài này mới có chút giá trị thật. Những ai không ngừng cầu góp cho riêng mình với thái độ hoàn toàn thờ ơ trước những người nghèo và từng thiếu quan mình, thì người ấy cung cấp bằng chứng rằng lòng yêu mến Chúa không ở trong người.³⁹

Một tác giả vô danh tóm tắt:

Những điều nghiêm khắc được nói trong các 39-52 cho người Pharisi và thầy dạy luật đã được nói ra tại bên bàn ăn của những người Pharisi (câu 37). Điều mà chúng ta gọi là "ngon miệng" đã thường biến thành vật thay thế cho lòng trung thành và chân lý: chúng ta mỉm cười khi dùng ra phần chấu muối; chúng ta im lặng khi dùng phật lên tiếng. Thà phủ đấm một bữa tiệc còn hơn phủ tán đức tin nơi Đức Chúa Trời.

N. Người Pharisi Bị Quả Trách (11:42-44)

11:42 Người Pharisi là những người cầu nệ bề ngoài. Họ cầu nệ những chi tiết nhỏ nhất của luật pháp lễ nghi, như là dâng phần mười các thứ rau bé tí. Nhưng họ lại không quan tâm những mối quan hệ của họ với Đức Chúa Trời và với con người. Họ hà hiếp người nghèo và không yêu mến Đức Chúa Trời. Chúa không quở vì họ đã dâng phần mười bạc hà và hồi hương cùng mọi thứ rau, nhưng đơn giản là Ngài đang nói rõ họ đứng nên quá sứt sảng trong chi tiết này mà bỏ bê những bốn phần cơ bản của đời sống, như là sự công bình và sự kính mến Đức Chúa Trời. Họ nhấn mạnh những điều phụ thuộc nhưng lại bỏ

qua điều chính yếu. Họ xuất sắc trong những việc mà người khác có thể nhìn thấy, nhưng lại bất cẩn về những điều mà chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể thấy được.

11:43 Họ rất thích tự phô trương, muốn giữ những địa vị nổi bật nhất trong nhà hội, thu hút chú ý nơi phố chợ càng nhiều càng tốt. Bởi vậy họ không những phạm tội phô trương bề ngoài mà còn cả tội kiêu ngạo nữa.

11:44 Cuối cùng, Chúa vi họ với những mã mã loạn (những mã mã không đánh dấu). Dưới Luật Pháp Môise, ai đụng đến một cái mã thì sẽ bị ô uế trong bảy ngày (Dân Số Ký 19:16) cho dù không biết. Người Pharisi bề ngoài có vẻ như là những lãnh đạo tôn giáo nhiệt thành. Nhưng họ lại mang những dấu hiệu cảnh báo dân chúng rằng sẽ bị ô uế nếu đụng vào họ. Họ giống như mã loạn, đẩy đẩy bại hoại và ô uế gây nhiễm trùng người khác bằng chính chủ nghĩa cầu nệ bề ngoài và kiêu ngạo của họ.

B. Các Thầy Dạy Luật Bị Lên Án (11:45-52)

11:45 Các thầy dạy luật là những thầy thông giáo - tức những chuyên gia giải nghĩa và giảng giải luật pháp Môise. Tuy nhiên, kỹ năng của họ chỉ giới hạn vào việc bảo người khác những điều phải làm. Bản thân họ không thực hành. Một thầy dạy luật cảm nhận được về mìa mai trong lời phán của Chúa Jêsus, và nhắc Ngài rằng khi Ngài chỉ trích người Pharisi, thì Ngài cũng sỉ nhục luôn những chuyên gia pháp luật này nữa.

11:46 Chúa nắm ngay cơ hội này để tấn công một số tội của các thầy

dạy luật. Trước hết, họ hà hiếp dân chúng bằng đủ mọi gánh nặng pháp luật nhưng chẳng làm gì để giúp dân chúng mang gánh nặng ấy. Đúng như Kelly nhận định: "Họ nổi tiếng vì coi khinh chính những người mà họ đã rút ra vai vế quan trọng của mình từ đó."⁴⁰ Rất nhiều luật lệ của họ là do con người đặt ra và liên quan đến những vấn đề không chút quan trọng thực tiễn.

11:47,48 Các thầy dạy luật là những tên sát nhân giả hình. Họ giả vờ ngưỡng mộ các tiên tri của Đức Chúa Trời. Họ còn tiến xa đến độ dựng các bia tưởng niệm trên mộ các **đấng tiên tri Cựu Ước**. Chắc chắn điều này có vẻ là bằng chứng cho sự tôn kính sâu xa của họ. Nhưng Chúa Jêsus biết không phải như thế. Tuy bề ngoài tự tách mình khỏi những tổ phụ Do Thái của họ là những người đã giết các đấng tiên tri, trên thực tế họ đang bước theo dấu chân của tổ phụ. Chính lúc xây mộ cho các tiên tri, họ cũng đang âm mưu giết chết Đấng Tiên Tri vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời, là chính Chúa. Và họ sẽ tiếp tục giết các Đấng tiên tri và sứ đồ trung tin của Đức Chúa Trời.

11:49 Đối chiếu câu 49 với Mathiô 23:34, ta sẽ thấy chính Chúa Jêsus là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Ở đây, Ngài trích dẫn sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời đang phán: "**Ta sẽ sai Đấng tiên tri và sứ đồ đến cùng chúng nó.**" Trong Mathiô, Chúa không phán câu này như lời trích từ Cựu Ước hay từ bất kỳ nguồn nào, nhưng chỉ trình bày như là lời tuyên bố của chính Ngài. (Cũng xem 1.Côrinthô 1:30, nơi

đó nói Chúa Jêsus là sự khôn ngoan.) Chúa Jêsus đã hứa Ngài sẽ sai **Đấng tiên tri và sứ đồ** đến với con người của thế hệ Ngài, nhưng những con người thuộc thế hệ của Ngài sẽ giết và bắt bớ họ.

11:50,51 Ngài sẽ đòi nơi đồng đội ấy huyết của mọi phát ngôn nhân Ngài, bắt đầu từ trường hợp được ghi lại đầu tiên trong Cựu Ước, tức trường hợp của **Abên**, cho đến trường hợp chót, tức trường hợp của **Xachari**, người đã bị giết giữa khoảng bàn thờ và đền thờ (11.Sử Ký 24:21). Sử Ký Thứ Nhì là sách cuối cùng trong thư tự các sách Cựu Ước của người Do Thái. Do đó, Chúa Jêsus đã gộp toàn bộ những người tuân đạo khi để cập **Abên** và **Xachari**. Khi phán những lời này, Ngài biết rõ thế hệ đang sống lúc bấy giờ sẽ giết Ngài trên thập tự giá, bởi đó đưa toàn bộ sự bắt bớ người thuộc về Đức Chúa Trời của họ lên đến đỉnh điểm kinh khiếp. Chính vì họ sẽ giết Ngài mà huyết của mọi định kỳ trước đó sẽ đổ trên họ.

11:52 Cuối cùng, Chúa Jêsus lên án thầy dạy luật vì đã đoạt lấy chìa khóa của sự biết, tức là rút Lời Đức Chúa Trời khỏi dân sự. Dầu bề ngoài họ tự xưng trung thành với Kinh Thánh, thế nhưng họ ngoan cố không chịu tiếp nhận Đấng mà Kinh Thánh nói đến. Và họ ngăn cấm người khác đến với Đấng Christ. Bản thân họ không muốn Ngài, và họ cũng không muốn người khác tiếp nhận Ngài nữa.

P. Đáp Ứng Của Những Thầy Thông Giảo Và Người Pharisi (11:53,54)

Các thầy thông giảo và người Pharisi hiển nhiên tức giận vì những

lời buộc tội thẳng thừng của Chúa. Họ bắt đầu ra sức ép Ngài dữ tợn, và càng nỗ lực hơn nữa để gài bẫy những lời phán của Ngài. Bằng mọi cách có thể được, họ tìm cơ gài bẫy Ngài nói ra lời nào đó để họ có thể vịn vào đó kết án tử hình Ngài. Khi làm như vậy, họ chỉ chứng minh Ngài đã hiểu lĩnh cách của họ chính xác biết bao.

VIII. DẠY DỠ VÀ CHỮA LÀNH TRÊN ĐƯỜNG TỚI THÀNH JÉRUSALEM (Chương 12-15)

A. Những cảnh báo và khích lệ (12:1-12)

12:1 Dân chúng nhúm lại kể hàng ngàn người khi Chúa Jêsus lên án những người Pharisi và những thầy dạy luật. Một sự bàn cãi tranh luận thông thường sẽ thu hút đám đông nhưng đám đông này cũng bị thu hút bởi sự can đảm lên án về những người lãnh đạo tôn giáo giả hình này. Mặc dù thái độ không nhân nhượng đối với tội lỗi không phải lúc nào cũng được phổ biến nhưng nó được ưa thích trong lòng của con người như sự công bình. Lê thật luôn tự mình chứng. Xoay sang môn đồ Ngài, Chúa Jêsus cảnh báo, "Hãy giữ mình về men của người Pharisi." Ngài giải thích rằng men là biểu tượng hình ảnh của sự giả hình. Người giả hình là người mang mặt nạ, những gì thấy được bề ngoài hoàn toàn khác biệt với những gì bên trong người ấy. Những người Pharisi có thái độ như những người mẫu mực về đạo đức nhưng họ lại là hạc thây của sự lừa dối.

12:2,3 Ngày họ bị vạch mặt se đến. Tất cả những gì họ giấu sẽ bị lộ ra, và tất cả những gì họ làm nơi tối sẽ bị kéo ra nơi sáng.

Sự đặc thẳng của lẽ thật cũng sẽ chắc chắn xảy ra như sự lộ mặt nạ của kẻ giả hình. Cho đến lúc này sự điệp được công bố bởi các môn đồ vẫn chưa rõ ràng và hạn chế người nghe. Nhưng sau khi Ysarael từ chối Đấng Mêsi và Đức Thánh Linh giảng xuống thì các môn đồ mạnh dạn bước tới trong danh Chúa Jêsus Christ và công bố Tin Lành rộng rãi khắp nơi. Rồi Tin Lành sẽ giảng ra trên mái nhà. Godet nhận xét: "Những ai mà tiếng nói bây giờ không có được người nghe, thì hãy yên lặng chờ đợi, sẽ trở nên nhưng thấy giảng của thế gian."⁴²

12:4,5 Với lời khích lệ và làm ấm lòng "bạn hữu Ia," Chúa Jêsus cảnh báo môn đệ Ngài không nên hổ thẹn về tình bằng hữu vô gia này dưới bất kỳ thủ thách nào. Sự công bố sứ điệp phúc âm trên toàn thế giới sẽ mang đến bất bố và cái chết cho những môn đồ trung tín. Nhưng có một giới hạn về những gì mà những con người như người Pharisi có thể làm cho họ. Sự chết thuộc thế là giới hạn đó. Điều này thì các môn đồ không nên sợ hãi. Đức Chúa Trời sẽ giảng cho những kẻ bất bố họ bằng những sự trừng phạt kinh khủng hơn nhiều, ấy là sự chết đời đời ở địa ngục. Vì thế các môn đồ phải sợ Đức Chúa Trời hơn con người.

12:6,7 Để nhấn mạnh về mối quan tâm gìn giữ của Đức Chúa Trời đối với các môn đồ, Chúa Jêsus nói đến sự chăm sóc của Đức Chúa Cha cho những con chim sẻ. Trong Mattheu 10:29 chúng ta đọc rằng hai con chim sẻ được bán với giá một đồng. Ở đây chúng ta học hỏi được rằng bản năm

con chim sẽ giá hai đồng liến. Nói cách khác một con chim sẽ không tính liến khi mua bốn con. Và ngay cả con chim sẽ lẻ loi không có giá trị kinh tế này cũng không bị Đức Chúa Trời lãng quên. Nếu Đức Chúa Trời quan tâm đến con chim sẽ lẻ loi đó thì Ngài chăm xem nhiều như thể nào đối với những con người luôn đến với Tin Lành của Con Ngài! Ngài đếm lóc trên đầu họ.

12:8 Cứu Chúa phân với các môn đồ rằng ai xưng Ngài ra thì sẽ được Ngài xưng trước mặt thiên sứ của Đức Chúa Trời. Ở đây Ngài đang nói về những con người thật sự tin Ngài. Xưng nhân Ngài ra là tiếp nhận Ngài làm Chủ và Cứu Chúa duy nhất.

12:9 Ai chối bỏ Ngài trước mặt thiên hạ, thì họ sẽ bị chối trước mặt thiên sứ của Đức Chúa Trời. Ở đây sự ám chỉ chính yếu dường như là những người Pha-ri-si, nhưng dường như câu này cũng gồm luôn tất cả những ai chối Đấng Christ và xấu hổ để nhận mặt Ngài. Trong ngày đó, Ngài sẽ phán "Ta chẳng hề biết người."

12:10 Kế đến Cứu Chúa giải thích cho môn đồ về sự khác biệt giữa việc chỉ trích Ngài và việc lộng ngôn phạm đến Thánh Linh. Những ai nói nghịch cùng Con Người thì sẽ được tha nếu họ ăn năn và tin nhận. Nhưng lộng ngôn phạm đến Thánh Linh là một tội lỗi không thể tha thứ. Đây là tội mà người Pharisi đã phạm (Xem Mathiơ 12:22-32). Tội này là gì? Đó là tội quy cho các phép lạ Chúa làm là của ma quỷ. Đó là lộng ngôn phạm đến Thánh Linh vì Chúa Jêsus thi hành: tất cả các

phép lạ Ngài trong quyền năng của Thánh Linh. Vì nói vậy thực tế là nói Thánh Linh của Đức Chúa Trời là tà linh. Không có sự tha thứ cho tội lỗi này trong thời đại này hay trong những thời đại tới.

Người tin Chúa thật sự không thể phạm tội này. Mặc dù một số người bị nói sợ hãi hành hạ rằng họ đã phạm tội đó bởi sự sa ngã. Sa ngã không phải là tội không tha thứ được. Người bị sa ngã có thể phục hồi mối thông công với Chúa. Thực tế cho thấy một con người còn biết ăn khoản ăn lặt là bằng chứng người ấy không phạm tội không thể tha thứ.

Việc khước từ Đấng Christ của người không tin Chúa cũng không phải là tội không tha thứ. Một người có thể bất hải Đấng Cứu Thế nhiều lần, tuy nhiên sau đó người ấy trở lại cùng Chúa và tin nhận Ngài. Dường như, nếu người ấy chết trong sự bất tín, thì người ấy không thể tin nhận Chúa được nữa. Lúc này tội của người ấy trở nên không thể tha thứ. Nhưng tội mà Chúa Jêsus định rõ là không thể tha thứ là tội mà người Pharisi đã phạm khi nói rằng Ngài thi hành phép lạ bằng quyền lực của Beêxêbun, Hoàng tử của các quỷ.

12:11,12 Việc các môn đồ sẽ bị người ta đem ra trước mặt quan án và quan cai trị là chắc chắn xảy ra. Chúa Jêsus dạy họ rằng họ không cần thiết phải luyện tập trước về cách nói nào để bình vực mình hoặc lời nói gì. Đức Thánh Linh sẽ ban cho lời thích hợp nơi môi miệng họ khi cần thiết. Điều này không có ý nói rằng lời tỏ của Chúa không cần dành thời gian cầu

nguyện hay học hỏi trước khi giảng phúc âm hay dạy dỗ lời Đức Chúa Trời. Nó không được dùng như một cái cớ cho sự biếng nhác! Tuy nhiên đó là lời hứa rõ ràng nơi Chúa rằng những ai bị đặt vào chỗ thử thách vì làm chứng cho Đấng Christ thì sẽ được ban cho sự giúp đỡ đặc biệt từ Đức Thánh Linh. Đây là lời hứa chung cho dân sự của Đức Chúa Trời, nếu họ bước đi trong Thánh Linh, thì họ sẽ được ban cho những lời nói thích hợp trong những giây phút khủng hoảng của cuộc đời.

B. Cảnh Báo Với Sự Tham Lam (12:13-21)

12:13 Vào lúc này, có một người bước ra từ giữa dân chúng và xin Chúa giải quyết cuộc tranh cãi giữa anh người và người về việc chia gia tài. Thông thường người ta nói rằng nơi nào có di chúc thì nơi đó có nhiều người thân. Trường hợp này có lẽ giống như vậy. Chúng ta không được biết là người này bị tước đoạt phần của mình hay anh ta tham lam muốn chia phần hơn.

12:14 Chúa Cứu Thế liền nhắc nhở cho anh biết rằng Ngài đến thế gian này không để giải quyết những vấn đề tầm thường vô giá trị nhưng mục đích Ngài đến vì sự cứu rỗi của những con người tội lỗi. Ngài sẽ không bị chệch hướng khỏi sứ mạng trọng đại và vinh hiển để rồi làm công việc chia gia tài nhỏ mọn này. (Hơn nữa Ngài không có quyền hợp pháp để xét xử những vấn đề liên quan đến tài sản. Quyết định của Ngài sẽ không được thừa nhận.)

12:15 Nhưng Chúa đã dùng sự kiện này để cảnh báo những người

nghe Ngài về một trong những điều xấu xa quỷ quái nhất trong lòng của con người, ấy là sự tham lam. Lòng tham muốn vô độ về của cải vật chất là một trong những động lực mạnh mẽ nhất của cuộc sống. Và bởi đó nó đánh mất hoàn toàn mục đích của sự hiện hữu con người. "Vi sự sống của người ta không phải cốt lõi của cái mình dự đặt đầu". Như J. R. Miller chỉ cho thấy:

Đây là một trong những lỗi cơ đồ Chúa chúng ta giương lên mà hầu hết người thời nay dường như không quan tâm. Chờ phần rất nhiều về mỗi ngày kiếm của giàu có; nhưng không mấy ai sợ giàu có. Lòng tham (Bản Việt Ngữ ghi là "hà tiện") trên thực tế không bị xem là tội trong những thời kỳ này. Nếu phạm điều răn thứ sáu hoặc thứ năm, thì họ bị gọi là tên tội phạm và bị xử tử; nhưng có thể phạm điều răn thứ mười mà chỉ mang tiếng là tào bạo thôi. Kinh Thánh nói lòng tham tiền là cội rễ của mọi điều ác; nhưng mọi người nào trích câu này đều nhận mệnh quyết với vào chữ "tham," giải thích rằng không phải là tiền, nhưng chỉ lòng tham tiền mới là cội rễ sai trái quái đến như thế.

Nhìn quanh, người ta sẽ nghĩ sự sống của một người thật sự cốt tủy của cõi đời đời. Con người nghĩ họ trở thành vì dự tưởng ứng tế lệ với việc, họ trở nên giàu có của cõi. Và cũng có vẻ như thế, vì thế gian dành giá con người theo tài khoản ngân hàng của họ. Thế nhưng chưa hề có lỗi lầm nào chết người hơn thế. Một người thật sự thực dành giá bởi chính những phẩm chất người ấy có.

*chứ không bởi những của cải người ấy có.*⁴²

12:16-18 Ví dụ về một người giàu có mà ngu dại mình họa thực tế rằng của cải *không phải* là điều chỉnh yếu trong cuộc sống. Bởi vì vụ trúng mùa thật đặc biệt, người nông dân giàu có đã phải đối đầu với điều có vẻ như một nạn để làm anh ta lo lắng. Anh ta không biết phải làm gì với tất cả lúa thóc mình. Tất cả các kho thóc đều không còn chỗ chứa. Anh động não. Rồi anh giải quyết được nạn đói mình. Anh quyết định **phá cả kho làng và cất cái khác lớn hơn**. Đáng lẽ ra anh có thể tiết kiệm tiền bạc và không phải bận tâm về việc xây cất nếu anh ta thấy được thế giới nghèo túng và dùng gia tài mình để làm thỏa mãn sự đói khát cả thuộc linh lẫn thuộc thế. Ambrose nói rằng: "Bộ ngực của người nghèo, nhà cửa của người góa bụa, môi miệng của con trẻ là những kho thóc còn mãi đến đời đời."

12:19 Khi kho thóc mới của mình được xây cất xong, người nông dân định nghỉ ngơi. Hãy lưu ý đến linh hồn không cần đến ai của anh ta: Kho thóc của tôi, bông trái của tôi, hàng hóa của tôi, linh hồn của tôi. Anh đã hoạch định hết cho tương lai mình. Anh sẽ nghỉ, **ăn uống và vui vẻ**.

12:20,21 "Nhưng khi anh bắt đầu nghĩ về thời gian là của riêng mình, anh đối diện với Đức Chúa Trời về sự hư mất đời đời của mình." **Đức Chúa Trời phán cũng người rằng chính đêm nay anh ta sẽ chết**. Anh sẽ mất quyền làm chủ cả gia tài vật chất của mình. Nó sẽ rơi vào tay của người khác. Một

người đã định nghĩa người khờ dại là người mà những hoạch định của người đó kết thúc nơi mồ mả. Người đàn ông này chắc chắn là người khờ dại.

"**Vậy những của cải người sắm sẵn sẽ thuộc về ai?**" Đức Chúa Trời hỏi. Chúng ta có lẽ nên tự hỏi: "Nếu ngày hôm nay Đấng Christ đến thì tất cả gia tài của cải tôi thuộc về ai?" Thà hôm nay chúng ta sử dụng nó cho Chúa hơn là chúng ta để nó rơi vào tay của ma quỷ ngày mai! Chúng ta có thể **thâu trữ của cải** cho thiên đàng và **bầy giàu có nơi Đức Chúa Trời**. Hay chúng ta phi phạm nó cho xác thịt mình, và từ xác thịt mình gạt lấy sự hủy hoại.

C. Sự Lo Lắng Nghịch Công Đức Tin (12:22-34)

12:22,23 Một trong những nguy hiểm lớn nhất trong đời sống Cơ đốc đó là việc tìm kiếm lương thực quần áo trở nên mục tiêu hàng đầu của sự biện hữu chúng ta. Chúng ta trở nên quá bận rộn trong việc kiếm tiền và thế là công việc của Chúa bị vứt bỏ ở chỗ thứ hai. Sự nhấn mạnh của Tân ước đó là động cơ cho Đấng Christ phải đặt lên hàng đầu trong đời sống chúng ta. **Đói ăn và đói mặc phải là phần phụ**. Chúng ta phải làm việc chăm chỉ để chu cấp những nhu cầu cần thiết của chúng ta trong hiện tại, rồi tin cậy Đức Chúa Trời cho tương lai khi chúng ta dần dần hầu việc Ngài. Đây là một đời sống đức tin.

Khi Chúa Jesus dạy rằng chúng ta **không nên lo về đồ ăn, đồ mặc** thì Ngài không hề có ý rằng chúng ta chỉ

ngồi không và chờ cho người ta cung cấp những thứ ấy. Cơ Đốc giáo *không* khuyến khích sự biếng nhác! Nhưng Ngài có ý dạy chúng ta rằng trong quá trình kiếm tiền cho những nhu cầu của đời sống hằng ngày, chúng ta không để cho những thứ đó trở nên quá quan trọng. Hơn nữa, còn có một điều quan trọng hơn trong cuộc sống hơn những thứ chúng ta ăn và thứ chúng ta mặc. Chúng ta là những đại sứ của Vua và những thứ được coi là bề ngoài và an nhàn tiện nghi của cá nhân phải là thứ yếu đối với một nhiệm vụ vinh quang là làm cho mọi người biết đến Ngài.

12:24 Chúa Jêsus dùng con quạ làm thí dụ về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời trên tạo vật của Ngài. Nó không dành cuộc đời mình để lũng xục thức ăn hay để chu cấp cho những nhu cầu trong tương lai. Nó sống phụ thuộc vào Đức Chúa Trời hàng giờ. Sự kiện **không gieo cũng không gặt** đúng nên được suy ra để dạy rằng con người cần tránh làm những công việc trần tục. Tất cả ý nghĩa ở đây là Đức Chúa Trời biết được nhu cầu của chúng ta và Ngài sẽ chu cấp cho chúng ta nếu chúng ta bước đi trong đường lối Ngài. Nếu **Đức Chúa Trời nuôi những con quạ** thì Ngài cũng nuôi những con người. Ngài tạo nên nhiều hơn thế nữa, nhưng con người Ngài cứu bởi hồng ân Ngài, những con người Ngài kêu gọi làm tôi tớ Ngài. Qua không có hăm dọa hay kho lường chi nhưng Đức Chúa Trời nuôi chúng mỗi một ngày. Thế thì tại sao chúng ta dành cả đời mình để cất kho vừa lớn hơn?

12:25,26 Chúa Jêsus hỏi: "**Có ai trong các người lo lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khắc không?**" Điều này tỏ cho thấy sự rõ đại khi lo lắng về những điều (như là tương lai) mà chúng ta không thể kiểm soát được. Chẳng một ai **lo lắng mà làm cho mình cao hơn hay sống lâu hơn**. (Sự điển tả "đời mình" cũng có thể được dịch thành "chiều dài của cuộc sống.") Nếu như vậy thì tại sao chúng ta lo lắng cho tương lai? Nói đúng hơn chúng ta nên sử dụng tất cả sức lực và thời gian mình hầu việc Đấng Christ và hãy giao phó tương lai chúng ta cho Ngài.

12:27,28 Kế đến, hoa huệ được đưa ra để chỉ ra sự khờ dại trong việc dùng những tài sản tốt nhất của mình để đổi lấy quần áo. Hoa huệ chỉ là một loài hoa cỏ dại. Nó **chẳng tầm khờ nhọc, cũng không kéo chỉ**, song nó có một vẻ đẹp tự nhiên mà vua Salômôn **sang trọng** đến đâu cũng không thể so sánh. Nếu Đức Chúa Trời ban cho sắc đẹp một cách dư dật trên loài hoa là loài này nở mai bỏ vào lò như thế, vậy thì Ngài lại sẽ không như làm đến những nhu cầu của con cái Ngài sao? Chúng ta tự mình chứng minh là kẻ ít đức tin khi chúng ta lo lắng khổ chịu vật và trong việc đấu tranh không ngừng hầu để sở hữu vật chất ngày càng nhiều hơn. Chúng ta lãng phí cuộc đời mình để làm những việc đáng lẽ ra Đức Chúa Trời làm cho chúng ta nếu chúng ta biết tận hiến thời giờ và tài năng mình nhiều hơn nữa cho Ngài.

12:29-31 Thật ra nhu cầu hàng ngày của chúng ta thì rất nhỏ. Cách

chúng ta sống giản dị thì thật là tuyệt vời. Vậy thì tại sao chúng ta lại để đồ ăn đồ mặc chiếm một nơi quan trọng trong cuộc đời chúng ta? Và tại sao chúng ta xao xuyên, lo lắng về tương lai? Đây là cách sống của người chưa được cứu. Các dân ngoại ở thế gian chưa nhận biết Đức Chúa Trời là Cha nên chỉ biết lo đồ ăn đồ mặc và vui thú. Những điều này tạo thành chính trung tâm và chủ vi của sự hiện hữu họ. Nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định để con cái Ngài dành thời gian tìm kiếm những tiện nghi đời này. Ngài có công việc cần phải làm trên đất và Ngài đã hứa chăm xem những ai hết lòng dâng chính mình họ cho Ngài. Nếu chúng ta tìm kiếm nước Đức Chúa Trời, Ngài sẽ không bao giờ để chúng ta trần trướng đời khác. Thật buồn thay khi đến cuối cuộc đời chúng ta nhận thấy rằng hầu hết thời giờ của chúng ta lao khổ để làm nó lệ cho những gì đã được bao gồm trong chiếc vé về nhà của chúng ta trên thiên đàng!

12:32 Các môn đồ lập thành một bầy chiên nhỏ không khả năng phòng thủ, được sai đi vào một thế giới không thân thiện. Quả thật họ chẳng có một phương tiện hỗ trợ hay phòng thủ hữu hình nào. Tuy nhiên, một nhóm người nhỏ bé quần áo bẩn thỉu này được định để thừa hưởng nước thiên đàng cùng với Đấng Christ. Rồi một ngày họ sẽ cai trị cùng với Ngài trên đất. Để bày tỏ điều đó, Chúa khích lệ họ đứng sợ chi, bởi vì nếu Cha đã dành sẵn những vinh dự cao quý như thế cho họ thì họ chẳng cần lo lắng trên bước đường mình.

12:33,34 Thay vì tích trữ của cải vật chất và hoạch định thời gian, họ có thể dùng của cải cho công việc Chúa. Theo cách này họ đầu tư cho thiên đàng và cho đời đời. Sự tàn phá của thời gian không ảnh hưởng đến thời gian của họ. Gla tài trên nước thiên đàng được hoàn toàn bảo đảm khỏi tay của kẻ trộm và sự hư hại. Điều phiền hà với sự giàu có vật chất đó là thông thường hạn không thể có nó mà không tin cậy nó. Đó là lý do tại sao Chúa Jesus phán, "vì của bầu các ngươi ở đâu, thì lòng cũng ở đó." Nếu chúng ta gửi tiền chúng ta đi trước, thì chúng ta sẽ từ bỏ nỗi đam mê mình khỏi những sự hư nát của thế gian này.

B. Vì Đạp Về Người Bấy Tò Tinh Thúc (12:35-40)

12:35 Các môn đồ Chúa không chỉ tin cậy Chúa cho những nhu cần của họ mà còn luôn sống chờ đợi sự trở lại của Ngài. Lưng của họ phải thẳng lại và đèn của họ phải thấp lên. Ở phương đông, người ta thường thắt lưng để kéo cao chiếc áo dài của mình khi họ đi nhanh bước hoặc chạy. Hình ảnh thắt lưng nói lên một sự mệnh phải được hoàn thành và đèn thấp sáng ngụ ý về lời chứng phải được xác nhận.

12:36 Môn đồ phải sống từng giây phút trông đợi sự trở lại của Chúa như thể Ngài là một người ở tiệc cưới về. Kelly giải thích:

Họ phải từ bỏ khỏi những gánh nặng đời này hẳn cho giây phút Chúa trở về, giống như câu chuyện, họ mở cửa tiệc thi cho Ngươi - không bởi rồi hoặc không còn phải chuẩn

bị. Lòng họ trông đợi Ngài, Chúa của họ. Đấng họ yêu mến và chờ đợi. Ngài gõ cửa thì họ mở ngay tức thì.⁴³

Chi tiết về câu chuyện một người trở về từ **liệc cưới** không được nhấn mạnh như một tương lai tiên đoán trước mà người ta quan tâm. Chúng ta không xem tiệc cưới ở đây như là Tiệc Cưới Chiên Con hay sự trở lại của người chết vào thời điểm cất lên...? Câu chuyện Chúa kể hầu để dạy một lẽ thật đơn giản, ấy là sự tỉnh thức về sự trở lại của Ngài. Nó không có ý định để báo trước thù tặc các sự kiện về sự trở lại của Chúa.

12:37 Khi người đàn ông từ tiệc cưới trở về, thấy những đầy tớ đang **lức canh** và đang chờ đợi lệnh của ông. Ông rất hài lòng với thái độ thức canh của họ nên ông sẽ thất lương mình, cho đầy tớ ngồi bàn mình và đến hầu việc họ. Điều này có một ẩn ý thật đặc biệt rằng Đấng đến thế gian trong hình hài của một đầy tớ bằng lòng hạ mình hầu việc dân sự mình sẽ còn tiếp tục hầu việc họ ở nhà trên trời. Một học giả Kinh Thánh tin kính Chúa người Đức đánh giá câu 37 này như một lời hứa vĩ đại nhất trong toàn bộ Lời của Đức Chúa Trời.

12:38 Canh hai là từ chín giờ tối cho tới nửa đêm. Canh ba là từ nửa đêm tới ba giờ sáng. Dù cho bất cứ canh nào đi nữa khi Chủ trở về, **những đầy tớ** đang chờ đợi ông.

12:39,40 Chúa thay đổi hình ảnh qua việc ám chỉ đến một chủ nhà mà nhà ông bị **đào ngạch** trong lúc không người canh giữ. **Kẻ trộm** đến vào lúc người ta không ngờ. Nếu **chủ nhà** hay

kẻ trộm đến giờ nào, thì sẽ tỉnh thức, **chẳng** để cho nó **đào ngạch nhà** đâu. Bài học là thời điểm Đấng Christ đến: thì không rõ ràng; chẳng một ai biết được ngày giờ Chúa hiện ra. Khi Ngài đến, những tín hữu chất chứa của cải mình trên đất sẽ thất hết, như một người đã nói: "Cơ Đốc nhân một là rời bỏ của cải mình hay là bám theo nó." Nếu chúng ta thật sự tỉnh thức trong việc trở lại của Đấng Christ thì chúng ta sẽ bán hết tất cả những gì chúng ta có và tích trữ của cải trên thiên đàng nơi mà kẻ trộm không lấy được.

E. Những Bầy Tò Trung Tín Và Không Trung Tín (12:41-48)

12:41,42 Ở điểm này, Phêrô hỏi Chúa rằng ví dụ về sự tỉnh thức chỉ dành cho các môn đệ hay cho mọi người. Lời giải đáp của Chúa là nó dành cho tất cả những ai xưng mình là người quản gia của Đức Chúa Trời. Người quản gia **ngay thật khôn ngoan** là người được giao cai quản nhà cửa của Chủ và là người phát lương phạt cho người nhà chủ. Ở đây trọng trách chính của người quản gia là quan tâm đến dân sự chứ không phải đến vật chất. Điều này phù hợp với toàn bộ bởi cánh, cánh báo môn đồ về chủ nghĩa vật chất và sự tham lam. Con người mới quan trọng chứ không phải vật chất.

12:43,44 Khi Chúa về và thấy rằng đầy tớ mình thật sự quan tâm đến lợi ích thuộc linh của con người thì Ngài sẽ thưởng cách hào phóng. Phán thưởng này chắc là sự cai trị cùng với Đấng Christ trong suốt Một Nghàn Năm (LPhí 5:1-4).

12:45 Người **đầy tớ** cho là mình đang hầu việc Đấng Christ nhưng thật ra là kẻ **bất trung**. Thay vì nuôi dân sự Đức Chúa Trời thì anh ta lại ngược đãi, cướp bóc họ và sống buông thả. (Điều này có thể ám chỉ đến người Pharisi).

12:46 Sự trở lại của Chúa sẽ vạch trần tính chất không thực của hắn và hắn ta sẽ bị trừng phạt với kẻ **bất trung**. Cụm từ "**xé da nó**" cũng có thể được dịch là "đánh hắn dữ dội bằng roi".

12:47,48 Câu 47 và 48 trình bày một nguyên tắc cơ bản về tất cả sự hầu việc. Nguyên tắc đó là đặc ân càng lớn chừng nào thì trách nhiệm càng nặng chừng ấy. Đối với người tin Chúa, nó có nghĩa là có nhiều mức thưởng khác nhau trên thiên đàng. Đối với kẻ không tin Chúa, nó có nghĩa là có nhiều mức phạt khác nhau dưới địa ngục. Những ai đã nhận biết **ý muốn** của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Kinh Thánh phải chịu trách nhiệm lớn lao trong việc vâng phục theo. Được **ban cho nhiều** thì sẽ bị **đòi lại nhiều**. Những ai đã không được ban đặc ân cũng sẽ bị trừng phạt vì hành động xấu của họ, nhưng sự trừng phạt sẽ ít nghiêm trọng hơn.

F. Ảnh Hưởng Sự Tái Lâm Lần Thứ Nhất Của Đấng Christ (12:49-53)

12:49 Chúa Jesus biết rằng sự đến của Ngài **trên đất** sẽ không đem đến sự bình an ngay từ ban đầu. Trước hết nó phải gây ra chia rẽ, bất hòa, bất bõ và đổ máu. Ngài không đến với một mục đích định sẵn là **quảng lửa xuống đời**, nhưng đó là kết quả hoặc ảnh hưởng bởi sự đến của Ngài. Mặc dù

trong lúc Ngài thi hành chức vụ trên đất vẫn có hoạn nạn và chia rẽ bùng nổ ra nhưng chỉ đến khi hình ảnh thập tự giá hiện ra thì lòng người ta mới thật sự phơi bày. Chúa biết tất cả điều này phải xảy ra và Ngài sẵn lòng để lửa bắt bõ bùng phát nghịch cùng Ngài khi cần thiết.

12:50 Ngài có một **phép báptem** mà Ngài **phải chịu**. Điều đó nói đến một **phép báptem** được hoàn thành trên đồi Gôgôtha. Ngài bị thôi thúc khủng khiếp đến với cây thập tự để hoàn thành sự cứu rỗi nhân loại tư mắt này. Nỗi tủi nhục, đau đớn và sự chết là **ý muốn** của Đức Chúa Cha dành cho Ngài. Và Ngài nóng lòng làm theo.

12:51-53 Ngài biết rất rõ là sự đến của Ngài không ban **bình an cho thế gian** vào lúc này. Vì thế Ngài cảnh báo các môn đồ rằng khi con người đến với Ngài thì gia đình họ sẽ **bất bõ** và **từ bỏ**. Khi Tin Lành bắt đầu đến trong một gia đình trung bình có năm người, gia đình đó sẽ bị phân ly. Một biểu hiện lạ lùng về bản chất hư hoại của con người, đó là thường những người thân không tin Chúa thà thấy con họ say sưa và ăn chơi phóng đảng hơn là công bố mình làm môn đồ của Đấng Christ! Phần đoạn này không ủng hộ giả thuyết cho rằng Chúa đến hiệp một cả nhân loại (người tin và không tin Chúa) lại thành một "Tinh huỳnh đệ toàn cầu". Nói đúng hơn, Ngài chia rẽ họ nhiều hơn cả trước đây nữa!

G. Những Dấu Hiện Về Các Thái Kỳ (12:54-59)

12:54,55 Những câu Kinh Thánh trước được dạy cho các môn đồ Ngài.

Giờ thì Cứu Chúa quay sang đoàn dân. Ngài nhắc nhở về năng khiếu dự báo thời tiết của họ. Họ biết rằng khi họ thấy đám mây từ phương tây (trên Địa Trung Hải) thì họ biết sẽ có mưa. Nói cách khác, gió nam sẽ mang đến nóng cháy và hạn hán. Con người thông minh nhận biết điều đó. Nhưng có sự thông minh hơn. Đó là có ý muốn để nhận biết.

12:56 Vấn đề tâm linh lại là chuyện khác. Mặc dù họ có sự thông minh bình thường của con người thì họ cũng không nhận ra thời khắc quan trọng đã bước vào lịch sử nhân loại. Con của Đức Chúa Trời đã đến thế gian và đang ở giữa họ. Thiên đàng chưa bao giờ đến gần họ như thế. Nhưng họ không biết thời khắc của sự thâm viếng này. Họ có khả năng trí thức để nhận biết nhưng lại không có ý muốn nhận biết và thế nên họ đã trở nên tự dối mình.

12:57-59 Nếu họ nhận biết được tầm quan trọng trong những ngày họ đang sống thì chắc có lẽ họ mau chóng mà làm hòa với kẻ kiêu mình. Tại đây bốn từ ngữ mang tính luật pháp được dùng đến: kẻ kiêu, quan tòa, quan án, thấy đối. Và những từ ngữ này có ý nói đến Đức Chúa Trời. Lúc bấy giờ Đức Chúa Trời đang đi ra đi vào giữa vòng bạn họ, bạn xin và bạn cho họ cơ hội làm hòa. Họ phải nên ân oán và đặt đức tin nơi Ngài. Nếu họ không tin thì họ sẽ đứng trước mặt Đức Chúa Trời là quan tòa họ. Và mọi việc sẽ nghịch cùng họ. Tại họ sẽ bị vạch ra và họ sẽ bị kết tội, không tin. Họ sẽ bị bỏ tù, là hình phạt đui đoi. Họ sẽ không được tha cho đến khi

họ trả không còn thiếu một đồng liên. Có nghĩa là sẽ không bao giờ được ra khỏi tù vì họ không thể nào trả một khoản nợ kinh khủng như thế.

Vì vậy, Chúa Jesus dạy họ phải nhận biết rõ thời khắc họ đang sống. Và họ phải có được sự công nghĩa của Đức Chúa Trời bởi việc ăn năn tội lỗi họ đã phạm cùng Ngài và trong sự đau phục Ngài hoàn toàn.

B. Tầm Quan Trọng Của Sự Ăn Năn (13:1-5)

13:1-3 Chương 12 khép lại bởi sự thất bại của đất nước Do Thái trong việc nhận rõ thời khắc họ đang sống, và nói về sự cảnh báo của Chúa ăn năn, ngay hoặc chịu hư mất đời đời. Chương 13 vẫn tiếp tục với đề tài chung này, phần lớn chỉ về nước Ysraen mặc dù những nguyên tắc áp dụng cho từng cá nhân con người. Hai tai họa trong nước lập nền tảng cho cuộc đàm luận này. Tai họa thứ nhất là việc thăm sát mấy người Galilê đến thành Giêrusalem để thờ phượng. Philat, quan tổng đốc xứ Giuđê, đã ra lệnh giết họ khi họ đương dâng của lễ. Không ai biết chi tiết nào khác nữa về sự tàn ác này. Chúng ta cho rằng những nạn nhân này là người Do Thái sinh sống tại xứ Galilê. Người Do Thái tại thành Giêrusalem có thể bị ảnh hưởng rằng những người Galilê này đã phạm tội trong và cái chết của họ là bằng chứng về sự ghét bỏ của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Chúa Jesus khiến trách tư tưởng này khi Ngài cảnh báo người Do Thái rằng nếu họ không ăn năn, kết thúc họ sẽ bị hư mất như vậy.

13:4.5 Tham kịch khác được nói đến là sự sụp đổ tháp Siđê làm cho

mười làm người phải chết. Ngoài sự gh: nhận ở đây thì không còn chi tiết nao được người ta biết đến. May là chúng ta không cần thiết phải biết thêm nhiều hơn. Điểm mà Chúa nhấn mạnh ở đây là thảm họa này không được giải nghĩa như là một sự phân xét đặc biệt cho sự gian ác. Đúng hơn, nó phải xem như một lời cảnh báo cho dân nước Ysraên rằng nếu họ không ăn năn thì sự sụp đổ tương tự sẽ đến với họ. Sự diệt vong này đã xảy ra vào năm 70 sau Công Nguyên khi Giút xâm chiếm Giêrusalem.

I. Ẩn Dụ Cây Và Không Trái (13:6-9)

Đề liên hệ gắn gii với phần trên, Chúa Jêsus kể một ẩn dụ về cây vả. Không khó khăn mấy để nhận biết cây vả là dân Ysraên, được trồng trong vườn nho của Đức Chúa Trời, đó là thế gian này. Đức Chúa Trời tìm kiếm trái trên cây nhưng Ngài không tìm thấy. Vì vậy Ngài phán cũng kể trồng nho (Chúa Jêsus) rằng Ngài đã chờ công tìm trái trên cây đã ba năm nay. Sự giải nghĩa giản dị nhất về ẩn dụ này đó là ba năm đầu tiên trong chức vụ Chúa chúng ta. Ý tưởng của phần đoạn này là cây vả đã được ban cho thời gian để kết trái nếu nó muốn kết trái. Trong ba năm mà không có trái xuất hiện thì cũng thật có lý để kết luận rằng nó sẽ không bao giờ có trái. Vì nó không trái. Đức Chúa Trời đã cho nó đôn nó để. Nó chỉ chọn đặc được dùng để sản xuất. Người trồng các cây thường chăm cho cây và xin cho nó thời gian một năm nữa. Nếu hết thời gian đó, nó vẫn không có trái thì người sẽ đốn nó đi. Đó là những gì xảy

ra vào năm: thứ tư sau khi Ysraên đã chối bỏ và đóng đinh Chúa Jêsus. Hậu quả, thành phố bị hủy diệt và dân chúng tán lạc.

G. H. Lang diễn tả điều này như sau:

*Cây Vả Chúa Trời ban cho, tâm trí của Chúa Ngài. Cây vắn đão, và mang lệnh kình sự "đốn nó đi" đi đũa ban ra Ysraên mọi lần nữa lại làm con kết sự kình nhàn thườn. Một quả giả hư một con người và không có lý do nào đi cho những sự chầu sóc của Đức Chúa Trời nếu không mang trái quả công bình trong sự vắn hạn và ngắn khèn Đức Chúa Trời. Con người hiện hữu làm làm vắn đĩnh ra đẹp lòng Đức Chúa Trời. Khi người không mang trái mà chỉ sống bình mọi thụ tạo vắn đĩnh ra không nhàn ban ơn sự chết theo sự thất bại từ bỏ mệnh và sẽ bị đốn ra khỏi chỗ đĩnh của."*²⁴

J. Chúa Lành Người Ban Ba Công Lũng (13:10-17)

13:10-13 Thái độ nhạt của dân Ysraên đối với Chúa Jêsus được thấy trong người cai nhà hỏi. Người này phản đối CỨ Chúa để chữa lành người đàn ba trong ngày Sabbat. Người đàn bà bị bệnh công xương sống rất nặng mười tám năm. Lưng bà hoàn toàn bị biến dạng nên bà không thể đứng thẳng được. Ngay cả khi không được cầu xin. Đức Chúa Jêsus đã phán lên Chúa lành bên đặt tay trên mình người làm thẳng lưng bà.

13:14 Bảy giờ người cai nhà hỏi lực lượng mà nói với mọi người rằng họ nên đến để chữa lành trong sáu ngày xửa chơ không phải vào ngày thứ bảy

này. Ông là một người theo tôn giáo chuyên nghiệp mà chẳng hề có sự quan tâm sâu sắc đến những nạn đói của dân chúng. Nhưng nếu như họ đến trong sáu ngày kia thì ông ta cũng chẳng hề giúp họ. Ông là người khắc khe về những điểm mang tính chuyên môn của luật pháp nhưng lại không có tình yêu hay lòng thương xót. Nếu ông bị công luận trong mười tám năm hẳn là ông cũng chẳng thêm để ý mình được chữa lành vào ngày nào!

13:15,16 Chúa quở trách sự giả hình của ông cũng như của những người lãnh đạo khác. Ngài nhắc cho họ nhớ rằng họ đã không chần chừ khi mổ bò hoặc lừa mình ra khỏi máng cỏ, dắt đi uống nước trong ngày Sabát. Nếu họ quan tâm tới những con vật trong ngày Sabát như thế thì việc Chúa thực thi hành động chữa lành cho người đàn bà là một con gái của Ápraham thì có gì sai? Sự mô tả "con gái của Ápraham" cho thấy rằng bà không chỉ là người Do thái nhưng còn là một người tin cậy Chúa thật sự, người đàn bà của đức tin. Bệnh công luận bị Satan gây ra. Chúng ta cùng biết từ một vài phần của Kinh Thánh rằng một vài bệnh tật là kết quả hoạt động của ma quỷ. Những ung nhọt của Gióp đã bị Satan giáng cho ông. Cây gai của Phaolô là điều mà Satan gây khó khăn cho ông tuy nhiên nếu không được sự cho phép của Chúa thì ma quỷ không hề làm được điều này cho người tin Chúa. Đức Chúa Trời cai trị trên nhưng bệnh tật hay khổ nạn như thế vì sự vinh hiển Ngài.

13:17 Bởi lời Ngài, Chúa đã làm cho những kẻ chỉ trích Ngài đều hể

hẹn. Cả dân chúng vui mừng bởi vì phép lạ vinh hiển được thực hiện và họ biết điều đó.

N. Ấn Độ Về Nước Trời (13:18-21)

13:18,19 Sau khi thấy phép lạ chữa lành kỳ diệu này có lẽ dân chúng bị cảm động nghĩ rằng nước Đức Chúa Trời sẽ được lập ngay. Chúa Jêsus làm cho tâm trí họ tỉnh ngộ qua hai ẩn dụ về Nước Đức Chúa Trời được mô tả rằng nó sẽ hiện hữu giữa thời điểm Vua bị khước từ và sự trở lại cai trị đất này của Ngài. Hai ẩn dụ này cho thấy hình ảnh tăng trưởng của những người theo Chúa gồm những người chỉ tuyên xưng mà thôi cũng như những người thật sự tin Chúa (xem chú thích 8:1-3).

Trước hết Ngài ví Nước Đức Chúa Trời giống như một hạt cải, là hạt giống nhỏ nhất, khi gieo xuống đất nó sẽ mọc lên một bụi nhỏ chứ không phải một cây to. Vì vậy, khi Chúa Jêsus phán rằng hạt giống này sẽ mọc lên cây cối, Ngài muốn nói rằng sự tăng trưởng này là hoàn toàn bất thường. Nó lớn đến nỗi chìm trời làm ổ trên nhành. Ý tưởng ở đây là Cơ Đốc giáo có một sự khởi đầu khiêm nhường nhỏ như hạt cải. Nhưng nó sẽ lớn lên, trở nên phổ biến và như chúng ta biết ngày nay Cơ Đốc giáo đã phát triển. Cơ Đốc giáo bao gồm những con người tuyên xưng lòng trung tín mình đối với Chúa cho dù họ có được tái sinh hay không tái sinh. Chìm trời là những con kèn kèn hoặc chim săn mồi. Nó là biểu tượng của sự xấu xa và là hình ảnh cho thấy Cơ Đốc giáo đã trở nên chốn yên nghỉ cho những hình thức băng hoại khác nhau.

13:20,21 Ấn dụ thứ hai vì **Nước Đức Chúa Trời** giống như men, người dân bà kia lấy trộn vào ba đấu bột. Chúng ta tin rằng men trong Kinh Thánh luôn là biểu tượng của sự xấu xa. Tại đây ý tưởng rằng tín lý xấu xa đã đưa vào trong thức ăn nguyên chất của dân sự Chúa. Tín lý xấu xa này không phải không chuyển động, nó có một sức mạnh truyền bá thấm lạng.

1. Cửa Hẹp Vào Nước Trời (13:22-30)

13:22,23 Khi Chúa Jêsus đi bằng đờ thành Giêrusalem, có một người từ đám đông bước ra hỏi Ngài có phải chỉ ít kẻ được cứu chăng? Có lẽ đây là câu hỏi vu vơ kích động bởi sự tò mò.

13:24 Chúa đáp lại câu hỏi mang tính suy đoán này bằng một mạng lệnh trực tiếp. Ngài phán cùng kẻ lạc lối hãy chắc rằng chính mình sẽ vào cửa hẹp. Khi Chúa Jêsus phán rằng hãy gắng sức vào cửa hẹp, Ngài không có ý dạy rằng sự cứu rỗi đòi hỏi nỗ lực của chúng ta. Cửa hẹp ở đây là sự sanh mới lại – sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin. Chúa Jêsus cảnh báo con người này có chắc rằng anh ta vào cửa đó hay không. "Nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được" một khi cửa đóng lại. Điều này không có nghĩa rằng họ tìm kiếm bước vào cửa đó bằng sự cải tâm nhưng đứng hơn trong ngày của quyền năng và vinh hiển Đấng Christ họ sẽ muốn được vào nước Ngài nhưng sẽ quá trễ. Ngày ân điển mà họ đang sống sẽ phải qua đi.

13:25-27 Khi chủ nhà chờ đợi, đông cửa lại rồi. Đất nước Do thái được mô tả như đang gõ cửa và xin Chúa mở cho. Ngài sẽ từ chối với lý

do là Ngài chẳng hề biết họ. Ở điểm này họ sẽ phản đối vì cho rằng họ đã sống một thời gian thân thiết với Chúa. Nhưng Ngài chẳng cảm động vì họ là những kẻ làm dữ và không được phép vào.

13:28-30 Sự từ chối của Ngài làm cho khóc lóc và nghiến răng. Sự khóc lóc biểu lộ hối hận và nghiến răng nói về sự căm ghét Đức Chúa Trời. Điều này bày tỏ rằng những khổ nạn nơi địa ngục không thay đổi lòng người. Nhưng người Ysraên hoài nghi sẽ thấy Ápraham, Ysác và Giacóp, cùng hết thảy các Đấng Tiên Tri đều ở trong nước Đức Chúa Trời. Họ mong rằng sẽ được ở đó chỉ vì họ liên hệ với Ápraham, Ysác và Giacóp nhưng họ sẽ bị quăng ra ngoài. Người ngoại bang sẽ đến với sự sáng lạng của vương quốc Đấng Christ từ mọi góc ngách trên đất và vui hưởng nhưng phước hạnh tuyệt vời. Vậy nhiều người Do Thái là những người đầu tiên Chúa sắm sẵn ơn phước sẽ bị khước từ trong khi dân ngoại bang bị xem thường như chó sẽ hưởng phước hạnh trong một ngàn năm cai trị của Đấng Christ.

M. Những Tiên Tri Bị Giết Ở Thành Giêrusalem (13:31-35)

13:31 Lúc này, rõ ràng Chúa Jêsus đang ở trong lãnh địa vua Hêrốt. Mấy người Pharisai đến và cảnh báo Ngài phải bỏ chỗ này vì vua Hêrốt muốn giết Ngài. Người Pharisai có vẻ không hoàn toàn phù hợp với tinh chất của họ khi bày tỏ mối quan tâm đến sự bảo vệ và an toàn của Chúa. đương nhiên là họ hợp cùng âm mưu với vua

Hêrôt để làm cho Ngài sợ mà không lên thành Giêrusalem, nơi mà Ngài sẽ được nhận biết cách rõ ràng hơn.

13:32 Chúa chứng ta không run sợ với sự đe dọa bạo hành về thể xác. Ngài nhận biết đó là âm mưu của Hêrôt và phản ứng người Pharisi hãy đi về nó: với **chồn cáo** một thông điệp. Một số người thấy khó khăn ở chỗ Chúa Jesus nói vua Hêrôt là con chồn cái (she-fox - giới tính nữ trung bản gốc). Họ thấy điều này như là một sự xúc phạm khi Thánh Kinh cảnh nói xấu đến nhà cầm quyền dân sự (Xuất Êdípô Ký 22:28). Tuy nhiên, đây không phải là việc nói xấu nhưng đây là sự thật. Ý chính thông điệp của Chúa là Ngài vẫn còn việc phải làm trong một thời gian ngắn nữa. Ngài sẽ **đuổi qui chữa bệnh** trong một vài ngày nữa. Rồi rồi ngày thứ **ba**, đó là ngày cuối cùng Ngài làm trọn công việc Ngài trên đất. Không điều gì có thể ngăn trở Ngài thi hành nhiệm vụ. Không có quyền lực nào trên đất này làm tổn hại Ngài cho đến thời điểm định sẵn.

13:33 Hơn nữa, Ngài không thể bị giết ở xứ Galilê. Đặc quyền này được dành sẵn cho thành Giêrusalem. Đó là một thành có đặc điểm là sai hai lời: từ của Đức Chúa Trời Tối Cao. Giêrusalem độc quyền về sự chết của các sứ giả Đức Chúa Trời. Đó là những gì mà Chúa Jesus có ý muốn nói đến khi Ngài phán rằng: "vì không lẽ có một **đấng tiên tri phải chết ngoài thành Giêrusalem.**"

13:34,35 Khi đã phân biệt thật về thành gác, ác này thì Chúa Jesus quá

xúc động và Ngài khóc thương cho nó. Chính thành này đã **giết các tiên tri, và quăng đá** những sứ giả của Đức Chúa Trời nhưng Ngài lại yêu mến nó. Ngài muốn nhóm họp dân trong thành như **gà mái lúc con và ấp con mình dưới cánh, mà họ chẳng muốn.** Sự khó khăn nằm ở chỗ ý muốn cứng cõi của họ. Hầu quả là thành, đến thời và đất đai của họ sẽ bị **bỏ hoang.** Họ sẽ trải qua một thời gian dài lưu lạc. Thực tế, họ sẽ **không còn thấy** Chúa cho đến khi họ thay đổi thái độ mình đối với Ngài. Câu 35b nói đến sự Tái làm của Đấng Christ. Phần sót lại của quốc gia Ysraên lúc đó sẽ an nạn và sẽ **nói "Phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến!"** Rồi dân sự Ngài sẽ san lòng trong ngày quyền năng Ngài.

N. Chúa Lành Ngồi B; Thủy Thùng (14:1-8)

14:1-3 Một ngày **Sabát**, một người kẻ cả dòng **Pharisi** mời Chúa từ nhà dùng bữa. Đây không phải là một cử chỉ hiếu khách chân tình nhưng đúng hơn đó là một nỗ lực của những nhà lãnh đạo tôn giáo để tìm lỗi của Con Đức Chúa Trời. Chúa Jesus gặp **một người mắc bệnh thủy thùng**, bệnh đau này do việc **tích nước** trong các mô. Cứu Chúa đọc được tâm trí của những kẻ chỉ trích Ngài bằng cách hỏi thẳng họ rằng **theo luật pháp trong ngày Sabát có nên chữa bệnh hay không?**

14:4-6 Thật ra họ rất thích nói là không, nhưng họ không có cơ sở cho câu trả lời này, họ đều **làm thimà.** Vì thế Chúa Jesus chữa lành người bệnh rồi cho về. Đối với Ngài đây là công việc nhân từ và tình yêu thiên thượng

không bao giờ dừng lại ngay trong ngày Sabát (Giăng 5:17). Quay sang người Do Thái, Ngài nhắc nhở họ rằng **đương ngày Sabát** nếu thú vật họ rơi xuống giếng, chắc họ sẽ kéo lên tiến. Làm như thế chính là mối lợi cho họ. Thú vật đáng tiến đối với họ. Trong trường hợp con người chịu khổ này họ chẳng quan tâm tới buộc tội Chúa Jesus giúp người. Mặc dù họ không **đổi đáp gì về điều đó được**, nhưng với sự giải thích của Cứu Chúa, chúng ta có thể biết rằng họ tức giận. Ngài hơn nữa.

Q. Ấn Độ Về Người Khách Nhiều Tham Vọng (14:7-11)

Khi Chúa Jesus vào nhà người Pharisai, có lẽ Ngài thấy những người khách tìm chỗ ngồi trên. Họ tìm vị trí cao được tôn trọng. Thật là Ngài cũng là khách nhưng điều đó không ngăn trở Ngài phát biểu bằng sự chân thật và công bình. Ngài cảnh báo họ về tính thực tế nơi này. **Khi họ được mời dự tiệc**, họ nên ngồi chỗ thấp hơn là chỗ cao trọng. Khi chúng ta tìm chỗ tốt cho chính mình thì luôn luôn có thể có sự **xấu hổ** vì bị hạ xuống. Nếu chúng ta thật sự khiêm nhường trước mặt Đức Chúa Trời thì chỉ có một hướng duy nhất mà chúng ta có thể tiến đó là hướng lên. Chúa Jesus dạy rằng mà chúng ta được mời ngồi chỗ cao trọng hơn là chấp lấy chỗ đó để thì bị mời xuống. Chính Ngài là một tấm gương sống về sự tự bỏ mình đi (Phiép 2:5-8). Ngài hạ mình xuống và Đức Chúa Trời tôn Ngài lên. Bởi Đức Chúa Trời, ai tự nhắc mình lên, sẽ **phải hạ xuống**.

P. Danh Sách Khách Mà Đức Chúa Trời Yêu Mến (14:12-14)

Chắc chắn người cai đồng Pharisai đã mời những người nổi tiếng ở trong vùng đến dùng bữa. Chúa Jesus nhận biết điều này ngay. Ngài thấy những con người nghèo khổ trong cộng đồng không được mời đến. Vì vậy Ngài nhân dịp này dạy dỗ một trong những nguyên tắc cao cả của Cơ Đốc. Đó là chúng ta phải yêu kẻ chẳng đáng yêu và kẻ không thể đến đáp lại chúng ta. Cách thông thường mà con người hành động là mời bạn hữu, anh em, **bà con** và láng giềng giàu có với hy vọng rằng mình được **mời lại**. Đời sống thiên thượng không theo cách đó. Nhưng là sống bày tỏ sự nhân từ với người **nghèo khó**, tàn tật, **quê**, **đui**. Đức Chúa Trời danh sản phần thưởng đặc biệt cho những ai tỏ lòng nhân ái với lớp người đó. Mặc dù những người khách như thế **không thể trả lại** ơn chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời hứa thưởng đền kỹ kẻ **công bình sống lại**. Điều này cũng được biết đến trong Kinh Thánh như là sự sống lại đầu tiên, bao gồm sự sống lại của tất cả những ai tin Chúa thật. Nó xảy ra trong thời kỳ Được Cất Lên và chúng ta cũng tin nó sẽ xảy ra ở ngay sau rốt của Thời Khó Nan. Vậy sự sống lại đầu tiên không phải là một sự kiện đơn lẻ nhưng xảy ra trong nhiều giai đoạn.

Q. Ấn Độ Về Tiệc Yên Lớn (14:15-24)

14:15-18 Một người khách cùng bàn với Chúa nhận thấy rằng thật là tuyệt vời để dự phần vào những im phước của Nước Đức Chúa Trời. Có lẽ

ông ta có ấn tượng về những nguyên tắc đạo đức mà Chúa Giêsu vừa mới dạy. Hay nó chỉ là cách chú ý chung của ông ta mà không có suy nghĩ nhiều. Dù sao đi nữa thì Chúa Giêsu đáp lại điều tuyệt vời này như là được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời, sự thật đáng buồn là những người được mời đến đã có những lý do ngờ ngợ để không nhận lời mời. Ngài mô tả Đức Chúa Trời như có người kia dọn tiệc lớn, mời nhiều người ăn. Khi tiệc dọn xong, người sai đẩy tờ mình bảo tin cho những người khách được mời rằng mọi sự đã sẵn rồi. Điều này nhắc nhở chúng ta về một sự kiện quan trọng là Chúa Giêsu làm trọn công việc cứu rỗi Ngài trên đồi Gôgôtha và lời mời gọi của Tin Lành được rao ra trên công việc làm trọn đó. Một người được mời nhưng viện lý do là anh ta có mua một đàn ruộng, cần phải đi coi. Thống trưởng anh phải nên đi coi trước rồi mới mua ruộng. Nhưng cho dù thế nào đi nữa thì anh cũng đặt tình yêu vật chất lên trên lời mời ăn điển.

14:19,20 Người kế tiếp có mua năm cặp bò, phải đi xem thử. Ngài mô tả những người xem công việc, nghề nghiệp và việc làm an hơn sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Người thứ ba nói rằng anh ta mới cưới vợ, vậy anh đi không được. Mỗi quan hệ gia đình và xã hội đã cản trở những người này tiếp nhận sự mời gọi của Tin Lành.

14:21-23 Khi đẩy tờ trình cho chủ mình rằng mọi người không nhận lời mời, chủ biểu đẩy tờ rằng: Hãy đi mau ra ngoài chợ và các đường phố mời

những kẻ nghèo khó, lười lười, đui, què. Bengel nói rằng: "Cả thiên nhiên và ăn điển đều ghét sự trống vắng". Chắc có lẽ những người đầu tiên được mời là hình ảnh của những người lãnh đạo dân Do Thái. Khi họ từ chối Tin Lành, Đức Chúa Trời đem Tin Lành ra cho dân chúng ngoài chợ và các đường phố của thành Giêrusalem. Nhiều người hưởng ứng lời kêu gọi, nhưng hãy còn thừa chỗ trong nhà chủ. Vì vậy chủ sai người đẩy tờ ra ngoài đường và dọc hàng rào, gặp ai thì ép mời vào. Rõ ràng điều này cho thấy Tin Lành đến với người Ngoại. Họ không phải bị ép bởi sức mạnh của cánh tay (như đã xảy ra trong lịch sử Cơ Đốc), nhưng đúng hơn là bởi sức mạnh của sự tranh luận. Sự thuyết phục đẩy tình yêu thương đã được dùng để mang họ vào cho được đầy nhà chủ.

14:24 Vì vậy, danh sách khách được mời trước đây không còn ai được nữa buổi tiệc đã được dọn, bởi vì họ được mời nhưng không đến dự.

II. GIÁ PHẢI TRẢ CỦA MÓN BỮA THẬT (14:25-35)

14:25 Có đoàn dân đông theo Chúa Giêsu. Hầu hết những người lãnh đạo sẽ cảm thấy hãnh diện bởi sự quan tâm rộng rãi này. Nhưng Chúa không tìm kiếm những con người vì tình hiếu kỳ mà không có mối quan tâm thật trong lòng. Ngài đang tìm kiếm những con người sẵn sàng sống cho Ngài cách nhiệt thành tận hiến và sẵn sàng chết vì Ngài nếu cần thiết. Và lúc này Ngài bắt đầu xem xét, chọn lọc đám đông khi Ngài

lĩnh bày cho họ biết những điều cần yếu để làm môn đồ. Lúc đầu Chúa kéo họ đến với Ngài, sau khi họ đã bắt đầu theo Ngài rồi, Chúa đã *sống lại* họ. Đây là điều đang xảy ra.

14:26 Trước hết Ngài phân cùng những người theo Ngài rằng để trở thành môn đồ thật họ phải yêu Ngài hết mực. Ngài không có ý nói rằng con người phải nên ghét cay ghét đắng cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình. Đùng hơn Ngài đang nhấn mạnh rằng tình yêu đối với Đấng Christ lớn đến nỗi tất cả những tình yêu khác phải bị ghét đi *hơn sự sống* (Mathiơ 10:37). Sự quan tâm về mối quan hệ gia đình không được phép làm trệch hướng đi của môn đồ trong việc vâng phục Chúa hoàn toàn.

Thật ra phần khó khăn nhất của nguyên tắc môn đồ đầu tiên được thấy ở câu "chính sự sống mình nữa." Chúng ta không chỉ thương bà con mình ít hơn nhưng chúng ta cũng phải **ghét** chính sự sống mình nữa! Thay vì sống cho chính mình, chúng ta phải sống đời sống lấy Đấng Christ làm trung tâm. Thay vì hỏi mỗi hành động ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào thì chúng ta phải cẩn thận nhận định nó ảnh hưởng đến Đấng Christ và sự vinh hiển Ngài như thế nào. Mối quan tâm đến những tiện ích và an ninh cá nhân phải đặt dưới một nhiệm vụ vĩ đại là làm vinh hiển Đấng Christ và tôn danh Ngài. Lời Chúa là tuyệt đối. Ngài dạy rằng nếu chúng ta không yêu Ngài hơn hết, yêu hơn gia đình và hơn sự sống của chính chúng ta, thì chúng ta không thể làm môn đồ Ngài. Không có mức độ lưng chừng.

14:27 Thứ hai, Ngài dạy rằng mọi môn đồ thật phải **vác thập tự giá** mình mà theo Ngài. Thập tự không phải sự yếu đuối thể chất và khổ não tinh thần nhưng là con đường sỉ nhục, khổ nạn, cô đơn và ngay cả sự chết mà con người tự nguyện chọn lấy vì cố danh Chúa. Không phải tất cả những người tin Chúa đều **vác thập tự giá**. Chúng ta có thể tránh điều đó khi sống một đời sống Cơ Đốc hữu danh vô thực. Nhưng nếu chúng ta nhất quyết sống hết lòng cho Chúa thì chúng ta sẽ kinh nghiệm những sự chống đối của ma quỷ giống như con Đức Chúa Trời khi Ngài còn trên đất này. *Đây là thập tự giá*. Môn đồ phải **theo sau** Đấng Christ. Điều này có nghĩa là họ phải sống giống như Đấng Christ từng sống khi Ngài còn trên đất - sống một đời sống tự chối bỏ mình, bị sỉ nhục, bắt bớ, cảm đó và nghịch lại với những tội nhân chống Ngài.

14:28-30 Rồi Chúa Jêsus dùng hai minh họa để nhấn mạnh sự cần thiết để tính cái giá phải trả trước khi theo Ngài. Ngài ví đời sống Cơ Đốc như xây một cái tháp và như đánh trận. Một người **muốn xây một cái tháp** thì trước hết phải ngó tình **phi** lốn. Nếu người ấy không có đủ của cái **động** làm xong việc, thì không làm. Nói cách khác khi đã xây nền rồi, không làm xong được, thì mọi người thấy **liền chê cười, và rằng: "Người này khởi công xây, mà không thể làm xong được!"** Với môn đồ cũng vậy. Trước hết họ phải tính cái giá phải trả xem thử họ có thật từ bỏ đời sống mình để hết lòng với Chúa không.

Nếu không thì họ có thể bắt đầu với sự vinh quang lấy lòng để rồi sau đó liên tục thất bại. Như vậy, người ta sẽ nhạo báng họ vì khởi đầu tốt nhưng kết thúc cách nhục nhã. Thế gian này chẳng có gì ngoài sự khinh bỉ những Cơ Đốc nhân tâm hẩm, nửa tòng.

14:31,32 Có vua nào đi đánh trận cùng vua khác có nhiều quân hơn mình mà lại không ngồi bàn luận xem lực lượng nhỏ hơn của mình có đủ sức đánh bại kẻ thù không. Vua phải nhận thức cách đầy đủ, rõ ràng hoặc là giao phó tuyệt đối hoặc là đấu hàng hèn hạ. Và trong đời sống của các môn đồ theo Đấng Christ cũng thế. Không có mức độ lưng chừng.

14:33 Câu 33 có lẽ là một trong những câu ít được biết đến trong toàn bộ Kinh Thánh. Nó nói cách dứt khoát rằng: **"Nếu ai trong các người không bỏ mọi sự mình có, thì không được làm môn đồ ta."** Trong ý nghĩa lời Chúa, chẳng hề có sự lẩn tránh. Lời Ngài không dạy rằng một người phải *sẵn lòng* từ bỏ tất cả, mà *phải* bỏ hết tất cả. Chúng ta phải ngợi khen Chúa vì nhận biết được nhưng gì Ngài dạy đó. Ngài biết rằng công việc này không thể làm cách nào khác được. Ngài muốn mọi người kính trọng Ngài hơn bất kỳ điều gì của thế gian. Ryle nhận định:

Còn người ham điều tốt nhất cho chính mình là từ bỏ tất cả vì Danh Đấng Christ. Anh ta trả một giá rất lớn; anh chỉ cần thập tự giá và nằm trên đất này nhưng lại có được sự sống vĩnh cửu trong thế giới đang xảy đến. Anh ta được gọi tên tối nhất;

anh mang theo sự giàu có mình cất khỏi mồ má. Ở đây, anh ta được giàu có trong vinh hiển và anh sẽ giàu có trong vinh hiển sau này. Còn tôi hơn hết, những gì anh có được bởi đức tin trong Đấng Christ, anh sẽ không bao giờ mất. Đó là "phần tốt sẽ không bao giờ bị cắt đi."⁴⁵

14:34,35 Muối là hình ảnh của môn đồ Chúa. Có một điều gì thật tốt lành và đáng được khen ngợi về một người sống cách hiến dâng và hy sinh cho Chúa. Nhưng rồi chúng ta đọc về **muối bị mất mặn đi**. Muối bây giờ thì không mất mặn được vì nó là muối nguyên chất. Nhưng trong các xứ thời Kinh Thánh thì muối thường được trộn với những tạp chất. Vì vậy có khả năng muối bị hao mòn và phần còn lại trong bình chỉ là cặn bã. Những cặn bã này không dùng được. Nó cũng không được dùng làm phân bón cho đất. Nó phải bị bỏ đi.

Hình ảnh về một môn đồ khởi sự một cách xuất sắc và sau đó trở lại với lối thế nguyện. Môn đồ có một lý do cơ bản để tồn tại; nếu anh ta không làm trọn nó thì anh trở nên một đối tượng bị khinh khi. Chúng ta thấy muối **"người ta phải bỏ nó ra ngoài."** Nó không có nghĩa là *Đức Chúa Trời* bỏ nó ra ngoài vì việc đó sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Nhưng **"người ta phải bỏ nó ra ngoài,"** có nghĩa là họ đạp dưới chân họ, lời chứng mà một người nào đó đã khởi công xây nên nhưng không thể làm thành nó. Kelly ghi nhận:

Có một mối nguy hiểm được thấy về những gì bắt đầu thật tốt nhưng lại trở nên tồi tệ đi. Còn điều gì trên

thế gian vô dụng hơn mười một khi nó mãi đi thuộc tính tạo nên giá trị của nó? Mất lại vàng tôi tệ hơn nữa khi nó không thể được dùng cho mục đích khác. Cũng như thế đối với một môn đồ mà không còn làm môn đồ của Đấng Christ nữa. Anh ta không đáp ứng cho những nhu cầu của thế gian và cũng đã từ bỏ mục đích của Đấng Chúa Trời. Anh ta có quá nhiều sự khôn ngoan trí thức để bước vào trong những sự hư không và tội lỗi của thế gian, lại không có sự vui hưởng ân điển và lễ thật giữ anh trong đường lối của Đấng Christ, mãi và vị trở thành đối tượng cho sự khinh khi và đoán xét.⁴⁰

Chúa Jêsus kết thúc sứ điệp về môn đồ hóa với những lời: "Ai cố lại mà nghe, hãy nghe!" Nhưng lời này ẩn ý rằng không phải ai cũng sẵn lòng lắng nghe những nguyên tắc nghiêm khắc của việc làm môn đồ. Nhưng nếu một người sẵn lòng theo Chúa Jêsus, dù phải trả giá nào đi chăng nữa thì phải nghe và bước theo.

John Calvin đã từng nói, "Tôi bỏ tất cả cho Đấng Christ và tôi tìm được gì? Tôi tìm được tất cả trong Đấng Christ." Henry Drummond diễn giải, "Phi vào nước thiên đàng là không. Hội phi hằng năm mới là tất cả."

8. Ẩn Dụ Về Con Chăn Nặng (15:1-7)

15:1,2 Chức vụ giảng giải của Chúa chúng ta trong chương 14 có vẻ thu hút các người thu thuế bị khinh miệt và những người khác là người có tội. Mặc dù Chúa quở trách tội họ nhưng nhiều người trong bọn họ nhận biết Ngài rất đúng. Họ theo phía Đấng Christ để nghịch lại chính họ. Trong

sự ăn năn thật, họ thừa nhận Ngài là Chúa. Bất cứ khi nào Chúa Jêsus thấy một người sẵn lòng nhận biết tội lỗi mình thì Ngài hướng tới họ để đánh cho họ sự giúp đỡ tâm linh và ban phước cho họ.

Các người Pharisai và các thầy không giáo phần nộ vì Chúa Jêsus giao lưu thân mật với những con người bị xem là những kẻ tội lỗi. Họ không bày tỏ ân điển cho những người phung về đạo đức này trong xã hội và họ phần nộ vì Chúa Jêsus làm. Vì thế, họ ném sự buộc tội vào Ngài, "Người này tiếp những kẻ tội lỗi và cùng ăn với họ." Dĩ nhiên lời buộc tội của họ là thật. Họ nghĩ rằng nó đáng trách, nhưng thật ra đó là sự hoàn thành chính mục đích mà Chúa Jêsus đến thế gian này!

Trong lời đáp lại của Chúa đối với lời buộc tội của họ, Chúa Jêsus kể lại những ẩn dụ về con chiên, đồng bạc lạc mất và đứa con trai hoang đàng. Những câu chuyện này nhắm thẳng vào người Pharisai và thầy thông giáo là những con người không hề tan vỡ trước Đức Chúa Trời để thú nhận tình trạng hư mất của mình. Trong thực tế thì họ cũng hư mất như những người thu thuế và kẻ có tội nhưng họ cứ kháng kháng không chịu thú nhận. Điểm chính của ba câu chuyện là Đức Chúa Trời nhận được sự thỏa lòng và niềm vui thật sự khi Ngài thấy tội nhân ăn năn, ngược lại Ngài chẳng hài lòng với những kẻ giả hình tự cho mình là công bình và quá kiêu ngạo không thú nhận tội lỗi của mình.

15:3,4 Tại đây Chúa Jêsus được mô tả bằng biểu tượng của người

chân. **Chín mươi chín** con chiên tượng trưng cho người Pharisi và thầy thông giáo. Con chiên **mất** tiêu biểu cho người thiếu hay người nhận biết mình có tội. Khi người chăn biết rằng **mất một con** thì anh liền bỏ **chín mươi chín con** nơi đồng vắng [không phải trong chuồng] để đi tìm con đã **mất cho kỳ được**. Đối với Chúa thì cuộc hành trình này gồm có sự giảng dạy của Ngài, những năm chức vụ, bị tử chối, khổ nạn và sự chết. Thật tuyệt đẹp thay cho lời bài thánh ca "Chín mươi chín con":

Không ai được cứu chuộc biết rằng

Phải đi qua môn tử tế nào

Phải băng qua đóm tử tế nào

Khư Chiết phải đi tìm

Không lâu thì Ngài tìm được
chiên lạc mất.

Elizabeth C. Clephane

15:5 Khi **đã** **kiếm** **được**, thì vui mừng **vác** nó lên vai mang về nhà. Điều này nói lên rằng con chiên được cứu vui hưởng nơi ân huệ và thân thiết mà nó chưa từng nhận biết trước đây khi nó được gộp vào đàn với những con chiên khác.

15:6 Người chăn kêu bạn hữu và kẻ lân cận để **chung** vui với anh vì con **chiên** bị **mất** được cứu. Điều này nói lên sự vui mừng của Chúa Cha khi thấy một tội nhân ăn năn.

15:7 Bài học thật rõ ràng: Trên trời sẽ vui mừng cho **một** kẻ có tội ăn năn, hơn là chín mươi chín kẻ công bình không cần ăn năn. Thật ra câu 7 không có nghĩa là một số người không cần phải ăn năn. Tất cả mọi người đều là tội nhân và tất cả phải ăn năn để

được cứu. Câu này mô tả những người tự thấy mình không cần phải ăn năn.

Y. Ăn Uống Về Đồng Bạc Mất (15:8-10)

Người đàn bà trong câu chuyện này có thể đại diện cho Đức Thánh Linh, tìm kiếm những người hư mất bằng đèn của Lời Đức Chúa Trời. **Chín đồng** bạc nói về những người không ăn năn ngược lại **một** đồng bị mất muốn nói đến những người sẵn lòng thú nhận rằng họ không hề liên hệ với Đức Chúa Trời. Trong câu chuyện trước, một con chiên đi lạc đường vì ý muốn riêng của nó. Đồng tiền là vật vô tri vô giác và có thể rơi đến tình trạng không có sự sống của một kẻ có tội. Anh ta bị chết trong tội lỗi.

Người đàn bà tiếp tục **kiếm** **kỳ** **càng** đồng bạc bị mất **cho** **kỳ** **được**. Rồi **gọi** **bầu** **bạn** và người lân cận mình đến chung vui với bà. Đồng bạc mất mà tìm lại được làm cho bà vui nhiều hơn là chín đồng bạc không bị mất kia. Với Đức Chúa Trời cũng thế. Khi **một** kẻ có tội tự hạ mình xuống và thú nhận tình trạng hư mất của mình, sẽ mang lại niềm vui trong lòng Đức Chúa Trời. Ngài không có được niềm vui như thế đối với những ai chưa bao giờ cảm nhận được nhu cầu ăn năn của họ.

U. Ăn Uống Về Bữa Cơm Hoàng Hoàng (15:11-32)

15:11-16 Ở đây, Đức Chúa Cha được mô tả như là **một** người kia có **hai** con trai. Người em tiêu biểu cho những tội nhân biết ăn năn trong khi đó người anh mình họa cho người Pharisi và các thầy thông giáo. Đứa con thứ hai là những đứa con của Đức

Chúa Trời qua sự sáng tạo chứ không qua sự cứu chuộc. Người em cũng được biết đến như một người con trai hoang đàng. Người hoang đàng là người tiêu xài hoang phí vô cùng. Đứa con này thấy mệt mỏi ở trong gia đình của cha mình và muốn ra đi. Anh ta không thể chờ cho tới khi cha mình chết nên đành phải xin chia **phần** mình được kế thừa trước. Người cha chia của cải cho hai con mình. Sau đó không lâu, người em lên đường đi **đến phương xa** và tiêu xài hết tiền mình cho những ham muốn tội lỗi. Ngay khi tiêu pha hết vốn của mình thì trong xứ có đói kém. Anh thấy mình nghèo túng cơ cực. Một công việc duy nhất mà anh có thể tìm được là làm nghề chăn heo, một công việc gớm ghiếc nhất của người Do Thái. Khi anh thấy đàn heo ăn **vỏ đậu** thì anh ganh ghét với chúng. Chúng có nhiều thức ăn hơn anh và **chẳng ai** muốn giúp đỡ anh. Những người bạn mà anh kết thân lúc có tiền biến đi hết.

15:17-19 Con đòi biến chuyển không may thành ra may mắn cho anh. Nó làm cho anh suy nghĩ. Anh nhớ lại rằng tại nhà cha **biết bao người làm vườn** sống sung túc hơn anh nhiều. Họ có thừa thức ăn, trong khi đó, anh cứ heo môn đi **vì đói**. Khi nghĩ đến điều này, anh quyết định làm một điều gì đó. Anh nhất định **trở về cùng cha** để ăn năn tội và tìm sự tha thứ. Anh ta thấy rằng mình **không đáng gọi là con** của cha nữa và định xin một việc như đứa **lâm vườn**.

15:20 Còn một quảng đường nữa tới tới nhà thì **cha nó thấy thì động**

lòng thương xót, chạy ra ôm lấy cổ mà hôn. Có thể đây là lần duy nhất trong Kinh Thánh khi sự vội vã được dùng cho Đức Chúa Trời theo một ý nghĩa tốt. Stewart làm rõ nghĩa một cách khéo léo:

Chúa Jesus mạnh dạn mà mô tả Đức Chúa Trời như một người cha không chỉ dùng vài gương mặt nghiêm nghị chờ đợi đứa con xấu hổ len lén trở về nhưng lại chạy đến, dang đôi tay ôm chầm lấy đứa con tội lỗi, rạch ruột và bán thân của mình. Cùng một danh "Cha" đã làm đậm màu tội lỗi và làm tôn lên sự vinh quang hay hoàng của sự tha thứ.⁴⁷

15:21-24 Người con xưng nhận tội mình ra và xin làm đầy tớ trong nhà. Nhưng người cha gạt lời bằng việc bảo đầy tớ mình lấy **áo lót nhất** mặc cho con ông, đeo nhẫn vào ngón tay và **mang giày vào chân**. Người cha cũng sai dọn tiệc để ăn mừng vì con ta đã **chết** mà bây giờ lại **sống, đã mất** mà bây giờ lại **thấy** được. Có người nói: "Người trai trẻ này tìm kiếm sự vui thỏa nhưng anh không tìm được ở phương xa. Anh chỉ tìm thấy được khi anh có cảm nghĩ tốt là phải trở về nhà cha mình." Nó cho thấy rõ là **họ khởi sự vui mừng**, nhưng chẳng hề ghi lại sự kết thúc của niềm vui đó. Sự cứu rỗi tội nhân cũng như vậy.

15:25-27 Khi con trai cả đang ở ngoài **đồng** trở về thấy ồn ào vui vẻ thì anh hỏi đầy tớ **chuyện gì** đang xảy ra. Người đầy tớ thưa rằng **người em** của anh đã trở về và người **cha** đang vui mừng khôn xiết.

15:28-30 Người con lớn nổi cơn thịnh nộ vì ghen tỵ. Anh không chịu cùng cha chung vui. J. N. Darby nói: "Nơi nào có hạnh phúc của Đức Chúa Trời thì sẽ không có sự tự cho mình là công bình. Nếu Đức Chúa Trời tốt lành với kẻ có tội thì điều gì lợi ích cho sự công bình của tôi chứ?" Khi người cha khuyên anh dự tiệc vui anh khước từ mà lầm bầm là cha chẳng hề thưởng cho anh vì sự vắng phục và trung tín phục vụ. Anh chẳng hề được cho một con dê con chừ đứng nói chi tới bỏ con mập. Anh phàn nàn vì khi người con hoang đàng đã ăn hết gia tài cha với phường điếm rồi trở về thì cha chẳng hề đo dự tổ chức tiệc mừng. Hãy lưu ý điều anh ta nói "**con của cha kia**" chứ không phải "em tôi".

15:31,32 Lời đáp lại của người cha biểu lộ cho thấy niềm vui được liên kết với sự phục hồi của đứa con đã mất. Bằng không thì chẳng có tiệc mừng gì đối với những đứa con cứng cổ, vô ơn và bất hòa.

Người con cả là một hình ảnh hùng hồn của những người Pharisi và thầy thông giáo. Họ phẫn nộ vì Đức Chúa Trời tố sự nhân từ Ngài với những con người đầy tội lỗi. Cách họ nghĩ, chứ không phải Đức Chúa Trời nghĩ, rằng họ trung tín hầu việc Ngài và chưa hề vi phạm điều răn Ngài và họ cũng chưa được ban thưởng cho những điều đó. Sự thật của vấn đề là họ chỉ là những kẻ đạo đức giả mang tính tôn giáo và những kẻ phạm tội. Kiểu ngạo đã làm cho họ không thấy được khoảng cách giữa họ với Đức Chúa Trời, và không thấy được một thực tế rằng Đức Chúa Trời ban hết

phước này đến phước khác cách dư dật luôn cho họ. Nếu họ chỉ cần sẵn lòng ăn năn và nhận biết tội lỗi mình thì Đức Chúa Trời sẽ vui mừng và họ cũng sẽ có lý do để vui mừng lớn.

V. Ẩn Dụ Về Người Quản Gia Bối Trung (16:1-13)

16:1,2 Giờ đây Chúa Jesus chuyển từ những người Pharisi và các thầy thông giáo sang môn đồ Ngài để dạy bài học về quản lý. Phải thừa nhận rằng phần đoạn này là một trong những phần đoạn khó nhất trong sách Luca. Nguyên do của khó khăn này là câu chuyện về người quản gia bất trung dường như để tán dương tính không trung thực. Tuy nhiên khi chúng ta đọc tiếp thì chúng ta sẽ thấy rằng trường hợp này không phải là như vậy. Người giàu kia trong câu chuyện này chính là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Người quản gia là người được người khác tin cậy và giao cho quản lý tài sản của họ. Còn về phần câu chuyện thì bất cứ môn đồ nào của Chúa cũng là người quản gia. Người quản gia đặc biệt này bị buộc tội biến thủ tiền bạc của chủ mình. Anh ta được gọi đến để khai ra và được thông báo anh ta bị đuổi việc.

16:3-6 Người quản gia nhanh trí nghĩ cách. Anh thấy rằng mình phải lo cho tương lai. Vì anh lớn tuổi nên không thể lao động nặng được và anh quá tự đắc nên không thể ăn mày (nhưng lại không ỷ đặc để khỏi ăn cắp). Vậy thì làm sao để anh ta có thể lo an ninh xã hội cho bản thân mình? Anh nảy ra một mưu mẹo để lấy lòng bạn hữu mình là những người sẽ tỏ sự

thương xót họ đối với anh khi anh nghèo túng. Mưu mẹo như vậy: Anh đến với những khách hàng của chủ mình và hỏi người mướn nợ chủ bao nhiêu. Khi khách hàng nói một trăm thùng đấu thì người quản gia chỉ đòi có năm chục và coi như là đã trả đủ rồi.

16:7 Một khách hàng kia nợ một trăm hộc lúa mì. Người quản gia kêu người đó chỉ trả tám chục và anh sẽ đánh dấu trong sổ nợ là "trả đủ."

16:8 Phần gây bất ngờ trong câu chuyện này là chủ bèn khen quản gia bất nghĩa ấy về việc người đã làm khôn khéo như vậy. Sao lại có người đồng tình với việc bất nghĩa như vậy? Những gì mà người quản gia làm thật không lương thiện. Nhưng câu kể tiếp cho thấy rằng người quản gia chẳng được khen chút nào về sự bất nghĩa mình nhưng đúng hơn là khen về cái nhìn tương lai của anh ta. Anh hành động thật khôn khéo. Anh nhìn tới tương lai và lo cho nó. Anh hy sinh lợi ích hiện tại cho phần thưởng ở tương lai. Để ứng dụng điều này trong đời sống chúng ta thì chúng ta phải nhận biết rõ điểm này, tuy nhiên, tương lai con cái Đức Chúa Trời không nằm trên đất này nhưng trên thiên đàng. Cũng như người quản gia dùng biện pháp để bảo đảm rằng anh sẽ có bạn hữu khi anh nghỉ việc thì Cơ Đốc nhân cũng nên dùng vật chất của Chủ mình theo cách như vậy để bảo đảm buổi tiệc tiếp đón khi anh lên thiên đàng.

Chúa phán, "Vì con đời này trong việc không công với người đồng đời

mình thì khôn khéo hơn con sáng láng." Điều này có nghĩa là những con người không tin kính, không tái sinh cho thấy sự khôn ngoan mình trong việc lo cho tương lai trên đất này nhiều hơn những tín đồ thật bày tỏ việc đầu tư tài sản mình trên thiên đàng.

16:9 Chúng ta nên kết bạn bằng của bất nghĩa. Nghĩa là chúng ta nên dùng tiền bạc và vật chất theo cách để chinh phục linh hồn cho Đấng Christ và như thế mới hình thành được một linh bạn tồn tại vĩnh cửu. Pierson nói rõ như vậy:

"Tiền có thể mua được Kinh Thánh, sách vở, truyền đạo đơn và như vậy, cách gián tiếp mua linh hồn con người. Theo cách đó thì những vị thuộc vật chất và thế tục sẽ trở nên bất tử, trở nên phi vật chất, thuộc linh và vĩnh cửu. Một người có được 100 đồng. Anh có thể dùng hết nó trong một bữa tiệc hay bữa cơm tối nhưng cho đến ngày hôm sau, nếu anh chẳng tỏ được gì. Ngược lại, nếu anh đầu tư cho Kinh Thánh với giá 1 đồng mỗi quyển. Anh đã mua được 100 quyển Lời Chúa. Anh khôn ngoan giao giống cho nước trời vì hạt giống đó sẽ nảy mầm thành vụ mùa, không phải vụ mùa của Kinh Thánh mà là của linh hồn. Tất con người bất nghĩa, anh đã kết được những người bạn bất tử, những người mà khi anh thái bại thu họ sẽ tiếp nhận anh vào trong nơi ở đời đời."⁴⁹

Vậy thì đây là sự dạy dỗ của Chúa chúng ta. Bởi khôn ngoan đầu tư của cái vật chất mình, chúng ta có thể có phần trong ơn phước đời đời của con

người. Chúng ta có thể biết chắc rằng khi chúng ta tới các cổng thiên đàng thì chúng ta sẽ được chào đón bởi những con người được sự cứu rỗi nhờ sự ban cho cách hy sinh và lời cầu nguyện của chúng ta. Những con người này sẽ cảm ơn chúng ta rằng "Chính bạn là người mới chúng tôi tới đây."

Darby bình luận:

Nói chung, loài người là quản gia của Đức Chúa Trời. Nghĩ theo một cách nào đó thì Ysraêl là người quản gia của Chúa được đặt cho vai quản vườn như Ngài và được Ngài tin cậy giao cho luật pháp, lời hứa, giao ước và sự thờ phượng. Nhưng tìn tại thì Ysraêl bị xem như đã phi phạm của vai Ngài. Loài người được xem như một quản gia bị phát hiện hoàn toàn bất nghĩa. Giờ phải làm gì đây? Đức Chúa Trời xuất hiện và trong ân điển tối thượng của Ngài biến đổi người nào đã hành động bất nghĩa trên đời thành hồng ân trời thiên thượng. Vật chất đời này nằm trong tay của loài người mà người ta không phải dùng nó cho sự vui hưởng hiện thời trong thế gian này mà cả thay đổi sự cách Đức Chúa Trời, nhưng vai quản gia và vai coi nhìn cho tương lai. Chúng ta không phải tìm cầu sự hữu vật chất ngày nay nhưng bởi việc sử dụng đúng đắn những điều này để chuẩn bị cho những lúc khác. Tất hơn là biến hết tất cả thành bạn hữu cho tương lai hơn là có tiền bạc trong hiện tại. Loài người ở đây bị cuốn đến sự hủy diệt. Vì vậy, loài người là một quản gia bị cách chức.⁴⁰

16:10 Nếu chúng ta trung tín trong việc quản lý **rất nhỏ** (tiền bạc), thì

chúng ta sẽ trung tín khi xử lý việc lớn (tài sản thuộc linh). Nói cách khác, một người không ngay thẳng trong việc sử dụng tiền bạc Đức Chúa Trời giao phó cho thì sẽ bất nghĩa khi có những công việc lớn hơn. Tình tương đối không quan trọng của tiền bạc được nhấn mạnh qua sự diễn tả việc rất nhỏ.

16:11 Bất cứ ai không thành thật khi dùng của bất nghĩa cho Chúa thì chắc chắn không thể trông đợi Ngài giao phó của thật cho. Tiền bạc được gọi là của bất nghĩa. Thật ra chẳng hề có xấu xa gì trong nó. Nhưng chắc sẽ không cần đến tiền bạc nếu tội lỗi không bước vào thế gian này. Tiền bạc thì **bất nghĩa** vì nét đặc trưng ở nó là dùng cho những mục đích khác hơn là cho sự vinh hiển Đức Chúa Trời. Ở đây, nó trái ngược hẳn với của thật. Giá trị của tiền bạc thì thất thường và tạm thời mà thôi còn giá trị của lẽ thật thuộc linh thì không thay đổi và vĩnh hằng.

16:12 Câu 12 phân biệt rõ **những gì** của người khác và **những gì** của **riêng mình**. Tất cả những gì chúng ta có, tiền bạc, thời gian và tài năng đều thuộc về Chúa và chúng ta phải dùng chúng cho Ngài. Những **gì của riêng mình** nói đến những phần thưởng mà chúng ta gặt trong đời sống này và đời sống sau vì chúng ta trung tín hầu việc Đấng Christ. Nếu chúng ta không trung tín trong những gì thuộc về Ngài thì làm sao Ngài ban cho chúng ta **những gì** của riêng mình?

16:13 Thật hoàn toàn không thể sống vừa vì vật chất và vừa vì Đức

Chúa Trời được. Nếu chúng ta bị tiền bạc làm chủ thì chúng ta không thể thật sự hầu việc Chúa. Để tích trữ tiền của thì chúng ta phải hiến những nỗ lực tốt nhất cho công việc. Trong hành động này chúng ta đã cướp đi của Đức Chúa Trời những gì thuộc về Ngài cách hợp pháp. Đây chính là vấn đề của sự trung thành phân chia. Động lực bị trộn lẫn. Những quyết định không mang tính vô tư. Của cải chúng ta ở đâu thì lòng chúng ta ở đó. Trong nỗ lực làm giàu, chúng ta trở thành hầu việc cho tiền bạc. Chúng ta không có thể làm tội Đức Chúa Trời, lại làm tội Mamôn nữa. Tiền tài kêu gọi đòi hỏi những gì chúng ta có và chính chúng ta - những buổi tối, những ngày nghỉ cuối tuần, thời giờ mà chúng ta nên dâng cho Chúa.

VI. Những Người Pharisi Tham Lam (16:14-18)

16:14 Người Pharisi không chỉ kiêu ngạo và giả bình; nhưng họ lại còn tham lam nữa. Họ nghĩ rằng sự tin kính đạo là cách để được lợi. Họ chọn tôn giáo như một người chọn một nghề sinh lợi vậy. Sự hầu việc của họ không nhằm mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời và giúp người lân cận mình, nhưng chỉ để giúp mình làm giàu mà thôi. Khi nghe Chúa Jesus dạy rằng phải từ bỏ sự giàu sang trên đất này và tích trữ tài sản trên trời, họ bèn chế cười Ngài. Đối với họ, tiền bạc thì thực dụng hơn những lời hứa của Đức Chúa Trời. Không có gì có thể ngăn trở họ tích trữ để được giàu có.

16:15 Bề ngoài thì người Pharisi có vẻ rất thuộc linh và ngoan đạo lắm.

Họ tự cho mình là công bình trước mặt người ta. Nhưng dưới cái bề ngoài giả dối đó, Đức Chúa Trời thấy được lòng tham lam của họ. Ngài không bị lừa dối bởi vẻ bề ngoài của họ. Cách sống mà họ phô bày ra và được người khác chấp nhận (Thi Thiên 49:18) là sự góm ghĩ trước mặt Đức Chúa Trời. Họ cho là mình thành công bởi vì họ kết hợp nghề nghiệp tôn giáo với sự giàu có tài chính. Nhưng đối với Đức Chúa Trời, họ là những kẻ tà tâm thuộc linh. Họ xưng mình kính mến Đức Giêhôva nhưng thật ra thì tiền bạc là chúa của họ.

16:16 Sự liên tục của câu 16 đến 18 thì thật khó mà hiểu được. Trong lần đọc đầu tiên thì dường như những câu này chẳng hề liên quan gì đến phần trước và phần tiếp theo. Tuy nhiên, chúng ta cảm thấy hiểu biết nó rõ ràng nhất khi nhớ đến để tài chính trong đoạn 16 là lòng tham và sự bất nghĩa của người Pharisi. Chính đó là những con người tự cao tự đại vì cần thận làm theo luật pháp nhưng lại bị vạch trần là những kẻ giả hình ham lợi. Tinh thần luật pháp tương phản hoàn toàn với tinh thần của người Pharisi.

Luật pháp và các lời liên tri có đến đời Giăng mà thôi. Với nhưng lời này, Chúa mô tả một hệ thống luật pháp bắt đầu từ Môise và kết thúc với Giăng Báp-tít. Nhưng giờ thì một hệ thống luật pháp mới được giới thiệu. Từ thời Giăng, Tin Lành của nước Đức Chúa Trời được truyền ra. Giăng Báp-tít tiên phong công bố sự đến của vị Vua hợp pháp trong dân Ysraên. Ông kêu

gọi mọi người rằng nếu họ ăn năn thì Chúa Jêsus sẽ cai trị trên họ. Kết quả của sự giảng dạy ông, và sau này là sự giảng dạy của chính Chúa Jêsus và các môn đồ, là có một sự hưởng ứng trong nhiều người.

"**Ai nấy dùng sức mạnh mà vào đó**" có nghĩa nếu những ai hướng ứng sự điệp thì đúng là xông vào trong Nước Trời. Thi dụ như người thu thuế và kẻ có tội phải nháy qua nhưng hàng rào cản đường của người Pharisi. Những kẻ khác phải mạnh bạo mà giải quyết lòng ham mê tiền bạc. Những thành kiến phải được vượt qua.

16:17,18 Nhưng hệ thống tôn giáo mới không có nghĩa là những chân lý đạo đức cơ bản bị vứt bỏ. Trời đã qua đi còn để hơn một nét chữ trong luật pháp phải bỏ đi. Mọi nét chữ trong luật pháp có thể so sánh với dấu ngang của chữ "i" hay dấu chấm của chữ "i".

Người Pharisi nghĩ rằng họ đang ở trong vương quốc Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Jêsus thốt ra mà nói, "Các ngươi không thể xem nhẹ những luật pháp đạo đức lớn của Đức Chúa Trời mà vẫn công bố có được một chỗ trong nước Ngài." Có lẽ họ sẽ hỏi: "Chúng tôi xem nhẹ luật đạo đức lớn nào?" Kối Chúa chỉ rõ cho họ về luật hôn nhân là một giới luật sẽ không bao giờ qua đi. **Ai bỏ vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội tà dâm, ai cưới đàn bà bị chồng ẵ, thì cũng phạm tội là dâm.** Đây chính là điều mà người Pharisi hành động cách thuộc linh. Dân tộc Do Thái đã được đem vào

trong vị trí kết ước với Đức Chúa Trời. Nhưng những người Pharisi này quay lưng lại với Đức Chúa Trời qua sự tìm kiếm giàu có vật chất một cách điên cuồng. Và đương nhiên câu này ám chỉ rằng họ phạm tội tà dâm về tâm linh.

X. Người Giàu Và Laxarô (18:19-31)

16:19-21 Chúa kết thúc bài giảng về sự quản lý vật chất bằng câu chuyện của hai sự sống, hai sự chết và hai tương lai. Chúng ta lưu ý rằng câu chuyện này *không* được coi như một ẩn dụ. Chúng ta đề cập điều này vì có vài nhà phê bình dường như giải thích ra ngoài hàm ý trang nghiêm của câu chuyện bằng cách cho đó là một ẩn dụ.

Ngay lúc mở đầu, rõ ràng rằng người giàu không danh tánh không bị kết tội trong Âm phủ vì sự giàu có mình. Nền tảng của sự cứu rỗi là đức tin trong Chúa và con người bị kết tội vì từ chối không tin Ngài. Nhưng chính người đàn ông này cho thấy rằng ông không có đức tin cứu rỗi thật bởi sự khinh dể một người nghèo nằm ngoài cửa. Nếu ông có tình yêu của Đức Chúa Trời thì ông sẽ không sống trong sự xa hoa, tiện nghi thoải mái khi có một người ở ngoài cổng mình, xin vài mẩu bánh vụn ở trên bàn người giàu rớt xuống. Đáng lẽ ông phải dùng sức mạnh mà vào nước thiên đàng bằng cách từ bỏ lòng ham mê tiền bạc.

Cũng thế đó, Laxarô không được cứu bởi vì ông nghèo khổ. Ông được cứu vì ông tin cậy Chúa cho sự cứu rỗi linh hồn mình.

Giờ hãy để ý đến chân dung người giàu có, đôi khi được gọi là Dives (*Giàu có* - tiếng La-tinh). Ông chỉ mặc những bộ quần áo đắt tiền và bàn mình đầy thức ăn ngon và sành điệu. Ông sống cho chính mình, phục vụ cho ham muốn và thèm thuồng của thân thể. Ông không có tình yêu Đức Chúa Trời chân thật và chẳng hề quan tâm đến đồng loại mình.

Lazarô đại diện cho một sự tương phản nổi bật. Ông là một người nghèo bất hạnh, bị đem bỏ trước nhà người giàu hàng ngày, mình đầy những ghê, gấy mòn bởi đói khát và bị quấy rầy bởi những con chó bẩn thỉu đến liếm ghê người.

16:22 Khi người nghèo chết, thiên sứ đem để vào lòng Ápraham. Có chiều câu hỏi là thật ra thiên sứ có dự phần hay không trong việc mang linh hồn của những người tin nhận Chúa vào thiên đàng. Tuy nhiên chúng ta thấy không có lý do để nghi ngờ sức mạnh rõ ràng của lời Chúa. Thiên sứ hầu việc các tín hữu trong đời này và dường như không có lý do gì để thiên sứ không làm điều đó ở thời điểm của sự chết. Lòng Ápraham là một sự điển tả tương trưng biểu thị đến một nơi phước hạnh nhất. Đối với bất kỳ người Do Thái nào, ý tưởng vui hưởng với Ápraham sẽ nói lên một phước hạnh không thể nào diễn tả hết. Chúng ta cho là lòng Ápraham giống như thiên đàng. Khi người giàu cũng chết, thân thể ông được đem chôn, thân thể mà ông phục vụ cho nó và vì nó mà ông tiêu pha rất nhiều tiền bạc.

16:23,24 Nhưng đó không phải là tất cả. Linh hồn ông hay cái bản thân

có nhận thức của ông xuống Âm phủ. Âm phủ là tiếng Hy Lạp dùng cho từ ngữ Cựu Ước là *Sheol*, một trạng thái tâm linh bị lìa khỏi. Trong thời Cựu Ước, nó được nói đến như là nơi lưu trữ của cả người được cứu cũng như người chưa được cứu. Nhưng ở đây nó được nói đến như là nơi ở của người chưa được cứu vì chúng ta đọc thấy rằng người giàu có đang bị đau đớn.

Chắc có lẽ các môn đồ bị một cú sốc khi Chúa Jêsus nói rằng người giàu có xuống Âm phủ. Họ luôn được dạy dỗ từ Cựu Ước rằng giàu có là dấu hiệu phước hạnh và được ơn từ Đức Chúa Trời. Một người Ysraên vâng lời Chúa được ban lời hứa thịnh vượng về vật chất. Thế thì làm thế nào mà một người Do Thái giàu có lại phải xuống Âm phủ? Chúa Jêsus vừa mới thông báo một trật tự vạn vật mới bắt đầu từ sự giảng dạy của Giăng. Từ nay trở đi, giàu có không phải là dấu hiệu phước hạnh nữa. Nó thử sự trung tín của con người trong việc quản lý. Ai được ban cho bao nhiêu thì lại bị đòi tại bấy nhiêu.

Câu 23 bác bỏ ý tưởng về "sự ngủ của linh hồn", thuyết cho rằng linh hồn không nhận thức giữa sự chết và sự sống lại. Và chứng minh rằng có sự hiện hữu có ý thức vượt ra ngoài giới hạn mồ mã. Thực vậy, chúng ta được chú ý bởi phạm vi của sự hiểu biết mà người giàu có được. Người giàu... xa thấy Ápraham, và La-xa-rô trong lòng người. Người giàu cũng có thể liên lạc với Ápraham, gọi Ápraham tử lỗi, xin thương lấy, kêu Lazarô những dấu ngón tay vào nước đọng làm cho mát

lười. Dĩ nhiên, có một thắc mắc là làm sao mà linh hồn lìa khỏi xác có thể kinh nghiệm được sự khát và nỗi đau khổ trong lửa. Chúng ta chỉ có thể kết luận rằng ngôn ngữ có tính hình bóng nhưng không có nghĩa là sự khốn khổ đó không có thật.

16:25 Ápraham gọi người giàu là **con**, cho thấy rằng ông là con cháu thế xác chứ không phải thuộc linh. Tổ phụ nhắc ông ta về lối sống xa hoa, thoải mái và thỏa thích của ông. Ápraham cũng nhắc lại sự nghèo đói và đau khổ của **Lazarô**. Giờ đây, vượt ra ngoài giới hạn mộ mà thì tình thế được xoay chuyển. Tình bất bình đẳng của đất này đã bị đảo ngược.

16:26 Chúng ta học thấy nơi đây về sự lựa chọn của đời này quyết định đến số phận đời đời của chúng ta và một khi sự chết xảy đến thì số phận đã được **phân định**. Không có lối qua lại giữa người được cứu và người bị định tội hay ngược lại.

16:27-31 Trong cõi chết, bỗng nhiên người giàu lại muốn truyền giáo. Ông muốn người nào đó đến nhà **năm anh em** ông và cảnh báo họ đừng đến nơi **đau đớn** này. Ápraham đáp lại rằng năm anh em này là người Do Thái và có Kinh Thánh Cựu Ước và những điều này cũng đủ để cảnh báo họ. Người giàu phủ nhận lại với Ápraham và thừa rằng nếu có một kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ **ăn năn**. Tuy nhiên, Ápraham nói lời cuối cùng. Ông nói rằng nếu không nghe lời của Đức Chúa Trời thì không thay đổi gì được nữa. Nếu người ta không lưu ý đến Kinh Thánh thì họ sẽ

không tin là **có người chết sống lại**. Điều này minh chứng một cách thuyết phục trong trường hợp của Chúa Jêsus. Ngài đã sống lại từ cõi chết và con người vẫn không tin.

Từ Kinh Thánh Tân Ước, chúng ta nhận biết được rằng khi người tin Chúa chết đi, thân thể họ đi đến mộ mà nhưng linh hồn họ đến ở với Đấng Christ trong thiên đàng (11.Côr. 5:8; Philip 1:23). Khi người không tin Chúa chết đi thì thân thể họ cũng đi đến mộ mà nhưng linh hồn xuống Âm phủ. Đối với họ, Âm phủ là một nơi khổ hình và hối tiếc.

Vào thời kỳ Được Cát Lành, thân thể của người tin nhận Chúa sẽ được sống lại từ mộ mà và kết hợp lại với tâm linh và linh hồn (1.Têsalônica 4:13-18). Rồi họ sẽ ở với Đấng Christ đời đời. Khi bị Phán Xét tại Ngai Lớn và Tráng thi thân thể, linh hồn và tâm linh của người không tin Chúa sẽ kết hợp lại (Khải Huyền 20:12,13). Rồi họ sẽ bị ném vào hồ lửa, nơi hình phạt đời đời.

Và thế là chương 16 đóng lại với một lời cảnh báo nghiêm khắc cho người Pharisi và những ai sống vì tiền. Họ đẩy linh hồn mình vào chỗ nguy hiểm. Thà xin ăn trên đất này hơn là xin nước dưới Âm phủ.

IX. CON NGƯỜI DẠY DỠ CÁC MÔN ĐỒ MÌNH (17:1-19:27)

A. Về Hiếm Họa Của Sự Vấp Phạm (17:1,2)

Sự hiền tục hay trôi chảy của tư tưởng trong chương này không rõ ràng. Nó giống như Luca chấp tay với nhau một vài đề tài không liên quan gì đến nhau. Tuy nhiên, sự mở đầu của

Đấng Christ nhận xét về mối hiểm họa khi làm xúc phạm ai đó có thể liên kết với câu chuyện của người giàu có khi kết thúc chương 16. Sống trong xa hoa, tự mãn và thoả mãn cũng có thể trở nên một hòn đá vấp chân cho những người khác còn non trẻ trong đức tin. Đặc biệt nếu một người có tiếng là một Cơ Đốc nhân thì anh ta phải làm gương cho người khác noi theo. Thật nghiêm trọng biết bao khi dẫn dắt những con người tin Chúa Jêsus đẩy triển vọng được vào trong đời sống theo chủ nghĩa vật chất và thờ lạy tiền tài.

Dương nhiên, nguyên tắc được áp dụng theo cách rất chung chung. Kẻ nhỏ có thể vấp phạm bởi sự khuyến khích của chủ nghĩa thể tục. Các em có thể bị vấp phạm bởi việc liên hệ đến tội lỗi tình dục. Các em có thể bị vấp phạm bởi việc làm giảm bớt đi ý nghĩa ngay thật của Lời Kinh Thánh. Bất cứ điều gì đưa dắt các em lệch khỏi con đường đức tin đơn sơ, khởi sự tận hiến và sự nên thánh là hòn đá vấp chân.

Nhận biết bản chất con người và tình trạng của thế gian, Chúa dạy rằng **sự gây nên phạm tội** thì khó tránh khỏi. Nhưng điều đó không giảm bớt tội lỗi cho những kẻ gây nên sự vấp phạm. **Thà rằng buộc cối đá vào cổ** những kẻ ấy mà quăng xuống biển còn hơn. Dường như ngôn ngữ được dùng rất mạnh mẽ và rõ ràng rằng hình ảnh này có ý nghĩa là không chỉ có cái chết thể xác mà luôn cả sự kết án đời đời.

Khi Chúa Jêsus nói về việc gây phạm tội cho **một kẻ nhỏ**, Ngài không

chỉ bao gồm con trẻ nhưng cũng nói đến những môn đồ còn non trẻ trong đức tin.

8. Về Mìn Cứu Tâm Linh Thứ (17:3,4)

Trong đời sống Cơ Đốc không chỉ có nguy hiểm gây cho người khác phạm tội đâu, nhưng cũng nguy hiểm khi nuôi dưỡng hận thù, tư chối không tha thứ khi người gây vấp phạm mình nói lời xin lỗi. Đó là điều Chúa muốn giải quyết ở đây. Để liên kết với đề tài này, Kinh Thánh Tân Ước dạy về thủ tục sau:

1. Nếu một Cơ Đốc nhân bị một Cơ Đốc nhân khác làm vấp phạm thì anh ta trước hết phải tha thứ người vấp phạm mình ở trong lòng (Êphêso 4:32). Làm như vậy thì linh hồn của anh ta được giải phóng khỏi sự oán giận và ác tâm.

2. Kế đó anh ta nên riêng tư đến với người gây vấp phạm mình và **quở trách** họ (Cầu 3 và cũng trong Mathiơ 18:15). Nếu họ ăn năn, thì anh ta phải cho biết là họ được tha thứ rồi. Ngay cả họ lại cứ phạm tội và rồi nói ăn năn thì anh ta vẫn nên tha thứ (câu 4).

3. Nếu quở trách riêng tư mà không có được hiệu quả thì người bị vấp phạm phải nên mời hai hay ba người làm chứng (Mathiơ 18:16). Nếu họ không lắng nghe những người này thì vấn đề phải được đưa ra trước Hội Thánh. Không chịu lắng nghe Hội Thánh sẽ có hậu quả là dứt phép thông công (Mathiơ 18:17)

Mục đích của việc quở trách và những hành động kỷ luật khác không phải để trả thù hay làm nhục người

gây vấp phạm nhưng để phục hồi mối thông công của người đó với Chúa và với anh em mình. Tất cả những sự quở trách phải được bày tỏ trong tình thân yêu thương. Chúng ta không có cách nào để đánh giá sự ân nân của người gây vấp phạm là chân thật hay không. Chúng ta phải tiếp nhận lời của chính anh ta rằng anh đã ăn năn. Đó là lý do tại sao Chúa Jêsus dạy: **"Đầu trong một ngày, họ phạm tội cùng người bảy lần, và bảy lần trở lại cùng người mà nói rằng: Tôi ăn năn, thì hãy tha tội cho họ."** Đây là cách thức đấng ân điển mà Cha chúng ta đối với chúng ta. Cho dù chúng ta thường làm Ngài thất vọng nhưng chúng ta cũng có sự bảo đảm rằng "Còn nếu chúng ta xưng tội mình thì Ngài là Đấng thành tín công bình để tha tội chúng ta, và làm cho chúng ta sạch mọi điều gian ác." (1.Giăng 1:9)

C. Về Đức Tin (17:5 B)

17:5 Ý tưởng tha thứ bảy lần trong một ngày trình bày lên sự khó khăn, có thể nói là một sự không thể làm được đối với các sứ đồ. Họ cảm thấy mình không có khả năng để bày tỏ ân điển như vậy nên họ cầu xin Chúa thêm đức tin cho họ.

17:6 Sự đáp lại của Chúa chỉ ra rằng đây không phải là vấn đề số lượng mà là chất lượng đức tin. Nó cũng không phải câu hỏi về việc được thêm đức tin nhưng là câu hỏi về việc sử dụng đức tin mà họ có được. Sự kiêu căng tự đắc của chúng ta ngăn trở chúng ta không tha thứ anh em mình nên nó cần phải nhổ tận gốc và quang đi. Nếu đức tin chỉ bằng một

hạt cải lại có thể **nhổ cây dâu** lên và trồng nó **dưới biển** thì nó có thể để dâng ban cho chúng ta **đắc thắng** trên mọi sự cứng lòng và cố chấp làm cho chúng ta không tha thứ anh em mình hoàn toàn.

B. Về Người Đầy Tở Có ích (17:7-10)

17:7-9 Đây là thật của Đấng Christ thì không có lý do gì để lên mình kiêu ngạo. Sự tự cao tự đại phải nên bị nhổ tận gốc rễ và phải nên thay vào đó là sự chẳng ra gì. Đây chính là bài học mà chúng ta tìm được trong câu chuyện của người đầy tớ. **Người đầy tớ này đi cày hoặc đi chăn cả ngày.** Sau một ngày làm việc vất vả, **người đầy tớ ở ngoài đồng về** thì chủ không bảo anh ta **ngồi ăn. Trái lại,** chủ bảo nó **mặc thất lưng vào và hầu buổi ăn tối** chủ. Chỉ sau khi xong hết công việc đó thì người đầy tớ mới được phép **ăn bữa ăn mình.** Người chủ không **biết ơn** đầy tớ về những việc đó. Đó là công việc của người đầy tớ. Sau hết, **người đầy tớ thuộc về chủ** mình và công việc chính yếu của anh ta là **vâng lệnh.**

17:10 Vì vậy, các môn đồ là đầy tớ của Chúa Jêsus Christ. Họ thuộc về Ngài - tâm linh, linh hồn và thể xác. Dưới ánh sáng của Gôgôtha thì không gì họ có thể làm cho Chúa Cứu Thế đến đáp lại được những gì Ngài đã làm. Vì thế sau khi môn đồ đã làm mọi việc mình được **truyền phải làm** trong Tân Ước thì họ vẫn phải thừa nhận rằng mình là đầy tớ **vô ích và làm điều mình phải làm.**

Theo Roy Hession thì năm dấu hiệu của một người đầy tớ là:

1. Anh ta phải sẵn lòng nhận lấy chiểu việc đặt trên mình mà không được quyền đòi hỏi gì cả.

2. Để làm điều đó, anh ta sẵn lòng không cần được biết ơn.

3. Sau khi làm xong hết việc, anh không được nói người chủ mình là vị kỷ.

4. Anh ta phải thừa nhận mình là người đầy tớ vô ích.

5. Anh ta phải thừa nhận việc làm và kết quả việc mình làm trong sự nhu mì và khiêm nhường, không gì hơn là nhiệm vụ anh phải làm mà thôi.⁵⁰

E. Chúa Giêsu Làm Sạch Mười Người Phung (17:11-19)

17:11 Tôi vô ơn là một mối nguy hiểm nữa trong đời sống của một môn đồ. Điều này được minh họa qua câu chuyện của mười người phung. Chúng ta đọc thấy rằng Chúa Giêsu đứng lên thành Giêrusalem trái qua bờ cõi xứ Samari và Galilê.

17:12-14 Nhảm khi vào làng kia, có mười người phung đến đón rước Ngài. Vì điều kiện bệnh tật của họ nên họ không đến gần Chúa, nhưng từ đằng xa họ kêu cầu Ngài chữa lành bệnh họ. Ngài đã ban thưởng cho đức tin họ bằng cách bảo họ đi, rồi mình cũng thấy tế lễ. Điều này có nghĩa là khi họ đến với thầy tế lễ thì họ sẽ được lành bệnh phung. Thấy tế lễ không có năng quyền để chữa lành họ nhưng ông được chỉ định làm người tuyên bố họ được sạch. Vâng theo lời của Chúa, những người phung hưởng lợi nơi ở của thầy tế lễ và họ đương đi thi phung lành hết thầy.

17:15-18 Tất cả đều có đức tin để được chữa lành nhưng chỉ có một người trong mười người trở lại cảm tạ Chúa. Thật là lý thú vì người đó là một người Samari, một trong những người làng giếng bị người Do Thái khinh khi và không hề tiếp xúc. Anh đến sắp mặt xuống đất – tư thế thờ lạy chân thật – nơi chân Đức Chúa Giêsu – nơi thờ phượng thật. Chúa Giêsu hỏi không phải mười người đều được sạch cả sao? Nhưng chỉ có "người ngoại quốc này" trở lại để ngợi khen. Còn chín người kia đâu? Sao họ không quay lại để ngợi khen Đức Chúa Trời.

17:19 Quay sang người Samari, Chúa Giêsu phán, "Đứng dậy, đi; đức tin người đã cứu người." Chỉ có mười phần trăm người có lòng biết ơn là được thừa hưởng sự giàu có thật của Đấng Christ. Chúa Giêsu nhận sự quay lại (câu 15) và sự ngợi khen của chúng ta (câu 16) bằng những ơn phước tươi mới. "Đức tin người đã cứu người" có hàm ý rằng trong khi biết người kia được sạch phung thì người thứ mười cũng được cứu khỏi tội lỗi nữa!

F. Về Nước Trời Đàng Bên (17:20-37)

17:20,21 Thật khó mà biết rằng người Pharisi có thành thật khi đặt câu hỏi về nước Đức Chúa Trời không hay chỉ để chế giễu thôi. Nhưng chúng ta biết rằng là người Do Thái họ ấp ủ hy vọng về một Nước Trời sẽ được mở ra với quyền phép lớn lao và vinh hiển. Họ tìm kiếm dấu hiệu bên ngoài và những sự biến động chính trị lớn. Chúa Cứu Thế phản với họ.

"**Nước Đức Chúa Trời không đến cách rõ ràng,**" rằng, ít ra trong hiện tại vương quốc Đức Chúa Trời **không đến bằng** những dấu hiệu bên ngoài. Nó không phải là một nước hữu hình, trần tục hay theo thời gian mà người ta có thể thấy và nói nước này ở đây, hay là ở đó. Đúng hơn Chúa Cứu Thế phán, nước Đức Chúa Trời ở trong họ, hay tốt hơn nữa, đó là ở giữa họ. Đàng lẽ Chúa Jêsus có thể nói rằng thật ra nước trời không ở trong lòng của những người Pharisai vì những kẻ giả hình cứng lòng và tỏ vẻ tôn giáo này không có chỗ nào trong lòng họ dành cho Đấng Christ là Vua cả. Nhưng Ngài có ý nói nước Đức Chúa Trời ở giữa bọn họ. Ngài là một vị Vua hợp pháp của dân Ysraên, thi hành phép lạ và tỏ cho mọi người thấy được tình thiên đàng của Ngài. Nhưng người Pharisai không có lòng khát khao tiếp nhận Ngài và thế là đối với họ, nước Đức Chúa Trời đã tự bày ra nhưng họ hoàn toàn chẳng thêm quan tâm.

17:22 Phán với người Pharisai, Chúa mô tả nước trời như một sự việc đã xảy đến rồi. Khi Ngài quay sang môn đồ, Ngài phán về nước trời như một sự kiện được sắp đặt vào lúc Ngài Đến Lần Thứ Hai. Nhưng trước hết Ngài mô tả một thời kỳ sẽ xảy ra giữa Sự Giáng Lâm và Tái Lâm của Ngài. Sẽ có kỳ các người ao ước thấy chỉ một ngày của Con Người, mà không thấy được. Nói cách khác, họ mong mỏi chỉ mỗi ngày khi Ngài ở với họ trên đất và họ sẽ vui hưởng mỗi thông công ngọt ngào với Ngài. Theo ý nghĩa thì những ngày đó dường như trước

thời kỳ mà Ngài trở lại trong quyền phép và vinh hiển lớn lao.

17:23,24 Nhiều christ giả sẽ nổi lên và nhiều kẻ cảm quyền sẽ tuyên bố Đấng Mêsai đã đến. Nhưng các môn đồ Ngài sẽ không bị lừa dối bởi những sự bảo động giả này. Sự Tái Lâm của Chúa Cứu Thế sẽ thấy được bằng mắt và hiển nhiên như chớp nhoáng loè từ dưới phương trời này tới phương trời kia.

17:25 Một lần nữa, Chúa Jêsus phán cùng môn đồ rằng trước khi những điều này xảy ra thì Ngài trước hết phải chịu đau đớn nhiều, và bị đóng đinh này bỏ ra.

17:26,27 Quay sang với chủ đề về việc Ngài đến để trị vì, Chúa dạy rằng việc đã xảy đến trong đời Nô-ê, thì cũng sẽ xảy đến trong ngày của Con Người. Người ta ăn, uống, cưới gả. Những điều này không sai, đó là những sinh hoạt bình thường và hợp pháp của con người. Sự xấu xa đó là con người chỉ biết sống vì những điều này mà chẳng hề nghĩ hay có thời giờ cho Đức Chúa Trời. Sau khi Nô-ê và gia đình ông vào tàu, thì nước lụt đến và hủy diệt thiên hạ hết. Vì thế nên sự Tái Lâm của Chúa sẽ có ý nghĩa phán xét cho những ai khước từ lòng nhân từ Chúa ban tặng.

17:28-30 Một lần nữa, Chúa phán rằng những ngày đến trước sự Ngài Tái Lâm Ngài sẽ giống như trong đời Lót. Vào thời đó thì nền văn minh đang tiến triển; con người không chỉ ăn uống mà còn mua, bán, trồng lúa, cất dựng. Đó là nỗ lực của con người để mang đến một kỷ nguyên vàng son

trong hòa bình và thịnh vượng mà không cần có Đức Chúa Trời. Vào chính ngày Lôi, vợ và con gái ông ra khỏi thành Sôđôm, thì trời mưa lửa và diêm sinh, giết hết thành gian ác. Ngày Con Người hiện ra cũng một thể nấy. Những ai hướng mình vào sự vui thú, tự thỏa mãn và khoái lạc sẽ bị hủy diệt.

17:31 Sẽ có một ngày khi lòng quyến luyến những điều của thế gian này đẩy đời sống con người vào chỗ hiểm nguy. Nếu anh ta đang ở trên mái nhà, thì đừng cố gắng cứu lấy của cải để trong nhà. Nếu anh ta ở ngoài đồng, thì đừng trở về nữa. Anh ta phải chạy khỏi những nơi đó khi sự phán xét giáng xuống.

17:32 Mặc dù vợ của Lôi bị bắt buộc chạy khỏi thành Sôđôm nhưng lòng bà vẫn còn ở trong thành. Điều này bày tỏ rằng bà quay lại thành. Bà ra khỏi thành Sôđôm nhưng thành Sôđôm không ra khỏi bà. Kết quả là Đức Chúa Trời biến bà thành một tượng muối.

17:33 Ai kiếm cách cứu sự sống mình bằng sự quan tâm đến an toàn của thể xác mà chẳng để ý đến linh hồn mình thì sẽ mất. Ngược lại ai mất sự sống mình trong suốt đời kỳ khổ nạn vì cố trung tín với Chúa thì sẽ được lại cho đời đời.

17:34-36 ⁵¹ Sự đến của Chúa sẽ là lúc phân rẽ. Hai người nằm chung giường. Một người sẽ bị rước đi để chịu phán xét. Còn một người tin Chúa, được để lại để bước vào nước của Đấng Christ. Hai người đàn bà xay chung cối, một người không tin Chúa, bị rước đi trong cơn bão thịnh nộ của

Đức Chúa Trời; còn một, con của Đức Chúa Trời, sẽ được cứu để vui hưởng một ngàn năm phước hạnh với Đấng Christ.

Nhân đây, câu 34 và 35 phù hợp với hình tròn của trái đất. Thực tế thì ban ngày sẽ ở nửa bán cầu và nửa bán cầu kia là ban đêm được tỏ cho thấy qua những sinh hoạt được đề cập, chứng tỏ kiến thức khoa học chưa được phát hiện mãi đến nhiều năm sau.

17:37 Các môn đồ hiểu rõ lời của Chúa Cứu Thế rằng Sự Tái Lâm của Ngài sẽ là sự phán xét kinh khiếp từ trời trên thế gian chối bỏ Chúa này. Vì thế họ hỏi Chúa rằng sự ấy sẽ ở tại đâu? Ngài đáp rằng xác chết ở đâu, chim ó nhóm tại đó. Chim ó hay kêu kêu tượng trưng cho những sự phán xét hầu đến. Vì vậy câu giải đáp là những sự phán xét sẽ giáng xuống trên mọi binh thức bất tín và phản nghịch lại cùng Đức Chúa Trời, dù cho ở bất cứ nơi nào.

Trong đoạn 17, Chúa Jesus cảnh báo với môn đồ Ngài rằng hoạn nạn và bất bớ ở trước mặt. Trước khi sự vinh hiển Ngài hiện ra, họ sẽ phải trải qua những sự thử thách đầy chóng giải. Để chuẩn bị trước, Chúa Cứu Thế dạy dỗ thêm nữa về sự cầu nguyện. Trong những câu kế tiếp, chúng ta thấy một góa phụ cầu nguyện, một người Pnarisai cầu nguyện, một người châu thổ cầu nguyện và một người ăn xin cầu nguyện.

G. Ấn Độ Về Người Góa Phụ Bên Bè (18:1-8)

18:1 Một ấn dụ về người góa phụ cầu nguyện dạy rằng phải cầu nguyện

luôn, chứ hề mỗi mỗi. Điều này là đúng trong một ý nghĩa chung chung về tất cả con người và tất cả mọi hình thức cấu nguyên. Nhưng ý nghĩa thật đặc biệt trong ẩn dụ này là sự cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giải cứu trong những lúc gian nguy. Một sự cầu nguyện **không hề mỗi một** trong suốt thời kỳ dài và một mỗi trong khoảng thời gian giữa sự Giáng Sinh và Tái Lâm của Đấng Christ.

18:2.3 Ẩn dụ về một quan án không công bình, thương người này không kính sợ Đức Chúa Trời và **chẳng ví nổi ai hết**. Có một người đàn bà góa bị đàn áp bởi kẻ **ngịch không danh ránh**. Người đàn bà góa này cứ **đến gặp** quan án cầu xin **lẽ công bình** để bà được giải cứu khỏi sự đối xử độc ác của kẻ thù.

18:4.5 Quan án **chẳng hề rung động** bởi tình pháp lý của trường hợp bà; việc bà bị đối xử cách bất công không hề lay chuyển ông hành động trong danh nghĩa bà. Tuy nhiên, vì sự thương xuyên đến gặp ông đã thúc giục ông hành động. Sự nài nỉ và bêu bi của bà đã mang đến một quyết định có lợi cho bà.

18:6.7 Đoạn, Chúa giải thích cho môn đồ Ngài rằng nếu **quan án không công bình** còn hành động thay cho người góa phụ đáng thương kia vì cơ sự nài nỉ của bà thì **Đức Chúa Trời công bình** còn can thiệp cho **những người đã được chọn** nhiều hơn thế nữa. Ở đây **những người đã được chọn** theo một ý nghĩa đặc biệt nói đến những người Do Thái còn sót lại qua Thời Kỳ Khổ Nạn, nhưng đó cũng là

lẽ thật cho tất cả những tín hữu bị áp bức trong mọi thời đại. Lý do mà Đức Chúa Trời đã không can thiệp trong một thời gian dài là bởi vì Ngài bền bỉ chịu đựng con người và không muốn một ai hư mất cả.

18:8 Nhưng sẽ có một ngày khi Thánh Linh Ngài sẽ không còn nghịch cùng con người nữa thì Ngài sẽ trừng phạt những ai bắt bớ người theo Ngài. Chúa Jesus kết thúc ẩn dụ bằng một câu hỏi, "**Song khi Con Người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng?**" Điều này chắc có ý nghĩa về loại đức tin mà người góa phụ đáng thương có. Nhưng nó cũng biểu thị rằng khi Chúa trở lại thì sẽ có những người còn sót lại là những người thật lòng với Ngài. Trong lúc này, mỗi chúng ta phải được khuấy động loại đức tin kêu cầu Chúa ngày và đêm.

B. Ẩn Dụ Về Người Pharisi và Người Tao Tháo (18:9-14)

18:9-12 Ẩn dụ kế tiếp nói về những con người cậy mình là **người công bình** và khinh để kẻ khác. Bằng cách gán cho người thứ nhất là **một người Pharisi**, Chúa Cứu Thế không để lại nghi ngờ gì về một giai cấp con người cụ thể mà Ngài đang đề cập đến. Mặc dù người Pharisi có danh vẻ như đang cầu nguyện nhưng hẳn không thật sự trò chuyện cùng Đức Chúa Trời. Đụng hơn là hẳn đang khoe khoang sự thành đạt về tôn giáo và đạo đức của chính mình. Thay vì phải so sánh chính mình với tiêu chuẩn hoàn hảo của Đức Chúa Trời để thấy rằng mình là con người tội lỗi như thế nào thì hẳn lại so sánh mình với

những người khác trong cộng đồng và tự lên mình kiêu ngạo vì mình tốt hơn người khác. Sự lặp đi lặp lại đại từ chỉ định "tôi" bộc lộ tình trạng thật của lòng tự cao tự đại.

18:13 Người hầu thuê là một sự tương phản đáng chú ý. **Đứng trước Đức Chúa Trời**, người cảm nhận được sự hoàn toàn chẳng ra chi của mình. Người hạ thấp mình xuống, **không dám ngước mắt lên trời, dấm ngực** mà rằng: "Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội!" Người không nghĩ mình là một kẻ có tội trong chừng kẻ có tội khác, nhưng người chính là *tên* tội nhân không đáng hưởng được điều chi từ nơi Đức Chúa Trời.

18:14 Chúa Jêsus nhắc nhở cho những người nghe rằng tâm linh khiêm nhường và ân nần này được Đức Chúa Trời tiếp nhận. Ngược với những vẻ bề ngoài mà con người biểu thị, người thu thuế **trở về nhà mình được xưng công bình**. Đức Chúa Trời tôn cao kẻ khiêm nhu nhưng Ngài hạ những kẻ tự tôn xuống.

I. Chúa Jêsus và Con Trẻ (18:15-17)

Sự kiện này làm mạnh thêm những gì chúng ta có được trước đó, đó là sự khiêm nhường như con trẻ thì rất cần thiết cho việc bước vào **nước Đức Chúa Trời**. Những người mẹ vây quanh Chúa Jêsus cùng với **con trẻ** mình hầu cho chúng nhận được sự chúc phước từ nơi Ngài. **Môn đồ Ngài** khó chịu vì như vậy thì làm Chúa mất thời giờ. Nhưng Đức Chúa Jêsus gọi họ mà phán rằng: "Hãy để **con trẻ** đến cùng ta, đừng ngăn cấm; vì **Nước Đức**

Chúa Trời thuộc về những người giống như con trẻ ấy." Câu 16 trả lời câu hỏi: "Khi con trẻ chết thì chuyện gì xảy ra?" Và câu giải đáp là con trẻ được lên thiên đàng. Chúa phán thật rõ ràng "**vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những người giống như con trẻ ấy.**"

Con trẻ có thể được cứu ở tuổi còn trẻ. Hầu như chắc chắn là tuổi đó biến đổi theo từng trường hợp của bản thân con trẻ nhưng thực tế vẫn là cho dù bất cứ đứa trẻ nào, không phân biệt tuổi tác, muốn đến với Chúa Jêsus thì phải được cho phép đến cũng như phải được khích lệ trong đức tin nó.

Con trẻ không cần phải trở thành người lớn để được cứu, nhưng người lớn phải cần khiêm nhường và có đức tin giản dị như **con trẻ** hầu được vào **nước Đức Chúa Trời**.

J. Người Trai Trẻ Giàu Có (18:18-30)

18:18,19 Đoạn này minh họa trường hợp của một người không tiếp nhận nước Đức Chúa Trời như con trẻ. Một ngày kia có một quan đến với Chúa, gọi Ngài là **Thầy Nhân Lành** và hỏi ông phải **làm gì để được hưởng sự sống đời đời**. Trước tiên thì Chúa Cứu Thế chất vấn ông trong việc gọi Ngài là *Thầy nhân lành*. Chúa Jêsus nhắc cho ông biết rằng chỉ có **Đức Chúa Trời** là nhân lành. Chúa chúng ta không chối bỏ Ngài là Đức Chúa Trời, nhưng Ngài cứ dấn dặt người quan này tuyên xưng sự thật. Nếu Ngài là nhân tử thì Ngài phải là Đức Chúa Trời vì chỉ có Đức Chúa Trời mới thật tốt lành.

18:20 Sau đó Chúa Jêsus mới giải quyết câu hỏi, tôi phải làm gì cho được hưởng sự sống đời đời? Chúng ta biết rằng sự sống đời đời không phải được hưởng hay có được bởi công việc làm lành. Sự sống đời đời là tặng phẩm của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ. Để đem người quan này trở lại với mười **điều răn**, Chúa Jêsus không có ý muốn nói rằng ông ta có thể được cứu qua việc giữ luật pháp. Nói đúng hơn là Ngài dùng luật pháp với nỗ lực để làm cho người này thấy rõ được tội lỗi mình. Chúa Jêsus đọc lại năm **điều răn** mà bốn phật chúng ta phải áp dụng với đồng loại mình, bản luật pháp thứ hai.

18:21-23 Thật hiển nhiên là luật pháp đã không có tác dụng cáo tội trong cuộc đời của con người này vì ông cao ngạo tuyên bố rằng mình **đã giữ các điều răn ấy từ thuở nhỏ**. Chúa Jêsus phản ứng ông rằng ông thiếu **một điều** yêu kẻ láng giềng mình. Nếu ông thật sự giữ những điều răn này thì chắc có lẽ ông sẽ bán hết gia tài mình và phân phát cho kẻ nghèo. Nhưng sự thật của vấn đề là ông không yêu kẻ láng giềng như yêu mình. Ông đang sống một đời sống tự kỷ, không có tình yêu thật cho kẻ khác. Điều này chứng minh qua việc là nhưng người ấy nghe mấy lời thì trở nên buồn rầu, vì giàu có lắm.

18:24 Khi Chúa Jêsus nhìn ông ta Ngài giá: thích sự khó khăn của người giàu vào nước Đức Chúa Trời. Sự khó khăn là không thể nào mà không yêu mến và tin tưởng vào sự giàu có được.

Cả phần đoạn đây lên những câu hỏi lo lắng cho Cơ Đốc nhân cũng như

người không tin Chúa. Làm sao chúng ta nói là mình thật sự yêu người lân cận mình khi chúng ta sống trong giàu sang tiện nghi trong khi những người khác đang hềo mòn dần vì khao khát Tin Lành của Đấng Christ?

18:25 Chúa Jêsus phán rằng **lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào được nước Đức Chúa Trời**. Nhiều lời giải nghĩa đã được trình bày về sự công bố này. Một số người cho rằng lỗ kim là cái cổng nhỏ trong tường thành và lạc đà có thể chui qua được khi nó qui xuống. Tuy nhiên, bác sĩ Luca dùng từ một cách cụ thể có nghĩa là lỗ kim dùng để phẫu thuật và ý nghĩa lời tuyên bố của Chúa dường như được nổi rõ lên. Nói cách khác thì *không thể* cho lạc đà **chui qua lỗ kim**, có nghĩa là người giàu *không thể* vào nước Đức Chúa Trời. Điều này không đủ để giải thích câu này với ý nghĩa là người giàu không thể, bởi những nỗ lực riêng mình, vào nước Đức Chúa Trời. Điều này không chỉ thật cho người giàu nhưng cũng cho người nghèo nữa. Ý nghĩa ở đây là thật *không thể* cho một người vào nước Đức Chúa Trời *khi người đó giàu có* và coi tài sản của mình là chủa và anh không tin Chúa. Một thực tế đơn giản là không có nhiều người giàu được cứu nếu người đó trước hết không tan vỡ lòng mình trước Đức Chúa Trời.

18:26,27 Khi các môn đệ suy nghĩ về điều này thì họ bắt đầu tự hỏi vậy thì ai **được cứu**? Với họ thì sự giàu có là dấu hiệu của sự chúc phước từ nơi Đức Chúa Trời (Phục Truyền 28:1-8).

Nếu những người Do Thái giàu có không được cứu vậy thì ai có thể được? Chúa **đáp** lại rằng **Đức Chúa Trời** làm những việc con người không thể. Nói cách khác, Đức Chúa Trời có thể cất hết sự tham lam, keo kiệt và vô tâm của những con người theo vật chất, vứt bỏ hết lòng tham mê vàng bạc của họ rồi thay vào đó là tình yêu thật sự dành cho Chúa. Đó là phép lạ của ân điển thiên thượng.

Một lần nữa, cả phần đoạn này dấy lên những câu hỏi lu âu đối với con cái Đức Chúa Trời. Tôi ờ thì không hơn Chủ mình; Chúa Jêsus từ bỏ sự giàu có thiên đàng hầu để cứu những linh hồn tội lỗi của chúng ta. Thật không phù hợp cho chúng ta trở nên giàu có ở thế gian nơi mà Ngài trở nên nghèo khó. Giá trị linh hồn, sự tái làm hầu đến của Đấng Christ, linh yêu không đổi đời của Ngài sẽ hướng chúng ta đến với sự đầu tư vật chất tài sản của mình vào công việc Chúa.

18:28-30 Khi **Phierơ** nhắc cho Chúa biết rằng các môn đệ Ngài đã bỏ nhà cửa và gia đình họ để theo Ngài thì Chúa trả lời rằng đời sống hy sinh đó sẽ được thưởng lại nhiều hơn trong đời này và được nhiều hơn nữa trong cõi đời đời. Phần sau của câu 30 (và đời sau được sự sống đời đời) không có nghĩa là sự sống đời đời có được bởi sự từ bỏ tất cả; đúng hơn là nó nhắc đến năng lực ngày càng tăng trong việc hưởng được những sự vinh quang của thiên đàng cộng vào đó là phần thưởng ngày càng nhiều trong vương quốc Đức Chúa Trời. Nó có nghĩa là "sự nhận thức đầy đủ về đời

sống đã được tiếp nhận ngay lúc chúng ta tin Chúa, nghĩa là, một đời sống dư dật."

K. Chúa Jêsus lại nói trước về sự chết và sự sống lại của Ngài (18:31-34)

18:31-33 Lần thứ ba Chúa đem mười hai sứ đồ riêng ra và cảnh báo cho họ biết cách chi tiết về những gì đang chờ đợi Ngài (xem 9:22, 44). Ngài báo trước khổ hình Ngài chịu là để ứng nghiệm những gì các **đấng tiên tri** thời Cựu Ước đã chép. Thấy trước những gì sắp xảy đến, Ngài tiên đoán một cách tỉnh táo rằng **Ngài** sẽ bị **nộp cho dân ngoại**. "Cò lẽ chắc chắn rằng Ngài sẽ bị giết cách bí mật hay bị ném đá cho đến chết trong sự hỗn loạn."⁵² Nhưng các tiên tri đã báo trước về sự phản bội Ngài, họ sẽ **nhạo báng** Ngài, **mắng nhiếc** Ngài, **nhổ** lên Ngài và điều đó phải xảy ra. Ngài sẽ bị hành hạ và bị giết đi nhưng **đến ngày thứ ba, Ngài** sẽ sống lại.

Những chương còn lại trải ra hàng loạt những sự kiện mà Ngài đã biết trước cách tuyệt vời và đã báo trước:

Chúng ta lên hành Giêrusalem [18:35-19:45]

Con Người sẽ bị **nộp cho dân ngoại** [19:47 23:1]

Họ sẽ **nhạo báng** Ngài, **mắng nhiếc** Ngài (23:1-32)

Họ **giết** Ngài đi (23:33-56)

Đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại [24:1-12]

18:34 Thật lạ lùng, các môn đồ **không hiểu** chi hết. Ý nghĩa lời phán của Ngài: **kin giấu cho môn đồ**. Thật khó cho chúng ta hiểu được tại sao họ lại chậm hiểu vấn đề này, nhưng chắc có lẽ đó là vì lý do: Tâm trí họ đầy

những ý tưởng về một đấng giải cứu tạm thời sẽ cứu họ khỏi ách thống trị của người Lamã và tập lên ngay một vương quốc nên tâm trí họ không chịu thêm chương trình nào khác. Chúng ta thường tin vào những gì chúng ta *muốn* tin và sẽ chống lại lẽ thật nếu nó không phù hợp với những ý niệm *định sẵn* của chúng ta.

L. Sự Chữa Lành Người Ăn Mù (18:35-43)

18:35-37 Giờ thì Chúa Jêsus rời khỏi thành Pêria khi vượt qua sông Giôđanh. Luca nói đến sự kiện sau việc Đức Chúa Jêsus đến gần thành Giêricô. Mathiơ và Mác nói rằng sự kiện đó xảy ra lúc Ngài đương *nhớ* thành Giêricô (Mathiơ 20:29; Mác 10:46). Mathiơ cũng nói là có hai kẻ mù nhưng Mác và Luca nói chỉ có một mà thôi. Chắc có thể Luca đang nói về thành phố mới trong khi Mathiơ và Mác đang có ý nói đến thành cũ. Cũng có thể là có hơn một phép lạ về người mù nhận được sự sáng tại chốn này. Dù có sự giải thích thật sự như thế nào đi chăng nữa thì chúng ta vẫn tin rằng nếu sự *ám* hiểu của chúng ta tương tộn hơn thì những sự dường như mâu thuẫn đó sẽ tan biến đi.

18:38 Bằng cách như thế nào đó mà người xin ăn mù lòa kia nhận ra Đức Chúa Jêsus là Đấng Mêsi vì ông ta gọi Ngài là *con vua Davit*. Ông xin Chúa *thương xót* ông, đó là, phục hồi thị lực ông.

18:39 Bất kể những nỗ lực của người khác làm cho người mù này cảm mệnh, ông ta vẫn cứ *càng* kêu lớn hơn nữa với Chúa Jêsus. Người ta

chẳng quan tâm đến người mù nhưng Chúa Jêsus thì khác.

18:40,41 Đức Chúa Jêsus dừng lại. Darby dẫn giải thật sáng suốt "Giôsuê đã có lần ra lệnh cho mặt trời đứng lại trên bầu trời, nhưng ở đây Chúa của mặt trời, mặt trăng và các tầng trời đứng lại bởi lời van nài của người ăn xin mù lòa." Khi Chúa ra lệnh *đem* người mù lại gần, thì Ngài hỏi ông muốn gì. Chẳng hề đắn đo suy nghĩ, người ăn xin đáp ngay là ông muốn được *sáng mắt*. Lời cầu nguyện của ông thật ngắn gọn, rõ ràng và đầy đức tin.

18:42,43 Đức Chúa Jêsus nhậm lời cầu xin và *ngay tức* thì người *sáng mắt*. Không chỉ thế, ông còn *đi theo* Chúa, ngợi khen Đức Chúa Trời. Chúng ta có lẽ học được bài học từ sự kiện này, đó là chúng ta phải *dám* tin Đức Chúa Trời làm được mọi việc. Đức tin lớn tôn cao Ngài. Như một nhà thơ từng viết:

Bạn đang đi đến với một Vị Vua.

Mang theo bạn đến cầu xin lớn lao

Bởi ăn diện và quyền năng của Ngài bao la đến nỗi.

Không một ai được xem là cầu xin quá nhiều.

John Newton

M. Sự Tin Chúa Của Xachê (19:1-10)

Sự tin Chúa của Xachê minh họa một lẽ thật trong Luca 18:27 "Sự chi người ta không làm được thì Đức Chúa Trời làm được." Xachê là một người giàu có. Thông thường thì khó cho một người giàu bước vào nước Đức Chúa Trời. Nhưng Xachê hạ

mình xuống trước Chúa Cứu Thế và không để sự giàu có mình chen giữa linh hồn ông và Đức Chúa Trời.

19:1-5 Đó là khi Chúa vào thành Giêricô trong chuyến thứ ba và là chuyến sau cùng của Ngài đến thành Giêrusalem và Xachê tìm xem Ngài. Chắc chắn đây là một sự tìm kiếm từ lòng tò mò. Mặc dù ông ta là **đầu bọn hầu thuế** nhưng ông không hổ thẹn làm mọi việc trái với thông lệ liều để thấy được Chúa Cứu Thế. Bởi vì ông **thấp** nên ông biết rằng mình sẽ gặp cản trở khi cố tìm cách thấy Chúa. **Vậy, Xachê chạy trước, trèo lên cây sung** bên mé đường Chúa Jêsus sắp đi qua. Hành động đức tin này không hề bị bỏ qua. Khi Đức Chúa Jêsus đến gần, **ngước mắt lên nhìn Xachê**. Ngài ra lệnh bảo ông xuống cho mau và tự Ngài muốn đến nhà người thu thuế này. Đây là một nơi duy nhất được ghi lại là tự Chúa muốn đến một nhà.

19:6 Xachê làm theo những gì ông được phán và **mừng rỡ** Chúa. Chúng ta có thể xem lúc này là thời điểm mà ông ta tin Chúa.

19:7 Những người chỉ trích Chúa đều **làm bầm** nghịch lại cùng Ngài bởi vì Ngài **vào nhà kẻ có tội mà trọ**. Họ không chú ý tới một thực tại rằng Ngài vào trong thế giới của chúng ta hầu để đến với những nhà như thế này.

19:8 Sự cứu rỗi đã mang tới một sự thay đổi triệt để trong cuộc đời của người thu thuế này. Ông thông báo với Chúa Cứu Thế rằng giờ đây ông có ý định lấy **nửa gia tài mình mà cho kẻ nghèo**. (Cho với thời điểm này thì ông đã đục khoét càng nhiều càng tốt

trên người nghèo.) Ông cũng hứa đến lại **gấp lư tiền** của ai mà ông đã làm thiệt hại. Điều này có hơn điều răn trong luật pháp (Xuất 22:4, 7; Lêvi Ký 6:5; Dân Số 5:7). Nó bày tỏ rằng bây giờ thì Xachê được kiểm soát bằng tình yêu thương chứ không như trước đây bị lòng tham làm chủ.

Có một ít nghi ngờ rằng Xachê đã làm giàu một cách bất chính. Wuest diễn dịch câu 8b: "Và khi có làm thiệt hại ai..." Trong đó không có chữ "nếu".

Điều này nghe có vẻ như Xachê đang khoe khoang lòng nhân đức của mình và tin cậy nó cho sự cứu rỗi ông. Không phải là như vậy. Ông muốn nói rằng đời sống mới của ông trong Đấng Christ đã làm cho ông khao khát đến bù lại những gì trong quá khứ và là lòng biết ơn Chúa cho sự cứu rỗi ông. Giờ đây ông muốn sử dụng tiền bạc mình cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và cho sự chúc phước những người lân cận ông.

Câu 8 là một trong những câu Kinh Thánh mạnh mẽ nhất về việc bồi thường lại. Sự cứu rỗi không phải làm cho người ta cảm thấy nhẹ nhàng trong việc làm đúng lại những sai trật của mình trong quá khứ. Nợ nần bị mắc trong những ngày chưa tin Chúa không hề được trả hết bởi sự sinh mới lại. Và nếu tiền bạc lấy cắp trước khi được sự cứu rỗi thì ý nghĩa thật trong ân điển của Đức Chúa Trời đòi hỏi tiền đó phải được trả lại khi người ta trở nên con cái của Ngài.

19:9 Đức Chúa Jêsus cũng tỏ thành thần rằng hôm nay **sự cứu rỗi đã vào nhà** của Xachê bởi vì ông là

con cháu Ápraham. Sự cứu rỗi không đến vì Xachê sinh ra là người Do Thái. Ở đây sự điển tả "con cháu Ápraham" biểu thị một điều gì đó hơn là đồng đôi tự nhiên. Nó có nghĩa là Xachê đang thực hành cũng một đức tin trong Chúa mà Ápraham có. Cũng vậy, sự cứu rỗi không đến với nhà Xachê vì việc thiện hay việc bối thương của ông (câu 8). Những điều này là hiệu quả của sự cứu rỗi chứ nó không phải là nguyên nhân.

19:10 Để đáp lại với những người chỉ trích Ngài trụ trong nhà kẻ có tội, Chúa Jêsus phán: "**Bởi Con Người đến tìm và cứu kẻ bị mất.**" Nói cách khác, việc Xachê tin Chúa là sự hoàn thành mục đích chính khi Đấng Christ đến thế gian này.

M. Ẩn Dụ Về Mười Nền Bạc (19:11-27)

19:11 Khi Chúa Cứu Thế từ thành Giêricô đến gần thành Giêrusalem, nhiều môn đồ Chúa tưởng rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay. Trong ẩn dụ về mười nền bạc,⁵³ Ngài làm cho họ tỉnh ngộ khỏi những hy vọng này. Ngài bày tỏ rằng sẽ có một thời kỳ giữa Sự Giáng Sinh và Sự Tái Lâm của Ngài, các môn đồ Ngài phải hạn rận vì Ngài.

19:12,13 Ẩn dụ về một vị thế tử có một mối quan hệ tương đồng trong lịch sử Archelaus. Ông được vua Hêrốt cho làm người kế vị nhưng lại bị dân chúng từ chối. Ông đi tới Rôma để được chứng thực sự bổ nhiệm mình và sau đó thì trở về khen thưởng đầy tớ và hủy diệt kẻ thù mình.

Trong ẩn dụ này, Chúa Jêsus chính là vị thế tử đi rời thiên đàng để

chờ đợi thời điểm mà Ngài sẽ trở về và lập nên nước Ngài trên đất và Ngài sẽ làm vua. Mười người đầy tớ là điển hình cho những môn đồ Ngài. Ngài ban cho mỗi người trong bọn họ một nền bạc và bảo họ hãy dùng bạc này sanh lợi cho đến khi Ngài trở lại. Khi mỗi một người trong những đầy tớ Chúa có những tài năng và khả năng khác nhau (xem ẩn dụ về những tài năng trong Mathê 25:14-30) thì họ vẫn có một điều gì đó chung như những đặc ân chia sẻ Tin Lành, trình bày Đấng Christ cho thế gian và đặc ân trong sự cứu rỗi. Rõ ràng rằng những nền bạc nói về những điều này.

19:14 Dân xứ ấy đại diện cho quốc gia Do Thái. Họ không chỉ chối bỏ Ngài nhưng ngay sau khi Ngài ra đi thì họ sai sứ theo dạng nói rằng: "**Chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi!**" Sứ ở đây có thể đại diện cho sự cư xử của họ đối với các tín đồ của Đấng Christ giống như Êtiôp, và những người luận đạo khác nữa.

19:15 Ở đây chúng ta thấy rằng Chúa sẵn sàng trở lại để lập nước mà Ngài làm vua. Rồi Ngài sẽ tỉnh với các đầy tớ đã lãnh bạc.

Trong thời điểm hiện tại này thì những tin hữu sẽ được xem xét sự phục vụ của họ tại Ngài Phán Xét của Đấng Christ. Việc này xảy ra tại thiên đàng sau thời kỳ Được Gát Lên.

Những người Do Thái trung tín còn sót lại sẽ làm chứng cho Đấng Christ trong suốt Thời Kỳ Khổ Nạn sẽ được xem xét lại khi Chúa Tái Lâm. Đây chính là sự phán xét: dường như

chính yếu trong phần đoạn Kinh Thánh này.

19:16 Đấy tờ thứ nhất thưa rằng **nên bạc** của chúa **sanh lợi ra được mười nên**. Anh ta có một sự nhận thức rằng tiền này không phải của riêng anh ta ("nên bạc của chúa") và anh ta dùng hết khả năng mình để làm lợi cho chủ.

19:17 Người chủ khen anh ta **trung tín trong sự nhỏ mọn** – một sự nhắc nhở rằng sau khi chúng ta làm hết sức mình thì chúng ta vẫn là những đấng tở vô ích. Phần thưởng của anh ta là được cai trị **mười thành**. Phần thưởng cho việc phục vụ trung tín hình như liên hệ đến sự cai trị trong vương quốc của Đấng Christ. Phạm vi mà môn đồ sẽ cai trị được quyết định theo mức độ tận hiến và hy sinh.

19:18,19 Đấy tờ thứ hai thưa nên **bạc** của chúa **sanh lợi ra được năm nên**. Phần thưởng của anh ta là được cai trị **năm thành**.

19:20,21 Người thứ ba đến chẳng có gì ngoài những cái cũ. Anh ta trả lại nên bạc được **giữ** rất cẩn thận... trong **khăn**. Anh ta chẳng làm lợi gì hết. Tại sao không? Anh ta chỉ biết đổ lỗi cho vị thế tở. Anh ta nói vị thế tở là người **nghiêm nhặt** lấy trong nơi không để và gặt: trong chỗ không gieo. Nhưng chính lời của anh ta kết tội anh. Nếu anh ta nghĩ rằng vị thế tở kia như thế thì ít ra anh ta phải bỏ nên bạc kia vào trong ngân hàng để nó có thể sanh lợi một ít chứ.

19:22 Trong việc trích lời của vị thế tở, Chúa Jêsus không thừa nhận là nó đúng thật. Nó đơn giản là tâm lòng

tội lỗi của người đấng tở đổ lỗi hết cho người chủ mình vì tình lười biếng của anh ta. Nhưng nếu anh ta thật sự tin vào những lời đó thì đáng lẽ ra anh ta nên hành động y theo vậy.

19:23 Câu 23 dường như có ngụ ý rằng chúng ta nên một là dành hết những gì chúng ta có để hầu việc Ngài và hai là chúng ta nên giao cho người khác sẽ dùng nó cho Chúa.

19:24-26 Lời phán quyết của vị thế tở cho người đấng tở thứ ba là **lấy nên bạc nó đi**, cho người đầu tiên là **người có mười nên**. Nếu chúng ta không dùng cơ hội mình cho Chúa thì những cơ hội đó sẽ bị cất khỏi chúng ta. Nói cách khác là nếu chúng ta trung tín trong việc nhỏ, Đức Chúa Trời sẽ thấy rằng chúng ta không bao giờ thiếu phương tiện để hầu việc Ngài việc lớn hơn. Đối với một vài người thì dường như bất công quá khi **một nên bạc** lại được cho thêm một người đã có **mười nên** rồi, nhưng đây lại là nguyên tắc bất di bất dịch trong đời sống thuộc linh cho những ai yêu mến Chúa và hầu việc Ngài cách hết lòng thì sẽ được ban cho nhiều cơ hội nữa. Không nắm lấy được cơ hội sẽ dần đến mất hết tất cả.

Người đấng tở thứ ba phải chịu mất đi phần thưởng mình nhưng không có hình phạt nên được định rõ. Hình như là không có vấn đề gì về sự cứu rỗi của anh ta.

19:27 Những ai không muốn vì thế tở cai trị bị lên án là **những kẻ nghịch** và bị kết tội chết. Đây là điều dự báo đau buồn cho những quốc gia chối từ Đấng Christ.

X. CON NGƯỜI TẠI THÀNH GIÉRUSALEM (19:28- 21:38)

A. Sự Vào Thành Cách Khỏi Hoàn (19:28- 40)

19:28-34 Bấy giờ là Chúa Nhật trước khi Ngài chịu đóng đinh. Chúa đến gần sườn đồi phía đông núi Ôlive trên đường đến Giêrusalem. Khi đến gần thành Bêphagiê và Bêthani... Ngài sai hai môn đồ đi vào làng dẫn về một con lừa con để Ngài vào thành Giêrusalem. Ngài bảo họ chính xác nơi sẽ tìm thấy con lừa và những lời của các chủ lừa sẽ nói. Sau khi môn đồ giải thích sự mạng của họ, các chủ lừa dường như rất sẵn lòng thả lừa của mình cho Chúa Jêsus sử dụng. Có lẽ trước đó họ đã được phước qua chức vụ của Chúa và đã để nghị giúp đỡ Chúa bất cứ lúc nào Ngài cần.

19:35-38 Các môn đồ làm một tấm đệm hay yên lừa cho Chúa bằng chính áo của họ. Nhiều người rải áo trên đường trước mặt Ngài khi Ngài từ chân núi phía tây núi Ôlive đi lên Giêrusalem. Rồi những người theo Chúa Jêsus đồng thanh la lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời về những phép lạ mình đã thấy Ngài làm. Họ tung hô Ngài là Vua trong Danh Đức Chúa Trời, và hò reo sự hiển đến của Ngài đem đến bình an ở trên trời, và vinh hiển trên các nơi rất cao. Thật rất ý nghĩa khi họ kêu lên "bình an ở trên trời" thay vì "bình an dưới đất." Không thể có bình an dưới đất vì Vua Bình An đã bị khước từ và sắp bị giết. Nhưng sẽ có bình an ở trên trời do kết quả sự chết sắp đến của Đấng Christ trên thập tự giá tại đồi Gôgôtha và sự thắng thiên của Ngài.

19:39,40 Người Pharisi phản nộ vì Chúa Jêsus được tôn kính công khai như vậy. Họ gợi ý Ngài nên quở trách các môn đồ. Nhưng Chúa Jêsus đáp rằng không thể tránh lời tung hô như thế. Nếu các môn đồ không tung hô như thế, đã sẽ tung hô! Như vậy, Ngài đã quở người Pharisi mắc tội cứng lòng và không chịu đáp ứng hơn cả những hòn đá vô tri vô giác.

B. Con Người Khóc Về Thành Giêrusalem (19:41-44)

19:41,42 Khi Chúa Jêsus đến gần Giêrusalem, Ngài đã than khóc về chính thành đã bỏ lỡ cơ hội bằng vàng đó. Giống như dân chúng chỉ cần đón tiếp Ngài trong tư cách Đấng Mêsia thôi, điều đó ắt có nghĩa bình an cho họ rồi. Nhưng họ không nhận ra Ngài là nguồn bình an. Giờ đây đã quá trễ. Họ đã quyết định phải làm gì với Con Đức Chúa Trời rồi. Vì khước từ Ngài, nên mắt họ mù. Vì không chịu nhìn Ngài, nên họ sẽ không còn có thể thấy Ngài nữa.

Hãy dừng ở đây để suy gẫm điều kỳ diệu về những giọt nước mắt của Cứu Chúa. Đừng như W. H. Griffith Thomas đã nói: "Chúng ta hãy ngồi dưới chân Đấng Christ cho đến khi học biết bị quyết về những giọt nước mắt của Ngài, và ngắm nhìn những tội lỗi và buồn rầu của thành phố và miền đồng quê, cùng khóc về chúng nữa."⁵²

19:43-44 Chúa Jêsus long trọng duyệt trước về cuộc vây thành của Titus - thế nào vị đại tướng Lamã này sẽ vây thành, nhốt cư dân, tàn sát cả trẻ lẫn già, san bằng các vách thành và nhà cửa. Không còn hòn đá này

chống lên **hòn đá** kia nữa. Và sở dĩ như vậy vì Giêrusalem **đã không biết** lúc nó **được thăm viếng**. Chúa đã đến thăm thành đem theo lời mời ban sự cứu rỗi. Nhưng dân chúng không muốn Ngài. Họ không có chỗ cho Ngài trong kế hoạch của họ.

C. Sự Tẩy Rửa Đến Thờ Lớn Thứ Hai (19:45,46)

Chúa Jêsus đã tẩy rửa đến thờ vào đầu chức vụ công khai của Ngài (Giăng 2:14-17). Giờ đây khi chức vụ của Chúa nhanh chóng tiến đến kết thúc, Ngài bước vào khu vực thiêng liêng này và **đuổi những kẻ đang biến nhà cầu nguyện thành hang trộm cướp** ra khỏi khu vực ấy. Luôn luôn có nguy cơ đưa chủ nghĩa thương mại vào trong những vấn đề thuộc về Đức Chúa Trời. Cơ Đốc giáo giới ngày nay đã lên men bởi tệ nạn này: Những cửa hàng phúc thiện của giáo hội và những buổi họp mặt thân mật của Hội Thánh, nhưng đồng cơ kinh tài có tổ chức, giảng đạo vì lợi - và mọi điều ấy đều nhân danh Đấng Christ mà làm.

Đấng Christ đã trích Kinh Thánh (Êsai 56:7 và Giêrêmi 7:11) để hậu thuẫn hành động của Ngài. Mọi cuộc cải cách những thói lạm dụng trong Hội Thánh đều phải được xây dựng trên Lời Chúa.

D. Dạy Đồ Hằng Ngày Trong Đến Thờ (19:47,48)

Chúa Jêsus đang dạy đồ hằng ngày trong khu vực **đền thờ** không phải ở bên trong đền thờ, nhưng trong những hành lang nơi dân chúng được phép đến. Các lãnh đạo tôn giáo mong tìm cơ nào đó để giết Ngài, nhưng **đến**

chúng vẫn bị thu hút bởi người Naxarét làm phép lạ kia. Giờ Ngài vẫn chưa đến. Nhưng giờ ấy sắp đến, và bấy giờ những **thầy tế lễ cả, những thầy thông giáo** và những người Pharisi lại càng tiến sát đến vụ án giết Ngài hơn.

Bảy giờ là ngày Thứ Hai. Ngày hôm sau, tức Thứ Ba, là ngày cuối cùng trong công tác dạy dỗ công khai của Ngài, được mô tả trong 20:1-22:6.

E. Chất Vấn Thẩm Quyền Của Con Người - (20:1-8)

20:1-2 Bức tranh tuyệt vời biết bao! Giáo Sư Bạc Thầy công bố Tin Lành cách không mệt mỏi dưới bóng mát của **đền thờ**, và các lãnh đạo của Ysraêl lao xược thách thức quyền dạy dỗ của Ngài. Đối với họ, Jêsus chỉ là gã thợ mộc quê ở Naxarét. Jêsus chẳng được học hỏi chính thức bao nhiêu, không có bằng cấp học thuật, không hề có sự phê chuẩn của ban lãnh đạo giáo hội. Ngài có những giấy chứng nhận nào? **At** cho Ngài **quyền phép này** để giảng dạy cho người khác và dọn sạch đền thờ? Họ muốn biết!

20:3-8 Chúa Jêsus **đáp lời** bằng cách nêu cho họ một câu hỏi; nếu trả lời đúng thì họ đã tự trả lời được câu hỏi của chính họ. **Phép báp têm của Giăng** được Đức Chúa Trời phê chuẩn, hay đó chỉ là thẩm quyền của con người? Họ đã kẹt cứng. Nếu công nhận Giăng giảng đạo với sự phê chuẩn thiên thượng, thì vì sao họ không vâng theo sứ điệp của Giăng để an nãn và đón tiếp Đấng Mesi mà Giăng rao giảng? Nhưng nếu nói Giăng chỉ là một thầy giáo chuyên

ngiệp khác nữa, họ sẽ chọc giận dân chúng, vì dân chúng công nhận Giảng là Đấng tiên tri của Đức Chúa Trời. Vì vậy họ nói: "**Chúng tôi không biết Giảng nhận được quyền phép ấy từ đâu.**" Chúa Jêsus trả lời: "*Được rồi, trong trường hợp đó, ta cũng không nói cho các ngươi biết ta dạy bởi thẩm quyền của ai.*" Nếu không nói được bấy nhiêu điều về Giảng, sao họ còn thạc mạt thẩm quyền của Đấng còn cao trọng hơn cả Giảng làm gì? Phần đoạn này cho thấy điều thiết yếu lớn lao trong công tác dạy Lời Chúa chính là được đầy đầy Đức Thánh Linh. Người có sự ban cho ấy thì có thể đắc thắng những người mà năng quyền của họ được học trong bảng cấp, danh xưng, tước hiệu và nhưng sự tôn trọng của con người.

"Anh nhận bằng cấp của anh từ đâu? Ai phong chức cho anh?" Những câu hỏi ngày xưa, chắc xuất phát do lòng ganh tị, vẫn đang được nêu lên ngày nay. Vì truyền đạo Tin Lành thành công nào chưa bước đến những giảng đường thần học của một đại học danh tiếng nào đó hay nơi nào khác thì sẽ bị thách thức về tinh xứng đáng và tinh hiệu lực của sự phong chức cho ông.

F. Ẩn Dụ Về Những Người Trống Nho Gian Ác (20:9-18)

20:9-12 Sự khao khát kiến tri của tâm lòng Đức Chúa Trời đối với dân Ysraên được thuật lại lần nữa trong ẩn dụ về vườn nho này. Đức Chúa Trời là một người kia đã cho những kẻ trống nho (những lãnh đạo của dân Ysraên - xem Êsai 5:1-7) thuê vườn

nho (là dân Ysraên). Chủ sai các đầy tớ đến với những người trống nho để nhận một phần hoa lợi; những đầy tớ này là các tiên tri của Đức Chúa Trời, như Êsai và Giảng Báp-tít, tức những người tìm cách kêu dân Ysraên ăn năn và tin Ngài. Nhưng những người cai trị của Ysraên luôn luôn bắt bớ Đấng tiên tri.

20:13 Cuối cùng, Đức Chúa Trời sai Con Trai yêu dấu của Ngài đến, với ý định rõ ràng rằng họ sẽ kính nể Ngài (dấu vậy Đức Chúa Trời đương nhiên biết Đấng Christ sẽ bị khước từ). Để ý Đấng Christ phân biệt Ngài khỏi mọi người khác. Họ là những đầy tớ; Ngài là Con.

20:14 Đúng như lịch sử quá khứ của họ, những người trống nho quyết tâm loại người con kế tự này. Họ muốn chiếm những quyền lợi độc quyền để làm lãnh đạo và người dạy dân sự - "hầu cho già tãi nó sẽ về chúng ta." Họ sẽ không nộp địa vị tôn giáo của họ cho Chúa Jêsus. Nếu họ giết Ngài, uy quyền của họ trong Ysraên sẽ không còn bị thách thức nữa - hoặc họ nghĩ như thế.

20:15-17 Họ bèn liệng con trai ấy ra ngoài vườn nho, và giết đi. Đến lúc này, Chúa hỏi những thính giả Do Thái của Ngài xem chủ vườn nho sẽ xử thế nào với những người trống nho gian ác ấy. Trong Mathiơ, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão tư kết án họ bằng cách trả lời chủ sẽ giết bọn thuê vườn nho (Mathiơ 21:41). Ở đây, chính Chúa đưa ra câu trả lời: "**Chủ ấy chắc sẽ đến diệt những kẻ trống nho này, rồi lấy vườn giao cho người**

khác." Điều này có nghĩa nhưng người Do Thái khước từ Đấng Christ đây sẽ bị tiêu diệt, và Đức Chúa Trời sẽ đem những người khác vào địa vị đặc ân này. "Người khác" ở đây có thể nói đến những người ngoại bang hay dân Ysraên được rỗi sanh của thời sau rốt. Người Do Thái đối ngược trước lời để nghi như thế. Họ nói: "Đức Chúa Trời nào nữ vậy!" Chúa khẳng định lời dự ngôn này bằng cách trích Thi thiên 118:22. Những thợ xây người Do Thái đã bỏ Đấng Christ, là Hòn Đá ra ngoài. Họ không dành chỗ trong kế hoạch của họ cho Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời đã quyết định Đấng Christ sẽ có địa vị nổi bật, bằng cách khiến Đấng Christ trở nên đá góc nhà, một hòn đá không thể thiếu và được đặt ở địa vị tôn trọng nhất.

20:18 Hai lần hiện đến của Đấng Christ được nêu trong câu 18.⁵⁵ Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất của Ngài được mô tả như hòn đá trên mặt đất; con người đã vấp vào sự hạ mình thấp hèn của Ngài, và họ đã bị đập nát vì khước từ Ngài. Trong phần thứ nhì của câu, ta thấy hòn đá đang từ trời rơi xuống và nghiền nát những người không tin thành bột (Bản Anh ngữ).

6. MỘT LẠI CHO SÊSA VÀ CHO ĐỨC CHÚA TRỜI (20:19-26)

20:19,20 Các thầy tế lễ cả và thầy thông giáo nhận thấy Chúa Jêsus đang nói chống lại họ, vì vậy họ càng cương quyết giết Ngài. Họ sai mấy kẻ do thám đến gần bẫy để Ngài nói ra điều gì đó hầu quan tổng đốc Lamã có thể vịn vào đó để bắt và xét xử Ngài.

Những thăm tử này trước tiên ca ngợi Ngài là người hèn phải trung tín với Đức Chúa Trời bằng mọi giá mà không sợ con người - với hy vọng Ngài sẽ nói chống lại Sêsa.

20:21,22 Rồi họ hỏi Ngài xem một người Do Thái nộp thuế cho Sêsa thì có đúng không. Nếu Chúa Jêsus nói không, thì họ sẽ kiện Ngài về tội phản quốc và nộp Ngài cho người Lamã xét xử. Nếu Ngài nói đúng, Ngài sẽ khiến cho phe Hêrốt (và đại đa số dân Do Thái, về vấn đề đó) xa lánh Ngài.

20:23,24 Chúa Jêsus nhận thấy âm mưu chống Ngài ở đây. Ngài bảo họ đưa Ngài một đống tiền; có lẽ chính Ngài không có một đồng đơniê nữa. Chính sự kiện họ có và sử dụng những đồng tiền này cho thấy họ đang nỗ lực thế lực ngoại bang. Chúa Jêsus hỏi: "Đơniê này mang hình và hiệu của ai?" Họ thừa nhận đó là hình và hiệu của Sêsa.

20:25,26 Rồi Chúa Jêsus khiến họ nín lặng bởi rao giảng: "Vậy thì của Sêsa hãy trả lại cho Sêsa, của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời." Họ có vẻ rất quan tâm lợi ích của Sêsa nhưng họ hầu như không quan tâm được như thế về lợi ích của Đức Chúa Trời. "Tiền thuộc về Sêsa, còn các người thuộc về Đức Chúa Trời. Hãy để thế gian có những đồng tiền của nó, nhưng hãy để Đức Chúa Trời có những tạo vật của Ngài." Rất dễ để lý sự về những vấn đề nhỏ nhặt đang khi bỏ bê những điều chính yếu trong đời sống. Và rất dễ để chúng ta trả những món nợ cho người đồng loại mình trong khi lại cướp mắt của Đức

Chúa Trời những điều hoàn toàn thuộc quyền của Ngài.

M. Người Pharisi Và Câu Đố Về Sự Phục Sinh Của Họ (20:27-44)

20:27 Vì nỗ lực giải bầy Chúa Giêsu bằng một câu hỏi về chính trị đã thất bại, nên mấy người Saduse đến gần Đức Chúa Giêsu để đặt câu hỏi thần học. Họ phủ nhận khả năng thân thể người chết sẽ được sống lại, vì vậy, họ tìm cách dùng một minh họa quá đáng để biến giáo lý về sự sống lại trở nên lố bịch.

20:28-33 Họ nhắc Chúa Giêsu nhớ trong luật pháp Môise, người nam độc thân có bốn phật, phải cưới vợ góa của anh trai mình để lưu danh gia đình và giữ gìn tài sản dòng họ (Phục truyền Luật lệ Ký 25:5). Theo câu chuyện của họ, một người nữ kia cưới bảy anh em trai liên tiếp. Khi người thứ bảy qua đời, nàng vẫn không có con. Rồi nàng cũng chết. Họ muốn biết "Vậy thì đến ngày sống lại, đàn bà đó sẽ là vợ ai?" Họ nghĩ mình rất khôn khéo khi đưa ra nạn đề không thể trả lời được như thế.

20:34 Chúa Giêsu trả lời rằng mối quan hệ hôn nhân chỉ dành cho đời này mà thôi; mối quan hệ ấy sẽ không tiếp tục trên Thiên đàng. Ngài không nói những người chồng và những người vợ sẽ không nhận ra nhau trên Thiên đàng, nhưng những mối quan hệ của họ nơi đó sẽ hoàn toàn dựa trên cơ sở khác hẳn.

20:35 Cụm từ "những kẻ đã được kẻ đáng dự phần đời sau" không gợi ý rằng đích thân người đó xứng đáng được đi Thiên đàng; sự xứng đáng duy

nhất tội nhân có được chính là sự xứng đáng của Chúa Giêsu Christ. "Những người được kể là xứng đáng chính là những người đã tự tra xét mình, những người đã xác nhận Đấng Christ, những người sở hữu toàn bộ sự xứng đáng thuộc về Ngài."⁵⁶ Cụm từ "lữ kẻ chết sống lại" nói đến sự sống lại của tin hữu mà thôi. Nguyên văn cụm từ này có nghĩa *sự sống lại* ra khỏi (Hy van: ek) những kẻ chết. Ý tưởng về sự sống lại phổ thông trong đó mọi người chết - cả người chết đã được cứu lẫn chưa được cứu - được sống lại vào cùng thời điểm là ý tưởng không tìm thấy trong Kinh Thánh.

20:36 Sự ưu việt của tình trạng trên Thiên đàng được cho thấy thêm trong câu 36. Không còn sự chết nữa; về phương diện đó, con người sẽ giống như thiên sứ. Họ cũng sẽ được bày tỏ ra như những con trai của Đức Chúa Trời. Tin hữu là con Đức Chúa Trời rồi, nhưng không phải theo lệ tiết bề ngoài. Trên Thiên đàng, họ sẽ được bày tỏ như hình ảnh con Đức Chúa Trời. Sự kiện họ dự phần trong Sự Sống Lại Thứ Nhất bảo đảm cho điều này. "Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như với có thật vậy" (I. Cô-rinh 3:2). "Khi nào Đấng Christ, là sự sống của anh em, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển" (Cô-lô-se 3:4).

20:37-38 Để chứng minh sự sống lại, Chúa Giêsu trưng dẫn Xuất Êdíp-tô Ký 3:6, trong câu đó Môise trích lời Đức Giêhôva đang gọi chính Ngài là Đức Chúa Trời của Ápraham. Đức

Chúa Trời của Ysac, và Đức Chúa Trời của Giacóp. Giờ đây, nếu người Saduse chịu dừng lại suy nghĩ thôi, họ sẽ nhận thấy ngay: (1) Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống. (2) **Ápraham, Ysac, và Giacóp** thấy đều đã chết. Kết luận tất nhiên ấy là Đức Chúa Trời phải khiến họ từ kẻ chết sống lại. Chúa không phán: "Ta đã là Đức Chúa Trời của Ápraham..." nhưng phán: "Ta *là*..." là Đức Chúa Trời của kẻ sống, đặc tành của Đức Chúa Trời đòi hỏi phải có sự sống lại.

20:39-44 **Mấy thấy thông giáo** phải thừa nhận sức mạnh của lập luận này. Nhưng Chúa Jêsus chưa kết thúc; một lần nữa, Ngài lại viện dẫn Lời Đức Chúa Trời. Trong Thithiêc. 110:1, **Đavit** gọi Đấng Mesi là **Chúa** của ông. Người Do Thái nói chung đồng ý Đấng Mesi sẽ là **Con** của **Đavit**. Làm sao Đấng Mesi đồng thời vừa là **Chúa** của **Đavit** vừa là **Con** của **Đavit**? Chính Chúa Jêsus là câu trả lời cho thắc mắc này. Ngài ra từ **Đavit** với tư cách **Con** Người; thế nhưng Ngài là Đấng Tạo Hóa của **Đavit**. Nhưng họ đã quá mù quáng đến nỗi không thấy được.

I. Cảnh Cao Những Thấy Thông Giáo (20:45-47)

Kể đến Chúa công khai cảnh cáo đoàn dân về **những thấy thông giáo**. Họ mặc áo dài, giả vờ kính kiến. Họ thích được gọi bằng những danh xưng xuất sắc lỏi lạc khi bước qua **các phố chợ**. Họ vận động để được **những chỗ ngồi** bất trong **nhà hội** và tại bàn tiệc. Nhưng họ đã cướp của dành dùm dương giả của những góa phụ không

ai binh vực, họ che đậy sự gian ác của họ bằng **những lời cầu nguyện dài**. Sự giả hình như thế sẽ bị hình phạt càng nghiêm khắc hơn.

J. Hai Bổng Tiến Áo Một Pháo Tư Xư Của Góa Phụ (21:1-4)

Khi Chúa Jêsus nhìn **người giàu bỏ tiền lễ vào rương**, Ngài sùng sốt trước sự tương phản giữa **người giàu và một bà góa nghèo nọ**. Người giàu dâng của dư, nhưng bà dâng **hết**. Theo cách đánh giá của Đức Chúa Trời, bà dâng **nhiều hơn hết** thầy mọi người khác cộng lại. Họ dâng **của dư**; bà dâng **trong cảnh nghèo khó của mình**. Người giàu đã dâng những điều mà họ hy sinh rất ít hoặc không hy sinh chút nào; bà đã dâng **hết của mình có**. "Vàng của sự sung túc được đem dâng vì cứ không cần đến nó, Đức Chúa Trời ném nó xuống vực sâu không đáy; nhưng đóng xu nhuộm máu, Ngài nhắc lên hòn vào đồng vàng này của cõi đời đời."⁵⁷

K. Phác Họa Những Biến Cố Tương Lai (21:5-11)

Câu 5-33 hợp thành bài giảng riêng tri vi đại. Mặc dầu nó tương tự với Bài Giảng Trên Núi Ôlive trong Mathiô 24 và 25, nhưng đây không phải là cùng một bài. Một lần nữa, chúng ta nên nhớ nhưng sự khác biệt trong các sách Tin Lành mang ý nghĩa rất sâu xa.

Trong bài giảng này, chúng ta thấy Chúa nói: luận phiên về sự hủy phá thành Giêrusalem vào năm 70 S.C. nói về những tình trạng sẽ xảy đến trước Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Ngài. Đây là minh họa về luật tham

chiếu kếp - những lời dự ngôn của Ngài chẳng bao lâu sẽ được ứng nghiệm một phần trong cuộc vây thành của Titus, nhưng chúng sẽ có sự ứng nghiệm xa hơn và đầy đủ vào cuối Thời Kỳ Đại Nạn.

Bố cục bài giảng này dường như sau:

1. Chúa Jêsus báo trước sự hủy phá Giêrusalem (câu 5,6).

2. Các môn đồ hỏi khi nào điều này xảy ra (câu 7).

3. Chúa Jêsus trước hết nêu bức tranh chung về những biến cố xảy đến trước Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai của Ngài (câu 8-11).

4. Tiếp theo, Ngài nêu bức tranh về sự sụp đổ của Giêrusalem và thời đại theo tiếp đó (câu 12-24).

5. Cuối cùng, Ngài nói về những dấu hiệu sẽ đến trước Sự Tái Lâm của Ngài và khuyên môn đồ sống trong sự trông đợi Ngài tái lâm (câu 25-26).

21:5,6 Khi có mấy người thân phục về lòng lấy của đến thờ Hêrốt, Chúa Jêsus cảnh cáo họ đừng mãi ám ảnh những thứ vật chất mà chúng sẽ nhanh chóng qua đi. Sắp đến những ngày mà đến thờ sẽ hoàn toàn bị san bằng.

21:7 Các môn đồ lập tức trở nên tò mò muốn biết khi nào điều này xảy ra và có điểm gì nào trước điều ấy sắp đến gần. Rõ ràng thắc mắc của họ nói độc nhất đến sự hủy phá Giêrusalem.

21:8-11 Câu trả lời của Cứu Chúa thoát tiền đường như đưa họ đến cuối đời này khi đến thờ sẽ bị hủy phá lần nữa trước lúc thiết lập vương quốc. Sẽ có những đảng Mêsai giả và những tin

đốn sai lầm, chiến tranh và biến loạn. Không những có xung đột giữa các dân, mà còn những tai ương lớn của cõi thiên nhiên - động đất lớn, có đôi kèm và dịch lệ trong nhiều nơi, có những điểm lạ kinh khiếp, nhưng nổi kinh hoàng, và dấu lạ lớn ở trên trời.

L. Thời Kỳ Trước Ngày Cuối Cùng (21:12-19)

21:12-15 Trong phần trước, Chúa đã mô tả những biến cố đến ngay trước ngày cuối cùng. Câu 12 được mở đầu bằng cụm từ "song trước những điều đó...." Vì vậy, chúng ta tin câu 12-14 mô tả thời kỳ giữa thời điểm của bài giảng này và Thời Kỳ Đại Nạn trong tương lai. Các môn đồ Ngài sẽ bị ngăn chặn, bị bắt bớ, bị xét xử trước các thế lực tôn giáo và dân sự, và bị bỏ tù. Có lẽ điều đó dường như là thất bại và thảm kịch đối với họ, nhưng thật ra Chúa sẽ tế trị trên điều đó để khiến nó trở thành chứng cứ cho vinh hiển Ngài. Họ sẽ không chuẩn bị trước lời biện hộ cho họ. Chính trong giờ khủng hoảng, Chúa sẽ ban cho họ sự khôn ngoan đặc biệt để nói ra những điều sẽ đánh bại kẻ thù họ hoàn toàn.

21:16-18 Sẽ có sự phản bội bên trong gia đình, những người bà con chưa được cứu sẽ phản bội nhưng Cơ Đốc nhân, và nhiều Cơ Đốc nhân thậm chí còn bị giết vì cơ lập trường bình vực Đấng Christ của họ. Đường như có sự mâu thuẫn giữa câu 16 "và họ sẽ làm cho nhiều người trong các người phải chết," với câu 18: "nhưng một sợi tóc trên đầu các người cũng không mất đâu." Điều này chỉ có thể nói lên rằng đầu một số người sẽ chết

vì tuân đạo cho Đấng Christ, nhưng sự bảo tồn thuộc linh của họ sẽ hoàn toàn đầy đủ. Họ sẽ chết nhưng họ không bị hư mất.

21:19 Câu 19 cho thấy những người kiên nhẫn chịu đựng vì Đấng Christ chứ không từ bỏ Ngài thì bởi đó sẽ chứng minh thực tại đức tin của họ. Những người được cứu thật sẽ vẫn cứ trung tín và trung thành bằng mọi giá. Bản RSV ghi là: "Nhờ sự chịu đựng của các người mà các người sẽ giữ được mạng sống mình."

M. số Phận Của Giêrusalem (21:20-24)

Giờ thì rõ ràng Chúa nói tiếp để tái sự hủy diệt Giêrusalem vào năm 70 S.C. Biến cố này sẽ được báo hiệu bởi sự kiện quân lính Lamã sẽ vây thành.

Cơ Đốc nhân thời đầu - tức năm 70 S.C. - đã có dấu hiệu cụ thể ghi nhận sự hủy phá Giêrusalem và cuộc cướp bóc đến từ cầm thạch đệp để này: "Và, khi các ngươi sẽ thấy quân lính vây thành Giêrusalem, hãy biết sự tàn phá thành ấy gần đến." Đây sẽ là dấu hiệu rõ ràng sự sụp đổ sự phá hoại thành Giêrusalem, và khi thấy dấu hiệu đó họ phải chạy trốn. Lòng vô tin sẽ lập luận rằng các quân lính đang vây lấy bên ngoài các vách thành, sẽ không thể nào tràn nhập được - nhưng Lời Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại. Đại tướng Lamã đã rút quân trong một thời kỳ ngắn, bỏ lại tại cơ hội cho những người Do Thái tin Chúa Jesus trốn thoát. Họ đã làm việc này, và đi đến một nơi gọi là Pella, và tại đó họ đã được bảo toàn."⁵⁸

Bất cứ nỗ lực nào nhằm vào trở lại trong thành đều dẫn đến chết người.

Thành sắp bị binh phạt vì đã khước từ Con Đức Chúa Trời. Dân bà có thai và những người mẹ **đang cho con bú** sẽ gặp bất lợi lớn; họ sẽ bị cản trở trong việc chạy trốn khỏi cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên **xứ** của Ysraên và **dân** Do Thái. Nhiều người sẽ bị giết, và những người sống sót sẽ bị bắt đi làm phu tù tại các xứ khác.

Phần cuối câu 24 là lời tiên tri đáng lưu ý, báo rằng thành xưa của Giêrusalem sẽ phục dưới quyền cai trị của dân ngoại từ thời điểm đó **cho đến chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn**. Câu này không có nghĩa người Do Thái có lẽ không kiểm soát thành này trong những thời kỳ ngắn; ý chính ở đây là: nó sẽ liên tục bị dân ngoại xâm lăng và can thiệp vào **cho tới chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn**.

Tân Ước phân biệt giữa những sự thịnh vượng của dân ngoại, sự đầy đủ của dân ngoại, và các kỳ của dân ngoại.

1. Những sự *thịnh vượng* của dân ngoại (Rôma 11:12) nói đến địa vị đặc ân mà dân ngoại được hưởng trong thời hiện tại đương khi Ysraên tạm thời bị Đức Chúa Trời gạt qua một bên.

2. Sự *đầy đủ* của dân ngoại (Rôma 11:25) là thời điểm của sự cất lên, khi Tân Ước ngoại bang của Đấng Christ sẽ được đầy đủ số và được cất lên khỏi đất và lúc đó Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu lại những cách đối đãi của Ngài với Ysraên.

3. Các *kỳ* của dân ngoại (Luca 21:24) thực sự bắt đầu cùng thời kỳ

lưu đày Babylon, 521 T.C., và sẽ kéo dài đến thời kỳ các dân ngoại không còn kháng định quyền kiểm soát trên thành Giêrusalem nữa.

Trải các thế kỷ từ thời Cứu Chúa phán những lời này, Giêrusalem hầu như bị kiểm soát bởi các thế lực ngoại bang. Hoàng đế Julian Bội Đạo (331-363 S.C.) đã tìm cách gây tai tiếng cho Cơ Đốc giáo bằng cách chứng minh lời tiên tri này của Chúa là sai. Do đó, ông cổ vũ dân Do Thái tái thiết đền thờ. Họ đã bắt tay vào công tác này thật sốt sắng, thậm chí còn dùng cả những chiếc xống bạc cách hoang phí, và khiêng đất đi trong những tấm幔 bằng vải điều. Nhưng đang khi làm việc, họ đã bị gián đoạn bởi trận động đất và bởi những quả cầu lửa xuất hiện từ dưới đất. Họ phải bỏ dở công trình này.⁵⁹

N. Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì (21:25-28)

Những câu này mô tả những sự hỗn loạn của cõi thiên nhiên và những thảm họa lớn **trên đất** sẽ đến trước Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai của Đấng Christ. Sẽ có những sự rối loạn bao gồm cả mặt trời... mặt trăng, và các ngôi sao, người ta sẽ thấy rõ ràng trên đất. Các thiên thể sẽ bị dời khỏi quỹ đạo của chúng. Điều này có thể khiến trái đất bị nghiêng khỏi trục của nó. Sẽ có những cơn sóng thủy triều rất lớn tràn quét trên nhiều vùng đất. Hoàng ban sẽ hạn; áp nhân loại vì những thiên thể bầu như sắp đụng vào trái đất. Nhưng có hy vọng cho những người tin kính:

Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con người dùng đại quyền đại vinh mà

ngự đến trên đám mây. Chúng nào các việc đó khởi xảy đến, hãy đứng thẳng lên, ngược đầu lên, vì sự giải cứu của các người gần lối.

O. Cây Vả Và Mọi Cây Khác (21:29-33)

21:29-31 Một dấu lạ khác báo hiệu ngày tái lâm của Chúa sắp đến gần chính là **sự nứt lốc của cây và và mọi cây khác**. Cây vả là một hình ảnh thích hợp về dân Ysraên; trong những ngày sau rốt nó sẽ bắt đầu chứng tỏ có sức sống mới. Tuy nhiên, không phải là không có ý nghĩa khi sau rất nhiều thế kỷ tàn lụi và mờ nhạt, quốc gia Ysraên đã được tái thiết vào năm 1948, và hiện nay được công nhận là một thành viên trong các quốc gia liên kết.

Sự đâm chồi của các cây khác có lẽ làm biểu tượng cho sự phát triển phi thường của chủ nghĩa dân tộc và sự xuất hiện nhiều chính quyền mới tại các quốc gia mới phát triển của thế giới. Các dấu lạ này sẽ nói lên rằng vương quốc vinh diệu của Đấng Christ sắp được thiết lập.

21:32 Chúa Iêsus phán đồng đôi này chẳng qua trước khi sự kia chưa xảy đến. Nhưng Ngài muốn nói gì qua cụm từ "đồng đôi này"?

1. Có người cảm thấy Ngài nói đến thế hệ đang sống vào thời điểm Ngài phán những lời này, và mọi điều được ứng nghiệm vào lúc hủy phá Giêrusalem. Nhưng không thể như vậy được, vì Đấng Christ vẫn chưa lấy đại quyền đại vinh tái lâm trong đám mây.

2. Nhiều người khác tin rằng "đồng đôi này" nói đến những người

sống khi các dấu hiệu này bắt đầu xảy ra, và những người đang sống khi nhìn thấy sự khởi đầu các dấu lạ ấy cũng sẽ sống để nhìn thấy sự tái lâm của Đấng Christ. Toàn bộ những biến cố đã được dự ngôn sẽ xảy ra trong một thế hệ. Đây là lời giải thích khả dĩ.

3. Một khả năng khác nữa là “đồng đội này” nói đến dân Do Thái và thái độ thù địch của họ đối với Đấng Christ. Chúa đang phán rằng chủng tộc Do Thái sẽ sống sót, bị tàn lạc thế nhưng không bị tiêu diệt được, và thái độ của dân ấy đối với Ngài sẽ không thay đổi trái bao thế kỷ. Có lẽ cả số 2 và số 3 trên đây đều đúng.

21:33 Các bầu trời của bầu khí quyển và của tinh tú đều sẽ qua đi. Trái đất trong hình thức hiện tại của nó cũng vậy. Nhưng những lời dự ngôn này của Chúa Jêsus sẽ không qua đi mà chắc chắn ứng nghiệm.

F. Lời Báo Trước Ngày Thứ Canh Và Cầu Nguyện (21:34-38)

21:34,35 Trong lúc này, các môn đồ Ngài phải canh chừng để đừng quá ám ảnh với việc ăn uống và những sự lo lắng van vật đến nỗi sự trở lại của Ngài có thể diễn ra cách hình linh. Đó là cách ngày ấy sẽ đến trên mọi người nào nghĩ rằng trái đất này là nơi ở vĩnh viễn của họ.

21:36 Môn đồ thật phải thức canh và cầu nguyện luôn luôn, bởi đó phần rỗi họ khỏi thế giới không tin kinh vốn đã được định phải chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và gắn bó chính họ với những người sẽ đứng trước mặt Con Người.

21:37,38 Mỗi ngày Chúa đều dạy trong khu vực đến thờ, nhưng ban đêm

Ngài ngủ trên núi Ôliver, không có nhà ở giữa thế giới Ngài đã dựng nên. **Rồi sáng sớm, cả dân sự tập trung lại quanh Ngài lẫn nửa để nghe Ngài dạy.**

XI. SỰ THƯƠNG KHÓ VÀ SỰ CHẾT CỦA CON NGƯỜI (Đoạn 22,23)

A. Âm Mưu Giết Chúa Jêsus (22:1,2)

22:1 Lễ Ăn Bánh Không Men ở đây nói đến thời kỳ bắt đầu từ Lễ Vượt Qua và kéo dài trong bảy ngày, trong thời gian đó không ai ăn bánh có men. Lễ Vượt Qua được tổ chức vào ngày thứ mười bốn của tháng Nisan, tức tháng thứ nhất trong năm Do Thái. Bảy ngày kể từ ngày thứ mười lăm của tháng này cho đến ngày hai mươi mốt được gọi Lễ Ăn Bánh Không Men, nhưng trong câu 1, tên gọi này bao gồm toàn bộ kỳ lễ. Nếu viết chủ yếu cho người Do Thái, chắc Luca không cần đề cập mối liên hệ giữa Lễ Ăn Bánh Không Men và Lễ Vượt Qua.

22:2 Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo không ngừng âm mưu giết Chúa Jêsus, nhưng nhận thấy họ phải làm sao đứng gầy biến loạn, vì họ sợ dân chúng, và biết nhiều người rất quý mến Chúa Jêsus.

B. Sự Phàn Bội Của Giuda (22:3-6)

22:3 Và, qui Satan ám vào Giuda, gọi là Ichcariốt, là người trong số mười hai sứ đồ. Trong Giảng 13:37, hành động này được nói sẽ xảy ra sau khi Chúa Jêsus trao cho ông miếng bánh trưng hứa ăn Lễ Vượt Qua. Chúng ta kết luận hoặc việc này xảy ra theo những giai đoạn liên tiếp nhau, hoặc Luca đang nhấn mạnh sự kiện hơn là thời điểm chính xác đã diễn ra.

22:4-6 Dầu thế nào đi nữa, Giuđa đã mặc cả với các thầy tế lễ cả và các thầy đoi, tức là những sĩ quan gác đến thờ Do Thái. Ông đã cẩn thận lên hành kế hoạch để có thể **phản nộ** Chúa Jêsus vào tay của họ sao cho không gây ra cuộc nổi loạn. Kế hoạch này hoàn toàn chấp nhận được, và họ **đồng ý trả tiền cho Giuđa** - ba mươi miếng bạc, như chúng ta biết từ khúc Kinh Thánh khác. Rồi Giuđa ra về để tiến hành những chi tiết trong âm mưu phản bội của mình.

C. Những Sự Chuẩn Bị Cho Lễ Vượt Qua (22:7-13)

22:7 Có những nan đề rõ ràng về những thời điểm khác nhau được nhắc đến trong các câu Kinh Thánh này. Ngày Lễ Ăn Bánh Không Men thường được xem như ngày thứ mười ba của tháng Nisan, khi toàn bộ bánh có men phải dẹp khỏi nhà người Do Thái. Nhưng ở đây nói đây là ngày **phải** giết con sinh làm Lễ Vượt Qua, và như vậy khiến hôm ấy trở thành ngày mười bốn tháng Nisan. Leon Morris, cùng với các học giả khác, gợi ý người ta đã sử dụng hai niên lịch cho Lễ Vượt Qua, một loại lịch chính thức và một loại lịch khác nữa do Chúa Jêsus và những người khác sử dụng.⁶³ Chúng ta biết những biến cố của ngày Thứ Năm cuối cùng bắt đầu tại đây và tiếp tục qua đến câu 53.

22:8-10 Chúa sai Phiêrô và Giảng vào Giêrusalem chuẩn bị tổ chức bữa ăn Lễ Vượt Qua. Ngài chứng tỏ Ngài biết hết mọi sự qua những lời dặn dò họ. Khi đi vào **trong thành**, một người nam mang vò nước sẽ gặp họ. Đây là

ảnh tượng bắt tương tại một thành phố Đông phương; thường phụ nữ là người mang vò nước. Người nam ở đây là hình ảnh tốt chỉ về Thành Linh, Đấng hướng dẫn việc tìm kiếm linh hồn đến nơi tương giao với Chúa.

22:11-13 Chúa không những bảo trước địa điểm và lộ trình của Ngài, Ngài còn biết chủ nhân ngôi nhà họ sẽ sẵn lòng dọn sẵn **một cái phòng rộng và cao, đồ đạc sẵn sàng** cho Ngài và môn đồ Ngài. Có lẽ người này đã biết và đã hoàn toàn phó dâng con người và của cải mình cho Ngài. Có sự khác nhau giữa **phòng khách** với **phòng rộng và cao, đồ đạc sẵn sàng**. Người chủ nhà hào phóng này đã cung cấp những phương tiện tốt hơn mong đợi của các môn đồ. Khi Chúa Jêsus sinh tại Bếtlêhem, không có chỗ cho Ngài trong nhà quán (Hy văn *kataluma*). Ở đây, Ngài bảo các môn đồ hỏi **phòng khách** (Hy văn *kataluma*), nhưng họ được nhận một điều tốt hơn - **một cái phòng rộng và cao, đồ đạc sẵn sàng**.

Mọi điều diễn ra đúng như Ngài đã bảo trước, thế là các môn đồ dọn Lễ Vượt Qua.

D. Lễ Vượt Qua Cuối Cùng (22:14-18)

22:14 Suốt nhiều thế kỷ, người Do Thái đa ăn mừng bữa tiệc Lễ Vượt Qua, kỷ niệm sự giải phóng kỳ diệu ra khỏi Êđiptô và khỏi sự chết: bị huyết của các chiên con không bị vùi. Ất hẳn toàn bộ điều này đã diễn ra sinh động biết bao trước mắt Cứu Chúa khi Ngài ngồi cùng với các sứ đồ để dự bữa tiệc này lần cuối. Ngài là Chiên Con thật của Lễ Vượt Qua, mà huyết Ngài

sáp đổ ra để cứu rồi mọi người nào tin cậy Ngài.

22:15,16 Lễ Vượt Qua cụ thể này có ý nghĩa không thể diễn tả hết đối với Ngài, và Ngài đã hằng hái **muốn** dự **trước** khi chịu **đau đớn**. Ngài sẽ không dự Lễ Vượt Qua nữa cho đến khi trở lại thế gian và thiết lập **vương quốc** vinh quang của Ngài. Cấu trúc câu "ta rất muốn" (Bản Anh ngữ: "Ta đã muốn với sự khao khát nóng cháy") diễn tả ý nghĩa sự khao khát nhiệt tình, thống thiết. Những lời tiết lộ này mới gọi mọi tín hữu của mọi nơi mọi lúc suy xét xem Chúa Giêsu khao khát tha thiết biết bao để được thông công với chúng ta bên bàn tiệc của Ngài.

22:17,18 Khi Ngài **cắm chén lên** như một phần của nghi lễ Lễ Vượt Qua, Ngài tạ ơn về chén ấy rồi chuyển cho các môn đồ, nhắc họ lần nữa rằng Ngài sẽ không uống nước của trái nho này nữa **cho** tới Thời Tri Vĩ Thiên Hy Niên của Ngài. Phần mô tả bữa ăn Lễ Vượt Qua kết thúc ở câu 18.

E. Tiệc Thành Đầu Tiên (22:19-23)

22:19 Lễ Vượt Qua cuối cùng dẫn nếp ngay đến Tiệc Thành của Chúa. Chúa Giêsu đã thiết lập lễ kỷ niệm thiêng liêng này để môn đồ trải các thế kỷ bởi đó sẽ nhớ đến Ngài trong sự chết của Ngài. Trước hết, Ngài ban cho họ bánh, là biểu tượng về thân thể Ngài sáp được **phò cho** họ. Rồi chén nói hùng hồn đến huyết quý báu của Ngài, là huyết sẽ đổ trên thập tự giá ở đồi Gôgôtha. Ngài nói **chén** ấy là chén của **sự giao ước mới trong huyết** Ngài, là **huyết đã đổ ra** cho những

người thuộc về Ngài. Điều này có nghĩa **giao ước mới** - mà Ngài đã lập chủ yếu với dân Ysraên - đã được phê chuẩn bằng chính huyết Ngài. Sự ứng nghiệm trọn vẹn của giao ước mới sẽ xảy ra trong vương quốc của Đức Chúa Giêsu Christ Chúa chúng ta trên đất, nhưng là tin hữu, chúng ta bước vào trong lợi ích của giao ước ấy ngay thời hiện tại.

Hiển nhiên bánh và nước nho này mang nghĩa hình bóng hay *tượng trưng về* thân và huyết của Ngài. Thân Ngài vẫn chưa bị phò cho, huyết Ngài cũng chưa bị đổ ra. Do đó, thật phi lý khi nói rằng những biểu tượng này được biến đổi bởi phép lạ để trở thành những thực tại. Dân Do Thái bị cấm an huyết. Do đó các môn đồ biết Ngài không nói về huyết theo nghĩa đen, nhưng nói về điều đã làm *hình bóng về* huyết Ngài.

22:21 Dường như rõ ràng Giuđa thật sự có mặt trong bữa ăn tối cuối cùng này. Tuy nhiên, trong **Giăng 13**, dường như cũng rõ ràng không kèm rằng tên phản bội rời phòng sau khi Chúa trao miếng bánh đã nhúng vào nước chấm cho ông. Vì điều này xảy ra trước khi thiết lập Lễ Tiệc Thánh, nên nhiều người tin rằng Giuđa thực sự không có mặt khi bánh và chén được phân phát.

22:22 Những sự thương khó và sự chết của Chúa Giêsu đã được **chỉ định**, nhưng Giuđa phản Ngài với toàn bộ sự đồng ý đầy đủ của ý chí ông. Vì vậy Chúa phán: "**Khốn cho người này phản Ngài.**" Dấu Giuđa là một trong mười hai sứ đồ, ông vẫn không phải là tin hức thật.

22:23 Câu 23 bày tỏ sự ngạc nhiên và thiếu tin cậy bản thân của các môn đồ. Họ không biết **trong bọn họ** ai là người làm **việc** dễ **tiện** này.

F. Sự Cao Trọng Thật Chính Là Phục Vụ (22:24-30)

22:24,25 Thật là bản cáo trạng kinh khiếp về lòng người, khi ngay sau bữa Tiệc Thánh, các môn đồ lại tranh luận với nhau **xem ai trong số họ là người lớn hơn hết!** Chúa Giêsu nhắc họ rằng trong sự quản trị của Ngài, sự cao trọng mang ý nghĩa trái ngược với suy nghĩ của con người. **Các vua cai trị trên các dân ngoại bang** thường được xem là những con người lớn nhất; trên thực tế, họ được gọi là "những người làm ơn." Nhưng đó chỉ là tước hiệu; thực ra, họ là những bạo chúa độc ác. Họ mang danh nhân đức, nhưng không hề có đặc điểm cá nhân nào phù hợp với danh xưng ấy.

22:26 Môn đồ của Chúa Giêsu thì **không như vậy**. Người sẽ làm lớn phải nhận lấy địa vị của **người nhỏ hơn**. Và ai muốn làm đầu thì phải khom mình xuống phục vụ người khác cách hèn mọn. Những tuyên bố cách mạng này hoàn toàn đảo ngược với truyền thống được chấp nhận cho rằng người trẻ hơn là thấp kém hơn người cao tuổi, và người đứng đầu thể hiện sự cao trọng của mình bằng quyền làm chủ.

22:27 Theo cách đánh giá của con người, là vị khách đến dự bữa ăn thì cao trọng hơn là phục vụ bữa ăn. Nhưng Chúa Giêsu đã đến để làm rõ tư của con người, và mọi người nào muốn noi gương Ngài thì phải bắt chước Ngài trong việc này.

22:28-30 Chúa thật nhân từ và hào phóng khi khen các môn đồ đã bền lòng **liếp lục theo Ngài trong mọi thử thách** của Ngài. Họ vừa mới cãi nhau. Chẳng mấy chốc hết thấy họ đều sẽ bỏ Ngài và chạy trốn. Thế nhưng Ngài biết trong lòng họ, họ yêu mến Ngài và đã chịu sỉ nhục vì danh Ngài. Phần thưởng của họ sẽ là được **ngồi trên ngai để xét đoán mười hai chi phái Ysraên** khi Đấng Christ tái lâm ngồi trên ngai Davít và cai trị đất. Cha đã hứa ban vương quốc này cho Đấng Christ chắc chắn thế nào, họ cũng sẽ đồng trị với Ngài trên Ysraên đối mới chắc chắn thế ấy.

G. Chúa Giêsu Báo Trước Sự Chối Chua Của Phierô (22:31-34)

Đến đây là phần cuối của loạt ba chương đen tối trong lịch sử bất trung của con người. Thứ nhất là sự phản bội của Giuda. Thứ nhì là tham vọng ích kỷ của các môn đồ. Giờ đây chúng ta có sự hèn nhát của Phierô.

22:31,32 Sự lặp lại Simôn, Simôn, nói đến tình yêu và sự dịu dàng trong lòng Đấng Christ cho môn đồ đang dao động của Ngài. **Salan đôi** có mọi môn đồ để hán có thể **sàng sây** họ như **lúa mì**. Chúa Giêsu đã nói Phierô trong tư cách người đại diện cho hết thầy môn đồ. **Nhưng** Chúa đã **cầu nguyện cho Simôn để đức tin ông không bị lu mờ**. ("Ta đã **cầu nguyện cho người**" là những chữ rất tuyệt vời.) Sau khi Phierô quay lại với Ngài, ông sẽ **làm vững** chỉ anh em mình. Việc quay lại này không nói đến sự cứu rỗi, nhưng đúng hơn nói đến sự khôi phục khỏi sự sa ngã.

22:32,34 Với sự tự tin không xứng hợp, Phierơ diễn tả sự sán lộng đi với Chúa Jesus để **đồng tù đồng chết**. Nhưng ông đã phải nghe Chúa nói trước khi trời sáng, ông sẽ ba lần chối rằng thậm chí mình không biết Chúa nữa kia!

Mác 14:30 trích lời Chúa phán rằng trước khi gà gáy hai lần, Phierơ sẽ chối Chúa ba lần. Trong Mathơ 26:34; Luca 22:34; Giăng 13:38, Chúa phán trước khi gà gáy, Phierơ sẽ chối Chúa ba lần, phải thừa nhận rằng khó dung hòa điều có vẻ như mâu thuẫn này. Có thể đã có nhiều hơn một lần gà gáy, một lần lúc ban đêm và một lần lúc rạng sáng. Cũng nên lưu ý rằng các sách Tin Lành ghi ít nhất sáu lần chối Chúa khác nhau của Phierơ. Ông đã chối Đấng Christ trước:

1. Một cô gái (Mathơ 26:69,70; Mác 14:66-68).
2. Một cô gái trẻ khác nữa (Mathơ 26:71,72).
3. Đám đông canh đó (Mathơ 26:73,74; Mác 14:70,71).
4. Một người nam (Luca 22:58).
5. Một người nam khác nữa (Luca 22:59,60).
6. Đầy tớ của thầy cả thượng phẩm (Giăng 18:26,27). Chắc người này khác với những người kia vì lời ông nói: "Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?" (Cầu 2b).

9. Những Mạng Lành Lên Đường Mới (22:35-38)

22:35 Trước đó trong chức vụ Ngài, Chúa sai các môn đồ ra đi **không**

đem theo túi tiền, bao và giày - là những thứ tối thiểu. Những thứ cần thiết là đủ cho họ rồi. Và sự thật đã chứng tỏ như thế. Họ phải thừa nhận họ **không** thiếu chi hết.

22:36 Nhưng Chúa sắp lia họ, và họ sẽ bước vào giai đoạn mới trong sự hầu việc Ngài. Họ sẽ gặp nghèo khổ, đói khát, và nguy hiểm, và họ cần dự bị cho những nhu cầu hiện tại. Giờ đây họ nên mang theo **túi tiền**, **bao** hay hộp đựng thức ăn trưa, và nếu thiếu **gươm**, họ phải **bán áo ngoài mà mua**. Cứu Chúa muốn nói gì khi bảo các môn đồ mua một **thanh gươm**? Đường như rõ ràng Ngài ắt hẳn không định cho họ dùng gươm làm vũ khí tấn công người khác. Làm như vậy là vi phạm lời dạy của Ngài trong những phần: đoạn như:

"Đức Chúa Jesus đáp lại rằng: Nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian nầy. Vì bằng nước ta thuộc về thế gian nầy, thì tôi tớ của ta sẽ đánh trận" (Giăng 18:36).

"Hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết về gươm" (Mathơ 26:52).

"Hãy yêu kẻ thù nghịch..." (Mathơ 5:44).

"Ai vả má bên hữu người, hãy đưa má bên kia cho họ luôn" (Mathơ 5:39; cũng xem 11.Côrinhtô 10:4).

Vậy Chúa Jesus muốn nói điều gì với chữ **gươm** này?

Có người cho rằng Ngài đang nói đến gươm của Thánh Linh tức là Lời Đức Chúa Trời (Êphêso 6:17). Điều này là khả dĩ, nhưng vậy thì túi tiền, bao, và áo xống ngoài ắt cũng phải được thuộc linh hóa.

2. William nói rằng gươm nghĩa là sự bảo vệ của một chính quyền có trật tự, cho rằng trong Rôma 13:4, gươm nói đến quyền lực của quan án.

3. Lange nói gươm là để tự vệ chống lại những người thù địch, nhưng không phải để tấn công. Nhưng theo Mathiơ 5:39 dường như loại bỏ cách dùng gươm, thậm chí dùng để tự vệ.

4. Có người nghĩ gươm này nhằm tự vệ trước dã thú mà thôi. Điều này khả dĩ.

22:37 Câu 37 giải thích vì sao giờ đây các môn đồ cần đem theo túi tiền, bao và gươm. Chúa vẫn ở với họ từ trước cho đến nay, chu cấp những nhu cầu trần thế của họ. Ngài sắp rời khỏi họ theo lời tiên tri Êsai 53:12. Sự chí về Ngài đã **được trọn**, tức là đời sống và chức vụ trên trần gian của Ngài sẽ kết thúc với việc Ngài **bị kẻ vào hàng kẻ dữ**.

22:38 Các môn đồ hoàn toàn hiểu nhầm Chúa. Họ đã mang theo hai thanh gươm, hàm ý những thanh gươm này sẽ chắc chắn đủ giải quyết mọi nạn ở phía trước. Chúa chăm dứt cuộc đối thoại bằng câu nói: "**Ấy là đủ**." Dường như họ nghĩ có thể ngăn chặn nỗ lực của kẻ thù nhằm giết Ngài bằng cách dùng hai thanh gươm này. Điều này hoàn toàn trái với ý tưởng của Ngài!

I. Sự Thống Khổ Trong Vườn Ghếtsemane (22:39-46)

22:39 Vườn Ghếtsemane nằm ở sườn phía tây núi Ôlive. Chúa Jêsu thượng đến đó cầu nguyện, và các môn đồ - kể cả kẻ phản bội - đương nhiên biết rõ hơn này.

22:40 Cuối bữa Tiệc Thành, Chúa Jêsu và các môn đồ rời phòng cao đi vào vườn. Khi đến nơi, Ngài bảo trước họ phải **cầu nguyện để khỏi sa vào sự cám dỗ**. Có lẽ **cám dỗ** cụ thể mà Ngài đang nghĩ đến chính là áp lực để lìa bỏ Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài khi kẻ thù đến gần.

22:41,42 Rời Chúa Jêsu rời khỏi các môn đồ đi xa hơn vào vườn, nơi đó Ngài **cầu nguyện** một mình. Lời cầu nguyện của Ngài là **nếu Cha muốn, chèn này có thể qua khỏi Ngài; đấng vậy** Ngài muốn ý Cha được nên, chứ **không phải** ý riêng của Ngài. Chúng ta hiểu lời cầu nguyện này có nghĩa: Nếu còn con đường nào khác để có thể cứu tội nhân hơn cách chính con phải đi lên thập tự, xin Cha bày tỏ phương cách ấy ngay giờ này. Thiên đàng im lặng, vì không còn con đường nào khác.

Chúng ta thật sự không biết những khổ nạn của Đấng Christ trong vườn có thuộc một phần trong công tác chuộc tội của Ngài không. Công tác cứu chuộc được hoàn tất trong ba giờ tối tăm trên thập tự giá. Nhưng vườn Ghếtsemane là tiền vị của Gôgôtha. Tại đó, chính suy nghĩ về tiếp xúc với tội lỗi chúng ta khiến Chúa Jêsu chịu thương khổ mãnh liệt nhất.

22:43,44 Nhân tâm trọn lành của Ngài được nhìn thấy trong sự **thống khổ** đi kèm với những đau đớn của Ngài. Có **một thiên sứ từ trên trời hiện xuống cùng Ngài, mà thêm sức cho Ngài**. Một mình Luca ghi lại điều này, cũng như sự kiện mồ hôi Ngài trở nên

như giọt máu lớn rơi xuống đất. Chi tiết thứ nhì này đã thu hút sự quan tâm của vị bác sĩ cẩn thận.

22:45,46 Khi Chúa Giêsu quay lại với các môn đồ, họ đang ngủ, không phải do thờ ơ, nhưng đúng hơn do kiệt sức buồn rầu. Một lần nữa, Ngài khuyến họ đứng dậy cầu nguyện, vì giờ khủng hoảng sắp đến gần, và họ sẽ bị cảm dỗ chối Ngài trước nhà cầm quyền.

J. Chúa Bị Phán Bội Và Bị Bắt (22:47-53)

22:47,48 Giờ đây, Giuđa đã đến cùng với một nhóm thầy tế lễ cả, các trưởng lão, và các thầy đội để bắt Chúa. Theo sự xếp đặt trước, kẻ phản bội sẽ ra đầu chọn Chúa Giêsu bằng cách hôn Ngài. Stewart nhận định:

Thật là phong thái dùng kính kính tột cùng, nước cuối cùng của hành vi xấu xa ở nhục mạ hình động đối bạn xấu xa của con người không thể vượt qua khỏi đó, khi ngoài kia trong vườn. Giuđa phản thầy minh, không phát hồi tiếng la hét quá đỗi hay lời đạo gươm, nhưng bằng một nụ hôn⁶¹

Đau đớn vô hạn, Chúa Giêsu hỏi: "Hỡi Giuđa, người lấy cái hôn để phản Con Người sao?"

22:49-51 Các môn đồ thấy sự sắp xảy đến, và sẵn sàng tấn công. Trên thực tế, một người trong các sứ đồ, cụ thể là Phierô, đã rút gươm ra chém đứt tai hữu đấng tể của thầy cả thượng phẩm. Chúa Giêsu quở ông vì ông dùng phương tiện xác thịt để đánh trận thuộc linh. Giờ của Ngài đã đến, và những mục đích đã định trước của Đấng Chúa Trời phải xảy đến. Đầy lòng

thương xót, Chúa rửa tai của nạn nhân và chữa lành cho hẳn.

22:52,53 Quay sang những lãnh đạo đạo và những sĩ quan Do Thái, Chúa hỏi vì sao họ đến bắt Ngài như thế. Ngài là kẻ trộm cướp trốn chạy vậy. Chẳng phải Ngài dạy hằng ngày trong khu vực đền thờ, thế sao không bắt Ngài lúc đó? Nhưng Ngài đã biết câu trả lời, này là giờ của họ, và quyền lực của sự tối tăm. Giờ này là khoảng nửa đêm thứ Năm.

Dường như vụ xét xử Chúa chúng ta trước tòa án tôn giáo có ba giai đoạn. Thứ nhất, Ngài ra hầu tòa trước mặt Anne. Sau đó Ngài được đưa đến trước Caiphe. Cuối cùng, Ngài bị kiện trước Tòa Công Luận. Những biến cố từ thời điểm này cho đến câu 65 chắc đã xảy ra giữa khoảng một giờ sáng đến nam giờ sáng ngày Thứ Sáu.

K. Phierô Chối Chúa Giêsu Và Khóc Lóc Bông Cay (22:54-62)

22:54 Khi Chúa bị đưa đến nhà thấy cả thượng phẩm, Phierô đi theo Ngài xa xa. Vào trong nhà, ông đứng cùng chỗ với những người đang sưởi ấm gần lửa ngay giữa sân. Một đấng lý giải ngộ chằm Phierô và thốt lên ông là một trong những môn đồ Chúa Giêsu. Đau đớn thay, Phierô đã chối rằng mình không biết Ngài.

22:58-62 Lại sau, một người khác cũng buộc tội Phierô là một trong những môn đồ của Giêsu người Naxarét. Một lần nữa, Phierô phủ nhận lời buộc tội này. Khoảng một giờ sau, một người khác cũng nhận ra Phierô là người Galilê, và cũng là môn đồ của Chúa. Phierô chối không biết

gì về những lời người kia đang nói. Nhưng lúc này, sự chối Chúa của ông bị ngắt ngang bởi tiếng gà gáy. Trong khoảnh khắc đen tối đó, **Chúa quay lại** ngó Phiêrô, và Phiêrô nhớ lại lời Chúa đã phán rằng trước khi gà gáy, ông sẽ chối Ngài ba lần. Ánh mắt của Con Đức Chúa Trời đã khiến Phiêrô đi ra ngoài bóng đêm khóc lóc **đang cay**.

L. Bọn Linh Nhạo Đàng Con Người (22:63-65)

Chính những sĩ quan được giao canh gác đến thờ thiêng liêng tại Giêrusalem đã bắt Chúa Jêsus. Giờ đây, những người được xem là người canh gác nhà thánh khiết của Đức Chúa Trời bắt đầu nhạo báng Chúa Jêsus và **đánh Ngài**. Sau khi bị mất Ngài, họ **đánh vào mặt Ngài**, rồi **bảo Ngài** xác định xem người nào đã đánh. Đây chưa phải là toàn bộ những việc họ đã làm, nhưng Ngài đã kiên nhẫn chịu đựng cảnh những tội nhân đối xử với Ngài cách sai quấy như thế này.

M. Vụ Xử Án Sáng Sớm Trước Tòa Công Luận (22:66-71)

22:66-69 Lúc sáng sớm (năm giờ đến sáu giờ sáng), các **trưởng lão** đem Chúa Jêsus đến **Tòa Công Luận**. Những nghị viên Tòa Công Luận hỏi Chúa rằng thừng Ngài có phải là Đấng Mêsi không. Trên thực tế, Chúa Jêsus nói rằng thật vô ích để luận vấn đề này với họ. Họ không sẵn sàng nhận tề thật. Nhưng Chúa cảnh cáo họ rằng Đấng đang đứng trước mặt họ trong sự khinh thường một ngày kia sẽ ngồi bên hữu **quyền phép Đức Chúa Trời** (xem Thithiên 1:10:1).

22:70-71 Rồi họ hỏi Ngài rõ ràng xem Ngài có phải là **Con Đức Chúa Trời** không? Không còn nghi ngờ gì ý nghĩa lời họ hỏi nữa. Đối với họ, **Con Đức Chúa Trời** chính là Đấng bình đẳng với Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus đáp: "**Chính các ngươi nói ta là Con Ngài**" (xem Mác 14:62). Họ chỉ cần chứng đó. Chẳng phải họ đã nghe Ngài nói phạm thượng, tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời đó sao? Chẳng cần **chứng cớ nữa làm chi**. Nhưng còn một nan đề. Theo luật của họ, hình phạt cho tội lộng ngôn là án tử hình. Thế nhưng người Giuđa ở dưới quyền của người Lamã và họ không có quyền để xử tử tù nhân. Vì vậy họ phải giải Chúa Jêsus đến Philát, và Philát sẽ không quan tâm chút nào đến bản cáo trạng *tôn giáo* như tội lộng ngôn. Vì vậy, họ phải chính thức kiện Ngài về những tội *chính trị*.

N. Chúa Jêsus trước mặt Philát (23:1-7)

23:1,2 Sau khi Chúa Jêsus ra trước Tòa Công Luận (**cả hội đồng**), Ngài bị điệu đến tòa án dân sự trước mặt **Philát**, là quan tổng đốc Lamã. Ba tội chính trị giờ đây đem ra kiện Ngài bởi những lãnh tụ tôn giáo. Trước hết, họ kiện Ngài **xui oán này làm loạn**, tức là khiến dân chúng không còn trung thành với Lama nữa. Thứ nhì, họ nói Ngài **cấm người Do Thái nộp thuế cho Sêsa**. Cuối cùng, họ kiện Ngài tự tôn Ngài làm Vua.

23:3-7 Khi Philát hỏi Chúa Jêsus xem Ngài có phải vua **dân Giuđa** không, Chúa trả lời Ngài thật là vua. Philát không diễn giải lời tuyên bố

của Ngài như mối đe dọa cho hoàng đế Lamã. Sau cuộc thẩm vấn riêng với Chúa Jêsus (Giăng 18:33-38a), ông quay sang các thầy tế lễ cả và đoàn dân đông, tuyên bố không thấy Ngài có tội gì. Đám đông càng trở nên khăng khăng, kiện Chúa Jêsus đã kích động lòng bất trung, **bắt đầu** từ vùng Galilê đáng khinh kia cho đến tận Giêrusalem. Khi Philát nghe chữ Galilê, ông nghĩ mình đã tìm được lối thoát. Galilê thuộc **quyền cai trị của Hêrốt**, vì vậy Philát cố tránh đây đưa thêm với vụ án bằng cách giải Chúa Jêsus sang Hêrốt. Tình cờ lúc đó Hêrốt đang đến thăm Giêrusalem trong mấy ngày đó.

Hêrốt Antipa là con của Hêrốt Đại Đế, người đã tàn sát các con trẻ tại Bêthêhem. Chính Antipa đã giết Giăng Báp-tít vì cơ Giăng đã lên án mối quan hệ bất hợp pháp với vợ của em trai mình. Đây chính là Hêrốt mà Chúa Jêsus gọi là "con chồn cáo ấy" trong Luca 13:32.

Đ. Cuộc Thẩm Vấn Kinh Thượng Của Hêrốt (23:8-12)

23:8 Hêrốt rất vui khi Chúa Jêsus xuất hiện trước mặt. Vua đã nghe nói nhiều chuyện về Ngài, và từ lâu đã mong nhìn thấy mặt sẽ phép lạ do Ngài làm.

23:9-11 Dấu hỏi Chúa bao nhiêu đi nữa, Hêrốt vẫn không nhận được câu trả lời nào. Người Do Thái càng kiện cáo tung tạc hơn, nhưng Chúa Jêsus vẫn không mở miệng. Hêrốt nghĩ, tất cả những gì có thể làm chính là cho quân lính hành hạ Chúa Jêsus, nhục báng Ngài bằng cách mặc một

áo hoa hồng cho Ngài rồi giải trở về Philát.

23:12 Trước kia Philát với vua Hêrốt thù hiểm nhau, nhưng giờ đây thù biến thành bạn. Cả hai ở cùng một phe chống Chúa Jêsus, và điều này đã liên hiệp họ lại. Theophylact than vãn thế này: "Thật hổ thẹn biết bao cho Cơ Đốc nhân khi ma quỷ có thể thuyết phục những người gian ác gạt bỏ hiểm thù của họ để cùng đi gây hại, còn Cơ Đốc nhân không thể giữ gìn tình bạn để làm điều thiện."

P. Phán Quyết Của Philát: Vô Tội Nhưng Bị Kết Án (23:13-25)

23:13-17 Vì không hành động cách công nghĩa để tha bổng tù nhân được xem là vương giá của mình, giờ đây Philát thấy mình mắc bẫy. Ông triệu tập cuộc họp với các lãnh tụ Do Thái và giải thích cho họ rằng cả vua Hêrốt lẫn ông đều không thể tìm ra chứng cứ bất trung nào của Chúa Jêsus. "Người này đã không làm điều gì đáng chết." Vì vậy ông đề nghị đánh đòn Chúa rồi thả ra. Đùng như Stewart nói:

Đương nhiên, cuộc thẩm vấn dùng để duy trì hình tượng không thể bẻ bòn mình được và thật phi lý. Đây chính là nỗ lực của một linh hồn tội nghiệp và dối sớ hèn hạ tìm kiếm phụng của mình để cứu Chúa Jêsus đồng thời với muốn làm hai lòng đánh đòn. Nhưng bằng tâm đạo, việc nào cao và chúng bị vì làm họ khi những thầy tế lễ giận dữ không chấp nhận phán quyết ấy bằng bất cứ lời nào.⁰²

23:18-23 Những thầy tế lễ và những quan lớn tức giận. Họ đòi giết

chết Chúa Jêsus và thả Baraba, tên tội phạm khét tiếng đang bị tù vì tội **đầy loạn và giết người**. Một lần nữa, Philát nỗ lực miễn tội cho Chúa, nhưng những đòi hỏi hần học của đám đông đã nhấn chìm ông. Ông cố nói gì đi nữa, họ vẫn khăng khăng **cố đòi giết chết Con Đức Chúa Trời**.

23:24,25 Và dẫu Philát đã công bố Chúa Jêsus vô tội rồi, nhưng giờ đây Philát kết án Ngài phải chết để làm đẹp lòng dân chúng. Đồng thời, ông tha Baraba cho dân chúng.

4. Con Người Bị Đưa Đến Gogôtha (23:26-32)

23:26 Bây giờ khoảng chín giờ sáng ngày Thứ Sáu. Trên đường đến nơi đóng đinh, quân lính bắt một người xứ Syren tên Simôn vàc thập tự giá. Ta không biết nhiều về người này, nhưng dường như hai con trai của ông về sau đã trở thành những Cơ Đốc nhân nổi tiếng (Mác 15:21).

23:27-30 Đám môn đồ đầy cảm thông đã khóc cho Chúa Jêsus khi Ngài bị dẫn đi. Gọi những người dân bà trong đám đông này là con gái thành Giêrusalem, Ngài bảo họ đừng thương hại Ngài nhưng nên thương hại chính họ. Ngài đang nói đến sự hủy phá kinh khiếp sẽ giáng trên Giêrusalem vào năm 70 S.C. Sự thương khó buồn sầu của những ngày ấy sẽ lớn đến nỗi nhưng phụ nữ sau sẽ - cho đến bây giờ vẫn là đối tượng bị sỉ nhục - sẽ được kể là đặc biệt may mắn. Cuộc vây thành của Titus sẽ kinh khiếp đến nỗi người ta ước gì **núi đá xuống trên họ**, và **gò che phủ họ**.

23:31 Rồi Chúa Jêsus phân thêm những lời này: "Vì nếu người ta làm

những sự ấy cho cây xanh, thì cây khô sẽ xảy ra sao?" Chính Ngài là cây xanh, còn Ysraên vô tín là cây khô. Nếu người Lamá đón sự hổ nhục và thương khó trên Con Đức Chúa Trời vô tội này, hình phạt kinh khiếp nào sẽ giáng trên những người đã có tội giết chết con yêu dấu của Đức Chúa Trời?

23:32 Cũng đi với Chúa Jêsus còn có hai người khác nữa, là kẻ trộm cướp, để đem đi hành hình.

8. Sự Đóng Đinh Chúa (23:33-38)

23:33 Chỗ hành hình được gọi là **chỗ Sọ** (còn gọi là Calvary⁰³, ra từ chữ Latinh chỉ về "cái sọ"). Có lẽ hình thể của vùng đất này giống như cái sọ, hoặc có lẽ được đặt tên như thế vì đây là chốn của sự chết, và cái sọ thường được dùng để làm biểu tượng về sự chết. Sự kiện nền của Thánh Kinh khi mô tả sự đóng đinh thật đáng lưu ý thay. Không hề nấn ná nơi các chi tiết kinh khiếp này. Chỉ một câu đơn giản thôi: "**Họ đóng đinh Ngài trên cây thập tự lại đó.**" Một lần nữa, nhưng nhận định của Steward nhằm thẳng vào trọng điểm:

Đấng Mèvi phải chết là vẫn để đi để khi tin nổi, nhưng vẫn để Ngài phải chết một cái chết nhục nhã như thế là hoàn toàn không thể tin nổi. Mọi điều mà Đấng Christ đã từng đang đến - kể cả thập tự giá - Ngài đều trang điểm cho chúng, biến hóa và làm chúng tỏa sáng hào quang của sự đẹp lòng lấy; dấu vậy, chẳng ta được bao giờ quên rằng từ trong những đày, các kinh tâm ấy, Ngài đã đưa thập tự giá lên cao.⁰⁴

Xin đọc tài liệu ý nghĩa

*Cửa thập tự giá được tôn lên cao
Cùng với Đấng Thông Khố
Nhân.*

*Đã bị kết án phải đổ huyết và
phải chết.*

- Lucy A. Bennett

Có ba cây thập tự tại đồi Gôgôtha hôm ấy, thập tự của Chúa Giêsu ở giữa, thập tự của những tên trộm cướp ở hai bên. Điều này làm ứng nghiệm Êsai 53:12: "Ngài đã bị kể vào hàng kẻ dữ."

23:34 Với tình yêu và lòng thương xót vô hạn, từ trên thập tự giá, Chúa Giêsu kêu lên: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì." Ai biết cả một thác Niagara của cơn thịnh nộ thiên thượng đã được chặn lại bởi lời cầu nguyện này! Morgan bình luận về tình yêu của Cứu Chúa:

Trong tâm hồn của Chúa Giêsu không có chút mất mát; không giận dữ, không chút ước muốn ngấm ngấm để trừng phạt những người ngược đãi Ngài. Những người đã lên tiếng nguyền rủa năm nay học rất khi thì nghe Chúa Giêsu của nguyện như thể, thì buổi mới đọc nhất cho năm nay học rất chính là địa ngục.⁶⁵

Tiếp đó là việc bọn lính chia nhau áo xống Ngài, và bắt thăm để lấy chiếc áo choàng không có đường may của Ngài.

23:35-38 Các quan cai đứng trước thập tự giá, nhao cứu, Ngài, thách thức Ngài tự cứu mình nếu Ngài thật sự là Đấng Mê-si, tức Đấng Đức Chúa Trời đã lựa. Bọn lính cũng giỡn cợt Ngài... đưa giùm cho Ngài và thách thức khả năng tự cứu chính Ngài. Họ

cùng đặt một tấm bảng trên đầu thập tự giá:

NGƯỜI NÀY LÀ VUA ĐẤNG GIUĐA.

Một lần nữa chúng ta trích lời Steward:

Chúng ta không thể bỏ sót ý nghĩa sự kiện tấm bảng này được viết bằng ba ngôn ngữ, là Hy Lạp, Latin và Hébreu. Rõ ràng, điều này được thực hiện để báo đảm mọi người trong dân đông đều có thể đọc được; nhưng Hội Thánh của Đấng Christ đã luôn luôn nhìn thấy trong tấm bảng ấy - và dù nhìn thấy đúng - biểu tượng về quyền tể trị phổ thông của chủ mình. Vì đây là ba ngôn ngữ lớn của thế giới, mỗi ngôn ngữ phục vụ cho một ý niệm chủ phổ. Hy Lạp là ngôn ngữ của văn hóa và trí thức; trong lĩnh vực đó, tấm bia này tuyên bố Chúa Giêsu là Vua! Latin là ngôn ngữ của luật pháp và chính quyền. Chúa Giêsu là Vua tại đó! Hébreu là ngôn ngữ của tôn giáo được khai thị; Chúa Giêsu là Vua ở đó! Như vậy ngay cả khi Ngài bị treo và hấp hối, vẫn đúng là "trên đầu Ngài có nhiều mạo triều thiên"

(Khải Huyền 19:12).⁶⁶

3. Hai Tên Cướp (23:39-43)

23:39-41 Từ những câu chuyện trong các sách Tin Lành khác, chúng ta biết cả hai tên cướp lúc đầu đã nhiếc mắng Chúa Giêsu. Nếu Ngài là Đấng Christ, vì sao Ngài không cứu tất cả bọn họ? Nhưng rồi một trong hai tên đã thay đổi tấm lòng. Quay sang đồng bạn của mình, anh quở trách hán đá thiếu tôn kính. Suy cho cùng, cả hai đều chịu khổ vì những tội họ đã phạm. Hình phạt của họ là xứng đáng.

Nhưng Người này, ở trên cây thập tự đứng giữa, không hề làm một điều gì ác.

23:42 Quay sang Chúa Jêsus, tên cướp xin Chúa⁶⁷ nhớ đến mình khi Ngài trở lại và thiết lập vương quốc Ngài trên đất. Đức tin như thế thật đáng lưu ý. Tên cướp hấp hối đã tin Chúa Jêsus sẽ sống lại từ kẻ chết và cuối cùng sẽ trị vì trên thế gian.

23:43 Chúa Jêsus đã ban thưởng cho đức tin của người này khi hứa rằng chính hôm ấy, họ sẽ cùng ở trong Baradî. Baradî cũng chính là từng trời thứ ba (II.Côrinhtô 12:2,4), và nói đến nơi ở của Đức Chúa Trời. **Hôm nay - nhanh biết bao! Với Ia - bạn đồng hành tuyệt vời biết bao! Trong nơi Baradî - hạnh phúc biết bao!** Charles Erdman viết:

Câu chuyện này bày tỏ cho chúng ta biết sự cứu rỗi được quy định dựa trên sự ân nân và đức tin. Tuy nhiên, câu chuyện này cũng còn chứa đựng nhiều sự điệp quan trọng khác nữa. Câu chuyện tuyên bố sự cứu rỗi không phụ thuộc vào các thành lễ. Tên cướp chưa hề chịu báp-têm, cũng chưa từng được dự Tiệc Thánh... trên thực tế, người này đã dạn dĩ nguyện xưng đức tin trước mặt đám đông đầy thù địch và giễu nhúng lời nhạo báng giễu cợt của các quan và binh lính thế nhưng anh được cứu không cần bất kỳ nghi thức trang trọng nào. Lại càng rõ hơn nữa, sự cứu rỗi không lệ thuộc vào việc lãnh... Cũng thấy rõ không hề có "chiếc ghế của loài hèn" Thiên thứ có lẽ quên, nhưng ở thực vẫn tồn tại sau sự chết. Một lần nữa, có bằng

chứng rõ ràng không có "ngục luyện tội" Ra khỏi đời sống tội lỗi và hó nhục, tên cướp biết ân nân này đã đi thẳng vào tình trạng phước hạnh. Một lần nữa, có thể nhận định rằng sự cứu rỗi không mang tính phổ thông. Có hai tên cướp: chỉ một tên được cứu. Sau cùng, có thể thấy chính bản chất của niềm vui nằm bên kia sự chết cốt ở tại mối thông công cá nhân với Đấng Christ. Trong tâm lời hứa cho tên cướp đang hấp hối này chính là: "Người sẽ được ở với ta." Đây là sự báo đảm đầy phước hạnh cho chúng ta, tức qua đời chính là "được ở với Đấng Christ." là điều "rất tốt hơn."⁶⁸

Từ bên cạnh Chúa Jêsus, một người có thể đi Thiên đàng và người khác đi địa ngục. Bạn đang ở phía bên nào của thập tự giá?

1. Ba Giờ Tối Tăm (23:44-48)

23:44 Sự tối tăm bao trùm khắp xứ (hoặc trái đất, chữ Ἰταλα này mang cả hai nghĩa đó) từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín, tức là từ giữa trưa đến ba giờ chiều. Đây là một dấu hiệu cho dân Ysraên. Họ đã khước từ sự sáng, và giờ đây họ sẽ bị Đức Chúa Trời làm mù óc suy xét của họ.

23:45 Mảnh trong đền thờ bị xô đổ từ trên chi dươi. Điều này minh họa sự kiện chính bởi sự chết của Chúa Jêsus, con đường đến gần Đức Chúa Trời đã được mở ra cho những ai chịu đến với Ngài bằng đức tin (Hêbơơ 10:20-22).

23:46.47 Chính trong ba giờ tối tăm này, Chúa Jêsus đã gánh hình phạt của tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ. Cuối thời gian

đó, Ngài phó linh hồn Ngài trong tay Đức Chúa Trời, là Cha Ngài, và tình nguyện từ bỏ sự sống Ngài. **Viên đội trưởng** Lamã quá xúc động trước cảnh tượng đến nổi bật lên **ngồi** khen Đức Chúa Trời rằng: "Thật người nầy là người công bình."

23:48,49 Cả dân chúng đều có cảm giác huốn rầu kính sợ và linh tính chẳng lành. Một số môn đồ trung tín của Chúa Jêsus, gồm cả các người **đàn bà** theo Ngài từ xứ Galilê, đứng ngó quang cảnh quan trọng nhất này trong lịch sử thế giới.

U. Chúa Được Chôn Trong Mộ Của Giôsep (23:50-56)

23:50-54 Cho tới thời điểm này, Giôsep vẫn là môn đồ âm thầm của Chúa Jêsus. Dẫu là nghị viên Tòa Công Luận, ông không đồng ý bản pháp quyết của họ trong vụ án Chúa Jêsus. Giôsep giờ đây dạn dĩ đến **Philát xin** được đặc ân hạ **xác Chúa Jêsus** xuống khỏi thập tự và chôn cất đàng hoàng. (Lúc đó khoảng giữa ba đến sáu giờ chiều). Được phép rồi, Giôsep lập tức **lấy vải liệm mà bọc**, rồi chôn trong huyệt đã đục nơi **hòn đá**, là huyệt đến lúc này vẫn chưa từng dùng. Việc này xảy ra vào ngày thứ Sáu, là **ngày Sấm Sửa**. Khi Kinh Thánh nói ngày **Sabát gần tới**, chúng ta phải nhớ ngày Sabát của người Do Thái bắt đầu vào ngày thứ Sáu lúc mặt trời lặn.

23:55-56 Những phụ nữ trung tín từ xứ Galilê đến đã đi theo Giôsep khi ông đem xác vào đặt trong mộ. Sau đó họ trở về sắp sửa những **thuốc thơm**

và **sáp thơm** để có thể quay lại và xức xác Dấng họ yêu mến. Khi chôn xác của Chúa Jêsus, trên một phương diện nào đó, Giôsep cũng đã chôn chính mình. Hành động đó đã phân rẽ ông đời đời khỏi dân tộc đã đồng định Chúa của sự sống và vinh hiển. Ông sẽ không bao giờ còn là một thành phần của Do Thái giáo nữa, nhưng sẽ sống trong sự phân rẽ đạo đức khỏi tôn giáo ấy và làm chứng nghịch cùng nó.

Ngày thứ Bảy, những phụ nữ này nghỉ ngơi, vâng giữ điều răn về ngày Sabát.

XH. SỰ ĐẮC THẮNG CỦA CON NGƯỜI (Đoạn 24)

A. Những Người Nữ Tại Ngồi Mộ Trước (24:1-12)

24:1 Đến ngày Chúa nhật, lúc **mở sáng**, họ lên đường **đến mộ**, đem theo **thuốc thơm họ đã sửa soạn** để xức xác Chúa Jêsus. Nhưng họ làm thế nào mong đến được với xác Ngài? Họ không biết có một tảng đá lớn đã lăn chặn cửa mộ sao? Kinh Thánh không cho chúng ta biết câu trả lời này. Tất cả những điều chúng ta biết ấy là họ rất yêu mến Ngài, và tình yêu thương quên đi những khó khăn để có thể đạt đến được mục tiêu.

"Tình yêu của họ đã nhen nhen từ sớm (câu 1) và được ban thưởng dồi dào (câu 6). Vẫn có một Chúa phục sinh chờ người chỗi dậy sớm (Châm Ngôn 8:17)."

24:2-10 Khi đến nơi, họ **thấy hòn đá đã lăn khỏi cửa mộ**. Ngay khi **bước vào**, họ thấy **xác Chúa Jêsus** đã bị mất. Không khó hình dung cảnh lung

túng khò xử của họ. Đang khi họ còn cố tìm ra nguyên nhân, hai thiên sứ (xem Giảng 20:12), mặc áo sáng như chớp, hiện ra và trấn an họ rằng Chúa Jêsus đang sống, tìm Ngài nơi phần mộ chỉ vô ích thôi. Ngài sống lại như Ngài đã hứa lúc còn ở với họ tại xứ Galilê. Chẳng phải Ngài đã báo trước cho họ rằng Con Người phải bị nộp trong tay kẻ có tội, phải đóng đinh trên cây thập tự, và đến ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại sao? (Luca 9:22, 18:33). Lúc đó họ liền nhớ lại. Họ vội vã trở về thành báo tin cho mười một môn đồ. Trong vòng những sử giả đầu tiên báo tin sự phục sinh này có Mari Maddôlen, Giannơ, và Mari mẹ của Giacô.

24:11,12 Các môn đồ không hề tin họ. Đây chỉ là chuyện bịa của bà già. Không thể tin được! Hoang tưởng! Đó là suy nghĩ của họ cho đến khi Phiêrô đích thân đến thăm mộ và nhìn thấy vài liệm Ngài dưới đất. Đây là những mảnh vải đã được quấn chặt quanh thi thể. Chúng ta không rõ những mảnh vải này được tháo ra, hay vẫn nằm nguyên theo hình dạng của thi thể, nhưng chúng ta có thể an tâm cho rằng chúng vẫn còn nằm theo hình dạng của thi thể. Dường như Chúa đã để vài liệm lại như thế chúng là cái kèn. Chính sự kiện vài liệm được để lại cho thấy thi thể không bị đánh cắp; kẻ trộm không tốn thì giờ để tháo vài liệm. Phiêrô trở về nhà, vẫn đang cố giải quyết bí ẩn này. Toàn bộ chuyện này có vẻ gì đây?

B. Chuyến đi Bộ Đến Emmaút (24:13-35)

24:13 Một trong hai môn đồ về Emmaút tên là Cotêôba; chúng ta

không biết người kia là ai. Có lẽ đây là vợ của ông. Có lời truyền khẩu rằng người ấy là Luca. Tất cả những điều chúng ta chắc ấy là không phải người trong số mười một môn đồ đầu tiên (xem câu 33). Dầu thế nào đi nữa, hai người này đang buồn bã⁶⁰ duyệt lại sự chết và sự chôn của Chúa khi họ từ Giêrusalem trở về Emmaút, chuyển đi dài khoảng bảy dặm.

24:14-18 Đang khi đi, một khách lạ đến đi bên cạnh họ; đây là Chúa Phục Sinh nhưng họ không nhận ra Ngài. Ngài hỏi họ đang nói với nhau chuyện gì. Thoạt đầu họ dừng lại, một hình ảnh về sự khốn khổ tuyệt vọng. Kế đó Cotêôba tỏ vẻ ngạc nhiên vì thậm chí còn có khách lạ tại Giêrusalem chưa biết chuyện đã xảy ra.

24:19-24 Chúa khuyến khích họ nội thêm hàng câu hỏi: "Sao vậy, chuyện gì đã xảy ra?" Họ trả lời bằng cách trước hết tỏ lòng kính trọng Chúa Jêsus, sau đó ôn lại vụ xét xử và đóng đinh Ngài. Họ nói về những niềm hy vọng tan biến của họ, rồi đến những tin báo thi thể Ngài không còn trong mộ. Thật sự một số thiên sứ báo đảm rằng Ngài đang sống.

24:25-27 Sau đó, Chúa Jêsus triu mến rầy họ vì không nhận thấy đây chính là đường lối các Đấng tiên tri Cựu Ước đã báo trước về Đấng Mêsi. Trước hết, Ngài phải chịu khổ, sau đó Ngài sẽ được vinh hiển. Bắt đầu từ Sáng Thế Ký và tiếp tục qua mọi sách của các tiên tri, Chúa ôn lại mọi câu Kinh Thánh nói đến chính Ngài, là Đấng Mêsi. Đây là bữa học Kinh

Thành tuyệt diệu, và chúng ta muốn được ở với Ngài lúc bấy giờ biết dường nào! Nhưng chúng ta có cùng Kinh Thánh Cựu Ước ấy, và có Đức Thánh Linh dạy dỗ chúng ta, nên chúng ta cũng có thể khám phá **những lời chi về Ngài trong cả Kinh Thánh.**

24:28,29 Lúc bấy giờ, các môn đồ về gần tới nhà. Họ mời lũ khách đồng hành của họ ở lại đêm với mình. Thoạt tiên, Ngài cư xử lịch sự như thể muốn đi tiếp hành trình; Ngài sẽ không ép buộc họ mới vào. Nhưng họ nài nỉ Ngài ở với họ, và họ đã được ban thưởng dồi dào biết bao!

24:30,31 Khi họ ngồi xuống ăn bữa tối, Vị Khách đã giữ chỗ của Chủ Nhà.

Bữa ăn đạm bạc này đã trở thành một thánh lễ, và ngôi nhà đã trở thành nhà của Đức Chúa Trời. Đó chính là việc Đấng Christ thực hiện tại bất cứ nơi nào Ngài đến. Ai tiếp đãi Ngài thì sẽ được tiếp đãi lại bằng lễ. Hai người này đã mở cửa nhà họ cho Ngài, và giờ đây Ngài mở mắt họ (Liên Đoàn Chủ Giải Kinh Thánh Hàng Ngày).

Khi Ngài **bé bệnh** và đưa cho họ, lần đầu tiên họ đã **biết Ngài**. Trước đó họ có thấy dấu đinh trên bàn tay Ngài không? Chúng ta chỉ biết rằng **mắt họ** đã được mở ra cách kỳ diệu để nhận ra Ngài. Ngay lúc việc này xảy ra, **Ngài biến mất.**

24:32 Lúc đó, họ hỏi tương lại chuyển đi ban ngày. Chẳng lấy gì làm lạ, lòng họ như nung như đốt **khi Ngài** nói **chuyện cùng** họ và **cất nghĩa** Kinh Thánh. Vì Thấy Và Sạn Đồng Hành

của họ chính là Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh.

24:33 Thay vì nghỉ đêm tại Emmaut, họ chạy trở về **Giêrusalem**, tại đó họ **gặp mười một** sứ đồ cùng các môn đồ khác nhóm lại **với nhau**. "Mười một" ở đây là từ ngữ tổng quát để chỉ đến nhóm nguyên thủy của các môn đồ ngoại trừ Giuda. Thực ra, không phải toàn bộ mười một người có mặt, như chúng ta biết từ Giảng 20:24, nhưng từ ngữ này được dùng theo nghĩa tập thể.

24:34 Trước khi các môn đồ tại Emmaut có thể chia sẻ tin vui của họ, các môn đồ tại Giêrusalem hẳn hoan thông báo **Chúa** đã thật sự **sống lại** và **đã hiện ra cho Simôn Phierô.**

24:35 Bấy giờ đến lượt hai môn đồ từ Emmaut lên tiếng: "Vâng, chúng tôi biết rồi, vì Ngài đã đi bộ với chúng tôi, vào nhà chúng ta, và đã bày tỏ chính Ngài cho chúng tôi **lúc bé bệnh.**"

C. Chúa Nhật Ru Cho Mười Một Sứ Đồ (24:36-43)

24:36-41 Thân thể phục sinh của Chúa Jêsus là một thân thể hiển nhiên đúng nghĩa đen bằng **thịt và xương**. Đây cũng chính là thân thể đã được chôn trước đó, thể nhưng được biến đổi ở chỗ thân thể ấy không còn phải phục dưới sự chết nữa. Với thân thể vinh hiển này, Chúa Jêsus có thể vào phòng khi các cánh cửa đóng kín (Giăng 20:19).

Đây là việc Ngài đã làm trong buổi tối: Chúa Nhật đầu tiên ấy. Các môn đồ đã ngủ lên và thấy Ngài, rồi nghe Ngài phán: "**Bình an cho các người.**"

Họ đã kinh hoảng, ngỡ đó là ma. Chỉ khi Chúa cho họ thấy những dấu hiệu chịu thương khó trên bàn tay và **bàn chân của Ngài**, họ mới bắt đầu hiểu ra. Thậm chí đến lúc đó vẫn hầu như quá tốt đến độ không thể tưởng là thật được.

24:42,43 Kế đó, để cho họ thấy đây thật chính là Chúa Giêsu, Ngài **ăn một miếng cá nướng** và một miếng **tàng ong** (Bản Anh ngữ).

D. Tri Hiếu Được Khai Mở (24:44-48)

24:44 Có lẽ những câu này là phần tóm tắt sự dạy dỗ của Chúa giữa lúc Ngài sống lại và thăng thiên. Ngài giải thích sự sống lại của Ngài làm ứng nghiệm **những lời** chính Ngài đã phán với họ. Chẳng phải Ngài đã báo cho họ mọi lời tiên tri của Cựu Ước nói về Ngài phải ứng nghiệm sao? Luật pháp Môise, các sách tiên tri, cũng các **Thi Thiên** là ba phần chính của Cựu Ước. Kết hợp lại, chúng biểu thị toàn bộ Cựu Ước. Chủ đề chính của những lời tiên tri Cựu Ước về Đấng Christ là gì? Đó là:

1. Ngài phải chịu khổ (Thư thiên 22:1-21; Êsai 53:1-9).

2. Đến ngày thứ ba, Ngài phải từ kẻ chết sống lại (Thư thiên 16:10; Giôna 1:17; Ôsê 6:2).

3. Và người ta sẽ nhân danh Ngài mà rao giảng cho dân các nước sự ân nân để được tha tội, bắt đầu từ thành Giêrusalem.

Chúa Giêsu đã mở tri cho họ hiểu toàn bộ **những câu Kinh Thánh** này. Trên thực tế, đây là một đoạn đầy đầy những điều được mở ra: *Ngài mở*

được mở ra (câu 12), *ngôi nhà* được mở cửa ra (câu 29), *mắt* mở ra (câu 31), *Kinh Thánh* mở ra (câu 32), *môi miệng* mở ra (câu 35), *tri hiểu* mở ra (câu 45, và *các tầng trời* mở ra (câu 51).

24:48,49 Các môn đồ là **những nhân chứng** của sự sống lại. Họ phải ra đi làm sứ giả rao báo sứ điệp vinh diệu này. Nhưng trước hết họ phải chờ nhận lấy lời hứa của **Cha**, tức là chờ sự giáng lâm của Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Bấy giờ, họ sẽ **mặc lấy quyền năng** thiên thượng để làm chứng cho Đấng Christ Phục Sinh. Đức Thánh Linh đã được Cha hứa ban trong những phân đoạn Cựu Ước như Êsai 44:3; Êxêchiên 36:27; Giôên 2:28.

E. Sự Thăng Thiên Của Con Người (24:50-53)

24:50,51 Sự Thăng Thiên Của Đấng Christ xảy ra bốn mươi ngày sau khi Chúa sống lại. Ngài đưa các môn đồ **đến tận Bêlheni**, ở triền phía đông núi Ôlive, và Ngài **giơ tay lên ban phước cho họ**. Đang khi chúc phước như vậy, Ngài được cất lên trời.

24:52,53 Họ thờ lạy Ngài, rồi trở về thành Giêrusalem, mừng rỡ lắm. Trong mười ngày kế tiếp, họ dành nhiều thời gian ở trong đền thờ ngợi khen và chúc tụng Đức Chúa Trời.

Sách Tin Lành của Luca đã mở đầu với những tin đó sột sáng tại đền thờ, câu nguyện nài xin Đấng Mêsia họ đã chờ đợi từ lâu. Sách kết thúc tại cùng một nơi ấy với những tin đó mở đạo sột sáng ngợi khen và ⁷⁰ chúc tụng Đức Chúa Trời về lời cầu nguyện đã

được nhậm và về sự cứu chuộc đã được hoàn tất. Đây là đỉnh điểm tuyệt vời cho điều mà Renan gọi là sách hay nhất trong thế gian. Amen.

CHỦ THÍCH

¹{1:2} James S. Stewart, *The Life and Teaching of Jesus Christ*, trang 9.

²{1:4} Cũng chính chữ này (anathên) có trong Giăng 3:7: "Người phải sanh lại" (hoặc "từ trên").

³{1:16,17} G. Coleman Luck, *Luke*, trang 17.

⁴{1:28} Từ ngữ Hy văn này là một phân từ thụ động, cho thấy nàng đã nhận ơn này. Từ ngữ Latin passive ("đầy đầy ân điển") đã bị lạm dụng để dạy rằng Mari là nguồn của ân điển. Điều này nêu rõ tầm quan trọng của cách dịch thật chính xác rõ ràng.

⁵{1:72-75} G. Campbell Morgan, *The Gospel According to Luke*, trang 30, 31.

⁶{2:7} J. N. Darby, *Synopsis of the Books of the Bible*, III:293.

⁷{2:8} Stewart, *Life and Teaching*, trang 24.

⁸{2:13,14} Bản văn phê bình (NU) ghi là "cho người có thiện ý," và câu đó có vẻ như mâu thuẫn với giáo lý Kinh Thánh về sự bại hoại của con người. Nhưng người Tin Lành thuận tụy nào chấp nhận cách lý giải phê bình này thì thường diễn ý. Truyền thống KJV chắc là đúng nhất.

⁹{2:33} Cách ghi của bản NU "cha và mẹ con trẻ" không phủ nhận Sự Giáng Sinh Bởi Nữ Đứng Trinh, nhưng kèm rõ ràng hơn. Cũng đối chiếu câu 43 trong các bản truyền thống và bản đại đa số so với bản văn NU.

¹⁰{2:40} Bản văn NU bỏ qua chữ "trong tâm thần."

¹¹{4:13} Stewart, *Life and Teaching*, trang 45.

¹²{4:28} John Charles Ryle, *Expository Thoughts on the Gospels*, St. Luke, 1:21.

¹³{5:30} Bản văn NU ghi là "các người Pharisi và thầy thông giáo," muốn nói những thầy thông giáo ấy là người theo quan điểm của phái Pharisi.

¹⁴{6:17-19} Tuy nhiên, nhiều học giả tin rằng "đồng bằng" (Bản KJV) là một địa điểm bằng phẳng trên sườn núi tại đó, và những điểm khác biệt này chỉ thuần tụy do cô đọng, cách chọn ý nhấn mạnh của Mathias và Luca, và cách sắp xếp trong khi biên tập (do Đức Chúa Trời soi dẫn).

¹⁵{6:26} Đại đa số các thủ bản bỏ qua chữ "mọi," gợi ý chỉ một số người sẽ khen ngợi những kẻ thỏa hiệp.

¹⁶{6:27-29a} F. B. Meyer, *The Heavenly*, trang 26.

¹⁷{6:47-49} Cách ghi của bản phê bình ("được xây chắc chắn") được hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại đi theo - đa trọng mắt ý này. Đây không phải vấn đề người ta xây dựng đời sống mình thế nào, nhưng là trên ai (Đấng Christ)!

¹⁸{7:21-23} C. G. Moore, trích lời của W. H. Griffith Thomas, *Outline Studies in the Gospel of Luke*, trang 129.

¹⁹{7:27} F. L. Godet, *Commentary on the Gospel of Luke*, 1:350.

²⁰{7:30-34} Ryle, *St. Luke*, 1:230.

²¹{7:49,50} *Ibid.*, trang 239.

²²(8:11-15) J. N. Darby, *The Gospel of Luke*, trang 61.

²³(8:18) G. H. Lang, *The Parabolic Teaching of the Scripture*, trang 60.

²⁴(8:26,27) Ở đây và trong câu 37, bản văn NU ghi là người Giêrasê.

²⁵(8:34-39) Darby, *Synopsis*, III:340.

²⁶(8:51-53) Sir Robert Anderson, *Misunderstood Texts of the New Testament*, trang 51.

²⁷(9:19-20) Stewart, *Life and Teaching*, trang 109, 110.

²⁸(9:28, 29) W. H. Rogers,

²⁹(9:32,33) Ryle, *Gospels*, St. Luke, 1:320.

³⁰(9:50) A. L. Williams

³¹(9:62) Chác câu này không nói đến ảnh mắt nhìn lại đằng sau cách thoáng qua, nhưng là "trạng thái tinh thần "quay về Êđiptô" của dân Ysraên trong đồng vắng.

³²(10:1-12) Ở đây và trong câu 17, bản NU ghi là "bảy mươi hai môn đồ."

³³(10:16) Ryle, *St. Luke*, 1:357, 358.

³⁴(10:36,37) F. Davidson, chủ biên, *The New Bible Commentary*, trang 851.

³⁵(10:42) C. A. Coates, *An Outline of Luke's Gospel*, trang 129.

³⁶(10:42) Charles R. Erdman, *The Gospel of Luke*, trang 112.

³⁷(11:4) Luca cung cấp bản ngắn hơn của "Bài Cầu Nguyện Của Môn Đồ," điều này có lẽ gợi ý rằng bài cầu nguyện này không phải để đọc thuộc lòng từng chữ một. Những sự bỏ qua trong bản văn phê bình (NU) [xem những chú thích cuối trang của bản

NKJV] thường được xem là chứng phần do cách nhà biên soạn bản văn đó thêm vào từ Mathiêu.

³⁸(11:39) Thì mệnh lệnh cách hiện tại của Hy van gợi ý một hành động tiếp diễn.

³⁹(11:41) Harry A. Ironside, *Addresses on the Gospel of Luke*, trang 390.

⁴⁰(11:46) William Kelly, *An Exposition of the Gospel of Luke*, trang 190.

⁴¹(12:2, 3) Godet, *Luke*, II:89.

⁴²(12:15) J. R. Miller, *Come Ye Apart*, bài giảng cho ngày 10 tháng Sáu.

⁴³(12:36) Kelly, *Luke*, trang 214.

⁴⁴(13:6-9) Lang, *Parabolic Teaching*, trang 230.

⁴⁵(14:33) Ryle, *Gospels*, St. Luke, II:86.

⁴⁶(14:34,35) Kelly, *Luke*, trang 249.

⁴⁷(15:20) Stewart, *Life and Teaching*, trang 77, 78.

⁴⁸(16:9) *Our Lord's Teachings About Money* (tract), trang 10, 11.

⁴⁹(16:9) J. N. Darby, *The Man of Sorrows*, trang 178.

⁵⁰(17:10) Roy Hession, *The Calvary Road*, trang 49.

⁵¹(17:34-36) Cả thủ bản cổ nhất và đại đa số các thủ bản đều thiếu câu 36, và điều này có nghĩa rất có thể câu này không xác thực.

⁵²(18:31-33) Ryle, *Gospels*, St. Luke, II:282.

⁵³(19:11) Một mưn ("nén" - tiếng Hiblai minah, Hyvan mna) có giá trị cao hơn đồng "hãng" Anh rất nhiều, vì vậy sự thay đổi ở đây ra từ bản KJV.

⁵⁴{19:41, 42} Griffith Thomas, Luke, trang 303.

⁵⁵{20:18} Những người khác hiểu hòn đá ở đây nói đến những tội nhân biết ăn năn với lòng thống hối rơi trên Chúa Jêsus trong sự tan vỡ thật sự và được cứu để phân biệt với người chối bỏ Đấng Christ bị chà nát thành bột tại sự đoán xét trong tương lai.

⁵⁶{20:35} Coates, Luke's Gospel, trang 252.

⁵⁷{21:1-4} Dr. Joseph Parker.

⁵⁸{21:20-24} Christian Truth Magazine, November 1962, trang 303.

⁵⁹{21:20-24} Edward Gibbon, The Decline and Fall of the Roman Empire, II:95-101.

⁶⁰{22:7} Leon Morris, The Gospel According to Luke, trang 302-304.

⁶¹{22:47,48} Stewart, Life and Teaching, trang 154.

⁶²{23:13-17} Ibid., trang 161.

⁶³{23:33} Đây là chỗ duy nhất trong Kinh Thánh Anh ngữ (truyền thống KJV) có tên gọi yêu dấu này. Dấu cô hàng ngàn hỏi chúng mang tên "Hội Thánh... Calvary," hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại đã bỏ cách dịch truyền thống này.

⁶⁴{23:33} Stewart, Life and Teaching, trang 166.

⁶⁵{23:34} Morgan, Luke, trang 269.

⁶⁶{23:35-38} Stewart, Life and Teaching, trang 168.

⁶⁷{23:42} Cách ghi của bản truyền thống và bản đại đa số: "Lạy Chúa, xin nhớ đến tôi," tạo ấn tượng mạnh hơn bản văn phê bình (NU) "Hỡi Chúa Jêsus, xin nhớ lấy tôi." Tác

hiệu tôn trọng "Chúa" (còn có nghĩa "Tôn Ông") bày tỏ đức tin sâu nhiệm hơn cách dùng một danh xưng cá nhân (trái phổ thông thời bấy giờ).

⁶⁸{23:43} Erdman, Luke, trang 217, 218.

⁶⁹{24:13} Bản văn NU ghi là: "Các người đang nói với nhau kiểu đối thoại nào vậy?" và họ đứng yên, buồn hực lắm."

⁷⁰{24:52,53} Bản văn phê bình (NU) bỏ qua chữ "ngợi khen và" cũng như chữ "Amen" cuối cùng (trong Bản Anh ngữ).

SÁCH THAM KHẢO

Coates, C. A. An Outline of Luke's Gospel. Kingston on Thames: Stow Hill Bible and Tract Depot, không rõ năm xuất bản.

Darby, J. N. The Gospel of Luke. London:

James Carter, không rõ năm xuất bản. The Man of Sorrows. Glasgow: Pickering and Inglis, không rõ năm xuất bản.

Hammond, C. A. Notes of Addresses on the Gospel of Luke. London: C. A. Hammond, không rõ năm xuất bản.

Erdman, Charles R. The Gospel of Luke. Philadelphia: The Westminster Press, 1921.

Geldenhuis, Norval. Commentary on the Gospel of Luke, trọn bộ hai quyển. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1977.

Ironside, H. A. Addresses on the Gospel of Luke. New York: Loizeaux Brothers, 1947.

Kelly, William. An Exposition of the Gospel of Luke. London: Pickering and Inglis, không rõ năm xuất bản.

- Luck, G. Coleman.** Luke. Chicago: Moody Press, 1960.
- Morgan, G. Campbell.** The Gospel According to Luke. New York: Fleming H. Revell Co., 1931.
- Morris, Leon.** The Gospel According to St. Luke, TBC. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1974.
- Thomas, W. H. Griffith.** Outline Studies in the Gospel of Luke. Grand Rapids: Kregel Publications, 1984.

TIN LÀNH THEO GIĂNG

Giới Thiệu

"Quyển sách thâm thúy nhất trên thế giới?" - A. T. Robertson.

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Giăng nói cụ thể cho chúng ta biết sách của ông là sách truyền giảng - "để các người tin" (20:31). Đã có lần hội thánh noi theo tiền lệ của các sứ đồ: hàng triệu quyển sách Tin Lành Giăng loại bỏ tui đã được phân phát trong thế kỷ vừa qua làm chứng sự thực ấy.

Nhưng Giăng cũng là một trong những sách được ưa thích trong Kinh Thánh - nếu không nói là sách *được ưa thích* của những Cơ Đốc nhân trưởng thành và sùng kính. Giăng không chỉ đơn thuần nêu những sự kiện về đời sống của Chúa chúng ta, mà còn có những bài giảng dài và những phần suy gẫm trường thành của vị sứ đồ đã đóng bước đi với Đấng Christ (có lẽ) từ những năm cuối thời niên thiếu tại Galilê đến tuổi già tột cùng trong tỉnh Asia. Sách Tin Lành của ông chép câu Kinh Thánh nổi tiếng nhất Tân Ước, được Martin Luther gọi là "cốt lõi của Tin Lành," là Giăng 3:16.

Nếu sách Tin Lành của sứ đồ Giăng là sách *đầy nhất* của Tân Ước thì nó vẫn cung cấp thịt [và sữa] Đạo đủ để nghiên cứu suy gẫm đến trọn đời.

II. Quyển Tác Giả

Quyển tác giả của sách Tin Lành Thứ Tư đã bị tranh cãi nhiều trong 150 năm qua. Kõ ràng như vậy thôi, vì sách cung cấp lời chứng rõ ràng biết

bao về thân tành của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Cuộc công kích ấy làm cách chứng minh sách Tin Lành này không phải tác phẩm của nhân chứng trực tiếp, nhưng của một "thiên tài tôn giáo" vô danh nào đó đã sống vào khoảng năm mươi đến một trăm năm sau đó. Vì vậy, người ta cho rằng sách phản ánh suy nghĩ của hội thánh về Đấng Christ, chứ không phải những điều Ngài đã thực sự có, thật sự nói hay thực sự làm.

Xét về quyển tác giả thì bản thân sách Tin Lành này là vô danh, nhưng có rất nhiều nguyên nhân để tin sách này được viết bởi sứ đồ Giăng, là một trong mười hai sứ đồ.

Clement ở Alexandria thuật lại rằng cuối cuộc đời (trưởng thọ của Giăng, vị sứ đồ được một số bạn hữu thân thuộc nhất đến thăm tại Êphêso, yêu cầu ông viết một sách Tin Lành để bổ sung cho Các Sách Tin Lành Cộng Quan. Chịu ảnh hưởng của Thánh Linh Đức Chúa Trời, Giăng đã viết một sách Tin Lành *thuộc linh*. Gọi như vậy không có nghĩa các sách khác được xem là *không thuộc linh*, nhưng điểm nhấn mạnh của Giăng về những lời nói của Đấng Christ và ý nghĩa sâu nhiệm hơn về các dấu lạ ấy đã thực sự giải thích vì sao sách Tin Lành của ông có thể đặc biệt được gọi là "thuộc linh."

Ngoại Chứng

Theophilus ở Antioch (vào khoảng 170 S.C.) là tác giả đầu tiên đã gọi cụ

thế tên Giăng là tác giả của sách này. Tuy nhiên, nhiều lời ám chỉ có trước đó và những câu trích từ sách Tin Lành Thứ Tư ở nơi Ignatius, Justin Martyr (chắc là vậy), Tatian, Bộ Kinh Điển Muratorian, và những nhà chủ xướng tà giáo tên Basilides và Valentinus.

Irenaeus đã điến đầy đủ dãy chuyển môn đó liên tục từ chính Đức Chúa Jêsus đến Giăng, từ Giăng đến Polycarp, và từ Polycarp đến chính mình. Điều này đưa chúng ta từ buổi bình minh của Cơ Đốc giáo đến gần cuối thế kỷ thứ nhì. Irenaeus trích rộng rãi rằng sách Tin Lành này là do vị sứ đó Giăng viết, và với tư cách sách đã được vững lập trong hội thánh rồi. Từ Irenaeus trở đi, sách Tin Lành này được khẳng định rộng rãi, gồm cả những nhân chứng như Clement ở Alexandria và Tertullian.

Tính mãi cho đến đầu thế kỷ mười chín, chỉ một nhóm tà giáo ít ai biết đến gọi là nhóm Alogi phủ nhận quyền tác giả của Giăng mà thôi.

Chính phần kết Giăng 21 chắc do những lãnh đạo hội thánh tại Êphêso viết vào cuối thế kỷ thứ nhất, để khích lệ những người trung tín chấp nhận sách Tin Lành của Giăng. Câu 24 chỉ ngược về "môn đó mà Đức Chúa Jêsus yêu" trong câu 20 và trong đoạn 13. Câu này luôn luôn được xem như nói đến sứ đồ Giăng.

Những người theo thần học tự do thường dạy rằng sách Tin Lành Thứ Tư được viết thậm chí đến tận cuối thế kỷ thứ nhì. Tuy nhiên, năm 1920, một mảnh của Giăng 18 (Papyrus 52,

được xác định niên hiệu bởi những phương pháp chủ quan là có từ nửa đầu thế kỷ thứ nhì, và có lẽ vào khoảng 125 S.C.) được khám phá tại Êđiôpô. Sự kiện mảnh này được phát hiện trong thành phố tỉnh lẻ (chứ không phải tại Alexandria, chẳng hạn) khẳng định thời điểm viết sách này theo truyền thống vào nửa cuối thế kỷ thứ nhất là một niên hiệu vững chắc, vì sẽ phải mất khoảng thời gian nào đó để đi từ Êphêso đến vùng thượng Êđiôpô (phía nam). Một mảnh tương tự từ Giăng, tên là mảnh chỉ thảo Egerton Papyrus 2, cũng có từ đầu thế kỷ thứ nhì, khẳng định thêm thời điểm viết ngay trong đời của Giăng.

Nội Chứng

Vào cuối thế kỷ mười chín, một học giả Anh Quốc Giáo nổi tiếng, là giám mục Westcott, lập luận bình vực quyền tác giả của Giăng thành những vòng tròn đóng tâm thu hẹp dần. Có thể có dạng lập luận này như sau: (1) Tác giả là *một người Do Thái* - phong cách viết, ngữ vựng, mức độ quen thuộc với các phong tục và nét đặc trưng Do Thái, và bối cảnh của Cựu Ước được phản ánh trong sách Tin Lành này, thấy đều hậu thuẫn mạnh mẽ chứng cứ này. (2) Ông là *một người Do Thái đã sống tại Palestine* (1:28; 2:1,11; 4:46; 11:18,54; 21:1,2). Ông biết thân thiết về Giêrusalem và đến thờ (5:2; 9:7; 18:1; 19:13, 17,20,41; cũng xem 2:14-16; 8:20; 10:22). (3) Ông là *một nhân chứng trực tiếp* của những điều ông thuật lại. Có vô số chi tiết về địa danh, nhân vật, thời gian, phương

cách (4:46; 5:14; 6:59; 12:21; 13:1; 14:5,8; 18:6; 19:31). (4) Ông là vị sử đồ và cho thấy sự hiểu biết gần gũi về nhóm môn đồ thân tin và về chính Chúa (6:19, 60, 61; 12:16; 13:22,28; 16:19). (5) Vị tác giả nói rất chính xác khi kể tên các sử đồ khác và không nêu lên mình, nên xem như người không được nêu tên ở 13:23; 19:26; 20:2; 21:7,20 là sử đồ Giảng. Ba phần đoạn quan trọng để suy xét thêm về đặc điểm nhân chứng trực tiếp của tác giả là 1:14; 19:35 và 21:24.

III. Thời Điểm Viết

Irenaeus nói rõ rằng Giảng viết sách Tin Lành của ông từ Êphêxô, vì vậy nếu Irenaeus nói đúng, thời điểm khả dĩ sớm nhất sẽ là năm 69 hoặc 70 S.C., khi vị sử đồ đến tại đó. Vì Giảng không đề cập đến sự phá hủy thành Giêrusalem, nên có thể biến cố đó chưa xảy ra, và điều này sẽ cung cấp thời điểm viết trước biến cố kinh khiếp kia.

Một số học giả theo trường phái khả tự do đã chọn thời điểm viết sách Giảng có sớm từ năm 45-66 vì có những mối liên kết khả dĩ với các Cuộn giấy da tìm thấy cạnh Biển Chết. Điều này là bất thường, vì nói chung những người theo phái bảo thủ thích thời điểm viết có sớm, còn những người không bảo thủ thích thời điểm viết muộn hơn. Trong trường hợp này, những lời truyền khẩu của hội thành đầu tiên lại đứng về phía niên hiệu muộn.

Những lập luận bình vực niên hiệu muộn ở đầu thế kỷ thứ hai rất mạnh mẽ. Hầu hết các học giả đồng ý với Irenaeus, Clement ở Alexandria và

Jerome rằng Giảng là sách cuối cùng trong bốn sách Tin Lành được viết ra, một phần vì ông dường như xây dựng trên các sách Tin Lành Công Quan và bổ túc cho các sách này. Sự kiện không nhắc đến việc phá hủy thành Giêrusalem trong sách Giảng có lẽ do sách được viết mười lăm hoặc hai mươi năm sau đó, khi chấn động ấy đã tan rôi. Irenaeus viết rằng Giảng sống mãi đến thời trị vì của hoàng đế Trajan (là người bắt đầu cai trị vào năm 89), và có thể thời điểm viết trước đó không lâu. Những câu nói đến "người Giuđa" trong sách Tin Lành này cũng gợi ý một thời kỳ muộn hơn sau này, khi sự chống đối của người Do Thái với đạo Đấng Christ đã gay gắt hơn để trở thành cơn bất bở.

Tuy không thể lấy được thời điểm viết chính xác nào, nhưng thập kỷ giữa năm 85-95 S.C. là khung thời gian khả dĩ nhất.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Giảng xây dựng sách Tin Lành của mình quanh bảy phép lạ, hay "dấu lạ" trước công chúng. Mỗi phép lạ này nhằm chứng tỏ Chúa Jesus là Đấng Chúa Trời: (1) Hóa nước thành rượu trong tiệc cưới tại Cana xứ Galilê (2:9). (2) Chữa lành con trai quan thị vệ (4:46-54). (3) Chữa lành người bưng tại ao Bêtêđã (5:2-9). (4) Nuôi năm ngàn người ăn (6:1-14). (5) Chúa Jesus bước đi trên biển Galilê để giải cứu môn đồ khỏi cơn bão (6:16-21). (6) Chữa lành người mù từ thuở sinh ra (9:1-7). (7) Cứu Laxarơ từ kẻ chết sống lại (11:1-44). Ngoài bảy phép lạ được thi hành trước công chúng này,

còn có phép lạ (thời tâm được thi hành chỉ riêng cho các môn đồ sau khi Chúa sống lại - phép lạ đánh bắt cá [21:1-14]).

Charles R. Erdman nói sách Tin Lành Thứ Tư "đã đưa càng nhiều người hơn nữa đến theo Đấng Christ, đã thúc giục càng nhiều tín hữu hơn nữa bước vào sự phục vụ tận trung, đã trình bày cho các học giả nhiều nan đề gây cãi hơn nữa, hơn bất kỳ sách nào khác mà ta có thể kể tên ra."

Bảng niên đại cho chức vụ trên đất của Chúa chúng ta được thiết lập từ sách Tin Lành kia, chức vụ của Đấng Christ dường như chỉ kéo dài trong một năm thôi. Những câu nói đến các kỳ lễ hằng năm trong sách Giảng, cung cấp cho chúng ta thời kỳ khoảng ba năm cho chức vụ công khai của Chúa. Để ý những câu này: Lễ Vượt Qua thứ nhất [2:12,13]; "một ngày lễ" [5:1, có lẽ là Lễ Vượt Qua hay Lễ Phục Sinh]; Lễ Vượt Qua thứ nhì (hoặc thứ hai) [6:4]; Lễ Lễ Tạ Ơn [7:2]; Lễ Khánh Thánh Đền Thờ [10:22]; và Lễ Vượt Qua cuối cùng [2:1].

Giảng cũng rất chính xác khi nói đến thời gian. Trong khi bà tác giả đã thương xót lòng với những khung thời chiếu phỏng chừng, Giảng để cập những chi tiết cụ thể như là giờ thứ bảy [4:33]; ngày thứ ba [2:1]; ba ngày [11:36] và sáu ngày [2:1].

Lưu ý rằng và từ trước của sách Tin Lành này là độc nhất vô nhị ngoài trừ các thời kỳ của Giảng. Các câu văn ngắn và đơn giản. Chúng mang ý tưởng Hebrew đầu tiên trong ngôn ngữ Hy Lạp. Thường thì các văn cảnh ngắn,

lễ thật lại càng có ảnh hưởng lớn! Ngữ vựng là phần hạn chế nhất trong toàn bộ các sách Tin Lành, nhưng lại mang ý nghĩa thâm thúy nhất. Để ý những từ ngữ quan trọng sau đây và tần số xuất hiện của chúng: Cha [118], tin [động từ - 100], thể gian [78], yêu thương [45], kẻ chứng, làm chứng, v.v. [47], sự sống [37], sự sáng [24].

Một đặc trưng nổi bật của sách Giảng là sự xuất hiện non số bảy và những cấp số nhân của nó. Nhưng ý tưởng về sự hoàn hảo và hoàn chỉnh gắn liền với con số bảy trong suốt Kinh Thánh [xem Sáng Thế Ký 2:1-3]. Trong sách Tin Lành này, Thánh Linh Đức Chúa Trời kiện toàn và làm đầy đủ khải thị về Đức Chúa Trời trong Thân Vị Đức Chúa Jesus Christ, vì vậy những khuôn mẫu căn cứ trên con số bảy này xuất hiện thường xuyên.

Bảy câu "Ta là" trong sách Giảng là các câu trước: "Bánh Sự Sống" [6:35,41,48,51]; "Sự Sáng Của Thế Gian" [8:12; 9:5]; "Cả Cửa" [10:7,9]; "Người Chấn Hối Lành" [10:11,14]; "Sự Sống Lại Và Sự Sống" [11:25]; "Đường Dẫn Đến, Và Sự Sống" [14:6]; và "Giấc Ngủ" [15:1,5]. Kèm theo thuộc hơn bảy câu trên con số này các "ta là" mà không có định ngữ, tức là những lời tuyên bố đơn giản [4:20; 6:20; 8:24, 28, 58; 13:19, 18:5,8]. Câu cuối cùng là câu kép.

Ở đoạn 6, là đoạn then chốt đến Bánh Sự Sống, từ ngữ Hy Lạp được dịch là "bánh" và "các ô bánh" xuất hiện 21 lần, cũng là bội số của số bảy. Thêm vào đó, trong bài giảng về Bánh Sự Sống, cũng từ "bánh từ trời" xuất hiện mười xác bảy lần; cũng từ "mười

tự "từ trên trời xuống" cũng xuất hiện bảy lần.

Như chúng ta thấy, mục đích Giảng viết sách này là để đọc giả có

thể tin "Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài, mà được sự sống" (20:31).

BỐ CỤC

- I. PHẦN MỞ ĐẦU: SỰ HIỆN ĐẾN LẦN THỨ NHẤT CỦA CHÚA JÊSUS, CON ĐỨC CHÚA TRỜI (1:1-18)
- II. NĂM ĐẦU TIÊN TRONG CHỨC VỤ (1:19 - 4:54)
- III. NĂM CHỨC VỤ THỨ NHÌ (Đoạn 5)
- IV. NĂM CHỨC VỤ THỨ BA: XỨ GALILÊ (Đoạn 6)
- V. NĂM CHỨC VỤ THỨ BA: GIÊRUSALEM (7:1 - 10:39)
- VI. NĂM CHỨC VỤ THỨ BA: VÙNG BÊRÊ (10:40 - 11:57)
- VII. CHỨC VỤ CỦA CHÚA JÊSUS CHO BÊNG NGÀI (Đoạn 12 - 17)
- VIII. SỰ THƯƠNG KHỔ VÀ SỰ CHẾT CỦA CHÚA JÊSUS (Đoạn 18,19)
- IX. CHIẾN THẮNG CỦA CHÚA JÊSUS (Đoạn 20)
- X. ĐOẠN KẾT: ĐỨC CHÚA CON PHỤC SINH VỚI NHỮNG NGƯỜI THỤỘC VÊ NGÀI (Đoạn 21)

CHỦ GIẢI

I. PHẦN MỞ ĐẦU: SỰ HIỆN ĐẾN LẦN THỨ NHẤT CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI (1:1-18)

Giảng bắt đầu sách Tin Lành của mình bằng cách nói về Ngôi Lời - nhưng ông không giải thích hết từ Đức Ngôi Lời là ai hay là gì. Lời là một đơn vị lời nói để bản đồ chúng ta diễn tả chính mình cho người khác. Nhưng trong phần Giảng đang viết về *Đức Ngôi Lời* này, ông đang nói về một Thiên Vị Thiên Vị đó là Chúa Jêsus Christ, Con Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã bày tỏ đặc ân để chính Ngài cho nhân loại qua Thiên Vị của Chúa Jêsus. Bằng cách vào thế gian, Đấng Christ đã bày tỏ hoàn hảo cho chúng ta bởi Đức Chúa Trời ra sao. Bằng cách chết thay chúng ta trên thập tự giá, Ngài nu-

ôi chúng ta biết Đức Chúa Trời yêu chúng ta đến mức nào. Vì vậy, Đấng Christ là Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời cho con người, là sự diễn tả những ý tưởng của Đức Chúa Trời.

A. Ngôi Lời Trong Cõi Bơi Bơi Và Cõi Trời Gian (1:15)

1:1 Ban đầu có Ngôi Lời. Chính Ngài không hề có khởi đầu, nhưng đã hiện hữu từ trước cõi đời đời. Trong chúng mực là trí tuệ người có thể đi ngược trở về nước, thì Chúa Jêsus đã có ở đó rồi. Ngài không hề được tạo dựng. Ngài không hề có khởi đầu nào. Bằng sự phổ biến không gờ hợp trong sách Tin Lành nói về Con Đức Chúa Trời này, **Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời**. Ngài có một nhân vị riêng biệt và đặc biệt. Ngài không phải chỉ là một ý

kiến, một tư tưởng, hay một loại ví dụ mơ hồ nào đó, nhưng là một Ngôi Vị thực sự, Đấng đã sống cùng Đức Chúa Trời. Và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ngài không những ở với Đức Chúa Trời, mà chính Ngài đã là Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh dạy rằng có một Đức Chúa Trời và có Ba Ngôi trong Đức Chúa Trời - Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh. Cả Ba Ngôi này đều là Đức Chúa Trời. Trong câu Kinh Thánh này, hai trong số các ngôi của Đức Chúa Trời được nhắc đến - Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Chính ngay câu đầu tiên trong rất nhiều câu tuyên bố rõ ràng của sách Tin Lành này, *Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời*. Nói rằng Ngài là "một vị thần," nói rằng Ngài giống như thần, hay nói Ngài là thần linh, thì không đủ. Kinh Thánh dạy rằng Ngài là Đức Chúa Trời.

1:2 Câu 2 có vẻ như là chỉ lặp lại điều vừa được nói, nhưng thực sự không phải như vậy. Câu này dạy rằng ngôi vị và thần tánh của Đấng Christ đã không có khởi đầu. Không phải Ngài đã trở thành một ngôi vị lần đầu tiên khi làm Hài Nhi ở Bêlêhem. Cũng không phải bởi cách nào đó chính Ngài trở thành một vị thần sau khi Ngài sống lại, như một số người dạy ngày nay. Ngài là Đức Chúa Trời từ cả cõi đời đời.

1:3 Muốn vật bởi Ngài làm nên. Chính Ngài không phải là một tạo vật; trái lại, Ngài là Đấng Tạo Dựng muốn vật. Điều này bao hàm cả con người, các loài thú, các hành tinh, các thiên sứ - muốn vật thấy được và không

thấy được. Chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài. Không hề có ngoại lệ khá di nào. Nếu một vật được tạo dựng, thì chính Ngài đã dựng nên vật ấy. Với tư cách Đấng Tạo Hóa, đương nhiên Ngài trội hơn mọi vật thọ tạo của Ngài. Cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều dự phần vào công cuộc sáng thế: "Đức Chúa Trời dựng nên trời và đất" (Sáng Thế Ký 1:1). "Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước" (Sáng Thế Ký 1:2). "Muốn vật... đều là bởi Ngài (Đấng Christ) và vì Ngài mà được dựng nên cả" (Côlôse 1:16b).

1:4 Trong Ngài có sự sống. Câu này không chỉ nói Ngài có sự sống, nhưng muốn nói Ngài đã và hiện là nguồn sự sống. Từ ngữ ở đây bao gồm cả sự sống thuộc thể lẫn thuộc linh. Khi ra đời, chúng ta nhận sự sống thuộc thể. Khi được tái sanh, chúng ta nhận sự sống thuộc linh. Cả hai sự sống ấy đều đến từ Ngài.

Sự sống là sự sáng của loài người. Đấng đã ban sự sống cho chúng ta cũng chính Đấng là sự sáng của loài người. Ngài ban sự hướng dẫn và chỉ huy cần thiết cho con người. Tôn tại là một chuyện, nhưng biết cách để sống, biết mục đích thật của sự sống, và biết đường đến Thiên đàng, đó lại là chuyện khác. Đấng đã ban sự sống cho chúng ta cũng chính là Đấng ban cho chúng ta sự sáng trên con đường chúng ta đi.

Có bảy danh hiệu tuyệt vời của Chúa Jêsus Christ chúng ta trong đoạn mở đầu này của sách Tin Lành. Ngài được gọi là [1] Ngôi Lời (câu 1:14); [2]

Sự Sáng (câu 5,7); (3) Chiến Con Của Đức Chúa Trời (câu 29,36); (4) Con Đức Chúa Trời (câu 34,49); (5) Đấng Christ (Đấng Mêsai) (câu 41); (6) Vua Ysraên (câu 49); và (7) Con Người (câu 51). Bốn danh xưng đầu, mỗi danh xưng được nhắc đến ít nhất hai lần, dường như mang tính áp dụng phổ thông. Ba danh xưng cuối, mỗi danh xưng chỉ được nhắc đến một lần duy nhất, áp dụng trước hết cho Ysraên, là dân thời xưa của Đức Chúa Trời.

1:5 Sự sáng soi trong lối tâm. Tội lỗi vào thế gian đem lại lối tâm cho tâm trí con người. Nó đẩy thế gian lao vào **hồng lối** theo ý nghĩa là con người noi chung không biết Đức Chúa Trời cũng không muốn biết Ngài nữa. Đức Chúa Jêsus Christ đã đến chính trong sự tối tăm này - sự sáng chiếu soi trong nơi tối tăm.

Tối tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng. Có thể câu này muốn nói sự tối tăm đã không hiểu Đức Chúa Jêsus khi Ngài vào trong thế giới. Để khỏi nhầm với Loài người không nhận ra Ngài thực sự là Đấng nào, hay vì sao Ngài đã đến. Tuy nhiên còn một ý nghĩa khác nữa được nêu trong chú thích ngoài lề của bản NKJV: **Tối tăm chẳng hề đặc trưng sự sáng.** Như vậy, ý tưởng ở đây sẽ là: sự khước từ và thù địch của con người đã không ngăn được sự sáng thật chiếu soi.

B. Chức Vụ Của Giăng Báp-tít (1:6-8)

1:6 Câu 6 nói đến Giăng Báp-tít, không phải nói đến Giăng tác giả sách Tin Lành này. Giăng Báp-tít được Đức Chúa Trời sai đến làm người đi trước

mở đường cho Chúa Jêsus. Sự mang của ông là công bố sự hiện đến của Đấng Christ và bảo dân chúng chuẩn bị sẵn sàng đón tiếp Ngài.

1:7 Người này đến để làm chứng về sự thực Đức Chúa Jêsus chính là Sự Sáng của thế gian, để mọi người có thể tin cậy nơi Ngài.

1:8 Nếu Giăng cố gắng thu hút chú ý về chính mình, ông sẽ không trung tín trong nhiệm vụ đã giao cho ông. Ông chỉ con người đến với Chúa Jêsus chứ không đến với chính ông.

C. Sự Hiện Bền Lấn Thứ Nhất Của Con Đức Chúa Trời (1:9-12)

1:9 Sự sáng này là sự sáng thật. Nhiều người khác trải bao thời đại đã tuyên bố mình là người dẫn đường và vị cứu tinh, nhưng Đấng mà Giăng làm chứng cho chính là **Sự Sáng thật, Sự Sáng tốt nhất và thật nhất.** Cách dịch khác cho câu này là: "**Sự Sáng thật, là sự sáng khi đến thế gian, thì đem sự sáng cho mọi người.**" Nói cách khác, cụm từ đến thế gian có thể mô tả Sự Sáng thật, chứ không mô tả mọi người. Chính bởi Sự Sáng thật... đến thế gian mà mọi người đã được ban sự sáng. Điều này không có nghĩa mọi người đã nhận lãnh sự hiểu biết nội tâm nào đó về Đấng Christ. Cũng không có nghĩa mọi người đều đã có lần này hoặc lần khác nghe về Đức Chúa Jêsus. Đùng hơn, câu này nói **Sự Sáng** chiếu soi trên mọi người, bất luận quốc tịch, chủng tộc, hay màu da. Câu này cũng nói rằng bởi soi sáng trên mọi người, Chúa Jêsus đã bày tỏ ra con người trong bản chất thật của họ. Bởi việc Ngài đến thế gian trong

tư cách Con Người hoàn hảo, Ngài đã cho thấy những người khác là bất toàn biết dường nào. Khi một căn phòng ở trong bóng tối, bạn không nhìn thấy bụi trên đồ đạc. Nhưng khi ánh sáng bật lên, căn phòng được nhìn thấy đúng thực trạng của nó. Với cùng ý nghĩa đó, việc chiếu soi Sự Sáng thật bày tỏ con người như đúng thực trạng của họ.

1:10 Từ lúc Ngài giảng sinh tại Bếtlêhem cho đến ngày Ngài về trời. Ngài đã ở trong chính thế giới mà chúng ta hiện đang sống. Ngài đã khiến toàn thể gian này hiện hữu và Ngài là Sở Hữu Chủ hợp pháp của nó. Thay vì công nhận Ngài là Đấng Tạo Hóa, con người nghĩ Ngài chỉ là một người giống như họ thôi. Họ đã đối đãi với Ngài như khách lạ và cận bá của xã hội.

1:11 Ngài đến trong xứ mình (chứ thích ngoài lề NKJV là đến trong "đồ vật hoặc lãnh địa" của mình). Không phải Ngài đang bước đi trên tài sản của người khác. Trái lại, Ngài đang sống trên hành tinh mà chính Ngài đã tạo dựng trước kia. Dân của chính Ngài chẳng hề nhận lấy Ngài. Theo ý nghĩa tổng quát, có lẽ câu này nói đến toàn nhân loại, và đúng là hầu hết nhân loại đã khước từ Ngài. Nhưng theo ý nghĩa đặc biệt, dân Do Thái là tuyến dân trên trần gian này của Ngài. Khi Ngài đến thế gian, Ngài đã trình diện chính Ngài cho dân Do Thái trong tư cách Đấng Mêsi của họ, nhưng họ vẫn không nhận lấy Ngài.

1:12 Vì vậy giờ đây Ngài ban chính Ngài cho nhân loại lần nữa và cho

những người nào tiếp nhận Ngài, Ngài ban cho quyền hoặc thẩm quyền để trở nên con cái Đức Chúa Trời.

Câu này dạy chúng ta rõ ràng về cách trở nên con cái Đức Chúa Trời. Không bởi việc lành, cũng không nhờ làm thành viên của hội thánh, cũng không bằng cách làm cố hết sức mình - nhưng bằng cách tiếp nhận Ngài, bằng cách tin Danh Ngài.

1:13 Để trở nên con cái theo ý nghĩa thuộc thể, người ấy phải được sinh ra. Để trở thành con Đức Chúa Trời cũng vậy, người ấy phải được sinh ra lần thứ nhì. Điều này được gọi là sự sanh mới, hay sự hoàn cải, hay được cứu. Câu này cho chúng ta biết *ba cách* mà sự tái sanh không xảy ra bởi đó, và một cách duy nhất mà sự tái sanh thực sự diễn ra. Thứ nhất, ba phương cách mà chúng ta không nhớ đó được sanh lại. Chẳng bởi khí huyết, câu này có nghĩa một người không trở nên Cơ Đốc nhân bởi có cha mẹ là Cơ Đốc nhân. Sự cứu rỗi không lưu truyền từ cha mẹ sang con cái qua dòng huyết. Cũng không phải bởi linh dục (Bản Anh ngữ "ý muốn của xác thịt"). Nói cách khác, người không có quyền trong chính xác thịt mình để tạo ra sự tái sanh. Dầu người ấy phải sẵn lòng để được cứu, thế nhưng ý chí của người ấy không đủ để cứu người.

Cũng không phải bởi ý người. Không ai có thể cứu được một người khác. Chẳng hạn, vị truyền đạo có thể gắng hết sức chăm lo cho một người nào đó được tái sanh, nhưng ông không có quyền để đem lại sự tái sanh kỳ diệu này. Như vậy, sự tái sinh này

xảy ra bằng cách nào? Câu trả lời được tìm thấy trong những chữ "nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời." Câu này đơn giản có nghĩa quyền năng để đem lại sự tái sanh không có nơi bất kỳ vật nào hay bất kỳ người nào khác ngoại trừ Đức Chúa Trời.

1:14 Ngôi Lời đã trở nên xác thịt khi Chúa Jêsus sanh ra làm Hài Nhi trong máng cỏ tại Bêtlehem. Ngài đã luôn luôn hiện hữu trong tư cách Con Đức Chúa Trời ở với Đức Chúa Cha trên Thiên đàng, nhưng giờ đây đã chọn bước vào thế gian trong thân thể con người. Ngài ở giữa chúng ta. Đây không phải chỉ là một lần hiện ra ngắn ngủi để có biểu lâm hay sai sót nào đó về sự hiện ra ấy. Đức Chúa Trời đã thực sự bước vào đất này và sống ở đây trong tư cách một Con Người giữa vòng loài người. Chữ "ở giữa" có nghĩa "đã lập lều tạm" hay "đã dựng lều của Ngài." Thân thể Ngài là cái lều mà Ngài đã sống trong đó giữa vòng con người suốt ba mươi ba năm.

Chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài. Trong Kinh Thánh, "vinh hiển" thường nói đến sự sáng chiếu soi rực rỡ mà người ta nhìn thấy khi Đức Chúa Trời hiện diện. Vinh hiển cũng nói đến sự toàn hảo và xuất sắc của Đức Chúa Trời. Khi Chúa Jêsus ở trên đất này, Ngài đã che vinh hiển của Ngài trong thân thể bằng xác thịt. Nhưng có hai phương cách để sự vinh hiển Ngài được bày tỏ. Thứ nhất, đã có sự vinh hiển đạo đức của Ngài. Với từ ngữ này, chúng ta nói đến sự chối lợi về đời sống và tình cách toàn

hảo của Ngài. Không có một lỗi lầm hay vết nào trong Ngài. Ngài là toàn hảo trong mọi đường lối Ngài. Mọi đức hạnh được bày tỏ trong đời sống Ngài cân bằng tuyệt vời. Rồi có sự chiếu soi hữu hình của vinh hiển Ngài đã xảy ra trên Núi Hôa Hinh (Mathê 17:1,2). Lúc đó, Phiêrô, Giacô và Giăng đã thấy mặt Ngài chiếu sáng như mặt trời, và áo xống Ngài chiếu sáng như ánh sáng rực rỡ. Ba người này đã được nhìn trước về lộng lẫy Chúa Jêsus sẽ có khi Ngài trở lại trần gian và cai trị trong một ngàn năm.

Khi Giăng nói, "Chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài," rõ ràng, ông chủ yếu đang nói đến sự vinh hiển đạo đức của Chúa Jêsus. Ông và các môn đồ khác đã ngắm xem điều kỳ diệu của một đời sống hoàn hảo tuyệt đối đã sống trên đất này. Nhưng có thể Giăng cũng bao gồm cả sự kiện trên Núi Hôa Hinh nữa. Vinh hiển mà các sứ đồ nhìn thấy cho họ biết rằng Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus là Con Một đến từ nơi Cha, có nghĩa Chúa Jêsus là Con độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã không có Con nào khác giống như Ngài. Trên một phương diện, mọi tín hữu thật đều là con của Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa Jêsus là Con Duy Nhất của Đức Chúa Trời - trong một tầng lớp chỉ có riêng mình Ngài. Là Con Đức Chúa Trời, Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Cứu Chúa đầy ơn và lễ thật. Một mặt, đây đây đức nhân từ vô hạn đối với người khác, Ngài còn hoàn toàn ngay thật và công bình, và Ngài không

hể biện hộ cho tội lỗi hay tán thành điều ác. Hoàn toàn đầy ơn và đồng thời hoàn toàn công bình là một điều mà chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có được.

1:15 Giăng Báp-tít đã làm chứng Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời. Trước khi Chúa bước vào chức vụ công khai, Giăng vẫn luôn đang nói cho người khác biết về Ngài. Thật ra, khi Chúa Jê-sus vừa xuất hiện Giăng đã nói: "Ấy là Đấng lâu nay ta vẫn đang mô tả cho các người." Chúa Jê-sus đã đến sau Giăng xét về sự giáng sinh và chức vụ của Ngài. Ngài ra đời sau Giăng sáu tháng và trình diện dân Y-sơ-ra-ên sau khi Giăng đã rao giảng và làm phép báp-têm. Nhưng Chúa Jê-sus vốn **trời hơn** Giăng. Ngài cao trọng hơn Giăng; Ngài xứng đáng được tôn trọng hơn, nguyên nhân đơn giản chính là **Ngài có trước Giăng**. Ngài đã hiện hữu từ suốt cõi đời đời - là Con Đức Chúa Trời.

1:16 Tất cả những ai tin Chúa Jê-sus đều nhận được những nguồn ban sức mạnh thuộc linh từ sự **đầy** của Ngài. Sự **đầy** của Ngài lớn đến nỗi Ngài có thể ban cho mọi Cơ Đốc nhân tại mọi quốc gia và trong mọi thời đại. Cụm từ **ơn càng thêm** ơn có lẽ muốn nói "ơn chồng chất trên ơn" hoặc "ân điển dư dật." Ở đây, ơn nói đến ơn huệ hào phóng của Đức Chúa Trời tuôn đổ trên con cái yêu dấu của Ngài.

1:17 Giăng đối chiếu thời kỳ Cựu Ước với kỷ nguyên Tân Ước. Luật pháp được **ban** qua Môi-se đã không phải là sự bày tỏ ân điển. Luật pháp

đòi hỏi con người phải vâng theo và kết án họ phải chết nếu không vâng theo luật pháp. Luật pháp bảo cho con người biết đâu là điều đúng nhưng không ban cho họ quyền năng để làm điều đúng. Luật pháp được ban để con người thấy họ là tội nhân, nhưng đã không thể cứu họ khỏi tội của họ. **Còn ơn và lễ thật bởi Đức Chúa Jê-sus Christ mà đến**. Ngài đã không đến để đoán xét thế gian nhưng để cứu những người không xứng đáng, những người không thể tự cứu, và những người đã là kẻ thù của Ngài. Đó là **ân điển** - Điều Tốt Nhất của Thiên đàng dành cho kẻ xấu xa nhất của trần gian.

Không những **ân điển** đến bởi Đức Chúa Jê-sus Christ, mà **lễ thật** cũng đến bởi Ngài nữa. Ngài đã nói về chính Ngài: "Ta là... lễ thật." Ngài là Đấng ngay thật và thành tín tuyệt đối trong mọi lời phán và công việc Ngài. Ngài không tỏ ơn đến độ hy sinh cả **lễ thật**. Dầu yêu thương tội nhân, Ngài không yêu tội lỗi của họ. Ngài đã thấy tiền công của tội lỗi là sự chết. Và vì vậy Ngài đích thân chịu chết để đền trả ân phạt sự chết mà chúng ta đáng phải nhận, để Ngài có thể tỏ sự nhân từ không xứng đáng được nhận cho chúng ta khi cứu rỗi linh hồn chúng ta, và ban cho chúng ta một **quê hương trên trời**.

1:18 Chưa hề ai thấy Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là Thần Linh do đó vô hình, Ngài không có thân thể. Dầu Ngài đã thực sự hiện ra cho con người trong Cựu Ước với hình dạng thấy bằng mắt được, như một Thiên Sử hay như một Người, những lần

hiện ra này không bày tỏ Ngài thực sự ra sao. Đó chỉ là những lần hiện ra tạm thời để bởi đó Ngài phán với dân sự Ngài. Chúa Jêsus chính là **Con Một của Đức Chúa Trời**;¹ Ngài là Con độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời; không có con nào khác giống như Ngài. Ngài luôn luôn giữ địa vị gần gũi đặc biệt với Đức Chúa Cha. Ngay cả khi ở trên đất này, Chúa Jêsus vẫn ở **trong lòng Cha**. Ngài là một với Đức Chúa Trời và bình đẳng với Đức Chúa Trời. Đáng phước hạnh này đã bày tỏ đầy đủ cho con người biết Đức Chúa Trời ra sao. Khi con người thấy Chúa Jêsus, thì họ thấy Đức Chúa Trời. Họ đã nghe Đức Chúa Trời phán. Họ đã cảm nhận tình yêu và sự dịu dàng của Đức Chúa Trời. Nhưng ý tưởng và thái độ của Đức Chúa Trời đối với con người đã được **giải bày** đầy đủ bởi Đấng Christ.

II. NĂM ĐẦU TIÊN TRONG CHỨC VỤ CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI (1:19-4:54)

A. Lời Chứng Của Giăng Báp-tít (1:19-34)

1:19 Khi tin tức lan truyền đến Giêrusalem rằng một người tên **Giăng** đang báo dân tộc ăn năn vì Đấng Mêsê sắp đến, **người Giuđa sai** một ủy ban gồm những thầy tế lễ và người **Lêvi** đến tìm hiểu người này là ai. **Mấy thầy tế lễ** là những người thi hành sự phục vụ quan trọng trong đền thờ, còn **Lêvi** là những thầy tư pháp phản vào những bốn phần thống thường tại đó. Họ hỏi: **"Ông là ai?"** "Ông có phải là Đấng Mêsê lâu nay chúng ta đang đợi không?"

1:20 Nhiều người khác có thể nắm ngay cơ hội này để được nổi tiếng

bằng cách tuyên bố mình là Đấng Christ. Nhưng Giăng là một nhân chứng trung tín. Lời chứng của ông là: **ông không phải là Đấng Christ** (Đấng Mêsê).

1:21,22 Người Giuđa chờ đợi Êli trở lại trần gian trước khi Đấng Christ hiện đến (Malachi 4:5). Vì vậy họ lý luận nếu Giăng không phải là Đấng Mêsê, thì có lẽ ông là **Êli**. Nhưng Giăng quá quyết với họ ông không phải. Trong Phục truyền luật lệ Ký 18:15, Môisê nói: "Từ giữa anh em người, Giêhôva Đức Chúa Trời người sẽ lập lên một đấng tiên tri như ta; các người khả nghe theo đấng ấy!" Người Do Thái nhớ lời dự ngôn này và nghi Giăng có lẽ là **Đấng Tiên Tri** được Môisê nói đến. Nhưng một lần nữa Giăng nói mình không phải là Đấng đó. Ất hẳn phái đoàn này tất lúng túng sự quay về Giêrusalem mà không mang theo **câu trả lời** rõ ràng, nên đã yêu cầu Giăng tuyên bố mình là ai.

1:23 Người trả lời: **Ta là tiếng của người kêu trong đồng vắng.** Để trả lời thắc mắc của họ, Giăng Báp-tít trích Êsai 40:3, là câu nói tiên tri một người mở đường sẽ xuất hiện để công bố sự hiện đến của Đấng Christ. Nói cách khác, Giăng nói mình là người mở đường đã được dự ngôn kia. Ông là **tiếng kêu**, và Ysơraên là **đồng vắng**. Bởi phạm tội và lìa bỏ Chúa, dân sự này trở nên khô hạn và cần cứu, giống như đồng vắng. Giăng nói mình đơn giản là một **tiếng kêu**. Ông không phò mình như một vị nhân đấng được ca ngợi và khâm phục, nhưng như một tiếng nói không phải để ngắm nhìn,

nhưng chỉ để nghe. Giăng là tiếng kêu, nhưng Đấng Christ là Ngôi Lời. Lời cần có tiếng để người ta biết đến nó, và tiếng không có giá trị gì nếu không có lời. Lời là vĩ đại vô hạn hơn tiếng, nhưng được làm tiếng cho Ngài chính là đặc ân của chúng ta đây.

Sứ điệp của Giăng là: **"Hãy ban đường của Chúa cho bằng."** Nói cách khác: "Đấng Mêsi sắp đến. Hãy loại bỏ khỏi đời sống các người mọi điều nào ngăn trở các người tiếp nhận Ngài. Hãy ăn năn tội các người, để Ngài có thể đến trị vì trên các người với tư cách vua Ysraên."

1:24,25 Người Pharisi lập thành một hệ phái khác khe của người Do Thái, tự hào về kiến thức luật pháp siêu việt của họ và về những nỗ lực để thực thi những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong những lời dạy dỗ của Cựu Ước. Thực ra, đa số họ là những người giả hình, cố gắng tỏ vẻ mộ đạo nhưng lại sống những cuộc đời hết sức tội lỗi. Họ muốn biết: Giăng có thẩm quyền nào để làm phép báp-têm nếu ông không phải là những nhân vật quan trọng mà họ vừa nêu tên.

1:26,27 Giăng trả lời, "Ta làm phép báp-têm bằng nước." Ông không muốn ai nghĩ ông là người quan trọng. Công tác của ông đơn giản là chuẩn bị con người cho Đấng Christ. Bất cứ khi nào người nghe ông chịu ăn năn tội của họ, ông đều làm phép báp-têm cho họ bằng nước như một biểu tượng bề ngoài về sự thay đổi bề trong của họ. Giăng nói tiếp, đương nhiên chỉ về Chúa Jêsus: "Có một Đấng ở giữa các người mà các người không nhận biết."

Người Pharisi không nhận ra Ngài là Đấng Mêsi họ đã chờ đợi từ lâu. Trong thực tế, Giăng đang nói với người Pharisi: "Đừng nghĩ ta là một vị nhân. Đấng mà các người đang phải chú ý đến chính là Chúa Jêsus; thế nhưng các người không biết Ngài thực sự là ai." Ngài là Đấng xứng đáng. Ngài đến sau Giăng Báp-tít, nhưng Ngài xứng đáng nhận mọi sự ca ngợi và nổi bật. Bản phận của đây tờ hay tội tử là cởi dây gày cho chủ. Nhưng Giăng kể mình không xứng đáng được làm ngay cả một việc hèn kém tầm thường đến thế cho Đấng Christ.

1:28 Không rõ địa điểm chính xác của Bethabara (hoặc Bêthani - Bản Việt Ngữ và NKJV). Nhưng chúng ta thực sự biết đây là nơi ở bờ phía đông sông Giôđanh. Nếu chúng ta chấp nhận cách ghi *Bethani*, thì đây không thể là Bêthani gần Giêrusalem.

1:29 Ngày kế tiếp sau chuyến viếng thăm của những người Pharisi từ Giêrusalem đến, Giăng nhìn lên thấy Chúa Jêsus đến cùng mình. Tràn ngập hào hứng và xúc động trong giây phút đó, ông kêu lớn lên: "**Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi!**" Chiên con là con thú đáng làm của tế lễ hy sinh giữa vòng người Do Thái. Đức Chúa Trời dạy tuyển dân Ngài giết một con chiên con và rưới huyết nó ra như một của tế lễ. Chiên con đã bị giết như một vật thay thế và huyết nó đổ ra để tội lỗi được tha.

Tuy nhiên, huyết nhưng chiên con bị giết trong thời Cựu Ước không đẹp bỏ tội lỗi được. Những chiên con đó

là hình ảnh hay là hình bóng, để chỉ lương tâm sự kiện Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ cung ứng một **Chiên Con** là Đấng sẽ thực sự *cắt bỏ* tội lỗi. Trải suốt bao năm, những người Do Thái tin kính vẫn luôn chờ đợi sự hiện đến của **Chiên Con** này. Giờ đây cuối cùng thời điểm đã đến, và Giăng Báp-tít công bố khai hoàn sự hiện đến của **Chiên Con** thật của **Đức Chúa Trời**.

Khi ông nói Chúa Jê-sus gánh lấy **tội lỗi của thế gian**, ông không có ý bào tội của mọi người bởi đó đều được tha. Sự chết của Đấng Christ có giá trị vĩ đại đủ để đền trả tội lỗi của toàn **thế gian**, nhưng chỉ những tội nhân nào chịu tiếp nhận Chúa Jê-sus làm Cứu Chúa của mình thì mới được tha thứ.

J. C. Jones nói rõ câu này phát biểu tình ưu việt trong sự chuộc tội của Đấng Christ:

1. Ưu việt trong **BẢN CHẤT** của nạn nhân. Trong khi những của tế lễ Do Thái giáo là những chiên con không có lý trí, của tế lễ Cơ Đốc giáo chính là **Chiên Con** của Đức Chúa Trời.

2. Ưu việt trong **TÍNH HIỆU NẢNG** của công tác. Trong khi các của tế lễ Do Thái giáo chỉ làm cho nhớ lại tội lỗi mỗi năm, của tế lễ Cơ Đốc giáo đã **cắt bỏ** tội lỗi. "Ngài đã cắt bỏ tội lỗi bởi dâng của tế lễ bằng chính Ngài."

3. Vượt trội hơn trong **PHẠM VI** hoạt động của sự chuộc tội ấy. Trong khi các tế lễ của người Do Thái nhằm lợi ích của một dân tộc mà thôi, của tế lễ của Cơ Đốc giáo nhằm cho mọi

dân tộc; "của tế lễ ấy cắt bỏ tội lỗi của toàn thế gian."²

1:30,31 Giăng không hề mệt mỏi nhắc nhở dân sự rằng ông chỉ đang dọn đường cho Đấng cao trọng hơn chính mình, và Đấng ấy sắp đến. Chúa Jê-sus cao trọng hơn Giăng với cùng một mức độ Đức Chúa Trời cao trọng hơn loài người. Giăng sanh ra vài tháng trước Chúa Jê-sus, nhưng Chúa Jê-sus đã hiện hữu từ suốt cả cõi đời đời. Khi Giăng nói, "**ta vẫn chẳng biết Ngài**," không nhất thiết ông muốn bảo mình chưa từng nhìn thấy Ngài trước đó.

Vì hai người là anh em bà con, nên các Giăng và Chúa Jê-sus đã quen biết thân thiết. Nhưng Giăng vẫn chưa nhận ra anh em bà con của mình là Đấng Mê-si cho đến thời điểm Ngài chịu báp-têm. Sự mạng của Giăng là dọn đường cho Chúa, và nêu bật Ngài ra cho dân **Y-sơ-ra-ên** khi Ngài xuất hiện. Chính vì cơ đó Giăng làm phép báp-têm cho dân chúng bằng nước - để chuẩn bị cho họ đón sự hiện đến của Đấng Christ. Việc đó không nhằm mục đích thu hút môn đồ đến với chính ông.

1:32 Câu này nói đến thời điểm Giăng làm phép báp-têm cho Chúa Jê-sus tại sông Giô-đanh. Sau khi Chúa Jê-sus đã giăng xuống **như chim bồ câu, đậu trên mình Ngài** (cũng xem Mathê 3:16). Tác giả tiếp tục giải thích ý nghĩa của việc này.

1:33 Đức Chúa Trời đã tỏ cho Giăng biết Đấng Mê-si sẽ đến và khu Ngài đến, **Thánh Linh** sẽ ngự xuống

đầu lên trên Ngài. Do đó, khi điều này xảy ra cho Chúa Jêsus, Giăng nhận ra đây là Đấng sẽ làm phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh là một Ngôi Vị, một trong Ba Ngôi của Đức Chúa Trời. Ngài hình đồng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

Trong khi Giăng làm phép báp-têm bằng nước, Chúa Jêsus sẽ làm phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh. Phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh đã xảy ra vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ 1:5; 2:4,38). Tại thời điểm đó, Thánh Linh từ trời giáng xuống để ở trong thân thể của mỗi tín hữu và cũng khiến mỗi tín hữu trở thành chi thể của hội thánh, tức là Thân của Đấng Christ (I.Côrinthô 12:13).

1:34 Dựa trên điều được chứng kiến tại phép báp-têm của Chúa Jêsus, Giăng làm chứng mạnh mẽ cho sự kiện Chúa Jêsus ở Naxarét là Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã được báo trước rằng Ngài sẽ vào trong thế gian này. Khi Giăng nói Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời, ông có ý nói Ngài là Đức Chúa Con.

B. Sự Kêu Gọi Anhré, Giăng Và Phierô (1:35-42)

1:35,36 Ngày mai ở đây tức là ngày thứ ba được nhắc đến cho tới nay. Giăng đang ở đó với hai môn đồ mình. Hai người này đã nghe Giăng giảng và tin lời Giăng nói. Nhưng họ vẫn chưa gặp Đức Chúa Jêsus. Giờ đây, Giăng làm chứng công khai về Chúa. Ngày hôm trước, ông đã nói về Ngôi Vị của Ngài (Chiên Con Cũ của Đức Chúa Trời) và công tác của Ngài (Đấng cất tội lỗi của thế gian đi). Giờ

đây ông chỉ đơn giản chú ý đến Thân Vị Ngài. Sự độp của ông ngắn gọn, đơn giản, không ich kỷ và hoàn toàn nói về Cứu Chúa.

1:37 Bởi sự giảng đạo trung tin của mình, Giăng đã mất hai môn đồ, nhưng ông rất vui mừng nhìn thấy họ đi theo Chúa Jêsus. Vì vậy, chúng ta nên lo lắng sao cho hạn hữu của mình đi theo Chúa hơn là lo cho họ đánh giá cao về mình.

1:38 Cứu Chúa luôn quan tâm đến những người đi theo Ngài. Ở đây Ngài tỏ lòng quan tâm bằng cách quay lại với hai môn đồ và hỏi: "Các người làm chi?" Ngài biết câu trả lời này rồi; Ngài biết mọi sự. Nhưng Ngài muốn họ nói ra ước ao của họ. Câu trả lời của họ: "Rabi, hãy ở đây?" cho thấy họ muốn ở với Chúa và biết Chúa rõ hơn. Họ không chỉ thỏa mãn ở mức chỉ gặp Ngài mà thôi. Họ khao khát được thông công với Ngài. Rabi là từ ngữ Hê-brai chỉ về "thầy" (nghĩa đen là "người vi đại của tôi").

1:39 Ngài phán rằng: "Hãy đến xem." Không ai thật lòng khao khát muốn biết nhiều hơn về Cứu Chúa mà lại bị bỏ rơi. Chúa Jêsus mời hai người đến nơi Ngài đang ở lúc bấy giờ - chắc là một nơi ở rất nghèo nàn nếu đem so với những căn nhà thời hiện đại.

Vậy, hai người đi, thấy nơi Ngài ở, và ở lại cùng Ngài trong ngày đó; lúc bấy giờ độ chừng giờ thứ mười. Những người này chưa bao giờ được vinh dự đến thế. Họ ở lại đêm đó trong cùng ngôi nhà với Đấng Tạo Hóa toàn cõi vũ trụ. Họ ở trong số

những thành viên đầu tiên của dân Do Thái nhân ra Đấng Mêsi.

Giờ thứ mười là mười giờ sáng hoặc bốn giờ chiều. Nói chung người ta thường thích dùng thì giờ sớm (của người Rôma).

1:40 Một trong hai môn đồ đó là Anhrê. Ngày nay Anhrê không nổi tiếng như anh của ông là Simôn Phierô, nhưng thật thú vị khi thấy ông là người đầu tiên gặp Chúa Jêsus trong hai người này.

Kinh Thánh không nêu tên của môn đồ kia cho chúng ta, nhưng hầu như mọi học giả Kinh Thánh đều cho rằng đó là Giăng - người đã viết sách Tin Lành này. Họ lập luận rằng đức lính khiêm nhường đã khiến Giăng không để cập chính tên mình.

1:41 Khi một người tìm thấy Chúa Jêsus, người ấy thường muốn bà con của mình cũng gặp Ngài nữa. Sự cứu rỗi quá tuyệt vời đến nỗi không thể giữ riêng cho mình. Vì vậy Anhrê nhanh chóng đi tìm Simôn anh mình để báo tin tức đầy hào hứng, "Chúng ta đã gặp Đấng Mêsi!" Đây quả là lời công bố đáng ngạc nhiên biết bao! Ít nhất trong bốn ngàn năm, con người đã chờ đợi Đấng Christ đã hứa ban, là Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời. Giờ đây Simôn nghe từ môi miệng của chính em mình tin tức đáng sửng sốt; rằng Đấng Mêsi đang ở gần. Thực sự họ đang sống tại nua lịch sử đang được thiết lập. Sự điệp của Anhrê thật đơn sơ biết bao. Chỉ gồm sáu chữ - "Chúng ta đã gặp Đấng Mêsi" - thế nhưng Đức Chúa Trời đã dùng sự điệp ấy để chinh phục Phierô.

Điều này dạy chúng ta không cần phải trở thành những vị truyền đạo vĩ đại hay những diễn giả thông thái. Chúng ta chỉ cần nói cho con người biết về Chúa Jêsus bằng những lời lẽ đơn sơ, và Đức Chúa Trời sẽ lo phần còn lại.

1:42 Anhrê đã dẫn anh trai mình đến đúng chỗ và đúng Người. Ông đã không dẫn anh mình đến với nhà thờ, tin điều hay một vị nào trong hàng giáo phẩm. Người bèn dẫn Simôn đến cùng Đức Chúa Jêsus. Hành động này thật quan trọng biết bao! Bởi sự quan tâm của Anhrê, về sau Simôn đã trở thành tay đánh lưới người vĩ đại, và là một trong những vị sứ đồ hàng đầu của Chúa. Simôn đã được công chúng biết đến nhiều hơn em mình, nhưng Anhrê rõ ràng sẽ chia phần thưởng cùng Phierô vì chính Anhrê đã đưa Phierô đến với Chúa Jêsus. Chúa biết tên Phierô rồi mà không cần ai nói. Ngài cũng biết Simôn có tính cách không ổn định. Và cuối cùng, Ngài đã biết tính cách của Simôn sẽ được thay đổi, để ông sẽ trở nên vững vàng như một hòn đá. Chúa Jêsus biết mọi điều này bằng cách nào? Vì Ngài đã và hiện là Đức Chúa Trời.

Tên của Simôn đã thực sự đổi thành Sêpha (tiếng Aram chỉ về "đá"), và ông đã thực sự trở thành một người có tính cách vững vàng, đặc biệt sau sự thăng thiên của Chúa và sự giảng làm của Đức Thánh Linh.

C. Sự Kêu Gọi Philip và Nathanaen (1:43-51)

1:43 Giờ đây chúng ta đã đọc đến ngày thứ tư trong đoạn này. Bosch nói rõ ràng vào ngày thứ nhất, chúng ta chỉ thấy một mình Giăng (câu 15-28);

vào ngày thứ nhì chúng ta thấy *Giăng và Chúa Jêsus* (câu 29-34); vào ngày thứ ba, chúng ta thấy *Chúa Jêsus và Giăng* (câu 35-42); và vào ngày thứ tư, chúng ta thấy *chỉ một mình Chúa Jêsus thôi* (câu 43-51). Chúa đi bộ lên hướng bắc vào vùng gọi là Galilê. Tại đó Ngài tìm Philip và mời gọi Philip làm môn đồ. "Hãy theo ta!" Đây là những lời vĩ đại vì cơ Đấng đã phán những lời ấy, và tuyệt vời vì đặc ân mà những lời ấy đem đến. Cứu Chúa vẫn đang mời gọi lời đơn giản nhưng hết sức quan trọng này cho mọi người ở khắp mọi nơi.

1:44 Bêtsaida là thành ở bờ biển xứ Galilê. Rất ít thành phố trên thế giới đã từng được vinh dự đến như vậy. Chúa đã thực hiện một số phép lạ đầy quyền năng của Ngài tại đó (Luca 10:13). Đây chính là quê hương của Philip, Anrê và Phiêrô. Thế nhưng thành này đã khước từ Cứu Chúa, và kết quả thành bị phá hủy hoàn toàn đến nỗi giờ đây chúng ta không thể nói thành này nằm chính xác tại địa điểm nào.

1:45 Philip muốn chia sẻ niềm vui mới tìm được của mình với người khác, vì vậy ông đi và đã tìm thấy Nathanaên. Tân tin hữu là những người chính phục linh hồn giới nhữ. Sự điệp của ông thật đơn giản và đi thẳng vào ý chính. Ông bảo Nathanaên rằng ông đã gặp Đấng Mêsê, là Đấng đã được Môisê và các Đấng tiên tri báo trước - ấy là Đức Chúa Jêsus ở Naxarét. Thực ra, sự điệp của ông chưa hoàn toàn chính xác. Ông mô tả Chúa Jêsus là con của

Glôsêp. Đương nhiên, Chúa Jêsus được sinh ra bởi Nữ Đống Trinh Mari và không có cha về phần xác. Glôsêp đã nhận Chúa Jêsus làm con và bởi đó trở thành người cha về mặt pháp lý của Ngài, dấu vậy không phải là cha thật của Ngài. James S. Stewart nhận định:

Đường lối của Đấng Christ không hề là cách đòi hỏi một đức tin ngay từ lúc bắt đầu đã đi lòng đã cánh. Đường lối của Ngài không hề là ngài người khác làm môn đồ vì cơ một bài Tin Điều chưa hoàn chỉnh. Và hoàn toàn chắc chắn đó cũng không phải là đường lối của Ngài ngày hôm nay. Ngài đã đặt mình bên cạnh những anh em của Ngài. Ngài tuyển họ gần gũi chính Ngài với họ tại bất cứ điểm nào họ có thể được. Ngài tiếp nhận họ với đức tin mà họ có thể dành cho Ngài. Ngài thừa lòng với niềm khâm phục như thế, và từ đó Ngài dẫn dắt những bạn hữu Ngài tiến lên, cũng như Ngài đã dẫn nhóm người đầu tiên này tiến lên, từng bước một, đến với bí mật sâu kín nhất về chính thân vị của Ngài và đến vinh hiển đầy trọn của tư cách môn đồ.³

1:46 Nathanaên gặp nhiều nan đề. Naxarét là một thành phố bị khinh chê trong xứ Galilê. Đối với ông, dường như không thể nào có chuyện Đấng Mêsê lại sống trong vùng phụ cận nghèo nàn đến như thế. Vì vậy ông đã nói lên thắc mắc trong suy nghĩ của mình. Philip không tranh luận. Philip cảm thấy cách tốt nhất để đáp ứng với những sự phản đối chính là giới thiệu con người trực tiếp đến

với Chúa Jêsus - một bài học hết sức quý giá cho tất cả những ai tìm cách chinh phục người khác về với Đấng Christ. Đừng tranh cãi. Đừng tham gia vào những cuộc thảo luận kéo dài. Cứ bảo người ta, hãy đến xem.

1:47 Câu 47 cho thấy **Chúa Jêsus** đã biết hết mọi sự. Chưa hề quen biết trước với **Nathanaên** nhưng Ngài tuyên bố Nathanaên là một người **Ysraên thật, trong người không có điều dối trá hay lừa gạt** chi hết. Giacóp đã có được danh tiếng sử dụng những phương pháp làm ăn với hoàn toàn không ngay thật, nhưng Nathanaên là một người "Ysraên" mà trong ông không có một chút gì "Giacóp."

1:48 Dĩ nhiên Nathanaên ngạc nhiên khi một người hoàn toàn là Khách Lạ lại nói về mình dường như thể trước đây đã biết mình rồi. Dường như ông đã hoàn toàn bị che kín khi đang ngồi **dưới gốc cây vả**. Rõ ràng những nhánh xum xuê chia ra của các cây này và các tán lá xung quanh đã che khuất ông khỏi tầm nhìn. Nhưng Chúa Jêsus đã thấy ông, cho dù ông bị che khuất kín như thế.

1:49 Có lẽ chính quyền năng Chúa Jêsus nhìn thấy ông khi ông bị che khuất khỏi tầm mắt con người đã thuyết phục **Nathanaên**, hoặc có lẽ sự hiểu biết này được ban cho ông cách siêu nhiên. Dầu thế nào đi nữa, giờ đây ông đã biết Chúa Jêsus là **Con Đức Chúa Trời và Vua dân Ysraên**.

1:50 Chúa ban cho Nathanaên hai bằng chứng cho thấy Ngài là Đấng Mêsi. Ngài đã mô tả tính cách của

ông, và Ngài đã thấy Nathanaên khi không con mắt nào khác thấy được ông. Hai bằng chứng này đã đủ cho Nathanaên, và ông đã tin Ngài. Nhưng giờ đây Chúa Jêsus hứa cho ông thấy những bằng chứng còn lớn hơn thế nữa.

1:51 Mỗi khi Chúa Jêsus mở đầu câu nói với những chữ "quả thật quả thật" (nghĩa đen là "Amen, Amen."⁴), thì luôn luôn Ngài sắp nói một điều rất quan trọng. Ở đây, Ngài cho Nathanaên nhìn thấy hình ảnh thời điểm tương lai khi Ngài trở lại cai trị trên cả trái đất. Thế gian bây giờ sẽ biết Con Trai người thợ mộc từng sống tại thành Nazarét bị khinh khi kia thực sự là Con Đức Chúa Trời và Vua Ysraên. Trong ngày đó, **lời mở ra**. Ôn của Đức Chúa Trời sẽ ở trên Vua khi Ngài cai trị, với Jerusalem là kinh đô của Ngài.

Rất có thể Nathanaên đang suy gẫm câu chuyện cái thang của Giacóp (Sáng Thế Ký 28:12). Chiếc thang đó, cùng với các thiên sứ đi lên và đi xuống, là hình ảnh về chính Đức Chúa Jêsus Christ, là con đường duy nhất đến Thiên đàng. **Các thiên sứ của Đức Chúa Trời** sẽ lên và xuống **trên Con Người**. Các thiên sứ là các **tôi tớ của Đức Chúa Trời**, đi lại như những ngọn lửa để làm công việc Ngài. Khi Chúa Jêsus cai trị với tư cách Vua, những thiên sứ này sẽ đi tới lui giữa trời và đất, làm trọn ý muốn Ngài.

Chúa Jêsus đang nói với Nathanaên rằng ông chỉ mới thấy nhưng biểu hiện rất nhỏ về tư cách

Đấng Mêsi của Ngài. Trong Thời Trị Vĩ tương lai của Đấng Christ, ông sẽ thấy Chúa Jêsus được bày tỏ đầy đủ trong tư cách Con Được Xức Dầu của Đức Chúa Trời. Bấy giờ cả nhân loại đều sẽ biết có một Đấng tốt lành đã thực sự ra từ Naxarét.

D. Phép lạ Đầu Tiên: Nước Rượu Thành Rượu (2:1-11)

2:1 Cách ba ngày sau rõ ràng nói đến ngày thứ ba trong đợt Chúa ở tại Galilê. Trong 1:43, Cứu Chúa đã đi vào vùng đó. Chúng ta không biết chính xác Cana nằm ở đâu, nhưng từ câu 12 của đoạn này suy ra được thành này ở gần Cabernaum và ở trên vùng đất cao hơn.

Có đám cưới lại thành Cana trong ngày hôm ấy, và mẹ Chúa Jêsus cũng có tại đó. Thật thú vị khi thấy Kinh Thánh nói Mari là mẹ Chúa Jêsus. Cứu Chúa không nổi tiếng nhờ Ngài là Con Trai của Nữ Đồng Trinh Mari, nhưng bà nổi tiếng vì bà là mẹ của Chúa chúng ta. Kinh Thánh luôn luôn dành địa vị cao nhất cho Đấng Christ chứ không cho Mari.

2:2 Đức Chúa Jêsus cũng được mời đến dự đám cưới với môn đồ Ngài. Đây là quyết định khôn ngoan của những người tổ chức tiệc cưới khi mời Đấng Christ đến. Ngày hôm nay con người mời Chúa đến dự tiệc cưới của họ, đó vẫn là quyết định khôn ngoan y như vậy. Tuy nhiên, để làm việc này, cá cô dâu lẫn chàng rể phải là những tín hữu thật nơi Chúa Jêsus. Rồi họ cũng phải dâng đời sống họ cho Cứu Chúa và quyết định nhà của họ sẽ là nơi Ngài rất thích ở.

2:3 Không đủ rượu. Khi mẹ Chúa Jêsus nhận thấy chuyện xảy ra, bà trình nan đề ngay cho Con Trai mình. Bà biết Ngài có thể làm phép lạ để cung cấp rượu, và có lẽ bà muốn con trai mình bày tỏ chính Ngài là Con Đức Chúa Trời cho những vị khách đang đến dự. Trong Kinh Thánh, rượu thường nói về sự vui mừng. Khi Mari nói, "Người ta không có rượu nữa," bà đang mô tả rất chính xác về những người nam và nữ chưa hề được cứu. Không hề có vui mừng thật và lâu dài cho những người chưa tin.

2:4 Cầu Chúa trả lời cho mẹ dường như lạnh lùng và xa cách. Nhưng đây không phải là một lời quở trách nặng nề như nó có vẻ đối với chúng ta. Chữ "đàn bà kia" đứng ở đây chính là một danh hiệu tôn trọng, tương tự như từ ngữ "lady" (quý bà) của chúng ta. Khi Chúa hỏi: "Hỡi đàn bà kia, ta với người có sự gì chăng?" (Bản Anh ngữ: "Hỡi đàn bà kia, nói lo của người có liên quan gì đến Ta?"). Ngài cho thấy trong khi thi hành sứ mạng thiên thượng của Ngài, Ngài không phục dưới những lời chỉ dạy từ mẹ Ngài, nhưng hoàn toàn hành động vâng theo ý muốn của Cha Ngài trên trời. Mari muốn thấy Chúa Jêsus được vinh hiển, nhưng Ngài phải nhắc bà nhớ thời điểm ấy vẫn chưa đến. Trước khi Ngài hiện ra cho thế gian với tư cách Đấng Christ toàn thắng, Ngài phải trước nhất lên bàn thờ của lễ thiêu, và đây là việc Ngài đã làm tại thập tự giá ở đồi Gôgôtha.

William nói như sau:

Câu thơ "Ta với người có sự gì chăng" xuất hiện nhiều lần trong

Kính Thánh. Câu này muốn nói: "Chúng ta có điều gì chung?" Câu trả lời rằng, "Không có gì cả." David dùng câu này hai lần đối với những anh em bên con của mình, là các con trai của Xêrugut. Họ không thờ nào có điều gì chung với ông trong sự sống thuộc linh cả! *Élisé dùng câu này trong HCácvin 3 để diễn tả việc ngăn cách giữa ông và Giôram con Akáp là sản vật của Đàng Ba lần mà giữ sự dưng chính động từ này để cho thấy Satan chẳng hề có gì chung với Đấng Christ, hay Đấng Christ với Satan. Và cuối cùng, Chúa đã dùng câu này nói với Nữ Đấng Trừng Mạt để cho thấy thật không thể vượt qua việc sâu giầu thần thánh vô tội của Ngai với nhân tính tội lỗi của bà, và chỉ có Một Tiếng Nói Đức Nhất có thẩm quyền trên đời tại của Ngai!*⁵

2:5 Marc hiểu ý nghĩa những lời nói của Ngài, vì vậy bà bảo các tôi tớ hay vâng theo mọi lời Chúa truyền dạy họ. Những lời của bà là lời quan trọng cho mỗi chúng ta. Lưu ý bà không truyền những người này vâng lời bà, hay vâng lời bất kỳ người nào khác. Bà chỉ cho họ đến với Chúa Jesus và bảo họ rằng Ngài là Đấng mà họ phải vâng lời. Những lời dạy của Chúa Jesus được ban cho chúng ta qua các trang Tân Ước. Khi đọc quyển sách quý báu này, chúng ta phải nhớ những lời vừa được ghi lại của Marc, "Người biểu chi, hãy vâng theo cả."

2:6 Tại nơi tổ chức tiệc cưới, có sáu cái ché đã lớn, mỗi cái chứa hai ba ga-lông nước (khoảng 90-130 lít) nước này được người Do Thái dùng

nửa sạch sự ô uế. Chẳng hạn, nếu một người Do Thái đựng phải xác chết, người ấy bị kể là ô uế cho đến khi chịu một lễ nghi tẩy uế nào đó.

2:7 Chúa Jesus truyền lệnh đổ nước đầy những ché này. Những tôi tớ làm theo lệnh này tức khắc. Chúa dùng những phương tiện sẵn có khi Ngài sắp thi hành phép lạ. Ngài cho phép con người cung cấp những ché đã, và đổ đầy nước vào đó, nhưng rồi Ngài làm việc mà không người nào từng làm được - biến nước thành rượu! Chính những đầy tớ này - chứ không phải các môn đồ - là người đổ nước đầy ché. Bằng cách này, Chúa tránh mọi khả năng bị ghép tội lừa đảo. Hơn nữa, những ché này được đổ đầy lối miệng, để khỏi ai nói rượu đã được đổ thêm vào lượng nước đó.

2:8 Giờ đây phép lạ xảy ra. Chúa truyền những đầy tớ hãy múc nước từ các ché đã đó rồi đem cho người coi tiệc. Từ đây, rõ ràng phép lạ đã xảy ra tức thời. Nước đã không biến thành rượu qua một khoảng thời gian, nhưng chỉ trong một giây hay khoảng cỡ đó. Đừng như có người đã trình bày đầy thi vị: "Nước vô tri giắt đa nhìn thấy Đức Chúa Trời của chúng và đó mặt hổ thẹn."

2:9 Chủ tiệc là người có trách nhiệm sắp xếp các bàn ăn và thức ăn. Khi chủ tiệc nếm thử rượu ấy ông nhận thấy có điều bất thường đã xảy ra. Ông không biết rượu này đến bởi đâu, nhưng biết đây là rượu rất ngon, nên lập tức gọi cho chàng rể.

Cơ Đốc nhân ngày nay nên có thái độ nào đối với rượu? Đôi khi rượu

được dùng như dược liệu, và điều này hoàn toàn phù hợp với sự dạy dỗ của Tân Ước (1.Timôthê 5:23). Tuy nhiên, vì những hậu quả kinh khiếp đã xảy ra liên quan đến cách dùng rượu vô độ, Cơ Đốc nhân phải cẩn trọng trong mọi hoàn cảnh và trong mọi nền văn hóa, trước hết dành tất cả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, không được thỏa mãn dục vọng ích kỷ của riêng mình. Tin đồ luôn nhớ những lời cảnh cáo một cách rõ ràng trong Kinh Thánh chống lại thói ghiền rượu (Rôma 13:13; Gal 5:21; Êphêso 5:18; 1.Phi 4:3); và nói chung chống lại mọi sự vô độ (1.Côrinthô 6:12). Ai cũng có thể trở nên ghiền rượu. Cách để tránh nguy hiểm này ấy là đứng vững trên những thức uống có cồn. Cuối cùng, chúng ta phải luôn xem xét đến ảnh hưởng những hành động của mình trên người khác (Rôma 14:21). Cơ Đốc nhân sẽ có lời làm chứng thật tội tệ nếu người chưa được cứu thấy Cơ Đốc nhân ấy uống rượu, và vì vậy, Cơ Đốc nhân nên kiêng rượu.

2:10 Người coi liệc đa chú ý đến sự khác biệt rất nổi bật giữa phương cách hành động của Chúa Jêsus với phương cách hành động thông thường của con người. Thói thường tại liệc cười là dọn rượu ngon trước, khi người ta có thể phát hiện được nhất và thưởng thức được hương vị của nó. Sau đó, khi đã ăn và uống rồi, người ta không còn rình tảo về phẩm chất những thức uống nữa. Trong liệc cười này, rượu ngon nhất lại được dọn lên sau cùng. Trong điều này có ý nghĩa thuộc linh cho chúng ta. Thế gian

thường đem ngay từ lúc đầu cho người ta điều tốt nhất mà thế gian có. Nó chia ra nhưng lời chào mời hấp dẫn nhất của nó cho giới trẻ. Sau đó khi người ta đã phạm đời họ trong những lạc thú trống rỗng, thế gian không còn gì khác hơn những cặn bã cho tuổi già của người ấy. Đời sống Cơ Đốc hoàn toàn trái ngược với cảnh đó. Đời sống ấy luôn luôn trở nên tốt hơn. Đấng Christ giữ lại rượu ngon nhất cho đến lúc cuối cùng. Tiệc yến sẽ đến tiếp theo sau sự kiêng ăn.

Phần Kinh Thánh này có áp dụng hết sức trực tiếp cho dân Do Thái. Lúc này không hề có sự vui mừng thật trong Do Thái giáo. Dân chúng đang trải qua một loạt những nghi lễ và kỳ lễ buồn tẻ, nhưng sự sống dành cho họ thật vô vi. Họ là những người xa lạ với sự vui mừng thiên thượng. Chúa Jêsus đang tìm cách dạy họ đạt đức tin nơi Ngài. Chúa sẽ biến sự hiện hữu buồn tẻ của họ trở nên đầy dẫy vui mừng. Nước của lễ nghi và kỳ lễ Do Thái có thể biến thành rượu của thực tại đầy vui mừng trong Đấng Christ.

2:11 Câu tuyên bố đây là **phép lạ thứ nhất** đã loại bỏ những phép lạ lố bịch được gán cho Chúa chúng ta vào thời thơ ấu của Ngài. Những phép lạ ấy được tìm thấy trong những sách Ngụy Tin Lành như là "Sách Tin Lành của Phierô." Chúng gán cho Chúa chúng ta những phép lạ mà người ta cho rằng được thi hành khi Ngài còn là đứa trẻ và hầu như mang bản chất lộng ngôn. Vì thấy trước điều này, Đức Thánh Linh đã bảo vệ (thời kỳ này trong đời sống của Chúa chúng ta và

hành cách của Ngài bởi một chủ thích nhớ bổ sung thêm ở đây.

Hóa nước thành rượu là một dấu lạ, có nghĩa là một phép lạ có kèm theo một ý nghĩa. Đây là một hành động siêu phàm có kèm theo ý nghĩa thuộc linh. Những phép lạ này cũng được nhằm chứng tỏ Chúa Jesus thực sự là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Bằng cách thi hành dấu lạ này, Ngài đã tỏ bày sự vinh hiển của mình. Ngài đã cho con người thấy Ngài thật sự là Đức Chúa Trời - biểu hiện ra trong xác thịt. Các môn đồ bèn tin Ngài. đương nhiên, trên một phương diện, họ đã tin nơi Ngài từ trước đó. Nhưng giờ đây đức tin của họ được làm cho vững mạnh, và họ tin Ngài đầy đủ hơn. Cynodjyan Jones nói rõ:

Phép lạ thứ nhất của Môïse là hóa nước thành huyết: trong đó đã có một yếu tố hủy diệt không khấp. Nhưng phép lạ thứ nhất của Đấng Christ là hóa nước thành rượu, trong đó có một yếu tố êm dịu đem lại sự yên ủi.^o

E. Chúa Jesus Tẩy Sạch Nhà Của Cha Ngài (2:12-17)

2:12 Giờ đây Cứu Chúa rời Cana xuống thành Cabênaum cùng với mẹ, anh em và môn đồ Ngài. Họ chỉ ở tại Cabênaum ít ngày thôi. Ngay sau đó, Chúa Jesus lên thành Giêrusalem.

2:13 Bắt đầu từ lúc này, chúng ta có lời chứng đầu tiên của Chúa cho thành Giêrusalem. Giai đoạn này trong chức vụ Ngài tiếp tục cho đến đoạn 3, câu 21. Ngài vừa bắt đầu vừa kết thúc chức vụ công khai của Ngài bằng cách tẩy sạch đền thờ tại thờ:

điểm **Lễ Vượt Qua** (cũng xem Mathiô 21:12,13; Mác 11:15-18; Luca 19:45,46). Lễ Vượt Qua là kỷ lễ hàng năm kỷ niệm thời kỳ con cái Ysraên được giải thoát khỏi ách nô lệ trong xứ Êđiptô và được dẫn vượt qua Biển Đỏ tiến vào đồng vắng, và sau đó tiến vào Đất Hứa. Lần cử hành Lễ Vượt Qua đầu tiên được ghi lại trong Xuất Êđiptô Ký 12. Là một người Do Thái mộ đạo, Chúa Jesus đi lên Giêrusalem để dự ngày lễ quan trọng này trong lịch Do Thái.

2:14 Đến đến thờ, Ngài thấy đền thờ đã trở thành nơi họp chợ. **Bò, chiên, bồ câu** được bày bán, và người **đổi bạc** cũng đang giao dịch tại đó. Các thú vật và chim được bán cho người thờ phượng dùng làm của tế lễ. **Những người đổi bạc** nhận tiền của những người đến từ các nước ngoài và đổi tiền của Giêrusalem để khách hành hương có thể trả thuế đền thờ. Người ta biết rằng những người đổi tiền này thường lợi dụng và gian lận với những người đến từ nơi xa.

2:15 Rồi đây mà Chúa bện chắc là một cái roi nhỏ làm bằng **dây**. Kinh Thánh không ghi lại Ngài đã thực sự dùng roi ấy đánh ai. Thay vào đó, chắc đây chỉ đơn thuần là biểu tượng về thẩm quyền mà Ngài đang cầm trong tay. Vung roi trước mặt, Ngài **đuổi** nhưng kẻ buôn bán ấy ra **khỏi** đền thờ và **đổ bôn** của những người đổi bạc.

2:16 Luật pháp cho phép người nghèo dâng một cặp chim bồ câu, vì họ không thể trả tiền để mua những con thú đắt tiền hơn. Đối với người bán **bồ câu**, Chúa truyền lệnh **hãy cất**

bỏ điếu đó khỏi đây. Thật không phù hợp khi họ làm nhà Cha của Ngài ra nhà buôn bán. Trong mọi thời đại, Đức Chúa Trời đã cảnh cáo dân sự Ngài đừng dùng những sự phục vụ trong tôn giáo như một phương tiện làm giàu. Trong mọi hành động của Ngài không có điều gì là tàn ác hay bất công. Đừng hơn, chúng chỉ là dấu hiệu cho thấy đức thánh khiết và công bình của Ngài.

2:17 Khi môn đồ Ngài thấy việc đang xảy ra, họ được nhắc cho nhớ lại Thi thiên 69:9, là câu báo trước rằng khi Đấng Mêsi đến, Ngài sẽ hoàn toàn dầy dẫy lòng sôi sảng về những việc của Đức Chúa Trời. Giờ đây họ đã thấy Chúa Jêsus bày tỏ lòng cương quyết mạnh liệt để sự thờ phượng Chúa phải được thanh sạch, và họ nhận ra đây chính là Đấng được tác giả Thi thiên đã nói đến.

Chúng ta nên nhớ thân thể Cơ Đốc nhân là đền thờ của Đức Thánh Linh. Chúa Jêsus đã lo lắng cho đền thờ tại Giêrusalem được giữ thuần khiết thế nào, thì chúng ta cũng phải cẩn thận, phó dâng thân thể mình cho Chúa để được tẩy sạch liên tục thế ấy.

F. CHUA JÊSUS BÀN TRƯỚC SỰ CHẢI VÀ SỰ SỐNG TẠI CỬA NGÀI (2:18-22)

2:18 Dường như dân Do Thái luôn tìm kiếm một dấu lạ hay phép lạ nào đó. Trên thực tế họ đang nói: "Nếu thấy làm một công việc vĩ đại đầy quyền năng cho chúng tôi, thì chúng tôi mới tin." Tuy nhiên, Chúa Jêsus làm hết phép lạ này đến phép lạ kia mà lòng họ vẫn cứ khép kín với Ngài, trong câu 18, họ chất vấn thẩm quyền

Ngài dùng để đuổi những người làm ăn buôn bán ra khỏi đền thờ. Họ đòi hỏi Ngài phải làm một dấu lạ nào đó để xác nhận lời Ngài tuyên bố là Đấng Mêsi.

2:19 Để trả lời, Chúa Jêsus tuyên bố một câu đáng kinh ngạc về sự chết và sự sống lại của Ngài. Ngài bảo họ họ sẽ phá hủy đền thánh của Ngài, nhưng trong ba ngày, Ngài sẽ dựng nó lại. Thần thánh của Đấng Christ một lần nữa được nhìn thấy trong câu này. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể phán: "Trong ba ngày ta sẽ dựng lại!"

2:20 Người Giuda không hiểu Ngài. Họ quan tâm đến của cải vật chất hơn là lẽ thật thuộc linh. Đền thờ duy nhất họ có thể nghĩ đến chính là đền thờ Hêrốt, lúc bấy giờ đang đứng tại Giêrusalem. Người ta xây đền thờ này mất bốn mươi sáu năm, và họ không hiểu nổi làm sao có người có khả năng xây lại trong ba ngày.

2:21 Tuy nhiên, Chúa Jêsus đang nói đến chính thân thể Ngài, là đền thánh mà toàn bộ sự đầy dẫy của Đức Chúa Trời ngự trong đó. Những người Giuda này đã làm ô uế đền thờ tại Giêrusalem thế nào, thì họ cũng sẽ giết Ngài trong một vài năm ngắn ngủi nữa thế ấy.

2:22 Về sau, sau khi Chúa Jêsus chịu đóng đinh và được tử kẻ chết sống lại rồi, môn đồ nhớ lại Ngài đã hứa sống lại trong ba ngày. Với sự ứng nghiệm lời tiên tri thật tuyệt vời như thế trước mắt, họ tin Kinh Thánh và Lời Chúa Jêsus đã phán.

Chúng ta thường gặp những chân lý rất khó hiểu. Nhưng ở đây chúng ta học được rằng chúng ta nên chất chứa Lời Đức Chúa Trời trong lòng mình. Một ngày nào đó về sau, Chúa sẽ khiến điều đó tỏ tường cho chúng ta, dầu bây giờ chúng ta chưa hiểu. Khi nói họ lên Kinh Thánh, điều đó có nghĩa họ đã tin những lời dự ngôn của Cựu Ước về sự sống lại của Đấng Məsi.

C. Nhiều Người Xung Minh Tia Đấng Christ (2:22-25)

2:23 Do kết quả dấu lạ Chúa Jêsus đã làm tại Giêrusalem trong Lễ Vượt Qua, nhiều người tin danh Ngài. Điều này không nhất thiết họ thật sự phó thác đời sống mình cho Ngài với lòng tin cậy đơn sơ; đúng hơn, họ tự xưng mình chấp nhận Ngài. Hành động của họ không hề thực tế; nó chỉ là biểu hiện bề ngoài đi theo Chúa Jêsus. Điều đó tương tự với tình trạng chúng ta gặp trong thế gian này, là nơi rất nhiều người tuyên bố mình là Cơ Đốc nhân nhưng chưa hề thực sự được tái sanh bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

2:24 Dầu rất nhiều người tin Ngài, nhưng Chúa Jêsus không tin (cùng một từ ngữ trong tiếng Hy Lạp) nơi họ. Câu này có nghĩa Ngài không phó thác chính Ngài cho họ. Ngài nhận thấy họ đến với Ngài chỉ vì hiếu kỳ. Họ đang tìm điều gì đó thuộc về cảm tính và ngoạn mục. Ngài nhận biết mọi người - tư tưởng và những động cơ của họ. Ngài biết vì sao họ hành động như vậy. Ngài biết đức tin của họ là thật hay chỉ là sự bất chước.

2:25 Không ai biết lòng người rõ hơn chính Chúa. Ngài không cần ai dạy hay soi sáng cho Ngài về đề tài đó. Ngài hiểu biết trọn vẹn về mọi điều trong lòng người ta và vì sao họ cư xử như vậy.

H. Chúa Jêsus Dạy Nicôđem Về Sự Tái Sinh (3:1-21)

3:1 Câu chuyện về Nicôđem tương phản với điều vừa xảy ra trước đó. Rất nhiều người Giuđa tại Giêrusalem xưng mình tin Chúa, nhưng Ngài biết đức tin của họ không thật. Nicôđem là một ngoại lệ. Chúa nhận thấy nơi ông lòng khao khát sốt sáng muốn biết chân lý. Câu 1 đúng ra nên bắt đầu bằng một từ nói: "*Nhưng*⁷ trong vòng người Pharisi, có người lên là Nicôđem, là một người trong những kẻ cai trị dân Giuđa."

Nicôđem được công nhận là giáo sư giữa vòng dân ông. Có lẽ ông đến với Chúa tìm sự dạy dỗ, để có thể trở về cùng dân Do Thái với kiến thức bổ sung thêm này.

3:2 Kinh Thánh không nói vì sao Nicôđem đến với Chúa Jêsus đương ban đêm. Lời giải thích hiển nhiên nhất ấy là chắc ông sẽ rất bối rối khi bị người ta nhìn thấy mình đến với Chúa Jêsus, vì Chúa Jêsus tuyệt nhiên không được đại đa số dân Do Thái chấp nhận. Tuy nhiên, ông đã đến với Chúa Jêsus. Nicôđem công nhận Chúa Jêsus là giáo sư từ Đức Chúa Trời đến, vì không ai có thể làm phép lạ như thế nếu không được sự giúp đỡ trực tiếp của Đức Chúa Trời. Dầu hiểu biết như vậy, Nicôđem vẫn không nhận ra Chúa là Đức Chúa Trời rõ mình trong

xác thật. Ông giống như rất nhiều người ngày nay đang bảo rằng Chúa Jêsus là một vi nhân, một giáo sư tuyệt vời, một tấm gương nổi bật. Tất cả những lời tuyên bố này vẫn không phải là chân lý đầy đủ. Chúa Jêsus *đã ra và hiện là Đức Chúa Trời*.

3:3 Thoạt nhào, câu trả lời của Chúa Jêsus dường như không liên quan đến điều Nicôđem vừa nói. Chúa chúng ta đang nói: "Hỡi Nicôđem, người đã đến với ta để được dạy dỗ, nhưng điều người thật sự cần chính là được **tái sanh**. Đây chính là nơi người phải bắt đầu. Người phải được sanh lại từ trên cao. Nếu không, người không bao giờ có thể **thấy nước Đức Chúa Trời**."

Chúa giới thiệu những lời tuyệt vời này bằng cụm từ: "**Quá thật, quá thật**" (nghĩa đen là *Amen, Amen*). Những lời này bảo cho chúng ta biết là sấp có một lẽ thật quan trọng được đưa ra.

Là người Giuđa, Nicôđem lâu nay vẫn đang trông chờ Đấng Mêsi đến để giải thoát dân Ysraên khỏi ách nô lệ của Rôma. Đế quốc Lamã bấy giờ thống trị toàn thế giới, và người Do Thái phải phục dưới luật pháp và chính quyền của Lamã. Nicôđem đã khao khát thời điểm Đấng Mêsi thiết lập vương quốc Ngài trên đất, lúc đó dân Do Thái sẽ làm đầu muôn dân, và lúc đó mọi kẻ thù của họ sẽ bị tiêu diệt. Giờ đây Chúa bảo cho Nicôđem biết muốn vào nước đó, thì phải **sanh lại**. Sự sinh ra lần thứ nhất cần thiết cho sự sống thuộc thể thể nào, thì sự sinh ra lần thứ nhì cũng cần thiết cho

sự sống thiên thượng thể ấy. [Cụm từ "**sanh lại**" có thể cũng có nghĩa là "sanh ra từ trên cao."] Nói cách khác, chỉ những người nào có đời sống đã thay đổi mới được vào vương quốc của Đấng Christ. Vì triều đại của Ngài là triều đại công bình, nên thần dân của Ngài cũng phải là người công bình. Ngài không thể trị vì trên một dân tộc đang tiếp tục đi trong tội lỗi ho.

3:4 Một lần nữa ở đây, chúng ta thấy thật khó cho con người hiểu được lời Chúa Jêsus. **Nicôđem** không kháng hiểu mọi sự theo nghĩa đen. Ông không hiểu nổi một người trưởng thành làm sao **sanh lại** lần nữa. Ông suy nghĩ đến tình trạng không thể xảy ra về mặt thuộc thể cho một người trở vào **lòng mẹ** để một lần nữa **được sanh ra**.

Nicôđem làm mình họa về "người có tánh xác thật không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự rở dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng" (I.Côrinthô 2:14).

3:5 Để giải thích thêm, Chúa Jêsus bảo Nicôđem phải **sanh lại bởi nước và Thánh Linh**. Nếu không, ông không bao giờ được vào **nước Đức Chúa Trời**.

Chúa Jêsus muốn nói điều gì? Nhiều người quả quyết Chúa muốn nói đến nước *theo nghĩa đen*, và Chúa Jêsus nói về lẽ thiết yếu của phép báp têm để được cứu rỗi. Tuy nhiên, sự dạy dỗ như thế lại trái với phần còn lại của Kinh Thánh. Trong suốt cả Lời Đức Chúa Trời, chúng ta đọc thấy sự cứu rỗi là bởi đức tin nơi một mình

Đức Chúa Jêsus Christ mà thôi. Phép báp-têm dành cho những người đã được cứu rồi, chứ không được định để làm phương tiện cứu rồi.

Có người gợi ý rằng **nước** trong câu này nói đến Lời Đức Chúa Trời. Trong Êphê-sô 2:25,26, nước được liên hệ gắn gũi với Lời Đức Chúa Trời. Hơn nữa, trong 1.Phiê-rơ 1:23 và Giacơ 1:18 có nói sự tái sanh xảy ra nhờ Lời Đức Chúa Trời. Do đó, rất có thể nước trong câu này thực sự nói đến Kinh Thánh. Chúng ta biết không thể có sự cứu rỗi nếu không có Kinh Thánh. Sự điêp chưa được trong Lời Đức Chúa Trời chính là điều tội nhân phải nhận lấy trước khi có được sự tái sanh.

Nhưng nước cũng có thể nói đến Đức Thánh Linh. Trong Giăng 7:38-39, Chúa Jêsus nói về sông nước hằng sống, và chúng ta được dạy rõ rằng khi Ngài dùng chữ *nước*, Ngài đang nói về Đức Thánh Linh. Nếu nước nói đến Đức Thánh Linh trong đoạn 7, vậy tại sao nó không mang cùng ý nghĩa ấy trong đoạn 3?

Tuy nhiên, dường như sẽ gặp khó khăn nếu chấp nhận lối giải thích này. Chúa Jêsus phán: "**Nếu một người chẳng nhớ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời.**" Nếu hiểu **nước** ở đây *nói đến Đức Thánh Linh*, thì như vậy có vẻ Đức Thánh Linh được nhắc đến hai lần trong câu này. Nhưng chữ được dịch là "và" cũng có thể được dịch chính xác là "thậm chí." Do đó, câu này sẽ như sau: **Nếu một người chẳng nhớ nước, thậm chí nhớ Đức Thánh**

Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. Chúng tôi tin đây là ý nghĩa chính xác của câu này. Sự sinh ra thuộc thể vẫn chưa đủ.⁸ Cũng phải có sự sanh ra thuộc linh nếu muốn vào **Nước Đức Chúa Trời**. Sự sinh ra thuộc linh này do Thánh Linh Đức Chúa Trời để lại khi một người tin vào Chúa Jêsus Christ. Lối giải thích này được hậu thuẫn bởi sự kiện cụm từ "sanh bởi Thánh Linh" được tìm thấy hai lần trong những câu tiếp theo (câu 6, 8).

3:6 Dấu Nicôđem: bằng cách nào đó có thể vào lòng mẹ lần thứ nhì để được sinh ra lần thứ hai, thì điều đó vẫn không sửa được bản tánh xấu xa trong ông. Cụm từ "**hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt**" có nghĩa con cái sanh bởi cha mẹ về phần xác thì được sanh ra trong tội lỗi và tuyệt vọng, hoàn toàn không thể tự cứu mình. Mặt khác, **hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thần**. Sự sanh ra thuộc linh xảy ra khi một người tin nơi Chúa Jêsus. Khi một người nhờ Thánh Linh sanh lại, người ấy nhận bản tánh mới, và được xưng nên phù hợp cho Đức Chúa Trời.

3:7 Nicôđem đừng nên lấy làm lạ về sự dạy dỗ của Chúa Jêsus. Ông phải nhận thấy con người phải được sanh lại, và ông phải hiểu bản tánh con người hoàn toàn không thể cứu được tình trạng sa ngã của chính họ. Ông phải nhận thấy muốn làm thần dân trong nước Đức Chúa Trời, mỗi người phải trở nên thánh khiết, thanh sạch và thuộc linh.

3:8 Như cách thường làm, Chúa Jêsus dùng thiên nhiên để minh họa

chân lý thuộc linh. Ngài nhắc Nicôđem rằng **gió thổi đi đâu thì thổi**, người ta có thể nghe tiếng gió nhưng **chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu**. Sự tái sinh rất giống với gió. Trước hết, sự tái sinh xảy ra theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Sự tái sinh không phải là một sức mạnh ở dưới quyền kiểm soát của con người. Thứ nhì, sự tái sinh là vô hình. Bạn không thể nhìn thấy sự tái sinh xảy ra, nhưng có thể thấy những kết quả của sự tái sinh trong đời sống của người ấy. Khi một người được cứu, sự thay đổi xảy đến cho người. Những điều ác trước kia người yêu mến, thì nay người ghét chúng. Nay người yêu mến chính những điều thuộc về Đức Chúa Trời mà trước kia người xem thường. Không ai hiểu đầy đủ về gió thế nào, thì cũng vậy, sự tái sinh là một công tác lạ lùng của Thánh Linh Đức Chúa Trời mà con người không thể hiểu hết. Hơn nữa, giống như gió, sự tái sinh là không thể đoán trước được. Không thể nội được sự tái sinh xảy ra khi nào và ở đâu.

3:9 Một lần nữa, Nicôđem minh họa cho tình trạng lý trí tự nhiên không thể hiểu được những vấn đề thiên thượng. Rõ ràng, ông vẫn đang cố nghĩ sự tái sinh như một sự kiện thiên nhiên hay thuộc thể, chứ không phải như một biến cố thuộc linh. Vì vậy ông hỏi Chúa Jêsus: **"Điều đó làm thế nào được?"**

3:10 Chúa Jêsus trả lời là **giáo sư của Ysraên**, đáng ra Nicôđem phải hiểu **những điều này rồi**. Kinh Thánh Cựu Ước nói rõ rằng khi Đấng Mêsai

trở lại trần gian để thiết lập vương quốc Ngài, trước hết Ngài sẽ đoán xét những kẻ thù Ngài và tiêu diệt mọi điều nào chống nghịch Ngài. Chỉ những người nào đã xưng ra và lìa bỏ tội của họ mới được vào vương quốc Ngài.

3:11 Bấy giờ, Chúa Jêsus nhấn mạnh sự vô ngộ của lời Ngài dạy, và còn nhấn mạnh cả lòng vô tín của con người đối với sự dạy dỗ ấy. Từ suốt cả đời đời đời, Ngài đã biết lẽ chân thật của điều này và chỉ dạy đó **những điều nào** Ngài đã biết và đã **thấy**. Nicôđem và hầu hết người Giuđa thời ông đã không chịu tin lời làm chứng của Ngài.

3:12 **Những việc thuộc về đất** mà Chúa nói đến trong câu này là những điều nào? Đó là vương quốc trên **trần gian** của Ngài. Là người nghiên cứu Cựu Ước, Nicôđem đã biết một ngày kia Đấng Mêsai sẽ đến và thiết lập vương quốc theo nghĩa đen ngay trên đất này với Giêrusalem là kinh đô của Ngài. Điều Nicôđem không thể hiểu được chính là: muốn vào nước ấy, phải được tái sinh. Vậy **"những việc thuộc về trời"** mà Chúa nói đến ở đây là gì? Chúng là những chân lý sẽ được giải nghĩa trong các câu tiếp theo – tức là phương cách kỳ diệu để bởi đó một người tiếp nhận sự tái sinh này.

3:13 Chỉ có một người duy nhất đủ tư cách nói những việc thuộc về trời, vì Ngài chính là Đấng duy nhất ấy, **Đấng đã ở trên trời**. Chúa Jêsus không chỉ đơn thuần là một giáo sư được Đức Chúa Trời sai đến giữa vòng loài người, nhưng Ngài còn là Đấng đã

sống với Đức Chúa Cha từ cả cõi đời đời, và đã từ trời xuống thế gian này. Khi Ngài nói "chưa hề có ai lên trời," Ngài không có ý bảo các thành đồ Cự Ước như Hênóc và Iđi đi vẫn chưa đến trời, nhưng Ngài nói họ đã được cất lên trời trong khi Ngài đi lên trời bằng chính quyền năng của Ngài. Một cách giải thích khác nữa ấy là: không một con người nào có quyền đến liên tục trước hiện diện của Đức Chúa Trời theo như cách Ngài đã đến. Ngài có thể đến nơi ngự của Đức Chúa Trời theo cách độc nhất vô nhị vì Ngài đã từ trời xuống đất này. Dầu Chúa Jêsus đứng trên đất đang nói chuyện với Nicôđem, Ngài nói rằng Ngài vốn ở trên trời. Làm sao như vậy được? Đây là một câu tuyên bố sự thật, Là Đức Chúa Trời, Chúa có thể cùng lúc ở khắp mọi nơi. Đây chính là điều chúng ta muốn nói khi bảo rằng Ngài là Đấng Toàn Tại. Tuy một số bản Kinh Thánh hiện đại bỏ sót những chữ "Đấng vốn ở trên trời" (who is in heaven - thì hiện tại), nhưng những chữ này được hậu thuẫn rộng rãi trong nhiều thủ bản và thuộc về khúc Kinh Thánh này.

3:14 Giờ đây Chúa Jêsus sắp bày tỏ chân lý thiên thượng cho Nicôđem. Làm thế nào sự tái sanh xảy ra? Hình phạt cho tội lỗi con người phải được thỏa đáp trước đã. Con người không thể vào Thiên đàng trong tội lỗi của họ. Xưa Môise treo con rắn bằng đồng trên cây trụ trong đồng vắng khi bết thầy con cái Ysraên bị rắn cắn thế nào, thì Con Người cũng phải bị treo lên đường ấy. (Đọc Dân số Ký 21:49).

Khi họ lang thang qua đồng vắng đến Đất Hứa, con cái Ysraên trở nên ngã lòng và mất kiên nhẫn. Họ làm bầm với Chúa. Để phạt họ, Chúa sai rắn lửa đến giữa họ và nhiều người phải chết. Khi những người sống sót kêu cầu ân nần với Chúa, Chúa bảo Môise làm một con rắn bằng đồng treo trên một cây trụ. Những người Ysraên bị rắn cắn mà chịu nhìn con rắn này thì được chữa lành bởi phép lạ của Ngài. Chúa Jêsus đã tương đản sự kiện Cự Ước này để minh họa cách mà sự tái sanh sẽ xảy ra. Những người nam nữ đã bị rắn tội lỗi cắn, và bị kết án phải chịu sự chết đời đời. Con rắn bằng đồng là hình bóng hay hình ảnh về Chúa Jêsus. Trong Kinh Thánh, đồng nói đến sự đoán xét. Chúa Jêsus là Đấng vô tội và đáng ra không bao giờ bị hình phạt, nhưng Ngài đã thế chỗ chúng ta và gánh chịu sự đoán phạt mà chúng ta đáng phải chịu. Cây trụ nói về thập tự giá của đấng Cógôtha, là nơi Chúa Jêsus sẽ bị treo lên. Chúng ta được cứu bởi nhìn đến Ngài trong đức tin.

3:15 Cứu Chúa, là Đấng không hề biết đến tội lỗi, đã bị trở nên tội lỗi vì cơ chúng ta, để chúng ta được làm nên sự công bình của Đức Chúa Trời trong Ngài. Hễ ai tin Chúa Jêsus thì nhận lấy sự sống đời đời như một món quà tặng không.

3:16 Đây là câu được biết đến nhiều nhất trong cả Kinh Thánh, bởi vì câu này phát biểu Tin Lành rất rõ ràng và đơn giản. Câu này tóm tắt điều Chúa Jêsus đang dạy Nicôđem về phương cách tiếp nhận sự tái sanh.

Chúng ta đọc thấy Đức Chúa Trời yêu thương thế gian. Thế gian ở đây bao gồm cả nhân loại. Đức Chúa Trời không yêu tội lỗi của nhân loại, cũng không yêu hệ thống thế gian gian ác này, nhưng Ngài yêu con người và không muốn bất kỳ ai bị chết mất.

Mức độ tình yêu của Ngài được bày tỏ bởi sự kiện Ngài đã ban Con Một của Ngài. Đức Chúa Trời không có con nào khác giống như Chúa Jêsus. Chính để tỏ bày tình yêu vô hạn của Ngài mà Ngài sẵn lòng ban Con độc nhất của Ngài đến chết thay dòng dõi tội lỗi phản loạn. Câu này không có nghĩa mọi người đều được cứu. Một người phải tiếp nhận điều Đấng Christ đã làm cho mình trước đã thì Đức Chúa Trời mới ban cho người ấy sự sống đời đời. Do đó, những lời sau được bổ sung thêm: "Hầu cho hề ai tin Con ấy không bị hư mất." Không cần phải để bất kỳ ai bị hư mất. Chúa đã dự bị phương cách cho mọi người có thể được cứu, nhưng mỗi người phải công nhận Chúa Jêsus Christ là Cứu Chúa của bản thân mình. Khi công nhận như vậy thì có sự sống đời đời như một tài sản hiện tại. Boreham nói:

Khi hội thánh hiển được tình yêu Đức Chúa Trời đã dùng để cứu thế gian thì hội thánh sẽ không nghẹn ngào và không muộn ở yên, cho đến chừng mọi đấng quốc và đời đều bị bất phục cho đến chừng mọi đạo sau họ đều được chinh phục về cho Ngài.⁹

3:17 Đức Chúa Trời không phải là vị vua hà khắc tàn ác chỉ ở trên giàn trên nhân loại. Lòng Ngài tràn đầy dịu

dàng đối với con người và Ngài đã trả giá tột cùng để cứu con người. Ất hẳn Ngài có thể sai Con Ngài vào thế gian để đoán xét thế gian, nhưng Ngài đã không làm như vậy. Trái lại, Ngài sai con Ngài đến đây để chịu khổ, chịu tuôn huyết và chịu chết để thế gian như Con ấy mà được cứu. Công tác của Chúa Jêsus trên thập tự giá có giá trị lớn lao đến nỗi mọi tội nhân ở mọi nơi đều có thể được cứu nếu chịu tiếp nhận Ngài.

3:18 Giờ đây cả nhân loại được chia làm hai hạng người: hoặc là người tin Chúa, hoặc là người không tin Chúa. Số phận đời đời của chúng ta được quyết định bởi thái độ của chúng ta đối với Con Đức Chúa Trời. Ai tin Cứu Chúa thì không bị đoán xét đâu, nhưng ai không tin Ngài thì hiện đã bị đoán xét rồi. Đức Chúa Jêsus đã hoàn tất công tác cứu rỗi, và giờ đây tùy mỗi cá nhân quyết định sẽ tiếp nhận hay khước từ Ngài. Thật khủng khiếp biết bao khi khước từ món quà tình yêu lớn lao đến thế. Nếu một ai không chịu tin Chúa Jêsus, Đức Chúa Trời không thể làm gì khác hơn là đoán phạt người ấy.

Tin danh Ngài cũng chính là tin nơi Ngài. Trong Kinh Thánh, danh xưng đại diện cho người ấy. Nếu bạn tin nơi danh Ngài, tức là bạn tin Ngài.

3:19 Chúa Jêsus là sự sáng, tức Đấng đã đến thế gian. Ngài là Chiên Con vô tội và không bị vết của Đức Chúa Trời. Ngài đã chết thay tội lỗi của toàn thế gian. Nhưng con người có vì cơ đó mà yêu mến Ngài không? Không - họ tức giận Ngài, họ thích tội

lỗi của họ hơn là có Chúa Jêsus làm Cứu Chúa, vì vậy họ khước từ Ngài. Có một số loài bò sát trốn chạy khỏi sự sáng thế nào, thì những người gian ác cũng trốn chạy khỏi hiện diện của Đấng Christ thế ấy.

3:20 Những người yêu thích tội lỗi thì ghét sự sáng, vì sự sáng phơi trần tình trạng tội lỗi của họ. Khi Chúa Jêsus ở trên thế gian này, những người tội lỗi rất khó chịu bởi sự hiện diện của Ngài vì Ngài bày tỏ tình trạng khủng khiếp của họ qua chính đức thánh khiết của Ngài. Cách tốt nhất để cho thấy độ cong một cái cây là đặt một cái cây thẳng bên cạnh cây cong. Đến thế gian trong tư cách Con Người Trọn Lành, Chúa Jêsus bày tỏ tình trạng không ngay thẳng của mọi người khác, bằng phương cách so sánh.

3:21 Nếu một người thật sự ngay thẳng trước mặt Chúa, người ấy sẽ đến với sự sáng, tức là đến với Chúa Jêsus, và nhận ra tình trạng hoàn toàn không xứng đáng và đầy tội lỗi của chính mình. Bấy giờ người ấy sẽ tin cậy Cứu Chúa cho riêng mình, và bởi đó được sạch lại nhờ đức tin nơi Đấng Christ.

1. Chức Vụ Của Giăng Báp-tít Trong Xứ Giuđê (3:22-36)

3:22 Phần thứ nhất của đoạn này mô tả lời làm chứng của Chúa Jêsus trong thành Giêrusalem. Từ câu này đến cuối đoạn, Giăng mô tả chức vụ của Đấng Christ trong xứ Giuđê, tại nơi đó, rõ ràng Chúa tiếp tục công bố Tin Lành cứu rỗi. Khi con người đến với sự sáng, họ chịu báp-têm. Từ câu

này, có vẻ Chúa Jêsus đã làm phép báp-têm, nhưng từ Giăng 4:2, chúng ta biết chính môn đồ Ngài làm phép báp-têm.

3:23 "Giăng" được nói đến trong câu này chính là Giăng Báp-tít. Ông vẫn đang rao giảng sứ điệp ăn năn trong vùng Giuđê và làm báp-têm cho những người Giuđa chịu ăn năn để chuẩn bị đón Đấng Mêsia hiện đến. **Giăng cũng làm phép báp-têm tại Ênôn... vì ở đó có nhiều nước.** Câu này không chứng minh dứt khoát ông đã làm phép báp-têm bằng cách chìm mình xuống, nhưng dường như hàm ý điều đó. Nếu ông làm phép báp-têm bằng cách tẩy nước, hay xối nước, thì chắc không phải cần có nhiều nước.

3:24 Câu này được nêu ra để giải thích chức vụ tiếp theo của Giăng và đáp ứng tiếp theo của những người Do Thái mộ đạo với chức vụ của ông. Trong tương lai gần, Giăng sẽ bị bỏ vào ngục và bị chém đầu vì đã làm chứng trung tín. Nhưng ngay lúc này, ông vẫn đang siêng năng thi hành sứ mạng của mình.

3:25 Từ câu này, rõ ràng một số môn đồ của Giăng cãi lầy với người Giuđa về lễ tinh sạch. Câu này muốn nói điều gì? Lễ tinh sạch ở đây nói đến phép báp-têm. Lập luận ấy là: phép báp-têm của Giăng có tốt hơn phép báp-têm của Chúa Jêsus không? Phép báp-têm nào có quyền năng hơn? Phép báp-têm nào có giá trị hơn? Có lẽ một số môn đồ của Giăng tranh cãi thiếu khôn ngoan rằng không có phép báp-têm nào tốt hơn phép báp-têm của thầy họ được. Có lẽ người Pharisi cổ

trếu cho môn đồ của Giăng ganh tị với Chúa Jêsus và tình trạng được miễn mộ của Ngài.

3:26 Họ đến với Giăng để tìm câu trả lời quyết định. Dường như họ đang nói với Giăng: "Nếu phép báp-têm của thầy là tốt hơn, vậy tại sao có rất nhiều người đang rời bỏ thầy để đến với Jêsus?" (Cụm từ "người ở cùng thầy bên kia sông Giôđanh" chỉ về Đấng Christ.) Giăng làm chứng về Chúa Jêsus, và kết quả lời làm chứng này ấy là rất nhiều môn đồ của Giăng đã rời bỏ ông để bắt đầu theo Chúa Jêsus.

3:27 Nếu câu trả lời của Giăng đang chỉ về Chúa Jêsus, thì có nghĩa bất kỳ thành công nào của Cứu Chúa cũng đều là dấu hiệu Đức Chúa Trời ứng thuận Ngài. Nếu Giăng đang nói đến chính mình, ông đang báo rằng mình không hề giả vờ làm một người vĩ đại hay quan trọng. Ông không hề tuyên bố phép báp-têm của ông tốt hơn phép báp-têm của Chúa Jêsus. Ở đây ông chỉ nói ông không hề có điều gì ngoại trừ những điều đã nhận được từ trên trời ban cho. Và không có gì trong thế gian này khiến chúng ta nên kiêu hãnh hay tìm cách tự làm cho mình được người ta quý mến.

3:28 Giăng nhắc môn đồ của ông rằng ông đã nói rõ thời điểm, và một lần nữa nhắc rằng ông không phải là Đấng Christ, nhưng chỉ được sai đến để dọn đường cho Đấng Mêsi. Vậy cơ sao họ lại tranh cãi về ông? Cơ sao họ lại tìm cách thành lập một đảng phái quanh ông? Ông không phải là nhân vật quan trọng, nhưng chỉ đang cố

gàng chỉ cho người ta đến với Chúa Jêsus thôi.

3:29 Đức Chúa Jêsus Christ là chàng rể. Giăng Báp-tít chỉ là bạn của chàng rể, là "chàng phụ rể." Cô dâu không thuộc về bạn của chàng rể, nhưng trái lại thuộc về chính chàng rể. Do đó, hoàn toàn xứng đáng khi người ta theo Chúa Jêsus chứ không theo Giăng. "Vợ" ở đây được dùng để nói tổng quát đến mọi người nào sẽ trở thành môn đồ của Chúa Jêsus. Trong Cựu Ước, Ysraên được gọi là vợ của Đức Giêhôva. Về sau trong Tân Ước, những ai là thành viên trong hội thánh của Đấng Christ thì được mô tả qua hình ảnh của cô dâu. Ở đây trong sách Tìn Lành của Giăng, chữ này được dùng theo nghĩa tổng quát để bao gồm tất cả những ai lìa Giăng Báp-tít khi Đấng Mêsi xuất hiện. Câu này không nói đến Ysraên hay hội thánh. Giăng không mất vui khi mất môn đồ. Niềm vui lớn lao của ông là lắng nghe tiếng của chàng rể. Ông thỏa lòng khi Chúa Jêsus nhận được mọi sự chú ý. Sự vui mừng của ông được trọn vẹn khi Đấng Christ được con người ca ngợi và tôn kính.

3:30 Toàn bộ mục tiêu cho chức vụ của Giăng được tóm tắt trong câu này. Ông làm việc không ngừng để chỉ cho những người nam và nữ đến với Chúa, khiến họ nhận ra giá trị thật của Ngài. Để làm việc này, Giăng nhân thấy ông phải giữ mình ở khuất đằng sau hậu trường. Đây là Đấng Christ tìm cách thu hút sự chú ý về chính mình, thì đó thật sự là một hình thức bất trung.

Để ý ba chữ "phải" trong đoạn này: dành cho *Tội Nhân* (3:7); dành cho *Cứu Chúa* (3:14); và dành cho *Thánh Đấng* (3:30).

3:31 Chúa Jêsus là Đấng đến từ trên cao và là Đấng trên hết mọi loài. Câu này nhằm bày tỏ nguồn gốc thiên lương và địa vị tối cao của Ngài. Để chứng minh mình thấp kém hơn, Giăng Báp-tít nói ông từ đất đến, và thuộc về đất, nói ra cũng như là thuộc về đất. Câu này đơn giản có nghĩa là xét về sự sinh hạ, ông được sinh ra làm một con người bởi những bậc cha mẹ cũng là con người. Ông không thuộc về tầng lớp trên trời, và không thể nói với đồng một thẩm quyền như Con Đức Chúa Trời. Ông thấp kém hơn Chúa Jêsus vì Đấng từ trên cao đến là trên hết mọi loài. Đấng Christ là Đấng tể trị tối cao của cả cõi vũ trụ. Do đó, hoàn toàn xứng đáng để người ta theo Chúa chứ không theo sứ giả của Chúa.

3:32 Nhưng khi Chúa Jêsus phán, Ngài phán đầy thẩm quyền. Ngài nói cho con người những điều Ngài đã thấy và nghe. Không hề có chút khả năng nào về sai lầm hay dối gạt. Thế nhưng thật lạ lùng khi nói, không ai nhận lấy lời chứng của Ngài. Đừng nên hiểu những chữ "không có ai" theo nghĩa tuyệt đối. Có những cá nhân tiếp nhận lời của Chúa Jêsus. Tuy nhiên, Giăng đang nhìn nhận loại đời chung và chỉ đơn giản nói rằng những lời dạy của Cứu Chúa đã bị khước từ bởi đa số. Chúa Jêsus là Đấng đã đến từ trời, nhưng lại có ít người chịu lắng nghe Ngài.

3:33 Câu 33 mô tả một số ít người đã chịu tiếp nhận lời của Chúa như là chính lời của Đức Chúa Trời. Bởi sự tiếp nhận của họ, họ làm chứng chắc rằng Đức Chúa Trời là thật. Ngày nay cũng vậy. Khi đã tiếp nhận sự điệp Tin Lành, họ đã đứng về phía Đức Chúa Trời để chống lại chính họ và cả phần nhân loại còn lại. Họ nhận thấy nếu Đức Chúa Trời đã nói điều nào thì điều đó phải là thật. Hãy lưu ý câu 33 dạy rõ rằng biết bao về thần thánh của Đấng Christ. Câu này nói ai tin lời chứng của Đấng Christ thì công nhận rằng Đức Chúa Trời là thật. Chẳng qua đây là cách nói khác nữa để bảo lời chứng của Đấng Christ chính là lời chứng của Đức Chúa Trời, và tiếp nhận Ngài cũng chính là tiếp nhận Đức Chúa Trời.

3:34 Chúa Jêsus là Đấng Đức Chúa Trời đã sai đến. Ngài rao truyền Lời của Đức Chúa Trời. Để chứng minh câu này, Giăng nói Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho Ngài không chứng mực. Đấng Christ được xức dầu bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời theo phương cách không xảy đến cho bất kỳ một người nào khác. Những người khác đã nếm biết sự giúp đỡ của Thánh Linh trung chức vụ họ, nhưng không ai khác từng có chức vụ đầy Thánh Linh như Con Đức Chúa Trời. Các đấng tiên tri đã nhận lãnh khả thi ừng phán đến từ Đức Chúa Trời, nhưng "Thánh Linh đã bày tỏ chính sự khôn ngoan, chính tâm lòng của Đức Chúa Trời cho con người bằng trọn tinh yêu vô biên của tâm lòng ấy trong Đấng Christ và bởi Ngài."

3:35 Đây là một trong bảy lần của sách Tin Lành Giăng cho chúng ta biết Đức Chúa Cha yêu Đức Chúa Con. Ở đây, tình yêu ấy được thể hiện qua việc giao cho Đức Chúa Con quyền kiểm soát mọi vật. Trong số những vật thuộc trọn quyền Của Chúa có số phận của loài người, như được giải thích trong câu 36.

3:36 Đức Chúa Trời đã ban cho Đấng Christ quyền ban sự sống đời đời cho mọi người nào tin Ngài. Đây là một trong những câu rõ ràng nhất của cả Kinh Thánh về cách để một người được cứu. Đơn giản là bởi tin nơi Đức Chúa Con. Khi đọc câu này, chúng ta phải nhận thấy Đức Chúa Trời đang phán. Ngài đang lập một lời hứa không hề thất bại được. Ngài phán, thật rõ ràng và đặc biệt, rằng **hễ ai tin nơi Con Ngài thì được sự sống đời đời**. Chấp nhận lời hứa này không phải là bước nhảy mù quáng vào bóng tối. Đây đơn giản là tin vào điều không thể sai lầm được. **A: không vâng lời Con Đức Chúa Trời thì sẽ không thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời ở trên người đó rồi**. Từ câu này, chúng ta biết số phận đời đời của mình tùy thuộc vào cách chúng ta đối đãi với Con Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta tiếp nhận Ngài, Đức Chúa Trời ban sự sống đời đời cho chúng ta như một món quà tặng không. Nếu chối từ Ngài, chúng ta sẽ không bao giờ được hưởng sự sống đời đời, nhưng không phải chỉ vậy thôi, mà cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời còn ở trên chúng ta, sẵn sàng giáng xuống bất cứ lúc nào.

Lưu ý câu này không hề bảo tuân giữ luật pháp, vâng giữ Luật Vàng, đi nhà thờ, cố làm những điều tốt nhất sức mình làm được, hay tự tìm ra con đường để đến Thiên Đàng.

J. Sự Hoàn Cải Của Người Dân Bà Samari (4:1-30)

4:1,2 Người Pharisi nghe Chúa Jêsus làm phép báp-têm được nhiều môn đồ hơn Giăng và sự ái mộ Giăng rõ ràng đang suy giảm. Có lẽ họ cố tận dụng sự kiện này để khơi dậy lòng ganh tị và cãi lầy giữa môn đồ của Giăng với môn đồ Chúa Jêsus. Thực ra, chính Chúa Jêsus không làm phép báp-têm. Việc này do môn đồ Ngài làm. Tuy nhiên, dân chúng đã chịu báp-têm để làm môn đồ của Chúa.

4:3 Bằng cách rời khỏi Giuđê và đi đến xứ Galilê, Chúa Jêsus se ngăn chặn được nỗ lực gây chia rẽ của người Pharisi. Nhưng trong câu này còn có điều khác đầy ý nghĩa nữa. **Giuđê** là những trụ sở của tôn giáo Do Thái, còn **Galilê** là vùng đất người ngoại bang. Chúa Jêsus nhận thấy những lãnh đạo dân Do Thái vẫn đang chối bỏ Ngài và lời chứng của Ngài, vì vậy đến đây Ngài quay sang dân ngoại bang để đem sứ điệp cứu rỗi đến cho họ.

4:4 Samari nằm trên lộ trình đi thẳng từ Giuđê đến Galilê. Nhưng rất ít người Do Thái đi theo đường thẳng này. Vùng Samari bị người Do Thái khinh bỉ đến nỗi họ thường đi vòng qua Bêrê lên hướng bắc để vào Galilê. Vì vậy, khi Kinh Thánh nói Chúa Jêsus phải đi ngang qua xứ Samari, thì ý chính ở đây không phải vì Ngài

buộc phải đi như vậy vì những tình toán về địa lý, nhưng đúng hơn chính là bởi sự kiện có một linh hồn tại Samari mà Ngài có thể giúp đỡ.

4:5 Vào Samari, Chúa Jêsus đến một làng nhỏ kia tên gọi là Sikha. Cách làng đó không xa có đồng ruộng mà Giacóp đã cho Giôxép con mình (Sáng Thế Kỳ 48:22). Khi Chúa Jêsus vào lãnh thổ này, mọi quang cảnh lịch sử thời xưa của vùng đất không ngừng hiện lên trong trí Ngài.

4:6 Tại đó có cái giếng Giacóp. Bây giờ du khách vẫn có thể nhìn thấy cái giếng thời xưa này, và đây là một trong rất ít địa điểm Kinh Thách mà ngày nay có thể xác định khá rõ ràng.

Bảy giờ độ giữa trưa (giờ của người Do Thái) hoặc sáu giờ chiều (giờ của người Lamã) khi Chúa Jêsus đến bên giếng, Ngài mệt mỏi vì đi đường xa, nên Ngài ngồi xuống **bên giếng**. Dầu Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời, Ngài cũng là Con Người, là Đức Chúa Trời, Ngài không bao giờ có thể trở nên mệt mỏi, nhưng là Con Người, Ngài thực sự mệt mỏi. Chúng ta thấy khó hiểu những điều này, nhưng không một lý trí con người hay chết nào có thể hiểu đầy đủ về thân vị của Đức Chúa Jêsus Christ. Sự thật là Đức Chúa Trời đã có thể bước vào trần gian và sống như Con Người ở giữa loài người, sự thực đó là một lẽ cao nhiệm vượt quá trí hiểu của chúng ta.

4:7 Khi Chúa Jêsus đang ngồi bên giếng, một người đàn bà từ trong làng ra **múc nước**. Theo một số học giả, nếu giữa trưa, thì đây là thời điểm rất

bất thường để phụ nữ đến giếng lấy nước; đó là lúc nóng nhất trong ngày. Nhưng người đàn bà này là một tội nhân đối bại, và có lẽ bà chọn lúc này bởi cảm giác xấu hổ, vì biết sẽ không có phụ nữ nào khác ở đó nhìn thấy mình. Dường nhiên, Chúa Jêsus biết bà sẽ ở bên giếng tại thời điểm đó. Chúa biết bà là linh hồn khổn cùng, và vì vậy Ngài quyết tâm gặp và giải cứu bà khỏi đời sống tội lỗi.

Trong phần đoạn này, chúng ta thấy hặc thấy chính phục linh hồn đang hành động, vậy chúng ta nên khôn ngoan nghiên cứu những phương pháp Ngài dùng để đưa người đàn bà này đến chỗ cảm nhận được nhu cầu của bà rồi ban cho giải pháp để giải quyết nan đề của bà. Chúa nói với người đàn bà chỉ bảy lần. Người đàn bà cũng nói bảy lần - sáu lần với Chúa và một lần với những người trong thành. Có lẽ nếu chúng ta nói với Chúa bằng mức độ bà đã nói thì chắc hẳn chúng ta cũng đã làm chứng thành công như bà làm chứng cho dân trong thành rồi. Chúa Jêsus mở đầu cuộc đối thoại bằng lời nhờ vả. Mệt mỏi vì chuyển đi, Chúa **nói với bà**: "**Hãy cho ta uống.**"

4:8 Câu 8 giải thích vì sao, xét từ lập trường con người - Chúa lại xin bà cho uống nước. **Món đồ Ngài đã đi vào Sikha để mua thức ăn**. Họ thường mang theo những chiếc xô để múc nước, nhưng họ mang chúng đi mất rồi. Vì vậy nhìn bên ngoài, Chúa không có phương tiện nào để lấy nước từ giếng lên.

4:9 Người đàn bà thấy Chúa Jêsus là người Giuda và sửng sốt vì Ngài lại

nói chuyện với bà, là **một người Samari**. Người Samari tuyên bố họ là dòng dõi của Giacóp, và xem mình là người Ysraên thật. Thực ra, họ là người Do Thái pha trộn với dòng dõi ngoại đạo. Núi Garixim được chọn làm nơi thờ phượng chính thức của họ. Đây là ngọn núi tại xứ Samari, và Chúa với người đàn bà này nhìn thấy rõ ràng núi ấy đang khi nói chuyện với nhau. Người Do Thái rất ghét người Samari. Họ xem người Samari là giống dân tạp. Đó là nguyên nhân khiến người đàn bà này nói với Chúa Jêsus: **"Ủa kìa! Ông là người Giuđa, mà lại xin uống nước cùng tôi, là một người đàn bà Samari sao?"** Bà không nhận thức được rằng bà đang nói chuyện với Đấng Tạo Hóa của bà, và tình yêu của Ngài vượt lên trên những kỳ thị nhỏ nhặt của con người.

4:10,11 Bằng cách nhớ giúp đỡ, Chúa đã khơi dậy sự thích thú và hiếu kỳ của bà. Giờ đây Ngài càng khơi dậy lòng hiếu kỳ thích thú của bà hơn nữa bằng cách nói Ngài vừa là Đức Chúa Trời vừa là Con Người. Trước hết, Ngài là sự ban cho của Đức Chúa Trời - là Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban để làm Cứu Chúa của thế gian, là Con độc sinh của Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài cũng là một Con Người - một người vì một mối hời chuyển đi nên xin bà **nước uống**. Nói cách khác, nếu như bà nhận ra Đấng bà đang nói chuyện đây là Đức Chúa Trời đang thể hiện trong xác thịt, thì chắc bà sẽ **xin Ngài một ơn phước, và Ngài chắc sẽ ban cho bà nước sống**. Bà này chỉ nghĩ được đến nước *theo nghĩa đen* và

Ngài không thể có nước nếu không có trang thiết bị cần thiết. Bà hoàn toàn không nhận ra Chúa, cũng không hiểu những lời phán của Ngài.

4:12 Bà lại càng lộn lộn hơn nữa khi nghĩ về lỗ phụ Giacóp, là người đã cho giếng này. Chính Giacóp đã uống giếng này, **cả đến con cháu cùng các bầy vật của người nữa**. Bây giờ tại đây có một tử khách mệt mỏi, ở sau Giacóp nhiều thế kỷ, một người đang xin nước từ giếng Giacóp thế nhưng lại tuyên bố mình có thể ban cho một điều còn tốt hơn cả nước mà Giacóp đã cho. Nếu có thứ tốt hơn cơ sao Ngài còn xin nước từ giếng Giacóp làm gì?

4:13 Thế rồi Chúa bắt đầu giải thích sự khác biệt giữa nước theo nghĩa đen trong giếng Giacóp với nước mà Ngài sẽ ban cho. **Ai uống nước này thì sẽ khát trở lại**. Chắc chắn người Samari có thể hiểu được điều này. Hết ngày này đến ngày kia, bà cứ đến múc nước giếng; thế nhưng nhu cầu này không bao giờ được thỏa đáp hoàn toàn. Đối với mọi giếng khác trên thế gian này cũng vậy. Có người lìm lặt thú và thỏa mãn nơi những điều thuộc về trần thế, nhưng những điều ấy không thể làm thỏa cơn khát của lòng người. Dùng như Augustine đã nói trong tác phẩm *Lời Xưng Tội* của ông: "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên chúng con cho Ngài, và lòng chúng con không hề yên nghỉ cho đến khi được yên nghỉ trong Ngài."

4:14 Nước do Chúa Jêsus ban cho sẽ thực sự làm thỏa mãn. **Ai uống nhưng phước hạnh và sự thương xót của Đấng Christ thì sẽ không bao giờ**

khất nữa. Những ích lợi từ nơi Ngài không những làm đầy đầy lòng, mà còn luôn tràn ra nữa. Chúng giống như một **mạch nước** sôi trào, luôn luôn chảy tràn ra, không những trong đời này mà còn cả đời đời nữa. Cụm từ "**văng ra cho đến sự sống đời đời**" có nghĩa những ích lợi của **nước** do Đấng Christ ban cho sẽ không giới hạn vào trần gian này, nhưng sẽ tiếp tục mãi mãi. Sự tương phản hết sức sinh động. Tất cả những điều trần gian này có thể ban cho không đủ để đổ đầy lòng người. Nhưng những phước hạnh do Đấng Christ ban cho không những làm đầy đầy tâm lòng, mà chúng còn vĩ đại đến nỗi không tâm lòng nào chứa hết được.

Cả thế gian này vẫn không đủ

Làm đầy ba góc trái tim này.

*Thế nhưng nó vẫn cứ thòm khò
mũi;*

*Chỉ Ba Ngôi Đức Chúa Trời là
Đấng đã dựng nên nó.*

*Mũi có thể làm đầy đầy trái tim
ba góc bao la của con người.*

George Herbert

Những lạc thú của thế gian này chỉ có trong vài năm ngắn ngủi, nhưng thú vui mà Đấng Christ ban cho sẽ còn tiếp **đến sự sống đời đời**.

4:15 Khi người đàn bà nghe về nước kỳ diệu này, bà lập tức muốn có ngay. Nhưng bà vẫn nghi đến nước *theo nghĩa đen*. Bà muốn khỏi phải đi ra giếng mỗi ngày để múc nước rồi đội nước về nhà trong cái vỏ nặng nề trên vai. Bà không nhàn ra nước mà Chúa Jêsus đang nói đến chính là nước thực linh, và Ngài đang nói về

mọi phước hạnh đều cho lòng người qua đức tin nơi Ngài.

4:16 Có sự thay đổi đột ngột trong cuộc đối thoại ở đây. Bà vừa mới xin nước, rồi Chúa Jêsus bảo bà đi và gọi **chồng** bà đến. Vì sao vậy? Trước khi người đàn bà này có thể được cứu, bà phải công nhận mình là một tội nhân. Bà phải đến với Đấng Christ với lòng ăn năn thật, xưng hết những tội phạm và xấu hổ của mình. Chúa Jêsus đã hiến hết cuộc đời tội lỗi của bà, và Ngài đang dẫn bà từng bước một đến chỗ tự nhìn thấy được cuộc đời ấy.

Chỉ những ai biết mình bị hư mất thì họ mới được cứu. Hết thấy mọi người đều hư mất, nhưng không phải mọi người đều sẵn lòng thừa nhận như vậy. Khi tìm cách chinh phục người về với Đấng Christ, chúng ta đừng bao giờ tránh né vấn đề tội lỗi này. Họ phải được đưa đến chỗ đối diện với sự kiện họ đã chết trong tội lỗi và quả phạm, cần Cứu Chúa, không thể tự cứu, và Chúa Jêsus là Cứu Chúa mà họ cần, Ngài sẽ cứu họ nếu họ ăn năn tội và tin Ngài.

4:17 Thoạt đầu, người đàn bà có giữ kín sự thực và cũng không nói dối. Bà **thừa rằng**. "**Tôi không có chồng.**" Có lẽ theo ý nghĩa chính xác về pháp lý, câu nói của bà là thật. Nhưng câu này nhằm che giấu sự kiện khủng khiếp là bấy giờ bà đang sống trong tội: lỗi với người đàn ông không phải là chồng bà:

*Bà nói về tôn giáo, thảo luận về
thần học, và đang một - cái nói hội
châm biếm, giả vờ như bị sốc - làm
bất cứ việc gì để ngăn Đấng Christ
đang nhìn thấy một linh hồn đang*

tìm hết cách chạy trốn khỏi chính nó (Chúa Giải Hàng Ngày của Liên Đoàn Kinh Thánh).

Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời, Ngài biết mọi điều này. Vì vậy Ngài phán với bà: "**Người nói rằng: Tôi không có chứng, là phải lắm.**" Dấu bà có thể lừa dối đồng loại, nhưng không thể lừa dối Con Người này. Ngài đã biết mọi sự về bà.

4:18 Chúa không bao giờ dùng hiểu biết trọn vẹn về mọi điều của Ngài để phớt bầy hay hạ thục người cách không cần thiết. Nhưng Ngài đã thực sự sử dụng sự hiểu biết - như ở đây - để cứu một người thoát khỏi ách nô lệ cho tội lỗi. Ấy hẳn bà phải sợng sốt biết bao khi Chúa kể lại tiểu sử của bà! Bà đã có năm đời chồng, và người đang ở với bà hiện nay không phải là chồng bà.

Có một số ý kiến khác nhau về câu này. Có người dạy rằng năm người chồng trước của bà hoặc đã chết hoặc đã bỏ bà, và vì vậy không hề có gì tội lỗi trong những mối quan hệ của bà với họ. Dấu có đúng như vậy hay không đi nữa, từ phần tiếp theo của câu Kinh Thánh này, ta thấy rõ đàn bà này là một người phạm tội ngoại tình. "**Người mà người hiện có, chẳng phải là chồng người.**" Đây là một ý quan trọng. Người đàn bà này là một tội nhân, và chừng nào bà chưa chịu công nhận điều này, thì Chúa chưa thể ban cho bà nước hằng sống được.

4:19 Khi cuộc đời bà bị phơi bày ra trước mặt bà như vậy, bà nhận biết Đấng đang phán với mình không phải

là một người bình thường. Tuy nhiên, bà vẫn chưa nhận ra Đấng ấy là Đức Chúa Trời. Suy đoán cao nhất bà có được ấy là Ngài là **Đấng tiên tri**, tức phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời.

4:20 Giờ đây dường như người đàn bà bị cáo trách về tội lỗi mình, và có thay đổi để tài bằng cách đưa ra câu hỏi về nơi đang để thờ phượng. Kõ rằng khi bà nói: "**Tổ phụ chúng tôi đã thờ lạy trên hòn núi này.**" bà đang chỉ về núi Garxim gần đó. Rồi bà nhắc Chúa (thật là thú!) rằng người Giuđa lại nói rằng nơi đáng thờ lạy là tại **thành Giêrusalem**.

4:21 Chúa Jêsus không né tránh lời chỉ trích của bà nhưng dùng nó để truyền đạt thêm lẽ thật thuộc linh. Ngài phán với bà rằng giờ đến khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên núi này, cũng chẳng tại thành Giêrusalem. Trong Cựu Ước, thành Giêrusalem là nơi Đức Chúa Trời chỉ định để người ta thờ phượng Ngài. Đến thờ tại Giêrusalem là ơn ngư của Đức Chúa Trời, và những người Du Thái mộ đạo đến Giêrusalem đem theo những của tế lễ và của dâng. Dĩ nhiên, trong thời đại Tân Lành thì không còn như thế nữa. Đức Chúa Trời không có nơi nào trên đất để con người phải đến đó mà thờ phượng. Chúa giải thích điều này đầy đủ hơn trong những câu tiếp theo.

4:22 Khi Chúa phán: "**Các người thờ lạy sự các người không biết,**" Ngài đã lên án phượng thức thờ phượng của người Samari. Điều này tương phản rõ nét với những giáo sư tôn giáo ngày nay vốn nói rằng mọi đạo đều tốt và mọi đạo cuối cùng đều dẫn đến Thiên đàng cả. Chúa Jêsus

báo cho bà hiết sự thờ phượng của người Samari không được Đức Chúa Trời phê chuẩn, mà chính Ngài cũng không phê chuẩn. Sự thờ phượng ấy do con người phát minh ra và được tiến hành mà không có sự phê chuẩn của Lời Đức Chúa Trời. Nhưng sự thờ phượng của người Giuđa thì không phải như vậy. Đức Chúa Trời đã biệt riêng dân Do Thái làm tuyến dân trên trần gian này của Ngài. Ngài đã ban cho họ những chỉ thị đầy đủ về phương cách thờ phượng Ngài.

Khi nói "sự cứu rỗi bởi người Giuđa mà đến," Chúa đang dạy rằng dân Do Thái được Đức Chúa Trời chỉ định để làm những sứ giả của Ngài, và Kinh Thánh đã được ban cho họ. Hơn nữa, chính qua dân Do Thái mà Đấng Mêsi được ban cho. Ngài sanh ra bởi một người mẹ Do Thái.

4:23 Tiếp theo, Chúa cho bà hiết khi Ngài đến, Đức Chúa Trời không còn giữ một nơi nhất định nào trên đất để thờ phượng nữa. Giờ đây, những người tin Chúa Jêsus có thể thờ phượng Đức Chúa Trời bất cứ lúc nào và tại bất cứ nơi đâu. Thờ phượng thật tức là tin hữu bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời bởi đức tin, và *tại đó* ca ngợi và thờ phượng Ngài. Thân thể có thể ở trong hầm hố, tù ngục, hay ở ngoài đồng ruộng, nhưng tâm linh người ấy có thể đến gần Đức Chúa Trời trong đền thánh trên trời bởi đức tin. Chúa Jêsus tuyên bố cho bà này biết từ nay trở đi, sự thờ phượng Cha chính là thờ phượng **bằng tâm thần và lễ thật**. Dân Do Thái đã giảm sự thờ phượng xuống thành những hình thức và những lễ nghi

bên ngoài. Họ nghĩ bởi tuân giữ thật sùng kính chữ của luật pháp, và giữ những nghi lễ nhất định nào đó, thì họ đang thờ phượng Đức Chúa Cha. Nhưng cách thờ phượng của họ không phải là sự thờ phượng của tâm linh. Sự thờ phượng ấy ở bề ngoài, chứ không ở bề trong. Thân thể có thể đang sắp mình xuống đất, nhưng tâm lòng họ vẫn không công bình trước mặt Đức Chúa Trời. Có lẽ họ đang hà hiếp người nghèo, đang sử dụng những phương pháp làm ăn dối gạt.

Mặt khác, người Samari cũng có hình thức thờ phượng, nhưng hình thức ấy là sai lầm. Sự thờ phượng ấy không có thẩm quyền của Kinh Thánh. Họ đã thành lập tôn giáo riêng của họ và đang thực thi những thánh lễ do họ phát minh ra. Bởi đó, khi Chúa phán sự thờ phượng phải là thờ phượng **bằng tâm thần và lễ thật**, Ngài đang quở trách cả người Do Thái lẫn người Samari. Nhưng Ngài cũng đang báo cho họ biết giờ đây Ngài đã đến, nên con người có thể đến gần Đức Chúa Trời thông qua Ngài trong sự thờ phượng thật và hết lòng. Hãy suy gẫm điều này xem! **Đức Chúa Cha đang tìm kiếm những người như thế để thờ phượng Ngài** (Bản Anh ngữ). Đức Chúa Trời thích sự chúc tụng của dân sự Ngài. Ngài có nhận sự chúc tụng đó từ tôi không?

4:24 **Đức Chúa Trời là Thần** là định nghĩa về hữu thể của Đức Chúa Trời. Ngài không phải là một con người đơn thuần, mặc phải mọi sai lầm và giới hạn của nhân tánh. Ngài cũng không hề bị giới hạn vào bất kỳ

nơi nào và bất kỳ thời điểm nào. Ngài là Đấng vô hình, Đấng hiện diện lập tức và đồng thời tại mọi nơi, Đấng toàn tri, Đấng toàn năng, Ngài là Đấng trọn lành trong mọi đường lối Ngài. Do đó, ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy. Không được phép có sự giả bộ hay giả hình. Không được phép có sự giả vờ mộ đạo trong khi đời sống bề trong lại bại hoại. Không được phép nghĩ rằng khi chịu giữ một loại nghi lễ, thì bởi đó được Đức Chúa Trời đẹp lòng. Dầu Đức Chúa Trời đích thân thiết lập những lễ nghi ấy, Ngài vẫn quả quyết con người phải đến gần Ngài với tấm lòng tan vỡ và thống hối. Thêm hai chữ "phải" nữa được tìm thấy trong đoạn này - "phải" dành cho người chinh phục linh hồn (4:4) và "phải" cho người thờ phượng (4:24).

4:25 Khi người đàn bà Samari lắng nghe Chúa, bà buộc lòng phải nghĩ đến Đấng Mêsai hầu đến. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã khuấy động trong bà ước ao Đấng Mêsai phải đến. Bà tỏ lòng tin quyết khi Ngài đến tới, Ngài hẳn dạy mọi việc. Trong câu này, bà cho thấy sự hiểu biết rất rõ về một trong những mục đích trọng đại khiến Đấng Christ đến.

Cụm từ "Đấng Mêsai... nghĩa là Đấng Christ" đơn giản là lời giải thích về sự kiện hai từ ngữ này cùng nghĩa. Mêsai là từ ngữ Hebrew chỉ về Đấng Chịu Xức Dầu của Đức Chúa Trời; Christ là chữ tương đương trong tiếng Hy Lạp.

4:26 Điều Chúa Jêsus phản với bà chính là lời phản theo nghĩa đen: "Ta,

người đang nói với người đây, chính là Đấng đó." Chữ "Đấng đó" không có trong bản văn nguyên thủy. Dầu câu này sẽ rõ nghĩa hơn khi thêm chữ "Đấng đó," nhưng còn một ý nghĩa sâu nhiệm hơn cho những lời Chúa Jêsus đã thực sự nói ra ở đây. Khi dùng chữ "Ta là" Ngài đã dùng một trong những danh xưng mà Đức Chúa Trời dùng cho chính Ngài trong Cựu Ước. Ngài đã phân: "TA LÀ đang phản với người," nay nói cách khác: "Chính Giêhôva là Đấng đang nói với người đây." Ngài đang công bố cho bà lẽ thật hết sức đáng ngạc nhiên rằng Đấng đang phản với bà là Đấng Mêsai, là Đấng bà đang trông chờ, và Ngài cũng chính là Đức Chúa Trời. Giêhôva của Cựu Ước là Jêsus của Tân Ước.

4:27 Khi môn đồ từ Sikha trở về, họ thấy Chúa Jêsus đang nói chuyện với người đàn bà này. Họ sửng sốt vì Ngài nói chuyện với bà, vì bà là người Samari. Có lẽ họ cũng có thể nhận ra bà là người đàn bà tội lỗi nữa. Nhưng chẳng ai hỏi xem Chúa đang tìm kiếm gì từ nơi người đàn bà này hay vì sao Ngài nói chuyện với người. Có người nói rất hay: "Các môn đồ sửng sốt vì Ngài trò chuyện với bà; đáng ra họ nên sửng sốt vì Ngài đã trò chuyện với họ thì đúng hơn!"

4:28 Người đàn bà bèn bỏ cái vò của mình lại! Cái vò làm biểu tượng cho mọi thứ khác nhau trong đời mà bà đã dùng để cố gắng làm thỏa mãn những khao khát sâu kín nhất của mình. Chúng thấy đều thất bại. Giờ đây khi đã biết Chúa Jêsus, bà không

còn cần những thứ ngày trước vốn rất nổi bật trong đời sống bà nữa.

*Lạy Chúa, con đã thử uống nơi
hố chưa bị vớt.*

*Nhưng hãy ừ! Những dòng nước
ấy đã khô cạn!*

*Ngay cả khi mời khom xuống
uống, chúng đã chảy mất rồi,*

Và chỗ giếng khi con tên Ia

*Giờ đây, không ai ngoài Đấng
Christ có thể làm thỏa mãn,*

Không một ai làm thỏa mãn con:

*Lạy Chúa Jêsu, con đã gặp
được trong Ngài.*

*Tình yêu, sự sống, và sự vui
mừng đời đời.*

- B. E.

Bà không những bỏ cái vỏ của mình lại, mà còn vào thành. Bất cứ khi nào người được cứu, người ấy lập lúc bắt đầu suy nghĩ đến những người đang cần nước sự sống. R. Hudson Taylor nói: "Một số người thêm muốn làm người kế thừa Các Sứ Đồ; tôi lại thích làm người kế thừa người đàn bà Samari kia hơn, là người khi đã dứt khoát ra đi, thì quên chiếc vỏ của mình trong nỗi lòng sốt sắng tìm kiếm linh hồn."

4:29,30 Lời chứng của bà đơn sơ nhưng hiệu quả. Bà mở gọi người dân trong thành hãy đến xem một người đã bảo bà mọi việc bà đã làm. Bà cùng khơi dậy trong lòng họ khả năng Con Người này có thể thực sự là Đấng Mêsi. Trong trí bà, chắc chẳng còn chút nghi ngờ gì vì Ngài đã công bố cho bà biết chính Ngài là Đấng Christ rồi. Nhưng bà nêu thắc mắc này trong trí họ để họ có thể đến với Chúa Jêsu và tự tìm hiểu. Rõ ràng, bà nổi tiếng

trong làng về tội lỗi và nhờ ơn cứu của bà. Ất hẳn dân chúng sớm biết bao khi thấy bà giờ đây đứng công khai giữa họ làm chứng về Đức Chúa Jêsu Christ! Lời chứng của bà thật hữu hiệu. Dân làng ra khỏi nhà và nghĩ việc để bắt đầu đến tìm xem Chúa Jêsu.

K. Sự Vui Thích Của Đức Chúa Con Khi Làm Theo Ý Muốn Của Cha Mình (4:31-38)

4:31 Giờ đây các môn đồ đem lương thực trở về, họ hài nể Chúa ấ. Dường như họ không biết những biến cố trọng đại đang xảy ra. Vào thời điểm lịch sử này, khi thành phố Samari đang được giới thiệu với Chúa Vinh Hiển, ý tưởng của họ không thể nào vượt lên cao hơn thức ăn cho thân thể họ.

4:32 Chúa Jêsu đã tìm được thứ lương thực và sự chu cấp để chinh phục nhưng người thờ phượng Cha Ngài. So với niềm vui này, sự bổ dưỡng thuộc thể không mấy quan trọng đối với Ngài. Chúng ta nhận được những gì mình theo đuổi trong đời này. Các môn đồ đang quan tâm đến lương thực. Họ đi vào làng để kiếm lương thực. Họ trở lại đem theo lương thực. Chúa quan tâm đến linh hồn. Ngài quan tâm cứu rỗi những người nam và nữ ra khỏi tội lỗi, và ban cho họ nước sự sống đời đời. Ngài cũng đã tìm được điều Ngài theo đuổi. Chúng ta đang quan tâm điều gì?

4:33 Theo quan điểm trần gian, các môn đồ không hiểu được nghĩa trong lời Chúa nói. Họ không thể am hiểu sự kiện "lúc ấy niềm vui và hạnh phúc của thành công thuộc linh có

thể nâng bổng con người lên trên mọi thiếu thốn của thể xác, và có thể thay thế thịt và thức uống thuộc thể." Vì vậy họ kết luận chắc có ai đã đến đem thức ăn cho Chúa rồi.

4:34 Một lần nữa, Chúa Jêsus có gắng hướng chú ý của họ từ vật chất sang phần thuộc linh. **Đồ ăn** của Chúa là **làm theo ý muốn** của Đức Chúa Trời, và **làm trọn công tác** Đức Chúa Trời đã giao cho Ngài. Câu này không nói Chúa Jêsus kiêng thức ăn thực sự, nhưng đúng hơn có nghĩa mục tiêu và đối tượng vĩ đại trong đời Ngài không phải là chăm chút cho thân thể, nhưng trái lại là làm theo ý muốn Đức Chúa Trời.

4:35 Có lẽ các môn đồ đang nói chuyện với nhau về mùa gặt sắp đến. Hoặc có lẽ đây là câu châm ngôn phổ thông giữa vòng người Giuđa. "**Còn bốn tháng nữa** giữa thời kỳ gieo giống và mùa gặt." Dấu sao đi nữa, Chúa Jêsus một lần nữa dùng sự kiện mùa gặt thuộc thể để dạy bài học thuộc linh. Các môn đồ đứng ngại mùa gặt vẫn còn xa. Họ không thể dùng đời sống đi tìm thức ăn và áo mặc, và nghĩ rằng có thể làm công việc Chúa sau đó. Họ phải nhận thấy rằng **đồng ruộng** đã vắng sẵn cho mùa gặt. Đương nhiên, **đồng ruộng** ở đây chỉ về thể gian. Chính lúc Chúa nói ra những lời này, Ngài đã ở giữa cánh đồng mùa gặt gồm những linh hồn của người nam và nữ Samari. Ngài đã hào các môn đồ công tác của mùa gặt nằm trước mắt họ, và họ phải lập tức dốc lòng làm thật siêng năng.

Ngày nay cũng vậy, Chúa phán với những người tin Ngài giữa vòng chúng

ta: "**Hãy nương mắt lên và xem đồng ruộng.**" Khi chúng ta dành thì giờ suy nghĩ đến nhu cầu to lớn của thể gian, Chúa sẽ đặt trong lòng chúng ta gánh nặng linh hồn hư mất quanh mình. Bấy giờ, chúng ta sẽ có trách nhiệm tiến lên vì Ngài, tìm cách đem về những giê lúa đã chín vàng.

4:36 Chúa Jêsus giờ đây đang dạy môn đồ về công tác mà họ được kêu gọi vào. Ngài chọn họ làm con gặt. Không những được lãnh lương trong đời này, mà còn gặt hái hoa lợi cho đời đời nữa. Phục vụ Đấng Christ thì được nhận rất nhiều phần thưởng ngay trong thời hiện tại này. Nhưng trong ngày hầu đến, con gặt sẽ còn thêm niềm vui nhìn thấy nhiều linh hồn trong Thiên đàng bởi sự trung tín rao truyền sứ điệp Tin Lành của họ.

Câu 36 không dạy rằng một người kiếm được sự sống đời đời nhờ trung tín gặt hái, nhưng trái lại dạy rằng hoa lợi của công tác ấy còn tiếp tục đến sự sống đời đời.

Trên Thiên đàng, cả người gieo lẫn người gặt đều cùng nhau vui vẻ. Trong đời sống tự nhiên trước hết phải chuẩn bị đồng ruộng để gieo giống, sau đó phải gieo giống xuống ruộng. Về sau, người ta gặt hái. Trong đời sống thuộc linh cũng vậy. Trước hết, sứ điệp phải được rao giảng, rồi phải tưới bằng sự cầu nguyện. Nhưng khi mùa gặt đến, tất cả mọi người dự phần vào công việc ấy đều cùng nhau vui vẻ.

4:37 Qua việc này, Chúa thấy ứng nghiệm câu châm ngôn rất phổ thông thời ấy: "**Người này thì gieo người kia thì gặt.**" Một số Cơ Đốc nhân được

gọi rao giảng Tin Lành suốt nhiều năm trời mà không nhìn thấy nhiều kết quả của công khó mình. Đến cuối những năm ấy, người khác bước vào, và nhiều linh hồn quay về với Chúa.

4:38 Chúa Jêsus đang sai các môn đồ vào những nơi được người khác chuẩn bị sẵn rồi. Trong suốt thời kỳ Cựu Ước, các tiên tri đã báo trước sự hiện đến của kỷ nguyên Tin Lành và của Đấng Mêsê. Sau đó, Giăng Báp-tít cũng đến làm người mở đường cho Chúa, tìm cách chuẩn bị lòng dân chúng tiếp nhận Ngài. Chính Chúa đã gieo giống tại Samari, và chuẩn bị mùa gặt cho các con gặt. Giờ đây, các môn đồ sắp bước vào đồng ruộng trong mùa gặt, và Chúa muốn họ biết rằng dấu họ sẽ vui mừng khi thấy nhiều người quay về với Đấng Christ, họ phải hiểu họ đang bước vào công lao của những người khác.

Rất ít linh hồn từng được cứu qua chức vụ của một người đơn lẻ. Đa số người nghe Tin Lành nhiều lần trước khi tiếp nhận Cứu Chúa. Do đó, ai cuối cùng dẫn một người đến với Đấng Christ đừng nên lớn mình lên như thể mình là công cụ duy nhất được Chúa dùng trong công tác tuyệt vời này.

L. Nhiều Người Samari Tin Chúa Jêsus (4:39-42)

4:39 Do kết quả lời chứng thẳng thắn và đơn sơ của người đàn bà Samari, nhiều người trong dân tộc bà đã tin Chúa Jêsus. Tất cả những lời bà nói chỉ là: "Ngài đã bảo lời mọi điều tôi đã làm," thế nhưng chứng đó đủ đưa người khác đến với Cứu Chúa rồi.

Điều này đáng khích lệ mỗi chúng ta hãy thật đơn sơ, can đảm, và trực tiếp trong lời làm chứng cho Đấng Christ của mình.

4:40 Sự đón tiếp Chúa Jêsus của người Samari thật trái hẳn với sự đón tiếp của người Giuđa. Người Samari có phần thật sự đánh giá cao Đấng Kỳ Diệu này, và họ xin Ngài vào trọ nơi mình. Theo lời mời, Chúa ở đó hai ngày. Cứ nghĩ xem thành phố Sikha này được đặc ân lớn lao biết bao nên mới được tiếp đón Chúa của sự sống và vinh hiển trong suốt thời gian đó.

4:41,42 Không hề có hai sự hoàn hảo nào xảy ra chính xác như nhau. Một số người tin vì lời làm chứng của người đàn bà này. Người tin Ngài càng đông hơn nữa vì cơ lời của chính Đức Chúa Jêsus. Đức Chúa Trời dùng nhiều phương tiện khác nhau để đem tội nhân đến với Ngài. Điều thiết yếu trọng đại là phải có đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Thật tuyệt vời khi nghe những người Samari này làm chứng rõ ràng đến như vậy về Cứu Chúa. Trong trí họ không hề thắc mắc chút nào. Họ đã hoàn toàn bảo đảm mình được cứu rồi không do nơi lời người đàn bà kia, nhưng do nơi chính lời Chúa Jêsus. Sau khi nghe Ngài và tin lời Ngài, những người Samari đã biết chính Ngài thật sự là Đấng Christ,¹⁰ Cứu Chúa của thế gian. Chỉ Đức Thánh Linh mới có thể ban cho họ sự hiểu biết đó. Dân Do Thái dường như nghĩ Đấng Mêsê chỉ dành cho riêng mình họ thôi. Nhưng người Samari đã nhận thấy những ích lợi của sự mạng Đấng Christ sẽ mở rộng cho toàn thế giới.

M. Phép lạ Thứ Nhì: Chữa Lành Con Trai Quan Thị Vệ (4:43-54)

4:43,44 Sau hai ngày Chúa ở lại với người Samaritan, Chúa đi lên phía bắc đến Galilê. Câu 44 dường như gây khó hiểu. Câu này nói nguyên nhân Cứu Chúa rời khỏi Samari đến Galilê là vì một người tiên tri chẳng bao giờ được tôn kính trong quê hương mình. Thế nhưng Galilê là quê hương của Chúa, vì Naxarét là thành nằm trong vùng đó. Có lẽ ý câu này muốn nói là: Chúa Jêsus đi vào một miền nào đó của Galilê chứ không đến Naxarét. Dấu tường hợp nào đi nữa câu này đương nhiên đúng: một người thường không được tôn kính nhiều ngay tại thành phố quê hương mình cho bằng tại các nơi khác. Những bà con bạn hữu nghi người ấy chỉ là một kẻ trẻ tuổi và một người trong vòng họ. Đương nhiên, Chúa Jêsus không được dân Ngài tôn trọng như Ngài đáng được.

4:45 Khi Chúa trở về Galilê, Ngài được tiếp đón tử tế vì dân chúng nhìn thấy mọi điều Ngài làm lại Giêrusalem trong ngày lễ. Hiện nhiên, người Galilê được nói đến ở đây chính là người Giuđa. Họ đã đến Giêrusalem để thờ phượng. Tại đó, họ nhìn thấy Chúa và chứng kiến một số việc quyền năng của Ngài. Giờ đây họ sẵn sàng để Ngài ở giữa vòng họ tại Galilê, không phải vì công nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng vì đầy hiếu kỳ nơi Đấng đang khơi dậy biết bao lời tán thưởng tại mọi nơi Ngài đến.

4:46 Một lần nữa, thành Cana thật vinh dự vì được chính Chúa đến

thăm. Trong lần thăm thứ nhất, một số người thấy Ngài biến nước thành rượu. Giờ đây họ sẽ chứng kiến một phép lạ quyền năng khác nữa của Ngài, có ảnh hưởng trái rộng đến Cabênaum. Con trai một quan thị vệ kia ở Cabênaum mắc bệnh. Rõ ràng đây là một người Do Thái được vua Hêrốt tuyển dụng.

4:47 Người ấy nghe Chúa Jêsus đã ở trong xứ Giuđê, và giờ đây trở về Galilê. Chắc ông rợn phẩn nào nơi khả năng Chúa chữa lành vì ông đã trực tiếp đến xin Ngài xuống động chữa cho con mình gần chết. Trên phương diện này, dường như lòng tin cây Chúa của ông còn lớn hơn lòng tin của hầu hết đồng bào ông.

4:48 Không những nói với quan thị vệ, mà còn chung cho cả dân Do Thái,¹¹ Chúa nhắc họ nhớ đặc trưng của dân tộc họ là muốn xem các phép lạ trước khi chịu tin. Nói chung, chúng ta thấy Chúa Jêsus không hài lòng với thứ đức tin căn cứ trên những phép lạ cho bằng thứ đức tin căn cứ trên một mình Lời Phán Ngài mà thôi. Tin một điều nào đó đơn giản vì Ngài đã phán điều đó thì tôn kính Ngài hơn là tin vì Ngài đã đưa ra một bằng chứng hữu hình. Đặc điểm của người này là ông muốn thấy trước khi tin. Nhưng Chúa Jêsus dạy chúng ta nên tin trước đã. Rồi sau đó sẽ thấy.

Đấu lạ và điểm lạ đều chỉ về các phép lạ. **Đấu lạ** là những phép lạ mang ý nghĩa hoặc tầm quan trọng sâu xa. **Điểm lạ** là những phép lạ khiến con người sống sốt bởi những phẩm chất siêu nhiên của các phép lạ đó.

4:49 Quan thị vệ - với sự kiên trì của đức tin thật - tin Chúa Jêsus có thể cứu giúp con ông, và ông muốn Chúa đến thăm hơn bất kỳ điều nào khác. Trên một phương diện, đức tin của ông còn khiêm khuyết. Ông nghĩ á! Chúa phải ở bên giường của chàng trai trước đã rồi mới chữa lành được. Tuy nhiên, Chúa không quở trách ông về điều đó, nhưng ban thưởng ông về lượng đức tin mà ông đã thực sự tỏ bày.

4:50 Ở đây chúng ta thấy đức tin của người này lớn lên. Ông đang vận dụng đức tin mình có, và Chúa ban cho ông càng thêm, Chúa sai ông trở về nhà với lời hứa: "**Con của người sống.**" Đứa con trai đã được chữa lành! Không cần một phép lạ nào hay một bằng chứng hữu hình nào, người **đó tin lời Chúa Jêsus** và bắt đầu trở về nhà. Đây là thứ đức tin biết hành động!

4:51,52 Khi về đến gần nhà, các **đầy tớ** đến đón mang theo tin vui con trai ông đã khỏe mạnh. Người này không hề sững sốt khi nghe tin báo. Ông đã tin lời Chúa hứa, và sau khi tin, giờ đây ông sẽ thấy bằng chứng. Người cha **hỏi** các đầy tớ giờ nào đứa con **khỏe** lại. Câu trả lời cho thấy sự chữa lành không xảy ra dần dần mà xảy ra tức thời.

4:53 Giờ đây, không còn chút may mắn nghi ngờ nào về phép lạ kỳ diệu này. Vào giờ thứ bảy ngày hôm trước, **Chúa Jêsus đã phán** với quan thị vệ tại Cana: "**Con của người sống.**" **Chinh** giờ **đó** tại Cabênaum, đứa con trai được chữa lành, và con sốt rét khỏi

nó. Từ điều này, quan thị vệ biết Chúa Jêsus không cần phải hiện diện về mặt thuộc thể để thi hành phép lạ hay nhằm lời cầu nguyện. Điều này nên khích lệ mọi Cơ Đốc nhân trong nếp sống cầu nguyện của họ. Chúng ta có một Đức Chúa Trời quyền năng, là Đấng nghe mọi lời cầu xin của chúng ta và có thể hoàn thành những mục đích của Ngài tại bất kỳ nơi nào trên thế giới vào bất cứ lúc nào.

Bản thân quan thị vệ này và cả người nhà đều **tin**. Từ câu này và những câu tương tự trong Tân Ước, dường như Đức Chúa Trời thích nhìn thấy các gia đình hiệp một trong Đấng Christ. Ý muốn của Ngài không phải là sẽ có những gia đình chia rẽ trên Thiên đàng. Ngài quan tâm để ghi lại sự kiện cả nhà này đã tin Con Ngài.

4:54 Chữa lành con trai quan thị vệ không phải phép lạ thứ nhì trong toàn bộ chức vụ của Chúa tể cho đến lúc này. Đây là **phép** lạ thứ nhì Chúa Jêsus đã làm tại Galilê sau khi Ngài từ Giuđê đến.

III. NĂM CHỨC VỤ THỨ NHÌ CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI (Đoạn 5)

A. Phép Lạ Thứ Ba: Chữa Lành Người Bại (5:1-9)

5:1 Khi đoạn 5 bắt đầu, đã đến một kỳ lễ của người Do Thái. Nhiều người tin đây là Lễ Vượt Qua, nhưng không thể nào biết chắc được. Sinh ra trong thế gian là người Do Thái, và vâng theo các luật pháp mà Đức Chúa Trời lập cho dân Do Thái, **Chúa Jêsus lên thành Giêrusalem để dự lễ.** Là Giêhôva của Cựu Ước, Đức Chúa Jêsus đã là Đấng thiết lập Lễ Vượt Qua

ngay từ đầu. Giờ đây, trong tư cách Con Người, vâng lời Cha Ngài, Chúa đã vâng theo chính những luật Ngài đã lập ra.

5:2 Tại Giêrusalem, có một cái ao tên là Bếtesda,¹² nghĩa là "nhà thương xót" hay "nhà tình thương." Ao này nằm gần Cửa Chiên. Người ta đã biết địa điểm chính xác của ao này và đã khai quật (gần Giáo Đường Crusader Church of St. Anne). Quanh ao có năm cái vòm cửa hay là những khoảng trống rất rộng không có vách, có thể chứa rất đông người. Một số giáo sư Kinh Thánh nghĩ năm cửa vòm này đại diện luật pháp Môise và nói đến tình trạng luật pháp không thể giúp con người thoát khỏi những rắc rối sâu xa của họ.

5:3 Dường như ao Bếtesda nổi tiếng là nơi xảy ra các phép lạ chữa bệnh. Chúng ta không biết các phép lạ này xảy ra quanh năm, hay chỉ vào những thời điểm nhất định, chẳng hạn như vào các ngày lễ. Quanh ao rất đông người bệnh đến với hy vọng được chữa lành. Có người mù, có người tàn tật, có cả người bại liệt. Những hình ảnh khác nhau về tình trạng bệnh tật này mô tả con người tội lỗi trong sự bất lực, mù quáng, tàn tật, vô dụng của họ.

Họ chịu khổ bởi ảnh hưởng của tội lỗi trên thân thể, đang chờ khi nước động. Lòng họ đầy đầy khao khát được thoát khỏi bệnh tật, và sốt sắng ao ước tìm kiếm sự chữa lành. J. C. Bellett nói:

Họ nài nỉ quanh dòng nước lấp lánh và đầy thốt vọng áy: "Đâu Con Đấng Chúa Trời đã có mặt tại đó..."

chức chức điều này có bài học cho chúng ta. Ao đầy chất người, còn Chúa Jêsus bước qua mà không ai để ý đến Ngài! Một lời làm chứng hùng hồn biết bao về tên giầu của con người! Những thành lễ cúng với toàn bộ cơ may phước tạp của chúng được người ta dốc tâm theo đuổi, còn án điển của Đấng Chúa Trời bị khinh thường!¹³

5:4 Câu chuyện ở đây vẫn chưa đủ thỏa mãn tình hiếu kỳ của chúng ta. Chúng ta chỉ được biết có một thiên sứ thỉnh thoảng giáng xuống trong ao làm cho nước động. Người nào xuống nước trước tiên ngay lúc đó thì được chữa lành bệnh. Bạn có thể hình dung một quang cảnh đau lòng biết bao khi thấy rất nhiều người đang cần giúp đỡ, tranh nhau xuống nước, thế nhưng chỉ có một người được nhận quyền năng chữa lành.

Tuy trong rất nhiều bản Kinh Thánh không có phần cuối của câu 3 (bắt đầu từ chữ "chờ khi nước động") và cả câu 4, nhưng những chữ này có trong đại đa số các thú bản. Câu chuyện cũng hơi khó hiểu và không giải thích vì sao những người bệnh lại có mặt tại đó.

5:5,6 Một trong những người đang chờ đợi bên ao đã mắc bệnh ba mươi năm. Điều này có nghĩa ông đã mắc bệnh như vậy ngay cả trước khi Cứu Chúa ra đời. Chúa Jêsus hiểu biết hết mọi sự. Ngài vẫn chưa hề gặp người này trước kia. Tuy nhiên Ngài biết ông ta đau đã lâu ngày.

Với lòng thương xót triu mến, Ngài phán với ông: "Người có muốn lành chăng?" Chúa Jêsus biết: đây là

khao khát lớn nhất trong lòng ông. Nhưng Ngài cũng muốn chinh ông thừa nhận tình trạng bất lực của ông và nhu cầu hết sức cần được chữa lành. Điều này cũng giống y như trong sự cứu rỗi. Chúa biết chúng ta hết sức cần được cứu, nhưng Ngài chờ nghe lời miêng chúng ta xưng nhận rằng chúng ta bị hư mất, chúng ta cần Ngài và tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa của mình. Chúng ta được cứu không bởi ý chí của mình, nhưng ý chí con người phải được vận dụng trước khi Chúa cứu một linh hồn.

5:7 Câu trả lời của người bệnh rất đau lòng. Suốt nhiều năm ông nằm bên ao, chờ xuống ao, nhưng mỗi lần nước dâng, không ai giúp ông cả. Mỗi lần ông đều có xuống nước, nhưng có người khác xuống trước rồi. Điều này nhắc chúng ta nhớ mình tuyệt vọng biết bao nếu nhờ người đóng loại cứu chúng ta khỏi tội lỗi.

5:8 Giường của người này là một tấm đệm hoặc một tấm chiếu nhẹ. Chúa Jesus truyền người đứng dậy, vác giường mình và đi. Bài học ở đây ấy là: khi được cứu, chúng ta không những được truyền phải đứng lên, mà còn phải bước đi nữa. Chúa Jesus chữa lành chúng ta khỏi dịch lệ tội lỗi, và rồi Ngài chờ đợi chúng ta bước đi cách xứng đáng với Ngài.

5:9 Cứu Chúa không hề bảo ai phải làm việc mà không ban quyền năng để làm việc đó. Ngay cả khi Ngài phán, sự sống mới và quyền năng đã tuôn đổ vào thân thể của người bại này. Ông được chữa lành tức khắc. Đây không phải là sự khôi phục từ từ.

Tứ chi vốn vô dụng hay yếu đuối suốt bao năm giờ đây rung lên đầy sức mạnh. Kế tiếp có sự vâng theo lập tức Lời Chúa phán. Ông vác giường mình và đi. Ái hấn ông xúc động biết bao khi bước đi thế này sau ba mươi tám năm bệnh tật!

Phép lạ này xảy ra vào ngày Sabát, là ngày thứ bảy trong tuần tức Thứ Bảy của chúng ta. Dân Do Thái bị cấm làm bất kỳ việc gì trong ngày Sabát. Người này là người Do Thái, thế nhưng khi vâng theo Lời Chúa dạy, ông không ngần ngại vác giường mình bất chấp những lời truyền khẩu của người Do Thái về ngày ấy.

8. Sự Chứng Đối Của Người Giuđa (5:10-18)

5:10 Khi người Giuđa thấy ông vác giường mình trong ngày Sabát, họ thách thức ông. Những người này rất khác khe và thậm chí còn tàn nhẫn khi thực thi những lễ nghi tôn giáo của họ và bám cứng nhắc vào van tự của luật pháp, nhưng bản thân họ thường không tỏ lòng nhân từ thương xót người khác.

5:11 Người được chữa lành trả lời hết sức đơn giản. Ông nói Đấng đã chữa lành ông truyền biểu ông vác giường đi. Ai có quyền năng chữa lành người mắc bệnh ba mươi tám năm thì đáng được người ta vâng lời, cho dầu người ấy truyền phải vác giường trong ngày Sabát đi nữa! Lúc này, người được chữa lành không biết Chúa Jesus là ai. Ông nói rất chung chung về Ngài, thế nhưng với lòng biết ơn cao độ.

5:12 Người Giuđa lo lắng tìm cho ra ai dám bảo người này vi phạm

truyền thống Sabát của họ. Vì vậy họ tra hỏi người bại để nhận diện thủ phạm. Luật Môisê quy định ai phạm ngày Sabát phải bị ném đá chết. Người Giuđa chẳng mấy quan tâm người bại đã được chữa lành kia.

5:13 Người được chữa lành không biết ai đã chữa lành mình. Và không thể chỉ Ngài ra, vì **Chúa Jêsus** đã hòa lẫn trong đám đông tại chỗ đó.

Sự kiện này đánh dấu một trong những bước ngoặt lớn trong chức vụ công khai của Đức Chúa Jêsus Christ. Vì Ngài thi hành phép lạ này trong ngày Sabát nên đã khơi lòng giận và thù ghét của các lãnh tụ Do Thái. Họ bắt đầu đuổi theo và tìm cách giết Ngài.

5:14 Ít lâu sau đó, Chúa Jêsus gặp người được chữa lành trong đền thờ, rõ ràng tại đây, ông đang cảm tạ Đức Chúa Trời về phép lạ kỳ diệu đã xảy ra trong đời sống mình. Chúa nhắc ông nhớ vì đã được ơn lớn nên bởi đó có bốn phận trọng đại. Đắc ân luôn luôn đem lại trách nhiệm. "Kìa, người đã lành rồi, đừng phạm tội nữa, e có sự gì càng xấu xa xảy đến cho người chẳng." Có vẻ như rõ ràng bệnh tật của người lúc đầu xảy đến do một tội lỗi nào đó trong đời sống ông. Điều này không đúng cho mọi bệnh tật. Nhiều khi bệnh trong đời sống không hề liên quan trực tiếp với tội nào đã phạm. Chẳng hạn, các hải nhi có thể mắc bệnh trước khi chúng đủ lớn để phạm tội cách cố ý.

Chúa Jêsus phán: "Đừng phạm tội nữa," bày tỏ tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nếu Chúa phán:

"Phạm tội càng ít càng tốt," ít hẳn Ngài không phải là Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không thể dung túng tội lỗi chút nào. Sau đó Ngài thêm lời cảnh cáo: "E có sự gì càng xấu xa xảy đến cho người chẳng." Chúa không nói rõ "sự gì càng xấu xa" này là gì. Tuy nhiên, rõ ràng Ngài muốn ông hiểu tội lỗi có những kết quả còn kinh khiếp hơn cả bệnh tật thuộc thể. Những người chết trong tội lỗi họ đã bị định tội phải gánh lấy cơn thịnh nộ và thống khổ đời đời.

Phạm tội nghịch cũng án điển còn nghiêm trọng hơn cả phạm tội nghịch cùng luật pháp. Chúa Jêsus đã tỏ lòng yêu thương và nhân từ tuyệt vời đối với người này. Giờ đây nếu cứ đi ra sống tiếp cuộc đời tội lỗi lúc đầu đã đưa ông vào bệnh tật này, thì đó là đáp ứng tó: tộ biết bao!

5:15 Giống như người đàn bà Samari, người này muốn làm chứng công khai cho Cứu Chúa của mình. Ông đi nói với các người Giuđa rằng **ấy là Đức Chúa Jêsus đã chữa lành cho mình**. Ông muốn tôn vinh Chúa Jêsus, dấu vậy người Do Thái không quan tâm đến sự chúc tôn ấy. Mục đích chính của họ là hắt Chúa và trừng phạt Ngài.

5:16 Đây là sự phơi bày kinh khiếp về tấm lòng gian ác của con người. Cứu Chúa đã đến và thi hành phép lạ chữa bệnh tuyệt vời, còn **những người Do Thái** này lại tức giận. Họ tức giận trước sự kiện phép lạ diễn ra trong ngày Sabát. Họ là những người mộ đạo đầy tàn nhẫn, lo toàn giữ lễ nghi hơn là quan tâm đến phước hạnh và

phúc lợi của đồng loại. Họ không nhận ra chính Đấng biệt riêng ngày Sabát từ đầu chính là Đấng giờ đây thực hiện công việc đầy lòng thương xót trong ngày này. Chúa Jêsus không vi phạm ngày Sabát. Luật pháp cấm làm những việc vụn vặt trong ngày đó nhưng không cấm làm những công việc cần thiết hay công việc của lòng thương xót.

5:17 Sau khi làm xong công tác sáng tạo trong sáu ngày, Đức Chúa Trời đã nghỉ vào ngày thứ bảy. Đây là ngày Sabát. Tuy nhiên, khi tội lỗi vào trong thế gian, sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời đã bị khuấy động. Giờ đây Ngài làm việc không ngừng để đưa những người nam nữ trở về mối thông công với chính Ngài. Ngài cung ứng phương tiện cứu chuộc. Ngài đem sứ điệp Tin Lành đến với mỗi thế hệ. Vì vậy, từ thời Adam sa ngã cho đến hiện nay, Đức Chúa Trời vẫn làm việc không ngừng cho đến bây giờ, và Ngài vẫn đang làm việc. Điều này cũng đúng với Đức Chúa Jêsus. Ngài đã dự phần vào công việc của Cha Ngài, và tình yêu cũng ân điển của Ngài không thể chỉ giới hạn trong sáu ngày của một tuần.

5:18 Câu này rất quan trọng. Câu này cho chúng ta biết người Giuda càng cương quyết giết Chúa Jêsus hơn bao giờ hết, vì Ngài chẳng những phạm ngày Sabát thôi, mà còn tuyên bố mình bình đẳng với Đức Chúa Trời! Trong đầu óc thiên cận của họ, dường như Chúa đã vi phạm ngày Sabát đầu thực ra không đúng như vậy. Họ không nhận thấy Đức Chúa Trời

không hề định để cho ngày Sabát áp đặt sự khó nhọc trên con người. Nếu con người có thể được chữa lành bệnh trong ngày Sabát, Đức Chúa Trời sẽ không đòi hỏi người ấy phải chịu khổ thêm một ngày nữa.

Khi Chúa Jêsus nói Đức Chúa Trời là Cha Ngài, họ nhận thấy Ngài đang tuyên bố mình bằng Đức Chúa Trời. Đối với họ, đây là lời lộng ngôn khủng khiếp. Đương nhiên, trên thực tế, điều này hoàn toàn là sự thật.

Có phải Chúa Jêsus thực sự tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời? Nếu Ngài không định nói điều đó, ắt Ngài đã giải thích cho người Do Thái rồi. Trái lại, Ngài nói bằng những từ ngữ còn tích cực hơn nữa, trong những câu tiếp theo, rằng Ngài thực sự là một với Đức Chúa Cha. Đùng như J. Sidlow Baxter nói rõ:

Ngài tuyên bố bình đẳng với Đức Chúa Trời trong bảy chi tiết cụ thể:

(1) Bình đẳng trong công tác: "Mọi điều Cha làm, Con cũng làm y như vậy" (câu 19). (2) Bình đẳng trong hiểu biết: "Cha yêu Con và tỏ cho mọi điều Cha làm" (câu 20). (3) Bình đẳng trong công tác khiến kẻ chết sống lại: "Cha khiến những kẻ chết sống lại và ban sự sống cho họ thế nào, thì Con cũng ban sự sống cho kẻ Con muốn thế ấy" (câu 21 cùng với câu 28, 29). (4) Bình đẳng trong công tác đoán xét: "Cha cũng chẳng xét đoán ai hết, nhưng đã giao trọn quyền phán xét cho Con" (câu 22 với câu 27). (5) Bình đẳng trong sự tôn kính: "Đấng ai vậy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy" (câu 24). (6) Bình đẳng trong sự tái tạo: "Ai nghe lời ta mà tin

*Đấng đã sai Ta thì... vượt khỏi sự chết mà đến sự sống" (câu 24, 25).
(7) Bình đẳng trong sự tự hiện hữu:
"Vì như Cha có sự sống trong mình,
thì Cha cũng đã ban cho Con có sự
sống trong mình vậy" (câu 26).¹⁴*

C. Chúa Jesus Bình Đẳng Lời Tuyên Bó Ngài Bình Đẳng Với Đức Chúa Trời (5:19-29)

5:19 Cứu Chúa liên kết hết sức sống động với Đức Chúa Cha đến nỗi Ngài không thể hành động độc lập. Ngài không có ý hạo Ngài không có quyền tự mình làm, nhưng bảo rằng Ngài liên hiệp gắn gũi với Đức Chúa Trời đến nỗi chỉ có thể làm những điều mà Ngài thấy Cha Ngài làm. Trong khi Chúa tuyên bố bình đẳng với Đức Chúa Cha, đồng thời Ngài cũng không hề tuyên bố mình độc lập với Đức Chúa Cha. Ngài không độc lập, dẫu Ngài hoàn toàn bình đẳng với Đức Chúa Cha.

Chúa Jesus rõ ràng có ý định cho người Do Thái nghĩ Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời. Thật phi lý khi một kẻ chỉ là con người lại tuyên bố mình làm những việc mà chỉ Đức Chúa Trời mới làm được. Chúa Jesus tuyên bố Ngài thấy việc Cha đang làm. Để tuyên bố như thế, chắc chắn Ngài phải liên tục đến nơi Đức Chúa Cha và có sự hiểu biết trọn vẹn về những điều đang diễn ra trên trời. Không những thế, Chúa Jesus còn tuyên bố Ngài làm chính những việc Ngài thấy Cha làm. đương nhiên đây là lời khẳng định Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng Toàn Năng.

5:20 Dấu hiệu đặc biệt về tình yêu của Đức Chúa Cha dành cho Con Ngài chính là Cha tỏ cho Con mọi việc Cha

làm. Chúa Jesus không những đã thấy những việc này; Ngài còn có quyền năng để làm chúng nữa. Rồi Cứu Chúa nói tiếp Cha sẽ tỏ cho Ngài công việc lớn lao hơn những việc này nữa để dân chúng lấy làm lạ lùng. Họ đã thấy Chúa Jesus làm các phép lạ rồi. Họ vừa mới thấy Ngài chữa lành người bại suốt ba mươi tám năm. Nhưng họ còn thấy những điều lạ lùng hơn thế nữa. Điều lạ lùng đầu tiên như thế sẽ là khiến kẻ chết sống lại (câu 21). Điều lạ lùng thứ nhì là công tác đoán xét nhân loại (câu 22).

5:21 Đây là một tuyên bố rõ ràng nữa về sự bình đẳng của Đức Chúa Con với Đức Chúa Cha. Người Do Thái lên án Chúa Jesus xưng mình bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài không phủ nhận tội buộc tội, nhưng trải lại còn đưa thêm những bằng chứng lớn lao này về sự kiện Ngài và Cha là một. Cha khiến những kẻ chết sống lại và ban sự sống cho họ thế nào. thì Con cũng ban sự sống cho kẻ Con muốn thế ấy. Nếu Ngài chỉ là một con người, có bao giờ nói được điều này về Ngài không? Hỏi tức là đã trả lời rồi.

5:22 Tân Ước dạy rằng Đức Chúa Cha đã giao trọn quyền phân xêi cho Con. Để thực hiện công tác này, đương nhiên Chúa Jesus phải có sự hiểu biết tuyệt đối và công bình trọn vẹn. Ngài có thể phân biệt những tư tưởng và động cơ của lòng người. Thật lạ lùng biết bao khi Quan Án của toàn trái đất phải đứng trước mặt những người Do Thái này, khẳng định thẩm quyền của Ngài, thế nhưng họ không nhận ra Ngài!

5:23 Ở đây chúng ta có nguyên nhân Đức Chúa Trời giao cho Đức Chúa Con quyền khiến kẻ chết sống lại và đoán xét thế gian. Nguyên nhân chính là **để ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy.** Đây là lời tuyên bố rất quan trọng, và là một trong những bằng chứng rõ ràng nhất của Kinh Thánh về thần tánh của Đức Chúa Jêsus. Trong suốt Kinh Thánh, chúng ta được dạy rằng chỉ một mình Đức Chúa Trời là Đáng đáng được thờ phượng. Trong Mười Điều Răn, dân sự bị cấm có bất kỳ thần nào khác ngoài ta Đức Chúa Trời chân thần. Giờ đây chúng ta được dạy rằng **mọi người phải tôn kính Con cũng như tôn kính Cha vậy.** Kết luận duy nhất chúng ta có thể rút ra được từ câu này ấy là: Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời.

Nhiều người tuyên bố mình thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng phủ nhận Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời. Họ nói rằng Ngài là một người tốt hoặc giống Đức Chúa Trời hơn bất kỳ ai khác từng sống trên trần gian. Nhưng câu tuyên bố này đặt Ngài bình đẳng tuyệt đối với Đức Chúa Trời, và đòi hỏi con người phải tôn kính Ngài *y như thái độ tôn kính của họ đối với Đức Chúa Cha.* Nếu ai **không tôn kính Đức Chúa Con, thì người ấy không tôn kính Cha.** Thật vô ích khi tuyên bố yêu mến Đức Chúa Trời nếu không yêu mến Chúa Jêsus y như vậy. Nếu trước kia bạn chưa hề nhận ra Chúa Jêsus Christ là ai, thì hãy suy gẫm câu này thật cẩn thận. Hãy nhớ rằng đây là lời Đức Chúa

Trời, và hãy chấp nhận lẽ thật vinh diệu ấy là: Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời bày tỏ trong xác thịt.

5:24 Trong những câu trước, chúng ta biết Chúa Jêsus có quyền ban sự sống, và cũng biết công tác đoán xét được giao cho Ngài. Giờ đây chúng ta biết cách nhận sự sống thuộc linh từ nơi Ngài để **thoát khỏi sự đoán xét.**

Đây là một trong những câu truyền giảng Tin Lành ưa thích nhất trong Kinh Thánh. Vô số người đã nhận được sự sống đời đời qua sự điệp của câu này. Rõ ràng nguyên nhân khiến câu này được yêu mến đến như vậy chính là phương cách trình bày sự cứu rỗi rất rõ ràng. Chúa Jêsus bắt đầu câu này với những chữ "**quả thật, quả thật**" để gây chú ý đến tâm quan trọng của Lời Ngài sắp phán. Rồi Ngài nói thêm lời tuyên bố hết sức cá nhân: "**Ta nói cùng các người.**" Con Đức Chúa Trời đang phán với chúng ta cách hết sức cá nhân và mật thiết.

"**Ai nghe lời ta.**" Nghe lời Chúa Jêsus không có nghĩa chỉ lắng nghe, mà còn là nhận lãnh, tin vào và làm theo. Nhiều người nghe Tin Lành rao giảng, nhưng không làm gì cả. Ở đây Chúa đang phán rằng phải chấp nhận lời dạy của Ngài là lời dạy thiên thượng, và tin Ngài thực sự là Cứu Chúa của thế gian.

"**Mà tin Đấng đã sai ta.**" Đây là vấn đề tin Đức Chúa Trời. Nhưng có phải câu này có nghĩa người ta được cứu chỉ bởi cách tin Đức Chúa Trời không? Nhiều người tuyên bố tin nơi

Đức Chúa Trời, nhưng họ chưa hề hoàn cải. Không, ý tưởng ở đây là: người ta phải tin Đức Chúa Trời, là Đấng đã sai Đức Chúa Jêsus Christ vào thế gian. Người ấy phải tin điều gì? Người ấy phải tin Đức Chúa Trời đã sai Chúa Jêsus đến làm Cứu Chúa của chúng ta. Người ấy phải tin lời Đức Chúa Trời phán về Chúa Jêsus, tức là tin Ngài là Cứu Chúa duy nhất, và tin rằng tội lỗi chỉ có thể cất bỏ được qua công tác của Cứu Chúa trên đống Gôgôtha.

"Được sự sống đời đời." Lưu ý câu này không nói người ấy sẽ có sự sống đời đời, nhưng nói người ấy có sự sống đời đời ngay hiện giờ. **Sự sống đời đời** là sự sống của Đức Chúa Jêsus Christ. Đây không những là sự sống sẽ còn đến đời đời, nhưng còn là một phẩm chất (cao cả hơn) của sự sống. Đây là sự sống của Cứu Chúa truyền cho chúng ta là người tin Ngài. Đây là sự sống thuộc linh được nhận khi một người được tái sanh, khác biệt với sự sống tự nhiên người ấy nhận lúc sanh ra trong thuộc thế.

"Và không đến sự đoán xét." Ý ở đây là: người ấy hiện không bị định tội và sẽ không bao giờ bị định tội trong tương lai. Người nào tin Chúa Jêsus thì được giải thoát khỏi sự **đoán xét** vì Đấng Christ đã trả xong án phạt tội lỗi của người ấy tại Gôgôtha. Đức Chúa Trời sẽ không đòi phải đền trả án phạt này hai lần. Đấng Christ đã trả án phạt ấy trong tư cách Đấng Thay Thế chúng ta, và như vậy là đủ. Ngài đã hoàn tất công tác, và không cần phải thêm gì nữa vào công tác đã

hoàn tất. Cơ Đốc nhân sẽ không bao giờ bị hình phạt vì tội lỗi của mình.¹⁵

"Song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống." Người tin cậy Đấng Christ thì vượt khỏi tình trạng chết về thuộc linh để bước vào sự sống thuộc linh. Trước khi hoàn cải, người ấy chết trong tội lỗi và sự quá phạm. Người chết đối với tình yêu của Đức Chúa Trời và sự thông công với Chúa. Khi đặt đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ, người được Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong lòng và trở nên người sở hữu sự sống thiên thượng.

5:25 Đây là lần thứ ba Chúa dùng cụm từ **"quả thật, quả thật,"** trong đoạn 5, là lần thứ bảy trong sách Tin Lành này. Khi Chúa phán **"giờ đến, và đã đến rồi,"** Ngài không nói đến khoảng thời gian giờ dài sáu mươi phút, nhưng Ngài nói về thời điểm đang đến, và đã đến rồi. Thời điểm được nói đến ở đây chính là sự hiện đến của Ngài trong điển đàn lịch sử.

Những người chết được nói đến trong câu này là ai? Những người nghe **tiếng Con của Đức Chúa Trời** và **được sống** này là ai? đương nhiên, câu này có thể nói đến những người được Chúa cứu sống lại từ kẻ chết trong chức vụ công khai của Ngài. Nhưng câu này còn có ý nghĩa rộng lớn hơn thế. **Kẻ chết** được nói đến ở đây là những người chết trong bản tánh tội lỗi và trong rỗi đã phạm của mình. **Họ nghe tiếng của Con Đức Chúa Trời** khi Tin Lành được rao giảng. Khi tiếp nhận sứ điệp ấy và nhận lãnh Cứu Chúa, bấy giờ họ từ sự chết chuyển sang sự sống.

Để chứng minh ý của câu 25 nói đến vấn đề thuộc linh chứ không phải thuộc thể, chúng ta liệt kê những sự so sánh và đối chiếu giữa câu này với câu 28, 29:

C.25 - Sự Sống	C.28,29 - Sự Sống
Từ Sự Chết	Sau Sự Chết
"Giữ đến, và đi đến rồi"	"Giữ đến"
"Kẻ chết"	"Mọi người ở trong mồ mả" ...
"Sẽ nghe tiếng"	"Sẽ nghe tiếng Ngài"
"Những kẻ nghe sẽ được sống"	"Và ta không"

5:26 Câu này giải thích cách tiếp nhận sự sống từ Chúa Jêsus. Như Cha là nguồn và Đấng ban sự sống thế nào, thì Ngài cũng truyền cho Con có sự sống trong mình và có năng lực ban sự sống cho người khác thế ấy. Một lần nữa, đây là câu tuyên bố rõ ràng thần tánh của Đấng Christ và sự bình đẳng của Đấng Christ với Đức Chúa Cha. Không thể nói về bất kỳ con người nào rằng người ấy có sự sống trong chính mình. Sự sống được ban cho mỗi chúng ta, nhưng sự sống không hề được ban cho Đức Chúa Cha hay cho Chúa Jêsus. Từ suốt cả cõi đời đời, Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đã có sự sống trong Ngài. Sự sống ấy không hề có khởi đầu. Sự sống ấy không hề có nguồn nào bên ngoài Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

5:27 Không những Đức Chúa Trời cho Đức Chúa Con sẽ có sự sống trong chính mình Con, mà Ngài còn ban cho Chúa Jêsus có quyền làm Quan Án của thế gian. Quyền thì

hành sự phán xét được ban cho Chúa Jêsus vì Ngài là Con Người. Chúa Jêsus được gọi là Con Đức Chúa Trời và là Con Người. Danh xưng Con Đức Chúa Trời nhắc chúng ta nhớ Chúa Jêsus là một trong các thành viên của Ba Ngôi Đức Chúa Trời thánh khiết, một trong những Ngôi Vị của Đức Chúa Trời. Là Con Đức Chúa Trời, Ngài bình đẳng với Cha và với Thánh Linh, và với tư cách Con Đức Chúa Trời, Ngài ban sự sống. Nhưng Ngài cũng là Con Người. Ngài vào trong thế gian này với tư cách Một Người, sống trên thế gian này giữa vòng loài người, và chết trên thập tự giá với tư cách Đấng Thay Thế cho những con người nam nữ. Ngài đã bị khước từ và bị đóng đinh khi đến thế gian trong tư cách Một Con Người. Khi trở lại lần nữa, Ngài sẽ đến để đoán xét những kẻ thù Ngài và được tôn kính trong chính thế gian mà Ngài đã từng bị ngược đãi tàn tệ. Vì Ngài vừa là Đức Chúa Trời vừa là Người, Ngài đủ tư cách trọn vẹn để làm Quan Án.

5:28 Rõ ràng khi Đấng Christ đang tuyên bố những câu mạnh mẽ này về sự bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Cha, những người Do Thái đang đứng nghe đã hết sức sửng sốt. Đương nhiên, Ngài biết những ý tưởng trong đầu họ, nên ở đây Ngài bảo họ chớ lấy điều đó làm lạ. Rồi Ngài tiếp tục bày tỏ cho mọi người một số lẽ thật còn sửng sốt hơn thế nữa. Đến một thời điểm tương lai, hết thảy những người mà thân xác họ đang nằm trong mồ mả sẽ nghe tiếng Ngài. Sẽ đại đột biết bao nếu một người nào đó không

phải là Đức Chúa Trời mà lại dám bảo trước những xác chết nằm trong mộ mà một ngày kia sẽ nghe tiếng của mình! Chỉ Đức Chúa Trời mới có khả năng hậu thuẫn lời tuyên bố như thế.

5:29 Một ngày kia, mọi kẻ chết sẽ được khiến sống lại. Một số người sẽ sống lại để được sống, và số còn lại sống lại để chịu đoán xét. Đây là lẽ thật nghiêm trọng biết bao: mọi người đã từng sống hoặc sẽ từng sống đều thuộc vào một trong hai hạng người này!²⁰

Câu 29 không dạy rằng những người làm lành sẽ được cứu bởi những việc lành của họ, và những người làm ác sẽ bị đoán phạt vì đời sống gian ác của họ. Một người không phải được cứu nhờ đã làm lành, nhưng người ấy thực sự làm lành vì mình đã được cứu rồi. Các việc lành không phải là cội rễ của sự cứu rỗi nhưng đúng hơn là bông trái. Chúng không phải là nguyên nhân, nhưng là kết quả. Cụm từ "ai đã làm dữ" mô tả những người chưa hề đặt đức tin nơi Chúa Jesus và tin cậy Ngài, do đó đời sống họ là dữ trước mặt Đức Chúa Trời. Họ sẽ được sống lại để ứng hầu trước mặt Đức Chúa Trời và bị việc kết án chịu hình phạt đời đời.

D. Bốn Nhân Chứng Cho Chúa Jesus Là Con Đức Chúa Trời (5:30-47)

5:30 Thoạt nhìn câu "Ta không thể tự mình làm nổi việc gì" dường như muốn nói Chúa Jesus đã không có quyền để tự Ngài làm bất cứ việc gì. Tuy nhiên, không phải như vậy. Ý tưởng ở đây là Ngài liên hiệp mật thiết với Đức Chúa Cha đến nỗi Ngài

không thể nào tự mình hành động được. Ngài không thể làm bất cứ việc gì bởi thẩm quyền riêng của Ngài. Cứu Chúa không hề tự ý làm bất kỳ điều gì. Ngài hành động với sự vâng lời trọn vẹn ý muốn của Cha Ngài và luôn luôn thông công trọn vẹn nhất và hài hòa nhất với Cha.

Các giáo sư thường dùng câu này hậu thuẫn lời họ tuyên bố Chúa Jesus không phải là Đức Chúa Trời. Họ nói vì Ngài không thể tự làm nổi bất kỳ việc gì, do đó Ngài chỉ là một con người. Nhưng câu này chứng minh trái ngược lại. Con người có thể làm những việc họ muốn, bất luận việc đó có đúng theo ý muốn của Đức Chúa Trời hay không. Nhưng vì chính bản tánh của Ngài, Chúa Jesus không thể hành động như vậy được. Đây không phải là bất năng về mặt thuộc thể, nhưng là bất khả về mặt đạo đức. Ngài có sức mạnh thuộc thể để làm mọi việc, nhưng Ngài không thể làm bất kỳ điều nào sai quấy, và nếu Ngài làm bất kỳ việc nào không theo ý muốn của Cha dành cho Ngài thì đó mới là sai quấy. Lời tuyên bố này biệt riêng Chúa Jesus khỏi mọi người đã từng sống trên thế gian này.

Chúa Jesus đã lắng nghe lời Cha Ngài và hằng ngày nhận sự dạy dỗ từ Cha thể nào, thì Ngài cũng suy nghĩ, dạy dỗ và hành động thể ấy. Chỉ xét đoán ở đây không mang ý nghĩa quyết định các vấn đề pháp lý nhưng đúng hơn là quyết định những điều phải lẽ để Ngài làm và nói.

Vì Cứu Chúa không có những đồng cơ ích kỷ, nên Ngài có thể quyết định các vấn đề cách công bình và

không thiên vị. Một tham vọng duy nhất của Ngài là làm đẹp lòng Cha Ngài và làm theo ý muốn Cha. Ngài không để điều nào chen vào giữa tham vọng này. Do đó, cách Ngài xét đoán các vấn đề không bị ảnh hưởng bởi sự tính toán lợi ích tốt nhất cho riêng Ngài. Nhưng ý kiến và sự dạy dỗ của chúng ta thường chịu ảnh hưởng bởi những gì mình muốn làm hoặc muốn tin. Nhưng đối với Con Đức Chúa Trời thì không phải như vậy. Những ý kiến hay sự xét đoán của Ngài không bị thiên lệch theo ý riêng của Ngài. Ngài không có định kiến.

5:31 Trong những câu còn lại của đoạn này, Chúa Jêsus Christ mô tả nhiều lời chứng khác nhau cho thần thánh Ngài. Có lời chứng của Giăng Báp-tít (câu 32-35); lời chứng từ những việc làm của Ngài (câu 36); lời chứng của Cha (câu 37,38); và lời chứng của Kinh Thánh Cựu Ước (câu 39-47).

Trước hết, Chúa tuyên bố tổng quát để tài lời chứng. Ngài phán: "Nếu ta tự mình làm chứng lấy, thì sự làm chứng ấy không đáng tin." Điều này không có nghĩa Chúa Jêsus có lúc nào đó nói không thật. Trái lại, đơn giản là Ngài đang tuyên bố một sự thật tổng quát rằng lời chứng của một con người đơn lẻ chưa được kể là bằng chứng đầy đủ trước tòa án pháp luật. Ý chỉ thiên thượng của Đức Chúa Trời ấy là cần phải có ít nhất hai hoặc ba nhân chứng trước khi có thể đưa ra một phán xét hiệu lực. Và vì vậy, Chúa Jêsus sắp đưa ra không chỉ hai hoặc ba, mà là bốn lời chứng về thần thánh của Ngài.

5:32 Người ta thắc mắc câu này nói về Giăng Báp-tít, Đức Chúa Cha, hay Đức Thánh Linh. Có người cho rằng chữ "người khác" mô tả Giăng Báp-tít và câu này được liên kết với ba lời chứng tiếp theo sau. Có người tin rằng Chúa đang nói đến lời chứng của Đức Thánh Linh về Ngài. Chúng ta tin Ngài đang nói đến lời chứng của Đức Chúa Cha (chữ "người đó" được viết hoa cho thấy các dịch giả NKJV hiểu chữ này nói đến Đức Chúa Trời.)

5:33 Sau khi giới thiệu nhân chứng vĩ đại nhất trong mọi nhân chứng, tức là Cha Ngài, Chúa quay sang lời chứng của Giăng. Ngài nhắc những người Do Thái vô tín kia nhớ rằng họ đã sai người đến với Giăng để nghe điều Giăng nói, và lời chứng của Giăng hoàn toàn nói về Đức Chúa Jêsus Christ. Thay vì chỉ con người đến với chính mình, Giăng chỉ họ đến với Chúa Cha. Ông làm chứng cho Đấng vốn là chân lý.

5:34 Chúa Jêsus nhắc những người đang nghe Ngài nhớ lời Ngài tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời, không chỉ căn cứ trên lời chứng của con người. Nếu Ngài chỉ có lời tuyên bố ấy thôi, thì lời chứng của Ngài sẽ rất yếu. Nhưng Ngài giới thiệu lời chứng của Giăng Báp-tít, vì ông là người được Đức Chúa Trời sai đến và vì ông làm chứng Chúa Jêsus thật sự là Đấng Mesi và là Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi thế gian đi.

Rồi Ngài nói thêm: "Nhưng ta nói vậy, để các người được cứu." Vì sao Chúa Jêsus lại nói với người Do

Thài hết sức dài dòng như thế? Có phải Ngài chỉ đang cố gắng chứng tỏ Ngài đúng còn họ sai? Trái lại, Ngài đang đưa ra trước mặt họ những chân lý tuyệt vời này để họ có thể nhận thấy Ngài là ai và tiếp nhận Ngài trong tư cách Cứu Chúa đã hứa ban. Câu này cho chúng ta nhìn thấy rõ ràng về tấm lòng yêu thương và dịu dàng của Chúa Jêsus. Ngài đã phân với những người ghét Ngài và ít lâu nữa sẽ tìm bằng được mọi cách giết chết Ngài. Nhưng lòng Ngài không chút thù oán họ. Ngài chỉ có thể yêu thương họ mà thôi.

5:35 Ở đây, Chúa ca ngợi Giăng Báp-tít là **đèn đã thắp và sáng**. Điều này có nghĩa ông là người rất tốt sáng, người có chức vụ đem **ánh sáng** cho người khác, và là người đã cháy trong tiến trình chỉ cho người khác đến với Chúa Jêsus. Thoạt đầu, dân Do Thái ào đến với Giăng Báp-tít. Ông là một điều gì đó mới lạ, một nhân vật kỳ quặc bước vào trong đời sống họ, và họ bước ra để lắng nghe ông. Trong ít lâu, họ tạm chấp nhận ông như một giáo sư dạy đạo được mến mộ.

Vậy tại sao trong khi chấp nhận Giăng rất nồng nhiệt như vậy, họ lại không chịu chấp nhận Đấng mà Giăng đang rao giảng? Họ tạm thời vui mừng, nhưng không có sự ăn năn. Họ không nhứt quán. Họ tiếp nhận sứ giả đơn đường, nhưng không tiếp nhận Vua! Chúa Jêsus đã đánh giá Giăng rất cao. Đối với mọi tội lỗi của Đấng Christ, được gọi là **đèn đã thắp và sáng** chính là câu khen ngợi thật từ chính Con Đức Chúa Trời. Nguyên mọi chúng ta, là những người yêu

mến Chúa Jêsus, cũng khao khát mình sẽ là ngọn lửa cho Ngài, thiêu cháy chính mình chúng ta nhưng qua đó đem ánh sáng đến cho thế gian.

5:36 Lời chứng của Giăng chưa phải là bằng chứng vĩ đại nhất của Đấng Christ về thần thánh Ngài. Những phép lạ Cha giao cho Ngài thực hiện đã làm chứng về Ngài, rằng Đức Chúa Cha đã thật sự sai Ngài đến. Bản thân các phép lạ không phải là bằng chứng về thần thánh. Trong Kinh Thánh, chúng ta đọc thấy những người được ban quyền năng làm các phép lạ, thậm chí chúng ta còn đọc đến những người gian ác có quyền để làm những dấu lạ siêu nhiên. Nhưng các phép lạ của Chúa Jêsus khác với mọi người khác. Trước hết, Ngài tự có quyền năng để làm những công việc quyền năng ấy, trong khi những người khác được ban quyền năng. Những người khác đã làm phép lạ, nhưng không thể ban quyền năng thi hành các phép lạ ấy cho người khác. Chúa không những thi hành các phép lạ, Ngài còn ban cho các sứ đồ quyền năng để làm giống như Ngài. Hơn nữa, các việc do Cứu Chúa làm là những việc đã được nói tiên tri trong Cựu Ước về Đấng Mê-si. Cuối cùng, các phép lạ Chúa Jêsus thực hiện là độc nhất vô nhị về bản chất, phạm vi và số lượng.

5:37,38 Một lần nữa, Chúa nói về lời Cha làm chứng cho Ngài. Có lẽ câu này nói đến thời điểm Chúa Jêsus chịu báp-têm. Bấy giờ, tiếng của Đức Chúa Cha vang lên từ Thiên đàng nói rằng Chúa Jêsus là Con yêu dấu của

Ngài, đẹp lòng Ngài mọi đàng. Nhưng cũng nên nói thêm rằng trong đời sống, chức vụ và các phép lạ của Chúa Jêsus, Đức Chúa Cha cũng làm chứng Chúa Jêsus chính là Con Đức Chúa Trời.

Người Do Thái không tin chưa hề nghe tiếng Đức Chúa Trời cũng chưa hề gặp mặt Ngài. Sở dĩ như vậy vì trong họ không có đạo của Ngài. Đức Chúa Trời phán với loài người qua Lời Ngài, là Kinh Thánh. Những người Do Thái này có Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng họ không để cho Đức Chúa Trời phán với họ qua Thánh Kinh. Lòng họ cứng cõi, tai họ trở nên nặng.

Họ chưa hề nhìn thấy Hình Thức hay Thân Vị của Đức Chúa Trời vì không tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến. Đức Chúa Cha không hề có hình thức hay hình dạng bản Việt Ngữ ghi là "mặt") để mắt loài người hay chết này nhìn thấy được. Ngài là Thần, do đó là Đấng vô hình. Nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài cho con người trong thân vị Đức Chúa Jêsus Christ. Bằng phương cách hết sức thực tế, những ai tin nơi Đấng Christ thì đã thấy Mặt của Đức Chúa Trời. Những người không tin chỉ nhìn xem Chúa Jêsus như một con người giống họ vậy thôi.

5:39 Có thể hiểu¹⁷ phần đầu câu này theo hai cách. Trước hết, có thể Chúa Jêsus đang bảo người Giuđa dò xem Kinh Thánh. Hoặc có thể Ngài chỉ nói lên sự kiện họ đã thực sự dò xem Kinh Thánh vì nghĩ chỉ cần sở hữu Kinh Thánh thôi thì đã có sự sống đời đời. Hai cách giải nghĩa trên đều được

cả. Chắc Chúa Jêsus đang nói lên sự kiện người Do Thái đã tra xem Kinh Thánh và nghĩ khi tra xem Kinh Thánh thì họ đang nhận lãnh sự sống đời đời. Họ không nhận thấy những câu Kinh Thánh Cựu Ước đang nói về Đấng Mêsia hầu đến cũng thật sự đang nói về chính Chúa Jêsus. Thật kinh khiếp khi nghĩ những người có Kinh Thánh trong tay lại có thể mù quáng đến như vậy. Nhưng còn một điều càng không thể biện hộ được: sau khi Chúa Jêsus phán như vậy rồi mà họ vẫn không chịu tiếp nhận Ngài. Lưu ý thật kỹ phần cuối câu này. "**Ấy là Kinh Thánh làm chứng về ta vậy.**" Câu này đơn giản có nghĩa để tài chính của Cựu Ước nói về sự hiện đến của Đấng Christ. Nếu bỏ sót để tài đó khi nghiên cứu Cựu Ước, thì đã bỏ sót phần quan trọng nhất của Cựu Ước.

5:40 Người Giuđa không chịu đến với Đấng Christ để được sự sống. Lý do thật sự khiến người ta không chịu tiếp nhận Cứu Chúa không phải họ không hiểu được Tin Lành hay thấy không thể tin được Chúa Jêsus. Nơi Chúa Jêsus không có điều gì khiến họ không thể tin cậy Ngài. Lỗi lầm thực sự ở nơi ý chí của chính người ấy. Người ấy yêu mến tội lỗi của mình hơn yêu mến Cứu Chúa. Người ấy không muốn từ bỏ những con đường ác của mình.

5:41 Khi lên án người Do Thái về tội không chịu tin nhận Ngài, Chúa không muốn họ nghĩ Ngài bị tổn thương vì họ không chịu tôn kính Ngài. Ngài không đến thế gian để được con người thế gian này ca ngợi.

Ngài không lệ thuộc nơi sự ca ngợi, nhưng trái lại Ngài tìm kiếm sự ca ngợi của Cha Ngài. Cho dù con người khước từ Ngài cũng không làm giảm bớt vinh hiển Ngài.

5:42 Ở đây truy ra nguyên nhân con người không tiếp nhận Con Đức Chúa Trời. Những người này **không có lòng yêu mến Đức Chúa Trời ở trong họ**, có nghĩa họ yêu bản thân mình hơn yêu Đức Chúa Trời. Nếu đã yêu Chúa, ít hẳn họ đã tiếp nhận Đấng Đức Chúa Trời sai đến. Qua việc khước từ Chúa Jêsus, họ chứng tỏ mình hoàn toàn không yêu mến Cha của Chúa Jêsus.

5:43 Chúa Jêsus nhân danh Cha Ngài mà đến, có nghĩa Ngài đến để làm theo ý muốn của Cha, để đem vinh hiển đến cho Cha Ngài, và vâng lời Cha Ngài trong mọi sự. Nếu thật sự yêu mến Đức Chúa Trời, con người sẽ yêu mến Đấng vốn tìm cách làm đẹp lòng Cha Ngài trong mọi việc Ngài nói và làm.

Giờ đây Chúa Jêsus báo trước một kẻ khác sẽ lấy danh riêng của người ấy mà đến, và người Do Thái sẽ liếp nhận người ấy. Có lẽ trên một phương diện, Ngài đang nói đến nhiều giáo sư giả đang dấy lên sau Ngài và tìm cách để được dân tộc này tôn kính. Có lẽ Ngài đang nói đến lãnh tụ của các tà giáo trái các thế kỷ, là những người tuyên bố họ là Đấng Christ. Nhưng chắc chắn hơn, có thể ở đây Ngài đang nói đến Antichrist. Trong ngày hầu đến, một vị vua tự phong sẽ dấy lên giữa vòng dân Do Thái và bắt họ phải thờ lạy mình như Đức Chúa Trời

(1. Têsalônica 2:8-10). Đại đa số dân Do Thái sẽ tiếp nhận Antichrist này làm vua của họ, và hậu quả là họ sẽ gánh chịu sự đoán phạt kinh khiếp từ Đức Chúa Trời (1. Giảng 2:18).

5:44 Ở đây, Chúa nêu một nguyên nhân nữa khiến người Do Thái không tiếp nhận Ngài. Họ tìm sự tôn dương của con người đồng loại hơn là quan tâm đến sự tôn thành của Đức Chúa Trời. Họ sợ lời bện bẻ nói ra nói vào khi họ rời khỏi Do Thái giáo. Họ không sẵn lòng chịu sỉ nhục và hoạn nạn sẽ dấn trên họ khi làm môn đồ Chúa Jêsus. Chứng nào còn sợ những điều người khác sẽ nói hoặc làm, người ấy không thể được cứu. Để tin Chúa Jêsus, một người phải khao khát sự tôn thành của Đức Chúa Trời hơn của mọi người khác. Người ấy phải **lìm kiếm vinh hiển bởi mặt mình Đức Chúa Trời đến mà thôi**.

5:45 Chúa không kiện cáo những người Do Thái này với Đức Chúa Cha. Đương nhiên, Ngài có thể kết tội họ rất nhiều điều. Nhưng Ngài sẽ không cần làm như vậy, vì các tác phẩm của Môise cũng đủ để kết tội họ. Những người Do Thái này hết sức tự hào nơi luật pháp và đặc biệt nơi Ngũ Kinh Môise, là kinh Torah. Họ kiêu hãnh vì Kinh Thánh này được ban cho Ysmael. Nhưng rắc rối ấy là: họ không vâng lời Môise, như câu 46 cho thấy.

5:46 Chúa Jêsus đặt các tác phẩm của Môise có thẩm quyền ngang hàng với lời phân của chính Ngài. Chúng ta được nhắc rằng "cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn." Đâu

đọc Cựu Ước hay Tân Ước, chúng ta cũng đều đang đọc chính lời từ Đức Chúa Trời. Nếu người Do Thái tin lời **Môïse**, họ ắt đã tin lời của Chúa Jêsus Christ nữa, vì Môïse **viết về sự hiện đến của Đấng Christ**. Ví dụ về điều này được tìm thấy trong Phụngtruyền Luật Lệ Kỳ 18:15, 18:

Từ giữa anh em người, Giêhôva Đức Chúa Trời người sẽ lập lên một đấng tiên tri như ta: các người khác nghe theo đúng ấy! ...Ta sẽ lập lên cho chúng một đấng tiên tri như người, thuộc trong anh em chúng, ta sẽ lấy các lời ta để trong miệng người, thì người sẽ nói cho chúng mọi điều ta phán dặn người.

Trong những câu này, Môïse báo trước sự hiện đến của Đấng Christ, và truyền dân Do Thái lắng nghe Đấng Christ và vâng lời Đấng Christ khi Ngài đến. Giờ đây Chúa Jêsus đã đến, nhưng dân Do Thái không chịu đón tiếp Ngài. Vì vậy, Chúa phán Môïse sẽ tố cáo họ với Đức Chúa Cha vì họ giả vờ tin Môïse nhưng không chịu làm theo điều Môïse truyền dạy. Những chữ **"ấy là về ta mà người đã chép"** là lời Chúa tuyên bố rõ ràng Kinh Thánh Cựu Ước chứa những lời tiên tri về Ngài. Augustine nói điều này rất ngắn gọn: "Tân Ước được giấu trong Cựu Ước; Cựu Ước được bày tỏ trong Tân Ước."

5:47 Nếu người Do Thái **chẳng tin các tác phẩm của Môïse**, thì không chắc họ chịu tin lời Chúa Jêsus. Có mối liên kết rất gần gũi giữa Cựu Ước và Tân Ước. Nếu nghi ngờ sự soi dẫn của Kinh Thánh Cựu Ước, thì không chắc người ấy chịu chấp nhận lời của

Chúa Jêsus là lời được soi dẫn. Nếu người ta tấn công những phần nào đó của Kinh Thánh, thì chẳng mấy chốc họ cũng sẽ nghi ngờ cả phần còn lại của sách này nữa. Kinh nói:

Đương nhiên, lời ám chỉ của Chúa là nhằm đến Ngũ Kinh, tức là Năm Sách của Môïse - là phần Kinh Thánh bị công kích tàn khốc hơn mọi phần khác; và thật kỳ lạ thay, chính phần này - trong chúng ta những bản kỷ thuật của chúng ta - thật lại trích dẫn nhiều hơn mọi phần khác. Đương như thế Ngài đã chuẩn y những phần Kinh Thánh này từ lâu trước khi những cuộc công kích kia mở màn.¹⁸

IV. NĂM CHÚC VỤ THỨ BA CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI: XỨ GALILÊ (Đoạn 6)

A. Phép Lạ Thứ Tư: Họa Bánh Nướng Năm Ngàn Người (6:1-15)

6:1 Cụm từ "rồi đó" có nghĩa đã có một khoảng thời gian trôi qua kể từ những biến cố trong đoạn 5 xảy ra. Chúng ta không biết khoảng thời gian đó là bao lâu, nhưng chúng ta thật sự **biết** Chúa Jêsus đã đi từ vùng quanh Giêrusalem lên đến biển Galilê. Khi nói Chúa Jêsus qua bờ hèn kia, chắc Kinh Thánh muốn nói Ngài đi từ bờ biển phía tây bắc sang đông nam. **Biển Galilê** còn gọi là **biển Tiberiát**, vì thành Tiberiát trên bờ phía tây của biển này. Thành này là thủ phủ của tỉnh Galilê, được đặt theo tên hoàng đế Tiberius.

6:2,3 Một đoàn dân đông theo Ngài, không nhất thiết vì họ tin Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng đúng hơn, vì từng thấy các phép lạ Ngài làm cho kẻ bệnh. Đức tin lập trên những

phép lạ thì không bao giờ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng đức tin lập nền tảng trên một mình Lời Ngài mà thôi. Lời Đức Chúa Trời không đòi hỏi phải có các phép lạ để xác chứng lời ấy. Mọi điều Đức Chúa Trời phán ra đều là thật. Những lời ấy không thể nào sai. Những lời ấy sẽ đầy đủ cho mọi người. Cách dịch nguyên văn của câu 3 là: "Và Chúa Jêsus đi lên trên núi," nhưng có thể câu này chỉ đơn thuần nói đến vùng núi (hay vùng đồi) quanh biển Galilê.

6:4 Không rõ vì sao Giăng nói Lễ Vượt Qua gần tới. Có người cho rằng Chúa Jêsus chắc đang nghĩ về Lễ Vượt Qua khi Ngài rao giảng sứ điệp tuyệt vời trong đoạn này về Bánh Sự Sống. Ngài chưa lên Giêrusalem để dự Lễ Vượt Qua. Giăng nói Lễ Vượt Qua là một kỳ lễ của dân Giuda. Thật ra, đương nhiên lễ này được Đức Chúa Trời thiết lập trong Cựu Ước. Ngài ban lễ này cho dân Do Thái, và theo nghĩa đó, đây là lễ của dân Giuda. Nhưng cụm từ "lễ của dân Giuda" cũng có nghĩa Đức Chúa Trời không còn công nhận đây là một trong những kỳ lễ của Ngài vì dân Do Thái cử hành lễ như một nghi thức suông mà không hề thật lòng quan tâm. Lễ đã bị mất ý nghĩa thật của nó, và không còn là lễ của Đức Giêhôva nữa.

6:5 Chúa Jêsus không bực bội khi thấy đoàn dân đông, sợ họ khuấy rối giờ nghỉ của Ngài hay giờ Ngài ở riêng với các môn đồ. Ý nghĩ trước hết của Ngài là cung cấp thứ gì cho họ ăn. Vì vậy, Ngài quay sang hỏi Philip xem có thể mua bánh ở đâu để cho đoàn dân

ăn. Khi Chúa hỏi câu này, không phải để giúp Ngài hiểu biết thêm, nhưng để dạy dỗ người khác. Ngài đã biết câu trả lời, nhưng Philip thì chưa.

6:6 Chúa sắp dạy Philip bài học rất quý giá và thử đức tin ông. Chính Chúa Jêsus đã biết Ngài sẽ thi hành phép lạ để nuôi đoàn dân đông này. Nhưng Philip có nhận biết Ngài có năng lực làm việc này không? Đức tin của Philip lớn hay nhỏ?

6:7 Dường như đức tin của Philip chưa vươn đến được những đỉnh cao. Ông tính toán rất nhanh rồi xác định thậm chí hai trăm đơniê cũng không đủ mua bánh để phát cho mỗi người một ít. Chúng ta không biết thời đó hai trăm đơniê mua được bao nhiêu bánh, nhưng chắc chắn phải là lượng bánh rất lớn. Một đơniê là tương một ngày công.

6:8,9 Anhrê là em của Simôn Phierô. Họ sống ở vùng phụ cận Betsaida, dọc bờ biển Galilê. Anhrê cũng xác định thật khó kiếm thức ăn cho đoàn người đông thế này. Ông thấy một cậu bé có năm cái bánh mạch nha và hai con cá nhỏ, nhưng ông cảm thấy hầu như vô dụng khi tính đem nuôi đoàn người đói đồng dưỡng này. Cậu bé này không có nhiều, nhưng sẵn lòng trao cho Chúa dùng. Do lòng tử tế của cậu, câu chuyện này được ghi lại trong cả bốn sách Tin Lành. Cậu không làm gì nhiều, nhưng "it trở thành nhiều nếu Đức Chúa Trời ở trong đó," và cậu trở thành nổi tiếng trên khắp thế giới.

6:10 Khi cho dân chúng ngồi xuống (nguyên văn là "nằm tựa"),

Chúa Jêsus đã lo liệu cho họ được thoải mái. Để ý Chúa chọn nơi có nhiều cỏ. Thật bất thường khi tìm được nơi như thế trong vùng này, nhưng Chúa đã lo liệu cho đoàn dân được ăn trong một nơi sạch sẽ để chịu như thế.

Kinh Thánh ghi lại có hàng ngàn người nam (Hyvân: "những người phái nam"), vì vậy câu này có nghĩa còn nhiều phụ nữ và trẻ em nữa. Việc nhắc đến con số "năm ngàn người" nhằm cho thấy một phép lạ đầy quyền năng sắp xảy ra.

6:11 Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn về các ổ bánh ấy. Nếu Chúa đã tạ ơn trước khi ăn hay trước khi phân phát, chúng ta lại càng đáng đứng lại cảm ơn Chúa trước khi ăn biết là dường nào. Kế tiếp, Ngài phân lương thực cho các môn đồ. Có bài học rất thực tế cho chúng ta ở đây. Chúa Jêsus không tự mình làm hết mọi việc. Ngài tìm thêm sự phục vụ của người khác. Có câu nói rất hay: "Anh làm việc nào anh làm được; tôi làm việc nào tôi làm được; và Chúa sẽ làm việc nào chúng ta không làm được."

Lúc Chúa phát bánh cho các môn đồ, bánh đã được nhân lên cách lạ lùng. Kinh Thánh không ghi lại giây phút chính xác khi phép lạ này xảy ra, nhưng chúng ta biết năm ổ bánh và hai con cá ấy đã trở nên đầy đủ trong tay Chúa một cách lạ lùng bởi phép lạ để nuôi đoàn dân đông dường ấy. Các môn đồ đi phân phát bánh và cá cho những người đã ngồi. Không ai bị thiếu, vì Kinh Thánh nói rõ rằng các môn đồ phân phát cho ai muốn bao nhiêu mặc ý.

Griffith Thomas nhắc rằng trong câu chuyện này chúng ta có bức tranh tuyệt đẹp về:

(a) *Thế gian hư mất; (b) Các môn đồ vô quyền; (c) Cứu Chúa tron lành. Phép lạ này bao gồm hành động xứng tạo thật sự. Không một con người nào có thể cầm năm ổ bánh và hai con cá nhỏ rồi phát triển chúng sao cho nuôi được đoàn người đông như thế này. Có người nói rất hay: "Chúa chúc phước cho bánh là mùa xuân, lúc Ngài bẻ bánh đã đến mùa gặt." Vô cùng đúng. "Những ổ bánh chưa tạ ơn là những ổ bánh không nhân bội lên."¹⁹*

6:12 Đây là một chi tiết nhỏ rất tuyệt vời. Nếu Chúa Jêsus chỉ là một con người, Ngài sẽ không bao giờ bận tâm đến những mảnh vụn còn lại. Ai nuôi được năm ngàn người như vậy thì sẽ không bận tâm đến vài mẩu vụn còn thừa! Nhưng Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời, và với Đức Chúa Trời, không được phép phi phạm chút nào đến những món quà hào phóng của Ngài. Ngài không muốn chúng ta phung phí những điều quý báu Ngài đã ban, nên Ngài để ý đến phải hượm những miếng còn thừa hầu cho không mất chút nào.

Nhiều người cố gắng giải thích cho phép lạ này hóa thành lẩn thường hơn. Họ nói đám đông thấy cậu bé đang nằm ổ bánh và hai con cá cho Chúa Jêsus. Điều đó khiến đám đông nhận thấy họ ích kỷ biết bao, nên quyết định lấy bữa trưa của mình ra chia sẻ cho nhau. Nhớ như vậy mà có đủ thức ăn cho mọi người. Nhưng lối giải thích như thế không phù hợp

với sự kiện, như chúng ta sẽ thấy trong câu tiếp theo.

6:13 Sau khi dân chúng ăn xong, những miếng thừa gom được mười hai giỏ. Hoàn toàn không thể nào gom được nhiều bánh như thế nếu như đây chỉ là trường hợp mỗi người chỉ ăn bữa trưa của riêng mình. Những lối giải nghĩa của con người đã tỏ ra thật buồn cười. Chỉ có thể có một kết luận duy nhất, và kết luận ấy là đã có một phép lạ đầy quyền năng xảy ra.

6:14 Chính dân chúng cũng công nhận đây là phép lạ. Ất họ không công nhận như thế nếu chỉ ăn bữa của riêng họ. Trên thực tế, họ tin quyết đây là phép lạ đến nỗi sẵn lòng công nhận Chúa Jêsus thật là **Đấng** **lên** **tri** **phái** **đến** **thế** **gian**. Từ Cựu Ước, họ biết có một Đấng tiên tri sẽ đến, và chữ Đấng ấy đến giải thoát mình khỏi quyền thống trị của đế quốc Lamã. Họ đang trông đợi một vị vua của trần gian. Nhưng đức tin của họ không chân thật. Họ không chịu thừa nhận Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời, cũng không xưng tội để tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa.

6:15 Do phép lạ của Chúa Jêsus, đoàn dân muốn tôn Ngài lên làm vua. Một lần nữa, nếu Chúa Jêsus chỉ là một con người, rõ ràng Ngài sẽ sẵn sàng chiều theo yêu cầu của họ. Con người cũng hoàn toàn lo sao cho mình được tôn cao và được dành một địa vị nổi bật. Nhưng Chúa Jêsus không bị lay chuyển trước những hấp dẫn của hư vinh và kiêu ngạo như thế. Ngài vào thế gian để chết trong tư cách Đấng Thay Thế cho tội nhân trên thập tự giá. Ngài sẽ không làm gì can thiệp

vào mục tiêu đó. Ngài sẽ không lên ngôi cho đến khi đã lên bàn thờ dâng của lễ trước đã. Ngài phải chịu khổ, chịu đổ huyết và chịu chết trước khi được tôn cao.

F. B. Meyer viết:

Đúng như thành Bernard nói. Ngài luôn luôn chạy trốn khi người ta muốn tôn Ngài lên làm vua, và tự trình diện khi họ muốn dâng danh Ngài. Ghi nhớ rõ điều này, nguyện chúng ta đừng ngần ngại nhận lấy những công tác vào quỹ của Yai người Ghutit: "Tôi chỉ Đức Giêhôva hằng sống, và chỉ mạng sống của vua chúa tôi mà thôi, kể vua chúa tôi ở đâu, hoặc trong sự chết, hoặc trong sự sống, thì kẻ tôi tớ vua cũng sẽ ở đó" (1Samuên 15:24). Và chắc chắn Ngài sẽ trả lại, dùng y như cách Davit đã trả lại với một người chạy trốn kìa đến để gần họ với sự nghiệp của ông: "Hãy ở cùng ta, chớ sợ chi, kẻ nào tôn lại mạng sống ta, cũng tìm hai mạng sống người; người ở cùng ta, thì sẽ được báo toàn" -20

B. Phép Lạ Thứ Năm: Chúa Jêsus Bị Trên Một Nước Và Giải Cứu Các Môn Đồ (8:16-21)

6:15,17 Bấy giờ là chiều tối. Chúa Jêsus một mình đi lên núi. Rõ ràng đoàn dân đông đã quay về nhà, bỏ các môn đồ lại một mình. Và vì thế, các môn đồ quyết định xuống nơi bờ biển và chuẩn bị vượt biển Galilê trở về.

Khi họ sang thẳng bờ bên kia, hướng về thành Cabênaum, trời đã tối rồi. Chúa Jêsus còn chưa đến cùng các môn đồ. Ngài ở đâu? Ngài đang ở trên núi cầu nguyện. Đây là hình ảnh tuyệt vời về môn đồ của Đấng Christ:

ngày nay. Họ đang ở trong biển đời đầy giông bão. Trời đã **lỗi**. Không nhìn thấy Chúa Jesus đâu cả. Nhưng điều đó không có nghĩa Ngài không biết chuyện gì đang diễn ra. Ngài ở trên trời cầu thay cho những người Ngài yêu mến.

6:18 Biển Galilê hay gặp những cơn bão đột ngột và dữ tợn. Gió thổi xuôi thung lũng sông Giôđanh với tốc độ rất lớn. Khi thổi vào biển Galilê, chúng khiến sóng dâng lên rất cao. Thật không an toàn cho những chiếc thuyền nhỏ ở trên biển vào lúc như thế.

6:19 Các môn đồ chèo ra độ **chừng ba hoặc bốn dặm**. Theo cái nhìn của con người, họ đang ở trong tình cảnh hết sức hiểm nghèo. Đùng lúc đó, họ ngược lên và **thấy Chúa Jesus đi trên mặt biển, lối gần chiếc thuyền**. Đây là một phép lạ tuyệt vời khác nữa. Con Đức Chúa Trời đang bước đi trên những cơn sóng của biển Galilê. Các môn đồ sợ vì họ hoàn toàn không nhận ra Đấng kỳ diệu này là ai.

Hãy để ý câu chuyện được kể thật đơn sơ biết bao. Những sự kiện lạ lùng nhất đang được kể cho chúng ta, nhưng Giăng không dùng những từ ngữ trọng đại để tạo ấn tượng cho chúng ta về tính vĩ đại của điều đang diễn ra. Ông hết sức dè dặt khi trình bày những sự kiện.

6:20 Tiếp theo, Chúa Jesus phân những lời an ủi tuyệt vời. "**Ấy là ta đây, đừng sợ chi.**" Nếu Ngài chỉ là một con người, có thể họ sẽ rất sợ. Nhưng Ngài là Đấng Tạo Hóa quyền năng và là Đấng Bảo Tồn cố vũ trụ.

Có được Đấng như thế ở gần, đâu có cơ gì để sợ. Ngài là Đấng đã dựng nên biển Galilê ngay từ đầu, thì tiếp theo Ngài cũng là Đấng có thể khiến các luồng sóng ấy bình tĩnh, và có thể đưa các môn đồ đang sợ hãi của Ngài đến bờ bình an. Những chữ "**Ấy là ta đây**" nguyên văn là "TA LÀ." Tính từ đầu sách Tin Lành Giăng, đây là lần thứ nhì Chúa Jesus dùng danh xưng này của Đức Giêhôva để áp dụng cho chính Ngài.

6:21 Khi nhận thấy đó chính là Chúa Jesus, họ rước Ngài vào thuyền. **Ngay lập tức**, họ thấy mình đã ở đích đến. Đây là một phép lạ nữa được nêu ra nhưng không giải thích. Họ không phải chèo thêm chút nào nữa. Chúa Jesus đưa họ vào **đất liền** ngay lập tức. Ngài quả là Đấng tuyệt diệu!

C. Đàn Chàng Tim Phép Lạ (6:22-34)

6:22 Bây giờ là ngày sau hôm nuôi năm ngàn người. Đoàn dân đông vẫn ở bờ đông bắc của biển Galilê. Họ thấy các môn đồ vào **thuyền** nhỏ đêm hôm trước, và biết **Chúa Jesus không đi cùng môn đồ**. Lúc đó chỉ có một chiếc thuyền, và các môn đồ đã chèo đi.

6:23 Ngày hôm sau, **mấy chiếc thuyền đến từ Tibêriát**. Là gần nơi Chúa Jesus đã hóa bánh nuôi đoàn dân. Nhưng ắt hẳn Chúa Jesus không thể ra đi trên mặt trong những chiếc thuyền này vì chúng vừa mới rời. Và có lẽ chính những chiếc thuyền nhỏ này đưa dân chúng vượt biển đến Cabernaum, như đã được ghi lại trong các câu tiếp theo.

6:24 **Đàn chúng** đã theo dõi Chúa Jesus cẩn thận. Họ biết Chúa đi lên

nữ để cầu nguyện. Họ biết Chúa không đi cùng thuyền với các môn đồ qua bờ bên kia. Thế nhưng ngày hôm sau, không ai thấy Ngài đâu cả. Họ quyết định vượt biển sang **Cabênaum**, là nơi rất có thể các môn đồ đi đến. Họ không hiểu nổi làm sao **Chúa Jêsus** ở đó được, nhưng dầu sao họ vẫn quyết định đi tìm Ngài.

6:25,26 Đến Cabênaum, họ tìm được Ngài tại đó. Họ không giấu nói tò mò, và hỏi Ngài đã đến khi nào.

Chúa Jêsus trả lời gián tiếp. Ngài nhận thấy họ không tìm Ngài vì chính mình, nhưng trái lại vì thức ăn mà Ngài đã ban cho. Họ thấy Ngài thi hành phép lạ tuyệt vời ngày hôm trước. Đàng ra phép lạ này phải thuyết phục họ rằng Ngài thật sự là Đấng Tạo Hóa và là Đấng Mesi. Nhưng họ chỉ quan tâm về thức ăn. Họ đã ăn các ổ bánh phép lạ, và cơn đói của họ được thỏa mãn.

6:27 Vì vậy, trước hết Chúa Jêsus khuyên họ đừng làm việc vì đồ ăn hay hư nát. Chúa không có ý bảo họ đừng nên làm việc kiếm sống hằng ngày, nhưng Ngài thật sự bảo đừng để việc đó trở thành mục tiêu tối cao trong đời sống. Thỏa mãn những thèm khát thuộc thể của mình không phải là điều quan trọng nhất trong cuộc sống. Con người ta không phải chỉ có thân thể, mà còn có tâm thần và linh hồn nữa. Chúng ta nên làm việc vì đồ ăn còn lại đến sự sống đời đời. Con người đừng nên sống dường như thân thể mình là tất cả. Đừng nên dốc hết sức lực và tài năng chỉ để nuôi thân thể mình, là thứ trong vài nam ngàn

ngài sẽ bị sâu bọ ăn nuốt mất. Trái lại, con người nên bảo đảm chắc chắn linh hồn mình được nuôi dưỡng hằng ngày bởi Lời Đức Chúa Trời. "Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ mọi lời phán ra từ miệng Đức Chúa Trời." Chúng ta nên làm việc không mệt mỏi để hiểu biết rõ hơn về Lời Đức Chúa Trời.

Khi Chúa Jêsus phán Đức Chúa Cha đã ghi ấn lín của Cha trên Ngài, Chúa có ý bảo Đức Chúa Trời đã sai Ngài đến và phê chuẩn Ngài. Khi chúng ta đóng ấn của mình trên một điều gì đó, thì có nghĩa chúng ta hứa điều đó là thật. Đức Chúa Trời đã ấn chứng Con Người theo ý nghĩa: Ngài phê chuẩn Đấng ấy là Đấng nói ra là thật.

6:28 Giờ đây dân chúng hỏi Chúa xem họ phải làm gì để được làm công việc Đức Chúa Trời. Con người luôn luôn cố gắng làm để kiếm cách được đến Thiên đàng. Con người thích cảm thấy mình làm được điều gì đó để có công đức xứng đáng nhận sự cứu rỗi. Nếu như bằng cách nào đó có thể góp phần cứu rỗi linh hồn mình, thì người ấy có thể tìm được cơ sở để khoe mình; và điều đó rất đẹp lòng người ấy.

6:29 Chúa Jêsus đã nhìn xuyên qua thời giả hình của họ. Họ giả vờ muốn làm công việc Đức Chúa Trời, thế nhưng không muốn liên quan gì với Con Ngài. Chúa Jêsus bảo họ việc trước tiên phải làm là chấp nhận Đấng Đức Chúa Trời đã sai đến. Ngày hôm nay cũng vậy. Người ta đang cố tìm đường vào Thiên đàng bằng cách làm

việc lành. Nhưng trước khi có thể làm được việc lành cho Chúa, họ phải tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ trước đã. Việc lành không đến trước sự cứu rỗi; chúng đi sau sự cứu rỗi. Việc lành duy nhất mà tội nhân có thể làm ấy là xưng tội mình và tiếp nhận Đấng Christ làm Chúa và Cứu Chúa.

6:30 Câu này là một bằng chứng khác nữa về sự gian ác trong lòng đàn chúng. Ngày hôm trước, họ đã thấy Chúa Jêsus nuôi năm ngàn người bằng năm ổ bánh và hai con cá. Qua hôm sau, họ đến xin Ngài vài phép lạ để chứng minh những lời Ngài tuyên bố là Con Đức Chúa Trời. Giống như hầu hết những người không tin, họ muốn thấy trước đã rồi mới tin. "**Để cho chúng tôi thấy và tin.**" Nhưng đây không phải là thứ tự của Đức Chúa Trời. Chúa phán với tội nhân: "Nếu người tin, thì sẽ thấy." Đức tin phải luôn luôn đến trước.

6:31 Trở lại với Cựu Ước, người Do Thái nhắc Chúa Jêsus nhớ phép lạ về mana²¹ trong đồng vắng. Dường như họ đang bảo Chúa Jêsus chưa hề làm được điều gì tuyệt vời như thế. Họ trích 1hithiên 78: 24-25, có chép: "**Ngài đã ban cho họ bánh ăn từ trên trời xuống.**" Họ ám chỉ Môise đã gọi lương thực từ trời đến; Chúa Jêsus không cao trọng bằng Môise, vì Ngài chỉ làm tăng lương thực *sẵn có*.

6:32 Câu trả lời của Chúa có ít nhất hai ý. Thứ nhất, *không phải Môise* là người cho họ mana, nhưng chính Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, mana không phải là bánh thuộc linh thật *lữ trời xuống*. Mana là thức ăn

theo nghĩa đen, dành cho thể xác thuộc thế, nhưng không có giá trị gì bên ngoài đời này. Chúa Jêsus ở đây đang nói đến **bánh thật**, lý tưởng và đích thực mà Đức Chúa Trời ban từ trời. Đây là bánh cho linh hồn chứ không phải cho thân thể. Những từ **Cha Ta** là câu Đấng Christ tuyên bố về thân tánh.

6:33 Chúa Jêsus bày tỏ Ngài là **bánh của Đức Chúa Trời**, và là **bánh đa xuống từ trời và ban sự sống**. Ngài đa chứng tỏ tính ưu việt của **bánh từ Đức Chúa Trời** đến so với mana trong đồng vắng. Mana không ban sự sống nhưng chỉ duy trì sự sống thuộc thế. Mana không nhằm ban cho toàn thể gian nhưng chỉ cho Ysaraên. **Bánh thật từ trời xuống và ban sự sống cho con người** - không phải chỉ cho một dân tộc, nhưng cho toàn thể gian.

6:34 Người Giuđa vẫn không nhận ra Chúa Jêsus đang nói chính Ngài là bánh thật, nên họ lại xin Ngài ban bánh đó. Họ vẫn đang nghi đến ổ bánh theo nghĩa đen. Bất hạnh thay, trong lòng họ không hề có đức tin thật.

D. Chúa Jêsus, là Bánh Sự Sống (6:35-65)

6:35 Giờ đây Chúa Jêsus tuyên bố lẽ thật cách đơn sơ rõ ràng. Ngài là **bánh của sự sống**. Ai đến với Ngài thì tìm được trong Ngài đầy đủ để đời đời thỏa mãn cơn đói: khát thuộc linh của họ. Để ý những chữ "**ta là**" trong câu này và nhận ra Chúa đang tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Giêhôva. Thật đại đột nếu con người tội lỗi lại thốt ra những lời của câu 35. Không một

con người nào làm thỏa được cơn khát khát của chính mình, chứ đừng nói làm thỏa mãn cơn đòi khát tâm linh của cả thế gian!

6:36 Trong câu 30, những người Do Thái vô tín xin Chúa ban phép lạ để họ có thể thấy và tin. Ở đây, Chúa phán Ngài đã báo cho họ biết họ đã **thấy** Ngài - là phép lạ vì đá hơn hết **thế nhưng họ chẳng tin**. Nếu Con Đức Chúa Trời có thể đứng trước mặt họ trong tư cách con người trọn vẹn mà họ còn không nhận ra, thì không biết Ngài sẽ làm phép lạ nào để thuyết phục được họ đây.

6:37 Chúa không nản lòng trước sự vô tín của người Giuda. Ngài biết mọi mục đích và kế hoạch của Cha sẽ được làm trọn. Dầu người Giuda là những người đang nghe Ngài phán - không tiếp nhận Ngài, Ngài vẫn biết rất cả những người được Đức Chúa Trời chọn sẽ đến cùng Ngài. Đúng như Pink nói: "Nhân thức được tình bất khả chiến bại của những lời khuyên dỗ đời từ Đức Chúa Trời sẽ đem lại sự bình tĩnh, vững tin, can đảm và sự bền đỗ mà không điều nào khác có thể đem lại được."

Câu này rất quan trọng vì chỉ dùng vài lời để nói lên hai trong số những sự dạy dỗ quan trọng nhất của Kinh Thánh. Thứ nhất là Đức Chúa Trời đã ban những người nào đó cho Đấng Christ và **mọi người** này Đức Chúa Trời đã ban thì đều sẽ được cứu. Thứ nhì là sự dạy dỗ về trách nhiệm của con người. Để được cứu, mọi người phải đến với Chúa Jesus và tiếp nhận Ngài bởi đức tin. Đức Chúa Trời thực

sự chọn một số người để được cứu, nhưng Kinh Thánh không hề dạy rằng Ngài chọn một số người để bị định tội. Nếu có người được cứu, đó chính là bởi ân điển ban vô điều kiện của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu một người bị hư mất đời đời, đó chính là do lỗi của người ấy. Mọi người đều bị đoán phạt bởi tình trạng tội lỗi và gian ác của chính họ. Nếu mọi người phải đi địa ngục, họ chỉ đang nhận được điều mà họ đáng phải nhận. Bởi ân điển, Đức Chúa Trời đã khoan mình xuống chiều cố và cứu nhiều cả nhân ra từ trong đoàn người nhân loại hư mất này. Ngài có quyền làm như vậy không? Đương nhiên Ngài có quyền. Đức Chúa Trời có thể làm đúng như cách Ngài muốn, và không người nào có thể phủ nhận quyền này của Ngài. Chúng ta biết Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ làm điều sai quấy hay bất công.

Nhưng Kinh Thánh dạy rằng Đức Chúa Trời đã chọn những người nhất định để đến sự cứu rỗi. Thì cũng dạy rằng con người có trách nhiệm tiếp nhận Tin Lành. Đức Chúa Trời đưa ra lời mời phổ thông - nếu một người chịu tin nơi Chúa Jesus, người ấy sẽ được cứu. Đức Chúa Trời không cứu nói con người trái với ý nguyện của họ. Một người phải đến với Ngài trong sự an nhận và đức tin. Bây giờ Đức Chúa Trời mới cứu người ấy. Không ai đến với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ mà lại bị **bỏ ra ngoài**.

Là thì con người, không thể đứng ngoài sự dạy dỗ này. Tuy nhiên, chúng ta nên tin hai sự dạy dỗ ấy cho

dấu mình không hiểu chúng. Chúng là sự dạy dỗ của Kinh Thánh, được nêu rõ ràng tại đây.

6:38 Trong câu 37, Chúa Jêsus phân rằng mọi kế hoạch của Đức Chúa Trời cuối cùng đều sẽ ứng nghiệm đối với sự cứu rỗi những người đã được ban cho Ngài. Vì đây là ý muốn của Cha, nên Chúa sẽ đích thân làm thành, vì sự mạng của Ngài là làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Đấng Christ phán: **"Ta từ trên trời xuống,"** dạy rõ ràng rằng Ngài đã không bắt đầu sự sống của Ngài trong máng cỏ tại Bêlêhêlem. Trái lại, Ngài đã hiện hữu từ cả đời đời với Đức Chúa Cha trên trời. Khi vào thế gian, Ngài là Con biết vâng lời của Đức Chúa Trời. Ngài tích nguyện mang địa vị tôi tớ để thực thi ý muốn của Cha Ngài. Câu này không có nghĩa Ngài không có ý muốn của riêng Ngài, nhưng đúng hơn, ý muốn riêng của Ngài hoàn toàn thuận theo ý muốn Đức Chúa Trời.

6:39 Ý muốn của Cha là mọi người nào được ban cho Đấng Christ thì đều sẽ được cứu rỗi và tin giê-xu cho đến kẻ sống lại của người công bình, là lúc họ sẽ được khiến sống lại và đưa về quê trên trời. Nhưng chữ "sự gi" chỉ về tin hữu. Ở đây, Ngài không nghĩ đến ca nhân tin hữu, nhưng nghĩ đến toàn bộ công đức thân thể gồm những Cơ Đốc nhân là những người sẽ được cứu rỗi mọi thế đại. Chúa Jêsus có trách nhiệm chăm lo cho không chỉ thế nào trong thân bị hư mất, nhưng cả thân thể sẽ được sống lại **ngày sau rỗi**.

Đối với *Cơ Đốc nhân*, ngày sau rỗi chỉ về **ngày** Chúa Jêsus Christ sẽ đến

trong chốn không trung. Khi những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước hết, lúc những tin hữu còn đang sống sẽ được hiển hóa, và hết thảy đều được cất lên không trung để gặp Chúa, để được ở đời đời với Chúa. Đối với người *Giuda*, ngày sau rỗi chỉ về sự hiện đến của Đấng Mêsi trong vinh hiển.

6:40 Giờ đây Chúa tiếp tục giải thích phương cách trở nên thành viên trong gia đình những người được chuộc. Ý muốn của Đức Chúa Trời ấy là **phàm ai nhìn Con và tin Con thì được sự sống đời đời**. *Nhìn Con* ở đây có nghĩa không nhìn Ngài bằng đôi mắt thuộc thế, nhưng đúng hơn bằng đôi mắt đức tin. Người đó phải nhìn thấy hay nhận ra Chúa Jêsus Christ là Con Đức Chúa Trời và là Cứu Chúa của thế gian. Rồi người ấy cũng phải tin Ngài nữa. Điều này muốn nói mỗi người phải tiếp nhận Chúa Jêsus làm Cứu Chúa của riêng cả nhân mình bằng một hành động tỏ ràng của đức tin. Mọi người nào làm việc này thì nhận được **sự sống đời đời** như mới tái sản hiện tại và cũng nhận được lời hứa đảm bảo được sống lại **ngày sau rỗi**.

6:41 Dân chúng hoàn toàn chưa sẵn sàng chuẩn bị tiếp nhận Chúa Jêsus, và họ bày tỏ điều này bằng cách làm bầm với Ngài. Ngài đã tuyên bố Ngài là **bánh từ trên trời xuống**. Họ nhân thấy đây là lời tuyên bố tự sự quan trọng. Muốn từ **trên xuống**, người đó không thể là một con người hoặc thậm chí ngay cả đấng lên từ dưới. Vậy nên họ làm bầm về Ngài vì không chịu tin Ngài.

6:42 Họ cho rằng **Jêsus là con trai của Giôsep**. Đương nhiên, ở đây họ sai. Chúa Jêsus được sinh bởi nữ đồng trinh Mari, Giôsep không phải là cha Ngài. Trái lại, Chúa chúng ta được hoán thai bởi Thánh Linh. Chính việc họ không tin nơi sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh đã khiến họ sa vào tối tăm và vô tin. Ngày nay cũng vậy. Những ai không chấp nhận Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời là Đấng đã đến thế gian qua tử cung nữ đồng trinh Mari thì cảm thấy buộc lòng phải phủ nhận mọi chân lý trong đạo về Thiên Vị và công tác của Đấng Christ.

6:43 Dầu họ chưa nói trực tiếp với Ngài nhưng Ngài đã biết họ đang nói gì, ở đây **Chúa bảo họ đừng làm bầm với nhau nữa**. Những câu tiếp theo giải thích vì sao lời làm bầm của họ là vô dụng và vô ích. Người Giuđa càng khước từ lời chứng của Chúa Jêsus, thì lời dạy của Ngài càng trở nên khó hiểu. "Sự sáng ở khước từ thì trở thành sự sáng bị phủ nhận." Càng bác bỏ Kinh khi Tin Lành, họ càng trở nên khó chấp nhận Tin Lành. Nếu Chúa nói những điều đơn giản mà họ còn không chấp nhận, vậy khi Ngài giải thích những điều khó hơn thì họ sẽ hoàn toàn không biết Ngài đang nói gì nữa.

6:44 Tự thân con người là hoàn toàn vô vọng và bất lực. Con người thậm chí không có sức mạnh để từ mình đến với Chúa Jêsus nữa. Nếu Đức Chúa Cha không bắt đầu hành động trước trong lòng họ đón sống người ấy, người ấy sẽ không bao giờ nhận ra tội phạm kinh khiếp của mình.

và nhu cầu cần Cứu Chúa của mình. Nhiều người thấy câu này rất khó hiểu. Họ nghĩ câu này dạy rằng mọi người có thể khai khải được cứu nhưng vẫn thấy không thể nhận được sự cứu rỗi. Không phải như vậy. Nhưng câu này thực sự dạy hết sức mạnh mẽ rằng Đức Chúa Trời là Đấng hành động trước trong đời sống chúng ta và tìm cách chinh phục chúng ta về với Ngài trước. Chúng ta có quyền chọn Chúa Jêsus hay khước từ Ngài. Nhưng nếu Đức Chúa Trời không phán với lòng của chúng ta, chúng ta sẽ không bao giờ có lòng khao khát ấy ngay từ đầu. Một lần nữa, Chúa hứa thêm rằng Ngài sẽ khiến mọi tin hữu thật sống lại nơi ngày sau rồi. Như đã thấy trước đây, câu này nói về sự hiện đến của Đấng Christ để đón rước các thánh đồ, khi kẻ chết sẽ được sống lại và kẻ sống sẽ được biến hóa. Đây là sự phục sinh của chỉ những tín hữu mà thôi.

6:45 Sau khi nói bằng những từ ngữ mạnh mẽ rằng không ai có thể đến với Ngài nếu Đức Chúa Cha không kêu người ấy đến, Chúa tiếp tục giải thích phương cách Đức Chúa Cha kêu người ta đến. Ngài trích lời Isai 54:13: "**Ai này sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ.**" Đức Chúa Trời không những chọn các cá nhân mà thời Ngai còn làm thêm một điều nữa. Ngai anan với lòng họ mà sự dạy dỗ Lời quở bần của Ngài.

Như vậy có sự dạy dỗ ở chỉ của người ấy. Những ai đáp ứng với sự dạy dỗ của Lời Chúa là họ tập từ Đức Chúa Cha, thì họ sẽ đến với Đấng

Christ. Một lần nữa ở đây chúng ta thấy hai chân lý trọng đại về quyết tế trị tối thượng của Đức Chúa Trời: và sự chọn lựa của con người được đặt bên cạnh nhau ngay trong Kinh Thánh. Chúng cho thấy sự cứu rỗi có cả khía cạnh thiên thượng lẫn khía cạnh loài người.

Khi Chúa Jêsus phán: "**Có chép trong các tiên tri rằng,**" (trong Bản Anh ngữ) đương nhiên Ngài muốn nói tới các sách của các đấng tiên tri. Ngài muốn nói cụ thể đến sách Êsai, nhưng ý tương Ngài điển tả ở đây được tìm thấy trong khắp các sách tiên tri. Ý tương ấy là: bởi sự dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà con người được kéo đến với Ngài.

6:46 Sự kiện con người được Đức Chúa Trời dạy dỗ không có nghĩa họ đã nhìn thấy Ngài. Đấng dạy dỗ đã thấy Cha chính là Đấng tử Đức Chúa Trời mà đến, tức là Đức Chúa Jêsus.

Tất cả những người được Đức Chúa Trời dạy dỗ thì họ được dạy về Đức Chúa Jêsus Christ, vì sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời tập trung vào Chủ Đấng trong đó, là chính Đức Chúa Jêsus Christ.

6:47 Câu 47 là một trong những tuyên bố rõ ràng nhất và ngắn nhất của cả Lời Đức Chúa Trời về thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Ngài phán quyết rằng những lời lẽ của Ngài ngay thế nào thì đều làm được. Đó là tin thì được sự sống đời đời. Ngài phán theo những lời của Ngài bằng mọi sự "quả thật, quả thật," nhằm nhấn mạnh của Ngài. Đây là một tuyên bố

không câu Tăn Ước dạy rằng sự cứu rỗi không phải bởi việc làm, không phải như giữ luật pháp, cũng không hẳn làm thành viên của hội thánh, cũng không bởi việc theo Luật Vàng, nhưng chỉ đơn giản bằng cách tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ mà thôi.

6:48,49 Ở đây Chúa Jêsus nói Ngài chính là bánh của sự sống mà nay giữ Ngài đang nói đến. Đương nhiên, bánh của sự sống có nghĩa là bánh ban sự sống cho người nào ăn đến. Người Do Thái trước đó đã nêu để tái mana trong đồng vắng và thậm chí Đức Chúa Jêsus đưa ra những thức ăn tuyệt vời được như thế. Ở đây, Chúa nhắc họ nhớ tô phụ họ ăn mana trong đồng vắng rồi cũng chết. Nói cách khác, mana chỉ dành cho đời này mà thôi. Mana không có quyền gì để ban sự sống đời đời cho người ăn đến. Bởi cụm từ "tô phụ các người," Chúa đã nhắc Ngài ra khỏi nhân loại sa ngã và hàm ý thần thánh độc nhất vô nhị của Ngài.

6:50 Trái với mana, Chúa Jêsus phán chính Ngài là bánh từ trời xuống. Hễ ai ăn bánh này thì sẽ không chết. Câu này không nói người ấy sẽ không chết phàm thể, nhưng nói người ấy sẽ bước vào sự sống đời đời trọn đời. Dẫu người ấy thật sự chết phàm thể, thân thể ấy sẽ được sống lại trong ngày sống tử, và sẽ ở cả đời đời với Chúa.

Tương câu này về thẩm quyền tiếp theo, Chúa Jêsus phán lên Đấng về những người ăn Manna. Ngài muốn nói đi qua câu này? Có phải Ngài muốn bảo mọi người phải ăn thịt của thần

xác Ngài theo đúng nghĩa đen không? Hiến nhiên ý tưởng ấy là không thể có được và thật đáng kinh tởm. Tuy nhiên, có người nghĩ Ngài muốn dạy chúng ta phải ăn thịt Ngài trong buổi lễ Tiệc Thánh; dạy rằng bánh phượng cách phép lạ nào đó, bánh và rượu được biến thành thịt và huyết của Đấng Christ, và muốn được cứu chúng ta phải ăn những yếu tố ấy. Nhưng đây không phải là điều Chúa phán. Văn mạch làm sáng tỏ rằng ăn Ngài có nghĩa là tin nơi Ngài. Khi tin Chúa Jêsus Christ là Cứu Chúa của chúng ta, chúng ta lấy đức tin chiếm hữu Ngài. Chúng ta dự phần những lợi ích của thân vị và của công tác Ngài. Augustine nói: "Tin thì anh em đã ăn rồi."

6:51 Chúa Jêsus là **bánh hằng sống**. Ngài không những tự sống, nhưng Ngài còn ban sự sống nữa. Những ai ăn **bánh này... thì sẽ sống vô cùng**. Nhưng làm sao được như vậy? Làm sao Chúa ban sự sống đời đời cho những tội nhân có tội? Câu trả lời được tìm thấy trong phần cuối câu này: "**Bánh mà ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian tức là thịt ta.**" Ở đây, Chúa Jêsus đang hướng tới trước về sự chết của Ngài trên thập tự giá. Ngài sẽ phó sự sống Ngài làm giá chuộc tội nhân. Thân thể Ngài sẽ tan vỡ, huyết Ngài sẽ tuôn ra làm của lễ chuộc tội. Ngài sẽ chết trong tư cách Đấng Thay Thế. Ngài sẽ đến trả hình phạt phải có cho tội lỗi của chúng ta. Và vì sao Ngài chịu làm như vậy? Ngài làm như vậy vì sự sống của thế gian. Ngài sẽ không chết vì cơ chỉ riêng

một dân Do Thái mà thôi, thậm chí cũng không chết chỉ riêng cho người được chọn. Nhưng sự chết của Ngài có giá trị đầy đủ cho toàn thế gian. đương nhiên, điều này không có nghĩa cả thế gian sẽ được cứu, nhưng đúng hơn công tác của Chúa Jêsus tại Gôgôtha sẽ có giá trị đầy đủ để cứu cả thế gian, nếu mọi người đều đến với Chúa Jêsus.

6:52 Người Do Thái vẫn đang nghĩ đến bánh và thịt thuộc thể theo nghĩa đen. Tư tưởng của họ không thể vươn lên trên những của cải vật chất của đời này. Họ không nhận thấy Chúa Jêsus đang dùng những đồ vật thuộc thể để dạy những chân lý thuộc linh. Vì vậy họ hỏi nhau làm thế nào mà **người này lại có thể ban thịt mình** cho người khác ăn được. Chiếc dù chỉ bung ra sau khi bạn nhảy khỏi máy bay. Đức tin đến trước mắt thấy và chuẩn bị cho bạn tâm hồn để hiểu biết, dọ; lòng cho bạn tin, cho ý chí để bạn vâng lời. Mọi câu hỏi "cách nào?" của bạn được giải đáp bởi việc đầu phục thắm quyết của Đấng Christ, đúng như cách Phaolô kêu lên: "Lạy Chúa, Chúa muốn tôi làm gì?"

6:53 Một lần nữa, **Chúa Jêsus** biết hết mọi sự, Ngài thấy chính xác họ đang nghĩ gì và nói gì. Vì vậy, Ngài long trọng cảnh cáo nếu họ không **ăn thịt** Ngài và **uống huyết** Ngài, họ sẽ **không có sự sống trong họ**. Điều này khung thể nói đến bánh và rượu được dùng trong Tiệc Thánh. Khi Chúa Jêsus thiết lập Tiệc Thánh trong đêm Ngài bị phản, thân thể Ngài vẫn chưa tan nát, và huyết Ngài vẫn chưa đổ ra.

Các môn đồ đã dự phần bánh và rượu, nhưng họ đã không ăn thịt uống huyết của Ngài theo nghĩa đen. Chúa Jêsus chỉ đang nói rằng nếu chúng ta không dùng đức tin để nhận lấy cho chính mình giá trị từ sự chết của Ngài cho chúng ta trên đống Gôgôtha, chúng ta không bao giờ được cứu. Chúng ta phải tin nơi Ngài, tiếp nhận Ngài, tin cậy Ngài và nhận Ngài cho chính mình.

6:54 Bằng cách đối chiếu câu này với câu 47, có thể chứng tỏ rõ ràng ăn thịt và uống huyết Ngài có nghĩa là tin nơi Ngài. Trong câu 47, chúng ta đọc thấy "hễ ai tin thì được sự sống đời đời." Trong câu 54, chúng ta biết ai **ăn thịt** Ngài và **uống huyết** Ngài thì được sự sống đời đời. Bây giờ, những điều cùng bằng với điều thứ ba thì chúng bằng nhau. Ăn thịt Ngài và uống huyết Ngài tức là tin nơi Ngài. Tất cả những người tin nơi Ngài đều sẽ sống lại nơi ngày sau rồi. Đương nhiên, câu này nói đến thân thể của những người đã chết khi tin cậy nơi Chúa Jêsus.

6:55 Thịt của Chúa Jêsus thật là thức ăn, và huyết Ngài thật là thức uống.²² Điều này tương phản với thức ăn và thức uống của thế gian này vốn chỉ có giá trị tạm thời. Giá trị sự chết của Chúa Jêsus là bất tận. Những ai bởi đức tin dự phần nơi Ngài thì nhận lấy sự sống đời đời vốn còn đến đời đời.

6:56 Có mối liên tiếp rất gần gũi giữa Ngài với những người tin Ngài. Ai **ăn thịt** Ngài và **uống huyết** Ngài thì ở trong Ngài, và Ngài ở trong người

ấy. Không còn điều gì gần gũi hoặc mật thiết hơn thế này nữa. Khi ăn thức ăn theo nghĩa đen, chúng ta nhận lấy thức ăn đó vào chính con người mình; nó trở thành một phần của chúng ta. Khi chúng ta tiếp nhận Chúa Jêsus làm Đấng Cứu Chuộc mình, Ngài vào trong đời sống chúng ta để ở trong chúng ta, và chúng ta cũng liên tục ở trong Ngài.

6:57 Giờ đây, Chúa nêu một mình họa nữa về mối liên hệ gần gũi giữa Ngài với dân sự Ngài. Mối họa này chính là sự liên hệ giữa Ngài với Đức Chúa Cha. Đức **Chúa Cha là Đấng hằng sống** đã sai Chúa Jêsus vào thế gian. (Cụm từ "**Cha là Đấng hằng sống**") có nghĩa Đức Chúa Cha là Đấng làm Nguồn của sự sống). Là Con Người ở trong thế gian này, Chúa Jêsus đã sống bởi **Cha**, tức là bởi nguyên nhân từ Đức Chúa Cha. Sự sống của Ngài đã được sống trong mối liên hiệp gần gũi nhất và hài hòa nhất với Đức Chúa Cha. Đức Chúa Cha là tâm và chu vi của đời sống Ngài. Mục đích của Ngài là bận rộn với Đức Chúa Cha. Ngài ở đây với tư cách Con Người trong thế gian, còn thế gian không nhận ra Ngài là Đức Chúa Trời đang thể hiện trong xác thịt. Dấu bị thế gian hiểu lầm, nhưng Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đã sống trong sự gần gũi thân cận nhất. Đây chính xác là cách xảy ra giữa tín đồ với Chúa Jêsus. Họ ở trong thế gian này, bị thế gian hiểu lầm, bị thù ghét và thường bị bắt bớ. Nhưng vì đã đặt đức tin vào lòng tin cậy nơi Chúa Jêsus, họ **sống bởi Ngài**. Đời sống họ được ràng

buộc gắn liền với sự sống của Ngài, và sự sống này sẽ còn đến đời đời.

6:58 Câu này dường như tóm tắt mọi điều Chúa đã nói trong các câu trước. Ngài là **bánh tử trên trời xuống**. Ngài trời hơn *mana* mà tổ phụ họ đã ăn trong đồng vắng. Bánh đó chỉ có giá trị tạm thời, *Mana* chỉ có giá trị cho đời này. Nhưng Đấng Christ là Bánh của Đức Chúa Trời, là Đấng ban sự sống đời đời cho người nào ăn Ngài.

6:59 Đám đông đi theo Chúa Jesus và các môn đồ Ngài đến **Cabênaum** tức bờ đông bắc biển Galilê. Dường như đám đông này gặp Chúa Jesus trong **nhà hội**²³ và kính tạ: đây Ngài tạo giáng sự diệu về Đấng Sự Sống cho họ.

6:60 Đến lúc này, Chúa Jesus có nhiều môn đồ hơn số mười hai người lúc đầu. Bất cứ ai theo Ngài và xưng mình tiếp nhận những sự dạy dỗ của Ngài thì được gọi là môn đồ. Tuy nhiên, không phải tất cả những người được gọi là môn đồ Ngài đều là tin hữu thật. Ở đây, **đa số** nhưng người xưng mình là môn đồ Ngài đã nói: "Lời này thật khó." Họ muốn nói sự dạy dỗ của Ngài gây vấp phạm không phải lời ấy khó hiểu đối với họ, mà lời ấy thật khó tin nên không tiếp nhận được. Khi họ nói, "Ai nghe được," họ muốn nói: "Ai có thể đứng đây chịu lắng nghe một giờ lễ chương tại, khi chịu như thế?"

6:61 Một lần nữa ở đây, chúng ta tìm thấy bằng chứng là Chúa Jesus có sự hiểu biết trọn vẹn. Ngài đã biết chính xác ai là **các môn đồ** đang nói.

Ngài biết họ đang làm bầm vết lời Ngài tuyên bố từ trời xuống và họ không thích điều đó khi Ngài phán con người phải ăn thịt Ngài và uống huyết Ngài để có sự sống đời đời. Vì vậy Ngài hỏi họ: "Điều đó xui các người vấp phạm sao?"

6:62 Họ vấp phạm vì Ngài nói Ngài từ *trời xuống*. Giờ đây Ngài hỏi họ sẽ nghĩ gì nếu thấy Ngài lên trời, là việc Ngài biết Ngài sẽ làm sau khi sống lại. Họ cũng sẽ bị vấp phạm bởi lời Ngài phán con người phải ăn thịt Ngài. Vậy họ sẽ nghĩ gì nếu thấy thập thế bồng xác thụ *ây lên* nơi vốn ở *khí trước*? Làm sao con người có thể ăn thịt Ngài theo nghĩa đen và uống huyết Ngài theo nghĩa đen, sau khi Ngài trở về với Đức Chúa Cha?

6:63 Những người này vẫn đang nghĩ đến thịt của Đấng Christ theo nghĩa đen, nhưng ở đây Ngài dạy họ rằng sự sống đời đời nhận lấy lương bởi ăn thịt, nhưng bởi công tác của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Thịt không thể ban sự sống; chỉ Thánh Linh mới ban được việc này. Họ đã hiểu lời Ngài theo nghĩa đen, và không nhận thấy họ phải hiểu theo nghĩa thuộc linh. Vì vậy Chúa Jesus giải thích những lời Ngài phán là **thần linh**, và những lời ấy là **sự sống**; khi hiểu những lời Ngài phán về việc ăn thịt và uống huyết Ngài theo cách thuộc linh để nói đến *ông cha* như Ngài, thì những ai chấp nhận sự dạy dỗ sẽ nhận sự sống đời đời.

6:64 Ngay cả khi nói những điều này, Chúa cảm thấy số người nghe là không hiểu Ngài vì họ không chịu *tin*.

Khô khan không ở chỗ họ không có khả năng, mà ở chỗ họ không chịu. Vì từ đầu Chúa Jêsus đã biết một số những người tự xưng là môn đồ Ngài kia sẽ không chịu tin Ngài; và một trong những môn đồ Ngài sẽ phản Ngài. Đương nhiên, Chúa đã biết điều này từ cõi đời đời, nhưng ở đây, câu này chắc muốn nói Chúa biết điều đó ngay từ đầu chức vụ của Ngài trên đất.

6:65 Gibt đây Ngài giải thích chính bởi lòng tin của họ mà trước đó Ngài phán với họ rằng nếu Cha chẳng ban cho thì chẳng ai đến cùng Ngài được. Những lời ấy tâu công vào sự kiên nại của con người, là những người nghĩ mình có thể kiếm được hoặc có công đức để được sự cứu rỗi. Chúa Jêsus báo họ rằng ngay cả sự cố gắng đến với Ngài thì họ cũng chỉ có thể nhận được từ Đức Chúa Cha mà thôi.

E. Các Phản Ứng Lớn Lớn Đối Với Lời Phán Của Cứu Chúa (6:66-71)

6:66 Nhưng lời phán của Chúa Jêsus thật khó nghe đối với nhiều người nước này theo Ngài, đến nỗi họ bỏ Ngài và không còn muốn lên xe đi với Ngài nữa. Các môn đồ này chưa hề là tin hữu thật. Họ theo Chúa vì nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng không vì tình yêu thật đối với Ngài hay vì anh hề dẫu Ngài là Đấng nào.

6:67 Đến lúc này, Chúa Jêsus qua sang mười hai môn đồ và thách thức họ bằng câu hỏi họ có muốn bỏ Ngài không.

6:68 Câu trả lời của Phêrô chắc đáng khen. Trên thực tế ông nói: "Lạy

Chúa, làm sao chúng tôi rời khỏi Ngài được? Chúa có những lời của sự sống đời đời. Nếu chúng tôi rời Ngài, đâu còn ai để chúng tôi đi theo. Rời khỏi Ngài tức là phạm phùng số phận của chúng tôi."

6:69 Đại diện mười hai người, Phêrô nói thêm họ đã tin và biết Chúa Jêsus là Đấng Thiên Sai. Con Đức Chúa Trời hằng sống.²⁴ Một lần nữa để v chur từ những chữ "tin và biết." Trước hết, họ đặt đức tin nơi Chúa Jêsus Christ, và sau đó họ mới biết Ngài thật sự là tất cả những điều Ngài tuyên bố về chính Ngài.

6:70 Trong câu 68 và 69, Phêrô đã dùng chữ "chúng tôi" để nói đến cả mười hai sứ đồ. Ở đây trong câu 70, Chúa Jêsus đã sửa lời cho ông. Ông dùng nên nói tu quyết đến một thể rằng cả mười hai người, đều là tin hữu thật. Đấng là Chúa đã chọn mười hai môn đồ, nhưng một người trong số họ là quỷ. Có một người trong nhóm họ đã không chia sẻ những quyết định của Phêrô về Đức Chúa Jêsus Christ.

6:71 Chúa Jêsus biết Giuda Ixchariôt sẽ phản Ngài. Ngài đã biết Giuda không hề thực sự tiếp nhận Ngài là Chúa và Cứu Chúa. Một lần nữa, chúng ta thấy sự bất tin của Chúa. Chúng ta cũng có bằng chứng về sự lừa dối người không tin cậy khi họ thay đổi các sứ đồ.

Trong bài giảng về tình yêu sống, Chúa chúng ta đã bắt đầu với sự dạy dỗ kha đơn giản. Nhưng khi Ngài giảng tiếp, nó về người Do Thái đang khước từ tin Ngài. Họ đang khép kín

lòng và trí mình trước lễ thật, sự dạy dỗ của Ngài càng trở nên khó hiểu. Cuối cùng, Ngài đã nói về việc ăn thịt và uống huyết Ngài. Thật là quá! Họ nói: "Lời này thật khó; ai nghe được" và bỏ không theo Ngài nữa. Khước từ chân lý sẽ dẫn đến mù quáng trong khả năng suy xét. Vì không *chịu* thấy nên họ tiến tới chỗ không *thể* thấy được.

V. NĂM CHỨC VỤ THỨ BA CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI: GIERUSALEM (7:1 - 10:39)

A. CHÚA JESUS QUỖ TRÁCH CÁC BROTHER EM NGÀI (7:15)

7:1 Đã vài tháng trôi qua giữa đoạn 6 và 7. Chúa Jesus vẫn ở tại Galilê, Ngài không ứng đi trong xứ Giuđê, là căn cứ của người Giuđa, vì họ tìm phương giết Ngài. Nói chung, người ta đồng ý rằng người Giuđa²⁵ được nói đến trong câu này chính là những lãnh đạo hay những quan trường. Họ là những người ghét Chúa Jesus cay đắng nhất, và tìm mọi dịp tiện để giết Ngài.

7:2 Lễ Lều Tạm là một trong những dịp lễ quan trọng của lịch Do Thái. Lễ này đến vào lúc mùa gặt, và kỷ niệm sự kiện dân Do Thái đã sống trong những túp lều hay những nơi trú ẩn tạm thời sau khi ra khỏi xứ Êđiptô. Đây là ngày lễ hội vui vẻ, nhìn *hường* tới một ngày lương lại khi Đấng Mésias sẽ trị vì và dân tộc Do Thái được cứu sẽ ở trong xứ bình an và thịnh vượng.

7:3 Các anh em của Chúa được nói đến trong câu 3 chắc là những con trai do Mari sanh ra sau Chúa Jesus,

(có người nói đây là anh em họ hay bà con xa). Nhưng dù mối quan hệ với Chúa Jesus có gần gũi đến đâu đi nữa, họ cũng không nhờ đó mà được cứu. Họ đã không thực sự tin Chúa Jesus. Họ bảo Ngài nên đến Lễ Lều Tạm tại Giêrusalem và làm một vài phép lạ tại đó để các môn đồ được xem công việc Ngài làm. Các môn đồ được nói đến ở đây không phải là mười hai sứ đồ, nhưng đúng hơn, đây là những người xưng mình là môn đồ Chúa Jesus trong xứ Giuđê.

Đầu họ không tin Ngài, họ vẫn muốn Ngài phủ mình công khai. Có lẽ họ muốn người ta cũng chú ý đến họ trong tư cách người bà con của một nhân vật nổi tiếng. Hoặc có thể họ ganh tị với danh tiếng của Ngài và đang thúc Ngài đến xứ Giuđê để mong Ngài bị giết tại đó.

7:4 Chắc đây là những lời nói mỉa. Những người bà con của Ngài dường như ám chỉ Chúa đang tìm cách cho công chúng chú ý. Còn cơ nào khác khiến Ngài thi hành mọi phép lạ ấy tại xứ Galilê nếu như không vì muốn trở nên nổi tiếng? Trên thực tế họ bảo: "Bây giờ là cơ hội vĩ đại của Thầy tại đó. Lâu nay thầy vẫn đang tìm cách được nổi tiếng. Thầy nên đi Giêrusalem dự kỳ lễ này. Hàng trăm người sẽ đến đó, và thầy sẽ có cơ hội thi hành các phép lạ cho họ. Galilê là một nơi yên lặng, và thực ra thầy đang làm các phép lạ trong bí mật tại đây. Tại sao thầy làm như vậy khi chúng tôi biết thầy muốn trở nên nổi tiếng?" Rồi họ nói thêm: "Nếu (Bản Anh ngữ) thấy làm những sự đó, hãy tỏ mình

cho thiên hạ." Dương như ý chính ở đây là: "Nếu thấy thật sự là Đấng Mêsi, và nếu thấy đang làm những phép lạ này để chứng minh điều ấy, tại sao thấy không phô bày những bằng chứng tại nơi chúng thật sự có giá trị, tức là tại Giuđê?"

7:5 Các anh em Ngài không hề thật lòng muốn thấy Ngài được vinh hiển. Họ không thực sự tin Ngài là Đấng Mêsi. Họ cũng không chịu phó thác chính họ cho Ngài. Những lời họ nói ở đây chính là nói mỉa. Lòng họ không ngay thẳng trước mặt Chúa. Chắc hẳn Chúa Jêsus đặc biệt cảm thấy cay đắng vì anh em Ngài nghi ngờ lời Ngài và việc làm của Ngài. Thế nhưng những người trung tín với Chúa thường xuyên thấy sự chống đối cay đắng nhất lại đến từ những người gần gũi nhất và yêu quý nhất của mình.

7:6 Đời sống của Chúa đã được xếp thứ tự từ đầu đến cuối. Mỗi ngày và mỗi khoảnh khắc đều phù hợp với thời khóa biểu đã sắp xếp trước. **Thời giờ** thuận lợi để tỏ mình công khai cho thế gian vẫn chưa đến. Ngài biết chính xác những điều ở phía trước, và đi lên Giêrusalem vào thời điểm này để tỏ mình công khai trước dân chúng không phải là ý của Chúa dành cho Ngài. Nhưng Ngài nhắc các anh em Ngài rằng **thời giờ** của họ được **liên luôn luôn**. Họ đang sống theo nhưng tự dục chứ không vâng theo ý muốn của Chúa. Con người có thể lập những kế hoạch và hành trình của mình tùy sở thích, vì họ chỉ định làm theo ý riêng của họ thôi.

7:7 **Thế gian không thể ghét** anh em của Chúa vì họ thuộc về thế gian. Anh em Ngài đã đứng về phía thế gian để chống lại Chúa Jêsus. Toàn bộ đời sống họ hòa hợp với thế gian. **Thế gian** ở đây nói đến hệ thống do con người xây dựng nên và trong đó không dành chỗ cho Đức Chúa Trời hay cho Đấng Christ: thế giới của văn hóa, nghệ thuật, giáo dục hay tôn giáo. Trên thực tế, Giuđê đặc biệt là thế giới tôn giáo, vì chính những người cai trị dân Giuđê là người ghét Đấng Christ nhất.

Thế gian ghét Đấng Christ bởi vì Ngài làm chứng **công việc** của họ là **xấu**. Đây là lời bình luận đáng buồn về bản chất bại hoại của con người: khi Con Người vô tội và không chút gì vọt vào thế gian, thế gian đã tìm cách giết Ngài. Sự tron lành trong đời sống Đấng Christ cho thấy đời sống của mọi người khác là bất toàn biết bao. Một đường thẳng bày tỏ sự cong queo của một đường chữ chỉ khi đặt chúng bên cạnh nhau thế nào, thì việc Chúa vào thế gian cũng bày tỏ con người trong toàn bộ tình trạng tội lỗi của họ thế ấy. Con người đã tức giận trước sự phơi bày này. Thay vì an nãn kêu xin Đức Chúa Trời thương xót, con người lại tìm cách tiêu diệt Đấng bày tỏ tội lỗi của họ.

E. B. Meyer nhận định:

Ở đây là một trong những lời quở trách kinh khiếp nhất mà Tình Yêu Nhập Thể có thể nói lên. Khi câu này nói về bất kỳ người nào hiện nay, nhưng đã nói về một số người trong thời Ngài còn ở trong xác thịt: "Thế gian chẳng ghét các người

đương." Không bị thế gian ghét; được thế gian yêu, tôn kính và suốt về trời miễn - là một trong những vị trí kinh khiếp nhất mà Cơ Đốc nhân có thể thấy mình ở trong đó. Một nhà hiền triết xưa đã hỏi: "Ta đã làm điều xấu nào để hẳn phải nói tôi về ta?" không bị thế gian ghét chứng tỏ rằng chúng ta không làm chúng nghịch cũng thế gian rằng công việc của thế gian là xấu. Sự yêu thương trời miễn áp của thế gian chứng tỏ chúng ta thuộc về thế gian. Làm bạn của thế gian tức là thù với Đấng Chúa Trời. Do đó, ai làm bạn của thế gian tức là kẻ thù của Đấng Chúa Trời (Giăng 15: 1; 17: 19; Giac 4: 4).²⁶

7:8 Chúa bảo anh em Ngài đi lên dự lễ này. Chuyện rất đáng buồn. Họ giả vờ làm những người mộ đạo. Họ sắp giữ Lễ Lều Tạm. Thế nhưng Đấng Christ của Đức Chúa Trời đang đứng giữa họ, mà họ không hề có tình yêu thật đối với Ngài. Con người yêu mến những lễ nghi tôn giáo vì có thể tuân giữ chúng mà không cần đến sự quan tâm thật của tấm lòng. Nhưng cứ đưa người ấy đến đối mặt với Thần Vị Đấng Christ thì người ấy sẽ thấy khó chịu ngay. Chúa Jêsus phán Ngài chưa²⁷ lên dự lễ đó vì thì giờ Ngài chưa trọn. Ngài không có ý bảo Ngài sẽ không hề đi dự lễ này, vì trong câu 10 chúng ta biết Ngài đã lên dự lễ. Đúng hơn, Ngài muốn nói Ngài sẽ không đi chung với các anh em để phò mình thật tuyệt vời trước công chúng. Bây giờ chưa tới lúc đó. Khi Ngài lên dự lễ, Ngài sẽ đi âm thầm sao cho ít người biết nhất.

7:9 Vì vậy Chúa cứ ở lại xứ Galilê sau khi anh em Ngài đi lên dự lễ. Họ

đã bỏ lại đằng sau Đấng có thể ban cho họ sự vui mừng hơn hờ mà Lễ Lều Tạm đã nói đến.

B. Chúa Jêsus Dạy Trong Bền Thờ (7:10-31)

7:10 Ít lâu sau khi anh em Ngài lên Giêrusalem, Chúa Jêsus âm thầm đi đến đó. Là người Giuđa mộ đạo, Ngài muốn lên dự lễ. Nhưng là Con biết vâng lời của Đức Chúa Trời, Ngài không thể đi lên công khai, nhưng đi cách kín giấu.

7:11 Những người Giuđa tìm Ngài trong kỳ lễ rõ ràng là những quan cai trị muốn tìm cách giết Ngài. Khi họ hỏi: "Nào người ở đâu?" Không phải họ đang muốn thờ phượng Ngài, nhưng trái lại muốn tiêu diệt Ngài.

7:12 Rõ ràng hiện diện của Chúa đang tạo nên xôn xao giữa đám đông. Những phép lạ Ngài làm càng lúc càng thôi thúc dân chúng xác định xem Ngài thật sự là ai. Trong kỳ lễ, người ta nói chuyện ngấm ngấm với nhau xem Ngài là tiên tri thật hay tiên tri giả. "Người thì nói: Ấy là một người lành; kẻ thì nói: Không phải; người phỉnh để dẫn chúng!"

7:13 Sự chống đối của những quan cai trị Giuđa đối với Chúa Jêsus trở nên càng thẳng đến nỗi không ai dám ủng hộ Ngài tỏ tường. Rõ ràng nhiều người trong đoàn dân nhật; ra Ngài thật sự là Đấng Mêsi của Ysraên, nhưng không dám biểu lộ hoặc hé răng vì sợ những người lãnh đạo sẽ bắt bớ.

7:14 Lễ Lều Tạm kéo dài nhiều ngày. Đến giữa kỳ lễ, Chúa Jêsus lên khu vực phía ngoài đến thờ (còn gọi là cổng vòm nơi dân chúng được phép rập trung lại) và dạy dỗ.

7:15 Những người nghe Chúa dạy **đều sững sờ**. Rõ ràng, chính hiểu biết Cựu Ước của Ngài gây ấn tượng cho họ nhiều nhất. Nhưng hiểu biết rộng của Ngài và năng lực dạy cũng thu hút sự chú ý của họ. Họ biết Chúa Jêsus chưa hề đến trường dạy đạo nào lớn thời đó, và họ không hiểu nổi làm sao Ngài có được học vấn như vậy. Thế gian vẫn sững sờ và thốt nhiên khi thấy những tin tức chưa hề được huấn luyện chính thức về đạo lại có thể giảng và dạy Lời Đức Chúa Trời.

7:16 Một lần nữa, thật tuyệt vời biết bao khi thấy Chúa Jêsus không chịu nhận cho mình bất cứ lời khen nào, nhưng chỉ cố gắng tôn vinh Cha Ngài. **Chúa Jêsus đáp lời đơn giản** rằng đạo lý của Ngài **không** bởi Ngài mà đến, nhưng đến từ Đấng **đã** sai Ngài. Mọi điều Chúa Jêsus nói và dạy đều là những điều Cha truyền Ngài nói và dạy. Ngài không hành động độc lập khỏi Đức Chúa Cha.

7:17 Nếu người Giuđa thật sự muốn biết sứ điệp của Ngài là thật hay không thì rất dễ biết. Nếu ai thật sự **muốn làm theo ý** Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ cho người ấy biết những sự dạy dỗ của Đấng Christ là thiên thượng hay Chúa chỉ đang dạy những điều tự Ngài muốn dạy. Ở đây có lời hứa tuyệt vời cho mọi người nào sốt sắng tìm kiếm chân lý. Nếu thành tâm, và thật sự muốn biết đâu là chân lý, Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ chân lý cho người ấy. "Sự vàng lời là cơ quan của tri thức thuộc linh."

7:18 Ai nói **theo ý** mình, tức là nói theo ý riêng của mình, thì **lìm vnh**

hiển cho **bản thân** mình. Nhưng Chúa Jêsus không như vậy. Ngài tìm **vinh hiển** của Đức Chúa Cha là **Đấng đã** sai Ngài **đến**. Vì những động cơ của Ngài là tuyệt đối thanh sạch, nên sứ điệp của Ngài cũng tuyệt đối **chân thật**. Trong Ngài không có điều gì **không công bình**.

Chúa Jêsus là Đấng duy nhất nói được những lời ấy về Ngài. Mọi giáo sư khác phục vụ cô pha lẫn ích kỷ. Tham vọng của mỗi một thầy tớ Chúa đáng phải là tôn vinh Đức Chúa Trời thay vì tôn vinh bản thân mình.

7:19 Lúc này, Chúa trực tiếp bước tới người Giuđa. Ngài nhắc họ nhớ **Môisê** đã ban cho họ **luật pháp**. Họ đã khoe mình có luật pháp. Họ quên rằng chỉ sở hữu luật pháp suông thôi thì không ích lợi gì cả. Luật pháp đòi hỏi phải vâng theo những quy tắc hay những điều răn của nó. Đâu khoe khoang nơi luật pháp, nhưng rõ ràng không một ai trong số họ hiểu luật pháp, vì thậm chí mãi đến lúc đó họ vẫn đang tìm cách giết Chúa Jêsus. Luật pháp cấm rõ ràng tội giết người. Họ đang phạm luật pháp trong ý định của họ đối với Chúa Jêsus Christ.

7:20 Dân chúng cảm nhận lời kết tội sắc bén của Chúa Jêsus, nhưng thay vì thừa nhận Ngài nói đúng, họ bắt đầu máng nhiếc Ngài. Họ nói Ngài là quỷ. Họ thách thức câu tuyên bố của Ngài bằng cách nói có ai **lìm giết** Ngài đâu.

7:21 Giờ đây Chúa Jêsus quay lại với việc chữa lành người bại hèn ao Bếtesda. Chính phép lạ này đã khơi dậy lòng thù ghét của các lãnh tụ Do

Thái đối với Ngài, và đến lúc này họ mới bắt đầu âm mưu hung ác để giết Ngài. Chúa nhắc họ nhớ **Ngài đã làm một việc**, và họ **thầy** đều lấy làm lạ. Không phải họ lấy làm lạ vì khám phục, nhưng trái lại, sửng sốt vì Ngài làm một việc như thế trong ngày Sabát.

7:22 Luật pháp **Môïse** truyền phải làm phép cắt bì cho con trai vào ngày thứ tám sau khi sinh. (Thực ra, phép cắt bì **không** bắt nguồn từ Môïse, nhưng đã được thực hành bởi "tổ ông", tức là bởi Ápraham, Ysác, Giacóp, v.v.). Dầu ngày thứ tám rơi vào **ngày Sabát** đi nữa, người Do Thái cũng không kể **cắt bì** cho bé trai trong ngày ấy là sai. Họ cảm thấy đây là công việc cần phải làm, và Chúa đã cho phép làm việc như thế.

7:23 Nếu cắt bì cho đứa trẻ trong **ngày Sabát** để tuân giữ luật pháp **Môïse** về phép cắt bì, vậy sao họ bắt lỗi Chúa Jêsus vì đã chữa cho **cả mình người bệnh được lành** trong ngày Sabát? Nếu luật pháp cho phép một việc cần thiết, luật pháp lại không cho phép công việc của lòng thương xót sao?

Phép cắt bì là một phẫu thuật nhỏ cho bé trai. Không cần phải nói, nó gây đau đớn, và ích lợi thuộc thể là rất nhỏ. Trái lại, Chúa Jêsus đã chữa cho người được lành trọn vẹn vào ngày Sabát. Và người Giuda đã bắt lỗi Ngài.

7:24 Rắc rối của người Giuda ấy là họ đã đoán xét sự việc theo về bề ngoài chứ không theo thực tại bề trong. Sự đoán xét của họ không công bình. Có những việc mà họ làm thì

đường hoàn toàn hợp pháp, nhưng khi Chúa làm thì có vẻ như hoàn toàn sai. Bản tánh con người luôn có khuynh hướng đoán xét theo mắt thấy hơn là theo thực tại. Chúa không vi phạm luật Môïse; chính họ mới là người vi phạm điều luật ấy bởi sự thù ghét điên rồ đối với Ngài.

7:25 Đến lúc này, thành **Giêrusalem** đã biết rõ các lãnh đạo Do Thái đang âm mưu chống Cứu Chúa. Ở đây, một số thường dân hỏi xem chẳng phải đây là Đấng mà các lãnh đạo của họ đang đuổi bắt sao.

7:26 Họ không thể hiểu nổi vì sao Chúa Jêsus được phép nói công khai và **tự do** đến như vậy. Nếu các quan ghét Ngài đúng như cách dân chúng đã tưởng, vậy sao các quan cho Ngài tiếp tục nói? Có phải họ đã thấy ra Ngài thực sự là Đấng Mêsai, đúng như Ngài đã tuyên bố không?

7:27 Những người không tin Chúa Jêsus là Đấng Mêsai nghĩ họ biết Ngài ra từ đâu. Họ tin Ngài đã ra từ Naxarét. Họ biết mẹ Ngài, là Mari, và cho rằng Giôsép là cha Ngài. Người Do Thái thời đó thường tin rằng khi Đấng Mêsai đến, Ngài sẽ đến cách mầu nhiệm, đầy phép lạ và bất ngờ. Họ không hề biết Ngài sẽ được sinh ra như Một Hài Nhi và lớn lên như Con Người. Đấng ra họ phải biết về Cựu Ước rằng Ngài sẽ sanh ra tại Bêtlêhem, nhưng dường như họ hoàn toàn không biết những chi tiết về sự hiện đến của Đấng Mêsai. Đó là nguyên nhân khiến họ nói: "**Khi Đấng Christ sẽ đến, thì không ai biết Ngài từ đâu đến.**"

7:28 Đến lúc này, Chúa Jêsus kêu lớn tiếng với đoàn người đã tụ tập lại lắng nghe cuộc nói chuyện. Ngài phán. Họ **thật sự biết** Ngài, và đã biết Ngài **đến từ đâu**. Tuy nhiên, ở đây, Ngài đang nói họ chỉ mới biết Ngài trong tư cách Con Người. Họ đã biết Ngài là Jêsus ở Naxarét. Nhưng điều họ chưa biết ấy là Ngài cũng là Đức Chúa Trời nữa. Đây chính là điều Ngài tiếp tục giải thích trong phần còn lại của câu này.

Về nhân tánh Ngài, Ngài đã sống tại Naxarét. Nhưng họ cũng phải nhận thấy Ngài: **không tự mình đến**, nhưng Ngài được sai đến bởi Đức Chúa Cha, là Đấng mà đoàn dân này **không biết**. Qua những lời này, Chúa Jêsus tuyên bố trực tiếp Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài không tự đến, tức là Ngài không đến bởi thẩm quyền riêng của Ngài để làm theo ý riêng Ngài. Trái lại, Ngài đã được sai vào thế gian bởi Đức Chúa Trời **chân thật**, và họ đã **không biết** Đức Chúa Trời này.

7:29 Nhưng Ngài đã biết Đức Chúa Trời ấy. Ngài đã ở với Đức Chúa Trời từ cả đời đời và bình đẳng trên mọi phương diện với Đức Chúa Cha. Khi Chúa Jêsus nói Ngài đến từ Đức Chúa Trời, Ngài không chỉ có ý nói Ngài được Đức Chúa Trời sai đến, nhưng còn có ý nói Ngài đã luôn ở với Đức Chúa Trời và bình đẳng với Đức Chúa Trời trên mọi phương diện. Trong cụm từ **"Đấng đã sai ta đến,"** Chúa nói hết sức rõ ràng Ngài là Đấng Christ của Đức Chúa Trời, là Đấng được xúc dầu, là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến thế gian để làm trọn công tác cứu chuộc.

7:30 Người Do Thái hiểu ý nghĩa của lời Chúa phán, và nhận ra Ngài đang tuyên bố Ngài là Đấng Mêsê. Họ xem lời này hết sức lộng ngôn nên cố bắt Ngài, nhưng không thể **tra tay lên Ngài vì giờ Ngài chưa đến**. Quyền năng Đức Chúa Trời gìn giữ Chúa Jêsus khỏi những kế hoạch gian ác của con người cho đến thời điểm Ngài sẽ phải được dâng lên làm của lễ chuộc tội.

7:31 Thực ra, có **nhiều người tin** Chúa Jêsus. Chúng tôi muốn nghi niềm tin của họ là thật. Lối lập luận của họ thế này. Chúa Jêsus còn có thể làm gì hơn thế nữa để chứng minh Ngài là Đấng Mêsê? Nếu Chúa Jêsus không phải là Đấng Mêsê, thì khi **Đấng Christ đến**, liệu Đấng Christ ấy có thể làm nhiều phép lạ hơn hay nhiều **phép lạ kỳ diệu hơn** Chúa Jêsus không? Từ câu hỏi của họ; hiển nhiên họ tin các phép lạ của Chúa Jêsus chứng minh Ngài là Đấng Mêsê thật.

C. Sự Thù Bịch Của Người Pharisi (7:32-36)

7:32 Khi người Pharisi đi lại giữa dân chúng, họ **nghe** những lời bần tần xàm xỉ. **Đoàn dân đang** nghị luận **thậm** về Cứu Chúa, không phải theo nghĩa phàn nàn về Ngài, nhưng đang bí mật ngưỡng mộ Ngài. Người Pharisi sợ tình trạng này lan rộng thành phong trào lớn để chấp nhận Chúa Jêsus, nên **sai lính đi bắt Ngài**.

7:33 Những lời trong câu 33 rõ ràng được phán cho các sĩ quan đến bắt Ngài, cũng như cho người Pharisi và đoàn dân nói chung.

Chúa Jêsus không hề làm suy yếu lời tuyên bố trước đó của Ngài. Ngài

càng làm mạnh thêm những lời tuyên bố ấy. Ngài nhắc họ nhớ Ngài chỉ còn ở với họ ít lâu nữa, rồi Ngài sẽ trở về Đức Chúa Cha là Đấng đã sai Ngài đến. Rõ ràng, câu này càng khiến người Pharisai thêm tức giận hơn nữa.

7:34 Sẽ có ngày người Pharisai tìm Ngài mà không thấy được. Trong đời họ sẽ có lúc cần Cứu Chúa, nhưng đã quá trễ. Lúc đó Ngài đã về trời, và bởi lòng vô tin và gian ác, họ sẽ không thể gặp Ngài tại trên trời. Những lời trong câu này đặc biệt nghiêm trọng. Chúng nhắc chúng ta nhớ trên đời còn có điều gọi là cơ hội qua đi. Con người có thể còn cơ hội được cứu ngay hôm nay; nếu khước từ, có lẽ họ chẳng bao giờ còn cơ hội lần nữa.

7:35 Người Giuđa không hiểu được ý nghĩa của Lời Chúa phán. Họ không nhận thấy Ngài sẽ trở về trời. Họ nghĩ có lẽ Ngài tiếp tục đi giảng xa, chăm sóc dân Do Thái tản lạc giữa vòng người Gôréc, và có lẽ còn giảng cho chính người Gôréc nữa.

7:36 Một lần nữa, họ tỏ vẻ lạ lùng trước lời phán của Ngài. Ngài muốn nói gì khi bảo họ sẽ tìm mà không thể thấy Ngài? Ngài có thể đi đâu để họ khỏi theo Ngài được? Ở đây, người Giuđa minh họa sự mù quáng của lòng vô tin. Còn tấm lòng nào đen tối cho bằng tấm lòng không chịu tiếp nhận Chúa Jesus. Thời nay chúng ta có thành ngữ "còn ai mù cho bằng người không chịu thấy." Câu này mô tả chính xác trường hợp ở đây. Họ không muốn chấp nhận Chúa Jesus, vì vậy họ không thể thấy.

D. Lời Rửa Ban Thánh Linh (7:37-39)

7:37 Dầu Cự Ước không để cạn, nhưng người Giuđa có nghi lễ đem

nước từ ao Silôê đến đổ vào chậu bằng bạc bên cạnh bàn thờ của lễ thiêu mỗi ngày của bảy ngày đầu Lễ Lều Tạm. Vào ngày thứ tám, họ không đem nước đến nữa, và điều này khiến lời Dấng Christ rửa ban nước sự sống đời đời lại càng đáng ngạc nhiên hơn nữa. Dân Do Thái đã giữ trọn hết nghi lễ tôn giáo này, thế nhưng lòng họ vẫn không thỏa mãn vì không thật sự hiểu ý nghĩa sâu nhiệm của kỳ lễ. Ngay trước khi họ trở về nhà, tức vào ngày sau cùng, là ngày trọng thể trong kỳ lễ. Đức Chúa Jesus đứng ở đó và kêu lên với họ. Ngài mời họ đến với Ngài để được thỏa mãn tâm linh. Hãy chú ý đặc biệt những lời này. Lời mời của Ngài gửi đến mọi người. Tin Lành của Ngài là Tin Lành phổ thông. Nếu chịu đón sơ đến với Dấng Christ, không ai là không thể được cứu.

Nhưng lưu ý điều kiện. Kinh Thánh nói: "Nếu người nào khát." "Khát" ở đây nói đến nhu cầu thuộc linh. Nếu không biết mình là tội nhân, thì sẽ không hề muốn được cứu. Nếu không nhận ra mình đi lạc, thì sẽ không bao giờ muốn người khác tìm ra mình. Nếu không ý thức sự thiếu thốn thuộc linh lớn lao trong đời sống, thì sẽ không bao giờ muốn đến với Chúa để được chu cấp nhu cầu ấy. Cứu Chúa mời gọi những linh hồn khao khát đến với Ngài - không phải đến với hội thánh, người lãnh đạo, nước rửa phép báp têm, hay đến hàn Tiệc Thánh của Chúa. Chúa Jesus phán: "Hãy đến cùng ta." Không một người nào khác hay vật nào khác có thể giải quyết được. "Hãy đến cùng ta mà uống." "Uống" ở đây có nghĩa

nhận Đấng Christ cho chính mình. Có nghĩa tin cậy Ngài là Chúa và Cứu Chúa. Có nghĩa tiếp nhận Ngài vào đời sống chúng ta giống như cách chúng ta sẽ uống nước vào cơ thể mình vậy.

7:38 Câu 38 chứng minh đến với Đấng Christ và uống cùng chính là tin nơi Ngài. Mọi người nào tin Ngài thì đều được chu cấp nhu cầu của chính mình và thậm chí **sống** phước hạnh thuộc linh sẽ **tuôn chảy** từ mình đến cho người khác. Suốt Cựu Ước dạy rằng những ai tiếp nhận Đấng Mesi thì chính mình sẽ được giúp đỡ và sẽ trở thành kênh dẫn phước hạnh đến cho người khác. [Chẳng hạn như Êsai 55:1]. Cụm từ "**sống nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình**" có nghĩa những dòng suối giúp đỡ người khác sẽ tuôn chảy từ những phần bên trong hay từ đời sống bên trong của người ấy. Stott chỉ ra rằng: Chúng ta uống từng ngụm nhỏ, nhưng những ngụm này sẽ được nhận lên thành một cửa sông mạnh mẽ bởi tự những dòng suối đang chảy. Temple bảo trước: "Không ai có Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trị trong lòng lại giữ riêng Thánh Linh ấy cho mình. Thánh Linh ở nơi nào, thì Ngài sẽ từ đó tuôn chảy ra; nếu không có sự tuôn chảy ra, thì Ngài không có ở đó."

7:39 Kinh Thánh nói rõ cụm từ "nước hằng sống" nói đến **Đức Thánh Linh**. Câu 39 rất quan trọng vì dạy rằng tất cả những người nhận lãnh Chúa Jêsus Christ thì cũng nhận lãnh Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, tuyên bố Đức Thánh Linh đến ngự trong người tin vào thời điểm

không rõ ràng nào đó sau khi họ hoán cải - như một số người tuyên bố - là nói không đúng. Câu này nói rõ đặc biệt rằng mọi người tin Đấng Christ đều nhận được Thánh Linh. Vào lúc Chúa Jêsus phán những lời này, **Đức Thánh Linh vẫn chưa được ban xuống**, mãi đến khi Chúa Jêsus về trời và **được vinh hiển** thì Thánh Linh mới giáng lâm trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Từ giây phút đó trở đi, mọi tin hữu thật trong Chúa Jêsus Christ đều được Thánh Linh ngự trong lòng.

E. Những Ý Niệm Khác Nhau Về Chúa Jêsus (7:40-53)

7:40,41 Nhiều người đã nghe Ngài và giờ đây tin Chúa Jêsus là **Đấng Hằng Hữu** mà Môisê đã nói đến trong Phục truyền Luật lệ Ký 18:15,18. Có người thậm chí còn sẵn lòng công nhận Chúa Jêsus là **Đấng Christ**, tức Đấng Mesi. Nhưng có người nghĩ không thể có được như vậy. Họ tin Chúa Jêsus ra từ Naxarét xứ Galilê, và trong Cựu Ước không có lời tiên tri nào nói **Đấng Christ sẽ ra từ xứ Galilê**.

7:42 Những người Giuđa này đã đứng khi tin **Đấng Christ** sẽ ra từ thành **Bêlêhem**, từ dòng dõi **Đavit**. Giả như chịu khó điều tra, họ sẽ thấy Chúa Jêsus **được sinh ra tại Bêlêhem**, và Ngài là **dòng dõi trực tiếp của Đavit** qua Mari.

7:43 Vì những ý kiến khác biệt này và vì thiếu hiểu biết chung của họ, nên dân chúng **cãi lè** nhau về Đấng Christ. Ngày hôm nay cũng vẫn y như vậy. Những người nam nữ chia rẽ nhau về đề tài Chúa Jêsus Christ. Có người nói Ngài chỉ là một Con

Người như hết thấy chúng ta. Người khác sẵn lòng thừa nhận Ngài là Con Người vì đại nhất đã từng sống trên trần gian. Nhưng những ai tin Lời Đức Chúa Trời thì biết "Đấng Christ là Đấng trên hết mọi sự, tức là Đức Chúa Trời đáng ngợi khen đời đời" (Rôma 9:5).

7:44 Người ta dốc hết nỗ lực để bắt Chúa Jêsus, nhưng không ai bắt Ngài được. Chúng nào còn bước đi trong ý muốn Đức Chúa Trời thì không quyền lực nào trên đất có thể ngăn trở người. "Chúng ta bắt tứ cho đến khi công tác của chúng ta thực hiện xong." Thời điểm của Chúa vẫn chưa đến, nên con người không thể làm hại Ngài chút nào.

7:45 Giờ đây người Pharisi và các thầy tế lễ cả sai linh đi bắt Chúa Jêsus. Bọn linh trở về, nhưng không đem Chúa theo với họ. Các thầy tế lễ cả và người Pharisi tức giận hỏi bọn linh vì sao không điệu Chúa đến.

7:46 Đây là một trường hợp con người tội lỗi được thời thúc để nói tốt về Cứu Chúa, cho dầu chính họ không chấp nhận Ngài. Những lời nói đáng nhớ của họ là: "**Chẳng hề có người nào đã nói như người này!**" Rõ ràng, các sĩ quan này đã nghe rất nhiều người tốt lành trong thời của họ, nhưng chưa hề nghe ai có lời nói đầy thẩm quyền, ân điển và khôn ngoan như Ngài.

7:47,48 Để cố đe dọa bọn linh, người Pharisi liền ăn họ bị Chúa Jêsus **phình đờ**. Họ nhắc bọn linh rằng không một người nào trong các quan của dân Do Thái tin nơi Chúa Jêsus.

Đây là một lập luận kinh khiếp biết bao! Thật đáng hổ thẹn biết bao khi những người lãnh đạo dân Do Thái không nhận ra Đấng Mêsi khi Ngài đến.

Những người Pharisi không những không chịu tin Đức Chúa Jêsus, mà rõ ràng còn không muốn người khác tin Ngài nữa. Ngày nay cũng vậy. Rất nhiều người không muốn chính mình được cứu, lại còn cố hết sức ngăn trở bà con và bạn bè mình được cứu.

7:49 Ở đây, người Pharisi nói đoàn dân Do Thái là ngu dốt và đáng rủa. Họ lập luận rằng nếu đấng Thượng dân này biết chút đỉnh về Kinh Thánh, chắc chắn sẽ biết Chúa Jêsus không phải là Đấng Mêsi. Người Pharisi đã hoàn toàn sai lầm, còn sai lầm nào lớn hơn thế nữa!

7:50 Lúc này, Nicôđem nói chuyện với họ. Ông chính là người ban đêm đến với Chúa Jêsus và biết mình phải sanh lại. Dường như Nicôđem đã thật sự tin cậy Chúa Jêsus và đã được cứu. Ở đây, ông bước tới, giữa vòng các quan Giuđa, để nói lời bình vực Chúa mình.

7:51 Ý của Nicôđem là người Giuđa chưa dành cho Chúa một cơ hội công bằng. Luật Giuđa không bắt tội người nào trước khi tra hỏi vụ án của người. Thế nhưng ngay lúc này, các lãnh đạo Giuđa đang làm như vậy. Phải chăng họ sợ sự thật? Câu trả lời luôn luôn là họ sợ sự thật.

7:52 Giờ đây các quan quay sang công kích người trong đoàn của mình, tức là Nicôđem. Họ khinh bỉ hỏi xem có phải ông cũng là một môn đồ của Jêsus từ Galilê không? Ông há chẳng

biết Cựu Ước nói không có tiên tri nào ra từ Galilê sao? Đương nhiên, ở đây, các quan đã tỏ ra sự ngu dốt của chính họ. Họ chưa hề đọc về tiên tri Giôna sao? Giôna đã ra từ Galilê.

7:53 Lễ Lều Tam giờ đây kết thúc. Đoàn dân trở về nhà riêng. Một số người đã gặp mặt đối mặt với Cứu Chúa và tín cậy Ngài. Nhưng đại đa số khước từ Ngài, và những lãnh đạo của dân Do Thái càng cương quyết diệt Ngài hơn bao giờ hết. Họ xem Ngài là mối đe dọa cho tôn giáo và nếp sống của họ.

F. Người Đàn Bà Bị Bất Quả Tang Phạm Tội Ngoại Tình (8:1-11)

8:1 Câu này gắn liền với câu cuối của đoạn 7. Có thể thấy rõ hơn mối liên kết khi kết hợp hai câu với nhau như sau: "Ai nấy đều trở về nhà mình, nhưng Chúa Jêsus lên trên núi Ôlive." Chúa đã thực sự phán: "Con cáo có hang chôn trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ gối đầu."

8:2 Núi Ôlive không xa đến thờ. Tàng sáng, Chúa Jêsus xuống núi, băng qua thung lũng Kêtrôn, đi lên lại vào thành phố, là nơi đến thờ toa lạc. Cả dân sự đều đến cùng Ngài, Ngài bèn ngồi dạy dỗ họ.

8:3 Các thầy thông giáo (là nhóm người sao chép và dạy Kinh Thánh) và người Pharisi đang lo gài bẫy để Chúa Jêsus nói sai hầu họ có cơ kết tội Ngài. Họ dẫn lại cho Ngài một người đàn bà bị bất quả tang đang phạm tội ngoại tình, để bà đứng giữa đám đông, chắc có lẽ đứng đối mặt với Chúa Jêsus.

8:4 Họ kết tội người đàn bà này phạm tội ngoại tình, và rõ ràng là lời kết tội đúng. Không có nguyên nhân gì nghi ngờ bà bị bất quả tang lúc đang phạm tội kinh khiếp này. Nhưng còn người đàn ông đâu? Thông thường trong đời sống, phụ nữ bị hình phạt trong khi người đàn ông cùng phạm đồng một tội ấy lại được thoát tội.

8:5 Mưu gài bẫy giờ đây đã lộ rõ. Họ muốn Chúa mâu thuẫn với luật pháp Môise. Nếu có thể thành công, thì họ có thể khiến đoàn dân chống Chúa Jêsus. Họ nhắc Chúa nhớ rằng Môise, có truyền trong luật pháp rằng người phạm tội ngoại tình phải bị ném đá cho chết. Với mục đích hiểm ác, người Pharisi mong Chúa không đồng ý, và vì vậy họ hỏi Chúa nói gì về vấn đề này. Họ nghĩ công lý và luật pháp của Môise đòi hỏi phải đem bà này ra làm gương. Đứng như Darby nói:

*Tâm lòng hai hoa của con người được vén đi và bản lương nết tìm được một người tồi tệ hơn mình: người ấy nghĩ nết lỗi lầm hơn của người kia sẽ bị phạt cho chính mình; và đang khi lên án và kích lựt đổ tội người kia, mình sẽ quên đi gian ác của chính mình. Vì vậy, người ấy vui mừng mong đổ tội.*²⁸

8:6 Họ không hề có lời buộc tội thật: nào để kết tội Chúa và đang có kiếm cơ. Họ biết nếu Chúa để cho người đàn bà đi, Ngài sẽ chống lại luật Môise và họ sẽ kiện Ngài tội không công bình. Mặt khác, nếu Ngài định tội bà phải chết, thì họ có thể dùng điều này chứng tỏ Ngài là kẻ thù của chính quyền Lamã, và họ cũng có thể

nói Ngài nhẫn tâm, không thương xót. **Chúa Jêsus cúi xuống, lấy ngón tay viết trên đất.** Dứt khoát không thể biết Chúa viết gì. Nhiều người khả tự tin cho rằng họ biết, nhưng sự kiện đơn giản của vấn đề này ấy là Kinh Thánh không nói cho chúng ta biết.

8:7 Đầy bất mãn, người Giuđa cứ đòi hỏi Chúa Jêsus phải trả lời. Chúa Jêsus chỉ nói rằng nên thực thi ân phạt của luật pháp, nhưng bản án phải do những người không phạm tội thực hiện. Như vậy, Chúa đã ủng hộ luật pháp Môisê. Ngài không nói nên tha bà này khỏi ân phạt của luật pháp. Nhưng điều Ngài làm chính là kiện mỗi một người về việc chính họ đã phạm tội. Những người muốn đoán xét người khác thì chính bản thân họ phải thanh sạch. Câu này thường được dùng để biện hộ cho tội lỗi. Thái độ biện hộ này là: chúng ta khỏi bị khiển trách vì cứ mọi người khác đều đã làm những chuyện sai quấy. Nhưng câu này không bào chữa cho tội lỗi. Trái lại, câu này lên án những người phạm tội cho dù họ chưa hề bị bắt quả tang.

8:8 Rồi Chúa lại cúi xuống cứ viết trên mặt đất. Đây là trường hợp duy nhất được ghi lại về việc Chúa Jêsus có viết, và những chữ Ngài viết đã bị xóa khỏi trán gian này từ lâu rồi.

8:9 Những người kiện người đàn bà kia bị lương tâm cáo trách. Họ không còn gì để nói nữa cả. Họ bắt đầu bỏ đi, lững người một. Họ thấy đều có tội, từ người lớn tuổi nhất đến trẻ tuổi nhất. Chúa còn lại đó một mình, với người đàn bà đứng bên cạnh.

8:10 Với ân điển tuyệt vời, Chúa Jêsus cho người đàn bà thấy mọi người kiện bà đã biến mất. Không còn thấy họ đâu nữa. Không người nào trong cả đám đông dám lên án bà.

8:11 Chữ "Chúa" ở đây chắc có nghĩa "tôn ông." Khi bà nói: "Lạy Chúa, không ai hết," Chúa đã phán những lời tuyệt diệu này: "Ta cũng không định tội người; hãy đi, đừng phạm tội nữa." Chúa không tuyên bố Ngài có thẩm quyền hình sự trên vấn đề như thế. Quyền này được giao cho chính quyền Lamá, và Ngài không đề động đến. Ngài không định tội cũng không tha tội cho bà. Đó không phải là chức năng của Ngài trong lúc này. Nhưng Ngài đã thực sự cảnh cáo bà nên kiêng phạm tội.

Trong đoạn đầu tiên của sách Giảng, chúng ta biết "ân điển và lễ thật bởi Đức Chúa Jêsus Christ mà đến." Đây là ví dụ về điều đó. Qua những chữ "ta cũng không định tội người," chúng ta có tấm gương về ân điển: những chữ "hãy đi, đừng phạm tội nữa" là những lời của lễ thật. Chúa không phán: "Hãy đi, phạm tội càng ít càng tốt." Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời, và tiêu chuẩn của Ngài là tuyệt đối trọn vẹn. Ngài không thể chấp nhận tội lỗi ở bất kỳ mức độ nào. Và vì vậy Ngài đặt trước mặt bà tiêu chuẩn trọn vẹn của chính Đức Chúa Trời.²⁹

G. Chúa Jêsus, Sự Sang Của Thế Gian (8:12-20)

8:12 Khung cảnh giờ đây chuyển sang kho của đền thờ (xem câu 20). Đám dân đông vẫn đang theo Ngài,

Ngài quay sang họ và phán một trong những lời tuyên bố trọng đại về tư cách Đấng Mesi của Ngài. Ngài phán: **"Ta là sự sáng của thế gian."** Là tự nhiên, thế gian ở trong bóng tối tội lỗi, ngu dốt và vô mục đích. Sự sáng của thế gian là Chúa Jêsus. Không có Ngài thì không có sự giải cứu khỏi sự đen tối của tội lỗi. Không có Ngài, thì không có sự dẫn dắt trên đường sự sống, không có hiểu biết về ý nghĩa nội tại của sự sống và các vấn đề của cõi đời đời. Chúa Jêsus hứa ai theo Ngài sẽ không đi trong nơi tối tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống.

Theo Chúa Jêsus có nghĩa tin nơi Ngài. Nhiều người nghĩ lầm họ có thể sống đúng như cách Chúa Jêsus đã sống mà không cần được tái sanh. Theo Chúa Jêsus có nghĩa đến với Ngài trong sự ân hận, tin cậy Ngài là Chúa và Cứu Chúa, rồi phó thác trọn đời sống mình cho Ngài. Những ai làm như vậy thì có sự dẫn dắt trong đời sống, có hy vọng rõ ràng và tươi sáng ở bên kia mộ mã.

8:13 Giờ đây, người Pharisai thách thức Chúa Jêsus về mặt pháp lý. Họ nhắc Ngài đang làm chứng về chính mình. Lời chứng về chính mình không được kể là thỏa đáng vì người bình thường bị thiên kiến. Người Pharisai không ngăn ngại nghi ngờ lời Chúa Jêsus. Thật ra, họ nghi những lời của Ngài không hề đúng chỉ cả.

8:14 Chúa công nhận thông thường cần phải có hai hoặc ba nhân chứng. Nhưng trong trường hợp của Ngài, lời chứng của Ngài là tuyệt đối chân thật vì Ngài là Đức Chúa Trời. Ngài biết Ngài đến từ trời và sẽ trở về

trời. Nhưng họ không biết Ngài đã đến từ đâu và sẽ đi đâu. Họ nghĩ Ngài chỉ là một người giống như họ, và không chịu tin Ngài là Đức Chúa Con đời đời, bình đẳng với Đức Chúa Cha.

8:15 Người Pharisai đoán xét người khác theo vẻ bề ngoài và theo những tiêu chuẩn hoàn toàn của con người. Họ nhìn xem Chúa Jêsus như Người thợ mộc ở Naxarét và chưa bao giờ thôi nghĩ Ngài khác với những con người đã từng sống. Chúa Jêsus phản rằng Ngài không xét đoán người nào hết. Có thể câu này muốn nói Ngài không đoán xét con người theo tiêu chuẩn thế gian, giống như cách của người Pharisai. Hoặc chắc câu này nói mục đích Ngài đến thế gian không phải để đoán xét người ta nhưng để cứu họ.

8:16 Nếu Chúa xét đoán, sự đoán xét của Ngài là công bình và đúng với lẽ thật. Ngài là Đức Chúa Trời, và mọi việc Ngài làm thì đều làm chung với Đức Chúa Cha là Đấng đã sai Ngài đến. Chúa Jêsus liên tiếp nhấn mạnh với người Pharisai về sự hiệp một của Ngài với Đức Chúa Cha. Chính điều này đã khơi dậy sự thù địch cay đắng nhất trong lòng họ đối với Ngài.

8:17,18 Chúa công nhận rằng luật pháp Môise đòi hỏi lời làm chứng của hai nhân chứng. Ngài không hề nói điều gì để phủ nhận sự kiện đó cả. Nếu họ kháng kháng đòi hai nhân chứng, thì không khó gì cho Ngài cung cấp hai nhân chứng. Trước hết, Ngài làm chứng về chính Ngài bởi đời sống vô tội của Ngài và bởi những lời ra từ miệng Ngài. Thứ nhì, Đức Chúa

Cha làm chứng cho Chúa Jesus bởi những lời tuyên bố công khai từ Thiên đàng và bởi các phép lạ mà Cha đã cho Chúa thực hiện. Đấng Christ làm ứng nghiệm các lời tiên tri của Cựu Ước về Đấng Məsi, thế nhưng khi đối diện với bằng chứng mạnh mẽ này, các lãnh đạo Do Thái vẫn không chịu tin.

8:19 Rồi rằng, câu tiếp theo của người Pharisi nhằm giễu cợt. Có lẽ họ vừa nhìn quanh đám đông vừa hỏi: **"Cha của thầy ở đâu?"** Chúa Jesus **đáp lại** bằng cách cho họ biết rằng nếu họ **không** nhận biết Ngài thật sự là ai, thì sẽ cũng chẳng biết **Cha** Ngài. Dĩ nhiên, chắc họ đã kịch liệt không chịu nhận mình không biết Đức Chúa Trời như thế. Nhưng sự thật là vậy. Nếu tiếp nhận Chúa Jesus, ắt họ **cũng** sẽ **biết** Cha Ngài. Nhưng không ai có thể biết Đức Chúa Cha ngoại trừ qua Đức Chúa Jesus Christ. Như vậy, sự chối bỏ Cứu Chúa của họ khiến họ không thể thành thật tuyên bố đã biết và đã yêu mến Đức Chúa Trời.

8:20 Ở đây, chúng ta biết khung cảnh những câu trước là nơi **Kho** của **đền thờ**. Một lần nữa, Chúa Jesus được Đức Chúa Trời bảo vệ, và **không** ai có thể **tra tay trên Ngài** để bắt hay giết Ngài. **Giờ** Ngài **chưa** đến. **"Giờ** Ngài" nói đến thời điểm Ngài sẽ bị đóng đinh tại Gôgôtha để chịu chết thay tội lỗi của thế gian.

H. Cuộc Tranh Luận Của Người Giuđa Với Chúa Jesus (8:21-59)

8:21 Một lần nữa, Chúa Jesus cho thấy sự hiểu biết trọn vẹn về tương lai. Ngài phán với những kẻ phê bình

Ngài rằng Ngài sẽ **đi xa** - không những nói đến sự chết và chôn của Ngài, nhưng còn nói đến sự sống lại và thăng thiên của Ngài nữa. Dân Do Thái sẽ tiếp tục **tìm kiếm** Đấng Məsi mà không nhận thấy Ngài đã viếng thăm họ rồi còn họ đã chối bỏ Ngài rồi. Vì cứ chối bỏ, họ sẽ **chết trong tội lỗi** họ ("tội lỗi" ở số ít trong tiếng Hy Lạp và trong bản NKJV). Điều này có nghĩa họ sẽ mãi mãi bị ngăn cản vào Thiên đàng, là nơi Chúa sẽ đến. Đây là sự thật nghiêm trọng biết bao! Những ai không chịu tiếp nhận Chúa Jesus thì không còn hy vọng nào về Thiên đàng nữa. Thật kinh khiếp biết bao khi chết trong tội lỗi mình mà không có Đức Chúa Trời, không có Đấng Christ, không có hy vọng mãi đến đời đời!

8:22 Người Giuđa không hiểu Chúa Jesus nói về việc Ngài trở về trời. Ngài muốn nói gì khi bảo "đi"? Phải chăng Ngài muốn nói Ngài sẽ tự tử để thoát khỏi âm mưu của họ muốn giết Ngài? Thật kỳ lạ nếu họ nghĩ thế này. Nếu Ngài **tự tử**, sẽ chẳng có điều gì ngăn cản họ bắt chước Ngài tự tử để theo Ngài vào sự chết. Nhưng đây là một ví dụ khác nữa về sự tối tăm của lòng vô tín. Dường như thật lạ lùng khi họ có thể chậm hiểu và ngu dốt đến như thế trước những lời Cứu Chúa đang phán!

8:23 Rồi rằng, khi nghĩ đến câu nói đại đột của họ để chỉ về sự tự tử, Chúa bảo họ **bởi dưới** mà cò. Điều này có nghĩa họ có quan điểm rất thấp kém về sự việc. Họ không thể vươn lên trên những sự việc theo nghĩa đen

của thời gian và giác quan. Họ không có trí hiểu thuộc linh. Trái lại, Đấng Christ đến từ trên. Những tư tưởng, lời nói và việc làm của Ngài đều từ trời mà đến. Mọi việc họ làm đều mang dấu vết của thế gian này, còn toàn bộ đời sống Ngài cho biết Ngài đã đến từ vùng đất thanh sạch hơn thế gian này.

8:24 Chúa Jêsus thường dùng phép lập lại để nhấn mạnh. Ở đây, Ngài long trọng cảnh cáo lần nữa rằng họ sẽ **chết trong tội lỗi** của họ. Nếu cứ mãi không chịu tin Ngài, họ không còn cách nào khác. Ngoài Chúa Jêsus không còn con đường nào khác để được tha tội, và những người chết với **tội lỗi** chưa được tha thì không thể bước vào Thiên đàng. Chữ "Đấng đó" của câu này không có trong nguyên bản, dấu vậy có lẽ vẫn hàm ý đến chữ ấy. Nguyên văn câu này như sau: "**Nếu các người chẳng tin Ta là, thì chắc các người sẽ chết trong tội lỗi các người.**" Chúng ta thấy nơi những chữ "**Ta là**" có lời tuyên bố khác nữa của chính Chúa Jêsus về thân thánh Ngài.

8:25 Người Giuda hoàn toàn rời trí trước lời dạy của Chúa Jêsus. Họ hỏi Ngài thật gay gắt xem Ngài là ai. Có lẽ họ muốn nói mỉa mỉa, dường như bảo: "Người tương người là ai kia chứ, mà dám nói với chúng ta như vậy?" Họ có lẽ họ thật sự muốn nghe Chúa Jêsus sẽ nói gì về chính Ngài. Câu trả lời của Ngài thật đáng lưu ý: "**Như lời ta đã nói với các người từ ban đầu.**" Ngài là Đấng Mêsi đã hứa ban. Người Giuda đã nghe Ngài nói rất thường xuyên, nhưng tâm lòng cố chấp của

họ không chịu sắp mình trước chân lý này. Nhưng câu trả lời của Ngài còn mang một nghĩa khác nữa. Chúa Jêsus đã là chính xác những điều Ngài rao giảng. Ngài không nói một đàng làm một nẻo. Ngài là hiện thân hằng sống của mọi điều Ngài dạy. Đời sống Ngài đúng theo lời dạy của Ngài.

8:26 Nghĩa của câu 26 không rõ ràng. Dường như Chúa đang bảo rằng còn **nhiều điều** khác nữa để Ngài có thể nói và đoán xét về những người Giuda vô tín này. Ngài có thể phơi trần những tư tưởng và động cơ gian ác trong lòng họ. Tuy nhiên, Ngài vắng lời để chỉ nói những điều nào Cha giao cho Ngài nói. Và vì Đức Chúa Cha là **thật**, nên Ngài xứng đáng để người ta tin và lắng nghe.

8:27 Đến đây, người Giuda không hiểu Ngài đang phân với họ về Đức Chúa Cha. Dường như suốt cả lúc này, lý trí họ càng lúc càng bị che mờ. Trước đó khi Chúa Jêsus tuyên bố Ngài là Con Đức Chúa Trời, họ đã nhận ra Ngài đang tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Cha. Nhưng rồi họ chẳng còn được tỉnh táo như thế nữa.

8:28 Một lần nữa, Chúa Jêsus nói tiên tri những điều sắp xảy đến. Trước hết, người Giuda sẽ treo Con Người lên. Câu này nói đến sự chết của Ngài bởi bị đóng đinh trên thập tự giá. Sau khi làm như vậy, họ sẽ **biết** rằng Ngài là Đấng Mêsi. Họ sẽ biết điều đó bởi cơn động đất và bởi trời tối tăm, nhưng trên hết, là bởi sự sống lại của chính thân thể Ngài từ kẻ chết. Để ý kỹ những lời của Chúa: "**Bây giờ các người sẽ biết Ta là.**" Một lần nữa ở đây, chữ "ai" không có

trong nguyên văn. Ý nghĩa sâu xa hơn là: "Bấy giờ các người sẽ biết ta là Đức Chúa Trời." Bấy giờ họ sẽ hiểu Ngài không tự làm việc gì, tức là không làm việc bởi thẩm quyền riêng của Ngài. Trái lại, Ngài vào thế gian với tư cách Đấng lệ thuộc, chỉ nói những điều nào mà Đức Chúa Cha đã dạy Ngài nói.

8:29,30 Mỗi quan hệ của Chúa với Đức Chúa Cha rất mật thiết. Mỗi một cụm từ này đều là lời tuyên bố bình đẳng với Đức Chúa Trời. Trong suốt chức vụ tại thế của Ngài, Đức Chúa Cha đã ở với Ngài. Không có lúc nào Chúa Jêsus bị bỏ một mình. Ngài luôn luôn làm mọi việc nào đẹp lòng Đức Chúa Trời. Những từ ngữ này chỉ có thể nói ra bởi một Đấng vô tội. Không ai bởi loài người sanh ra lại có thể thật sự nói được những lời này: "Ta hằng làm sự đẹp lòng Ngài." Chúng ta quá thường xuyên làm những điều đẹp lòng chính mình. Đôi khi chúng ta được thôi thúc để làm đẹp lòng con người đồng loại. Chỉ một mình Chúa Jêsus hoàn toàn khao khát làm những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Khi Chúa phán những lời kỳ diệu này, Ngài thấy nhiều người xưng mình tin nơi Ngài. Rõ ràng một số đã thành thật tin Ngài. Những người khác có lẽ chỉ được thúc giục để phục vụ Chúa trên môi miệng.

8:31 Rồi Chúa Jêsus phân biệt giữa những người là môn đồ với những người thật là môn đồ. Môn đồ là bất kỳ ai xưng mình là người học hỏi, nhưng "thật là môn đồ" là người đã dứt khoát phó thác chính mình cho Chúa Jêsus Christ. Nhưng ai là tín hữu thật thì có đặc trưng này: họ **hằng ở**

trong đạo Ngài. Câu này có nghĩa họ cứ tiếp tục ở trong những sự dạy dỗ của Đấng Christ. Họ không quay khỏi Ngài. Đức tin thật luôn mang phẩm chất bền vững. Không phải họ được cứu vì ở trong đạo Ngài, nhưng họ ở trong đạo Ngài vì họ đã được cứu.

8:32 Đây là lời hứa cho mọi môn đồ thật rằng họ sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông tha họ. Người Giuđa đã không biết lẽ thật, và họ ở trong hình thức khủng khiếp của ách nô lệ. Họ ở trong ách nô lệ cho ngu dốt, sai lầm, tội lỗi, luật pháp và mê tín. Ai thật sự biết Chúa Jêsus thì được giải thoát khỏi tội lỗi, bước đi trong sự sáng, và được Thánh Linh Đức Chúa Trời dẫn dắt.

8:33 Một số người Giuđa đang đứng gần đó nghe Chúa Jêsus nói đến việc được buông tha. Họ nổi giận tức khặc. Họ đã khoe khoang về dòng dõi từ Ápraham, và nói họ chưa hề làm lỗi mọi ai. Nhưng nói vậy là không đúng. Ysraên đã ở trong ách nô lệ cho Êđiptô, Assyri, Babylon, Batur, Hy Lạp, và giờ đây nô lệ cho Lamã. Nhưng còn tệ hơn thế nữa, thậm chí ngay cả lúc họ đang nói với Chúa Jêsus, họ vẫn đang ở trong ách nô lệ cho tội lỗi và cho Satan.

8:34 Rõ ràng Chúa đang nói về ách nô lệ cho tội lỗi. Ngài nhắc thỉnh giả Giuđa của Ngài nhớ rằng ai phạm tội lỗi là tội mọi của tội lỗi. Những người Giuđa này giả vờ rất mộ đạo, nhưng sự thật họ là những người không ngay thẳng, bất kính, và sắp trở thành những kẻ sát nhân vì tầm nhìn đến lúc này họ vẫn đang ăn mưu giết chết: Con Đức Chúa Trời.

8:35 Tiếp theo, Chúa Jêsus so sánh địa vị tương đối ở **trong nhà** của **một nô lệ** với **một người con**. **Nô lệ** không hề có sự bảo đảm nào cho họ được ở đó mãi mãi; còn **con** thì được thoải mái ở trong nhà. **Bất luận** chữ “con” này áp dụng cho Con Đức Chúa Trời hay áp dụng cho những người trở nên con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin đến Đấng Christ, rõ ràng Chúa Jêsus vẫn đang nói cho những người Giuđa biết họ không phải là con, nhưng là những nô lệ và có thể bị đuổi ra ngoài bất cứ lúc nào.

8:36 Rõ ràng chữ “con” trong câu này nói đến chính Đấng Christ. Những người được Ngài **buông tha** thì **thật được tự do**. Điều này có nghĩa khi một người đến với Cứu Chúa và nhận lấy sự sống đời đời từ nơi Ngài, người ấy được giải thoát khỏi ách nô lệ cho tội lỗi, chủ nghĩa duy luật pháp, mê tín và thói tục của ma quỷ.

8:37 Chúa công nhân theo phá hệ thuộc thế, những người Giuđa này là **đồng đội Ápraham** (nguyên văn là “hạt giống”). Rõ ràng họ không phải đồng đội *thuộc linh* của Ápraham. Họ không phải là những người tin kính như Ápraham. Họ tìm cách **giết** Chúa Jêsus vì những lời dạy của Ngài không có **chỗ** trong lòng họ. Điều này có nghĩa họ không để cho lời của Đấng Christ ảnh hưởng đến đời sống họ. Họ chống cự những đạo lý của Ngài và không chịu đầu phục Ngài.

8:38 Những điều Chúa dạy họ là những điều Ngài được **Cha** giao trọng trách rao báo ra. Ngài và Cha Ngài hiệp một hoàn toàn đến nói những lời

Ngài phán ra chính là lời của Đức Chúa Cha. Chúa Jêsus đại diện hoàn hảo cho Cha Ngài đang khi ở trên đất này. Trái lại, người Giuđa làm những việc mà họ đã học hỏi từ **cha họ**. Chúa Jêsus không có ý nói đến người cha theo nghĩa đen trên trần gian này của họ, nhưng đúng hơn Ngài nói đến *ma quỷ*.

8:39 Một lần nữa, người Giuđa tuyên bố là con của **Ápraham**. Họ khoe khoang **Ápraham** là **cha** họ. Tuy nhiên, Chúa Jêsus nói rõ rằng **dấu họ là đồng đội [hạt giống] của Ápraham** (câu 37), họ vẫn không phải là con của ông. Thường thường, con cái có dáng vẻ, bước đi, nói chuyện giống như cha mẹ chúng. Nhưng đối với những người Do Thái này thì không như vậy. Đời sống của họ trái ngược với đời sống của Ápraham. **Dấu** là đồng đội của Ápraham theo xác thịt, thế nhưng về đạo đức, họ là con cái của ma quỷ.

8:40 Chúa tiếp tục nêu ví dụ rất rõ về khác biệt giữa họ và Ápraham. Chúa Jêsus đã vào thế gian, không hề nói điều gì khác hơn **chân lý** cho họ. Họ bị vấp phạm và vấp ngã vì cơ sự dạy dỗ của Ngài, nên cố tìm cách **giết** Ngài. **Ápraham chưa hề làm điều đó**. Ông đã đứng về phía lẽ thật và sự công bình.

8:41 Như vậy biết rất rõ cha họ là ai bởi cơ họ hành động giống như cha của họ. Họ đã làm **công việc của cha** họ, tức là ma quỷ. Có lẽ người Giuđa đang lên án Chúa là **con ngoại** linh. Nhưng rất nhiều người nghiên cứu Kinh Thánh thấy những chữ **ngoại**

linh nói đến sự thờ lạy hình tượng. Người Giuđa đang nói họ chưa hề phạm tội ngoại tình thuộc linh. Họ luôn luôn trung tín với Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng duy nhất mà họ từng công nhận là **Cha** của họ.

8:42 Chúa chứng tỏ họ tuyên bố sai bằng cách nhắc nếu yêu mến Đức Chúa Trời, họ sẽ yêu mến Ngài là Đấng Đức Chúa Trời đã sai đến. Thật rõ ràng khi tuyên bố mình yêu mến Đức Chúa Trời nhưng đồng thời lại ghét Chúa Jêsus Christ. Chúa Jêsus tuyên bố Ngài bởi Đức Chúa Trời mà ra. Điều này có nghĩa Ngài là Con được sinh ra đời đời của Đức Chúa Trời. Không có một thời điểm cụ thể nào để tại đó Ngài được sanh ra để làm Con Đức Chúa Trời, nhưng mối quan hệ này của Con với Cha đã hiện hữu từ suốt cõi đời đời. Ngài cũng nhắc họ nhớ Ngài là Đức Chúa Trời mà đến. Hiển nhiên, ở đây Ngài đang nói về sự tiến hiện hữu của Ngài. Ngài ở trên trời với Đức Chúa Cha từ lâu trước khi Ngài từng hiện ra trên trần gian này. Nhưng Đức Chúa Cha đã sai Ngài vào thế gian để làm Cứu Chúa thế gian, và vì vậy Ngài đến với tư cách Đấng vàng phục.

8:43 Có sự khác biệt trong câu 43 giữa chữ **lời** và **đạo**. **Đạo** của Đấng Christ nói đến những điều Ngài đã dạy. **Lời** của Ngài nói đến những lời Ngài dùng diễn tả các chân lý của Ngài. Họ không hiểu nổi ngay cả những lời nói của Ngài. Khi nói về bánh, họ chỉ nghĩ đến bánh theo nghĩa đen. Khi Ngài nói về nước, họ không hề liên kết câu ấy với nước thuộc linh. Vì sao họ không thể hiểu

được lời nói của Ngài? Chính vì không chịu nhận những lời dạy của Ngài.

8:44 Giờ đây Chúa Jêsus bắt đầu nói công khai cho họ biết **ma quỷ** là **cha** của họ. Điều này không có nghĩa họ được sanh ra bởi ma quỷ giống như cách tin hữu được sanh ra bởi Đức Chúa Trời. Đùng bơn, - như Augustine đã nói - câu này có nghĩa họ là con cái của ma quỷ *bởi sự bất chước*. Họ đã tỏ ra mối quan hệ của mình với ma quỷ bằng cách bất chước lối sống của ma quỷ. "**Các người muốn làm nên sự ưa muốn của cha mình**" diễn tả ý định hay khuynh hướng trong lòng họ.

Ma quỷ là **kẻ giết người từ lúc ban đầu**. Nó đem sự chết đến cho Adam và toàn nhân loại. Không những là **kẻ giết người**, ma quỷ còn là **kẻ nói dối** nữa. Nó **chẳng bền giữ được lẽ thật** vì không có **lẽ thật** trong nó đâu. Khi nó nói dối, nó chỉ đơn giản là nói ra từ **lánh riêng** mình. Những lời nói dối hình thành từ chính sự hiện hữu của nó. Nó là **kẻ nói dối và là cha** của sự nói dối. Người Do Thái bất chước ma quỷ theo hai cách này. Họ là kẻ sát nhân vì lòng họ có ý định giết Con Đức Chúa Trời. Họ là kẻ nói dối vì nói Đức Chúa Trời là Cha của họ. Họ giả vờ làm những con người tin kính và thiêng liêng, nhưng đời sống của họ là gian ác.

8:45 Những ai huông mình nói dối thì dường như đánh mất khả năng phân biệt lẽ thật. Chúa Jêsus đang đứng trước mặt những người này đây, và Ngài luôn luôn nói **ta lẽ thật**. Thế nhưng họ không tin Ngài. Câu này cho thấy đặc tính thật của họ là gian ác. Lenski nói rất hay:

*Khu gộp phải châu N. tâm trí bại hoại tìm kiếm lời chống đối; khi gặp những điều khác với chân lý áx, tâm trí ấy nhìn xem và tìm mọi nguyên nhân để chấp nhận sự khác nhau nay.*³⁰

8:46 Chỉ một mình Đấng Christ, là Con vô tội của Đức Chúa Trời, mới thực sự nói được những lời thế này. Trong thế gian không ai có thể kiện Ngài về một tội lỗi nào. Trong bản tánh của Ngài không có khiếm khuyết nào. Ngài trọn vẹn trong mọi đường lối Ngài. Ngài chỉ nói ra những lời của lẽ thật, thế nhưng họ không chịu tin Ngài.

8:47 Nếu thật sự yêu mến Đức Chúa Trời, con người sẽ nghe và vâng lời Đức Chúa Trời. Người Giuđa bởi sự chống đối sự đẹp của Cứu Chúa đã chứng tỏ họ không thật sự thuộc về Đức Chúa Trời. Từ câu 47 thấy rõ Chúa Jêsus tuyên bố Ngài nói ra chính lời của Đức Chúa Trời. Không thể nào hiểu lầm được điều này.

8:48 Một lần nữa, người Giuđa dùng đến lời nói lang ma, vì họ tuyệt nhiên không đáp lại được lời của Chúa Jêsus. Khi gọi Ngài là người Samari, họ đã nhấn tâm dùng lối nói gièm pha chủng tộc. Dường như thế họ bảo rằng Ngài không phải là người Do Thái thuần chủng, nhưng là kẻ thù của Ysraên. Họ cũng khiến Ngài bị quỷ ám. Với câu nói này, từ rằng họ muốn nói Ngài điên. Đối với họ, chỉ có những người điên mới tuyên bố những lời Chúa Jêsus vừa nói.

8:49 Lưu ý phương cách ôn hòa mà Chúa đáp lời kẻ thù Ngài. Lời dạy của Ngài không phải là lời nói của kẻ

bị quỷ ám, nhưng trái lại là lời của Đấng tìm cách lớn kính Đức Chúa Cha. Chính vì cơ ấy mà họ đang làm nhục Ngài. Không phải vì Ngài điên, nhưng vì Ngài hoàn toàn lo cho lợi ích của Cha Ngài trên trời.

8:50 Đàng ra họ phải biết Ngài không hề tìm vinh hiển cho riêng mình. Mọi việc Ngài làm đều được tính toán kỹ để đem vinh hiển đến cho Cha Ngài. Dầu Ngài kết tội họ đang làm nhục Ngài, điều này không có nghĩa Ngài đang tìm kiếm vinh hiển cho riêng Ngài. Rồi Chúa nói thêm: "Có một Đấng làm và đoán xét." đương nhiên, "Đấng" này chỉ về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha sẽ tìm vinh hiển cho Con yêu dấu của Ngài, và sẽ đoán xét mọi người nào không chịu dâng vinh hiển này cho Ngài.

8:51 Một lần nữa, chúng ta có một trong những câu nói oai nghiêm của Chúa Jêsus, những lời mà chỉ Đấng vốn là chính Đức Chúa Trời mới có thể nói ra. Những lời này được giới thiệu bởi cụm từ nhấn mạnh quen thuộc: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi." Chúa Jêsus hứa rằng ai giữ lời Ngài thì sẽ chẳng thấy sự chết bao giờ. Câu này không thể nói đến sự chết thuộc thế vì nhiều người tin nơi Chúa Jêsus chết mỗi ngày. Câu này nói đến sự chết thuộc linh. Chúa đang phán rằng những người tin Ngài thì được giải thoát khỏi sự chết đời đời và sẽ không hề chịu những nỗi đau đớn của địa ngục.

8:52 Giờ đây, hơn bao giờ hết, người Giuđa lại càng tin Chúa Jêsus bị "điên." Họ nhắc Ngài rằng **Ápraham**

và các **đấng tiên tri** thấy đều đã **chết**. Thế nhưng Ngài nói nếu ai giữ lời Ngài sẽ **chẳng hề chết**. Làm sao dung hóa những sự kiện này?

8:53 Họ nhận ra Chúa thật sự đang tuyên bố Ngài **cao trọng hơn** Ápraham cha họ và các **đấng tiên tri**. Ápraham chưa hề cứu ai khỏi chết, và ông cũng không thể giải cứu chính mình khỏi chết. Các tiên tri cũng vậy. Thế nhưng ở đây có Đấng tuyên bố có thể giải cứu con người đồng loại của Đấng ấy khỏi sự chết. Đấng này chắc chắn phải xem mình là **trọng hơn** các tổ phụ.

8:54 Người Giuđa nghĩ Chúa Jêsus đang tìm cách thu hút sự chú ý về chính mình Ngài. **Chúa Jêsus** nhắc họ sự việc không phải như vậy. Chính **Đức Chúa Cha** là Đấng đang làm vinh hiển Ngài, Cha là chính **Đức Chúa Trời** mà họ xưng là mình yếu mền và phục vụ.

8:55 Người Giuđa nói Đức Chúa Trời là Cha họ, nhưng thực ra họ không biết Ngài. Thế nhưng ở đây họ đang nói chuyện với Đấng **đã** thực sự **biết** Đức Chúa Cha, Đấng **hình ảnh** với Cha. Họ muốn Chúa Jêsus phủ nhận sự bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Cha, nhưng Ngài phản nếu Ngài phủ nhận, Ngài sẽ trở thành người **nổi** **đổi**. Ngài đã biết Đức Chúa Cha và đã **vâng theo** lời Cha.

8:56 Vì người Giuđa không kháng đưa Ápraham vào cuộc tranh cãi, nên Chúa nhắc họ nhớ Ápraham đã **nức lòng** hướng đến ngày của Đấng Mêsê, và ông đã thật sự **nhìn thấy** ngày ấy bởi đức tin, và **mừng rỡ**. Chúa Jêsus đang nói *Ngài* chính là Đấng mà

Ápraham đang trông mong. Đức tin của Ápraham đặt nơi sự **hiện đến** của Đấng Christ.

Ápraham đã nhìn thấy ngày của Đấng Christ khi nào? Có lẽ lúc ông đưa Ysác lên núi Môrla để dâng làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời. Toàn bộ vở kịch sự chết và phục sinh của Đấng Mêsê đã được diễn ra tại thời điểm đó, và có thể Ápraham đã nhìn thấy bởi đức tin. Vì vậy, Chúa Jêsus tuyên bố Ngài là sự ứng nghiệm mọi lời tiên tri của Cựu Ước về Đấng Mêsê.

8:57 Một lần nữa, **người Giuđa** tỏ ra không thể hiểu chân lý thiên thượng. Chúa Jêsus phán: "Ápraham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta," nhưng họ trả lời dường như thể Ngài nói Ngài đã nhìn thấy Ápraham. Có sự khác biệt lớn ở đây. Chúa Jêsus tuyên bố Ngài có địa vị cao trọng hơn Ápraham. Ngài là **Đối Tượng** cho suy nghĩ và hy vọng của Ápraham. Ápraham đã bởi đức tin nhìn hướng tới ngày của Đấng Christ.

Người Giuđa không hiểu được điều này. Họ lý luận Chúa Jêsus vẫn **chưa đầy năm mươi tuổi**. (Thực ra lúc này, Ngài chỉ khoảng ba mươi ba tuổi.) Làm sao Ngài có thể **thấy** **Ápraham** được?

8:58 Ở đây, Chúa Jêsus tuyên bố rõ ràng thêm một lần nữa rằng Ngài là Đức Chúa Trời. Ngài không nói: "**Trước khi** chưa có Ápraham, ta /a" (Before Abraham was, I was) (Bản Việt ngữ dịch là: "đã có ta"). Có lẽ điều này chỉ đơn giản có nghĩa Ngài hiện hữu trước Ápraham thôi. Trả lại.

Chúa dùng chính Danh Xưng của Đức Chúa Trời: **TA LÀ (I AM)**. Chúa Jêsus đã ở với Đức Chúa Cha từ cả đời đời. Chưa hề có thời điểm Ngài mới xuất hiện, hay có lúc nào Ngài không hiện hữu. Do đó Ngài phán: "Trước khi chưa có Ábraham, **TA LÀ Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU.**" (*Before Abraham was, I AM*).

8:59 Người Do Thái lập tức toan giết Chúa Jêsus, nhưng Chúa Jêsus đi lên trong chúng, ra khỏi đền thờ. Người Giuđa hiểu chính xác Chúa Jêsus muốn nói gì khi bảo: "Trước khi chưa có Ábraham, **LUÔN CÓ TA**" (bản Việt Ngữ dịch là "đã có ta" nên chưa thể hiện đầy đủ được cách dùng thì và nghĩa của câu này. "TA LÀ" "I AM" có nghĩa là "TA LUÔN HẸN HỮU," "Ta đang sống," "Ta là Đấng tự hữu hằng hữu"). Ngài đang tuyên bố Ngài là Giêhôva! Chính vì vậy mà họ tìm cách ném đá Ngài, vì đối với họ, đây là lời lộng ngôn. Họ không chịu chấp nhận sự kiện Đấng Mêsi đang đứng giữa vòng họ. Họ sẽ không chịu để Ngài cai trị trên họ!

1. Phép lạ Thứ Sáu: Chúa lành Người mù từ Thuở Sinh Ra (9:1-12)

9:1 Có lẽ trường hợp này xảy ra khi Chúa Jêsus đang rời khu vực đền thờ, hoặc có lẽ đã xảy ra vào lúc nào đó sau những sự kiện của đoạn 8. Kinh Thánh ghi lại rằng người này bị mù từ lúc sinh ra để cho thấy tình trạng tuyệt vọng của ông và điều kỳ diệu của phép lạ chữa sáng mắt cho ông.

9:2 Các môn đồ hỏi nhau một câu hỏi khá kỳ lạ. Họ hỏi xem bệnh mù

này là do tội lỗi của người hay của cha mẹ người. Làm sao bệnh mù này do tội lỗi của chính người trong khi vừa *sinh ra* đã bị mù rồi? Phải chăng họ tin nơi một hình thức nào đó của sự đẩu thai, tức niềm tin cho rằng linh hồn người chết quay trở về trần gian trong thân thể mới? Hay họ cho rằng có lẽ người này bị mù từ thuở sinh ra vì những tội lỗi mà Đức Chúa Trời đã biết người sẽ phạm sau khi sinh ra? Rõ ràng họ nghĩ bệnh mù liên hệ trực tiếp đến tội lỗi trong gia đình. Chúng ta biết cũng không bắt buộc phải như vậy. Đẩu mọi bệnh tật, hoạn nạn và sự chết vào trần gian bởi nguyên nhân tối hậu là kết quả tội lỗi, nhưng không phải mọi trường hợp chịu khổ đều vì có những tội lỗi họ đã phạm.

9:3 Chúa Jêsus không có ý bảo người này không phạm tội, hay cha mẹ người chưa hề phạm tội. Đúng hơn, Ngài muốn nói rằng bệnh mù không phải kết quả trực tiếp của tội lỗi trong đời sống họ. Đức Chúa Trời cho phép người này mù từ thuở sinh ra để người này trở thành phước tiện bày tỏ những việc làm quyền năng của Đức Chúa Trời. Trước khi người mù sinh ra, Chúa Jêsus đã biết Ngài sẽ chữa cho đôi mắt mù ấy được sáng lại.

9:4 Cứu Chúa biết: Ngài có khoảng ba năm thì hành chức vụ công khai trước khi bị đóng đinh. Mọi khoảnh khắc trong thời gian đó phải được dùng để làm công việc của Đức Chúa Trời. Đây là người bị mù từ lúc mới sinh. Chúa Jêsus phải làm phép lạ chữa lành người mù hôm ấy là ngày Sabát. Thời gian thì hành chức vụ

công khai của Ngài sắp hết, và Ngài không còn ở trên đất này nữa. Đây là lời nhắc nhở nghiêm khắc cho mọi Cơ Đốc nhân biết ban ngày của cuộc đời đang trôi qua nhanh chóng, và đêm sẽ đến, là lúc sự phục vụ trên đất của chúng ta sẽ kết thúc vĩnh viễn. Do đó, chúng ta nên dùng thì giờ đã ban cho chúng ta để phục vụ Chúa cách đẹp lòng Ngài.

9:5 Khi Chúa Jêsus ở trong thế gian với tư cách Con người, Ngài là sự sáng của thế gian cách hết sức trực tiếp và đặc biệt. Khi Ngài đi đây đó thì ban phép lạ và dạy dỗ chúng, họ nhìn thấy sự sáng của thế gian ngay trước mắt. Chúa Jêsus hiện vốn là Sự Sáng của thế gian, và mọi người nào đến với Ngài được Ngài hứa rằng họ không đi trong nơi tối tăm. Tuy nhiên, trong câu này, Chúa đang nói cụ thể đến chức vụ công khai của Ngài trên đất.

9:6 Chúng ta không biết vì sao Chúa trợn nước miếng với đùn rồi xoa lên mắt người mù. Có người gợi ý người mù này không còn trông mắt nên đơn giản là Chúa Jêsus tạo nên đôi trông mắt, để ông có trông mắt. Người khác cho rằng khi chữa lành mắt cho người mù, Chúa thường dùng những phương pháp vốn bị xem thường trong con mắt thế gian. Ngài dùng những sự yếu và tâm thương để làm thành những mục đích Ngài. Ngay cả ngày nay, khi ban sự sáng cho kẻ mù thuộc linh, Đức Chúa Trời vẫn dùng những người nam và nữ được làm nên từ bụi đất của thế gian.

9:7 Chúa muốn khơi dậy đức tin của người mù bằng cách bảo người đi

và rửa tại ao Silôê. Dầu bị mù, nhưng chắc người biết chỗ của ao và có thể làm đúng như được dặn. Kinh Thánh ghi chú rằng chữ "Silôê" có nghĩa "chịu sai đi." Có lẽ đây là câu nói đến Đấng Mesi (Đấng "chịu sai đi"). Đấng đang làm phép lạ này chính là Đấng được Đức Chúa Cha sai đến thế gian. Người mù đã đi và rửa tại ao, và được sáng mắt. Đây không phải trường hợp mắt ông được hỏi phục, vì trước đó ông không hề nhìn thấy chi cả. Phép lạ này xảy ra tức khắc và người mù đã có thể sử dụng đôi mắt của mình ngay lập tức. Chắc chắn ông kinh ngạc và sung sướng biết dường nào khi lần đầu tiên được nhìn thấy thế giới ông đang sống!

9:8-9 Xóm giềng của người mù sung sướng. Họ hầu như không tin nổi đây chính là người đã ngồi ăn xin lâu nay. (Đây cũng phải là phương cách xảy ra khi một người được cứu. Hàng xóm của chúng ta phải có thể thấy được khác biệt nơi chúng ta.) Một số người quả quyết chính là người mù đó. Người khác không chắc chắn lắm, chỉ sẵn lòng thừa nhận có nét giống nhau. Nhưng người mù đã xóa bỏ mọi nghi ngờ bằng cách khẳng định mình chính là người đã mù từ thuở sinh ra.

9:10 Mỗi khi Chúa Jêsus thi hành phép lạ thì đều khơi dậy trong lòng người đủ mọi loại thắc mắc. Thường những thắc mắc này tạo cơ hội cho tín hữu làm chứng cho Chúa. Ở đây, dân chúng hỏi người mù mọi chuyện xảy ra thế nào.

9:11 Lời chứng của người mù đơn sơ nhưng đầy thuyết phục. Người

thuật lại những sự kiện trong sự chữa lành mình, quy công về cho Đấng đã thi hành phép lạ. Lúc này, người mù vẫn chưa nhận ra Chúa Jêsus là ai. Ông chỉ đơn giản gọi Ngài là "người tên gọi là Jêsus kia." Nhưng về sau người mù hiểu nhiều thêm và biết được Chúa Jêsus là ai.

9:12 Khi chúng ta làm chứng về Chúa Jêsus Christ, chúng ta cũng thường tạo ra trong lòng người khác ước muốn tìm biết Ngài nữa.

J. Sự Chống Đốt Của Người Giuđa Ngày Càng Tăng (9:13-41)

9:13 Dương như với lòng nhiệt thành sôi sảng về phép lạ này, một số người Giuđa dẫn người mù đến cùng người Pharisi. Chắc họ không nhận thấy các lãnh đạo tôn giáo sẽ tức giận đến đâu trước sự kiện người mù này được chữa lành.

9:14 Chúa Jêsus đã làm phép lạ trong ngày **Sabát**. Những người Pharisi hay chỉ trích không nhận thấy Đức Chúa Trời không hề định cho ngày Sabát cản trở một hành động thương xót hay hành động nhân từ.

9:15 Người mù có thêm cơ hội nữa để làm chứng về Chúa Jêsus. Khi người Pharisi lại hỏi người **thê** nào được sáng mắt lại, họ nghe câu chuyện đơn sơ này một lần nữa. Người mù không nhắc tên Chúa Jêsus ở đây, chắc không phải vì sợ, nhưng vì nhận thấy mọi người đều biết ai đã làm công việc quyền năng này. Đến lúc này, Chúa Jêsus đã nổi tiếng khắp thành Giêrusalem.

9:16 Giờ đây thêm một đợt chia rẽ nữa nổi lên về vấn đề Chúa Jêsus là

ai. Có **mấy kẻ trong những người Pharisi** tuyên bố đạn dĩ rằng Chúa Jêsus không thể là Con Người tin kính vì Ngài đã phạm ngày **Sabát**. Người khác lý luận rằng một người tội lỗi không thể làm phép lạ kỳ diệu đến như thế. Chúa Jêsus thường gây ra nhiều chia rẽ giữa vòng dân chúng. Người ta bị buộc phải chia phe ra để hoặc bênh vực Ngài hoặc chống Ngài.

9:17 Người Pharisi hỏi người mù trước bị mù xem ông nghĩ Chúa Jêsus là ai. Thế nhưng, người này vẫn chưa nhận ra Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời. Nhưng đức tin của ông đã lớn đến nỗi sẵn lòng thừa nhận Chúa Jêsus là **đấng tiên tri**. Ông tin rằng Đấng đã ban cho ông được sáng mắt chính là Đấng Đức Chúa Trời sai đến, và Đấng ấy có sự diệp thiện thương.

9:18,19 Nhiều người **Giuđa** không chịu tin đã có phép lạ. Vì vậy họ gọi **cha mẹ** của người mù đến xem ông bà nói gì.

Nếu đứa con từ lúc sinh ra đã mù, còn ai biết rõ hơn cha mẹ? Chắc chắn lời chứng của họ sẽ có tính thuyết phục. Vì vậy người Pharisi hỏi **cha mẹ** xem đây có phải là con trai của họ không và được sáng mắt bằng cách nào.

9:20,21 Lời chứng của **cha mẹ** người rất tích cực. Đây là **con trai** của họ, và trải bao năm đau lòng họ luôn biết rằng nó bị **mù**.

Họ không sẵn lòng tiến xa hơn thế. Họ **háo không biết** con mình đã được sáng mắt như thế nào, hay ai đã chữa lành mắt ấy. Họ chỉ người Pharisi quay lại với chính đứa con. Nó có thể tự nói được.

9:22,23 Câu 22 giải thích sự dè dặt của cha mẹ. Họ đã nghe đồn ai xưng Chúa Jêsus là Đấng Mêsai sẽ bị đuổi ra khỏi nhà hội. Sự trục xuất khỏi cộng đồng này là vấn đề rất nghiêm trọng đối với mọi người Giuđa. Họ không sẵn lòng tra một giá cao như thế. Bị đuổi ra như thế đồng nghĩa với mất mát phương tiện sinh sống, cũng như mất mọi đặc quyền của đạo Do Thái.

Do đó, vì sợ các quan Giuđa mà cha mẹ đã chuyển việc làm chứng sang cho con trai họ.

9:24 "Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời!" có thể mang hai nghĩa. Trước hết, đây có thể là một hình thức thề. Có lẽ người Pharisi đang bảo: "Bây giờ hãy nói ra sự thật. Chúng ta biết Người đó là kẻ có tội." Hoặc có thể người Pharisi đang đòi hỏi phải dâng vinh hiển của phép lạ này lên cho Đức Chúa Trời, và không được ngợi khen Chúa Jêsus vì người Pharisi, kẻ Chúa Jêsus là kẻ có tội.

9:25 Mọi nỗ lực của người Pharisi đều thất bại. Mỗi khi họ cố gắng hạ nhục Chúa Jêsus thì lại càng khấn Ngài được tôn trọng hơn. Lời chứng của người mù ở đây thật tuyệt vời. Người không biết nghĩa tể Thần Vị Chúa Jêsus, nhưng biết rằng ngày trước mình mù, mà bây giờ được sáng. Đây là lời làm chứng không ai phủ nhận được.

"Những lời chứng người được tại sáng cũng như vậy. Thế gian có thể nghi ngờ, phao phướn, dèm dề, nhưng không ai phủ nhận được. Ở đây chúng ta chưa có chứng tá khi chúng ta nói ngày trước chúng ta là hư mù, mà bây

giờ đã được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời.

9:26,27 Họ lại tra hỏi tiếp lần nữa, bảo người mù lặp lại mọi chi tiết. Giờ đây người mù rõ ràng đã bị chọc tức. Anh nhắc họ rằng anh đã kể mọi sự kiện cho họ rồi, mà họ không chịu nghe. Vì sao họ muốn nghe lại lần nữa? Có phải họ muốn trở nên môn đồ của Jêsus không? Hiển nhiên, câu hỏi này đầy ý mai mỉa. Người mù biết tất: rõ họ ghét Chúa Jêsus, và không hề muốn theo Ngài chút nào.

9:28 Người ta nói: "Khí đuổi ý, hãy lang mạ bên nguyên cáo." Đây là điều xảy ra tại đây. Người Pharisi hoàn toàn không thể lay chuyển được lời chứng của người mù, vì vậy họ bắt đầu lang mạ người mù. Họ kết tụ ong la môn đồ của Chúa Jêsus, giống như thế đây là việc tệ hại nhất trên thế gian này! Rồi họ xưng mình là môn đồ của Mêsai, dường như thế đây là điều trong đại nhất trên đời này.

9:29 Người Pharisi nói Đức Chúa Trời đã phản cùng Mêsai, nhưng họ mù, xúc phạm Chúa Jêsus. Nếu họ tin các tác phẩm của Mêsai, thì họ cũng công nhận Chúa Jêsus là Chúa và Cứu Chúa của họ rồi. Công sự, nếu còn chút sự thật, họ ắt đã nhận ra Mêsai cũng là Chúa sáng mặt cho người mù trở thành sáng rồi. Một Đấng cao hơn cả Mêsai ở giữa họ, nhưng họ không nhận ra.

9:30 Câu hỏi của người mù giờ đây mở ra sự suy đoán. Đây là thời người Pharisi không chịu nhận. Họ bắt đầu kể người mù mọi chi tiết họ. Đây là quan trọng trong Synagoc. Thế

nhưng ở đây có một Con Người ở giữa các ông, người đó có quyền làm sạch mắt cho kẻ mù, thế mà **các ông chẳng biết người bởi đâu đến.** Thật đáng hổ thẹn thay cho các ông!”

9:31 Bấy giờ người mù cũng trả lời đáp, dĩ làm chứng. Đức tin ông đang lớn lên. Ông nhắc họ mới nguyên tắc chung là **Đức Chúa Trời chẳng nhậm tội kẻ có tội,** cũng không thi hành các phép lạ qua tội nhân. Đức Chúa Trời không chấp nhận những người gian ác, và không ban quyền năng cho những người như thế để làm các công việc quyền năng. Mặt khác, những người thờ phượng **Đức Chúa Trời** thì được Chúa khen và được bảo đảm Chúa chấp thuận.

9:32-33 Người này nhận thấy mình là người đau nên trong cả hội sử nhân loại, đã bị mù từ lúc sinh ra nhưng rồi được sáng mắt lại. Người này không thể hiểu vì sao người Pharisai chứng kiến một phép lạ kỳ lạ đến như thế nhưng lại có một lòng tin vệt của Đấng đã thi hành phép lạ ấy.

Nếu Chúa Jesus chẳng phải đến từ Đức Chúa Trời, Ngài không bao giờ làm được phép lạ của Con Trời như vậy.

9:34 Một lần nữa người Pharisai quay ra lang mạn. Họ nói bằng giọng mỉa mai của người này là hầu que móc móc của **tội lỗi.** Anh ấy cay cú vì **đầy họ!** Sự thật là anh vì thế ghen tị với người mù này vì được phép thấy lại mắt. Nếu, ta thường thấy sự đặc biệt của thành lập nên một sự thông suốt giữa anh và những người có thể đi theo anh là một việc không thường người mù

cấp bậc cao và học vấn cao.” Khi nói **“họ đuổi người ra ngoài,”** nhà Kinh Thánh muốn nói nhiều hơn cả việc đuổi ra khỏi đền thờ. Chắc hẳn này muốn nói người mù bị trục xuất khỏi tôn giáo Do Thái. Thế nhưng dựa trên cơ sở nào để làm anép mộng công như vậy? Người mù từ thuở sinh ra được sáng mắt lại trong ngày Sabbat. Người mù này không chịu nói xấu Đấng đã làm phép lạ ấy, nên anh bị trục xuất khỏi công đồng.

9:35 Giờ đây **Chúa Jesus** tìm người này. Dường như thể Ngài phán: **“Nếu họ không muốn người, ta sẽ nhận người.”** Những người bị đuổi ra ngoài vì cố Chúa Jesus thì không ngại gì cả, nhưng được ơn phước lớn vì được Chúa đích thân hoan nghênh và được thông công cả nhân với Ngài. Hãy xem cách Chúa Jesus đưa người này đến đức tin cá nhân nơi Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài chỉ đơn giản đặt câu hỏi: **“Người có tin đến Con Đức Chúa Trời chẳng?”**³¹

9:36 Đầu người này được sáng một thuộc thể, người vẫn cần sáng mắt tâm hồn. Ngài hỏi Chúa xem Con Đức Chúa Trời là ai để mình có thể tin nơi Ngài. Khi dùng chữ **“Chúa”** ở đây, người này đang đem đức tin ban tặng “Thưa tôn ông.”

9:37 **Ờ! Chúa** chỉ thêm với người này Ngài chính là Con Đức Chúa Trời. Nhân sự đã ban cho ông sáng mắt và thức hiện điều không thể có được trong đời sống của ông không phải chỉ là một lời người nói thốt. Đây là Con Đức Chúa Trời. Bởi ông đã như thế và bằng một dạng nói **chuyện công bình.**

9:38 Nghe vậy, người này đơn sơ và vui sướng đặt đức tin mình nơi Chúa Jêsus rồi sắp mình xuống thờ phượng Ngài. Một ngày tuyệt vời biết bao trong cuộc đời của ông! Ông đã được sáng cả mắt thuộc thể lẫn thuộc linh.

Đề ý người mù này đã không thờ phượng Chúa cho đến khi biết Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời. Là một người Do Thái thông minh, ông sẽ không thờ phượng nhân vật chỉ là một con người mà thôi. Nhưng ngay khi biết Đấng chữa lành ông là Đức Chúa Con, ông đã thờ phượng Ngài - không phải vì việc Ngài đã làm, nhưng vì chính Thân Vị của Ngài.

9:39 Thoạt nhìn, câu này có vẻ mâu thuẫn với Giảng 3:17: "Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế gian, chẳng phải để đoán xét thế gian đâu..." Nhưng thực ra không hề mâu thuẫn chi cả. Mục đích Đấng Christ vào thế gian không phải để đoán xét nhưng để cứu rỗi. Tuy nhiên, sự đoán xét là kết quả không thể tránh khỏi cho mọi người nào không chịu tiếp nhận Ngài.

Công tác rao giảng Tin Lành có hai công dụng. Những ai thừa nhận mình không thấy chi lại được nhìn thấy. Nhưng những người quả quyết mình có thể thấy cách trọn vẹn mà không cần đến Chúa Jêsus, thì lại miệt mài trong sự đui mù của họ.

9:40 Mấy người Pharisi nhận thấy Chúa Jêsus đang nói về họ và về sự đui mù của họ. Vì vậy họ đến với Ngài và trâng tráo hỏi xem có phải Ngài ám chỉ họ cũng mù chăng. Câu hỏi của họ chờ đợi câu trả lời phủ định.

9:41 Có thể diễn ý câu trả lời của Chúa như sau: "Nếu người thừa nhận mình mù và có tội, rằng người cần một Cứu Chúa, thì tội người có thể được tha, và người có thể được cứu. Nhưng người tuyên bố người không cần gì cả. Người tuyên bố mình công bình và không hề có tội. Do đó, sẽ không hề có sự tha tội nào cho người cả." Khi Chúa Jêsus đáp: "Các người... không có tội lỗi chi hết," Ngài không có ý bảo họ sẽ tuyệt đối vô tội. Nhưng ý của Ngài là: nói theo cách tương đối thì họ sẽ không có tội. Giả như họ công nhận mình đui mù vì không nhận ra Ngài là Đấng Mêsai, tội của họ sẽ không đáng là bao khi đem so với tội lỗi hết sức trọng đại là tuyên bố mình thấy được nhưng không nhận ra Ngài là Con Đức Chúa Trời.

K. Chúa Jêsus, Cửa Của Chiên (10:1-10)

10:1 Nhưng câu này liên kết chặt chẽ với phần cuối đoạn 9. Ở đó, Chúa Jêsus đang phân với người Pharisi, là những người tuyên bố mình là người chăn bầy hợp pháp của dân Ysraên. Nói cụ thể ra, chính họ là người được Chúa nói đến trong câu này. Đặc điểm quan trọng của điều Ngài sắp nói ra được làm hiệu bởi cụm từ "quá thật, quá thật, ta nói cùng các ngươi."

Chuồng chiên là một vùng đất được bao bọc để giữ chiên ở lại đó ban đêm. Đây là một khu vực có rào vây quanh và có một chỗ mở ra được dùng làm cửa. Ở đây, **chuồng chiên** nói đến dân tộc Do Thái.

Rất nhiều người đã đến với dân Do Thái, xưng mình là lãnh đạo thuộc linh và người dẫn đường thuộc linh

của họ. Họ là những đấng Mési tự phong cho dân này. Nhưng họ không đến theo cách Cựu Ước bảo trước cách đến của Đấng Mési. Họ tràn vào từ nơi khác. Họ trình diện với dân Ysraên theo cách họ tự chọn. Đây không phải là những người chân thật, nhưng là quân trộm cướp. Trộm là những người lấy điếu không thuộc về họ, còn cướp là người dùng bạo lực để lấy điếu không thuộc về mình. Người Pharisai là quân trộm và quân cướp. Họ tìm cách cai trị trên dân Giuđa, và dùng quyền của mình làm mọi chuyện để ngăn trở dân Giuđa tiếp nhận Đấng Mési thật. Họ bắt bớ những người theo Chúa Jêsus, và cuối cùng họ sẽ giết Chúa Jêsus.

10:2 Câu 2 nói đến chính Chúa Jêsus. Ngài đến với chiên lạc mất của nhà Ysraên. Ngài là người chân thật. Ngài vào bởi cửa, tức là Ngài đến làm ứng nghiệm chính xác những lời tiên tri Cựu Ước về Đấng Mési. Ngài không phải là Cứu Chúa tự phong, nhưng đã đến trong sự vâng phục trọn vẹn ý muốn Cha Ngài. Ngài đáp ứng mọi điều kiện.

10:3 Có bất đồng ý kiến đáng kể về người canh cửa trong câu này. Có người nghĩ cụm từ này nói đến các đấng tiên tri của Cựu Ước, là những người bảo trước sự hiện đến của Đấng Christ. Người khác tin chữ này nói về Giăng Báp-tít, vì ông là người dọn đường cho Đấng Chân Thật. Người khác lại đoán chắc rằng người canh cửa trong câu này là Thánh Linh. Đấng mở cửa để Chúa Jêsus bước vào tâm lòng và đời sống.

Chiên nghe tiếng người chân. Chiên nhận ra tiếng của người chân này là tiếng của người chân chiên thật. Chiên theo nghĩa đen nhận ra tiếng người chân bầy của chúng thể nào, thì giữa vòng dân Do Thái cũng có những người nhận ra Đấng Mési khi Ngài hiện đến thế ấy. Trong suốt sách Tin Lành này, chúng ta nghe Đấng Chân Chiên kêu tên chiên mình. Ngài kêu nhiều môn đồ trong đoạn 1, và họ thấy đều nghe tiếng Ngài; và đáp ứng. Ngài kêu người mù trong đoạn 9. Chúa Jêsus vẫn kêu gọi những người chịu tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa, và sự kêu gọi này mang tính riêng tư và cá nhân.

Cụm từ "mà dẫn ra ngoài" có thể nói đến sự kiện Chúa Jêsus dẫn những người nghe tiếng Ngài ra khỏi chuồng chiên Ysraên. Họ đã bị nhốt trong đó. Không hề có chủ tự do nào dưới luật pháp. Chúa dẫn chiên vào sự tự do của ân điển Ngài. Trong đoạn trước, người Giuđa đuổi người mù ra khỏi nhà hội. Khi làm như vậy, họ đang giúp đỡ công việc Chúa mà không hề biết.

10:4 Khi người chân thật dẫn chiên mình ra, người chân không xua chúng đi, nhưng dẫn chúng đi. Người chân không yêu cầu chúng đi bất cứ nơi nào mà chính Ngài chưa đến đó trước. Ngài luôn luôn ở đằng trước bầy chiên trong tư cách Cứu Chúa của họ, Đấng Dẫn Đường của họ, và Tấm Gương của họ. Những ai là chiên thật của Đấng Christ thì đi theo Ngài. Họ không trở thành chiên bầy nơi theo gương Ngài, nhưng bởi được sanh lại.

Rồi khi được cứu, họ khao khát đi đến nơi nào Ngài đưa đi.

10:5 Chính bản năng giúp chiến nhận ra tiếng người chân thật cũng là bản năng thôi thúc nó **chạy trốn người lạ**. Người lạ là người Pharisai và người lãnh đạo khác của dân Do Thái, tức những người chỉ lo cho chính để kiếm lợi riêng của bản thân mình. Người được chữa sáng mắt mình họa điều này. Người ấy nhận ra tiếng của Chúa Jêsus nhưng biết người Pharisai là người lạ. Do đó, người này không chịu nghe lời họ, cho dầu điều đó đồng nghĩa với bị trục xuất khỏi cộng đồng.

10:6 Kinh Thánh nói rõ rằng **Chúa phân minh họa** này về người Pharisai, nhưng họ **không hiểu** nguyên nhân chính vì họ không phải chân thật. Nếu là chân thật, họ hẳn đã nghe được tiếng Ngài và theo Ngài.

10:7 Sau đó **Chúa** cũng tỏ ra minh họa mới. Ngài không còn nói về cửa của chuồng chiên như trong câu 2 nữa. Giờ đây Ngài mới tiết lộ mình là **cửa của chiên**. Đây không còn là vấn đề vào chuồng chiên của Ysrahel nữa, nhưng đúng hơn là bức tranh về chiên được chọn của Ysrahel vượt ra khỏi Do Thái giáo và đến với Đấng Christ, **cái cửa**.

10:8 Nhiều người khác đã đến trước Đấng Christ, tuyên bố họ có thẩm quyền và địa vị. Nhưng những chiên được chọn của Ysrahel không nghe họ, vì những chiên này biết những người ấy đang đối những điều không thuộc về họ tách hợp pháp.

10:9 Câu 9 là một trong những câu ra khỏi nhà và đơn giản đến nỗi học sinh Trường Chúa Nhật cũng hiểu,

nhưng những học giả uyên bác nhất cũng không bao giờ có thể hiểu tương tận được. Đấng Christ là **cái cửa**. Cơ Đốc giáo không phải là bài Tin Điều hay một giáo đường. Đúng hơn đây là một Thân Vị, và thân vị đó là Đức Chúa Jêsus Christ. **"Nếu ai bởi ta mà vào."** Sự cứu rỗi chỉ có thể nhận được qua Đấng Christ, phép báp-têm cũng không ích gì; Tiệc Thánh cũng không đem lại sự cứu rỗi. Chúng ta phải vào bởi Đấng Christ, và bởi quyền năng Ngài ban. Lời mời này dành cho mọi người. Đấng Christ là Cứu Chúa của người Giuđa cũng như của dân ngoại. Nhưng muốn được cứu, thì phải bước vào. Phải lấy đức tin tiếp nhận Đấng Christ. Đây là một hành động cá nhân, và không có hành động này thì không được sự cứu rỗi. Những người vào thì được **cứu** khỏi án phạt, khỏi quyền lực của tội, và cuối cùng khỏi chính hiện diện của tội.

Sau khi được cứu rỗi, họ sẽ **vào và ra**. Cơ lễ ý tưởng ở đây là: họ vào trong Thiên đien của Đức Chúa Trời bởi đức tin để thờ phượng, rồi đi ra vào thế gian để làm chứng cho Chúa. Dầu thế nào đi nữa, đây vẫn là hình ảnh về sự an ninh trọn vẹn và tự do trọn vẹn để phục vụ Chúa. Những người cầu thì gặp đồng cơ. Đấng Christ không những là Cứu Chúa, và Đấng ban sự tư do, mà Ngài còn là Đấng Bảo Vệ và Đấng làm cho thỏa mãn. Chiên Ngài gặp đồng cơ trong Lời Đức Chúa Trời.

10:10 Mục đích của kẻ trộm là **cướp, giết và hủy diệt**. Kẻ trộm đến vì những động cơ gian ác, ích kỷ mà

thù. Để thỏa lòng mong muốn của mình, kẻ trộm thậm chí còn **giết** cá chiên. Nhưng Chúa Jêsus không đến trong lòng người vì lý do ích kỷ. Ngài đến để ban ơn, chứ không phải để nhận. Ngài đến để con người **có thể được sống, và được sự sống dư dật**. Chúng ta nhận sự sống ngay lúc tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa của mình. Tuy nhiên, sau khi được cứu, chúng ta thấy có nhiều mức độ hưởng sự sống này. Càng dấn phục Thánh Linh, chúng ta càng được hưởng hơn nửa sự sống đã ban cho chúng ta. Bấy giờ chúng ta không những có sự **sống**, mà còn có **sự sống dư dật**.

1. Chúa Jêsus, Người Chân Hiến Lành (10:11-18)

10 11 Bấy nhiêu lần Chúa Jêsus dùng cụm từ “**fa là,**” một trong những Danh Xưng của Đức Chúa Trời. Một lần dùng danh xưng ấy, Ngài đều đang tuyên bố sự quyền bính đẳng với Đức Chúa Cha. Ở đây, Ngài giới thiệu Ngài là người **chân hiến lành** vì chiên mình phá sự sống mình. Thông thường, chiên được gọi đến để bỏ mạng sống chúng vì người chăn. Nhưng Chúa Jêsus đã chết thay cho các chiên.

À là một từ tục tĩu như phải theo

ta.

Thầy, Chúa Cha của Thầy đang

thờ dượng với cha tôi và cha

ta.

Sau sự chết, ta hiến tế.

John 1:18

10:12 Kẻ **chân thuê** là người phục vụ vì tiền. Chẳng hạn, người chăn cừu

thể trả tiền để người khác chăm sóc bầy chiên mình. Người Pharisai là những kẻ **chân thuê**. Lòng quan tâm người khác được thúc đẩy bởi tiền mà họ nhận được. **Kẻ chân thuê không sở hữu** chiên. Gặp nguy hiểm đến, kẻ **chân thuê** chạy trốn phủi mà bầy chiên cho muông sói.

10:13 Sở dĩ mình làm việc no việc kia chính là vì tình cách con người của mình. Người **chân thuê** làm để kiếm tiền. Người **chân thuê chẳng lo lắng chi đến** chiên. Người **chân thuê** lo ích lợi riêng của mình hơn là vì lợi ích của chiên. Có rất nhiều kẻ **chân thuê** trong hội thánh ngày nay – là những người chọn chức vụ này như một nghề nghiệp ăn chận thoải mái, mà không hề có tình yêu thật đối với chiên của Chúa.

10:14 Một lần nữa Chúa gọi Ngài là **người chân hiến lành**. “**Hiến lành**” (Hy Lạp, *kathos*) ở đây có nghĩa là “**ty tưởng, xứng đáng, chân tạc kỷ, xuất sắc.**” Ngài có tất cả các phẩm chất này. Rồi Ngài nói đến mối quan hệ rất gần gũi giữa Ngài và **chiên** Ngài. Ngài **quan biết** chiên Ngài, và **chiên** Ngài **biết** Ngài. Đây là lẽ thật tuyệt diệu nhất!

10:15 Thật không may vì câu này bị người nhảm một câu nói: “Thực ra, tôi không tin gì nữa đâu!” Ta quan niệm ta, và **chiên** ta **chính** ta, **cung như** Cha biết ta, và **ta** biết Cha vậy.” Đây một sự lừa gạt vô cùng đáng tiếc! Bất Chúa ở mối quan hệ của Ngài với chiên thì mối quan hệ giữa chúng Ngài với Cha Ngài. Chúng ta nên hiểu, trong lòng, gần gũi và biết biết

hiện có giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con cũng là mối liên hệ đang có giữa Người Chên và chiên. Ngài phán: **"Ta vì chiên ta phó sự sống mình."** Một lần nữa, chúng ta có một trong rất nhiều lời tuyên bố của Chúa Jêsus hướng tới thời điểm Ngài sẽ chịu chết trên thập tự giá để làm Đấng Thay Thế cho tội nhân.

10:16 Câu 16 là chìa khóa cho cả đoạn này. Chiên khác được Chúa nói đến ở đây là người ngoại bang. Việc Ngài vào trần gian đặc biệt liên kết với chiên của Ysraên, nhưng Ngài cũng nghĩ đến sự cứu rỗi người ngoại. Chiên ngoại bang không thuộc về **chuồng** Do Thái. Nhưng tấm lòng thương xót lớn lao của Chúa Jêsus cũng đi đến với các chiên Ngài nữa, và Ngài có sự thôi thúc thiên thượng để đưa họ về với chính Ngài. Ngài biết họ sẽ sẵn sàng nghe **tiếng** Ngài còn hơn cả dân Giuđa.

Trong phần cuối câu này có sự thay đổi rất quan trọng từ **chuồng** của Do Thái sang **bầy** của Cơ Đốc giáo. Câu này duyệt trước sự kiện là trong Đấng Christ, người Giuđa và người ngoại bang sẽ được hiệp nên một, và những phân biệt ngày trước giữa hai dân này sẽ biến mất.

10:17 Trong câu 17 và 18, Chúa Jêsus giải thích việc Ngài sẽ làm để đưa cả người Giuđa lẫn người ngoại bang được chọn về với Ngài. Ngài nhìn hướng tới thời điểm sự chết, chôn và sự sống lại của Ngài. Những lời này sẽ hoàn toàn không phù hợp nếu Chúa Jêsus chỉ là một con người như bao người khác. Ngài nói Ngài

phó **sự sống** mình và lấy **sự sống** ấy lại bằng chính quyền năng Ngài. Ngài hoàn toàn có thể làm như vậy vì Ngài là Đức Chúa Trời. **Đức Chúa Cha** yêu mến Chúa Jêsus vì Chúa sẵn lòng chịu chết và sống lại, để những chiên lạc mất được cứu.

10:18 Không ai có thể cất sự sống của Chúa đi. Ngài là Đức Chúa Trời, và vì vậy Ngài vĩ đại hơn mọi âm mưu sát hại lữ nơi tạo vật của Ngài. Chính Ngài có **quyền** để phó sự sống Ngài, và Ngài cũng có **quyền** để lấy lại. Nhưng chẳng phải con người đã giết Chúa Jêsus đó sao? Họ đã giết Ngài. Điều này được nói rõ trong Công Vụ 2:23 và trong 1.Têsalônica 2:15. Chúa Jêsus đã cho phép họ làm việc đó, và đây chính là biểu hiện việc Ngài có **quyền** phó sự sống. Hơn nữa, Ngài "trực linh hồn" (Giăng 19:30) như một hành động của chính sức mạnh và ý chí của Ngài.

Ngài phán: **"Ta đã lãnh mạng lệnh này nơi Cha ta."** Cha đã ủy thác hay chỉ thị cho Chúa phó sự sống của Ngài và sống lại từ kẻ chết. Sự chết và phục sinh của Ngài là những hành động tiết yếu để làm trọn ý muốn của Đức Chúa Cha. Do đó, Ngài đã trở nên vâng phục cho đến chết, và đến ngày thứ ba sống lại, theo lời Kinh Thánh.

M. Sự Chia Rẽ Giữa Người Giuđa (10:19-21)

10:19 Lời phán của Chúa Jêsus gây sự chia phe giữa người Giuđa. Đấng Christ vào trong thế gian, vào nhà, vào tấm lòng, và việc đó đem lại gương giáo hơn là đem hòa bình. Chỉ khi nào tiếp nhận Ngài làm Chúa và Cứu

Chúa, con người mới biết được sự bình an của Đức Chúa Trời.

10:20,21 Chúa Jêsus là Con Người trọn lành duy nhất đã từng sống trên thế gian này. Ngài không hề nói một lời sai quấy hay làm một điều xấu nào. Nhưng tấm lòng con người bại hoại biết bao, đến nỗi khi Ngài đến nói ra lời yêu thương và khôn ngoan, con người lại bảo Ngài là **quỷ và điên**, và không đáng cho người ta nghe. Đương nhiên đây là vết nhơ tâm tối trong hồ sơ của nhân loại. Những người khác suy nghĩ khác hẳn. Họ nhận thấy những lời nói và việc làm của Chúa Jêsus là lời nói và việc làm của một Đấng tốt lành chứ không phải của một con quỷ.

H. Chúa Jêsus Được Chứng Minh Là Đấng Christ Qua Việc Làm Của Ngài (10:32-39)

10:22 Đến đây câu chuyện bị ngắt ra. Chúa Jêsus không còn nói với người Pharisi nữa, nhưng với người Giuđa nói chung. Chúng ta không biết khoảng thời gian giữa câu 21 và 22 là bao lâu. Nhân tiện, đây là lần duy nhất trong Kinh Thánh nói đến lễ **khánh thành đền thờ**, hay trong tiếng Hêbrơ là Hanukkah. Người ta tin rằng lễ này do Judas Maccabeus lập ra khi đền thờ được tái cung hiến sau khi bị Antiochus Epiphanes làm ô uế vào năm 165 T.C. Đây là kỷ lễ hàng năm, được dân Do Thái lập ra, và không phải là một trong những kỷ lễ của Chúa. **Đây** không những là **mùa đông** tính theo niên lịch, mà còn là mùa đông thuộc linh nữa.

10:23,24 Chức vụ công khai của Chúa hầu như sắp chấm dứt, và Ngài

sắp thể hiện sự cung hiến trọn vẹn cho Đức Chúa Cha bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá. **Hiên cửa Salômôn** là khu vực có mái che, ở kế cận đền thờ Hêrôt. Khi Chúa đi dạo tại đó, nơi này rộng rãi có nhiều chỗ cho người Giuđa nhóm xung quanh Ngài.

Người Giuđa nhóm xung quanh Ngài mà nói rằng: **Thấy để chúng tôi nghĩ về vấn đề (hỏi hợp) mãi cho đến khi nào? Nếu thấy là Đấng Christ, hãy nói rõ cho chúng tôi.**

10:25, 26 Một lần nữa Chúa Jêsus nhắc họ nhớ những lời phán và việc làm của Ngài. Ngài thường bảo họ rằng Ngài là Đấng Mêsi, và các phép lạ Ngài làm chứng minh lời tuyên bố của Ngài là thật. Ngài lại nhắc người Giuđa nhớ Ngài làm các phép lạ bởi thẩm quyền của Cha Ngài và vì vinh hiển của Cha Ngài. Khi làm như vậy, Ngài đã chứng minh Ngài thật sự là Đấng được Cha sai đến thế gian.

Tinh thần không chịu tiếp nhận Đấng Mêsi của họ chứng minh họ **không phải là chiên** của Ngài. Nếu được biệt riêng ra để thuộc về Ngài, hẳn họ đã chứng tỏ sự sẵn lòng tin Ngài.

10:27 Mấy câu tiếp theo dùng những từ ngữ không thể làm lảo vào đâu được để dạy rằng không một chiên thật nào của Đấng Christ sẽ bị hư mất. Sự an ninh đời đời của tin hữu là sự kiên vững chắc. Nhưng **chiên thật của Đấng Christ thì nghe tiếng Ngài**. Họ **nghe** tiếng ấy khi Tin Lành được rao giảng ra, và họ đáp ứng bằng cách tin Ngài. Từ đó trở đi, họ **nghe** tiếng Ngài hằng ngày và vâng

theo lời Ngài. Chúa Jêsus biết chiến Ngài. Ngài biết đích danh mỗi con chiến Ngài. Không một con chiến nào ra khỏi sự chú ý của Ngài được. Không con chiến nào có thể bị hư mất vì cơ sự sơ suất hay bất cẩn của Ngài cả. Chiến của Đấng Christ đi theo Ngài, trước hết bởi vận dụng đức tin cứu rỗi nơi Ngài, sau đó bằng cách đồng đi với Ngài trong sự vâng lời.

10:28 Đấng Christ ban sự sống đời đời cho chiến Ngài. Câu này nói đến sự sống sẽ kéo dài đến đời đời. Đây không phải là sự sống có điều kiện tùy theo hành vi của họ. Đây là sự sống đời đời, và có nghĩa sự sống sẽ kéo dài mãi mãi. Nhưng sự sống đời đời còn là phẩm chất của sự sống nữa. Đây là sự sống của chính Chúa Jêsus. Đây là sự sống để có thể hưởng được những điều thuộc về Đức Chúa Trời ngay trên đất này, và là sự sống xứng hợp cho quê hương Thiên đàng của chúng ta. Để ý thật kỹ những chữ tiếp theo. "Nó chẳng chết mất bao giờ"²². Nếu có chiến nào của Đấng Christ bị hư mất, thì Chúa Jêsus ắt đã phạm vào tội không giữ được lời hứa, và đây là chuyện không thể nào xảy ra được. Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời, và Ngài không thể thất hứa. Trong câu này Ngài đã hứa không một con chiến nào của Ngài sẽ bị ở đời đời trong địa ngục.

Có phải điều này có nghĩa một người có thể được cứu và rồi sau đó cứ sống theo cách mình muốn? Liệu có thể được cứu rồi sau đó tiếp tục sống trong những lạc thú tội lỗi của thế gian này? Không, người ấy không

còn muốn làm những điều ấy nữa. Người muốn bước theo Đấng Chân Chiến này. Chúng ta không sống cuộc đời Cơ Đốc để được trở thành Cơ Đốc nhân hay để giữ được sự cứu rỗi của mình. Chúng ta sống cuộc đời Cơ Đốc vì chúng ta là Cơ Đốc nhân. Chúng ta khao khát sống thành khiết, không phải vì sợ mất sự cứu rỗi, nhưng vì biết ơn Đấng đã chết thay chúng ta. Giáo lý sự an ninh đời đời không khích lệ lối sống bất cẩn, nhưng trái lại giáo lý ấy là động cơ mạnh mẽ cho nếp sống thánh khiết.

Không ai có thể cướp tín hữu khỏi tay Đấng Christ. Tay Ngài thật toàn năng. Tay Ngài đã dựng nên thế giới; và ngay hiện giờ, đôi tay ấy nâng đỡ thế giới này. Không quyền lực nào có thể cướp chiến khỏi tay Ngài.

10:29 Tín hữu không những ở trong tay của Đấng Christ, mà còn ở trong tay Đức Chúa Cha nữa. Đây là sự bảo chứng kép về sự an toàn. Đức Chúa Cha là Đấng lớn hơn hết; và chẳng ai cướp nổi tín hữu đó khỏi tay Cha.

10:30 Giờ đây Chúa Jêsus tuyên bố thêm một câu nữa về quyền bình đẳng với Đức Chúa Trời: "Ta với Cha là một." Ý tưởng ở đây chắc là Đấng Christ và Cha là một trong quyền năng. Chúa Jêsus vừa mới nói về quyền năng để bảo vệ chiến của Đấng Christ. Do đó, Ngài giải thích thêm quyền năng của Ngài cũng chính là quyền năng của Đức Chúa Cha. Đương nhiên, điều này cung đúng cho mọi thuộc tánh khác của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa

Trời theo ý nghĩa trọn vẹn nhất và bình đẳng với Đức Chúa Cha trên mọi phương diện.

10:31 Người Giuđa không còn chút thắc mắc nào về ý nghĩa Đấng Christ muốn nói. Họ nhận thấy Ngài đang tuyên bố thần thánh của Ngài cách rõ ràng nhất. Do đó, họ **tựm đá** dâng **ném Ngài**.

10:32 Trước khi họ có cơ hội ném đá, Chúa nhắc họ nhớ biết bao **việc lành** Ngài đã làm theo mạng lệnh **lữ Cha** Ngài. Rồi Ngài bắt việc **làm nào trong số đó** khiến họ tức giận đến nỗi **muốn ném đá** Ngài.

10:33 Người Giuđa nói không phải họ muốn ném đá vì Ngài làm việc lành. Trái lại, họ muốn ném đá vì cảm thấy Ngài nói **lộng ngôn** đấng: tuyên bố Ngài bình đẳng với **Đức Chúa Trời** là Đức Chúa Cha. Họ không chịu thừa nhận Ngài trở hơn một con người. Thế nhưng điều họ thấy rất hiển nhiên là theo những lời tuyên bố của Ngài, Ngài đang lập chính Ngài lên làm **Đức Chúa Trời**. Họ không chịu nhận nhượng điều này.

10:34 Ở đây, Chúa Jêsus trích Thithiên 82: ó cho người Giuđa. Ngài gọi phần này là luật pháp của họ. Nói cách khác, câu này được trích từ phần Cựu Ước mà họ công nhận là lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời. Trọn câu này như sau: "Ta đã nói: Các người là thần, hết thấy đều là con trai của Đấng Chí Cao." Thithiên này được nói cho các quan xét của Ysraên. Họ được gọi là "**các thần**" không phải vì họ thật sự có thần thánh, nhưng vì họ đại diện Đức Chúa Trời khi đoán xét

dân sự. Từ ngữ Híbalai cho "các thần" (*elohim*) nguyên văn là "những đấng có sức mạnh, có quyền" và có thể áp dụng cho những nhân vật quan trọng như các quan án. (Từ phần còn lại của Thithiên này, rõ ràng họ chỉ là những con người chứ không phải các vị thần, vì họ đoán xét cách không công bình, vì nề con người, và còn làm hại hoại công lý nữa.)

10:35 Chúa dùng câu từ Thithiên để chứng tỏ Đức Chúa Trời dùng chữ "**các thần**" để mô tả những con người "**được Lời Đức Chúa Trời phán đến**." Nói cách khác, họ là những phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã phán với dân Ysraên thông qua họ. "Họ bày tỏ Đức Chúa Trời trong địa vị thẩm quyền và đoán xét của Ngài, và là những thế lực do Đức Chúa Trời lập nên." Chúa phán: "**Và Kinh Thánh không thể bỏ được**," diễn tả niềm tin của Ngài nơi sự soi dẫn Kinh Thánh Cựu Ước. Ngài nói Kinh Thánh Cựu Ước là những tác phẩm không thể sai lầm và bắt buộc phải được ứng nghiệm, và không thể phủ nhận được các tác phẩm ấy. Trên thực tế, chính những lời những chữ của Kinh Thánh được soi dẫn, chứ không phải những ý tưởng hay ý niệm của Kinh Thánh mà thôi. Toàn bộ lập luận của Ngài được căn cứ trên một từ ngữ "**các thần**."

10:36 Chúa đang lập luận từ điểm nhỏ hơn đến điểm lớn hơn. Nếu những quan án bất công được gọi là "**các thần**" trong Cựu Ước, thì Ngài còn có quyền nhiều biết chừng nào để gọi mình là Con Đức Chúa Trời. Lời

Đức Chúa Trời đã đến với các quan án kia, Ngài đã và hiện là Lời Đức Chúa Trời. Họ đã được gọi là các thần; Ngài đã và hiện là Đức Chúa Trời. Không bao giờ có thể nói về họ rằng "Đức Chúa Cha đã biệt họ ra thánh và sai họ vào thế gian." Họ được sanh ra trong thế gian giống như mọi con cái khác của Adam sa ngã. Nhưng Chúa Jêsus được biệt ra thánh bởi Đức Chúa Cha từ cả cõi đời đời để làm Cứu Chúa của thế gian, và Ngài được sai vào thế gian từ trời là nơi Ngài đã luôn luôn ở với Đức Chúa Cha tại đó. Như vậy, Chúa Jêsus có toàn quyền để tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài không hề lợm ngớn khi tuyên bố Ngài là Con Đức Chúa Trời, bình đẳng với Đức Chúa Cha. Chính người Do Thái dùng từ ngữ "các thần" để áp dụng cho những con người bại hoại kia vốn chỉ đơn thuần là những phát ngôn nhân hay các quan án cho Đức Chúa Trời. Ngài càng có quyền biết bao để tuyên bố danh xưng này vì Ngài thật sự đã và hiện là Đức Chúa Trời. Samuel Green nói rất hay:

Người Giuda kết tội Ngài vì tôn làm Đức Chúa Trời. Ngài không hề phủ nhận rằng khi nói như thế Ngài không tôn mình lên làm Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài thực sự phủ nhận lời kết tội Ngài bằng ngôn ngữ dựa vào đây có thể hoàn toàn chứng minh Ngài nói đúng ngay cả khi tuyên bố nhân lấy những danh dự của Đức Chúa Trời: tức là Ngài chính là Đấng Mesi. Con Đức Chúa Trời. Emanuel. Sự kiện người Giuda thấy Ngài thuyết đấu không hề rời lại

những lời tuyên bố cao quý của Ngài thể hiện rõ qua biểu hiện thù địch càng tiếp tục biểu lộ của họ. Hãy xem câu 39.³³

10:37 Một lần nữa, Cứu Chúa trưng các phép lạ của Ngài để làm bằng chứng sự mạng thiên thượng của Ngài. Tuy nhiên, hãy lưu ý cụm từ "những việc của Cha Ia." Các phép lạ tự chúng không phải là bằng chứng về thần thánh. Chúng ta đọc trong Kinh Thánh thấy có rất nhiều kẻ ác nhiều lúc có quyền để làm phép lạ. Nhưng các phép lạ của Chúa là những việc của Cha Ngài. Các phép lạ ấy chứng minh Ngài là Đấng Mesi bằng hai cách. Thứ nhất, chúng là những phép lạ được Cựu Ước bào trước sẽ do Đấng Mesi thực hiện. Thứ nhì, chúng là những phép lạ của sự thương xót và nhân từ, những công việc làm ích lợi cho nhân loại và không thể được thực hiện do một người xấu.

10:38 Câu 38 được Ryle diễn ý rất lối ích như sau:

Nếu Ta làm những việc của Cha ta, thì dần các ngươi cũng chịu thuyết phục bởi lời nói của ta. Hãy chịu thuyết phục bởi việc ta làm. Dầu các ngươi chống lại bằng chứng từ lời nói của ta hãy khước phục trước bằng chứng từ việc làm của ta. Bởi đó, hãy học biết và tin ta và Cha ta thật sự là một, Cha ở trong ta và ta ở trong Cha, và biết ta không hề nói lộng ngôn khi tuyên bố Ta là Con Ngài.

10:39 Một lần nữa, người Giuda nhân thấy thay vì phủ nhận những lời tuyên bố trước đó, Chúa Jêsus lại càng củng cố thêm những lời tuyên bố ấy.

Vì vậy họ kiếm cách bắt Ngài, nhưng Ngài càng tránh xa họ. Giờ đây, không còn cách xa lúc Ngài sẽ để cho họ bắt Ngài, thế nhưng, giờ Ngài vẫn chưa đến.

VI. NĂM CHỨC VỤ THỨ BA CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI: VÙNG BÉRÉ (10:40 - 11:57)

A. Chúa Jesus Rời Lui Qua Bên Bên Sông Giôđanh (10: 40-42)

10:40 Chúa Jesus lại sang bên kia sông Giôđanh đến chính nơi Ngài đã khởi sự chức vụ công khai của Ngài. Ba năm giảng và làm những công việc kỳ diệu của Ngài sắp chấm dứt. Ngài đã chấm dứt những năm ấy ngay tại nơi Ngài bắt đầu - bên ngoài trại tù vùng vàng của Do Thái giáo, tại nơi Ngài bị khước từ và cô đơn.

10:41 Nhưng người đến cùng Ngài ở đây chắc là những tin hữu thật lòng, lập sẵn sàng chịu sỉ nhục với Ngài, cùng đứng với Ngài bên ngoài trại quân Ysraên. Những môn đồ này đã sôi nổi tỏ lòng kính trọng Giảng Báp-tít. Họ nhớ chức vụ của Giảng Báp-tít không ngoạn mục cũng không tạo cảm xúc giạt gạt, nhưng chức vụ của ông là thật. Mọi điều ông nói về Chúa Jesus đã được ứng nghiệm trong chức vụ của Cứu Chúa. Điều này đáng khích lệ mỗi một Cơ Đốc nhân chúng ta. Có thể chúng ta không có khả năng làm những phép lạ đầy quyền năng hay được công chúng chú ý, nhưng ít nhất chúng ta cũng có thể làm nhân chứng thật cho Chúa và Cứu Chúa Jesus Christ của chúng ta. Đây là điều có giá trị lớn lao trước mặt Đức Chúa Trời.

10:42 Thật tuyệt vời biết bao khi thấy dấu bị dân Ysraên khước từ, Chúa Jesus vẫn thật sự tìm được một số tâm lòng khiêm nhường và chịu tiếp nhận. Chúng ta được biết tại đó có nhiều người tin Ngài. Điều đó xảy ra trong mọi thời đại. Luôn luôn có một nhóm dân sỏi sần lòng đứng chung với Chúa Jesus, bị thế gian ném ra ngoài, bị thù ghét và nhạo báng, nhưng họ hưởng mối thông công ngọt ngào với Con Đức Chúa Trời.

B. Bệnh Của Laxarô (11:1-4)

11:1 Giờ đây chúng ta đến với phép lạ vĩ đại sau cùng trong chức vụ công khai của Chúa Jesus. Trên một số phương diện, đây là phép lạ vĩ đại nhất - khiến người chết sống lại, Laxarô sống trong một làng nhỏ tên Bêthani, khoảng hai dặm phía đông Giêrusalem. Bêthani còn được gọi là nhà của Mari và Mathê chị người. Pink trích lời giám mục Ryle:

Hãy thấy được rằng chính hiện diện của những con cái được chọn của Đức Chúa Trời là điều khiến các thành phố và các quốc gia nổi tiếng trước mặt Đức Chúa Trời. Lòng của Mathê và Mari đưa nữ tiếng, còn Memphis và Thebes không được kể tên trong Tân Ước.³⁴

11:2 Giảng giải thích rằng chính Mari ở Bêthani là người đã xúc dầu thơm cho Chúa, và lấy tóc mình lau chơn Ngài. Hành động tận hiến phi thường này được Đức Thánh Linh nhấn mạnh. Chúa yêu mến tình cảm sần lòng của dân sự Ngài.

11:3 Khi Laxarô mắc bệnh, dường như Chúa Jesus đang ở bên bờ đông

sống Giôđanh. Hai chị em báo tin lập tức cho Chúa biết Laxarô, người Chúa yêu, mắc bệnh. Cách hai chị em này trình bày trường hợp của họ cho Chúa thật cảm động. Họ viện đến tình yêu của Ngài dành cho anh của họ như một lập luận. Đặc biệt để Ngài sẽ đến giúp.

11:4 Khi Chúa phán: "**Bệnh này không đến chết đâu.**" Ngài không có ý bảo Laxarô sẽ không chết, nhưng Ngài muốn nói sự chết sẽ không phải là kết quả cuối cùng của bệnh này. Laxarô sẽ chết, ông sẽ sống lại từ kẻ chết. Mục đích thật của bệnh này là vinh hiển của Đức Chúa Trời, hầu cho Con Đức Chúa Trời bởi đó được sáng danh. Đức Chúa Trời cho phép điều này xảy ra để Chúa Jesus sẽ đến kêu Laxarô từ kẻ chết sống lại, và bởi đó được tỏ ra một lần nữa là Đấng Mes-si, thật. Con người sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời vì phép lạ đầy quyền năng này.

Hoàn toàn không có gì ở não nghĩ bệnh của Laxarô là kết quả của tội lỗi đặc biệt nào đó trong đời sống ông. Trái lại, ông được trình bày như một môn đệ tận tâm, và là đối tượng đặc biệt được Đức Chúa yêu.

C. Chuyện đi Của Chúa Jesus Đến Bethani (11:5-16)

11:5 Khi bệnh tật biến vào nhà chúng ta, chúng ta đứng kết luận Đức Chúa Trời không đẹp lòng chúng ta. Ở đây, bệnh lên cơn đột lập với tình yêu của Chúa chứ không phải với sự giận của Ngài. "Chúa sẵn sàng kể Ngài yêu."

11:6,7 Chúng ta có khuynh hướng ý luận rằng Chúa thực sự yêu ta thì

hữu này, thì Ngài sẽ bỏ ngay mọi việc và vội đến ngay nhà họ. Thay vào đó, khi Ngài nghe tin, bèn ở lại hai ngày nữa trong nơi Ngài đang ở. Chúa thì hoàn toàn không phải vì Chúa từ chối. Nếu những lời cầu nguyện của chúng ta không được nhậm tức khắc, có lẽ Ngài đang muốn dạy chúng ta chờ đợi, và nếu chúng ta kiên nhẫn chờ đợi, chúng ta sẽ thấy Ngài nhậm lời cầu nguyện cách tuyệt vời hơn cả mong đợi. Ngay cả tình yêu của Chúa dành cho Marthê, Mari và Laxarô cũng không thể buộc Đấng Christ phải hành động trước thời điểm thích hợp. Mọi việc Ngài làm đều vâng theo ý muốn của Cha dành cho Ngài, và phù hợp với thời khóa biểu thiêng. nhưng.

Sau hai ngày có vẻ như là khoảng thời gian bị mất đi. Chúa Jesus báo các môn đồ rằng hết thấy họ đều trở về xứ Giuđê một lần nữa.

11:8 Các môn đồ vẫn còn cảm thấy đau đớn vì người Giuđa tìm cách ném đá Đấng Christ sau khi Ngài chữa người mù được sáng mắt. Họ ngạc nhiên khi Chúa con nghĩ đến chuyện trở lại xứ Giuđê trong khi chính bản thân Ngài đã diện võ nguy hiểm lớn đương ấy.

11:9 Chúa đáp lời họ như sau: Thông thường, có mười hai giờ ánh sáng trong ban ngày, lúc đó con người làm việc được. Nhưng nếu con người còn làm việc trong khoảng thời gian đã định này, thì không có nguy cơ bị vào hay ngã vì nhìn thấy nơi mình đang đi và việc mình đang làm. Sự sáng của thế gian này, hay là ánh sáng ban ngày, giữ cho người khỏi chửi đờn mặt và bị tập.

Ý nghĩa thuộc linh của Lễ Chúa Phục Sinh là: Chúa Jesus đang bước đi trong sự vắng phục hoàn toàn ý muốn Đức Chúa Trời. Vì vậy không hề có nguy cơ Ngài bị giết trước thời điểm đã định. Ngài sẽ được giữ gìn cho đến khi công việc Ngài hoàn tất.

Trên một phương diện, điều này đúng cho mọi tín hữu. Nếu chúng ta đang bước đi trong sự tương giao với Chúa và làm theo ý muốn Ngài, không gục ngã trước bất cứ thử thách nào, có thể giết chúng ta trước thời điểm Đức Chúa Trời đã định.

11:10 Người đi bao đêm là người không trung tín với Đức Chúa Trời, nhưng đang sống theo ý riêng. Người này **vấp** dễ dãi vì không có sự dẫn dắt thiêng thượng để soi sáng đường lối mình.

11:11 Chúa nói sự chết của Laxarô là *ngủ*. Tuy nhiên, nên lưu ý rằng trong Tân Ước, giấc ngủ không bao giờ áp dụng cho linh hồn, nhưng chỉ cho thân thể. Trong Kinh Thánh không hề có trường hợp chết, linh hồn ở trong trạng thái ngủ. Trái lại, linh hồn của tín hữu đi để ở với Chúa, là điều tốt hơn nhiều. Chúa Jesus bày tỏ sự toàn trí của Ngài qua câu nói này. Ngài biết Laxarô đã chết rồi, đặc biệt Đức Chúa Trời biết, vì Ngài là Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Ngài có thể đánh thức người khác khỏi thế ngủ chết, nhưng chỉ một mình Chúa mới có thể đánh thức Laxarô khỏi sự chết. Ở đây, Chúa bày tỏ ra ý định sẽ làm linh hồn của ông đánh thức.

11:12 Các môn đồ không hiểu câu Chúa nói đến các ông. Họ không

nhân thấy Ngài đang nói về sự chết. Có lẽ họ tin giấc ngủ là triệu chứng được hồi phục, và kết luận nếu Laxarô có thể ngủ ngon thì anh đã qua cơn bệnh nặng và sẽ được lành. Có lẽ câu này cũng muốn nói nếu giấc ngủ thuộc thể là trực trực duy nhất của Laxarô, thì khỏi cần phải đến Bethani để giúp Laxarô. Có thể các môn đồ đang lo ngại cho an toàn của chính họ, và họ nằm ngay lấy cơ bèo chứa này để khỏi đến nhà Mari và Mathê.

11:13,14 Ở đây Kinh Thánh nói rõ khi Chúa Jesus nói về giấc ngủ, Ngài đang nói đến sự chết, nhưng các môn đồ không hiểu. Không thể nào hiểu lắm được ở đây. Chúa Jesus nói rõ ràng cùng các môn đồ: "Laxarô chết rồi." Các môn đồ nhận tin này cách bình tĩnh, biết bao! Họ không hề hỏi Chúa, "Làm sao Ngài biết?" Ngài an nhiên với thẩm quyền trọn vẹn, và họ không thắc mắc về sự hiểu biết của Ngài.

11:15 Chúa không mừng vì Laxarô đã chết rồi, nhưng mừng vì Ngài không có mặt tại Bethani tức đó. Nếu Ngài có tại đó, Laxarô chắc chắn chết. Tân Ước không có chủ nào giữ lại cơ người chết trước mặt Chúa. Các môn đồ sẽ nhìn thấy một phép lạ lớn hơn là sự anan người đã chết. Họ sẽ thấy một người được sống lại từ kẻ chết. Qua cách đó, đức tin họ sẽ được vững mạnh. Vì vậy, Chúa Jesus nói Ngài mừng cho họ vì Ngài không có mặt tại Bethani.

Ngài nói thêm: "Để cho các người tin." Không phải Chúa đang ám chỉ các môn đồ vẫn chưa tin Chúa. Đang chuẩn bị để tin Ngài rồi! Nhưng phép lạ họ sắp chứng kiến tại Bethani sẽ

làm vương mạnh đức tin họ nơi Ngài thật lớn lao. Do đó, Ngài khuyên họ **cùng đi với Ngài.**

11:16 **Thôma** lý luận rằng nếu Chúa Jêsus vào vùng đó, Ngài sẽ bị người Giuđa giết. Nếu các môn đồ cũng đi với Chúa Jêsus, ông biết chắc họ cũng sẽ bị giết. Vì vậy với tình nhân bị quan và ám đạm, ông khuyên họ hãy thấy cùng theo Chúa Jêsus. Những lời của ông không phải rầm rộ của đức tin lớn hay can đảm, nhưng trái lại là ví dụ về sự ngã lòng.

D. Chúa Jêsus: Sự Sống Lại Và Sự Sống (11:17-27)

11:17-18 Sự kiện Laxar ở trong mộ **bốn ngày** rồi được nêu thêm làm bằng chứng ông đã chết rồi. Lưu ý phương cách Thánh Linh đã hết sức cẩn trọng cho thấy sự sống lại của Laxar thực sự là phép lạ. Ai hẳn Laxar đã chết ít lâu sau khi những người nhân tín ra đi tìm Chúa Jêsus. Từ Bêthani đến Bethabara (Bản Anh Ngữ), nơi Chúa Jêsus đang ở, mất một ngày đường. Sau khi nghe tin Laxar bệnh nặng, Chúa Jêsus ở lại đó hai ngày. Rồi mất một ngày đường đến Bêthani. Điều này giải thích cho bốn ngày Laxar nằm ở trong mộ.

Như đã thấy trước đây, thành **Bêthani** cách Giêrusalem khoảng hai dặm (mười dặm êchtađai về phía đông).

11:19 Bethani gần với Giêrusalem khiến nhiều người Giuđa cũng đi đến với những người dân **bà vây quanh Mari và Mathe để an ủi họ.** Họ không hề nhân ái chỉ chốc nữa thôi, sự an ủi của họ sẽ hoàn toàn không cần thiết và nhà than khóc này sẽ biến thành nhà vui mừng lớn.

11:20 Lúc Mathê nghe Đức Chúa Jêsus đến, thì đi đón Ngài. Họ gặp nhau ngay bên ngoài làng. Kinh Thánh không cho biết vì sao **Mari** và: cô ở trong nhà. Có lẽ bà chưa nghe tin Chúa Jêsus đến. Hoặc là bà buồn rười, hoặc có thể đơn giản là đang chờ đợi trong tình thần cầu nguyện và tin cậy. Bà có cảm nhận được điều gì sắp xảy ra như sự giận giữ của bà với Chúa không? Chúng ta không biết.

11:21 Chính đức tin thật da khuyển **Mathê** tin Chúa Jêsus có thể giữ cho Laxar khỏi chết. Nhưng đức tin bà vẫn bất toàn. Bà nghĩ Ngài chỉ có thể làm được việc ấy nếu diện thân hiện diện tại đây. Bà không nhận thấy Ngài có thể chữa lành con người từ đằng xa, và càng không nhận biết Ngài có thể kêu kẻ chết sống lại. Thương trong lúc đau buồn, chúng ta nên nang giống như Mathê. Chúng ta nghĩ nếu người ta khám phá ra được những loại thuốc này thuốc nọ, thì người yêu dấu này ả hẳn đã không chết. Nhưng mọi điều này nằm trong tay Chúa, và không một điều nào xảy ra cho người thuộc về Ngài mà chưa được phép của Ngài.

11:22 Một lần nữa, đức tin của người chị em thân tâm nay trởa sáng. Bà không biết Chúa Jêsus sẽ giúp bằng cách nào, nhưng bà tin Ngài sẽ giúp. Bà tin quyết **Đức Chúa Trời** sẽ ban cho Chúa Jêsus điều Ngài cầu xin và Chúa Jêsus sẽ đem đến điều tác đẹp từ rãnh cỏ về như niềm kịch này. Tuy nhiên, ngay cả lúc này, bà cũng không dám tin anh bà có thể từ kẻ chết sống lại. Chỉ Mathê dùng chỉ về "xin" là chữ thường được dùng để mô

ta mà tạo vật đang cầu xin nay cầu nguyện với Đấng Tạo Hóa. Từ điều này, dường như rõ ràng Mathê vẫn chưa nhận thấy thần thánh của Chúa Jesus. Bà nhận thấy Ngài là một Con Người vĩ đại và phi thường, nhưng chắc không hơn gì các tiên tri thời xưa.

11:23 Để đưa đức tin của bà lên đến những đỉnh cao hơn, Chúa Jesus tuyên bố một câu đàng kinh ngạc rằng Laxar sẽ **sống lại**. Thật tuyệt vời khi thấy cách Chúa đối đãi với người phụ nữ đau buồn này và tìm cách đưa bà tiến từng bước một đến đức tin nơi Ngài là Con Đức Chúa Trời.

11:24 Mathê nhận thấy một ngày nào đó Laxar sẽ sống lại từ trong kẻ chết, nhưng bà không nghĩ điều đó có thể xảy ra chính hôm ấy. Bà tin nơi **SỰ SỐNG LẠI** của kẻ chết và hiểu sự sống lại ấy sẽ diễn ra vào lúc mà bà gọi là "ngày cuối cùng."

11:25 Dường như Chúa đã phán: "Mathê, người không hiểu ta rồi. Ta không có ý bảo Laxar sẽ sống lại vào ngày sau rồi. Ta là Đức Chúa Trời, và ta có quyền của **SỰ SỐNG LẠI** và **SỰ SỐNG** trong tay ta. Ta có thể khiến Laxar từ kẻ chết sống lại ngay bây giờ, và ta sẽ gọi Laxar sống lại."

Rồi Chúa nhìn hướng tới dân đến đến mọi tín hữu thật sẽ sống lại. Điều này sẽ xảy ra khi Chúa Jesus trở lại để đưa người thuộc về Ngài về Thiên đàng.

Lúc đó sẽ có hai hạng tín hữu. Sẽ có những người đã chết trong đức tin, và sẽ có những người đang còn sống chỉ Ngài trở lại. Ngài đến với hạng người thứ nhất: lời từ cách *Sự Sống*

Lại và đến với hạng người thứ hai với tư cách *Sự Sống*. Hạng người thứ nhất được mô tả trong phần sau của câu 25: "**Kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi.**" Điều này có nghĩa những tín hữu nào đã chết trước khi Chúa trở lại sẽ được sống lại từ kẻ chết.

Bucklin nhận định:

*Chỉ một vài, một trăm cá sự chết! Mọi ma không thể phá vỡ Đấng Christ với những bàn hữu của Ngài. Các bàn hữu là công việc chúng ta đến bên một mộ ma, và bà bà lại khi chúng ta **SỰ SỐNG LẠI** sẽ chỉ đến không thể phá vỡ chúng ta **Chúa trở lại và Đấng Christ**!"³⁵*

Bengel nhận định: "Thật phù hợp tuyệt vời với khuôn phép thần thánh, ấy là người ta chưa bao giờ đọc thấy có ai chết trước hiện diện của Vua Sự Sống."

11:26 Hạng người thứ nhì được mô tả trong câu 26. Nhưng người đang còn sống lúc Chúa hiện đến và đã tin nơi Ngài thì **se không hề chết**. Họ sẽ được trên hoa trong giây lát, trong nháy mắt, và được đưa về tận cùng với những người đã được sống lại từ kẻ chết. Chúng ta có những câu chuyện quá lâu biết bao ra từ sự chết của Laxar! Đức Chúa Trời đã đem sự ngọt ngào ta từ sự cay đắng, và ban vẻ đẹp cho tro bụi. Rồi Chúa hỏi thẳng Mathê, để thử đức tin bà: "**Người tin điều đó chẳng?**"

11:27 Đức tin của Mathê nhỏ, sáng trong vẻ trang lệ của buổi trưa. Bà nhận xưng Chúa Jesus là **Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời**, mà các đấng tiên tri đã tiên đoán. Ngài là Đấng phải đến

thế gian. Và chúng ta nên lưu ý, bà tuyên xưng câu này *trước khi* Chúa Jêsus khiến anh bà từ kẻ chết sống lại chứ không phải sau!

E. Chúa Jêsus Khóc Bên Mộ Laxarô (11:28 - 37)

11:28,29 Ngay sau lời tuyên xưng này, Mathê liền chạy về làng thông báo cho Mari: "**Thấy ở đằng kia, đương gọi em lại.**" Đấng Tạo Hóa của toàn vũ trụ và Cứu Chúa của thế gian đã đến Bêthani và **đang gọi Mari.** Ngày hôm nay vẫn y như vậy. Chính Đấng kỳ diệu này đang đứng gọi con người qua những lời của Tin Lành. Mỗi người được mời mở cửa lòng mình để Cứu Chúa bước vào. Mari đáp ứng tức khắc. Bà không phí chút thời gian nào, nhưng **vội vàng đứng dậy** đến cùng Chúa Jêsus.

11:30,31 Chúa Jêsus gặp Mathê và Mari bên ngoài làng Bêthani.

Người Giuda không biết Ngài ở gần, vì Mathê kín đáo báo tin cho Mari. Cũng không phải là trái với lẽ tự nhiên khi họ kết luận Mari đến **mộ đang khóc.**

11:32 Mari sắp mình xuống chân Cứu Chúa. Có thể đây là một hành động thờ phượng, mà cũng có thể vì bà đang tràn ngập đau buồn. Giống như Mathê, bà nói lên sự tiếc nuối vì Chúa không có mặt tại Bêthani, vì nếu như có Chúa, anh của họ **không chết.**

11:33 Nhìn thấy Mari và những bạn của bà đau buồn đã khiến lòng Chúa Jêsus trĩu nặng **phiến muộn.** Rõ ràng Ngài đã nghĩ đến mọi cảnh buồn bã, thống khổ, và chết chóc đã vào thế gian do tội lỗi của con người. Điều này khiến Ngài đau lòng.

11:34 Dĩ nhiên, Chúa biết Laxarô được chôn ở đâu, nhưng Ngài hỏi câu này để đánh thức sự trông mong, để khích lệ đức tin, và kêu gọi sự hợp tác của con người. Rõ ràng, chính bởi sự sốt sắng sâu sắc và khao khát thành thật mà những người thân khóc đã đưa Chúa đến bên mộ.

11:35 Câu 35 là câu ngắn nhất trong Kinh Thánh bản Anh ngữ (chỉ có hai chữ: Jesus wept).³⁶ Đây là một trong ba trường hợp Tân Ước ghi lại Chúa Jêsus **khóc.** (Ngài đã khóc đau buồn về thành Giêrusalem và trong vườn Ghếtsemani.) Sự kiện **Chúa Jêsus khóc** là một bằng chứng về nhân tánh thật của Ngài. Ngài đã tuôn những giọt nước mắt thật vì đau buồn khi chứng kiến những hậu quả kinh khiếp của tội lỗi trên nhân loại. Sự kiện **Chúa Jêsus khóc** trước hiện diện của sự chết cho thấy Cơ Đốc nhân khóc khi người thân của họ qua đời không phải là điều trái lẽ. Tuy nhiên, Cơ Đốc nhân không đau buồn như những người không có chút hy vọng nào.

11:36 Qua những giọt nước mắt của Con Người, người **Giuda** thấy bằng chứng tình yêu của Ngài đối với Laxarô. Dĩ nhiên, họ đã nói đúng trong điều này. Nhưng Ngài cũng yêu họ với tình yêu sâu xa bất tuyệt, nhưng nhiều người trong số họ không hiểu được điều này.

11:37 Mộ: lần nữa, luận điệu của Chúa Jêsus khiến dân chúng có nhiều thắc mắc. Có người nhận ra Ngài cũng chính là Đấng đã chữa sáng mắt cho người mù. Họ thắc mắc vì sao Ngài lại không **giữ cho** Laxarô **khỏi chết.** Dĩ

nhien, hẳn Ngài đã có thể làm như vậy, nhưng đúng hơn, Ngài sắp thì hành phép lạ quyền năng hơn, đem lại hy vọng lớn hơn cho những linh hồn tin nhận Ngài.

F. Phép lạ Thứ Bảy: Khiến Laxarơ Từ Kẻ Chết Sống Lại (11: 38-44)

11:38 Dường như mộ của Laxarơ là một cái hang bên dưới đất, mà người ta phải xuống bằng thang hoặc một dây bạc cáp. Một hòn đá lấp trên miệng hang. Mộ này khác với mộ Chúa Giêsu ở chỗ mộ Chúa Giêsu được đào vào trong vách đá và rõ ràng người ta có thể bước vào trong đó, như bước vào trong một sườn đồi, không cần phải trèo lên hay leo xuống.

11:39 Chúa truyền người đến xem hẳn hòn đá ra khỏi cửa mộ. Ất hẳn Ngài tự làm được bằng cách chỉ phân một lời. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời thường không làm thay con người những điều họ có thể tự làm.

Mathe tỏ vẻ kinh hoàng khi nghĩ đến việc mở cửa mộ. Bà biết xác anh mình đã nằm đó **bốn ngày** rồi và sợ xác đã cứng rồi. Dường như người ta không hề tính ướp xác Laxarơ. Ất ông đã được chôn ngay ngày chết, như phong tục của thời đó. Sự kiện Laxarơ trong mộ **bốn ngày** là rất quan trọng. Không hề có khả năng ông đang ngủ hay bất tỉnh. Hết thầy nhưng người Giuđa đều biết: ông đã **chết** rồi. Chỉ có thể giải thích sự sống lại của ông là một phép lạ.

11:40 Không rõ Chúa Giêsu đã phân những lời của câu 40 vào lúc nào. Trong câu 23, Ngài báo bà rằng

anh bà sẽ sống lại. Nhưng rõ ràng điều Ngài phân ở đây thực ra chính là điều Ngài đã phân trước đó với bà. Để ý thứ tự của câu này: "**Tin... thấy.**" Dường như thế Chúa Giêsu đã phân: "Nếu như người chịu tin, người sẽ thấy ta làm phép lạ mà chỉ có Đức Chúa Trời mới làm được. Người sẽ thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua ta. Nhưng người phải tin trước đã, rồi sau đó mới thấy."

11:41 Bảy giờ người ta lăn hòn đá ra khỏi mộ. Trước khi tái hành phép lạ này, Chúa Giêsu cảm tạ Cha Ngài vì đã **nhậm** lời cầu nguyện của Ngài. Trong đoạn này không ghi lại lời cầu nguyện nào trước đó của Chúa Giêsu. Nhưng rõ ràng Ngài vẫn đang nói chuyện với Cha Ngài liên tục trong trọn khoảng thời gian này và đã cầu nguyện để danh Đức Chúa Trời được vinh hiển qua sự sống lại của Laxarơ. Ở đây, Ngài cảm tạ Cha khi nhìn thấy **trước** hiển cố ấy.

11:42 Chúa Giêsu cầu nguyện thành tiếng để **đoàn dân** có thể tin Đức Chúa Cha đã sai Ngài đến, và Đức Chúa Cha đã bảo Ngài những điều phải làm và phải nói, và Ngài luôn luôn hành động trong sự nương cậy trọn vẹn nơi Đức Chúa Cha. Một lần nữa ở đây, chúng ta được nhấn mạnh về sự liên hiệp thiết yếu của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Giêsu Christ.

11:43 Đây là một trong vài trường hợp Tắt Lược ghi Chúa Giêsu **kêu lên một tiếng** lớn. Có người gởi ý rằng nếu Ngài không nhắc đến đích danh Laxarơ, thì mọi kẻ chết trong mộ đều sẽ bước ra!

11:44 Laxarơ đi ra bằng cách nào? Có người nghĩ ông đi khắp khiêng ra khỏi mộ; có người nghĩ ông bỏ ra bằng hai tay và đầu gối; người khác nói thân thể ông được quấn chặt bằng vải liệm nên ả hẳn ông không thể tự sức mình bước ra. Họ gờ ỷ rằng thân thể của ông ra khỏi mộ lơ lửng trên không cho đến khi chân ông dưng đất ngay phía trước Chúa Jêsus. Sự kiện **mặt phủ khăn** được nêu thêm làm bằng chứng ông đã chết rồi. Không ai có thể sống bốn ngày với khăn buộc chặt trên mặt như thế. Một lần nữa, Chúa muốn đoàn dân đứ phẫn, bằng cách truyền họ mở **cho** Laxarơ và **để người đi**. Chỉ một mình Đấng Christ mới có thể kêu kẻ chết sống lại, nhưng Ngài giao cho chúng ta công tác đẹp bề những hồn đã ngạt thở, và tháo gỡ vải liệm của thành kiến và mê tín.

6. Những Người Giuda Tin Và Không Tin Ngài (11:45-57)

11:45,46 Đối với nhiều người lên xem, phép lạ này khiến họ không làm lãn vào dân đờc về thân tạch của Chúa Jêsus Christ, và họ **tin** nơi Ngài. Còn a. ngườ Đúc Chúa Giê-xu thì thế kêu một cái xác tử mô bước ra sau khi đã chết bốn ngày rồi?

Nhưng ảnh hưởng của phép lạ trên đời sống con người tùy thuộc vào thời trạng đạo đức của người ấy. Nếu lòng người ấy xác sa, nó oán và họ tin, người ấy sẽ không tin cho dầu chứng kiến người chết sống lại. Đó chính là trường hợp ở đây. Một số người Giuda đã chứng kiến phép lạ ấy vẫn không chịu chấp nhận Chúa Jêsus

là Đấng Mêsi của họ mặc dầu đã có bằng chứng không thể phủ nhận vào đầu được như thế. Vì thế họ **đi tìm người Pharisai** để báo lại điều đã xảy ra tại Bêthan. Phải chăng để người Pharisai có thể đến và tin Chúa Jêsus? T-à lại, chắc để người Pharisai càng bị thôi thúc nhiều hơn, nưa để chúng Chia và tìm cách giết chết Ngài.

11:47 Các thầy tế lễ cả và người Pharisai nhóm hội đồng chính thức của họ để thảo luận phải áp dụng biện pháp nào. Câu hỏi: "**Chúng ta tính thế nào?**" Có nghĩa "Chúng ta sẽ giải quyết điều này thế nào? Tại sao chúng ta hành động chậm vậy? **Con Người** này đang thi hành rất nhiều phép lạ, và chúng ta chẳng làm gì để ngăn chặn người cả." Những lãnh đạo Giuda nói các lời này để lên án chính họ. Họ thừa nhận Chúa Jêsus đang làm nhiều phép lạ. Vậy sao họ không tin Ngài? Họ không muốn tin vì họ ưa thích tội lỗi của mình hơn là thích Cứu Chúa.

Lời nói rất hay:

Đức Giê-xu, Chúa Thánh Linh và Chúa Cha là ba vị thần thánh của Chúa cùng tôn thờ Chúa Cha, và cùng đồng hành cùng Chúa Cha, nhưng phép lạ Chúa Cha làm thì Chúa Thánh Linh không làm được, và phép lạ Chúa Thánh Linh làm thì Chúa Cha không làm được. Vậy thì sao? Nhưng Chúa Cha đang làm phép lạ, và phép lạ mà Chúa Cha làm thì Chúa Thánh Linh cũng làm được, và phép lạ mà Chúa Thánh Linh làm thì Chúa Cha cũng làm được. Vậy thì sao? Nhưng Chúa Cha đang làm phép lạ, và phép lạ mà Chúa Cha làm thì Chúa Thánh Linh cũng làm được, và phép lạ mà Chúa Thánh Linh làm thì Chúa Cha cũng làm được.

Đó là sự nóng, họ nên giao thích với! Nếu những người Pharise sống trong thời của Chúa làm như mọi cách để chúng dẫn nước tên của Vua họ không bị dân phariseon và kẻ Ngoại đã làm nhiều phép lạ, thì thái phi là khi thời này - tất nhiên làm thế kỷ tới qua - họ bắt đầu phủ phục của phép lạ của Ngoại.²⁷

11:48 Các lãnh đạo cảm thấy họ không còn an bình bất động được nữa. Nếu không can thiệp, dân chúng sẽ bị thuyết phục bởi những phép lạ của Chúa Giêsu. Nếu dân chúng bởi đó công nhận Chúa Giêsu là vua của họ, điều đó có nghĩa sẽ gặp rắc rối với Rôma. Người Lamã sẽ nghĩ Chúa Giêsu đến lật đổ đế quốc của họ; bây giờ họ sẽ tràn vào và trừng phạt người Giuđa. Cụm từ "diệt nơi này và cả nước chúng ta nữa" có nghĩa người Lamã sẽ tiêu diệt đến thờ và tàn lạc dân Do Thái. Chính việc này đã xảy ra vào năm 70 S.C. Tuy nhiên, không phải vì người Do Thái đã tiếp nhận Ông, nhưng đúng hơn vì họ đã khước từ Ngài.

F. R. Meyer nói rất hay:

... và Do Thái đang rất nguy hiểm cho Chúa ngoài lịch thánh phủ ban nhiên và thương mại - họ muốn có những quốc gia họ muốn có một quốc gia như các quốc gia khác, một quốc gia như các quốc gia khác, một quốc gia như các quốc gia khác, một quốc gia như các quốc gia khác, một quốc gia như các quốc gia khác.²⁸

11:49.50 Caiphe làm thấy tế lễ đương phẩm từ năm 26.30 S.C Ông chủ tọa toa án tên giao xét xử Chúa và có mặt tại Phêrô và Giảng bị đưa

ra trước tòa công luận trong Công Vụ 4:1. Ông không phải là người tin nơi Chúa Giêsu, cho dù đã nói những lời được ghi lại ở đây.

Theo Caiphe, các thầy tế lễ và người Pharisai đã sai lầm khi nghĩ người Giuđa sẽ chết vì cố Chúa Giêsu. Trái lại, ông dự đoán Chúa Giêsu sẽ chết vì cả dân Giuđa. Ông nói thà Chúa Giêsu vì **đần chịu chết**, hơn là **cả một nước gặp rắc rối** với người Lamã. Nghe có vẻ như Caiphe thực sự hiểu nguyên nhân Chúa Giêsu vào thế gian. Chúng ta gần như nghĩ Caiphe chấp nhận Chúa Giêsu là Đấng Thay Thế cho tội nhân - là giáo lý trọng tâm của Cơ Đốc giáo. Nhưng bất hạnh thay, thà ta không phải như vậy. Nếu ông nói là đúng, nhưng bản thân ông không tin Chúa Giêsu để được cứu rỗi linh hồn mình.

11:51.52 Nếu này giải thích vì sao Caiphe nói như vậy. Ông nói **điều đó chẳng phải tự mình**, tức là tự ông không hiểu ta được những điều này. Ông không nói điều này bởi ý riêng của mình. Đúng hơn, sự điệp ông nói ra là do Đức Chúa Trời ban cho, mang theo thông điệp sâu thẳm; hơn ông đã dự. Đây là lời tiên tri thiên thượng rằng Chúa Giêsu sẽ vì dân mà chết. Lời này được ban cho Caiphe vì ông là **thầy tế lễ thượng phẩm đương niên**. Đức Chúa Trời đã phán qua ông vì cố chức vụ ông đang giữ, chứ không vì sự công bình của bản thân ông, vì ông là một con người tội lỗi.

Lời tiên tri của Caiphe không những chỉ nói Đấng Christ chịu chết vì dân Ysraêl mà thôi, nhưng cũng nói Ngài nhóm những kẻ được chọn

của Ngài giữa vòng dân ngoại trên đất. Có người nghi Caiphe đang nói đến dân Do Thái tản lạc trên khắp trái đất, nhưng chắc ông đang nói đến những dân ngoại bang sẽ tin Đấng Christ qua công tác rao giảng Tin Lành.

11:53,54 Người Pharisi không bị thuyết phục bởi phép lạ tại Bêthani. Trái lại, họ càng thù địch Con Đức Chúa Trời hơn nữa. Từ ngày đó, **chúng lập mưu giết Ngài càng mạnh mẽ hơn nữa.**

Nhật, thấy sự thù địch dồn dập của người Giuđa, Chúa Jêsus đi **đến một thành gọi là Épraim.** Chúng ta không biết ngày nay Épraim ở đâu ngoại trừ đó là một khu vực hẻo lánh, yên tĩnh gần đồng vắng.

11:55 Lời tuyên bố **Lễ Vượt Qua của người Giuđa gần đến** nhắc chúng ta nhớ mình sắp đến với sự kết thúc chức vụ công khai của Chúa. *Chính tại Lễ Vượt Qua* này, Ngài bị đóng đinh. Dân chúng phải đi lên Giêrusalem trước **Lễ Vượt Qua để lấy uế.** Chẳng hạn, nếu người Giuđa đụng đến xác chết, người ấy cần phải giữ một nghi lễ nhất định để được tẩy sạch sự ô uế theo lệ nghi. Sự tẩy uế này được thực hiện qua nhiều loại tẩy rửa và của lễ khác nhau. Điều đáng buồn là trong khi dân Giuđa đang tẩy uế mình như vậy, họ lại đồng thời lập kế giết Con của Lễ Vượt Qua. Thật là sự phơi bày kinh khiếp biết bao về thói gian ác của lòng người!

11:56,57 Khi dân chúng nhóm lại tại **đền thờ,** họ bắt đầu nghi đến người làm phép lạ tên **Jêsus** kia từng ở trong đất nước của họ. Có cuộc bàn cãi nổi

lên xem Ngài có **đến dự lễ không.** Nguyên nhân khiến một số người nghi Ngài không đến được nói rõ trong câu 57.

Các thầy lễ lễ cả và người Pharisi đã ra lệnh chính thức bắt Chúa Jêsus. Có lệnh truyền ai biết Ngài ở đâu phải báo cho nhà cầm quyền để họ bắt Ngài và giết Ngài.

VII. CHỨC VỤ CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI CHO RIÊNG NGÀI (Đoạn 12-17)

A. Chúa Jêsus Bước Xức Dầu Tại Bêthani (12:1-8)

12:1 Ngôi nhà ở Bêthani là nơi Chúa Jêsus rất muốn ở lại. Tại đó, Ngài hưởng sự thông công ngọt ngào với Laxarê, Mari và Mathê. Theo cách nói của con người, lần này khi **đến Bêthani,** Ngài đang phơi mình trước nguy hiểm vì gần Giêrusalem có rất nhiều căn cứ cho mọi thế lực được sắp xếp sẵn để chống Ngài.

12:2 Dầu có rất nhiều người chống đối Chúa Jêsus, vẫn có một vài trái tim đập cùng nhịp với Ngài. Laxarê là **một người trong đám người ngồi đồng bàn với Cứu Chúa, và Mathê** hầu hạ. Kinh Thành không nói gì về điều Laxarê đã thấy hoặc nghe từ lúc ông bị Đức Chúa Trời cấm tiết lộ thông tin như thế.

12:3 Trong các sách Tin Lành có ghi lại nhiều trường hợp Chúa Jêsus được một người nữ xức dầu. Không có hai trường hợp nào giống y như nhau, nhưng trường hợp này thường được xem tương đồng với Mác 14:3-9. Lòng tận hiến của Mari với Đấng Christ khiến Mari lấy **một cân dầu cam tùng**

hương thật rất quý giá để xúc chân Chúa. Trên thực tế, Mari đang nói rằng không có gì quá quý đến nỗi không dâng được cho Đấng Christ. Ngai xứng đáng có mọi của cải và sở hữu của chúng ta.

Mỗi lần chúng ta gặp Mari, bà đều ở tại chân Chúa Jesus. Ở đây, bà đang lấy tóc mình lau chân Ngai. Vì tóc người nữ là vinh quang của nàng, nên Mari đang đặt vinh quang mình đang có dưới chân Ngai. Khi cần nói, chính Mari cũng mang hương của dầu thơm ấy trong một khoảng thời gian ít lâu sau sự kiện này. Như vậy, khi Đấng Christ được thờ phượng, chính người thờ phượng cũng mang theo mình đôi chút hương thơm của giây phút đó. Không có ngôi nhà nào được đầy dẫy hương thơm ngọt ngào như căn nhà đã dành cho Chúa Jesus địa vị xứng đáng của Ngai.

12:4,5 Ở đây, ta thấy xác thịt đã xen vào dịp tiện thiêng liêng nhất trong mọi dịp này. Người sắp phàn Chúa không chịu nổi cảnh nhìn thấy dầu được sử dụng theo cách đó.

Giuda không xem Chúa Jesus đang được ba trăm đơniê. Ông cảm thấy đang ra nên bán dầu thơm ấy để cho kẻ nghèo. Nhưng đây hoàn toàn là giả hình! Ông có quan tâm người nghèo hơn quan tâm Chúa đâu. Ông sắp phàn Ngai, không phải để được ba trăm đơniê, nhưng chỉ một phần mười khoản tiền đó. Ryle nói rất hay:

Cứ nghĩ cảnh có người theo Đấng Christ làm môn đồ Ngai trong ba năm, chứng kiến mọi phép lạ của Ngai, nghe mọi lời dạy của Ngai, liền tự nhau tư tay Ngai biết bao

nhân ái, được kể là sự sốt sắng, thế nhưng cuối cùng lại tỏ ra đã thôi nạt tận đáy lòng. Hết thấy cảnh ấy thuật nhìn có vẻ không thể tin nổi và không thể có được! Thế nhưng trường hợp của Giuda cho thấy rõ ràng vẫn có chuyện như thế. Có lẽ hiếm có điều nào mà con người ít phát hiện được cho bằng mức độ sát sa ngã của con người.³⁰

12:6 Giảng nhanh chóng nói thêm không phải Giuda nói vậy vì thật sự yêu mến người nghèo, nhưng vì ông là tay lợm cắp và tham lam. Giuda giữ túi bạc; và ông thường lấy những thứ được đặt trong túi đó.

12:7 Trên thực tế Chúa trả lời: "Đừng ngăn nàng làm việc này. Nàng đã để dành dầu thơm này cho ngày chôn xác ta."⁴⁰ Giờ đây nàng muốn sử dụng thoải mái dầu ấy cho ta để biểu lộ hành động yêu mến và thờ phượng. Nên để cho nàng làm như vậy."

12:8 Sẽ không bao giờ có lúc không có người nghèo để có thể đối đãi nhân hậu với họ. Nhưng chức vụ của Chúa trên đất đang tiến nhanh đến kết thúc. Mari sẽ không luôn luôn có cơ hội dùng dầu này cho Ngai. Điều này đáng nhắc nhở chúng ta rằng những cơ hội thuộc linh rất chóng qua. Chúng ta đừng bao giờ chậm trễ làm điều mình có thể làm được cho Cứu Chúa.

B. Âm Mưu Hai Laxard (12:9-11)

12:9 Tin đồn lan ra nhanh chóng rằng Chúa Jesus ở gần Giêrusalem. Không thể nào giữ kín sự có mặt của Ngai nữa. Nhiều người Giuda đã đến Bethani để nhìn xem Ngai, có người

đến để xem Laxarơ, là người từ kẻ chài sống lại.

12:10,11 Sự thù ghét điên cuồng của lòng người một lần nữa được mô tả trong câu này. Các thầy tế lễ cả bên đĩnh giết luôn Laxarơ nữa. Họ nghĩ ông đã phản bội cực độ vì được khiến sống lại từ kẻ chết! Đó là điều nằm ngoài tầm kiểm soát của ông, thế nhưng họ vẫn kể ông đang chết.

Vì cô Laxarơ, cô nhiều người Giuđa tin Chúa Jêsus. Do đó Laxarơ là kẻ thù của "giới quyền uy" Do Thái, và phải trừ khử ngay. Những người đem người khác đến với Chúa thì luôn luôn trở thành mục tiêu cho sự bắt bớ và thậm chí tuận đạo nữa.

Một số nhà giải kinh cho rằng vì các thầy tế lễ cả là người Sadusê, là người phủ nhận sự sống lại, nên họ muốn loại bỏ bằng chứng bằng cách tiêu diệt Laxarơ.

D. Vào Thành Cách Khải Hoàn (12:12-13)

12:12,13 Giờ đây chúng ta đến với sự kiện Chúa Jêsus vào thành Giêrusalem cách khải hoàn. Đây là ngày Chúa Nhật trước khi Ngài chịu đóng đĩnh.

Khó biết đích xác đám đông này nghĩ gì về Chúa Jêsus. Họ có thật sự hiểu Ngài là Con Đức Chúa Trời và là Đấng Mêsi của Ysraên không? Hay họ chỉ xem Ngài như một vị Vua sẽ giải phóng họ khỏi ách áp bức của Lamá? Phải chăng họ bị kích động bởi cảm xúc của giờ phút đó? Rõ ràng một số người trong nhóm này là tin hữu thật, nhưng ấn tượng chung là hầu hết dân chúng không hề thật lòng quan tâm đến Chúa.

Nhánh là kẻ làm biểu tượng cho sự an nghỉ và bình an sau cơn đau buồn (Khải Huyền 7:9). Chữ "Hôšana" nghĩa là "Xin hãy cứu ngay bây giờ, chúng con cầu xin Ngài." Kết hợp các ý này lại, dường như đám đông đang công nhận Chúa Jêsus là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến để cứu họ khỏi sự tàn bạo của người Lamá và ban cho họ yên nghỉ bình an sau cơn đau buồn suốt bao năm bị dân ngoại hà hiếp.

12:14,15 Chúa Jêsus vào thành trên lưng lừa con, là phương thức đi lại phổ thông. Tuy nhiên, còn hơn thế nữa, Ngài đang làm ứng nghiệm lời tiên tri khi cưỡi lừa vào thành như vậy.

Câu này trích từ Xachari 9:9. Tại đó, đáng tiên tri dự ngôn khi Vua đến với Ysraên, Ngài sẽ cưỡi trên lừa con của lừa cái. Con gái thành Siôn là lối nói tu từ chỉ về dân Giuđa, Siôn là ngọn đồi trong thành Giêrusalem.

12:16 Các môn đồ không nhận thấy điều đang xảy ra làm ứng nghiệm chính xác lời tiên tri của Xachari, không nhận thấy Chúa Jêsus đang thực sự vào thành Giêrusalem với tư cách Vua bợ pháp của Ysraên. Nhưng sau khi Chúa về trời để được vinh hiển bên hữu Đức Chúa Cha, các môn đồ mới hiểu ra những biến cố này chính là sự ứng nghiệm lời Kinh Thánh.

12:17,18 Trong đám đông chứng kiến Chúa Jêsus vào thành Giêrusalem có những người đã thấy Ngài kêu Laxarơ từ kẻ chết sống lại. Họ bảo với người xung quanh rằng Đấng đang cưỡi trên lưng lừa con kia cũng chính

là Đấng đã khiến Laxarơ từ kẻ chết sống lại. Khi tin đồn về **phép lạ** nổi tiếng này lan ra, **đám đông dân chúng** đổ ra gặp Chúa Jêsus. Bất hạnh thay, động cơ của họ là tò mò hơn là vì đức tin thật.

12:19 Khi đoàn dân đổ đến ngày càng đông, và sự quan tâm đến Cứu Chúa ngày càng lên cao, người **Pharisi** nổi thanh nộ. Những lời họ nói hoặc làm chẳng có chút ảnh hưởng nào cả. Với sự cường điệu điển cuồng, họ kêu lớn lên rằng cả **thiên hạ** đều **chạy theo** Chúa Jêsus. Họ không nhận thấy sự quan tâm của đám đông chỉ là nhất thời, và những người thật sự muốn thờ phượng Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời chỉ là con số rất ít.

D. Mấy Người Gôréc Muốn Ra Măt Chúa Jêsus (12: 20-26)

12:20 Những người Gôréc đến với Chúa Jêsus là người ngoại bang đã cải đạo Do Thái giáo. Sự kiện họ đến **thờ lạy trong kỳ lễ** chứng tỏ họ không còn giữ các lễ nghi của tổ tiên nữa. Việc họ đến với Chúa Jêsus trong dịp này mô tả một sự thật: khi dân Giuda khước từ Chúa Jêsus, dân ngoại sẽ nghe Tin Lành và nhiều người ngoại sẽ tin.

12:21 Kinh Thánh không nói nguyên nhân họ đến tìm Philip. Có lẽ tên tiếng Hylạp của ông và sự kiện ông là người ở thành Bêtsalđa thuộc xứ Galilê khiến những người ngoại cải đạo này chú ý đến ông. Lời yêu cầu của họ thật tuyệt vời. "**Thưa chúa, chúng tôi muốn ra mắt Đức Chúa Jêsus.**" Chưa hề có người nào thật lòng khao khát như thế này mà không được đến đáp.

12:22 Có lẽ Philip không biết chắc Chúa Jêsus chịu tiếp nhưng người Gôréc này không. Trước đó, Đấng Christ truyền các môn đồ đừng rao Tin Lành cho người ngoại bang, vì vậy Philip đi nói với Anhrê, rồi cả hai cùng đến **thưa chuyện với Chúa Jêsus.**

12:23 Vì sao những người Gôréc muốn gặp Chúa Jêsus? Nếu tìm hiểu ẩn ý, chúng ta có thể đoán sự khôn ngoan của Chúa Jêsus hấp dẫn họ và họ muốn tôn Ngài lên làm triết gia mẫn mỗ của họ. Họ biết Ngài đang đụng độ với lãnh tụ Do Thái và muốn Ngài giữ mạng sống Ngài, có lẽ bằng cách đi đến Hylạp với họ. Triết lý của họ là "Tự miễn cho mình," nhưng Chúa Jêsus bảo họ rằng triết lý này mâu thuẫn trực tiếp với luật mùa gặt. Ngài sẽ được vinh hiển qua sự chết hy sinh của Ngài, chứ không được vinh hiển bởi đời sống thoải mái để chịu.

12:24 Hạt giống không bao giờ kết hạt cho đến khi phải **giơ xuống đất và chết đi trước** đó. Ở đây, Chúa Jêsus nói Ngài là **hạt** (hay nhân) **lúa mì**. Nếu Ngài không chết, Ngài sẽ cứ ở **một mình**. Ngài sẽ hưởng vinh hiển Thiên đàng riêng một mình Ngài; sẽ không có **lợi** nhân được cứu tại đó để chia sẻ vinh quang của Ngài. Nhưng nếu Ngài chết đi, Ngài sẽ cung cấp con đường cứu rỗi để nhờ đó nhiều người được cứu.

Điều này cũng áp dụng cho chúng ta, đúng như T. G. Ragland nói:

Vừa chúng ta không chịu làm những hạt lúa mì - rơi xuống đất và chết đi; nếu chúng ta không chịu hy sinh chúng ta trước công, cũng không chịu lên bờ ngũ cốc, của cải và vinh

khỏe, nếu khi được kêu gọi chúng ta không chịu bỏ như cửa, dốt bỏ những mối ràng buộc gia đình vì cơ Đấng Christ; thì bấy giờ chúng ta sẽ cứ ở một mình. Nhưng nếu muốn kết quả, chúng ta phải theo gương chính Chúa Đấng Cứu và chúng ta, bằng cách trở nên hạt giống lúa mì, chịu chết đi, bấy giờ chúng ta sẽ kết quả được nhiều.⁴¹

12:25 Nhiều người nghĩ những điều quan trọng trong đời sống là thức ăn, áo mặc và lạc thú. Họ sống vì chúng. Nhưng khi yêu mến sự sống mình như vậy, họ không nhận thấy linh hồn còn quan trọng hơn cả thân thể. Khi bỏ bê phúc tội của linh hồn, họ đánh mất sự sống họ. Mặt khác, có những người kể mọi sự là lẽ vì cơ Đấng Christ. Để phục vụ Ngài, họ từ bỏ những điều vốn rất quý giá giữa vòng con người. Đây là những người sẽ giữ sự sống mình cho đến sự sống đời đời. Ghét sự sống mình có nghĩa là yêu Đấng Christ hơn yêu mến những lợi ích riêng của mình.

12:26 Muốn phục vụ Đấng Christ thì phải theo Ngài. Ngài muốn rời bỏ Ngài vâng theo những lời dạy của Ngài, và giống Ngài về mặt đạo đức. Họ phải áp dụng gương chịu chết của Ngài cho chính họ. Mọi đấng tử được Chủ của họ hứa hiện diện cùng và bảo vệ không ngừng, không chỉ cho đời này mà còn cho cả cõi đời đời. Phục vụ Chúa ngay lúc này sẽ được Chúa tán thành và khen trong ngày hầu đến. Bất luận sự xấu hổ nhục nhã mình chịu trong đời này lớn đến đâu cũng đều sẽ thật sự nhỏ bé so với

vinh quang khi được Đức Chúa Cha khen công khai trên Thiên đàng!

E. Chúa Jesus Bối Diện Với Sự Chết Sáp Bần (12:27-36)

12:27 Suy nghĩ của Chúa Jesus ngày càng tập trung vào các sự kiện ở phía trước Ngài. Ngài đang nghĩ đến thập tự giá, suy gẫm đến lúc Ngài sẽ trở nên Người Gánh Vác tội lỗi, và chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối cùng tội lỗi của chúng ta. Khi nghĩ đến "giờ đau xé ruột" (IBP) của Ngài, **lâm hồn Ngài bối rối**. Ngài nên cầu nguyện thế nào trong giờ phút như thế? Ngài có nên xin Cha Ngài cứu Ngài khỏi giờ này không? Ngài không thể cầu xin điều này vì **mục đích** Ngài đến thế gian là để lên thập tự giá. Ngài sinh ra để chịu chết.

12:28 Thay vì cầu nguyện để được cứu khỏi thập tự giá, Chúa Jesus lại cầu nguyện để danh Cha Ngài được vinh hiển, Ngài quan tâm đến sự vinh hiển sẽ quy về Đức Chúa Trời hơn là nghĩ đến thoải mái hay an toàn của riêng Ngài. Bấy giờ, Đức Chúa Trời từ trời phán rằng Ngài **đã làm vinh hiển** Danh Ngài rồi và sẽ còn làm cho vinh hiển nữa. Danh Đức Chúa Trời được vinh hiển trong chức vụ tại thế của Chúa Jesus. Ba mươi năm yên lặng tại Nazaret, ba năm chức vụ công khai, những lời dạy và việc làm kỳ diệu của Cứu Chúa - hết thấy điều ấy đã làm Danh Cha được vinh hiển lớn lao. Nhưng sẽ còn vinh hiển lớn hơn nữa quy về Đức Chúa Trời qua sự chết, sự chôn, sự sống lại và Thăng Thiên của Đấng Christ.

12:29 Một số người đứng gần đó hiểu lầm tiếng của Đức Chúa Trời là tiếng sấm. Những người như thế luôn luôn tìm cách đưa ra lời giải thích của cõi thiên nhiên cho những vấn đề thuộc linh. Nhưng ai không chịu chấp nhận có các phép lạ thì đều có giải thích các phép lạ này bằng một quy luật tự nhiên nào đó. Những người khác biết đây không phải là tiếng sấm, nhưng tại không nhận ra đó là tiếng của Đức Chúa Trời. Nhận biết chắc chắn đó phải là tiếng của Đấng cao trọng hơn loài người, nên họ chỉ có thể kết luận đó là tiếng của thiên sứ. Chỉ những người được Thánh Linh giúp đỡ mới có thể nghe và hiểu tiếng của Đức Chúa Trời. Người ta có thể nghe hoài Tin Lành, thế nhưng Tin Lành vẫn cứ vô nghĩa đối với họ nếu Thánh Linh không phán với họ qua Tin Lành.

12:30 Chúa giải thích cho những người nghe tiếng ấy rằng **tiếng** này vang lên **không phải** vì cần cho *Ngài* nghe thấy. Trái lại, tiếng này vang lên vì cơ những người đang đứng gần đó.

12:31 Ngài phán: "**Hiện bây giờ có sự phán xét thế gian này.**" Thế gian sắp đồng đình Chúa sự sống và bình an. Khi làm như vậy, thế gian sẽ tự định tội mình. Bản án sẽ tuyên cáo trên thế gian vì hành động kinh khiếp khước từ Đấng Christ của họ. Ấy chính là ý nghĩa Cứu Chúa muốn nói tại đây. Sự đoán xét sắp được tuyên cáo trên nhân loại có tội này. **Vua chúa thế gian** này là Satan. Theo ý nghĩa rất thực tế, Satan đã bị đánh bại hoàn toàn tại Gôgôtha. Satan nghĩ hẳn

sẽ thành công khi tiêu diệt Chúa Jêsus một lần đủ cả. Trái lại, Cứu Chúa đã ban con đường cứu rỗi cho con người, và đồng thời đánh bại Satan cũng mọi đạo bịnh hản. Bản án vẫn chưa thi hành trên ma quỷ, nhưng số phận hẳn đã bị niêm phong. Hẳn vẫn còn trái qua đây đó trên trần gian để làm công việc gian ác của hắn, nhưng đây chỉ là vấn đề thời gian trước khi bị **xua đuổi** vào hố lửa.

12:32 Phần đầu câu này nói đến sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá. Ngài bị đóng đinh vào thập tự giá bằng gỗ và được **treo lên khỏi đất**. Chúa nói nếu Ngài bị đóng đinh như vậy, Ngài sẽ **kéo mọi người đến với** chính Ngài. Có nhiều lối giải thích câu này. Có người nghĩ Đấng Christ kéo mọi người đến sự cứu rỗi hoặc đến sự đoán xét. Người khác nghĩ nếu Đấng Christ được tôn cao lên (trong Anh ngữ, chữ "được treo lên" còn có thể hiểu là "được tôn cao lên") trong công tác rao giảng Tin Lành, thì bấy giờ sẽ có quyền năng lớn lao trong sự điệp, và nhiều linh hồn sẽ được kéo đến với Ngài. Nhưng có lẽ lối giải thích đúng ấy là sự đồng đình Chúa Jêsus đem lại kết quả *mọi hạng người* được kéo đến với Ngài. Điều này không có nghĩa mọi người không một ngoại lệ nào, nhưng là người từ mọi dân tộc, chi phái và mọi thứ tiếng.

12:33 Khi Chúa Jêsus nói đến việc bị treo lên, Ngài muốn nói đến loại **sự chết** Ngài **phải chịu**, tức là bị đóng đinh. Một lần nữa ở đây, chúng ta có bằng chứng về sự toàn trí của Chúa. Ngài biết trước Ngài sẽ không chết

trên giường hay chết bởi tai nạn, nhưng sẽ bị đóng đinh vào thập tự giá.

12:34 Dân chúng không hiểu câu Chúa phán về việc được treo lên. Họ biết Ngài tuyên bố Ngài là Đấng Mêsê, thế nhưng từ Cựu Ước họ biết Đấng Mêsê sẽ sống đời đời (xem Êsai 9:7; Thithiên 110:4; Đanien 7:14; Michê 4:7). Để ý những người này trích lời Chúa như thế Ngài phán rằng: "**Con người phải bị treo lên.**" Thực ra, Ngài đã phán: "Còn ta, khi ta đã được treo lên khỏi đất." Đương nhiên, Chúa Jêsus nhiều lần gọi Ngài là Con Người, và có lẽ thậm chí trước đó Ngài còn nói về Con Người bị treo lên, vì vậy, chẳng có gì khó hiểu khi đoàn dân kết hợp hai ý này lại với nhau.

12:35 Khi đàn chúng hỏi Chúa Jêsus xem Con Người là ai, một lần nữa Ngài nói chính Ngài là sự sáng của thế gian. Ngài nhắc họ nhớ sự sáng chỉ ở với họ trong một thời gian ngắn. Họ phải đến với Sự Sáng và bước đi trong Sự Sáng; nếu không sự tối tăm sẽ đến hình ảnh trên họ, và họ sẽ vấp ngã loanh quanh trong sự ngu dốt.

Đương như Chúa vì Ngài với mặt trời và với ánh sáng phát ra từ mặt trời. Mặt trời mọc lên buổi sáng, lên cao vào giữa trưa, rồi xuống đến đường chân trời vào buổi chiều. Mặt trời chỉ ở với chúng ta trong một số giờ có hạn. Chúng ta phải lợi dụng mặt trời đương khi còn mặt trời, vì khi đêm đến, chúng ta không còn nhận được ích lợi từ mặt trời nữa. Về phần thuộc linh, những ai tin Chúa Jêsus là người bước đi trong sự sáng. Những ai chối bỏ Ngài thì đi trong nơi tối tăm

và chẳng biết mình đi đâu. Người ấy thiếu sự dẫn dắt thiên thượng và vấp ngã trong cuộc đời.

12:36 Một lần nữa Chúa Jêsus cảnh cáo những người nghe hãy tin Ngài đang khi còn có cơ hội. Khi tin Ngài như vậy, họ sẽ trở nên con cái của sự sáng. Họ sẽ được bảo đảm về phương hướng vượt qua đời này để vào cõi đời đời. Sau khi phán những lời này, Chúa rời xa đám đông và ẩn mình ít lâu.

F. Sự Không Tin Của Pharisêu Người Giuđa (12:37-43)

12:37 Đến đây Giảng dừng lại để tỏ vẻ ngạc nhiên vì **đâu** Chúa Jêsus đã làm rất nhiều phép lạ như thế, dân chúng vẫn không tin Ngài. Như đã nói trước đây, lòng vô tin của họ không phải do họ thiếu chứng cứ. Chúa đã nêu những bằng chứng thuyết phục nhất về thân tánh của Ngài, nhưng dân chúng không muốn tin. Họ muốn một vua cai trị họ, nhưng họ không muốn ăn năn.

12:38 Lòng vô tin của người Giuđa đang làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Êsai 53:1. Câu hỏi: "**Lạy Chúa, ai đã tin lời giảng của chúng tôi?**" đem đến câu trả lời: "**Chẳng bao nhiêu người cả!**" Vì cánh tay trong Kinh Thánh nói đến quyền lực hết sức mạnh, nên "**cánh tay Chúa**" nói đến quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời. Quyền năng của Đức Chúa Trời được bày tỏ chỉ cho những ai tin lời rao báo về Chúa Jêsus Christ. Do đó, vì không có nhiều người chấp nhận lời công bố về Đấng Mêsê, nên quyền năng của Đức Chúa Trời đã không tỏ ra cho nhiều người.

12:39 Khi Chúa Jêsus xuất hiện trước dân Ysraên, họ đã khước từ Ngài. Hết lần này đến lần kia, Ngài trở lại cùng họ với đề nghị ban sự cứu rỗi, nhưng họ cứ nói "không" hoài với Ngài. Càng khước từ Tin Lành, con người càng khó tiếp nhận Tin Lành ấy. Khi con người bị mất trước Sự Sáng Đức Chúa Trời họ càng khó nhìn thấy Sự Sáng. Đức Chúa Trời khiến họ mắc phải điều được gọi là sự đui mù của lý trí, tức sự đui mù vốn là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên họ vì đã khước từ Con Ngài.

12:40 Câu này trích từ Êsai 6:9, 10. Đức Chúa Trời đã khiến mắt Ysraên bị mù, và làm cho lòng họ cứng. Ngài không làm việc này ngay từ đầu, nhưng chỉ sau khi họ bị mất và tự làm cứng lòng mình. Hậu quả sự cố chấp và cố ý khước từ Đấng Mêsi của Ysraên là họ đã tự làm cho mình không thấy, không hiểu, không hoàn cải và không được chữa lành.

12:41 Êsai 6 mô tả vị tiên tri đang nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời. Giờ đây Giảng giải thích thêm rằng vinh quang Êsai đã thấy chính là vinh quang của Đấng Christ, và Êsai đã nói về chính Đấng Christ. Vì vậy, câu này là mối liên kết quan trọng khác nữa trong đây chứng cứ để chứng minh Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời.

12:42 Có nhiều quan trường của dân Giuđa bắt đầu tin Chúa Jêsus là Đấng Mêsi. Tuy nhiên, họ không dám chia sẻ niềm tin của mình với người khác để khỏi bị trục xuất khỏi cộng đồng. Chúng ta muốn nghĩ những

người này là tin hữu thật nơi Chúa Jêsus, nhưng điều ấy thật đáng ngờ. Nơi đâu có đức tin thật, nơi đó sớm muộn gì cũng có lời tuyên xưng Đấng Christ. Khi thật sự tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, người ấy không ngần ngại bày tỏ ra, bất chấp phải gánh chịu hậu quả nào.

12:43 Hiển nhiên, những người này chuộng danh vọng bởi con người đến hơn là chuộng danh vọng bởi Đức Chúa Trời đến. Họ nghĩ đến sự chấp thuận của con người hơn là chấp thuận của Chúa. Liệu người như thế có thực sự là tin hữu thật nơi Đấng Christ chăng? Xem đoạn 5, câu 44, để biết câu trả lời.

6. Hiếm Họa Của Lòng Vô Tin (12:44-50)

12:44 Câu 44 được diễn ý như sau: "Người nào tin nơi ta thì thật ra không phải chỉ tin nơi ta mà thôi, nhưng cũng tin nơi Cha ta, là Đấng đã sai ta đến." Ở đây, một lần nữa Chúa dạy sự liên hiệp tuyệt đối của Ngài với Đức Chúa Cha. Không thể có trường hợp tin nơi Đấng này mà không tin nơi Đấng kia. Tin Đấng Christ tức là tin Đức Chúa Cha. Không thể tin Đức Chúa Cha nếu không tôn kính Đức Chúa Con y như tôn kính cha.

12:45 Trên một phương diện, không ai có thể thấy Đức Chúa Cha. Ngài là Thần, nên do đó là Đấng vô hình. Nhưng Chúa Jêsus đã vào thế gian để chúng ta được biết Đức Chúa Trời ra sao. Nói vậy, không có ý bảo Ngài cho chúng ta biết Đức Chúa Trời ra sao về mặt thuộc thể, nhưng Ngài cho chúng ta biết Đức Chúa Trời về mặt thuộc linh. Ngài đã bày tỏ đặc

tánh của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Bởi đó, ai thấy Đấng Christ tức là đã thấy Đức Chúa Cha.

12:46 Sự sáng dương như là một trong những minh họa ưa thích nhất của Chúa chúng ta. Một lần nữa, Ngài gọi Ngài là sự sáng đã đến thế gian để những ai tin Ngài không phải ở nơi tối tăm. Không có Đấng Christ, con người ở trong bóng tối dày đặc nhất. Họ không hiểu biết đúng về sự sống, chết và cõi đời đời. Nhưng ai lấy đức tin đến với Đấng Christ sẽ không còn mò mẫm trong bóng tối tìm chân lý nữa, vì họ đã gặp được chân lý trong Ngài.

12:47 Mục đích sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Christ không phải để đoán xét thế gian, nhưng để cứu chuộc. Ngài không ngồi đoán xét những người không chịu nghe lời Ngài hay không chịu tin Ngài. Điều này không có nghĩa Ngài sẽ không định tội những người không tin ấy trong ngày hầu đến, nhưng việc đoán xét ấy không phải mục tiêu cho lần Hiện Đến Thứ Nhất của Ngài.

12:48 Giờ đây, Chúa nhìn hướng tới ngày tương lai khi những kẻ khước từ lời Ngài ứng hầu trước tòa đoán xét của Đức Chúa Trời. Lúc đó, những lời rao giảng hay dạy dỗ của Chúa Jêsus sẽ đủ để định tội họ.

12:49 Những điều Chúa dạy ở đây không phải do Ngài tự nghĩ ra hay học trong các trường của con người. Trải lại, với tư cách Đấng Tử và Con biết vâng lời, Ngài chỉ nói ra những điều nào Đức Chúa Cha truyền Ngài phải nói. Chính sự kiện này sẽ định tội con người trong ngày sau rốt. Những lời

Chúa Jêsus đã phân chính là Lời Đức Chúa Trời, và con người không chịu nghe lời ấy. Đức Chúa Cha đã bảo cho Ngài không chỉ những điều để nói, mà còn cả những điều Ngài phải rao ra nữa (Bản Việt Ngữ ghi là "phải nói điều chi và phải nói thế nào"). Có sự khác nhau giữa hai ý này. Cụm từ "điều ta phải nói" nói đến thực chất của sự điệp; "điều ta phải rao ra" nói đến chính những từ ngữ Chúa phải dùng để dạy chân lý của Đức Chúa Trời.

12:50 Chúa Jêsus biết Đức Chúa Cha truyền lệnh Ngài ban sự sống đời đời cho những người tin Ngài. Do đó, Đấng Christ đã rao sự điệp này đúng như Đức Chúa Cha đã giao cho Ngài.

Giờ đây, chúng ta đến phần ngắt rõ nét trong câu chuyện. Mãi cho đến lúc này Chúa vẫn giới thiệu Ngài cho Ysraên. Bấy phép lạ đặc trưng được ghi lại, mỗi phép lạ minh họa một từng trải sẽ sinh ra khi tội nhân đặt đức tin nơi Đấng Christ. Các phép lạ này là:

1. Hóa nước thành rượu tại tiệc cưới Cana ở xứ Galilê (2:1-12). Điều này làm hình ảnh về tội nhân xa lạ với niềm vui thiên thượng nhưng được biến hóa bởi quyền năng của Đấng Christ.

2. Chữa lành con trai quan thị vệ (4:46-54). Phép lạ này làm hình ảnh về tội nhân đang bị bệnh và cần được chữa lành tâm linh.

3. Chữa lành người bại bên ao Bêtesda (đoạn 5). Tội nhân đang thương này không có sức lực, không ai giúp đỡ, và không thể làm gì để cứu

chữa tình trạng của mình. Chúa Jêsus đã chữa lành bệnh cho ông.

4. Hóa bánh nuôi năm ngàn người (đoạn 6). Tội nhân này không có thức ăn, đói và thiếu thứ có thể đem đến sức mạnh. Chúa đã ban thức ăn cho linh hồn người để người không bao giờ phải đói nữa.

5. Làm biển Galilê yên lặng (ô: 16-21). Tội nhân ở trong nơi nguy hiểm. Chúa giải cứu người khỏi cơn bão.

6. Chữa lành người mù từ thuở sanh ra (đoạn 9). Người này làm bình an về sự đau mù trong lòng người cho đến khi được quyền năng của Đấng Christ đụng đến. Con người không thể thấy tình trạng tội lỗi của chính mình, hay vẻ đẹp của Cứu Chúa, cho đến khi được Thánh Linh soi sáng.

7. Khiến Laxarô từ kẻ chết sống lại (đoạn 11). Đương nhiên, điều này nhắc chúng ta nhớ tội nhân đã chết trong bản chất tội lỗi và tội đã phạm của mình, và cần sự sống từ trên.

Mọi phép lạ này đều nhằm chứng minh Chúa Jêsus là Đấng Christ tức là Con Đức Chúa Trời.

H. Chúa Jêsus Nhấn Chân Cho Các Môn Đồ (13:1-11)

Bài Giảng Trên Phòng Cao bắt đầu trong đoạn 13. Chúa Jêsus không còn bước đi giữa vòng người Giuđa đầy thù địch nữa. Ngài cùng với các môn đồ rút về phòng cao tại Giêrusalem để thông công với họ lần cuối trước khi chịu xét xử và bị đóng đinh. Giảng đoạn 13 đến đoạn 17 là một trong những phần được yêu mến nhất của toàn Tân Ước.

13:1 Ngày hôm trước khi bị đóng đinh, **Chúa Jêsus biết rằng đã đến gần giờ Ngài phải chịu chết, rồi sống lại và về trời.** Ngài đã **yêu kẻ thuộc về mình**, tức những tín hữu thật. Ngài cứ **yêu cho đến cuối cùng** chức vụ trên đất của Ngài, và sẽ tiếp tục yêu họ trong suốt cõi đời đời. Nhưng Ngài cũng **yêu họ với mức độ vô hạn**, như Ngài sắp chứng tỏ cho thấy.

13:2 Giảng không nói đây là **bữa ăn tối** nào - là Lễ Vượt Qua, bữa tiệc cuối cùng của Chúa, hay một buổi ăn thông thường. **Ma quỷ đã gieo vào lòng Giuđa ý tưởng thời điểm phản Chúa Jêsus đã chín mùi.** Giuđa đã lập mưu xấu để phản Chúa trước lúc này từ lâu rồi, nhưng giờ đây ông nhận được dấu hiệu để thực hiện những kế hoạch xấu xa của mình.

13:3 Câu 3 nhấn mạnh đến *nhân vật* đang thi hành công việc của một nô lệ - không phải chỉ là một rabi hay thầy giáo, nhưng chính **Chúa Jêsus**, Đấng ý thức rõ về thần thánh của Ngài. Ngài biết công việc đã được giao cho Ngài; Ngài biết Ngài từ **Đức Chúa Trời đến**, và Ngài đang trên đường quay về với **Đức Chúa Trời**.

13:4 Chính ý thức biết Ngài là ai và biết sự mạng cùng định mệnh của Ngài đã khiến Ngài cúi xuống rửa chân cho các môn đồ. Dừng dậy khỏi **bàn**, Ngài cởi áo dài ở bên ngoài ra. Sau đó Ngài lấy khăn vắt ngang mình như chiếc tạp dề, đảm nhận địa vị của một nô lệ. Có lẽ chúng ta chờ đợi biến cố này có trong sách Tin Lành Mác, là sách Tin Lành nói về đầy tớ trọn vẹn. Nhưng sự kiện câu chuyện

này ở trong sách Tin Lành nói về Con Đức Chúa Trời khiến trường hợp này lại càng đáng lưu ý hơn nhiều.

Hành động biểu tượng này nhắc chúng ta nhớ lễ nào Chúa đã lia khỏi những cung điện bằng ngà trên cao, bước vào thế gian này trong tư cách đầy tớ, và phục vụ cho những người đã được Ngài tạo dựng nên ra sao.

13:5 Ở các xứ Đông Phương, đi dẹp quai hồ khiến người ta phải rửa chân thường xuyên. Phép lịch sự thông thường là khách sắp xếp một nô lệ rửa chân cho những vị khách mời của mình. Ở đây, Vị Chủ thiên thượng đã trở thành người đầy tớ thì hành công việc hèn hạ này. “Chúa Jêsus bèn chân kẻ phản bội - bức tranh tuyệt vời biết dường nào! Những bài học tuyệt vời biết bao cho chúng ta!”

13:6 Phiêrô sửng sốt khi nghĩ Chúa rửa chân cho mình, và ông bày tỏ thái độ không chấp nhận Dấng cao trọng như Chúa lại hạ mình chiếu cố một con người không xứng đáng như ông. “Cánh tượng Đức Chúa Trời trong vai một đầy tớ trông thật khó chịu.”

13:7 Giờ đây, Chúa Jêsus dạy Phiêrô biết việc Ngài đang làm mang theo ý nghĩa thuộc linh. Rửa chân là hình ảnh về thể loại tẩy uế thuộc linh. Phiêrô biết Chúa đang làm một việc thuộc thể, nhưng không hiểu ý nghĩa thuộc linh của nó. Tuy nhiên, ông sẽ biết ngay thôi, vì Chúa giải thích. Và ông sẽ biết bằng kinh nghiệm khi về sau ông được Chúa phục hồi sau khi đã chối Ngài.

13:8 Phiêrô minh họa về những quả khịch của bản tánh con người.

Ông hứa nguyện rằng Chúa sẽ chẳng bao giờ rửa chân ông - và ở đây “chẳng bao giờ” nguyên văn là “chẳng bao giờ trong suốt cả cõi đời đời.” Chúa đáp lời Phiêrô rằng nếu không được Ngài rửa chân, thì chẳng có mối thông công chi với Ngài cả. Ý nghĩa của việc rửa chân giờ đây được tiết lộ. Khi Cơ Đốc nhân bước đi trong thế gian này, họ nhiễm một lượng ô uế nhất định. Nghe cuộc nói chuyện xấu xa đối hại, xem những điều không thánh khiết, làm việc chung với những người không kính sợ Chúa, những điều ấy dứt khoát làm dơ người tin hữu. Người ấy cần được tẩy sạch liên tục.

Sự tẩy sạch này xảy ra nhờ nước của Lời Chúa. Khi đọc và nghiên cứu Kinh Thánh, khi nghe giảng Kinh Thánh, khi thảo luận Kinh Thánh với nhau, chúng ta thấy Kinh Thánh tẩy sạch mình khỏi những ảnh hưởng xấu. Mặt khác, chúng ta càng bỏ bê lơ là Kinh Thánh, thì những ảnh hưởng gian ác càng đọng lại trong trí và trong đời sống chúng ta, ngày càng khiến chúng ta chẳng còn lo ngại gì nữa. Khi Chúa Jêsus phán: “Người chẳng có phần chi với ta hết,” Ngài không có ý bảo Phiêrô không thể được cứu nếu không để Ngài rửa chân, nhưng đúng hơn Ngài muốn nói chỉ có thể duy trì mối thông công với Chúa bằng hành động tẩy sạch không ngừng của Thánh Kinh trong đời sống ông.

13:9,10 Giờ đây Phiêrô chuyển sang thái cực đối lập. Mới phút trước, ông bảo: “Chẳng bao giờ.” Giờ đây ông nói: “Tắm rửa cả người tôi nữa.”

Trên đường từ phòng tắm công cộng trở về, chân sẽ bị dơ trở lại. Không cần phải tắm thêm lần nữa, nhưng thực sự cần rửa chân. "Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chân, thì được sạch cả." Có sự khác nhau giữa bốn tắm và chầu rửa. Tắm nói đến sự tẩy sạch nhận vào lúc được cứu. Tẩy sạch khỏi *án phạt* của tội lỗi qua huyết của Đấng Christ chỉ xảy ra một lần duy nhất. Rửa nói đến sự tẩy sạch khỏi sự ô uế của tội và phải xảy ra liên tục qua Lời Đức Chúa Trời. Có một lần tắm nhưng rất nhiều lần rửa chân. "Các người đã được linh sạch nhưng chưa được linh sạch đều" (Bản Anh ngữ "nhưng không phải hết thầy các người đều được (linh sạch)") có nghĩa các môn đồ đã nhận sự tắm của sự lại sanh - tức là tất cả các môn đồ ngoại trừ Giuda, Ông chưa hề được cứu.

13:11 Với sự hiểu biết trọn vẹn về mọi việc, Chúa biết Giuda sẽ phản Ngài, vì vậy Ngài nói một người chưa hề nhận được sự tắm của sự cứu chuộc.

I. Chúa Jesus Dạy Các Môn Đồ Rửa Gương Ngài (13:12-20)

13:12 Dương như Đấng Christ đã rửa chân cho mọi môn đồ. Sau đó Ngài mặc áo ngoài và ngồi vào bàn để giải thích cho họ ý nghĩa thuộc linh của việc Ngài vừa làm. Ngài mở đầu cuộc đối thoại bằng cách đặt câu hỏi. Những câu hỏi của Cứu Chúa hợp thành một phần nghiên cứu rất thú vị. Chúng hình thành một trong những phương pháp dạy dỗ rất hiệu quả của Ngài.

13:13,14 Các môn đồ công nhận Chúa Jesus là Thầy và Chúa của họ, và

họ đã công nhận đúng. Nhưng tấm gương của Ngài cho thấy cấp bậc cao nhất trong cấu trúc quyền lực của nước Thiên đàng chính là cấp bậc của đầy tớ.

Nếu Chúa và Thầy đã rửa chân cho các môn đồ, vậy họ viện cớ gì để không rửa chân cho nhau? Có phải Chúa muốn bảo họ nên dùng nước rửa chân cho nhau *đúng nghĩa đen* không? ⁴² Có phải ở đây Ngài đang thiết lập một thánh lễ cho hội thánh không? Không, ý nghĩa ở đây mang tính thuộc linh. Ngài đang bảo họ nên giữ cho nhau tinh sạch bằng sự thông công liên tục về Lời Chúa. Nếu một người thấy anh em mình ngày càng nguội lạnh hoặc đi theo thế gian, người ấy nên dùng Kinh Thánh khuyến bảo anh em mình cách đầy yêu thương.

13:15,16 Chúa đã làm gương cho họ, để lại bài học trực quan về việc họ nên làm cho nhau về mặt thuộc linh.

Nếu vì kiêu ngạo hay thù oán cá nhân ngăn cản chúng ta hạ mình xuống phục vụ anh em, chúng ta nên nhớ mình không lớn hơn Chủ chúng ta. Ngài đã hạ mình xuống rửa chân cho những người không xứng đáng và vong ơn, và Ngài biết một người trong số họ sẽ phản Ngài. Liệu bạn có hạ mình xuống thấp chăm sóc cho người mà bạn biết họ sắp phản mình để lấy tiến không? Những người được sai đi (các môn đồ) đừng nên kể mình cao quý quá đến nỗi không làm được mọi việc mà Đấng sai họ (tức Chúa Jesus) đã làm.

13:17 Biết những chân lý về sự khiêm nhường và lòng vị tha, lòng

phục vụ là một chuyện, nhưng người ta có thể biết mà chẳng bao giờ thực hành cả. Giá trị thật và phước hạnh thật cốt ở *thực hiện* chúng!

13:18 Điều Chúa vừa dạy về sự phục vụ đã **không** áp dụng cho Giuđa. Ông là một trong số người Chúa sẽ sai đem Tin Lành vào thế gian. Chúa biết những câu Kinh Thánh về việc phản Ngài phải **được** ứng nghiệm - những câu Kinh Thánh như Thithiên 41:9. Giuđa là người đã ăn bữa với Chúa trong ba năm, nhưng lại **giở gởi** nghịch cùng Ngài - một biểu hiện cho thấy ông đã **phản** Chúa. Trong Thithiên 41, người phản bội được Chúa mô tả là "người bạn thân tôi."

13:19 Chúa tiết lộ cho các môn đồ biết trước sự phản Ngài **để** khi sự ấy xảy ra, các môn đồ sẽ biết Chúa Jesus thật là Đức Chúa Trời. Có thể bỏ qua những chữ "**Đấng** đó" khỏi phần cuối câu này. "... các người sẽ tin **TÀ LÀ**." Chúa Jesus của Tân Ước chính là Giêhôva của Cựu Ước. Vì vậy, lời tiên tri ứng nghiệm là một trong những bằng chứng vĩ đại về thần tánh của Đấng Christ, và chúng ta có thể nói thêm, là những bằng chứng vĩ đại về sự soi dẫn của Kinh Thánh.

13:20 Chúa chúng ta biết việc Ngài bị phản có thể khiến các môn đồ khác vấp ngã hoặc nghi ngờ. Vì vậy Chúa nói thêm lời khích lệ này. Họ nên nhớ rằng họ đang được sai đi trong sứ mạng thiên thượng. Họ sẽ được đồng nhất với Ngài, gắn gũi đến nỗi tiếp đón họ cũng chính là tiếp đón Ngài. Hơn nữa, ai tiếp Đấng Christ tức là tiếp Đức Chúa Cha. Như vậy họ sẽ

được yên ủi bởi sự liên kết gắn gũi với Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha.

J. Chúa Jesus Báo Trước Về Sự Phản Bội Ngài (13:21-30)

13:21,22 Biết một trong các môn đồ sẽ phản Ngài đã khiến tâm thần Ngài **bối rối**. Dường như ở đây Chúa Jesus đang tạo cơ hội cuối cùng cho người phản Ngài từ bỏ kế hoạch gian ác của mình. Không cần vạch mặt trực tiếp, Chúa Jesus cho biết Ngài biết một trong mười hai người sẽ **phản** Ngài. Thế nhưng ngay cả việc này cũng không thay đổi được ý của kẻ phản bội.

Số môn đồ còn lại không nghi ngờ Giuđa. Họ ngạc nhiên khi có người trong số họ sẽ làm một việc tối tệ như thế và **ngẩn** ngờ không biết đó là ai.

13:23 Thời đó, người ta không ngồi thẳng bên bàn ăn, nhưng nằm tựa trên những chiếc ghế tựa dài. Môn đồ Chúa Jesus yêu là Giăng, người viết sách Tin Lành này. Ông không nhắc đến tên mình, nhưng không giấu ngại nhắc sự kiện ông được yêu mến đặc biệt trong lòng của Cứu Chúa. Chúa yêu mọi môn đồ, nhưng Giăng được hưởng cảm giác gắn gũi đặc biệt với Ngài.

13:24,25 Phiarô ra dấu thay vì nói lớn thành tiếng. Có lẽ bằng cách gật đầu, ông muốn Giăng tìm ra tên của người phản bội.

Nghiêng mình lên ngực Chúa Jesus, Giăng thăm thì nêu câu hỏi định mệnh và có lẽ cũng nhận được câu trả lời thăm thì.

13:26 Chúa Jesus đáp rằng Ngài sẽ **lơ** lửng bánh những trong rươu

hoặc nước chấm cho kẻ phản bội ấy. Có người nói vị chủ nhà ở Đông phương trao bánh cho vị khách danh dự trong bữa ăn. Bằng cách tôn Giuđa lên làm vị khách danh dự, Chúa đang cố giúp ông ăn năn bởi ân điển và tình yêu của Ngài. Người khác gợi ý rằng bánh thường được chuyển theo cách này trong bữa ăn Lễ Vượt Qua. Nếu đúng vậy, thì Giuđa đã ra đi trong bữa ăn Lễ Vượt Qua và trước lúc thiết lập Tiệc Thánh.

13:27 Ma quỷ đã đặt mưu phản Chúa vào lòng Giuđa rồi. Giờ đây **quỉ Satan đã vào lòng hắn**. Lúc đầu ấy chỉ là một gợi ý. Nhưng Giuđa đã ấp úng, ưa thích và rồi đồng ý với nó. Giờ đây ma quỷ đã kiểm soát ông. Biết người phản bội giờ đây đã hoàn toàn cương quyết, Chúa truyền ông làm việc đó mau lên. Hiển nhiên, không phải Ngài đang khích lệ ông làm điều ác, nhưng chỉ đang bày tỏ sự cam chịu đầy buồn rầu.

13:28,29 Câu này khẳng định cuộc đối thoại trước đó giữa Chúa Jêsus và Giăng về chiếc bánh không lọt vào tai các môn đồ khác. Họ vẫn không biết Giuđa sắp phản Chúa của họ.

Có người lường Chúa Jêsus chỉ đơn giản bảo Giuđa đi mau và mua đồ dùng cho kỳ lễ, hoặc vị Giuđa là thủ quỹ, nên Cứu Chúa truyền ông đi bố thí cho kẻ nghèo.

13:30 Giuđa nhận lấy miếng bánh như một biểu tượng về ân huệ đặc biệt, rồi lia Chúa và các môn đồ khác. Kinh Thánh ghi thêm những từ đầy ý nghĩa "khi ấy đã tối." Không những trời tối (theo nghĩa đen, nhưng cũng là

đêm đen thuộc linh cho Giuđa - một đêm đầy ám đạm và hối tiếc khôn nguôi. Nó luôn luôn là đêm đen khi con người xây dựng lại với Cứu Chúa.

N. Ban Siêu Bàn Mãi (13:31-35)

13:31 Ngay khi Giuđa ra đi, Chúa Jêsus bắt đầu nói chuyện với các môn đồ thoải mái hơn và thân mật hơn. Ngài phán: "**Hiện bây giờ Con Người được vinh hiển.**" Chúa đang đề cập đến công tác cứu chuộc mà Ngài sắp hoàn thành. Sự chết của Ngài có vẻ như thất bại, thế nhưng đây chính là phương tiện để tội nhân hư mất được cứu. Tiếp sau đó là sự sống lại và thăng thiên của Ngài, và Ngài sẽ được vinh hiển lớn lao trong toàn bộ việc ấy. **Và Đức Chúa Trời được vinh hiển nơi công tác của Cứu Chúa.** Công tác ấy công bố Ngài là Đức Chúa Trời *thánh khiết*, Đấng không thể làm ngơ trước tội lỗi, nhưng Ngài cũng là Đức Chúa Trời *yêu thương* không muốn tội nhân phải chết mất; sự chết của Ngài công bố phương cách làm sao Ngài có thể là Đức Chúa Trời *công bình*, thế nhưng vẫn có thể *xưng công bình* cho tội nhân. Mọi thuộc tánh của Đức Chúa Trời được thể hiện ở mức độ cao nhất tại Gôgôtha.

13:32 "**Nếu Đức Chúa Trời được vinh hiển nơi Con Người,**" và Ngài thật sự được vinh hiển,⁴³ "**Đức Chúa Trời cũng sẽ làm cho Con Người vinh hiển nơi chính mình Ngài.**" Đức Chúa Trời sẽ lo liệu để vinh hiển xứng đáng được ban cho Con yêu dấu của Ngài. "**Và Ngài sẽ kịp làm cho vinh hiển**" không chút chậm trễ. Đức Chúa Cha làm ứng nghiệm lời dự ngôn này về

Chúa Jêsus bằng cách khiến Chúa Jêsus tử tế chết sống lại và đem Chúa Jêsus ngồi bên hữu Ngài trên Thiên đàng. Đức Chúa Trời sẽ không chờ cho đến khi vương quốc được khai mạc. Ngài sẽ làm vinh hiển Con Ngài ngay lúc thì.

13:33 Lần đầu tiên Chúa Jêsus gọi các môn đồ là các con trẻ - một từ ngữ đầy triu mến. Và Ngài dùng từ ngữ này chỉ sau khi Giuđa ra đi. Ngài chỉ còn tạm ở với họ. Sau đó sẽ chịu chết trên thập tự giá. Bảy giờ họ sẽ tìm Ngài nhưng không thể đi theo Ngài, vì Ngài sẽ trở về trời. Chúa đã nói điều này cho người Giuđa, nhưng với một ý nghĩa khác. Đối với môn đồ, sự ra đi của Ngài chỉ là tạm thời. Ngài sẽ trở lại để đón họ (đoạn 14). Nhưng đối với người Giuđa, việc Ngài lìa khỏi họ sẽ là chung cuộc. Ngài sẽ từ trời trở lại, và họ không thể theo Ngài vì lòng vô tín của họ.

13:34 Trong lúc Ngài vắng mặt, họ sẽ phải sống theo điều răn yêu thương. Điều răn này không mới xét về thời điểm, vì Mười Điều Răn đã dạy yêu mến Đức Chúa Trời và người lân cận mình. Nhưng điều răn này mới theo nhiều cách khác. Điều răn này mới vì Đức Thánh Linh sẽ ban quyền năng cho các tín hữu vâng giữ điều răn ấy. Mới ở chỗ điều răn này trởi hơn điều răn cũ. Điều răn cũ phán: "Hãy yêu mến người lân cận người," nhưng điều răn mới phán: "Hãy yêu mến kẻ thù người."

Có thể nói rằng luật yêu thương người khác giờ đây được giải nghĩa thật rõ ràng theo cách mới, củng cố

bởi những động cơ và những bổn phận mới, được minh họa bởi tấm gương mới, và được vâng giữ theo phương cách mới.

Điều răn này cũng mới - như được giải thích trong câu này - vì đòi hỏi mức độ yêu thương cao hơn: "Như ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thế ấy."

13:35 Huy hiệu môn đồ Đấng Christ không phải là chiếc thập tự giá đeo quanh cổ hay trên ve áo, hay một kiểu y phục đặc biệt nào đó. Ai cũng có thể xưng mình là môn đồ Đấng Christ bởi những phương tiện bề ngoài như thế. Dấu hiệu thật của Cơ Đốc nhân là tình yêu đối với những bạn Cơ Đốc của mình. Điều này đòi hỏi quyền năng thiên thượng, và quyền năng này chỉ ban cho những ai có Thánh Linh ngự trong lòng.

L. Chúa Jêsus Báo Trước Việc Phierơ Chải Chùm (13:36-38)

13:35 Simôn Phierơ không hiểu Chúa Jêsus nói đến sự chết của Ngài. Ông nghĩ Ngài sắp lên đường đi xa một chuyến đâu đó trên trần gian này, và ông không hiểu vì sao mình không thể đi cùng Chúa. Chúa giải thích Phierơ về sau sẽ theo Ngài, tức là khi ông qua đời, nhưng giờ đây thì không thể theo Ngài như vậy.

13:37 Với nỗi sốt sắng và nhiệt tình điển hình, Phierơ bày tỏ sự sẵn lòng chết vì Chúa. Ông nghĩ mình có thể chịu tuân đạo bằng sức riêng của mình. Về sau ông đã thật sự chết vì Chúa, nhưng chính vì ông đã được Đức Chúa Trời ban sức mạnh đặc biệt và lòng can đảm.

13:38 Chúa Jêsus kiểm tra “lòng sốt sắng nhưng thiếu hiểu biết” của Phierơ bằng cách nói cho Phierơ biết điều bản thân ông chưa biết - rằng trước khi đem tàn, ông sẽ chối Chúa ba lần. Như vậy, Phierơ được nhắc nhở về sự yếu đuối, hèn nhát và không thể đủ sức theo Chúa bằng sức riêng của ông thậm chí trong vài giờ.

M. Chúa Jêsus: Đường Bì, Là Thật Và Sự Sống (14:1-14).

14:1 Có người liên kết câu 1 với câu cuối của đoạn 13, và nghĩ câu này được nói cho Phierơ. Dầu ông chối Chúa, nhưng vẫn có lời yên ủi cho ông. Nhưng hình thức số nhiều trong Hy văn (“*ye*” trong Anh ngữ cổ) cho thấy câu này nói với *mọi* môn đồ, vì vậy chúng ta nên tạm ngắt sau đoạn 13. Dường như đại ý ở đây là: “Ta sẽ đi xa, và các ngươi sẽ không thể thấy ta nữa. Nhưng lòng các ngươi chờ hể bối rối; các ngươi tin Đức Chúa Trời, thế nhưng các ngươi đâu nhìn thấy Ngài. Giờ đây hãy tin ta theo đúng một cách ấy.” Đây là lời tuyên bố quan trọng nữa về sự bình đẳng với Đức Chúa Trời.

14:2 Nhà Cha nói đến Thiên đàng, là nơi có rất nhiều chỗ ở. Nơi đó có chỗ cho mọi người được chuộc. Nếu không phải như vậy, thì Chúa hẳn đã nói cho họ rỗi; Ngài sẽ không để cho họ xây dựng trên những hy vọng hào huyền. “Ta đi sắm sẵn cho các ngươi một chỗ” có thể mang hai nghĩa. Chúa Jêsus đi đến Gôgôtha để chuẩn bị chỗ cho chính Ngài. Chính bởi sự chết chuộc tội của Ngài mà tin hữu được bảo đảm một nơi trên Thiên đàng.

Nhưng Chúa cũng sẽ trở về Thiên đàng để chuẩn bị một chỗ. Chúng ta không biết nhiều về nơi này, nhưng chúng ta biết Ngài đang sắm sẵn nơi ấy cho mỗi con cái Đức Chúa Trời - “một nơi sắm sẵn dành cho một dân sắm sẵn!”

14:3 Câu 3 nói đến lúc Chúa sẽ trở lại trên không trung, khi những người đã chết trong đức tin sẽ được sống lại, những người sống sẽ được biến hóa, và là lúc hết thấy đoàn người được mua bởi huyết sẽ được đưa về quê hương trên Thiên đàng (I.Têsalônica 4:13-18; I.Côrinthô 15:51-58). Đây là sự hiện đến đích thân của Đấng Christ theo nghĩa đen. Ngài đi chắc chắn thế nào, Ngài cũng sẽ trở lại chắc chắn thế ấy. Ngài muốn những người thuộc về Ngài được cùng ở với Ngài trong suốt cõi đời.

14:4,5 Ngài sẽ về trời, và họ biết đường đến Thiên đàng, vì Ngài đã nói cho họ rất nhiều lần.

Dường như Thôma không hiểu ý nghĩa lời Chúa phán. Giống như Phierơ, có lẽ ông đang nghĩ về chuyện đi đến nơi nào đó trên đất này.

14:6 Câu Kinh Thánh đáng yêu này nói rõ Chúa Jêsus Christ chính là con đường đến Thiên đàng. Ngài không đơn thuần chỉ đường; Ngài là con đường. Sự cứu rỗi ở trong một Đấng. Tiếp nhận Đấng ấy cho riêng bạn, thì bạn có sự cứu rỗi. Cơ Đốc giáo là Đấng Christ. Chúa Jêsus không phải chỉ là một trong rất nhiều con đường. Ngài là Con Đường duy nhất. Chẳng bởi Ngài thì không ai được đến

cùng Cha. Đường đến với Đức Chúa Trời không phải như Mười Điều Răn, Luật Vàng, các thánh lễ, làm thành viên của hội thánh - chính như Đấng Christ và chỉ một mình Đấng Christ mà thôi. Ngày nay nhiều người nói tin vào điều gì không quan trọng, miễn thành tâm là được. Họ nói mọi tôn giáo đều có đôi điều tốt trong đó và rút cuộc mọi tôn giáo đều dẫn đến Thiên đàng. Nhưng Chúa Jêsus nói: **"Chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha."**

Tiếp theo, Chúa là lẽ thật. Ngài không phải chỉ là Đấng dạy lẽ thật; Ngài chính là lẽ thật. Ngài là hiện thân của Chân Lý. Ai có Đấng Christ thì có Chân Lý. Không thể tìm thấy chân lý nơi nào khác nữa.

Chúa Jêsus Christ là sự sống. Ngài là nguồn sống, cả sự sống thuộc linh lẫn sự sống đời đời. Ai tiếp nhận Ngài thì có sự sống đời đời, vì Ngài là Sự Sống.

14:7 Một lần nữa, Chúa dạy sự liên hiệp máu nhiệm giữa Cha và Ngài. Nếu các môn đồ nhận ra Chúa Jêsus thực sự là ai, thì họ cũng đã biết Đức Chúa Cha nữa, vì Chúa đã bày tỏ Đức Chúa Cha cho loài người. Từ bây giờ trở đi, và đặc biệt sau khi Đấng Christ sống lại, các môn đồ sẽ hiểu Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời. Bấy giờ, họ sẽ nhận thấy rằng biết Đấng Christ tức là đã biết Đức Chúa Cha, và thấy Chúa Jêsus tức là đã thấy Đức Chúa Trời. Câu này không dạy rằng Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus là một Thân Vị. Có ba Ngôi Vị riêng biệt

trong Đức Chúa Trời, nhưng chỉ có một Đức Chúa Trời.

14:8 Philip muốn Chúa ban sự khải thị đặc biệt nào đó về Đức Chúa Cha, và ông chỉ cầu xin bấy nhiêu đó thôi. Ông không hiểu rằng mọi điều Đấng Christ đã có, đã làm và đã nói đều là sự khải thị về Đức Chúa Cha.

14:9 Chúa Jêsus kiên nhẫn sửa sai cho ông. Philip ở với Chúa đã lâu rồi. Ông là một trong những môn đồ đầu tiên được kêu gọi (Giăng 1:43). Thế nhưng chân lý trọn vẹn về thần tánh của Đấng Christ và về sự liên hiệp của Ngài với Đức Chúa Cha vẫn chưa trở nên rõ ràng cho ông. Ông không biết rằng khi ông nhìn Chúa Jêsus tức là đang nhìn vào Đấng bày tỏ hoàn hảo về Đức Chúa Cha.

14:10,11 Những chữ "Ta ở trong Cha và Cha ở trong ta" mô tả sự gắn gũi của mối liên hiệp giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Cha và Con là hai Thân Vị riêng biệt, thế nhưng lại là một về các thuộc tánh và ý chí. Chúng ta đừng ngã lòng nếu không hiểu nổi điều này. Không một lý trí con người hay chết não sẽ hiểu được về Đức Chúa Trời. Chúng ta phải ngợi khen Chúa vì Ngài biết mọi điều mà chúng ta không bao giờ biết nổi. Nếu chúng ta hiểu hết về Ngài, chúng ta đã vĩ đại như Ngài rồi! Chúa Jêsus có uy quyền để nói những lời này và làm các phép lạ này, nhưng Ngài vào trong thế gian với tư cách Đấng Tớ của Đức Giêhôva và Ngài đã nói và hành động trong sự vâng lời Đức Chúa Cha cách trọn vẹn.

Các môn đồ phải tin Chúa Jêsus là một với Đức Chúa Cha bởi chính lời Ngài làm chứng cho sự kiện đó. Nhưng nếu chưa tin, thì chắc chắn họ phải tin bởi những việc Ngài đã làm.

14:12 Chúa báo trước những ai tin Ngài sẽ làm các phép lạ như Ngài đã làm, thậm chí còn làm những việc lớn hơn nữa. Trong sách Công Vụ, chúng ta thấy các sứ đồ làm các phép lạ chữa lành thân thể, tương tự với các phép lạ của Cứu Chúa đã làm. Nhưng chúng ta cũng đọc thấy các phép lạ lớn hơn - như sự hoán cải của ba ngàn người trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Rõ ràng Chúa đang dùng cụm từ "các việc lớn hơn nữa" để nói đến công tác rao giảng Tin Lành cho toàn thế giới, sự cứu rỗi rất nhiều linh hồn, và công tác gây dựng hội thánh. Cứu linh hồn là lớn hơn chữa lành thân thể. Khi Chúa trở về trời, Ngài được vinh hiển, và Đức Thánh Linh được sai đến thế gian. Chính bởi quyền năng của Thánh Linh mà các sứ đồ làm các phép lạ lớn hơn Ngài.

14:13 Các sứ đồ thật yên ủi biết bao vì được biết ngay cả khi Chúa lìa họ, họ vẫn có thể cầu nguyện với Đức Chúa Cha trong danh Chúa Jêsus và nhận được những lời minh cầu xin. Câu này không có nghĩa tin hữu cơ thể nhận được từ Đức Chúa Trời mọi điều mình muốn. Chìa khóa để hiểu lời hứa này nằm ở những chữ "nhân danh ta - các người nhân danh ta mà cầu xin điều chi mặc dầu." Cầu xin trong danh Chúa Jêsus không phải là chỉ cần nói thêm danh Ngài vào cuối lời cầu nguyện, nhưng là cầu xin phù

hợp với tình thần và ý muốn Ngài. Đó là cầu xin những điều sẽ làm vinh hiển Đức Chúa Trời, đem phước lành đến cho nhân loại, và vì ích lợi thuộc linh của chính chúng ta.

Để cầu xin trong danh Đấng Christ, chúng ta phải sống trong mối quan hệ gắn gũi với Ngài. Nếu không, chúng ta sẽ không biết thái độ của Ngài. Càng gần gũi Ngài, những ước muốn của chúng ta sẽ càng giống như ước muốn của Ngài. Đức Chúa Cha được sáng danh nơi Đức Chúa Con vì Con chỉ ước muốn những điều nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Khi những lời cầu nguyện mang bản chất thế này được trình dâng lên và được nhậm lời thì đem sự vinh hiển lớn về cho Đức Chúa Trời.

14:14 Lời hứa được lặp lại để nhấn mạnh và là lời khích lệ mạnh mẽ cho dân sự Chúa. Sống đúng theo ý nghĩa Ngài, bước đi trong sự tương giao với Chúa, hãy cầu xin điều chi Chúa ước muốn, thì lời cầu nguyện của bạn sẽ được nhậm.

N. LỜI HỨA BAN MỘT ĐÁNG CỨU GIÚP KHÁC (14:15-26)

14:15 Chúa Jêsus sắp lìa các môn đồ, và họ sẽ tràn đầy buồn rầu. Họ làm thế nào bày tỏ tình yêu của họ đối với Ngài? Câu trả lời chính là giữ gìn các điều răn của Ngài. Không phải bằng nước mắt, nhưng bằng sự vâng lời. Các điều răn của Chúa là những lời Ngài dạy chúng ta trong các sách Tin Lành, cũng như trong cả phần còn lại của Tân Ước.

14:16 Chữ được dịch là "nài xin" được dùng cho Chúa chúng ta ở đây

không phải là chữ được dùng mô tả người bề dưới cầu nguyện với người bề trên, nhưng mô tả một người yêu cầu với người ngang hàng mình. Chúa nài xin Đức Chúa Cha sai đến một **Đấng Giúp Đỡ** khác (bản Việt Ngữ: Đấng Yên Ủi). Chữ **Đấng Giúp Đỡ** (*paraclete*) có nghĩa người được gọi đến bên cạnh người khác để giúp đỡ. Chữ này cũng được dịch là **Đấng Cầu Thay** ("trạng sư") (1.Giăng 2:1). Chúa Jêsus là **Trạng Sư** hay **Đấng Giúp Đỡ** của chúng ta, và **Thánh Linh** là **Đấng Giúp Đỡ khác** nữa - không phải một Đấng khác nữa thuộc loại khác, nhưng một Đấng khác nữa có cùng bản tánh. Đức Thánh Linh sẽ ở với tín hữu đời đời. Trong Cựu Ước, Đức Thánh Linh giảng trên con người vào nhiều thời điểm khác nhau, nhưng thường rời khỏi họ. Giờ đây Ngài sẽ đến để ở đời đời.

14:17 Đức Thánh Linh được gọi là **Thần Lẽ Thật** vì sự dạy dỗ của Ngài là thật và Ngài làm vinh hiển Đấng Christ tức Đấng lẽ thật. **Thế gian không thể nhận lãnh** Thánh Linh được vì thế gian không thể thấy Ngài. Người không tin muốn thấy trước khi chịu tin - đầu họ tin vào gió và điện, thế nhưng họ đâu có thể nhìn thấy những thứ ấy. Người chưa được cứu thì không biết cũng không hiểu Đức Thánh Linh. Có thể Ngài cáo trách họ về tội lỗi, thế nhưng họ không biết đây là Ngài. Các môn đồ đã biết Đức Thánh Linh. Họ đã biết Thánh Linh hành động trong chính đời sống họ và đã thấy Thánh Linh hành động qua Chúa Jêsus.

"Ngài vẫn ở với các người và sẽ ở trong các người." Trước Lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh đã giảng trên con người và ở với họ. Nhưng kể từ Lễ Ngũ Tuần, khi một người tin Chúa Jêsus, Đức Thánh Linh cư trú trong đời sống người đó vĩnh viễn. Lời cầu nguyện của Đavít: "Cúng đừng cất khỏi tôi Thánh Linh Chúa" sẽ không còn phù hợp cho ngày nay nữa. Đức Thánh Linh không bao giờ bị cất khỏi tín hữu, dầu vậy Ngài có thể bị làm buồn, bị dập tắt hoặc bị cản trở.

14:18 Chúa sẽ không để các môn đồ **mồ côi**, hay có đơn lẻ loi. Ngài sẽ lại đến với họ. Trên một phương diện, Ngài đã đến với họ sau khi sống lại, nhưng không chắc đó là ý nghĩa của câu này. Trên một phương diện khác, Ngài đến với họ trong thân vị Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Sự đi đến thuộc linh này chính là ý nghĩa thật ở đây. "Lễ Ngũ Tuần có điều gì đó quan trọng khiến lễ ấy trở thành sự hiện đến của Chúa Jêsus." Theo ý nghĩa thứ ba, Ngài sẽ đến với họ theo nghĩa đen một lần nữa vào cuối thời đại này, khi Ngài sẽ đưa những kẻ được chọn của Ngài về quê hương Thiên đàng.

14:19 Không một người vô tín nào thấy Chúa Jêsus sau khi đã chôn Ngài. Sau khi Ngài sống lại, chỉ những người yêu mến Ngài mới thấy Ngài. Nhưng ngay cả sau khi Ngài thăng thiên. Các môn đồ vẫn tiếp tục thấy Ngài bởi đức tin. Rõ ràng đây là ý nghĩa của những chữ "**nhưng các người sẽ thấy Ia.**" Sau khi thế gian không còn thấy Ngài nữa, các môn đồ sẽ cứ tiếp tục thấy Ngài. "**Vì Ia sống thì các người cũng sẽ sống.**" Ở đây, Chúa Jêsus đang

nhằm hướng tới sự sống phục sinh của Ngài. Đây sẽ là lời hứa ban sự sống cho mọi người tin Ngài. Dầu họ sẽ chết, nhưng họ sẽ được sống lại để không còn phải chết nữa.

14:20 "**Một ngày đó**" chắc một lần nữa nói đến sự giảng làm của Thánh Linh. Ngài sẽ dạy dỗ tín hữu trong lẽ thật ấy là: có mối liên kết sống động giữa Con và Cha thế nào, thì cũng sẽ có mối liên hiệp tuyệt vời của sự sống và sự quan tâm giữa Đấng Christ với các thánh đồ Ngài thế ấy. Thật khó giải thích Đấng Christ ở trong tín hữu và đồng thời tín hữu ở trong Đấng Christ là như thế nào. Minh họa thông thường ấy là que cời lửa ở trong lò. Không những que cời lửa ở trong lửa, nhưng lửa cũng ở trong que cời.⁴⁴ Nhưng minh họa này không nói rõ hết ý nghĩa được. Đấng Christ ở trong tín hữu theo ý nghĩa sự sống Ngài được truyền đạt đến cho tín hữu ấy. Ngài thật sự ở trong tín hữu qua Đức Thánh Linh. Tín hữu ở trong Đấng Christ theo ý nghĩa người ấy đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong toàn bộ công đức của thân vị và công tác Đấng Christ.

14:21 Bằng chứng thực tế về tình yêu của một người đối với Chúa chính là vâng theo điều răn Ngài. Thật vô dụng khi nói yêu mến Chúa nếu chúng ta không muốn vâng lời Ngài. Trên một phương diện, Đức Chúa Cha yêu thương cả thế gian. Nhưng Ngài yêu thương đặc biệt những người nào yêu mến Con Ngài. Những người ấy cũng được Đấng Christ yêu thương, và Đấng Christ tỏ Ngài ra cách đặc biệt cho họ. Càng yêu Cứu Chúa chúng ta càng biết rõ Ngài.

14:22 Tên Giuđa được nhắc đến ở đây không may lại trùng tên với kẻ phản bội (Bản Việt Ngữ ghi là "Giude"). Nhưng Thánh Linh Đức Chúa Trời đã phân biệt rõ ông với Ichcarit. Giude không hiểu làm sao Chúa có thể hiện ra cho các môn đồ mà thế gian lại không thể thấy Ngài được. Rõ ràng ông nghi về sự hiện đến của Chúa như sự hiện đến của một vị vua chiến thắng khải hoàn hay vị Anh Hùng được công chúng mến mộ. Ông không hiểu Chúa sẽ tỏ Ngài cho người thuộc về Ngài theo phương cách thuộc linh. Họ sẽ thấy Ngài bởi đức tin qua Lời Đức Chúa Trời.

Bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời, ngày nay chúng ta có thể thật sự biết Đấng Christ còn rõ hơn các môn đồ đã biết Ngài khi Ngài còn trên đất. Khi Ngài còn trên đất này, những người ở đằng trước đám đông sẽ gần Ngài hơn người ở đằng sau. Nhưng ngày nay, bởi đức tin, mỗi chúng ta có thể hưởng sự thông công gần gũi nhất với Ngài. Cầu Chúa trả lời cho thắc mắc của Giude cho thấy những sự tỏ mình đã hứa ban cho cá nhân những người theo Ngài được liên kết với Lời Đức Chúa Trời. Vâng lời Chúa sẽ đem lại kết quả là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đến và ở trong người ấy.

14:23 Nếu một người thật sự yêu mến Chúa, người ấy sẽ muốn giữ mọi sự dạy dỗ của Ngài, chứ không phải những điều răn riêng lẻ. Cha yêu những người nào sẵn lòng vâng lời Đức Chúa Con không chút thắc mắc hoặc e dè. Cả Cha và Con đặc biệt gần gũi với những tâm lòng đầy yêu thương và vâng phục như thế.

14:24 Mặt khác, những người không yêu mến Ngài thì không vâng giữ lời phán của Ngài. Và họ không những khước từ lời của Đấng Christ, mà còn khước từ lời của Cha nữa.

14:25 Đang khi Chúa chúng ta còn ở với họ, Ngài dạy các môn đồ đến một mức độ nào đó thôi. Ngài không thể bày tỏ thêm chân lý cho họ vì họ không hiểu nổi.

14:26 Đức Thánh Linh sẽ bày tỏ nhiều hơn. Ngài được Cha sai đến trong danh Đấng Christ vào Lễ Ngũ Tuần. Thánh Linh đến trong danh Đấng Christ theo ý nghĩa Ngài đến để đại diện cho Đấng Christ trên đất này. Ngài không đến để làm vinh hiển chính Ngài, nhưng để kéo con người đến với Cứu Chúa. Chúa phán: "Đấng ấy sẽ dạy dỗ các người mọi sự." Thánh Linh thực hiện việc này trước hết qua chức vụ rao giảng của các sứ đồ, sau đó qua lời thành văn của Đức Chúa Trời mà chúng ta có ngày nay. Đức Thánh Linh nhắc lại cho nhớ mọi điều Cứu Chúa đã dạy. Trên thực tế, dường như Chúa Jêsus đã trình bày hình bóng về mọi sự dạy dỗ được Thánh Linh triển khai trong phần còn lại của Tân Ước.

0. Chúa Jêsus Bỏ Sự Bình An Của Ngài Lại Cho Các Môn Đồ (14:27-31)

14:27 Người sắp qua đời thường viết ra ý muốn và di chúc cuối cùng của mình, trong đó để lại tài sản cho những người yêu dấu. Ở đây, Chúa Jêsus đang làm chính công việc này. Tuy nhiên, Ngài không để di chúc để chia tài sản vật chất, nhưng để lại điều mà tiền bạc không mua được - sự

bình an, sự bình an bề trong của lương tâm xuất phát từ chỗ biết tội mình đã được tha và biết mình được giải hòa với Đức Chúa Trời. Đấng Christ có thể ban bình an ấy vì Ngài đã mua bằng chính huyết Ngài tại Gôgôtha. Sự bình an ấy chẳng phải như sự bình an của thế gian cho - dè xén, ích kỷ, và chỉ có trong chốc lát. Sự ban bình an của Ngài có đời đời. Vậy cơ sao Cơ Đốc nhân phải bối rối và sợ hãi?

14:28 Chúa Jêsus đã cho họ biết Ngài sắp ra khỏi họ, và về sau Ngài sẽ trở lại để đón họ về Thiên đàng với Ngài. Nếu họ yêu mến Ngài, điều này ắt khiến họ vui mừng. Hiển nhiên, trên một phương diện họ thật sự yêu mến Ngài. Nhưng họ không hiểu hết Ngài là ai, vì vậy tình yêu của họ vẫn chưa sâu đậm như đáng phải có.

"Các người lừng nghe ta nói rằng: Ta đi, và ta trở lại cùng các người. Nếu các người yêu mến ta, thì sẽ vui mừng về điều ta đi đến cùng Cha, bởi vì Cha tôn trọng hơn ta." Thoạt tiên, câu này có vẻ mâu thuẫn với mọi điều Ngài dạy về sự bình đẳng của Ngài với Đức Chúa Cha. Nhưng không hề có sự mâu thuẫn nào, và phần đoạn này giải thích ý nghĩa ấy. Khi còn trên đất này, Chúa Jêsus bị ghét, bị xua đuổi, bị bắt bớ và truy lùng. Con người nói phạm đến Ngài, mắng nhiếc sỉ vả Ngài, và trên mặt Ngài. Ngài chịu đựng những nhục nhã kinh khiếp từ tay tạo vật của Ngài.

Đức Chúa Cha không hề chịu những sự đối đãi thô bạo đến dường ấy từ nơi con người. Ngài ở Thiên đàng, cách xa sự gian ác của tội nhân.

Khi Chúa Jêsus về trời, Ngài sẽ ở nơi mà những sĩ nhục như thế không hề tới được. Do đó, các môn đồ đáng phải vui mừng khi Chúa cho biết Ngài sắp đi đến cùng Cha, vì *trong ý nghĩa này, Cha tôn trọng hơn Ngài. Cha không hề cao trọng hơn trong tư cách Đức Chúa Trời, nhưng cao trọng hơn vì Cha không hề đến thế gian trong tư cách con người để bị đối đãi cách tàn bạo.* Về các thuộc tánh của thần tánh, Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con bình đẳng. Nhưng khi nghĩ đến địa vị thấp hèn mà Chúa Jêsus đã mặc lấy trong tư cách Con Người trên đất này, chúng ta nhận thấy *theo ý nghĩa đó, Đức Chúa Cha tôn trọng hơn Chúa Jêsus. Cha tôn trọng hơn xét về địa vị chứ không phải về Thân Vị.*

14:29 Với sự quan tâm không chút ich kỷ đối với các môn đồ đang đầy sợ hãi, Chúa bày tỏ những biến cố tương lai này để họ sẽ không bị vấp phạm, ngã lòng, sợ hãi, nhưng trái lại, sẽ tin.

14:30 Chúa biết gần đến lúc Ngài bị phản và Ngài không còn nhiều thời gian nói chuyện với những người thuộc về Ngài. Bấy giờ Satan còn đến gần hơn, nhưng Cứu Chúa biết kẻ thù không tìm được tí vết tội lỗi nào nơi Ngài. Trong Đấng Christ không có điều gì đáp ứng với những cảm dỗ xấu xa của ma quỷ. Thật sự lỗ bịch nếu có người nào không phải là Chúa Jêsus mà dám tuyên bố rằng Satan không thể tìm được chi nơi người ấy.

14:31 Chúng ta có thể diễn ý câu này như sau: "Ta đã sắp bị phản rồi. Ta sẽ tự nguyện đi đến thập tự giá. Đây là ý muốn của Cha dành cho ta.

Điều đó sẽ cho thế gian biết **ta yêu mến Cha biết dường nào.** Đó là lý do khiến ta sẽ ra đi không chút kháng cự." Với lời này, Chúa truyền các môn đồ đứng dậy và đi với Ngài. Chúng ta không rõ có phải lúc này họ rời phòng cao hay không. Có lẽ phần bài giảng còn lại diễn ra đang khi họ đi đường.

P. Chúa Jêsus, Gốc Nhựa Thật (15:1-11)

15:1 Trong Cựu Ước, dân Ysraên được mô tả là cây nho được Đức Giêhôva trồng. Nhưng dân này tỏ ra bất trung và không kết quả, nên Chúa Jêsus giờ đây trình bày *chính Ngài là gốc nho thật*, là sự ứng nghiệm trọn vẹn của mọi hình và bóng khác. **Đức Chúa Cha là người trồng nho.**

15:2 Người ta có nhiều ý kiến về nghĩa của câu "**nhánh nào trong ta mà không kết quả.**" Có người nghĩ đây là một người mạo xưng. Giáo sư này giả vờ như mình là Cơ Đốc nhân, nhưng chưa hề liên hiệp thật với Đấng Christ bởi đức tin. Người khác nghĩ đây là Cơ Đốc nhân thật nhưng mất sự cứu rỗi bởi vì không sanh trái được. Rõ ràng không thể như vậy được, vì sẽ mâu thuẫn với rất nhiều phần đoạn khác dạy tin hữu cơ sự cứu rỗi đời đời. Người khác nữa cho đây là Cơ Đốc nhân thật đã sa ngã. Người dạy xa cách Chúa và trở nên ham thích những điều thuộc về thế gian này. Người ấy không tỏ ra được trái của Thánh Linh - yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ.

Nói chính xác ra, Chúa làm gì cho những nhánh không kết quả sẽ tùy thuộc vào cách dịch động từ Hy văn

airo. Động từ này có thể mang nghĩa "lấy đi" như trong truyền thống King James (cũng được dịch theo cách này trong Giăng 1:29). Như vậy, câu này sẽ nói đến sự sửa phạt bằng sự chết thuộc thể (1.Côrinthô 11:30). Tuy nhiên, chính chữ này cũng có nghĩa "nâng lên" (như trong Giăng 8:59). Như vậy câu này sẽ là *chức vụ lịch cực* để khích lệ những nhánh không kết quả bằng cách làm cho nhánh ấy nhận được ánh sáng và không khi cách dễ dàng hơn, và hy vọng nó sẽ sanh ra trái.

"Nhánh nào kết quả" là Cơ Đốc nhân đang tăng trưởng để ngày càng trở nên giống Chúa Jêsus hơn. Ngay cả những nhánh như thế cũng cần được tỉa sửa hay tẩy sạch. Nhánh nho thật cần được tẩy sạch khỏi côn trùng và nấm mốc thể nào, thì Cơ Đốc nhân cũng phải được tẩy sạch khỏi những điều của thế gian đang bám vào thể ấy.

15:3 Tác nhân tẩy sạch chính là Lời của Chúa. Môn đồ lúc đầu đã được tẩy sạch bởi Lời Chúa lúc họ hoán cải. Ngay khi Chúa đang nói chuyện với họ, lời Ngài đã có công dụng tẩy uế trong đời sống họ. Vì vậy, có thể câu này nói đến sự xưng công bình và sự nên thánh.

15:4 Ở trong có nghĩa ở ngay tại chỗ hiện tại của mình. Cơ Đốc nhân này được đặt trong Đấng Christ; đó chính là vị trí của người ấy. Trong nếp ăn ở hằng ngày, người ấy nên ở trong sự tương giao mật thiết với Chúa. Nhánh ở trong gốc nho bằng cách rút toàn bộ sự sống và chất bổ dưỡng cho

minh từ gốc. Như vậy, chúng ta ở trong Đấng Christ bằng cách dành thì giờ cầu nguyện, đọc và vâng giữ lời Ngài, tương giao với dân sự Ngài, và liên tục ý thức về mối liên hệ của mình với Ngài. Khi chúng ta giữ mối tiếp xúc liên tục như thế với Ngài, chúng ta biết Ngài ở trong chúng ta và Ngài ban cho chúng ta sức mạnh cùng những nguồn cung ứng thuộc linh. Nhánh chỉ có thể sinh trái khi ở trong gốc nho. Cách duy nhất để tín hữu sanh trái của đặc tính giống Đấng Christ chính là sống trong mối tiếp xúc với Đấng Christ từng giây phút.

15:5 Chính Đấng Christ là gốc nho; tín hữu là những nhánh nho. Không phải nhánh nho sống vì Gốc Nho, nhưng nó để cho sự sống của Gốc Nho tuôn chảy qua các nhánh. Đôi khi chúng ta cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin giúp con sống cuộc đời con cho Ngài." Tốt hơn nên cầu nguyện: "Lạy Chúa Jêsus, xin tuôn trào sự sống Ngài qua con." Ở ngoài Đấng Christ, chúng ta chẳng làm chi được. Nhánh nho có một mục đích trọng đại - sanh trái nho. Nhánh nho không dùng để làm đồ đạc trong nhà hay để cất nhà. Thậm chí nhánh nho cũng không dùng làm củi tốt được. Nhưng nó tốt cho việc sinh ra trái - miễn là nhánh ở trong gốc nho.

15:6 Câu ó gây ra nhiều bất đồng ý kiến. Người ta tin nhận vật được mở tả ở đây là tín hữu đã sa vào tội lỗi nên do đó bị hư mất. Lời giải thích như thế mâu thuẫn trực tiếp với nhiều câu Kinh Thánh dạy rằng không một con cái thật nào của Đức Chúa

Trời sẽ bị hư mất. Người khác tin đây là một người tự xưng - là người giả vờ làm Cơ Đốc nhân nhưng chưa hề được tái sanh. Giuda thường được dùng làm minh họa cho hạng người này.

Chúng ta tin người này là tín hữu thật vì phần Kinh Thánh này liên quan đến những Cơ Đốc nhân thật. Để tài không phải là sự cứu rỗi, nhưng là ở trong Chúa và *kết quả*. Nhưng bởi bất cần và không cầu nguyện, tín hữu này không còn liên lạc với Chúa. Kết quả là người phạm tội nào đó, và lời chứng của người bị phá hỏng. Vì không ở trong Đấng Christ, người bị ném ra ngoài như nhánh nho - không phải bởi Đấng Christ, nhưng bởi người khác. Các nhánh này được gom lại rồi ném vào lửa, và chúng cháy. Không phải Đức Chúa Trời làm việc đó, nhưng con người. Điều này có nghĩa gì? Điều này có nghĩa người ta nhạo báng chế giễu Cơ Đốc nhân sa ngã này. Họ bôi nhọ người ấy. Họ ném lời chứng Cơ Đốc nhân của người ấy vào lửa. Điều này được minh họa rõ trong đời sống của Đavít. Ông là tín hữu thật, nhưng ông bất cần với Chúa rồi phạm tội ngoại tình và sát nhân. Ông khiến những kẻ thù của Chúa nói phạm đến Ngài. Ngay cả ngày nay, những người vô thần vẫn chế giễu tên của Đavít (và Đức Chúa Trời của Đavít nữa). Họ đã ném ông - thực sự đã dùng như vậy - vào lửa.

15:7 Ở trong Chúa là bí quyết của đời sống cầu nguyện thành công. Càng gần Chúa, chúng ta sẽ càng học cách suy nghĩ theo đúng ý của Ngài.

Càng biết Chúa qua Lời Ngài, chúng ta sẽ càng hiểu ý muốn Ngài. Càng thuận ý với Ngài, chúng ta càng biết chắc lời cầu nguyện của mình được nhậm.

15:8 Khi con cái Đức Chúa Trời thể hiện hình ảnh của Đấng Christ ra cho thế gian, thì Cha được sáng danh, người ta buộc phải xưng nhận Ngài là Đức Chúa Trời vì đại khi Ngài có thể biến đổi những tội nhân gian ác đến như thế trở thành những thành đồ thành thiện tin kính đến như vậy. Để ý sự tiến triển trong đoạn này: kết quả (câu 2), sai trái hơn (câu 2), kết nhiều quả (câu 8).

"Thì sẽ làm môn đồ của Ia vậy."

Câu này có nghĩa chúng ta *chứng tỏ* mình là môn đồ Ngài khi chúng ta ở trong Ngài. Lúc đó, người khác có thể thấy chúng ta là môn đồ thật, thấy chúng ta giống Chúa chúng ta.

15:9 Tình yêu của Cứu Chúa dành cho chúng ta cũng chính là tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Đức Chúa Con. Chúng ta phải sắp lòng mình xuống thờ phượng khi đọc đến những lời lẽ thế này. Tình yêu ấy có cùng một phẩm chất và mức độ. Đây là "tình yêu bao la, sâu rộng, không thể dò thấu, tình yêu vượt trội hơn mọi tri thức, và con người không bao giờ hiểu hết được." Tình yêu này là "vực sâu nơi đó mọi ý tưởng của chúng ta đều bị chết đuối." Chúa chúng ta phán: "Hãy cứ ở trong sự yêu thương của ta." Điều này có nghĩa chúng ta phải liên tục nhận ra tình yêu của Ngài và hướng tình yêu ấy trong đời sống mình.

15:10 Phần đầu câu 10 cho chúng ta biết làm sao để ở trong tình yêu của Ngài; đó là bằng cách giữ **điều răn** Ngài. "Không còn cách nào để được hạnh phúc trong Chúa Jêsus khác hơn là tin cậy và vâng lời." Phần cuối câu này nêu cho chúng ta Tấm Gương Trọn Lành. Chúa Jêsus đã giữ các **điều răn** của Cha Ngài. Mọi việc Ngài làm đều là vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngài cứ hưởng liên tục **linh yêu** của Cha. Không điều nào xen vào làm hỏng cảm nhận mối tương giao triu mến ngọt ngào ấy.

15:11 Chúa Jêsus tìm thấy sự vui mừng sâu nhiệm của Ngài nơi sự tương giao với Đức Chúa Cha. Ngài muốn món đồ hưởng sự vui mừng ra từ sự nường cậy Ngài. Ngài muốn sự vui mừng của Ngài cũng là sự vui mừng của họ. Con người nghĩ sự vui mừng chính là có thể sống càng hạnh phúc càng tốt bằng cách loại Đức Chúa Trời ra khỏi đời sống mình. Chúa dạy rằng sự vui mừng thật đến bởi đưa Đức Chúa Trời vào trong đời sống mình càng nhiều càng tốt. "Để sự vui mừng các người được trọn vẹn," hay "được mãn nguyện." Sự vui mừng của họ sẽ trọn vẹn khi ở trong Đấng Christ và vâng giữ các điều răn Ngài. Nhiều người dùng Giảng 15 để dạy về những nỗi nghi ngờ trong sự an ninh của tín hữu. Họ dùng những câu trước đó để chứng minh chiến của Đấng Christ cuối cùng có thể bị hư mất. Nhưng mục đích của Chúa không phải là "để sự nghi ngờ của các người được trọn vẹn," nhưng để sự vui mừng các người được trọn vẹn.

Q. Mạng Lành Truyền Yêu Thương Nhau (15:12-17)

15:12 Chúa sắp hạ khỏi các môn đồ Ngài. Họ sẽ bị để lại trong thế giới thù địch này. Khi những căng thẳng gia tăng, sẽ có nguy cơ môn đồ tranh chiến với nhau. Vì vậy Chúa để lại mạng linh thường trực này: "Các người hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các người."

15:13 Tình yêu của họ phải có được bản chất là: họ sẽ sẵn lòng chịu chết vì nhau. Những ai sẵn lòng chết vì nhau thì sẽ không đánh với nhau nữa. Tấm gương vĩ đại nhất về sự tự hy sinh của con người ấy là một người chịu chết vì những bạn hữu mình. Các môn đồ của Đấng Christ được gọi đến thế toại tận hiến này. Có người đã phó mạng sống mình theo đúng nghĩa đen; người khác dành trọn cuộc đời phục vụ dân sự Chúa cách không mệt mỏi. Chúa Jêsus là Tấm Gương này. Ngài phó mạng sống vì các bạn hữu Ngài. Đương nhiên, lúc Chúa chịu chết thay họ, họ là những kẻ thù, nhưng khi họ được cứu thì trở thành bạn hữu Ngài. Như vậy, đúng là Ngài đã chết thay cho bạn hữu Ngài cũng như cho kẻ thù Ngài.

15:14 Chúng ta chứng tỏ mình là bạn hữu Ngài bằng cách làm theo điều Ngài truyền cho chúng ta. Đây không phải là cách để chúng ta trở nên bạn Ngài, nhưng trái lại là cách để chúng ta chứng tỏ tình bạn ấy cho thế gian thấy.

15:15 Ở đây, Chúa nhấn mạnh sự khác biệt giữa **đầy tớ** và bạn hữu. **Đầy tớ** chỉ buộc phải làm những công việc

đã dành cho họ, nhưng **bạn hữu** được kể vào hàng thân tín. Chúng ta tiết lộ những kế hoạch tương lai của mình cho bạn hữu. Những thông tin thăm kín riêng tư được chia sẻ với bạn hữu. Trên một phương diện, môn đồ sẽ luôn luôn tiếp tục làm đầy tớ của Chúa, nhưng họ còn trởi hơn thế nữa - họ sẽ là bạn. Ngay cả bây giờ, Ngài vẫn đang bày tỏ cho họ những điều Ngài đã nghe từ nơi Cha Ngài. Ngài đang kể cho họ nghe sự ra đi của Ngài, sự giảng lãm của Thánh Linh, sự tái lâm của chính Ngài, và trách nhiệm của họ trong khoảng thời gian ấy. Có người đã nói rằng với tư cách nhánh nhỏ, chúng ta *nhận lãnh* (câu 5); là môn đồ, chúng ta *đi theo* (câu 8); và là bạn, chúng ta *cảm thông* (câu 15).

15:16 Để họ khỏi có khuynh hướng trở nên ngã lòng và bỏ cuộc, Chúa nhắc họ nhớ Ngài là Đấng chọn họ. Có thể điều này muốn nói Ngài chọn họ để cứu rỗi đời đời, chọn làm môn đồ, hoặc chọn để có kết quả. Ngài đã lập các môn đồ để thực hiện công việc đặt trước mặt họ. Chúng ta phải đi và kết quả. Có lẽ kết quả nói đến những ơn của đời sống Cơ Đốc, như yêu thương, vui mừng, bình an, v.v.. Hoặc có lẽ nói đến những linh hồn chính phục được về cho Chúa Jesus Christ. Có mối liên kết gắn gũi giữa hai điều này. Chỉ khi chúng ta đang thể hiện loại bông trái thứ nhất, chúng ta mới có thể sinh ra loại trái thứ nhì.

Cụm từ "hữu cho trái các người thường đều luôn" khiến chúng ta nghĩ

trái ở đây nói đến sự cứu rỗi nhiều linh hồn. Chúa chọn các môn đồ để ra đi và đem lại kết quả lâu dài. Ngài không thích những lời tuyên xưng suông về đức tin nơi Ngài, nhưng quan tâm đến những trường hợp được cứu đích thật. L. S. Chafer lưu ý rằng trong chương này, chúng ta có sự cầu nguyện hiệu nghiệm (câu 7), niềm vui Thiên đàng (câu 11), và kết quả lâu dài (câu 16). "Mọi điều các người... cầu xin." Bí quyết của sự phục vụ kết quả chính là cầu nguyện. Các môn đồ được sai đi với lời bảo đảm Cha sẽ ban mọi điều họ nhân danh Đấng Christ cầu xin.

15:17 Chúa sắp báo trước cho môn đồ biết về sự thù địch của thế gian. Ngài mở đầu bằng cách bảo họ yêu thương nhau, gần bó với nhau, và hiệp một với nhau chống lại kẻ thù.

B. Chúa Jesus Báo Trước Sự Thù Ghét Của Thế Gian (15:18 - 16:4)

15:18, 19 Các môn đồ đừng ngạc nhiên hay ngã lòng vì bằng thế gian ghét họ. (Chữ "vì bằng" không diễn tả sự nghi ngờ điều này có xảy ra không; điều đó chắc chắn đến.) Thế gian ghét Chúa, và sẽ ghét mọi người nào giống như Ngài.

Người thuộc về thế gian yêu mến những người sống giống như họ - những người ăn nói thô tục đối bại và buông mình vào những ham muốn của xác thịt. Hay những người cố văn hóa nhưng chỉ sống cho riêng bản thân họ. Cơ Đốc nhân định tội họ bằng chính nếp sống thành khiết của mình, bởi đó thế gian ghét họ.

15:20 Ở đây, chữ "đầy tớ" nguyên văn là "nô lệ." Môn đồ Chúa đừng

mong mình được thế gian đổi đời tốt hơn cách họ đối đãi với **Chúa** của mình. Người ấy sẽ bị bắt bớ giống như Đấng Christ đã bị. Lời nói của người ấy sẽ bị thế gian khước từ như lời nói của Cứu Chúa đã bị khước từ.

15:21 Sự thù ghét và bắt bớ này là "vi danh ta." Chính vì tin hữu được liên kết với Đấng Christ; vì tin hữu đã được Đấng Christ phân rẽ khỏi thế gian; và vì mang danh và hình ảnh của Đấng Christ. Thế gian không biết Đức Chúa Trời. Họ không biết Cha đã sai Chúa đến thế gian để làm Cứu Chúa. Nhưng không hề có cơ nào bào chữa cho sự không biết này.

15:22 Không phải ở đây Chúa đang dạy rằng nếu Ngài chưa đến, thì con người sẽ không phải là tội nhân. Từ thời Adam, mọi người đều là tội nhân. Nhưng tội của họ sẽ không lớn lao trầm trọng như hiện bây giờ. Những người này đã nhìn thấy Con Đức Chúa Trời và nghe những lời kỳ diệu của Ngài. Họ không tìm được lỗi lầm nào nơi Ngài. Thế nhưng họ đã khước từ Ngài. Chính điều này đã khiến cho tội lỗi họ lớn và trầm trọng như thế. Vì vậy đây là vấn đề so sánh. So với tội kinh khiếp của họ là chối bỏ Chúa vinh hiển, thì những tội khác của họ thấm vào đâu. Giờ đây họ không còn cơ nào để chữa hối được tội lỗi mình. Họ đã khước từ Sự Sáng của thế gian!

15:23 Khi ghét Đấng Christ, họ cũng ghét Cha Ngài nữa. Đấng Christ và Cha là Một. Họ không thể nói họ yêu Đức Chúa Trời, vì nếu yêu Ngài, thì ít hân cũng yêu Đấng được Đức Chúa Trời sai đến rồi.

15:24 Họ không những chịu trách nhiệm về việc đã nghe những lời dạy của Đấng Christ; họ còn thấy các phép lạ của Ngài nữa. Điều này càng định tội họ nặng hơn. Họ đã thấy những việc mà chưa có ai khác từng làm. Chối bỏ Đấng Christ khi đã có bằng chứng này thì không còn cơ bào chữa nào nữa. Chúa so sánh mọi tội khác của họ với một tội này, và nói rằng những tội khác không ra gì cả khi đem so với tội chối Chúa như vậy. Vì họ ghét Con nên họ cũng ghét Cha Ngài, và đây chính là sự định tội kinh khiếp cho họ.

15:25 Chúa nhận thấy thái độ của con người đối với Ngài làm ứng nghiệm chính xác lời tiên tri. Thithiên 69:4 dự ngôn rằng Đấng Christ sẽ bị ghét vô cơ. Giờ đây khi việc ấy "xảy ra" Chúa bình luận rằng chính Cựu Ước mà những người này rất quý trọng đã báo trước sự thù ghét vô lý của họ đối với Ngài. Sự kiện điều này được nói tiên tri không có nghĩa những người ấy *bắt buộc phải* ghét Ngài. Họ ghét Ngài bởi *sự chọn lựa tự ý của họ*, nhưng Đức Chúa Trời đã thấy trước điều đó sẽ xảy ra, và Ngài khiến Davit viết xuống trong Thithiên 69.

15:26 Bất chấp sự khước từ của con người, sẽ vẫn có sự làm chứng tiếp theo cho Đấng Christ. Lời chứng đó sẽ được thực hiện bởi Đấng Yên Ủi - tức Đức Thánh Linh. Ở đây, Chúa nói sẽ sai Thánh Linh ra từ Cha. Trong Giảng 14:16, Đức Chúa Cha là Đấng đã sai Đức Thánh Linh đến. Đây há chẳng phải một bằng chứng nữa về

quyền bính đẳng của Con và Cha sao? Còn ai ngoài Đức Chúa Trời có thể sai một Đấng vốn là Đức Chúa Trời đến? **Thần Lẽ Thật ra từ Cha.** Điều này có nghĩa Ngài đang được Đức Chúa Trời sai phái không ngừng, và sự giáng lâm của Ngài trong ngày Lễ Ngũ Tuần là một trường hợp đặc biệt của việc này. Thánh Linh làm chứng về Đấng Christ. Đây là sứ mạng trọng đại của Ngài. Ngài không tìm cách khiến con người bận rộn với chính Ngài, dấu Ngài là một trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài hướng sự chú ý của cả tội nhân lẫn thánh đồ vào Chúa vinh hiển.

15:27 Thánh Linh sẽ làm chứng trực tiếp qua các môn đồ. Họ đã ở cùng với Chúa từ lúc ban đầu chức vụ công khai của Ngài và đặc biệt đủ tư cách để nói về thân vị và công tác của Ngài. Nếu như có ai tìm thấy sự bất toàn nào nơi Chúa, những người ấy ắt phải ở với Chúa lâu tới đờ. Nhưng họ không hề thấy Ngài phạm tội nào cả. Họ có thể làm chứng cho sự kiện Ngài là Con Vô Tội của Đức Chúa Trời và là Cứu Chúa của thế gian.

16:1 Chắc hẳn các môn đồ đã ấp ủ niềm hy vọng của dân Do Thái nói chung - là mong Đấng Mêsi sẽ thiết lập vương quốc Ngài và quyền lực của Rôma sẽ bị phá tan. Thay vì điều đó, Chúa bảo họ Ngài sắp chịu chết, sống lại, và trở về trời. Đức Thánh Linh sẽ đến, và các môn đồ sẽ đi ra làm chứng cho Đấng Christ. Họ sẽ bị thù ghét và bị bắt bớ. Chúa bảo trước cho họ mọi điều này để cho họ sẽ không bị vỡ mộng, bị vấp phạm, hoặc bị sốc.

16:2,3 Người Giuđa kể bị đuổi khỏi nhà hội là một trong những điều tệ hại nhất trên đời. Thế nhưng điều này sẽ xảy ra cho những người Giuđa nào làm môn đồ của Chúa Jêsus. Đạo Đấng Christ sẽ bị thù ghét đến nỗi những người tìm cách trừ khử đạo ấy ngỡ rằng họ đang làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Điều này cho thấy thế nào một người có thể rất thành thật, rất sốt sắng, thế nhưng lại rất *sai lầm*.

Không nhận ra thần thánh của Đấng Christ chính là cội rễ của vấn đề này. Người Do Thái không chịu tiếp nhận Ngài, và khi làm như vậy, họ đã không chịu tiếp nhận Đức Chúa Cha.

16:4 Một lần nữa, Chúa báo trước cho các môn đồ để họ không bị rúng động trước những hoạn nạn ấy khi chúng xảy ra. Họ sẽ nhớ rằng Chúa đã báo trước sự bắt bớ; họ sẽ biết đây hoàn toàn là một phần trong kế hoạch này dành cho đời sống họ. Trước kia Ngài không nói nhiều cho họ về điều này vì Ngài đã ở với họ. Không cần phải làm cho họ bối rối hay khiến tâm trí vẩn vơ lang thang khỏi những điều Ngài đã dạy. Nhưng giờ đây Ngài sắp lìa họ, nên Ngài phải nói cho họ biết con đường ở phía trước.

3. Sự Miện Báp Của Thần Lẽ Thật (16:5-15)

16:5 Câu 5 dường như diễn tả nỗi thất vọng; các môn đồ không quan tâm đến điều đang chờ Chúa. Dấu đã hỏi chung chung rằng Ngài sẽ đi đâu, họ dường như chẳng mấy bận tâm.

16:6 Họ lo ngại đến tương lai của họ hơn là của Chúa. Trước mặt Chúa là thập tự giá và mồ mả. Trước mặt họ là sự bắt bớ khi phục vụ Chúa. Họ

chứa chan sự phiền não vì những họa nạn của họ hơn là lo cho Chúa.

16:7 **Đầu vậy**, họ sẽ không bị để lại mà không có sự giúp đỡ và an ủi. Đấng Christ sẽ sai Thánh Linh đến làm Đấng Yên Ủi họ. Chính vì **ích lợi** cho các môn đồ mà **Đấng Yên Ủi** sẽ đến. Ngài sẽ ban quyền năng cho họ, giúp họ can đảm, dạy dỗ họ, và khiến Đấng Christ trở nên thực tế với họ hơn cả trước kia nữa. **Đấng Yên Ủi** sẽ không đến cho tới khi Chúa Jêsus trở về trời và được vinh hiển. Dĩ nhiên, Thánh Linh vẫn ở trong thế gian trước hiện cố này, nhưng Ngài sẽ đến theo cách mới - để cáo trách thế gian và chăm sóc cho người được chuộc.

16:8 Thánh Linh sẽ **cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công bình và sự đoán xét**. Nói chung, người ta nghi cầu này muốn nói Ngài tạo nên một nhận thức bề trong về các điều ấy trong đời sống của mỗi một tội nhân. Tuy đúng như vậy, nhưng không chính xác là sự dạy dỗ trong phần này. Thánh Linh lên án **thế gian** bằng chính sự kiện Ngài hiện diện trong thế gian. Đáng ra Ngài không ở thế gian này, vì Chúa Jêsus sẽ ở thế gian, cai trị thế gian. Thế gian khước từ Ngài, và Ngài trở về Thiên đàng. Thánh Linh ở trên thế gian này thay thế cho Đấng Christ đã bị khước từ, và điều này chứng minh tội phạm của thế gian.

16:9 Thánh Linh cáo trách thế gian về tội không tin Đấng Christ. Ngài là Đấng xứng đáng cho họ tin. Nơi Ngài không điều gì khiến con người không tin được. Nhưng họ

không chịu tin. Hiện diện của Thánh Linh trong thế gian là lời làm chứng về tội phạm của họ.

16:10 Cứu Chúa tuyên bố Ngài là Đấng công bình, nhưng con người nói Ngài bị quỷ ám. Đức Chúa Trời đã lên tiếng tối hậu. Trên thực tế: Ngài phán: "Con ta là công bình, Ta sẽ chứng minh điều đó bằng cách khiến Ngài từ kẻ chết sống lại và đưa Ngài về trời." Thánh Linh làm chứng cho sự kiện Đấng Christ là công bình và thế gian là có tội.

16:11 Hiện diện của Thánh Linh cũng cáo trách thế gian về **sự phán xét** hầu đến. Chính sự kiện Ngài có mặt trên đất này có nghĩa ma quỷ đã bị đoán phạt tối tại thập tự giá và mọi người nào khước từ Cứu Chúa sẽ cùng chung với Satan chịu đoán phạt kinh khiếp trong ngày hầu đến.

16:12 Chúa còn **nhiều điều** khác nữa để nói cho các môn đồ, nhưng họ không thể hiểu nổi. Đây là nguyên tắc quan trọng trong công tác dạy dỗ. Phải có **tiền bộ nhất định** trước đã, rồi sau đó mới có thể nhận lãnh thêm những chân lý cao hơn. Chúa không bao giờ dạy tới tấp cho các môn đồ. Ngài dạy cho họ "hàng thêm hàng, giềng mới thêm giềng mới."

16:13 Công tác mà Chúa khởi sự sẽ được **Thần Lẽ Thật** tiếp nối. Ngài sẽ dẫn họ **vào mọi lẽ thật**. Trên một phương diện, **mọi lẽ thật** đã được phó thác cho các sứ đồ ngay trong đời của họ. Đến lượt họ truyền lại mọi lẽ thật ấy vào các văn phẩm, và ngày nay chúng ta có mọi chân lý trong Kinh Thánh Tân Ước. Cùng với Cựu Ước,

Tân Ước làm hoàn chỉnh khái thi thành văn của Đức Chúa Trời cho con người. Nhưng đương nhiên, điều này đúng cho mọi thời đại: Thánh Linh dần dần sự Chúa vào mọi lẽ thật. Ngài thực hiện qua Kinh Thánh. Ngài sẽ chỉ nói những điều Cha và Con đã giao cho Ngài nói. "Ngài tỏ bày cho các người những sự sẽ đến." Đương nhiên, điều này được thực hiện trong Tân Ước, và đặc biệt trong sách Khải Huyền để bày tỏ về tương lai.

16:14 Công tác chính của Ngài là làm sáng danh Đấng Christ. Bởi điều này, chúng ta có thể thử nghiệm mọi sự giảng dạy. Nếu sự giảng dạy ấy có tác dụng làm vinh hiển danh Chúa thì đến từ Thánh Linh. "Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta" có nghĩa Ngài sẽ nhận lãnh những chân lý vĩ đại về Đấng Christ. Đây là những điều Ngài bày tỏ cho tín hữu. Để tài này không bao giờ cạn kiệt được!

16:15 Mọi thuộc tánh của Cha cũng thuộc về Con nữa. Chúa Jêsus đang phán về những sự trọn lành này trong câu 14. Thánh Linh bày tỏ cho các sứ đồ về những sự trọn lành đầy vinh hiển, những chức vụ, chức vị, ân điển và sự đầy đầy của Chúa Jêsus.

I. BUỒN RIÊNG THÌNH VUI MỪNG (16:18-22)

16:16 Không rõ về khung thời gian chính xác của câu 16. Có thể câu này nói Chúa sẽ xa họ trong ba ngày, sau đó sẽ hiện ta lại với họ sau khi phục sinh. Cũng có thể câu này nói Chúa sẽ trở về với Cha trên trời, và rồi sau ít lâu (Thời Đại hiện nay), Ngài sẽ trở lại với họ (Sự Tái Lâm Của Ngài).

Hoặc có thể trong ít lâu, họ sẽ không nhìn thấy Ngài bằng con mắt thuộc thể, nhưng sau khi Thánh Linh được ban xuống trong Lễ Ngũ Tuần, họ sẽ biết Ngài bằng đức tin theo phương cách mà trước đó họ chưa hề nhìn thấy về Ngài.

16:17 Các môn đồ bối rối. Nguyên nhân khiến họ bối rối chính vì trong câu 10, Chúa phán: "Ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa." Giờ đây Ngài phán: "Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta, vì ta đi về cùng Cha." Họ không thể dung hòa được hai câu này.

16:18 Họ hỏi nhau ý nghĩa của những chữ "còn ít lâu." Lại thay, ngày nay chúng ta gặp y nguyên nan đề ấy. Chúng ta không biết những chữ này chỉ về ba ngày trước khi Ngài phục sinh, bốn mươi ngày trước Lễ Ngũ Tuần, hay hơn 1900 năm trước khi Ngài Tái Lâm!

16:19,20 Là Đức Chúa Trời, Chúa Jêsus có thể hiểu được ý tưởng của họ. Qua những câu hỏi của Ngài, Chúa cho thấy Ngài hiểu hết những sự khó hiểu của họ.

Ngài không trả lời nan đề của họ cách trực tiếp, nhưng nếu thêm thông tin về "còn ít lâu." Thế gian sẽ vui mừng vì đã đóng đinh được Chúa Jêsus, còn các môn đồ sẽ khóc lóc và than vãn. Nhưng sự lo buồn của họ sẽ đổi thành vui vẻ, và thực vậy - thứ nhất là bởi sự sống lại của Chúa, và thứ nhì bởi sự hiện đến của Thánh Linh. Sau đó, đối với mọi môn đồ của mọi thời đại, đau buồn sẽ biến thành vui mừng khi Chúa Jêsus tái lâm.

16:21 Còn gì đáng lưu ý hơn sự nhanh chóng quên những cơn đau đớn của người mẹ sau khi sinh được con. Đối với các môn đồ này cũng vậy. Sự đau buồn vì Chúa của họ vắng mặt sẽ được quên đi nhanh chóng khi họ lại được nhìn thấy Ngài.

16:22 Một lần nữa, chúng ta phải thừa nhận mình không biết thời điểm được nêu ra qua lời của Chúa: "Ta sẽ lại thấy các ngươi." Câu này nói đến sự phục sinh của Ngài, việc Ngài sai Thánh Linh đến trong Lễ Ngũ Tuần, hay sự tái lâm của Ngài? Trong cả ba trường hợp, kết quả đều là vui mừng, và là sự vui mừng không ai cướp đi được.

U. Các Nguyện Vãn Cho Trong Danh Chúa Jêsus (16:23-28)

16:23 Cho đến bây giờ, các môn đồ vẫn đem đến cho Chúa mọi thắc mắc và cầu xin của họ. Trong ngày đó (thời đại mở đầu bằng sự giáng lâm của Thánh Linh trong Lễ Ngũ Tuần), Ngài sẽ không còn ở với họ trong thân thể ấy nữa, vì vậy họ sẽ không còn nêu câu hỏi cho Ngài nữa. Nhưng phải chăng như vậy có nghĩa họ sẽ không còn đến hỏi được ai nữa? Không, trong ngày đó, họ sẽ có đặc ân là cầu xin nơi Đức Chúa Cha. Cha sẽ đáp lời cầu xin của họ vì ở Chúa Jêsus. Những lời cầu xin được ban cho không phải vì chúng ta xứng đáng, nhưng vì Chúa Jêsus là Đấng xứng đáng.

16:24 Trước lúc này, các môn đồ chưa hề cầu nguyện với Đức Chúa Cha trong danh Chúa Jêsus. Giờ đây họ được mời gọi hãy cầu xin đi. Qua

lời cầu xin được nhậm, sự vui mừng của họ sẽ được trọn vẹn.

16:25 Ý nghĩa trong phần lớn sự dạy dỗ của Chúa không phải luôn xuất hiện rõ ngay ngoài bề mặt. Ngài dùng các ẩn dụ và các ví dụ. Ngay cả trong đoạn này, không phải lúc nào chúng ta cũng biết chắc ý nghĩa đích xác. Khi Thánh Linh đến, sự dạy dỗ về Cha đã trở nên rõ ràng hơn. Trong Công Vụ và các Thư Tín, chân lý không còn bày tỏ qua các ẩn dụ, nhưng qua những câu trần thuật trực tiếp.

16:26 "Ngày đó", một lần nữa nói về Thời Đại của Thánh Linh, là thời đại chúng ta hiện đang sống. Chúng ta có đặc ân là được cầu nguyện với Cha trong danh Chúa Jêsus. "Ta chẳng nói rằng ta vì các ngươi sẽ cầu xin Cha đâu," có nghĩa không cần phải thúc giục Đức Chúa Cha nhậm lời cầu nguyện của chúng ta. Chúa sẽ không cần phải nài xin Cha. Nhưng chúng ta vẫn phải nhớ rằng Chúa Jêsus là Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người, và Ngài thật sự cầu thay cho dân sự Ngài trước ngài Đức Chúa Trời.

16:27 Cha yêu thương các môn đồ vì họ đã tiếp nhận Đấng Christ, họ yêu mến Ngài và tin nơi thân tánh của Ngài. Đây là nguyên nhân khiến Chúa không cần phải nài xin Cha. Khi Thánh Linh đến, họ sẽ có cảm nhận mới về sự mật thiết với Cha. Họ sẽ có thể dạn dĩ đến với Cha, và tất cả mọi điều đó nhờ bởi họ đã yêu mến Con Ngài.

16:28 Ở đây, Chúa lập lại lời tuyên bố quyền bình đẳng với Đức Chúa

Cha. Ngài không nói: "Ta đã ra từ Đức Chúa Trời" dường như thể Ngài chỉ là một Đấng Tiên Tri được Đức Chúa Trời sai đến, nhưng Ngài nói: "Ta đã từ Cha mà đến." Điều này có nghĩa Ngài là Con đời đời của Cha đời đời, bình đẳng với Đức Chúa Cha. Ngài đến thế gian với tư cách Đấng đã sống ở một nơi khác trước khi đến thế gian. Khi thăng thiên, Ngài lìa thế gian và trở về cùng Cha. Đây là bản tiểu sử văn tắt về Chúa vinh hiển.

V. Hoạn Nạn Và Bình An (16:28-33)

16:29,30 Các môn đồ của Chúa Jêsus nghĩ giờ đây họ có thể lần đầu tiên hiểu được Ngài. Họ nói Ngài không đúng lời ví dụ để phán nữa.

Họ nghĩ giờ đây họ bước vào lễ mầu nhiệm về thân vị Ngài. Họ biết chắc rằng Ngài là Đấng toàn tri và Ngài ra từ Đức Chúa Trời. Nhưng Ngài phán Ngài ra từ Đức Chúa Cha. Họ có hiểu ý nghĩa của điều này không? Họ có hiểu Chúa Jêsus là một trong các Ngôi Đức Chúa Trời không?

16:31 Qua câu hỏi này, Chúa Jêsus gợi ý niềm tin của họ vẫn còn bất toàn. Ngài biết họ yếu đuối và tin cậy Ngài, nhưng họ có thật sự biết Ngài là Đức Chúa Trời hiện thân trong xác thịt?

16:32 Còn ít lâu nữa Ngài sẽ bị bắt, xử án và bị đóng đinh. Các môn đồ hết thấy đều sẽ lìa bỏ Ngài và chạy trốn về nhà. Nhưng Chúa sẽ không bị bỏ rơi vì Cha sẽ ở với Ngài. Chính mối liên hệ này với Đức Chúa Cha là điều họ vẫn chưa hiểu. Đây chính là điều nâng đỡ Ngài khi hết thấy họ đều chạy trốn để cứu lấy mạng.

16:33 Mục đích bài giảng này cho các môn đồ là để họ có lòng bình yên. Khi họ bị thù ghét, rượt đuổi, bắt bớ, vu cáo và thậm chí bị tra tấn, họ có được lòng bình yên trong Ngài. Ngài đã thắng thế gian tại thập tự giá ở đồi Gôgôtha. Bất chấp mọi hoạn nạn của họ, họ có thể an tâm được bảo đảm rằng họ ở bên phe chiến thắng.

Hơn nữa, khi Thánh Linh hiện đến, họ sẽ có sức chịu đựng mới mẻ và sự can đảm mới mẻ để đối diện với kẻ thù.

VI. Chúa Jêsus Cầu Nguyện Cho Chức Vụ Của Ngài (17:1-5)

Giờ đây chúng ta đến với điều được gọi là lời cầu nguyện của Chúa Jêsus trong tư cách thầy tế lễ thượng phẩm. Trong lời cầu nguyện này, Ngài cầu thay cho những người thuộc về Ngài. Đây là hình ảnh về chức vụ hiện tại của Ngài trên trời, tại đó Ngài cầu thay cho dân sự Ngài. Marcus Rainsford nói rất hay:

Toàn bộ bài cầu nguyện này là minh họa đẹp đẽ về sự cầu thay của Chúa chúng ta bên hữu Đức Chúa Trời. Không một lời nào nghịch cùng dân sự Ngài; không một câu nào nói đến những thất bại hay những khiếm khuyết của họ.... Không hề có! Ngài nói về họ đúng như thực trạng của họ trong mục đích của Cha, trong mối liên hệ với chính Ngài, và với tư cách những người nhận sự đầy đầy mà Ngài đã từ trời đến để ban cho họ.... Mọi lời cầu thay này của Chúa cho dân sự đều liên quan đến những vấn đề thuộc linh; hết thầy đều nói đến các phước hạnh trên trời. Ngài không cầu xin cho họ giàu có, hay

được tôn trọng, hay có thể lực trong trần gian, hay được thăng cấp, nhưng Ngài cầu nguyện sống để họ được gìn giữ khỏi điều ác, biết riêng khỏi thế gian, dù tư cách để làm phận sự, và được đưa an toàn về quê hương Thiên đàng. Thịnh vượng của linh hồn là sự thịnh vượng tối nhất; đây là dấu hiệu của sự thịnh vượng thật.⁴⁵

17:1 Giờ đã đến. Nhiều lần kẻ thù Chúa không thể bắt Ngài vì giờ Ngài chưa đến. Nhưng bây giờ đã đến lúc Chúa chịu chết. Cứu Chúa cầu nguyện: "Xin làm vinh hiển Con Ngài." Ngài đang nhìn tới sự chết trên thập tự giá. Nếu Ngài cứ ở trong mộ, thế gian sẽ biết Ngài chỉ là con người như bao người khác. Nhưng nếu Đức Chúa Trời làm vinh hiển Ngài bằng cách khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, đó sẽ là bằng chứng Ngài là Con Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của thế gian. Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện này bằng cách khiến Chúa Jêsus sống lại vào ngày thứ ba và sau đó đưa Chúa Jêsus về trời và ban cho Ngài mào triều thiên vinh hiển tôn trọng.

Chúa cầu nguyện tiếp: "**Hầu cho Con cũng làm vinh hiển Cha.**" Ý nghĩa của câu này được giải thích trong hai câu Kinh Thánh kế tiếp. Chúa Jêsus làm vinh hiển Cha bằng cách ban sự sống đời đời cho những ai tin Ngài. Điều này làm sáng danh Đức Chúa Trời khi những người nam nữ không tin kinh hoán cải và thể hiện sự sống của Chúa Jêsus trên đất này.

17:2 Do kết quả công tác cứu chuộc của Chúa Jêsus trên thập tự giá,

Đức Chúa Trời đã ban cho Con Ngài quyền phép trên loài nhân loại. Quyền phép này khiến Ngài có quyền ban sự sống đời đời cho những người mà Cha đã giao phó cho Ngài. Một lần nữa, chúng ta được nhắc rằng trước khi sáng thế, Đức Chúa Trời đã chọn những người nhất định để thuộc về Đấng Christ. Dầu vậy, nên nhớ rằng Đức Chúa Trời ban sự cứu rỗi cho bất kỳ người nào chịu tiếp nhận Chúa Jêsus Christ. Không ai tin cậy Cứu Chúa mà lại không được cứu.

17:3 Đây là lời giải thích đơn sơ về cách để có sự sống đời đời. Đó là biết Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus Christ. Đức Chúa Trời có một và thật ở đây trái hẳn với các hình tượng, là những thứ chẳng hề là thần thật. Câu này không có ý bảo Chúa Jêsus không phải là Đức Chúa Trời thật. Sự kiện danh Ngài được nêu ra cùng với danh của Đức Chúa Cha như là nguồn chung để ban sự sống đời đời có nghĩa hai danh ấy bình đẳng nhau. Ở đây Chúa Jêsus gọi Ngài là **Chúa Jêsus Christ**. Đấng Christ cũng chính là Đấng Mesi. Câu này bác bỏ những lời tuyên bố nào cho rằng Chúa Jêsus không hề tuyên bố Ngài là Đấng Mesi.

17:4 Khi Chúa nói những lời này, Ngài đang nói như thể Ngài đã chết, đã chôn và đã sống lại rồi vậy. Ngài đã làm vinh hiển Cha bởi đời sống vô tội của Ngài, bởi các phép lạ Ngài làm, bởi sự chịu khổ và chịu chết của Ngài, và bởi sự sống lại của Ngài. Ngài đã hoàn tất công tác cứu rỗi mà Cha giao cho Ngài làm. Ryle nói:

Sự đồng định Chúa trên thập tự giá đã làm sáng danh Cha. Nó làm

vinh hiển sự khôn ngoan, thành tín, thánh khiết và yêu thương của Ngài.

- Nó chứng tỏ Ngài khôn ngoan khi cung cấp kế hoạch để Ngài có thể công bình, đồng thời vẫn là Đấng xưng công bình cho những kẻ không tin kính - nó chứng tỏ Ngài thành tín khi giữ lời hứa, là lời hứa đồng đời người nữ sẽ giết hại đầu con rắn. - Nó chứng tỏ Ngài thánh khiết, khi đòi hỏi những yêu cầu của luật pháp Ngài phải được làm thỏa mãn bởi Đấng Thay Thế vĩ đại của chúng ta. - Nó chứng tỏ Ngài yêu thương, khi ban một Đấng Trung Bảo tuyệt vời đến như thế, Đấng Cứu Chuộc tuyệt vời, và Thiệt Hữu tuyệt vời đến như thế cho con người tội lỗi trong tư cách Con cưng tôn tại đời đời của Ngài.

Sự đồng định Chúa Jêsus làm vinh hiển Đức Chúa Con. Nó làm vinh hiển lòng thương xót của Ngài, sự kiên nhẫn và quyền năng của Ngài. Nó chứng tỏ Ngài là Đấng giàu lòng thương xót nhất, bằng cách chết thay chúng ta, chịu khổ thay chúng ta, tự để Ngài bị kể là tội lỗi và sự rửa sà thay cho chúng ta, mua sự cứu chuộc chúng ta bằng giá là chính huyết Ngài. - Nó chứng tỏ Ngài nhân nhục nhất, bằng cách không chịu lấy cái chết thông thường của hầu hết con người, nhưng sẵn sàng chịu những đau đớn và thống khổ vô danh đến nỗi không lý trí con người nào có thể nghĩ tới, trong khi chỉ cần phàn một tiếng là Ngài có thể triệu tập mọi thiên sứ của Đức Chúa Cha đến và Ngài được giải thoát. - Nó chứng tỏ Ngài là Đấng quyền năng nhất, khi mang lấy gánh nặng mọi tội lỗi của thế gian, đánh

bại Satan, và nước đoạt con mồi của Satan khỏi tay hắn.⁴⁰

17:5 Trước khi Đấng Christ vào thế gian, Ngài ở trên trời với Đức Chúa Cha. Khi các thiên sứ ngắm xem Đấng Christ, họ thấy toàn bộ vinh hiển của Đức Chúa Trời. Trước mọi cặp mắt, Ngài hiển nhiên là Đức Chúa Trời. Nhưng khi Ngài đến giữa vòng loài người, vinh hiển này của Đức Chúa Trời đã bị che lại. Dầu Ngài vẫn là Đức Chúa Trời, nhưng không hiển nhiên cho mọi người quan sát. Họ nhìn thấy Ngài chỉ như Con Trai người thợ mộc. Ở đây, Cứu Chúa đang cầu nguyện để biểu hiện hữu hình về vinh hiển Ngài trên Thiên đàng được khôi phục. Nhưng chữ "làm vinh hiển Con nơi chính mình Cha" có nghĩa "xin làm vinh hiển Con trước mặt Cha ở Thiên đàng. Nguyện sự vinh hiển ban đầu mà Con đã cùng chia sẻ với Cha trước khi nhập thế lại tiếp tục như trước." Điều này dạy rõ ràng về sự tiến hiện hữu của Đấng Christ.

X. Chúa Jêsus Cứu Thay Cho Các Môn Đồ (17:8-19)

17:6 Chúa Jêsus đã tỏ danh Cha ra cho các môn đồ. Chữ "danh" trong Kinh Thánh nói đến Chính Thần Vị, các thuộc tánh và tính cách của Ngài. Đấng Christ đã công bố đầy đủ bản tánh thật của Cha. Các môn đồ đã được giao cho Con lữ giữa thế gian. Họ được biệt riêng khỏi đoàn người vô tín và được biệt riêng để thuộc về Đấng Christ. J. G. Bellett viết: "Họ thuộc về Cha bởi sự lựa chọn trước khi có thế gian, và trở nên thuộc về

Đấng Christ bởi sự ban cho của Cha, và bởi được mua bằng huyết."

Chúa phán: "**Họ đã giữ lời Cha.**" Bất chấp mọi thất bại và khiếm khuyết của họ, Ngài vẫn kể họ là đã tin và đã vâng theo lời dạy của Ngài. Rainsford viết: "Không hề ám chỉ đến điều họ đã làm hoặc sắp sửa làm - là đã từ bỏ Ngài."

17:7,8 Chúa đã đại diện Cha Ngài cách trọn vẹn. Ngài giải thích cho các môn đồ biết Ngài không nói hay hành động bởi thẩm quyền riêng của Ngài, nhưng chỉ đúng theo cách Cha dạy Ngài làm. Vì vậy họ tin rằng Cha đã sai Con đến.

Hơn nữa, Đấng Christ không tự bắt đầu sứ mạng của chính Ngài. Ngài đến để vâng theo ý muốn của Cha. Ngài là Đầy tớ trọn lành của Đức Giêhôva.

17:9 Trong tư cách Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài cầu thay cho các môn đồ; Ngài không cầu thay cho thế gian. Đừng nên bào câu này nói rằng Đấng Christ không hề cầu thay cho thế gian. Trên thập tự giá, Ngài đã cầu nguyện: "Lạy Cha, xin tha tội cho họ; vì họ không biết việc mình làm."

Nhưng ở đây, Đấng Christ đang cầu thay trong tư cách Đấng đại diện tín hữu trước ngói Đức Chúa Trời. Tại đó, lời cầu nguyện của Ngài có thể hoàn toàn dành cho những người thuộc về Ngài.

17:10 Sự liên hiệp trọn vẹn giữa Cha và Con được bày tỏ tại đây. Không một con người nào có thể thật sự nói những lời này. Có lẽ chúng ta có thể thưa với Chúa: "Mọi điều thuộc

về Con tức là thuộc về Cha," nhưng chúng ta không thể nói: "Mọi điều thuộc về Cha tức là thuộc về Con." Chính vì Con bình đẳng với Cha mà Ngài có thể nói như vậy. Trong những câu này (ô 19), Chúa Jêsus trình dâng bảy chiến tội nghiệp và thoạt lui của Ngài, và mặc cho mỗi con chiến chiếc áo choàng nhiều màu sắc rồi tuyên bố: "Con nhận họ được tôn vinh."

17:11 Một lần nữa Chúa Jêsus báo trước Ngài sẽ trở về trời. Ngài cầu nguyện dường như thể Ngài đã về rồi vậy. Lưu ý danh xưng **Cha Thánh**. Thánh nói về Đấng cao cả vô hạn. Cha nói đến Đấng gần gũi vô hạn.

Lời Chúa cầu nguyện "để họ cũng hiệp làm một" nói đến sự hiệp một của đặc tánh Cơ Đốc. Cha và Con là một trong sự giống nhau về đạo đức thế nào, thì tin hữu cùng đáng phải hiệp một trong lãnh vực này thế ấy để họ giống Chúa Jêsus.

17:12 Đang khi còn ở với các môn đồ, Chúa gìn giữ họ trong danh Cha, tức là bằng quyền phép của Cha và giữ họ trung tín với Ngài. Chúa Jêsus nói: "trừ đũa con của sự hư mất ra, lúc là Giuđa thì trong đám họ không một người nào bị thất lạc," Nhưng điều này không có nghĩa Giuđa thuộc trong số những người được Cha giao cho Con hay ông đã từng là tín hữu thật. Câu này có nghĩa: "Người nào Cha giao cho Con thì Con đều gìn giữ họ, và không người nào trong số đó bị hư mất, nhưng đũa con của sự hư mất thì bị hư mất, để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm." Danh hiệu "đũa con của sự hư mất" có nghĩa Giuđa đã

được ký thác cho sự hư hoại đời đời hay sự đoán phạt đời đời. Giuda không bị cưỡng ép để phản Đấng Christ hầu làm ứng nghiệm lời tiên tri, nhưng ông chọn phản Cứu Chúa, và khi làm như vậy thì Kinh Thánh được ứng nghiệm.

17:13 Chúa giài thích vì sao Ngài đang cầu nguyện trước mặt các môn đồ. Dường như thế Ngài phản với họ: "Đây là những lời cầu thay mà ta không bao giờ ngừng dâng lên Đức Chúa Trời trên Thiên đàng. Nhưng giờ đây ta đang dâng những lời cầu thay này trong thế gian, các người thầy đều nghe, để các người có thể hiểu rõ ràng hơn về cách ta được Chúa dùng tại Thiên đàng vì ích lợi cho các người, để các người càng được đầy dẫy sự vui mừng của ta hơn nữa."

17:14 Chúa đã ban Lời của Đức Chúa Trời cho các môn đồ, và họ đã nhận lãnh. Kết quả là thế gian xây dựng lại với họ và thù ghét họ. Các môn đồ mang những đặc trưng của Chúa, và vì vậy thế gian khinh bỉ họ. Họ không phù hợp theo cung cách của thế gian.

17:15 Chúa không cầu nguyện để Cha đưa các tín hữu về quê hương Thiên đàng ngay lập tức. Họ phải được để lại trên đất này để tấn tới trong ân điển và làm chứng về Đấng Christ. Nhưng Chúa cầu nguyện để họ được giữ khỏi điều ác. Không phải là trốn tránh, nhưng là bảo toàn.

17:16 Cơ Đốc nhân không thuộc về thế gian, cũng như Đấng Christ không thuộc về thế gian vậy. Chúng ta nên nhớ điều này khi bị cám dỗ dự

phần vào trò tiêu khiển nào đó của thế gian hay bước vào những hiệp hội của thế gian nơi đó người ta không hoan nghênh danh Chúa Jêsus.

17:17 Làm nên thánh có nghĩa biệt riêng ra. Lời Đức Chúa Trời có công dụng làm tín hữu nên thánh. Khi họ đọc và vâng giữ lời ấy, họ được biệt riêng ra làm những chiếc bình xứng hợp cho Chủ thương dùng. Đây chính xác là điều Chúa đang cầu thay lúc này. Ngài muốn có một dân biệt riêng ra khỏi thế gian này cho Đức Chúa Trời, và hữu dụng cho Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus nói: "Lời Cha tức là lẽ thật." Ngài không nói như rất nhiều người ngày nay thường nói: "Lời Cha chưa được lẽ thật," nhưng nói "Lời Cha TỨC LÀ lẽ thật."

17:18 Cha đã sai Chúa Jêsus vào thế gian để bày tỏ đặc tánh của Đức Chúa Trời cho con người. Khi Chúa cầu nguyện, Ngài biết Ngài sắp trở về trời. Nhưng các thế hệ tương lai vẫn cần lời chứng về Đức Chúa Trời. Công tác này phải được thực hiện bởi các tín hữu, nhờ quyền năng của Thánh Linh. Dĩ nhiên, Cơ Đốc nhân không bao giờ trình bày Đức Chúa Trời hoàn hảo như Đấng Christ đã làm, vì họ không bao giờ bình đẳng với Đức Chúa Trời được. Nhưng tín hữu ở trần gian này cũng chính là những người đại diện Đức Chúa Trời cho thế gian. Chính vì lẽ ấy Chúa Jêsus đã sai họ vào thế gian.

17:19 Làm nên thánh không nhất thiết có nghĩa là làm nên thánh khiết. Ngài là thành đối với tình cách cá nhân của Ngài. Ý chính ở đây là Chúa

biệt riêng chính Ngài cho công tác mà Cha sai Ngài làm - tức là sự chết hy sinh của Ngài. Có lẽ câu này cũng có nghĩa Ngài biệt riêng chính Ngài bằng cách chịu đựng nơi của Ngài ở ngoài thế gian để rồi bước vào sự vinh hiển. Vine nói: "Sự làm nên thánh của Ngài là khuôn mẫu và là quyền năng cho sự nên thánh của chúng ta. Chúng ta phải được biệt riêng khỏi thế gian và tìm phần của mình nơi Ngài."

Y. Chúa Jêsus Cầu Thay Cho Mọi Tín Hữu (17:20-26)

17:20 Giờ đây Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm mở rộng lời cầu nguyện của Ngài ra khỏi ranh giới các môn đồ. Ngài cầu thay cho các thế hệ vẫn chưa ra đời. Trên thực tế, mỗi tín hữu đọc câu này đều có thể nói: "Chúa Jêsus đã cầu thay cho tôi hơn 1900 năm trước rồi."

17:21 Đây là lời cầu thay cho sự hiệp một giữa tín hữu, nhưng lần này nhắm đến sự cứu rỗi tội nhân. Sự hiệp một Đấng Christ cầu thay ở đây không phải là vấn đề liên hiệp bề ngoài của hội thánh. Trái lại, đây là sự liên hiệp căn cứ trên sự giống nhau chung về đạo đức. Ngài đang cầu nguyện để tín hữu hiệp làm một trong việc bày tỏ đặc tánh của Đức Chúa Trời và Đấng Christ. Đây là điều khiến thế gian tin Đức Chúa Trời đã sai Con đến. Đây là sự hiệp một khiến thế gian phải nói: "Tôi thấy Đấng Christ trong những Cơ Đốc nhân ấy giống như người ta thấy Đức Chúa Cha trong Đấng Christ vậy."

17:22 Trong câu 11, Chúa cầu thay cho sự hiệp một trong sự thông công.

Trong câu 21, đây là sự hiệp một trong công tác làm chứng. Giờ đây là sự hiệp một trong vinh hiển. Câu này hướng tới thời điểm các thánh đó sẽ nhận thân thể vinh hiển của họ. "**Sự vinh hiển mà Cha đã ban cho con**" là vinh hiển của sự phục sinh và thăng thiên.

Chúng ta vẫn chưa có vinh hiển này. Vinh hiển này được ban cho chúng ta theo như các mục đích của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta sẽ chưa nhận vinh hiển ấy cho đến khi Cứu Chúa trở lại đón chúng ta về trời. Vinh hiển ấy sẽ được bày tỏ cho thế gian khi Đấng Christ tái lâm thiết lập vương quốc Ngài trên đất. Lúc đó, thế gian sẽ nhận thấy sự hiệp một sống động giữa Cha và Con, giữa Con và dân sự Ngài, và bấy giờ họ sẽ tin (quá muộn rồi) rằng Chúa Jêsus là Đấng được Đức Chúa Trời sai đến.

17:23 Thế gian không những nhận ra Chúa Jêsus là Đức Chúa Con, nhưng còn biết tín hữu được Đức Chúa Trời yêu mến giống như Đấng Christ được Đức Chúa Trời yêu vậy. Chúng ta sẽ được yêu mến đến đường ấy, điều này có vẻ như không thể tin nổi, nhưng sự thực là thế!

17:24 Đức Chúa Con muốn dân sự Ngài cùng ở với Ngài trong vinh hiển. Mỗi khi một tín hữu qua đời, trên một phương diện, đây là sự nhậm lời cầu nguyện này. Nếu chúng ta nhận ra điều này, đây sẽ là niềm an ủi chúng ta trong cơn đau buồn. Chết tức là đi ở với Đấng Christ và **được ngắm xem vinh hiển Ngài**. Vinh hiển này không những là vinh hiển của thân thánh mà

Ngài đã có với Đức Chúa Trời trước khi thế gian được dựng nên. Đây còn là vinh hiển Ngài nhận được với tư cách Cứu Chúa và Đấng Cứu Chuộc. Vinh hiển này là bằng chứng Đức Chúa Trời yêu Đấng Christ trước khi sáng thế.

17:25 Thế gian không thấy Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Chúa Jêsus. Nhưng một số ít môn đồ đã thấy, và họ tin rằng Đức Chúa Trời đã sai Chúa Jêsus đến. Trong đêm trước khi Ngài chịu đóng đinh, chỉ có một vài tâm lòng trung tín trong toàn nhân loại - và ngay cả những người đó cũng sắp lìa bỏ Ngài!

17:26 Chúa Jêsus đã bày tỏ danh Cha cho các môn đồ khi Ngài ở cùng họ. Điều này có nghĩa Ngài bày tỏ Cha cho họ. Những lời nói và việc làm của Ngài chính là những lời nói và việc làm của Cha. Họ nhìn thấy trong Đấng Christ biểu hiện trọn vẹn về Cha. Chúa Jêsus tiếp tục bày tỏ danh Cha qua chức vụ của Thánh Linh. Kể từ ngày Lễ Ngũ Tuần trở đi, Thánh Linh vẫn đang dạy dỗ tín hữu về Đức Chúa Cha. Đặc biệt qua Lời Đức Chúa Trời, chúng ta có thể biết Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào. Khi con người tiếp nhận Cha đúng như Ngài được bày tỏ bởi Chúa Jêsus, họ trở thành đối tượng đặc biệt cho tình yêu của Đức Chúa Cha. Vì Chúa Jêsus ở trong tín hữu, Đức Chúa Cha có thể đoái xem tín hữu, đối đãi với họ như cách Ngài đối đãi với Con độc sinh của Ngài. Reuss nhận định:

Trước khi sáng thế, tình yêu của Đức Chúa Trời đã có đối tượng thỏa đáng trong thân vị của Đức Chúa

Con (câu 24), thì sau khi tạo dựng thế giới thuộc linh mới, tình yêu ấy đã tìm được đối tượng thỏa đáng trong tất cả những người được hiệp một với Đức Chúa Con.⁴⁷

Và Godet nói thêm:

Ước muốn của Đức Chúa Trời khi sai Con Ngài xuống trần gian này chính là để Ngài có thể lập thành cho Ngài một gia đình những đứa con giống như Ngài giữa vòng nhân loại.⁴⁷

Chính vì Chúa Jêsus ở trong tín hữu mà Đức Chúa Trời có thể yêu mến tín hữu ấy như Ngài yêu mến Đấng Christ.

Rất yêu dấu, rất yêu dấu đối với Đức Chúa Trời,

Tôi nào còn được yêu dấu hơn thế nữa?

Còn tình yêu mến nào lớn hơn tôi hơn thế nữa; tình yêu mà Ngài yêu Đức Chúa Con,

Chính là tình yêu Ngài dành cho tôi!

- Catesby Paget

Đúng như Rainsford nói, những lời cầu xin của Đấng Christ vì cơ dân sự Ngài,

... nói đến những điều thuộc linh, đến các phước hạnh Thiên đàng. Ngài không cầu xin sự giàu có, hay tôn trọng, hay ảnh hưởng thế gian, nhưng cầu xin sự giải cứu khỏi điều ác, phân rẽ khỏi thế gian, phẩm cách để thi hành bốn phần, và được đưa an toàn đến thiên đàng.⁴⁸

VIII. SỰ THƯƠNG KHÓ VÀ SỰ CHẾT CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI (Đoạn 18, 19)

A. Giuda Phản Chúa (18:1-11)

18:1 Những lời trong đoạn 13-17 được phân ra tại Giêrusalem. Giờ đây

Chúa Jêsus rời khỏi thành đi về hướng đông đến núi Ôlive. Trên đường đi, Ngài băng qua khe Xêtrôn đến vườn Ghêtsêmanê, nằm ở sườn phía đông núi Ôlive.

18:2,3 Giuđa biết Chúa dành nhiều thời gian cầu nguyện tại vườn này. Hắn biết nơi để tìm Chúa nhất là tại nơi cầu nguyện.

Cơ binh này chắc là lính Lamã; còn những "kẻ sai" là các quan chức Giuđa, đại diện cho các thầy tế lễ cả và người Pharisê. Họ cấm đèn đuốc khi giới mà đến. "Họ đã cấm đèn lồng để đến tìm Sự Sáng của thế gian!"

18:4 Chúa bước tới trước để gặp họ, không chờ họ đến tìm Ngài. Điều này chứng tỏ Ngài sẵn lòng đi đến thập tự giá. Ất hẳn binh lính hồ vũ khí của họ ở nhà cũng được; Cứu Chúa sẽ không chống cự. Câu hỏi "các người tìm ai?" nhằm để khiến chính môi miệng họ nói ra bản chất sự mạng của họ.

18:5 Họ tìm Jêsus người Naxarê, mà chẳng hề nhận thấy Ngài chính là Đấng Tạo Hóa và Đấng Duy Trì của họ - Thiết Hữu tối nhất họ từng có. Chúa Jêsus đáp: "Chính ta đây" (Bản Anh ngữ là "I am He." Chữ "He" không có trong nguyên bản, nhưng cần phải có trong Anh ngữ.) Không những Ngài có ý bảo Ngài là Jêsus người Naxarê, mà Ngài còn là Giêhôva nữa. Như đã nói trước đây, TA LÀ (I AM) là một trong những danh xưng của Giêhôva trong Cựu Ước, điều này có khiến Giuđa phải lấy làm lạ một cách mới mẻ, khi hắn đứng cùng với những người khác trong đám đông này không?

18:6 Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Chúa Jêsus đã bày tỏ chính Ngài cho họ là Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU (TA LÀ), là Đức Chúa Trời toàn năng. Sự bày tỏ này mạnh mẽ đến nỗi họ khổi lui và té xuống đất.

18:7 Ngài lại hỏi một lần nữa để họ cho Ngài biết họ đang tìm ai. Và một lần nữa câu trả lời vẫn như cũ - bất chấp tác dụng từ hai chữ Đấng Christ vừa nói trên họ.

18:8,9 Một lần nữa Chúa Jêsus trả lời Ngài chính là Đấng đó, và Ngài là Giêhôva. "Ta đã nói với các người rằng TA LÀ." Vì họ tìm Ngài, nên Ngài bảo họ phải để cho các môn đồ khác đi. Thật kỳ diệu khi thấy Chúa quan tâm không chút ích kỷ đến người khác ngay trong lúc mạng sống Ngài lâm nguy. Như vậy, những lời của Giảng 17:12 cũng được ứng nghiệm.

18:10 Simôn Phierô nghi đã đến lúc phải dùng bạo lực để cố gắng cứu Thầy mình khỏi đám đông. Hành động khi chưa có lệnh từ Chúa, ông rút gươm đánh đấy lờ của thầy cả thượng phẩm. Rõ ràng ông định giết chết người kia, nhưng thanh gươm bị chệch hướng bởi Bàn Tay Vô Hình, để chỉ chém đứt tai hữu của người ấy.

18:11 Chúa quở trách hành động thiếu khôn ngoan của Phierô. Chén hoạn nạn và sự chết đã được Cha giao cho Ngài, và Ngài đã định uống trọn. Luca, là thầy thuốc, ghi lại thể nào Chúa rửa và chữa lành tai của Manchu ngay lúc này (22:51).

B. Chúa Jêsus Bị Bại Và Bị Trại (18:12-14)

18:12,13 Đây là lần đầu tiên con người gian ác có thể nắm lấy Chúa Jêsus và trói tay Ngài.

Anne đã làm thấy tế lễ trước đó. Không rõ vì sao Chúa Jêsus bị giải đến Anne trước hết, chứ không phải đến Caiphe, là con rể của ông, là thấy cả thượng phẩm đương niên. Điều quan trọng cần phải thấy ấy là Chúa Jêsus trước hết bị xét xử trước mặt người Giuđa nhằm chứng minh Ngài phạm tội lộng ngôn và là giáo. Chúng ta có thể gọi đây là tòa án tôn giáo. Sau đó Ngài bị xét xử trước nhà chức trách Lamã, và ở đây họ nỗ lực chứng minh Ngài là kẻ thù của Sêsa. Đây là tòa án dân sự. Vì người Giuđa ở dưới quyền người Lamã, họ phải hành động thông qua các tòa án của Lamã. Chẳng hạn họ không được thi hành án tử hình. Việc này phải do Philát.

18:14 Giăng giải thích thấy tế lễ thượng phẩm này cũng chính là Caiphe đã nói tiên tri "thà một người chết vì dân thì ích hơn" (xem Giăng 11:50). Giờ đây ông sắp góp phần làm ứng nghiệm lời tiên tri đó. James Stewart viết:

Đây chính là người được chỉ định canh giữ linh hồn của dân tộc. Ông được biệt riêng làm người giải nghĩa cao nhất và đại diện cao nhất của Đấng Chí Cao. Ông được giao đặc ân vinh diệu là mỗi năm một lần bước vào Nơi Chí Thánh. Thế nhưng đây là người định tội Con Đấng Chúa Trời. Lịch sử còn cung cấp minh họa nào đáng sống sót hơn về sự thật là cơ hội tôn giáo tốt nhất trong thế gian và môi trường hứa hẹn nhất cũng không bảo đảm được sự cứu rỗi cho con người hay tự làm cho linh hồn mình trở nên cao quý hơn. John Bunyan nói khi kết thúc tác phẩm của mình: "Rồi tôi thấy có con

đường đến địa ngục, ra từ những cửa của Thiên đàng."⁴⁰

C. Phiêrô Chối Chừa (18:15-18)

18:15 Hầu hết các học giả Kinh Thánh tin môn đồ khác được nói đến tại đây là Giăng, nhưng sự khiêm nhường ngăn ông đề cập về mình, đặc biệt khi nói đến thất bại đáng hổ thẹn của Phiêrô. Kinh Thánh không cho biết làm thế nào Giăng quen được với thấy cả thượng phẩm, nhưng đây là sự kiện giúp ông vào được trong sân.

18:16,17 Phiêrô không thể vào cho đến khi Giăng đi ra nói với người đàn bà canh cửa. Khi suy nghĩ lại, chúng ta tự hỏi không biết Giăng sử dụng ảnh hưởng của mình như vậy có phải là tốt không. Điều quan trọng là lần chối Chúa đầu tiên của Phiêrô không phải trước mặt một người lính mạnh mẽ và đáng khiếp sợ, nhưng trước mặt một đầy tớ gái tầm thường đứng canh cửa. Ông chối mình không phải là môn đồ Chúa Jêsus.

18:18 Giờ đây, Phiêrô đứng lần vào giữa kẻ thù của Chúa và cố giấu góc tích mình. Giống như nhiều người và môn đồ kia, ông đứng sưởi ấm bên đồng lửa thế gian này.

D. Chúa Jêsus Trước Mặt Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm (18:19-24)

18:19 Không rõ thấy cả thượng phẩm ở đây là Anne hay Caiphe. Nếu là Anne, và có nhiều khả năng là như vậy hơn, thì chắc ông được gọi là thấy cả thượng phẩm theo phép lịch sự, vì ông đã từng giữ chức này. Vậy, thấy cả thượng phẩm gạn hỏi Đức Chúa Jêsus về môn đồ Ngài và đạo giáo Ngài, dường như thế đây là mối nguy

cho Luật Pháp Môise và chính quyền lamã vậy. Hiển nhiên những người này không có cơ thật để kiện Chúa, vì vậy họ đang cố nguy tạo.

18:20 Chúa trả lời rằng chức vụ của Ngài được thi hành giữa thiên hạ. Ngài không có gì phải che giấu cả. Ngài đã dạy trước mặt người Giuđa, cả trong nhà hội và trong đền thờ. Không hề có gì bí mật cả.

18:21 Đây là lời thách thức để đưa ra một số người Giuđa đã nghe Ngài. Phải để họ kiện Ngài. Nếu Ngài đã làm hoặc nói điều gì sai quấy, hãy đưa các nhân chứng ra.

18:22 Thách thức này hiển nhiên khiến người Giuđa nổi giận. Nó khiến họ không còn lý cơ nào cả. Thế là họ giờ trò hành hung. **Một trong những kẻ sai có mặt tại đó**, cho Ngài một vá, vì Chúa Jêsus đã đối đáp với thầy cả thượng phẩm như vậy.

18:23 Với vẻ đàng hoàng tròn vẹn và lý luận không thể đối đáp vào đâu được, Cứu Chúa chỉ ra sự bất công trong quan điểm của họ. Họ không thể buộc tội Ngài đã nói điều xấu; thế mà họ đánh Ngài vì Ngài nói sự thật.

18:24 Những câu trước mô tả cuộc thẩm vấn trước mặt Anne. Giờ mô tả cuộc xét xử trước mặt Caiphe. Cuộc xét xử này nằm giữa đoạn 18:21 và 18:28.

E. Lấn Chối Chúa Thứ Nhì và Thứ Ba Của Phiêrô (18:25-27)

18:25 Câu chuyện giờ đây quay về với Simôn Phiêrô. Trong cái lạnh của buổi sáng sớm, ông sưởi bên đống lửa. Rõ ràng cách ăn mặc và giọng nói cho thấy ông là ngư phủ Galilê. Người

đứng gần hỏi ông có phải là môn đồ của Jêsus này không. Nhưng ông chối Chúa một lần nữa.

18:26 Bây giờ là người bà con của Manchu nói chuyện với Phiêrô. Người này đã thấy Phiêrô chém đứt tai người bà con của mình. "Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với Jêsus này sao?"

18:27 Phiêrô chối Chúa lần thứ ba. Lập tức ông nghe tiếng gà gáy và nhớ lại lời của Chúa: "Khi gà chưa gáy, người đã chối ta ba lần." Từ các sách Phúc Âm khác, chúng ta biết lúc này Phiêrô đi ra ngoài khóc lóc đàng cay.

F. Chúa Jêsus Trước Mặt Philai (18:28-40)

18:28 Cuộc xét xử tôn giáo chấm dứt, và tòa án dân sự sắp bắt đầu. Quang cảnh là phòng xử án hay cung điện của quan tổng đốc. Người Giuđa không muốn đến cung điện của một người ngoại bang. Họ cảm thấy sẽ bị ô uế và như vậy sẽ không được ăn Lễ Vượt Qua. Dường như họ chẳng bận tâm là mình đang âm mưu giết chết Con Đức Chúa Trời. Đối với họ bước vào nhà người ngoại bang là một thảm kịch, nhưng tội sát nhân chỉ là chuyện nhỏ. Augustine nhận định:

Ôi sự mà quáng bất kinh! Họ sẽ bị ô uế, bị tù bỏ, bởi nư ử của người khác, chứ không bị ô uế bởi tội phạm của chính họ. Họ sợ bị ô uế bởi trường án của một quan tòa xa lạ, mà không sợ bị ô uế bởi huyết của một anh em vô tội.⁵⁰

Hall bình luận:

Khôn thay cho các người là thầy tế lễ, những nhà thông giáo các trường lâu, những kẻ giả hình! Có mái nhà nào ô uế cho hằng lừng

ngực của chính các người? Không phải các vách tường của Philát ô uế, mà chính trái tim của các người. Có phải sát nhân chính là mục đích của các người, và các người có đứng lại tại chỗ bị ô nhiễm ở địa phương không? Đức Chúa Trời sẽ đánh các người, bởi những bức tường tô trắng kia! Có phải các người muốn nhuộm máu - chính máu của Đức Chúa Trời? Và các người sợ bị ô uế bởi dụng cụ lễ đường của Philát? Có phải một con ruồi rất nhỏ cũng vướng lại trong ổ các người, còn các người nuôi chúng con lạc đà của sự gian ác xấu vụ nhục nhã kia không? Hỡi bọn vô tín giả mạo các người, nếu các người muốn không bị ô uế, hãy ra khỏi Giêrusalem đi! Philát còn có cơ để sợ, kéo những vách tường của ông lại bị ô uế bởi hiện diện của những quái vật gian ác đi thường như thế.⁵¹

Poole nhận định: "Còn gì phổ thông hơn cảnh con người quá sốt sắng về lễ nghi đến nỗi xao lãng quên cả bốn phận đối với con người."⁵² Cụm từ "cho được ăn Lễ Vượt Qua" chắc muốn nói đến lễ đi tiếp sau Lễ Vượt Qua. Chính Lễ Vượt Qua đã được tổ chức trong đêm trước.

18:29 Philát, là quan tổng đốc Lamã, đã nhượng bộ những dân do tôn giáo của người Giuđa bằng cách đi ra đến nơi họ. Ông mở đầu vụ xét xử bằng cách bảo họ đưa ra tội **buộc tội** Tù Nhân này.

18:30 Câu trả lời của họ thật dạn dĩ và thô lỗ. Trên thực tế, họ nói họ đã xét xử vụ án rồi và thấy người này có tội. Tất cả những gì họ muốn Philát làm là công bố bản án.

18:31 Philát cố tránh trách nhiệm và trút trên người Giuđa. Nếu đã xử Chúa Jêsus rồi và thấy Ngài có tội, vậy tại sao không lên án Ngài theo luật của họ? Câu trả lời của người Giuđa rất có ý nghĩa. Họ nói trong mấy lời sau: "Chúng tôi không phải một quốc gia độc lập. Chúng tôi bị cường quốc Lamã chiếm lấy. Chính quyền dân sự đã bị tước khỏi tay chúng tôi, và chúng tôi không còn quyền để giết ai cả." Câu trả lời của họ là bằng chứng về ách nô lệ và thần phục quyền lực ngoại bang. Hơn nữa, họ muốn đổ sự căm ghét về cái chết của Đấng Christ trên Philát.

18:32 Có thể câu 32 mang nghĩa khác nhau: (1) Trong Mathiơ 20:19, Chúa Jêsus báo trước Ngài sẽ bị nộp cho người ngoại bang giết đi. Ở đây, người Giuđa đang làm chính việc đó với Ngài. (2) Ở nhiều chỗ, Chúa phán Ngài sẽ bị "treo lên" (Giăng 3:14; 8:28; 13:32,34). Điều này chỉ về sự chết vì bị đóng đinh. Người Do Thái dùng cách ném đá trong những án xử tử; còn đóng đinh trên thập tự là phương pháp của người Lamã. Vì vậy, bằng cách không chịu thực hiện án tử hình, người Do Thái vô tình làm ứng nghiệm hai lời tiên tri về Đấng Mêsê (cũng xem Thithiên 22:16).

18:33 Giờ đây Philát giải Chúa vào **trường án** để phỏng vấn riêng và hỏi Ngài bằng thùng - "Chính người là vua dân Giuđa phải chăng?"

18:34 Trên thực tế, Chúa trả lời Philát: "Là quan tổng đốc, có bao giờ người nghe nói ta có lật đổ chính quyền Lamã không? Có ai từng bảo

cáo cho người ta tự tuyên bố mình là vua phá hoại đế quốc của Sêsa không? Đây là lời kết tội do người tự biết hay chỉ là điều người nghe những người Giuđa này nói?"

18:35 Câu hỏi của Philát thật sự tỏ vẻ khinh thường: "Ta là người Giuđa à?" (Bản Anh ngữ) Ông ám chỉ mình là người rất quan trọng, đầu bần tâm đến một nạn để con con như thế của dân Giuđa địa phương. Nhưng câu trả lời của ông cũng thừa nhận ông không biết lời buộc tội thật nào chống lại Chúa Jêsus. Ông chỉ biết những điều các quan trưởng Giuđa đã nói.

18:36 Lúc đó Chúa xưng Ngài là Vua. Nhưng không phải là loại vua mà người Giuđa vu cáo Ngài. Và không thể là loại vua đe dọa đến Lamã. Nước của Ngài không tiến lên bằng vũ khí của con người. Nếu không, các môn đồ Ngài sẽ đánh trận để người Giuđa khỏi bắt Ngài. Nước của Ngài chẳng thuộc về hạ giới này, có nghĩa không thuộc về thế gian. Nước của Ngài không nhận quyền phép từ thế gian này; mục tiêu và mục đích của nước ấy không thuộc về xác thịt.

18:37 Khi Philát hỏi Ngài có phải là vua không, Chúa Jêsus đáp: "Thật như lời, ta là vua." Nhưng nước của Ngài liên quan đến lẽ thật, chứ không liên quan đến gươm và thuẫn. Chính vì làm chứng cho lẽ thật mà Ngài đã giáng thế. Lẽ thật ở đây nói đến lẽ thật về Đức Chúa Trời, chính Đấng Christ, Thánh Linh, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi và mọi giáo lý trọng đại khác nữa của Cơ Đốc giáo. Ai yêu mến lẽ thật thì nghe tiếng Ngài, và đó

là cách tăng trưởng của vương quốc Ngài.

18:38 Thật khó nói Philát có ý gì khi nói với Ngài: "Lẽ thật là cái gì?" Ông bối rối không hiểu, hay mĩa mai, hay quan tâm? Chúng ta chỉ biết là Lẽ Thật Nhập Thể đứng trước mặt ông, và ông không nhận ra Ngài. Bảy giờ Philát vội vã đến với người Giuđa, thừa nhận ông không thấy Chúa Jêsus có tội lỗi gì cả.

18:39 Phong tục của người Giuđa vào Lễ Vượt Qua là xin phóng thích một tù nhân Giuđa nào đó khỏi tay người Lamã. Philát nắm lấy phong tục này để nỗ lực làm đẹp lòng người Giuđa đồng thời thả Chúa Jêsus.

18:40 Kế hoạch thất bại. Người Giuđa không muốn thả Chúa Jêsus; họ muốn thả Baraba. Baraba là một tên cướp. Tấm lòng gian ác của con người thích tên trộm cướp hơn là Đấng Tạo Hóa.

6. Phán Quyết Của Philát. Về Tội Không Bị Kết Án (19:1-10)

19:1 Philát thật bất công khi đánh đòn Đấng vô tội. Có lẽ ông hy vọng hình phạt này làm người Giuđa thỏa mãn và mong họ không đòi xử tử Chúa Jêsus nữa. Đánh đòn là hình thức trừng phạt của người Lamã. Tù nhân bị đánh bằng roi dây hoặc gậy. Roi có gắn nhiều miếng kim loại hoặc xương, và những vết này rạch sâu vào da thịt.

19:2,3 Bọn lính nhạo báng lời Chúa Jêsus tuyên bố Ngài là vua. Một vương miện cho Vua! Nhưng đây là một mào triều bằng gai. Mào gai gây đau đớn cực độ khi đâm sâu vào trán

Ngài. Gai là biểu tượng về lời rửa sả mà tội lỗi mang lại cho nhân loại. Ở đây chúng ta có hình ảnh Chúa Jêsus mang lấy sự rửa sả về tội lỗi của chúng ta, để chúng ta có thể đội mão miện vinh hiển. Áo điều cũng được dùng để nhạo báng. Màu điều là màu của hoàng gia. Nhưng một lần nữa màu này nhắc chúng ta nhớ thể nào tội lỗi chúng ta được đặt trên Chúa Jêsus để chúng ta được mặc lấy áo choàng công bình của Đức Chúa Trời.

Thật nghiêm trọng biết bao khi nghĩ đến Con đời đời của Đức Chúa Trời đang bị **hàn tay** tạo vật của Ngài vá vào mặt! Những môi miệng do Ngài dựng nên giờ đây đang được dùng để nhיע móc Ngài!

19:4 Bấy giờ Philát lại ra một lần nữa với đám đông và tuyên bố ông sắp dẫn Chúa Jêsus ra cho họ, nhưng Ngài vô tội. Bởi đó, Philát tự định tội cho ông bằng chính những lời nói của mình. Ông thấy Đấng Christ không có lỗi gì cả; thế nhưng ông không chịu thả Ngài.

19:5 Khi Chúa Jêsus đi ra, đầu đội mão liều gai, mình mặc áo điều, Philát tuyên bố Ngài là "Người Này." Thật khó biết ông nói điều này để nhạo báng, cảm thông, hay không có chút cảm xúc cụ thể nào.

19:6 Các thầy tế lễ cả thấy Philát đang dao động, nên kêu la dữ dội đòi phải đóng đinh Chúa Jêsus. Chính những con người *mở dao* lại là người dẫn đầu trong sự chết của Cứu Chúa. Trái dao thế kỷ, thương chính những quan chức hội thánh tại là người bắt bớ tin hữu thật cách cay đắng nhất.

Philát dường như ghê tởm họ và lòng thù ghét Chúa Jêsus cách vô cơ của họ. Trên thực tế, ông bảo: "Nếu các người cảm thấy như vậy, sao các người không bắt người và đóng đinh người đi? Về phần ta, người này vô tội." Thế nhưng Philát biết người Giuđa không thể giết Ngài vì bấy giờ, quyền lực ấy duy chỉ do người Lamã thi hành.

19:7 Khi thấy không chứng minh được Chúa Jêsus là mối đe dọa cho chính quyền Sêsa, họ đưa ra những lời buộc tội trong tôn giáo của họ để chống Ngài. Đấng Christ đã tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời bằng cách nói Ngài là **Con Đức Chúa Trời**. Đối với người Giuđa, đây là tội lộng ngôn và phải bị xử tử.

19:8,9 Khả năng Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời khiến Philát bối rối. Ông đã khó chịu với toàn bộ chuyện này rồi, nhưng điều này khiến ông càng thêm sợ hãi nữa.

Philát đưa Chúa Jêsus vào nơi **trường án** hay phòng xử án, và hỏi Ngài từ đâu đến. Trong toàn bộ chuyện này, Philát giới thiệu một hình ảnh rất bi thảm. Chính môi miệng ông xưng nhận Chúa Jêsus không làm gì sai quấy; thế nhưng ông không có can đảm thả Chúa vì sợ người Giuđa. Vì sao Chúa Jêsus không trả lời Philát? Chắc vì Ngài biết Philát không sẵn lòng hành động đúng theo ánh sáng ông đã nhận được. Philát đã phạm tội đánh mất ngày cơ hội của mình. Ông sẽ không được ban thêm ánh sáng khi không chịu đáp ứng với ánh sáng đã nhận.

19:10 Philát cố buộc Chúa trả lời bằng cách đe dọa Ngài. Ông nhắc nhớ

Chúa Jêsus rằng với tư cách quan tổng đốc Lamã, ông có quyền buông tha hoặc đóng đinh Chúa.

19:11 Sự tự chủ của Chúa Jêsus nổi bật lên. Ngài bình tĩnh hơn Philát. Ngài nhỏ nhẹ trả lời rằng mọi quyền mà Philát có đều do Đức Chúa Trời ban cho. Mọi chính quyền đều do Đức Chúa Trời thiết lập, và mọi thẩm quyền, bất luận thẩm quyền dân sự hoặc thuộc linh, đều đến từ Đức Chúa Trời.

"Kẻ nộp ta cho người" có thể nói đến (1) *Caiphe*, là thầy cả thượng phẩm; (2) *Giuda*, kẻ phản bội; hoặc (3) *Dân Do Thái* nói chung. Đại ý là: những người Giuda này đáng ra đã biết rõ hơn. Họ có Kinh Thánh báo trước sự hiện đến của Đấng Mêsê. Đáng lẽ họ đã nhận ra Ngài khi Ngài đến. Nhưng họ khước từ Ngài và thậm chí giờ đây còn kêu la đòi cắt mạng sống Ngài đi. Câu này dạy chúng ta rằng có nhiều mức độ phạm tội. Philát phạm tội, nhưng Caiphe, và Giuda, cũng toàn bộ những người Giuda gian ác này phạm tội nhiều hơn.

19:12 Ngay khi Philát trở nên quyết tâm tha Chúa Jêsus, người Giuda dùng lập luận cuối cùng và gây ấn tượng mạnh nhất của họ. "Vi bằng quan tha người này, thì quan không phải là trung thần của Sêsa." (Sêsa là tước hiệu chính thức của hoàng đế Lamã.) Làm như họ quan tâm đến Sêsa lắm vậy! Họ thù ghét Sêsa. Họ muốn tiêu diệt Sêsa, tự giải phóng khỏi quyền kiểm soát của Sêsa. Thế nhưng ở đây họ giả vờ hào vè để quốc của Sêsa khỏi mới đe dọa của Jêsus

này là người tuyên bố mình là vua! Họ đã gặt lấy hình phạt cho tội giả hình kinh khiếp này khi quân Lamã tiến vào Giêrusalem năm 70 S.C. phá hủy hoàn toàn thành phố và giết cư dân của thành.

19:13 Philát không chịu nổi người Giuda kết tội ông bất trung với Sêsa, vì vậy ông nhu nhược chịu phục đấm đóng. Bấy giờ ông dẫn Chúa Jêsus ra ngoài khu vực công cộng gọi là *Bavê*, là nơi thường xử lý những vấn đề như thế này.

19:14 Thực ra, Lễ Vượt Qua đã được cử hành đêm hôm trước. Ngày sớm sửa về Lễ Vượt Qua nói đến sự chuẩn bị cho kỳ lễ tiếp sau ngày ấy. "Chứng giớ thứ sáu" chắc vào khoảng sáu giờ sáng, nhưng có nhiều nan đề vẫn chưa giải quyết được về những cách tính giờ trong các sách Tin Lành. "Vua các người kia kia!" Hầu như chắc chắn, Philát nói điều này để chọc giận và trêu tức người Giuda. Rõ ràng ông đang đổ tội cho họ đã gài bẫy ông kết án Chúa Jêsus.

19:15 Người Giuda kháng kháng đòi phải đóng đinh Chúa Jêsus, Philát chế giễu họ bằng câu hỏi: "Các người bảo các người muốn đóng đinh Vua của chính các người sao?" Lúc đó, người Giuda đã quá hạ thấp phẩm giá của họ bằng cách nói: "Chúng tôi không có vua nào khác ngoài Sêsa!" Một dân tộc chàng còn đức tin! Khước từ Đức Chúa Trời của các người đòi lấy một vị vua ngoại đạo gian ác.

19:16 Philát sẵn sàng chịu lòng người Giuda, nên giao Chúa Jêsus cho quân lính đem đóng đinh. Ông thích

sự khen ngợi của con người hơn sự khen ngợi của Chúa.

R. Sự Đóng Đinh Chúa Jêsu (19:17-24)

19:17 Chữ được dịch là "thập tự giá" có lẽ nói đến một thanh gỗ đơn (một cây cọc), hoặc cũng có thể là hai cọc gỗ bắt ngang qua nhau. Dấu sao đi nữa, nó cũng có kích cỡ sao cho một người có thể vác được. Chúa Jêsu vác thập tự giá Ngài đi một đoạn. Sau đó, theo các sách Tin Lành khác, một người tên Simôn thành Syren phải vác cây ấy. Nơi gọi là **Cái Sọ** có thể mang tên này theo một trong hai cách: (1) Chính mảnh đất này có thể giống như cái sọ, đặc biệt nếu đây là một ngọn đồi với nhiều hang động trên sườn đồi. Một địa điểm như thế được gọi là "Gógotha của Gordon" tại Israel ngày nay. (2) Đây là nơi xử tử các tội phạm hình sự; có lẽ sọ và xương nằm khắp khu này, dấu vấy theo luật Môisê về sự chôn cất, rất khó có khả năng này.

19:18 Chúa Jêsu bị đóng đinh vào thập tự giá, cả tay và chân. Rồi thập tự giá được dựng lên và thả xuống cái lỗ đào dưới đất. Con Người trọn lành duy nhất đã từng sống trên đất, và đây là sự tiếp đón Ngài nhận được từ những kẻ thuộc về Ngài! Nếu bạn chưa hề tin cậy Ngài làm Chúa và Cứu Chúa của mình, còn gì khiến bạn không tin Ngài ngay hiện giờ, khi đọc câu chuyện đơn sơ này về cách Ngài chết thay bạn? Hai tên trộm bị đóng đinh cùng với Ngài, mỗi bên một người. Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri Êsai 53:12: "Người đã bị kể vào hàng kẻ dữ."

19:19 Phong tục bấy giờ là đặt một tấm bảng ghi tên trên đầu người bị

đóng đinh, và để chỉ rõ tên tội danh. Philát ra lệnh ghi danh xưng là **JÊSU NGƯỜI NAXARÊT, LÀ VUA DÂN GIUĐA**, đặt ngay trên cây thập tự ở giữa.

19:20 Alexandria diễn tả điều này rất hùng hồn:

Bằng tiếng Hébara, là thứ tiếng thiêng liêng của các tổ phụ và các đấng tiên kiến. Bằng tiếng Hylap, thứ tiếng của âm nhạc hoàng kim đã đưa tâm hồn đến với các đối tượng của giác quan và thân thể đến với những điều trừu tượng của triết lý. Bằng tiếng Latin, là thổ ngữ của một dân tộc ban đầu mạnh nhất trong hết thảy con cái loài người. Bu ngôn ngữ này đại diện ba chủng tộc và những ý tưởng của họ - được khai thị, nghệ thuật, văn chương: sự tiến bộ, chiến tranh và luật học. Nơi nào tồn tại ba khảo quát này của nhân loại, bất cứ nơi nào có thể truyền tin bằng ngôn ngữ con người, bất kỳ nơi đâu có một tâm lòng phạm tội, tuổi để nói, mắt để đọc, thì Thập Tự Giá này đều có một sự điệp.⁵³

Nơi Chúa bị đóng đinh ở gần thành. Chúa Jêsu bị đóng đinh bên ngoài ranh giới của thành. Người ta không còn biết chắc chắn địa điểm chính xác nữa.

19:21 Các thầy tế lễ chẳng thích những lời này. Họ muốn ghi lời ấy như là lời tuyên bố của Chúa Jêsu, chứ không phải như sự kiện (mà đó thật là sự kiện).

19:22 Philát không chịu sửa những chữ ấy. Ông đã hết kiên nhẫn với người Giuđa và không chịu nhượng bộ họ nữa. Nhưng đáng ra ông nên chứng tỏ quyết tâm này sớm hơn kia!

19:23 Tại những cuộc hành hình như thế, **quân lính** được phép chia nhau tài sản riêng của người đã chết. Ở đây, chúng ta thấy họ chia nhau áo xống của Đấng Christ. Dường như có năm miếng. Họ chia làm tư, nhưng vẫn còn áo dài, áo đó không có đường may, và không thể nào cắt ra mà còn giá trị được.

19:24 Họ bắt thăm để chia nhau áo dài, và áo dài được giao cho người trúng thăm không nêu tên ở đây. Họ hầu như không biết rằng khi chia như vậy, họ đang làm ứng nghiệm lời tiên tri được viết một ngàn năm trước (Thị thiên 22:18)! Những lời tiên tri được ứng nghiệm này nhắc chúng ta một cách mới mẻ rằng Quyển Sách này là Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời, và Chúa Jêsus Christ thật sự là Đấng Mêsi đã hứa ban.

I. Chúa Jêsus Ủy thác Mẹ Ngài Cho Giăng (19:25-27)

19:25 Nhiều người nghiên cứu Kinh Thánh nghĩ rằng có bốn người nữ được nêu tên trong câu Kinh Thánh này, như sau: (1) Mari, mẹ của Chúa Jêsus; (2) Chị của Mari, là Salômê, là mẹ của Giăng; (3) Mari vợ Côlôba; (4) Mari Madôlen.

19:26,27 Bất chấp sự chịu khổ của chính Ngài, Chúa vẫn dịu dàng quan tâm đến người khác. Khi thấy mẹ Ngài, và Giăng, môn đồ, Ngài giới thiệu Giăng cho mẹ Ngài như là người tử nay trở đi sẽ chăm sóc bà thay chỗ con trai đối với mẹ. Khi gọi mẹ Ngài là "Đàn bà kia," không phải Chúa đang tỏ ra thiếu kính trọng. Nhưng điều đáng lưu ý là Ngài không gọi

Mari là "mẹ." Điều này có bài học nào cho những người bị cảm dỗ tôn Mari lên đến địa vị được con người chúc tụng? Ở đây, Chúa Jêsus truyền Giăng chăm sóc Mari dường như thể bà là mẹ ông. Giăng vâng lời và rước Mari về nhà mình.

J. Công Tác Của Đấng Christ Hoàn Tái (19:28-30)

19:28 Giữa câu 27 và 28 rõ ràng chúng ta có ba giờ tối tăm - từ giữa trưa đến ba giờ chiều. Chính trong lúc này Chúa Jêsus bị Đức Chúa Trời hạ bỏ khi Ngài gánh lấy ân phạt tội lỗi của chúng ta. Tiếng kêu của Ngài "Ta khát!" cho thấy cơn khát thuộc thể thực sự, và càng mãnh liệt hơn bởi bị đóng đinh. Nhưng tiếng kêu đó cũng nhắc chúng ta nhớ: cơn khát thuộc linh của Ngài để đem sự cứu rỗi cho linh hồn con người còn lớn hơn cả cơn khát thuộc thể của Ngài nữa.

19:29 Quân lính đem giấm cho Ngài uống. Có lẽ họ dùng miếng bông đá thấm đầy giấm buộc vào cây ngưu lái rồi đưa kề miệng Ngài. (Ngưu lái hay kính giới là một loại cây cũng được dùng trong Lễ Vượt Qua - Xuất Êdíp-tô Ký 12:22.) Đừng lẫn lộn thứ này với giấm pha với một đượ, là thứ đã được đưa cho Ngài trước đó (Mathiơ 27:34). Ngài không uống thứ giấm đó vì nó đóng vai trò như thuốc giảm đau. Ngài phải gánh tội lỗi của chúng ta với sự linh táo trọn vẹn.

19:30 "Mọi việc đã được trọn!" Cha Ngài đã giao cho Ngài làm công tác này! Đốc đổ linh hồn Ngài ra làm của lễ chuộc tội! Công tác cứu chuộc và công tác chuộc tội! Đùng là Ngài

vẫn chưa chết, nhưng sự chết, chôn và thăng thiên của Ngài là chắc chắn như thể đã hoàn tất rồi. Vì vậy, Chúa Jêsus có thể công bố rằng Ngài đã cung ứng con đường cho tội nhân được cứu rỗi. Ngày nay hãy cảm tạ Đức Chúa Trời về công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus trên thập tự giá và đối Gôgôtha!

Một số học giả Kinh Thánh nói cho chúng ta biết có thể "gục đầu" có nghĩa Ngài ngã đầu ra sau. Vine nói: "Không phải là cái gục đầu bất lực sau khi chết, nhưng là sự cố ý đặt đầu Ngài vào vị trí yên nghỉ."

Việc Ngài gục đầu trút linh hồn nhấn mạnh rằng sự chết của Ngài mang linh tính nguyên. Ngài xác định thời điểm Ngài chết. Với sự kiểm soát trọn vẹn mọi khả năng của thân thể Ngài, Ngài cho linh hồn Ngài ra đi - một hành động mà không một con người nào có thể làm được.

K. Nhái Đem Vào Bể Công Cứu Chấn (19:31-37)

19:31 Một lần nữa, chúng ta thấy những người Do Thái mộ đạo này đã cần thận biết bao về những chi tiết đang khi phạm tội sát nhân đâm máu. Họ "lọc con ruồi mà nuốt con lạc đà." Họ nghĩ sẽ không phải là khi để những thây còn treo lại trên thập tự giá trong ngày Sabat (ngày thứ bảy dương lịch). Sẽ có một kỳ lễ tôn giáo trong thành phố. Vì vậy họ xin Philát đập gãy ống chân ba người cho mau chết.

19:32 Kinh Thánh không mô tả phương cách đập gãy các ống chân. Tuy nhiên, chắc hẳn phải đập gãy ống chân ở nhiều chỗ khác nhau, vì gãy một chỗ sẽ không làm cho chết.

19:33 Những người linh ấy rất có kinh nghiệm trong các vấn đề như thế. Họ biết Chúa Jêsus đã chết rồi. Không có khả năng là Ngài đang ngất hay bất tỉnh. Họ không đánh gãy ống chân Ngài.

19:34 Kinh Thánh không kể cho chúng ta biết vì sao một tên linh lấy giáo đâm ngang sườn Ngài. Có lẽ đây là tấn đốc đố cuối cùng sự gian ác trong lòng người ấy. "Đây là nhát đâm rầu rĩ của kẻ thù bại trận sau cuộc chiến, nói lên sự thù ghét sâu đậm trong lòng người đối với Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài." Người ta bất đồng ý kiến với nhau về ý nghĩa của máu và nước này. Có người xem đây là dấu hiệu chứng tỏ Chúa Jêsus chết vì vỡ tim - nhưng chúng ta đã đọc và lý giải rằng sự chết của Ngài là hành động tự nguyện. Người khác nghĩ ý nghĩa ấy nói về phép báp têm và Tiệc Thánh, nhưng dường như điều này quá cường điệu và gượng gao. Huyết nói đến sự tẩy sạch sự phạm tội; còn nước làm bình bóng sự tẩy sạch khỏi sự ô uế của tội lỗi nhờ vào Lời Đức Chúa Trời. Điều này được diễn tả qua đoạn thơ sau:

Lòng mong suối huyết kia trào tuôn.

Từ hồng vờ Chúa tưới tràn tuôn.

Nên những linh được chữa muôn tội.

Trừ căn ác vẫn hay hành tội.

- Augustus Toplady

19:35 Có lẽ câu 35 nói đến sự kiện chân Chúa Jêsus không bị đánh gãy, hoặc việc đâm vào hông Ngài, hoặc đến toàn bộ quang cảnh đóng đinh. Kẻ đã thấy rõ ràng nói đến Giảng, người viết lại câu chuyện này.

19:36 Hiển nhiên câu này xem câu 33 làm ứng nghiệm Xuất Êdíphtô Ký 12:46: "Cũng đừng làm gãy một cái xương nào." Câu này nói đến chiến con Lê Vượt Qua. Đức Chúa Trời truyền lệnh phải giữ nguyên không được làm gãy xương nào, Đấng Christ là Chiến Con thật của Lê Vượt Qua, làm ứng nghiệm thật chính xác hình bóng này.

19:37 Câu 37 truy ngược về câu 34. Đấng người linh này không nhận ra, nhưng hành động của ông là sự ứng nghiệm kỳ diệu khác nữa của Kinh Thánh (Xachari 12:10). "Con người có sự gian ác của mình, nhưng Đức Chúa Trời có cách của Ngài." Lời tiên tri của Xachari nói đến ngày tương lai khi người Do Thái tin Chúa sẽ thấy Chúa trở lại trần gian. "Chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đăm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một."

I. Sự Chôn Chúa Trong Mộ Của Giôsép (19:38-42)

19:38 Đến đây bắt đầu câu chuyện chôn Chúa Jêsus. Mãi đến lúc này, Giôsép người Arimathê vẫn là tin đố bí mật. Vì sợ người Giuđa nên ông không dám công khai tuyên xưng Đấng Christ. Giờ đây ông dạn dĩ bước tới nhận xác Chúa Jêsus đem chôn. Khi làm như vậy, ông phơi mình trước nguy cơ bị trục xuất, bắt bớ và hành hung. Chỉ đáng tiếc là ông không chịu đứng lên bên cạnh vị Thầy bị khước từ đang khi Chúa Jêsus thi hành chức vụ cho đoàn dân.

19:39,40 Đọc giả của Giảng giờ đây đã quen với Nicôđem vì trước đó

đã gặp ông khi ông đến với Chúa Jêsus trong ban đêm (đoạn 3) và khi ông khuyên phải lắng nghe và xét xử Chúa Jêsus cách công bằng trước Tòa Công Luận (Giăng 7:50, 51). Giờ đây ông cùng với Giôsép đem theo độ một trăm cân một được hòa với lư hội. Những thuốc thơm này chắc ở dạng bột, và được rải trên xác. Sau đó xác Chúa được khâm liệm bằng gải vai.

19:41 Hầu như mọi chi tiết trong đoạn này đều là sự ứng nghiệm lời tiên tri Êsai dự ngôn con người định chôn Đấng Mési với kẻ ác, nhưng khi chết Ngài được chôn với kẻ giàu (Êsai 53:9). Cái huyết mới ở trong vườn hiển nhiên thuộc về một người giàu. Trong Mathiơ, chúng ta biết huyết ấy thuộc về Giôsép người Arimathê.

19:42 Xác Chúa được đặt trong mộ. Người Giuđa sợ để xác ở ngoài đường vì kỳ lễ của họ bắt đầu lúc hoàng hôn. Nhưng ý định của Đức Chúa Trời ấy là xác Ngài phải ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. Về vấn đề này nên lưu ý: theo cách tính của người Giuđa, bất cứ phần nào của một ngày cũng đều được tính là một ngày. Vì vậy sự kiện Chúa ở trong mộ trong một phần của ba ngày vẫn là sự ứng nghiệm lời Ngài báo trước trong Mathiơ 12:40.

IX. CHIẾN THẮNG CỦA CON ĐỨC CHÚA TRỜI (Đoạn 20)

A. Ngôi Mộ Trước (20:1-18)

20:1 Ngày thứ nhất của tuần lễ là ngày Chúa nhật. Mari Magđalen tới mộ trước khi tảng đông. Chắc ngôi mộ là một phòng nhỏ được đục vào trong sườn đồi hay vách đá. Rõ ràng hòn đá

này hình dạng giống như đồng xu - tròn và đẹp. Nó sẽ vừa khớp vào một rãnh nằm dọc phía trước mộ để có thể lăn qua đóng cửa lại. Khi Mari tới nơi, **hòn đá đã được dời đi rồi**. Nhân tiện, việc này xảy ra *sau* sự phục sinh của Chúa, như chúng ta biết từ Mathiơ 28.

20:2 Mari lập tức **chạy tìm Phierơ** và Giăng, vừa thở hổn hển vừa báo tin có người đã dời xác Chúa khỏi mộ. Bà không nói ai làm việc đó, chỉ nói là "người la" để cho thấy bà chỉ biết chừng đó thôi. Lòng trung tín và tận hiến của những người nữ tại lúc Chúa bị đóng đinh và thăng thiên thật đáng lưu ý. Các môn đồ bỏ Chúa chạy trốn. Những người nữ đứng gần đó, không kể gì đến an toàn của cả nhân họ. Những điều này không phải là kém ý nghĩa.

20:3,4 Khó hình dung Phierơ và Giăng đang nghĩ gì khi họ vội vã chạy ra khỏi thành đến ngôi vườn gần Gôgôtha. Chắc Giăng trẻ hơn Phierơ nên đến mộ trước.

20:5 Có thể lối vào mộ thấp, bắt buộc phải cúi xuống để đi vào hay để nhìn vào. Giăng thấy vải liệm nằm đó. Chúng được tháo ra khỏi xác, hay vẫn còn nằm theo đường nét được quấn quanh xác? Chúng ta nghĩ chắc chúng vẫn nằm theo hình dáng khi được liệm quanh xác. **Thế nhưng ông không vào mộ.**

20:6,7 Lúc này, Phierơ trượt kíp và không chút ngần ngại đi vào mộ. Phong cách xúc nối của ông có điều gì đó khiến chúng ta cảm thấy mình hợp với ông. Ông cũng thấy vải nằm ở đó, nhưng không có xác của Chúa Jêsus.

Chi tiết **khán liệm trùm đầu** được thêm vào để chứng tỏ Chúa ra đi có thứ tự và không vội vã. Nếu bị trộm xác, người trộm xác chắc đã không xếp vải liệm cẩn thận như thế.

20:8 Giăng vào mộ nhìn thấy vải liệm và khăn liệm xếp có thứ tự. Nhưng khi Kinh Thánh nói ông thấy **và tìm**, câu này có nghĩa còn vượt hơn cả cái nhìn của đời mắt thuộc thế. Câu này muốn nói ông đã hiểu ra. Trước mắt ông là những bằng chứng về sự phục sinh của Đấng Christ. Chúng cho ông thấy điều gì đã xảy ra, và ông tin.

20:9 Mãi đến lúc này, các môn đồ vẫn chưa thực sự hiểu câu Kinh Thánh Cựu Ước nói Đấng Mêsi phải **lưu lại** chết sống lại. Chính Chúa đã liên tiếp nói cho họ, nhưng họ không tiếp thu. Giăng là người đầu tiên hiểu ra.

20:10 Bảy giờ, hai môn đồ trở về nơi đang ở - chắc tại Giêrusalem. Rõ ràng họ kết luận chẳng ích lợi gì để chờ đợi bên ngôi mộ. Tốt hơn nên đi nói cho các môn đồ khác biết những điều mình đã thấy.

B. Chúa Hiện Su Cho Mari Magdalen (20:11-18)

20:11 Hai chữ đầu thật đáng kinh ngạc - *song Mari*. Hai môn đồ kia đã về nhà, *song Mari...* một lần nữa ở đây, chúng ta có tình yêu và lòng tận hiến của một phụ nữ. Bà đã được tha thứ nhiều; do đó yêu mến nhiều. Bà đứng cầu nguyện một mình bên ngoài mộ, và khóc, vì theo bà nghĩ, xác Chúa đã bị đánh cắp. Chắc có lẽ kẻ thù của Chúa lấy xác.

20:12 Lần này, khi nhìn vào trong mộ, bà thấy hai thiên sứ, ở tại nơi xác

Chúa đã nằm. Thật đáng lưu ý những sự kiện trọng đại này được thuật lại cách trầm tĩnh và không chút cảm xúc.

20:13 Đường như Mari không sợ hay ngạc nhiên. Bà trả lời câu hỏi của các thiên sứ dường như đây là một kinh nghiệm bình thường vậy. Qua câu trả lời của bà, hiển nhiên bà vẫn chưa nhận ra Chúa Jêsus đã từ kẻ chết sống lại và Ngài hiện đang sống.

20:14 Lúc này, điều gì đó khiến Mari nhìn ra sau. Chính Chúa Jêsus đứng đó, nhưng bà không nhận ra Ngài. Lúc đó còn sớm tinh sương, và có lẽ ánh sáng vẫn chưa ló dạng. Bà vẫn đang khóc không ngừng, và rõ ràng tâm thần bị nhòa. Cũng có thể Đức Chúa Trời ngăn trở để bà không thấy Chúa cho đến thời điểm thích hợp.

20:15 Chúa biết câu trả lời cho những câu hỏi này; nhưng Ngài muốn nghe từ chính môi miệng bà. Mari ngỡ Ngài là người gác vườn. Cứu Chúa của thế gian có thể ở rất gần với con người, thế nhưng họ không nhận ra. Tuy nhiên, Ngài thường đến trong dáng vẻ thấp kém, chứ không như một trong những vị nhân của trần gian. Trong câu trả lời, Mari không nêu tên Chúa. Ba lần bà gọi Chúa Jêsus là "Ngài." Chỉ có một Đấng duy nhất bà đang quan tâm, và bà cảm thấy hoàn toàn không cần thiết phải xác định Ngài thêm nữa.

20:16 Giờ đây Mari nghe giọng nói quen thuộc gọi đến chính tên mình. Không còn lảm lẩn sự thật này vào đâu nữa - chính là Chúa Jêsus! Mari

gọi Ngài là **Rabuni**, nghĩa là "Người Thấy Vi Đại của tôi." Trên thực tế, bà vẫn đang nghĩ Ngài là Giáo Sư Vi Đại mà bà từng biết. Bà không nhận ra rằng giờ đây Ngài còn cao trọng hơn cả vai trò Giáo Sư của bà - Ngài là Chúa và Cứu Chúa của bà. Vì vậy Chúa chuẩn bị giải thích cho bà phương cách mới hơn và đầy đủ hơn để từ đây trở đi bà biết Ngài.

20:17 Cá nhân Mari đã biết Chúa Jêsus là Con Người. Bà đã chứng kiến các phép lạ xảy ra khi Ngài còn hiện diện trong thân thể này. Vì vậy bà kết luận nếu Ngài không ở với bà cách hữu hình, thì ít hản bà không có hy vọng được phước. Chúa phải sửa sai cho lối suy nghĩ của bà. Ngài phán: "Chớ rờ đến ta như là chỉ rờ đến Con Người trong xác thịt. Ta vẫn chưa lên cùng Cha. Khi ta thật sự trở về trời, Thánh Linh sẽ được sai xuống trần gian. Khi Thánh Linh đến, Ngài sẽ bày tỏ ta cho lòng người theo cách người chưa từng biết về ta trước đây. Đối với người, ta sẽ trở nên gần gũi và yêu quý hơn cả lúc ta còn sống dưới trần gian này.

Rồi Chúa truyền bà đi đến cùng anh em Ngài và báo cho họ biết về trật tự mới vừa được thiết lập. Lần đầu tiên, Chúa gọi các môn đồ là "anh em ta." Họ sẽ phải biết rằng Cha Ngài cũng là Cha của họ, và Đức Chúa Trời của Ngài cũng là Đức Chúa Trời của họ, mãi đến lúc bấy giờ, tin hữu vẫn chưa được trở nên "con cái" và "kẻ kế tự của Đức Chúa Trời."

Chúa Jêsus không nói: "Cha chúng ta," nhưng nói: "Cha ta và Cha các

người." Lý do là: Đức Chúa Trời là Cha Ngài theo ý nghĩa khác với Ngài là Cha của chúng ta. Đức Chúa Trời là Cha của Đức Chúa Jêsus từ cả cõi đời đời. Đấng Christ là Con bởi sự sinh ra đời đời. Đức Chúa Con bình đẳng với Đức Chúa Cha. Chúng ta là con của Đức Chúa Trời bởi sự nhận làm con nuôi. Đây là mối quan hệ bắt đầu khi chúng ta được cứu và sẽ không bao giờ kết thúc. Là con Đức Chúa Trời, chúng ta không bình đẳng với Đức Chúa Trời và sẽ không bao giờ bình đẳng cả.

20:18 Mari Madôlen vâng lệnh và đã trở thành nhân vật mà có người gọi là "vị sứ đồ cho các sứ đồ." Chúng ta có nghĩ đặc ân lớn lao này được ban cho bà để làm phần thưởng cho lòng tận hiến của bà với Đấng Christ không?

C. Chúa Giê-su Của Các Môn Đồ (20:19-23)

20:19 Lúc này là tối Chúa nhật. Các môn đồ nhóm nhau lại, có lẽ trên phòng cao nơi họ đã gặp nhau ba đêm trước. Cửa khóa vì sợ người Giuđa. Tỉnh linh, họ thấy Chúa Jêsus đứng giữa, nghe tiếng Ngài phán: "Bình an cho các người." Rõ ràng có vẻ như Chúa vào phòng không cần mở cửa. Đây là một phép lạ. Nên nhớ rằng thân thể phục sinh của Ngài là thân thể thực sự bằng thịt bằng xương. Thế nhưng Ngài có quyền năng để đi xuyên qua các vật cản trở và hành động không lệ thuộc vào các quy luật tự nhiên. Những chữ "Bình an cho các người" giờ đây mang ý nghĩa mới, vì Đấng Christ đã lập nên sự bình an bởi huyết của Ngài trên thập tự.

Những người được xưng công bình bởi đức tin thì được hòa thuận (bình an) với Đức Chúa Trời.

20:20 Sau khi chúc bình an cho họ, Ngài cho họ xem những dấu chịu thương khó của Ngài, để bởi đó có được bình an. Họ nhìn thấy dấu đinh và vết thương do giáo đâm. Lòng họ tràn ngập vui mừng khi biết đây thật sự là Chúa. Ngài đã làm đúng như lời Ngài nói Ngài sẽ làm. Chúa đã sống lại từ kẻ chết. Chúa phục sinh là nguồn vui mừng của Cơ Đốc nhân.

20:21 Câu 21 rất tuyệt vời. Chúa không hề định cho tin hữu hướng bình an của Ngài cách ích kỷ. Họ chia sẻ bình an ấy cho người khác. Vì vậy Chúa sai họ vào thế gian, y như cách Cha đã sai Ngài vậy:

Đấng Christ đã vào thế gian như một Đấng nghèo nàn.

Ngài đến như một Tôi Tớ.

Ngài đã tự bỏ mình đi.

Ngài vui thích làm theo ý muốn Cha.

Ngài tự đồng nhất với con người.

Ngài đi khắp nơi để làm điều lành.

Ngài đã làm mọi việc bởi quyền năng Thánh Linh.

Mục tiêu của Ngài là thập tự giá.

Giờ đây Ngài phán với các môn đồ: "Ta cũng sai các người thế ấy."

20:22 Đây là một trong những câu khó hiểu nhất của toàn bộ các sách Tin Lành. Chúng ta thấy Chúa Jêsus hà hơi trên các môn đồ và phán: "Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh." Điểm khó hiểu là: Đức Thánh Linh vẫn chưa được ban xuống cho đến mãi về sau, vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Thế nhưng

làm sao Chúa có thể phán những lời này mà không có biến cố ấy xảy ra ngay tức khắc?

Người ta nêu nhiều lối giải thích: (1) Có người cho rằng Chúa chỉ đang hứa về điều họ sẽ nhận vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Đây khó lòng là lối giải thích thỏa đáng được. (2) Có người nói rằng những lời Chúa thực sự nói chính là: "Hãy nhận lấy Thánh Linh," (Receive Holy Spirit) hơn là: "Hãy nhận lấy Đức Thánh Linh này." (Receive *the* Holy Spirit). Từ đây, họ kết luận các môn đồ không nhận lãnh Đức Thánh Linh này trong mọi sự đầy dẫy của Ngài ngay lúc này, nhưng chỉ là chức vụ nào đó của Thánh Linh, như là sự hiểu biết nhiều hơn về chân lý, hay quyền năng và sự dẫn dắt cho sứ mạng của họ. Những người này bảo các môn đồ đã nhận sự bảo chứng hay ném trước về Thánh Linh. (3) Người khác nói có sự tuôn đổ Thánh Linh đầy dẫy trên các môn đồ ngay lúc này. Điều này dường như không thể xảy ra khi xét đến những câu như Luca 24:49 và Công Vụ 1:4,5,8 tại đó sự giáng lâm của Thánh Linh vẫn đang được nói đến như sự kiện trong tương lai. Từ Giảng 7:39, rõ ràng Thánh Linh chưa thể đến trong sự đầy dẫy trọn vẹn của Ngài cho đến khi Chúa Jêsus được vinh hiển, tức là cho đến khi Ngài trở về trời.

20:23 Đây là một câu khó hiểu khác nữa, và có rất nhiều cuộc tranh cãi về câu này. (1) Một quan điểm cho rằng Chúa Jêsus thực sự ban cho các sứ đồ của Ngài (và những người được gọi là người kế thừa các sứ đồ) quyền

để tha tội hay cầm giữ tội lại. Điều này mâu thuẫn trực tiếp với lời Kinh Thánh dạy rằng chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể tha tội (Luca 5:21). (2) Gaebelin trích dẫn quan điểm thứ nhì: "Quyền đã được hứa ban, và thẩm quyền được ban xuống có liên quan đến công tác giảng Tin Lành, công bố những điều kiện để được tha thứ tội lỗi, và nếu không chấp nhận những điều khoản này, thì tội lỗi vẫn bị cầm lại." (3) Quan điểm thứ ba (tương tự với quan điểm thứ nhì), và là quan điểm mà chúng tôi chấp nhận, ấy là: các môn đồ được ban quyền công bố tội lỗi được tha.

Chúng ta hãy minh họa quan điểm thứ ba này. Các môn đồ đi ra rao giảng Tin Lành. Một số người ăn năn tội và tiếp nhận Chúa Jêsus. Các môn đồ được ủy quyền để nói với số người ăn năn tin Chúa rằng tội họ đã được tha. Những người khác không chịu ăn năn và không chịu tin Đấng Christ. Các môn đồ bảo họ vẫn còn ở trong tội lỗi họ, và nếu họ chết, họ sẽ hư mất đời đời.

Ngoài cách giải thích này, chúng ta cũng nên thấy các môn đồ được Chúa ban thẩm quyền đặc biệt để giải quyết những tội nào đó. Chẳng hạn, trong Công Vụ 5:1-11, Phierô đã sử dụng quyền này, và kết quả là Anania và Saphira phải chết. Chúng ta thấy Phaolô đang cầm tội lại cho người làm điều ác trong I.Côrinthô 5:3-5,12,13, và đang tha tội trong II.Côrinthô 2:4-8. Những trường hợp ở đây là sự tha thứ khỏi hình phạt cho những tội trong đời này.

9. Ngại Ngự Biến Thành Đức Tin (20:24-29)

20:24 Chúng ta đứng với kết luận **Thôma** đáng trách vì không có mặt. Kinh Thánh không nói gì về nguyên nhân khiến ông vắng mặt.

20:25 Thôma đáng trách vì thái độ vô tín của ông. Ông phải có bằng chứng hữu hình và hiển nhiên về sự sống lại của Chúa; nếu không ông sẽ không tin. Đây là thái độ của nhiều người ngày nay, nhưng không hợp lý. Ngay cả các khoa học gia vẫn tin vào rất nhiều điều mà họ không thấy cũng không rõ được.

20:26 Một tuần sau, Chúa hiện ra cho các môn đồ Ngài lần nữa. Lần này có **Thôma** ở với họ. Một lần nữa, Chúa **Jêsus** vào phòng bằng phép lạ và lại chúc họ "**Bình an cho các người!**"

20:27 Chúa dịu dàng và kên nhận đối đãi với môn đồ thiếu đức tin này của Ngài. Ngài mới gọi ông chứng minh thực tại sự sống lại của Ngài bằng cách đặt tay ông vào vết thương bị giáo đâm bên sườn Ngài.

20:28 Thôma đã bị thuyết phục. Ông có thực sự đặt tay vào hông Chúa hay không, chúng ta không biết. Nhưng cuối cùng ông đã biết Chúa **Jêsus** sống tại và Ngài vừa là **Chúa** vừa là **Đức Chúa Trời**. John Boys nói rất hay: "Bởi những vết thương mà Thôma thật sự nhìn thấy, ông đã công nhận thần tánh mà ông không thấy được."

20:29 Điều quan trọng đáng lưu ý là **Chúa Jêsus** chấp nhận sự thờ phượng trong tư cách **Đức Chúa Trời**. Nếu Ngài chỉ là một con người, hẳn Ngài đã từ chối. Nhưng đức tin của

Thôma chưa phải là loại đức tin làm Chúa đẹp lòng nhất. Đó là niềm tin căn cứ trên mắt thấy. **Những kẻ chẳng lường thấy mà đã tin thì được phước lớn hơn.**

Bằng chứng chắc chắn nhất chính là Lời Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời phán một điều nào đó, chúng ta tôn kính Ngài bằng cách tin vào lời Ngài phán; nhưng chúng ta không tôn kính Ngài khi đòi hỏi thêm bằng chứng. Chúng ta nên tin chỉ vì cơ Ngài đã phán và vì Ngài không thể nói dối hoặc sai lầm.

E. Mục Đích Của Sách Tin Lành Giảng (20:30,31)

Không phải toàn bộ các phép lạ của Chúa **Jêsus** đều được ghi lại trong sách Tin Lành Giảng. Đức Thánh Linh tuyển chọn những phép lạ nào phục vụ tốt nhất cho mục đích của Ngài.

Ở đây, chúng ta có mục đích viết sách này của Giảng. Ấy là để độc giả có thể tin Chúa **Jêsus** là Đấng **Məsi** thật và là **Con** của **Đức Chúa Trời**. Khi tin, họ sẽ nhờ danh Ngài có sự sống đời đời.

Bạn đã tin Chúa **Jêsus** chưa?

X. ĐOẠN KẾT: ĐỨC CHÚA CON PHỤC SINH VỚI NHỮNG NGƯỜI THUỘC VỀ NGÀI (Đoạn 21)**A. Đấng Christ Hiện Ra Cho Các Môn Đồ Tại NƠ GALLÊ (21:1-14)**

21:1 Khung cảnh giờ đây chuyển sang biển **Tiberiát** (**Galiłê**). Các môn đồ đi lên hướng bắc về quê hương tại **Gallê**. Chúa **Jêsus** đã gặp họ tại đó. Cụm từ "**việc Ngài hiện ra như vậy**" có nghĩa Giảng sắp mô tả phương cách Đấng **Christ** hiện ra cho họ.

21:2 Bầy môn đồ nhóm lại vào lúc đó - **Simôn Phierô**, **Thôma** gọi là **Điđim**, **Nathanaên**, **Giaco** và **Giăng** (con trai của **Xêbêđê**) và hai người môn đồ khác nữa mà chúng ta không biết tên.

21:3 **Simôn Phierô** quyết định đi ra hồ đánh cá, và những người khác đồng ý cùng đi. Dường như đây là quyết định rất tự nhiên, đầu một số người nghiên cứu Kinh Thánh cảm thấy chuyến đi này không theo ý muốn của Đức Chúa Trời và họ đã ra đi mà không cầu nguyện trước đã. Đêm đó họ không bắt được chi hết. Họ không phải là những ngư phủ đầu tiên đi đánh cá cả đêm mà không bắt được gì! Họ minh họa tình vô dụng của nỗ lực con người mà không có sự giúp đỡ thiên thượng, nhất là trong vấn đề đánh lưới linh hồn.

21:4 Đến sáng, **Chúa Jêsus** đang đợi khi họ chèo vào bờ, đầu vẫy họ không nhận ra Ngài. Có lẽ trời còn rất tối, hoặc có lẽ họ bị quyến năng Đức Chúa Trời cản trở họ biết Ngài.

21:5 Dường như thế **Chúa** nói với họ: "Các chàng trai, có thứ gì để ăn không?" Họ trả lời Ngài đầy thất vọng "Không."

21:6 Theo họ, Ngài chỉ là một khách lạ, đang đi trên bờ biển. Thế nhưng khi nghe theo lời khuyên của Ngài, họ thả lưới xuống bên hữu thuyền, và xem kia! Được rất nhiều cá. Nhiều đến nỗi họ không thể kéo lưới nổi. Điều này cho thấy **Chúa Jêsus** hiểu biết trọn vẹn về nơi có cá trong hồ. Điều này cũng dạy chúng ta biết khi **Chúa** hướng dẫn sự phục vụ

của chúng ta, thì không còn những mẻ lưới trống không nữa. Ngài biết nơi đâu có những linh hồn đã sẵn sàng để được cứu, và Ngài sẵn lòng hướng dẫn chúng ta đến với họ - nếu chúng ta chịu để Ngài hướng dẫn.

21:7 **Giăng** là người đầu tiên nhận ra **Chúa** và lập tức báo cho **Phierô**. **Phierô** lấy áo dài cuốn mình rồi đi đến bờ biển. Kinh Thánh không nói cho chúng ta biết ông bơi hay lội, hay đi bộ trên mặt nước (như một số người gợi ý).

21:8 Các môn đồ khác chuyển từ thuyền đánh cá lớn sang thuyền chèo nhỏ và kéo lưới khoảng chín mươi thước còn lại vào bờ.

21:9 **Cứu Chúa** đã chuẩn bị sẵn buổi sáng cho họ - cá nướng và bánh. Chúng ta không rõ **Chúa** bắt những con cá này hay Ngài dùng phép lạ để có chúng. Nhưng chúng ta thật sự biết Ngài không lệ thuộc vào những nỗ lực tội nghiệp của chúng ta. Rõ ràng trên Thiên đàng chúng ta sẽ biết tuy có nhiều người được cứu qua công tác giảng đạo và cá nhân chứng đạo, nhưng nhiều người khác được cứu bởi chính **Chúa** mà không cần nhờ đến sự trợ giúp của con người.

21:10 Giờ đây **Chúa** truyền họ kéo lưới có đầy cá - không phải để nấu chúng, nhưng để đếm. Khi làm như vậy, họ sẽ được nhắc nhở "bí mật của thành công là làm theo lệnh Ngài và hành động theo lời Ngài trong sự vâng phục tuyệt đối."

21:11 Kinh Thánh nêu số lượng cá chính xác khác có trong lưới - một trăm năm mươi ba con. Người ta nêu

nhiều lối giải thích thú vị về ý nghĩa của con số này: (1) Số ngôn ngữ của thế giới thời bấy giờ. (2) Số chủng tộc hay chi phái trên thế giới, để lưới Tin Lành sẽ được giảng tới đó. (3) Số loại cá khác nhau có trong biển Galilê, hay trong thế giới. Rõ ràng, số này nói đến tính đa dạng của những người sẽ được cứu qua công tác rao giảng Tin Lành - một số người từ mọi chi phái và dân tộc. Các ngư phủ này biết đây là chuyện thật phi thường vì lưới không đứt. Đây là bằng chứng thêm nữa cho thấy "công việc Chúa được làm theo cách của Chúa thì không bao giờ thiếu tài nguyên của Ngài." Người ấy sẽ thấy lưới không đứt.

21:12 Chúa mời ăn sáng, và các môn đồ nhóm quanh đồng lửa than để ăn những món ngon mà Chúa dọn sẵn. Ất hẳn nhiều khi thấy đồng lửa than, Phierơ suy nghĩ lung lăm. Có phải ông được nhắc về đồng lửa đã đứng sững lúc chối Chúa không? Các môn đồ có cảm giác kính sợ và trọng trọng thật kỳ lạ trước sự hiện diện của Chúa. Ngài đứng đó trong thân thể phục sinh. Biết bao thác mắc họ muốn hỏi Ngài. Nhưng họ không dám. Họ biết ấy là Chúa - dẫu họ cảm thấy có sự máu nhiệm nào đó bao quanh thân vị Ngài.

21:13 Giờ đây Chúa Jêsus dọn buổi sáng cho họ. Và chắc họ được nhắc nhở một dịp tương tự khi Chúa nuôi năm ngàn người với mấy ổ bánh và vài con cá.

21:14 Giảng nói đây là lần thứ ba Chúa hiện ra cho các môn đồ. Rõ ràng từ các sách Tin Lành khác, còn có

nhiều lần Chúa hiện ra khác nữa. Trong sách Tin Lành này, Ngài đã hiện ra cho các môn đồ vào buổi tối Ngài phục sinh, rồi một tuần sau đó, và giờ đây bên bờ hồ Galilê xanh biếc.

B. Sự Khôi Phục Phierơ (21:15-17)

21:15 Trước hết Chúa chăm lo nhu cầu thuộc thể của họ. Sau đó khi họ đã ấm và đã no rồi, Ngài quay sang Phierơ giải quyết các vấn đề thuộc linh. Phierơ công khai chối Chúa ba lần. Kể từ đó, ông đã ăn năn và được khôi phục mối tương giao với Chúa. Trong những câu này, sự khôi phục của Phierơ được Chúa công nhận công khai.

Người ta thường nói có hai chữ "yêu" khác nhau được dùng trong những câu này. Chúng ta có thể diễn ý câu 15 như sau: "Hỡi Simôn, con Giôna,⁵⁴ người yêu ta hơn những môn đồ kia yêu ta không?" Phierơ thưa rằng: "Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa." Phierơ không còn khoe khoang mình sẽ không bao giờ từ bỏ Chúa, cho dẫu mọi môn đồ khác bỏ Ngài. Ông đã rút ra được bài học cho mình.

Chúa Jêsus phán "Hãy chần chận con ta." Một cách rất thực tiễn để bày tỏ lòng yêu mến Đấng Christ chính là nuôi những con chiên nhỏ trong bầy Ngài. Thật thú vị khi thấy cuộc đối thoại đã chuyển từ đánh cá sang chăn bầy. Đánh cá nói về công tác truyền giảng; còn chần bầy gợi ý công tác dạy đạo và chăm sóc mục vụ.

21:16 Lần thứ nhì, Chúa hỏi Phierơ có yêu Ngài không. Phierơ đáp lại lần thứ nhì, thật lòng nghi ngờ

chính mình: **"Chúa biết rằng tôi yêu Chúa."** Lần này, Chúa phán với ông: **"Hãy chôn chôn ta."** Có những chôn con và chôn trong bẫy của Đấng Christ, và họ cần sự chăm sóc triu mến của người yêu Đấng Chôn Chôn.

21:17 Phierơ chối Chúa ba lần thế nào, ba cơ hội để xưng nhận Ngài thế ấy.

Lần này, Phierơ viện đến sự kiện Chúa là Đức Chúa Trời do đó biết mọi sự. Ông nói lần thứ ba: **"Chúa biết rằng tôi yêu Chúa."** Và lần cuối cùng, ông được Chúa cho biết ông có thể bày tỏ tình yêu này bằng cách cho chôn của Đấng Christ ăn. Trong phần đoạn này, bài học cơ bản chính là: Lòng yêu mến Đấng Christ là động cơ được chấp nhận duy nhất để phục vụ Ngài.

C. Chúa Jesus Bàn Trước Sự Chết Của Phierơ (21:18-23)

21:18 Khi Phierơ còn trẻ, ông có nhiều tự do đi lại. Ông muốn đi đâu thì đi. Nhưng ở đây, Chúa cho ông biết đến cuối đời, ông sẽ bị bắt, bị xiềng, và bị đem đi xử tử.

21:19 Câu này giải thích câu 18. Phierơ sẽ làm vinh hiển Đức Chúa Trời bằng cách chết như người tuận đạo. Ông, là người đã chối Chúa, bấy giờ sẽ được ban can đảm để hy sinh mạng sống mình vì Ngài. Câu này nhắc chúng ta nhớ mình có thể làm sáng danh Đức Chúa Trời trong sự chết cũng như trong sự sống. Rồi Chúa Jesus thốt lên: **"Hãy theo ta!"** Khi nói câu đó, chắc Ngài bắt đầu rời khỏi đó.

21:20 Dương như Phierơ bắt đầu đi theo Chúa, sau đó quay lại, nhìn thấy Giăng cũng đi theo. Ở đây, Giăng đứng lại để xác định mình là người đã nghiêng mình trên ngực Chúa Jesus trong bữa ăn tối Lễ Vượt Qua, và đã hỏi tên người phản bội.

21:21 Khi Phierơ thấy Giăng, chắc ông liền suy nghĩ: **"Còn Giăng thì sao?"** Có phải Giăng cũng sẽ tuận đạo không? Hay ông vẫn còn sống khi Chúa trở lại?" Ông hỏi Chúa về tương lai của Giăng.

21:22 Chúa trả lời rằng Phierơ đừng lo về những ngày cuối của Giăng. Cho dầu Giăng còn sống cho đến khi Đấng Christ Tái Lâm đi nữa, điều đó cũng không ảnh hưởng gì đến Phierơ cả. Nhiều thất bại trong sự phục vụ Đấng Christ xuất phát từ chỗ các môn đồ lo bận rộn nghĩ đến nhau hơn là bận rộn với chính Chúa.

21:23 Lời của Chúa ở đây đã bị trích dẫn sai. Ngài không nói Giăng vẫn còn sống khi Ngài trở lại. Ngài chỉ nói cho dầu như vậy đi nữa, điều đó có can hệ gì đến Phierơ? Nhiều người thấy có ý nghĩa quan trọng trong sự kiện Chúa Jesus liên kết Giăng với Sự Tái Lâm của Ngài, và Giăng là người có đặc ân viết sách Khải Thị của Đức Chúa Jesus Christ, mô tả rất chi tiết về thời kỳ cuối cùng.

C. Lời Chứng Kết Thúc Của Giăng Về Chúa Jesus (21:24,25)

21:24 Giăng nói thêm lời chứng của chính mình về tính chính xác của những điều ông đã viết. Nhiều người xem đây là lời khẳng định của các

tương lao ở hội thánh Êphêsô cho sách Tin Lành của Giảng.

21:25 Chúng ta không ngại hiểu câu 25 theo nghĩa đen! Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời do đó Ngài vô hạn. Không hề có giới hạn nào cho ý nghĩa của những lời Ngài phán, hay cho số lượng việc Ngài đã làm. Đang khi Ngài còn ở trên đất này, Ngài vẫn là Đấng Nâng đỡ mọi vật - mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao. Có ai từng mô tả mọi điều liên quan đến việc giữ cho vũ trụ này vận động? Ngay cả những phép lạ Ngài trên đất này, chúng ta cũng chỉ có lời mô tả cơ bản nhất mà thôi. Trong chỉ một hành động chữa lành thôi, hãy nghĩ đến các tế bào thần kinh, các cơ bắp, các huyết cầu, và nhiều chi thể nữa mà Ngài đã điều khiển. Hãy nghĩ đến sự điều khiển của Ngài trên vi khuẩn, cá, đời sống động vật. Hãy nghĩ đến sự hướng dẫn của Ngài trong các công việc của loài người. Cứ nghĩ đến quyền kiểm soát của Ngài trên cấu trúc phân tử của mỗi một mảnh vật chất trong cõi vũ trụ này xem. Cả thế gian có chứa nổi các sách để mô tả những chi tiết vô hạn như thế không? Câu trả lời thật mạnh mẽ: "Không"

Và như vậy, chúng ta kết thúc phần giải nghĩa sách Tin Lành của Giảng. Có lẽ chúng ta nhận thấy rõ thêm chút nữa nguyên nhân khiến sách này trở thành một trong những phần được yêu mến nhất của Kinh Thánh. Đương nhiên, hầu như không ai cần thận đọc sách này trong tinh thần cầu nguyện mà lại không tràn ngập tình yêu tươi mới đối với Đấng phước hạnh mà sách này trình bày.

CHÚ THÍCH

¹(1:18) Bản văn phê bình (NU trong chú thích ngoài lề của bản NKJV) ghi là "Đức Chúa Trời độc sanh." Chữ "Con độc sanh" truyền thống có trong hầu hết các thủ bản và cũng có trong 3:16.

²(1:29) J. Cynddylan Jones, *Studies in the Gospel According to St. John*, trang 103.

³(1:45) James S. Stewart, *The Life and Teaching of Jêsus Christ*, trang 66, 67.

⁴(1:51) Chỉ có Giảng thuật lại chữ "Amen kép" (NKJV ghi là "thật rất bảo đảm"). Các sách Tin Lành khác dường như có dạng thành ngữ của Chúa chúng ta nên ghi là "Amen" (NKJV, "bảo đảm là").

⁵(2:4) George Williams, *The Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 194.

⁶(2:21) Jones, *Studies*, trang 148.

⁷(3:1) Từ nối ngắn trong tiếng Hy Lạp có thể mang nghĩa "và," "và," "nhưng", v.v... Các bản Kinh Thánh Anh ngữ hiện đại có khuynh hướng thường xuyên bỏ từ này. Đây là một trong rất ít chỗ mà bản KJV bỏ từ nối ấy, và bản NKJV cũng đi theo bản KJV.

⁸(3:5) Một cách giải thích hợp lý khác nữa phù hợp với văn mạch về việc đối chiếu sự sinh ra thuộc linh và thuộc thể ấy là: nước chỉ về sự sinh ra thuộc thể, và Thánh Linh nói đến Đức Thánh Linh. Các rabi dùng chữ "nước" để chỉ về tình dịch của người nam, và nước cũng có thể chỉ đến học chất dịch như nước vỡ ra khi hài nhi chào đời.

⁹(3:16) F. W. Boreham.

¹⁰(4:41, 42) Bản văn phê bình (NU) bỏ qua chữ "Đấng Christ".

¹¹(4:48) Trong Hy văn, có nhiều hình thức riêng biệt nhau để xưng hô với một người (đối chiếu với Bản Anh Ngữ Cổ *thou, thee*) và với nhiều hơn một người (đối chiếu chữ *ye, you*). Số nhiều được dùng tại đây.

¹²(5:2) Bản văn phê bình ghi là *Bethzatha*, nhưng khảo cổ học khẳng định tên gọi truyền thống này được dùng trong đại đa số các thủ bản và trong truyền thống KJV.

¹³(5:3) James Gifford Bellett, *The Evangelists*, trang 50.

¹⁴(5:18) J. Sidlow Baxter, *Explore the Book*, V:309.

¹⁵(5:24) Có nhiều câu Kinh Thánh khác dạy rằng tin hữu một ngày kia sẽ đứng trước Ngai Đoán Xét của Đấng Christ (Rôma 14:10; II.Côrinthô 5:10). Tuy nhiên, lúc đó sẽ không đưa vấn đề tội lỗi của tin hữu ra để hình phạt nữa. Vấn đề đó đã được giải quyết xong tại Gôgôtha. Tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, đời sống và sự phục vụ của tin hữu ấy sẽ được duyệt lại, và người sẽ nhận phần thưởng hoặc phải chịu mất mát. Lúc đó sẽ không phải là vấn đề cứu rỗi linh hồn, nhưng là kết quả của đời sống người ấy.

¹⁶(5:29) Nếu đây là câu duy nhất trong Kinh Thánh nói về đề tài sự sống lại, người ta sẽ nghĩ mọi kẻ chết đều sẽ sống lại cùng một lúc. Tuy nhiên, từ nhiều phần khác của Kinh Thánh, đặc biệt Khải Huyền 20, chúng ta biết có thời kỳ ít nhất một

ngàn năm trôi qua giữa hai sự sống lại. Sự Sống Lại Thứ Nhất là sự sống của những người đã được cứu bởi nhờ đức tin nơi Đấng Christ. Sự Sống Lại Thứ Nhì bao gồm tất cả mọi người đã chết trong tư cách người không tin Đấng Christ.

¹⁷(5:39) Hình thức động từ Hy văn cho chữ "dò xem" mang hai nghĩa. Hình thức này có thể là mệnh lệnh ("hãy dò xem," KJV) hoặc theo lối trình bày ("các người dò xem," NKJV). Văn mạch hậu thuẫn cách dịch của bản NKJV (cũng như Bản Việt Ngữ).

¹⁸(5:47) Guy King, *To My Son*, trang 104.

¹⁹(6:11) W. H. Griffith Thomas, *The Apostle John: His Life and Writings*, trang 173, 74.

²⁰(6:11) Frederick Brotherton Meyer, *Tried By Fire*, trang 152.

²¹(6:31) Mana là thứ thức ăn màu trắng, tròn nhỏ, và Đức Chúa Trời đã ban phát cách lạ lùng cho Ysraên trong đồng vắng. Họ phải lượm mana dưới đất mỗi sáng của sáu ngày đầu trong mỗi tuần.

²²(6:55) Bản văn NU ghi là "Đồ ăn thật... thức uống thật," nhưng ý nghĩa hầu như là một (thực tại).

²³(6:59) Nhà hội là nơi nhóm họp tôn giáo tại địa phương của người Do Thái, không phải là một với đền thờ Giêrusalem là nơi duy nhất có thể dâng các của tế lễ bằng con sinh.

²⁴(6:69) Bản văn phê bình (NU) ghi là "Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời."

²⁵(7:1) Thật bỏ ịch khi biết từ ngữ Hy văn chỉ về "người Giuda"

(*foudaios*) có thể mang nghĩa (1) Một người Giuđa (để phân biệt với người Galilê); (2) một người Giuđa bất kỳ (kể cả người đã tiếp nhận Đấng Christ); (3) hay một người chống đối Cơ Đốc giáo, đặc biệt là lãnh tụ tôn giáo. Giảng sử dụng từ ngữ này hầu hết theo nghĩa cuối, dấu chính ông là một người Giuđa theo nghĩa thứ nhì.

²⁶(7:7) Meyer, *Tried*, trang 129.

²⁷(7:8) Cách bỏ qua chữ "chưa" trong bản văn phê bình (NU) thật đáng tiếc. Sự bỏ qua đó có vẻ hàm ý Chúa chúng ta lừa dối.

²⁸(8:5) J. N. Darby.

²⁹(8:11) 7:53 đến 8:11 không xuất hiện trong các thủ bản cổ nhất của Sách Giảng, nhưng có trong hơn 900 thủ bản Hy văn (chiếm đại đa số). Người ta thắc mắc không biết những câu này có hình thành một phần trong bản văn nguyên thủy hay không. Chúng ta tin rằng chấp nhận chúng thuộc trong bản văn được soi dẫn là điều phải lẽ. Toàn bộ sự dạy dỗ của những câu này phù hợp hoàn hảo với phần còn lại của Kinh Thánh. Augustine viết rằng một số người loại phần đoạn này ra vì sự phân đoạn ấy sẽ để xương những quan điểm buông thả về đạo đức.

³⁰(8:45) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of Colossians, Thessalonians, Timothy, Titus, Philemon*, trang 701, 02.

³¹(9:35) Bản văn NU ghi "Con Người" ở đây, và điều này không phù hợp với văn mạch thờ phượng và hầu như cũng không phù hợp với cách ghi của đại đa số các bản văn.

³²(10:28) Hy văn có lối phủ định kép để nhấn mạnh (lối này không được phép dùng trong Anh ngữ tiêu chuẩn).

³³(10:36) Samuel Green, *"Scripture Testimony to the Deity of Christ,"* trang 7.

³⁴(11:1) Arthur W. Pink, *Exposition of the Gospel of John*, 111:12.

³⁵(11:25) Burkitt.

³⁶(11:35) Câu ngắn nhất trong bản Tân Ước Hylap lại mang một sắc thái xúc cảm trái ngược lại: "Hãy vui mừng mãi mãi" (*Pantote chairete*, I.Tesalônica 5:16).

³⁷(11:47) Ryle, *Expository Thoughts on the Gospels. St. John*, 11:295.

³⁸(11:48) Meyer, *Tried*, trang 112.

³⁹(12:5) Ryle, *John*, 11:309, 10.

⁴⁰(12:7) Cách ghi của bản văn phê bình "có thể người để dành" thay vì "người đã để dành" dường như mâu thuẫn với cả văn mạch này lẫn sự kiện Mari không có mặt tại mộ Chúa buổi sáng phục sinh. Bản NIV giải quyết nạn đề này bằng cách diễn ý.

⁴¹(12:24) T. G. Ragland.

⁴²(13:13, 14) Dĩ nhiên, có nhiều lúc - đặc biệt tại các xứ phương Đông - người ta sẽ thực sự rửa chân người khác theo nghĩa đen, nhưng ở đây chỉ là một tấm gương về sự phục vụ khiêm nhường.

⁴³(13:32) Văn phạm Hylap (thể điều kiện loại một với *ei* cùng với lối trình bày (indicative)) thừa nhận điều này là thật.

⁴⁴(14:20) Các minh họa thịnh hành khác gồm có chim trong không

khí thì có không khí ở trong con chim ấy, và cá ở dưới nước có nước ở trong con cá ấy.

⁴⁵(17:1) Marcus Rainsford, *Our Lord Prays for His Own*, trang 173.

⁴⁶(17:4) Ryle, *John*, 111:40, 41.

⁴⁷(17:26) F. L. Godet, *Commentary on the Gospel of John*, 11:345.

⁴⁸(17:26) Rainsford, *Our Lord Prays*, trang 173.

⁴⁹(18:14) Stewart, *Life and Teaching*, trang 157.

⁵⁰(18:28) Augustine, được Ryle trích trong *John*, III:248.

⁵¹(18:28) Bishop Hall, *Ibid.*

⁵²(18:28) Poole, *Ibid.*

⁵³(19:10) Alexander.

⁵⁴(21:15) Bản văn phê bình (NU) nêu tên cha của Phierô là Giăng thay vì Giônã (trong các câu 16, 17 cũng vậy).

SÁCH THAM KHẢO

Godet, F. L. *Commentary on the Gospel of John*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1969 (Tái bản 1893, một bộ 2 quyển).

Hole, F. B. *The Gospel of John Briefly Expounded*. London: The Central Bible Truth Depot, không rõ năm xuất bản.

Ironside, H. A. *Addresses on the Gospel of John*. New York: Loizeaux Bros., 1956.

Jones, J. Cynddylan. *Studies in the Gospel according to St. John*. Toronto: William Briggs, 1885.

Kelly, William. *An Exposition of the Gospel of John*. London:

C.A. Hammond Trust Bible Depot, 1966.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of St. John's Gospel*. Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1942.

Macaulay, J. C. *Obedience Unto Death: Devotional Studies in John's Gospel*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1942.

Pink, Arthur W. *Exposition of the Gospel of John. Vol. III*. Swengel, Pennsylvania: Bible Truth Depot, 1945.

Rainsford, Marcus. *Our Lord Prays for His Own*. Chicago: Moody Press, 1955.

Ryle, J. C. *Expository Thoughts on the Gospels: St. John*. London: James Clarke and Co., Ltd., 1957.

Tasker, R. V. G. *The Gospel According to St. John*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1968.

Tanney, Merrill C. *JOHN: The Gospel of Belief*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1948.

Thomas, W. H. Griffith. *The Apostle John: Studies in His Life and Writings*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1968.

Van Ryn, A. *Meditations in John*. Chicago: Moody Press, 1949.

Vine, W. E. *John, His Record of Christ*. London: Oliphants, 1957.

Westcott, B. F. *The Gospel According to St. John*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1954.

CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

Giới Thiệu

*"Đấng Christ là chủ đề, Hội Thánh là phương tiện,
và Thánh Linh là quyền năng." - W. Graham Scroggie*

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Sách Công Vụ Các Sứ Đồ là sử ký Hội Thánh duy nhất được soi dẫn; đây cũng là bản sử ký đầu tiên, và là lịch sử Hội Thánh chính yếu duy nhất bao trùm những ngày đầu tiên của đạo. Mọi bản sử ký khác chỉ đơn thuần dựa trên tác phẩm của Luca với vài lời truyền khẩu (và rất nhiều phỏng đoán!) thêm vào. Chúng ta sẽ bị thiệt hại hoàn toàn nếu không có sách này. Đi từ đời sống của Chúa trong các sách Tin Lành tiến thẳng vào các thư tín sẽ là một bước nhảy vọt hết sức lớn lao. Ai là những hội chúng đang được nhận thơ và những hội chúng này đã được hình thành như thế nào? Sách Công Vụ trả lời những câu hỏi này cũng nhiều câu hỏi khác nữa. Đây không những là chiếc cầu giữa cuộc đời của Đấng Christ và sự sống Đấng Christ được dạy trong các thư tín, mà còn là mắt xích liên kết chuyển tiếp giữa Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo, giữa Luật Pháp và Ân Điển. Đây là một trong những khó khăn chính khi giải thích sách Công Vụ, tức là sự bành trướng rộng dẫn phạm vi từ phong trào Do Thái nhỏ bé tập trung tại Giêrusalem đến một Đạo trên toàn thế giới đã thâm nhập vào chính kinh đô của đế quốc.

II. Duyên Tác Giả

Tác giả của Luca và Công Vụ là cùng một người, đúng như hầu hết

mọi người đều đồng ý. Nếu sách Tin Lành Thứ Ba do Luca viết thì Công Vụ cũng vậy, và ngược lại (xem Phần Giới Thiệu Luca).

Ngoại chứng về việc Luca viết sách Công Vụ có từ sớm, mạnh mẽ và phổ biến. Phần Dẫn Nhập Luca để phản đối Marcion (khoảng 160-180), Bộ Kinh Điển Muratorian (khoảng 170-200), và các giáo phụ đầu tiên là Irenaeus, Clement ở Alexandria, Tertullian và Origen, thầy đều đồng ý Luca viết sách Công Vụ. Và hầu như mọi người nào đi theo những nhân vật trên trong lịch sử Hội Thánh đều đồng ý như vậy, kể cả những sử gia chuyên môn như Eusebius và Jerome.

Nội chứng trong sách Công Vụ gồm ba phần để chứng minh Luca đã viết sách này. Trong phần mở đầu sách Công Vụ, tác giả nói cụ thể đến một tác phẩm trước đó, cũng gởi cho Theôphítơ. Luca 1:1-4 cho thấy sách Tin Lành Thứ Ba là câu chuyện được nói đến ở đây. Bút pháp, quan điểm đầy lòng thương xót, ngữ vựng, điểm nhấn mạnh về biện giải niềm tin, và nhiều chi tiết nhỏ khác nữa kết hợp hai tác phẩm này lại với nhau. Nếu không phải vì muốn xếp sách Luca đi chung với ba sách Tin Lành kia, chắc hẳn hai sách này đã được để chung với nhau giống như thư I.Côrinthô và II.Côrinthô vậy.

Thứ nhì, từ chính bản văn của sách Công Vụ, ta thấy rõ tác giả là bạn đồng hành của Phaolô. Điều này xuất hiện trong những phần đoạn "chúng ta" nổi tiếng (16:10-17; 20:5-21:18; 27:1-28:16), trong đó tác giả thực sự có mặt tại những biến cố được ghi lại. Những nỗ lực đầy hoài nghi nhằm giải thích những phần đoạn này như là phong cách "hư cấu" thật không thuyết phục chút nào. Nếu chỉ thêm vào để làm tác phẩm trông có vẻ xác thực, vậy sao chúng được giới thiệu rất *hiếm hoi* và rất *tế nhị* đến như thế - và vì sao không đặt một *tên gọi* nào cho "Tôi" cho nhân vật được hàm ý trong "chúng ta"?

Cuối cùng, khi các bạn đồng hành khác của Phaolô là những người được tác giả nhắc đến ở ngôi thứ ba được loại ra, cũng như những bạn đồng hành mà ta biết là họ *không* ở cùng với Phaolô trong những phần "chúng ta", thì Luca là nhân vật khả dĩ duy nhất còn lại.

III. Thời Điểm Viết

Tuy thời điểm viết của một số sách trong Tân Ước sẽ không quan trọng lắm, nhưng thời điểm viết lại rất quan trọng cho sách Công Vụ, một sách cụ thể là *lịch sử* của Hội Thánh, và là sách lịch sử đầu tiên của Hội Thánh.

Người ta đề xuất ba niên điểm cho sách Công Vụ, hai niên điểm chấp nhận quyền tác giả của Luca và một niên điểm phủ nhận:

1. đương nhiên, niên điểm ở thế kỷ thứ nhì loại bỏ quyền tác giả của Luca; hầu như ông không thể sống

đến năm 80 S.C. hoặc muộn nhất là đến năm 85. Tuy một số học giả (thuộc phái tự do) cảm thấy tác giả đã sử dụng tác phẩm *Antiquities* của Josephus (khoảng 93 S.C.), những điểm tương đồng mà họ đưa ra về Theudas (Công Vụ 5:36) lại không phù hợp, và nhiều điểm tương đồng đã không vững chắc trong mọi biến cố nêu ra.

2. Quan điểm phổ thông ấy là Luca đã viết Luca · Công Vụ giữa khoảng 70-80. Điều này cho phép Luca có sử dụng Mác trong sách Tin Lành của mình (có lẽ từ thập niên 60).

3. Có thể đưa ra lập luận vững chắc rằng Luca đã kết thúc sách Công Vụ ngay sau thời điểm lịch sử của sách này kết thúc - tức là trong lúc Phaolô bị tù lần thứ nhất tại Rôma.

Có thể là Luca đang định viết bộ sách thứ ba (nhưng dường như đó không phải là ý muốn của Chúa), và vì vậy Luca không nhắc đến những biến cố tàn phá (đối với Cơ Đốc nhân) giữa năm 63 và 70 S.C.. Tuy nhiên, những điều bỏ qua sau đây gợi ý một niên điểm sớm hơn: sự bắt bớ hung dữ của Nero đối với các Cơ Đốc nhân tại Italy sau khi phóng hỏa thành Rôma (năm 64); cuộc chiến tranh của người Giuđa với Rôma (66-70); sự tuận đạo của Phierô và Phaolô (cuối thập niên 60); và thảm họa lớn nhất cho người Giuđa và Cơ Đốc nhân người Do Thái là sự phá hủy thành Giêrusalem. Do đó, rất có thể Luca viết sách Công Vụ khi Phaolô bị tù tại Rôma, vào khoảng 62 hoặc 63 S.C.

IV. BỐI CẢNH VÀ CÁC CHỦ ĐỀ

Sách Công Vụ Các Sứ Đồ đầy đầy sức sống và hành động. Qua sách, chúng ta thấy Đức Thánh Linh hành động, thành lập Hội Thánh, ban quyền năng cho Hội Thánh, và mở rộng Hội Thánh để đi ra truyền giảng. Đây là bản kỹ thuật huy hoàng về Thánh Linh tối thượng đang sử dụng những công cụ tưởng như không chắc thành công được, đặc thắng những trở ngại kinh khiếp nhất, sử dụng những phương pháp bất thường, và đạt những kết quả phi thường.

Sách Công Vụ bắt đầu câu chuyện từ chỗ các sách Tin Lành dừng lại, rồi dùng những lời mô tả nhanh và đầy ấn tượng đưa chúng ta qua những năm đầu đầy biến động của Hội Thánh non trẻ. Đây là bản kỹ thuật thời kỳ chuyển biến lớn lao khi Hội Thánh Tân Ước vứt bỏ vải liệm Do Thái giáo, thể hiện đặc trưng độc đáo của chính mình trong tư cách một hiệp hội mới trong đó người Giuda và người ngoại bang hiệp làm một trong

Đấng Christ. Vì cơ này, sách Công Vụ đã được gọi một cách phù hợp là câu chuyện của "thời kỳ cai sửa của Ysac."

Khi đọc, chúng ta cảm thấy tâm linh vui sướng khi Đức Chúa Trời hành động. Đồng thời, chúng ta cảm nhận sự căng thẳng xuất hiện khi tội lỗi và Satan nổi lên chống đối ngăn trở.

Trong mười hai đoạn đầu, sứ đồ Phierơ giữ vai trò then chốt, khi ông can đảm giảng đạo cho dân Ysraên. Từ đoạn 13 trở đi, sứ đồ Phaolô nổi bật lên trong tư cách vị sứ đồ sốt sắng, được soi dẫn và không mệt mỏi giảng đạo cho dân ngoại.

Sách Công Vụ bao trùm thời kỳ khoảng ba mươi ba năm. J. B. Phillip đã nói chưa có thời kỳ nào trong lịch sử con người mà "một hiệp hội bé nhỏ của những con người tầm thường lại có thể chuyển động thế giới đến nỗi chinh những kẻ thù họ với dòng nước mắt giận dữ có thể bảo rằng những người này 'đã gây thiên hạ nên loạn lạc!'"¹

BỐ CỤC

I. HỘI THÁNH TẠI GIÊRUSALEM (Đoạn 1-7)

- A. Lời Chúa Phục Sinh Hứa Ban Thánh Linh (1:1-5)
- B. Mạng Lành Của Chúa Thăng Thiên Cho Các Sứ Đồ (1:6-11)
- D. Lễ Ngũ Tuần Và Sự Khai Sinh Hội Thánh (2:1-47)
- E. Chữa Lành Người Què, Và Lời Phierơ Buộc Tội Ysraên (3:1-26)
- F. Sự Bất Bờ Và Tăng Trưởng Của Hội Thánh (4:1-7:60)

II. HỘI THÁNH TẠI XỨ GIUDÊ VÀ SAMARI (8:1-9:31)

- A. Chức Vụ Của Philip Tại Samari (8:1-25)
- B. Philip Và Hoạn Quan Êthiôpi (8:26-40)
- C. Sự Tin Chúa Của Saulơ Thành Tậtsơ (9:1-31)

III. HỘI THÁNH ĐI ĐẾN ĐẦU CÙNG ĐẤT (9:32-28:31)

- A. Phierơ Giảng Tin Lành Cho Người Ngoại Bang (9:32-11:18)

B. Sự Thành Lập Hội Thánh Tại Antiốt (11:19-30)

C. Con Bất Bớ Đời Hêrốt Và Sự Qua Đời Của Hêrốt (12:1-23)

D. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhất Của Phaolô: Xứ Galat (12:24-14:28)

E. Giáo Hội Nghị Giêrusalem (15:1-35)

F. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì Của Phaolô: Tiểu Á Và Gôréc (15:36-18:22)

G. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Ba Của Phaolô: Tiểu Á Và Gôréc (18:23-21:26)

H. Phaolô Bị Bắt Và Xét Xử (21:27-26:32)

I. Chuyến Di Của Phaolô Đến Lamã Và Vụ Đám Tầu (27:1-28:16)

J. Phaolô Bị Giam Trong Nhà Và Làm Chứng Cho Người Giuđa Tại Rôma (28:17-31)

CHÚ GIẢI

I. HỘI THÁNH TẠI GIÊRUSALEM (Đoạn 1-7)

A. Lời Chúa Phục Sinh Hơn Bao Thánh Linh (1:15)

1:1 Sách Công Vụ mở đầu với lời nhắc nhở. Luca, thấy thuộc yêu dấu, đã viết cho **Thêôphilô** trước đó - tác phẩm mà giờ đây chúng ta gọi là sách Tin Lành theo Luca (xem Luca 1:1-4). Trong những câu cuối của sách Tin Lành Luca, ông kể cho Thêôphilô rằng ngay trước khi thăng thiên, Chúa Jêsus đã hứa các môn đồ sẽ nhận lãnh phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh (Luca 24:48-53).

Giờ đây Luca sắp tiếp tục câu chuyện, vì vậy ông quay lại với lời hứa đầy xúc động này để làm khởi điểm. Và thật phù hợp để làm như vậy, vì trong lời hứa ban Thánh Linh tiếm ẩn mầm mống mọi chiến thắng thuộc linh sẽ được tiết lộ trong sách Công Vụ. Luca mô tả sách Tin Lành của mình là sách thứ nhất. Trong sách đó, ông ghi lại những điều mà Chúa Jêsus

đã bắt đầu làm và dạy. Trong sách Công Vụ, ông tiếp tục bản kỹ thuật bằng cách thuật lại những điều Chúa Jêsus *tiếp tục* làm và dạy qua Thánh Linh sau khi Ngài thăng thiên.

Để ý chức vụ của Chúa là chức vụ cả *làm* và *dạy*. Đây không phải là giáo lý mà không có bốn phần, cũng không phải là tin điều mà không có nếp ăn ở. Cứu Chúa là hiện thân sống động của lời Ngài đã dạy. Ngài thực hành những điều Ngài rao giảng.

1:2 Thêôphilô sẽ nhớ lại sách trước đây của Luca kết thúc với câu chuyện Cứu Chúa thăng thiên, được mô tả ở đây là Ngài được **cất lên**. Ông cũng nhớ những lời dạy dỗ dịu dàng cuối cùng của Chúa cho mười một sứ **đồ** trước khi Ngài về trời.

1:3 Trong bốn mươi ngày giữa lúc Chúa sống lại và thăng thiên, Chúa đã hiện ra cho các môn đồ, nêu những **bằng chứng** mạnh mẽ nhất về sự sống lại của thân thể Ngài (xem Giăng 20:19,26; 21:1,14).

Trong thời gian này, Ngài cũng thảo luận với họ những vấn đề về Nước Đức Chúa Trời. Mỗi quan tâm chính của Ngài không phải là các nước trong thế gian này, nhưng là vương quốc hay phạm vi mà trong đó Đức Chúa Trời được công nhận là Vua.

Đừng lẫn lộn nước này với Hội Thánh. Chúa Jêsus đã trình diện chính Ngài cho dân Ysraên trong tư cách Vua, nhưng Ngài đã bị khước từ (Mathiơ 23:37). Nước theo nghĩa đen của Ngài trên đất do đó được hoán lại cho đến khi dân Ysraên ăn năn và tiếp nhận Ngài làm Đấng Mêsi (Công Vụ 3:19-21).

Trong thời hiện tại, Vua vắng mặt. Tuy nhiên, Ngài thật sự có một vương quốc vô hình trên đất (Côlôse 1:13). Vương quốc này gồm mọi người tuyên xưng lòng trung thành với Ngài (Mathiơ 25:1-12). Trên một phương diện, nước này gồm mọi người nào xưng mình là Cơ Đốc nhân; đây là phương diện bề ngoài của nước ấy (Mathiơ 13:1-52). Nhưng ở thực tại bề trong, vương quốc ấy chỉ bao gồm những người được tái sanh (Giăng 3:3,5). Nước Đức Chúa Trời trong tình trạng hiện tại được mô tả trong các ẩn dụ của Mathiơ 13.

Hội Thánh là một điều hoàn toàn mới. Đây không phải là đế tài của các lời tiên tri Cựu Ước (Êphêso 3:5). Hội Thánh gồm toàn bộ những tín hữu từ Lễ Ngũ Tuần cho đến Sự Cát Lén. Với tư cách tân nương của Đấng Christ, Hội Thánh sẽ đóng trụ vì với Ngài trong Thiên Hy Niên và cùng chia sẻ

vinh hiển Ngài đời đời. Đấng Christ sẽ tái làm Vua vào cuối Thời Kỳ Đại Nạn, tiêu diệt kẻ thù Ngài, thiết lập triều đại công bình của Ngài trên cả đất (Thi Thiên 72:8).

Dẫu thời trị vì của Ngài từ Giêrusalem chỉ kéo dài một ngàn năm (Khải Huyền 20:4), nhưng Nước Ngài còn đến đời đời theo ý nghĩa mọi kẻ thù của Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ bị tiêu diệt, và Ngài sẽ trị vì đời đời trên trời mà không gặp chống đối hay ngăn trở nào (II Phiêrơ 1:11).

1:4 Giờ đây Luca thuật lại cuộc gặp gỡ giữa Chúa với các môn đồ khi họ nhóm lại trong một căn phòng ở giữa Giêrusalem. Đấng Cứu Chuộc phục sinh dặn họ cứ ở lại Giêrusalem. Nhưng vì sao ở tại Giêrusalem, có lẽ họ rất thắc mắc! Đối với họ, đây là thành phố thù ghét, bạo lực và bất bợ!

Đúng vậy, sự ứng nghiệm lời Cha đã hứa sẽ xảy ra tại Giêrusalem. Sự giảng làm của Thánh Linh sẽ xảy ra tại chính thành phố mà Cứu Chúa đã bị đóng đinh. Sự hiện diện của Thánh Linh tại đó sẽ làm chứng về việc con người khước từ Con Đức Chúa Trời. Thần Lê Thật sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, sự công bình và sự đoán xét - và điều này sẽ xảy ra trước hết tại Giêrusalem. Các sứ đồ sẽ nhận lãnh Thánh Linh tại thành phố mà chính họ đã từ bỏ Chúa và chạy trốn cứu lấy mạng sống mình. Họ sẽ được khiến trở nên mạnh mẽ và không sợ hãi ngay tại nơi họ đã tỏ mình là yếu đuối và hèn nhát.

Đây không phải lần đầu tiên các môn đồ được nghe từ chính môi

miệng Cứu Chúa về lời **Cha đã hứa**. Trong suốt chức vụ tại thế của Ngài, và đặc biệt trong Bài Giảng Trên Phòng Cao, Ngài đã nói cho họ biết về Đấng Yên Ủi sẽ đến (xem Luca 24:49; Giảng 14:16,26; 15:26; 16:7,13).

1:5 Giờ đây, trong lần gặp cuối với họ, Ngài lập lại lời hứa ấy. Một số người, nếu không nói là hết thảy họ, đều đã được **Giăng làm phép báp-têm bằng nước rồi**. Nhưng phép báp-têm của Giăng là ở bề ngoài và thuộc thế. Chỉ còn ít ngày nữa,² họ sẽ được **báp-têm bằng Đức Thánh Linh**, và phép báp-têm này ở bề trong và thuộc linh. Phép báp-têm thứ nhất đồng nhất hóa họ ở bề ngoài với phần dân chịu án nã của Ysraên. Phép báp-têm thứ nhì sẽ kết hợp họ vào trong Hội Thánh, là Thân Thể của Đấng Christ, và sẽ ban quyền năng cho họ phục vụ.

Chúa Jê-sus hứa rằng trong ít ngày nữa họ sẽ **được báp-têm bằng Đức Thánh Linh**, nhưng không đề cập đến phép báp-têm bằng lửa (Mathê 3:11,12; Luca 3:16,17). Phép báp-têm bằng lửa là phép báp-têm của sự đoán phạt chỉ dành cho những người vô tín và vẫn còn trong tương lai.

B. Mạng Lành Của Chúa Thánh Thiên Cho Các Sứ Đồ (1:6-11)

1:6 Có lẽ biến cố được ghi lại ở đây đã xảy ra trên núi Olive, đối ngang Bê-thani. Đây là nơi Chúa Jê-sus trở về trời (Luca 24:50,51).

Các môn đồ đang nghĩ đến sự giảng dạy của Thánh Linh. Họ nhớ lời tiên tri Giê-rêm nói về sự tuôn đổ Thánh Linh có liên quan đến thời trị vì vinh hiển của Đấng Mê-si (Giê-rêm

2:28). Do đó, họ kết luận Chúa sắp thiết lập **vương quốc** của Ngài, vì trước tiên Ngài đã phán Thánh Linh sẽ được ban xuống "trong ít ngày nữa." Câu hỏi của họ cho thấy họ vẫn chờ đợi Đấng Christ thiết lập **vương quốc** hữu hình ở trần gian của Ngài ngay tức khắc.

1:7 Chúa *không* sửa sai họ vì đã chờ đợi sự trị vì của Ngài trên đất. Sự trông cậy như thế đã và hiện được chứng minh là đúng. Ngài chỉ bảo họ rằng họ không thể biết nước của Ngài sẽ đến khi nào. Ngày giờ đã được ấn định bởi **thần quyền** duy nhất của Đức Chúa Cha, và Cha đã không muốn tiết lộ. Đây là thông tin thuộc riêng về Cha.

Cụm từ "ngày và giờ" được dùng trong Kinh Thánh để nói đến nhiều biến cố khác nhau được Đức Chúa Trời báo trước mà chưa xảy đến cho dân Ysraên. Mang bối cảnh Do Thái, các môn đồ sẽ hiểu cụm từ này nói trước đến những ngày hết sức quan trọng, bao gồm cả sự thiết lập thời trị vì ngàn năm của Đấng Christ trên đất.

1:8 Sau khi nếm tò mò của họ về thời điểm tương lai của **vương quốc** Ngài, Chúa Jê-sus khiến họ chú ý đến điều sẽ đến gần hơn - là bản chất và phạm vi sự mạng của họ. Xét về bản chất sứ mạng ấy, họ sẽ làm **nhân chứng**; xét về phạm vi, họ sẽ làm **chứng lại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Samari, cho đến cùng trái đất**.

Nhưng trước hết, họ phải **nhận lấy quyền phép** - là quyền phép của Đức Thánh Linh. Đây là quyền phép lớn lao

và không thể thiếu trong sự làm chứng Cơ Đốc. Một người có thể rất tài năng, được huấn luyện kỹ lưỡng, và có nhiều kinh nghiệm, nhưng nếu không có **quyền năng** thuộc linh thì người ấy không có kết quả. Mặt khác, một người có thể thất học, không có sức thu hút, thiếu thanh lịch, nhưng lại được ban **quyền năng** của Thánh Linh thì thế gian sẽ thấy người ấy bùng cháy cho Đức Chúa Trời. Các môn đồ đầy sợ sệt cần quyền năng để làm chứng, cần sự dạn dĩ thánh khiết để rao giảng Tin Lành. Họ sẽ nhận **quyền năng** này khi Thánh Linh giảng trên họ.

Công tác làm chứng của họ sẽ bắt đầu lại **Giêrusalem**, là sự sắp xếp trước đây ý nghĩa của ăn đến Chúa. Chính nơi Chúa Jêsus chịu đóng đinh phải là nơi trước nhất nhận lãnh lời kêu gọi đến sự ăn năn và đức tin nơi Ngài.

Rời đến **Giudê**, vùng phía nam xứ Palestine với cư dân Giuda đông đúc, và có **Giêrusalem** là thành chính của vùng.

Tiếp đó là **Samari**, vùng nằm ở miền trung Palestine, cùng với cư dân pha tạp và bị thù ghét, mà dân Giuda không muốn giao tiếp.

Sau đó đến cùng trái đất mà thời bấy giờ biết đến - những nước ngoài bang mà cho đến lúc này vẫn nằm ngoài vòng đặc ân tôn giáo. Trong khuôn viên làm chứng rộng dần mãi này, chúng ta có bố cục tổng quát của dòng lịch sử trong sách Công Vụ.

1. *Làm chứng tại Giêrusalem* (đoạn 1-7)

2. *Làm chứng tại xứ Giudê và Samari* (8:1 - 9:31)

3. *Làm chứng đến cùng trái đất* (9:32 - 28:31)

1:9 Ngay khi Chúa trao nhiệm vụ cho các môn đồ xong, Ngài được cất lên trời. Đây là toàn bộ những điều Kinh Thánh nói - Ngài được cất lên trong lúc các người đồ nhìn xem Ngài, có một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không thấy nữa. Một biến cố ngoạn mục biết bao, thế nhưng được mô tả hết sức đơn sơ và trầm lặng! Sự khiêm chế của các tác giả Kinh Thánh khi kể lại câu chuyện của họ cho thấy sự soi dẫn của Lời Đức Chúa Trời; con người không có thói quen xử lý những biến cố phi thường dường ấy cách dè dặt đến như thế.

1:10 Một lần nữa, không hề diễn đạt sự ngạc nhiên sững sốt, Luca thuật lại sự hiện ra của hai người nam mặc áo trắng. Hiển nhiên đây là những thiên sứ đã được phép hiện ra trên đất trong hình trạng của người nam. Có lẽ đây cũng là những thiên sứ đã hiện ra tại ngôi mộ sau khi Chúa phục sinh (Luca 24:4).

1:11 Trước hết các thiên sứ gọi các môn đồ là người Galilê. Theo như chúng ta biết, toàn bộ các môn đồ ngoại trừ Giuda Ichcariốt đều xuất thân từ vùng phía tây biển Galilê.

Sau đó thiên sứ đánh thức họ khỏi trạng thái mơ màng, đang khi họ nhìn lên trời. Tại sao các người đứng ngóng lên trời làm chi? Đó là buồn rầu, hay thờ phượng, hay lạ lùng sững sốt? Rõ ràng là pha trộn cả ba nỗi niềm ấy, dấu vậy chủ yếu vẫn là buồn rầu. Vì vậy thiên sứ an ủi họ. Đấng Christ tháng thiên này sẽ trở lại.

Ở đây, chúng ta có lời hứa rõ ràng về **Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai** của Chúa để thiết lập vương quốc Ngài trên đất. Đây không phải là **Sự Cát Lành**, nhưng là Ngài đến để cai trị.

- | | |
|---|---|
| 1. Ngài đã thăng thiên từ núi Ôlive (câu 12). | 1. Ngài sẽ trở lại núi Ôlive (Xactari 14:4) |
| 2. Ngài đã đích thân thăng thiên | 2. Ngài sẽ đích thân trở lại (Malachi 3:1) |
| 3. Ngài đã thăng thiên cách hữu hình | 3. Ngài sẽ tái lâm cách hữu hình (Mathiơ 24:30) |
| 4. Ngài được tiếp đi trong một đám mây. (câu 9) | 4. Ngài sẽ đến trên mây trời (Mathiơ 24:30) |
| 5. Ngài đã thăng thiên cách vinh hiển. | 5. Ngài sẽ lấy đại quyền đại vinh mà tái lâm (Mathiơ 24:30) |

C. Các Môn Đồ Cầu Nguyện Và Chịu Bại Tại Giêrusalem (1:12-26)

1:12 Trong Luca 24:52, các môn đồ trở về Giêrusalem *cách mừng rỡ lắm*. "Ánh sáng từ tình yêu của Đức Chúa Trời đã nhen lên trong lòng những người này và khiến khuôn mặt họ chiếu sáng ngời bất chấp đại dương đầy rác rưởi biến động vây quanh họ."

Đây là chuyến đi ngắn khoảng ba phần tư dặm từ núi gọi là Ôlive, xuống thung lũng Xêtrôn, và đi lên thành phố. Đây là đoạn đường xa nhất mà người Do Thái được phép đi trong ngày Sabát vào thời Tân Ước.

1:13 Khi đã vào thành, họ bèn lên phòng cao kia là nơi thường ở.

Ở đây, Thánh Linh Đức Chúa Trời kể tên các môn đồ lần thứ tư và là lần cuối cùng (Mathiơ 10:2-4; Mác 3:16-

19; Luca 6:14-16). Nhưng giờ đây có bổ qua một điểm đáng lưu ý: tên của Giuđa Íchcariốt không có trong bảng điểm danh này. Kẻ phản bội đã đến nơi số phận đáng dành cho hắn.

1:14 Khi các môn đồ nhóm lại với nhau, có **sự bền lòng đồng một ý**. Cụm từ này xuất hiện mười một lần trong sách Công Vụ, và là một trong những chìa khóa để mở bí quyết của phước hạnh. Nơi nào các anh em ở với nhau trong sự hiệp một, nơi đó Đức Chúa Trời ban phước hạnh đến - tức sự sống cho đến đời đời (Thi Thiên 133).

Chìa khóa thứ nhì được nêu qua những chữ **bền lòng... cầu nguyện**. Ngày nay, cũng như ngày xưa, Đức Chúa Trời hành động khi con người cầu nguyện. Thông thường, chúng ta sẽ làm bất cứ điều gì ngoại trừ cầu nguyện. Nhưng chỉ khi nào chúng ta chờ đợi trước mặt Chúa trong sự **cầu nguyện** tha thiết, tin cậy, sốt sắng, không vội vàng và hiệp một, thì quyền năng phục hưng và ban sức lực của Thánh Linh Đức Chúa Trời mới tuôn đổ.

Không thể không nhấn mạnh rằng *hiệp một và cầu nguyện là khúc đạo đầu của Lễ Ngự Tuán*.

Cùng nhóm lại với các môn đồ còn có **những phụ nữ** không nêu tên ra (chắc là những người đã đi theo Chúa Jêsus), cũng có **Mari là mẹ Đức Chúa Jêsus cùng anh em Ngài**. Có rất nhiều điểm thú vị ở đây.

1. Đây là lần cuối cùng nhắc đích danh **Mari** trong Tân Ước - rõ ràng là "lời phản kháng âm thầm chống lại sự

thờ lạy Mari." Không phải các môn đồ đang dâng lời cầu nguyện lên bà, nhưng đang cầu nguyện cùng với bà. Bà đang cùng với họ chờ nhận lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh.

2. Mari được gọi là mẹ Đức Chúa Jêsus nhưng không được gọi là "mẹ của Đức Chúa Trời." Jêsus là danh của Chúa chúng ta trong nhân tánh Ngài. Vì là người, Ngài được sanh bởi Mari, nên thật phải lẽ để nên gọi bà là mẹ Chúa Jêsus. Nhưng trong Kinh Thánh, bà không hề được gọi là "mẹ của Đức Chúa Trời." Dẫu Đức Chúa Jêsus Christ thực sự là Đức Chúa Trời, nhưng sẽ không chính xác và phi lý về mặt giáo lý khi nói Đức Chúa Trời có một con người là mẹ. Là Đức Chúa Trời, Ngài đã hiện hữu từ suốt cõi đời đời.

3. Việc nhắc đến các em trai của Chúa Jêsus, ngay sau câu nói đến Mari, khiến có thể nói những người này thật sự là con trai của Mari và là các em trai cùng mẹ khác cha của Chúa Jêsus. Rất nhiều câu Kinh Thánh khác cùng với câu này bác bỏ ý kiến của một số người cho rằng Mari ở đồng trinh vĩnh viễn và không hề sanh thêm người con nào sau khi sanh Chúa Jêsus (chẳng hạn như xem Mathiơ 12:46; Mác 6:3; Giăng 7:3,5; 1.Côrinthô 9:5; Galatê 1:19. Cũng xem Thi Thiên 69:8).

1:15 Một ngày kia, khi một trăm hai mươi môn đồ nhóm lại với nhau, Phêrô được cảm động để nhắc họ nhớ câu Kinh Thánh Cựu Ước nói đến người sẽ phản Đấng Mêsê.

1:16,17 Lúc đầu, Phêrô nói lời tiên tri được viết bởi Davít về Giuda...

phải được ứng nghiệm. Nhưng trước khi trích câu Kinh Thánh này, ông nhắc họ nhớ dẫu Giuda là một trong số mười hai sứ đồ và cùng chia sẻ chức vụ sứ đồ của họ, nhưng Giuda đã là người dẫn đường cho chúng bầy Chúa Jêsus. Hãy để ý về ôn hòa của Phêrô khi mô tả hành động hèn nhát gian ác này. Giuda trở thành kẻ phản bội bởi sự cố ý chọn của ông, và bởi đó làm ứng nghiệm lời tiên tri nói có người sẽ bán Chúa cho kẻ thù Ngài.

1:18,19 Hai câu này được xem như đoạn chưa thêm do Luca viết chứ không phải một phần sứ điệp của Phêrô. Chúng bổ sung đầy đủ những sự kiện lịch sử về Giuda cho đến thời điểm Giuda chết và bởi đó mở đường để bổ nhiệm người kế vị ông.

Không có mâu thuẫn nào giữa cách thức Giuda chết như được nêu ở đây với cách được nêu trong Mathiơ 27:3-10. Mathiơ nói sau khi trả ba mươi miếng bạc cho các thầy tế lễ cả và các trưởng lão, ông đi ra ngoài thất cố tự tử. Bảy giờ các thầy tế lễ cả lấy số tiền đó mua một đám đất để chôn.

Ở đây trong Công Vụ, Luca nói Giuda mua một đám ruộng bằng số tiền đó rồi đâm đầu xuống, nứt bụng và ruột đổ ra hết.

Kết hợp hai câu chuyện lại với nhau, dường như vụ giao dịch thực sự để mua đám ruộng đó là do các thầy tế lễ cả xếp đặt. Tuy nhiên, Giuda mua đám ruộng theo ý nghĩa: đó là chính tiền của ông và các thầy tế lễ cả chỉ đi mua với tư cách người đại diện của ông. Ông treo cổ trên cây trong nghĩa địa đó, nhưng chắc đây dứt, hát

xác ông lao tới trước và khiến cho **nứt bụng** ra.

Vì biến cố này ai cũng biết tại **Giêrusalem**, nên ruộng của người thợ gốm đã được gọi là **Hác-en-đa-ma**, nghĩa là **Ruộng Huyết** hay “ruộng đâm máu” trong tiếng Aram.

1:20 Giờ đây sẽ điệp của Phiêrô tiếp tục, sau đoạn văn chưa thêm để giải thích của Luca. Trước hết, ông giải thích Đavít đang nói đến kẻ phản bội Chúa Jêsus trong Thi Thiên 69:25: **“Nguyên cho chỗ ở nó trở nên hoang loạn, chớ có ai ở đó.”**³

Sau đó ông nói tới lời tiên tri cụ thể mà giờ đây phải được ứng nghiệm: **“Nguyên cho có một người khác nhận lấy chức nó”** (Thi Thiên 109:8). Sứ đồ Phiêrô hiểu câu này nói rằng sau khi Giuđa bỏ đi, thì phải lập một người thay thế **chức vụ** ông. Thật tốt khi nhìn thấy ao ước của ông muốn vâng theo Lời Chúa.

1:21,22 Ai được chọn cũng phải đáp ứng được hai điều kiện:

1. Đó phải là người đã theo cùng các sứ đồ trong ba năm chức vụ công khai của Đấng Christ · từ lúc Ngài chịu **Giăng** làm **phép báp-têm** cho đến khi Ngài Thăng Thiên.

2. Người đó phải chịu trách nhiệm **làm chứng** về sự sống lại của Chúa.

1:23-26 Tên hai người được nêu ra là có đủ những phẩm chất cần thiết, là **Giôsép ... cũng gọi là Giuđô**, và **Mathia**. Nhưng sẽ chọn ai? Các sứ đồ giao phó vấn đề cho Chúa, cầu xin Chúa bày tỏ ý Ngài chọn. Sau đó họ **bất lưâm** và **Mathia** được chỉ định làm

người kế nhiệm phải lễ thay Giuđa, người đã bỏ đảng đi đến nơi của hắn, tức là số phận đời đời.

Ở đây có hai thắc mắc luôn nảy sinh:

1. Các môn đồ có đang hành động đúng không khi họ nêu tên **Mathia**? Có phải đang ra họ nên chờ đợi đến khi Chúa dấy lên sứ đồ **Phaolô** để điền vào chỗ trống đó?

2. Họ có làm đúng không khi bắt thăm để nhận biết ý muốn Chúa?

Về câu hỏi thứ nhất, không có gì trong khúc Kinh Thánh cho thấy các sứ đồ đã hành động sai lầm. Họ đã dành rất nhiều thì giờ cầu nguyện; họ đang tìm cách vâng lời Kinh Thánh; và họ dường như hiệp một ý để chọn một người thay thế Giuđa. Hơn nữa, chức vụ của Phaolô là hoàn toàn khác với chức vụ của mười hai sứ đồ, và không hề có gợi ý nào cho thấy Chúa từng có ý định cho ông thay thế Giuđa. Mười hai sứ đồ được chính Chúa Jêsus sai phái trên đất để giảng cho Ysraên, trong khi Phaolô được gọi vào chức vụ bởi chính Đấng Christ trong vinh hiển và được sai đến với người ngoại bang.

Về việc bắt thăm, phương pháp nhận biết ý muốn thiên thượng này đã được Cựu Ước công nhận: **“Người ta bẻ thăm trong vật áo; Song sự nhưt định do nơi Đức Giêhôva mà đến”** (Châm Ngôn 16:33).

Dường như việc chọn Mathia bằng cách bắt thăm đã được Chúa phê chuẩn, vì sau đó các sứ đồ này được gọi là **“mười hai sứ đồ”** (xem Công Vụ 6:2).

SỰ CẦU NGUYỆN TRONG SÁCH CÔNG VỤ

Công Vụ là phần nghiên cứu về sự cầu nguyện thành công. Trong đoạn 1 chúng ta thấy các môn đồ cầu nguyện trong hai trường hợp khác nhau. Sự cầu nguyện của họ trên phòng cao sau khi Chúa thăng thiên đã được nhậm lời bởi Lễ Ngũ Tuần. Lời cầu nguyện xin hướng dẫn để chọn người thay thế Giuđa được nhậm lời bởi sự bắt thăm nhằm vào Mathia. Và lời cầu nguyện cũng được nhậm như vậy qua suốt sách Công Vụ này.

Những người hoán cải trong ngày Lễ Ngũ Tuần vẫn tiếp tục bền lòng cầu nguyện (2:42). Những câu đi tiếp (43-47) mô tả những hoàn cảnh lý tưởng đã thịnh hành trong sự thông công đầy tinh thần cầu nguyện này.

Sau khi Phierơ và Giăng được thả ra, các tín hữu đã cầu nguyện xin Chúa ban sự dạn dĩ (4:29). Kết quả là nơi nhóm lại bị rung động, họ được đẩy đẩy Đức Thánh Linh, và họ nói ra Lời Chúa cách dạn dĩ (4:31).

Mười hai sứ đồ để nghị chọn bảy người giải quyết các vấn đề tài chánh để chính họ có thể dành trọn thời gian hơn nữa để cầu nguyện và rao giảng Lời Chúa (6:3, 4). Bảy giờ các sứ đồ cầu nguyện và đặt tay trên bảy chấp sự (6:6). Các câu tiếp theo ghi lại những đặc thẳng mới mẻ đầy bảo hộ cho Tin Lành (6:7,8).

Êtiên đã cầu nguyện khi sắp tuân đạo (7:60). Đoạn 9 ghi lại sự nhậm lời cầu nguyện ấy - Sự tin Chúa của một khán giả, là Saulơ thành Tạtso.

Phierơ và Giăng cầu nguyện cho người Samari đã tin Chúa, kết quả là

họ nhận được Đức Thánh Linh (8:15-17).

Sau khi hoán cải, Saulơ thành Tạtso đã cầu nguyện trong nhà của Giuđa; Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện bằng cách sai Anania đến với ông (9:11-17).

Phierơ đã cầu nguyện tại Glôbê, và Đôca đã sống lại (9:40). Kết quả là rất nhiều người tin Chúa (9:42).

Đội trưởng ngoại bang Cọtây đã cầu nguyện (10:2); lời cầu nguyện của ông đã cất lên như sự ghi nhớ trước mặt Chúa (10:4). Một thiên sứ hiện ra với ông trong sự hiện thấy, truyền ông sai người đi mời người tên Simôn Phierơ (10:5). Ngày hôm sau Phierơ cầu nguyện (10:9). Lời cầu nguyện của ông đã được nhậm bởi một khả tượng ban từ Thiên đàng để chuẩn bị ông mở cánh cửa nước Thiên đàng cho Cọtây và nhiều người ngoại bang khác (10:10-48).

Khi Phierơ bị nhốt tù, các Cơ Đốc nhân đã cầu thay cho ông cách sốt sắng (12:5). Chúa nhậm lời bằng phép lạ giải cứu Phierơ khỏi ngục - trước sự sững sờ lạ lùng của những người đang cầu nguyện (12:6-17).

Các tiên tri và thầy giáo tại Antiốt đã kiêng ăn cầu nguyện (13:3). Việc này đã phát động chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất của Phaolô và Banaba. Người ta nói "đây là sự đi ra quuyền năng nhất của sự cầu nguyện mà con người từng chứng kiến, vì tác động đến đầu cùng đất, ngay cả đến với chúng ta, thông qua Phaolô và Banaba, là các giáo sĩ."

Trong chuyến trở về Littrơ và Ycôni cùng Antiốt, Phaolô và Banaba

cầu nguyện cho những người đã tin (14:23). Trong số này có Timôthê. Phải chăng chính bởi sự nhậm lời cầu nguyện ấy mà Timôthê đã cùng Phaolô và Sila lên đường trong hành trình truyền giáo lần thứ nhì?

Ở trong tù tại Philip, những lời cầu nguyện giữa đêm khuya của Phaolô và Sila đã được nhậm bởi cơn động đất và bởi sự tin Chúa của viên cai ngục cùng gia đình ông (16:25-34).

Phaolô đã cầu nguyện với các trưởng lão Êphêsô tại Milê (20:36); điều này dẫn đến biểu hiện cảm động về tình cảm của họ dành cho ông và nỗi đau buồn vì sẽ không thấy ông lần nữa trong đời này.

Những Cơ Đốc nhân tại Tyros cầu nguyện với Phaolô trên bờ biển (21:5), và rõ ràng những lời cầu nguyện ấy đã theo ông đến Rôma và đến bên thớt gỗ chặt đầu của đao phủ.

Trước khi đắm tàu, Phaolô đã công khai cầu nguyện, dâng lời tạ ơn Chúa về thức ăn Chúa ban. Điều này cổ vũ thủy đoàn và những hành khách bị bỏ rơi (27:35,36).

Trên đảo Mantơ, Phaolô đã cầu nguyện cho người cha đang bệnh nặng của vị tù trưởng ở đảo. Kết quả bệnh nhân được chữa lành bằng phép lạ (28:8).

Vì vậy, dường như rõ ràng cầu nguyện chính là mối trường mà Hội Thánh đầu tiên đã sống trong đó. Và khi các Cơ Đốc nhân cầu nguyện, Đức Chúa Trời hành động!

0. Lễ Ngũ Tuần Và Sự Nhậm Lời Cầu Nguyện (2:1-47)

2:1 Ngày Lễ Ngũ Tuần, làm hình bóng về sự tuôn đổ Thánh Linh, là

năm mươi ngày sau Lễ Hoa Quả Đầu Mùa, là lễ nói đến sự sống lại của Đấng Christ. Trong ngày Lễ Ngũ Tuần này, các môn đồ nhóm **hợp lại một chỗ**. Để tài phù hợp cho cuộc đối thoại của họ ắt hẳn là các phân đoạn Cựu Ước nói đến Lễ Ngũ Tuần (xem Lêvi Ký 23:15,16, chẳng hạn). Hoặc có lẽ họ đang hát Thi Thiên 133: "Kìa, anh em ăn ở hòa thuận nhau, thật tốt đẹp thay!"⁴

2:2 Sự giáng lâm của Thánh Linh bao gồm âm thanh nghe được, quang cảnh nhìn thấy được, và một phép lạ kinh nghiệm được. Âm thanh đến từ trời và **đầy khắp nhà**, giống như tiếng gió thổi ào ào. Gió là một trong rất nhiều hình bóng uyển chuyển của Đức Thánh Linh (dầu, lửa, nước), nói đến sự chuyển động toàn quyền tể trị và không dự đoán trước được của Ngài.

2:3 Quang cảnh nhìn thấy trước mắt là **những lưỡi rời rạc từng cái một như lưỡi bằng lửa hiện ra**, đậu trên mỗi môn đồ. Kinh Thánh không nói chúng là những lưỡi bằng lửa, nhưng nói những cái lưỡi như lưỡi bằng lửa.

Đừng nên nhầm lẫn hiện tượng này với phép báp têm bằng lửa. Dầu phép báp têm bằng Đức Thánh Linh và phép báp têm bằng lửa được nói chung với nhau (Mathiơ 3:11,12; Luca 3:16,17), chúng là hai biến cố riêng biệt và khác biệt nhau. Phép báp têm bằng Đức Thánh Linh là phép báp têm của phước hạnh, phép báp têm bằng lửa là phép báp têm của sự đoán xét. Phép báp têm bằng Đức Thánh Linh ảnh hưởng đến tin đó, phép báp têm

bằng lửa sẽ ảnh hưởng đến người vô tín. Nhờ phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh, tín hữu được Thánh Linh ngự vào trong lòng và ban quyền năng, và Hội Thánh được thành lập. Bởi phép báp-têm bằng lửa, người vô tín sẽ bị tiêu diệt.

Khi Giảng Báp-têm đang nói với một nhóm người pha tạp (cả người ăn năn lẫn không chịu ăn năn, (xem Mathơ 3:6,7), ông nói Đấng Christ sẽ làm phép báp-têm cho họ bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa (Mathơ 3:11). Khi ông chỉ nói với những người đã thật sự ăn năn (Mác 1:5), ông nói Đấng Christ sẽ làm phép báp-têm cho họ bằng Đức Thánh Linh (Mác 1:8).

Vậy trong Công Vụ 2:3, đâu là ý nghĩa của lưỡi rời rạc lững cái môi như lưỡi bằng lửa? Rõ ràng lưỡi nói đến lời nói, và chắc nói đến ăn từ kỳ diệu để nói các thứ ngôn ngữ khác mà các sứ đồ sẽ nhận vào thời điểm này. Lửa có thể nói đến Đức Thánh Linh là nguồn ban ân từ này, và cô lễ cũng mô tả sự giằng dụa dạn đi nóng chảy và nhiệt tình sẽ xảy ra sau đó. Ý tưởng về lời nói nhiệt tình dường đặc biệt phù hợp, vì nhiệt thành là tình trạng bình thường của đời sống đầy đủ Thánh Linh, và làm chứng là kết quả không thể tránh khỏi của nếp sống ấy.

2:4 Phép lạ họ kinh nghiệm có liên quan với Lễ Ngũ Tuần chính là được đầy đủ Thánh Linh. Và tiếp theo đó là việc nói các thứ tiếng khác.

Cho đến bây giờ, Thánh Linh Đức Chúa Trời vẫn ở với các môn đồ này, nhưng giờ đây Ngài ở trong họ (Giăng 14:17). Vì vậy, câu này đánh dấu một

bước ngoặt quan trọng trong cách Thánh Linh đối đãi với con người. Trong Cựu Ước, Thánh Linh giáng trên con người, nhưng không với tư cách của Đấng Ngự Trong lâu đài (Thi Thiên 51:11). Bắt đầu từ ngày Lễ Ngũ Tuần, Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong dân sự Ngài vĩnh viễn: Ngài đến để ở lại (Giăng 14:16).

Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, các môn đồ không những được Thánh Linh ngự trong họ, mà còn được đầy đủ Thánh Linh nữa. Chúng ta được Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong mình ngay giây phút được cứu, nhưng muốn được đầy đủ Thánh Linh, chúng ta phải nghiên cứu Lời Chúa, dành thì giờ suy gẫm và cầu nguyện, và sống vâng lời Chúa.⁵ Nếu sự đầy đủ Thánh Linh là tự động bảo đảm có được cho ngày nay, chúng ta sẽ không nhận lời khuyên: "Phải đầy đủ Thánh Linh" (Êphê-sô 5:18).

Sự giáng lâm của Thánh Linh trong ngày Lễ Ngũ Tuần cũng đưa tín hữu vào trong Hội Thánh, là thân thể của Đấng Christ.

Vì bởi một Thánh Linh chúng ta thầy đều chịu phép báp-têm vào trong một thân - bất luận là người Giuđa hay người Hy Lạp, nô lệ hay người tự do - và hết thầy đều được uống chung một Thánh Linh (1.Cô-rinh-tô 12:13). Từ nay trở đi, những người Giuđa và ngoại bang tin Chúa Jê-sus sẽ trở thành một người mới trong Đức Chúa Jê-sus Christ và thành những chi thể của cùng một Thân (Êphê-sô 2:11-22).

Các môn đồ được đầy đủ Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác,

theo như Đức Thánh Linh cho mình nói. Từ những câu đi sau, ta thấy rõ họ được ban quyền năng kỳ diệu để nói ra *những ngôn ngữ ngoại quốc* thực sự mà họ chưa hề học. Đây không phải là những lời nói lấp bắp hay lời nói trong lúc xuất thần, nhưng là những ngôn ngữ rõ ràng đang được sử dụng tại các nơi khác trên thế giới thời bấy giờ. Ân tứ **nói các thứ tiếng** này là một trong những dấu lạ hay dấu kỳ được Chúa dùng làm chứng cho lẽ thật của sứ điệp các sứ đồ đã rao giảng (Hêbơr 2:3,4). Lúc bấy giờ, Tân Ước vẫn chưa được viết ra. Vì Lời đầy đủ của Đức Chúa Trời giờ đây có sẵn trong hình thức văn viết, nhu cầu các ân tứ về dấu lạ hầu như đã qua đi (dấu vậy, đương nhiên Thánh Linh tế trị tối cao của Đức Chúa Trời vẫn có thể sử dụng chúng nếu Ngài muốn như vậy).

Đừng nên dùng sự xuất hiện của **các thứ tiếng khác** trong ngày Lễ Ngũ Tuần để chứng minh **các thứ tiếng khác** vẫn luôn luôn đi kèm với sự ban cho Thánh Linh. Nếu đúng như thế, vì sao Kinh Thánh không đề cập đến tiếng lạ đối với:

1. Sự tin Chúa của 3000 người (Công Vụ 2:41)?
2. Sự hoán cải của 5000 người (Công Vụ 4:4)?
3. Sự nhận lãnh Thánh Linh của người Samarít (Công Vụ 8:17)?

Trên thực tế, những lần xuất hiện duy nhất khác nữa của ân tứ **nói tiếng lạ** trong sách Công Vụ là:

1. Vào lúc những người ngoại bang tin Chúa trong nhà Cọpây (Công Vụ 10:46).

2. Lúc làm phép báp têm lần nữa cho các môn đồ của Giảng tại Êphêso (Công Vụ 19:6).

Trước khi rời câu 4, chúng ta nên đề cập vấn đề có sự bất đồng ý kiến đáng kể giữa những người nghiên cứu Kinh Thánh về toàn bộ đề tài phép báp têm bằng Đức Thánh Linh, cả về số lượng lần xảy ra lẫn kết quả ra từ phép báp têm ấy.

Về **lần số** xuất hiện, có người tin rằng:

1. Phép báp têm này chỉ xảy ra một lần duy nhất - tại Lễ Ngũ Tuần. Thân Thể Đấng Christ đã được thành lập tại lúc đó, và mọi tín hữu kể từ đó trở đi đã bước vào trong ích lợi của phép báp têm này.

2. Phép báp têm này diễn ra thành ba hoặc bốn giai đoạn - tại Lễ Ngũ Tuần (đoạn 2); tại Samarít (đoạn 8); tại nhà Cọpây (đoạn 10); tại Êphêso (đoạn 19).

3. Phép báp têm này xảy ra mỗi khi có một người được cứu.

Về công dụng của phép báp têm này trong đời sống các cá nhân, có người cho rằng đây là "công tác thứ nhì của ân điển," thường xảy ra sau khi hoán cải, và kết quả là sự nên thánh hầu như trọn vẹn. Quan điểm này thiếu hậu thuẫn của Kinh Thánh. Như đã nói, phép báp têm của Đức Thánh Linh chính là sự vận hành để bởi đó tín hữu:

1. Được kết hợp vào trong Hội Thánh (1.Côrinthô 12:13).
2. Được ban quyền năng (Công Vụ 1:8).

2:5-13 Những người Giuđa, kẻ mộ đạo đều đã nhóm lại tại Giêrusalem

từ khắp nơi trên thế giới để giữ Lễ Ngũ Tuần. Khi nghe đồn điệu vừa xảy ra, họ tập trung tại nhà của các sứ đồ đang ở. Bảy giờ, cũng như thời này, người ta được thu hút đến khi Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động.

Lúc đoàn dân đến nhà, các sứ đồ đang nói tiếng lạ. Hết sức sửng sốt, những người khách nghe các môn đồ người Galilê này đang nói nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau. Tuy nhiên, phép lạ là ở trong trường hợp người nói, chứ không trong trường hợp người nghe. Trong số người đứng đó, bất luận là người thuộc dòng dõi Giuđa hay người cải đạo Giuđa, bất luận đến từ phương đông hay phương tây, phương bắc hay phương nam, mỗi người đều nghe những công việc cao trọng quyền năng của Đức Chúa Trời trong chính ngôn ngữ của họ. Chữ "tiếng" được dùng trong câu 6 và 8 chính là chữ từ đó xuất phát ra chữ chúng ta dùng để nói: "thở ngữ."

Phần lớn tin rằng mục đích của ân tứ tiếng lạ tại ngày Lễ Ngũ Tuần là để rao truyền Tin Lành cùng một lúc cho dân thuộc nhiều ngôn ngữ khác nhau. Chẳng hạn, có tác giả nói: "Đức Chúa Trời đã ban luật pháp của Ngài trong một ngôn ngữ cho một dân tộc, nhưng Ngài đã ban Tin Lành của Ngài trong mọi ngôn ngữ cho mọi dân."

Nhưng bản văn Kinh Thánh không xác nhận điều này. Những người nói các thứ tiếng này đang công bố những công việc cao trọng của Đức Chúa Trời (2:11). Đây là một dấu lạ cho dân Ysraên (I.Côrinthô 14:21,22), nhằm khơi dậy sự sửng sốt và lấy làm lạ. Ngược lại, Phierơ đã giảng Tin Lành

bằng thứ ngôn ngữ mà hầu hết, nếu không nói là tất cả, thánh giả của ông đều có thể hiểu được.

Đáp ứng với các thứ tiếng này giữa vòng các du khách đến nghe là khác nhau. Dường như có người hết sức quan tâm, còn có người khác lên án sứ đồ đang say rượu mới. Các sứ đồ thật sự đang ở dưới ảnh hưởng từ bên ngoài năng lực riêng của họ, nhưng đây là ảnh hưởng của Thánh Linh chứ không phải của rượu!

Người chưa được tái sanh luôn luôn sẵn sàng đưa ra những lời giải thích tự nhiên cho các hiện tượng thuộc linh. Có lần nghe tiếng Đức Chúa Trời phán từ trời, có người bảo đó là sấm (Giăng 12:28,29). Giờ đây người không tin Chúa đang giải thích cách nhạo báng về sự vui mừng hoan hỉ đến bởi sự giảng làm của Thánh Linh bằng những chữ "rượu mới." Schiller nói: "Thế gian thích làm mờ đi những vật sáng bóng, và thích kéo lê những người được tôn cao xuống tận bụi đất."

2:14 Chính môn đồ đã chối Chúa bằng lời thề và rửa sả giờ đây tiến lên phía trước để nói với đám đông. Không còn là người môn đồ nhút nhát và dao động nữa, ông trở nên như sư tử mạnh mẽ. Lễ Ngũ Tuần đã tạo ra khác biệt này. Phierơ giờ đây được đẩy dẩy Thánh Linh.

Tại Sêsarê Philip, Chúa hứa ban cho Phierơ những chìa khóa nước Thiên đàng (Mathiơ 16:19). Ở đây trong Công Vụ 2, chúng ta thấy ông đang dùng những chìa khóa này mở cửa Thiên đàng cho người Do Thái (câu 14), và về sau trong đoạn 10, ông

sẽ mở cửa nước ấy cho người ngoại bang.

2:15 Trước hết, sứ đồ giải thích những biến cố khác thường ngày hôm ấy không phải là do rượu mới. Suy cho cùng, **bây giờ chỉ mới chín giờ sáng**, và hầu như chưa ai nghe nói có rất nhiều người say vào giờ sớm như thế. Hơn nữa, người Giuđa có các bài rèn luyện của nhà hội cho ngày kiêng ăn để kiêng ăn uống đến tận mười giờ sáng, hoặc thậm chí đến giữa trưa, tùy theo lúc các cửa tế hằng ngày được dâng lên.

2:16-19 Lời giải thích đúng ấy là: Thánh Linh Đức Chúa Trời đã được đổ ra, như Đấng tiên tri Giôn đã nói (Giôn 2:28 trở đi).

Thực ra, những biến cố của ngày Lễ Ngũ Tuần vẫn chưa phải là ứng nghiệm hoàn toàn lời tiên tri của Giôn. Hầu hết các hiện tượng được mô tả trong câu 17-20 vẫn chưa xảy ra tại thời điểm này. Nhưng điều thực sự xảy ra trong Lễ Ngũ Tuần chính là tiên vị của điều sẽ xảy ra trong những ngày sau rồi, trước những ngày lớn và vinh hiển của Chúa. Nếu Lễ Ngũ Tuần đã ứng nghiệm lời tiên tri của Giôn, vậy tại sao có một lời hứa được ban về sau này (3:19) rằng nếu có sự ăn năn toàn dân và Ysraên tiếp nhận Đấng họ đã đóng đinh, Ngài sẽ trở lại và đem Ngày của Chúa đến?

Câu trích từ Giôn là ví dụ về Luật Tham Chiếu Kép, bởi luật này, lời tiên tri trong Kinh Thánh ứng nghiệm một phần tại một thời điểm nào đó và ứng nghiệm trọn vẹn vào thời điểm về sau.

Thánh Linh Đức Chúa Trời đã được đổ ra vào ngày Lễ Ngũ Tuần, nhưng chưa đổ trên mọi loại xác thịt theo nghĩa đen. Sự ứng nghiệm chung kết lời tiên tri này sẽ xảy ra vào cuối Thời Kỳ Đại Nạn. Trước sự tái làm vinh hiển của Đấng Christ, sẽ có những sự lạ lùng trên trời, và những dấu lạ dưới đất (Mathi 24:29,30). Chúa Jesus Christ bấy giờ sẽ hiện ra trên đất để dẹp tan những kẻ thù Ngài và thiết lập vương quốc. Vào đầu thời trị vì Thiên Hy Niên của Ngài, Thánh Linh Đức Chúa Trời sẽ tuôn đổ trên mọi xác thịt, cả người ngoại bang lẫn người Do Thái, và tình hình này sẽ lan tràn khắp nơi, trong hầu hết cả Thiên Hy Niên. Rất nhiều biểu hiện khác nhau của Thánh Linh sẽ được ban bất luận giới tính, độ tuổi hay địa vị xã hội. Sẽ có những sự hiện thấy và điểm chiêm bao, là điều gợi ý sự tiếp nhận tri thức; và lời tiên tri - gợi ý sự truyền thụ cho kẻ khác. Như vậy, những ân tứ về sự bày tỏ và sự truyền thông sẽ nổi bật hiển nhiên. Toàn bộ điều này sẽ xảy ra trong điều Giôn mô tả là những ngày sau rốt (câu 17). đương nhiên, điều này chỉ về những ngày cuối cùng của Ysraên chứ không phải những ngày cuối cùng của Hội Thánh.

2:20 Những dấu lạ siêu nhiên trên trời được nói rõ ràng là xảy ra trước khi đến ngày lớn và vinh hiển của Chúa. Trong văn mạch này, ngày của Chúa nói đến sự đích thân tái làm trần gian của Ngài để tiêu diệt những kẻ thù và cai trị trong quyền năng và vinh hiển lớn.

2:21 Phierơ kết thúc phần trích Giôên với lời hứa ai kêu cầu danh Chúa Ihl sẽ được cứu. Đây là tin mừng trong mọi thời đại, ấy là sự cứu rỗi được ban cho mọi người dựa trên nguyên tắc có đức tin nơi Chúa. Danh Chúa là một biểu hiện bao gồm toàn bộ tất cả bản tánh của Chúa. Vì vậy, kêu cầu danh Ngài tức là kêu cầu chính Ngài trong tư cách là đối tượng thật của đức tin và con Đường cứu rỗi duy nhất.

2:22-24 Nhưng Chúa này là ai? Tiếp theo Phierơ sẽ công bố những tin tức đáng sửng sốt rằng chính Jêsus này - Đấng họ đã đóng đinh trên thập tự giá - vừa là Chúa vừa là Đấng Christ. Ông công bố như vậy trước hết bằng cách nói đến đời sống của Chúa Jêsus, rồi nói đến sự chết, sự sống lại, thăng thiên của Ngài và sau hết nói đến sự tôn vinh hiển Ngài bên hữu Đức Chúa Trời là Cha. Nếu họ còn ảo tưởng nào cho rằng Chúa Jêsus vẫn còn trong ngôi mộ tại xứ Giuđê, Phierơ sẽ nhanh chóng làm họ tỉnh ngộ. Họ phải được biết Đấng họ đã giết hiện đang ở trên Thiên đàng, và họ vẫn phải kể đến Ngài.

Như vậy, dòng lập luận của sứ đồ như thế này: Đức Chúa Jêsus ở Naxarêl đã được chứng minh là Người từ Đức Chúa Trời đến bởi rất nhiều phép lạ Ngài đã làm trong quyền năng của Đức Chúa Trời (câu 22). Theo ý định trước và sự biết trước của Ngài, Đức Chúa Trời đã nộp Ngài vào tay dân Giuđê. Đến lượt họ, họ nộp Ngài cho người ngoại (những con người không có luật pháp) để chịu đóng đinh

và giết đi (câu 23). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại, đã giải phóng khỏi nỗi đau đớn (Bản Việt Ngữ ghi là "bứt đứt dây trói") của sự chết. Sự chết không thể giữ Ngài làm tù nhân bởi vì:

1. Đặc tánh của Đức Chúa Trời đòi hỏi phải có sự sống lại của Ngài. Ngài đã chết, Đấng Vô Tội chết thay cho kẻ có tội. Đức Chúa Trời phải khiến Chúa Jêsus sống lại để làm bằng chứng Ngài hoàn toàn thỏa mãn với công tác cứu chuộc của Đấng Christ.

2. Những lời tiên tri Cựu Ước đòi hỏi phải có sự phục sinh của Ngài. Đây là ý cụ thể được Phierơ nhấn mạnh trong những câu tiếp theo.

2:25-27 Trong Thi Thiên 16, Davit viết tiên tri về sự sống, sự chết, sự phục sinh và sự tôn vinh hiển của Chúa.

Về sự sống của Ngài, Davit mô tả lòng tin quyết và bảo đảm vô biên về Đấng đã sống trong mối tương giao không chút gián đoạn với Cha Ngài. Lòng, lưỡi, xác thịt - toàn thể con người của Ngài đều đầy dẫy sự vui mừng và sự trông cậy.

Về sự chết Ngài, Davit thấy trước rằng Đức Chúa Trời sẽ không để linh hồn Ngài nơi Âm phủ, cũng chẳng để cho Đấng Thánh của Ngài nhìn thấy sự hư nát. Nói cách khác, linh hồn của Chúa Jêsus sẽ không bị để trong tình trạng không có thân thể, cũng không cho phép để thân thể Ngài bị tan rã. (Đừng nên dùng câu này chứng minh Chúa Jêsus đã đi đến một nhà giam nào đó cho những linh hồn người qua đời trong nơi thấp nhất của đất khi

Ngài chết. Linh hồn của Ngài đã đến Thiên đàng⁷ - Luca 23:43 - còn thân thể Ngài được đặt trong mộ.)

2:28 Về sự phục sinh của Chúa, Đavít tỏ lòng tin quyết Đức Chúa Trời sẽ cho Ngài biết con đường sự sống. Trong Thi Thiên 16:11a, Đavít viết: "Chúa sẽ chỉ cho tôi biết con đường sự sống." Trong Công Vụ 2:28a, Phierơ trích câu này: "**Chúa đã cho tôi biết đường sự sống.**" Phierơ đã thay đổi thì tương lai sang thì quá khứ. Hiển nhiên Đức Thánh Linh đã hướng dẫn ông thay đổi như vậy vì giờ đây sự phục sinh đã diễn ra rồi.

Sự tôn vinh hiển hiện tại của Cứu Chúa được Đavít báo trước qua những chữ, **Sẽ cho tôi đầy lòng vui mừng trước mặt Ngài**, hay như Thi Thiên 16:11 nói: "Trước mặt Chúa có trọn sự khoái lạc, tại bên hữu Chúa có điệu vui sướng vô cùng."

2:29 Phierơ lập luận rằng ắt hẳn Đavít không thể nói những điều này cho chính mình, vì thân thể của Đavít đã nhìn thấy sự hư nát. Dân Do Thái thời đó biết rất rõ mộ của Đavít. Họ biết Đavít vẫn chưa được sống lại.

2:30,31 Khi viết Thi Thiên này, Đavít đang nói với tư cách một liên tri. Ông đã nhớ Đức Chúa Trời hứa khiến Một trong những hậu tự của vua sống lại để ngồi trên ngôi đời đời. Đavít nhận ra Đấng này sẽ là Đấng Mêsê, và đầu Ngài sẽ chết, linh hồn Ngài sẽ không bị để trong tình trạng không có thân thể, và thân thể Ngài sẽ không bị hư nát.

2:32,33 Phierơ lập lại lời tuyên bố ắt phải làm thình giã Do Thái của ông

sống sót. Đấng Mêsê mà Đavít đã nói tiên tri đến chính là Chúa Jêsus người Naxarét. Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, như các sứ đồ thầy đều làm chứng vì họ là những nhân chứng trực tiếp chứng kiến sự phục sinh của Ngài. Sau khi phục sinh, Chúa Jêsus được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời, và giờ đây Đức Thánh Linh được sai xuống như Cha đã hứa. Đây là lời giải thích điều xảy ra tại Giêrusalem sáng hôm ấy.

2:34,35 Chẳng phải Đavít cũng báo trước sự tôn cao Đấng Mêsê đó sao? Không phải Đavít đang nói về chính mình trong Thi Thiên 110:1. Thay vào đó, ông đang trích lời Đức Giêhôva như Ngài đang phán với Đấng Mêsê: "**Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng nào ta đã kè thù nghịch người dưới chân người, đặt làm hệ cho người.**" (Lưu ý cẩn thận là những câu 33-35 báo trước một thời kỳ chờ đợi giữa sự tôn vinh hiển Đấng Christ và sự tái lâm của Ngài để hình phạt kẻ thù và thiết lập vương quốc.)

2:35 Giờ đây, một lần nữa, lời công bố giảng mạnh xuống dân Do Thái. **ĐỨC CHÚA TRỜI ĐÃ LẬP CẢ CHÚA LÃN ĐÁNG CHRIST CHÍNH JÊSUS NÀY ĐÁNG CÁC NGƯỜI ĐÃ ĐÓNG ĐINH** (thứ tự từ ngữ trong Hyvăn). Đúng như Bengel nói: "Cái nhức nhối của câu nói này được đặt ở cuối câu" - **JÊSUS NÀY**, mà các người đã đóng đinh trên thập tự giá. Họ đã đóng đinh Đấng Chịu Xức Dầu của Đức Chúa Trời, và sự giảng làm của Thánh Linh là bằng chứng Chúa Jêsus được tôn vinh hiển trên Thiên đàng (xem Giảng 7:39).

2:37 Quyển năng cáo trách của Thánh Linh mạnh mẽ biết bao, đến nỗi thánh giá đáp ứng tức thì. Chưa có lời mời hay kêu gọi nào từ Phêrô, họ đã kêu lên: **"Chúng ta phải làm chi?"** Câu hỏi này được thúc đẩy bởi ý thức sâu sắc mình có tội. Giờ đây họ nhận thấy Jesus họ đã giết chính là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời! Jesus này đã được sống lại từ kẻ chết và giờ đây được tôn cao trên Thiên đàng. Đã như vậy, làm sao những tên sát nhân có tội này thoát nổi án đoán phạt?

2:38 Phêrô trả lời họ hãy **hối cải**, ai nấy phải **nhận danh Đức Chúa Jesus chịu phép báp têm, để được tha tội mình**. Thứ nhất, họ phải **ăn năn**, tức công nhận họ có phạm tội, và đứng về phía của Đức Chúa Trời để nghịch lại chính mình.

Sau đó, họ sẽ **chịu báp têm để được** (hay "vào") sự **tha tội** mình. Mời nhìn, có vẻ câu này dạy sự cứu rỗi bởi phép báp têm, và nhiều người quả quyết đây dịch xác là ý nghĩa của câu này. Không thể có được lối giải thích như thế vì những nguyên nhân sau:

1. Hàng tá phân đoạn Tân Ước nói sự cứu rỗi là bởi đức tin nơi Chúa Jesus Christ (chẳng hạn như Giăng 1:12; 3:16, 36; 6:47; Công Vụ 16:31; Rôma 10:9). Không một hoặc hai câu nào có thể mâu thuẫn nhìn thấy được với lời chứng tràn ngập như thế.

2. Tên cướp trên thập tự giá đã được bảo đảm về sự cứu rỗi mà chưa hề chịu phép báp têm (Luca 23:43).

3. Kinh Thánh không nói Cứu Chúa đã làm phép báp têm cho bất kỳ ai, đây quả là sự bỏ qua lạ kỳ nếu

phép báp têm là thiết yếu cho sự cứu rỗi.

4. Sứ đồ Phaolô tạ ơn Chúa vì ông chỉ làm báp têm cho một vài người Côrintô - một nguyên nhân quá kỳ lạ để tạ ơn Chúa nếu như phép báp têm có công đức cứu rỗi (1.Côrintô 1:14-16).

Điều quan trọng cần thấy là chỉ có người Giuda từng được truyền phải chịu báp têm để được tha tội (xem Công Vụ 22:16). Chúng ta tin sự kiện này là bí quyết để hiểu phân đoạn ở đây. Dân Ysraên đã đóng đinh Chúa vinh hiển. Dân Do Thái đã kêu lên: "Xin huyết người đổ lại trên chúng tôi và con cái chúng tôi" (Mathê 27:25). Tội giết chết Đấng Mesi đã được chính dân Ysraên công bố họ đã phạm.

Giờ đây, một vài người Do Thái nhận ra lỗi lầm của họ. Bởi ăn năn, họ công nhận tội mình với Chúa. Nhờ tin Chúa Jesus là Cứu Chúa của họ, họ được tái sanh và nhận lãnh sự tha tội đời đời. Bởi phép báp têm công khai bằng nước, họ tách mình khỏi dân Ysraên, là dân đã đóng đinh Chúa, và đồng nhất hóa chính họ với *Ngài*. Như vậy, phép báp têm trở thành dấu hiệu bề ngoài chứng tỏ tội lỗi của họ có liên kết với sự chối bỏ Đấng Christ (cũng như toàn bộ tội họ đã phạm) đã được rửa sạch. Nó đem họ ra khỏi bối cảnh Do Thái và đặt họ vào trong bối cảnh của Đấng Christ. Nhưng phép báp têm không cứu họ. Chỉ đức tin nơi Đấng Christ mới cứu được. Dạy ngược lại điều này tức là dạy một Tin lành khác và bởi đó bị rửa sà (Galati 1:8, 9).

Một lối giải thích khác nữa về phép báp têm để được sự tha tội đã được Rylie nêu lên:

Câu này không có nghĩa là để được tha tội, vì khắp mọi nơi trong Tân Ước, tội lỗi được tha nhờ có đức tin nơi Đấng Christ, chứ không nhờ phép báp têm. Câu này muốn nói chịu phép báp têm như đã được tha tội. Giới từ eis trong Hy văn "để cho được," mang ý nghĩa "như" không những tại đây mà còn trong những phân đoạn như Mathiê 12:41, trong đó chỉ có thể mang nghĩa "họ đã ăn năn như (chứ không phải để cho được) lời giảng của Giônã." Ăn năn đem đến sự tha tội cho đoàn dân trong ngày Lễ Ngũ Tuần này và như được xóa tội, họ được yêu cầu phải chịu báp têm.⁸

Phiero bảo đảm với họ nếu ăn năn và chịu phép báp têm, họ sẽ nhận lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh. Quả quyết đây là thứ tự áp dụng cho chúng ta ngày nay tức là đã hiểu sai những cách đối đãi mang tính quản lý của Đức Chúa Trời trong những ngày đầu của Hội Thánh. Đúng như H. P. Barker đã nói rõ rất tài tình trong tác phẩm *The Vicar of Christ*, có bốn cộng đồng tín hữu trong sách Công Vụ, và thứ tự các biến cố liên quan đến sự nhận lãnh Đức Thánh Linh đều diễn ra khác nhau trong mỗi trường hợp.

Trong Công Vụ 2:38 ở đây, chúng ta đọc về những Cơ Đốc nhân người Do Thái. Đối với họ, thứ tự là:

1. Ăn năn.
2. Phép báp têm bằng nước.
3. Nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Sự trở lại đạo của người Samari được ghi lại trong Công Vụ 8:14-17.

Tại đó chúng ta đọc thấy những biến cố sau đã diễn ra:

1. Họ tin.
2. Họ chịu phép báp têm bằng nước.
3. Các sứ đồ cầu nguyện cho họ.
4. Các sứ đồ đặt tay trên họ.
5. Họ nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Trong Công Vụ 10:44-48 nói đến sự tin Chúa của người ngoại bang. Lưu ý thứ tự sau đây:

1. Đức tin.
2. Nhận lãnh Đức Thánh Linh.
3. Phép báp têm bằng nước.

Cộng đồng tín hữu cuối cùng được hợp bởi các môn đồ của Giảng Báp têm, Công Vụ 19:1-7:

1. Họ tin.
2. Họ chịu báp têm lại lần nữa.
3. Sứ đồ Phaolô đặt tay trên họ.
4. Họ nhận lãnh Thánh Linh.

Có phải điều này muốn nói có bốn phương cách cứu rỗi trong sách Công Vụ? Đương nhiên là không. Sự cứu rỗi đã, hiện và luôn luôn sẽ căn cứ trên đức tin nơi Chúa. Nhưng trong thời kỳ chuyển tiếp được ghi lại trong sách Công Vụ, Đức Chúa Trời muốn chọn thay đổi các biến cố khác nhau liên quan với sự nhận lãnh Thánh Linh vì những nguyên nhân mà chỉ mình Ngài biết nhưng không muốn bày tỏ cho chúng ta.

Như vậy, kiểu mẫu nào trên đây áp dụng cho chúng ta ngày nay? Vì cả dân Ysraên đã chối bỏ Đấng Mési, nên dân Do Thái đã đánh mất mọi đặc ân đặc biệt mà họ đang ra đã có. Ngày nay, Đức Chúa Trời đang kêu gọi từ trong dân ngoại ra một dân cho Danh Ngài (Công Vụ 15:14). Do đó, thứ tự

cho ngày nay ấy là thứ tự có trong Công Vụ 10:

Đức tin.

Nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Phép báp têm bằng nước.

Chúng ta tin thứ tự này áp dụng cho mọi người ngày nay, cho cả người Giuđa cũng như cho người ngoại bang. Thoạt nhìn điều này có vẻ như độc đoán. Có lẽ người ta hỏi: "Đến khi nào thì thứ tự trong Công Vụ 2:38 không còn áp dụng cho người Giuđa nữa để thứ tự trong Công Vụ 10:44-48 bắt đầu?" Đương nhiên, không thể nêu một ngày tháng rõ ràng được. Nhưng sách Công Vụ lần theo sự chuyển biến dần dần từ việc đem Tin Lành chủ yếu đến cho người Do Thái, sang việc liên tiếp bị người Do Thái khước từ Tin Lành, rồi sang Tin Lành đến cho dân ngoại. Và cuối sách Công Vụ, dân Ysraên hầu như đã bị gạt sang một bên. Bởi vì tin, họ đã đánh mất mọi quyền đòi hỏi đặc biệt trong tư cách tuyển dân của Đức Chúa Trời. Trong Thời Đại Hội Thánh, sẽ phải kể đến các dân ngoại, và sẽ áp dụng thứ tự của Đức Chúa Trời dành cho người ngoại bang, đã được nêu trong Công Vụ 10:44-48.

2:39 Tiếp theo, Phiêrô nhắc họ nhớ lời hứa ban Đức Thánh Linh là dành cho họ và cho con cái họ (là dân Do Thái) và cho hễ thấy mọi người ở xa (là dân ngoại bang), thậm chí dành cho bao nhiêu người mà... Đức Chúa Trời sẽ gọi.

Những người nói: "Xin huyết người này đổ lại trên chúng tôi và con cái chúng tôi" lại là chính những người giờ đây được bảo đảm về ân

diển dành cho chính họ và con cái họ nếu chịu tin Chúa.

Câu này thường được sử dụng sai lầm để dạy rằng con cái của những cha mẹ đã tin Chúa thì bởi đó được bảo đảm hưởng các đặc ân trong giao ước, hay dạy rằng chúng được cứu. Spurgeon giải đáp điều này thật hữu hiệu:

Hội Thánh của Đức Chúa Trời không biết rằng "Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt, hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thần sao?" "Ai có thể từ sự ô uế mà lấy ra được điều thanh sạch?" Sự sinh ra theo công lệ thiên nhiên sẽ truyền đạt sự ô uế của thiên nhiên, nhưng không truyền đạt sự bình an. Dưới giao ước mới, chúng ta được truyền rõ ràng rằng con cái Đức Chúa Trời "chẳng phải sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy."⁹

Điểm quan trọng đáng lưu ý là lời hứa không những thuộc về các người, con cái các người, mà còn thuộc về hễ thấy mọi người ở xa, tức là bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi. Lời hứa này cũng mang tính bao quát y như chữ "hễ ai" của lời mời gọi tiếp nhận Tin Lành.

2:40 Không phải toàn bộ sử điệp của Phiêrô được ghi lại hết trong đoạn này, nhưng đại ý phần còn lại ấy là: những thanh giả Do Thái nên tự cứu họ khỏi đồng đội gian ác bại hoại đã chối bỏ và đồng định Đức Chúa Jêsus Christ này. Họ có thể làm việc này bằng cách tiếp nhận Chúa Jêsus làm Đấng Mêsê và Cứu Chúa của họ, và bằng cách công khai phủ nhận mọi

mối liên kết khác với dân tộc Ysraên đã phạm tội này thông qua phép báp-têm Cơ Đốc.

2:41 Có một đoàn người rất đông tiến lên, muốn chịu phép báp-têm làm bằng chứng bề ngoài rằng họ vui mừng¹⁰ nhận lấy lời của Phierơ như lời của Chúa.

Ngày hôm ấy có khoảng 3000 người thêm vào cộng đồng tín hữu. Nếu bằng chứng tốt nhất về chức vụ của Thánh Linh là sự tin Chúa của nhiều linh hồn, thì chắc chắn chức vụ của Phierơ chính là loại chức vụ này. Rõ ràng người đánh cá xứ Galilê này được nhắc nhớ lời của Chúa Jesus: "Ta sẽ khiến người trở nên tay đánh lưới người" (Mathiơ 4:19). Và có lẽ nhớ cả lời phán của Cứu Chúa: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, kẻ nào tin ta, cũng sẽ làm việc ta làm; lại cũng làm việc lớn hơn nữa, vì ta đi về cùng Cha" (Giăng 14:12).

Cũng có bài học cho chúng ta khi để ý sự cẩn thận mà Chúa dùng để ghi lại số người trở lại tin Chúa - khoảng 3000 người. Mọi tội tở Chúa có lẽ nên cẩn trọng tương tự khi lập bằng kê điều gọi là những quyết định tiếp nhận Đấng Christ.

2:42 Bằng chứng của thực tại nằm ở trong sự tiếp tục. Những tín hữu này chứng minh thực tế lời tuyên xưng của họ bằng cách tiếp tục bền lòng trong:

1. **Lời dạy của các sứ đồ.** Điều này nói đến những sự dạy dỗ được soi dẫn của các sứ đồ, lúc đầu được rao giảng thành lời, và giờ đây được bảo tồn trong Tân Ước.

2. **Sự thông công.** Một bằng chứng khác về sự sống mới chính là lòng

khao khát của tín hữu được ở với dân sự Chúa và chia sẻ những điều mình có chung với họ. Có một ý thức được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời từ thế gian này, và có những mối quan tâm cùng hội cùng thuyền với các Cơ Đốc nhân khác.

3. **Lễ bẻ bánh.** Cụm từ này được dùng trong Tân Ước để chỉ về cả Tiệc Thánh lẫn việc ăn bữa ăn chung. Ý nghĩa trong mỗi trường hợp cụ thể phải được xác định bởi nghĩa của phần đoạn. Ở đây, chữ này hiển nhiên chỉ đến Tiệc Thánh, vì sẽ rất thừa nếu bảo rằng họ cứ tiếp tục bền lòng ăn những bữa ăn của họ. Từ Công Vụ 20:7, chúng ta biết tập quán của các Cơ Đốc nhân đầu tiên là bẻ bánh vào ngày đầu tuần lễ. Trong những ngày đầu của Hội Thánh, bữa tiệc yêu thương được tổ chức có liên quan với Tiệc Thánh như một biểu hiện của tình yêu thương các thành đồ đối với nhau. Tuy nhiên, những lạm dụng đã len vào, và bữa tiệc "Agape" hay yêu thương không còn tiếp tục nữa.

4. **Sự cầu nguyện.** Đây là nếp sống đạo chính yếu thứ tư của Hội Thánh đầu tiên, biểu hiện sự nương cậy hoàn toàn vào Chúa để được thờ phượng, được hưởng dân, bảo tồn và phục vụ.

2:43 Cảm giác kính sợ lan khắp trong dân chúng. Quyền năng mạnh mẽ của Thánh Linh hiển nhiên đến nỗi nhiều tấm lòng phải nín lặng và bị khuất phục. Sự sùng sốt tràn đầy tâm hồn họ khi nhìn thấy các sứ đồ làm nhiều sự kỳ phép lạ. "Sự kỳ" là những dấu lạ khơi dậy sự thần phục và kinh ngạc sùng sốt. "Phép lạ" là những

dấu lạ nhằm truyền đạt sự dạy dỗ. Một dấu lạ có thể vừa là sự kỳ vừa là một dấu lạ.

2:44,45 Các tín hữu này liên tục nhóm lại với nhau và giữ mọi vật trong sự tín cậy chung. Tình yêu của Đức Chúa Trời tuôn đổ mạnh mẽ biết bao trong lòng họ đến nỗi họ không còn xem của cải vật chất của mình là của riêng mình nữa (4:32). Bất cứ khi nào có trường hợp túng thiếu thật trong hội thông công này, họ bán tài sản riêng và phân phát như khoản tiền thu được. Như vậy đã có sự đồng đều.

Giữa vòng những người tin có sự hiệp một lòng và sự quan tâm, trong đó tính ích kỷ tự nhiên của tình trạng sa ngã đã bị nuốt mất trong sự đầy đầy tình yêu sanh ra bởi sự cảm nhận tình yêu thương thiên thượng. Họ đã cùng chung nhau đến nỗi mọi điều họ có đều được kể là của chung: không phải do bất kỳ luật pháp hay sự ràng buộc bề ngoài nào vì nó ắt hẳn sẽ phá hỏng toàn bộ điều đó, nhưng bởi ý thức về ý nghĩa của hết thảy họ đối với Đấng Christ và ý nghĩa của Đấng Christ đối với mỗi một người cũng như toàn thể họ. Được Ngài ban phước hạnh càng phong phú thêm mà không điều gì có thể làm giảm đi được, nhưng họ càng phục vụ, thì càng được thêm. "Bản hết gia tài di sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người."¹¹

Ngày nay nhiều người cho rằng chúng ta không cần noi gương các tín hữu đầu tiên trong nếp sống đạo này. Và có thể cũng có người cho rằng

chúng ta đừng nên yêu người lân cận như yêu chính mình. Việc chia sẻ mọi gia tài di sản là kết quả không thể tránh khỏi của những đời sống đầy đầy Đức Thánh Linh. Có người nói: "Một Cơ Đốc nhân thật thì không thể nào chịu nổi cảnh mình có quá nhiều trong khi người khác có quá ít."

2:46 Câu này cho biết ảnh hưởng của Lễ Ngũ Tuần trên đời sống tôn giáo và đời sống gia đình.

Về đời sống tôn giáo, chúng ta phải nhớ những tín hữu đầu tiên này mang bối cảnh Do Thái. Dấu gờ đây Hội Thánh đã hiện hữu, nhưng mỗi ràng buộc với đền thờ Do Thái vẫn chưa bị cắt đứt tức khắc. Tiến trình vứt bỏ vài lệ luật của Do Thái giáo tiếp tục suốt thời kỳ của sách Công Vụ. Và vì vậy tín hữu vẫn tiếp tục đến dự các buổi nhóm trong đền thờ,¹² nơi đó họ nghe đọc và giải nghĩa Cựu Ước. đương nhiên, bên cạnh đó họ còn nhóm nhau trong nhà riêng để thực hiện những chức năng liệt kê trong câu 42.

Về đời sống gia đình, chúng ta đọc thấy họ bẻ bánh, dùng bữa chung với nhau cách vui vẻ thật thà. Ở đây, dường như thấy rõ việc bẻ bánh nói đến việc ăn những bữa thường lệ. Niềm vui sự cứu rỗi của họ đã tuôn trào vào mọi chi tiết của đời sống, khiến những chuyện tế nhị đã ngời sáng ánh hào quang vĩnh viễn.

2:47 Sự sống đã trở thành bản Thánh ca ngợi khen và Thi Thiên cảm tạ cho những người được giải cứu khỏi quyền lực của tối tăm và được đưa vào vương quốc của Con yêu dấu Đức Chúa Trời.

Ngay từ đầu, các tín hữu đã được đẹp lòng cả dân chúng. Nhưng điều này không kéo dài lâu. Bản chất của đức tin Cơ Đốc là đức tin ấy dứt khoát không tránh khỏi khơi dậy thù ghét và chống đối trong lòng người. Cứu Chúa đã cảnh cáo môn đồ phải coi chừng sự miến mộ của quần chúng (Luca 6:26), và bảo đảm họ về sự bắt bớ và hoạn nạn (Mathiơ 10:22, 23). Vì vậy, sự đẹp lòng này chỉ là giai đoạn thoáng qua, chẳng bao lâu sẽ bị thay thế bởi sự chống đối không ngừng nghỉ.

Mỗi ngày Chúa lấy những kẻ được cứu thêm vào Hội Thánh. Hiệp hội Cơ Đốc này tăng trưởng bởi mỗi ngày có nhiều người hoán cải. Những người nghe Tin Lành có trách nhiệm tiếp nhận Chúa Jêsus bằng một hành động dứt khoát của ý chí. Việc Chúa chọn lựa và thêm vào không loại bỏ trách nhiệm con người.

Như vậy, trong đoạn này chúng ta có câu chuyện về sự tuôn đổ Thánh Linh, bài giảng đáng nhớ của Phierơ cho những người Giuđa tập trung lại, sự tin Chúa của một đoàn dân đông, và sự mô tả vắn tắt về sự sống giữa vòng các tín hữu đầu tiên. Bản tóm tắt xuất sắc về sinh hoạt giữa vòng các tín hữu đầu tiên được nêu trong bộ *Bách Khoa Tự Điển Britannica*, xuất bản lần thứ mười ba, mục nói về "Lịch Sử Hội Thánh":

Vấn đề đáng lưu ý nhất về sinh hoạt của các Cơ Đốc nhân đầu tiên chính là ý thức sinh động của họ về việc được làm dân sự của Đức Chúa Trời, được kêu gọi và được biệt riêng ra. Hội Thánh Dừng Christ trong sự nghỉ của họ là một định chế thiện

thượng, chứ không phải của con người. Định chế này được thiết lập và điều khiển bởi Đức Chúa Trời, và ngay cả thế gian cũng được tạo dựng vì cơ Hội Thánh này. Khái niệm này... đã kiểm soát mọi sinh hoạt của các Cơ Đốc nhân đầu tiên, cả về mặt cá nhân lẫn mặt giao tiếp xã hội. Họ xem mình được biệt riêng ra khỏi phần thế giới còn lại và ràng buộc với nhau bởi những mối dây ràng buộc đặc thù. Họ là công dân Thiên đàng, chứ không phải công dân trên trần gian, và các nguyên tắc cũng luật pháp mà họ đang cố gắng dùng để quản trị chính mình đều đến từ trên. Thế gian hiện tại chỉ là tạm thời, và sự sống thật của họ ở trong tương lai. Đáng Christ sắp tái lâm, và những công việc làm ân, công khổ và thú vui của đời này trở thành chuyện nhỏ.

...Đức Thánh Linh hiện diện trong sinh hoạt thường nhật của Cơ Đốc nhân, và các ơn của Đấng Christ là bông trái. Kết quả của niềm tin này chính là đem cho đời sống họ sự nhiệt tình đặc biệt hay nguồn cảm hứng đặc thù. Kinh nghiệm của họ không phải kinh nghiệm thường nhật của những con người bình thường, nhưng của những con người đã được nâng vạm cao hơn chính bản thân họ và đưa lên một môi trường cao hơn.

Chỉ đọc mục này thôi cũng đã nhận thấy phần nào Hội Thánh đã trôi giạt khỏi sức sống và đoàn kết nguyên thủy của mình xa biết chừng nào rồi!

HỘI THÁNH TẠI TƯ GIA VÀ CÁC TỔ CHỨC SONG SONG VỚI HỘI THÁNH

Vì lần dùng chữ Hội Thánh (Hy văn: *ekklēsia*) đầu tiên trong sách

Công Vụ là ở tại đây¹³ [2:47], nên chúng ta tạm dừng để xem xét tình trạng tâm của Hội Thánh trong nếp suy nghĩ của các Cơ Đốc nhân đầu tiên.

Hội Thánh trong sách Công Vụ và trong phần còn lại của Tân Ước là điều thường được gọi là một Hội Thánh tại nhà riêng. Các Cơ Đốc nhân đầu tiên nhóm trong các nhà riêng chứ không phải trong các tòa nhà đặc biệt của giáo hội. Người ta nói tôn giáo đã được buông ra khỏi những nơi thiêng liêng đặc biệt để tập trung vào địa điểm phổ thông của đời sống, là nhà riêng. Unger nói các nhà riêng tiếp tục thành nơi nhóm của Cơ Đốc nhân suốt hai thế kỷ.¹⁴ Có lẽ rất dễ khiến chúng ta nghĩ rằng buộc phải sử dụng các nhà riêng vì nhu cầu kinh tế hơn là vì kết quả của những suy xét thuộc linh. Chúng ta đã trở nên quá quen thuộc với những nhà thờ và những nhà nguyện đến nỗi nghĩ chúng là lý tưởng của Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, có nguyên nhân vững chắc để tin các tín hữu ở thế kỷ thứ nhất có lẽ đã khôn ngoan hơn chúng ta.

Thứ nhất, quả là không nhất quán với đức tin Cơ Đốc và điểm nhấn mạnh về tình yêu khi bỏ ra hàng ngàn dollars và những tòa nhà xa xỉ trong khi có sự túng thiếu khủng khiếp đến như thế trên toàn thế giới. Về vấn đề này, E. Stanley Jones viết:

Tôi đã ngắm Chúa Hài Đồng (Bambino) - Hài Nhi Christ trong Đại Giáo Đường ở Rôma, phủ đầy những nữ trang đắt giá, sau đó bước ra ngoài nhìn xem hình hài những

trẻ em đói khát, rồi tự hỏi không biết Đấng Christ khi thấy cảnh đói kém này thì Ngài còn vui thường thức những nữ trang của Ngài không. Và rồi cứ day dứt mãi, nếu Ngài vui thường thức, thì tôi không thể nào còn thường thức những suy gẫm về Đấng Christ nữa. Chúa Hài Đồng ngập trong nữ trang đó và những trẻ em đói khát ấy là biểu tượng về việc chúng ta đã làm khi phủ quanh Đấng Christ lớp áo đầu tiên của những Đại Giáo Đường và những giáo đường trang nghiêm dòng thời bỏ mặc không đủ động đến những điều sai quấy cơ bản trong xã hội loài người, và bỏ đi bỏ mặc những người thất nghiệp và người bị bóc lột của cải phải đói khát Đấng Christ.¹⁵

Không những là vô nhân đạo mà còn không kinh tế khi bỏ tiền vào những tòa nhà đắt giá vốn chỉ được sử dụng không quá ba bốn hoặc năm giờ mỗi tuần. Làm thế nào chúng ta luôn để cho mình trôi giạt vào thế giới mộng mơ thiếu suy nghĩ này, nơi chúng ta sẵn lòng chi tiêu lớn đến như vậy để nhận lại một công dụng ít ỏi đến như thế?

Những chương trình xây cất hiện đại của chúng ta là một trong những trở ngại lớn nhất cho sự bành trướng Hội Thánh. Những khoản chi trả nặng nề cho tiền vay và lãi suất khiến các lãnh đạo Hội Thánh kháng cự mọi nỗ lực nhằm tách ra và thành lập những Hội Thánh mới. Mọi mất mát thành viên đều làm thiệt hại đến thu nhập cần phải có để chi phí cho tòa nhà và công tác bảo dưỡng. Thế hệ chưa ra đời đã phải ngập nặng nợ, và những hy vọng sinh sôi Hội Thánh bị dập tắt.

Người ta thường lập luận chúng ta phải có những tòa nhà đầy ấn tượng thì mới thu hút được những người bên ngoài Hội Thánh bước vào những buổi nhóm của chúng ta. Đây vừa là một nếp suy nghĩ xác thịt, vừa hoàn toàn xem thường khuôn mẫu Tàn Ước. Các buổi nhóm của Hội Thánh đầu tiên hầu như dành cho tín hữu. Cơ Đốc nhân nhóm lại để nghe lời dạy của các sứ đồ, thông công, bẻ bánh và cầu nguyện (Công Vụ 2:42). Họ không truyền giảng bằng cách mời người ta đến nhóm vào ngày Chúa Nhật, nhưng bằng cách làm chứng cho những người mà họ tiếp xúc trực tiếp trong tuần. Khi người ta trở lại tin Chúa thì bấy giờ mới được đưa vào mỗi thông công và sự nóng ấm của Hội Thánh tư gia để được nuôi dưỡng và khích lệ.

Đôi khi thật khó đưa người ta đến nhóm trong các nhà thờ sang trọng. Có một phản ứng mạnh mẽ chống lại chủ nghĩa hình thức. Và cũng có nỗi sợ bị xin tiền để gây quỹ. "Hội Thánh chỉ toàn là muốn tiền của anh thôi" là lời than phiền phổ thông. Thế nhưng phần lớn chính những con người này sẵn lòng đến dự các lớp học Kinh Thánh mang tính đối thoại tại một nhà riêng. Tại đó họ không phải bận tâm lo nghĩ đến tác phong, và họ vui hưởng bầu không khí không chuyên môn thân tình.

Thực ra, Hội Thánh nhóm lại tư gia là lý tưởng cho mọi nền văn hóa và mọi quốc gia. Và có lẽ nếu có thể nhìn xem trên toàn thế giới, chúng ta sẽ thấy có nhiều Hội Thánh nhóm tại nhà riêng hơn những cách nhóm khác.

Trái với những giáo đường, nhà thờ và nhà nguyện oai nghiêm của thời nay cùng vô số các giáo phái, đoàn truyền giáo và các tổ chức "đi song song bên Hội Thánh" được tổ chức rất chặt chẽ, các sứ đồ trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ không hề nỗ lực lập bất kỳ loại tổ chức nào để làm công việc Chúa. Hội Thánh địa phương là đơn vị của Đức Chúa Trời trên đất để truyền bá đạo và các môn đồ thỏa lòng hoạt động bên trong bối cảnh đó.

Trong những năm gần đây, có sự bùng nổ các tổ chức trong Cơ Đốc giáo giới với quy mô đến chóng mặt. Mỗi khi một tín hữu có ý tưởng mới để đẩy mạnh sự nghiệp của Đấng Christ, người ấy lập một hội truyền giáo mới, một công ty hay một thể chế mới!

Một kết quả nảy sinh ấy là những giáo sư và người giảng đạo tài năng đã được triệu khỏi chức vụ chính yếu của họ để trở thành những nhà quản lý. Nếu toàn bộ những nhà quản lý hội truyền giáo đang phục vụ trên cánh đồng truyền giáo, ắt sẽ giảm thiểu rất nhiều nhu cầu thiếu nhân sự tại đó.

Sự sinh sôi nhanh mạnh các tổ chức dẫn đến một kết quả khác nữa là cần những khoản tiền bất sức lớn lao cho tổng chi phí, và như vậy đã đi lệch hướng khỏi công tác trực tiếp đi ra rao giảng Tin Lành. Tỷ số của mỗi khoản tiền chi ra cho rất nhiều tổ chức Cơ Đốc phần lớn dành cho chi phí duy trì tổ chức ấy hơn là số chi cho mục đích chính yếu vốn đã thiết lập nên tổ chức đó.

Các tổ chức thường cản trở việc làm trọn Đại Mạng Lịnh. Chúa Jêsus bảo các môn đồ dạy mọi điều Ngài đã truyền. Đa số những người làm việc cho các tổ chức Cơ Đốc thấy họ không được phép dạy toàn bộ những chân lý của Đức Chúa Trời. Họ không được phép dạy những vấn đề gây tranh cãi nào đó vì sợ khiến cho nhóm người mà họ đang mong nhận được hậu thuẫn tài chánh sẽ xa lánh họ.

Sự tăng bội các cơ quan Cơ Đốc thường dẫn đến những hệ phái, sự ganh tị và kinh địch đã làm tổn hại lớn lao đến lời chứng về Chúa Jêsus.

Hãy xem đến sự nhân hội trùng lặp nhau của các tổ chức Cơ Đốc tại công trường, tại quốc nội cũng như ở hải ngoại. Mỗi tổ chức đã cạnh tranh nhau số nhận sự hữu hạn và những nguồn cung ứng tài chánh eo hẹp. Và hãy xem rõ biết bao nhiêu những tổ chức này thật sự phát sinh từ nguồn gốc kinh địch thuận tụy giữa con người với nhau, dẫn những tuyên ngôn công khai thường nói đến ý muốn của Đức Chúa Trời (Chú Giải Hàng Ngày Của Liên Đoàn Thánh Kinh).

Thật ra, thông thường các tổ chức có cách để tự kéo dài tổ chức của mình rất lâu sau khi họ không còn hoạt động hữu hiệu nữa. Các bánh xe cứ nặng nề tiến tới dấu khởi tượng của những nhà sáng lập đã mất đi, vinh quang của phong trào một thời năng động nay không còn. Chính sự khôn ngoan thuộc linh, chứ không phải sự ngây thơ sơ khai, đã cứu những Cơ Đốc nhân đầu tiên khỏi thiết lập những tổ chức con người để làm công việc Chúa. G. H. Lang viết:

Một tác giả tình tế, khi đối chiếu công tác thời các sứ đồ với những phương pháp truyền giáo thông thường hiện đại hơn, đã nói: "Chúng ta thành lập các hội truyền giáo, các sứ đồ đã thành lập các Hội Thánh." Sự phân biệt này rất lành mạnh và đầy hàm ý. Các sứ đồ thành lập nhiều Hội Thánh, và họ đã không thành lập bất kỳ điều gì khác, bởi vì để đạt được những mục đích dung xer, thì không cần đòi hỏi thêm điều gì khác mà cũng không điều nào khác có thể thích hợp được như thế. Tại mỗi nơi họ làm việc, họ đã đưa các tâm tin hữu vào hội chúng địa phương, với các trưởng lão - và luôn luôn các trưởng lão, chứ không bao giờ là một trưởng lão (Công Vụ 14:23; 15:6, 23; 20:17; Philip 1:1) - để hướng dẫn, để quản trị, chân bầy, là những con người được Chúa xét là đủ tư cách và được các thành đồ công nhận (1.Côrinthô 16:15; 1.Têsalônica 5:12,13; 1.Timothê 5:17-19); và cùng với các chấp sự, do hội chúng bổ nhiệm (Công Vụ 6:1-6; Philip 1:1) - để phân biệt với các trưởng lão - để chú ý đến và công việc trần thế hết sức quan trọng, và đặc biệt chú ý sự phân phối các ngân quỹ của hội chúng... Xét về phương diện tổ chức, toàn bộ những việc mà họ (các sứ đồ) đã làm chính là lập các môn đồ nhóm lại thành những hội chúng khác nhau như thế. Không có sự tổ chức nào khác hơn hội chúng địa phương xuất hiện trong Tân Ước, và chúng ta cũng không thấy ngay cả mầm mống của những điều nào khác hơn thế.¹⁶

Đối với những Cơ Đốc nhân đầu tiên và các sứ đồ lãnh đạo họ, hội

chúng là đơn vị được Đức Chúa Trời chỉ định trên đất để Đức Chúa Trời chọn hành động qua đó, và đơn vị duy nhất được Ngài hứa cho tồn tại vĩnh viễn như thế chính là *Hội Thánh*.

E. Chúa Lãnh Người Quê, Và Lời Phierơ Buộc Tội Ysrahêl (3:1-20)

3:1 Lúc ba giờ chiều Phierơ và Giăng cùng lên đến thờ Giêrusalem. Như đã nói trước đây, những Cơ Đốc nhân đầu tiên người Do Thái vẫn tiếp tục đến nhóm tại đền thờ trong ít lâu sau khi Hội Thánh được thành lập. Đây là thời kỳ điều chỉnh và chuyển tiếp, và sự đoạn tuyệt với Do Thái giáo không diễn ra tức thời. Tin hữu ngày nay không có cơ hợp lý để giữ theo gương mẫu này ở chỗ: vì chúng ta đã có khả thi đầy trọn trong Tân Ước và được truyền: "Hãy ta ngoài trại quân, đừng đi tới cùng Ngài, đồng chịu đều sí nhục" (Hêbơơ 13:15. Cũng xem II.Côrinthô 6:17, 18).

3:2 Khi đến gần đền thờ, họ thấy người ta đem một người ăn mày bị què đến chỗ thương lệ của anh bên cửa gọi là Cửa Đẹp. Tình trạng bất lực của người què từ lúc sinh ra này tương phản hẳn với vẻ đẹp của kiến trúc đền thờ. Nó nhắc chúng ta nhớ đến nghèo khổ và ngu đốt trần đày trong chính bóng râm của các đại giáo đường, và tình trạng bất lực của những hệ thống giáo hội đầy uy quyền không giúp được cho những người què thuộc thể và thuộc linh.

3:3 Hiển nhiên người què không còn hy vọng được chữa lành, vì vậy bằng lòng xin của bố thí.

3:4 Thay vì nhìn người què như một người khôn khổ bất lực, Phierơ

thấy anh như người mà quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ qua anh! "Nếu chúng ta được Thánh Linh dẫn dắt, chúng ta sẽ chăm mắt nhìn vào những người mà Đức Chúa Trời định chúc phước cho, thay vì bắn đạn rỗng và đánh gió" (Sưu Tâm).

Mạng lưới của Phierơ "Hãy nhìn xem chúng ta" không nhằm khiến công chúng chú ý đến Giăng và ông, nhưng chỉ để người ăn mày này chú ý không phân tâm.

3:5,6 Vẫn chỉ chờ được giúp tái chánh mà thôi, người què nhìn chăm chăm hai người. Sau đó anh nghe lời tuyên bố vừa tràn trề thất vọng vừa làm anh hồi hộp. Vẻ của bố thí, Phierơ chẳng có gì để cho. Nhưng ông có một thứ khác tốt hơn để cho anh. Bởi thẩm quyền của Đức Chúa Jêsus Christ ở Nazaret, ông truyền cho người què đứng dậy bước đi. Một vị truyền đạo lớn tuổi đi dóm đã nói: "Người ăn mày què này xin cửa bố thí (trong Anh Ngữ, "cửa bố thí - alms" là đồng âm với "những cánh tay - arms" nên vừa có thể hiểu câu chơi chữ này là "xin những cánh tay" - ND) và đã nhận được những cẳng chân (*legs*)."

Người ta kể rằng Thomas Aquinas đến thăm Giáo hoàng vào lúc người ta đang đếm những khoản tiền rất lớn. Giáo hoàng khoe: "Chúng ta không còn phải nói như Phierơ: 'Ta chẳng có bạc vàng chi hết!'" Aquinas đáp: "Ngài cũng không còn nói được như Phierơ: 'Hãy đứng dậy bước đi!'"

3:7 Khi Phierơ giúp người này đứng lên, bàn chân và mắt cá vốn

vẫn vô dụng trước đến giờ nay liền trở nên cứng vững. Và ở đây, một lần nữa chúng ta được nhắc rằng trong sự sống thuộc linh có sự pha trộn đầy hiểu kỳ giữa yếu tố thiên thượng và con người. Phierơ giúp người này đứng trên chân anh ta; bảy giờ Đức Chúa Trời chữa lành. Chúng ta phải làm việc mình làm được; rồi Chúa sẽ làm việc chúng ta không làm được.

3:8 Phép lạ chữa lành xảy ra ngay tức khắc, chứ không từ từ. Hãy để ý cách Thánh Linh Đức Chúa Trời nhân bội những chữ về hành động và chuyển động: nhảy, đứng lên... bước đi... vào... vừa đi vừa nhảy.

Khi nhớ đến tiến trình chậm chạp và đầy đau đớn của một đứa trẻ trải qua bước tập đi, chúng ta nhận thấy thật tuyệt vời khi người này bước đi và nhảy ngay tức khắc, lần đầu tiên trong đời người.

Phép lạ này, được thực hiện trong Danh Chúa Jêsus, là một lời chứng nữa cho dân Ysraên thấy Đấng họ đã đóng đinh trên thập tự giá vẫn đang sống và sẵn lòng làm Đấng Chữa Lành và Cứu Chúa của họ.

3:9,10 Sự kiện người ăn mày được đặt nằm mỗi ngày tại cửa đền thờ khiến anh trở thành cảnh tượng quen mắt. Giờ đây anh được chữa lành, phép lạ ấy tất nhiên được mọi người biết. Dân chúng không thể phủ nhận đã có phép lạ đầy quyền năng xảy ra, nhưng tất cả điều ấy có ý nghĩa gì?

3:11 Khi người được chữa lành này cầm tay Phierơ và Giảng, với tư cách những thầy thuốc của anh, cả dân chúng lấy làm lạ, chạy đến nơi hiện

cửa gọi là Salômôn, là một phần trong khu vực đền thờ. Sự sống sót và thân phục của họ tạo cơ hội để Phierơ giảng cho họ nghe.

3:12 Trước hết, Phierơ hướng sự chú ý của dân chúng ra khỏi người được chữa lành này cũng như ra khỏi các sứ đồ. Bất cứ ai trong số họ cũng không có được lời giải thích cho phép lạ này.

3:13-16 Ông nhanh chóng đưa họ chú ý đến Tác Giả của phép lạ này. Đây là Chúa Jêsus, Đấng họ đã chối bỏ, phủ nhận và giết đi. Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại và đã tôn Ngài vinh hiển trên Thiên đàng. Giờ đây bởi đức tin nơi Ngài, người này được chữa lành.

Sự dạn dĩ thánh khiết của Phierơ để kết tội dân Ysraên thật đáng lưu ý. Những lời ông buộc tội họ là:

1. Họ đã bắt nộp Ngài (cho dân ngoại xét xử).
2. Họ đã chối bỏ Ngài trước mặt Philát, trong khi Philát có ý tha Ngài ra.
3. Họ đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng công bình mà xin thả một tên sát nhân (là Baraba).
4. Họ đã giết Chúa (hay Tác Giả) của sự sống.

Ngược lại, hãy để ý cách Đức Chúa Trời đối đãi với Chúa Jêsus:

1. Ngài đã khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại (câu 15).
2. Ngài đã làm vinh hiển Đấng từ Ngài là Đức Chúa Jêsus - chứ không phải "Con Ngài là Chúa Jêsus," như trong Bản Kinh Thánh 1611 (câu 13).

Cuối cùng, để ý điểm nhấn mạnh vào đức tin nơi Đấng Christ như là lời

giải thích cho phép lạ chữa bệnh này (câu 16). Trong câu này, cũng như ở những nơi khác, danh đại diện cho chính con người ấy. Vì vậy **Đức tin nơi Danh Ngài** có nghĩa là **Đức tin nơi Đấng Christ**.

3:17 Có thay đổi rõ ràng trong âm điệu của Phierơ trong câu này. Sau khi buộc tội người Ysraên đã giết Chúa Jêsus, giờ đây ông nói với họ trong tư cách những anh em Do Thái của mình, hào hiệp công nhận họ đã làm điều đó vì lòng ngu dốt, và khuyên họ ăn năn hoán cải.

Dường như hết sức mâu thuẫn khi nghe Phierơ nói người Gluđa đã đóng đinh Chúa Jêsus vì lòng ngu dốt. Chẳng phải Ngài đã đến với đầy đủ bằng chứng Ngài là Đấng Mêsi sao? Chẳng phải Ngài đã làm nhiều phép lạ kỳ diệu giữa vòng họ sao? Chẳng phải Ngài đã khiến họ nổi giận vì tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời sao? Đúng, điều này hoàn toàn đúng. Thế nhưng họ đã ngu dốt trước sự kiện Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời nhập thể. Họ chờ đợi Đấng Mêsi đến, không phải trong vẻ binh thương, nhưng chờ đợi Ngài đến với tư cách vị tướng giải phóng hùng mạnh bằng quân sự. Họ đã xem Chúa Jêsus như một kẻ mạo danh.

Họ không biết Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời. Chắc họ nghĩ họ đang phục vụ Đức Chúa Trời khi giết chết Chúa Jêsus. Vì vậy chính Cứu Chúa đã nói trong giờ phút chịu đóng đinh: "Họ không biết mình làm điều gì" (Luca 23:34), và về sau Phaolô viết: "Nếu đã biết thì họ [những người cai

quản đời này] chẳng đóng đinh Chúa vinh hiển trên cây thập tự đâu" (I.Côrinthô 2:8).

Toàn bộ điều này nhằm bảo đảm cho người Ysraên biết tội của họ đều lớn đến đâu cũng vẫn ở dưới ơn tha thứ của Đức Chúa Trời.

3:18 Không hề biện hộ cho tội lỗi họ, Phierơ cho thấy Đức Chúa Trời tế trị trên điều đó để làm trọn những ý định của Ngài. Các liên trí Cựu Ước bảo trước rằng Đấng Mêsi phải chịu đau đớn. Dân Do Thái là những người gây đau đớn cho Ngài. Nhưng giờ đây Ngài trình diện chính Ngài cho họ trong tư cách Chúa và Cứu Chúa. Bởi Ngài, họ có thể nhận được sự tha thứ tội.

3:19 Dân Ysraên phải ăn năn và quay trở lại. Khi làm như vậy, tội họ sẽ được xóa đi hầu cho kỳ lơ thối đến từ Chúa.

Phải nhớ sứ điệp này nói cho dân Ysraên (câu 12). Sứ điệp nhấn mạnh sự ăn năn toàn dân phải đến trước sự khôi phục và ban phước cho toàn dân. Kỳ lơ thối ... đến từ Chúa nói đến những phước hạnh trong vương quốc tương lai của Đấng Christ trên đất, như đề cập trong câu tiếp theo.

3:20 Sau sự ăn năn của Ysraên, Đức Chúa Trời sẽ sai Đấng Mêsi, là Chúa Jêsus, đến. Như đã nói trước đây, câu này nói đến Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai của Đấng Christ để thiết lập thời trị vì ngàn năm của Ngài trên đất.

3:21 Đến đây, dứt khoát nảy sinh câu hỏi: "Nếu Ysraên chịu ăn năn khi Phierơ đang nói, có phải Chúa

Jêsus đã tái lâm trần gian rồi không?" Những con người vì đại tin kính đã bất đồng ý kiến với nhau về đề tài này. Có người quả quyết rằng nếu họ ăn năn thì Ngài đã trở lại rồi; nếu không, họ nói rằng lời hứa này chẳng phải là lời hứa xác thực. Người khác xem phân đoạn này đang nói tiên tri, để cho thấy thứ tự những biến cố sẽ thực sự xảy ra. Câu hỏi này là một câu hỏi thuần túy giả thuyết. Sự thực ấy là Ysraên đã không ăn năn, và Chúa Jêsus vẫn chưa trở lại.

Từ câu 21, rõ ràng Đức Chúa Trời đã thấy trước dân Ysraên sẽ chối bỏ Đấng Christ, và thời ân điển hiện tại sẽ xen vào trước sự tái lâm của Ngài. Trời phải rước Đấng Christ về cho đến kỳ muôn vật đổi mới. Kỳ muôn vật đổi mới chỉ hướng tới Thiên Hy Niên. Chúng không chỉ đến sự cứu rỗi phổ thông, như có người gợi ý; sự dạy dỗ như thế là xa lạ với Kinh Thánh. Trái lại, chúng chỉ đến thời điểm cơn tạo vật sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ của sự hư hoại và Đấng Christ sẽ cai trị trong sự công bình với tư cách Vua trên cả trái đất.

Kỳ muôn vật đổi mới này đã được các tiên tri Cựu Ước bảo trước.

Câu 21 đã được dùng để bác bỏ sự Cát Lên tiền đại nạn. Họ lập luận rằng nếu trời phải rước Chúa Jêsus về cho đến khởi đầu Thiên Hy Niên, thì Ngài không thể đến trước lúc đó để cất Hội Thánh về Thiên đàng. Dương nhiên, câu trả lời thế này: ở đây Phiêrô đang nói về người Ysraên (câu 12). Ông đang luận đến cách Đức Chúa Trời đối đãi với dân tộc Ysraên. Xét về

dân Ysraên, Chúa Jêsus sẽ cứ ở trên trời cho đến khi Ngài trở lại cai trị vào cuối Cơn Đại Nạn. Nhưng những cá nhân người Giuđa nào tin Ngài trong Thời Đại Hội Thánh sẽ đồng dự phần với những người ngoại bang tin Chúa trong sự cất Hội Thánh lên, là điều có thể xảy ra tại bất kỳ giây phút nào. Hơn nữa, trong Sự Cát Lên, Chúa không rời khỏi trời; chúng ta đến với Ngài tại chốn không trung.

3:22 Để lấy ví dụ từ lời tiên tri Cựu Ước nhìn hướng tới thời cai trị vinh hiển của Đấng Christ, Phiêrô trích Phục truyền Luật lệ Ký 18:15, 18, 19. Phân đoạn này mô tả hình ảnh Chúa Jêsus là Đấng Tiên Tri của Đức Chúa Trời trong thời đại hoàng kim của Ysraên, để công bố ý muốn và luật pháp của Đức Chúa Trời.

Khi Môisê nói: "Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ đẩy lên trong anh em các người một Đấng liên tri như ta," ông không có ý nói giống nhau về tính cách hay năng lực, nhưng giống theo ý nghĩa cả hai đều được Đức Chúa Trời đẩy lên. "Ngài sẽ đẩy Đấng ấy lên như cách Ngài đã đẩy ta lên vậy."

3:23 Trong thời trị vì của Đấng Christ trên đất, những ai không chịu nghe và không vâng lời Ngài thì sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn (Bản Việt Ngữ ghi là "bị truất khỏi dân sự"). Dĩ nhiên, những ai chối bỏ Ngài ngày nay thì cũng sẽ chịu đoán phạt đời đời, nhưng ý tưởng chính trong phân đoạn này ấy là: Đấng Christ sẽ còn cai trị bằng cây roi sắt và ai không vâng lời Ngài và đẩy loạn chống nghịch Ngài thì sẽ bị hành hình tức khắc.

3:24 Để nhấn mạnh thêm thời điểm đổi mới muốn vật đã được dự đoán rất rõ, Phierơ nói thêm rằng **hết thầy các tiên tri đã phán, từ Samuên và các đấng nối theo người, cùng đều có rao truyền những ngày nấy nữa.**

3:25 Giờ đây Phierơ nhắc thánh giả Do Thái của ông nhớ lời hứa về thời kỳ phước hạnh này đã được lập với họ trong tư cách **đồng dôi của các đấng tiên tri** và đồng dôi Ápraham. Suy cho cùng, Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Ápraham để chúc phước cho các dân **thiên hạ** trong đồng dôi của ông. Toàn bộ những lời hứa về phước hạnh Thiên Hy Niên tập trung trong người **Đấng Đồi** này, tức là trong Đấng Christ. Do vậy, họ phải chấp nhận Chúa Jêsus là Đấng Mési.

3:26 Đức Chúa Trời đã **đẩy đẩy** Ngài lên (3:13), và đã sai Ngài đến ước hết với dân Ysraên. Câu này nói đến Sự Nhập Thể và đời sống Chúa chúng ta chứ không nói đến sự phục sinh của Ngài. Nếu họ chịu tiếp nhận Ngài, Ngài sẽ **dắt ai nấy trong bọn họ xây khối lợi ác** họ.

Trong bài giảng này của Phierơ, được giảng cho dân Ysraên, chúng ta thấy đang nói đến **nước Thiên** đang hơn là nói đến **Hội Thánh**. Điểm nhấn mạnh cũng vào toàn dân chứ không phải vào cá nhân. Thánh Linh Đức Chúa Trời đang **nấn nã** trên Ysraên với lòng thương xót nhện nhục, nài nỉ dân sự xưa của Đức Chúa Trời tiếp nhận Đức Chúa Jêsus vinh hiển này là Đấng Mési để **hội đó** đẩy nhanh sự hiện đến của vương quốc Đấng Christ trên đất.

Nhưng dân Ysraên không chịu nghe.

F. Sự Bất Bỏ Và Tảng Trướng Của Hội Thánh (4:1-7:60)

4:1-4 Con bắt bớ đầu tiên giáng trên Hội Thánh non nớt này sắp nổ ra. Đúng y như mẫu, con bắt bớ bùng ra từ tay các lãnh đạo tôn giáo. **Các thầy tế lễ, quan coi đền thờ và người Saduse** nổi lên chống các sứ đồ.

Scroggie gợi ý các thầy tế lễ đại diện sự không khoan nhượng về tôn giáo; các quan coi đền thờ đại diện cho sự thù địch về chính trị; và người Saduse đại diện cho lòng vô tín phi lý. Người Saduse phủ nhận giáo lý phục sinh. Điều này khiến họ xung đột công khai với các sứ đồ, vì sự phục sinh là điểm chính trong sự giảng dạy của các sứ đồ! Spurgeon nhìn thấy sự tương đồng:

Bạn biết đấy, người Saduse là trường phái phóng khoáng, là những người theo phái thần học tự do, những nhà tư tưởng tiên bộ, những con người có nếp suy nghĩ hiện đại của thời nay. Nếu bạn muốn nhận sự cười nhạo cay đắng, câu nói mỉa mai điển hình, hay một hành động tàn bạo, tôi giới thiệu bạn với những quý ngài rộng lượng này. Họ tự do đối với mọi người, ngoại trừ những người đi theo chân lý; và họ dành cho người đi theo chân lý sự cay đắng tập trung đến độ còn vượt trội hơn cả ngửi vôi và mật. Họ rất phóng khoáng với huynh đệ đồng môn và phái của họ đến nỗi không còn chút nhân nhượng nào để dùng tha những người Tin Linh thuần túy.¹⁷

Những lãnh đạo này tức giận vì các sứ đồ đang dạy dân chúng; họ cảm

thấy đây là đặc quyền duy nhất của họ. Rồi họ tức giận trước lời tuyên bố rằng Chúa Jêsus có sự sống lại *từ kẻ chết*. Nếu Chúa Jêsus đã sống lại *từ giữa kẻ chết* thì người Sadusee mất thế điện.

Trong câu 2, cụm từ *sự sống lại từ kẻ chết* là quan trọng, vì bác bỏ quan niệm phổ quát về sự sống lại chung vào kỳ tận thế. Phần đoạn này và nhiều phần đoạn khác nói đến sự sống lại *từ giữa* những kẻ chết. Nói cách khác, một số người sẽ được sống lại còn những người khác (người không tin Chúa) sẽ vẫn ở trong mồ mãi một thời gian nữa.

Các lãnh đạo này quyết định giam lỏng các sứ đồ như kiểu bắt giam tại nhà cho đến ngày hôm sau, vì bảy giờ đã tới rồi. (Phép lạ chữa lành trong đoạn 3 được thực hiện vào khoảng ba giờ chiều.)

Bất chấp sự chống đối chính thức, rất nhiều người đã quay về với Chúa. Khoảng năm ngàn người (Hy văn là *andres*, "những người nam") đã bước vào hiệp hội Cơ Đốc. Những nhà giải kinh bất đồng ý kiến với nhau không rõ con số này có bao gồm ba ngàn người được cứu trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Con số này không bao gồm những phụ nữ và trẻ em.

4:5,6 Bữa sau, hội đồng tôn giáo, còn gọi là Tòa Công Luận, nhóm lại xét xử, nhằm chặn đứng các hoạt động của những kẻ đã gây rối công chúng. Tất cả những gì họ thành công trong biện pháp này ấy là tạo cho các sứ đồ thêm cơ hội nữa để làm chứng cho Đấng Christ!

Cùng với các quan, các trưởng lão và các thầy thông giáo còn có:

1. **Anne**, là thầy cả thượng phẩm, là người mà người ta đã giải Chúa đến với ông trước hết. Trước kia ông là thầy tế lễ thượng phẩm, nhưng có lẽ được phép giữ lại danh hiệu này vì lịch sử.

2. **Caiphe**, con rể của Anne, người đã chủ tọa cuộc xét xử Chúa.

3. **Giăng và Aléxandơ**, chúng ta không biết thêm điều gì khác về họ.

4. Hết thầy mọi người thuộc về gia đình thầy cả thượng phẩm, tức là những người nam trong dòng dõi thầy tế lễ thượng phẩm.

4:7 Phiên tòa khai mạc khi họ hỏi các sứ đồ bởi quyền phép nào hay là nhân danh ai mà thi hành phép lạ này. Phierơ bước lên phát biểu lời tuyên xưng Đấng Christ công khai lần thứ ba liên tiếp của ông tại Giêrusalem. Đây là cơ hội vô giá để rao giảng Tin Lành cho giới lãnh đạo tôn giáo, và ông sốt sắng nắm lấy cơ hội không chút sợ hãi.

4:8-12 Trước hết, ông nhắc rằng họ không vui vì các sứ đồ đã làm một việc lành cho người lùn lặt. Dấu Phierơ không nói ra, nhưng người được chữa lành đã ăn mày tại cửa đền thờ, và các quan chưa bao giờ chữa được cho người ấy. Bảy giờ sứ đồ giảng thêm một đón sám sét bằng cách công bố rằng chính bởi danh Chúa Jêsus... Đấng mà các ông đã đóng đinh trên thập tự giá mà người bệnh này được chữa lành. Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus *từ kẻ chết sống lại* và chính bởi quyền phép của

Ngài mà phép lạ này được xảy ra. Người Giuđa không dành chỗ nào cho Chúa Jêsus trong kế hoạch được xây dựng của họ, vì vậy họ chối bỏ và đóng đinh Ngài nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại và tôn cao Ngài trên Thiên đàng. Hòn đá bị bỏ ra bởi vậy trở thành hòn đá góc nhà, là hòn đá không thể thiếu để hoàn chỉnh cấu trúc này. Và Ngài là Đấng không thể thiếu được. Không có Ngài thì không có sự cứu rỗi. Ngài là Cứu Chúa độc quyền duy nhất. Ở dưới trời chẳng có danh nào khác ban cho loài người để họ được cứu rỗi, và chúng ta phải nhờ chỉ một mình Danh này mà thôi để được cứu.

Khi đọc câu 8-12, chúng ta nhớ những lời này đang nói ra bởi chính con người đã chối Chúa ba lần bằng những lời thề và rủa sả.

4:13 Tôn giáo khô khan và duy hình thức là luôn luôn không nhân nhượng công tác truyền giảng đầy nhiệt tâm và sống động vốn đem lại nhiều kết quả trong đời sống và tâm lòng. Các lãnh đạo của tôn giáo ấy hết sức bối rối khi thấy những người **đốt nát không học** đang ảnh hưởng đến cộng đồng, trong khi họ cùng mọi khôn ngoan thông thái của họ lại “không vươn được lên bên trên thịt và huyết.”

Trong Tân Ước không hề phân biệt giữa giới giáo phẩm và giáo dân. Sự phân biệt này là di tích được đem qua từ Công Giáo La Mã. John Huss đã chiến đấu và chết tại Tiệp Khắc vì giáo lý về chức tế lễ của mọi tín hữu, và biểu tượng của

phái Huss cho thời hiện nay chính là chén Tiệp Thánh dùng bên trên quyền Kinh Thánh mở ra. Chính chân lý này về chức tế lễ như vua và mỗi tín hữu đều là chứng nhân này đã trở thành sức mạnh năng động trong Hội Thánh đầu tiên. Không hề có sự trợ giúp của bất cứ thiết bị hiện đại, phương tiện giao thông hiện đại nào, cũng không có bản dịch và các ấn phẩm Lời Chúa, Tin Lành của ân điển Đức Chúa Trời đã làm rung động toàn quốc cho đến khi có những thánh đồ ngay cả trong số người nhà của Sêsa. Đức Chúa Trời đang kêu gọi chúng ta trở về với Cơ Đốc giáo sơ khai.¹⁸

Tòa Công Luận sống sót trước sự dạn dĩ của Phierơ và Giăng. Họ muốn gạt bỏ Phierơ và Giăng qua một bên như những ngư phủ đốt nát không học từ Galilê. Nhưng có điều gì đó nơi sự tự chủ của họ, nơi đời sống đầy quyền năng của họ, nơi sự dạn dĩ không biết sợ của họ đã khiến Tòa Công Luận nghĩ đến Chúa Jêsus khi Ngài bị xét xử. Họ quy sự dạn dĩ của các sứ đồ cho sự kiên hai người từng ở với Chúa Jêsus trong quá khứ, nhưng lời giải thích đúng ấy là: giờ đây hai sứ đồ được đẩy đẩy Thánh Linh.

4:14-18 Lúc đó, cũng thật bối rối khi người quê được chữa lành đứng ngay trong phòng xử án. Không thể nào chối cãi được phép lạ đã xảy ra.

J. H. Jowett viết:

Con người có thể vượt trội hơn bạn về một lý luận tình tế. Trong lập luận thông minh của lý trí, có thể bạn dễ dàng bị đánh bại. Nhưng lập

*luận của một đời sống được các cuộc thi không thể công kích vào đâu được. "Vì thấy người được chữa lành đứng bên hai người, nên chúng không có lời gì để bẻ bực được hết."*²⁰

Để bàn bạc chiến lược, họ cho Phierơ và Giăng tạm thời ra ngoài phòng xử án. Vấn đề nan giải của họ là thế này: họ không thể phạt các sứ đồ vì đã làm được một việc nhân đức; thế nhưng nếu không ngăn chặn những kẻ cuồng tin này, tôn giáo của chính họ sẽ bị đe dọa nghiêm trọng vì bị mất số thuộc viên. Vì vậy họ quyết định cấm Phierơ và Giăng không được nói cho dân chúng biết về Chúa Jêsus trong cuộc đối thoại riêng tư, cũng không được giảng về Ngài trước công chúng.

4:19,20 Phierơ và Giăng không thể đồng ý với lời cấm đoán như thế. Lòng trung thành trên hết và trách nhiệm trước hết của họ là với Chúa chứ không phải với con người. Nếu ngay thẳng, các quan ắt phải thừa nhận điều này. Các sứ đồ đã chứng kiến sự sống lại và sự thăng thiên của Đấng Christ, họ đã ngồi nghe Ngài dạy hết ngày này đến ngày kia. Họ có trách nhiệm làm chứng cho Chúa và Cứu Chúa của họ, là Đức Chúa Jêsus Christ.

4:21,22 Nhược điểm trong quan điểm của các quan được nhìn thấy qua sự kiện họ không thể phạt các sứ đồ; toàn dân đều biết phép lạ đầy ơn này đã xảy ra. Người được chữa lành, đã hơn bốn mươi tuổi rồi, giờ đây ai cũng biết, vì cảnh khốn khó đang buồn của người ấy đã phô bày công khai từ lâu

rồi. Vì vậy, Tòa Công Luận chỉ có nước thả các sứ đồ, vốn đang là những bị cáo ở đây, kèm theo những lời đe dọa.

4:23 Với bản năng của những người con tự do của Đức Chúa Trời, các sứ đồ đi thẳng đến các hạn đồng niềm tin của mình ngay khi được nhà cầm quyền thả ra. Họ đã tìm và gặp mối thông công của mình với "bầy chiên đang tím tím khao khát, mà tội đã phạm duy nhất của họ là tin Đấng Christ." Vì vậy trong mọi thời đại, một phương pháp thử nghiệm đặc tinh của một Cơ Đốc nhân chính là nơi người ấy tìm sự thông công và tình đồng bạn.

4:24-26 Ngay khi các thánh đồ nghe điều vừa xảy ra, họ cất tiếng lên kết cầu Đức Chúa Trời. Thừa với Chúa bằng một từ ngữ có nghĩa "Thấy Tuyệt Đối," một từ ngữ hiếm khi được sử dụng trong Tân Ước, họ ca ngợi Ngài trước hết trong tư cách Đấng Tạo Hóa của muôn vật (và bởi đó trội hơn các tạo vật hiện đang chống đối chân lý của Ngài). Kế đó họ dùng những lời của Davit trong Thi Thiên 2, mà Davit đã nói bởi Đức Thánh Linh về sự chống đối của các thế lực cai trị chống lại Đấng Christ của Ngài. Thực ra, Thi Thiên này nói hướng tới thời điểm Đấng Christ sẽ đến thiết lập vương quốc Ngài và khi vua và các quan sẽ tìm cách ngăn cản mục đích đó. Nhưng các Cơ Đốc nhân đầu tiên nhận thấy tình hình trong thời của họ là tương tự, vì vậy họ áp dụng những lời này cho hoàn cảnh riêng của mình. Như đã nói, họ bày tỏ

đời sống thuộc linh thật bởi kỹ năng thiên thượng mà họ đã dùng để kết hợp Kinh Thánh vào lời cầu nguyện của mình.

4:27,28 Áp dụng của họ cho lời trích từ Thi Thiên được nêu ra kế tiếp đó. Ngay tại đó ở Giêrusalem, người Lamã và Do Thái đã liên minh với nhau chống lại Đấng tể trị²⁰ của Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Jêsus. Hêrôđê đại diện cho người Giuđa, và Philát đã hành động thay cho dân ngoại bang. Nhưng có một kết cục kinh ngạc trong câu 28. Người ta mong đợi câu này nói các quan đã nhóm lại để làm bất kỳ điều gì mà tấm lòng gian ác của họ đã dự định. Trái lại, câu này nói họ đã nhóm họp lại để làm mọi việc tay Ngài và ý Ngài đã định trước.

Matheson giải thích:

Ý chính ở đây là: những nỗ lực họ chống đối ý muốn của Đức Chúa Trời đã tỏ ra là hành động liên minh với ý muốn của Ngài... họ đã nhóm lại trong một hội đồng tranh chiến với Đấng Christ; họ vô tình ký một hiệp ước để cao vinh hiển của Đấng Christ... Đức Chúa Trời của chúng ta không đẹp tan cơn bão dữ dấy lên chống nghịch Ngài; Ngài cỡi trên những cơn bão ấy; Ngài đang hành động thông qua chúng.²¹

4:29,30 Sau khi tỏ lòng tin quyết về quyền năng tể trị trên hết của Đức Chúa Trời, những Cơ Đốc nhân này cầu xin ba điều cụ thể:

1. Xin Chúa xem xét những sự họ ngắm đọa. Họ không dám đối Đức Chúa Trời trừng phạt những con người gian ác này, nhưng chỉ đơn giản giao vấn đề cho Chúa.

2. Ban cho các đấng tể trị Ngài dọn đi. An toàn của bản thân họ không phải là chuyện quan trọng. Không sợ hãi trong công tác giảng đạo mới là vấn đề tối quan trọng.

3. Giơ tay Ngài ra... mà làm những phép chữa lành bệnh. Công tác rao giảng Tin Lành thời đầu tiên đã được Đức Chúa Trời xác chứng qua các dấu kỳ phép lạ được làm bởi Danh Chúa Jêsus. Ở đây, họ thỉnh cầu Đức Chúa Trời tiếp tục khẳng định chức vụ của các sứ đồ Ngài theo cách ấy.

4:31 Khi đã cầu nguyện, thì nơi nhóm lại rúng động - một biểu hiện thuộc thể cho quyền năng thuộc linh đang hiện diện. Ai nấy đều được đấng đấng Đức Thánh Linh, cho thấy sự vàng lời Chúa của họ, việc bước đi trong sự sáng, và sự đầu phục Ngài của họ. Họ tiếp tục giảng đạo Đức Chúa Trời cách dọn đi, việc được nhậm lời cách rõ ràng về lời cầu nguyện của họ trong câu 29.

Có bảy lần trong sách Công Vụ nói về con người được đấng đấng Đức Thánh Linh. Để ý những mục đích hay những kết quả ấy:

1. Để nói (2:4, 4:8; và ở đây).
2. Để phục vụ (6:3).
3. Để chặn bẫy (11:24).
4. Để quả trách (13:9).
5. Để chịu chết (7:55).

4:32-35 Khi những tấm lòng nóng cháy tình yêu Đấng Christ, chúng cùng nhen lên lòng yêu thương nhau. Tình yêu này tự bày tỏ qua sự ban cho. Vì vậy, những tín hữu đầu tiên bày tỏ thực tại về sự sống chung của họ trong Đấng Christ bằng nếp sống

sử dụng chung của cải. Thay vì nắm giữ tài sản riêng cách ích kỷ, họ xem của cải mình là thuộc về toàn bộ hiệp hội thông công. Nơi đâu có nhu cầu, họ sẽ bán đất hoặc nhà và đem tiền thu được đến cho các sứ đồ phân phát. Điểm quan trọng cần thấy là họ phân phát bất cứ khi nào có nhu cầu; đây không phải là sự chia đều cách độc đoán tại một thời điểm đặc biệt.

F. W. Grant giải nghĩa:

Do đó không hề có tình trạng tổng từ bỏ quyền sở hữu cá nhân, nhưng có thứ tình yêu đã biết không chút ngần ngại giúp đỡ nhu cầu của nhau. Đây là bản năng và những tấm lòng tìm được của cải thật của họ trong mọi trường mà Đấng Christ đã phục sinh trong đó.²²

Sự tương đồng thời hiện tại của F. E. Marsh có phần hơi mỉa mai nhưng buồn thay lại thường đúng:

Khi dấu chiếu Hội Thánh đầu tiên với Cơ Đốc giáo ngày nay, người ta đã nói: "Chẳng phải là một sự nghĩ nghiêm trọng sao nếu tác giả sách Tin Lành Luca đang mô tả Cơ Đốc giáo thời hiện đại thay vì Cơ Đốc giáo sơ khai, ông phát thay đổi cách dặt vấn đề của Công Vụ 4:32-35 đôi chút để trở thành như sau: ... "Và đoàn người xưng mình tin theo có tấm lòng rộng rãi và tình hồn chai đá, và mỗi người nói rằng hết thảy mọi điều họ có đều là của riêng họ: Và họ thấy đều có những thứ theo đúng một thời thượng nhất. Và họ lấy quyền phép rất lớn làm chứng cho những sự thu hút của thế gian này, và hết thảy đều hết sức ích kỷ. Giữa vòng họ có rất nhiều người

thiếu tình yêu, bởi những người có ruộng hay nhà đều mua thêm, và đôi khi dành một phần nhỏ cho phúc lợi công chúng, để tên họ được rêu rao trên báo chí, và tùy theo ý mỗi người muốn mà phân phát sự ra nợi cho."²³

Có quyền năng diệu kỳ liên kết với đời sống nào hoàn toàn tận hiến cho Chúa. Vì vậy không phải là chuyện trùng hợp khi chúng ta đọc trong câu 33: Các sứ đồ lấy quyền phép rất lớn mà làm chứng về sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ; và hết thảy đều được phước lớn. Dường như khi Chúa gặp được người sẵn lòng giao phó hết tài sản của họ cho Ngài, thì Ngài ban cho lời chứng của họ có sức thu hút và sức mạnh rất dễ thấy.

Nhiều người cho rằng việc chia sẻ của cải ở đây là giai đoạn tạm thời trong sinh hoạt của Hội Thánh đầu tiên và không nhằm làm gương cho chúng ta. Lối lập luận như thế chỉ phơi trần sự nghèo khổ thuộc linh của chính chúng ta. Nếu chúng ta có quyền năng của Lê Ngũ Tuần trong lòng, chúng ta sẽ có bông trái của Lê Ngũ Tuần trong đời sống.

Ryrie nói rõ:

Đây không phải là "chủ nghĩa công sản Cơ Đốc." Việc bán tài sản là hoàn toàn tự nguyện (câu 34). Quyền sở hữu tài sản không bị bãi bỏ. Cộng đồng này không kiếm soát tiền bạc cho đến khi tiền đó được tình nguyện đem dâng cho các sứ đồ. Cách phân phối không phải là chia đồng đều nhưng tùy theo nhu cầu. Đây không phải là những nguyên tắc

*cộng sản. Đây là lòng từ thiện Cơ Đốc trong biểu hiện tối đẹp nhất của nó.*²⁴

Lưu ý hai dấu hiệu của một Hội Thánh vĩ đại trong câu 33 - **quyền phép rất lớn và phước** (Bản Anh ngữ: "ân điển") **lớn**. Vance Havner liệt kê bốn dấu hiệu khác như sau: nỗi sợ hãi rất lớn (5:5, 11); cơn bất bỡ ngỡ (8:1); sự vui mừng lớn (8:8; 15:3); số lượng người tin Chúa rất lớn (11:21).

4:36,37 Những câu này là phần chuyển tiếp giới thiệu cho đoạn 5. Lòng rộng rãi của **Banaba** được nêu ra tương phản hẳn với thói giả hình của Anania. Là **một người Lêvi, Giôxép, còn gọi là Banaba**, bình thường sẽ không sở hữu đất. Chúa là phần cơ nghiệp của người Lêvi. Bằng cách nào hoặc vì sao ông có **đám ruộng đó**, chúng ta không biết. Nhưng chúng ta có biết luật pháp yêu thương đã hành động trong đời sống **Con Trai Của Sự Yên Ủi** này cách quyền năng đến nỗi ông **bán đất đem tiền bạc đến đặt nơi chân các sứ đồ**.

5:1-4 Khi Đức Chúa Trời đang hành động đầy quyền năng, **Salan** liên giả mạo, làm bại hoại và tranh chấp. Nhưng nơi đâu có quyền năng thuộc linh thật, sự lừa gạt và giả hình sẽ bị phơi bày ngay.

Anania và **Saphira** dường như cảm động trước lòng rộng rãi của Banaba và nhiều người khác. Có lẽ họ muốn được con người khen ngợi vì một hành động nhân đức tương tự nào đó, nên họ **bán gia sản mình** rồi dâng một phần tiền thu được cho các sứ đồ. Tội lỗi của họ ở chỗ họ xưng mình

dâng hết tất cả, trong khi chỉ dâng một phần mà thôi. Không ai yêu cầu họ bán sản nghiệp. **Sau khi bán**, họ cũng không bị bắt buộc phải dâng hết. Nhưng họ *giả vờ* như dâng tất cả, trong khi thực sự họ giữ lại một phần.

Phierô đã buộc tội **Annania** nói dối Đức Thánh Linh chứ không phải chỉ nói dối con người. Khi nói dối Đức Thánh Linh, ông đã nói dối Đức Chúa Trời, vì Thánh Linh là Đức Chúa Trời.

5:5,6 Ngay lúc đó, **Annania** ngã xuống chết ngay, và được những người trai trẻ khiêng đi chôn. Đây là hành động sửa phạt nghiêm trọng của Đức Chúa Trời giáng trên Hội Thánh đầu tiên. Điều này không hề ảnh hưởng đến vấn đề sự cứu rỗi của Annania, hay về sự an ninh đời đời của ông. Trái lại, đây là trường hợp Đức Chúa Trời tỏ ra không bằng lòng trước sự xuất hiện tội lỗi đầu tiên này trong Hội Thánh Ngài. Richard Bewes trích dẫn: "Như một nhà giải nghĩa có nói: 'Một là Annania hai là Đức Thánh Linh phải ra đi.'" Sự thanh sạch mãnh liệt như thế của hội thông công Cơ Đốc đầu tiên ấy tuyệt vời đến nỗi kiểu đời sống như thế không sống được trong đó."

5:7-11 **Khởi độ ba giờ sau**, khi **Saphira** xuất hiện, **Phierô** kết tội nàng đồng lõa với chồng để thử Thánh Linh của Chúa. Ông bảo cho nàng biết số phận của chồng và bảo trước đồng số phận ấy cho nàng. **Lập tức nàng** ngã xuống và tắt hơi, rồi được đem đi chôn. Năng lực của **Phierô** để công bố sự đoán phạt trên cặp vợ chồng này là ví dụ về những quyền năng làm phép

lạ đặc biệt đã được ban cho các sứ đồ. Có lẽ đây là sự ứng nghiệm lời Chúa hứa: "Kẻ nào các ngươi cảm tội lại, thì sẽ bị cảm cho kẻ đó" (Giăng 20:23). Ta thấy thêm trường hợp này nữa qua khả năng của Phaolô, ông giao phó Cơ Đốc nhân phạm tội cho Satan để bị huỷ hoại về phần xác (I.Côrinthô 5:5). Không có cơ gì để tin rằng quyền năng ấy vẫn tiếp tục sau thời các sứ đồ.

Chúng ta có thể hình dung cảm giác kinh sợ đang lan tràn trên khắp Hội Thánh, thực ra là trên mọi người nào nghe tin về sự chết của hai người này.

5:12-16 Sau khi Annania và Saphira qua đời, các sứ đồ tiếp tục làm nhiều phép lạ khi đàn chúng nhóm lại quanh họ tại Hiên Cửa Salômôn. Ý thức về sự hiện diện và quyền năng của Chúa sinh động đến nỗi người ta không dám giao tiếp hơi hợt với họ hay tuyên xưng đức tin hơi hợt trên môi miệng. Dầu vậy dân chúng rất quý mến họ, nhiều người lin Chúa Jesus. Dân chúng đem những kẻ bệnh ra ngoài đường để trên giường hoặc trên chõng để bóng của Phierơ đổ trên họ khi ông đi ngang qua. Ai cũng có thể thấy thực tại và quyền năng trong đời sống của các sứ đồ, và họ là những ông dẫn để Chúa tuôn đổ phước hạnh đến cho người khác. Những người bệnh và bị quỷ ám từ vùng ngoài ô tuôn đổ đến, và họ lành đều được chữa lành.

Từ Hêbrơ 2:4, rõ ràng các phép lạ như thế này chính là phương pháp Đức Chúa Trời làm chứng cho chức

vụ của các sứ đồ. Với sự hoàn tất Tân Ước dưới dạng văn viết, nhu cầu cần những dấu lạ như thế hầu như đã qua. Về "những chiến dịch chữa bệnh," chỉ cần lưu ý thế này là đủ: *những ai được đem đến cho các sứ đồ thì họ lành đều được chữa lành cả.* Điều này không đúng như vậy cho cái được gọi là "những người chữa bệnh bởi đức tin."

5:17-20 Chức vụ thật của Thánh Linh luôn luôn dẫn đến một mặt là sự tin Chúa và mặt khác là chống đối cay đắng. Thấy cớ thượng phẩm (chắc là Caiphe) và những người bạn theo phe Sadusê của ông tức giận vì những môn đồ cuồng tin này của Jesus đang tạo ra ảnh hưởng lớn lao đến thế giữa vòng dân chúng. Họ tức giận trước bất kỳ mối đe dọa nào cho vai trò độc quyền của họ là những lãnh tụ tôn giáo, và đặc biệt khinh thường sự giảng dạy về sự sống lại thân thể mà đương nhiên họ hoàn toàn phủ nhận.

Không thể đương đầu với các sứ đồ bằng cách nào khác hơn bạo lực, nên họ cho bắt giữ và tống giam các sứ đồ, nhưng đêm hôm ấy mọi thiên sứ của Chúa dẫn các sứ đồ ra khỏi tù và truyền họ trở lại đến thờ rao giảng cho dân chúng mọi lời này của sự sống. Luca ghi lại sự can thiệp bằng phép lạ của thiên sứ mà không hề biểu lộ ngạc nhiên hay thắc mắc. Nếu chính các sứ đồ có sống sót, thì cũng không có dấu hiệu nào cho thấy điều đó trong câu chuyện.

Thiên sứ đã gọi đạo Đấng Christ là sự sống này một cách rất thích hợp. Đây không chỉ là bản tin điều hay họ

giáo lý, nhưng là *sự sống* - *sự sống* phục sinh của Chúa Jêsus lưu truyền cho mọi người nào tin Ngài.

5:21 Vừa lúc rạng ngày, các sứ đồ đang dạy trong đền thờ. Cùng lúc đó, thấy cả thượng phẩm có cuộc họp riêng long trọng với Tòa Công Luận và nghị viên (hết thầy trưởng lão), và chờ đợi giải tù nhân đến trước mặt họ.

5:22-25 Các sĩ quan hoang mang báo với tòa án rằng mọi việc trong tù đều yên ổn - ngoại trừ tù nhân đã đi mất! Cửa vẫn khóa kỹ, lính gác vẫn ở đúng nguyên vị trí, nhưng tù nhân không còn nữa. Một bản báo cáo thảm sầu hết sức! Quan coi đền thờ và các thầy tế lễ cả tự hỏi: "Chuyện này sẽ chấm dứt tại đâu đây? Phong trào đang được mền mọ này sẽ còn đi xa đến đâu nữa?" Rồi những thắc mắc của họ gián đoạn bởi một sứ giả thông báo những tù nhân trốn thoát kia đã trở lại chỗ cũ của họ trong đền thờ - đang dạy dỗ dân sự! Chúng ta phải ngưỡng mộ can đảm của họ, và chúng ta phải có lại khả năng của Hội Thánh đầu tiên để chịu khổ vì niềm tin quyết của mình bằng mọi giá.

5:26 Các sĩ quan không dùng cách dữ tợn để đưa các sứ đồ trở về trước Tòa Công Luận. Họ sợ dân chúng ném đá nếu công khai hạ hiếp những môn đồ này của Chúa Jêsus, giờ đây vốn được đa số dân chúng rất xem trọng.

5:27,28 Thấy cả thượng phẩm trở thành phát ngôn nhân. "Chúng ta đã cấm ngặt các người, không cho lấy danh đó mà dạy dỗ." [Bản Anh ngữ dịch câu này theo thể nghi vấn: "Không phải vậy sao?"]. Ông cố ý

tránh dùng danh của Chúa Jêsus Christ. "Song các người lại làm cho thành Giêrusalem đầy dẫy đạo giáo mình." Đây là lời khen vô tình cho hiệu quả chức vụ của các sứ đồ. "Vậy, các người muốn khiến máu người ấy đổ lại trên chúng ta sao?" Nhưng các lãnh đạo Do Thái đã làm điều này rồi vào lúc họ kêu lên: "Xin huyết người đổ trên chúng tôi và con cái chúng tôi" (Mathew 27:25).

5:29-32 Trước đây các sứ đồ đã cầu xin sự dạn dĩ để rao giảng Lời Chúa. Giờ đây với can đảm từ trên, họ quả quyết bốn phận của họ là vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời người ta. Họ tuyên bố thẳng thừng rằng Chúa Jêsus đã được Đức Chúa Trời khiến sống lại, Ysraên đã giết Ngài bằng cách treo Ngài trên cây gỗ, nhưng Đức Chúa Trời đã tôn cao Ngài ấy lên bên hữu Ngài - làm Vua và Cứu Chúa. Và như vậy, Ngài sẵn sàng ban lòng ấn nện và sự tha tội cho dân Ysraên. Như một đôn cuối cùng, các sứ đồ nói thêm rằng họ là người làm chứng mọi việc đó, cũng như Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài bằng cách vâng lời Con Ngài.

Câu "Đức Chúa Trời đã khiến Đức Chúa Jêsus sống lại" (câu 30) có thể nói đến sự nhập thể hay sự sống lại của Ngài. Ý nghĩa khá dĩ ở đây ấy là Đức Chúa Trời đã đẩy Ngài lên (theo cách dịch của bản NKJV), trong Sự Nhập Thể, để làm Cứu Chúa.

5:33-37 Sự cáo trách sâu xa đi kèm với lời nói của những lương tâm hiện thân này - sâu xa đến nỗi các quan

của dân Giuda bản mưu giải các sứ đồ. Đến lúc này, Gamaliên can thiệp. Ông là một trong những rabi nổi tiếng nhất của Ysơraên, và là thầy dạy luật (Bản Việt Ngữ ghi là "luật sư") của Saulơ thành Tạtsơ. Lời khuyên của ông không cho thấy bằng chứng ông là Cơ Đốc nhân hay ông đang ủng hộ Cơ Đốc nhân. Đây chỉ là sự khôn ngoan trần gian.

Sau khi truyền lệnh đem các sứ đồ ra ngoài phòng xử án, trước hết ông nhắc Tòa Công Luận rằng nếu phong trào này không ra bởi Đức Chúa Trời, nó sẽ nhanh chóng sụp đổ. Ở đây nêu ra hai minh họa cho nguyên tắc này: (1) **Thếudo**, một lãnh đạo tự phong và có khoảng bốn trăm nhà cách mạng đi theo, đã bị giết và người của ông bị lán lạc; (2) **Giuda người Galilê**, một tay cuồng tín khác, người đã khuấy động cuộc nổi dậy không thành giữa người Giuda, nhưng rồi cũng chết, và những người theo ông cũng phải tan lành.

5:38,39 Nếu tôn giáo Cơ Đốc này không đến bởi Đức Chúa Trời, điều tốt nhất ấy là để mặc họ, và đạo đó sẽ nhanh chóng lụi tàn. Tranh chiến với đạo ấy chỉ càng khiến họ quyết tâm sống còn hơn nữa. (Lập luận này không hoàn toàn đúng. Rất nhiều thể chế không kính sợ Đức Chúa Trời đã phát triển suốt bao thế kỷ. Trên thực tế, họ còn được nhiều người ủng hộ hơn cả số người ủng hộ chân lý. Nhưng lập luận ở đây đúng theo thời điểm của Đức Chúa Trời, nếu không nói là đúng theo thời điểm của con người.)

Gamaliên nói tiếp, mặt khác nếu phong trào này ra bởi Đức Chúa Trời, họ sẽ không lật đổ nổi, và người ta sẽ thấy họ đang đứng trong địa vị khủng khiếp ấy là liêu minh đánh giặc cùng Đức Chúa Trời.

5:40 Phép lập luận hợp lý này hấp dẫn đối với các quan trưởng, vì vậy họ đòi các sứ đồ trở vào, sai đánh đòn, rồi cấm không được lấy danh Đức Chúa Jêsus mà giảng dạy; đoạn lìa ra. Trận đánh đòn này là một phản ứng vô nghĩa không công bình, và phi lý của những tấm lòng cố chấp và hẹp hòi với chân lý của Đức Chúa Trời.²⁵ Mạng lệnh đi kèm theo trận đòn thật đại dột và vô ích; có lẽ truyền lệnh cho các môn đồ phải nín lặng về danh Chúa Jêsus thì cũng giống như truyền lệnh cho mặt trời đứng chiếu sáng vậy!

5:41,42 Trận đánh đòn các sứ đồ đem lại hai kết quả bất ngờ. Thứ nhất, nó khiến họ hết sức hơn hờ vì đã được kể là xứng đáng chịu nhục vì Danh²⁶ mà họ yêu mến. Thứ nhì, nó làm cho họ tiến lên với nhiệt tâm và lòng kiên trì mới mẻ, ngày nào cũng vậy tại trong đền thờ hoặc nhà riêng, giảng dạy Chúa Jêsus là Đấng Mesi.

Vì vậy một lần nữa Satan đã tự đánh bại chính nó.

CƠ ĐỐC NHÂN VÀ CHÍNH QUYỀN

Khi những Cơ Đốc nhân đầu tiên ra đi rao giảng phát triển Tin Lành, họ sẽ không tránh khỏi cảnh chống đối từ phía nhà cầm quyền, đặc biệt từ những lãnh đạo tôn giáo mà lúc bấy giờ nắm pháp quyền đang kể trong các vấn đề dân sự. Tin hữu đã được

chuẩn bị cho điều này và đã phản ứng cách đúng đắn và bình tĩnh.

Nói chung, phương sách của tín hữu là phải tôn trọng và vâng lời những người cai trị họ, vì những người cai trị họ do Đức Chúa Trời chỉ định và là đầy tớ của Đức Chúa Trời để phát triển ích lợi chung. Vì vậy, khi Phaolô vô tình quở thấy cả thượng phẩm, và được yêu cầu phải giải thích, ông lập tức xin lỗi, trích lời Xuất Êđiptô Ký 22:28: "Chớ sỉ nhục người cai trị dân mình" (Công Vụ 23:5).

Tuy nhiên, khi luật pháp của con người đi ngược lại các điều răn của Đức Chúa Trời, thì phương sách của Cơ Đốc nhân phải là không vâng lời chính quyền rồi gánh chịu hậu quả, bất luận là những hậu quả nào. Chẳng hạn, khi Phierô và Giăng bị cấm rao giảng Tin Lành, họ đáp: "Chính các ông hãy suy xét, trước mặt Đức Chúa Trời có nên vâng lời các ông hơn là vâng lời Đức Chúa Trời chăng? Vì, về phần chúng tôi, không có thể chẳng nói về những điều mình đã thấy và nghe" (4:19,20). Và khi Phierô cùng các sứ đồ bị đưa ra tòa vì tiếp tục dạy trong danh Đấng Christ, Phierô đáp: "Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta" (5:29).

Không hề có điều gì gợi ý họ đã từng hay sẽ gia nhập bất cứ nỗ lực nào lật đổ chính quyền. Dẫu bị bắt bớ và bị ức hiếp, họ chỉ muốn điều tốt lành cho những người cai trị họ (26:29).

Đương nhiên, họ không bao giờ tự hạ thấp mình làm điều chi không ngay thẳng để kiếm ân huệ từ nhà cầm

quyền. Chẳng hạn, quan tổng đốc Phêlít đã chờ đợi nhận hối lộ từ Phaolô nhưng vô ích (24:26).

Họ không kể việc sử dụng quyền công dân của mình là không nhất quán với sự kêu gọi Cơ Đốc của họ (16:37; 21:39; 22:25-28; 23:17-21; 25:10,11).

Thế nhưng họ không dựa vào chính trị của thế giới này. Vì sao vậy? Kinh Thánh không đưa ra lời giải thích. Nhưng có điều này là rõ ràng: họ là những người đã có một mục đích duy nhất: rao giảng Tin Lành của Đấng Christ. Họ dâng mình vào công tác này không chút xao lãng. Chắc chắn họ tin rằng Tin Lành là câu giải đáp cho nan đề của con người. Niềm tin quyết này mạnh mẽ đến nỗi họ không thể thỏa lòng với những phương pháp thay thế khác, chẳng hạn như chính trị.

6:1 Nếu ma quỷ không thể tiêu diệt bằng cách tấn công từ bên ngoài, nó sẽ tìm cách lật đổ bằng sự bất hòa chia rẽ từ bên trong. Điều này được minh họa trong những câu Kinh Thánh ở đây.

Trong những ngày đầu của Hội Thánh đã có thói quen cấp phát hàng ngày cho những góa phụ nghèo không có phương tiện nào khác để kiếm sống trong Hội Thánh. Một số những tín hữu Giuđa nói tiếng Hylạp đã than phiền vì **những người góa bụa của họ** không được đối đãi y như những góa phụ người Hêbơrơ (là những người đến từ Giêrusalem và Giudê).

6:2,3 Mười hai sứ đồ nhận thấy với sự tăng trưởng ngày càng nhiều của Hội Thánh, cần phải dự bị để giải

quyết vấn đề này. Họ không muốn bỏ chức vụ dạy đạo Đức Chúa Trời của mình để giải quyết các vấn đề tài chánh, vì vậy họ khuyên Hội Thánh nên cử **bảy người** thiêng liêng để giải quyết các vấn đề tạm thời này của Hội Thánh.

Đầu những người này không phải là những chấp sự được cử ra trong Hội Thánh, nhưng không phải là vô lý khi nghĩ họ là những chấp sự như thế. Trong cụm từ "giúp việc bàn tiệc" chữ "giúp việc" là hình thức động từ của danh từ mà từ đó chúng ta có chữ "chấp sự" trong Anh ngữ, vì vậy trong nguyên văn, chức năng của họ chính là để "làm chấp sự" cho bàn tiệc.

Những phẩm cách của họ ở đây gồm có ba phần:

1. **Có danh tốt** đáng kính trọng
2. **Đầy đầy Thánh Linh** là người thiêng liêng
3. **Bảy đầy tri khôn** người thực tâm

Những phẩm cách chi tiết hơn được nêu trong I.Timôthê 3:8-13.

6:4 Các sứ đồ sẽ cử chuyên lo cầu nguyện và chức vụ giảng đạo. Thứ tự ở đây thật quan trọng - trước hết là cầu nguyện, sau đó mới đến giảng đạo. Họ xem việc quan trọng là nói chuyện với Đức Chúa Trời về con người trước khi nói với con người về Đức Chúa Trời.

6:5,6 Từ tên của bảy người được chọn mà đánh giá, ta thấy hầu hết họ là những người Giuda nói tiếng Hylạp trước khi họ hoán cải. Đương nhiên đây là sự nhượng bộ hết sức hào hiệp cho chính nhóm đang than phiền. Từ đây trở đi sẽ không còn lời lên án

thiên vị ra từ nhóm người đó nữa. Khi tình yêu Đức Chúa Trời đầy đầy lòng con người, tình yêu ấy đặc thánh những tính nhỏ mọn và ích kỷ.

Chỉ hai người trong số các chấp sự là chúng ta biết rõ - Êtiên, người trở thành người tuận đạo đầu tiên của Hội Thánh; và Philip, nhà truyền giảng Tin Lành, người sau đó đã đem Tin Lành đến Samari, chinh phục hoạn quan Êthiôpi về cho Đấng Christ, và tiếp đãi Phaolô tại Sêsarê.

Sau khi cầu nguyện, các sứ đồ bày tỏ sự thông công của họ với việc chọn lựa của Hội Thánh bằng cách **đặt tay lên** bảy chấp sự này.

6:7 Nếu câu 7 được đọc chung với những câu đi trước, câu 7 dường như cho thấy việc lập các chấp sự để lo những công việc như vậy tạo nên sức đẩy mạnh mẽ cho Tin Lành. Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ thêm lên nhiều vào hội tại Giêrusalem, và có rất nhiều thầy lễ lễ Do Thái trở thành môn đồ của Chúa Jêsus.

6:8 Giờ đây câu chuyện tập trung vào một trong các chấp sự, là Êtiên,²⁷ người được Đức Chúa Trời sử dụng cách đầy quyền năng để làm các phép lạ và rao giảng Lời Chúa. Ngoài các sứ đồ, ông là người đầu tiên được sách Công Vụ nói có thể làm các phép lạ. Có phải việc đưa ông vào sự phục vụ cao hơn này chính là kết quả của lòng trung tín với tư cách chấp sự không? Hay đây chỉ là một chức vụ phụ thêm nữa mà ông thực thi đồng thời? Từ bản văn thật khó xác định.

6:9 Sự chống đối chức vụ đầy quyền năng của Êtiên xuất phát từ

nhà hội. Đây là những nơi người Do Thái nhóm lại với nhau vào ngày Sabát để học về luật pháp. Nhà hội được đặt tên theo những người nhóm tại đó. **Đền Được Tự Do** có lẽ là những người Do Thái đã được người Lamã phóng thích khỏi ách nô lệ. Syren là một thành phố ở Phi Châu, một số những người Do Thái của thành ấy dường như đã định cư tại Giêrusalem. Những người Do Thái quê ở Alexander ra từ vùng hải cảng Êđiôp mang tên ấy. **Silsi** là tỉnh đông nam của vùng Tiểu Á, và **xứ Asì** là một tỉnh của Tiểu Á gồm ba lãnh thổ. Dường như các cộng đồng của người Giuđa từ tất cả các nơi này đều có nhà hội tại Giêrusalem hoặc gần.

5:10-14 Những người Giuđa sốt sắng này không sánh kịp Êtiên khi tranh cãi với ông. Những lời ông nói ra và quyền năng ông dùng để nói với họ là không thể chống cự nổi. Với biện pháp tuyệt vọng để làm nín lặng quyền năng ấy, họ bị **mặt xui xiém** những nhân chứng đối vụ cáo Êtiên **phạm thượng đến Môise và Đức Chúa Trời**.²⁸ Chẳng mấy chốc ông ra hầu Tòa Công Luận, bị buộc tội để **nói phạm cùng đến thờ và luật pháp**. Họ trích bầy lời ông để nói rằng Chúa Jêsu sẽ **phá hủy đền thờ và thay đổi toàn bộ hệ thống Môise đã truyền dạy** dân Ysraên.

5:15 Tòa Công Luận nghe những lời buộc tội, nhưng khi nhìn Êtiên, họ không thấy khuôn mặt quý, nhưng thấy mặt thiên sứ. Họ nhìn thấy vẻ đẹp mẫu nhiệm của đời sống hoàn toàn đầu phục Chúa, quan tâm rao

báo Chân Lý, và quan tâm đến điều Đức Chúa Trời suy nghĩ hơn là những gì con người có thể nói. Họ thấy đôi điều về vinh hiển của Đấng Christ phản chiếu trên khuôn mặt rạng ngời của môn đồ tận hiến này của Ngài.

Trong đoạn 7, chúng ta có lời bình vực tuyệt vời của Êtiên. Lời biện giáo này bắt đầu âm thầm từ phần có vẻ như ôn lại lịch sử dân Giuđa. Dần dần, lời biện giáo tập trung vào hai cá nhân, là Giôsêp và Môise, những người được Đức Chúa Trời đẩy lên nhưng bị Ysraên chối bỏ, sau đó được tôn lên cao làm người giải thoát và vị cứu tinh. Dẫu Êtiên không trực tiếp so sánh những kinh nghiệm của họ với kinh nghiệm của Đấng Christ, nhưng sự tương tự này không nhằm lẫn vào đâu được. Rồi Êtiên nói dài hơn để công kích gay gắt những lãnh tụ của Ysraên, lên án họ đá chống cự Thánh Linh, giết Đấng Công Bình, và không tuân giữ luật pháp Đức Chúa Trời.

Chắc chắn Êtiên biết rõ đời sống mình đang lâm nguy. Để cứu mạng, ông chỉ cần giảng một bài thỏa hiệp và lấy lòng họ. Nhưng ông thà chết hơn là phản bội lòng tin và sự phó thác thiêng liêng cho mình. Hãy ngưỡng mộ lòng can đảm của ông!

7:1-8 Phần đầu này của sứ điệp đưa chúng ta trở về với khởi đầu của dân Hêbơơ. Không rõ đích xác vì sao lịch sử của Ápraham lại được đề cập nhiều như thế, trừ phi nhằm:

1. Cho thấy sự quen thuộc và tình yêu của Êtiên đối với dân Ysraên.
2. Để dẫn nhập vào câu chuyện Giôsêp và Môise, cả hai hình bóng về sự chối bỏ Đấng Christ.

3. Để cho thấy Ápraham thờ phượng Đức Chúa Trời theo cách Ngài đẹp lòng dấu sự thờ phượng của ông không bị giới hạn vào một địa điểm cụ thể. (Êtiên đã bị buộc tội nói phạm cùng đến thờ - "Nơi Thánh.")

Những điểm nổi bật trong tiểu sử Ápraham là:

1. Sự kêu gọi của Chúa dành cho ông tại **Mésôbôtami** (câu 2,3).

2. Chuyến đi đến **Charan**, rồi đến Canaan (câu 4).

3. Lời Đức Chúa Trời hứa ban xứ cho Ápraham, dấu chính vị tổ phụ vẫn chưa được ban phần nào của xứ đó - như được chứng minh qua việc ông mua hang Machêla làm nơi chôn cất (câu 5). Sự ứng nghiệm lời hứa ấy vẫn còn trong tương lai (Hêbơơ 11:13-40).

4. Lời Đức Chúa Trời báo trước ách nô lệ của Ysơraên tại Êđiptô và sự giải thoát cuối cùng (câu 6,7). Cả hai phần lời dự ngôn ấy được hoàn thành bởi những người bị dân tộc này chối bỏ: Giôsép (câu 9-19); Môisê (Câu 20-26). Bốn trăm năm được nhắc đến trong câu 6 và trong Sáng Thế Ký 15:13 nói đến khoảng thời gian dân Giuđa gặp hoạn nạn trong Ai Cập. Bốn trăm ba mươi năm được trưng dẫn trong Xuất Êđiptô Ký 12:40 và Galati 3:17 bao gồm cả khoảng thời gian từ lúc Giacóp cùng gia đình tới Êđiptô cho đến Cuộc Xuất Êđiptô và việc ban phát luật pháp. Người Ysơraên không bị bắt bớ trong ba mươi năm đầu ở Êđiptô; trên thực tế, họ được đối xử như vua.

5. Giao ước về phép cắt bì (câu 8a).

6. Sự ra đời của Ysác, rồi Giacóp, sau đó mười hai tổ phụ (câu 8b). Đương nhiên, điều này đưa lịch sử đến tận Giôsép, một trong mười hai con trai của Giacóp.

7:9-19 Trong số tất cả những hình bóng về Đấng Christ trong Cựu Ước, **Giôsép** là một trong những hình bóng rõ ràng nhất và quý báu nhất, dấu vậy Kinh Thánh không hề nói cụ thể ông là hình bóng. Chắc chắn người Giuđa thời Êtiên phải cảm nhận được mũi tên sắc bén của sự cáo trách khi nghe Êtiên ôn lại những bước đi trong sự nghiệp của Giôsép, rồi sau đó nhớ đến những việc họ đã làm cho Chúa Jesus người Naxarét!

1. **Giôsép bị bán sang Êđiptô** bởi các anh mình (câu 9).

2. Người bị chối bỏ này đã được cất nhắc lên nắm quyền và được vinh hiển tại Êđiptô (câu 10).

3. Các anh Giôsép bị đẩy đến Êđiptô bởi con đoi kềm, nhưng không nhận ra người em trai của họ (câu 11, 12).

4. Lần thứ nhì Giôsép được tỏ ra cho họ. Rồi người bị khước từ đã trở thành vị cứu tinh của gia đình (câu 13,14). Lưu ý: Dương như có mâu thuẫn giữa bảy mươi lăm người được nói đến trong câu 14 và bảy mươi người được nói đến trong Sáng Thế Ký 46:27. Êtiên theo bản dịch Hylạp của Sáng Thế Ký 46:27 và Xuất Êđiptô Ký 1:5, nói có bảy mươi lăm người. Bản văn Hêbơơ nói có bảy mươi người, cho thấy chuyện không có gì nghiêm trọng hơn là một cách khác nữa để tính số người gia đình của Giacóp.²⁹

5. Sự qua đời của các tổ phụ, và việc chôn họ trong xứ Canaan (câu 15,16). Trong câu này có thêm một điều khó hiểu nữa. Ở đây nói **Ápraham đã mua nơi chôn cất từ tay Hêrô**. Sáng Thế Ký 23:16,17 nói **Ápraham đã mua hang Máchêla tại Hêprôn tại tay các con trai họ Hêch. Giacóp đã mua đất tại Sichem từ con cháu Hêrô** (Sáng Thế Ký 33:19). Có nhiều khả năng: (1) Ápraham có lẽ đã mua đất tại Sichem cũng như tại Hêprôn. Về sau, Giacóp có lẽ đã phải mua lại mảnh đất tại Sichem. (2) Có thể Êuên đã dùng tên của Ápraham cho một hậu tự của Ápraham là Giacóp. (3) Có lẽ Êuên đã tóm lược những lần mua đất của Ápraham và Giacóp trở thành một lần mua cho ngắn gọn.³⁰

6. Sự phát triển thêm nhiều của gia đình Giacóp tại Êđiptô và ách nô lệ của họ sau khi Giôxép qua đời (câu 17-19). Dĩ nhiên, câu này chuẩn bị chúng ta cho bước kế tiếp trong lập luận của Êuên - cách đối đãi mà Môise đã nhận từ tay dân tộc ông.

7:20-43 Êuên đang dẫn đi thẳng thắn cho thấy dân Do Thái đã phạm tội ít nhất trong hai lần chối bỏ những vị cứu tinh trước đây mà Chúa đã dấy lên để giải phóng họ. Bằng chứng thứ nhì của ông là **Môise**.

Êuên đang bị kết tội nói phạm đến Môise (6:11). Ông chứng minh dân Ysraên mới là bên có tội - phạm tội chối bỏ con người được Chúa chọn này.

Êuên ôn lại cuộc đời của Môise, như sau:

1. Sự ra đời, thuở ấu thơ và học vấn tại Êđiptô (câu 20-22). Cụm từ lời nói... **tài năng**, có thể nói đến những tác phẩm của ông, vì ông đã không công nhận mình có tài hùng biện (Xuất Êđiptô Ký 4:10).

2. Lần ông bị chối bỏ đầu tiên bởi **anh em mình** (chính là lúc ông bình vực một người trong vòng họ chống lại một người Êđiptô (câu 23-28). Lưu ý câu 25! Câu này nhắc chúng ta nhớ Đấng Christ đã bị chính anh em mình khước từ thế nào!

3. Thời ông bị lưu đày tại xứ **Madian** (câu 29).

4. Đức Chúa Trời hiện ra với ông trong bụi gai đang cháy, sai ông trở về Êđiptô để giải cứu dân sự (câu 30-35).

5. Ông trở thành vị cứu tinh của dân tộc (câu 36).

6. Lời tiên tri của ông về Đấng Mêsi sẽ đến (câu 37). ("**Giống như ta**" có nghĩa "giống như cách Ngài đã dấy ta lên.")

7. Vai trò của ông là người ban luật pháp cho dân hội tại nơi đồng vắng (câu 38).

8. Môise bị chối bỏ lần thứ nhì bởi chính dân sự này, khi họ thờ lạy bò con bằng vàng (câu 39-41). Tội thờ lạy hình tượng của Ysraên được mô tả chi tiết trong câu 42 và 43. Tuy xưng mình **đáng của tế lễ** cho Đức Giêhôva, nhưng dân sự **đang khiêng nhà trại Molóc**, một trong những hình thức thờ lạy hình tượng gồm ghiếc nhất của thời xưa, sắp mình xuống trước **Romphan**, một vị thần ngôi sao. Vì tội này, Đức Chúa Trời cảnh cáo họ

sẽ bị đem đi làm phu tù tại Babylon. Trong câu 42 và 43, Êtiên trích Amốt 5:25-27 của Bản Kinh Thánh Bảy Mươi đây là nguyên nhân cuộc phu tù được nói là "bên kia Babylon" thay vì "bên kia Đamách." Đương nhiên, cả hai đều đúng.

Lịch sử tự lập lại. Trong mỗi thế hệ, chúng ta có thể thấy cùng một khuôn mẫu. Dân chúng vẫn y nguyên. Khi đối diện với sự diệt của Đức Chúa Trời, họ không hiểu (câu 25). Khi được khuyến phải sống thuận hòa bình an, họ không chịu nghe (câu 27). Khi được ban Đấng giải cứu từ Chúa sai đến, họ chối bỏ người ấy (câu 39). Khi được giải thoát khỏi một tình huống gian ác, họ lại thích các thần tượng vô ích hơn là Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót (câu 41). Bản tánh con người là thế đấy - nổi loạn, vong ơn, ngu dại. Đức Chúa Trời vẫn y nguyên. Chính Đức Chúa Trời là Đấng phán với Môïse cũng chính là Đức Chúa Trời đã phán với các tổ phụ của ông (câu 32). Đức Chúa Trời này nghe khi dân sự gặp hoàn nạn (câu 34) Ngài đến giải cứu (câu 34). Ngài dẫn dân sự từ sự chết đến sự sống (câu 36). Ngài chịu đựng những tệ dục của những người cố tình khước từ Ngài (câu 42). Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng ta là như thế đấy - giàu lòng thương xót đầy quyền năng, thánh khiết. Ngài luôn luôn y nguyên, bất luận điều gì xảy ra (Malachi 3:6). Đối với thánh giá của Êtiên, lời cảnh cáo chính là dùng đĩa giận với Đức Chúa Trời. Đây cũng là lời báo đảm rằng mọi tội lỗi của Đức Chúa Trời vẫn đang vờn đời đời.³¹

7:44-46 Êtiên trước đó bị kết tội nói phạm đến đền thờ. Ông đáp lại bằng cách trở về với thời Ysơraên có đền tạ chứng cứ trong đồng vắng. Đó cũng chính là lúc dân sự đang thờ phượng cơ binh trên trời. Khi Giôsuê dẫn Ysơraên vào xứ Canaan, cư dân ngoại giáo bị đuổi ra, đền tạ được đem vào xứ và cứ ở đó cho đến đời vua Đavit. Các tổ phụ đã xin ban một chỗ ở cho Đức Chúa Trời của Giacóp và bởi vậy họ được ơn trước mặt Đức Chúa Trời.

7:47-50 Ước ao của Đavit xây một đền thờ không được Chúa chấp thuận. Nhưng Salômôn cất cho Chúa một cái nhà.

Đầu đền thờ là nơi ở của Đức Chúa Trời giữa vòng dân sự Ngài, Chúa chẳng hề bị giới hạn vào tòa nhà đó. Salômôn nói điều này rõ ràng khi cung hiến đền thờ (I.Các vua 8:27). Êsai cũng cảnh cáo dân sự rằng các tòa nhà thực sự không đáng kể đối với Chúa, nhưng điều đáng kể chính là tình trạng đạo đức và tâm linh của đời sống con người (Êsai 66:1,2). Ngài tìm một tấm lòng tan vỡ và thống hối, tìm con người nghe lời Ngài nói mà run.

7:51-53 Các lãnh đạo Do Thái kết tội Êtiên nói phạm đến luật pháp. Giờ đây ông đáp lại lời buộc tội đó bằng một lời phủ nhận vấn tất và lời lẽ tuyệt hay.

Chính họ mới là những người cứng cổ, lòng và tai chẳng cất bị. "Ông đã quả trách họ, không phải như quả dân Ysơraên của Đức Chúa Trời, nhưng như quả những người ngoại bang cứng cổ và không chịu cắt

bì trong lòng và tal kia." Họ là con của **tổ phụ** họ trong việc cứ chống cự Đức Thánh Linh đã thành thói quen. **Tổ phụ** họ đã bắt bớ các **đấng tiên tri**, là những **đấng** nói tiên tri về sự **hiện đến** của Đấng Christ. Giờ đây họ đã phản bội và giết chính **Đấng Công Bình** này. Họ mới là những người đã không giữ được luật pháp - tức chính những người mà luật pháp đã được ban cho họ bởi **lịnh truyền** của các thiên sứ.

Chẳng cần phải nói gì thêm nữa! Thực ra, không thể nói thêm gì được nữa! Họ đã tìm cách đẩy Êtiên vào thế phòng thủ. Nhưng ông đã trở thành bên nguyên cáo và họ trở thành bên bị cáo và có tội. Sự điệp của ông là một trong những lời cuối của Đức Chúa Trời dành cho dân tộc Do Thái trước khi Tin Lành bắt đầu chuyển sang người ngoại bang.

7:54-60 Ngay khi Êtiên nói lên lời chứng trước đám đông rằng mình thấy **các tượng** **lời mở ra**, đám đông không chịu nghe ông nữa; họ hung dữ la lớn lên, ào tới chỗ ông, lôi ông ra ngoài vách thành và ném đá.

Dương như thể nhân tiện, Thánh Linh ghi lại tên của chàng trai đứng giữ áo xống của những đạo phủ đám đĩa mó hôi kia. Tên người này là **Saulơ**. Dương như thể Thánh Linh muốn nói với chúng ta: "Hãy nhớ tên người này. Các người sẽ nghe tại tên ấy lần nữa!"

Sự chết của Êtiên tương tự với sự chết của Chúa chúng ta:

1. Ông đã cầu nguyện: "**Lạy Chúa Jêsus**, xin tiếp lấy linh hồn tôi" (câu

59). Chúa Jêsus đã cầu nguyện: "Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!" (Luca 23:46).

2. Ông đã cầu nguyện: "**Lạy Chúa**, xin **đừng đổ tội** này cho họ" (câu 60). Chúa Jêsus đã cầu nguyện: "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì." (Luca 23:34).

Chẳng phải câu này gợi ý rằng khi mãi suy nghĩ đến Chúa, Êtiên đã "hóa nên cũng một ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Chúa, là Thánh Linh" (II.Côrinthô 3:18) đó sao?

Sau khi cầu nguyện như vậy xong, người ngủ. Khi chữ "ngủ" được dùng có liên hệ đến sự chết trong Tân Ước, chữ này nói đến thân thể, chứ không nói đến linh hồn. Linh hồn của tin hữu đi ở với Đấng Christ ngay tại lúc qua đời (II.Côrinthô 5:8); *thân thể* được nó tá như ngủ.

Thông thường, người Do Thái không được phép thi hành án tử hình; công việc này dành cho những lãnh chúa Lamã của họ (Giăng 18:31b). Nhưng người Lamã dường như cho phép ngoại lệ khi đến thờ bị đe dọa. Êtiên bị kết tội nói phạm đến đến thờ, và dấu lời buộc tội này vẫn chưa được xác lập, ông vẫn bị người Giuda hành binh. Đức Chúa Jêsus đã bị kết tội là đe dọa phá hủy đến thờ (Mác 14:58), nhưng lời chứng của các nhân chứng mâu thuẫn nhau.

II. HỘI THÁNH TẠI XỨ GIUDÊ VÀ SAMARI (8:1 - 9:31)

A. Chức Vụ Của Philip Tại Samari (8:1-25)

8:1 Một lần nữa Thánh Linh Đức Chúa Trời giới thiệu tên của Saulơ.

Những tranh chiến lớn của tâm hồn đang nổi dậy trong ông. Bề ngoài, quyền cai trị kinh hoàng của ông vẫn tiếp tục, nhưng những ngày làm kẻ thù Cơ Đốc giáo của ông đã được Chúa đếm số. Saulơ vốn ưng thuận việc Êtiên bị giết, nhưng khi ưng thuận như vậy, ông đang dọn đường để xóa sổ vai trò người cầm đầu bất bớ tín đồ của mình.

Một kỷ nguyên mới đã mở ra với những chữ: "Trong lúc đó." Sự chết của Êtiên dường như khơi mào trận công kích lan tràn khắp nơi chống lại Hội Thánh. Tin hữu tán lạc khắp trong các miền Giuđê và xứ Samari.

Chúa đã dạy các môn đồ bắt đầu làm chứng tại Giêrusalem rồi sau đó lan tràn ra đến Giuđê, Samari và đến cùng trái đất. Mãi đến thời điểm này, công tác chứng đạo của họ vẫn hoàn toàn giới hạn vào Giêrusalem. Có lẽ họ quá nhút nhát nên không đi ra. Giờ đây họ bị buộc phải đi ra vì cơn bất bớ.

Chính các sứ đồ vẫn ở lại trong thành. Đúng như Kelly đã nhận định cách lạnh lùng: "Ai ở lại thì lẽ tự nhiên sẽ trở thành kẻ thấy đáng ghét hơn hết."

Từ lập trường của con người, đây là ngày tăm tối của tín hữu. Thời sống làm thành viên trong hiệp hội thông công của họ đã bị dẹp. Bản thân họ đang bị rượt đuổi như thỏ. Nhưng từ lập trường thiên thượng, những ngày ấy không hề là tối tăm chi cả. Hạt lúa mì đã được gieo xuống đất, và dứt khoát sẽ đem lại kết quả nhiều, không tránh vào đâu được. Những cơn gió

hoạn nạn đang thổi tung hạt giống Tin Lành đến những nơi xa, và ai lường được mức độ của mùa gặt?

8:2 Kinh Thánh không xác định những người tin kính chôn xác Êtiên là ai. Có lẽ họ là những Cơ Đốc nhân vẫn chưa bị đẩy ra khỏi Giêrusalem. Và có lẽ họ là những người Giuda tin kính nhìn thấy nơi người tuận đạo này có điều gì đó đáng tôn kính và họ chôn cất ông đang hoàng.

8:3 Một lần nữa, lại là tên của Saulơ! Với sức lực vô biên, ông đang hạ hiệp Hội Thánh, lôi các nạn nhân bất hạnh của mình ra khỏi nhà, rồi bỏ tù họ. Giả như ông quên được Êtiên - một phong cách điếm đạm đến thế - niềm tin quyết không rung động đến thế - một khuôn mặt thiên thần! Ông phải nhấn chìm kỷ ức này, và tìm cách nhận chìm bằng cách càng tấn công dồn dập hơn nữa những người cùng niềm tin với Êtiên.

8:4-8 Sự tán lạc của các Cơ Đốc nhân không làm nín lặng lời chứng của họ. Đi đến đâu họ cũng đem theo Tin Lành cứu rỗi đến đó. Philip "chấp sự" của đoạn 6, đi lên hướng bắc đến thành Samari.³² Ông không những rao giảng Đấng Christ, mà còn làm nhiều phép lạ nữa. Nhiều tà linh bị đuổi ra, kẻ bại và què được chữa lành. Dân chúng lắng nghe Tin Lành, và đứng như mong đợi, kết quả là có vui mừng khôn xiết.

Hội Thánh sơ khai này đã vâng theo những mạng lệnh tổ tưởng của Đức Chúa Jêsus Christ:

Hội Thánh đi ra như Đấng Christ đã đi (Giăng 20:21; đối chiếu Công Vụ 8:1-4).

Hội Thánh này bán của cải để ban phát cho kẻ nghèo (Luca 12:33; 18:22; cũng xem Công Vụ 2:45; 4:34).

Hội Thánh này đã lia cha, mẹ, nhà cửa, đất ruộng và xứ mình để đi mọi nơi rao giảng Đạo Chúa (Mathiơ 10:37; cũng xem Công Vụ 8:1-4).

Hội Thánh đã đào tạo môn đồ và dạy họ làm việc và vâng lời Chúa (Mathiơ 28:18,19; cũng xem I.Têsalônica 1:6)

Hội Thánh này đã vác thập tự giá mình để theo Đấng Christ (Công Vụ 4; I.Têsalônica 2).

Hội Thánh đã vui mừng trong hoạn nạn và bắt bớ (Mathiơ 5:11,12; cũng xem Công Vụ 16; I.Têsalônica 1:6-8).

Hội Thánh đã để kẻ chết chôn kẻ chết còn mình đi ra rao giảng Tin Lành (Luca 9:59,60).

Hội Thánh đã phải bại khỏi chân rồi đi tiếp khi con người không chịu nghe (Luca 9:5; Công Vụ 13:51).

Hội Thánh đã chữa bệnh, đuổi quỷ, kêu kẻ chết sống lại, và sinh kết quả lâu dài (Mác 16:18; Công Vụ 3-16).³³

8:9-11 Người đáng lưu ý nhất giữa vòng những người nghe thuyết giảng chính là một thuật si tên **Simôn**. Ngày trước, chính ông đã lạo ấn tượng tuyệt vời trên dân Samari bởi những kỳ công **phép thuật** lạ lùng của mình. Ông giả vờ như người rất quan trọng, và một số người trong dân chúng thực sự tin ông là "quyền phép lớn của Đức Chúa Trời."

8:12,13 Khi có rất nhiều người tin lời giảng của Philip và chịu **báp têm**,

Simôn cũng xưng mình là một tín hữu,³⁴ chịu **báp têm**, và đi theo Philip, thật hào hứng trước phép lạ Philip đã làm. Từ những điều xảy ra tiếp theo đó, dường như Simôn chưa hề được tái sanh. Ông là một người tự xưng nhưng không phải là một người đã sơ hữu. Những người dạy về sự cứu rỗi bởi phép **báp têm** gặp tình trạng nan giải tại đây. Simôn đã chịu **báp têm**, nhưng vẫn còn ở trong tội lỗi mình.

Hãy để ý Philip đã giảng tin tốt lành về nước Đức Chúa Trời và Danh Đức Chúa Jêsus Christ. Nước Đức Chúa Trời là phạm vi trong đó quyền cai trị của Đức Chúa Trời được công nhận. Thời hiện nay, Vua đang vắng mặt. Thay vì một vương quốc hữu hình trên trần gian, chúng ta có vương quốc thuộc linh vô hình trong đời sống của mọi người nào trung thành với Ngài. Trong tương lai, Vua sẽ trở lại trần gian để thiết lập vương quốc hữu hình của Ngài với Giêrusalem là kinh đô. Để thực sự bước vào vương quốc ấy, dưới bất cứ hình thức nào của nước ấy, thì một người phải được tái sanh trước đã. Đức tin nơi Danh Chúa Jêsus Christ chính là phương tiện để kinh nghiệm sự tái sanh. Như vậy, rõ ràng đây chính là đại ý trong công tác giảng đạo của Philip.

8:14-17 Khi tin đồn xứ Samari đã hấp hức đón nhận đạo Chúa đến tại các sứ đồ tại Giêrusalem, họ sai Phierô và Giăng đến với người Samari. Khi các sứ đồ đến nơi, các tín đồ đã chịu **báp têm** trong Danh Chúa Jêsus rồi, nhưng vẫn chưa nhận lãnh Đức Thánh Linh. Hiển nhiên đang

hành động đúng theo sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, các sứ đồ cầu nguyện cho những tín hữu này được nhận lấy Đức Thánh Linh, rồi đặt tay trên họ. Ngay khi ấy, các tín hữu nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Điều này lập tức làm nảy sinh thắc mắc: "Vi sao có sự khác nhau về thứ tự các biến cố ở đây với các biến cố trong ngày Lễ Ngũ Tuần?" Trong ngày Lễ Ngũ Tuần, dân Do Thái:

1. Đã ăn năn.
2. Đã chịu báp têm.
3. Nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Ở đây người Samari:

1. Tin.
2. Chịu báp têm.
3. Được các sứ đồ cầu thay cho họ rồi đặt tay trên họ.
4. Nhận lãnh Đức Thánh Linh.

Chúng ta có thể biết chắc chắn một điều: họ hết thấy đều đã được cứu theo cùng một cách - bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài là Con Đường Cứu Rỗi duy nhất. Tuy nhiên, trong thời gian chuyển tiếp này, để bắt đầu nối Do Thái giáo với Cơ Đốc giáo, Đức Chúa Trời đã chọn cách tối thượng để hành động đối với những cộng đồng tín hữu khác nhau. Các tín hữu Do Thái được yêu cầu tách mình khỏi dân Ysraên bởi phép báp têm trước khi họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. Giờ đây người Samari phải có lời cầu nguyện đặc biệt và được các sứ đồ đặt tay trên họ. Nhưng tại sao?

Có lẽ câu trả lời tốt nhất ấy là: điều này nhằm tạo biểu hiện hiệp một của Hội Thánh, bất luận hợp bởi

người Do Thái hay người Samari. Cơ nguy cơ thật sự là: Hội Thánh tại Giêrusalem có lẽ vẫn giữ ý tưởng về sự trội hơn của người Do Thái, và có lẽ tiếp tục không giao tiếp gì với anh em người Samari của họ. Để tránh khả năng ly giáo, hay ý nghĩ về hai Hội Thánh (một Hội Thánh của người Do Thái và một của người Samari), Đức Chúa Trời đã sai các sứ đồ đến đặt tay trên người Samari. Điều này thể hiện sự thông công trọn vẹn với họ trong tư cách những tín hữu tin nơi Chúa Jêsus. Hết thấy họ đều là những chi thể trong một thân, hết thấy đều là một trong Đức Chúa Jêsus Christ.

Khi câu 16 nói họ chỉ chịu phép báp têm trong (hay vào trong) danh Đức Chúa Jêsus (cũng xem 10:48 và 19:5), điều này không có nghĩa việc này khác với chịu báp têm "nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh" (Mathiơ 28:19). W. E. Vine viết: "Không phải Luca đang ghi lại một công thức đã được sử dụng lúc đó, nhưng chỉ đơn giản đang kể một sự kiện lịch sử." Cả hai cụm từ trên đều biểu thị sự trung thành và sự đồng nhất hóa, hết thấy mọi tín hữu thật đều vui mừng công nhận lòng trung thành của họ với sự liên hiệp với Ba Ngôi Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus.

8:18-21 Thuật sĩ Simôn chịu ấn tượng sâu xa trước sự kiện Đức Thánh Linh được ban xuống khi các sứ đồ đặt tay trên người Samari. Ông không hề cảm nhận sâu xa về những hàm ý thuộc linh của việc này, nhưng trái lại xem đó là một quyền năng siêu nhiên sẽ giúp ông làm ăn thuận lợi. Vì vậy

ông để nghị đưa tiền cho các sứ đồ để mua được quyền năng ấy.

Câu trả lời của Phierơ cho thấy Simôn không phải là một người thực sự hoán cải:

1. "Tiền bạc người hãy hư mất với người." Không một tín hữu nào sẽ bị hư mất bao giờ (Giăng 3:16).

2. "Người chẳng có phần hoặc số trong việc này"; nói cách khác, ông không hề ở trong mối thông công này.

3. "Vì lòng người chẳng ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời." Đây là lời mô tả thích hợp cho người chưa được cứu.

4. "Người đương ở trong mặt đất và trong tiếng lợi ác." Liệu những lời này có đúng cho một người được tái sanh không?

8:22-24 Phierơ khuyên Simôn ăn năn tội ác lớn của ông, và cầu nguyện để kế hoạch gian ác của ông có thể được tha. Câu trả lời của Simôn ấy là: xin Phierơ làm người trung gian giữa Đức Chúa Trời và ông. Ông là người đi trước mở đường cho những người tha đến với một con người làm trung gian hơn là đến với chính Chúa. Sự kiện Simôn không hề ăn năn thật được chứng tỏ bởi những chữ: "Hãy cầu nguyện Chúa cho tôi, hầu cho tôi chẳng mắc phải điều ông nói đó." Ông không đau buồn về tội lỗi mình, nhưng chỉ hối tiếc cho những hậu quả có thể giáng trên ông.

Chính từ người đàn ông Simôn này mà ngày nay chúng ta có từ: "simony" - buôn thần bán thánh, kiếm tiền từ những điều thiêng liêng. Chữ này bao gồm việc bán các bùa xả tội

và nhiều điều khác nữa được xem như là lợi ích thuộc linh, cùng mọi hình thức của chủ nghĩa thương mại trong các vấn đề thien thượng.

8:25 Sau khi Phierơ và Giăng làm chúng và giảng đạo Chúa, họ trở về Giêrusalem. Nhưng giờ đây sau khi đã thiết lập được vị trí đầu cầu rồi, họ tiếp tục đi giảng Tin Lành trong nhiều làng của người Samari.

B. Philip Và Đạn Quan Êthiopi (8:26-40)

8:26 Chính trong cuộc thức tỉnh tâm linh vĩ đại này tại Samari, một thiên sứ của Chúa hướng dẫn Philip đến một cảnh đồng mới. Ông sẽ phải lia nơi rất nhiều người đang được phước, để đi thi hành chức vụ cho một người duy nhất. Thiên sứ có thể hướng dẫn Philip nhưng không thể làm được công việc rao giảng Tin Lành của Philip. Đặc ân đó được giao cho con người, chứ không cho thiên sứ.

Vâng lời không chút thắc mắc, Philip từ Samari đi về hướng nam đến Giêrusalem, và rồi theo một trong những lộ trình dẫn đến Gaxa.³⁵ Ta không rõ liệu những chữ: "Đường ấy vắng vẻ" nói đến con đường hay nói đến chính Gaxa. Tuy nhiên, hiệu quả đều như nhau: Philip đã rời nơi có người ở và mầu mỡ thuộc linh để đến một khu vực cằn cỗi.

8:27-29 Trên đường đi, ông gặp một chiếc xe. Trên xe có quan coi kho tàng của Candac³⁶ nữ vương nước Êthiopi, một hoạn quan³⁷ có uy quyền rất lớn. (Êthiopi là vùng phía nam của Êđiôp và Sudan). Đường như đây là người đã cải đạo Do Thái giáo, vì ông

đến Giêrusalem để thờ phượng và giờ đây đang trên đường trở về nhà. Đang khi đi trên xe, ông đọc sách tiên tri Êsai. Ngay lúc đó, Đức Thánh Linh truyền Philip theo kịp xe đó.

8:30,31 Philip mở đầu cuộc trò chuyện với câu hỏi thần thiêng: “Ông hiểu lời mình đọc đó chăng?” Vị hoạn quan sẵn lòng chịu nhận mình cần người hướng dẫn, và mời Philip lên ngồi bên cạnh mình trên xe. Đặc điểm không có thành kiến chủng tộc ở đây thật thú vị.

8:32,33 Thật tuyệt vời biết bao khi hoạn quan “ngẫu nhiên” đang đọc Êsai 53, cùng với lời mô tả vô song của phần đoạn này nói về Đấng Mêsi đang chịu khổ! Vì sao Philip đến gần vào đúng lúc ông đang đọc đến đó?

Phần đoạn này trong Êsai mô tả Đấng đầy khém nhường và yên lặng trước mặt kẻ thù Ngài; Đấng bị kéo đến sự đoán xét vội vã và không được xét xử công bằng; và Đấng không hy vọng có con cháu vì đã bị giết chết ngay trong thuở trai trẻ và lúc còn chưa kết hôn.

8:34,35 Hoạn quan chắc hẳn không biết Êsai đang nói về chính Êsai hay về người khác. Điều này tạo cho Philip cơ hội đang mong muốn để nói cho biết những câu Kinh Thánh này được ứng nghiệm trọn vẹn thể nào trong đời sống và sự chết của Chúa Jêsus ở Naxarét. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đang khi ở tại Giêrusalem, hoạn quan Êthiopi đã nghe đồn về một người tên Jêsus, nhưng đương nhiên, những tin đồn ấy không thuận lợi cho Ngài. Giờ đây, hoạn quan biết

Chúa Jêsus người Naxarét chính là Đấng Chịu Khổ của Đức Giêhôva, là người được Đấng tiên tri Êsai viết đến.

8:36 Đường như Philip chắc chắn đã giải thích cho hoạn quan Êthiopi biết đặc ân của phép báp têm Cơ Đốc, để đồng nhất chính mình với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài. Giờ đây khi họ đến gần nơi có nước, hoạn quan tỏ lòng ao ước chịu báp têm.

8:37 Câu 37 của bản KJV và NKJV bị bỏ qua trong hầu hết các thủ bản Tân Ước Hy Lạp. Không phải vì sự dạy dỗ của câu này không phù hợp với phần còn lại của Kinh Thánh; niềm tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ đương nhiên là điều kiện tiên quyết cho phép báp têm. Nhưng đơn giản là vì câu Kinh Thánh này không được hậu thuẫn bởi đại đa số các văn kiện Tân Ước.²⁸

8:38 Xe dừng lại, và Philip làm phép báp têm cho hoạn quan. Sự kiện phép báp têm thực hiện bằng cách chìm mình xuống được thể hiện rõ bởi cụm từ, cả hai đều xuống nước và khi ở dưới nước lên.²⁹

Thật ấn tượng thay tình đơn sơ của nghi lễ này. Trên con đường vắng vẻ, một tín hữu làm phép báp têm cho một người mới trở lại tin Chúa. Không có mặt của Hội Thánh. Không có mặt mục sư nào tại đó. Rõ ràng, chỉ có đoàn tùy tùng và những tôi tớ trong đoàn người này chứng kiến phép báp têm của họ; họ sẽ hiểu được giờ đây ông làm môn đồ của Chúa Jêsus ở Naxarét.

8:39 Ngay khi phép báp-têm vừa xong, Thánh Linh của Chúa đem Philip đi. Điều này gợi ý còn nhiều hơn cả sự dẫn dắt đơn thuần đến một địa điểm khác. Đùng hơn, câu này nói đến sự cắt đi bằng phép lạ và đột ngột. Mục đích việc này là để hoạn quan sẽ không mãi suy nghĩ ám ảnh về con người làm công cụ trong sự tin Chúa của ông, nhưng để trở nên mãi suy nghĩ đến chính Chúa.

Nguyện về đẹp của Ngài ở trên tôi.

Khi tôi tìm cách chinh phục người hư mất.

Và nguyện họ quên đi kênh dẫn này.

Để chỉ thấy Ngài thôi.

- Kate B. Wilkinson

Hoạn quan cứ hừ hừ đi đường. Có niềm vui xuất phát từ sự vắng lời Chúa, và nó vượt trội hơn mọi xúc cảm để chịu khác.

8:40 Trong lúc đó, Philip tiếp tục chức vụ truyền giảng Tin Lành của mình lại thành Axôl (là thành Áchdốt của Cựu Ước), ở phía bắc Gaza và phía tây Giêrusalem, gần bờ biển. Từ đó, ông lên đường đi về phía bắc dọc theo bờ biển đến Sêsarê.

Còn hoạn quan thì sao? Không hề có cơ hội cho Philip thực hiện việc mà chúng ta gọi là "công tác chăm sóc." Toàn bộ những việc mà nhà truyền giảng Tin Lành này có thể làm ấy là giao phó hoạn quan cho Đức Chúa Trời và cho Kinh Thánh Cựu Ước. Thế nhưng với quyền năng của Thánh Linh, món đồ mới này rõ ràng đã trở về Êthiôpi⁴⁰ làm chứng cho mọi người về ơn cứu rỗi của Đức Chúa Jêsus Christ.

PHỤ LỤC VỀ PHÉP BÁP-TÊM

Phép báp-têm cho hoạn quan mà chúng ta vừa khảo sát là một trong rất nhiều dấu hiệu cho thấy phép báp-têm Cơ Đốc đã được Hội Thánh đầu tiên dạy dỗ và thực hành (2:38; 22:16). Phép báp-têm này không giống như phép báp-têm của Giăng, tức là phép báp-têm cho thấy sự ân nân (13:24; 19:4). Đùng hơn, đây là lời tuyên xưng công khai về sự đồng hóa với Đấng Christ.

Phép báp-têm này luôn luôn đến sau khi tin Chúa (2:41; 8:12; 18:8) và dành cho cả người nữ lẫn nam (8:12) và người ngoại bang cũng như người Giuđa (10:48). Kinh Thánh cũng nói người trong nhà đã chịu phép báp-têm (10:47,48; 16:15; 16:33), nhưng ít nhất có hai trong số những trường hợp này hàm ý toàn bộ những thành viên trong nhà đã *tin* trước đó. Kinh Thánh *không hề* nói trẻ sơ sinh chịu báp-têm.

Những tín hữu chịu báp-têm từ rất sớm sau khi tin Chúa (8:36; 9:18; 16:33). Hiển nhiên điều này căn cứ trên lời tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ của họ. Không đòi hỏi một thời kỳ thử thách để tỏ ra thực trạng lời tuyên xưng của họ. Đương nhiên, nguy cơ bị bắt bớ chắc đã hạn chế người ta tuyên xưng hời hợt.

Ta thấy phép báp-têm không có giá trị cứu rỗi qua trường hợp của Simôn (8:13). Thậm chí sau khi tuyên xưng đức tin và chịu báp-têm, ông vẫn "đương ở trong mặt đấng và trong xiềng tội ác" (8:23). "Lòng" của ông "chẳng ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời" (8:21).

Như đã nói, phương thức làm phép báp-têm là chìm mình xuống (8:38,39) - "cả hai đều xuống nước... khi ở dưới nước lên..." Ngay cả rất nhiều người ngày nay ủng hộ phương thức rưới và đổ nước cũng phải thừa nhận rằng phương thức chìm mình chính là cách thực hiện của các môn đồ ở thế kỷ thứ nhất.

Dường như có hai lần phép báp-têm được liên kết với sự tha tội. Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Phierơ nói: "Hãy hối cải, ai nấy phải nhận danh Đức Chúa Jê-sus chịu phép báp-têm, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh" (2:38). Và về sau Anania nói với Saulơ: "Hãy chớ dầy, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp-têm và làm sạch tội lỗi mình đi..." (22:16). Trong cả hai trường hợp, những chỉ dẫn này đều được truyền cho người Giuđa; không một người ngoại bang nào từng được báo chịu phép báp-têm để xóa tội. Trong phép báp-têm của tín hữu, một người Do Thái công khai từ bỏ mối liên kết của mình với dân tộc đã khước từ và đóng đinh Đấng Mê-si của họ. Cơ sở cho sự tha tội của người ấy chính là đức tin nơi Đức Chúa Jê-sus. Giá mua sự tha tội cho người ấy chính là huyết báu của Chúa. Phương cách để thực sự tha tội cho người chính là qua phép báp-têm bằng nước, vì phép báp-têm của người ấy công khai cắt bỏ khỏi người bối cảnh Do Thái và đặt người vào (trong bối cảnh Cơ Đốc).

Công thức của phép báp-têm: "Nhận danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh" (Mathiơ 28:19), dường như không xuất hiện trong

sách Công Vụ. Người Samari chịu báp-têm nhân danh Chúa Jê-sus (8:16), và điều này cũng đúng cho các môn đồ của Giảng (19:5). Tuy nhiên, điều này không nhất thiết có nghĩa đã không dùng đến công thức có Ba Ngôi. Cụm từ: "nhận danh Chúa Jê-sus" có thể mang nghĩa "bởi thẩm quyền của Chúa Jê-sus."

Các môn đồ của Giảng đã chịu báp-têm hai lần - lần đầu với phép báp-têm của Giảng về sự ăn năn, sau đó tại lúc hoán cải, họ chịu phép báp-têm của tín hữu (19:3,5). Điều này cung cấp tiền lệ "làm phép báp-têm lại" của những người được đặt tên thành hay chịu phép báp-têm trước khi họ được cứu.

E. Sự Hoán Cải Của Saulơ Thành Tạt-sơ (9:1-21)

9:1,2 Đoạn 9 đánh dấu một bước ngoặt đặc biệt trong sách Công Vụ. Mãi đến tận lúc này, Phierơ vẫn giữ địa vị nổi bật khi giảng đạo cho dân Ysra-ên. Từ đây trở đi sứ đồ Phaotô sẽ dần dần trở thành nhân vật nổi bật nhất, và Tin Lành sẽ ngày càng đi ra để đến với người ngoại bang.

Saulơ thành Tạt-sơ lúc này có lẽ đang ở những năm đầu tuổi ba mươi. Ông thường được các rabi xem là một trong những chàng trai trẻ hứa hẹn nhất trong Do Thái giáo. Về lòng sôi sảng, ông vượt trội hơn mọi người đồng lứa của mình.

Khi theo dõi sự tăng trưởng của đức tin Cơ Đốc, gọi là Đạo,⁴¹ ông nhìn thấy trong đó mối đe dọa cho chính tôn giáo của mình. Do đó, với sức mạnh dường như vô biên, ông bắt đầu

tiêu diệt hệ phái nguy hại này. Chẳng hạn, ông đã lấy giấy phép chính thức từ **thầy cả thượng phẩm** để đến **Damách** xứ Syria truy lùng các môn đồ của **Jêsus** **xiêng họ** đưa về **Giêrusalem** xét xử và trừng phạt.

9:3-6 Hành trình của ông đến gần **Damách**. Thành linh có ánh sáng chói lòa từ trời soi sáng quanh ông, khiến Saulơ té xuống đất. Ông nghe tiếng phán với mình: "**Hỡi Saulơ, Saulơ, sao ngươi bắt bớ ta?**" Khi Saulơ hỏi: "**Lạy Chúa, Chúa là ai?**" Ông nghe trả lời: "**Ta là Jêsus mà ngươi bắt bớ.**"

Để có thể hiểu hết những cảm xúc của Saulơ lúc đó, cần nhớ rằng ông tin quyết **Jêsus** người **Naxarét** đã chết và bị chôn trong mồ mã tại xứ **Giude**. Vì lãnh tụ của hệ phái này đã bị tiêu diệt, tất cả những gì giờ đây cần thiết chính là tiêu diệt môn đồ của ông ta. Lúc đó, trần gian này sẽ sạch bóng tai họa ấy.

Giờ đây với sức mạnh áp đảo, Saulơ biết **Chúa Jêsus** không hề chết, nhưng Ngài đã sống lại từ kẻ chết và đã được vinh hiển bên hữu **Đức Chúa Trời** trên **Thiên đàng**! Và chính cái nhìn này về **Cứu Chúa** vinh hiển đã thách thức toàn bộ phương hướng của đời ông.

Ngày hôm ấy, Saulơ cũng biết khi bắt bớ các môn đồ của **Chúa Jêsus**, thì ông đang bắt bớ chính **Chúa**. Đau đớn giáng trên chi thể trong **Thân** trên đất này cũng chính là đau đớn mà **Đầu** của thân thể ấy trên **Thiên đàng** cảm nhận.

Đối với Saulơ, trước hết là giáo lý, sau đó là bốn phận. Trước hết, ông đã

được dạy dỗ thỏa đáng về **Thân** vị của **Chúa Jêsus**. Sau đó ông được sai đến **Damách**, tại đó sẽ nhận những mệnh lệnh hành quân của mình.

9:7-9 Những kẻ cùng đi với ông hoàn toàn lóa mắt vào lúc này. Họ nghe tiếng từ trời, nhưng không nghe được những lời lẽ rõ ràng mà Saulơ đã nghe (22:9). Họ không nhìn thấy **Chúa**; chỉ một mình Saulơ đã thấy Ngài và được Ngài kêu gọi làm sứ đồ vào lúc này.

Người **Pharisi** kiêu hãnh này giờ đây được người ta cầm tay dắt đến thành **Damách**, ở tại đó ba ngày mắt không thấy chi cả. Trong thời gian đó, ông chẳng ăn cũng chẳng uống.

9:10-14 Chúng ta có thể hình dung ảnh hưởng của tin này trên **Cơ Đốc nhân** tại **Damách**. Họ biết Saulơ đang trên đường đến bắt họ. Họ đã cầu nguyện xin **Đức Chúa Trời** can thiệp. Có lẽ họ còn dám cầu nguyện cho Saulơ hoán cải nữa. Giờ đây họ nghe **Kế Đại Thù** của **Đạo** đã trở thành **Cơ Đốc nhân**. Họ hầu như không tin nổi đối tai mình nữa.

Khi **Chúa** truyền **Anania**, là một trong những tín đồ tại thành **Damách**, đến thăm Saulơ, **Anania** đốc đó hết mọi linh tính của lòng mình về con người này. Nhưng khi được bảo đảm rằng Saulơ giờ đây đang cầu nguyện thay vì đang bắt bớ, **Anania** đã đi đến nhà của **Giuda** trên đường **Ngay Thẳng**.

9:15,16 **Chúa** có những chương trình kỳ diệu cho Saulơ: "**Ta đã chọn người nấy làm một đồ dùng ta, để đem danh ta đồn ra trước mặt các dân**

ngoại, các vua, và con cái Ysraên." Trước hết, Saulơ sẽ trở thành sứ đồ cho dân ngoại, và sứ mạng này sẽ đưa ông đến trước mặt các vua. Nhưng ông cũng sẽ giảng cho những đồng bào về phán xác của mình, và ở đây ông sẽ kinh nghiệm sự bất bớ dữ tợn nhất.

9:17, 18 Với cách thể hiện ân điển và tình yêu Cơ Đốc hết sức cảm động, Anania tỏ sự thông công trọn vẹn với tân tín hữu này bằng cách đặt tay trên mình Saulơ, gọi người là "Hỡi anh Saulơ," và giải thích mục đích mình đến thăm. Mục đích chính là để Saulơ được sáng mắt lại và được đầy đầy Thánh Linh.

Ở đây cần phải thấy rằng Đức Thánh Linh được ban cho Saulơ qua sự đặt tay của một môn đồ đơn sơ. Anania chính là hạng người mà các nhà giải kinh gọi là một "giáo dân." Chính việc Chúa dùng một người không phải là sứ đồ chắc chắn phải là lời quở trách cho những người tìm cách giới hạn các đặc quyền thuộc linh cho "hàng giáo phẩm."

Khi một người thật sự tin Chúa, luôn luôn có những điều nào đó xảy ra. Có những dấu hiệu nhất định để cho thấy thực tại của sự tin Chúa đó. Điều này cũng đúng cho Saulơ thành Tạtsơ. Những dấu hiệu này là gì? Francis W. Dixon kể ra một số dấu hiệu:

1. Ông gặp Chúa và nghe tiếng Chúa phán (Công Vụ 9:4-6). Ông đã nhận được sự khai thị thiên thượng, và chắc chỉ có khai thị thiên thượng ấy mới có thể thuyết phục ông và

khiến ông trở thành một người tìm kiếm Chúa cách khiêm nhường và một môn đồ tận tụy như vậy.

2. Ông đã được đầy đầy lòng khao khát vàng theo Lời Chúa và làm theo ý muốn Ngài (Công Vụ 9:6).

3. Ông bắt đầu cầu nguyện (Công Vụ 9:11).

4. Ông chịu báp têm (Công Vụ 9:18).

5. Ông hiệp một trong sự thông công với dân sự Chúa (Công Vụ 9:19).

6. Ông bắt đầu làm chứng cách đầy quyền năng (Công Vụ 9:20).

7. Ông đã lớn lên trong ân điển (Công Vụ 9:22).

CHỨC VỤ CỦA NHÂN SỰ

Một trong những bài học quan trọng nhất chúng ta học được từ sách Công Vụ ấy là Cơ Đốc giáo là một phong trào không chuyên, và công tác làm chứng không giao cho một tầng lớp đặc biệt, chẳng hạn như các linh mục hay hàng giáo phẩm, nhưng cho mọi tín hữu.

Harnack tuyên bố rằng:

Khi Hội Thánh có những chiến thắng vĩ đại nhất trong những ngày đầu trên đế quốc Lamã, thì Hội Thánh giành được chiến thắng như vậy không bởi tay các giáo sư hay các nhà truyền đạo hay các sứ đồ, nhưng bởi những giáo sĩ không chính thức.⁴²

Dean Inge viết:

Cơ Đốc giáo đã bắt đầu với tư cách một tôn giáo tiên tri của giới không chuyên... tương lai của Cơ Đốc giáo tùy thuộc nơi giới giáo dân...⁴³

Bryan Green nói:

*Tương lai của Cơ Đốc giáo và công tác truyền giảng cho thế giới nằm trong tay những người nam nữ bình thường chứ không chủ yếu nằm trong tay những mục sư Cơ Đốc chuyên nghiệp.*⁴⁴

Leighton Ford nói:

*Hội Thánh nào đã dồn công tác làm chứng của mình chắt nghét lên những chuyên gia của Hội Thánh thì Hội Thánh đó đang sống vi phạm cả ý định của Đấng Hội Thánh lần khuyển mẫu nhất quán của Cơ Đốc nhân đầu tiên... Công tác truyền giảng là công tác của toàn Hội Thánh, chứ không phải chỉ của "những nhân vật có tên tuổi."*⁴⁵

Và cuối cùng, J. A. Stewart viết:

*Mỗi thành viên của hội chúng địa phương đi ra chinh phục linh hồn về cho Đấng Christ bởi mỗi giao tiếp cá nhân rồi sau đó đưa những con đờ trở về trong các Hội Thánh địa phương này, tại đó họ sẽ được truyền dạy giáo lý và làm cho vững vàng trong đạo của Đấng Cứu Chuộc. Đến lượt họ đi ra làm tương tự như vậy.*⁴⁶

Sự thực đơn giản ấy là trong Hội Thánh của các sứ đồ, không có nhân vật nào như là người thuộc hàng giáo phẩm hay mục sư chủ tọa trên cả một hội chúng địa phương. Hội Thánh địa phương thông thường gồm có các thành đồ, các giám mục hay các chấp sự (Philip 1:1). Theo ý nghĩa của Tân Ước, các thánh đồ thấy đều là người phục vụ. Giám mục là các trưởng lão, những người coi sóc, hay những người dẫn đường thuộc linh. Các chấp sự là

những tôi tớ thực thi những bổn phận có liên quan đến tài chính của Hội Thánh địa phương, v.v...

Không một giám mục hay một trưởng lão nào giữ địa vị như một người trong hàng giáo phẩm. Có một ban trưởng lão cộng tác với nhau trong tư cách những người chân chiến của hội chúng này.

Nhưng có thể có người hỏi: "Còn các sứ đồ, các tiên tri, những thầy giảng Tin Lành, các mục sư và giáo sư thì sao? Chẳng phải họ là hàng giáo phẩm của Hội Thánh đầu tiên đấy ư?" Điều này được trả lời trong Êphêso 4:12. Những ân tứ này được ban hầu gây dựng các thánh đồ, để cho họ (tức các thánh đồ) có thể thi hành chức vụ và bồi đắp gây dựng thân thể Đấng Christ. Mục tiêu của họ không phải là xác lập họ thành những quan chức vĩnh viễn cai trị trên hội chúng địa phương, nhưng để làm việc hường tới ngày Hội Thánh địa phương ấy có thể tự thực thi công việc. Bấy giờ họ có thể đi tiếp để thành lập và làm vững mạnh các hội chúng khác.

Theo các sứ gia Hội Thánh, hệ thống giáo phẩm xuất hiện vào thế kỷ thứ hai. Không ai biết đến hệ thống này trong thời kỳ của sách Công Vụ Các Sứ Đồ. Hệ thống này đã là trở ngại cho công tác truyền giảng Tin Lành thế giới và bành trướng Hội Thánh, vì khiến rất nhiều người phải lệ thuộc vào một số rất ít người.

Tin hữu trong Tân Ước không những là những người phục vụ (hay mục sư); họ còn là thầy tế lễ nữa. Với tư cách những thầy tế lễ thánh, họ không ngừng lấy đức tin đến trước

mặt Đức Chúa Trời để thờ phượng Ngài (I.Phiêrô 2:5). Là những thầy tế lễ nhà vua, họ được đặc ân nói về Đấng đã kêu gọi họ ra khỏi tối tăm vào sự sáng tuyệt diệu của Ngài (I.Phiêrô 2:9). Chức tế lễ của mọi tín đồ không có nghĩa mọi người đều đủ tư cách để rao giảng hay dạy trước công chúng; chức tế lễ của mọi tín đồ chủ yếu liên quan đến sự thờ phượng và làm chứng. Nhưng điều này thực sự có nghĩa rằng trong Hội Thánh không còn tầng lớp đặc biệt của những thầy tế lễ nắm quyền kiểm soát sự thờ phượng và phục vụ.

9:19-25 Các môn đồ tại thành **Damách** đã mở lòng và cửa nhà họ cho **Saulô**. Chẳng bao lâu Saulô vào các nhà hội, dạn dĩ rao giảng Chúa **Jêsus là Con Đức Chúa Trời**. Những thánh giả Do Thái của ông hết sức ngạc nhiên. Ngày trước họ hiểu Saulô ghét Danh Chúa **Jêsus**. Giờ đây ông đang dạy rằng **Jêsus là Con Đức Chúa Trời!** Làm sao như vậy được?

Chúng ta không biết ông ở lại bao lâu tại thành **Damách** trong chuyến đến thăm lần thứ nhất này. Tuy nhiên, từ Galat 1:17, chúng ta biết ông rời **Damách**, đi xuống Arabia không rõ bao lâu, rồi quay về **Damách**. Chuyến đi đến Arabia ăn khớp vào chỗ nào trong bản kỹ thuật của Công Vụ 9? Có lẽ giữa câu 21 và 22.

Rất nhiều đấng được đại dụng của Đức Chúa Trời đã có từng trải đồng vắng hay từng trải Arabia trước khi được sai đi giảng đạo.

Tại Arabia, **Saulô** có cơ hội suy gẫm những biến cố trọng đại đã xảy ra

trong đời ông, và đặc biệt suy gẫm về Tin Lành của ân điển Đức Chúa Trời, là điều đã được giao phó cho ông. Khi trở về **Damách** (câu 22), ông đã có thể bác bỏ người Do Thái trong các nhà hội, nói rõ Đức Chúa **Jêsus** này là Đấng **Mêsi** của **Ysraên**. Điều này chọc giận họ đến nỗi họ lập mưu lấy mạng người ngày trước từng là quân quân binh vực họ nhưng giờ đây trở thành "kẻ bội đạo," "kẻ phản bội," "kẻ phản bậy." **Saulô** trốn thoát nhờ ban đêm các môn đồ lấy thùng giồng người qua một cái lỗ trong một vách thành xuống dưới. Đây là cuộc đào thoát đáng hổ thẹn, nhưng dấu sao đi nữa bấy giờ **Saulô** là một người chẳng có gì, và những người như thế có thể chịu sự sỉ nhục vì cơ Đấng **Christ**, những sỉ nhục mà nhiều người khác hẳn sẽ tránh né.

9:26-30 Từ lập trường con người, thì **Giêrusalem** là nơi nguy hiểm nhất mà **Saulô** có thể đến. Tuy nhiên, bảo đảm mình đang ở trong ý muốn Chúa, đã cho phép ông suy tính thỏa đáng đến an toàn cá nhân của mình.

Người ta vẫn còn tranh luận không biết đây có phải là chuyến thăm **Giêrusalem** lần thứ nhất của Phaolô với tư cách một Cơ Đốc nhân, tức cũng một chuyến đã xảy ra ba năm sau sự tin Chúa của ông (Galat 1:18), hay không. Trong chuyến đến thăm **Giêrusalem** lần thứ nhất, ông gặp **Phiêrô** và **Giaco**, nhưng không gặp một sứ đồ nào khác nữa. Ở đây, câu 27 nói **Banaba... đưa người đến các sứ đồ**. Đương nhiên, điều này có thể nói đến các sứ đồ là **Phiêrô** và **Giaco**,

hoặc cũng có thể nói đến toàn bộ các sứ đồ. Nếu muốn tới toàn bộ các sứ đồ, thì đây là chuyến thăm Giêrusalem lần thứ nhì, và không để cập ở nơi nào khác nữa.

Lúc đầu, các môn đồ tại Giêrusalem sợ không dám đón tiếp Saulơ, nghi ngờ sự thật lời ông xưng là tín hữu. Banaba đã tỏ ra là người đứng theo tên gọi "*con trai của sự yên ủi*" bằng cách kết bạn với Saulơ, thuật lại sự tin Chúa của ông, và kể về lời làm chứng không chút sợ hãi của ông cho Đấng Christ tại thành Đamách. Chẳng mấy chốc, tín đồ nhận ra Saulơ thành thật khi thấy ông nhận danh Chúa giảng cách dạn dĩ tại thành Giêrusalem. Ông đã khơi dậy sự chống đối mạnh mẽ nhất giữa vòng người Hêlênit. Khi các anh em thấy mạng sống ông gặp nguy hiểm trước những người Giuđa này, họ hộ tống Saulơ đến cảng Sêsarê. Từ đó, ông trở về quê hương Tarsơ, gần bờ biển đông nam của vùng Tiểu Á.

9:31 Tiếp sau đó là thời gian tạm nghỉ cho các Hội Thánh tại Palestine. Đây chính là thời gian cũng có những thành quả đã đạt được, và để chứng kiến sự thông công tăng trưởng về số lượng lẫn về tâm linh.

III. HỘI THÁNH ĐI ĐẾN ĐẦU CÙNG ĐẤT (9:32 - 28:31)

A. Phierơ Giảng Tin Lành Cho Người Ngoại Bào (8:32 - 11:18)

9:32-34 Giờ đây khi câu chuyện quay về với Phierơ, chúng ta thấy ông đang thăm các tín hữu tại nhiều nơi khác nhau trong xứ Giuđê. Rốt cuộc

ông đến thành Lyđa (Lyod), phía tây bắc Giêrusalem, trên đường đến Giôphê (tức Jaffa hay Yafô ngày nay). Tại đó, ông gặp một người bại tên Ênê nằm trên giường đã làm năm rồi. Gọi đích danh ông ta, Phierơ tuyên bố rằng Đức Chúa Jêsus Christ chính là Đấng chữa bệnh cho người. Ênê lập tức vung chõr dậy vác giường đi. Rất có thể Ênê đã nhận lấy sự sống thuộc linh và sự chữa lành thuộc thể cùng một lúc.

9:35 Người bại được lành đã tỏ ra lời chứng về Chúa trong thành Lyđa và trong toàn vùng đồng bằng bờ biển Sarôn. Kết quả có rất nhiều người trở về với Chúa.

9:35-38 Giôphê là hải cảng lớn của Palestine, nằm trên bờ biển Địa Trung Hải khoảng ba mươi dặm phía tây bắc Giêrusalem. Trong số những Cơ Đốc nhân tại đó có một phụ nữ tử tế tên là Đôca,⁴⁷ người nổi tiếng vì đã may áo cho người nghèo. Khi bà đột ngột qua đời, các môn đồ báo tin khẩn cấp đến Lyđa, mời Phierơ đến không chút chậm trễ.

9:39-41 Khi đến nơi, thấy hết thầy các đàn bà góa... khóc thương khi cho Phierơ xem những áo xống mà Đôca đã may cho họ. Ông bảo họ ra ngoài, rồi quỳ gối cầu nguyện, và truyền lệnh cho Tabitha chõr dậy. Lập tức bà sống lại, và cùng tham gia với các bạn Cơ Đốc của mình.

9:42 Phép lạ phục sinh này đồn ra khắp nơi, nên có rất nhiều người tin Chúa. Tuy nhiên, so sánh câu 42 với câu 35, dường như số người tin Chúa

qua việc chữa lành Ênê nhiều hơn qua việc kêu Đôca sống lại.

9:43 Phierơ ở lại nhiều ngày tại thành Giôphê, ở tại nhà thợ thuộc da lên là Simôn. Việc nhắc đến nghề làm ăn của Simôn ở đây thật rất ý nghĩa. Người Giuđa xem nghề thuộc da là một nghề mang tiếng xấu. Liên tục tiếp xúc với xác của các thú vật chết sẽ gây ô uế về lễ nghi. Sự kiện Phierơ sống với Simôn cho thấy ông không còn bị ràng buộc bởi sự ngại ngùng cụ thể này của người Do Thái nữa.

Người ta thường nói trong ba đoạn liên tiếp, chúng ta có sự hoán cải của một hậu tự cho mỗi con trai của Nôê. Hoạn quan Êthiôpi (đoạn 8) rõ ràng là đồng dôi của Cham. Saulơ thành Tậtsơ (đoạn 9) là đồng dôi của Sem. Giờ đây trong đoạn 10, trong Cột này, chúng ta thấy một hậu tự của Giaphết. Đây là lời chứng nổi bật minh chứng Tin Lành dành cho mọi chủng tộc và mọi nền văn hóa, và trong Đấng Christ, toàn bộ những sự kỳ thị tự nhiên này bị dẹp bỏ. Phierơ đã dùng chìa khóa Thiên đàng mở cửa đức tin cho những người Giuđa trong đoạn 2 thế nào, thì giờ đây trong đoạn 10, chúng ta cũng thấy ông làm y như vậy cho người ngoại bang.

10:1,2 Đoạn này mở đầu tại Sêsarê, khoảng ba mươi dặm phía bắc thành Giôphê. Cột này là một si quan Lamã. Là đội trưởng, ông chỉ huy khoảng một trăm lính. Ông được biệt phái đến Trung Đoàn Người Ý (The Italian Regiment). Lòng kính kiến của ông còn đáng kể hơn cả địa vị nổi bật về quân sự. Ông là người đạo đức,

kinh sợ Đức Chúa Trời, bố thí rời rợng cho những người Do Thái nghèo khổ, và cầu nguyện luôn không thôi. Rylie gợi ý chắc ông là "một người cải đạo đã đến trước cửa; tức là ông tin vào Đức Chúa Trời của Do Thái giáo và quyên tể trị của Ngài, nhưng vẫn chưa thực hiện bước nào để trở thành một người cải đạo trưởng thành."⁴⁸

Ông đã được cứu hay chưa vẫn còn là vấn đề thắc mắc. Những người nói ông đã được cứu thì trưng dẫn câu 2 và 35, là nơi Phierơ nói ám chỉ hiển nhiên đến Cột này, rằng "Hễ ai kính sợ Ngài (Đức Chúa Trời) và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa." Những người dạy rằng Cột này chưa được cứu thì trưng dẫn đoạn 11:14, trong đó trích lời thiên sứ đang hứa với ông rằng Phierơ sẽ nói cho ông biết những lời mà nhờ đó có thể được cứu.

Quan điểm của chúng ta ấy là: Cột này là một ví dụ về người đã sống đúng theo ánh sáng mà Chúa ban cho. Tuy sự sáng này chưa đủ để cứu ông, nhưng Đức Chúa Trời bảo đảm ông sẽ được ban thêm sự sáng của Tin Lành. Trước khi Phierơ đến thăm, ông vẫn chưa có sự bảo đảm về sự cứu rỗi, nhưng ông thực sự cảm nhận được mối quan hệ anh em trong gia đình với những người thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật.

10:3-8 Một ngày kia, vào khoảng ba giờ chiều, Cột này có sự hiện thấy rõ ràng, một thiên sứ của Đức Chúa Trời hiện ra với ông và gọi đích danh ông. Là một người ngoại bang, ông không ý thức được chức vụ của các

thiên sứ như người Do Thái đã biết, và vì vậy ông sợ và hiểu lầm thiên sứ là Chúa. Thiên sứ đã trấn an và cho biết Đức Chúa Trời trân trọng những lời cầu nguyện và của bố thí của Cộnây, rồi bảo ông sai người đi về phía nam đến thành Giôpã tìm một người tên Simôn Phierơ, tức đó đang ở với Simôn là thợ thuộc da, nhà ở gần biển.⁴⁹ Vâng lời ngay không chút thắc mắc, đội trưởng này sai hai người trong đám đầy tớ và một tùy viên quân sự vốn cũng là người kính sợ Chúa.

10:9-14 Qua ngày sau, khoảng giữa trưa, Phierơ lên mái bằng, nhà của Simôn tại Giôpã, để cầu nguyện. Lúc đó ông đói và muốn ăn, nhưng dưới nhà vẫn chưa dọn xong bữa trưa. Đương nhiên, cơn đói đã chuẩn bị phù hợp cho những điều sắp xảy đến. Ông ngất lị đi, nhìn thấy một bức khăn lớn níu bốn chéo lên từ trời giáng xuống, trong đó có đủ những loài bốn cẳng, ..., và chim trên trời, cả những loài bò sát trong đó, cả loài tinh sạch lẫn không tinh sạch. Có tiếng từ trời truyền vị sứ đồ đang đói bụng này: "Hãy dậy, làm thịt và ăn!" Vẫn như rằng luật pháp Môise cấm người Giuđa ăn các loài không tinh sạch, Phierơ nói lên một lời mô tả lịch sử: "Lạy Chúa, chẳng vậy!" Scroggie bình luận: "Hề ai nói 'chẳng vậy' thì đừng bao giờ nói thêm 'Lạy Chúa,' và hề ai thực sự nói 'Lạy Chúa' thì sẽ không bao giờ nói 'chẳng vậy.'"

10:15,16 Khi Phierơ giải thích thành tích liên tục trong quá khứ của mình về việc chỉ ăn những thức ăn

kiêng mà thôi, tiếng từ trời lại phán: "**Phàm vật chi Đức Chúa Trời đã làm cho sạch, thì chớ cấm bằng đờ đầy.**" Lời thoại đó lặp lại ba lần, rồi bức khăn thâu lên trên trời.

Rõ ràng, khái tượng này có ý nghĩa sâu nhiệm hơn vấn đề thuần túy ăn các thức ăn sạch và không tinh sạch. Thật vậy, với sự xuất hiện của đạo Cơ Đốc, những quy định về thức ăn này không còn có hiệu lực nữa. Nhưng ý nghĩa thật của sự hiện thấy ấy là: Đức Chúa Trời mở cửa đức tin cho người ngoại bang. Là người Giuđa, Phierơ luôn luôn xem người ngoại bang là người ó ướ, như những kẻ xa lạ, như người khách lạ, những người phải lánh xa, là những người không kính sợ Đức Chúa Trời. Nhưng giờ đây Đức Chúa Trời sắp làm một việc mới. Những người ngoại bang (được tượng trưng bởi những loài thú và chim chẳng tinh sạch) sắp được nhận lãnh Đức Thánh Linh y như cách người Giuđa (những loài thú và chim tinh sạch) đã nhận lãnh Ngài rồi vậy. Những kỳ thị về dân tộc và tôn giáo phải bị hóa giải, và mọi tín hữu thật nơi Chúa Jêsus đều sẽ ở cùng một bình diện trong mối thông công Cơ Đốc.

10:17-23a Đương khi Phierơ suy gẫm sự hiện thấy trong lòng, những đầy tớ của Cộnây đến ngoài cửa hỏi thăm tìm ông. Được Thánh Linh hướng dẫn, ông từ mái nhà đi xuống chào họ. Khi biết mục đích chuyến viếng thăm của họ, ông mời họ vào, cho ở lại qua đêm. Những đầy tớ này

đã ca ngợi chủ mình là "Người công bình, kính sợ Đức Chúa Trời, cả dân Giuđa đều làm chứng tốt về người."

10:23b-29 Qua ngày sau, Phierô đi đến Sêsarê cùng với ba đầy tớ của Cọtây và một vài người trong hàng anh em từ Giôpê. Dường như họ đi cả ngày, vì hôm sau họ đã đến Sêsarê rồi.

Biết trước họ sẽ đến, Cọtây đã mời bà con và bạn thiết nhóm lại lại nhà mình. Khi Phierô đến, đội trưởng sắp mình xuống chân ông tỏ lòng tôn kính. Vị sứ đó không nhận sự thờ phượng như thế, phản đối rằng ông cũng chỉ là con người. Sẽ rất thích hợp nếu tất cả những người tự phong mình là "người kế vị" của Phierô chịu bắt chước linh thần khiêm nhường của ông bằng cách cảm người ta quý gồi trước mặt họ!

Khi thấy rất nhiều người nhóm lại trong nhà, Phierô giải thích rằng là người Giuđa, lẽ thường ông không được phép đến nhà người ngoại bang như người này, nhưng Đức Chúa Trời đã cho biết ông đừng nghĩ người ngoại bang là nhóm người không thể tiếp xúc. Lúc đó, ông hỏi lý do vì sao họ mời ông đến.

10:30-33 Cọtây sẵn sàng tả lại khái tượng đã thấy bốn ngày trước khi có thiên sứ đến bảo đảm với ông lời cầu nguyện của ông đã được nhậm và truyền ông đến mời Phierô. Sự đòi khát Lời Đức Chúa Trời trong tấm lòng của người ngoại bang này thật đáng khen. Ông nói: "Vậy, bây giờ, thay thay chúng tôi đang ở trước mặt Đức Chúa Trời, để nghe mọi điều

Chúa đã dặn ông nói cho chúng tôi." Một tinh thần rộng mở và sẵn sàng học hỏi như thế chắc chắn sẽ được ban thưởng lời dạy của Đức Chúa Trời.

10:34,35 Phierô mở đầu sứ điệp của mình với lời thừa nhận thẳng thắn. Mãi cho đến bây giờ, ông vẫn tin ân huệ của Đức Chúa Trời được giới hạn cho dân Ysraên mà thôi. Giờ đây ông nhận biết Đức Chúa Trời không thiên vị con người nào vì cơ dân tộc của người ấy, nhưng Ngài quan tâm tấm lòng ngay thẳng, thống hối, bất kể là nơi người Do Thái hay người ngoại bang. "Nhưng trong các dân, hề ai kính sợ Ngài và làm sự công bình, thì nấy được đẹp lòng Chúa."

Có hai lối giải thích chính yếu về câu 35:

1. Có người nghĩ nếu thật lòng ăn năn và tìm kiếm Đức Chúa Trời, người ấy được cứu cho dù chưa hề nghe về Chúa Jêsus. Lập luận này như sau: đầu chính người này có thể chưa biết sự hy sinh thay thế của Đấng Christ, thế nhưng Đức Chúa Trời biết điều đó và cứu người ấy dựa trên chính của lễ hy sinh ấy. Ngài kể giá trị công tác của Đấng Christ cho người ấy bất cứ lúc nào Ngài tìm thấy đức tin thật.

2. Quan điểm khác: đầu một người kính sợ Chúa và làm việc công bình, người ấy vẫn không nhờ đó mà được cứu. Sự cứu rỗi duy nhất chỉ bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ mà thôi. Nhưng khi Đức Chúa Trời thấy người nào sống đúng theo ánh sáng mình đã nhận lãnh về Chúa, thì Ngài

sẽ bảo đảm lo sao cho người ấy được nghe Tin Lành và nhờ đó có cơ hội để được cứu.

Chúng ta tin quan điểm thứ nhì là lời giải thích đúng đắn.

10:36-38 Tiếp theo, Phierơ nhắc thánh giá rằng dấu sứ điệp Tin Lành được sai đến người Giuđa trước hết, thế nhưng Đức Chúa Jêsus Christ tức là Chúa của loài người - cả người ngoại bang cũng như người Giuđa. Thánh giá của ông chắc chắn đã nghe câu chuyện Chúa Jêsus người Naxarét; câu chuyện ấy bắt đầu tại Galilê, vào thời điểm Giảng đang làm phép báp-têm, và đã lan truyền khắp cả xứ Giuđê. Chính Đức Chúa Jêsus này, là Đấng được xúc dầu bởi Đức Thánh Linh, đã sống cuộc đời phục vụ người khác không chút ích kỷ, làm phúc và chữa lành hết thảy những người bị ma quỷ ức hiếp.

10:39-41 Các sứ đồ là những nhân chứng cho sự thật về mọi điều Chúa Jêsus đã làm. Họ đã cùng đi lại với Ngài trong cả xứ Giuđê và tại Giêrusalem. Dấu Ngài sống cuộc đời trọn vẹn, con người đã giết Ngài bằng cách treo Ngài lên cây gổ. Đức Chúa Trời khiến Ngài từ kẻ chết sống lại vào ngày thứ ba, và những nhân chứng được Đức Chúa Trời chọn trước đã nhìn thấy Ngài. Theo chúng ta biết, không một người chưa tin Chúa nào chứng kiến Chúa Jêsus sau khi Ngài sống lại. Nhưng các sứ đồ không những nhìn thấy Ngài; họ còn ăn uống cùng Ngài nữa. Đương nhiên, điều này cho thấy thân thể phục sinh của Cứu Chúa có thể thấy rõ bằng mắt, là thân thể vật chất và thuộc thể.

10:42 Khi sống lại, Chúa Jêsus sai phái các sứ đồ rao giảng Ngài là Đấng Xét Đoán kẻ sống và kẻ chết. Điều này phù hợp với rất nhiều câu Kinh Thánh khác vốn dạy rằng Đức Chúa Cha đã giao trọn sự xét đoán cho Con (Giăng 5:22). Đương nhiên, điều này có nghĩa: với tư cách Con Người, Ngài sẽ đoán xét người Giuđa lẫn người ngoại bang như nhau, không phân biệt chi hết.

10:43 Nhưng Phierơ không nấn ná nơi âm điệu đoán xét. Thay vào đó, ông giới thiệu lời tuyên bố trọng đại về lẽ thật Tin Lành, giải thích cách tránh sự đoán xét ấy. Đúng như lời hét thảy các Đấng tiên tri Cựu Ước đã dạy, hễ ai tin nơi danh Đấng Mêsai thì được sự tha tội. Đây không phải là lời cho riêng Ysraên mà thôi, nhưng bao gồm toàn thế gian. Anh em có muốn biết sự tha tội không? Vậy hãy tin Ngài!

10:44-48 Khi Phierơ đứng nổi, thì Đức Thánh Linh giảng trên mọi người nghe đạo. Họ thấy đều nói các thứ tiếng ngoại quốc, ca ngợi Đức Chúa Trời. Đây là dấu hiệu cho những người đang có mặt biết Cột này và người nhà ông đã thực sự nhận lấy Đức Thánh Linh. Những người khách Do Thái từ Gióp bê đến lấy làm lạ khi nghe người ngoại bang lại được nhận Đức Thánh Linh như thế, mà không cần phải trở thành người cải đạo Do Thái trước. Nhưng Phierơ không bị ràng buộc bởi những thành kiến Do Thái như thế. Ông ngay lập tức biết Đức Chúa Trời không phân biệt giữa người Giuđa và người ngoại bang, vì vậy ông đề nghị người nhà Cột này nên chịu phép báp-têm.

Để ý cụm từ **những kẻ đã nhận lấy Đức Thánh Linh cũng như chúng ta**. Những người ngoại bang này đã được cứu y như cách người Do Thái đã được - bởi đức tin đơn sơ. Không hề có gợi ý đến việc giữ luật pháp, chịu cắt bì hay bất kỳ thành lễ hoặc nghi lễ nào khác.

Cũng để ý đến thứ tự các biến cố liên quan đến sự nhận lãnh Thánh Linh của người ngoại bang:

1. Họ nghe đạo, tức họ tin (câu 44).

2. Họ đã nhận lấy Đức Thánh Linh (câu 44,47).

3. Họ chịu báp têm (câu 48).

Đây là thứ tự các biến cố vốn thịnh hành cho cả người Do Thái lẫn người ngoại bang như nhau trong định kỳ này, khi Đức Chúa Trời đang kêu từ giữa các dân ra một dân cho Danh Ngài.

Chẳng lấy gì làm lạ sau công việc đầy ơn này của Thánh Linh Đức Chúa Trời tại Sêsarê, các tín hữu này mới Phierơ ở lại với họ thêm vài ngày.

11:1-3 Tin tức nhanh chóng đồn về xứ Giuđê rằng Phierơ giảng cho người ngoại bang và họ đã được cứu. Do đó, khi Phierơ quay về Giêrusalem, ông bị những tín đồ vốn chịu phép cắt bì thách thức ông giài thích về việc ngồi ăn với người ngoại bang. Phêp cắi bì ở đây nói đến những Cơ Đốc nhân thuộc dòng dõi Do Thái vẫn còn bị ràng buộc bởi những nếp suy nghĩ ngày trước. Chẳng hạn, họ tin người ngoại bang phải chịu cắt bì thì mới nhận được trọn phước hạnh từ Đức Chúa Trời. Họ vẫn nghĩ Phierơ đã sai khi ngồi ăn với người ngoại bang.

11:4-14 Để bình vực hành động của mình, Phierơ thuật lại đơn sơ mọi điều đã xảy ra. Sự hiện thấy của ông về cái khăn lừ trời thả xuống, thiên sứ hiện ra cho Cọtây, nhưng sứ giả từ Cọtây sai đến, mạng lệnh của Thánh Linh truyền đi chung với họ, và sự tuân đổ Thánh Linh trên người ngoại bang. Vì Đức Chúa Trời hành động qua rất nhiều phương cách rõ ràng nhưng vẫn rất đặc trưng, nên chống cự hoặc phản đối thì hiển nhiên là đang chống đối Chúa.

Trong sử điệp, Phierơ nói thêm nhiều chi tiết thú vị mà đoạn trước không đề cập:

1. Ông nói cái khăn lừ... từ trên trời sa xuống tận ta (câu 5).

2. Ông nói đến việc xem xét kỹ lưỡng cái khăn đó (câu 6).

3. Phierơ nói thêm chi tiết có sáu người anh em cùng đi với ông từ Giốpbê đến Sêsarê (câu 12).

4. Trong câu 14, chúng ta biết thiên sứ hứa với Cọtây rằng Phierơ sẽ nói cho Cọtây những lời nhờ đó ông và cả nhà sẽ được cứu rồi. Câu này là một trong những bằng chứng chính yếu cho thấy Cọtây chưa phải người đã được cứu trước khi Phierơ đến.

11:15 Theo câu chuyện của Phierơ, Đức Thánh Linh đã giáng xuống trên người ngoại bang khi ông mới khởi sự nói. Trong Công Vụ 10:44, dường như ông đang giảng được ít lâu rồi. Dường như ông đã khởi sự nói nhưng bị gián đoạn trước khi tiếp tục giảng thêm.

11:16 Khi Đức Thánh Linh giáng trên những người ngoại bang này,

Phierơ lập tức nghĩ đến Lê Ngũ Tuấn. Rồi lại nghĩ xa hơn đến Lời Chúa hứa các môn đồ sẽ “**chịu phép báp têm bằng Đức Thánh Linh.**” Ông nhận thấy lời hứa được ứng nghiệm một phần tại Lê Ngũ Tuấn và giờ đây hiện đang được ứng nghiệm lần nữa.

11:17 Rồi Phierơ hỏi nhóm chịu phép cắt bì câu này: **Nếu Đức Chúa Trời chọn đổ Thánh Linh của Ngài trên người ngoại bang, như Ngài đã làm trước đó trên những người Giuđa đã tin... vậy Phierơ là ai mà dám ngăn trở Đức Chúa Trời?**

11:18 Những Cơ Đốc nhân người Hêbơơ này thật đáng khen vì khi nghe lời thuật của Phierơ, họ nhận ra bàn tay của Đức Chúa Trời trong toàn bộ chuyện đó và thay đổi ý kiến hoàn toàn. Mọi chống đối của họ không còn nữa. Thay vào đó họ dâng lời ca ngợi Đức Chúa Trời vì Ngài ban sự an nán cho người ngoại để họ được sự sống.

B. Sự Thành lập Hội Thánh tại Antiôt (11:19-30)

11:19 Giờ đây câu chuyện quay trở lại thời điểm căn bản sau sự tuận đạo của Êtiên. Nói cách khác, những biến cố được mô tả trong những câu tiếp theo đã xảy ra trước sự tin Chúa của Cọt này.

Những kẻ bị lán lạc bởi sự bất bớ đã đem Tin Lành đến:

1. Xứ Phônixi, vùng bờ biển hẹp dọc phía đông bắc Địa Trung Hải, bao gồm các cảng Tyơ và Sidôn (Lebanon ngày nay).

2. Chiprơ, một đảo lớn ở đông bắc biển Địa Trung Hải.

3. Syren, thành phố cảng ở bờ biển phía bắc Châu Phi (Libya ngày nay).

Tuy nhiên, họ rao giảng Tin Lành cho người Giuđa thôi.

11:20,21 Nhưng có một số tín hữu từ Chiprơ và Syren đến thành Antiôt và tại đó rao giảng Tin Lành cho người Hêlênit nữa.⁵⁰ Phước hạnh đi kèm lời giảng của họ nên có rất nhiều người tin và trở lại cùng Chúa. F. W. Grant nói: “Thật nổi bật khi thấy chủ nghĩa quyền chức bị mất uy tín biết bao trong toàn bộ chuyện này. Chúng ta không biết tên những người được Chúa dùng trong công việc ở đây.”

Việc giới thiệu Cơ Đốc giáo đến Antiôt thật quan trọng trong bước tiến lên phía trước của Hội Thánh. Antiôt nằm trên bờ sông Orontes tại xứ Syria, phía bắc Palestine. Antiôt được xem là thành phố thứ ba của đế quốc Lamã, và đã được gọi là “Paris của thế giới cổ.” Từ đây, Phaolô và những bạn đồng hành của ông về sau đã khởi hành các chuyến truyền giáo, đưa Tin Lành đến cho người ngoại bang.

11:22-24 Khi tiếng đồn về cuộc thức tỉnh tâm linh vĩ đại này đến Hội Thánh tại Giêrusalem, Hội Thánh quyết định sai phái Banaba đầy nhiệt tâm nhân hậu đến Antiôt. Con người yêu quý này đã thoáng thấy Đức Chúa Trời đang hành động đầy quyền năng giữa người ngoại bang, vì vậy ông khuyên họ cố vững lòng tin Chúa. Thật tốt biết bao khi Hội Thánh non trẻ này được một con người lành, đầy dẫy Thánh Linh và đức tin như thế đến thăm! Đang khi ở tại đó, rất đông

người tin theo Chúa. Sự hiệp một với Hội Thánh tại Giêrusalem cũng được bảo tồn.

11:25,26 Lúc đó Banaba nhớ đến Saulơ thành Tạtsơ! Chính ông là người đã giới thiệu Saulơ cho các sứ đồ tại Giêrusalem. Rồi sau đó, Saulơ được đưa vội ra khỏi thành để thoát khỏi âm mưu của người Giuđa. Kể từ đó, ông ở tại quê hương Tạtsơ. Rất muốn khích lệ Saulơ trong chức vụ và giúp Hội Thánh tại Antiốt được ích lợi từ sự dạy dỗ của Saulơ, Banaba đi đến Tạtsơ tìm và đưa Saulơ đến thành Antiốt. Trọn một năm, đội ngũ tuyệt vời này cộng tác với Hội Thánh tại đó, dạy dỗ rất nhiều người.

Chính tại Antiốt, các môn đồ lần đầu tiên được gọi là Cơ Đốc nhân. Rõ ràng, đây là từ ngữ nhục nhã vào thời bấy giờ, nhưng kể từ đó đã được hoan nghênh bởi tất cả những ai yêu mến Cứu Chúa.

J. A. Stewart nhận định:

F. B. Meyer thánh thiện đã nói: "Antiốt sẽ luôn luôn nổi tiếng trong hiện niên sử Cơ Đốc, vì một số môn đồ vô danh và chưa hề được phong chức, trốn thoát khỏi Giêrusalem khi bị Saulơ bắt bớ, đã dám rao giảng Tin Lành cho người Gôréc và tập trung những tân tín hữu này vào trong một Hội Thánh mà hoàn toàn không quan tâm đến nghi thức gia nhập của Đa Thái giáo."

Nếu những tín hữu này xuất thân từ hội chúng thời hiện đại, trong đó chức vụ được giao phó cho trách nhiệm duy nhất của một con người, thời kỳ đặc thánh này của lịch sử Hội Thánh ắt chưa bao giờ được viết

ru cá. Thật hi thảm hết bao vì trong một Hội Thánh trung bình, các ân từ chức vụ của Thánh Linh ngự yên và tiềm tàng, vì tín hữu hạng trung bình không có cơ hội phục vụ. Chẳng nào mỗi một nhóm nhỏ tín hữu còn một vị mục sư được trả lương để chăm sóc cho họ, thì lúc ấy vẫn còn một điều chắc chắn, đó là thế giới sẽ không bao giờ được nghe Tin Lành. Cảm tạ Đức Chúa Trời về tất cả những giám thị tình nguyện của Trường Chúa Nhật, các giáo viên Trường Chúa Nhật, các lớp học Kinh Thánh và những người gọi là giáo dân. Nếu hết thấy họ đều được trả lương về sự phục vụ của họ, sẽ rất ít Hội Thánh có khả năng hoạt động nổi về mặt tài chánh.⁵¹

11:27-30 Dấu Antiốt trở thành trung tâm để từ đó Tin Lành đi đến với người ngoại bang, Hội Thánh này vẫn luôn luôn duy trì mối thông công trọn vẹn và hết lòng với Hội Thánh Giêrusalem, tức là trung tâm truyền giảng cho người Giuđa. Biến cố sau đây minh họa sự thực này.

Khoảng thời gian này, có mấy người liên tri từ thành Giêrusalem xuống thành Antiốt. Những tiên tri này là các tín hữu được Thánh Linh ban ân từ để nói ra với tư cách phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời. Họ nhận những Khải thị từ Chúa và truyền lại cho dân sự. Trong bọn có một người lên Agabul báo trước sẽ có cơn đói kém lớn đến trên khắp đất. Cơn đói kém này thật sự xảy đến trong đời Sêsa Colốt. Các môn đồ thành Antiốt lập tức quyết định gửi khoản tiền cứu trợ đến cho anh em Cơ Đốc của họ

trong xứ Giuđê. Chắc chắn đây là lời chứng cảm động cho thấy bức tường phân cách giữa người Giuđa và người ngoại bang đang đổ xuống, và tình thân thù địch thời xưa đã bị xóa bỏ bởi thập tự giá của Đấng Christ. Ấn điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong những môn đồ này, là những người đã ban cho cách nhất trí, tự nguyện và tùy sức riêng của họ. Họ đã ban cho "lũy sức riêng mình." F. W. Grant nhận định thật buồn: "Ngày nay dường như 'mỗi người cho chút ít số thừa mứa của mình, và người giàu nhất lại cho với tỷ lệ thấp hơn hết.'"

Món tiến này được gửi đến các trưởng lão qua tay của Banaba và Saulơ. Đây là lần đầu tiên nhắc đến trưởng lão trong mối liên quan với Hội Thánh. Tuy nhiên, ý niệm về trưởng lão rất quen thuộc với người Giuđa, vì có nhiều trưởng lão trong nhà hội. Kinh Thánh không nêu thông tin cho biết những người này tại Giêrusalem đã trở thành trưởng lão bằng cách nào. Trong các Hội Thánh ngoại bang, các trưởng lão được các sứ đồ hoặc những đại diện của họ bổ nhiệm (14:23; Tit 1:5). Các phẩm cách của trưởng lão được nêu trong 1.Timôthê 3:1-7 và Tit 1:6-9.

C. Con Bả Bị Bại Hết và Sự Qua Bời Của Hết (12:1-23)

12:1,2 Những cuộc tấn công không ngừng nghỉ của Satan vào Hội Thánh vẫn tiếp diễn. Lần này, sự bất bở đến từ vua Hêrôđê. Đây là Hêrôđê Agrippa I, cháu nội của Hêrôđê Đại Đế. Ông được lập làm vua Giuđê bởi hoàng đế Lamã là Claudius (Côlôt). Là

người tuân giữ luật pháp Môise, ông làm rất nhiều điều để lấy lòng người Giuđa. Vì theo đuổi chính sách đó, nên ông hà hiếp một vài người trong Hội Thánh và đã dùng gươm giết Giacơ anh của Giảng.

Đây chính là Giacơ đã cùng ở với Phierơ và Giảng trên Núi Hóa Hình với Chúa chúng ta; và mẹ của ông chính là người đã xin cho hai con trai mình được ngồi bên cạnh Đấng Christ trong nước Ngải.

Đoạn này cung cấp phần nghiên cứu thú vị về những cách Đức Chúa Trời đối đãi với dân sự Ngải. Giacơ bị kẻ thù giết chết, thế nhưng Phierơ đã được giải thoát bằng phép lạ. Lý luận của con người sẽ hỏi cơ sao thiên vị như vậy với Phierơ. Đức tin yên nghỉ trên tình yêu thương và sự khoan ngoan của Đức Chúa Trời, vì biết rằng:

Điều xấu mà được Chúa chúc phước thì đó là điều tốt của chúng ta.

Và tốt mà Chúa không chúc phước thì nó là xấu.

Và những điều có vẻ như sai trật nhất thảy đều sẽ đúng và thích hợp.

Nếu đó là ý muốn tốt lành của Ngải.

- Frederick W. Faber

12:3,4 Người Giuđê đáp ứng nhiệt tình với vụ xử tử Giacơ đến nỗi Hêrôđê hứng thú muốn làm tiếp như vậy cho Phierơ nữa. Tuy nhiên, lúc đó đến Ngày Ăn Bánh Không Men, và những vụ hành hình hoàn toàn không thích hợp trong ngày lễ tôn giáo. Người Giuđa cũng quá bận rộn với những lễ nghi của họ nên sẽ không thưởng

thức được sự ưu đãi, vì vậy Hêrốt ra lệnh giam Phierơ vào ngục trong lúc chờ đợi. Vị sứ đồ bị canh giữ bởi mười sáu quân lính chia làm bốn đội, mỗi đội bốn lính.

12:5 Hội Thánh tại Giêrusalem sốt sắng cầu nguyện cho Phierơ, đặc biệt khi sự chết của Giacơ vẫn còn rõ như in trong trí. G. C. Morgan nhận định: "Sức mạnh của lời cầu nguyện ngăn chặn sốt sắng này còn mạnh hơn cả Hêrốt, mạnh hơn cả địa ngục."

12:6-11 Đêm rạng ngày Hêrốt định bắt Phierơ ra, Phierơ ngủ ngon, bị cùm giữa hai tên lính. Có người gọi giấc ngủ của ông là chiến thắng của đức tin. Chắc ông nhớ lời Chúa hứa ông sẽ sống đến khi già (Giăng 21:18), và vì vậy biết Hêrốt không thể giết ông trước kỳ. Thánh linh một thiên sứ của Chúa hiện ra, ngục tối tràn ngập ánh sáng. Gõ vào sườn Phierơ, thiên sứ truyền ông mau ngồi dậy.

Lập tức xiềng rớt ra khỏi tay. Sau đó, với những câu ngắn gọn dứt khoát, thiên sứ bảo Phierơ mặc áo vào, mang dép, choàng áo ngoài rồi đi theo. Dấu đang bàng hoàng, Phierơ vẫn đi theo thiên sứ qua vọng canh thứ nhất, rồi vọng canh thứ nhì của ngục. Rồi họ đến cửa sắt, cửa tự động mở ra như được điều khiển bằng mắt điện tử vậy. Chỉ sau khi họ đi qua một con đường của thành, rồi thiên sứ biến mất, Phierơ mới tỉnh lại và nhận ra không phải là giấc mơ, nhưng chính Chúa đã giải cứu ông bằng phép lạ khỏi tay Hêrốt và khỏi tay người Giuda.

12:12 Khi dừng lại đủ lâu để suy gẫm, Phierơ nhận biết các môn đồ chắc đang cầu nguyện tại nhà của Mari, mẹ của Giăng còn gọi là Mác. Ất hẳn đây là buổi nhóm cầu nguyện trọn đêm vì cuộc vượt ngục của Phierơ xảy ra vào những giờ sáng sớm.

12:13-15 Phierơ gõ cửa và chờ. Một cô gái tên là Rôđơ (Hy văn: "Rose") ra trả lời, nhưng khi nghe tiếng Phierơ, cô phần khởi quên cả mở cửa! Cô chạy vào báo tin vui cho những người đang cầu nguyện. Họ nghĩ cô điên, và không ngăn ngại bảo với cô như vậy, nhưng cô cứ quả quyết sứ đồ thật sự đang ở ngoài cửa. Họ nói: "Chắc là thiên thần hộ mệnh của người," nhưng cô vẫn khẳng định đó là Phierơ.

Những tín hữu này thường xuyên bị quở vì những lời cầu nguyện vô tin của họ; họ thực sự rất ngạc nhiên khi lời cầu nguyện của họ được nhậm. Nhưng bất kỳ lời phê bình nào như thế chắc cũng đều bị ảnh hưởng bởi sự tự ý thức đầy hốt hoảng của chính chúng ta. Thay vì quở trách người khác, chúng ta đáng phải được an ủi lớn lao vì Đức Chúa Trời đã nhậm những lời cầu nguyện thiếu đức tin như thế. Hết thảy chúng ta đều có khuynh hướng làm những tín hữu vô tin.

12:16,17 Trong lúc đó, Phierơ vẫn đứng chờ ngoài cửa, cứ gõ cửa hoài. Cuối cùng khi họ mở cửa và ông bước vào, mọi nghi ngờ của họ tan biến, và hết sức vui mừng. Ông nhanh chóng bảo mọi người im lặng, kể vắn tắt sự

giải cứu kỳ diệu của mình, yêu cầu họ báo tin cho Giacô (chắc là Giacô con trai Aphê) và cho các anh em, rồi người đi sang nơi khác. Lần này không thể biết được ông đi đến đâu.

12:18,19 Đến sáng không thấy Phierô, bọn lính bất hạnh hoảng kinh. Đối với Hêrôt cũng vậy, đây là một từng trải đau thương không thể vượt qua nổi. Bọn lính có nói gì đi nữa cũng không thuyết phục được chút nào. Thực ra, lời chứng ngắc ngứ của bọn chúng chắc còn khiến vua tức giận càng hơn. Vì vậy vua ra lệnh xử tử họ. Sau đó Hêrôt rời Sêsarê để về về lại lòng kiêu hãnh bị tổn thương của mình.

12:20 Không rõ vì sao Hêrôt lại cảm giận dân thành Tyô và Sidôn, là hai thương cảng trên bờ biển Địa Trung Hải. Dân hai thành này tận dụng chuyến đi nghỉ của Hêrôt tại Sêsarê để lấy lòng Hêrôt, vì họ lệ thuộc vào việc nhập ngũ cốc từ Giuđê. Vì vậy họ làm thân với Balatôt, quan hầu của vua, rồi nhờ ông xin khôi phục những mối quan hệ ngoại giao.

12:21-23 Một ngày kia, Hêrôt mặc áo chầu để nói chuyện với dân chúng. Họ la lên cuồng nhiệt: "Ấy là tiếng của một thần chẳng phải tiếng người ta đâu!" Ông không hề làm gì để khước từ những vinh dự thiên thưởng như thế, cũng không nhường vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Do đó, thiên sứ của Chúa đánh vua bằng một chứng bệnh đáng sợ và vua chết. Điều này xảy ra vào năm 44 S.C.

Như vậy, chính người hành binh Giacô để lấy lòng người Giuđa nay bị

giết trong tay của Đấng có thể diệt được cả thân thể và linh hồn trong địa ngục. Hêrôt đã gạt lấy những gì ông gieo.

B. Rành Trích Truyền Giáo Thứ Nhất Của Phaolô: Kê Galatê (12:24 - 14:28)

12:24 Trong lúc đó, Tin Lành bành trướng lên tục. Đức Chúa Trời khiến cơn thịnh nộ của loài người ngời khen Ngài, và Ngài dẹp bỏ sự giận còn dư lại (Thi Thiên 76:10). Ngài khiến mưu chước của con người ra hư không, nhưng mưu của Đức Giêhôva được vững lập đời đời (Thi Thiên 33:10,11).

12:25 Sau khi làm trọn sứ mạng tại Giêrusalem để trao món quà từ Antiôt, Banaba và Saulô trở về Antiôt,⁵² đem theo Mác, là cháu của Banaba, và là người về sau viết sách Tin Lành Thứ Nhì.

Không thể biết Banaba và Saulô ở tại Giêrusalem vào lúc Giacô qua đời, Phierô bị tù, hay Hêrôt qua đời.

Nhiều nhà giải nghĩa Kinh Thánh cảm thấy đoạn 13 đánh dấu bước đột phá đặc trưng trong sách Công Vụ. Thậm chí có người còn tiến xa đến chỗ gọi đây là Quyển Hai của sách Công Vụ Các Sứ Đố. Sứ đồ Phaolô giờ đây rõ ràng giữ địa vị nổi bật, và Antiôt xứ Syri trở thành trung tâm để từ đó Tin Lành đến với người ngoại bang.

13:1 Một Hội Thánh được thành lập tại Antiôt, như ta đã biết trong đoạn 11. Thay vì có một người được bổ nhiệm làm mục sư, hội chúng này có rất nhiều ân tử. Cụ thể hơn, có ít nhất năm liên tri và giáo sư. Như đã

nói trước đây, tiên tri là người được Đức Thánh Linh ban ân tứ đặc biệt để nhận lấy những khải thị trực tiếp từ Đức Chúa Trời và giảng những khải thị ấy cho người khác. Theo ý nghĩa thực tế, tiên tri là những phát ngôn nhân cho Chúa, và thường có thể báo trước những biến cố sắp đến. Giáo sư là những người được Thánh Linh ban năng lực để giảng giải hay giải nghĩa Lời Đức Chúa Trời cho người khác một cách đơn giản và dễ hiểu.

Tên của những tiên tri và giáo sư này như sau:

1. **Banaba**. Chúng ta đã được giới thiệu với đầy tớ tuyệt vời này của Đấng Christ và là bạn đồng công trung tín của Phaolô rồi. Ở đây, ông được nêu tên trước nhất, có lẽ vì ông là người lớn tuổi nhất trong đức tin, hay trong sự phục vụ Đấng Christ.

2. **Simêôn** gọi là **Nigiê** (nye-je). Từ tên gọi của ông, chúng ta đã đoán ông là một người thuộc dòng dõi Do Thái, có lẽ đến từ cộng đồng Do Thái ở Phi Châu. Hoặc có lẽ ông nhận tên **Nigiê** (đen hoặc ngăm đen) để tiện làm việc với người ngoại bang. Dương nhiên, có lẽ ông là người da đen, như tên này gợi lên. Chúng ta không biết thêm gì khác nữa về ông.

3. **Lusiút người Syren**. Chắc ông là một trong những người **Syren** đã đến **Antiốt** trước hết để giảng về Chúa Jesus (11:20).

4. **Manahem** (cùng tên với Mênahem của Cự Uớc). Ông được nói đến là người đồng đường với vua **chư hầu Hêrốt**. Thật thú vị khi nghĩ đến người đã sống gần gũi đến thế với

Hêrốt Antiba gian ác lại là một trong những tâm tín hữu sớm nhất trở về với đạo Đấng Christ. Tước hiệu "**chư hầu**" (tetrarch) cho thấy **Hêrốt** cai trị trên một phần tư vương quốc của cha mình.

5. **Saulơ**. Dẫu được nhắc đến cuối cùng trong danh sách, **Saulơ** sẽ trở thành hiện thân sống động của chân lý: "**Kẻ rớt sẽ nên đầu.**"

Năm người này minh họa Hội Thánh đầu tiên đã được kết hợp và không phân biệt màu da. "**Một phương pháp đo lường mới đã xuất hiện: không phải đánh giá bạn là ai, nhưng đánh giá bạn thuộc về ai.**"

13:2 Những tiên tri và các giáo sư này họp lại với nhau để cầu nguyện và kiêng ăn, có lẽ là họp cùng với cả Hội Thánh. Từ mạch văn, dường như rõ ràng cụm từ "**họ thờ phượng Chúa**" muốn nói lên họ dành thì giờ cầu nguyện và cầu thay. Bởi sự kiêng ăn, họ khước từ những đòi hỏi hợp pháp của thân thể để dâng mình chuyên chú hơn vào các bài tập thuộc linh.

Vì sao họ họp lại với nhau để cầu nguyện? Có vô lý không khi cho rằng họ tổ chức buổi nhóm này vì cơ gánh nặng sâu nhiệm về công tác truyền giảng Tin Lành thế giới? Khúc Kinh Thánh không cho thấy đây là buổi nhóm cầu nguyện đêm, nhưng chắc chắn mang hàm ý buổi nhóm này có bản chất nghiêm túc và lâu dài hơn "**buổi cầu nguyện**" thường lệ của thời nay.

Khi họ cầu nguyện, Đức Thánh Linh dạy họ rõ ràng phải để riêng **Banaba** và **Saulơ** cho công việc cụ thể

Ngài đã tính. Nhân tiện, đây là bằng chứng rất rõ ràng về thân vị tinh của Đức Thánh Linh. Nếu Ngài chỉ là một ảnh hưởng, sẽ không thể nào nghĩ nói Ngài sử dụng lối nói thế này. Đức Thánh Linh đã truyền đạt sứ điệp này cho các tiên tri và giáo sư bằng cách nào? Dấu không nêu câu trả lời rõ ràng, nhưng rất có thể Ngài đã phân qua một trong những người vốn là tiên tri này - hoặc Simeôn, Luslút hoặc Manahem.

Banaba được nhắc tên đầu tiên ở đây, sau đó đến Saulơ. Nhưng khi họ trở về Antiốt, thứ tự đã đảo lại.

Câu này có tầm quan trọng thực tiễn rất lớn lao khi nhấn mạnh vai trò của Đức Thánh Linh trong sự dẫn dắt của Hội Thánh đầu tiên và tính nhạy bén của các môn đồ trước sự dẫn dắt của Ngài.

13:3 Sau khi Đức Thánh Linh bày tỏ ý muốn của Ngài như vậy, những người này tiếp tục kiêng ăn và cầu nguyện. Sau đó ba người (Simeôn, Luslút và Menahem) đặt tay trên Banaba và Saulơ. Đây không phải hành động chính thức của "sự phong chức" như cách được thực hiện trong Cơ Đốc giáo giới ngày nay, nơi đó, một chức viên của Hội Thánh ban truyền một địa vị trong giáo hội cho thuộc cấp. Đây đơn giản là một biểu hiện về mối thông công với hai người này trong công tác Đức Thánh Linh đã kêu gọi họ. Ý tưởng về sự phong chức như một nghi lễ trao thẩm quyền độc quyền để cử hành "các thánh lễ" và thực hiện các bổn phận khác của giáo hội là không thấy trong Tân Ước. Barnhouse nhận định:

Sai lầm lớn trong phương cách làm việc hiện đại của chúng ta ấy là mong đợi một người có toàn bộ các ân tứ cần thiết cho tư cách lãnh đạo. Như vậy, có lẽ Hội Thánh có hàng trăm tín hữu nhưng chỉ có một mục sư duy nhất. Người này được đòi hỏi phải có khả năng giảng đạo, văn úi, v.v. Trên thực tế, trong số tám ân tứ được nhắc đến trong khúc Kinh Thánh của chúng ta (Rôma 12:6-8), bảy ân tứ thường được xem là những chức năng của các mục sư được tôn phong, còn ân tứ thứ tám là chức năng của hội chúng. Và một ân tứ để dành cho hội chúng ấy là ân tứ nào? Đó chính là ân tứ để trả các hóa đơm. Có điều nào đó sai trật tại đây.

Có lẽ sẽ có người hỏi phải chăng tôi đang gọi ý giới giáo dân nên giảng đạo. Không nghĩ ngờ gì đâu, khi tín hữu nắm vững được Kinh Thánh, tín hữu ấy nên vận dụng ân tứ của mình và giảng đạo trong mọi cơ hội. Sự tăng trưởng với những phong trào của giới tín hữu thật đầy ý nghĩa và là một bước tiến theo đường phương hướng - trở về với phương cách làm việc của Tân Ước.⁵³

Nhờ nhớ Banaba và Saulơ đã làm công việc Chúa suốt tám năm trước lúc này rồi. Họ không phải là những người tập sự phục vụ Đấng Christ. Trước đó họ đã kinh nghiệm "sự phong chức" của Đồi Bàn Tay Bị Đâm rồi. Giờ đây những người bạn cùng là tôi tớ với họ tại Antiốt chỉ đơn giản bày tỏ sự gắn bó với họ trong sứ mạng đặc biệt này để đem Tin Lành đến với người ngoại bang.

Những chữ "rời để cho đi" hiểu theo nghĩa đen hơn sẽ là: "Họ để cho

hai người ra đi" hay "để cho hai người rảnh" để lo cho công tác này.

13:4 Cầu này khởi đầu điều thường được gọi là Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhất của Phaolô. Bản kỹ thuật hành trình này kéo dài đến 14:26. Phần này chủ yếu viết về công tác giảng Tin Lành cho vùng Tiểu Á. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì đem Tin Lành đến Hy Lạp. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Ba bao gồm những chuyến thăm đảo lại các Hội Thánh tại vùng Tiểu Á và Gô-réc, nhưng chủ yếu bàn về vùng Á Châu và thành Êphê-sô. Những công khó truyền giáo của Phaolô bao trùm thời kỳ khoảng mười lăm năm.

(Khi lần theo những hành trình của Phaolô, chúng ta sẽ nêu ra những địa danh ông đã ghé thăm bằng cách viết nguyên địa danh này bằng chữ in vào lần đầu địa danh được nhắc đến trong bất kỳ hành trình nào).

Từ Antiốt xứ Syri, hai đấng tớ đứng cảm của Đấng Christ trước hết **XUỐNG SÊLÔXI**, một hải cảng cách Antiốt khoảng mười sáu dặm. Từ đó, họ đi thuyền đến đảo **CHÍPRÔ**.

13:5 Sau khi đến **SALAMIN**, trên bờ đông của đảo Chíprô, họ ghé rất nhiều **nhà hội** và **giảng đạo** tại đó. Nhà hội có phong tục cho phép bất kỳ người Do Thái nào cũng có dịp tiện đọc hoặc giải nghĩa Kinh Thánh. Lần này, **Giăng Mác** giữ vai trò **phụ tá của họ** (chứ không phải "người phụ việc" như trong bản KJV). Bằng cách vào nhà hội trước hết, Banaba và Saulơ làm trọn mạng lịnh thiên thượng truyền Tin Lành phải đến với người

Giуда trước, sau đó đến với ngoại bang.

13:6 Từ Salamin, họ trải qua cả **đảo BAPHÔ** trên bờ biển phía tây. Salamin là thành phố thương mại chính của đảo này. **Baphô** là thủ phủ.

13:7,8 Tại đó, họ gặp một **liên tri giả** kiêm **thuật sĩ** người Giуда tên là **Ba-Jêsus** (nghĩa là *con của Jêsus* hay *con của Giôsuê*). Bằng cách nào đó, **thuật sĩ** này giao kết mật thiết với **Sêgiút Phaulút**, **quan trấn thủ** người **Lamá⁵⁴** hay sĩ quan quản trị đảo này. Quan trấn thủ này được mô tả là người khôn ngoan. Khi **quan sai mời Banaba và Saulơ** đến để dạy lời Đức Chúa Trời, **thuật sĩ** đã cố xen vào; chắc ông được Satan thúc giục để ngăn trở Tin Lành.

Câu 8 nêu tên của ông là **Êlyma**, có nghĩa là "người thông thái." Đương nhiên, đây là một từ ngữ mô tả sai khùng khấp.

13:9,10 Nhận thấy Sêgiút Phaulút là người sót sáng tìm kiếm lẽ thật, và **thuật sĩ** kia là kẻ thù của lẽ thật, Saulơ công khai quở trách người bằng những từ ngữ không chút dung túng. Để khỏi ai nghi ngờ Saulơ đang nói bằng sức riêng của xác thịt, Kinh Thánh lúc này nói rõ rằng ông **đẩy đẩy Đức Thánh Linh**. Nhìn **chăm chú** vào thuật sĩ, Saulơ kết án ông là người **đẩy mọi thứ** gian trá và hung ác. Saulơ cũng không bị tên gọi "Ba-Jêsus" lừa dối; ông lột chiếc mặt nạ đó và gọi Êlyma là **con của ma quỷ**. Thuật sĩ này là **kẻ thù của cả sự công bình**, làm việc không ngừng để xuyên tạc chân lý của Đức Chúa Trời.

13:11 Sau đó lên tiếng với thẩm quyền kỷ luật đặc biệt đã được giao cho ông là sứ đồ, Saulơ tuyên bố Êlyma sẽ bị mù **trong ít lâu**. Vì Êlyma đã cố giữ người khác - chẳng hạn như quan trấn thủ - trong bóng tối tăm thuộc linh, nên chính ông sẽ bị hình phạt đui mù thuộc thể. **Lập tức sự mù mịt tối tăm phủ trên người**, người mò mẫm chung quanh tìm đường, **cố tìm người dắt mình**.

Có thể hiểu Êlyma như hình ảnh về dân Ysraên, không những không chịu tiếp nhận Chúa Jêsus, mà còn tìm cách ngăn người khác tiếp nhận Ngài nữa. Kết quả là Ysraên bị Đức Chúa Trời khiến cho đui mù về lý trí, nhưng chỉ **trong ít lâu**. Cuối cùng nhóm dân sót biết ân nân của dân này sẽ quay đến với Chúa Jêsus là Đấng Mêsi và trở lại tin Ngài.

13:12 Hiển nhiên, **quan trấn thủ** chịu ấn tượng mạnh trước phép lạ trỗi phật của Đức Chúa Trời, nhưng còn chịu ấn tượng hơn nữa về **đạo do Banaba và Saulơ truyền dạy**. Ông trở thành tín hữu thật của Chúa Jêsus, ngọn cờ chiến thắng đầu tiên của ấn điển trong hành trình truyền giáo thứ nhất này.

Lưu ý trong câu chuyện này (câu 9), Luca bắt đầu dùng tên gọi ngoại bang của Saulơ, là Phaolô, thay vì dùng tên Do Thái của ông là Saulơ. Cách dùng tên *Phaolô* cho thấy sự tuân phục Tin Lành ngày càng lớn đến với người ngoại bang.

13:13 Sự kiện Phaolô giờ đây giữ địa vị nổi bật được bày tỏ qua những chữ **Phaolô** với đồng bạn mình. Từ

Baphô, họ đi thuyền về hướng tây bắc đến **BETGIÊ** trong xứ **BAMPHILY**. **Bamphily** là tỉnh Lamã ở bờ biển phía nam vùng Tiểu Á. **Betgiê** là thủ phủ của vùng này, và nằm bầy dặm trong nội địa trên bờ sông Cestrus (Kestros).

Khi đến **Betgiê**, **Giăng Mác** lia đoàn trở về **Giêrusalem**. Có lẽ Mác không thích nghĩ đến việc đem Tin Lành cho người ngoại bang. **Phaolô** kể việc rút lui của Mác như đảo ngũ trong khi phục vụ đến nỗi ông không chịu cho Mác đi theo mình trong chuyến truyền giáo thứ nhì. Điều này gây rạn nứt nghiêm trọng giữa **Phaolô** và **Banaba**, kết quả đương ai nấy đi phục vụ Chúa về sau (xem 15:36-39). Cuối cùng, **Mác** đã lấy lại được lòng tin của sứ đồ **Phaolô** (II.Timothê 4:11).

Kinh Thánh không nêu thêm chi tiết nào về chuyến ghé thăm **Betgiê**.

13:14,15 Chẳng dừng kế tiếp là **ANTIÔT** xứ **BISIDI**. Thành này cách khoảng một trăm dặm phía bắc **Betgiê**. Một lần nữa, hai vị sứ giả của thập tự giá đến **nhà hội vào ngày Sabat**. Sau khi đọc Thánh Kinh, **các chủ nhà hội** nhận thấy các vị khách này là người Do Thái nên mời họ giảng nếu họ có mấy lời **khuyến bảo dân chúng**. Quyền tự do rao giảng lẽ thật của Tin Lành trong các nhà hội sẽ không còn được tiếp tục lâu nữa.

13:16 Không hề bỏ lơ cơ hội rao giảng Tin Lành, **Phaolô đứng dậy giảng trong nhà hội**. Kế hoạch tấn công phổ thông của ông là đặt nền tảng lịch sử Do Thái, sau đó đưa thính giả tới những biến cố có liên kết với đời sống và chức vụ của Đấng Christ,

sau đó mạnh mẽ đáng kể để công bố sự sống lại của Đấng Christ, công bố sự tha tội qua Cứu Chúa, và báo trước hiểm họa của việc khước từ Ngài.

13:17 Sử điệp mở đầu với việc Đức Chúa Trời chọn dân **Ysraên** làm dân sự trên đất này của Ngài. Sử điệp nhanh chóng tiến đến thời điểm họ làm **khách lạ ở xứ Êđiôp**, và tôn vinh ơn Ngài đã giải cứu họ khỏi sự hà hiếp của Pharaôn bằng **cánh lay cao** của Ngài.

13:18 Đức Chúa Trời đã **chịu đựng** linh nết của dân Ysraên suốt **bốn mươi năm trong đồng vắng**. Động từ được dịch là "**chịu**" tuy theo cách dùng thì mang nghĩa **đồng**, nhưng được rút ra từ một chữ mà có lẽ gợi ra một âm điệu tích cực hơn, tức là "**chăm lo** cho nhu cầu của ai đó." Chắc chắn là điều Chúa đã làm cho Ysraên bất kể mọi thói lầm bầm của họ.

13:19-22 Bốn trăm năm mươi năm Phaolô nói đến ở đây chắc muốn tính ngược về thời điểm các tổ phụ, và như vậy sẽ bao gồm cả thời kỳ Các Quan xét.⁵⁵

Sau khi họ vào Canaan, Đức Chúa Trời đã ban cho họ các quan đoán xét cha đến đời lên tri Samuên. Khi họ xin một vua giống các dân khác, Đức Chúa Trời ban Saul, con của Kisor, về chi phái Bêngiamin, cai trị họ trong bốn mươi năm. Vì tội không vâng lời, Saul bị truất ngôi, và Davit được đẩy lên thay thế cho Saul. Đức Chúa Trời khen Davit là người vừa lòng Ngài, là người sẽ tuân theo mọi ý chỉ của Ngài. Câu 22 kết hợp những lời trích từ Thi Thiên 89:20 và 1.Samuên 13:14.

13:23 Từ để tài Davit, Phaolô chuyển ý để dâng và nhanh chóng sang **Chúa Jêsus, là đồng đội** của Davit. Có người nói rất hay: "Tất cả mọi con đường trong lời giảng của Phaolô đều dẫn đến Đấng Christ." Có lẽ chúng ta khó hiểu hết sự can đảm cần phải có để công bố cho dân Ysraên rằng **Chúa Jêsus là Cứu Chúa**, tức Đấng mà Đức Chúa Trời theo lời hứa đem đến cho họ. Đây hoàn toàn không phải là cách họ quen nhìn **Chúa Jêsus!**

13:24 Sau lời giới thiệu vắn tắt này, Phaolô quay về với chức vụ của **Giăng Báp-tít**. Trước khi Đấng Christ đến [tức trước chức vụ công khai của Ngài], **Giăng đã giảng dạy phép báp-têm về sự ăn năn cho cả dân Ysraên**. Điều này có nghĩa ông công bố sự hiện đến của Đấng Mesi, và truyền **dân chúng ăn năn** để chuẩn bị đón sự **hiện đến** của Đấng ấy. Họ phải biểu thị lòng ăn năn bằng cách chịu báp-têm dưới Sông Giôđanh.

13:25 **Giăng** không một phút nào cho phép người ta nói mình là Đấng Mesi đã hứa ban. Mãi đến lúc làm trọn chức vụ, ông vẫn quả quyết mình không phải là Đấng mà các tiên tri đã nói đến. Trên thực tế, ông không xứng đáng để mở dây giây của Đấng mà ông công bố Ngài sẽ đến.

13:26 Cội tình già của mình là anh em và con cháu **đồng Ápraham**, Phaolô nhắc họ nhớ lời rao truyền sự cứu chuộc này đã phản trước hết cho dân Ysraên. Chúa Jêsus đã đến với chính những chiên lạc mất của nhà Ysraên. Các môn đồ được truyền

phải rao giảng sứ điệp này trước hết cho chính dân Ysoraên.

13:27,28 Nhưng dân chúng tại Giêrusalem và các quan của họ không nhận ra Chúa Jêsus là Đấng Mêsê từ lâu họ đã tìm kiếm. Họ không nhận thấy Ngài là Đấng mà các Tiên Tri đã viết đến. Khi nghe đọc những lời dự ngôn về Đấng Mêsê từ Kinh Thánh mỗi Ngày Sabát, họ không liên kết những lời ấy với Jêsus người Naxarét. Thay vào đó, chính họ là những phương tiện làm ứng nghiệm những lời Kinh Thánh ấy bằng cách xử tội Ngài. Và dầu chẳng tìm thấy cơ gì đáng chê nơi Ngài, họ vẫn giao Ngài cho Phiát giết chết.

13:29 Trong phần thứ nhất của câu này, chữ "họ" nói đến những người Do Thái đã làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh bằng cách chối bỏ Đấng Mêsê. Trong phần thứ nhì của câu này, chữ "họ" (Bản Việt Ngữ không ghi chữ "họ" thứ nhì này) nói đến Giôxép người Arimatê và Nicôđem, là những người lấy lòng yêu thương chôn thi thể của Chúa Jêsus.

13:30,31 Sự kiện Chúa Jêsus sống lại từ kẻ chết được xác chứng cách rõ ràng. Những người theo Ngài từ xứ Galilê lên thành Giêrusalem vẫn còn sống, và không thể phủ nhận lời chứng của họ.

13:32-33 Tiếp theo, vị sứ đồ công bố lời hứa về Đấng Mêsê vốn được lập với các tổ phụ trong Cựu Ước nay được ứng nghiệm trong Chúa Jêsus. Lời hứa ấy được ứng nghiệm lần đầu tiên qua sự giáng sinh của Ngài tại Bêtlêhem. Phaolô xem sự giáng sinh

của Đấng Christ làm ứng nghiệm Thi Thiên 2:7, trong đó Đức Chúa Trời phán: "Con là Con trai ta, ngày nay ta đã sanh Con." Câu này không nói Đấng Christ bắt đầu làm Con của Đức Chúa Trời khi Ngài sinh ra tại Bêtlêhem. Ngài đã là Con Đức Chúa Trời từ suốt cõi đời đời, nhưng được tỏ ra cho thế gian này với tư cách Con Đức Chúa Trời thông qua Sự Nhập Thể của Ngài. Đừng nên dùng Thi Thiên 2:7 phủ nhận tư cách Con đời đời của Đấng Christ.

13:34 Sự sống lại của Chúa Jêsus được xét đến trong câu 34. Đức Chúa Trời đã làm cho Đức Chúa Jêsus sống lại, đồng nay khởi trở về sự hư nát nữa. Rồi Phaolô trích Êsai 55:3: "Ta sẽ thành lín giữ cùng các người lời hứa thánh đã phán với Đavít." Câu trích này gây khó hiểu cho độc giả trung bình. Liệu có mối nối kết nào giữa câu này trong Êsai với sự phục sinh của Đấng Christ? Sự phục sinh của Cứu Chúa liên kết thế nào với giao ước Đức Chúa Trời đã lập với Đavít?

Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Đavít một ngai và nước đời đời, và một hậu tự ngồi trên ngai đó đời đời. Trong lúc này, Đavít đã chết, thân thể ông đã về với bụi đất. Vương quốc vẫn tiếp tục ít lâu sau đó, nhưng rồi suốt hơn trăm năm, Ysoraên không có vị vua nào. Dòng dõi Đavít vẫn tiếp tục qua bao năm đến Chúa Jêsus người Naxarét. Ngài hưởng quyền thừa kế hợp pháp để nối ngôi Đavít qua Giôxép. Giôxép là người cha về mặt pháp lý của Ngài, dầu vậy không phải

là cha thật của Ngài. Chúa Jêsus là hậu duệ trực tiếp của Đavít qua Mari.

Phaolô đang nhấn mạnh những phước hạnh chắc chắn đã thừa ban cho Đavít nay được ứng nghiệm trong Đấng Christ. Ngài là dòng dõi của Đavít, người sẽ cứ ngồi trên ngai Đavít. Vì Ngài đã sống lại từ kẻ chết, và sống trong quyền năng của sự sống vô tận, nên những phước điển đời đời trong giao ước Đức Chúa Trời đã lập với Đavít nay được làm cho chắc chắn trong Đấng Christ.

13:35 Điều này được nhấn mạnh thêm trong câu 35, trong đó sứ đồ trích lời Thi Thiên 16:10: "**Chúa chẳng cho Đấng Thánh Ngài thấy sự hư nát đâu.**" Nói cách khác, vì Chúa Jêsus đã sống lại từ kẻ chết, nên sự chết không còn quyền trên Ngài nữa. Ngài sẽ không bao giờ chết lần nữa, thân thể Ngài cũng không bao giờ thấy sự hư nát.

13:36,37 Dấu Đavít nói những lời trong Thi Thiên 16:10, ắt hẳn ông không thể đang nói về chính mình. Sau khi làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời để phục vụ chính thế hệ của ông, Đavít đã chết, được chôn và thân thể trở về cùng bụi đất. Nhưng Chúa Jêsus được sống lại từ kẻ chết vào ngày thứ ba, trước khi thân thể Ngài có thể chịu sự hư nát.

13:38 Dựa trên công tác của Đấng Christ, mà sự phục sinh của Ngài chính là ấn chứng phê chuẩn của Đức Chúa Trời, giờ đây Phaolô có thể công bố sự tha tội như một thực tế hiện tại. Để ý những lời của ông: "**Khả biết rằng nhờ Đấng đó mà sự tha tội được rao truyền cho anh em.**"

13:39 Nhưng còn ý nghĩa nhiều hơn thế nữa. Giờ đây Phaolô cũng có thể công bố sự xưng công bình trọn vẹn và vô điều kiện về mọi điều. Đây là điều luật pháp Môisê không bao giờ ban cho được.

Xưng công bình là hành động của Đức Chúa Trời bởi đó Ngài kể hay tuyên bố những tội nhân bất kính nào tiếp nhận Con Ngài làm Chúa và Cứu Chúa thì họ là những người công bình. Đây là một hành động pháp lý xảy ra trong tâm tri của Đức Chúa Trời, bởi đó tội nhân này được tẩy sạch mọi lời kết tội chống lại người. Đức Chúa Trời có thể tha bổng một cách công bình tội nhân đã có tội này, vì án phạt cho những tội người phạm đã được đáp ứng đầy đủ với công tác thay thế của Đức Chúa Jêsus Christ trên thập tự giá.

Mới đọc lần đầu, có vẻ như luật pháp Môisê có thể xưng công bình khỏi một số điều nào đó, nhưng qua Đấng Christ một người có thể nhận sự xưng công bình khỏi mọi điều khác. Nhưng sự dạy dỗ ở đây không hề như vậy. Luật pháp không bao giờ xưng công bình được ai; luật pháp chỉ có thể lên án. Điều Phaolô đang nói ở đây là: bởi đức tin nơi Đấng Christ, một người có thể được xưng công bình khỏi mọi bản cáo trạng phạm tội có thể đưa ra để lên án người - một sự tẩy sạch mà không bao giờ có được dưới luật pháp Môisê.

13:40,41 Sau đó, sứ đồ kết thúc sự điệp với lời cảnh cáo nghiêm trọng những ai có thể bị cám dỗ khước từ ơn ban sự cứu rỗi hiện tại lớn lao của

Đức Chúa Trời. Ông trích lời Habacúc 1:5 (và có lẽ nhiều phần trong Êsai 29:14 và Châm Ngôn 1:24-31), trong đó Đức Chúa Trời cảnh cáo những ai khinh để lời Ngài rằng Ngài sẽ giáng phạt họ trên họ lớn đến nỗi nếu Ngài báo trước cho họ thì họ thậm chí cũng không tin. Trong thời Phaolô, điều này có lẽ áp dụng cho sự phá hủy Giêrusalem vào năm 70 S.C., nhưng cũng sẽ bao gồm sự đoán phạt đời đời của Đức Chúa Trời cho những ai chối bỏ Con Ngài.

13:42,43 Khi buổi nhóm trong nhà hội kết thúc, rất nhiều người Giuđa và những người sớt sảng theo đạo Gluđa đi theo Phaolô và Banaba, và họ hết sức quan tâm. Hai thầy tớ Chúa này hết lòng khuyên họ cứ vững lòng theo ơn Đức Chúa Trời.

13:44 Một tuần sau, Phaolô và Banaba trở lại nhà hội để tiếp tục phần còn lại dở. Gần hết cả thành đều nhóm lại nghe đạo Chúa. Chức vụ của hai truyền đạo tận tụy này tạo ấn tượng sâu đậm trên rất nhiều người.

13:45 Tuy nhiên, sự mến mộ của công chúng với "sứ điệp lạ" này khiến người Giuđa đầy lòng ghen ghét và giận dữ. Họ công khai nói nghịch lại sứ điệp của Phaolô và đồng ngôn ngữ thô bạo mắng nhiếc ông.

13:46,47 Phaolô và Banaba không để bị đe dọa. Họ giải thích mình có bốn phần công bố sứ điệp này trước hết cho mọi người Do Thái. Tuy nhiên, vì người Do Thái đã khước từ sứ điệp, và bởi đó đã tự định tội mình là không xứng đáng nhận sự sống đời đời, nên các vị truyền đạo tuyên bố sẽ

đem Tin Lành sang cho người ngoại bang. Nếu cần có lời thẩm quyền cho sự đoán tuyệt như thế với truyền thống Do Thái, thì có lời Êsai 49:6. Thực ra, trong câu này Đức Chúa Trời đang phán với Đấng Mêsi khi báo: "Ta lập người lên đặng làm sự sáng cho các dân, hầu cho người đem sự cứu rỗi cho đến cùng cõi đất." Nhưng Thành Linh Đức Chúa Trời cho phép các thầy tớ Đấng Mêsi áp dụng những lời này cho chính họ, vì họ là những công cụ của Ngài để đem ánh sáng và sự cứu rỗi đến cho các dân ngoại.

13:48 Nếu sự công bố cứu rỗi cho người ngoại này khiến người Giuđa tức giận, thì nó lại đem niềm vui lớn đến cho người ngoại đang có mặt. Họ ngợi khen đạo Chúa mà mình vừa được nghe. Tất cả những người đã được định sẵn cho sự sống đời đời đều tin theo. Câu này là lời tuyên bố đem giải về quyền chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời. Nên hiểu theo giá trị bề mặt của nó và tin theo. Kinh Thánh dạy rõ rằng Đức Chúa Trời chọn một số người trước khi sáng thế để được ở trong Đấng Christ. Kinh Thánh cũng dạy với điểm nhấn mạnh y như vậy rằng con người là một tác nhân đạo đức tự do và nếu chịu tiếp nhận Chúa Jêsus làm Chúa và Cứu Chúa, người ấy sẽ được cứu. Sự chọn lựa thiên thượng và trách nhiệm của con người đều là hai chân lý của Kinh Thánh, và cũng đứng nên nhấn mạnh điều này đến độ hy sinh cả điều kia. Tuy dường như có mâu thuẫn giữa hai chân lý này, mâu thuẫn này chỉ tồn tại trong lý trí của con người, chứ không tồn tại trong trí Đức Chúa Trời.

Con người bị định đoạt bởi sự lựa chọn của chính họ chứ không hề hời bất kỳ hành động nào của Đức Chúa Trời. Nếu toàn bộ nhân loại nhận lấy điều mà họ xứng đáng phải chịu, thì hết thảy đều bị hư mất. Nhưng Đức Chúa Trời dùng ân điển hạ mình chiếu cố họ và cứu một vài người. Ngài có quyền làm như vậy không? đương nhiên Ngài có quyền. Giáo lý về sự chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời là sự dạy dỗ dang lên Đức Chúa Trời địa vị xứng đáng của Ngài là Đấng Cai Trị toàn cõi vũ trụ, Đấng có quyền làm như Ngài chọn và sẽ không bao giờ chọn làm bất kỳ điều gì không công bình hay không tối lành. Phần lớn những khó hiểu của chúng ta về đề tài này sẽ được giải quyết nếu chúng ta chịu nhớ những lời của Erdman:

Quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời là tuyệt đối; thế nhưng quyền ấy không bao giờ vận hành để định tội những con người đáng phải được cứu rỗi, nhưng trái lại đã đem lại sự cứu rỗi cho những con người đáng phải bị hư mất.⁵⁶

13:49,50 Dẫu bị người Giuđa chống đối, **đạo Chúa tràn ra khắp vùng xung quanh**. Điều này càng khiến phe chống đối ngán trở và phá hoại. **Người Giuđa xui giục những người dân bà... sống, là những người đã tin theo đạo Giuđa và sang trọng trong cộng đồng khuấy rối** những giáo sĩ. Họ cũng dùng **những người lãnh đạo của thành phố** (Bản Việt Ngữ ghi là "dân đầu anh trong thành") để thi hành những mục đích

gian ác của mình. **Cơn bão bất bớ bị khuấy động đến nỗi Phaolô và Banaba bị đuổi ra khỏi khu vực**.

13:51,52 Theo lời dạy của Chúa (Luca 9:5; 10:11), họ **phủi bụi nơi chân mình rồi đi đến thành YCÔN**. Tuy nhiên, nhưng Cơ Đốc nhân này không giải thích biến cố đó là thất bại hay là rút lui, vì chúng ta đọc thấy họ **được đầy dẫy sự vui vẻ và Đức Thánh Linh**. Ycôn nằm ở phía đông và nam Antliót trong xứ Tiểu Á, ngày nay được gọi Konya.

14:1,2 Tại Ycôn, cũng như tại nhiều nơi khác có **nhà hội**, Phaolô và Banaba được phép giảng đạo, theo phong tục thịnh hành giữa vòng người Giuđa thời bấy giờ. **Thánh Linh Đức Chúa Trời kèm theo đạo ấy quyền năng lớn lao đến nỗi rất nhiều người Giuđa và những người ngoại bang cải đạo đã tiếp nhận Chúa Jêsus**. Điều này chọc giận những người Giuđa nào không chịu vâng theo Tin Lành, và đến lượt họ xui giục và **khêu chọc lòng người ngoại nghịch cùng anh em**. Trong sách Công Vụ, những người Giuđa vô tín là chủ mưu phần lớn cơn bất bớ các sứ đồ, dẫu đích thân họ không nhất thiết thi hành hình phạt. Họ là những kẻ chủ mưu thuyết phục *người ngoại bang* thực thi những mục đích gian ác của chính họ.

14:3 Dẫu biết họa nạn đang âm ỉ, những vị truyền đạo vẫn tiếp tục **bạo dạn giảng trong Danh Chúa**, là Đấng khẳng định bản chất thiên thượng của sứ điệp bằng cách ban quyền năng cho họ làm **những phép lạ dấu kỳ**. **Các phép lạ dấu kỳ** là hai từ khác nhau để

chỉ về phép lạ. Chữ “phép lạ” đơn giản có nghĩa là phép lạ để truyền đạt một bài học, còn chữ “dấu kỳ” gợi ý phép lạ ấy tạo ra cảm giác kinh sợ.

14:4-7 Khi căng thẳng tăng lên trong thành, lẽ tự nhiên sẽ hình thành nhiều phe. Có người theo phe Giuđa, có người theo phe các sứ đồ. Cuối cùng, những người ngoại bang và người Giuđa vô tín quyết tâm ố ạt tấn công các sứ đồ.⁵⁷ Để tránh thoát vụ ném đá, họ trốn đến LITTRÔ và ĐETBÔ, cả hai thành đều thuộc xứ LYCAONI, một quận nằm ở trung tâm Tiểu Á. Nhiệt tâm không hề suy giảm, họ tiếp tục giảng Tin Lành trong toàn vùng đó.

Khi Phaolô và Banaba bị dọa ném đá, họ trốn tránh đến xứ Lycaoni. Nhiều lần khác trong khi truyền giáo, họ dường như cứ ở tại chỗ bất chấp hiểm nguy. Vì sao có những lúc họ trốn thoát hiểm nguy và những lúc khác họ ở yên tại chỗ? Dường như không có lời giải thích nào hữu hiệu cả. Nguyên tắc trọng đại chi phối trong sách Công Vụ chính là sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Những người này sống tương giao gắn gũi mật thiết với Chúa. Nhờ ở trong Ngài, họ nhận lãnh sự truyền thông tuyệt vời về ý chỉ thiên thượng. Đối với họ, đây là điều quan trọng, còn quan trọng hơn cả một bộ quy tắc ứng xử đã sắp xếp trước.

14:8,9 Tại Littrô, các giáo sĩ gặp một người bị què từ lúc mới sanh ra. Khi nghe Phaolô giảng, người què này đã tỏ vẻ quan tâm khác thường. Bằng cách nào đó, Phaolô biết người này có

đức tin để chữa lành được. Dầu Kinh Thánh không cho chúng ta biết làm sao Phaolô biết điều này, nhưng chúng ta thật sự tin rằng một nhà truyền giảng chân chính được ban năng lực để nhận biết tình trạng của linh hồn mà ông đã gặp gỡ họ. Ông có thể nhận định họ chỉ hơi hiếu kỳ, hay thật sự bị khuấy động trong tâm hồn vì bị cáo trách về tội lỗi.

14:10,12 Ngay khi Phaolô truyền cho người này đứng thẳng chân lên, thì người này nhay một cái rồi đi. Vì phép lạ được làm cách công khai, và vì rõ ràng Phaolô đã thu hút sự chú ý đáng kể bằng cách nói lớn tiếng, dân chúng chịu ấn tượng rất mạnh. Trên thực tế, một phong trào quần chúng đã bắt đầu nổ ra với ý định thờ lạy Banaba là thần Giubiltê (Zeus), còn Phaolô là thần Metyuro (Hermes).⁵⁸ Dân chúng thật sự tin những vị thần của họ đến thăm trong con người của hai giáo sĩ: vì lý do nào đó không biết, họ xem Banaba là vị thần thủ lĩnh. Vì Phaolô đang giảng, họ gọi ông là thần Hermes (Metyuro), là sứ giả của thần Zeus (Giubiltê).

14:13 Thậm chí thấy cả của thần Zeus cùng tin các thần đã đến thăm, ông ào ra khỏi đền, vốn nằm tại cửa hành, đem theo bồ đực và tràng hoa để dâng làm của tế lễ trọng thể. Toàn bộ phong trào này là hình thức nguy hiểm cho đức tin Cơ Đốc còn hơn cả mọi hình thức chống đối khác đã được ghi lại. Đối với một nhân sự Cơ Đốc thành công, hiểm họa còn lớn hơn cả sự bất bớ chính là khuyến dân chúng muốn tập trung sự

chú ý thuộc linh của họ - không phải vào Đấng Christ - nhưng vào các đầy tớ của Ngài.

14:14,15a Thoạt tiên, Banaba và Phaolô không nhận ra đoàn dân đang làm gì, vì họ không hiểu thổ ngữ xứ Lycaoni. Ngay khi các giáo sĩ biết rõ dân chúng sắp thờ phượng mình như các vị thần, họ xé áo mình như một biểu hiện công khai của sự phản kháng và buồn rầu. Rồi họ sấn vào giữa đám đông, dùng những lời lẽ hết sức tha thiết cảnh cáo họ đứng làm việc ngu dại như thế. Thay vì là các thần, họ chỉ là những con người giống y như dân xứ Lycaoni. Mục tiêu của họ chỉ là đem Tin Lành đến để dân chúng xây bỏ các thần tượng hư không mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống.

14:15b-17 Cũng nên lưu ý rằng Phaolô và Banaba không trích Kinh Thánh Cựu Ước với những người ngoại bang này, như cách họ đã làm với người Do Thái. Trái lại, họ bắt đầu với câu chuyện sáng thế, một đề tài được quan tâm tức khắc đối với các dân ngoại tại mọi quốc gia vào mọi thời đại. Các giáo sĩ giải thích rằng trong các đời trước đây, Đức Chúa Trời đã để cho mọi dân đi theo đường riêng của họ. Tuy nhiên, ngay cả lúc đó, họ vẫn còn bằng chứng về sự thực hữu của Đức Chúa Trời trong cõi thọ tạo và trong ơn chăm sóc chu cấp. Chính Ngài là Đấng đầy lòng yêu thương cung cấp mưa... mùa màng, nhiều hoa quả cho họ, ban đố ân dư dật và lòng đầy vui mừng. Cụm từ thứ nhì này là lối nói nghĩa bóng rằng khi

ban thức ăn cho thân thể họ, Đức Chúa Trời đã làm lòng họ đầy đầy sự vui mừng do vui thương thức đồ ăn.

14:18 Sứ điệp đã đem lại kết quả mong muốn. Dân chúng miễn cưỡng chấm dứt ý định dâng lễ lẽ cho những đầy tớ này của Chúa.

14:19,20 Những người Giuđa từ Antiốt xứ Bisiđi và Ycôni rượt kịp Phaolô và Banaba tại Littrô. Họ đã thành công trong việc xui dân ngoại bang chống lại các giáo sĩ. Chính đám đông muốn tôn kính họ như những vị thần giờ đây ném đá Phaolô và kéo ra ngoài thành, cho rằng họ đã giết chết Phaolô.

Những nhận định của Kelly về phần này thật rất thích hợp:

Và vì sao? Chính việc khước từ lòng tôn kính, là điều dân Littrô sẵn sàng dâng lên, là điều xúc phạm nhất đối với con người, và khiến họ sẵn lòng tin những lời trình bày sai lầm đáng ngại nhất về những người mà trước đây họ sắp thờ phượng. Con người tự tôn cao mình bằng sự tàn bạo của loài người; và khi bị ngôn trở thì nhanh chóng biến thành lòng thù ghét và thậm chí muốn giết chết những người tìm cách tôn kính một Đức Chúa Trời duy nhất. Ở đây cũng vậy. Thay vì đối ý giống như người dân Manuô (là những người từ chỗ nghĩ Sautô như kẻ giết người đã đối ý nghĩ ông là một vị thần, Công Vụ 28:6), họ lại nghe lời vu khống của người Giuđa dân bình thường họ rất xem khinh người Giuđa, và ném đá Phaolô như một tiền tài giả, một người mà trước đó họ rất muốn đem dâng lễ lẽ cho ông, sai đó lời ông bỏ mặc người thành như một người chết rồi.⁵⁰

Phaolô có thực sự **chết** vì bị ném đá không? Nếu đây là biến cố được nói đến trong II.Côrinthô 12:2, thì bản thân ông đã thực sự không biết. Điều tốt nhất chúng ta có thể nói được ấy là sự hồi phục của ông chính là phép lạ. Khi các môn đồ đương nhóm chung quanh người, thì người vùng đứng dậy và cùng họ vào trong thành. Bữa sau, người cùng với Banaba đi đến Đệthư.

14:21 Những suy tính cho an toàn bản thân không phải là tối ưu tiên trong suy nghĩ của các môn đồ. Chúng ta thấy điều này qua sự kiện là khi đã giảng đạo Tin Lành tại Đệthư xong, thì họ trở về LITTRÔ, là nơi Phaolô bị ném đá. Điều này minh họa cho điều từng được gọi là: "Quyển năng của sự trở lại và khôi phục nhanh chóng." Dấu không nhắc đến Timôthê ở đây, nhưng có lẽ ông đã được cứu tại thời điểm này qua sự giảng đạo của Phaolô. Lần tiếp theo Phaolô ghé đến thăm Littrô, Timôthê đã làm môn đồ rồi, và được các anh em đánh giá cao (Công Vụ 16:1,2). Tuy nhiên, sự kiện Phaolô về sau gọi Timôthê là con thật của mình trong đức tin (I.Timôthê 1:2) không *nhất thiết* có nghĩa Phaolô đã chinh phục Timôthê về cho Đấng Christ. Có lẽ Timôthê đã là "con thật" bởi nơi gương đời sống và sự phục vụ của Phaolô.

Khi công tác tại Littrô đã xong, các giáo sĩ ghé thăm lại YCÔNỈ và ANTIÔT XỨ BISIDI, nơi đó đã thiết lập các Hội Thánh rồi. Mục đích của họ lần này chính là việc chúng ta gọi là "công tác chăm sóc tiếp theo." Họ không hề

thỏa lòng ở chỗ chỉ rao giảng Tin Lành và chứng kiến nhiều linh hồn được đem về cho Cứu Chúa. Đối với họ, đây chỉ mới là khởi đầu. Sau đó họ tìm cách gây dựng các tín hữu trong đức tin rất thánh, đặc biệt bằng cách dạy cho họ những chân lý của Hội Thánh và tầm quan trọng của chúng trong chương trình của Đức Chúa Trời.

Erdman nói rõ:

Một chương trình truyền giáo đúng đắn phải có mục tiêu thiết lập tại chỗ những Hội Thánh tự quản, tự túc và tự sinh sôi. Đây luôn luôn là mục đích và phương cách thực hành của Phaolô.⁶⁰

14:22 Bản chất chính xác cho công tác chăm sóc của họ chính là **giục các môn đồ vững lòng** và làm cho những Cơ Đốc nhân bền đỗ trong đức tin bằng cách dạy Lời Đức Chúa Trời. Phaolô mô tả tiến trình này trong Côlôse 1:28, 29: "Chúng tôi cảnh cáo mọi người mình gặp, và chúng tôi dạy mỗi một người có thể dạy được, tất cả mọi điều chúng tôi biết về người ấy, để nếu được, chúng tôi có thể đem mỗi một người đến chỗ trưởng thành trọn vẹn của người ấy trong Chúa Jesus Christ. Đây chính là việc tôi vẫn luôn luôn làm, với toàn bộ sức mạnh mà Chúa ban cho tôi" (JRP).

Thứ nhì, các sứ đồ khuyến **tin hữu phải bền đỗ trong đức tin**, một lời khuyến đặc biệt đúng lúc trước sự bất bở tràn lan bấy giờ. Kèm lời khuyến này còn lời nhắc nhở **chúng ta phải trải qua nhiều nỗi khổ khăn mới được vào Nước Đức Chúa Trời**. Câu này nói đến **nước Đức Chúa Trời** trong phương

diện tương lai, khi các tin hữu chia sẻ vinh hiển của Đấng Christ. Một người bước vào nước Đức Chúa Trời lần đầu tiên thông qua sự tái sanh. Nhưng bất bở và hoạn nạn không có giá trị cứu rỗi. Tuy nhiên, những ai lấy đức tin bước vào nước Đức Chúa Trời hiện lúc này thì được hứa rằng con đường dẫn đến sự vinh hiển trong tương lai đầy đầy những hoạn nạn. "Miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài, hầu cho cũng được vinh hiển với Ngài" (Rôma 8:17b).

14:23 Lúc này, các giáo sĩ cũng lựa chọn các trưởng lão trong mỗi Hội Thánh. Về vấn đề này, cần phải nêu những nhận định sau:

1. Các trưởng lão Tân Ước, là những con người trưởng thành kính sợ Chúa, là những người thi hành quyền lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh địa phương. Họ cũng được Kinh Thánh nói đến như những giám mục và người coi sóc.

2. Trong sách Công Vụ, khi một Hội Thánh vừa mới được thành lập thì chưa bổ nhiệm trưởng lão. Đúng hơn, chính lúc sứ đồ trở lại thăm các Hội Thánh ấy thì mới bổ nhiệm các trưởng lão. Nói cách khác, trong khoảng thời gian xen giữa này, có cơ hội cho những người mà Đức Thánh Linh đã lập làm trưởng lão được lộ rõ ra.

3. Các trưởng lão được lập lên bởi các sứ đồ và bởi những người đại diện của các sứ đồ. Vào lúc này, Tân Ước vẫn chưa được viết ra để nêu những chỉ dẫn cụ thể rõ ràng về những phẩm cách của trưởng lão. Tuy nhiên, các sứ

đồ biết rõ những phẩm cách này là gì, và họ có thể chọn ra những người đáp ứng những đòi hỏi của Kinh Thánh.

4. Ngày nay chúng ta không có các sứ đồ để bổ nhiệm các trưởng lão. Tuy nhiên, chúng ta thực sự có những phẩm cách của trưởng lão trong [Timôthê 3 và Tit 1. Do đó mỗi hội chúng địa phương phải có thể nhận ra những con người ấy ở trong Hội Thánh mình, là những người đáp ứng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời trong tư cách những người chân bầy.

Sau khi Phaolô và Banaba đã cầu nguyện kiêng ăn xong, họ dâng các người đó cho Chúa. Chúng ta thấy dường như thật phi thường khi các hội chúng có thể được thành lập trong một thời gian ngắn ngủi như thế, nhận được những thời kỳ dạy dỗ ngắn ngủi đến như thế từ các giáo sĩ, thế nhưng họ vẫn tiếp tục cách tuyệt vời cho Chúa, hoạt động như những Hội Thánh tự trị. Câu trả lời nằm trong quyền năng mạnh mẽ của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, quyền năng này được thể hiện trong đời sống những người như Phaolô và Banaba. Đi đến đâu họ cũng tạo ảnh hưởng mạnh mẽ cho Chúa. Dân chúng khám phá được thực tại trong đời sống của họ. Lời giảng dạy công khai của họ được hậu thuẫn bởi tấm gương bằng chính đời sống họ, và ảnh hưởng của lời chứng gấp đôi này thật khôn lường.

Câu 22 đến câu 23 nêu khuôn mẫu của các sứ đồ - giảng Tin Lành, dạy dỗ những người mới tin Chúa, thiết lập và làm vững mạnh Hội Thánh.

14:24-26 Sau khi đã vượt qua hết địa phận Bisidi, họ đi về hướng nam đến BAMPHILY. Tại đó, họ ghé thăm lại BETGIÊ, rồi đi xuống thành phố cảng ATTALI, tại đó lên thuyền đi xuống ANTIÔT xứ SYRI. Như vậy họ kết thúc hành trình truyền giáo thứ nhất. Antiôl chính là chỗ họ đã được giao phó cho ăn diện của Đức Chúa Trời để làm công việc họ vừa mới làm xong.

14:27 Đây ắt hẳn phải là thời kỳ hết sức vui vẻ khi họ nhóm lại với Hội Thánh Antiôt để cùng nhau nghe tường thuật những công khó truyền giáo của hai vị nhân của Đức Chúa Trời. Với lòng khiêm tốn Cơ Đốc xứng đáng, họ lhuật lại mọi việc Đức Chúa Trời đã cậy mình làm, và Ngài mở cửa đức tin cho người ngoại là thế nào. Đây không phải việc họ đã làm cho Chúa, nhưng việc Ngài đã đẹp lòng thực hiện qua họ.

14:28 Họ ở lại Antiôt lâu ngày với các môn đồ. Những con số phỏng đoán cho thời kỳ này khác nhau giữa khoảng một và hai năm.

CHIẾN LƯỢC TRUYỀN GIÁO

Thật phần khởi biết bao khi thấy thế nào một nhóm nhỏ môn đồ chẳng có đặc trưng nào nổi bật đang sống tại một góc hẻo lánh của thế giới lại thấm nhuần khái tượng đầy vinh hiển cho công cuộc truyền giảng Tin Lành cho thế giới và thấy phương cách họ thực hiện khái tượng ấy. Mỗi người đều cảm thấy mình tham dự trực tiếp vào công tác này và dâng mình vào công tác ấy không chút e dè.

Phần lớn công tác truyền giảng được thực thi bởi những tín hữu địa phương trong những bốn phạm hàng ngày của họ. Họ "đón đợi" Tin Lành trong khu lân cận của họ.

Ngoài ra, các sứ đồ và nhiều người khác đã đi từ nước này đến nước nọ để giảng Tin Lành và thiết lập nhiều Hội Thánh. Họ đi ra từng đôi một hoặc theo những đoàn đồng người hơn. Đôi khi một người trẻ đi với một người lớn tuổi; chẳng hạn như Timôthê đi với Phaolô.

Về cơ bản, có hai phương pháp cá nhân chứng đạo và truyền giảng tập thể. Về vấn đề truyền giảng tập thể, thật thú vị khi thấy hầu hết công tác giảng đạo đều ứng khẩu, và xuất phát từ một số tình huống địa phương hay một khủng hoảng nào đó.

Hầu như toàn bộ những lần giảng đạo này ra như được ghi chép lại ở đây (trong sách Công Vụ) đều ở trong những hoàn cảnh toại trit mọi khả năng người giảng chuẩn bị được từ trước của mình; mỗi một lần giảng đều bất ngờ.⁶¹

Đúng như E. M. Bounds nói, sự giảng đạo của họ không phải là sự biểu diễn trong một giờ, nhưng trải lại là sự tuân tròn của cả một đời sống.

Các sứ đồ và những bạn cộng sự của họ được Thánh Linh dẫn dắt, nhưng sự dẫn dắt này thường được khẳng định bởi Hội Thánh địa phương của họ. Vì vậy chúng ta đọc thấy các tiên tri và giáo sư tại Antiôt đã đặt tay trên Banaba và Phaolô rồi sai họ ra đi trong Hành Trình Truyền Giáo Lần Thứ Nhất (13:2). Một lần nữa, chúng ta đọc thấy Timôthê được anh em tại

Littrơ và Ycôni tin cần trước khi lên đường với Phaolô (16:2). Và Phaolô với Sila đã được giao phó cho ăn điển Chúa bởi Hội Thánh tại Antiốt trước Hành Trình Truyền Giáo Lần Thứ Hai (15:40).

Người ta thường dạy rằng chiến lược về địa lý của họ chính là đi vào các thành phố lớn rồi thiết lập các Hội Thánh để những Hội Thánh đó sẽ truyền giảng Tin Lành cho lãnh thổ xung quanh. Có lẽ nói như vậy là đơn giản hóa quá đáng. Về cơ bản, chiến lược của họ là đi theo sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, bất luận đó là thành phố lớn hay nhỏ. Đức Thánh Linh dẫn Philip rời khỏi cuộc phục hưng tại Samari để đến với một con người độc nhất trên con đường đến Gaza (8:26-40). Và Thánh Linh đã dẫn dắt Phaolô đến Bêrê (17:10), là nơi Cicero gọi là "thành phố hẻo lánh." Thánh thật mà nói, chúng ta không nhìn thấy một chiến lược địa lý cố định, không linh hoạt, trong sách Công Vụ. Trái lại, chúng ta thấy Thánh Linh tế trị tối thượng đang vận hành theo ý muốn của Ngài.

Các Hội Thánh địa phương được thiết lập tại nơi nào dân chúng đáp ứng với Tin Lành. Những hội chúng này đem lại sự lâu bền và tinh ổn định cho công tác. Những Hội Thánh này tự trị, tự túc tài chính và tự sinh sôi. Các sứ đồ trở lại thăm những hội chúng ấy để làm vững mạnh và khích lệ những tín hữu (14:21,22; 15:41; 20:1,2) và để bổ nhiệm các trưởng lão (14:23).

Trong những chuyến truyền giáo, các sứ đồ và những cộng sự của họ

đôi khi tự túc (18:3; 20:34). Đôi khi họ được chu cấp bởi các món quà từ các Hội Thánh và các cá nhân (Philíp 4:10,15-18).

Phaolô đã làm việc để không những tự chu cấp mà còn chu cấp cho những người cùng ở với ông nữa (20:34).

Dẫu họ được *đăng cho* ăn điển Chúa bởi Hội Thánh địa phương của mình, và được các Hội Thánh địa phương *chu cấp*, thế nhưng họ không bị *kiểm soát* bởi các Hội Thánh địa phương. Họ là những đại diện tự do của Chúa để rao báo toàn bộ ý định của Đức Chúa Trời và không hề giữ lại bất kỳ điều ích lợi nào (20:20).

Vào lúc kết thúc hành trình truyền giáo, họ trở về với Hội Thánh quê hương của mình và tường trình việc Chúa đã làm thế nào qua họ (14:26-29; 18:22,23). Đây là khuôn mẫu tốt cho mọi giáo sĩ noi theo trong mỗi một thời đại của Hội Thánh.

E. Giáo Hội Nghị Giêrusalem (15:1-35)

15:1 Cuộc tranh luận nổi lên về phép cắt bì trong Hội Thánh Antiốt cũng được mô tả trong Galati 2:1-10. Kết hợp hai bản ký thuật này với nhau, chúng ta có bức tranh như sau: Chắc chắn mấy anh em tin hữu già đi từ Hội Thánh Giêrusalem đến Antiốt và bắt đầu giảng cho hội chúng tại đó. Nội dung sứ điệp của họ là người Ngoại Bang phải chịu **cắt bì** thì mới **được cứu**. Tin nơi Chúa Jesus chưa đủ; họ còn phải đặt mình dưới luật pháp của Môise nữa. Đương nhiên, đây là cuộc tấn công trực diện vào Tin Lành của ăn điển Đức Chúa Trời. Tin Lành

thật của ân điển dạy rằng Đấng Christ đã hoàn tất công tác cần thiết cho sự cứu rỗi trên thập tự giá rồi. Tất cả những gì tội nhân cần phải làm chính là lấy đức tin tiếp nhận Ngài. Hễ giới thiệu công đức hay việc lành của con người, thì chính là lúc không còn ân điển nữa. Dưới ân điển, mọi sự đều nương nhờ nơi Đức Chúa Trời chứ không nơi con người. Nếu có kèm điều kiện, thì đó không còn là tặng phẩm nữa nhưng là món nợ. Sự cứu rỗi chính là một món quà; không làm để kiếm được hay nhờ công đức để kiếm được.

15:2,3 Phaolô và Banaba chống đối kịch liệt những người thiên về Do Thái giáo này, biết rằng họ đến cướp lấy của tín hữu ngoại bang quyền tự do họ đã có trong Chúa Jêsus Christ.

Ở đây trong Công Vụ 15, chúng ta biết những anh em tại Antiốt quyết định sai Phaolô và Banaba cùng với mấy anh em khác... đi lên thành Giêrusalem, đến cùng các sứ đồ và trưởng lão tại đó. Trong Galatê 2:2, Phaolô nói ông lên Giêrusalem bởi sự khải thị. Đương nhiên không có sự mâu thuẫn nào cả. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã tỏ cho Phaolô biết ông nên đi, và cũng bày tỏ cho Hội Thánh tại Antiốt biết anh em nên sai ông đi. Trên đường đến Giêrusalem, nhóm này dừng lại nhiều chặng ở Phenixi và Samari, thuật lại sự hoán cải của Người Ngoại Bang, và mỗi khi kể lại câu chuyện ấy, họ đem đến niềm vui lớn.

15:4 Khi vừa tới Giêrusalem, Phaolô đến trình với các sứ đồ và các

trưởng lão thuật cho họ nghe mọi điều về Tin Lành mà ông đang giảng cho người ngoại bang. Họ phải thừa nhận đây cũng chính là Tin Lành họ đang giảng cho người Giuđa.

15:5 Dương như chính trong một buổi họp toàn Hội Thánh, có mấy kẻ về đạo Pharisi đã tin Chúa đứng dậy nói người ngoại bang phải chịu phép cắt bì và phải giữ luật pháp Môisê thì mới trở thành môn đồ theo ý nghĩa đúng nhất.

15:6 Từ câu 6, có vẻ chỉ các sứ đồ và trưởng lão có mặt khi đưa ra quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, câu 12 dường như cho thấy cả Hội Thánh có mặt tại đó.

15:7-10 Khi Phierô đứng lên, có lẽ phe chống đối cảm thấy ông sẽ hậu thuẫn quan điểm của họ. Dấu sao đi nữa, Phierô cũng là sứ đồ cho người chịu cắt bì. Tuy nhiên, những hy vọng của họ đã hóa ra thất vọng. Phierô nhắc cho thính giả nhớ vài năm trước, Đức Chúa Trời đã định cho người ngoại được nghe Tin Lành trước hết từ chính môi miệng ông. Điều này xảy ra trong nhà Cọt này. Khi Đức Chúa Trời thấy lòng của người ngoại bang đang lấy đức tin đến với Ngài, Ngài đã ban cho họ Đức Thánh Linh cũng như đã ban cho người Giuđa trong Lễ Ngũ Tuần. Tại thời điểm đó, Đức Chúa Trời không đòi hỏi những người ngoại bang này phải chịu cắt bì. Vấn đề họ là người ngoại bang cũng không có gì khác biệt cả; Ngài đã lấy sạch lòng họ bởi đức tin. Vì Đức Chúa Trời đã chấp nhận người ngoại bang trên nguyên tắc đức tin chứ không theo bởi nguyên

tắc giữ luật pháp, nên Phierô hỏi hội chúng vì sao giờ đây lại tính **đặt** người ngoại bang dưới ách của luật pháp - **một cái ách mà cả tổ phụ** của họ lẫn chính họ **đều không thể mang nổi**. Luật pháp không hề cứu bất kỳ ai. Chức vụ của luật pháp là định tội, chứ không xưng công bình. Luật pháp cho biết tội, chứ không cứu khỏi tội.

15:11 Quyết định cuối cùng của Phierô thật đáng lưu ý đặc biệt. Ông bày tỏ lòng hết sức tin quyết rằng bởi **ân điển của Chúa Jêsus** (chứ không phải bởi tuân giữ luật pháp) **chúng ta** (người Giuda) **được cứu cũng như người ngoại vậy**. Chắc người ta đã mong đợi Phierô - là một người Giuda - nói rằng người ngoại bang phải được cứu đồng một cách như người Giuda. Nhưng ở đây cho thấy **ân điển** chiến thắng những kỳ thị chủng tộc.

15:12 Sau khi Phierô nói xong, **Banaba và Phaolô** thuật lại câu chuyện về cách Đức Chúa Trời đã thăm viếng dân ngoại, và thế nào Ngài đã kèm nhiều phép lạ **đấu kỳ** theo với công tác giảng Tin Lành.

15:13,14 Phierô đã kể xong thế nào Đức Chúa Trời đã mở cánh cửa đức tin lần thứ nhất cho dân ngoại qua ông. Phaolô và Banaba bổ sung thêm lời chứng về cách Chúa đã hành động qua họ để đem Tin Lành đến cho người ngoại. Giờ đây Giacô phát biểu cách có thẩm quyền rằng mục đích hiện nay của Đức Chúa Trời dành cho thời đại này chính là từ những **dân ngoại kêu gọi một dân cho Danh Ngài**. Về cơ bản, đây chính là điều **Simôn** (Phierô) vừa thuật lại.

15:15-19 Sau đó, Giacô trích Amốt 9:11,12. Để ý, ông không bảo việc kêu gọi **các dân ngoại** là để làm ứng nghiệm lời tiên tri của Amốt, nhưng trải lại việc đó **phù hiệp** với lời **các đấng lên tri**. Hội chúng đừng nghi việc Đức Chúa Trời ban ơn cứu rỗi thăm viếng **dân ngoại** như một điều lạ lùng. Vì điều này đã được báo trước rõ ràng trong Cựu Ước. **Đức Chúa Trời** đã báo trước rằng **các dân ngoại** sẽ được ban phước như thế, chứ không phải với tư cách những người Giuda đã tin Ngài.

Câu trích từ Amốt nhìn hướng tới Thiên Hy Niên, khi Đấng Christ sẽ ngồi trên ngai **Đavít** và người **ngoại bang** sẽ tìm kiếm Chúa. Giacô thực sự *không* nói rằng lời tiên tri đã được ứng nghiệm vào thời điểm ông nói. Dường hơn, ông nói sự cứu rỗi của dân ngoại đang xảy ra lúc ấy là **phù hiệp** với lời Amốt đã nói sẽ xảy ra sau này.

Lập luận của Giacô là thế này: trước hết **Đức Chúa Trời** thăm viếng dân ngoại để **chọn lừ họ một dân cho Danh Ngài**. Đây là điều đang xảy ra lúc bấy giờ (và vẫn còn đang xảy ra). **Những người ngoại bang** đã tin Chúa được đưa vào trong Hội Thánh cùng với những người Giuda đã tin Chúa. Điều đang xảy ra lúc đó với quy mô nhỏ (sự cứu rỗi của dân ngoại bang) về sau sẽ xảy ra trên quy mô lớn hơn. Đấng Christ sẽ trở lại, khôi phục quốc gia Ysraên, và cứu **mọi dân ngoại bang** nào cầu khẩn danh Ngài.

Giacô xem những biến cố đương thời là lần thăm viếng thứ nhất của Đức Chúa Trời trên dân ngoại. Ông

cảm thấy lần thăm viếng thứ nhất này phù hiệp hoàn hảo với lời Amốt báo trước - sự thăm viếng trong các dân ngoại trong tương lai khi Đấng Christ trở lại với tư cách Vua. Hai hiến cố này *phù hiệp* với nhau, dấu vậy chúng không phải là một.

Như vậy, hãy để ý thứ tự các biến cố:

1. Việc chọn từ giữa các dân ngoại ra một dân cho danh Ngài (câu 14) trong Thời Đại Ân Điển hiện nay.

2. Sự khôi phục phần dân Ysraên tin Ngài lúc Đấng Christ hiện đến lần thứ nhì (câu 16).

3. Sự cứu rỗi của các dân ngoại tiếp theo sau sự khôi phục Ysraên (câu 17). Những dân ngoại này được gọi là **mọi dân được gọi bởi Danh ta**.

Lời Giacơ trích Amốt 9:11,12 là hoàn toàn khác với cách diễn đạt của Cựu Ước. Một phần sự khác biệt này được giải thích bởi sự kiện dường như Giacơ đang trích bản Hylạp. Tuy nhiên, câu trích này thậm chí cũng hoàn toàn khác với Bản Bảy Mươi. Một cách giải thích ấy là: chính Đức Thánh Linh đã soi dẫn những lời lẽ này thuở ban đầu cùng chính là Đấng cho phép thay đổi chúng để giải quyết nan đề lúc này. Một lối giải thích khác hẳn là: các thủ bản tiếng Hibálai có rất nhiều cách ghi trong Amốt 9. Alford tin rằng chắc hẳn Giacơ phải trích từ một bản dịch rất sát với bản kinh văn Hibálai được chấp nhận rộng rãi, nếu không phe Pharisi sẽ không bao giờ chấp nhận câu trích đó là một bằng chứng.

Rồi đó, ta sẽ trở lại (câu 16). Giacơ đã nói rằng chương trình của

Đức Chúa Trời cho thời đại hiện nay chính là mở cửa đức tin cho dân ngoại bang. Không phải toàn bộ dân ngoại đều được cứu, nhưng Ngài sẽ chọn từ giữa họ ra một dân cho danh Ngài. Giờ đây Giacơ nói thêm rằng rồi đó, tức là, sau khi Hội Thánh đã được kêu gọi ra khỏi giữa các dân, Đức Chúa Trời sẽ trở lại và dựng lại đền tạm của Davít vốn bị đổ nát. Đền tạm của Davít là lối nói theo nghĩa bóng để mở ra nhà Ngài hay gia đình Ngài. Sự khôi phục đền tạm ấy làm hình bóng sự khôi phục hoàng gia trong tương lai và tái lập ngai Davít để Đấng Christ ngồi trên ngai ấy trong tư cách Vua! Bấy giờ, Ysraên sẽ trở thành kênh dẫn phúc hạnh đến cho thế gian. Những người còn sót lại của nhân loại sẽ tìm kiếm Chúa, ngay cả mọi dân ngoại được gọi bằng Danh Ngài.

Câu trích từ Amốt kết thúc với lời tuyên bố đây là những lời phán của Chúa là chính Đấng làm nên những việc này.

Do đó, vì mục đích hiện nay của Đức Chúa Trời là kêu gọi từ giữa các dân ngoại ra một dân cho chính Ngài, nên Giacơ khuyên đừng quấy rối dân ngoại bằng cách đặt họ dưới luật pháp Môise. Về sự cứu rỗi, toàn bộ những điều cần thiết chính là đức tin.

15:20 Tuy nhiên, ông đề nghị khi viết thư cho Hội Thánh tại Antiốt, nên khuyên các thành đó tại đó **kiêng giữ** cho khỏi sự ô uế của thân lượng, sự là dâm, sự ăn thịt thú vật chết ngộp và huyế. Thoạt nhìn có vẻ ở đây Giacơ đang tự đối ý. Chẳng phải đây cũng là một hình thức của chủ nghĩa

duy luật pháp sao? Chẳng phải giờ đây ông đang đặt họ dưới luật pháp sao? Câu trả lời ấy là lời khuyên này không hề liên quan đến đề tài sự cứu rỗi. Vấn đề đó đã được giải quyết xong xuôi rồi. Nhưng lời khuyên này liên quan đến sự thông công giữa những tín hữu Giuđa và tín hữu ngoại bang. Tuy vẫn giữ những chỉ thị này không phải là điều kiện để được cứu rỗi, nhưng đương nhiên sự vâng lời ấy hết sức quan trọng để tránh gây những rạn nứt gay gắt trong Hội Thánh đầu tiên.

Những điều bị cấm là:

1. **Sự ô uế của thần tượng.** Trong câu 29, điều này được giải thích là của cúng thần tượng. Nếu tín hữu người ngoại tiếp tục ăn những của cúng này, thì anh em Do Thái của họ có thể thắc mắc cách nghiêm túc không biết anh em ngoại bang này đã bỏ thờ lạy hình tượng chưa. Dầu những Cơ Đốc nhân ngoại bang có thể được tự do ăn những thức ăn như thế, nhưng điều đó tỏ ra là đã vấp chân cho anh em Do Thái yếu đuối, vì vậy việc đó sẽ là sai.

2. **Sự gian dâm.**⁶² Đây là trọng tội của dân ngoại. Do vậy, thật hết sức quan trọng khi Giacơ đưa điều này vào cùng với những đề tài đã nêu. Trong Kinh Thánh, mạng lệnh truyền kiêng sự gian dâm không hề bị thu hồi. Đây là áp dụng thường trực cho mọi thời đại.

3. **Thú vật chết ngột.** Lệnh cấm này trở về với giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Nôê sau Cơn Nước Lụt (Sáng Thế Ký 4:9). Vì vậy, đây là mạng lệnh vẫn hiệu lực cho nhân loại chứ không phải chỉ cho dân Ysraên.

4. **Huyết.** Mạng lệnh này cũng trở về với Sáng Thế Ký 9:4 và như vậy có trước luật Môisê. Vì giao ước với Nôê chưa hề bị hủy, nên chúng ta hiểu quy định này vẫn hiệu lực cho ngày nay.

15:21 Điều này giải thích vì sao có lời khuyên của câu 20. Có người Giuđa trong mỗi thành, và họ vẫn luôn được dạy rằng thật sai quấy khi làm những việc mà Giacơ cảnh cáo ở đây. Không những phạm tội gian dâm là sai, mà ăn của cúng thần tượng, thịt thú vật chết ngột và ăn huyết cũng là sai. Như vậy, vì sao người ngoại bang lại xúc phạm đến Đức Chúa Trời bằng cách phạm tội gian dâm, hay xúc phạm đến loài người bằng cách làm những việc kia?

15:22 Như vậy, đã quyết định rõ ràng rằng người ngoại không cần phải chịu phép cắt bì thì mới được cứu. Bước kế tiếp là gửi thông báo chính thức bằng văn bản của quyết định này đến cho Hội Thánh tại Antiốt. Các sứ đồ và trưởng lão tại Giêrusalem, cùng cả Hội Thánh, cử Gluđê, cũng gọi là Basaba, và Sila, cả hai đều là người đứng đầu trong hàng anh em, để họ cùng trở về Antiốt với Phaolô và Banaba. Sila này cũng chính là người về sau trở thành bạn đồng hành của Phaolô, và còn được gọi là Sinvanh trong các thư tín.

15:23-29 Nội dung cơ bản của bức thư được nói rõ ở đây. Lưu ý là các anh em già mạp từ Giêrusalem đến Antiốt lúc ban đầu chưa hề nhận được sự cho phép hay phê chuẩn của Hội Thánh tại Giêrusalem (câu 24).

Sự nương cậy từng giây phút một của các môn đồ vào Thánh Linh được

gợi ý trong câu 28: **ấy là Đức Thánh Linh và chúng ta ứng rằng...** Có người thích gọi đây là "sự cộng tác cấp cao hơn của Đức Thánh Linh."

15:30,31 Khi bức thư từ Giêrusalem được đọc trong Hội Thánh Antiốt, có sự yên ủi lớn. Các môn đồ tại đó giờ đây biết Đức Chúa Trời đã cứu họ với tư cách người ngoại bang, chứ không phải bởi họ trở thành người Giuđa.

15:32,33 Giude và Sila vẫn ở lại dự thêm vài buổi nhóm để **khuyến bảo và gây dựng các anh em** trong đức tin. Sau ít lâu được thông công và phục vụ vui vẻ tại Antiốt, họ trở về Giêrusalem.

15:34 Câu 34 trong thuyết thống King James (cũng giống câu 34 Bản Việt Ngữ) không có trong cả thủ bản cổ nhất lẫn đại đa số các thủ bản (xem chú thích cuối trang của bản NKJV). Dương như một số viên thư kỹ sao chép nghĩ rằng sẽ ích lợi khi cung cấp thêm thông tin này để giải thích điều có vẻ như mâu thuẫn giữa câu 33 và 40. Câu 33 mô tả Sila đang quay về Giêrusalem. Nhưng rồi trong câu 40, ta thấy ông đi cùng Phao-lô trong hành trình truyền giáo lần thứ nhì. Giải pháp hiển nhiên ấy là: Sila đã thật sự trở về Giêrusalem, nhưng sau đó được Phao-lô liên lạc và mời cùng đi trong những chuyến hành trình truyền giáo.

15:35 Phao-lô và Banaba ở lại Antiốt giảng và dạy đạo. Còn có nhiều đấng khác nữa của Chúa đang phục vụ hội chúng. Những biến cố được mô tả trong Galati 2:11-14 chắc đã xảy ra tại thời điểm này.

F. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì Của Phao-lô: Tiếm Á Và Gi-réc (15:36-18:22)

15:36-41 Đã đến lúc bắt đầu Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì. Phao-lô bắt đầu thảo luận vấn đề với Banaba, đề nghị trở lại thăm các thành phố trước kia họ đã giảng đạo. Khi Banaba kháng kháng đem cháu của ông là Mác cùng đi, Phao-lô kịch liệt phản đối. Ông còn nhớ như in thế nào Mác đã lìa hai người trong xứ Bamphily, và rõ ràng sợ Mác sẽ làm như vậy lần nữa. Sự cãi lầy giữa Banaba và Phao-lô trở nên dữ dội đến nỗi hai đấng tỏ đáng kính này của Chúa đã phân rẽ nhau. Banaba đem Mác cùng xuống thuyền vượt qua đảo Chiprô, là nơi sinh của ông, và cũng là chặng dừng đầu tiên của hành trình truyền giáo lần thứ nhất. Phao-lô chọn Sila rồi đi qua xứ SYRI và XỨ SILISI, làm cho các Hội Thánh được vững mạnh.

Câu 36 và 41 cho chúng ta biết thêm tình thân chân bất chân chính của Phao-lô. Sự quan tâm triu mến của ông đối với dân sự Chúa đã có lần được phản ánh bởi một giáo sư nổi tiếng. Giáo sư này nói ông muốn kiện toàn một thánh đồ duy nhất để làm công tác phục vụ còn hơn kêu gọi hàng trăm người vào những bước khởi đầu của nếp sống Cơ Đốc.

Đến đây dứt khoát này sinh thắc mắc: "Ài đúng, Phao-lô hay Banaba?" Có lẽ lỗi ở cả hai. Có lẽ Banaba đã để cho phán đoán của mình bị ảnh hưởng bởi tình cảm tự nhiên dành cho Mác. Câu 39 cho thấy có sự cãi lầy nhau dữ dội giữa Phao-lô và Banaba. "Sự kiêu ngạo chỉ sanh ra điều cãi lộn" (Châm

Ngôn 3:10). Do đó, cả hai đều phạm tội kiêu ngạo trong vấn đề này. Những người cho Phao-lô đúng thì chỉ ra rằng từ thời điểm này, Banaba đã biến mất khỏi câu chuyện. Hơn nữa, Phao-lô và Sila được anh em giao phó cho ân điển Chúa, nhưng Kinh Thánh không nói như vậy trong trường hợp của Banaba và Giăng Mác. Dấu trường hợp nào đi nữa, thật phẫn khởi khi nhớ rằng cuối cùng Mác đã thực sự đạt được những phẩm chất của mình và đã hoàn toàn lấy lại được lòng tin của Phao-lô (II.Timô-thê 4:11).

SỰ TỰ TRỊ CỦA HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG

Giáo Hội Nghị Giêrusalem thoát nhìn có vẻ như một tòa án tối cao của giáo phái. Nhưng sự thực thì ngược lại.

Mỗi hội chúng địa phương trong thời đầu của Cơ Đốc giáo đều tự trị - tức là tự quản trị. Không hề có sự liên minh các Hội Thánh với một thẩm quyền trên họ. Không hề có các giáo phái và không hề có các trụ sở giáo phái. Mỗi Hội Thánh địa phương đều chịu trách nhiệm trực tiếp với Chúa. Điều này được mô tả trong Khải Huyền 1:13, trong đó ta thấy Chúa đứng giữa bảy chân đèn bằng vàng. Những chân đèn này tượng trưng cho bảy Hội Thánh của vùng Á-si. Ý chính ấy là: không hề có một đại diện quản trị đứng giữa các Hội Thánh riêng lẻ này với chính Đấng vị đại của Hội Thánh. Mỗi Hội Thánh đều được quản trị trực tiếp bởi chính Ngài.

Vì sao điều này lại quan trọng đến như thế? Trước hết, điều này đang

ngăn chặn sự truyền bá lời dạy sai lầm. Khi các Hội Thánh được liên kết với nhau dưới một quyền kiểm soát chung, các thế lực của chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa duy lý và sự hội đạo có thể chiếm giữ toàn bộ thế trận chỉ bằng cách đơn giản nắm giữ các trụ sở trung tâm và các trường học của giáo phái. Nơi đâu các Hội Thánh độc lập với nhau, nơi đó kẻ thù phải đánh trận chống lại cả đạo quân của các đơn vị riêng biệt nhau.

Thứ nhì, sự tự trị của Hội Thánh địa phương là sự bảo vệ quan trọng khi có một chính quyền thù địch đang nắm quyền. Khi các Hội Thánh được kết thành liên đoàn, một chính quyền chuyên chế có thể kiểm soát họ hoàn toàn bằng cách kiểm soát một số ít những lãnh tụ các lãnh đạo tại các trụ sở. Khi các Hội Thánh không chịu công nhận thẩm quyền tập quyền, họ có thể dễ dàng hơn để đi vào hoạt động thầm lặng trong những lúc bị hà hiếp.

Rất nhiều chính quyền ngày nay, bất luận là dân chủ hay độc tài, đang cố tạo sự liên hiệp nhiều Hội Thánh nhỏ và độc lập. Họ bảo họ không muốn xử lý với rất nhiều đơn vị địa phương, nhưng muốn xử lý với một ủy ban trung ương đại diện cho toàn bộ những đơn vị đó. Các chính quyền tự do cố tạo ra liên hiệp này bằng cách để nghị nhiều đặc ân và lợi lộc nào đó. Các chính quyền khác cố áp đặt sự liên hiệp này bằng sắc lệnh, như Hitler đã làm trong Đế Tam Quốc Xã. Dấu trường hợp nào đi nữa, những Hội Thánh nào đứng hàng trước áp lực ấy thì đánh mất đặc điểm theo

đúng Kinh Thánh của mình cũng như năng lực để chống lại chủ nghĩa tân phái và năng lực để tiếp tục hoạt động âm thầm trong lúc bị bắt bớ.

Có lẽ sẽ có người phản đối rằng các Hội Thánh trong sách Công Vụ đã thực sự có một thẩm quyền trung ương, tức là hội đồng tại Giêrusalem mà chúng ta vừa khảo sát. Tuy nhiên, nghiên cứu kỹ phân đoạn này sẽ thấy đây không phải là một tập thể chính thức nắm các quyền lực điều hành. Đây đơn giản là cuộc nhóm họp các sứ đồ và các trưởng lão trong cương vị cố vấn.

Giáo Hội Nghị này không triệu tập người đến từ Antiốt; Antiốt quyết định đến hỏi ý người tại Giêrusalem. Quyết định của Giáo Hội Nghị không ràng buộc trên các Hội Thánh; quyết định này đơn giản được nêu ra như một đánh giá tổng hợp của toàn nhóm.

Lịch sử của Hội Thánh đã tự lên tiếng. Nơi nào có sự liên minh của các Hội Thánh dưới một tổ chức trung ương, nơi đó thúc đẩy nhanh sự suy thoái. Lời làm chứng thuần khiết nhất cho Đức Chúa Trời đã được duy trì bởi những Hội Thánh nào không chịu sự thống trị của con người từ phía bên ngoài.

16:1,2 Ất hẳn biết bao hối ức ập đến với Phaolô giống như chim sẻ ủa vào nhà kho khi ông trở lại ĐỆTĐỒ và LITRÔ. Ta có thể nghĩ hối ức bị ném đá tại Litrô có lẽ khiến ông nghỉ ngơi không dám quay lại đây. Nhưng vị sứ đồ biết Đức Chúa Trời có dân sự Ngài trong vùng này, và không một suy tính nào về an toàn cá nhân có thể ngăn trở ông.

Như đã gợi ý trước đây, có lẽ Timôthê đã tin Chúa qua chức vụ của Phaolô khi ông ghé thăm Litrô (đường như là thành phố quê hương của Timôthê) lần thứ nhất. Mẹ của Timôthê, là Onit, và bà ngoại của Timôthê là Lôít, đều là những tín hữu người Do Thái (II.Timôthê 1:5). Cha ông là người Gôréc và có lẽ lúc này đã qua đời.

Lòng Phaolô vui mừng khi qua các anh em tại Litrô và Ycôni biết Timôthê đang tiến triển rất tốt trong đạo Đấng Christ. Phaolô mời Timôthê cùng đi trong hành trình truyền giáo này. Chúng ta nên lưu ý, các sứ đồ đầu tiên không những làm việc từng đôi, nhưng cũng đưa theo những anh em trẻ hơn (Mác và Timôthê) để huấn luyện những phương diện thực tiễn của chức vụ Cơ Đốc. Thật là đặc ân lớn biết bao cho những chàng trai này được mang ách chung với những bậc lão thành kỹ cựu dày dạn kinh nghiệm trong sự nghiệp truyền giáo Cơ Đốc.

16:3 Trước khi Phaolô lên đường, ông làm phép cắt bì cho Timôthê. Vì sao ông làm việc này, trong khi trước đó ông cương quyết không cho Tit chịu cắt bì (Galati 2:1-5)? Câu trả lời đơn giản thế này: trong trường hợp Tit, đây là vấn đề về giáo lý Cơ Đốc nền tảng, trong khi ở đây không phải là vấn đề giáo lý. Các giáo sư già đang quá quyết người mang huyết thống ngoại bang - như Tit - phải chịu cắt bì thì mới được cứu. Phaolô nhận thấy đây là phủ nhận tình đầy đủ trong công tác chuộc tội của Đấng Christ, và sẽ không chịu chấp nhận việc đó. Trường hợp ở đây lại hoàn toàn khác.

Dân chúng trong vùng biết Timôthê thuộc dòng dõi Giuđa qua mẹ ông. **Phaolô**, Sila và Timôthê sắp ra đi truyền giáo. Những mối giao tiếp đầu tiên của họ thường xuyên sẽ là với người Giuđa. Nếu những người Giuđa này biết Timôthê không chịu cắt bì, có thể họ không chịu lắng nghe; còn nếu Timôthê đã chịu cắt bì, thì sẽ không có khả năng nào gây vấp phạm về vấn đề này. Vì đây hoàn toàn là vấn đề vô thưởng vô phạt về đạo đức chứ không phải quan trọng về giáo lý, nên **Phaolô** để cho Timôthê chịu nghi lễ Do Thái này. Ông đã trở nên mọi sự với tội người để bằng mọi cách cứu được một vài người (I.Côrinthô 9:19-23).

Lối giải thích việc **Phaolô** làm phép cắt bì cho Timôthê để người Giuđa chịu nghe Tin Lành dường như được hàm ý mạnh mẽ qua những chữ, **bởi cả những người Giuđa ở trong các nơi đó, nên Phaolô lấy người và làm phép cắt bì cho, vì hết thấy đều biết cha Timôthê là người Gôréc.**

16:4,5 Khi ba giáo sĩ đi trải qua các thành của xứ Lycaoni, họ đã trao cho các Hội Thánh này mấy lễ luật mà các sứ đồ và trưởng lão tại thành Giêrusalem lập ra. Nói vắn tắt, mấy lễ luật này như sau:

1. Về sự cứu rỗi, chỉ cần một mình đức tin mà thôi. Đừng nên kèm thêm phép cắt bì hay việc giữ luật pháp vào với đức tin như một điều kiện để được cứu.

2. Sự gian dâm bị cấm đối với mọi tín hữu và với mọi thời đại, nhưng lời nhắc nhở này chắc chủ yếu nói cho

những tín hữu ngoại bang trở lại tin Chúa, vì đây đã (và hiện là) tội lỗi thường xuyên của họ.

3. Thịt cúng thần tượng, thịt từ những thú vật chết ngột, và huyết, bị cấm dùng làm thức ăn, không phải với tư cách những vấn đề thiết yếu về sự cứu rỗi, nhưng để đẩy mạnh sự thông công giữa các tín hữu người Do Thái và người ngoại bang. Một số huấn thị này đã được điều chỉnh sau đó (xem I.Côrinthô 8-10; I.Timôthê 4:4,5).

Nhờ chức vụ của họ, **các Hội Thánh được vững vàng trong đức tin, và số người tin Chúa càng ngày càng thêm lên.**

16:6-8 Những câu này hết sức quan trọng vì cho thấy sự giám sát và hướng dẫn của Thánh Linh trong chiến lược truyền giáo của các sứ đồ. Sau khi trở lại thăm các Hội Thánh tại xứ **PHIRIGI** và **GALATI**, họ tính tiến vào vùng **Asi**, nằm ở phía tây cõi Tiểu Á, nhưng **Đức Thánh Linh** cấm. Kinh Thánh không cho biết vì sao; có người gợi ý có lẽ theo ý định của Đức Chúa Trời, vùng này được dành cho **Phiêrô** (xem I.Phiêrô 1:1). Bằng mọi giá, họ đi lên hướng tây bắc tiến vào vùng **MYSI**. Vùng này thực sự nằm trong tỉnh **Asi**, nhưng dường như họ không giảng đạo tại đó. Khi họ toan đi lên hướng đông bắc để vào xứ **Bithini**, dọc theo bờ biển Euxine (Biển Đen), thì **Đức Thánh Linh** không cho phép. Vì vậy họ đi thẳng xuống hướng tây đến hành phố bên biển là **TRÔÁCH**. Từ đó, các giáo sĩ có thể nhìn qua Biển Aegean hướng đến **Gôréc**, ngưỡng cửa của Châu Âu. **Ryrie** viết:

*Asi cần nghe Tin Lành, nhưng đây chưa phải thời điểm của Chúa. Như cầu không lập thành sự kêu gọi họ. Họ vừa mới đến từ phía đông; họ bị cấm đi xuống phía nam hay lên phía bắc, nhưng họ không giả định rằng Chúa đang dẫn họ đến hướng tây - họ chờ đợi những chỉ thị cụ thể của Ngài. Một mình lý luận mà thôi cũng không phải cơ sở cho sự kêu gọi.*⁶³

16:9 Trong sự hiện thấy ban đêm, Phaolô thấy một người Maxêđon mời ông đến giúp. Maxêđon là vùng phía bắc của Hylạp, ngay phía tây của Tróách. Dù có ý thức hay không đi nữa, Maxêđon (và toàn Âu Châu) vẫn cần Tin Lành của ơn cứu chuộc. Chúa đã đóng cửa tại Asi để những đấng tớ Ngài đem Tin Lành đến Âu Châu. Stalker đã vẽ lên bức tranh này:

*{Người Maxêđon này} đại diện cho Âu Châu, và tiếng kêu cứu của ông đại diện như cầu cứu Âu Châu cần đến Đấng Christ. Trong sự hiện thấy, Phaolô đã nhận ra những lời hiệu triệu thiên thượng; và chính buổi hoàng hôn kể tiếp tỏa ánh sáng vàng rực trên Hellespont thì cũng soi bóng của ông dưng ngổi trên boong tàu, mũi thuyền hướng tới bờ biển Maxêđon.*⁶⁴

16:10 Có sự thay đổi quan trọng ở đây trong đại từ nhân xưng, thay đổi từ *ông ta* (Phao Lô) sang *chúng ta*. Người ta thường cho rằng Luca, tác giả của sách Công Vụ, đã nhập đoàn với Phaolô, Sila và Timôthê vào lúc này. Từ đây trở đi, ông ghi lại những biến cố với tư cách một nhân chứng trực tiếp.

SỰ HƯỚNG DẪN THIÊN THƯỢNG

Để hoạt động hữu hiệu trên đất, Hội Thánh đầu tiên đã nương cậy sự dẫn dắt của Đấng mình từ Thiên đàng. Nhưng làm thế nào Chúa Jesus bày tỏ ý muốn của Ngài cho những tôi tớ Ngài?

Ngài đã để lại *chiến lược chung* của Ngài cho họ trước khi thăng thiên, khi phán: "Làm chứng về ta tại thành Giêrusalem, cả xứ Giuđê, xứ Samari, cho đến cùng trái đất" (Công Vụ 1:8).

Sau khi thăng thiên, Ngài bày tỏ ý muốn Ngài cho họ bằng rất nhiều cách.

Phierô và các môn đồ khác được dẫn dắt bởi *Kinh Thánh Cựu Ước* (Thư Thiên 69:25) để chọn người thay thế Giuda (1:15-26).

Có ít nhất năm dịp Chúa hướng dẫn con người qua *các sự hiện thấy*: Anania (9:10-16); Cộnây (10:3); Phierô (10:10,11,17); Phaolô (hai lần - 16:9,10; 18:9).

Hai lần Ngài dẫn dắt qua *các đấng tiên tri* (11:27-30; 21:10-12).

Nhiều lần khác, Cơ Đốc nhân được dẫn dắt bởi *hoàn cảnh*. Lấy ví dụ, họ bị tản lạc hay bị đuổi đi bởi cơn bắt bớ (8:1-4; 11:19; 13:50,51; 14:5,6). Chính quyền dân sự yêu cầu Phaolô và Sila rời khỏi Philip (16:39, 40). Về sau, Phaolô bị nhà cầm quyền giải từ Giêrusalem đến Sêsarê (23:33). Hoàn cảnh Phaolô kháng án đến Sêsa đã quyết định chuyến đi của ông đến Rôma (25:11), và vụ đắm tàu sau đó ảnh hưởng đến thời điểm và diễn tiến của các bước đi (27:41; 28:1).

Đôi khi sự dẫn dắt đến qua lời *khuyến và sáng kiến của các Cơ Đốc nhân khác*. Hội Thánh tại Giêrusalem sai Banaba đến Antiốt (11:22). Agabút đã nói tiên tri về cơn đói kém, và điều này khiến Hội Thánh tại Antiốt gửi quà cứu trợ đến cho các thánh đồ tại xứ Giuđê (11:27-30). Các anh em tại Antiốt sai Phaolô và Banaba đến Giêrusalem (15:2). Gluđê và Sila được Hội Thánh tại Giêrusalem sai đi cùng với Banaba và Phaolô (15:25-27). Phaolô và Sila được các anh em dâng cho ơn Chúa khi họ khởi hành Chuyến Truyền Giáo Thứ Nhì (15:40). Phaolô đưa Timôthê cùng đi với mình khi rời Littrô (16:3). Các anh em tại Têsalônica sai Phaolô và Sila đến Bêrê bởi mối đe dọa của cuộc bạo loạn (17:10). Vấn đề các anh em tại Bêrê đưa Phaolô đi cũng vì cùng một nguyên nhân (17:14,15). Cuối cùng, Phaolô sai Timôthê và Êráp đến Maxêđoan (19:22).

Ngoài những phương pháp dẫn dắt trên đây, còn nhiều trường hợp dường như con người nhận được những sự truyền thông ý muốn của Đức Chúa Trời *cách trực tiếp*. Một thiên sứ của Chúa đã dẫn Philip đến với hoạn quan Êthiôpi (8:26). Đức Thánh Linh đã phản với các đấng tiên tri và giáo sư tại Antiốt khi họ kiêng ăn cầu nguyện (13:1,2). Phaolô và Timôthê bị Đức Thánh Linh cấm giảng đạo tại Asi (16:6). Về sau họ cố gắng đến Bithini, nhưng Thánh Linh cũng không cho phép họ vào (16:7).

Như vậy tóm lại, những Cơ Đốc nhân đầu tiên nhận được sự dẫn dắt:

1. Qua Kinh Thánh.
2. Qua những sự hiện thấy và lời tiên tri.
3. Qua những hoàn cảnh.
4. Qua lời khuyến và sáng kiến của các Cơ Đốc nhân khác.
5. Qua sự truyền thông trực tiếp, có lẽ theo phương cách chủ quan ở bề trong.

16:11,12 Đi thuyền từ Trôách lên hướng tây bắc, những đại sứ không biết mệt mỏi của Đấng Christ đã thả neo lần đầu tiên để nghỉ đêm ngoài đảo **SAMÔTRAXÔ**. Kế đó, họ đến đất liền tại cảng **NÊABŪLI**, hơn một trăm hai chục dặm từ Trôách, rồi đi trên đất liền vài dặm đến thành **PHILÍP**, là thành **thứ nhất của Maxêđoan**, và là thuộc địa.

16:13-15 Dường như tại thành Phillip không có nhà hội nào, nhưng Phaolô và những bạn đồng hành nghe nói một số người Do Thái nhóm lại vào ngày **Sabat** ở ngoài thành gần bên sông. Đến nơi, họ đã thấy một nhóm phụ nữ đang cầu nguyện, trong đó có một người tên **Lyđi**. Chắc bà là một người cải đạo Giuđa. Quê ở thành Thiatirô, trong quận Lyđa, ở phía tây Tiểu Á, bà đã dời đến Phillip, ở đó bà làm nghề buôn hàng sắc lía. Thiatirô nổi tiếng về thuốc nhuộm.

Không những đôi tai bà mở ra với Tin Lành, lòng bà cũng mở ra nữa. Sau khi tiếp nhận Chúa Jêsus, bà và người nhà chịu báp têm. Đương nhiên, những thành viên trong nhà của bà đã tin Chúa trước khi chịu báp têm. Kinh Thánh không nói Lyđi đã kết hôn; người nhà của bà gồm các đầy tớ.

Lydi được cứu không phải bởi việc lành, nhưng bà được cứu để làm việc lành. Bà đã chứng tỏ thực tại đức tin mình bằng cách mở cửa nhà mình cho Phao-lô, Sila, Luca và Timô-thê.

16:16, 18 Một ngày kia, khi **Phao-lô** và những bạn đồng hành đang đi đến nơi **cầu nguyện**, họ gặp một **đầy tớ gái bị quỷ bói khoa âm**. Vì bị quỷ ám, nàng có thể tiên đoán tương lai và bày tỏ nhiều điều lạ lùng. Bằng cách này, nàng **làm lợi lớn cho chủ**.

Khi **gặp** những giáo sĩ Cơ Đốc, và **suốt** nhiều ngày tiếp theo đó, nàng đi **theo** họ, la lớn tiếng: "**Những người đó là đầy tớ của Đức Chúa Trời Hài Cao, rao truyền cho các người đạo cứu rỗi**." Điều nàng nói là *thật*, nhưng **Phao-lô** thừa biết để không chấp nhận lời làm chứng của ma quỷ. Ông cũng cực lòng vì tình trạng khốn khổ của cô gái bị ma quỷ bắt làm nô lệ này. Vì vậy, **nhân Danh** toàn năng của **Đức Chúa Jesus Christ**, ông truyền ma quỷ **ra khỏi** nàng. Nàng lập tức được giải thoát khỏi ách nô lệ đáng kinh khiếp, trở thành một người có tâm trí tỉnh táo.

CÁC PHÉP LẠ

Các phép lạ có trong khắp chuyện kể của sách Công Vụ. Sau đây là một số những phép lạ nổi bật:

Sự ban cho các thứ tiếng lạ cách kỳ diệu (2:4; 10:46; 19:6).

Sự chữa lành người què tại cửa đền thờ (3:7).

Sự chết đoán phạt đột ngột dành cho Anania và Saphira (5:5, 10).

Sự giải cứu các sứ đồ khỏi ngục (5:19).

Saulơ gặp gỡ Đấng Christ vinh hiển (9:3-6).

Sự chữa lành Ênê do Phierơ thực hiện (9:34).

Cứu sống Đôca (9:40).

Sự hiện thấy của Phierơ về tấm khăn sa xuống từ trời (10:11).

Sự giải cứu Phierơ khỏi ngục (12:7-10).

Hêrốt bị giết bởi một thiên sứ (12:23).

Sự đoán phạt khiến thuật sĩ Êlyma bị mù (13:11).

Phao-lô chữa lành người mù tại Littơ (14:10).

Phao-lô được hồi phục sau khi bị ném đá tại Littơ (14:19, 20).

Sự hiện thấy của Phao-lô về người Maxêđoan kêu cứu (16:9).

Phao-lô đuổi tà linh ra khỏi đầy tớ gái tại Philip (16:18).

Sự giải cứu Phao-lô và Sila khỏi ngục tại thành Philip (16:26).

Phao-lô khiến Ôtích sống lại (20:10-11).

Lời tiên tri của Agabút (21:10, 11).

Sự giải cứu Phao-lô khỏi rắn lục tại Mantơ (28:3-6).

Sự chữa lành bệnh sốt cho cha của Bùliu (28:8).

Sự chữa lành bệnh tật của những người khác (28:9).

Ngoài những phép lạ này, Kinh Thánh còn nói các sứ đồ đã làm nhiều dấu kỳ phép lạ (2:43); Êtiên đã làm nhiều dấu kỳ phép lạ lớn giữa dân chúng (6:8); Philip đã làm nhiều dấu kỳ phép lạ (8:6, 13); Banaba và Phao-lô đã làm nhiều dấu kỳ phép lạ (15:12); và Đức Chúa Trời đã làm nhiều phép lạ bởi tay Phao-lô (19:11).

Khi nghiên cứu sách Công Vụ, tự nhiên sẽ nảy sinh thắc mắc: "Ngày nay chúng ta có nên mong đợi chính các phép lạ này không?" Thường có hai thái cực phải tránh khi trả lời câu hỏi này. Thứ nhất là quan điểm cho rằng vì chính Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua ngày nay cho đến đời đời không hề thay đổi, nên đáng ra chúng ta phải đang nhìn thấy cùng những phép lạ đã thấy trong Hội Thánh đầu tiên.

Thái cực ngược lại ấy là quan điểm cho rằng các phép lạ chỉ dành cho những thời đầu của Hội Thánh và chúng ta không có quyền gì để mong đợi chúng ngày nay.

Đúng là Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua, ngày nay cho đến đời đời không hề thay đổi (Hêbrơ 13:8). Nhưng điều đó không có nghĩa các phương pháp thiên thượng không hề thay đổi. Chẳng hạn, các tai vạ Chúa đã dùng tại Êđíphtô không hề tái diễn. Quyền năng của Ngài vẫn y nguyên. Ngài có thể làm bất kỳ phép lạ nào. Nhưng điều đó không có nghĩa Ngài phải thực hiện cùng các phép lạ ấy trong mỗi thời đại. Ngài là Đức Chúa Trời của sự đa dạng vô hạn.

Mặt khác, chúng ta đừng gạt bỏ các phép lạ như thể chúng không dành cho Thời Đại Hội Thánh. Cũng rất dễ dàng để gán các phép lạ vào những ngấn tù của các định kỷ rồi tự thỏa mãn với những đời sống chẳng bao giờ vươn lên trên thịt và huyết.

Đời sống của chúng ta phải được nạp đầy quyền năng siêu nhiên. Chúng ta phải không ngừng chứng kiến bàn tay của Đức Chúa Trời đang

sắp xếp tuyệt vời các hoàn cảnh. Chúng ta đáng ra phải kinh nghiệm sự dấn dặt của Ngài cách mầu nhiệm và đầy phép lạ. Chúng ta nên kinh nghiệm những biến cố trong đời sống của chúng ta vượt ra ngoài những quy luật của xác suất. Chúng ta phải ý thức rằng Đức Chúa Trời đang xếp đặt các mối quan hệ giao tiếp, đang mở nhiều cánh cửa, đang xóa bỏ sự chống đối. Sự phục vụ của chúng ta phải tràn đầy điều siêu nhiên.

Chúng ta đáng phải đang nhìn thấy những câu trả lời trực tiếp cho sự cầu nguyện. Khi đời sống của chúng ta tiếp xúc với các đời sống khác, chúng ta đang phải nhìn thấy điều gì đó xảy ra vì Chúa. Chúng ta nên thấy bàn tay của Ngài trong những vụ phá sản, những sự trì hoãn, những tai nạn, những thua lỗ, và những điều dường như thảm kịch. Chúng ta nên kinh nghiệm những sự giải cứu phi thường và ý thức về sức mạnh, lòng can đảm, bình an và khôn ngoan vượt ra ngoài những giới hạn tự nhiên của mình.

Nếu đời sống của chúng ta chỉ sống trên bình diện tự nhiên, chúng ta khác với những người không tin Đấng Christ như thế nào? Ý muốn của Đức Chúa Trời là đời sống chúng ta phải mang tính siêu nhiên, sự sống của Đức Chúa Jêsus Christ phải trào qua chúng ta. Khi điều này xảy ra, những điều không thể thực hiện được sẽ tan chảy, những cánh cửa đóng sẽ mở ra, quyền năng sẽ trào tràn. Bấy giờ chúng ta sẽ được tràn đầy Thánh Linh, và khi người ta đến gần chúng ta, họ sẽ cảm nhận những tia lửa của Thánh Linh.

16:19-24 Thay vì biết ơn Chúa vì có gái trẻ giờ đây không còn bị quý ám nữa, các chủ nặng cảm tức cay đắng vì mất lợi lộc. Do đó họ kéo Phaolô và Sila đến trước mặt các thượng quan (praetors), và vu cáo họ nhiều điều. Về cơ bản, họ kết tội hai người là những người Giuda gây rối loạn đang cố đảo lộn nếp sống lamã. Đoàn dân phản ứng cách hung bạo, và các thượng quan truyền xé áo Phaolô và Sila rồi truyền đánh đòn. Sau trận đòn toi bời, các giáo sĩ bị nhốt vào ngục, với lời dặn người để lao phải canh nghiêm ngặt. Người để lao vâng lệnh, nhốt hai người vào ngục tối rồi tra chân họ vào cùm.

Trong phần đoạn này, chúng ta nhìn thấy hai phương pháp chính của Satan. Thứ nhất, hấn cố thử bằng ùnh bạn giả dối - là lời chứng của cô gái bị quý ám. Khi điều này thất bại, hấn viện đến bất cứ công khai. Grant nói: "Két đồng minh hay bị bất hờ - đây là hai phương án để chọn: ùnh bạn giả dối hay chiến tranh công khai." A. J. Pollock nhận định:

Chắc hẳn Ma Quỷ đã đắc chí biết bao khi nghĩ hấn đã đột ngột kết thúc sự nghiệp của những đấng từ Đấng Christ tận tụy này. Chiến thắng của hấn đã non yếu như xưa nay chắc chắn phải vậy. Trong trường hợp này, điều đó lại hóa thành lũng túng hoàn toàn cho hấn, và đẩy mạnh công tác của Chúa.⁶⁵

16:25 Lúc nửa đêm, Phaolô và Sila cầu nguyện, hát ngợi khen Chúa. Niềm vui của họ hoàn toàn không lệ thuộc vào hoàn cảnh trần gian này.

Nguồn mọi sự ca hát của họ là ở trên trời cao. Morgan thừa nhận:

Ai cũng có thể hát khi cùm ngục mở toang, và khi mình được thông dong, tự do. Tâm hồn của Cơ Đốc nhân hát trong ngục tù. Tôi nghĩ nếu tôi là Sila, chắc Phaolô đã phải hát đem ca: nhưng dấu vậy. tôi nhìn thấy vinh quang và vẻ huy hoàng của Thánh Linh vươn cao hơn mọi sự khó khăn và giới hạn.⁶⁶

16:26 Khi những tù nhân khác đang lắng nghe lời cầu nguyện và bài hát ca ngợi Chúa của hai người, ngục tù bị rung động bởi cơn động đất khác thường. Cơn động đất này mở loang các cửa ngục tháo tung mọi xiềng xích, nhưng không làm sập tòa nhà.

16:27,28 Khi giật mình thức dậy thấy cửa ngục mở loang, viên để lao nghĩ tù nhân đã trốn hết. Biết sẽ mất mạng, ông rút gươm tự vẫn. Nhưng Phaolô trấn an viên để lao không cần phải làm như vậy, vì mọi tù nhân đều còn cả đây.

16:29,30 Giờ đây một cảm xúc mới ngập tràn người để lao. Nỗi sợ mất việc và có lẽ mất mạng đã nhường chỗ cho sự cáo trách sâu xa về tội lỗi. Giờ đây ông sợ phải gặp Đức Chúa Trời trong tội lỗi của mình. Ông kêu lên: "Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu rỗi?"

Câu hỏi này phải đến trước mọi trường hợp hoán cải chân thật. Phải biết mình bị hư mất trước khi có thể được cứu. Thật quá sớm để bảo cho một người biết cách làm sao để được cứu nếu người ấy chưa có thể nói từ tấm lòng mình trước: "Tôi thật sự đáng đi địa ngục."

16:31 Những người duy nhất trong Tân Ước từng được bảo phải tin nơi Chúa Jêsus Christ chính là những tội nhân đã bị cáo trách. Giờ đây khi người để lao đã bị tan vỡ hoàn toàn bởi cơ tội mình, ông được cho biết: "Hãy tin Đức Chúa Jêsus, thì người và cả nhà đều sẽ được cứu rồi."

Ở đây không hề gợi ý gia đình ông sẽ tự động được cứu nếu ông tin cậy Đấng Christ. Ý nghĩa ở đây là nếu ông tin nơi Chúa Jêsus Christ, ông sẽ được cứu, và người nhà ông sẽ được cứu theo cùng một cách như vậy. "Hãy tin... thì người sẽ được cứu, và hãy để người nhà người cũng làm y như vậy."

Nhiều người ngày nay dường như rất khó biết được "tin" có nghĩa là gì. Tuy nhiên, khi một tội nhân thấy mình bị hư mất, bất lực, tuyệt vọng, chắc chắn đi địa ngục, và khi được cho biết phải tin nơi Đấng Christ là Chúa và Cứu Chúa của mình, người ấy biết chính xác tin có nghĩa là gì. Đây chính là điều duy nhất còn lại mà người ấy có thể làm được!

16:32-34 Sau khi Phaolô và Sila dạy cho người nhà, người để lao chứng tỏ sự tin Chúa thật của mình bằng cách rửa sạch vết thương của họ, và chịu **báp têm** không chút trì hoãn. Người cũng đưa hai người về nhà mình, mời ăn, và cùng với người nhà mừng rỡ vì họ đã biết Chúa.

Chúng ta sẽ nhắc thêm lần nữa rằng không hề có câu nào hậu thuẫn niềm tin có trẻ sơ sinh hay những trẻ em rất nhỏ trong số người nhà đã chịu **báp têm**. Hết thấy họ đều đã đủ lớn để tin nơi Đức Chúa Trời.

16:35 Dường như các **thượng quan** đã đổi lòng trong đêm hôm ấy, vì sáng hôm sau họ **sai lính** (lictors) bảo tin phòng thích hai tù nhân này.

16:36,37 Khi người để lao báo tin vui cho Phaolô, vị sứ đồ không chịu ta đi trong những hoàn cảnh như thế. Suy cho cùng, Sila và ông dù là người Do Thái, nhưng họ là công dân Lamã. Họ đã bị xét xử và **đánh đập** cách bất công. Có phải giờ đây các **thượng quan** nghĩ rằng hai người sẽ lẩn trốn đi dường như có tội và nhục nhã trốn chạy? Điều đó không được! Chính các **thượng quan** phải đến và thả tù nhân ra.

16:38-40 Các **thượng quan** đã thực sự đến, và đứng hơn đến để xin lời khuyên đó! Họ khuyên Phaolô và Sila rời khỏi thành để khỏi gây rối thêm. Với vẻ đường bệ của các con Vua, các tội tớ Chúa đã ra ngục, nhưng họ không rời thành ngay lập tức. Trước hết họ đến nhà Lyđi, họ thăm hỏi các anh em và **khích lệ** họ. Thật tuyệt vời biết bao! Những người đáng ra phải nhận sự yên ủi nay đang đi **khích lệ** người khác.

Khi sứ mạng của họ tại Philip đã xong, họ ra đi vui mừng và thành công mỹ mãn.

17:1 Khi rời khỏi Philip, Phaolô và Sila đi ba mươi ba dặm về hướng tây nam đến **AMPHIBŌLIT**. Trạm dừng kế tiếp của họ là **ABŌLŌNI** thêm ba mươi dặm nữa về hướng tây nam. Từ đó, họ đi theo hướng tây thêm ba mươi bảy dặm đến **TÊSALŌNICA**. Thành này nằm ở vị trí chiến lược trên các lộ trình thương mại, và vì vậy là một

trung tâm thương mại tuyệt vời. Đức Thánh Linh chọn nơi đây làm trụ sở để từ đó Tin Lành sẽ tỏa ra nhiều hương. Trong thời chúng ta, thành này được gọi là Saloniki.

Cô Lê Luca đã ở lại Philip khi Phaolô và Sila rời đó để đi chinh phục thêm những lãnh thổ mới cho Chúa. Điều này được gợi ra bởi câu chuyện chuyển từ đại từ ngôi thứ nhất số nhiều (chúng ta) sang ngôi thứ ba số nhiều (họ - Bản Việt Ngữ ghi là "Phaolô và Sila").

17:2,3 Theo thói quen, các giáo sĩ tìm một nhà hội Do Thái và giảng Tin Lành tại đó. Trong ba ngày Sabat²⁷ Phaolô mở Kinh Thánh Cựu Ước và chứng minh cách thuyết phục rằng Kinh Thánh Cựu Ước đã báo trước Đấng Mesi phải chịu lương khổ rồi từ kẻ chế sống lại. Sau khi xác lập điều này từ Kinh Thánh, Phaolô tiếp tục tuyên bố Chúa Jêsus người Naxarét chính là Đấng Mesi từ lâu họ đã đợi. Chẳng phải Ngài đã chịu thương khổ, đã chết và đã sống lại từ kẻ chết sao? Chẳng phải điều này chứng minh Ngài là Đấng Christ của Đức Chúa Trời sao?

17:4-7 Một vài người Giuđa chịu thuyết phục, đứng về phía Phaolô và Sila với tư cách những tín đồ của Đấng Christ. Cũng có nhiều người Hylạp cải đạo Do Thái và không ít đàn bà sang trọng trong thành trở lại tin Chúa. Điều này xui những người Giuđa vô tín phải hành động dữt khoát. Họ kiếm vài tên lưu manh lữ phố chợ, xúi giục nổi loạn, vây nhà Giasôn nơi Phaolô và Sila đang ở. Khi không tìm thấy Phaolô và Sila trong

nhà, họ lôi Giasôn và một số bạn đồng niềm tin với Giasôn đến trước mặt các quan án (politarchs). Tuy không muốn như vậy nhưng họ thật đã tôn vinh Phaolô và Sila khi mô tả hai người là những người đã gây thiên hạ nên loạn lạc. Sau đó họ kết tội Phaolô và Sila âm mưu lật đổ chính quyền Sêsa bằng cách giảng về một vua khác - là Jêsus. Ít nhất đây cũng là điều hết sức lạ lùng khi người Giuđa lại sốt sắng bình vực chính quyền Sêsa như thế, vì họ rất ít quan tâm hoặc chẳng hề yêu mến đế quốc Lamã chút nào.

Nhưng lời buộc tội của họ có đúng không? Rõ ràng họ đã nghe Phaolô công bố Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai của Chúa Jêsus để cai trị với tư cách Vua trên toàn trái đất. Nhưng điều này không gây đe dọa trực tiếp đến Sêsa, vì Đấng Christ sẽ không trở lại cai trị cho đến khi toàn dân Ysraên ăn năn.

17:8,9 Các quan án rồi động trước lời báo cáo này. Họ đòi Giasôn và những người đi cùng với ông nộp tiền bảo lãnh, chắc cũng ra lệnh thêm truyền các vị khách của ông phải rời thành phố. Sau đó họ thả cho ra.

17:10-12 Các anh em tại Têsalônica quyết định nên để các nhà truyền đạo rời khỏi thành, vì vậy trong ban đêm, họ khiến Phaolô và Sila đi đến thành BÊRÊ. Những nhà truyền đạo hát khúc và không thể bị khống chế đi thẳng vào nhà hội của người Giuđa. Khi họ giảng Tin Lành tại đó, những người Giuđa này tỏ lòng cởi mở bằng cách tìm tòi, tra xét và đối chiếu Kinh Thánh Cựu Ước. Họ có

thái độ đơn sơ và chịu học cùng với lòng quyết tâm thử nghiệm mọi lời dạy dỗ bằng chính lời thiêng liêng của **Kinh Thánh**. Có rất nhiều người Giuđa này đã tin. Và cũng có rất nhiều người ngoại bang trở lại tin Chúa trong số những người đàn bà sang trọng, cũng cả đàn ông nữa.

17:13,14 Khi tin đồn trở về lại thành **Têsalônica** rằng **Phaolô** và **Sila** đang thi hành chức vụ tại **Bêrê**, **những người Giuđa** tại **Têsalônica** liền đi đến **Bêrê** rải xao xuyên rối loạn trong dân chúng để chống vị sứ đồ. Do đó anh em sai **Phaolô** đi về phía bờ biển, có một đoàn tin hữu hộ tống. Chắc có lẽ họ đã đi xa đến tận **ĐIUM** và xuống thuyền từ đó đi đến **PIRAEUS**, thành phố cảng của **ATHÊN**. **Sila** với **Timôthê** ở lại thành **Bêrê**.

17:15 Từ **Bêrê** đến **Athên** là một hành trình rất dài. Nó cho thấy lòng tận tụy thật của những **Cơ Đốc nhân** tại đó khi một số anh em sẵn lòng đi theo **Phaolô** suốt đường. Đến lúc phải để **Phaolô** ở lại **Athên**, **Phaolô** nhắc họ báo cho **Sila** và **Timôthê** phải đến cùng ông cho gặp.

17:16 Đang khi chờ họ tại **Athên**, **Phaolô** rất nặng lòng trước sự thờ lạy hình tượng của thành này. Dấu **Athên** là trung tâm của văn hóa, giáo dục và nghệ thuật, nhưng **Phaolô** đau quan tâm đến những điều đó. Ông không phí thời gian vào những chuyện tham quan. Amot nhận định:

Không phải ông ít quý trọng những hình tượng cẩm thạch, nhưng vì quý con người sống hơn... Ông không phải là con người yếu đuối.

nhưng là một người mạnh mẽ xem những linh hồn bất tử là quan trọng vô hạn hơn nghệ thuật... Phaolô không xem thờ lạy hình tượng là quang cảnh đẹp và vô hại, nhưng là điều đáng đau buồn.⁶⁸

17:17,18 Người biện luận trong nhà hội với người Giuđa và người mới theo đạo Giuđa, còn tại phố chợ, ông giảng cho mọi người nào chịu nghe. Nhờ vậy ông tiếp xúc với mấy nhà triết học về **phái Epicuriens** và **phái Stociens**. Phái Epicuriens (phái Khoái Lạc) là môn đồ của triết gia Epicurus, người dạy rằng yếu thích lạc thú và không theo đuổi tri thức là mục đích chính yếu của đời sống. Phái Stociens (phái Khắc Kỷ) là những người theo phôiếm thần thuyết, tin rằng sự khôn ngoan cốt ở chỗ được giải thoát khỏi cảm xúc mãnh liệt, không còn cảm động trước niềm vui hay đau khổ, sẵn sàng thuận phục quy luật tự nhiên. Khi hai trường phái triết học này lắng nghe **Phaolô**, họ xem ông là người già mệp (Hy văn là: "kẻ nhặt hạt giống") ("seed-picker") và là người giảng về các thần ngoại quốc, vì **Phaolô** truyền cho chúng về Đức Chúa **Jêsus** và sự sống lại.

17:19-21 Họ đưa người đến nơi **Arêôba**, là một đoàn quan án giống như tòa thượng thẩm họp lại tại ngọn đồi Mars. Trong trường hợp này, đây không chính xác là cuộc xử án, nhưng đơn giản là một cơ hội lắng nghe, qua đó **Phaolô** có cơ hội trình bày đạo lý của mình trước các thành viên tòa án và đoàn dân. Điều này được giải thích trong câu 21. Người **Athên** thích đứng

vòng quanh và nói chuyện, và lắng nghe người khác. Dường như họ có thời gian vô hạn dành cho chuyện như vậy.

17:22 Đứng giữa lòa, Phaolô giảng một bài mà về sau được gọi là Bài Thuyết Giảng Tại Đồi Mars. Khi nghiên cứu bài giảng này, phải nhớ ông đang nói cho người ngoại bang, chứ không phải cho người Giuđa. Họ chẳng hề biết gì về Cựu Ước, vì vậy ông phải tìm một đề tài nào đó có mối quan tâm chung để bắt đầu. Ông bắt đầu với nhận định từ chỗ quan sát người Athen rất mộ đạo. Sự kiện Athen thật là thành phố mộ đạo được chứng minh bởi sự kiện thành này có tiếng là có số thần tượng nhiều hơn số người!

17:23 Khi nghĩ đến những thần tượng mình đã thấy, Phaolô nhớ lại có một bản thờ chạm chữ: **THỜ CHÚA KHÔNG BIẾT**. Ông thấy trên tấm bia có lạc điếm mở đầu sứ điệp của mình. Sứ đồ thấy trên tấm bia khắc đó lời công nhận hai sự kiện quan trọng. Thứ nhất là sự thực hữu của Đức Chúa Trời, và thứ nhì là người Athen không biết về Ngài. Lúc đó đến phần chuyển ý rất bình thường và tự nhiên để Phaolô soi sáng cho họ biết Đức Chúa Trời chân thật. Có người nói ông đã hướng dòng suối thành kình đi lang thang của họ vào đúng kênh.

17:24,25 Các giáo sĩ cho chúng ta biết điểm tốt nhất để bắt đầu giảng cho người ngoại về Đức Chúa Trời chính là câu chuyện về sự sáng thế. Đây chính là nơi Phaolô bắt đầu với dân Athen. Ông giới thiệu Đức Chúa

Trời là Đấng đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó. Khi nhìn vào vô số đền thờ hình tượng gần đó, vị sứ đồ nhắc nhở thính giả rằng Đức Chúa Trời chân thật không ngự tại đền thờ bởi tay người ta dựng nên. Ngài cũng không nhờ đến sự phục vụ của tay người ta. Trong các đền thờ hình tượng, các vị tư tế thường đem thức ăn và nhiều "nhu yếu phẩm" khác nữa dâng lên thần của họ. Nhưng Đức Chúa Trời chân thật chẳng cần bất cứ điều gì từ nơi con người, vì Ngài là nguồn sự sống, hơi sống và muôn vật cho mọi loài.

17:26-28a Tiếp theo, Phaolô luận đến nguồn gốc của nhân loại. Hết thấy các dân ra từ cùng một tổ phụ, là Adam. Không những các dân được sinh ra bởi Đức Chúa Trời, mà Ngài còn sắp đặt các năm, và xác định các nước cho các dân khác nhau sẽ ở. Ngài giảng lòng thương xót vô hạn trên họ để họ sẽ tìm kiếm Ngài. Ngài muốn họ rời tìm được Ngài, dấu trên thực tế Ngài không cách xa mỗi người. Chính trong Đức Chúa Trời chân thật mà chúng ta sống động và có. Ngài không những là Đấng Tạo Hóa của chúng ta, mà còn là môi trường của chúng ta nữa.

17:28b Để nhấn mạnh thêm mối quan hệ của tạo vật với Đấng Tạo Hóa, Phaolô trích lời một vài thi nhân Gớtéc của họ, là người đã nói: "Chúng ta cũng là đồng đội của Ngài." Đừng nên giải thích đây là câu dạy về tình huynh đệ của con người và tư cách làm cha của Đức Chúa Trời. Chúng ta là đồng đội của Đức Chúa Trời theo ý

nghe Ngài đã dựng nên chúng ta, nhưng chúng ta chỉ trở thành con của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

17:29 Nhưng lập luận của Phaolô còn tiếp. Nếu con người là đồng đội Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngờ rằng Đức Chúa Trời như một thần tượng bằng vàng, bạc hay bằng đá. Những tượng này là công nghệ và là xảo của người ta chạm trở nên, vì vậy không cao trọng bằng con người. Trên một phương diện, các hình tượng này là đồng đội của con người, còn sự thật thì con người là tạo vật của Đức Chúa Trời.

17:30 Sau khi phơi bày sự ngu muội của tội thờ lạy hình tượng, Phaolô tiếp tục nói rằng trái bao thế kỷ, Đức Chúa Trời đã bỏ qua sự ngu muội của dân ngoại bang. Nhưng giờ đây khi sự khai thị về Tin Lành đã đến, Ngài truyền hể hãi mọi người ở mọi nơi đều phải ăn năn, tức là phải quay trở lại.

17:31 Đây là sứ điệp khẩn cấp, vì Đức Chúa Trời đã chỉ định một ngày, khi Ngài sẽ lấy sự công bình đoán xét thế gian, bởi Người Ngài đã lập - tức là Đức Chúa Jêsus Christ. Sự đoán xét nói đến ở đây sẽ xảy ra khi Đấng Christ tái lâm trần gian để trừ diệt kẻ thù Ngài và bắt đầu Thời Trị Vĩ Thôn Hy Niên của Ngài. Lời bảo đảm tích cực rằng điều này sẽ xảy ra được nhìn thấy qua sự kiện Đức Chúa Trời khiến Chúa Jêsus Christ từ kẻ chết sống lại. Như vậy, Phaolô đã dẫn đến chủ đề yêu thích nhất của ông, là sự phục sinh của Đấng Christ.

17:32,33 Có lẽ Phaolô chưa nói xong sứ điệp của mình. Có thể ông bị ngắt ngang bởi sự chế nhạo của những người nhạo báng trước ý nói về sự sống lại của kẻ chết. Những người khác không nhạo báng, nhưng lưỡng lự. Họ trì hoãn không hành động bằng cách nói: "Lúc khác chúng ta sẽ nghe người nói về việc đó." Họ tính toán thời điểm gắn liền với Đấng Christ là chưa phải lúc. Họ không thể nói "Không bao giờ" nhưng nói "Không phải lúc này."

17:34 Tuy nhiên, bảo sứ điệp của Phaolô đã thất bại thì không đúng. Dầu sao đi nữa, có Đeni đã tin, và ông là một quan tòa nơi Arêôba, tức thành viên trong tòa án này. Có một phụ nữ tên Damaris cũng tin, và còn nhiều người nữa mà Kinh Thánh không ghi tên ra đây.

Hồi đó, Phaolô đi khỏi thành Athên. (Đây là câu 18:1 trong Bản Việt Ngữ.) "Chúng ta không còn nghe nói đến Athên nữa. Phaolô đã quay trở lại trung tâm của sự bất bớ, nhưng đối với tính cách xác xược của lý trí, thì không còn gì để nói nữa cả." (Sưu Tầm).

Có người chỉ trích bài giảng này vì dường như ca ngợi người Athên mộ đạo trong khi thực tế họ là những người thờ lạy hình tượng trắng trợn; bài giảng giả định sự công nhận Đức Chúa Trời chân thần từ một tấm bia ký mà có lẽ nhằm dành cho một hình tượng; bài giảng dường như tự điều chỉnh quá nhiều cho phù hợp với cung cách và tập quán của người Athên; và nó không trình bày Tin

Lành rõ ràng và mạnh mẽ như một số sứ điệp khác của sứ đồ Phaolô. Những lời phê bình này không hợp lý. Chúng ta đã tìm cách giải thích rồi rằng Phaolô trước hết tìm một điểm tiếp xúc, sau đó bằng những bước để chịu ông dẫn người nghe mình trước hết đến chỗ hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật, sau đó dẫn đến lẽ thiết yếu của sự ăn năn khi xét đến sự tể lâm của Đấng Christ là Quan Án. Lời bình vực đầy đủ cho sự giảng đạo của Phaolô ấy là có những linh hồn đã hoán cải thật sự qua bài giảng này.

NHỮNG BÀI GIẢNG BẤT THƯỜNG

Bài giảng của Phaolô trên Đồi Mars là minh họa về *những địa điểm bất thường* mà các tin hữu đầu tiên đã rao giảng đạo Chúa tại đó.

Chốn lạ thiên là nơi được ưa thích nhất. Trong ngày Lễ Ngũ Tuần, có lẽ sứ điệp đã được rao giảng ngoài trời, và ta đoán điều này qua số lượng người nghe và được cứu⁴⁹ (Công Vụ 2:6,41). Những trường hợp tổng quát khác nữa về việc giảng đạo ngoài trời được chép trong 8:5,25,40; 13:44; 14:8-18.

Khu vực chung quanh *đến thờ* đã vang vọng sứ điệp trong ít nhất ba dịp (3:1-11; 5:21,42). Phaolô và những cộng sự của ông đã rao giảng đạo Chúa *bên bờ sông* tại thành Philip (16:13). Tại Athên đây, ông đã giảng *nơi phố chợ* (17:17) trước khi giảng trên ngọn Đồi Mars. Tại Giêrusalem ông đã giảng cho một đoàn dân đông đang tức giận khi đứng *tại bậc thềm tam cấp* của đồn Antonia (21:40-22:21).

Có ít nhất bốn lần sứ điệp được rao giảng *trước Tòa Công Luận* của người Giuđa: do Phierô và Giảng giảng (4:8,19); do Phierô và các sứ đồ khác (5:27-32); do Êtlen (7:2-53); và do Phaolô (22:30-23:10).

Phaolô và các bạn cộng sự của ông có thói quen giảng Tin Lành *trong các nhà hội* (9:20; 13:5,14; 14:1; 17:1,2,10,17; 18:4,19,26; 19:8).

Nhà riêng được sử dụng liên tục. Phierô đã giảng tại nhà Cotnây (10:22,24). Phaolô và Sila đã làm chứng trong nhà người để lao tại thành Philip (16:31,32). Tại Côrintô, Phaolô đã giảng trong nhà Coritbu, là người cai nhà hội (18:7,8). Ông đã giảng cho đến nửa đêm tại nhà riêng ở Tróach (20:7). Ông đã dạy từ nhà này sang nhà khác tại thành Êphêso (20:20) và trong căn nhà do chính ông thuê tại Rôma (28:30,31).

Philip đã giảng cho hoạn quan Êthiôpi *trên xe* (8:31-35), và Phaolô đã giảng *trên boong tàu* (27:21-26). Tại Êphêso, ông đã suy luận thuyết phục hàng ngày *trong phòng học* (19:9).

Phaolô đã giảng *trong tòa án dân sự* trước mặt Phêlit (24:10), Phêtu (25:8), và Acripba (26:1-29).

Trong 8:4, chúng ta thấy những tin hữu bị bắt bớ ra đã đi từ nơi này đến nơi khác (*mọi nơi*) giảng đạo.

Kinh Thánh cho thấy họ đã không nghỉ công việc rao giảng sứ điệp phải bị giới hạn vào một tòa nhà "được cung hiến" đặc biệt nào đó. Nơi đâu có người, nơi đó có cơ và dịp tể lện để bày tỏ Đấng Christ. A. B. Simpson đồng ý:

Những Cơ Đốc nhân đầu tiên đã xem mọi tình huống là cơ hội để làm chứng cho Đấng Christ. Ngay cả khi được giải đến trước mặt các vua và các quan tổng trấn, thì cũng không bao giờ vì cá nhân họ mà họ né tránh vấn đề và tránh sức định mệnh đứng về phía Đấng Christ. Dãy đơn giản là một dịp tiện để giảng cho các vua và các quan, là những người mà nếu không có cơ hội ấy thì không bao giờ họ tiếp cận được. Chắc Đức Chúa Trời cho mỗi người đi ngang qua lối cửa chúng ta để chúng ta có cơ hội lưu lại phúc hạnh nào đó trên lối đi của họ, và gieo ảnh hưởng nào đó vào lòng và đời sống họ để sẽ kéo họ đến gần Chúa hơn.⁷⁰

Chúa Jêsus đã sai họ “đi khắp thế gian giảng Tin Lành cho mọi người” (Mác 16:15). Sách Công Vụ cho thấy họ đang thực hiện mạng lịnh này.

Có lẽ chúng ta phải nói thêm rằng hầu hết sự giảng đạo trong Công Vụ đều tự phát và ứng khẩu. Thường không có thi giờ chuẩn bị sự điệp. “Đấy không phải là sự biểu diễn trong một giờ nhưng là sự chuẩn bị của cả một đời.” Chính người giảng đã được chuẩn bị, chứ không phải bài giảng được chuẩn bị.

18:1 Có người nghi Phaolô đi khỏi thành Aihên vì kết quả ít ỏi sau bài giảng của ông tại đó. Chúng ta tin ông được Thánh Linh dẫn dắt đi về phía tây đến CÔRINTHÔ, thủ phủ của ACHAI. Tại đây, trong thành phố nổi tiếng gian dâm này, Tin Lành phải được giảng ra và Hội Thánh phải được thiết lập.

18:2,3 Tại Côrintô, Phaolô kết bạn với cặp vợ chồng tên Aquila và

Bêrítin, và tình bạn này vẫn tiếp tục suốt đời ông. Aquila là người Giuđa đến từ xứ Bông, tỉnh phía đông bắc vùng Tiểu Á. Trước đó, ông cùng ở tại Rôma, nhưng vừa bị trục xuất bởi một chiếu chỉ bài người Do Thái của Sêsa Côiđi. Vì Côrintô nằm trên lộ trình chính từ Rôma đến Phương Đông, họ đã dừng tại đây mở một cửa hàng làm nghề may trại. Phaolô cũng có nghề may trại, và ông đã kết thân với họ.

Những sự bày tỏ tối nhất của cuộc đời tôi trên chúng ta khi chúng ta ở trong những cảnh đồng bôn phận. Hãy cứ giữ vững công việc kiếm sống hằng ngày của bạn, và giữa những việc làm nặng nhọc của mình bạn sẽ nhận những lời chúc phúc: tuyệt vời và nhìn thấy những khởi niệm vui mừng.... Cửa hiệu hay văn phòng hoặc nhà kho vẫn có thể trở thành nhà của Đức Chúa Trời. Hãy làm công việc của bạn và làm siêng năng: trong công việc ấy, có thể bạn tìm thấy những mối thông công tâm giao hiếm có, như Aquila và Bêrítin đã có.⁷¹

Từ câu chuyện này, không rõ Aquila và Bêrítin đã trở thành Cơ Đốc nhân trước khi Phaolô gặp họ, hay họ được cứu qua chức vụ của Phaolô. Có lẽ trọng lượng bằng chứng thiên về phía họ đã là tin hữu khi đến Côrintô.

18:4 Phaolô giảng luận trong nhà hội mỗi ngày Sabát, và khuyên dỗ cả người Giuđa lẫn những người Hylạp cải đạo rằng Chúa Jêsus thật sự là Đấng Christ của Đức Chúa Trời.

18:5 Trước đó, Phaolô để Sila và Timôthê lại Bêrê khi ông đến Athen.

Tại Athên, ông nhân họ đến với ông. Họ theo kịp ông tại Côrintô.

Sau khi họ đến, **Phaolô được Thánh Linh cảm động** (Bản Anh ngữ). Có lẽ câu này muốn nói gánh nặng của Chúa đang ở trên ông để rao giảng sứ điệp chuyển tâm hết mực, làm chứng cho người Giuđa rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ. Có lẽ ở đây còn một gợi ý nữa là sứ đồ không dành thì giờ may trại nữa, nhưng hoàn toàn dâng mình cho công tác giảng Tin Lành.

Vào khoảng thời gian này trong đời, Phaolô viết thư 1.Têsalônica [khoảng năm 52 S.C.].

18:6 Những người Giuđa vô tin chống đối Phaolô và khinh để hay mắng nhiếc ông. Khước từ Tin Lành rốt cuộc là tự chống đối chính mình. Người vô tin không làm hại ai cả ngoài ra làm hại chính mình.

Phaolô giữ áo mình mà nói rằng: **"Ước gì mau các người đổ lại trên đầu các người! Còn ta thì tinh sạch; từ đây, ta sẽ đi đến cùng người ngoại."** Giữ áo là một hành động mang tính diễn tả, biểu thị rằng ông tách mình khỏi họ. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản ông đến nhà hội ở thành phố khác, tức thành phố Êphêso (19:8).

Những lời nói của vị sứ đồ là lời nhắc nhở nghiêm trọng cho mỗi tín hữu rằng có một điều gọi là mắc tội với huyết. Cơ Đốc nhân là người mắc nợ mọi người. Nếu không trả xong món nợ đó bằng cách rao giảng Tin Lành, thì Đức Chúa Trời sẽ buộc người ấy chịu trách nhiệm. Mặt khác,

nếu trung tín làm chứng về Đấng Christ mà gặp phải sự khước từ ngoan cố, thì chính người ấy không mắc tội, mà trách nhiệm thuộc về người khước từ Đấng Christ.

Câu này trình bày một bước nữa trong việc loại dân Ysraên sang một bên và rao giảng Tin Lành cho dân ngoại. Đức Chúa Trời đã định Tin Lành phải đến với dân Giuđa trước hết, nhưng trong suốt sách Công Vụ, khi dân Ysraên khước từ sứ điệp, Thánh Linh Đức Chúa Trời buồn bã xây bỏ khỏi dân đó.

18:7,8 Sau cơn tức giận của người Giuđa, sứ đồ vào nhà **Giuliu**, một người ngoại bang cải đạo Do Thái sống **kế bên nhà hội**. Khi thi hành chức vụ từ nơi này, sứ đồ Phaolô thật vui mừng thấy **Coritbu, chủ nhà hội cùng với cả nhà người** đều đến với Chúa. **Nhiều người** Côrintô khác nữa tin cậy Cứu Chúa và **chịu báp têm**. Phaolô làm phép báp têm cho Coritbu và vài người khác (1.Côrintô 1:14-16), như thói quen thường lệ của ông là để tín hữu nào đó làm phép báp têm. Phaolô ngại người ta sẽ lập một phe quanh ông, thay vì dành trọn tình yêu và lòng trung thành của họ cho Chúa Jêsus.

18:9,10 Chúa đã giàu ơn phán với Phaolô **đương ban đêm trong sự hiện thấy**, bảo đảm ông không có gì phải sợ cả. Sứ đồ phải tiếp tục rao giảng Lời Chúa, và được bảo đảm có sự hiện diện và bảo vệ của Đức Chúa Trời. Có **nhiều người trong thành** thuộc về Chúa theo ý nghĩa Ngài đang làm việc trong đời sống họ và cuối cùng họ sẽ được cứu.

18:11 Phaolô ở tại Côrinthô mười tám tháng, dạy đạo Đức Chúa Trời. Tài liệu quý giá về bối cảnh liên quan đến thời kỳ này có trong thư tín I và II.Côrinthô.

18:12-16 Chắc vào cuối khoảng thời gian Phaolô ở tại Côrinthô, Gallôn được cử làm quan trấn thủ xứ Achai (vào khoảng năm 51 S.C.). Tướng quan trấn thủ mới sẽ thân thiện với họ, nên người Giuda kéo Phaolô đến tòa án (*bēma*) trước mặt quan tại nơi chợ Côrinthô. Họ tố cáo Phaolô đang thuyết phục họ thờ Đức Chúa Trời một cách trái luật pháp của người Do Thái. Trước khi sứ đồ có cơ hội làm chứng, Gallôn đã bãi bỏ vụ kiện với thái độ hết sức khinh thường. Ông bảo người Giuda điều đó hoàn toàn là vấn đề thuộc luật pháp riêng của họ chứ không thuộc pháp quyền của ông. Giả như về nỗi trái phép hay tội lỗi gian ác gì, thì mới có cơ Gallôn nhin nhục nghe người Giuda, nhưng thật ra đây chỉ là vấn đề đạo lý, danh hiệu và luật pháp Giuda. Quan trấn thủ không hề muốn trở thành người xử đoán những việc như thế, vì vậy ông bãi bỏ vụ kiện.

18:17 Có người nghi người Gôréc trừng phạt Sôlthen vì tội đem Phaolô ra trước Gallôn với lời buộc tội trống rỗng như thế. Khi Kinh Thánh nói Gallôn chẳng lo đến việc đó, Kinh Thánh không có ý bảo ông không quan tâm đến Tin Lành, dầu vậy chắc ông chẳng quan tâm. Rõ ràng ông không muốn dính líu đến luật pháp và tập quán của người Giuda.

18:18 Sau những chuyện này, Phaolô ở lại thành Côrinthô thêm ít

lâu nữa. Có lẽ trong thời gian này ông viết thư II.Têsalônica.

Cuối cùng, khi cùng với Bêrítin và Aquila rời khỏi Côrinthô, ông lên thuyền đi Syri, mục tiêu là trở lại Antiôt. Các nhà giải kinh không nhất trí với nhau về vấn đề Phaolô hay Aquila là người đã cạo đầu tại thành Xencôrê, hải cảng phía đông Côrinthô.⁷²

Có người cảm thấy phương cách thể nguyện này mang đặc điểm Do Thái, và không phù hợp cho con người trưởng thành thuộc linh của Phaolô. Có lẽ không có cách nào xác định dứt khoát vấn đề này được.

18:19,20 Khi thuyền đến ÊPHÊSÔ, Bêrítin và Aquila lên bờ, định ở lại đó. Phaolô tận dụng thời gian ngắn ngủi ghé tại đây để đến nhà hội và biện luận với người Giuda. Thật ngạc nhiên thay, họ muốn ông ở lại lâu hơn, nhưng ông không ở được.

18:21 Con thuyền sắp ra đi. Nhưng ông hứa quay lại Êphêsô, nếu Đức Chúa Trời muốn, sau khi giữ kỳ lễ sắp đến lại Giêrusalem (Bản Anh ngữ).

18:22 Chẳng dừng kế tiếp của con thuyền là SÊSARÊ. Từ đó, sứ đồ đi lên chào mừng Hội Thánh tại Giêrusalem. Rồi ông lại xuống thành ANTIÔT cho chuyến đi sẽ trở thành chuyến thăm cuối của ông.

Như vậy kết thúc Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì của Phaolô.

6. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Ba Của Phaolô: Tiếu Á Và Êgêc (18:23 - 21:20)

18:23 Sau chuyến thăm khá lâu tại Antiôt, Phaolô đã sẵn sàng chuyến truyền giáo lưu hành mở rộng khác

nữa. Phần kỹ thuật hành trình này kéo dài từ câu 23 cho đến 21:16.

Những vùng đầu tiên được thăm là xứ GALATI và PHIRIGI. Sứ đồ đến các Hội Thánh tại đó, từng Hội Thánh một, làm cho hết thấy các môn đồ được vững lòng.

18:24-26 Khung cảnh giờ đây chuyển nhanh đến Êphêso, là nơi chúng ta đã rời Aquila và Bêrítin. Một nhà truyền đạo có tài hùng biện tên Abôlô đến đó, ông hiểu rõ Kinh Thánh Cựu Ước. Ông là người thuộc dòng dõi Do Thái, quê tại thành Alexandria, thủ phủ của vùng bắc Ai Cập. Dầu lời giảng đầy quyền năng, và dầu hết sức sốt sắng, thế nhưng ông vẫn thiếu hiểu biết về đức tin Cơ Đốc. Dường như ông đã được đào tạo rất tốt trong chức vụ của Giảng Bápít, và đã biết Giảng kêu gọi dân Ysơraên ăn năn chuẩn bị đón Đấng Mêsi hiện đến. Dường như ông không biết về phép báp têm của Đấng Christ hay một số các vấn đề khác của giáo lý Cơ Đốc. Khi Bêrítin và Aquila nghe ông giảng trong nhà hội, họ nhận thấy Abôlô cần được dạy thêm, vì vậy họ trùu mến đem người riêng ra, giải bày đạo Đức Chúa Trời cho ông càng kỹ lưỡng hơn nữa. Thật đáng khen vì truyền đạo có tài hùng biện này vì sẵn lòng học hỏi với vợ chồng người may trái.

18:27,28 Nhờ tinh thần chịu học hỏi của Abôlô, các anh em tại Êphêso đã khích lệ ông khi ông muốn đến Côrinthô để giảng đạo. Trên thực tế, họ đã viết thư gửi gắm ông. Kết quả, ông đã giúp ích rất nhiều cho những tín hữu tại Côrinthô và hết sức bề bặt

người Giuđa giữa thiên hạ, chứng minh Chúa Jêsus là Đấng Christ của Đức Chúa Trời.

19:1 Khi Phaolô lần đầu đến Êphêso, ông hứa với người Giuđa trong nhà hội rằng sẽ trở lại, theo ý muốn của Chúa. Để làm trọn lời hứa đó, ông từ các vùng Galati và Phirigi đi theo lộ trình trên đất liền, băng qua vùng núi đến ÊPHÊSÔ trên bờ biển phía tây của vùng Asi thuộc quyền quan trấn thủ. Đến nơi, ông gặp khoảng mười hai người xưng là môn đồ. Khi nói chuyện với họ, ông nhận thấy hiểu biết về đạo Đấng Christ của họ rất kém thiếu. Ông thắc mắc không biết họ đã bao giờ thật sự nhận lãnh Thánh Linh chưa.

19:2 Do đó ông hỏi họ: "Anh em có nhận lãnh Đức Thánh Linh khi anh em tin không?" Trong bản Kinh Thánh KJV (và Bản Việt Ngữ) câu hỏi của Phaolô như sau: "Từ khi anh em tin, có lãnh được Đức Thánh Linh chăng?" Điều này tạo hàm ý sai rằng việc nhận lãnh Thánh Linh xảy ra sau sự cứu rỗi.

Ý của câu này không nói sự nhận lãnh Thánh Linh là công tác của ăn đến đến sau sự cứu rỗi. Ngay khi tội nhân tin cậy Cứu Chúa, thì tội nhân đó nhận lãnh Thánh Linh.

Câu trả lời của các môn đồ này là: "Chúng tôi cũng chưa nghe có Đức Thánh Linh nào," hay theo cách dịch trong bản ASV: "Chúng tôi đã không nghe nói có ban Thánh Linh hay không." Vì những người này là môn đồ của Giảng Bápít, như chúng ta biết trong câu tiếp theo, nên ắt hẳn họ

phải biết về sự thực hữu của Thánh Linh từ Cựu Ước. Không những thế, Giăng còn dạy các môn đồ rằng Đấng đến sau ông sẽ làm phép báp-têm cho họ bằng Đức Thánh Linh. Điều mà các môn đồ này không biết ấy là Đức Thánh Linh đã được ban xuống trong ngày Lễ Ngũ Tuần rồi.

19:3,4 Khi sứ đồ nêu vấn đề phép báp-têm, ông phát hiện những người này chỉ mới biết về phép báp-têm của Giăng thôi. Nói cách khác, với mức độ hiểu biết chỉ mới ở chỗ biết Đấng Mesi sắp đến, họ đã biểu thị lòng ăn năn của mình bởi phép báp-têm như sự chuẩn bị cần thiết để đón tiếp Ngài là vua. Họ không biết Đấng Christ đã chịu chết, đã chịu chôn và đã sống lại từ kẻ chết, đã trở về trời và Ngài đã sai Đức Thánh Linh đến rồi. Phaolô giải thích toàn bộ điều này cho họ. Ông nhắc họ nhớ khi Giăng làm phép báp-têm về sự ăn năn tội, Giăng đã khuyên họ tin Đức Chúa Jê-sus Christ.

19:5 Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn chịu phép báp-têm nhân danh Đức Chúa Jê-sus. Trong suốt sách Công Vụ, điểm nhấn mạnh đặc biệt nhắm vào quyền tế trị của Chúa Jê-sus. Do đó, các môn đồ của Giăng ở đây chịu báp-têm bởi thẩm quyền của Chúa Jê-sus, và là sự tuyên xưng công khai rằng trong đời sống, họ đã tiếp nhận Đức Chúa Jê-sus Christ là Chúa (Đức Giê-hô-va).

19:5,7 Kế đó, Phaolô đại lay trên họ, thì họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. Đây là lần đặc biệt thứ tư trong sách Công Vụ khi Thánh Linh được ban xuống. Lần thứ nhất trong đoạn 2, vào

ngày Lễ Ngũ Tuần, và liên quan chủ yếu đến người Do Thái. Lần thứ nhì trong Công Vụ 8, khi Đức Thánh Linh được ban cho người Samaritan qua việc đặt tay của sứ đồ Phi-lê-rô và Giăng. Lần thứ ba ở Công Vụ 10, tại nhà người ngoại bang tên Cốt-nây ở thành Glô-ri-ô-pô. Trước đây chúng ta đã nói rõ thứ tự biến cố dẫn đến sự nhận lãnh Thánh Linh là khác nhau trong mỗi trường hợp.

Trong Công Vụ 19 ở đây, thứ tự như sau:

Đức tin.

Làm phép báp-têm lại.

Sự đặt tay của sứ đồ.

Sự nhận lãnh Thánh Linh.

Bằng cách ban Thánh Linh cho các môn đồ của Giăng thông qua sự đặt lay của Phaolô, Chúa ngăn ngừa khả năng sau này có người nói Phaolô kém hơn Phi-lê-rô, Giăng hay các sứ đồ khác.

Khi các môn đồ của Giăng nhận lãnh Thánh Linh, họ nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri. Những quyền năng siêu nhiên như thế chính là phương pháp hành động của Đức Chúa Trời trước thời Tân Ước được ban cho. Ngày nay, chúng ta biết mình nhận lãnh Thánh Linh vào lúc tin Chúa, không phải bởi các dấu kỳ phép lạ, thậm chí cũng không phải bởi cảm xúc, nhưng bởi lời chứng của Kinh Thánh Tân Ước.

Chính giây phút tin nơi Chúa Jê-sus, người tin được Thánh Linh cư ngụ trong lòng; người ấy được Thánh Linh ấn chứng; người ấy nhận của đại cộc của Thánh Linh; nhận được sự xúc dẫu của Thánh Linh; và được

Thánh Linh làm báp têm vào trong Thần Thể Đấng Christ. Tuy nhiên, điều này không phủ nhận rằng trong đời sống của tin hữu, có những khủng hoảng sau đó về Đức Thánh Linh. Cùng không hề phủ nhận Thánh Linh thường đến trên các cá nhân theo phương cách tế trị tối thượng của Ngài, ban quyền năng cho họ thi hành những chức vụ đặc biệt, ban cho họ lòng rất dạn dĩ trong đạo, và tuôn đổ trên họ niềm đam mê tìm kiếm những linh hồn.

19:8 Trong ba tháng, Phaolô ghé thăm nhà hội tại Êphêsô, **giải bày và khuyên dỗ** những điều về nước Đức Chúa Trời. Với chữ "giải bày," chúng ta hiểu ông đã nói chuyện với giới trí thức trong dân chúng. Với chữ "khuyên dỗ," ông tìm cách tạo ảnh hưởng đến ý chí của họ, đặc biệt nhắm đến chỗ đưa họ tin nơi Chúa Jêsus là Đấng Christ. Đề tài trong các bài giảng của ông chính là "những điều về nước Đức Chúa Trời."

C. E. Stuart giải thích rõ:

Hãy quan sát xem, không phải ông giảng Tin Lành về nước Đức Chúa Trời: điều đó ắt hẳn sẽ không dùng chỗ xét về mặt đĩnh lý. Chúa đã giảng điều đó. Tuy nhiên, điều đó tạm thời bị gác lại vào lúc Ngài chịu chết, để được phục hồi trong ngày hẳn đến (Mathias 24:14; Khôi Huyền 14:6, 7). Những Phaolô giải bày về nước Đức Chúa Trời, vì nước ấy giờ đây đang tồn tại trên trần gian.²¹

19:9,10 Khi mấy người Giuda cứng lòng (xét về lý trí của họ) và không vâng lời (xét về ý chí của họ), khi họ bắt đầu xúi giục dân chúng chống lại

Đạo, Phaolô rời nhà hội và rút các môn đồ của mình ra khỏi nhóm người Do Thái tại đó. Ông đưa họ vào trường học Tyranu, tại đó ông tự do dạy dỗ hằng ngày. Người ta thường nghĩ Tyranu là một người Hy Lạp đã tổ chức những lớp học triết lý hay thuật hùng biện. Trong hai năm, vị sứ đồ đào tạo các môn đồ rồi sai họ ra đi để cũng dạy người khác nữa. Kết quả là toàn cõi A-si, hoặc người Giuđa hay là người Gê-rêc, đều nghe đạo Chúa. Như vậy, cánh cửa rộng lớn và đầy kết quả đã mở toang cho Phaolô, dấu vậy cũng có rất nhiều kẻ thù (I.Côrinthô 16:9).

19:11,12 Là sứ đồ của Chúa Jêsus Christ, Phaolô có quyền năng làm các dấu kỳ phép lạ. Đây là những bằng chứng về tư cách sứ đồ của ông, và đã xác chứng sứ điệp ông rao giảng. Quyền năng tuôn trào qua ông lớn lao đến nỗi ngay cả khăn và áo mà ông dùng đến đã được đem đi cho kẻ bệnh hay kẻ bị quỷ ám, nhờ đó họ được lành. Câu hỏi nảy sinh là các phép lạ ấy có thể tái lập lại ở ngày nay không? Thánh Linh Đức Chúa Trời tế trị tối thượng, và Ngài có thể làm tùy theo ý Ngài muốn. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng các sứ đồ và những người đại diện của họ đã được ban những quyền năng siêu nhiên. Vì ngày nay chúng ta không có sứ đồ theo ý nghĩa trọn vẹn của từ ngữ này, nên thật vô ích khi quả quyết các phép lạ của họ vẫn cứ còn kéo dài mãi.

19:13,14 Hễ khi nào Đức Chúa Trời hành động trong quyền năng, thì Satan luôn luôn bắt tay ngăn trở và chống đối. Đang khi Phaolô rao giảng

và làm các phép lạ, có mấy người Giuđa lang thang nào đó tại Êphêso làm thấy trừ quỷ. Nhưng người này truyền cho là linh (sử dụng Danh Đức Chúa Jêsus như một công thức thần chú) ra khỏi những kẻ bị quỷ ám. Tinti chắc chắn của sự kiện người Giuđa thật sự có quyền đuổi quỷ đã được Chúa Jêsus xác nhận (Luca 11:19).

Giữa vòng các thầy trừ quỷ người Giuđa đang làm việc này, có bảy con trai của Sêva. Người này được lập làm thầy tế lễ cả, hay thầy tế lễ chịu trách nhiệm những hoạt động trong suốt hai mươi bốn giờ. Một ngày kia các con trai của ông đang cố đuổi một tà linh ra khỏi người bị quỷ ám. Họ bảo quỷ: "Ta nhận Đức Chúa Jêsus này, là Đấng mà Phaolô giảng, để truyền khiến chúng bay."

19:15,16 Họ nói những lời này, nhưng không có quyền năng ấy, và quỷ không vâng lời. Trên thực tế, câu trả lời của quỷ dữ này hết sức rõ ràng và dễ hiểu. Quỷ dữ nói: "Ta biết Đức Chúa Jêsus, và rõ Phaolô là ai; nhưng các người là kẻ nào?"

F. B. Meyer nhận định rất ngộ nghĩnh về điều này, thật đáng trích dẫn ra đây:

Khi các con trai của Sêva bắt đầu đuổi quỷ, quỷ quay lại nói với họ: "Bạn làm, bạn nhắc các người, bạn nhắc tên ai? Ta biết Phaolô! Ta không biết các người. Ta chưa hề nghe đến các người; chưa hề có ai nhắc đến tên các người ở đất Địa Ngục. Chẳng ai biết các người, và bên ngoài mảnh đất nhỏ bé gọi là Êphêso này cũng chẳng ai biết đến các người nữa."

Vâng, và còn một câu hỏi được đặt ra cho tới ngày hôm nay: "Đuổi Địa Ngục có ai biết đến tôi không?" Các quỷ có biết gì về chúng ta không? Chúng có sợ chúng ta không? Chúng hoảng kinh trước chúng ta không? Hay chúng tấn công chúng ta? Khi chúng ta giảng trong ngày Chúa Nhật, hay khi chúng ta thắp nến trên đường phố, hay đang học Lớp Trường Chúa Nhật, mà quỷ nói: "Ta không biết người, người chẳng đáng cho ta nhảm tâm công người; người có thể đi làm việc của người đi. Ta sẽ không khuấy rối địa ngục để ngăn chặn người đâu."⁷⁴

Thật thú vị về cách Kinh Thánh phân biệt giữa quỷ dữ (câu 15) và người bị quỷ dữ ám (câu 16). Trong câu 15, chính quỷ nói. Nhưng trong câu 16, chính người bị quỷ dữ ám đã xắn vào các con trai của Sêva, lật y phục họ và đánh họ bị thương.

19:17 Khi tin đồn về sự thất bại thế lực Satan này lan ra khắp vùng chung quanh, sự sợ hãi rơi vào dân chúng ở đó và Danh Chúa Jêsus được tôn trọng. Không phải Danh của Phaolô được vinh hiển, nhưng Danh của Cứu Chúa Phaolô.

19:18,19 Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động đầy quyền năng giữa những người làm nhiều loại tà thuật khác nhau, đến nỗi có rất đông người trở lại với Đấng Christ, xưng tội và tỏ ra việc mình đã làm. Sau đó, họ bày tỏ đức tin công khai bằng cách gom hết các sách phù pháp rồi đem đốt trong đồng lửa lớn. Giá gốc của các sách này là năm mươi ngàn đồng bằng

bạc. Thật khó xác định chính xác khoản tiền đó là bao nhiêu trong đơn vị tiền tệ của chúng ta - có lẽ khoảng tám đến mười ngàn Mỹ kim.

19:20 Sự từ bỏ nếp sống ngoại giáo cách công khai mà cả vùng đều biết này đã khiến **Đạo Chúa** tăng trưởng trong **quyền phép** của Chúa và càng ngày càng được **thăng**. Có lẽ nếu Cơ Đốc nhân thời hiện đại đốt những thứ sách và tạp chí rác rưởi của họ, đạo Chúa chắc càng **thăng** nhiều hơn nữa.

19:21 Khi thời gian Phaolô ở tại Êphêsô sắp hết, ông quyết định đi trở lại **Giêrusalem** ngang qua xứ **Maxêđoan** và **Achai**, sau đó **cùng sẽ đến thăm Rôma**. Lòng yêu mến và thương xót lớn lao của ông luôn luôn vươn đến những trung tâm nào có thể gieo hạt giống Tin Lành, và từ đó Tin Lành có thể lan tỏa ra.

19:22 Phaolô sai **Timôthê** và **Êrát** đi trước đến **Maxêđoan**, nhưng ông còn ở lại ít lâu **trong cõi Axi**. Chắc trong khoảng thời gian này, ông viết thư I.Côrinthô (khoảng năm 56 S.C.).

19:23-27 Nhờ chức vụ của Phaolô, rất nhiều người Êphêsô từ bỏ hình tượng quay về với Chúa. Cơn thức tỉnh tâm linh tại thành phố này lan rộng đến nỗi làm suy thoái công việc kinh doanh của những thợ làm hình tượng. **Đêmêtriu**, một thợ bạc, thuộc trong số người bị thiệt hại nặng nề. Ông làm những **đền thần Dianh bằng bạc**.⁷⁵ Với tư cách phát ngôn nhân cho nghiệp đoàn, **Đêmêtriu** tập hợp mọi người cùng nghề với mình rồi xúi họ phải ra tay thật cương quyết. Ông

nhắc họ nhớ **Phaolô** đã thành công thế nào khi thuyết phục rất nhiều người rằng không hề có **thần nào bởi bàn tay con người mà ra**. Ông đã lộ rõ động cơ khi nói **nghề nghiệp** của mình gặp nguy, nhưng tìm cách khoắc cho nó lớp vỏ tôn giáo bằng cách giả vờ hết sức tôn kính **thần Dianh** và **đền thờ** của nữ thần.

19:28-31 Cuộc họp của những người thợ bạc nhanh chóng tăng lên thành một đoàn dân đông, và cả thành đều tham gia. Vừa hò reo "**lớn thay là nữ thần Dianh của người Êphêsô!**" đoàn dân **vừa ủa vào rạp hát** (đấu trường hay hí trường), **kéo theo Galát và Aritac**, là hai bọn đồng hành của Phaolô, rõ ràng muốn giết chết họ. Chính Phaolô cũng muốn vào để nói với đám đông, nhưng bị cản lại bởi các môn đồ và các quan lớn (là các quan chức được thành phố chọn, và những người này tự bỏ tiền để lo các lễ hội tôn kính các thần linh). Những vị mạnh thường quân này - trước đó đã kết bạn với Phaolô - bảo ông đừng nên vào rạp hát.

19:32 Lúc này, đám đông hoàn toàn mất bình tĩnh và rối loạn. Nhiều người không biết tại sao mình lại đến đó. Những tiếng la ó xô xát vang lên từ phía.

19:33,34 Một người Giuđa tên **Alexander** tìm cách bước ra nói chuyện với đám đông. Rõ ràng mục đích của ông là bình vực rằng người Giuđa hoàn toàn vô tội trong chuyện này. Nhưng khi đám đông thấy ông là người Giuđa, họ la hét và phản kháng om sòm. Họ reo hò suốt khoảng hai

liêng đồng hồ: "Lớn thay là nữ thần Dianh của người Êphêsô!"

19:35 Đến giây phút quan trọng này, người thư ký thành phố đã dẹp yên được đám đông. Bài diễn thuyết của ông vừa thành công vừa khép khiêng. Trên thực tế, ông nói người Êphêsô không phải sợ gì cả. Suy cho cùng, ai cũng biết Êphêsô trước đây được lập lên làm thành phố canh giữ đến thờ nữ thần lớn Dianh. Đầu mười ba thành phố trong cõi Ási đều quan tâm đến đến thờ này, thế nhưng công tác xây cất thiêng liêng ấy thuộc trọng trách của người Êphêsô. Họ cũng được đặc ân canh giữ tượng thần Dianh vốn được xem như từ trời rơi xuống.

19:36-40 Âm chỉ những nền tảng tôn giáo của họ là chắc chắn, và không gì có thể lật đổ sự thờ lạy Dianh, ông bảo dân chúng thật đại khi gây náo loạn như thế. Suy cho cùng, những kẻ mà họ đang kêu la chống báng đâu phải là kẻ phạm đến "của thánh" (Bản Anh ngữ: "Những kẻ cướp đến thờ") hay lộng ngôn với nữ thần Dianh. Nếu Đemêtriu và các đồng nghiệp của ông có lời than phiền hữu lý, thì đã có tòa án luật pháp như thường lệ, các quan trấn thủ sẵn sàng nghe họ kiện. Nếu họ còn gì muốn nói nữa, thì luôn luôn có thể tụ tập lại trong hội đồng theo đúng phép. Nhưng họ đã tập trung lại như một đám đông dấy loạn. Đế quốc Lamà rất xem thường những vụ kiện như thế. Nếu bị hạch về cuộc dấy loạn xảy ra hôm nay, họ sẽ không thể tự bình vực. Viên thư ký thành phố cũng biết

công việc và chắc cả mạng sống ông sẽ gặp nguy nếu tin đồn cuộc nổi loạn này lọt đến Lamà.

19:41 Đến lúc này, đám đông đã được dẹp yên, và họ vội vã trở về nhà.

Lạ thay vì chính hành động của người thư ký thành phố với mối quan tâm đến trật tự của dân sự - chứ không phải cuộc nổi loạn - đã chấm dứt chức vụ Phaolô tại đây. Chúng nào còn sự chống đối lành mạnh, Phaolô còn cảm thấy cánh cửa cơ hội rộng mở tại Êphêsô (1.Côrinthô 16:8, 9). Nhưng dường như chính lúc được sự bảo vệ của thành phố, thì ông ra đi (Sưu Tầm).

Chữ "chúng" (Bản Anh ngữ là "hội chúng") (câu 32, 39, 41) dịch từ chữ Hylạp *ekklēsia*, nghĩa là một cộng đồng dân chúng được kêu gọi ra khỏi. Chính chữ này được dịch là "Hội Thánh" trong nhiều phần khác nữa. Phải dựa vào văn mạch mà xác định từ ngữ này nói đến một đoàn dân ngoại giáo - như ở đây - hay hội chúng Ysraên - như trong Công Vụ 7:38 - hay nói đến Hội Thánh Tân Ước. Chữ "hội chúng" là cách dịch chữ *ekklēsia* tốt hơn là chữ "Hội Thánh." Chữ "Hội Thánh" ra từ một chữ Hylạp có nghĩa "thuộc về Chúa" (*kuriakē*, đối chiếu với chữ "kirk" trong tiếng Scotland). Theo cách dùng hiện tại, chữ này thường nói đến một tòa nhà của tôn giáo. Đây là lý do nhiều Cơ Đốc nhân thích chữ "hội chúng", chữ này diễn tả sự kiện Hội Thánh là một nhóm người được kêu gọi ra khỏi, chứ không phải một tòa nhà hay thậm chí một giáo phái.

20:1 Từ cầu 1, đường như sứ đồ đi thẳng từ Êphêso đến Maxêdoan. Tuy nhiên, từ II.Côrinthô, chúng ta biết trước hết ông đến TRÓÁCH. Tại đó ông gặp cánh cửa mở rộng để giảng Tin Lành nhưng nôn nóng muốn gặp Tit và qua Tit biết tin người Côrinthô đã nhận Thư Tin Thứ Nhất của ông như thế nào. Không gặp được Tit tại Tróách, ông băng qua vùng đông bắc biển Aegean đến Maxêdoan. Rõ ràng ông lên bờ tại NĒABŌLI, sau đó đi vào đất liền đến Philip. Đang khi ở Maxêdoan, hay tại Philip, ông gặp Tit và được khích lệ lớn lao trước tin tức từ Côrinthô. Chắc có lẽ lúc này ông viết thư II.Côrinthô (năm 56 S.C.?). Xem II.Côrinthô 1:8,9; 2:12-14; 7:5-7).

20:2,3a Sau khi thi hành chức vụ ít lâu tại Maxêdoan, ông đi về phía nam đến GŌRĒC hay xứ ACHAI. Rõ ràng phần lớn thời gian ba tháng đó ông ở CŌRINHŌ, và chính trong thời gian này ông viết thư Rôma. Cũng có người tin thư Galat được viết vào lúc này.

20:3b Lúc đầu, Phaolô định đi thẳng từ Côrinthô vượt biển Aegean đến xứ SYRĪ. Tuy nhiên, khi biết người Giuđa đang âm mưu diệt ông trên lộ trình đó, ông đổi kế hoạch và đi lên hướng bắc một lần nữa trải qua xứ Maxêdoan.

20:4 Lúc này, chúng ta được giới thiệu với một số bạn đồng hành của Phaolô. Kinh Thánh nói họ cùng đi với Phaolô đến tận cõi ASI, nhưng chúng ta biết chắc chắn một số người trong nhóm này còn đi với ông lên đến Rôma:

Sôbatê, con Biru, quê thành BĒRĒ chắc cũng chính là Sôxibatê, một người bà con của Phaolô, được nhắc đến trong Rôma 16:21.

Arlac quê ở Têsalônica, sứt mất mạng trong cuộc nổi loạn tại Êphêso (Công Vụ 19:29). Về sau, chúng ta đọc thấy ông là bạn đồng tù với Phaolô tại Rôma (Phiêmon 24; Côiôse 4:10).

Sêcunđu, cũng là người quê thành Têsalônica, cũng đi với Phaolô đến tận cõi ASI, chắc đến Tróách hay MİLĒ.

Gaiút quê thành Đetbư. Đứng nhăm ông với người Maxêdoan bị đày đọa tại Êphêso bất (Công Vụ 19:29). Còn một Gaiút nữa là công dân thành Côrinthô và đã tiếp đãi Phaolô đang khi ông ở tại đó (Rôma 16:23). Thư Thứ Ba của Giăng được gởi cho một người tên Gaiút, chắc đang sống trong thành phố gần Êphêso. Gaiút là một tên rất phổ thông.

Timôthê không những cùng đi với Phaolô đến ASI, nhưng còn ở với ông tại Rôma đương lúc Phaolô bị tù lần thứ nhất tại đó. Về sau, ông cùng đi với Phaolô qua cõi ASI. Trong Thư Thứ Nhì gởi cho Timôthê, Phaolô tỏ ước muốn được gặp Timôthê lần nữa, nhưng chúng ta không biết ước muốn này có thành không.

Tichicư, dân bản xứ Tiểu Á, chắc đã đi đến tận MİLĒ cùng với vị sứ đồ. Về sau, ông đến với Phaolô lần nữa tại Rôma, và được Kinh Thánh nhắc đến như đang cùng làm việc với Phaolô cho đến hết thời gian Phaolô bị tù lần thứ nhì.

Trôphim dường như là người ngoại bang quê tại Êphêso, trong cõi Tiểu Á.

Ông cùng đi với Phaolô lên Giêrusalem và vô tình trở thành cơ khiến vị sứ đồ bị bắt. Ông cũng được nhắc đến trong II.Timôthê 4:20.

20:5,6 Đường như bảy anh em nói trên đã đi trước đến Trôách, còn Phaolô và Luca ghé thăm **PHILÍP**. (Chúng ta tin I.u ca ở cùng với sứ đồ vì cách dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất "chúng ta" trong câu 5, "chúng ta" trong câu 6, v.v..). Sau ngày lễ **Ấn Bánh Không Men**, hay Lễ Vượt Qua, Phaolô và Luca từ Maxédoan xuống thuyền đi **TRÔÁCH**. Hành trình này bình thường mất chưa đến năm ngày. Ở đây không giải thích sự chậm trễ đó.

20:7-9 Đối chiếu câu 6 và 7, dường như sứ đồ cố ý chờ tại Trôách bảy ngày để có thể ở đó dự lễ bẻ bánh trong Ngày Cửa Chúa. Từ câu 7, ta thấy rõ chắc chắn Cơ Đốc nhân đầu tiên có thói quen nhóm lại vào ngày thứ nhất của tuần lễ để dự Tiệc Thánh.

Chúng ta đứng ngạc nhiên hay sùng sốt vì Phaolô chắc đã giảng cho đến nửa đêm. Khi nhiệt độ thuộc linh của Hội Thánh lên cao, Thánh Linh Đức Chúa Trời được tự do hành động và không bị ràng buộc bởi thời gian. Càng về đêm, càng nóng và ngọt ngào trên phòng cao. Có lẽ vì dùng nhiều đèn, cũng như có đông người, nên càng làm nóng thêm. Một gã trẻ tuổi lên là Otích ngồi trên cánh cửa sổ đang mở, đã ngủ gục và rơi xuống đất. Chàng trai rơi qua ba tầng lầu và chết ngay.

20:10 Nhưng Phaolô đi xuống, nghiêng mình trên cơ thể của chàng

trai, như các lên tri thời xưa đã làm. Sau đó ông bảo tin hữu đứng bối rối về chuyện này vì giờ đây Otích đang sống. Qua lời của Phaolô, dường như nỗi lo của họ là thừa vì chàng trai vẫn chưa chết; sự sống vẫn còn ở trong người. Nhưng từ câu 9, ta thấy rõ Otích đã chết thật rồi. Với quyền năng của sứ đồ, Phaolô đã làm phép lạ cứu sống chàng trai.

20:11,12 Khi Phaolô trở lên lầu, họ bẻ bánh (câu 11), tức là họ cử hành lễ Tiệc Thánh, vì lễ ấy mà họ nhóm lại với nhau (câu 7). Sau đó họ ăn bữa chung với nhau, có lẽ là bữa tiệc yêu thương hay tiệc *agapê*. Bữa ăn thông công này được tổ chức có liên quan đến Tiệc Thánh trong những ngày đầu của Hội Thánh, nhưng rồi nhiều lạm dụng đã xen vào (I.Côrinthô 11:20-22), và dần dần không còn tiếp tục nữa.

Sau một buổi nhóm thâu đêm, và không bao giờ quên được, vị sứ đồ chào tạm biệt tin hữu tại Trôách.

20:12,13 Phaolô rời Trôách, đi bộ hai mươi dặm vượt qua một mũi đất đến **ASÔT**. Các bạn đồng hành của Phaolô đi thuyền vòng qua mũi đất đó, rồi đón ông ở bờ phía nam. Có lẽ ông muốn dành thì giờ ở Hêng và suy gẫm Lời Chúa.

Xuôi thuyền về hướng nam dọc bờ biển phía tây vùng Tiểu Á, trước hết họ đến **MITILEN**, thành phố chính của đảo **LESBOS**. Đêm hôm sau, dường như họ thả neo ngoài đảo **CHÍO**. Thêm một ngày đường nữa, họ đến đảo **SAMÔT**, và họ "ở lại **TROSYLLIUM**." Cuối cùng, những lữ khách tới thành

MILÊ, một hải cảng ở bờ tây nam cõi Tiểu Á, ba mươi sáu dặm về phía nam Êphêso.

20:16 Phaolô cố ý không ghé Êphêso, vì sợ thăm nơi đó tốn quá nhiều thời gian, mà ông đang vội đến Giêrusalem dự Lễ Ngũ Tuần.

20:17 Khi tới thành Milê, Phaolô nhóm các trưởng lão tại Êphêso, mời họ đến họp. Rõ ràng, phải mất khá lâu để cho tin nhắn đến với họ và họ lên đường đi về phía nam. Tuy nhiên, họ được thưởng thường xứng đáng bởi chính sự điệp tuyệt diệu được nghe qua mỗi miệng vị sứ đồ. Trong bài giảng này, chúng ta có bức chân dung quý giá về đây là lý tưởng của Chúa Jesus Christ. Chúng ta nhìn thấy một người tận hiến cách say mê cho Cứu Chúa. Ông đã làm việc bất luận gặp thời hay không gặp thời. Ông không mệt mỏi, bất khuất, bền bỉ. Ông tới bạt lên với lòng khiêm nhường thật. Không có giá hy sinh nào là quá lớn đến nỗi ông không trả được. Chức vụ của ông là kết quả sự rèn luyện tâm hồn cách sâu nhiệm. Ông có sự dạn dĩ thánh khiết và không chút sợ hãi. Ông sống hay chết, điều đó không quan trọng; nhưng quan trọng chính là ý muốn của Đức Chúa Trời phải được thực hiện và con người phải được nghe Tin Lành. Ông không chút ích kỷ trong mọi việc mình làm. Ông thà ban cho hơn là nhận lãnh. Ông không nản lòng trước hoàn cảnh khó khăn. Ông thực hành chính điều ông đã rao giảng.

20:18, 19 Vị sứ đồ nhắc các trưởng lão thành Êphêso nhớ cách ăn ở của

ông lúc ông sống giữa họ. Từ ngày đầu mới đặt chân đến cõi Asi, cũng như suốt thời gian đang ở tại đó, ông đã phục vụ Chúa với lòng khiêm nhường thật và sự tự hy sinh. Về phần chức vụ, cảm xúc của ông bị căng thẳng không ngừng; có nhiều nước mắt buồn rầu và nhiều thử thách. Ông bị bắt bớ không ngừng bởi mưu hại của người Giuđa. Thế nhưng bất chấp mọi nghịch cảnh, chức vụ của ông vẫn dạn dĩ và không chút sợ hãi.

20:20, 21 Phaolô không giấu điếu gì ích lợi cho tâm linh của người Êphêso. Ông đã dạy họ hoặc giữa đồng chúng, hoặc lữ nhả này sang nhà kia, và bị ràng buộc bởi tình yêu của Đấng Christ. Đối với ông, vấn đề không phải là tổ chức các buổi nhóm tại những khoảng thời gian đã định, nhưng chính là tận dụng mọi cơ hội để khích lệ sự đổi mới giữa vòng tin hữu. Không hề phân biệt dân tộc hay bối cảnh tôn giáo, ông đã giảng lẽ thiết yếu của sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jesus là Chúa chúng ta. Đây là hai yếu tố cơ bản của Tin Lành. Trong tối trường hợp hoàn cải thật, có cả sự ăn năn lẫn đức tin. Đó là hai mặt không thể tách rời của Tin Lành. Nếu không ăn năn xứng đáng, thì không thể có loại đức tin cứu rỗi được. Mặt khác, ăn năn sẽ không ích lợi gì nếu tiếp đó không tin nơi Con Đức Chúa Trời. Ăn năn là sự quay đầu, bởi đó tội nhân công nhận tình trạng hư mất của mình và cúi đầu trước sự đoán xét của Đức Chúa Trời dành cho sự phạm tội của mình. Đức tin là sự phó thác

chính mình cho Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa.

Trong nhiều phân đoạn Tân Ước, chỉ nói một mình **đức tin** là điều kiện để được cứu rỗi. Tuy nhiên, **đức tin** bao hàm cả **sự ăn năn**. Làm sao một người thật sự tiếp nhận Chúa Jêsus làm Cứu Chúa nếu không nhận thấy mình cần Cứu Chúa? Nhận thức này do chức vụ cáo trách của Thánh Linh đem lại - chính là **sự ăn năn**.

20:22,23 Sau khi ôn lại cách ăn ở ngày trước của mình giữa người Êphêso, giờ đây sứ đồ nhìn hướng tới những hoạn nạn thương khó đang chờ mình. Ông bị ràng buộc trong **lâm linh** (Bản Anh ngữ; Bản Việt Ngữ ghi là "bị bức Thánh Linh ràng buộc") để lên thành **Giêrusalem**. Đây là sự thôi thúc trong lòng, mà dường như ông không thể vứt bỏ. Dẫu không biết đích xác chuyện gì đang chờ ở Giêrusalem, nhưng ông biết **đây xịch và hoạn nạn** sẽ là một phần thưởng lạ trong đời sống mình. **Đức Thánh Linh** đang tỏ cho ông biết sự thực này từ **thành** này qua **thành** kia, có lẽ qua chức vụ của các tiên tri, hoặc qua sự liên lạc mầu nhiệm bề trong của sự khôn ngoan thiên thượng.

20:24 Khi sứ đồ đánh giá viên cảnh này trong trí, ông không nghĩ **sự sống** mình là quý. Tham vọng của ông chính là **vâng lời Chúa** và làm đẹp lòng Ngài. Nếu vì làm như vậy mà ông phải dâng **mạng sống** mình làm của tế lễ, ông vẫn sẵn lòng. Không có của tế lễ nào ông có thể dâng lên là quá lớn so với Đấng đã chết thay ông. Toàn bộ điều quan trọng chính là **chạy xong**

cuộc đua và làm xong chức vụ đã nhận từ nơi Chúa Jêsus, để làm chứng về **Tin Lành của ơn Đức Chúa Trời**. Còn tiêu đề nào diễn tả tốt hơn thế nữa về Tin Lành Phaolô đã rao giảng - **Tin Lành về ăn điển của Đức Chúa Trời**. Đây là sứ điệp thật phần khởi về ăn huệ không xứng đáng được nhận dành cho những tội nhân có tội và hất kính, gian ác, là những người chẳng đáng nhận được điều gì khác hơn địa ngục đời đời. Sứ điệp ấy cho biết thế nào Con yêu dấu của Đức Chúa Trời đã từ nơi vinh hiển cao nhất trên Thiên đàng đến để chịu thương khó, tuôn huyết và chết trên Gôgôtha để cho những ai tin Ngài sẽ được tha tội và nhận sự sống đời đời.

20:25-27 Phaolô biết chắc mình không bao giờ gặp lại những anh em Êphêso yêu dấu này lần nữa, nhưng lương tâm ông trong sạch khi lìa họ, vì biết ông đã không giữ lại điều gì đang khi rao giảng cho họ **hết thấy ý muốn của Đức Chúa Trời**. Ông không những dạy họ những điều nền tảng của Tin Lành, nhưng còn dạy mọi lẽ thật vốn hết sức quan trọng cho nếp sống tinh khiết.

20:28 Vì ông không bao giờ gặp lại họ trên đất này nữa, nên ông giao trọng trách cho các trưởng lão trước hết phải **giữ lấy tình trạng thuộc linh** của chính họ. Nếu không sống trong mối thông công với Chúa, họ đứng mong trở thành những người dẫn đường thuộc linh trong **Hội Thánh**.

Chức năng làm trưởng lão của họ ấy là **giữ... luôn cả bầy mà Đức Thánh Linh đã lập** anh em làm **kề coi sóc**.

Như đã nói trước đây, người coi sóc trong Tân Ước còn được gọi là các giám mục, các trưởng lão. Câu này nhấn mạnh rằng các trưởng lão không do hội chúng địa phương bổ nhiệm hay tuyển chọn. Họ được chính Đức Thánh Linh lập làm kẻ coi sóc, và đáng phải được công nhận bởi các tín hữu đang được họ chăm sóc.

Họ còn phải chịu trách nhiệm chân bầy Hội Thánh Đức Chúa Trời. Tầm quan trọng của trách nhiệm như thế được nhìn thấy qua những lời đi tiếp sau đó: mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình. Cụm từ này đã là nguyên nhân gây bàn cãi và bất đồng ý kiến đáng kể giữa vòng các học giả Kinh Thánh. Điểm khó hiểu ấy là ở đây, Đức Chúa Trời được mô tả như đang đổ huyết Ngài, trong khi chữ "Đức Chúa Trời" được mô tả là Đức Thánh Linh. Chính Chúa Jêsus là Đấng đã đổ huyết, và dấu Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời, thế nhưng không có chỗ nào khác trong Kinh Thánh nói Đức Chúa Trời đổ huyết hay chết.

Đại đa số các thủ bản ghi là "Hội Thánh của Chúa và Đức Chúa Trời mà Ngài đã mua bằng chính huyết Ngài," dường như gợi ý rằng Thân Vị của bản thể Đức Chúa Trời (là Chúa) chính là Đấng thật sự đổ huyết.

Có lẽ J. N. Darby diễn tả sát nhất ý nghĩa chính xác của phần đoạn này trong Bản Dịch Mới của ông: "Hội chúng của Đức Chúa Trời, là hội Ngài đã mua bằng huyết của chính Ngài." Ở đây, Đức Chúa Trời là Đấng đã mua Hội Thánh, nhưng Ngài mua Hội Thánh bằng huyết của chính Con Ngài, là Đức Chúa Jêsus đấng ơn lành.

20:29,30 Phaolô biết rõ sau khi ông đi, Hội Thánh sẽ bị tấn công cả từ bên ngoài lẫn bên trong. Các giáo sư giả, là những sói đội lốt chiên, sẽ cắn xé bầy, chẳng chút thương tiếc. Từ bên trong hiệp hội này, nhiều người sẽ khao khát những địa vị nổi bật, nói ra những lời làm bại hoại chân lý, và cố gắng dụ dỗ môn đồ theo họ.

20:31 Đối với những hiểm họa sắp tới này, các trưởng lão phải tỉnh thức, và luôn luôn nhớ lại thể nào trong ba năm, vị sứ đồ đã cảnh cáo họ hằng đêm và ngày bằng nước mắt.

20:32 Nguồn cung ứng lớn lao của Phaolô giờ đây chính là giao phó họ cho Đức Chúa Trời và cho đạo của ơn Ngài. Lưu ý, ông không giao phó họ cho những lãnh đạo là con người, hay cho những người được xem như người kế vị các sứ đồ. Trái lại, ông giao phó họ cho Đức Chúa Trời và Kinh Thánh. Đây là lời chứng hùng hồn cho tình đầy đủ của quyển Kinh Thánh được soi dẫn. Chính Đức Chúa Trời và Kinh Thánh mới có thể xây dựng tín đồ và ban cho họ gia tài chung với hết thầy những người được nên thánh.

20:33-35 Để kết thúc sứ điệp, sứ đồ Phaolô một lần nữa nêu cho các trưởng lão tấm gương tử chính đời sống và chức vụ của ông. Ông có thể ngay thẳng nói rằng ông không ham bạc vàng hay là áo xống của ai. Động cơ khiến ông phục vụ Chúa không phải là mong lợi tài chánh. Về cơ bản, ông là người nghèo của cải vật chất, nhưng là một người giàu đối với Chúa. Đưa đôi tay ra trước mặt họ, ông có thể nhắc họ nhớ đôi bàn tay

này đã từng làm việc khó nhọc để chu cấp **những sự cần dùng** của đời sống, cả cho chính ông lẫn cho cả **đồng bạn** của ông. Nhưng ông còn vượt xa hơn thế nữa. Ông đã làm nghề may trại để có phương tiện giúp **kẻ yếu đuối** là những người mắc bệnh trong thân thể, hay **yếu đuối** về những đức đo đạo đức, hay yếu đuối trong vấn đề thuộc linh. Các trưởng lão phải nhờ điều này, và trong mọi sự phải tìm ích lợi của người khác, khi nhớ lại lời Chúa **Jésus**: "... **Ban cho thì có phước hơn là nhận lãnh.**" Thật thú vị vì, những lời phân này của Chúa không chép trong các sách Tin Lành. Những sách Tin Lành thật sự trình bày phần lớn sự dạy dỗ của Ngài, nhưng ở đây, những lời này được ghi ra như phần bổ sung được soi dẫn cho những lời phán của Ngài trong các sách Tin Lành.

20:36-38 Trong phần kết luận sứ điệp, Phaolô **quỳ xuống đất và cầu nguyện** với các trưởng lão. Đối với họ, đây là lúc hết sức đau buồn. Họ bày tỏ tình cảm dành cho vị sứ đồ yêu dấu bằng cách **ôm lấy cổ** Phaolô mà hôn ông. Điều khiến họ đặc biệt đau buồn chính là lời ông tuyên bố họ sẽ **chẳng thấy mặt ông nữa**. Hết sức buồn bực, họ đưa ông xuống lâu để đi đến Giêrusalem.

21:1-4a Sau lời tạm biệt dịu dàng và thống thiết tại Milet, Phaolô cùng các bạn lên thuyền đến đảo **CÔT**, qua đêm tại đó. Ngày hôm sau, họ tiếp tục đi về hướng đông nam đến đảo **RÔĐÔ**. Rời mũi phía bắc của đảo, họ đi về hướng đông đến **BATARA**, hải cảng

thuộc xứ Lysia trên bờ biển phía nam của Tiểu Á. Tại Batara, họ chuyển sang con lâu sắp đến **Phênixi**, dải đất ven biển xứ Syri, mà Tyros là một trong những thành phố chính của xứ đó. Khi đi về hướng đông nam băng qua Địa Trung Hải, họ đi men bờ phía nam đảo Chipros, rời đảo từ **phía bên trái**. Cảng đầu tiên khi ghé đến vùng đất Palestine là **TYRÔ**. Vì tàu phải **cất hàng hóa** tại đó, Phaolô và những người khác tìm các tín hữu Cơ Đốc ở với họ **bây ngày**.

21:4b Trong thời gian này, các môn đồ ấy **chịu Đức Thánh Linh cảm động dặn Phaolô** đứng nên đặt chân đến Giêrusalem. Điều này làm nảy sinh thắc mắc lâu đời là Phaolô đã cố ý không vâng lời để đi lên Giêrusalem, hay ông vô tình không nhận biết được ý muốn của Chúa, hay ông thật sự đang đi trong ý muốn của Chúa để đi lên đó. Đọc câu 4b cách hơi hợt dường như sẽ thấy vị sứ đồ cố ý và cứng đầu, hành động cố ý thách thức Thánh Linh. Tuy nhiên, đọc cẩn thận hơn có lẽ cho thấy Phaolô thật sự không biết những lời cảnh cáo này được **ban qua Đức Thánh Linh**. Luca, là sử gia, nói cho độc giả biết lời khuyên của các môn đồ tại thành Tyros là do Thánh Linh cảm động, nhưng ông không nói vị sứ đồ đã biết đây là một sự kiện rõ ràng dứt khoát. Rất có thể Phaolô giải nghĩa lời khuyên của các bạn ông như là cách tinh để cứu ông khỏi hoạn nạn thuộc thể hoặc thậm chí sự chết nữa. Vì lòng yêu thương đồng bào Do Thái của mình, ông không cảm thấy sự khỏe mạnh thuộc thể của mình là đáng kể.

21:5,6 Khi bảy ngày đã qua, tín hữu tại Tyros cùng nhau đưa các giáo sĩ ra bờ biển cùng với sự minh chứng hùng hồn ủng hộ Cơ Đốc của họ. Sau thì giờ cầu nguyện và tạm biệt đầy triu mến, thuyền nhổ neo và những môn đồ trên bờ biển trở về nhà.

21:7 Chặng dừng kế tiếp là BÉTÔLÊMAI, hải cảng phía nam Tyros khoảng hai mươi dặm, và ngày nay gọi là Akko (Acre), gần Haifa. Hải cảng này được đặt tên theo Ptolemy. Chặng dừng một ngày cho phép các đầy tớ Chúa đi thăm các anh em tại địa phương này.

21:8 Qua ngày sau, họ đi chặng cuối của chuyến hành trình - ba mươi dặm về phía nam đến SÊSARÊ, trên Đồng Bằng Sarôn. Họ ở lại đó trong nhà của Philip, là người giảng Tin Lành (đứng nhằm ông với vị sứ đồ cùng tên). Chính Philip này là người được Hội Thánh tại Giêrusalem chọn làm chấp sự và đã đem Tin Lành đến Samari. Qua sự dạy dỗ của ông, hoàn quan Êthiôpi đã được cứu.

21:9 Philip có bốn con gái đồng trinh nói tiên tri. Điều này có nghĩa họ được Đức Thánh Linh ban ân từ để nhận sứ điệp trực tiếp từ Chúa rồi truyền đạt cho người khác. Có người dùng câu này suy luận rằng phụ nữ được phép giảng dạy trong Hội Thánh. Tuy nhiên, vì phụ nữ đã bị cấm cách rõ ràng không được phép dạy, nói hay thẩm quyền trên đàn ông trong hội chúng (1.Cô 14:34,35; 1.Tim 2:11), nên chỉ có thể kết luận chức vụ tiên tri của bốn người con gái đồng trinh này được thực hiện tại nhà riêng hay

trong những buổi tập trung khác không phải của Hội Thánh.

21:10,11 Trong lúc Phaolô ở tại Sêsarê, có một người liên tri tên là Agabút ở xứ Giuđê xuống. Đây cũng là liên tri từ Giêrusalem đến Antioch và báo trước cơn đói kém đã xảy ra trong đời Cêrôl (Công Vụ 11:28). Giờ đây, người lấy dây lưng của Phaolô trói tay chân mình. Bởi hành động đầy kịch tính này, giống như rất nhiều đấng tiên tri trước ông, ông đang biểu diễn chính sứ điệp của mình. Sau đó ông nêu ý nghĩa của bài học trực quan này. Ông đã tự trói mình thế nào, cả tay lẫn chân, thì người Giuđa tại Giêrusalem cũng trói tay và chân của Phaolô thế ấy rồi nộp cho chính quyền ngoại bang. Sự phục vụ của Phaolô dành cho người Giuđa (được hiểu tượng qua dây lưng) sẽ dẫn đến kết quả ông bị họ bắt.

21:12-14 Khi các bạn của sứ đồ và những Cơ Đốc nhân tại Sêsarê nghe vậy, họ nài nỉ ông đừng lên Giêrusalem. Nhưng ông không thể đóng cảm với nỗi lo của họ. Những giọt nước mắt của họ chỉ càng làm nao lòng ông thêm. Nỗi sợ xiết xích và tù đầy có ngăn ông thực hiện việc mà ông xem là ý muốn của Đức Chúa Trời? Ông cho họ biết ông sẵn lòng chẳng những để bị trói thôi, lại cũng sẵn lòng vì danh Đức Chúa Jêsus chịu chết tại thành Giêrusalem nữa. Mọi lập luận của họ cũng chẳng đi đến đâu. Ông đã cương quyết ra đi, nên họ chỉ nói: "Xin cho ý muốn của Chúa được nên."

Thật khó mà tin những lời chia tay của Phaolô được nói ra bởi một người

có tình không vàng theo sự dẫn dắt của Thánh Linh. Chúng ta biết các môn đồ tại Tyrô đã chịu Thánh Linh cảm động nói với Phaolô đứng đi đến Giêrusalem (câu 4). Nhưng Phaolô có biết họ đã nói bởi Đức Thánh Linh không? Chẳng phải Chúa về sau dường như đã phê chuẩn chuyến đi lên Giêrusalem của ông khi Ngài phán: "Hãy gục lòng mạnh mẽ, người đã làm chứng cho ta tại thành Giêrusalem thế nào, thì cũng phải làm chứng cho ta tại thành Rôma thế ấy" (23:11)? Có hai điều thật rõ ràng: Thứ nhất, *Phaolô* không kể an toàn của bản thân mình là quý khi phục vụ Chúa. Thứ nhì, Chúa tể trị trên mọi biến cố này vì cơ vinh hiển của Ngài.

21:15,16 Từ Sêsarê đến Giêrusalem là chuyến hành trình trên đất liền dài hơn năm mươi dặm, chuyến đi rất dài trong thời phương tiện đi lại chậm chạp lúc ấy. Đoàn người cùng đi với sứ đồ mỗi lúc một đông thêm nhờ một số môn đồ từ Sêsarê và một anh em tên Manasôn. Quê ở Chípơ, Manasôn là một trong những môn đồ đầu tiên tại đó. Giờ đây, ông đang sống tại Giêrusalem, và được đặc ân tiếp đãi sứ đồ và những người cùng đi trong chuyến thăm Giêrusalem lần cuối của Phaolô.

Các hành trình truyền giáo của Phaolô đã thật sự chấm dứt lúc ông đến Giêrusalem. Phần còn lại của sách Công Vụ nói đến vụ bắt giữ, xét xử và chuyến đi của Phaolô đến Rôma, cùng vụ xét xử và bị tù tại đó.

21:17,18 Khi đến Giêrusalem, sứ đồ và các bạn ông được anh em đón

tiếp nồng nhiệt. Qua ngày sau, Giacô và các trưởng lão tổ chức cuộc họp. Không thể biết chắc đây là Giacô nào. Có thể là Giacô em trai của Chúa, có thể là Giacô con trai Aphê, hoặc một người nào khác có cùng tên này. Rất có thể là Giacô em của Chúa.

21:19,20a Phaolô mở đầu bằng cách kể chi tiết việc Chúa đã làm giữa dân ngoại qua chức vụ của ông. Điều này đem lại vui mừng lớn lao.

21:20b-22 Tuy nhiên, những anh em Giuđa lo sợ. Đã có tin đồn sứ đồ Phaolô giảng và dạy chống Môisê và luật pháp. Điều này có thể đồng nghĩa với gập rắc rối tại Giêrusalem.

Lời huộc tội cụ thể chống Phaolô ấy là Phaolô đã giảng cho mọi người Giuđa ở ngoại quốc phải lờ bỏ Môisê, bảo họ đừng làm phép cắt bì cho con, cũng đừng ăn ở theo lập quán Giuđa nữa. Phaolô có thật sự dạy điều này hay không?

Ông đã thực sự dạy rằng Đấng Christ là sự cuối cùng của luật pháp để ban sự công bình cho những người nào tin. Ông đã dạy rằng một khi đức tin nơi Đấng Christ đã đến, những người Giuđa tin Chúa không còn ở dưới luật pháp nữa. Ông dạy rằng nếu còn nhận phép cắt bì như phương tiện để được xưng công bình, thì người ấy đã tự dứt mình khỏi sự cứu rỗi trong Đức Chúa Jêsus Christ. Rằng quay trở lại với những hình và bóng của luật pháp sau khi Đấng Christ đã đến, thì đó là bất kính với Đấng Christ. Về điều này, không phải là khó hiểu vì sao người Giuđa nghi về ông như thế.

21:23,24 Những anh em Giuđa tại Giêrusalem có một kế hoạch mà họ

ngươi sẽ làm người giận đồng bào, cả người đã được cứu lẫn chưa được cứu. Họ gợi ý Phaolô nên giữ một lời hứa nguyện của người Giuđa. Đã có **bốn người** giữ lời thề này. Phaolô nên cùng nhập bọn với họ, cùng với họ tẩy uế mình, và trả chi phí cho họ. F. W. Grant giải nghĩa:

Hãy để ông đưa bốn người này, những người cùng là tín hữu như ông thề nhưng họ đang giữ lời thề của người Naxirê, đi theo và cùng họ trình diện trong đền thờ để được tẩy sạch, trả những chi phí cần thiết để làm cho xong, và làm điều đó công khai, để mọi người có thể nhận thấy rõ mối quan hệ của ông với luật pháp.⁷⁶

Chúng ta không biết nhiều về những điều liên quan đến lời hứa nguyện này. Những chi tiết này thật khó hiểu. Nhưng tất cả những gì chúng ta cần biết ấy là: đó là **lời hứa nguyện của người Giuđa**, và nếu người Giuđa nhìn thấy sứ đồ đang giữ nghi lễ liên kết với lời hứa nguyện ấy, họ sẽ **biết chắc chắn** ông không xui người khác bỏ **luật pháp** Môisê. Đây sẽ là dấu hiệu cho người Giuđa biết chính vị sứ đồ đã giữ **luật pháp**.

Hành động của vị sứ đồ để giữ lời hứa nguyện của người Do Thái này đã từng được bình vực cũng như bị chỉ trích. Để *bình vực* Phaolô, người ta lập luận ông đang hành động theo chính nguyên tắc của mình để trừ nên mọi sự đối với mọi người, nếu có thể cứu được một vài người (I.Côrinthô 9:19-23). Mặt khác, người ta *chỉ trích* Phaolô đã đi quá xa trong nỗ lực giải

hòa với người Giuđa, bởi đó tạo ra ấn tượng ông đang ở dưới luật pháp. Nói cách khác, Phaolô bị kết tội không nhất quán với quan điểm của ông vốn cho rằng tín hữu không ở dưới luật pháp, hoặc để được xưng công bình hoặc với tư cách quy luật sống (Galat 1 và 2). Chúng tôi có khuynh hướng đồng ý với lời phê bình này, nhưng cũng cảm thấy phải cẩn thận khi đoán xét các động cơ của vị sứ đồ.

21:25 Anh em tại Giêrusalem khuyên Phaolô không cần phải áp đặt trên các tín hữu ngoại bang bất kỳ luật lệ nào ngoài những luật do Giáo Hội Nghị tại Giêrusalem nêu ra, tức là **dân ngoại phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết và thú vật chết ngọt, cùng chó gian dâm**.

21:26 Chúng ta ở thời nay không rõ các bước Phaolô đã làm. Nhiều nhà giải kinh nghĩ đây là lời hứa nguyện của Naxirê. Nhưng dẫu như vậy đi nữa, chúng ta vẫn không hiểu các bước khác nhau trong nghi lễ như đã được mô tả trong phần này.

H. Phaolô Bị Bại Vì Các Nữ (21:27-28:32)

21:27-29 Khi **hàng ngày** giữ lời hứa nguyện **gần trọn**, nỗ lực của Phaolô để trấn an người Giuđa hóa ra vô ích. Khi một vài người **Giuđa** vô tin đến từ vùng **Ási** thấy ông trong đền thờ, họ đã xúi giục nổi loạn chống ông. Không những họ buộc tội ông dạy những điều trái với **dân** Giuđa và với **luật pháp**, mà còn buộc tội ông làm ô uế đền thờ vì đã đem người ngoại bang vào hành lang đền trong. Chuyện thật sự xảy ra là thế này: Trước đó họ đã thấy Phaolô ở với Trôphim trong

hành Giêrusalem. Trôphim là một tín hữu người ngoại bang đến từ Êphêsô. Vì dân chúng thấy hai người ở chung với nhau, nên cho rằng Phaolô đã đưa người bạn ngoại bang của ông vào sân trong của đền thờ.

21:30-35 Dấu lời buộc tội này rõ ràng là sai, nhưng nó đã đạt được mục đích. Cả thành xôn xao rối loạn. Đám đông bắt Phaolô, kéo ra khỏi đền thờ, đóng các cửa của sân trong ngay sau lưng ông. Khi họ định giết ông, tiếng ồn đã đến tai quan quản cơ, là sĩ quan coi đồn Antonia. Ông vội đem lính đến bắt Phaolô ra khỏi đám đông đang giận dữ, lấy hai cái xiềng xích lại rồi hỏi Phaolô là ai và đã làm việc gì. Đương nhiên, đám đông giải thích không mạch lạc và lẫn lộn lung tung. Kê reo lên thể này, người ta lên thể khác. Quan cơ nãn lòng truyền lính điệu tù nhân vào đồn để có thể biết rõ điều gì đang diễn ra. Ngay cả khi nỗ lực làm như vậy, đám đông vẫn tràn lên, và cương quyết đến nỗi quân lính phải khiêng Phaolô lên các bậc thềm.

21:36 Đang khi khiêng như vậy, họ nghe đám dân theo sau kêu lên "Giải hắn đi!"

21:37-39 Ngay khi sắp đưa Phaolô vào đồn, Phaolô xin phép viên quản cơ cho ông nói vài lời. Quan cơ ngạc nhiên khi nghe Phaolô nói tiếng Gôréc. Dường như ông nghĩ mình đã bắt được người Êđiôp ngày trước đã gây loạn, kéo bốn ngàn kẻ cướp vào nơi đồn vắng. Phaolô nhanh chóng trấn an quan cơ rằng ông là người Giuđa từ thành Tạtsơ, trong xứ Silisi.

Như vậy, ông là công dân của một thành không phải làm thương (Bản Việt Ngữ: "thành có danh tiếng"); thành này nổi tiếng là chốn cửa văn hóa, giáo dục và thương mại, và đã được Augustus tuyên bố là "thành phố tự do." Với tính không biết sợ đặc trưng, vị sứ đồ xin phép nói với đoàn dân.

21:40 Khi đã được phép, và khi Phaolô đã đứng tại đó, có lính Lamã đứng vây quanh, ông đã làm đám đông im lặng bằng cách giơ tay ra dấu. Sự yên lặng này cũng lớn như cảnh rối loạn lúc trước. Giờ đây ông đã sẵn sàng làm chứng cho người Giuđa tại thành Giêrusalem.

"Tiếng Hêbơơ" ở đây chắc có lẽ là tiếng Aram (một ngôn ngữ liên hệ gần gũi) được người Hêbơơ thời bấy giờ sử dụng.

22:1,2 Để nói chuyện với đoàn dân Hêbơơ, vị sứ đồ đã khôn ngoan dùng tiếng Aram thay vì tiếng Hylạp. Ngay khi nghe tiếng mẹ đẻ, họ ngạc nhiên cách để chịu, tiếng ta lắng dịu, ít nhất cũng là trong lúc này.

22:3-5 Phaolô bắt đầu nói về cội nguồn của mình là người Giuđa, sanh tại Tạtsơ xứ Silisi, học dưới chân giáo sư Do Thái nổi tiếng là Gamaliên; và những thông tin chi tiết về ông trong Do Thái giáo. Tiếp theo ông nhấn mạnh đặc biệt đến lòng sốt sắng như một người Giuđa của mình. Ông đã bắt bỏ đạo Đấng Christ, bắt bỏ lũ những người tin Chúa Jesus. Thấy tế lễ thượng phẩm Tòa Công Luận có thể làm chứng cho tình toàn diện của những phương pháp ông sử dụng. Ông

đã nhận thư họ cho phép ông đến **Damách** bắt trời những người ở đó **dẫn về thành Giêrusalem để xử phạt.**

22:6-8 Cho đến đây trong sứ điệp của Phaolô, người Giuđa có thể hiểu được đầy đủ, và nếu thành thật, họ chắc phải đồng ý những điều ông nói là đúng. Giờ đây sứ đồ sắp kể cho họ một biến cố đã thay đổi toàn bộ phương hướng đời ông. Họ có trách nhiệm xác định biến cố đó có đến từ Đức Chúa Trời không.

Khi Phaolô **đường đi đường đến thành Damách...** thì hình có ánh sáng lớn, từ trên trời giáng xuống, soi sáng chung quanh mình ông. Việc này diễn ra **độ ban trưa**, được ghi lại lần đầu tiên tại đây, cho thấy ánh sáng này còn rực rỡ và vinh hiển hơn cả mặt trời lúc soi sáng nhất. Bị đánh té xuống đất bởi sức mạnh của ánh sáng ấy, người bắt bớ này nghe tiếng từ trời phán: **"Hỡi Saul, Saul, làm sao người bắt bớ ta?"** Hồi lại ông mới biết chính Chúa Jêsus người Nazarét đang phán với mình từ trời. Người Nazarét đã sống lại từ kẻ chết và đã được tôn vinh hiển trên cao.

22:9 Những người đang đi với ông nhìn thấy ánh sáng, nghe âm thanh của tiếng nói (9:7), nhưng họ không nghe những lời lẽ thật sự đã được phán ra. Nói cách khác, họ biết có tiếng ồn, nhưng không biết được lời nói rành mạch.

22:10,11 Sau lần nghe tiếng phán riêng tư của Chúa Sự Sống Và Vinh Hiển, Phaolô đã hoàn toàn đang linh hồn và thân thể mình cho Cứu Chúa. Điều này được tỏ ra qua câu hỏi của

ông: **"Lạy Chúa, tôi phải làm chi?"** Chúa Jêsus truyền ông đến thành Damách, và tại đó sẽ được hướng dẫn. Bị mù bởi ánh sáng sự vinh hiển của Đấng Christ, ông được những kẻ cùng đi **nằm lay đất** vào thành.

22:12 Tại Damách, ông được Anania đến thăm. Phaolô mô tả cho nhóm thính giả người Giuđa biết Anania là người nhân đức theo luật pháp, được các người Giuđa trú lại Damách đều làm chứng tối. Lời chứng của một con người như thế là rất quan trọng để xác chứng câu chuyện sự tin Chúa của Phaolô.

22:13 Gọi Phaolô là **"anh Saul,"** Anania truyền cho Saul sáng mắt lại. Chính lúc đó Phaolô lần đầu tiên nhìn thấy Anania.

22:14-16 Trong câu 14-16, lần đầu tiên đến chúng ta biết Anania nói với Phaolô:

"Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta đã định cho anh được biết ý muốn Chúa, được thấy Đấng Công Bình và nghe lời nói từ miệng Ngài. Vì anh sẽ làm chứng cho Ngài trước mặt mọi người, về những việc anh đã thấy và nghe. Bây giờ, anh còn trẻ nãi làm chi? Hãy chớ dậy, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp têm và làm sạch tội lỗi mình đi."

Phải thấy được rất nhiều điểm thú vị và quan trọng trong những câu này. Thứ nhất, Phaolô nói chính Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta là Đấng đã xếp đặt các biến cố trên con đường đến Damách. Nếu người Giuđa phản đối và chống cự điều đã xảy ra, họ thật sự đang chống lại Đức Chúa Trời.

Thứ nhì, Anania nói Phaolô sẽ làm chứng cho Chúa trước mặt mọi người. Điều này chắc hẳn đã cho đoàn người Giuđa nghe lời tuyên bố của Phaolô biết ông đã được sai đến với dân ngoại. Cuối cùng, Phaolô được truyền "Hãy chờ đây, cầu khẩn danh Chúa mà chịu phép báp-têm và làm sạch tội lỗi mình đi."

Câu 16 bị lạm dụng để dạy về sự tái sinh nhờ phép báp-têm. Có thể câu này chỉ áp dụng cho Phaolô trong tư cách một người Giuđa cần tách mình ra khỏi dân tộc đang chối bỏ Đấng Christ của ông bằng phép báp-têm (xem những giải nghĩa ở 2:38).

Một giải pháp đơn giản hơn, căn cứ trên cấu trúc văn phạm của nguyên ngữ như sau; khác với bản KJV, là bản đánh dấu chấm câu dường như thể có bốn mục liên tục trên cùng một bình diện, bản NKJV đi theo nguyên ngữ, ghép cặp cụm từ thứ nhất gồm hai mục đầu và cụm từ nhì gồm hai mục. Trong Hy văn, trong mỗi nửa của câu này có một động từ xác định và được bổ nghĩa bởi một phân từ. Cách dịch nguyên văn như sau: "Sau khi chờ đây hãy chịu phép báp-têm, và để cho tội lỗi anh được rửa sạch (bằng cách) kêu cầu danh Chúa."⁷² Mệnh đề cuối này được hậu thuẫn bởi sự dạy dỗ chung của Kinh Thánh (đối chiếu Giôên 2:32; Công Vụ 2:21; Rôma 10:13).

22:17-21 Giờ đây, lần đầu tiên chúng ta biết kinh nghiệm của Phaolô vào cuối chuyến viếng thăm lần thứ nhất đến Giêrusalem sau khi tin Chúa. Khi đang cầu nguyện trong đền thờ,

ông bị ngất trí và nghe Chúa truyền ông vội vàng lập tức ra khỏi Giêrusalem, vì dân chúng sẽ không nhận lời ông làm chứng về Đấng Christ. Dường như sứ đồ không tin nổi chính dân ông sẽ không chịu nghe ông. Suy cho cùng, họ đã biết ngày trước ông vốn là một người Giuđa sốt sắng, thể nào đã nhử tù và đánh đập các môn đồ của Chúa Jêsus, và thể nào ông đã từng là đồng phạm trong vụ giết chết Ê-liên. Nhưng Chúa lập lại mạng lịnh: "Hãy đi, vì ta loan sai ngươi đi đến cùng dân ngoại ở nơi xa."

22:22,23 Cho đến lúc này, dân Giuđa vẫn yên lặng nghe Phaolô. Nhưng khi nghe nói Phaolô đem Tin Lành đến cho người ngoại bang, những lời đó khơi dậy lòng ganh ghét điên cuồng. Họ hét đầy giận dữ nào loạn, họ kêu la đòi lấy mạng Phaolô.

22:24,25 Khi quan quản cơ thấy họ nổi cơn điên cuồng, ông kết luận chắc chắn Phaolô đã phạm tội rất nặng nào đó. Dường như ông không thể hiểu sứ điệp của Phaolô vì Phaolô nói bằng tiếng Aram, nên ông quyết tâm bắt sứ đồ thú tội bằng cách tra tấn. Do đó, ông truyền đem tù nhân vào trong đồn, rồi dùng dây da trói lại đánh đòn. Đang khi họ quyết tâm chuẩn bị đánh đòn, Phaolô nhớ nhệ bởi thấy tội lỗi đánh đòn một quốc dân Rôma khi chưa thành án thì có hợp pháp không. Trên thực tế, sẽ phạm luật pháp ngay cả khi trói một quốc dân Rôma trước khi chứng minh người đó có tội! Đánh đòn ông là một tội phạm hết sức nặng.

22:26 Thấy đội lập tức đi báo cho **quản cơ cần thận trước những việc đã làm với Phaolô, vì người này là một quốc dân Rôma.**

22:27,28 Điều này khiến **quản cơ** vội vã đến gặp **Phaolô**. Hỏi ra mới biết vị **sứ đồ thật sự là một quốc dân Rôma**. Thời đó có ba cách để trở thành **người Rôma**. *Thứ nhất*, sau khi được chiếu chỉ của vua ban truyền công dân để thưởng cho sự phục vụ, v.v., *Thứ nhì*, có thể trở thành một **người Rôma** bởi sự ra đời. Đây là trường hợp của **Phaolô**; ông được sinh ra tại Tarsus, một thành phố tự do của đế quốc Lamã, và cha của ông là **công dân Rôma**. *Cuối cùng*, có thể mua quyền **công dân** này, thường với giá rất cao. Như vậy, **quản cơ đã được quyền công dân như trả một giá rất cao.**

22:29 Sự tiết lộ quyền công dân Rôma của **Phaolô** đã xóa bỏ mọi kế hoạch đánh đòn ông, và khiến nhà cầm quyền sợ hãi.

22:30 Hiển nhiên, **quản cơ** muốn biết chắc chắn vì sao **Phaolô** bị **người Giuđa kiện cáo**. Đồng thời, ông quyết tâm tiến hành vụ xét xử theo đúng pháp luật và trật tự. Do đó, vào ngày sau vụ hỗn loạn tại Giêrusalem, ông đưa **Phaolô** ra khỏi ngục và giải đến trước mặt các **thầy tế lễ cả** và **Tòa Công Luận**.

23:1,2 Đứng trước **Tòa Công Luận**, **Phaolô** mở đầu nhận xét của mình bằng cách tuyên bố cả đời ông đã sống trọn lương tâm lỗi. Thấy **tế lễ thượng phẩm** là **Anania** tức giận khi nghe lời tuyên bố này. Rõ ràng, ông

xem **Phaolô** là người bội đạo Giuđa, một kẻ đào ngũ, một kẻ phản bội. Làm sao người đã bỏ Do Thái giáo đi theo Cơ Đốc giáo lại dám tuyên bố bản vô tội như thế? Do đó, **thầy tế lễ thượng phẩm** ra lệnh vả miệng tù nhân. Mạng lệnh này cực kỳ bất công, vì vụ xét xử hầu như chưa bắt đầu.

23:3 **Phaolô** quát lại **Anania** rằng **Đức Chúa Trời sẽ đánh Anania vì đã làm bức tường tổ trắng như tuyết**! Bên ngoài, **thầy tế lễ thượng phẩm** dường như công bình chính trực; bề trong ông bại hoại. Xưng mình là **người xử đoán kẻ khác theo luật pháp**, nhưng ở đây ông lại truyền lệnh **đánh Phaolô** trái với **luật pháp**.

23:4 Những người đó sừng sốt trước lời quở trách gay gắt của **sứ đồ**. **Phaolô** không biết mình đang nói với **thầy tế lễ thượng phẩm** sao?

23:5 Vì một lý do nào đó chúng ta không biết, **Phaolô** thật sự không nhận ra rằng **Anania** là **thầy tế lễ thượng phẩm**. **Tòa Công Luận** đã họp lại quá gấp, và có lẽ **Anania** không mặc lễ phục chính thức của mình. Thậm chí có thể ông không ngồi vào chiếc ghế thượng danh riêng cho **thầy tế lễ thượng phẩm**. Hoặc có lẽ do thị lực yếu của **Phaolô**. Dẫu nguyên nhân nào đi nữa, **Phaolô** cũng không cố ý nói xấu người cai trị đã được lập lên cách thích đáng. Ông nhanh chóng xin lỗi với lời trích Êđiptô 22:28: "**Chớ sỉ nhục người cai trị dân mình.**"

23:6 Qua cuộc đối thoại trong phòng xử án, cảm thấy giữa **người Saduse** và **người Pharisi** thiếu đồng ý với nhau, nên **sứ đồ** quyết định đào

sáu vết tạn nứt ấy bằng cách tuyên bố mình là người **Pharisi**, đang bị xét xử vì tin nơi sự sống lại của kẻ chết. Đương nhiên, người **Sadusê** phủ nhận sự phục sinh, cũng phủ nhận luôn sự thực hữu của các linh hay các thiên sứ. Người **Pharisi** là người rất chính thống tin vào cả hai điều ấy (xem 23:8).

Ở đây, người ta phê bình Phaolô dùng điều có vẻ như thủ đoạn xác thật để chia rẽ thánh giá của ông. A. J. Pollock viết: "Chúng ta không thể tránh khỏi cảm giác là Phaolô đã sai khi tuyên bố mình là người **Pharisi**, và như vậy đã chộp lấy lợi thế chiến lược bằng cách làm cho người **Sadusê** kinh dị và người **Pharisi** mâu thuẫn với nhau."

23:7-9 Dù ông có lý hay không đi nữa, những lời của ông đã thực sự gây chia rẽ giữa người **Pharisi** và **Sadusê**, và tiếng kêu la lớn vang dậy lên. Có mấy thầy thông giáo về dòng **Pharisi** bình vực sự vô tội của Phaolô, và trên thực tế họ nói: "Nếu thần linh hay một thiên sứ đã phán với hấn là thì chuyện đó cũng có gì quan trọng đâu?"

23:10 Cuộc cãi lầy giữa hai bên đang chống đối nhau trở nên nóng bỏng đến nỗi quan quản cơ ra lệnh quân lính hộ tống tù nhân ra khỏi phòng xử án và đưa trở về đồn.

23:11 Qua đêm sau, Chúa **Jésus** đích thân hiện ra với Phaolô trong tù và phán: "Hãy giục lòng mạnh mẽ, người đã làm chứng cho ta tại thành **Giêrusalem** thế nào, thì cũng phải làm chứng cho ta tại thành **Rôma** thế

ấy." Thật đáng lưu ý vì chính trong phân đoạn ghi lại hành động lâu nay vẫn bị chỉ trích đáng kể của vị sứ đồ, Chúa đã đích thân khen ông trung tín làm chứng tại **Giêrusalem**. Chúa không phê bình hay quở trách lời nào. Trái lại, đây hoàn toàn là sự điệp khen ngợi và lời hứa. Sự phục vụ của Phaolô vẫn chưa chấm dứt. Ông trung tín trong chức vụ của mình tại **Giêrusalem** thế nào thì cũng làm chứng cho Đấng **Christ** tại **Rôma** thế ấy.

23:12-15 Ngày kế tiếp, người **Giuda** họp đảng lập mưu giết sứ đồ Phaolô. Trên thực tế, có hơn bốn mươi người thế nguyện với nhau rằng họ sẽ không ăn gì hết cho đến khi họ giết được "kẻ mạo danh này." Âm mưu của họ như sau: Họ sẽ đến với các thầy thấy tế lễ cả và các trưởng lão, gợi ý công bố buổi họp của Tòa Công Luận để tra xét vụ kiện của Phaolô kỹ lưỡng hơn. Tòa Công Luận sẽ yêu cầu quan quản cơ đưa tù nhân đến. Nhưng bốn mươi kẻ ám sát này sẽ mai phục trên đường từ ngục đến Tòa Công Luận. Khi Phaolô đến gần, họ sẽ ập ra tóm và giết chết ông.

23:16-19 Trong ơn quan phòng của Đấng **Christ**, châu trai của vị sứ đồ thoảng nghe được âm mưu và báo lại cho Phaolô. Phaolô tìm mình cần sử dụng những phương tiện hợp pháp để bảo đảm an toàn cho mình; do đó, ông báo cho một trong các đội trưởng. Đội trưởng này đích thân hộ tống chàng trai đến quan quản cơ.

23:20,21 Châu của Phaolô không những báo lại đầy đủ âm mưu, mà còn

tha thiết nài nỉ quân cơ đừng nghe lời yêu cầu của người Giuđa để giao Phaolô cho họ.

23:22 Khi nghe câu chuyện, quân cơ cho chàng trai ra về, dặn đừng kể cho ai khác biết hai người đã gặp nhau. Giờ đây ông thấy cần phải hành động nhanh và dứt khoát để giải thoát tù nhân khỏi cơn thịnh nộ khủng khiếp của người Giuđa.

23:23-25 Quân cơ nhanh chóng đổi hai viên đốc trưởng đến thu xếp quân hộ tống sứ đồ đến Sêsarê. Đoàn quân hộ vệ gồm hai trăm quân, bảy mươi lính kỵ, hai trăm lính cấm giảo. Đoàn người lên đường trong bóng tối - lúc chín giờ tối.

Đoàn quân hộ tống đông đảo này không nhằm tôn vinh vị sứ giả trung tín của Đấng Christ. Trái lại, đây là biểu hiện lòng quyết tâm của quân cơ giữ uy tín với các quan Lamã cấp trên; nếu người Giuđa thành công trong âm mưu giết Phaolô, tức một công dân Lamã, quan quân cơ đương nhiệm chắc chắn phải trả lời về sự lơ lỏng của mình.

23:26-28 Quân cơ xưng mình là **Côlôi Lysia** trong bức thư gửi cho Phêlít, quan tổng đốc Rôma. Đương nhiên, mục đích của thư là giải thích tình hình liên quan đến Phaolô. Khả buồn cười khi thấy **Lysia** tìm cách mô tả mình như vị anh hùng và người bình vực công lý của dân chúng. Chắc ông cực kỳ sợ Phêlít biết ông đã trối một công dân Rôma chưa thành án. May mắn thay cho **Côlôi Lysia**, Phaolô không bẻm mép.

23:29-30 Quân cơ giải thích rằng cuộc điều tra của ông cho thấy Phaolô

vô tội, không phạm tội nào đáng chết hay đáng tù. Đúng hơn, vụ nào loạn đường như liên quan đến những vấn đề luật pháp của người Giuđa. Vì có một âm mưu toan hại Phaolô, ông cảm thấy nên giải Phaolô đến Sêsarê để những người kiện ông có thể đến đó, và mọi chuyện sẽ tỏ bày trước mặt Phêlít.

23:31-35 Chuyển đi đến Sêsarê tạm dừng ngắn ngủi tại **Antibatri**, thành phố cách Giêrusalem khoảng ba mươi chín dặm và cách Sêsarê hai mươi bốn dặm. Vì còn rất ít hoặc không còn nguy cơ bị người Giuđa phục kích từ đây trở đi, nên quân lính trở về Giêrusalem, để kỵ binh hộ tống Phaolô đến Sêsarê. Đến nơi, họ giao Phaolô cho Phêlít, cùng với bức thư của **Lysia**. Khi cuộc điều tra sơ bộ làm Phêlít biết quyền công dân Lamã của sứ đồ, Phêlít hứa sẽ nghe vụ kiện khi bên nguyên cáo từ Giêrusalem đến. Trong lúc đó, ông ra lệnh giữ Phaolô trong lâu đài hay công đường của Hêrốt.

Phêlít, quan tổng đốc Rôma xuất thân từ nô lệ đã tiến lên nhanh chóng đến địa vị tối bật về chính trị trong đế quốc Lamã. Về đời sống cá nhân, ông vô luân tục độ. Vào lúc được bổ nhiệm làm tổng đốc tỉnh Giuđê, ông là chồng của ba phụ nữ trong hoàng tộc. Khi đương chức, ông yêu **Đorusi**, vợ của **Azizus**, vua xứ **Emesa**. Theo **Josephus**, cuộc hôn nhân này được sắp đặt thông qua **Simôn**, một thuật sĩ từ đảo **Chiprô**.

Ông là người cai trị độc tài hung bạo, bằng chứng là ông đã đàn xếp vụ

ám sát thấy tế lễ thượng phẩm Jonathan, người chỉ trích ông cai trị tối.

Đây chính là Phêlít mà Phaolô phải ra ứng hầu.

24:1 Năm ngày sau khi Phaolô rời Giêrusalem đến Sêsarê, thấy tế lễ thượng phẩm Anania và một số thành viên Tòa Công Luận cũng đến. Họ thuê một người Lamã tên là Têttulu làm luật sư nguyên cáo. Bốn phạm của ông là đứng trước mặt Phêlít kiện Phaolô.

24:2-4 Têttulu khởi kiện cho bên nguyên cáo bằng cách tâng bốc quan tổng đốc. Dương nhiên, có phần nào sự thật trong những lời ông nói. Phêlít đã duy trì quyền cai trị và trật tự bằng cách đàn áp sự nổi loạn và khởi nghĩa. Nhưng lời nói của Têttulu vượt ra ngoài chỗ đơn thuần công nhận sự kiện ấy, với nỗ lực hiển nhiên nhằm có sức lấy lòng quan tổng đốc.

24:5-B Sau đó, ông buộc tội sứ đồ Phaolô bốn điểm cụ thể như sau:

1. Phaolô là "đồ ăn dịch," tức là một người quấy rầy hay người gây bực bội.

2. Phaolô là người đã gây rối loạn trong hết thảy người Giuda.

3. Ông làm thủ lĩnh phe người Naxarêl.

4. Ông đã cố báng bổ đến thờ.

24:9 Sau khi Têttulu tỏ lòng tin khả năng của Phêlít xác định lời buộc tội Phaolô là chính xác, những người Giuda có mặt cũng hứa theo hậu thuẫn lời buộc tội của Têttulu.

24:10 Theo dấu gặt đầu ra hiệu của quan tổng đốc, Phaolô đứng lên

tự bình vực mình. Trước hết ông bày tỏ lòng thỏa mãn khi được phép xuất hiện trước mặt một nhân vật nhờ kinh nghiệm lâu năm nên quen thuộc với các phong tục và cung cách của dân Do Thái. Nghe có vẻ như lời tâng bốc, nhưng thực ra đây chỉ là lời tuyên bố lịch sự về sự thật.

Sau đó, sứ đồ đáp lại những lời buộc tội mình, từng lời buộc tội một.

24:11 Về lời kết tội ông là kẻ quấy rầy, ông trả lời rằng ông mới vừa lên Giêrusalem chỉ mười hai ngày, và mục đích ông lên để thờ phượng chứ không phải gây rối.

24:12,13 Tiếp theo, ông phủ nhận lời kết tội ông xúi người Giuđa nổi loạn. Dù ở trong đền thờ, hoặc trong nhà hội, hoặc trong thành phố, ông chưa hề tranh luận với ai hay cố gắng xúi giục họ điếu chi. Đây là những sự thật, và không ai có thể bác bỏ chúng.

24:14-17 Phaolô không phủ nhận lời buộc tội thứ ba, tức lời buộc tội ông căm thù phe người Naxarêl. Nhưng những lời ông thật sự nói ra ấy là trong cương vị này, ông đã phục vụ Đức Chúa Trời của người Giuđa, tin mọi điều chép trong Kinh Thánh Cựu Ước. Ông chia sẻ niềm trông đợi của mọi người Giuđa chân thống, đặc biệt người Pharisi, tức sẽ có sự sống lại của người công bình và không công bình. Trong ánh sáng sự phục sinh hầu đến ấy, ông luôn luôn tìm cách giữ gìn mối quan hệ không chút vấn đục với Chúa và với đồng loại của mình. Không hề xúi giục người Giuđa nổi loạn, nhưng Phaolô đến Giêrusalem đem của bố thí cho dân

Giuda. Đương nhiên, ông đang nói đến việc quyên góp từ các Hội Thánh ở xứ Maxédoan và Achaí, dành cho những thánh đồ Cơ Đốc người Giuda đang túng thiếu tại Giêrusalem.

24:18,19 Về lời kết tội thứ tư, tức tố cáo ông báng bổ **đến thờ**, Phaolô trả lời: Đang khi ông đem của dâng đến **đến thờ**, đang trả xong lời hứa nguyện của người Giuda, thì có **mấy người Giuda quê ở cõi Asi** gặp ông và vu cáo ông đưa những người ngoại bang không tinh sạch vào **đến thờ**. Đương nhiên, điều này không đúng. Lúc đó sứ đồ ở một mình, và đang được **tẩy sạch** khỏi sự ô uế của lễ nghi. **Những người Giuda** bèn nguyên cáo ấy từ **cõi Asi**, tức những người đã gây cuộc nổi loạn chống ông tại Giêrusalem, **đăng ra phải** là người đến Sêsarê để kiện ông, nếu như họ có **điều gì** kiện ông.

24:20,21 Sau đó Phaolô thách thức những người Giuda đang có mặt hãy nói rõ xem họ chứng minh ông phạm tội gì khi **đứng trước** mặt Tòa Công Luận tại Giêrusalem. Họ không thể nói được. Tất cả những gì họ có thể nói chính là Phaolô đã **kêu lên**: “**Ấy vì sự sống lại của kẻ chết mà hôm nay tôi bị xử đoán trước mặt các ông.**” Nói cách khác, những điều họ kiện ông phạm tội hình sự đều không đúng, và những điều đúng thì lại không phải là tội hình sự.

24:22 Khi Phêlil nghe kiện, ông gặp trường hợp khó xử. Ông biết đủ về đạo Đấng Christ để nhận ra ai đúng. Từ nhân trước mặt ông hiển nhiên không phạm bất kỳ tội nào chống lại luật Lamã. Nhưng nếu tha

bổng Phaolô, ông sẽ gây thù chuốc oán với dân Giuda. Từ lập trường chính trị, ông nên lấy lòng họ. Vì vậy ông sử dụng thủ đoạn cứ tiếp tục kéo dài vụ kiện. Ông tuyên bố sẽ **đợi** cho đến khi **quản cơ Lysia** đến Sêsarê. Thực ra đây chỉ là chiến thuật trì hoãn. Chúng ta không có bản kỷ thuật nào cho biết **quan quản cơ** từng đến đây.

24:23 Để kết thúc vụ kiện, Phêlil **truyền lệnh** phải giam giữ Phaolô, nhưng nên để cho ông được **tự do** vừa phải, và **bạn bè** được phép đến thăm và đem thức ăn quần áo đến cho ông. Điều này đương nhiên cho thấy **quan lỏng** đốc không xem Phaolô là tên tội phạm nguy hiểm.

24:24,25a Vài ngày sau bữa xét xử công khai, Phêlil cùng **vợ là Đurusi** có buổi phỏng vấn riêng vị sứ đồ để có thể nghe thêm về đức tin nơi Đấng Christ. Không hề sợ hãi, Phaolô giảng **luận** cho **quan tổng đốc** phỏng dâng này cùng người vợ ngoại tình của ông về **sự công bình, sự liê độ và sự phán xét về sau**. Họ gần như chẳng biết gì về **sự công bình cá nhân**, dù trong đời sống riêng tư hay đời sống trước mặt công chúng. Họ xa lạ với **sự tiết độ**, như được chứng kiến qua cuộc hôn nhân gian ác hiện tại của họ. Họ cần được cảnh cáo về sự **phán xét** ngay sau, vì nếu tội họ không được tha nhờ huyết của Đấng Christ, họ sẽ hư mất trong hố lửa.

24:25b,26 Phêlil dường như chịu cảm động hơn Đurusi. Dầu sợ, ông vẫn không tin cậy Cứu Chúa. Ông trì hoãn quyết định tiếp nhận Đấng

Christ bằng câu nói: "Bây giờ người hãy lui; đợi khi nào ta rảnh, sẽ gọi lại." Buồn thay, "khi nào rảnh" này chẳng hề tới, như Kinh Thánh đã ghi lại. Thế nhưng đây không phải là lời làm chứng cuối cùng của Phaolô cho Phêlít. Quan tổng đốc gọi ông liên tục trong hai năm tiếp theo, đang khi sứ đồ bị tù tại Sêsarê. Thực ra, Phêlít mong được bạn bè nào đó của Phaolô hối lộ để thả Phaolô ra.

24:27 Khởi hai năm, vào năm 60 S.C., Bôttiu Phêtu đến thay Phêlít. Bởi cơ Phêlít muốn lấy lòng dân Giuđa, bèn cứ giam Phaolô như một tù nhân bị xiềng xích tại Sêsarê.

25:1 Bôttiu Phêtu được hoàng đế Nêrô cử làm quan tổng đốc Lamã của xứ Giuđê vào mùa thu năm 60 S.C.. Sêsarê là trung tâm chính trị cho tỉnh Syria của Lamã, mà xứ Giuđê là một phần của tỉnh này. Đến được ba ngày, Phêtu đi từ Sêsarê lên Giêrusalem, là kinh đô tôn giáo của địa phận ông.

25:2,3 Dẫu bây giờ đã là hai năm từ khi Phaolô bị giam tại Sêsarê, người Giuđa vẫn chưa quên ông, lòng thù ghét chết người của họ vẫn không hề lắng xuống. Nghĩ có thể được hưởng ân huệ chính trị từ quan tổng đốc mới, các thầy tế lễ cả và người sang trọng trong dân Giuđa kiện Phaolô trước mặt Phêtu và xin quan cho giải Phaolô đến Giêrusalem để xét xử. Chắc họ muốn nói ông đáng phải bị xét xử trước Tòa Công Luận, nhưng kế hoạch thật sự của họ chính là mai phục trên đường đi để giết ông.

25:4,5 Nhưng rõ ràng Phêtu được báo về kế hoạch ngày trước của họ

nhằm giết Phaolô và những chuẩn bị chi tiết của quan quản cơ tại Giêrusalem khi giải ông đến Sêsarê. Do đó ông không chấp thuận yêu cầu của họ, nhưng hứa sẽ cho họ cơ hội kiện Phaolô nếu họ chịu đến Sêsarê.

25:6-8 Sau khi ở lại hơn mười ngày (Bản NKJV) tại Giêrusalem, Phêtu trở về Sêsarê và qua ngày sau mở phiên tòa. Người Giuđa vội tấn công, lấy nhiều cơ nặng để kết tội Phaolô, nhưng lại không tìm được bằng chứng. Thấy họ đuối lý, vị sứ đồ tạm bằng lòng với lời phủ nhận đơn giản rằng mình không phạm tội gì cùng luật pháp, cùng đến thờ hay Sêsa.

25:9-11 Trong thoảng chốc, dường như Phêtu chịu chấp thuận lời thỉnh cầu của dân Giuđa để cho giải Phaolô về Giêrusalem chịu xét xử trước Tòa Công Luận. Tuy nhiên, ông sẽ không làm điều này nếu không được tù nhân đồng ý. Hiển nhiên Phaolô nhận thấy nếu đồng ý, ông sẽ không bao giờ còn sống sót để tới Giêrusalem. Do đó ông từ chối bằng cách nói rằng tòa án tại Sêsarê mới đúng là nơi để xử án. Nếu có phạm tội với đế quốc Lamã, ông sẽ không ngần ngại chịu chết về tội đó. Nhưng nếu ông không phạm tội như thế, thì dựa vào cơ sở pháp lý nào mà giao ông cho người Giuđa? Tận dụng hết quyền lợi công dân Lamã của mình, lúc đó sứ đồ Phaolô đã nói những lời đáng ghi nhớ: "Tôi kêu nài sự đó đến Sêsa."

Phaolô có đúng không khi kêu nài đến Sêsa? Chẳng phải ông nên giao phó duyên cơ của mình hoàn toàn cho Chúa, và nên từ chối hạ cố nhờ cậy

quyền công dân trần thế này của mình? Đây có phải là một trong "những lỗi lầm của Phaolô" hay không? Chúng ta không thể nói dứt khoát được. Tất cả những gì chúng ta biết ấy là lời kháng án đến Sêsa của ông đã ngăn chặn ông được trả tự do vào thời điểm này, và thậm chí nếu ông không kháng án, ông chắc cũng đến được Rôma bằng cách khác.

25:12 Phêtu bàn luận ngắn với các cố vấn pháp lý về thủ tục trong những vấn đề như vậy. Sau đó ông nói với Phaolô, có lẽ với giọng điệu thách thức: "Người đã kêu nài đến Sêsa ư? Vậy người sẽ đến nơi Sêsa!" (Bản NKJV)

25:13 Ít lâu sau đó, vua Hêrốt Acripba II và em gái vua là Bêrênit đến Sêsarê để chào Phêtu nhân dịp mời được bổ nhiệm. Acripba là con trai của Hêrốt Acripba I, người đã giết Giacô và bỏ tù Phierô (Công Vụ 12). Em gái của vua là một phụ nữ đẹp phi thường. Tuy các sứ giả gán cho nàng tai tiếng ô nhục, kể cả những mối quan hệ của nàng với anh trai, nhưng Tân Ước không nói gì đến tình cách cả nhân của nàng.

25:14-16 Trong khoảng thời gian họ ở lại khá lâu tại Sêsarê, Phêtu quyết định kể cho Acripba nghe nan đề ông đang gặp phải với tù nhân tên Phaolô. Trước hết, ông thuật lại yêu cầu thô lỗ của những người Giuđa đòi phải tuyên án Phaolô mà không xét xử chính thức. Tự mô tả như người giữ gìn và bảo vệ những tiến trình pháp lý đúng đắn, ông kể lại thể nào mình đã kháng kháng đòi xét xử trong

phiên tòa sao cho bên bị cáo có thể đối nại mặt đối mặt với bên nguyên cáo và có cơ hội để tự bình vực.

25:17-19 Đến khi xét xử, Phêtu thấy tù nhân không phạm tội nào chống lại đế quốc. Trái lại, vụ kiện tập trung quanh "Đạo riêng của họ, và một tên Jêsus đã chết kia, mà Phaolô quyết rằng còn sống."

25:20-22 Rồi Phêtu ón lại lời đề nghị Phaolô đi đến Giêrusalem, và lời Phaolô kháng án đến Augullô (Bản NKJV) (ở đây là một tước hiệu chỉ về Sêsa, chứ không phải tên một vua). Đương nhiên, điều này thật rắc rối. Khi gởi tù nhân của mình đến Rôma, ông sẽ kết hẳn tội nào? Vì Acripba là người Giuđa, và do đó quen thuộc với các vấn đề của Do Thái giáo, nên Phêtu hy vọng vua giúp mình có bản cáo trạng thích hợp.

Khi nói đến Cứu Chúa của thế gian, Phêtu dùng cụm từ "một tên Jêsus." Nhận định của Bengel về câu này xứng đáng lặp lại ở đây: "Phêtu khốn khổ này đã nói như thế về Đấng mà mọi đầu gối phải quỳ trước Ngài."

25:23 Qua hôm sau có phiên tòa chính thức. Acripba và Bêrênit đến cách long trọng. Cùng đi với họ có các quan quân cơ và các người tôn trưởng trong thành. Sau đó Phaolô được giải vào.

25:24-27 Một lần nữa, Phêtu nêu tại lịch sử vụ kiện - những lời đòi hỏi kháng kháng của người Giuđa đòi giết Phaolô, Phêtu không thấy vị sứ đồ phạm tội nào đáng chết, và rồi Phaolô kháng án đến Sêsa. Đương nhiên, Phêtu gặp tình trạng nan giải: lời

kháng án của Phaolô buộc ông phải đưa Phaolô đến Nêrô, nhưng lại không có đủ *cơ sở pháp lý* thỏa đáng để xét xử. **Phêtu** nói rõ ông mong **Ăcrípba** có thể giúp mình; suy cho cùng, **giải một lên phạm mà chẳng nói rõ điều người ta kiện nó, thì là trái lẽ lắm**. Những buổi xét xử này mang tính chất lắng nghe hơn là xét xử. Người Giuda không có mặt để kiện sứ đồ, và **Ăcrípba** không buộc phải phán quyết.

26:1-3 Quang cảnh trước mắt chúng ta đã được mô tả rất xuất sắc là "một vị vua thành nô lệ còn một tù nhân ngồi trên ngai." Từ lập trường thuộc linh, **Ăcrípba** là nhân vật đáng thương, còn vị sứ đồ bay vút lên cao trên đôi cánh đức tin, vượt lên cao hơn hoàn cảnh.

Khi được **Ăcrípba** cho phép nói, Phaolô gơ tay ra và bắt đầu hào hứng thuật lại từng trải Cơ Đốc của mình. Trước hết, ông tỏ lòng biết ơn vì được phép trình bày duyên cớ của mình trước mặt một nhân vật vì là người Giuda nên quen thuộc mọi thói tục đang thịnh hành giữa vòng dân Giuda. Lời giới thiệu của ông không phải là tăng bốc suông; đây là câu nói mang tinh thần lịch sự Cơ Đốc và câu tuyên bố sự thật đơn giản.

26:4,5 Về cách ăn nết ở ngày trước, vị sứ đồ là một người Giuda gương mẫu. Người Giuda ắt phải thừa nhận - giả như họ **muốn làm chứng** - Phaolô đã đi theo đường lối của đạo chánh thống "nghiêm ngặt nhất" (NKJV), tức là một người Pharisi kiên định, trước sau như một.

26:6 Giờ đây ông bị xét xử chẳng qua vì tội đã bàm chặt lấy **niềm trông**

cậy Lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ của người Giuda trong Cựu Ước. Dường như đồng lập luận của Phaolô như sau: trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã lập nhiều giao ước với các lãnh tụ của Ysraên, như Ápraham, Ysác, Giacóp, Đavit và Salômôn. Giao ước chính yếu liên quan đến lời hứa ban Đấng Mêsê, sự hiện đến của Ngài để giải phóng dân tộc Ysraên và cai trị trên đất. Các tổ phụ Cựu Ước đã chết mà chưa thấy lời hứa này được ứng nghiệm. Phải chăng như vậy có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ không thực hiện các điều khoản của giao ước? Chắc chắn Ngài dứt khoát thực hiện đúng như đã hứa! Nhưng làm sao Ngài thực hiện khi các tổ phụ đều đã qua đời rồi? Câu trả lời: "Bằng cách khiến họ sống lại từ kẻ chết." Như vậy, bằng phương cách rất trực tiếp, vị sứ đồ đưa những lời hứa đã lập cùng các thánh đồ Cựu Ước liên kết với sự sống lại của kẻ chết.

26:7 Sứ đồ mô tả **mười hai chi phái Ysraên** như là đang **sôi sảng phục vụ Đức Chúa Trời** không ngừng, mong thấy lời hứa này được ứng nghiệm. Câu nhắc đến **mười hai chi phái ở đây** rất quan trọng đối với lời dạy dỗ hiện hành cho rằng chi phái Ysraên đã bị "mất" vì cuộc lưu đày. Dẫu họ tản lạc giữa các dân ngoại, sứ đồ Phaolô đã nhìn thấy họ như một dân đặc biệt, **phục vụ Đức Chúa Trời** và trông đợi Đấng Giải Cứu đã được hứa ban.

26:8 Và đó chính là tội của Phaolô! Ông tin rằng Đức Chúa Trời sẽ làm ứng nghiệm lời hứa Ngài cho các tổ

phụ bằng cách khiến họ sống lại từ kẻ chết. Phaolô hỏi Acrip ba và mọi người cùng ở với vua: Chuyện này có gì mà chẳng thể tin được?

26:9-11 Quay về với câu chuyện đời mình, Phaolô thuật lại chiến dịch tàn bạo và dai dẳng của ông nhằm chống lại những môn đồ theo đạo Đấng Christ. Ông dốc hết sức chống Danh Jêsus ở Naxarét. Được phép của các thầy tế lễ cả, ông bỏ tù rất nhiều Cơ Đốc nhân tại Giêrusalem. Khi họ bị xét xử trước Tòa Công Luận, trước sau ông đều bỏ phiếu chống Cơ Đốc nhân. Ông liên tục trừng phạt những người bị ông bắt gặp trong nhà hội, và làm hết sức để buộc họ chối Chúa của họ. (Khi nói ông bắt 7⁰ họ phải nói phạm thượng, điều này không có nghĩa ông đã thành công, nhưng ông đã cố gắng làm.) Chiến dịch thù ghét của Phaolô chống môn đồ Chúa Jêsus đã tràn từ Giêrusalem và Giuđê đến các thành ngoại quốc.

26:12-14 Trong một chuyến đi như vậy đến những thành ngoại quốc, một kinh nghiệm biến đổi lớn lao đã xảy ra trong đời ông. Ông đang trên đường đến Đamách, có trọn thẩm quyền và giấy phép chính thức để bắt những Cơ Đốc nhân đưa về Giêrusalem chịu trừng phạt. Lúc giữa trưa, ông bị khuất phục bởi một quang cảnh vinh hiển. Ánh sáng từ trời giáng xuống trên ông, chói lọi hơn mặt trời giữa trưa. Sau khi ngã xuống đất, ông nghe tiếng phán bởi một câu thăm dò: "Hỡi Saulơ, Saulơ, sao người bắt bớ ta?" Tiếng này cũng bày tỏ thêm: "Người đá đến ghim nhọn là khó chịu cho

người vậy." Ghim nhọn là một dụng cụ bèn nhọn dùng để thúc cho những con thú cứng cổ phải tiến lên phía trước. Lâu nay Phaolô đang đá vào ghim nhọn của chính lương tâm ông, còn quan trọng hơn thế, ông đang đá vào "ghim nhọn" lời phàn cáo trách của Thánh Linh. Ông không bao giờ quên về uy nghiêm và đáng kính trọng của Êtiên khi qua đời. Ông đang đánh lại chính Đức Chúa Trời.

26:15 Phaolô hỏi: "Lạy Chúa, Chúa là ai?" Tiếng phán đáp: "Ta là Jêsus mà người đương bắt bớ." Jêsus sao? Làm sao như vậy được? Chẳng phải Jêsus đã bị đóng đinh và bị chôn rồi sao? Chẳng phải các môn đồ Ngài đánh cắp xác rồi giấu nơi bí mật sao? Như vậy làm sao Jêsus đang phán với ông ngay giờ này được? Sự thật này nhanh chóng lóe sáng trong tâm hồn Phaolô. Chúa Jêsus đã thực sự bị chôn, nhưng Ngài đã sống lại từ kẻ chết! Ngài đã trở về trời, và giờ đây Ngài đang từ nơi đó phán với Phaolô. Khi bắt bớ Cơ Đốc nhân, Phaolô đang bắt bớ chính Chủ của họ. Và khi bắt bớ Ngài, ông đang bắt bớ chính Đấng Mêsia của Ysraên, bắt bớ chính Con Đức Chúa Trời.

26:16 Tiếp theo, Phaolô tóm tắt ngắn gọn sứ mạng do Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh đã giao cho ông. Ông được Chúa bảo hãy chớ dấy và đứng lên. Ông được nhận khải thị đặc biệt về Đấng Christ trong vinh hiển này vì ông được lập làm đầy tớ Chúa và làm chứng mọi việc ông đã thấy ngày hôm ấy, cùng mọi lẽ thật trọng đại của đạo Đấng Christ và Ngài sẽ tỏ cho ông sau.

26:17 Phải hiểu Lời Chúa hứa sẽ giải cứu Phaolô khỏi dân Giuđa và dân ngoại ở đây chỉ về sự giải cứu nói chung cho đến khi công tác của ông hoàn tất.

26:18 Phaolô sẽ được sai đặc biệt đến dân ngoại để mở mắt họ, hầu cho họ lờ tối tâm mà qua sáng lạng, từ quyền lực của quỷ Satan mà đến Đức Chúa Trời. Bởi đức tin nơi Chúa Jêsus, họ sẽ nhận được sự tha tội, cùng phần gia tài với các thánh đồ. H. K. Downie cho thấy câu 18 tóm tắt tuyệt vời biết bao về việc Tin Lành đã làm:

1. Giải cứu khỏi sự tối tăm.
2. Giải cứu khỏi quyền lực của Satan.
3. Tha thứ tội lỗi.
4. Khôi phục cơ nghiệp bị mất.

26:19-23 Phaolô giải thích cho Acripha biết sau khi được sai phái như vậy, ông chẳng hề dám chống cự với sự hiện thấy trên trời. Cả tại Damách lẫn Giêrusalem, cả xứ Giuđê, rồi đến các dân ngoại, tại đâu ông cũng giảng rằng họ phải ăn năn và trở lại cùng Đức Chúa Trời, làm công việc chứng tỏ được thực tại xứng đáng với sự ăn năn của họ. Đây chính là việc ông đang làm khi người Giuđa đã bắt ông trong đền thờ và toan giết ông. Nhưng Đức Chúa Trời đã bảo vệ và cứu giúp, và ông tiếp tục làm chứng cho mọi người mình gặp, rao giảng sứ điệp các đấng liên tri và Môise đã giảng trong Cựu Ước. Sứ điệp này là Đấng Mesi phải chịu lương khổ, và bởi sự sống lại trước như tử trong kẻ chết và Ngài sẽ tỏ ánh sáng ra cho dân sự và người ngoại.

26:24-26 Là người ngoại bang, chắc Phêlít hoàn toàn không theo dõi được dòng lập luận của sứ đồ. Hoàn toàn không hiểu được một người đầy dẫy Thánh Linh, ông nông nổi tưởng Phaolô điên cuồng vì học quá nhiều. Không chút bực bội hay nổi nóng, sứ đồ nhỏ nhẹ phủ nhận lời buộc tội này, và nhấn mạnh những lời ông nói là những lời thật và phải lẽ. Rồi ông tỏ lòng tin quyết vua biết sự thật những lời Phaolô đang nói. Đời sống và lời làm chứng của Phaolô không phải là điều bí mật. Người Giuđa thấy đều biết, và rõ ràng tin đồn đã đến tai Acripha.

26:27 Gọi trực tiếp vua, Phaolô hỏi: "Tâu vua Acripha, vua có tin các đấng liên tri chăng?" Rồi Phaolô trả lời câu hỏi của chính mình: "Tôi biết thật vua tin đó!" Sức mạnh của lập luận này không nhắm lẫn vào đâu được. Trên thực tế Phaolô đang nói: "Tôi tin mọi điều các đấng liên tri đã nói trong Cựu Ước. Vua cũng tin lời làm chứng của họ, phải không, muốn tâu vua Acripha? Như vậy làm sao người Giuđa lại kết tội tôi đã phạm tội đáng chết? Hoặc làm sao vua có thể kết án tôi vì đã tin vào điều chính vua cũng tin?"

26:28 Acripha cảm nhận được sức mạnh của lập luận này, và điều đó được chứng tỏ qua những lời của vua:

"Thiếu chủi nữa người khuyên là trở nên tin đó Đấng Christ!" Tuy nhiên, có bất đồng ý kiến đáng kể về ý nghĩa chính xác cho câu nói của Acripha ở đây. Những người theo truyền thống Kinh James cảm thấy vua

đã thật sự được đưa đến ngưỡng cửa quyết định tiếp nhận Đấng Christ. Họ cảm thấy câu trả lời của Phaolô trong câu 29 chứng minh điều này. Người khác nghĩ Acripba đang nói mỉa để hỏi Phaolô – có thể nói như vậy: “Người tưởng dùng lời lẽ thuyết phục tầm thường như thế mà khiến ta trở nên Cơ Đốc nhân được sao?” Nói cách khác, ông lấy lời nói đùa để tránh áp lực từ lời lẽ của vị sứ đồ.

26:29 Dù Acripba đang nói thật hay đùa, Phaolô vẫn trả lời hết sức sôi sảng. Cho dù sức thuyết phục ít hay nhiều đi nữa, ông vẫn từ lòng ao ước sôi sảng mong cả Acripba và mọi người hiện diện tại đó có thể bước vào niềm vui và phước hạnh của đời sống Cơ Đốc, để họ có thể chia sẻ những đặc ân của Phaolô, để họ có thể trở nên giống như ông, ngoại trừ xiềng xích mà thôi. Morgan viết:

Ông sẽ chịu chết để cứu Acripba, nhưng sẽ không trút xiềng xích của mình trên Acripba. Đó là Cơ Đốc giáo. Hãy ca ngợi Cơ Đốc giáo, nhân bội nó lên, rồi áp dụng nó. Lòng thành tâm mà bất bả thì đây không phải là lòng thành tâm của Cơ Đốc nhân. Lòng thành tâm sẵn sàng chịu chết để giải cứu, nhưng sẽ không áp đặt xiềng xích, đây mới là Cơ Đốc giáo.⁷⁹

26:30-32 Vua, quan lỏng đốc, bà Bêrênil, và nhiều viên quan khác rời phòng để hội ý riêng. Hết thấy đều buộc phải thừa nhận Phaolô chẳng làm chi đáng chết hoặc đáng bị bỏ tù. Có lẽ pha lẫn chút hối tiếc, vua Acripba nói với Phêtu rằng nếu Phaolô

chưa kêu nài đến Sêsa, thì có thể tha Phaolô được.

Lẽ tự nhiên chúng ta thắc mắc vì sao không thể bãi bỏ vụ kháng án đến Sêsa này. Dẫu vụ kháng án như thế là không thể thay đổi hay có thể thay đổi đi nữa, chúng ta vẫn biết mục đích của Đức Chúa Trời là để cho vị sứ đồ của dân ngoại này phải đến Rôma chịu xét xử trước mặt hoàng đế (23:11), và như vậy làm thỏa mãn lòng ông khao khát được trở nên giống với sự chết của Chúa ông.

I. Chuyến đi Của Phaolô Đến Lamã Và Vụ Bám Tào (27:1 - 28:16)

Đoạn này trình bày câu chuyện gây chấn về chuyến đi của sứ đồ từ Sêsarê đến Manrô trên đường đến Lamã. Nếu Phaolô không phải là hành khách trên tàu, chắc chẳng bao giờ chúng ta nghe đến chuyến đi hay vụ đắm tàu này. Phần đoạn đầy đầy những thuật ngữ hàng hải, nên do đó không phải luôn luôn dễ theo dõi.

27:1 Hành trình bắt đầu tại Sêsarê. Phaolô được giao cho một sĩ quan lên Giulô. Thầy đội này được biệt phái từ Trung Đoàn Auguta, một quân đoàn xuất sắc của quân đội Lamã. Giống như mọi thầy đội khác được nói đến trong Tân Ước, ông có tính cách nổi trội về nhân từ, công bằng và thương người.

27:2 Có nhiều tù nhân khác trên tàu, và họ cũng giống như Phaolô, đang bị giải đến Lamã để xét xử. Trên danh sách hành khách còn có tên của Aritac và Luca, cả hai đều là bạn đồng hành của sứ đồ trong những chuyến hành trình trước. Con thuyền chở họ

xuất phát từ **Atramít**, một thành phố ở xứ Mysi thuộc vùng tây bắc cõi Tiểu Á. Theo lộ trình, tàu đi lên hướng bắc và hướng tây, dừng tại những hải cảng dọc bờ biển cõi Asi, là vùng phía tây Tiểu Á.

27:3 Thuyền đi lên phía bắc dọc bờ biển Palestine, ghé vào **Sidon**, cách Sēsarê bảy mươi dặm. Thấy **đội Giulô** từ tế cho phép **Phaolô** lên bờ đi thăm bạn hữu và được bạn hữu chăm sóc.

27:4,5 Từ Sidon, lộ trình băng qua vùng đông bắc của Địa Trung Hải, đi ngang mé bên trái **đảo Chiprô**, nhờ đó lợi dụng bờ đảo này để núp gió. Dấu **gió ngược**, con thuyền vẫn vượt bờ biển phía nam của Tiểu Á, rồi đi lên hướng tây ngang qua **Silisi** và **Bamphily** tới **Myra**, thành phố cảng của xứ **Lysi**.

27:6 Tại đó thấy **đội** chuyển từ nhân lên một con thuyền khác, vì con thuyền thứ nhất không đi về phía Italy nữa; nó sẽ theo bờ phía tây của Tiểu Á trở về cảng quê hương của nó.

Con thuyền thứ nhì xuất phát từ Alexandria trên bờ biển phía bắc Châu Phi. Trên thuyền có hai trăm bảy mươi sáu người, kể cả thủy thủ đoàn và hành khách, và chở lúa mì. Từ Alexandria, thuyền đi lên hướng bắc hăng Địa Trung Hải đến Myra, và giờ đây đi theo hướng tây đến Italy.

28:7,8 Suốt nhiều ngày, thuyền đi rất chậm vì gió ngược. Khó nhọc lắm thủy thủ đoàn mới đưa con tàu đến cảng **Cornil**, hải cảng xa nhất về phía tây nam Tiểu Á. Vì gió ngược nên họ đi về hướng nam dọc theo bờ đông đã được chắn gió của **đảo Córêl**. Vòng

qua mũi **Samu**, họ đi theo hướng tây rồi gập glock ngược cho đến khi tới **Mỹ Căng** (Fair Havens), một hải cảng gần thành **Lasê**, trên bờ biển trung nam **đảo Córêl**.

27:9,10 Đến lúc này, họ đã mất khá nhiều **lời** giờ vì những điều kiện không thuận lợi cho **chuyến đi biển**. Mùa đông sắp đến càng khiến **chuyến đi nguy hiểm** hơn. Lúc đó chắc đã cuối tháng Chín hoặc đầu tháng Mười dương lịch, vì kỳ **Kiêng Ăn** (Ngày Lễ Chuộc Tội) đã qua rồi. **Phaolô** báo cho thủy thủ đoàn biết **chuyến vượt biển này** không an toàn và nếu cứ tiếp tục đi thì sẽ có nguy cơ **mất hàng hóa và con tàu**, và thậm chí **mất cả mạng sống** người trên tàu nữa.

27:11,12 Tuy nhiên, người lái tàu và chủ tàu muốn đi tiếp. Thấy **đội** tin phân đoán của họ, và hầu hết những người khác cũng đồng ý với họ. Người ta cảm thấy **cảng này không tiện trú đông** cho bằng **cảng Phênit**. **Phênit** nằm bốn mươi dặm ở phía tây **Mỹ Căng**, ở cực tây nam **đảo Córêl**. **Hải cảng này hướng về phía tây nam và phía tây bắc**.

27:13-17 Khi gió nam thổi nhẹ, các thủy thủ tưởng có thể đi thêm đến Phênit. Họ nhổ neo đi về hướng tây, đi dọc theo bờ biển. Sau đó một trận gió đông bắc rất mạnh (**Euroclydon**⁸⁰) thổi ập tới họ từ các vách đá dọc theo bờ biển. Không thể lái tàu theo lộ trình đã định, thủy thủ đoàn buộc phải để **con tàu** trôi theo chiều gió. Họ bị thổi giạt về hướng tây nam đến một hòn đảo nhỏ gọi là **Culôđa**,⁸¹ cách **Córêl** khoảng hai mươi đến ba

mười dặm. Khi đến mè khuất gió của đảo, họ khó nhọc lắm mới cột chắc được con thuyền cấp cứu (Bản Anh ngữ) mà họ đang kéo theo. Nhưng cuối cùng họ cũng có thể trục nó lên trên boong. Sau đó lấy dây ràng quanh thân chiếc tàu lớn để nó khỏi bị sóng lớn đánh tan. Họ rất sợ bị giật về phía nam đến đảo Siroto, vùng vịnh nằm trên bờ biển Phi Châu nổi tiếng về những bãi cát ngầm nguy hiểm. Vì muốn tránh, họ hạ buồm xuống để mặc gió đưa trôi đi.

27:18,19 Sau một ngày trôi giạt theo cơn bão, họ bắt đầu ném hàng hóa xuống khỏi tàu. Đến ngày thứ ba, họ ném hàng hóa trên tàu xuống biển. Rõ ràng con tàu bị nước tràn vào rất nhiều, nên cần làm nhẹ tàu để khỏi bị chìm.

27:20 Trong mấy ngày họ trôi giạt vô vọng, chẳng thấy mặt trời hay ngôi sao nào, nên không thể xác định phương hướng để biết họ đang ở đâu. Cuối cùng họ cũng mất luôn hy vọng sống sót.

27:21-25 Con đói càng làm họ tuyệt vọng hơn. Những người này không ăn đã lâu. Rõ ràng họ dồn hết thì giờ lo giữ con tàu và tát nước ra. Có lẽ họ không có phương tiện gì để nấu nướng. Bệnh tật, sợ hãi và ngã lòng chắc đã khiến họ hết thêm ăn. Không hề thiếu thức ăn, nhưng cũng chẳng còn thêm ăn nữa.

Lúc đó Phaolô đứng dậy giữa đám họ rao giảng sứ điệp hy vọng. Trước hết, ông nhẹ nhàng nhắc họ nhớ rằng ra không nên dời khỏi đảo Corét. Sau đó ông bảo đảm với họ rằng con tàu sẽ

bị mất, nhưng sẽ không mất ai hết. Làm sao ông biết? Một thiên sứ của Chúa đã hiện ra với ông trong đêm đó, bảo đảm với ông rằng ông sẽ phải ứng hầu trước mặt Sêsa tại Rôma. Đức Chúa Trời đã ban cho vị sứ đồ hết thảy những người cùng đi biển với ông, theo ý nghĩa họ cũng sẽ được giữ gìn. Do đó họ nên vui lên. Phaolô tin hết thảy mọi người đều sẽ mạnh khỏe, nhờ vậy họ sẽ bị đắm tàu tại một hòn đảo nào đó.

A. W. Tozer viết rất sáng suốt:

Khi "gió nam non bắt đầu thổi," con thuyền chở Phaolô đi thuận buồm và không ai trên boong biết Phaolô là ai, cũng không biết sức mạnh hay nghị lực ẩn tàng sau vẻ bề ngoài khá đơn giản ấy. Nhưng khi cơn cuồng phong Orcaquilôn ập đến trên họ, thì tình vĩ đại của Phaolô chẳng mấy chốc trở thành câu chuyện của mọi người trên tàu. Dần chính ông là từ nhân, vì sự dò dẫm chủ huy con tàu theo đúng nghĩa đen, ra những quyết định và những mạng lệnh mang ý nghĩa sống chết cho đoàn người này. Và tôi nghĩ không hoàng này đã đẩy một điều trong Phaolô lên đến đỉnh điểm mà thậm chí trước đó chính ông cũng chưa rõ. Lý thuyết đẹp đẽ đã nhanh chóng kết tinh thành hồng chướng chính các khi giống nó ập tới.⁸²

27:27-29 Đã mười bốn ngày từ khi rời Mỹ Cảng. Giờ đây họ đang trôi giạt vô vọng trên phần biển Địa Trung Hải gọi là biển Adrialich, vùng biển giữa Grêc, Italy và Châu Phi. Lúc nửa đêm, các thủy thủ cảm thấy đang đến gần vùng đất nào đó; có lẽ họ nghe

được liếc sông lớn vô bờ. Khi lần thứ nhất dò độ sâu, họ thấy sâu hai mươi sải (360 mét), rồi sau đó là mười lăm sải. Để tránh mắc cạn, họ bèn từ trên đầu lái tàu quăng bốn neo xuống và ước ao đến sáng (Bản Anh ngữ - và cầu nguyện cho trời mau sáng).

27:30-32 Sợ mất mạng, một số thủy thủ âm mưu lên bờ bằng thuyền nhỏ. Họ đang hạ chiếc tam bản xuống biển tứ mui tàu - giả vờ như đang thả neo - thì Phaolô báo âm mưu của họ cho thấy đội. Phaolô cảnh báo nếu những thủy thủ đó không cứ ở trên tàu, số người còn lại sẽ không được cứu. Lúc đó bọn lính bèn cắt dây buộc tam bản, làm cho rời xuống. Như vậy, những thủy thủ này buộc phải cố cứu lấy mạng sống của họ trên boong tàu, cũng như cứu mạng của người khác.

27:33,34 Phillips đặt nạn đề cho câu 33-37 là "trí năng vững chắc của Phaolô." Để thưởng thức được biển có nổi tiếng này, chúng ta phải thực sự biết đôi điều về nổi kinh hoàng của bão tố dữ tợn trên biển. Rồi chúng ta cũng nên nhớ Phaolô không phải là thuyền trưởng nhưng chỉ là một tù nhân đi trên tàu.

Lúc trời sắp sáng, Phaolô khuyên mọi người ăn, nhắc họ nhớ đã hai tuần không ăn uống chỉ. Bữa đến lúc phải ăn rồi, vì sức khỏe của họ tùy thuộc vào đó. Vị sứ đồ bảo đảm với họ không một sợi tóc trên đầu ai bị mất cả.

27:35 Sau đó ông làm gương bằng cách lấy bánh, tạ ơn Đức Chúa Trời trước mặt mọi người, rồi ăn. Chúng ta ngại cầu nguyện trước mặt người khác

thường xuyên biết bao! Nhưng những lời cầu nguyện như thế lại thường xuyên có ý nghĩa nhiều hơn lời giảng của chúng ta.

27:36,37 Khích lệ như vậy, ai nấy đều ăn. Có hai trăm bảy mươi sáu người trên con tàu.

27:38-41 Sau khi ăn, họ quăng lương thực xuống biển cho nhẹ tàu. Đãi liến gần đó, nhưng họ không thể nhận ra. Người ta quyết định đưa tàu vào cảng sát bờ cảng tốt. Họ thả dây bở neo xuống biển. Rồi họ tháo dây bánh lái mà trước đó đã nâng lên, rồi hạ chúng xuống đúng chỗ. Giương buồm lên, họ liến vào bờ, và lái con thuyền đụng cạn tại chỗ hai ngọn nước biển sát nhau - có lẽ trong con kênh giữa hai hòn đảo. Mũi tàu cắm xuống cát, nhưng đầu lái chẳng mấy chốc đã bị sóng dữ đánh nát.

27:42-44 Quân lính bàn định giết các tù phạm để tù khởi trốn, nhưng đội trưởng muốn cứu Phaolô nên bãi bỏ lệnh đó. Ông ra lệnh ai bơi được thì bơi vào bờ. Số còn lại được lịnh bám trên những miếng ván hay trên các mảnh vỡ của con tàu. Như vậy, mỗi người của thủy thủ đoàn và hành khách đều lên bờ bình an vô sự.

28:1,2 Ngay khi thủy thủ đoàn và hành khách lên bờ, họ biết mình ở trên cú lao Manơ. Một số thổ dân trên đảo thấy nạn đắm tàu và chừng kiến những nạn nhân đang vật lộn với sóng biển để vào bờ. Họ rất tử tế đốt một đống lửa cho người mới đến, hoàn toàn ướt sũng và lạnh, vì vừa do nước biển vừa do nước mưa.

28:3 Đang khi Phaolô giúp đốt lửa, ông bị một con rắn độc cắn. Dương như con rắn nằm im giữa đống củi troi giạt. Khi bỏ củi vào lửa, con rắn nhanh chóng tỉnh lại và đột ngột tấn công sứ đồ. Nó quấn trên tay ông, không phải chỉ theo nghĩa cuộn tròn quanh tay, nhưng đã thực sự cắn vào tay.

28:4-6 Thoạt đầu dân trên đảo kết luận chắc chắn sứ đồ là tay giết người. Dầu thoát nạn đắm tàu, thế nhưng công lý vẫn đang ra tay trên ông và chẳng mấy chốc ông sẽ bị sưng lên hoặc ngã xuống chết tức thì. Tuy nhiên, khi Phaolô không bị hại gì từ vết rắn cắn, họ đổi ý, nói ông là một vị thần! Đây là một minh họa sinh động khác nữa về tình thất thường và hay thay đổi của tâm lòng và tâm trí con người.

28:7 Từ trường đảo Mantơ lúc bấy giờ là Rôđiô. Ông có đất nhiều đang kể xung quanh bãi biển chỗ đoàn người đắm tàu đã lên bờ. Viên sĩ quan Lamã giàu có này đã hấp đãi Phaolô và các bạn cách tử tế, tiếp đãi họ trong ba ngày, tức là cho đến khi thu xếp xong những chỗ ở lâu bền cho họ trú qua mùa đông.

28:8 Lòng tử tế của người ngoại bang này đã được thưởng. Lúc đó, cha ông bị sốt và kiết lỵ. Phaolô đi thăm người, cầu nguyện xong, đặt tay lên và chữa lành cho.

28:9, 10 Tin đồn phép lạ chữa bệnh này lan nhanh khắp đảo. Trong ba tháng kể đó, người ta đem những người bệnh đến cho Phaolô, và hết thảy đều được chữa lành. Dân đảo

Mantơ tỏ lòng biết ơn sứ đồ và Luca⁸³ khi họ lên đường bằng cách hết sức tôn trọng họ, tặng nhiều món quà sẽ hữu ích cho hành trình đến Lamã.

28:11 Sau ba tháng mùa đông trôi qua, đường hàng hải an toàn trở lại, thấy đội cùng với các tù nhân xuống một con tàu ở Alexandria đã trú đông trên đảo. Tượng thần làm bằng hiệu của con tàu này là Điốtcuva (Hai Anh Em Song Sinh), tức là thần Castor và Pollux. Theo các thủy thủ thờ tà thần, hai vị thần này được xem là thần bảo hộ người đi biển.

28:12-14 Từ Mantơ, họ đi khoảng tám mươi dặm đến Siracuse, thủ phủ của Sisilơ, nằm trên bờ biển phía đông vùng này, tàu dừng tại đó ba ngày, rồi đi đến Rêghium, nằm phía đỉnh góc tây nam của Italy. Sau một ngày thì có gió nam thuận lợi, giúp thủy thủ đoàn đi một trăm tám mươi dặm lên phía bắc dọc bờ biển phía tây của Italy đến Buxôlơ, trên bờ biển phía bắc của vịnh Naples. Buxôlơ nằm khoảng một trăm nam mươi dặm đông nam Rôma. Tại đó, vị sứ đồ gặp các anh em trong Đấng Christ, và ông được phép thông công với họ trong bảy ngày.

28:15 Kinh Thành không cho biết tin Phaolô tới Buxôlơ đã lan đến Rôma bằng cách nào. Tuy nhiên, có hai nhóm anh em khác nhau ra đón ông. Một nhóm đi bốn mươi ba dặm phía đông nam Rôma đến Phôrum Ápbiu (Chợ Ápbiu). Nhóm kia đi ba mươi ba dặm phía tây nam đến Ba Quán. Phaolô rất vui mừng và được kính chỉ bởi biểu hiện cảm động về tình yêu thương của các thánh đồ tại Rôma.

28:16 Đến Rôma, ông được phép ở trong nhà riêng, có lính canh giữ.

J. Phaolô Bị Giám Tổng Nhà Và Làm Chứng Cho Người Giuda Tại Rôma (28:17-31)

28:17-19 Theo phương sách của ông là làm chứng cho người Giuda trước hết, **Phaolô** mời các lãnh đạo tôn giáo của họ. Khi họ nhóm lại trong ngôi nhà ông thuê, ông giải thích trướng hợp của mình cho họ nghe. Ông nói với họ rằng đầu ông **không** làm gì **chống lại** dân Do Thái hay thói tục của họ, thế nhưng người Giuda tại Giêrusalem vẫn nộp ông trong tay người Rôma để xét xử. Nhà cầm quyền người ngoại bang không tìm thấy lỗi gì nơi ông, muốn thả ông ra, nhưng khi người Giuda kêu la chống cự, sứ đồ buộc phải kháng án đến Sêsa. Cuộc kháng án này không nhằm mục đích buộc tội dân Giuda. Trái lại, ông kháng án để có thể tự bình vực mình.

28:20 Chính vì không bẻ phạm tội nào chống lại dân Giuda nên ông đã mời những người Giuda lãnh đạo ở tại Lamã đến. Thật ra, chính vì sự trướng cậy của dân Ysraên mà **Phaolô** mang tiếng này. Như đã giải thích trước đây, sự trướng cậy của dân Ysraên nói đến sự ứng nghiệm những lời hứa đã lập với các tổ phụ của dân Giuda, đặc biệt lời hứa ban Đấng Mêsai. Sự sống lại của kẻ chết vốn bao hàm sẵn trong sự ứng nghiệm những lời hứa này.

28:21,22 Những trưởng lão Giuda luyện hồ họ không biết gì về sứ đồ Phaolô. Họ chẳng nhận được thư nào từ Giuđê nói về Phaolô, và cũng

không một người Giuda nào trong số họ báo cho họ biết về Phaolô. Tuy nhiên, họ không muốn nghe Phaolô thêm nữa, vì biết đạo Đấng Christ mà ông đang ủng hộ chính là đạo đang bị **chống nghịch khắp mọi nơi**.

28:23 Ít lâu sau, rất đông người Giuda đến nhà trọ của Phaolô để nghe giảng thêm. Ông tận dụng cơ hội này làm chứng cho họ về nước Đức Chúa Trời, và gắng sức khuyên bảo họ về Đức Chúa Jêsus. Khi giảng giải như vậy, ông trích **luật pháp của Môisê và các đấng liên tri, lời sáng cho đến chiểu**.

28:24 Có người tin sứ điệp ông giảng, có người không tin. (Không tin thì còn nặng hơn cả tình trạng chỉ đơn thuần không tiếp nhận sứ điệp. Nó cho thấy sự khước từ dứt khoát.)

28:25-28 Khi Phaolô một lần nữa thấy Tin Lành nói chung đang bị dân Giuda chối bỏ, ông đã trích lời Êsai 6:9 và 10, trong đó vị tiên tri được sai đi giảng đạo cho một **dân nặng lòng, tai đã điếc và mắt đã mù**. Một lần nữa sứ đồ thấy đau lòng về việc giảng Tin Lành cho những người không muốn nghe. Khi thấy người Do Thái khước từ như vậy, **Phaolô** tuyên bố sẽ đem Tin Lành đến cho người ngoại bang, và ông diễn tả sự hào đảm người ngoại bang sẽ nghe Tin Lành.

28:29 Những người Giuda vô tin đi ra, cãi lầy với nhau. Như Calvin nói rõ, chính việc Phaolô trích lời tiên tri nghịch cùng họ đã chọc giận thành phần không kính sợ Đức Chúa Trời, là những người chối bỏ Đấng Mêsai. Nó khiến họ hết sức tức giận những

người Giuđa nào tiếp nhận Đấng Mési. Nhà Cải Chánh đã nêu một áp dụng rất bổ ích:

Cuối cùng, sẽ thật uổng công cho bất kỳ ai dùng điều này làm cơ để nói Tin Lành Đấng Christ gây ra những tranh đấu, khi hiển nhiên những tranh đấu này chỉ xuất phát từ sự ngoan cố của con người. Và thực ra, để được hưởng bình an với Đức Chúa Trời, chúng ta cần phải khai chiến với những ai khinh thường Ngài.⁸⁴

28:30 Sau đó Phao-lô cứ ở tại Rôma trọn hai năm, sống trong căn nhà ông đã thuê, tiếp rước mọi người đến thăm ông liên tục. Chác trong thời gian này ông đã viết các thư tín gửi cho người Êphê-sô, Philip, Cô-lô-se và Phi-lê-môn.

28:31 Ông được hưởng tự do đáng kể, giảng về nước Đức Chúa Trời, và dạy dỗ về Đức Chúa Jê-sus Christ cách tự do trọn vẹn, chẳng ai ngăn cấm người hề.

Sách Công Vụ kết thúc như thế. Có người nghĩ sách Công Vụ kết thúc đột ngột lạ lùng. Tuy nhiên, khuôn mẫu phác họa từ đầu nay đã được làm trọn. Tin Lành đã đi đến với Giê-rusalem, Giu-đê, Samari và giờ đây đến với thế giới ngoại bang.

Những biến cố trong đời sống của Phao-lô sau kết thúc của sách Công Vụ thì chỉ có thể suy ra từ các tác phẩm sau này của ông.

Người ta thường cho rằng sau hai năm ở tại Rôma, vụ kiện của ông đã đến nơi Nê-rô và được phán quyết tha bổng.

Sau đó ông bắt đầu điêu được gọi là Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư. Những nơi ông chắc đã ghé thăm trong hành trình này như sau, đầu vậy không nhất thiết theo đúng thứ tự này:

1. CÔ-LÔ-SE và Ê-PHÊ-SÔ (Phi-lê-môn 22).
2. MAXÊ-ĐOAN (I.Timô-thê 1:3; Philip 1:25; 2:24).
3. Ê-PHÊ-SÔ (I.Timô-thê 3:14).
4. TÂY BAN NHA (Rô-ma 15:24).
5. CÔ-RÉT (Tit 1:5)
6. CÔ-RINH-TÔ (II.Timô-thê 4:20).
7. MİLÊ (II.Timô-thê 4:20).
8. Ở qua mùa đông tại NICÔ-BÔ-LI (Tit 3:12).
9. TRÓ-ÁCH (II.Timô-thê 4:13).

Chúng ta không có thông tin nào để biết vì sao ông bị bắt, bị bắt vào lúc nào hay ở đâu, nhưng thật sự biết ông được giải đến Rôma như một tù nhân lần thứ nhì. Lần bị tù này hà khắc hơn lần đầu (II.Timô-thê 2:9). Ông bị hầu hết bạn hữu xa lánh (II.Timô-thê 4:9-11), và biết kỹ qua đời của ông đã gần rồi (II.Timô-thê 4:6-8).

Truyền khẩu nói ông bị chém đầu bên ngoài thành Rôma vào năm 67 hay 68 S.C. Về bài ca ngợi Phao-lô, hãy đọc chính những lời của ông trong II.Cô-rinh-tô 4:8-10, 6:4-10, và 11:23-28 cùng với bài giải nghĩa của chúng ta về những đoạn tóm tắt đầy cảm động này.

SỬ ĐIỆP CỦA SÁCH CÔNG VỤ

Sau khi đọc sách Công Vụ, nên ôn lại những nguyên tắc và những nếp sống đạo của Cơ Đốc nhân đầu tiên. *Điều gì đặc trưng cho các tín hữu và*

các Hội Thánh địa phương nơi họ làm thuộc viên?

Thứ nhất, hiển nhiên những Cơ Đốc nhân ở thế kỷ thứ nhất đã sống vì Chúa Jêsus. Toàn bộ quan điểm của họ đều tập trung vào Đấng Christ. Nguyên nhân chính yếu khiến họ tồn tại chính là để làm chứng cho Cứu Chúa, và họ đã mạnh mẽ, sốt sắng dâng mình vào công tác này. Trong một thế giới đấu tranh điên cuồng để sinh tồn, vẫn có một nhóm nồng cốt những môn đồ Đấng Christ đầy sốt sắng biết tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài trước hết. Đối với họ, mọi điều khác đều không quan trọng bằng sự kêu gọi vinh hiển này.

Jowett nhận định đầy thần phục:

Các môn đồ đã được báp têm hồng... lòng nhiệt thành thành khiết hừng sáng lấy từ bàn thờ của Đức Chúa Trời. Họ đã có ngọn lửa trung tâm này, để mọi mục đích và năng lực khác trong đời sống đều nhận được sức mạnh từ đó. Ngọn lửa này trong linh hồn của các sứ đồ giống như lò lửa đốt nổi áp suất trên một con tàu vi đại, để đẩy con tàu băng qua những giông tố và biển cả đầy đổ vỡ và phù lấp. Không gì chặn đứng nổi những con người này! Không điều gì có thể ngăn trở họ tiến lên... Một mệnh lệnh mạnh mẽ vang lên trong khắp mọi việc làm và mọi lời nói của họ. Họ có sức nóng và có sự sáng vì đã chịu báp têm bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.⁸⁵

Sứ điệp họ rao giảng tập trung quanh sự phục sinh và vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ. Họ là những

chứng nhân cho Cứu Chúa Phục Sinh. Con người đã giết Đấng Mêsai, nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Đấng ấy từ kẻ chết sống lại và ban cho Ngài địa vị cao trọng nhất trên Thiên đàng. Mọi đầu gối phải quỳ trước Ngài - là Con Người được tôn vinh hiển bên hữu Đức Chúa Trời. Không có con đường cứu rỗi nào khác.

Giữa môi trường thù ghét, cay đắng và tham lam, các môn đồ đã bày tỏ tình yêu đối với mọi người. Họ đã đem lòng nhân từ báo đáp lại sự bất bớ, và cầu nguyện cho những người tấn công mình. Tình yêu thương của họ đối với các Cơ Đốc nhân khác buộc kẻ thù phải thốt lên: "Hãy xem những Cơ Đốc nhân này yêu thương nhau biết dường nào!"

Chúng ta có ấn tượng đặc biệt rằng họ đã sống hy sinh để truyền bá Tin Lành. Họ không xem của cải vật chất là của riêng mình, nhưng xem như Đức Chúa Trời cho phép mình quản lý chúng. Nơi đâu có nhu cầu thật sự, nơi đó lập tức có ngân quỹ để đáp ứng cho người túng thiếu.

Những vũ khí để đánh trận của họ không thuộc về xác thịt, nhưng đầy quyền năng bởi Đức Chúa Trời để triệt hạ những đốn lụy. Họ nhận thấy không phải mình đang đánh trận cùng những lãnh đạo tôn giáo hay chính trị, nhưng họ đang chống lại các thế lực gian ác trong các nơi trên trời. Vì vậy họ tiến lên, được trang bị bằng đức tin, cầu nguyện và Lời Đức Chúa Trời. Khác với Hối Giáo, Cơ Đốc giáo phát triển không bằng cách dùng bạo lực.

Những Cơ Đốc nhân đầu tiên này sống phân rẽ khỏi thế gian. Họ ở

trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Họ cứ duy trì mối giao tiếp chủ động với người chưa tin Chúa để làm chứng, nhưng không bao giờ thỏa hiệp lòng trung thành với Đấng Christ bằng cách dưng phần vào những thú vui tội lỗi trong thế gian. Là những khách hành hương và khách lạ, họ đi qua vùng đất xa lạ, tìm cách trở thành nguồn phước cho mọi người mà không dưng phần vào ở uest của nó.

Họ có tham gia làm chính trị hay tìm cách giải quyết các tệ nạn xã hội của thời đó không? Quan điểm của họ là: mọi điều xấu xa, lạm dụng và hung bạo trong thế gian này đều xuất phát từ bản chất tội lỗi của con người. Để giải quyết những tệ nạn, phải giải quyết tận nguyên nhân của chúng. Những cải cách chính trị và xã hội chỉ giải quyết những triệu chứng chứ không ảnh hưởng được đến chính căn bệnh mà chỉ có Tin Lành mới giải quyết được tận trung tâm vấn đề và thay đổi được bản chất xấu xa của con người. Vì vậy, họ không bị chia trí bởi những giải pháp tốt hạng nhì. Họ rao giảng Tin Lành bất luận gặp thời hay không gặp thời. Tin Lành đi đến đâu, những vết thương mưng mủ nhức nhối được loại trừ hay được giảm bớt đến đó.

Họ không ngạc nhiên khi gặp bất bở. Họ đã được Chúa dạy phải chờ đôn bất bở. Thay vì báo thù hay thậm chí tự binh vực, họ đã phó chính họ cho Đức Chúa Trời, là Đấng xử đoán công bình. Thay vì tìm cách trốn khỏi hoạn nạn, họ cầu nguyện xin được dạn dĩ để rao giảng Đấng Christ cho mọi người họ tiếp xúc.

Mục tiêu trước mặt các môn đồ chính là truyền giảng Tin Lành cho thế giới. Đối với họ, không hề có sự phân biệt giữa hội truyền giáo nội địa và hải ngoại. Cảnh đồng là thế gian. Hoạt động truyền giảng Tin Lành tự nó không phải là mục đích, tức là họ không thỏa lòng ở chỗ chỉ đưa linh hồn đến Đấng Christ rồi để mặc họ đi loạng choạng tự xoay sở. Trái lại, những tân tìn hữu được tập trung vào các hội chúng Cơ Đốc địa phương, tại đó, họ được dạy dỗ Lời Chúa, nuôi dưỡng trong sự cầu nguyện, và còn được làm vững mạnh trong đức tin. Rồi họ được thách thức đi ra đem sứ điệp đến cho người khác.

Chính việc thành lập các Hội Thánh địa phương đã tạo tình lâu bền cho công tác và chu cấp cho việc đi ra đem Tin Lành đến cho những khu vực xung quanh. Các hội chúng này mang tính bản xứ, tức là họ tự trị, tự truyền bá và tự túc về tài chánh. Mỗi hội chúng đều độc lập với các Hội Thánh khác, thế nhưng có sự thông công của Thánh Linh giữa họ. Mỗi hội chúng tìm cách sinh sôi ra nhiều hội chúng khác trong lãnh thổ kế cận. Và mỗi hội chúng được cung cấp tài chánh từ bên trong. Không có một ngân quỹ trung tâm hay một tổ chức mẫu hội nào cả.

Những hội chúng này chủ yếu là những nơi trú ẩn thuộc linh cho tin hữu hơn là những trung tâm để tìm đến với người chưa được cứu. Những sinh hoạt Hội Thánh bao gồm việc bẻ bánh, thờ phượng, cầu nguyện, học Kinh Thánh, và thông công. Các buổi nhóm truyền giảng Tin Lành không tổ

chức trong các hội chúng này, nhưng đúng hơn được tổ chức tại bất cứ nơi đâu có dịp nói với người chưa được cứu - trong các nhà hội, nơi phố chợ, trên đường phố, trong ngục tù, và từ nhà này đến nhà kia.

Các Hội Thánh không nhóm lại trong các tòa nhà đặc biệt được dựng lên cho mục đích này, nhưng trong các nhà riêng của tín hữu. Điều này tạo tình linh động rất lớn cho Hội Thánh trong thời kỳ bị bắt bớ, cho phép Hội Thánh "phát triển trong thầm lặng" thật nhanh chóng dễ dàng.

Ngay từ đầu, đương nhiên không có các giáo phái. Mọi tín hữu được công nhận là chi thể của Thân Đấng Christ, và mỗi Hội Thánh địa phương là một biểu hiện của Hội Thánh phổ thông.

Cũng không hề có sự phân biệt giữa giới giáo phẩm và giáo dân. Trong hội chúng, không người nào có những quyền lợi độc quyền về giảng dạy, làm phép báp-têm hay cử hành Tiệc Thánh. Có sự công nhận mỗi tín hữu có ân tứ nào đó, và có sự tự do vận dụng ân tứ đó.

Những người được ban ân tứ là các sứ đồ, các tiên tri, những người giảng Tin Lành, mục sư, và giáo sư, đã không tìm cách chứng minh mình là những chức viên không thể thiếu được trong Hội Thánh. Chức năng của họ là gây dựng các thánh đồ trong đức tin để thánh đồ cũng có thể phục vụ Chúa hàng ngày. Những người có ân tứ trong thời kỳ Tân Ước được trang bị cho công tác bởi sự xúc dầu đặc biệt của Đức Thánh Linh. Điều này giải

thích làm thế nào những người ít học và đơn sơ lại có ảnh hưởng lớn lao đến thế trên thời đại họ. Họ không phải là "nhà chuyên môn" theo ý nghĩa chúng ta nghĩ về từ ngữ này thời nay, nhưng là những truyền đạo không chuyên được xúc dầu từ trên cao.

Sự rao giảng sứ điệp trong sách Công Vụ thường đi kèm nhiều phép lạ - tức là những dấu kỳ sự lạ và nhiều ân tứ khác nhau của Thánh Linh. Tuy những phép lạ này dường như nổi bật trong các đoạn đầu, nhưng chúng vẫn tiếp tục cho đến cuối sách.

Sau khi một Hội Thánh địa phương bắt đầu hoạt động, các sứ đồ hay những đại diện của sứ đồ bổ nhiệm các trưởng lão - tức những người coi sóc phần tâm linh. Những người này chân bầy ấy. Có nhiều trưởng lão trong mỗi Hội Thánh.

Danh từ "chấp sự" không áp dụng cụ thể cho một chức viên Hội Thánh trong sách Công Vụ. Tuy nhiên, hình thức động từ của chữ này được dùng mô tả sự phục vụ được thực hiện cho Chúa, bất luận là sự phục vụ thuộc linh hay thuộc trần thế.

Các tín hữu đầu tiên làm phép báp-têm bằng cách dìm mình xuống nước. Ấn tượng chung là tín hữu chịu báp-têm ngay sau khi hoán cải. Ngày đầu tiên của tuần lễ, các môn đồ nhóm lại với nhau để tưởng nhớ Chúa qua sự bẻ bánh. Buổi nhóm này chắc không trang trọng như ngày nay. Dường như lễ bẻ bánh được cử hành liên quan với bữa ăn chung hay bữa tiệc yêu thương.

Hội Thánh đầu tiên rất quan tâm cầu nguyện. Đây là dây cứu sinh gắn liền với Đức Chúa Trời. Những lời cầu nguyện ấy sốt sắng, đầy lòng tin và bùng cháy. Các môn đồ cũng kiêng ăn để mọi sức mạnh của họ tập trung vào các vấn đề thuộc linh mà không bị chia trí hay buồn ngủ.

Chính sau lúc kiêng ăn cầu nguyện mà các tiên tri và giáo sư tại Antiót đã dâng Banaba và Saulơ cho chương trình truyền giáo đặc biệt. Cả hai vẫn đang phục vụ Chúa từ trước rồi. Do đó, sự gởi gắm này không phải là sự tấn phong vào chức vụ, nhưng là sự công nhận của các lãnh đạo tại Antiót rằng Đức Thánh Linh đã kêu gọi họ. Đây cũng là biểu hiện sự thống công hết lòng của hội chúng trong công tác mà Banaba và Saulơ đang đảm nhiệm.

Những người ra đi truyền giảng không bị điều khiển bởi hội chúng quê hương của họ trong công tác này. Họ dường như được tự do phục vụ theo như Đức Thánh Linh dẫn dắt. Nhưng họ có tương triện lại cho Hội Thánh quê hương của mình về những ơn phước Chúa trên công tác của họ.

Về vấn đề này, Hội Thánh không phải là một tập đoàn có tổ chức cao, nhưng là một cơ quan sống động hoạt động trong sự vâng phục không ngừng quyền dẫn dắt của Chúa. Đầu của Hội Thánh, là Đấng Christ trên thiên đàng, đã dẫn dắt chỉ huy các chi thể, và các chi thể ấy cứ giữ cho họ chịu học hỏi, linh động và chịu đáp ứng. Như vậy, thay vì gặp một mẫu phục vụ không linh động trong sách Công Vụ, chúng ta thấy sự vận động uyển

chuyển, không hề cứng nhắc. Chẳng hạn, không hề có quy luật cứng nhắc nào quy định thời hạn một sứ đồ ở nơi nào đó trong bao lâu. Tại Têsalônica, có lẽ sứ đồ Phaolô ở ba tháng, nhưng tại Êphêso ông ở lại ba năm. Do đó hoàn toàn tùy thuộc cần mất bao lâu để gây dựng cho các thánh đồ có thể tự thực hiện chức vụ Cơ Đốc.

Có người cảm thấy các sứ đồ tập trung chú ý vào các thành phố lớn, nhờ cậy vào các Hội Thánh đã được vững lập tại đó để lan tỏa ra các vùng ngoại ô. Nhưng nội như vậy có đúng không? Các sứ đồ có sử dụng các phương pháp cố định và cứng nhắc như thế không? Hay họ tuân theo các mạng lệnh đến từ Chúa mỗi ngày - bất luận là đến những trung tâm quan trọng hay đến những thôn xóm nhỏ bé?

Đương nhiên một trong những ấn tượng nổi bật chúng ta nhận được từ sách Công Vụ là các tín hữu đầu tiên đã chờ đợi và nương cậy vào sự dẫn dắt của Chúa. Họ đã bỏ mọi sự vì cơ Đấng Christ, họ không có điều gì hay bất kỳ ai khác ngoài chính Chúa. Vì vậy họ hướng đến Ngài tìm sự dân dật mỗi ngày và đã không bị thất vọng.

Dường như các nhân sự Cơ Đốc lưu hành có thói quen đi từng đôi. Bạn cộng sự thương là một nhân sự trẻ tuổi hơn, và như vậy sẽ đi theo học việc. Các sứ đồ không ngừng tìm những người trung tín và trẻ tuổi hơn để có thể đào tạo họ thành môn đồ.

Nhiều lần các đầy tớ Chúa đã sống tự túc. Chẳng hạn Saulơ làm nghề may trại. Nhiều lần khác họ được chu

cấp bởi những món quà yêu thương của các Hội Thánh.

Một ấn tượng đáng lưu ý khác nữa là những người lãnh đạo thuộc linh được công nhận như thế bởi những thánh đồ cộng tác với họ. Chính Thánh Linh là Đấng ban quyền năng cho họ có thể nói ra cách có thẩm quyền. Và cũng chính Thánh Linh ấy ban cho tín hữu khác một bản năng thuộc linh chân chính để vâng phục thẩm quyền ấy.

Các môn đồ cũng vâng lời chính quyền loài người cho đến một mức độ nào đó. Mức độ này dừng lại khi họ bị cấm rao giảng Tin Lành. Lúc đó, họ vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời con người. Khi bị chính quyền dân sự trừng phạt, họ đã chịu đựng không chút cưỡng lại, và không hề âm mưu chống chính quyền.

Tin Lành đã được rao giảng trước hết cho người Giuđa, và sau khi bị người Ysraên khước từ sứ điệp, Tin Lành đã đi ra đến với người ngoại. Mạng lệnh "trước cho người Giuđa" đã được ứng nghiệm cách lịch sử trong sách Công Vụ. Ngày nay, người Giuđa được đối đãi cũng giống như người ngoại bang trước mặt Đức Chúa Trời - không phân biệt chi hết, "vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời."

Có quyền năng lớn lao trong chức vụ của Hội Thánh đầu tiên. Vì sợ Đức Chúa Trời không đẹp lòng, người ta không tuyên xưng hơi hợt rằng họ là Cơ Đốc nhân. Tội lỗi trong Hội Thánh được phơi bày ra mau chóng, và bị Đức Chúa Trời hình phạt nghiêm khắc trong một số trường hợp, chẳng hạn như Ananias và Saphira.

Nhờ nghiên cứu sách Công Vụ, ta có một niềm tin dứt khoát và lâu bền: Nếu chúng ta noi gương Hội Thánh đầu tiên trong đức tin, đức hy sinh, tận hiến và sự phục vụ không chút mệt mỏi, thế gian này có thể nghe giảng Tin Lành ngay trong thế hệ chúng ta.

CHÚ THÍCH

¹(Giới Thiệu) J. B. Phillips, *The Young Church in Action*, trang vii.

²(1:5) Khoảng thời gian giữa lúc Đấng Christ phục sinh và thăng thiên là 40 ngày. Thêm mười ngày nữa trước Lễ Ngũ Tuần. Nhưng Chúa đã không cho họ biết chính xác là bao nhiêu ngày. Có lẽ để cho các môn đồ luôn trong tâm trạng mong đợi.

³(1:20) Đây không phải câu trích chính xác từ Thi Thiên như chúng ta có trong Kinh Thánh. Có hai nguyên nhân khả dĩ. (1) Các tác giả của Tân Ước thường trích Kinh Thánh Cựu Ước từ Bản Bảy Mươi (LXX) còn các bản dịch của chúng ta ra từ nguyên văn Hybátai; điều này giải thích cho một số biến thể trong từ ngữ. (2) Thường thì Đức Thánh Linh, là Đấng đã soi dẫn Cựu Ước, cũng là Đấng có quyền tự do sửa đổi đôi chút khi trích dẫn trong văn mạch Tân Ước.

⁴(2:1) Cũng chính những chữ được dùng cho "ở chung với nhau" (Bản Việt Ngữ ghi là "ăn ở với nhau") trong Bản Kinh Thánh Hy Lạp của Thi Thiên 133:1 (132:1 trong Bản LXX) là giống y những chữ được dùng ở đây trong Công Vụ để chỉ về "tại một chỗ" (*epi to auto*)

⁵{2:4} Những chức vụ khác của Thánh Linh sẽ thuộc về chúng ta tại lúc hoán cải là: sự xúc dầu (I Giăng 2:27), sự ấn chứng (Êphêsô 1:13), và của cảm bảo chứng (Êphêsô 1:14). Các chức vụ khác của Thánh Linh vốn tùy thuộc điều kiện vàng lời và đầu phục của chúng ta là: Sự dẫn dắt (Công Vụ 8:29), sự vui mừng (ITêsalônica 1:6), và quyền năng (Rôma 15:13).

⁶{2:22-24} Chữ được dịch là "những nỗi đau đớn" (Bản Việt Ngữ ghi là "đây trời") thường nói đến những cơn đau nhói khi sinh nở. Sự phục sinh của Đấng Christ được ví với sự sinh ra từ sự chết sang sự sống. Sự thương khó liên quan đến toàn bộ tiến trình này là rất kinh khiếp nhưng tạm thời. Cùng chính cụm từ này được dịch trong Thi Thiên 18:5 là "phững nỗi đau buồn của Âm phủ" (Bản Việt Ngữ ghi là "những dây Âm Phủ").

⁷{2:25-27} Barađi cũng là tầng trời thứ ba (II Côrintô 12:2, 4).

⁸{2:38} Charles C. Ryrie, *The Acts of the Apostles*, trang 24.

⁹{2:39} Charles H. Spurgeon, *The Treasury of the New Testament*, I:530.

¹⁰{2:41} Bản văn phê bình (NU) bỏ qua chữ "vui mừng."

¹¹ {2:44,45} F. W. Grant, "Acts," *The Numerical Bible: Acts to 2 Corinthians*, VI: 25, 26.

¹²{2:46} Mỗi khi chúng ta đọc đến chỗ nói Phaolô và những người khác vào đền thờ, điều này nói đến các hành lang của đền thờ, chứ không phải trong đền thánh. Chỉ những thầy tế lễ mới được vào đó. Dân ngoại bang chỉ được phép đi tới hành lang ngoài;

liều bnh đi xa hơn nữa sẽ bị trừng phạt bằng án tử hình.

¹³{Phần Phụ Lục} Trong bản văn phê bình, chữ "Hội Thánh" không xuất hiện mãi đến tận 5:11.

¹⁴{Phần Phụ Lục} Merrill F. Unger, *Unger's Bible Handbook*, trang 586.

¹⁵{Phần Phụ Lục} E. Stanley Jones, *Christ's Alternative to Communism*, trang 78.

¹⁶{Phần Phụ Lục} G. H. Lang, *The Churches of God*, trang 11.

¹⁷{4:1-4} Charles Haddon Spurgeon.

¹⁸{4:13} James A. Stewart, *Evangelism*, trang 95.

¹⁹{4:14-18} J. H. Jowett, *The Redeemed Family of God*, trang 137.

²⁰{4:27, 28} Ở đây, chữ "Đầy Tờ" là cách dịch được ưa thích hơn của chữ *pais*, hơn là chữ "con trẻ" - cũng như trong 3:13,26; 4:30.

²¹{4:27, 28} George Matheson, *Rest By the River*, trang 75-77.

²²{4:32-35} Grant, *Acts*, trang 34.

²³{4:32-35} F. E. Marsh, *Fully Furnished*, trang 74.

²⁴{4:32-35} Ryrie, *Acts*, trang 36.

²⁵ (5:40) Ryrie cho rằng trận đánh đòn ở đây có lẽ vì họ không vâng theo mạng lệnh trước đó của Tòa Công Luận (đối chiếu Phục truyền Luật lệ Ký 25:2,3).

²⁶{5:41} Có ba biến thể thú vị trong các truyền thống thú bản ở đây: TR: "Danh Ngài"; NU: "Danh duy nhất này"; M: "Danh Đức Chúa Jêsus."

²⁷{6:8} Êtiên (Hyvân: *Stephanos*) có nghĩa là "vòng hoa" hay "vòng hoa chiến thắng."

²⁸(6:10-14) Thứ tự từ ngữ có lẽ cho thấy họ ghen về danh dự của Môise hơn là danh dự của Đức Chúa Trời!

²⁹(7:9-19) "Bản nguyên ngữ và bản Hy Lạp có lẽ đều đúng cả; Bản Hy Lạp gộp cả năm con trai của Manase và Êphraim sanh tại Êđiptô (Sứ ký 7:14-27), theo rất nhiều hình thức khác nhau, không hề là chuyện bất thường trong những danh sách như thế." Kelly, *Acts*, trang 84.

³⁰(7:9-19) Để biết thêm cách luận giải đáng kính khác nữa về điều này và nan đề trước, xem Kelly, *Acts*, trang 84, 85.

³¹(7:20-43) Daily Notes of the Scripture Union, May 31, 1969.

³²(8:4-8) Từ Giêrusalem thì đi xuống (tính theo độ cao).

³³(8:4-8) Homer L. Payne, - What Is A Missionary Church? *The Sunday School Times*, 22 Tháng Hai, 1964, trang 129.

³⁴(8:12,13) Vì bản văn Kinh Thánh nói Simôn "đã tin" và ông xin Phierơ cầu thay cho mình (24), nên đã có lập luận cho rằng Simôn đã được cứu nhưng rất xác thật.

³⁵(8:26) Thành phố Phillin ngày xưa trên bờ biển Địa Trung Hải phía tây nam của Giêrusalem, trên lộ trình từ Palestine đến Êđiptô.

³⁶(8:27-29) *Candace* (Candace hay Kandake/chắc là một tước hiệu, giống như Pharaon, hơn là tên riêng của một người).

³⁷(8:27-29) Những tôi tớ nam của những nữ quan chức cao cấp đôi khi bị hoạn. Những người bị hoạn sẽ không được làm công dân hạng nhất

trong Do Thái giáo (Phục truyền Luật lệ Ký 23:1). Họ bị giới hạn vào thân phận "những người cải đạo ở tại cửa." Nhưng ở đây, một hoạn quan đã trở nên thành viên đầy đủ tư cách của Hội Thánh Đấng Christ.

³⁸(8:37) Tất cả những từ bản cổ nhất (NU) và đại đa số (M) thủ bản không có câu này. Người ta nghĩ đây là câu nói lúc chịu phép báp têm được sử dụng tại Lamã vào đầu thế kỷ thứ hai, được tìm thấy trong các thủ bản Tây Phương, gồm cả bản dịch tiếng Latin. Những người dạy về sự tái sanh bởi phép báp têm dĩ nhiên không muốn đánh mất câu này.

³⁹(8:38) Phương thức làm phép báp têm thời xưa bằng cách dìm mình xuống nước chính là sự kiện được thừa nhận bởi hầu hết các học giả Công Giáo Lamã, Calvin và rất nhiều người thực hành phương thức đổ nước hay rưới nước. Tuy nhiên, công bằng mà nói, nên nhắc rằng "vào trong" và "ra khỏi" cũng có thể dịch là "đến với" và "từ," dấu vậy Bản NKJV khá đúng nghĩa đen và chính xác.

⁴⁰(8:40)* Êthiôbi là quốc gia duy nhất tại Châu Phi có truyền thống Cơ Đốc liên tục từ ban đầu cho đến nay. Lòng trung tín của Phillip có lẽ là chìa khóa để mở cửa cho Hội Thánh tại đó.

⁴¹(9:1,2) Cũng xem 19:9, 23; 22:4; 24:14,22.

⁴²(Phần Phụ Lục) Harnack, được trích bởi Leighton Ford, *The Christian Persuader*, trang 46.

⁴³(Phần Phụ Lục) Dean Inge, được trích bởi E. Stanley Jones, *Conversion*, trang 219.

⁴⁴(Phần Phụ Lục) Bryan Green, *Ibid.*

⁴⁵(Phần Phụ Lục) Leighton Ford, được trích bởi Jones, *Conversion*, trang 46.

⁴⁶(Phần Phụ Lục) James A. Stewart, *Pastures of Tender Grass*, trang 70.

⁴⁷(9:36-38) Tabitha là tiếng Aram, và Đôca là tiếng Hylạp chỉ về "con linh dương."

⁴⁸(10:1, 2) Ryle, *Acts*, trang 61.

⁴⁹(10:3-8) Sẽ có lợi khi thợ thuộc da sống bên ngoài thành phố. Ở gần biển là lý tưởng nhất để dọn vệ sinh xác súc vật.

⁵⁰(11:20,21) Trong Tân Ước, "người Hêlênit" thường chỉ về những người Do Thái gốc Hylạp. Nhưng ở đây, chữ này chỉ có thể nói đến những người Hylạp, tức người ngoại bang. Lưu ý văn mạch: Câu 19: "chỉ giảng đạo cho người Giuda thôi." Câu 20: "cũng ... cho người Gôréc nữa" để phân biệt với người Giuda.

⁵¹(11:15,26) James A. Stewart, *Evangelism*, trang 100, 101.

⁵²(12:25) Cả bản Kinh Thánh Alexandrian (NU) và Bản Kinh Thánh Đại Đa Số (M) đều ghi là "đến Giêrusalem." Vì Banaba và Saulô tại có mặt tại Antiốt trong 13:1, nên có thể những thư ký sao chép "đã sửa chữa" cách ghi trở thành: "lữ."

⁵³(13:3) Donald Grey Barnhouse, *The Measure of Your Faith*, Book 69, trang 21.

⁵⁴(13:7,8) Trong câu 7 của bản KJV, Sêgiút Phaútút được gọi là "quan đại diện" (deputy), nhưng chính xác hơn, chức danh của ông là "quan trấn thủ" hay "quyền lãnh sự"

("proconsul" - NKJV). Luca tỏ ra hiểu biết chính xác về tên gọi của các quan chức phổ thông thời bấy giờ trong Đế Quốc Lamã. Vì vậy, trong Hyvãn, ông gọi các thượng quan tại Phillip là *straēgoi*, tiếng Latin là *praetors* (16:20), và gọi quân lính là *rhabdouchoi*, tiếng Latin là *lictors* (16:35). Ông đã gọi tên chính xác những người cai trị ở Têsalônica là *politarchs* (17:6, Bản Việt Ngữ ghi là "các quan án"), còn tại Êphêso họ đã phân biệt chính xác họ là *asiarchs* (19:31- Bản Việt Ngữ "các quan lớn xứ Asi").

"Tất cả những người này đều là nhà cầm quyền địa phương tại các thành phố khác nhau, là quan tổng đốc Lamã, hay quyền lãnh sự, sẽ ở trên họ hay để cai trị trong mỗi tỉnh. Như vậy, Luca khi nêu từng tước hiệu chính xác các chức vụ trong những thành phố khác nhau này, cho thấy ông biết rõ mình muốn nói điều gì và đặc điểm bảo hiệu tinh chính xác này sẽ càng làm tăng độ tin tưởng ông là một sử gia trung tín. — C. E. Stuart, *Tracings from the Acts of the Apostles*, trang 272.

⁵⁵(13:19) Kelly, *Acts*, trang 185, 186 để biết phần luận nan để về niên đại và bản văn.

⁵⁶(13:48) Charles R. Erdman, *The Epistle of Paul to the Romans*, trang 109.

⁵⁷(13:4-7) Ở đây, chữ này thực sự tương đương với "các giáo sĩ."

⁵⁸(14:10-12) Những tên gọi theo tiếng Hy Lạp này được dùng trong nguyên văn. Bản Kinh Thánh 1611

dùng chữ "Jupiter và Mercury," là những tên gọi phổ thông hơn trong tiếng Latin của các thần này.

⁵⁹{14:19, 20} Kelly, *Acts*, trang 202.

⁶⁰{14:21} Erdman, *Acts*, trang 109.

⁶¹{Phần Phụ Lục} C. A. Coates, *An Outline of Luke's Gospel*, trang 254.

⁶²{15:20} Có người nghi bốn việc làm bị cấm tại đây tương dân từ Lêvi Ký 17 và 18, như sau: những điều bị ô uế bởi thần tượng {17:8, 9}; sự tà dâm — không những ngoại tình và đa thê {18:20}, đồng tình luyến ái {18:22}, giao hợp với thú vật {18:23}, mà còn là cưới bà con cùng huyết thống {18:6-14} và thậm chí cưới bà con thông gia, tức là những bà con của bên thông gia {18:15, 16}; ăn thú vật chết ngột hoặc những thú giết thịt không đúng cách {17:15}; ăn huyết {Lêvi Ký 17:10-12}. Tin hữu người Do Thái sẽ vấp phạm nếu thấy tin hữu người ngoại bang phạm các luật lệ của họ {Công Vụ 15:21}.

⁶³{16:6-8} Ryrie, *Acts*, trang 88, 89.

⁶⁴{16:9} James Stalker, *Life of St. Paul*, trang 78.

⁶⁵{16:19-24} A. J. Pollock, *The Apostle Paul and His Missionary Labors*, trang 56.

⁶⁶{16:25} G. Campbell Morgan, *The Acts of the Apostles*, trang 389, 390.

⁶⁷{17:2,3} Có người cho rằng Phaolô ở khoảng ba tháng tại Têsalônica, đầu vậy chỉ dạy trong nhà hội chỉ ba ngày Sabát thôi.

⁶⁸{17:16} William Arnot, *The Church in the House: A Series of Lessons on the Acts of the Apostles*, trang 379 trở đi.

⁶⁹{Phần Phụ Lục} Một số học giả tin rằng họ giảng đạo trong các hành lang đến thờ.

⁷⁰{Phần Phụ Lục} A. B. Simpson.

⁷¹{18:2,3} Dinsdale T. Young, *Neglected People of the Bible*, trang 232, 233.

⁷²{18:18} Phần từ chỉ về việc cắt tóc năm ngay sau "Aquila," và cách xa chữ Phaolô" trong nguyên ngữ {câu 18 là nguyên một câu văn trong tiếng Hy Lạp}.

⁷³{19:8} Stuart, *Tracings*, trang 285.

⁷⁴{19:15,16} F. B. Meyer, được trích bởi W. H. Aldis, *The Keswick Convention 1934*, trang 60.

⁷⁵{19:23-37} Dianh là tên tiếng Latin chỉ về nữ thần Artemis của Hylap, nữ thần phổ biến thực có rất nhiều vũ.

⁷⁶{21:23,24} Grant, "Acts," trang 147.

⁷⁷{22:14-16} Chữ "bằng cách" thường được ngầm hiểu trong một cấu trúc như thế này (phần từ chỉ phương tiện). Diễn ý ra: "Hãy chờ đợi (*anastas*) và chịu phép báp têm (*baptisai*); Hãy để cho tội lỗi anh được rửa sạch (*apulousai*) bằng cách kêu cầu (*epikalesamenos*) Danh Chúa."

⁷⁸{26:9-11} Thi động từ Hy Lạp ở đây rõ ràng là thì quá khứ chưa hoàn thành để diễn tả nỗ lực (a *conative imperfect*): "Tôi đã cố bắt họ..."

⁷⁹{26:29} Morgan, *Acts*, trang 528.

⁸⁰{27:13-17} Bản NU ghi là *Euraquilon*.

⁸¹[27:13-17] Bản NU ghi là *Cauda*.

⁸²[27:21-26] A. W. Tozer, *That Incredible Christian*, trang 134.

⁸³[28:9, 10] Ít nhất cũng có khả năng Luca dùng những kỹ năng y khoa của mình bên cạnh ân tứ chữa bệnh của Phaolô. Nếu Đức Chúa Trời không chấp thuận nghề y, chắc Ngài hầu như không chọn một thầy thuốc để viết 28% Tân Ước (Luca · Công Vụ Các Sứ Đấng).

⁸⁴[28:29] John Calvin, *The Acts of the Apostles*, 11:314. Bản Kinh Thánh NU bỏ qua câu 29.

⁸⁵[Phần Phụ Lục] J. H. Jowett, *Things that Matter Most*, trang 248.

SÁCH THAM KHẢO

Amul, William. *The Church in the House: A Series of Lessons on the Acts of the Apostles*. New York: Robert Carter & Brothers, 1873.

Blacklock, E. M. *The Acts of the Apostles, TBC*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1959.

Calvin, John. *The Acts of the Apostles*, trọn bộ hai quyển. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1977.

Erdman, Charles R. *The Acts*. Philadelphia: The Westminster Press, 1919.

Kelly, William. *An Exposition of the Acts of the Apostles*. London: C. A. Hammond, 1952.

Martin, Ralph. *Understanding the New Testament: Acts*. Philadelphia: A. J. Holman Company, 1978.

Morgan, G. Campbell. *The Acts of the Apostles*. New York: Fleming H. Revell Co., 1924.

Rackham, R. B. *The Acts of the Apostles*. London: Methuen, 1901.

Ryrie, Charles Caldwell. *Acts of the Apostles*. Chicago: Moody Press, 1961.

Stuart, C. E. *Tracings from the Acts of the Apostles*. London: E.

Marlborough and Company, không rõ năm xuất bản.

THƠ GỬI CHO NGƯỜI RÔMA

Giới Thiệu

"Đại giáo đường của đức tin Cơ Đốc." – Frédéric Godet

I. Vị Trí Đặc Đáo Trong Kinh Thánh

Thơ Rôma luôn luôn đứng đầu các thư tin của Phaolô, và có quyền giữ địa vị đó. Vì sách Công Vụ kết thúc khi Phaolô đến Rôma, nên cũng hợp lý để phần Thơ Tin của Tân Ước bắt đầu từ bức thư sứ đồ gửi cho hội thánh Rôma, được viết trước khi đến thăm các Cơ Đốc nhân tại đó. Mang tính quyết định hơn, thơ Rôma là sách quan trọng nhất về mặt thần học trong toàn Tân Ước, gần với phần trình bày hệ thống về thần học Cơ Đốc đúng như trong Lời Đức Chúa Trời.

Về mặt lịch sử, thơ Rôma có ảnh hưởng lớn nhất trong các sách của Kinh Thánh. Augustine hoàn cải như đọc Rôma 13:13 và 14 (380 S.C.). Cuộc Cải Chánh Tin Lành được phát động khi rút cuộc Martin Luther hiểu được ý nghĩa sự công bình của Đức Chúa Trời và "người công bình sẽ sống bởi đức tin" (15:17).

John Wesley nhận được sự bảo đảm về sự cứu rỗi khi nghe đọc lời mở đầu sách giải nghĩa Rôma của Luther tại một hội thánh nhóm tại gia của người Moravian ở Aldersgate Street tại London (1738). John Calvin viết "Ái hiểu được thư tin này thì được mở cho con đường thênh thang để hiểu toàn Kinh Thánh."

II. Quyền Tác Giả

Những người dạy tà giáo và thậm chí những nhà phê bình tiêu cực cấp

tiến đã từng chấp nhận quan điểm phổ thông chánh thống – xem tác giả thơ Rôma là vị sứ đồ cho người ngoại bang. Trên thực tế, Marcion – người dạy tà giáo – được xem là người đầu tiên viết sách nêu tên cụ thể Phaolô là tác giả. Sách này được trích dẫn bởi những Cơ Đốc nhân chánh thống như Clement ở Rôma, Ignatius, Justin Martyr, Polycarp, Hippolytus, và Irenaeus. Bộ Kinh Điển Muratorian cũng kể thơ này của Phaolô.

Nội chứng về tác quyền của Phaolô cũng rất vững mạnh. Nền thần học, ngữ vựng và tinh thần đều hoàn toàn đặc trưng của Phaolô. Dương nhiên, sự kiện chính bức thư *tuyên bố* ra từ Phaolô (1:1) chưa đủ thuyết phục những người hoài nghi, nhưng sự kiện này được củng cố thêm bởi nhiều câu khác, chẳng hạn như 15:15-20. Có lẽ điều thuyết phục nhất chính là có rất nhiều điểm trùng hợp tinh cơ với sách Công Vụ mà không có vẻ do cố xếp đặt. Lấy ví dụ như những câu nói đến sự quyền góp cho các thành đó, đến Gaiút, Êra; và chuyến đi trú tinh từ lâu đến Rôma, tất cả đều chỉ ra Phaolô là tác giả. Tettiu là thư ký của ông (16:22).

III. Thời Điểm Viết

Thơ Rôma viết sau thơ I.Côrinthtô và II.Côrinthtô, vì sự quyền góp được tổ chức khi viết các bức thư kia giờ đây đã sẵn sàng và sắp được đưa đến các thánh đồ nghèo tại Giêrusalem. Những câu

nói đến Xenocrê, thành phố cảng cho Côrintô (1ô:1), và nhiều chi tiết khác khiến hầu hết học giả chọn Côrintô là nơi ông viết thư. Vì Phaolô ở tại đó chỉ ba tháng (vào cuối hành trình truyền giáo thứ ba) trước khi bị truy đuổi do những âm mưu chống ông, nên ít hẳn thư tin này được viết trong thời kỳ ngắn ngủi ấy. Như vậy niên điểm viết khoảng năm 56 S.C.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Cơ Đốc giáo đến Rôma lần đầu tiên bằng cách nào? Chúng ta không thể biết rõ, nhưng có thể những người Do Thái đến từ Rôma đã hoàn cải tại Giêrusalem trong ngày Lễ Ngũ Tuần (xem Công Vụ 2:10) rồi mang Tin Lành trở về Rôma. Điều đó xảy ra vào năm 30 S.C.

Đến khi viết thư này từ thành Côrintô khoảng hai mươi sáu năm sau, Phaolô vẫn chưa hề đến Rôma. Nhưng ông biết rất rõ vài Cơ Đốc nhân tại đó, như ta thấy trong đoạn 16. Cơ Đốc nhân thời đó là những người luôn di chuyển, hoặc do bị bắt bớ, hoặc làm sứ giả của Tin Lành, hoặc trong những chuyến làm án binh thường. Những Cơ Đốc nhân tại Rôma xuất thân từ cả bối cảnh Do Thái lẫn ngoại bang.

Cuối cùng Phaolô đến Rôma vào khoảng năm 60 S.C., nhưng không như cách ông trông đợi. Ông đến đó với tư cách người tù vì Cơ Chúa Jesus Christ.

Thư Rôma là tác phẩm kinh điển. Thư này giải nghĩa rõ ràng cho người chưa được cứu biết tình trạng tội lỗi hư mất của họ, biết kế hoạch công bình của Đức Chúa Trời để cứu rỗi họ. Tân tìn hữu học được sự hiệp nhất với Đấng Christ và chiến thắng nhờ quyền năng

của Đức Thánh Linh. Tân hữu trưởng thành được thỏa thích bất tận trong phạm vi chân lý Cơ Đốc rất rộng của thư: về giáo lý, lời tiên tri và sống đạo.

Cách xuất sắc để hiểu thư gởi cho người Rôma là xem thư như cuộc đối thoại giữa Phaolô với một người chống đối ẩn danh nào đó. Khi Phaolô rao giảng Tin Lành, dường như ông nghe người chống đối này đang nêu đủ mọi thứ lập luận để phản bác. Vì sự đó đáp lại từng câu hỏi một của người chống đối. Đến lúc kết thúc, Phaolô trả lời xong mọi thái độ ứng xử chủ yếu của con người đối với Tin Lành ân điển của Đức Chúa Trời.

Thỉnh thoảng những lời phản đối được nêu rõ ràng; có khi chỉ hàm ý thôi. Nhưng hầu nói rõ hay hàm ý, chúng đều xoay quanh Tin Lành – tìn vui mừng về sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ, không nhờ đến các việc làm của luật pháp.

Chúng ta sẽ xem thư đang giải quyết mười một câu hỏi chính: (1) Đề tài của Thư Tin này là gì? (1:1,9,15,16); (2) Tin Lành là gì? (1:1-17); (3) Vì sao con người cần Tin Lành? (1:18 - 3:20); (4) Theo Tin Lành, làm thế nào những tội nhân bất kính được xưng công bình bởi một Đức Chúa Trời thánh khiết? (3:21-31); (5) Tin Lành có phù hợp với Kinh Thánh Cựu Ước không? (4:1-25); (6) Sự xưng công bình có những ích lợi nào trong đời sống tìn hữu? (5:1-21); (7) Giáo lý sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin có cho phép hay thậm chí có khích lệ nếp sống tội lỗi không? (6:1-23); (8) Mỗi quan hệ của Cơ Đốc nhân với luật

pháp là gì? (7:1-25); (9) Cơ Đốc nhân làm cách nào có năng lực để sống cuộc đời thánh khiết? (8:1-39); (10) Có phải khi Tin Lành hứa ban sự cứu rỗi cho cả người Do Thái và người ngoại bang, thì có nghĩa Đức Chúa Trời đã bỏ lời Ngài đã hứa với dân sự trên trần gian này của Ngài, tức những người Do Thái, hay không? (9:1-11:36); (11) Những người đã được xưng công bình bởi ân điển phải đáp ứng thế nào trong đời sống hằng ngày của họ? (12:1-16:27).

Quen thuộc với mười một câu hỏi và những câu trả lời sẽ cung cấp hiểu biết cơ bản về bức thư quan trọng này. Câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất, "Để tái sinh Rôma là gì?" đương nhiên là "Tin Lành." Phaolô không phí chút thời gian nào để đi thẳng vào ý chính. Trong

mười sáu câu đầu, ông đề cập đến Tin Lành bốn lần (câu 1,9,15,16).

Điều này dẫn đến câu hỏi thứ nhì: "Tin Lành là gì?" Bản thân từ ngữ này có nghĩa "tin tốt lành." Nhưng trong câu 1-17, tác giả cho biết sáu sự kiện quan trọng về tin tốt lành: (1) Nguồn của Tin Lành là Đức Chúa Trời (c. 1); (2) đã được hứa bởi các lời Kinh Thánh tiên tri trong Cựu Ước (c. 2); (3) Đây là Tin Lành về Con Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Jêsus (c. 3); (4) Đây là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu rỗi (c. 16); (5) Tin Lành này dành cho mọi người, cả người ngoại bang lẫn người Do Thái (c. 16); (6) chỉ bởi một mình đức tin mà thôi (c. 17). Với phần giới thiệu trên, chúng ta bắt đầu xem xét chi tiết hơn những câu Kinh Thánh trên.

BỐ CỤC

I. GIÁO LÝ: TIN LÀNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Đoạn 1- 8)

A. Giới Thiệu Về Tin Lành (1:1-15)

B. Định Nghĩa Tin Lành (1:16-17)

C. Nhu Cầu Phổ Thông Cần Tin Lành (1:18-3:20)

D. Cơ Sở Và Các Điều Khoản Của Tin Lành (3:21-31)

E. Sự Hòa Hợp Của Tin Lành Với Cựu Ước (Đoạn 4)

F. Những Ích Lợi Thực Tiễn Của Tin Lành (5:1-11)

G. Đặc Thắng Khải Hoàn Của Công Tác Đấng Christ Trên Tội Lỗi Của Ádam (5:15-21)

H. Phương Cách Của Tin Lành Để Tiến Đến Nếp Sống Thánh Khiết (Đoạn 6)

I. Địa Vị Của Luật Pháp Trong Đời Sống Tin Hữu (Đoạn 7)

J. Đức Thánh Linh với tư cách quyền năng cho nếp sống thánh khiết (Đoạn 8)

II. THEO ĐỊNH KỲ: TIN LÀNH VÀ YSRAËN (9- 11)

A. Quá khứ của Ysraên (Đoạn 9)

B. Hiện Tại Của Ysraên (Đoạn 10)

C. Tương Lai Của Ysraên (Đoạn 11)

III. LUẬN VỀ BỐN PHẦN: SỐNG THỂ HIỆN RA TIN LÀNH (Đoạn 12 - 16)

- A. Trong Sự Dâng Mình (12:1,2)
- B. Trong Sự Phục Vụ Qua Các Ân Từ Thuộc Linh (12:3-8)
- C. Đối Với Xã Hội (12:9-21)
- D. Đối Với Chính Quyền (13:1-7)
- E. Đối Với Tương Lai (13:8-14)
- F. Đối Với Các Tín Hữu Khác (14:1-15:13)
- G. Trong Những Kế Hoạch Của Phaolô (15:14-33)
- H. Trong Lời Tri Ân Những Người Khác (Đoạn 16)

CHÚ GIẢI

I. GIÁO LÝ: TIN LÀNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Đoạn 1-8)

A. Nội Thiệu Về Tin Lành (1:1-15)

1:1 Phaolô tự giới thiệu mình là người đã được *mua* (hàm ý trong tên gọi "lời tỏ của Đức Chúa Jêsus"), được gọi (trên đường Đamách, ông được gọi làm *sứ đồ*, một sứ giả đặc biệt của Cứu Chúa), và được *đặt riêng* (biệt riêng ra để đem Tin Lành đến cho người ngoại bang [xem CôngVũ 9:15; 13:2]). Chúng ta cũng được mua bởi huyết báu của Đấng Christ, được gọi là chứng nhân cho quyền năng cứu rỗi của Ngài, và được biệt riêng để rao giảng Tin Lành tại mọi nơi nào mình đến.

1:2 Để mọi độc giả Do Thái của Phaolô đứng nghi Tin Lành là hoàn toàn mới lạ và không chút liên quan đến di sản thuộc linh của họ, ông nhắc rằng các tiên tri Cựu Ước đã hứa về Tin Lành ấy, cả bằng những lời tuyên bố rõ ràng (Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:15; Êsai 7:14; Habacúc 2:4) lẫn bằng những hình bóng và hiểu tượng (ví dụ như con tàu của Nôe, con rắn bằng đồng, và hệ thống dâng sinh tế).

1:3 Tin Lành là tin vui mừng về Con Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Jêsus

Christ Chúa chúng ta. Đấng theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đavít (có nghĩa xét về nhân tánh của Ngài). Cụm từ theo xác thịt hàm ý Chúa chúng ta còn trời hơn một con người. Những từ này muốn nói đến nhân tánh của Ngài. Nếu Đấng Christ chỉ là một con người, thì không cần nêu ra đặc trưng này của Ngài, vì sẽ không còn đặc trưng nào khác nữa. Nhưng Ngài còn trời hơn một con người, như câu Kinh Thánh kể tiếp cho thấy.

1:4 Đức Chúa Jêsus nổi bật là "Con Đức Chúa Trời có quyền phép." Đức Thánh Linh – ở đây được gọi là "Thánh Linh của sự thánh khiết"¹ (Bản Việt Ngữ: "thần linh của thánh đức"), đã khiến Đức Chúa Jêsus nổi bật tại phép báp têm của Ngài và trong suốt chức vụ thi hành phép lạ của Ngài. Các phép lạ đầy quyền năng của Cứu Chúa, được thực hiện trong quyền năng Thánh Linh, đã làm chứng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Khi đọc thấy Ngài "bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép," chúng ta tự nhiên nghĩ đến sự phục sinh của Ngài. Nhưng

nguyên văn ở đây là “bởi sự sống lại của những kẻ chết,” vì vậy có lẽ sử đồ đang nghĩ đến việc Đấng Christ cứu sống con gái của Giairô, con trai đàn bà góa tại thành Nain, và Laxarô. Tuy nhiên, văn có khả năng câu này chủ yếu nói đến chính sự phục sinh của Chúa.

Khi nói Chúa Jêsus là **Con Đức Chúa Trời**, chúng ta muốn nói Ngài là Con không như mọi người khác. Đức Chúa Trời có rất nhiều con. Mọi tín hữu đều là con cái Ngài (Galati 4:5-7). Ngay cả các thiên sứ cũng được nói đến như các con của Ngài (Gióp 1:6; 2:1). Nhưng Đức Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời theo ý nghĩa *độc nhất vô nhị*. Khi Chúa chúng ta nói Đức Chúa Trời là Cha Ngài, người Do Thái hiểu rất đúng rằng Ngài tuyên bố Ngài bình đẳng với Đức Chúa Trời (Giăng 5:18).

1:5 Chính nhờ Đức Chúa Jêsus Christ Chúa chúng ta mà Phao-lô được **nhận lãnh ân điển** (ơn cứu ông mà ông không xứng đáng được nhận) và **chức sứ đồ**. Khi Phao-lô nói “**chúng ta đã nhận lãnh ân điển và chức sứ đồ**,” hầu như chắc chắn ông đang sử dụng chữ “chúng ta” theo cách của người biên tập, để nói đến chỉ riêng một mình ông thôi. Việc ông liên kết **chức sứ đồ** với các dân hay các **dân ngoại bang** để chỉ vào ông chứ không nhắm vào các sứ đồ khác. Phao-lô được giao nhiệm vụ kêu gọi người thuộc mọi dân tộc đến sự vâng lời của đức tin – tức là vâng theo sứ điệp Tin Lành bằng cách ăn năn và tin Đức Chúa Jêsus Christ (Công Vụ 20:21). Mục tiêu rao giảng sứ điệp này khắp toàn cầu chính vì danh Ngài, để

làm đẹp lòng Ngài và quy vinh hiển về Ngài.

1:6 Giữa vòng những người đáp ứng với Tin Lành có người được Phao-lô gọi bằng danh hiệu “**người được gọi bởi Đức Chúa Jêsus Christ**,” nhấn mạnh chính Đức Chúa Trời đã khởi xướng sự cứu rỗi họ.

1:7 Bức thư này được gửi cho mọi tín hữu tại **Rôma**, chứ không phải cho một hội thánh riêng biệt (như trong các thư tín khác). Đoạn cuối bức thư cho thấy có rất nhiều buổi nhóm khác nhau của tín hữu tại thành phố này, và lời chào thăm gửi đến cho hết thầy họ.

Những người yêu dấu của Đức Chúa Trời, được gọi làm thánh đồ. Họ tên gọi rất triu mến này đúng cho hết thầy những người được chuộc bởi huyết báu của Đấng Christ. Những người được ơn này là đối tượng của tình yêu thiên thượng theo cách đặc biệt, và cũng được gọi để biệt riêng khỏi thế gian cho Đức Chúa Trời, vì đây chính là ý nghĩa của chữ “**thành đồ**”.

Lời chào thăm đặc trưng của Phao-lô kết hợp cả **ân điển lẫn bình an**. **Ân điển** (*charis*) là điểm nhấn mạnh trong Hy văn, và **bình an** (*shalom*) là lời chào thăm truyền thống của người Do Thái. Sự kết hợp này đặc biệt thích hợp, vì sứ điệp của Phao-lô cho biết bằng cách nào những người Do Thái và người ngoại bang tin Chúa giờ đây là một người mới trong Đấng Christ.

Chữ “**ân điển**” được đề cập ở đây không phải là ân điển cứu rỗi (độc giả của Phao-lô đã được cứu rỗi) nhưng là **ân điển để trang bị và ban quyền năng** cho

nếp sống và sự phục vụ của Cơ Đốc nhân. "Bình an" không phải là sự bình an với Đức Chúa Trời (các thánh đồ có sự bình an ấy rồi vì đã được xưng nghĩa bởi đức tin) nhưng đúng hơn là sự bình an của Đức Chúa Trời đang cai trị trong lòng khi họ ở giữa một xã hội đầy biến loạn. **Ân điển và bình an ra từ "Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ,"** hàm ý rất mạnh đến sự bình đẳng của Đức Chúa Con với Đức Chúa Cha. Nếu Chúa Jêsus chỉ là một con người, thì thật vô lý khi kể tên Ngài như ngang hàng với Đức Chúa Cha trong việc ban ân điển và bình an. Nói như thế chẳng khác gì bảo: "Nguyên cho anh em được ân điển và sự bình an từ nơi Đức Chúa Cha và từ Abraham Lincoln."

1:8 Cứ hể có dịp, vị sứ đồ đều bắt đầu bức thư bằng cách đánh giá cao mọi điều nào đáng khen nơi độc giả. (Tấm gương tốt cho hết thầy chúng ta!) Ở đây ông cảm tạ Đức Chúa Trời "như Đức Chúa Jêsus Christ," là Đấng Trung Bản, vì đức tin của Cơ Đốc nhân tại Rôma được rao báo "khắp cả thế gian." Lời làm chứng với tư cách Cơ Đốc nhân của họ được đồn ra khắp cả đế quốc La Mã, là vùng hợp thành "cả thế giới" theo cách nhìn của những người sống trong khu vực Địa Trung Hải.

1:9 Vì Cơ Đốc nhân tại Rôma đã chiếu ánh sáng của họ trước mặt con người, Phaolô buộc phải cầu nguyện cho họ "không thôi." Ông gọi Đức Chúa Trời là Đấng làm chứng rằng ông không ngừng cầu nguyện, vì không ai khác biết được điều này. Nhưng Đức Chúa Trời

biết - tức là Đức Chúa Trời vị sứ đồ đang hầu việc bằng "tâm thần trong Tin Lành của Con Ngài" (Bản Anh Ngữ). Phaolô phục vụ bằng "lâm thần." Đây không phải là sự phục vụ của một người lao dịch sùng đạo, làm theo những nghi thức bất tận và đọc thuộc lòng những lời cầu nguyện và giáo nghi. Đây là sự phục vụ đắm thắm trong những lời cầu nguyện sốt sắng và tin cậy. Đây là sự phục vụ sẵn lòng, tận hiến không biết mệt mỏi, nóng cháy bởi tình thần yêu mến Chúa Jêsus tội cùng. Đây là niềm say mê cháy bỏng để bày tỏ tin tức tốt lành về Con Đức Chúa Trời.

1:10 Kèm với lời cảm tạ Đức Chúa Trời về các thánh đồ tại Rôma, ông còn cầu nguyện để có thể đến thăm họ trong tương lai không xa. Cũng giống như trong mọi sự khác, ông muốn chuyến đi của mình được theo đúng "ý muốn Đức Chúa Trời."

1:11 Ước muốn thúc thúc vị sứ đồ là giúp tâm linh các thánh đồ để họ được "vững vàng" hơn trong đức tin. Ông không hề có ý nói đến "phước hạnh thứ nhì" nào đó cho họ, cũng không định truyền ân tứ thiêng liêng nào đó bằng cách đặt tay trên họ (đầu ông đã làm như vậy cho Timôthê trong II.Timôthê 1:6). Đây là vấn đề giúp họ tăng trưởng "tâm linh" qua chức vụ rao giảng Lời Chúa.

1:12 Ông tiếp tục giải thích sẽ có phước hạnh hỗ tương. Ông sẽ được khích lệ bởi đức tin chung, bởi linh phong phú thêm cho nhau. "Sát mòi nhơn sát. Cũng vậy người bỏ đường điện mạo bạn hữu mình" (Châm Ngôn

27:17). Để ý đến sự khiêm nhường và nhân hậu của Phaolô – không phải ông không cần sự giúp đỡ của các thánh đồ khác.

1:13 Trước đó ông thường lập kế hoạch đến thăm Rôma nhưng bị ngăn trở, có lẽ bởi nhu cầu cấp bách tại các khu vực khác, hoặc có lẽ do sự ngăn trở trực tiếp của Đức Thánh Linh, hoặc bởi chống đối của Satan. Ông ước ao có kết quả giữa vòng dân ngoại tại Rôma như đã có tại giữa các dân ngoại khác. Ở đây, ông đang nói đến kết quả trong Tin Lành, như hai câu kế tiếp cho thấy. Trong câu 11 và 12, mục đích của ông là nhìn thấy Cơ Đốc nhân tại Rôma được gây dựng vững trong đức tin. Ông muốn nhìn thấy tại đây nhiều linh hồn được chính phục về cho Đấng Christ tại kinh đô của đế quốc La Mã.

1:14 Ai có Đấng Christ thì có câu trả lời cho nhu cầu sâu xa nhất của thế gian. Người ấy có phương trị liệu cho căn bệnh tội lỗi, con đường thoát khỏi nỗi kinh khiếp đời đời của hỏa ngục, và sự bảo đảm được hạnh phúc đời đời với Đức Chúa Trời. Điều này khiến người có bốn phận trọng đại là chia sẻ tin mừng cho người thuộc mọi nền văn hóa – là người "dã man" – và người thuộc mọi mức học vấn – cả người thông thái lẫn người ngu dốt. Phaolô cảm nhận sâu xa bốn phận này. Ông nói "tôi mắc nợ."

1:15 Để trả món nợ ấy, ông "sẵn lòng rao giảng Tin Lành" cho những người ở tại Rôma bằng toàn bộ quyền năng Chúa đã ban cho ông. Chắc chắn đây không phải là giảng cho những tín

hữu tại Rôma, như thoạt nhìn thấy câu này có vẻ gợi ý, vì họ đã đáp ứng với những tin vui này rồi. Nhưng ông sẵn sàng giảng Tin Lành cho những người ngoại bang chưa tin Chúa tại thủ phủ này.

8. Định Nghĩa Tin Lành (1:16-17)

1:16 Phaolô không hề thẹn để đem Tin Lành của Đức Chúa Trời đến Rôma văn minh, dấu sử điệp này tỏ ra là đã vấp chân cho người Do Thái và đổ đại với người Gôréc, vì ông biết đây là quyền phép Đức Chúa Trời để cứu rỗi – có nghĩa sử điệp này nói lên cách Đức Chúa Trời dùng quyền năng Ngài cứu mọi người tin Con Ngài. Quyền năng này được thi triển đồng đều cho cả người Do Thái lẫn người Hy Lạp.

Thứ tự "trước là người Giuđa, sau là người Gôréc" đã được ứng nghiệm trong lịch sử qua thời kỳ của sách CôngVụ. Tuy chúng ta có phần sự lâu dài đối với dân sự thời xưa của Đức Chúa Trời, tức dân Do Thái, nhưng chúng ta không bị buộc phải giảng Tin Lành cho họ trước khi đến với người ngoại bang. Ngày nay, Đức Chúa Trời đối đãi với người Do Thái và người ngoại bang như nhau, sử điệp và thời điểm là y như nhau cho mọi người.

1:17 Vì từ ngữ "sự công bình" xuất hiện ở đây lần đầu tiên trong thư, nên chúng ta tạm dừng để xem xét ý nghĩa của từ ngữ này. Từ ngữ được dùng theo nhiều cách khác nhau trong Tân Ước, nhưng chúng ta chỉ xem xét ba cách dùng mà thôi.

Thứ nhất, từ ngữ này được dùng mô tả đặc tánh của Đức Chúa Trời để bởi

Đó Ngài luôn luôn làm những việc đúng lẽ phải, công bình, chính đáng và nhất quán với mọi thuộc tánh khác của Ngài. Khi nói Đức Chúa Trời là công bình, chúng ta muốn nói trong Ngài không hề có điều sai lầm, không ngay thật hay không công bằng.

Thứ nhì, sự công bình của Đức Chúa Trời có thể chỉ đến phương cách để Ngài xưng công bình những tội nhân không kính sợ Chúa. Ngài có thể làm được việc này mà vẫn công bình vì cơ Đức Chúa Jêsus trong tư cách Đấng Thay Thế vô tội đã đến chuộc thỏa mãn mọi đòi hỏi của công lý thiên thượng.

Cuối cùng, sự công bình của Đức Chúa Trời nói đến địa vị trọn vẹn mà Đức Chúa Trời dự bị cho những người tin nơi Con Ngài (II.Côrinhtô 5:21). Những người bán thân vốn chẳng có gì công bình đã được đổi đổi như thể họ công bình, vì cơ Đức Chúa Trời nhìn xem họ trong toàn bộ sự trọn lành của Đấng Christ. Sự công bình được quy kể cho họ.

Câu 17 dùng từ ngữ này theo nghĩa nào? Tuy có thể bất cứ nghĩa nào trên đây, nhưng sự công bình của Đức Chúa Trời dường như nói đặc biệt đến phương cách Ngài xưng công bình tội nhân bởi đức tin.

Sự công bình của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Tin Lành. Trước hết Tin Lành cho chúng ta biết sự công bình của Đức Chúa Trời đòi hỏi tội lỗi phải bị hình phạt, và án phạt chính là sự chết đời đời. Nhưng sau đó chúng ta nghe được tình yêu của Đức Chúa Trời đã dự bị và cung cấp những gì đức công bình của Ngài đòi hỏi. Ngài đã sai Con

Ngài đến chịu chết để làm Đấng Thay Thế cho tội nhân, trả đầy đủ án phạt. Giờ đây, vì những đòi hỏi công bình của Ngài đã được thỏa đáp đầy đủ trọn vẹn, nên Đức Chúa Trời có thể cứu cách công bình mọi ai sẵn lòng đón nhận công tác của Đấng Christ.

Sự công bình của Đức Chúa Trời được bày tỏ từ đức tin đến đức tin (Bản Việt Ngữ: "bởi đức tin mà được, lại dẫn đến đức tin nữa"). Cụm từ "từ đức tin đến đức tin" có thể mang nghĩa: (1) từ sự thành tín của Đức Chúa Trời đến đức tin của chúng ta; (2) từ một cấp độ này đến cấp độ khác của đức tin; hoặc (3) bởi đức tin từ lúc khởi đầu cho đến lúc kết thúc. Có lẽ ý thứ ba là đúng. Sự công bình của Đức Chúa Trời không quy kể dựa trên những việc lành đã làm hay dâng hiến cho những người tìm cách cậy công đức hay tìm cách xứng đáng với công bình ấy. Sự công bình ấy được bày tỏ căn cứ trên một mình nguyên tắc đức tin mà thôi. Điều này hoàn toàn phù hợp với ý chỉ thiên thượng trong Habacúc 2:4: "**Người công bình thì sống bởi đức tin mình,**" và cũng có thể hiểu câu này là "người được xưng công bình bởi đức tin thì sẽ sống."

Trong mười bảy câu đầu tiên của thư Rôma, Phaolô giới thiệu để tài và nói vắn tắt một số điểm chính. Giờ đây ông nói đến câu hỏi chính thứ ba: "Vì sao con người cần Tin Lành?" Nói vắn tắt, câu trả lời là: nếu không có Tin Lành, họ bị hư mất. Nhưng điều này dẫn đến bốn câu hỏi phụ: (1) Những người ngoại giáo chưa hề nghe Tin Lành có bị hư mất không? (1:18-32); (2) Những nhà luân lý tự cho mình công

binh – cho dù đó là người Do Thái hoặc người ngoại bang – có bị hư mất không? (2:1-16); (3) Dân sự thời xưa của Đức Chúa Trời trên trần gian này, tức dân Do Thái, có bị hư mất không? (2:17-3:8); (4) Có phải mọi người đều bị hư mất không? (3:9-20).

C. Nhu Cầu Phổ Thông Cần Tin Lành (1:18-3:28)

1:18 Ở đây, chúng ta có câu giải đáp cho thắc mắc: "Vì sao con người cần Tin Lành?" Câu trả lời là: Không có Tin Lành thì họ bị hư mất, và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra nghiêm chỉnh sự gian ác của những người bất hiếu lẽ thật cách không công bình và thông qua đời sống không công bình của họ. Nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được tỏ ra bằng cách nào? Một câu trả lời được nêu trong văn mạch này. Đức Chúa Trời phạt con người vào sự ô uế (1:24), vào những tình cảm gian ác (1:26), và phạt họ theo lòng hư xấu (1:28). Nhưng cũng đúng là thính thoảng Đức Chúa Trời can thiệp vào lịch sử con người để tỏ ra sự khó chịu cực kỳ của Ngài trước tội lỗi con người – lấy ví dụ như cơn Đại Hồng Thủy (Sáng Thế Ký 7); sự phá hủy Sôđôm và Gômôrê (Sáng Thế Ký 19); và sự hình phạt Côrê, Đalhan và Abiram (Dân số Ký 16:32).

1:19 "Người ngoại giáo chưa hề nghe Tin Lành có bị hư mất không?" Phaolô cho thấy họ bị hư mất không vì cơ sự hiểu biết mà họ chưa có, mà bởi vì sự sáng mà họ đã có, nhưng lại khước từ! Những điều "có thể biết được về Đức Chúa Trời" trong cõi tạo vật đã được bày tỏ ra "cho họ." Đức Chúa Trời

không bỏ mặc họ không có sự khả thi về chính Ngài.

1:20 Từ buổi sáng thế, hai đặc tính của Đức Chúa Trời vốn không thấy bằng mắt thường đã bày tỏ ra cho mọi người đều thấy quyền phép đời đời và bản lãnh Ngài hay thần tánh Ngài. Từ ngữ Phaolô sử dụng ở đây có nghĩa thần tánh hay tư cách thần. Từ ngữ này nói lên tính cách của Đức Chúa Trời chứ không phải hữu thể của Ngài, nói lên những thuộc tánh vinh quang chứ không phải thần tánh cố hữu của Ngài. Thần tánh của Ngài coi như đã được thừa nhận rồi.

Lập luận ở đây thật rõ ràng: cõi thọ tạo đời đời phải có Đấng Tạo Hóa. Mẫu thiết kế đời đời phải có Đấng Thiết Kế. Khi nhìn lên mặt trời mặt trăng và các ngôi sao, ai cũng có thể biết rằng có Đức Chúa Trời.

Câu trả lời cho câu hỏi "Còn những người ngoại giáo thì sao?" Ấy là: họ không thể chữa mình được. Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài cho họ trong cõi thọ tạo, nhưng họ không đáp ứng với khả thi ấy. Vì vậy, không phải người ta bị định tội vì cơ đã khước từ Chúa Chứa mà họ chưa hề nghe đến, nhưng vì cơ không trung tín với những gì họ có thể biết về Đức Chúa Trời.

1:21 Họ đều biết Đức Chúa Trời bởi những việc lành của Ngài, nhưng đã không làm sáng danh Ngài vì cơ chính Ngài, cũng không cảm tạ Ngài về mọi việc Ngài đã làm. Trái lại, họ buông mình vào những triết lý phỏng đoán vô ích về các thần khác, do đó đánh mất cả năng lực để nhìn thấy và suy nghĩ rõ ràng. "Khước từ sự sáng tức là phủ

nhận sự sáng." Những ai không muốn thấy thì mắt luôn cả khả năng để thấy.

1:22 Khi con người ngày càng tự phụ về kiến thức do mình tự đặt ra, họ ngày càng lao sâu vào ngu dốt và vô ý nghĩa. Có hai điều luôn đặc trưng cho những người không chịu nhìn biết Chúa - họ trở nên tự cao tự đại đến nỗi không ai chịu nổi nữa đồng thời trở nên cực kỳ ngu dốt.

1:23 Thay vì tiến hóa lên từ những hình thức thấp kém hơn, "con người thời đầu tiên" lại thuộc đẳng cấp đạo đức cao hơn. Vì không chịu công nhận Đức Chúa Trời chân thần không hề hư nát, con người đã thoái hóa đến tình trạng ngu dốt bại hoại để đi thờ lạy hình tượng. Toàn bộ phân đoạn này chứng tỏ thuyết tiến hóa nói dối.

Con người mộ đạo từ trong bản năng. Phải có một đối tượng nào đó để thờ phượng. Khi không chịu thờ phượng Đức Chúa Trời hằng sống, con người lập những thần riêng của mình bằng gỗ và đá để đại diện cho người, loài chim, loài thú, côn trùng, hay loài bò sát. Hãy lưu ý sự đi xuống dần - loài người, loài chim, loài thú, loài côn trùng. Và nhớ rằng con người trở nên giống như những thứ họ thờ phượng. Khi khái niệm về Thượng Đế của con người đi xuống, đạo đức cũng đi xuống theo. Nếu thần của người ấy là loài bò sát, thì người ấy cảm thấy mình tự do sống tùy thích. Cũng nhớ rằng người thờ phượng nói chung xem mình thấp kém hơn đối tượng mình thờ phượng. Được dựng nên theo hình và theo tượng của Đức Chúa Trời nhưng giờ đây con người lại nhận lấy địa vị còn thấp kém hơn cả loài rắn!

Khi con người thờ lạy hình tượng, con người đã thờ lạy ma quỷ. Phaolô nói rõ rằng những vật dân ngoại bang đáng làm tế lễ cho thần tượng tức là dâng cho ma quỷ chứ không phải dâng cho Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 10:20).

1:24 Có ba lần nói Đức Chúa Trời đã phó con người. Ngài phó họ vào sự ô uế (1:24), vào những đam mê tình dục xấu (1:26), và phó họ theo lòng hư xấu (1:28). Nói cách khác, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nhắm vào toàn bộ nhân cách của con người.

Để đáp lại những tham muốn xấu xa của lòng họ, Đức Chúa Trời bỏ mặc họ vào sự ô uế của tình dục khác phái - ngoại tình, tà dâm, dâm dục, mãi dâm, điếm đi, v.v... Đối với họ, cuộc đời trở thành cuộc truy hoan dâm dục đến nỗi tự làm nhục thân thể mình nữa.

1:25 Bị Đức Chúa Trời từ bỏ như vậy chính vì họ đã bỏ lễ thật về Ngài trước để đổi lấy lời dối trá của tội thờ lạy hình tượng. Một hình tượng là một lời nói dối, là sự trình bày sai lầm về Đức Chúa Trời. Người thờ lạy hình tượng tôn thờ loài chịu dựng nên, nên đã lãng mạ và bất kính đối với Đấng Tạo Hóa, là Đấng đời đời xứng đáng được tôn trọng và vinh hiển, chứ không phải để lãng mạ.

1:26 Vì nguyên nhân này, Đức Chúa Trời phó con người vào những hoạt động tình dục với người đồng phái. Phụ nữ trở thành người đồng tính luyến ái nữ, quan hệ tình dục trái lẽ tự nhiên và chẳng biết xấu hổ gì cả.

1:27 Đàn ông trở thành những người kẻ gian, hoàn toàn làm bại hoại những chức năng tự nhiên của họ. Khi bỏ quan

hệ hôn nhân do Chúa lập, họ **un đôi** tình dục với những người nam khác và quan hệ đồng tính luyến ái. Nhưng tội lỗi của họ làm hại thân thể và linh hồn họ. Bệnh tật, mặc cảm tội lỗi và những biến thái nhân cách giáng xuống họ giống như nọc độc bò cạp. Điều này bác bỏ ý tưởng cho rằng ai cũng có thể phạm tội này mà không phải bị phạt.

Quan hệ đồng tính luyến ái ngày nay đang được một số người mạo nhận là bình thường và một số khác xem là nếp sống thay thế hợp pháp. Cơ Đốc nhân phải cẩn thận đừng chấp nhận nhưng đánh giá đạo đức của thế gian nhưng phải được dẫn dắt bởi Lời của Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, tội này phải lãnh án tử hình (Lêvi Ký 18:29; 20:13), và trong Tân Ước, những người sống như thế được cho biết là đáng chết (Rôma 1:32). Kinh Thánh nói đồng tính luyến ái là tội rất nặng, và được chứng minh bởi việc Chúa xóa sổ thành Sôđôm và Gômôra, nơi có "những người tình dục đồng giới" hung hăng nổi loạn (Sáng Thế Ký 19:4-25).

Tin lành đem sự tha thứ đến cho những người đồng tính luyến ái, cũng như đã ban cho mọi tội nhân nào ăn năn và tin Đức Chúa Jêsus Christ. Cơ Đốc nhân nào sa vào tội ghê gớm này thì có thể tìm được sự tha thứ và phục hồi qua việc xưng tội và từ bỏ tội lỗi ấy. Có sự giải cứu trọn vẹn khỏi nếp sống đồng tính luyến ái cho mọi ai sẵn lòng vâng lời Đức Chúa Trời. Trong hầu hết các trường hợp, sự trợ giúp liên tục từ công tác tư vấn là rất quan trọng.

Đúng là một số người dường như có khuynh hướng tự nhiên thiên về đồng

tính luyến ái. Đừng ngạc nhiên, vì bản chất con người sa ngã có khả năng làm bất kỳ hình thức tội ác và bại hoại nào. Tội lỗi ghê gớm này không cốt tại xu hướng thiên về nó, nhưng cốt tại đầu hàng và thực hành nếp sống đó. Đức Thánh Linh ban quyền năng để chống cự cảm dỗ và đắc thắng lâu dài (I.Côrinthô 10:13). Một số Cơ Đốc nhân tại Côrinthô là những bằng chứng sống chứng minh người đồng tính luyến ái không tất nhiên bị ràng buộc vào nếp sống đó không ra khỏi được (I.Côrinthô 6:9-11).

1:28 Vì con người không chịu nhớ đến Đức Chúa Trời trong hiểu biết của mình, hoặc không chịu nhớ Ngài là Đấng Tạo Hóa, Đấng Năng Đỡ, hay Đấng Giải Cứu, nên Đức Chúa Trời **phủ họ theo lòng hư xấu** để phạm hàng loạt hình thức gian ác khác nữa. Cầu Kinh Thánh này giúp hiểu rõ vì sao thuyết tiến hóa hấp dẫn mạnh đến thế đối với con người thiên nhiên. Nguyên nhân không nằm trong trí tuệ nhưng trong ý chí của họ. Họ không muốn nhìn biết Đức Chúa Trời. Không phải vì bằng cứ cho thuyết tiến hóa quá đư **đạt** đến nỗi họ bị thôi thúc phải chấp nhận; trái lại, chính vì họ muốn có lời giải thích nào đó về những nguồn gốc sao cho loại bỏ hoàn toàn Đức Chúa Trời. Họ biết nếu có Đức Chúa Trời thì họ phải chịu trách nhiệm đạo đức với Ngài.

1:29 Như vậy, đây là danh sách đen tối nhất về những tội khác nữa đặc trưng cho con người khi xa lánh Đức Chúa Trời. Lưu ý rằng họ **đẩy đẩy** mọi tội đó, chứ không phải thỉnh thoảng vướng vào một chút. Họ được huấn

luyện trong những tội lỗi không thích hợp cho con người: **không công bình** (không có công lý); **gian dâm**² (tà dâm, ngoại tình và mọi hình thức tình dục bất chính khác); **độc ác** (những điều xấu cách chủ động); **tham lam** (tham của, quyền lực, khao khát không ngừng để có nhiều hơn nữa); **hung dữ** (khao khát hại người khác; lòng thù ghét độc địa); **chan chứa những điều ghen ghét** (ghen tị với người khác); **đấy đấy sự giết người** (giết người có tính toán trước và trái luật pháp, hoặc trong cơn giận hoặc trong khi phạm một tội ác nào khác); **đấy đấy sự cãi lầy** (cãi lộn, cãi nhau, gây gổ); **đấy đấy đối trả** (lừa đảo, lường gạt, bậy mưu xấu); **đấy đấy giận dữ** (ác ý, chọc tức, thù nhau, cay đắng); **hay mách lẻo** (những người lên vu cáo, những người nói hành);

1:30 Gièm chê (vu cáo cách công khai, những người nói độc miệng về người khác); **chẳng tin kính** (hay thù ghét Đức Chúa Trời); **xác xược** (chơi hiếm ác với người khác, lòng mạ người khác); **kiêu ngạo** (khinh miệt người khác, ngạo mạn); **khoe khoang** (những người khoe lác, những người tự khoe mình); **khôn khéo về sự làm dữ** (những người nghĩ ra những kiểu gian ác mới và hiểm độc); **không vâng lời cha mẹ** (nổi loạn chống thẩm quyền của cha mẹ).

1:31 Đại dột (thiếu biện biệt về đạo đức và thuộc linh, vô lương tâm); **trái lời giao ước** (viết lời hứa, vi phạm những hứa thuận, những hiệp ước và hợp đồng bất cứ khi nào thấy có lợi cho mục đích của mình); **không có linh nghĩa tự nhiên** (hành động theo kiểu

hoàn toàn xem thường những mối ràng buộc tự nhiên và những bổn phận đi kèm với chúng); **không tha thứ**³ (không thể giằng hòa được hoặc không thể làm người được, không khoan nhượng được); **không có lòng thương xót** (tàn nhẫn, không khoan dung, không có lòng trắc ẩn).

1:32 Những kẻ lạm dụng tình dục (1:24), những người làm bại hoại tình dục (1:26,27), và những người phạm vào các tội khác được liệt kê ra đây (1:29-31) đều hiểu biết bẩm sinh rằng không những các điều này là sai mà bản thân họ còn **đáng chết** nữa. Họ biết đây là phán quyết của Đức Chúa Trời, bất kể họ có tìm cách hợp lý hóa hay hợp pháp hóa những tội này như thế nào đi nữa. Nhưng điều này vẫn không ngăn họ buông mình vào những hình thức không tin kính này. Trên thực tế, họ còn hiệp với người khác để quảng bá các tội đó, và cảm thấy có tình thân đồng đội với những người hạn cộng sự phạm tội của mình.

DÂN NGOẠI CHƯA NGHE VỀ TIN LÀNH

Như vậy, Đức Chúa Trời trả lời thế nào cho thắc mắc "Người ngoại chưa hề nghe Tin Lành có bị hư mất không?"? Người ngoại bị định tội vì không sống đúng theo sự sáng Đức Chúa Trời đã ban cho họ trong sự sáng thế. Thay vào đó, họ trở thành người thờ lạy hình tượng, và kết quả là tự buông mình vào đời sống bại hoại và xấu xa.

Nhưng giả sử một cá nhân người ngoại thực sự sống theo ánh sáng Đức Chúa Trời ban cho. Giả sử người thiếu hủy các hình tượng của mình và tìm

kiếm Đức Chúa Trời chân thần. Như vậy thì thế nào?

Giữa những tín hữu Tin Lành thuần túy có hai trường phái tư tưởng về đề tài này. Một số tin nếu người ngoại sùng đúng theo ánh sáng của Đức Chúa Trời trong cõi thọ tạo, Ngài sẽ ban cho người sự sáng của Tin Lành. Cột này được trích dẫn làm ví dụ. Ông đã tìm kiếm Đức Chúa Trời. Lời cầu nguyện và của bố thí của ông đã trở thành dấu ghi nhớ trước mặt Đức Chúa Trời. Sau đó Đức Chúa Trời sai Phierơ đến nói cho ông biết làm sao để được cứu (Công Vụ 11:14).

Nhiều người khác tin nếu một người tin cậy nơi một Đức Chúa Trời chân thần và hằng sống duy nhất đúng như Ngài được bày tỏ trong cõi thọ tạo, nhưng chết trước khi được nghe Tin Lành, Đức Chúa Trời sẽ cứu người ấy trên cơ sở công tác của Đấng Christ đã làm xong tại đồi Gôgôtha. Dấu chính người này không biết gì về công tác Đấng Christ, Đức Chúa Trời vẫn kể giá trị của công tác Đấng Christ cho người ấy khi người ấy tin Đức Chúa Trời theo ánh sáng mình đã nhận được. Những người theo quan điểm này cho rằng đây là cách Đức Chúa Trời cứu con người trước thời Gôgôtha và cách Ngài vẫn đang cứu những người lớn nhưng mắc bệnh có trí não của trẻ con, những người có trí thông minh kém cỏi cách không bình thường, cũng như những con trẻ chết trước khi chúng đến tuổi phải chịu trách nhiệm khai trình.

Quan điểm thứ nhất có thể hậu thuẫn bởi trường hợp của Cột này. Quan điểm thứ nhì thiếu hậu thuẫn của Kinh Thánh cho kỷ nguyên tiếp sau sự chết

và sự phục sinh của Đấng Christ (tức kỷ nguyên hiện tại của chúng ta), và cũng làm suy yếu lẽ cần thiết phải có hoạt động truyền giáo năng nổ. ◊

Phaolô cho thấy người ngoại giáo bị hư mất và cần Tin Lành. Giờ đây ông quay sang hạng người thứ nhì. Vẫn còn có phần tranh cãi về sự nhận diện chính xác hạng người này. Chúng ta tin ở đây sứ đồ đang nói đến những nhà đạo đức tự cho mình là công bình, có thể là người Do Thái hoặc người ngoại bang. Câu đầu tiên cho thấy họ là những nhà đạo đức tự cho là công bình qua cách họ lên án hành vi của người khác (nhưng chính họ cũng phạm y những tội đó). Câu 9,10,12,14 và 15 cho thấy Phaolô đang nói đến cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Vì vậy câu hỏi được nêu ra trước tòa ấy là: *Có phải những nhà đạo đức tự cho mình công bình - cho dù đó là người Do Thái hay người ngoại bang đi nữa - cũng đều hư mất không? Và câu trả lời - như chúng ta sẽ thấy - chính là "Đúng, họ cũng bị hư mất!"*

2:1 Hạng người thứ nhì này gồm những người xem khinh người ngoại giáo, tự cho mình văn minh hơn, có học vấn cao hơn và tao nhã hơn. Họ lên án người ngoại giáo về hành vi gớm ghiếc, thế nhưng tự họ cũng phạm y như vậy, dẫu có lẽ phạm theo cách tinh tế hơn. Con người sa ngã sẵn sàng và dễ dàng nhìn thấy lỗi lầm nơi người khác hơn thấy ở nơi mình. Những điều xấu xa gớm ghiếc trong đời sống người khác dường như lại rất đáng trọng trong chính đời sống họ. Nhưng chính sự kiêu họ có thể đoán xét tội lỗi nơi người

khác cho thấy họ biết phân biệt giữa đúng và sai. Nếu biết người khác cướp vợ mình là sai, thì cũng biết mình cướp vợ người khác là sai. Do đó, khi phạm chính tội mà mình đã lên án nơi người khác, thì không còn cơ biện hộ nào nữa.

Những tội đã phạm của người có văn hóa về cơ bản cũng chính là những tội của người ngoại giáo đã phạm. Đấng nhà đạo đức có thể cho rằng mình không phạm hết mọi tội trong danh sách này, nhưng nên nhớ những sự thực sau:

1. Mình có thể phạm hết thấy mọi tội đó.

2. Khi phạm vào một điều răn, thì phạm hết thấy (Giaco 2:10).

3. Mình đã phạm những tội lỗi trong tư tưởng mà có thể chưa bao giờ phạm bằng hành động thực tế, và những tội đó đã bị Lời Chúa cấm. Chúa Jesus dạy rằng cái nhìn tham muốn thì cũng ngang với tội ngoại tình (Mathiơ 5:28).

2:2 Điều nhà đạo đức tự mãn này đang cần chính là bài học về sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Vị sứ đồ tiếp tục dạy bài học ấy trong câu 2-16. Điểm thứ nhất chính là: **Sự đoán xét của Đức Chúa Trời hiệp với lẽ thật.** Sự đoán xét đó không căn cứ trên bằng chứng chưa đủ, thiếu chính xác hay lệ thuộc hoàn cảnh. Trái lại, căn cứ trên lẽ thật, lẽ thật toàn vẹn, và không căn cứ trên bất kỳ điều gì khác hơn là lẽ thật.

2:3 Thứ nhì, những người lên án người khác về những tội mà chính mình cũng phạm thì không thể tránh khỏi sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Khả năng để đoán xét người khác không miễn tội

cho họ. Trên thực tế, nó càng tăng thêm sự định tội cho họ.

Sự đoán xét của Đức Chúa Trời là không thể tránh khỏi được, trừ phi chúng ta *án nần và được tha thứ*.

2:4 Tiếp theo, chúng ta biết sự đoán xét của Đức Chúa Trời đôi khi được hoãn lại ít lâu. Sự trì hoãn này chính là bằng chứng về lòng nhân từ, nhịn nhục, khoan dung của Ngài. Lòng nhân từ của Ngài tức là Ngài sẵn sàng có thiện cảm đối với tội nhân, dẫu vậy Ngài không có thiện cảm với tội lỗi của họ. Sự nhịn nhục của Ngài mô tả Ngài đang kiềm giữ lại hình phạt cho sự gian ác và phản nghịch của con người. Sự khoan dung chính là việc tự kiềm chế lại lòng của Ngài bất chấp sự trêu chọc không ngừng của con người.

Lòng nhân từ của Đức Chúa Trời - được nhìn thấy trong ơn tha thứ, sự bảo vệ và gìn giữ của Ngài - nhằm dẫn con người đến sự án nần. Ngài "không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều án nần" (II.Phiêrơ 3:9).

Án nần có nghĩa quay mặt, quay lưng lại với tội lỗi để uốn theo hướng ngược lại. "Chính sự đổi ý đem lại sự thay đổi thái độ, và dẫn đến kết quả là thay đổi hành động."⁴ Án nần biểu thị hành động đứng về phía Đức Chúa Trời để chống lại chính mình và tội lỗi của mình. Nó còn trở hơn sự đồng ý của lý trí đối với thực trạng tội lỗi của mình; nó cũng bao gồm cả lương tâm nữa, như John Newton đã viết: "Lương tâm tôi cảm thấy và thừa nhận mặc cảm phạm tội của tôi."

2:5 Điều thứ tư chúng ta học được về sự đoán xét của Đức Chúa Trời

chính là sự *đoán xét tăng tiến tùy theo mức tích lũy sự phạm tội*. Phaolô mô tả tội nhân cứng lòng và không chịu ăn năn đang **chất chứa** sự đoán xét cho mình, như thể đang gây dựng cơ ngơi bằng vàng và bạc vậy. Nhưng tài sản sẽ ra sao trong ngày **cơn thanh nộ** của Đức Chúa Trời rồi cuộc sẽ được tỏ ra tại sự **đoán xét ở Ngai Trắng và Lớn** (Khải Huyền 20:11-15)! Trong ngày đó sẽ *thấy* sự đoán xét của Đức Chúa Trời *tuyệt đối công bình*, không hề có thành kiến hay bất công.

2:6 Trong năm câu kế tiếp, Phaolô nhắc sự *đoán xét của Đức Chúa Trời sẽ tùy theo công việc đã làm*. Một người có thể khoe khoang sự nhân đức vì đại của cá nhân mình. Họ có thể cậy vào nguồn gốc chủng tộc hay quốc gia. Họ có thể viện ra sự kiện tổ tiên họ có rất nhiều người thuộc về Đức Chúa Trời. Nhưng họ sẽ bị đoán xét bởi *công việc họ đã làm*, chứ không bởi bất kỳ những điều nào đã khoe ở trên. Công việc làm sẽ là yếu tố quyết định.

Nếu chỉ tách riêng câu 6-11, rất dễ để kết luận những câu này dạy sự cứu rỗi bởi việc làm. *Dường như* chúng nói rằng những ai làm việc lành thì sẽ bởi đó kiếm được sự sống đời đời.

Nhưng cần phải thấy rõ phần đoạn này không thể nói điều đó, vì như vậy sẽ mâu thuẫn thẳng thừng với lời chứng nhất quán của toàn bộ phần còn lại của Kinh Thánh vốn dạy sự cứu rỗi là bởi đức tin chứ không bởi việc làm. Chafer nói khoảng 150 phần đoạn trong Tân Ước quy định sự cứu rỗi chỉ bởi đức tin hay bởi tin.³ Khi hiểu đúng, không phần

đoạn nào có thể mâu thuẫn với lời chứng dư dật như thế.

Vậy chúng ta phải hiểu phần đoạn này như thế nào? Trước hết, chúng ta phải hiểu việc lành vẫn chưa bắt đầu cho đến khi được tái sinh. Khi dân chúng hỏi Chúa Jêsus "Chúng tôi phải làm chi cho được làm công việc Đức Chúa Trời?" Ngài đáp: "Các ngươi tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến, ấy đó là công việc Ngài" (Giăng 6:28, 29). Vì vậy, việc lành đầu tiên người ta có thể làm chính là tin Đức Chúa Jêsus Christ, và chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng *đức tin không phải là một công đức để nhờ đó kiếm được sự cứu rỗi*. Vì vậy, nếu người chưa được cứu bị đoán xét bởi công việc làm của họ, họ sẽ không có điều gì giá trị để đưa ra làm bằng chứng. Toàn bộ những gì họ cho là sự công bình đều bị xem là gẻ rách ở uế (Êsai 64:6). Họ bị đoán phạt chính vì không tin Đức Chúa Jêsus là Chúa (Giăng 3:18). Ngoài ra, công việc làm của họ sẽ xác định mức độ hình phạt (Luca 12:47,48).

Nếu *tin hữu* bị đoán xét tùy theo công việc họ làm, thì kết quả sẽ là gì? Dương nhiên, họ không thể trình ra một việc lành nào để bởi đó kiếm được hay xứng đáng nhận được sự cứu rỗi. Toàn bộ việc làm của họ trước khi được cứu đều là tội lỗi. Nhưng huyết của Đấng Christ đã xóa sạch quá khứ ấy. Giờ đây chính Đức Chúa Trời không thể tìm lời buộc tội nào để kết án họ đi địa ngục. Một khi đã được cứu rỗi, họ mới bắt đầu thực hiện các việc lành – không nhất thiết phải là việc lành theo cách nhìn của thế gian, nhưng những việc

lành theo cách Đức Chúa Trời nhìn thấy. Những việc lành là kết quả của sự cứu rỗi, chứ không phải vì nguyên nhân công đức. Tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, những việc làm của họ sẽ được duyệt lại, và sẽ được ban thưởng cho toàn bộ sự phục vụ trung tín.

Nhưng phải luôn nhớ rằng phần đoạn này không đề cập đến tín hữu - chỉ đề cập đến những người không tin Đức Chúa Trời.

2:7 Để giải thích sự đoán xét sẽ tùy theo công việc làm, Phaolô nói Đức Chúa Trời sẽ xét **"Ai bền lòng làm lành, tìm sự vinh hiển, sự tôn trọng và sự chẳng hề chết, thì báo cho sự sống đời đời."** Như đã giải thích, điều này không có nghĩa những người này được cứu bởi **bền lòng làm lành**. Nếu như vậy thì đã thành một Tin Lành khác. Đó là loại nếp sống không ai tự nhiên sống được, và cũng không ai sống nổi nếu không có quyền năng thiên thượng. Bất kỳ ai thực sự phù hợp với lời mô tả này đều đã được cứu bởi ân điển qua đức tin rồi. Chính sự kiện người này tìm **sự vinh hiển, sự tôn trọng và sự chẳng hề chết** cho thấy họ đã được tái sanh rồi. Toàn bộ chiều hướng chung của đời sống chứng tỏ người đã hoàn cải rồi.

Người này tìm **vinh hiển** của Thiên đàng, sự tôn trọng chỉ ra từ nơi Đức Chúa Trời (Giăng 5:44); **sự chẳng hề chết** vốn đặc trưng cho thân thể phục sinh (I.Côrinthô 15:53,54); cơ nghiệp trên trời, vốn không hư đi, không ở ướ và không suy tàn (I.Phe-rơ 1:4).

Đức Chúa Trời sẽ thưởng **sự sống đời đời** cho mọi ai thể hiện bằng chứng của từng trải hoán cải này. **Sự sống đời**

đời được diễn tả nhiều cách khác nhau trong Tân Ước. Đây là sự sở hữu hiện tại chúng ta nhận được ngay giờ phút hoán cải (Giăng 5:24). Đây là của cải tương lai chúng ta sẽ hưởng lấy khi nhận thân thể vinh hiển (tại đây và trong Rôma 6:22). Dấu đây là món quà nhận bởi đức tin, nhưng đời liên hệ với những phần thưởng dành cho đời sống trung tín (Mác 10:30). Mọi tín hữu đều có **sự sống đời đời**, nhưng một số người sẽ được hưởng **sự sống ấy** nhiều hơn người khác. Sự sống đời đời còn trổi hơn cả sự tôn tại bất tận; đây là phẩm chất của **sự sống, sự sống** càng dư dật hơn mà Cứu Chúa đã hứa trong Giăng 10:10. Đây chính là **sự sống** của Đấng Christ (Cô-lô-se 1:27).

2:8 Còn ai có **lòng chống trả, không vâng phục lẽ thật**, nhưng trái lại vâng phục sự không công bình, sẽ được báo cho họ **sự cảm phần và cơn thanh nộ**. Họ **không vâng phục lẽ thật**, không hề đáp lại tiếng gọi của Tin Lành. Trái lại, họ chọn vâng phục sự không công bình như chủ của họ. Đời sống họ đặc trưng bởi xung đột, cãi lầy và không vâng lời - bằng chứng chắc chắn cho thấy họ chưa hề được cứu.

2:9 Giờ đây sứ đồ lập lại phán quyết của Đức Chúa Trời về hai hạng người làm việc và hai hạng công việc, ngoại trừ lần này Ngài phán quyết theo thứ tự ngược lại.

Phán quyết sẽ là **giảng hoán nạn và khốn khổ cho mọi người làm ác**. Ở đây một lần nữa chúng ta phải nhấn mạnh những việc làm gian ác này tỏ ra tâm lòng vô tin xấu xa. Các công việc ấy là

biểu hiện bề ngoài cho thái độ đối với Chúa.

Cụm từ trước cho người Giuđa, sau cho người Gêréc cho thấy sự đoán xét của Đức Chúa Trời sẽ tùy theo đặc ân hoặc sự sáng đã nhận được. Người Do Thái đứng "trước" về mặt đặc ân trong tư cách tuyển dân trên đất của Đức Chúa Trời; do đó, họ sẽ đứng "trước" về trách nhiệm. Phương diện này trong sự đoán xét của Đức Chúa Trời sẽ được triển khai thêm trong câu 12-16.

2:10 Bản phán quyết sẽ là vinh hiển, tôn trọng và bình an cho mọi người nào làm lành – cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Chúng ta đừng quên không ai có thể làm lành đối với Đức Chúa Trời, trừ phi trước hết phải đặt đức tin và lòng tin cậy nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

Cụm từ "trước cho người Giuđa, sau cho người Gêréc" không thể nói lên thái độ thiên vị, vì câu kế tiếp cho thấy sự đoán xét của Đức Chúa Trời không thiên vị. Như vậy, cụm từ này phải nói lên thứ tự lịch sử cho Tin Lành rao ra, như trong 1:16. Tin Lành được rao truyền trước hết cho người Do Thái, và những tín hữu đầu tiên là người Do Thái.

2:11 Một lẽ thật khác về sự đoán xét của Đức Chúa Trời ấy là không vì nể ai hết. Tòa án của con người thường thiên vị những người trông đẹp mắt, giàu có và có thế lực; nhưng Đức Chúa Trời hoàn toàn không thiên vị. Ngài sẽ không hề xét đến chủng tộc, địa vị hay diện mạo.

2:12 Như đã nói ở trên, các câu 12-16 khai triển rộng thêm ý nói sự đoán

xét của Đức Chúa Trời sẽ tùy theo lượng sự sáng đã nhận được. Hai hạng người được xét đến: người không có luật pháp (tức người ngoại bang) và những người ở dưới luật pháp (người Do Thái). Như vậy bao gồm mọi người ngoại trừ những người ở trong hội thánh của Đức Chúa Trời (xem 1.Côrintô 10:32, nơi đó nhân loại được chia ra thành ba hạng).

Những người không luật pháp mà phạm tội cũng sẽ không luật pháp mà hư mất. Câu Kinh Thánh này không nói "sẽ không luật pháp mà bị đoán xét," nhưng nói "sẽ không luật pháp mà hư mất." Họ sẽ bị đoán xét tùy theo bất cứ sự bày tỏ nào Chúa đã ban cho họ, và vì không sống đúng theo sự bày tỏ đó nên họ sẽ hư mất.

Những người phạm tội dưới luật pháp thì sẽ bị luật pháp đoán xét, và nếu không vâng theo luật pháp, họ cũng hư mất. Luật pháp đòi hỏi vâng phục trọn vẹn.

2:13 Chỉ sở hữu luật pháp thì vẫn chưa đủ. Luật pháp đòi hỏi vâng lời trọn vẹn và liên tục. Không ai được kể là công bình chỉ vì có biết nội dung của luật pháp. Cách duy nhất có thể nghĩ đến để được xưng công bình dưới luật pháp là giữ toàn bộ luật pháp. Nhưng vì mọi người đều là tội nhân, nên không thể nào giữ toàn bộ luật pháp. Vì vậy câu này thực sự nêu ra điều kiện lý tưởng, chứ không nói lên điều con người có thể đạt được.

Tân Ước dạy mạnh mẽ rằng con người không thể được xưng công bình bởi giữ luật pháp (xem Công Vụ 13:39; Rôma 3:20; Galati 2:16,21; 3:11). Đức

Chúa Trời không hề dự định cho ai được cứu bởi luật pháp. Dẫu có thể giữ luật pháp cách trọn vẹn kể từ hôm nay trở đi cũng vẫn không được xưng công bình, vì Đức Chúa Trời đòi hỏi cả những điều trong quá khứ. Vì vậy, khi câu 13 nói kẻ **lâm theo luật pháp** được xưng công bình, chúng ta phải hiểu câu này muốn nói luật pháp đòi hỏi sự vâng lời, và nếu bất cứ ai có thể vâng phục trọn vẹn kể từ ngày ra đời, người ấy sẽ được xưng công bình. Nhưng sự thực lạnh lùng và khắc nghiệt chính là không ai làm được như thế.

2:14 Câu 14 và 15 là câu trong ngoặc, nhìn lại câu 12a, cho biết người ngoại bang nào không có luật pháp mà phạm tội thì sẽ không có luật pháp mà bị hư mất. Giờ đây Phaolô giải thích: dẫu không ban luật pháp cho người ngoại bang, nhưng họ có hiểu biết bẩm sinh về lẽ phải quấy. Theo bản năng, họ biết nói dối, trộm cắp, ngoại tình và giết người là sai. Điều răn duy nhất mà họ không biết theo bản năng chính là điều răn về ngày Sabát; điều răn đó thuộc về lẽ nghi hơn là đạo đức.

Tóm lại, **dân ngoại vốn không có luật pháp... cũng lự nên luật pháp cho mình.** Từ những bản năng đạo đức, họ lập bộ luật riêng của mình về hành vi phải quấy.

2:15 Họ tỏ ra việc **luật pháp dạy biểu đã ghi trong lòng họ.** Không phải bản thân luật pháp được ghi trong lòng họ, nhưng là **"việc mà luật pháp dạy biểu."** Công việc mà luật pháp được giao thực hiện trong đời sống người Ysraên được nhìn thấy chừng mực nào đó trong đời sống của dân ngoại bang.

Chẳng hạn, chính sự kiện họ biết biểu kính cha mẹ là lẽ phải, chứng tỏ **việc mà luật pháp dạy biểu đã ghi trong lòng họ.** Họ cũng biết có những hành động nào đó về cơ bản là sai quấy. **Lương tâm họ,** đóng vai trò như một thiết bị kiểm tra, khẳng định cho sự hiểu biết theo bản năng này. Và tư tưởng họ không ngừng xác định điều đúng hoặc điều sai trong những việc làm, lúc thì **cáo giác** lúc thì **binh vực,** để ngăn cấm hoặc cho phép.

2:16 Câu này nối tiếp tư tưởng của câu 12, cho biết những người không có luật pháp và những người có luật pháp sẽ bị đoán xét *lúc nào.* Và khi cho biết như vậy, câu này dạy một lẽ thật chung quyết về sự đoán xét của Đức Chúa Trời – tức là, *sự đoán xét sẽ tính số những việc kín nhiệm của loài người, chứ không phải chỉ những tội lỗi công khai của họ.* Tội lỗi vốn kín nhiệm trong thời hiện tại sẽ là vụ tai tiếng công khai tại Sự Đoán Xét ở Ngai Lớn Và Trắng. Vị Quan Án trong chính giờ phút trang trọng đó chính là Chúa Jêsus Christ, vì Đức Chúa Cha đã giao toàn bộ công tác đoán xét cho Ngài (Giăng 5:22). Khi Phaolô nói thêm **"y theo Tin Lành tôi,"** ông muốn nói "Tin Lành của tôi dạy như vậy." Tin Lành tôi có nghĩa Tin Lành Phaolô đã rao giảng, và cũng chính là Tin Lành do các sứ đồ khác rao giảng.

2:17 Vị sứ đồ còn cần nói thêm hạng người thứ ba nữa, vì vậy giờ đây ông quay sang câu hỏi: *Có phải những người Do Thái đã được nhận luật pháp cũng bị hư mất không?* Và đương nhiên câu trả lời là "Đúng, họ cũng bị hư mất!"

Rõ ràng, rất nhiều người Do Thái cảm thấy được miễn sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Họ nghĩ Đức Chúa Trời không bao giờ bỏ người Do Thái nào vào địa ngục. Trái lại, người ngoại bang là nhiên liệu cho lửa địa ngục. Giờ đây Phaolô phải triệt hạ thái độ tự phụ này bằng cách cho thấy trong một số trường hợp, người ngoại bang có thể còn gần gũi Đức Chúa Trời hơn cả người Do Thái.

Trước hết, ông ôn lại những điều được người Do Thái quý trọng như thể chúng giúp họ có liên hệ nội bộ với Đức Chúa Trời. Người Do Thái mang danh người Giuđa, bởi đó là thành viên trong tuyến dân trên trần gian này của Đức Chúa Trời. Họ yên nghĩ **trần luật pháp**, là thứ chưa hề nhằm ban sự yên nghĩ nhưng trái lại để đánh thức lương tâm nhìn biết về tình trạng tội lỗi. Họ khoe khoang về Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời chân thần duy nhất, Đấng bước vào mối quan hệ giao ước độc nhất vô nhị với dân Ysraên.

2:18 Họ đã biết ý muốn của Đức Chúa Trời, vì nét đại cương của ý muốn Ngài được nêu trong Kinh Thánh. Người này biết phân biệt phải trái, vì được luật pháp dạy cách đánh giá những giá trị đạo đức.

2:19 Người này tự khoe mình làm người dẫn đường cho kẻ mù về mặt đạo đức và tâm linh, làm sự sáng cho những người ở nơi tối tăm của sự ngu dốt.

2:20 Họ cảm thấy mình đủ tư cách để sửa sai cho kẻ ngu hay kẻ chưa được dạy dỗ, và đủ tư cách dạy kẻ lảm thượng (Bản Anh Ngữ - trẻ thơ - babes), vì luật

pháp đã cho họ mẫu mực (Bản Anh Ngữ: "nét đại cương") của sự thông biết và của lẽ thật.

2:21 Nhưng những điều khoe khoang của người Do Thái chưa hề thay đổi đời sống người. Đây chỉ là sự kiêu hãnh về chủng tộc, tôn giáo và tri thức mà không hề kèm theo sự biến đổi tương ứng về đạo đức. Họ dạy người khác nhưng không nhận lấy những bài học ấy cho mình. Họ giảng chống lại ăn cắp, nhưng không thực hành những điều mình đã giảng.

2:22 Khi họ cảm phạm tội ngoại tình, đây chính là trường hợp "Làm theo lời tôi bảo, chứ đừng bắt chước cách tôi làm." Trong khi ghét và gớm ghiếc hình tượng, họ không ngần ngại cướp những đến thờ, có lẽ bằng cách thực sự cướp bóc các đền miếu của ngoại giáo.

2:23 Họ khoe mình có luật pháp, nhưng họ nhục chính Đức Chúa Trời là Đấng đã ban luật pháp ấy bằng cách phạm các điều khoản thiêng liêng của luật pháp.

2:24 Nói nhiều và làm ít khiến cho người ngoại bang nói phạm đến danh Đức Chúa Trời. Họ đánh giá về Chúa - theo như cách con người vẫn luôn luôn làm - qua những người tuyên bố là môn đồ của Ngài. Điều này đã đúng trong thời Êsai (Êsai 52:5) và ngày nay vẫn đúng. Mỗi chúng ta phải hỏi:

Nếu điều duy nhất họ nhìn thấy về Chúa Jesus

Là chính là những điều họ thấy về Ngài ở trong bạn,

(điền tên của bạn vào), họ thấy điều gì?

2:25 Ngoài luật pháp, người Do Thái này còn khoe mình về nghi lễ cắt bì.

Đây là một tiểu phẫu trên dương bì của người nam Do Thái. Nghi lễ này do Đức Chúa Trời thiết lập để làm dấu về giao ước của Ngài với Ápraham (Sáng Thế Ký 17:9-11). Nghi lễ này biểu lộ sự phân rẽ dân sự của Đức Chúa Trời ra khỏi thế gian. Ít lâu sau, người Giuđa tự hào mình có phép cắt bì này đến nỗi họ gọi người ngoại bang cách khinh khi là "kẻ không chịu cắt bì."

Ở đây, Phaolô liên kết **phép cắt bì** với **luật pháp Môisê** và nêu rõ phép cắt bì là một dấu hiệu chỉ hiệu lực khi nào được kết hợp với đời sống vâng phục. Đức Chúa Trời không cầu nệ nghi thức suông; Ngài không thỏa mãn với những lễ nghi bề ngoài trừ phi chúng đi kèm sự thành khiết bề trong. Vì vậy, người Do Thái đã chịu cắt bì nhưng vi phạm luật pháp thì có thể bị xem như người chưa chịu cắt bì.

Khi sử đồ nói đến người giữ theo hay người làm theo luật pháp trong phần đoạn này, chúng ta không được phép hiểu những từ ngữ đó theo nghĩa tuyệt đối.

2:26 Như vậy, nếu người ngoại hành động phù hợp với nếp sống đạo đức do **luật pháp** quy định, dấu không ở dưới luật pháp, tình trạng **chưa chịu cắt bì** của người vẫn đáng được chấp nhận hơn phép cắt bì của một người Do Thái phạm luật pháp. Trong trường hợp ấy, tấm lòng của người ngoại đã chịu cắt bì, và đó mới là vấn đề quan trọng.

2:27 Hành vi vượt trội này của người ngoại bang đã lên án người Do Thái kia, là người có chữ của **luật pháp** và **phép cắt bì** nhưng lại không giữ luật pháp hay không sống cuộc đời của người chịu

cắt bì, tức đời sống phân rẽ và nên thánh.

2:28 Theo cách tính của Đức Chúa Trời, **một người Do Thái** thật không phải chỉ là người mang dòng máu Ápraham chảy trong huyết quản, hay là người mang dấu ấn cắt bì trong thân thể. Có thể mang cả hai điều này nhưng vẫn là cặn bã đạo đức của quả đất. Chúa không bị dao động bởi những căn nhắc bề ngoài về chủng tộc hoặc tôn giáo; Ngài tìm sự thành thật và thanh sạch ở bề trong.

2:29 **Một người Do Thái** thật là người không chỉ thuộc dòng dõi Ápraham nhưng cũng bày tỏ nếp sống tín kính. Phần đoạn này không dạy mọi tín hữu đều là người Do Thái, hay hội thánh là Ysraên của Đức Chúa Trời. Phaolô đang nói đến những người mang huyết thống Do Thái và ông quả quyết rằng chỉ có huyết thống và nghi lễ cắt bì thôi thì vẫn chưa đủ. Còn phải có thực tại bề trong nữa.

Phép cắt bì thật là vấn đề của **tấm lòng** – không phải chỉ là cắt thân thể theo nghĩa đen, nhưng là một thực tại thuộc linh về sự giải phẫu bản tánh cũ chưa được tái sanh.

Như vậy, những ai kết hợp dấu hiệu bề ngoài với ấn điển bề trong thì nhận được sự khen ngợi của Đức Chúa Trời, chứ không phải sự khen ngợi của con người. Trong câu cuối có lối chơi chữ không thấy rõ được trong Anh ngữ (cũng như trong Việt ngữ). Từ ngữ "Do Thái" ra từ "Giuđa," có nghĩa "**khen ngợi**." **Một người Do Thái** thật là người có lối cách làm sao cho nhận được sự **khen ngợi** từ Đức Chúa Trời.

3:1 Phaolô tiếp tục đề tài sự phạm tội của người Do Thái trong tám câu đầu của đoạn này. Ở đây xuất hiện một người Do Thái phản đối ông và bắt đầu đối chất với vị sứ đồ. Tiến trình đối chất như sau:

NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Nếu toàn bộ những điều ông vừa nói trong 2:17-29 là đúng, thì một người Do Thái có được **thuận lợi** thế nào và **chịu phép cắt bì** có ích lợi gì?

3:2 PHAOLÔ: Người Do Thái có rất nhiều đặc ân đặc biệt. Quan trọng nhất là họ đã được giao phó **những lời phán của Đức Chúa Trời**. Kinh Thánh Cựu Ước được giao cho người Do Thái viết ra và bảo quản, nhưng dân Ysraên đã đáp ứng thế nào với đặc ân lớn lao này? Nói chung, họ tỏ ra thiếu đức tin đến kinh khiếp.

3:3 NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Ó, cứ chấp nhận không phải toàn bộ những người Do Thái đều tin, nhưng có phải như vậy có nghĩa Đức Chúa Trời không còn giữ những lời đã hứa? Suy cho cùng, Ngài đã thực sự chọn Ysraên làm dân sự Ngài và lập giao ước rõ ràng với họ. Liệu vũ lín của một số người có thể khiến Đức Chúa Trời nuốt lời hứa của Ngài sao?

3:4 PHAOLÔ: **Đương nhiên không!** Bất cứ khi nào thắc mắc xem Đức Chúa Trời hay con người nói đúng, thì phải luôn luôn dựa trên cơ sở Đức Chúa Trời nói đúng và mọi người là kẻ nói dối. Thực ra, đây chính là lời của Đavít trong Thi Thiên 51:4: "Tôi đã phạm tội cùng Chúa, chỉ cùng một mình Chúa thôi, và làm điều ác trước mặt Chúa; Hầu cho Chúa được xưng công bình khi Chúa

phán, và được thanh sạch khi Chúa xét đoán." Tội lỗi chúng ta đã phạm chỉ nhằm khẳng định tính chân thật của Lời Đức Chúa Trời mà thôi.

3:5 NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Nếu đúng như vậy, vì sao Đức Chúa Trời lại định tội chúng ta? Nếu sự không công bình của chúng ta khiến cho sự công bình của Đức Chúa Trời càng chói sáng rạng ngời, làm thế nào Đức Chúa Trời lại giáng **thanh nộ** trên chúng ta? (Ở đây, Phaolô lưu ý rằng khi trích những lời này, ông đang sử dụng lập luận điển hình của con người.)

3:6 PHAOLÔ: Lập luận như thế không đáng để xem xét cách nghiêm túc. Nếu có khả năng Đức Chúa Trời không công bình, vậy làm sao Ngài xứng đáng để **đoán xét toàn thế gian**? Thế nhưng biết thầy chúng ta phải thừa nhận Ngài sẽ đoán xét thế gian.

3:7 NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Nhưng nếu tội lỗi của tôi đem vinh hiển đến cho Đức Chúa Trời, nếu lời nói dối của tôi minh chứng lẽ thật của Ngài, nếu Ngài khiến cơn thanh nộ của con người ngợi khen Ngài, vậy làm sao Ngài cứ kiên trì bởi móc lỗi lầm nơi **một tội nhân như tôi**?

3:8 Nói thế này không hợp lý sao...-

PHAOLÔ: Tôi xin ngắt ngang để nói rằng mọi số người thực sự buộc tội Cơ Đốc nhân chúng tôi đang lập luận kiểu này, nhưng đó là vu cáo.

NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Nói như vậy không hợp lý hay sao: "Sao chúng ta không làm sự dữ cho được sự lành"?

PHAOLÔ: Tất cả những gì tôi có thể nói ấy là những người nói như thế rất đáng bị **đoán phạt**.

(Thực ra, lập luận cuối này, dẫu có vẻ ngờ ngẩn, lại thường xuyên được nêu ra nhằm chống lại Tin Lành ăn điển của Đức Chúa Trời. Người ta bảo: "Nếu có thể được cứu chỉ bởi đức tin nơi Đấng Christ, thì có thể đi ra sống trong tội lỗi. Vì ăn điển của Đức Chúa Trời trỗi dư dật hơn tội lỗi con người, nên càng phạm tội nhiều bao nhiêu, ăn điển Ngài càng dư dật bấy nhiêu." Vị sứ đồ giải đáp sự chống đối này trong đoạn 6).

3:9 NGƯỜI PHẢN ĐỐI: Như vậy, có phải ông đang bảo người Do Thái chúng ta là **tồi hơn** những người ngoại bang tội lỗi kia? Hay theo một số bản Kinh Thánh, câu hỏi này có thể như sau: "Có phải người Do Thái chúng ta xấu hơn người ngoại bang?" Câu trả lời trong mỗi trường hợp chính là: người Do Thái chẳng tốt hơn cũng chẳng xấu hơn. Hết thầy mọi người đều là tội nhân.

Điều này dẫn đến và đi song song với câu hỏi kế tiếp trong phần trình bày của Phaolô. Đến nay, ông đã trình bày người ngoại giáo bị hư mất; những nhà đạo đức tự cho mình là công bình, cho dù đó là người Do Thái hay người ngoại bang – bị hư mất; người Do Thái bị hư mất. Giờ đây ông quay sang câu hỏi: Có phải mọi người đều hư mất không?

Câu trả lời là: "Đúng, chúng ta đã tỏ ra là mọi người **thầy đều phục dưới quyền tội lỗi**." Như vậy trong phương diện này, người Do Thái không khác gì người ngoại bang cả.

3:10 Nếu cần thêm bằng chứng, thì có bằng chứng trong Cựu Ước. Trước hết, chúng ta thấy tội lỗi đã tác động đến mọi người do loài người sanh ra (3:10-12) và rồi chúng ta thấy tội lỗi tác

động đến mọi thành phần trong con người (3:13-18). Chúng ta có thể diễn ý phần đoạn này như sau: "**Không có được đến một người công bình nữa**" (Thi Thiên 14:1).

3:11 "Chẳng có một người nào hiểu biết đúng về Đức Chúa Trời, **chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời**" (Thi Thiên 14:2). Nếu để yên cho con người, con người sa ngã sẽ không bao giờ tìm kiếm Đức Chúa Trời. Chỉ bởi công tác Thánh Linh mà người ta mới tìm kiếm Ngài.

3:12 "Chúng nó thay **thầy đều** bội nghịch, cùng nhau trở nên ô uế; **Chẳng có ai làm điều lành, dẫu một người cũng không**" (Thi Thiên 14:3).

3:13 "Họng chúng nó là **huyệt mà mở ra**; Lưỡi chúng nó đầy đầy điều đua nịnh" (Thi Thiên 5:9). "Chúng nó mãi nhọn lưỡi mình như răn, có nọc độc răn hổ trong môi mình" (Thi Thiên 140:3).

3:14 "Miệng hán đầy sự **nguyền rủa**, và sự gian lận" (Thi Thiên 10:7).

3:15 "Chúng nó có **chân nhẹ nhàng** dặng làm cho đổ máu" (Êsai 59:7).

3:16 "Trên đường lối chúng nó rặc những sự tàn hại và khổ nạn" (Êsai 59:7).

3:17 "Chúng nó chẳng hề biết con đường bình an" (Êsai 59:8).

3:18 "Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó" (Thi Thiên 36:1).

Như vậy, đây là tấm phim X quang Đức Chúa Trời chụp cho nhân loại. Nó bày tỏ sự không công bình phổ thông (3:10); sự ngu đốt và tách khỏi Đức Chúa Trời (3:11); sự ngang ngược, vô

ích và thiếu nhân lành (3:12). Cổ họng con người đầy dẫy sự thối rữa, lưỡi dối gại, môi miệng đầy nọc độc (3:13); miệng đầy đầy những lời nguyền rủa (3:14); chân vội chạy đến giết người (3:15); có người để lại đàng sau mình rác rưởi và sự hủy hoại (3:16). Không biết cách để đem đến bình an (3:17); và không xem trọng Đức Chúa Trời (3:18). Ở đây chúng ta thấy sự hoàn toàn bại hoại của con người, và chúng ta dùng từ ngữ này để nói rằng tội lỗi đã tác động đến toàn bộ nhân loại và tác động đến mọi phần trong con người. Hiển nhiên, không phải mỗi người đều phạm hết mọi tội, nhưng con người có bản tánh để có thể phạm toàn bộ những tội đó.

Nếu Phaolô muốn nêu một loạt đầy đủ hơn nữa về tội lỗi, ông có thể đề cập *những tội về tính dục*: ngoại tình, đồng tính luyến ái nam, đồng tính luyến ái nữ, trụy lạc, quan hệ tính dục với thú vật, mãi dâm, hãm hiếp, dâm dăng, tranh ảnh khiêu dâm, nói tục tữ, dâm ô. Hẳn ông đã có thể đề cập đến *những tội lỗi liên quan đến chiến tranh*: tiêu diệt những người vô tội, những hành động độc ác, tàn bạo, những phòng hơi ngạt, những lò thiêu người, những trại tập trung, những dụng cụ tra tấn, nạn ác dâm. Ông hẳn có thể nhắc đến *những tội lỗi trong gia đình*: không chung thủy, ly dị, đánh đập vợ, độc ác về mặt tinh thần, hành hung con cái. Thêm vào đó còn những tội giết người, làm cho tàn tật, trộm cắp, biển thủ công quỹ, nạn phá hoại công trình văn hóa, nạn hối lộ, tham nhũng. Cũng có những *tội lỗi trong lời nói*: bâng bở, những câu thêu đùa gợi dục, ngôn ngữ dâm ô,

nguyền rủa, phạm thượng, nói dối, nói xấu sau lưng, lên phá hoại tính cách người khác, làm bầm, than phiền. *Các tội cá nhân khác* như: say sưa, nghiện ma túy, kiêu ngạo, ganh tị, tham lam, vong ơn, nếp sống ở uế của tư tưởng, thù ghét và cay đắng. Danh sách này dường như bất tận – làm ô nhiễm môi trường, xả rác, kỳ thị chủng tộc, bóc lột, lừa gạt, phản bội, bội ước, và còn nhiều nữa. Còn cần thêm bằng chứng nào nữa về sự bại hoại của con người?

3:19 Khi Đức Chúa Trời ban luật pháp cho Ysraên, Ngài dùng Ysraên làm mẫu mực cho nhân loại. Ngài thấy Ysraên là một thất bại, và Ngài áp dụng chính xác phát hiện này cho toàn nhân loại. Điều này cũng giống như khi một thanh tra sức khỏe lấy một ống nước từ giếng lên để thử nghiệm, kiểm tra mẫu thử, thấy bị ô nhiễm, thì tuyên bố toàn bộ cái giếng đã bị ô nhiễm.

Vì vậy, Phaolô giải thích khi **luật pháp** nói, thì nói cho toàn bộ **những người ở dưới luật pháp** – tức là dân Ysraên – để **mọi miệng** – *cả miệng của người Do Thái lẫn ngoại bang* – đều phải ngậm lại và **cả thể gian** đều nhận **tội trước mặt Đức Chúa Trời**.

3:20 Vì **chẳng** có một người nào bởi việc làm theo **luật pháp** mà sẽ **được xưng công bình** trước mặt Ngài. Luật pháp được ban ra không phải để xưng công bình cho con người, nhưng để giúp **biết về tội** – không phải biết về *sự cứu rỗi*, nhưng để **biết về tội**.

Chúng ta không bao giờ biết được đường cong là gì trừ phi cũng đã biết được đường thẳng. Luật pháp giống như đường thẳng. Khi con người tự kiểm tra

minh theo luật pháp, họ mới thấy mình không ngay thẳng như thế nào.

Chúng ta có thể dùng gương soi để thấy khuôn mặt mình đang bẩn, nhưng gương soi không nhằm rửa sạch khuôn mặt bẩn. Nhiệt kế có thể cho biết người có bị sốt hay không, nhưng nước nhiệt kế sẽ không chữa khỏi cơn sốt.

Luật pháp là tốt lành khi được sử dụng để đem đến sự cáo trách tội lỗi, nhưng không giá trị gì trong tư cách giải cứu khỏi tội lỗi. Đứng như Luther nói, chức năng của luật pháp không phải để xưng công bình, nhưng để làm cho khiếp sợ.

D. Cơ Sở Và Các Điều Khoản Của Tin Lành (3:21-31)

3:21 Giờ đây chúng ta tiến đến trọng tâm bức thư gửi cho người Rôma, khi Phaolô giải đáp thắc mắc: Theo *Tin Lành*, làm thế nào những tội nhân không tin kính được xưng công bình bởi một Đức Chúa Trời thánh khiết?

Ông bắt đầu bằng cách tuyên bố sự công bình của Đức Chúa Trời được bày tỏ ở bên ngoài luật pháp. Điều này có nghĩa đã bày lộ một chương trình hay kế hoạch để bởi đó Đức Chúa Trời có thể cứu những tội nhân không công bình theo cách công bình, và không phải cứu bằng cách đòi hỏi con người tuân giữ luật pháp. Vì Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết, Ngài không thể bỏ qua tội lỗi, hay xem thường, hay làm bộ như không thấy tội lỗi. Ngài phải bình phạt tội lỗi. Và hình phạt cho tội lỗi chính là sự chết. Thế nhưng Đức Chúa Trời yêu thương tội nhân và muốn cứu họ; đây mới là vấn đề nan giải. Sự công bình của Đức Chúa Trời đòi hỏi tội

nhân phải chết, nhưng tình yêu của Ngài muốn tội nhân được hưởng hạnh phúc đời đời. Tin Lành bày tỏ cách Đức Chúa Trời có thể cứu tội nhân mà không làm hại đến sự công bình của Ngài.

Kế hoạch công bình này được luật pháp và các Đấng tiên tri làm chứng cho. Điều này đã được báo trước qua các hình bóng của hệ thống dâng tế lễ vốn đòi hỏi phải đổ huyết để chuộc tội. Và cũng được báo trước bởi những lời tiên tri trực tiếp (ví dụ như xem Êsai 51:5,6,8; 56:1; Đanien 9:24).

3:22 Câu 21 cho biết sự cứu rỗi công bình này không căn cứ trên cơ sở giữ luật pháp. Giờ đây vị sứ đồ cho chúng ta biết cách để nhận được sự cứu rỗi ấy – bởi đức tin đến Đức Chúa Jêsus Christ. Đức tin ở đây có nghĩa nương cậy hoàn toàn nơi Đức Chúa Jêsus Christ hằng sống là Cứu Chúa duy nhất cứu mình khỏi tội lỗi và là hy vọng duy nhất cho mình được đến Thiên đàng. Đức tin được căn cứ trên sự bày tỏ về thân vị và công tác của Đấng Christ như được tìm thấy trong Kinh Thánh.

Đức tin không phải là bước nhảy mù quáng vào bóng tối. Đức tin đòi hỏi bằng chứng chắc chắn nhất, và tìm thấy bằng chứng đó trong lời vô ngộ của Đức Chúa Trời. Đức tin không phi lý cũng không vô lý. Còn gì hữu lý hơn là tạo vật phải tin cậy vào Đấng Tạo Hóa của mình?

Đức tin không phải là việc công đức để nhờ đó kiếm được hay xứng đáng được sự cứu rỗi. Con người không thể khoe khoang vì mình đã tìm Chúa; không tin Chúa tức nhiên mình là kẻ

dại. Đức tin không phải là nỗ lực để kiếm được sự cứu rỗi, nhưng là tiếp nhận đơn sơ sự cứu rỗi Đức Chúa Trời đã ban như món quà biếu không.

Phaolô tiếp tục cho biết sự cứu rỗi này dành cho mọi người và trên ^o mọi người nào tin. Sự cứu rỗi dành cho mọi người theo ý nghĩa được dành sẵn cho mọi người, được ban cho mọi người, và đầy đủ cho mọi người. Nhưng sự cứu rỗi này chỉ ban cho những người nào tin; tức là chỉ hiệu lực trên đời sống những ai tiếp nhận Chúa Jêsus bằng một hành động dứt khoát của đức tin. Sự tha thứ dành cho mọi người, nhưng trở nên hiệu lực trên đời sống của một cá nhân chỉ khi nào người ấy tiếp nhận.

Khi Phaolô nói rằng sự cứu rỗi dành sẵn cho mọi người, ông bao gồm cả người ngoại bang cũng như người Do Thái, vì giờ đây chẳng có phân biệt chi hết. Người Do Thái không có quyền ưu tiên đặc biệt nào cả, và người ngoại bang cũng không hề bị thất thế.

3:23 Tính có sẵn của Tin Lành cũng phổ thông y như nhu cầu. Và nhu cầu là phổ thông vì mọi người đều đã phạm tội ⁷ thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Mọi người đã phạm tội trong Adam; khi Adam phạm tội, ông hành động với tư cách người đại diện cho mọi hậu tự của mình. Nhưng con người không chỉ là tội nhân bởi bản chất; họ còn là tội nhân bởi đã thực sự phạm tội. Chính bản thân họ đã thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

PHỤ LỤC VỀ TỘI LỖI

Tội lỗi là bất kỳ tư tưởng, lời nói hoặc hành động nào thiếu hụt tiêu

chuẩn thánh khiết và trọn lành của Đức Chúa Trời. Ấy chính là trật mục tiêu, chưa tới được mục tiêu. Người ta đã từng nghe một người da đỏ bản mui tên chưa tới được mục tiêu đã la lên "Ồ, tôi phạm tội rồi." Trong ngôn ngữ của anh, ⁸ từ ngữ này cũng diễn tả việc phạm tội và việc thiếu hụt mục tiêu.

Tội lỗi là sự trái luật pháp (I.Giăng 3:4), là ý muốn phản nghịch của tạo vật để chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời. Tội lỗi không những là làm sai quấy, mà còn là không làm được điều mình biết là đúng (Giacơ 4:17). Bất kỳ điều gì không bởi đức tin đều là tội lỗi (Rôma 14:23). Điều này có nghĩa một khi đã nghi ngờ về một điều gì đó mà vẫn làm, thì đó là sai quấy. Nếu không có lương tâm trong sạch về điều đó, nhưng vẫn cứ tiếp tục làm, người đó đang phạm tội.

"Mọi điều không công bình đều là tội" (I.Giăng 5:17). Và tư tưởng đại dột là tội lỗi (Châm Ngôn 24:9). Tội lỗi bắt đầu từ trong tâm trí. Khi được khuyến khích và nuôi dưỡng, nó bùng lên thành hành động, và hành động dẫn đến sự chết. Tội lỗi thường hấp dẫn khi mới thường thức lúc đầu, nhưng khi hồi tưởng lại thì thật khủng khiếp.

Đôi khi Phaolô phân biệt giữa tội đã phạm (sins) với tội lỗi (sin). Tội đã phạm chỉ đến những điều sai quấy chúng ta đã làm. Tội lỗi chỉ đến bản chất xấu xa của chúng ta - tức nói đến con người thật của chúng ta. Bản chất chúng ta còn tệ hơn rất nhiều so với những việc chúng ta đã từng làm. Nhưng Đấng Christ đã chết cho bản chất xấu xa của chúng ta cũng như cho

những việc làm xấu xa của chúng ta. Đức Chúa Trời tha thứ những tội chúng ta đã phạm, nhưng Kinh Thánh không hề nói Ngài tha thứ bản chất tội của chúng ta. Trái lại, Ngài *xử phạt* hay *đoán xét* tội lỗi trong xác thịt (Rôma 8:3).

Cũng có sự khác nhau giữa tội lỗi (sin) và sự phạm tội (transgression). Sự phạm tội là vi phạm đến luật pháp đã biết. Trộm cắp về cơ bản là tội lỗi; bản thân nó là điều sai quấy. Nhưng trộm cắp cũng là một sự quá phạm khi đã có một luật pháp cấm nó. "Đâu không có luật pháp, thì đó cũng không có sự phạm luật pháp" (Rôma 4:15).

Phaolô đã chứng minh rằng mọi người đều đã phạm tội và liên tục thiếu hụt vinh hiển của Đức Chúa Trời. Giờ đây ông tiếp tục trình bày giải pháp.

3:24 Như ân điển Ngài mà được xưng công bình cách nhưng không. Tin Lành cho biết phương cách Đức Chúa Trời xưng công bình tội nhân như một món quà tặng không, với hành động ban ơn mà không đòi hỏi người đó phải xứng đáng. Nhưng nói đến hành động xưng công bình thì chúng ta muốn nói đến điều gì?

Từ ngữ *xưng công bình* có nghĩa "kể hay tuyên bố là công bình". Lấy ví dụ, Đức Chúa Trời công bố một tội nhân là công bình khi tội nhân đó tin Đức Chúa Jesus Christ. Nghĩa này được sử dụng thường xuyên nhất trong Tân Ước.

Tuy nhiên, một người có thể xưng Đức Chúa Trời là công bình (xem Luca 7:29) bằng cách tin và vâng theo lời của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, người ấy tuyên bố Đức Chúa Trời là công bình trong mọi điều Ngài phán và làm.

Đương nhiên, con người có thể xưng công bình cho chính mình; nghĩa là có thể long trọng xác nhận sự công bình của chính mình (xem Luca 10:29). Nhưng điều này chẳng khác gì hơn một hình thức tự lừa dối.

Xưng công bình không có nghĩa là thực sự *khuyến* cho một người trở nên công bình. Chúng ta không thể khiến Đức Chúa Trời nên công bình; Ngài đã là công bình rồi. Nhưng chúng ta có thể *công bố* Ngài là công bình. Đức Chúa Trời không *khuyến* bản thân tín hữu trở nên vô tội hay công bình. Đúng hơn, Đức Chúa Trời đặt sự công bình vào hồ sơ của người đó. A. T. Pierson nói: "Khi xưng công bình tội nhân, Đức Chúa Trời gọi họ là công bình trong khi họ hiện không công bình – Ngài không quy gán tội lỗi vào nơi mà bản chất tội hiện hữu, và Ngài quy kể sự công bình vào nơi không có sự công bình."⁹

Định nghĩa phổ biến về sự xưng công bình chính là "*công bình như thể* tôi chưa hề phạm tội." Nhưng mô tả như vậy vẫn chưa đủ. Khi Đức Chúa Trời xưng công bình cho một tội nhân đã tin Ngài, Ngài không những tha bổng người ấy khỏi mặc cảm phạm tội, nhưng còn mặc cho người ấy sự công bình của chính Ngài để bởi đó khiến người ấy tuyệt đối phù hợp cho Thiên đàng. "Sự xưng công bình vượt trội hơn sự tha bổng để được chấp thuận; vượt trội hơn sự tha thứ để khuyến khích tin."¹⁰ Tha bổng chỉ có nghĩa người ấy được giải thoát khỏi lời buộc tội. Sự xưng công bình có nghĩa một sự công bình tích cực được kể đến.

Nguyên nhân Đức Chúa Trời có thể xưng những tội nhân bất kính là người

công bình chính vì Đức Chúa Jêsus Christ đã trả đầy đủ món nợ tội lỗi của họ bởi sự chết và sự sống lại của Ngài. Khi tội nhân tiếp nhận Đức Chúa Jêsus Christ bởi đức tin, họ được xưng công bình.

Khi Giacô dạy sự xưng công bình là bởi việc làm (Giacô 2:24), ông không nói chúng ta được cứu bởi những việc lành, hoặc bởi đức tin cộng với việc lành, nhưng đúng hơn ông nói bởi loại đức tin sẽ đem đến công việc lành.

Điều quan trọng là phải thấy sự xưng công bình là việc đã được xảy ra trong ý của Đức Chúa Trời. Đây không phải là điều mà tín hữu cảm nhận; tín hữu biết điều này đã xảy ra rồi vì Kinh Thánh nói như vậy. C. I. Scofield nói thế này: "Sự xưng công bình là hành động của Đức Chúa Trời qua cách đó Ngài xưng công bình cho mọi người nào tin nơi Đức Chúa Jêsus. Đây là điều xảy ra trong tâm trí của Đức Chúa Trời, chứ không phải trong hệ thần kinh hay trong bản tánh tình cảm của tín hữu ấy."

Trong Rôma 3:24 này, sử đồ dạy chúng ta được xưng công bình cách nhưng không. Đây không phải là điều chúng ta có thể kiếm được hay mua được, nhưng là điều được ban cho như một tặng phẩm.

Tiếp theo, chúng ta biết mình được xưng công bình bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Điều này đơn giản có nghĩa: Nó hoàn toàn không bởi bất kỳ công đức nào nơi chúng ta. Đối với chúng ta, chúng ta không xứng đáng được nhận, không thể tìm kiếm được, và không thể mua được điều ấy.

Để tránh lẫn lộn sau này, chúng ta nên tạm dừng ở đây để giải thích. Có

sáu phương diện khác nhau của sự xưng công bình trong Tân Ước. Kinh Thánh nói chúng ta được xưng công bình bởi ân điển, bởi đức tin, bởi huyết, bởi quyền năng, bởi Đức Chúa Trời, và bởi việc làm; tuy vậy không có sự mâu thuẫn hay xung đột nào về những phương diện này.

Chúng ta được xưng công bình bởi ân điển - điều đó có nghĩa chúng ta không xứng đáng được nhận.

Chúng ta được xưng công bình bởi đức tin (Rôma 5:1) - có nghĩa chúng ta phải tiếp nhận bằng cách tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

Chúng ta được xưng công bình bởi huyết (Rôma 5:9) - điều này nói đến giá Cứu Chúa phải trả để chúng ta được xưng công bình.

Chúng ta được xưng công bình bởi quyền phép (Rôma 4:24) - cũng chính quyền phép đã khiến Đức Chúa Jêsus tử tế chết sống lại.

Chúng ta được xưng công bình bởi Đức Chúa Trời (Rôma 8:33) - Đức Chúa Trời chính là Đấng kể chúng ta là công bình.

Chúng ta được xưng công bình bởi việc làm (Giacô 2:24) - không có nghĩa những việc lành kiếm được sự xưng công bình, nhưng có nghĩa chúng ta là bằng chứng chúng ta đã được xưng công bình rồi.

Trở về với 3:24, chúng ta thấy chúng ta được xưng công bình bởi sự chuộc tội đã làm trọn trong Đức Chúa Jêsus Christ. Sự chuộc tội có nghĩa trả một giá để mua chuộc lại. Đức Chúa Jêsus đã mua chúng ta từ chợ nô lệ tội lỗi. Huyết báu của Ngài là giá chuộc

phải trả để làm thỏa mãn những tuyên bố của Đức Chúa Trời thánh khiết và công bình. Nếu hỏi: "Giá chuộc này trả cho ai?" thì đã hiểu sai ý ở đây. Kinh Thánh không chỗ nào gợi ý một giá đặc biệt trả cho Đức Chúa Trời hoặc cho Satan. Giá chuộc này không trả cho bất kỳ ai, nhưng là sự thanh toán trừu tượng nhằm cung cấp cơ sở công bình để bởi đó Đức Chúa Trời có thể cứu những kẻ không tin kính.

3:25 Đức Chúa Trời đã lập Đức Chúa Jêsus Christ làm của lễ chuộc tội (Bản Anh Ngữ – của lễ văn hối hay của lễ làm người giận). **Của lễ chuộc tội** là phương tiện để bởi đó thỏa mãn công lý, tránh được cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và ơn thương xót được bày tỏ dựa trên một của tế lễ có thể chấp nhận được.

Tân Ước ba lần nói Đấng Christ là của lễ chuộc tội. Ở đây trong Rôma 3:25, chúng ta biết những người đặt đức tin nơi Đấng Christ thì tìm được ơn thương xót nhờ huyết Ngài đã đổ ra. Trong 1.Giăng 2:2, Đấng Christ được mô tả là của lễ chuộc tội lỗi chúng ta, và chuộc tội lỗi của toàn thế gian. Công tác của Ngài đầy đủ cho toàn thế gian, nhưng chỉ hiệu nghiệm cho những ai đặt lòng tin cậy Ngài. Cuối cùng, trong 1.Giăng 4:10, tình yêu Đức Chúa Trời được bày tỏ qua việc sai Con Ngài đến làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta.

Lời cầu nguyện của người thu thuế trong Luca 18:13 nghĩa đen là "Lạy Đức Chúa Trời, xin người giận với tôi, là kẻ tội nhân." Ông đang xin Đức Chúa Trời tỏ lòng thương xót mình bằng cách đứng bất ông phải đền trả hình phạt cho tội phạm trầm trọng của mình.

Từ ngữ "**của lễ chuộc tội**" cũng xuất hiện trong Hêbơ 2:17: "Nhân đó, Ngài phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi sự, *hầu cho đối với Đức Chúa Trời, trở nên thấy tế lễ thượng phẩm, hay thương xót và trung tín, đáng đến tội cho chúng dân.*" Ở đây, cụm từ "**đăng đến tội**" (Bản Anh Ngữ: làm của lễ chuộc tội) có nghĩa xóa bỏ bằng cách đền trả hình phạt.

Chữ trong Cựu Ước tương đương với của lễ chuộc tội là *nắp thi ân*. Nắp thi ân là nắp của hòm giao ước. Trong ngày Lễ Chuộc Tội, thấy tế lễ thượng phẩm rưới huyết của con sinh trên nắp thi ân. Nhờ đó, các lỗi lầm của thấy tế lễ thượng phẩm và của dân sự đã được chuộc hay được khỏa lấp.

Khi Đấng Christ làm của lễ chuộc tội cho chúng ta, Ngài đã tiến xa hơn. Ngài không chỉ *khỏa lấp chúng, nhưng xóa bỏ chúng hoàn toàn.*

Giờ đây trong 3:25 Phaolô cho chúng ta biết Đức Chúa Trời lập Đấng Christ làm của lễ chuộc tội bởi huyết Ngài, qua đức tin (Bản Anh Ngữ). Không truyền dạy chúng ta đặt đức tin mình nơi huyết Ngài; *chính Đấng Christ mới là đối tượng cho đức tin chúng ta.* Chỉ một mình Đức Chúa Jêsus Christ đã phục sinh và hàng sống mới là Đấng có thể cứu được. Ngài là của lễ chuộc tội. **Đức tin** nơi Ngài là điều kiện để chúng ta được nhận của lễ chuộc tội này. **Huyết Ngài** là giá đã được trả ra.

Công tác đã hoàn tất của Đấng Christ công bố sự công bình của Đức Chúa Trời để bởi đó xóa những tội lỗi trong quá khứ. Điều này liên hệ đến những tội đã phạm trước khi Đấng

Christ chịu chết. Từ Adam đến Đấng Christ, Đức Chúa Trời cứu những người đặt đức tin nơi Ngài trên cơ sở bất kỳ sự khải thị nào Ngài đã ban cho họ. Lấy ví dụ, Ápraham tin Đức Chúa Trời, và điều đó được kể là công bình cho ông (Sáng Thế Ký 15:6). Nhưng làm sao Đức Chúa Trời thực hiện điều này một cách công bình được? Đấng Thay Thế vô tội vẫn chưa bị giết. Huyết về Cửa Tế Lễ trọn vẹn vẫn chưa đổ ra. Nói tóm lại, Đấng Christ chưa chịu chết. Món nợ vẫn chưa trả xong. Những lời tuyên bố công bình của Đức Chúa Trời vẫn chưa được thỏa đáp. Vậy làm sao Đức Chúa Trời có thể cứu những tội nhân tin Ngài trong thời Cựu Ước?

Câu trả lời ấy là: đầu Đấng Christ chưa chịu chết, Đức Chúa Trời biết Đấng Christ sẽ chịu chết, và Ngài cứu con người dựa trên công tác này còn trong tương lai của Đấng Christ. Đầu các thành đó Cựu Ước không biết gì về Gôgôtha, nhưng Đức Chúa Trời biết, và Ngài quy kế toàn bộ giá trị công tác của Đấng Christ cho họ khi họ tin Đức Chúa Trời. Theo ý nghĩa rất thực tế, những tin đó Cựu Ước đã được cứu theo kiểu ứng trước. Họ được cứu trên cơ sở vẫn còn phải trả một giá nữa. Họ hướng tới Gôgôtha; còn chúng ta nhìn trở lại Gôgôtha.

Đây chính là ý của Phaolô khi bảo của lễ chuộc tội của Đấng Christ đã công bố sự công bình của Đức Chúa Trời vì Ngài đã bỏ qua các tội phạm trước kia. Không phải ông nói – như một số người đã nghĩ sai lầm – về những tội mà cá nhân một con người đã phạm trước khi hoán cải. Nói như vậy

có vẻ gợi ý rằng công tác của Đấng Christ giải quyết những tội lỗi trước khi được tái sanh, nhưng sau đó thì người ấy phải tự lo. Không, ông đang đề cập điều có vẻ như sự khoan dung của Đức Chúa Trời khi Ngài dường như bỏ qua tội phạm của những người được cứu trước thời thập tự giá. Có vẻ Đức Chúa Trời đã biện hộ cho những tội đó hay giả vờ không thấy chúng. Phaolô nói "Không phải vậy đâu." Chúa biết Đấng Christ sẽ chuộc tội trọn vẹn, và như vậy Ngài cứu rồi con người dựa trên cơ sở đó.

Vì vậy, thời Cựu Ước là thời kỳ nhậm nhục của Đức Chúa Trời. Trong ít nhất bốn ngàn năm, Ngài đã kiểm giữ lại sự đoán xét tội lỗi. Rồi khi kỳ đã trọn, Ngài sai Con Ngài đến làm Đấng gánh lấy tội lỗi. Khi Đức Chúa Jesus mang lấy tội chúng ta trên chính thân thể Ngài, Đức Chúa Trời đã giáng trọn vẹn cơn thịnh nộ công bình và thành khiết của Ngài trên Con rất yêu dấu của Ngài.

3:26 Giờ đây sự chết của Đấng Christ công bố sự công bình của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là công bình vì Ngài đã đòi hỏi đến trả trọn vẹn hình phạt cho tội lỗi. Và Ngài có thể xưng công bình cho kẻ không tin kính mà không bỏ qua tội lỗi của họ hay thỏa hiệp chính sự công bình của Ngài vì Đấng Thay Thế trọn lành đã chịu chết và sống lại. Albert Midlane trình bày lẽ thật này qua bài thơ sau:

*Đức công bình trọn lành của Đức Chúa Trời
Thể hiện nơi huyết Cửa Chúa,
Chính tại thập tự giá của Đấng Christ, chúng ta thấy*

Sự công bình, thêm cả ân điển kỳ diệu của Ngài.

Đức Chúa Trời không thể nhắm mắt làm ngơ tội nhân.

Tội lỗi đòi hỏi tội nhân phải chết:

Nhưng tại thập tự giá của Đấng Christ chúng ta thấy

Cách Đức Chúa Trời có thể cứu rỗi, thế nhưng Ngài vẫn công bình

Tội lỗi chất trên Cứu Chúa, máu nọ tội lỗi được rửa sạch trong chính huyết Ngài:

Công lý nghiêm khắc không thể đòi hỏi gì hơn nữa.

Và ơn thương xót có thể cứu bạn

Tội nhân nào tin Ngài thì được tự do.

Có thể nói: "Cứu Chúa đã chết thay tôi";

có thể chỉ về dòng huyết chuộc tội.

Và nói: "Nhờ đó tôi được hòa lại với Đức Chúa Trời."

3:27 Vậy thì sự khỏe mình ở đâu trong kế hoạch cứu rỗi tuyệt vời này?

Đã bị loại trừ rồi, đã bị ngăn chặn lại, đã bị bãi bỏ rồi. Bởi nguyên tắc nào để loại trừ sự khỏe mình? Bởi nguyên tắc của việc làm ư? Không. Nếu được cứu nhờ việc làm, thì sẽ có chỗ cho đủ mọi loại tự chúc mừng. Nhưng khi sự cứu rỗi căn cứ trên nguyên tắc của đức tin, thì không còn chỗ cho sự khỏe mình nữa. Người được xưng công bình nói: "Tôi đã phạm mọi tội; còn Đức Chúa Jêsus đã thực hiện trọn sự cứu rỗi." Đức tin thật loại bỏ mọi khả năng tự giúp mình, tự cải thiện hay tự cứu mình, duy chỉ nhìn đến Đấng Christ là Cứu Chúa. Ngôn ngữ của đức tin thật chính là:

Bên gốc thập tự giá tôi quý,

Bàn tay trắng chẳng học vâng chi;

Nguyên ban áo phà thân trần tôi,

Cầu xin cứu giúp kẻ khổ cõi;

Đem áo tâm lại suốt linh gột

Bằng không, chết mất đi, Ngài ơi!

- Augustus M. Toplady

(Thánh ca 171)

3:28 Phaolô lập lại nguyên nhân sự khỏe mình bị loại trừ: **Người ta được xưng công bình bởi đức tin, chứ không bởi việc làm theo luật pháp.**

3:29 Tin Lành trình bày Đức Chúa Trời bằng cách nào? Có phải Ngài là Đức Chúa Trời chỉ của người Do Thái không? Không, Ngài cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại nữa. Đức Chúa Jêsus Christ đã không chịu chết vì một chủng tộc, nhưng chịu chết cho toàn thể gian tội nhân. Sự ban ơn cứu rỗi đầy trọn và tặng không dành cho mọi người nào muốn, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang.

3:30 Không phải có hai Đức Chúa Trời – một Đức Chúa Trời cho người Do Thái và một cho người ngoại bang. Chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời và mọi con đường cứu rỗi cho toàn nhân loại. Ngài xưng công bình kẻ chịu cắt bì bởi đức tin và kẻ không chịu cắt bì qua đức tin. Bất luận nguyên nhân sử dụng các giới từ khác nhau ở đây có là gì đi nữa (bởi và qua¹¹), thì cũng không có khác gì trong cách xưng công bình; cả hai trường hợp đều là đức tin.

3:31 Vẫn còn một câu hỏi quan trọng. Khi nói sự cứu rỗi là bởi đức tin chứ không phải bởi giữ luật pháp, có phải chúng ta hàm ý luật pháp là vô giá

trị và nên loại bỏ? Có phải Tin Lành gạt luật pháp qua một bên đường như luật pháp không còn giữ địa vị gì nữa cả? **Trái lại**, Tin Lành làm vững bền luật pháp, theo phương cách như sau:

Luật pháp đòi hỏi sự vâng lời trọn vẹn. Hình phạt cho việc vi phạm luật pháp phải được đền trả. Án phạt đó là SỰ CHẾT. Nếu người giữ luật pháp trả án phạt, người ấy sẽ hư mất đời đời. Tin Lành nói cho chúng ta biết Chúa Jêsus đã chết để trả xong án phạt của luật pháp đã bị vi phạm kia. Ngài không xem án phạt ấy như thứ đáng làm nợ. Ngài đã trả xong trọn vẹn món nợ. Giờ đây, bất kỳ ai vi phạm luật pháp ấy đều có thể áp dụng sự kiện Đấng Christ trả xong án phạt thay cho mình. Vì vậy, Tin Lành cứu rỗi bởi đức tin làm vững bền luật pháp bằng cách quả quyết rằng những đòi hỏi tối hậu của luật pháp hiện và đã được đáp ứng trọn vẹn.

E. Sự Hòa Hợp Của Tin Lành Với Cựu Ước (Bổn 4)

Câu hỏi chính thứ năm Phaolô nêu lên là: *Tin Lành có phù hợp với những sự dạy dỗ của Cựu Ước không?* Lời giải đáp cho thắc mắc này đặc biệt quan trọng cho dân Do Thái. Do đó, sứ đồ giờ đây cho thấy có sự hòa hợp trọn vẹn giữa Tin Lành trong Tân Ước và trong Cựu Ước. Sự xưng công bình luôn luôn bởi đức tin.

4:1 Phaolô chứng minh ý mình bằng cách trưng dẫn hai nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử Ysraên: Ápraham và Davít. Đức Chúa Trời đã lập những giao ước vĩ đại với cả hai nhân vật này. Một người đã sống nhiều thế kỷ trước khi luật pháp được ban ra, còn người kia

sống nhiều năm sau luật pháp. Một người được xưng công bình trước khi chịu phép cắt bì, còn người kia sau khi chịu cắt bì.

Trước hết chúng ta hãy xét đến Ápraham, nhân vật được mọi người Do Thái gọi là tổ phụ của họ. Ông có kinh nghiệm nào theo xác thịt? ¹² Ông tìm được điều gì liên quan đến con đường để được xưng công bình?

4:2 Nếu Ápraham được xưng công bình bởi việc làm, thì ông có cơ để khoe mình. Ông có thể tự khoe mình kiếm được địa vị công bình trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng hoàn toàn không thể có được. Sẽ không ai có thể khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời (Êphêso 2:9). Trong Kinh Thánh, không điều nào cho thấy Ápraham có bất kỳ cơ sở nào để khoe rằng mình được xưng công bình bởi những việc làm.

Nhưng sẽ có người nói: “Chẳng phải Giacô 2:21 nói Ápraham được xưng công bình bởi việc làm sao?” Đúng vậy, nhưng ý nghĩa ở câu đó hoàn toàn khác. Ápraham được xưng công bình bởi đức tin trong Sáng Thế Ký 15:6 khi ông tin lời hứa của Đức Chúa Trời ban cho đồng dôi ông đồng vô số. Hơn ba mươi năm sau, ông được xưng công bình (được xác minh) bởi việc làm khi ông bắt đầu dâng Ysác làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 22). Hành động vâng lời này chứng tỏ thực tại đức tin của ông. Đây là biểu hiện bề ngoài chứng minh ông thực sự được xưng công bình bởi đức tin.

4:3 Kinh Thánh dạy gì về sự xưng công bình cho Ápraham? Kinh Thánh kể phân: “Ápram tin Giêhôva, vì Ngài kể

sự đó là công bình cho người" (Sáng Thế Ký 15:6). Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài cho Ápraham và hứa đồng dôi của ông sẽ đông vô số. Vì tổ phụ tin nơi Đức Giêhôva, và Đức Chúa Trời kể người là **công bình**. Nói cách khác, Ápraham đã được xưng công bình bởi đức tin. Đơn giản như thế thôi. Không liên quan gì đến việc làm cả. Thậm chí còn không nhắc đến việc làm nữa.

4:4 Toàn bộ điều này đưa chúng ta đến một trong những tuyên bố siêu phàm nhất trong Kinh Thánh về mâu thuẫn giữa việc làm và đức tin đối với kế hoạch cứu rỗi.

Hãy suy nghĩ điều này như sau: Khi một người làm việc để kiếm sống và nhận tiền lương vào cuối tuần, anh ta có quyền trên số tiền lương của mình. Anh đã kiếm được chúng. Anh không phải khúm núm trước mặt chủ, cảm ơn vì chủ đã tỏ ra quá nhân hậu như thế, và cam đoan mình không xứng đáng nhận số tiền đó. Không hề như vậy! Anh bỏ tiền vào túi, trở về nhà, cảm thấy mình được bồi hoàn về thi giờ và công lao động.

Nhưng trong vấn đề xưng công bình thì không phải như thế.

4:5 Dẫu có vẻ gây sốc, nhưng người được xưng công bình trước hết là người **không làm việc**. Người từ bỏ mọi khả năng để bỏ công kiếm sự cứu rỗi. Người khước lừ mọi công đức hay nhân đức của cá nhân mình. Người ấy công nhận mọi công khó tốt nhất của mình cũng không bao giờ làm trọn được những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời.

Thay vào đó, người tin nơi Đấng xưng người có tội là công bình. Người

đặt đức tin và lòng tin cậy mình nơi Chúa. Người ấy nghe theo lời Đức Chúa Trời. Như đã thấy, đây không phải là một hành động cậy công đức. Công đức không có trong đức tin của người ấy, nhưng ở trong *đối tượng của đức tin người ấy*.

Lưu ý rằng người này tin Đấng xưng người có tội là công bình. Người này không đến nài nỉ xin cho rằng mình đã cố gắng hết sức, không nói rằng mình đã sống đúng theo Luật Vàng, rằng mình không đến nỗi tệ như những người khác. Không, người này đến với tư cách một tội nhân không kính sợ Chúa, có tội, và gieo mình xuống trước sự thương xót của Đức Chúa Trời.

Kết quả là gì? Đức tin của kẻ ấy kể là **công bình cho người**. Vì người đã tin thay vì làm việc, nên Đức Chúa Trời đã kể sự công bình cho người. Bởi những công đức của Cứu Chúa phục sinh, Đức Chúa Trời mặc cho người sự công bình, và bởi đó khiến người phù hợp cho Thiên đàng. Từ đó trở đi, Đức Chúa Trời nhìn thấy người ấy trong Đấng Christ và chấp nhận người trên cơ sở đó.

Như vậy, sự xưng công bình dành cho người có tội – chứ không dành cho những người tốt lành. Đây là vấn đề ăn điển – không phải vấn đề nợ nần. Và tiếp nhận bởi đức tin – không phải bởi việc làm.

4:6 Tiếp theo, Phaolô quay sang Davit để chứng minh luận điểm của mình. Từ ngữ ấy vậy... cũng ở đầu câu cho thấy kinh nghiệm của Davit cũng giống như kinh nghiệm của Ápraham. Ca si giôit của Ysraên nói rằng người

được phước chính là tội nhân được Đức Chúa Trời kể công bình cho chẳng bởi việc làm. Dầu Đavít không hề nói điều này trong chừng đó chữ, nhưng sứ đồ đã rút điều đó ra từ Thi Thiên 32:1,2 và ông trích trong hai câu tiếp theo.

4:7 Phước thay cho kẻ, lỗi mình được tha thứ,

Tội mình được che đậy!

4:8 Phước thay cho người mà Chúa chẳng kể tội lỗi cho!

Phaolô thấy điều gì trong những câu Kinh Thánh này? Trước hết, ông lưu ý Đavít không nói gì đến việc làm; tha tội là vấn đề của ân điển Chúa, chứ không phải của nỗ lực con người. Thứ nhì, ông thấy nếu Đức Chúa Trời không kể tội cho người nào, thì người đó phải có địa vị công bình trước mặt Ngài. Cuối cùng, ông thấy Đức Chúa Trời xưng công bình cho kẻ có tội; Đavít đã phạm tội ngoại tình và giết người, nhưng trong những câu này, ông đang nắm vị ngọt ngào của sự tha thứ trọn vẹn và miễn phí.

4:9 Nhưng có thể một số người trong tuyển dân của Đức Chúa Trời vẫn còn khó hiểu về sự xưng công bình của Đức Chúa Trời, đến nỗi cho rằng chỉ những người đã chịu cắt bì mới được xưng công bình. Sứ đồ một lần nữa trở về với kinh nghiệm của Ápraham để chứng minh không phải như vậy. Ông đưa ra câu hỏi: "Sự xưng công bình chỉ được kể cho những người Do Thái tin Ngài mà thôi, hay cũng cho những người ngoại bang tin Ngài nữa?" Chính sự kiện Ápraham được nêu lên làm ví dụ dường như gợi ý chỉ những người Do Thái được xưng công bình.

4:10 Ở đây Phaolô bám vào một sự thực lịch sử mà hầu hết chúng ta sẽ không hề lưu ý đến. Ông chứng tỏ rằng Ápraham đã được xưng công bình (Sáng Thế Ký 15:6) trước khi từng chịu phép cắt bì (Sáng Thế Ký 17:24). Nếu tổ phụ của dân tộc Ysraên có thể được xưng công bình **đang khi chưa chịu cắt bì**, thì xuất hiện thắc mắc: "Tại sao những người không chịu cắt bì khác lại không thể được xưng công bình?" Theo ý nghĩa thực tế, Ápraham được xưng công bình **đang khi vẫn còn mang bối cảnh ngoại bang**, và điều này mở rộng cửa cho những người ngoại bang khác được xưng công bình, hoàn toàn không cần đến phép cắt bì.

4:11 Như vậy, **cắt bì không phải là công cụ cho sự xưng công bình Ápraham**. Đó chỉ là dấu hiệu bề ngoài trong xác thịt ông chứng minh ông đã được xưng công bình bởi đức tin. Về cơ bản, phép cắt bì là biểu tượng bề ngoài của giao ước giữa Đức Chúa Trời với Ysraên; nhưng ở đây ý nghĩa của phép cắt bì mở rộng để cho thấy sự công bình Đức Chúa Trời quy kể cho Ápraham qua đức tin.

Ngoài vấn đề làm một dấu hiệu, phép cắt bì còn là ấn chứng – **dấu ấn của sự công bình mà người đã được bởi đức tin, khi chưa chịu cắt bì**. Dấu hiệu biểu thị sự hiện hữu của điều được biểu thị. **Dấu ấn** xác chứng, khẳng định, chứng nhận, hay bảo đảm tính đích thật của điều được biểu thị đó. Phép cắt bì khẳng định cho Ápraham rằng ông được Đức Chúa Trời xem là đã công bình bởi đức tin.

Phép cắt bì là dấu ấn của sự công bình cho đức tin của Ápraham. Có thể điều này muốn nói lên đức tin của ông là công bình, hoặc cũng có thể ông nhận được sự công bình qua Đức Ii. Hầu như là ý thứ nhì; **phép cắt bì** là dấu ấn chứng nhận sự công bình vốn thuộc về đức tin của ông, hoặc ông nhận được dựa trên đức Ii.

Vì Ápraham được xưng công bình trước khi chịu cắt bì, **ông có thể làm cha của** hết thảy những người tin mà chưa chịu cắt bì khác - tức là những người ngoại bang tin Chúa. Họ có thể được xưng công bình y như cách của ông - bởi đức tin.

Khi nói Ápraham là **tổ phụ** của những người ngoại bang tin Chúa, đương nhiên không có ý nói đến dòng dõi về mặt thuộc thế. Câu này chỉ nói về những tín hữu ấy là con cái của ông vì họ bắt chước đức tin của ông. Họ không phải là con cháu của ông do được sinh ra, nhưng bởi noi theo gương mẫu của ông. Phần đoạn này cũng không nói những người ngoại bang tin Chúa trở thành người Ysraên của Đức Chúa Trời. Người Ysraên của Đức Chúa Trời hợp bởi *những người Do Thái* đã tiếp nhận Chúa Jêsus, là Đấng Mêsia, là Chúa và Cứu Chúa của họ.

4:12 Ápraham còn nhận được dấu hiệu **cắt bì** vì một nguyên nhân khác nữa - để ông có thể làm **cha của** những người Do Thái nào không những đã chịu cắt bì, nhưng còn noi dấu chân ông trên con đường đức tin, tức loại **đức tin ông đã có** khi chưa chịu cắt bì.

Có sự khác biệt giữa làm dòng dõi của Ápraham và làm con cái của

Ápraham. Đức Chúa Jêsus phán với người Pharisi: "Ta biết rằng các ngươi là dòng dõi Ápraham" (Giăng 8:37). Nhưng Ngài nói tiếp: "Nếu các ngươi là con Ápraham, thì chắc sẽ làm công việc của Ápraham" (Giăng 8:39). Vì vậy, ở đây Phaolô quả quyết phép cắt bì trong thân thể là không quan trọng. Phải có đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Những người **chịu cắt bì** và tin Đức Chúa Jêsus Christ là những người Ysraên thật của Đức Chúa Trời.

Tóm lại, trong cuộc đời Ápraham, có lúc ông có **đức tin** và chưa **chịu phép cắt bì**, và có lúc khác ông đã có đức tin và chịu cắt bì rồi. Cặp mắt tinh tường toàn cảnh của Phaolô trong sự kiện này nhìn thấy cả những người ngoại bang tin Chúa và những người Do Thái tin Chúa đều có thể tuyên bố Ápraham là cha của mình và có thể gắn bó với Ápraham như con cái của ông vậy.

4:13 "Lập luận cứ tiếp tục không ngưng nghỉ khi Phaolô truy theo mỗi một người có thể phản đối theo mọi ngõ hẹp khả dĩ của luận lý và Kinh Thánh."¹³ Giờ đây, sứ đồ phải đối phó với lời phản đối cho rằng phước hạnh đến thông qua luật pháp, nên bởi đó những người ngoại bang nào không biết luật pháp thì đều bị rủa sả (xem Giăng 7:49).

Khi Đức Chúa Trời hứa cho Ápraham và dòng dõi ông lấy thế gian làm gia nghiệp, Ngài không đặt lời hứa có điều kiện và gắn liền với một bộ luật pháp lý nào đó. (Bản thân luật pháp vẫn chưa được ban ra mãi đến 430 sau - Galat 3:17) Đây là một **lời hứa** vô điều kiện của ân điển, nhận lãnh bởi đức tin,

đồng với loại đức tin mà bởi đó chúng ta nhận sự xưng công bình của Đức Chúa Trời ngày nay.

Cụm từ "lấy thế gian làm gia nghiệp" (kẻ kẻ tự thế gian) có nghĩa ông sẽ là cha của những người ngoài bang tin Chúa cũng như của những người Do Thái (4:11,12), ông sẽ là cha của nhiều dân tộc (4:17,18) chứ không phải chỉ là cha của dân Do Thái. Theo những ý nghĩa trọn vẹn nhất, lời hứa này sẽ được ứng nghiệm khi Chúa Jêsus, là dòng dõi của Ápraham, cầm lấy vương trượng của đế quốc phổ thông và cai trị với tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa.

4:14 Nếu những người tìm kiếm phước hạnh của Đức Chúa Trời, đặc biệt phước hạnh của sự xưng công bình, có thể hưởng được điều đó nhờ giữ luật pháp, thì đức tin ra vô ích, lời hứa cũng bỏ rồi. Đức tin bị loại bỏ vì đây là nguyên tắc hoàn toàn trái ngược với luật pháp: Đức tin là vấn đề *tin*, trong khi luật pháp là vấn đề *làm*. Như vậy, lời hứa sẽ vô giá trị vì nó căn cứ trên những điều kiện không ai đáp ứng được.

4:15 Luật pháp đem đến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, chứ không phải phước hạnh của Ngài. Luật pháp lên án những ai không giữ các điều răn cách trọn vẹn và liên tục. Và vì không ai có thể giữ được như vậy, nên mọi người nào ở dưới luật pháp đều bị định tội. Không thể nào ở dưới luật pháp mà không ở dưới sự rủa sả được.

Nhưng nơi đâu không có luật pháp, thì đó không có sự phạm luật pháp.

Phạm luật pháp có nghĩa vi phạm đến luật đã biết. Phaolô không nói nơi nào không có luật pháp, thì nơi đó không có tội lỗi. Có thể một hành động là sai quấy cố hữu cho dầu chưa có luật nào chống lại nó. Nhưng sẽ trở thành sự phạm luật pháp khi có biển báo hiệu dựng lên tuyên bố "Giới hạn tốc độ 32 km/giờ."

Người Do Thái nghĩ họ thừa hưởng phước hạnh nhờ có luật pháp, nhưng tất cả những gì họ được thừa hưởng chính là sự phạm luật pháp. Đức Chúa Trời ban luật pháp để có thể nhìn thấy tội lỗi tức là sự phạm luật pháp, hay nói cách khác, để có thể nhìn thấy tội lỗi trong toàn bộ tình trạng tội lỗi của nó. Ngài không hề định cho luật pháp trở thành con đường cứu rỗi cho những người phạm luật pháp đẩy tội lỗi kia!

4:16 Vì luật pháp đem lại cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chứ không phải sự xưng công bình, nên Đức Chúa Trời quyết định sẽ cứu con người bởi ân điển qua đức tin. Ngài sẽ ban sự sống đời đời như một món quà tặng không cho người không xứng đáng được nhận, cho tội nhân nào nhận tặng phẩm ấy bởi hành động đơn giản của đức tin.

Như vậy, lời hứa ban sự sống được bảo đảm chắc chắn cho toàn bộ dòng dõi. Chúng ta nên để cập hai từ ngữ tại đây - *chắc chắn* và *toàn bộ*. Trước hết, Đức Chúa Trời muốn lời hứa này được *chắc chắn*. Nếu sự xưng công bình tùy thuộc những việc làm theo luật pháp của con người, thì người giữ luật pháp không bao giờ có thể biết chắc chắn, bởi vì không thể biết mình đã làm đủ

việc lành hay đúng loại việc lành hay chưa. Không ai trong số người tìm cách tạo công đức để kiếm sự cứu rỗi được hưởng sự bảo đảm đầy trọn. Nhưng khi sự cứu rỗi được ban ra như một tặng phẩm để lấy đức tin đón nhận, thì con người có thể biết chắc chắn mình được cứu dựa trên thẩm quyền Lời Đức Chúa Trời.

Thứ nhì, Đức Chúa Trời muốn lời hứa được chắc chắn cho "cả" đồng dôi – không phải chỉ riêng cho người Do Thái, cho những người đã được nhận luật pháp, nhưng cũng cho người ngoại bang tin nơi Chúa y như cách Ápraham đã tin. **Ápraham là tổ phụ của hết thảy chúng ta** – có nghĩa của **loàn bộ** những người Do Thái và người ngoại bang tin nơi Chúa Jêsus.

4:17 Để khẳng định quyền làm tổ phụ của Ápraham trên tất cả những tín hữu thật, Phaolô trích Sáng Thế Ký 17:5 như trong một đoạn trong ngoặc: "**Ta đã lập người làm cha nhiều dân tộc.**" Đức Chúa Trời chọn Ysoraên làm tuyến dân trên đất này của Ngài không có nghĩa ân điển và lòng thương xót của Ngài sẽ *giới hạn* cho họ mà thôi. Vị sứ đồ chân thật trích từng câu Kinh Thánh một từ Cựu Ước để chứng minh ý định của Đức Chúa Trời luôn luôn là tôn trọng đức tin tại bất kỳ nơi đâu Ngài tìm thấy.

Cụm từ "**trước mặt Đức Chúa Trời**," tức là **Đấng người đã tin** để nhấn ý tương từ 4:16: "... Ápraham, là tổ phụ hết thảy chúng ta." Sự kết nối nằm ở chỗ này: Ápraham là tổ phụ của hết thảy chúng ta ở trước mặt Ngài (Đức Chúa Trời) là Đấng mà ông (Ápraham)

đã tin, chính Ngài là Đấng ban sự sống cho kẻ chết và nói về những điều chưa hiện hữu như đã hiện hữu rồi. Muốn hiểu được lời mô tả Đức Chúa Trời ở đây, chúng ta chỉ có thể xem những câu tiếp theo. Đức Chúa Trời **ban sự sống cho kẻ chết** – tức là cho Ápraham và Sara, vì dẫu họ không chết về mặt thuộc thể, nhưng không có con cái và đã vượt quá tuổi có thể sanh con (xem 4:19). Đức Chúa Trời **gọi những điều không có như có rồi** – tức là đồng dôi đồng vô số bao gồm rất nhiều dân tộc (xem 4:18).

4:18 Trong những câu đi trước, Phaolô nhấn mạnh lời hứa đã đến cho Ápraham bởi đức tin chứ không bởi luật pháp để lời hứa có thể bởi ân điển và có thể chắc chắn cho cả đồng dôi. Lê tự nhiên điều này dẫn đến sự suy xét đức tin của Ápraham nơi Đức Chúa Trời của sự phục sinh. Đức Chúa Trời hứa ban cho Ápraham đồng dôi đồng vô số như sao trên trời như cát dưới biển. Nói theo cách con người, những cơ may là hoàn toàn tuyệt vọng. Nhưng **trái với hy vọng của con người, Ápraham đã tin, hy vọng mình sẽ trở thành cha của nhiều dân tộc**, đúng như Đức Chúa Trời đã hứa trong Sáng Thế Ký 15:5: "**Đồng dôi người cũng sẽ như vậy.**"

4:19 Khi lời hứa về hậu tự đồng đảo được lập lần đầu với Ápraham, ông đã bảy mươi lăm tuổi (Sáng Thế Ký 12:2-4). Lúc đó, xét về mặt thuộc thể, ông vẫn có khả năng để sinh con, vì sau đó ông sanh Íchmaên (Sáng Thế Ký 16:1-11). Nhưng trong câu này, Phaolô đang nói đến lúc Ápraham khoảng một trăm tuổi và lời hứa được tái lập (Sáng Thế

Ký 17:15-21). Giờ đây, ngoại trừ quyền năng kỳ diệu của Đức Chúa Trời thì ông không còn khả năng sinh con nữa. Tuy nhiên, trước đó Chúa đã hứa ban cho ông đứa con trai, và Ápraham tin lời hứa của Ngài.

Đức tin chẳng hề kém sút, ông vẫn không ¹⁴ nghĩ đến chính thân thể đã chết rồi của mình, cũng không nghĩ đến tử cung đã chết của Sara. Theo cách nói của con người thì đã hoàn toàn tuyệt vọng, nhưng Ápraham có đức tin.

4:20 Dấu có về lời hứa của Đức Chúa Trời không thể thực hiện được, nhưng điều đó vẫn không khiến ông rúng động. Đức Chúa Trời đã phán, Ápraham tin lời Ngài; và như vậy là *giải quyết xong* lời hứa. Đối với vị tổ phụ, chỉ duy nhất một điều không thể có được, và điều không thể đó chính là Đức Chúa Trời nói dối. Đức tin của Ápraham mạnh mẽ và đầy sức sống. Ông đã ngợi khen Đức Chúa Trời, tôn vinh Ngài là Đấng con người có thể nương cậy, Đấng làm trọn lời hứa của Ngài bất chấp mọi quy luật về cơ may hay xác suất.

4:21 Ápraham không biết Đức Chúa Trời sẽ làm thành lời Ngài bằng cách nào, nhưng điều đó không quan trọng. Ông biết Đức Chúa Trời và tin quyết Ngài có đầy đủ khả năng làm trọn điều đã hứa. Một đằng, đây là đức tin kỳ diệu, nhưng đằng khác, đây là việc hữu lý nhất để làm, vì Lời Đức Chúa Trời là điều chắc chắn nhất trong vũ trụ, và đối với Ápraham, tin vào lời ấy thì không có gì là liều lĩnh cả.

4:22 Đức Chúa Trời đẹp lòng khi thấy một người tiếp nhận và vâng theo

lời Ngài; Ngài luôn luôn đẹp lòng khi tìm thấy người như thế. Và Ngài kể Ápraham là công binh. Nơi ngày trước từng có cân cân tội lỗi và mặc cảm phạm tội, giờ đây chỉ còn lại một địa vị công binh trước mặt Đức Chúa Trời mà thôi. Ápraham đã được giải thoát khỏi sự định tội và được xưng công binh bởi Đức Chúa Trời chỉ thành qua đức tin.

4:23 Câu chuyện lịch sử về sự xưng công binh bởi đức tin của ông được chép ra không phải vì một mình ông mà thôi. Đương nhiên, trên một phương diện, câu chuyện này được viết ra vì cơ ông – hồ sơ vinh hiển về sự tha bổng cho ông và địa vị hiển trọn lành của ông trước mặt Đức Chúa Trời.

4:24 Nhưng câu chuyện này cũng được chép cho chúng ta nữa. Đức tin của chúng ta tương tự được kể là công binh khi chúng ta tin Đức Chúa Trời, **Đấng đã làm cho Đức Chúa Jêsus, Chúa chúng ta, sống lại từ trong kẻ chết.** Điểm khác biệt duy nhất chính là: Ápraham tin Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho kẻ chết (tức là cho thân thể yếu mọn của ông và da son sẽ của Sara). Chúng ta tin Đức Chúa Trời đã ban sự sống cho kẻ chết bằng cách khiến Đức Chúa Jêsus Christ sống lại từ kẻ chết. C. H. Mackintosh giải thích:

Ápraham được kêu gọi để tin nơi lời hứa, trong khi chúng ta được ban đức ân để tin vào một hành động đã hoàn tất. Ápraham được kêu gọi để nhìn lường tới điều sẽ được thực hiện; chúng ta nhìn lại điều được thực hiện xong, ngay cả đó là một hành động cứu chuộc đã hoàn tất, được khẳng định bởi sự thực Cứu Chúa phục sinh

và được tôn vinh ngồi bên hữu Đấng Tôn Nghiêm ở trên trời.¹⁵

4:25 Đức Chúa Jêsus Christ đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta. Dấu gíơ từ "vì" (Hy văn – dia) được sử dụng ở đây có liên hệ đến cả tội của chúng ta lẫn sự xưng công bình của chúng ta, nhưng văn mạch đòi hỏi sắc thái nghĩa khác nhau trong mỗi trường hợp. Ngài đã bị nộp không những vì lợi của chúng ta, nhưng còn để cất bỏ chúng đi. Ngài sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta - tức là để chứng minh sự thỏa mãn trọn vẹn của Đức Chúa Trời về công tác của Đấng Christ, nhờ đó chúng ta được xưng công nghĩa. Trong trường hợp thứ nhất, lợi của chúng ta là nan đề cần phải giải quyết. Trong trường hợp thứ nhì, sự xưng công bình của chúng ta là kết quả được bảo đảm bởi sự phục sinh của Đấng Christ. Hẳn không thể có sự xưng công bình nào cả nếu Đấng Christ vẫn còn trong mồ mả. Nhưng chính sự kiện Ngài sống lại nói cho chúng ta biết công tác đã hoàn tất, giá đã được trả xong, và Đức Chúa Trời thỏa mãn vô hạn với công tác chuộc tội của Cứu Chúa.

F. Những Ích Lợi Thực Tiễn Của Tin Sành (5:1-11)

Sứ đồ đưa lập luận về sự xưng công bình lên lên thêm bước nữa bằng cách nêu câu hỏi: *Sự xưng công bình đem lại những ích lợi nào trong đời sống tin hữu?* Nói cách khác, sự xưng công bình có thật sự hiệu quả không? Câu trả lời của ông là "Có" vang dội, khi ông liệt kê bảy ơn phước chủ yếu mới tín hữu

đều có. Những ơn phước này tuân đổ vào tín hữu qua Đấng Christ. Ngài là Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và con người, và mọi ân tứ của Đức Chúa Trời được truyền dẫn thông qua Ngài.

5:1 Ích lợi lớn đầu tiên những người được xưng công bình bởi đức tin được hưởng chính là được hòa thuận với Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Chiến tranh đã chấm dứt. Sự thù địch không còn. Thống qua công tác của Đấng Christ, mọi nguyên nhân thù địch giữa linh hồn chúng ta với Đức Chúa Trời đã được cất bỏ. Chúng ta được thay đổi từ kẻ thù trở thành bạn bởi phép lạ của ân điển.

5:2 Chúng ta cũng được hưởng quyền bước vào địa vị hưởng ơn không sao tả xiết trước mặt Đức Chúa Trời. Chúng ta được chấp nhận trong Đấng Yêu Dấu; do đó chúng ta cũng được gần gũi và được yêu thương trong Đức Chúa Trời giống như Con Yêu Dấu của Ngài. Đức Chúa Cha chia phú việt của Ngài cho chúng ta, ngênh đón chúng ta như con, không phải khách lạ. Ớn này, hay được đứng trong ơn này, bao gồm mọi phương diện của địa vị chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời, một địa vị trọn lành và vĩnh viễn như của Đấng Christ vì chúng ta ở trong Ngài.

Như thế vẫn còn chưa đủ, chúng ta còn vui mừng trong sự trông cậy về vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa chúng ta vui sướng trông chờ thời điểm không những chăm xem vinh quang của Đức Chúa Trời, nhưng chính mình cũng sẽ hiện ra trong vinh hiển (xem Giăng 17:22; Cô-lôse 3:4). Chúng ta không thể hiểu hết đầy đủ ý nghĩa niềm hy vọng

đó ở trên đất này, cũng sẽ không hiểu hết điều kỳ diệu của sự trồng cây ấy suốt cả cõi đời đời.

5:3 Phước hạnh thứ tư cuốn tràn từ sự xưng công bình chính là **chúng ta cũng khoe mình trong hoạn nạn nữa** – không phải khoe về những bất tiện hiện tại của hoạn nạn, nhưng về những kết quả cuối cùng của chúng (xem Hêbơrơ 12:11). Một trong những nghịch lý thú vị của đức tin Cơ Đốc ấy là: sự vui mừng có thể cùng tồn tại với hoạn nạn. Trái nghĩa với vui mừng là tội lỗi, chứ không phải sự chịu khổ. Một trong những sản phẩm phụ của **hoạn nạn** chính là hoạn nạn sinh ra sự **nhịn nhục** hay sự kiên định. Chúng ta không bao giờ phát triển được sự **nhịn nhục** nếu đời sống không hề gặp hoạn nạn.

5:4 Giờ đây Phaolô tiếp tục giải thích sự **nhịn nhục** sanh sự **rèn tập** (Bản Anh Ngữ: "sự bền bỉ rèn luyện tinh cách"). Nếu Đức Chúa Trời thấy chúng ta chịu đựng thử thách và nhìn lên Ngài để tìm biết những ý định của Ngài thông qua những thử thách đó, Ngài ban cho chúng ta **Dấu Ấn Chứng Nhận Chịu Đựng Giỏi** của Ngài. Chúng ta đã được thử nghiệm và đã được xác nhận. Và ý thức về sự chấp nhận của Ngài khiến chúng ta **đẩy dầy sự lờn cầy**. Chúng ta biết Ngài đang hành động trong đời sống chúng ta, phát triển tình cách chúng ta. Điều này đem lại cho chúng ta lòng tin quyết rằng khi Ngài đã bắt đầu làm việc lành trong chúng ta, Ngài sẽ lo làm cho trọn (Philíp 1:6).

5:5 Sự **trồng cây không làm hổ thẹn**. Nếu chúng ta hy vọng một điều gì đó nhưng rồi về sau thấy mình sẽ không

bao giờ có được, niềm hy vọng của chúng ta sẽ làm cho hổ thẹn hoặc làm cho thất vọng. Nhưng sự **trồng cây** về sự cứu rỗi của chúng ta sẽ không bao giờ làm cho hổ thẹn. Chúng ta sẽ không bao giờ biết thất vọng hay thấy mình đã nung vào lòng tin sai lầm. Làm sao chúng ta biết chắc như vậy được? Vì **sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta**. Sự yêu thương của Đức Chúa Trời có thể nói đến lòng chúng ta yêu mến Chúa, hay tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. Ở đây muốn nói đến nghĩa thứ nhì vì câu 6-20 ghi lại một số bằng chứng ví đại về tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. **Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta** ngay giây phút chúng ta tin, Ngài đổ đầy lòng chúng ta những biểu hiện về tình yêu đời đời của Đức Chúa Trời, và bởi những biểu hiện ấy, chúng ta được bảo đảm Ngài sẽ lo liệu cho chúng ta an toàn đến quê hương Thiên đàng. Sau khi nhận lãnh Thánh Linh, bạn sẽ cảm nhận được Đức Chúa Trời yêu thương bạn. Đây không phải là cảm giác mơ hồ huyền bí rằng "ai đó trên kia" quan tâm đến nhân loại, nhưng là lòng tin quyết sâu đậm rằng một Đức Chúa Trời có thân vị thực sự yêu mến bạn với tư cách một cá nhân.

5:6 Trong câu 6-20, Phaolô lập luận từ yếu đến mạnh. Phép lý luận của ông như sau: nếu tình yêu của Đức Chúa Trời đã đến với chúng ta khi chúng ta còn là những kẻ thù của Ngài, thì giờ đây khi chúng ta thuộc về Ngài rồi, chẳng phải Ngài sẽ bảo vệ chúng ta càng nhiều hơn nữa sao? Điều này đưa

chúng ta đến lợi ích thờ nãm của sự xưng công bình; chúng ta được chắc chắn đời đời trong Đấng Christ. Để triển khai chủ đề, sử đồ giới thiệu nãm câu "Nhiều hơn biết đường nào."

Sự giải cứu khỏi thạnh nộ nhiều hơn "là đường nào" (5:9).

Sự bảo tồn nhiều hơn "là đường nào" bởi sự sống phục sinh của Ngài (5:10).

Sự ban cho của ân điển nhiều hơn "là đường nào" (5:15).

Sự cai trị trong sự sống của tin đồ nhiều hơn "là đường nào" (5:17).

Ân điển lại càng dư dật nhiều hơn "là đường nào" (5:20).

Trong câu 6,7 và 8, Phaolô nhấn mạnh chúng ta ra sao (còn yếu đuối, xấu xa, tội lỗi) khi Đấng Christ chịu chết thay chúng ta. Trong câu 9 và 10, ông nhấn mạnh chúng ta hiện ra sao (được xưng công bình bởi huyết Đấng Christ, được hòa thuận bởi sự chết của Đấng Christ) và xuất phát từ đó biết chắc chắn về điều Đấng Christ sẽ thực hiện trong chúng ta (giải cứu chúng ta khỏi thạnh nộ, giữ gìn chúng ta qua sự sống Ngài).

Trước hết, chúng ta được nhắc rằng mình yếu đuối bất lực, không có sức mạnh, và không thể tự cứu mình. Nhưng đến kỳ đã hẹn trước, Đức Chúa Jêsus Christ đến thăm hành tnh chúng ta và chịu chết thay con người. Và Ngài đã không chết thay cho người tốt lành, như một số người có thể nghĩ, nhưng chịu chết thay người có tội. Trong chúng ta không hề có phẩm hạnh hay xuất sắc nào để tiến cử mình với Đức Chúa Trời. Chúng ta hoàn toàn không

xứng đáng, nhưng dẫu thế nào đi nữa, Đấng Christ vẫn chịu chết thay chúng ta.

5:7 Hành động của tình yêu thiên thượng này là độc nhất vô nhị và vô song đối với kinh nghiệm con người. Cuộc sống của người bình thường là quý báu cho người ấy, và sẽ không ai nghĩ đến chuyện vứt bỏ vì một con người không xứng đáng. Lấy ví dụ, người bình thường sẽ không chết thay cho kẻ sát nhân, cho kẻ ngoại tình, hay cho kẻ cướp. Trong thực tế, người ấy sẽ lưỡng lự để chịu chết thay cho người nghĩa, là người ngay thật và đáng tin, nhưng sẽ không chịu chết thay cách đặc biệt hết lòng dẫu. Có thể trong trường hợp tốt cùng, người ấy sẽ chết thay cho người lành, tức là người tốt bụng, thân thiện, yêu thương và đáng yêu.

5:8 Tình yêu thương của Đức Chúa Trời là hoàn toàn siêu nhiên và siêu phẩm. Ngài chứng minh tình yêu tuyệt vời của Ngài đối với chúng ta bằng cách sai Con Yêu Dấu Ngài đến chết thay đang khi chúng ta còn là người có tội. Nếu hỏi vì sao Ngài chịu chết thay như vậy, chúng ta phải tìm câu trả lời trong ý muốn tối thượng của Đức Chúa Trời. Nơi chúng ta chẳng có gì tốt để đòi hỏi một tình yêu như thế.

5:9 Giờ đây có một loạt điều kiện mới. Chúng ta không còn bị kể là những tội nhân có tội. Với giá phải trả lớn phi thường là huyết của Con Chúa, tuôn đổ thay cho chúng ta tại Côgôtha, chúng ta đã được Đức Chúa Trời kể là công bình. Vì Ngài trả xong giá lớn lao đến thế để xưng công bình chúng ta đang khi chúng ta còn là tội nhân,

chẳng phải Ngài sẽ bởi Đấng Christ cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ nhiều hơn biết đường nào sao? Nếu Ngài đã trả xong giá lớn nhất để đưa chúng ta vào trong ơn Ngài, thì liệu có khả năng Ngài để cho chúng ta đến cuối cùng bị chết mất không?

Được cứu khỏi cơn thịnh nộ có thể nói đến “được cứu ra khỏi thịnh nộ” hoặc “được giải cứu từ bất kỳ mối tiếp xúc nào với thịnh nộ.” Ở đây, chúng ta tin giới tử này (Hy văn – apo) muốn nói đến nghĩa thứ nhì – tức được cứu ra từ mọi mối tiếp xúc với cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, hoặc trong cõi thời gian hoặc trong cõi đời đời.

5:10 Trở về với bản chất chúng ta ngày trước và bản chất ngày nay, hãy suy nghĩ như thế này. Chính khi còn là kẻ thù, thì chúng ta đã được giải hòa với Đức Chúa Trời bởi sự chết của Con Ngài. Chúng ta đã thù địch với Chúa và rất thỏa lòng vì đã sống thù địch như vậy. Nếu phó mặc cho chúng ta, chúng ta cảm thấy không cần được hòa giải với Ngài. Hãy suy nghĩ đến điều đó – là kẻ thù của Đức Chúa Trời!

Đức Chúa Trời đã không có cùng thái độ phũ phàng chúng ta trong vấn đề này. Ngài đã can thiệp để bày tỏ ơn thuận tụy. Sự chết thay của Đấng Christ xóa bỏ nguyên nhân thù hận của chúng ta đối với Đức Chúa Trời – tức là tội lỗi của chúng ta. Bởi đức tin nơi Đấng Christ, chúng ta được hòa giải với Đức Chúa Trời.

Nếu Chúa đã mua sự giảng hòa cho chúng ta đặt đến như thế, có bao giờ Ngài chịu buông chúng ta không? Nếu

chúng ta đã được hòa thuận với Ngài bởi sự chết của Con Ngài, tức là biểu tượng về sự yếu đuối tội cùng, chúng ta há chẳng được bảo vệ cho đến cuối cùng bởi sự sống hiện tại của Đấng Christ bên hữu của Đức Chúa Trời, là sự sống có quyền năng vô hạn sao? Nếu sự chết của Ngài đã có quyền năng đến như thế để cứu chúng ta, thì sự sống của Ngài sẽ có quyền năng để giữ chúng ta nhiều đến là đường nào!

5:11 Và giờ đây chúng ta tiến đến ích lợi thứ sáu của sự xưng công bình: chúng ta cũng khoe mình trong Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Chúng ta không những vui mừng nơi các ân tứ của Ngài, nhưng còn vui mừng nơi chính Ngài nữa. Trước khi được cứu, chúng ta tìm những niềm vui của mình ở nơi khác. Giờ đây, chúng ta sung sướng mỗi khi nhớ đến Ngài, và chỉ buồn khi nào quên Ngài. Điều gì đã đem lại sự thay đổi tuyệt vời này, để giờ đây chúng ta có thể vui mừng trong Đức Chúa Trời? Chính công tác của Đức Chúa Jêsus Christ. Cũng giống mọi ơn phước khác của chúng ta, sự vui mừng này đến với chúng ta qua Ngài.

Ích lợi thứ bảy cho người được xưng công bình được tìm thấy qua những chữ “chúng ta hiện nay đã được sự hòa thuận.¹⁶ Sự hòa thuận nói đến việc thiết lập sự hài hòa giữa Đức Chúa Trời và con người qua công tác hy sinh của Cứu Chúa. Tội lỗi đến gieo ghê lạnh, xa lánh và thù địch giữa con người với Đức Chúa Trời. Khi cất bỏ tội lỗi đi, là điều vốn gây nên sự xa lánh ấy, Đức Chúa

Jêsus đã khôi phục lại những người tin nơi Ngài để đưa họ vào tình trạng sống hài hòa với Đức Chúa Trời. Nhân tiện, chúng ta phải thấy rằng *Đức Chúa Trời* không cần được giải hòa. Chính *con người* mới cần được giải hòa, vì con người đã thù địch với Đức Chúa Trời.

6. **Đức Thập Tự Khai Hoàn Công Công Tác Đấng Christ Trên Tội Lỗi Của Adam (5:15-21)**

5:12 Phần còn lại của đoạn 5 là cầu nối giữa phần thứ nhất của bức thư với ba đoạn kế tiếp. Nó được nối với phần thứ nhất bằng cách nêu lên những đề tài về sự đoán phạt bởi Adam và sự xưng công bình bởi Đấng Christ, và cho thấy công tác của Đấng Christ đem lại phước hạnh trổi hơn những gì công việc của Adam đã làm trong khốn khổ và mất mát. Phần này được nối kết với đoạn 6-8 bằng cách chuyển từ sự xưng công bình sang sự nên thánh, và từ những hành động của tội lỗi sang tội lỗi trong bản chất của con người.

Trong những câu này, Adam được mô tả như là thủ lãnh liên minh hay người đại diện cho toàn bộ những người ở trong sự tạo dựng cũ. Đấng Christ được trình bày là Thủ Lãnh Liên Minh của toàn bộ những người ở trong sự tạo dựng mới. Thủ Lãnh Liên Minh hành động thay cho toàn bộ những người ở dưới quyền mình. Lấy ví dụ, khi tổng thống của một quốc gia ký một bản dự luật để trở thành luật pháp, ông đang hành động thay cho toàn bộ công dân của quốc gia đó.

Đây là điều đã xảy ra trong trường hợp của Adam. Bởi kết quả của **tội lỗi** ông, sự **chết** của con người đã bước vào trong **thế gian**. Sự chết trở thành số

phận chung cho toàn bộ dòng dõi của Adam vì ngày trước họ **thầy phạm tội** trong ông. Đứng là họ thầy đều phạm những việc làm tội lỗi riêng từng cá nhân nữa, nhưng đó không phải là ý tưởng ở đây. Ý của Phaolô ấy là tội lỗi của Adam đã là *hành động đại diện*, và toàn bộ dòng dõi của ông bị kể là đã **phạm tội** trong ông.

Có thể có người phản đối rằng người đã phạm tội đầu tiên trên trái đất là Êva chứ không phải Adam. Đứng là vậy, nhưng vì Adam là người thứ nhất được dựng nên, *quyền làm thủ lãnh* đã được giao cho ông. Vì vậy ông được xem đã hành động thay cho toàn bộ dòng dõi mình.

Ở đây, khi sử đồ Phaolô nói sự **chết** đã **trải qua trên hết thầy mọi người**, ông đang nói đến sự **chết thuộc thể**, cho dù tội lỗi của Adam cũng đem đến sự chết thuộc linh nữa. (Câu 13 và 14 cho thấy đang nói đến sự chết thuộc thể.)

Khi chúng ta đọc đến phần đoạn này trong Kinh Thánh, dứt khoát sẽ nảy sinh nhiều thắc mắc. Có công bình không khi dòng dõi của Adam trở thành tội nhân chỉ vì cơ Adam đã phạm tội? Đức Chúa Trời đoán phạt con người vì cơ họ sanh ra đã là tội nhân, hay chỉ vì cơ những tội họ đã thực sự phạm? Nếu con người sinh ra với bản chất tội lỗi, và nếu bởi đó họ phạm tội vì cơ họ là những tội nhân bẩm sinh, làm sao Đức Chúa Trời bắt họ chịu trách nhiệm về những gì họ đã làm?

Các học giả Kinh Thánh đã vật lộn với những hỏi này và vô số những nan đề tương tự, và họ đã đưa ra nhiều kết luận khác nhau đến ngạc nhiên. Tuy

nhiên, có *những sự thật* nhất định mà chúng ta có thể biết *chắc chắn*.

Thứ nhất, Kinh Thánh thực sự dạy rằng mọi người đều là tội nhân, cả bởi bản tánh lẫn bởi thực tiễn. Mọi người được sinh ra bởi cha mẹ và mọi người thì đều thừa hưởng tội lỗi của Adam, và cũng phạm tội bởi sự quyết tâm chọn lựa của riêng mình.

Thứ nhì, chúng ta biết rằng tiền công của tội lỗi là sự chết – cả sự chết thuộc thể lẫn sự phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời.

Nhưng không ai buộc phải trả án phạt của tội lỗi trừ khi mình muốn. Đây là ý quan trọng. Với một giá trả hết sức lớn lao, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến để chịu chết làm Đấng Thay Thế cho tội nhân. Sự cứu khỏi tội và tiền công của tội được ban như một món quà biểu không bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

Con người bị định tội trên ba cơ sở: con người có *bản tánh tội lỗi*, tội của Adam *được quy kể* cho người, và người là *tội nhân bởi đã thực sự phạm tội*. Nhưng tội trọng của con người chính là khước từ sự dự bị cứu rỗi của Đức Chúa Trời trên người ấy (Glôg 3:18,19,36).

Nhưng có người sẽ hỏi: "Còn những người chưa hề nghe Tin Lành thì sao?" Ít ra, thắc mắc này cũng được trả lời một phần trong đoạn 1. Ngoài phần ấy ra, chúng ta có thể biết chắc rằng quan án của toàn thể gian sẽ xử đúng (Sáng Thế Ký 18:25). Ngài sẽ không bao giờ hành động bất công hay không đúng. Mọi quyết định của Ngài đều căn cứ trên tình vô tư và sự công bình. Dù có những hoàn cảnh làm nảy sinh nhiều

nan đề cho tâm nhìn lơ mờ của chúng ta, nhưng chúng không phải là nan đề đối với Ngài. Khi vụ án cuối cùng được xét xử và khi cửa tòa án đóng lại, không ai có cơ sở hợp lý để kêu nại quan án.

5:13 Giờ đây Phaolô chứng minh tội lỗi của Adam ảnh hưởng đến toàn nhân loại. Trước hết, ông nêu rằng **tội lỗi đã có trong thế gian** từ thời Adam cho đến khi ban **luật pháp** tại núi Sinai. Nhưng trong thời đó, luật pháp của Đức Chúa Trời vẫn chưa được bày tỏ rõ ràng. Adam đã được nhận điều răn thành tiếng từ Chúa, rồi nhiều thế kỷ sau, Mười Điều Răn là sự bày tỏ thành văn đặc biệt về luật pháp thiên thượng. Nhưng giữa thời kỳ đó, con người không có bộ luật pháp lý nào đến từ Đức Chúa Trời. Do đó, dẫu thời đầu đã có tội lỗi, nhưng *không có sự phạm tội*, vì sự phạm tội là vi phạm một luật pháp đã biết. **Nhưng khi chưa có luật pháp để cấm tội đó, thì không kể tội đó là sự phạm tội.**

5:14 Thế nhưng sự chết đã không được di nghỉ phép trong thời kỳ chưa có luật pháp. Chỉ một ngoại lệ duy nhất là Hênóc, ngoài ra sự chết đã trải qua trên hết thảy nhân loại. Bạn không thể nói rằng những người này đã chết vì cơ họ đã phạm vào mạng lệnh rõ ràng của Đức Chúa Trời, giống như Adam đã phạm. Vậy tại sao lúc đó họ chết. Câu trả lời được hàm ý: họ chết vì họ đã phạm tội trong Adam. Nếu điều này có vẻ như bất công, hãy nhớ rằng điều này không liên quan đến sự cứu rỗi. Toàn bộ những ai đặt đức tin nơi Chúa đều đã được cứu đời đời. Nhưng họ chết về mặt thuộc thể y như nhau, và nguyên

nhân khiến họ chết chính là vì tội lỗi của thủ lãnh liên minh của họ, là Adam. Với vai trò thủ lãnh liên minh, Adam làm hình bóng (biểu tượng) của Đấng phải đến – tức là Đức Chúa Jêsus Christ. Trong những câu tiếp theo, Phaolô sẽ triển khai đề tài về vị thủ lãnh liên minh này, nhưng phần lớn bởi cách đối chiếu tương phản hơn là bởi những điểm tương đồng. Ông sẽ chứng minh rằng:

Trong Christ, con cái Adam sẽ khoe mình.

Nhiều về phước hạnh chứ không phải về sự hư mất của tổ phụ.

5:15 Điểm tương phản đầu tiên là giữa tội lỗi của Adam và sự ban cho miễn phí và hào phóng của Đấng Christ. Bởi sự phạm tội của con người đầu tiên, nhiều người đã chết. Nhiều người ở đây đương nhiên nói đến dòng dõi của Ápraham. Sự chết ở đây có thể bao gồm sự chết thuộc linh cũng như thuộc thể.

Sự ban cho miễn phí dư dật cho hết thảy mọi người. Sự ban cho miễn phí này là biểu hiện tuyệt vời về ân điển của Đức Chúa Trời dư dật cho tội nhân. Điều này được thực hiện bởi ân điển của một người, là Đức Chúa Jêsus Christ. Ân điển lạ lùng của Ngài là chịu chết thay cho những tạo vật phản loạn. Qua sự chết hy sinh của Ngài, món quà sự sống đời đời được ban cho hết thảy mọi người.

Hai chữ “*nhiều người*” (Bản Việt Ngữ: là “mọi người”) trong câu này không nói đến cùng một nhóm người. Chữ *nhiều người* thứ nhất bao gồm mọi người đã phải chết do kết quả sự phạm

tội của Adam. Chữ *nhiều người* thứ nhì nói đến toàn bộ những người trở nên thành viên của sự dựng nên mới, mà Đấng Christ là Thủ Lãnh Liên Minh của nhóm ấy. Nhóm này chỉ bao gồm những người mà ân điển Đức Chúa Trời được ban dư dật cho họ – tức là những tín hữu thật. Tuy sự thương xót của Đức Chúa Trời được tuôn đổ trên mọi người, chỉ những người nào tin cậy Cứu Chúa mới nắm lấy được ơn của Ngài.

5:16 Còn một điểm tương phản quan trọng nữa giữa tội của Adam và sự ban cho của Đấng Christ. Mọi tội phạm của Adam đem lại sự đoán phạt không thể tránh khỏi, và bản phán quyết là “*đã bị định tội.*” Mặt khác, sự ban cho miễn phí của Đấng Christ giải quyết hiệu quả *nhiều tội*, chứ không phải chỉ một tội, và đem đến bản phán quyết “*Tha bổng.*” Phaolô nêu bật những sự khác biệt giữa tội của Adam và sự ban cho của Đấng Christ, giữa sự tàn phá khủng khiếp do một tội đem đến và sự giải cứu lớn lao khỏi nhiều tội, và cuối cùng là giữa phán quyết *đoán phạt* và phán quyết *xung công bình*.

5:17 Bởi *tội* mọi người mà sự chết đã cai trị như một tên bạo chúa tàn ác. Nhưng bởi sự ban cho dư dật của sự công bình, lúc món quà ân điển tuôn tràn dư dật, mọi tín hữu nhờ *Một Đấng*, là Đức Chúa Jêsus Christ, được cai trị trong sự sống.

Đây là ân điển tuyệt vời biết dường nào! Chúng ta không những được giải thoát khỏi quyền cai trị của sự chết như một tên bạo chúa trên chúng ta, mà chúng ta còn được cai trị như những vị

vua, được hưởng sự sống hiện nay và đời đời. Chúng ta có thực sự hiểu và quý trọng điều này không? Chúng ta có sống như những vị vua của Thiên đàng, hay đang khúm núm giữa đống ô uế của thế gian này?

5:18 Tội của Adam đem lại sự đoán phạt cho mọi người, nhưng hành động công bình của Đấng Christ đem đến sự xưng công bình để ban sự sống cho mọi người. Hành động công bình không phải là đời sống của Cứu Chúa hay việc Ngài tuân giữ luật pháp, nhưng đúng hơn là sự chết thay của Ngài trên đồi Gôgôtha. Chính điều này đem đến sự xưng công bình của sự sống – tức là sự xưng công bình đem lại sự sống – và đem đến cho mọi người.

Hai chữ *"mọi người"* trong câu này không chỉ về cùng một nhóm người. Chữ *"mọi người"* thứ nhất nói đến mọi người ở trong Adam. Chữ *"mọi người"* thứ nhì nói đến mọi người ở trong Đấng Christ. Điều này rõ ràng qua những chữ trong câu trước *"những kẻ nhận ân điển và sự ban cho của sự công bình cách dư dật..."* *món quà này phải nhận bằng đức tin*. Chỉ những ai tin cậy Chúa mới nhận được sự xưng công bình của sự sống.

5:19 Bởi sự không vâng phục mạng lệnh Đức Chúa Trời của Adam mà mọi người khác đều hành ra kẻ có tội thế nào, thì cũng vậy, bởi sự vâng phục của Đấng Christ đối với Cha mà nhiều người tin cậy Ngài được xưng là công bình. Sự vâng phục của Đấng Christ đưa Ngài đến thập tự giá để làm Đấng gánh vác tội lỗi chúng ta.

Thật vô ích cho những người theo phổ thông thuyết nếu sử dụng những câu này để cố gắng chứng minh rằng mọi người rồi cuộc đời sẽ được cứu. Phần đoạn này đề cập đến hai tư cách lãnh đạo liên minh, và rõ ràng tội lỗi Adam ảnh hưởng đến những người *"ở trong Adam"* thế nào, thì cũng vậy, việc làm công bình của Đấng Christ cũng chỉ ích lợi cho những ai *"ở trong Ngài"* thế ấy.

5:20 Điều Phaolô đang nói ở đây sẽ gây sốc kinh khiếp cho người Do Thái đang phản đối ông, là người cảm thấy mọi việc đều tập trung quanh luật pháp. Giờ đây, người phản đối này biết tội lỗi và sự cứu rỗi không tập trung trong luật pháp, nhưng tập trung trong hai thủ lãnh liên minh. Như vậy, người này có thể bị cảm dỗ để hỏi: *"Vậy thì luật pháp được ban cho để làm gì?"* Sự dỗ trả lời: *"Luật pháp đã xen vào, hầu cho tội lỗi gia thêm."* Luật pháp không làm phát sinh tội lỗi, nhưng bày tỏ cho thấy tội lỗi là một phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời. Luật pháp không cứu khỏi tội lỗi nhưng bày tỏ cho thấy tội lỗi trong toàn bộ đặc điểm khủng khiếp của nó.

Nhưng ân điển Đức Chúa Trời tỏ ra là lớn hơn tội lỗi của mọi người. Nơi nào tội lỗi gia thêm, thì ân điển Đức Chúa Trời tại Gôgôtha lại càng dư dật nhiều hơn biết dường nào!

5:21 Giờ đây, sự cai trị của tội lỗi, vốn gây ra sự chết trên mọi người, đã chấm dứt, thì ân điển cai trị bởi sự công bình, ban sự sống đời đời bởi Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta. Lưu ý ân điển cai trị bởi sự công bình. Mọi đời bởi thánh khiết của Đức Chúa Trời đều

đã được đáp ứng, hình phạt của luật pháp đã được trả xong, vì vậy giờ đây Đức Chúa Trời có thể ban sự sống đời đời cho mọi người nào đến kêu cầu công đức của Đấng Christ, là Đấng Thay Thế cho họ.

Trong những câu này, có lẽ chúng ta có một phần câu trả lời cho thắc mắc quen thuộc: "Vì sao Đức Chúa Trời để cho tội lỗi và trong thế gian?" Câu trả lời chính là: Qua sự hy sinh của Đấng Christ, Đức Chúa Trời được vinh hiển nhiều hơn và con người nhận ơn phước nhiều hơn nếu so với tình trạng tội lỗi không hề vào trong thế gian. Chúng ta được phước và thỏa mãn còn nhiều hơn cả mức có thể có trong Adam chưa sa ngã. Nếu Adam chưa hề phạm tội, ông sẽ được hưởng sự sống liên tục trên trái đất trong vườn Êđen, nhưng không hề có triển vọng trở thành con cái được cứu chuộc của Đức Chúa Trời, kể kể tự của Đức Chúa Trời, hay người đồng kế tự bởi Đức Chúa Jêsus Christ. Ông không hề có lời hứa về quê hương trên trời hay được ở với Đấng Christ và được giống Ngài đời đời. Những phước hạnh này chỉ đến thông qua công tác cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta.

H. Phương Cách Của Tin Lành Để Tiêm Bắn Nếp Sống Thánh Khiết (Đoạn 6)

Lời Phaolô nói ở cuối đoạn 5 – rằng ân điển lại càng trởi hơn dư đặt trên tội lỗi của mỗi người – làm phát sinh thắc mắc khác, và là một thắc mắc rất quan trọng. *Sự dạy dỗ của Tin Lành (sự cứu rỗi nhờ ân điển qua đức tin) có cho phép hay thậm chí có khích lệ nếp sống tội lỗi không?*

Câu trả lời – là câu phủ nhận mạnh mẽ – trải dài suốt đoạn 6- 8. Trong đoạn 6 đây, câu trả lời tập trung quanh ba từ chìa khóa: *biết* (câu 3, 6), *kể hoặc coi* (câu 11), và *đăng* (câu 13).

Chúng ta sẽ để theo dõi lập luận của Phaolô trong đoạn này nếu hiểu sự khác biệt giữa địa vị và nếp sống đạo của một người tín hữu. Địa vị của tín hữu là chỗ đứng *trong Đấng Christ*. Nếp sống đạo chính là điều người ấy đang hoặc *đăng phải* có trong nếp sống hằng ngày.

Ân điển đặt chúng ta vào địa vị tội dạy chúng ta sống xứng đáng với địa vị ấy. Địa vị của chúng ta là trọn lành tuyệt đối, vì chúng ta hiện ở trong Đấng Christ. Nếp sống đạo của chúng ta phải ngày càng tương xứng với địa vị chúng ta. Sẽ không bao giờ tương xứng trọn vẹn được, cho đến khi chúng ta thấy Cứu Chúa trên Thiên đàng, nhưng trong lúc này chúng ta *đăng phải* trở nên ngày càng giống với hình ảnh của Ngài hơn.

Trước hết, sử đồ nêu rõ thật về sự đồng nhất của chúng ta với Đấng Christ trong sự chết và sự phục sinh, sau đó khuyên chúng ta sống đúng theo lẽ thật vĩ đại này.

6:1 Người Do Thái phản đối nếu tiếp lập luận xem như một sự giải quyết. Nếu Tin Lành của ân điển dạy rằng tội lỗi của con người giúp cho ân điển của Đức Chúa Trời ngày càng dư dật hơn, chẳng phải điều đó gợi ý chúng ta nên cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để cho ân điển càng được dư dật thêm sao?

Phiên bản hiện đại của lập luận này sẽ như sau: "Ông nói con người được cứu bởi ân điển qua đức tin, chứ không bởi luật pháp. Nhưng nếu toàn bộ

những điều ông phải làm để được cứu chính là tin, thì ông có thể đi ra tiếp tục sống trong tội lỗi." Theo lập luận này, ấn điển không phải là động cơ đủ cho nếp sống thánh khiết. Bạn phải đặt người ta dưới những kiểm tỏa của luật pháp.

Trong đoạn này có thể gợi ý bốn câu trả lời cho câu hỏi mở đầu, "Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi sao?"

1. Bạn không thể, vì được hiệp nhất với Đấng Christ. Lý luận (câu 1-11).

2. Bạn không cần, vì ách thống trị của tội lỗi đã bị ấn điển phá vỡ. Kêu gọi (câu 12-14).

3. Bạn không được phép, vì một lần nữa sẽ đưa tội lỗi lên làm chủ trở lại. Truyền lệnh (câu 15-19).

4. Bạn đừng nên làm như vậy thì hơn, vì sẽ kết thúc trong thảm họa. Lời cảnh cáo (câu 20-23).¹⁷

6:2 Như vậy, câu trả lời thứ nhất của Phaolô ấy là: chúng ta không thể tiếp tục sống trong tội lỗi vì chúng ta đã chết về tội lỗi. Đây là sự thật về địa vị. Khi Đức Chúa Jêsus chết với tội lỗi, Ngài chết trong tư cách Người Đại Diện của chúng ta. Ngài không những chết với tư cách Đấng Thay Thế chúng ta - tức là chết thay chúng ta hay chết trong chỗ của chúng ta - nhưng Ngài còn chết với tư cách Đấng Đại Diện chúng ta - tức là chết như chúng ta. Do đó, khi Ngài chết, chúng ta cũng chết. Ngài chết đối với toàn bộ vấn đề tội lỗi, giải quyết nó một lần đủ cả. Toàn bộ mọi người hiện ở trong Đấng Christ đều được Đức Chúa Trời xem như đã chết đối với tội lỗi.

Điều này không có nghĩa tin hữu là vô tội. Điều này có nghĩa tin hữu được đồng nhất hóa với Đấng Christ trong sự chết Ngài, và trong toàn bộ những ý nghĩa của sự chết Ngài.

6:3 Từ ngữ chìa khóa đầu tiên trong phần trình bày của Phaolô chính là BIẾT. Ở đây, ông giới thiệu để tài phép báp têm để chứng minh tin hữu cứ tiếp tục sống trong tội lỗi là không phù hợp về mặt đạo đức. Nhưng lập tức nảy sinh thắc mắc: "Ông đang nói đến phép báp têm nào?" Vì vậy, ở đây việc giải nghĩa giới thiệu là cần thiết.

Khi được cứu, một người chịu phép báp têm trong Đức Chúa Jêsus Christ theo ý nghĩa được đồng nhất với Đấng Christ trong sự chết và sự sống lại của Ngài. Đây không phải là một với phép báp têm trong (hoặc của) Đức Thánh Linh, dầu cả hai đều xảy ra đồng thời. Phép báp têm trong Đức Thánh Linh đặt tin hữu vào thân thể của Đấng Christ (I.Côrinthô 12:13); đây không phải là phép báp têm vào trong sự chết. Phép báp têm vào trong Đấng Christ có nghĩa theo Đức Chúa Trời, tin hữu được kể như đã đồng chết với Đấng Christ và đã đồng sống lại với Ngài.

Khi Phaolô nói đến phép báp têm ở đây, ông đang nghĩ đến cả sự đồng nhất hóa thuộc linh của chúng ta với Đấng Christ lẫn sự thể hiện điều ấy trong phép báp têm bằng nước. Nhưng khi lập luận, ông dường như đặc biệt chuyển trọng điểm của mình sang phép báp têm bằng nước khi nhắc đến giải nhờ họ đã "bị chôn" và "được đặt chung vào" trong "sự chết giống như" sự chết của Đấng Christ.

Tân Ước không hề tính đến tình huống bất thường của tín hữu không chịu phép báp-têm. Tân Ước coi như thừa nhận ai hoán cải thì đều chịu phép báp-têm ngay. Do đó Chúa chúng ta có thể nói về đức tin và phép báp-têm liền một mạch: “Ai tin và chịu phép báp-têm, sẽ được cứu” (Mác 16:16). Dầu phép báp-têm không phải là điều kiện phải có để được cứu, nhưng nên là một dấu hiệu công khai không thay đổi về sự cứu rỗi.

6:4 Phép báp-têm bằng nước cung cấp biểu hiện hữu hình về phép báp-têm trong Đấng Christ. Phép báp-têm này mô tả tin đổ được chìm mình xuống dòng nước tối tăm của sự chết (trong con người của Chúa Jê-sus), và mô tả người mới trong Đấng Christ sống lại để bước đi trong đời mới. Trên một phương diện, tín hữu dự lễ tang chính con người cũ của mình khi chịu phép báp-têm. Khi bước xuống nước người ấy đang nói: “Toàn bộ con người cũ của tôi là đấng con tội lỗi của Adam phải bị chết tại thập tự giá. Khi bước lên ra khỏi nước, người đang tuyên bố: “Tôi không còn sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi” (xem Galati 2:20).

Conybeare và Howson nói “Không thể hiểu phân đoạn này nếu không nghĩ phép báp-têm thời kỳ đầu tiên được thực hiện bằng cách chìm mình xuống nước.”

Vị sứ đồ tiếp tục nói sự sống lại của Đấng Christ khiến chúng ta có thể bước đi trong đời mới. Ông nói Đấng Christ như vinh hiển của Cha được lìa kẻ chết sống lại. Điều này đơn giản có nghĩa toàn bộ những sự trọn lành thiên

thượng của Đức Chúa Trời – sự công bình, yêu thương, công chính của Ngài, v.v... – đòi hỏi Ngài phải khấn Đấng Christ sống lại. Xét đến tính xuất sắc của thân vị Cứu Chúa, nếu cứ để Cứu Chúa ở trong mộ thì thật không nhất quán với tình cách của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã thực sự khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, và vì chúng ta được hiệp một với Đấng Christ trong sự sống lại của Ngài, nên chúng ta có thể và phải sống trong đời mới.

6:5 Chúng ta đã hiệp một với Đấng Christ bởi sự chết giống như sự chết của Ngài thế nào, chắc chắn chúng ta cũng sẽ hiệp một với Ngài bởi sự sống lại giống nhau thế ấy. Từ ngữ “sự chết giống như sự chết của Ngài” ý nói tín hữu được đặt dưới nước trong phép báp-têm. Sự liên hiệp thực sự với Đấng Christ trong sự chết Ngài xảy ra gần hai ngàn năm trước, nhưng phép báp-têm là “sự giống như” điều đã xảy ra lúc bấy giờ.

Chúng ta không những đi xuống dưới nước, mà còn ra khỏi nước, là sự giống như sự sống lại của Ngài. Tuy đúng là cụm từ “giống như” không phải là một phần trong bản văn nguyên thủy ở phần thứ hai của câu Kinh Thánh này, nhưng phải đưa vào để hoàn chỉnh ý nghĩa.

Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài (đi xuống nước), thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau (được đi lên ra khỏi nước). Mệnh đề chúng ta cũng sẽ không nhất thiết chỉ ra tình tương lai. Hodge nói:

*Câu này không nói đến điều xảy ra ở đời sau, nhưng nói đến tình chắc chắn của trình tự diễn tiến, hay mỗi nói kết nhân quả. Nếu điều này xảy ra, điều kia sẽ chắc chắn tiếp theo sau.*¹⁸

6:6 Trong phép báp têm, chúng ta tuyên xưng **con người cũ của mình đã bị đóng đinh với Đấng Christ**. Người cũ của chúng ta nói đến toàn bộ con người của chúng ta khi làm con cái của Adam – tức là bản ngã cũ, xấu xa và chưa được tái sinh cùng với mọi thói quen và sở thích cũ của chúng ta. Khi hoán cải, chúng ta lột bỏ **con người cũ** và mặc lấy người mới, dường như thể đổi những mảnh giẻ rách ở uế lấy áo xống không tì vết (Cô-lô-se 3:9,10).

Đóng đinh **người cũ** tại Gô-gô-tha có nghĩa để thân thể của **tội lỗi** không hoạt động được nữa. **Thân thể của tội lỗi** không nói đến thân thể vật chất này. Đùng hơn, nói đến tội lỗi đang cư trú bên trong và đang được nhân cách hóa trở thành một tên bạo chúa cai trị trên người đó. Thân thể tội lỗi này bị **tiêu diệt đi**, có nghĩa là **bị vô hiệu hóa, bị làm cho không còn hoạt động như một thế lực điều khiển nữa**. Mệnh đề cuối chứng tỏ ý nghĩa này: **Chúng ta không phục dưới tội lỗi nữa**. Chế độ độc tài của tội lỗi trên chúng ta đã bị bẻ gãy.

6:7 Vì ai đã chết thì được thoát khỏi **tội lỗi**. Lấy ví dụ, đây là con người bị tuyên án phải chết trên ghế điện vì giết một sĩ quan cảnh sát. Ngay khi chết, **người ấy được thoát khỏi** (nghĩa đen là "được xưng công bình") khỏi tội đó. Án phạt đã được trả xong và vụ án kết thúc.

Giờ đây chúng ta đã chết với Đấng Christ trên thập tự giá tại Gô-gô-tha. Không những án phạt của chúng ta được trả xong, mà gọng kim của tội lỗi bóp nghẹt đời sống chúng ta cũng bị bẻ gãy. Chúng ta không còn là phu tù bất lực của tội lỗi nữa.

6:8 Sự đóng chết với Đấng Christ của chúng ta là một mặt của sự thật. Mặt kia chính là chúng ta cũng sẽ cùng sống với Ngài. Chúng ta đã chết đối với tội lỗi; chúng ta sống cho sự công bình. Ách thống trị của tội lỗi trên chúng ta đã bị phá vỡ; chúng ta dự phần sự sống phục sinh của Đấng Christ ngay trên đời này và ngay hiện giờ. Và chúng ta sẽ dự phần sự sống của Ngài suốt cả cõi đời đời, ca ngợi danh Ngài!

6:9 Lòng tin quyết của chúng ta căn cứ trên sự kiện Đấng Christ phục sinh sẽ không chết nữa. **Sự chết không còn cai trị trên Ngài**. Sự chết đã thực sự cai trị trên Ngài trong ba ngày đêm, nhưng ách thống trị đó đã qua vịnh biển rồi. Đấng Christ không bao giờ có thể chết được nữa!

6:10 Khi Đức Chúa Jê-sus chết, Ngài chết cho toàn bộ vấn đề **tội lỗi một lần đủ cả**. Ngài đã chết đối với những yêu cầu của tội lỗi, tiền công của tội lỗi, những đòi hỏi của tội lỗi, hình phạt của tội lỗi. Ngài hoàn tất công tác để giải quyết xong cách hoàn hảo đến nỗi không bao giờ cần lập lại nữa. Giờ đây **Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời**. Đương nhiên, trên một phương diện, Ngài luôn luôn sống cho Đức Chúa Trời. Nhưng giờ đây Ngài sống cho Đức Chúa Trời trong mối quan hệ

mới, với tư cách Đấng Phục Sinh, và trong một phạm vi mới, là nơi tội lỗi không bao giờ bước vào được.

Trước khi tiếp tục, chúng ta ôn lại mười câu đầu. Để tài chung là sự nên thánh – phương pháp của Đức Chúa Trời cho nếp sống thánh khiết. Về địa vị trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta được xem như đã chết với Đấng Christ và đã đồng sống lại với Ngài. Điều này được mô tả trong phép báp-têm. Sự đồng chết với Đấng Christ kết thúc lịch sử của chúng ta là những người nam nữ trong Adam. Lời tuyên án của Đức Chúa Trời trên con người cũ của chúng ta không phải là sự cải cách nhưng là sự chết. Và lời tuyên án được thực thi khi chúng ta chết với Đấng Christ. Giờ đây chúng ta được sống lại với Đấng Christ để sống trong đời mới. Ách bạo chúa của tội lỗi trên chúng ta bị bẻ gãy, vì tội lỗi không còn nói được gì với người đã chết. Giờ đây chúng ta được tự do để sống cho Đức Chúa Trời.

6:11 Phaolô mô tả sự thực về mặt địa vị cho chúng ta. Giờ đây ông quay sang kết quả thực tiễn của sự thật ấy trong đời sống chúng ta. Chúng ta phải **COI** như mình đã chết về tội lỗi, và như sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jê-sus Christ.

"Coi" ở đây nghĩa là chấp nhận điều Đức Chúa Trời đã phán về chúng ta là đúng, và sống theo đúng điều đó. Ruth Paxson viết:

[Điều này có nghĩa] tin Lời Chúa phán trong Rôma 6:6 và biết đây là một sự thật trong sự cứu rỗi cá nhân của chính mình. Điều này đòi hỏi hình động rõ ràng của đức tin, đem lại một

thời độ cố định đối với "người cũ." Chúng ta sẽ nhìn người cũ tại chỗ Đức Chúa Trời nhìn thấy nó -- trên thập tự giá, đã bị đồng chết với Đấng Christ. Đức tin sẽ hành động liên tục để giữ cho người cũ ở yên tại chỗ âm thầm đã đặt nó. Điều này buộc chúng ta dự phần rất sâu nhiệm, vì có nghĩa chúng ta hết lòng tôn thuận Đức Chúa Trời lên án và đoán xét "cái tôi" cũ là hoàn toàn không xứng đáng được sống và hoàn toàn bị tước hết mọi đòi hỏi nào khác nữa trên chúng ta. Bước đầu tiên trong nếp sống thánh khiết thực tiễn chính là bước coi "con người cũ" đã bị đóng đinh.¹⁹

Chúng ta coi mình chết về tội lỗi khi đáp ứng với cảm dỗ như cách đáp ứng của một người chết. Một ngày kia Augustine gặp một phụ nữ theo bất chuyện, cô vốn là tình nhân của ông trước khi ông hoãn cải. Khi ông quay lại rồi bỏ đi thật nhanh, nàng kêu lên đang sau ông: "Augustine, chính em đây mà! Em đây!" Ông vừa bước nhanh hơn, vừa nói với ra sau: "Đúng, ta biết, nhưng đây không còn là ta nữa!"²⁰ Ý ông muốn nói mình đã chết đối với tội lỗi và sống cho Đức Chúa Trời. Người chết không còn liên quan gì đến gian dâm, nói dối, lừa gạt, nói hành, hay bất kỳ tội lỗi nào khác.

Giờ đây chúng ta sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jê-sus Christ. Điều này có nghĩa chúng ta được kêu gọi đến sự thánh khiết, thờ phượng, cầu nguyện, phục vụ và sinh kết quả.

6:12 Chúng ta thấy trong đó, con người cũ của chúng ta bị đóng đinh để tội lỗi trong tư cách tên bạo chúa đang

cai trị bị hạ gục, để chúng ta không còn là những phu tù bất lực của tội lỗi nữa. Giờ đây, lời khuyên thực tế được căn cứ trên sự thực về địa vị. Chúng ta đứng để tội lỗi cai trị trong xác hay chết của mình bằng cách vâng theo những ước muốn xấu của nó nữa. Tại đồi Gôgôtha, quyền cai trị của tội lỗi đã kết thúc bởi sự chết. Giờ đây, chúng ta phải tận dụng điều đó thật thực tiễn. Sự cộng tác của chúng ta là cần thiết. Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể khiến chúng ta nên thánh, nhưng Ngài sẽ không làm điều đó nếu chúng ta không sẵn lòng dự phần.

6:13 Điều này đưa chúng ta đến từ ngữ chìa khóa thứ ba trong đoạn này - **DẰNG**. Chúng ta không được phép dâng các chi thể của mình cho tội lỗi, để dùng làm vũ khí hay công cụ của gian ác. Bốn phận của chúng ta là giao quyền kiểm soát các chi thể mình cho Đức Chúa Trời, để được dùng phục vụ sự công bình. Suy cho cùng, chúng ta đã được sống lại từ sự chết; và như được nhắc trong 6:4, chúng ta phải bước đi trong đời sống mới.

6:14 Giờ đây thêm một nguyên nhân khác nữa cho biết vì sao là tín hữu, chúng ta không để tội lỗi cai trị mình. Nguyên nhân thứ nhất là: người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Đấng Christ (6:6). Nguyên nhân thứ nhì là chúng ta không thuộc dưới luật pháp, mà thuộc dưới ân điển.

Tội lỗi thực sự thắng thế trên người còn ở dưới luật pháp. Vì sao vậy? Vì luật pháp cho biết phải làm gì nhưng không ban quyền năng để làm. Và luật pháp

khơi dậy những khát vọng âm i trong bản chất con người sa ngã để làm những điều bị cấm. Chuyện xưa kể rằng "trái cấm thật ngọt ngào."

Tội lỗi không cai trị trên người ở dưới ân điển. Tín hữu đã chết đối với tội lỗi. Tín hữu nhận lấy Thánh Linh ngự trong lòng như quyền năng cho nếp sống thánh khiết. Và tín hữu yêu mến Cứu Chúa do được thôi thúc bởi tình yêu, chứ không bởi sợ hình phạt. Ân điển là điều duy nhất thực sự đem lại sự thánh khiết. Đúng như Denney nói: "Không phải sự kiểm chế nhưng chính là sự cảm thúc mới giải phóng khỏi tội lỗi, không phải núi Sinai nhưng chính núi Gôgôtha mới tạo nên các thánh đó."²¹

6:15 Những người sợ ân điển thì quả quyết ân điển cấp giấy phép để phạm tội. Phaolô thẳng thừng đáp lại sai lầm này bằng cách đặt câu hỏi, rồi sau đó thẳng thắn bác bỏ. Chúng ta được buông tha khỏi luật pháp nhưng không phải là vô luật pháp. Ân điển có nghĩa được tự do để phục vụ Chúa, chứ không phải để phạm tội chống nghịch Ngài.

Trong 6:1, thắc mắc chính là: "Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi sao?" Tại đây, câu hỏi lại là: "Chúng ta sẽ phạm tội chút đỉnh sao?" Câu trả lời trong hai trường hợp đều là "**Chẳng hề như vậy!**" Thật kinh khiếp. Đức Chúa Trời không thể bỏ qua bất kỳ tội lỗi nào cả.

6:16 Một sự thật rất đơn giản của cuộc đời ấy là khi chúng ta nộp mình cho người nào đó làm chủ thì chúng ta trở thành tôi mọi của người đó. Tương

tự, nếu chúng ta bán mình cho tội lỗi, chúng ta trở thành nô lệ của tội lỗi, và sự chết đời đời đang chờ ở cuối con đường ấy. Mặt khác, nếu chúng ta chọn vâng lời Đức Chúa Trời, thì kết quả chính là đời sống thánh khiết. Nô lệ của tội lỗi bị ràng buộc vào mặc cảm phạm tội, sợ hãi và khốn khổ, nhưng đầy tớ của Đức Chúa Trời được tự do làm những điều mà hẳn tánh mới ưa thích. Vậy vì sao lại làm nô lệ trong khi mình có thể được tự do?

6:17 "Tạ ơn Đức Chúa Trời, vì anh em - là người ngày trước từng làm đầy tớ của tội lỗi - đã thành tâm đáp ứng đạo lý của Đấng Christ khi chịu lấy ảnh hưởng của đạo ấy" (JBP). Những Cơ Đốc nhân tại Rôma đã hết lòng vâng phục Tin Lành của ân điển mà họ được phó thác, bao gồm mọi giáo lý Phaolô dạy trong Thư Tin này.

6:18 Đạo lý đúng phải dẫn đến bốn phận đúng. Để đáp ứng lẽ thật họ được buông tha khỏi ông chủ "tội lỗi," họ đã trở thành tôi mọi của sự công bình. Cụm từ "được buông tha khỏi tội lỗi" không có nghĩa không còn bản chất tội lỗi nữa. Cũng không phải họ không còn phạm tội nữa. Văn mạch cho thấy điều này nói đến sự buông tha khỏi tội lỗi với tư cách quyền thống trị trong đời sống.

6:19 Trong câu 18, sử đồ nói về những nô lệ của sự công bình, nhưng ông nhận thấy những người sống công bình thực sự không ở dưới ách nô lệ. "Sự công bình thực tiễn không phải là ách nô lệ, trừ khi nào chúng ta nói theo cách của con người."²² Người nào phạm tội đều là nô lệ của tội lỗi, nhưng ai

được Đức Chúa Con buông tha thực sự được tự do (Giăng 8:34,36).

Phaolô giải thích rằng khi ông dùng cách ví von về nô lệ và chủ, ông đang nói theo cách của con người; có nghĩa ông đang dùng hình họa quen thuộc từ đời sống thường ngày. Ông làm như vậy vì sự yếu đuối của xác thịt họ - hay nói cách khác là vì lý trí và tâm linh họ khó hiểu chân lý khi trình bày bằng những từ ngữ tổng quát. Chân lý thường cần được minh họa sao cho trở nên dễ hiểu.

Trước khi hoán cải, những tín đồ này giao nộp thân thể mình làm nô lệ cho đủ mọi loại ố uế, hết loại gian ác này đến loại gian ác khác. Giờ đây họ nên dâng chính thân thể ấy làm nô lệ cho sự công bình, để đời sống họ thực sự nên thánh.

6:20 Khi họ còn là nô lệ của tội lỗi, tự do duy nhất họ được biết đến chính là tự do để thoát khỏi sự công bình. Ở trong tình trạng như thế thì thật tuyệt vọng - bị ràng buộc bởi mọi điều ác và tự do khỏi mọi điều lành!

6:21 Phaolô thách thức họ (và chúng ta) kiểm kê đồng trái của đời sống chưa được cứu, là đồng trái trong những hoạt động mà giờ đây tin hữu hiệu đương hồ lện. Marcus Rainsford đưa ra bảng kiểm kê như sau:

1. Những tiện nghi.
2. Tôn sùng cảm tình.
3. Phỉ phạm thì giờ.
4. Lam dụng ảnh hưởng.
5. Cư xử xấu với những bạn bè tốt nhất.
6. Vi phạm đến những lợi ích tốt nhất của chúng ta.
7. Xúc phạm đến tình yêu - đặc biệt là tình yêu của Đức Chúa Trời.

Hoặc nói tóm tắt trong một từ ngữ - HỒ THÊN.²³

Cuối cùng của những điều đó là sự chết. A. T. Pierson viết: "Mọi tội đều có khuyên hướng dẫn đến sự chết, và nếu cứ miệt mài trong tội, thì cuối cùng mục tiêu và kết quả của nó là sự chết."²⁴

6:22 Sự hoàn cải thay đổi hoàn toàn địa vị của một con người. Giờ đây người ấy được **buông tha khỏi tội lỗi** là ông chủ của người, và trở thành một nô lệ sẵn sàng cho **Đức Chúa Trời**. Kết quả là đời sống thánh khiết hiện tại và sự sống đời đời ở cuối hành trình. đương nhiên, tin hữu hiện có **sự sống** đời đời rồi, nhưng câu Kinh Thánh này nói đến **sự sống** ấy trong tình trạng trọn vẹn, bao gồm cả thân thể phục sinh vinh hiển.

6:23 Sử đồ tóm tắt để tài bằng cách trình bày những điểm tương phản sinh động này:

Hai người chủ - **tội lỗi** và **Đức Chúa Trời**.

Hai phương pháp - **hèn công** và **sự ban cho miễn phí**.

Hai kết quả - **sự chết** và **sự sống đời đời**.

Lưu ý rằng sự sống đời đời ở trong một Thân Vị, và Thân Vị đó chính là **Đức Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta**. Tất cả những người ở trong **Đấng Christ** thì đều có **sự sống đời đời**. Đơn giản thế thôi!

I. Địa Vị Của Luật Pháp Trong Đời Sống Tin Hữu (Đoạn 7)

Giờ đây sử đồ tiên liệu trước câu hỏi dứt khoát sẽ nảy sinh: *Cơ Đốc nhân có mối quan hệ nào với luật pháp? Có lẽ Phaolô đặc biệt nghĩ đến những tin hữu Do Thái khi giải đáp thắc mắc này,*

vì luật pháp được ban cho Ysraên, nhưng những nguyên tắc ấy vẫn áp dụng cho tín hữu ngoại bang nào đại đột muốn đặt mình dưới luật pháp như một quy luật sống sau khi được xưng công bình rồi.

Ở đoạn 6, chúng ta thấy sự chết chấm dứt ách bạo chúa của bản chất tội lỗi trong đời sống con cái Đức Chúa Trời. Giờ đây chúng ta sẽ thấy tương tự, sự sống chấm dứt quyền thống trị của luật pháp trên những người nào ngày trước ở dưới quyền của luật pháp.

7:1 Câu này liên kết với 6:14: "Anh em chẳng thuộc dưới luật pháp, mà thuộc dưới ân điển." Mối liên kết này là: "Đáng ra anh em phải biết mình không thuộc dưới luật pháp - hay anh em không biết sự thật là **luật pháp chỉ cai trị người ta** khi còn sống hay sao?" Phaolô đang nói với người quen thuộc với những nguyên tắc nền tảng của luật pháp, vì vậy đáng ra họ phải biết luật pháp không nói gì đến người chết.

7:2 Để minh họa, Phaolô cho thấy sự chết phá vỡ hợp đồng hôn nhân như thế nào. Người nữ bị **luật** hôn nhân ràng buộc với chồng chừng nào **chồng còn sống**. Nhưng nếu **chồng chết**, thì người vợ được **thoát khỏi luật pháp** đó.

7:3 Nếu người nữ kết hôn với người nam khác lúc **chồng** đương còn sống, thì nàng phạm tội ngoại tình. Tuy nhiên, nếu **chồng chết**, thì **vợ** được **buông tha để tự do** kết hôn lần nữa mà không hề cảm thấy hay có mặc cảm đã phạm tội.

7:4 Để áp dụng minh họa này, chúng ta không được phép áp đặt y nguyên nghĩa đen cho mỗi một chi tiết.

Lấy ví dụ, cả người chồng lẫn người vợ ở đây đều không đại diện cho luật pháp. Ý chính của mình họa là: sự chết phá vỡ mối liên hệ hôn nhân thế nào, thì sự đồng chết với Đấng Christ của tín hữu cũng phá vỡ thẩm quyền pháp lý của luật pháp trên mình thế ấy.

Để ý Phaolô không nói luật pháp đã chết. Luật pháp vẫn giữ chức vụ hiệu lực để cáo trách tội lỗi. Và hãy nhớ khi nói "chúng ta" trong phần đoạn này, ông đang nghĩ đến những người Do Thái trước khi họ tin Đấng Christ.

Chúng ta đã được làm cho chết về luật pháp bởi thân thể của Đấng Christ, thân thể ở đây nói đến việc phó nộp thân thể Ngài trong sự chết. Chúng ta không còn dự phần với luật pháp; chúng ta hiện được dự phần với Đấng Christ phục sinh. Một cuộc hôn nhân bị cắt đứt bởi sự chết, và một cuộc hôn nhân mới được thành lập. Và giờ đây chúng ta được buông tha khỏi luật pháp thì có thể được kết quả cho Đức Chúa Trời.

7:5 Câu nhắc đến sinh kết quả khiến chúng ta nhớ đến mọi kết quả chúng ta sinh ra khi còn ở trong xác thịt. Cụm từ "trong xác thịt" hiển nhiên không có ý "trong thân thể này." Trong xác thịt ở đây mô tả địa vị của chúng ta trước khi được cứu. Lúc đó, xác thịt là cơ sở cho địa vị chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời. Chúng ta lệ thuộc vào những gì bản tánh chúng ta có hoặc vào những việc có thể làm để tìm sự chấp nhận của Chúa. Trong xác thịt là phản nghĩa với "trong Đấng Christ."

Trước khi hoàn cải, chúng ta bị cai trị bởi những tình dục xấu xa bị luật

pháp xui khiến. Không phải luật pháp tạo ra chúng, nhưng chỉ khi kể đích danh ra rồi cấm chúng, luật pháp mới khơi dậy những khát khao mạnh mẽ để làm chúng!

Những tình dục hư xấu này biểu hiện trong những chi thể trong thân xác chúng ta, và khi đầu hàng cám dỗ, chúng ta sinh ra những trái độc đem lại sự chết. Ở chỗ khác, sứ đồ nói những trái này là công việc của xác thịt: "Vả, các việc làm của xác thịt là rò ràng làm: Áy là gian dâm, ô uế, lưỡng lự, thờ hình tượng, phủ phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bất bình, bẻ đảng, ganh gố, say sưa, mê ăn uống" (Galati 5:19-21).

7:6 Một trong số rất nhiều điều kỳ diệu xảy ra khi chúng ta hoàn cải là chúng ta được buông tha khỏi luật pháp. Đây là kết quả của việc đồng chết với Đấng Christ. Vì Ngài đã chết với tư cách Người Đại Diện chúng ta, nên chúng ta đã đồng chết với Ngài. Khi chịu chết, Ngài làm thỏa mãn mọi đòi hỏi của luật pháp bằng cách trả xong án phạt kinh khiếp của họ. Do đó, chúng ta được buông tha khỏi luật pháp và khỏi lời rủa sả không thể tránh khỏi của luật pháp. Không thể có án phạt hai lần cho cùng một tội.

Đức Chúa Trời sẽ không đòi hỏi đền tội hai lần

Lần đầu tiên tại nay Đấng đang môn huyết Chết Phục Thủy Tội.

Rồi sau đó tại tay của tôi.

- Augustus M. Toplady

Giờ đây chúng ta được buông tha để hầu việc theo cách mới của Thánh Linh,

chứ không theo cách cũ của văn tự. Sự phục vụ của chúng ta được thôi thúc bởi tình yêu chứ không bởi sợ; đây là sự phục vụ của tự do, chứ không phải nô lệ. Đây không còn là vấn đề tuân thủ mù quáng những chỉ tiết nhỏ nhặt của hình thức và lễ nghi, nhưng là sự tuân thủ vui mừng từ chính chúng ta vì cơ vinh hiển của Đức Chúa Trời và phước hạnh của người khác.

7:7 Từ toàn bộ điều trên, có vẻ như Phaolô đang *chỉ trích* luật pháp. Ông nói tin đồ đã chết đối với tội lỗi và chết với luật pháp, do đó có thể lạo ǎn tượng luật pháp là xấu. Nhưng không hề như vậy.

Trong 7:7-13, ông tiếp tục mô tả vai trò quan trọng của luật pháp trong chính đời sống ông trước khi được cứu. Ông nhấn mạnh bản thân luật pháp không phải là tội lỗi, nhưng luật pháp *bày tỏ tội lỗi trong con người*. Chính luật pháp cáo trách về sự bại hoại khủng khiếp của lòng ông. Chứng nào còn so sánh mình với người khác, ông còn cảm thấy mình đáng tôn trọng. Nhưng ngay khi những đòi hỏi của luật pháp Đức Chúa Trời thông qua sức mạnh cáo trách khiến ông nhìn thấy rõ ràng, ông không nói gì được nữa và bị định tội.

Một điều răn cụ thể bày tỏ tội lỗi cho ông chính là điều răn thứ mười: Người *chớ tham lam*. Tham lam xảy ra trong tâm trí. Dẫu có thể Phaolô chưa phạm bất kỳ tội nào nghiêm trọng và ghê gớm đến thế, nhưng giờ đây nhận ra đời sống tư tưởng của mình thật bại hoại. Ông hiểu những ý tưởng xấu là tội lỗi cũng giống y như những hành động

xấu vậy. Ông đã có đời sống tư tưởng đầy ô uế. nếp sống bề ngoài có vẻ tương đối không chỗ trách, nhưng đời sống bề trong của ông là đại sảnh của những điều khủng khiếp.

7:8 Ấy là tội lỗi đã nhân dịp, bởi điều răn mà sanh ra mọi thứ ham muốn [xấu] trong lòng tôi. Ham muốn xấu ở đây có nghĩa là sự tham lam. Khi luật pháp cấm mọi loại tham lam xấu xa, bản tánh bại hoại của con người lại càng bị khơi dậy và bị xúi làm. Lấy ví dụ, trên thực tế luật pháp bảo: "Người không được phép khơi gợi mọi loại gắp gỡ (tình dục đầy lạc thú trong tâm trí người). Không được phép sống trong thế giới những hoang tưởng đầy tham muốn dâm dăng." Luật pháp cấm nếp sống tư tưởng bản thú, gian ác, gợi dục. Nhưng bất hạnh thay, luật pháp không ban sức mạnh để đắc thắng. Vì vậy kết quả là: những người sống dưới luật pháp trở nên ngày càng dính liu vào thế giới ảo mộng của những ô uế tình dục hơn bao giờ hết. Họ tiến đến chỗ nhận thấy bề càng cấm hành động nào đó, thì bản chất sa ngã lại càng muốn làm như thế. "Nước ǎn cấp lấy làm ngọt ngào, bánh ǎn vụng là ngon thay" (Châm Ngôn 9:17).

Nói cách tương đối, vì không có luật pháp thì tội lỗi chết đi. Bản chất tội lỗi giống như con chó đang ngủ. Khi luật pháp đến nói: "Đừng," con chó này liền thức dậy đi khắp nơi phá phách, làm quá mức mọi điều bị cấm.

7:9 Trước khi bị luật pháp cấm, Phaolô đã sống; có nghĩa là bản chất tội lỗi của ông *tương đối* ngủ ǎm ỉ và ông sung sướng phớt lờ, không biết đến hó sâu tội ác trong lòng mình.

Nhưng khi điều răn đến – có nghĩa khi điều răn đến cùng với sự cáo trách day dứt của nó – bản chất tội lỗi của ông bị khơi dậy hoàn toàn. Càng có vâng lời càng thất bại thảm hại, ông đã **chết** với mọi hy vọng muốn đạt được sự cứu rỗi bởi tính cách, nghị lực hay nỗ lực của riêng mình. Ông **chết** đối với mọi tư tưởng về đức thiện lành cổ hủ của mình. Ông **chết** đối với mọi ước mơ được xưng công bình nhờ tuân giữ luật pháp.

7:10 Ông thấy rằng điều răn, là thứ nhằm đem lại sự sống, thực sự lại hóa ra đem sự chết đến cho ông. Nhưng ông muốn nói gì khi bảo điều răn vốn nên làm cho tôi sống? Chắc chắn câu này hồi tưởng về Lời Đức Chúa Trời chép trong Lêvi Kỳ 18:5: “Vâng, hãy giữ luật pháp và mạng linh ta, người nào làm theo, thì sẽ nhờ nó mà được sống; Ta là Đức Giêhôva.” *Lý tưởng* mà nói, luật pháp hứa ban sự sống cho người nào tuân giữ. Biển báo bên ngoài chuồng sư tử ghi rằng: “Đừng sau rào chắn.” Nếu vâng theo, mệnh lệnh này đem đến sự sống. Nhưng đứa trẻ nào không vâng lời vượt qua để đến chơi với con sư tử đó thì đem đến sự chết.

7:11 Một lần nữa Phaolô nhấn mạnh luật pháp không có gì đáng chê trách. Chính tội lỗi ở bên trong lòng mới khiến ông làm những điều bị luật pháp cấm. Tội lỗi gài bẫy khiến ông suy nghĩ rằng suy cho cùng trái cấm không đến nỗi tệ như thế, trái cấm sẽ đem đến hạnh phúc, và ông có thể phạm mà vẫn thoát khỏi bị phạt. Tội lỗi gợi ý rằng Đức Chúa Trời đang lấy mất của ông những lạc thú vốn ích lợi cho ông. Như

vậy, tội lỗi giết chết ông vì nó báo hiệu sự chết đến cho những hy vọng tốt nhất của ông để được xưng đáng hay kiếm được sự cứu rỗi.

7:12 Bản thân luật pháp là thánh, và mỗi điều răn đều là thánh, công bình và tốt lành. Trong nếp suy nghĩ, chúng ta phải luôn luôn nhớ luật pháp không có gì trục trặc cả. Luật pháp được Đức Chúa Trời ban bố nên bởi đó là trọn lành như biểu hiện về ý muốn của Ngài cho dân sự. Yếu đuối của luật pháp nằm ở chỗ “những chất liệu thô” mà luật pháp phải xử lý; luật pháp được ban cho những người vốn đã là những tội nhân rồi. Họ cần luật pháp để giúp mình hiểu về tội lỗi, nhưng ngoài ra, họ còn cần Cứu Chúa giải thoát họ khỏi án phạt và quyền lực của tội lỗi.

7:13 Điều lành ở đây chỉ về luật pháp, như đã được nói cụ thể trong câu trước. Phaolô nêu câu hỏi: “Có phải luật pháp trở thành sự chết cho tôi không?” để nói rằng “Có phải luật pháp là thủ phạm, để định đoạt số phận Phaolô (và hết thầy chúng ta) là phải chết?” Đương nhiên, câu trả lời là “**Chẳng hề như vậy!**” Tội lỗi mới chính là thủ phạm. Luật pháp không tạo nên tội lỗi, nhưng bày tỏ tội lỗi trong toàn bộ tình trạng cực kỳ tội lỗi của nó. “Vi luật pháp cho người biết tội lỗi” (3:20b). Nhưng tới đó chưa phải là hết! Bản chất tội lỗi của con người đáp ứng thế nào khi luật pháp thánh của Đức Chúa Trời cấm bản chất ấy làm một điều gì đó? Câu trả lời thật rõ ràng. Những gì có lẽ là lòng khao khát âm ỉ giờ đây bùng lên thành nỗi đam mê cháy bỏng! Như vậy, **tội lỗi** như điều răn trở nên cực kỳ tội lỗi.

Dường như có mâu thuẫn giữa những lời Phaolô nói ở đây so với 7:10. Ở 7:10, Phaolô nói ông thấy luật pháp là để đem đến sự chết. Ở đây ông không chấp nhận luật pháp trở thành sự chết cho mình. Giải pháp là thế này. Bản thân luật pháp một mặt không thể cải thiện bản tánh cũ, mặt khác không thể khiến bản tánh ấy phạm tội. Luật pháp có thể bày tỏ tội lỗi, cũng giống như nhiệt kế cho biết nhiệt độ vậy. Nhưng luật pháp không thể *kiểm soát* tội lỗi giống như thiết bị điều hòa nhiệt độ có thể kiểm soát nhiệt độ.

Nhưng điều xảy ra là thế này: bản chất con người sa ngã có bản năng muốn làm bất kỳ điều gì bị cấm. Vì vậy bản chất đó sử dụng luật pháp để đánh thức những tham muốn vẫn ngủ yên trong đời sống của tội nhân ấy khi chưa bị cấm. Con người càng cố gắng thì càng tệ hại hơn, cho đến cuối cùng mất hết mọi hy vọng. Nhờ đó, tội lỗi sử dụng luật pháp để khiến mọi hy vọng nhằm cải tiến phải chết đi trong người ấy. Và người thấy tình trạng cực kỳ tội lỗi của bản chất cũ bùng lên chưa từng thấy trước đây.

7:14 Cho đến lúc này, sứ đồ vẫn đang mô tả kinh nghiệm quá khứ trong đời sống mình tức là những khủng hoảng cực kỳ khó chịu khi bị cáo trách sâu xa về tội lỗi thông qua chức vụ của luật pháp.

Giờ đây ông thay đổi sang thì hiện tại để mô tả kinh nghiệm mình đã có kể từ khi được tái sanh – tức là xung đột giữa hai bản tánh và tình trạng không thể cậy sức riêng để tìm sự giải thoát khỏi quyền lực của tội lỗi đang ở bên trong. Phaolô công nhận luật pháp là

thiêng liêng – có nghĩa bản thân luật pháp là thánh khiết và được điều chỉnh thích nghi cho ích lợi thuộc linh của con người. Nhưng ông nhận thấy mình là xác thịt vì không kinh nghiệm chiến thắng trên quyền lực của tội lỗi ở bên trong đời sống mình. Ông **bị bán cho tội lỗi**. Ông cảm thấy như thể mình đã bị bán làm nô lệ cho người chủ là tội lỗi.

7:15 Giờ đây Phaolô mô tả cuộc đấu tranh đang tiếp diễn trong người tin đồ nào chưa biết sự thật về việc mình đồng chết và đồng sống lại với Đấng Christ. Đây là cuộc chiến giữa hai bản tánh trong người trèo lên núi Sinai để tìm sự thánh khiết. Harry Foster giải thích:

Đây là con người cố gắng đạt đến sự thánh khiết bởi nỗ lực cá nhân, vật lộn với mọi sức mạnh của mình để làm trọn những điều răn "thánh khiết, công bình và tốt lành" của Đức Chúa Trời (câu 12) để rồi rồi cuộc chi phát hiện rằng càng gắng sức bao nhiêu, tình trạng càng tệ hơn bấy nhiêu. Đây là một trận đánh đùng nào cũng thua, và chẳng lấy gì làm lạ vì sức mạnh của bản tánh con người sa ngã không chính phục được tội lỗi cũng không sống trong thánh khiết được.²⁵

Để ý sự nổi bật của đại từ danh xưng ngôi thứ nhất – tôi, cho tôi, của tôi; chúng xuất hiện hơn bốn mươi lần trong câu 9-25! Những người nào trải qua từng trải trong Rôma 7 này đã uống quá liều "Vitamin Tôi." Họ hướng đến chính mình để nghĩ đến cốt lõi, tìm kiếm chiến thắng ở nơi bản thân mình, là nơi không thể tìm ra.

Buồn thay, phần lớn công tác tư vấn tâm lý Cơ Đốc thời hiện đại tập trung

chú ý của người được tư vấn vào chính bản thân người ấy nên bởi đó càng tăng thêm thay vì giải tỏa nan đề. Người ta cần biết họ đã chết với Đấng Christ và đã sống với Ngài để bước đi trong đời sống mới. Sau đó, thay vì cố gắng cải tiến xác thịt, họ sẽ hạ nó xuống mồ mà của Chúa Jêsus.

Để mô tả cuộc đấu tranh giữa hai bản tánh, Phaolô nói, **tôi không hiểu điều mình làm**. Ông là một nhân cách phân lập, một người hai mặt. Ông thấy mình buông thả trong những điều mình không muốn làm, và đang làm những việc mình ghét.

7:16 Như vậy, khi Phaolô làm những việc mà trí phán đoán tốt lành hơn của ông đã lên án, thì ông đang đứng về **phía luật pháp** để chống lại chính mình, vì luật pháp cũng lên án chúng. Vì vậy, trong lòng ông đồng ý luật pháp là **tốt lành**.

7:17 Điều này dẫn đến kết luận thủ phạm không phải là con người mới trong Đấng Christ, nhưng là bản tánh tội lỗi bại hoại đang ở trong ông. Nhưng chúng ta phải cẩn thận ở đây. Chúng ta đừng biện minh cho việc phạm tội của mình bằng cách đổ thừa hết cho tội lỗi đang ở bề trong. Chúng ta chịu trách nhiệm về những việc mình làm, và chúng ta không được sử dụng câu này để "trút trách nhiệm." Tất cả những gì Phaolô đang làm ở đây là truy nguyên nguồn gốc hành vi tội lỗi của mình, chứ không để biện hộ hay bào chữa cho nó.

7:18 Chúng ta không thể tiến bộ trong sự nên thánh chừng nào chúng ta chưa học biết được điều Phaolô đã học ở đây - **Và tôi biết điều lành chẳng ở**

trong tôi đâu, nghĩa là trong xác thịt tôi. Chữ "xác thịt" ở đây nói đến bản chất xấu xa bại hoại được thừa hưởng từ Adam và hiện vẫn đang ở trong mọi tín hữu. Đây là nguồn của mọi việc làm gian ác mà con người thực hiện. Nơi nó chẳng có điều gì tốt lành cả.

Khi chúng ta biết điều này, nó giải thoát chúng ta khỏi việc tìm kiếm bất kỳ điều gì tốt lành trong bản tánh cũ. Nó giải thoát chúng ta khỏi thất vọng khi không tìm được điều gì tốt lành tại đó. Và nó giải thoát chúng ta khỏi ám ảnh với chính mình. Suy nghĩ hướng nội chẳng đem lại chiến thắng nào cả. Một người Tô Cách Lan thánh thiện, là Robert Murray McCheyne, có nói, cứ mỗi lần chúng ta nhìn đến chính mình, chúng ta nên nhìn mười lần đến Đấng Christ.

Để khẳng định sự tuyệt vọng của xác thịt, sứ đồ than vãn đau khổ khát làm điều phải, trong ông vẫn không có những nguồn cung ứng để biến khao khát thành hành động. Dương nhên, rắc rối chính là ông đang ném chiếc neo của mình ngay bên trong con thuyền.

7:19 Do đó, xung đột giữa hai bản tánh cứ nổi lên hoài. Ông thấy mình không làm được điều lành mình muốn, trái lại, cứ làm điều dữ mình vốn khinh thường. Ông chỉ là một mớ to tướng những mâu thuẫn và nghịch lý.

7:20 Chúng ta có thể diễn ý câu này như sau: "**Giờ đây nếu tôi (bản tánh cũ) làm điều tội (bản tánh mới) không muốn làm, thì không phải là tội (con người này) làm việc đó, nhưng tội lỗi ở trong tôi.**" Một lần nữa, nên biết rõ

rằng Phaolô không tự biện hộ hay phủ nhận trách nhiệm. Ông chỉ đơn giản nói mình không tìm được sự giải cứu khỏi quyền lực của tội lỗi ở bề trong, và khi phạm tội, ông phạm không phải do ước muốn của con người mới.

7:21 Ông thấy được một nguyên tắc hay một luật đang hành động trong đời sống ông khiến mọi ý định tốt lành của ông đều kết thúc trong thất bại. Tuy muốn làm điều đúng, rốt cuộc ông lại kết thúc bằng cách phạm tội.

7:22 Về phần bản tánh mới, ông ưa thích luật pháp của Đức Chúa Trời. Ông biết luật pháp là thánh, và đó là biểu hiện về ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông muốn làm theo ý muốn của Chúa.

7:23 Nhưng ông thấy một nguyên tắc trái ngược lại đang hành động trong đời sống mình, chống lại bản tánh mới, và khiến mình trở thành phụ tử của tội lỗi ở bề trong. George Cutting viết:

Đầu theo con người bề trong, ông thích luật pháp, nhưng luật pháp không ban cho ông quyền năng nào cả. Nói cách khác, ông đang cố hoàn thành điều Đức Chúa Trời tuyên bố là hoàn toàn không thể làm được – tức là bắt xác thịt phục dưới luật pháp thánh của Đức Chúa Trời. Ông thấy xác thịt chầm chú những điều thuộc về xác thịt, và hận thân nó chính là kẻ thù của luật pháp Đức Chúa Trời thậm chí là kẻ thù của chính Đức Chúa Trời nữa.²⁰

7:24 Giờ đây Phaolô buông ra câu thơ dài hùng hồn nổi tiếng của ông. Ông cảm thấy như bị buộc một thân thể đang thối rữa vào lưng mình. Đương nhiên, **thân thể** này là bản tánh cũ trong toàn bộ bại hoại của nó. Trong cảnh

khốn nạn của mình, ông công nhận không thể tự cứu khỏi ách nó lệ kinh tởm gớm ghê này. Ông phải được giúp đỡ từ nguồn nào đó từ bên ngoài.

7:25 Lời tạ ơn bật lên mở đầu câu này có thể hiểu ít nhất theo hai cách. Câu này có thể mang nghĩa "Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời vì sự giải cứu này đến bởi Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta" hoặc có thể là một câu nói riêng để Phaolô cảm tạ Đức Chúa Trời **thông qua** Đức Chúa Jêsus rằng ông không còn là con người khốn nạn của câu trước nữa.

Phần còn lại của câu này tóm tắt mối xung đột giữa hai bản tánh trước khi nhận ra sự giải thoát. Tin hữu lấy tâm trí đối mới này – hay bản tánh mới – phục vụ luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng lấy xác thịt (hay bản tánh cũ) phục luật pháp của tội lỗi. Qua đoạn kế tiếp, chúng ta mới thấy phần giải thích con đường giải cứu.

J. Đức Thánh Linh với tư cách quyền năng cho nếp sống thánh khiết (Đoạn 8)

Để tài nếp sống thánh khiết vẫn tiếp tục. Trung Đoạn 6, Phaolô giải đáp thắc mắc "Sự dạy dỗ của Tin Lành (sự cứu rỗi chỉ bởi một mình đức tin mà thôi) có cho phép hay thậm chí có khích lệ nếp sống tội lỗi không?" Trong Đoạn 7, ông đối mặt với thắc mắc "Tin Lành có dạy Cơ Đốc nhân giữ luật pháp để sống cuộc đời thánh khiết không?" Giờ đây thắc mắc là: *Làm cách nào để Cơ Đốc nhân được ban năng lực sống cuộc đời thánh khiết?*

Chúng ta thấy ngay rằng các đại từ nhận xưng vốn rất nổi bật trong đoạn 7 hầu như đã biến mất, và Đức Thánh

Linh trở thành Thần Vị nổi bật. Đây là chìa khóa quan trọng để hiểu phân đoạn này. Chiến thắng không ở nơi chúng ta nhưng ở nơi Thánh Linh, là Đấng ngự trong chúng ta. A. J. Gordon liệt kê bảy sự giúp đỡ của Thánh Linh: tự do trong sự phục vụ (câu 2); sức mạnh để phục vụ (câu 11); chiến thắng tội lỗi (câu 13); sự hướng dẫn trong phục vụ (câu 14); lời chứng về tư cách làm con (câu 16); giúp đỡ trong sự phục vụ (câu 26); giúp đỡ trong sự cầu nguyện (câu 26).

8:1 Từ trứng sâu tuyệt vọng và thất bại, vị sứ đồ giờ đây đã lên đến đỉnh cao với tiếng reo mừng đắc thắng: **Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Jêsus Christ!** Có thể hiểu câu này theo hai cách.

Thứ nhất, **không còn sự đoán phạt** thiên thượng nào nữa cho tội lỗi của chúng ta, vì chúng ta hiện ở trong Đấng Christ. Vẫn có sự đoán phạt chứng nào chúng ta vẫn còn ở trong thủ lãnh liên minh thứ nhất của mình, là Adam. Nhưng giờ đây chúng ta ở trong Đấng Christ, nên do đó được buông tha khỏi sự đoán phạt cũng như Ngài. Vì vậy chúng ta có thể reo to thách thức:

Hãy đến với Đức Chúa phước hạnh của tôi,

Nhân lấy Ngài từ sự tôn trọng của Đức Chúa Trời;

Hãy chứng minh Chúa Jêsus có một đóm tội trước đó,

Sau đó hãy bảo rằng tôi ở thế.

- W. N. Tomkins

Nhưng điều này cũng có nghĩa không cần đến kiểu tự lên án mà Phaolô mô tả trong đoạn 7. Có thể

chúng ta gặp kinh nghiệm của Rôma 7, là không thể làm trọn những đòi hỏi của luật pháp bằng nỗ lực riêng của mình, nhưng không buộc phải cứ ở đó. Câu 2 giải thích vì sao không còn sự đoán phạt nào.²⁷

8:2 Luật pháp của Thánh Linh về sự sống trong Đức Chúa Jêsus Christ **buông tha tội khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết.** Đây là hai luật hay hai nguyên tắc đối lập nhau. Nguyên tắc đặc trưng của Đức Thánh Linh là ban quyền năng cho tín hữu sống thánh khiết. Nguyên tắc đặc trưng của tội lỗi ở bên trong là kéo người ấy xuống sự chết. Cũng giống như luật trọng trường vậy. Khi bạn ném quả banh lên trời, nó rơi xuống vì nặng hơn chỗ không khí nó thể chỗ. Một con chim sống cũng nặng hơn không khí nó thể chỗ, nhưng khi bạn quăng con chim lên trời, nó bay mát. Luật của *sự sống* trong con chim đã thắng hơn luật trọng trường. Vì vậy, Đức Thánh Linh cung cấp sự sống phục sinh của Chúa Jêsus, khiến tín hữu được **buông tha khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết.**

8:3 Luật pháp không bao giờ khiến người ta làm trọn những đòi hỏi thiêng liêng của nó, nhưng nơi nào luật pháp thất bại thì ân điển vượt trội. Chúng ta hãy xem bằng cách nào có được như vậy!

Luật pháp không thể tạo nếp sống thánh khiết vì luật pháp yếu đuối qua xác thịt. Rắc rối không phải là luật pháp, nhưng là bản chất con người sa ngã. Luật pháp bày tỏ cho con người đã là những tội nhân và không có sức

manh để vâng lời. Nhưng Đức Chúa Trời can thiệp bằng cách sai chính Con Ngài lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi của chúng ta. Hãy chú ý cẩn thận, Đức Chúa Jêsus không đến trong chính xác thịt tội lỗi nhưng trong "xác thịt giống như" xác thịt tội lỗi. Ngài không hề phạm tội (I.Phiêrô 2:22), Ngài không hề biết đến tội (II.Côrinthô 5:21) và trong Ngài không có tội lỗi nào (I.Giăng 3:5). Nhưng bằng cách vào thế gian trong hình thể con người, Ngài giống với con người tội lỗi. Là một của tế lễ chuộc tội, Đấng Christ đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt. Ngài chết không chỉ vì những tội chúng ta phạm (I.Phiêrô 3:18) mà còn vì bản tánh tội lỗi của chúng ta nữa. Nói cách khác, Ngài đã chết thay cho con người của chúng ta cũng như cho những việc chúng ta đã làm. Khi Ngài chết thay như vậy, Ngài đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt. Chưa hề có chỗ nào nói bản tánh xác thịt của chúng ta được tha thứ; nó bị đoán phạt. Chính những tội lỗi chúng ta đã phạm mới được tha thứ.

8:4 Giờ đây, những đòi hỏi công bình của luật pháp được làm trọn trong chúng ta là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh. Khi chúng ta giao nộp quyền kiểm soát đời sống mình cho Thánh Linh, Ngài ban cho chúng ta quyền năng để yêu mến Đức Chúa Trời và yêu mến người lân cận, suy cho cùng, ấy chính là điều luật pháp đòi hỏi.

Trong bốn câu đầu tiên này, sử đồ gom các tuyến lập luận của mình từ 5:12 đến 7:25. Trong 5:12-21, ông đã

thảo luận những tư cách thù lân liên minh của Adam và của Đấng Christ. Giờ đây trong 8:1, ông cho thấy sự đoán phạt chúng ta thừa hưởng từ sự liên hiệp với Adam đã bị cắt bỏ bởi chúng ta đã liên hiệp với Đấng Christ. Trong đoạn 6 và 7, ông thảo luận những nan đề khủng khiếp của tội lỗi trong bản tánh này. Giờ đây ông công bố cách đắc thắng rằng luật pháp Thánh Linh về sự sống trong Đức Chúa Jêsus Christ đã buông tha chúng ta khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết. Trong đoạn 7 toàn bộ đề tài về luật pháp được nêu ra. Giờ đây chúng ta biết những đòi hỏi của luật pháp đã được thỏa đáp bởi đời sống chịu quyền kiểm soát của Thánh Linh.

8:5 Kể sống theo xác thịt – tức là những người chưa hoàn cải thì chằm chằm những sự thuộc về xác thịt. Họ vâng theo những thúc giục của xác thịt. Họ sống để làm thỏa mãn những khát vọng của bản tánh bại hoại này. Họ cố thỏa mãn cho thân thể này, là thứ chỉ trong một vài năm ngắn ngủi sẽ biến thành bụi đất.

Những những người sống theo Thánh Linh – tức là những tín hữu thật – thì vượt lên trên thịt và huyết để sống cho những điều đời đời. Tâm trí họ đầy dẫy suy nghĩ về Lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện, thờ phượng và sự phục vụ Cơ Đốc.

8:6 Chăm về xác thịt – tức là khuyến khích tinh thần thiên về bản tánh sa ngã – sanh ra sự chết. Sanh ra sự chết đối với cả sự hưởng thụ hiện tại lẫn số phận đời đời. Nó mang toàn bộ uế mị năng của sự chết trong mình, cũng giống như dùng thuốc độc quá liều.

Nhưng chăm về Thánh Linh sanh ra sự sống và bình an. Thánh Linh của Đức Chúa Trời là bảo chứng về sự sống vốn thật sự là sự sống, bảo chứng về sự bình an với Đức Chúa Trời và về đời sống yên ổn.

8:7 Nếp suy nghĩ của xác thịt là sự chết vì thù địch với Đức Chúa Trời. Tội nhân là kẻ dấy nghịch chống Đức Chúa Trời và chủ động thù địch với Ngài. Nếu cần bằng chứng, nó được nhìn thấy rõ ràng trong việc đóng đinh Đức Chúa Jêsus Christ. Tâm trí xác thịt không phục dưới luật pháp của Đức Chúa Trời. Nó muốn theo ý riêng của mình, chứ không muốn theo ý Chúa. Nó muốn tự làm chủ mình, chứ không sắp mình trước quyền cai trị của Ngài. Bản tánh của nó là không thể phục luật pháp của Chúa. Nó không những thiếu mất *khuyết hướng*, mà còn thiếu cả *quyền năng* nữa. Xác thịt là chết đối với Đức Chúa Trời.

8:8 Do đó chẳng lấy gì làm lạ khi những kẻ sống theo xác thịt thì không thể đẹp lòng Đức Chúa Trời. Hãy suy nghĩ điều đó! Người chưa được cứu không thể làm bất kỳ điều gì để đẹp lòng Đức Chúa Trời – không một việc lành nào, không một sự tuân thủ lễ nghi tôn giáo nào, không một sự phục vụ hy sinh nào, tuyệt đối không một điều nào. Trước hết, người ấy phải chấp nhận địa vị của một tội nhân có tội và tiếp nhận Đấng Christ bởi một hành động rõ ràng của đức tin. Chỉ lúc đó thì người ấy mới nhận được sự cứu rỗi chấp thuận của Đức Chúa Trời.

8:9 Khi một người được sanh lại thì không còn ở trong xác thịt nhưng ở

trong Thánh Linh. Người ấy sống trong một phạm vi khác hẳn. Cả sống dưới nước và con người sống trong không khí thế nào, thì tín hữu sống trong Thánh Linh cũng thế ấy. Người ấy không những sống trong Thánh Linh, nhưng Thánh Linh còn sống trong người nữa. Trên thực tế, nếu không có Thánh Linh của Đấng Christ sống trong người thì người đó không thuộc về Đấng Christ. Dầu có thắc mắc liệu Thánh Linh của Đấng Christ ở đây có phải cũng chính là Đức Thánh Linh không, nhưng giả định cho rằng cả hai cùng là một dường như phù hợp nhất trong văn mạch này.

8:10 Qua chức vụ của Thánh Linh, Đấng Christ thực sự ở trong tín hữu. Thật lạ lùng khi nghĩ Chúa của sự sống và vinh hiển đang ở trong thân thể chúng ta, đặc biệt khi chúng ta nhớ rằng thân thể này phải bị chết vì cố tội lỗi. Có người sẽ bảo họ vẫn chưa chết như câu Kinh Thánh này dường như nói lên. Không, nhưng sức mạnh của sự chết đang hành động trong họ, và dứt khoát họ sẽ chết nếu Chúa không trở lại trong lúc này.

Trái ngược với thân thể, thần linh²⁸ sống nhân cố sự công bình. Dầu đã một lần bị chết đối với Đức Chúa Trời, nhưng thần linh đã được làm cho sống qua công tác công bình của Đức Chúa Jêsus Christ trong sự chết và sống lại của Ngài, và vì sự công bình của Đức Chúa Trời được quy gán cho chúng ta.

8:11 Nhưng lời nhắc nhở rằng thân thể vẫn phải chịu chết không cần gây ra lo sợ hay tuyệt vọng. Chính sự thực Đức Thánh Linh ở trong thân thể chúng ta là sự bảo đảm, Ngài đã khiến Đấng Christ

từ kẻ chết sống lại thế nào, thì Ngài cũng sẽ ban sự sống cho thân thể hay chết của chúng ta thế ấy. Đây sẽ là hành động cuối cùng của sự cứu chuộc chúng ta - khi thân thể chúng ta được vinh hiển giống như thân thể vinh hiển của Cứu Chúa.

8:12 Giờ đây khi thấy sự tương phản rõ rệt giữa xác thịt và Thánh Linh, chúng ta rút ra được kết luận gì? Chúng ta không mắc nợ xác thịt, để phải sống theo những mệnh lệnh của nó. Bản tánh cũ, gian ác và hư hoại chẳng khác gì hơn miếng giẻ rách. Nó chẳng hề làm điều gì tốt lành cho chúng ta. Nếu Đấng Christ không cứu chúng ta, xác thịt ắt đã kéo chúng ta xuống nơi sâu thẳm nhất, đen tối nhất, nóng nhất trong địa ngục. Tại sao chúng ta còn cảm thấy có bốn phận đối với một kẻ thù như thế?

8:13 Những ai sống theo xác thịt thì phải chết, không những chết thuộc thể mà còn chết đời đời. Sống theo xác thịt tức là chưa được cứu. Điều này được nói rõ trong 8:4,5. Nhưng vì sao Phaolô nói điều này cho những người đã là Cơ Đốc nhân? Có phải ông ám chỉ một số Cơ Đốc nhân có thể rất cuộc sẽ bị hư mất không? Không, nhưng sứ đồ thường đưa kèm những lời cảnh cáo và tự tra xét trong các bức thư của mình, vì nhận thấy trong mỗi Hội Thánh có thể vẫn còn người chưa hề được thật sự tái sanh.

Phần còn lại của câu này mô tả điều đặc biệt đúng cho những tín hữu thật. Nhờ sự ban quyền năng của Thánh Linh, họ đã làm cho chết các việc làm của thân thể. Giờ đây họ đang hưởng sự sống đời đời, và sẽ bước vào sự sống ấy cách đầy trọn khi lia trần gian này.

8:14 Một cách khác nữa để mô tả những tín hữu thật là nói họ được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dẫn dắt. Ở đây, Phaolô không nói đến những trường hợp ngoại mục của sự dẫn dắt thiên thượng trong đời sống những Cơ Đốc nhân nổi bật. Đúng hơn, ông đang nói đến điều đúng cho mọi con cái của Đức Chúa Trời - tức là họ được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dẫn dắt. Đây không phải là vấn đề mức độ họ đầu phục Đức Thánh Linh, nhưng là mối quan hệ xảy ra tại thời điểm hoàn cải.

Tư cách làm con ám chỉ sự tiếp nhận vào trong gia đình của Đức Chúa Trời, cùng với mọi đặc ân và trách nhiệm của người con thành nhân. Một tín hữu không buộc phải chờ đến một lúc nào đó rồi mới được bước vào cơ nghiệp thuộc linh của mình; chính lúc người được cứu thì cơ nghiệp ấy đã thuộc về người rồi, và điều này áp dụng cho mọi tín hữu, cả nam lẫn nữ, cả những bé trai lẫn bé gái.

8:15 Những người sống dưới luật pháp giống như trẻ em vị thành niên, bị ra lệnh lung tung như thể là những tội tở, và luôn luôn sống trong nỗi sợ bị hình phạt. Khi một người được sanh lại, không phải người ấy được sanh vào địa vị nô lệ. Không phải người ấy được đưa vào nhà Đức Chúa Trời để làm nô lệ. Trái lại, để nhận phần trí của sự làm con nuôi; có nghĩa người ấy được đặt vào trong gia đình của Đức Chúa Trời như một người con trưởng thành. Bởi bản năng thuộc linh thật, người nhìn lên Đức Chúa Trời và gọi Ngài là "Aba, Cha." Aba là tiếng Aram, một chữ chịu khổ rất nhiều qua các bản dịch. Đây là

một hình thức thân mật của từ ngữ *cha* – như là “papa” hoặc “daddy” trong Anh ngữ (tiếng gọi cha đầy triu mến). Tuy có thể chúng ta ngán ngại không dám dùng những từ Anh ngữ quen thuộc như thế để thưa chuyện với Đức Chúa Trời, nhưng sự thực vẫn là Ngài là Đấng cao vô hạn, cũng là Đấng ở gần vô hạn.

Cụm từ *thần trí*²⁰ của *sự làm con nuôi* có thể cũng là câu nói đến Thánh Linh, Đấng khiến tín hữu ý thức được chân giá trị đặc biệt của mình là người con. Hoặc cụm từ này có thể nói đến sự nhận thức ra hay thái độ của sự làm con nuôi để đối chiếu với *thần trí của lồi mọt*.

Sự làm con nuôi được sử dụng theo ba cách khác nhau trong thư Rôma. Ở đây, chữ này chỉ về ý thức tư cách làm con do Đức Thánh Linh tạo ra trong đời sống của tín hữu. Trong 8:23, chữ này *nhìn hướng tới* thời điểm thân thể tín hữu sẽ được cứu chuộc hoặc được vinh hiển. Trong 9:4, chữ này *hồi tưởng lại* thời điểm Đức Chúa Trời gọi Ysơraên làm con cái Ngài (Xuất Êđiptô Ký 4:22).

Trong Galat 4:5 và Êphêsô 1:5, chữ muốn nói đến “đặt đứa con vào vị trí” tức là hành động đặt mọi tín hữu vào vị trí những người con trưởng thành và thành nhân cùng với mọi đặc ân và trách nhiệm của quyền làm con. Mọi tín hữu đều là con của Đức Chúa Trời ở chỗ người ấy được sanh vào trong gia đình có Đức Chúa Trời làm Cha. Nhưng mỗi tín hữu cũng là một người con – một mối quan hệ đặc biệt mang kèm theo những đặc ân của người đã đạt đến độ chín chắn của tuổi trưởng thành.

Trong Tân Ước, chữ “*sự làm con nuôi*” *không bao giờ* mang ý nghĩa của

từ ngữ ấy trong xã hội chúng ta – nhận một đứa con của những cha mẹ khác đem về làm con của mình.

8:16 Mọi tín hữu mới sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời, có một bản năng thuộc linh cho biết người ấy là con của Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh bảo cho người ấy như vậy. Chính Đức Thánh Linh làm chứng với tâm linh của tín hữu rằng người ấy là thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời. Ngài làm việc này chủ yếu qua Lời Đức Chúa Trời. Khi Cơ Đốc nhân đọc Kinh Thánh, Đức Thánh Linh khẳng định sự thực: vì người ấy đã tin cậy Cứu Chúa, nên giờ đây là con của Đức Chúa Trời.

8:17 Tư cách thuộc viên trong gia đình của Đức Chúa Trời đem đến đặc ân thật đáng kinh ngạc. Mọi con cái của Đức Chúa Trời đều là kẻ kế tự của Đức Chúa Trời. Đương nhiên, người kế tự rốt cuộc hưởng lấy sản nghiệp của cha mình. Đây chính là ý nghĩa muốn nói ở đây. Toàn bộ những gì Đức Chúa Cha có đều là của chúng ta. Chúng ta vẫn chưa bước vào trong cơ nghiệp đó để hưởng lấy toàn bộ, nhưng không điều gì có thể cản chúng ta làm như vậy trong tương lai. Và chúng ta là những người đồng kế tự với Đấng Christ. Khi Ngài trở lại để nhận phủ việt cai trị toàn vũ trụ, chúng ta sẽ chia sẻ với Ngài chứng thư toàn bộ tài sản của Đức Chúa Cha.

Khi Phanô lô nói thêm miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài, hầu cho cũng được vinh hiển với Ngài, không phải ông đang biến việc chịu khổ cách anh hùng thành điều kiện để được cứu. Cũng không phải ông đang mô tả một số người đắc thắng trong nhóm nội bộ

ưu tú đã chịu những hoạn nạn lớn. Đứng hơn, ông xem toàn bộ Cơ Đốc nhân là những người đồng chịu khổ và toàn bộ Cơ Đốc nhân là những người đồng được vinh hiển với Đấng Christ. Chữ “miễn” là tương đương với “bởi vì.” Đương nhiên có một số người chịu khổ nhiều hơn người khác vì cơ Đấng Christ, và điều này sẽ đem lại nhiều mức độ phần thưởng và vinh hiển khác nhau. Nhưng toàn bộ những ai công nhận Chúa Jêsus là Chúa và Cứu Chúa thì ở đây đều được xem là đang gánh chịu sự thù địch của thế gian, cùng với mọi xấu hổ nhục nhã của nó.

8:18 Mọi xấu hổ lớn nhất chúng ta có thể chịu vì Đấng Christ trên đất này sẽ là chuyện rất nhỏ khi Ngài gọi chúng ta và công khai xưng nhận chúng ta trước mặt các đạo binh trên Thiên đàng. Ngay cả nỗi đau đớn nhức nhối của những người tuận đạo đương như chỉ giống bị đình thúc ngựa đâm sọc với khi Cứu Chúa đội mào triều thiên sự sống trên đầu họ. Ở nơi khác, Phaolô nói những sự chịu khổ hiển tại của chúng ta là những hoạn nạn nhẹ và chỉ tạm thoảng qua, nhưng ông mô tả sự vinh hiển như một điều quý giá cực kỳ đời đời (II.Côrinthô 4:17).

Mỗi khi mô tả về vinh hiển hầu đến, lời lẽ của ông như oằn xuống trước sức nặng của ý tưởng như thế.³⁰ Giá như thường thức được vinh hiển sẽ thuộc về mình, chúng ta sẽ có thể kể những hoạn nạn trên con đường đời này là hết sức vụn vặt!

8:19 Giờ đây Phaolô dùng một biện pháp tu từ mạnh bạo, nhân cách hóa toàn bộ cõi tạo vật như đang sống sáng

trông đợi thời điểm chúng ta sẽ được tỏ ra với tư cách con cái Đức Chúa Trời cho một thế giới đang ngạc nhiên. Đây chính là lúc Đức Chúa Jêsus tái lâm để cai trị và chúng ta cùng trở lại với Ngài.

Chúng ta đã là con của Đức Chúa Trời rồi, nhưng thế gian không nhận ra, cũng không đánh giá chúng ta như thế. Tuy nhiên thế gian vẫn đang trông đợi một ngày tốt hơn, và ngày đó chưa thể đến cho đến khi Vua tái lâm để cai trị cùng với mọi thánh đồ Ngài. “Toàn cõi tạo vật đang nhón chân nhìn xem cảnh kỳ diệu khi con cái Đức Chúa Trời được đích thân thừa hưởng chỗ của họ” (JBP).

8:20 Khi Adam phạm tội, sự phạm tội của ông không những ảnh hưởng đến nhân loại, mà còn ảnh hưởng đến toàn cõi tạo vật, cả vật sống động lẫn vật vô tri vô giác. Đất bị rủa sà. Nhiều thú hoang bị giết chết. Bệnh tật gây hại cho loài chim, súc vật cũng như cá và rắn. Hậu quả từ tội lỗi của con người đã tung hoành như làn sóng kinh hoàng trên toàn cõi tạo vật.

Vì vậy, Phaolô giải thích, **mọi vật đã bị bắt phục dưới sự hư không**, thất bại và rối loạn, **không phải do tự chọn**, nhưng bởi ý chí Đức Chúa Trời vì cơ sự bất tuân của thủ lãnh liên minh đầu tiên của con người.

Những chữ **mong rằng** ở cuối câu 20 (trong Bản Anh ngữ, còn Bản Việt Ngữ ở đầu câu 21) cũng có thể nối kết với câu sau: “Mong rằng bản thân cõi tạo vật cũng sẽ được giải thoát” (NASB).

8:21 Tạo vật hồi tưởng những điều kiện lý tưởng tại vườn Êden. Sau đó nghiên cứu đến thiệt hại do tội lỗi vào trong thế gian đã gây ra. Luôn luôn có

hy vọng trở về tình trạng yên vui, là lúc chính cõi tạo vật cũng được giải cứu khỏi làm tội sự hư nát để hưởng quyền tự do của kỷ nguyên hoàng kim ấy khi chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời sẽ được hiện ra trong vinh hiển.

8:22 Chúng ta sống trong thế giới đang thờ dài, thốn thức, than thở và chịu hoạn nạn. **Muôn vật đều than thở** và chịu đau đớn như con đau lúc sinh con. Âm nhạc của cõi thiên nhiên đều là những giai điệu thứ. Trái đất đang oán mình dưới tai ương. Sức phá hoại của sự chết đang nhằm vào mọi vật sống.

8:23 Tin hữu cũng không được miễn trừ. **Đầu có trái đầu mùa của Thánh Linh để bảo đảm sự giải cứu cuối cùng cho họ, họ vẫn than thở** trông đợi ngày vinh hiển ấy. Chính Đức Thánh Linh là những trái đầu mùa này. Năm lúa chín đầu tiên là vật làm tin cho toàn mùa gặt sắp đến thế nào, thì Đức Thánh Linh cũng là vật làm tin hay vật bảo chứng rằng toàn bộ cơ nghiệp sẽ thuộc về chúng ta thế ấy.

Nói cụ thể, Ngài là sự bảo chứng về sự làm con nuôi hầu đến, là sự cứu chuộc thân thể (Êphêso 1:14). Trên một phương diện, chúng ta đã được nhận làm con nuôi rồi, tức là chúng ta đã được đặt vào trong gia đình của Đức Chúa Trời để làm những người con. Nhưng theo một ý nghĩa đầy đủ hơn, sự nhận chúng ta làm con nuôi sẽ hoàn tất khi chúng ta nhận được thân thể vinh hiển của mình. Điều đó được nói đến như là sự cứu chuộc thân thể chúng ta. Linh và hồn chúng ta đã được cứu chuộc rồi, và thân thể chúng ta sẽ được

cứu chuộc vào lúc sự cất lên [I.Têsalônica 4:13-18].

8:24 Chúng ta được cứu trong thái độ trông cậy này. Chúng ta chưa nhận hết toàn bộ ích lợi của sự cứu rỗi ngay tại lúc hoạn nạn. Ngay từ đầu, chúng ta trông đợi sự giải cứu trọn vẹn và cuối cùng khỏi tội lỗi, hoạn nạn, bệnh tật và sự chết. Nếu đã nhận những phước hạnh này rồi, chúng ta sẽ không còn trông đợi chúng nữa. Chúng ta chỉ trông đợi những điều còn trong tương lai thôi.

8:25 Sự trông cậy được giải cứu khỏi hiện diện của tội cùng mọi hậu quả tai hại của tội được căn cứ trên lời hứa của Đức Chúa Trời, nên do đó là chắc chắn dường như chúng ta đã nhận được rồi. Vì vậy chúng ta sốt sắng chờ đợi điều đó cách nhìn nhục (cách bền đỗ).

8:26 Chúng ta được nâng đỡ bởi sự trông cậy vinh diệu này thế nào, thì Đức Thánh Linh cũng nâng đỡ chúng ta trong sự yếu đuối chúng ta thế ấy. Chúng ta thương lúng túng trong nếp sống cầu nguyện. Chúng ta không biết cách cầu nguyện đúng như đáng phải làm. Chúng ta cầu nguyện cách ích kỷ, cách thiếu hiểu biết, cách thiếu cần. Nhưng một lần nữa, Thánh Linh đến bên cạnh để giúp chúng ta trong sự yếu đuối của mình, cầu thay cho chúng ta bằng những lời thờ than không thể diễn tả được. Trong cầu này, chính Đức Thánh Linh là Đấng than thở chứ không phải chúng ta than thở, dầu rằng như vậy cũng vẫn đúng.

Có sự mầu nhiệm ở đây. Chúng ta đang ghé mắt nhìn vào lãnh vực thuộc linh vô hình, nơi Đấng vĩ đại và nhiều thế lực lớn đang hành động vì cơ chúng

ta. Và dầu chúng ta không thể hiểu hết, chúng ta vẫn có thể được khích lệ vô hạn từ sự thật: lời than thở đôi khi có thể là lời cầu nguyện thuộc linh nhất.

8:27 Nếu Đức Chúa Trời dò xét lòng người, Ngài cũng có thể giải nghĩa ý tưởng của Thánh Linh, cho dù ý tưởng ấy có thể chỉ biểu hiện bằng những lời than thở. Điều quan trọng ấy là: những lời cầu nguyện của Thánh Linh thay cho chúng ta luôn luôn đúng theo ý Đức Chúa Trời. Và vì luôn luôn đúng ý muốn Đức Chúa Trời, chúng luôn luôn vì ích lợi của chúng ta. Điều này giải nghĩa rất nhiều điều, như câu kế tiếp cho thấy.

8:28 Đức Chúa Trời đang hành động để giúp mọi điều lại làm ích cho kẻ yêu mến Ngài, tức cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định. Có thể không phải lúc nào trông cũng như thế! Thỉnh thoảng khi đang chịu những cảnh đau lòng, bị thương, thất vọng, thất bại và mất mát người thân, chúng ta tự hỏi hoàn cảnh đó có được điều gì tốt lành. Nhưng câu tiếp theo sự trả lời: bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời cho phép xảy ra trong đời sống chúng ta đều nhằm biến hóa chúng ta nên giống ảnh tượng của Con Ngài. Thấy được điều này sẽ giúp chúng ta loại bỏ những thắc mắc khỏi lời cầu nguyện. Đời sống chúng ta không bị điều khiển bởi những thế lực vô cảm tính như là may rủi, cơ may hay số phận, nhưng bởi Chúa chúng ta là Đấng kỳ diệu và có thần vị, Đấng "yêu thương đến nỗi không thể thiếu tử tế, và rất khôn ngoan đến nỗi không thể sai lầm."

8:29 Giờ đây Phaolô truy râm bao quát oai nghiêm của chương trình thiên

thượng để đem con cái đến sự vinh hiển.

Trước hết, Đức Chúa Trời biết trước chúng ta từ trước đời đời vô cùng. Đây không chỉ là biểu biết thuần lý trí. Xét về tri thức, Ngài đã biết *mọi người* nào sẽ sinh ra. Nhưng sự biết trước của Ngài chỉ bao gồm những ai Ngài đã định trước hay đã định sẵn để làm họ nên giống như hình bóng Con Ngài. Vì vậy, đây là sự hiểu biết có mục đích mà không bao giờ có thể thất bại được. Nói Đức Chúa Trời đã biết những người Ngài nhận thấy một ngày kia họ sẽ ăn năn và tin thì nói chưa đủ. Thực ra, chính sự biết trước của Ngài mới bảo đảm sự ăn năn và niềm tin cuối cùng ấy.

Những tội nhân không tin kính này một ngày kia sẽ được biến đổi nên hình ảnh của Đấng Christ bởi phép lạ của ân điển, và đây chính là một trong những chân lý đáng kinh ngạc nhất của sự bày tỏ thiên thượng. đương nhiên, nói vậy không phải chúng ta sẽ có những thuộc tánh của một vị thần, cũng không phải chúng ta sẽ giống khuôn mặt của Đấng Christ, nhưng sẽ giống Ngài *về mặt đạo đức*, tuyệt đối thoát khỏi tội, và sẽ có những thân thể vinh hiển giống như thân thể Ngài.

Trong ngày vinh hiển ấy, Ngài sẽ là Con cả ở giữa nhiều anh em. Con cả ở đây có nghĩa đứng hàng thứ nhất, hay được tôn trọng hàng thứ nhất. Ngài sẽ không phải là một Đấng ở giữa những người ngang hàng, nhưng là Đấng có địa vị tôn trọng tối cao giữa vòng những anh chị em Ngài.

8:30 Mọi người nào được định trước trong cõi đời đời thì cũng sẽ được gọi

trong cõi thời gian. Điều này có nghĩa không những người ấy nghe Tin Lành mà còn đáp ứng nữa. Do đó, đây là sự kêu gọi hiệu năng. Mọi người đều được kêu gọi; đó là sự kêu gọi phổ thông (thế nhưng cũng là sự kêu gọi hiệu lực) của Đức Chúa Trời. Nhưng chỉ một số ít đáp ứng; đó là sự kêu gọi hiệu năng (đem lại sự hoán cải) của Đức Chúa Trời.

Mọi người nào đáp ứng thì cũng được xưng công bình hay được ban địa vị công nghĩa tuyệt đối trước mặt Đức Chúa Trời. Họ được mặc lấy sự công bình của Đức Chúa Trời bởi những công đức của Đấng Christ và nhờ đó xứng đáng với hiện diện của Chúa.

Những ai hiện được xưng công bình thì cũng được làm cho vinh hiển. Trên thực tế, chúng ta hiện vẫn chưa được làm cho vinh hiển như thế, nhưng điều đó chắc chắn đến nỗi Đức Chúa Trời có thể dùng thì quá khứ để mô tả. Chúng ta biết chắc chắn địa vị được xưng vinh hiển dường như thể đã nhận lấy rồi vậy!

Đây là một trong những phân đoạn mạnh mẽ nhất trong Tân Ước nói về sự an ninh đời đời của tín hữu. Đối với mỗi triệu người được Đức Chúa Trời biết trước và được Ngài định trước, thì từng người một trong mỗi triệu ấy sẽ được kêu gọi, được xưng công bình và được làm cho vinh hiển. Sẽ không một người nào bị sót cả! (So sánh với "mọi người" – Bản Việt Ngữ dịch là "phần những kẻ" – trong Giăng 6:37).

8:31 Khi xem xét những mối liên kết không thể phá vỡ này trong dây chuyển vàng của sự cứu chuộc, dứt khoát chúng ta không thể tránh khỏi kết luận này! Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp

chúng ta, theo ý nghĩa Ngài đã chọn chúng ta cho Ngài, thì không ai có thể thành công khi chống nghịch chúng ta.³¹ Nếu Đấng Toàn Năng đang hành động vì cơ chúng ta, không một quyền lực nào thấp kém hơn có thể đánh bại chương trình của Ngài được.

8:32 Ngài đã không tiếc mình Con mình, nhưng vì chúng ta hề lầy mà phó Con ấy cho. Những lời tuyệt vời biết dường nào! Chúng ta không bao giờ được phép thấy quen thuộc nhưng từ ngữ này đến nỗi không còn nhìn thấy vẻ đẹp lộng lẫy của chúng hoặc giảm bớt sức mạnh thôi thúc sự thờ phượng. Khi thế giới nhân loại hư mất cần được cứu bởi Đấng Thay Thế vô tội, Đức Chúa Trời vĩ đại của cõi vũ trụ này đã không giữ lại Kho Báu tốt nhất của tâm lòng Ngài, nhưng đã phó Đấng ấy vào sự chết nhục nhã và mất mát vì cơ chúng ta.

Luận lý xuất phát từ điểm này thật không cường nổi. Nếu Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta món quà vĩ đại nhất rồi, còn món quà kém hơn nào mà Ngài không ban? Nếu Ngài đã trả xong giá cao nhất rồi, Ngài có lương lý để trả bất kỳ giá nào thấp hơn không? Nếu Ngài đã tiến xa đến như thế để kiếm cho bằng được sự cứu rỗi chúng ta, có bao giờ Ngài buông chúng ta ra không? Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao?

Mackintosh nói: "Ngôn ngữ của lòng vô tín là 'Làm sao Ngài sẽ?' Ngôn ngữ của đức tin là 'Ngài há chẳng cũng sẽ?'"³²

8:33 Chúng ta vẫn đang ở trong khung cảnh tòa án, nhưng giờ đây đã có

sự thay đổi đáng kể. Đang khi tội nhân được xưng công bình này đứng trước tòa án, có lời mời mọi ai muốn buộc tội bị cáo thì bước lên phía trước. Nhưng không có ai cả! Làm sao có được? Nếu Đức Chúa Trời đã xưng công bình cho người được chọn của Ngài rồi, ai có thể kiện họ được?

Lập luận của câu này và câu đi sau sẽ sáng tỏ nhiều nếu chúng ta thêm những chữ "không một ai cả, vì cơ..." trước mỗi câu trả lời. Vì vậy, câu này sẽ thành: **Ai sẽ kiện kẻ lựa chọn của Đức Chúa Trời? Không một ai cả, vì cơ chính Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình kẻ ấy.** Nếu không thêm những từ này, có thể nghe như Đức Chúa Trời sắp kiện người được lựa chọn của Ngài, là chính điều Phaolô đang phủ nhận!

8:34 Một thách thức khác vang to lên! Có ai ở đây lên án họ không? Không một ai cả, vì **Đấng Christ đã chịu chết** thay cho kẻ bị kiện, Ngài đã sống lại từ kẻ chết, hiện nay đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời cầu thay cho người ấy. Nếu chính Chúa Jêsus đã chịu lấy mọi sự đoán xét này mà Ngài không tuyên án cho bị cáo nhưng trái lại còn cầu thay cho người ấy, thì không một ai khác có quyền nhân hợp lệ để lên án người ấy.

8:35 Giờ đây đức tin nói lên thách thức cuối cùng: ở đây ai có thể phân rẽ người được xưng công bình khỏi linh yếu của Đấng Christ không? Người ta nghiên cứu được rằng mọi nghịch cảnh vốn gây phân rẽ rất hiệu quả trong những lãnh vực khác của đời sống con người. Nhưng ở đây không tìm được điều nào cả. Gậy đập trên sân đập tủa

giáng những cú đập không ngừng của **khốn cùng** và **nghịch cảnh** cũng không, con quái vật sáu khổ, gây đau đớn cực kỳ cho tâm trí và thân thể cũng không, sự tàn bạo của **bất bữ**, để gây nên sự chịu khổ và chết chóc cho những ai dám sống khác đi cũng không làm được. **Bóng ma hốc hác của đời kém** - ngậm nhấm, hành hạ và làm hao mòn cho đến tận bộ xương - cũng không làm được. **Trần truồng** - với trọn vẹn ý nghĩa của nó qua sự thiếu thốn, phơi trần ra và không thể tự vệ - cũng không thể. **Nguy hiểm** - mối đe dọa của nguy hiểm thật kinh khiếp và gần cận kẻ - cũng không làm được. **Gươm giáo** - lạnh lùng, và cả cái chết - cũng không thể.

8:36 Nếu bất kỳ điều nào trong những thứ này có thể phân rẽ tin hữu khỏi tình yêu của Đấng Christ, thì sự cắt đứt chỉ từ này hẳn đã xảy ra từ lâu rồi, vì sự nghiệp của Cơ Đốc nhân chính là một cái chết sống. Đây chính là điều tác giả Thi Thiên muốn nói khi bảo rằng vì cơ chúng ta gần bó với Chúa, chúng ta bị **giết cả ngày**, và giống như **chiến bị định đem đến nơi làm thi** (Thi Thiên 44:22).

8:37 Thay vì phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Đấng Christ, những điều này chỉ càng thành công trong việc đưa chúng ta đến gần Ngài hơn. Chúng ta không chỉ là **những người chinh phục**, mà còn là **trỗi hơn cả những nhà chinh phục**.³³ (Bản Việt Ngữ: **thắng hơn bại phần**). Không phải chỉ đơn giản là chúng ta thắng hơn thế lực này, mà khi thắng hơn như vậy rồi, chúng ta còn đem vinh hiển về cho Đức Chúa Trời, phước

hạnh đến cho người khác, và ích lợi đến cho mọi người. Chúng ta bắt kẻ thù làm nô lệ và biến những rào chắn trở thành đá kê bước làm bàn đạp cho chúng ta đi.

Nhưng toàn bộ chiến thắng này không đến bởi sức riêng của chúng ta, nhưng chỉ bởi Đấng yêu thương mình. Chỉ có quyền năng của Đấng Christ mới đem đến sự ngọt ngào từ giữa cay đắng, đem lại sức mạnh từ sự yếu đuối, chiến thắng từ giữa thảm họa, và phước hạnh ra từ cảnh đau lòng.

8:38 Vị sứ đồ vẫn chưa xong phần tra xét của mình. Ông rà soát cả vũ trụ để tìm điều nào nghĩ là có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu Đức Chúa Trời được, rồi sau đó bác bỏ từng khả năng một –

Sự chết với mọi nỗi kinh hoàng của nó;

Sự sống với mọi sức quyến rũ của họ;

Các thiên sứ lẫn những kẻ cầm quyền, những vật siêu nhiên về quyền năng và trí thức,

Các quyền phép, hoặc là những bạo chúa của con người hoặc những kẻ thù thuộc thiên sứ;

Việc bày giờ, đang giáng trên chúng ta;

Việc hầu đến, gọi lên những điểm báo trước thật đáng sợ;

8:39 **Đã cao hay là bề sâu**, là những điều ở trong phạm vi của chiều kích hay không gian, bao gồm cả những thế lực tà thuật.³⁴ Rồi, để bảo đảm không bỏ sót điều nào, Phaolô nói thêm:

Hoặc một vật nào (Bản Anh ngữ ghi là **hoặc mọi vật lạ lạn nào**).

Kết quả sự tra xét của Phaolô ấy là: ông không tìm được điều gì có thể **phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Chúa Jêsus**.

Chẳng lấy gì làm lạ khi những lợi đặc thắng này đã trở thành bài ca của những người chịu chết cái chết tuận đạo và trở thành khúc hát hân hoan của những người đang sống cuộc đời người tuận đạo!

II. THEO ĐỊNH KỲ: TIN LÀNH VÀ YSRAËN (9-11)

A. Quả thứ của Ysraên (Đoạn 9)

Trong đoạn 9-11, chúng ta nghe câu trả lời của Phaolô cho người Do Thái chống đối đã nêu câu hỏi: *Có phải khi hứa ban sự cứu rỗi cho người ngoại bang cũng như cho người Do Thái, Tin Lành muốn nói rằng Đức Chúa Trời đã phá vỡ các lời hứa với dân sự trên đất của Ngài, là dân Do Thái?* Câu trả lời của Phaolô bao gồm cả quá khứ của Ysraên (đoạn 9), hiện tại (đoạn 10) và tương lai (đoạn 11) của Ysraên.

Phần này chứa đựng sự nhấn mạnh trọng đại về quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người. Rôma đoạn 9 là một trong những phần đoạn chìa khóa của Kinh Thánh về sự tuyển chọn tối thượng của Đức Chúa Trời. Đoạn tiếp theo nêu mạnh mẽ không kém về lẽ thật tương ứng – trách nhiệm của con người.

QUYỀN TẾ TRỊ THIÊNTHƯỢNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CON NGƯỜI

Khi nói Đức Chúa Trời tể trị tối thượng, chúng ta muốn nói Ngài đang trông nom coi sóc vũ trụ và Ngài có thể

làm tùy ý Ngài muốn. Tuy nhiên, khi nói như thế, chúng ta biết rằng vì Ngài là Đức Chúa Trời, Ngài sẽ không làm điều gì sai, bất chính hay không công bình. Do đó, khi nói Đức Chúa Trời tế trị tối thượng là thuần túy để cho Đức Chúa Trời thật sự là Đức Chúa Trời. Chúng ta đừng nên sợ chân lý này hoặc cảm thấy mình đã nói sai. Đây là một chân lý vinh diệu và đáng phải khiến chúng ta thờ phượng.

Với quyền tế trị tối thượng của Ngài, Đức Chúa Trời đã chọn hay tuyển lựa những cá nhân nhất định để thuộc về Ngài. Nhưng Kinh Thánh dạy về sự tuyển chọn tối thượng của Đức Chúa Trời cũng chính là Kinh Thánh dạy về trách nhiệm của con người. Tuy đúng là Đức Chúa Trời chọn một số người được cứu, nhưng cũng đúng là họ phải chọn để được cứu bởi một hành động rõ ràng của ý chí. Khía cạnh thiên thượng của sự cứu rỗi được nhìn thấy trong những từ ngữ: "Phàm những kẻ Cha cho ta sẽ đến cùng ta." Khía cạnh con người được thấy trong những từ ngữ tiếp theo sau: "Kẻ đến cùng ta thì ta không bỏ ra ngoài đâu" (Giăng 6:37). Là tín hữu, chúng ta vui mừng vì Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta trong Đấng Christ trước khi sáng thế (Êphêso 1:4). Nhưng chúng ta cũng tin chắc chắn không kém rằng: Bất cứ ai muốn thì đều có thể nhận lấy nước sự sống cách nhưng không (Khải Huyền 22:17). D. I. Moody minh họa hai chân lý trên như sau: Khi chúng ta tiến đến cánh cửa cứu rỗi, chúng ta thấy lối mời ở phía trên: "Bất cứ ai muốn thì có thể đến" khi chúng ta vượt qua cánh cửa, chúng ta nhìn lại và thấy

đồng chữ: "Được chọn theo sự biết trước của Đức Chúa Trời" phía bên trên cánh cửa. Như vậy, con người sẽ đối mặt với sự thật về trách nhiệm con người khi họ tiến đến bên cánh cửa cứu rỗi. Sự thật về sự tuyển chọn tối thượng cũng cùng là chân lý gốc cho những người đã bước vào đó.

Làm thế nào Đức Chúa Trời chọn những cá nhân thuộc về Ngài đồng thời lại có thể *chân thành* ban sự cứu rỗi cho mọi người ở mọi nơi được? Làm sao chúng ta hòa giải hai chân lý này? Sự thật là chúng ta không hòa giải được. Đối với lý trí con người, hai chân lý này mâu thuẫn nhau. Nhưng Kinh Thánh dạy cả hai giáo lý ấy, vì vậy chúng ta nên tin chúng, thỏa lòng vì biết rằng điều khó hiểu này hiện ở trí chúng ta chứ không ở trí Đức Chúa Trời. Hai chân lý song sinh này giống như hai đường thẳng song song chỉ gặp nhau ở vô cực.

Một số người cố hòa giải sự tuyển chọn tối thượng và trách nhiệm của con người bằng cách nói Đức Chúa Trời đã biết trước những ai sẽ tin cậy Cứu Chúa và những người ấy chính là người được Ngài chọn để được cứu. Họ căn cứ trên Rôma 8:29 ("Những kẻ Ngài đã biết trước, thì Ngài cũng đã định sẵn") và 1 Phiêrô 1:2 ("được chọn theo sự biết trước của Đức Chúa Trời"). Nhưng điều này đã bỏ qua sự kiện việc biết trước của Đức Chúa Trời *không tính quyết định*. Không phải chỉ là Ngài biết trước những ai sẽ tin cậy Cứu Chúa, nhưng mà Ngài *xác định trước* kết quả này bằng cách kéo những cá nhân nào đó đến với chính Ngài.

Dấu Đức Chúa Trời chọn số người để được cứu, Ngài không hề chọn ai để bị định tội. Nói cách khác dấu Kinh Thánh dạy về sự chọn lựa, Kinh Thánh không hề dạy về sự chọn định tội thiên thượng. Nhưng có lẽ có người bảo: "Nếu Đức Chúa Trời chọn một số người để ban phước cho, thì bắt buộc Ngài phải chọn người khác cho sự hủy hoại." Nhưng như vậy không đúng! Toàn bộ nhân loại đều bị định cho sự hủy diệt bởi tội lỗi của chính họ chứ không bởi bất kỳ ý chỉ độc đoán nào của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời để cho mọi người đi địa ngục, thì ắt hẳn Ngài đã làm việc đó cách công bình – người ta sẽ nhận lấy chính xác những gì họ xứng đáng. Câu hỏi ấy là: "Chúa tể trời tối thượng có quyền cui xuống chọn một nhóm những người đang ra đã bị định tội để về làm tân nương cho Con Ngài không?" Đương nhiên, câu trả lời ấy là Ngài có quyền. Vì vậy có thể nói rút gọn thế này, nếu con người bị hư mất, thì chính vì tội lỗi và sự chống nghịch của họ; nếu người ta được cứu, thì đó là nhờ ân điển chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời.

Đối với người được cứu, để tài sự chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời phải là nguyên nhân khiến họ tán phục không ngừng. Tín hữu nhìn quanh và thấy nhiều người có tính cách tốt hơn, cá tánh tốt hơn, ứng khí tốt hơn mình, thì bảo: "Vì sao Chúa lại chọn tôi?"

Vì sao tôi được nghe tiếng Ngài,

Và bước vào nước Chúa đang khi còn nhỏ.

Khi hàng ngàn người khác có những chọn lựa thật khôn ngoan

Để thù chết đời hơn là chịu đày?

- Isaac Watts

Đừng để người chưa được cứu dùng lẽ thật về sự chọn lựa biện minh lòng vô tín của họ. Họ không được phép nói: "Nếu tôi không được chọn, thì tôi đâu làm gì được nữa." Cách duy nhất để họ có thể biết mình được chọn chính là bằng cách ăn năn tội và tiếp nhận Chúa Jêsus Christ làm Cứu Chúa của mình (1.Têsalônica 1:4-7).

Cơ Đốc nhân cũng đừng dùng lẽ thật về sự chọn lựa để biện minh cho lòng thiếu nhiệt tâm truyền giảng. Chúng ta không được phép nói: "Nếu họ được chọn, thì dầu sao đi nữa họ cũng vẫn được cứu." Chỉ Đức Chúa Trời mới biết ai là người được chọn. Chúng ta được Chúa truyền lệnh phải giảng Tin Lành cho toàn thế giới, vì Lời Chúa hứa ban sự cứu rỗi chính là lời mời gọi đích thực cho mọi người. Người ta khước từ Tin Lành do lòng họ cứng cổ, chứ không do lời mời phổ thông của Đức Chúa Trời không chân thành.

Có hai nguy hiểm phải tránh đối với để tài này. Nguy hiểm thứ nhất là chỉ bám vào một mặt của lẽ thật – lấy ví dụ, tin nơi sự chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời để phủ nhận trách nhiệm con người được chọn lựa sự cứu rỗi mình. Nguy hiểm thứ hai là quá nhấn mạnh sự thật này đến nỗi hy sinh cả lẽ thật kia. Lối tiếp cận đúng Kinh Thánh chính là tin nơi sự chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời và cũng tin mạnh mẽ y như vậy vào trách nhiệm của con người. Chỉ như thế mới có thể giữ những giáo lý này trong thế cân bằng đúng đắn của Kinh Thánh.

Giờ đây chúng ta xem Rôma 9 và theo dõi vị sứ đồ yêu dấu khi ông tiết lộ để tài này.

9:1 Khi quả quyết sự cứu rỗi dành cho người ngoại bang cũng như cho người Do Thái, có vẻ Phaolô đã trở thành kẻ phản bội, người từ bỏ đảng, người bội đạo đối với Ysraên. Vì vậy, ở đây ông phản kháng ý nghĩ của họ bằng cách nêu lên lòng tận hiến sâu đậm của mình với dân Do Thái bằng cách sử dụng lời thể trang trọng. Ông nói thật. Ông không nói dối. Lương tâm ông trong sự tương giao với Đức Thánh Linh làm chứng cho sự thật ông đang nói lên.

9:2 Khi suy nghĩ trước hết về sự kêu gọi vinh hiển của Ysraên, rồi giờ đây nghĩ đến việc Ysraên bị Đức Chúa Trời khước từ vì cơ họ đã khước từ Đấng Mêsia, lòng ông buồn bực, hằng đau đớn.

9:3 Thậm chí ông còn ước ao chính mình bị rửa sạch khỏi Đấng Christ nếu như nhờ từ bỏ sự cứu rỗi chính mình mà anh em Do Thái của ông có thể được cứu. Trong tuyên bố mạnh mẽ về sự quên mình này, chúng ta cảm nhận được hình thức cao cả nhất của tình yêu con người – buộc một người phó sự sống mình vì bạn hữu (Giăng 15:13). Và chúng ta cảm nhận gánh nặng lớn lao của một người Do Thái trở lại tin Chúa cứu mạng cho sự hoán cải của đồng bào mình. Điều này nhắc chúng ta nhớ lời Môise cầu thay cho dân sự: “Nhưng bây giờ xin Chúa tha tội cho họ! Bằng không, hãy xóa tên tôi khỏi sách Ngài đã chép đi” (Xuất Êđiptô Ký 32:32).

9:4 Khi Phaolô khóc về dân sự mình, ông duyệt lại những đặc ân vinh diệu của họ. Họ là người Ysraên thành viên trong tuyến dân ngày xưa của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã nhận dân tộc mình làm con Ngài (Xuất Êđiptô Ký 4:22) và giải cứu dân sự Ngài ra khỏi Êđiptô (Ôsê 11:1). Ngài là Cha đối với Ysraên (Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:1) và Épraim là con trưởng nam của Ngài (Giêrêmi 34:9). (Épraim được dùng ở đây như một tên khác nữa của dân Ysraên.)

Shekinah hay đám mây vinh hiển làm biểu tượng cho hiện diện của Đức Chúa Trời giữa họ, để dẫn dắt và bảo vệ họ.

Đức Chúa Trời đã lập nhiều giao ước với Ysraên, chứ không lập với dân ngoại bang. Lấy ví dụ, Đức Chúa Trời đã lập giao ước về xứ Palestine cho Ysraên, hứa ban cho họ đất từ sông Êđiptô đến Óphơrát (Sáng Thế Ký 15:18). Và Ngài sẽ phê chuẩn Giao Ước Mới với chính Ysraên, để hứa ban “sự vĩnh viễn, sự hoàn cải trong tương lai và ơn phước cho một dân Ysraên biết ăn năn” (Giêrêmi 31:31-40).³⁵

Luật pháp cũng đã được ban cho Ysraên. Họ và duy một mình họ mới là người được nhận luật pháp.

Những nghi lễ chi tiết và sự phục vụ Chúa liên quan đến đền tạm và đền thờ, cũng như chức tế lễ, đã được ban cho Ysraên.

Ngoài những giao ước để cập trên đây, Đức Chúa Trời còn lập vô số lời hứa với Ysraên cho sự bảo vệ, bình an và thịnh vượng.

9:5 Dân Do Thái có quyền tuyên bố các tổ phụ là của riêng họ – Ápraham, Ysác, Giacóp và mười hai con trai của Giacóp. Đây là những tổ phụ của dân tộc họ. Và họ có đặc ân lớn nhất – Đáng Mêsia là một người Ysraên xét về dòng dõi con người của Ngài, dấu Ngài cũng là Đáng tể trị tối thượng của cõi vũ trụ, là Đức Chúa Trời đáng khen ngợi đời đời. Ở đây, chúng ta có lời tuyên bố tích cực về thần thánh và nhân thánh của Cứu Chúa. [Một số bản Kinh Thánh đã làm yếu sức mạnh của câu này. Lấy ví dụ, bản RSV nói: "... Theo xác thịt thì Đáng Christ thuộc về chủng tộc của họ, Đức Chúa Trời là Đáng trên hết được chúc tôn đời đời. Amen." Bản Hy Lạp không loại trừ cách nói của bản RSV ở đây xét theo quan điểm văn phạm khác khe, nhưng sự biến biệt thuộc linh khi đối chiếu Kinh Thánh với Kinh Thánh sẽ hậu thuẫn cách nói trong bản KJV, NKJV, và các bản dịch de đặt khác.]³⁶

9:6 Giờ đây sứ đồ đương đầu với nan đề thần học nghiêm trọng. Nếu Đức Chúa Trời lập nhiều lời hứa cho Ysraên là tuyển dân trên trần gian này của Ngài, như vậy làm sao thích hợp với sự khước từ Ysraên trong hiện tại và làm sao thích hợp với việc đưa dân ngoại bang vào địa vị phước hạnh này? Phaolô quả quyết điều này không chỉ ra bất kỳ sự bội ước nào từ phía Đức Chúa Trời. Ông tiếp tục chứng minh Đức Chúa Trời vẫn luôn luôn thực hiện tiến trình tuyển chọn tối thượng căn cứ trên lời hứa chứ không chỉ trên dòng dõi huyết thống. Chỉ do được sanh ra trong dân tộc Ysraên thì không có nghĩa người ấy được làm người thừa hưởng

những lời hứa. Bên trong dân Ysraên, Chúa đã có một dân sót chân thật và biết tin Ngài.

9:7 Không phải mọi dòng dõi của Ápraham đều được kể là con cái của ông. Lấy ví dụ, Íchmaên là dòng dõi của Ápraham. Nhưng dòng dõi lời hứa đến thông qua Ysác, chứ không phải qua Íchmaên. Lời hứa của Đức Chúa Trời là: "Do nơi Ysác sẽ sanh ra dòng dõi lưu danh người" (Sáng Thế Ký 21:12). Như đã nói trong phần chú thích 4:12, Đức Chúa Jêsus đưa ra cũng một lời phân biệt thú vị này khi nói đến những người Do Thái không tin Chúa trong Giăng 8:33-39. Họ nói với Ngài: "Chúng tôi là dòng dõi Ápraham..." (câu 33). Chúa Jêsus thừa nhận điều này qua lời phán: "Ta biết các ngươi là dòng dõi Ápraham" (câu 37). Nhưng khi họ nói: "Cha chúng tôi tức là Ápraham," Chúa đáp lại: "Nếu các ngươi là con Ápraham, thì chắc sẽ làm công việc của Ápraham" (câu 39). Nói cách khác, họ là dòng dõi ra từ Ápraham, nhưng không có đức tin của Ápraham nên bởi đó không phải là con cái thuộc linh của ông.

9:8 Dòng dõi về thuộc thể không quan trọng. Ysraên thật bao gồm những người Do Thái được Đức Chúa Trời chọn lựa và Ngài đã lập một số lời hứa cụ thể cho họ, chọn họ làm con cái Ngài. Chúng ta thấy nguyên tắc chọn lựa tối thượng này trong trường hợp của Ysác và Giacóp.

9:9 Đức Chúa Trời hiện ra cho Ápraham, hứa sẽ trở lại vào giờ đã định và Sara sẽ có một con trai. Đương nhiên, con trai này là Ysác. Ông thực sự

là đứa con của lời hứa và là đứa con được sinh ra cách siêu nhiên.

9:10 Một trường hợp khác nữa về sự chọn lựa tối thượng được nhìn thấy trong trường hợp Giacóp. Dương nhiên, Ysác và Rêbeca là cha mẹ. Nhưng Rêbeca đang nuôi dưỡng hai đứa con thơ, chứ không phải một.

9:11 Đã có lời công bố trước khi hai đứa con này ra đời. Do đó, lời tuyên bố này không liên quan gì đến những việc làm công đức của hai người. Đây hoàn toàn là vấn đề sự chọn lựa của Chúa, căn cứ trên ý muốn Ngài chứ không trên tính cách hay thành tựu của những đối tượng. Ý định sẵn bởi sự kén chọn tự do của Đức Chúa Trời muốn nói đến sự quyết tâm ban phát các ân huệ Ngài đúng theo ý muốn tối thượng và đẹp ý của Ngài.

Nhân tiện, câu này bác bỏ ý kiến cho rằng Đức Chúa Trời chọn Giacóp căn cứ trên sự biết trước của Ngài về việc Giacóp sẽ làm. Nói cụ thể, câu này không hề được nêu ra trên cơ sở của việc làm!

9:12 Quyết định của Đức Chúa Trời ấy là: Đứa lớn sẽ làm tôi đứa nhỏ. Êsau phải giữ địa vị phụ thuộc Giacóp. Giacóp đã được chọn cho vinh quang và đặc ân trên trần gian. Êsau là con trưởng nam trong cặp song sinh này, và theo lẽ thường ắt ông đã có những vinh dự và đặc ân đi kèm với địa vị đó. Nhưng sự chọn lựa của Đức Chúa Trời đã vượt khỏi ông để đến trên Giacóp.

9:13 Để củng cố thêm quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời khi chọn lựa, Phaolô trích Malachi 1:2, 3: "Ta yêu Giacóp và ghét Êsau." Ở đây, Đức

Chúa Trời đã nói đến hai dân tộc, là Ysraên và Êđôm, do Giacóp và Êsau làm những thủ lãnh. Đức Chúa Trời chọn Ysraên làm một dân tộc được Ngài hứa ban cho Đấng Mêsia và nước của Đấng Mêsia qua họ. Êđôm không nhận được lời hứa nào như thế. Trái lại, những núi đồi và di sản của họ đã bị bỏ hoang cho chó rừng của đồng vắng (Malachi 1:3; cũng xem Glêrêmi 49:17,18; Êxêchiên 35:7-9).

Đầu đúng câu trích Malachi 1:2,3 mô tả những cách Đức Chúa Trời đối đãi với các dân hơn là với các cá nhân, nhưng điều này cũng thường được dùng hậu thuẫn quyền tối thượng của Ngài để chọn cá nhân nữa.

Phải hiểu những từ ngữ "Ta yêu Giacóp mà ghét Êsau" dựa vào nguyên chỉ tối thượng của Đức Chúa Trời để tuyên bố "đứa lớn sẽ làm tôi đứa nhỏ." Việc yêu Giacóp hơn được giải nghĩa như hành động của tình yêu, còn việc bỏ qua Êsau được xem là ghét để so sánh. Không phải Đức Chúa Trời ghét Êsau bằng lòng thù oán hà khắc và đầy hận thù, nhưng chỉ có nghĩa là Ngài yêu Êsau ít hơn Giacóp, vì ta thấy bởi sự chọn lựa tối thượng của Ngài dành cho Giacóp.

Phần đoạn này nói đến những phước hạnh trên trần thế, chứ không nói đến sự sống đời đời. Đức Chúa Trời ghét Êđôm không có nghĩa cá nhân người Êđôm không thể được cứu, chẳng khác gì việc Ngài yêu Ysraên cũng không có nghĩa cá nhân những người Do Thái khỏi cần được cứu. (Cũng lưu ý Êsau đã thực sự nhận một số phước hạnh trên trần gian này, như chính ông đã làm chứng trong Sáng Thế Ký 33:9.)

9:14 Vị sứ đồ tiên liệu chính xác rằng lời dạy của ông về sự chọn lựa tối thượng sẽ khơi dậy đủ mọi kiểu chống đối. Người ta vẫn lên án Đức Chúa Trời là bất công. Họ nói nếu Ngài chọn một người, thì bởi đó Ngài bắt buộc phải quyết định cho số còn lại đi địa ngục. Họ cho rằng nếu Đức Chúa Trời án định trước mọi sự, thì con người không còn xoay xở gì được nữa, và Đức Chúa Trời không công bình khi đoán phạt con người.

Phaolô kịch liệt phủ nhận mọi khả năng cho rằng Đức Chúa Trời không công bình. Nhưng thay vì làm giảm tác dụng quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời để khiến những người chống đối này thấy dễ chịu hơn, ông tiếp tục phát biểu lại cách sôi nổi mạnh mẽ hơn và không cần sự biện hộ.

9:15 Trước hết ông trích Lời Đức Chúa Trời phán cùng Môise: "Ta sẽ làm ơn cho kẻ ta làm ơn, ta sẽ thương xót kẻ ta thương xót" (xem Xuất Êdíphtô Ký 33:19). Ai dám nói Đấng Chí Cao, Chúa của trời đất, lại không có quyền để làm ơn và thương xót?

Mọi người đều bị đoán phạt bởi tội lỗi và lòng vô tín của chính họ. Nếu bị phó mặc, họ *thấy* đều hư mất cả. Ngoài việc ban lời mời Tin Lành chân thực cho mọi người, Chúa còn chọn một số người đã bị đoán phạt này để họ làm những đống đùng đặc biệt của ân điển Ngài. Nhưng điều này không có nghĩa Ngài độc đoán để chọn cho những người khác phải bị đoán phạt. Họ bị đoán phạt rồi vì trọn đời họ là tội nhân và đã khước từ Tin Lành. Những người được chọn có thể cảm ơn Chúa vì ân

điển Ngài. Những người bị hư mất không thể đổ thừa cho ai ngoài họ.

9:16 Như vậy, kết luận chính là: số phận tối hậu của con người hay của các dân tộc không nằm ở sức mạnh ý chí của họ hay do sức mạnh từ những nỗ lực lớn của họ, nhưng trái lại là do sự **thương xót** của Đức Chúa Trời.

Khi Phaolô nói "**chẳng phải bởi người nào an ước hay người nào bôn ba mà được,**" ông không có ý bảo ý chỉ không can dự đến sự cứu rỗi người ấy. Lời mời của Tin Lành nhắm rõ ràng vào ý chí của một con người, như đã nói rõ trong Khải Huyền 22:17: "Kẻ nào muốn, khá nhận lấy nước sự sống cách nhưng không." Chúa Jêsus nói rõ rằng những người Do Thái không tin kia *không chịu* đến với Ngài (Giăng 5:40). Khi Phaolô nói, **chẳng phải bởi người nào bôn ba mà được,** ông không phủ nhận chúng ta phải nỗ lực để bước vào cửa hẹp (Luca 13:24). Cần phải có một lượng sức sáng và sẵn lòng thuộc linh nhất định. Nhưng ý chí và sự bôn ba của người không phải là những yếu tố chính yếu và quyết định: sự cứu rỗi là của Chúa. Morgan nói:

Không một ao ước nào của chúng ta, không sự bôn ba nào của riêng chúng ta có thể đoạt lấy sự cứu rỗi chúng ta cần, hay giúp chúng ta có thể bước vào những phúc hạnh do sự cứu rỗi ấy ban cho ... Tự bản thân chúng ta sẽ không hề có ý muốn được cứu, chúng ta sẽ không nỗ lực để tiến đến sự cứu rỗi đó. Mọi điều trong sự cứu rỗi của con người đều bắt đầu từ Đức Chúa Trời.²⁷

9:17 Quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời không những nhìn thấy

qua việc Ngài tỏ lòng thương xót một số người, mà còn qua việc làm cứng lòng người khác nữa. Pharaôn được trưng dẫn làm gương.

Ở đây, không hề gợi ý rằng vị vua Êđiptô này đã bị định đoạt số phận của mình từ lúc ra đời. Chuyện xảy ra là thế này. Trong cuộc đời thành nhân, ông tỏ ra là gian ác, tàn bạo và cực kỳ ngang ngạnh. Bất chấp những lời cảnh cáo nghiêm trọng nhất, ông vẫn cứ tiếp tục làm cứng lòng mình. Đức Chúa Trời hẳn đã có thể tiêu diệt ông ngay lập tức, nhưng Ngài không làm. Trái lại, Ngài để cho ông sống để Ngài bày tỏ quyền năng Ngài trong ông, và để qua ông, danh Ngài có thể được tỏ ra trên toàn thế giới.

9:18 Pharaôn liên tiếp làm cứng lòng mình, và sau mỗi một lần, Đức Chúa Trời lại càng làm cứng lòng Pharaôn thêm như để đoán phạt ông vậy. Mặt trời làm tan chảy băng cũng chính là mặt trời làm cứng đất sét. Mặt trời làm trắng nhạt màu áo quần cũng chính là mặt trời làm đen da. Đức Chúa Trời tỏ lòng thương xót những kẻ có lòng tan vỡ cứng chính là Đấng làm cứng lòng kẻ không chịu ăn năn. Khước từ ăn điển chính là phủ nhận ăn điển.

Đức Chúa Trời có quyền thương xót ai mà Ngài muốn, và Ngài muốn làm cứng lòng ai thì làm. Nhưng vì Ngài là Đức Chúa Trời, Ngài không bao giờ hành động bất công.

9:19 Lời Phaolô khăng khăng quả quyết quyền Đức Chúa Trời làm tùy ý Ngài muốn đã làm nảy sinh phản đối: Nếu thật như vậy, đáng ra Ngài không nên bới móc lỗi của bất kỳ ai, vì xưa

nay không ai chống nổi ý muốn của Ngài. Theo người phản đối này, con người là một con tốt bất lực trên bàn cờ thiên thượng. Người ấy không thể làm gì hay nói gì để thay đổi số phận mình được.

9:20 Trước hết, vị sử đồ quở trách sự xác kượng của bất kỳ sinh vật nào dám bác bỏ Đấng Tạo Hóa mình. Loại người hữu hạn, bị đè nặng dưới tội lỗi ngu đốt và yếu đuối, tuyệt đối không có tư cách để nói chuyện bác bỏ Đức Chúa Trời hay chất vấn sự khôn ngoan, công lý của Đường lối Ngài.

9:21 Sau đó, Phaolô dùng mình họa về người thợ gốm và đất sét để chứng minh và bình vực quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời. Thợ gốm một ngày kia vào xưởng mình, nhìn thấy một đồng đất sét vô hình dạng trên nền nhà. Thợ gốm bốc một nắm đất sét, đặt lên bàn xoay, và nắn thành hình chiếc bình đẹp đẽ. Thợ gốm có quyền làm việc đó không?

Dương nhiên, thợ gốm này là Đức Chúa Trời. Đất sét chính là nhân loại đầy tội lỗi và hư mất. Nếu thợ gốm này bỏ mặc đất sét, đất sét nhân loại kia thảy đều đi địa ngục. Nếu bỏ mặc họ, Ngài vẫn tuyệt đối công bình và chính trực. Nhưng trái lại, Ngài dùng quyền tối thượng chọn một số những tội nhân, cứu họ bởi ân điển Ngài, và biến họ trở nên giống hình ảnh của Con Ngài. Ngài có quyền làm vậy không? Nên nhớ, Ngài không độc đoán định đoạt cho người khác đi địa ngục. Số phận họ đã bị định đoạt rồi bởi chính lòng vô tín và cố tình của họ.

Đức Chúa Trời có quyền tuyệt đối và thẩm quyền tuyệt đối để dung số đất

sét này làm ra hạng bình dưng vào việc sang trọng, và dưng số đất sét kia làm ra hạng bình dưng vào việc khác. Trong tình huống mọi người đều không xứng đáng, Ngài có thể ban phước của Ngài cho nơi nào Ngài chọn và rút phước lại bất cứ lúc nào Ngài muốn. Barnes nói: "Nơi mọi người thầy đều không xứng đáng, điều cao nhất có thể đòi hỏi được ấy là xin Ngài đừng đối đãi bất kỳ ai cách bất công."²⁸

9:22 Phaolô mô tả Đức Chúa Trời, là Thợ Gốm vĩ đại, như đang đối mặt với tình trạng có vẻ như xung đột quyền lợi. Một mặt, Ngài muốn tỏ ra cơn thịnh nộ Ngài và bày tỏ quyền năng để hình phạt tội lỗi. Nhưng mặt khác, Ngài muốn nhân nại chịu đựng những bình đáng giận cho sự hư mất. Đây chính là sự tương phản giữa bên thứ nhất là tình nghiêm khắc công bình của Đức Chúa Trời, với bên thứ nhì là lòng khoan nhân giàu thương xót của Ngài. Và lập luận là: "Nếu Đức Chúa Trời được xưng công bình khi Ngài lập tức hình phạt kẻ gian ác, nhưng thay vì làm như vậy, Ngài lại tỏ lòng nhân nhục lớn đối với họ, thì ai có thể bắt bẻ được Ngài?"

Để ý cẩn thận cụm từ những bình phần nộ dành sẵn cho sự hư mất. Những bình phần nộ là những người mà tội lỗi của họ khiến họ trở thành đối tượng cho cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Họ được chuẩn bị sẵn cho sự hư mất bởi cố tội lỗi, sự không vâng lời và nổi loạn của chính họ, chứ không phải bởi mệnh lệnh độc đoán nào đó của Đức Chúa Trời.

9:23 Ai có thể phản đối nếu Đức Chúa Trời muốn tỏ ra sự giàu có của

vinh hiển Ngài cho những người Ngài muốn tỏ lòng thương xót – là những người Ngài đã chọn từ trước cho sự vinh hiển đời đời? Ở đây, lời giải thích của C. R. Erdman dường như đặc biệt hữu ích:

*Quyền tể trị tôi thương của Đức Chúa Trời chưa bao giờ được đem vận dụng để đoán phạt những con người đáng được cứu, nhưng đáng hơn, quyền ấy đã đem lại sự cứu rỗi cho những người đáng ra bị hư mất.*²⁹

Đức Chúa Trời không chuẩn bị sẵn những bình đáng giận cho sự hư mất, nhưng Ngài thực sự chuẩn bị những chiếc bình đáng thương xót để định sẵn cho sự vinh hiển.

9:24 Phaolô xác định chiếc bình đáng thương xót là những người trong chúng ta đã tin Đấng Christ, là người Đức Chúa Trời đã gọi ra từ cả thế giới Do Thái lẫn thế giới ngoại bang. Điều này lập nền tảng cho phần lớn những điều tiếp theo sau – Việc biệt riêng ra một phần sót lại của dân Ysraên và kêu gọi dân ngoại bang bước vào địa vị hưởng đặc ân.

9:25 Sử đồ trích hai câu Kinh Thánh từ Ôsê để cho thấy đáng ra người Do Thái đứng ngạc nhiên trước sự kêu gọi dân ngoại. Câu thứ nhất là Ôsê 2:23: "Ta sẽ gọi kẻ chẳng phải dân ta là dân ta, kẻ chẳng được yêu dấu là yêu dấu." Trong thực tế, những lời Ôsê nói là nói đến dân Ysraên chứ không nói đến dân ngoại bang. Họ trông đợi thời kỳ Ysraên sẽ được khôi phục là dân sự của Đức Chúa Trời và làm người yêu dấu của Ngài. Nhưng khi Phaolô trích những lời này ở đây trong Rôma, ông áp

dụng cho sự kêu gọi dân ngoại bang. Phaolô có quyền gì để thay đổi triết để đến như thế? Câu trả lời là: chính Đức Thánh Linh là Đấng soi dẫn những lời này từ lúc đầu cũng là Đấng có quyền giải nghĩa lại hay áp dụng lại chúng về sau.

9:26 Câu thứ nhì là Ôsê 1:10: "Lại xảy ra trong nơi Ngài phán cùng họ rằng: Các ngươi chẳng phải là dân ta đâu, cũng tại nơi đó họ sẽ được xưng là con của Đức Chúa Trời hằng sống." Một lần nữa, trong khung cảnh Cựu Ước, câu này không nói đến dân ngoại bang nhưng mô tả sự khôi phục trong tương lai đưa Ysraên trở về với ơn của Chúa. Thế nhưng Phaolô áp dụng câu này cho việc Đức Chúa Trời công nhận dân ngoại bang là con của Ngài. Đây là minh họa khác nữa về sự kiện khi Đức Thánh Linh trích dẫn các câu trong Cựu Ước vào Tân Ước, Ngài hoàn toàn có quyền áp dụng chúng theo ý Ngài muốn.

9:27 Sự từ bỏ hết thấy mọi người ngoại trừ một nhóm dân sót của Ysraên được luận đến trong 9:27-29. Êsai báo trước chỉ một phần rất nhỏ của con cái Ysraên sẽ được cứu, dấu dân Ysraên có thể đã phát triển rất đông đảo (Êsai 10:22).

9:28 Khi Êsai nói: "Đức Giêhôva vạn quân đã định làm trọn sự hủy diệt trong khắp đất" (Êsai 10:23), ông đang nói đến việc người Babylon xâm lăng Palestine và sự lưu đày Ysraên tiếp sau đó. Chữ "làm" nói đến công việc đoán xét của Đức Chúa Trời. Khi trích những câu này, Phaolô đang nói những việc đã

xảy ra cho Ysraên ngày xưa nay có thể và sẽ xảy ra lần nữa trong thời của ông.

9:29 Như Êsai nói trước đó (trong phần đầu của lời tiên tri): **Nếu Chúa Vạn Quan chẳng để lại một số người sống sót, Ysraên hẳn đã bị quét sạch như Sôđôm và Gômôrê (Êsai 1:9).**

9:30 Phaolô hỏi: Toàn bộ những điều này đưa đến kết luận nào về thời kỳ Hội Thánh Hiện Tại? Kết luận thứ nhất là: **Những người ngoại bang** – vốn đặc trưng không theo đuổi sự công bình nhưng tránh lại theo đuổi sự gian ác, và là những người chắc chắn không theo đuổi sự công bình riêng của họ – đã tìm được sự công bình đến bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Đương nhiên, không phải toàn bộ dân ngoại bang, nhưng chỉ những ai tin nơi Đấng Christ thì mới được xưng công bình.

9:31 Mặt khác, **Ysraên**, vốn đã tìm sự xưng công bình trên cơ sở giữ luật pháp, lại không hề tìm được luật pháp nào để nhờ đó có sự công bình.

9:32 Nguyên nhân thật rõ ràng. Họ đã không chịu tin sự xưng công bình chính là bởi đức tin nơi Đấng Christ, nhưng cứ tiếp tục ngang ngạnh cố tìm công bình riêng của mình bởi công đức cá nhân. **Họ đã vấp phải hòn đá gây vấp ngã, là Đức Chúa Jêsus Christ.**

9:33 Đây chính xác là điều Chúa báo trước qua Êsai. Đấng Mêsia đến Giêrusalem sẽ có hiệu quả hai mặt. Đối với một số người, Ngài sẽ tỏ ra Ngài là hòn đá ngấn trở và hòn đá lớn làm cho vấp ngã (Êsai 8:14). Những người khác sẽ tin Ngài và thấy không có cơ gì để phải hổ thẹn, bị xúc phạm hay ngã lòng (Êsai 28:16).

B. Nhãn Tại Cửa Ysraên (Đoạn 10)

10:1 Những lời dạy của Phaolô thật khó chịu cho những người Do Thái chưa tin Chúa Jêsus. Họ xem ông là kẻ phản bội và kẻ thù của Ysraên. Nhưng ở đây, ông bảo đảm với anh em Cơ Đốc của mình – là những người nhận thư ông – điều khiến lòng ông vui thích nhất và ông đang hết sức sốt sắng cầu xin Chúa ban cho dân Ysraên chính là “để cho họ được cứu.”

10:2 Không hề lên án họ không kính sợ Đức Chúa Trời và vô đạo, nhưng vị sứ đồ làm chứng rằng họ cố lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời. Điều này thấy rõ qua việc họ cẩn thận tuân giữ các lễ nghi và các kỳ lễ của Do Thái giáo và không dung nhượng mọi giáo lý trái ngược. Nhưng sốt sắng vẫn chưa đủ; phải kết hợp với chân lý. Nếu không thì có hại hơn là có ích lợi.

10:3 Đây chính là chỗ họ đã thất bại. Họ không nhận biết sự công bình của Đức Chúa Trời, không nhận biết Đức Chúa Trời kể sự công bình dựa trên nguyên tắc đức tin chứ không phải nguyên tắc việc làm. Họ bắt đầu cố tạo ra công bình riêng của mình bằng cách tuân giữ luật pháp. Họ cố tìm kiếm ơn Đức Chúa Trời bằng nỗ lực riêng, bằng tinh cách riêng, và những việc lành của riêng mình. Họ liên tục không chịu vâng phục kế hoạch Đức Chúa Trời về việc xưng công bình cho những tội nhân dặt lòng tin vào Con Ngài.

10:4 Giả như họ tin Đấng Christ, họ sẽ thấy Ngài là sự cuối cùng của luật pháp để được sự công bình. Mục đích của luật pháp là để bày tỏ tội lỗi, cáo

trách và lên án kẻ phạm tội. Luật pháp không bao giờ truyền đạt được sự công bình. Hình phạt cho luật đã bị phạm là sự chết. Trong sự chết Ngài, Đấng Christ đã trả án phạt của luật pháp mà mỗi người đã vi phạm. Khi tội nhân tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình, luật pháp không còn gì để nói với người nữa. Qua sự chết của Đấng Thay Thế, người ấy đã chết với luật pháp. Người đoạn tuyệt với luật pháp và những nỗ lực vô ích nhằm đạt được sự công bình qua luật pháp.

10:5 Trong ngôn ngữ của Cựu Ước, chúng ta có thể nghe sự khác biệt giữa những lời của luật pháp và lời nói của đức tin. Lấy ví dụ, trong Lêvi Ký 18:5: **Môise viết người nào đạt được sự công bình mà luật pháp đòi hỏi thì sẽ sống nhờ đã đạt được công bình như thế.** Điểm nhấn mạnh là vào sự đạt được, vào việc làm của người.

Đương nhiên, câu này trình bày một lý tưởng mà không con người tội lỗi nào đáp ứng được. Toàn bộ ý câu này là nếu có thể giữ luật pháp cách trọn vẹn và vĩnh viễn, thì không thể nào tuyên án chết cho người ấy. Nhưng luật pháp đã được ban cho những người vốn đã là tội nhân rồi và vốn bị tuyên án phải chết rồi. Dầu có thể giữ luật pháp cách trọn vẹn kể từ ngày hôm ấy trở đi, họ vẫn sẽ bị hư mất vì Đức Chúa Trời đòi hỏi phải đền trả những tội đã phạm trong quá khứ. Dầu con người có được hy vọng nào để đạt sự công bình bởi luật pháp đi nữa, thì những hy vọng đó đều bị định đoạt phải thất bại ngay từ đầu.

10:6 Để cho thấy ngôn ngữ của đức tin là hoàn toàn khác với ngôn ngữ của

luật pháp, Phaolô trước hết trích từ Phục Truyền Luật Lệ Ký 30:12,13 như sau:

Nó chẳng phải ở trên trời, để người nói rằng: Ai sẽ lên trời đem nó xuống cho chúng tôi nghe, đừng chúng tôi làm theo? Nó cũng chẳng phải ở bên kia biển, để người nói rằng: Ai sẽ đi qua bên kia biển, đem nó về cho chúng tôi nghe, đừng chúng tôi làm theo?

Điều thú vị ấy là: trong khung cảnh ở Phục Truyền Luật Lệ Ký, những câu này không nói gì đến đức tin và Tin Lành. Chúng nói về luật pháp, và cụ thể là điều răn "hết lòng hết ý trở lại cùng Giêhôva Đức Chúa Trời người" (Phục Truyền Luật Lệ Ký 30:10b). Đức Chúa Trời đang phán rằng luật pháp không ẩn giấu, không ở xa, cũng không phải là không đến gần được. Không cần phải lên thiên đàng hay vượt qua biển cũng vẫn tìm gặp được. Luật pháp ở gần trong tầm tay và đang chờ đợi người ta vâng theo.

Nhưng sứ đồ Phaolô đem những lời này áp dụng lại cho Tin Lành. Ông nói ngôn ngữ của đức tin không đòi hỏi người ta phải trèo lên thiên đàng để đem Đấng Christ xuống. Trước hết, điều đó là hoàn toàn không thể có được, nhưng cũng hoàn toàn không cần thiết, vì Đấng Christ đã xuống thế gian này qua sự nhập thể của Ngài tới!

10:7 Khi sứ đồ trích Phục Truyền Luật Lệ Ký 30:13, ông thay đổi câu này từ "Ai sẽ đi qua bên kia biển" trở thành "Ai sẽ xuống vực sâu." Ý ông muốn nói Tin Lành không đòi hỏi phải đi xuống mồ mà để đem Đấng Christ lên từ giữa

vòng kẻ chết. Điều này sẽ là không thể thực hiện được, nhưng cũng sẽ không cần thiết, vì Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết rồi. Lưu ý trong 10:6, 7, chúng ta có hai giáo lý về Đấng Christ và là hai điều khó chấp nhận nhất đối với người Do Thái – sự nhập thể và sự sống lại của Ngài. Thế nhưng nếu muốn được cứu rỗi thì phải chấp nhận hai giáo lý đó. Chúng ta sẽ thấy hai giáo lý này trở lại trong 10:9,10.

10:8 Nếu Tin Lành không bảo con người làm những việc họ không thể làm được, hay làm những việc mà Chúa đã làm rồi, vậy thì Tin Lành nói gì?

Một lần nữa, Phaolô điều chỉnh câu trích từ Phục Truyền Luật Lệ Ký 30 để nói rằng Tin Lành ở gần, có thể tiếp cận, có thể hiểu và dễ đạt được; có thể diễn tả Tin Lành trong cuộc đàm thoại quen thuộc (ở trong miệng người); và có thể hiểu dễ dàng trong trí (trong lòng người) (Phục Truyền Luật Lệ Ký 30:14). Đây chính là tin tức tốt lành về sự cứu rỗi bởi đức tin mà Phaolô và các sứ đồ khác đã rao giảng.

10:9 Đây là phần tóm lược: trước hết, anh em phải chấp nhận chân lý về sự nhập thể, phải chấp nhận hài nhi trong máng cỏ Bêlêhêem chính là Chúa của sự sống và vinh hiển, phải chấp nhận Chúa Jêsus của Tân Ước chính là Chúa (Giêhôva) của Cựu Ước.

Thứ nhì, anh em phải chấp nhận chân lý về sự phục sinh của Ngài, cùng với mọi điều liên quan đến chân lý này. Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại để làm bằng chứng Đấng Christ đã hoàn tất công tác cần thiết cho sự cứu rỗi chúng ta, và công

tác đó Đức Chúa Trời đã làm thỏa mãn. Tin điều này bằng **tấm lòng** có nghĩa là tin với cả sức mạnh của tinh thần, tình cảm và ý chí của mình.

Vậy **miệng người xưng Đức Chúa Jê-sus ra và lòng người tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại**. Đây chính là việc cá nhân đích thân nhận lấy thân vị và công tác của Đức Chúa Jê-sus Christ. Đó là đức tin cứu rỗi.

Người ta thường thắc mắc: "Tiếp nhận Chúa Jê-sus làm Cứu Chúa nhưng không công nhận Ngài làm Chúa thì có được cứu không?" Kinh Thánh không hề khích lệ ai tin với sự e dè của lý trí: "Tôi sẽ nhận Chúa Jê-sus làm Cứu Chúa của mình nhưng tôi không muốn tôn Ngài lên làm Chúa của mọi sự." Mặt khác, những người biến sự thuận phục Chúa Jê-sus là Chúa trở thành *một điều kiện để được cứu rỗi* thì họ gặp nan đề: "Phải công nhận Ngài làm Chúa đến mức độ nào?" Một số ít Cơ Đốc nhân đòi hỏi phải có sự đầu phục Chúa tuyệt đối và hoàn toàn theo kiểu này. Khi trình bày Tin Lành, chúng ta phải xác nhận rằng *đức tin là điều kiện duy nhất của sự xưng công bình*. Nhưng chúng ta cũng phải luôn luôn nhắc cho các tội nhân và thánh đồ nhớ Đức Chúa Jê-sus Christ là Chúa (Giê-hô-va - Đức Chúa Trời), và Ngài đáng được công nhận đúng như thế.

10:10 Để giải thích thêm, Phaolô viết rằng **vì tin bởi trong lòng mà được sự công bình**. Đây không phải là sự đồng ý suông của lý trí, nhưng là sự chấp nhận chân thật với cả con người bề trong. Khi làm như vậy, người ấy lập tức được xưng công bình.

Và rồi "**bởi miệng làm chứng mà được sự cứu rỗi**"; có nghĩa tin hữu công khai xưng nhận sự cứu rỗi mình đã nhận được rồi. Sự tuyên xưng *không phải là một điều kiện để được cứu*, nhưng là biểu hiện bề ngoài không thể tránh khỏi của điều đã xảy ra: "Nếu anh em tin cậy nơi Chúa Jê-sus Christ, thì chắc chắn anh em phải nói về Ngài." Khi một người thực sự tin vào điều đó, người ấy muốn chia sẻ cho những người khác. Vì vậy, khi một người được tái sanh thật sự, thì điều đó quá tốt đến nỗi không thể giữ bí mật được. Người ấy tuyên xưng Đấng Christ ra.

Kinh Thánh coi như thừa nhận rằng khi một người được cứu, người ấy sẽ tuyên xưng công khai về sự cứu rỗi mình đã nhận. Hai điều này đi chung với nhau. Vì vậy Kelly nói: "Nếu không có sự tuyên xưng Đấng Christ là Chúa bằng môi miệng, chúng ta không thể nói về sự cứu rỗi; đúng như Chúa chúng ta đã phán: 'Ai tin và chịu phép báp-têm sẽ được rỗi.'" ⁴⁰ Còn Denney nhận định:

"Tấm lòng tin Chúa thì được sự công bình, và môi miệng tuyên xưng thì được sự cứu rỗi, thực sự không phải là hai vấn đề, mà là hai bề mặt của cùng một vấn đề." ⁴¹

Thắc mắc nảy sinh: Vì sao trong 10:9 thì sự tuyên xưng đến trước rồi mới đến tin, còn trong 10:10, lòng tin đến trước, sau đó mới tuyên xưng. Không khó để tìm câu trả lời. Trong câu 9, điểm nhấn mạnh là vào sự nhập thể và vào sự phục sinh, và những giáo lý này được đề cập theo trình tự thời gian của chúng. Sự Nhập Thể đến trước -

Chúa Jêsus là Chúa. Sau đó đến sự sống lại – Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Trong câu 10, điểm nhấn mạnh nhắm vào trật tự các biến cố trong sự cứu rỗi tội nhân. Trước hết người ấy tin, sau đó tuyên xưng công khai về sự cứu rỗi của mình.

10:11 Giờ đây sứ đồ trích Êsal 28:16 để nhấn mạnh kẻ nào tin Ngài sẽ chẳng bị hổ thẹn. Nghĩ đến việc công khai tuyên xưng Đấng Christ có thể khiến người ta sợ vì hổ thẹn, nhưng ngược lại mới đúng. Lời chúng ta tuyên xưng Ngài trên đất dẫn đến việc Ngài tuyên xưng chúng ta ở trên Thiên đàng. Sự trông cậy của chúng ta là sự trông cậy không bao giờ bị thất vọng.

Từ ngữ *kẻ nào* tạo thành mối liên kết với điều sẽ đi tiếp theo – tức là sự cứu rỗi vinh diệu của Đức Chúa Trời lại dành cho mọi người, cho cả người ngoại bang cũng như người Do Thái.

10:12 Trong Rôma 3:23, chúng ta biết không có sự phân biệt nào giữa người Do Thái và người ngoại bang khi nói đến nhu cầu cần được cứu, vì mọi người đều là tội nhân. Giờ đây chúng ta biết không có sự phân biệt nào về tính có sẵn của sự cứu rỗi. Chúa không phải là một Đức Chúa Trời độc quyền, nhưng là Chúa trên toàn nhân loại. Ngài giàu ơn thương xót cho những ai kêu cầu danh Ngài.

10:13 Giôên 2:32 được trích để chứng minh tính phổ thông của Tin Lành. Hầu như không ai còn muốn tìm câu tuyên bố đơn giản cho con đường cứu rỗi hơn là những lời này: "Vi ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu." Danh Chúa đại diện thay cho chính Chúa.

10:14 Nhưng một Tin Lành như thế bao hàm cả sự công bố phổ thông. Sự cứu rỗi được ban cho người Do Thái lẫn người ngoại bang sẽ có ích lợi gì nếu họ chưa bao giờ nghe đến? Ở đây, chúng ta có nhịp đập của công tác truyền giáo Cơ Đốc!

Qua một loạt ba câu hỏi "Làm sao" (kêu cầu Ngài sao được... làm thế nào mà tin... chẳng ai rao giảng thì nghe làm sao), vị sứ đồ đi ngược lại trên những bậc thang dẫn đến sự cứu rỗi của người Do Thái và người ngoại bang. Có lẽ sẽ rõ ràng hơn nếu chúng ta đảo ngược thứ tự như sau:

Chúa sai các đầy tớ Ngài đi ra.

Họ rao giảng Tin Lành của sự cứu rỗi.

Những tội nhân nghe Đức Chúa Trời ban sự sống trong Đấng Christ

Một số những người nghe đã tin vào sứ điệp này.

Những người đã tin thì kêu cầu Chúa.

Ai kêu cầu Chúa thì sẽ được cứu.

Hodge nói rõ đây là một lập luận lập nền tảng dựa trên nguyên tắc: nếu Đức Chúa Trời muốn có mục đích, Ngài cũng sẽ muốn có phương tiện để đạt mục đích đó.⁴² Như đã nói, đây là cơ sở của phong trào truyền giáo Cơ Đốc. Ở đây, Phaolô đang minh chứng công tác rao giảng Tin Lành của mình cho người ngoại bang, là một phương sách những người Do Thái không tin Đấng Christ xem như không thể bảo chữa vào đâu được.

10:15 Đức Chúa Trời chính là Đấng sai phái. Chúng ta là người được sai đi. Chúng ta đang làm gì để thực hiện việc

này? Chúng ta có **bàn chân xinh đẹp** mà Êsai đã quy gán cho Ngài – là Đấng đã **đem tin lối về phước lành** – không? (Êsai 52:7). Êsai viết về **bàn chân xinh đẹp của Ngài** – tức là Đấng Mêsia. Ở đây trong Rôma 10:15, đại từ ngôi thứ ba số ít đã trở thành đại từ ngôi thứ ba số nhiều. Chúa đã đến với **bàn chân xinh đẹp 2000 năm trước**. Giờ đây, đặc ân và trách nhiệm của chúng ta chính là đi với **bàn chân xinh đẹp** để đến với một thế giới hư mất và đang hấp hối.

10:16 Nhưng nói đâu luôn dạy dứt Phaolô ấy là chẳng phải mọi người của dân Ysraên đều nghe Tin Lành. Êsai đã nói tiên tri y như thế khi ông hỏi: "**Lạy Chúa ai tin điều đã rao truyền cho chúng ta?**" (Êsai 53:1). Câu hỏi này yêu cầu câu trả lời: "Không nhiều người đâu." Khi rao ra lời loan báo sự hiện đến lần thứ nhất của Đấng Mêsia, không có nhiều người đáp ứng.

10:17 Trong câu trích từ Êsai, Phaolô lưu ý niềm tin mà vị tiên tri nói đến sẽ phát xuất từ sứ điệp mà người ta nghe, và sứ điệp đó đến từ lời nói về Đấng Mêsia. Vì vậy, ông kết luận, **đức tin đến bởi sự người ta nghe, và người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng**. Đức tin đến cho con người khi họ nghe chúng ta rao giảng Đức Chúa Jêsus Christ, và đương nhiên điều này được căn cứ trên **lời thánh văn của Đức Chúa Trời**.

Nhưng nghe bằng tai thì chưa đủ. Còn phải nghe bằng cả tâm lòng và tâm trí mở rộng, sẵn lòng để được thấy lẽ thật của Đức Chúa Trời. Nếu nghe như vậy thì người nghe sẽ thấy Lời Chúa là sự thật, và thấy sự thật ấy tự xác chứng,

Bấy giờ người sẽ tin. Đương nhiên, phải thấy rõ rằng việc nghe được ám chỉ trong câu Kinh Thánh này không chỉ liên quan độc nhất đến đối tượng. Lấy ví dụ, có thể **đọc** sứ điệp. Vậy, "nghe" có nghĩa tiếp nhận Lời Chúa bằng bất kỳ phương tiện nào.

10:18 Như vậy nan đề là gì? Chẳng phải cả người Do Thái lẫn người ngoại bang đều đã được nghe giảng Tin Lành sao? Đùng vậy. Phaolô mượn lời của Thi Thiên 19:4 để chứng tỏ họ đã nghe Tin Lành. Ông nói: **Đùng, thật vậy:**

"Tiếng của các sứ giả đã vang khắp đất,

và lời của sứ giả đã đạt đến cùng thế gian."

Nhưng thật ngạc nhiên vì những lời từ Thi Thiên 19 này không phải đang nói đến Tin Lành. Đùng hơn, chúng mô tả lời chứng phổ thông của mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao về vinh quang của Đức Chúa Trời. Nhưng như đã nói, Phaolô mượn những lời này để nói rằng: trong thực tế, những lời này cũng đùng y như vậy về sự rao giảng Tin Lành trên toàn thế giới trong thời của ông. Bởi sự soi dẫn của Thánh Linh Đức Chúa Trời, vị sứ đồ thương trích dẫn phân đoạn Cựu Ước rồi áp dụng theo cách hoàn toàn khác. Đức Thánh Linh là Đấng đã ban những lời này từ lúc đầu, chắc chắn cũng là Đấng có quyền áp dụng chúng lại về sau này.

10:19 Sự kêu gọi dân ngoại và sự chối bỏ Tin Lành của đại đa số dân Do Thái đáng ra không phải là điều ngạc nhiên đối với dân Ysraên. Chính Thánh Kinh của họ đã báo trước chính xác điều sẽ xảy đến. Lấy ví dụ, Đức

Chúa Trời cảnh cáo rằng Ngài sẽ thực hiện cho dân Ysraên ghen tương bởi kẻ chẳng phải là dân (tức người ngoại bang), và thực hiện dân Ysraên bởi một dân ngu dốt, thờ tượng hình tượng (Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:21).

10:20 Với lối nói càng mạnh mẽ hơn nữa, Êsai trích dẫn Chúa là Đấng đã được tìm thấy bởi dân ngoại bang – là những người thực sự không đang tìm kiếm Ngài – và Ngài đã được tỏ ra cho những người không đang hỏi thăm để tìm kiếm Ngài (Êsai 65:1). Nói chung, dân ngoại bang đã không tìm kiếm Đức Chúa Trời. Họ thỏa mãn với các tôn giáo tà thần của họ. Nhưng rất nhiều người trong số họ đã đáp ứng khi nghe Tin Lành. Nói cách tương đối, người ngoại bang đã đáp ứng nhiều hơn người Do Thái.

10:21 Dựa trên nền bức tranh dân ngoại bang đang tụ tập về với Đức Giêhôva, Êsai mô tả Chúa đứng suốt cả ngày với đôi tay giang rộng mời gọi dân Ysraên, và được đáp lại bởi sự khước từ ngoan cố và sự bất tuân.

C. Tương Lai Của Ysraên (Đoạn 11)

11:1 Tương lai của Ysraên thì sao? Có đúng như một số người dạy rằng Đức Chúa Trời đã đoạn tuyệt với Ysraên, và hội thánh hiện tại là Ysraên của Đức Chúa Trời, và mọi lời hứa cho Ysraên giờ đây áp dụng cho hội thánh không? ⁴³ Rôma 11 là một trong những lời bác bỏ quan điểm đó mạnh mẽ nhất trong toàn Kinh Thánh.

Câu hỏi mở đầu của Phaolô muốn nói: "Có phải Đức Chúa Trời đã vứt bỏ dân sự Ngài hoàn toàn rồi không?".

"Có phải mỗi một người Ysraên đều bị bỏ không?". Chẳng hề như vậy! Đại ý ở đây là: đấng Đức Chúa Trời đã bỏ dân sự Ngài, như đã nói rõ ràng trong 11:15, nhưng như vậy không có nghĩa Ngài bỏ hết toàn bộ họ. Chính Phaolô là bằng chứng cho thấy không phải bị bỏ hết tất cả. Suy cho cùng, ông là một người Ysraên, dòng dõi của Ápraham, về chi phái Bêngiamin. Những giấy chứng nhận tư cách Do Thái của ông không thể chế vào đâu được.

11:2 Vì vậy, chúng ta phải hiểu phần đầu của câu này muốn nói: "Đức Chúa Trời chẳng lừng bỏ hoàn toàn dân Ngài đã biết trước." Tình hình này tương tự với tình hình trong thời Êli. Đại đa số dân tộc đã xây bỏ Đức Chúa Trời để hướng về thần tượng. Tình hình xấu đến nỗi Êli cầu nguyện chống lại Ysraên thay vì cầu thay cho dân này!

11:3 Êli nhắc Đức Chúa Trời nhớ lại việc dân sự đập tất tiếng của các tiên tri bằng cách giết họ đi. Dân sự đã phá đổ bàn thờ Đức Chúa Trời. Đối với ông, dường như ông là tiếng nói trung tâm duy nhất cho Chúa còn sót lại, và mạng sống ông làm nguy trước mặt.

11:4 Nhưng bức tranh không đen tối và tuyệt vọng như Êli đang sợ. Đức Chúa Trời nhắc tiên tri nhớ Ngài đã để dành cho Ngài bảy ngàn người cương quyết không chịu đi theo dân sự để thờ lạy Bành.

11:5 Điều đã đứng cho lúc bấy giờ thì cũng đúng cho hiện tại: Đức Chúa Trời không hề để tình trạng không còn một chứng nhân nào cho Ngài. Ngài luôn luôn có một dân số trung tín do

chính Ngài chọn làm những đồ dùng đặc biệt của **ân điển** Ngài.

11:6 Đức Chúa Trời không chọn dân sót này dựa trên **việc làm** của họ, nhưng bởi **ân điển** chọn lựa tối thượng của Ngài. Hai nguyên tắc này – **ân điển** và **việc làm** – loại trừ lẫn nhau. Không thể nào bỏ công ra làm để kiếm một món quà. Thứ miễn phí thì không thể mua. Điều gì không bởi công đức thì không thể nhận do cậy mình xứng đáng. Hạnh phúc thay vì sự chọn lựa của Đức Chúa Trời căn cứ trên **ân điển**, chứ không trên **việc làm**; nếu không, ách hấn xưa nay không ai được chọn.

11:7 Như vậy kết luận rút ra là: Ysraên không có được sự công bình vì cố họ tìm sự công bình bởi nỗ lực riêng thay vì nhờ công tác đá hoàn tất của Đấng Christ. Dân sót – do Đức Chúa Trời tuyển chọn – đã thành công để tìm được sự công bình bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus. Dân tộc này đã chịu điều mà ta có thể gọi là sự mù quáng không còn biết suy xét. Không chịu tiếp nhận Đấng Mêsia dẫn đến tình trạng ngày càng bị giảm khả năng và khuynh hướng tiếp nhận Ngài.

11:8 Dãy chính xác là điều Cựu Ước báo trước sẽ xảy ra (Êsai 29:10; Phục Truyền Luật Lệ Ký 29:4). **Đức Chúa Trời** đã bỏ mặc họ vào tình trạng **mù lòa** (Bản Anh ngữ "**mā mǎn ngǎn ngǎ**"), trong tình trạng đó họ trở nên hết nhạy bén với những thực tại thuộc linh. Vì không chịu xem Chúa Jêsus là Đấng Mêsia và Cứu Chúa, nên giờ đây họ mất năng lực để nhìn thấy Ngài. Vì không chịu nghe tiếng nài nỉ của Đức Chúa Trời, giờ đây

họ bị đày thuộc linh. Sự đoán xét kinh khiếp đó vẫn tiếp tục mãi cho đến ngày nay.

11:9 Đavít cũng báo trước sự đoán xét của Đức Chúa Trời giáng trên Ysraên. Trong Thi Thiên 69:22,23 ông mô tả Cứu Chúa bị khước từ đang kêu cầu Đức Chúa Trời biến **bàn tiệc** của họ thành **lưỡi và bẫy**. **Bàn tiệc** ở đây có nghĩa toàn bộ những đặc ân và phúc hạnh tuôn trào qua Đấng Christ. Điều đáng ra là phúc hạnh nay đã hóa thành rửa sả.

11:10 Trong phần đoạn Thi Thiên, Cứu Chúa đang chịu thống khổ cùng kêu cầu Đức Chúa Trời **cho mắt họ mù lòa** và thân thể họ phải cong khom bởi sự thiệt hại hay bởi già cả (hoặc lưng họ hằng run rẩy).

11:11 Giờ đây Phaolô nêu một thắc mắc nữa: **Có phải dân Ysraên vấp chân đường ấy hầu cho lé xuống chăng?** Ở đây, chúng ta phải thêm vài từ ngữ *chung cuộc* hoặc *đến đời đời*. Có phải họ đã vấp đến độ có thể sa ngã và không bao giờ được hồi phục? Sứ đồ mạnh mẽ phủ nhận lời gợi ý như thế. Mục đích của Đức Chúa Trời là để khôi phục. Mục đích của Ngài là: Bởi sự vấp ngã của họ, **sự cứu rỗi có thể đến cho dân ngoại bang**, để bởi đó trêu dân Ysraên ghen tương. **Sự ghen tương** này nhằm đưa Ysraên cuối cùng quay trở về Đức Chúa Trời.

Phaolô không phủ nhận sự sa ngã của dân Ysraên. Trong thực tế, ông thừa nhận điều đó trong chính câu này – **bởi lợi lỗi họ** (Bản Anh ngữ – *bởi sự sa ngã của họ*), mà sự cứu rỗi đã đến cho

dân ngoại – và trong câu kế tiếp – “nếu *sự sa ngã* của họ làm giàu cho thế gian.” Nhưng ông mạnh mẽ phản đối ý kiến cho rằng Đức Chúa Trời đoạn tuyệt mãi mãi với Ysraên.

11:12 Do Ysraên khước từ Tin Lành, dân tộc này bị loại ra và Tin Lành đến với **dân ngoại bang**. Theo ý nghĩa này, *sự sa ngã* của dân Do Thái có nghĩa là **sự giàu có cho thế gian**, và sự mất mát của Ysraên đã trở nên lợi lộc cho người ngoại bang.

Nhưng nếu đúng như vậy, sự khôi phục Ysraên sẽ đem lại ơn phước dồi dào cho toàn thế gian **còn nhiều hơn** biết dường nào! Khi Ysraên quay về với Chúa vào cuối Cơ Đại Nạn, Ysraên sẽ trở thành ống dẫn ơn phước đến cho các dân.

11:13 Ở đây, sử đồ nói với **dân ngoại bang** (11:13-24). Một số người nghĩ ông đang nói với những Cơ Đốc nhân ngoại bang tại Rôma, nhưng phần đoạn này đòi hỏi phải có một nhóm tính giả khác – tức là các dân ngoại bang theo đúng nghĩa của từ. Chúng ta sẽ dễ hiểu phần đoạn này hơn nếu thấy Phaolô đang nói với dân Ysraên theo tính cách toàn dân và cũng nói với **dân ngoại bang** theo đúng một tính cách đó. Không phải ông đang nói đến hội thánh của Đức Chúa Trời; nếu không chúng ta phải đối diện với khả năng hội thánh bị chặt hổ (11:22), và điều này là trái với Kinh Thánh.

Vì Phaolô là vị **sứ đồ cho dân ngoại**, nên ông nói với họ rất thẳng thắn như thể cũng hoàn toàn tự nhiên thôi. Làm như vậy tức là ông đang làm trọn chức vụ của mình mà thôi.

11:14 Ông tìm mọi **phương tiện để giục lòng tranh đua của đồng bào mình**, để Chúa có thể dùng ông cứu **được** mấy người. Ông đã biết và chúng ta cũng biết chính ông không thể cứu bất kỳ ai. Nhưng Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi đã gắn bó gắn gũi chính Ngài với đầy tớ Ngài đến nỗi Chúa cho phép họ nói họ làm được những việc mà chỉ Ngài mới làm được.

11:15 Câu này lập lại lập luận của 11:12 theo cách nói khác. Khi dân Ysraên bị loại ra không còn làm tuyến dân trên đất này của Đức Chúa Trời, dân ngoại bang được đưa vào địa vị hưởng đặc ân với Chúa và như vậy nói theo nghĩa hình bóng, họ đã được giải hóa. Khi Ysraên được khôi phục trong Thời Trị Vị Thiên Hy Niên của Đấng Christ, thì sẽ giống như có sự tái sanh hay sự phục sinh toàn thế giới.

Có thể minh họa điều này qua kinh nghiệm của Giôna, người làm hình bóng về dân Ysraên. Khi Giôna bị quăng ra khỏi thuyền trong cơn bão, điều này đem lại sự giải cứu hay sự cứu rỗi cho cả một con thuyền đầy người ngoại bang. Nhưng khi Giôna được khôi phục và đi giảng cho Ninive, thì đem lại sự cứu rỗi cho một thành phố đầy dân ngoại bang. Vì vậy, việc Đức Chúa Trời tạm bỏ Ysraên dẫn đến kết quả Tin Lành đến với một nhóm người Do Thái, có thể nói cách so sánh như thế. Nhưng khi Ysraên được khôi phục, nhiều đoàn người ngoại bang đồng đảo sẽ được đưa vào vương quốc Đức Chúa Trời.

11:16 Giờ đây Phaolô sử dụng hai phép tỷ dụ. Tỷ dụ thứ nhất liên quan

đến trái đầu mùa và cả đồng, tỷ dụ thứ nhì liên quan đến rễ và nhánh. Trái đầu mùa và cả đồng nói đến cục bột, chứ không phải nói về trái. Trong Dân số Ký 15:19-21, chúng ta đọc thấy một miếng bột được dâng lên cho Chúa như một của lễ gơ lên. Lập luận ấy là: nếu một miếng bột được biệt riêng ra cho Chúa, thì toàn bộ đồng bột chứa miếng bột đó cũng được biệt riêng ra.

Về phần ứng dụng, trái đầu mùa là Ápraham. Ông là thánh theo ý nghĩa ông được Chúa biệt riêng ra. Nếu điều này là đúng cho ông, thì cũng đúng cho đồng dôi được chọn của ông. Họ được biệt riêng ra cho địa vị hưởng đặc ân bên ngoài trước mặt Đức Chúa Trời.

Tỷ dụ thứ nhì là rễ và nhánh. Nếu rễ được biệt riêng ra, thì nhánh cũng vậy. Ápraham là rễ theo ý nghĩa ông là người đầu tiên được Đức Chúa Trời biệt riêng ra để lập thành một xã hội mới, khác biệt với muôn dân. Nếu Ápraham được biệt riêng ra, thì toàn bộ những người ra từ ông trong dòng dôi được chọn cũng được biệt riêng ra.

11:17 Sử đồ tiếp tục tỷ dụ về rễ và nhánh.

Những nhánh bị cắt đi mô tả phần không tin của mười hai chi phái Ysraên. Vì chối bỏ Đấng Mêsia, họ bị bỏ ra khỏi chỗ có đặc ân với tư cách tuyển dân của Đức Chúa Trời. Nhưng chỉ một số nhánh bị bỏ. Dân sót của dân tộc này, bao gồm chính Phaolô, đã tiếp nhận Chúa.

Cây olive hoang chỉ về dân ngoại bang, được xem như một dân. Họ được tháp vào cây olive.

Cùng với các nhánh của cây olive, người ngoại bang dự phần về nhựa và rễ của cây olive. Người ngoại bang chia sẻ địa vị được ơn mà lúc đầu đã được ban cho Ysraên và hiện địa vị này vẫn thuộc về dân sót tin Chúa của Ysraên.

Trong minh họa này, điều quan trọng là phải thấy nhánh chính của cây olive không phải là Ysraên, nhưng đúng hơn là dòng dõi đặc ân của Đức Chúa Trời trải qua các thế kỷ. Nếu gốc cây này là Ysraên, thì bạn sẽ có bức tranh kỳ dị miêu tả Ysraên bị chặt khỏi Ysraên rồi lại được tháp vào chính Ysraên.

Điều quan trọng cần nhớ nữa là nhánh olive hoang không phải là hội thánh nhưng là dân ngoại bang được nhìn cách tổng thể. Nếu không nhớ điều này, bạn sẽ đối diện với khả năng là tín hữu thật bị cắt bỏ khỏi ân điển của Đức Chúa Trời. Phaolô đã chứng minh rằng điều này là không thể có (Rôma 8:38,39).

Khi chúng ta nói gốc của cây là dòng dõi có đặc ân trải dài nhiều thế kỷ, chúng ta muốn nói gì với từ ngữ "dòng dõi có đặc ân"? Đức Chúa Trời quyết định biệt riêng một số người nhất định để ở vị trí đặc biệt gắn gũi với Ngài. Họ sẽ được biệt riêng khỏi phần còn lại của thế gian và sẽ hưởng những đặc ân đặc biệt. Họ sẽ hưởng điều mà ngày nay chúng ta có thể gọi là "qui chế tối huệ quốc." Trong những thời kỳ khác nhau của lịch sử, Ngài sẽ có một nhóm thân tín đặc biệt.

Dân Ysraên đứng đầu trong hàng ngũ có đặc ân này. Họ là tuyển dân ngày xưa của Đức Chúa Trời trên đất.

Vì cơ khước từ Đấng Mêsia, một số **những nhánh** này bị **cắt đi** và bị **mất địa vị** "con cưng." Dân ngoại bang được **tháp vào** cây ôlive và trở thành người dự phần rễ và nhựa cây cùng với những người Do Thái tin Chúa Jêsus. Rễ chỉ về Ápraham, và từ ông mà bắt đầu dòng dõi có đặc ân. **Nhựa** của cây ôlive chỉ về năng suất của nó - tức là chỉ về mùa thâu hoạch trái và dầu ôlive ra từ đó. Ở đây, **nhựa** biểu thị những đặc ân tuôn trào từ mối liên hiệp với **cây ôlive**.

11:18 Nhưng dân ngoại bang **đứng** tỏ thái độ xem mình hơn người Do Thái, hay **khoe khoang** về bất kỳ sự trở hơn nào. **Khoe khoang** như thế tức là bỏ qua sự thực rằng họ đã không sinh ra từ dòng dõi có đặc ân. Đúng hơn, chính nhờ dòng dõi có đặc ân họ mới được đặt vào chỗ họ hiện đang ở, tức là trong địa vị có ơn đặc biệt.

11:19 Phaolô lường trước trong trí tưởng tượng một người ngoại bang nào đó đang trò chuyện cùng ông sẽ **bảo rằng**: "Các nhánh Do Thái bị **cắt đi** để ta được **tháp vào** chỗ nó."

11:20 Giờ đây sứ đồ thừa nhận câu nói này đúng một phần. Các nhánh Do Thái đã bị **cắt đi**, để người ngoại bang được **tháp vào**. Nhưng sở dĩ như vậy là vì **lòng vô tín** của Ysraên chứ không phải dân ngoại có quyền đặc biệt để đòi hỏi Đức Chúa Trời. Người ngoại bang được **tháp vào** bởi vì với tư cách một dân, họ đã **đứng bởi đức tin**. Cụm từ "người nhờ đức tin mà còn" (Bản Anh Ngữ: "người đứng bởi đức tin") dường như cho thấy Phaolô đang nói về những tín hữu thật. Nhưng không bắt buộc phải cứ ý đó. Nói để so sánh, thì cách

duy nhất để người ngoại bang nhờ **đức tin** mà còn ấy là họ thể hiện đức tin nhiều hơn người Do Thái. Vì vậy, Chúa Jêsus đã nói với viên **đội trưởng** người ngoại bang: "Dầu trong dân Ysraên, ta cũng chưa thấy một đức tin lớn dường ấy" (Luca 7:9). Và về sau Phaolô nói với người Do Thái tại Rôma: "Vậy, hãy biết sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời nầy đã sai đến cho người ngoại; những người đó sẽ nghe theo vậy" [CôngVụ 28:28]. Lưu ý "những người đó sẽ nghe theo vậy." Với tư cách một dân, ngày nay họ chịu tiếp nhận Tin Lành nhiều hơn so với Ysraên. "Còn đứng" (Bản Anh Ngữ) ở đây là trái nghĩa với "tê xuống." Ysraên đã ngã khỏi địa vị có đặc ân của mình. Người ngoại bang đã được **tháp vào** địa vị đó.

Nhưng ai đứng hãy giữ kẻo ngã. Người ngoại bang chớ nên **khoe khoang** và **kiêu ngạo**, nhưng **trái lại** nên **sợ hãi**.

11:21 Nếu Đức Chúa Trời đã **không** ngăn ngại **cắt các nhánh** nguyên ra khỏi hàng ngũ có đặc ân, thì không có cơ nào để cho rằng Ngài sẽ **chừa** những nhánh ôlive hoang ở trong hoàn cảnh tương tự.

11:22 Vì vậy, trong ẩn dụ về cây ôlive, chúng ta **thấy** hai phương diện tương phản vĩ đại trong đặc tính Đức Chúa Trời - **sự nhân lành** và **sự nghiêm nhậ** của Ngài. Sự nghiêm nhậ của Ngài được bày tỏ qua việc loại bỏ Ysraên khỏi qui chế tối huệ quốc. Sự **nhân lành** của Ngài được nhìn thấy trong việc Ngài quay sang đem Tin Lành cho dân ngoại bang (xem CôngVụ 13:46; 18:6). Nhưng đừng xem sự **nhân lành** đó như chuyện đương nhiên. Dân ngoại bang cũng có

thể bị **chặt đi** nếu họ không duy trì quan hệ rõ ràng mà Chúa đã nhìn thấy trong chức vụ tại thế của Ngài (Mathiơ 8:10; Luca 7:9).

Phải luôn luôn nhớ rằng Phaolô không đang nói đến hội thánh hay nói đến cá nhân tín hữu. Ông đang nói về dân ngoại bang. Không điều nào có thể phân rẽ thân thể Đấng Christ ra khỏi Đấng, không điều nào có thể phân rẽ tín hữu ra khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời, nhưng các dân ngoại bang có thể bị cắt bỏ khỏi địa vị hưởng đặc ân đặc biệt hiện tại của họ.

11:23 Và không bắt buộc sự cắt bỏ Ysraên phải là chung cuộc. Nếu họ bỏ **lòng vô tín** của toàn dân họ, thì không có cơ gì khiến Đức Chúa Trời không thể đặt họ lại địa vị nguyên thủy có đặc ân. Không phải Đức Chúa Trời không thể làm điều này.

11:24 Trên thực tế, nếu Đức Chúa Trời phục hồi Ysraên trở về làm dân sự được hưởng đặc ân của Ngài thì sẽ ít khác khe gập bội việc đặt dân ngoại bang vào địa vị đó. Dân Ysraên là các nhánh nguyên thủy trong cây ân huệ của Đức Chúa Trời, và vì vậy họ được gọi là **những nhánh nguyên**. Các nhánh ngoại bang ra từ cây **ôlive hoang**. Thập nhánh olive hoang vào **cây olive lối** là một cách thập trải lẽ tự nhiên, hay như Phaolô nói, đây là **ngịch tánh**. Thập những nhánh nguyên **vào cây olive lối nguyên thủy** của chúng là một tiến trình hết sức tự nhiên.

11:25 Giờ đây sứ đồ Phaolô cho thấy sự khôi phục tương lai của Ysraên không phải là khả năng có thể xảy ra, nhưng là một sự thật đã được bảo đảm.

Điều Phaolô bày tỏ giờ đây chính là **lẽ mấu nhiệm** - một sự thật mãi đến nay vẫn chưa ai biết, một sự thật không thể biết bởi lý trí suông của con người, nhưng một sự thật giờ đây được bày tỏ ra. Phaolô nêu lên để tin hữu ngoại bang sẽ không khoe mình là **khôn ngoan, không cậy linh thần dân tộc** của mình để xem thường người Do Thái. **Sự mấu nhiệm** này như sau:

Sự mù quáng một phần đã xảy ra cho người Ysraên. Sự mù quáng này không ảnh hưởng đến toàn dân tộc, nhưng chỉ trên nhóm người không chịu tin Chúa.

Sự mù quáng này là tạm thời. Sự mù quáng này sẽ tiếp tục nhưng chỉ đến **khi số dân ngoại** nhập vào được đầy đủ. **Số dân ngoại** nói đến thời điểm khi thành viên cuối cùng sẽ được thêm vào hội thánh, và khi thân thể trọn vẹn của Đấng Christ sẽ được cất lên Thiên đàng. Phải phân biệt "**số dân ngoại** nhập vào được đầy đủ" với **thời kỳ** dân ngoại (Luca 21:24). **Số dân ngoại** nhập vào được đầy đủ trùng khớp với sự cất lên. Cụm từ "**thời kỳ** dân ngoại" liên hệ đến toàn bộ thời kỳ thống trị của dân ngoại bang trên dân Ysraên, bắt đầu từ thời kỳ phu tù Babylon (II.Sứ ký 36:1-21) và kết thúc lúc Đấng Christ trở lại để cai trị trần gian.

11:26 Sự suy xét mù quáng của Ysraên sẽ được cất bỏ vào thời điểm Cất Lên, điều này không có nghĩa toàn dân Ysraên sẽ được cứu ngay lập tức. Dân Do Thái sẽ quay về hoán cải trong suốt thời kỳ Đại Nạn nhưng toàn bộ dân số được chọn vẫn chưa được cứu cho đến khi Đấng Christ tái lâm trần gian để làm Vua muôn vua và Chúa muôn chúa.

Khi Phaolô nói **cả dân Ysraên sẽ được cứu**, ông muốn nói **toàn bộ những người tin Chúa** trong dân Ysraên. Thành phần không tin của dân này sẽ bị tiêu diệt khi Đấng Christ hiện ra lần thứ nhì (Xachari 13:8, 9). Chỉ những người nào nói "Phước cho Đấng nhân danh Chúa mà đến" mới được chữa lại để vào nước Ngài.

Êsai đã chỉ về điều này khi ông nói Đấng Cứu Chuộc đến **Siôn** và cất bỏ sự phạm tội **khỏi Giacóp** (Êsai 59:20). Lưu ý đây không phải là sự kiện Đấng Christ đến Bétlêhem, nhưng Ngài đến **Siôn** - tức là sự tái làm của Ngài.

11:27 Đây cũng chính là thời điểm được nói đến trong Êsai 37:9 và Giêrêmi 31:33,34, khi Đức Chúa Trời sẽ cất tội lỗi khỏi họ theo điều khoản của giao ước mới.

11:28 Vậy chúng ta có thể tóm tắt tình trạng hiện tại của Ysraên bằng cách nói trước nhất rằng, luận về Tin Lành thì họ là **ngịch thù** bởi có anh em. Họ là **ngịch thù** theo ý nghĩa bị bỏ ra, bị gạt sang bên, xa lánh khỏi ơn của Đức Chúa Trời để Tin Lành có thể đến với dân ngoại bang.

Nhưng đó chỉ là một nửa bức tranh. Luận về sự **hứa chọn**, thì họ được yêu thương bởi có các **tổ phụ** - tức là Ápraham, Ysac và Giacóp.

11:29 Nguyên nhân họ vẫn được yêu chính vì các sự ban cho và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời chẳng bao giờ bị bãi bỏ. Đức Chúa Trời không rút lại những sự ban cho của Ngài. Một khi đã lập lời hứa vô điều kiện, Ngài không bao giờ rút lại. Ngài đã ban cho Ysraên những đặc ân đặc biệt được kể ra trong

9:4,5. Ngài đã kêu gọi Ysraên làm dân sự trên trần gian này của Ngài (Êsai 48:12), phân rẽ họ ra khỏi các dân còn lại. Không điều nào thay đổi những ý định của Ngài được.

11:30 Các dân ngoại bang ngày trước đã là một dân chưa thuần hóa, không vâng phục, nhưng khi Ysraên khinh bỏ Đấng Mêsia và Tin Lành cứu rỗi, Đức Chúa Trời đã lấy lòng thương xót quay sang dân ngoại bang.

11:31 Trình tự diễn tiến hơi tương tự sẽ xảy ra trong tương lai. Tiếp sau sự bất tuân của Ysraên sẽ là sự thương xót, khi họ bị chọc cho ghen tương **không qua sự thương xót đã tỏ ra** cho dân ngoại bang. Có người dạy rằng chính bởi việc dân ngoại bang bày tỏ lòng thương xót người Do Thái mà người Do Thái sẽ được phục hồi, nhưng chúng ta biết không phải như vậy. Sự khôi phục Ysraên sẽ xảy ra bởi biến cố tái làm của Đức Chúa Jêsus (xem 11:26,27).

11:32 Khi chúng ta lần đầu đọc câu này, có thể chúng ta nghĩ Đức Chúa Trời thật độc đoán lên án cho cả dân Do Thái và dân ngoại bang là không tin, và rồi nghĩ rằng họ không thể làm gì cả về việc đó. Nhưng ý tưởng ở đây không phải như vậy. Câu này đang nói rằng: khi đã thấy cả dân Do Thái và dân ngoại bang đều không vâng lời, thì Đức Chúa Trời được mô tả như đang nhốt cả hai nhóm người này trong tình trạng đó, để họ không còn lối nào thoát ra ngoại trừ theo điều kiện của Ngài.

Sự không vâng lời này tạo cơ hội để Đức Chúa Trời **thương xót** hết thảy, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Ở

đây không hề gợi ý đến sự cứu rỗi phổ thông. Đức Chúa Trời đã tỏ lòng thương xót cho người ngoại bang và cũng sẽ tỏ lòng thương xót người Do Thái nữa, nhưng điều này không bảo đảm có sự cứu rỗi mọi người. Ở đây, chính sự thương xót được tỏ ra theo tuyến dân tộc. George William nói rằng:

Sau khi Đức Chúa Trời thử cả dân Hêbrơ và dân ngoại bang, và sau khi cả hai đều thất bại trước thử nghiệm, thì Ngài nhất họ trong sự vô tín để qua tình trạng rõ ràng không có công đức nào, và sau khi được chứng minh cho thấy họ bị mất hết mọi đòi hỏi và mọi quyền lợi đối với ân thiên thượng, Ngài có thể dùng sự giàu có không thể đủ của ân điển Ngài mà thương xót hết thảy họ.⁴⁴

11:33 Lời tôn vinh kết thúc này nhìn lại toàn bộ thư tín và những điều kỳ diệu thiên thượng đã được tiết lộ. Phaolô giảng giải chương trình cứu rỗi tuyệt vời mà Đức Chúa Trời công chính dùng cứu tội nhân và qua việc này Ngài vẫn được xưng là công bình. Ông chứng tỏ công tác Đấng Christ quy vinh hiển nhiều hơn cho Đức Chúa Trời và đem nhiều phước hạnh cho con người hơn là những gì Adam đã đánh mất bởi tội lỗi của ông. Phaolô giải thích ân điển tạo ra nếp sống thánh khiết mà luật pháp không bao giờ có thể làm được. Ông đã truy ra dây chuyền không thể phá vỡ được của mục đích Đức Chúa Trời từ sự biết trước cho đến sự làm vinh hiển cuối cùng. Ông đã phát biểu giáo lý về sự chọn lựa tối thượng và giáo lý song hành về trách nhiệm của con người. Và ông lần theo sự công chính hài hòa

trong những cách đối đãi theo thiên mệnh của Đức Chúa Trời đối với Ysraêl và các dân. Giờ đây không còn gì thích hợp hơn thốt lên bài thánh ca ngợi khen và thờ phượng.

Ồi! Sâu nhiệm thay là sự giàu có, khôn ngoan và thông biết của Đức Chúa Trời!

Sự giàu có của Đức Chúa Trời! Ngài giàu lòng thương xót, giàu tình yêu, ân điển, sự thành tín, quyền năng và nhân lành.

Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời! Sự khôn ngoan của Ngài vô hạn, không thể dò, không thể sánh bằng và vô địch.

Sự thông biết của Đức Chúa Trời! Arthur W. Pink viết rằng: "Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng. Ngài biết mọi sự: mọi sự có thể xảy ra, mọi sự thực tế xảy ra, mọi biến cố, mọi sinh vật, của quá khứ, hiện tại và tương lai."⁴⁵

Những quyết định của Ngài là không ai thấu được: Chúng quá sâu nhiệm đến nỗi trí óc của loài hay chết này không thể hiểu hết. Đường lối để Ngài sắp xếp cõi tạo vật, lịch sử sự cứu chuộc và ơn thần hựu là vượt quá trí hiểu biết hữu hạn của chúng ta.

11:34 Không một hữu thể thọ tạo nào có thể biết được ý tưởng Chúa, ngoại trừ trong chừng mực Ngài muốn bày tỏ ra. Và thậm chí ngay cả khi Ngài bày tỏ, chúng ta cũng thấy cách mập mờ như trong một cái gương (I.Côrinthô 13:12). Không ai đủ tư cách để bàn luận với Ngài. Ngài không cần lời góp ý của chúng ta, và lời góp ý của chúng ta tuyệt đối không ích lợi gì cho Ngài (xem Êsai 40:13).

11:35 Xưa nay không ai có thể buộc Đức Chúa Trời phải có bốn phận với mình (xem Gióp 41:11). Món quà nào của chúng ta xưa nay có thể đặt Đấng Đời Đời vào địa vị Ngài phải báo đáp lại?

11:36 Đấng Toàn Năng là Đấng độc lập. Ngài là nguồn của mọi điều lành lành, Ngài là Tác Nhân tích cực và chủ động để duy trì điều kiện côi vũ trụ, Ngài là Đối Tượng để mọi vật được dựng nên vì cơ Ngài. Mọi vật đều nhằm đem lại vinh hiển cho Ngài.

Nguyện được như vậy! Vinh hiển cho Ngài đời đời vô cùng! Amen.

III. LUẬN VỀ BỐN PHẬN: SỐNG THE HIỆN RA TIN LÀNH (Đoạn 12-16)

Phần còn lại của thư Rôma trả lời câu hỏi: *Những người đã được xưng công bình bởi ân điển phải đáp ứng thế nào trong nếp sống hằng ngày?* Phaolô nêu những bốn phận của chúng ta đối với những tin hữu khác, với cộng đồng, đối với kẻ thù, đối với chính quyền, và đối với những anh em yếu đuối của chúng ta.

A. Trong Sự Băng Minh (12:1, 2)

12:1 Việc suy xét nghiêm túc và thành kính về những sự thương xót của Đức Chúa Trời – như đã được trình bày trong đoạn 1-11 sẽ dẫn đến một kết luận duy nhất – chúng ta phải dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời. Thân thể chúng ta đại diện toàn bộ những chi thể của chúng ta, và mở rộng ra, là toàn bộ đời sống chúng ta.

Toàn bộ giao kết này chính là sự phục vụ phải lễ (Bản Việt Ngữ dịch là

sự thờ phượng phải lễ) của chúng ta. Đây là sự phục vụ phải lễ của chúng ta xét theo ý nghĩa: Nếu Con Đức Chúa Trời đã chết thay tôi, thì điều nhỏ nhất tôi có thể làm được chính là sống cho Ngài. Vận động viên vĩ đại người Anh là C. T. Studd nói rằng: “Nếu Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời và Ngài chết thay tôi, thì không có hy sinh nào là lớn quá đến nỗi tôi không thể thực hiện vì Ngài.”⁴⁰ Bài thánh ca vĩ đại của Isaac Watts cũng nói y như vậy: “Tình yêu rất lạ lùng, rất thiên thượng, đòi hỏi cả tâm lòng, cả đời sống và mọi sự của tôi.”

Sự phục vụ phải lễ cũng có thể dịch là “sự thờ phượng của tâm linh.” Là những thầy tế lễ kiêm tín đồ, chúng ta không đến nơi Đức Chúa Trời với những thân thể của súc vật bị giết, nhưng với của lễ thuộc linh của đời sống chịu đau phục. Chúng ta cũng dâng lên Ngài sự phục vụ của chúng ta (Rôma 15:16), lời ngợi khen (Hêbơơ 13:15), và của cải của chúng ta (Hêbơơ 13:16).

12:2 Thứ nhì, Phaolô khuyên chúng ta đừng làm theo đời này, hay như bản điển ý Phillips: “Đừng để thế gian xung quanh anh em nặn anh em vào khuôn của nó.” Khi đến với nước Đức Chúa Trời, chúng ta phải bỏ những kiểu suy nghĩ và những nếp sống của thế gian.

Thế gian (nguyên văn là *thời đại*) được sử dụng ở đây để nói đến xã hội hay hệ thống mà con người đã xây dựng để khiến mình hạnh phúc mà không cần đến Đức Chúa Trời. Đó là một vương quốc thù địch với Đức Chúa Trời. Vua chúa đời này là Satan (II.Côrinthô

4:4; Giăng 12:31; 14:30; 16:11). Toàn bộ những người chưa hoán cải đều là thần dân của hán. Hán tìm cách thu hút và nắm giữ con người thông qua sự mê tham của mắt, mê tham của xác thịt và kiêu ngạo của đời (I.Giăng 2:16). Thế gian có những nền chính trị, nghệ thuật, âm nhạc, tôn giáo, thú giải trí, nếp suy nghĩ và nếp sống riêng của nó, và thế gian tìm cách khiến mọi người làm theo văn hóa và phong tục của nó. Thế gian ghét những người không tuân thủ theo nó – như Đấng Christ và các môn đồ Ngài.

Đấng Christ đã chết để giải thoát chúng ta khỏi thế gian này. Thế gian bị đóng đinh đối với chúng ta, và chúng ta bị đóng đinh đối với thế gian. Nếu tín hữu yêu mến thế gian thì đó là lòng bất trung tuyệt đối với Chúa. Bất cứ ai yêu mến thế gian đều là kẻ thù của Đức Chúa Trời.

Tín hữu không thuộc về thế gian này chẳng khác gì Đấng Christ không thuộc về thế gian này. Tuy nhiên, họ được sai vào thế gian để làm chứng công việc của thế gian là xấu và sự cứu rỗi dành sẵn cho mọi người nào đặt đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Chúng ta đứng nên chỉ phân rẽ ra khỏi thế gian mà thôi; chúng ta nên biến đổi bởi sự đổi mới của tâm thần mình, có nghĩa chúng ta nên suy nghĩ theo cách nghĩ của Đức Chúa Trời, như đã được bày tỏ trong Kinh Thánh. Bấy giờ chúng ta có thể kinh nghiệm sự dẫn dắt trực tiếp của Chúa trong đời sống mình. Và chúng ta thấy thay vì khó chịu và khó khăn, ý muốn Ngài thật là lối lành, đẹp lòng và trọn vẹn.

Như vậy, đây là ba bí quyết để biết ý muốn Đức Chúa Trời. Thứ *nhất* là thân thể đầu phục, thứ *nhì* là nếp sống phân rẽ, thứ *ba* là tâm trí được đổi mới.

B. Trung Sự Phục Vụ Qua Các Ân Từ Thuộc Lòng (12:3-8)

12:3 Ở đây Phaolô nói nhờ ơn đã ban cho ông để làm sứ đồ của Chúa Jêsus. Ông sắp để cập nhiều hình thức khác nhau của nếp suy nghĩ thẳng thắn và suy nghĩ không ngay thẳng.

Trước hết ông nói không có điều gì trong Tin Lành khích lệ người ta có mặc cảm tự tôn. Ông khuyên chúng ta phải khiêm nhường vận dụng các ân tứ của mình. Chúng ta đừng bao giờ có những ý tưởng cường điệu về tầm quan trọng của chính mình. Cũng đừng ganh tị người khác. Trái lại, nên nhận thấy mỗi người đều độc nhất vô nhị và chúng ta có một chức năng quan trọng cần phải thực hiện vì Chúa. Chúng ta nên sung sướng hạnh phúc với địa vị Chúa đã đặt chúng ta trong thân thể Ngài, và nên tìm cách vận dụng ân tứ của mình cùng với mọi sức mạnh mà Đức Chúa Trời đã ban.

12:4 Thân thể con người có nhiều chi thể, thế nhưng mỗi chi thể đều có vai trò độc đáo. Sức khỏe và phúc lợi của thân thể tùy thuộc vào sự vận hành chức năng đúng cách của mỗi chi thể.

12:5 Đây chính là cách ở trong thân thể của Đấng Christ. Có sự hiệp một (một thân thể), có sự đa dạng (có nhiều), và sự nương tựa lẫn nhau (các phần chi thể của nhau). Bất kỳ ân tứ nào chúng ta có đều không phải để sử dụng cách ích kỷ hay để biểu diễn,

nhưng vì ích lợi của thân thể. Không một ân tứ nào là tự đầy đủ, và không có ân tứ nào là không cần thiết. Nhận ra điều này tức là chúng ta đang suy nghĩ cách tỉnh táo và khôn ngoan (12:3).

12:5 Giờ đây, Phaolô dạy nhiều điều về cách sử dụng ân tứ. Danh sách này không bao gồm hết mọi ân tứ; danh sách này nhằm gợi ý chứ không phải liệt kê tường tận.

Các ân tứ của chúng ta khác nhau tùy theo lượng ơn đã ban cho chúng ta. Nói cách khác, ơn của Đức Chúa Trời phân phát những ân tứ khác nhau cho những con người khác nhau. Và Đức Chúa Trời ban sức mạnh hay năng lực cần thiết để sử dụng bất kỳ ân tứ nào chúng ta có. Vì vậy chúng ta có trách nhiệm sử dụng những năng lực do Chúa ban với tư cách người quản lý giới.

Những ai có ân tứ liên tri thì nên nói liên tri theo lượng đức tin. Liên tri là phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời, công bố Lời của Chúa. Có thể có những lời dự ngôn, nhưng đây không phải là yếu tố bắt buộc phải có của lời liên tri. Hogde viết rằng trong hội thánh đầu tiên, các tiên tri là "những con người phát ngôn dưới ảnh hưởng trực tiếp tức thời của Thánh Linh Đức Chúa Trời, tuyên rao sự truyền thông thiên thượng về các lẽ thật giáo lý, về bốn phận hiện tại, về các biến cố tương lai trong tương hợp có thể."⁴⁷ Chức vụ của họ được bảo toàn cho chúng ta trong Tân Ước. Không thể còn thêm những phần bổ sung tiên tri được soi dẫn cho tập hợp giáo lý Cơ Đốc ngày nay, vì đạo đã được truyền cho các thánh một lần đủ

cả (xem Giuđê 3). Vì vậy, tiên tri ngày nay chỉ đơn giản là người công bố ý muốn của Chúa như đã được bày tỏ trong Kinh Thánh. Strong nói:

*Mọi lời tiên tri chân thật thời hiện đại chính là sự tái bản sự điệp của Đấng Christ – tức là công bố và giảng giải lẽ thật đã được bày tỏ rồi trong Kinh Thánh.*⁴⁸

Những ai trong chúng ta có ân tứ nói liên tri thì nên nói liên tri theo lượng đức tin. Có thể điều này có nghĩa: "Đứng theo luật hay định chuẩn của đức tin" – tức là phù hợp với các giáo lý của đức tin Cơ Đốc đúng như tìm thấy trong Kinh Thánh. Hoặc có nghĩa "đứng theo lượng đức tin chúng ta" – tức là trong chừng mực mà Chúa đã ban đức tin cho chúng ta. Hầu hết các bản dịch Kinh Thánh đều thêm chữ "của chúng ta" ở đây, nhưng trong nguyên bản không có.⁴⁹

12:7 Chức vụ là một từ ngữ rất rộng nói đến sự phục vụ Chúa. Từ này không có nghĩa thánh chức, những bốn phận, hay chức năng của hàng giáo phẩm (như thường được sử dụng ngày nay). Người nào có ơn thì hành chức vụ thì có tấm lòng của một tôi tớ. Người ấy thấy nhiều cơ hội để phục vụ và nắm lấy những cơ hội đó.

Người dạy dỗ là người có thể giải thích lời của Đức Chúa Trời và áp dụng vào tấm lòng người nghe. Cho dù chúng ta có ân tứ nào đi nữa, chúng ta cùng nên hết lòng gần gũi chăm lo.

12:8 Khuyến bảo là ân tứ để thúc giục các thánh đồ chấm dứt mọi hình thức của điều ác và chăm chú đến

những thành tựu mới cho Đấng Christ trong sự nên thánh và phục vụ.

Bố thí là ơn ban thiên thượng để khiến một người có khuyh hướng và năng lực ý thức được những nhu cầu và giúp đáp ứng chúng. Người có ân tứ này nên sử dụng **cách rộng rãi**.

Ân tứ **lãnh đạo** hầu như chắc chắn liên hệ đến công tác của trưởng lão (và có lẽ cũng của chấp sự nữa) trong hội thánh địa phương. Trưởng lão là một người chăn phụ (undershepherd) đứng ở hàng trước bầy và dẫn bầy đi với sự quan tâm và **siêng năng**.

Ơn **tâm sự thương xót** là một năng lực siêu nhiên và tài sức để giúp những người đang trong cơn sầu thảm. Những người có ân tứ này sẽ **lấy lòng vui** mà làm. Đương nhiên, chúng ta hết thảy đều phải tỏ lòng thương xót và lấy lòng vui mà làm.

Một cô tín đồ Đấng Christ có lần nói: "Khi mẹ tôi già và cần người chăm sóc, tôi và chồng tôi mới bà cụ đến sống với mình. Tôi làm hết mọi việc có thể làm để giúp mẹ thấy dễ chịu. Tôi nấu ăn cho mẹ, tắm rửa cho mẹ, lái xe đưa mẹ đi chơi, và nói chung quan tâm mọi nhu cầu của mẹ. Nhưng tuy tôi đang làm mọi việc suôn sẻ ở bề ngoài, trong lòng tôi lại rất khó chịu. Trong tiếm thức, tôi rất tức giận vì đã bị gián đoạn thời khóa biểu thường lệ của chúng tôi. Đôi khi mẹ tôi tại bảo tôi: "Con chẳng bao giờ nở nụ cười nữa. Sao chẳng hề thấy con cười?" Bạn thấy đấy, tôi đang làm sự thương xót, nhưng tôi không lấy lòng vui mà làm."

C. Bối Với Xà Bội (12:9-21)

12:9 Tiếp theo Phaolô liệt kê một số đặc trưng mỗi tín hữu phải phát triển

trong cách đối đãi với Cơ Đốc nhân khác và với người chưa tin Chúa.

Lòng yêu thương phải không có sự giả hình. Lòng yêu thương đừng nên đeo mặt nạ, nhưng phải thành thật, thành tâm và không vờ vịt, giả tạo.

Chúng ta nên **gớm ghét** mọi hình thức của **điều ác** và phải **miễn mọi điều lành**. Trong khung cảnh này, có lẽ **điều ác** nói đến mọi thái độ và hành động không yêu thương, hiểm ác và thù ghét. Trái lại, **điều lành** muốn nói đến mọi biểu hiện của tình yêu siêu nhiên.

12:10 Trong các mối quan hệ của chúng ta với những người trong cùng một gia đình đức tin, chúng ta nên tỏ tình yêu bằng tình cảm dịu dàng, chứ không bởi thờ ơ lạnh lùng hay chấp nhận lấy lệ.

Chúng ta nên vui thích thấy người khác được tôn trọng hơn là thấy mình được tôn trọng. Có một lần kia, một đầy tớ yêu dấu của Đấng Christ ở trong căn phòng kế bên cùng với những nhà quý tộc khác trước một buổi họp. Rất nhiều người trong phòng đã lên tiếng đàn trức khi đến lượt ông. Khi ông xuất hiện ở cánh cửa, tràng vỗ tay như sấm chào đón ông. Ông nhanh chóng bước tránh sang một bên và vỗ tay để mình không chia sẻ vinh dự mà ông thật lòng nghi được dự định dành cho người khác.

12:11 Bản dịch đặc sắc của Moffatt như thế này: "Đừng bao giờ để lòng sốt sắng của anh em bị yếu đi, hãy duy trì sự háng hái tâm linh. Hãy hầu việc Chúa." Ở đây, chúng ta được nhắc những lời của Giêrêmi 48:10: "Đấng rửa thay là kẻ làm việc Đức Giêhôva cách đối trá!" (NFB).

Đây không phải là điều để cho con người đùa giỡn; đời sống ngắn ngủi

Và tội lỗi có mặt ở đây.

Tuổi của chúng ta chẳng qua như chiếc lá rơi, một giọt nước mắt rơi.

Chúng ta không có thì giờ để vui đùa với những giờ trời qua:

Hết thấy mọi người phải sống sáng trong thế giới của chúng ta.

- Horatius Bonar

12:12 Cho dù hoàn cảnh hiện tại có ra sao đi nữa, chúng ta vẫn có thể và nên vui mừng trong sự **trông cậy** của chúng ta – là sự biện đến của Cứu Chúa, sự cứu chuộc thân thể chúng ta, và vinh hiển đời đời của chúng ta. Chúng ta được khuyên **nhịn nhục trong hoạn nạn** – có nghĩa chịu đựng cách can đảm. Sự chịu đựng chính phục được mọi thứ chính là điều có thể biến nỗi khổn khổ lớn như thế trở thành vinh hiển. Chúng ta nên tiếp tục **bền lòng cầu nguyện**. Chính bởi **cầu nguyện** mà công việc được làm xong và được đắc thắng. **Lời cầu nguyện** đem quyền năng đến trong đời sống chúng ta và đem bình an cho lòng chúng ta. Khi chúng ta cầu nguyện nhân danh Đức Chúa Jêsus, chúng ta đến gần nhất với sự toàn năng mà con người hay chết này không thể đến được. Do đó, chúng ta tự làm hại mình thật nhiều khi xao lãng cầu nguyện.

12:13 Ở đâu cũng có những tin đồn lung tung – những người thất nghiệp, những người đã kiệt quệ bởi những hóa đơn y tế, những vị truyền đạo và những giáo sĩ bị quên lãng ở những nơi xa xăm, những công dân lớn tuổi eo hẹp mọi nguồn cung ứng. Sự sống Thần Thể

thật tức là chia sẻ với những người đang thiếu thốn.

“Đừng bao giờ khó chịu khi cung cấp một bữa ăn hay chỗ ngủ cho người cần chúng” (JBP). **Lòng hiếu khách** là một nghệ thuật đã bị mất rồi. Những căn nhà nhỏ và căn hộ chung cư được dùng làm cơ hào chứa để khởi tiếp đón những Cơ Đốc nhân nào ghé qua. Có lẽ chúng ta không muốn đối diện cảnh phải làm thêm việc và bất tiện. Nhưng chúng ta quên rằng tiếp đãi con cái Đức Chúa Trời cũng dường như thế chúng ta tiếp đãi chính Chúa vậy. Căn nhà của chúng ta nên giống căn nhà tại làng Bêthani, nơi Chúa Jêsus rất thích ở lại.

12:14 Chúng ta được kêu gọi tỏ lòng nhân ái với những người bất bớ mình thay vì cố báo thù họ cho tương xứng. Điều này đòi hỏi phải có sự sống thiên thượng thì mới có thể lấy lịch sự tử tế để báo đáp lại sự đối đãi không tốt và thương tổn. Đáp trả tự nhiên chính là trả sả và báo thù.

12:15 Đồng cảm là khả năng để chia sẻ những cảm xúc và tình cảm của người khác. Chúng ta có khuynh hướng ganh tị khi nghe người khác vui mừng, và nhắm mắt làm ngơ khi người khác than khóc. Đường lối của Đức Chúa Trời ấy là chúng ta cùng bước vào trong niềm vui và nỗi buồn của những người quanh mình.

12:16 **Đ**ể cho hiệp ý nhau không có nghĩa chúng ta phải có cái nhìn giống y như nhau về những vấn đề không thiết yếu. Đây không phải là vấn đề phải có tâm trí y như nhau, mà là sống hài hòa trong những mối quan hệ.

Chúng ta nên tránh mọi dấu vết của thói hợm mình và nên tỏ ra cởi mở đối với những con người khiêm nhường, thấp kém hơn mình cũng giống y như cách mình đối đãi với những người giàu và có địa vị. Khi một Cơ Đốc nhân nổi tiếng đến phi trường, các lãnh đạo hội thánh nơi ông sắp giảng đến đón. Xe Imousine dừng lại đón ông đến một khách sạn sang trọng. Ông hỏi: "Ai thường tiếp đãi những người được mời đến giảng tại đây?" Họ nhắc tên cặp vợ chồng lớn tuổi trong một căn nhà khiêm tốn gần đó. Ông nói: "Tôi thích ở nơi đó hơn."

Một lần nữa, vị sử đồ cảnh cáo tin đồ đừng cho mình là khôn ngoan. Nhận thức được rằng không có điều gì mà mình không nhận lãnh sẽ giúp ngăn chúng ta tránh khỏi bản ngã đầy tự mãn.

12:17 Lấy ác báo ác là thói thường của đời. Con người thích nói đến ăn miếng trả miếng, báo trả tương ứng, hoặc làm cho người khác điều họ xứng đáng phải nhận. Nhưng sự trả thù này không nên có chỗ trong đời sống những người đã được cứu chuộc rồi. Thay vào đó, họ nên hành động cách đáng tôn trọng khi đối diện với cảnh bị hành hung và gây thương tổn, cũng như trong mọi hoàn cảnh của đời sống. "Chăm" có nghĩa là *suy nghĩ đến, hay cần thận để làm*.

12:18 Cơ Đốc nhân đừng nên có tính hay khiêu khích hoặc hay tranh cãi gây gổ. Sự công bình của Đức Chúa Trời không thể được thực thi bởi tánh hung hăng hay thanh nộ. Chúng ta nên yêu mến sự hòa bình, làm hòa và sống hòa

thuận. Khi chúng ta xúc phạm đến người khác, hay khi bị người khác xúc phạm chúng ta, chúng ta nên làm việc không mệt mỏi để tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề đó.

12:19 Chúng ta phải chống cự khuynh hướng trả thù những điều sai trái do người khác làm cho mình. Cụm từ "hãy nhường cho cơn thanh nộ" có ý khuyên hãy để Đức Chúa Trời lo liệu việc đó thay cho bạn, hoặc có thể khuyên hãy thuận phục cách thụ động trong tinh thần không kháng cự. Phần còn lại của câu này hậu thuẫn cho cách giải thích thứ nhất – đứng lui lại đằng sau và để cho cơn lạng nộ của Đức Chúa Trời lo liệu. Sự trả thù là đặc quyền của Đức Chúa Trời. Chúng ta đừng can thiệp vào những việc thuộc quyền của Ngài. Ngài sẽ báo trả đúng thời điểm và đúng cách. Lenski viết:

*Đức Chúa Trời đã giải quyết xong từ lâu rồi cho toàn bộ vấn đề thi hành công lý trên những kẻ làm sai quấy. Không một ai làm sai quấy sẽ thoát được. Công lý trọn vẹn sẽ được thực thi trong mỗi một trường hợp và sẽ được thực thi cách trọn vẹn. Nếu có ai trong chúng ta can thiệp vào, hành động can thiệp đó sẽ là xúc xức tội cùng.*⁵⁰

12:20 Cơ Đốc giáo vượt khỏi chỗ không kháng cự để tiến đến chỗ tích cực tỏ lòng nhân đức. Cơ Đốc giáo không tiêu diệt kẻ thù bằng bạo lực, nhưng đưa họ quay trở về tin Chúa bằng cách tỏ tình yêu thương. Cơ Đốc nhân cho kẻ thù ăn khi kẻ thù đói và cho uống để hết khát, bởi đó chất than lửa đổ lên đầu kẻ thù. Nếu cách đối đãi

bằng than lửa đỏ có vẻ như tàn ác, thì đó là do chưa hiểu đúng câu thành ngữ này. Chất than lửa đỏ lên đầu người có nghĩa khiến người hổ thẹn về sự thù địch của mình bằng cách làm cho người ngạc nhiên trước sự đối đãi nhân đức không theo quy ước.

12:21 Darby giải thích phần thứ nhất của câu Kinh Thánh này như sau: "Nếu tình nóng nảy của tôi khiến bạn nổi nóng, bạn đã bị điều ác thắng rồi."⁵¹

Nhà khoa học người da đen vĩ đại, là George Washington Carver, có lần nói: "Tôi sẽ không bao giờ để cho người khác hủy hoại đời mình bằng cách để cho tôi ghét người ấy."⁵² Là tín đồ, ông không để cho điều ác thắng mình.

Nhưng hãy lấy điều thiện thắng điều ác. Đặc trưng của lời dạy dỗ Cơ Đốc ấy là không dừng lại chỗ cấm đoán tiêu cực, nhưng tiếp tục tiến sang lời khuyên bảo tích cực. Có thể tước bỏ sức mạnh của điều ác bằng điều thiện. Đây là vũ khí chúng ta nên dùng thường xuyên hơn.

Stanton thù ghét cay độc Lincoln. Stanton nói rằng thật đại đột khi phải sang Châu Phi để nghiên cứu khi đột trong khi có thể tìm được khi đột nguyên nòi tại Springfield Illinois. Lincoln đã xem sự nhận xét đó là bình thường. Về sau, Lincoln bổ nhiệm Stanton làm Bộ trưởng chiến tranh, vì thấy Stanton đủ tư cách nhất cho chức vụ ấy. Sau khi Lincoln bị bắn, Stanton đã gọi Lincoln là lãnh tụ vĩ đại nhất của nhân loại. Tình yêu thương đã chiến thắng!⁵³

B. Bất Vội Chính Quyền (13:1-7)

13:1 Những người đã được xưng công bình bởi đức tin thì có bốn phận phải vâng phục các đấng cầm quyền của loài người. Thực sự bốn phận này áp dụng cho mọi người, nhưng ở đây, sự đó quan tâm đặc biệt đến tín đồ. Đức Chúa Trời đã lập chính quyền loài người sau cơn Đại Hồng Thủy khi Ngài tuyên bố: "Hễ kẻ nào làm đổ máu người, thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại" (Sáng Thế Ký 9:6). Mạng lệnh này ban thẩm quyền cho con người đoán xét những vấn đề tội phạm và để hình phạt kẻ phạm tội.

Trong mỗi một xã hội có trật tự đều phải có thẩm quyền và sự vâng phục thẩm quyền đó. Nếu không, sẽ có tình trạng vô chính phủ, và bạn không thể sống sót lâu trong tình trạng vô chính phủ. Bất kỳ chính quyền nào cũng tốt hơn là không hề có chính quyền. Vì vậy, Đức Chúa Trời đã lập chính quyền của con người, và không có chính quyền nào tồn tại ngoài ý muốn của Ngài. Điều này không có nghĩa Ngài lán thành mọi việc do các bậc cầm quyền của con người đã làm. Tuy nhiên Ngài không chấp thuận sự tham nhũng, tình tàn bạo và chuyên chế! Nhưng sự thật vẫn là các quyền đều đến bởi Đức Chúa Trời chỉ định.

Tin hữu có thể sống đắc thắng trong chế độ dân chủ, chế độ quân chủ lập hiến, hoặc thậm chí trong một chế độ chuyên chế. Không một chính quyền nào trên trần gian này tốt hơn những con người hợp thành chính quyền đó. Đó là nguyên nhân khiến không một

chính quyền nào của chúng ta là trọn lành. Chính quyền lý tưởng duy nhất là chế độ quân chủ nhân từ do Đức Chúa Jêsus Christ làm Vua. Thật bổ ích khi nhớ rằng Phaolô luận đến sự thuận phục chính quyền con người vào lúc Nero khét tiếng đang làm hoàng đế. Đó là những ngày đen tối cho Cơ Đốc nhân. Nero đổ thừa họ phóng hỏa thiêu hủy nửa thành phố La Mã (mà có lẽ do chính Nero ra lệnh đốt). Ông ra lệnh đem một số tín hữu nhúng vào trong nhựa đường, rồi đốt lên làm những ngọn đuốc sống để thắp sáng cho những buổi chè chén trác táng của mình. Nhiều người bị may kín trong đa thù, sau đó đem ném cho chó dữ xé ra thành từng mảnh.

13:2 Thế nhưng khúc Kinh Thánh này vẫn cho rằng bất kỳ ai bất tuân hay nổi loạn chống lại chính quyền tức là đang bất tuân và nổi loạn chống lại mạng lịnh Đức Chúa Trời đã lập. Bất cứ ai chống lại thẩm quyền luật pháp thì đều chuốc lấy hình phạt và xứng đáng bị hình phạt.

Đương nhiên có một ngoại lệ. Cơ Đốc nhân không bị bắt buộc phải vâng lời nếu chính quyền truyền lịnh cho người ấy phạm tội hay thỏa hiệp với họ về lòng trung thành của mình với Đức Chúa Jêsus Christ (Công Vụ 5:29). Không chính quyền nào có quyền ra lệnh cho lương tâm của con người. Vì vậy có những lúc do vâng lời Đức Chúa Trời, tín hữu phải chuốc lấy cơn thịnh nộ của con người. Trong những trường hợp như thế, tín hữu phải chuẩn bị chịu lấy hình phạt mà không phàn nàn thái quá. Người ấy tuyệt đối không nên nổi

loạn chống lại chính quyền hay gia nhập nỗ lực nào nhằm lật đổ chính quyền ấy.

13:3 Theo quy tắc, người nào làm điều lành thì không cần phải sợ nhà cầm quyền. Chỉ những ai vi phạm luật pháp mới phải sợ hình phạt. Vì vậy nếu ai muốn vui hưởng cuộc đời không có mọi biên lai phạt, tiền phạt, những vụ xét xử và bị cầm tù, thì việc cần phải làm chính là sống làm một công dân tuân thủ luật pháp. Lúc đó, người ấy sẽ nhận được sự tán thành của nhà cầm quyền, chứ không phải chịu khiển trách của họ.

13:4 Người cai trị, dù đó là tổng thống, thống đốc, thị trưởng hay quan án đi nữa, đều là chức việc của Đức Chúa Trời theo ý nghĩa người ấy là tôi tớ và người đại diện của Chúa. Có thể người ấy không đích thân biết Đức Chúa Trời, nhưng vẫn chính thức là người của Đức Chúa Trời. Vì vậy, Đavit liên tục nói vị vua gian ác Saulơ là người được xúc đầu của Chúa (1.Samuel 24:6, 10; 26:9, 11, 16, 23). Bất chấp Saulơ liên tục nỗ lực hại mạng sống Đavit, Đavit vẫn không thể cho thủ hạ của mình hại vua. Vì sao vậy? Vì Saulơ là vua, và như vậy ông là người được Chúa lập lên.

Là chức việc của Đức Chúa Trời, những người cai trị buộc phải nâng cao lợi ích của dân chúng – sự an ninh, sự yên tĩnh và phúc lợi chung của họ. Nếu người nào cứ kháng kháng vi phạm luật pháp, người ấy buộc phải trả giá cho việc đó, vì chính quyền có thẩm quyền để đưa người ra tòa và hình phạt. Trong câu người cầm gươm chẳng phải là vô cớ, chúng ta có câu tuyên bố mạnh mẽ về quyền hành Chúa đã giao trong tay

chính quyền. Gươm không chỉ là một biểu tượng vô hại về quyền hành; cây phủ việt cũng phục vụ mục đích đó. Gươm dường như nói đến thẩm quyền tối hậu của người cai trị – tức là để bắt phải chịu án tử hình. Vì vậy, đừng nói án tử hình chỉ dành cho kỹ nguyên Cựu Ước mà thôi chứ không dành cho Tân Ước. Đây là câu tuyên bố trong Tân Ước hàm ý chính quyền có phép lấy mạng sống của người phạm tội tử hình. Người ta tranh luận chống điều này bằng cách trích dẫn Xuất Êđipto Ký 20:13 trong bản KJV: “Người chớ giết người.” Nhưng điều răn đó nói đến tội sát nhân, và án tử hình không phải là tội sát nhân. Từ ngữ Hibalai dịch là “giết người” trong bản KJV mang ý nghĩa cụ thể là “tội phạm cố sát nhân” và vì được dịch trong bản NKJV: “Người chớ phạm tội sát nhân.”⁵⁴ Án tử hình được quy định trong luật pháp Cựu Ước như là một hình phạt bắt buộc cho một số trọng tội nhất định.

Một lần nữa, sứ đồ nhắc chúng ta nhớ người cai trị là **chức việc của Đức Chúa Trời**, nhưng lần này ông nói thêm để làm ra sự công bình và phạt kẻ làm dữ. Nói cách khác, ngoài việc làm một **chức dịch của Đức Chúa Trời để làm ích** cho chúng ta, người cai trị cũng phục vụ Đức Chúa Trời bằng cách giáng hình phạt trên những kẻ vi phạm luật pháp.

13:5 Ý nghĩa của câu này là: chúng ta phải làm thần dân vâng phục của chính quyền vì hai nguyên nhân – sợ hình phạt và ước muốn duy trì lương tâm tốt.

13:6 Chúng ta nợ chính quyền không chỉ sự vâng lời, mà còn phải hậu

thuần tài chánh bằng cách nộp **thuế**. Chúng ta được thuận lợi do sống trong xã hội có luật pháp và trật tự, có cảnh sát và công tác cứu hỏa, vì vậy chúng ta phải sẵn sàng chia sẻ chi phí. Các quan chức chính quyền đang dành thì giờ và tài năng của họ để thực thi ý muốn của Đức Chúa Trời nhằm duy trì bảo vệ một xã hội ổn định, vì vậy họ có quyền nhận chu cấp.

13:7 Là công dân Thiên đàng (Philip 3:20) vẫn không miễn cho tín hữu trách nhiệm đối với chính quyền con người. Họ phải nộp bất kỳ mọi loại **thuế** nào đánh vào thu nhập, điển sản, tài sản cá nhân của họ. Họ phải nộp những thứ **thuế quy định** đánh vào hàng hóa được chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác. Họ phải tỏ ra sự làm buồn những người được giao trách nhiệm thực thi luật pháp. Và họ phải tỏ ra tôn trọng **chức danh và các chức vụ** của mọi nhân viên chính quyền (đầu cho họ không thể luôn luôn tôn trọng đời sống cá nhân của những nhân viên đó).

Trong mối liên hệ này, Cơ Đốc nhân đừng bao giờ gia nhập cuộc nói chuyện bôi nhọ hay xúc phạm đến tổng thống hoặc thủ tướng. Ngay cả trong cơn sốt chiến dịch chính trị, họ cũng nên từ chối tham gia những lời lăng mạ thù lãn quốc gia. Có lời chép rằng: “Chớ sỉ nhục người cai trị dân mình” (CôngVũ 23:5).

E. 30: Với Tướng Lũ (13:8-14)

13:8 Về cơ bản, phần đầu của câu này có nghĩa “hãy trả các hóa đơn đúng giờ.” Đây không phải là lệnh cấm mọi hình thức mang nợ. Một số thể loại nợ là không thể tránh khỏi trong xã hội

chúng ta: hầu hết chúng ta đều đối diện hàng tháng với các hóa đơn điện thoại, xăng, điện, nước, v.v... và không thể xoay sở công việc nếu không ký hợp đồng để có một số món nợ nào đó. Lời khuyên ở đây ấy là đừng chậm trả nợ (những khoản thanh toán quá hạn).

Nhưng ngoài ra, còn có những nguyên tắc nhất định để hướng dẫn chúng ta trong lãnh vực này. Chúng ta đừng nên ký hợp đồng nợ những món không thiết yếu. Chúng ta đừng mắc nợ khi không có hy vọng trả được. Chúng ta nên tránh mua theo kế hoạch trả góp, để phải chịu những khoản lời cắt cổ. Chúng ta nên tránh mượn tiền để mua sản phẩm nào bị sụt giảm giá trị. Nói chung, chúng ta nên thực thi trách nhiệm tài chánh bằng cách sống khiêm tốn và trong khả năng xoay sở của mình, luôn nhớ rằng người mượn là nô lệ của người cho mượn (xem Châm Ngôn 22:7).

Một món nợ duy nhất luôn luôn nổi bật lên đó là bốn phạm phải yêu thương. Từ ngữ được dùng cho chữ yêu thương trong thư Rôma, với một ngoại lệ duy nhất (12:10) là *agapē*, biểu thị một tình cảm sâu sắc, không ích kỷ và siêu phẩm của người này dành cho người kia. Tình yêu siêu phẩm này không khởi phát do bất kỳ phẩm hạnh nào ở nơi người được yêu; trái lại, tình yêu này đến với người hoàn toàn không xứng đáng được nhận. Tình yêu này khác các tình yêu khác ở chỗ nó không hướng đến với người đáng được yêu, mà còn đến với cả kẻ thù của mình.

Tình yêu này tự biểu lộ trong sự ban cho, và nói chung trong sự ban cho đầy

hy sinh. Vì vậy, Đức Chúa Trời yêu thế gian đến nỗi Ngài ban Con Độc sanh của Ngài. Đấng Christ yêu hội thánh và đã phó chính mình Ngài vì hội thánh.

Chủ yếu, đây là vấn đề *y chí* hơn là tình cảm. Sự kiện chúng ta được *truyền lệnh* phải yêu thương cho thấy đây là điều chúng ta có thể chọn để làm. Nếu đây là một tình cảm không thể kiểm soát được xâm chiếm chúng ta tại những khoảnh khắc bất ngờ, chắc chắn không thể bắt chúng ta chịu trách nhiệm được. Tuy nhiên, điều này không phủ nhận rằng có thể liên quan đến cả tình cảm.

Người chưa tin Chúa thì không thể bày tỏ tình yêu thiên thượng này được. Trên thực tế, ngay cả tin hữu công không thể bày tỏ tình yêu này bằng sức riêng của mình. Chỉ có thể bày tỏ tình yêu này bởi quyền năng của Đức Thánh Linh ngự trong lòng.

Biểu hiện trọn vẹn của tình yêu đã thể hiện trên trần gian này trong thân vị của Đức Chúa Jêsus Christ.

Lòng yêu mến Đức Chúa Trời của chúng ta tự bày tỏ qua việc vâng phục các điều răn Ngài.

Ai yêu kẻ lân cận mình ấy là đã làm trọn luật pháp, hay ít nhất làm trọn phần tuật pháp dạy phải yêu thương con người đồng loại của mình.

13:9 Sử đồ chọn những điều răn ngăn cấm những hành động thiếu yêu thương đối với người lân cận. Đó là những điều răn cấm phạm tội ngoại tình, sát nhân, trộm cắp, làm chứng dối và tham lam. Tình yêu thương không bóc lột thân thể người khác; sự gian dâm thì có. Tình yêu thương không lấy

mạng sống của người khác; tội sát nhân thì có. Yêu thương không trộm cắp tài sản của người khác; trộm cắp thì có. Tình yêu thương không từ chối công lý cho người khác; làm chứng dối thì có.⁵⁵ Tình yêu thương không áp ú ngay cả những ước ao sai trái để có được tài sản của người khác; lòng tham lam thì có.

Và mọi điều răn khác nữa. Phaolô hẳn đã có thể để cập một điều khác: "Hãy hiếu kính cha mẹ người. Tất cả những điều răn này đều tóm gọn lại thành một mạng lịnh: Hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hãy đối đãi với người lân cận bằng chính tình cảm, sự suy xét và sự nhân hậu mà bạn sẽ đối đãi với chính mình.

13:10 Tình yêu thương không bao giờ tìm cách hại người khác. Trái lại sẽ chủ động tìm kiếm phúc lợi của mọi người và tôn trọng mọi người. Do đó, người nào hành động bằng tình yêu thương thì thật sự đang làm trọn những đòi hỏi của bảng luật pháp thứ nhì.

13:11 Phần còn lại của đoạn này khích lệ một nếp sống tỉnh táo thuộc linh và thanh sạch về đạo đức. Thì giờ rất ngắn ngủi. Định Kỳ Ân Điển đang tiến đến hồi chung kết. Sự chậm trễ của giờ ấy đòi hỏi phải đẹp bỏ mọi tình trạng hôn mê bất động. Sự cứu hiện nay đã gần chúng ta hơn bao giờ hết. Cứu Chúa sắp đến đưa chúng ta về nhà Cha.

13:12 Thời hiện đại giống như đêm của tội lỗi vốn đã sắp hết giờ của nó. Ngày của vinh hiển đời đời sắp lộ dạng cho tín hữu. Điều này có nghĩa chúng ta nên lợi bỏ mọi áo xống dơ dáy của tình thần bất chước thế gian, tức là mọi điều nào liên hệ với sự không công bình và

điều ác. Và chúng ta phải mặc lấy áo giáp của sự sáng, có nghĩa vật che phủ bảo vệ cho đời sống thánh khiết. Các bộ phận của bộ binh giáp được mô tả chi tiết trong Êphêso 6:14- 18. Chúng mô tả các yếu tố trong tình cách thật của người Cơ Đốc.

13:13 Lưu ý điểm nhấn mạnh là vào nếp sống Cơ Đốc thực tiễn của chúng ta. Vì chúng ta là con của ban ngày, chúng ta nên bước đi với tư cách con của sự sáng. Cơ Đốc nhân có liên quan gì đến những bữa tiệc hoang đàng, những cuộc cãi lộn do say sưa, những cuộc truy hoan trác táng đắm dục, những hành vi đê tiện, đồi bại, hay thậm chí với nạn cai cọ và đố kỵ? Chẳng liên quan gì cả.

13:14 Phương sách tốt nhất chúng ta có thể làm theo ấy là: trước hết, mặc lấy Đức Chúa Jêsus Christ. Điều này có nghĩa chúng ta nên nhận lấy toàn bộ nếp sống của Ngài, sống như Ngài đã sống, tiếp nhận Ngài là Đấng dẫn dắt và gương mẫu của mình.

Thứ nhì, chúng ta nên chớ chăm nom về xác thịt mà làm cho phi lòng dục nó. Xác thịt ở đây là bản tính cũ bại hoại. Nó không ngọt ngào để được nuông chiều bằng tiện nghi, xa hoa, sự buông thả trong tình dục bất chính, những thú tiêu khiển trống rỗng, lạc thú của thế gian, hoang phí phóng dăng, chủ nghĩa duy vật, v.v... Chúng ta chăm nom về xác thịt khi mua những vật có liên hệ đến cảm dố, khi tạo điều kiện để đáng cho mình phạm tội, khi ưu tiên cho vật chất hơn là vấn đề thuộc linh. Chúng ta đứng nên nuông chiều xác

thịt một phút giây nào. Trái lại, chúng ta nên "đừng dành cơ hội cho xác thịt lao vào" (JBP).

Đây chính là phân đoạn Chúa dùng để đem Augustine thông minh lỗi lạc nhưng đầy nhục dục về với Đấng Christ và sự thanh sạch. Khi đọc đến câu 14, ông đã đầu phục Chúa. Ông đã nổi tiếng trong lịch sử từ đó đến nay là "Thánh Augustine."

F. ĐỐI VỚI CÁC TÍN HỮU NHẬP (14:1- 15:13)

14:1 Rôma 14:1- 15:13 để cập những nguyên tắc quan trọng để hướng dẫn dân sự Đức Chúa Trời giải quyết các vấn đề quan trọng thứ yếu. Đây là những vấn đề thường gây xung đột giữa vòng tín hữu, nhưng những xung đột như thế là không cần thiết, như chúng ta sẽ thấy.

Cơ Đốc nhân yếu đuối là người có những dẫn đo thiếu cơ sở về những vấn đề quan trọng thứ yếu. Trong văn mạch này, Cơ Đốc nhân yếu đuối này thường là người Do Thái đã tin Chúa nhưng vẫn còn nhiều dẫn đo về việc ăn những thức ăn ngoài thức ăn kiêng của người Do Thái hoặc làm việc vào ngày thứ bảy.

Nguyên tắc đầu tiên là: Cơ Đốc nhân yếu đuối phải được tiếp nhận vào trong mối thông công địa phương, nhưng không phải tiếp vào nhằm đưa họ vào việc tranh cãi về tình dẫn đo thái quá của họ. Cơ Đốc nhân có thể thông công cách vui vẻ mà vẫn không phải đồng ý với nhau về những điều không thiết yếu.

14:2 Tín hữu nào được đi trong sự vui hưởng trọn vẹn quyền tự do của Cơ

Đốc nhân thì có đức tin căn cứ trên sự dạy dỗ của Tân Ước rằng mọi thức ăn đều là tinh sạch. Chúng được thánh hóa bởi lời của Đức Chúa Trời và bởi sự cầu nguyện (I.Timôthê 4:45). Tín hữu có lương tâm yếu đuối có thể ray rứt nhiều về việc ăn thịt heo, hay ăn bất kỳ thịt nào khác chẳng hạn. Có thể người ấy là một người chỉ ăn rau quả.

14:3 Vì vậy, *nguyên tắc thứ nhì* là phải có sự chịu đựng nhau. Cơ Đốc nhân trưởng thành không được phép coi thường anh em yếu đuối của mình. Anh em yếu đuối cũng đừng nên đoán xét người nào ăn thịt heo, tôm hay tôm hùm là một tội nhân. Đức Chúa Trời đã tiếp nhận người ấy vào gia đình Ngài, để làm một thành viên có địa vị tốt.

14:4 *Nguyên tắc thứ ba* ấy là mỗi tín hữu là một tội lỗi của Chúa, và chúng ta không có quyền để ngồi đoán xét, dường như thế mình là chủ. Chỗ của mỗi người được chấp thuận hay không được chấp thuận chính là ở trước mặt chủ của mình. Một người có thể xem thường người khác bằng thái độ chiếu cố lạnh nhạt, tin chắc người kia sẽ làm đắm chìm đức tin bởi cơ quan điểm của họ về những vấn đề ấy. Nhưng thái độ như thế là sai. Đức Chúa Trời sẽ giữ cho đứng vững người thuộc cả hai phía thác mắc này. Ngài có đầy đủ quyền năng để làm như vậy.

14:5 Một số Cơ Đốc nhân Do Thái vẫn xem ngày Sabát là ngày của bốn phận. Họ cảm thấy lương tâm cáu rứt khi làm việc trong ngày Sabát. Theo ý nghĩa đó, họ tôn trọng ngày này hơn ngày khác.

Những tín hữu khác không có chung những nỗi băn khoăn theo kiểu Do Thái giáo như vậy. Họ không xem sáu ngày kia là thế tục và một ngày là thiêng liêng. Đối với họ, mọi ngày đều thiêng liêng.

Nhưng còn Ngày của Chúa, là ngày thứ nhất của tuần lễ thì sao? Chẳng phải ngày ấy có địa vị đặc biệt trong đời sống Cơ Đốc sao? Chúng ta thấy trong Tân Ước, đây là ngày phục sinh của Chúa chúng ta (Luca 24:1-9). Trong hai Ngày của Chúa tiếp theo, Đấng Christ đã gặp các môn đồ Ngài (Giăng 20:19,26). Đức Thánh Linh được ban xuống trong ngày Lễ Ngũ Tuần, là ngày thứ nhất trong tuần lễ; Lễ Ngũ Tuần xảy ra bảy Chúa Nhật sau ngày Lễ Đầu Mùa (Lêvi Ký 23:15,16; CôngVụ 2:1), làm biểu tượng về sự phục sinh của Đấng Christ (I.Côrinthô 15:20,23). Các môn đồ nhóm lại để bẻ bánh vào ngày thứ nhất của tuần lễ (CôngVụ 20:7). Phaolô dạy tín hữu Côrinthô quyền góp vào ngày thứ nhất của tuần lễ. Vì vậy, Ngày của Chúa nổi bật cách đặc biệt trong Tân Ước. Nhưng thay vì là ngày của *bốn phần* – giống như ngày Sabát – đây là ngày của *đặc ân*. Được giải thoát khỏi công việc làm thường ngày, chúng ta có thể biệt riêng ngày ấy đặc biệt để thờ phượng và phục vụ Chúa.

Tân Ước không chỗ nào chép các Cơ Đốc nhân được truyền phải giữ ngày Sabát. Nhưng đồng thời, chúng ta công nhận nguyên tắc có một ngày trong bảy ngày, một ngày nghỉ sau sáu ngày làm việc.

Cho dù mỗi người có quan điểm nào đi nữa về đề tài này, nguyên tắc vẫn là:

Ai nấy hãy tin chắc ở Irí mình. Xét thấy nên hiểu rõ nguyên tắc như thế chỉ áp dụng cho những vấn đề *trung lập* về đạo đức. Khi gặp phải những giáo lý trên *nền tảng* của đức tin Cơ Đốc, không có chỗ dành cho quan điểm cá nhân. Nhưng trong lãnh vực này, nơi bản thân các vấn đề ấy không đúng cũng không sai, thì vẫn có chỗ dành cho những quan điểm khác nhau. Đừng nên để chúng trở thành phương pháp kiểm tra mỗi thông công.

14:6 Trong câu này, người giữ ngày là tín hữu Do Thái, là người lương tâm bị cắn rứt khi làm việc trong ngày Sabát. Không phải người này đang xem việc giữ ngày Sabát là phương tiện để kiếm được hay đạt được sự cứu rỗi; đây chỉ là vấn đề làm việc mình nghĩ sẽ làm đẹp lòng Chúa. Tương tự, người không giữ ngày thì không giữ vì cơ tôn trọng Đấng Christ, Đấng vốn là hình thật, chứ không phải chỉ là bóng của đức tin (Côlôse 2:16,17).

Người có quyền tự do để ăn những thức ăn không kiêng cử theo luật Do Thái thì cúi đầu tạ Đức Chúa Trời về thức ăn. Người tín hữu Cơ Đốc lương yếu, chỉ ăn những thức ăn kiêng của người Do Thái, cũng cúi đầu tạ ơn Chúa. Cả hai đều cầu xin ơn phước từ Đức Chúa Trời.

Trong cả hai trường hợp, đều được tôn kính và được tạ ơn, vậy vì sao điều này lại tạo cơ hội xung đột và tranh chấp?

14:7 Quyền tể trị của Đấng Christ bước vào trong mọi phương diện của đời sống tín đồ. Chúng ta không sống cho mình, nhưng sống cho Chúa. Chúng

ta không chết cho mình, nhưng cho Chúa. Đứng là điều chúng ta làm và nói đều ảnh hưởng đến người khác, nhưng đây không phải là ý tưởng ở đây. Phaolô đang nhấn mạnh rằng Chúa phải là mục tiêu và đối tượng cho đời sống của dân sự Ngài.

14:8 Mọi điều chúng ta làm trong đời này đều phải chịu sự tra xét và chấp thuận của Đấng Christ. Chúng ta xét nghiệm các sự vật bằng cách xem chúng xuất hiện như thế nào trước hiện diện Ngài. Ngay cả trong sự chết, chúng ta vẫn khao khát tôn vinh hiển cho Chúa khi chúng ta đi để ở với Ngài. Cả khi sống lẫn khi chết, chúng ta đều thuộc về Chúa.

14:9 Một trong những nguyên nhân Đấng Christ chết và sống lại ấy là để làm Chúa của chúng ta, và để chúng ta có thể làm những thân dân sẵn lòng vâng theo Ngài, vui mừng dâng lên Ngài tấm lòng biết ơn. Quyển tế trị của Ngài vẫn tiếp tục ngay cả trong sự chết, khi thân thể chúng ta nằm dưới mồ mả và linh hồn chúng ta ra mặt trước hiện diện Ngài.

14:10 Vì đây là sự thật, nên thật dai dột khi một Cơ Đốc nhân Do Thái quá thận trọng lại đi lên án anh em mình không giữ theo lịch Do Thái và không giữ đúng theo thức ăn kiêng của người Do Thái. Tương tự, anh em mạnh mẽ tỏ vẻ khinh thường anh em yếu đuối thì cũng sai. Sự thật ấy là mỗi một người chúng ta đều sẽ đứng trước Ngài **Đoán Xét của Đấng Christ**,⁵⁶ và đây mới chính là sự đoán xét duy nhất có giá trị.

Sự đoán xét này liên quan đến sự phục vụ của tín đồ, chứ không phải đến

tội lỗi của người (I.Côrinhtô 3:11-15). Đây là lúc duyệt xét lại và ban thưởng, và xin đừng nhầm lẫn với sự đoán xét các dân ngoại (Mathiơ 25:31-46) hay sự đoán xét tại Tòa Án Lớn Và Trắng (Khải Huyền 20:11-15). Sự đoán xét tại Tòa Án Lớn Và Trắng là sự đoán xét chung cuộc cho mọi người gian ác đã chết.

14:11 Tinh thần chắc chắn của việc chúng ta ứng hầu trước ngài *bēma* của Đấng Christ được củng cố bằng câu trích từ Êsai 45:23, trong đó chính Đức Giêhôva khẳng định mạnh mẽ rằng **mọi đầu gối sẽ quỳ trước mặt Ngài để công nhận thẩm quyền tối cao của Ngài**.

14:12 Như vậy, rõ ràng mọi người chúng ta đều khải trình với Đức Chúa Trời về *chính mình*, chứ không phải về anh em mình. Chúng ta đoán xét nhau quá nhiều, mà không hề có thẩm quyền chính đáng hay hiểu biết đúng để đoán xét.

14:13 Thay vì ngồi đoán xét các anh em Cơ Đốc của mình trong những vấn đề khác biệt về đạo đức trên đây, chúng ta nên **quyết tâm** đứng bao giờ làm gì ngăn trở anh em mình trong bước tiến triển thuộc linh. Không một điều nào trong những vấn đề không thiết yếu trên đây quan trọng đủ để chúng ta khiến anh em mình phải vấp hoặc ngã.

14:14 Phaolô đã biết, và chúng ta hiện biết, không một thức ăn nào là ô uế về mặt lễ nghi nữa, như ngày xưa chúng từng ô uế cho người Do Thái sống dưới luật pháp. Lương thực chúng ta ăn được thánh hóa bởi Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện (I.Timôthê 4:5). Thức ăn được thánh hóa bởi Lời Chúa theo ý nghĩa Kinh Thánh đã biệt riêng

rõ ràng những thức ăn ấy là tốt lành. Thức ăn được thánh hóa bởi sự cầu nguyện khi cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước cho thức ăn vì cơ vinh hiển Ngài và để thêm sức cho thân thể chúng ta phục vụ Chúa. Nhưng nếu một anh em yếu đuối nghĩ ăn thịt heo là sai chẳng hạn, thì đối với người ăn như vậy là sai. Ăn thịt heo sẽ phạm đến lương tâm Chúa đã ban cho người ấy.

Khi Phaolô nói ở đây chẳng có vật gì vốn là đơ dáy, chúng ta phải thấy rằng ông chỉ đang nói đến những vấn đề *bằng quan và tâm thường* này thôi. Có rất nhiều điều trong đời sống vốn không tinh sạch, chẳng hạn như sách báo khiêu dâm, những câu đùa gợi dục, những bộ phim tục tĩu, và mọi hình thức của sự gian dâm. Phải hiểu câu nói của Phaolô trong văn mạch. Cơ Đốc nhân không bị ô uế theo lẽ nghi do ăn những thức ăn mà luật pháp Môisê gọi là không tinh sạch.

14:15 Khi ngồi ăn với một anh em yếu đuối, tôi có nên kháng kháng dựa vào quyền hợp pháp của mình để ăn của Crab Louis hay tôm hùm Lobster Thermidor, dầu tôi biết người ấy nghĩ ăn như vậy là sai? Nếu tôi ăn, tôi đang không hành động *trong tình yêu thương*, vì tình yêu thương nghĩ đến người khác, chứ không phải nghĩ đến chính bản thân mình. Tình yêu thương quyết định bỏ những quyền hợp pháp của nó để nâng cao phúc lợi của anh em. Một món ăn không quan trọng cho bằng sức khỏe thuộc linh của người đã được **Đấng Christ chịu chết cho**. Thế nhưng nếu tôi phủ trương những quyền lợi của mình cách ích kỷ trong các vấn đề này, tôi có

thể làm hại vô phương cứu chữa cho đời sống của anh em yếu đuối. Không đáng để làm vậy khi nhớ linh hồn người ấy đã được chuộc bởi một giá cao biết dường nào, là huyết báu của Chiên Con.

14:16 Vì vậy, nguyên tắc ở đây là: chúng ta đừng để những vấn đề thứ yếu này (bản thân chúng vốn hoàn toàn được phép làm) tạo dịp cho người khác lên án chúng ta về "sự buông thả hay thiếu yêu thương" của chúng ta. Làm như vậy chẳng khác gì hy sinh danh tiếng tốt của chúng ta để đổi lấy một mớ món ăn.

14:17 Điều thật sự quan trọng trong Nước Đức Chúa Trời không phải là những quy định về ăn kiêng nhưng là những thực tại thuộc linh. **Nước Đức Chúa Trời** là nơi Ngài được công nhận là Đấng Cai Trị Tối Cao. Theo ý nghĩa rộng nhất này, nước này bao gồm mọi người từng tuyên xưng trung thành với Ngài. Nhưng ở thực tại bề trong, nước này chỉ bao gồm những người được tái sanh. Đây là cách dùng từ này tại đây.

Các thần dân của Nước Đức Chúa Trời không nhằm mục đích trở thành những người thích món ăn cách gàn dở, những người sành ăn, hay những người sành rượu. Họ phải đặc trưng bởi nếp sống *công bình thực tiễn*, bởi những khuynh hướng *bình an* và hài hòa, bởi nếp suy nghĩ *vui vẻ trong Thánh Linh*.

14:18 Những thứ con người ăn hay không ăn không phải là vấn đề quan trọng. Quan trọng là nếp sống thánh khiết để được đẹp lòng Đức Chúa Trời và được con người khen. Những người nhấn mạnh vào sự công bình, bình an và vui mừng thì hầu việc **Đấng Christ**

bằng cách vâng theo sự dạy dỗ của Ngài.

14:19 Vì vậy, một *nguyên tắc khác* nữa ở đây. Thay vì cãi cọ về những vấn đề vụn vặt, chúng ta nên dồn hết nỗ lực duy trì sự bình an và hài hòa trong mối thông công Cơ Đốc. Thay vì gây cho người khác vấp bằng cách cứ khăng khăng giữ lấy những quyền lợi của mình, chúng ta nên nỗ lực gây dựng người khác trong đức tin rất thánh của họ.

14:20 Đức Chúa Trời đang thực hiện công việc trong đời sống của mỗi một con cái Ngài. Thật khủng khiếp khi nghĩ mình đã ngăn trở công tác của Chúa trong đời sống một anh em yếu đuối vì cố những vấn đề thứ yếu như là thức ăn, thức uống hay các ngày. Đối với người con ấy của Chúa, mọi thức ăn giờ đây đã được tinh sạch. Nhưng người này sẽ sai khi ăn thức ăn nào khiến cho một anh em bị xúc phạm hay vấp ngã trong nếp sống Cơ Đốc.

14:21 Kiêng ăn thịt, uống rượu hay tránh làm một điều gì khác còn tốt hơn hàng ngàn lần việc gây vấp phạm cho anh em, làm sa sút tâm linh họ. Từ bỏ những quyền lợi hợp pháp của chúng ta là một giá hy sinh rất nhỏ để chăm sóc những anh em yếu đuối.

14:22 Có thể tôi được quyền tự do trọn vẹn để ăn mọi loại thức ăn, vì biết Đức Chúa Trời đã ban thức ăn ấy để tôi nhận lãnh với lòng biết ơn. Nhưng tôi đừng nên phô trương quyền tự do đó cách không cần thiết trước những người yếu đuối. Tốt hơn nên vận dụng quyền tự do ấy nơi riêng tư, khi không ai có thể bị vấp phạm.

Thật tốt khi sống vui hưởng trọn vẹn quyền tự do Cơ Đốc của mình, không bị ràng buộc bởi những bản khoán vô căn cứ. Nhưng thà từ bỏ những quyền lợi hợp pháp của mình thì tốt hơn là tự định tội mình vì đã gây vấp phạm cho người khác. Ai tránh gây vấp phạm cho người khác thì thật là người có phước.

14:23 Đối với anh em yếu đuối này, là người thấy sai khi ăn bất kỳ thứ gì làm cho lương tâm người ray rứt. Việc ăn của người không phải là hành động đức tin; tức là lương tâm người đã cắn rứt về điều đó. Và phạm đến lương tâm của mình tức là phạm tội lỗi.

Đúng là lương tâm con người không phải là sự hướng dẫn vô ngộ; lương tâm phải được Lời Đức Chúa Trời dạy dỗ cho. Nhưng Merrill Unger viết rằng: "Phaolô lập ra luật truyền người ta nên làm theo lương tâm của mình, cho dầu lương tâm yếu đuối; nếu không, cá tánh đạo đức sẽ bị tiêu diệt."⁵⁷

15:1 Mười ba câu đầu của đoạn 15 tiếp tục đề tài của đoạn trước giải quyết những vấn đề bằng quan lãnh đạp về đạo đức. Căng thẳng đã nảy sinh giữa những người mới tin Chúa từ trong vòng Do Thái và tứ ngoại giáo, nên ở đây Phaolô bình vực những mối quan hệ hài hòa giữa những Cơ Đốc nhân người Do Thái và người ngoại bang.

Những người mạnh mẽ (tức là có trọn quyền tự do đối với những vấn đề vụn vặt về đạo đức) chớ làm đẹp lòng mình bằng cách khẳng định quyền lợi mình cách ích kỷ. Trái lại, họ nên đối đãi với những anh em yếu đuối của mình bằng lòng nhân từ và sự suy xét,

suy tính đến **những bản khoản** quá đáng của họ.

15:2 Ở đây có nguyên tắc: **Đừng sống để làm đẹp lòng bản thân mình. Hãy sống để làm đẹp lòng người lân cận mình, làm điều ích lợi cho họ, gây dựng họ.** Đây là lối tiếp cận Cơ Đốc.

15:3 **Đấng Christ** nêu gương cho chúng ta. Ngài sống đẹp lòng Cha Ngài, chứ không làm đẹp lòng Ngài. Ngài phán: **"Lời của những kẻ nguyền rủa Chúa đã đổ trên mình tôi"** (Thi Thiên 69:9). Có nghĩa Ngài hoàn toàn bị cuốn hút bởi danh dự của Đức Chúa Trời đến nỗi khi con người sỉ nhục Đức Chúa Trời, Ngài xem đó là sỉ nhục đến chính Ngài.

15:4 Câu trích từ Thi Thiên nhắc chúng ta Kinh Thánh Cựu Ước được viết ra để dạy dỗ. Tuy Kinh Thánh Cựu Ước không viết trực tiếp cho chúng ta, nhưng chứa đựng những bài học vô giá cho chúng ta. Khi chúng ta gặp những nan đề, xung đột, hoạn nạn, rắc rối, Kinh Thánh dạy chúng ta đứng vững và ban cho sự **yên ủi**. Vì vậy, thay vì chìm sâu dưới những làn sóng ấy, chúng ta được nâng đỡ bởi lòng **trông cậy** Chúa sẽ giúp chúng ta vượt qua đắc thắng.

15:5 Suy xét này khiến Phaolô nói lên ước muốn **Đấng** ban sự vững vàng và **yên ủi** cũng là **Đấng** ban năng lực cho người mạnh mẽ và người yếu đuối – là những Cơ Đốc nhân người ngoại bang và người Do Thái – để sống xứng đáng cách **hài hòa** với lời dạy dỗ và tấm gương của **Chúa Jêsus Christ**.

15:6 Kết quả sẽ là các thánh đồ được hiệp một trong sự thờ phượng Đức

Chúa Trời là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Bức tranh tuyệt vời biết bao! Những người Do Thái được cứu và những người ngoại bang được cứu đồng một lòng một miệng mà thờ phượng Đức Chúa Trời!

Có bốn lần nhắc đến **"miệng"** trong Rôma, hình thành bố cục tiểu sử của một "linh hồn đã được cứu." Lúc đầu, miệng người đầy dẫy sự rửa sạch và cay đắng (3:14). Sau đó miệng người ngậm mặt Quan Án (3:19). Tiếp theo, người lấy môi miệng xưng Đức Chúa Jêsus là Chúa (10:9). Và cuối cùng, **miệng** người tích cực ca ngợi và thờ phượng Chúa (15:6).

15:7 Từ toàn bộ điều này xuất hiện thêm một nguyên tắc nữa. Đầu có bất kỳ khác biệt nào về những vấn đề thứ yếu, chúng ta cũng nên **tiếp nhận nhau**, như **Đấng Christ** đã **tiếp lấy chúng ta**. Đây là cơ sở đúng để tiếp nhận nhau trong hội chúng địa phương. Chúng ta không tiếp nhận dựa trên cơ sở gia nhập giáo phái, sự trưởng thành tâm linh, hay địa vị xã hội. Chúng ta phải tiếp nhận những người **Đấng Christ** đã **tiếp lấy**, để tôn cao **vinh hiển của Đức Chúa Trời**.

15:8 Trong sáu câu tiếp theo, sứ đồ nhắc đọc giả rằng chức vụ của **Đức Chúa Jêsus Christ** bao gồm cả người Do Thái lẫn người ngoại bang, và hàm ý tấm lòng chúng ta phải đủ lớn để bao gồm cả hai. Đương nhiên, **Đấng Christ** đã đến để phục vụ **người chịu cắt bì**, tức là dân Do Thái. Đức Chúa Trời liên tiếp hứa sai **Đấng Mêsia** đến với Ysraên, và sự hiện đến của **Đấng**

Christ khẳng định sự thật của những lời hứa đó.

15:9 Nhưng Đấng Christ cũng đem phước hạnh đến cho người ngoại bang nữa. Đức Chúa Trời đã định các dân phải được nghe Tin Lành, và những người tin sẽ tôn vinh Ngài về sự thương xót của Ngài. Đáng ra tín hữu người Do Thái đừng ngạc nhiên trước điều này, vì được báo trước thường xuyên trong Kinh Thánh của họ. Lấy ví dụ, trong Thi Thiên 18:49, Đavít báo trước ngày Đấng Mêsia sẽ hát ngợi khen Đức Chúa Trời ở giữa đoàn dân đông các tín hữu dân ngoại.

15:10 Trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:43, dân ngoại được mô tả như đang vui mừng trong các phước hạnh của sự cứu rỗi cùng với dân Ysraên của Ngài.

15:11 Trong Thi Thiên 117:1, chúng ta nghe dân Ysraên gọi dân ngoại bang ngợi khen Đức Giêhôva trong Triều Đại Thiên Hy Niên của Đấng Mêsia.

15:12 Cuối cùng Êsai bổ sung thêm lời chứng của mình cho việc đưa dân ngoại bang vào quyền thống trị của Đấng Mêsia (Êsai 11:1-10). Ý đặc biệt tại đây là: Dân ngoại bang sẽ dự phần các đặc ân của Đấng Mêsia và Tin Lành của Ngài.

Chúa Jêsus là cội rễ Giesê theo ý nghĩa Ngài là Đấng Tạo Hóa của Giesê, chứ không phải Ngài này ra từ Giesê (dấu hiệu đó cũng đúng). Trong Khải Huyền 22:16, Chúa Jêsus nói Ngài là chối và hậu tự của Đavít. Về thần tánh, Ngài là Chối của Đavít, về nhân tánh Ngài là hậu tự của Đavít.

15:13 Và rồi Phaolô kết thúc phần này bằng lời chúc phước đầy ơn, cầu xin Đức Chúa Trời là Đấng ban sự trông cậy tốt lành qua ân điển sẽ đầy đầy trên thánh đồ mọi điều vui vẻ và bình an khi họ tin nơi Ngài. Có lẽ ông đang suy nghĩ đặc biệt đến những tín hữu ngoại bang ở đây, nhưng lời cầu nguyện thích hợp cho tất cả mọi người. Và đừng là những người đầy dẫy sự trông cậy bởi quyền năng của Thánh Linh thì không có thì giờ cãi và những điều vụn vặt. Sự trông cậy chung của chúng ta chính là sức mạnh thống nhất đầy quyền năng trong nếp sống Cơ Đốc.

6. Trong Những Kế Hoạch Của Phaolô (15:14-33)

15:14 Trong phần còn lại của đoạn 15, Phaolô nêu nguyện nhân khiến ông viết thư cho người Rôma và hết sức khao khát thăm họ.

Dẫu chưa hề gặp các Cơ Đốc nhân tại Rôma, ông tin quyết họ sẽ hoan nghênh lời khuyến cáo của ông. Lòng tin quyết này căn cứ trên điều ông nghe về lòng nhân từ của họ. Ngoài ra, ông còn tin chắc họ hiểu biết giáo lý Cơ Đốc, là điều khiến họ đủ tư cách để khuyên bảo người khác (NKJV mg.)

15:15 Dẫu có lòng tin nơi Uên bộ thuộc linh của họ, và dẫu là khách lạ đối với họ, Phaolô vẫn không ngần ngại nhắc họ nhớ một số những đặc ân và trách nhiệm. Sự thành thật của ông khi viết thư xuất phát từ ơn Đức Chúa Trời đã làm cho ông – tức là ân điển đã lập ông lên làm sứ đồ.

15:16 Ông được Đức Chúa Trời lập lên làm thầy tế lễ phục vụ của Đức

Chúa Jêsus Christ cho dân ngoại. Ông xem công tác làm chức việc của Tin Lành Đức Chúa Trời như là chức năng thấy tế lễ để ông dâng người ngoại bang được cứu lên làm một cửa lễ đẹp ý Chúa vì họ đã được Đức Thánh Linh biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời qua sự tái sanh. G. Campbell Morgan rất vui sướng nói:

Điều này chiếu ánh sáng rạng ngời biết đường nào trên toàn bộ nỗ lực truyền giảng và chân bầy cầu chúng ta! Mỗi linh hồn chinh phục được bởi công tác rao giảng Tin Lành không những được đem vào nơi an toàn và phước hạnh; linh hồn ấy còn là một cầu dâng cho Đức Chúa Trời, một món quà làm Ngài thỏa mãn, đó chính là của dâng Ngài đang tìm kiếm. Mỗi linh hồn được dạy dỗ cẩn thận và kiên nhẫn trong những điều thuộc về Đấng Christ, để nhờ đó được trở nên giống như linh ảnh của Ngài, chính là một linh hồn được Đức Chúa Cha đẹp ý. Vì vậy chúng ta đừng công sức làm việc, không những để cứu rỗi con người, mà còn để làm thỏa mãn lòng của Đức Chúa Trời. Đây là động cơ mạnh mẽ nhất.⁵⁸

15:17 Nếu Phaolô khoe mình, thì không phải ông khoe về chính con người của mình, nhưng khoe trong Đức Chúa Jêsus Christ. Và không phải khoe về những thành tựu của mình,, nhưng khoe những điều Đức Chúa Trời đã đẹp lòng thực hiện qua ông. Đầy tớ khilem nhường của Đấng Christ không khoe mình cách không đúng, nhưng trái lại ý thức được rằng Đức Chúa Trời đang dùng mình hoàn thành các mục đích

của Ngài. Bất cứ cảm dỗ nào để kiêu ngạo đều bị hạ xuống khi nhận biết bản thân mình không ra gì. Bản thân không có gì ngoài những điều đã nhận được, và không thể làm được gì cho Đấng Christ ngoại trừ nhờ quyền năng điều Đức Thánh Linh.

15:18 Phaolô không dám nói về việc Đấng Christ thực hiện qua chức vụ của người khác. Ông tự giới hạn mình vào cách Chúa đã dùng ông để chinh phục dân ngoại bang về đầu phục Ngài, cả bởi những lời ông nói và việc ông làm – tức là bởi sự điệp ông rao giảng và bởi các phép lạ ông đã thi hành.

15:19 Chúa khẳng định sự điệp của sự đổ bằng các phép lạ để dạy những bài học thuộc linh và tạo sự sống, và bằng nhiều biểu hiện khác nhau của quyền năng Thánh Linh. Kết quả ông đã rao giảng đầy đủ Tin Lành, bắt đầu từ Giêrusalem rồi đến các miền xung quanh cho đến xứ Ilyri (phía bắc Macedonia, trên biển Adriatic). Từ thành Giêrusalem... đến xứ Ilyri mô tả phạm vi địa lý của chức vụ ông chứ không phải trình tự thời gian.

15:20 Khi đi theo lộ trình này, mục đích của Phaolô là giảng Tin Lành tại lãnh thổ chưa có ai đến giảng. Thính giả của ông chủ yếu là người ngoại bang trước đó chưa hề nghe về Đấng Christ. Vì vậy, ông không lập lên trên nền người khác. Tấm gương đi tiên phong trong những khu vực mới của Phaolô không nhất thiết ràng buộc các đầy tớ khác của Chúa phải vào y nguyên hoạt động này. Lấy ví dụ, một số người kêu

gọi tiến vào dạy dỗ sau khi các hội thánh mới được thành lập.

15:21 Công tác lập nền này giữa vòng dân ngoại bang là sự ứng nghiệm lời tiên tri Êsai (52:15) rằng dân ngoại bang chưa hề được nghe Tin Lành sẽ nhìn thấy, và những người trước đó chưa hề nghe Tin Lành sẽ hiểu và đáp ứng bằng đức tin thật.

15:22,23 Với lòng ao ước cày vỡ đất những lãnh thổ chưa ai rao truyền Đấng Christ, trước đó Phaolô cũng đã dự tính đến Rôma. Nhưng giờ đây nền đã lập tại khu vực được mô tả trong 15:19. Người khác có thể xây trên nền này. Do đó, Phaolô tự do làm tròn ước nguyện từ lâu của ông để đến thăm Rôma.

15:24 Ông tính dừng lại tại Rôma trên đường đi Tây Ban Nha. Ông không thể ở lại lâu để hưởng hết mỗi thông công với họ như ý muốn, nhưng ước ao bầu bạn với họ ít ra cũng được thỏa nguyện một phần. Sau đó ông biết họ sẽ giúp mọi điều cần thiết để hoàn tất chuyến đi đến Tây Ban Nha.

15:25 Nhưng trong lúc này, ông đang đi đến Giêrusalem để giao những khoản tiền quyên được giữa các hội thánh ngoại bang cho các thánh đồ đang cùng túng tại xứ Giuđê. Đây là sự quyên góp ta đọc được trong I.Côrinthô 16:1 và II.Côrinthô 8 và 9.

15:26,27 Tín hữu tại Maxêdoan và Achai vui lòng quyên tiền cứu trợ cảnh khốn khó của các Cơ Đốc nhân nghèo. Sự quyên góp này do lòng hoàn toàn tự nguyện của người góp, và cũng rất phù hợp để họ quyên góp. Suy cho cùng, họ đã nhận được ích lợi thuộc linh vì Tin

Lành đã đến với họ qua các tín hữu người Do Thái. Vì vậy, cũng không phải là đòi hỏi quá nhiều khi yêu cầu họ chia sẻ của cải vật chất với những anh em Do Thái của mình.

15:28,29 Ngay khi Phaolô thực hiện xong sứ mạng này, là giao của quyền góp như đã hứa, ông sẽ đến thăm Rôma trên đường đi Tây Ban Nha. Ông rất tin quyết chuyển thăm Rôma sẽ đem kèm theo ơn phước dồi dào của Tin Lành mà Đấng Christ luôn luôn tuôn đổ khi Lời Đức Chúa Trời được rao giảng trong quyền năng của Thánh Linh.

15:30 Sứ đồ kết thúc phần này với lời tha thiết kêu gọi sự cầu nguyện của họ. Cơ sở để kêu gọi chính là sự liên hiệp hỗ tương của họ với Chúa Jesus Christ và tình yêu của họ phát xuất từ Đức Thánh Linh. Ông yêu cầu họ dành nhiều thì giờ lo nghĩ (Bản Việt Ngữ là "chiến đấu") trong những lời cầu nguyện dâng lên Chúa vì cơ ông. Lenski nói: "Điều này kêu gọi những lời cầu nguyện phải đặt hết tòng hết linh hồn mình vào đó như những đấu thủ trên đấu trường."⁵⁹

15:31 Ở đây Phaolô nêu lên bốn lời cầu xin cụ thể. Thứ nhất, ông xin họ cầu nguyện để ông được giải thoát khỏi những người cuồng tín trong xứ Giuđê đang cuồng nhiệt chống đối Tin Lành giống như ngày xưa ông đã từng chống đối.

Thứ nhì, ông muốn tín hữu Rôma cầu nguyện để các thánh đồ Do Thái sẽ vui lòng nhận những món tiền cứu trợ. Vẫn còn nhiều thành kiến tôn giáo mạnh mẽ chống lại các tín hữu ngoại

hang và chống lại những người rao giảng Tin Lành cho dân ngoại. Như vậy, luôn luôn tồn tại khả năng có người bị xúc phạm khi nghĩ đến việc nhận lãnh "của từ thiên." Thương bên nhận sẽ cần vui lòng nhiều hơn bên cho!

15:32 Lời cầu xin thứ *bà* là xin Chúa đẹp lòng để khiến chuyến đến thăm Rôma trở thành một chuyến đi đầy vui mừng. Những chữ "vừa ý Đức Chúa Trời" diễn tả lòng khao khát của Phaolô được Chúa dẫn dắt trong mọi sự.

Sau cùng, ông muốn chuyển đi của mình mang đến sự nghỉ ngơi lấy lại sức giữa một chức vụ đầy biến động và mệt mỏi.

15:33 Giờ đây Phaolô kết thúc đoạn này với lời cầu nguyện xin Đức Chúa Trời nguồn của sự bình an ở với họ hết thảy. Trong đoạn 15, Chúa đã được xưng danh là *Đức Chúa Trời hay nhận nhục và yên ủi* (câu 5), *Đức Chúa Trời của sự trông cậy* (câu 13), và giờ đây là *Đức Chúa Trời bình an*. Ngài là nguồn của mọi điều thiện lành và của mọi điều mà tội nhân nghèo thiếu cần đến hiện nay và trong cõi đời đời. Amen.

9. Trong Lời Tri Ân Những Người Khác (Đuọg 18)

Thoạt nhìn, đoạn cuối của thư Rôma dường như là danh sách chân ngắt đầy những tên gọi có rất ít hoặc không hề có ý nghĩa gì đối với chúng ta ngày nay. Tuy nhiên, nghiên cứu kỹ hơn về đoạn Kinh Thánh bị bỏ bê này sẽ đem lại nhiều bài học quan trọng cho tín hữu.

16:1 Phêbê được giới thiệu là *tôi tớ*^{đb} của hội thánh Xencrê. Chúng ta không cần nghi bà thuộc một phẩm trật

tôn giáo đặc biệt nào đó. Bất cứ chị em nào phục vụ trong một hội chúng địa phương đều có thể làm "nữ chấp sự."

16:2 Bất cứ khi nào những Cơ Đốc nhân đầu tiên đi từ hội thánh này sang hội thánh khác, họ đều đem theo bức thư giới thiệu. Đây thật là cách ứng xử lịch sự đối với hội thánh họ đến thăm và giúp ích cho du khách.

Vì vậy, ở đây Phaolô giới thiệu Phêbê và yêu cầu họ tiếp đón bà như một tín hữu thật *theo cách xứng đáng với thánh đồ*. Ông yêu cầu giúp đỡ bà trong mọi cách có thể được. Ông khen bà đã giúp đỡ nhiều người khác, kể cả Phaolô. Có lẽ bà là người không mệt mỏi để không ngừng tỏ lòng hiếu khách đối với những người giảng đạo và các tín hữu khác tại Xencrê.

16:3 Tiếp theo, Phaolô chào thăm Bêrítin và Aquila, những người cùng làm việc đầy can đảm với ông trong sự hầu việc Chúa Jêsus. Chúng ta có thể cảm tạ Chúa biết dường nào về những cặp vợ chồng Cơ Đốc đã dốc đổ chính mình vào công khó hy sinh cho sự nghiệp của Đấng Christ!

16:4 Có một dịp Bêrítin và Aquila thực sự *liều chết để cứu Phaolô* - một hành động anh hùng mà không thấy nêu một chi tiết nào cả. Nhưng sứ đồ đầy lòng biết ơn, và cả các hội thánh của dân ngoại đang được ông chăm sóc cũng biết ơn họ nữa.

16:5 Cũng hãy chào hội thánh nhóm tại nhà hai người. Điều này có nghĩa một hội chúng của những tín hữu đang nhóm lại tại nhà họ. Người ta vẫn chưa biết đến các ngôi nhà thờ cho đến cuối

thế kỷ thứ nhì. Trước đó, khi Bêritsin và Aquila sống tại Côrintô, họ cũng có một hội thánh nhóm trong nhà họ nữa.

Êbainét có nghĩa "đáng được ca ngợi." Rõ ràng, tên tín hữu đầu tiên này trong vùng Achai⁶¹ thật xứng với tên gọi của mình. Phaolô gọi ông là người rất thiết với tôi.

16:6 Sự nổi bật của những tên phụ nữ trong đoạn này nhấn mạnh phạm vi hữu ích rộng lớn của họ (câu 1, 3, 6, 12, v.v.). **Marí** là người cũng có nhiều công khó đối với các thánh đó.

16:7 Chúng ta không biết **Anrônica** và **Glunia** làm bạn đồng tù với Phaolô khi nào. Chúng ta không thể biết chắc từ ngữ "bà con" có nghĩa họ là bà con gần của sứ đồ hay chỉ đơn giản là đồng bào Do Thái. Một lần nữa, chúng ta không biết cụm từ "người có danh vọng trong các sứ đồ" muốn nói họ được các sứ đồ kính trọng hay bản thân họ là những sứ đồ nổi bật. Tất cả những gì chúng ta có thể biết chắc chắn ấy là: họ đã trở thành Cơ Đốc nhân trước Phaolô.

16:8 Kế tiếp, chúng ta gặp **Amliá**, người rất yêu dấu của vị sứ đồ. Chúng ta ít hẳn chưa bao giờ nghe đến người nào trong số này ngoại trừ mối liên kết của họ với Gôgôtha. Đây là điều vi đại duy nhất về bất cứ ai trong chúng ta.

16:9 **Urobanh**, bạn cùng làm việc, và **Échtachy**, được gọi là kẻ rất thiết với tôi. Rôma đoạn 16 giống như mô hình thu nhỏ Ngai Doán Xét của Đấng Christ, nơi sẽ có sự khen ngợi mỗi một trường hợp trung tín với Đấng Christ.

16:10 **Abelô** đã trải qua một thử thách lớn nào đó với thành công lớn lao

và đã nhận được dấu ấn "được tiếp nạp trong Đấng Christ."

Phaolô chào thăm người nhà của **Arichôbu**, chắc nói đến những nô lệ đã tin Đấng Christ thuộc về người châu nội của Hêrôt Đại Đế.

16:11 **Hêrôdiôn**, chắc cũng là nô lệ. Là đồng bào (Bản Việt Ngữ dịch là "bà con") của Phaolô, có lẽ ông là người nô lệ *Do Thái* duy nhất thuộc về người nhà Arichôbu.

Rồi đến một số nô lệ của **Nalxít** cũng đã là tín hữu, và Phaolô đã chào thăm họ. Ngay cả những người hèn kém trong nấc thang xã hội vẫn không bị loại khỏi những phước hạnh tình tủy nhất của Cơ Đốc giáo. Việc đưa những nô lệ vào danh sách tên gọi này là dấu nhắc nhở đầy triu mến rằng trong Đấng Christ mọi sự phân biệt xã hội đều bị loại bỏ vì chúng ta thấy đều là một trong Ngài.

16:12 Tên của **Tryphenô** và **Tryphôô** có nghĩa "thanh lịch" và "sang trọng," nhưng họ là người thực sự gánh vác công việc nặng nhọc để hầu việc Chúa. **Betsiđô**, người rất nhân, là nữ nhân sự khác nữa vốn rất cần thiết trong các hội thánh địa phương nhưng hiếm khi được trân trọng cho đến khi họ qua đi.

16:13 **Ruphu** có lẽ là con trai Simôn, người đã vác thập tự giá thay Chúa Jesus (Mathiô 27:32). Ông là người được chọn trong Chúa không những xét về sự cứu rỗi của ông, mà còn về tính cách Cơ Đốc của ông; có nghĩa ông là một thánh đó được tuyển chọn. Mẹ của Ruphu đã tỏ lòng nhân hậu của người mẹ đối với Phaolô, và nhờ đó nhận

được tên gọi đầy tình cảm của ông "me tôi."

16:14,15 Có lẽ **Asincărîch, Pholêgôn, Hêlme, Balrôba, và Hêlma** hoạt động tích cực trong một hội thánh tại gia, giống như những người ở trong nhà của Bêritsin (Iô: 3, 5). **Philôlôgơ và Giuli, Nêrê và chị người, Ô lim,** có lẽ là những hạt nhân nòng cốt của một hội thánh lại gia khác nữa.

16:16 Cái hôn thánh là phương thức chào thăm phổ thông đầy tình cảm giữa vòng các thánh đồ lúc háy giờ và vẫn còn được thực hiện tại một số quốc gia ngày nay. Được gọi là cái hôn thánh để phòng cách ứng xử khiếm nhã. Trong nền văn hóa của chúng ta, cái hôn thánh này thường được thay thế bởi bắt tay.

Các hội thánh trong xứ Achai, nơi Phaolô đang viết bức thư này, cũng gửi lời chào thăm của họ.

16:17 Sứ đồ không thể kết thúc bức thư mà không cảnh cáo về một số giáo sư không tin kính, là người có thể đang luôn lách vào trong hội thánh. Cơ Đốc nhân phải đề phòng bất kỳ người nào lập phe đảng quanh mình và cái bẫy để diệt đức tin của người thiếu cảnh giác. Cơ Đốc nhân nên canh chừng bất cứ ai dạy dỗ trái với sự dạy dỗ vững chắc mà Cơ Đốc nhân đã học được, và phải tránh hoàn toàn những người như thế.

16:18 Những giáo sư giả này không vắng phục Đức Chúa Jesus Christ chúng ta. Họ vắng lời những thêm khát của riêng họ (Bản Việt Ngữ: "cái bụng"). Và họ hết thấy đều thành công trong việc dùng lời nói ngọt ngào đưa nhĩn và

quyến rũ để lừa gạt những người không cảnh giác.

16:19 Phaolô vui mừng vì sự vắng phục Chúa của độc giả đã nổi tiếng. Nhưng vẫn ông muốn họ có thể phân biệt và vắng theo sự dạy dỗ tốt lành và đừng đáp ứng với điều ác.

16:20 Như vậy, Đức Chúa Trời, là nguồn của sự bình an sẽ cho họ nhanh chóng đắc thắng Satan.

Lời chúc phước đặc trưng của sứ đồ chúc cho các thánh đồ được ban ân quyền cần thiết đang khi họ trên đường tiến đến sự vinh hiển.

16:21 Chúng ta biết Timôthê, con của Phaolô trong đức tin và là bạn cộng sự trung tín của ông. Chúng ta không biết gì về Lusiút, ngoại trừ ông ta - cũng như Phaolô - thuộc dòng dõi Do Thái. Có lẽ trước đây chúng ta đã gặp Glasôn (Công Vụ 17:5) và Sôxibalê (Công Vụ 20:4), họ cũng là người Do Thái.

16:22 Têltiu là người nghe Phaolô đọc để viết bức thư này. Ông được tự do gửi thêm những lời chào thăm của riêng mình đến các độc giả.

16:23 Ít nhất có bốn người nam mang tên Gaiút trong Kinh Thánh. Chắc đây cũng là người được nói đến trong I.Côrinthô 1:14. Ông nổi tiếng về lòng hiếu khách, không những đối với Phaolô mà còn với bất kỳ Cơ Đốc nhân nào cần đến. Êrát, quan kho bạc thành phố Côrinthô. Nhưng có phải ông cũng chính là người được nhắc đến trong Công Vụ 19: 22 hoặc II.Timôthê 4:20? Chúng ta không biết chắc. Quarulô được nhắc đến đơn giản là một anh em,

nhưng suy cho cùng, quả là một vinh dự lớn lao, một phẩm giá tuyệt vời biết dường nào!

16:24 Ân điển của Đức Chúa Jêsus Christ ở cùng anh em hết thảy (Bản Việt Ngữ: không có câu này) là lời chúc phước kết thúc điển hình của Phaolô. Câu này cũng giống như câu 20b có bổ sung thêm chữ "hết thảy." Sự thật, trong hầu hết các thủ bản thư Rôma, đây là câu Kinh Thánh cuối cùng, và lời hát tôn vinh trong câu 25-27 xuất hiện sau đoạn 14. Bản văn Alexandrian (NUJ) bỏ qua câu 20. Cả lời chúc phước lẫn lời tôn vinh đều là những phương cách đẹp tuyệt vời để kết thúc sách này, và cả hai đều kết thúc với chữ Amen.

16:25 Bức thư kết thúc với lời tôn vinh. Lời hát tôn vinh được dâng lên Đức Chúa Trời là Đấng có thể khiến dân sự Ngài đứng vững vàng vững đáng với Tin Lành mà Phaolô rao giảng và gọi là Tin Lành lời. Đương nhiên, có một con đường cứu rỗi duy nhất, nhưng được giao cho ông là "sứ đồ cho dân ngoại" trong khi Phierơ chẳng hạn, đã rao giảng Tin Lành cho người Do Thái. Đây là lời báo trước công khai sứ điệp về Đức Chúa Jêsus Christ, về sự tỏ ra là máu nhiệm tuyệt vời đã giấu kín kể từ khi thế gian bắt đầu. Trong Tân Ước, lễ máu nhiệm là một sự thật chưa được biết đến trước đó, và là một sự thật mà trí khôn con người không bao giờ khám phá được, nhưng là điều giờ đây được tỏ ra.

16:26 Lễ máu nhiệm cụ thể được nói đến ở đây chính là sự kiện những người Do Thái tin Chúa và những người

ngoại bang tin Chúa được lập thành những người đồng kế tự, là những chi thể trong thân của Đấng Christ, và là những người cùng dự phần lời hứa của Ngài trong Đấng Christ bởi Tin Lành (Êphêso 3:6).

Tin Lành ấy bây giờ được bày ra bởi tác phẩm của các tiên tri – không phải các tiên tri thời Cựu Ước, nhưng những tiên tri của thời Tân Ước. Tin Lành này chưa được biết đến trong Kinh Thánh Tân Ước, nhưng đã được bày tỏ trong các sách Kinh Thánh liên lạc của Tân Ước (xem Êphêso 2:20; 3:5).

Đây chính là sứ điệp Tin Lành được Đức Chúa Trời truyền bày tỏ ra cho mọi dân đều biết, để họ cũng có thể vâng phục Đức Ngài và được cứu.

16:27 Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới là nguồn và sự phô bày khôn ngoan thuần khiết, và vinh hiển thuộc về Ngài đời đời thông qua Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng Trung Bảo của chúng ta.

Bức thư tuyệt vời của Phaolô kết thúc. Chúng ta biết ơn Chúa dường nào về bức thư này! Chúng ta sẽ nghèo nàn biết dường nào nếu không có bức thư này! Amen.

CHÚ THÍCH

¹(1:4) Một số nhà giải nghĩa hiểu câu "thần linh của thánh đức" chỉ về đức thánh khiết của chính Đức Chúa Jêsus, tức là tâm linh người của chính Ngài.

²(1:29) Thật dễ dàng để thấy thế nào một số thư ký sao chép bản mss. có thể xóa nhầm chữ "gian dâm": trong Hy

văn, từ ngữ *porneia* trông rất giống từ ngữ kể tiếp *poneria* (độc ác).

¹{1:31} Câu 31 có năm từ ngữ tiêu cực bắt đầu bởi từ ngữ phủ định "alpha" (ví dụ như a-theist, "không có Đức Chúa Trời"), tương tự với cấu trúc từ của những chữ trong Anh ngữ bắt đầu bằng "un-". Bản NU bỏ sót "không tha thứ" (aspondous) vốn trông rất giống với chữ "không có tình nghĩa tự nhiên" (astorgous).

⁴{2:4} A. P. Gibbs, *Preach and Teach the Word*, trang 12/4.

⁵{1:6} Lewis S. Chafer, *Systematic Theology*, III:376.

⁶{3:22} Bản văn NU bỏ qua chữ "và trên mọi người."

⁷{3:23} Nghĩa đen là "đã phạm tội" (thì aorist, chứ không phải thì hoàn thành).

⁸(Phụ Lục) Điều này cũng đúng trong tiếng Hí-bơ-lai và Hy Lạp.

⁹{3:24} Arthur T. Pierson, *Shall We Continue in Sin?* trang 23..

¹⁰{3:24} Paul Van Gorder, trong *Our Daily Bread*.

¹¹{3:30} Cranfield nói rằng (Romans, I: 222) những nỗ lực để tìm sự khác biệt rất tinh tế đều là không thuyết phục. Chắc Augustine đã nói đúng khi quy sự thay đổi này cho biến thể tu từ.

¹²{4:1} Hay kinh nghiệm "Á-praham cha (tổ phụ) của chúng ta theo xác thật."

¹³{4:13} Daily Notes of the Scripture Union, (chưa có thêm tài liệu dẫn chứng).

¹⁴{4:19} Tuy một số thủ bản bỏ qua chữ "không," ý nghĩa phần lớn vẫn giống y như vậy.

¹⁵{4:24} C. H. Mackintosh, *The Mackintosh Treasury: Miscellaneous Writings* của C. H. Mackintosh, trang 66.

¹⁶{5:11} Bản KJV dịch "của lễ chuộc tội" ("atonement") là chính xác vào năm 1611, khi bản này muốn nói "tại-một - hành động" (at-one-ment) hoặc sự giải hòa (reconciliation).

¹⁷{6:1} J. Oswald Sanders, *Spiritual Problems*, trang 112.

¹⁸{6:5} Charles Hodge, *The Epistle to the Romans*, trang 196.

¹⁹{6:11} Ruth Paxson, *The Wealth, Walk, and Warfare of the Christian*, trang 108.

²⁰{6:11} C. E. Macartney, *Macartney's Illustrations*, trang 378, 379.

²¹{6:14} James Denney, "St. Paul's Epistle to the Romans," *The Expositors Greek Testament*, 11:635.

²²{6:19} Charles Gahan, *Gleanings in Romans*, in loco.

²³{6:21} Marcus Rainsford, *Lectures on Romans VI*, trang 172.

²⁴{6:21} Pierson, *Shall We Continue in Sin?* trang 45.

²⁵{7:15} Harry Foster, bài viết trong *Toward the Mark*, trang 110.

²⁶{7:23} George Cutting, "The Old Nature and the New Birth" (booklet), trang 33.

²⁷{8:1} Những chữ "kẻ chẳng noi theo xác thật, nhưng noi theo Thánh Linh" thường được xem là đã sao chép nhầm từ câu 4. Tuy nhiên, chúng có mặt trong hầu hết các bản mss., và có lẽ chỉ để mô tả thêm về những người ở trong Đấng Christ.

²⁸(8:10) Những dịch giả của bản NKJV hiểu pneuma chỉ về Đức Thánh Linh, vì vậy viết hoa chữ "S" (của chữ Spirit). Bản mss. nguyên thủy tất cả là "chữ hoa" (chữ viết lớn - uncials), nên đây là vấn đề giải nghĩa. Chúng ta xem câu này nói đến linh (của con người) của tin hữu.

²⁹(8:15) Xem chú thích 28. Ở đây, ý nghĩa khác của Thánh Linh không phải là linh con người, nhưng là một thái độ trái ngược với thần trí của tôi mọi.

³⁰(8:15) Trong tiếng Hibálai, từ ngữ chỉ về "vinh hiển" ra từ động từ "trở nên nặng," vì vậy người Do Thái thấy cách chơi chữ đầu đã bị che khuất trong bản Hy văn.

³¹(8:31) Đây là câu Kinh Thánh trọn đời của John Calvin.

³²(8:32) C. H. Mackintosh (chưa có thêm tài liệu dẫn chứng).

³³(8:37) Cách dịch thiên theo nghĩa đen là "chúng ta, người siêu chính phục" (*thupemikōmen*)

³⁴(8:39) Chẳng hạn, những từ này được sử dụng trong thuật chiêm tinh.

³⁵(9:4) The New Scofield Reference Bible, trang 1317.

³⁶(9:5) See Hodge, *Romans*, trang 299-301 để biết bài giải luận chi tiết về thắc mắc này.

³⁷(9:16) G. Campbell Morgan, *Search-lights from the Word*, trang 335, 336.

³⁸(9:21) Albert Barnes, *Barnes's Notes on the New Testament*, trang 617.

³⁹(9:23) Charles R. Erdman, *The Epistle of Paul to the Romans*, trang 109.

⁴⁰(10:10) William Kelly, *Notes on the Epistle to the Romans*, trang 206.

⁴¹(10:10) James Denney, được Kenneth Wuest trích dẫn trong *Romans in the Greek New Testament*, trang 178.

⁴²(10:14) Hodge, *Romans*, trang 545.

⁴³(11:1) Thật đáng buồn khi thấy rất nhiều người chiếm lấy những phước hạnh của Ysraên cho hội thánh, nhưng lại rất thỏa mãn chứa lại cho Ysraên những lời rủa sả đã được báo trước!

⁴⁴(11:32) George Williams, *The Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 871.

⁴⁵(11:33) Arthur W. Pink, *The Attributes of God*, trang 13.

⁴⁶(12:1) Norman Grubb, C. T. Studd, *Cricketer and Pioneer*, trang 141.

⁴⁷(12:6) Hodge, *Romans*, trang 613.

⁴⁸(12:6) A. H. Strong, *Systematic Theology*, trang 12.

⁴⁹(12:6) Tuy nhiên, một mạo từ xác định, được dùng ở đây trong nguyên văn, là tương đương cách thực tiễn với đại từ nhân xưng trong một số văn mạch.

⁵⁰(12:19) R. C. H. Lenski, *St. Paul's Epistle to the Romans*, trang 780.

⁵¹(12:21) J. N. Darby, từ chú thích cuối trang cho Rôma 12:21 trong tác phẩm *New Translation* của ông.

⁵²(12:21) George Washington Carver (chưa có thêm tài liệu dẫn chứng).

⁵³(12:21) Do Charles Swindoll trích dẫn trong *Growing Strong in the Seasons of Life*, trang 69, 70.

⁵⁴(13:4) Động từ Hibálai bình thường cho chữ "giết" ("kill") và "giết cách tàn bạo" ("slay") là *qatal* và

hưng. Động từ cụ thể "sát nhân" (rāhats) được sử dụng trong Mười Điều Răn, và bản dịch tiếng Hy Lạp cũng rõ ràng y như vậy.

⁵⁵(13:9) Bản văn NU bỏ qua điều răn này ở đây.

⁵⁶(14:10) Một số bản mss. cổ (NU) ghi là "ngài đoán xét của Đức Chúa Trời" chứ không phải là "của Đấng Christ" (các bản văn TR và M). Nhưng chúng ta biết Đấng Christ sẽ là Quan Án, vì Đức Chúa Cha đã giao toàn bộ công tác đoán xét cho Ngài (Giăng 5:22).

⁵⁷(14:23) Merrill F. Unger, *Unger's Bible Dictionary*, trang 219.

⁵⁸(15:16) Morgan, *Searchlights*, trang 337.

⁵⁹(15:30) Lenski, *Romans*, trang 895.

⁶⁰(16:1) Nếu có ý nói đến chức vụ đặc biệt dành cho phụ nữ, thì ít hẳn đã sử dụng bình thức giống cái của diakonos ("tôi tớ," "chấp sự").

⁶¹(16:5) Bản văn NU ghi là "Châu Á" ở đây [nhưng Côrintô, chắc là nơi Phaolô đang viết bức thư này, ở trong xứ Acha].

SÁCH THAM KHẢO

Crantfield, C. E. B. *The Epistle to the Romans*, Quyển I (ICC), Edinburgh: T. & T. Clark Ltd., 1975.

Denney, James. "St. Paul's Epistle to

the Romans," *The Expositor's Greek Testament*, Quyển II. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1961.

Erdman, C. R. *The Epistle of Paul to the Romans*. Philadelphia: The Westminster Press, 1925.

Gahan, Charles. *Gleanings in Romans*. Do tác giả xuất bản.

Hodge, Charles. *Commentary on the Epistle to the Romans*. New York: George H. Doran Company, 1886.

Kelly, William. *Notes on the Epistle to the Romans*. London: G. Morrish, 1873.

Lenski, R. C. H. *St. Paul's Epistle to the Romans*. Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1961.

Newell, William R. *Romans Verse by Verse*. Chicago: Moody Press, 1938.

Rainsford, Marcus. *Lectures on Romans VI*. London: Charles J. Thynne, 1898.

Shedd, William G. T. *A Critical and Doctrinal Commentary on the Epistle of St. Paul to the Romans*. Grand Rapids: Zondervan, 1967.

Sillier, James M. *The Epistle to the Romans: A Commentary Logical and Historical*. Chicago: Moody Press, 1960.

Wuest, Kenneth S. *Romans in the Greek New Testament*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1964.

THƠ THỨ NHẤT GỬI CHO NGƯỜI CÔRINTHÔ

Giới Thiệu

"Một mảng lịch sử Hội Thánh độc nhất vô nhị." - Weizacker

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Thơ I.Côrinthô là "sách nan đề" theo ý nghĩa việc Phaolô giải quyết nhiều nan đề ("Về phần ...") đang có trong Hội Thánh tại thành phố Côrinthô gian ác. Như vậy, đây là quyển sách cần nhất cho những Hội Thánh đầy dẫy nan đề của thời nay. Những sự chia rẽ, tôn thờ lãnh đạo, gian dâm, những cuộc tranh đấu pháp lý, những nan đề hôn nhân, những nếp sống đáng nghi ngờ, sự điều chỉnh các ân tứ thuộc linh, thấy đều được giải quyết trong sách này.

Tuy nhiên, thật sai lầm nếu nghĩ thơ tin này toàn là những nan đề! Đây là thơ tin chứa đựng I.Côrinthô 13, áng văn đẹp đẽ nhất về tình yêu thương, không chỉ trong Kinh Thánh mà thôi, nhưng trong toàn bộ nền văn chương. Sự dạy dỗ nổi bật về sự sống lại - cả sự sống lại của Đấng Christ lẫn của chúng ta (Đoạn 15), quy định về Tiệc Thánh của Chúa (Đoạn 11), mạng lệnh phải dự phần quyền góp (Đoạn 16), thấy đều có trong thơ này.

Chúng ta sẽ nghèo nàn biết mấy nếu thiếu I.Côrinthô. Đây là một kho báu giáo huấn Cơ Đốc thực tiễn.

II. Quyển Tác Giả

Mọi học giả đều đồng ý bức thơ chúng ta gọi là thơ I.Côrinthô là tác

phẩm đích thực từ ngòi viết của Phaolô. Một số tác giả (chủ yếu theo phái tự do) thấy có một số "đoạn chèn thêm" vào thơ, nhưng đây là những phỏng đoán chủ quan không có bằng chứng hậu thuẫn từ các thủ bản. I.Côrinthô 5:9 dường như hàm ý có một bức thơ trước đó (không thuộc bộ kinh điển) do Phaolô gửi mà tín hữu Côrinthô đã hiểu lầm.

Ngoại chứng cho thấy thơ I.Côrinthô có từ rất sớm, sách này được Clement ở Rome (khoảng 95 S.C.) đề cập cụ thể là "Thơ Tin của vị sứ đồ Phaolô đầy ơn." Các tác giả khác của Hội Thánh đầu tiên đã trích dẫn sách này gồm có Polycarp, Justin Martyr, Athenagoras, Irenaeus, Clement ở Alexandria, và Tertullian. Sách này được liệt kê trong bộ kinh điển Muratorian và đứng sau thơ Galati trong "bộ kinh điển" riêng của Marcion người dạy tà giáo, là bộ *Apostolicon*.

Nội chứng cũng rất vững chắc. Ngoài những lời tác giả xưng mình là Phaolô trong 1:1 và 16:21, lập luận trong 1:12-17; 3:4,6,22 cũng hậu thuẫn tác quyền của Phaolô. Những điểm trùng hợp với sách Công Vụ và nhiều thơ tin khác của Phaolô, cộng với âm hưởng mạnh mẽ từ lòng quan tâm thật của sứ đồ đã loại bỏ sự giả mạo và

khiến những lập luận bình vực tình xác thực càng trở nên vững vàng hơn.

III. Thời Điểm Viết

Phaolô cho chúng ta biết ông đang viết từ Êphêso (16:8, 9, cũng xem câu 19). Vì ông thi hành chức vụ tại đó trong ba năm, thư 1.Côrinthô rất có thể được viết vào khoảng thời gian cuối chức vụ mở rộng tại đó, hoặc khoảng năm 55 hoặc 56 S.C.. Một số học giả còn cho rằng thư được viết sớm hơn.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Thành phố Côrinthô thời xưa (và ngày nay) vẫn ở miền nam Hy Lạp, phía tây của thành phố Athen, giữ vị trí chiến lược trên lộ trình thương mại trong thời Phaolô. Thành phố trở thành trung tâm lớn của thương mại quốc tế, có vô số tuyến đường lưu thông đến thành phố. Vì cơ tôn giáo bại hoại, nên chẳng bao lâu Côrinthô cũng trở thành trung tâm cho những hình thức vô luân kinh khủng nhất, đến nỗi tên Côrinthô đã trở nên câu tục ngữ chỉ về tất cả mọi điều ó ế và nhục dục. Thành phố nổi tiếng dâm dăng, nên thậm chí người ta còn đặt ra một động từ "bất chước Côrinthô" (korinthiazomai), có nghĩa là sống cuộc đời hạ thấp giá trị nhân phẩm.

Sứ đồ Phaolô đến thăm Côrinthô lần đầu tiên trong Hành Trình Truyền Giáo

Thứ Nhì (Công Vụ 18). Thoạt đầu, ông đã lao động giữa vòng người Do Thái, cùng với Bêrítin, Aquila và những đồng nghiệp may trại của mình. Khi rất nhiều người Do Thái khước từ sứ điệp, ông quay sang dân ngoại tại thành Côrinthô. Nhiều linh hồn được cứu qua công tác rao giảng Tin Lành, và một Hội Thánh đã được thành lập tại đây.

Khoảng ba năm sau, khi Phaolô đang giảng đạo tại Êphêso, ông nhận được bức thư gửi từ Côrinthô, kể về những khó khăn nghiêm trọng trong hội chúng tại đó và cũng nêu nhiều câu hỏi khác nhau về các vấn đề nếp sống đạo Cơ Đốc. Thư 1.Côrinthô được viết ra để trả lời cho bức thư ấy.

Chủ đề thư tín này là chỉnh đốn lại một Hội Thánh đang sống theo thế gian và xác thịt, coi thường những thái độ, những lời làm và hành động mà sứ đồ Phaolô xem là đang bảo động cấp bách. Như câu của Moffatt nói rất súc tích: "Hội Thánh ở trong thế gian đúng như phải có, nhưng thế gian đã ở trong Hội Thánh, mà đang ra không nên như vậy."

Vì tình huống như thế vẫn phổ thông trong nhiều hội chúng ngày nay, nên thư 1.Côrinthô thật thích ứng lâu dài.

BỔ CỤC

I. GIỚI THIỆU (1:1- 9)

A. Lời Chào Thăm (1:1- 3)

B. Lời Tạ Ôn (1:4- 9)

II. NHỮNG RỐI LOẠN TRONG HỘI THÁNH (1:10- 6:20)

A. Những Chia Rẽ Giữa Vòng Tin Hữu (1:10- 4:21)

B. Tình Trạng Gian Dâm Giữa Vòng Tin Hữu (Đoạn 5)

C. Những Việc Tố Tụng Giữa Vòng Tin Hữu (6:1-11)

D. Sự Buông Thả Đạo Đức Giữa Vòng Tin Hữu (6:12-20)

III. NHỮNG CÂU SỬ ĐỒ TRẢ LỜI CÁC THẮC MẮC CỦA HỘI THÁNH (Đoạn 7-14)

A. Về Hôn Nhân Và Nếp Sống Độc Thân (Đoạn 7)

B. Về Việc Ăn Thịt Cúng Thần Tượng (8:1-11:1)

C. Về Khăn Trùm Đầu Của Phụ Nữ (11:2-16)

D. Luận Về Tiệc Thánh (11:17-34)

E. Luận Về Các Ân Từ Của Thánh Linh Và Cách Sử Dụng Các Ân Từ Ấy Trong Hội Thánh (Đoạn 12-14)

IV. PHAOLÔ TRẢ LỜI NHỮNG NGƯỜI PHỦ NHẬN SỰ SỐNG LẠI (Đoạn 15)

A. Tính Chắc Chắn Của Sự Sống Lại (15:1-34)

B. Khảo Sát Những Ý Phản Đối Sự Phục Sinh (15:35-37)

C. Lời Kêu Gọi Kết Thúc Khi Suy Xét Đến Sự Phục Sinh (15:58)

V. LỜI KHUYẾN CUỐI CỦA PHAOLÔ (Đoạn 16)

A. Về Sự Lạc Hiến

B. Về Những Kế Hoạch Riêng Của Ông (16:5-9)

C. Những Lời Khuyên Và Chào Thăm Cuối (16:10-24)

CHÚ GIẢI

I. GIỚI THIỆU (1:1-9)

A. Lời Chào Thăm (1:1-3)

1:1 Phaolô được gọi làm sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ trên đường đi Đamách. Sự kêu gọi này không đến từ hay đến bởi con người, nhưng trực tiếp từ Đức Chúa Jêsus. "Sứ đồ" nghĩa đen là "người được sai đi." Những sứ đồ đầu tiên là những người chứng kiến Đấng Christ phục sinh. Họ cũng có thể thi hành những phép lạ để khẳng định sứ điệp họ rao giảng là sứ điệp thiên thượng. Phaolô có thể thực sự nói theo ngôn ngữ của Gerhard Tersteegen:

*Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời
đã sai tôi*

Đến những vùng đất tối đen;

*Tôi nhận sự phong chức đầy
quyền năng*

Từ đời bàn tay bị đàng.

Khi Phaolô viết thư, có một anh em tên Sốtthen ở cùng với ông, nên Phaolô đưa luôn tên Sốtthen vào lời chào thăm. Không thể biết chắc chắn đây có phải cũng chính là Sốtthen trong Công Vụ 18:17, là người cai nhà hội bị người Hylap đánh đòn trước công chúng, hay không. Có lẽ người cai nhà hội này được cứu qua công tác giảng đạo của Phaolô và giờ đây đang giúp ông rao giảng Tin Lành.

1:2 Trước hết, thư này được gửi cho Hội Thánh Đức Chúa Trời tại thành Côrinthô. Thật đáng khích lệ vì không nơi nào trên trái đất này là quá đối trụ đến nỗi không thể thiết lập được một hội chúng thuộc về Đức Chúa Trời. Hội chúng Côrinthô được mô tả thêm là những người được nên thánh trong Đức Chúa Jêsus Christ, được gọi làm thánh

đế. Được nên thánh ở đây có nghĩa là được biệt riêng ra khỏi thế gian để thuộc riêng về Đức Chúa Trời, mô tả địa vị của mọi người thuộc về Đấng Christ. Về tình trạng thực tiễn của họ, họ nên biệt riêng mình mỗi ngày trong nếp sống nên thánh.

Có người cho rằng sự nên thánh là công tác riêng biệt của ân điển để bởi đó một người loại bỏ được bản tánh tội lỗi. Lời dạy như thế thật mâu thuẫn với câu Kinh Thánh này. Cơ Đốc nhân tại Côrinthô không hề đạt đến những phẩm chất đáng phải có trong sự nên thánh thực tiễn, nhưng sự thực họ đã được Đức Chúa Trời khiến nên thánh về mặt địa vị.

Là thánh đế, họ là thành viên của một hiệp hội lớn: được gọi làm thánh đế, lại cho mọi người bái lạy ở nơi nào, cầu khẩn danh Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, là Chúa của những người sý và của chúng ta. Dầu những lời dạy dỗ của thư tín này trước hết được gởi cho các thánh đế tại Côrinthô, nhưng cũng nhằm cho mọi người thuộc hiệp hội toàn cầu đang công nhận quyền tể trị của Đấng Christ.

1:3 Thư Côrinthô Thứ Nhất là bức thư nói về quyền tể trị của Chúa hết sức đặc biệt. Khi luận đến nhiều nan đề của hội chúng cùng những nếp sống cá nhân, sứ đồ không ngừng nhắc nhở độc giả nhớ Chúa Jêsus Christ là Chúa và tất cả mọi điều chúng ta làm đều phải làm trong sự công nhận chân lý vĩ đại này.

Lời chào thăm đặc trưng của Phaolô được ghi trong câu 3. **Ân điển và bình an** tóm tắt toàn bộ Tin Lành của ông. **Ân điển** là nguồn phước hạnh, và **bình an** là

kết quả trong đời sống của người tiếp nhận ơn Đức Chúa Trời. Những phước hạnh tuyệt diệu này **đến từ Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và bởi Đức Chúa Jêsus Christ.** Phaolô không ngần ngại nhắc đến Đức Chúa Jêsus ngay sau khi nói **Đức Chúa Trời Cha chúng ta.** Đây là một trong hàng trăm cụm từ tương tự của Tân Ước hàm ý sự bình đẳng của Chúa Jêsus với Đức Chúa Cha.

B. Lời Tạ Ơn (1:4-9)

1:4 Sau khi kết thúc lời chào thăm, sứ đồ quay sang tạ ơn Chúa về người Côrinthô và công việc kỳ diệu Chúa làm trong đời sống họ (câu 4-9). Đặc điểm cao quý trong nếp sống của Phaolô ấy là luôn luôn tìm điều đáng tạ ơn Chúa trong đời sống của những người cùng đức tin. Nếu đời sống thực tiễn của họ không đáng được khen cho lắm, ít nhất ông cũng tạ ơn Đức Chúa Trời về những việc Ngài đã làm cho họ. Trường hợp ở đây đúng y như vậy. Người Côrinthô chẳng phải hạng người chúng ta gọi là Cơ Đốc nhân thuộc linh. Nhưng ít nhất Phaolô cũng có thể dâng lời cảm tạ ơn Đức Chúa Trời đã ban cho họ trong Chúa Jêsus Christ.

1:5 Ơn Đức Chúa Trời thể hiện cho người Côrinthô cách cụ thể qua việc họ được ban dư dật các ân từ Thành Linh. Phaolô nói cụ thể các ân lớn lời nói và sự hiểu biết, chắc muốn nói người Côrinthô được ban ơn nói tiếng lạ, thông giải tiếng lạ và ơn nói lời tri thức đến mức độ phi thường. Lời nói liên quan đến biểu hiện bề ngoài và sự hiểu biết liên quan đến khả năng hiểu bề trong.

1:6 Sự kiện họ có những ân tứ này chính là lời khẳng định công việc Chúa trong đời sống họ, và đó chính là ý Phaolô muốn nói khi viết như lời chứng về Đấng Christ đã được vững bền ở giữa anh em. Họ đã nghe lời chứng về Đấng Christ, đã tiếp nhận đức tin, và Đức Chúa Trời làm chứng rằng họ thật sự được cứu bằng cách ban cho họ những quyền năng kỳ diệu này.

1:7 Về phần các ân tứ, Hội Thánh Côrinthô không thua kém bất kỳ Hội Thánh nào. Nhưng chỉ đơn thuần sở hữu ân tứ này mà thôi thì vẫn chưa phải là dấu hiệu có phẩm chất thuộc linh thật. Phaolô thật sự đang cảm tạ Chúa về điều mà bản thân người Côrinthô không trực tiếp chịu trách nhiệm. Các ân tứ được ban bởi Chúa Thánh Thiên bất kể đến công đức riêng của người nhận. Nếu ai có ân tứ nào, đừng tự hào về điều đó nhưng hãy khiêm nhường sử dụng nó để phục vụ Chúa.

Bông trái Thánh Linh là một vấn đề hoàn toàn khác. Điều này liên quan đến sự dẫu phục của tín hữu trước quyền kiểm soát của Thánh Linh. Sử dụng không khen người Côrinthô về bằng chứng có bông trái Thánh Linh trong đời sống họ, nhưng chỉ khen về những điều Chúa ban cho bởi quyền tối thượng của Ngài—một điều mà họ không hề kiểm soát được.

Về sau trong thư, sử đồ sẽ phải gờ trách các thánh đồ vì đã lạm dụng các ân tứ này, nhưng ở đây, ông thỏa lòng với việc dâng lời tạ ơn Chúa vì họ đã nhận những ân tứ này nhiều phi thường.

Người Côrinthô đang sốt sắng trông đợi kỳ Đức Chúa Jêsus chúng ta hiện đến. Những người nghiên cứu Kinh Thánh bất đồng ý kiến với nhau về việc nên xem câu này nói đến sự kiện Đấng Christ hiện đến đón rước các thánh đồ Ngài (I. Têsalônica 4:13-18), hay Chúa hiện đến cùng với các thánh đồ Ngài (II. Têsalônica 1:6-10), hay cả hai. Trong trường hợp thứ nhất, đây sẽ là sự hiện ra của Đấng Christ chỉ cho tín hữu, trong khi trường hợp thứ nhì là sự Hiện Đến của Ngài cho toàn thế gian. Những tín hữu này đang sốt sắng chờ đợi cả Sự Cát Lành lẫn sự hiện đến vinh hiển của Đấng Christ.

1:8 Giờ đây Phaolô tỏ lòng tin quyết rằng Chúa cũng khiến các thánh đồ được vững bền đến cuối cùng, để khỏi bị gờ trách trong ngày của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Một lần nữa, thật đáng kinh ngạc khi lời tạ ơn của Phaolô liên quan đến việc Đức Chúa Trời sẽ làm hơn là những việc người Côrinthô đã làm. Vì họ đã tin cậy Đấng Christ, và vì Đức Chúa Trời khẳng định sự kiện này bằng cách ban các ân tứ Thánh Linh cho họ, nên Phaolô tin quyết Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ họ cho chính Ngài đến ngày Đấng Christ hiện đến đón rước dân sự Ngài.

1:9 Thái độ lạc quan của Phaolô đối với người Côrinthô được căn cứ trên sự thành tín của Đức Chúa Trời là Đấng đã gọi họ không công với Con Ngài. Ông biết vì Đức Chúa Trời đã trả một giá lớn lao biết dường nào để khiến họ được dự phần trong sự sống của Chúa chúng ta, nên Ngài không bao giờ để họ vượt khỏi tay Ngài.

II. NHỮNG HỐI LOẠN TRONG HỘI THÁNH (1:10- 6:20)

A. Những Chia rẽ Giữa Vòng Tin Hữu (1:10- 4:21)

1:10 Giờ đây sứ đồ sẵn sàng để cập đến những nạn đề chia rẽ trong Hội Thánh (1:10- 4:21). Ông bắt đầu với lời khuyên hiệp một đầy trau mến. Thay vì dùng thẩm quyền sứ đồ để truyền lệnh, ông nài nỉ với sự dịu dàng của một người anh. Lời kêu gọi hiệp một được căn cứ trên danh Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, và vì danh đại diện cho Đấng ấy, nên lời kêu gọi căn cứ trên toàn bộ những gì Chúa Jêsus đã và đang làm. Người Côrintô đang tôn cao danh của con người; điều đó chỉ có thể dẫn đến những chia rẽ. Phaolô tôn cao danh của Đức Chúa Jêsus, biết rằng chỉ có cách này mới đem lại sự hiệp một giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời. **Thầy đều phải đồng một tiếng nói với nhau** có nghĩa là **hiệp một ý và hòa thuận** với nhau. Điều này có nghĩa được hiệp một, cũng như nói đến lòng trung thành và ủng hộ trung thành. Sự hiệp một này sinh ra khi Cơ Đốc nhân có tâm tình của Đấng Christ, và trong những câu tiếp theo, Phaolô nói cho họ biết cách thực tiễn để có thể suy nghĩ những tư tưởng của Đấng Christ theo đúng ý muốn Ngài.

1:11 Tin tức về sự tranh cạnh tại Côrintô đã đến tai Phaolô từ người nhà Êphê. Khi kể tên người báo tin, Phaolô thiết lập một nguyên tắc quan trọng trong nếp cư xử Cơ Đốc. Chúng ta đừng nên loan truyền tin về những anh em tin hữu của mình trừ phi chúng ta sẵn lòng để cho người ta nêu danh mình

trong vấn đề này. Nếu thời nay chịu noi gương này thì sẽ ngăn được hầu hết vấn đề rảnh rỗi ngồi nói hành, một nạn hiện đang phá hại Hội Thánh.

1:12 Nhiều phe phái hay nhiều bè đảng đang được hình thành bên trong Hội Thánh địa phương, mỗi phe đều công bố một lãnh tụ độc đáo của mình. Một số người công nhận mình ủng hộ Phaolô, một số ủng hộ **Abôlô**, một số ủng hộ **Sêpha** (Phierô), thậm chí có người còn tuyên bố mình thuộc về **Đấng Christ**, chắc muốn nói rằng chỉ một mình họ thuộc về Ngài, để loại trừ những người khác!

1:13 Lời quả trách đầy phần nộ của Phaolô về tình thần bè phái được tìm thấy trong câu 13- 17. Lập những bè phái như thế trong Hội Thánh tức là phủ nhận sự hiệp một trong Thân Thể Đấng Christ. Đi theo những lãnh đạo như thế tức là xem thường Đấng đã chịu đóng đinh thay họ. Nhân danh một con người tức là đã quên rằng khi chịu báp têm, họ đã công nhận lòng trung thành của mình đối với Đức Chúa Jêsus.

1:14 Sự xuất hiện các bè phái tại Côrintô đã khiến Phaolô cảm tạ Chúa vì đã làm **báp têm** cho chỉ vài người trong hội chúng tại đó. Ông nhắc đến tên **Côribu** và **Gaiút** thuộc trong số người chịu ông làm báp têm cho.

1:15-16 Ông không bao giờ muốn ai nói ông đã nhân danh chính ông để làm báp têm. Nói cách khác, ông không đang cố gắng chinh phục tâm tín hữu về cho chính mình hay tạo ra một danh cho chính mình. Mục tiêu duy nhất của ông là chỉ cho những người nam và nữ đến với Đức Chúa Jêsus Christ.

Khi suy gẫm thêm, Phaolô nhớ rằng ông cũng đã làm báp-têm cho người nhà Sêphana, nhưng ông không thể nghĩ đến ai nữa.

1:17 Ông giải thích rằng Đấng Christ đã chẳng sai ông đến chủ yếu để làm phép báp-têm, nhưng để rao giảng Tin Lành. Điều này không có nghĩa là có một lúc nào đó Phaolô đã không tin nơi phép báp-têm. Ông đã đề cập tên của một số người mà ông thực sự đã làm phép báp-têm cho họ rồi.

Đúng hơn, điều này có nghĩa công việc chính của ông không phải là làm báp-têm; chắc ông đã giao phó công việc này cho người khác, có lẽ cho một số Cơ Đốc nhân trong Hội Thánh địa phương. Tuy nhiên, câu này thực sự còn có thêm lời chứng để chống lại bất kỳ ý kiến nào cho rằng phép báp-têm là thiết yếu cho sự cứu rỗi. Nếu quả thật như thế, thì Phaolô sẽ nói ở đây rằng ông cảm tạ Chúa vì mình đã không cứu được ai ngoại trừ Corinthu và Gaiút! Không thể nào biện hộ được cho một ý kiến như thế.

Trong phần cuối của câu 17, Phaolô đang chuyển ý sang các câu tiếp theo. Ông đã không rao giảng Tin Lành bằng cách dùng sự khôn khéo, kẻ thập tự giá của Đấng Christ ra vô ích. Ông biết nếu con người chịu ấn tượng bởi thuật hùng biện hay khẩu tài của ông, thì trong chừng mực đó ông đã tự thất bại trong những nỗ lực rao truyền ý nghĩa thật của thập tự giá Đấng Christ.

Nếu nhớ rằng người Côrinthô, vì là người Hylạp, nên họ là những người rất yếu mến sự khôn ngoan của con người, thì chúng ta sẽ dễ hiểu được phần đi

tiếp theo sau. Họ đã xem những triết gia của họ như những anh hùng dân tộc. Một số tinh thần này dường như đã len lỏi vào trong hội chúng tại Côrinthô. Có những người quyết định biến đổi Tin Lành làm sao cho những người tri thức dễ chấp nhận hơn. Họ cảm thấy Tin Lành không đứng được giữa vòng các học giả, vì vậy họ muốn tri thức hóa sứ điệp này. Sự tôn sùng chủ nghĩa duy trí này dường như là một trong những vấn đề khiến người ta thường lập các bè phái chung quanh những lãnh tụ nhiều như thế. Những nỗ lực biến Tin Lành trở nên dễ chấp nhận hơn là hoàn toàn sai lầm và lạc hướng. Có sự khác biệt lớn lao giữa sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời với sự khôn ngoan của con người, và chẳng ích gì để cố gắng hòa giải hai sự khôn ngoan ấy.

Giờ đây Phaolô cho thấy sự đại đột khi tôn cao con người, và nhấn mạnh rằng làm như vậy là không nhất quán với bản chất thật của Tin Lành (1:18-3:14). Ông nêu ý đầu tiên ấy là: sứ điệp về thập tự giá là trái ngược với toàn bộ những điều mà con người xem là sự khôn ngoan thật (1:18-25).

1:18 Bởi vì lời giảng về thập tự giá, thì những người hư mất cho là điên dại. Đùng như Barnes đã nói:

Sự chết trên thập tự giá được liên kết với ý nghĩa của toàn bộ những gì vốn nhục nhã và không đáng tôn trọng; khi nói về sự cứu rỗi chỉ bởi sự chịu khổ và sự chết của một người bị đóng đinh trên cây thập tự giá là điều rất phù hợp để chỉ khơi dậy trong lòng họ sự khinh bỉ không lẫn lộn vào đầu được.¹

Người Gôréc là những người yêu mến sự khôn ngoan (nghĩa đen của từ ngữ "các triết gia"). Nhưng trong sứ điệp Tin Lành chẳng có điều gì hấp dẫn cho niềm kiêu hãnh về tri thức của họ.

Về phần những người được cứu chuộc, thì Tin Lành là quyền phép của Đức Chúa Trời. Họ nghe sứ điệp, lấy đức tin tiếp nhận, và phép lạ của sự tái sinh xảy ra trong đời sống họ. Để ý sự kiện trọng đại trong câu Kinh Thánh này: chỉ có hai hạng người, người bị hư mất và người được cứu. Không có tầng lớp đứng trung gian. Có thể con người yêu mến sự khôn ngoan loài người, nhưng chỉ có Tin Lành mới dẫn đến sự cứu rỗi.

1:19 Sự kiện Tin Lành sẽ làm cơ vấp phạm cho khôn ngoan của con người đã được Êsai nói tiên tri (29:14):

"Vì cơ đó, ta sẽ cứ làm việc lạ lùng giữa dân này, sự lạ rất lạ đến nỗi sự khôn ngoan của người khôn ngoan sẽ ra hư không, sự thông sáng của người thông sáng sẽ bị giấu."

S. Lewis Johnson trong tác phẩm The Wycliffe Bible Commentary lưu ý trong văn mạch, "những lời này là Lời Đức Chúa Trời tố cáo chính sách của 'kẻ khôn ngoan' trong xứ Giuđa để tìm cách liên minh với Êđiôpô khi bị Sanchêrip đe dọa."² Thật đúng biết bao, Đức Chúa Trời thích hoàn thành những ý định của Ngài theo cách mà con người thấy có vẻ rất rõ đại. Biết bao lần Ngài sử dụng những phương pháp mà người khôn ngoan của thế gian này sẽ chế giễu, thế nhưng những phương pháp đó đã đạt được những kết quả mong muốn cách chính xác và hiệu quả kỳ diệu. Lấy

ví dụ, sự khôn ngoan của con người bảo đảm với con người rằng có thể kiếm được hay cậy công đức để xứng đáng nhận được sự cứu rỗi cho mình. Tin Lành loại bỏ mọi nỗ lực của con người nhằm tự cứu, và trình bày Đấng Christ là con đường duy nhất để dẫn đến Đức Chúa Trời.

1:20 Tiếp theo, Phaolô nói thẳng lời thách thức công khai: "**Người khôn ngoan ở đâu? Thấy thông giáo ở đâu? Người biện luận đời nay ở đâu?**" Đức Chúa Trời có hỏi ý họ khi vạch ra kế hoạch cứu rỗi của Ngài không? Nếu giao cho sự khôn ngoan riêng của họ, liệu có bao giờ họ tìm được kế hoạch cứu chuộc như thế không? Họ có thể đẩy lên để bác bỏ bất kỳ điều gì Đức Chúa Trời đã từng phán ra không? Câu trả lời là "Không!" hết sức mạnh mẽ. Đức Chúa Trời đã làm cho sự khôn ngoan của thế gian ra rõ đại.

1:21 Con người không thể cậy sự khôn ngoan riêng của mình để hiểu biết về Đức Chúa Trời. Suốt bao thế kỷ, Đức Chúa Trời đã ban cho nhân loại cơ hội này, và kết quả là họ thất bại. Sau đó, Đức Chúa Trời đành lòng dùng lời giảng về thập tự giá, một sứ điệp dường như rõ đại đối với con người, để cứu rỗi những người tin cậy Ngài. Sự rõ đại của điều đã được giảng ra nói đến thập tự giá. Đương nhiên, chúng ta biết đó không phải là sự rõ đại, nhưng dường như rõ đại đối với tâm trí chưa được soi sáng của con người. Godet nói câu 21 chưa đựng toàn bộ triết lý về lịch sử, thực chất của tất cả những bộ sách. Chúng ta đừng vội nói như thế, nhưng

hãy suy gẫm kỹ và sâu những chân lý trọng đại của câu này.

1:22 Đặc điểm của người Giuđa là **đòi phép lạ**. Họ tỏ thái độ: sẽ tin nếu chứng tỏ cho họ bằng một phép lạ nào đó. Mặt khác, người Gôréc tìm kiếm sự khôn ngoan. Họ thích những lý luận của con người, quan tâm đến những lý lẽ, đến điều hợp lý.

1:23 Nhưng Phaolô không chịu theo những ham muốn của họ. Ông nói: "Chúng ta giảng Đấng Christ bị đóng đinh trên cây thập tự." Có người nói: "Ông không phải là một người Do Thái chuộng phép lạ, cũng không phải là một người Gôréc chuộng khôn ngoan, nhưng là một Cơ Đốc nhân yêu chuộng Cứu Chúa."

Đối với người Giuđa, Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá là một gương xấu (Bản Anh ngữ: "a stumbling block - đá vấp chân"). Họ đang tìm lãnh tụ quân sự hùng mạnh để giải thoát họ khỏi ách áp bức của Rôma. Thay vì vậy, Tin Lành đem cho họ một Cứu Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá đầy hổ nhục. Đối với người Gôréc, Đấng Christ bị đóng đinh là sự rồ dại. Họ không thể hiểu làm sao một Đấng chịu chết cách có vẻ như yếu đuối và thất bại như thế lại giải quyết được những nan đề của họ.

1:24 Nhưng thật lạ lùng thay, chính những điều mà người Do Thái và người ngoại đã tìm thì có thể tìm thấy một cách kỳ diệu trong Đức Chúa Jêsus. Đối với những người nghe tiếng gọi của Ngài và tin cậy Ngài, **bất luận là người Giuđa hay người Gôréc**, thì Đấng Christ

trở thành **quyền phép của Đức Chúa Trời và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời**.

1:25 Thực ra với Đức Chúa Trời thì không hề có sự rồ dại lẫn sự yếu đuối. Nhưng vị sứ đồ đang nói trong câu 25 rằng điều có vẻ như **sự rồ dại** về phần Đức Chúa Trời, nhìn theo mắt của con người, thì thực sự là **khôn sáng hơn người là** trong chính những điều tốt nhất của họ. Thêm vào đó, điều dường như là **yếu đuối** về phần Đức Chúa Trời, xét theo con mắt của loài người, lại hóa ra **mạnh hơn** bất kỳ điều gì mà **con người** có thể đem lại.

1:26 Sau khi đã nói về chính Tin Lành, giờ đây sứ đồ quay sang những người đã được Đức Chúa Trời kêu gọi bởi chính Tin Lành ấy (câu 26-29). Ông nhắc người Côrinthô nhớ: **giữa vùng kẻ đã được gọi, không có nhiều người khôn ngoan theo xác thịt, chẳng nhiều kẻ quyền thế, chẳng nhiều kẻ sang trọng**. Người ta thường nói rõ khúc Kinh Thánh này không nói "chẳng kẻ nào - not any" nhưng nói "**chẳng nhiều kẻ - not many**." Bởi sự hơi khác biệt này, nên một quý bà người Anh mang đồng dơi quý tộc đã thường làm chứng rằng bà được cứu bởi chữ "m" (lối chơi chữ trong Anh ngữ: sự hơi khác biệt giữa "not any" với "not many").

Chính người Côrinthô không xuất thân từ giai cấp trí thức thượng lưu trong xã hội. Họ được đem về với Chúa không phải bởi những triết lý hết sức vang dội, nhưng bởi Tin Lành đơn sơ. Như vậy, vì sao họ lại đặt sự khôn ngoan con người lên địa vị cao trọng

đến như thế để rồi tôn cao những người giảng đạo nào đang tìm cách biến sự điệp trở thành nguy nga cho người khôn ngoan theo thế gian?

Nếu con người muốn xây dựng một Hội Thánh, họ sẽ muốn kết nạp những thành viên nổi bật nhất trong cộng đồng. Nhưng câu 26 dạy chúng ta biết những nhân vật mà loài người hết sức quý mến kính trọng thì Đức Chúa Trời lại bỏ qua. Những người được Ngài gọi nói chung không phải những con người mà thế gian này xem trọng.

1:27 Nhưng Đức Chúa Trời đã chọn những sự đại ở thế gian để làm hổ thẹn những kẻ khôn; Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh. Đúng như Erich Sauer nói:

Nếu đạt đến được cùng một nền chuẩn nghệ thuật, thì vật liệu càng thô sơ bao nhiêu, người Chủ càng được tôn trọng bấy nhiêu; đạo quân càng ít người bao nhiêu, nhưng nếu có thể đạt được cùng một chiến thắng như nhau, thì người chiến thắng càng được ngợi khen hùng hồn, mạnh mẽ hơn bấy nhiêu.³

Đức Chúa Trời đã dùng tiếng kèn để đánh đổ các vách thành Clêricô. Ngài đã giảm đạo quân của Gêđôn từ ba mươi hai ngàn người xuống ba trăm người để rượt đuổi các đạo binh Madian. Ngài đã dùng một cây gậy thúc bò trong tay Samgá để đánh bại quân Philitín. Với một chiếc hàm lừa, Ngài cho phép Samsôn đánh bại cả một đạo binh. Và Chúa chúng ta đã nuôi năm ngàn người ăn chỉ với một vại ổ bánh và vài con cá.

1:28 Để hợp thành điều mà có người đã gọi là “đạo quân những kẻ đại gồm năm cấp bậc của Đức Chúa Trời,” Phaolô bổ sung thêm những sự hèn hạ và khinh bị ở thế gian, cùng những sự không có. Khi sử dụng những vật liệu ta thường không mong đợi như thế, Đức Chúa Trời đã làm cho sự có ra không có. Nói cách khác, Ngài đã thích chọn những con người chẳng có gì đáng quý trọng trước mắt thế gian để dùng họ tôn vinh hiển chính Ngài. Những câu này xứng đáng làm lời quở trách những Cơ Đốc nhân nào nịnh bợ để lấy lòng những nhân vật nổi bật và nổi tiếng song lại tỏ ra ít hoặc chẳng quan tâm đến những thành đồ tầm thường hơn của Đức Chúa Trời.

1:29 Mục đích Đức Chúa Trời chọn những người không ra gì trong mắt của thế gian ấy là để mọi vinh hiển càng tăng thêm cho Đức Chúa Trời chứ không quy về con người. Vì sự cứu rỗi hoàn toàn thuộc về Ngài, nên chỉ một mình Ngài xứng đáng được ca ngợi.

1:30 Câu 30 còn nhấn mạnh hơn nữa toàn bộ những phẩm chất và những điều chúng ta có đều ra từ Ngài – không đến từ triết lý, nên bởi đó không có chỗ cho sự khoe khoang của con người. Trước hết, Đấng Christ đã trở thành sự khôn ngoan cho chúng ta. Ngài là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời (câu 24), Đấng mà sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời đã chọn để làm con đường cứu rỗi. Khi chúng ta có Ngài, chúng ta có sự khôn ngoan về mặt địa vị để bảo đảm sự cứu rỗi trọn vẹn của chúng ta. Thứ nhì, Ngài là sự công bình của chúng ta. Bởi đức tin nơi Ngài, chúng ta

được Đức Chúa Trời thánh khiết kể là công bình. Thứ ba, Ngài là sự nên thánh của chúng ta. Bản thân chúng ta chẳng có chút gì trong con đường nên thánh cá nhân chúng ta, nhưng trong Ngài chúng ta được nên thánh về mặt địa vị, và bởi quyền năng Ngài, chúng ta được biến đổi từ mức độ nên thánh lên mức độ nên thánh cao hơn. Cuối cùng, Ngài là sự cứu chuộc của chúng ta, và rõ ràng điều này nói đến sự cứu chuộc trong phương diện chung cuộc khi Chúa đến đón chúng ta đi ở với Ngài, và khi đó chúng ta sẽ được cứu chuộc – linh, hồn và thân thể.

Trailh phác họa sắc bén chân lý này:

Sự khôn ngoan ở bên ngoài Đấng Christ thì bị lên án là ngu dốt. Sự công bình ở bên ngoài Đấng Christ thì đó là phạm tội và đoán phạt – sự nên thánh ở bên ngoài Đấng Christ là ô uế và tội lỗi – sự cứu chuộc ở bên ngoài Đấng Christ là ách xiềng xích và ách nô lệ.⁴

A. T. Peterson liên hệ câu 30 với đời sống và chức vụ của Chúa chúng ta:

Những việc làm, lời nói cùng với nếp sống đạo của Ngài, cho thấy Ngài là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Sau đó sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài liên quan đến sự công bình của chúng ta. Cách ăn ở của Ngài trong bốn mươi ngày giữa con người, sự thăng thiên, sự ban cho Đức Thánh Linh, và việc Ngài ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, có liên quan đến sự nên thánh của chúng ta. Rồi sự tái lâm của Ngài, có liên quan đến sự cứu chuộc của chúng ta.⁵

1:31 Đức Chúa Trời đã sắp xếp để toàn bộ những phúc hạnh này sẽ đến cho chúng ta trong Chúa. Do đó, tập

loạn của Phaolô là: "Vì sao lại khoe mình nơi con người? Con người không thể làm bất kỳ điều nào trong số này cho anh em."

2:1 Giờ đây, sứ đồ nhắc các thánh đồ nhớ chức vụ của ông giữa họ và thể nào ông đã tìm cách tôn vinh hiển Đức Chúa Trời chứ không tôn vinh mình. Ông đến với họ để rao giảng chứng cứ của Đức Chúa Trời, chẳng đáng lời cao xa hay là khôn sáng. Ông không hề quan tâm đến việc phô diễn chính mình như một nhà hùng biện hay một triết gia. Điều này cho thấy sứ đồ Phaolô đã công nhận sự khác biệt giữa chức vụ có vẻ thuộc tâm hồn với chức vụ thuộc linh. Khi dùng chữ "chức vụ có vẻ của tâm hồn," chúng ta muốn nói rằng chức vụ đó giúp tiêu khiển, giải trí, hay nói chung thu hút, hấp dẫn những cảm xúc và tình cảm của con người. Mặt khác, chức vụ thuộc linh trình bày chân lý của Lời Đức Chúa Trời sao cho tôn vinh hiển Đấng Christ và đem đến tấm lòng và lương tâm người nghe.

2:2 Nội dung sứ điệp của Phaolô là Đức Chúa Jêsus Christ, và Đức Chúa Jêsus Christ bị đóng đinh trên cây thập tự. Đức Chúa Jêsus Christ chỉ về Thân Vị của Ngài, còn Đức Chúa Jêsus Christ bị đóng đinh trên cây thập tự chỉ về công tác của Ngài. Thân vị và công tác của Đức Chúa Jêsus làm thành thực chất của một nhà truyền giảng Tin Lành Cơ Đốc.

2:3 Phaolô nhấn mạnh thêm rằng cách cư xử và thái độ của ông không tạo ấn tượng mạnh mẽ cũng không hấp dẫn. Ông đã ở với người Côrinthô trong sự yếu đuối, sự hãi, run rẩy lắm. Kho

báu của Tin Lành được chất chứa trong bình bằng đất để sự xuất sắc ưu việt của quyền năng ấy có thể thuộc về Đức Chúa Trời chứ không của Phaolô. Chính ông là một tấm gương về cách Đức Chúa Trời sử dụng những điều yếu đánh bại những sự mạnh.

2:4 Cả lời nói lẫn sự giảng của Phaolô đều chẳng phải bằng bài diễn thuyết khéo léo của sự khôn ngoan, nhưng tại sự tỏ ra Thánh Linh và quyền phép. Có người gợi ý lời nói của ông chỉ về tư liệu mà ông trình bày và sự giảng của ông chỉ về phương cách trình bày. Những người khác định nghĩa lời nói của ông là lời ông làm chứng cho các cá nhân, còn sự giảng là sự điệp cho các tập thể. Theo các tiêu chuẩn của đời này, có lẽ sự đó chẳng bao giờ thắng được một cuộc thi tài hùng biện. Bất chấp điều đó, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã sử dụng sự điệp để đem lại sự cáo trách tội lỗi và hoán cải tội nhân về với Đức Chúa Trời.

2:5 Phaolô biết sẽ nguy hiểm tội cùng nếu độc giả của ông thấy thích ông hay cá tánh riêng của ông thay vì thích thú Chúa hàng sống. Ý thức được bản thân mình không thể chúc phước hay cứu, ông cương quyết dẫn con người đến chỗ tin cậy nơi một mình Đức Chúa Trời mà thôi thay vì trên sự khôn ngoan loài người. Tất cả những ai rao truyền sự điệp Tin Lành hay dạy Lời Đức Chúa Trời phải xem đây là mục tiêu liên tục của mình.

2:6 Trước hết, sự khôn ngoan được tỏ ra trong Tin Lành chính là sự khôn ngoan mang nguồn gốc thiên thượng

(câu 6, 7). Chúng tôi giảng sự khôn ngoan cho những kẻ trọn vẹn hay những người trưởng thành, những người đã tăng trưởng đầy đủ. Nhưng đây không phải là sự khôn ngoan thuộc về đời này, cũng không phải là sự khôn ngoan trong mắt những người cai quản đời này. Sự khôn ngoan của họ là điều có thể hư mất, và cũng giống như họ, được sinh ra chỉ một thời gian ngắn ngủi.

2:7 Chúng tôi giảng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, là sự mầu nhiệm kín giấu. Sự mầu nhiệm là một chân lý của Tân Ước chưa được bày tỏ trước đó, nhưng giờ đây được tỏ ra cho các tín hữu bởi các sứ đồ và các tiên tri của Thời Đại Hội Thánh đầu tiên. Sự mầu nhiệm này là sự khôn ngoan kín giấu mà từ trước các đời, Đức Chúa Trời đã định sẵn cho sự vinh hiển chúng ta. Lễ mầu nhiệm của Tin Lành bao gồm những chân lý tuyệt vời là sự kiện giờ đây người Do Thái và người ngoại bang được hiệp nên một trong Dáng Christ; Đức Chúa Jesus sẽ đến và rước những người đang chờ đợi Ngài để đi ở với Ngài; và không phải mọi tín hữu đều chết nhưng hết thảy mọi người đều sẽ được biến hóa.

2:8 Những kẻ cai quản đời này có thể nói đến các quyền linh trên các tầng trời hay chỉ về tác nhân con người của chúng trên đất. Họ không hiểu được sự mầu nhiệm kín giấu của Đức Chúa Trời (Đấng Christ trên thập tự giá), cũng không nhận thấy việc họ giết Con Thánh khiết của Đức Chúa Trời sẽ đem lại sự hủy diệt cho chính họ. Nếu đã biết đường lối của Đức Chúa Trời, họ chẳng

đóng đỉnh Chúa vinh hiển trên thập lý đầu.

2:9 Các tiến trình của sự khai thị, sự soi dẫn và soi sáng được mô tả trong câu 9-16. Chúng cho ta biết những chân lý kỳ diệu này đã được tỏ ra cho các sứ đồ bởi Đức Thánh Linh như thế nào, thế nào đến lượt họ truyền những chân lý này cho chúng ta bởi sự soi dẫn của Đức Thánh Linh, và rồi chúng ta hiểu được nhờ sự soi sáng của Thánh Linh.

Câu trích trong câu 9 từ Êsai 64:4 là lời tiên tri nói Đức Chúa Trời đã dọn chừa những lẽ thật kỳ diệu mà không thể dùng những giác quan tự nhiên để khám phá, nhưng đến đúng kỳ Ngải sẽ bày tỏ cho những người yêu mến Ngài. Ba cơ quan này (mắt, tai và lòng, hay tâm trí) để bởi đó chúng ta học biết những sự việc trên trần gian này, được nêu ra ở đây, nhưng những giác quan này vẫn chưa đủ để tiếp nhận chân lý thiên thượng, vì cần phải có Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Người ta thường giải thích câu Kinh Thánh này nói đến những vinh hiển của Thiên đàng, và một khi đã có ý nghĩ đó trong đầu thì rất khó đánh bật ý đó ra để chấp nhận bất kỳ ý nghĩa nào khác. Nhưng ở đây Phaolô thực sự đang nói về các chân lý đã được bày tỏ ra lần đầu tiên trong Tân Ước. Con người không bao giờ có thể đạt đến chân lý này thông qua những nghiên cứu khoa học hay những tìm kiếm của triết học. Nếu phó mặc cho lý trí thì con người sẽ không bao giờ khám phá được những lẽ mầu nhiệm kỳ diệu đã được tỏ ra tại khởi đầu kỷ nguyên Tin Lành. Lý luận

của con người hoàn toàn không đầy đủ để tìm thấy chân lý của Đức Chúa Trời.

2:10 Câu 9 không nói về Thiên đàng, và vấn đề này được chứng minh bởi câu nói Đức Chúa Trời đã dùng Đức Thánh Linh để bày tỏ những sự đó cho chúng ta. Nói cách khác, những chân lý được báo trước trong Cựu Ước đã được tỏ ra cho các sứ đồ ở kỷ nguyên Tân Ước. Chữ "chúng ta" nói đến các trước giả của Tân Ước. Chính bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời mà các sứ đồ và các tiên tri được soi sáng, vì Đức Thánh Linh đã xé mọi sự, cả đến sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời nữa. Nói cách khác, Thánh Linh Đức Chúa Trời – một trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời – là Đấng khôn ngoan vô hạn và hiểu mọi chân lý của Đức Chúa Trời, và là Đấng có thể truyền đạt những chân lý đó cho người khác.

2:11 Ngay cả trong những công chuyện của con người, không ai biết người khác đang nghĩ gì ngoại trừ chính người đang nghĩ đó. Không ai khác có thể tìm ra được trừ phi chính người đó muốn bày tỏ nó ra. Thậm chí đến lúc đó, muốn hiểu được người, thì phải có "thần linh trong lòng người" (Bản Anh ngữ: "tâm linh của con người"). Thú vật không thể hiểu đầy đủ về suy nghĩ của chúng ta. Đối với Đức Chúa Trời cũng vậy. Nhân vật duy nhất hiểu được những sự thuộc về Đức Chúa Trời chính là Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

2:12 Chữ "chúng ta" của câu 12 chỉ về các trước giả viết Kinh Thánh Tân Ước, đầu vậy cũng hoàn toàn đúng không kém cho mọi trước giả viết Kinh

Thánh. Vì các sứ đồ và các lên tri đã nhận lấy Đức Thánh Linh, nên Ngài có thể chia sẻ cho họ biết sự mầu nhiệm sâu sắc của Đức Chúa Trời. Đây chính là ý sứ đồ muốn nói trong câu "Về phần chúng ta, chúng ta chẳng nhận lấy thần thế gian, nhưng đã nhận lấy Thánh Linh từ Đức Chúa Trời đến, hầu được hiểu biết những ơn mà chúng ta nhận lãnh bởi Đức Chúa Trời." Nếu không có Thánh Linh từ Đức Chúa Trời đến, các sứ đồ không bao giờ nhận được những chân lý thiên thượng mà Phaolô đang nói đến ở đây và được bảo tồn cho chúng ta trong Tân Ước.

2:13 Sau khi mô tả tiến trình khái thị để các trước giả của Kinh Thánh tiếp nhận chân lý từ Đức Chúa Trời, Phaolô tiếp tục mô tả tiến trình soi dẫn để chân lý được truyền đạt đến cho chúng ta. Câu 13 là một trong những phần đoạn mạnh mẽ nhất trong Kinh Thánh nói về để tài sự soi dẫn từng lời. Sứ đồ Phaolô dạy rõ ràng rằng khi truyền đạt những chân lý này cho chúng ta, sứ đồ đã không cậy lời nói do tự ý họ chọn hay những lời do sự khôn ngoan của loài người. Trái lại, họ sử dụng chính những từ ngữ Thánh Linh đã dạy họ dùng. Và như vậy, chúng ta tin rằng những lời thật sự của Kinh Thánh, đúng như có trong các thứ bản nguyên thủy, là chính những lời của Đức Chúa Trời (và Kinh Thánh trong hình thức hiện tại đây là hoàn toàn đáng tin).

Ở điểm này đã xuất hiện sự phản đối, vì đối với một số người, điều chúng ta vừa nói ám chỉ việc đọc chính tả máy móc, dường như thể Đức Chúa Trời

không cho phép các trước giả sử dụng bút pháp riêng của họ. Thế nhưng chúng ta biết phong cách viết của Phaolô hoàn toàn khác với phong cách viết như của Luca chẳng hạn. Như vậy, làm sao dung hòa sự soi dẫn từng lời với bút pháp cá nhân hiển nhiên của các trước giả? Bằng một cách nào đó mà chúng ta không hiểu, Đức Chúa Trời đã ban chính những lời của Kinh Thánh, thế nhưng Ngài đã mặc cho những lời ấy bằng chính bút pháp cá nhân của trước giả, để cả tâm con người của họ trở thành một phần trong lời trọn lành hoàn hảo của Ngài.

Cụm từ dùng tiếng thiêng liêng để giải bày (đối chiếu) sự thiêng liêng có thể giải nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Có thể mang nghĩa (1) dạy những chân lý thuộc linh bằng những lời do Thánh Linh ban cho; (2) truyền đạt các chân lý thuộc linh cho những con người thiêng liêng; hoặc (3) đối chiếu các chân lý thiêng liêng trong phần này của Kinh Thánh với những chân lý ở phần khác. Chúng ta tin lời giải thích đầu tiên phù hợp nhất với văn mạch. Phaolô đang nói tiến trình soi dẫn liên quan đến sự truyền đạt chân lý thiên thượng bằng những chữ đã được Đức Thánh Linh chọn đặc biệt cho mục đích đó. Vì vậy, chúng ta có thể diễn ý: "Trình bày các chân lý thuộc linh bằng những lời nói thiêng liêng."

Đôi khi có người phản đối, cho rằng phần đoạn này không thể nói đến sự soi dẫn vì Phaolô nói chúng ta "nói", chứ không nói "chúng ta viết." Nhưng không phải là chuyện bất thường khi thấy động từ "nói" được dùng để chỉ về

các tác phẩm được soi dẫn (như trong Giăng 12:38; 41; Công Vụ 28:25; 2Phiêrô 1:21).

2:14 Không những Tin Lành mang tinh thiên thượng trong sự khải thị và mang tinh thiên thượng trong sự soi dẫn, nhưng giờ đây chúng ta biết rằng chỉ có thể tiếp nhận Tin Lành bởi **quyền năng Thánh Linh của Đức Chúa Trời**. Nếu không được giúp đỡ, người có **lành xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời**; bởi chung người đó coi sự ấy như là sự rõ đại. Người này không thể hiểu những điều ấy vì chỉ có thể hiểu những điều ấy theo cách thiêng liêng.

Những lời khuyên rất đặc sắc của Vance Havner:

Cơ Đốc nhân khôn ngoan không phí chút thời gian nào để cố gắng giải thích chương trình của Đức Chúa Trời cho những người chưa được tái sanh; làm như vậy sẽ là ném ngọc trai trước mũi heo. Có lẽ người ấy không cố gắng mô tả cảnh hoàng hôn cho một người mà hay thảo luận vật lý hạt nhân với một dật kỹ niệm trong công viên thành phố. Con người thiên nhiên không thể nhận được sự khải thị của Đức Chúa Trời. Cố nắm giữ sự khải thị của Đức Chúa Trời mà không nhờ sự giúp đỡ của Thánh Linh thì cũng chẳng khác gì cố dùng lưỡi câu cá để bắt tu nấng mặt trời. Nếu không được Thánh Linh tái sanh và được Thánh Linh dạy dỗ, toàn bộ những điều này là hoàn toàn su lạ với người ấy. Có làm một tiến sĩ (Ph.D) cũng chẳng ích gì, vì trong lãnh vực này, điều đó có nghĩa "Một Người Vô Dụng Lạ Thường!" (Phenomenal Dud!)"^b

2:15 Mặt khác, người được Thánh Linh Đức Chúa Trời soi sáng có thể nhận biết và phân biệt những chân lý kỳ diệu này đâu vậy **chính người không thể bị người chưa tin xử đoán**. Có lẽ người này là một thợ mộc, thợ ống nước, hay thợ phủ; thế nhưng người là một sinh viên Kinh Thánh tài năng, "Cơ Đốc nhân được Thánh Linh kiểm soát sẽ nghiên cứu, tìm tòi, xem xét kỹ lưỡng Kinh Thánh để đến chỗ trân trọng, thưởng thức và hiểu được nội dung của Kinh Thánh" (KSW). Người là một điều thần bí đối với thế gian. Có lẽ người chưa bao giờ đến đại học hay vào chủng viện, nhưng có thể hiểu những điều mầu nhiệm sâu xa trong Lời của Đức Chúa Trời và có lẽ còn dạy những lẽ mầu nhiệm ấy cho người khác nữa.

2:16 Giờ đây sứ đồ đặt câu hỏi với chính câu hỏi tu từ của Êsai: "**Vì ai đã biết ý Chúa đang dạy dỗ Ngài?**" Hởi tức là đã trả lời rồi. Không thể biết Đức Chúa Trời thông qua sự khôn ngoan hay tài năng của con người. Chỉ có thể biết Ngài khi Ngài chọn bày tỏ Ngài ra. Tuy nhiên, những ai có **ý của Đấng Christ** thì có thể hiểu được những chân lý sâu nhiệm của Đức Chúa Trời.

Như vậy để ôn lại, trước nhất có sự **khải thị** (câu 9-12). Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời bởi Thánh Linh đã bày tỏ cho con người những chân lý trước đó chưa ai biết. Những chân lý này được Thánh Linh Đức Chúa Trời bày tỏ cách siêu nhiên.

Thứ nhì, có sự **soi dẫn** (câu 13). Để truyền đạt những chân lý này cho người khác, các sứ đồ (và toàn bộ mọi trước giả khác của Kinh Thánh) đã sử dụng

chính những lời lẽ do Thánh Linh dạy họ sử dụng.

Cuối cùng, có *sự soi sáng* (câu 14-16). Các chân lý này không những phải được *bày tỏ* cách lạ lùng và được *soi dẫn* cách lạ lùng, mà chỉ có thể *hiểu được* bởi quyền năng siêu nhiên của Đức Thánh Linh.

3:1 Khi lần đầu tiên đến thăm Côrintô, Phaolô đã nuôi các tín hữu tại đây bằng sữa cơ bản của đạo vì họ yếu ớt non trẻ trong đức tin. Sự dạy dỗ dành cho họ phù hợp với tình trạng của họ. Họ không thể nhận sự dạy dỗ thuộc linh sâu nhiệm vì là những tân tín hữu. Họ chỉ là **những con đò trong Dạng Christ**.

3:2 Phaolô đã chỉ dạy họ những lẽ thật sơ học về Dạng Christ, mà ông gọi là *sữa*. Họ không thể *ăn đồ ăn đặc* vì còn trong tình trạng ấu trĩ. Cũng đồng một cách đó, Đức Chúa Jêsus phân với các môn đồ: "Ta còn có nhiều chuyện nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi" (Giăng 16:12). Đối với người Côrintô, vấn đề bị *thảm* chính là họ vẫn chưa tiến triển đủ để tiếp nhận chân lý sâu nhiệm hơn từ vị sứ đồ.

3:3 Các tín đồ vẫn còn thuộc về *lĩnh trạng xác thịt* của linh hồn. Điều này được chứng minh bởi sự kiện họ vẫn còn ghen ghét và tranh cạnh. Hành vi như thế vốn đặc trưng của người thuộc thế gian này, chứ không phải là hành vi đặc trưng của những người được Thánh Linh Đức Chúa Trời dẫn dắt.

3:4 Khi lập thành bè đảng quanh những lãnh tụ con loài người, như

Phaolô và Abôlô chẳng hạn, họ đang hành động trên bình diện chỉ thuộc về con người. Đó là ý Phaolô muốn nói khi hỏi: "Anh em há chẳng phải... ăn ở như người thế gian sao?"

Cho đến lúc này, sứ đồ Phaolô vẫn đang chứng tỏ sự đại dột của việc tôn cao con người bằng cách xem xét bản chất thật sự sứ điệp Tin Lành. Giờ đây ông quay sang để tài chức vụ Cơ Đốc và cũng từ lập trường này ông cho thấy thật là hoàn toàn đại dột khi tôn cao những lãnh tụ tôn giáo bằng cách tạo lập bè đảng chung quanh họ.

3:5 **Abôlô và Phaolô là những tôi tớ** (*minister* - chức dịch - mục vụ) là từ trong tiếng Latin chỉ về "tôi tớ" mà qua họ người Côrintô đã tiến đến chỗ tin nơi Chúa Jêsus. Họ chỉ là những tác nhân chứ không phải thủ lãnh của những trường phái kinh dịch. Như vậy, người Côrintô thiếu khôn ngoan biết dường nào khi cất nhắc tôi tớ lên đến hàng ông chủ. Với sự kỳ lạ này, Ironside đã nhận xét: "Hãy hình dung một nhà bị chia rẽ vì có những tôi tớ!"

3:6 Sử dụng một hình ảnh từ nông nghiệp, Phaolô cho thấy tôi tớ suy cho cùng tất bị hạn chế trong những việc mình có thể làm. Chính Phaolô có thể trồng, và Abôlô có thể tưới, nhưng chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể **làm cho lớn lên**. Vì vậy ngày nay, một số người trong chúng ta có thể giảng Lời Chúa, hét thày chúng ta có thể cầu thay cho những người bà con và bạn hữu chưa được cứu, nhưng công tác cứu rỗi thực sự chỉ có thể do một mình Chúa thực hiện mà thôi.

3:7 Khi xem xét từ quan điểm này, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng nói cách tương đối thì người trồng và kẻ tưới thật sự không quan trọng lắm. Bản thân họ không có quyền năng để đem lại sự sống. Như vậy, vì sao lại có sự ghen tị và tranh cạnh giữa vòng những nhân sự Cơ Đốc? Mỗi người nên làm công tác đã giao cho mình, và vui mừng khi Chúa bày tỏ bàn tay ban phước của Ngài ra.

3:8 Người trồng kẻ tưới đều bằng nhau theo ý nghĩa cả hai đều có cùng một đối tượng và mục tiêu. Không nên có sự ganh tị giữa họ. Về sự phục vụ, họ đang ở trên cùng một bình diện. Trong ngày hầu đến, ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm. Đó là ngày ứng hầu trước Ngài Đoán Xét của Đấng Christ.

3:9 Đức Chúa Trời là Đấng mà hết thảy mọi người đều chịu trách nhiệm với Ngài. Toàn bộ tội lỗi Ngài đều là **bạn cùng làm việc**, cũng làm trong đồng ruộng đang canh tác thâu hoạch của Đức Chúa Trời, hay nói sang một hình ảnh khác, là cùng làm việc trong cùng một **tòa nhà**. Erdman dịch tư tưởng này như sau: "Chúng tôi là bạn vốn thuộc về Đức Chúa Trời và đang làm việc với nhau."⁷

3:10 Tiếp tục với ý tưởng xây nhà, vị sứ đồ trước hết công nhận mọi điều ông có thể hoàn thành đều bởi ơn Đức Chúa Trời ban cho. Ông muốn nói đến năng lực ông không xứng đáng nhận mà vẫn được nhận từ Đức Chúa Trời để làm công việc của một sứ đồ. Sau đó ông tiếp tục mô tả phần việc của mình

trong công tác thành lập hội chúng tại Côrinthô: "Tôi đã lập nền như một tay thợ khéo." Ông đến Côrinthô rao giảng Đấng Christ và Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá. Nhiều linh hồn được cứu và Hội Thánh địa phương được thành lập. Sau đó ông nói thêm: "**Có kẻ khác cất lán trên.**" Với câu này, rõ ràng ông nói đến các giáo sư khác đã ghé thăm Côrinthô sau đó và xây lên trên nền đã được lập sẵn ở đó. Tuy nhiên, sứ đồ báo trước: "**Nhưng ai nấy phải cẩn thận vì sự mình xây trên nền đó.**" Ông muốn nói rằng thực thi chức vụ dạy đạo trong Hội Thánh địa phương là một vấn đề hết sức long trọng. Nhiều người đã đến Côrinthô với những học thuyết gây chia rẽ và những lời giảng dạy trái với Lời Chúa. Rõ ràng, Phaolô đã biết về những giáo sư kia khi viết những lời này.

3:11 Chỉ đòi hỏi một nền duy nhất cho một tòa nhà. Một khi đã lập xong nền, thì không bao giờ cần lập lại nền. Sứ đồ Phaolô đã lập xong nền của Hội Thánh tại Côrinthô. **Nền đó là Đức Chúa Jesus Christ**, là Thân Vị và công tác của Ngài.

3:12 Công tác dạy dỗ sau đó trong một Hội Thánh địa phương có thể mang nhiều mức độ giá trị khác nhau. Lấy ví dụ, một số sự dạy dỗ nào đó mang giá trị lâu dài, và có thể được ví với **vàng, bạc, hay bửu thạch**. Ở đây, bửu thạch chắc không nói đến kim cương, hồng ngọc, hay các loại ngọc khác, nhưng đúng hơn nói đến đá hoa cương, đá cẩm thạch hay đá thạch cao tuyết hoa được dùng để xây các đền thờ đất giá. Mặt

khác, sự dạy dỗ trong Hội Thánh địa phương có thể chỉ có giá trị (hoàng qua hay chẳng có giá trị chi cả. Sự dạy dỗ như thế được vi với gỗ, cò khô và rơm rạ.

Phần đoạn Kinh Thánh này thường được dùng cách chung chung để nói đến đời sống của mọi tín đồ Đấng Christ. Đúng là chúng ta thấy đều đang xây dựng, từng ngày một, và kết quả công việc chúng ta sẽ được tỏ ra trong ngày hầu đến. Tuy nhiên, người nghiên cứu Kinh Thánh cẩn thận sẽ muốn lưu ý rằng phần đoạn này không nói chủ yếu đến mọi tín hữu, nhưng đúng hơn nói đến những người giảng đạo và dạy đạo.

3:13 Trong ngày hầu đến, công việc của mỗi người sẽ bày tỏ ra. "Ngày" nói đến Ngai Đoán Xét của Đấng Christ khi mọi sự phục vụ Chúa đều sẽ được duyệt xét lại. Tiến trình duyệt xét được vi với hành động của lửa. Sự phục vụ nào đem lại vinh quang cho Chúa và phước hạnh cho con người, như vàng, bạc và bửu thạch, thì không bị ảnh hưởng bởi lửa. Mặt khác, những điều nào gây rối giữa vòng dân sự Chúa hay không gây dựng đức tin họ thì sẽ bị đốt. **Công việc của mỗi người đáng giá nào, lửa sẽ chỉ ra.**

3:14 Có thể chia công việc liên quan đến Hội Thánh ra làm ba loại. Trong câu 14, chúng ta có loại thứ nhất – sự phục vụ mang bản chất đem lại lợi ích. Trong trường hợp này, công việc trong đời sống của người đầy tớ ấy **chịu được** thử nghiệm tại Ngai Đoán Xét Của Đấng Christ, và thợ đó sẽ lãnh phần thưởng.

3:15 Thế loại công việc thứ hai ấy là công việc vô ích. Trong trường hợp này,

đầy tớ đó sẽ mất phần thưởng, còn về phần người đó, sẽ được cứu, song dường như qua lửa vậy. E. W. Rogers nói rõ: "Mất phần thưởng không hàm ý đánh mất điều gì đó mình đã từng sở hữu."¹⁸ Từ câu này, phải biết rõ Ngai Đoán Xét Của Đấng Christ không liên quan đến vấn đề tội lỗi và hình phạt tội lỗi của một tín đồ. Hình phạt những tội tin đồ đã phạm đã được Đức Chúa Jêsus Christ gánh chịu trên cây thập tự ở đồi Gôgôtha, và vấn đề đó đã được giải quyết xong một lần đủ cả. Vì vậy, tuyệt nhiên không xét đến sự cứu rỗi của tín đồ tại Ngai Đoán Xét Của Đấng Christ; đúng hơn, đây là vấn đề phục vụ của người.

Vì không phân biệt được giữa sự cứu rỗi và phần thưởng, giáo hội Công Giáo Lamã dùng câu này để cố hậu thuẫn giáo lý ngục luyện tội. Tuy nhiên, tra xét kỹ lưỡng câu này sẽ không thấy có ý nào nói đến ngục luyện tội. Không hề có ý nào nói lửa tinh luyện tính cách của một con người. Đúng hơn, lửa thử nghiệm công tác hay sự phục vụ của một con người, thử nghiệm xem công việc ấy thuộc loại nào. Người này được cứu rỗi cho dù những việc làm của người bị lửa thiêu đốt.

Một ý tưởng thú vị liên kết với câu này ấy là: Lời Đức Chúa Trời đôi khi được vi như lửa (xem Êsai 5:24 và Giêrêmi 23:29). Lời Đức Chúa Trời sẽ thử nghiệm kiểm tra sự phục vụ của chúng ta tại Ngai Đoán Xét Của Đấng Christ cũng chính là lời hiện sẵn có cho chúng ta ngay giờ đây. Nếu chúng ta đang xây dựng theo những sự dạy dỗ của Kinh Thánh, thì công việc của

chúng ta sẽ chịu được thử nghiệm trong ngày hầu đến này.

3:16 Phaolô nhắc tín hữu nhớ họ là đến thờ (tểng Hylạp là nội điện của đền hay đền thánh bên trong) của Đức Chúa Trời và Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong họ. Đúng là mỗi cá nhân tín hữu cũng là một đền thờ của Đức Chúa Trời có Đức Thánh Linh ngự trong, nhưng không nói đến ý đó tại đây. Sự đồ đang xem Hội Thánh là một tập thể, và muốn họ nhận ra chân giá trị thành khiết thiêng liêng của sự kêu gọi tuyệt vời như thế.

3:17 Hạng việc làm thứ ba trong Hội Thánh địa phương có thể gọi là việc làm phá hoại. Dương như có nhiều giáo sư giả đã xen vào Hội Thánh tại Côrintô, và sự dạy dỗ của họ thiên về tội lỗi hơn là dẫn đến sự thánh khiết. Họ không nghĩ phá hại đền của Đức Chúa Trời lại nghiêm trọng đến như thế, vì vậy Phaolô tuyên bố một câu hết sức long trọng: "Vi có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ." Xét trong bối cảnh địa phương, câu này tuyên bố nếu ai bước vào Hội Thánh địa phương và phá hoại lời chứng của Hội Thánh đó, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ. Phần đoạn này đang nói đến các giáo sư giả, là những người không phải tín đồ thật trong Đức Chúa Jêsus. Tinh nghiêm trọng của một tội phạm như thế được tỏ rõ qua những lời kết thúc câu 17: "Vi đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ."

3:18 Trong sự phục vụ Đấng Christ, cũng như trong toàn bộ nếp sống Cơ Đốc, luôn luôn có nguy cơ tự lừa dối

mình. Có lẽ một số người đến làm thầy giáo tại Côrintô tự phô mình như những con người khôn ngoan tột đỉnh. Bất cứ ai tôn cao sự khôn ngoan trần thế của họ thì phải biết rằng họ phải trở thành những kẻ đại trước mắt thế gian để được trở nên khôn ngoan trong sự đánh giá của Đức Chúa Trời. Godet diễn ý phần này rất bổ ích:

Nếu có bất cứ ai, hoặc là người Côrintô hay người khác, đang khi giảng Tin Lành trong các hội chúng của anh em mà lại làm ra vẻ mình khôn ngoan, nổi uểng là nhà tư tưởng uyên thâm, hãy để người đó tự bảo đảm rằng người sẽ chưa có được sự khôn ngoan thật cho đến chừng nào trải qua khủng hoảng để cho khôn ngoan mà người đang khoe khoang sẽ bị hư mất đi, và chỉ sau khi đó, người ấy mới nhận được sự khôn ngoan đến từ trên.⁹

3:19 Sự khôn ngoan đời này trước mặt Đức Chúa Trời là sự dại dột. Con người tìm kiếm nhưng không bao giờ có thể tìm ra Đức Chúa Trời, khôn ngoan con người cũng không bao giờ vạch được kế hoạch cứu rỗi để bởi đó Đức Chúa Trời sẽ trở thành con người nhằm chịu chết cho những tội nhân có tội, gian ác và nổi loạn. Gióp 5:13 được trích dẫn trong câu 19 để cho thấy Đức Chúa Trời thắng hơn điều được xem là sự khôn ngoan của con người để Ngài thực hiện xong những ý định của Ngài. Con người cùng với mọi học thức của mình đều không ngăn cản được kế hoạch của Chúa; trái lại, Đức Chúa Trời thường xuyên bày tỏ cho họ thấy rằng dẫu họ có sự khôn ngoan đời này, họ

vấn hoàn toàn tội nghiệp, nghèo khó và vô quyền.

3:20 Thithiêr 94:11 được trích dẫn ở đây để nhấn mạnh **Chúa thông biết** mọi lập luận của người khôn ngoan theo đời này, và Ngài còn biết thêm ý tưởng của họ đều vô ích, trống rỗng và không kết quả gì. Nhưng vì sao Phaolô lại chịu khổ sở đến như thế để hạ uy tín sự khôn ngoan theo đời này như vậy? Đơn giản là vì người Côrinthô đang hết sức coi trọng sự khôn ngoan như thế, và đang đi theo những lãnh tụ nào dường như phò bầy được sự khôn ngoan đáng kể.

3:21 Xét đến toàn bộ những điều đã nói ra, **chứ ai khoe mình về loài người**. Về phần các tội tở thật của Chúa, chúng ta đừng nên khoe rằng mình thuộc về họ, nhưng trái lại hãy nhận thấy rằng hết thấy họ đều thuộc về chúng ta. **Mọi sự đều thuộc về anh em**.

3:22 Có người gọi câu 22 là: "Danh sách những tài sản của con cái Đức Chúa Trời." Những người làm công việc Đấng Christ thì thuộc về chúng ta, dù đó là **Phaolô** người truyền đạo, hay **Abbô** người dạy đạo, hay **Sêpha** vị mục sư. Vì hết thấy họ đều thuộc về chúng ta, nên chúng ta sẽ rất dai dột nếu tuyên bố chúng ta thuộc về bất kỳ ai trong số họ. Sau đó, **thế gian** thuộc về chúng ta. Với tư cách những người đồng kế tự với Đấng Christ, một ngày kia chúng ta sẽ sở hữu thế gian ấy, nhưng hiện lúc này, thế gian thuộc về chúng ta bởi lời hứa của Đức Chúa Trời. Những người đang lo chuyện của thế gian không nhận thấy họ đang lo liệu như

vậy cho chúng ta. **Sự sống** thuộc về chúng ta. Chúng ta không sử dụng chữ "sự sống" để chỉ sự tồn tại trên đất mà thôi, nhưng là sự sống theo ý nghĩa chân chính nhất, đầy đủ nhất. Và sự **chết** thuộc về chúng ta. Đối với chúng ta, sự chết không còn là kẻ thù đáng sợ đem linh hồn đến chỗ tăm tối không ai biết đến; trái lại, sự chết hiện nay là sứ giả của Đức Chúa Trời để đem linh hồn đến Thiên đàng. **Những sự bày giở và những sự hầu đến** - và tương tự, **hết thấy mọi sự** đều thuộc về chúng ta. Có thể nói rất đúng rằng mọi sự đều phục vụ cho ai phục vụ Đấng Christ. A. T. Robertson có lần nói: "Các tinh tú trên quỹ đạo của chúng chiến đấu bênh vực ai cộng tác với Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc thế gian."

3:23 Mọi Cơ Đốc nhân thuộc về Đấng Christ. Một số người tại Côrinthô đang tuyên bố họ thuộc về Ngài để loại hết mọi người khác ra. Họ thành lập "đảng Đấng Christ." Nhưng Phaolô bác bỏ mọi ganh đua như thế. **Chúng ta hãy đều thuộc về Đấng Christ, Đấng Christ thuộc về Đức Chúa Trời**. Bằng cách chứng tỏ cho các thánh đó thấy giá trị thật và chính đáng của họ, Phaolô dạn dĩ giải tỏ sự dai dột của việc kết bè đảng và chia rẽ trong Hội Thánh.

4:1 Để họ có thể đánh giá đúng Phaolô và các sứ đồ khác, ông nói các thánh đó nên xem Phaolô và các sứ đồ như **đầy tớ** hay những người phụ tá của **Đấng Christ** và **kẻ quản trị những sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời**. Kẻ quản trị (quản gia) là một tội tở chăm sóc con người hay là tài sản của người khác.

Những lẽ mẫu nhiệm của Đức Chúa Trời là những điều bí mật trước đây bị giấu kín và nay Chúa tỏ cho các sứ đồ và các tiên tri của thời Tân Ước.

4:2 Điều đòi hỏi chính yếu nơi người quản gia ấy là phải trung thành. Con người quý trọng sự khôn ngoan, thông minh, giàu có và thành công, nhưng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người nào trung tín với Chúa Jêsus trong mọi sự.

4:3 Sự trung tín đòi hỏi phải có nơi những người quản gia là một điều rất khó đánh giá. Đó là nguyên nhân Phaolô nói ở đây rằng ông có bị người Côrintô hoặc bị tòa án nào của loài người xử đoán, thì cũng chẳng lấy làm quan trọng. Phaolô nhận thấy con người hoàn toàn không thể có thẩm quyền pháp lý để xử đoán sự trung tín thật đối với Đức Chúa Trời. Ông nói thêm: **"Chính tôi chẳng tự xử đoán mình nữa."** Ông nhận thấy mình đã sinh ra trong gia đình loài người kèm với sự xử đoán không ngừng bị thiên lệch để thiên vị chính mình mà thôi.

4:4 Khi sứ đồ nói **"Tôi chẳng thấy mình có điều gì đáng tội,"** ông muốn nói trong vấn đề phục vụ Đấng Christ, ông không biết đến bất kỳ lời buộc tội bất trung nào mà có thể người ta đưa ra nghịch cùng ông. Ông tuyệt nhiên không nói ông không biết bất kỳ tội lỗi nào trong đời sống mình hay có bất kỳ cách nào tỏ ra thiếu trọn lành! Nên lý giải phân đoạn này theo văn mạch, và để tài ở đây là sự phục vụ Đức Chúa Trời và lòng trung tín phục vụ. Nhưng dầu ông không biết điều gì để chống lại

mình, ông cũng không nhờ đó mà được xưng công bình. Đơn giản là ông không có thẩm quyền pháp lý để đoán xét vấn đề này. Suy cho cùng, chính Chúa mới là Quan Án.

4:5 Xét đến điều này, chúng ta phải cực kỳ cẩn trọng trong cách đánh giá sự phục vụ Đấng Christ. Chúng ta có khuyh hướng tôn cao những điều ngoạn mục và những điều gây xúc động mạnh, xem thường những công việc vất vả hay những việc khuất mắt người khác. Chính sách an toàn ấy là chờ xét đoán sớm quá, nhưng hãy đợi Chúa đến. Ngài có thể đoán xét, không những điều mắt thấy, mà cả những động cơ của tấm lòng – không những việc đã làm, mà còn nguyên nhân để làm việc đó. Ngài sẽ bày ra những sự loan đĩnh trong lòng người, và khỏi cần phải nói, bất kỳ điều gì được làm để tự phô bày mình hay tự tôn vinh mình đều sẽ không nhận được phần thưởng.

Đừng nên hiểu câu **"ai này sẽ bởi Đức Chúa Trời mà lãnh sự khen ngợi mình đáng lãnh"** như là lời hứa dứt khoát rằng sự phục vụ của mọi tín hữu đều sẽ tỏ ra là đáng chuộng trong ngày ấy. Câu này có nghĩa mọi người nào xứng đáng được khen thì sẽ nhận lãnh sự khen ngợi từ Đức Chúa Trời, chứ không từ con người.

Trong tám câu tiếp theo, sứ đồ nói rất rõ rằng kiểu ngạo chính là nguyên nhân gây ra những chia rẽ đã vào trong Hội Thánh Côrintô.

4:6 Trước hết, ông giải thích khi ông nói về chức vụ Cơ Đốc và khuyh hướng đi theo những con người lãnh

đạo (3:5- 4:5), ông đã dùng chính mình và Abôlô làm những tấm gương. Người Côrintô không phải chỉ chia phe lập đảng quanh Phaolô và Abôlô mà thôi, nhưng cũng lập bè đảng quanh nhiều người khác lúc bấy giờ đang ở giữa Hội Thánh của họ. Tuy nhiên, vì lịch sự và thể nhị Cơ Đốc, Phaolô dùng toàn bộ vấn đề này chỉ về chính ông và Abôlô, để bởi gương của hai ông, các thánh đồ sẽ học tập đứng có những tư tưởng quá cương điều về những lãnh tụ của họ hay làm thỏa lòng kiêu ngạo của họ bằng cách lập các phe đảng. Ông muốn các thánh đồ đánh giá mọi sự và mọi người theo chính Kinh Thánh.

4:7 Nếu một giáo sư Cơ Đốc có tài năng hơn người khác, thì đó chính là vì Đức Chúa Trời đã khiến cho người ấy được như vậy. Mọi điều người có, thì đều nhận từ Chúa. Trên thực tế, điều này đúng cho hết thầy chúng ta, rằng mọi sự chúng ta có đều do Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Nếu như vậy, vì sao chúng ta lại tự hào hay khoe khoang? Tài năng và ân tứ của chúng ta không phải do kết quả sự khôn khéo riêng của chúng ta.

4:8 Người Côrintô đã trở thành tự túc; họ đã no đủ rồi. Họ đã tự kiêu hãnh vì được dư dật các ân tứ thuộc linh; họ đã giàu có rồi. Họ đang sống trong xa hoa, tiện nghi và dễ chịu. Chẳng chút cảm thấy thiếu thốn. Họ hành động như thể đang cai trị rồi, nhưng họ đang cai trị như vậy mà không có các sứ đồ. Phaolô nói ông thật mong cho đã đến lúc cai trị như thế để ông cũng được cai trị với họ! Nhưng trong

lúc này, "cả cuộc đời là thời gian huấn luyện cho thời cai trị," như có người đã nói. Cơ Đốc nhân sẽ cai trị với Đức Chúa Jesus Christ khi Ngài tái lâm và thiết lập vương quốc Ngài trên đất. Trong lúc này, đặc ân của họ chính là chia sẻ sự hổ nhục của một Cứu Chúa bị chối bỏ. H. P. Barker cảnh cáo:

Thật là hoàn toàn bất trung khi tìm kiếm mào miện của mình trước khi Vua nhận được mào miện của Ngài. Thế nhưng đây chính là việc làm của một số Cơ Đốc nhân tại Côrintô. Chính các sứ đồ đang mang lấy sự sỉ nhục của Đấng Christ. Nhưng những Cơ Đốc nhân tại thành Côrintô đã "giàu có" và "quý trọng." Họ đang kiếm thời vui vẻ để chịu ngay tại chỗ mà Chúa và Chủ của họ đang khổ khăn biết dường nào.¹⁰

Tại những buổi lễ dâng quang, các nam nữ quý tộc không hề đội những mào miện nhỏ của họ cho đến chừng nào đức vua đã đội mào miện lên. Người Côrintô đang làm ngược lại điều này; họ đã cai trị rồi trong khi Chúa vẫn còn đang bị khước từ!

4:9 Để đối chiếu với sự tự mãn của người Côrintô, Phaolô mô tả số phận của các sứ đồ. Ông mô tả họ đang bị ném vào đấu trường cùng với các dã thú trong khi cả thiên sứ và loài người cùng xem. Đúng như Godet nói: "Đầy không phải là lúc cho người Côrintô tự mãn và khoe khoang, đang khi Hội Thánh này ngồi trên ngai còn các sứ đồ ở dưới lưới gươm."

4:10 Trong khi các sứ đồ bị đối đãi như kẻ ngu dại vì Cơ Đấng Christ, các thánh đồ đang thường thức ụy thế là

những Cơ Đốc nhân khôn ngoan trong cộng đồng. Các sứ đồ yếu đuối, nhưng người Côrinthô không phải chịu một yếu đuối nào. Trái ngược với sự khinh hèn của các sứ đồ, các thành đó này đang được nổi bật.

4:11 Đối với các sứ đồ, đây dường như vẫn chưa đến giờ chiến thắng hay giờ cai trị. Họ đang chịu khổ vì đói khát, trần truồng và bất bớ. Họ bị săn đuổi, rượt đuổi và lưu lạc rày đây mai đó.

4:12 Họ tự kiếm sống bằng cách dùng chính tay mình làm việc khó nhọc. Khi bị rửa sà, họ chúc phước. Khi bị bắt bớ, họ không chiến đấu chống lại, nhưng kiên nhẫn chịu đựng.

4:13 Khi bị vu oan, họ khẩn thiết van nài người khác tiếp nhận Chúa Jesus. Nói tóm lại, họ bị làm tử nên như rác rến của thế gian, cặn bã của loài người. Lời mô tả sự chịu khổ vì Cơ Đấng Christ này phải đánh động thẳng vào mọi tâm lòng chúng ta. Nếu sứ đồ Phaolô sống ở ngày nay, ông có nói với chúng ta như đã nói với người Côrinthô: "Anh chị em đã trở nên những lãnh chúa cai trị mà không cần chúng tôi?"

4:14 Trong câu 14-21, Phaolô khuyến cáo tín hữu lời cuối cùng về để tài chia rẽ. Biết mình đang dùng lối nói mai mỉa, ông giải thích ông chẳng mỉa mai như vậy để làm cho những Cơ Đốc nhân này hổ ngươi, nhưng trái lại để khuyến bảo họ như con cái yêu dấu của ông. Chẳng phải ông nói như thế vì cay đắng, nhưng trái lại, vì quan tâm thành thật đến phúc lợi thuộc linh của họ.

4:15 Vì sứ đồ nhắc họ nhớ dấu có một vạn thầy giáo trong Đấng Christ,

nhưng họ chỉ có một cha trong đức tin. Chính Phaolô đã dẫn họ đến với Chúa; ông là cha thuộc linh của họ. Có thể rất nhiều người khác đã đến dạy họ, nhưng không người nào khác dịu dàng đối với họ như người đã đưa họ đến với Chiên Con. Phaolô không hề có ý đánh giá thấp chức vụ dạy đạo, nhưng chỉ đang nói điều hết thảy chúng ta đều biết là đúng, tức là rất nhiều người có thể dự phần vào sự phục vụ Cơ Đốc mà bản thân họ chẳng có lòng quan tâm đến các thánh đồ, là lòng quan tâm đặc trưng của người đã dẫn họ đến với Đấng Christ.

4:16 Vậy, Phaolô khuyên họ hãy bắt chước chính ông, tức là bắt chước lòng tận hiến không chút ích kỷ của ông với Đấng Christ và lòng yêu thương cùng phục vụ không mệt mỏi của ông dành cho những tín hữu, như ông mô tả trong câu 9-13.

4:17 Để giúp họ đạt được mục tiêu này, Phaolô sai Timôthê, là con yêu dấu và trung thành của ông trong Chúa, đến với họ. Timôthê được dặn phải nhắc họ nhớ đường lối của Phaolô trong Đấng Christ, những đường lối ông đã dạy trong mọi Hội Thánh. Phaolô đang nói ông đã thực hành điều ông rao giảng, và điều này phải đúng cho mọi người nào dự phần phục vụ Đấng Christ.

4:18 Khi Phaolô giải thích ông đang sai Timôthê đến với họ, có lẽ một số người gièm pha Phaolô tại Côrinthô sẽ nhanh chóng nổi lên nói Phaolô sợ không dám đích thân đến. Nhưng người này đã lên mình kiểu ngạo khi cho rằng Phaolô không dám đích thân đến.

4:19 Nhưng ông hứa sẽ đến trong một tương lai gần nếu Chúa muốn. Khi đến, ông sẽ vạch trần kiêu ngạo của những người nói rất tự do thoải mái, nhưng lại không hề có năng quyền thuộc linh.

4:20 Suy cho cùng, chính năng lực mới đáng kể, vì nước Đức Chúa Trời không liên quan chủ yếu với lời nói, nhưng với hành động. Nước Đức Chúa Trời không ở cốt lời tuyên xưng, nhưng ở thực tại.

4:21 Cung cách Phaolô đến với họ sẽ tùy thuộc nơi chính họ. Nếu họ tỏ tình thần nổi loạn, ông sẽ cấm rai mà đến cùng họ. Mặt khác, nếu họ hạ mình và chịu thuận phục, ông sẽ đến với linh yêu thương và ý nhu mì.

B. Tình Trạng Slay Dâm Dục Vòng Tin Hữu (Đoạn 5)

Đoạn 5 giải quyết lẽ cần thiết phải có biện pháp kỷ luật trong Hội Thánh khi một thành viên phạm tội nghiêm trọng mang hận chất công cộng. Cần phải có kỷ luật để Hội Thánh duy trì đặc tính thánh khiết trước mặt thế gian và cũng để Thánh Linh có thể hoạt động và Ngài không bị làm buồn ở giữa Hội Thánh.

5:1 Dường như có tin đồn lan rộng rằng một người trong hội chúng tại Côrintô đã phạm tội dâm loạn. Đây chính là hình thức phạm tội tột cùng, là tội mà ngay cả người ngoại đạo cũng không phạm như vậy. Nói cụ thể, đây là tội của người này đã ăn nằm lén lút với vợ của cha mình. Rõ ràng mẹ ruột của người này đã qua đời và cha người tái

hôn. Vì vậy trong trường hợp này, vợ của cha mình nói đến người mẹ kế. Có lẽ bà là người chưa tin Chúa, vì không đề cập biện pháp để xử lý bà. Hội Thánh không có quyền hạn trong trường hợp của bà.

5:2 Cơ Đốc nhân tại Côrintô đã phản ứng thế nào trước toàn bộ chuyện này? Thay vì than khóc, họ lại tự hào và cao ngạo. Có lẽ họ tự hào vì đã dung túng không kỷ luật người phạm tội. Hoặc có lẽ họ tự hào về tình trạng dư dật các ân tứ thuộc linh trong Hội Thánh đến nỗi không suy nghĩ nghiêm túc đến chuyện đã xảy ra. Hoặc có lẽ họ quan tâm số lượng hơn là sự thánh khiết. Họ đã chưa sống sót đủ trước tội này.

Anh em còn lên mình kiêu ngạo! Anh em chẳng từng buồn rầu, háu cho kẻ phạm tội đó bị trừ bỏ khỏi vòng anh em thì hơn! Điều này ám chỉ: nếu các tín hữu này có thái độ khúm nhường đứng dãn trước mặt Chúa, chính Chúa ắt hẳn đã hành động trong vấn đề đó, để áp dụng một biện pháp kỷ luật nào đó trên người phạm tội. Erdman nói:

Đứng ra họ phải hiểu sự vinh hiển thật của Hội Thánh Đấng Christ không cốt ở tại hình biện và các ân tứ của các hội giáo sư của Hội Thánh, nhưng cốt ở sự thanh sạch đạo đức và đời sống gương mẫu của các thành viên.¹¹

5:3 Trái với sự thờ ơ của họ, sử đồ nói đầu ông vắng mặt, nhưng ông đã tuyên án kẻ phạm tội đó rồi, dường như thế ông có mặt vậy.

5:4 Ông mô tả Hội Thánh đang nhóm lại để áp dụng biện pháp với

người phạm tội kia. Dầu ông không đích thân có mặt, nhưng lòng ông ở tại đó khi họ nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa chúng ta. Chúa Jêsus đã ban thẩm quyền cho Hội Thánh và cho các sứ đồ để thi hành kỷ luật trong mọi trường hợp như thế. Do vậy, Phaolô nói ông sẽ hành động với quyền phép (hay thẩm quyền) của Đức Chúa Jêsus là Chúa chúng ta.

5:5 Biện pháp ông sẽ áp dụng ấy là: **một người như thế phải phó cho quỷ Satan, để hủy hoại phần xác thịt, hầu cho linh hồn được cứu trong ngày Đức Chúa Jêsus.** Những nhà giải kinh bất đồng ý kiến với nhau về nghĩa của cụm từ này. Có người cảm thấy câu này mô tả hành động dứt phép thông công khỏi hội chúng địa phương. Bên ngoài Hội Thánh là phạm vi quyền thống trị của Satan (I Glôg 5:19). Do đó "phó cho quỷ Satan" đơn giản có nghĩa là dứt phép thông công ra khỏi Hội Thánh. Người khác cảm thấy quyền phép để phó cho Satan là quyền phép đặc biệt được ban cho các sứ đồ nhưng ngày nay quyền phép ấy không còn hiện hữu nữa.

Một lần nữa, có sự bất đồng ý kiến về nghĩa của cụm từ **hủy hoại phần xác thịt**. Nhiều người cảm thấy câu này mô tả sự chịu khổ của thể xác do Đức Chúa Trời sử dụng để triệt phá quyền lực của tham muốn tội lỗi và thói quen tội lỗi trong đời sống của người ấy. Người khác cảm thấy hủy hoại phần xác thịt là lời mô tả sự chết dần chết mòn, để cho một người có thì giờ ăn năn và được tha.

Dầu trường hợp nào đi nữa, chúng ta phải nhớ việc thi hành kỷ luật tín hữu luôn luôn được nhằm để khôi phục lại mối thông công giữa họ với Chúa. Bản thân sự dứt phép thông công không bao giờ là một mục đích, nhưng luôn luôn là một phương tiện để dẫn đến mục đích. Mục đích tối hậu là để linh hồn được cứu trong ngày Đức Chúa Jêsus. Nói cách khác, không hề có ý nghĩ nào về sự định tội đời đời cho người đó. Người đó bị chính Chúa kỷ luật trong đời này vì có tội đã phạm, nhưng người được cứu trong ngày Đức Chúa Jêsus.

5:6 Giờ đây Phaolô quở trách người Côrinthô về **sự khoe mình** của họ. Có lẽ họ tự biện hộ rằng chuyện ấy xảy ra chỉ một lần mà thôi. Đáng ra họ phải biết **một chút men làm cho cả đóng bột dậy lên.** Men ở đây là hình ảnh tội lỗi về đạo đức. Sứ đồ đang nói nếu họ dung túng một tội đạo đức nhỏ trong Hội Thánh, nó sẽ nhanh chóng lớn lên và bành trướng cho đến khi cả hiệp hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Sự kỷ luật công bình và trong tình thần kính sợ Chúa là điều cần thiết để duy trì đặc tính của Hội Thánh.

5:7 Vì vậy, họ được truyền phải làm cho mình **sạch men cũ đi.** Nói cách khác, họ nên áp dụng biện pháp nghiêm khắc đối với tội ác để họ có thể **trở nên mới**, theo ý nghĩa của một đồng bột tinh khiết. Rồi Phaolô nói thêm: **Như anh em là bánh không men vậy.** Đức Chúa Trời nhìn thấy họ trong Đấng Christ là thánh khiết, công bình và thanh sạch. Giờ đây sứ đồ đang nói tình

trang của họ phải tương xứng với địa vị của họ. Về mặt địa vị, họ là bột không men. Giờ đây về nếp sống đạo, họ cũng phải không men nữa. Bản chất của họ phải tương xứng với tên gọi của họ, và bánh vi cùng nếp cơ xủ của họ phải tương xứng với Tin Điều của họ.

Vi Đấng Christ là con sinh Lễ Vượt Qua của chúng ta đã bị giết rồi. Khi nghĩ đến bánh không men, tâm trí Phaolô trở về với Lễ Vượt Qua, vào đêm trước ngày thứ nhất của kỳ lễ, người Do Thái buộc phải dẹp hết men khỏi nhà mình. Họ đến máng nhồi bột và cao cho thật sạch. Họ chà nơi giữ men cho đến khi không còn lại dấu vết gì. Họ cấm đèn lục soát cả nhà để bảo đảm rằng không chỗ nào bị bỏ sót. Sau đó đưa tay lên Đức Chúa Trời và nói: "Lạy Đức Chúa Trời, tôi đã loại hết men khỏi nhà tôi, và nếu còn chút men nào mà tôi không biết, thì tôi cũng hết lòng quảng nỏ ra nữa." Điều đó minh họa việc phân rẽ khỏi điều ác mà Cơ Đốc nhân ngày nay được kêu gọi bước vào.

Việc giết chết con Lễ Vượt Qua làm hình bóng hay làm bức tranh tả về sự chết của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta trên thập tự giá. Đây là một trong rất nhiều câu của Tân Ước để thiết lập nguyên tắc về sự dạy dỗ mang nghĩa hình bóng. Chúng ta dùng chữ "dạy dỗ theo nghĩa hình bóng" để nói những nhân vật và những biến cố của Cựu Ước là những hình bóng hay cái bóng của điều sẽ đến. Rất nhiều nhân vật hay biến cố ấy chỉ trực tiếp đến sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus để cất bỏ tội lỗi của chúng ta bằng cách dâng chính mình Ngài làm của tế lễ hy sinh.

5:8 Lễ ở đây không nói đến Lễ Vượt Qua hay lễ Tiệc Thánh của Chúa, nhưng đúng hơn được dùng theo nghĩa tổng quát để mô tả toàn bộ đời sống của tín hữu, toàn bộ sự hiện hữu của chúng ta chính là một kỳ lễ vui vẻ, và giữ lễ ấy chớ dùng men cũ của tội lỗi, cũng chớ dùng men gian ác độc dữ. Khi chúng ta vui mừng trong Đấng Christ, trong lòng chúng ta không được phép có ý tưởng xấu xa độc ác nào đối với người khác. Từ đây, chúng ta thấy sứ đồ Phaolô không nói về men theo nghĩa đen, như là thứ men được dùng để làm bánh mì, nhưng đúng hơn ông đang nói đến men nghĩa thuộc linh để mô tả phương cách tội lỗi làm ô uế mọi thứ nào tiếp xúc với nó. Chúng ta phải sống bằng cách dùng bánh không men của sự thật thà và lễ thật.

5:9 Giờ đây Phaolô giải thích cho họ biết trước đây ông đã viết một bức thư, dặn họ **đừng làm bạn với kẻ gian dâm.** Sự kện một bức thư như thế bị thất lạc vẫn không ảnh hưởng chỉ đến sự soi dẫn của Kinh Thánh. Không phải mọi bức thư Phaolô viết ra đều được soi dẫn, nhưng chỉ những bức thư nào Đức Chúa Trời thấy thích hợp để đưa vào trong Kinh Thánh mà thôi.

5:10 Giờ đây sứ đồ tiếp tục giải thích khi cảnh cáo họ **đừng làm bạn với người gian dâm**, ông không có ý ám chỉ họ phải tách mình khỏi mọi mối tiếp xúc với mọi người không tin Đức Chúa Trời. Chừng nào còn ở trong thế gian này, thì chúng ta vẫn cần phải làm ăn với người chưa tin Chúa và chúng ta không có cách nào để biết họ đã sa xuống tội lỗi sâu đến đâu. Để sống cuộc

đời cách ly hoàn toàn khỏi tội nhân, thì anh em phải lìa khỏi thế gian.

Vì vậy Phaolô nói ông không hề bảo phải phân rẽ hoàn toàn khỏi kẻ gian dâm đời này, hay là kẻ tham lam, kẻ chắt bóp, kẻ thờ hình tượng. Người tham lam là những người phạm tội không ngay thẳng trong công việc làm ăn hay những vấn đề tài chánh. Lấy ví dụ, bất kỳ ai bị xét thấy có tội lừa gạt thuế thì bị dứt phép thông công vì tội tham lam. Kẻ chắt bóp ở đây (Bản Anh ngữ là "người tống tiền - extortioners") chính là kẻ làm giàu bằng cách sử dụng những biện pháp hung bạo, như đe dọa gây tổn hại hay dọa giết chết. Kẻ thờ hình tượng là những người bị phó vào sự thờ phượng bất kỳ ai hay bất kỳ vật gì khác hơn Đức Chúa Trời, và là người phạm những tội gian dâm khủng khiếp mà hầu như luôn luôn gắn liền với tội thờ lạy hình tượng.

5:11 Điều Phaolô thực sự muốn cảnh cáo họ chính là đừng giao du với kẻ tự xưng là anh em nhưng lại phạm vào bất kỳ tội nào trong những tội khủng khiếp này. Chúng ta có thể diễn ý lời của ông như sau:

Điều tôi muốn nói và giữ lấy tôi muốn lập lại ấy là anh em thậm chí đừng nên ăn chung với người nào xưng mình là Cơ Đốc nhân mà lại gian dâm, tham lam, thờ hình tượng, hoặc chười rửa hoặc say sưa, hoặc chắt bóp (Bản Anh ngữ "người tống tiền").

Thông thường, chúng ta cần phải tiếp xúc với người chưa được cứu, và chúng ta thường tận dụng những mối tiếp xúc này để làm chứng cho họ. Sự

tiếp xúc như thế không nguy hiểm cho tín hữu bằng mối thông công với những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng cứ sống trong tội lỗi. Chúng ta đừng bao giờ làm bất kỳ điều gì để một người như thế có thể giải thích là chúng ta dung túng tội lỗi của họ.

Trong danh sách những người phạm tội được nhắc đến trong câu 10, Phaolô còn thêm vào kẻ chười rửa và kẻ say sưa trong câu 11. Kẻ chười rửa là người sử dụng ngôn ngữ thô bạo, không đúng mực để nghịch lại người khác. Nhưng chúng ta cần thận trọng ở đây. Có nên dứt phép thông công một người ra khỏi Hội Thánh nếu như người ấy nổi nóng và sử dụng những lời lẽ khinh suất chỉ trong một trường hợp duy nhất mà thôi hay không? Chúng ta sẽ nghĩ là không nên, nhưng gợi ý cụm từ này nói đến một nếp sống đã thành thói quen. Nói cách khác, kẻ chười rửa là người đã nổi tiếng ăn nói hung hăng thô tục cách điển hình đối với người khác. Bằng bất cứ giá nào đi nữa, đây phải là lời cảnh cáo cho chúng ta phải kiểm soát ngôn ngữ của mình. Đúng như Dr. Ironside đã nói, nhiều người nói họ chỉ bất cần với luật của họ thôi, nhưng ông nói rõ có lẽ họ cũng nói rằng họ bất cần với một khẩu súng máy vậy.

Người say sưa là người có thói quen dùng quá độ các thức uống có men.

Có phải sứ đồ Phaolô nói chúng ta không nên ăn chung với Cơ Đốc nhân nào phạm vào những tội trên? Đây chính xác là điều câu này đang dạy! Chúng ta không được phép ăn với người ấy trong Tiệc Thánh, cũng không được

phép thường thức bữa ăn giao tiếp với người. Có lẽ có những trường hợp ngoại lệ. Chẳng hạn, một người vợ Cơ Đốc sẽ vẫn phải có bốn phần ăn bữa với người chồng đã bị dứt phép thông công của mình. Nhưng nguyên tắc chung ấy là những người tự xưng là tín hữu mà phạm vào các tội liệt kê trên đây thì sẽ phải bị khai trừ về mặt giao tiếp để họ thấy rõ tình trạng trầm trọng của tội họ đã phạm và để đưa họ trở về sự ăn năn. Nếu phản đối để bảo rằng Chúa đã ăn bữa với những người thu thuế và những kẻ phạm tội, chúng ta sẽ nói rõ rằng những con người này không tuyên bố mình là môn đồ của Ngài, và khi ăn với họ, Ngài không công nhận họ là môn đồ của Ngài. Điều phân đoạn này dạy dỗ ấy là: chúng ta đừng nên thông công với những Cơ Đốc nhân nào sống cuộc đời gian ác.

5:12 Hai câu hỏi của Phaolô trong câu 12 muốn nói Cơ Đốc nhân không có trách nhiệm đoán xét người chưa được cứu. Những người gian ác trong thế gian quanh ta sẽ bị chính Chúa đoán xét trong một ngày hầu đến. Nhưng chúng ta thực sự có trách nhiệm để đoán xét những người ở trong ranh giới của Hội Thánh. Bốn phần của Hội Thánh địa phương là thực thi biện pháp kỷ luật trong tinh thần kính sợ Chúa.

Một lần nữa, nếu có người phản đối rằng Chúa dạy: "Chớ đoán xét ai để các người khỏi bị đoán xét," chúng ta phải đáp lại rằng trong câu đó, Chúa đang nói về động cơ. Chúng ta không được phép đoán xét động cơ của con người vì không đủ tư cách pháp lý để đoán xét

kiểu đó. Nhưng lời của Đức Chúa Trời cũng nói rõ ràng không kém rằng chúng ta phải đoán xét những tội đã biết ở trong hội chúng của Đức Chúa Trời để duy trì danh tiếng của Hội Thánh đối với sự thánh khiết và để khôi phục anh em phạm tội trở về mối thông công với Chúa.

5:13 Phaolô giải thích rằng Đức Chúa Trời sẽ lo việc đoán xét những người ở ngoài, tức là việc đoán xét người chưa được cứu. Trong lúc này, người Côrinthô phải thi hành sự đoán xét mà Chúa đã giao phó cho họ bằng cách trừ bỏ người gian ác ra khỏi giữa vòng họ. Điều này đòi hỏi sự công bố công khai trong Hội Thánh để cho biết anh em này không còn ở trong mối thông công nữa. Lời công bố này phải được đưa ra với lòng đau buồn chân thật cùng với hạ mình chân thật, và tiếp đó phải là sự cầu nguyện liên tục cho sự khôi phục tâm linh người đã đi sai lệch.

C. Những Việc Tố Tụng Giữa Vòng Tín Hữu (6:1-11)

Mười một câu đầu của đoạn 6 liên quan đến việc tố tụng giữa vòng tín hữu. Có tin đồn đến tai Phaolô rằng một số Cơ Đốc nhân đang ra tòa kiện cáo các bạn tín hữu của mình - trước mặt các quan án của đời này. Vì vậy ông đưa ra những chỉ dẫn có giá trị lâu dài này cho Hội Thánh. Lưu ý sự lặp đi lặp lại cụm từ "anh em há chẳng biết" (câu 2,3,9,15,16,19).

6:1 Câu hỏi mở đầu diễn tả sự ngạc nhiên đến sửng sốt vì có người trong bọn họ lại nghĩ đến chuyện đưa anh em mình ra tòa cho kẻ không công bình

đoán xét, tức là đưa ra trước các quan án hay các quan tòa chưa được cứu. Ông thấy rất không nhất quán khi những người đã biết về sự công bình thật lại đi ra trước mặt những con người không được truyền cho đặc tính của sự công bình. Hãy hình dung những Cơ Đốc nhân đang tìm kiếm công lý từ những người không hề có chút công lý nào để ban cho!

6:2 Điều không nhất quán đáng sửng sốt thứ nhì nữa ấy là những người một ngày kia sẽ **đoán xét thế gian** lại không đủ khả năng để đoán xét những vấn đề vật vãnh giữa vòng họ. Kinh Thánh dạy rằng tin đổ sẽ đóng cai trị với Đấng Christ trên trần gian khi Ngài tái lâm trong quyền năng và vinh hiển, và những vấn đề đoán xét sẽ được giao phó cho họ. Nếu Cơ Đốc nhân sẽ **đoán xét thế gian**, họ lại không có khả năng để giải quyết những khác biệt vật vãnh đang gây hại họ ngay hiện giờ sao?

6:3 Phaolô nhắc người Côrinthô nhớ họ sẽ **đoán xét các thiên sứ**. Hầu như thật sửng sốt khi suy xét cung cách vị sứ đồ đưa lời tuyên bố quan trọng đến như thế ra để thảo luận. Chẳng cần đạo đức hay chuẩn bị dấn, ông phát biểu luôn sự thật trọng đại ấy là Cơ Đốc nhân một ngày kia sẽ **đoán xét thiên sứ**. Từ Giuđê 6 và IPhiêrô 2:4,9 chúng ta biết các thiên sứ sẽ bị đoán xét. Chúng ta cũng biết Đấng Christ sẽ là Quan Án (Giăng 5:22). Chính vì mối liên hiệp của chúng ta với Ngài mà có thể nói chúng ta đoán xét các thiên sứ trong ngày hầu đến. Nếu chúng ta được xem là đủ tư cách để đoán xét thiên sứ, thì đáng ra chúng

ta cũng đủ tư cách để xử lý những nan đề thường ngày xuất hiện trong đời này.

6:4 Vậy khi anh em có sự **nhịch cùng nhau về việc đời nầy**, sao lấy những kẻ không kể ra chỉ trong Hội Thánh làm người xét đoán? Những quan án chưa được cứu thì không được địa vị tôn trọng hay kính mến trong Hội Thánh địa phương. Đương nhiên, họ được kính trọng vì công tác họ đang làm trong thế gian này, nhưng họ không có chút pháp quyền nào trên các vấn đề của Hội Thánh. Vì vậy Phaolô đang hỏi người Côrinthô:

Khi các vấn đề xuất hiện giữa anh em đòi hỏi phải có sự đoán xét vô tư của một bên thứ ba nào đó, anh em có đi ra ngoài ranh giới của Hội Thánh để lập những con người mà Hội Thánh không công nhận họ biết biện biệt thuộc linh lên làm người đoán xét anh em không?

6:5 Phaolô nêu câu hỏi này để làm cho họ **hở thẹn**. Có thực sự là trong một hội chúng đã khoe khoang về sự khôn ngoan và sự ban phát dồi dào các ân từ cho các thành viên của họ, lại **chẳng có một kẻ khôn ngoan** nào để phân xử những cuộc cãi vã này **giữa anh em mình** hay sao?

6:6 Dường như không có sẵn một con người khôn ngoan nào như thế, vì một **anh em** Cơ Đốc đang đi ra tòa để kiện cáo **anh em** mình trong Christ, đem chuyện của gia đình ra trước mặt thế giới không tin Chúa này. Một tình huống đáng trách biết dường nào!

6:7 Cụm từ "**thật vậy, anh em có sự kiện cáo nhau là phải tội rồi**" cho thấy

họ hoàn toàn sai quấy trong vấn đề này. Đáng ra họ còn không được phép nghĩ đến chuyện kiện cáo nhau nữa kia. Nhưng có lẽ một trong những Cơ Đốc nhân này sẽ phản đối: "Này, Phaolô, ông chẳng hiểu gì cả. Anh em để ghét kia đã lừa gạt tôi trong những hợp đồng làm ăn." Câu trả lời của Phaolô là: "**Sao anh em chẳng tha cam chịu bất công là hơn? Sao anh em chẳng tha chịu lừa gạt cho rồi?**" Đây sẽ là một thái độ thực sự của Cơ Đốc nhân. Tha nhận sự ngược đãi còn tốt hơn là phạm vào tội ngược đãi người khác.

6:8 Nhưng đây không phải là thái độ có giữa vòng người Côrinthô. Thay vì sẵn lòng chấp nhận ngược đãi và bị lừa gạt, họ lại thực sự đang phạm tội **lâm trái lẽ** cho người khác, thậm chí là **lâm trái lẽ** cho chính anh em của mình trong Đấng Christ.

6:9 Có phải họ đã quên rằng những con người vốn **không công bình** cách điển hình kia sẽ **không được hưởng lấy nước Đức Chúa Trời**? Nếu họ đã quên, thì ông sẽ nhắc họ danh sách các tội nhân nào không được dự phần trong Nước Đức Chúa Trời. Ông không có ý ám chỉ Cơ Đốc nhân có thể phạm vào những tội như thế rồi bị hư mất, nhưng đúng hơn ông đang nói rằng những người phạm những tội như thế thì không phải là Cơ Đốc nhân.¹²

Trong danh sách này, **kẻ tà dâm** được phân biệt với **kẻ ngoại tình**. Ở đây, là dâm nói đến sự chung chạ bất chính của người chưa lập gia đình, trong khi ngoại tình nói đến hành vi như thế của người đã có gia đình. **Kẻ thờ hình tượng**

được nhắc lại một lần nữa, cũng như trong hai danh sách trước ở đoạn 5. **Kẻ đồng tính luyến ái** (Bản Anh ngữ có thêm chữ này) ở đây nói đến những người để cho thân thể mình bị sử dụng một cách bại hoại, trong khi những kẻ **đám nam sắc** ("kẻ kẻ gian - sodomite" - Bản Anh ngữ phân biệt "đồng tính luyến ái" với "kẻ đám nam sắc," trong bản Việt Ngữ chỉ nói "Kẻ đám nam sắc") là những người phạm tội gian dâm với người cùng phái.

6:10 Danh sách này còn thêm **kẻ trộm cướp**, **kẻ hà tiện**, **kẻ say sưa**, **kẻ chưởi rửa** và **kẻ chắt bóp** (kẻ tống tiền). **Kẻ trộm cướp** là người lấy vật không thuộc về mình. Lưu ý tội tham lam luôn luôn được liệt kê giữa vòng những thói xấu xa gian ác nhất. Đầu có thể con người biện minh và bào chữa tội này, xem nhẹ nó, nhưng Đức Chúa Trời lên án hết sức mạnh mẽ. **Người ham lam** là người ham muốn tài sản của cải quá độ, đến nỗi thường khiến người sử dụng những phương tiện không công bình để có được những thứ đó. Như đã nói, **kẻ say sưa** chủ yếu là những người nghiện uống rượu. **Kẻ chưởi rửa** là những người sử dụng ngôn ngữ hung bạo đối với người khác. **Kẻ chắt bóp** là những người lợi dụng cảnh nghèo khó của người khác hay những nhu cầu thiết yếu của người khác để kiếm lời bất công.

6:11 Phaolô không ám chỉ các ứn hữu Côrinthô đã phạm những tội này, nhưng ông đang cảnh cáo rằng những điều như thế vốn là đặc trưng của họ trước khi được cứu - **trước kia anh em ít nữa cũng có một đời người như thế.**

Nhưng họ đã được rửa sạch, được nên thánh, được xưng công bình rồi. Họ đã được rửa sạch khỏi tội lỗi và sự không tinh sạch nhờ huyết quý báu của Đấng Christ, và họ đang liên tục được rửa sạch khỏi sự ô uế bởi Lời của Đức Chúa Trời. Họ được nên thánh bởi sự vận hành của Thánh Linh Đức Chúa Trời, được biệt riêng ra khỏi thế gian để dành riêng cho Đức Chúa Trời. Họ đã được xưng công bình trong danh Đức Chúa Jêsus Christ và nhờ Thánh Linh Đức Chúa Trời chứng ta; có nghĩa họ đã được kể là công bình trước mặt Đức Chúa Trời dựa trên công tác của Chúa Jêsus thực hiện trên thập tự giá cho họ. Lập luận của Phaolô ở đây là gì? Đơn giản là – đúng như Godet diễn tả thật thích hợp: “Vực sâu vô đáy đến như thế của ân điển không nhằm để vượt qua lại lần nữa.”

Đ. Sự Bướng Bạo Đức Giữa Vòng Tin Hữu (8:12- 20)

6:12 Trong những câu kết thúc của đoạn này, sử đồ để ra một số nguyên tắc để đánh giá giữa đúng và sai. Nguyên tắc đầu tiên ấy là một vấn đề có thể hợp pháp thế nhưng không hữu ích. Khi Phaolô nói: “Mọi sự tôi có phép làm,” ông không nói mọi điều theo ý nghĩa tuyệt đối. Lấy ví dụ, sẽ không hợp pháp nếu ông phạm bất kỳ tội lỗi nào vừa được đề cập trên đây. Ở đây, ông chỉ đang nói đến những vấn đề không quan trọng về đạo đức. Lấy ví dụ, thắc mắc “Cơ Đốc nhân có nên ăn thịt heo hay không?” là một vấn đề hết sức thực tế giữa vòng tín hữu thời Phaolô. Thực ra, đây là vấn đề không quan trọng về

đạo đức. Đối với Đức Chúa Trời, thực sự không quan trọng khi một người có ăn thịt heo hay không. Phaolô chỉ đang nói có những điều nào đó có thể là hợp pháp thế nhưng lại không ích lợi. Có thể có những điều nào đó mà tôi có phép làm, thế nhưng nếu người khác thấy tôi làm những việc ấy, thì có thể họ sẽ vấp phạm bởi hành động của tôi. Trong trường hợp như thế, điều đó không thể phù hợp cho tôi.

Nguyên tắc thứ nhì ấy là một số vấn đề có thể là có phép làm thế nhưng có thể chúng đang bắt người làm trở thành nô lệ. Phaolô nói: “**Nhưng chẳng để sự gì bắt phục được tôi.**” Đây ám chỉ là sự điệp rất trực tiếp cho ngày nay đối với những đề tài về rượu mạnh, thuốc lá và thuốc phiện. Những vấn đề này, cùng với nhiều vấn đề khác nữa đang bắt người ta làm nô lệ, và Cơ Đốc nhân đừng nên để mình rơi vào ách nô lệ ấy.

6:13 Nguyên tắc thứ ba: có một số vấn đề là hết sức hợp pháp cho tín hữu, thế nhưng giá trị của chúng chỉ tạm thời mà thôi. Phaolô nói: “**Đồ ăn vì bụng, bụng vì đồ ăn, Đức Chúa Trời sẽ hủy hoại cái nọ và cái kia.**” Điều này có nghĩa bụng của con người đã được cấu trúc sao cho có thể nhận thức ăn và tiêu hóa chúng. Tương tự, Đức Chúa Trời đã thiết kế thức ăn cách kỳ diệu để cho bụng của con người có thể tiếp nhận. Thế nhưng chúng ta đừng nên sống vì thức ăn, vì chúng chỉ có giá trị tạm thời. Đừng nên dành cho chúng địa vị bất xứng trong đời sống tín hữu. Đừng sống dường như thế điều vĩ đại nhất trong đời sống chính là làm thỏa mãn khẩu vị của bạn.

Đầu thân thể được Đức Chúa Trời thiết kế cách kỳ diệu để tiếp nhận và tiêu hóa thức ăn, vẫn còn một điều chắc chắn khác nữa; nhưng **thân thể chẳng phải vì sự dâm dục đầu, bèn là vì Chúa, và Chúa vì thân thể**. Khi thiết kế thân thể con người, Đức Chúa Trời không bao giờ có ý định cho người ta dùng thân thể vào các mục đích gian ác hay bất khiết. Trái lại, Ngài đã lập kế hoạch để nó được sử dụng cho sự vinh hiển danh Đức Chúa Trời và trong sự phục vụ đã được Ngài chúc phước.

Trong câu này không nên bỏ sót điều đáng sững sốt nữa. Không những thân thể vì Chúa, mà một ý tưởng còn kỳ diệu hơn thế nữa chính là Chúa vì thân thể. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời quan tâm đến thân thể của chúng ta, phúc lợi của thân thể, và cách sử dụng đúng thân thể. Chúa muốn thân thể chúng ta được dâng lên cho Ngài như một của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời (Rôma 12:1). Đúng như Erdman nói: "Không có Chúa, thân thể không bao giờ đạt được chân giá trị và số mệnh bất tử của nó."¹³

6:14 Sự kiện Chúa vì thân thể được giải thích thêm trong câu này. Đức Chúa Trời không những khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại, mà Ngài còn lấy quyền phép mình khiến chúng ta sống lại nữa. Sự quan tâm của Ngài đến thân thể chúng ta không chấm dứt lúc qua đời. Ngài sẽ khiến thân thể của mỗi tín hữu được sống lại để trở nên giống thân thể vinh hiển của Chúa Jêsus. Chúng ta không phải là những linh hồn không có thân thể trong cõi đời đời. Trái lại, thân

thể và linh hồn của chúng ta sẽ được tái hợp trong thân thể vinh hiển của chúng ta, để bởi đó được đời đời hưởng những vinh hiển của Thiên đàng.

6:15 Để nhấn mạnh thêm nhu cầu phải có sự thánh khiết của bản thân trong đời sống chúng ta và để giữ cho thân thể chúng ta khỏi ô uế, sử đồ nhắc chúng ta nhớ **thân thể mình là chi thể của Đấng Christ**. Mỗi tín hữu là một chi thể trong thân của Đấng Christ. Như vậy, liệu có phải lẽ khi **lấy chi thể của Đấng Christ mà làm thành chi thể của điểm đi hay không?** Hối tức là đã trả lời, đúng như Phaolô đã trả lời với một câu "**Đương nhiên không!**" đầy phẫn nộ.

6:16 Khi phối hiệp tính dục, hai thân thể trở nên một. Điều này đã được tuyên bố như thế vào buổi bình minh cuộc sáng thế: "**Cả hai sẽ nên một thể**" (Sáng Thế Kỳ 2:24). Như vậy, nếu tín đồ Đấng Christ kết hiệp với điểm đi, thì cũng chính là biến chi thể của Đấng Christ thành chi thể của điểm đi. Cả hai sẽ trở nên một xác.

6:17 Trong hành động phối hiệp, có sự kết hiệp cả hai thành một thể nào, thì khi một người tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ thì cũng được kết hiệp thể ấy với Ngài. Tín hữu và Đấng Christ được kết hiệp lại làm một đến nỗi từ đó trở đi có thể nói đến cả hai như là **một thánh thiêng liêng**. Đây chính là sự kết hiệp hoàn hảo nhất có thể có được để kết hiệp hai con người. Đây là thể loại kết hiệp gắn gũi nhất. Do đó, Phaolô lập luận: những người nào bởi đó được kết hiệp với Chúa thì đừng bao giờ dung chịu bất kỳ thể loại kết hiệp nào mâu

thuần với tình trạng hôn nhân thuộc linh này.

A. T. Pierson viết:

Chiến có thể đi lang thang ra khỏi giường, nhánh có thể bị cắt khỏi gốc nho; chi thể có thể bị cắt khỏi thân, con có thể xa lánh cha, và ngay cả vợ cũng có thể xa lánh chồng; nhưng khi hai tâm linh kết hiệp thành một, điều gì có thể tách ra? Không một sự nổi kết hay kết hiệp bề ngoài nào của sự hòa hợp hoàn hảo hai đời sống trở thành một diễn cảm mạnh mẽ cho hàng sự kết hiệp hai tâm linh như thế, thậm chí cả sự liên kết của hôn nhân cũng không.¹⁴

6:18 Và như thế sứ đồ cảnh cáo người Côrinthô **hãy tránh sự dâm dục. Họ không được phép học đòi thói xấu đó, đùa bỡn với nó, nghiên cứu nó, hoặc thậm chí nói về nó. Họ phải chạy tránh xa sự dâm dục!** Một mình họa tuyệt đẹp của Kinh Thánh về điều này được tìm thấy trong câu chuyện Giôxép khi bị vợ Phôtipha cám dỗ để phạm tội (Sáng Thế Ký 39). Tuy có thể được an toàn khi có đồng người, nhưng đôi lúc chạy trốn lại an toàn hơn!

Rồi Phaolô nói thêm: **"Mặc dầu người ta phạm tội gì, tội ấy còn là ngoài thân thể; nhưng kẻ buồng mình vào sự dâm dục, thì phạm đến chính thân thể mình."** Hầu hết các tội lỗi đều không để lại hậu quả trực tiếp trên thân thể, nhưng sự dâm dục là độc nhất vô nhị trên phương diện trực tiếp ảnh hưởng đến thân thể: gặt lấy những hậu quả của tội lỗi này trong chính thân thể mình. Vấn đề khó hiểu ấy là câu Kinh Thánh này nói tội lỗi mà con người

phạm thì đều ở ngoài thân thể. Nhưng chúng ta tin sứ đồ đang nói ở đây theo ý nghĩa tương đối. Tuy đúng là sự tham ăn và say rượu chẳng hạn có tác động đến thân thể của con người, nhưng hầu hết tội lỗi đều không. Và ngay cả tội tham ăn uống hay say sưa tác hại đến thân thể cũng không trực tiếp, không lan rộng hay phá hoại cho bằng tội dâm dục. Tình dục ngoài hôn nhân dứt khoát gây họa không cưỡng được trên người phạm tội.

6:19 Một lần nữa, Phaolô nhắc người Côrinthô nhớ sự kêu gọi của họ là sự kêu gọi thánh khiết và cao quý. Phải chăng họ đã quên thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh? Đây là một lẽ thật trọng đại của Kinh Thánh: mọi tín hữu đều có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong mình. Làm sao chúng ta lại tinh đem một thân thể có Đức Thánh Linh ngự ở trong đó để dùng vào các mục đích xấu xa gian ác được? Thân thể của chúng ta không những là đền thờ của Đức Thánh Linh, mà hơn thế nữa, **chúng ta cũng chẳng thuộc về chính mình nữa. Chúng ta không có quyền đem thân thể mình sử dụng tùy thích. Phân tích cho tương tận, thân thể ấy không thuộc về chúng ta; mà thuộc về Chúa.**

6:20 Chúng ta thuộc về Chúa cả bởi sự sáng tạo lẫn bởi sự cứu chuộc. Ở đây đặc biệt xét đến sự cứu chuộc. Quyền sở hữu của Ngài trên chúng ta có từ thời Gôgôtha. **Chúng ta đã được chuộc bằng giá cao. Tại thập tự giá, chúng ta thấy bằng giá mà Chúa Jesus gặt trên chúng ta. Ngài nghĩ chúng ta quý giá**

đến nói Ngài sẵn lòng trả giá chuộc chúng ta bằng chính huyết báu của Ngài. Chắc hẳn Chúa Jêsus đã yêu chúng ta lớn lao biết bao để mang lấy tội lỗi của chúng ta trong thân thể Ngài trên thập tự giá!

Như vậy, tôi không còn nghĩ thân thể tôi thuộc về chính mình nữa. Nếu lấy thân thể và sử dụng theo cách mình muốn, thì tôi đang hành động như một tên trộm, lấy điều không thuộc về mình. Trái lại, tôi phải sử dụng thân thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời, vì thân thể tôi thuộc về Đấng ấy.

Bates thốt lên:

Hỡi dẫu! Hãy nghĩ về chính Ngài là Đấng phải chịu mảo gai đâm trên vầng tròn. Nay tay hỡi! Hãy đổ sức làm việc cho Ngài, là Đấng chịu đẽ đôi bàn tay bị đóng đinh trên thập tự giá. Hỡi đôi chân! Hãy đi nhanh để làm theo lệnh Ngài, là Đấng có đôi chân đã bị đâm. Hỡi thân thể của tu! Hãy làm đến thử của Đấng đã đem thân chịu bao đau đớn khôn tả.¹⁵

Chúng ta cũng phải tôn vinh hiển Đức Chúa Trời trong tâm linh mình, vì cả phần vật chất lẫn phi vật chất của con người đều thuộc về Đức Chúa Trời.¹⁶

III. NHỮNG CÂU SỬ ĐỒ TRẢ LỜI CÁC THẮC MẮC CỦA HỘI THÁNH (Đoạn 7-14)

A. Về Hôn Nhân Và Nếp Sống Độc Thân (Đoạn 7)

7:1 Cho đến lúc này, Phaolô mới giải quyết một số nạn lạm dụng khác nhau trong Hội Thánh tại Côrinthô mà ông nghe được qua lời tường trình trực

tiếp. Giờ đây ông sắp trả lời những thắc mắc do các thành đồ tại Côrinthô gửi đến ông. Thắc mắc đầu tiên liên quan đến hôn nhân và tình trạng sống độc thân. Vì thế, trước hết ông thiết lập nguyên tắc bao quát ấy là **đàn ông không đụng đến đàn bà là hay hơn**. Trong trường hợp này, “đụng” đến đàn bà có nghĩa là có quan hệ tính dục. Sử đồ không ám chỉ rằng tình trạng không kết hôn là thánh khiết hơn kết hôn, nhưng chỉ nói không kết hôn thì tốt hơn nếu người ấy muốn dâng mình phục vụ Chúa cho khỏi bị xao lãng. Điều này sẽ được giải thích trong những câu Kinh Thánh về sau.

7:2 Tuy nhiên, Phaolô công nhận tình trạng độc thân kém theo nhiều cảm dỗ lớn lao khiến sa vào sự bất khiết. Vì vậy ông hạn định và bổ nghĩa cho lời tuyên bố thứ nhất bằng cách nói: **“Song, cho được tránh khỏi mọi sự dâm dục, thì mỗi người đàn ông phải có vợ, mỗi người đàn bà phải có chồng.”** “Mỗi người đàn ông phải có vợ” nói đến hôn nhân một vợ một chồng. Câu 2 xác lập nguyên tắc: mạng linh của Đức Chúa Trời cho chính nhân sự Ngài vẫn tiếp tục đúng thực trạng xưa nay, tức một người chỉ nên có một bạn đời.

7:3 Trong tình trạng hôn nhân, mỗi người phải làm **hết bốn phận** đối với người bạn đời trong cuộc sống hôn nhân, vì có sự lệ thuộc lẫn nhau. Khi nói: **“Chồng phải làm hết bốn phận đối với vợ,”** thì câu này có nghĩa: “Chồng phải thực hiện các bốn phận làm chồng của mình đối với vợ.” Đương nhiên, vợ đối với chồng cũng phải làm y như vậy. Hãy để ý sự tế nhị của Phaolô về đề tài

này. Không có lời nói thô thiển, thiếu tao nhã hay lời nói thô tục. Thật khác với thế gian này biết bao.

7:4 Trong mối liên hiệp hôn nhân, có sự lệ thuộc của vợ vào chồng và ngược lại. Để thi hành mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong mối liên hiệp thánh khiết này, cả chồng và vợ đều phải công nhận mình lệ thuộc lẫn nhau.

7:5 Christenson viết:

Nói thẳng ra, câu này có nghĩa nêu người bạn đời muốn quan hệ ái ân, người kia nên đáp ứng ước muốn đó. Người chồng và vợ nào có lối tiếp cận khôn ngoan và thực tế này với tình dục sẽ thấy đó là phương diện thỏa mãn kỳ diệu trong hôn nhân của họ – vì nguyên nhân đơn giản là mối quan hệ này được bắt nguồn trong thực tế, chứ không phải từ một lý tưởng giả tạo nào đó hay từ một ý tưởng không thể có được.¹⁷

Có lẽ khi một số tín hữu Côrintô này vừa mới được cứu, họ bắt đầu nghĩ những quan hệ gần gũi của nếp sống hôn nhân là không phù hợp với sự thánh khiết Cơ Đốc. Phaolô muốn giúp họ tỉnh ngộ về những ý nghĩ như thế. Ở đây, ông nói mạnh mẽ cho họ biết các cặp vợ chồng Cơ Đốc đừng lờ chối nhau, có nghĩa đừng từ chối quyền lợi của người phối ngẫu đối trên thân thể của người kia. Chỉ có hai ngoại lệ. Trước hết, sự kiêng cử như thế phải hoàn toàn là do **ưng thuận** của hai bên để chồng và vợ có thể **đăng mình kiêng ăn** (Bản Anh ngữ) và **cầu nguyện**. Điều kiện thứ nhì là chỉ kiêng cử như thế tạm thời. Chồng và vợ phải trở lại hiệp cùng nhau, kéo Satan cảm dỗ trong khi họ không thin mình.

7:6 Câu ó đã gây ra nhiều phỏng đoán và tranh luận. Phaolô nói: “**Ấy đó là sự tối thuận cho phép, chứ chẳng phải sự lỗi truyền biểu.**” Có người hiểu câu này nói sự đồ không xem những lời nói đi trước đó là được Đức Chúa Trời soi dẫn. Cách giải thích như thế là không thể chấp nhận được, vì ông tuyên bố trong I.Côrintô 14:27 rằng những điều ông đang viết cho người Côrintô là mạng lệnh của Chúa. Đùng hơn chúng ta cảm thấy sự đồ đang tuyên bố rằng trong những hoàn cảnh nhất định, hoàn toàn ổn thỏa cho cặp vợ chồng đã kết hôn kiêng cử hành động của hôn nhân, nhưng sự kiêng cử này là sự thuận cho phép, chứ không phải là một mạng lệnh truyền biểu. Dân sự Đấng Christ không bắt buộc phải kiêng cử hoạt động này thì mới được hoàn toàn dâng mình cầu nguyện. Có người cảm thấy câu ó nói đến toàn bộ ý tưởng về hôn nhân, tức là Cơ Đốc nhân được phép kết hôn nhưng không bị truyền lệnh phải kết hôn.

7:7 Giờ đây Phaolô bắt đầu khuyên những người không kết hôn. Trước hết, rõ ràng ông xem tình trạng không kết hôn là đáng ưa chuộng hơn, nhưng công nhận chỉ có thể sống theo tình trạng đó khi Chúa cho phép. Khi ông nói: “**Tôi muốn mọi người được giống như tôi,**” từ văn mạch hiển nhiên ông muốn nói đến tình trạng “không kết hôn.” Có rất nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề có phải Phaolô luôn luôn là người độc thân, hay ông là một người góa vợ vào lúc ông viết bức thư này. Tuy nhiên, ở đây chúng ta không cần phải giải quyết cuộc tranh luận này, cho dầu có giải

quyết được đi nữa. Khi Phaolô nói: "Song mỗi người đã được ban riêng cho mình bởi Đức Chúa Trời, người nấy thế nấy, kẻ kia thế khác," ông nói Đức Chúa Trời đã ban ơn cho một số người này cứ ở độc thân trong khi Ngài kêu gọi người khác cách rõ ràng để họ bước vào tình trạng hôn nhân. Đây là vấn đề cá nhân, và không thể chọn bộ luật tổng quát nào áp dụng được cho mọi trường hợp.

7:8 Do đó ông khuyên những người chưa cưới gả và người góa bụa cứ ở được như ông thì hơn.

7:9 Tuy nhiên, nếu thiếu sức mạnh để tự kiểm chế tình trạng không cưới gả, thì họ được phép cưới gả. Vì thà cưới gả còn hơn để cho lửa tình un đốt. Tình trạng un đốt lửa tình này bao hàm cả nguy cơ hết sức nghiêm trọng để sa vào tội lỗi.

7:10 Hai câu kế tiếp được nói cho những cặp vợ chồng đã cưới gả, và cả hai người đều là tín hữu. Về những kẻ đã cưới gả rồi, thì tôi, nhưng chẳng phải tôi, bèn là Chúa, đơn giản có nghĩa điều Phaolô đang dạy ở đây đã được chính Chúa Jêsus dạy rồi khi Ngài còn tại thế. Đấng Christ đã truyền mạng lệnh tỏ tường về đề tài này. Lấy ví dụ, Ngài đã cấm ly dị ngoại trừ trường hợp không chung thủy (Mathiô 5:32; 19:9). Phaolô nêu ra chỉ thị chung là vợ không nên lia bỏ chồng.

7:11 Tuy nhiên, ông công nhận có những trường hợp quá sức nghiêm trọng mà có lẽ người vợ cần phải lia bỏ chồng. Trong trường hợp như thế, người vợ có bốn phận cứ ở vậy đừng lấy

chồng khác, còn không thì phải hòa thuận lại với chồng mình. Sự phân rẽ không cắt đứt mối ràng buộc hôn nhân; trái lại, nó tạo cơ hội để Chúa chữa lành những khác biệt đã xảy ra giữa hai người và khôi phục cả hai trở lại thông công với Ngài và với nhau. Chồng được truyền lệnh không nên ly dị vợ mình. Không có một ngoại lệ nào cho trường hợp của người chồng này.

7:12 Câu 12-24 giải quyết nan đề của cuộc hôn nhân chỉ có một trong hai người tin Chúa. Phaolô mở đầu những nhận định của mình với lời tuyên bố: "Đến như những người khác, chẳng phải Chúa, song là chính tôi bảo họ." Một lần nữa, chúng ta nhấn mạnh rằng câu này không có nghĩa điều Phaolô đang nói ở đây đại diện quan điểm riêng của ông chứ không trình bày quan điểm của Chúa. Ông chỉ đang giải thích rằng điều sắp nói ở đây chưa được Chúa dạy dỗ bởi Ngài còn tại thế. Trong các sách Tin Lành không có lời dạy nào tương tự thế này. Đơn giản là Chúa Jêsus không giải quyết trường hợp cuộc hôn nhân chỉ có một người trong gia đình tin Chúa. Nhưng giờ đây Đấng Christ đã dạy cho sứ đồ Ngài vấn đề này, vì vậy điều Phaolô nói ở đây chính là lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời.

Đến như những người khác nói đến những người có bạn đời chưa tin Chúa. Phần đoạn này không dung túng việc Cơ Đốc nhân cưới người chưa được cứu. Chắc chắn phần đoạn này đang xét tình huống một trong hai người được cứu sau khi đã kết hôn.

"Nếu người anh em nào có vợ ngoại đạo bằng lòng ở đời với mình, thì không

nên để bỏ." Muốn hiểu đúng phần đoạn Kinh Thánh này, chúng ta nên nhớ điều răn Chúa truyền cho dân sự Ngài trong Cựu Ước. Khi người Do Thái cưới những người vợ ngoại đạo rồi có con, họ được truyền lệnh phải đuổi cả vợ và con đi. Điều này được thấy rõ ràng trong Exôra 10:2, 3 và Nêhêmi 13:23-25.

Giờ đây có người tại Côrintô thắc mắc vấn đề người vợ đã tin Chúa trước thì nên giải quyết thế nào về phần chồng và con mình, hay một người nam có người vợ chưa tin nên xử thế nào với vợ. Có nên bỏ vợ? Câu trả lời hiển nhiên là không. Điều răn Cựu Ước không còn áp dụng cho dân sự của Đức Chúa Trời dưới ân điển nữa. Nếu Cơ Đốc nhân có vợ chưa tin Đấng Christ, và nàng bằng lòng ở đời với mình, thì người ấy không nên lìa khỏi vợ. Điều này không có nghĩa đồng ý cho đi cưới người chưa tin Chúa, nhưng chỉ có nghĩa vì đã cưới nàng rồi mới trở lại tin Chúa, vì vậy không nên lìa vợ.

7:13 Tương tự, người đàn bà có chồng ngoại đạo bằng lòng ở đời với mình thì nên cứ ở với chồng. Có lẽ bởi lời làm chứng như mì và tin kính của nàng trước mặt chồng, nàng sẽ đem được chồng về với Chúa.

7:14 Thực ra, sự hiện diện của tin hữu trong gia đình chưa tin Đấng Christ có một ảnh hưởng làm nên thánh. Như đã nói trước đây, nên thánh có nghĩa biệt riêng ra. Ở đây không có nghĩa người chồng chưa tin kia được cứu bởi vợ mình, cũng không có nghĩa người chồng được biến nên thánh khiết. Đùng

hơn, câu này có nghĩa người chồng được biệt riêng ra trong một địa vị được hưởng đặc ân bề ngoài. Người chồng may mắn có được một người vợ Cơ Đốc cầu thay cho mình. Đời sống và lời làm chứng của nàng tạo ảnh hưởng cho Đức Chúa Trời trong gia đình. Nói từ cách nhìn của con người, khi người chồng này có một người vợ Cơ Đốc và kính sợ Chúa thì khả năng được cứu sẽ lớn hơn khi có một người vợ chưa tin Chúa. Đúng như Vine nói: "Người chồng này nhận được ảnh hưởng thuộc linh để đem lại khả năng thực sự hoán cải."¹⁸ Đương nhiên, điều này cũng đúng cho trường hợp một người vợ chưa tin và một người chồng trở nên tin Đấng Christ. Người vợ chưa tin sẽ được nên thánh trong trường hợp y như thế.

Rói sứ đồ nói thêm: "**Bằng chẳng vậy, con cái anh em nên chẳng sạch, song nay đều là thánh.**" Chúng ta đã đề cập đến vấn đề trong Cựu Ước, con cái cũng sẽ bị đuổi đi giống như người vợ ngoại giáo vậy. Giờ đây Phanôlo giải thích rằng trong định kỳ ân điển, con cái sinh ra bởi cuộc hôn nhân của một người đã tin Chúa còn người kia chưa tin thì những đứa con ấy là **thánh**. Từ ngữ "thánh" ra từ cùng một chữ gốc được dịch là "nên thánh" trong câu Kinh Thánh này. Từ ngữ này không hề có nghĩa con cái tự chúng được khiến nên thánh, tức có nghĩa chúng tất nhiên phải sống thanh sạch và tinh khiết. Đùng hơn, chữ này có nghĩa chúng được biệt riêng ra trong một địa vị được hưởng đặc ân. Ít ra chúng cũng có người cha hoặc mẹ yêu mến Chúa, kể cho

chúng nghe câu chuyện Tin Lành. Có nhiều khả năng hơn để chúng được cứu. Chúng hưởng đặc ân được sống trong một gia đình mà đời sống cha hoặc mẹ chúng có Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong. Theo ý nghĩa này, chúng được nên thánh. Câu này cũng bao gồm cả lời bảo đảm rằng không có gì sai để sinh con trong trường hợp người cha hoặc mẹ trở thành Cơ Đốc nhân còn người kia chưa tin. Đức Chúa Trời công nhận cuộc hôn nhân này, và những đứa con không phải là con ngoại tình.

7:15 Nhưng Cơ Đốc nhân nên có thái độ nào nếu người bạn đời chưa tin Chúa muốn ra đi? Câu trả lời là nên để người muốn đi được phép **phân rẽ**. Rất khó giải thích chung quyết được cụm từ "người anh em hay là người chị em chẳng phải cấm buộc gì." Có người tin câu này muốn nói rằng nếu người chưa tin bỏ người đã tin, và có đủ mọi lý do để tin cuộc phân rẽ này là chung cuộc, thì người đã tin Chúa được tự do ly dị. Những người theo quan điểm này dạy rằng câu 15 là một câu được chừa trong ngoặc, và câu 16 liên kết với câu 14 như sau:

1. Câu 14 nói rằng hoàn cảnh lý tưởng là tín hữu cứ ở với người bạn đời chưa tin Chúa nhờ ảnh hưởng nên thành của một Cơ Đốc nhân trong gia đình.

2. Câu 16 gợi ý rằng qua việc cứ ở trong nhà, tín hữu này có thể chinh phục người chưa tin về với Đấng Christ.

3. Câu 15 là một câu chừa trong ngoặc đơn, cho phép tín hữu này được

ly dị (và có thể tái hôn) nếu người chồng hay người vợ đó bị người chưa tin Chúa phân rẽ.

Hy vọng về sự cứu rỗi sau cùng được liên kết với sự kết hiệp tiếp tục hơn là với việc người chưa tin bỏ nhà ra đi.

Nhưng còn những người học Kinh Thánh khác nữa vẫn quả quyết câu 15 chỉ nói đến để tái phân rẽ chứ không nói đến sự ly dị và tái hôn. Đối với họ, câu này chỉ nói nếu người không tin muốn chia tay, thì được phép chia tay trong bình an. Người vợ không còn bổn phận phải hàn gắn cuộc hôn nhân vượt quá mức những gì mình đã làm rồi. **Đức Chúa Trời đã gọi anh em an ở trong sự bình an**, và chúng ta không bị buộc phải sử dụng những biểu hiện tình cảm hay tiến trình pháp lý để ngăn người không tin chia tay.

Cách giải thích nào là đúng? Chúng ta thấy không thể xác định rõ ràng dứt khoát được. Đối với chúng ta, dường như trong Mathiơ 19:9 Chúa dạy được phép ly dị khi một bên không chung thủy (phạm tội ngoại tình). Chúng ta tin trong trường hợp như thế, bên vô tội được tự do tái hôn. Còn về I.Côrinthô 7:15, chúng ta không thể xác định câu này cho phép ly dị rồi tái hôn khi một người chưa tin Chúa chia tay với người bạn đời đã tin Chúa của mình. Tuy nhiên, bất cứ ai đã bước vào hình thức chia tay này thì hầu như không tránh khỏi cảnh nhanh chóng bước vào mối quan hệ mới, và như vậy sự kết hiệp ban đầu đầu sao đi nữa cũng bị cắt đứt.

J. M. Davies viết:

Người chưa tin Chúa mà chia tay thì sẽ nhanh chóng kết hôn với người khác, và điều đó tự động cắt đứt mối dây hôn nhân. Quả quyết rằng hôn bị chia tay vẫn ở vậy không kết hôn tức là sẽ đặt trên người nam hay người nữ ấy một cái ách mà trong đời đa số các trường hợp, họ không thể nào mang nổi.¹⁹

7:16 Cách hiểu của mỗi người về câu 16 sẽ hơi khác đi tùy theo cách giải thích câu 15.

Nếu tin câu 15 không phê chuẩn sự ly dị, thì người giữ quan điểm như thế sẽ đưa câu 15 ra làm bằng chứng. Người này cho rằng tín hữu nên cho phép sự phân rã nhưng không nên ly dị người chưa tin Chúa, vì điều đó sẽ ngăn trở khả năng khôi phục mối liên hiệp hôn nhân và khả năng cho người chưa tin được cứu. Mặt khác, nếu cho rằng được phép ly dị khi người tin Chúa bị người kia bỏ, thì câu này được liên kết với câu 14, và câu 15 được xem như một câu chưa trong ngoặc.

7:17 Thỉnh thoảng, giữa vòng tân tín hữu có cảm giác họ phải đoạn tuyệt hoàn toàn với mọi giai đoạn của đời sống trước kia, kể cả những định chế như là hôn nhân mà bản thân chúng vốn chẳng có tội. Trong sự vui mừng cứu rỗi vừa mới tìm được, có nguy cơ sử dụng cách mạng bạo lực để lật đổ mọi điều mà người này từng biết trước kia. Cơ Đốc giáo không dùng cách mạng bạo lực để hoàn tất các mục đích. Trái lại, những thay đổi của Cơ Đốc giáo được thực hiện bằng những phương tiện hòa bình. Trong câu 17-24, sứ đồ nêu quy tắc chung là trở thành Cơ Đốc nhân

không bắt buộc phải bao gồm cách mạng bạo lực để chống lại những mối ràng buộc hiện có. Rõ ràng, vị sứ đồ chủ yếu xét đến những mối ràng buộc hôn nhân, nhưng cũng áp dụng nguyên tắc này cho những mối ràng buộc chủng tộc và xã hội nữa.

Mỗi tín hữu phải ăn ở xứng đáng với sự kêu gọi của Chúa. Nếu Chúa đã gọi người vào cuộc sống hôn nhân, thì nên bước theo tiếng gọi ấy trong sự kính sợ Chúa. Nếu Chúa ban ơn để sống cuộc đời độc thân, thì nên đi theo sự kêu gọi sống độc thân. Ngoài ra, nếu lúc hoán cải, người này đã kết hôn rồi với người vợ chưa tin Chúa, thì không cần bỏ mối quan hệ này, nhưng nên tiếp tục hết mọi khả năng của mình để tìm cách đưa vợ đến sự cứu rỗi. Điều Phaolô đang nói với người Côrintô ở đây không phải chỉ dành riêng cho người Côrintô mà thôi; đây chính là điều ông đã dạy trong **hết thầy các Hội Thánh**. Vine viết:

Khi Phaolô nói: "Ấy đó là điều tôi dạy trong hết thầy các Hội Thánh," không phải ông đang từ một trung tâm nào đó phát truyền chỉ thị, nhưng đơn giản là ông báo cho Hội Thánh Côrintô biết những sự dạy dỗ ông đang truyền cho họ chính là điều ông đã dạy dỗ trong mọi Hội Thánh.²⁰

7:18 Phaolô nói đến để tài những mối ràng buộc về chủng tộc trong câu 18 và 19. Nếu người nam là người Do Thái khi hoán cải đã mang trong mình dấu ấn của phép cắt bì, thì không cần phải kinh khiếp ghê gớm trước điều này để tìm cách loại bỏ mọi dấu vết thuộc thể của nếp sống ngày trước của mình.

Tương tự, nếu người nam là một người ngoại giáo trở lại tin Chúa và được tái sanh, thì không bắt buộc phải tìm cách che giấu bối cảnh ngoại giáo của mình bằng cách mang lấy những dấu hiệu của một người Do Thái.

Chúng ta cũng có thể giải thích câu này rằng: nếu người Do Thái trở lại tin Chúa, thì đừng ngại sống tiếp với người vợ Do Thái của mình, hay nếu một người ngoại bang trở lại tin Chúa, đừng cố chạy trốn khỏi bối cảnh đó. Những sự khác biệt bề ngoài này không phải là những điều thực sự quan trọng.

7:19 Xét về thực chất của Cơ Đốc giáo, chịu cắt bì chẳng hề gì, không chịu cắt bì cũng chẳng hề gì. Điều thật sự quan trọng chính là giữ các điều răn của Đức Chúa Trời. Nói cách khác, Đức Chúa Trời quan tâm những điều ở bề trong, chứ không quan tâm những điều ở bề ngoài. Không cần phải từ bỏ gay gắt những mối quan hệ của đời sống khi bước vào Cơ Đốc giáo. Kelly nói: "Đừng hơn, bởi đức tin nơi Đấng Christ, tin hữu này được nâng lên đến chỗ người vượt trội hơn mọi hoàn cảnh."²¹

7:20 Quy tắc chung ấy là: **Ái nấy khi được gọi ở tình trạng nào, thì phải cứ ở theo tình trạng ấy.** Thường nhiên, điều này chỉ nói đến những sự kêu gọi nào tự chúng không phải là tội lỗi. Nếu một người tại lúc hoán cải đang tham gia vào công việc gian ác nào đó, thì phải bỏ nó đi! Nhưng ở đây sứ đồ đang đề cập những vấn đề tự bản thân chúng không phải là sai quấy. Điều này được chứng tỏ qua các câu Kinh Thánh đi tiếp theo sau luận đến đề tài về nô lệ.

7:21 **Nô lệ** nên làm gì khi đã được cứu? Có nên nổi loạn chống lại chủ để đòi quyền tự do của mình không? Cơ Đốc giáo có quả quyết chúng ta phải lay hoay tìm kiếm "những quyền lợi" của mình không? Phaolô trả lời ở đây: **"Người đương làm tội mọi mà được gọi chẳng? Chớ lấy làm lo."** Nói cách khác, lúc hoán cải người là nô lệ phải không? Chớ lo lắng vô ích về chuyện đó. Người có thể là một nô lệ và vẫn hưởng được những phước hạnh cao cả nhất của Cơ Đốc giáo. **Song nếu người có thể được tự do, thì hãy nhân dịp đó là hơn.** Có hai cách giải thích câu này. Có người cảm thấy Phaolô đang nói: "Nếu có thể trở thành người tự do, thì hãy dùng mọi phương tiện nắm lấy cơ hội này." Người khác cảm thấy sứ đồ đang nói rằng dấu một nô lệ có thể được trở nên người tự do, Cơ Đốc giáo không đòi hỏi người phải sử dụng quyền tự do đó. Đúng hơn, nên sử dụng ách nô lệ của mình như một lời làm chứng cho Chúa Jêsus. Hầu hết mọi người đều thích lối giải nghĩa đầu tiên hơn (và chắc có lẽ là cách giải thích đúng), nhưng cũng đừng nên bỏ qua sự kiện là cách giải thích thứ nhì sẽ phù hợp sát sao hơn với tấm gương chính Đức Chúa Jêsus Christ đã để lại cho chúng ta.

7:22 **Vì kẻ tội mọi được Chúa gọi, ấy là kẻ Chúa đã buông tha.** Câu này không nói đến một người tự do từ khi lọt lòng mẹ, nhưng đúng hơn nói đến người được trả quyền tự do, tức là một nô lệ đã kiếm được quyền tự do của mình. Nói cách khác, nếu lúc hoán cải người là một nô lệ, thì đúng để điều đó

khiến mình phải lo lắng, vì người ấy chính là kẻ Chúa đã buông tha. Người đã được buông tha khỏi tội lỗi của mình và khỏi ách nô lệ cho Satan. Mặt khác, nếu lúc hoán cải đương là người tự do, thì nên nhận thấy từ nay trở đi người là một nô lệ, chân và tay bị trói buộc cho Cứu Chúa.

7:23 Mỗi Cơ Đốc nhân đều được **chức bằng giá cao**. Do đó, người thuộc về Đấng đã mua mình, là Chúa Jesus. Chúng ta phải là những tôi mọi của Đấng Christ và **chớ trở nên tôi mọi của người lạ**.

7:24 Do đó, bất luận thuộc tình trạng xã hội nào, vẫn có thể cứ một mực ở theo đấng bậc ấy trước mặt Đức Chúa Trời. Những chữ **trước mặt Đức Chúa Trời** là chìa khóa để mở toàn bộ lẽ thật này. Nếu ở với Đức Chúa Trời, thì ngay cả ách nô lệ cũng có thể được khiến trở thành tự do thật. "Đây chính là điều được tôn cao và làm nên thánh bất kỳ địa vị nào trong đời sống."

7:25 Trong câu 25-38, vị sứ đồ đang nói với người chưa kết hôn, bất luận là nam hay nữ. Chữ "**đồng nhân**" (trình nữ) có thể được dùng để áp dụng cho cả hai giới tính. Câu 25 là một câu khác nữa được một số người dùng để dạy nội dung đoạn này không nhất thiết được soi dẫn. Thậm chí họ còn đi đến chỗ quá khích như là nói Phaolô là một người độc thân nên ông trọng nam khinh nữ và những thành kiến cá nhân của ông được phản ánh trong những điều ông nói tại đây! Đương nhiên, giữ một thái độ như thế tức là đã tấn công quyết liệt sự soi dẫn của Kinh Thánh.

Khi Phaolô nói lời chẳng có lời Chúa truyền về những người đồng trình, ông chỉ nói rằng trong chức vụ tại thế của Chúa, Chúa không để lại chỉ dẫn rõ ràng nào về đề tài này. Do đó, "Nhờ ơn thương xót của Chúa, tôi được làm người đáng tin, nên tôi ban lời khuyên bảo," và lời khuyên bảo này được Đức Chúa Trời soi dẫn.

7:26 Nói chung, nên sống độc thân vì cơ lai và hậu đến. "Tai và hậu đến" [Bản Anh ngữ "tai và hiện thời - the present distress"] nói đến những hoạn nạn và chịu khổ của cuộc sống trần thế này nói chung. Có lẽ lúc Phaolô viết bức thư này đã có một thời kỳ khốn khó đặc biệt. Tuy nhiên, lai và khốn khó xưa nay vẫn tiếp tục hiện hữu và sẽ còn mãi cho đến khi Chua đến.

7:27 Lời Phaolô khuyên chính là: những người đã kết hôn rời **chớ lìm gách** phân rẽ ra. Mặt khác, nếu người **chưa b] vẫn vương với vợ**, **đừng lìm vợ**. Cụm từ "**chưa bị vẫn vương với vợ**" ở đây hoàn toàn không có nghĩa là góa vợ hay bị ly dị. Câu này chỉ có nghĩa vẫn chưa mang những ràng buộc của hôn nhân, và có thể bao gồm cả những người không bao giờ kết hôn.

7:28 Phaolô không nói điều gì để đem ra lý giải cưới gả là tội lỗi. Suy cho cùng, hôn nhân do chính Đức Chúa Trời thiết lập trong vườn Êden trước khi tội lỗi bước vào thế gian này. Chính Đức Chúa Trời đã tuyên phán: "Loại người ở một mình thì không tốt" (Sáng Thế Ký 2:18). "Mọi người phải kính trọng sự hôn nhân, chốn khuê phòng chớ có ở ướ, vì Đức Chúa Trời sẽ đoán

phạt kẻ dâm dục cùng kẻ phạm tội ngoại tình" (Hêbơr 13:4). Ở chỗ khác Phaolô nói những người cấm cản cưới gả chính là dấu hiệu của sự hội đạo ngay sau rồi (I.Timôthê 4:1-3).

Vì vậy Phaolô nói: "Nhưng nếu người lấy vợ, thì chẳng phạm tội gì; và nếu người nữ đồng trinh lấy chồng, thì cũng chẳng phạm tội gì." Những người mới tin Chúa đừng bao giờ nghĩ rằng có điều sai quấy trong mối quan hệ hôn nhân. Phaolô nói thêm những người nữ cưới gả sẽ có sự khó khăn về xác thịt. Điều này có thể bao gồm cả cơn đau đớn lúc sanh nở, v.v... Khi Phaolô nói: "Tôi muốn cho anh em khỏi sự đó," có thể ý của ông là: (1) tôi muốn cho anh em khỏi chịu đau đớn trong thể xác vốn đi kèm với tình trạng hôn nhân, đặc biệt là những khó khăn rắc rối của nếp sống gia đình, hoặc (2) ông muốn độc giả khỏi phải đọc danh sách liệt kê đầy đủ mọi khó khăn rắc rối.

7:29 Phaolô muốn nhấn mạnh vì thi giờ ngắn ngủi, chúng ta nên đặt ngay cả những mối quan hệ hợp pháp này của cuộc sống xuống hàng phụ thuộc để phục vụ Chúa. Ngày Chúa đến đã gần rồi, và dấu vợ và chồng nên chung thủy chu toàn những bổn phận hỗ tương của họ, nhưng nên tìm cách tôn Đấng Christ lên trên hết trong đời sống mình. Itronside diễn tả câu này như sau:

Mỗi người phải hành động trong tình thần thời gian thực sự thưng qua nhanh, ngày Chúa tái lâm gần đến, và đừng để tình toán cho tiện nghi thoải mái cá nhân ngăn trở lòng tận hiến cho ý muốn của Đức Chúa Trời.²²

W. E. Vine nói:

Đương nhiên, câu này không có nghĩa người đàn ông đã cưới vợ phải kiếm chế dừng cư xử dùng như cách phải có của một người chồng, nhưng có nghĩa mối quan hệ với vợ phải phụ thuộc hoàn toàn vào mối quan hệ cao cả hơn giữa mình với Chúa... là Đấng phải giữ địa vị trên hết trong tâm lòng: người sẽ không để mối quan hệ tự nhiên cản trở mình vâng phục Đấng Christ.²³

7:30 Đừng để những vui buồn và của cải của đời sống này trở thành ưu tư quá đáng trong đời sống chúng ta. Hết thấy những vấn đề này phải trở thành phụ thuộc, đặt dưới những nỗ lực của chúng ta để kiếm cơ hội phục vụ Chúa đang khi hãy còn ban ngày.

7:31 Khi sống trên đất, chúng ta không thể tránh tiếp xúc ở một chừng mực nhất định với những điều tầm thường. Vẫn có cách sử dụng hợp pháp những vấn đề này trong đời sống của tín hữu. Tuy nhiên, Phaolô cảnh cáo tuy có thể sử dụng chúng, nhưng đừng nên lạm dụng chúng (bản Việt Ngữ dịch là "như kẻ chẳng dùng vậy"). Lấy ví dụ, Cơ Đốc nhân đừng nên sống chỉ vì đồ ăn, đồ mặc và lạc thú. Cơ Đốc nhân có thể sử dụng thức ăn và đồ mặc như những nhu yếu phẩm, nhưng đừng để chúng trở thành vị thần của đời sống mình. Hôn nhân, cơ nghiệp, thương mại, hay hoạt động chính trị, hoạt động khoa học, âm nhạc và nghệ thuật vẫn có địa vị của nó trong thế giới, nhưng hết thấy đều có thể trở thành vật làm xao lãng đời sống thuộc linh nếu cho phép chúng làm như thế.

Cụm từ "hình lượng thế gian này qua đi" được vay mượn từ rập hát và

chỉ về việc chuyển cảnh. Câu này nói về tình thoáng qua của mọi điều chúng ta nhìn thấy quanh mình ngày nay. Đặc biệt sống ngắn ngủi của nó được diễn tả rất hay trong những lời nổi tiếng của Shakespeare: "Cả thế giới này là một sân khấu, và hết thảy những nam nữ chỉ là những diễn viên mà thôi. Họ có lối ra và lối vào sân khấu của riêng họ, và trong thời gian trên sân khấu, mỗi người diễn rất nhiều vai."

7:32 Phaolô muốn Cơ Đốc nhân được thông thả khi phải lo lắng gì. Ông muốn nói đến sự lo lắng cản trở họ một cách không cần thiết trong sự phục vụ Chúa. Và như vậy ông tiếp tục giải thích **Ai không cưới vợ thì chăm lo việc Chúa, tìm phương cho Chúa đẹp lòng.** Điều này không có nghĩa mọi tín hữu độc thân đều thực sự dâng mình cho Chúa không chút xao lãng, nhưng có nghĩa tình trạng độc thân sẽ tạo cơ hội để chăm lo công việc Chúa theo cách mà tình trạng có gia đình không thể làm được.

7:33 Một lần nữa, câu này không có nghĩa người cưới vợ rồi không thể chăm lo công việc Chúa, nhưng đây là quan sát chung rằng đời sống hôn nhân đòi hỏi người nam phải làm cho vợ mình thỏa dạ. Người cưới vợ rồi phải nghĩ đến nhiều bổn phận khác nữa. Đúng như Vine nói rõ: "Nói chung nếu người nam cưới vợ, thì người đã giới hạn tầm phục vụ của mình. Nếu chưa cưới vợ, người ấy có thể đi đến tận cùng trái đất và rao giảng Tin Lành."²⁴

7:34 Người nữ có chồng và đồng trình cũng khác nhau như vậy: **Ai không**

chồng thì chăm lo việc Chúa, dâng cho thân thể và tinh thần đều được thánh; nhưng ai có chồng thì chăm lo các việc đời này, tìm cách cho đẹp lòng chồng mình. Ở đây cần giải thích thêm. Người nữ có chồng, hoặc người nữ đồng trình, có thể dành phần lớn thì giờ của mình để chăm lo việc Chúa. Cụm từ "**dâng cho thân thể và tinh thần đều được thánh**" không có nghĩa tình trạng độc thân là thánh khiết hơn, nhưng chỉ có nghĩa người nữ này có thể **biệt riêng cả thân thể và tinh thần** mình nhiều hơn nữa cho công việc Chúa. Về cơ bản, không phải nàng thanh sạch hơn, nhưng nàng có thì giờ rảnh rỗi nhiều hơn.

Một lần nữa, ai có chồng thì **chăm lo các việc đời này.** Điều này không có nghĩa người có chồng mang tinh thần thế gian nhiều hơn người nữ chưa cưới chồng, nhưng có nghĩa thì giờ của nàng bắt buộc phải dành một phần cho những bổn phận bình thường như là chăm sóc công việc nhà. Những việc này là hợp pháp và phải tề, và không phải Phaolô đang chỉ trích hay phản đối chúng; ông chỉ đang nói người nữ chưa lập gia đình thì có nhiều cơ hội phục vụ và nhiều thì giờ hơn người nữ đã lập gia đình.

7:35 Không phải Phaolô dạy điều này để đặt tín hữu dưới một hệ thống ách nô lệ khác khe. Ông chỉ đang dạy cho họ được **lợi** hơn để khi nghĩ đến đời sống và sự phục vụ Chúa của họ, họ có thể đánh giá sự dẫn dắt của Ngài trong ánh sáng của toàn bộ lời dạy đó này. Phaolô xem nếp sống độc thân là tốt, và nó giúp người ta **không phân tâm**

mà hầu việc Chúa. Về phần Phaolô, mọi người được tự do chọn lựa kết hôn hay sống độc thân. Vị sứ đồ không muốn kiểm chế bất cứ ai cũng không muốn đặt họ dưới ách nô lệ.

7:36 Câu 36- 38 có lẽ là những câu bị hiểu lầm nhiều nhất trong đoạn này, và có lẽ trong toàn thư tin nữa. Cách giải thích phổ thông là: trong thời Phaolô, người nam có quyền kiểm soát nghiêm ngặt nhà mình. Tùy nơi quyết định của ông mà con gái ông có lập gia đình hay không. Con gái ông không thể lập gia đình nếu chưa được phép của ông. Vì vậy, người ta dùng những câu này để tuyên bố: nếu người nam không chịu cho con gái mình kết hôn, thì đó là điều tốt, nhưng nếu cho con gái kết hôn, thì chẳng phải ông đang phạm tội đâu.

Cách giải thích như thế hầu như thực sự vô nghĩa nếu đem ra dạy cho dân sự Đức Chúa Trời trong thời nay. Cách giải thích này không phù hợp với văn mạch phần còn lại của đoạn, và dường như gây lúng túng không lối thoát.

Bản RSV dịch "đồng trinh" là "đã hứa hôn." Như vậy ý tưởng ở đây sẽ là: nếu người nam cưới người vợ đã hứa hôn của mình hay vị hôn thê của mình, thì không phạm tội; nhưng nếu không cưới nàng, thì tốt hơn. Quan điểm như thế đẩy dầy những điều khó giải thích.

Trong phần giải nghĩa 1.Côrinthô, William Kelly trình bày có vẻ rất xuất sắc một quan điểm khác nữa. Kelly cho rằng chữ gái đồng trinh (*parthenos*) cũng có thể dịch là "đức trinh bạch."²⁵

Như vậy, phần đoạn này không nói về những người con gái đồng trinh của một người nam, nhưng nói đến đức trinh bạch của chính ông ta. Theo cách giải thích này, phần đoạn này đang nói nếu người nam duy trì tình trạng không kết hôn thì đã làm rất tốt, nhưng nếu quyết định cưới vợ, thì người ấy không phạm tội.

John Nelson Darby cũng giải thích như thế trong bản New Translation của ông:

Nhưng nếu có ai nghĩ mình cư xử không phải lẽ với sự trinh bạch của mình, và nếu người quá tuổi xuân thì, thì như vậy phải để cho anh làm điều anh muốn, anh chẳng phạm tội: hãy để họ cưới nhau. Nhưng nếu anh đã kiên quyết trong lòng mình, thấy không cần, nhưng có quyền tự ý quyết định, và trong lòng đã cân nhắc để cứ tiếp tục giữ sự trinh bạch của mình, thì người ấy làm phải lẽ. Thế thì ai cưới vợ thì làm phải lẽ: và ai không cưới thì còn làm phải lẽ hơn nữa.

Như vậy khi xem xét chi tiết hơn câu 36, chúng ta rút ra được ý nghĩa: nếu một người nam đến tuổi hoàn toàn thành nhân, và nếu không cảm thấy mình có ơn tiết dục, thì người ấy không phạm tội khi cưới vợ. Người ấy cảm thấy nhu cầu đòi hỏi anh phải làm như thế, và vì vậy anh nên tùy ý mình mà làm trong trường hợp này, tức là cứ cưới vợ đi.

7:37 Đầu vậy, nếu người nam cương quyết không phân tâm phục vụ Chúa, và nếu có đủ sự tự kiểm chế để không có sự gì bắt buộc mình phải kết hôn, nếu cương quyết duy trì tình trạng

không kết hôn, và làm điều này nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời trong sự phục vụ Ngài, thì người ấy làm phải lẽ.

7:38 Kết luận ở đây là: **Người nào gả mình** (Bản Anh Ngữ NKJV không ghi là “gả con gái mình” như bản Việt Ngữ)²⁶ vào nếp sống hôn nhân thì làm phải lẽ, nhưng ai duy trì tình trạng không kết hôn để hầu việc Chúa nhiều hơn thì còn làm phải lẽ hơn nữa.

7:39 Hai câu cuối của đoạn này có lời khuyên cho các góa phụ. **Vợ phải buộc chặt với chồng theo luật pháp** (Bản Anh ngữ có chữ “theo luật pháp này”) **chừng nào chồng còn sống. “Theo luật pháp”** ở đây nói đến luật hôn nhân mà Đức Chúa Trời thiết lập. **Nếu chồng chết, người nữ này được tự do lấy người đàn ông khác.** Cùng chính lẽ thật này được trình bày rõ ràng trong Rôma 7:1-3, tức là sự chết cắt đứt mối quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, sự đó nếu thêm phần hạn định rằng **người được tự do muốn lấy ai tùy ý, miễn là trong Chúa** (Bản Anh ngữ, còn bản Việt Ngữ ghi “miễn là theo ý Chúa”). Trước hết, điều này có nghĩa người đàn ông nàng muốn lấy phải là Cơ Đốc nhân, nhưng còn ý nghĩa trở hơn thế nữa. Trong Chúa có nghĩa là “theo ý Chúa” (bản Việt Ngữ dịch đúng cách này). Nói cách khác, nàng có thể cưới một Cơ Đốc nhân mà có thể vẫn không đúng theo ý muốn Chúa. Nàng phải tìm sự dẫn dắt của Chúa trong vấn đề quan trọng này và cưới tín hữu nào Chúa muốn dành cho nàng.

7:40 Đánh giá thành thật của Phaolô ấy là **góa phụ cứ ở vậy thì có phước**

hơn. Điều này không mâu thuẫn với I.Timôthê 5:14, là câu Phaolô đánh giá rằng các góa phụ trẻ tuổi nên tái hôn. Ở đây, ông nêu ý kiến tổng quát của mình – trong I.Timôthê là ngoại lệ cụ thể.

Sau đó ông nói thêm: **“Tôi lưỡng lự cũng có Thánh Linh của Đức Chúa Trời.”** Có người lầm hiểu những từ này muốn nói Phaolô không thấy chắc chắn khi nói những điều này! Một lần nữa, chúng ta mạnh mẽ phản đối bất kỳ lối giải nghĩa nào như thế. Không thể nghi ngờ chút nào về sự soi dẫn những điều Phaolô viết trong phần này. Ông đang dùng lối mỉa mai ở đây. Thảm quyền sử đồ và sự dạy dỗ của ông đã bị một số người tại Côrintô công kích. Họ tuyên bố họ có ý của Đấng Christ trong những điều đang nói ra. Trên thực tế Phaolô đang nói: “Cho dù người khác có nói gì về tôi đi nữa, tôi vẫn nghĩ rằng mình cũng có Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Họ tuyên bố họ có Ngài nhưng chắc chắn họ không nghĩ họ chiếm được quyền Đức Thánh Linh.”

Chúng ta biết Phaolô thực sự có Thánh Linh trong mọi điều ông viết cho chúng ta, và con đường hạnh phúc cho chúng ta chính là noi theo những dạy dỗ của ông.

B. VỀ VIỆC ĂN THỊT CÙNG THẦN TƯỢNG (8:1-11:1)

Vấn đề ăn thịt cúng cho thần tượng được giải quyết trong 8:1- 11:1, một nạn đề thực tiễn đối với những người vừa mới từ ngoại giáo trở về tin Đấng Christ. Có lẽ họ được mời dự một dịp giao tiếp xã hội nào đó tại đền thờ, nơi tổ chức lễ hội lớn có phân phát thịt đã

cùng trước cho các thần tượng. Hoặc có lẽ họ đến chợ mua thịt và thấy người bán đang bán thịt đã được dâng cho thần tượng rồi. đương nhiên việc này không ảnh hưởng chất lượng thịt, nhưng Cơ Đốc nhân có nên mua thứ thịt đó không? Trong khung cảnh khác, có thể một tín hữu được mời đến nhà riêng, được dọn mời thức ăn đã được dâng cho một thần tượng nào đó rồi. Nếu biết như thế, có nên ăn thức ăn đó không? Phaolô giải quyết những thắc mắc này.

8:1 Sự đó mở đầu bằng câu nói luận đến các của cúng thần tượng, thì cả người Côrinthô lẫn ông đều có sự hay biết. Đây không phải là đề tài họ hoàn toàn chưa biết gì đến. Lấy ví dụ, họ đều biết dâng một miếng thịt lên cho thần tượng thì không thay đổi miếng thịt trên bất kỳ phương diện nào. Mùi vị và giá trị bổ dưỡng của miếng thịt vẫn y nguyên. Tuy nhiên, Phaolô nói sự hay biết sanh kiểu căng, còn sự yêu thương làm gương tốt. Ông muốn nói bản thân sự hay biết vẫn chưa phải là kim chỉ nam đầy đủ trong các vấn đề này. Nếu sự hay biết là nguyên tắc duy nhất đem ra áp dụng, thì có thể dẫn đến kiểu ngạo. Thực ra, trong toàn bộ những vấn đề thế này, Cơ Đốc nhân không những phải sử dụng sự hay biết, mà còn phải áp dụng cả tình yêu nữa. Không những phải xem xét điều gì hợp pháp cho chính mình, mà còn phải là điều tốt nhất cho người khác nữa.

8:2,3 Vine diễn ý câu 2 như sau: "Nếu người nào tưởng mình đã có đầy đủ sự hay biết, thì thậm chí cũng vẫn

chưa bắt đầu biết cách phải có được sự hay biết đó." Không có tình yêu, thì không có sự hiểu biết thật. Mặt khác, nếu có một người yêu mến Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời biết người đó theo ý nghĩa Đức Chúa Trời đẹp lòng và chấp thuận người ấy. đương nhiên, trên một phương diện, Đức Chúa Trời biết mọi người, và trên phương diện khác, Ngài biết đặc biệt những người đã tin Ngài. Nhưng ở đây từ ngữ "biết" được sử dụng để nói đến sự ưu đãi hay sự tán thành. Nếu có người vì cơ yêu mến Chúa và yêu mến con người, chứ không vì cơ hiểu biết thuần túy, để quyết định trong những vấn đề như thịt dâng cho của cúng thần tượng, thì người đó được Chúa mỉm cười hài lòng và tán thành.

8:4 Luận về của cúng thần tượng, tín hữu biết thần tượng không phải là vị thần thật có quyền phép, hiểu biết và yêu thương. Phaolô không phủ nhận sự hiện hữu của các tượng thần; ông biết rằng có những đồ vật như các hình tượng được chạm khắc từ gỗ hoặc đá. Về sau ông công nhận ngoài các hình tượng này còn có các thế lực của ma quỷ nữa. Nhưng điều ông nhấn mạnh ở đây chính là: các vị thần do các thần tượng kia đại diện lại không thực hữu. Chỉ có một Đức Chúa Trời, chứ không có thần nào khác; tức là chỉ có một Đức Chúa Trời và là Cha của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta.

8:5 Phaolô thừa nhận có nhiều vị được gọi là thần trong thần thoại của người ngoại giáo, chẳng hạn như Jupiter, Juno, và Mercury. Một số các thần này được xem như sống trên trời,

và các thần khác chẳng hạn như Ceres và Neptune, sống ở dưới đất này. Theo ý nghĩa này, có nhiều thần nhiều chúa, tức là các vị trong thần thoại mà dân chúng thờ phượng và sống trong ách nô lệ các vị đó.

8:6 Tin hữu biết chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, là Đức Chúa Cha, muốn vật bởi Ngài mà ra, và chúng ta hướng về Ngài. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời – là Cha chúng ta – là Nguồn hay Đấng Tạo Hóa của muôn vật và chúng ta được dựng nên vì cơ Ngài. Nói cách khác, Ngài là mục đích hay mục tiêu cho sự hiện hữu của chúng ta. Chúng ta biết chỉ có một Chúa mà thôi, tức là Đức Chúa Jêsus Christ, muôn vật đều nhờ Ngài mà có, và chúng ta cũng vậy. Cụm từ **muôn vật đều nhờ Ngài mà có** mô tả Đức Chúa Jêsus là Đấng Trung Bảo hay Tác Nhân của Đức Chúa Trời, còn cụm từ **chúng ta cũng vậy** (Bản Anh ngữ là “**chúng ta nhờ Ngài mà sống**”) cho thấy nhờ Ngài mà chúng ta được dựng nên và được cứu chuộc.

Khi Phaolô nói chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi, là Đức Chúa Cha, và một Đức Chúa Jêsus Christ, ông không bảo rằng Đức Chúa Jêsus Christ không phải là Đức Chúa Trời. Đúng hơn, ông chỉ ra vai trò tương ứng mà Hai Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đảm trách trong sự sáng thế và trong sự cứu chuộc.

8:7 Nhưng chẳng phải mọi Cơ Đốc nhân, đặc biệt những người mới tin Chúa, đều hiểu được quyền tự do họ có được trong Chúa Jêsus Christ. Xuất thân từ bối cảnh thờ lạy hình tượng và đã quen với thần tượng, họ nghĩ mình đang

phạm tội thờ lạy hình tượng khi ăn thịt đã cúng tế thần tượng. Họ nghĩ thần tượng là có thật, lương tâm họ vì yếu đuối nên bởi đó ra ô uế.

Cụm từ “**yếu đuối**” ở đây không nói đến sự yếu đuối của thể chất, thậm chí cũng không nói đến sự yếu đuối thuộc linh. Đây là một từ ngữ mô tả những người thận trọng quá đáng trong những vấn đề không quan trọng về đạo đức. Lấy ví dụ, đối với Đức Chúa Trời, tin hữu ăn thịt heo chẳng có gì là sai cả. Người Do Thái ăn như thế trong Cựu Ước thì sai, nhưng Cơ Đốc nhân hoàn toàn được tự do để ăn những thức ăn như vậy. Tuy nhiên, một người Do Thái mới tin Đấng Christ có thể vẫn còn nhiều đắn đo về chuyện này. Có lẽ cảm thấy ăn một bữa tối có món thịt heo quay là sai quấy. Một người như thế được Kinh Thánh gọi là anh em yếu đuối ở đây. Điều này có nghĩa người không đang hưởng trọn vẹn quyền tự do Cơ Đốc của mình. Thực ra, chừng nào còn nghĩ rằng ăn thịt heo là sai, thì người vẫn còn phạm tội nếu cứ tiếp tục ăn như thế. Đây chính là ý nghĩa của cụm từ **lương tâm yếu đuối của họ bởi đó ra ô uế**. Nếu lương tâm tội lên ăn một hành động nào đó và tội cứ tiếp tục làm điều đó, thì tội đã phạm tội. “Phạm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi” (Rôma 14:23).

8:8 Để ăn tự do không phải là vấn đề có hậu quả nghiêm trọng đối với Đức Chúa Trời. Kiêng một số thức ăn nào đó không khiến chúng ta được ơn trước mặt Đức Chúa Trời, mà ăn những thức ăn như thế cũng không khiến chúng ta trở thành Cơ Đốc nhân tốt hơn.

8:9 Nhưng nếu ăn những thức ăn ấy không được lợi gì, vẫn có thể bị mất mát rất nhiều nếu khi ăn như vậy, tôi khiến một Cơ Đốc nhân yếu đuối bị vấp ngã. Đây chính là nơi phải áp dụng nguyên tắc yêu thương. Cơ Đốc nhân có quyền tự do ăn thịt đã được dâng làm của cúng tế thần tượng trước đó, nhưng sẽ hoàn toàn sai quấy nếu người đó ăn mà làm vấp phạm một anh chị em yếu đuối.

8:10 Nguy hiểm ấy là anh em yếu đuối có thể khích lệ để làm điều mà lương tâm của mình lên án, nếu họ thấy người khác làm một việc mà chính mình cảm thấy nghi ngờ thối mác. Trong câu này, sử đồ lên án việc ngồi ăn trong miếu tà thần, vì ảnh hưởng của việc đó trên người khác. Đương nhiên, khi ở đây Phaolô nói "ngồi ăn trong miếu là thán," ông đang nói đến một số những dịp giao tiếp trong xã hội hay những buổi đại lễ nào đó, chẳng hạn như lễ cưới. Chẳng bao giờ là phải lễ khi ngồi ăn trong miếu tà thần và ăn món dinh đáng đến thờ lạy thần tượng qua bất kỳ phương cách nào. Về sau Phaolô lên án điều đó (10:15-26). Cụm từ "nếu có kẻ... thấy người là người có sự hay biết" muốn nói nếu có ai nhìn thấy bạn - là người có trọn quyền tự do Cơ Đốc, là người biết thịt cúng cho thần tượng chẳng phải là ô uế hay không tinh sạch, v.v... Nguyên tắc quan trọng ở đây ấy là: chúng ta không những phải xem xét hậu quả của một hành động như thế trên chính mình, mà quan trọng hơn thế nữa, còn phải xem xét ảnh hưởng của việc đó trên người khác nữa.

8:11 Có thể một người khoe khoang hiểu biết của mình về những gì hợp pháp cho một Cơ Đốc nhân để khiến cho một anh em trong Đấng Christ phải vấp ngã. Từ ngữ "hư mất" không có nghĩa đánh mất sự cứu rỗi đời đời của mình. Cũng không có nghĩa mất đi sự sống, nhưng là mất đi sự khỏe mạnh. Lời làm chứng của anh em yếu đuối này sẽ bị tổn thương và đời sống hữu ích cho Chúa bị ảnh hưởng tại hạ. Tinh hết sức nghiêm trọng của việc gây vấp phạm như thế cho một anh em yếu đuối trong Đấng Christ được chứng tỏ bởi những từ ngữ là người anh em mà Đấng Christ đã chết thế cho. Phaolô lý luận: nếu Đức Chúa Jêsus Christ yêu con người đó nhiều đến nỗi sẵn lòng chết thay người, chúng ta đừng nên ngăn trở tiến bộ thuộc linh của người ấy bằng cách làm bất kỳ điều gì khiến người vấp ngã. Một vài miếng thịt không đáng như vậy đâu!

8:12 Đây không phải chỉ là vấn đề phạm tội nghịch cùng một anh em trong Đấng Christ, hay vấn đề làm tổn thương lương tâm yếu đuối của người. Mà là bội nghịch lại chính Đấng Christ. Chúng ta làm bất kỳ việc gì cho người hèn mọn nhất trong anh em của Ngài tức là đã làm điều đó cho chính Ngài. Điều nào làm tổn thương một chi thể trong Thân thì cũng làm tổn thương đến Đầu nữa. Vine nói rõ ràng khi đề cập đến mỗi vấn đề, vị sứ đồ đều dẫn độc giả của mình đến chỗ xem xét điều đó trong ánh sáng sự chết chuộc tội của Đấng Christ. Barnes nói: "Đây là lời kêu gọi ra từ tình yêu sâu nhiệm và dịu dàng, từ những sự chịu khổ, và từ những tiếng

than hấp hối của chính Con Đức Chúa Trời.²⁷ Phạm tội cùng Đấng Christ chính là điều Godet gọi là "tội cao nhất trong mọi tội phạm." Biết vậy, chúng ta nên hết sức cẩn thận tra xét mọi hành động của mình để xem ảnh hưởng của nó trên người khác, và kiếm chế đừng làm bất kỳ điều gì gây vấp phạm cho một anh em khác.

8:13 Vì làm cho anh em mình vấp phạm chính là phạm tội nghịch cùng Đấng Christ, nên Phaolô nói sẽ **chẳng hề ăn thịt** nếu như vì ăn thịt mà ông khấn cho anh em mình vấp phạm. Công tác của Đức Chúa Trời trong đời sống người khác còn quan trọng hơn một miếng thịt quay mềm! Dầu để tài thịt dâng làm của cúng cho thần tượng không phải là nạn để cho hầu hết Cơ Đốc nhân ngày nay, nhưng các nguyên tắc được Thánh Linh Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong phần này có giá trị lâu dài. Ngày nay có rất nhiều điều trong đời sống Cơ Đốc tuy không bị Lời Đức Chúa Trời cấm, thế nhưng chúng lại gây ra những vấp phạm không cần thiết cho các Cơ Đốc nhân yếu đuối hơn. Tuy có thể chúng ta được quyền dự phần những việc đó, nhưng quyền lợi lớn hơn chính là từ bỏ quyền đó vì cơ ích lợi thuộc linh của những người mà chúng ta yêu thương họ trong Đấng Christ, tức những bạn cùng niềm tin của mình.

Thoạt nhìn, đoạn 9 dường như nêu một đề tài mới. Tuy nhiên, vấn đề thịt cúng thần tượng vẫn kéo dài tiếp tục suốt hai đoạn nữa. Ở đây Phaolô chỉ đi ra ngoài để để nêu tấm gương tự hy sinh của mình vì cơ ích lợi của người khác.

Ông sẵn lòng từ bỏ quyền nhận chu cấp tài chánh trong tư cách sứ đồ để làm đúng nguyên tắc đã nói trong 8:13. Vì vậy, đoạn này liên kết mật thiết với đoạn 8.

9:1 Như chúng ta biết, tại Còrintô có những người đang chất vấn thẩm quyền của Phaolô. Họ nói Phaolô không thuộc trong hàng mười hai sứ đồ, nên do đó không phải là **sứ đồ thật**. Phaolô phản kháng rằng ông được tự do đối với thẩm quyền của con người, ông là sứ đồ thật của Đức Chúa Jêsus. Ông căn cứ lời tuyên bố của mình trên hai sự thực. Trước hết, ông đã từng thấy Đức Chúa Jêsus là Chúa chúng ta trong sự phục sinh. Điều này xảy ra trên con đường đến Đamách. Ông cũng chỉ vào người Còrintô để làm bằng chứng cho quyền sứ đồ của ông bằng cách đặt câu hỏi: "**Anh em há chẳng phải là công việc lời trong Chúa sao?**" Nếu còn nghi ngờ gì về quyền sứ đồ của ông, họ nên tự tra xét nơi chính họ. Họ đã được cứu chưa? Dương nhiên họ sẽ bảo họ đã được cứu rồi. Ô, ai chỉ cho họ đến với Đấng Christ? Chính sứ đồ Phaolô! Do đó bản thân họ là bằng chứng ông là sứ đồ thật của Chúa.

9:2 Kẻ khác có thể không công nhận ông là sứ đồ, nhưng chắc chắn chính người Còrintô phải công nhận. Họ là **ấn tín của chức sứ đồ Phaolô trong Chúa**.

9:3 Có lẽ câu ba nói đến điều đi trước đó (chứ không phải chỉ về điều đi sau, như cách ngắt câu của NKJV). Phaolô đang nói rằng điều ông vừa nói chính là **lẽ bình vực của ông đối với kẻ**

kiện cáo mình, hay những người đang chất vấn thẩm quyền sứ đồ của ông.

9:4 Trong câu 4-14, sứ đồ luận đến quyền nhận chu cấp tài chánh với tư cách một sứ đồ của ông. Là người đã được chính Đức Chúa Jêsus Christ sai đi, Phaolô có quyền nhận tiền thù lao từ các tín hữu. Tuy nhiên, ông không luôn luôn đòi quyền này. Ông thường tự tay mình làm việc, may lẽu kiếm sống, để có thể rao giảng Tin Lành cách vô điều kiện cho những người nam nữ. Rõ ràng, những kẻ chỉ trích ông đã lợi dụng điều này, cho rằng lý do khiến ông không nhận chu cấp chính là vì ông biết mình không phải là sứ đồ thật. Ông giới thiệu đề tài này bằng cách đặt câu hỏi: "Chúng tôi há không có phép ăn uống sao? - tức là -- không cần phải làm việc để được quyền ăn uống sao? Chúng tôi không có quyền được Hội Thánh này chu cấp lương sao?"

9:5 Há không có phép dắt một người chị em làm vợ đi khắp nơi với chúng tôi như các sứ đồ khác cùng các anh em Chúa và Sêpha đã làm, hay sao? Có lẽ một số người chỉ trích rằng Phaolô không lập gia đình vì ông biết ông và vợ sẽ không có quyền nhận chu cấp của các Hội Thánh. Phiêrô và các sứ đồ khác đã lập gia đình, cũng như các anh em Chúa. Ở đây, sứ đồ đang nói ông sẽ có quyền kết hôn và hưởng lương của các Cơ Đốc nhân trả cho cả mình và vợ mình y như họ vậy. Cụm từ "dắt một người chị em làm vợ" không những nói đến quyền cưới vợ, mà còn quyền nhận chu cấp cho cả chồng và vợ. Các anh em Chúa có lẽ nói đến những người em

cùng mẹ khác cha thực sự của Ngài, hoặc có lẽ nói đến những anh em bà con của Ngài. Riêng một mình Kinh Thánh này không giải quyết được nan đề, đầu các câu Kinh Thánh khác cho thấy Mari thực sự đã có những người con khác sau Chúa Jêsus, là Con Đầu Lòng của bà (Luca 2:7; xem Mathiơ 1:25; 12:46; 13:55; Mác 6:3; Giăng 2:12; Galati 1:19).

9:6 Dường như Banaba, cũng như Phaolô, đã làm việc để chu cấp những nhu cầu vật chất của mình đang khi giảng Tin Lành. Phaolô hỏi có phải cả hai người đều không có quyền được dân sự của Đức Chúa Trời chăm sóc cho hay sao.

9:7 Vị sứ đồ căn cứ quyền đầu tiên của mình để đòi sự chu cấp tài chánh trên tám gương của các sứ đồ khác. Giờ đây ông quay sang một lập luận khác từ những sự thực của đời người. Người lính không ăn lương nhà mà ta tặn. Người trồng nho không bao giờ bị bắt buộc phải trồng mà không nhận được phần đến đáp từ trái nho của vườn. Cuối cùng, người chăn không bị buộc phải giữ bầy mà không nhận kèm theo quyền được ăn sữa của nó. Sự phục vụ Cơ Đốc cũng giống như chiến trận, canh tác và cuộc sống chăn bầy. Sự phục vụ ấy bao gồm chiến đấu chống kẻ thù, chăm sóc cây ăn quả của Đức Chúa Trời, và phục vụ với tư cách người chăn chiên của Ngài. Nếu quyền nhận chu cấp tài chánh được công nhận trong những nghề nghiệp này của trần gian, thì càng đáng phải được công nhận

nhiều hơn biết đường nào trong sự phục vụ Chúa!

9:8 Tiếp theo, Phaolô quay sang Cựu Ước tìm thêm bằng chứng hậu thuẫn ý của mình. Có phải ông chỉ căn cứ lập luận của mình trên những điều tầm thường của cuộc sống, như là chiến tranh, canh tác và chăn bầy? **Kính Thánh chẳng nói y như vậy sao?**

9:9 Kính Thánh nói rõ ràng trong Phục truyền Luật lệ Ký 25:4 rằng **chớ khép miệng con bò đang đập lúa**. Câu này muốn nói khi dùng sức vật thâu hoạch mùa màng, thì đáng phải cho sức vật được ăn một phần của mùa gặt. **Có phải Đức Chúa Trời lo cho bò sao?** Đức Chúa Trời thực sự có lo cho bò, nhưng Ngài không khiến viết những điều này trong Cựu Ước chỉ cốt vì cơ những con thú cảm lạnh. Ở đây có nguyên tắc thuộc linh để áp dụng vào đời sống và sự phục vụ của chúng ta.

9:10 Quả thật Ngài nói câu đó về chúng ta phải không? Câu trả lời là "Phải," Ngài đã nghĩ đến phúc lợi của chúng ta khi chép những lời này. Khi một người cày ruộng, thì phải cày ruộng với sự trông cậy nhận được khoản thù lao nào đó. Tương tự như vậy, khi một người đập lúa, người ấy phải có thể nhìn hướng tới một phần mùa gặt để đến đáp lại công lao. Sự phục vụ Cơ Đốc giống như cày và đập lúa, và Đức Chúa Trời truyền lệnh những ai dự phần vào các phương diện phục vụ Ngài như thế thì họ đừng bỏ tiền túi của mình ra mà phục vụ Ngài.

9:11 Phaolô nói chính mình đã gieo của thiêng liêng cho Cơ Đốc nhân tại Côrinthô. Nói cách khác, ông đã đến

Côrinthô rao giảng Tin Lành cho họ và dạy họ những chân lý thuộc linh quý báu. Vì vậy, nếu phải chăm sóc ông bằng chính tài chánh hay bằng của cải vật chất của họ để đến đáp lại, thì có phải là đòi hỏi quá nhiều không? Lập luận ấy là: "Tiền lương của người giảng đạo hết sức thấp so với giá trị những điều gì ông ban cho. Những ích lợi vật chất quá nhỏ bé so với các phúc hạnh thuộc linh"

9:12 Phaolô viết Hội Thánh tại Côrinthô đang chu cấp cho người khác, là người đang giảng hoặc dạy tại đó. Họ công nhận bốn phận này đối với người khác, nhưng không công nhận đối với sứ đồ Phaolô, vì vậy ông hỏi: **"Nếu người khác còn có quyền ấy trên anh em, hưởng chi là chúng tôi?"** Nếu họ công nhận quyền của người khác được nhận chu cấp tài chánh, vậy sao không công nhận chính ông - là cha của họ trong đức tin - cũng có quyền ấy. Rõ ràng một số người đang được chu cấp tài chánh kia chính là những giáo sư thiên về Do Thái giáo. Phaolô nói thêm, **dấu có quyền** ông vẫn không sử dụng quyền đó với người Côrinthô nhưng chịu đựng mọi sự hấu cho khối làm **ngăn trở Tin Lành của Đấng Christ**. Thay vì khẳng khái đòi quyền nhận lương từ nơi họ, ông chịu đựng mọi thiếu thốn và gian khó để Tin Lành khỏi bị ngăn trở.

9:13 Tiếp theo, Phaolô giới thiệu lập luận từ sự chu cấp những người phục vụ trong đền thờ Do Thái. Những người có bốn phận chính thức trong sự phục vụ đền thờ đều được nhận chu cấp từ khoản thu nhập của đền thờ. Theo ý

nghe này, họ đã sống nhờ vào của dâng trong đền thờ. Hơn nữa, chính những thầy tế lễ đang phục vụ nơi bàn thờ thì nhận được một phần nhất định từ của dâng đem đến nơi bàn thờ ấy. Nói cách khác, người Lêvi, cả người giữ những bốn phần tám thường quanh đền thờ, lẫn các thầy tế lễ, là người được giao phó bốn phần thiêng liêng hơn, thầy đều được chu cấp như nhau vì cơ sự phục vụ của họ.

9:14 Cuối cùng, Phaolô gửi thiệp mạng lệnh rõ ràng của chính Chúa. Chúa có **luyện ai rao giảng Tin Lành thì được nuôi mình bởi Tin Lành**. Đây sẽ là một mình bằng chứng quyết định cho quyền của Phaolô nhận chu cấp từ người Côrinthô. Nhưng điều này làm nảy sinh thắc mắc vì sao ông lại không kháng đòi họ chu cấp. Câu trả lời được nêu trong câu 15- 18.

9:15 Ông giải thích ông **chẳng** từng dùng **quyền** này chút nào, có nghĩa không kháng đòi những quyền hạn của mình. Giờ đây, ông cũng không viết những điều này để họ sẽ gởi tiền đến cho ông. Ông **hà** **chối** còn hơn là **chịu** ai **cất** đi cơ **khoe** mình này.

9:16 Phaolô nói ông không thể khoe mình đã rao giảng Tin Lành. Sự thôi thúc thiên thượng rằng **huộc** ông. Đây không phải là nghề nghiệp ông chọn cho mình. Ông đã được "vỡ vai" và ắt hẳn sẽ là con người khốn khổ nhất nếu không vâng theo mạng lệnh thiên thượng này. Điều này không có nghĩa sứ đồ không sẵn lòng rao giảng Tin Lành, nhưng đúng hơn, quyết định để giảng Tin Lành không ra từ chính ông, nhưng đến từ Chúa.

9:17 Nếu sứ đồ Phaolô rao giảng Tin Lành **cách vui lòng**, ông sẽ được những **phần** **thưởng** kèm với sự phục vụ như thế, tức là quyền được nhận tiền chu cấp. Trong suốt Cựu Ước và Tân Ước, Kinh Thánh dạy rõ ràng những người phục vụ Chúa được quyền nhận lấy sự chu cấp từ dân sự Chúa. Trong phần đoạn này, Phaolô không có ý nói ông là đầy tớ miễn cưỡng của Chúa, nhưng chỉ nói có sự ép buộc thiên thượng trong chức sứ đồ của ông. Ông tiếp tục nhấn mạnh điều này trong phần cuối câu 17. Nếu giảng đạo mà **không** **vui lòng**, tức là nếu ông giảng vì cơ một ngọn lửa đang thiêu đốt trong ông và không thể kiềm chế được để khỏi giảng, thì trước đó, ông vẫn được **giao** **phó** **chức** **quản** lý Tin Lành rồi. Ông là người hành động theo mạng lệnh, do đó không thể khoe mình trong việc ấy.

Phải thừa nhận câu 17 khó hiểu, thế nhưng dường như ý nghĩa chính là: Phaolô không đòi quyền nhận tiền trợ cấp của mình từ người Côrinthô vì chức vụ này không phải là nghề nghiệp chính ông chọn. Ông được đặt vào đó bởi bàn tay của Đức Chúa Trời. Các giáo sư giả tại Côrinthô có lẽ đòi quyền nhận chu cấp từ các thánh đồ, nhưng sứ đồ Phaolô sẽ tìm phần thưởng của mình ở nơi khác.

Knox dịch câu này như sau: "Tôi có thể đòi phần thưởng cho việc mình làm do chính sự lựa chọn của mình; nhưng khi bị ép buộc phải làm, thì tôi chỉ đang thi hành một sứ mạng."

Ryrie nhận định:

Phaolô không thể tránh khỏi trách nhiệm rao giảng Tin Lành, vì chức

quản gia (trách nhiệm) đã được giao phó cho ông và ông đang tuân lệnh để rao giảng cho đến không bao giờ được trả lương đi nữa (đôi chiếu Luca 17:10).²⁸

9:18 Vậy nếu ông không thể khoe mình nơi sự kiện ông rao giảng Tin Lành, vậy ông sẽ khoe mình về điều gì? Khoe về điều mà chính ông chọn lựa, tức là, **ông giảng Tin Lành của Đấng Christ không đòi lương.** Đây là điều ông có thể cương quyết thực hiện. Ông sẽ rao giảng Tin Lành cho người Côrintô, đồng thời tự kiếm sống, để làm sao không sử dụng trọn quyền nhận chu cấp của mình trong Tin Lành.

Để tóm tắt lập luận của vị sử đồ ở đây, ông đang phân biệt giữa bốn phạm bất buộc với điều tùy ý chọn lựa. Không hề có ý nói ông miễn cưỡng rao giảng Tin Lành. Ông rao giảng cách vui vẻ. Nhưng trên phương diện hết sức thực tế, đây là bốn phạm trọng đại đã giao trên ông. Do đó, khi thực thi bốn phạm ấy, chẳng có cơ gì để ông khoe mình. Khi rao giảng chắc ông đã có quyền đòi chu cấp tài chánh, nhưng thực sự ông không đòi; trái lại, ông quyết định rao giảng Tin Lành **cách nhưng không** (Bản Anh ngữ "không nhận tiền lương – without charge") cho người Côrintô. Vì đây là vấn đề ông tự chọn, nên ông sẽ khoe mình nơi điều này. Như chúng ta đã gợi ý, những người chỉ trích Phaolô đã tuyên bố ông làm nghề may trại chứng tỏ ông không xem mình là sử đồ thật. Ở đây, ông đã đem sự tự tức của mình ra chứng mình quyền sử đồ của ông là rất thực; trên thực tế, đó chính là một đặc tính rất cao quý.

Trong câu 19-22, Phaolô viện dẫn tám gương ông từ bỏ những quyền hợp pháp của mình vì cơ Tin Lành. Khi nghiên cứu phần này, điều quan trọng phải nhớ ấy là Phaolô không có ý nói ông đã từng hy sinh những nguyên tắc quan trọng của Kinh Thánh. Ông không tin mục đích biện minh cho phương tiện. Trong những câu này, ông đang nói những vấn đề không quan trọng về đạo đức. Ông đã điều chỉnh mình thích nghi với những phong tục và thói quen của những người ông đang làm việc với họ để có thể giúp họ sẵn sàng nghe Tin Lành. Nhưng ông không hề làm bất cứ điều gì nhằm thỏa hiệp chân lý của Tin Lành.

9:19 Trên một phương diện, ông được tự do đối với mọi người. Không ai có thể tỏ ra quyền hay thúc ép được ông. Thế nhưng ông đành phục mọi người để có thể chinh phục được nhiều người hơn. Nếu có thể nhượng bộ mà không hề hy sinh chân lý thiên thượng, ông sẽ nhượng bộ để chinh phục được nhiều linh hồn hơn về cho Đấng Christ.

9:20 Với người Giuđa, ông trở nên như mọi người Giuđa, để chinh phục được những người Giuđa. Nhưng không thể nói ông đã đặt mình trở lại dưới luật pháp của Môise để nhìn thấy người Do Thái được cứu. Ý nghĩa thực sự của câu nói này có thể được minh họa trong hành động Phaolô làm trong trường hợp phép cất bì của Timôthê và Tit. Trong trường hợp Tit, có những người khẳng khái quả quyết nếu Tit không chịu phép cất bì thì không thể được cứu. Nhận thấy đây là sự công kích trực diện vào Tin Lành án điển của Đức Chúa

Trời, Phaolô cương quyết không để Tít chịu cắt bì (Galati 2:3). Tuy nhiên, trong trường hợp Timôthê, dường như không liên can đến vấn đề đó. Do vậy, sứ đồ sẵn lòng để Timôthê chịu phép cắt bì nếu điều đó sẽ giúp càng nhiều người hơn nữa nghe Tin Lành (Công Vụ 16:3).

Với những người dưới quyền luật pháp, (đầu chính tôi chẳng ở dưới quyền luật pháp)²⁹ tôi cũng ở như kẻ dưới quyền luật pháp, hầu được những người dưới quyền luật pháp. Với những người dưới quyền luật pháp chỉ về người Do Thái. Nhưng Phaolô đã nói cách mình đối đãi với người Do Thái trong phần đầu của câu Kinh Thánh này rồi. Vậy tại sao ông lặp lại đề tài này ở đây? Người ta thường giải thích khi ông nói đến người Do Thái trong phần đầu câu, ông đang nói những phong tục quốc gia của họ, trong khi ở đây ông đang nói đến sinh hoạt tôn giáo của họ.

Cán giải thích vẫn tất ở đây. Là người Do Thái, Phaolô được sinh ra dưới luật pháp. Ông đã tìm cách nhận ơn của Đức Chúa Trời bằng tuân giữ luật pháp, nhưng thấy mình không làm nổi. Luật pháp chỉ bày tỏ cho ông thấy mình là tội nhân khốn nạn đến dường nào, và hoàn toàn định tội ông. Cuối cùng ông biết luật pháp không phải là con đường cứu rỗi, nhưng chỉ là phương cách của Đức Chúa Trời để bày tỏ cho con người biết tội lỗi và nhu cầu cần Đấng Cứu Thế. Sau đó, Phaolô tin cậy nơi Đức Chúa Jêsus Christ, và khi tin, ông được buông tha khỏi tiếng nói lên án của luật pháp. Hình phạt của luật pháp ông đã vi phạm nay được Đức Chúa Jêsus trả xong trên thập tự giá ở đồi Gôgôtha.

Sau khi hoàn cải, sứ đồ biết luật pháp không phải là con đường cứu rỗi, cũng không phải là quy tắc sống cho những người đã được cứu rỗi. Tin đó không ở dưới luật pháp nhưng ở dưới ân điển. Điều này không có nghĩa ông có thể đi ra làm gì tùy ý thích. Đúng hơn, điều này nói lên ý thức thật về ân điển của Đức Chúa Trời sẽ ngăn ông càng không muốn làm những việc đó nữa. Được Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong lòng, Cơ Đốc nhân được cất nhắc đến một bình diện cư xử mới. Giờ đây người khao khát sống cuộc đời thánh khiết, không do sợ hình phạt vì đã phạm luật pháp, nhưng do tình yêu đối với Đấng Christ là Đấng đã chết thay cho mình và đã sống lại. Dưới luật pháp, động cơ chính là sợ hãi, nhưng dưới ân điển, động cơ chính là tình yêu. Tình yêu là động cơ cao cả hơn gấp bội sự sợ hãi. Bởi tình yêu, người ta sẽ làm những việc họ không bao giờ làm do nỗi kinh hoàng.

Arnot nói:

Phương pháp Đức Chúa Trời ràng buộc linh hồn vào sự vâng lời nung tạt với phương pháp Ngài giữ cho các hình tình di trong quỹ đạo của chúng - tức là bằng cách lao chúng ra tự do ngoài đó. Bạn không nhìn thấy sợi xích nào giữ lại những thế giới chời sáng này để ngăn chúng đừng văng ra khỏi trung tâm của chúng. Chúng được giữ trong gọng kiềm của một nguyên tắc vô hình... Và chính bởi mỗi ràng buộc vô hình của tình yêu - tình yêu đối với Chúa là Đấng đã mua họ - mà những con người được chuộc đã được ràng buộc để sống có tiết độ, công bình và tín kính.³⁰

Với bối cảnh văn tắt này, chúng ta giờ đây quay lại với nửa cuối câu 20. (Dấu chính tội chẳng ở dưới quyền luật pháp), tôi cũng ở như kẻ dưới quyền luật pháp, hầu được những người dưới quyền luật pháp. Khi ở với dân Do Thái, Phaolô cư xử như một người Do Thái trong những vấn đề không quan trọng về đạo đức. Lấy ví dụ, ông ăn thức ăn mà người Do Thái ăn và kiêng những đồ ăn như thịt heo là thứ họ bị cấm ăn. Có lẽ Phaolô cũng kiêng cả làm việc trong ngày Sabát, vì nhận thấy nếu làm như vậy, Tin Lành có thể được dân tộc này sẵn lòng lắng nghe hơn.

Là một tín hữu được tái sanh trong Chúa Jêsus, sứ đồ Phaolô không phục ở dưới luật pháp như một quy tắc sống. Ông chỉ tự điều chỉnh mình với những phong tục, những thói quen và thành kiến của dân tộc này để có thể chinh phục họ về cho Chúa.

9:21 Ryrle viết:

Không phải Phaolô đang sống hai mặt hay sống nhiều mặt, nhưng đúng hơn ông đang làm chứng về tinh thần tự kỷ luật liên tục và có kiểm chế để có thể phục vụ mọi hạng người. Một dòng suối hẹp thì mạnh hơn một đầm lầy bao la thế nào, thì quyền tự do có kiểm chế dẫn đến lời làm chứng mạnh mẽ hơn cho Đấng Christ cũng thế ấy.³¹

Với những người không có luật pháp, Phaolô hành động như người không có luật pháp (dấu chính ông không phải là không luật pháp đối với Đức Chúa Trời, nhưng ở dưới luật pháp đối với Đấng Christ). Những người không luật pháp không nói đến những người nổi loạn hay người phạm pháp

không công nhận bất kỳ luật pháp nào, nhưng là lời mô tả tổng quát người ngoại bang. Nói đúng ra, luật pháp được ban cho dân Do Thái chứ không ban cho dân ngoại. Như vậy khi Phaolô ở với người ngoại bang, ông điều chỉnh mình thích nghi với những thói quen và cảm giác của người ngoại trong chừng mực ông có thể làm được và vẫn trung thành với Chúa. Sứ đồ giải thích rằng ngay cả khi ông hành động như thế với tư cách người không luật pháp, ông vẫn không phải là không luật pháp đối với Đức Chúa Trời. Ông không xem mình được tự do để làm tùy ý thích, nhưng ông ở dưới luật pháp đối với Đấng Christ. Nói cách khác, ông bị ràng buộc để yêu thương, tôn kính, phục vụ và làm đẹp lòng Chúa Jêsus, không phải bởi luật pháp của Môise, nhưng bởi luật pháp của tình yêu. Ông đã "bi đặt dưới luật pháp" đối với Đấng Christ. Chúng ta có câu tục ngữ "nhập gia tùy tục." Ở đây Phaolô đang nói rằng khi ở với người ngoại bang, ông điều chỉnh mình thích nghi với cung cách sống của họ trong chừng mực có thể điều chỉnh nhất quán như thế mà vẫn trung thành với Đấng Christ. Nhưng chúng ta phải nhớ phần đoạn này chỉ để cập đến những vấn đề văn hóa chứ không phải những vấn đề giáo lý hay đạo đức.

9:22 Câu 22 nói về những người yếu đuối hay những người dấn đo quá đáng. Họ nhạy cảm quá đáng về những vấn đề thực sự không quan trọng cơ bản. Đối với người yếu đuối, Phaolô trở nên³² như người yếu đuối, để có thể chinh phục được người yếu đuối. Ông sẽ làm một người chuyên ăn rau thay vì ăn

thật để khỏi gây vấp phạm cho họ. Nó tóm lại, Phaolô đã trở nên mọi cách cho mọi người, để cứu chuộc được một vài người không cứ cách nào. Đừng bao giờ dùng những câu này biện minh cho việc hy sinh nguyên tắc của Thánh Kinh. Những câu này chỉ mô tả sự sẵn sàng điều chỉnh thích nghi với các phong tục và thói quen của những người ấy để có thể khiến họ lắng nghe Tin Lành cứu rỗi. Khi Phaolô nói để cứu được một vài người không cứ cách nào, ông không hề nghĩ mình có thể cứu người khác, vì ông nhận thấy Chúa Jêsus là Đấng duy nhất có thể cứu rỗi. Đồng thời, thật tuyệt vời khi thấy những người phục vụ Đấng Christ trong Tin Lành được gắn bó không khít với Ngài đến nỗi thậm chí Ngài cho phép sử dụng tứ ngữ cứu để mô tả công tác họ đang dự phần. Điều này khiến chức vụ rao giảng Tin Lành được tôn cao, trở nên cao quý và quan trọng biết dường nào!

Câu 23-27 mô tả hiểm họa dành mất phần thưởng vì thiếu tinh thần tự kỷ luật. Đối với Phaolô, không nhận trợ giúp tài chính từ người Côrintô chính là một hình thức kỷ luật nghiêm ngặt.

9:23 Mọi điều tôi làm, thì làm vì cơ Tin Lành, hầu cho lời cũng có phần trong đó (Bản Anh ngữ thêm chữ "với anh em"). Trong những câu trước, Phaolô đang mô tả ông nên những quyền lợi và ước muốn của mình như thế nào trong công việc Chúa. Vì sao ông làm như vậy? Ông làm như vậy vì cơ Tin Lành, để được dự phần vào những chiến thắng của Tin Lành trong ngày hầu đến.

9:24 Rõ ràng khi sử đồ viết những lời trong câu 24, ông đang nhớ đến những trận thi đấu ở vùng Eo Biển được tổ chức không xa Côrintô. Các tín hữu Côrintô rất quen với những cuộc thi đấu điền kinh này. Phaolô nhắc họ nhớ tuy rất nhiều người chạy thi nơi đường đua, nhưng không phải mọi người đều nhận giải thưởng. Cuộc đời Cơ Đốc giống như một cuộc chạy đua. Đòi hỏi phải có tinh thần tự kỷ luật. Đòi hỏi phải có nỗ lực căng thẳng rã sức. Đòi hỏi phải xác định rõ mục đích. Tuy nhiên, câu này không gợi ý trong cuộc chạy đua Cơ Đốc, chỉ duy nhất một người có thể đoạt giải. Câu này chỉ dạy chúng ta hết thảy nên chạy như những người đoạt giải. Chúng ta hết thảy nên thực hành cùng một sự tự bỏ mình như chính sử đồ Phaolô. Đương nhiên, giải thưởng ở đây không phải là sự cứu rỗi, nhưng là phần thưởng dành cho sự phục vụ trung tín. Không có nơi nào nói sự cứu rỗi là kết quả cho lòng trung tín chạy đua của chúng ta. Sự cứu rỗi là món quà vô điều kiện của Đức Chúa Trời đến bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

9:25 Giờ đây Phaolô đổi hình ảnh từ chạy đua sang đấu vật. Ông nhắc đọc giả nhớ hết thảy những người đua tranh trong những cuộc thi đấu, tức là người đấu vật, đều tự kiểm chế trong mọi sự. Một lần kia lực sĩ đấu vật hỏi huấn luyện viên của mình: "Tôi không thể vừa hút thuốc, uống rượu và có thời kỳ vui vẻ vừa vẫn thi đấu vật được sao?" Huấn luyện viên trả lời: "Được chứ, anh cố thể, nhưng không thể chiến thắng!" Khi Phaolô nghĩ đến những người lực sĩ

trong các môn thi, ông thấy người chiến thắng bước lên nhận phần thưởng. Phần thưởng đó là gì? Đó là **mào triều thiên hay hư nát**, một vòng hoa hay một vòng lá sớm héo tàn. Nhưng để so sánh, ông đề cập đến **mào triều thiên không hay hư nát** làm phần thưởng cho mọi người nào trung tín phục vụ Đấng Christ.

Chúng con tự tin Chúa về mào miện

Mào miện vinh hiển và mào miện sự sống:

Chúng phải là vòng hoa láo lào tội nghiệp của trần gian.

Giải thưởng của con người trong cuộc đấu của loài hay chết:

Đây là mào miện không hay hư nát cũng như Ngôi

Nước của Đức Chúa Trời chúng ta và

Con nhập thể của Ngôi

- Horatius Bonar

9:26 Do đó, với mào miện không thể hư nát này, Phaolô nói ông **chạy không phải là chạy bả vợ** (Bản Anh ngữ ghi là "không phải là không biết chắc chắn - not with uncertainty"), và **đánh chẳng phải là đánh gió**. Sự phục vụ của ông không hề vô mục đích, cũng không hề thiếu hiệu năng. Ông đã có mục đích rõ ràng trước mắt, và ý định của ông là mỗi hành động đều phải có giá trị. Không được phép phí phạm thời gian hay sức lực. Vì sứ đồ không hề thích trống đích hú họa.

9:27 Thay vào đó, ông tự kỷ luật thân thể, bắt nó phải phục, kềm sau khi giảng dạy kẻ khác, chính mình ông lại có thể bị khước từ hay **không đủ tư cách**. Trong nếp sống Cơ Đốc, bắt buộc

phải có tự kiểm chế, cần phải có điều độ, cần kỷ luật. Chúng ta phải tự kiểm soát mình.

Sứ đồ Phaolô nhận thấy có một khả năng đáng sợ là sau khi **giảng cho người khác**, chính mình ông có thể bị bỏ. Đã có tranh luận đáng kể về ý nghĩa của câu này. Có người cho câu này dạy một người có thể được cứu rồi sau đó mất sự cứu rồi. Nhưng nhĩên, điều này mâu thuẫn với đại bộ phận giáo huấn trong Tân Ước cho rằng không một con chiên thật nào của Đấng Christ sẽ hư mất.

Người khác nói từ ngữ được dịch là "bị bỏ"³³ là một từ rất mạnh và nói đến sự đoán phạt đời đời. Tuy nhiên, họ giải nghĩa câu này có nghĩa Phaolô không dạy rằng một người từng được cứu lại có thể bị bỏ, nhưng chỉ bảo người nào không chịu tự kỷ luật bản thân thì ngay từ đầu đã chưa bao giờ được cứu thực sự. Nghĩ đến các giáo sư giả và cách họ buông mình vào mọi đam mê và ham muốn, Phaolô nêu ra nguyên tắc chung là nếu không bắt phục thân thể mình thì đây là bằng chứng cho thấy chưa bao giờ thực sự được tái sanh; và dấu có thể giảng cho người khác, chính mình người cũng sẽ bị bỏ.

Lối giải thích thứ ba cho rằng ở đây Phaolô không hề nói đến sự cứu rồi, nhưng nói đến sự phục vụ. Ông không gợi ý rằng mình bị hư mất, nhưng có thể không chịu đựng được thử nghiệm đối với sự phục vụ của mình và có thể bị khước từ để không gặt được giải thưởng. Lối giải thích này phù hợp chính xác với nghĩa của từ ngữ "bị bỏ" và văn mạch thì dấu điển kinh. Phaolô công nhận một khả năng kinh khiếp là:

sau khi đã giăng dây kẻ khác, chính mình ông có thể bị Chúa xếp vào xô và không còn được Ngài sử dụng nữa.

Đầu trường hợp nào đi nữa, đây vẫn là phần đoạn cực kỳ nghiêm trọng và đáng phải khiến mỗi người nào tìm cách phục vụ Đức Chúa Jesus Christ phải tra xét sâu xa lòng mình. Mỗi người phải xác định rằng bởi ân điển của Chúa, mình sẽ không bao giờ phải học hỏi ý nghĩa từ ngữ này bằng chính kinh nghiệm. Khi Phaolô đang nghĩ đến lẽ chết yếu phải tự kiểm chế, gương người Ysraên xuất hiện trước mắt ông. Trong đoạn 10, ông nhớ lại họ đã trở nên tự buông thả và bất cẩn như thế nào trong việc kỷ luật thân thể họ, để bởi đó trở nên bị loại ra và bị phản đối.

Trước hết, ông nói những đặc ân của Ysraên (câu 1-4); sau đó nói về hình phạt của Ysraên (câu 5); và cuối cùng những nguyên nhân khiến Ysraên thất bại (câu 6-10). Tiếp theo, ông giải thích những vấn đề này áp dụng thế nào cho chúng ta (câu 11-13).

10:1 Vị sứ đồ nhắc người Côrintô nhớ **hết thầy tổ phụ** của người Do Thái **đều đã ở dưới đám mây và hết thầy đều đi ngang biển**. Điểm nhấn mạnh nhằm vào từ ngữ "đều" (Bản Anh ngữ là chữ "hết thầy - all"). Ông đang nhớ lại thời kỳ họ được giải thoát khỏi xứ Êđiptô và phương cách được dẫn dắt thật kỳ diệu bởi trụ **mây** ban ngày, **trụ lửa** ban đêm. Ông đang nhớ lại lúc họ vượt qua Biển Đỏ và thoát vào đồng vắng. Về những đặc ân này, **hết thầy họ đều được hưởng sự dẫn dắt thiên thượng và sự giải cứu thiên thượng**.

10:2 Không phải chỉ chừng đó thôi, nhưng **hết thầy đều chịu Mỗise làm phép báp têm** (Bản Anh ngữ "được làm phép báp têm vào Mỗise") **trong đám mây và dưới biển**. "Được làm báp têm vào Mỗise" có nghĩa được đồng nhất hóa với ông và công nhận quyền lãnh đạo của ông. Khi Mỗise dẫn con cái Ysraên ra khỏi Êđiptô tiến vào đất hứa, toàn bộ dân tộc Ysraên trước hết tuyên hứa trung thành với Mỗise và công nhận ông là vị cứu tinh do Đức Chúa Trời bổ nhiệm. Người ta cho rằng cụm từ "trong đám mây" nói đến điều gần bó họ với Đức Chúa Trời, và cụm từ "dưới biển" mô tả điều đã phân rẽ họ khỏi Êđiptô.

10:3 **Hết thầy họ đều ăn một thức ăn thiêng liêng**. Câu này nói đến ma na được ban bởi phép lạ cho dân Ysraên khi họ đi ngang qua đồng vắng. Cụm từ "thức ăn thiêng liêng," không có nghĩa đây là thức ăn phi vật chất. Cũng không có nghĩa là thức ăn vô hình hay không thực tế. Đúng hơn, "thiên liêng" chỉ có nghĩa thức ăn và vật chất này làm hình bóng hay hình ảnh về sự bổ dưỡng tâm linh, và tác giả chủ yếu nghĩ đến thực tại thuộc linh. Cũng có thể bao gồm cả ý xem thức ăn này được ban cho cách siêu nhiên.

10:4 Qua suốt mọi hành trình của họ, Đức Chúa Trời đã ban nước cho họ uống cách kỳ diệu. Đây là nước thật, nhưng một lần nữa được gọi là "thức uống thiêng liêng" theo ý nghĩa đây là hình bóng về sự làm tươi tỉnh tâm linh, và được ban phát cách kỳ diệu. Họ chắc đã phải chết khát nhiều lần nếu Chúa không ban cho họ thức uống này cách

kỳ diệu. Cụm từ họ uống nơi một hòn đá liêng liêng theo mình không nói đến một hòn đá vật chất theo nghĩa đen đã đi đằng sau họ đang khi họ đi đường. Hòn Đá biểu thị con sông tuôn ra từ hòn đá đó và đi theo dân Ysraên. Đá đó là Đấng Christ theo ý nghĩa Ngài là Đấng đã ban đá đó và là Đấng được đại diện bởi hòn đá ấy để ban nước sống cho dân sự Ngài.

10:5 Sau khi kể tỉ mỉ mọi đặc ân tuyệt diệu của người Ysraên, giờ đây sự đồ phải nhắc người Côrinthô như phần nhiều trong vòng dân Ysraên không đẹp lòng Đức Chúa Trời, nên đã ngã chệch nơi đồng vắng. Dấu toàn bộ dân Ysraên ra khỏi Êđiptô và hết thầy đều tuyên bố một lòng một ý với lãnh tụ của họ là Môise, thế nhưng sự thật đáng buồn ấy là dấu thân thể của họ ở trong đồng vắng, mà lòng của họ vẫn ở lại xứ Êđiptô. Họ được hưởng sự giải cứu thuộc thể khỏi ách nô lệ cho Pharaôn, thế nhưng vẫn ham muốn những lạc thú tội lỗi của đất nước đó. Trong số toàn bộ những chiến binh trên hai mươi tuổi đã ra khỏi Êđiptô, chỉ có hai người – là Calép và Giôsue – đoạt được giải thưởng – họ đã đến được Đất Hứa. Xác số người còn lại ngã gục nơi đồng vắng để làm bằng chứng họ đã khiến Đức Chúa Trời không đẹp lòng.

Để ý sự tương phản giữa chữ "hết thầy" trong bốn câu đầu với chữ "phần nhiều" trong câu 5. Hết thầy họ đều được hưởng đặc ân, nhưng phần nhiều trong vòng họ đã hư mất. Godet thận trọng:

Sự đồ đưa ra trước mắt những người Côrinthô tự mãn một quang

cảnh ngọan mục biết bao: toàn bộ những thi thể đó, vốn đã thỏa thế những thức ăn thức uống như phép lạ ban phát, đang vương vãi trên đất đồng vắng!³⁴

10:6 Trong những biến cố xảy ra thời Xuất Êđiptô Ký, chúng ta thấy sự dạy dỗ áp dụng cho chính mình. Con cái Ysraên thực sự là những tấm gương cho chúng ta, cho thấy điều sẽ xảy ra cho chúng ta nếu chúng ta cũng buông mình theo linh dục xấu như họ đã làm. Khi đọc Cựu Ước, chúng ta đừng đọc như thể đó chỉ là lịch sử, nhưng như chứa đựng những bài học quan trọng hết sức thực tế cho đời sống chúng ta ngày nay.

Trong những câu tiếp theo, sự đồ sẽ liệt kê một số những tội lỗi cụ thể mà dân Ysraên đã buông mình vào. Điều đáng lưu ý là phần lớn những tội lỗi này đều liên hệ đến sự làm thỏa mãn những ham muốn của thể xác.

10:7 Câu 7 nói đến việc thờ lạy bò con vàng và bữa tiệc tiếp sau đó, như được ghi lại trong Xuất Êđiptô Ký 32. Khi Môise từ trên núi Sinai đi xuống, ông thấy dân sự đã làm một bò con vàng và đang thờ lạy nó. Chúng ta đọc được trong Xuất Êđiptô Ký 32:6 dân sự ngồi mà ăn uống rồi đứng dậy mà chơi giỡn – tức là nhảy múa – thể nào.

10:8 Tội lỗi được đề cập trong câu 8 nhắc đến lúc con trai Ysraên cười con gái Môáp (Dân số Ký 25). Bị tiên tri Balaam dẫn dụ, họ không vâng lời Chúa và sa vào tội gian dâm. Chúng ta thấy câu 8 ghi trong một ngày có hai vạn ba ngàn người bị bỏ mạng. Trong Cựu Ước, Kinh Thánh nói hai mươi bốn ngàn

người chết trong một tai vạ (Dân số Ký 25:9). Những nhà phê bình Kinh Thánh thường dùng điều này để cố chứng tỏ Kinh Thánh mâu thuẫn. Nếu đọc bản văn kỹ hơn, họ sẽ thấy không có mâu thuẫn nào cả. Ở đây chỉ đơn giản nói hai mươi ba ngàn người ngã chết trong một ngày. Trong Cựu Ước, con số hai mươi bốn ngàn mô tả toàn bộ số người chết trong tai vạ này.

10:9 Kế tiếp, Phaolô ám chỉ đến lúc người Ysraên lâm bảm về thức ăn và tổ lông nghi ngờ sự nhân lành của Chúa. Lúc đó, Đức Chúa Trời sai rắn đến giữa họ và nhiều người chết (Dân số Ký 21:5, 6). Một lần nữa lại thấy thỏa mãn cái ăn đã dẫn đến sự sa sút của họ.

10:10 Tội lỗi của Côrê, Đathan và Abiram được nói đến ở đây (Dân số Ký 16:14-47). Một lần nữa họ lại lâm bảm với Chúa về tình hình thức ăn (Dân số Ký 16:14). Người Ysraên không tự chủ về thân thể của họ. Họ không kỷ luật thân thể cũng không bắt nó phải phục. Trái lại, họ lo chu cấp những tham muốn của xác thịt, và điều đó dẫn đến sự suy sụp của họ.

10:11 Ba câu kế tiếp đưa ra ứng dụng thực tiễn của những biến cố này. Trước hết, Phaolô giải thích ý nghĩa của những biến cố này không giới hạn trong giá trị lịch sử của chúng. Chúng còn ý nghĩa quan trọng cho chúng ta ngày nay. **Những sự ấy được viết ra để cảnh cáo chúng ta là những người đang sống sau khi kết thúc thời đại Do Thái và sống trong thời đại Tin Lành, như Kendall Harris nói rất rõ: "Cho chính chúng ta, là người nhận những nguồn đầu tư lưu truyền từ các thời đại quá khứ."**

10:12 Chúng hợp thành lời cảnh cáo người tự tin: **Vậy thì, ai tưởng mình đừng hãy giữ kẻo ngã.** Có lẽ câu này đọc biệt nói đến những tín hữu mạnh mẽ, là người nghĩ mình có thể đua đòi để tự làm thỏa mãn bản thân mà không sợ bị ảnh hưởng. Người như thế đang gặp nguy cơ lớn lao nhất là sa vào bàn tay sửa phạt của Đức Chúa Trời.

10:13 Nhưng rồi Phaolô nói thêm lời an ủi tuyệt vời cho người đang chịu cảm dỗ. Ông dạy rằng những thử nghiệm, thử thách và cảm dỗ trước mặt chúng ta đều chẳng có cảm dỗ nào quá sức loài người (Bản Anh ngữ ghi là "thầy đều là tâm thương phổ thông cho mọi người"). Tuy nhiên, **Đức Chúa Trời là thành lín, Ngài chẳng hề cho chúng ta bị cảm dỗ quá sức mình đâu.** Ngài không hứa giải thoát chúng ta khỏi cảm dỗ thử thách, nhưng Ngài có hứa giới hạn cường độ cảm dỗ. Ngài còn hứa thêm sẽ **mở đường cho ra khỏi, để chúng ta có thể chịu được.** Khi đọc câu này, không thể nào không sống sót trước sự yên ủi lớn lao do câu này đem lại cho những thành đồ của Đức Chúa Trời đang chịu thử thách trải bao thế kỷ. Những tín hữu non trẻ bám vào câu Kinh Thánh này như chiếc phao cứu sinh, và những tín hữu lớn tuổi hơn đã nương tựa trên câu Kinh Thánh này như dựa vào gối vậy. Có lẽ một số độc giả của Phaolô vào lúc này đang bị cảm dỗ dữ dội để sa vào thờ lạy hình tượng. Phaolô an ủi họ bởi ý tưởng Đức Chúa Trời sẽ không để bất kỳ sự cảm dỗ nào vượt quá sức chịu đựng xảy đến cho họ. Đồng thời, họ phải được bảo trước đừng nên phơi mình trước cảm dỗ.

10:14 Phần từ 10:14-11:1 quay về giải quyết cụ thể hơn để tài thật đáng làm của cúng cho thần tượng. Trước hết, Phaolô đề cập câu hỏi liệu tín hữu có nên dự những bữa tiệc trong các đền thờ tà thần không (câu 14-22).

Hỡi kẻ yêu dấu của tôi, vậy nên hãy tránh khỏi sự thờ lạy hình tượng. Có lẽ thử thách thật sự đối với tín hữu tại Côrintô chính là được mời dự tiệc cúng tế tà thần tại một trong những đền miếu đó. Có lẽ vài người cảm thấy họ dư sức vượt trên cám dỗ. Có lẽ họ còn nói chắc chắn chẳng tổn hại gì nếu chỉ đến đó một lần thôi. Lời khuyên được soi dẫn của sứ đồ ấy là: **Hãy tránh khỏi sự thờ lạy hình tượng.** Ông không bảo hãy nghiên cứu nó, làm quen nó kỹ hơn, hay đùa giỡn với nó bằng bất cứ phương cách nào. Họ phải chạy ngược chiều lại với nó.

10:15,16 Phaolô biết ông đang nói với những người thông minh, là người có thể hiểu ông đang nói gì. Trong câu 16, ông đang nói đến Tiệc Thánh của Chúa. Ông nói trước hết: "**Cái chén phước lành mà chúng ta chúc phước, há chẳng phải là hồng với huyết của Đấng Christ sao?**" Chén phước lành nói đến chén nước nho được dùng trong Lễ Tiệc Thánh. Đây là chén nói đến phước lành lớn lao đã đến cho chúng ta thông qua sự chết của Đấng Christ; do đó được gọi là chén phước lành. Cụm từ mà chúng ta dâng lên lời tạ ơn." Khi cầm chén đưa lên môi, trên thực tế chúng ta đang nói mình là những người dự phần hết thấy các ích lợi phát lưu từ dòng huyết của

Đấng Christ. Do đó, chúng ta có thể diễn ý câu này như sau:

Cái chén nói về phước hạnh lớn lao đã đến với chúng ta qua dòng huyết của Đức Chúa Jesus, và cũng là chén chúng ta dâng lời tạ ơn nhận lãnh, chén đó còn gì khác hơn là lời làm chứng cho sự kiện hết thấy tín hữu đều là người dự phần các ích lợi từ dòng huyết của Đấng Christ?

Điều đó cũng đúng cho **chiếc bánh chúng ta bẻ ra**, tức là ổ bánh trong Lễ Tiệc Thánh. Khi chúng ta ăn bánh, trên thực tế chúng ta nói mình thấy đều được cứu nhờ Đấng Christ đã dâng thân thể Ngài trên thập tự giá ở Gôgôtha, và bởi đó chúng ta được trở nên chi thể trong Thân Ngài. Nói ngắn gọn, chén và bánh nói đến sự thông công với Đấng Christ, về việc dự phần chức vụ vinh hiển của Ngài dành cho chúng ta.

Người ta đã thắc mắc vì sao huyết lại được đề cập trước trong câu này, trong khi lúc Chúa thiết lập Lễ Tiệc Thánh, bánh được đề cập trước. Câu trả lời khả dĩ ấy là ở đây Phaolô đang nói đến thứ tự của các biến cố khi chúng ta được bước vào trong mối thông công Cơ Đốc. Thông thường, một tín hữu hiểu giá trị của huyết Đấng Christ trước khi nhận ra chân lý về một thân thể duy nhất. Do đó, câu này có thể nêu thứ tự để chúng ta hiểu về sự cứu rỗi.

10:17 Hết thấy mọi tín hữu, **đều có nhiều, cũng chỉ một thân thể trong Đấng Christ**, được đại diện bởi **một ổ bánh**. Hết thấy đều có phần chung trong **một cái bánh** theo ý nghĩa hết thấy đều được thông công trong những ích lợi phát lưu từ việc dâng thân thể của Đấng Christ.

10:18 Điều Phaolô đang nói trong câu này ấy là: **Ăn tại bàn Tiệc Thánh của Chúa biểu thị sự thông công với Ngài.** Điều này cũng đúng cho những người Ysraên nào **ăn con sinh lễ.** Điều này có nghĩa họ được thông công với bàn thờ. Rõ ràng, điều này nói đến của lễ thờ ăn. Dân chúng đem của lễ của họ đến đền thờ. Một phần của dâng dùng lửa thiêu trên bàn thờ; phần kia dành cho các thầy tế lễ, nhưng phần thứ ba được biệt riêng ra cho người dâng và các bạn hữu. Họ ăn của dâng này trong cùng ngày đó. Phaolô đang nhấn mạnh mọi người nào ăn của tế lễ dâng lên thì chính họ đã liên hiệp với Đức Chúa Trời và với dân sự Ysraên, và nói ngắn gọn, với toàn bộ những gì mà **bàn thờ** nói ra.

Nhưng điều này phù hợp thế nào với phần Kinh Thánh chúng ta đang nghiên cứu? Câu trả lời rất đơn giản. Việc ăn Tiệc Thánh nói đến sự thông công với Chúa thế nào, và dân Ysraên trong việc ăn của lễ thờ ăn nói đến mối thông công với bàn thờ của Đức Giêhôva thế nào, thì việc ăn tại lễ cũng thần tượng trong đền miếu cũng nói đến mối thông công với thần tượng thế ấy.

10:19 Nói vậy có ý chi? Của cúng thần tượng có giá trị gì và thần tượng có ra gì chẳng? Có phải Phaolô muốn hàm ý qua toàn bộ câu này rằng thật đáng cho thần tượng đã thay đổi đặc điểm hay phẩm chất của nó không? Hay ông muốn nói thần tượng là có thật, nó biết nghe, thấy và có quyền năng? Hiển nhiên câu trả lời cho cả hai câu hỏi trên đều là "không."

10:20 Điều Phaolô muốn nhấn mạnh ấy là: **Những đấng người ngoại đạo cúng lễ là cúng tế các quỷ.** Bằng một phương cách kỳ lạ và mầu nhiệm nào đó, việc thờ lạy hình tượng được liên kết với ma quỷ. Khi sử dụng các thần tượng, ma quỷ kiểm soát lòng và trí của những người thờ phượng chúng. Có một ma quỷ, là Satan, nhưng có rất nhiều quỷ là sứ giả và tác nhân của nó. Phaolô nói thêm: **"Tôi không muốn anh em thông đồng với các quỷ."**

10:21 Anh em chẳng có thể uống chén của Chúa và cũng uống chén của các quỷ; chẳng có thể dự tiệc của Chúa, lại dự tiệc của các quỷ. Trong câu này, **chén của Chúa** là cụm từ nghĩa bóng để mô tả các ích lợi đến cho chúng ta thông qua Đấng Christ. Đây là một biện pháp tu từ gọi là phép hoán dụ, trong đó vật chứa đựng được dùng để biểu thị vật được chứa đựng. Tương tự, cụm từ **bàn tiệc của Chúa** là cách diễn tả tu từ. **Bàn tiệc không phải là một với Tiệc Thánh của Chúa,** dầu vậy có thể bao gồm cả Tiệc Thánh của Chúa. Bàn là vật dụng để bày biện thức ăn và nơi thưởng thức sự thông công. Ở đây, **bàn tiệc của Chúa** nói lên toàn bộ lượng các phúc hạnh mà chúng ta được hưởng trong Đấng Christ.

Khi Phaolô nói anh em **chẳng có thể uống chén của Chúa và cũng uống chén của các quỷ;** anh em **chẳng có thể dự tiệc của Chúa, lại dự tiệc của các quỷ,** ông không có ý nói đây là điều không thể có về mặt thuộc thể. Lấy ví dụ, vẫn có khả năng về mặt thuộc thể cho tín hữu đến đến thờ là thần và dự tiệc tại

đó. Nhưng điều Phaolô muốn nói ở đây ấy là điều ấy sẽ không nhất quán về đạo đức. Sẽ là hành động phản bội và bất trung với Chúa Jêsus khi một mặt tuyên bố trung thành hay tuyên thệ trung thành với Ngài, rồi lại đi thông công với những người dâng của tế lễ cho các hình tượng. Điều đó là không phải lễ về mặt đạo đức và hoàn toàn sai quấy.

10:22 Không những thế, mà còn không thể làm điều này mà không **trêu lòng Chúa ghen**. Đúng như William Kelly nói: "Tình yêu thương không thể nào không ghen tuông với những cảm tình tan man, sẽ không phải là tình yêu nếu không nổi giận trước sự không chung thủy."³⁵ Cơ Đốc nhân nên sợ làm buồn lòng Chúa như thế, sợ trêu chọc sự phẫn nộ công bình của Ngài. Chúng ta có nghĩ mình **manh hơn Ngài** không? Có nghĩa, chúng ta có dám làm buồn lòng Ngài và liêu lỉnh chuốc lấy sự đoán phạt sửa trị của Ngài trên chúng ta không?

10:23 Sự đó chuyển để tài dự tiệc cúng tế thần tượng sang một số những nguyên tắc chung đáng phải chi phối Cơ Đốc nhân trong nếp sống hằng ngày của họ. Khi nói **mọi sự đều có phép làm**, ông không có ý bảo "mọi sự" theo ý nghĩa tuyệt đối. Lấy ví dụ, ông không đời nào ám chỉ ông có phép phạm tội sát nhân hay say rượu! Một lần nữa ở đây, chúng ta phải hiểu cụm từ này chỉ nói đến những vấn đề không quan trọng về đạo đức. Trong đời sống Cơ Đốc có một lãnh vực rất lớn mà nơi đó có những việc bản thân chúng vốn hoàn toàn hợp pháp, thế nhưng vẫn còn

những nguyên do khác khiến Cơ Đốc nhân sẽ trở nên thiếu khôn ngoan nếu dự phần vào. Vì vậy Phaolô nói: "**Mọi sự có phép làm, nhưng chẳng phải mọi sự đều có ích**." Lấy ví dụ, có thể một tín hữu hoàn toàn có phép làm một vấn đề nào đó, thế nhưng lại hoàn toàn thiếu khôn ngoan khi xét đến những tập quán dân tộc của dân chúng nơi ông đang cư trú. Cũng vậy, có những điều bản thân chúng hợp pháp nhưng có thể không gây dựng đức tin, tức là một vấn đề nào đó có thể không gây dựng anh em trong đức tin rất thành của người ấy. Vậy tôi nên cứ khăng khăng đòi hỏi những quyền lợi riêng của mình, hay nên xem xét đâu là điều sẽ giúp ích cho anh em mình trong Đấng Christ?

10:24 Trong mọi quyết định của chúng ta, chúng ta đừng nên ích kỷ cứ nghĩ đến những thứ sẽ đem lại ích lợi cho riêng mình, nhưng trải lại chúng ta thả nghĩ việc nào sẽ đem lại **ích lợi** cho người lân cận mình. Nguyên tắc chúng ta đang nghiên cứu trong phần này có thể áp dụng rất tốt cho những vấn đề ăn mặc, thức ăn uống, tiêu chuẩn sống, mức sống, và những thú giải trí chúng ta dự phần vào.

10:25 Nếu tín đồ đến **hàng thịt** để mua thịt, thì không bị buộc phải hỏi người bán xem thịt này có dâng cho thần tượng chưa. Bản thân thịt đó sẽ không bị ảnh hưởng bằng bất kỳ hình thức nào, vì vậy sẽ không liên quan gì đến lòng trung thành với Đấng Christ.

10:26 Khi giải thích lời khuyên này, Phaolô trích lời Thithiên 24:1: "**Đất và mọi vật trong đất đều thuộc về Đức**

Giêhôva. Ý chính ở đây là: thật chúng ta ăn đã được Chúa cung cấp rộng rãi cho chúng ta với ý định cụ thể cho sử dụng. Heinrich cho chúng ta biết những từ ngữ từ Thithiên 24 này được sử dụng rất phổ thông giữa vòng người Do Thái để làm lời cầu nguyện tạ ơn lại bữa ăn.

10:27 Giờ đây Phaolô giải quyết một tình huống khác mà có lẽ khiến tín hữu nêu nhiều thắc mắc. Giả sử người tin Chúa mời một tín hữu đến nhà ăn tối. Cơ Đốc nhân có được tự do nhận lời mời như thế không? Có chứ. Nếu được mời đến dự bữa ăn tại nhà của người không tin và bạn muốn đi, thì bạn có quyền tự do "không cử họ dọn ra đồ gì, hãy ăn đi hết thảy, đừng vì cơ lương tâm mà hỏi chi hết."

10:28 Nếu đang bữa ăn, một Cơ Đốc nhân khác có mặt, và đó là người có lương tâm yếu đuối và bảo cho bạn biết món thịt bạn đang ăn đã được dâng làm của cúng, bạn có nên ăn món đó không? Không. Bạn đừng nên ăn uống thỏa thích, vì khi làm như vậy, có thể gây vấp phạm cho người kia và làm tổn thương lương tâm của người. Bạn cũng đừng nên ăn nếu sẽ cản trở người chưa tin Chúa tiếp nhận Chúa qua hành động này. Đến cuối câu 28, Thithiên 24:1 được trích dẫn một lần nữa: "Đất và mọi vật chứa trong đất đều thuộc về Chúa" (trong Bản Anh ngữ)³⁰

10:29 Trong trường hợp vừa trưng dẫn, bạn sẽ không kiêng ăn vì cơ lương tâm của chính mình. Là tín hữu, bạn sẽ có trọn quyền tự do để ăn thịt. Nhưng người anh em yếu đuối ngồi bên cạnh có lương tâm của họ về việc đó, vì vậy

bạn kiêng ăn vì cơ tôn trọng lương tâm của người ấy.

Có lẽ được phép diễn ý câu hỏi "Vi cơ nào sự tự do tôi phải bị lương tâm kẻ khác đoán xét?" như sau:

Vi sao tôi lại tỏ quyền tự do của mình cách ích kỷ để ăn thụ đồ rắn vì ăn như vậy mà bị lương tâm người kia lên án? Vi sao tôi lại đưa lương tâm của mình ra cho lương tâm người kia lên án? Vi sao tôi lại để cho điều tốt lành của mình bị nói xấu?

(Xem Rôma 14:16).

Một miếng thịt có quan trọng đến nỗi tôi gây vấp phạm cho một anh em tín hữu trong Đức Chúa Jêsus Christ đến như thế không? (Tuy nhiên, nhiều nhà giải kinh tin ở đây Phaolô đang trích dẫn lời phản đối của người Côrintô, hay đang đặt câu hỏi tu từ, trước khi trả lời câu hỏi ấy trong các câu đi tiếp sau.)

10:30 Dương như Phaolô đang muốn nói rằng: đối với ông, dương như rất mầu thuẫn khi một mặt dâng lời tạ ơn Chúa, còn mặt kia thì bởi việc đó lại đang làm tổn thương một anh em. Thà tự bỏ một quyền lợi hợp pháp hơn là dâng lời tạ ơn Chúa về một điều có thể khiến cho người khác chế hai mình. William Kelly nhận định: "Thà tự bỏ bản ngã của mình để khỏi khiến quyền tự do của mình bị người khác lên án hay bị nói xấu vì cơ điều mình đã tạ ơn Chúa." Cơ sao lại dùng quyền tự do để rồi gây vấp phạm như thế? Cơ sao việc tôi dâng lời tạ ơn lại trở thành không gây dựng hay bị gọi là phạm thượng hay gây tai tiếng xấu?

10:31 Có hai quy tắc quan trọng hướng dẫn chúng ta trong toàn bộ nếp

sống Cơ Đốc của mình. Quy tắc thứ nhất là **sự vinh hiển của Đức Chúa Trời**, và quy tắc thứ nhì là ích lợi của người đồng loại mình. Phaolô nêu nguyên tắc thứ nhất ở đây: **"Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời mà làm."** Những thanh niên Cơ Đốc thường đối diện với những quyết định để xét xem một quá trình hành động nào đó là đúng hay sai cho họ. Cần áp dụng quy tắc rất tốt này: **Trong việc đó có điều nào làm vinh hiển Đức Chúa Trời không?** Trước khi dự phần vào, bạn có thể cúi đầu cầu hỏi Chúa xem Ngài có được vinh hiển và được ca ngợi bởi việc bạn sắp làm không?

10:32 Quy tắc thứ nhì là phúc lợi của những đồng bạn mình. Chúng ta **đừng nên làm gương xấu** hay dấp vấp phạm, **hoặc cho người Giuđa, người Gêréc, hay là Hội Thánh của Đức Chúa Trời.** Ở đây, Phaolô chia toàn nhân loại thành ba hạng người. Đương nhiên, người Do Thái là dân Ysraên. Người Gêréc là những người ngoại bang chưa trở lại tiếp nhận Chúa, còn **Hội Thánh của Đức Chúa Trời** bao gồm mọi tín hữu thật trong Đức Chúa Jêsus Christ, **dầu đó là bầy chiên Do Thái hay ngoại bang.** Trên một phương diện, chúng ta chắc chắn gây vấp phạm cho người khác và chọc họ nổi thịnh nộ nếu cứ trung tin làm chứng cho họ. Tuy nhiên, đó không phải là điều được nói đến ở đây. Đúng hơn, sự đó đang nghi đến **gương xấu** không cần thiết phải có. Ông cảnh cáo chúng ta đừng sử dụng những quyền hợp pháp của mình mà gây cho người khác vấp phạm.

10:33 Phaolô có thể thành thật nói ông tìm cách gắng sức đẹp lòng mọi người trong mọi việc, **chẳng tìm ích lợi riêng cho mình, nhưng cho phần nhiều người.** Có lẽ rất hiếm người từng sống vị tha được như vị đại sứ đồ Phaolô.

11:1 Câu 1 của đoạn 11 tốt hơn chắc nên đi cùng với đoạn 10. Phaolô vừa mới nói về cách ông gắng sức đánh giá mọi hành động của mình theo ảnh hưởng của chúng trên người khác. Giờ đây ông bảo người Côrintô **bắt chước** ông, cũng như ông đã bắt chước **Đấng Christ.** Ông từ bỏ mọi lợi thế cá nhân và quyền lợi cá nhân để giúp những người xung quanh mình. Người Côrintô nên làm tương tự chứ đừng khoe khoang quyền tự do của họ cách ích kỷ đến độ ngăn trở Tin Lành của Đấng Christ hay gây vấp phạm cho anh em yếu đuối.

C. Về Khăn Trùm Đầu Của Phụ Nữ (11:2-16).

Câu 2-16 của đoạn 11 dành cho đề tài khăn trùm đầu của phụ nữ. Những câu còn lại giải quyết những nạn lạm dụng liên quan đến Tiệc Thánh (câu 17-30). Phần thứ nhất của đoạn này đã bị tranh luận rất nhiều. Có người nghi huấn thị tại đây chỉ có thể áp dụng cho thời Phaolô. Có người còn đi xa hơn nữa để cho rằng những câu này phản ảnh thành kiến của Phaolô đối với phụ nữ, vì ông là người độc thân! Lại có người chỉ đơn giản chấp nhận sự dạy dỗ của phần này, tìm cách vâng lời những huấn thị của đoạn này dầu họ chẳng hiểu được những huấn thị đó.

11:2 Trước hết sứ đồ khen người Côrintô về cách họ nhớ đến ông **trong**

mọi dịp, và đã giữ vững **những truyền thống** (Bản Anh ngữ) đúng như ông đã dạy dỗ họ. **Những truyền thống** (bản Việt Ngữ chỉ ghi là “những điều”) không nói đến những thói quen và những tập quán đã xuất hiện trong Hội Thánh trải bao năm qua, nhưng trong trường hợp này, đúng hơn nói đến những lời dạy dỗ được soi dẫn của sứ đồ Phao-lô.

11:3 Giờ đây Phao-lô giới thiệu đề tài khấn trùm đầu của phụ nữ. Ấn đằng sau lời dạy của ông là sự kiện mọi xã hội có trật tự đều được xây dựng trên hai cột trụ – thẩm quyền và sự vâng phục thẩm quyền đó. Không thể nào có một cộng đồng đang hoạt động đúng chức năng mà lại không tuân giữ hai nguyên tắc này. Phao-lô gợi ý ba mối quan hệ liên quan đến thẩm quyền và sự vâng phục. Thứ nhất, **Đấng Christ là đầu mọi người**; Đấng Christ là Chúa, và người nam phải vâng phục Ngài. Thứ nhì, **đàn ông là đầu đàn bà**; địa vị làm đầu đã giao cho người nam, và phụ nữ phải ở dưới thẩm quyền của người nam. Thứ ba, **Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ**; ngay cả trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời cũng có một Đấng đã giữ địa vị cai trị, và Đấng kia giữ địa vị sẵn lòng thuận phục. Những tấm gương này về quyền làm đầu và thuận phục đã được chính Đức Chúa Trời hoạch định và mang tính nền tảng trong cách Ngài sắp xếp cõi vũ trụ.

Ngay từ đầu nên nhấn mạnh sự thuận phục không có nghĩa sự thấp kém. Đấng Christ thuận phục Đức Chúa Cha, nhưng Ngài không thấp kém hơn

Đức Chúa Cha. Phụ nữ không thấp kém hơn nam giới, dầu phải thuận phục nam giới.

11:4 Mọi người **đàn ông** nào cầu nguyện hoặc giảng đạo mà **trùm đầu lại thì làm nhục đầu mình**, tức là làm nhục Đấng Christ. Trên thực tế, câu này nói người nam ấy không công nhận Đấng Christ là **đầu của mình**. Vì vậy, đây là một hành động khinh thương tráng trợn.

11:5 Nhưng **phàm người đàn bà cầu nguyện hoặc giảng đạo mà không trùm đầu lại, thì làm nhục đầu mình**, có nghĩa là làm nhục người nam. Trên thực tế, người nữ này đang nói mình không công nhận quyền người nam làm đầu do Chúa ban, và sẽ không thuận phục quyền đó.³⁷

Nếu đây là câu Kinh Thánh duy nhất trong Kinh Thánh nói về đề tài này, thì sẽ hàm ý hoàn toàn chấp nhận được cho người nữ cầu nguyện hay nói tiên tri trong hội chúng miễn là trên đầu có khăn hay một loại khăn trùm khác. Nhưng ở chỗ khác Phao-lô dạy phụ nữ phải im lặng giữa hội chúng (I.Côrinthô 14:34), họ không được phép dạy hay có quyền trên người nam nhưng phải cứ giữ yên lặng (I.Timôthê 2:12).

Thực ra những buổi nhóm của hội chúng vẫn chưa xuất hiện mãi cho đến câu 17, vì vậy những lời dạy đó về khăn trùm đầu trong câu 2-16 không thể bị giới hạn vào các buổi nhóm của Hội Thánh. Chúng áp dụng cho bất kỳ lúc nào người nữ cầu nguyện hay nói tiên tri. Người nữ cầu nguyện thắm trong hội chúng, vì I.Timôthê 2:8 giới hạn sự

cầu nguyện trước Hội Thánh cho người nam (nghĩa đen là "người giống đực" (males)). Vào những lúc khác, người nữ cầu nguyện thành tiếng hay cầu nguyện thầm. Người nữ nói tiên tri khi dạy những phụ nữ khác (Tit 2:3-5) hay dạy con học Trường Chúa Nhật.

11:6 Nếu đàn bà không trùm đầu, thì có thể cạo đầu đi. Nhưng nếu phụ nữ thấy hốt tóc hoặc cạo đầu là xấu hổ, thì nên trùm đầu lại. Đầu không trùm khăn của phụ nữ thì cũng xấu hổ y như thể tóc bị cạo đi. Không phải sứ đồ đang truyền lệnh mở chiến dịch hốt tóc, nhưng đúng hơn, đang cho biết sự nhất quán về đạo đức sẽ đòi hỏi những gì!

11:7 Trong câu 7-10, Phaolô dạy sự thuận phục của người nữ đối với người nam bằng cách quay về với Sự Sáng Thế. Điều này sẽ vĩnh viễn mai táng bất kỳ ý kiến nào cho rằng lời ông dạy người nữ trùm đầu là điều phù hợp về văn hóa trong thời của ông nhưng không áp dụng cho chúng ta ngày nay. Quyền làm đầu của người nam và sự thuận phục của người nữ đã là mạng lệnh của Đức Chúa Trời từ buổi ban đầu.

Trước hết, người nam là hình ảnh và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời còn người nữ là vinh hiển của người nam. Điều này có nghĩa người nam được đặt trên đất để làm người đại diện của Đức Chúa Trời, để thực thi quyền quản trị trên đất. Đầu không trùm của người nam là lời chứng không thành tiếng cho sự kiện này. Người nữ không hề được giao địa vị làm đầu này; thay vào đó, người nữ là vinh hiển của đàn ông theo ý nghĩa năng "làm nổi bật thẩm quyền

của người nam," như cách W.E. Vine đã diễn tả.³⁸

Đàn ông không nên trùm đầu trong khi cầu nguyện; việc đó sẽ tương đương với việc che trùm vinh hiển của Đức Chúa Trời, và đó sẽ là lòng mạ Đấng Oai Nghiêm Thiên Thượng.

11:8 Tiếp theo, Phaolô nhắc chúng ta nhớ không phải đàn ông được dựng nên từ đàn bà, bèn là đàn bà được dựng nên từ đàn ông. Đàn ông có trước, sau đó đàn bà được ra từ sườn của đàn ông. Quyền ưu tiên này của người đàn ông củng cố lập luận của sứ đồ để bình vực quyền làm đầu của người nam.

11:9 Kế tiếp, mục đích của sự sáng thế được ám chỉ để làm sáng tỏ ý này. Không phải đàn ông chủ yếu vì đàn bà mà được dựng nên, bèn là đàn bà vì cơ đàn ông vậy. Chúa nói rõ trong Sáng Thế Ký 2:18: "Giêhova Đức Chúa Trời phán rằng: Loài người ở một mình thì không tốt; ta sẽ làm nên một kẻ giúp đỡ giống như nó."

11:10 Vì địa vị thuận phục của người nữ đối với người nam, nên đàn bà phải có dấu hiệu trên đầu chỉ về quyền phép mình nương cậy. Dấu hiệu chỉ về quyền phép chính là khăn trùm đầu, và ở đây không nói đến thẩm quyền của chính người nữ, nhưng nói đến sự thuận phục thẩm quyền của chồng mình.

Vì sao Phaolô nói thêm "vì cơ thiên sử"? Chúng ta gợi ý rằng các thiên sử là những khán giả xem điều đang diễn ra trên đất ngày nay, cũng như họ đã là khán giả chứng kiến những điều diễn ra tại cuộc sáng thế. Trong sự sáng thế đầu tiên, họ đã thấy

người nữ lật đổ địa vị làm đầu của người nam như thế nào. Bà đã quyết định điều mà đáng ra phải do Adam quyết định. Vì cơ đó, tội lỗi đã vào trong nhân loại cùng với hậu quả khôn lường của sự khốn khổ và bất hạnh. Đức Chúa Trời không muốn điều xảy ra tại sự sáng thế đầu tiên được lập lại trong sự sáng thế mới. Khi các thiên sứ nhìn xuống, Ngài muốn họ thấy người nữ đang hành động thuận phục người nam, và bày tỏ ra bề ngoài bởi chiếc khăn trùm trên đầu.

Có lẽ chúng ta tạm dừng ở đây để nói rằng khăn trùm đầu chỉ là một dấu hiệu bề ngoài và chỉ có giá trị khi là dấu hiệu bề ngoài của nét duyên dáng bề ngoài. Nói cách khác, người nữ có thể đội khăn trùm trên đầu nhưng vẫn không thực sự vâng phục chống mình. Trong trường hợp như thế, đội khăn trùm đầu chẳng có giá trị gì cả. Điều quan trọng nhất chính là bảo đảm chắc chắn tấm lòng mình thật sự thuận phục; sau đó khăn trùm trên đầu người nữ mới trở nên thực sự có ý nghĩa.

11:11 Không phải Phaolô đang hàm ý người nam hoàn toàn độc lập khỏi người nữ, vì vậy ông nói thêm: "Nhưng trong Chúa người nam vẫn cần người nữ và người nữ vẫn cần người nam." Nói cách khác, người nam và nữ lệ thuộc lẫn nhau. Họ cần nhau và ý tưởng về sự thuận phục không hề xung đột với ý tưởng lệ thuộc lẫn nhau.

11:12 Đàn bà đã ra từ đàn ông bởi sự sáng thế, có nghĩa người nữ được dựng nên từ xương sườn của Adam. Nhưng Phaolô nói rõ đàn ông cũng sanh ra bởi đàn bà. Ở đây, ông đang nói đến tiến trình sinh nở. Người nữ đã sanh ra

đứa trẻ mai sau lớn lên trở thành người nam này. Vì vậy Đức Chúa Trời đã tạo dựng sự cân bằng hoàn hảo này để cho thấy người này không thể tồn tại thiếu người kia được.

Cả hai (mọi sự) đều ra bởi Đức Chúa Trời có nghĩa Ngài đã lập cách thiên thượng mọi điều này, vì vậy không hề có lý do gì để phản nài. Các mối quan hệ này không những do Đức Chúa Trời dựng nên, mà mục đích của chúng còn là để tôn vinh hiển danh Ngài. Toàn bộ điều này phải khiến người nam khiêm nhường và người nữ thối lòng.

11:13 Giờ đây sứ đồ thách thức người Côrinthô tự đoán xét giữa vòng họ xem đàn bà cầu nguyện với Đức Chúa Trời mà không trùm đầu thì có hiệp lễ không. Ông kêu gọi đến ý thức có trong bản năng của họ. Lời gợi ý chính là người nữ bước vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời mà không trùm đầu thì đó là không tôn kính hay không đúng đắn lịch sự.

11:14 Ở đây không nói rõ lẽ tự nhiên dạy thế nào để chúng ta biết người nam để tóc dài là đáng hổ thẹn. Có người cho rằng tóc của người nam sẽ không tự nhiên mọc thành những lọn dài như tóc người nữ. Đối với người nam, để tóc dài sẽ trở nên giống người nữ. Trong hầu hết các nền văn hóa, người nam đều để tóc ngắn hơn người nữ.

11:15 Câu 15 đã bị nhiều người hiểu lầm nặng nề. Có người cho rằng tóc phụ nữ được ban làm khăn trùm, nên không cần có khăn che đầu nào

khác nữa. Nhưng lời dạy dỗ như thế vi phạm nghiêm trọng phần Kinh Thánh này. Nếu không thấy phần đoạn này đề cập đến hai loại khăn trùm, thì phần đoạn này sẽ trở nên hết sức khó hiểu. Có thể chứng tỏ điều này bằng cách tham khảo về câu 6. Ở câu 6, chúng ta thấy: "Vì bằng người đàn bà không trùm đầu, thì cũng nên bớt tóc đi." Theo cách giải thích vừa nói trên, điều này sẽ có nghĩa nếu người nữ "không đội tóc lên," thì có lẽ nàng nên cạo đầu đi. Nhưng điều này thật khôi hài. Nếu nàng không "đội tóc lên," thì cũng không thể nào cạo đầu nàng được!

Lập luận thực tế trong câu 15 chính là: có sự tương tự thực tế giữa điều thuộc linh và điều thuộc lẽ tự nhiên. Đức Chúa Trời ban cho người nữ chiếc khăn trùm tự nhiên của sự vinh hiển theo cách mà Ngài đã không ban cho người nam. Điều này có ý nghĩa thuộc linh. Điều này dạy rằng khi người nữ cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nàng nên đội khăn trùm trên đầu. Điều nào đúng trong lãnh vực tự nhiên thì cũng nên đúng trong lãnh vực thuộc linh.

11:16 Sử đồ kết thúc phần này với lời tuyên bố: "**Bằng có ai muốn cãi lẽ, thì chúng tôi không có thói quen ấy, mà các Hội Thánh Đức Chúa Trời cũng không có nữa.**" Có phải Phaolô muốn nói những điều ông vừa nói ra vẫn chưa đủ quan trọng để còn phải tranh cãi về chúng, theo như cách lâu hay người ta vẫn gọi ý? Có phải ông muốn nói trong các Hội Thánh không hề có phong tục phụ nữ phải trùm đầu như thế? Có phải ông muốn nói những lời dạy dỗ này là

tùy ý chọn và không nên áp đặt trên phụ nữ như những điều răn mạng lệnh của Chúa? Dương như thật kỳ quặc nếu có ai giải thích như thế, thế nhưng ngày nay người ta vẫn thường nghe giải nghĩa như vậy. Điều này sẽ có nghĩa Phaolô xem những lời dạy dỗ này chẳng có kết quả thực tế nào, và ông vừa mới phạm cả nửa đoạn Kinh Thánh để phật biểu chúng!

Có ít nhất hai lối giải thích khả dĩ cho câu Kinh Thánh này và phù hợp với cả phần còn lại của Kinh Thánh. Trước hết, có thể sử đồ đang nói ông lưỡng lự có những người nào đó sẽ **cãi lẽ** về những vấn đề này, nhưng ông nói thêm **chúng ta không có thói quen như thế**, có nghĩa không có thói quen tranh cãi về những vấn đề như thế, nhưng chấp nhận chúng là sự dạy dỗ của Chúa. Một lối giải thích khác nữa, do William Kelly đưa ra, ấy là Phaolô đang nói **các Hội Thánh của Đức Chúa Trời** không hề có phong tục để cho phụ nữ cầu nguyện hay nói tiên tri mà không trùm đầu lại.

D. Luận Về Tiệc Thánh (11:17-34)

11:17 Sử đồ quở trách người Côrintô vì giữa vòng họ có nhiều chia rẽ khi nhóm lại với nhau (câu 17-19). Hãy để ý sự lặp đi lặp lại cụm từ "sự nhóm lại của anh em" hay những từ ngữ có liên quan (11:17,18,20,33,34; 14:23,26). Trong 11:2 Phaolô có dịp khen họ đã giữ những truyền thống mà ông đã dạy cho họ, nhưng có một điều mà ông **không thể** khen họ, và đó là vấn đề ông sắp nói đến. Khi tập trung lại để nhóm chung với nhau, họ không nhóm

lại để làm cho mình hay hơn, mà làm cho mình dở hơn. Đây là lời nhắc nhở nghiêm trọng cho hết thầy chúng ta rằng có thể ra về từ các buổi nhóm của Hội Thánh mà bị tổn hại hơn là được ích lợi.

11:18 Nguyên nhân đầu tiên để quả trách chính là vì có những sự phân rẽ, hay những vụ ly khai. Điều này không nói đến các bè phái đã tách ra khỏi Hội Thánh và lập thành những hội thông công riêng biệt, nhưng đúng hơn nói đến những phe nhóm ở bên trong hội chúng. Một phe ly khai là bè đảng từ bên trong, còn hệ phái là một phe đảng khác hẳn ở bên ngoài. Phaolô có thể liên những lời báo cáo này về sự phân rẽ, vì ông biết người Côrinthô đang ở trong tình trạng xác thịt, và trước đây trong thư ông đã có dịp quả trách những sự chia rẽ của họ.

F. B. Hole viết:

Phaolô sẵn sàng tin ít nhất một phần những lời báo cáo tình trạng chia rẽ tại Côrinthô, vì ông biết do tình trạng xác thịt của họ, chắc chắn có những bè đảng tương đương này giữa vòng họ. Ở đây, Phaolô lập luận từ tình trạng của họ tiến sang hành động của họ. Biết họ sống trong tình trạng xác thịt và ần ần như con loài người, nên ông biết họ chắc chắn sẽ trở thành nạn nhân của khuyh hướng thâm căn cố đế trong tâm trí con người để lập thành những quan niệm cứng quyết của mình, kết cuộc dẫn đến những vụ ly khai và những sự phân rẽ. Ông cũng biết Đức Chúa Trời chống lại sự ngu dại của họ và nhân cơ hội bày tỏ những ai được Ngài đẹp lòng, bước đi theo Thánh Linh chứ không theo con

người; và do đó tránh được toàn bộ chuyện gây chia rẽ này.³⁹

11:19 Phaolô nhìn thấy trước những vụ ly khai đã bắt đầu rồi tại Côrinthô sẽ ngày càng gia tăng cho đến khi càng trở nên nghiêm trọng hơn. Dầu nói chung, điều này sẽ gây hại cho Hội Thánh, thế nhưng vẫn có một điều tốt ra từ đó, tức là những ai thật sự thiêng liêng và những người được Đức Chúa Trời đẹp lòng sẽ được công nhận giữa vòng người Côrinthô (bản Việt Ngữ ghi là được nhận biết trong anh em những kẻ nào thật là trung thành). Khi Phaolô nói "chắc trong vòng anh em phải có bè đảng,"⁴⁰ điều này không có nghĩa đây là lẽ tất yếu về đạo đức⁴¹. Không phải Đức Chúa Trời đang bỏ qua những vụ chia rẽ trong Hội Thánh ở đây. Trái lại, Phaolô muốn nói vì những tình trạng xác thịt của người Côrinthô, nên không thể tránh khỏi nạn nhiều bè đảng. Những vụ chia rẽ là bằng chứng cho thấy có người đã không phân biệt được tâm tình của Chúa.

11:20 Giờ đây Phaolô hướng lời quả trách thứ nhì của mình nhằm vào những nạn lạm dụng liên quan đến Tiệc Thánh. Khi Cơ Đốc nhân nhóm lại với nhau, bề ngoài có vẻ như dự Tiệc Thánh của Chúa, nhưng lối cư xử của họ đáng trách đến nỗi Phaolô nói họ không thể nhớ đến Chúa đúng như cách mà Ngài đã thiết lập. Có lẽ họ tỏ vẻ bề ngoài, nhưng toàn bộ cách ứng xử của họ sẽ ngăn trở mọi sự ghi nhớ thật về Chúa.

11:21 Trong những ngày đầu của Hội Thánh, Cơ Đốc nhân ăn mừng bữa

"agapē," hay bữa tiệc yêu thương cùng với Tiệc Thánh của Chúa. Bữa tiệc yêu thương có phần giống một bữa ăn chung, cũng dự trong tinh thần yêu thương và thông công. Cuối bữa tiệc yêu thương, Cơ Đốc nhân thường tưởng nhớ đến Chúa qua bánh và rượu. Nhưng chẳng mấy chốc, những nạn lạm dụng đã xen vào. Lấy ví dụ, câu Kinh Thánh này hàm ý bữa tiệc yêu thương đã đánh mất ý nghĩa thật của nó. Không những Cơ Đốc nhân không chờ đợi nhau, mà người giàu còn hạ nhục những anh em nghèo hơn mình bằng những bữa ăn phung phí và không chia sẻ với người nghèo. Có người ra về vẫn còn đói, trong khi những người khác thật sự say quá độ! Vì Tiệc Thánh thường đến sau bữa tiệc yêu thương, nên họ vẫn còn say sưa khi ngồi dự Tiệc Thánh của Chúa.

11:22 Sử đồ phần nọ quả trách lối cư xử đang xấu hổ như thế. Nếu cứ khăng khăng tiếp tục như thế, thì đáng ra họ ít nhất cũng phải còn lòng tôn kính để đừng làm chuyện đó trong một buổi nhóm của Hội Thánh. Ăn uống quá độ tại một thời điểm như thế và làm cho những anh em nghèo hơn của mình phải hổ thẹn là hết sức không phù hợp với đức tin Cơ Đốc. Phaolô không thể không rút lại lời khen khỏi các thành đó vì đã hành động như vậy; và khi rút lại lời khen, ông nhân tiện lên án họ nặng nề.

11:23 Để cho thấy sự tương phản giữa hành vi của họ với ý nghĩa thật của Tiệc Thánh, ông trở lại với sự thiết lập nguyên thủy của buổi lễ ấy. Ông cho

thấy đây không phải là một bữa ăn hay một bữa tiệc tầm thường, nhưng là một mạng lệnh long trọng của Chúa. Phaolô nhận sự hiểu biết của mình về lễ này trực tiếp từ Chúa, và ông đề cập điều này để cho thấy bất kỳ sự vi phạm nào cũng sẽ trở nên thật sự bất tuân. Như vậy, điều ông đang dạy ở đây chính là điều ông đã nhận được bởi sự khải thị.

Trước hết, ông nhắc lại thể nào Chúa Jêsus trong đêm Ngài bị nộp đã lấy bánh. Cách dịch nguyên văn sẽ là: "Đang khi Chúa bị phản." Đang khi âm mưu rõ rệt để giao nộp Ngài đang diễn ra ở bên ngoài, thì Chúa Jêsus đã nhóm lại trên phòng cao với các môn đồ và lấy bánh.

Việc này diễn ra ban đêm không nhất thiết có nghĩa về sau Tiệc Thánh phải bắt buộc cử hành chỉ vào ban đêm mà thôi. Thời bấy giờ, mặt trời lặn chính là lúc bắt đầu ngày của người Do Thái. Ngày của chúng ta bắt đầu từ lúc mặt trời mọc. Cũng nên lưu ý có sự khác biệt giữa tấm gương của các sử đồ và những lời giáo huấn của các sử đồ. Chúng ta không bị bắt buộc phải làm mọi điều các sử đồ đã làm, nhưng chúng ta hầu như chắc chắn có bốn phạm phải vâng giữ mọi điều các sử đồ đã dạy.

11:24 Trước hết, Chúa Jêsus cầm lấy bánh, rồi tạ ơn. Vì bánh làm hình bóng về thân thể Ngài, nên trên thực tế Ngài đang tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài đã được ban cho một thân thể của con người để Ngài có thể đến thế gian trong thân thể đó và chịu chết đền tội cho thế gian.

Khi Cứu Chúa nói: **"Này là thân thể ta,"** có phải Ngài muốn nói bánh thực sự trở thành thân thể của Ngài theo một ý nghĩa thực tiễn nào đó không? Giáo điều biến thể thuyết của Công Giáo Lamã quả quyết bánh và rượu đã biến thành thân và huyết của Đấng Christ đúng theo nghĩa đen. Giáo lý đồng thể thuyết của phái Lutheran dạy rằng thân và huyết thật của Đấng Christ hiện ở trong, ở với, ở dưới bánh và rượu trên bàn Tiệc Thánh.

Để trả lời các quan điểm này, chỉ cần nhớ khi Đức Chúa Jêsus thiết lập lễ kỷ niệm này, thân thể của Ngài vẫn chưa bị phó nộp, huyết của Ngài cũng vẫn chưa đổ ra. Khi Chúa Jêsus nói: **"Này là thân thể ta,"** Ngài muốn nói: **"Đây là biểu tượng của thân thể ta."** Hoặc **"Đây là hình ảnh về thân thể ta đã bị bẻ ra vì cơ các ngươi."** Án bánh này tức là nhớ đến Ngài trong sự chết chuộc tội của Ngài thay cho chúng ta. Cơ sự địu dâng khôn tả trong những lời của Chúa chúng ta "để nhớ đến ta."

11:25 Cũng một lễ ấy, sau bữa tối, Chúa Jêsus cũng lấy chén Lễ Vượt Qua và nói rằng: **"Chén này là sự giao ước mới trong huyết ta; hễ khi nào các ngươi uống, hãy làm điều này để nhớ ta."** Tiệc Thánh của Chúa được thiết lập ngay lập tức sau Lễ Vượt Qua. Đó là lý do Kinh Thánh nói **Chúa Jêsus cầm lấy chén sau khi ăn bữa tối rồi.** Về chén, Ngài phán đây là giao ước mới trong huyết Ngài. Điều này chỉ về giao ước mà Đức Chúa Trời hứa cho dân Ysraên trong Giêrêmi 31:31-34. Đây là lời hứa vô điều kiện, qua đó Ngài đồng

ý thương xót sự không công bình của họ và không còn nhớ đến tội lỗi gian ác của họ nữa. Những điều khoản của giao ước mới cũng được nêu trong Hêbơr 8:10-12. Giao ước đã có hiệu lực tại thời điểm bấy giờ, nhưng lòng vô tin đã ngăn dân Ysraên không được hưởng giao ước đó. Mọi người nào tin cậy Đức Chúa Jêsus thì nhận được những lợi ích đã được hứa ban. Khi dân Ysraên quay về với Chúa, họ sẽ được những phước hạnh của giao ước mới; điều đó sẽ diễn ra trong Một Ngàn Năm Cai Trị của Đấng Christ trên trần gian. **Giao ước mới được phê chuẩn bởi huyết của Đấng Christ, và đó là lý do Ngài nói chén là giao ước mới trong huyết Ngài.** Nền của giao ước đã được thiết lập qua thập tự giá.

11:26 Câu 26 dụng đến thác mắc nên cử hành Tiệc Thánh thường xuyên đến mức nào. **Ấy vậy mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này.** Không có một quy tắc duy luật nào được thiết lập ra; cũng không nêu một ngày tháng ấn định sẵn nào đó. Từ Công Vụ 20:7, dường như rõ ràng thông lệ của các môn đồ là nhóm lại mỗi ngày thứ nhất của tuần lễ để nhớ đến Chúa. Thánh lễ này không chỉ dành cho những ngày đầu của Hội Thánh được chứng minh dồi dào qua cụm từ cho đến lúc Ngài đến. Godet nói cách rất hay rằng Tiệc Thánh của Chúa là "mối liên kết giữa hai lần hiện đến của Ngài, là sự kỷ niệm về lần hiện đến này, và là vật làm tin cho lần đến kia."⁴²

Trong toàn bộ lời dạy về Tiệc Thánh, cần phải thấy không có lời nào

nói một mục sư hay linh mục cử hành lễ. Đây là một buổi lễ kỷ niệm đơn giản để lại cho toàn bộ dân sự của Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân nhóm lại với nhau đơn giản với tư cách những tín hữu – những thầy tế lễ để bởi đó tuyên bố sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến.

11:27 Sau khi đã luận đến nguồn gốc và mục đích của Tiệc Thánh, giờ đây sự đồ quay sang các hậu quả của việc dự Tiệc Thánh cách sai lầm. Bất cứ ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng, thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa. Chúng ta thấy điều không xứng đáng được dự bữa Tiệc Thánh long trọng này. Theo ý nghĩa đó, chúng ta không xứng đáng chút nào trước lòng thương xót và nhân từ của Chúa dành cho chúng ta. Nhưng điều đó không phải là để tài ở đây. Không phải Sứ đồ đang nói đến sự không xứng đáng của riêng cá nhân chúng ta. Đã được tẩy sạch bởi huyết của Đấng Christ, nên chúng ta có thể đến gần Đức Chúa Trời trong toàn bộ sự xứng đáng của con rất yêu dấu Ngài. Nhưng Phaolô đang nói ở đây đến hành vi đáng xấu hổ vốn đặc trưng cho người Côrinthô khi họ nhóm lại dự Tiệc Thánh. Họ đã mắc tội bất cần, không tôn kính. Hành động như vậy tức là **mắc tội với thân và huyết Chúa**.

11:28 Khi đến dự Tiệc Thánh, chúng ta nên dự trong một điều kiện có tra xét. Phải xưng tội và từ bỏ; phải bối thương; phải xin lỗi những người đã bị mình xúc phạm. Nói chung, chúng ta nên bảo đảm chắc chắn mình đang ở trong tình trạng chính đáng của tâm hồn.

11:29 Ăn uống cách không xứng đáng tức là ăn uống sự đoán xét cho mình, vì không phân biệt thân Chúa. Chúng ta nên nhận thấy thân Chúa đã được ban để có thể cất bỏ tội lỗi chúng ta. Nếu cứ tiếp tục sống trong tội đồng thời vẫn dự Tiệc Thánh của Chúa, thì chúng ta đang sống cách đối trá. F. G. Patterson viết: "Nếu dự Tiệc Thánh mà vẫn còn tội lỗi chưa được đoán xét trên mình, thì chúng ta không phân biệt thân của Chúa, là thân đã chịu tan nát để dẹp bỏ tội lỗi ấy đi."

11:30 Không chịu tự xét đoán sẽ đem lại sự đoán xét để sửa phạt của Chúa giáng trên Hội Thánh Côrinthô. Có nhiều người đau ốm, và không ít kẻ ngu. Nói cách khác, bệnh tật thuộc thể đã đến cho một số người, và có người đã được cất về Thiên đàng. Vì không tự đoán xét tội lỗi trong đời sống họ, nên Chúa buộc phải sửa phạt họ.

11:31 Mặt khác, nếu chúng ta tự đoán xét lấy mình, thì không cần phải trừng phạt chúng ta như thế.

11:32 Đức Chúa Trời đang đối đãi với chúng ta như chính con của Ngài. Ngài yêu chúng ta tha thiết đến nỗi không thể cho chúng ta tiếp tục sống trong tội. Vì vậy chúng ta nhanh chóng cảm thấy cây trượng của người chăn kéo cổ mình trở về với Ngài. Đúng như có người nói: "Những thánh đó này có thể phù hợp cho Thiên đàng (trong Đấng Christ) nhưng không được để lại trên đất để làm một tội chứng."

11:33 Lúc ăn hữu hội lại để dự bữa tiệc yêu thương, hay *agape*, họ nên chú ý lẫn nhau, và đừng tiến hành cách ích kỷ đến độ không quan tâm đến các thánh

đồ khác. "Chờ đợi nhau" là tương phản với câu 21, "ai cũng nộp nã mà ăn bữa riêng mình."

11:34 Ví bằng có ai đói, hãy ăn tại nhà mình. Nói cách khác, không được phép nhắm lẫn bữa tiệc yêu thương, bởi đó có liên kết với Tiệc Thánh của Chúa, với một bữa ăn bình thường. Xem thường đặc điểm thiêng liêng của bữa tiệc ấy tức là nhóm lại để chuốc lấy sự đoán xét.

Còn các việc khác, lúc tôi đến được sẽ đoán định. Rõ ràng còn nhiều vấn đề thứ yếu khác đã được đề cập với vị sứ đồ trong bức thư gởi từ Côrinthô. Ở đây, ông bảo đảm sẽ đích thân giải quyết các vấn đề đó khi đến thăm.

E. Luận Về Các Ân Tử Của Thánh Linh Và Cách Sử Dụng Các Ân Tử Ấy Trong Hội Thánh (Đoạn 12-14)

Đoạn 12-14 luận về các ân tử của Thánh Linh. Đã có nhiều nạn lạm dụng ân tử trong hội chúng tại Côrinthô, đặc biệt ân tử nói tiếng lạ, và Phaolô viết thư sửa lại những nạn lạm dụng này.

Tại Côrinthô có những tín hữu nhận được ơn nói tiếng lạ, có nghĩa được ban quyền năng để nói các thứ tiếng ngoại quốc chưa hề học đến.⁴³ Nhưng thay vì dùng ân tử này để tôn vinh Đức Chúa Trời và gây dựng đức tin cho các tín hữu khác, họ lại đang dùng để khoe khoang. Họ đứng lên trong các buổi nhóm và nói những ngôn ngữ không ai hiểu được, hy vọng gây ấn tượng trên người khác bởi trình độ nói ngôn ngữ thành thạo của họ. Họ tôn cao các ân tử dấu hiệu này trên những ân tử khác, và tuyên bố những người nói tiếng lạ có

đời sống thuộc linh cao trọng hơn. Điều này một mặt dẫn đến kiêu ngạo, và mặt khác dẫn đến những cảm giác ganh tị, mặc cảm tự ti và thấy mình vô giá trị. Chính vì vậy, sứ đồ cần phải sửa lại những thái độ sai lầm này và thiết lập những biện pháp kiểm soát khi vận dụng các ân tử, đặc biệt ân tử tiếng lạ và nói tiên tri.

12:1 Ông không muốn các thánh đồ tại Côrinthô chẳng biết về những biểu hiện thuộc linh hay các ân tử. Cách lý giải theo nghĩa đen ở đây là "Hỡi anh em, giờ đây tôi không muốn anh em chẳng biết gì về 'những điều thuộc linh'." Hầu hết các bản dịch cung cấp thêm từ ngữ "các sự ban cho" hoặc "các ân tử" để làm cho trọn nghĩa. Tuy nhiên, câu kế tiếp gợi ý có lẽ Phaolô đang suy nghĩ không những đến các biểu hiện của Thánh Linh mà thôi, nhưng còn đến biểu hiện của các tà linh nữa.

12:2 Trước khi hoán cải, người Côrinthô là người thờ thần tượng, bị các tà linh bắt làm nô lệ. Họ sống trong sợ hãi, bị các ảnh hưởng ma quỷ này dẫn dụ. Họ chứng kiến các biểu hiện siêu nhiên của thế giới linh và nghe những lời nói do linh thôi thúc. Dưới ảnh hưởng của các tà linh, đôi khi họ bị mất quyền tự chủ, nói và làm những việc vượt quá năng lực ý thức của chính họ.

12:3 Giờ đây khi đã được cứu, tín hữu phải biết cách phân đoán mọi biểu hiện của thần linh, tức là biết cách để biện biệt giữa tiếng nói của tà linh với tiếng nói đích thực của Thánh Linh. Phép thử nghiệm hết sức quan trọng

chính là lời làm chứng về Đức Chúa Jê-sus. Nếu một người nói: "Đức Chúa Jê-sus đáng nguyên rủa," bạn có thể chắc chắn người ấy do ma quỷ xui giục, vì các tà linh mang đặc trưng nổi phạm thượng và rủa sả danh Đức Chúa Jê-sus. **Thánh Linh Đức Chúa Trời** không bao giờ khiến bất kỳ ai nói về Cứu Chúa như thế; chức vụ của Ngài là tôn cao Đức Chúa Jê-sus. Ngài khiến người ta nói **Chúa Jê-sus là Chúa** không phải chỉ trên môi miệng, nhưng bằng sự tuyên xưng nhiệt tình trọn vẹn của tấm lòng và đời sống họ.

Lưu ý Ba Ngôi trong Đức Chúa Trời Ba Ngôi được đề cập trong câu 3 cũng như trong câu 4-6.

12:4 Tiếp theo, Phaolô cho thấy tuy có nhiều ân tứ khác nhau của Thánh Linh trong Hội Thánh, nhưng có sự hiệp một cơ bản và gồm ba mặt, lên quan đến ba ngôi vị của Đức Chúa Trời.

Trước hết, có các sự ban cho khác nhau, nhưng chỉ có một Đức Thánh Linh. Người Côrinthô đang hành động dường như thế chỉ có duy nhất một ân tứ - là tiếng lạ. Phaolô nói: "Không đâu, sự hiệp một của anh em không tìm thấy nơi sự sở hữu một ân tứ chung, nhưng trái lại được tìm thấy trong sự sở hữu Đức Thánh Linh, Đấng vốn là nguồn của mọi ân tứ."

12:5 Kế tiếp, sử đồ cho thấy có nhiều chức vụ khác nhau hay có nhiều sự phục vụ khác nhau trong Hội Thánh. Hết thấy chúng ta đều không có cùng một công việc. Nhưng điều chúng ta có chung với nhau ở đây ấy là bất kỳ chúng ta làm gì thì đều làm cho cùng một Chúa

và nhằm phục vụ người khác (chứ không phải phục vụ bản thân).

12:6 Rồi một lần nữa, đầu có nhiều việc làm khác liên quan đến các ân tứ thuộc linh, nhưng chỉ có một Đức Chúa Trời là Đấng ban quyền năng cho mỗi tín hữu. Nếu một ân tứ dường như thành công hơn hay ngoạn mục hơn hay quyền năng hơn ân tứ khác, thì không phải bởi cơ người sở hữu ân tứ ấy có bất kỳ điều gì trội hơn người khác. Chính bởi Đức Chúa Trời là Đấng ban quyền năng ấy.

12:7 Đức Thánh Linh bày tỏ Ngài ra trong đời sống mỗi người bằng cách ban một ân tứ nào đó. Không có tín hữu nào không có một chức năng cần thi hành. Và các ân tứ được ban vì ích chung cho toàn thân thể. Các ân tứ không được ban ra nhằm tự phô bày bản thân, hay thậm chí để tự làm thỏa mãn bản thân, nhưng để giúp người khác. Đây là điểm then chốt trong toàn bộ phần thảo luận này.

Điều này tự nhiên dẫn đến danh sách một số các ân tứ của Thánh Linh.

12:8 Lời nói khôn ngoan là quyền năng siêu nhiên để nói ra với sự sáng suốt thiên thượng, hoặc để giải quyết những nan đề khó khăn, bình vực đạo, giải quyết cách xung đột, đưa ra những lời khuyên thực tiễn, hay để kháng án trước các bậc cầm quyền thù địch. Ê-ti-ên đã thể hiện lời nói khôn ngoan đến nỗi kẻ thù "không chống lại nổi với trí khôn người cùng với Đức Thánh Linh, là Đấng người nhờ mà nói" (Công Vụ 6:10).

Lời nói tri thức là quyền năng để truyền đạt thông tin Chúa đã bày tỏ.

Điều này được minh họa qua cách Phaolô sử dụng những cụm từ như là "Đây là sự mầu nhiệm tôi tỏ cho anh em" (I.Côrinthô 15:51) và "Và, đây là điều chúng tôi nhờ Lời Chúa mà rao báo cho anh em" (I.Têsalônica 4:15). Theo ý nghĩa chủ yếu là truyền đạt lẽ thật mới, lời nói tri thức đã chấm dứt, vì đức tin Cơ Đốc đã được truyền cho các thánh một lần đủ rồi (Giude 3). Tập hợp giáo lý Cơ Đốc đã hoàn chỉnh. Tuy nhiên, theo ý nghĩa thứ yếu, lời nói tri thức có lẽ vẫn còn ở với chúng ta. Vẫn còn có sự truyền đạt mầu nhiệm sự hiểu biết thiên thượng cho những người sống trong mối thông công mật thiết với Chúa (xem Thitthiên 25:14). Việc chia sẻ hiểu biết này với người khác chính là lời nói tri thức.

12:9 Ân tứ đức tin là khả năng thiên thượng để cắt bỏ những ngọn núi khó khăn đang khi theo đuổi ý muốn của Đức Chúa Trời (13:2) và để thực hiện những kỳ công vĩ đại cho Chúa khi đáp ứng với một số mạng lệnh hay lời hứa nào đó của Đức Chúa Trời đúng như tìm thấy trong lời Ngài hay như được truyền đạt một cách riêng tư. George Muller là ví dụ điển hình về người có ân tứ đức tin. Không hề tỏ nhu cầu của mình ra cho ai ngoại trừ Đức Chúa Trời, nhưng ông đã chăm sóc cho mười ngàn trẻ mồ côi trong thời gian sáu mươi năm.

Ưn chữa bịnh liên quan đến quyền năng thi hành phép lạ để chữa các bịnh tật.

12:10 Làm các phép lạ có thể bao gồm việc đuổi quỷ, thay đổi vật chất từ

dạng này sang dạng khác. Gọi người chết sống lại, và thi hành quyền năng trên các hiện tượng tự nhiên. Philip đã làm nhiều phép lạ tại Samari, bởi đó có được nhiều người nghe Tin Lành (Công Vụ 8:6,7).

Ưn nói liên tri, theo ý nghĩa chính yếu của từ này, có nghĩa một người nhận phùng khải thị trực tiếp từ Đức Chúa Trời rồi truyền chúng lại cho người khác. Đôi khi các tiên tri báo trước các biến cố tương lai (Công Vụ 11:27,28; 21:11); thường xuyên hơn, họ chỉ việc diễn tả tâm trí của Đức Chúa Trời. Giống như các sứ đồ, họ có liên quan đến nền của Hội Thánh (Êphêsô 2:20). Bản thân họ không phải là nền, nhưng họ thiết lập nền trong những điều họ dạy về Chúa Jesus. Một khi nền đã được lập xong, thì không còn nhu cầu cần các tiên tri nữa. Chức vụ của họ được bảo tồn cho chúng ta qua các trang Tân Ước. Vì Kinh Thánh đã hoàn tất, nên chúng ta bác bỏ bất kỳ người nào tự gọi là tiên tri để tuyên bố có những chân lý phụ thêm đến từ Đức Chúa Trời.⁴⁴

Theo ý nghĩa yếu hơn, chúng ta dùng từ ngữ "tiên tri" để mô tả bất kỳ người giảng đạo nào công bố lời Đức Chúa Trời cách có thẩm quyền, rõ ràng chính xác và hiệu quả. Nói tiên tri cũng bao gồm việc quy sự ngợi khen cho Đức Chúa Trời (Luca 1:67,68) khích lệ và làm vững mạnh đức tin dân sự Ngài (Công Vụ 15:12).

Phân biệt các thần mô tả quyền năng để khám phá một tiên tri hay một người nào khác đang nói bởi Đức Thánh

Linh hay bởi Satan. Người có ân tứ này thì có năng lực đặc biệt để phân biệt xem một người là kẻ giả mạo hay kẻ cơ hội chẳng hạn. Vì vậy, Phierơ có thể vạch trần Simôn là người bị hư hoại bởi sự cay đắng và đang ở trong xiềng xích của tội ác (Công Vụ 8:20-23).

Ông nói nhiều thứ tiếng, như đã được nói ở phần trên, là năng lực để nói một ngôn ngữ ngoại quốc chưa từng học. Tiếng lạ được ban làm một dấu hiệu, đặc biệt cho Ysraên.

Thông giải tiếng lạ là quyền năng kỳ diệu để hiểu một ngôn ngữ mình chưa từng biết đến trước đây và để truyền đạt sự điệp bằng tiếng địa phương.

Có lẽ điều rất ý nghĩa ấy là danh sách các ân tứ này bắt đầu với những ân tứ liên quan chủ yếu đến lý trí và kết thúc với những ân tứ giải quyết chủ yếu với tình cảm. Người Côrintô đã đảo ngược trật tự này trong suy nghĩ của họ. Họ tôn cao ân tứ tiếng lạ trên hết các ân tứ khác. Bằng cách nào đó, họ nghĩ một người càng có nhiều Thánh Linh thì càng bị chinh phục nhiều hơn bởi một quyền năng vượt quá bản thân mình. Họ đã lẫn lộn quyền năng với đời sống thuộc linh.

12:11 Toàn bộ các ân tứ được đề cập trong câu 8-10 đều do **Đấng Một Đức Thánh Linh** ban ra và kiểm soát. Một lần nữa ở đây, chúng ta thấy Ngài không ban cùng một ân tứ cho mọi người. Ngài phân phát sự ban cho **ấy riêng cho mỗi người**, tùy theo ý Ngài muốn. Đây là một điểm quan trọng khác nữa – Đức Thánh Linh phân phát các ân tứ theo quyền tể trị tối thượng của Ngài. Nếu

chúng ta thực sự hiểu điều này, thì một mặt sẽ giúp loại trừ kiểu ngạo, vì chúng ta không có điều gì mà không nhận lãnh cả. Và mặt khác sẽ loại bỏ được bất mãn, vì sự khôn ngoan và yêu thương vô hạn đã quyết định xem chúng ta nên có ân tứ nào, và sự chọn lựa của Ngài là hoàn hảo. Thật sai lầm nếu mọi người đều khao khát có cùng một ân tứ. Nếu mọi người đều chơi cùng một nhạc cụ, bạn sẽ không bao giờ có được một dàn nhạc hòa tấu. Và nếu một thân thể chỉ gồm có lưỡi mà thôi, thì đó sẽ là một vật kỳ quái.

12:12 **Thân thể** con người là minh họa cho sự hiệp một và sự đa dạng. **Thân là một**, thể nhưng có nhiều chi thể. Dẫu hết thấy các tín hữu đều khác nhau và thực hiện nhiều chức năng khác nhau, thế nhưng hết thảy họ đều kết hợp lại để tạo thành một đơn vị vận hành đúng chức năng – là **thân thể**.

Có thể dịch chính xác hơn cụm từ “**Đấng Christ khác nào như vậy**” là “**Đấng Christ này khác nào như vậy.**” “**Đấng Christ này**” ở đây không những nói đến Đức Chúa Jêsus Christ vinh hiển ở trên Thiên đàng, nhưng còn nói đến Đấng trên Thiên đàng và nói đến những chi thể của Ngài ở trên đất này. Mọi tín hữu đều là chi thể của **Thân Thể Đấng Christ**. Cơ thể con người là phương tiện để một người diễn tả chính mình cho người khác thể nào, thì **Thân Thể Đấng Christ** cũng là phương tiện trên đất này được Ngài chọn để bày tỏ chính Ngài cho thế gian biết thể ấy. Đây là bằng chứng về ân điển diệu kỳ mà Chúa sẽ luôn luôn cho phép cụm từ “**Đấng Christ này**” được dùng để bao

gồm những ai trong chúng ta vốn là chi thể của thân Ngài.

12:13 Phaolô tiếp tục giải thích chúng ta trở thành chi thể trong thân của Đấng Christ bằng cách nào. Chúng ta... đều đã chịu phép báp-têm chung (Bản Anh ngữ có chữ "bởi") (hoặc trong) một Đức Thánh Linh để hiệp làm một thân. Cách dịch nguyên văn hơn ở đây sẽ là "trong"⁴⁵ một Đức Thánh Linh." Có thể câu này có nghĩa Thánh Linh là yếu tố để chúng ta được làm phép báp-têm vào Ngài, cũng giống như nước là yếu tố mà chúng ta được nhúng vào trong phép báp-têm cho người tin Chúa. Hoặc có thể câu này nói Đức Thánh Linh chính là Tác Nhân, là Đấng thực hiện phép báp-têm, vì vậy "bởi một Đức Thánh Linh." Đây là một ý nghĩa chắc chắn hơn và dễ hiểu hơn.

Phép báp-têm Đức Thánh Linh xảy ra trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Hội Thánh được khai sinh vào thời điểm đó. Chúng ta dự phần các ích lợi của phép báp-têm ấy khi được tái sanh. Chúng ta trở thành chi thể trong Thân của Đấng Christ.

Có rất nhiều điểm quan trọng cần lưu ý tại đây. Thứ nhất, phép báp-têm của Đức Thánh Linh là sự vận hành thiên thượng để đạt tín hữu vào trong Thân Của Đấng Christ. Đây không phải là một phép báp-têm bằng nước. Điều này rõ ràng từ Mathiơ 3:11; Giăng 1:33; Công Vụ 1:5. Đây không phải là một công tác của ân điển đến sau sự cứu rỗi để bởi đó tín hữu trở nên thiêng liêng hơn, thuộc linh hơn. Hết thấy người Côrintô đều đã chịu phép báp-têm trong Đức Thánh Linh, thế

nhưng Phaolô quở trách họ vì vẫn là người xác thịt – chứ không phải người thuộc linh (3:1). Cũng không phải nói tiếng lạ là dấu hiệu bất biến của việc chịu phép báp-têm bởi Đức Thánh Linh. Hết thấy người Côrintô đều đã chịu báp-têm, nhưng không phải hết thấy đều nói tiếng lạ (12:30). Có những từng trải khủng hoảng về Đức Thánh Linh khi tín hữu đầu phục quyền kiểm soát của Thánh Linh và lúc bấy giờ được ban quyền năng từ trên cao. Nhưng một từng trải như thế không phải là một phép báp-têm của Đức Thánh Linh, và đứng nên lẫn lộn từng trải ấy với phép báp-têm bằng Đức Thánh Linh.

Câu Kinh Thánh tiếp tục nói tín hữu đều đã chịu uống chung một Đức Thánh Linh. Điều này có nghĩa họ dự phần Thánh Linh của Đức Chúa Trời theo ý nghĩa họ tiếp nhận Ngài với tư cách một Đấng cư ngụ trong lòng và nhận lãnh các ích lợi của chức vụ Ngài trong đời sống họ.

12:14 Nếu không có sự đa dạng của các chi thể, bạn không có một thân thể người. Bắt buộc phải có nhiều chi thể, mỗi chi thể đều khác nhau, hoạt động trong sự vâng lời đầu và cộng tác với các chi thể khác.

12:15 Khi thấy sự đa dạng là thiết yếu cho thân thể bình thường và lành mạnh, điều đó sẽ giúp chúng ta tránh khỏi hai nguy hiểm – khỏi xem thường chính mình (câu 15-20) và khỏi xem thường người khác (câu 21-25). Thật phi lý nếu chân cảm thấy mình không quan trọng vì không thể làm được việc của bàn tay. Suy cho cùng, bàn chân có

thể đứng, đi bộ, chạy, leo, múa – và đá nũa, cùng vô số việc khác.

12:16 Tai đừng cố gắng trở thành kẻ ngoài cuộc vì cơ tai không phải là mắt. Chúng ta xem đôi tai của mình là chuyện đương nhiên có cho đến khi bị điếc. Lúc đó chúng ta mới nhận thấy đôi tai thực hiện chức năng hiệu quả lớn lao biết dường nào.

12:17 Nếu cả thân đều là mắt, bạn sẽ có một vật điếc lác kỳ dị chỉ phù hợp cho một buổi biểu diễn phụ trong rạp xiếc. Hoặc nếu cả thân chỉ có tai mà thôi, thì sẽ không có mũi để khám phá khi nào hơi ga bị rò rỉ và rời nhanh chóng không còn khả năng nghe nữa vì lúc đó thân đã bất tỉnh hay chết mất rồi.

Ý Phaolô đang muốn nhắm đến chính là: nếu cả thân đều là lưỡi hết, thì sẽ là một vật kỳ dị và một vật kỳ quái. Thế nhưng người Côrintô đang nhấn mạnh quá đáng ân tứ nói uểng lả đến nỗi trên thực tế, họ đang tạo ra một hiệp hội địa phương mà sẽ có toàn là lưỡi. Nó có thể nói, nhưng chỉ có thể làm nội một chuyện đó mà thôi!

12:18 Đức Chúa Trời sẽ chẳng làm việc ngu dại đến như thế đâu. Với sự khôn ngoan vô song của Ngài, Đức Chúa Trời đã sắp đặt các chi thể khác nhau của thân chúng ta, ban cho mỗi một chi thể cái địa vị theo ý Ngài lấy làm lối. Chúng ta nên công nhận Ngài biết ơn Ngài đang làm gì! Chúng ta nên biết ơn sâu sắc về bất cứ ân tứ nào Ngài ban cho chúng ta, và vui mừng sử dụng chúng vì vinh hiển của Ngài và gây dựng người khác. Ganh tị ân tứ của người khác là một tội lỗi. Đó sẽ là nỗi

loạn chống nghịch kế hoạch hoàn hảo của Đức Chúa Trời dành cho đời sống mình.

12:19 Không thể nghĩ ra một thân thể nào mà chỉ có duy nhất một chi thể. Vì vậy người Côrintô nên nhớ nếu hết thấy họ đều có ơn nói tiếng lạ, thì họ sẽ không có một thân thể hoạt động đúng chức năng. Các ân tứ khác, dầu kém ngoạn mục và ít gây xúc động mạnh mẽ, nhưng lại rất cần thiết.

12:20 Đùng như Đức Chúa Trời đã chỉ định, có nhiều chi thể, nhưng chỉ có một thân. Những sự kiện này thật hiển nhiên uểng lả chúng ta khi nhìn thân thể người, và đáng ra chúng ta cũng phải thấy hiển nhiên y như vậy đối với sự phục vụ của mình trong Hội Thánh.

12:21 Một người ganh tị ân tứ của người khác là đại đột thể nào, thì coi thường ân tứ của người khác hay cảm thấy mình không cần đến người khác cũng đại đột y thế ấy. Mắt không được nói với bàn tay rằng: Ta chẳng cần đến mày; đầu cũng chẳng được nói với chân rằng: Ta chẳng cần đến mày. Mắt có thể thấy những việc cần phải làm, nhưng không thể làm được. Mắt phải nhờ tay làm chuyện đó. Một lần nữa, đầu có thể biết cần phải đi đến một nơi nào đó, nhưng phải nhờ chân đưa mình đến đó.

12:22 Một số chi thể của thân xem ra yếu đuối hơn những chi thể khác. Lấy ví dụ như quả thận, thận dường như không mạnh bằng cánh tay. Nhưng không thể thiếu thận trong khi có thể thiếu cánh tay. Chúng ta có thể sống không có cánh tay hoặc cẳng chân, hoặc thậm chí không có lưỡi, nhưng chúng ta

không thể sống nếu thiếu tim, phổi, gan hoặc não. Thế nhưng những cơ quan hết sức quan trọng này không bao giờ phơi mình ra trước công chúng. Chúng chỉ thi hành chức năng của chúng chẳng chút phô trương.

12:23 Một số chi thể của thân trọng rất hấp dẫn, còn các chi thể khác lại không tạo nhā được như vậy. Chúng ta đến bù bằng cách mặc áo che những chi thể nào không đẹp đẽ cho lắm. Vì vậy, có sự chăm sóc hỗ tương nhất định giữa các chi thể, để giảm thiểu những khác biệt.

12:24 Những phần nào trong chi thể đã đẹp rồi, thì không cần chú ý thêm. Nhưng Đức Chúa Trời đã kết hợp mọi chi thể khác nhau của thân thể thành một cấu trúc hữu cơ. Một số chi thể rất dễ thương, một số chi thể thô và xấu. Một số chi thể làm việc rất tốt nơi công chúng, một số không tốt bằng. Thế nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta bản năng để trân trọng mọi chi thể, để nhận thấy chúng đều lệ thuộc lẫn nhau, và để bù đắp những khiếm khuyết của những chi thể nào không được đẹp đẽ lắm.

12:25 Sự quan tâm lẫn nhau của các chi thể ngăn ngừa sự chia rẽ hay sự ly khai trong thân. Chi thể này đem đến cho chi thể khác những việc cần thiết, và đổi lại sẽ nhận sự giúp đỡ mà chỉ có chi thể kia mới có thể cho. Đây là cách bắt buộc phải có trong Hội Thánh. Nhấn mạnh quá đáng vào bất kỳ ân tứ nào của Thánh Linh cũng đều dẫn đến xung đột và ly khai.

12:26 Điều gì ảnh hưởng một chi thể thì đều ảnh hưởng đến tất cả mọi chi

thể. Đây là sự kiện ai cũng biết rõ trong thân thể con người. Chẳng hạn, cơn sốt không chỉ giới hạn ở một phần của thân thể, nhưng ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống của cơ thể. Các thể loại bệnh tật và đau đớn khác cũng vậy. Bác sĩ nhãn khoa thường có thể phát hiện bướu não, bệnh thận, hay nhiễm trùng gan bằng cách nhìn vào mắt. Nguyên nhân ấy là: đầu các chi thể này đều khác nhau và phân biệt với nhau, thế nhưng chúng thay đều hình thành một phần của một thân thể, và chúng được liên kết hết sức sống còn với nhau đến nỗi điều gì tác động đến một chi thể này thì cũng sẽ tác động đến toàn bộ mọi chi thể khác. Do đó, thay vì bất mãn về số phận của mình, hay mặt khác, thay vì cảm thấy độc lập với nhau, chúng ta đáng phải có một ý thức thật về sự đoàn kết trong Thân Thể Đáng Christ. Bất kỳ điều gì làm tổn thương Cơ Đốc nhân khác cũng đáng phải khiến chúng ta buồn rầu sâu sắc. Tương tự, nếu xem những Cơ Đốc nhân khác là đáng tôn trọng, chúng ta đừng nên cảm thấy ganh tị, nhưng nên cùng vui mừng với người.

12:27 Phaolô nhắc người Côrinthô nhớ họ là thân thể của Đáng Christ. Điều này không thể nói đến toàn bộ Thân Thể của Đáng Christ. Cũng không có nghĩa Thân Thể nào đó của Đáng Christ, vì chỉ có một Thân Thể duy nhất. Điều này chỉ có thể có nghĩa họ với tư cách tập thể đã hình thành mẫu vi mô hay một mẫu thu nhỏ Thân Thể Đáng Christ. Ai riêng phần nấy chính là một chi thể của một hiệp hội tập thể lớn đó. Như vậy, người ấy nên làm trọn

chức năng của mình mà đừng có bất kỳ cảm giác kiêu ngạo, độc lập, ghen tị hay cảm thấy mình vô giá trị.

12:28 Giờ đây sứ đồ cho chúng ta một danh sách nữa của các ân tứ. Đừng nên xem danh sách nọ trong số này như là danh sách đầy đủ. Đức Chúa Trời đã lập trong Hội Thánh, thứ nhất là sứ đồ. Chữ “thứ nhất” cho thấy không phải hết thấy đều là sứ đồ. Mười hai sứ đồ là người đã được chính Chúa sai phái làm sứ giả của Ngài. Họ đã ở với Ngài trong chức vụ tại thế của Ngài (Công Vụ 1:21,22) và ngoại trừ Giuda, họ thầy đều đã nhìn thấy Ngài sau khi Ngài phục sinh (Công Vụ 1:2,3,22). Nhưng ngoài mười hai sứ đồ này, còn nhiều người khác nữa cũng là sứ đồ. Người đáng lưu ý nhất là Phaolô. Còn có Banaba (Công Vụ 14:4,14). Giacô, em trai của Chúa (Galati 1:19); Sila và Timôthê (1.Têsalônica 1:1; 2:6). Cùng với các tiên tri Tân Ước. Các sứ đồ đã thiết lập nền tảng giáo lý của Hội Thánh qua điều họ đã dạy dỗ về Chúa Jêsus Christ (Êphêsô 2:20). Theo nghĩa hẹp của từ, chúng ta không còn các sứ đồ nữa. Theo ý nghĩa rộng hơn, chúng ta vẫn còn các sứ giả và những người thiết lập Hội Thánh do Chúa sai đi. Bằng cách gọi họ là các giáo sĩ thay vì các sứ đồ, chúng ta tránh tạo ấn tượng họ có thẩm quyền phi thường và quyền năng của các sứ đồ đầu tiên.

Kế tiếp là các tiên tri. Chúng ta đã nói rồi, các tiên tri là phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời, những người nói ra chính Lời của Đức Chúa Trời trong thời trước khi lời ấy được ban ra dưới hình

thức thành văn đầy đủ. Thấy giáo là những người đem lời của Đức Chúa Trời giải nghĩa ra cho dân sự theo cách dễ hiểu. Các phép lạ có thể nói đến việc gọi người chết sống lại, đuổi quỷ, v.v... Chữa bệnh có liên quan đến sự chữa lành tức thì các chứng bệnh của cơ thể, như đã nói đến trước đây. Cứu giúp được liên kết phổ thông với công tác của các chấp sự, là những người được giao phó các công chuyện vật chất của Hội Thánh. Mặt khác, ơn quản trị thường áp dụng cho các trưởng lão hoặc các giám mục. Đây là những con người lãnh trách nhiệm quan tâm đến đời thuộc linh và tin kính Chúa của Hội Thánh địa phương. Cuối cùng là ơn nói tiếng lạ. Chúng ta tin thứ tự này có ý nghĩa quan trọng. Phaolô đề cập các sứ đồ trước nhất và ơn nói tiếng lạ sau chót. Người Côrinthô đang đặt ơn nói tiếng lạ lên hàng đầu và xem thường sứ đồ!

12:29,30 Khi sứ đồ hỏi có phải tin đồ đều có cùng một ân tứ không – hoặc sứ đồ, tiên tri, thấy giáo, làm phép lạ, chữa bệnh, cứu giúp, quản trị, ơn nói tiếng lạ, thông giải tiếng lạ – vẫn phạm trong nguyên văn cho thấy ông chờ đợi và đòi hỏi câu trả lời “Không”.⁴⁰ Do đó, bất kỳ loại gợi ý nào, hoặc được diễn tả ra hoặc được ám chỉ đi nữa, rằng mọi người đều có ân tứ nói tiếng lạ, thì đều trái ngược với Lời Đức Chúa Trời và xa lạ với toàn bộ khái niệm của thân thể có rất nhiều chi thể khác nhau, mỗi chi thể có chức năng riêng của nó.

Như đã nói ở đây, nếu không phải mọi người đều có ân tứ nói tiếng lạ, thì

sẽ sai lầm nếu dạy rằng nói tiếng lạ là dấu hiệu của phép báp têm bằng Đức Thánh Linh. Vì trong trường hợp này, không phải mọi người đều có thể chờ đợi phép báp têm đó. Nhưng sự thật ấy là mỗi tín hữu đều đã được làm phép báp têm bởi Đức Thánh Linh rồi (câu 13).

12:31 Khi Phaolô nói: "Hãy ước ao cho được sự ban cho lớn hơn hết," ông đang nói với người Côrinthô như một Hội Thánh địa phương, chứ không phải như với cá nhân. Chúng ta biết điều này vì động từ trong nguyên văn ở số nhiều. Ông nói rằng với tư cách một hội chúng, họ nên ước ao sao cho giữa vòng họ có được một tập hợp tốt các ân tứ có thể gây dựng đức tin. Các ân tứ tốt nhất là ân tứ hữu dụng nhất, chứ không phải những ân tứ ngoạn mục. Mọi ân tứ đều do Đức Thánh Linh ban cho và không nên xem thường ân tứ nào cả. Thế nhưng sự thật là một số ân tứ đem lại ích lợi cho thân thể nhiều hơn các ân tứ khác. Đây là những ân tứ mà mỗi hiệp hội địa phương nên cầu xin Chúa gia tăng trong hội chúng.

Bây giờ tôi sẽ chỉ cho anh em con đường tốt lành hơn. Với những lời này, Phaolô giới thiệu Chương Tình Yêu Thương (1.Côrinthô 13). Điều ông đang muốn nói ở đây là: chỉ sở hữu các ân tứ không mà thôi thì không quan trọng cho bằng thực thi các ân tứ ấy trong tình yêu thương. Tình yêu thương suy nghĩ đến người khác chứ không nghĩ về bản thân mình. Thật kỳ diệu khi thấy một người được Thánh Linh ban ân tứ cách phi thường, nhưng lại càng kỳ diệu hơn

nữa khi người đó sử dụng ân tứ để gây dựng người khác trong đức tin hơn là thu hút sự chú ý về bản thân mình.

Người ta thường trích đoạn 13 ra khỏi văn mạch. Họ nghĩ đây là một phần đoạn trong ngoặc, nhằm để giải tỏa căng thẳng về việc nói tiếng lạ trong đoạn 12 và 14. Nhưng không phải như vậy. Đây là một phần hết sức quan trọng và tiếp nối lập luận của Phaolô.

Nạn lạm dụng ơn nói tiếng lạ dường như đã gây ra xung đột trong hội chúng. Sử dụng các ân tứ của họ để tự phò mình, tự gây dựng mình, và tự làm thỏa mãn mình, nên "những chuyên gia ân tứ" (charismatics) này không đang hành động trong tình yêu thương. Họ được thỏa mãn từ việc nói trước công chúng bằng thứ ngôn ngữ mà mình chưa hề học, nhưng thật hết sức khó nhọc cho người phải ngồi đó lắng nghe điều họ không hiểu. Phaolô quả quyết mọi ân tứ phải được thực thi trong tinh thần yêu thương. Mục tiêu của tình yêu thương là để giúp người khác chứ không phải để làm đẹp lòng bản thân mình.

Và có lẽ "những người không thuộc" "nhóm charismatics" đã phản ứng quá đáng bằng những hành động thiếu yêu thương. Có lẽ họ thậm chí còn đi xa đến nỗi nói rằng toàn bộ mọi thứ tiếng lạ đều là của ma quỷ. Ngôn ngữ Hy Lạp của họ có lẽ còn tồi tệ hơn cả những ngôn ngữ "của ân tứ"! Tình trạng thiếu yêu thương của họ có lẽ còn tồi tệ hơn cả chính nạn lạm dụng ơn nói tiếng lạ.

Vì vậy Phaolô khôn ngoan nhắc hết thảy họ nhớ rằng cả hai phía đều cần tình yêu thương. Nếu họ muốn hành

động trong tình yêu thương đối với nhau, nan đề hầu như sẽ được giải quyết. Đây không phải là một nan đề đòi hỏi dứt phép thông công hay dẫn đến chia rẽ; nó đòi hỏi tình yêu thương.

13:1 Dẫu một người có thể nói đủ mọi thứ ngôn ngữ, cả ngôn ngữ của loài người lẫn ngôn ngữ thiên sứ, nhưng không sử dụng năng lực này vì lợi ích của người khác, thì chẳng ích gì, cũng chẳng để chịu gì hơn âm thanh **leng keng** leng keng của kim loại va chạm nhau. Người ta không hiểu được lời lẽ đã nói ra thì chẳng có lợi ích gì cả. Đó chỉ là thứ tiếng âm i tra tấn thần kinh chẳng góp phần gì vào lợi ích chung. Để ơn nói tiếng lạ đem lại ích lợi, thì phải thông giải ơn ấy. Ngay cả khi đó, điều được nói ra cũng phải gây dựng đức tin. **Tiếng của các thiên sứ** có lẽ là một biện pháp tu từ cho lối nói tôn cao, nhưng không có nghĩa là một thứ ngôn ngữ không ai biết, vì bất cứ khi nào thiên sứ nói với con người trong Kinh Thánh, thì đó cũng là một lối nói phổ thông, dễ dàng hiểu được.

13:2 Cũng vậy, một người có thể nhận những sự khải thị tuyệt vời đến từ Đức Chúa Trời. Để có thể hiểu đủ các sự **mầu nhiệm vĩ đại** của Đức Chúa Trời, những chân lý trọng đại từ xưa đến nay vẫn chưa bày tỏ cho ai nhưng giờ đây mới tỏ ra cho người. Có thể người này nhận đấng **hiếu hiết** thiên thượng, được ban truyền cách siêu nhiên. Có thể người được ban **đức linh** phi thường có thể **dời được núi**. Thế nhưng nếu những sự ban cho tuyệt diệu này chỉ sử dụng vì lợi ích riêng của

người ấy chứ không để gây dựng đức tin của các chi thể khác trong Thân Thể Đấng Christ, thì chúng không có giá trị chi, và người lãnh sự ban cho ấy cũng chẳng ra gì, tức là người ấy chẳng giúp ích được gì cho người khác.

13:3 Nếu sử đồ phân phát cả gia tài để nuôi kẻ nghèo khó, hoặc thậm chí bỏ thân mình để chịu đói, những hành động đùng cảm ấy cũng chẳng ích gì cho ông trừ phi chúng được thực hiện với tình thần **yêu thương**. Nếu ông chỉ đang cố gắng thu hút chú ý về chính mình và tìm cách lưu danh mình, thì việc ông bày tỏ các đức hạnh ấy sẽ trở nên vô giá trị.

13:4 Có người đã nói: "Phần này không khởi đầu như là bài luận thuyết về tình yêu thương, nhưng giống như hầu hết những buổi học văn chương của Tân Ước, phần này được giới thiệu có liên kết với một số tình huống tại địa phương." Hogde nói rõ rằng người Côrintô thiếu nhện nhục, ghen tị, khoe mình, ích kỷ, kiếm nhả, chẳng để ý đến những cảm xúc và ích lợi của người khác, nghi ngờ, tức giận, hay bươi móc lỗi của người khác.

Và vì vậy giờ đây sử đồ đối chiếu những đặc điểm của tình yêu thật. Trước hết, **tình yêu thương hay nhện nhục**; tình yêu thương hay **nhân từ**. Nhện nhục là sự chịu đựng kiên nhẫn trong lúc bị khiêu khích. Nhân từ là sự nhân lành tích cực, thực hiện vì lợi ích của người khác. **Tình yêu thương chẳng ghen tị** người khác; trái lại hài lòng để người khác sẽ được tôn trọng và đề cao. **Tình yêu thương chẳng khoe mình**,

chẳng lên mình kiêu ngạo. Tình yêu thương nhận thấy bất kỳ mình có điều gì cũng đều là sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết nơi con người chẳng có điều gì để khoe khoang cả. Ngay cả những sự ban cho của Thánh Linh cũng là do Đức Chúa Trời ban cho cách tốt thương và không khiến cho người ấy kiêu hành hay cao ngạo, bất luận ân tứ ấy có ngoạn mục đến đâu đi nữa.

13:5 Tình yêu thương chẳng làm điều trái phép. Nếu đang thực sự hành động trong tình yêu thương, thì sẽ tế nhị và có ý tứ. Tình yêu thương chẳng kiếm tư lợi cách ích kỷ, nhưng quan tâm đến điều sẽ giúp đỡ được người khác. Tình yêu thương chẳng nóng giận, nhưng sẵn lòng chịu đựng những sự coi khinh và lăng mạ. Tình yêu thương chẳng nghi ngờ sự dữ, có nghĩa không quy gán những động cơ xấu cho người khác. Tình yêu thương không nghi ngờ những hành động của họ. Tình yêu thương không lừa đảo.

13:6 Tình yêu thương chẳng vui về điều không công bình, nhưng vui trong lẽ thật. Trong bản tính con người có tính xấu là muốn vui thú nơi những điều không công bình, đặc biệt nếu một hành động không công bình dường như đem lại ích lợi cho bản thân người đó. Đây không phải là tinh thần yêu thương. Tình yêu thương vui mừng với mỗi chiến thắng của lẽ thật.

13:7 Cụm từ "dung thứ mọi sự" có thể muốn nói tình yêu thương kiên nhẫn chịu đựng mọi điều, hoặc có nghĩa che giấu hoặc che đậy lỗi lầm của người

khác. Từ ngữ "dung thứ" cũng có thể dịch là "khỏa lấp." Tình yêu thương không quảng cáo rầm rộ cách không cần thiết về những thất bại của người khác, dẫu vậy tình yêu thương phải cương quyết thi hành biện pháp kỷ luật trong tình thần kính sợ Chúa khi cần thiết. Tình yêu thương tin mọi sự, có nghĩa cố gắng làm cho những hành động và những biến cố mang tính xây dựng tốt nhất có thể có được. Tình yêu thương lắng nghe mọi sự theo ý nghĩa sáng suốt ước ao mọi điều đều sẽ là tốt nhất. Tình yêu thương nín chịu mọi sự trên con đường bất bở hay bị ngược đãi.

13:8 Sau khi mô tả những phẩm chất đặc trưng cho những người vận dụng ân tứ của họ trong tình yêu thương, sử đồ giờ đây nói đến tính vĩnh viễn của tình yêu thương, để đối chiếu với tính tạm thời của các ân tứ. Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Qua suốt cõi đời đời, tình yêu thương sẽ còn tiếp tục, theo ý nghĩa chúng ta sẽ yêu mến Chúa và yêu mến nhau. Trong khi, những ân tứ này chỉ kéo dài tạm thời mà thôi.

Có hai lối giải thích chính yếu cho câu 8-13. Quan điểm truyền thống cho rằng các ân tứ tiền tri, nói tiếng lạ, và thông biết sẽ chấm dứt khi tín hữu bước vào linh trạng đời đời. Một quan điểm khác xem các ân tứ này đã ngưng rồi, và ngưng khi bộ kinh điển Kinh Thánh được hoàn tất. Để trình bày cả hai quan điểm, chúng ta sẽ diễn ý câu 8-12 dưới các tiêu đề TÌNH TRẠNG ĐỜI ĐỜI và BỘ KINH ĐIỂN HOÀN CHỈNH.

Tình yêu thương sẽ không bao giờ chấm dứt. Trái lại, những lời tiên tri hiện có lúc này sẽ chấm dứt khi dân sự Chúa bước vào quê hương Thiên đàng. Hiện nay có ân từ về sự thông biết, nhưng ân từ này sẽ chấm dứt khi chúng ta đạt đến chung kết cuối cùng trong vinh hiển. [Khi Phaolô nói sự thông biết... hầu bị bỏ, ông không thể nói sẽ không còn sự thông biết trên Thiên đàng. Chắc chắn ông đang nói đến ân từ sự thông biết để bởi đó truyền đạt các siêu nhiên chân lý thiên thượng.]

13:9 Trong đời này, hiểu biết của chúng ta giới hạn cũng chỉ mới một phần thôi, và những lời tiên tri của chúng ta cũng như vậy. Trong Kinh Thánh còn rất nhiều điều chúng ta không hiểu được, và trong ơn thần hựu của Đức Chúa Trời còn rất nhiều lẽ mầu nhiệm.

13:10 Nhưng khi sự trọn lành đã đến, tức là khi chúng ta đạt đến tình trạng trọn lành trong thế giới đời đời, thì những ân từ của sự hiểu biết chưa trọn vẹn và lời nói tiên tri chưa trọn vẹn sẽ bị bỏ.

13:11 Đời này có thể đem vi với thời con trẻ, khi những lời nói, hiểu biết và tư tưởng của chúng ta còn rất hạn chế và ấu trĩ. Tình trạng trên Thiên đàng có thể vi với tuổi thành nhân trọn vẹn. Bất giờ tình trạng con trẻ của chúng ta sẽ là chuyện của quá khứ.

Tình yêu thương sẽ không bao giờ chấm dứt. Tuy có những lời tiên tri (văn thời điểm của Phaolô), nhưng nhu cầu cần những khái thị trực tiếp như thế sẽ chấm dứt khi sách cuối cùng của Tân Ước được hoàn tất. Ôn nói tiếng tạ vầu còn được sử dụng trong thời Phaolô, nhưng tự bản thân chúng sẽ chấm dứt khi sáu mươi sáu quyển của Kinh Thánh được hoàn tất, vì không còn cần đến chúng nữa để khẳng định công tác giảng đạo của các sứ đồ và các tiên tri (Hêbơơ 2:3, 4). Sự hiểu biết chân lý thiên thượng đang được Đức Chúa Trời ban cho các sứ đồ và các tiên tri, nhưng ân từ này cũng sẽ chấm dứt khi tập hợp trọn vẹn các giáo lý Cơ Đốc được truyền một lần đủ cả.

Chúng ta, tức các sứ đồ, biết một phần (theo ý nghĩa chúng ta hiện vẫn đang nhận lãnh sự hiểu biết được soi dẫn qua khái thị trực tiếp từ Đức Chúa Trời), và chúng ta nói tiên tri chỉ một phần (vì chúng ta chỉ có thể diễn đạt những sự khái thị chưa đầy đủ mình đã nhận lãnh được).

Nhưng khi sự trọn lành đã đến, tức khi Bộ Kinh Điển được hoàn tất khi sách cuối cùng được bổ sung vào Tân Ước, thì những sự khái thị định kỳ hay những khái thị từng phần về chân lý thiên thượng sẽ chấm dứt, và việc rao ra chân lý này sẽ bị bỏ đi. Sẽ không còn cần những khái thị chưa trọn vẹn nữa, vì lời hoàn chỉnh của Đức Chúa Trời sẽ có sẵn ở đây rồi.

Những ân từ dấu hiệu có liên kết với thời kỳ con trẻ của Hội Thánh. Các ân từ không phải trò trẻ con; chúng là những ân từ cần thiết của Đức Thánh Linh. Nhưng một khi khái thị trọn vẹn của Đức Chúa Trời có sẵn trong Kinh Thánh, thì các ân từ làm phép lạ sẽ không còn cần thiết nữa và sẽ bị loại bỏ. Từ ngữ con trẻ⁶ ở đây có nghĩa một hài nhi chưa đầy đủ năng lực để nói.

13:12 Chẳng nào còn yên trấn gian này, chúng ta còn nhìn xem sự việc cách mập mờ và mơ hồ, dường như đang xem trong chiếc gương mù tuờ vậy. Trái lại, Thiên đàng sẽ giống như nhìn xem sự việc mặt đối mặt, tức là không có gì chắn giữa làm mờ tầm nhìn. Giờ đây hiểu biết của chúng ta chưa trọn vẹn, nhưng bấy giờ chúng ta sẽ biết cũng giống như Chúa biết chúng ta vậy - có nghĩa được biết trọn vẹn hơn. Chúng ta sẽ không bao giờ có sự hiểu biết hoàn hảo, thậm chí ngay cả khi ở trên Thiên đàng. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới là Đấng Toàn Tri. Nhưng hiểu biết của chúng ta sẽ lớn hơn rất nhiều so với hiện nay.

13:13 Đức lín, sự trồng cây và tình yêu thương là điều Kelly gọi là "những nguyên tắc đạo đức chính yếu vốn đặc trưng của Cơ Đốc giáo." Những ân điển này của Thánh Linh là trội hơn các ân tứ của Thánh Linh, và cũng lâu bền hơn. Tóm lại, bông trái của Thánh Linh còn quan trọng hơn những ân tứ của Thánh Linh.

Và tình yêu thương là điều trọng hơn trong các ân điển đó, vì tình yêu thương ích lợi nhất cho người khác. Tình yêu thương không tập trung vào bản thân, nhưng tập trung vào người khác.

Giờ đây trước khi rời chương này, cần nhận định vài điểm. Như đã nói ở trên, lối giải thích được chấp nhận rộng rãi nhất cho câu 8-12 ấy là những câu này đối chiếu những hoàn cảnh trong đời này với những hoàn cảnh trong tình trạng đời đời.

Nhưng rất nhiều Cơ Đốc nhân tin kính Chúa giữ quan điểm BỘ KINH ĐIỂN HOÀN CHỈNH, tin rằng mục đích của các ân tứ làm dấu hiệu chính là để khẳng định công tác giảng đạo của các

Bấy giờ (trong thời kỳ các sứ đồ) chúng ta nhìn xem trong một chiếc gương cách mập mờ. Không một ai trong chúng ta (các sứ đồ) nhận được khai thị đầy đủ của Đức Chúa Trời. Khai thị ấy vẫn đang được ban cho chúng ta từng phần, giống như những mảnh của hình tri uẩn. Khi bộ Kinh Thánh được hoàn tất, sự mập mờ sẽ bị cất bỏ và chúng ta sẽ thấy toàn bộ bức tranh. Hiểu biết của chúng ta (tức của các sứ đồ và các tiên tri) hiện nay là hiểu biết chưa trọn vẹn. Nhưng khi sách cuối cùng đã được bổ sung vào Tân Ước, chúng ta sẽ biết đầy đủ hơn và biết mật thiết hơn bao giờ hết.

sứ đồ trước khi Lời Đức Chúa Trời được ban ra dưới hình thức văn viết chung cuộc, và nhu cầu cần các ân tứ thi hành phép lạ đã không còn nữa khi Tân Ước được hoàn tất. Tuy quan điểm thứ nhì này đáng được xem xét cách nghiêm túc, nhưng hầu như không thể chứng minh được cách dứt khoát. Dấu tin các ân tứ làm dấu hiệu hầu như đã không còn vào cuối kỷ nguyên các sứ đồ, chúng ta vẫn không thể nói một cách chung cuộc rằng nếu Đức Chúa Trời muốn, Ngài cũng không thể sử dụng các ân tứ ấy ngày nay. Dấu chúng ta theo quan điểm nào đi nữa, bài học lâu bền ấy là: tuy các ân tứ của Thánh Linh là chưa trọn vẹn và mang tính tạm thời, nhưng bông trái của Thánh Linh là đời đời và xuất sắc hơn. Nếu chúng ta thực hành tình yêu thương, tình yêu thương sẽ cứu chúng ta khỏi lạm dụng các ân tứ, và cứu khỏi những xung đột và chia rẽ đã xuất hiện do lạm dụng các ân tứ ấy.

14:1 Ta thấy rõ mối liên kết của câu này với đoạn đi trước. Cơ Đốc nhân

phải nộp nã làm kiếm tình yêu thương, và điều này có nghĩa họ sẽ luôn luôn cố gắng phục vụ người khác. Họ cũng sẽ sốt sắng ước ao các sự ban cho thiêng liêng dành cho hội chúng của họ. Tuy đúng là các ân tứ được Thánh Linh ban phát tùy theo ý Ngài muốn, nhưng cũng đúng là chúng ta có thể cầu xin các ân tứ nào có giá trị lớn lao nhất trong hiệp hội địa phương. Đây là nguyên nhân Phaolô gợi ý ân tứ tiên tri là đáng ao ước cách nổi bật. Ông tiếp tục giải thích vì sao ơn tiên tri chẳng hạn lại có ích lợi lớn hơn ơn nói tiếng lạ.

14:2 Người nào nói tiếng lạ mà không thông giải thì tức là đang không nói vì lợi ích của hội chúng. Đức Chúa Trời hiểu người ấy đang nói gì, nhưng người khác không hiểu, vì là ngôn ngữ xa lạ đối với họ. Có thể người ấy đang rao ra những chân lý tuyệt vời, từ xưa đến nay chưa ai biết, nhưng chẳng ích lợi gì vì người ta hoàn toàn không thể hiểu được những điều đó.

14:3 Mặt khác, ai nói tiên tri thì gây dựng người ta, khích lệ họ và an ủi họ. Nguyên nhân chính là vì người ấy đang nói thứ ngôn ngữ của con người; và điều đó tạo nên khác biệt quan trọng. Khi Phaolô nói đấng tiên tri gây dựng, khuyên bảo và yên ủi, không phải ông đang định nghĩa đấng tiên tri. Ông chỉ đang nói rằng những kết quả này sẽ theo sau khi sử dụng được rao ra trong ngôn ngữ mà những người đó hiểu được.

14:4 Câu 4 thường được nêu ra biện minh cho cách dùng riêng tư ơn nói tiếng lạ để tự gây dựng mình. Nhưng sự

kiện từ ngữ "Hội Thánh" được tìm thấy chín lần trong đoạn này (câu 4, 5, 12, 19, 23, 28, 33, 34, 35) cung cấp bằng chứng khá thuyết phục rằng Phaolô không đang đề cập đến đời sống tình nguyện của tín hữu tại phòng riêng, nhưng đang đề cập đến cách dùng ơn nói tiếng lạ trong một hội chúng địa phương. Văn mạch cho thấy sứ đồ không hề tán thành sử dụng ơn nói tiếng lạ để gây dựng, nhưng đang lên án mọi cách dùng ân tứ này trong Hội Thánh mà không đem đến sự giúp đỡ người khác. Tình yêu thương suy nghĩ đến giúp người khác. Tình yêu thương suy nghĩ đến người khác chứ không nghĩ đến bản thân mình. Nếu sử dụng ơn nói tiếng lạ trong tình yêu thương, ơn ấy sẽ đem ích lợi cho người khác chứ không phải cho bản thân mình.

Kẻ nói tiên tri gây dựng cho Hội Thánh. Người không nên khoe khoang ân tứ của mình để kiếm tư lợi, nhưng nói ra cách xây dựng bằng thứ ngôn ngữ hội chúng hiểu được.

14:5 Phaolô không xem thường ơn nói tiếng lạ; ông nhận thấy đây là ân tứ của Đức Thánh Linh. Ông không thể và sẽ không coi thường bất kỳ điều gì ra từ Thánh Linh. Khi ông nói "tôi ước ao anh em đều nói tiếng lạ cả," ông đang phản đối mọi ao ước ích kỷ nào nhằm giới hạn ân tứ cho riêng bản thân mình và cho một vài người được sùng ái. Ao ước của ông tương tự ao ước Môise đã diễn tả "Ôi! Chớ chi cả dân sự của Đức Giêhôva đều là người tiên tri, và chớ chi Đức Giêhôva ban Thần của Ngài cho họ!" (Dân số Ký 11:29b). Nhưng khi nói

như vậy, Phaolô biết Đức Chúa Trời không có ý muốn mọi tín hữu đều có cùng một ân tứ (xem 12:29,30).

Ông còn ước ao hơn nữa là người Côrinthô **nói tiên tri**, vì khi nói tiên tri thì họ gây dựng lẫn nhau, còn khi nói tiếng lạ mà không thông giải, những người nghe họ sẽ không hiểu nên bởi đó chẳng nhận được ích lợi nào. Phaolô muốn phải có **sự gây dựng** đức tin. Đúng như Kelly diễn tả: "Những gì gây cho sống sót và đáng ngạc nhiên thì kém quan trọng hơn nhiều so với một tâm tình thiêng liêng giúp gây dựng đức tin."⁴⁸

Cụm từ **mà không giải nghĩa** cũng có nghĩa "trừ phi người đang nói tiếng lạ đó giải nghĩa ra" hoặc "trừ phi có ai khác thông giải."

14:6 Dẫu chính Phaolô đến Côrinthô và có **nói tiếng lạ** đi nữa, thì cũng chẳng **ích lợi** gì cho họ trừ khi họ có thể hiểu những điều ông nói ra. Họ sẽ phải có khả năng nhận ra ông đang nói những điều nào là **sự khải thị** và **sự thông biết**, hay đâu là **lời tiên tri** và **sự dạy dỗ**. Những nhà giải kinh đồng ý rằng tổ sự **kín nhiệm** và **sự thông biết** liên quan đến sự tiếp nhận bé trong, còn **nói tiên tri** và **dạy dỗ** liên quan đến sự ban phát điều ấy ra. Ý của Phaolô trong câu này ấy là: để đem lại lợi ích cho Hội Thánh, thì người khác phải hiểu được sứ điệp. Ông tiếp tục chứng minh điều này trong những câu tiếp theo.

14:7 Trước hết, ông sử dụng minh họa từ các nhạc cụ, nếu **ông liêu** hay **đơn cầm** không tạo ra âm điệu **phân biệt** nhau, thì không ai biết ống tiêu hay là

đàn cầm **thổi** và **khảy** cái chi. Chính ý tưởng về **thư âm nhạc** có thể thưởng thức được bao gồm cả ý tưởng **phân biệt** các nốt, có điệu rõ ràng, và có sự rõ ràng nhất định.

14:8 Đối với **kèn** cũng vậy. Tiếng gọi xung trận phải rõ ràng và khác biệt, nếu không thì không ai **sửa soạn** mà ra trận. Nếu người thổi kèn chỉ việc đứng lên thổi một hơi dài những âm đơn điệu, thì không ai được thúc giục ra trận cả.

14:9 Đối với ngôn ngữ con người cũng vậy. Nếu những lời chúng ta nói ra mà không ai hiểu được, thì không ai biết ta đang nói gì. Việc đó sẽ vô ích giống như nói vào không khí (bản Việt Ngữ "nói bông lông"). (Trong câu 9, "luối" có nghĩa cơ quan phát âm, chứ không phải là thứ tiếng lạ.) Đây là một áp dụng thực tiễn trong toàn bộ vấn đề này, tức là một sứ điệp hay sự dạy dỗ cần phải rõ ràng và đơn giản. Nếu nó "sâu nhlem" và vượt quá sức người nghe, thì sẽ chẳng ích lợi gì cho họ. Điều này có thể khiến cho người nói được thỏa mãn phần nào đó, nhưng sẽ không giúp ích cho dân sự Đức Chúa Trời.

14:10 Phaolô chuyển sang minh họa khác về chân lý ông vừa nêu ra. Ông nói về **rất nhiều thứ tiếng** trong thế gian. Ở đây, để tài rộng hơn những ngôn ngữ của con người; nó bao gồm những sự truyền thông của các sinh vật khác. Có lẽ Phaolô đang nghĩ đến những tiếng chim kêu và những tiếng kêu thét và tiếng khụt khịt của loài thú. Chẳng hạn, chúng ta biết có những tiếng gọi kết đôi, di cư và cho ăn của

loài chim. Cũng có những âm thanh của loài thú để cảnh báo mối nguy hiểm. Ở đây, Phaolô chỉ đang đơn giản tuyên bố toàn bộ những thứ tiếng này đều có ý nghĩa rõ ràng. **Mỗi thứ tiếng đều có nghĩa.** Mỗi tiếng đều được dùng truyền đạt một sứ điệp rõ ràng nào đó.

14:11 Ngôn ngữ của con người cũng vậy. Nếu không nói ra với những âm thanh được phát âm rõ ràng, thì không ai hiểu được người nói. Có thể người ấy đang lập đi lập lại những tiếng lặp bập tào lao vô nghĩa. Ít có kinh nghiệm nào gay go hơn là cố gắng truyền đạt với người không hiểu được thứ ngôn ngữ của bạn.

14:12 Xét đến điều này, người Côrintô nên kết hợp lòng nỗ lực ước ao các sự ban cho thiêng liêng của họ với ước ao gây dựng Hội Thánh. Moffatt dịch câu này là: "Trong lòng ước vượt trội này, hãy đặt sự gây dựng Hội Thánh trở thành mục tiêu của anh em." Lưu ý Phaolô không hề làm họ nản lòng trong sự nỗ lực ước ao các sự ban cho thiêng liêng, nhưng tìm cách hướng dẫn và dạy dỗ họ để khi sử dụng các ân tứ này, họ sẽ đạt được mục tiêu cao nhất.

14:13 Nếu một người nói tiếng lạ, nên cầu nguyện để mình có thể thông giải được. Hoặc câu này có nghĩa hãy cầu nguyện để ai đó có thể giải nghĩa được.⁴⁹ Có thể người có ân tứ nói tiếng lạ cũng có luôn cả ân tứ thông giải, nhưng sẽ là ngoại lệ chứ không phải là quy luật. Phép so sánh tương tự về thân thể người gợi ý những chức năng khác nhau dành cho những thành viên khác nhau.

14:14 Lấy ví dụ, nếu một người cầu nguyện bằng tiếng lạ trong buổi nhóm của Hội Thánh, thì làm thân người ấy cầu nguyện theo ý nghĩa những cảm xúc của người tìm được lời nói để diễn đạt, điều không phải là bằng thứ ngôn ngữ đang được sử dụng chung. Nhưng trí khôn người đang lơ lửng (Bản Anh ngữ là "không có kết quả - unfruitful") theo ý nghĩa nó chẳng đem lại lợi ích cho ai khác. Hội chúng không biết người đang nói gì. Như chúng ta sẽ giải thích ở 14:19, chúng ta hiểu cụm từ "trí khôn tôi" có nghĩa "sự hiểu biết của những người khác về tôi."

14:15 Vậy tôi sẽ làm thế nào? Kết luận đơn giản là thế này: Phaolô không những sẽ cầu nguyện bằng tâm thần, nhưng cũng cầu nguyện sao cho người khác có thể hiểu được. Đây chính là ý nghĩa của cụm từ: "Tôi cũng sẽ cầu nguyện bằng trí khôn." Điều này không có nghĩa ông sẽ cầu nguyện bằng chính trí khôn riêng của mình, nhưng đúng hơn ông sẽ cầu nguyện sao cho giúp người khác hiểu được. Tương tự, ông sẽ hát theo tâm thần, nhưng cũng hát sao cho người khác hiểu được.

14:16 Câu 16 chứng tỏ rõ cách giải thích trên là ý nghĩa chính xác của phần đoạn. Nếu Phaolô tạ ơn bằng tâm thần mình, nhưng không làm cho người khác hiểu được, làm sao những người không hiểu được thứ ngôn ngữ ông đang nói lại có thể nói Amen khi ông cầu nguyện xong?

"Người làm thượng ngồi nghe" nói đến một người đang ngồi trong nhóm thính giả và không biết thứ ngôn ngữ diễn giả đang sử dụng. Câu Kinh Thánh

này nhân tiện phê chuẩn cách sử dụng thông minh chữ "Amen" trong các buổi nhóm chung của Hội Thánh.

14:17 Khi nói tiếng lạ, có thể người nói đang thực sự tạ ơn Đức Chúa Trời, nhưng người khác không được gây dựng nếu họ không biết người kia đang nói điều gì.

14:18 Đường như sứ đồ có khả năng nói tiếng lạ nhiều hơn hết thấy họ. Chúng ta biết Phaolô biết một số ngôn ngữ, nhưng rõ ràng câu nói ở đây chỉ về ân tứ nói tiếng lạ của ông.

14:19 Bất chấp năng lực ngôn ngữ tu viêt này, Phaolô nói thà ông nói năm lời bằng trí khôn mình, tức là để cho người khác hiểu, hơn là nói một vạn lời bằng tiếng lạ. Ông không hề thích dùng ngôn ngữ này để tự phô bày bản thân. Mục tiêu chính của ông là giúp dân sự Đức Chúa Trời. Do đó ông quyết định khi nói thì sẽ nói sao cho người khác hiểu được mình.

Cụm từ trí khôn mình ở đây còn được gọi là "sở hữu cách khách quan."⁵⁰ Câu này không nói đến những gì chính bản thân tôi hiểu, nhưng điều mà người khác hiểu được khi tôi nói ra.

Hodge chứng tỏ văn mạch ở đây không liên quan đến việc Phaolô hiểu những gì ông nói bằng tiếng lạ, nhưng liên quan đến cách người khác hiểu ông:

Nếu như ân tứ nói tiếng lạ cốt ở khả năng nói các ngôn ngữ chính mình ông không hiểu, và - từ giả định đó - theo nguyên tắc của ông, việc sử dụng năng lực đó không thể lợi ích cho cả chính mình lẫn cho người khác, thì

đồng tin rằng Phaolô sẽ lại cảm tạ Chúa đã ban ơn cho ông nói tiếng lạ dư dật hơn. Từ câu này cũng rõ ràng không kềm cẳng nói tiếng lạ không phải là nói trong tình trạng vô ý thức của tâm trí. Giáo lý phổ thông về bản chất của ân tứ là giáo lý duy nhất phù hợp cho phân đoạn này. Phaolô dạy rằng dầu có thể nói những ngôn ngữ ngoại quốc nhiều hơn người Côrinthô, ông thà nói năm lời bằng trí khôn của mình, tức là để cho người khác có thể hiểu được, hơn là nói một vạn lời bằng thứ ngôn ngữ chưa ai biết. Trong Hội Thánh, tức là trong hội chúng, tôi cũng có thể dạy người khác (katēcheō) dạy đạo bằng lời nói. Galati 6:6. Điều này cho thấy ý nghĩa của việc nói bằng trí khôn. Đây là nói làm sao cho truyền đạt được lời dạy đó.⁵¹

14:20 Kế tiếp, Phaolô khuyên người Côrinthô đừng ấu trĩ trong cách suy nghĩ của họ. Con trẻ thích giải trí hơn là thích sự hữu ích, thích những thứ sặc sỡ hơn là những thứ ổn định. Phaolô đang nói: "Đừng thích thú kiểu trẻ con nơi những ân tứ ngoại mục này như anh em đang làm để tự phô trương chính mình. Chỉ có một phương diện để anh em nên như trẻ con, và đó là như con trẻ trong sự hiềm ác hay trong điều ác. Nhưng trong các vấn đề khác, anh em nên suy nghĩ với sự trưởng thành của người lớn."

14:21 Tiếp theo, sứ đồ trích Êsai để chứng tỏ tiếng lạ là dấu hiệu cho người chẳng tin chữ không phải cho người đã tin Chúa. Đức Chúa Trời phán rằng vì con cái Ysraên đã chối bỏ sự điệt Ngài và nhạo báng sự điệt ấy, nên Ngài sẽ

phán với họ qua ngôn ngữ ngoại quốc (Êsai 28:11). Điều này ứng nghiệm khi quân xâm lược Assyri tiến vào đất Ysraên, và người Ysraên nghe ngôn ngữ Assyri đang nói giữa vòng họ. Đây là dấu hiệu cho biết họ đã chối bỏ Lời Đức Chúa Trời.

14:22 Lập luận ở đây ấy là: vì Đức Chúa Trời đã dự định tiếng lạ làm dấu hiệu cho kẻ chẳng tin, nên người Côrinthô đừng nên sử dụng các thứ tiếng lạ cách quá tự do đến như vậy trong các buổi nhóm của tín hữu. Sẽ tốt hơn nếu họ nói tiên tri, vì nói tiên tri là dấu hiệu cho người tin Chúa chứ không phải cho người chẳng tin.

14:23 Nếu khi cả Hội Thánh nhóm lại một nơi, và mọi Cơ Đốc nhân đều nói tiếng lạ mà không ai thông giải, những khách lạ đến dự sẽ nghĩ gì về chuyện đó? Tình trạng đó sẽ không trở thành lời làm chứng cho họ; trái lại, họ sẽ nghĩ các thánh đồ đang mắc bệnh tâm thần.

Có một điều dường như mâu thuẫn giữa câu 22 và câu 23-25. Trong câu 22, chúng ta được biết tiếng lạ là dấu hiệu cho người chẳng tin còn lời tiên tri là dành cho tín hữu. Nhưng trong câu 23-25, Phaolô nói rằng tiếng lạ được sử dụng trong Hội Thánh có thể chỉ gây lúng túng và vấp phạm cho người chưa tin Chúa, còn lời tiên tri có thể giúp họ.

Đây là cách giải thích về điều có vẻ như mâu thuẫn ấy: người chưa tin Chúa trong câu 22 là những người đã chối bỏ Lời của Đức Chúa Trời và đóng kín cửa lòng mình trước lẽ thật. Tiếng lạ là dấu hiệu sự đoán xét của Đức Chúa Trời

giáng trên họ, giống như tiếng lạ đã là dấu hiệu cho sự đoán xét trên Ysraên trong phần đoạn của Êsai (câu 21). Người chưa tin trong câu 23-25 là những người sẵn lòng chịu học hỏi. Họ đã mở lòng để nghe Lời Đức Chúa Trời, như được chứng tỏ qua việc họ hiện diện trong hội chúng của Cơ Đốc nhân. Nếu nghe Cơ Đốc nhân nói các thứ tiếng ngoại quốc mà không hề thông giải, họ sẽ bị ngăn trở, và không được giúp ích.

14:24 Nếu khách lạ vào buổi nhóm nơi các Cơ Đốc nhân đang nói tiên tri thay vì nói tiếng lạ, những người khách sẽ nghe và hiểu được điều đang nói ra, họ sẽ bị mọi người bắt phục, và bị mọi người đoán xét. Điều sử đồ đang nhấn mạnh ở đây ấy là sẽ không có sự cáo trách tội lỗi cách thực tế nào trừ phi người nghe hiểu được những điều đang nói ra. Khi sử dụng tiếng lạ mà không thông giải, hiển nhiên những thân hữu không được giúp ích chi cả. Những người nói tiên tri đương nhiên sẽ nói bằng thứ ngôn ngữ đang được sử dụng trong khu vực đó, và kết quả người nghe sẽ nhận thức sâu sắc những gì họ được nghe.

14:25 Sự kín giấu trong lòng người được tỏ ra bởi lời tiên tri. Người này cảm thấy diễn giả đang nói trực tiếp với mình. Thánh Linh Đức Chúa Trời cáo trách trong linh hồn người. Họ bèn sấp mặt xuống đất, thờ lạy Đức Chúa Trời, và nói thật có Đức Chúa Trời ở giữa những người này.

Như vậy, ý của Phaolô trong câu 22-25 chính là: tiếng lạ mà không thông

giải thi không đem lại sự cáo trách giữa người không tin, còn lời lên tri thì đem lại sự cáo trách.

14:26 Vì những sự lạm dụng vào trong Hội Thánh có liên quan đến ân tứ nói tiếng lạ, nên Thánh Linh Đức Chúa Trời cần đưa ra những quy định để kiểm soát cách sử dụng ân tứ này. Trong câu 26-28, chúng ta có những sự kiểm soát như thế.

Điều gì xảy ra khi Hội Thánh đầu tiên nhóm lại với nhau? Từ câu 26, dường như các buổi nhóm rất thân tình và tự do. Có sự tự do để Thánh Linh Đức Chúa Trời sử dụng các ân tứ khác nhau mà Ngài đã ban cho Hội Thánh. Chẳng hạn, một người sẽ đọc Thi Thiên (bản Việt Ngữ "bài ca"), rồi người khác sẽ có bài giảng dạy. Người khác nữa sẽ nói tiếng ngoại quốc. Người khác nữa sẽ có lời tỏ sự kín nhiệm mà mình đã nhận trực tiếp từ Chúa. Người khác nữa sẽ thông giải tiếng lạ đã được nói trước đó. Phaolô ngầm chấp thuận tại "buổi nhóm thông" này có sự tự do cho Thánh Linh Đức Chúa Trời phân qua nhiều anh em khác nhau. Nhưng sau khi đã nói xong điều này, ông đưa ra biện pháp kiểm soát đầu tiên khi vận dụng các ân tứ ấy. Mọi sự phải được thực hiện sao cho được **gây dựng**. Chỉ vì có một điều gì đó khơi dậy được cảm xúc hoặc ngoạn mục thì không có nghĩa điều đó phải có chỗ trong Hội Thánh. Để được chấp nhận, chức vụ ấy phải có công dụng gây dựng dân sự Đức Chúa Trời. Đây chính là ý nghĩa của chữ **gây dựng** – làm tăng trưởng thuộc linh.

14:27 Biện pháp kiểm soát thứ nhì ấy là trong bất kỳ buổi nhóm nào,

không có quá **ba người** nói tiếng lạ. **Vì bằng có người** nói tiếng lạ, **chỉ nên hai hoặc ba người** là cùng. Không hề có chuyện trong buổi nhóm có một đoàn người đồng đảo đứng dậy biểu diễn tài nói thành thạo những ngôn ngữ ngoại quốc của họ.

Tiếp theo, chúng ta thấy hai hoặc ba người được phép nói tiếng lạ trong buổi nhóm ấy thì họ phải nói theo lượt mình. Điều này có nghĩa họ không được phép nói đồng thời, nhưng người này phải nói sau người kia. Như vậy sẽ tránh được cảnh hỗn loạn ồn ào và mất trật tự của tình trạng rất nhiều người đồng loạt nói.

Quy tắc thứ tư ấy là phải có một người thông giải. Và phải có một người thông giải. Nếu một người đứng dậy nói tiếng lạ, trước hết người đó phải xác định được có một người khác hiện diện ở đó để thông giải điều mình sắp nói.

14:28 Nếu không có người thông giải tại đó, thì người nói tiếng lạ phải làm thinh ở trong Hội Thánh. Người có thể ngồi đó và nói không thành tiếng với mình và với Đức Chúa Trời bằng thứ tiếng lạ này, nhưng không được phép nói như thế trước cả Hội Thánh.

14:29 Các quy tắc chỉ phối ân tứ nói tiên tri được trình bày trong câu 29-33a. Trước hết, **hai hoặc ba người** nói tiên tri mà thôi, còn những người khác thì suy xét. Không nên có quá ba người nói tiên tri trong bất kỳ một buổi nhóm nào, và các Cơ Đốc nhân ngồi lắng nghe thì phải suy xét xem đấy thực sự là lời nói thiên thượng hay người này có phải là một tiên tri giả.

14:30 Như đã nói trước đây, tiên tri được Chúa truyền thông trực tiếp và bày tỏ lại cho Hội Thánh. Nhưng có thể sau khi rao ra sự bày tỏ ấy, người ấy tiếp tục giảng cho hội chúng. Vì vậy sứ đồ thiết lập quy tắc ấy là: nếu một tiên tri đang nói và một người tiên tri đang ngồi trong số thính giả có lời lẽ sự kín nhiệm, thì người như nhất buộc phải ngừng nói để nhường cho người vừa nhận sự bày tỏ mới nhất. Như đã gợi ý, nguyên nhân chính là vì người thứ nhất càng nói lâu, thì càng dễ có khuyh hướng nói bởi sức tiếng của mình thay vì bởi sự soi dẫn. Trong buổi diễn thuyết liên tục, luôn luôn có nguy cơ tẽ bước khỏi Lời Chúa để chuyển sang lời tiếng của mình. Sự bày tỏ là trở hơn mọi thứ khác.

14:31 Nên dành cơ hội cho các tiên tri nói từng người một. Không tiên tri nào nên nói trọn hết cả thì giờ. Như vậy, sẽ đem lại ích lợi lớn nhất cho Hội Thánh – **hết thầy đều được dạy bảo và hết thầy đều được khuyên lơn hay được khích lệ.**

14:32 Nguyên tắc rất quan trọng được nêu trong câu 32. Khi tìm hiểu ẩn ý, chúng ta nghi người Côrinthô có quan niệm sai lầm cho rằng người nào càng có nhiều Thánh Linh của Đức Chúa Trời, thì càng ít có quyền tự kiểm soát mình. Họ cảm thấy mình bị đưa đi trong tình trạng xuất thần và theo Godet, càng có nhiều về phần tâm linh bao nhiêu thì sẽ càng ít phần lý trí hoặc ít phần tự ý thức bấy nhiêu. Đối với họ, người đang ở dưới quyền kiểm soát của Thánh Linh thì ở trong trạng thái thụ động, không thể kiểm soát lời nói của

mình, không thể kiểm soát độ dài thời gian mình nói, hoặc những hành động của mình nói chung. Ý tưởng như thế bị bác bỏ hoàn toàn bởi phần đoạn Kinh Thánh trước mặt chúng ta. **Tâm thần của các đấng tiên tri suy phục các đấng tiên tri.** Điều này có nghĩa người ấy không bị kích thích đến độ mất hết cả sự bằng lòng của mình, hay đi ngược lại với ý muốn của mình. Không thể lãng tránh những sự dạy dỗ của chương này để giả vờ mình không thể làm gì khác. Chính người có thể quyết định mình nên nói lúc nào hay nói bao lâu.

14:33 Và, Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa sự loạn lạc, bèn là Chúa sự hòa bình. Nói cách khác, nếu buổi nhóm là khung cảnh của huyền nào âm ỉ và mất trật tự, thì bạn có thể biết chắc Thánh Linh Đức Chúa Trời không kiểm soát buổi nhóm đó!

14:34 Như mọi người đều biết rõ, những cách phân chia câu và thậm chí cách chấm câu của Tân Ước đã được bổ sung vào nhiều thế kỷ sau khi những thủ bản nguyên thủy được viết ra. Mệnh đề cuối của câu 33 nói đến việc sửa lại lẽ lối của Hội Thánh trong câu 34 thì dễ hiểu hơn nhiều so với nghĩa nói đến lẽ thật phổ thông về Đức Chúa Trời Toàn Tại (một số bản Kinh Thánh Tân Ước tiếng Hy Lạp và một số bản dịch Anh ngữ sử dụng cách chấm câu này). Chẳng hạn, bản ASV ghi thế này: "Cũng như trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ, hãy để phụ nữ nín lặng trong Hội Thánh: vì họ không được phép nói tại nơi đó; nhưng phải để họ phục tùng cũng như luật pháp đã dạy vậy." Những huấn thị Phaolô đang đưa ra cho các

thánh đồ tại Côrinthô không chỉ áp dụng riêng cho họ mà thôi. Đây cũng chính là những huấn thị đã được gửi đến cho mọi Hội Thánh của các tín đồ. Lời chứng thống nhất của Tân Ước ấy là: tuy phụ nữ có rất nhiều chức vụ quý giá, nhưng họ vẫn không được giao chức vụ đứng trước công chúng để lo cho toàn Hội Thánh. Họ được giao phó công tác quan trọng khôn tả tại gia đình và công tác nuôi dạy con. Nhưng họ không được phép nói công khai trước hội chúng. Địa vị của họ là địa vị thuận phục người nam.

Chúng ta tin rằng cụm từ **"cũng như luật pháp dạy"** muốn nói đến việc người nữ phải thuận phục người nam. Điều này được dạy rõ ràng trong luật pháp, mà có lẽ ở đây chủ yếu muốn nói đến Ngũ Kinh. Chẳng hạn, Sáng Thế Ký 3:16 nói rằng: "Sự dục vọng người phải xu hướng về chồng, và chồng sẽ cai trị người."

Người ta thường cho rằng điều Phaolô đang cấm trong câu này chính là cấm phụ nữ tán gẫu hay nói hành đang trong buổi nhóm. Tuy nhiên, lối giải nghĩa như thế là không thể chấp nhận được. Từ ngữ ở đây được dịch là "nói" (*laleo*) không có nghĩa là nói huyền thuyên trong ngôn ngữ Hylạp bình dân (*koinê*). Cũng chính từ này được dùng để nói về Đức Chúa Trời trong câu 21 của đoạn này, và trong Hêbrơ 1:1. Từ ngữ vẫn nói đến việc nói cách có thẩm quyền.

14:35 Thực ra, phụ nữ không được phép đặt câu hỏi công khai trong Hội Thánh. Nếu họ học khôn điều gì, thì nên hỏi chồng mình ở nhà. Có thể một

số phụ nữ cố gắng lảng tránh lệnh cấm nói trước đây bằng cách đặt nhiều câu hỏi. Có thể dạy bằng cách hành động đơn sơ là hỏi người khác. Vì vậy, câu Kinh Thánh này chấm dứt mọi kẻ hở hay mọi phản đối.

Nếu hỏi áp dụng điều này thế nào cho một phụ nữ chưa kết hôn hay cho một góa phụ, thì câu trả lời ấy là: Kinh Thánh không cố gắng nêu ra từng trường hợp đặc thù, nhưng chỉ nêu những nguyên tắc tổng quát. Nếu một phụ nữ không có chồng, thì có thể hỏi cha, anh, hoặc một trong các trưởng lão của Hội Thánh. Thực ra, có thể dịch câu này là: "Họ phải hỏi những người nam của mình"⁵² ở nhà." Quy tắc cơ bản phải nhớ ấy là: **Đàn bà nói lên trong Hội Thánh là không hiệp lễ** (Bản Anh ngữ là "điều đáng hổ thẹn - shameful").

14:36 Dương như sứ đồ Phaolô thấy lời dạy của ông ở đây sẽ gây tranh cãi đáng kể. Ông đã thấy đúng biết bao! Để đáp lại mọi lập luận tranh cãi, ông sử dụng lối nói châm biếm trong câu 36 bằng cách hỏi: **Có phải là đạo Đức Chúa Trời ra từ nơi anh em hoặc chỉ đến cùng anh em mà thôi chăng?** Nói cách khác, nếu người Côrinthô tuyên bố họ biết những vấn đề này nhiều hơn vị sứ đồ, ông sẽ hỏi xem họ - với tư cách một Hội Thánh - có tạo ra Lời Đức Chúa Trời không, hay có phải họ là những người duy nhất đã nhận lãnh lời đó không. Bởi thái độ của họ, dường như họ đã tự lập mình lên làm thẩm quyền chính thức cho các vấn đề này. Nhưng sự thật không một Hội Thánh nào là tác giả của Lời Đức Chúa Trời, và không

một Hội Thánh nào có những quyền hạn độc quyền đối với Lời Ngài.

14:37 Nói về mọi chỉ thị trước đây, ở đây sứ đồ nhấn mạnh chúng không phải là ý riêng hay cách giải thích riêng của ông, nhưng là **những mạng lệnh của Chúa**, và bất kỳ người nào là tiên tri của Chúa hay thực sự **thiên thiêng** đều sẽ **công nhận** chúng đúng là mạng lệnh của Chúa. Câu Kinh Thánh này trả lời đầy đủ cho những ai quả quyết rằng một số những lời dạy dỗ của Phaolô, đặc biệt những lời dạy dỗ liên quan đến phụ nữ, đã phản ảnh những thành kiến của riêng ông. Những vấn đề này không phải là quan điểm riêng của Phaolô; chúng là **mạng lệnh của Chúa**.

14:38 đương nhiên, một số người sẽ không sẵn lòng chấp nhận những điều đó là mạng lệnh của Chúa, vì vậy sứ đồ nói thêm nếu ai muốn bỏ qua thì mặc họ bỏ qua. Nếu một người không chịu công nhận sự soi dẫn của các thư tín này và không chịu sắp mình vâng phục sự soi dẫn đó thì không còn phương án thay thế nào khác ngoại trừ để người ấy cứ tiếp tục bỏ qua mà thôi.

14:39 Để tóm tắt những chỉ dẫn trước đây về việc vận dụng các ân tứ, giờ đây Phaolô bảo các anh em hãy **sống trông mong** ơn nói tiên tri, nhưng cũng **đừng ngăn** trở người khác **nói tiếng lạ**. Câu này cho thấy tầm quan trọng tương đối của hai ân tứ này - với ân tứ này, họ sẽ phải **sống trông mong** - còn đối với ân tứ kia, họ **không được cấm**. Lời tiên tri có giá trị hơn tiếng lạ vì tội nhân được cáo trách thông qua lời tiên tri và các thánh đồ được **gây dựng** đức ỳn. Nói tiếng lạ mà

không thông giải thì chẳng phục vụ được mục đích nào ngoại trừ nói với Đức Chúa Trời và với chính bản thân mình, và tỏ cho thấy tài thành thạo tiếng ngoại quốc của riêng mình, một sự thành thạo được Đức Chúa Trời ban cho họ.

14:40 Lời khuyên bảo chốt của Phaolô ấy là mọi sự đều nên làm cho **phải phép và theo thứ tự**. Thật ý nghĩa khi biện pháp kiểm soát này được đặt trong đoạn này. Trải suốt bao năm qua, những người tuyên bố mình có năng lực nói tiếng lạ vẫn chưa được ghi nhận về tình trạng có thứ tự trong các buổi nhóm của họ. Trái lại, rất nhiều buổi nhóm của họ đã là quang cảnh của những xúc cảm không kiểm chế và rất hỗn loạn.

Vì vậy, tóm lại, sứ đồ Phaolô đưa ra những biện pháp kiểm soát sau đây để sử dụng ơn nói tiếng lạ trong Hội Thánh địa phương:

1. *Chúng ta không được cấm sử dụng ơn nói tiếng lạ (câu 39).*

2. *Nếu một người nói tiếng lạ, thì phải có một người thông giải (câu 27c, 28).*

3. *Không quá ba người nói tiếng lạ trong một buổi nhóm (câu 27a).*

4. *Họ phải nói từng người một (câu 27b).*

5. *Điều họ nói ra phải gây dựng (câu 26b).*

6. *Phụ nữ phải làm thinh (câu 34).*

7. *Mọi việc phải làm cho phải phép và theo thứ tự (câu 40).*

Đây là những biện pháp kiểm soát lâu dài áp dụng cho Hội Thánh trong thời của chúng ta.

IV. PHAOLÔ TRẢ LỜI NHỮNG NGƯỜI PHỤ NHẬN SỰ SỐNG LẠI (Đoạn 15)

Đây là một đoạn tuyệt vời về sự phục sinh. Một số giáo sư đã vào Hội Thánh Côrintô, phủ nhận khả năng có sự sống lại của thân thể. Họ không phủ nhận sự kiện có sự sống sau cái chết, nhưng chắc gờ ý rằng chúng ta sẽ là những linh hồn và không có thân thể theo nghĩa đen. Ở đây, vị sứ đồ đưa ra câu trả lời kinh điển cho những lời phủ nhận ấy.

A. Tinh Chấn Của Sự Sống Lại (15:1-34)

15:1,2 Phaolô nhắc họ nhớ Tin Lành ông đã giảng cho họ, là Tin Lành họ đã nhận lấy, và hiện đang đứng vững trong đạo ấy. Đây không phải là một giáo lý mới cho người Côrintô, nhưng cần phải nhắc họ nhớ về Tin Lành ấy ngay tại thời điểm hết sức quan trọng này. Chính bởi Tin Lành này mà người Côrintô được cứu rỗi. Rồi Phaolô nói thêm miễn là anh em giữ lấy y như tôi đã giảng cho; bằng không, thì anh em đâu có tin cũng vô ích. Chính bởi Tin Lành về sự phục sinh mà họ đã được cứu - đương nhiên, trừ phi không hề có sự phục sinh, mà nếu không có sự phục sinh như vậy thì họ cũng không hề được cứu rồi chi cả. Chữ "nếu" trong phần đoạn này không diễn tả bất kỳ mối nghi ngờ nào về sự cứu rỗi họ, cũng không dạy họ được cứu bởi giữ vững lấy đạo ấy. Đúng hơn, Phaolô chỉ đang nói rằng nếu không có sự phục sinh, thì họ chẳng hề được cứu chi cả. Nói cách khác, những ai đang phủ nhận sự sống lại của thân thể thì đang phát động cuộc

chiến trực diện tấn công toàn bộ chân lý Tin Lành. Đối với Phaolô, sự sống lại mang tính nền tảng. Không có sự sống lại thì không có Cơ Đốc giáo. Vì vậy câu Kinh Thánh này là lời thách thức người Côrintô hãy giữ vững Tin Lành mà trước đây họ đã nhận lãnh khi đối diện với những công kích hiện đang tấn công Tin Lành ấy.

15:3 Phaolô đã dạy dỗ cho người Côrintô sự điệp chính ông cũng đã nhận bởi sự khải thị thiên thượng. Giáo lý trọng tâm đầu tiên của sự điệp ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh. Câu này nhấn mạnh đặc điểm sự chết thay của Đấng Christ. Ngài không chết vì cơ tội lỗi của chính Ngài, hay chết với tư cách tuân đạo; Ngài chết vì tội chúng ta. Ngài chịu chết để đền trả hình phạt mà tội lỗi chúng ta xứng đáng phải nhận. Điều này hoàn toàn đúng theo lời Kinh Thánh. Kinh Thánh ở đây nói đến Kinh Thánh Cựu Ước, vì Tân Ước vẫn chưa có ở hình thức văn viết. Kinh Thánh Cựu Ước có thực sự bào trước Đấng Christ sẽ chịu chết vì tội lỗi của con người không? Câu trả lời là "Có!" rất mạnh mẽ. Êsai 53, câu 5 và 6 là bằng chứng đầy đủ cho điều này.

15:4 Việc chôn Đấng Christ được nói tiên tri trong Êsai 53:9, và sự phục sinh của Ngài trong Thibitien 16:9, 10. Điều quan trọng là để ý cách Phaolô nhấn mạnh lời làm chứng của Kinh Thánh. Đây phải luôn luôn là phương pháp thử nghiệm trong mọi vấn đề liên quan đến đức tin của chúng ta: "Kinh Thánh nói gì?"

15:5 Trong câu 5-7, chúng ta có danh sách những nhân chứng trực tiếp cho sự sống lại của Đấng Christ. Trước hết, Chúa hiện ra cho **Sêpha** (Phierơ). Điều này thật sự rất cảm động. Cũng chính môn đồ thiếu đức tin này, là người đã chối Chúa ba lần, lại được đặc ân đối đảo để đón nhận sự hiện ra của chính Chúa trong sự phục sinh. Ấn điển của Đức Chúa Jêsus Christ thật lớn lao biết dường nào! Sau đó Chúa cũng hiện ra cho **mười hai sứ đồ**. Lúc này họ không ở chung hết với nhau, nhưng cụm từ "mười hai" được sử dụng để nói đến tập thể các môn đồ, cho dầu không đầy đủ tại một khoảnh khắc cụ thể nào đó. Cũng cần nói rằng không phải toàn bộ những lần Chúa hiện ra vốn được ghi lại trong các sách Tin Lành đều được nhắc đến trong danh sách này. Thánh Linh Đức Chúa Trời chọn những lần hiện ra sau phục sinh của Đấng Christ phù hợp nhất với mục đích của Ngài.

15:6 Lần Chúa hiện ra cho **hơn năm trăm anh em** thường được cho là xảy ra tại Galilê. Vào lúc Phaolô viết thư, hầu hết những anh em này vẫn còn sống, dầu một số đã đi ở với Chúa. Nói cách khác, nếu có ai muốn tranh cãi sự thật những điều Phaolô đang nói, thì các nhân chứng vẫn còn sống và họ có thể chất vấn nhân chứng.

15:7 Không thể biết câu này đang nói đến **Giacơ** nào, dầu vậy hầu hết các nhà giải kinh cho rằng đây là em trai cùng mẹ khác cha của Chúa. Câu 7 cũng cho chúng ta biết Chúa hiện ra cho **tất cả các sứ đồ**.

15:8 Tiếp theo, Phaolô nói về dịp quen biết cá nhân của chính mình với

Đấng Christ phục sinh. Điều này xảy ra trên con đường đến Đamách, khi ông nhìn thấy một ánh sáng lớn từ trời và đã gặp Đấng Christ vinh hiển mặt đối mặt. **Một thai sinh** non muốn nói đến sự hư thai hay sự chào đời chưa đủ ngày tháng. Vine giải thích câu này muốn nói tại thời điểm đó, Phaolô nói về chính mình là **thấp kém hơn các sứ đồ còn lại**, giống như một thai sinh non thua kém một người sinh ra đủ ngày đủ tháng. Ông dùng câu này như từ ngữ tự trách mình khi xét đến đời sống ngày xưa của mình là người bắt bớ Hội Thánh.

15:9 Khi sứ đồ nghĩ đến đặc ân được gặp Cứu Chúa mặt đối mặt, ông hoàn toàn thấy mình không xứng đáng. Ông nhớ lại cách mình **bắt bớ Hội Thánh Đức Chúa Trời** như thế nào, dầu vậy, Đức Chúa Trời vẫn gọi ông làm sứ đồ. Do đó ông sắp mình xuống bực đất như là người rất **hèn mọn trong các sứ đồ**, và không đáng được gọi là sứ đồ.

15:10 Ông nhanh chóng công nhận dù nay bất kể ông là người thế nào đi nữa thì vẫn là **nhờ ơn Đức Chúa Trời**. Và ông đã không nhận lãnh ơn này như là chuyện đương nhiên. Trái lại, việc đó khiến ông nhận lấy **hổn phận sâu xa nhất**, và ông đã làm việc không mệt mỏi để phục vụ Đấng Christ, Đấng đã cứu ông. Thế nhưng theo ý nghĩa rất thực tế, không phải chính Phaolô, bên là **ơn Đức Chúa Trời đang hành động cùng với ông**.

15:11 Giờ đây Phaolô hòa mình với các sứ đồ khác và nói rằng bất luận sứ đồ nào đang giảng đi nữa, họ thấy đều hiệp một trong lời làm chứng về Tin

Lành, và đặc biệt là lời làm chứng về sự phục sinh của Đấng Christ.

15:12 Trong câu 12-19, Phaolô liệt kê những hậu quả của việc phủ nhận sự phục sinh của thân thể. Trước hết, điều này sẽ có ý nghĩa chính Đấng Christ đã không sống lại. Phép lý luận của Phaolô ở đây là không thể bác bỏ được. Có người đang bảo chẳng hề có sự phục sinh của thân thể. Phaolô nói: Được rồi, nếu như vậy, thì Đấng Christ đã không sống lại. Có phải người Côrintô các anh sẵn lòng thừa nhận điều này không? Đương nhiên, họ không sẵn lòng thừa nhận như vậy. Để chứng minh khả năng của bất kỳ một sự thực nào, toàn bộ những việc phải làm là chứng tỏ điều đó đã xảy ra một lần rồi. Để chứng minh sự thực của sự phục sinh thân thể, Phaolô sẵn sàng căn cứ lập luận của mình trên sự kiện đơn giản ấy là Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại rồi.

15:13 Nhưng nếu những kẻ chết không sống lại, thì hiển nhiên Đấng Christ cũng đã chẳng sống lại nữa. Kết luận như thế sẽ đưa người Côrintô vào cảnh âm ảm tuyệt vọng.

15:14 Nếu Đấng Christ chẳng sống lại, thì sự giảng dạy của các sứ đồ ra luống công, hay chẳng hề có thực chất căn bản. Tại sao lời giảng ấy lại luống công? Trước hết, vì Đức Chúa Jêsus đã hứa đến ngày thứ ba Ngài sẽ từ kẻ chết sống lại. Nếu lúc đó Ngài đã không sống lại, thì hoặc Ngài là một kẻ giả mạo, hoặc Ngài là kẻ lảm lẩn. Trong cả hai trường hợp, Ngài đều không đáng tin. Thứ nhì, nếu không có sự sống lại của

Đấng Christ, thì không có sự cứu rỗi. Nếu Chúa Jêsus đã không từ kẻ chết sống lại, thì tuyệt đối không có cách nào để biết sự chết của Ngài có giá trị gì hơn sự chết của người khác. Nhưng khi khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại, Đức Chúa Trời đã làm chứng cho sự thực Ngài đã hoàn toàn thỏa mãn với công tác cứu chuộc của Đấng Christ. Hiển nhiên, nếu sứ điệp của các sứ đồ là sai, thì đức tin cũng ra vô ích. Chẳng có giá trị gì khi tin vào một sứ điệp vốn sai lầm hay trống rỗng.

15:15 Vấn đề không chỉ đơn giản là các sứ đồ đang rao giảng một sứ điệp giả dối; thực sự điều đó còn có nghĩa họ đang làm chứng nghịch lại với Đức Chúa Trời. Họ đã làm chứng Ngài khiến Đấng Christ sống lại từ kẻ chết. Nhưng nếu Đức Chúa Trời đã không khiến Đấng Christ sống lại như thế, thì các sứ đồ đang làm chứng đối nghịch cùng Ngài.

15:16 Nếu sự phục sinh là điều hoàn toàn không thể xảy ra, thì không thể nào có ngoại lệ cho chuyện đó được. Mặt khác, nếu sự phục sinh đã xảy ra một lần rồi, chẳng hạn trong trường hợp Đấng Christ, thì không thể nào nghĩ đó là trường hợp không thể xảy ra được.

15:17 Nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại, thì đũa lìn của tín đồ cũng vô ích và hoàn toàn không có quyền năng. Và cũng không có sự tha thứ tội lỗi nữa. Vì vậy, chối bỏ sự phục sinh tức là chối bỏ giá trị công tác của Đấng Christ.

15:18 Về phần những người đã chết và đã có lln Đấng Christ, trường hợp của họ là tuyệt đối vô vọng. Nếu Đấng Christ đã không sống lại, thì đức tin của

họ hoàn toàn vô giá trị. Chữ **ngủ** nói đến thân thể của tín hữu. Trong Tân Ước, "ngủ" không hề được dùng để chỉ về linh hồn. Linh hồn của tín hữu đã ra đi để ở với Chúa tại lúc họ chết, còn thân thể được nói đến như là đang ngủ trong mồ mả.

Chúng ta cũng cần nói đến chữ "hư mất." Từ ngữ này không hề có nghĩa là tuyệt diệt hay là chấm dứt hiện hữu. Đúng như Vine nói rõ, đây không phải là mất đi sự hiện hữu, nhưng đúng hơn là mất tình trạng khỏe mạnh, hạnh phúc. Chữ này nói đến sự phá hỏng mục đích để dựng nên một người hay một vật.

15:19 Nếu Đấng Christ không sống lại, thì tín hữu còn đang sống cũng ở trong tình trạng khốn nạn y như người đã chết vậy. Họ cũng đã bị lừa dối. Họ là kẻ khốn nạn hơn hết. Ở đây, rõ ràng Phaolô đang nghĩ đến những đau buồn, những hoạn nạn, thử thách, và những bất bớ mà Cơ Đốc nhân đang phải chịu đựng. Chịu đựng những hoạn nạn như thế vì một duyên cớ giả dối thì thật là đau đớn biết dường nào.

15:20 Sự căng thẳng được giải tỏa khi Phaolô công bố khả năng hoàn sự sống lại của Đấng Christ và những kết quả phước hạnh kèm theo. Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại. Ngài là trái đầu mùa của những kẻ ngủ. Kinh Thánh có phân biệt giữa sự sống lại của kẻ chết và sự sống lại từ kẻ chết. Những câu Kinh Thánh trước đây đang đề cập sự sống lại của kẻ chết. Nói cách khác, Phaolô đang tranh luận cách chung chung rằng kẻ chết thực sự sống lại. Nhưng Đấng Christ đã sống lại từ kẻ

chết. Điều này có nghĩa khi Ngài sống lại, không phải tất cả mọi kẻ chết đều đã sống lại. Theo ý nghĩa này, đây là sự sống lại có giới hạn. Mọi sự sống lại đều là sự sống lại của kẻ chết, nhưng chỉ có sự sống lại của Đấng Christ và của những kẻ tin Ngài mới là sự sống lại từ kẻ chết.

15:21 Chính bởi con người mà sự chết lần đầu tiên đã vào trong thế gian. Con người đó là Adam. Bởi tội lỗi của Adam, sự chết cũng đã đến trên mọi người. Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến thế gian với tư cách **Con Người** để phá hủy công việc của người thứ nhất và để đưa tin đó đến tình trạng được phước hạnh mà họ không bao giờ biết được trong Adam. Vì vậy chính bởi **Con Người** Jêsus Christ mà có sự sống lại của những kẻ chết.

15:22 Adam và Đấng Christ được trình bày như hai thủ lãnh liên minh. Điều này có nghĩa họ đã hành động thay cho những người khác. Và toàn bộ những người có liên hệ với họ đều chịu ảnh hưởng bởi những hành động của họ. Mọi người ra từ Adam thì đều chết. **Cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại.** Khi câu này được dùng để dạy về sự cứu rỗi phổ thông, người ta cho rằng chính những người đã chết trong Adam cũng sẽ là những người được khiến sống lại trong Đấng Christ, và mọi người rốt cuộc đều sẽ được cứu rỗi. Nhưng câu Kinh Thánh này không nói như vậy. Những cụm từ then chốt chính là **trong Adam** và **trong Đấng Christ**. Tất cả người nào trong Adam đều chết. Tất cả người nào ở

trong Đấng Christ đều sẽ sống lại, tức là chỉ có những người tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ mới được từ kẻ chết sống lại để ở đời đời với Ngài. Mọi người đều sẽ sống lại được định nghĩa trong câu 23 là những người thuộc về Đấng Christ khi Ngài đến. Số người này không bao gồm những kẻ thù của Đấng Christ, vì sẽ bị dặt dưới chân Ngài (câu 25), và có người gọi đây là tên mới lạ chỉ về Thiên đàng.

15:23 Tiếp theo, chúng ta có những nhóm người hay những hạng người có liên quan đến sự sống lại thứ nhất. Trước hết là sự sống lại của chính Đấng Christ. Ở đây, Ngài được gọi là **trái đầu mùa**. Trái đầu mùa là một bó lúa nhỏ đã chín tới lấy từ cánh đồng trước khi mùa gặt thực sự bắt đầu. Những gié lúa này là một cửa tin, của đặc cộc, hay sự nếm trước cho những gì sẽ đến tiếp theo. Cụm từ này không bắt buộc phải có nghĩa Đấng Christ là người đầu tiên sống lại. Chúng ta có nhiều trường hợp sống lại trong Cựu Ước, và những trường hợp của Laxar, con trai của người đàn bà góa, và con gái của Giairu trong Tân Ước. Nhưng sự sống lại của Đấng Christ là khác với tất cả những sự sống lại ấy ở chỗ: trong khi họ sống lại để chết trở lại, thì Đấng Christ sống lại để không bao giờ chết nữa. Ngài đã sống lại để sống trong quyền năng của một sự sống bất tận. Ngài đã sống lại với thân thể vinh hiển.

Hạng người thứ nhì trong sự sống lại thứ nhất được mô tả là **những kẻ thuộc về Đấng Christ** khi Ngài đến. Hạng này gồm những người sẽ được sống lại tại

Sự Cát Lên, và luôn cả những tin hữu nào sẽ chết trong Con Đại Nạn và được sống lại vào cuối thời kỳ đại nạn ấy khi Đấng Christ trở lại để trị vì. Có nhiều giai đoạn trong sự hiện đến của Đấng Christ thế nào, thì cũng sẽ có nhiều giai đoạn trong sự sống lại của các thánh đồ Ngài thế ấy. Sự sống lại thứ nhất không bao gồm toàn bộ những người đã từng chết đi, nhưng chỉ những người nào đã chết với đức tin nơi Đấng Christ.

Có người dạy rằng chỉ những Cơ Đốc nhân nào trung tín với Đấng Christ, hay những người nào đắc thắng thì mới được sống lại trong lần này, nhưng Kinh Thánh nói rất rõ để bác bỏ sự dạy dỗ đó. Tất cả những người thuộc về Đấng Christ đều sẽ được sống lại khi Ngài đến.

15:24 Chúng ta tin cụm từ **kế đó cuối cùng sẽ đến** chỉ về sự cuối cùng của sự sống lại. Vào lúc kết thúc Thời Trị Vì Thiên Hy Niên của Đấng Christ, khi Ngài đã phá diệt mọi kẻ thù của Ngài, thì sẽ có sự sống lại của những kẻ ác đã chết. Đây là sự sống lại cuối cùng từng xảy ra. Tất cả mọi người nào chết trong vô tin đều sẽ ứng hầu trước Sự Xét Đoán Của Tòa Lớn Và Tráng để nghe tuyên án số phận của họ.

Sau thiên hy niên và sau khi phá diệt Satan (Khải Huyền 20:7-10), Đức Chúa Jêsus sẽ **giáo nước lại cho Đức Chúa Cha**. Đến lúc đó, Ngài đã **phá hủy xong mọi đế quốc, mọi quyền cai trị và mọi thế lực**. Mãi cho tới thời điểm này, Đức Chúa Jêsus Christ vẫn đang cai trị với tư cách Con Người, đang phục vụ với tư cách Đấng Trung Bảo của Đức

Chúa Trời. Vào cuối thời cai trị Một Ngàn Năm, những mục đích của Đức Chúa Trời trên đất đã hoàn tất trọn vẹn. Mọi chống đối đều bị triệt hạ và mọi kẻ thù đều bị tiêu diệt. Sự cai trị của Đấng Christ với tư cách Con Người lúc bấy giờ sẽ nhường đường cho vương quốc đời đời trên Thiên đàng. Triều đại cai trị của Ngài với tư cách Con Đức Chúa Trời trên Thiên đàng sẽ tiếp tục đến đời đời.

15:25 Câu 25 nhấn mạnh điều vừa được nói ra, tức là triều đại cai trị của Đấng Christ sẽ tiếp tục cho đến khi mọi dấu vết của nổi loạn và thù địch đều bị triệt hạ.

15:26 Ngay cả trong Thời Trị Vì Thiên Hy Niên của Đấng Christ, người ta sẽ vẫn tiếp tục chết, đặc biệt những người nào công khai nổi loạn chống Chúa. Nhưng tại sự Đoàn Xét Của Tòa Ân Lớn Và Trắng, sự chết và âm phủ sẽ bị ném vào Hồ Lửa.

15:27 Đức Chúa Trời đã chỉ định muôn vật phải được đặt dưới chân của Chúa Jesus. đương nhiên, khi đặt muôn vật dưới chân Ngài, tất nhiên Đức Chúa Trời phải trừ chính mình Ngài ra. Câu 27 hơi khó hiểu, vì không rõ mỗi đại từ danh xưng đang nói đến ai. Chúng ta có thể diễn ý câu này như sau: "Vả, Đức Chúa Trời đã đặt muôn vật dưới chân Đấng Christ. Nhưng khi Đức Chúa Trời phân, muôn vật phải phục dưới Đấng Christ, thì hiển nhiên phải trừ ra Đức Chúa Trời, là Đấng đã đặt muôn vật phục dưới Đấng Christ."

15:28 Thậm chí sau khi muôn vật đã phục dưới Đức Chúa Con, thì chính

Ngài vẫn tiếp tục phục dưới Đức Chúa Trời đời đời.

Đức Chúa Trời đã lập Đấng Christ làm vua cai trị. Đấng quân trị mọi kế hoạch và mưu luận của Ngài. Mọi quyền phép được đặt trong tay Ngài. Sẽ có lúc Ngài giao nộp quyền quân trị đã giao cho Ngài sau khi đã bắt phục mọi vật. Ngài sẽ trao vương quốc lại cho Đức Chúa Cha. Cội tạo vật sẽ được trả về cho Đức Chúa Trời trong tình trạng hoàn hảo. Sau khi hoàn tất công tác cứu chuộc và phục hồi mà vì công tác đó Ngài trở nên Con Người, Ngài vẫn giữ địa vị phụ thuộc mà Ngài đã mặc lấy trong Sự Nhập Thể. Nếu Ngài thôi làm con người nữa sau khi thực hiện xong mọi điều Đức Chúa Trời đã định và bổ nhiệm, thì chính mối liên kết đã đưa Đức Chúa Trời và con người đến với nhau ấy sẽ không còn nữa. (Sưu Tầm)

15:29 Có lẽ câu 29 là một trong những câu Kinh Thánh khó hiểu và mù mờ nhất trong toàn Kinh Thánh. Người ta đã đưa rất nhiều cách giải thích cho ý nghĩa câu này. Chẳng hạn, một số cho rằng các tín hữu còn sống có lẽ đã chịu báp têm thay cho những người đã chết rồi nhưng chưa chịu báp têm. Ý nghĩa như thế là rất xa lạ với Kinh Thánh. Nó căn cứ trên một câu Kinh Thánh đơn lẻ, và phải bị bác bỏ, vì không có hậu thuẫn tập thể của các câu Kinh Thánh khác. Người khác tin "chịu phép báp têm vì người chết" có nghĩa trong phép báp têm chúng ta kể mình là đã chết. Đây là một ý nghĩa khả dĩ, nhưng nó không ăn khớp lắm với văn mạch.

Lối giải thích dường như phù hợp nhất với văn mạch là thế này: tại thời

điểm Phaolô viết thư, đã có sự bất bớ tàn khốc xảy đến cho những người công khai đứng lên vì cơ Đấng Christ. Sự bất bớ này đặc biệt tàn khốc ngay tại lúc họ chịu báp têm. Thường thì những người công khai tuyên xưng đức tin mình nơi Đấng Christ tại dòng nước chịu phép báp têm sẽ là những người tuận đạo ít lâu sau đó. Nhưng điều này có ngăn người khác khỏi được cứu và khỏi chịu phép báp têm không? Không hề. Dương như luôn luôn có những người mới thay thế để điến vào hàng ngũ những người đã tuận đạo rồi. Khi họ bước xuống dòng nước chịu phép báp têm, trên một ý nghĩa rất thực tế, họ đang chịu báp têm vì, hay "ở trong chỗ của" (Hy văn - hyper) người chết. Vì vậy, kẻ chết ở đây nói đến những người đã chết như kết quả của lời làm chứng dạn dĩ của họ cho Đấng Christ. Vậy lập luận của vị sứ đồ ở đây ấy là: hẳn sẽ rất đại dột biết mấy nếu chịu phép báp têm như vậy để điến vào hàng ngũ của những người đã chết nếu như không hề có sự sống lại từ kẻ chết. Chuyện đó giống như sai những toán quân thay thế điến vào hàng ngũ của một đạo quân đang chiến đấu cho một lý tưởng nhất định sẽ thất bại. Cũng sẽ giống như chiến đấu trong một tình huống tuyệt vọng. Nếu kẻ chết quả thật không sống lại, thì sao họ vì những kẻ ấy mà chịu phép báp têm?

15:30 Lại sao chính mình chúng tôi giờ nào cũng ở trong sự nguy hiểm? Sứ đồ Phaolô không ngừng ở trong nguy hiểm. Vì cơ ông không sợ khi rao giảng về Đấng Christ, nên đến đâu ông cũng có kẻ thù. Có nhiều âm mưu bí mật

nhằm lấy mạng sống ông. Ất hẳn ông có thể tránh mọi nguy hiểm này bằng cách từ bỏ lời tuyên xưng Đấng Christ của mình là xong. Thực ra, chắc ông đã khôn ngoan bỏ lời tuyên xưng đó từ lâu rồi nếu như không có sự sống lại từ kẻ chết như thế.

15:31 Có thể diễn ý câu "Hỡi anh em, tôi chết hằng ngày, thật cũng như anh em là sự vinh hiển cho tôi trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta" như sau: "Chắc chắn tôi vui mừng vì anh em là con cái của tôi trong Đức Chúa Jêsus Christ thế nào, thì cũng chắc chắn mỗi ngày trong đời, tôi đều phơi mình trước sự chết y như vậy."

15:32 Giờ đây sứ đồ nhắc lại cơn bất bớ dữ dội ông gặp tại Êphêso. Chúng ta không tin ông thực sự bị ném vào đấu trường với dã thú, nhưng đúng hơn ở đây ông đang nói những người gian ác như là dã thú. Thực ra với tư cách công dân Lamã, không thể bắt Phaolô đánh nhau với dã thú. Chúng ta không biết ông đang nói đến biến cố nào. Tuy nhiên lập luận cho thấy rõ nếu ông không bảo đảm chắc chắn về sự sống lại từ kẻ chết, thì ắt hẳn sứ đồ đại dột biết bao khi tham gia một trận chiến nguy hiểm đến như vậy. Thực ra, ắt hẳn ông đã khôn ngoan hơn nhiều nếu chấp nhận triết lý: "Nếu kẻ chết chẳng sống lại, thì hãy ăn, hãy uống, vì ngày mai chúng ta sẽ chết!"

Đôi khi chúng ta nghe nhiều Cơ Đốc nhân nói nếu chỉ có đời này là hết rồi, thì họ cũng vẫn làm Cơ Đốc nhân. Nhưng Phaolô không đồng ý với tư tưởng như thế. Nếu không có sự sống

lại, thì chúng ta nên khôn ngoan hơn để tận dụng tối đa đời này. Chúng ta sẽ sống để có ăn, có mặc và hưởng lạc thú. Đây sẽ là thiên đàng duy nhất mà chúng ta có thể hưởng đến. Nhưng vì có sự phục sinh, nên chúng ta không dám dùng đời sống mình vào những điều thoáng qua này. Chúng ta phải sống cho "lúc bấy giờ" chứ không phải cho "lúc bây giờ."

15:33 Người Côrintô đừng mắc lừa ở điểm này. Đạn bẻ xấu làm hư thối nát tốt. Phaolô đang nói đến những giáo sư giả đã vào Hội Thánh Côrintô, chối bỏ sự sống lại. Cơ Đốc nhân nên nhận thấy họ không thể kết giao với hạn bẻ xấu hay với những lời dạy dỗ xấu mà không bị chúng làm hư hoại mình. Không thể tránh khỏi chuyện giáo lý xấu gây ảnh hưởng trên đời sống của mình. Những sự dạy dỗ giả dối không dẫn đến sự thánh khiết.

15:34 Người Côrintô phải tỉnh biết theo cách sống bình và chữ phạm tội. Họ đừng để các giáo lý xấu xa đánh lừa. Có người không biết Đức Chúa Trời chút nào, tôi nói vậy để anh em hổ thẹn. Câu này thường được giải nghĩa là: vẫn có những người nam người nữ chưa hề nghe đến câu chuyện Tin Lành, và Cơ Đốc nhân nên hổ thẹn vì đã không truyền giảng Tin Lành cho thế giới. Tuy nhiên, dấu ý này có thể đúng, nhưng chúng ta tin ý nghĩa chính yếu của phần đoạn này là: Có những người trong hội thông công tại Côrintô không biết Đức Chúa Trời chút nào. Họ không phải là tin hữu lộc, nhưng là muốn sỏi trong lốt chiến, là những giáo sư giả đã len lỏi

vào trong lúc tin hữu thiếu cảnh giác. Đây là sự hổ thẹn cho người Côrintô khi những giáo sư giả kia kiếm được chỗ giữa vòng Cơ Đốc nhân và dạy những giáo lý gian ác này. Vì bất cẩn để cho những người không tin kính bước vào trong hội chúng nên đã hạ thấp toàn bộ bình diện đạo đức của hội chúng, bởi đó chuẩn bị tạo cơ hội cho đủ mọi sai lầm thâm nhập vào.

B. Khảo Sát Những Ý Phản Đối Sự Phục Sinh (15:35-37)

15:35 Trong câu 35-49, sứ đồ bàn luận chi tiết hơn về phương thức thực tế của sự phục sinh. Ông hướng trước hai câu hỏi dứt khoát sẽ nảy sinh trong trí những người chất vấn sự sống lại của thân thể. Câu hỏi thứ nhất là: "Người chết sống lại thế nào?" Câu hỏi thứ nhì là: "Lấy xác nào mà trở lại?"

15:36 Câu hỏi thứ nhất được giải đáp ở câu 36. Minh họa phổ thông tự cõi tự nhiên được dùng để minh họa khả năng có sự sống lại. Hạt giống phải rơi xuống đất và chết trước khi cây có thể mọc lên. Thật tuyệt vời khi nghĩ đến huyền nhiệm của sự sống được giấu kín trong mỗi một hạt giống nhỏ xíu. Chúng ta có thể phân tách hạt giống và nghiền cứu dưới kính hiển vi, nhưng bí mật của nguyên tắc sự sống vẫn là bí ẩn không thể đo lường. Toàn bộ những gì chúng ta biết được ấy là hạt giống rơi xuống đất và từ một khối đất không chắc chắn chút nào ấy, sự sống đã đâm chồi từ trong thớ đã chết.

15:37 Câu hỏi thứ hai được giải đáp kế tiếp. Phaolô giải thích khi gieo hạt

giống, bạn không gieo cái cây mà rốt cuộc sẽ mọc lên, nhưng chẳng qua chỉ gieo một cái **hột** – như **hột** lúa mì hay là **hột** giống nào khác. Từ đây bạn rút ra được kết luận nào? Có phải cái cây cũng chính là một với hạt giống không? Không, cái cây không phải là một với hạt giống; tuy nhiên, có mối liên kết rất quan trọng giữa hai thứ. Không có hạt giống thì không có cái cây. Cũng vậy, cái cây rút ra những đặc điểm của nó từ nơi hạt giống. Trong sự sống lại cũng giống y như vậy.

Thân thể phục sinh có sự nhận diện thể loại và có sự tiếp nối về chủ với thứ đã được gieo ra, nhưng được thanh tẩy khỏi sự hư nát, nhục nhũ, yếu, và được khiến trở nên không hay hư nát, vinh hiển, mạnh mẽ, và thiêng liêng. Cũng chính là thân thể đó, nhưng được gieo ra dưới hình thức này và được sống lại dưới hình thức khác.

(Sứ Tầm)

15:38 Đức Chúa Trời đã dựng nên thân thể tùy theo hạt giống đã được gieo ra, và kết quả là **mỗi hạt giống** có một hình thể riêng của loại cây nó sinh ra. Mọi yếu tố xác định kích cỡ, màu sắc lá cây và hoa của cái cây ấy bằng cách nào đó đã chứa đựng trong hạt giống được gieo xuống.

15:39 Để minh họa vinh hiển của thân thể phục sinh sẽ khác với vinh hiển của thân thể chúng ta hiện nay, sứ đồ Phaolô cho thấy mọi xác thịt **chẳng phải đồng một loại**. Lấy ví dụ, có **thịt** của **con người**, **thịt** của **loài thú**, **thịt** của cá, và **thịt** của **loài chim**. Những thứ thịt này khác nhau cách đặc trưng, thế nhưng chúng thấy đều là **thịt**. Có sự

tương đồng nhưng không có sự sao chép y nguyên.

15:40 Và có sự khác biệt giữa vẻ tráng lệ của các **thiên thể** (các ngôi sao, v.v..) với các vật thể thuộc về trái đất này **thể** nào, thì cũng có sự khác biệt giữa thân thể của tín hữu hiện nay với thân thể người ấy sẽ nhận được sau khi qua đời **thể** ấy.

15:41 Thậm chí giữa các thiên thể với nhau cũng có sự khác biệt về **vinh hiển**. Lấy ví dụ, **mặt trời** sáng hơn **mặt trăng**, và **sự sáng** của **ngôi sao** này với **sự sáng** của **ngôi sao** kia cũng khác.

Hầu hết các nhà giải kinh đồng ý Phaolô vẫn đang nhấn mạnh vinh hiển của thân thể phục sinh sẽ khác với vinh hiển của thân thể chúng ta có trên trần gian ngay lúc này. Lấy ví dụ, họ không nghĩ câu 41 cho thấy trên Thiên đàng sẽ có nhiều sự khác nhau về vinh hiển giữa vòng các tín đồ. Tuy nhiên, chúng ta có khuynh hướng đồng ý với Holsten: "Phương cách Phaolô nhấn mạnh sự đa dạng của các thiên thể ám chỉ một giả định có khác biệt tương tự về vinh hiển giữa những người được sống lại." Từ các phần đoạn Thánh Kinh khác, rõ ràng chúng ta sẽ không giống y như nhau trên Thiên đàng. Dầu hết thầy đều sẽ giống Chúa Jesus về mặt đạo đức, có nghĩa được thoát khỏi tội lỗi, nhưng điều này không dẫn đến kết quả chúng ta hết thấy đều sẽ trông giống y như Đức Chúa Jesus Christ về mặt thể chất. Sẽ rất dễ nhận ra Ngài cách đặc trưng trong suốt cả cõi đời đời. Tương tự, chúng ta tin mỗi một Cơ Đốc nhân riêng biệt sẽ là một cá tánh riêng biệt

rất dễ nhận ra như vậy. Nhưng sẽ có khác biệt về phần thưởng được ban phát tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ tùy lòng trung tín phục vụ của người ấy. Tuy tất cả mọi người đều sẽ sung sướng tột đỉnh trên Thiên đàng, một số người sẽ có khả năng nhiều hơn để thưởng thức Thiên đàng. Sẽ có những khác biệt về mức chịu khổ trong địa ngục thể nào – tùy theo tội mà người ấy đã phạm – thì cũng sẽ có khác biệt về sự hưởng thụ trên Thiên đàng – tùy theo việc chúng ta đã làm trong tư cách người tin Chúa – thể ấy.

15:42 Câu 42- 49 cho thấy tương phản giữa thân thể hiện nay của tín hữu với thân thể sẽ có trong tình trạng đời đời. Thân thể đã gieo ra là hay hư nát, mà sống lại là không hay hư nát. Hiện nay, thân thể chúng ta phải phục dưới bệnh tật và sự chết. Khi được đặt trong mộ mà, chúng bị tan rã và trở về với bụi đất. Nhưng thân thể phục sinh thì không như vậy. Thân thể phục sinh không còn phục dưới bệnh tật hay hư nát nữa.

15:43 Thân thể hiện nay đã gieo ra là nhục. Một xác chết chẳng có gì là oai nghiêm hay vinh hiển cả. Tuy nhiên, cũng chính thân thể đó sẽ được sống lại trong vinh hiển. Thân thể sống lại sẽ không bị nhăn nheo, se, những dấu hiệu của tuổi già, béo phì và những dấu vết của tội lỗi.

Đã gieo ra là yếu, mà sống lại là mạnh. Tuổi già đến thì ngày càng yếu đuối cho đến khi chính sự chết tước hết mọi sức mạnh của một con người. Trong cõi đời đời, thân thể sẽ không

còn chịu những giới hạn đáng buồn này nữa, nhưng sẽ có sức mạnh mà hiện tại nó không có được. Lấy ví dụ, Đức Chúa Jêsus Christ sau khi phục sinh đã bước xuyên phòng bị đóng kín cửa.

15:44 Đã gieo ra là thể huyết khí, mà sống lại là thể thiêng liêng. Ở đây, chúng ta phải rất cẩn thận để nhấn mạnh thể thiêng liêng không có nghĩa là phần phi vật chất. Có người nghĩ rằng khi sống lại, chúng ta sẽ là những linh không có thân thể. Nhưng phần đoạn này hoàn toàn không mang ý nghĩa đó, và ý đó cũng không đúng nữa. Chúng ta biết thân thể phục sinh của Chúa Jêsus có thịt và xương vì Ngài phán: "Thân thì không có thịt và xương, mà các ngươi thấy ta có" (Luca 24:39). Khác biệt giữa thân thể huyết khí và thân thể thiêng liêng ấy là thể huyết khí phù hợp với cuộc sống trên đất này, còn thể thiêng liêng phù hợp với cuộc sống trên Thiên đàng. Thể huyết khí thường ở dưới quyền kiểm soát của hồn, còn thể thiêng liêng chịu quyền kiểm soát của tâm linh. Thể thiêng liêng sẽ là một thân thể thật sự làm tới tở của tâm linh.

Đức Chúa Trời đã dựng nên con người có linh, hồn và thân thể. Đức Chúa Trời luôn luôn để cặp đến linh trước hết, vì ý định của Ngài chính là linh sẽ được ở địa vị nổi bật hay thống trị. Khi tội lỗi vào thế gian, một điều hết sức kỳ lạ đã xảy ra. Thứ tự của Đức Chúa Trời dường như đã đảo ngược, và kết quả là con người luôn luôn nói "thần, hồn, linh." Con người đã dành cho thân thể chỗ đáng ra phải là của linh. Khi sống lại thì không như vậy

nữ; linh sẽ được đặt ở địa vị kiểm soát mà Đức Chúa Trời đã dự định từ lúc ban đầu.

15:45 Ấy vậy, có lời chép rằng: Người thứ nhất là Adam đã nên linh hồn sống, Adam sau hết là thần ban sự sống. Một lần nữa ở đây, người thứ nhất là Adam được đối chiếu với Đức Chúa Jêsus Christ. Đức Chúa Trời đã hà hơi sống vào mũi Adam và ông trở nên một loài sanh linh (Sáng Thế Ký 2:7). Tất cả những người ra từ ông đều mang những đặc điểm của ông. Adam sau hết, là Cứu Chúa, đã trở thành thần ban sự sống (Giăng 5:21,26). Điểm khác biệt ở chỗ trong trường hợp thứ nhất, Adam được ban sự sống thuộc thể, còn trong trường hợp thứ hai, Đấng Christ ban sự sống đời đời cho người khác. Erdman giải nghĩa:

Là dòng dõi của Adam, chúng ta được dựng nên giống như ông, là những hồn sống cư ngụ trong những thân thể hay chết, và mang hình ảnh của cha mẹ trên trần gian này. Nhưng làm môn đồ Đấng Christ, chúng ta sẽ được mặc lấy thân thể không hay chết và mang lấy ảnh tượng của Chúa thiên thượng của chúng ta.⁵¹

15:46 Giờ đây sử đồ nêu ra luật cơ bản trong vũ trụ của Đức Chúa Trời, tức là **chẳng phải thể thiêng liêng đến trước, ấy là thể huyết khí; rồi thể thiêng liêng đến sau**. Có thể hiểu câu này theo nhiều cách khác nhau. Adam, là con người theo thể huyết khí, đã xuất hiện trước hết trên sân khấu lịch sử con người; sau đó đến Chúa Jêsus, là Con Người thuộc thể thiêng liêng. Rồi, chúng ta được sinh ra trong thế gian này như những hữu thể huyết khí; sau đó

khi được sanh lại, chúng ta trở thành **thể thiêng liêng**. Cuối cùng, chúng ta nhận lấy thân thể thuộc thể huyết khí trước hết, sau đó khi sống lại, chúng ta sẽ nhận lấy thân thể thuộc thể thiêng liêng.

15:47 Người thứ nhất bởi đất mà ra, là thuộc về đất. Điều này có nghĩa nguồn gốc của người là thuộc về đất và những đặc trưng của người là thuộc về đất. Từ đầu, người đã được dựng nên từ **bụi đất**, và trong đời sống người, theo một ý nghĩa rất thực tế, người dường như bị buộc vào đất. Người thứ hai (Bản Anh ngữ có thêm chữ "là Chúa"⁵⁴) bởi trời mà ra.

15:48 Trong hai người được đề cập ở câu 45, Chúa Jêsus là người thứ hai. Ngài hiện hữu từ đời đời, nhưng là Con Người Ngài đến sau Adam. Ngài đến từ trời, và mọi điều Ngài làm và nói đều thuộc về trời và thuộc linh chứ không phải thuộc về đất và thuộc về hồn.

Hai linh tự liên minh này như thế nào, thì những người theo họ cũng như thế ấy. Những người bởi Adam sanh ra sẽ thừa hưởng những đặc trưng của Adam. Cũng vậy, những người bởi Đấng Christ sinh ra là những người thuộc về trời.

15:49 Như chúng ta đã mang những đặc điểm của Adam từ sự sinh ra theo thể huyết khí của mình thế nào, **chúng ta cũng sẽ⁵⁵ mang ảnh tượng của Đấng Christ trong thân thể phục sinh của mình thế ấy**.

15:50 Giờ đây sử đồ quay sang đề tài sự biến hóa sẽ xảy ra trong thân thể của tín hữu, cả tín hữu còn sống lẫn tín hữu

đã qua đời, khi Chúa tái lâm. Ông mở đầu những nhận định của mình bằng câu nói "thịt và máu chẳng hưởng nước Đức Chúa Trời được." Với câu này, ông nói thân thể hiện tại của chúng ta là không phù hợp với Nước Đức Chúa Trời trên phương diện đời đời của nước ấy, tức là quê hương trên trời của chúng ta. Cũng đúng là sự hay hư nát không hưởng sự không hay hư nát được. Nói cách khác, thân thể hiện tại của chúng ta vốn phục dưới bình tậ, hư nát và phân hủy, sẽ không phù hợp cho cuộc sống trong tình trạng không có sự hư nát. Như vậy, điều này làm nảy sinh nan đề: Làm sao thân thể của những tín hữu còn sống có thể phù hợp cho cuộc sống trên Thiên đàng được.

15:51 Câu trả lời mang lấy hình thức của sự mâu nhiệm. Như đã nói trước đây, sự mâu nhiệm là một lẽ thật trước đây chưa ai biết, nhưng giờ đây được Đức Chúa Trời tỏ ra cho các sứ đồ và qua họ được tỏ ra cho chúng ta.

Chúng ta sẽ không ngủ hể, có nghĩa không phải tất cả tín đồ đều kinh nghiệm sự chết. Một số người sẽ vẫn còn sống khi Chúa trở lại. Nhưng dù chúng ta đã chết hay vẫn còn sống, hể thầy đều sẽ biến hóa. Lẽ thật về sự phục sinh không phải là một lẽ mâu nhiệm, kể từ khi lẽ thật ấy xuất hiện trong Cựu Ước, nhưng sự kiện không phải tất cả mọi người đều chết cũng như sự biến hóa của các thánh đồ còn sống khi Chúa tái lâm là một điều chưa hề được tỏ ra trước đây.

15:52 Sự biến hóa sẽ xảy ra tức thì, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót.

Tiếng kèn chót ở đây không có nghĩa là sự tận thế, hay thậm chí tiếng kèn chót được nói đến trong sách Khải Huyền. Đúng hơn, câu này nói về tiếng kèn của Đức Chúa Trời sẽ vang lên khi Đấng Christ xuất hiện trên chốn không trung để đón các thánh đồ của Ngài (1.Têsalônica 4:16). Khi kèn thổi lên, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa. Lúc đó sẽ là giây phút trọng đại biết bao, khi đất và biển đều trả lại bụi đất của mọi người nào đã chết trong niềm tin cậy Đấng Christ trải suốt bao thế kỷ! Hầu như lý trí của con người không thể nào hiểu nổi quy mô một biến cố tuyệt vời như vậy; thế nhưng tín hữu khiêm nhường có thể tiếp nhận điều đó bởi đức tin.

15:53 Chúng ta tin câu 53 nói đến hai hạng tín hữu khi Đấng Christ tái lâm. Thế hay hư nát này nói đến những người có thân thể đã trở về với bụi đất. Họ sẽ mặc lấy sự không hay hư nát. Mặt khác, thế hay chết này nói đến những người vẫn còn sống trong thân thể nhưng bị phục dưới sự chết. Những thân thể như thế sẽ mặc lấy sự không hay chết.

15:54 Khi những kẻ chết trong Đấng Christ được sống lại và những kẻ sống được biến hóa với họ, thì được ứng nghiệm lời Kinh thánh rằng: "Sự chết đã bị nuốt mất trong sự thắng" (Êsai 25:8). Thật huy hoàng phi thường!

C. H. Mackintosh thốt lên:

Sự chết, mồ má và sự tan rã có ra gì trước hiện diện của quyền năng tuyệt vời đến như thế? Nói về cái chết

đã bốn ngày rồi như là một chuyện khó khăn vì! Khi nghe tiếng cầu Đấng dấy phước lành ấy, hàng triệu người xưa nay đã nhân nạt ra trong bụi đất suốt hàng ngàn năm qua trong khoảng khắc sẽ sống lại, mặc lấy thể không hay chết và vinh hiển đời đời.⁵⁶

15:55 Câu Kinh Thánh này rất có thể là bài hát chế nhạo sự chết mà các tín đồ Đấng Christ sẽ hát khi họ sống lại để gặp Chúa tại chốn không trung. Dường như họ nhạo báng **Sự Chết** vì đối với họ, sự chết đã mất cái nọc của nó. Họ cũng nhạo báng **Âm Phủ** (trong bản Việt Ngữ, chữ “sự chết” thứ nhì trong câu này là chữ “Âm Phủ” trong Bản Anh ngữ) vì đối với họ, Âm Phủ đã thua trận chiến nhằm giữ họ thuộc riêng về nó. **Sự chết** không còn là kinh khiếp cho họ nữa vì họ biết tội lỗi họ đã được tha và họ đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong tình trạng được chấp nhận trọn vẹn của Con yêu dấu Ngài.

15:56 Nếu như không phải vì cơ tội lỗi, thì **sự chết** đâu còn nọc nào nữa cho bất cứ ai. Chính sự nhận biết về những tội chưa xưng ra và chưa được tha thứ đã khiến con người sợ chết. Nếu biết tội lỗi mình đã được tha, chúng ta có thể dạn dĩ đối mặt với sự chết. Mặt khác, nếu tội lỗi còn trong lương tâm, thì sự chết thật khủng khiếp – là khởi đầu cho sự hình phạt đời đời.

Sức mạnh của tội lỗi là luật pháp – có nghĩa luật pháp lên án và định tội người đã phạm tội. Luật pháp công bố số phận của mọi người nào không vâng giữ những giáo huấn thánh khiết của

Đức Chúa Trời. Có câu nói rất hay rằng nếu không có tội lỗi thì không có sự chết. Và nếu không có luật pháp, thì sẽ không có sự định tội.

Ngai của sự chết đặt trên hai chân đế: tội lỗi – là điều đòi hỏi sự định tội, và luật pháp – là thứ công bố sự định tội đó. Do vậy, công tác của Đấng Giải Phóng tác động đến hai sức mạnh này.⁵⁷

15:57 Bởi đức tin nơi Ngài, chúng ta được đắc thắng sự chết và mồ mả. Sự chết đã bị tước mất nọc độc của nó. Một sự thực ai cũng biết ấy là khi một con côn trùng nào đó chích người ta, chúng để lại cái nọc ghim trong thịt của người ấy, và khi bị tước mất “cái nọc” như thế thì chúng chết. Theo ý nghĩa rất thực tế, sự chết đã đích thân chích nọc vào Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta cho đến khi Ngài chết tại thập tự giá, và giờ đây Vua Của Sự Kinh Hoàng đã bị tước mất sự kinh hoàng của hân đối với tin hữu.

C. Lời Kêu Gọi Kết Thúc Khi Suy Xai Đến Sự Phục Sinh (15:58)

Như vậy, khi xét đến tình chắc chắn của sự sống lại và sự thực là đức tin trong Đấng Christ không vô ích, sứ đồ Phaolô khuyên anh em yêu dấu của ông hãy vững vàng chữ rúng động, hãy làm công việc Chúa cách dư dật luôn, vì biết rằng công khó của anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu. Lẽ thật về sự sống lại thay đổi hết mọi điều. Lẽ thật này đem lại hy vọng và sự vững vàng, giúp chúng ta tiến lên đối mặt với những hoàn cảnh đang áp đảo và đầy khó khăn.

V. LỜI KHUYÊN CUỐI CỦA PHAOLÔ (Đoạn 16)

A. Về Sự Quyên Góp (16:1-4)

16:1 Câu đầu tiên của đoạn 16 nói về việc góp tiền do Hội Thánh tại Côrinthô đảm nhiệm và được gửi đến cho các thánh đồ thiếu thốn tại Giêrusalem. Không rõ đích xác nguyên nhân khiến họ bị nghèo khổ. Có người cho rằng đây là hậu quả của cơn đói kém (Công Vụ 11:28-30). Một nguyên nhân khả dĩ khác nữa là những người Do Thái tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ đã bị bà con, bạn hữu và đồng bào không tin Đấng Christ của họ tịch thu tài sản và lấy chạy. Rõ ràng họ đã mất việc làm và đang gặp vô số áp lực kinh tế nhằm buộc họ phải bỏ lời tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ. Phaolô đã định liệu cho các Hội Thánh ở xứ Galati về chính vấn đề này rồi, và giờ đây ông hướng dẫn người Côrinthô đáp ứng cùng một cách như các thánh đồ xứ Galati đã được khuyên dạy.

16:2 Dấu những chỉ dẫn được nêu trong câu 2 là dành cho cuộc quyên góp cụ thể, thế nhưng những nguyên tắc liên quan ở đây có giá trị lâu dài. Trước hết, việc dành dụm ngân quỹ này phải được thực hiện vào ngày đầu tuần lễ. Ở đây chúng ta có dấu hiệu rất mạnh mẽ rằng các Cơ Đốc nhân đầu tiên không còn xem ngày Sabát hay ngày thứ Bảy như là một sự giữ lễ bắt buộc nữa. Chúa đã sống lại vào ngày thứ nhất của tuần lễ, ngày Lễ Ngũ Tuần là nhằm ngày thứ nhất của tuần lễ, và các môn đồ đã nhóm lại với nhau vào ngày thứ nhất của tuần lễ để bẻ bánh (Công Vụ 20:7).

Giờ đây, họ sẽ **chất lột** (Bản Anh ngữ là "để riêng - lay") cho các thánh đồ vào ngày đầu tuần lễ.

Nguyên tắc quan trọng thứ nhì là: những chỉ dẫn về những cuộc quyên góp là dành cho mỗi một người. Cả người giàu lẫn nghèo, cả nô lệ lẫn người tự do, hết thầy đều có phần trong của lễ dâng tài sản của mình.

Hơn nữa, việc này sẽ phải thực hiện cách có hệ thống. Cứ ngày đầu tuần lễ, họ sẽ tùy sức mình **chất lột (để riêng)** bao nhiêu thì **để dành ra**. Công việc này sẽ không thực hiện cách vô kế hoạch, hay để dành cho những dịp đặc biệt. Món quà này sẽ được dành riêng ra từ các khoản tiền khác và để dành sử dụng đặc biệt theo nhu cầu của tình huống. Sự dâng hiến của họ cũng phải cân xứng. Điều này được nói rõ qua cụm từ "tùy sức mình."

Hầu cho khỏi đợi khi tôi đến rồi mới góp. Sự đó Phaolô không muốn việc này trở thành sự sắp xếp vào phút chót. Ông nhận thấy khả năng nghiêm trọng của việc góp tiền mà thiếu sự chuẩn bị đúng mục của tấm lòng hay vì tiền.

16:3 Câu 3 và 4 cho chúng ta hiểu biết quý giá về vấn đề chăm sóc đáng phải có cho những ngân khoản được thu góp trong một hội chúng Cơ Đốc. Thứ nhất, điều đáng lưu ý là những ngân khoản này sẽ không giao cho duy nhất một người. Ngay cả chính Phaolô cũng sẽ không phải là người nhận duy nhất. Thứ nhì, chúng ta thấy những sự sắp xếp người để đem khoản tiền đi đã không do một mình sứ đồ Phaolô cất đặt độc đoán. Trái lại, quyết định này

được giao cho hội chúng địa phương. Khi họ đã chọn ra các sứ giả, Phaolô sẽ sai họ đến Giêrusalem.

15:4 Nếu quyết định việc dâng cho sứ đồ cũng phải đi đến Giêrusalem, thì những anh em tại địa phương sẽ cùng đi với ông đến đó. Lưu ý ông nói "những kẻ ấy sẽ đi với tôi" chứ không nói "tôi sẽ đi với họ." Có lẽ đây là câu ám chỉ thẩm quyền sứ đồ của Phaolô. Một số nhà giải kinh gợi ý yếu tố quyết định xem Phaolô có đi đến đó hay không sẽ là quy mô kích cỡ của tặng phẩm đó, nhưng hầu như chúng ta không thể tin vì đại sứ đồ lại chịu hướng dẫn bởi một nguyên tắc như thế.

B. Về Những Kế Hoạch Riêng Của Ông (18:5-9)

15:5 Phaolô luận đến kế hoạch riêng của ông ở câu 5-9. Từ Êphêsô, là nơi ông viết bức thư này, ông định ghé qua xứ Maxêdoan. Sau đó ông hy vọng đi về phía nam đến Côrintô.

15:6-8 Chắc Phaolô sẽ ở Itrôn mùa đông với các thánh đồ tại Côrintô và sau đó họ sẽ đưa ông lên đường, từ đó đi đến nơi nào ông muốn đi. Như vậy hiện tại, ông sẽ không gặp họ trên đường đến Maxêdoan, nhưng thực sự sau đó muốn ở với họ ít lâu, nếu Chúa cho phép. Trước khi rời Maxêdoan, Phaolô mong ở lại thành Êphêsô cho đến Lễ Ngũ Tuần. Từ câu 8, chúng ta biết thư này được viết từ Êphêsô.

15:9 Phaolô thấy có cơ hội bằng vàng để phục vụ Đấng Christ ngay lúc này tại Êphêsô. Đồng thời, ông thấy có nhiều kẻ đối địch. Câu Kinh Thánh này cho thấy bức tranh không hề thay đổi

của sự phục vụ Đấng Christ: một mặt, có nhiều cánh đồng vàng sẵn cho mùa gặt; mặt khác, có một kẻ thù không ngừng tìm cách ngăn trở, chia rẽ và chống đối bằng mọi cách nào có thể nghĩ ra được!

C. Những Lời Khuyên Và Chào Thăm Kí Thúc (18:10-24)

16:10 Sứ đồ nói thêm về Timôthê. Nếu tôi tớ Chúa trẻ tuổi và tận tâm này đến Côrintô, họ nên đón tiếp sao cho ông khỏi sợ sệt gì. Có lẽ câu này muốn nói Timôthê tự nhiên đã có tánh nhút nhát, và họ đừng làm gì để tăng thêm khuynh hướng này. Mặt khác, có lẽ câu này muốn nói Timôthê phải có thể đến với họ mà không sợ không được đón tiếp như một tôi tớ của Chúa. Chắc ý thứ nhì là đúng, vì Phaolô nói: "Vi người cũng làm việc Chúa như chính mình tôi vậy."

16:11 Vì cơ sự phục vụ Đấng Christ cách trung tín của Timôthê, nên chớ có ai khinh người. Trái lại, nên sốt sắng nỗ lực đưa người đi về bình an, để Timôthê có thể trở về với Phaolô đúng lúc. Sứ đồ đang trông chờ gặp lại Timôthê và gặp lại anh em.

16:12 Còn như anh em chúng ta là Abôlô, Phaolô cố khuyên người đi với anh em đây mà đến thăm Côrintô. Abôlô không cảm thấy đây là ý muốn Chúa cho ông ngay hiện nay, nhưng cho thấy mình sẽ đến Côrintô khi có dịp tiện. Câu 12 rất có giá trị cho chúng ta khi tỏ ra tinh thần yêu thương đang thịnh hành giữa các tôi tớ Chúa. Có người gọi đây là bức tranh đẹp đẽ về "tình yêu không ganh tị và sự tôn

trọng.* Câu này cũng tỏ ra quyền tự do cho mỗi tôi tớ Chúa được Chúa dẫn dắt mà không phải nhận lệnh từ bất kỳ nguồn nào khác. Ngay chính sứ đồ Phaolô cũng không có quyền báo Abôlô phải làm gì. Về điểm này, Ironside nhận định: "Tôi không muốn xé đoạn này ra khỏi Kinh Thánh của mình. Nó giúp tôi hiểu phương cách Đức Chúa Trời dẫn dắt các tôi tớ Ngài trong chức vụ hầu việc Ngài."⁵⁸

16:13, 14 Giờ đây Phaolô nêu một số lời khuyên sức tích cho các thánh đồ. Họ phải luôn luôn tỉnh thức, vững vàng trong đức tin, can đảm và mạnh mẽ. Có lẽ một lần nữa Phaolô đang nghĩ đến nguy cơ các giáo sư giả. Các thánh đồ phải luôn luôn đề phòng. Họ không được từ bỏ một tí nào lãnh thổ hết sức quan trọng này. Họ phải cư xử với sự can đảm thật. Cuối cùng, họ phải mạnh mẽ trong Chúa. **Bất cứ làm việc gì, họ đều phải thể hiện lòng yêu thương.** Điều này sẽ đồng nghĩa với những cuộc đời tận hiến cho Chúa và cho người khác. Câu này nói đến việc dâng chính bản thân họ.

16:15 Kế tiếp là lời khuyên về người nhà Sêphana. Những Cơ Đốc nhân yêu quý này là **trái đầu mùa của xứ Achai**, có nghĩa những người tin Chúa sớm nhất trong xứ Achai. Dường như từ lúc hoán cải đến nay, họ đã hết sức quan tâm phục vụ các thánh đồ. Họ đã quyết phục vụ những người của Đức Chúa Trời. **Nhà Sêphana** được nhắc đến trước đây trong 1:16. Ở đó, Phaolô nói ông đã làm phép báp têm cho người nhà này. Nhiều người quả quyết **nhà Sêphana**

gồm có cả trẻ sơ sinh, nên bởi đó đã tìm cách biện minh phép báp têm cho trẻ sơ sinh. Tuy nhiên, từ câu Kinh Thánh này, dường như thấy khá rõ rằng không có một trẻ sơ sinh nào trong nhà này, vì nói rất rõ ràng rằng họ hết lòng hầu việc các thánh đồ.

16:16 Sứ đồ khuyên Cơ Đốc nhân kính phục những người thế ấy, và kính phục cả mọi người nào đã giúp đỡ trong công tác và cùng chịu khổ nhục với họ. Từ sự dạy dỗ tổng quát của Tân Ước, chúng ta biết những người biệt riêng mình ra phục vụ Đấng Christ sẽ được cả dân sự của Đức Chúa Trời tỏ lòng tôn trọng triu mến. Nếu thực hiện việc này rộng rãi hơn nữa thì sẽ ngăn được rất nhiều chia rẽ và ganh tị.

16:17 Việc Sêphana, Phốtlu và Achaicô đến đây đã làm lòng Phaolô vui mừng lắm. Họ đã bù lại phần mà người Côrinthô thiếu. Có thể câu này muốn nói họ tỏ lòng tử tế với sứ đồ, nhưng người Côrinthô lại không tử tế như vậy. Hoặc rất có thể câu này muốn nói đến những việc người Côrinthô không làm được vì ở xa Phaolô, thì những người này đã làm được.

16:18 Họ đem tin từ Côrinthô đến cho Phaolô, rồi đem tin từ vị sứ đồ trở về hội chúng tại quê hương của họ. Một lần nữa, Phaolô tiến cử họ để Hội Thánh địa phương quý trọng họ.

16:19 Các Hội Thánh ở xứ Achai nói đến các hội chúng ở trong tỉnh Asi (vùng Tiểu Á ngày nay), và Êphêso là thủ phủ của tỉnh đó. Aquila và Bêrítin dường như lúc này đang sống tại Êphêso. Đã có lúc họ sống tại Côrinthô,

do vậy các thánh đồ tại đó biết họ. **Aquila** làm nghề may trại, và đã làm việc chung với Phaolô trong nghề này. Cụm từ "**Hội Thánh hiệp trong nhà hai người**" cho thấy tình đơn sơ của sinh hoạt hội chúng thời bấy giờ. Cơ Đốc nhân cứ nhóm lại trong nhà riêng của họ để thờ phượng, cầu nguyện và thông công. Sau đó họ đi ra rao giảng Tin Lành tại nơi làm việc của mình, nơi phố chợ, trong các nhà tù địa phương, và tại mọi nơi nào họ bước chân đến.

16:20 Hết thầy anh em trong hội chúng này cùng gửi lời chào thăm thân thương đến những người bạn cùng niềm tin tại Côrinthô. Sứ đồ truyền đọc giả lấy cái hôn lành mà chào nhau. Thời bấy giờ, cái hôn là phương thức chào thăm phổ thông, ngay cả giữa vòng người nam cũng vậy. Cái hôn thánh muốn nói đến lời chào thăm không chút hổ thẹn hay bất khiết. Trong xã hội bị ám ảnh bởi tinh độc của chúng ta, nơi sự bại hoại quá phổ biến, việc sử dụng rộng rãi cái hôn làm phương cách chào thăm có thể tạo ra nhiều cảm dỗ nghiêm trọng và dẫn đến những thất bại ghê gớm về đạo đức. Vì cơ đó, cái bắt tay hầu như đã thay thế cái hôn giữa vòng Cơ Đốc nhân trong những nền văn hóa nói tiếng Anh. Thông thường, đừng để những suy tính về văn hóa khiến chúng ta miễn tuân thủ nghiêm túc những lời dạy của Kinh Thánh. Nhưng trong trường hợp như thế này, khi sự vắng lời đúng nghĩa đen có thể dẫn đến tội lỗi hoặc thậm chí có vẻ như điều ác vì cơ những tình hình văn hóa tại địa phương, thì chắc chúng ta có lý để thay thế cái hôn bằng bắt tay.

16:21 Thói quen thường lệ của Phaolô là đọc thư của mình cho một trong những bạn cộng sự viết ra. Tuy nhiên, đến cuối thư, ông sẽ đích thân cầm lấy viết, tự tay viết thêm vài lời, và rồi viết lời chào thăm đặc trưng của mình. Và ông đã làm việc này tại đây.

16:22 Từ Hy văn "**Anathem**" (anathema) được dịch là "**bị rủa sả.**" Những ai không kính mến Chúa thì đều đã bị định tội rồi, nhưng số phận của họ sẽ tỏ ra khi Đức Chúa Jesus Christ hiện đến. Cơ Đốc nhân là người yêu mến Cứu Chúa. Người ấy yêu mến Chúa Jesus hơn bất kỳ ai hoặc bất kỳ điều gì khác trong thế gian này. Không yêu mến Con Đức Chúa Trời là một tội phạm nghịch cùng chính Đức Chúa Trời. Ryle nhận định:

Thánh Phaolô không chịu lùi thối nào cho người không yêu mến Đấng Christ. Ông không chịu một kẻ hó hay kẻ biện minh nào. Có thể thiếu hiểu biết rõ ràng của lý trí nhưng vẫn được cứu. Có thể không can đảm, và có thể sự can người, giống như Phierô. Có thể ngã nạng nề, giống như Davít, thế nhưng vẫn được nâng dậy. Nhưng nếu một người không yêu mến Đấng Christ, thì người ấy không ở trong con đường sự sống. Sự rủa sả vẫn còn ở trên người. Người ấy đang ở trên con đường khoảng khuất dần đến sự hủy diệt.⁵⁹

Maranatha được dịch là "**Lạy Chúa, hãy đến!**" là một thành ngữ tiếng Aram của những Cơ Đốc nhân đầu tiên. Nếu viết cách ra thành "**Maran atha,**" từ ngữ này có nghĩa "**Chúa chúng ta đã đến,**" và nếu viết cách thành "**marana tha,**"

chữ này có nghĩa "Lạy Chúa của chúng ta, Xin hãy đến!"

16:23 Ông là chủ đề ưa thích của Phaolô. Ông rất thích mở đầu và kết thúc các bức thư của mình với âm điệu tôn cao này. Đây là một trong những dấu hiệu về tác quyền của ông.

16:24 Qua suốt thư tín, chúng ta đã lắng nghe nhịp tim vị sứ đồ tận tụy này của Đấng Christ. Chúng ta đã lắng nghe lời ông khi ông tìm cách gây dựng đức tin, yên ủi, khuyến lơn, răn bảo những con cái của ông trong đức tin. Không còn nghi ngờ gì nữa về lòng yêu thương của ông dành cho họ. Khi đọc những lời kết thúc này, có lẽ họ sẽ cảm thấy hổ thẹn vì đã để cho các giáo sư giả bước vào, đã chất vấn quyền sứ đồ của Phaolô, để rồi bỏ mất tình yêu thương ban đầu của họ dành cho ông.

CHÚ THÍCH

¹(1:18) Albert Barnes, *Notes on the New Testament*, 1 Corinthians, trang 14.

²(1:19) S. Lewis Johnson, "First Corinthians," *The Wycliffe Bible Commentary*, trang 1232.

³(1:27) Erich Sauer, *The Dawn of World Redemption*, trang 91.

⁴(1:30) Traill.

⁵(1:30) Arthur T. Pierson, *The Ministry of Keswick, First Series*, trang 104.

⁶(2:14) Vance Havner.

⁷(3:9) Charles R. Erdman, *The First Epistle of Paul to the Corinthians*, trang 40.

⁸(3:15) E. W. Rogers, *Concerning the Future*, trang 77.

⁹(3:18) Frederic L. Godet, *Commentary on First Corinthians*, trang 195.

¹⁰(4:8) H. P. Barker, *Coming Twice*, trang 80.

¹¹(5:2) Erdman, *First Corinthians*, trang 55.

¹²(6:9) Có người phân biệt giữa "vào" nước Đức Chúa Trời với "hưởng" nước Đức Chúa Trời. Họ dạy rằng một tín hữu có thể không thắng được một trọng tội nào đó trong đời sống mình, thế nhưng vẫn được cứu rỗi. Người này sẽ "vào" nước Đức Chúa Trời, nhưng được hưởng rất ít hoặc không được hưởng cơ nghiệp (phần thưởng) trong nước ấy. Tuy nhiên, phần đoạn này đề cập đến người không công bình, tức là người chưa được tái sanh.

¹³(6:13) Erdman, *First Corinthians*, trang 63.

¹⁴(6:17) A. T. Pierson, *Knowing the Scriptures*, trang 147.

¹⁵(6:20) Bates.

¹⁶(6:20) Bản Kinh Thánh NU bỏ qua từ ngữ nói đến tâm linh ở đây.

¹⁷(7:5) Larry Christenson, *The Christian Family*, trang 24.

¹⁸(7:14) W. E. Vine, *First Corinthians*, trang 97.

¹⁹(7:15) J. M. Davies.

²⁰(7:17) W. E. Vine, *The Divine Plan of Missions*, trang 63.

²¹(7:19) William Kelly, *Notes on the First Epistle to the Corinthians*, trang 123.

²²(7:29) Harry A. Ironside, *First Epistle to the Corinthians*, trang 223.

²³(7:29) Vine, *First Corinthians*, trang 104.

²⁴(7:33) *Ibid.*, trang 105.

²⁵(7:36) Tuy nhiên, từ ngữ Hylap tiêu chuẩn chỉ về sự trinh bạch là một danh từ trừu tượng *parthenia*, và nếu Phaolô muốn nói chữ này, người ta thắc mắc vì sao ông lại từ ngữ đơn giản để chỉ về "người nữ đồng trinh," như trong Mathê 1:23.

²⁶(7:38) Chữ "mình" đã được thêm vào chữ không có (trong bản Hy văn).

²⁷(8:12) Barnes, *1 Corinthians*, trang 147.

²⁸(9:17) Charles C. Ryrie, *The Ryrie Study Bible, New King James Version*, trang 1771.

²⁹(9:20) Bản Kinh Thánh NU thêm những từ ngữ để giải nghĩa ở đây, "dấu chính tội chẳng ở dưới quyền luật pháp."

³⁰(9:20) William Arnot, *The Church in the House*, trang. 467, 468.

³¹(9:21) Charles C. Ryrie, *The Grace of God*, trang 83.

³²(9:22) Bản Kinh Thánh NU bỏ chữ "như," nhưng chữ này dường như quan trọng cho lập luận của Phaolô - ông thực sự đã không trở thành yếu đuối.

³³(9:27) Phần lớn nan đề xuất phát từ chữ "castaway" ("vứt bỏ đi") trong bản dịch KJV. Chữ *a-dokimos* chỉ có nghĩa "không được chấp thuận." Là một thuật ngữ thể thao, chữ này được dịch rất hay thành chữ "disqualified" (bị tước quyền thi đấu) trong Anh ngữ.

³⁴(10:5) Godet, *First Corinthians*, pp. 59, 60.

³⁵(10:22) Kelly, *First Corinthians*, trang 166.

³⁶(10:28) Bản Kinh Thánh NU bỏ qua phần lặp lại này.

³⁷(11:5) Từ câu 4 và 5, rõ ràng trong những tình huống liên quan đến câu nguyện và nói tiên tri, người nữ nên trùm đầu những khi nào người nam nên không trùm đầu. Người nữ nào thấy khó biết mình phải làm gì và làm khi nào thì nên quan sát gương của người nam rồi làm ngược lại.

³⁸(11:7) Vine, *Expository Dictionary*, ở mục *Glory*, trang 154.

³⁹(11:18) F. B. Hole, "The Administration of the Mystery" (sách bổ túc), trang 5.

⁴⁰(11:19) Hy văn dùng chữ *haireseis*, nhưng ở đây, chữ này không mang nghĩa muợn về sau này là "heresies" ("tà giáo"). Xem phần chú thích Tit 3:10.

⁴¹(11:19) Hy văn thường dùng chữ *opheilō* chỉ về lẽ tất yếu về mặt đạo đức. Ở đây Phaolô dùng chữ chỉ về lẽ tất yếu của luận lý, là chữ *dei*.

⁴²(11:26) Godet, *First Corinthians*, trang 163.

⁴³(12: phần Giới Thiệu) *glōssa* ("cái lưỡi") là từ ngữ Hy văn thông thường chỉ về "ngôn ngữ." Lời nói Anh Ngữ trang trọng thỉnh thoảng vẫn nói tương tự, tức là "the French tongue" ("cái lưỡi Pháp") để chỉ về tiếng Pháp.

⁴⁴(12:10) Phần lớn điều ngày nay người ta gọi là "nói tiên tri" thì hoặc chỉ là diễn tả lại lời tế của những câu Kinh Thánh, hoặc là những sai lầm thực sự mà không trở thành hiện thực được. Cả hai điều đó thường là cách nhại tối theo lối Anh ngữ của bản Kinh Thánh King James, cứ làm như thể Đức Chúa Trời không truyền thông được bằng thứ ngôn ngữ thời nay vậy!

⁴⁵(12:13) Từ ngữ Hy văn *en* có thể dịch chính xác như nhau (tùy văn mạch cho phép) là "trong," "với," hoặc "bởi," nhưng chúng ta xem "trong" là "đúng theo nguyên văn" nhất vì có liên quan đến từ ngữ *en* trong Hy văn.

⁴⁶(12:29, 30) Những câu hỏi này đều bắt đầu bằng chữ *mē* trong Hy văn, nên gợi lên cách diễn ý như là: "Tất nhiên rồi, cả thầy đều không nói tiếng lạ đúng không?" - vân vân và vân vân...

⁴⁷(13:11) Chữ này là *aeipios* (cũng xem Hêbơơ 5:13).

⁴⁸(14:5) Kelly, *First Corinthians*, trang 229.

⁴⁹(14:13) Tuy nhiên, không có dấu hiệu nào trong nguyên văn cho thấy chủ từ của "để được thông giải" là khác với chủ từ của động từ "nói."

⁵⁰(14:19) Cách dịch theo nguyên văn là "sự hiểu của tôi" (understanding of me). "Của tôi" ở đây thuộc sở hữu cách, và là túc từ cho hành động được gợi ý bởi danh từ ấy. Hình thức này cũng có thể là hình thức sở hữu cách của chủ từ. Văn mạch sẽ xác định đâu là hình thức đúng nhất.

⁵¹(14:19) Charles Hodge, *First Corinthians*, trang 292.

⁵²(14:35) Cũng chính từ ngữ Hy văn *andres* còn có nghĩa "chống," "những người nam," "những người họ hàng thuộc nam giới."

⁵³(15:45) Erdman, *First Corinthians*, trang 148.

⁵⁴(15:47) Bản Kinh Thánh NU (cũng như bản Việt ngữ) bỏ chữ "Chúa."

⁵⁵(15:49) Đại đa số các thủ bản Hy Lạp đều có lời khuyên tại đây: "Chúng ta cũng mang..."

⁵⁶(15:54) C. H. Mackintosh, *The Mackintosh Treasury: Miscellaneous Writings by C. H. Mackintosh*, trang 125.

⁵⁷(15:56) Godet, *First Corinthians*, trang 446.

⁵⁸(16:12) Ironside, *First Corinthians*, trang 542.

⁵⁹(16:22) J. C. Ryle, *Holiness*, trang 235.

SÁCH THAM KHẢO

Barnes, Albert. *Notes on the New Testament*. (Quyển V, 1Corinthians). London: Blackie & Son, không rõ năm xuất bản.

Davies, J. M. *The Epistles to the Corinthians*. Bombay: Gospel Literature Service, 1975.

Erdman, Charles R. *The First Epistle of Paul to the Corinthians*. Philadelphia: Westminster Press, 1928.

Godet, F. L. *The First Epistle to the Corinthians*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1971.

Grant, F. W. "1 Corinthians," *The Numerical Bible*. Quyển 6, Acts to 2 Corinthians. New York: Loizeaux Bros., 1901.

Hodge, Charles. *An Exposition on the First Epistle to the Corinthians*. New York: George H. Doran Company, 1857.

Ironside, H. A. *Addresses on the First Epistle to the Corinthians*. New York: Loizeaux Brothers, 1955.

Johnson, S. Lewis. "First Corinthians," trong *The Wycliffe Bible Commentary*. Chicago: Moody Press, 1962.

Kelly, William. *Notes on the First Epistle to the Corinthians.* London: G. Morrish, 1878.

Luck, G. Coleman. *First Corinthians.* Chicago: Moody Press, 1958.

Morgan, G. Campbell. *The Corinthian Letters of Paul: An Exposition of I and II Corinthians.* New York: Fleming H. Revell Company, 1946.

Morris, Leon. *The First Epistle of Paul to the Corinthians.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1966.

Robertson, Archibald và **Alfred Plummer.** *A Critical and Exegetical Commentary on the First Epistle of St. Paul to the Corinthians.* Edinburgh: T. & T. Clark, 1911.

Vine, W. E. *First Corinthians.* London: Oliphants Ltd., 1951.

THƠ THỨ HAI GỬI CHO NGƯỜI CÔRINTHÔ

Giới Thiệu

*"Tôi thấy tính trong sáng từ sự bày tỏ của Phaolô
[trong thư II.Côrintô] là vô song trong toàn bộ văn phẩm thánh."*

— Sadler

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Nếu I.Côrintô được nghiên cứu và giảng dạy rộng rãi, thì II.Côrintô bị lãng quên rất nhiều. Nhưng đây lại là một Thư Tin rất quan trọng. Rõ ràng, bút pháp trào phúng và lối viết khó dịch của thơ góp phần gây nên sự lãng quên này. Rất nhiều từ in nghiêng trong bản KJV và NKJV cho thấy người ta đã phải bổ sung thêm thật nhiều chữ để bức thơ tràn đầy tình cảm này trở thành thơ Anh ngữ có thể chấp nhận được.

Thư Tin này rất khó hiểu. Ít ra thì cũng có rất nhiều câu ý nghĩa không rõ ràng. Có rất nhiều cách giải thích điều này: (1) Phaolô sử dụng rất nhiều câu châm biếm, nhưng thỉnh thoảng thật khó biết chắc chắn khi nào thì ông đang châm biếm. (2) Muốn hiểu đầy đủ một số phần nào đó, chúng ta ắt phải có thêm thông tin về những chuyến đi chính xác của Phaolô, những chuyến đi của những bạn đồng hành với ông, và những bức thơ ông đã viết ra. (3) Thư Tin mang đậm tính riêng tư, và những lời lẽ thương là lối nói của tấm lòng. Nhưng không phải lúc nào điều này cũng là dễ hiểu nhất đâu.

Nhưng đừng để những điểm khó hiểu đó làm chúng ta nản lòng. May

mắn thay, chúng không ảnh hưởng đến những lẽ thật cơ bản của Thư Tin, nhưng chỉ ảnh hưởng đến những tiết tiết mà thôi.

Cuối cùng, II.Côrintô là Thư Tin được yêu mến và trích dẫn rất nhiều. Sau khi nghiên cứu thơ, bạn sẽ hiểu rõ hơn vì sao như vậy.

II. Quyển Tác Giá

Hầu như không ai phủ nhận Phaolô viết thư II.Côrintô, đầu có một số người đưa ra những thuyết về "những đoạn chèn thêm" đó đây. Tuy nhiên, tinh thống nhất của bức thơ (với những đoạn đi ngoài để điển hình của Phaolô!) thật hiển nhiên.

Ngoại chứng cho thư II.Côrintô thật mạnh mẽ, nhưng có phần muộn hơn so với thư I.Côrintô. Thật ngạc nhiên, Clement ở Roma không trích dẫn thư này, nhưng Polycarp, Irenaeus, Clement ở Alexandria, Tertullian và Cyprian thấy đều trích thư II.Côrintô. Marcion liệt kê thư này đứng hàng thứ ba trong số mười thư tin của Phaolô mà ông chấp nhận. Thư này cũng được liệt kê trong Bộ Kinh Điển Muratorian. Từ năm 175 S.C. trở đi, có dư dật bằng chứng cho thư II.Côrintô.

Nội chứng cho tác quyền của Phaolô cũng dư dật. Ngoại trừ thư Philêmon, đây là bức thư đậm tình riêng tư nhất và ít giáo lý nhất của Phaolô. Những lời đề cập chi tiết mang tính cách cá nhân, những phong cách riêng của vị sử đồ, và những mối liên kết gần gũi hiển nhiên với thư I.Côrinthô, Galati, Rôma và Côngvụ đều hậu thuẫn quan điểm truyền thống xem Phaolô đã viết thư tin này. Ta thấy rõ cùng một tác giả và cùng một hội chúng như trong Thư Tín Thứ Nhất đã được công nhận cách phổ thông.

III. Thời Điểm Viết

Thư II.Côrinthô chắc được viết chưa đầy một năm sau thư I.Côrinthô, từ Maxêdoan (một số phần viết thêm vào bên dưới các bản dịch có sớm thì xác định tại Philip). Niên hiệu được chấp nhận phổ thông là năm 57 S.C., nhưng nhiều người chọn năm 55 hoặc 56, và Harnack chọn năm 53.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Một nguyên nhân khiến chúng ta rất yêu mến thư II.Côrinthô chính là vì thư này rất riêng tư. Ở thư này, chúng ta dường như đến gần lòng của Phaolô hơn mọi tác phẩm khác. Chúng ta cảm nhận nhiệt tình lớn lao ông dành cho công việc Chúa. Chúng ta cảm nhận chân giá trị sự kêu gọi vĩ đại nhất của đời sống. Với sự kinh ngạc lặng lẽ, chúng ta đọc danh sách những hoạn nạn ông đã chịu. Chúng ta kinh nghiệm sự phẫn nộ gay gắt của ông để trả lời những người phê bình thiếu nguyên tắc đạo đức. Tóm lại, dường như Phaolô để chúng ta bước vào mọi bí mật trong tâm hồn ông.

Chuyến thăm Côrinthô lần thứ nhất của Phaolô được ghi lại trong Côngvụ 18. Chuyến đi này xảy ra trong hành trình truyền giáo lần thứ nhì, ngay sau bài giảng đáng nhớ của ông trên đồi Areôba tại Athên.

Tại Côrinthô, Phaolô làm nghề may trại với Aquila và Bêrítin, và rao giảng Tin Lành trong nhà hội. Sila và Timôthê từ Maxêdoan đến hợp lực với ông trong công tác truyền giảng Tin Lành kéo dài ít nhất 18 tháng (Côngvụ 18:11).

Khi hầu hết người Do Thái đều khước từ lời dạy của ông, Phaolô quay sang người ngoại bang. Khi nhiều hình hồn được cứu – cả người Do Thái lẫn người ngoại – các lãnh tụ Do Thái bắt sứ đồ đưa ra trước mặt quan trấn thủ Galiôn. Nhưng Galiôn bãi tòa, xem như vụ án không thuộc quyền xét xử của ông.

Xong phiên tòa, Phaolô vẫn ở lại Côrinthô ít lâu, rồi rời nơi đó đi đến Xencorê, Êphêso, sau đó đi một chuyến dài trở về Sêsarê và Antiôt.

Trong hành trình truyền giáo thứ ba, Phaolô trở về Êphêso và ở đó hai năm. Trong thời gian này, phái đoàn từ Côrinthô đến thăm, hỏi ý Phaolô nhiều vấn đề. Thư I.Côrinthô được viết ra để trả lời những thắc mắc ở đây.

Về sau, sứ đồ rất lo lắng khi biết người Côrinthô đã phản ứng thế nào với bức thư của ông, đặc biệt với phần nói đến kỷ luật hành vi phạm tội. Vì vậy, ông rời Êphêso đến Trô ách, mong gặp Tit tại đó. Tuy nhiên, khi không gặp được, ông đã sang xứ Maxêdoan. Chính tại đây, Tit đã đến báo tin, cả tin vui lẫn tin buồn. Các thánh đồ đã kỷ luật

những thánh đồ đã phạm tội – và biện pháp kỷ luật này đã khôi phục tâm linh người đó. Đó là tin vui. Nhưng những Cơ Đốc nhân này không hề gờ tiến đến cho các thánh đồ túng thiếu tại Giêrusalem, như đã dự định trước đó. Điều này không tốt. Cuối cùng, Tit cho biết các giáo sư giả đang hoạt động tại Côrintô, phá hoại công tác của sứ đồ và chất vấn thẩm quyền đầy tớ Đấng Christ của Phaolô. Đây là tin xấu!

Trên đây là những hoàn cảnh dẫn đến Thư Tin Thứ Nhì gởi cho người Côrintô, được viết từ Maxêđoan.

Trong Thư Thứ Nhất, Phaolô được xem chủ yếu như giáo sư, nhưng trong Thư Thứ Nhì, ông giữ vai trò mục sư. Nếu lắng nghe cẩn thận, bạn sẽ nghe được nhịp đập trái tim của người thật sự yêu mến dân sự Đức Chúa Trời và hy sinh chính mình vì phúc lợi của họ.

Vì vậy, giờ đây chúng ta bắt đầu chuyển phiếu lưu vĩ đại này, và khi nghiên cứu “những tư tưởng đang thờ và những lời lẽ đang thiếu sót” này, nguyện chúng ta sẽ nghiên cứu với lời cầu xin Thánh Linh Đức Chúa Trời soi sáng.

BỔ CỤC

I. PHAOLÔ LUẬN VỀ CHỨC VỤ (Đoạn 1-7)

- A. Lời Chào Thăm (1:1,2)
- B. Chức Vụ Yên Ủi Trong Cơ Hoạn Nạn (1:3-11)
- C. Giải Thích Sự Thay Đổi Kế Hoạch Của Phaolô (1:12-2:17)
- D. Những Thư Gởi Gắm Phaolô Cho Chức Vụ (3:1-5)
- E. Đối Chiếu Giao Ước Cũ Và Giao Ước Mới (3:6-18)
- F. Bốn Phận Phải Giảng Một Tin Lành Rõ Ràng (4:1-6)
- G. Chậu Bằng Đất Với Số Phận Thuộc Về Trời (4:7-18)
- H. Sống Biết Suy Xét Đến Ngai Đoán Xét của Đấng Christ (5:1-10)
- I. Lương Tâm Tốt Của Phaolô Trong Chức Vụ (5:11-6:2)
- J. Hành Vi Của Phaolô Trong Chức Vụ (6:3-10)
- K. Phaolô Kêu Gọi Sự Cởi Mở Và Lòng Thương Mến (6:11-13)
- L. Phaolô Kêu Gọi Sự Phân Biệt Thuộc Linh (6:14-7:1)
- M. Sự Vui Mừng Của Phaolô Khi Nghe Tin Vui Từ Côrintô (7:2-16)

II. LỜI PHAOLÔ KHUYÊN HOÀN TẤT CUỘC QUYÊN GÓP CHO CÁC THÁNH ĐỒ Ở GIÊRUSALEM (Đoạn 8,9)

- A. Những Cường Tốt Về Sự Dâng Hiến Rời Rộng (8:1-9)
- B. Lời Khuyên Tốt Để Hoàn Tất Cuộc Quyên Góp (8:10,11)
- C. Ba Nguyên Tắc Tốt Cho Sự Dâng Hiến Rời Rộng (8:12-15)
- D. Ba Anh Em Tốt Để Chuẩn Bị Cuộc Quyên Góp (8:16-24)
- E. Kêu Gọi Người Côrintô Xác Chứng Điều Phaolô Khoe Về Họ

(9:1-5)

F. Những Phấn Thưởng Tốt Đẹp Của Sự Dâng Hiến Cách Rời Rộng (9:6-15)

III. PHAOLÔ BÌNH VỤ CHỨC SỨ ĐỒ CỦA MÌNH (Đoạn 10-13)

A. Phaolô Đáp Lời Những Người Kiện Cáo Ông (10:1-12)

B. Nguyên Tắc Của Phaolô: Vỡ Đất Mới Cho Đấng Christ (10:13-16).

C. Mục Tiêu Tối Hậu Của Phaolô: Sự Gởi Gắm Của Chúa (10:17,18)

D. Phaolô Khẳng Định Tư Cách Sứ Đồ Của Mình (11:1-15)

E. Những Sự Chịu Khổ Của Phaolô Vì Cơ Đấng Christ Hậu Thuận Cho Tư Cách Sứ Đồ Của Ông (11:16-33)

F. Những Sự Khải Thị Của Phaolô Hậu Thuận Quyền Sứ Đồ Của Ông (12:1-10)

G. Những Dấu Hiệu Của Phaolô Hậu Thuận Cho Tư Cách Sứ Đồ Của Ông (12:11-13)

H. Chuyến Thăm Côrinthô Sắp Tới Của Phaolô (12:14-13:1)

I. Quyền Sứ Đồ Của Phaolô Được Hậu Thuận Chính Bởi Người Côrinthô (13:2-6)

J. Lòng Khao Khát Của Phaolô Muốn Lâm Ích Lợi Cho Người Côrinthô (13:7-10)

K. Lời Tạm Biệt Của Phaolô Trong Ôn Của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (13:11-14)

CHÚ GIẢI

I. PHAOLÔ LUẬN VỀ CHỨC VỤ (Đoạn 1-7)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

1:1 Phaolô tự giới thiệu ngay đầu thư là **sứ đồ của Đức Chúa Jesus** theo **ý muốn của Đức Chúa Trời**. Điều này quan trọng nên ông phải lưu ý ngay từ đầu, vì tại Côrinthô có nhiều người đang nghi ngờ Phaolô không thực sự được Chúa sai phái. Câu trả lời của ông cho biết ông không tự ý chọn chức vụ này, cũng không do con người nào chỉ định, nhưng được sai phái vào công tác bởi Đức Chúa Jesus Christ theo **ý muốn Đức Chúa Trời**. Sự kêu gọi ông vào chức sứ đồ xảy ra trên con đường đến Damách. Đây là tước trái không thể

quên trong đời sống ông, và chính ý thức về sự kêu gọi thiên thượng này đã nâng đỡ gìn giữ vị sứ đồ qua rất nhiều giờ phút đắng cay. Trong khi phục vụ Đấng Christ, thường gặp những lúc bị dồn ép quá sức, chắc ông đã bỏ cuộc và trở về nhà nếu không được bảo đảm về sự kêu gọi thiên thượng của mình.

Timôthê được nhắc đến trong câu 1 không có nghĩa Timôthê giúp viết thư tin này. Điều này chỉ nói lên Timôthê đang ở cùng Phaolô khi thư II.Côrinthô được viết ra. Ngoài sự kiện này, chúng ta không biết gì nhiều về những chuyến đi của Timôthê trong thời gian này.

Thư được gởi cho **Hội Thánh của Đức Chúa Trời ở thành Côrinthô**, và cho

hết thấy thánh đồ ở khắp xứ Achai. Cụm từ Hội Thánh của Đức Chúa Trời nói lên đây là hiệp hội các tín đồ thuộc về Đức Chúa Trời. Đây không phải là một hiệp hội của người ngoại giáo, hay một cuộc hội họp phi tôn giáo nào đó của dân chúng, nhưng là hiệp hội của những Cơ Đốc nhân đã được tái sanh, được kêu gọi ra khỏi thế gian để thuộc về Chúa. Rõ ràng khi Phaolô viết những lời này, ông nhớ lại lần đầu tiên đã đến Côrinthô và rao giảng Tin Lành tại đó như thế nào. Những người nam nữ vốn đắm mình trong thờ lạy hình tượng và đam dục đã tin cậy Chúa Jêsus làm Chúa, và được cứu bởi ân điển phi thường của Ngài. Dầu về sau nhiều khó khăn xuất hiện tại hội chúng Côrinthô, rõ ràng lòng vị sứ đồ vẫn vui mừng khi nghĩ đến thay đổi lớn lao trong đời sống những người yêu dấu này. Thư không những gởi cho Côrinthô, mà còn cho hết thấy thánh đồ ở khắp xứ Achai. Achai đại diện cho vùng đất phía nam của Hy Lạp; trong khi Maxêdoan – chúng ta cũng sẽ đọc đến Maxêdoan trong thư II.Côrinthô – là phần phía bắc của đất nước này.

1:2 Ân điển và sự bình an bình thành lời chào thăm tuyệt vời khiến chúng ta liên tưởng ngay đến vị sứ đồ Phaolô yêu dấu. Khi chúc để nói lên những ước ao lớn nhất của mình dành cho dân sự Chúa, ông không chúc cho họ của cải vật chất như vàng và bạc. Ông biết rất rõ những thứ này có thể biến mất nhanh chóng. Trái lại, ông chúc cho họ những ơn phước thuộc linh là ân điển và bình an, vốn bao gồm mọi

điều tốt lành có thể từ Thiên đàng đến cho tội nhân đáng thương. Denney nói: “Ân điển là từ ngữ đầu tiên và cuối cùng của Tin Lành, và bình an – là tình trạng lành mạnh hoàn hảo của tâm linh – chính là công tác đã hoàn tất của Đấng Christ trong tâm hồn.¹ Những phước hạnh này tuôn tràn từ Đức Chúa Trời Cha chúng ta và từ Đức Chúa Jêsus Christ. Đức Chúa Trời Cha chúng ta là nguồn, và Đức Chúa Jêsus Christ là ống dẫn. Phaolô không ngần ngại đặt Đức Chúa Jêsus Christ ngay bên cạnh Đức Chúa Cha, vì với tư cách thành viên trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời, Đấng Christ bình đẳng với Đức Chúa Cha.

B. Chúc Vạ Yên Ủi Trong Các Hoạn Nạn (1:3-11)

1:3 Từ câu 3-11, vị sứ đồ dốc tuôn lời tạ ơn Chúa đã an ủi ông giữa những hoạn nạn khổ đau của mình. Rõ ràng, sự yên ủi là tin vui Tit đã đem đến cho ông tại Maxêdoan. Sau đó sứ đồ tiếp tục cho biết dầu ông gặp hoạn nạn hay được yên ủi đi nữa, tất cả mọi điều ấy rốt cuộc đều trở thành ích lợi cho những tín hữu đang được ông chăm sóc. Lời tạ ơn được dâng lên Đức Chúa Trời, là Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Đây là danh xưng đầy đủ của Đức Chúa Trời trong Tân Ước. Ngài không còn được gọi là Đức Chúa Trời của Ápraham, Đức Chúa Trời của Ysac, hay Đức Chúa Trời của Giacóp nữa. Giờ đây, Ngài là Đức Chúa Trời và Cha của Đức Chúa Jêsus Christ. Nhân tiện, danh xưng này hàm ý một lẽ thật trọng đại: Chúa Jêsus vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người. Đức

Chúa Trời là Đức Chúa Trời của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta; câu này nói đến mối quan hệ của Ngài với Chúa Jêsus, là Con Người. Nhưng Đức Chúa Trời cũng là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta; điều này nói đến mối quan hệ của Ngài với Đấng Christ, là Con Đức Chúa Trời. Ngoài ra, Đức Chúa Trời còn được mô tả là Cha hay thương xót và Đức Chúa Trời ban mọi sự yên ủi. Từ nơi Ngài tuôn trào mọi sự thương xót và yên ủi.

1:4 Trong mọi hoạn nạn khốn khổ của Phaolô, ông vẫn ý thức được sự hiện diện đầy yên ủi của Chúa. Ở đây, ông nêu một trong rất nhiều nguyên nhân khiến Đức Chúa Trời yên ủi ông. Chúa yên ủi ông để đến lượt ông có thể yên ủi kẻ khác bằng chính sự yên ủi do Chúa đã yên ủi ông. Đối với chúng ta, từ ngữ "yên ủi" thường có nghĩa yên ủi trong lúc buồn rầu. Nhưng theo cách dùng trong Tân Ước, từ ngữ này có ý nghĩa rộng hơn. Từ ngữ này chỉ về sự khích lệ và khuyến bảo bởi người đang ở bên cạnh chúng ta trong lúc nhu cần. Câu này có bài học thực tiễn cho hết thầy chúng ta. Khi được yên ủi, chúng ta phải nhớ tìm cách chuyển lại sự yên ủi này cho người khác. Chúng ta đừng nên tránh căn phòng của người bệnh hay nhà có người chết, nhưng trái lại hãy nhanh chóng bay đến bên cạnh những ai cần sự khích lệ của chúng ta. Chúng ta được an ủi không phải để trở nên dễ chịu, nhưng để trở thành những người an ủi.

1:5 Nguyên nhân Phaolô có thể yên ủi người khác chính vì sự yên ủi của

Đấng Christ đủ khả năng đối phó với những hoạn nạn ông đang chịu vì cơ Ngài. Những sự đau đớn của Đấng Christ ở đây không thể nói đến những thống khổ trong công tác chuộc tội của Cứu Chúa. Những sự đau đớn đó là độc nhất vô nhị, và không ai có thể chia sẻ chúng. Nhưng Cơ Đốc nhân có thể thực sự chịu khổ vì sự lên biệch của họ với Đức Chúa Jêsus. Họ chịu quả trách, bị hắt hủi, bị thù địch, ghét bỏ, bị phủ nhận, bị phản bội, v.v... Những điều này được nói đến như những sự đau đớn của Đấng Christ vì Ngài đã chịu chúng khi Ngài còn trên trần gian, và vì Ngài vẫn chịu chúng khi các chi thể trong thân Ngài chịu đựng những nỗi đau đớn đó. Trong mọi hoạn nạn khốn khổ của chúng ta, Ngài cũng đồng chịu khốn khổ (xem Êsai 63:9). Nhưng ở đây, Phaolô muốn nói có sự đến bù dư dật cho toàn bộ những hoạn nạn này, tức là có sự chia sẻ tương ứng trong sự yên ủi của Đấng Christ, và sự yên ủi này chan chứa dư dật.

1:6 Vì sứ đồ có thể nhìn thấy điều ích lợi xuất phát từ cả những hoạn nạn lẫn từ sự yên ủi ông. Cả hai đều được nên thánh bởi thập tự giá. Nếu ông chịu hoạn nạn, điều đó đem lại sự yên ủi và sự cứu rỗi cho các thánh đó - đây không phải là sự cứu rỗi linh hồn họ, nhưng là sức mạnh để giúp đưa họ vượt qua những thử thách. Họ sẽ được khích lệ và chịu thách thức bởi sự chịu đựng của Phaolô, và lập luận rằng nếu Đức Chúa Trời có thể ban ơn cho Phaolô chịu khổ, Ngài cũng có thể ban ơn cho họ nữa. Khi Samuel Rutherford thấy

minh ở trong "hầm chứa nghịch cảnh," như cách ông thường thấy, ông bắt đầu nhìn quanh để tìm một số những "chai rượu ngon nhất" của Chúa. Có lẽ ông đã học tập làm như vậy từ gương của Phaolô, người luôn luôn có thể truy tìm cấu vồng xuyên qua những giọt nước mắt của mình.

Sự yên ủi sứ đồ nhận được sẽ khiến người Côrintô đẩy dầy sự an ủi và thúc giục họ kiên nhẫn chịu đựng đang khi chịu bất bở như ông. Chỉ những người nào đã trải qua những thử nghiệm nghiêm trọng thì mới biết cách nói lời thích hợp cho những người được kêu gọi trải qua những thử thách giống như vậy. Người mẹ mất đứa con duy nhất thì có thể an ủi tốt hơn cho một người mẹ khác vừa bị vùi dập trong cảnh đau lòng đó. Hoặc, tốt hơn hết, Cha đã mất Con độc sanh thì có thể an ủi tốt nhất cho những người đã mất mát người thân.

1:7 Giờ đây sứ đồ tỏ lòng tin quyết rằng người Côrintô đã biết chịu khổ vì Đấng Christ là thế nào, thì họ cũng sẽ kinh nghiệm sự cứu giúp đầy an ủi của Đấng Christ thế ấy. Những sự đau đớn không bao giờ đến một mình cho Cơ Đốc nhân. Chúng luôn luôn đi kèm với sự yên ủi của Đấng Christ. Chúng ta cũng có thể tin quyết điều này, như Phaolô vậy.

Bản Kinh Thành Living Bible diễn ý câu 3-7 như sau:

Trước hết tôi xin ca ngợi Thượng Đế, Cha của Chúa Jesus chúng ta; Ngài là Cha và nguồn cội mọi sự an ủi. Ngài đi an ủi chúng tôi trong mọi cảnh gian nan, khốn khổ. Vì sao Ngài an ủi như vậy? Để đến khi anh em

đang gặp gian khổ, cần sự thông cảm và khích lệ của chúng tôi, chúng tôi có thể chuyển sang cho họ chính sự giúp đỡ và an ủi mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng tôi.... Trong cơn gian khổ, Đức Chúa Trời đã an ủi chúng tôi - và điều này cũng để giúp anh em nữa: từ kinh nghiệm cá nhân của chúng tôi chúng tôi cho anh em thấy Đức Chúa Trời sẽ đợi đàng yên ủi anh em khi anh em trải qua những gian khổ hoạn nạn y như thế. Ngài sẽ ban sức cho anh em chịu đựng.

1:8 Sau khi nói tổng quát về hoạn nạn và yên ủi, giờ đây Phaolô đề cập cụ thể hơn đến thử nghiệm khác nghiệt ông vừa mới trải qua. Ông không muốn anh em Côrintô không biết sự khốn nạn đã xảy đến cho ông trong xứ **Ásì**. (Ásì ở đây không nói đến một lục địa, nhưng dùng hơn nói đến một tỉnh ở phía đông vùng đất hiện nay là Tiểu Á.) Sự khốn nạn vì sứ đồ nhắc đến ở đây là gì? Có lẽ cuộc nổi loạn nguy hiểm xảy ra tại Êphêso (Công vụ 19:23- 41). Có người cho đây là cơn bệnh chết người, một số khác nghĩ ông nói về những tin tức thật nản lòng đến từ Côrintô. Thật may mắn thay, giá trị và sự vui thỏa của một phần đoạn như thế này không lệ thuộc ở chỗ biết những chi tiết chính xác.

Tuy nhiên, hoạn nạn này trầm trọng đến nỗi Phaolô thấy hết sức nặng nề, vượt quá sức chịu đựng theo lẽ thường, đến nỗi ông mới lòng trông cậy sự sống.

Bản Diễn Ý Phillip dịch câu này rất bổ ích: "Lúc đó chúng tôi bị áp đảo hoàn toàn; gánh nặng vượt quá sức chịu

đựng của chúng tôi; trên thực tế, chúng tôi tự nhủ như vậy là chấm dứt hết rồi.”

1:9 Quan điểm của sử đồ âm ảm đến nỗi mang cảm giác của người bị nhận án tử. Nếu hỏi: “Muốn sống hay chết?” ắt ông trả lời: “Chết.” Đức Chúa Trời cho phép tôi tớ Ngài bị đẩy đến chỗ tội cùng này để ông không cậy mình nữa, nhưng cậy Đức Chúa Trời là Đấng khiến kẻ chết sống lại. Rõ ràng ở đây, “Đức Chúa Trời là Đấng khiến kẻ chết sống lại” được dùng như từ đồng nghĩa chỉ về Đức Chúa Trời Toàn Năng. Đấng có thể khiến kẻ chết sống lại cùng chính là nguồn hy vọng duy nhất cho người đã bị định đoạt phải chết, như sử đồ đã tự kể mình vậy.

1:10 Trong truyền thống Bản Kinh James (và đại đa số các thủ bản), Phaolô đang nói đến sự giải cứu trong ba thì của nó: quá khứ (đã cứu), hiện tại (thực sự cứu – bản Việt Ngữ: dịch là “sẽ cứu”) và tương lai (sẽ cứu).² Nếu xét đến cuộc nổi loạn tại Êphêso, thì Phaolô đang nói đến phương cách chấm dứt đợt ngọt của cuộc nổi loạn và ông đã thoát được (Công vụ 20:1). Vị sử đồ biết chính Đức Chúa Trời Đấng đã giải cứu ông trong quá khứ cũng là Đấng có thể giải cứu ông từng ngày, và sẽ tiếp tục giải cứu ông cho đến giờ phút chung kết trọng đại khi ông được giải cứu hoàn toàn khỏi hoạn nạn và bất bớ của thế gian này.

1:11 Ở đây, Phaolô rộng lượng thừa nhận Cơ Đốc nhân tại Côrinthô lâu nay đã cầu thay cho ông đang khi ông trải qua thời kỳ thử thách trầm trọng này. Thực ra, rất nhiều tín hữu tại đây đã chỉ trích vị đại sử đồ, và chắc đã có sự nghi

ngờ trầm trọng không biết họ còn nhớ đến ông trước ngại ân điển nữa không. Tuy nhiên, ông sẵn sàng chấp nhận họ là vô tội. Cụm từ “nhờ nhiều người cầu nguyện mà được ơn” nói đến ơn giải cứu Phaolô nhờ lời cầu nguyện của nhiều người. Ông xem sự vượt thoát của mình là kết quả trực tiếp về sự cầu thay của các thánh đồ. Ông nói vì nhiều người đã cầu nguyện, mà giờ đây nhiều người có thể tạ ơn Chúa vì những lời cầu nguyện của họ đã được nhậm.

C. Giải Thích Sự Thay Đổi Kế Hoạch Của Phaolô (1:12-2:17)

1:12 Nguyên nhân khiến Phaolô có thể nương cậy nơi sự cầu nguyện của các tín hữu chính vì ông luôn luôn đối xử thẳng thắn với họ. Ông có thể khoe lòng trung thực của mình đối với họ, và lương tâm ông làm chứng nếp sống đặc trưng bởi sự thánh sạch và thật thà đến từ Đức Chúa Trời, tức là sự thành thật trong sáng từ Chúa. Ông không hạ thấp mình đi theo những phương pháp của con người xác thịt, nhưng hành động công khai trước mặt mọi người với sức mạnh không xứng đáng được nhận (ơn) do Chúa ban cho. Ất hẳn điều này đặc biệt rõ ràng đối với người Côrinthô.

1:13 Sự trung thực đặc trưng cho cách đối xử trước đây với người Côrinthô cũng đúng cho bức thư này nữa. Ông muốn nói thế nào thì viết đúng thế ấy. Không cần phải tìm kiếm ẩn ý. Ý nghĩa xuất hiện ngay ở bề ngoài, đơn sơ và hiển nhiên. Ý của ông chính xác là những điều họ đọc hoặc nhận biết, và ông hy vọng họ sẽ tiếp tục nhận biết ý đó cho đến cuối cùng, tức là chứng nào họ còn sống.

1:14 Hội chúng tại Côrintô đã **il** nhiều công nhận Phaolô, tức là có một số tín hữu chứ không phải mọi người đều công nhận. Những người trung thành hiểu hai sự kiện này – tức là họ sẽ tự hào về ông và ông sẽ tự hào về họ trong ngày Đức Chúa Jêsus. Ngày Đức Chúa Jêsus hưởng cụ thể tới Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, là lúc sẽ đánh giá và ban thưởng sự phục vụ của người được chuộc. Khi Phaolô nhìn hướng tới phiên tòa ấy, ông luôn luôn thấy khuôn mặt những người đã được cứu bởi chức vụ mình. Họ sẽ là niềm vui và mào miện vui mừng của ông, và đến lượt họ sẽ vui mừng vì ông được Đức Chúa Trời dùng làm công cụ dắt đưa họ đến với Đấng Christ.

1:15 Cụm từ **bởi sự trông cậy** đó muốn nói ông tin quyết rằng họ đã vui mừng nơi ông là sứ đồ thật của Đức Chúa Jêsus Christ và là người trung thực không chỗ trách được. Ông muốn đến thăm họ trong tinh thần đã được bảo đảm về lòng tin cậy, quý mến và tình cảm của họ. Ông muốn đến với họ trước khi đến Maxêdoan, và rồi sau đó đến thêm lần nữa khi từ Maxêdoan quay về. Như vậy, họ sẽ được thêm lợi ích thứ nhì (bản Việt Ngữ: ơn bội phần) theo ý nghĩa được thăm hai lần thay vì một.

1:16 "Ơn bội phần" (Bản Anh ngữ – "lợi ích thứ nhì") được giải thích thêm trong câu 16. Như đã nói, Phaolô hoạch định khi rời Êphêsô thì sẽ vào xứ Achai, là khu vực có thành phố Côrintô, rồi lên hướng bắc và vào Maxêdoan. Sau khi giảng xong tại đó, ông sẽ theo đường cu trở về phía nam đến Côrintô.

Ông hy vọng tín hữu Côrintô bấy giờ sẽ giúp đưa ông qua xứ Giuđê – có lẽ bằng lòng hiếu khách và những lời cầu nguyện của họ, nhưng không phải bằng tiền của họ, vì về sau ông nói đến quyết tâm không nhận tiền của họ (11:7-10).

1:17 Kế hoạch lúc đầu của Phaolô không thành. Ông đi từ Êphêsô đến Trôách, và khi không gặp Tit tại đó, ông đi thẳng đến Maxêdoan, bỏ Côrintô ra khỏi lộ trình của mình. Vì vậy ở đây ông hỏi: "Tôi định ý như vậy, nào có phải bởi tôi nhẹ dạ sao?" Chắc đây chính là lời của những người đang gièm pha ông. "Này ông Phaolô lính khi thất thương và hay thay đổi! Ông nói một đang làm một nẻo rồi! Liệu người như thế có phải là sứ đồ thật không?" Vị sứ đồ thách thức tín hữu Côrintô chứng minh ông không đáng tin. Khi lên kế hoạch, có phải ông lập kế hoạch theo những động cơ xác thịt để rồi phút trước vừa mới nói "Phải" thì phút sau đã bảo "Không"? Có phải ông chỉ suy tính để được tiện nghi và bởi động cơ cá nhân không? Phillips nắm được tinh thần của câu này qua bản diễn ý của ông: "Vi chúng tôi đã phải thay đổi kế hoạch này, như vậy có phải chúng tôi thay đổi thất thương không? Có phải anh em nghĩ tôi hoạch định không nghiêm túc, miệng nói "Có" mà ý muốn bảo "Không"?"

1:18 Phaolô dường như từ lời nói về những kế hoạch đi thăm chuyển sang lời giảng. Có lẽ những người chỉ trích đang bảo nếu ông không đáng tin trong cuộc đối thoại bình thường, thì lời dạy của ông cũng không đáng tin.

1:19 Phaolô tranh luận rằng hành động của ông không phải là không đáng

tin, vì Cứu Chúa ông đang rao giảng là Đấng thiên thượng bất biến, nơi Ngài chẳng có sự giao động hoặc thay đổi. Khi lần đầu ông đến thăm Côrintô cùng với **Sinvanh và Timôthê** (Côngvụ 18:5), họ đã rao giảng **Con Đức Chúa Trời, Đấng đáng tin**. "Sứ điệp không bất ổn, vì sứ điệp nói về **Con Đức Chúa Trời, Đấng không dao động**." Lập luận ở đây là: không một người nào rao giảng Đức Chúa Jêsus Christ trong Thánh Linh lại có thể hành động theo kiểu những người phê bình ông đang lên án ông. Denney nói: "Lập luận của Phaolô ở đây có thể do một kẻ giả hình sử dụng, nhưng có thể chưa nhà phê bình nào phát minh ra được lập luận đó." Làm thế nào ông rao giảng Đức Chúa Trời thành tín mà chính ông lại không trung tín với lời nói của mình?

1:20 Mọi lời hứa của Đức Chúa Trời, bất luận là bao nhiêu lời hứa đi nữa, đều ứng nghiệm trong Đấng Christ. Tất cả những người tìm được sự ứng nghiệm những lời hứa của Đức Chúa Trời trong **Đấng Christ** thì đều đồng thanh Amen:

Mỗi Kinh Thánh ru giúp một lời hứa, chúng ta nhìn lên Đức Chúa Trời, và Ngài phán: "Người có thể nhận mọi điều đó qua Đấng Christ." Vì tin cậy Đấng Christ, chúng ta nói: "Amen" với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán qua Đấng Christ, và chúng ta tin Đấng Christ; Đấng Christ chịu tay chúng ta sống và đức tin với lên, và mọi lời hứa của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm trong Đức Chúa Jêsus Christ. Trong Ngài và qua Ngài, chúng ta nắm lấy và nhận lấy cho mình rồi nói: "Lạy

*Chúa, vâng: con tin cậy Ngài." Đây là câu trả lời "Vâng" đầy tin cậy."*³

Toàn bộ điều này nhằm làm sáng **đanh Đức Chúa Trời qua chúng ta**. Denney viết: "Ngài được vinh hiển khi linh hồn con người chợt hiểu Ngài đã phán điều tốt lành vượt quá những tưởng tượng tốt cùng của họ, và khi điều tốt lành ấy được xem là an toàn và chắc chắn cách rõ ràng trong Con Ngài."

Những chữ "**mà chúng tôi**" nhắc người Côrintô nhớ **chính bởi** sự giảng đạo của những con người như Sinvanh, Timôthê và Phaolô mà họ được đến để đòi những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Nếu sứ đó là kẻ lừa dối, như lời kẻ thù buộc tội ông, thì liệu Đức Chúa Trời có dùng kẻ lường gạt và nói dối để đem lại những kết quả tuyệt vời như thế không? Đương nhiên là không.

1:21 Tiếp theo, Phaolô cho thấy người Côrintô và ông thầy đều được ràng buộc chung trong cùng một sự sống. **Đức Chúa Trời** đã làm cho họ vững bền trong đức tin, khẳng định họ trong **Đấng Christ** bởi chức vụ của Lời Đức Chúa Trời. Ngài cũng xúc **đầu** cho họ bằng Đức Thánh Linh, ban cho họ đó khả năng, ban quyền năng và dạy dỗ họ.

1:22 Ngài cũng đã **đóng ấn** cho họ và **ban Thánh Linh làm của tin trong lòng** họ. Ở đây, chúng ta có thêm hai chức vụ nữa của Đức Thánh Linh. Ấn là dấu hiệu về quyền sở hữu và sự an ninh. Thánh Linh ngự trong tín hữu là dấu hiệu chứng tỏ tín hữu giờ đây thuộc về Đức Chúa Trời và được an toàn đời

đời. Đương nhiên, dấu ấn này vô hình. Người ta biết chúng ta là Cơ Đốc nhân không phải bởi huy hiệu chúng ta đeo, nhưng chỉ bởi những bằng chứng của đời sống đầy dẫy Thánh Linh. Đức Chúa Trời cũng ban Thánh Linh ở trong lòng họ để làm của tin hay của đặt cọc để hứa rằng toàn bộ cơ nghiệp sẽ đi kèm theo sau. Khi Đức Chúa Trời cứu một người, Ngài ban Thánh Linh ngự trong lòng người ấy. Người đã tiếp nhận Thánh Linh cách chắc chắn thế nào, thì cũng sẽ bước vào cơ nghiệp trọn vẹn của Đức Chúa Trời thế ấy. Những ơn phước Thánh Linh thực sự đem đến trong đời sống chúng ta ngày nay cũng chính là loại phước hạnh thuộc về chúng ta trọn vẹn trong tương lai.

1:23 Từ câu 23 đến câu 4:2, Phaolô trở về đối phó với lời lên án ông dao động, và ông giải thích thẳng thắn nguyên nhân không đến thăm Côrintô như dự định. Vì không ai có thể biết những động cơ sâu kín cho hành động của Phaolô, nên Phaolô cầu Đức Chúa Trời làm chứng sự kiện này. Nếu sứ đồ đến thăm Côrintô đúng như thời gian dự định, chắc chắn ông phải xử trí rất cứng rắn với tình hình tại đó. Chắc chắn ông phải đích thân quả trách các thành đồ ấy vì họ bất cần để nhận nhượng tội lỗi trong hội chúng. Chính vì tránh cho họ khỏi đau đớn và buồn rầu nên Phaolô hoãn chuyến đến thăm Côrintô.

1:24 Nhưng sau khi nói điều đó, sứ đồ Phaolô không muốn ai nghĩ ông đang hành động như kẻ độc tài đối với người Côrintô. Vì vậy ông nói thêm: “**Chứ**

không phải chúng tôi muốn cai trị đức tin anh em, nhưng chúng tôi muốn giúp thêm sự vui của anh em, vì anh em đứng vững vàng trong đức tin.” Không phải sứ đồ muốn cai trị đức tin Cơ Đốc của họ. Ông không muốn họ nghĩ ông là tên bạo chúa. Trái lại, ông và những bạn cộng sự chỉ đơn thuần là những người giúp thêm niềm vui của người Côrintô, tức là ông chỉ muốn làm những điều nào giúp họ tiến trên con đường Cơ Đốc để nhờ đó giúp họ càng vui hưởng nhiều hơn.

Phần sau của câu 24 có thể dịch là “Vì anh em đứng vững vàng trong đức tin.” Điều này có nghĩa không cần phải sửa sai cho họ trong đức tin, vì họ đã đứng vững vàng đủ trong phạm vi đó. Ông không tìm cách sửa sai vấn đề giáo lý, nhưng sửa lại nếp sống đạo thực tiễn trong Hội Thánh.

2:1 Câu này tiếp tục đồng tư tưởng từ hai câu cuối của đoạn 1. Phaolô giải thích thêm nguyên nhân ông không đến Côrintô đúng như dự định chính là vì không muốn khiến họ buồn rầu, là điều chắc chắn đi kèm theo lời quả trách họ. Những chữ “**tôi đã quyết định không trở lại cùng anh em lần nữa trong buồn rầu**” (Bản Anh ngữ) dường như hàm ý ông đã có một chuyến thăm buồn tầu hoặc đau đớn tiếp sau chuyến viếng thăm lần thứ nhất được ghi lại trong Công vụ 18:1-17. Chuyến viếng thăm giữa hai lần như thế có thể cũng được hàm ý trong II.Côrintô 12:14;13:1.

2:2 Nếu sứ đồ đến Côrintô để đích thân quả trách những Cơ Đốc nhân tại đó, đương nhiên ông sẽ làm họ buồn.

Trong trường hợp đó, ông cũng buồn vì đang muốn tìm sự vui mừng ở nơi chính họ. Theo cách nói của Rylie: "Nếu tôi làm tổn thương anh em, thì còn ai làm cho tôi vui ngoài trừ những người buồn rầu? Như thế thì còn gì an ủi nữa."

2:3 Thay vì làm buồn lẫn nhau như thế khi đích thân đến thăm, sử đồ Phaolô quyết định viết bức thư. Ông hy vọng bức thư sẽ hoàn thành kết quả mong muốn, tức là người Côrintô sẽ thi hành kỷ luật với người anh em phạm tội kia, và chuyến thăm kế tiếp của Phaolô sẽ không vướng phải những mối quan hệ căng thẳng với những người ông rất mực yêu mến.

Bức thư được nhắc đến trong phần đầu câu 3 muốn nói đến thư thứ nhất của Phaolô gửi cho người Côrintô, hay đến bức thư nào khác mà ngày nay không còn nữa? Nhiều người tin đây không thể là thư 1.Côrintô vì cơ lời mô tả trong câu 4 cho biết bức thư được viết đương trong cơn hoạn nạn lớn và đau lòng, với nhiều nước mắt. Các học giả khác cảm thấy lời mô tả ở đây rất khớp với thư 1.Côrintô. Có thể Phaolô đã viết bức thư nghiêm khắc gửi cho người Côrintô mà ngày nay không còn nữa. Có thể ông viết sau chuyến viếng thăm đầy buồn rầu này (II.Côrintô 2:1) rồi giao cho Tit đem đến. Có lẽ bức thư ấy được nhắc đến trong 2:4,9; 7:8,12.

Cho dù quan điểm nào đúng đi nữa, ý tưởng trong câu 3 vẫn là: Phaolô đã viết thư cho họ như thế để khi đến thăm, ông không phải buồn vì thấy nỗi buồn của những người đáng ra phải làm cho ông vui. Ông tin quyết những điều

khiến ông vui cũng sẽ khiến họ vui nữa. Trong văn mạch, điều này có nghĩa cách xử lý nạn để kỷ luật theo ý muốn Đức Chúa Trời sẽ đem lại sự vui mừng hỗ tương.

2:4 Trong câu này, chúng ta cảm nhận sâu sắc tấm lòng của vị mục sư vĩ đại. Phaolô hết sức đau đớn khi tội lỗi được dung nạp tại hội chúng Côrintô. Điều này khiến ông gặp cơn khốn nạn lớn, tấm lòng quặn thắt, dòng nước mắt đau buồn tuôn tràn trên má. Rõ ràng, tội lỗi tại Côrintô khiến vị sử đồ còn đau buồn hơn cả người Côrintô. Đáng ra họ không nên nghĩ bức thư này như nỗ lực làm tổn thương cảm xúc của họ, nhưng phải xem đây là bằng chứng tình yêu của ông dành cho họ. Ông hy vọng nhờ viết thư, họ sẽ đủ thời gian khác phục tình hình để lần đến thăm tiếp theo sẽ được vui mừng. "Bạn hữu làm cho thương tích, ấy đời lòng thành tín." Chúng ta đứng tức giận nếu được góp ý hay bị cảnh cáo một cách tín kính. Trái lại, nên nhận thấy bất kỳ ai góp ý hay cảnh cáo trong tinh thần kính sợ Chúa thì họ đều thật sự quan tâm chúng ta. Phải xem lời cảnh cáo như đến từ Chúa, và chúng ta phải biết ơn lời quở trách ấy.

2:5 Từ câu 5-11, sử đồ nói trực tiếp hơn đến trường hợp gây ra tình hình khó khăn này. Hãy để ý sự suy xét Cơ Đốc cực kỳ ưu ái của vị sử đồ. Ông không lần nào kể lên tội đã phạm hay người phạm tội. Cụm từ "nếu kẻ nào làm cơ buồn rầu" có thể nói đến người phạm tội loạn luân của 1.Côrintô 5:1, hoặc nói đến một người nào khác đã

gây rối trong hội chúng. Chúng ta cho rằng câu này nói đến người phạm tội loạn luân. Phaolô không xem đây là sự xúc phạm đến cá nhân ông. Tội này khiến anh em **hết thấy đều buồn rầu** ít nhiều.

2:6 Tin hữu tại Còrinthô đồng ý biện pháp kỷ luật người phạm tội. Dường như họ đã dứt phép thông công người này khỏi Hội Thánh. Như vậy, người phạm tội đã thực sự ăn năn và được khôi phục với Chúa. Giờ đây Phaolô bảo người Còrinthô **hình phạt** người ấy như vậy là **đủ rồi**. Không cần kéo dài thêm cách không cần thiết. Trong phần cuối câu Kinh Thánh, chúng ta thấy cụm từ **đã bị "phần nhiều người"** (nguyên văn) trong anh em **quở trách**. Có người nghĩ "phần nhiều người" muốn nói đến "đại đa số." Người khác nghĩ những chữ này nói đến toàn bộ thành viên ngoại trừ người bị kỷ luật. Nhóm người đề xuất ý này thì không chấp nhận quyết định của đại đa số là đủ giải quyết các vấn đề trong Hội Thánh. Họ nói nơi nào được sự dẫn dắt của Thánh Linh Đức Chúa Trời, nơi đó phải có hành động nhất trí.

2:7,8 Giờ đây, khi người chịu kỷ luật đã hoàn toàn ăn năn, người Còrinthô nên tha thứ và tìm cách củng cố người bằng cách tiếp nhận trở lại vào mối thông công. Nếu không, có nguy cơ người ấy sẽ **"bị sa ngã vì sự buồn rầu quá lớn,"** tức là có thể tuyệt vọng, không thấy mình được tha thứ và cứ tiếp tục sống trong u buồn và ngã lòng không dứt.

Người Còrinthô có thể **lái thẳng định lòng yêu thương** đối với người đó

bằng cách mở rộng vòng tay để vui mừng và dịu dàng tiếp nhận người ấy trở lại.

2:9 Khi viết thư thứ nhất gửi cho người Còrinthô, Phaolô đã **thử các thánh đồ**. Đây là cơ hội để họ chứng tỏ có **vâng lời** Chúa như Phaolô đã truyền cho họ không. Lúc đó ông gợi ý họ nên loại người kia ra khỏi mối thông công của Hội Thánh. Họ đã làm đúng y như vậy, bởi đó chứng tỏ họ thật sự **vâng lời**. Giờ đây Phaolô muốn họ tiến thêm một bước nữa, tức là nhận người kia trở lại.

2:10 Phillips diễn ý câu 10 như sau: "Nếu anh em chịu tha thứ ai, thì hãy biết chắc rằng tôi cũng tha thứ người ấy nữa. Trong chừng mực nếu tôi đích thân tha thứ, thì tôi thực sự tha thứ người ấy như trước mặt Đấng Christ." Phaolô muốn các thánh đồ biết ông hoàn toàn thông công với họ khi họ tha thứ người phạm tội biết ăn năn kia. Nếu có tha thứ, thì ông đang thực sự **tha thứ** vì cơ người Còrinthô, và tha thứ **trước mặt Đấng Christ**.

Điểm nhấn mạnh trong bức thư này về kỷ luật của Hội Thánh chính là thước đo tâm quan trọng của kỷ luật Hội Thánh. Thế nhưng đây là để tài hoặc toàn bị bỏ bê trong nhiều Hội Thánh Tin Lành thuần túy ngày nay. Đây là một ví dụ nữa chứng tỏ chúng ta có thể tuyên xưng mình tin sự soi dẫn của Kinh Thánh, thế nhưng khi hoàn cảnh tiện lợi cho mục đích chúng ta thì chúng ta không chịu vâng lời Kinh Thánh nữa.

2:11 Không áp dụng biện pháp kỷ luật khi cần khiến hội chúng gặp nguy

hiểm thế nào, thì không tha thứ khi đã có sự ăn năn thật cũng nguy hiểm cho hội chúng thế ấy. Satan luôn sẵn sàng dùng mưu chước quỷ quyết để xen vào một tình huống như thế này. Trong trường hợp không thi hành kỷ luật, Satan sẽ phá hoại lời chứng của hội chúng thông qua việc dung túng tội lỗi, còn trong trường hợp không tha thứ khi ăn năn, Satan sẽ khiến người biết ăn năn phải buồn thảm quá nặng nề nếu hội chúng không khôi phục người. Nếu Satan không phá hoại được bằng sự gian dâm, nó sẽ cố phá hoại bằng sự buồn tấu khôn lường tiếp sau sự ăn năn.

Khi giải nghĩa cụm từ "**chúng ta chẳng phải là không biết mưu chước của nó,**" J. Sidlow Baxter nói:

Satan sử dụng đủ mọi mưu chước để khiến linh hồn xây hồ lệ thật: dùng cái sáng để "sàng sây" họ (Luca 22:31), "những mưu chước để lừa gạt" (như trong khúc Kinh Thánh của chúng ta), "cổ lòng" làm cho "nghe ngơ" (Mathew 13:22), "những mưu kế" để giải bày (Êphêso 6:11), tiếng sù từ rỗng để làm kinh hoàng (1.Phiêrô 5:8), giữ làm thiên sứ để lừa dối (II.Côrintô 11:14) và "lười" để bẫy họ dính vào (II.Timôthê 2:26).⁴

2:12 Giờ đây Phaolô bắt đầu trở lại để tài thay đổi kế hoạch đang nói dở đang trong câu 4. Ông không đến Côrintô như đã tuyên bố trước đó. Những câu trước giải thích ông không đến thăm Côrintô để khỏi phải quả trách nghiêm khắc. Trong câu 12-17, Phaolô cho biết chính xác những điều đã xảy ra cho ông tại thời điểm quan trọng này trong chức vụ. Như đã nói

trước đây, Phaolô rời Êphêso đến Trôách, muốn gặp Tit tại đó và nghe tin tức từ Côrintô. Khi đến Trôách, Chúa mở cánh cửa cơ hội tuyệt vời nào đó trước mặt ông để rao giảng Tin Lành của Đấng Christ.

2:13 Dẫu gặp cơ hội bằng vàng này, Phaolô vẫn không yên lòng. Tit không có mặt tại đó để gặp ông. Gánh nặng Hội Thánh Côrintô trĩu nặng lòng sứ đồ. Ông có nên ở lại Trôách để giảng Tin Lành Đấng Christ không? Ông đã có quyết định; ông sẽ vào xứ Maxêdoan. Người ta thắc mắc không biết người Côrintô phản ứng thế nào khi nghe những lời này. Họ có nhận ra – có lẽ với đôi chút hổ thẹn – chính hành vi của họ khiến đời sống vị sứ đồ phải không yên lòng như thế, và khiến ông phải khước từ cơ hội giảng Tin Lành thật tuyệt vời để biết về phúc lợi thuộc linh của họ không?

2:14 Nhưng Phaolô không thất bại. Bất luận ông đến đâu phục vụ Chúa thì tại đó đều có chiến thắng. Vì vậy ông bật lên lời tạ ơn: **Song tạ ơn Đức Chúa Trời, Ngài làm cho chúng tôi được thắng trong Đấng Christ luôn luôn.** A. T. Robertson nói:

Không một lời giải thích. Phaolô như là rời khỏi Vùng Lầy Nấm Lòng và chạy nước rút như cánh chim vút lên những đỉnh cao với mừng. Ông bay vút cao như chim sọg. Tự hào ngạo nghễ xem thường thung lũng bên dưới.⁵

Ở đây, Phaolô mượn hình ảnh những đám điều hành khải hoàn của những người Lamã chính phục trở về. Trở về quê hương sau những chiến thắng vinh quang, họ sẽ dẫn đoàn phu

tử của mình dọc theo các đường phố kinh thành. Những người mang hương thơm sẽ cùng điểu hành dọc hai bên đường, và mùi thơm của khói hương sẽ tràn khắp vùng. Vì vậy, Phaolô mô tả Chúa đang điểu hành như người chinh phục từ Tróách đến Maxêđoan, và dẫn vị sứ đồ trong đoàn người theo sau Ngài. Chúa đi đến đâu, thì thông qua các đấng tớ Ngài, nơi đó có chiến thắng. **Mùi thơm về sự nhận biết Đấng Christ** tỏa khắp nơi qua vị sứ đồ. F. B. Meyer viết:

Họ đến đâu, thì nơi đó người ta biết Chúa Jêsus rõ hơn; về đẹp hấp dẫn từ đức tính của Vị Chủ trở nên rõ ràng hơn. Người ta biết về mùi thơm tinh tế, đang tỏa khắp không trung, để kéo họ đến với Con Người ở Naxarét.⁶

Vì vậy, Phaolô không cảm thấy thất bại trong trận chiến với Satan, nhưng Chúa đã thắng trận và Phaolô được dự phần chiến thắng.

2:15 Trong những đám rước khải hoàn Phaolô đang nói đến, mùi thơm của khói hương đồng nghĩa chiến thắng vinh quang cho những người chinh phục, nhưng mùi hương ấy báo hiệu chết chóc cho phụ tử. Vì vậy, sứ đồ lưu ý công tác giảng Tin Lành có công dụng hai mặt. Nó biểu thị một điều này **giữa vòng những người được cứu**, và biểu thị một điều hoàn toàn khác ở **giữa vòng những người bị hư mất**. Đối với người chịu tiếp nhận, công tác này là vật làm tin về một tương lai huy hoàng; đối với những người kia, là điểm báo sự chết. Nhưng **Đức Chúa Trời** được vinh hiển trong cả hai trường hợp, vì đối với Ngài, đây là mùi thơm của ăn điển đối với

người này và là mùi thơm của công lý đối với người kia. F. B. Meyer nói rất hay:

Do đó, khi được biết chúng ta có thể là mùi thơm ngọt ngào của Đấng Christ đối với Đức Chúa Trời, thì điều đó phải nói lên rằng chúng ta phải sống làm sao để nhắc Đức Chúa Trời nhớ Chúa Jêsus đã như thế nào khi Ngài thì hành sứ mạng trong thân thể con người. Đường như thế khi Đức Chúa Trời nhìn chúng ta từ ngày này sang ngày kia, Ngài sẽ thấy Chúa Jêsus trong chúng ta, và được nhắc để nhớ (nói theo cách của con người) đời sống phước hạnh đó đã được dâng làm của lễ và của lễ hy sinh có mùi thơm ngọt ngào cho Đức Chúa Trời.⁷

2:16 Đối với người đã được cứu, Cơ Đốc nhân là **mùi thơm của sự sống để làm cho sống**, nhưng đối với người bị hư mất, Cơ Đốc nhân là **mùi của sự chết để dẫn đến sự chết**. Phillips gọi chúng ta là “mùi thơm làm cho khỏe khoắn của chính sự sống,” đem sự sống cho những người tin, nhưng là “mùi chết chóc của số phận bị định cho chết” đối với những người không chịu tin. Công dụng hai mặt này được minh họa đẹp đẽ trong một trường hợp thời Cựu Ước. Khi hòm của Đức Chúa Trời lọt vào tay người Philistin, hòm này gây chết chóc và hủy diệt chừng nào vẫn còn ở giữa dân Philistin (I.Samuên 5). Nhưng khi hòm giao ước được đem trở về nhà của Óbết Êđôm, hòm đã đem phước hạnh và thịnh vượng cho ông cùng cả nhà ông (II.Samuên 6:11). Khi nghĩ đến trách nhiệm lớn lao để rao giảng sứ điệp có nhiều hậu quả sâu rộng như thế,

Phaolô đã kêu lên: **"Ai xứng đáng cho những sự này?"**

2:17 Sẽ thấy rõ hơn mối kết nối giữa câu 17 và 16 nếu cung cấp thêm từ ngữ "chúng tôi xứng đáng." "Ai xứng đáng cho những sự này? Chính chúng tôi xứng đáng, vì **chúng tôi chẳng bán đạo Lời Đức Chúa Trời,**" v.v... (Nhưng vẫn phải hiểu câu này trong mối liên kết với 3:5 khi Phaolô nói sự đầy đủ của ông đến từ Đức Chúa Trời.) Chữ **những người khác**⁸ nói đến những giáo sư thiên về Do Thái giáo đang tìm cách khiến người Côrinhtô bỏ các sự đó.

Những người này như thế nào? Phaolô nói họ bán đạo, bán rong lời Chúa, hay biến Lời Đức Chúa Trời thành món hàng hóa. Họ có những động cơ vụ lợi. Họ cố biến chức vụ thành một nghề nghiệp đem lại lợi lộc. Chính từ ngữ dùng nói đến việc "bán đạo" (bản Việt Ngữ dịch là "giả mạo") cũng được dùng chỉ về những người pha rượu, thường là bằng cách pha rượu loãng bớt. Và cũng vậy, những giáo sư này pha loãng Lời Đức Chúa Trời bằng cách thêm những giáo lý riêng của họ vào. Lấy ví dụ, họ nghĩ phải pha trộn luật pháp với ân điển. Phaolô không thuộc hạng người pha loãng Lời Chúa hay biến Lời Chúa thành món hàng hóa. Trái lại, ông có thể mô tả chức vụ mình bằng bốn cụm từ quan trọng. Thứ nhất là **lấy lòng chân thật**. Điều này có nghĩa "như là trong suốt." Chức vụ của ông là chức vụ trung thực. Không hề có mưu mẹo thủ đoạn gian ác nào liên quan với chức vụ đó. Mọi sự đều bày tỏ ra giữa chốn công khai. Robertson giải thích khởi đầu về ý nghĩa của cụm từ này: "Những quả chín

mọng của Phaolô ngon như nhau từ trên xuống dưới."⁹

Thứ nhì, ông mô tả sự phục vụ của mình là **lữ Đức Chúa Trời** đến. Nói cách khác, mọi sự ông nói ra đều đến từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là nguồn sức điệp của ông, và chính từ nơi Đức Chúa Trời ông nhận được sức mạnh để tiến hành. Sau đó ông nói thêm "trước mặt Đức Chúa Trời." Điều này có nghĩa vị sự đó phục vụ Chúa với ý thức Chúa luôn luôn chăm xem ông. Ông có ý thức trách nhiệm thật sự đối với Chúa và nhận thấy không điều gì giấu được khỏi mắt Ngài. Rồi cuối cùng ông nói thêm "**chúng tôi... giảng... trong Đấng Christ.**" Điều này có nghĩa ông nhận danh Đấng Christ mà nói, nói với thẩm quyền của Đấng Christ, và với tư cách phát ngôn nhân của Đấng Christ.

D. Những Thư Gửi Gắm Phaolô Cho Chức Vụ (3:1-5)

3:1 Trong phần sau của 2:17, sử dụng bốn cụm từ độc đáo để mô tả chức vụ của ông. Ông nhận thấy đối với một số người - đặc biệt những người đang chỉ trích ông - điều này có vẻ như ông đang tự khen mình. Vì vậy, ông bắt đầu đoạn này với câu hỏi: "**Chúng tôi há lại bắt đầu tự phở mình sao?**" Chữ "lại" không hàm ý trước đây ông đã tự khen mình tới. Trái lại, điều này chỉ có nghĩa ông đã bị lên án là đã làm như vậy, và bây giờ ông lưỡng trước có người lặp lại lời buộc tội đó.

Hay là như người khác cần có thư gửi gắm cho anh em, hoặc nhờ thư gửi gắm của anh em sao? "Người khác" mà Phaolô đang nói đến ở đây chính là các giáo sư giả của 2:17. Họ đến Côrinhtô

mang theo những bức thư gửi gắm, có lẽ từ Giêrusalem. Và có lẽ khi rời khỏi Côrinthô, họ cũng mang theo những bức thư gửi gắm từ hội chúng Côrinthô. Trong Hội Thánh đầu tiên, những Cơ Đốc nhân đi từ nơi này đến nơi khác đã sử dụng thư gửi gắm. Trong câu này, sứ đồ không hề tìm cách ngăn trở tập tục ấy. Thay vào đó, ông đang nói thật tế nhị rằng điều duy nhất các giáo sư giả này có được để tiến cử chính là những bức thư họ đang mang theo! Ngoài thư đó ra, họ chẳng còn thư gửi gắm nào khác cả.

3:2 Những người thiên về Do Thái giáo đến tại Côrinthô đã nêu nhiều thắc mắc nghi ngờ quyền sử đồ của Phaolô. Họ không công nhận ông là đầy tớ thật của Đấng Christ. Có lẽ họ đã khiến người Côrinthô nảy ý nghi ngờ như thế để rồi yêu cầu sứ đồ Phaolô phải có thư gửi gắm khi đến thăm họ lần kế tiếp. Trước đây ông đã hỏi họ xem ông có cần thư gửi gắm như thế không. Chẳng phải ông đã đến Côrinthô khi họ còn là những người thờ lạy hình tượng sao? Chẳng phải ông đã đưa họ đến với Đấng Christ sao? Chẳng phải Chúa đã ấn chứng chức vụ sứ đồ của ông bằng cách ban cho ông nhiều linh hồn quý báu tại Côrinthô sao? Đó là câu trả lời. Chính người Côrinthô là thư gửi gắm của Phaolô, được viết trong lòng ông nhưng mọi người đều biết và đều đọc được. Trong trường hợp của ông, không cần một bức thư viết bằng bút và mực. Những bức thư gửi gắm là hồng trái của chức vụ ông, và chúng được cất giữ trong tình cảm yêu mến của ông. Không những thế, mọi người đều biết

và đều đọc chúng theo ý nghĩa sự hoán cải của họ là một sự thực toàn vùng ai cũng biết rõ. Dân chúng biết những con người này có sự thay đổi, biết họ đã bỏ hình tượng để quay trở về với Đức Chúa Trời, và biết họ giờ đây sống những cuộc đời được biệt riêng ra. Họ chính là bằng chứng cho chức vụ thiên thượng của Phaolô.

3:3 Thoạt nhìn, câu 3 có vẻ mâu thuẫn với câu 2. Phaolô nói người Côrinthô là bức thư của ông; ở đây ông nói họ là bức thư của Đấng Christ. Trong câu 2, ông nói bức thư này được viết trong lòng ông; trong phần cuối câu 3, dường như thấy rõ rằng Đấng Christ đã viết bức thư ấy trên lòng của chính người Côrinthô. Làm sao dung hòa những khác biệt này? Câu trả lời ấy là: trong câu 2, Phaolô đang nói người Côrinthô là bức thư gửi gắm của ông. Câu 3 đưa ra lời giải thích. Có lẽ chúng ta hiểu mối liên kết này bằng cách nói hai câu như sau: "Anh em là thư gửi gắm của chúng tôi... vì anh em đã được công bố rõ ràng là bức thư của Đấng Christ." Nói cách khác, người Côrinthô là bức thư gửi gắm của Phaolô vì mọi người đều thấy rõ rằng Chúa đã thực hiện công việc đầy ân điển trong đời sống họ. Họ hiển nhiên là Cơ Đốc nhân. Vì Phaolô là con người được Chúa dùng làm công cụ đưa họ về với Chúa, nên họ chính là những giấy chứng nhận của ông. Đây chính là ý tưởng của cụm từ "bức thư vụ chúng tôi." Chúa Jêsus là Đấng thực hiện công tác trong đời sống họ, nhưng Ngài thực hiện thông qua chức vụ của Phaolô.

Trong khi những bức thư gửi gắm do các kẻ thù của Phaolô sử dụng được viết bằng mực, thư gửi gắm của Phaolô viết bằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời hằng sống, nên đó là bức thư thiên thượng. Đương nhiên, mực sẽ bị phai mờ, bị xóa và bị hủy, nhưng khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời viết trong lòng người, thì còn đến đời đời. Sau đó, Phaolô nói thêm bức thư của Đấng Christ được viết ra **chẳng phải trên bằng đá** nhưng viết **trên những tấm bằng** là lòng bằng thịt. Những người đến thăm Côrinthô không nhìn thấy bức thư của Đấng Christ khắc trên một đài kỷ niệm vĩ đại nào đó ở giữa phố chợ, nhưng họ thấy bức thư ấy được viết trong lòng và đời sống của những Cơ Đốc nhân tại đó.

Khi Phaolô đối chiếu bằng bằng đá và bằng lòng bằng thịt, rõ ràng ông cũng muốn nói đến khác biệt giữa luật pháp và Tin Lành. Đương nhiên, luật pháp được khắc trên bằng đá ở núi Sinai, nhưng qua Tin Lành, Đức Chúa Trời bảo đảm được sự vắng lời thông qua sứ điệp của ân điển tình yêu được viết trong lòng người. Chẳng mấy chốc Phaolô sẽ đề cập để tài này chi tiết hơn, vì vậy ở đây ông chỉ ám chỉ đến mà thôi.

3:4 Khi lắng nghe Phaolô nói về quyết sử đồ và chức vụ Chúa đã giao cho ông với lòng tin quyết mạnh mẽ như thế, có lẽ chúng ta tự hỏi: "Phaolô ơi, làm sao ông dám nói vấn đề này quá bảo đảm như thế?" Câu trả lời được nêu trong câu 4 ở đây. Có lẽ bình vực quyền sử đồ dường như giống tự tiến cử mình,

nhưng ở đây ông phủ nhận điều đó. Ông nói lòng tin quyết của ông là đối với Đức Chúa Trời, tức là lòng tin quyết có thể chịu đựng được sự tra xét của Đức Chúa Trời. Ông không hề tin quyết điều gì nơi chính mình hay nơi năng lực riêng của mình, nhưng nhờ Đấng Christ, và qua công việc Đấng Christ đã thực hiện trong đời sống của tín hữu Côrinthô, ông tìm thấy bằng chứng cho thực tại chức vụ của mình. Sự thay đổi đáng kể cho đời sống của người Côrinthô đã tiến cử vị sử đồ.

3:5 Một lần nữa, ở đây Phaolô phủ nhận mọi tài năng hay tư cách xứng đáng ở nơi ông hay của ông để giúp ông có thể kể mình làm sử đồ của Đức Chúa Jesus Christ. Quyền năng cho chức vụ của ông không đến từ bên trong, nhưng đến từ bên trên. Vị sử đồ không lo kể công cho mình. Ông nhận biết nếu Đức Chúa Trời không khiến ông xứng đáng cho chức vụ, thì không có được thành tựu nào.

E. Bối Chiếu Giao Ước Cựu Và Giao Ước Mới (3:8-18)

3:6 Sau khi luận đến thư gửi gắm cho chính mình, tư cách để xứng đáng cho chức vụ, giờ đây Phaolô bắt đầu tương trình thêm về chính chức vụ ông. Trong những câu tiếp theo, ông đối chiếu Giao Ước Cựu (tức luật pháp) với Giao Ước Mới (tức Tin Lành). Có cơ sở vững vàng để ông nên làm việc này ngay tại đây. Những người đang chỉ trích ông rất quyết liệt tại Côrinthô chính là những người thiên về Do Thái giáo. Đây là những người ưa cách pha trộn luật pháp với ân điển. Họ dạy Cơ

Độc nhân phải tuân giữ nhiều phần nhất định trong luật pháp Môise thì mới được Đức Chúa Trời chấp nhận trọn vẹn. Và vì vậy, sứ đồ chứng minh sự ưu việt của Giao Ước Mới trên Giao Ước Cũ. Ông mở đầu những nhận định của mình bằng cách nói Đức Chúa Trời khiến ông có tài năng để làm một tội tở của **Giao Ước Mới**. đương nhiên, giao ước là một lời hứa, một thỏa thuận, hay di chúc. Cựu Ước là hệ thống pháp lý do Đức Chúa Trời truyền cho Môise. Dưới hệ thống này, phước hạnh được quy định ứng theo sự vâng lời. Đây là giao ước của việc làm. Đây là thỏa thuận giữa Đức Chúa Trời và con người: nếu con người làm phần của mình, thì Đức Chúa Trời cũng sẽ làm phần việc của Ngài. Nhưng vì tùy thuộc vào con người, nên không thể đem lại sự công bình. **Giao Ước Mới** là Tin Lành. Dưới Giao Ước Mới, Đức Chúa Trời lập giao ước ban phước cho con người cách nhưng không, bởi ân điển Ngài qua sự cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ. Mọi điều khoản trong Giao Ước Mới đều lệ thuộc vào Đức Chúa Trời chứ không vào con người. Do đó, Giao Ước Mới có thể hoàn thánh điều mà Giao Ước Cũ không bao giờ làm được.

Phaolô nêu ra tương phản rõ rệt giữa luật pháp và Tin Lành. Trong câu 6 ở đây, Phaolô bắt đầu nói điểm tương phản đầu tiên: **chẳng phải giao ước về chữ, hèn là giao ước về Thánh Linh; vì chữ làm cho chết, song Thánh Linh (chú thích bên lề của bản NKJV - tâm linh) làm cho sống**. Câu này thường được giải thích rằng nếu chỉ tiếp nhận những lời

bề ngoài theo nghĩa đen của Kinh Thánh và cố gắng vâng phục theo những từ ngữ ấy mà không khao khát vâng theo toàn bộ tinh thần của phần đoạn, thì cách đó làm hại hơn là giúp bạn. Họ rất tỉ mỉ trong việc dâng phần mười ngay đến những phạm vi rất vụn vặt, nhưng họ không tỏ lòng thương xót và yêu thương người khác (Mathiơ 23:23). Tuy đây là một cách áp dụng hợp lý của phần đoạn này, nhưng không phải là cách giải thích đúng. Trong câu 6, "chữ" chỉ về luật pháp của Môise, và "Thánh Linh" (theo như cách dịch của Bản Anh ngữ, hoặc bản Việt Ngữ dịch là "Tâm Linh") nói đến Tin Lành ân điển của Đức Chúa Trời. Khi Phaolô nói **chữ làm cho chết**, ông đang nói đến chức vụ của luật pháp. Luật pháp định tội mọi người nào không giữ được giáo huấn thánh khiết của luật pháp. "Vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi" (Rôma 3:20). "Vì mọi kẻ cậy các việc luật pháp, thì bị rửa sạch, bởi có chép rằng: Đấng rửa thay là kẻ không bền đỗ trong mọi sự đã chép ở sách luật, **đặng làm theo những sự ấy!**" (Galatê 3:10). Đức Chúa Trời không hề định cho luật pháp trở thành phương tiện ban sự sống. Trái lại, luật pháp nhằm giúp biết tội và cáo trách tội. Ở đây, Giao Ước Mới được gọi là Thánh Linh (Bản Anh ngữ là "tâm linh") Giao Ước Mới đại diện sự ứng nghiệm thuộc linh của mọi hình bóng trong Giao Ước Cũ. Những điều luật pháp đòi hỏi nhưng không bao giờ có thể đem lại thì giờ đây đã được thực hiện bởi Tin Lành.

J. M. Davies tóm tắt:

Chức vụ của "chữ" làm cho chết được minh họa qua ba ngàn người bị giết tại núi Sinai, tại lúc khai mạc Giao Ước Cũ; và chức vụ của Đức Thánh Linh là chức vụ ban sự sống, được minh họa trong ba ngàn người được cứu vào ngày Lễ Ngũ Tuần.¹⁰

3:7 Câu 7 và 8 tiếp tục sự tương phản giữa hai giao ước. Ở đây, sự đặc biệt đối chiếu sự vinh hiển đi kèm dịp ban luật pháp với sự vinh hiển liên kết với Tin Lành. Những danh từ và tính từ "vinh hiển" xuất hiện mười bảy lần trong đoạn 3 và 4. Giao Ước Cũ được gọi là **chức vụ về sự chết, được viết và chạm chữ trên băng đá**. Điều này chỉ có thể nói đến Mười Điều Răn. Mười Điều Răn đe dọa sự chết cho những ai không tuân giữ (Xuất Êđiptô Ký 19:13). Phaolô không nói rằng không hề có sự vinh hiển nào đi kèm với việc ban luật pháp. Đương nhiên không phải như vậy. Khi Đức Chúa Trời ban Mười Điều Răn cho Môise trên núi Sinai, có những biểu hiện tuyệt vời về hiện diện và quyền năng thiên thượng (Xuất Êđiptô Ký 19). Trên thực tế, khi Môise đứng đó trò chuyện với Đức Chúa Trời, khuôn mặt ông bắt đầu ngời sáng, thứ ánh sáng phản chiếu vinh quang huy hoàng của Đức Chúa Trời. Vì vậy con cái Ysơraên không có thể ngó lên mặt Môise, vì có sự sáng láng trên mặt người. Vinh hiển ấy chói sáng đối với họ đến nỗi không thể nhìn xem liên tục được. Nhưng sau đó Phaolô nói thêm những từ ngữ rất ý nghĩa: **vinh hiển đó là tạm**. Điều này có nghĩa sự chiếu sáng chói lọi trên khuôn mặt

Môise sẽ không kéo dài vĩnh viễn. Đây là vinh hiển tạm thời, thoáng qua. Ý nghĩa thuộc linh của điều này chính là: vinh hiển của Giao Ước Cũ chỉ là tạm thời. Luật pháp có chức năng rất rõ ràng. Luật pháp được ban để bày tỏ tội lỗi. Luật pháp biểu hiện những đòi hỏi thánh khiết của Đức Chúa Trời, và theo ý nghĩa đó, luật pháp là vinh hiển. Nhưng luật pháp được ban cho tới thời Đấng Christ, là Đấng làm ứng nghiệm luật pháp để ban sự công bình cho những người nào tin (Rôma 10:4). Đây là hình ảnh về những điều tốt hơn sẽ đến, những điều có hình thật của chúng trong Cứu Chúa của thế gian.

3:8 Nếu luật pháp thật sự có đặc điểm vinh hiển này, thì **chức vụ của Thánh Linh lại càng vinh hiển nhiều hơn** biết dường nào? Cụm từ "**chức vụ của Thánh Linh**" chỉ về Tin Lành. Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động qua công tác giảng Tin Lành, rồi đến lượt chức vụ của Thánh Linh được ban cho những người chịu tiếp nhận Tin Lành cứu rỗi. Chữ **phương chi** (Bản Anh ngữ là "sẽ") trong câu "**phương chi chức vụ của Thánh Linh**" không diễn tả thời điểm tương lai, nhưng diễn tả kết quả không thể tránh khỏi. Nếu một sự kiện hay điều kiện này tồn tại, thì sự kiện kia sẽ chắc chắn theo sau.

3:9 Ở đây Giao Ước Cũ được gọi là **chức vụ về sự định tội**. Đây là kết quả của Giao Ước Cũ. Giao ước cũ đem sự **định tội** đến cho mọi người, vì không ai có thể giữ luật pháp cách hoàn hảo. Thế nhưng chức vụ này cũng đã là vinh hiển

lắm rồi. Chức vụ này có mục đích thực tiễn và hữu ích thực sự cho thời điểm đó. Nhưng chức vụ của sự công bình được vinh hiển hơn bội phần. Hogde nói: "Chức vụ của sự công bình tức chức vụ bày tỏ sự công bình để bởi đó người ta được xưng công bình, và bởi đó được thoát khỏi sự định tội mà luật pháp đã công bố cho họ."¹¹ Những vinh hiển của Tin Lành không phải là loại vinh hiển xuất hiện trước đôi mắt trần, nhưng là những sự xuất sắc sâu xa và lâu dài, hấp dẫn tâm linh. Những vinh hiển của Gôgôtha làm lu mờ hết mọi vinh hiển của Sinai.

3:10 Dấu trên một phương diện, luật pháp được làm cho vinh hiển, thế nhưng khi so luật pháp với Giao Ước Mới, thì luật pháp thực sự không hề vinh hiển chi cả. Câu này cho chúng ta sự so sánh mạnh mẽ, và tuyên bố khi hai giao ước được đặt bên cạnh nhau, giao ước này sẽ hoàn toàn chói sáng làm mất đi giao ước kia, tức là Giao Ước Mới chiếu sáng chói hơn và làm lu mờ Giao Ước Cũ. A. T. Robertson nói: "Vinh hiển lớn hơn làm lu mờ vinh hiển kém hơn. Ít nhất cũng ở một thời điểm nào đó, Giao Ước Cũ dường như không còn vinh hiển chi cả, do vinh hiển dư dật tột cùng của Giao Ước Mới."¹² Denney nhận định: "Khi mặt trời chiếu sáng mạnh mẽ, trên bầu trời không còn vinh hiển nào khác."¹³

3:11 Vì nếu sự phải qua đi còn có lúc vinh hiển (nguyên văn là "có vinh hiển") thay, phương chi sự bền ở sẽ có vinh hiển (nguyên văn là "vinh hiển trong vinh hiển") dường nào nữa!

Chúng ta nên lưu ý hai giới từ, có và trong. Ý chính ở đây là: sự vinh hiển đã đi kèm với sự ban luật pháp, nhưng đó là điều hết sức sợ hãi của Giao Ước Mới. Sự vinh hiển đã hiện diện khi Giao Ước Cũ được ban ra, nhưng Tin Lành của ân điển Đức Chúa Trời tự bản thân nó đã thật vinh hiển rồi.

Câu này cũng đối chiếu đặc tính thoáng qua và tạm thời của luật pháp với đặc điểm lâu bền vĩnh viễn của Tin Lành. Sự phải qua đi chỉ có thể nói đến Mười Điều Răn - "chức vụ về sự chết chạm chử trên bảng đá" (câu 7). Vì vậy, câu này bác bỏ những tuyên bố của người Cơ Đốc Phục Lâm, là những người tuyên bố các luật về lễ nghi đã bị bỏ, nhưng Mười Điều Răn thì không.

3:12 Sự trông cậy Phaolô nói đến ở đây là sự tin quyết mạnh mẽ rằng vinh hiển của Tin Lành sẽ không bao giờ mai một hay lu mờ đi. Nhờ sự bảo đảm mạnh mẽ này, ông rao giảng Lời Chúa cách rất tự do. Ông không có điều gì để che giấu cả. Chẳng có cơ gì để sử dụng bức màn che giấu. Trong nhiều tôn giáo trên thế giới ngày nay, có rất nhiều điều được cho là thần bí. Nhưng người mới tin phải được truyền thụ những bí mật sâu nhiệm này. Họ đi từ phẩm trật này đến phẩm trật khác. Nhưng Tin Lành thì không phải như vậy. Mọi điều đều rõ ràng và công khai. Tin Lành nói thẳng thắn với sự bảo đảm đầy trọn về những đấng như sự cứu rỗi, Ba Ngôi Đức Chúa Trời, Thiên đàng, địa ngục.

3:13 Chúng ta chẳng làm như Môise lấy màn che mặt mình, hầu cho con cái Ysraên không trông thấy cuối cùng của

sự sáng láng phải qua. Bối cảnh của câu 13 ở trong Xuất Êđiptô Ký 34:29-35. Chúng ta biết khi Môise từ núi Sinai xuống, sau khi ở trong hiện diện của Đức Giêhôva, ông không biết mặt mình đang chiếu sáng. Con cái Ysraên sợ đến gần ông vì có vinh hiển trên mặt ông. Nhưng Môise ra hiệu cho họ đến gần, và họ đã đến. Lúc đó ông ban cho họ toàn bộ những điều răn mà Chúa đã bảo ông. Trong Xuất Êđiptô Ký 34:33 chúng ta thấy: "Môise thôi nói chuyện cùng họ, liền lấy lúp che mặt mình lại." Trong II.Côrinhô 3:13, sứ đồ giải thích vì sao Môise làm như vậy. Môise che mặt để con cái Ysraên không thể nhìn xem liên tục phần cuối cùng của điều phải qua đi. Vinh hiển trên mặt ông là vinh hiển đang phai tàn. Nói cách khác, luật pháp Đức Chúa Trời ban cho ông có sự vinh hiển thoáng qua. Ngay lúc bấy giờ, vinh hiển ấy cũng đang phai tàn rồi, và Môise không muốn họ nhìn thấy phần cuối của vinh quang đó. Không phải Môise muốn giấu chính vinh quang đó, nhưng đúng hơn là che sự qua đi của vinh hiển đó. F. W. Grant nói rất hay: "Vinh quang trên mặt của Môise phải nhường chỗ cho vinh quang trên Khuôn Mặt khác."¹⁴ Điều này đã xảy ra khi Đức Chúa Jêsus Christ đến. Kết quả là người thi hành chức vụ của Giao Ước Mới không phải che mặt nữa. Vinh quang của Tin Lành sẽ không bao giờ lu mờ hay phai tàn.

3:14 "Nhưng tâm trí họ đã bị mù" (Bản Anh ngữ). Con cái Ysraên không nhận thấy ý nghĩa thật của việc Môise đang làm. Và trải bao thế kỷ dân Do

Thái vẫn không nhận thấy được. Ngay cả khi Phaolô đang viết thư, họ vẫn đang bám vào luật pháp như phương tiện để được cứu và không chịu tiếp nhận Đức Chúa Jêsus Christ.

Vì đến ngày nay, khi họ đọc Cựu Ước, cái màn ấy vẫn còn chưa cất khỏi. Nói cách khác, lúc vị sứ đồ viết thư, khi người Do Thái đọc Cựu Ước, họ vẫn không khám phá được bí mật mà Môise đã che khuất khỏi tổ phụ của họ ở đằng sau màn che mặt. Họ đã không nhận thấy vinh hiển của luật pháp là vinh hiển đang qua đi, và luật pháp đã được ứng nghiệm trong Đức Chúa Jêsus Christ.

Ấy là trong Đấng Christ mà màn đó biến đi. Chữ "màn" ở đây được viết nghiêng (do những người dịch Kinh Thánh thêm vào), và một số người cho rằng điều bị bỏ đi trong Đấng Christ không phải là bức màn, nhưng là Giao Ước Cũ. Và một ý nghĩa khả dĩ hơn là "sự khó hiểu Cựu Ước" đã biến mất khi một người đến với Đấng Christ. Hogde nói rất rõ:

Kinh Thánh Cựu Ước chỉ có thể dễ hiểu nếu hiểu đó là lời dự ngôn và làm linh hùng trước về Đấng Christ. Sự hiểu biết về Đấng Christ... cất bỏ màn che khỏi Cựu Ước.¹⁵

3:15 Ở đây, hình ảnh này hơi thay đổi. Trong phần minh họa Cựu Ước, tấm màn che là che trên mặt Môise, nhưng giờ đây vẫn còn một tấm màn ở trên lòng của dân Do Thái. Họ vẫn đang cố tìm sự công bình dựa trên nguyên tắc phải làm việc, không hề nhận thấy công tác này đã được Cứu Chúa thực

hiện xong trên thập tự giá ở Gôgôtha. Họ đang tìm cách kiếm sự cứu rỗi nhờ công đức riêng, không nhận biết luật pháp hoàn toàn định tội họ và đáng ra họ nên chạy ngay đến cánh tay của Chúa để nhận lấy sự thương xót và ân điển.

3:16 Chữ "họ" trong câu 16 có thể chỉ đến tám lòng của một cá nhân người Do Thái, hoặc cũng có thể chỉ đến toàn dân tộc Ysraên. Khi cả hai đối tượng này trở lại cùng Chúa, thì màn ấy mới cất khỏi, mới hết khó hiểu. Bấy giờ, lẽ thật bắt đầu trở nên rõ ràng rằng mọi hình và bóng của luật pháp được ứng nghiệm trong Con yêu dấu của Đức Chúa Trời, là Đấng Mêsia của Ysraên. Nếu đang nói đến dân tộc Ysraên, thì câu này hướng đến một ngày còn trong tương lai khi dân sót tin Ngài sẽ trở về với Chúa, như đã nói tiên tri trong Rôma 11:25,26,32.

3:17 Phao-lô đang nhấn mạnh Đấng Christ là chìa khóa cho Tân Ước. Ở đây, ông nhấn mạnh sự thật đó lần nữa bằng cách nói: Vả, Chúa tức là Thánh Linh. Hầu hết các bản dịch, kể cả bản NKJV, đều viết hoa chữ Thánh Linh, giải thích đây là Đức Thánh Linh. Nhưng văn mạch gợi ý rằng Chúa là tinh thần của Cựu Ước cũng giống y như "sự làm chứng cho Đức Chúa Jê-sus là tinh thần của lời tiên tri" (Khải Huyền 19:10). Mọi hình và bóng của Cựu Ước được ứng nghiệm trong Đấng Christ. Thánh Linh¹⁶ của Chúa ở đâu, thì sự lự do cũng ở đó có nghĩa bất cứ nơi đâu công nhận Đức Chúa Jê-sus là Chúa hay là Đức Giê-hô-va, thì ở đó có sự lự do, tức

là được thoát khỏi ách nô lệ của luật pháp, được buông tha khỏi tình trạng khó hiểu khi đọc Kinh Thánh, và được tự do nhìn chăm xem vào mặt Ngài không bị cản bởi tấm màn.

3:18 Trong Giao Ước Cựu, chỉ một mình Môise được phép nhìn thấy vinh hiển của Đức Giê-hô-va. Dưới Giao Ước Mới, chúng ta ai nấy đều được đặc ân nhìn xem vinh hiển Chúa. Mặt Môise phải che khăn sau khi ông nói chuyện xong với dân sự, nhưng chúng ta có thể để mặt trần. Chúng ta có thể để mặt trần bằng cách xưng tội và lia bỏ tội, bằng cách hoàn toàn thành thật với Đức Chúa Trời và với chính mình. Một giáo sĩ kỳ cựu đến xứ Ấn Độ đã từng nói chúng ta phải "tháo những tấm màn che tội lỗi, những lớp trang điểm, mọi kiểu diễn kịch, bỏ hết mọi việc dựng bình phong giả, mọi nỗ lực để thỏa hiệp, mọi biện pháp nửa vời, mọi câu trả lời hạ phải."

Bước kế tiếp là nhìn xem vinh hiển Chúa như trong gương. Tấm gương đây là Lời Đức Chúa Trời. Khi đến với Kinh Thánh, chúng ta nhìn thấy Đức Chúa Jê-sus được bày tỏ trong trọn vẹn vẻ huy hoàng của Ngài. Nhưng chúng ta vẫn chưa thấy Ngài mặt đối mặt, nhưng chỉ như được phản chiếu qua tấm gương Lời Chúa.

Cần lưu ý chúng ta ngắm xem chính sự vinh hiển của Chúa. Ở đây, Phao-lô không nghĩ đến vẻ đẹp đạo đức của Chúa Jê-sus trong tư cách Con Người trên đất này, nhưng trái lại, ông nghĩ đến vinh hiển hiện tại của Ngài, được tôn cao ở bên hữu Đức Chúa Trời. Như

Denney nói rõ, vinh hiển của Đấng Christ là:

Ngài chia sẻ ngai của Đức Chúa Cha, Ngài là Đầu của Hội Thánh, Đấng sở hữu và ban phát mọi sự đầy đủ ân điển thiên thượng. Quan Ân hầu đến của toàn thể gian, Đấng chiến thắng mọi thế lực thù địch, Đấng Cầu Thay cho những kẻ thuộc về Ngài, và nơi tôn tại, Ngài là Đấng mang lấy mọi về oai nghi thuộc chức vị vua của Ngài.¹⁷

Khi bạn rộn ngắm nhìn vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Đấng đã phục sinh, thăng thiên và được tôn cao, chúng ta đang được biến hóa trở nên ảnh tượng Ngài. Nói tóm lại, đây là bí quyết của sự thánh khiết Cơ Đốc – bạn rộn ngắm xem Đấng Christ. Không phải mãi ám ảnh với chính mình; điều đó chỉ đem lại thất bại. Cũng không phải lo bận rộn chăm chú vào người khác; điều đó chỉ đem lại thất vọng ngà lòng. Nhưng nhờ bạn rộn chăm chú vinh hiển của Chúa, chúng ta trở nên ngày càng giống Ngài hơn.

Tiến trình biến đổi tuyệt vời này xảy ra từ mức độ vinh hiển qua vinh hiển, có nghĩa từ mức độ vinh hiển này tiến đến mức độ khác. Đây không phải là vấn đề thay đổi tức thì. Trong đời sống Cơ Đốc không hề có kinh nghiệm nào tạo ra hình ảnh của Ngài ngay tức khắc. Đây là một tiến trình, chứ không phải một cơn khủng hoảng. Không giống như vinh hiển đang phai tàn của luật pháp, nhưng là vinh hiển ngày càng gia tăng.

Quyền năng cho tiến trình kỳ diệu này ấy là Thánh Linh của Đức Chúa Trời – “như bởi Thánh Linh của Chúa”

(Bản Anh ngữ). Khi chúng ta ngắm xem Chúa của sự vinh hiển, học tập về Ngài, suy gẫm Ngài, chiêm ngưỡng chúc tụng Ngài, Thánh Linh của Chúa thực hiện phép lạ tuyệt vời trong đời sống chúng ta để khiến chúng ta ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn.

Darby nêu ra cách Êtiên đã được biến đổi bởi nhìn xem Chúa:

Chúng ta thấy điều này nơi Êtiên khi bị ném đá, ông nhìn lên và thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus. Đấng Christ đã nói: “Lạy Cha, xin tha tội cho họ; vì họ không biết mình làm gì”; và quang cảnh Chúa Jêsus ở trong vinh hiển của Đức Chúa Trời khiến Êtiên dâng lời cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin đừng đổ tội này cho họ!” Một lần nữa trên thập tự giá, Đấng Christ phán: “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha!”; còn Êtiên nói: “Lạy Đức Chúa Jêsus, xin tiếp lấy linh hồn tôi.” Ông được biến đổi trở nên hình ảnh của Đấng Christ.¹⁸

Như vậy, hãy xem xét vinh hiển siêu việt của Giao Ước Mới. Trong khi ở giao ước cũ, chỉ duy nhất một người có vinh hiển trên khuôn mặt, còn ngày nay vinh hiển ấy là đặc ân do huyết đem lại của mỗi một con cái Đức Chúa Trời. Thêm nữa, thay vì chỉ phản ánh vinh hiển của Đức Chúa Trời trên khuôn mặt chúng ta, trong Giao Ước Mới, chúng ta thấy đều thực sự được biến hóa (nguyên văn: được biến hình, được biến hóa) trở nên cũng mọi ảnh tượng Ngài, từ vinh hiển qua vinh hiển, như bởi Thánh Linh của Chúa. Trong khi khuôn mặt Môise phản chiếu sự vinh hiển, khuôn mặt của chúng ta chiếu sáng vinh hiển từ bên trong.

Như vậy, Phaolô kết thúc phần giải luận thuộc linh sâu sắc và mầu nhiệm về Giao Ước Mới và nó được so sánh thế nào với Giao Ước Cũ.

F. Bốn Phận Phải Giương Mặt Tin Lành Rõ Ràng (4:1-6)

4:1 Trong sáu câu đầu của đoạn 4, Phaolô nhấn mạnh trách nhiệm trọng đại của mỗi đấng tể Đấng Christ phải làm để sứ điệp của Tin Lành được rõ ràng. Không thể có tấm màn che. Không được phép để điều gì bị che giấu hay trở nên huyền bí. Tất cả mọi điều đều phải rõ ràng, ngay thẳng và thành thật.

Phaolô đang nói về phương cách kỳ diệu Chúa đã dùng để khiến ông đủ tư cách trở nên một tể tể có tài năng của Giao Ước Mới. Giờ đây ông bắt đầu đồng tư tưởng từ điểm đó. Nhận thức chân giá trị lớn lao của **chức vụ Cơ Đốc** sẽ giúp ngăn ngừa một người như Phaolô khỏi **ngã lòng**. Đương nhiên, sự phục vụ Đấng Christ có nhiều nản lòng và buồn thảm, nhưng Chúa ban sự thương xót và ân điển để giúp đỡ trong mỗi thì giờ có cần. Bởi đó, dầu sự ngã lòng có đến đâu đi nữa, sự khích lệ vẫn luôn luôn lớn hơn.

Phaolô đã **không ngã lòng**. Ông không hành động cách hèn nhát, nhưng trái lại đã can đảm đối diện với những điều dường như là trở ngại không thể vượt qua nổi.

4:2 Phillips diễn ý câu 2 thật đặc sắc:

Chúng tôi không hề dùng mảnh khước dành lạc hướng, không dùng những mưu kế tinh ranh, không dùng những thủ đoạn lời dung Lời Chúa

cách bất lương. Chúng tôi rao ra lẽ thật rõ ràng và tiến cử chính mình cho lương tâm của mọi người trước mặt Đức Chúa Trời.

Rõ ràng, ở đây sứ đồ đang một lần nữa nghi đến các giáo sư đã xen vào trong Hội Thánh Côrintô. Những phương pháp của họ vẫn y như phương pháp xưa nay luôn luôn được các thế lực gian ác sử dụng, tức là những kiểu quỵ lụy nhục nhã và tội lỗi, tráo trở chần lỵ cách quỵ quỵ, dùng những lập luận gài bẫy, và pha loãng Lời Đức Chúa Trời. Về câu "**chẳng giả mạo Lời Đức Chúa Trời**" (Bản Anh ngữ là "cũng không rao giảng Lời Chúa cách lừa dối"), rõ ràng, Phaolô đang ám chỉ đến trò tiêu khiển ưa thích của những người này – tìm cách pha trộn luật pháp với ân điển.

Phương pháp của sứ đồ khác hẳn. Phương pháp ấy được diễn tả qua những lời sau: "**Nhưng chúng tôi tỏ bày lẽ thật, khiến lương tâm mọi người cho chúng tôi là đáng chuộng.**" Tỏ bày lẽ thật có thể dưới hai hình thức. Chúng ta tỏ bày lẽ thật khi chúng ta nói ra lẽ thật cách rõ ràng và dễ hiểu. Nhưng chúng ta cũng bày tỏ lẽ thật khi sống thể hiện lẽ thật trong đời sống mình trước mặt những người khác, để họ có thể nhìn thấy bằng tấm gương của chúng ta. Phaolô sử dụng cả hai phương pháp này. Ông đã rao giảng Tin Lành, và ông vâng theo Tin Lành trong đời sống của mình. Làm như vậy, ông đang im cách tiến cử mình "**trước mặt Đức Chúa Trời... khiến lương tâm mọi người cho chúng tôi là đáng chuộng.**"

4:3 Sử đồ đang nói đến sự thật trọng vô cùng của ông khi tìm cách làm cho lẽ thật của Đức Chúa Trời rõ ràng trước mặt con người, cả bằng lời giảng huấn lẫn bằng nếp sống đạo. Nếu Tin Lành còn bị che khuất hay còn bị giấu kín đối với một số người, đương nhiên đó không phải là lỗi của Đức Chúa Trời, và Phaolô cũng không muốn đó là lỗi của mình nữa. Thế nhưng ngay cả khi viết những lời này, ông vẫn biết có những người dường như không thể liếp thu. Họ là ai vậy? Đó là những người đang hư mất. Vì sao họ mù quáng như vậy? Câu trả lời được nêu trong câu Kinh Thánh tiếp theo.

4:4 Thủ phạm là Satan. Satan được gọi là chúa của đời này. Satan đã thành công trong việc đặt màn che tâm trí của những người chưa tin. Nó sẽ giữ họ trong tối tăm đời đời, hầu cho họ không trông thấy sự vinh hiển chói lọi của Tin Lành Đấng Christ chiếu soi trên họ để họ được cứu.

Trong vũ trụ vật chất của chúng ta, mặt trời luôn luôn chiếu sáng. Không phải lúc nào chúng ta cũng nhìn thấy mặt trời, nhưng sở dĩ như vậy vì có điều gì đã che giữa mặt trời với chúng ta. Tin Lành cũng vậy. Sự sáng của Tin Lành luôn luôn chiếu rọi. Đức Chúa Trời luôn luôn tìm cách chiếu sáng tâm lòng con người. Nhưng Satan đặt nhiều rào cản khác nhau giữa người không tin với Đức Chúa Trời. Có thể đó là đám mây của sự kiêu ngạo, hay của sự nổi loạn, hay của sự tự cho mình là công bình, hay một điều nào đó trong hàng trăm vạn điều khác. Nhưng toàn bộ những

điều này đã phục vụ hữu hiệu để ngăn trở sự sáng của Tin Lành được soi cho họ. Đơn giản là Satan không muốn con người được cứu.

Tin Lành liên quan đến Đấng Christ trong sự vinh hiển. Không phải Người Thợ Mộc ở Naxarét đang được đưa ra trình diện trước tầm nhìn của tín hữu. Cũng không phải Đấng Christ bị cày ra trên thập tự giá của nhục nhã. Nhưng đây chính là Đức Chúa Jêsus Christ Đấng đã chết, đã chôn và sống lại, và hiện nay đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời trên Thiên đàng. Ngài là đối tượng cho đức tin của tín hữu – là Con được vinh hiển của Đức Chúa Trời trên Thiên đàng.

4:5 Chỉ trong nội câu này, chúng ta vừa có chủ đề đó nhất vừa có chủ đề quyết nhất cho một truyền đạo. Chủ đề đó nhất ấy là chính mình chúng ta, còn chủ đề hay nhất chính là Đức Chúa Jêsus Christ.

Dường như những người thiên về Do Thái giáo rất chuộng thói quen giảng về chính họ. Phaolô tách ra khỏi nhóm người như thế. Ông không muốn phí thì giờ của người khác bằng cách giảng về tài không xứng đáng như thế. Chủ đề của ông là Đức Chúa Jêsus Christ. Ông tìm cách đưa những người nam nữ đến chỗ sẵn lòng quý gởi sắp mặt trước mặt Đức Chúa Jêsus Christ và tôn kính Ngài là Chúa trong đời sống họ.

Sử đồ giới thiệu đội ngũ của ông là "vì... Đức Chúa Jêsus mà... làm đầy tớ của anh em." Khi giới thiệu như vậy, ông đã đưa chính mình và những bạn

cộng sự của mình vào sau hậu trường cách hữu hiệu. Họ chỉ là những đấng tối, sẵn sàng giúp đỡ mọi cách để đem con người đến với Chúa Jesus.

4:6 Ở đây, Phaolô so sánh sự hoán cải của một tội nhân với sự xuất hiện của ánh sáng từ buổi tối tăm.

Lúc ban đầu, Đức Chúa Trời truyền lệnh sự sáng phải soi từ trong tối tăm. Ngài phán: "Phải có sự sáng," thì có sự sáng (Sáng Thế Ký 1:3).

Giờ đây, Phaolô đang nói chính Đức Chúa Trời là Đấng lúc đầu đã truyền lệnh sự sáng phải soi từ trong tối làm cũng chính là Đấng làm cho sự sáng Ngài chói lòa trong lòng chúng tôi. Thật tuyệt đẹp. Trong sự sáng thế lúc ban đầu, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh sự sáng phải chiếu soi. Nhưng trong sự sáng tạo mới, chính Đức Chúa Trời chiếu soi chói lòa trong lòng chúng ta. Điều này mang tính đích thân nhiều biết dường nào!

Những biến cố trong phần đầu của Sáng Thế Ký 1 là bức tranh về điều xảy ra trong sự sáng tạo mới. Lúc đầu, Đức Chúa Trời dựng nên con người như một hữu thể vô tội. Nhưng tội lỗi đã xen vào, và kèm theo là sự tối tăm kinh khiếp.

Khi Tin Lành được rao giảng, Thánh Linh Đức Chúa Trời vận hành trong lòng con người, cũng giống như Ngài đã vận hành trên mặt vực sâu sau sự sáng tạo nguyên thủy.

Rồi Đức Chúa Trời soi sáng trong lòng người này, cho người thấy mình là một tội nhân cần Cứu Chúa. "Sự sáng

tao cõi vật chất trong Sáng Thế Ký bắt đầu từ sự sáng và sự sáng tạo tâm linh cũng vậy. Đức Chúa Trời 'làm cho sự sáng Ngài chói lòa trong lòng chúng tôi' bởi Đức Thánh Linh, và lúc đó sự sống thuộc linh bắt đầu" (Sưu Tâm).

Câu Kinh Thánh tiếp tục giải thích cho chúng ta biết vì sao Đức Chúa Trời làm cho sự sáng Ngài chói lòa trong lòng chúng tôi. Bản KJV và NKJV ghi rằng: **đặng sự thông biết về vinh hiển Đức Chúa Trời soi sáng nơi mặt Đức Chúa Jesus Christ.** Từ cách dịch này, dường như mục đích của Ngài là để ban cho chúng ta ánh sáng của sự thông biết về vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nhưng J. N. Darby đề nghị sự thay đổi đầy ý nghĩa trong câu này trong bản dịch New Translation của ông: "Vì có chiếu sáng chói lòa sự thông biết về vinh hiển của Đức Chúa Trời nơi mặt Đức Chúa Jesus Christ." Nói cách khác, Đức Chúa Trời chiếu sáng lòng chúng ta không chỉ đơn thuần để ban cho chúng ta sự thông biết này, nhưng đúng hơn là để qua chúng ta, sự hiểu biết đó có thể chiếu sáng cho người khác. "Chúng ta không phải là những đích cuối cùng của những phúc hạnh hay những sự luyện tập của mình, nhưng chúng ta là những ống dẫn." (Sưu Tâm).

Một họa Kinh Thánh cho điều này được tìm thấy trong chính đời sống Phaolô. Trên con đường đi Đamách, Đức Chúa Trời đã chiếu sáng lòng ông. Ông nhận thấy Đấng mình lâu nay ghét và Đấng ông nghĩ đã bị chôn trong ngôi mộ ở xứ Giuđê chính là Chúa sự vinh hiển. Từ ngày đó trở đi, ông đã đi ra

loạn truyền sự sáng của sự thông biết về vinh hiển của Đức Chúa Trời như được tìm thấy nơi mặt của Đức Chúa Jêsus Christ.

6. Chậu Bàng Đái Với Số Phận Thuộc Về Trời (4:7-10)

4:7 Sau khi nói về bốn phận phải làm cho sứ điệp Tin Lành rõ ràng, sứ đồ Phaolô giờ đây nghĩ đến những con người làm công cụ đã được Chúa trao vào tay kho báu Tin Lành kỳ diệu này. "Kho báu" là sứ điệp vinh hiển của Tin Lành. Mặt khác, **chậu bàng đái** là thân thể yếu ớt của con người. Sự tương phản giữa hai điều này hết sức lớn lao. Tin Lành giống như viên kim cương quý giá quay hướng nào cũng chiếu sáng lấp lánh. Hãy hình dung xem, viên kim cương quý báu như thế lại được giao cho một chiếc chậu bàng đái yếu đuối, để vỡ đến như thế!

Những chiếc chậu bàng đái, bị hư hại, xấu xí,

Chứa đựng của báu, nào ai hiểu nổi!

Của báu Thiên đàng, lấp lánh chói lọi -

Đấng Christ được bày tỏ trong các thánh đồ dưới trần gian!

Những chiếc chậu - vỡ rạn, mong manh, thế nhưng đang chứa đựng

Trái tim thế kỷ khai khất qua,

Những sự giàu có được ban cách hào phóng,

Tức là Món Quà vĩ đại của Chúa, chính Con quý báu của Ngài!

Ô, chẳng qua chỉ là vật trống rỗng hèn kém

Tâu tâu, chẳng ai biết, chẳng ai để ý.

Nhưng đối với Đức Chúa Trời, đây là chiếc chậu thành khiết,

Đầy đầy Đấng Christ, và chỉ một mình Đấng Christ mà thôi!

Trần gian này không có gì che khuất Vinh Hiển ấy!

Không một điều gì của bản ngã khiến ánh sáng ấy lu mờ!

Hãy rao câu chuyện kỳ diệu của Đấng Christ,

Chiếc chậu vỡ rạn, trống không - được đầy đầy chính Đấng Christ!

- Tr. Frances Bevan

Vì sao Đức Chúa Trời chỉ định của báu này phải được đựng trong chậu bàng đái? Chính là để quyền phép lớn dường ấy bởi Đức Chúa Trời mà ra, chứ chẳng phải bởi chúng tôi. Đức Chúa Trời không muốn con người cứ ám ảnh với những con người được Ngài dùng làm công cụ, nhưng phải bận rộn với chính quyền năng và sự cao trọng của Ngài. Vì vậy, Ngài cố ý giao sứ điệp Tin Lành cho con người yếu đuối và thương là không đẹp. Hết thấy sự ngợi khen và vinh hiển phải quy về Đấng Tạo Hóa chứ không cho tạo vật.

Quả là niềm vui kín đáo khi thấy

Công tác được giao vụn quá khứ nâng chúng ta;

Vì như vậy, nếu làm được điều tốt lành,

Rõ ràng sự ngợi khen thuộc về Ngài, chứ không về chúng ta.

- Houghton

Jowett nói:

Thật sai trật khi chiếc chậu cướp lấy vinh hiển của chính kho báu, khi chiếc tráp thu hút sự chú ý nhiều hơn cả món nữ trang nó đang chứa. Quả là nhấn mạnh sai lầm khi bức tranh lại dùng hàng thứ nhì so với khung hình, và khi chèn đĩa được sử dụng trong bữa tiệc lại trở thành vật thay thế cho

hầu ăm. Thật là tai họa chết người trong sự phục vụ Cơ Đốc khi "quyền phép lèn đường ấy" tại của chúng ta chứ không phải của Đức Chúa Trời. Sự xuất sắc như thế chỉ là thoáng qua, sẽ tàn héo chóng vánh như cỏ xanh rồi rơi vào quên lãng.¹⁹

Theo như Phaolô viết trong câu 7, hầu như chắc chắn ông đang nghĩ đến trường hợp trong Các Quanxét 7. Kinh Thánh ghi lại Ghêđêôn trang bị cho đạo binh mình những chiếc loa, những chiếc bình không, và đèn ở trong bình. Theo âm hiệu định trước, thổi hạ của ông phải thổi kèn đập vỡ bình. Khi những chiếc bình bị đập vỡ, đèn soi sáng rực rỡ. Kẻ thù nghĩ có đạo binh đông đảo rượt theo, thay vì nghĩ chỉ ba trăm người. Bài học ở đây là: trong trường hợp Ghêđêôn, sự sáng chỉ chiếu soi khi những chiếc bình bị đập vỡ thế nào, thì đối với Tin Lành cũng thế ấy. Chỉ khi nào những con người được dùng làm công cụ bị tan vỡ và đầu phục Chúa, Tin Lành mới có thể chiếu soi qua chúng ta với trọn vẻ huy hoàng của nó.

4:8 Giờ đây, sự đổ ụp tục giải thích: vì cơ của bầu được giao cho những chiếc chậu bằng đất, nên mặt mặt có vẻ như thất bại, nhưng mặt khác lại là chiến thắng vinh viễn. Diện mạo bề ngoài thấy yếu đuối, nhưng trên thực tế có sức mạnh vô song. Khi ông nói: chúng tôi bị ép đủ cách, nhưng không đến cùng, ông muốn nói ông luôn luôn bị ép bởi kẻ thù và hoàn cảnh khó khăn, thế nhưng không hề bị cản trở hoàn toàn để không rao ra sứ điệp cách tự do.

Bị túng thế, nhưng không ngã lòng. Từ lập trường của con người, Phaolô thường không biết có thể có giải pháp cho những hoàn cảnh khó khăn của ông, thế nhưng Chúa không bao giờ để cho ông rơi vào chỗ tuyệt vọng. Ông không hề bị đẩy vào ngõ cụt.

4:9 Bị bứt bở, nhưng không đến bở. Nhiều khi, ông có thể cảm thấy hơi thở nóng hổi của kẻ thù đang sau gáy mình, thế nhưng Chúa không hề bỏ ông cho kẻ thù. Bị đánh đập, nhưng không đến chết mới có nghĩa Phaolô nhiều lần bị "đánh đập" trăm trọng, thế nhưng Chúa đã nâng ông dậy để đi ra rao báo tin tức vinh diệu của Tin Lành.

Tác phẩm New Bible Commentary diễn ý câu 8 và 9 như sau: "Bị vậy, nhưng không bị cản trở làm việc; không biết phải làm gì, nhưng không hề bị mất hết mọi hy vọng; bị con người săn đuổi, nhưng không hề bị Đức Chúa Trời từ bỏ; thường bị đốn ngã, nhưng không hề bị kết liễu."

Chúng ta có thể thắc mắc vì sao Chúa để tôi tớ Ngài phải chịu nhiều thử nghiệm và hoạn nạn như thế. Chúng ta nghĩ lẽ ra ông có thể hầu việc Chúa hiệu quả hơn nếu Ngài cho lối đi của ông không gặp những rắc rối hoạn nạn. Nhưng câu Kinh Thánh này dạy một ý trái ngược. Với sự khôn ngoan kỳ diệu, Đức Chúa Trời thấy thích hợp để tôi tớ Ngài phải gặp bình hoạn, buồn rầu, hoạn nạn, bứt bở, khó khăn và buồn thảm. Tất cả đều nhằm phá vỡ những chậu bằng đất để ánh sáng Tin Lành có thể chiếu soi rõ ràng hơn.

4:10 Cuộc đời tôi từ Đức Chúa Trời là cuộc đời **đang chết** không ngừng. Chính Đức Chúa Jêsus khi sống trên đất không ngừng bị phơi ra trước bạo lực và bất bớ thể nào, thì những người theo bước chân Ngài cũng bị đối đãi y như vậy thể ấy. Nhưng điều đó không có nghĩa là thất bại. Đây là con đường chiến thắng. Phước hạnh đến cho nhiều người khác khi chúng ta chịu chết như thể hàng ngày.

Chỉ bởi cách này thì sự sống của Chúa Jêsus mới tỏ rõ ra trong thân thể chúng ta. **Sự sống của Chúa Jêsus** ở đây không có nghĩa chủ yếu là cuộc đời của Ngài với tư cách Con Người trên đất. Mà còn là **sự sống hiện tại** của Ngài với tư cách Con Đức Chúa Trời được tôn cao trên thiên đàng. Làm thế nào thể gian nhìn thấy sự sống của Đấng Christ khi Ngài không đích thân hiện diện hoặc không hiện diện bằng thân xác trong thế giới này? Câu trả lời ấy là: Khi Cơ Đốc nhân chúng ta chịu khổ hầu việc Chúa, sự sống của Ngài được **tỏ ra trong xác thịt của chúng ta**.

4:11 Ý tưởng về sự sống ra từ sự chết này được tiếp tục trong câu 11. Đây là một trong những nguyên tắc sâu nhiệm nhất cho sự hiện hữu của chúng ta. Thật chúng ta ăn để bởi đó sống được đã đến bởi sự chết của súc vật. Trong lãnh vực thuộc linh cũng vậy. "Huyết của những người tuân đạo là hạt giống của Hội Thánh." Hội Thánh càng bị bất bớ, chịu hoạn nạn, bị săn lùng và rượt đuổi bao nhiêu, Cơ Đốc giáo càng lan tràn bấy nhiêu.

Thế nhưng chúng ta thật khó chấp nhận lẽ thật này. Khi bạo lực đến cho

tôi từ Chúa, chúng ta thường nghĩ đó như một thảm họa. Thực ra, đây chính là phương cách đối đãi thông thường của Đức Chúa Trời. Đây không phải là ngoại lệ. Không ngừng bị phơi mình ra trước sự chết vì **Cứu Chúa Jêsus** chính là phương cách thiên thượng để qua đó sự sống của Chúa Jêsus được tỏ ra trong thân thể hay chết của chúng ta.

4:12 Ở đây, sứ đồ tóm tắt toàn bộ những điều đã nói bằng cách nhắc người Côrinthô nhớ chính bởi sự chịu khổ không ngừng của ông mà sự sống đã đến cho họ. Để Phaolô đem Tin Lành đến cho người Côrinthô, ông đã phải chịu gian khổ không nói hết được. Nhưng thật xứng đáng để chịu như vậy, vì họ đã tin Chúa Jêsus và giờ đây được sự sống đời đời. Sự chịu khổ và mất mát thuộc thể của Phaolô đồng nghĩa với lợi thuộc linh cho người khác. Robertson nói: "Sự chết của ông làm ích lợi cho những người sẽ nhận được ích lợi qua chức vụ của ông."²⁰

Chúng ta thường có khuynh hướng kêu cầu Chúa trong cơn bịnh tật, xin Ngài giải cứu để chúng ta có thể phục vụ Ngài tốt hơn. Có lẽ đôi khi chúng ta nên cảm tạ Chúa vì những hoạn nạn như thế trong đời sống mình, và nên khoe mình trong những yếu đuối của chúng ta để quyền năng Đấng Christ có thể tỏ trên chúng ta.

4:13 Sứ đồ đang nói về sự mong manh và yếu đuối của con người làm chiếc chày được giao thừa đặng Tin Lành. Vậy, người ấy phải có thái độ nào đối với toàn bộ điều này? Có phải người bị thất bại, ngã lòng và buồn thảm

không? Câu trả lời là Không. Đức tin giúp người tiếp tục rao giảng Tin Lành, vì biết bên kia những hoạn nạn của đời sống này là những vinh hiển không thể tả xiết.

Trong Thithiên 116:10, tác giả nói: "Ta đã tin, cho nên ta nói." Ông tin cậy Đức Giêhôva, do đó điều ông nói ra chính là kết quả của đức tin đã đâm rễ rất sâu ấy. Ở đây, Phaolô đang nói trường hợp ông cũng y như vậy. Ông có cùng một tinh thần đức tin của tác giả Thithiên khi nói những lời này. Phaolô nói: "Chúng tôi tin cho nên mới nói."

Những hoạn nạn và bất bớ trong đời sống Phaolô không niềm phong môi miệng ông. Nơi đâu có đức tin thật thì phải biểu hiện đức tin ấy ra. Đức tin ấy không thể nín lặng.

Nếu bạn tin nơi Chúa Jêsus,

Thì chắc chắn phải nói về Ngài:

Đầu phải hạ mình xuống đến tận bụi đất,

Nếu bạn yêu Ngài, hãy công bố ra.

Nếu bạn tin Chúa Jêsus

Và tiếp nhận Chúa Chúa

Thì đừng làm buồn Thánh Linh

Đừng trễ nải, nhưng hãy tuyên xưng Ngài ra.

4:14 Nếu thấy lạ lùng khi Phaolô không nùng động trước nguy hiểm không ngừng của sự chết, thì chúng ta có thể tìm câu trả lời trong câu 14. Đây là bí quyết khiến ông không sợ khi rao giảng sứ điệp Cơ Đốc. Ông biết đời này không phải là tất cả. Ông biết tin hữu còn chắc chắn được phục sinh. Đức Chúa Trời là Đấng đã khiến Đức Chúa Jêsus sống lại, cũng sẽ là Đấng khiến sứ đồ Phaolô sống lại với Chúa

Jêsus và sẽ trình diện ông cùng với tin hữu Côrintô trước mặt Ngài.

4:15 Với niềm hy vọng chắc chắn về sự phục sinh đặt trước mặt, sứ đồ sẵn sàng chịu đựng những gian khó kinh khiếp. Ông biết mọi hoạn nạn như thế đều có kết quả kép. Chúng đem ơn phước dư dật đến cho người Côrintô, và bởi đó dẫn đến sự tạ ơn dư dật cho vinh hiển Đức Chúa Trời. Hai động cơ này thúc đẩy Phaolô trong mọi điều ông nói và làm. Ông quan tâm đến vinh hiển của Đức Chúa Trời và phước hạnh của đồng loại mình.

Phaolô nhận thấy ông càng chịu khổ bao nhiêu, ân điển của Đức Chúa Trời càng sẵn sàng cho người khác bấy nhiêu. Càng nhiều người được cứu, càng nhiều lời tạ ơn dâng lên Đức Chúa Trời. Và càng nhiều lời tạ ơn dâng lên Chúa, Chúa càng được vinh hiển.

Bản diễn ý Living Bible dường như nắm bắt được tinh thần câu này:

Mọi việc ủy đều nhằm mục đích phục vụ anh em. Do đó, càng đồng người được chinh phục về cho Đấng Christ, và Chúa càng thêm vinh hiển.

4:16 Phaolô giải thích sơ dĩ ông sẵn sàng chịu đủ mọi hoạn nạn và nguy hiểm là vì ông đã có sự trông cậy chắc chắn về sự sống lại ở trước mặt mình. Do đó ông không ngã lòng. Dầu mặt mặt quá trình suy yếu của thân thể đang diễn ra không ngừng, thế nhưng mặt khác sự đổi mới tâm linh có thể giúp ông tiến lời tiếp tục bất chấp mọi nghịch cảnh.

Cần giải thích thêm hoặc nhận định thêm về sự kiện "người bề ngoài hư

nát." Điều này quá hiển nhiên trong thân thể chúng ta! Nhưng ở đây, Phaolô vui mừng vì Đức Chúa Trời đang cung cấp quyền năng hằng ngày để phục vụ Đấng Christ. Vì vậy đúng như Michelangelo đã nói: "Càng hao phí cảm tạ, bức tượng càng lớn dần ra."

Ironsides nhận định:

Chúng ta biết thể chất của mình thay đổi hoàn toàn sau mỗi bảy năm... Thế nhưng, chúng ta thấy mình vẫn là chính con người ngày trước. Nhân cách chúng ta không thay đổi từ năm này sang năm kia, và vì vậy sự thay đổi vĩ đại hơn vẫn chưa xảy đến. Sự sống ở trong con bươm bươm cũng chính là sự sống trong con sâu.²¹

4:17 Sau khi đọc những hoạn nạn khủng khiếp Phaolô đang chịu, dường như chúng ta thấy khó hiểu: làm sao có thể nói những điều này là **hoạn nạn nhẹ**. Trên một phương diện, chúng không hề nhẹ chút nào cả. Chúng thực đáng cay và tàn bạo.

Nhưng lời giải thích nằm ở sự so sánh của Phaolô. Những hoạn nạn này bản thân chúng có thể xem là nặng nề, nhưng ví sánh với vinh hiển cao trọng đời đời²² ở phía trước, thì chúng là nhẹ. Hơn nữa **hoạn nạn nhẹ chỉ là tạm**, trong khi sự vinh hiển còn đến đời đời. Bài học chúng ta rút ra được qua những hoạn nạn ở thế gian này sẽ sinh bông trái phong phú nhất cho đời sống chúng ta trong đời hầu đến.

Moorehead nhận định: "Niềm vui nhỏ len lỏi vào đời sống chúng ta khi chúng ta ở trong thế gian; chúng ta sẽ bước vào sự vui mừng khi bước vào đời hầu đến. Ở đây chỉ một vài giọt; ở đó cả một đại dương."²³

F. E. Marsh nói trong câu này có một kim tự tháp, không làm cho người leo mòn mới cảm thấy chán, nhưng đem lại sự yên nghỉ và yên ủi khôn tả cho linh hồn người.

Vinh hiển

Vinh hiển cao trọng

Vinh hiển cao trọng đời đời

Vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng

Vinh hiển cao trọng đời đời, vô lượng
vô biên.²⁴

4:18 Trong câu này, "chăm" không chỉ mô tả tầm nhìn và khái tượng của con người; đúng hơn, nó truyền đạt ý xem một điều gì đó là quan trọng. Về phần sự thấy được, chúng không phải là mục tiêu hiện hữu của một con người. Ở đây, chúng chủ yếu nói đến những gian khổ, những thử thách hoạn nạn Phaolô đang gánh chịu. Chúng là nhỏ nhặt và tầm thường đối với chức vụ của ông; đối tượng lớn cho chức vụ của ông chính là những sự không thấy được. Có thể điều này bao gồm vinh hiển của Đấng Christ, phước hạnh của những người đồng loại, và phần thưởng đang chờ đợi đầy tớ trung tín của Đấng Christ tại Ngai Đoán Xét.

Jowett bình luận:

Có khả năng thấy được những vật hữu hình (sự thấy được) đó là sự nhìn thấy; có khả năng nhìn thấy sự không thấy được đó là sự nhìn thấy sáng suốt. Phương thức nhìn thứ nhất là lẽ tự nhiên, phương thức nhìn thứ nhì là thuộc linh. Cơ quan chính trong sự nhận biết đầu tiên là lý trí; cơ quan chính trong sự nhận biết thứ nhì là đức tin... Qua cả Kinh Thánh, sự tương phản giữa nhìn thấy và nhìn thấy sáng

suốt được trình bày liên tục cho chúng ta, và khắp Kinh Thánh dạy chúng ta đo lường sự đam mê và keo kiệt của điều thứ nhất, đáp ứng với sự đầy đầy trọn vẹn và sự bành trướng rộng của điều thứ nhì.²⁵

B. SỐNG BIẾT SỢ KHÉT BẾN NGẠI ĐOÀN KẾT CỦA Đấng CHRIST (5:1-10)

Những câu tiếp theo liên kết chặt chẽ với điều đi trước. Phaolô đang nói đến hoạn nạn và những buồn thảm hiện tại của ông, và vinh hiển mai sau đặt trước mặt. Điều này đưa ông mặt đối mặt với đề tài sự chết. Trong phần này, chúng ta có một trong những sự tiết lộ vĩ đại nhất về sự chết trong toàn bộ Lời Đức Chúa Trời, và mối quan hệ của Cơ Đốc nhân với sự chết.

5:1 Trong câu 1, sứ đồ nói thân thể hay chết hiện tại của chúng ta là **nhà dưới đất**, là **lều tạm** dưới đất của chúng ta. Lều không phải là một nơi ở lâu dài, nhưng là thứ có thể mang vác đi được dành cho khách hành hương và lữ khách.

Sự chết được nói đến như là tháo dỡ **nhà tạm** này. **Nhà lợp** (Bản Anh ngữ là **lều**) bị hạ xuống vào thời điểm qua đời. Thân thể này phải vào mồ mả, trong khi hình hốn của tín hữu đi ở với Chúa.

Phaolô mở đầu đoạn này với lời bảo đảm nếu **nhà lợp trên đất** của ông bị đổ nát (do kết quả những sự chịu khổ được nhắc đến trong đoạn trước), ông biết mình có **nhà đời đời tại trên trời bởi Đức Chúa Trời**, không phải bởi tay người ta làm ra. Để ý sự phân biệt giữa **lều** và **nhà**. Lều tạm thời bị hạ xuống, nhưng nhà mới vĩnh viễn đang chờ đợi tín đồ ở

trong xứ vượt bên ngoài những tầng trời này. Đây là **nhà bởi Đức Chúa Trời**, theo ý nghĩa chính Đức Chúa Trời là Đấng ban nó cho chúng ta.

Hơn nữa, đây là **nhà không bởi tay người làm ra**. Vì sao Phaolô nói điều này? Thân thể hiện tại của chúng ta không bởi tay con người làm ra; vì vậy tại sao ông nhấn mạnh đến thân thể vinh hiển trong tương lai của chúng ta sẽ không bởi tay con người làm ra? Câu trả lời ấy là: cụm từ "**không bởi tay người làm ra**" có nghĩa "không thuộc về cõi tạo vật này." Điều này được nói rõ ràng trong Hêbơơ 9:11: "Nhưng Đấng Christ đã hiện đến, làm thấy tế lễ thượng phẩm của những sự tốt lành sau này; Ngài đã vượt qua đến tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn, không phải tay người dựng ra, nghĩa là không thuộc về đời này." Trong II.Côrinthô 5:1, ý Phaolô muốn nói: trong khi thân thể hiện tại của chúng ta phù hợp cho cuộc sống trên đất này, thân thể vinh hiển trong tương lai của chúng ta sẽ không thuộc về cõi tạo vật này. Chúng sẽ được thiết kế đặc biệt cho sự sống trên Thiên đàng. Thân thể tương lai của tín hữu còn được mô tả là **đời đời tại trên trời**. Đây là thân thể không còn phải chịu bệnh tật, suy yếu, và chết chóc, nhưng là thân thể còn đến đời đời trong nhà trên trời của chúng ta.

Từ câu này, có vẻ tín hữu nhận được nhà này từ Đức Chúa Trời tại giây phút người ấy qua đời, nhưng không phải như vậy. Tín hữu vẫn chưa nhận thân thể của mình cho đến khi Đấng Christ trở lại để đón Hội Thánh

(1.Têsalônica 4:13-18). Điều xảy ra cho tín hữu như sau. Lúc qua đời, linh hồn đi ở với Đấng Christ, tại đó người được hưởng cách có ý thức những vinh hiển của Thiên đàng. Thân thể người nằm trong mồ mả. Khi Chúa trở lại, bụi đất này sẽ được sống lại từ mồ mả, Đức Chúa Trời sẽ dựng bụi đất ấy trở thành thân thể mới vinh hiển, và bấy giờ sẽ được hiệp nhất với linh hồn. Giữa khi qua đời cho đến khi Đấng Christ trở lại đón các thành đồ Ngài, có thể nói tín hữu ở tình trạng không có thân thể. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa người ấy hoàn toàn không ý thức được mọi niềm vui và hạnh phúc hân hoan của Thiên đàng. Người ấy ý thức được hết!

Trước khi rời câu 1, chúng ta nên đề cập ở đây ba lối giải thích chính về "nhà đời đời tại trên trời không phải bởi tay người làm ra":

1. Chính Thiên đàng.

2. Thân thể ở tình trạng trung gian giữa khi qua đời với sống lại.

3. Thân thể vinh hiển.

Nhà này hầu như không thể là chính Thiên đàng, vì Kinh Thánh nói nhà này đời đời tại trên trời và "từ trên trời" (5:2). Về phần thân thể trung gian, Kinh Thánh không hề đề cập đến một thân thể như thế. Hơn nữa, nhà không bởi tay người làm ra được mô tả là đời đời trên trời, và như vậy sẽ không đúng cho một thân thể ở tình trạng trung gian. Quan điểm thứ ba – nhà này chính là thân thể phục sinh được vinh hiển – dường như là quan điểm đúng.

5:2 Trong thân thể hay chết hiện tại này, chúng ta thường buộc phải than thở

bởi phương cách thân thể ấy giới hạn chúng ta và cản trở chúng ta trong đời thuộc linh. Điều chúng ta hết sức khao khát chính là "được mặc lấy nhà chúng ta từ trên trời."

Trong câu này, sử đồ dường như thay đổi hình ảnh của mình từ chiếc lều sang áo xống. Lời giải thích gợi ý cho điều này: Phaolô là người may trại và nhận thấy cùng một thứ vật liệu tương tự để may lều cũng được dùng để may áo xống. Dẫu thế nào đi nữa, ý nghĩa thật rõ ràng: ông ước ao được nhận lấy thân thể vinh hiển của mình.

5:3 "Trần truồng" muốn nói điều gì trong câu này? Có phải người này chưa được cứu nên bởi đó chưa hề mặc lấy sự công bình trước mặt Đức Chúa Trời? Có phải nói đến một người đã được cứu, nhưng sẽ không nhận được phần thưởng tại Ngài Đoán Xét của Đấng Christ? Hay nói rằng người đã được cứu thì không có thân thể giữa khi qua đời với khi sống lại, và bị trần truồng theo nghĩa người ấy là một linh không có thân thể?

Tôi hiểu câu này nói đến không có thân thể hay không được mặc áo. Phaolô dường nói rằng khao khát sôi sảng của ông không phải là mong được chết, cũng không khao khát tình trạng không có thân thể đi kèm với nó, nhưng trái lại là khao khát sự hiện đến của Đức Chúa Jesus Christ khi mọi người đã chết sẽ nhận được thân thể vinh hiển.

5:4 Dường như từ câu 4, có vẻ thấy cách giải thích câu 3 của chúng ta là hợp lý. Vị sử đồ nói: "Chúng ta ở trong nhà tạm này, than thở dưới gánh nặng,

vì chúng ta không cầu cho bị lột trần, song cầu cho được mặc lại, để sự gì hay chết trong chúng ta bị sự sống nuốt đi." Nói cách khác, ông không hướng đến tình trạng giữa sự chết và sự cất lên để xem đó là sự trồng cây lý tưởng của tín đồ, nhưng hướng đến điều sẽ xảy ra tại Sự Cất Lên khi tín hữu nhận lấy thân thể bất tử.

5:5 Chính Đức Chúa Trời là Đấng "gây dựng chúng ta cho" chính mục đích này, tức là sự cứu chuộc thân thể. Đây sẽ là đỉnh điểm mục đích vinh diệu của Ngài dành cho chúng ta. Hiện lúc này, chúng ta được chuộc về mặt linh hồn, nhưng sau đó sự cứu chuộc cũng bao gồm cả thân thể nữa. Cứ suy nghĩ mà xem – Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta với mục đích này – tình trạng được vinh hiển – tức nhà đời đời tại trên trời, không phải bởi tay người làm ra.

Làm sao chúng ta có thể biết chắc mình có thân thể vinh hiển? Câu trả lời ấy là Đức Chúa Trời... đã ban của tin của Đức Thánh Linh cho chúng ta. Như đã giải thích trước đây, sự kiện mỗi tín hữu đều có Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời cư trú trong lòng chính là dấu hiệu mọi lời hứa của Đức Chúa Trời cho tín hữu đều sẽ ứng nghiệm. Ngài chính là biểu tượng làm chứng về điều sẽ đến. Thánh Linh của Đức Chúa Trời chính là "của tin" để bảo chứng rằng điều mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một phần thì một ngày kia sẽ thuộc về chúng ta trọn vẹn.

5:6 Chính sự bảo đảm sâu nhiệm những thực tại quý báu này đã giúp

Phaolô luôn luôn đầy lòng can đảm. Ông biết rằng chừng nào còn ở trong "nhà" thân thể này, thì ông còn cách xa Chúa. đương nhiên đây không phải là tình trạng lý tưởng cho Phaolô, nhưng ông đang muốn sẽ được như vậy nếu có thể phục vụ Đấng Christ trên trần gian này và trở thành sự trợ giúp cho dân sự của Đức Chúa Trời.

5:7 Chính việc "chúng ta bước đi bởi đức tin, chứ chẳng phải bởi mắt thấy" là bằng chứng đư đặt cho thấy chúng ta ở xa Chúa. Chúng ta chưa hề chạm nhìn Chúa bằng cặp mắt thuộc thể của mình. Chỉ bởi đức tin chúng ta mới thấy được Ngài. Chừng nào chúng ta còn ở tại nhà trong thân thể này, chúng ta có sự sống kém gần gũi và kém mật thiết hơn sự sống của sự nhìn thấy thật sự.

5:8 Câu 8 bắt đầu trở lại và hoàn chỉnh ý tưởng câu 6. Phaolô đầy lòng can đảm khi xét đến sự trồng cây phước hạnh đang đặt trước mặt ông, và ông có thể nói mình đầy lòng tin cậy muốn lìa bỏ thân thể này để ở cùng Chúa thì hơn. Ông đang có điều mà Bernard gọi là trường hợp "bình nhớ nhà ở trên trời."

Câu này dường như mâu thuẫn với điều sứ đồ vừa nói. Trong những câu trước, ông khao khát có được thân thể vinh hiển. Nhưng ở đây, ông nói mình sẵn lòng muốn lìa bỏ thân thể này để ở cùng Chúa thì hơn, tức là ở trong tình trạng không có thân thể ở giữa lúc qua đời và Sự Cất Lên.

Nhưng không hề có sự mâu thuẫn nào cả. Có ba khả năng cho Cơ Đốc

nhân, và đây chỉ đơn giản là vấn đề nào được ưa chuộng hơn. Có sự sống hiện tại trên đất trong thân thể hay chết này. Có tình trạng giữa sự chết và sự hiện diện của Đấng Christ, một tình trạng không có thân thể, nhưng là tình trạng mà tâm linh và linh hồn vui hưởng hiện diện của Đấng Christ cách có ý thức. Cuối cùng, có sự chung kết cho sự cứu rỗi của chúng ta khi nhận được thân thể vinh hiển của mình lúc Chúa Jêsus tái lâm. Trong phần đoạn này, Phaolô đang dạy rằng tình trạng thứ nhất là tốt, tình trạng thứ hai tốt hơn, và tình trạng thứ ba là tốt nhất.

5:9 Tin đó nên đặt mục tiêu của mình là "làm hết sức để được đẹp lòng Chúa." Tuy sự cứu rỗi không lệ thuộc vào việc làm, nhưng phần thưởng trong ngày hầu đến sẽ được phân phát tương ứng trực tiếp với lòng trung tín của người đối với Chúa. Tin hữu phải luôn luôn nhớ đức tin được liên kết với sự cứu rỗi, và việc làm liên kết với phần thưởng. Được cứu bởi ân điển qua đức tin, chứ không bởi việc làm; nhưng một khi đã được cứu rỗi, người ấy nên khao khát làm những việc lành, và sẽ nhận được phần thưởng về việc lành đã làm.

Lưu ý Phaolô muốn dấu ở trong thân thể này, dấu ra khỏi, cũng làm hết sức để được đẹp lòng Chúa. Điều này có nghĩa sự phục vụ của Phaolô trên đất này là để làm đẹp lòng Chúa, dấu còn ở trên đất này hay đang đứng trước Ngài Đấng Christ.

5:10 Động cơ khiến chúng ta làm đẹp lòng Đấng Christ ấy là chúng ta hãy đều phải ứng hầu trước tòa án

Đấng Christ. Thực ra, không chỉ là ứng hầu tại đó mà thôi, nhưng còn được bày tỏ ra nữa. Bản NEB nói chính xác: "Chúng ta hãy đều mở toang đời sống mình trước tòa án của Đấng Christ." Xuất hiện trong phòng khám bệnh của bác sĩ là một chuyện, nhưng được bác sĩ chụp phim X quang tại đó lại là điều hoàn toàn khác. Ngày Đấng Christ sẽ bày tỏ đời sống phục vụ Đấng Christ của chúng ta cách chính xác đúng như thực trạng. Không những khối lượng sự phục vụ của chúng ta, mà cả phẩm chất, thậm chí cả những động cơ thúc đẩy sự phục vụ đó cũng đều sẽ được đem ra duyệt xét.

Dấu tội lỗi phạm sau khi hoán cải còn để lại ảnh hưởng trên đời sống chúng ta, nhưng nói đúng theo từ ngữ, tội lỗi của tín hữu sẽ không bị đem ra duyệt lại để chịu đoán xét tại thời điểm trọng đại này. Sự đoán xét ấy đã xảy ra hơn một 1900 năm trước, khi Đức Chúa Jêsus gánh tội lỗi của chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ. Ngài đã trả đầy đủ món nợ mà tội lỗi chúng ta xứng đáng phải chịu, và Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ lôi những tội lỗi đó ra đoán xét nữa (Giăng 5:24). "Tòa án Đấng Christ" liên quan đến sự phục vụ Chúa của chúng ta. Đây không phải là vấn đề có được cứu hay không, đây đã là sự kiện được bảo đảm rồi. Nhưng vấn đề là phần thưởng và mất phần thưởng vào lúc đó.

I. Lương Tâm Tối Của Phaolô Trong Chức Vụ (5:11-12)

5:11 Người ta thường hiểu câu này nói: vì Phaolô nhận thức được sự đoán

xét kinh khiếp của Đức Chúa Trời trên tội lỗi và những nói kinh hoàng của địa ngục, nên đi đến đâu Phaolô cũng tìm cách thuyết phục nhiều người tiếp nhận Tin Lành. Tuy đúng như vậy, nhưng chúng ta tin đây không phải là ý nghĩa chính trong phần đoạn này.

Ở đây, không phải Phaolô đang nói đến sự kinh hoàng Chúa dành cho người chưa được cứu, mà ông đang nói đến sự kính sợ đây tôn kính để qua đó ông tìm cách phục vụ Chúa và làm đẹp lòng Ngài. Về phía Đức Chúa Trời, sự đó biết Ngài biết rõ đời sống ông. Nhưng ông muốn người Côrintô cũng vững tin vào lòng ngay thật và trung tín của ông trong chức vụ rao giảng Tin Lành. Vì vậy trên thực tế ông nói:

Vì chúng tôi biết kính sợ Chúa, nên cố gắng thuyết phục mọi người biết sự thanh liêm và thành thật của chúng tôi trong tư cách những người phục vụ Đấng Christ. Nhưng điều chúng tôi thuyết phục người ta có thành công hay không đi nữa, Đức Chúa Trời vẫn biết rõ chúng tôi. Và chúng tôi hy vọng lương tâm của anh em tin hữu Côrintô cũng sẽ biết như vậy nữa!

Đây dường như là lời giải thích phù hợp nhất với văn mạch.

5:12 Lập tức Phaolô thấy lời ông vừa nói có thể bị giải thích sai thành sự tự ngợi khen mình. Ông không muốn ai nghĩ ông đang buông vào chỗ tự khoe mình! Vì vậy ông nói thêm "**chúng tôi chẳng lại phô mình cùng anh em.**" Điều này không có nghĩa trước đây ông luôn khoe mình với họ, nhưng là trước đây ông đã bị lên án biết bao nhiêu lần như

thế, nên ở đây ông tìm cách làm cho họ tỉnh ngộ đừng nghĩ như thế nữa.

Vậy, vì sao này giờ ông bình vực chức vụ của mình cách dài dòng như vậy? Phaolô trả lời: Chúng tôi muốn anh em khoe mình về chúng tôi "Đặng anh em có thể đối đáp lại cùng những kẻ chỉ khoe mình về bề ngoài, mà không về sự trong lòng." Ông không thích tự khoe mình. Nhưng, ông nhận thấy ông đang bị các giáo sư giả chỉ trích kịch liệt trước mặt các thánh đồ Côrintô. Ông muốn tín hữu biết cách đáp lại những cuộc công kích ông như thế, vì vậy ông đang cung cấp thông tin này để họ có thể bình vực ông khi ông bị lên án trước mặt họ.

Ông mô tả những người chỉ trích mình là "**những kẻ chỉ khoe mình về bề ngoài, mà không về sự trong lòng**" (đổi chiếu 1Samuên 16:7). Nói cách khác, họ quan tâm biểu diễn bề ngoài, chứ không quan tâm đến thực tại bề trong, sự trung thực và thành thật. Diện mạo thuộc thế hay tài hùng biện hay có vẻ như sốt sắng là hết sức quan trọng đối với họ. "Đối với những người chuyên biểu lộ ra bề ngoài, về bề ngoài là tất cả mọi chuyện, và sự thành thật của tấm lòng chẳng giá trị chi" (Sưu Tầm).

5:13 Từ câu này, dường như vị sự đó thậm chí còn bị lên án là mất trí, là cuồng tin, cùng đủ mọi hình thức rối loạn tinh thần khác. Ông không phủ nhận đã sống trong điều mà Denney gọi là tình trạng "căng thẳng thuộc linh" ông chỉ đơn giản nói rằng nếu ông không thể tự kiểm chế cảm xúc, thì ấy là vì Đức Chúa Trời. Bất kỳ điều gì có vẻ như mất trí trước mặt những kẻ chỉ

trích ông thì thực ra đó chính là lòng tận tâm tận hiến của ông cho Chúa. Ông tha thiết say mê những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Mặt khác, nếu ông suy nghĩ tỉnh táo, thì đó là vì cơ người Côrintô. Tóm lại, ý câu này muốn nói toàn bộ hành vi của Phaolô đều được giải thích theo một trong hai cách: hoặc đó là lòng sốt sắng vì Chúa, hoặc đó vì ích lợi của những tín hữu bạn ông. Trong cả hai trường hợp, động cơ của ông là hoàn toàn không ích kỷ. Liệu những kẻ chỉ trích ông có thể nói như thế về chính họ không?

5:14 Không ai khi nghiên cứu cuộc đời của vị sứ đồ này lại không thắc mắc điều gì khiến ông phục vụ Chúa cách không mệt mỏi và không ích kỷ đến như thế. Ở đây, một trong những phần vĩ đại nhất của mọi bức thư ông viết, ông cung cấp câu trả lời – tình yêu thương của Đấng Christ.

Tình yêu thương của Đấng Christ ở đây nói đến tình yêu Ngài dành cho chúng ta, hay nói đến tình yêu chúng ta dành cho Ngài? Rõ ràng, đây là tình yêu của Ngài đối với chúng ta. Nguyên nhân duy nhất chúng ta yêu chính là vì Ngài đã yêu chúng ta trước. Chính tình yêu của Ngài cảm động chúng ta, đưa chúng ta đi, như một người bị lừa đi trong đồng đám đông người đi mua quà Giáng sinh vậy. Khi Phaolô suy gẫm tình yêu tuyệt vời mà Đấng Christ đã bày tỏ cho ông, ông không thể không bị đưa đi vào sự phục vụ Chúa kỳ diệu của ông.

Khi chết thay cho mọi người, Chúa Jêsus đã hành động như Đấng Đại Diện chúng ta. Khi Ngài chết, chúng ta thấy

đều chết – trong Ngài. Tội lỗi của Adam đã trở thành tội lỗi của đồng đội ông thế nào, thì đồng một cách thế ấy, sự chết của Đấng Christ cũng trở thành sự chết của những người tin Ngài (Rôma 5:12-21; I.Côrintô 15:21,22).

5:15 Lập luận của sứ đồ là không thể cưỡng lại được. Đấng Christ đã chết cho hết thảy mọi người. Vì sao Ngài chết cho mọi người? Để cho những người sống nhờ đức tin nơi Ngài thì sẽ không còn sống cho riêng họ nữa, nhưng sống cho Ngài. Cứu Chúa đã chết cho chúng ta không phải để chúng ta có thể tiếp tục sống cuộc đời ích kỷ nhỏ nhen của riêng mình tùy ý mình muốn sống. Trái lại, Ngài đã chết cho chúng ta để chúng ta có thể từ nay trở đi hiến dâng đời sống mình cách sẵn sàng và vui lòng cho Ngài. Denney giải thích:

Khi chết cái chết như của chúng ta, Đấng Christ đã thực hiện cho chúng ta một việc hết sức lớn lao trong tình yêu thương, để chúng ta phải thuộc về Ngài, và duy chỉ thuộc về Ngài đời đời. Khiến chúng ta thuộc về Ngài chính là dấu tượng cho sự chết của Ngài.^{2b}

5:16 Ở đây, có lẽ Phaolô đang nói ngược trở về câu 12, là câu ông mô tả những người chỉ trích ông như những kẻ khoe mình về vẻ bề ngoài, chứ không khoe về tấm lòng. Nhưng giờ đây ông tiếp tục để tài này trở lại bằng cách dạy rằng khi chúng ta đến với Đấng Christ, thì được dựng nên mới. Từ rày về sau chúng ta không đoán xét con người theo cách xác thịt của trần gian, theo vẻ bề ngoài, theo những giấy

chúng nhận của con người, hay theo nguồn gốc dân tộc nữa. Chúng ta xem họ là những linh hồn quý báu mà Đấng Christ đã chịu chết thay. Ông nói thêm rằng dầu ông từng theo xác thịt mình nhận biết Đấng Christ, có nghĩa nhận biết Ngài chỉ như một con người khác, thế nhưng ông đã không nhận biết Ngài theo cách đó nữa. Nói cách khác, biết Chúa Jêsus như một người hàng xóm sát bên nhà tại làng Naxarét, hay thậm chí như Đấng Mêsia trên trần gian này, thì đó là một chuyện, nhưng biết Đấng Christ vinh hiển đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời ngay hiện tại lại là một chuyện hoàn toàn khác. Ngày nay, chúng ta biết Chúa Jêsus đúng như Ngài được bày tỏ cho chúng ta thông qua lời Chúa bởi Thánh Linh cách mật thiết hơn và thực sự hơn những người đã biết Ngài nhưng đoán xét Ngài chỉ theo vẻ bề ngoài của con người khi Ngài còn trên trần gian.

David Smith nhận định:

Dầu vị xử đồ dù từng chia sẻ lý tưởng của người Do Thái về một Đấng Mêsia thế tục, nhưng giờ đây ông đã có khối niềm tin quý hơn. Đấng Christ đối với ông chính là Cứu Chúa đã sống lại và vinh hiển, ông thực sự không nhận biết Ngài theo xác thịt nữa, nhưng theo tâm linh; không theo truyền thống nổi tiếng trong Ysraên, nhưng bởi sự thông công trực tiếp và sống động.²⁷

5:17 Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, tức là được cứu, thì nấy là người dựng nên mới. Trước khi hoán cải, có thể người này đã đánh giá người khác theo những tiêu chuẩn của con người.

Nhưng giờ đây mọi sự đều đã thay đổi. Những phương pháp đoán xét cũ đã qua đi, nấy, mọi sự đều trở nên mới.

Đây là câu Kinh Thánh ưa thích nhất của những người vừa mới được tái sanh, và thường được trích dẫn trong bài làm chứng cá nhân. Nhiều khi vì được trích dẫn như thế, nên đã tạo một ấn tượng sai lầm. Người nghe có xu hướng nghĩ rằng khi một người được cứu, mọi thói quen cũ, mọi tư tưởng gian ác và những ánh mắt nhìn đầy tham muốn đã vĩnh viễn bị trừ bỏ, và mọi điều trở nên mới theo đúng nghĩa đen trong đời sống người ấy. Chúng ta biết không đúng như vậy. Câu Kinh Thánh này không mô tả nếp sống đạo của người tin Chúa, nhưng trái lại mô tả địa vị của người ấy. Lưu ý câu Kinh Thánh này nói rằng nếu ai ở trong Đấng Christ. Từ ngữ "trong Đấng Christ" là từ chìa khóa cho phần đoạn này. Trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nấy mọi sự đều trở nên mới. Bất hạnh thay, "trong tôi" mọi điều nói trên đây không hề đúng chi cả! Nhưng khi tôi tấn tới trong nếp sống Cơ Đốc, tôi ước ao nếp sống đạo có thể ngày càng tương xứng với địa vị của mình. Một ngày kia, khi Chúa Jêsus trở lại, cả hai sẽ phù hợp hoàn hảo.

5:18 Mọi điều đó đến bởi Đức Chúa Trời. Ngài là Nguồn và Tác Giả của tất cả mọi điều đó. Không có cơ sở nào để con người khoe khoang. Cũng chính Đức Chúa Trời này là Đấng đã làm cho chúng ta như Đấng Christ mà được hóa luyện lại cùng Ngài, và đã giao chức vụ giảng hòa cho chúng ta.

Trong quyển *A New and Concise Bible Dictionary* có lời tuyên bố tuyệt vời về giáo lý của Kinh Thánh về sự hòa giải:

*Bởi sự chết của Đức Chúa Jêsus trên thập tự giá, Đức Chúa Trời dùng ân điển để vô hiệu hóa khoảng cách mà tội lỗi đã tạo ra giữa Ngài và con người, để mọi vật nhờ Đức Chúa Jêsus Christ có thể được trình diện cách tốt đẹp và dễ chịu trước mặt Ngài. Bởi sự chết của Đấng Christ, tín hữu đã được hòa giải rồi để được ra mắt Ngài thật thanh khiết, không chỗ trách được (mọi người được dựng nên mới). Đức Chúa Trời đã ở trong Đấng Christ, khi Đấng Christ còn ở trần gian, để hòa giải thế gian về với Ngài, không kể sự phạm tội của họ cho họ; nhưng giờ đây tình yêu của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trọn vẹn trên thập tự giá, thì lời chửi đã đi ra trên khắp thế gian, tha thiết kêu gọi con người để họ được hòa giải với Đức Chúa Trời. Kết quả ấy là Đức Chúa Trời có thể thấy hài lòng với con người.*²⁸

5:19 Chức vụ hòa giải ở đây được giải thích như là sứ điệp "Đức Chúa Trời vốn ở trong Đấng Christ, làm cho thế gian lại hòa với Ngài." Có hai cách hiểu khá dị cho câu này, cả hai đều chính xác với Kinh Thánh. Trước hết, chúng ta có thể nghĩ câu này nói rằng Đức Chúa Trời đã ở trong Đấng Christ, theo ý nghĩa Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời. Đương nhiên điều này là đúng. Nhưng sau đó chúng ta cũng có thể hiểu câu này nói rằng Đức Chúa Trời - ở trong Đấng Christ - làm cho thế gian lại hòa với Ngài. Nói cách

khác, Ngài đang giải hòa thế gian, nhưng Ngài đang thực hiện trong Thân Vị của Đức Chúa Jêsus Christ.

Đầu chúng ta chấp nhận lối giải thích nào đi nữa, lẽ thật vẫn rõ ràng: Đức Chúa Trời đang chủ động loại bỏ nguyên nhân gây bất hòa giữa Ngài và con người bằng cách giải quyết tội lỗi. Đức Chúa Trời không cần được giải hòa, nhưng con người thật sự cần được giải hòa với Ngài.

Chẳng kể tội lỗi cho loài người. Mời đọc lần đầu, dường như câu này dạy sự cứu rỗi phổ thông, tức mọi người đều được cứu qua công tác của Đấng Christ. Nhưng dạy đó như thế là hoàn toàn không phù hợp với toàn bộ phần còn lại của Lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã dự bị một phương pháp để bởi đó có thể không kể tội phạm cho con người, nhưng tuy dành sẵn cho mọi người, con đường ấy chỉ hiệu năng cho những người ở trong Đấng Christ. Những tội đã phạm của người chưa được cứu dứt khoát bị kể cho họ, nhưng chính giây phút những người này tin Đức Chúa Jêsus là Cứu Chúa thì họ được kể là công bình trong Ngài, và tội lỗi của họ được xóa bỏ.

Ngoài công tác hòa giải của Ngài, Đức Chúa Trời cũng giao phó đạo giảng hòa cho tất cả Ngài. Nói cách khác, Ngài đã giao phó cho họ đặc ân tuyệt vời để đi ra rao giảng sứ điệp vinh hiển này cho mọi người ở khắp mọi nơi. Ngài đã không giao trách nhiệm thiêng liêng như thế cho thiên sứ, nhưng giao cho những con người tâm thương và run rẩy.

5:20 Trong câu trước, sứ đồ nói ông đã được trao phó sứ điệp giảng hòa. Ông đã được sai đi rao giảng sứ điệp ấy cho nhân loại. Chúng tôi muốn gợi ý rằng từ 5:20-6:2, chúng ta có phần tóm tắt về đạo giảng hòa. Nói cách khác, Phaolô để cho chúng ta lắng nghe sứ điệp ông đã giảng cho người chưa được cứu khi đi từ nước này đến nước khác và từ lục địa này đến lục địa khác. Điều quan trọng là phải nhìn thấy được điều này. Ở đây, Phaolô không bào người Côrinthô phải được giải hòa với Đức Chúa Trời. Họ đã là những người tin nơi Đức Chúa Jesus Christ rồi. Nhưng ông đang bảo người Côrinthô rằng đây là sứ điệp ông rao giảng cho người chưa được cứu bất cứ nơi nào.

Khâm sai là một bộ trưởng đại diện cho vua của mình tại ngoại quốc. Phaolô luôn luôn nói đến chức vụ Cơ Đốc như một sự kêu gọi được tôn cao và trang trọng. Ở đây, ông ví mình với một sứ thần được Đấng Christ sai vào trong thế gian chúng ta đang sống. Ông là phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đang **nài xin** thông qua ông. Áp dụng lối nói này cho một vị khâm sai thì dường như khá kỳ quặc. Thường chúng ta không nghĩ một vị khâm sai sẽ **nài nỉ**, nhưng đây chính là vinh hiển của Tin Lành, tức là trong sự khuyến bảo ấy, Đức Chúa Trời thực sự quý gởi xuống với nước mắt nhạt nhòa để **nài xin** những người nam và người nữ hãy đến để được giải hòa với Ngài. Nếu có sự thù địch, thì sự thù địch đó là từ phía con người đến. Đức Chúa Trời đã loại bỏ mọi rào cản đang ngăn trở sự

thông công trọn vẹn giữa chính Ngài với con người. Chúa đã làm mọi điều Ngài có thể làm. Giờ đây, con người phải buông đôi tay phản nghịch của mình, phải dừng những cuộc nổi loạn ngang ngành của mình, và phải **được hòa thuận lại với Đức Chúa Trời**.

5:21 Câu này cung cấp nền tảng giáo lý cho sự giải hòa của chúng ta. Đức Chúa Trời đã thực hiện sự giải hòa bằng cách nào? Làm sao Ngài có thể tiếp nhận tội nhân có tội nhưng chịu đến với Ngài trong sự ăn năn và đức tin? Câu trả lời ấy là: Đức Chúa Jesus đã giải quyết hậu quả toàn bộ nan đề những tội lỗi chúng ta đã phạm, vì vậy giờ đây chúng ta có thể được giải hòa với Đức Chúa Trời.

Nói cách khác, Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng Christ trở nên tội lỗi vì **cớ chúng ta** - Đấng Christ là Đấng vốn chẳng hề biết tội lỗi để chúng ta nhờ Đấng Christ có thể trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời.

Chúng ta phải thận trọng trước ý kiến nào cho rằng trên thập tự giá đời Gôgôtha, bản thân Đức Chúa Jesus Christ đã thực sự trở thành tội lỗi. Ý kiến như thế là sai lầm. Tội lỗi chúng ta đã được đặt trên Ngài, nhưng chúng không ở trong Ngài. Điều đã xảy ra ấy là: Đức Chúa Trời đã khiến Ngài làm của lễ chuộc tội vì **cớ chúng ta**. Khi tin cậy Ngài, chúng ta được Đức Chúa Trời kể là công bình. Những đòi hỏi của luật pháp đã được Đấng Thay Thế chúng ta đến trả trọn vẹn.

Thật là chân lý phước hạnh biết dường nào: **Đấng vốn chẳng biết tội lỗi**

trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta là người chẳng hề biết đến sự công bình lại có thể nhờ Ngài mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời. Không môi lưỡi nào của loài hay chết này có thể tạ ơn Đức Chúa Trời đầy đủ về ân điển vô biên như thế.

6:1 Có người hiểu rằng trong câu này, Phaolô đang nói với người Côrintô và khích lệ họ tận dụng trọn vẹn ân điển đã được bày tỏ ra cho họ.

Đúng hơn, chúng ta nghĩ rằng Phaolô đang tường trình về sứ điệp ông đã rao giảng cho người chưa được cứu. Ông đã nói cho những người chưa tin Chúa về ân điển tuyệt vời được Đức Chúa Trời ban cho họ. Giờ đây, ông tiếp tục nài nỉ thêm để họ đừng chịu ơn Đức Chúa Trời luống công. Họ đừng nên để hạt giống Tin Lành rơi vào đất cằn cỗi. Trái lại, họ nên đáp ứng với sứ điệp tuyệt diệu dường ấy bằng cách tiếp nhận Cứu Chúa mà sứ điệp ấy đang rao giảng.

6:2 Giờ đây Phaolô trích Êsai 49:8. Nếu trở lại nghiên cứu đoạn này, chúng ta thấy Đức Chúa Trời đang tranh luận với dân sự Ngài vì cơ họ đã khước từ Đấng Mêsia. Trong câu 7, bạn thấy Đức Chúa Jêsus bị dân tộc này khước từ, và chúng ta biết sự khước từ Ngài đã khiến Ngài chịu chết. Nhưng tới trong câu 8, chúng ta có lời của Đức Giêhôva, bảo đảm với Chúa Jêsus rằng lời cầu nguyện của Ngài đã được nhậm và Đức Chúa Trời sẽ giúp và bảo vệ Ngài.

Ta đã phủ hộ người trong ngày cứu rỗi. Câu này nói đến sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ. Thi thuận tiện

và ngày cứu rỗi sẽ khai mạc bởi sự kiện Đấng Christ sống lại từ kẻ chết.

Khi rao giảng Tin Lành, Phaolô bám chặt lấy lẽ thật tuyệt diệu này và công bố cho những thính giả chưa được cứu của mình. Kìa, hiện nay là thì thuận tiện; kìa, hiện nay là ngày cứu rỗi. Nói cách khác, kỷ nguyên Êsai nói tiên tri như là ngày cứu rỗi nay đã đến rồi, vì vậy Phaolô khuyến hãy tin cậy Cứu Chúa đang khi còn là ngày cứu rỗi.

J. Mạnh Vĩ Của Phaolô Trong Chức Vụ (6:3-10)

6:3 Ở đây, Phaolô chuyển từ sứ điệp ông đã rao giảng sang chính hành vi của mình trong chức vụ Cơ Đốc. Ông nhận thấy luôn luôn có những người tìm cơ biện hộ để không lắng nghe sứ điệp cứu rỗi, và nếu họ có thể tìm được cơ biện hộ ở nơi đời sống thiếu nhất quán của người giảng đạo thì tốt biết mấy. Vì vậy ông nhắc người Côrintô nhớ ông chẳng gây cho ai vấp phạm, hầu cho chức vụ của ông khỏi bị tiếng chê bai nào. Như đã nói trước đây, chức vụ ở đây không nói đến một chức vị cao cả trong giáo hội, nhưng đúng hơn là sự phục vụ Đấng Christ. Ở đây không nói về sự phong chức của con người. Chức vụ này thuộc về mọi người nào thuộc Đấng Christ.

6:4 Trong câu 4-10, sứ đồ mô tả phương cách ông tìm kiếm để thực hiện chức vụ của mình – một phương cách không chỗ trách được. Do biết ông là đầy tớ của Đấng Chí Cao, ông luôn tìm cách cư xử xứng đáng với sự kêu gọi ấy. Denney bình luận rất hay về phần này:

Những suối nguồn của hoạn nạn lớn đã bị ông cắt đứt khi ông nghĩ đến vấn đề đang bàn tại đây; khi bắt đầu, ông đang ở trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, mà chỉ có thể nói những lời lẽ ngắn gọn, từng lời một; nhưng trước khi nói xong, ông đã lấy lại tự nhiên, và đức tuôn linh hồn không chút kiềm chế.²⁹

Câu 4 và 5 mô tả những hoạn nạn thuộc thể Phaolô đang chịu đựng, và điều đó chứng thực ông là một đầy tớ thành thật và trung tín của Chúa. Hai câu tiếp theo liên quan đến những nét đẹp Cơ Đốc ông đang bày tỏ. Rồi câu 8 - 10, ông liệt kê những từng trải tương phản nhau vốn rất điển hình cho chức vụ Cơ Đốc.

Rõ ràng, “bởi lòng nhịn nhục lắm” mô tả sự nhẫn nại của Phaolô đối với nhiều cá nhân, những Hội Thánh địa phương, và mọi hoạn nạn đang nhằm kéo ông ra khỏi con đường kiên định của mình.

Những hoạn nạn có thể chỉ về những bất bở thực sự ông đã chịu đựng vì danh Đấng Christ.

Những thiếu thốn muốn nói đến những cảnh thiếu thốn ông đã chịu, có lẽ là thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu chỗ ở.

Những khổ khổ có thể bao gồm những hoàn cảnh bất lợi mà ông thường phải gặp.

6:5 Phaolô chịu đôn vật rất nhiều như đã nói trong Công vụ 16:23. Những lần lao tù của ông về sau được nói đến trong II.Côrinthô 11:23, và rõ ràng những rối loạn nói đến những cuộc nổi loạn và gây náo loạn thường theo đuổi công tác giảng Tin Lành của ông. (Sứ

diệp dân ngoại có thể được cứu theo đồng một cách với dân Do Thái đã gây ra một số những vụ nổi loạn hung bạo nhất.) Những sự **khó nhọc** của Phaolô có thể bao gồm nghề may trại, nhưng rõ ràng còn nhiều hình thức lao động chân tay khác nữa, chứ chưa nói đến những cuộc đi lại của ông. Những **lấn lnh** thức (Bản Anh ngữ “mát ngủ”) mô tả tình trạng ông liên tục cảnh giác những mưu kế của ma quỷ và nỗ lực của kẻ thù để làm hại ông. Những **lấn kiêng ăn** có thể bao gồm sự tự nguyện kiêng cử thức ăn, nhưng ở đây chắc có thể nói đến những cơn đói ông phải chịu do nghèo khổ.

6:6 Chức vụ của Phaolô đang được kiểm soát bởi **sự thanh sạch**, tức được thực hiện trong sự trong trắng và thánh khiết. Không bao giờ có thể lên án cách có cơ sở rằng ông sống vô luân.

Chức vụ của ông cũng được thực hiện bởi **sự thông biết**, và có lẽ điều này nói đến sự kiện đây không phải là chức vụ của sự ngu dốt, nhưng là chức vụ của **sự không biết** do Chúa truyền cho. Điều này được chứng tỏ cách kỳ diệu bởi phạm vi lẽ thật thiên thượng được bày tỏ trong các Thư Tin của Phaolô. Đáng ra người Côrinthô không cần thêm bất kỳ bằng chứng nào về sự **khoan nhẫn** của Phaolô! Sự nhịn nhục của ông đối với tội lỗi và thất bại của họ đáng ra đã đủ chứng tỏ rồi! Sự **nhân từ** của Phaolô được chứng tỏ qua việc ông hy sinh chính mình cách không ích kỷ cho người khác, thái độ yêu thương của ông đối với những người thuộc về Đức Chúa Trời, và trong thái độ đồng cảm của ông.

Cụm từ "**bồi Đức Thánh Linh**," rõ ràng nói lên mọi điều Phaolô làm thì đều làm trong quyền năng của Thánh Linh và vâng phục Ngài.

"**Bồi lòng yêu thương thật tình**" gợi ý tình yêu thương rất hiển nhiên trong đời sống của sứ đồ Phaolô đối với người khác không phải là điều giả vờ hay giả hình, nhưng rất chân thật. Điều này đặc trưng cho mọi hành động của ông.

6:7 Bồi lời chân thật có thể cho thấy toàn bộ chức vụ của Phaolô đều được thi hành trong sự vâng theo lời của **lẽ thật**, hoặc có nghĩa đây là một chức vụ ngay thẳng, nhất quán với thể loại sứ điệp ông rao giảng, tức là **đạo của lẽ thật**.

"**Bồi quyền phép Đức Chúa Trời**" rõ ràng cho thấy sứ đồ không thực hiện công tác bồi sức riêng của mình, nhưng bồi lòng nương cậy đơn sơ nơi sức mạnh Chúa ban cho. Cũng có người cho rằng câu này nói đến các phép lạ mà sứ đồ được ban quyền năng để thi hành vì cơ ông là một sứ đồ.

"**Những khi giới công bình**" được mô tả trong Êphêso 6:14-18. Điều này mô tả một tính cách công bình và nhất quán. Có người nói: "Khi một người được mặc lấy sự công bình thực tiễn, thì không thể đánh chiếm người ấy được." Nếu lương tâm của chúng ta không làm mất lòng Đức Chúa Trời và con người, thì ma quỷ có ít chỗ để nhấm vào tấn công.

Có đôi chút nghi ngờ về ý nghĩa chính xác của cụm từ "**ở tay hữu và tay tả**." Một trong những cách giải thích chắc chắn hơn ấy là trong chiến tranh

thời xưa, gươm cầm ở tay hữu và thuận ở tay tả. Gươm nói về trận chiến tấn công và thuận để phòng vệ. Trong trường hợp đó, ở đây Phaolô đang nói tính cách tốt của Cơ Đốc nhân là sự tấn công và phòng thủ tốt nhất.

6:8 Ở đây và trong câu 9 và 10, Phaolô mô tả một số những tương phản rõ rệt trong sự phục vụ Chúa Jêsus. Môn đồ thật sẽ kinh nghiệm những tầng trải ở tận trên đỉnh núi lẫn ở tận thung lũng sâu, cũng như trên mọi lãnh thổ nằm giữa hai vùng ấy. Đây là một đời sống **dấu vịnh dấu nhục**, có chiến thắng và dường như có thất bại, có khen ngợi và có bị chỉ trích. Tội tở thật của Đức Chúa Trời là đối tượng phải **mang lấy liếng xấu và mang lấy liếng tốt**. Một số người đánh giá tốt về lòng sốt sắng và can đảm của ông, trong khi nhiều người khác chỉ lên án ông.

Ông bị đối đãi như kẻ phi đồ hay kẻ mạo danh, thế **nhưng** ông là người thật thà trong mọi chuyện đó. Ông không hề mạo danh, nhưng là đầy tớ thật của Đức Chúa Trời Chí Cao.

6:9 Trên một phương diện, đối với thế gian thì Phaolô là người **xa lạ**, không được đánh giá cao, và bị hiểu lầm, thế nhưng ông là người quen **biết** đối với Đức Chúa Trời và với những tín hữu bạn ông.³⁰

Đời sống của ông là cuộc đời **ngó như gần chết** mỗi ngày, **thế** nhưng ông vẫn sống! Bị đe dọa, săn đuổi, truy lùng, bị bắt bớ, bị tù, rồi lại được tự do chỉ cốt để rao giảng Tin Lành càng sốt sắng hơn. Điều này được nhấn mạnh thêm trong cụm từ "**ngó như bị sửa phạt, mà**

không đến chịu giết. Bị sửa phạt ở đây liên quan đến sự trừng phạt ông hứng chịu (trong tay con người). Có lẽ nhiều lần họ nghi họ đã kết liễu cuộc đời cuồng nhiệt của ông – nhưng rồi chỉ để nghe những kỳ công của ông cho Đấng Christ tại các thành phố khác!

6:10 Có sự buồn rầu gắn liền với chức vụ, nhưng Phaolô luôn luôn vui mừng. Không cần phải nói, ông buồn rầu vì cơ người ta khước từ sự điệp Tin Lành, vì những thất bại của dân sự Chúa, và về những thiếu sót, khuyết điểm của chính mình. Thế nhưng khi nghĩ đến Chúa, và lời hứa của Đức Chúa Trời, thì luôn có cơ lớn để nhìn lên Chúa và vui mừng.

Phaolô là con người nghèo ngặt khi xét về của cải ở thế gian này. Trong Kinh Thánh, chúng ta không hề đọc thấy ông có tài sản và giàu có. Thế nhưng hãy nghĩ đến những cuộc đời đã được làm cho giàu có qua chức vụ của ông! Dầu ông không có gì cả, nhưng trên một phương diện ông có đầy đủ mọi sự vốn thực sự là quan trọng.

A. T. Robertson viết: "Trong những câu rất thú vị này, Phaolô buông hết trí tưởng tượng của mình và nó đóng vai trò như sét trên những đám mây."³¹

K. Phaolô Kêu Gọi Sự Cởi Mãi Và Lòng Thương Mến (6:11-13)

6:11 Và bây giờ sứ đồ tha thiết yêu cầu người Côrintô rộng mở tấm lòng họ cho ông. Ông đã nói công khai và thành thật với họ về tình yêu của ông. Vì điều gì dư dật trong lòng thì miệng sẽ nói ra, nên miệng mở rộng của Phaolô đã nói về tấm lòng rộng mở và tràn đầy tình

thương mến dành cho những người này. Đây là ý nghĩa chung của câu này, và được tỏ ra qua những từ sau: **lòng chúng tôi mở rộng**, nghĩa là sẵn sàng đón tiếp họ trong tình yêu thương.

Tozer diễn tả như sau: "Phaolô là con người bé nhỏ có cuộc sống nội tâm rộng lớn; tấm lòng bao la của ông thường bị tổn thương bởi những sự hẹp hòi của môn đồ ông. Tầm nhìn của những tâm hồn hẹp hòi của họ làm tổn thương ông rất nhiều."³²

6:12 Bất cứ sự kiểm chế linh cảm nào giữa người Côrintô và Phaolô đều không phải do ông, nhưng do từ phía họ; có thể họ đã giới hạn lòng yêu thương, đến độ họ không biết liệu có nên tiếp đón ông hay không, nhưng ông không hề giới hạn lòng yêu thương. Thiếu tình yêu là do phía họ, chứ không phải phía Phaolô.

6:13 Nếu họ muốn đến đáp ứng yêu cầu của ông dành cho họ (ông đang nói với những người vốn là con cái ông trong đức tin), họ nên mở rộng lòng họ hơn nữa đối với ông. Phaolô cảm thấy mình như người cha của họ. Họ nên yêu thương ông như một người cha trong đức tin. Chỉ có Đức Chúa Trời mới đem điều này đến được, nhưng họ nên để cho Ngài làm việc này trong đời sống họ.

Bản dịch Moffatt diễn tả rất hay ý tưởng trong câu 11-13:

Hỡi người Côrintô, tôi chẳng giữ lại điều gì với anh em cả; lòng tôi rộng mở cho anh em. "Hẹp hòi à?" điều đó là do anh em, chứ không phải do tôi. Nói theo cách của con cái, bây

giờ chúng ta hãy trao đổi công bằng đi. Hãy rộng mở lòng anh em cho tôi.

L. Phaolô Kêu Gọi Sự Phân Rẽ Thuộc Linh (8:14-7:1)

6:14 Mới liên kết giữa câu 13 và 14 như sau: Phaolô đã bảo các thánh đồ mở rộng lòng cho ông. Giờ đây ông giải thích một phương cách để mở rộng lòng như vậy chính là phân rẽ khỏi mọi hình thức tội lỗi và không công bình. Rõ ràng, ông đang nghĩ một phần đến các giáo sư giả đã tràn vào hội chúng tại Côrinthô.

Ách không cân ở đây gợi ý Phục truyền Luật lệ Ký 22:10: "Chớ cày bằng một con bò thặng chung với con lừa." Con bò là thú vật tinh sạch và con lừa là không tinh sạch, và bước chân cùng sức kéo của chúng không cân nhau. Đem so sánh, khi tín hữu mang ách chung với Chúa Giêsu, họ thấy ách của Ngài để chịu và gánh của Ngài nhẹ nhàng [Matth 11:29,30].

Phần này của thư II.Côrinthô là một trong những phân đoạn chính của toàn bộ Lời Đức Chúa Trời nói về để làm phân rẽ. Đây là sự dạy dỗ rõ ràng truyền tín hữu phải phân rẽ khỏi người **chăng tin**, khỏi tội ác, sự tối tăm, Bêlian và hình tượng.

Đương nhiên điều này nói đến mối quan hệ hôn nhân. Cơ Đốc nhân không nên kết hôn với người chưa tin Chúa. Tuy nhiên, trong trường hợp tín hữu đã kết hôn rồi với người chưa tin, phần đoạn này không biện minh cho sự phân rẽ hay ly dị. Ý muốn của Đức Chúa Trời trong trường hợp ấy chính là: nên duy trì mối quan hệ hôn nhân ấy để cuối

cùng đem đến sự cứu rỗi cho người chưa được cứu (I.Côrinthô 7:12-16).

Ngoài ra ở đây còn nói đến công việc làm ăn nữa. Cơ Đốc nhân đừng nên hôn chung phần với người không biết Chúa. Điều này áp dụng rõ ràng cho những nhóm bí mật hay những hiệp hội bí mật: làm sao một người trung tín với Đấng Christ lại cứ kiên trì đi đến với một hiệp hội không hoan nghênh danh của Chúa Giêsu? Ứng dụng phần này vào đời sống giao tiếp sẽ như sau: Cơ Đốc nhân nên duy trì quan hệ với những người chưa được cứu để nỗ lực chinh phục họ về cho Đấng Christ, nhưng đừng bao giờ dự phần vào những thú vui đầy tội lỗi của họ hay vào bất cứ hoạt động nào của họ để khiến họ phải nghĩ mình chẳng khác gì với họ cả. Tiếp theo, phần này cũng áp dụng cho những vấn đề tôn giáo nữa: một môn đồ trung tín của Đấng Christ sẽ không muốn làm thành viên trong một Hội Thánh mà những người chưa tin Chúa vẫn được kết nạp vào như thành viên vậy.

Câu 14-16 bao trùm mọi mối quan hệ quan trọng của đời sống:

Sự công bình với sự gian ác mô tả toàn bộ phạm vi của hành vi đạo đức.

Sự sáng và sự tối liên quan đến trí khôn đối với những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

Đấng Christ và Bêlian liên quan đến lãnh vực thẩm quyền, nói cách khác, đó là nhân vật hay điều nào mình công nhận như chủ của đời sống mình.

Kẻ tin với kẻ chẳng tin liên quan đến lãnh vực đức tin.

Đến thờ của Đức Chúa Trời và hình tượng tà thần liên quan đến toàn bộ đối

tượng trong sự thờ phượng của một con người.

Sự công bình và gian ác không chung phần với nhau được: chúng là những điều trái ngược về đạo đức. Sự sáng và tối cũng không thông đồng nhau được. Khi sự sáng đi vào một căn phòng, bóng tối bị trục xuất. Cả hai không thể đồng tồn tại cùng một lúc được.

6:15 Tên gọi Belian có nghĩa "vô giá trị" hay "sự gian ác." Đây là tên chỉ về ma quỷ. Có bao giờ có hòa bình giữa Đấng Christ với Satan không? Hiển nhiên không! Cũng không bao giờ có sự thông công giữa một tín hữu với người không tin. Cố gắng tạo mối thông công kiểu này chính là phản bội Chúa.

6:16 Hình tượng tà thần không liên quan gì với đến thờ của Đức Chúa Trời. Nếu có liên quan, làm sao tín hữu đồng đi với hình tượng tà thần, vì họ là đến thờ của Đức Chúa Trời hằng sống. Đương nhiên, hình tượng tà thần ở đây không nói đến những hình tượng được chạm khắc, nhưng là bất kỳ đối tượng nào chen giữa linh hồn và Đấng Christ. Có thể đó là tiền bạc hoặc là lạc thú, danh vọng hoặc của cải vật chất.

Sứ đồ thấy có dư dật bằng chứng chứng minh chúng ta là đến thờ của Đức Chúa Trời hằng sống trong những phần đoạn như Xuất Êdíphtô Ký 29:45, Lêvi Ký 26:12 và Êxêchiên 37:27. Denney nói:

{Phaolô muốn Cơ Đốc nhân phải sống như người Do Thái để giữ cho sự thiêng liêng của như Đức Chúa Trời khỏi bị xâm phạm, và giữ đầy ông nói

nhà đó là chúng ta: chúng ta phải giữ chính mình cho khỏi bị thế gian làm vậy bần.²⁷

6:17 Vì vậy, Phaolô kêu gọi cách đây thách thức họ hãy ra khỏi. Ông trích Êsai 52:11. Đức Chúa Trời dạy dỗ rất rõ ràng truyền dẫn sự Ngài phân rẽ khỏi điều ác. Cơ Đốc nhân không được phép ở giữa tội ác, như một phần của tội ác, để làm giải pháp trừ điều ác. Chương trình của Đức Chúa Trời là phải ra khỏi. Rõ ràng, đó 0 ướ trong câu này chủ yếu là thế gian ngoại giáo, nhưng cũng áp dụng cho bất kỳ hình thức tội ác nào, cho dù đó là thương mại, xã hội hay tôn giáo.

Đừng nên dùng câu này để dạy sự phân rẽ khỏi những tín hữu khác. Cơ Đốc nhân được khuyến phải gắng sức "dùng dây hòa bình mà gìn giữ sự hiệp một của Thánh Linh."

6:18 Bình thường, Cơ Đốc nhân rất khó chặt đứt những mối dây ràng buộc vốn tồn tại hàng bao năm trời để sống vâng Lời Đức Chúa Trời. Đương như Đức Chúa Trời bạn trước khó khăn này trong câu 18. Ngài đã phán rồi trong câu 17: "Ta sẽ tiếp nhận các ngươi" rồi giờ đây Ngài nói thêm: "Ta sẽ làm Cha các ngươi, Các ngươi làm con trai con gái ta, Chúa Toàn năng phán như vậy." Đến bù cho việc đồng đứng với Đấng Christ bên ngoài trại quân của điều ác chính là được thông công với Đức Chúa Cha cách mới mẻ và mật thiết hơn. Điều này không có nghĩa chúng ta trở thành con trai con gái nhờ vâng phục lời Ngài, nhưng chúng ta là con trai và con gái của Ngài một cách tổ tường khi

chúng ta cư xử như thế, và sẽ hưởng vui mừng và thích thú của quyền làm con mà chúng ta chưa hề được biết đến trước đây.

"Phước hạnh của sự phân rẽ thật chẳng khác gì được đồng đi cách vinh hiển với chính Đức Chúa Trời vĩ đại" (Sưu Tầm).

Ngày nay, nan đề tràn ngập từ phía cho Cơ Đốc nhân thuần túy Tin Lành trong các Hội Thánh tự do lẫn tân chánh thống. Họ liên tục nêu câu hỏi: "Tôi sẽ làm gì?" Tại đây có câu trả lời của Đức Chúa Trời. Họ nên ra khỏi hiệp hội nào không chịu kính trọng và tôn cao Chúa Jêsus là Con yêu dấu của Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của thế gian. Bên ngoài một hiệp hội như thế, họ có thể làm nhiều việc cho Chúa hơn ở trong hội đó.

7:1 Câu này liên kết gắn gũi với điều đi trước. Câu này không mở đầu một phần đoạn mới, nhưng kết thúc phần đoạn đã bắt đầu từ 6:14.

Những lời hứa được nhắc đến ở đây chính là những lời hứa được trích trong câu 17 và 18 của đoạn trước. "Ta sẽ tiếp nhận các ngươi... sẽ làm Cha các ngươi... các ngươi làm con trai con gái ta." Xét đến những lời hứa tuyệt diệu này của Đức Chúa Trời, chúng ta nên làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh. Sự ô uế của xác thịt bao gồm mọi hình thức của sự ô uế thể xác, còn sự ô uế về phần thuộc linh bao gồm nếp sống bề ngoài, những động cơ và tư tưởng con người.

Nhưng Chúa không những nêu ra khía cạnh tiêu cực, Ngài còn nêu khía cạnh tích cực nữa. Lấy sự kính sợ Đức

Chúa Trời mà làm trọn việc nên thánh của chúng ta. Chúng ta không những bỏ những điều ô uế, nhưng còn phải ngày càng trở nên giống với Đức Chúa Jêsus Christ trong đời sống hằng ngày của mình. Câu này không gợi ý khả năng trở nên thánh khiết trọn vẹn đang khi còn sống trên đất này. Sự nên thánh thực tiễn là tiến trình tiếp diễn qua suốt cuộc đời chúng ta. Chúng ta tăng trưởng trong sự giống với Chúa Jêsus Christ cho đến ngày gặp Ngài mặt đối mặt, và bấy giờ chúng ta sẽ giống Ngài trong suốt cả cõi đời đời. Chính khi chúng ta biết kính sợ Ngài thì trong lòng chúng ta mới khao khát trở nên thánh khiết. Nguyễn hết thầy chúng ta đồng thanh nói như McCheyen (to kính): "Lạy Chúa, xin cho con càng ngày càng được nên thánh cho đến khi con được vào Thiên đàng."

M. Sự Vui Mừng Của Phaolô Khi Nghe Tin Về Tin Từ Côrintô (7:2-16)

7:2 Hãy mở lòng anh em cho chúng tôi. Phaolô tiếp tục nói: không có lý do gì khiến người Côrintô đừng mở lòng ra, vì ông chẳng làm hại ai, chẳng lừa dối ai, chẳng thủ lợi ai. Dầu những người chỉ trích ông có nói gì đi nữa, sự đó Phaolô vẫn không làm tổn hại ai cả, ông không lợi dụng tài chánh của ai cả.

7:3 Phaolô đã và vẫn đang không nói lời nào lên án người Côrintô. Ông liên tiếp bảo đảm sẽ tiếp tục dành tình cảm sâu đậm cho họ cả khi sống lẫn khi chết.

7:4 Vì cảm thấy gần bó mật thiết với thành đó tại Côrintô, vì sự đó thấy lự do bạo dạn để nói trực tiếp với họ.

Nhưng nếu sự thành thật của ông đối với họ là tuyệt vời thế nào, thì sự khoe mình của ông về họ trước mặt người khác cũng tuyệt vời y như vậy. Vì vậy, họ đứng giải thích sai sự thẳng thắn của ông trở thành thiếu tình yêu thương; đúng ra họ nên thấy ông đến nơi nào cũng thực sự tự hào về họ và đánh giá cao về họ. Có lẽ phương diện đặc biệt trong đời sống Cơ Đốc của họ khiến Phaolô thành thật khen ngợi chính là thái độ sẵn lòng quyên góp cho các thánh đồ nghèo tại Giêrusalem. Sự đó sẽ để cấp để tài trợ trực tiếp, nhưng ở đây ông chỉ thoáng ám chỉ qua.

Tôi được đầy sự yên ủi, tôi được vui mừng quá bội ở giữa mọi khó khăn. Những câu nói này được giải thích trong những câu đi sau. Vì sao Phaolô vui mừng quá bội bất kể mọi sự khó khăn của ông? Câu trả lời là: Tít đã báo tin tốt lành về người Côrintô, và điều đó trở thành nguồn vui mừng và khích lệ lớn lao cho ông.

7:5 Trước đây chúng ta đã đề cập việc Phaolô rời Êphêso và lên đường đến Trôách để tìm Tít như thế nào. Không thấy Tít tại đó, ông đi vào Maxêđon. Giờ đây, ông giải thích rằng thậm chí đến Maxêđon cũng không được yên nghỉ như ông tìm. Ông vẫn chưa được an nghỉ, vẫn khốn đốn, vẫn bị bắt bớ. Ở ngoài thì kẻ thù tấn công không thương tiếc, còn bên trong thì lo sợ – rõ ràng, điều này liên quan đến vấn đề vẫn chưa liên lạc được với Tít.

7:6 Nhưng Đức Chúa Trời can thiệp và an ủi Phaolô bởi Tít đến nơi. Lúc này, sứ đồ kính nghiệm sự thật của

Châm ngôn 27:17 “Sắt mài nhọn sắt, cũng vậy người bổ đường diện mạo bạn hữu mình.” Hãy hình dung cuộc gặp gỡ vui mừng giữa hai thầy tớ Đấng Christ, những câu hỏi của Phaolô dồn dập tuôn ra, và Tít cố gắng trả lời càng nhanh càng tốt! (cũng xem Châm ngôn 25:25).

7:7 Nhưng không phải chỉ có cuộc tái ngộ mừng rỡ với bạn thiết khiến Phaolô vui mừng; đúng hơn điều khiến ông vui mừng chính là tin tức cho biết Tít đã được an ủi như thế nào bởi đáp ứng của người Côrintô đối với thư của Phaolô.

Thật vui mừng biết bao khi nghe người Côrintô ước ao được gặp sứ đồ Phaolô. Họ vẫn ước ao gặp ông bất chấp những nỗ lực phá hoại của các giáo sư giả nhằm xúi giục các thánh đồ hờ hững với Phaolô. Không những họ ao ước gặp, mà còn tỏ ra bằng chứng than khóc thật sự. Sự than khóc này có lẽ do thái độ bất cần của họ đã dung túng lỗi lầm trong hội chúng, hoặc có lẽ vì họ đã làm cho sứ đồ buồn lo. Ngoài việc khúc lể, Tít còn tường trình lại lòng quan tâm thật của họ dành cho Phaolô cùng với lòng sốt sắng ao ước làm đẹp lòng Phaolô.

Vì vậy, sự vui mừng của sứ đồ không chỉ vì cơ Tít đến nơi, mà còn vì những bằng chứng cho thấy người Côrintô vâng lời dạy của Phaolô và vì họ vẫn thân ái đối với ông.

7:8 Dầu nhận bức thư lời, đã làm cho anh em buồn rầu, thì tôi chẳng lấy làm phàn nàn; mà nếu trước đã phàn nàn (vì lời thấy bức thư ấy ít nữa cũng làm cho anh em buồn rầu trong một lúc).

Bức thư Phaolô nói đến ở đây có thể chính bức thư chúng ta gọi là I.Côrinthô, hoặc có thể một bức thư thứ nhì nào đó, mà hiện nay chúng ta không còn, và đã xử lý các thánh đồ này khá khác khe.

Cần làm sáng tỏ vấn đề Phaolô phân nân (Bản Anh ngữ là “tiếc”) vì đã viết bức thư kia. Nếu ông nói đến thư I.Côrinthô, thì thư I.Côrinthô không hề ảnh hưởng đến đề tài sự soi dẫn. Những điều sứ đồ Phaolô viết chính là điều răn của Chúa; thế nhưng chính Phaolô vẫn là con người, dễ ngã lòng và lo lắng như những người khác. Williams nhận định:

Sự phân biệt giữa tác giả và sự soi dẫn xuất hiện trong câu 8. Ông biết bức thư thật nhất của mình đã được soi dẫn. Những lời lẽ của bức thư ấy chính là “điều răn của Chúa.” nhưng với tư cách một con người yếu ớt, lo lắng và đầy tr�u mến, ông ran sợ vì e rằng ảnh hưởng của những sự truyền thông khiến người Côrinthô xa lánh ông, và sa làm họ đau đớn thêm. Đây là một trường hợp thú vị về sự khác biệt giữa cá tính của Thiên Tri và sự đẹp của Thánh Linh ban cho ông.³⁴

Tóm lại, Phaolô đang nói thế này: khi người Côrinthô lần đầu đọc bức thư của ông, bức thư ấy đến như lời quở trách, và họ đau đớn. Sau khi gởi bức thư đi, vị sứ đồ lưỡng trước phản ứng của họ với bức thư, và điều này khiến ông tiếc. Không phải ông nghĩ mình đã làm điều sai; câu này không hề có ý đó. Trái lại, ông tiếc vì khi thực hiện công việc Chúa, nhiều lúc cần phải để cho người khác phải buồn rầu tạm thời để

mục đích của Chúa được thành trong đời sống họ.

Ở phần cuối của câu 8, Phaolô nhấn mạnh dấu bức thư khiến họ buồn rầu, thế nhưng chỉ tạm trong một lúc mà thôi. Ảnh hưởng đầu tiên của bức thư là gây đau đớn. Nhưng sự buồn rầu ấy không kéo dài lâu.

Có thể ví toàn bộ tiến trình vị sứ đồ đang mô tả ở đây với công việc của bác sĩ giải phẫu. Để cắt bỏ phần nhiễm trùng nguy hiểm khỏi cơ thể người, bác sĩ cần phải cắt sâu vào thịt. Bác sĩ không vui mừng khi gây đau đớn cho bệnh nhân, đầu vậy ông biết phải làm như thế nếu muốn phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân. Đặc biệt nếu bệnh nhân là bạn thân, bác sĩ này càng biết rõ cần phải chịu đau đớn như thế nào. Nhưng ông nhận biết sự đau đớn đó chỉ tạm thời, và ông rất sẵn sàng gây đau đớn như thế để kết quả cuối cùng sẽ được tốt đẹp.

7:9 Phaolô không vui vì làm cho người Côrinthô đau đớn, nhưng vui mừng vì sự buồn rầu tạm thời sẽ dẫn họ đến sự ăn năn. Nói cách khác, sự đau buồn của họ khiến họ đổi ý và dẫn đến sự thay đổi đời sống. Hogde nói sự ăn năn “không chỉ là thay đổi mục đích, nhưng bao gồm cả thay đổi tấm lòng để dẫn đến từ bỏ tội lỗi trong đau đớn và từ bỏ lòng thù ghét Đức Chúa Trời.”³⁵

Sự buồn rầu của người Côrinthô là đúng theo ý muốn Đức Chúa Trời; đây chính là loại buồn rầu mà Chúa muốn thấy. Vì sự buồn rầu và ăn năn của họ mang bản chất chân thật và kính sợ Chúa, nên họ không phải chịu những

hậu quả xấu lâu dài nào từ lời sứ đồ Phaolô quở trách họ.

7:10 Câu này đối chiếu sự buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời với sự buồn rầu theo thế gian. Sự buồn rầu theo ý muốn Đức Chúa Trời nói đến sự buồn rầu xuất hiện trong đời sống sau khi người phạm tội và dẫn đến sự ăn năn. Người này nhận thấy Đức Chúa Trời đã phán với mình, và mình lại đứng về phía Đức Chúa Trời để chống lại chính mình và tội lỗi.

Khi Phaolô nói sự buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời sanh ra sự hối cải, và sự hối cải dẫn đến sự rỗi linh hồn, không nhất thiết ông nghĩ đến sự cứu rỗi linh hồn (dẫu cũng có thể đúng như vậy). Suy cho cùng, người Côrinhtô đã được cứu rỗi. Nhưng ở đây, sự rỗi linh hồn được dùng để mô tả sự giải thoát khỏi mọi thể loại tội lỗi, ách nô lệ, hay hoạn nạn nghịch cảnh trong đời sống con người.

Không rõ cụm từ “chẳng hề ăn năn” nói về sự ăn năn hay sự cứu rỗi. Vì cũng đúng không kém rằng chưa có người nào từng hối tiếc về sự ăn năn hay về sự cứu rỗi, nên chúng ta có thể hồ nghi câu hỏi này.

Sự buồn rầu theo thế gian không phải là sự ăn năn thật, nhưng chỉ là hối hận. Nó đem lại sự đắng cay, cứng cõi, tuyệt vọng và cuối cùng dẫn đến sự chết. Điều này được minh họa trong đời sống Giuđa. Ông không tiếc về kết quả do tội lỗi mình đem đến cho Chúa Jêsus, nhưng chỉ hối hận vì cơ mùa gặt kinh khiếp mà chính ông đã gieo ra.

7:11 Vị sứ đồ nêu ra kinh nghiệm của người Côrinhtô để làm ví dụ cho

điều ông vừa nói trong phần đầu của đoạn 10. Chính điều ông nói về sự buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời đã thể hiện rõ trong chính đời sống họ. Ngày nay chúng ta sẽ nói: “Để làm bằng chứng anh em đã buồn rầu theo ý Đức Chúa Trời.” Sau đó ông tiếp tục nói nhiều kết quả khác nhau từ sự buồn rầu theo ý Chúa của họ.

Trước hết, sự buồn rầu này sinh ra sự ân cần, hay sự quan tâm sốt sắng, giữa vòng họ. Nếu phần đoạn này nói đến trường hợp kỷ luật được mô tả trong thư tín thứ nhất, thì cụm từ này có nghĩa dẫu thoát đẩu họ thờ ơ, nhưng cuối cùng họ rất quan tâm đến toàn bộ vấn đề.

Thứ nhì, ông nói: “Lại có sự chữa chữa... biết đường nào” (Bản Anh ngữ là “chứng minh anh em là vô tội biết bao”). Điều này không có nghĩa họ cố gắng biện minh hay biện hộ, nhưng đúng hơn là bằng cách quyết tâm hành động, họ cố gắng dẹp sạch khỏi mình mọi mặc cảm phạm tội hay cơ chế trách nhiệm khác nữa trong vấn đề này. Sự thay đổi thái độ của họ đã dẫn đến sự thay đổi hành động.

“Có sự buồn giận biết đường nào” có thể chỉ đến thái độ của họ đối với người phạm tội vì cơ người ấy đã làm cho danh của Đấng Christ bị sỉ nhục. Nhưng rất có thể điều này nói đến thái độ của họ đối với chính họ vì đã từng để cho một điều kinh khiếp đến như thế tiếp diễn rất lâu mà không hề giải quyết.

Có sự răn sự biết đường nào, rõ ràng muốn nói họ đã hành động trong sự kính sợ Chúa, nhưng cũng có thể bao

gồm cả ý tưởng cho rằng họ sợ sử đó đến thăm, nếu như ông cảm ơn mà đến.

Có sự sốt sắng biết dường nào, theo nghĩa đen là "sự khát khao biết dường nào." Hầu hết các nhà giải nghĩa đều đồng ý câu này nói đến sự khao khát thật đã thức tỉnh trong lòng họ để muốn Phaolô đến thăm. Tuy nhiên, cũng có thể nói đến nỗi khao khát mãnh liệt muốn thấy điều sai được sửa lại và điều ác bị sửa trị.

Có sự nôn nả biết dường nào, câu này được giải thích theo nhiều kiểu khác nhau như là sự sốt sắng về vinh hiển của Đức Chúa Trời, nôn nả sốt sắng khôi phục tội nhân kia, nôn nả được tẩy sạch khỏi ô uế trong vấn đề đó, hoặc nôn nả đứng về phía sử đó.

Có sự trách phạt biết dường nào có nghĩa "có sự hình phạt hay có sự báo trả biết dường nào." Ý tưởng này chỉ đơn giản là họ đã áp dụng biện pháp sửa trị người phạm tội trong hội chúng. Họ đã cương quyết để phải hình phạt tội lỗi đó.

Rồi Phaolô nói thêm "**Anh em đã tỏ ra cho ai nấy đều biết rằng mình vốn là thanh sạch trong việc đó.**" Đương nhiên, chúng ta đừng hiểu câu này nói họ không gánh trách nhiệm, nhưng chỉ đơn giản nói họ đã làm mọi điều có thể để xử lý thích đáng và để hành động như đáng ra phải hành động ngay từ đầu.

7:12 Có bốn nạn đề lớn trong câu này. Thứ nhất Phaolô muốn nói đến bức thư nào trong câu "**Tôi đã viết thư cho anh em?**" Thứ nhì, ai là "kẻ làm sự

trái nghịch"? Thứ ba, ai là "kẻ chịu sự trái nghịch"? Cuối cùng, nên dịch phần cuối của câu này là "**lòng chúng tôi yêu chuộng anh em**" hay "**lòng anh em yêu chuộng chúng tôi?**"

Đây có lẽ là bức thư chúng ta gọi là I.Côrinthô, hoặc cũng có thể là một bức thư sau đó mà nay không còn bảo tồn được. Người làm sự trái nghịch có lẽ là người loạn luân trong I.Côrinthô 5, hoặc có thể là một người nổi loạn nào đó trong Hội Thánh. Nếu Phaolô đang nói đến người loạn luân, thì người bị tổn thương kla chính là cha của người ấy. Mặt khác, nếu người làm sự trái nghịch là người nổi loạn, thì người chịu sự trái nghịch là chính Phaolô hoặc một nạn nhân vô danh nào đó.

Trong bản KJV và NKJV, phần cuối của câu này dịch là: **nhưng để cho lòng chúng tôi quan tâm anh em trước mặt Đức Chúa Trời được tỏ ra giữa anh em.** Nhưng hầu hết các bản dịch hiện đại dịch tương tự với bản NASB: "**Hầu cho lòng anh em yêu chuộng chúng tôi được tỏ ra giữa anh em ở trước mặt Đức Chúa Trời.**"

7:13 Vì bức thư của ông đã đem lại tác dụng đúng như mong muốn, nên Phaolô được yên ủi. Người Côrinthô đã ăn năn và đứng về phía ông. Ngoài ra, ông còn được khích lệ bởi sự nhiệt tình của Tit tỏ ra với các thánh đồ của Côrinthô; Tit đã được yên lặng (tươi tỉnh) nhờ tiếp xúc với họ.

7:14 Dường như trước khi sai Tit đến Côrinthô, sử đó đã khen tin hữu tại đó với Tit. Giờ đây ông nói sự khoe mình của ông không phải là sai. Toàn bộ

những điều sứ đồ đã nói đến người Côrintô đều được xác minh bởi kinh nghiệm của Tit giữa vòng họ. Mọi điều sứ đồ đã nói với người Côrintô là thật thế nào, thì lời ông khoe với TH cũng là thật thế ấy.

7:15 Hiển nhiên, Tit không biết mình sẽ được tiếp đón thế nào khi đến miền nam Hy Lạp. Có lẽ ông hướng trước sự tiếp đón tệ hại nhất. Nhưng khi đến nơi, người Côrintô hết lòng nghênh đón, và không những chỉ thế mà thôi, họ còn làm cho ông yêu mến họ càng hơn bằng cách vàng theo những lời dạy của sứ đồ Phaolô do Tit đem đến.

Khi sứ đồ nói họ đón tiếp Tit cách **sợ sệt run rẩy**, ông không có ý nói đến nỗi kinh hoàng khủng khiếp hay sự sợ hãi hèn nhất, nhưng trái lại đó là ý thức tôn kính trước mặt Chúa trong vấn đề đó và lòng khao khát đầy tận trọng để làm đẹp lòng Ngài.

7:16 Khi Phaolô nói ông **tin cậy** các thánh đồ này trong mọi sự, chúng ta không được phép buộc lời lẽ của ông nói vượt quá ý định của ông. Đương nhiên, những lời này không có nghĩa ông xem người Côrintô không có khả năng phạm tội hay thất bại. Nhưng trái lại, những lời này muốn nói sự **tin cậy** của ông nơi họ, và nói đến điều ông đã khoe với Tit, thì chẳng phải vô ích. Họ chứng minh họ xứng đáng với lòng tin cậy của ông. Rõ ràng, điều này cũng bao gồm cả ý: vì họ đã tỏ thái độ thích đáng trong vấn đề được thảo luận ở bức thư thứ nhất, nên ông cảm thấy mình đã đúng khi **tin cậy** trọn vẹn nơi họ.

Câu này kết thúc phần thứ nhất của thư II.Côrintô, là phần chúng ta thấy

dành để mô tả chức vụ của vị sứ đồ và nỗ lực đầy quyết tâm của Phaolô để củng cố những mối liên kết giữa người Côrintô với ông. Hai đoạn tiếp theo đề cập đến "ơn ban cho."

II. LỜI PHAOLÔ KHUYẾN HOÀN TẤT CUỘC QUYÊN GÓP CHO CÁC THÁNH ĐỒ Ở GIÊRUSALEM (Đoạn 8,9)

A. Những Sự Tích Và Sự Đáng Hiển Bội Rộng (8:1-9)

8:1 Phaolô muốn tín hữu biết phương cách khác thường mà ơn Chúa đã thể hiện ở giữa vòng Cơ Đốc nhân trong các Hội Thánh xứ Maxêdoan (phía bắc Hy Lạp). Philip và Têsalônica là hai thành phố có Hội Thánh tại đó.

Cách cụ thể để những người Maxêdoan chứng tỏ họ đã nhận ơn Đức Chúa Trời chính là sự rộng rãi của họ.

8:2 Những Cơ Đốc nhân này đang chịu nhiều hoạn nạn hữu ích. Bình thường, những người bị thử thách như thế sẽ tìm cách đánh đấm tiền để lo liệu cho tương lai. Và đặc biệt lại càng như thế nếu họ không giàu có lắm, như trong trường hợp của những người Maxêdoan này. Họ không có nhiều tiền. Nhưng chính sự vui mừng Cơ Đốc của họ tràn ngập đến độ khi trình bày nhu cầu của các thánh đồ tại Giêrusalem cho họ. Họ đã đảo ngược hành vi bình thường để dâng hiến cách rộng rãi. Họ đã có thể kết hợp giữa hoạn nạn, vui mừng, nghèo khổ và lòng rộng rãi.

8:3 Có nhiều đặc điểm độc đáo khác về sự rộng rãi của họ. Họ không những đã quyên tiền theo sức mình; mà đã dâng quá sức. Họ còn tự ý - tức là đã

dâng hiến cách tự phát không hề bị thúc ép, bị thuyết phục hay bị đổ dành.

8:4 Họ hết sức khẩn cấp đến nỗi nài xin Phaolô làm ơn cho họ góp phần cứu trợ các thánh đồ tại Giêrusalem. Có lẽ sứ đồ đã ngán ngại nhận lòng tốt của họ, vì biết lúc đó họ nghèo biết dường nào. Nhưng họ không chấp nhận lời khước từ. Họ muốn được phép góp phần.

8:5 Có lẽ lúc trước Phaolô chỉ mong đợi, hoặc chỉ hy vọng, họ sẽ hành động giống như những con người hay chết khác, thường là: thoát đầu dâng miễn cưỡng, rồi sau đó khi thúc ép nhiều hơn thì họ dâng nhiều hơn. Nhưng người Maxêdoan không như vậy! Những Cơ Đốc nhân yếu đuối này trước hết đã **dâng** của dâng vĩ đại nhất – là chính họ. Như vậy sau đó, dâng tiền là điều rất dễ dàng đối với họ. Khi Phaolô nói trước hết đã **dâng** chính mình cho Chúa và sau lại cho chúng tôi theo ý muốn Đức Chúa Trời, ông chỉ đơn giản nói rằng trước hết đã có sự dâng mình hoàn toàn cho Chúa, rồi sau đó họ sẵn lòng dâng mình cho Phaolô theo ý nghĩa họ muốn giúp quyền góp cho Giêrusalem. Trên thực tế, họ đã nói với Phaolô: “Chúng tôi đã dâng chính mình cho Chúa, và giờ đây chúng tôi dâng mình cho ông là người quản lý của Ngài. Ông cho chúng tôi biết phải làm gì, vì ông là sứ đồ của Đấng Christ, Chúa chúng ta.”

J. Campbell Morgan nói: “Những của dâng vào công việc Chúa chỉ có giá trị khi chúng là những của dâng từ những người đã đầu phục Đức Chúa Trời.”

8:6 Sứ đồ rất phấn khởi về tấm gương của người Maxêdoan đến nỗi giờ đây ông muốn người Côrinthô bắt chước họ. Vì vậy, ông cho biết đã khuyên Tit đến để làm trọn công việc ông bắt đầu tại Côrinthô. Nói cách khác, khi lần đầu Tit đến thăm những người Côrinthô, Tit đã nêu cho họ toàn bộ vấn đề quyền góp này. Giờ đây khi trở lại, ông được dặn phải lo liệu sao cho ý tốt được chuyển thành hành động.

8:7 Vì người Côrinthô trội hơn trên nhiều phương diện (và thực sự như vậy), nên giờ đây Phaolô muốn họ cũng trội hơn trong vấn đề dâng hiến. Ông khen họ đã dư dật trong **Đức tin**, trong **lời giảng**, trong **sự hiểu biết**, trong **sự siêng năng** (sự sốt sắng) và trong **tình yêu dành cho ông**. Trong thư I.Côrinthô, ông đã khen họ về sự hiểu biết và lời nói của họ. Ở đây, ông nêu thêm nhiều phẩm hạnh khác, rõ ràng nhờ kết quả chuyển đi thăm của Tit.

Cụm từ “**về Đức tin**” có thể mô tả đức tin mạnh mẽ nơi Đức Chúa Trời, về ân tứ đức tin, hay về sự trung tin trong cách họ đối đãi với đồng bạn mình.

“**Về lời giảng**” (Bản Anh ngữ “trong lời nói”) rõ ràng nói đến sự thành thạo của cách sử dụng tiếng lạ, để tài chiếm địa vị đáng kể trong thơ úm thứ nhất.

“**Về sự vững lời**” (Bản Anh ngữ “trong sự hiểu biết”) có thể nói đến những ân tứ thuộc linh hay phạm vi hiểu biết các chân lý thiên thượng của họ.

“**Về mọi sự sốt sắng**” mô tả nhiệt tâm và sự sốt sắng của họ trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

Cuối cùng, tình yêu của họ dành cho Phaolô được nhắc đến như là đáng ca ngợi. Giờ đây, Phaolô muốn thêm một cụm từ khác nữa vào danh sách, tức là "trong mọi sự rộng rãi." Denney cảnh cáo:

...Người dự dật trong những lợi ích và mối quan tâm thuộc linh, người đầy lòng sốt sắng, cầu nguyện, giàu lòng thương mến, có thể nói trong Hội Thánh Chúa, những lợi không thể cho đi tiền của mình.³⁰

8:8 Phaolô không truyền điều này cách khắc nghiệt và duy luật. Trái lại, ông muốn thử sự thành thật của lòng yêu thương nơi họ, và đặc biệt là thử dựa theo sự sốt sắng và nôm nã của những Cơ Đốc nhân xứ Maxêdoan trong vấn đề này. Khi Phaolô nói ông không truyền dạy, ông không có ý bảo rằng điều này không được soi dẫn. Ông chỉ đơn giản nói việc ban cho phải xuất phát từ tấm lòng sẵn sàng chịu làm, vì "Đức Chúa Trời yêu kẻ thí của cách vui lòng."

8:9 Đến đây, sứ đồ Phaolô giới thiệu một trong những câu Kinh Thánh tuyệt vời nhất của bức thư vĩ đại này. Trên nền những hoàn cảnh vụn vặt của đời sống tại xứ Maxêdoan và tại Côrintô, ông vẽ lên đức chân dung đáng yêu tuyệt vời của Đấng rộng lượng nhất đã từng sống xưa nay.

Từ ngữ **ơn** được dùng theo rất nhiều cách khác nhau trong Tân Ước, nhưng ở đây, ý nghĩa không lầm lẫn được của từ ngữ này chính là ơn về sự rộng rãi. Đức Chúa Jêsu Christ rộng lượng đến mức nào? Ngài rộng lượng đến nỗi Ngài đã ban cho mọi điều Ngài có vì cơ chúng ta

để chúng ta bởi sự nghèo của Ngài mà được nên giàu có đời đời.

Moorehead nhận định:

Ngài giàu có của cải, quyền năng, sự tôn kính, sự thông công và hạnh phúc. Ngài trở nên nghèo trong thân phận, hoàn cảnh, trong mối quan hệ của Ngài với con người. Chúng ta được khuyến ban cho chút ít tiền bạc, án quân lương thực. Còn Ngài đã bần chính Ngài.³⁷

Câu Kinh Thánh này dạy về tiền hiện hữu của Chúa Jêsu. Ngài đã giàu khi nào? Đương nhiên không phải khi Ngài vào trần gian làm một hài nhi tại Bếtlêhem! Đương nhiên không phải trong ba mươi ba năm lang thang "như một khách lạ không nhà giữa chốn thế gian do tay Ngài tạo dựng." Ngài đã giàu trong cõi quá khứ đời đời, cùng ở với Đức Chúa Cha trên chốn thiên cung. Nhưng Ngài đã tự làm nên nghèo. Câu này không những nói về Bếtlêhem, nhưng còn nói về Naxarét, Ghếtsemanê, Gabatha và Gôgôtha. Và toàn bộ điều đó chính vì cơ chúng ta, để bởi sự nghèo của Ngài mà chúng ta được nên giàu.

Nếu đúng như vậy, và đương nhiên là đúng rồi, thì chúng ta đáng phải vui mừng tột cùng để dâng mọi thuộc tính và mọi của cải mình có lên Ngài. Giữa phần Phaolô luận về sự dâng hiến Cơ Đốc, không còn điều nào mạnh mẽ hơn lập luận này nữa.

B. Lời Nhuyến Tốt Để Hoàn Tái Cuộc Quyền Góp (8:10,11)

8:10 Giờ đây Phaolô quay sang người Côrintô. Họ đã tính quyền góp cho các thánh đồ nghèo trước khi người

Maxêdoan quyết định thực hiện. Người Côrintô đã thực sự bắt đầu công việc này trước khi người Maxêdoan bắt đầu quyền góp. Để nhất quán, họ nên hoàn tất những gì mình đã bắt đầu từ một năm trước kia. Như vậy sẽ là lợi thế của họ, vì nó chứng minh sự thành tâm và nhất quán của họ.

8:11 Dấu nguyên nhân khiến họ chậm trễ là gì đi nữa, Phaolô báo họ nên bỏ qua để làm trọn điều mà họ đã tỏ ra sẵn sàng làm. Họ nên làm cho trọn theo khả năng họ lúc bấy giờ chứ đừng làm theo điều họ có thể cảm thấy thích làm trong tương lai nếu như giàu có hơn.

E. Ba Nguyên Tắc Tốt Cho Sự Dâng Hiến Rộng rãi (8:12-15)

8:12 Dường như người Côrintô đã chậm trễ quyền góp cho các tin đồ nghèo tại Giêrusalem với hy vọng nếu muộn hơn thì sẽ có thể gởi nhiều hơn. Tuy nhiên, ở đây họ được nhắc vấn đề không phải là họ gởi nhiều được đến mức nào. Nếu lòng họ thật sự khao khát thông công trong vấn đề tốt lành này, thì Đức Chúa Trời nhận món quà của họ, cho dù có nhỏ đến đâu đi nữa. Chính thái độ của tấm lòng mới đáng kể.

8:13 Mục đích của Phaolô không phải làm cho người Côrintô phải rảnh sức về tài chánh. Ý của ông không phải để Hội Thánh Giêrusalem sẽ được dễ chịu hơn và làm cho Hội Thánh Côrintô phải chịu túng thiếu hay bị nghèo đi.

8:14 Câu này mô tả chương trình của Đức Chúa Trời để cứu trợ cảnh

túng thiếu trong Hội Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ. Mục đích của Chúa là muốn bất cứ khi nào có cảnh túng thiếu tại một vùng này giữa vòng các Cơ Đốc nhân, thì các vùng khác sẽ đổ nguồn cứu trợ vào vùng đang hết sức túng thiếu ấy. Sự tuôn đổ liên tục và tuôn đổ ngất quăng nguồn cứu trợ đến sẽ giúp san sẻ đều nhau ở giữa các Hội Thánh trên toàn thế giới.

Như vậy, lúc Phaolô đang viết thư, sẽ có những ngân khoản cứu trợ từ Côrintô, Maxêdoan và các nơi khác đổ về Giêrusalem. Nhưng có lẽ trong tương lai, các thánh đồ tại Giêrusalem sẽ được quan tâm tốt, trong khi có thể tại Côrintô sẽ gặp túng thiếu. Trong trường hợp như thế, dòng chảy nguồn cứu trợ sẽ đổi ngược lại. Đây chính là ý Phaolô muốn nói trong câu này. Giờ đây tình trạng túng thiếu đang có tại Giêrusalem, nhưng lúc nào đó trong tương lai có thể sẽ ở tại Côrintô, và lúc đó các nơi khác sẽ giúp họ.

8:15 Nguyên tắc về sự san bằng nhau này được nhấn mạnh bởi câu trích từ Xuất Êđiptô Ký 16:18. Khi con cái Ysaraên đi ra lượm mana, người này có thể lượm được nhiều hơn người khác. Nhưng không quan trọng. Khi phân phối mana, mỗi người nhận được một lượng như nhau – là một óme hoặc khoảng 5 pints (khoảng 2,4 lít). Vì vậy “Kẻ đã thâu nhiều cũng chẳng dư, kẻ ít thâu ít cũng chẳng thiếu chi.” Nếu có cất trữ thì mana ấy hóa ra sâu!

Sự cân bằng này không xảy ra bởi phép lạ hay bằng phép thuật. Có sự cân bằng vì những người có rất nhiều đã

chia sẻ với những người không có đủ.

Hogde nhận định:

Bài học... được dạy trong Xuất Êđíphtô Ký và bài Phaolô dạy ấy là: giữa dân sự của Đức Chúa Trời, nên sử dụng sự dư dật dồi dào của người này để làm giảm nhẹ những thiếu thốn nhu cầu thiết yếu của người khác; và bất kỳ nỗ lực nào nhằm di ngược lại quy luật này đều gây hờ thẹn và thiệt thòi. Tài sản cũng giống như mưa; nó không chịu cất trữ.³⁶

Đoạn trích sau từ nguồn vô danh cũng nói lên cùng một ý:

Đức Chúa Trời định cho mỗi người đều dư phần diễm tốt lành trong đời sống. Tuy nhiên, có người thâu hưởng nhiều, có người ít. Người có nhiều nên chia sẻ cho những người có ít. Đức Chúa Trời cho phép có sự phân phối của cải không đồng đều, nhưng không phải như vậy để người giàu sẽ hưởng lấy cách ích kỷ, nhưng để chia sẻ với người nghèo.

D. Ba Anh Em Tốt Để Chuẩn Bị Cuộc Quyên Góp (8:16-24)

8:16 Trong hai câu tiếp theo, Tít được gởi gắm vì thái độ xuất sắc của ông trong vấn đề này. Trước hết có lời tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài đã xui lòng Tít cũng ân cần với người Côrinhtô. Phaolô đã tìm được người tâm đầu ý hợp nơi bạn cộng sự này. Ông thấy Tít cũng chia sẻ đồng một gánh nặng với vị sứ đồ đang cưu mang cho người Côrinhtô.

8:17 Phaolô khuyên Tít đến Côrinhtô cảm theo bức thư này, nhưng lời khuyên trở thành không cần thiết. Tít muốn tự ý đến thăm họ.

Mệnh đề "người... đi đến thăm anh em" chắc muốn nói "người sắp đến với anh em." Mệnh đề này minh họa thì quá khứ bất định dùng trong thư tín, nhìn xem hành động ấy không phải vào lúc Phaolô viết thư này, nhưng lúc người Côrinhtô đọc bức thư. Rõ ràng Tít là người đã mang thư này đến Côrinhtô. Ông không rời Phaolô để đi Côrinhtô cho đến lúc Phaolô viết xong thư.

8:18 Câu 18-22 mô tả hai anh em Cơ Đốc khác nữa cùng lo sứ mạng này với Tít. Người thứ nhất được mô tả trong câu 18-21, và người thứ nhì trong câu 22. Không nêu tên cả hai người.

Phần Kinh Thánh này thật quý giá vì cho thấy những sự thận trọng của Phaolô khi xử lý những nguồn ngân quỹ để khỏi có cơ sở nào lên án ông giải quyết sai về tiền bạc.

Anh em thứ nhất được nhắc đến ở đây là người đáng khen vì công việc đã làm cho đạo Tin Lành. Có nhiều ý kiến rất khác nhau về người này. Có người nói là Luca, có người nói là Sila, có người nói là Trôphim. Nhưng có lẽ nếu cứ cố đoan, chúng ta sẽ trật mất ý chính của toàn phân đoạn. Chẳng phải Phaolô đã cố tình không nêu tên ông ta sao? Làm môn đồ thật thương bao gồm cả bị lãng quên hoặc không ai biết đến. Đây tờ gài giúp ích rất nhiều cho đời sống của Naaman, người binh phung, cũng giống như vậy. Điều này cũng đúng với cậu bé đã trao bữa ăn trưa của mình cho Chúa Jêsus.

8:19 Anh em không nêu tên này được các Hội Thánh chọn lựa để thực hiện chuyến đi phải có vì cơ việc nhân

đức này. Nói cách khác ông được cử làm một trong các sứ giả để đem của quyền góp tự nguyện này đi. Sứ đồ xem mình và những người khác là tôi tớ hay những người quản lý công việc như đức này. Họ làm vì **vinh hiển của chính mình Chúa**. Và họ muốn việc họ làm chứng tỏ sự sẵn lòng và sốt sắng phục vụ các thánh đồ nghèo tại Giêrusalem.

8:20 Sứ đồ rất khôn ngoan nên không một mình đơn phương xử lý món tiền này, cũng không giao cho bất kỳ một mình người nào khác. Ông quả quyết việc chuyển đi phải do một nhóm hai, ba hoặc nhiều người hơn nữa. Ông nói ý này trong câu 20. Để tránh mọi khả năng xuyên tạc hay tai tiếng xấu, ông bảo đảm sao cho việc chuyển giao món tiền **góp nhiều** như vậy phải được thực hiện sao cho tránh khỏi mọi tiếng xấu.

8:21 "Tìm tòi điều lành" có nghĩa bảo đảm để công việc được làm một cách trung thực. Phaolô muốn những việc làm của mình không những phải **ngay thật trước mặt Chúa**, mà cũng còn phải **không chỗ trách được trước mặt người** la nữa. Morgan lưu ý: "Trách nhiệm của cộng đồng Cơ Đốc là phải làm việc sao cho người của thế gian không có cơ nghi ngờ công việc của cộng đồng Cơ Đốc có bất kỳ điều gì trái với sự công bình."³⁹

Nhân tiện, câu này gần giống với Châmngôn 3:3,4 trong Bản Bảy Mươi.

8:22 Ở đây chúng ta có thêm một **anh em vô danh** khác nữa được Phaolô cử giúp vấn đề quan trọng này. Người này **"có lòng sốt sắng** mà đòi phen

chúng tôi đã thử thách" trong nhiều vấn đề, và giờ đây là càng sốt sắng đặc biệt hơn đối với chuyến đi đặc biệt này, vì **cổ người có lòng rất tin cậy** anh em Cōrinthō.

Ở đây, bản NKJV nói "Vi cơ lòng rất tin cậy mà chúng tôi có nơi anh em." Từ ngữ **"chúng tôi có"** được thêm vào (được in nghiêng), và nhiều người khác muốn hiểu lòng tin cậy này là của nhân vật vô danh kia hơn. Như vậy, Phaolô sẽ gửi gắm người này không những vì trung tín trong quá khứ, mà còn vì quan tâm sâu xa đến dịp đặc biệt này bởi nguyện do **có lòng tin cậy** nơi người Cōrinthō.

8:23 Do đó, Phaolô nói "Nếu có ai **thắc mắc**" (Bản Anh ngữ) về ba người này, thì người Cōrinthō có thể trả lời Tit là **ạn bề** của Phaolô và người cùng **làm việc** với Phaolô vì người Cōrinthō, và hai anh em kia là những **sứ giả của các Hội Thánh**, tức là sự **vinh hiển của Đấng Christ**. Cụm từ **"sự vinh hiển của Đấng Christ"** đương nhiên là lời mô tả tôn cao những người này. Chính vì họ là đại diện của các **Hội Thánh** nên họ được gọi như thế. Họ đã khiến công việc Chúa chiếu sáng người **uớt mắt** con người. Họ làm vẻ vang cho Chúa và phản chiếu vinh hiển Ngài.

8:24 Khi xét đến toàn bộ điều này, người Cōrinthō nên đón tiếp họ như thế và chứng tỏ lời Phaolô **khoe** về họ là đúng bằng cách trao cho những đại diện này món quà rời rạc cho các thánh đồ tại Giêrusalem. Đây sẽ là **bằng chứng** cho các **Hội Thánh** xung quanh thấy linh **yêu Cơ Đốc** của họ. Phillips dịch câu

này: “Vị vậy, hãy để cho họ cùng với mọi Hội Thánh nhìn thấy tình yêu của anh em là chân thật biết đường nào, và chứng minh mọi lời tốt đẹp chúng tôi đã nói về anh em!”

E. Kêu Gọi Người Côrintô Xác Chứng Điều Phaolô Khoe Về Họ (9:1-5)

9:1 Phaolô hoàn toàn không cần phải viết cho người Côrintô về để tài trợ tài chính giúp đỡ cho các thánh đồ túng thiếu nữa – thế nhưng dấu sao đi nữa ông vẫn tiếp tục viết như vậy. Có lẽ câu này mang ý mỉa mai. Thực ra, trên một số phương diện, ông không cần viết thư cho họ. Họ đã tỏ ra sẵn lòng ngay từ đầu dự phần quyên góp cho Giêrusalem. Họ đã được khen về sự sẵn lòng ấy. Nhưng đơn giản là họ vẫn chưa thực hiện những ý định lúc đầu của mình. Đó là nguyên nhân ông thấy cần phải khai triển rộng điều “không cần viết thêm” này.

9:2 Không còn nghi ngờ gì về sự sẵn lòng của họ. Từ lúc mới bàn đến đề tài này lần đầu tiên, họ đã tỏ ra sốt sắng và nôn nả. Thực ra, Phaolô đã khoe họ với Cơ Đốc nhân tại xứ Maxêđoan. Ông nói với người Maxêđoan rằng người Achai đã sẵn sàng từ năm ngoái. Achai – là vùng phía nam của Hy Lạp – ở đây nói đến Côrintô, vì thành Côrintô ở tại đó. Khi người Maxêđoan nghe Cơ Đốc nhân tại Côrintô đã sẵn sàng một năm rồi, phần lớn tín hữu (người Maxêđoan) được giục lòng; họ đã lấy công tác dâng hiến Cơ Đốc và quyết định hết lòng lo việc này.

9:3 Ở đây, khi Phaolô nói ông sai các anh em kia đến, thực ra ý ông

muốn nói ông đang sai họ đi. Thì quá khứ xem xét việc này từ nhân quan của độc giả chứ không từ của tác giả. Các anh em kia là ba người được nhắc đến trong đoạn trước: Tit và hai Cơ Đốc nhân không nêu tên khác nữa. Họ đang được sai đi để việc Phaolô khoe người Côrintô về sự quyên góp sẽ không trở nên vô ích. Sự mạng của ba anh em này là bảo đảm của quyên góp đã được chuẩn bị xong khi Phaolô đến đó.

9:4 Khi sứ đồ đi từ Maxêđoan xuôi xuống phía nam đến Côrintô, không phải không có khả năng một tín hữu Maxêđoan sẽ cùng đi. Phaolô sẽ lúng túng biết đường nào nếu sau khi đã khoe về người Côrintô, ông đưa một tín hữu Maxêđoan đến để rồi thấy người Côrintô thực sự chẳng làm gì về món quà gửi cho Giêrusalem cả! Nếu gặp cảnh như vậy, lòng tin cậy người Côrintô của Phaolô sẽ trở nên điều hổ thẹn cho ông, chưa nói đến chuyện chính người Côrintô phải thực sự có cơ hổ thẹn vì đã bê trễ.

Bản dịch của Phillips thật đặc sắc:

Thì sẽ không ổn cho chúng tôi nếu một số tín hữu Maxêđoan cùng đi với tôi đến thăm anh em và thấy anh em chưa chuẩn bị sẵn cho việc làm rộng rãi này! Chúng tôi (đấy là cheta kể đến anh em) sẽ hổ thẹn kinh khiếp, chỉ vì có chúng tôi rất tự hào và tin quyết nơi anh em.

9:5 Như vậy, đây là nguyên nhân khiến Phaolô nghĩ cần phải xin ba anh em kia đến Côrintô trước ông. Họ sẽ chuẩn bị sẵn từ trước món quà rồi rộng họ đã hứa trước kia cho các thánh đồ Giêrusalem. Làm như vậy để của ấy sẵn

sàng như một việc bởi lòng thành, chẳng phải bởi ý gắng gượng. Ông không hề có ý để ngân quỹ này làm kiệt quệ những thánh đồ Côrinthô giống như bóc lột họ, nhưng để nó trở thành biểu hiện cho lòng rộng rãi của họ, bởi họ tự nguyện ban cho.

F. Những Phấn Thưởng Tột Đẹp Của Sự Dâng Hiến Cách Rộng Rãi (9:6-15)

9:6 Trong câu 6-15, sử đồ Phaolô liệt kê một số những phần thưởng và ích lợi tuyệt vời của sự dâng hiến Cơ Đốc. Thứ nhất, ông nêu ra luật mùa gặt. Sự kiện ai cũng biết trong nông nghiệp cần phải gieo giống rồi rộng rãi nếu muốn gặt nhiều. Có lẽ nông gia này sẵn sàng gieo giống xuống đất. Người sẽ gieo cách rộng rãi hay sẽ giữ lại một số hạt giống để dùng làm lương thực trong tháng sắp tới? Ý chính ở đây là: nếu người gieo cách hào phóng, thì cũng sẽ gặt gấp bội phần mình đã gieo.

Chúng ta nên nhớ điều này trong nông nghiệp – nông gia không gặt chính xác lượng hạt đã gieo ra, nhưng nhiều hơn bội phần. Trong sự dâng hiến Cơ Đốc cũng vậy: vấn đề không phải là nhận lại chính xác những gì mình đã dâng, nhưng nhận lại gấp bội phần lượng đã dâng. Đương nhiên phần thưởng đến đáp không phải chỉ bằng tiền mà là phước hạnh thuộc linh.

9:7 Mỗi người nên tùy theo lòng mình đã định mà dâng. Cần phải suy tính xem cần gì cho những nhu cầu trước mắt của mình. Sẽ phải nghĩ đến những bổn phận phải cặng đáng trong cuộc sống bình thường. Nhưng bên trên điều đó, nên nghĩ đến nhu cầu của

những Cơ Đốc nhân bạn hữu mình, đến những đòi hỏi của Đấng Christ trên mình. Kết hợp toàn bộ những suy xét này, nên dâng hiến không phải phản nản hay là vì ép uống. Có thể ban cho nhưng lại thấy không sung sướng hạnh phúc vì đã dâng. Cũng có thể ban cho dưới áp lực của những lời kêu gọi đầy tình cảm hay do lòng túng trước công chúng. Những điều như thế sẽ không ích lợi gì. Đức Chúa Trời yêu kẻ thí của (Bản Anh ngữ là “người ban cho”) cách vui lòng. Người ta thường nói rằng chữ cực kỳ vui thích (*hilarious*) ra từ chữ được dịch ở đây là cách vui lòng (*hilaron*).

Có phải Đức Chúa Trời thật sự cần tiền của chúng ta không? Không, sức vật trên hàng ngàn cánh đối kia thuộc về Ngài, và nếu Ngài có cần gì, Ngài cũng không nói cho chúng ta biết đâu (Thithiên 50:10-12). Nhưng chính thái độ của lòng chúng ta mới quan trọng đối với Ngài. Ngài thích nhìn thấy Cơ Đốc nhân được đầy dẫy vui mừng của Chúa đến nỗi muốn chia sẻ điều mình có cho người khác.

Jowett nói: Đức Chúa Trời yêu người ban cho cách vui lòng bởi vì:

Sự ban cho cách vui lòng phát sinh từ tình yêu, nên đây chính là một người yêu thương người yêu dấu và vui mừng chung phần nhau. Ban cho là ngôn ngữ của yêu thương; thực ra, không có cách nói nào khác nữa. “Đức Chúa Trời yêu thương... đến nỗi đã ban!” Tình yêu tìm được sức sống khi biết từ bỏ. Niềm tự hào duy nhất của tình yêu khi được sử hữu chính là niềm vui của sự từ bỏ. Nếu tình yêu có mọi sự, thì vẫn chưa sử hữu được điều gì cả.⁴⁰

9:8 Ở đây, chúng ta có lời hứa: nếu thực sự muốn có lòng rời rộng, Đức Chúa Trời sẽ xét để ban cho người ấy cơ hội. “Ơn” được dùng ở đây như từ đồng nghĩa chỉ về các nguồn cung ứng. Đức Chúa Trời có thể cung cấp cho chúng ta những nguồn cung ứng để chúng ta không những có đầy đủ cho chính mình, mà còn có thể chia sẻ những gì mình có với người khác, nhờ đó càng có rời rộng hơn nữa để làm các thứ việc lành.

Để ý những chữ “mọi sự” của câu này. Mọi thứ ơn, hàng (tức là mọi lúc), hàng đủ, mọi sự, các thứ (Bản Anh ngữ là “mọi thứ”) việc lành.

9:9 Giờ đây sứ đồ trích lời Thithiên 112:9. Cụm từ người đã rải ra nói đến hành động gieo giống. Câu này mô tả một người cứ hào phóng gieo giống, hay nói cụ thể hơn là hào phóng trong những việc nhân đức. Sự nhân đức cụ thể của người chính là ban cho người nghèo. Có phải vì hành động như thế mà trở thành người thua cuộc không? Không! Sự công bình của người còn đến đời đời. Điều này có nghĩa nếu rải sự nhân từ ra như người gieo rải hạt giống, chúng ta sẽ đón chứa cho mình những của báu trên Thiên đàng. Kết quả lòng nhân từ của chúng ta sẽ còn đến đời đời.

9:10 Minh họa người gieo giống vẫn tiếp tục. Đức Chúa Trời là Đấng phát hạt giống cho kẻ gieo giống và bánh để nuôi mình cũng chính là Đấng cầu thận để bảo đảm những người gieo sự nhân lành cho người khác sẽ gạt lấy phần thưởng chắc chắn. Một số phần thưởng

này được liệt kê tại đây. Thứ nhất, Ngài sẽ làm cho hạt giống anh em gieo sanh hóa ra nhiều, tức là Ngài sẽ ban nhiều cơ hội lớn lao hơn để gieo sự công bình cho dân sự Ngài và Ngài thêm kết quả càng dư dật hơn. Hơn nữa, Ngài lại sẽ thêm nhiều trái của sự công bình anh em nữa. Người Côrintô đã công bình khi ban cho thánh đồ tại Giêrusalem. Bởi sự dâng hiến ấy, họ sẽ nhận bổng trái mình là phần thưởng đời đời. Khi Chúa cho họ thêm khả năng để ban cho, và họ ban cho càng rời rộng, thì phần thưởng sẽ càng thêm nhiều tương ứng.

9:11 Đương nhiên ở phần này, rõ ràng dâng hiến cho Chúa không bao giờ làm mình nghèo đi. Trái lại, chính việc làm nhân đức sẽ tạo thành hành động phản xạ, và phần thưởng lại càng gấp bội món quà mình đã ban cho. Bởi đó, Phaolô nói bởi sự dâng hiến, Cơ Đốc nhân sẽ được giàu trong mọi sự để bày tỏ thêm lòng rất hào phóng. Khi các sứ đồ đến thăm và thấy Côrintô tăng trưởng trong ơn ban cho, họ (tức các sứ đồ) sẽ tạ ơn Đức Chúa Trời.

9:12 Khi món quà từ Côrintô được đem đến Giêrusalem, không những sẽ chu cấp nhu cầu các thánh đồ, mà còn khiến nhiều người tạ ơn Đức Chúa Trời nữa. Chúng ta thấy Phaolô nhiều lần nhấn mạnh sự tạ ơn. Trong mắt Phaolô, bất kỳ điều gì khiến người ta tạ ơn Chúa đều hết sức quan trọng.

9:13 Vẫn còn nhiều ích lợi khác nữa xuất phát từ tặng phẩm của người Côrintô. Đây sẽ là bằng chứng rõ ràng cho những Cơ Đốc nhân tại xứ Giuđê

biết đã thực sự có công việc của Đấng Christ trong đời sống những tín hữu người ngoại bang này. Đã có lúc Cơ Đốc nhân người Do Thái thực sự nghi ngờ những tín hữu như người Côrintô. Tín hữu Do Thái không xem những tín hữu ngoại bang là những Cơ Đốc nhân trưởng thành đầy đủ. Nhưng sự nhân đức này sẽ là bằng chứng tuyệt vời cho họ thấy thực tại về đức tin của người Côrintô, và họ sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời về những thành quả của Tin Lành Đấng Christ tại xứ Achai, cũng như về sự quyên góp rộng rãi cho tín hữu tại Giêrusalem.

9:14 Vẫn chưa hết! Còn tiếp hai ích lợi nữa. Nhờ món quà từ Côrintô gửi đến Giêrusalem, Cơ Đốc nhân người Do Thái sẽ quan tâm cầu thay cho những thành đồ tại Côrintô, và sẽ có những mối dây thương mến thật vững chắc. Thành đồ tại Giêrusalem sẽ âu yếm yêu mến người Côrintô bởi cơ ân điển quả đời của Đức Chúa Trời do người Côrintô tỏ ra.

9:15 Đến đây, Phaolô thốt lên lời tạ ơn! Đây là câu Kinh Thánh khó hiểu đối với nhiều học giả Kinh Thánh. Họ không nhìn thấy câu này liên kết gắn gũi với điều nào đi trước đó. Và họ thắc mắc "sự ban cho của Ngài không xối kể" có nghĩa gì.

Nhưng đối với chúng ta, dường như khi sứ đồ Phaolô đến cuối phần nói về sự dâng hiến Cơ Đốc, ông buộc phải nghĩ đến Đấng ban phát vĩ đại của muôn loài - là chính Đức Chúa Trời. Ông cũng nghĩ đến món quà vĩ đại nhất - là Đức Chúa Jêsus Christ. Vì vậy ông

để cho anh em Côrintô của mình ở lại trên cảm xúc cao tuyệt này. Họ là con cái Đức Chúa Trời và môn đồ của Đấng Christ. Vậy hãy để họ noi theo những tấm gương xứng đáng như thế!

III. PHAOLÔ BINH VỰC CHỨC SỨ ĐỒ CỦA MÌNH (Đoạn 10-13)

Bốn đoạn cuối thư II.Côrintô đề cập chủ yếu lời Phaolô bình vực chức sứ đồ của mình. Lời lẽ của sứ đồ Phierơ dường như đặc biệt mô tả thích hợp phần này trong các tác phẩm của Phaolô: "Ồ trong có mấy khúc khó hiểu." Hiển nhiên Phaolô đáp lại những lời buộc tội ông từ phía những kẻ chỉ trích, nhưng chúng ta buộc phải rút ra những kết luận của riêng mình để biết những lời buộc tội này là gì nhờ nghiên cứu những câu trả lời của Phaolô. Suốt phần này, vị sứ đồ dùng rất nhiều câu mỉa mai. Vấn đề nan giải là phải biết khi nào ông đang nói mỉa mai!

Tuy nhiên, đây là phần rất bổ ích trong lời quý báu của Chúa, và đương nhiên chúng ta sẽ nghèo thiếu rất nhiều nếu không có phần này.

A. Phaolô Đáp Lại Những Người Kiện Cáo Ông (10:1-12)

10:1 Trong câu 1-6, chúng ta có câu trả lời của sứ đồ cho những kiện cáo ông đang làm theo những phương pháp của người thế gian.

Trước hết, ông giới thiệu mình đơn giản "lời là Phaolô." Thứ nhì, ông nài xin thay vì tỏ hành động hống hách độc đoán với các thánh đồ - và thứ ba, ông lập lời nài xin của mình trên sự nhu mì và nhân từ của Đấng Christ. Đương nhiên, ông đang nghĩ đến đường lối của

Chúa Jêsus khi Ngài còn làm người trên trần gian. Nhân tiện, đây là một trong số rất ít câu Phaolô nói đến đời sống của Chúa trên trần gian. Thông thường, vị sứ đồ nói đến Đấng Christ trong tư cách Đấng đã thăng thiên và vinh hiển bên hữu Đức Chúa Trời.

Để mô tả thêm về mình, Phaolô nói "Tôi là người hèn hạ lắm trong khi gặp mặt giữa anh em, nhưng lúc vắng mặt, đối với anh em, tỏ ra biểi bao là dạn dĩ! Hiển nhiên câu này được nói để mỉa mai. Những người chỉ trích nói rằng Phaolô khi có mặt với tín hữu thì hèn nhát, nhưng khi vắng mặt thì dạn dĩ như sư tử. Họ nói sự dạn dĩ của ông thể hiện rõ qua thái độ hống hách trong các bức thư của ông.

10:2 Câu này liên kết với phần thứ nhất của câu 1. Ở phần đó, Phaolô bắt đầu nói ông nài nỉ người Côrinthô, nhưng không nói tội dung lời khấn cầu. Ở đây ông giải thích: "Tôi nài xin anh em chớ ép tôi, khi tôi sẽ có mặt, phải dùng sự dạn dĩ mà tôi loan dùng nghịch cùng mấy kẻ kia tưởng chúng tôi ăn ở theo xác thịt." Ông không muốn phải dạn dĩ đối với họ giống như ông đã định dạn dĩ với những người kết tội ông hành động theo xác thịt.

10:3 Ý trong câu này là: **dấu** các sứ đồ đang sống trong thân thể bằng xác thịt, nhưng họ không tiến hành cuộc chiến Cơ Đốc theo các phương pháp hay động cơ của xác thịt.

10:4 Vũ khí trong cuộc chiến Cơ Đốc không phải thuộc về xác thịt. Chẳng hạn, Cơ Đốc nhân không sử dụng gươm, súng hay chiến lược của chiến

tranh hiện đại để truyền bá Tin Lành Đấng Christ từ bờ biển này sang bờ biển kia. Nhưng đó vẫn chưa phải là những vũ khí xác thịt duy nhất đang được sử dụng nói đến ở đây. Cơ Đốc nhân không dùng giàu có, vinh quang, quyền lực, tình lưu loát hay tài khôn khéo để hoàn thành những mục tiêu của mình.

Trái lại, ông sử dụng những phương pháp vốn là "quyển năng của Đức Chúa Trời, có sức mạnh để đập đổ các đồn lũy." Đức tin nơi Đức Chúa Trời hàng sống, lời cầu nguyện, và vâng lời Chúa chính là những vũ khí hữu hiệu của mỗi chiến binh thật của Chúa Jêsus Christ. Những đồn lũy bị san bằng bởi chính những vũ khí này.

10:5 Câu này cho biết "những đồn lũy" trong câu 4 là gì.

Phaolô xem mình là chiến binh đang đánh trận với những lý luận kiêu ngạo của con người, những lập luận chống đối lại chân lý. Đặc tính thật của những lập luận này được mô tả trong cụm từ "nghịch cùng sự hiểu biết Đức Chúa Trời." Ngày nay có thể áp dụng điều này cho lập luận của các nhà khoa học, những người theo Thuyết Tiến Hóa, các triết gia, những tôn đê nghiêm nghị của các tôn giáo không dành chỗ cho Đức Chúa Trời trong kế hoạch của họ. Vị sứ đồ không hề muốn ký hiệp định ngừng bắn với họ. Trái lại, ông cảm thấy hết lòng bắt hết các ý lường làm tôi [mọi] vâng phục Đấng Christ. Mọi đạo lý và những phỏng đoán của con người đều phải đem đánh giá trước ánh sáng những lời dạy dỗ của Đức Chúa Jêsus Christ. Phaolô không lên án lý

luận của con người, nhưng muốn cảnh cáo chúng ta không được phép vận dụng tri khôn của mình để thách thức Chúa và bất tuân Ngài.

10:6 Là linh chiến của Đấng Christ, sứ đồ cũng sẵn sàng **phạt mọi kẻ chống phục, khi người Côrintô đã chứng tỏ sự vắng lời** của họ trước hết. Ông sẽ không hành động chống lại các giáo sư giả tại Côrintô cho đến khi ông trước hết biết chắc về **sự vắng lời** của những tín hữu này trong mọi sự.

10:7 Câu đầu tiên có thể là câu hỏi: **"Có phải anh em nhìn sự việc theo vẻ bề ngoài sao?"** (bản NKJV). Cũng có thể đây là một câu tường thuật sự kiện: **"Anh em chỉ đang nhìn xem bề ngoài"** (bản NIV). Hoặc có thể đây là câu mệnh lệnh: **"Hãy nhìn xem điều ở trước mắt anh em"** (bản RSV), có nghĩa "hãy đối mặt với những sự thật."

Nếu xem đây là câu tường thuật, câu này có nghĩa người Côrintô ưa đánh giá con người bằng cách xem người ấy có vẻ oai vệ, tài hùng biện thật ấn tượng, hoặc những khả năng lý luận thật tuyệt vời hay không. Họ bị ảnh hưởng bởi vẻ bề ngoài hơn là bởi thực chất bề trong.

Bằng có ai quyết mình thuộc về Đấng Christ, hãy **ngắm nghĩ rằng nếu người thuộc về Đấng Christ, thì chúng tôi cũng thuộc về Ngài**. Có thể ở đây Phaolô nói đến những người đã tuyên bố "ta là của Đấng Christ" (I.Côrintô 1:12), chắc họ có ý loại trừ những người khác ra. Ông trả lời không ai có quyền tuyên bố độc chiếm Đấng Christ. Người ấy thuộc về Chúa Jêsus cũng y như họ thuộc về Ngài vậy.

Cho dù những Cơ Đốc nhân muốn loại người khác ra ở đây là ai đi nữa, Phaolô vẫn không phủ nhận họ thuộc về Đấng Christ. Do đó, trong phần đoạn này, hầu như ông không nói đến các sứ đồ giả và những nhân sự lừa dối đang tự biến họ thành sứ đồ của Đấng Christ (11:14). Dường như trong thư này, Phaolô đang xử lý nhiều đối thủ khác nhau, có người đã được cứu và có người chưa.

10:8 Là sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ, Phaolô được ban **thẩm quyền** (bản Việt Ngữ "quyền phép") trên những Hội Thánh ông đã thành lập. Mục đích thẩm quyền này là để gây dựng các thánh đồ trong đức tin rất thánh của họ. Mặt khác, các giáo sư giả đang vận dụng thẩm quyền họ chưa hề nhận từ Chúa ở giữa vòng người Côrintô. Không những thế mà thôi, họ còn vận dụng quyền này để **triệt hạ** các thánh đồ hơn là gây dựng. Vì vậy Phaolô nói nếu ông khoe mình nhiều hơn nữa về **thẩm quyền Chúa đã ban cho**, thì ông cũng không vì vậy mà hổ thẹn. Những lời tuyên bố của ông cuối cùng sẽ được chứng minh là đúng.

10:9 Ông nói điều này để **khởi tử về như viết các bức thư dọa** cho Cơ Đốc nhân khiếp sợ. Nói cách khác, nếu vị sứ đồ khoe mình về quyền Chúa ban cho, thì ông không muốn Cơ Đốc nhân nghĩ ông đang cố dọa cho họ sợ. Nghĩ như vậy tức là đang tròng ké của những người chỉ trích ông. Trái lại, người Côrintô nên nhớ thẩm quyền được giao cho ông để gây dựng họ, và ông đang sử dụng thẩm quyền theo đúng cách đó.

10:10 Ở đây, chúng ta được phép nghe chính lời buộc tội chống lại sứ đồ Phaolô. Các đối thủ kết tội ông viết những bức thư đe dọa, nhưng đến khi có mặt thì yếu đuối và lời nói chẳng có giá trị gì.

10:11 Tất cả những người kết tội như thế nên nghĩ rằng khi Phaolô có mặt tại nơi họ, ông sẽ giống y như cách họ đã tả ông trong các thư tín của ông. Điều này không có nghĩa Phaolô thừa nhận mình đã hống hách trong các bức thư. Đó chính là những lời họ nói về ông. Nhưng ông đang nói mình sẽ xử lý họ thật nghiêm khắc khi gặp mặt đối mặt. Ông không hề bèn nhát.

10:12 Hiển nhiên các giáo sư giả có thói quen so sánh mình với người khác. Họ sẽ đưa Phaolô lên trước tầm nhìn của người Côrintô sao cho biến ông trở thành trò cười. Họ tự xem là nhóm nắm quyền lực. Họ tự xem là nhóm ưu tú. Theo họ, không ai có thể nổi bật lên được khi đứng bên cạnh họ. Vì vậy Phaolô nói với về châm biếm hiển nhiên: "Thật chúng tôi không dám bằng vai hoặc sánh mình với những người kia, là kẻ hay tự phở mình. Nhưng lấy mình đo mình, lấy mình so sánh với mình, thì họ tỏ ra ít trí khôn." Dấu họ đã cáo buộc Phaolô là dạn dĩ trong thư của ông, ở đây ông nói không đủ dạn dĩ sánh với những kẻ hay tự phở mình, hay với những người đem chính đời sống mình ra làm tiêu chuẩn đánh giá duy nhất.

Nên thấy rõ rằng nếu lấy chính mình làm tiêu chuẩn duy nhất cho mình, thì người ấy luôn luôn đúng! Chẳng còn chỗ để cải thiện nữa. Người

làm như vậy thì tỏ ra ít trí khôn. Có câu: "Nỗi khổ chịu của mọi bầy nhóm bè đảng chính là phớt lờ mọi điều tuyệt hảo của chính phe đảng mình."

B. Nguyên Tác Của Phaolô: Vũ Bất Mối Cho Đấng Christ (10:13-16).

10:13 Trong câu 13-16, Phaolô cho biết ý định khoe mình trong địa phận chức vụ mà Đức Chúa Trời đã chỉ định cho ông. Ông đã tập thói quen khi muốn khoe mình thì không xâm phạm công việc của người khác. Đây là lời ám chỉ hiển nhiên đến những người thiên về Do Thái giáo. Họ có thói quen xen vào các Hội Thánh đã được thành lập rồi bởi sứ đồ Phaolô hay bởi Cơ Đốc nhân khác, và rồi ở đó xây trên nền của người khác. Khi khoe mình, họ thực sự đang khoe những gì vốn là công việc của người khác.

Phaolô nói ông sẽ không khoe về những điều nằm bên ngoài địa phận hầu việc Đấng Christ của ông. Trái lại, ông sẽ khoe mình về những chỗ và những con người do Chúa đã ban thưởng cho chức vụ ông. Nơi đó bao gồm Côrintô, vì ông đã đem Tin Lành đến đó và kết quả đã thành lập được một Hội Thánh.

Arthur S. Way dịch rất phù hợp:

Nhưng tôi -- chính tôi không khoe khoang những đặc quyền vượt quá địa phận hợp pháp của mình. Tôi tự giới hạn mình bên trong ranh giới địa phận hoạt động do Đức Chúa Trời giao cho -- và đương nhiên vùng đó bao gồm sứ mạng của tôi cho anh em.

Thực ra, Phaolô đã được Chúa giao đem Tin Lành đến cho người ngoại bang. Sứ mạng này đương nhiên gồm cả

Côrinthô. Các sứ đồ tại Giêrusalem đã đồng ý việc này, nhưng giờ đây các giáo sư già đang từ Giêrusalem đến, xâm nhập các địa phận Chúa đã giao cho sứ đồ Phaolô.

10:14 Vị sứ đồ không buông mình khoe khoang quá mức. Chúa đã chỉ định cho ông địa phận phục vụ. Địa phận đó bao gồm Côrinthô. Ông đã đến Côrinthô, rao giảng Tin Lành, thành lập Hội Thánh. Nếu ông chưa đi đến tận Côrinthô, thì có thể kết tội ông khoe mình vượt ngoài giới hạn chính đáng của ông.

Ông đã chịu thử thách, hoạn nạn, nghịch cảnh và nhiều khó khăn để có thể đến với người Côrinthô. Giờ đây, những người khác đang xâm phạm địa phận do ông đã đi tiên phong, và chắc họ đang lớn tiếng khoe khoang những thành tựu của họ.

Bản NIV dịch câu Kinh Thánh khó hiểu này như sau: "Đâu phải chúng tôi đang khoe mình quá đáng, vì nếu chúng tôi chưa đến với anh em thì ắt đã khoe quá đáng, bởi vì chính chúng tôi đã thực sự đem Tin Lành của Đấng Christ đến tận nơi anh em."

10:15 Sứ đồ quyết tâm không khoe những vấn đề nào không trực tiếp là kết quả sự hầu việc Đấng Christ của mình. Đây chính là điều những người thiên về Do Thái giáo đang phạm: họ khoe về công khó của người khác. Họ cố cướp chiến của Phaolô, bôi nhọ và phá hoại tính cách của ông, phủ nhận và nói trái ngược những sự dạy dỗ của Phaolô, và nhận lấy thẩm quyền giả dối.

Phaolô hy vọng khi Đức tin của người Côrinthô thêm lên, và ông có thể

đi tiếp, đức tin của họ sẽ tự biểu hiện qua sự trợ giúp thực tiễn để giúp ông đi đến những miền xa hơn trong tư cách sứ đồ của Đức Chúa Trời. Vì đã mở mang chức vụ của mình như thế, nên ông sẽ tuân giữ quy tắc của mình trước sau như nhất.

Những rắc rối tại Côrinthô choán hết thời gian của ông đến nỗi ông bị ngăn trở không làm trọn được công tác truyền giáo cho những vùng xa hơn.

10:16 Quy tắc của ông là **truyền Tin Lành** ra đến các xứ xa hơn xứ Côrinthô (chắc có lẽ nói đến vùng phía tây Hy Lạp, nước Ý và Tây Ban Nha) và không hề khoe mình về địa phận thành tựu của người khác. Sứ đồ Phaolô không định giảm lên cảnh đồng công khó của người khác hay khoe mình về những việc người khác đã làm trước khi ông đến nơi đó.

C. Mục Tiêu Tối Hậu Của Phaolô: Sự Gõ Gâm Của Chúa (10:17,18)

10:17 Nếu có ai khoe mình, hãy khoe mình trong Chúa. Rõ ràng câu này có nghĩa ông chỉ khoe mình trong việc Chúa đã đẹp lòng thực hiện qua ông. Dường như đây là phương hướng lập luận chung của sứ đồ.

10:18 Suy cho cùng, tự khen mình cũng không được Chúa chấp thuận đâu. Câu hỏi mà những người chỉ trích Phaolô phải đối diện ấy là: Chúa có tiến cử, gởi gắm người bằng cách chúc phước cho chức vụ người đến nỗi nhiều linh hồn được cứu, nhiều thành đồ được dựng vững trong đức tin, và nhiều Hội Thánh được thành lập hay không? Người có thể chứng minh sự chấp thuận

của Chúa bằng cách chỉ ra những người đã hoán cải qua sự giảng đạo của người chàng? Điều này mới quan trọng. Phaolô sẵn lòng và có thể đưa ra những bằng chứng như thế để cho thấy Chúa tiến cử chức vụ của ông.

Trong đoạn này và đoạn tiếp theo, Phaolô buông mình vào điều mà ông gọi là sự rở dại. Ông tiếp tục dự phần vào công việc rở dại là khoe về mình. Ông không hề có ý muốn khoe mình như vậy. Ông hoàn toàn thấy khó chịu. Nhưng ông yêu cầu người Côrintô đừng chịu khi ông tự biến mình thành kẻ rở dại như thế.

Đương như các giáo sư giả khoe mình rất nhiều. Rõ ràng họ đưa ra nhiều báo cáo sôi nổi về sự phục vụ và những thành công ngoạn mục của họ. Phaolô chưa hề làm như vậy. Ông rao giảng Đấng Christ chứ không giảng về chính mình.

Người Côrintô đương như thích loại chức vụ khoe khoang, vì vậy Phaolô yêu cầu họ để ông khoe mình một lúc.

D. Phaolô Khẳng Định Tư Cách Sử Dụng Của Mình (11:1-15)

11:1 Ôi! Chớ chỉ anh em đừng chịu sự rở dại của tôi một ít! Phải, anh em nên đừng chịu. Phaolô ước gì họ chịu đựng ông khi ông khoe mình. Nhưng rồi ông cảm thấy họ lâu nay đang khoe mình rồi, nên lời yêu cầu này trở nên thừa.

11:2 Ông nêu ba nguyên nhân khiến ông yêu cầu họ như vậy. Nguyên nhân thứ nhất: ông **sống sáng** (Bản Anh ngữ "ghen tương") vì người Côrintô bằng sự sống sáng của Đức Chúa Trời. Ông đã

hứa gả họ cho một chồng, để có thể dâng họ như trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ. Phaolô thấy ông đích thân chịu trách nhiệm về phúc lợi thuộc linh của các thánh đồ Côrintô. Ông ước ao trong một ngày sắp tới, tức tại Sự Cát Lên, ông có thể dâng họ lên cho Chúa Jesus, không bị hư hoại bởi những đạo lý giả dối đang thịnh hành thời bấy giờ. Chính vì ghen tương như vậy về họ nên ông sẵn lòng buông mình vào điều có vẻ như dại dột này.

11:3 Nguyên nhân thứ hai khiến Phaolô đóng vai người rở dại ấy là sự các thánh đồ bị lừa dối và ý tưởng của họ bị hư đi mà đời đời lòng thật thà tinh sạch của sự tận hiến cho Đấng Christ. Ở đây, lòng thật thà có nghĩa một lòng một dạ. Ông muốn họ tận hiến cho một mình Chúa Jesus mà thôi, và không để lòng yêu mến của họ bị bắt kỳ ai khác lôi kéo. Sau đó, ông cũng muốn họ tinh sạch không vit trong sự tận hiến cho Chúa.

Vị sứ đồ nhớ lại con rắn đã lừa dối Èva bởi mưu chước của nó như thế nào. Hắn lừa dối bằng cách viện đến lý trí hay tri khôn của bà. Đây chính xác là điều các giáo sư đang làm tại Côrintô. Phaolô muốn lòng của trinh nữ Côrintô vẫn giữ nguyên vẹn và không bị vết.

Lưu ý Phaolô xem câu chuyện Èva và con rắn là sự thật, chứ không phải huyền thoại.

11:4 Nguyên nhân thứ ba khiến vị sứ đồ sẵn lòng làm người rở dại chính vì người Côrintô đã tỏ ra sẵn lòng lắng nghe những giáo sư giả.

Khi có người đến Côrintô thực sự giảng về một **Jésus khác**, và tuyên bố ban phát một **Thánh Linh khác** với Đức Thánh Linh, và rao giảng một **Tin Lành khác**, người Côrintô rất sẵn lòng dung chịu người ấy. Họ tỏ ra dung chịu rất dễ thương đối với quan điểm của những người kia. Phaolô đang nói mỉa mai: "Nếu anh em đối xử như thế với người khác, tại sao không đối xử như vậy với tôi?"

Phải hiểu những chữ cuối "anh em **chắc dung chịu!**" là câu nói châm biếm. Sứ đồ không tán thành việc họ chấp nhận tà giáo, nhưng đang trách thói cả tin và thiếu biện biệt của họ.

11:5 Nguyên nhân khiến họ nên sẵn sàng dung chịu Phaolô chính vì "**đấu các sứ đồ ấy tôn trọng đến đâu, tôi cũng chẳng thua kém chút nào.**" Cụm từ "**lớn trọng đến đâu**" được dùng theo lối châm biếm. Cách dịch theo nghĩa đen (và có vẻ hiện đại!) là "các vị siêu sứ đồ."

Những nhà Cải Chánh đã trích câu này để bác bỏ quan niệm của giáo hoàng cho rằng Phierô là vị sứ đồ trưởng và các giáo hoàng thừa hưởng quyền ưu việt này.

11:6 Dẫu có thể Phaolô là người **tầm thường về lời nói**, tuy nhiên ông không thiếu về sự **thông biết**. Đáng ra người Côrintô phải thấy rõ ràng điều này, vì chính từ vị sứ đồ mà họ được nhận sự **thông biết** về đức tin Cơ Đốc. Dẫu những khiếm khuyết về thuật hùng biện của Phaolô có là gì đi nữa, rõ ràng ông vẫn nói rất dễ hiểu cho các thánh đồ tại Côrintô. Chính họ sẽ phải làm chứng về điều này.

11:7 Nếu lối nói thiếu trau chuốt của Phaolô không phải là nguyên nhân khiến người Côrintô giữ thái độ liêu cựa đến như thế đối với ông, thì có lẽ nguyên nhân chính vì ông đã phạm lỗi tự hạ **minh xuống** cho họ được **tôn cao lên**. Phần còn lại của câu này giải thích ý của ông. Khi vị sứ đồ ở với người Côrintô, ông không nhận nơi họ bất kỳ trợ giúp tài chánh nào cả. Có lẽ họ cảm thấy ông đã phạm tội khi giữ lấy một địa vị hạ mình đến như thế để họ có được địa vị cao.

11:8 Cụm từ "**vét lấy của Hội Thánh khác**" là biện pháp tu từ gọi là phép cường điệu. Đây là câu nói phóng đại nhằm tạo hiệu quả thực tế trong trí. Đương nhiên, Phaolô không có ý nói ông thực sự đã cướp của các Hội Thánh khác theo nghĩa đen, nhưng chỉ nói rằng đang khi phục vụ Chúa tại Côrintô, ông nhận sự trợ giúp tài chánh từ **các Hội Thánh khác** để có thể phục vụ người Côrintô và không hề nhận thù lao của họ.

11:9 Đang khi ở tại Côrintô, có những lúc sứ đồ Phaolô thực sự **thiếu thốn**. Ông có tỏ sự thiếu thốn đó cho người Côrintô và khăng khăng đòi họ giúp không? Đương nhiên không. Một số anh em từ Maxêdoan đã **chu cấp những thiếu thốn vật chất** cho ông.

Với mọi cách khả dĩ, sứ đồ **giữ mình đứng làm gánh nặng** cho người Côrintô; và ông định tiếp tục giữ mình như vậy. Đối với người Côrintô, ông sẽ không khăng khăng giữ quyền lợi sứ đồ của mình để được họ lo liệu.

11:10 Phaolô quyết tâm **không để ai tước mất cơ sở để khoe mình** như vậy

Trong các miền xứ Acha), là miền có xứ Côrinthô. Rõ ràng, ở đây ông đang nói đến những người chỉ trích ông, và họ lợi dụng sự giữ mình của Phaolô để lấy cớ chống ông. Họ nói ông đã tự nhận thấy ông không phải là sứ đồ thật, và đó là nguyên nhân khiến ông không chịu kháng kháng đòi Cơ Đốc nhận cấp dưỡng (I.Côrinthô 9). Bất chấp những lời kết tội từ phía những người chỉ trích, ông tiếp tục khoe mình đã phục vụ người Côrinthô mà không nhận tiền nơi họ.

11:11 Vì sao ông khoe mình như vậy? Vì ông không yêu người Côrinthô? Chúa biết không phải như vậy. Lòng ông tràn đầy tình thương mến sâu sắc nhất đối với họ. Dương như bất kể Phaolô làm gì, ông cũng đều bị chỉ trích. Nếu nhận tiền từ người Côrinthô, đối thủ sẽ nói ông chỉ giăng vi những thứ nhận được từ sự giảng đạo. Không nhận tiền từ họ, ông lại dễ bị kết tội không thực sự yêu thương họ. Nhưng Đức Chúa Trời biết sự thật của vấn đề, và Phaolô bằng lòng giao mọi chuyện cho Ngài.

11:12 Dương như rõ ràng người thiên về Do Thái giáo chờ đợi, đòi hỏi và đã nhận tiền từ người Côrinthô. Giống như hầu hết những người theo tà giáo, họ sẽ không phục vụ trừ phi được trả tiền. Phaolô cương quyết tiếp tục chính sách không nhận tiền từ tín hữu Côrinthô. Nếu các giáo sư giả muốn đọ sức trong cuộc đấu khoe mình với ông, cứ để họ đấu theo phương sách của ông. Nhưng ông biết họ sẽ không bao giờ có thể khoe mình phục vụ không nhận tiền thưởng. Bởi đó, ông đã tước của họ cơ sở khoe mình này.

11:13 Đánh giá thực sự của Phaolô về những con người này – vốn bị đón đến đến tận lúc này trong thư – cuối cùng đã bùng lên. Ông không thể kiếm mình được nữa! Ông phải gọi đúng thực trạng của họ. **Mấy người như vậy là sứ đồ giả** theo ý nghĩa họ chưa hề được Chúa Jesus Christ sai phái. Hoặc họ tự nhận lấy chức vụ đó cho mình hoặc được người khác trao cho. Họ là kẻ làm công lừa dối, và tên gọi này mô tả những phương pháp họ sử dụng khi đi từ Hội Thánh này đến Hội Thánh khác kiếm người hậu thuẫn những đạo lý giả của họ. **Mạo chức sứ đồ của Đấng Christ**, họ giả vờ đại diện cho Ngài. Phaolô không hề muốn ở ngang hàng với những người như thế.

Những điều sứ đồ Phaolô nói về những giáo sư thiên về Do Thái giáo này cũng đúng cho những giáo sư giả của thời hiện tại. "Chúng ta thấy đều biết điều ác không bao giờ có thể cảm dỗ chúng ta nếu chúng ta nhìn nó đơn giản đúng thực trạng của nó; cái trang là điều cần thiết để nó có sức mạnh; nó hấp dẫn con người thông qua những ý tưởng và những hy vọng mà người ấy không thể không xem là tốt lành" (Sưu Tầm).

11:14 Vị sứ đồ vừa mới nói những người chỉ trích ông tại Côrinthô đã giả mạo làm sứ đồ của Đấng Christ. Nhưng ông không ngạc nhiên về điều này khi nghĩ đến những chiến thuật của chúng: **Nào có lạ gì, chính quỷ Sa-tan mạo làm thiên sứ sáng láng.**

Ngày nay Satan thường được mô tả như một sinh vật hung dữ có đôi, có sừng, trông rất xấu xí dữ tợn. Nhưng

đương nhiên đó không hề là cách Satan trình diện trước con người.

Có người liên tưởng Satan với một kẻ say sưa nghèo khổ, dầm mình dưới mưa rừng ở Khu Nhà Ố Chuột của bọn lưu manh. Nhưng đây cũng là ấn tượng rất sai về tính chất của Satan.

Câu này cho chúng ta biết Satan giả dạng làm thiên sứ sáng láng. Để mình họa, có lẽ chúng ta nói Satan phò mình như một người phục vụ Tin Lành, khoác bộ áo mộ đạo, đứng trên bục giảng của một nhà thờ hợp thời trang. Hắn sử dụng những từ ngữ tôn giáo như Đức Chúa Trời, Jêsus và Kinh Thánh. Nhưng hắn đánh lừa những người nghe, dạy sự cứu rỗi nhờ vào việc lành hoặc bởi công đức của con người. Hắn không giảng sự cứu chuộc bởi huyết của Đấng Christ.

11:15 J. N. Darby nói chưa bao giờ Satan trở nên Satan hơn là khi nó cầm quyển Kinh Thánh. Đây chính là ý tưởng của câu 15. Nếu Satan nguy trang, chẳng có gì ngạc nhiên khi tay chân của hắn cũng làm giống như thế. Họ nguy trang bằng cách nào? Như những giáo sư giả? Như những người vô thần? Như những người vô đạo? Câu trả lời là không phải vậy. Chúng nguy trang làm kẻ giúp việc công bình. Chúng tuyên bố là những kẻ giúp việc của tôn giáo. Chúng tuyên bố dẫn người ta đi theo đường lẽ thật và công bình, nhưng chúng là tay chân của ma quỷ.

Sự cuối cùng của họ sẽ y theo việc làm của họ. Họ tiêu diệt – họ sẽ bị tiêu diệt. Những việc làm của họ dẫn con người đến chỗ bị hủy diệt; chính họ sẽ bị dẫn đến sự diệt vong chung cuộc.

E. Những Sự Châm Khố Của Phaolô Vì Cơ Báng Christ Hậu Thuần Cho Tư Cách Sứ Đạ Của Ông (11:16-33)

11:16 Khi nói mọi điều này, Phaolô hy vọng không ai xem ông như kẻ đại đột. Nhưng nếu họ vẫn khẳng khái nghĩ như vậy, cứ để cho họ tiếp nhận ông như kẻ đại đột để ông cũng có thể khoe mình ít nhiều.

Lưu ý chữ “cũng” trong phần cuối câu này. Để tôi cũng khoe mình ít nhiều. Chữ này thực sự có ý nghĩa cho các giáo sư giả khoe mình quá đỗi. Trên thực tế, Phaolô nói: “Dầu anh em phải xem tôi như kẻ đại – thực ra tôi không đại – thì ngay cả lúc đó cũng hãy đón tiếp tôi để tôi có thể khoe khoang ít nhiều giống như những con người ấy đã khoe vậy.”

11:17 Câu này có hai lối giải nghĩa khả dĩ. Có người cho rằng ở đây, dầu thực sự được soi dẫn, nhưng câu này không do Chúa truyền lệnh cho ông.

Một cách giải thích khác xem việc Phaolô đang làm ở đây – tức là đang khoe mình – là không phải nói theo ý Chúa xét theo nghĩa “việc ấy không nói theo gương của Chúa.” Chúa Jêsus không hề khoe khoang.

Phillips dường như theo quan điểm thứ nhất khi ông dịch: “Hiện nay tôi đang không nói như Chúa đã truyền cho tôi, nhưng như kẻ đại, là kẻ ắt hẳn ‘dính líu đến’ chuyện khoe khoang này.”

Nhưng chúng tôi thích quan điểm thứ nhì hơn – quan điểm cho rằng khoe khoang là không theo ý Chúa, và Phaolô đang hành động dường như đại đột vì cơ

đã dính líu đến chuyện tự khoe mình. Ryrice nhận định: "Ông nói phải buông mình vào việc đó (sự khoe mình) trái với những bản năng tự nhiên của mình, để có thể khiến họ chú ý đến một số sự kiện quan trọng."⁴⁰

11:18 Gần đây người Côrintô nghe rất nhiều điều từ những người khoe mình theo bản chất bại hoại của con người. Nếu người Côrintô nghĩ các giáo sư giả có đầy đủ cơ để khoe mình, họ hãy xem xét những lời khoe mình của ông để xem thử chúng có thiếu cơ sở vững chắc không.

11:19 Một lần nữa Phaolô lại dùng đến lối châm biếm. Điều ông đang yêu cầu họ làm cho mình, thì họ đang hằng ngày làm cho người khác. Họ xem mình quá **khôn** ngoan đến nỗi không thể bị mắc lừa sự rở dại. Nhưng chính xác là họ đã mắc lừa sự rở dại, như ông sẽ tiếp tục giải thích.

11:20 Họ đang sẵn lòng **dung chịu** thể loại người được mô tả ở đây. Người được mô tả ở đây là ai? Hiển nhiên từ những điều theo sau, đây là một giáo sư thiên về Do Thái giáo, là sứ đồ giả đang sẵn bắt người Côrintô. Thứ nhất, người này bắt người Côrintô **làm tội**. Rõ ràng điều này nói đến ách nô lệ cho luật pháp (Công vụ 15:10). Người này dạy đức tin nơi Đấng Christ chưa đủ để được cứu, nhưng còn phải tuân thêm luật pháp của Môisê nữa.

Thứ nhì, người này nuốt sống các thánh đồ, theo ý nghĩa đòi hỏi các thánh đồ cung cấp tài chánh nặng nề. Người này không phục vụ thánh đồ vì tình yêu, nhưng vì quan tâm sự đến đáp bằng tiền bạc.

Cụm từ "**hay là cướp bóc**" là phép tỷ dụ chỉ về việc đánh cá hay săn bắt. Giáo sư giả này cố gắng biến người Côrintô trở thành mồi, tuy thích dẫn họ đi loanh quanh.

Đặc trưng của những người này là tự tôn mình bởi sự tự cao và khoe mình. Khi chỉ trích người khác, họ luôn luôn làm cho mình có vẻ vĩ đại hơn trước mắt con người. Cuối cùng, họ **vả trên mặt** tin hữu, một sự si nhục lớn. Chúng ta không cần ngại không dám hiểu điều này theo nghĩa đen, vì những hàng giáo phẩm ngạo mạn trải bao năm tháng đã thực sự đánh tin hữu như là cách để khẳng định thẩm quyền.

Vị sứ đồ rất ngạc nhiên khi người Côrintô sẵn lòng **dung chịu cách** đối đãi đầy xúc phạm đến như thế từ những giáo sư giả, thế nhưng lại không sẵn lòng **dung chịu** chính ông trong những lời cảnh báo và khuyến bảo đầy tình thương dành cho họ.

Darby nói: "Thật hết sức kinh ngạc trước những điều người ta sẽ chịu khổ từ những thứ giả – gặp hội phần những gì họ sẽ chịu đựng từ những thứ thật."⁴²

11:21 Trong câu này, có người cho rằng Phaolô đang nói: "Bằng cách xem thương mình, tôi nói cứ như thể hồi còn đích thân ở với anh em, tôi đã yếu đuối và sợ không dám khẳng định thẩm quyền của mình theo cách mấy người kia đang làm vậy." Còn một gợi ý khác nữa về nghĩa của câu này: "Khi nói như vậy, tôi đã coi thương mình, vì nếu đó là mạnh thì tôi đã yếu đuối." Bản dịch của Phillips đồng ý với quan điểm thứ nhì: "Tôi hầu như xấu hổ để nói rằng

ngày trước tôi không hề làm những việc can đảm và mạnh mẽ như thế đối với anh em."

Phaolô nói nếu cách hành động của các giáo sư giả là mạnh thật sự, thì ông phải hổ thẹn mà nói rằng mình không bao giờ bày tỏ kiểu sức mạnh ấy, nhưng trái lại sẽ bày tỏ sự yếu đuối. Thế nhưng ông nhanh chóng nói thêm rằng những người này có lý do để **khoe mình** trên bất cứ phương diện nào, thì đương nhiên ông cũng có quyền y như vậy để **khoe mình** giống như họ. Moffatt diễn tả rất rõ điều này: "Nhưng hãy để họ khoe mình tùy thích, tôi cũng ngang hàng với họ (xin lưu ý, đây là vai trò của kẻ đại đột!)." Với lời giới thiệu ấy, Phaolô bắt đầu tiến tiếp vào một phần phi thường nhất trong bức thư này, chứng tỏ quyền tuyên bố mình là tôi tớ thật của Đức Chúa Jêsus Christ.

Bạn còn nhớ Hội Thánh Côrinthô đã thất mắc Phaolô có phải là sứ đồ thật không. Ông có thể đưa những tài liệu nào chứng minh ông được kêu gọi cách thiên thượng? Chẳng hạn, làm sao ông có thể chứng minh cho người ta thỏa mãn rằng ông bình đẳng với mười hai sứ đồ?

Ông đã sẵn sàng trả lời, nhưng có lẽ không đúng y như cách chúng ta mong đợi. Ông không trình bày cấp để chứng tỏ ông tốt nghiệp một chủng viện nào đó. Ông cũng không đưa ra bức thư chính thức, do các anh em tại Giêrusalem ký tên, tuyên bố họ đã cử ông vào công tác. Ông không trình bày những thành tựu hay những kỹ năng của bản thân mình. Trái lại, ông đưa ra

trước mặt chúng ta hồ sơ thật cảm động về những hoạn nạn thương khó ông đã chịu trong công tác giảng Tin Lành. Đừng bỏ sót bị kịch và thể văn thống thiết của phần này trong thư II.Côrinthô. Hãy hình dung một Phaolô dùng cảm khi ông không ngừng cấp tốc tiến qua lục địa và biển trên các hành trình truyền giáo, bị ràng buộc bởi tình yêu của Đấng Christ, và sẵn sàng chịu đựng biết bao gian khổ để nhiều người sẽ không bị hư mất vì thiếu Tin Lành của Đấng Christ. Hiếm khi nào chúng ta đọc những câu này mà không cảm động sâu xa kèm với biết bao hổ thẹn.

11:22 Các giáo sư giả đề cao tổ tiên Do Thái của họ. Họ tuyên bố mình là người Hêbơrơ thuần chủng, ra từ Ysơraên, và thuộc dòng dõi Ápraham. Họ vẫn đổ công khó ra với ảo tưởng phổ hệ gia đình này sẽ khiến họ được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. Họ không nhận thấy dân sự ngày xưa của Đức Chúa Trời, là dân Ysơraên, giờ đây đã bị Đức Chúa Trời gạt sang một bên vì cơ đã chối bỏ Đấng Mêsia. Họ không nhận thấy đối với Đức Chúa Trời, giờ đây không còn phân biệt gì giữa người Do Thái và người ngoại bang; hết thấy mọi người đều là tội nhân, và hết thấy đều cần được cứu qua đức tin nơi một mình Đấng Christ mà thôi.

Thật vô ích khi họ khoe khoang điều này. Dòng dõi của họ không làm cho họ trởi hơn Phaolô, vì ông cũng là người Hêbơrơ, một người Ysơraên, và thuộc dòng dõi của Ápraham. Nhưng những điều đó không chứng minh ông là sứ đồ Đấng Christ. Vì vậy ông nhanh chóng

chuyển sang phần chính của lập luận: có một phương diện họ không thể trở hơn ông – trong những sự gian khổ và những sự chịu khổ.

11:23 Họ là kẻ hầu việc Đấng Christ theo nghề nghiệp; ông là tôi tớ "trong sự tận hiến, trong sự chịu khổ nhọc và chịu khổ." Sứ đồ Phaolô không bao giờ quên được ông là môn đồ của Cứu Chúa chịu thống khổ. Ông nhận biết đây tờ không hơn chữ, và một sứ đồ không mong được đối đãi trong thế gian này tốt hơn những điều thấy mình đã nhận. Phaolô kể rằng càng trung tín phục vụ Đấng Christ và tái hiện Cứu Chúa bao nhiêu, ông càng chịu khổ trong tay con người nhiều bấy nhiêu. Đối với ông, chịu khổ là dấu hiệu hay huy hiệu của đây tờ Đấng Christ. Dấu cảm thấy mình đại đội khi khoe khoang như thế, nhưng ông vẫn cần phải nói ra sự thật, và sự thật chính là những giáo sư giả kia không nổi tiếng về sự chịu khổ của họ. Họ đã chọn lối đi dễ dàng. Họ né tránh những sự trách mắng, bắt bớ và hổ nhục. Vì vậy, Phaolô cảm thấy họ thật thất thế nếu tán công ông là đây tờ Đấng Christ.

Giờ đây chúng ta hãy xem danh sách những gian khổ Phaolô kể ra để hậu thuẫn cho lời tuyên bố mình là sứ đồ thật.

Tôi đã chịu khổ nhọc nhiều hơn. Ông nghĩ đến phạm vi những hành trình truyền giáo, ông đã đi lại khắp vùng Địa Trung Hải như thế nào để bày tỏ Đấng Christ ra.

Đòn vọt quả chứng. Ở đây chúng ta có phần mô tả những trận đòn ông chịu

trong tay kẻ thù của Đấng Christ, cả từ phía người ngoại đạo lẫn người Do Thái.

Tù ngục nhiều hơn. Lần bị tù duy nhất được ghi lại trong Kinh Thánh, tính cho tới thời điểm này trong sự nghiệp của Phaolô, chính là lần cầm tù ở Công vụ 16:23, khi ông và Sila bị bỏ vào ngục tại thành Philíp. Giờ đây chúng ta biết đó chỉ là một trong rất nhiều lần bị bỏ tù, và Phaolô chẳng lạ lẫm gì với ngục tối.

Đòi phen lời giận phải bị chết. Rõ ràng, khi sứ đồ viết điều này, ông nghĩ đến lần thoát chết trong gang tấc tại Líttrô (Công vụ 14:19). Nhưng ông cũng có thể nghĩ lại nhiều lần suýt chết tương tự khác nữa vì những lần chịu bắt bớ.

11:24 Luật pháp Môise cấm người Do Thái đánh đòn một lần nhiều hơn bốn mươi roi (Phục truyền Luật lệ Ký 25:3). Để bảo đảm họ không vi phạm luật này, người Do Thái thường chỉ đánh ba mươi chín roi. Đương nhiên, họ chỉ đánh đòn như thế khi bị xem là những trường hợp phạm tội nặng. Ở đây, sứ đồ cho chúng ta biết chính dân tộc theo xác thịt của ông đã hình phạt ông đủ lượng đòn như thế trong năm lần khác nhau.

11:25 Ba lần bị đánh đòn. Lần duy nhất được nhắc đến trong Tân Ước đã xảy ra tại Philip (Công vụ 16:22). Nhưng Phaolô còn bị đối xử đau đớn và nhục nhã thêm hai lần khác nữa như thế này.

Một lần bị ném đá. Rõ ràng đây là lần tại Líttrô mà chúng ta đã nói đến (Công vụ 14:19). Lần ném đá này khủng khiếp đến nỗi xác Phaolô bị kéo ra ngoài thành, vì họ cho rằng ông đã chết.

Ba lần bị chìm tàu. Không phải mọi họa nạn của Phaolô đều ra trực tiếp từ tay con người. Nhiều khi ông bị vùi dập bởi những biến động dữ dội của thiên nhiên. Kinh Thánh không ghi lại cho chúng ta lần chìm tàu nào được ông nhắc đến ở đây. (Lần chìm tàu trong Công vụ 27 trên đường đến Rôma đã xảy ra về sau này trong cuộc đời Phaolô.)

Tôi đã ở trong biển sâu một ngày một đêm. Một lần nữa, dường như không một từng trải nào được chép trong sách Công vụ giải đáp câu này. Không biết biển sâu ở đây nói đến ngục tối hay biển. Nếu nói đến biển, thì Phaolô ở trên bè hay trên một chiếc thuyền không mái? Nếu không, ông chỉ có thể sống sót sau từng trải như thế dưới biển sâu bởi sự can thiệp trực tiếp bằng phép lạ của Chúa.

11:26 Lại nhiều lần lồi đi đường. Nếu bạn mở những bản đồ ở sau hầu hết các quyển Kinh Thánh, bạn thường thấy một bản đồ ghi "Những Hành Trình Truyền Giáo Của Thánh Phaolô." Khi dõi theo những đường nét cho thấy lộ trình tổng quát ông đã đi, và nhận biết phương tiện giao thông thời đó sơ khai biết dường nào, thì sẽ hiểu thêm đôi chút chiều sâu ý nghĩa của cụm từ này.

Sau đó Phaolô tiếp tục liệt kê tám loại hiểm nguy khác nhau ông đã gặp. **Nguy trên sông bến,** nói đến những con sông và suối cuộn sóng. **Nguy với trộm cướp,** vì đa số những lộ trình của ông đều đầy dẫy những kẻ bất lương. **Nguy với giữa dân mình,** là người Do Thái, cũng như **nguy với dân ngoại,** là người

ông tìm cách đem Tin Lành đến cho họ. **Nguy trong các thành,** như thành Littrê, Philip, Côrinthô và Êphêxô. Ông cũng **nguy trong các đống vắng,** chắc nói đến những khu vực thưa thớt dân cư ở vùng Tiểu Á và Âu Châu. Ông gặp **nguy trên biển** – do bão, đá ngầm, và có lẽ cướp biển nữa. Cuối cùng, **nguy với anh em già đời,** rõ ràng đang nói đến những người Do Thái duy luật pháp đang phò mình như những giáo sư Cơ Đốc.

11:27 Chịu khổ nói đến công tác không ngưng nghỉ của Phaolô, còn **chịu nhọc** khiến liên tưởng đến kiệt sức và chịu khổ đi kèm với công việc.

Lâm lúc thức đêm. Đa số những chuyến đi của ông cho thấy rõ ràng ông cần phải ngủ ở ngoài trời. Nhưng nguy hiểm vây tứ bề, nên ông bắt buộc phải nhiều đêm thức trắng, canh chừng hiểm nguy đang đến gần.

Chịu đói khát, thường khi phải nhịn ăn. Vị đại sứ đồ thường phải buộc lòng chịu đói khát, khi đi đây đó phục vụ Chúa. **Thường khi phải nhịn ăn** ở đây có thể nói đến những lần nhịn ăn tự nguyện, nhưng chắc có lẽ đây là những lần buộc phải nhịn ăn vì thiếu lương thực.

Chịu lạnh và lóa lổ. Chính sự thay đổi thời tiết đột ngột, kèm với việc ông thường thiếu giày và thiếu mặc, càng tăng thêm những hình thức cực kỳ khó chịu cho đời sống ông. Hodge nhận định:

Vị sứ đồ vị đại sứ nhất trong các sứ đồ ở đây xuất hiện trước mặt chúng ta, từng nạt nạng vì thường xuyên bị đói, lạnh, và

dầm sương dãi nắng; bị lạnh và lâu lổ, bị người Do Thái và người ngoại bắt bớ, bị đuổi từ nơi này sang nơi khác không có nơi ở nhất định. Phần đoạn này – hơn mọi phần đoạn khác – khiến cho ngay cả những người vất vả nhất trong số những người phục vụ Đấng Christ thời hiện đại phải che mặt xấu hổ. Họ đã từng làm việc nào hay chịu điều khổ nào sánh ngang với vị sứ đồ này? Thật là niềm an ủi lớn lao khi biết Phaolô giờ đây đang là người nổi bật trong sự vinh hiển, cũng như ông đã nổi bật ở đây trong sự chịu khổ vậy.⁴³

11:28 Còn chưa kể mọi sự khác, tức là những chuyện ngoài dự tính hoặc ngoại lệ, mỗi ngày Phaolô còn chịu mang gánh nặng liên tục của mọi Hội Thánh Đấng Christ trong lòng mình. Thật ý nghĩa biết dường nào, vì chính điều này là đỉnh điểm cho mọi thử thách khác! Phaolô là một mục sư thật. Ông yêu thương và quan tâm dân sự của Chúa. Ông không phải là người chân thuê, nhưng là người chân thật của Chúa Jesus. Đây chính là điều ông đang tìm cách chứng tỏ trong phần Kinh Thánh này, và từ lập trường của mọi người biết suy xét lẽ phải, thì đương nhiên ông đã chứng minh xong ý mình. Gánh nặng ông chịu mang cho các Hội Thánh nhắc chúng ta nhớ câu nói: "Gây dựng Hội Thánh là công việc tan nát còi lờng. Sửa chữa cho Hội Thánh là công việc bất tận."

11:29 Câu này liên kết chặt chẽ với câu trước. Trong câu 28, sứ đồ đang nói ông hằng ngày quan tâm lo lắng cho mọi Hội Thánh. Ở đây ông giải thích ý vừa

nói. Nếu nghe tin một Cơ Đốc nhân nào đó yếu đuối, ông đích thân cảm nhận sự yếu đuối đó. Ông chịu những hoạn nạn của người khác cách đồng cảm. Nếu biết anh em nào trong Đấng Christ bị vấp ngã, lòng ông như nung như đốt. Điều gì tác động đến dân sự của Chúa thì cũng tác động đến ông. Ông buồn rầu trong những thảm họa của họ và vui mừng trong những đắc thắng của họ. Và toàn bộ chuyện này vất kiệt sức lực đang căng thẳng của dây tời Đấng Christ. Phaolô biết điều này rõ biết bao!

11:30 Để tài để khoe mình của ông không phải là những thành công, không phải những ân tứ hay những năng lực của ông, nhưng chính là những sự yếu đuối, những điều chèn trách, những nhọc nhằn phần nộ ông đang chịu. Đây không phải là điều con người thường khoe ra, hay những điều khiến họ nổi tiếng.

11:31 Khi suy nghĩ đến những hoạn nạn thống khổ và những điều sỉ nhục ông đã chịu, theo bản năng, suy nghĩ của Phaolô tự nhiên trở về với khoảnh khắc sỉ nhục nhất trong toàn bộ sự nghiệp của mình. Nếu muốn khoe những điều liên quan đến yếu đuối của mình, thì không thể không đề cập đến từng trải của mình tại Đamách. Khoe một kinh nghiệm sỉ nhục đến như thế là trái ngược với bản chất của con người, đến nỗi ở đây Phaolô kêu cầu Đức Chúa Trời xác chứng sự thật những điều ông đang nói.

11:32 Chi tiết đầy đủ hơn của câu chuyện này được chép trong Công vụ 9:19-25. Sau khi hoán cải gần Đamách,

Phaolô bắt đầu rao giảng Tin Lành trong các nhà hội tại đó. Lúc đầu, lời giảng của ông khiến người ta hiếu kỳ, nhưng ít lâu sau người Do Thái âm mưu giết ông. Họ canh gác cổng thành ngày đêm, để bắt ông.

11:33 Một đêm kia, các môn đồ đón vị sứ đồ, cho ông ngồi vào giỏ rồi từ cửa sổ đồng ông xuống vách thành ra ngoài. Nhờ đó ông mới thoát được.

Nhưng vì sao Phaolô để cập biển có này? J. B. Watson gợi ý:

Ông nắm lấy điều con người xem là trường hợp nhục nhã và tố bịch rồi đưa ra để làm thêm một bằng chứng nữa cho thấy mối quan tâm tối cao của đời ông là phục vụ Chúa Jêsus Christ. Vì cơ Ngài sẵn sàng hy sinh niềm kiêu hãnh của cá nhân mình và xuất hiện như một người hèn nhất trước mắt con người.⁴⁴

F. Những Sự Khải Thị Của Phaolô Hậu Thiên Quyền Sơ Đệ Của Ông (12:1-10)

12:1 Sứ đồ ước gì ông không phải khoe mình. Làm như vậy không xứng đáng cũng không có ích gì, nhưng lại rất cần thiết trong những hoàn cảnh thế này. Vì vậy, ông sẽ chuyển từ biển có thấp hèn nhất, sỉ nhục nhất trong chức vụ của mình sang biển có cao cả nhất, tôn cao nhất. Ông sẽ kể về một thính giả thông tư với chính Chúa.

12:2 Phaolô đã biết một người có được kinh nghiệm này mười bốn năm trước. Dầu Phaolô không xác định người đó là ai, nhưng rõ ràng chính ông là người được nhắc đến tại đây. Khi nói đến một từng trải được đề cao đến như thế, ông không đích thân nhắc đến

chính mình, nhưng chỉ đơn giản nói theo cách chung chung. Người được nói đến ở đây là người ở trong Đấng Christ, tức là một Cơ Đốc nhân.

12:3 Phaolô không biết người ấy lúc đó đang ở trong thân thể hoặc ở ngoài thân thể. Có người đoán có thể điều này xảy ra vào một trong những lần Phaolô bị bắt bớ, như trường hợp tại Littre. Họ nói có thể ông đã thực sự chết và đến Thiên đàng. Nhưng bản văn Kinh Thánh đương nhiên không đòi hỏi phải giải thích như thế. Trên thực tế, nếu Phaolô không biết người ấy ở trong thân thể hay ở ngoài thân thể, có nghĩa không biết người ấy đang sống hay đã chết, tại lúc đó, thì thật kỳ lạ nếu có nhà giải kinh thời hiện đại nào soi sáng thêm được cho đề tài này!

Điều quan trọng ấy là người này được đem lên đến tầng trời thứ ba. Kinh Thánh ám chỉ sự hiện hữu của ba tầng trời. Tầng trời thứ nhất là bầu không khí hên trên chúng ta, tức là bầu trời xanh. Tầng trời thứ nhì là tầng trời của tinh tú. Tầng trời thứ ba là tầng trời cao nhất nơi có ngai của Đức Chúa Trời.

Từ những điều theo sau, rõ ràng Phaolô thực sự đã ở tại chính nơi phước hạnh mà Chúa Jêsus đã đưa tên cướp biết ăn năn đi theo Ngài sau khi qua đời, tức là đến ngự của Đức Chúa Trời.

12:4 Phaolô đã nghe ngôn ngữ của chún Barađi, và hiểu những điều được nói ra, nhưng ông không được phép lặp lại khi trở về trần gian. Những lời này không thể nói ra" theo ý nghĩa chúng quá thiêng liêng đến nỗi không thể thốt lên và do đó không được phép công bố. G. Campbell Morgan viết:

Cò một số người dường như sống sáng nói về những sự hiện thấy và những khả thi mà họ đã có. Câu hỏi ấy là: Phải chăng sự sống sáng như thế là bằng chứng những sự hiện thấy và những khả thi kia là không "thuộc về Chúa"? Khi chúng được ban cho (và dường nhiên chúng được ban cho tôi từ cửa Đức Chúa Trời trong những hoàn cảnh nhất định), chúng tạo nên sự dè dặt đầy tôn kính. Chúng qui trang trọng, quá úp đảo, đến nỗi không thể mô tả hay thảo luận một cách hời hợt, nhưng ảnh hưởng của chúng sẽ thể hiện rõ trong toàn bộ đời sống và sự phục vụ.⁴⁵

12:5 Khi khoe mình về sự yếu đuối, sự đố không ngại nhắc đến chính mình. Nhưng khi khoe về những sự hiện thấy và khả thi của Chúa, ông không áp dụng trực tiếp cho chính mình, nhưng thà nói về kinh nghiệm ấy một cách khách quan như đã xảy ra cho một người nào đó mà ông có biết đến. Ông không phủ nhận mình là người có kinh nghiệm đó, nhưng đơn giản là không chịu trực tiếp và đích thân đưa mình vào.

12:6 Còn nhiều kinh nghiệm tuyệt vời khác nữa để sự đố có thể khoe. Nếu muốn khoe mình như vậy, ông sẽ không phải là kẻ đại khi khoe. Bất kỳ điều nào ông nói ra cũng đều là sự thật. Nhưng ông sẽ không làm như vậy, vì không muốn ai nghĩ về ông vượt quá hơn mức họ thực sự nhìn thấy nơi ông hay nghe từ ông.

12:7 Toàn bộ phần này là lời mô tả chính xác về đời sống của tôi từ Đấng Christ. Cuộc đời ấy gặp những giây phút si nục cũng tốt, như biển cổ tại

Damách. Và rồi có những từng trải đỉnh cao, như sự khải thị vui sướng cho Phaolô. Nhưng thông thường, sau khi tôi tớ Chúa hưởng được một trong những từng trải này rồi, Chúa cho người ấy chịu một cái giẫm xóc vào thịt nào đó. Chúng ta gặp điều đó tại đây.

Chúng ta rút ra được nhiều bài học vô giá từ câu này. Thứ nhất, đây là bằng chứng ngay cả những khả thi thiên thượng của Chúa cũng không sửa sai "xác thịt" trong chúng ta. Ngay cả sau khi sự đố lắng nghe ngôn ngữ của Baradi, ông vẫn còn bản tánh cũ, và đang gặp nguy cơ sa vào lưới bẫy của kiểu ngạo. R. J. Reid đã nói:

"Một người trong Đấng Christ" được an toàn trước hiện diện của Đức Chúa Trời khi lắng nghe tại Baradi những điều không thể diễn giải ra được, nhưng khi trở lại cõi trần người cần "cái giẫm xóc vào thịt," vì xác thịt trong người sẽ khoe về kinh nghiệm đã có tại Baradi.⁴⁶

Cái giẫm xóc vào thịt của Phaolô là gì? Toàn bộ những gì chúng ta có thể nói chắc chắn ấy là một thử thách nào đó trong thân thể mà Chúa cho phép xảy ra trong đời sống ông. Rõ ràng, Chúa có ý không nói chính xác cái giẫm ấy là gì để các thánh đó đang chịu thử thách và tình luyện suốt bao năm qua có thể thấy cảm thông gần gũi hơn với vị sự đố khi họ chịu khổ. Có thể đây là một dạng bệnh mắt nào đó,⁴⁷ có lẽ bị đau trong tai, hoặc sốt rét, hoặc có lẽ chứng đau nửa đầu, hoặc có lẽ một điều gì đó liên quan đến lối nói của Phaolô. Moorehead nói: "Bản chất chính xác của cái giẫm này đã được giấu đi, có lẽ

để mọi người chịu hoạn nạn có thể được khích lệ và trợ giúp bởi từng trải không tên nhưng hết sức đau đớn của Phaolô."⁴⁸ Những thử thách của chúng ta có lẽ rất khác với Phaolô, nhưng chúng phải đem lại cùng một bài tập và bóng trải như thế.

Vị sứ đồ mô tả cái giẫm xóc vào thớt như là quý sự của Salan để và ông. Trên một phương diện, cái giẫm tương trưng cho nỗ lực của Satan để ngăn trở Phaolô hầu việc Chúa. Nhưng Đức Chúa Trời lớn hơn Satan, và Ngài dùng cái giẫm ấy để xúc tiến công việc Chúa bằng cách giữ cho Phaolô biết khiêm nhượng. Sự phục vụ Chúa thành công tùy thuộc vào một đấng tử yếu đuối. Đấng tử Chúa càng yếu đuối, quyền năng của Đấng Christ đi kèm công tác giảng đạo của người càng dư dật.

12:8 Đã ba lần Phaolô nài xin Chúa cho giẫm xóc lia xa ông.

12:9 Lời cầu nguyện của Phaolô được nhậm, nhưng không theo cách ông mong đợi. Trên thực tế, Chúa phán với Phaolô: "Ta sẽ không dẹp bỏ giẫm xóc, nhưng sẽ làm điều còn tốt hơn nữa: ta sẽ ban cho người ơn để chịu đựng. Và Phaolô ơi hãy nhớ, dầu ta không ban điều người cầu xin, nhưng ta đang ban cho người điều người cần nhất. Người cần quyền năng và sức mạnh của ta đi kèm công tác giảng đạo của người, đúng không? Ô, cách tốt nhất để được như vậy ấy là cứ giữ người trong chỗ yếu đuối."

Đây là câu trả lời liên tiếp của Đức Chúa Trời cho lời cầu nguyện được lặp lại ba lần của Phaolô. Và đây vẫn tiếp

tục là câu trả lời của Chúa cho những người đang chịu khổ của Ngài trên khắp thế giới. Còn tốt đẹp hơn cả việc loại bỏ thử thách và hoạn nạn chính là được Con Đức Chúa Trời đồng hành trong họ, và được Chúa bảo đảm ban sức mạnh và ân điển năng đỡ của Ngài.

Để ý Đức Chúa Trời phán "ân điển ta [HIỆN] đủ cho người rồi." Chúng ta không cần phải xin Ngài khiến cho ân điển Ngài được đầy đủ. Ân điển ấy HIỆN đã đầy đủ rồi!

Sứ đồ hoàn toàn thỏa lòng với câu trả lời của Chúa, nên ông nói: "Vậy tôi sẽ rất vui lòng khoe mình về sự yếu đuối tôi, hầu cho sức mạnh của Đấng Christ ở trong tôi."

Khi Chúa giải thích sự khôn ngoan trong hành động của Ngài, trên thực tế Phaolô nói đó chính là cách duy nhất ông muốn. Vì vậy thay vì phàn nàn lắm bảm về giẫm xóc, thì ông rất vui lòng khoe sự yếu đuối của ông. Ông sẽ quý gởi xuống tạ ơn Chúa. Ông sẽ vui mừng chịu đựng chúng để quyền năng của Đấng Christ sẽ ở trên ông. J. Oswald Sanders nói điều này rất hay:

Triết lý của thế gian là: "Không chịu được thì đành phải chịu đựng thôi." Nhưng lời làm chứng của Phaolô thật sáng ngời: "Không chịu được thì vui sướng thích. Tôi thường thích sự yếu đuối, những hoạn nạn, những nghèo khổ và những hoàn cảnh khó khăn." Ông đã chứng tỏ ân điển của Chúa thật kỳ diệu, đến nỗi ông càng hoạn nghèo những dịp mới mẽ để sử dụng đến sự đầy dẫy ơn ấy. "Tôi sẽ rất vui lòng khoe mình... tôi còn vui sướng thích" - giẫm xóc của tôi."⁴⁹

Emma Piechynska, vợ một quý tộc Balan, sống cuộc đời dài đằng đẵng trong thất bại và thất vọng. Thế nhưng người viết tiểu sử của bà đã nói lên lời tri ân về đức tin đặc thắng của bà: "Từ những sự khước từ của Chúa, bà đã làm nên bố hoa tuyệt vời!"

12:10 Theo lẽ tự nhiên, chúng ta hoàn toàn không thể thích thú (bản Việt Ngữ dịch là "đánh chịu") những kiểu kinh nghiệm liệt kê ra đây. Nhưng bí quyết để hiểu câu này được tìm thấy trong cụm từ **vi Đấng Christ**. Chúng ta nên sẵn lòng chịu đựng vì sự nghiệp của Ngài, để đẩy mạnh Tin Lành Ngài, chịu đựng những điều mà bình thường chúng ta sẽ không chịu vì cơ mình hay vì cơ người yếu đuối nào đó.

Khi biết sự yếu đuối và không ra gì của mình thì đó chính là lúc chúng ta biết nương nhờ nơi quyền năng của Chúa nhiều nhất. Chính khi hoàn toàn nương cậy nơi Ngài, quyền năng của Ngài mới bày tỏ cho chúng ta, và chúng ta mới thật sự mạnh mẽ.

William Wilberforce, người lãnh đạo cuộc đấu tranh bãi bỏ chế độ nô lệ trên đế quốc Anh là người có thân thể yếu ớt và mảnh khảnh, nhưng có đức tin sâu nhiệm nơi Đức Chúa Trời. Boswell nói về ông: "Điều tôi thấy có vẻ như con tôm lại trở thành một con cá voi."

Trong câu này, Phaolô đang vâng theo lời Chúa trong Mathiơ 5:11,12. Ông đang vui mừng khi người ta mắng nhiếc và bắt bớ ông.

G. Những Dấu Hiệu Của Phaolô Hậu Thoán Cho Tư Cách Sứ Đồ Của Ông (12:11-13)

12:11 Đến đây, Phaolô dường như chán làm chuyện có vẻ như khoe mình.

Ông cảm thấy mình đã trở nên đại dột khi khoe mình như đã làm. Đáng ra ông không làm như vậy, nhưng người Côrintô thực sự ép ông. Đáng ra họ phải là người khen ông khi những kẻ chỉ trích chia những mũi dùi tấn công tàn bạo vào ông. Dầu ông không ra gì, nhưng đương nhiên ông chẳng kém các sứ đồ rất lớn mà những người công kích ông đang dựa vào đó để khoe khoang.

12:12 Ông nhắc họ nhớ lúc ông đến Côrintô giảng Tin Lành, Đức Chúa Trời đã xác chứng công tác giảng đạo qua các bằng cứ về chức sứ đồ. Những dấu hiệu này là những quyền năng làm phép lạ từ Đức Chúa Trời ban cho các sứ đồ để người nghe họ có thể biết các sứ đồ thực sự được Chúa sai đến.

Những chữ **các dấu lạ**, **các sự khác thường** và **các phép lạ** không mô tả ba thể loại khác nhau, nhưng đúng hơn là các phép lạ được xét từ ba phương diện khác nhau. **Các dấu lạ** là những phép lạ truyền đạt ý nghĩa rõ ràng cho tri khôn con người. Mặt khác, **các sự khác thường** nổi bật đến nỗi chúng khơi dậy những cảm xúc của con người. **Các phép lạ** (Bản Anh ngữ "các việc làm quyền năng") là những hành động thấy rõ là quyền năng siêu nhiên.

Thật thú vị khi thấy Phaolô nói các bằng cứ về chức sứ đồ đã được tố ra giữa vòng họ. Ông đứng thể thụ động. Ông không kể công thi hành các phép lạ ấy cho chính mình, nhưng nói Đức Chúa Trời đã thực hiện các điều ấy qua ông.

12:13 Về biểu hiện của các phép lạ, tín hữu Côrintô chẳng hề thua kém

các Hội Thánh khác. Họ chứng kiến các phép lạ từ tay sứ đồ Phaolô cũng nhiều y như các Hội Thánh khác được chứng kiến khi ông ghé thăm. Như vậy, họ chẳng bằng các Hội Thánh khác trên phương diện nào? Khác biệt duy nhất Phaolô có thể thấy chính là ông đã không làm lụy cho người Côrintô. Có nghĩa ông không khăng khăng đòi họ hỗ trợ tài chánh. Nếu điều này khiến họ thua kém, thì Phaolô xin họ tha thứ cho ông sự không công bằng đó. Đây là "dấu hiệu" duy nhất của sứ đồ mà ông đã không khăng khăng đòi!

II. Chuyến Thăm Côrintô Sắp Tới Của Phaolô (12:14 - 13:1)

12:14 Đây là lần thứ ba lời sẵn sàng đến cùng anh em. Có thể hiểu Phaolô đã sẵn sàng đến thăm Côrintô ba lần rồi, nhưng ông chỉ mới đến đó một lần. Ông không đến lần thứ nhì, vì không muốn xử lý nghiêm khắc với các tín hữu. Giờ đây ông sẵn sàng đến lần thứ ba, mà lần này sẽ là chuyến thăm lần thứ nhì.

Hoặc có thể câu này nói ông sắp đến thăm lần thứ ba. Lần thứ nhất được ghi lại trong Công vụ 18:1. Lần thứ nhì là chuyến thăm buồn bã (II.Côrintô 2:1; 13:1). Đây sẽ là chuyến đi thăm lần thứ ba.

Khi đến, Phaolô cương quyết chẳng làm lụy cho họ. Đương nhiên, ông muốn nói sẽ không nhận sự đền đáp tài chánh nào từ phía họ. Ông sẽ không nhờ họ chu cấp. Nguyên nhân là vì ông không tìm của cải vật chất của họ, nhưng tìm chính họ. Phaolô quan tâm đến con người hơn là đến vật chất.

Đối với người Côrintô, ông muốn đóng vai trò một người cha. **Chẳng phải con cái nên chữa của quý cho cha mẹ, nhưng thà cha mẹ chữa cho con cái thì hơn.** Đây đơn giản là câu nói thực tế của cuộc đời như chúng ta biết. Như thường lệ, chính cha mẹ là người làm việc siêng năng chăm chỉ để cho con có ăn có mặc. Lê thường, con cái không chăm lo điều này cho cha mẹ. Vì vậy, Phaolô đang nói ông muốn được phép hành động như cha mẹ đối với họ.

Nên cần thận để đứng lý giải thêm quá nhiều vào câu này. Câu này không có nghĩa cha mẹ phải dồn chữa của cải cho tương lai con cái. Điều này không liên quan gì đến nhu cầu trong tương lai, nhưng chỉ liên quan đến những nhu cầu thiết yếu hiện tại. Phaolô chỉ đang nghĩ đến việc chu cấp những nhu cầu trước mắt của ông khi ông đang phục vụ Chúa tại Côrintô. Ông quyết tâm không nương nhờ các thánh đồ tại đó. Ông không hề nghĩ họ có trách nhiệm phải dành dụm món tiền dưỡng già cho ông, cũng không nghĩ ông phải làm việc đó cho họ.

12:15 Ở đây chúng ta được thoáng nhìn qua tình yêu bất tụy của Phaolô dành cho dân sự Đức Chúa Trời tại Côrintô. Ông rất vui lòng ban cho chính mình khi phục vụ không mệt mỏi và hy sinh vì linh hồn họ, tức là vì ích lợi thuộc linh của họ. Ông yêu mến họ đối dào hơn tình yêu của những giáo sư giả đang ở giữa vòng họ dành cho họ, thế nhưng ông được họ yêu ít hơn. Dầu chẳng chút hy vọng được họ đền đáp, ông vẫn cứ tiếp tục yêu mến họ. Qua

điều này, ông đang thực sự noi gương Chúa.

12:16 Sứ đồ dùng lại chính những từ ngữ do những người chỉ trích đang dùng để chống ông. Trên thực tế, họ đang nói: "Ồ, cứ cho là Phaolô không nhận tiền trực tiếp từ anh em. Tuy nhiên, ông đã dùng mảnh khỏe để phận tiền. Ông sai các đại biểu đến với anh em, rồi họ đưa tiền về cho ông."

12:17 Nếu tôi không trực tiếp bòn rút anh em, tôi lại sai người khác đến bòn rút sao? Sứ đồ hỏi trực tiếp người Côrinthô xem những lời họ buộc tội ông như vậy có đúng không.

12:18 Ông trả lời cho chính câu hỏi của mình. Cụm từ "**lời đã xin Tit**" (chắc muốn nói **tội xin Tit** đi thăm anh em, như bản Việt Ngữ). Nhưng Phaolô không sai Tit đi một mình. Ông sai thêm **một anh em cùng đi** với Tit để khỏi có mấy may nghi ngờ động cơ của Phaolô. Điều gì xảy ra khi Tit đến Côrinthô? Tit có khăng khăng đòi quyền lợi của mình không? Có đòi người Côrinthô chu cấp không? Có cố lấy lợi của họ không? Không, từ phần đoạn này, dường như Tit đã làm việc kiếm sống bằng một nghề nghiệp nào đó ngoài đời. Điều này được gợi ý qua câu hỏi: "**Chúng tôi há chẳng bước đi bằng một tinh thần sao?**" (bản Việt Ngữ dịch là "bởi một (tinh Linh)"), "**theo cùng một dấu chân sao?**" Nói cách khác, cả Tit và Phaolô đều giữ cùng một phương sách làm việc để khỏi phải nhờ người Côrinthô chu cấp.

12:19 Từ toàn bộ điều Phaolô nói, người Côrinthô sẽ nghi mục đích của ông chỉ để tự bào chữa trước mặt họ,

dường như thế họ là quan án của ông vậy. Trái lại, việc ông thật sự đang làm chính là viết những điều này cho họ như viết trước mặt **Đức Chúa Trời**, để họ được gây dựng. Ông muốn củng cố họ trong nếp sống Cơ Đốc và cảnh báo họ về những hiểm họa trước mắt. Ông muốn giúp họ hơn là lo bình vực danh tiếng của mình.

Những từ ngữ được cung cấp thêm (được viết nghiêng) trong cụm từ "chúng tôi làm" (trong Bản Anh ngữ) mọi điều đó, tốt hơn nên giải thích là chúng tôi viết mọi điều này (đối chiếu II.Côrinthô 13:10).

12:20 Phaolô ao ước khi đến Côrinthô, ông có thể thấy Cơ Đốc nhân đang sống hòa thuận vui vẻ với nhau, đã lìa bỏ các giáo sư giả, và công nhận thẩm quyền của các sứ đồ.

Khi đến thăm, ông cũng muốn đến đem theo sự vui mừng chứ không phải nặng nề. Ông sẽ rất buồn nếu thấy có những **điều rầy rà, ghen ghét, nóng giận, bất hòa** (Bản Anh ngữ là "những tham vọng ích kỷ"), cùng mọi hình thức khác của sự tranh chấp theo xác thịt.

12:21 Suy cho cùng, những người Côrinthô này là sự vui mừng và là mào triều vui mừng của Phaolô. Họ chính là cơ khoe mình của ông. Dường như ông không muốn đến với họ để rồi phải hổ thẹn về họ. Ông cũng không muốn phải **khóc lóc về nhiều người** trước đã phạm tội mà vẫn không ăn năn về những sự **ô uế, gian dâm và lường tuồng** họ đã phạm.

Nhiều người trước đã phạm tội này là ai? Chỉ có lý khi cho rằng họ đã ở trong Hội Thánh Côrinthô; nếu không,

ông không luận đến họ như vậy trong một bức thư gửi cho Hội Thánh. Nhưng không thể cho rằng họ là tín hữu thật. Câu này nói cụ thể họ phạm những tội ấy, và ở chỗ khác Phaolô nói rõ ràng bất cứ ai có đời sống đặc trưng bởi hành vi như thế thì đều không hưởng được Nước Đức Chúa Trời (I.Côrinhtô 6:9, 10). Sự đổ sẽ khốc lốc về những người ấy vì nếu họ không ăn năn thì bởi đó sẽ bị dứt phép thông công.

Darby nói đoạn này mở đầu với từng trời thứ ba và kết thúc với những tội lỗi ghê tởm dưới đất. Ông thấy giữa hai phần đó có phương thuốc giải – là quyền năng của Đấng Christ trên sự đổ Phaolô.⁵⁰

13:1 Phaolô sắp đến thăm Côrinhtô. Khi đến, những trường hợp phạm tội giữa vòng tín hữu sẽ bị đem ra điều tra. Những cuộc điều tra như thế sẽ tiến hành đúng theo nguyên tắc thiên thượng được thiết lập trong Phục truyền Luật lệ Ký 19:15: " Mọi việc sẽ định cứ lời khai của hai hoặc ba người làm chứng." Phaolô không nói ông sẽ tố chức phiên tòa. Việc này do hội chúng địa phương thực hiện, và ông sẽ làm người cố vấn cho họ.

I. Quyền Sở Hữu Của Phaolô Được Hạn Thuả Chính Bởi Người Côrinhtô (13:2-6)

13:2 Trong chuyến thăm họ lần thứ hai – nếu không phải thì đã không ghi lại như thế – Phaolô hẳn trước sẽ xử lý nghiêm khắc những người phạm tội. Giờ đây dấu vắng mặt, ông vẫn báo trước cho họ rằng nếu lại đến, ông chẳng dung thứ cho người vẫn đang phạm tội.

13:3 Người Côrinhtô đã bị các giáo sư giả lừa dối đến độ nghi ngờ Phaolô không phải là sứ đồ thật. Trên thực tế, họ thực sự thách thức Phaolô cung cấp bằng chứng cho thấy ông là phát ngôn nhân thật của Đức Chúa Trời. Đầu là những bằng chứng cho thấy Đấng Christ thực sự đang phán qua ông? Vì sứ đồ mở đầu câu trả lời bằng cách trích lời đòi hỏi xác xược của họ: "Vi anh em phải có một bằng cớ rằng Đấng Christ phán bởi tôi..."

Và rồi trong một câu chua trong ngoặc, ông nhắc họ nhớ Đấng Christ đã bày tỏ chính Ngài cho họ qua ông cách mạnh mẽ. Chẳng có điều nào yếu đuối nơi cuộc cách mạng lớn lao trong đời sống họ khi họ tin sử điệp Tin Lành.

13:4 Nhắc đến những chữ "yếu đuối" và "mạnh mẽ" khiến Phaolô nhớ lại nghịch lý về sức mạnh ra từ sự yếu đuối vốn thấy rõ trong đời sống của Cứu Chúa và đời sống của những tội tở Ngài. Chúa chúng ta như sự yếu đuối đã bị đóng đinh vào thập tự giá (Bản Anh ngữ "bị đóng đinh trong sự yếu đuối"), nhưng Ngài sống bởi quyền phép Đức Chúa Trời. Vì vậy bản thân môn đồ Ngài yếu đuối, nhưng Chúa thể hiện quyền phép Ngài qua họ. Phaolô nói chúng tôi... nhờ quyền phép Đức Chúa Trời cũng sống với Ngài, đặt làm việc giữa anh em, ông không nói đến sự sống lại. Đúng hơn, ông nói khi đến thăm, ông sẽ bày tỏ quyền phép mạnh mẽ của Đức Chúa Trời để xử lý những người đang phạm tội. Họ nói ông là yếu đuối và đáng khinh; ông sẽ chứng tỏ cho họ thấy ông có thể mạnh mẽ để thi hành kỷ luật!

13:5 Câu này nối kết với phần thứ nhất của câu 3 như sau: "Vì anh em phải có (Bản Anh ngữ "tìm") một bằng chứng rằng Đấng Christ phân biệt tôi..., nên chính anh em hãy tự xét để xem mình có đức tin chăng." Chính họ là bằng chứng về tư cách sứ đồ của ông. Chính nhờ ông mà họ được đưa đến với Cứu Chúa. Nếu muốn nhìn thấy những bằng chứng xác chứng cho ông, họ nên tìm ở nơi chính bản thân họ.

Câu 5 thường bị lạm dụng để dạy rằng chúng ta phải tra xét trong chính bản thân mình để tìm sự bảo đảm về sự cứu rỗi, nhưng điều này có thể dẫn đến nản lòng và nghi ngờ. Trước tiên và quan trọng hơn hết, sự bảo đảm về sự cứu rỗi đến bởi Lời Đức Chúa Trời. Giây phút chúng ta tin cậy Đấng Christ thì cũng chính là lúc chúng ta có thể nhờ thẩm quyền của Kinh Thánh để biết mình đã được tái sanh. Thời gian dần trôi, chúng ta thực sự tìm thấy nhiều bằng chứng khác nữa của nếp sống mới – lòng yêu mến mới mẻ đối với sự thánh khiết, sự ghét tội cách mới mẻ, yêu mến anh em, sự công bình trong nếp sống đạo, vâng lời, và phần rỗi khỏi thế gian.

Nhưng không phải Phaolô đang bảo người Côrintô tự tra xét mình để tìm bằng chứng về sự cứu rỗi họ. Trái lại, ông đã yêu cầu họ tìm chính trong sự cứu rỗi của họ để thấy bằng chứng về tư cách sứ đồ của ông.

Chỉ có hai khả năng: hoặc Đức Chúa Jesus Christ ở trong họ, hoặc họ đáng bị bỏ, tức là giả mạo. Chữ được dịch là "đáng bị bỏ" được dùng để mô tả

những thứ kim loại khi đem ra thử thì thấy là giả. Vì vậy, người Côrintô một là tin đó thật, hai là đáng bị bỏ vì đã không vượt qua được xét nghiệm này.

13:6 Nếu kết luận họ đã thực sự được cứu, thì đương nhiên phải dẫn đến kết luận Phaolô là thật và không đáng bị bỏ. Sự biến đổi kỳ diệu xảy ra trong đời sống người Côrintô chắc chắn không thể đến qua giáo sư giả được.

J. Lòng Khao Khát Của Phaolô Muốn Làm Ích Lợi Cho Người Côrintô (13:7-10)

13:7 Giờ đây, Phaolô tiếp tục đề tài kỷ luật những thành viên đang phạm tội trong Hội Thánh Côrintô. Ông nói mình đang cầu xin Đức Chúa Trời cho người Côrintô đừng làm việc ác nào bằng cách chấp thuận tội lỗi giữa vòng họ, nhưng xin Chúa cho họ không ngừng thực hiện công tác kỷ luật và khôi phục những thành viên phạm tội. Ông không xin Chúa điều này để tỏ ra chính ông có vẻ được ứng chịu, hay được xuất hiện trong bối cảnh thuận lợi hơn. Ông không muốn họ làm như vậy chỉ cốt để lấy sự vâng lời áy của họ để làm bằng chứng cho thẩm quyền của mình. Ông không hề nghĩ như vậy. Ông muốn họ làm việc đó vì là điều phải lẽ, đúng và ngay thật. Và ông thà để họ làm việc đó, cho dù điều đó có nghĩa ông dường như đáng bị bỏ.

Một lần nữa ở đây, chúng ta có bằng chứng về tính thần không ích kỷ của Phaolô. Trong cuộc đời cầu nguyện, ông luôn luôn nghĩ đến những điều ích lợi cho người khác chứ không nghĩ đến những điều nhằm đánh giá cao chính mình. Nếu Phaolô cảm roi đến cùng

người Côrintô, khẳng định thẩm quyền của mình, và thành công trong việc bắt họ vâng theo những mệnh lệnh ông truyền phải thi hành kỷ luật, thì ông có thể dùng đây làm lập luận chống lại các giáo sư giả. Ông có thể nói đây là bằng chứng về thẩm quyền hợp pháp của mình, nhưng ông thà để người Côrintô tự thi hành những biện pháp cần thiết khi ông vắng mặt thì tốt hơn, dầu điều đó có thể đẩy ông vào thế bất lợi trước mặt những người duy luật pháp.

13:8 Chữ “**chúng tôi**” trong câu này chắc nói đến các sứ đồ. Phaolô đang nói mọi điều họ làm thì phải làm để để cao **lễ nhất** của Đức Chúa Trời, và không làm vì bất kỳ động cơ ích kỷ nào. Ngay cả vấn đề kỷ luật, cũng không được phép để tư tưởng thù hận cá nhân xen vào. Mọi điều phải được thực thi vì vinh hiển của Đức Chúa Trời và vì ích lợi của những Cơ Đốc nhân khác.

13:9 Ở đây, một lần nữa sứ đồ bày tỏ tình thần hoàn toàn không ích kỷ của ông đối với người Côrintô. Nếu sự yếu đuối, hạ mình và bị mắng nhiếc của ông khiến họ được vững mạnh trong những điều thuộc về Chúa, thì ông hết sức vui mừng. Đang khi vui mừng như vậy, ông cũng cầu xin Chúa cho họ có thể **được** nên **trọn vẹn**. Đối với vấn đề xử trí những người phạm tội giữa vòng họ, Phaolô cầu xin Chúa cho họ có thể được nên **trọn vẹn**. Lòng khao khát sốt sắng của ông chính là để toàn bộ ý muốn của Đức Chúa Trời được thực hiện trong đời sống họ. Hogde nói: “Phaolô cầu xin Chúa cho họ có thể được khôi phục trọn vẹn từ tình trạng

rối loạn, tranh chấp và làm ác mà họ đã sa vào trước đó.”⁵¹

13:10 Chính vì muốn họ được nên trọn vẹn mà ông viết thư này. Ông muốn viết thư đang khi **vắng mặt** để đem lại được những kết quả này, hơn là khi **có mặt** ông phải dùng **thắng phép**, dùng theo quyền **Chúa** ban cho. Nhưng nếu như ông **có mặt** và xử lý họ nghiêm khắc, thì vẫn **nhằm gây dựng** họ chứ **không phải để diệt** họ.

K. Lời Tạm Biệt Của Phaolô Trong Ôn Của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (13:13-14)

13:11 Giờ đây, sứ đồ kết thúc đột ngột bức thư đầy sóng gió này. Sau khi **chào tạm biệt** họ (chào thăm trong tiếng Hylạp nghĩa đen là “hãy mừng rỡ”), ông đưa ra bốn lời khuyên. Thứ nhất, họ **khá** **theo đến sự trọn lành**. Đây cũng là động từ được dùng nói đến việc và lưới trong Mathiơ 4:21, và cũng có nghĩa “sửa lại đường lối của anh em.” Người Côrintô phải thôi cãi lẩy và phạm tội, để sống hòa thuận với nhau.

Hãy yên ủi mình, cũng có thể hiểu là “được khích lệ” hay “được khuyến bảo.” Họ đã được sứ đồ Phaolô cho những lời khuyên bảo kiên quyết. Ở đây, ông bảo họ lấy lòng vui tiếp nhận những lời khuyên bảo này và làm theo.

Hiệp một tâm tình. Dương nhiên, cách duy nhất để Cơ Đốc nhân có thể hiệp một tâm tình chính là có đồng tâm tình của Đấng Christ. Đó chính là suy nghĩ đúng như Ngài nghĩ, bắt mọi ý tưởng và lý luận của họ phải phục Đấng Christ.

Ở cho hòa thuận. Từ 12:20, rõ ràng giữa họ có tranh cãi và cãi lộn. Khi để

tinh thần duy luật pháp xen vào thì luôn luôn xảy ra như vậy. Vì vậy ở đây Phaolô bảo họ trước hết phải kỷ luật người phạm tội và sống hòa thuận với những anh em Cơ Đốc của mình.

Nếu làm như vậy, thì Đức Chúa Trời của sự yêu thương và bình an sẽ ở cùng anh em. Đương nhiên, trên một phương diện, Chúa luôn luôn ở với dân sự Ngài. Nhưng câu này muốn nói Ngài sẽ bày tỏ chính Ngài cho họ cách đặc biệt gần gũi và triu mến nếu họ chịu vâng theo những điều này.

13:12 Cái hôn thánh là cách chào thăm đặc trưng giữa vòng Cơ Đốc nhân thời các sứ đồ. Được gọi là cái hôn thánh, ý nói đó không chỉ là biểu tượng về tình cảm bề ngoài, nhưng hết sức thành thật và thanh sạch. Ngày nay tại nhiều quốc gia, Cơ Đốc nhân vẫn còn giữ việc này. Tuy nhiên, tại một số quốc gia, những người nam hôn nhau sẽ bị xuyên tạc là dấu hiệu của đồng tính luyến ái. Không bắt buộc phải giữ một truyền thống như thế nếu nó khiến lời chứng Cơ Đốc bị chê trách trầm trọng. Trong những trường hợp như vậy, cái bắt tay thánh sẽ đáng chuộng hơn. Hoped nói:

Đây không phải là mạng lệnh truyền dạy một bốn phận vĩnh viễn, nhưng tinh thần của mạng lệnh này ấy là: Cơ Đốc nhân phải bày tỏ tình yêu thương nhau theo cách được phê chuẩn bởi chính thời đại và cộng đồng đang sống.⁵²

(Bản Anh ngữ mở đầu câu 13:13: "Hỡi thầy thánh đồ chào anh em," còn bản Việt Ngữ nhập chung với câu 12). Lời chào thăm từ hết thầy các thánh đồ

sẽ nhắc người Côrintô nhớ đến phạm vi mối thông công họ được bước vào, và cũng cho họ biết các Hội Thánh khác đang muốn nhìn thấy họ tiến bộ và vâng phục Chúa.

13:13 (Bản Anh ngữ là 13:14) Ở đây chúng ta có một trong những lời chúc phước tuyệt vời nhất của Tân Ước, và lời chúc phước duy nhất bao gồm cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Lenski kết luận:

Với hình ảnh vị đạo sư đồ giảng dạy trên người Côrintô, cùng với lời chúc phước sâu sắc này trong Tân Ước, tiếng nói ông chìm dần vào im lặng. Nhưng lời chúc phước vẫn còn mãi trong lòng chúng ta.⁵³

CHÚ THÍCH

¹(1:2) James Denney, *The Second Epistle to the Corinthians*, trang 11.

²(1:10) Bản Kinh Thánh phê bình (NU) có một thì quá khứ và hai thì tương lai.

³(1:20) H. W. Cragg, *The Keswick Week*, trang 126.

⁴(2:11) J. Sidlow Baxter, *Awake My Heart*, trích từ bài giảng ngày 10 tháng 11, "Intoxication with Error."

⁵(2:14) A. T. Robertson, *The Glory of the Ministry*, trang 32.

⁶(2:14) Frederick Brotherton Mover, *Paul*, trang 17.

⁷(2:15) *Ibid.*, trang 78.

⁸(2:17) Câu Kinh Thánh nói đến tình đa số được diễn đạt rất mạnh mẽ: "Như số người còn lại"; rõ ràng đây là biện pháp tu từ cường điệu, và trường hợp này thường được sử dụng trong II.Côrintô.

⁹(2:17) Robertson, *Ministry*, trang 47.

¹⁰(3:6) J. M. Davies, *The Epistles to the Corinthians*, trang 168, 169.

¹¹(3:9) Charles Hodge, *A Commentary on the Second Epistle to the Corinthians*, trang 61.

¹²(3:10) Robertson, *Ministry*, trang 70.

¹³(3:10) Denney, *Second Corinthians* trang 123.

¹⁴(3:13) F. W. Grant, "2 Corinthians," *The Numerical Bible*, VI:547.

¹⁵(3:14) Hodge, *Second Corinthians*, trang 71.

¹⁶(3:17) Những dịch giả của bản NKJV xem câu này nói đến Đức Thánh Linh, vì vậy viết chữ hoa. Trong nguyên bản, mọi chữ đều viết hoa (loại chữ hoa uncial), vì vậy trường hợp nào cũng được.

¹⁷(3:18) Denney, *Second Corinthians* trang 139, 140.

¹⁸(3:18) J. N. Darby, *Notes on I and II Corinthians*, trang 189, 190.

¹⁹(4:7) J. H. Jowett, *Life in the Heights*, trang 65.

²⁰(4:12) Robertson, *Ministry*, trang 157.

²¹(4:16) H. A. Ironside.

²²(4:17) Trong tiếng Hibálai, chữ "vinh hiển" ra từ chữ gốc "trở nên nặng," chắc gợi lên cách dùng từ ngữ của Phaolô.

²³(4:17) William C. Moorehead, *Outline Studies in the New Testament: Acts to Ephesians*, trang 191.

²⁴(4:17) F. E. Marsh, *Fully Furnished*, trang 103.

²⁵(4:18) Jowett, *Life in the Heights*, trang 68, 69.

²⁶(5:15) Denney, *Second Corinthians* trang 199.

²⁷(5:16) David Smith.

²⁸(5:18) *A New and Concise Bible Dictionary*, trang 652.

²⁹(6:4) Denney, *Second Corinthians*, trang 230.

³⁰(6:9) "Ngó như kẻ xa lạ, nhưng là kẻ quen biết lắm" được khắc rất phù hợp vào bìa mộ của John Nelson Darby (1800-1882), người có chức vụ toàn cầu không khác gì Phaolô.

³¹(6:10) Robertson, *Ministry*, trang 238.

³²(6:11) A. W. Tozer, *The Root of the Righteous*, 1955.

³³(6:16) Denney, *Second Corinthians* trang 246.

³⁴(7:8) George Williams, *Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 904.

³⁵(7:9) Hodge, *Second Corinthians*, trang 182.

³⁶(8:7) Denney, *Second Corinthians*, trang 267.

³⁷(8:15) Moorehead, *Acts to Ephesians*, trang 179, 180.

³⁸(8:15) Hodge, *Second Corinthians*, trang 206.

³⁹(8:21) G. Campbell Morgan, *Searchlights from the Word*, trang 345.

⁴⁰(9:7) Jowett, *Life in the Heights*, trang 78.

⁴¹(11:17) Charles C. Ryrie, *The Ryrie Study Bible*, New King James Version, trang 1797.

⁴²(11:20) J. N. Darby, *Notes on I and II Corinthians*, trang 236.

⁴³(11:27) Hodge, *Second Corinthians*, p.275.

⁴⁴(11:33) J. B. Watson.

⁴⁵(12:4) Morgan, *Searchlights*, trang 346.

⁴⁶(12:7) R. J. Reid, *How Job Learned His Lesson*, trang 69.

⁴⁷(12:7) Xem Galatê 4:15 và 6:11.

⁴⁸(12:7) Moorehead, *Acts to Ephesians*, trang 197.

⁴⁹(12:9) J. Oswald Sanders, *A Spiritual Clinic*, trang 32, 33.

⁵⁰(12:21) Darby, *I and II Corinthians*, trang 253.

⁵¹(13:9) Hodge, *Second Corinthians*, trang 309.

⁵²(13:12) *Ibid.*, trang 312.

⁵³(13:14) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of St. Paul's First and Second Epistles to the Corinthians*, trang 1341.

SÁCH THAM KHẢO

Darby, J. N. *Notes on I and II Corinthians*. London: G. Morrish, không rõ năm xuất bản.

Davies, J. M. *The Epistles to the Corinthians*. Bombay: Gospel Literature Service, 1975.

Denney, James. *The Second Epistle to the Corinthians*. London: Hodder & Stoughton, 1894.

Erdman, C. R. *Second Epistle of Paul to the Corinthians*. London: Philadelphia: Westminster Press, 1929.

Grant, F. W. "2 Corinthians," *The Numerical Bible*. Vol. 6, Acts - 2Corinthians. New York: Loizeaux Brothers, 1901.

Hodge, Charles. *The Second Epistle to the Corinthians*. London: The Banner of Truth Trust, 1959.

Hughes, Philip E. *Commentary on the Second Epistle to the Corinthians*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1962.

Kelly, William. *Notes on the Second Epistle to the Corinthians*. London: G. Morrish, 1882.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of St. Paul's First and Second Epistles to the Corinthians*. Columbus: Wartburg Press, 1937.

Luck, G. Coleman. *Second Corinthians*. Chicago: Moody Press, 1959.

Robertson, A. T. *The Glory of the Ministry*. New York: Fleming H. Revell Co., 1911.

Wilson, Geoffrey B. *2 Corinthians: A Digest of Reformed Comment*. London: The Banner of Truth Trust, 1973.

THƠ GỬI CHO NGƯỜI GALATI

Giới Thiệu

"Bản Hiến Chương 'Magna Charta' về quyền tự do thuộc linh cho toàn thế giới và cho mọi thời đại." - Charles R. Erdman

I. Vị Trí Đặc Biệt Trong Kinh Thánh

Phần lớn những người nói tiếng Anh, cũng như rất nhiều người Pháp, mang nguồn gốc Celtic – tức là người Tô Cách Lan, Ái Nhĩ Lan, người xứ Welsh, hay Breton. Những nhóm dân tộc này sẽ đặc biệt thích thú khi biết một trong những bức thư sớm nhất của Phaolô được viết cho tổ tiên của họ ("Galatia," "Celt," và "Gaul" thấy đều là những từ ngữ có liên quan).

Khoảng năm 278 T.C., một số rất đông những người Gaul Châu Âu này đã di cư đến phần đất ngày nay là Thổ Nhĩ Kỳ. Biên giới của họ được xác lập và quốc gia của họ được đặt tên là "Galatia." Nhiều người nghĩ có thể thấy những đặc điểm "Celtic" trong những vấn đề như tính dễ thay đổi của người Galati (trong Công Vụ 13 và Galati 3:1, v.v...).

Tuy có thể như thế, nhưng bức thư gửi cho người Galati làm trọn vai trò hết sức quan trọng trong Cơ Đốc giáo thời kỳ đầu. Dấu thương được xem như là "bản thảo đầu tiên" của thư Rôma (vì thư này nói về Tin Lành của ân điển, Ápraham, luật pháp, v.v..., theo cách tương tự nhau), nên thư Galati là nỗ lực kiên quyết, cứng rắn và tha thiết để cứu Cơ Đốc giáo khỏi trở thành một hệ phái theo Đấng Mêsê của Do Thái duy luật pháp. Chúng ta không biết chính người

Galati đã phản ứng thế nào, nhưng Tin Lành của ân điển, không bởi các việc làm theo luật pháp, đã đắc thắng, và Cơ Đốc giáo vẫn tiếp tục trở thành đức tin toàn cầu.

Trong Thời Cải Chánh, thư Galati quan trọng đối với Luther đến nỗi ông nói đến sách này là "Kaethe của tôi" (là tên gọi triu mến ông đặt cho vợ mình). Tác phẩm Giải Nghĩa Thư Galati ảnh hưởng đến không những cho giới học giả, mà còn trong giới bình dân, và hiện nay vẫn còn được xuất bản và nghiên cứu.

II. Quyền Tác Giả

Chưa có ai thắc mắc nghiêm túc về tác quyền đích thực của Phaolô. Thư này được trích dẫn là của Phaolô bởi các giáo phụ Polycarp, Ignatius, Justin Martyr, Origen, Irenaeus, Tertullian và Clement ở Alexandria. Thư Galati được liệt kê trong Bộ Kinh Điển Muratorian là thư của Phaolô, và chắc do lối nói bài trừ khuyến khích Do Thái giáo rất mạnh mẽ của thư, nên được đứng đầu trong Bộ Kinh Điển Apostolicon của Marcion. Do đó ngoại chứng cho thư rất vững chắc.

Nội chứng cho tác quyền của Phaolô bắt đầu từ những câu nhắc đến bản thân trong 1:1 và 5:2, nhận định ở gần cuối thư (6:11) rằng ông viết thư bằng "chữ lớn." Người ta thường hiểu điều

này ám chỉ đến chứng bệnh đau mắt khả đi của vị sứ đồ. Bằng chứng hậu thuẫn bao gồm sự kiện người Galati đã từng có lần sẵn lòng móc mắt của họ cho Phaolô. Rất nhiều ghi chú lịch sử ăn khớp với sách Công Vụ. Cuộc tranh luận về phép cắt bì và Phaolô có phải là sứ đồ thật hay không là những vấn đề đang bùng lên vào giữa thập kỷ 50 và 60 nhưng sau đó đã nhanh chóng tắt lặng.

III. Thời Điểm Viết

Thời điểm viết thư tùy thuộc vào ý nghĩa chính xác của cụm từ "các hội thánh ở xứ Galati" và "người Galati." Nếu cụm từ này chỉ về vùng phía nam của Tiểu Á, thì rất có thể thư được viết ra ở một thời điểm sớm hơn, thậm chí trước cả Giáo Hội Nghị Giêrusalem. Nếu nói đến vùng phía Bắc, thì đòi hỏi thư được viết muộn hơn.

Về mặt địa lý, từ ngữ "xứ Galati" được dùng để chỉ về vùng phía bắc, và về mặt chính trị, từ ngữ này được dùng chỉ về vùng phía nam - Ûnh Galati của người Lamã.

Thuyết Bắc Galati là thuyết tiêu chuẩn mãi đến những năm 1800, và hiện nay hầu như vẫn được các học giả người Đức chấp nhận. Không có bằng chứng nào cho thấy Phaolô đã từng thi hành chức vụ cho "người Galati" ở khu vực đó, nhưng đương nhiên không loại trừ khả năng ấy.

Đặc biệt kể từ khi Sir William Ramsay phổ biến rộng rãi thuyết Nam Galati, thuyết này đã được chấp nhận rộng rãi tại Anh Quốc và Bắc Mỹ. Vì Luca dành phần lớn nội dung trong sách

Công Vụ cho công tác truyền giáo của Phaolô trong vùng này (Antiốt xứ Bisiđi, Ycôni, Littre và Đetbơ), nên rất có thể sứ đồ đã viết thư cho những tân tín hữu của mình tại đó. Vì Phaolô truyền giảng Tin Lành cho vùng Nam Galati trong Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhất, rồi thăm lại vùng đó trong Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì, nên có thể thư Galati được viết ra sớm. Nếu thư này được viết trước Giáo Hội Nghị Giêrusalem ở Công Vụ 15 (năm 49 S.C.), điều này sẽ giải thích vì sao vấn đề chịu cắt bì vẫn còn hết sức nóng bỏng. Theodor Zahn, một học giả bảo thủ hàng đầu của Đức, xác định thư Galati được viết ra trong Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì của Phaolô, và viết từ thành Côrintô. Điều này khiến thư Galati trở thành bức thư viết sớm nhất của Phaolô.

Nếu thuyết Bắc Galati là đúng, thì thư Galati có lẽ được viết ra vào khoảng thập niên 50, có lẽ sớm nhất là năm 53, nhưng chắc được viết ra muộn hơn.

Theo như chúng ta tin, nếu thuyết Nam Galati là đúng, và đặc biệt nếu thư Galati được viết trước khi Phaolô đến dự Giáo Hội Nghị Giêrusalem (là hội nghị quyết định vấn đề chịu cắt bì cho những Cơ Đốc nhân ngoại bang), thì có thể xác định sách này được viết vào năm 48 S.C.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Trong những hành trình truyền giáo đầu tiên, sứ đồ Phaolô đã thăm vùng Tiểu Á, dạy sứ điệp vinh hiển của sự cứu rỗi duy bởi đức tin nơi một mình Đấng Christ mà thôi. Rất nhiều thánh

giả của ông đã được cứu rồi, nhiều hội thánh Đấng Christ thành lập và phần lớn ở xứ Galati. Cư dân xứ Galati nổi tiếng là không yên, hiếu chiến và thay đổi thất thường.

Sau khi Phaolô rời vòng này, các giáo sư giả đã xen vào nhiều hội thánh và giới thiệu giáo lý sai lầm. Họ dạy sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Đấng Christ kèm với việc giữ luật pháp. Sự điệp của họ pha trộn Cơ Đốc giáo với Do Thái giáo, ăn điển với luật pháp, Đấng Christ với Môise. Họ còn cố làm cho người Galati lia hồ Phaolô bằng cách nói ông không phải là sứ đồ thật của Chúa nên bởi đó sự điệp của ông không đáng tin. Họ tìm cách phá hủy lòng tin quyết nơi sự điệp này bằng cách phá hoại lòng tin nơi sứ giả. Rất nhiều Cơ Đốc nhân người Galati bị tác động bởi những gợi ý gian ác của họ.

Át hẳn lòng Phaolô tràn đầy đau đớn

thất vọng khi nghe tin như thế từ xứ Galati! Có phải công khó của ông giữa vòng dân này đã trở nên vô ích? Liệu còn cứu được các Cơ Đốc nhân này thoát khỏi những sự dạy dỗ duy luật và thiên Do Thái giáo hay không? Phaolô được thôi thúc để hành động mau lẹ và dứt khoát. Ông cầm bút lên viết bức thư đầy phần nộ này cho con cái yêu dấu của ông trong đức tin. Trong thư, ông nêu ra đặc tánh thật của sự cứu rỗi đúng như đã được ban ra bởi ăn điển từ đầu cho đến cuối, không kèm được nhờ giữ trọn hay giữ một phần luật pháp. Các việc lành không phải là điều kiện để được cứu rỗi, nhưng là bông trái của sự cứu rỗi. Cơ Đốc nhân đã chết đối với luật pháp; người ấy sống cuộc đời thành khiết, không phải bởi những nỗ lực riêng của mình, nhưng nhờ quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời đang ngự trong lòng.

BỔ CỤC

I. VỀ BẢN THÂN: PHAOLÔ BÌNH VỰC THẨM QUYỀN CỦA MÌNH

(Đoạn 1,2)

A. Mục Đích Viết Thư Của Phaolô (1:1-10)

B. Lời Phaolô Bình Vực Sứ Điệp Và Chức Vụ Minh (1:11 - 2:10)

C. Phaolô Quở Trách Phierơ (2:11-21)

II. VỀ GIÁO LÝ: PHAOLÔ BÌNH VỰC SỰ XUNG CÔNG BÌNH BỞI ĐỨC TIN (3:1 - 5:1)

A. Lễ Thật Vĩ Đại Của Tin Lành (3:1-9)

B. Luật Pháp Nghịch Với Lời Hứa (3:10-18)

C. Mục Đích Của Luật Pháp (3:19-29)

D. Con Trẻ Và Con Trưởng Thành (4:1-16).

E. Ách Nô Lệ Hay Tự Do (4:17 - 5:1)

III. VỀ NẾP SỐNG ĐẠO: PHAOLÔ BÌNH VỰC QUYỀN TỰ DO CƠ ĐỐC TRONG THÁNH LINH (Đoạn 5:2 - 6:18)

A. Hiểm Họa Của Chủ Nghĩa Duy Luật Pháp (5:2-15)

B. Quyền Năng Cho Sự Thánh Khiết (5:16-25)

C. Những Lời Khuyên Thực Tiễn (5:26 - 6:10)

D. Kết Luận (6:11-18)

CHÚ GIẢI

I. VỀ BẢN THÂN: PHAOLÔ BÌNH VỰC THẨM QUYỀN CỦA MÌNH (Đoạn 1,2)

A. Mục Đích Viết Thư Của Phaolô (1:1-10)

1:1 Ngay từ đầu, Phaolô quả quyết sự kêu gọi ông làm **sứ đồ** là sự kêu gọi thiên thượng. Sự kêu gọi ấy không phát xuất từ con người, cũng không phải do Đức Chúa Trời truyền đạt thông qua một con người nào. Sự kêu gọi ấy đến trực tiếp bởi Đức Chúa Jêsus Christ và Đức Chúa Trời, tức là Cha, Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Ai được kêu gọi như vậy bởi một mình Đức Chúa Trời và chịu trách nhiệm với một mình Đức Chúa Trời mà thôi, thì có quyền tự do để rao giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời mà không sợ con người. Vì vậy sứ đồ Phaolô độc lập với mười hai sứ đồ và mọi người khác, cả về mặt sứ điệp và về chức vụ của ông.

Trong câu Kinh Thánh này, thần thánh của Đức Chúa Jêsus vừa được nói rõ vừa được hàm ý. Thần thánh được nói rõ trong cụm từ cũng không như một người nào, hèn là bởi Đức Chúa Jêsus Christ. Được ám chỉ bởi phương cách Phaolô liên kết Đức Chúa Jêsus Christ với Đức Chúa Trời, tức là Cha, đặt cả hai Đấng ngang hàng với nhau. Sau đó Đức Chúa Trời, tức là Cha, được nhắc đến như là Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Phaolô có lý do vững chắc để nhắc người Galati nhớ điều này. Sự sống lại là bằng chứng Đức Chúa Trời

hoàn toàn thỏa mãn với công tác của Đấng Christ để cứu rỗi chúng ta. Đường như người Galati không hoàn toàn thỏa lòng với công tác của Cứu Chúa, vì họ đang cố gắng cải thiện công tác ấy bằng cách bổ sung thêm những nỗ lực riêng để giữ luật pháp.

Phaolô được kêu gọi bởi Đấng Christ phục sinh, trái với mười hai sứ đồ, là những người được kêu gọi bởi chính Đức Chúa Jêsus trong chức vụ tại thế của Ngài. Từ đó trở đi, sự phục sinh hình thành một phần quan trọng trong sứ điệp của ông.

1:2 Sứ đồ liên kết mình với **hết** thầy anh em và **những người đang ở** với ông. Những anh em này đã cùng với ông kêu gọi người Galati giữ vững chân lý của Tin Lành. Bức thư này **gửi đến các hội thánh ở xứ Galati**, cho thấy sự thiếu nhiệt tình cách có chủ ý. Thông thường, Phaolô gọi các tín hữu là "hội thánh của Đức Chúa Trời," "thánh đồ," hoặc "người trung tín trong Đức Chúa Jêsus Christ." Ông thường diễn tả những lời tạ ơn vì cơ những Cơ Đốc nhân, hoặc ca ngợi Chúa vì những đức tánh của họ. Ông thường xuyên để cập đích danh những cá nhân. Nhưng ở đây không có yếu tố nào như thế cả. Tính nghiêm trọng của lầm lỗi trong các hội thánh xứ Galati khiến ông nghiêm khắc và lạnh lùng đối với họ.

1:3 **Ấn điển và bình an** là hai từ ngữ tuyệt vời của Tin Lành. Ấn điển là sự nhân từ không xứng đáng được nhận do

Chúa ban cho những tội nhân gian ác. Thay vì đòi hỏi con người phải làm, ân điển cho biết Đức Chúa Trời đã làm gì, và mời gọi con người đến nhận sự cứu rỗi như một món quà tặng không. Scofield nói: "Thay vì tìm kiếm con người tốt lành để ân điển có thể chấp nhận họ được, thì ân điển đang tìm kiếm những con người đã bị định tội, có tội, không thể nói nên lời và bất lực, để có thể cứu rỗi họ, làm họ nên thánh và vinh hiển."

Bình an là kết quả của ân điển. Khi tội nhân tiếp nhận Cứu Chúa, người được **bình an** với Đức Chúa Trời. Người yên nghỉ vì biết hình phạt cho tội lỗi mình đã được trả xong, mọi tội đã được tha, và người sẽ không bao giờ bị định tội nữa. Nhưng ân điển không những cứu rỗi; ân điển còn gìn giữ. Chúng ta không những cần đến phước hạnh do được bình an với Đức Chúa Trời, mà còn cần sự bình an của Đức Chúa Trời. Đây là những phước hạnh Phaolô chúc cho người Galati khi mở đầu bức thư. Chắc chắn người Galati nhận thấy những phước hạnh này không bao giờ nhờ luật pháp mà có được. Luật pháp đem rửa sã đến cho mọi người nào vi phạm các điều khoản của luật pháp. Luật pháp không hề đem bình an đến cho bất kỳ linh hồn nào.

1:4 Tiếp theo, Phaolô nhắc cho đọc giả nhớ lại giá phải trả hết sức lớn lao để họ nhận được sự cứu rỗi. Hãy để ý những chữ: Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, là Đấng **phó mình vì tội lỗi chúng ta**. Nếu Ngài đã phó mình để giải quyết xong vấn đề tội lỗi, thì chúng ta

vừa không cần, vừa không thể bổ sung thêm vào một công tác như thế, hoặc để giúp chuộc tội lỗi chúng ta bằng cách giữ luật pháp. Đấng Christ là Cứu Chúa duy nhất và đầy đủ. Đấng Christ chịu chết để cứu chúng ta khỏi đời ác này. Điều này bao gồm không những về sự bại hoại đạo đức và chính trị của đời này, mà còn về cả thế giới tôn giáo vốn pha trộn các nghi thức và lễ hội với đức tin nơi Đấng Christ. Do đó, hết sức đúng lúc để nhắc người Galati nhớ họ đang quay trở về với chính hệ thống mà Đấng Christ đã chịu chết để cứu họ ra khỏi! Sự cứu chuộc của Đấng Christ là đúng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta. Câu này kể công đúng nơi đúng chốn – không phải bởi những nỗ lực yếu ớt đáng thương của con người, nhưng trái lại là bởi ý muốn tối thượng của Đức Chúa Trời. Câu này nhấn mạnh Đấng Christ là con đường cứu rỗi của Đức Chúa Trời và không còn con đường nào khác.

Câu 4 phải là lời nhắc nhở rằng Đức Chúa Trời không quan tâm đến việc cải thiện thế giới này, hay khiến cho con người được thoải mái trong thế giới ấy, nhưng Ngài quan tâm đến việc giải cứu con người khỏi đời ác này. Những điều ưu tiên của chúng ta phải trùng với Ngài.

1:5 Theo Tin Lành của ân điển, mọi **vinh hiển** cho sự cứu rỗi của con người đều quy về Đức Chúa Cha và về Đức Chúa Jêsus Christ. Con người không thể chia sẻ vinh hiển này với tư cách vi đóng cứu linh với Đấng Christ bằng cách tuân giữ luật pháp.

Mỗi cụm từ trong năm câu Kinh Thánh này đều có ý nghĩa, chỉ vài từ ngữ đã diễn tả biết bao nhiêu chân lý. Phaolô phát biểu dưới dạng phối thai về hai đề tài chính sẽ chiếm hết phần còn lại của thư – thẩm quyền của ông trong tư cách sứ đồ và Tin Lành của ông về ân điển của Đức Chúa Trời. Giờ đây ông đã sẵn sàng để nói trực tiếp với người Galati về nạn đê trước mắt.

1:6,7 Phaolô lập tức đối chất với người Galati về việc họ sẵn sàng đón nhận sự sai lầm. Ông thật sửng sốt vì họ từ bỏ chân lý của Tin Lành đột ngột như thế, và ông long trọng gọi hành động của họ là bỏ Đức Chúa Trời để đi theo một Tin Lành giả dối (Bản Việt ngữ ghi là "Tin Lành khác"). Đức Chúa Trời đã gọi họ vào trong ơn của Đấng Christ; giờ đây họ lại đang đặt mình dưới sự rửa sả của luật pháp. Họ đã tiếp nhận Tin Lành thật; giờ đây họ đang bỏ Tin Lành thật để lấy Tin Lành khác mà thực ra không hề là Tin Lành chi cả. Đó chỉ là một sứ điệp bị xuyên tạc, pha trộn ân điển với luật pháp.

1:8,9 Phaolô hai lần công bố lời rửa sả long trọng của Đức Chúa Trời trên bất cứ ai rao giảng một Tin Lành nào khác. Đức Chúa Trời có một sứ điệp duy nhất cho những tội nhân đã bị định đoạt số phận: Ngài ban sự cứu rỗi bởi ân điển qua Đức Uo, hoàn toàn không cần đến việc giữ luật pháp. Nhưng ai công bố con đường cứu rỗi nào khác thì tất nhiên họ phải bị rửa sả. Giảng một sứ điệp dẫn đến sự tiêu diệt linh hồn đời đời thì nghiêm trọng biết bao.

Phaolô không nhân nhượng những giáo sư giả như thế và chúng ta cũng

không nên nhân nhượng. John Stott cảnh cáo:

Chúng ta đừng quên mắt – như rất nhiều người đang bị – trước những con người, những ân tể hay chức vụ của những giáo sư trong hội thánh. Họ có thể đến với chúng ta với phong cách hết sức chừng chạc đàng hoàng, có thẩm quyền và uyên bác. Có thể họ là những giám mục hay tổng giám mục, giáo sư đại học hoặc thậm chí chính đức giáo hoàng nữa. Nhưng nếu họ đem đến một Tin Lành nào khác hơn Tin Lành đã được rao giảng bởi các sứ đồ và được ghi lại trong Tân Ước, thì phải khước từ họ. Chúng ta đem Tin Lành để làm tiêu chuẩn đánh giá họ; chúng ta không đem họ làm tiêu chuẩn đánh giá Tin Lành. Dùng như Dr. Alan Cole diễn tả: "Con người bề ngoài của sứ giả không xác chứng giá trị của sứ điệp người ấy; trái lại, bản chất của sứ điệp sẽ xác chứng giá trị sứ giả."¹

Lưu ý sứ đồ nói thiên sứ trên trời, chứ không nói "thiên sứ đến từ Đức Chúa Trời." Thiên sứ trên trời có thể đem đến một sứ điệp sai lầm, nhưng thiên sứ đến từ Đức Chúa Trời thì không. Không còn ngôn ngữ nào diễn tả rõ ràng hơn thế nữa về tính độc nhất vô nhị của Tin Lành. Đây là con đường cứu rỗi duy nhất. Nỗ lực của bản thân hay công đức của con người không có phần trong đó. Duy một mình Tin Lành ban sự cứu rỗi mà không đòi tiền hay đổi giá. Trong khi luật pháp có lời rửa sả những ai không tuân giữ được luật pháp, thì Tin Lành có lời rửa sả cho những ai tìm cách thay đổi Tin Lành này.

1:10 Đến đây, chắc Phaolô nhớ lại kẻ thù đã vu cáo ông thay đổi sứ điệp cho phù hợp với thói giả của ông, vì vậy trên thực tế ông đang hỏi: "Khi quả quyết chỉ có một Tin Lành duy nhất, thì tôi đang cố gắng làm đẹp lòng con người, hay đẹp lòng Đức Chúa Trời?" Hiển nhiên, ông không đang cố gắng làm đẹp lòng người khác vì họ ghét lời để nghị nào cho rằng chỉ có một con đường duy nhất đến Thiên đàng. Nếu Phaolô thay đổi sứ điệp của mình cho phù hợp với con người, thì ông chẳng còn là tôi tớ của Đấng Christ nữa; trên thực tế, ông sẽ đang trêu chọc con thanh nộ của Đức Chúa Trời giảng trên mình.

B. Lời Phaolô Bình Việc Sứ Điệp Và Chức Vụ Minh (1:11 - 2:18)

1:11,12 Giờ đây sứ đồ nêu sáu lập luận để bình việc sứ điệp và chức vụ mình. Thứ nhất, Tin Lành này được nhận lãnh bởi khả thi thiên thượng và không lệ thuộc vào loài người. Tin Lành này chẳng phải đến từ loài người theo ý nghĩa con người đã không tạo ra Tin Lành đó. Suy gẫm chức lát cũng đã khẳng định ngay được điều này. Tin Lành của Phaolô gồm mọi sự của Đức Chúa Trời, chứ không có bất kỳ thứ gì của con người. Đây không phải là kiểu sự cứu rỗi do con người vạch ra! Phaolô cũng không nhận Tin Lành ấy từ người khác, cũng không học Tin Lành đó qua sách vở. Tin Lành đó đến với ông bởi sự tỏ ra trực tiếp của Đức Chúa Jêsus Christ.

1:13,14 Thứ nhì, không thể nói Phaolô không đưa luật pháp Do Thái vào

trong Tin Lành của ông là do ông không biết gì hết về Do Thái giáo. Bởi nói giống và bởi huấn luyện, ông đã đắm mình sâu trong luật pháp. Bởi sự chọn lựa của bản thân, ông đã trở thành người bắt bớ hội thánh khét tiếng. Bởi sự sốt sắng quá đời về cựu truyền của tổ phụ, ông đã tấn tới hơn nhiều người Do Thái đồng tuổi. Do đó, đương nhiên không thể nói Tin Lành cứu rỗi bởi đức tin chứ không bởi luật pháp của ông là do ông không biết luật pháp. Vậy tại sao ông loại luật pháp ra khỏi sự giảng dạy của mình? Vì sao Tin Lành của ông lại đi ngược với bối cảnh của ông, với những thiên hướng tự nhiên của ông, với toàn bộ sự phát triển tôn giáo của ông? Đơn giản vì Tin Lành này không phải là kết quả từ những suy nghĩ của riêng ông, nhưng được Đức Chúa Trời ban trực tiếp cho ông.

1:15-17 Thứ ba, chức vụ trong vài năm đầu của ông được uấn hành độc lập với các sứ đồ khác. Giờ đây Phaolô chứng tỏ ông không nhờ đến người khác trong Tin Lành của mình. Sau khi hoàn cải, lập tức ông không bàn với những lãnh tụ của con người, cũng không đi lên thành Giêrusalem nơi các sứ đồ ở. Thay vào đó, ông đến xứ Arabi, rồi trở về thành Đamách. Ông quyết tâm tránh Giêrusalem không phải vì không tôn trọng những người cũng là sứ đồ với ông; đúng hơn là vì ông được chính Chúa phục sinh sai phái và giao chức vụ độc nhất vô nhị để đến với dân ngoại bang (2:8). Vì vậy, Tin Lành và sự phục vụ của ông không cần sự phê chuẩn nào của con người. Ông hoàn toàn không lệ thuộc vào con người.

Cần xem xét cẩn thận rất nhiều cụm từ trong những câu Kinh Thánh này. Hãy để ý cụm từ trong câu 15: **Đức Chúa Trời... đã để riêng tôi ra từ lúc còn trong lòng mẹ.** Phaolô nhận thấy thậm chí trước cả khi ra đời, ông đã được Đức Chúa Trời biệt riêng cho công tác đặc biệt. Ông nói thêm **Đức Chúa Trời lấy ân điển gọi tôi, để chỉ về sự hoán cải trên con đường Đamách.** Nếu lúc đó ông nhận lấy điều ông xứng đáng được nhận, thì chắc đã bị ném vào địa ngục rồi. Nhưng Đấng Christ bởi ân điển kỳ diệu đã cứu ông, và sai ông đi giảng đạo đức tin mà ngày trước ông từng tiêu diệt bằng mọi cách. Trong câu 16, ông cho thấy Đức Chúa Trời định bày tỏ Con Ngài ra trong ông. Điều này đem cho chúng ta quang cảnh tuyệt vời về mục đích của Đức Chúa Trời khi kêu gọi chúng ta – để bày tỏ Con Ngài trong chúng ta, để rồi chúng ta có thể trình bày Đức Chúa Jesus cho thế gian. Ngài bày tỏ Đấng Christ cho lòng chúng ta (câu 16) để có thể bày tỏ Đấng Christ qua chúng ta (câu 16-23), để Đức Chúa Trời vinh hiển qua sự bày tỏ ấy (câu 24). Công tác đặc biệt của Phaolô là rao giảng Đấng Christ giữa vòng dân ngoại.

Trong câu 17 ông nói: **"Tôi đi qua xứ Arabi."** Mỗi một tội tớ Chúa cần có lúc ở riêng và suy gẫm. Môise có bốn mươi năm ở saùu trong đồng vắng. Davít đã ở một mình với Chúa đang khi chiến trên các sườn đồi xứ Giuđê.

1:18-20 Thứ tư, khi rời cuộc Phaolô đến Giêrusalem, ông chỉ gặp **Phiêrô** và **Giacô**. Ngoài ra, các hội thánh tại xứ Giuđê hầu như không biết đến ông

(1:21-24). Để chứng tỏ thêm mình độc lập với các sứ đồ khác, Phaolô thuật lại ông không đến thăm Giêrusalem ít nhất ba năm sau khi hoán cải. Ông lên Giêrusalem để làm quen với **Phiêrô**² – chuyến viếng thăm riêng tư chứ không phải thăm chính thức (Công Vụ 9:26-29). Đang khi ở tại đó, ông cũng gặp **Giacô là em của Chúa.** Ông ở với Phiêrô chỉ **mười lăm ngày** – hầu như vẫn chưa đủ lâu để tiếp thu một khóa huấn luyện! Hơn nữa, bản văn cho thấy ông bình đẳng hoàn toàn với những tội tớ này của Chúa.

1:21-24 Sau đó, ông dành phần lớn thì giờ của mình đi qua các miền thuộc xứ Sýr và xứ Siliti – ở lâu tại đó đến nỗi các hội thánh tại xứ Giuđê không biết đến ông với tư cách cá nhân. Tất cả những gì họ biết ấy là người này ngày trước đối đãi rất tàn bạo với Cơ Đốc nhân nhưng giờ đây là một Cơ Đốc nhân và đang rao giảng Đấng Christ cho người khác. Vì cơ điều này, họ khen ngợi **Đức Chúa Trời** về việc Ngài đã làm trong đời sống Phaolô. (Người khác có tôn vinh Đức Chúa Trời vì sự thay đổi trong đời sống chúng ta không?)

2:1 Thứ năm, trong chuyến viếng thăm Giêrusalem về sau của Phaolô, các sứ đồ tại đó đồng ý rằng Tin Lành của Phaolô là của Đức Chúa Trời (2:1-10). Vì hội thánh đã bắt đầu tại Giêrusalem, và các sứ đồ dù ít dù nhiều cũng đã biến thành phố này trở thành những trụ sở của họ, nên có những Cơ Đốc nhân cảm thấy hội thánh tại Giêrusalem là "hội thánh mẹ." Vì vậy Phaolô phải đấu tranh với lời buộc tội cho rằng ông có

phần thấp kém hơn vì ông không phải là một trong những sứ đồ tại Giêrusalem. Ông đáp lại bằng câu chuyện chi tiết về chuyến đi sau này của ông đến Giêrusalem. Chúng ta không rõ đây là mười bốn năm sau khi ông hoán cải, hay sau chuyến đi thứ nhất của ông. Chúng ta chỉ biết ông nhận lãnh khải thị từ Đấng Christ để lên đó, cùng với Banaba, bạn đồng công với ông, và Tit, một tân tín hữu người ngoại bang tin Chúa qua chức vụ của Phaolô. Những người Giuđa (những người thiên Do Thái giáo) kháng kháng đòi Tit phải chịu phép cắt bì thì mới được sự cứu rỗi trọn vẹn. Sứ đồ cương quyết phản đối vì ông nhận thấy chân lý của Tin Lành đang lâm nguy. (Sau này khi chính Phaolô làm phép cắt bì cho Timôthê, thì lúc đó không liên quan đến nguyên tắc quan trọng nào cả - Công Vụ 16:3.)

E. F. Kevan nói:

Phaolô thấy phép cắt bì để được xưng công bình không phải là một nghi thức nhỏ và hạ liệt như người thiên suy nghĩ kỹ sẽ chấp nhận. Chịu cắt bì lúc là tìm cách để được xưng công bình bởi phương pháp duy luật để giữ luật pháp, nên bởi đó phải nhận chính những nền tảng của ân điển.³

2:2 Khi đến Giêrusalem, Phaolô **phô bày Tin Lành ông đã giảng trong người ngoại đạo** ra cho anh em; lại **phô bày riêng** cho những kẻ có danh vọng hơn hết, **kêu sự chạy của ông trước kia và bây giờ hóa ra vô ích chẳng**. Vì sau Phaolô nói riêng với những lãnh đạo thuộc linh thay vì nói với toàn thể hội chúng? Có phải ông muốn họ tán thành

Tin Lành của ông, như đầu lâu nay ông đang giảng một điều gì đó sai lầm không? Hiển nhiên là không! Điều này mâu thuẫn với toàn bộ những điều sứ đồ đang nói này giờ. Ông quả quyết sự đẹp ông giảng đã được khải thị cho ông cách thiên thượng. Ông không hề nghi ngờ chân lý trong giáo lý ông đang giảng. Phải tìm lời giải thích thật tế nhị ở chỗ khác. Nội trước hết với các lãnh đạo là vấn đề lịch sự tế nhị chung. Và cũng là điều đáng mong muốn khi những lãnh đạo chịu thuyết phục hoàn toàn về tính chân thật của Tin Lành Phaolô. Nếu họ có thắc mắc hay chỗ khó hiểu, Phaolô muốn trả lời cho họ ngay từ đầu. Sau đó ông có thể ra trước hội thánh với sự hậu thuẫn hoàn toàn của các sứ đồ khác. Khi tiếp xúc với số người rất đông, luôn luôn có nguy cơ những vẻ hấp dẫn của cảm xúc sẽ tác động đến nhóm người ấy. Do đó, Phaolô muốn trình bày riêng Tin Lành của mình trước đã, trong bầu không khí không có thể xảy ra sự cuồng loạn của tập thể. Nếu Phaolô hành động ngược lại, có lẽ đã nảy sinh cuộc tranh cãi nghilêm trọng, chia hội thánh trở thành cánh Do Thái và cánh ngoại bang. Như thế mục đích chuyến đi đến Giêrusalem của Phaolô hẳn sẽ thất bại. Đây chính là ý ông muốn nói qua câu **kêu sự chạy của tôi trước kia và bây giờ hóa ra vô ích chẳng**.

2:3 Toàn bộ vấn đề duy luật pháp lên tới đỉnh điểm trong trường hợp của Tit. Hội thánh Giêrusalem sẽ nhận tân tín hữu ngoại bang này vào hội, hay kháng kháng đòi Tit phải **chịu cắt bì**

trước đây? ⁴ Sau khi bàn bạc và tranh luận đáng kể, các sứ đồ quyết định: phép cắt bì không cần thiết cho sự cứu rỗi. Phaolô đã chiến thắng vang dội.⁵

2:4 Nguyên nhân căn bản khiến Phaolô được Chúa hướng dẫn đến Giêrusalem được làm sáng tỏ nhờ liên kết phần đầu câu 2 với phần đầu câu 4: "Tôi vâng theo lời tỏ ra mà lên đó... vì có mấy người anh em giả lên vào trong vòng chúng tôi." Điều này nói đến chuyện đã xảy ra trước đó tại Antiốt (Công Vụ 15:1,2). Một số giáo sư Do Thái từ Giêrusalem đến, phờ phỡn là Cơ Đốc nhân, bằng cách nào đó được ngắm đưa vào trong hội thánh tại Antiốt và đang giảng dạy phép cắt bì là điều kiện cần thiết để được cứu.

2:5 Phaolô và Banaba phản đối kịch liệt. Để giải quyết vấn đề, Phaolô, Banaba, cũng nhiều người khác lên Giêrusalem hỏi ý kiến của các sứ đồ và các trưởng lão tại đó.

2:6 Những người được quý trọng như những lãnh đạo tại Giêrusalem đã "không thêm gì khác nữa" (bản Việt Ngữ dịch là "chẳng làm cho tôi thêm ích chút nào") cho ông, hoặc cho sứ điệp của ông, hoặc cho chính ông với tư cách sứ đồ. Thật đáng lưu ý điều này. Trong đoạn trước, ông nhấn mạnh sự tiếp xúc của ông với các sứ đồ khác chỉ ở mức tối thiểu. Giờ đây khi cuối cùng ông thực sự tham khảo ý kiến họ, họ đồng ý rằng ông lâu nay đang rao giảng cùng một Tin Lành như họ đang giảng. Đây là một ý quan trọng biết dường nào! Những lãnh tụ Do Thái này đồng ý rằng Tin Lành của ông không hề thiếu khuyết chút nào. Dầu Phaolô độc lập

với họ, và chưa được học với họ, thế nhưng Tin Lành do họ rao giảng cũng giống chính xác với Tin Lành do Phaolô rao giảng. (Phaolô không định xem thường các sứ đồ khác, ông chỉ nói trước kia là kẻ thế nào, có nghĩa họ là những bạn đồng hành của Chúa Jesus khi Ngài còn trên đất, thì trong cách đánh giá của ông, chuyện đó cũng không thêm cho họ bất kỳ thẩm quyền ưu việt nào. Đức Chúa Trời không chấp nhận những sự phân biệt bề ngoài về nhân thân của con người.)

2:7,8 Các sứ đồ tại Giêrusalem công nhận Phaolô bởi ơn ông không xứng đáng nhận đã được giao đem Tin Lành đến cho người chưa chịu cắt bì (dân ngoại bang), cũng như Phiêrô được sai đến với người Do Thái vậy. Cả hai người đều giảng cùng một Tin Lành, nhưng chủ yếu giảng cho những dân tộc khác nhau.

2:9,10 Ngay cả Giacô, Sêpha (Phiêrô), và Giăng, rõ ràng là những trụ cột của hội thánh, đã thấy Đức Chúa Trời đang hành động qua Phaolô, và đã trao tay hữu giao kết với Phaolô và Banaba để họ đem Tin Lành đến cho dân ngoại. Đây không phải là sự phong chức chính thức, nhưng là một biểu hiện về sự quan tâm triu mến của họ đến công tác của Phaolô. Gợi ý duy nhất của họ chính là: Phaolô và Banaba nên nhớ đến kẻ nghèo nàn, là điều Phaolô nói ông rất cần làm.

C. Phaolô Quê Trách Phiêrô (2:11-21)

2:11 Câu trả lời thứ sáu và sau chót của Phaolô cho những công kích nhằm vào quyền sứ đồ của ông là việc Phaolô

đã kể lại thế nào ông cần phải quở trách sứ đồ Phierô⁶ – được rất nhiều Cơ Đốc nhân người Do Thái xem là thủ lĩnh của các sứ đồ. (Phần đoạn này bác bỏ hữu hiệu quan niệm xem Phierô là lãnh tụ vô ngộ của hội thánh.)

2:12 Khi lần đầu tiên Phierô đến Antiốt thì ăn chung với người ngoại, thường thức trọn vẹn quyền tự do Cơ Đốc của ông. Theo truyền thống Do Thái, ông hẳn không thể làm được chuyện này. Ít lâu sau, một nhóm người của Giacô tại Giêrusalem đến thăm Antiốt. Họ tuyên bố đại diện cho Giacô, nhưng về sau Giacô phủ nhận điều này (Cống Vụ 15:24). Chắc họ là những Cơ Đốc nhân người Do Thái vẫn còn đang bám víu vào những lễ nghi luật pháp nào đó. Khi họ đến nơi, Phierô ngưng không ngồi ăn thông công với người ngoại nữa, vì sợ tin đồn về hành vi của ông sẽ đến tai phe nhóm duy luật pháp tại Giêrusalem. Khi làm như vậy, Phierô đang phủ nhận một trong những chân lý vĩ đại của Tin Lành – rằng mọi tín hữu đều là một trong Đức Chúa Jêsus Christ, và những khác biệt về dân tộc không ảnh hưởng đến sự thông công. Findlay nói: "Khi không chịu ngồi ăn với người chưa cắt bì, ông ngầm ngầm khẳng định rằng đây là những tín hữu trong Đấng Christ, đối với ông họ vẫn là 'tâm thương và ô uế,' và các nghi lễ của Môisê là thiêng liêng hơn sự công bình của đức tin."

2:13 Những người khác bắt chước gương của Phierô, trong đó có cả Banaba, bạn đồng công quý báu của Phaolô. Nhận thấy tình trạng nghiêm trọng của hành động này, Phaolô dạn dĩ

lên án Phierô là **giả hình**. Lời quở trách của Phaolô được ghi lại trong câu 14-21.⁷

2:14 Là Cơ Đốc nhân, Phierô biết Đức Chúa Trời không còn kể đến những khác biệt về dân tộc; ông đã sống như một người ngoại bang, ăn thức ăn của họ, v.v.. Bởi hành động không chịu ăn với người ngoại gần đây, Phierô đang ám chỉ những sự tuân thủ các luật pháp và phong tục Do Thái là cần thiết cho sự thánh khiết, và những tín hữu người ngoại bang ắt phải sống theo cách người Giuda.

2:15 Ở đây dường như Phaolô đang dùng lối nói châm biếm. Chẳng phải hành vi của Phierô đã tố cáo tên niềm tin quyết còn vương vấn về tình trạng ưu việt của người Giuda, và địa vị hèn kém của người ngoại bang sao? Đáng ra Phierô phải biết rõ hơn, vì Đức Chúa Trời đã dạy ông trước khi Cột này người ngoại bang hoàn cải để đừng gọi người nào là dung tục hoặc ô uế (Cống Vụ 10 và 11:1-18).

2:16 Người Do Thái nào được cứu rồi thì biết không có sự cứu rồi trong **luật pháp**. Luật pháp kết án tử hình những người không vâng giữ trọn vẹn luật pháp. Điều này giảng sự rủa sả trên hết thảy mọi người, vì mọi người đều đã vi phạm những giáo huấn thiêng liêng của luật pháp. Ở đây, Cứu Chúa được trình bày là đối tượng thật duy nhất của đức tin. Phaolô nhắc Phierô rằng ngay cả "chính chúng tôi là người Do Thái" cũng đã kết luận sự cứu rồi là bởi **cậy đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ chứ chẳng bởi tuân giữ luật pháp**.

Việc Phierơ đặt người ngoại bang dưới luật pháp giờ đây có ý nghĩa gì? Luật pháp truyền bảo người ta việc phải làm, nhưng không ban năng lực cho họ làm việc đó. Luật pháp được ban ra để bày tỏ tội lỗi, chứ không phải để làm vị cứu tinh.

2:17 Phaolô và Phierơ cùng nhiều người khác đã tìm sự xưng công bình trong Đấng Christ và chỉ trong một mình Đấng Christ mà thôi. Tuy nhiên, những hành động của Phierơ tại Antioch dường như chứng tỏ ông chưa được xưng công bình hoàn toàn, nhưng phải trở lại dưới luật pháp để làm cho đầy đủ sự cứu rỗi của mình. Nếu thật vậy, thì Đấng Christ không phải là một Cứu Chúa trọn vẹn và đầy đủ. Nếu chúng ta đến với Ngài để được tha thứ tội lỗi, nhưng sau đó còn phải đến thêm nơi khác nữa, thì chẳng phải Đấng Christ làm **tội mọi của tội lỗi** khi không làm trọn những lời Ngài đã hứa sao? Nếu đang khi chúng ta tuyên bố mình nhờ cậy Đấng Christ để được xưng công bình, rồi sau đó quay trở về với luật pháp (là thứ chỉ có thể lên án và định tội chúng ta là những tội nhân), thì chúng ta có hành động như Cơ Đốc nhân không? Chúng ta có hy vọng Đấng Christ chấp thuận cách hành động như thế, mà trên thực tế chính cách đó khiến Ngài trở thành **tội lỗi của tội lỗi** hay không? Câu trả lời đầy phần nộ của Phaolô là "**Chẳng hề như vậy!**"

2:18 Phierơ đã bỏ toàn bộ hệ thống luật pháp để lấy đức tin nơi Đấng Christ. Ông đã bác bỏ sự khác biệt giữa người Do Thái và người ngoại khi nói đến việc tìm ơn từ Đức Chúa Trời.

Giờ đây, bằng cách không chịu ăn chung với người ngoại bang, Phierơ đang **lập lại** điều ông đã **phá hủy**. Khi làm như vậy, ông chứng tỏ mình là **người phạm phép**. Hoặc ông đã sai lầm khi lìa bỏ luật pháp để đi theo Đấng Christ, hoặc ông hiện nay đang sai lầm khi lìa bỏ Đấng Christ để nhận lấy luật pháp.

2:19 Hình phạt cho sự phạm pháp là sự chết. Là tội nhân, tôi đã vi phạm luật pháp. Do đó, luật pháp lên án tôi phải chết. Nhưng Đấng Christ đã trả xong hình phạt của luật đã phạm thay thế cho tôi bằng cách chết thay tôi. Vì vậy khi Đấng Christ chết, tôi cũng chết. Ngài chết đối với luật pháp theo ý nghĩa Ngài đáp ứng mọi đòi hỏi công bình của luật pháp; do đó, trong Đấng Christ, tôi cũng đã **chết đối với luật pháp**.

Cơ Đốc nhân đã **chết đối với luật pháp**; người chẳng còn liên quan gì với luật pháp. Phải chăng điều này có nghĩa tín hữu được quyền tự do vi phạm Mười Điều Răn tùy ý mình muốn? Không, người đang sống cuộc đời thánh khiết, không phải vì sợ luật pháp, nhưng vì tình yêu đối với Đấng đã chết thay mình. Những Cơ Đốc nhân nào khao khát ở dưới luật pháp như một khuôn mẫu cư xử thì không nhận thấy điều này đặt họ dưới sự rửa sả của luật pháp. Hơn thế nữa, họ không thể nào đụng đến luật pháp ở điểm này mà không chịu trách nhiệm giữ toàn bộ luật pháp. Cách duy nhất để có thể **sống cho Đức Chúa Trời** chính là **chết đối với luật pháp**. Luật pháp không bao giờ tạo ra nếp sống thánh khiết; Đức Chúa Trời

không bao giờ định cho luật pháp làm được chuyện đó. Con đường thánh khiết của Ngài được giải thích trong câu 20.

2:20 Tin đó được đồng nhất với Đấng Christ trong sự chết Ngài. Không những Ngài bị đóng đinh trên đồi Gôgôtha, mà tôi cũng bị đóng đinh với Ngài tại đó nữa – ở trong Ngài. Điều này nói đến kết thúc của tôi với tư cách tội nhân trước mắt Đức Chúa Trời. Điều này muốn nói đến sự chấm dứt của tôi với tư cách con người tìm công đức hay tìm cách kiếm được sự cứu rỗi nhờ những nỗ lực riêng của mình. Điều này nói đến kết thúc của tôi với tư cách con cái Adam, là một người ở dưới sự đoán phạt của luật pháp, với tư cách con người cũ chưa tái sinh của tôi. “Tôi” ngày trước, xấu xa đã bị đóng đinh trên thập tự giá, nó không còn quyến đòi hỏi gì nữa trên đời sống hằng ngày của tôi. Điều này đúng về địa vị của tôi trước mặt Chúa; và cũng phải đúng về hành vi của tôi nữa.

Không phải tin đổ hết còn sống với tư cách một cá tính hay một cá nhân. Nhưng người được Đức Chúa Trời xem là đã chết thì không còn là chính người đang sống kia nữa. Tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ là Đấng sống trong tôi. Không phải Cứu Chúa chết thay cho tôi để tôi cứ tiếp tục sống theo cách mình chọn. Ngài đã chết thay tôi để từ nay trở đi, Ngài có thể sống bằng sự sống của Ngài trong tôi. Sự sống hiện nay tôi sống trong thân thể con người này, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời. Đức tin có nghĩa nương cậy hay nương dựa vào. Cơ Đốc nhân sống bởi sự

nương cậy không nương vào Đấng Christ, bởi sự đầu phục Ngài, bởi việc để Đấng Christ sống bằng sự sống của Ngài trong mình.

Vì vậy, quy luật sống của tín hữu ấy là Đấng Christ chứ không phải luật pháp. Vấn đề không phải là nỗ lực, nhưng là tin cậy. Tín hữu sống cuộc đời thánh khiết không phải vì sợ hình phạt, nhưng vì yêu mến Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu người ấy và phó chính mình Ngài vì người.

Bạn có bao giờ đang đời sống mình cho Chúa Jêsus với lời cầu nguyện xin sự sống của Ngài có thể bày tỏ trong thân thể của bạn chưa?

2:21 Ân điển Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong món quà cứu rỗi vô điều kiện của Ngài. Khi con người cố gắng làm việc để kiếm sự cứu rỗi, thì họ đang khiến cho ân điển trở nên vô hiệu lực. Nếu con người xứng đáng với ân điển hoặc làm việc để được ân điển, thì đó không còn là ân điển nữa. Nhận xét cuối cùng của Phaolô để công kích Phiêrô đã có hiệu lực. Nếu Phiêrô có thể nhờ những sự giữ lễ của người Do Thái để tìm được ơn trước mặt Đức Chúa Trời, thì Đấng Christ chịu chết là vô ích; Ngài đã vứt bỏ sự sống của Ngài dùng nghĩa đen. Đấng Christ đã chết vì cứu con người không thể tìm được sự công bình theo cách nào khác – ngay cả bởi việc giữ luật pháp.

Clow nói:

Tà giáo sâu kín hơn hết, là thờ tà giáo phủ hoại các hội thánh, làm lên men các bài Tin Điều hàng sự thiếu khôn ngoan, làm trái tìm loài người của chúng ta trên đây niềm kiên nại.

đó chính là sự cứu rỗi nhờ các việc làm. John Ruskin viết: "Tôi tin rằng cội rễ của mọi sự ly khai và tà giáo mà giáo hội Cơ Đốc lâu nay vẫn phải gánh chịu chính là nỗ lực để kiếm sự cứu rỗi thay vì nhận lãnh; và tôi tin Cơ Đốc nhân khiến công tác giảng đạo trở nên mất hiệu quả chính vì đã kêu gọi con người thường xuyên ham làm việc cho Đức Chúa Trời thay vì chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời làm việc cho họ."⁸

II. VỀ GIÁO LÝ: PHAOLÔ BÌNH VỰC SỰ XỨNG CÔNG BÌNH BỞI ĐỨC TIN (3:1-5:1)

A. Lễ Thất Vĩ Đại Của Tin Lành (3:1-9)

3:1 Những hành động của họ tỏ ra thiếu hiểu biết và thiếu lý luận. Xây bỏ ân điển để quay sang luật pháp tức là bị bùa ém. Đó là bị ru ngủ bởi bùa chú và mất cảnh giác để chấp nhận sự giả dối thay cho chân lý. Khi Phaolô hỏi: "Ai bùa ém anh em?" chứ ai này ở số ít (Hy văn, tis),⁹ chứ không ở số nhiều, có lẽ gợi ý rằng ma quỷ chính là tác giả của đạo lý giả dối này. Chính Phaolô đã rao giảng cho người Côrintô biết Đức Chúa Jesus Christ bị đóng đinh trên thập tự giá, nhấn mạnh rằng mục đích của thập tự giá là để phân rẽ họ đời đời khỏi sự rửa sả và ách nô lệ cho luật pháp. Làm sao họ có thể quay trở về với luật pháp để bởi đó xem thường thập tự giá được? Phải chăng chân lý này vẫn chưa nắm chặt họ cách thực tiễn?

3:2 Một câu hỏi sẽ đủ để giải quyết toàn bộ vấn đề này. Hãy để họ quay trở về với thời kỳ hoán cải – là lúc Đức Thánh Linh đến ngự trong thân thể họ. Họ đã nhận lãnh Thánh Linh bằng cách

nào? Bằng cách làm việc, hay bởi tin? Hiển nhiên là bởi tin. Chưa từng có ai nhận lãnh Thánh Linh nhờ tuân giữ luật pháp.

3:3 Nếu không thể tìm được sự cứu rỗi nhờ việc làm, họ có mong được lớn lên trong sự thánh khiết hay lớn lên trong sự trưởng thành Cơ Đốc nhờ luật pháp không? Nếu quyền năng của Thánh Linh là cần thiết để cứu rỗi họ, họ có thể hoàn tất tiến trình này nhờ những nỗ lực của xác thịt không?

3:4 Lúc đầu khi người Galati mới tin cậy Đấng Christ, chính họ đã bị bắt bớ cách cay đắng, có lẽ một phần do tay những người sốt sáng theo Do Thái giáo, là người ghét Tin Lành ăn điển. Có phải toàn bộ sự chịu khổ đó là lương công không? Khi quay về với luật pháp, chẳng phải họ đang nói rằng những người bắt bớ họ đầu sao cũng vẫn đúng? Nếu quả là lương công, Phaolô diễn tả niềm hy vọng tiếp tục ấy là họ sẽ quay về với Tin Lành, mà vì cơ Tin Lành ấy họ đã từng chịu khổ.

3:5 Đã có câu hỏi xem chữ Đấng (đại từ ngôi thứ ba số ít có viết hoa, hoặc không viết hoa)¹⁰ trong câu 5 này chỉ về Đức Chúa Trời, về Phaolô, hay về một ai khác đang thi hành chức vụ cho người Galati tại thời điểm ông viết thư này. Rốt cuộc, từ này phải áp dụng cho Đức Chúa Trời, vì chỉ một mình Ngài mới có thể ban Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, theo ý nghĩa thứ cấp, chữ này có thể áp dụng cho một nhân sự Cơ Đốc với tư cách một công cụ được Đức Chúa Trời dùng để thi hành ý muốn Ngài. Điều này sẽ đưa ra quan điểm hết sức

để cao chức vụ Cơ Đốc. Có người nói: "Bất cứ công tác Cơ Đốc thực nào cũng chính là truyền Đức Thánh Linh cho người khác; đây thật sự là việc phân phát Đức Thánh Linh."

Nếu sứ đồ đang nói về chính mình, có lẽ ông đang nghĩ đến các phép lạ đi kèm theo công tác giảng đạo của ông và việc họ tiếp nhận Đấng Christ (Hêbrơ 2:4). Tuy nhiên, thi của động từ này cho thấy không phải điều gì đó đã xảy ra trong quá khứ, nhưng là điều đang diễn ra tại thời điểm viết thư. Chắc Phaolô đang nói đến những ân tứ kỳ diệu để làm phép lạ do Thánh Linh ban cho tin hữu sau khi họ hoán cải, như được mô tả trong I.Côrinthô 12:8-11.

Đấng ấy làm bởi các việc luật pháp, hay là bởi đã nghe mà tin? Câu trả lời là: **Bởi đã nghe mà tin.** Thánh Linh cư trú trong lòng và công tác tiếp theo của Ngài trong tín hữu là việc không bao giờ nhờ kiếm tìm hoặc nhờ công đức mà có được, nhưng luôn luôn được ban cho bởi ân điển và nhận lãnh bởi đức tin. Vì vậy, đáng ra người Galati phải từ kinh nghiệm của chính họ để nhận thấy phước hạnh đến bởi đức tin chứ không bởi tuân giữ luật pháp.

Về bằng chứng thứ nhì, Phaolô quay sang chính những câu Kinh Thánh mà các giáo sư giả đang dùng để chứng minh là cần thiết của phép cắt bì. Cựu Ước thực sự nói gì?

3:5 Phaolô đã chứng tỏ cách Đức Chúa Trời đối đãi với người Galati là hoàn toàn căn cứ trên đức tin. Giờ đây ông chứng tỏ người ta được cứu bởi cùng một cách như nhau, thậm chí

trong thời Cựu Ước cũng vậy. Câu hỏi ở câu 5 là: "Ngài làm việc ấy bởi các việc luật pháp hay là bởi nghe mà tin?" Câu trả lời là: "Bởi nghe mà tin." Với câu trả lời ấy, câu 6 mở đầu, như Ápraham... Ápraham đã được xưng công bình bởi cùng một cách - bởi sự lắng nghe của đức tin.

Có lẽ các giáo sư Do Thái đang sử dụng Ápraham làm ví anh hùng và tấm gương của họ, căn cứ lập luận bình vực lẽ thiết yếu của phép cắt bì trên kinh nghiệm của Ápraham (Sáng Thế Ký 17:24,26). Nếu vậy, Phaolô sẽ tấn công họ ngay trên chính căn cứ của họ. Như vậy Ápraham đã được cứu cách nào? **Ápraham tin Đức Chúa Trời.** Không hề nhờ hành động cây công đức nào cả. Ông chỉ đơn giản tin Đức Chúa Trời. Không hề có công đức nào đi kèm theo việc đó; trên thực tế, thật là đại đột nếu không tin Đức Chúa Trời. Tin Đức Chúa Trời là điều duy nhất con người có thể làm cho sự cứu rỗi, và khiến người không có cơ sở nào để khoe khoang. Đó không phải là "một việc lành," dính dáng đến nỗ lực của con người. Điều đó không chứa chỗ cho xác thật. Còn gì phải lẽ hơn là một tạo vật tin cậy nơi Đấng sáng tạo mình hay một đứa con tin cậy Cha mình?

Sự xưng công bình là hành động của Đức Chúa Trời để bởi đó Ngài tuyên bố mọi kẻ tin nơi Ngài là công bình. Đức Chúa Trời có thể đối đãi chính đáng với tội nhân theo cách này, vì Đấng Christ đã chịu chết để làm người thay thế cho tội nhân trên cây thập tự ở đồi Gôgôtha, trả xong món nợ tội lỗi của

họ. Sự xưng công bình không có nghĩa Đức Chúa Trời khiến cho chính bản thân tin hữu ấy trở nên công bình và vô tội. Ngài kể người ấy là công bình dựa trên công tác của Cứu Chúa. Đức Chúa Trời ban cho tội nhân biết tin cậy một địa vị công bình, và địa vị ấy khiến người phù hợp cho Thiên đàng, rồi Ngài mong người ấy sống cách công bình với lòng biết ơn những việc Ngài đã làm cho người. Điều quan trọng đáng lưu ý ở đây là sự xưng công bình không liên quan đến việc giữ luật pháp. Xưng công bình hoàn toàn dựa trên nguyên tắc đức tin.

3:7 Rõ ràng các giáo sư Do Thái đang cho rằng muốn được làm con cái thật của Ápraham, người Galatí phải chịu cắt bì. Phaolô bác bỏ. **Con cháu thật của Ápraham** không phải là những người Do Thái từ lúc sinh ra, cũng không phải những người trở thành người cải đạo Do Thái, nhưng là những người được cứu bởi đức tin. Trong Rôma 4:10, 11 Phaolô chứng minh Ápraham được kể là công bình trước khi ông chịu cắt bì. Nói cách khác, ông được xưng công bình đang khi ông vẫn còn ở trong bối cảnh người ngoại bang.

3:8 Cựu Ước được mô tả như một đấng tiên tri, nhìn tới trước nhiều thế kỷ và biết trước Đức Chúa Trời sẽ xưng dân ngoại là công bình bởi đức tin cũng như đã xưng dân Do Thái là công bình dựa trên nguyên tắc đức tin. Việc chúc phước cho dân ngoại bởi đức tin không những được Cựu Ước thấy trước, mà còn được thực sự công bố cho Ápraham trong Sáng Thế Kỳ 12:3 - "các dân sẽ nhờ người mà được phước."

Khi vừa mới đọc câu trích này từ Sáng Thế Kỳ, chúng ta khó nhìn thấy Phaolô làm sao tìm được một ý nghĩa như thế trong câu này. Thế nhưng Đức Thánh Linh, Đấng đã viết câu Kinh Thánh đó trong Cựu Ước, biết câu ấy chứa đựng Tin Lành của sự cứu rỗi bởi đức tin cho muôn dân. Vì Phaolô đang viết bởi sự soi dẫn của chính Đức Thánh Linh ấy, nên có thể giải thích cho chúng ta biết ý nghĩa cơ bản: **nhờ người** - tức là cùng với Ápraham, đồng một cách như Ápraham. Các dân - dân ngoại cũng như dân Do Thái. **Sẽ được phước** - là được cứu. Ápraham được cứu bằng cách nào? **Bởi đức tin**. Các dân sẽ được cứu bằng cách nào? Đồng một cách như Ápraham - bởi đức tin. Hơn nữa, họ sẽ được cứu với tư cách người ngoại bang, chứ không phải bởi trở thành người Do Thái.

3:9 Tất cả những ai tin nơi Đức Chúa Trời thì đều được xưng công bình với Ápraham là người có lòng tin, theo lời chứng của Kinh Thánh Do Thái.

II. Luật Pháp Nghịch Với Lời hứa (3:10-18)

3:10 Từ Kinh Thánh, Phaolô cho thấy luật pháp không hề đem đến phước hạnh, mà chỉ có thể rửa sạch thôi. Câu Kinh Thánh này không nói: "Mọi kẻ phạm luật pháp," nhưng nói: "Mọi kẻ cậy các việc luật pháp," có nghĩa mọi người tìm cách có được ơn của Đức Chúa Trời dựa trên cơ sở tuân giữ luật pháp. Họ bị rửa sạch, có nghĩa bị tuyên án chết. Bởi **có chấp rằng** (trong Phục truyền Luật lệ Ký 27:26) "**đáng rửa thay là kẻ không bền đỗ...**". Giữ luật pháp trong một ngày, hoặc một tháng,

hoặc một năm cũng vẫn chưa đủ. Phải bền đỗ tiếp tục giữ luật pháp. Phải vâng giữ trọn vẹn. Chỉ giữ Mười Điều Răn thì không đủ. Phải vâng giữ toàn bộ hơn sáu trăm luật trong năm sách của Môisê.

3:11 Các giáo sư già một lần nữa lại bị bác bẻ từ Cựu Ước. Phaolô trích lời tiên tri Habacúc để chứng tỏ Đức Chúa Trời luôn luôn xưng công bình cho con người bởi đức tin chứ không phải bởi luật pháp. Câu trích này theo đúng thứ tự từ ngữ Hy văn nguyên thủy ghi như sau: "Người công chính (hay công bình) bởi đức tin sẽ sống." Nói cách khác, những ai đã được kể công bình bởi đức tin, chứ không bởi việc làm, thì sẽ có sự sống đời đời. Người được xưng công bình bởi đức tin thì sẽ sống.

3:12 Luật pháp không yêu cầu con người phải tin. Thậm chí cũng không yêu cầu con người cố giữ các điều răn. Luật pháp đòi hỏi sự vâng giữ nghiêm nhặt, đầy đủ và trọn vẹn, như đã được dạy rõ ràng trong Lêvi Ký. Đây là nguyên tắc trái ngược với đức tin. Luật pháp nói: "Vâng giữ thì được sống." Đức tin nói: "tin thì được sống." Như vậy, lập luận của Phaolô là thế này: người công bình sẽ sống bởi đức tin. Người ở dưới luật pháp thì thực sự không sống bởi đức tin. Do đó, người ấy không phải là người công bình trước mặt Đức Chúa Trời. Khi Phaolô nói: "Người nào vâng giữ các điều răn thì sẽ nhờ đó mà sống," ông đang phát biểu một tiên đề trong lý thuyết, hay một lý tưởng, nhưng đó là tiên đề hay lý tưởng không thể nào đạt đến được.

3:13 Chuộc tức là mua trở lại, hay giải phóng bằng cách trả một khoản tiền. Sự rửa sạch của luật pháp tức là sự chết – án phạt dành cho tội vi phạm các điều răn của luật pháp. Đấng Christ đã giải thoát cho những người ở dưới luật pháp khỏi phải trả án chết do luật pháp đòi hỏi. (Rõ ràng Phaolô đang nói chủ yếu đến người Do Thái đã tin Chúa khi ông dùng đại từ chúng ta, dấu người Do Thái là những đại diện của toàn thể nhân loại.)

Cynddylan Jones nói:

Người Galati tưởng Đấng Christ chỉ mới mua họ một nửa, và họ phải trả khoản tiền còn lại bằng cách chịu cái hi và vâng giữ nghi thức cùng các lễ hội khác của người Do Thái. Vì vậy họ sẵn sàng để cho các giáo sư già dẫn đi và sẵn sàng phớt lờ Cơ Đốc giáo với Do Thái giáo. Phaolô nói ở đây: (theo bản dịch xứ Welsh) "Đấng Christ đã mua trọn chúng ta khỏi sự rửa sạch của luật pháp."¹¹

Đấng Christ đã chuộc con người bằng cách chết thay họ, chịu đựng con thày nộ kinh khiếp của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội lỗi. Sự rửa sạch của Đức Chúa Trời giáng trên Ngài trong tư cách Đấng Thay Thế con người. Chính bản thân Ngài không trở thành có tội, nhưng tội lỗi của con người được đặt trên Ngài.

Đấng Christ đã không chuộc con người ra khỏi sự rửa sạch của luật pháp bằng cách vâng giữ hoàn hảo Mười Điều Răn trong đời sống Ngài. Kinh Thánh không dạy rằng sự vâng giữ luật pháp hoàn hảo của Ngài được kể cho chúng ta. Trái lại, Ngài giải cứu con

người ra khỏi luật pháp bằng cách gánh lấy sự rửa sả kinh khiếp của luật pháp trong sự chết. Không có sự chết của Ngài thì không thể có sự cứu rỗi. Luật pháp dạy rằng khi những người phạm tội đã bị tuyên án treo trên cây gỗ, thì đó là dấu hiệu họ đang chịu sự rửa sả của Đức Chúa Trời (Phục truyền Luật lệ Ký 21:23). Ở đây Đức Thánh Linh nhìn thấy trong phần đoạn Kinh Thánh đó lời tiên tri về cách Cứu Chúa sẽ chịu chết để gánh lấy sự rửa sả thay cho tạo vật của Ngài. Ngài bị treo giữa trời đất dường như thế không xứng đáng cho cả trời lẫn đất. Khi Ngài chịu chết bằng cách bị đóng đinh trên thập tự giá, Kinh Thánh nói Ngài đã bị treo trên cây gỗ (Công Vụ 5:30; L. Phiêrô 2:24).

3:14 Đức Chúa Trời đã hứa ban phước cho Ábraham và ban phước cho cả thế gian thông qua Chúa Jêsus. **Phước lành ban cho Ábraham** thực sự là sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin. Ân phạt phải chết do Đức Chúa Trời quy định phải được trả xong trước hết. Vì vậy Đức Chúa Jêsus đã trở nên sự rửa sả để Đức Chúa Trời có thể đem ân điển đến cho cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Giờ đây trong Đấng Christ (một hậu tự của Ábraham), các dân đều được ban phước.

Lời hứa của Đức Chúa Trời cho Ábraham trong Sáng Thế Ký 12:3 không nhắc đến Đức Thánh Linh. Nhưng ở đây, Phaolô nói cho chúng ta – bởi sự soi dẫn của Đức Chúa Trời – biết sự ban cho **Thánh Linh** được bao gồm trong giao ước cứu rỗi vô điều kiện của Đức Chúa Trời đã lập với Ábraham. Đã có mầm mống trong đó. Đức Thánh Linh không

thể đến chừng nào luật pháp còn ngáng đường. Đấng Christ đã phải chịu chết và được tôn vinh hiển trước khi Thánh Linh có thể ban xuống (Giăng 16:7).

Sứ đồ đã chứng tỏ sự cứu rỗi là bởi đức tin chứ không bởi luật pháp bằng (1) kinh nghiệm của người Galati, và (2) lời làm chứng của Kinh Thánh Cựu Ước. Giờ đây ông quay sang minh họa từ đời sống thường ngày.

Có thể tóm tắt lập luận của Phaolô trong phần này như sau: trong Sáng Thế Ký 12:3, Đức Chúa Trời hứa chúc phước cho mọi chi tộc của thế gian trong Áram. Lời hứa ban sự cứu rỗi bao gồm cả người ngoại cũng như người Do Thái. Trong Sáng Thế Ký 22:18, Đức Chúa Trời cũng hứa: "Các dân thế gian đều sẽ nhờ đồng dôi người mà được phước." Ngài đã phán rằng đồng dôi (số ít), chứ không phải "những đồng dôi" (số nhiều). Ngài đang nói đến một Đấng, là Đức Chúa Jêsus Christ, là đồng dôi trực tiếp của Ábraham (Luca 3:34). Nói cách khác, Đức Chúa Trời hứa ban phước cho mọi dân tộc, cả người ngoại lẫn người Do Thái, qua Đấng Christ. Lời hứa này là vô điều kiện; không đòi hỏi cả việc lành lẫn sự tuân giữ luật pháp. Đây là lời hứa đơn giản để lấy đức tin đơn sơ nhận lãnh.

Rồi Luật pháp được ban cho Ysaraên 430 năm sau đó – không thể thêm những điều kiện vào lời hứa ấy, và cũng tuyệt đối không thay thế lời hứa. Trong sinh hoạt của con người, làm như vậy sẽ không công bình; trong vấn đề thiên thượng, sẽ không thể nào nghi ra chuyện đó được. Do đó, kết luận chính là: lời hứa ban phước cho dân ngoại của

Đức Chúa Trời chính là qua Đấng Christ, bởi đức tin và không bởi việc giữ luật pháp.

3:15 Trong sinh hoạt của con người, khi một giao ước hay một di chúc đã được ký và đóng ấn rồi, không ai sẽ nghĩ đến chuyện thay đổi văn kiện đó hay bổ sung thêm. Nếu không thể phá vỡ giao ước con người, thì giao ước của Đức Chúa Trời lại càng không thể phá vỡ được!

3:16 Rõ ràng, những người Giuđa (người thiên về Do Thái giáo) đã lập luận rằng: dầu các lời hứa lúc đầu được lập cho Ápraham và cho dòng dõi của ông (là dân Ysraên) bởi đức tin, thế nhưng cũng chính những người Ysraên này sau đó đã được đặt dưới luật pháp. Do đó, người Galati, dầu lúc đầu đã được cứu bởi đức tin, nhưng giờ đây phải tuân giữ Mười Điều Răn. Phaolô trả lời: Lời hứa đã được phân cho Ápraham và Dòng Dõi người (số ít). Có thể chữ “dòng dõi” thỉnh thoảng biểu thị một đoàn người, nhưng ở đây, chữ này biểu thị một Đấng, tức là Đấng Christ. (Chắc chính chúng ta cũng sẽ không bao giờ thấy điều này khi đọc Cựu Ước, nhưng Thánh Linh Đức Chúa Trời soi sáng chúng ta.)

3:17 Lời hứa của Chúa cho Ápraham là vô điều kiện; không hề tùy thuộc vào việc làm. Đức Chúa Trời chỉ đồng ý ban cho Ápraham một Dòng Dõi (Đấng Christ). Dầu Ápraham không có con, Ápraham vẫn tin Đức Chúa Trời, vì vậy cũng tin vào Đấng Christ hầu đến, và ông đã được xưng công bình. Sự xuất hiện luật pháp – cách sau 430 năm mới có – không thể ảnh hưởng đến lời hứa

ban sự cứu rỗi trên bất kỳ phương diện nào. Luật pháp không thể rút lại lời hứa cũng không bổ sung thêm các điều kiện vào lời hứa.

Có lẽ những người thiên về Do Thái giáo cho rằng luật pháp – xuất hiện 430 sau lời hứa – đã có công dụng vô hiệu hóa lời hứa. Phaolô nói: “Không hề như vậy! Lời hứa giống như một di chúc, và đã được phê chuẩn bởi sự chết (Con Sinh trong giao ước, Sáng Thế Ký 15:7-11; cũng xem Hêbơrê 9:15-22). Không thể thu hồi lời hứa đó được.”

Bốn trăm ba mươi năm được kể từ lúc Đức Chúa Trời khẳng định giao ước của Ápraham với Giacóp, ngay khi Giacóp chuẩn bị xuống Êđiptô (Sáng Thế Ký 46:1-4), và những năm này trải dài cho đến khi ban luật pháp khoảng ba tháng sau khi ra khỏi xứ Êđiptô.

3:18 Cơ nghiệp hoặc phải bởi đức tin, hoặc phải bởi việc làm. Không thể bởi cả hai được. Kinh Thánh nói rõ cơ nghiệp được ban cho Ápraham bởi lời hứa vô điều kiện. Sự cứu rỗi cũng vậy. Sự cứu rỗi được ban cho như một món quà vô điều kiện. Mọi ý tưởng nghĩ rằng phải làm việc để được sự cứu rỗi đều đã bị loại trừ.

C. Mục Đích Của Luật Pháp (3:18-29)

3:19 Vậy thì làm sao có luật pháp? Như Phaolô nói, nếu luật pháp không bãi bỏ cũng không thêm điều kiện vào lời hứa Chúa đã lập với Ápraham, vậy thì luật pháp nhằm mục đích gì? Luật pháp nhằm bày tỏ tội lỗi trong đặc điểm thật của nó là sự phạm pháp. Tội lỗi đã có trước khi có luật pháp, nhưng con người không thấy đó là phạm pháp cho

đến khi có luật pháp đến. Phạm pháp là vi phạm một luật đã biết.

Luật pháp được ban cho dân tộc của những tội nhân. Họ không bao giờ có được sự công bình nhờ tuân giữ luật pháp vì không có sức mạnh để vâng giữ luật pháp đó. Luật pháp nhằm bày tỏ cho con người biết họ là những tội nhân tuyệt vọng biết dường nào, vì vậy họ phải kêu cầu Đức Chúa Trời cứu họ bởi ân điển Ngài. Giao ước của Đức Chúa Trời lập với Ápraham là lời hứa ban phước vô điều kiện; luật pháp chỉ đem lại sự rửa sã. Luật pháp chứng tỏ tình trạng con người không xứng đáng để nhận lãnh phước hạnh vô điều kiện và miễn phí ấy. Nếu con người muốn được phước, thì phải nhờ ân điển của Đức Chúa Trời.

Người Đồng Dối này là Đấng Christ. Do đó, luật pháp được ban làm biện pháp tạm thời cho đến khi Đấng Christ xuất hiện. Phước hạnh đã hứa cho Ápraham sẽ phải đến thông qua Đấng Christ. Một hợp đồng giữa hai bên bao gồm một người trung bảo, là người ở giữa hai bên. Luật pháp liên quan đến hai bên của hợp đồng - Đức Chúa Trời và Ysraên. Môise đóng vai trò người trung bảo (Phục truyền Luật lệ Ký 5:5). Các thiên sứ là sứ giả của Đức Chúa Trời để trao luật pháp cho Môise (Phục truyền Luật lệ Ký 33:2, Thithiên 68:17; Công Vụ 7:53; Hêbơơ 2:2). Sự tham gia của Môise và các thiên sứ nói đến khoảng cách giữa Đức Chúa Trời với dân sự Ngài, nói đến một dân sự không xứng đáng đón hiện diện của Ngài.

3:20 Nếu chỉ có duy nhất một bên tham gia hợp đồng, và Ngài đã lập một lời hứa vô điều kiện, không đòi hỏi điều gì từ phía bên kia, thì sẽ không cần đến người trung bảo. Chính sự kiện luật pháp đòi hỏi người trung bảo đã hàm ý con người phải giữ phần của mình trong thỏa thuận đó. Đây chính là nhược điểm của luật pháp; nó đòi hỏi sự vâng giữ từ những người không có sức mạnh để vâng giữ. Khi Đức Chúa Trời lập lời hứa của Ngài với Ápraham, Ngài là Bên duy nhất ký hợp đồng. Đây là ưu điểm của lời hứa. Mọi sự tùy thuộc vào Đức Chúa Trời và không điều nào tùy thuộc nơi con người. Không có Đấng Trung Bảo, vì không cần đến Đấng Trung Bảo chi cả.¹²

3:21 Luật pháp có gạt những lời hứa sang một bên hay thay thế những lời hứa không? **Chẳng hề như vậy!** Nếu có thể ban ra một luật pháp để bởi đó tội nhân có thể đạt đến sự trọn lành mà Đức Chúa Trời đòi hỏi, thì đương nhiên có sự cứu rỗi nhờ giữ luật pháp. Đức Chúa Trời sẽ không phải sai Con yêu dấu Ngài đến chịu chết vì tội nhân nếu Ngài có thể đạt được cùng một kết quả đó bằng một phương cách nào đó ít đắt giá hơn. Nhưng luật pháp có dư dật cả thì giờ lẫn con người để chứng tỏ luật pháp không thể cứu tội nhân. Theo ý nghĩa này, luật pháp "tại xác thịt làm cho luật pháp ra yếu đuối" (Rôma 8:3). Toàn bộ những gì luật pháp có thể làm chính là cho con người thấy tình trạng tuyệt vọng của họ và làm cho họ ghi nhớ rằng sự cứu rỗi chỉ có thể đến bởi ân điển ban cho không của Đức Chúa Trời.

3:22 Cứu Ước cho thấy mọi người đều là tội nhân, kể cả những người ở dưới luật pháp. Như vậy, con người cần phải được cáo trách về tội lỗi, để lời hứa về sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ có thể được ban cho những kẻ tin. Những chữ chìa khóa trong câu 22 là **đức tin**, **được ban cho**, và **tin**. Không hề nhắc đến "làm việc" hay "giữ luật pháp."

3:23 Đức tin ở đây là đức tin nơi Đấng Christ. Điều này nhắc đến một kỷ nguyên mở màn bởi sự chết, sự chôn, sự sống lại và thăng thiên của Chúa Jêsus, cùng sự rao giảng Tin Lành tại ngày Lễ Ngũ Tuần. Trước thời điểm đó, người Do Thái bị nhốt dưới sự canh giữ như thể đang bị ở tù hay đang bị tạm giam. Họ bị nhốt trong hàng rào những điều lệ quy định của luật pháp, và vì không thể làm tròn những điều lệ quy định đó, nên họ bị hạn chế vào con đường đức tin để nhận lấy sự cứu rỗi. Những người ở dưới luật pháp bởi đó bị nhốt cho đến khi những tin tức vinh diệu của sự giải phóng khỏi ách nô lệ cho luật pháp được công bố trong Tin Lành.

3:24 Luật pháp được mô tả là người canh giữ và dẫn đường cho trẻ em, hay như một **gia sư**.¹³ Điều này nhấn mạnh ý tưởng về sự dạy học; luật pháp dạy những bài học về đức thánh khiết của Đức Chúa Trời, tình trạng tội lỗi của con người, và nhu cầu cần sự chuộc tội. Ở đây, từ ngữ này được dùng để mô tả người thi hành kỷ luật và giám sát chung trên những trẻ vị thành niên hay người chưa trưởng thành.

Từ ngữ **đang dẫn chúng ta** không có trong nguyên văn, nhưng được thêm vào bởi các dịch giả của truyền thống King James. Nếu bỏ những từ ngữ này ra, câu này dạy rằng luật pháp là người giám hộ người Do Thái cho đến Đấng Christ, có nghĩa là cho đến khi Đấng Christ hiện đến, hoặc xét đến sự hiện ra của Đấng Christ. Trên một phương diện, luật pháp đã bảo tồn dân Ysraên với tư cách một dân tộc riêng biệt bởi những quy định liên quan đến hôn nhân, tài sản, thức ăn, v.v.. Khi "đức tin" đã đến, đức tin ấy đã được công bố lần đầu tiên cho dân tộc này, là dân tộc trước đây được bảo dưỡng rất kỹ diệu bởi phép tạ trái bao thế kỷ. Sự xưng công bình bởi đức tin đã được hứa ban trên cơ sở công tác đã hoàn tất của Đấng Christ, là Đấng Cứu Chuộc.

3:25 Luật pháp là **gia sư**, nhưng một khi đã nhận lãnh đức tin Cơ Đốc, những người Do Thái tin Đấng Christ **không còn phục dưới luật pháp nữa**. Người ngoại bang, chẳng hạn như người Galati, là những người chưa bao giờ phục dưới gia sư đó, lại càng không phục dưới luật pháp ấy! Câu 24 dạy con người không được xưng công bình bởi luật pháp; câu 25 dạy luật pháp không phải là quy tắc sống cho người đã được xưng công bình.

3:26 Để ý sự thay đổi đại từ nhân xưng từ "chúng ta" sang "anh em." Khi nói người Do Thái như là "chúng ta," Phaolô cho thấy họ đã bị nhốt dưới luật pháp cho đến khi Đấng Christ hiện ra. Luật pháp đã bảo tồn họ như một dân tộc riêng biệt để có thể rao giảng sự xưng công bình bởi đức tin cho họ. Khi

được xưng công bình, họ không còn ở dưới luật pháp nữa, và đặc điểm riêng biệt của họ với tư cách người Do Thái không còn nữa. Đạp từ "anh em" từ đây cho đến cuối đoạn bao gồm cả người Do Thái đã được cứu lẫn người ngoại bang đã được cứu. Nhưng người như thế bởi **tin Đức Chúa Jêsus Christ** nên hết thảy đều là **con trai của Đức Chúa Trời**.

3:27 Sự liên hiệp với **Đấng Christ**, là điều xảy ra tại lúc hoán cải, được tuyên xưng trong phép báptem bằng nước. Phép báptem này không khiến một người trở nên thành viên của Đấng Christ hay trở nên người thừa hưởng nước Đức Chúa Trời. Đây là sự đồng nhất hóa công khai với Đấng Christ, mà Phaolô gọi là "mặc lấy" **Đấng Christ**. Người linh tuyên bố mình là thành viên của quân đội bằng cách "mặc lấy" đồng phục của mình thế nào, thì một tin hữu cũng xác định mình là người thuộc về Đấng Christ bằng cách **chịu báptem** trong nước thế ấy. Bởi hành động này, người công khai bày tỏ sự thuận phục quyền lãnh đạo và thẩm quyền của Đấng Christ. Người mô tả cách sinh động rằng mình là con trai của Đức Chúa Trời.

Chắc chắn sự đó không gợi ý phép báptem bằng nước liên hiệp một người với Đấng Christ. Điều đó sẽ bác bỏ thẳng thừng tiến đế cơ bản của ông để tuyên bố sự cứu rỗi chỉ bởi một mình đức tin mà thôi.

Ở đây, chắc Phaolô cũng không nói đến phép báptem Đức Thánh Linh, là điều đặt tin hữu vào trong thân của Đấng Christ (I.Côrinthô 12:13). Phép báptem của Đức Thánh Linh là vô hình.

Không có điều gì trong phép báptem bằng Đức Thánh Linh tương ứng với việc công khai "mặc lấy" Đấng Christ.

Đây là phép báptem tới với Đấng Christ (JND). Người Ysraên được làm báptem tới với (unto) Môise, đồng nhất hóa họ với ông là lãnh tụ của họ thế nào, thì tin hữu ngày nay được làm phép báptem tới với Đấng Christ, biểu thị họ công nhận Ngài là Chúa hợp pháp của mình cũng thế ấy.

Bởi phép báptem, tin hữu còn biểu thị việc chôn xác thịt cùng với những nỗ lực của xác thịt nhằm kiếm sự công bình. Tin hữu này biểu thị sự chấm dứt nếp sống cũ và bắt đầu nếp sống mới. Trong phép báptem bằng nước, người Galati tuyên xưng họ đã chết với Đấng Christ và đã đồng chôn với Ngài tới. Đấng Christ đã chết đối với luật pháp thế nào, thì họ cũng đã chết với luật pháp thế ấy, nên bởi đó đừng muốn phục dưới luật pháp như một quy luật sống nữa. Bởi sự chết, Đấng Christ đã phá bỏ sự phân biệt giữa người Do Thái và người ngoại bang thế nào, thì họ cũng đã chết với những sự phân biệt dân tộc thế ấy. Họ đã **mặc lấy Đấng Christ** theo ý nghĩa giờ đây họ sống cuộc đời hoàn toàn mới – là sự sống của Đấng Christ.

3:28 Luật pháp đã tạo ra những sự phân biệt giữa các hạng người này. Lấy ví dụ, sự phân biệt giữa người Do Thái và người ngoại bang được khẳng khẳng quả quyết trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:6; 14:1,2. Trong lời cầu nguyện buổi sáng, người nam Do Thái cảm tạ Đức Chúa Trời vì Ngài đã không dựng nên mình là người ngoại bang, một tên nô lệ

hay một phụ nữ. Trong Đức Chúa Jêsus Christ, những sự phân biệt này biến mất, tức là xét về sự chấp nhận của Chúa. Người Do Thái không được ưu đãi hơn người ngoại bang, người tự do cũng không được ưu đãi hơn nô lệ, người nam cũng không được hưởng đặc ân hơn người nữ. Hết thảy đều ở trên cùng một bình diện vì họ đều ở trong Chúa Jêsus Christ.

Đừng bắt ép câu này nói lên điều câu này không nói. Xét về nếp sống hằng ngày (chưa nói đến chức vụ công khai trong hội thánh), Đức Chúa Trời thực sự có công nhận khác biệt giữa nữ và nam. Tân Ước có nhiều lời dạy cho mỗi giới; cũng nói riêng biệt cho nô lệ và chủ. Nhưng khi nhận ơn phước từ Đức Chúa Trời, những vấn đề này không quan trọng. Vấn đề quan trọng là ở trong Đức Chúa Jêsus Christ. (Điều này nói đến địa vị trên Thiên đàng của chúng ta, chứ không phải nói đến tình trạng trên đất.) Trước mặt Đức Chúa Trời, một người Do Thái đã tin Chúa không hề có điều gì trội hơn một người ngoại trở về tiếp nhận Ngài! Govett nói: "Toàn bộ những phân biệt do luật pháp đưa ra đều đã bị nuốt mất trong ngôi mộ chung mà Đức Chúa Trời đã dự bị." Do đó, thật đại đột biết bao nếu Cơ Đốc nhân tìm sự thánh khiết thêm nữa bằng cách xác lập những sự phân biệt mà Đấng Christ đã phá bỏ.

3:29 Người Galati đã bị lừa dối để nghĩ họ có thể trở thành dòng dõi của Ábraham nhờ vâng giữ luật pháp. Phaolô cho thấy ngược lại. Đấng Christ là dòng dõi của Ábraham; cơ nghiệp hứa ban cho Ábraham đã được ứng nghiệm

trong Đấng Christ. Khi tội nhân tin Ngài, họ trở thành một với Ngài. Vì vậy, họ trở thành dòng dõi của Ábraham và trong Đấng Christ, họ thừa hưởng mọi phước hạnh của Đức Chúa Trời.

D. Con Trê Và Con Trai (4:1-18).

4:1,2 Đây là bức tranh về một người cha giàu có dự định giao quyền kiểm soát tài sản của mình cho đứa con trai khi con trai đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, **chúng nào còn thơ ấu**, thân phận của người thừa kế này vẫn giống với thân phận của một **nô lệ**. Người này liên tục bị bảo phải làm việc này và đừng làm việc kia. Người kế tự có những **kẻ bảo hộ** (Bản Anh ngữ là "quản gia") để quản lý tài sản của người, và những **kẻ coi giữ** ("giám hộ") để chịu trách nhiệm về con người của mình. Vì vậy, dấu cơ nghiệp kia chắc chắn thuộc về mình, kẻ kế tự này vẫn chưa bước vào đó cho đến khi trưởng thành.

4:3 Đây là tình trạng của người Do Thái dưới luật pháp. Họ còn là **thơ ấu**, bị luật pháp không ngừng sai khiến giống y như những nô lệ. Họ mang ách **nô lệ ở dưới những lễ thói của thế gian**, có nghĩa những nguyên tắc sơ đẳng của tôn giáo Do Thái. Những lễ hội và nghi thức của Do Thái giáo được thiết lập ra cho những người nào không biết Đức Chúa Cha đúng như Ngài đã được bày tỏ trong Đấng Christ. Có thể tìm được một mình họa nơi đứa trẻ sắp học vắn để đánh vần bằng cách dùng từng hình khối, hay học cách nhận diện đồ vật bằng các tranh ảnh. Luật pháp đầy dẫy những cái bóng và hình ảnh, hấp dẫn

những giác quan thuộc linh nhờ phương tiện thuộc thể và bề ngoài. Phép cắt bì là một ví dụ về điều này. Do Thái giáo mang tính thuộc thể, bề ngoài, và tạm thời; Cơ Đốc giáo mang tính thuộc linh, ở bề trong và vĩnh viễn. Những điều bề ngoài này là hình thức ách nô lệ đối với trẻ thơ.

4:4 Kỳ hạn đã được trọn chỉ đến thời kỳ Cha thiên thượng đã ấn định cho những kẻ kẻ tự trở nên đúng tuổi (xem câu 2).

Trong câu Kinh Thánh này, chỉ với vài lời, chúng ta có câu tuyên bố tuyệt vời về thần tánh và nhân tánh của Chúa. Ngài là Con đời đời của Đức Chúa Trời; thế nhưng Ngài đã bởi một người nữ sanh ra. Nếu Chúa Jêsus chỉ là con người, thì thật vô cơ nếu nói Ngài bởi một người nữ sinh ra. Làm sao con người được sinh ra theo kiểu nào khác nữa? Trong trường hợp Chúa chúng ta, cụm từ này làm chứng cho Thần Vị độc nhất vô nhị của Ngài và phương thức sinh ra độc nhất vô nhị của Ngài.

Được sinh ra trong thể gian làm một người Ysraên, bởi đó Ngài được sinh ra dưới luật pháp. Là Con Đức Chúa Trời, Chúa Jêsus sẽ không bao giờ ở dưới luật pháp; Ngài là Đấng đã ban luật pháp. Nhưng trong ân điển hạ mình, Ngài đã đặt mình dưới luật pháp Ngài đã lập ra, để Ngài có thể ca ngợi luật pháp trong đời sống Ngài, và mang lấy sự rửa sã của luật pháp trong sự chết Ngài.

4:5 Luật pháp đòi hỏi một cái giá từ những người không giữ được luật pháp – cái giá phải trả bằng sự chết. Trước khi Đức Chúa Trời có thể đưa con người vào địa vị làm con tuyệt diệu, thì giá

này buộc phải trả xong. Vì vậy Đức Chúa Jêsus khỉ vào trần gian để làm thành viên của loài người và thành viên của dân Do Thái, Ngài đã trả xong giá luật pháp đòi hỏi. Vì Ngài là Đức Chúa Trời, sự chết của Ngài có giá trị vô hạn, có nghĩa sự chết ấy đủ để đền trả cho bất kỳ số lượng tội nhân nào. Vì Ngài là Con Người, Ngài có thể chịu chết trong tư cách Đấng Thay Thế cho con người. Govett nói: "Đấng Christ – bản chất vốn là Con Đức Chúa Trời – đã trở thành con loài người, để chúng ta, bởi bản chất là con trai của loài người – có thể trở thành con trai Đức Chúa Trời. Sự trao đổi kỳ diệu biết dường nào!"

Chúng nào con người còn là nô lệ thì vẫn không thể làm con trai được. Đấng Christ đã giải thoát họ khỏi ách nô lệ cho luật pháp để họ có thể được nhận làm con. Lưu ý ở đây có sự phân biệt giữa trở thành con trẻ (con nhỏ - child) của Đức Chúa Trời và con trai (son) của Đức Chúa Trời (so sánh Rôma 8:14 "con trai", 16 "con nhỏ" - bản Việt Ngữ chỉ dùng chữ con, không phân biệt hai chữ này). Tin hữu được sinh ra trong gia đình của Đức Chúa Trời như một đứa con nhỏ (xem Giăng 1:12). Ở đây, điểm nhấn mạnh nhằm vào sự kiện được sanh ra cách thiên thượng, chứ không nhằm vào những đặc ân và trách nhiệm của quyền làm con. Tin hữu này được nhận vào trong gia đình với tư cách con trai, mỗi một Cơ Đốc nhân đều là con trai ngay tức thì và được đem vào trong cơ nghiệp mà mình sẽ làm kẻ kế tự. Vì vậy, những sự dạy dỗ dành cho Cơ Đốc nhân trong Tân Ước coi như không có tình trạng thơ ấu giữa vòng

các thánh đồ. Hết thầy đều được đổi đời như những con trai trưởng thành.

Nhận làm con nuôi trong nền văn hóa Lamã khác với nhận con nuôi trong nếp sống hiện đại. Chúng ta nghĩ nhận làm con nuôi là đem đứa con của người khác về làm con mình. Nhưng trong Tân Ước, nhận làm con nuôi có nghĩa đặt tín hữu vào trong địa vị con trai trưởng thành cùng với mọi đặc ân và trách nhiệm của địa vị đó.

4:6 Để những người làm con trai của Đức Chúa Trời có thể nhận thấy chân giá trị của địa vị này, Đức Chúa Trời sai Thánh Linh trong ngày Lễ Ngũ Tuần đến ở trong họ. Đức Thánh Linh đem lại ý thức về quyền làm con, khiến các thánh đồ gọi Đức Chúa Trời là Cha. "Aba, Cha" là hình thức quen thuộc để thưa gọi, kết hợp những từ ngữ trong tiếng Aram và tiếng Hylạp chỉ về "cha." Không một nô lệ nào có thể thưa với người đứng đầu trong gia đình theo kiểu này; chữ này được dành cho những thành viên trong gia đình, và diễn tả tình yêu thương và lòng tin quyết. Hãy lưu ý Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong câu này – Đức Thánh Linh, Đức Chúa Con và Cha – theo thứ tự đó.

4:7 Tin đó giờ đây không còn là lời mọi nữa; không còn ở dưới luật pháp nữa. Giờ đây người là con Đức Chúa Trời. Vì cơ Đấng Christ – với tư cách Con Đức Chúa Trời – là người kế tự mọi sự giàu có của Đức Chúa Trời, nên Cơ Đốc nhân cũng là kẻ kế tự của Đức Chúa Trời bởi Đấng Christ (bản Việt Ngữ không có chữ "bởi Đấng Christ").¹⁴ Toàn bộ những điều Đức Chúa Trời có đều thuộc về người ấy bởi đức tin.

Trong các trường học của rabi tại Ysraên ngày nay, sinh viên không được phép đọc sách Nhã Ca hay Êxêchiên I cho đến khi được bốn mươi tuổi. Sách Nhã Ca được xem là quá lộ liễu về tình dục đối với đầu óc của một người còn trẻ, và Êxêchiên I chứa đựng lời mô tả về vinh quang của Đức Chúa Trời quá tuyệt vời không tả nổi thành lời. Kinh Talmud kể lại có một người kia dưới bốn mươi tuổi đã bắt đầu đọc Êxêchiên I, thì lửa xuất hiện từ các trang này thiêu đốt ông ta. Điều câu chuyện này muốn nói lên ấy là người sống dưới luật pháp không được xem là một người đàn ông cho đến khi tới bốn mươi tuổi. (Tứ ngữ bar mitzvah nổi tiếng ở tuổi mười ba chỉ khiến cho một cậu bé Do Thái trở thành "con trai của giao ước" – là ý nghĩa của tứ ngữ này – và bởi đó chịu trách nhiệm phải giữ luật pháp.) Chưa đến tuổi bốn mươi, một người nam chánh thống vẫn bị xem là một vị thành niên.

Nhưng tín hữu ở dưới ân điển thì không như vậy. Chính lúc họ được cứu thì toàn bộ cơ nghiệp đã thuộc về họ. Họ được đổi đời như người thành nhân, như những con trai và con gái trưởng thành, và toàn bộ Kinh Thánh đều dành sẵn cho họ để đọc, thưởng thức và vâng giữ.

Trong ánh sáng những lẽ thật này, lời khuyên của Harrison thật đáng trân trọng:

Hỡi người con được Chúa yêu, mọi sự đều thuộc về người – Ngài phán với bạn điều này trong 1.Côrinthô 3:22,23, để làm bạn nhận thấy được những sự giàu có vượt quá sức tưởng tượng tới

*cùng của bạn. Hãy xem cõi vũ trụ. Cõi vũ trụ ấy của ai, còn của ai nữa ngoài Ngài và bạn? Vậy hãy sống như một vị vua.*¹⁵

4:8 Người Galati đã có lần ở dưới ách nô lệ cho hình tượng. Trước khi hoán cải, họ là những người ngoại giáo thờ lạy các hình tượng bằng gỗ và đá các tà thần. Giờ đây họ đang hướng đến một kiểu ách nô lệ khác – ách nô lệ cho luật pháp.

4:9 Làm sao họ biện hộ được cho lối cư xử của họ? Họ đã biết Đức Chúa Trời, hoặc nếu chưa biết Ngài theo cách thực nghiệm sâu nhiệm, ít ra cũng đã được Ngài biết đến, tức là họ đã được cứu. Thế nhưng họ đang xây bó khối quyền năng và những sự giàu có của Ngài (mà họ là người kế tự những điều đó) để trở **hướng về** những lẽ thói **hèn yếu** nghèo nàn, là những điều liên kết với luật pháp, chẳng hạn như phép cắt bì, các ngày thánh, các luật ăn kiêng. Một lần nữa họ đang đặt mình dưới **ách** nô lệ cho những điều không thể cứu được ai, cũng không làm giàu được, nhưng chỉ có làm cho họ nghèo khổ mà thôi.

Phaolô gọi luật pháp và mọi lẽ nghi của nó là **hèn yếu** nghèo nàn. Các luật lệ của Đức Chúa Trời là đẹp đẽ trong đúng thời điểm và địa điểm của chúng, nhưng chúng hoàn toàn là những cản trở khi đem thay thế cho Đức Chúa Jêsus. Bó Đấng Christ để về với luật pháp tức là thờ lạy hình tượng.

4:10,11 Người Galati đang giữ lịch Do Thái cùng với những ngày Sabát, những kỳ lễ và **những mùa** của lễ đó. Phaolô thấy lo sợ cho những người xưng

mình là Cơ Đốc nhân, thế nhưng lại tìm ơn của Đức Chúa Trời bằng cách tuân giữ luật pháp. Ngay cả những người chưa tái sinh cũng có thể giữ được ngày, tháng, mùa và năm. Việc đó tạo cảm giác hết sức thỏa mãn để họ cảm thấy cũng có việc cho mình làm được bằng sức riêng để kiếm được nụ cười tán thành của Chúa. Nhưng điều này hàm ý con người có chút sức mạnh, và vì vậy trong chừng mực nào đó, người không cần đến Cứu Chúa.

Nếu Phaolô có thể viết như thế này cho người Galati, ông sẽ viết những gì cho người tự xưng mình là Cơ Đốc nhân ngày nay nhưng đang tìm cách đạt được sự thánh khiết bằng việc tuân giữ luật pháp? Liệu ông không lên án những truyền thống được đem từ Do Thái giáo vào trong Cơ Đốc giáo – chức tế lễ do con người phong chức, những lễ phục riêng biệt cho thầy tế lễ, giữ ngày Sabát, những nơi thánh, những chân đèn, nước thánh, và v.v... hay sao?

4:12 Đường như người Galati đã quên thái độ của họ đối với Phaolô khi lần đầu tiên ông đến giảng Tin Lành cho họ. Nhưng ông gọi họ là **"anh em"** bất chấp thất bại của họ và những điều ông lo sợ cho họ. Phaolô đã là người Do Thái ở dưới luật pháp. Giờ đây, trong Đấng Christ, ông được buông tha khỏi luật pháp. Vì vậy ông nói: **"Hãy giống như tôi** – được giải thoát khỏi luật pháp và không còn sống dưới luật pháp nữa." Người Galati ngoại bang chưa hề ở dưới luật pháp, và giờ đây không ở dưới luật pháp. Vì vậy Phaolô nói: **"Tôi cũng như anh em.** Tôi, đã là người Do Thái, giờ đây được hưởng sự buông tha khỏi luật

pháp mà anh em dân ngoại bang đã luôn luôn có.”

Anh em không làm hại gì cho tôi. Không rõ đích xác Phaolô đang nghĩ điều gì ở đây. Có lẽ ông đang nói mình không hề cảm thấy bị tổn thương vì bị họ đối đãi như vậy. Bỏ ông để đến với các giáo sư giả không phải là đòn giáng vào bản thân ông, mà là một đòn giáng vào chân lý của Đức Chúa Trời và bởi đó đã gây thương tổn cho chính họ.

4:13 **Đương lúc xác lịnh yếu đuối** mà ông truyền Tin Lành cho họ lần thứ nhất.¹⁶ Đức Chúa Trời thường sử dụng những công cụ yếu đuối, bị khinh rẻ, nghèo hèn để hoàn tất công tác Ngài, để bởi đó vinh hiển sẽ thuộc về Ngài chứ không thuộc về con người.

4:14 Chứng bệnh của Phaolô là sự rên rỉ cho chính ông và những người nghe ông. Tuy nhiên, người Galati không khước từ ông vì cơ thể ngoài thuộc thể hay vì cơ lời nói của ông. Thay vào đó, họ tiếp rước ông như vị thiên sứ của Đức Chúa Trời, tức là sứ giả được Đức Chúa Trời sai đến, và thậm chí như chính mình Chúa Jêsus Christ. Vì ông đại diện cho Chúa, nên họ đã tiếp rước ông như cách họ sẽ tiếp rước Chúa (Mathiơ 10:40). Họ đã tiếp nhận sứ điệp của Phaolô như chính Lời của Đức Chúa Trời. Điều này đáng là bài học cho mọi Cơ Đốc nhân về cách đối đãi với sứ giả của Chúa. Khi chúng ta đón tiếp sứ giả của Chúa cách thân mật, chúng ta đang tiếp Ngài cùng đồng một cách thân mật như thế (Luca 10:16).

4:15 Khi lần thứ nhất họ nghe Tin Lành, họ đã công nhận Tin Lành quả là

phước lành phong phú biết dường nào cho linh hồn họ. Họ vui sướng thích và trân trọng đến nỗi nếu có thể được, họ cũng đã móc mắt họ mà cho Phaolô. (Có thể đây là dấu hiệu cho thấy “cái giằm xóc vào thịt” của Phaolô là bệnh mắt.) Nhưng giờ đây cảm giác biết ơn ấy ở đâu rồi? Bất hạnh thay, đã tan biến như sương sớm mai.

4:16 Điều gì đã khiến họ thay đổi thái độ với Phaolô? Ông vẫn rao giảng cùng một sứ điệp, sốt sắng chiến đấu vì lẽ thật của Tin Lành. Nếu điều này khiến ông trở nên kẻ thù của họ, thì họ thực sự đang ở trong chỗ nguy hiểm rồi.

E. Ách Nô Lệ Hay Tự Do (4:17-5:1)

4:17 Những động cơ của các giáo sư giả khác với động cơ của Phaolô: họ muốn có người đi theo, trong khi ông quan tâm đến phúc lợi thuộc linh của người Galati (4:17-20). Các giáo sư giả sốt sắng trong nỗ lực chinh phục cảm linh của người Galati, nhưng động cơ của họ lại không lành thật. Họ muốn anh em lìa bỏ chúng tôi (Bản Anh Ngữ: “Họ muốn loại trừ anh em”). Những người thiên về Do Thái giáo muốn dứt người Galati ra khỏi sứ đồ Phaolô và khỏi các giáo sư khác. Họ muốn có lực lượng ủng hộ họ, và tìm cách lập thành một hệ phái để có được nhóm người ủng hộ mình. Stott cảnh cáo: “Khi Cơ Đốc giáo bị biến thành ách nô lệ cho các điều lệ và quy tắc, dứt khoát những nạn nhân của nó không tránh khỏi cảnh bị bắt phục, bị ràng buộc vào sợi dây tạp dề của những giáo sư dạy họ, giống như trong thời Trung Cổ.”¹⁷

4:18 Trên thực tế, Phaolô nói: “Tôi không phiền vấn để người khác đang

châm bắm vào anh em, ngay cả khi tôi văng mặt khỏi giữa anh em, miễn là họ làm như vậy với động cơ trong sạch và vì điều thiện.”

4:19 Khi gọi người Galati là con cái bé nhỏ của ông, Phaolô muốn nhắc họ nhớ chính ông là người đã đưa họ đến với Đấng Christ. Ông đang chịu những cơn đau đớn của sự sanh nở một lần nữa vì cơ họ, lần này không phải để tìm sự cứu rỗi cho họ, nhưng đúng hơn là để Đấng Christ có thể thành hình trong họ. Trở nên giống Đấng Christ chính là toàn bộ mục tiêu Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài (Êphêso 4:13; Côlôse 1:28).

4:20 Có thể câu này nói Phaolô đang bối rối khó xử về thân phận thật của người Galati. Việc họ tẻ tách khỏi chân lý đã khiến ông bối rối khó xử (Bản Anh ngữ là “ngồi ngờ”). Ông muốn có thể thay đổi cách nói và nói cách chắc chắn, xác quyết về họ. Hoặc có lẽ ông đang bối rối khó xử về phản ứng của họ đối với bức thư của ông. Ông muốn đích thân nói với họ hơn. Lúc đó, ông có thể diễn tả rõ ràng hơn bằng cách thay đổi cách nói của mình. Nếu họ chịu tiếp nhận lời quở trách của ông, ông có thể dịu dàng. Tuy nhiên, nếu họ ngoan cố và nổi loạn, ông có thể sẽ rất nghiêm khắc. Như vậy, ông đã bối rối khó xử về họ; ông không thể nói họ có phản ứng thế nào với sứ điệp của mình.

Vì những giáo sư người Do Thái chú trọng rất nhiều về Ápraham, và khẳng khái đòi tin hữu phải noi gương Ápraham bằng cách chịu cắt bì, nên Phaolô quay sang lịch sử trong gia đình Ápraham để chứng tỏ chủ nghĩa duy

luật là ách nô lệ và không thể đem pha trộn với ân điển được.

Đức Chúa Trời đã hứa Ápraham sẽ có một con trai, cho dầu ông và Sara đã quá già, và nói theo lẽ tự nhiên thì không thể có con được. Ápraham đã tin Đức Chúa Trời và nhờ đó được xưng công bình (Sáng Thế Ký 15:1-6). Ít lâu sau, Sara ngã lòng khi chờ đợi đứa con của lời hứa, và đã gợi ý Ápraham nên có con với con đòi của mình là Aga. Ápraham nghe lời khuyên của Sara, và Íchmaên ra đời. Đây không phải là người kế tự Đức Chúa đã hứa ban, nhưng là đứa con của sự thiếu kiên nhẫn, của tình xác thịt và thiếu tin cậy của Ápraham (Sáng Thế Ký 16).

Như vậy, khi Ápraham một trăm tuổi, đứa con của lời hứa – là Ysác – ra đời. Hiển nhiên sự ra đời này là phép lạ; chỉ có thể thành hiện thực nhờ quyền phép mạnh mẽ của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 21:1-5). Trong bữa tiệc theo thông lệ để cai sữa cho Ysác, Sara thấy Íchmaên đang giễu cợt con trai bà. Do đó, bà đòi Ápraham phải đuổi Íchmaên và mẹ nó ra khỏi nhà, nói rằng: “Đứa con trai của con đòi này sẽ chẳng được kế nghiệp cùng với con trai tôi là Ysác đâu” (Sáng Thế Ký 21:8-11). Chuyện này là bối cảnh lập luận được sử dụng ở đây.

4:21 Luật pháp trong câu này được sử dụng theo hai nghĩa khác nhau. Chữ thứ nhất nói đến luật pháp như phương tiện để đạt được sự thanh khiết, và chữ thứ nhì chỉ đến các sách luật pháp của Cựu Ước (Sáng Thế Ký – Phục truyền Luật lệ Ký), đặc biệt là Sáng Thế Ký. Phaolô đang nói: “Hãy noi cho tôi biết

đi, anh em là người đang ước ao tìm được ơn của Đức Chúa Trời bằng cách giữ luật pháp, vậy anh em không nghe sứ điệp của sách luật pháp sao?"

4:22,23 Hai con trai này là Íchmaên và Ysác. Người nữ tôi mọi là Aga, và người nữ tự chủ là Sara. Íchmaên ra đời do sự can thiệp đầy mưu mô của Ápraham. Mặt khác, Ysác được ban cho Ápraham bởi lời hứa của Đức Chúa Trời.

4:24 Câu chuyện này mang tính biểu tượng; câu chuyện có ý nghĩa sâu nhiệm hơn thoạt nhìn thấy bề ngoài. Ý nghĩa thật của những biến cố này không được phát biểu rõ ràng ra, nhưng được hàm ý. Vì vậy, câu chuyện thật về Ysác và Íchmaên trình bày chân lý thuộc linh sâu nhiệm, mà Phaolô đang tiếp tục giải thích.

Hai người nữ đại diện cho hai giao ước: Aga là giao ước của luật pháp, và Sara là giao ước của ân điển. Luật pháp được ban tại núi Sinai. Kể cũng lạ, chữ "Aga" trong ngôn ngữ Ả-rập có nghĩa "đá," và người Ả-rập gọi núi Sinai là núi "Đá."

4:25 Giao ước được ban tại núi Sinai đem lại ách tột mọi; vì vậy Aga, là một nữ tôi mọi, là hình bóng thích hợp về luật pháp. Aga đại diện cho Giêrusalem, kinh đô của dân Do Thái, và là trung tâm cho người Ysraên chưa được cứu, là những người vẫn đang tìm cách kiếm sự công bình bởi giữ luật pháp. Những người này, cùng với con cái họ, tức những môn đồ của họ, đều làm tội mọi. Quả là phép xây dựng tính cách nhân vật đầy xúc phạm khi Phaolô liên kết

những người Ysraên không tin Chúa với Aga thay vì với Sara, với Íchmaên thay vì với Ysác.

4:26 Kinh thành của những người được xưng công bình bởi đức tin là Giêrusalem trên trời. Đây là mẹ của mọi tín hữu, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang.

4:27 Câu trích này từ Êsai 54:1 là lời báo trước con cái của thành trên trời sẽ đông hơn con cái của Giêrusalem dưới đất. Sara là người nữ son sẽ đã rất lâu rồi. Aga là người nữ có chồng. Chúng ta sẽ phải tiểu chiến thắng cuối cùng của Sara, hay Giêrusalem trên trời này, theo cách nào đây? Câu trả lời ấy là: Con cái của lời hứa bao gồm mọi người nào – cả người ngoại bang cũng như người Do Thái – đến với Đức Chúa Trời bởi đức tin – là đông hơn con cái của Aga, người sống dưới luật pháp.

4:28 Tin hữu thật không sanh ra bởi ý muốn của con người, cũng không phải bởi ý của xác thịt, nhưng bởi Đức Chúa Trời. Điều quan trọng không phải là dòng dõi theo sự sinh ra tự nhiên, nhưng là sự sinh ra thiên thượng và điệu kỳ bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus.

4:29 Íchmaên chế giễu Ysác, và xưa nay vẫn luôn luôn đứng rằng những người sanh ra bởi xác thịt đã bất bỏ những người sanh bởi Thánh Linh. Hãy xem những sự chịu khổ của Chúa chúng ta và của sứ đồ Phaolô trong tay những người chưa được cứu. Có lẽ chúng ta thấy dường như chuyện Íchmaên chế giễu Ysác chỉ là một xúc phạm vụn vặt, nhưng Kinh Thánh đã ghi lại chuyện đó, và Phaolô thấy trong

đó có nguyên tắc vẫn còn tiếp tục lâu dài - sự thù địch giữa xác thịt và Thánh Linh.

4:30 Như vậy người Galati hãy viện dẫn Kinh Thánh, thì sẽ nghe lời tuyên án này. Luật pháp và ân điển không thể pha trộn với nhau; không thể hưởng phước hạnh của Đức Chúa Trời dựa trên cơ sở công đức của con người hay nỗ lực của xác thịt.

4:31 Những ai tin cậy Đấng Christ thì không liên hệ với luật pháp như một phương tiện để được nhận ơn thiên thưởng. Họ là con cái của người nữ tự chủ, và họ tiếp nối theo linh trạng xã hội của mẹ mình.

5:1 Câu Kinh Thánh cuối đoạn 4 mô tả địa vị của tín hữu - đó là người tự do. Câu đầu của đoạn 5 nói đến nếp sống đạo của người - người nên sống như một người tự do. Ở đây, chúng ta có một minh họa rất hay về khác biệt giữa luật pháp và ân điển. Luật pháp sẽ nói: "Nếu người làm việc để kiếm được tự do của mình, người sẽ trở thành tự do." Nhưng ân điển nói: "Người đã được buông tha bởi giá lớn lao là sự chết của Đấng Christ. Để tỏ lòng biết ơn Ngài, nên bởi đó người phải đứng vững trong tự do mà Đấng Christ đã dùng để buông tha người." Luật pháp đòi hỏi nhưng không ban năng lực. Ân điển cung cấp điều luật pháp đòi hỏi, rồi ban năng lực cho con người sống cuộc đời nhất quán với địa vị của người bởi quyền năng của Thánh Linh rồi ban thưởng cho người vì đã sống được như vậy.

Đùng như C. H. Mackintosh nói: "Luật pháp đòi hỏi sức mạnh từ nơi

người không có chút sức mạnh nào, rồi rửa sả người nếu người không thể tỏ ra sức mạnh ấy. Tin Lành ban sức mạnh cho người không có sức mạnh, rồi ban phước cho người khi tỏ ra sức mạnh ấy."¹⁸

"Luật pháp ra lệnh: "Này John, chạy đi thì sống."

Nhưng không cho tôi cả chân lẫn tay;

Tin tức do Tin Lành đem lại tốt hơn nhiều,

Tin Lành ấy truyền tôi bay lên và ban cho đôi cánh."

III. VỀ NẾP SỐNG ĐẠO: PHAOLÔ BÌNH VỰC QUYỀN TỰ DO CƠ ĐỐC TRONG THÁNH LINH (Đoạn 5:2- 6:18)

A. Kiểm Họa Của Chủ Nghĩa Duy Luật Pháp (5:2- 15)

5:2 Chủ nghĩa duy luật khiến Đấng Christ trở nên không có giá trị gì cả. Những người thiên về Do Thái khẳng khái vào lẽ cần thiết buộc tín hữu ngoại bang chịu cắt bì mới được cứu rỗi. Phaolô nói với thẩm quyền của một sử đồ, quả quyết rằng nhờ cậy vào phép cắt bì tức là khiến Đấng Christ trở nên không bổ ích chi. Jack Hunter nói:

Trong tình huống của người Galati, phép cắt bì đối với Phaolô không phải là một cuộc phẫu thuật, cũng không chỉ đơn thuần là một lễ nghi tôn giáo. Nó đại diện cho hệ thống cứu rỗi bởi việc lành. Nó công bố một Tin Lành của nỗ lực con người không cần nhờ đến ân điển Đức Chúa Trời. Đó là luật pháp chiếm chỗ ân điển; Môisê chiếm chỗ của Đấng Christ; vì thêm vào Đấng Christ tức là lấy Đấng Christ ra khỏi. Một Đấng

Christ đã bị bỏ sung là một Đấng Christ đã bị hất cẳng rồi. Đấng Christ là Cứu Chúa duy nhất -- chỉ một mình Ngài và độc quyền một mình Ngài mà thôi. Chịu phép cắt bì tức là bị cắt bỏ ra khỏi Đấng Christ.¹⁹

5:3 Chủ nghĩa duy luật đòi hỏi con người **vâng giữ trọn cả luật pháp**. Người phục dưới luật pháp không thể chấp nhận những điều tàn dễ dãi và chối bỏ những điều rắn khắc. Nếu cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng cách chịu cắt bì, thì người đó có bốn phạm **vâng giữ trọn cả luật pháp**. Vì vậy, một người hoặc là hoàn toàn phục dưới luật pháp, hai là không hề ở dưới luật pháp chi cả. Hiển nhiên, nếu người ở hoàn toàn dưới luật pháp thì Đấng Christ là vô giá trị đối với người ấy. Đức Chúa Jêsus Christ không những là Cứu Chúa đầy đủ, mà còn là Cứu Chúa độc quyền nữa. Trong câu này, không phải Phaolô đang nói đến những người đã chịu cắt bì trong quá khứ, nhưng chỉ nói đến những người nào có thể sẽ chịu nghi thức này như một lễ thiết yếu để được xưng công bình đầy đủ, nói đến những ai khẳng định những bốn phạm tuân giữ luật pháp để được Đức Chúa Trời chấp nhận.

5:4 Chủ nghĩa duy luật có nghĩa là từ bỏ Đấng Christ với tư cách nguồn hy vọng duy nhất để mình được xưng công bình. Câu này gây ra bàn cãi đáng kể. Người ta đưa ra rất nhiều cách giải thích khác nhau, nhưng có thể gộp thành ba loại, như sau:

1. Nhiều người cho rằng ở đây Phaolô dạy: một người có thể thực sự

được cứu, sau đó sa vào tội lỗi, do đó bị mất ơn và bị hư mất đời đời. Điều này đã được gọi là "giáo lý về sự sa ngã."

Chúng ta tin cách giải thích như thế là không lành mạnh vì hai nguyên nhân rất thuyết phục: thứ nhất, câu Kinh Thánh không mô tả những người đã được cứu rồi sa vào tội lỗi. Trên thực tế, không hề đề cập đến việc sa vào tội lỗi. Đúng hơn, câu Kinh Thánh này đang nói đến những người đang sống những cuộc đời đạo đức, đáng kính và ngay thẳng, và họ hy vọng bởi đó được cứu. Vì vậy, phân đoạn này đóng vai trò "gây óng đệp lưng ông" cho người nào dùng phân đoạn để hậu thuẫn giáo lý về sự sa ngã. Họ dạy rằng Cơ Đốc nhân phải giữ luật pháp, sống cuộc đời trọn lành và kiểm chế không phạm tội để cứ vẫn được cứu. Tuy nhiên, câu Kinh Thánh này quả quyết rằng tất cả những ai tìm cách được xưng công bình bởi việc làm của luật pháp hay nỗ lực riêng thì đã mất ơn điển rồi.

Thứ nhì, lối giải thích này mâu thuẫn với lời chứng chung và nhất quán của Tân Ước cho rằng mỗi một người nào tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ thì được cứu rồi đời đời, rằng không con chiên nào của Đấng Christ sẽ bị hư mất, và sự cứu rồi tùy thuộc hoàn toàn nơi công tác đã hoàn tất của Cứu Chúa, chứ không nơi những nỗ lực yếu ớt của con người (Giăng 3:16, 36; 5:24; 6:47; 10:28).

2. Lối giải thích thứ nhì cho câu này nói đến những người lúc đầu được cứu bởi đức tin nơi Chúa Jêsus, nhưng sau đó lại đặt mình dưới luật pháp để tiếp

tục giữ sự cứu rỗi của họ hay để đạt đến sự thánh khiết. Nói cách khác, họ đã được cứu bởi ân điển, nhưng giờ đây tìm cách để được giữ gìn bởi luật pháp. Trong trường hợp này, mất ân điển tức là - như Philip Mauro diễn tả - "xây bỏ khối đá tảng lối Đức Chúa Trời dùng để làm các thánh đồ của Ngài trọn lành bởi công tác của Thánh Linh trong họ, rồi tìm kiếm kết cuộc đó bằng cách tuân giữ các nghi thức và kỷ lễ bề ngoài, là điều mà con người xác thịt cũng như các thánh đồ của Đức Chúa Trời đều có thể tuân giữ được."

Quan điểm này trái với Kinh Thánh, thứ nhất vì câu này không mô tả những Cơ Đốc nhân tìm kiếm sự thánh khiết hay sự nên thánh, nhưng đúng hơn mô tả những người chưa được cứu đang tìm sự xưng công bình bởi việc giữ luật pháp. Hãy để ý cách dùng từ ngữ - *anh em là người cố gắng cậy luật pháp cho được xưng công bình*. Và thứ nhì, lối giải thích này hàm ý khả năng những người đã được cứu sau đó bị dứt bỏ khỏi Đấng Christ, và câu này không nhất quán với những quan điểm đúng về ân điển Đức Chúa Trời.

3. Lối giải thích thứ ba ấy là: Phaolô đang nói về những người có thể xưng mình là Cơ Đốc nhân nhưng lại chưa thực sự được cứu. Họ đang tìm cách được xưng công bình nhờ giữ luật pháp. Sứ đồ đang bảo rằng họ không thể có hai Cứu Chúa; họ phải chọn một là Đấng Christ hai là luật pháp. Nếu chọn luật pháp thì họ bị dứt ra khỏi Đấng Christ là nguồn hy vọng khả dĩ duy nhất của họ để được xưng công bình; họ đã

mất ân điển rồi. Hogg và Vine diễn tả rõ ràng điều này:

*Đấng Christ phải là tất cả mọi sự hoặc không là gì cả đối với một người; Ngài không hề chấp nhận lòng tin cậy hữu hạn, cũng không chấp nhận lòng trung thành một phần. Người nào được xưng công bình bởi ân điển của Chúa Jesus Christ thì đó là một Cơ Đốc nhân; ai tìm cách đạt xưng công bình bởi việc làm của luật pháp thì không phải là Cơ Đốc nhân.*²⁰

5:5 Sứ đồ cho thấy sự trông cậy của tín đồ hoàn toàn khác với sự trông cậy của người cậy luật pháp. Cơ Đốc nhân chờ đợi sự trông cậy của sự công bình. Người trông cậy lúc Chúa đến, khi mình sẽ nhận thân thể vinh hiển, và khi mình không còn phạm tội nữa. Lưu ý câu Kinh Thánh này không nói Cơ Đốc nhân hy vọng được sự công bình; người đã có địa vị công bình trước mặt Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jesus Christ rồi (II.Côrinthô 5:21). Nhưng người chờ đợi giây phút chính con người mình sẽ hoàn toàn công bình. Người không hy vọng đạt được điều này bởi bất kỳ điều gì mình có thể làm, nhưng trái lại chính là bởi nhờ Thánh Linh và bởi đức tin. Đức Thánh Linh sẽ thực hiện toàn bộ việc đó, tín đồ chỉ việc lấy đức tin trông đợi Đức Chúa Trời làm thành việc ấy. Trái lại, người duy luật pháp hy vọng kiếm được sự công bình bởi những việc làm của mình, tức là tuân giữ luật pháp, hay bởi những sự tuân giữ lễ nghi tôn giáo. Đây là niềm hy vọng vô ích, vì không thể có được sự công bình bằng cách ấy.

Lưu ý Phaolô sử dụng đại từ "chúng ta" trong câu Kinh Thánh này, để nói đến những Cơ Đốc nhân thật, còn trong câu 4, ông dùng đại từ "anh em" khi nói đến những người đang tìm sự xưng công bình nhờ các việc làm theo luật pháp.

5:8 Chủ nghĩa duy luật pháp không hề có giá trị gì cả. Về phần người hiện ở trong Đức Chúa Jêsus Christ, phép cắt bì không làm cho người này được tốt hơn chút nào, và không chịu phép cắt bì cũng không khiến cho người xấu hơn chút nào. Điều Đức Chúa Trời tìm kiếm nơi tín hữu này chính là đức tin hành động qua tình yêu thương. Đức tin là sự nương cậy hoàn toàn nơi Đức Chúa Trời. Đức tin chẳng ngồi không; đức tin tự thể hiện qua sự phục vụ Đức Chúa Trời và con người cách không ích kỷ. Động cơ của mọi sự phục vụ như thế chính là tình yêu thương. Vì vậy, đức tin hành động qua tình yêu thương, được thúc bởi tình yêu, chứ không bởi luật pháp. Đây là lẽ thật được tìm thấy rất nhiều lần trong Kinh Thánh: Đức Chúa Trời không quan tâm đến lễ nghi, nhưng quan tâm đến thực tại của đời sống tín kinh.

5:7 Chủ nghĩa duy luật chính là không vâng phục lẽ thật. Người Galati đã khởi đầu rất tốt trong nếp sống Cơ Đốc, nhưng có người đã ngăn trở họ. Đó chính là những người thiên về Do Thái giáo, những người duy luật pháp, những sứ đồ giả. Khi chấp nhận những sự dạy dỗ sai lạc của họ, các thánh đồ này đang không vâng phục lẽ thật của Đức Chúa Trời.

5:8 Chủ nghĩa duy luật không phải là sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời. Sự xưng công bình ở đây ý nói đến niềm tin hay giáo lý. Đấng gọi anh em chỉ về Đức Chúa Trời. Vì vậy niềm tin cho rằng phải thêm phép cắt bì và giữ luật pháp vào đức tin trong Đấng Christ là niềm tin không xuất phát từ Đức Chúa Trời, nhưng đến từ ma quỷ.

5:9 Chủ nghĩa duy luật dẫn đến ngày càng nhiều điều ác hơn. Men trong Kinh Thánh là một biểu tượng chỉ về điều xấu. Ở đây, men chỉ về giáo lý xấu xa của người thiên về Do Thái giáo. Khuyết tật tự nhiên của men là ảnh hưởng toàn bộ trên bữa ăn nó đụng đến. Men được sử dụng ở đây cho thấy một sai lầm nhỏ dứt khoát dẫn đến ngày càng nhiều sai lầm hơn. Điều xấu không bao giờ ở thế tĩnh. Nó phải bình vực những lời nói dối của mình bằng cách nói thêm càng nhiều lời dối trá hơn nữa. Chủ nghĩa duy luật giống như tội; một chút tội không phải là chuyện nhỏ. Nếu một ít người trong Hội Thánh giữ theo giáo lý sai lầm, nếu không xử lý họ một cách nghiêm khắc, họ sẽ ngày càng có đông người đi theo hơn.

5:10 Chủ nghĩa duy luật đem sự đoán phạt đến cho những giáo sư của nó. Phaolô tin quyết người Galati sẽ bác bỏ những sự dạy dỗ sai lầm. Lòng tin quyết của ông ở trong Chúa, và có thể điều này muốn nói Chúa đã ban cho Phaolô sự bảo đảm về vấn đề này. Hoặc như ông đã thực sự biết Chúa, nên biết chắc chắn Đấng Chân Chân Lớn sẽ khôi phục những con chiên đi lang thang của Ngài, thậm chí có lẽ làm như

vậy thông qua bức thư Phaolô đang viết cho họ đây.

Về phần các giáo sư giả, họ sẽ bị Đức Chúa Trời hình phạt. Dạy sự sai lầm là một điều hết sức nghiêm trọng, và bởi đó phá hoại một hội thánh (I.Côrinthê 3:17). Lấy ví dụ, dạy rằng có thể chấp nhận tình trạng say rượu thì còn xấu hơn gấp bội chính mình làm người say rượu, vì giáo sư giả này khiến rất nhiều người khác trở nên giống như mình.

5:11 Chủ nghĩa duy luật gạt bỏ sự **vấp phạm về thập tự giá**. Giờ đây Phaolô đáp lại lời buộc tội phi lý cho rằng thậm chí chính ông cũng đã nhiều lúc giảng về lẽ thiết yếu của phép cắt bì. Ông hiện vẫn đang chịu **bất bở** dưới tay người Do Thái. **Sự bất bở** này ắt sẽ đứng lại tức thì nếu ông rao giảng **phép cắt bì**, vì điều đó có nghĩa ông đã bỏ công tác rao giảng **thập tự giá**. Thập tự giá là sự **vấp phạm** đối với con người. Nó xúc phạm đến người đó hay khiến người **vấp ngã**, vì thập tự giá nói với người ấy rằng không thể làm gì để kiếm được sự cứu rỗi. Thập tự giá không chừa chỗ cho xác thịt và những nỗ lực của xác thịt. Thập tự giá báo hiệu sự chấm dứt những công việc của con người. Nếu Phaolô muốn giới thiệu những việc làm bằng cách rao giảng về phép cắt bì, thì chắc ông đang gạt bỏ toàn bộ ý nghĩa của thập tự giá.

5:12 Có thể hiểu ước muốn của sự đó để những người gây rối **lìa họ tự chặt** mình đúng theo nghĩa đen; ông muốn họ bị hoạn. Họ đang sốt sắng dùng dao để cắt bì người khác; giờ đây hãy để dao ấy dùng để biến họ thành

những hoạn quan. Chắc sẽ có lẽ thích hợp hơn nếu hiểu những chữ này theo nghĩa bóng; nói cách khác, Phaolô muốn những giáo sư giả bị dứt hoàn toàn khỏi người Galati.

Tin Lành ản điển đã luôn luôn bị lên án là cho phép người ta sống buông thả tùy ý thích của họ. Người ta nói: "Nếu sự cứu rỗi là bởi một mình đức tin mà thôi, thì chẳng hề có sự kiểm soát nếp cư xử của một người sau đó." Nhưng sử đồ nhanh chóng cho thấy sự tự do Cơ Đốc không có nghĩa là giấy phép sống buông tuồng để tự do phạm tội. Tiêu chuẩn của tin đồ chính là sự sống của Chúa Jêsus, lòng yêu mến Đấng Christ thúc giục người ghét tội và yêu mến sự thánh khiết.

Có lẽ ở đây, Phaolô đặc biệt cần cảnh cáo **độc giả** về sự buông tuồng. Khi con người đã có lúc ở dưới những kiểm chế của luật pháp và sau đó được ban quyền tự do, thì luôn luôn có nguy cơ để đi từ thái cực nỗ lực sang thái cực bất cần. Sự cân bằng thỏa đáng chính là: sự tự do nằm ở giữa luật pháp và buông tuồng. Cơ Đốc nhân được tự do khỏi luật pháp, nhưng không phải là không tôn trọng luật pháp.

5:13 Sự tự do của Cơ Đốc nhân không cho phép phạm tội; trái lại, quyền tự do đó khích lệ sự phục vụ đầy yêu thương. **Lòng yêu thương** được xem là động cơ của toàn bộ nếp cư xử Cơ Đốc, trong khi dưới luật pháp, động cơ chính là sự hình phạt. Findlay nói: "Những nỗ lực của tình yêu thương chính là những người tự do thật."

Quyền tự do của Cơ Đốc nhân chính là ở trong Đức Chúa Jêsus Christ (2:4).

và điều này loại trừ mọi ý tưởng khả dĩ nào cho rằng quyền tự do đó có lúc nói đến quyền tự do phạm tội. Chúng ta không bao giờ được phép biến quyền tự do của mình trở thành căn cứ hoạt động cho **tân xác thịt**. Đạo quân xâm lăng sẽ tìm cách chiếm một công sự ngoài bờ biển rồi dùng làm căn cứ hành quân thế nào, thì xác thịt cũng sẽ tận dụng một sự buông tuồng nhỏ để mở rộng lãnh thổ của nó thế ấy.

Cách sử dụng chính đáng quyền tự do của chúng ta chính là: "Biến quyền tự do ấy trở thành thói quen làm nô lệ cho nhau."

A. T. Pierson nói:

Tự do thật chỉ tìm thấy trong sự vâng phục sự kiểm chế chính đáng. Dòng sông tìm thấy quyền tự do chảy, chỉ giữa hai bờ: không có đôi bờ, dòng sông chỉ chảy tràn lan để trở thành một vùng nước nhầy nhụa tù đọng. Các hành tinh nếu không chịu kiểm soát bởi quy luật, thì chỉ phá hoại nhau và phá hoại vũ trụ. Cũng một luật này tại hạn chế tự do để ngăn chúng ta ở bên trong, nhưng lại ngăn người khác ở bên ngoài; những sự kiểm chế nào điều chỉnh quyền tự do của chúng ta thì cũng bảo đảm và bảo vệ quyền tự do ấy. Điều tạo nên một con người tự do không phải là sự kiểm chế, nhưng là loại kiểm chế đúng đắn, cũng vẫn sự vâng phục vui vẻ.²¹

5:14 Thoạt nhìn, có vẻ thật kỳ lạ khi Phaolô lại giới thiệu **luật pháp** ở đây sau khi nhấn mạnh trong suốt thư tín rằng tín hữu không ở dưới luật pháp. Không phải ông đang thôi thúc độc giả trở lại với luật pháp đâu; ông đang chứng tỏ điều luật pháp đòi hỏi nhưng không thể

tạo ra chính là điều xuất phát từ chỗ vâng dụng quyền tự do Cơ Đốc.

5:15 Chủ nghĩa duy luật luôn luôn dẫn đến cãi lầy, và dường như đã làm như thế tại Galati. Thật kỳ lạ biết bao! Đây là những người muốn phục dưới luật pháp. Luật pháp đòi hỏi họ phải yêu thương người lân cận. Thế nhưng lại xảy ra chuyện hoàn toàn ngược lại. Họ đang cắn nuốt nhau. Nếp cư xử này xuất phát từ xác thịt, và luật pháp đã dành chỗ cho xác thịt, đồng thời xác thịt hành động dựa trên luật pháp.

B. Quyền Năng Cho Sự Thánh Khiết (5:16-25)

5:16 Tín đồ phải bước đi theo Thánh Linh, chứ không theo xác thịt. **Bước đi trong** (hay bởi) Thánh Linh tức là để cho Ngài toàn quyền hành động. Là cứ ở trong sự thông công với Ngài. Là lập những quyết định dựa theo sự thánh khiết của Ngài. Là để dành thời gian bận rộn với Đấng Christ, vì chức vụ của Thánh Linh chính là đưa tín hữu đến ràng buộc với Chúa Jêsus. Khi chúng ta bước đi theo Thánh Linh như thế, xác thịt, hay sự sống của bản ngã, bị xem như đã chết. Chúng ta không thể cùng một lúc vừa bận rộn với Đấng Christ vừa bận rộn với tội lỗi.

Scofield nói:

Nạn đề của đời sống Cơ Đốc dựa trên sự kiện chẳng nào Cơ Đốc nhân còn sống trong thế gian này, dù có thể nói người ấy như hai cái cây – cây cũ của xác thịt và cây mới có bản tánh thần thượng được thắp vào bởi sự tái sanh; và nạn đề này chính là: làm sao để giữ cho cái cây cũ trơ trụi cằn cỗi và khiến cây mới cứ sinh trái. Nạn đề

này được giải quyết bằng cách bước đi theo Thánh Linh.²²

Câu Kinh Thánh này và những câu đi tiếp theo sau cho thấy xác thịt vẫn hiện diện với Cơ Đốc nhân; do đó đã bác bỏ ý tưởng về việc thủ tiêu bản tánh tội lỗi.

5:17 Thánh Linh và xác thịt tranh chiến không ngừng với nhau. Đức Chúa Trời hẳn có thể loại bỏ bản tánh xác thịt khỏi tín hữu ngay lúc họ hoán cải, nhưng Ngài không muốn làm như vậy. Vì sao vậy? Ngài muốn họ luôn luôn được nhắc nhở về sự yếu đuối của chính họ; để giữ họ liên tục nương cậy Đấng Christ, là Thầy Tế Lễ và Đấng Cầu Thay của họ; và để khiến họ không ngừng ca ngợi Đấng đã cứu những con sâu họ như thế. Thay vì loại bỏ bản tánh cũ, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta chính Thánh Linh Ngài để ở trong chúng ta. Thánh Linh của Đức Chúa Trời và xác thịt của chúng ta liên tục tranh chiến với nhau, và sẽ cứ tiếp tục tranh chiến cho đến khi chúng ta được đưa về quê hương trên trời. Phần của tín hữu trong trận chiến này chính là đấu phục Thánh Linh.

5:18 Những người được Thánh Linh chỉ dẫn thì chẳng hề ở dưới luật pháp. Có thể hiểu câu Kinh Thánh này theo hai cách: Như Thánh Linh chỉ dẫn là lời mô tả mọi Cơ Đốc nhân. Do đó, không có Cơ Đốc nhân nào ở dưới luật pháp; họ không đang nhờ cậy nơi những nỗ lực riêng của bản thân. Chính Thánh Linh – chứ không phải họ – mới là Đấng đang chống cự những hành động của đấng ác ở trong. Như Thánh Linh chỉ dẫn còn có nghĩa là được nâng vượt lên trên

xác thịt và bện rộn với Chúa. Khi một người bện rộn như thế, thì không còn suy nghĩ đến luật pháp hay xác thịt. Thánh Linh Đức Chúa Trời không dẫn dắt dân sự đến chỗ nhìn xem luật pháp như một phương tiện để được xưng công bình. Trái lại, Ngài chỉ họ đến với Đấng Christ phục sinh như là cơ sở duy nhất để được chấp nhận trước mặt Đức Chúa Trời.

5:19-21 Trước đây chúng ta đã nói luật pháp hấp dẫn sức lực của xác thịt. Bản tánh con người sa ngã tạo ra được loại việc làm nào? Chẳng có gì khó xác định các việc làm của xác thịt. Chúng rõ ràng trước mắt tất cả mọi người. **Ngọa tình**²³ là không chung thủy trong quan hệ hôn nhân. **Giận dâm** là sự giao hợp trái luật pháp. **Ồ ứ** là những điều xấu xa về đạo đức, nhục dục. **Buồn tuông** là lối ăn ở không chút xấu hổ và không biết kiểm chế. **Thờ hình tượng** không những là thờ tạc các hình tượng, mà còn là sự glan dâm đi kèm với sự thờ tạc ma quỷ. **Phủ phép** là pháp thuật phù thủy, từ ngữ Hylạp này có liên quan đến thuốc men (pharmakeia). Vì thuốc được sử dụng trong phép phù thủy, nên chữ này nói đến việc trao đổi, giao tiếp với các tà linh, hay việc dùng phù chú. Chữ này cũng bao gồm cả những thói mê tín, "vận rủi," v.v.. **Thù oán** nói đến những cảm xúc mạnh và hiểm ác đối với các cá nhân. **Tranh đấu** là sự bất hòa, bất đồng ý kiến với nhau, là những cuộc cãi vã. **Ghen ghét** là thiếu tin cậy, nghi ngờ. **Buồn giận** (Bản Anh ngữ là "thạnh nộ") là nổi bùng cơn rất tức giận hoặc giận dữ. **Những tham vọng**

Ich kỷ (bản Việt Ngữ không có) là những cuộc đấu tranh chỉ biết tập trung vào bản thân mình để được trở thành "người số một," thậm chí làm hại đến cả người khác. **Bất bình** (Bản Anh ngữ là "chia rẽ") là những sự phân rẽ do bất đồng ý kiến với nhau. **Bè đảng** (Bản Anh ngữ là "những tà giáo ly khai") là những hệ phái lập thành từ những con người có những ý kiến chỉ biết làm theo ý mình. **Ganh gố** là không hài lòng trước thành công hay thịnh vượng của người khác. **Sát nhân**²⁴ (bản Việt Ngữ không có) là việc giết người khác trái luật pháp. **Say sưa** nói đến trạng thái say do những thức uống có nồng độ đậm đặc. **Mê ăn uống** (NKJV "chè chén say sưa ồn ào") là những cuộc tụ tập để tiêu khiển đẩy huyền não, thường đi kèm với say sưa.

Phaolô cảnh cáo độc giả, như ông đã nói trước rồi, **hễ ai phạm những điều thể ấy thì không được hưởng Nước Đức Chúa Trời**. Phần đoạn này không dạy rằng một người say rượu thì không thể được cứu, nhưng thực sự nói rằng những ai có nếp sống đặc trưng bởi danh sách những việc làm của xác thịt trên đây thì không được cứu.²⁵

Vì sao Phaolô phải viết cách này cho các hội thánh của những Cơ Đốc nhân? Nguyên nhân ấy là: không phải tất cả những người tuyên xưng mình đã được cứu đều là con cái thật của Đức Chúa Trời. Vì vậy trong suốt Tân Ước, Đức Thánh Linh thường thêm vào sau phần trình bày những chân lý thuộc linh tuyệt diệu những lời cảnh cáo nghiêm trọng nhất cho những ai tuyên xưng danh Đấng Christ.

5:22,23 Thật ý nghĩa khi sử đồ phân biệt giữa các việc làm của xác thịt với **trái của Thánh Linh**. Các việc làm được tạo ra bởi sức lực con người. **Trái** được sinh ra khi phách ở trong gốc nho (Giăng 15:5). Hai thứ đó khác nhau giống như sự khác nhau giữa một công xưởng với một khu vườn. Lưu ý **trái** ở số ít chứ không ở số nhiều. Đức Thánh Linh tạo ra một loại **trái**, tức là sự giống như Đấng Christ. Toàn bộ mọi đức hạnh được liệt kê giờ đây đều mô tả đời sống của con cái Đức Chúa Trời. Dr. C. I. Scofield nói rõ mỗi đức hạnh này đều xa lạ với lớp đất lòng người.

Yêu thương là phẩm chất của Đức Chúa Trời, và là phẩm chất chúng ta phải có. Tình yêu thương được mô tả tuyệt đẹp trong I.Côrinthô 13, và đã lên tiếng cách trọn vẹn tại thập tự giá ở đồi Gôgôtha. Vui mừng là thỏa lòng và mãn nguyện với Đức Chúa Trời và với cách đối đãi của Ngài. Đấng Christ đã thể hiện sự vui mừng này trong Giăng 4:34. **Bình an** có thể bao gồm sự bình an của Đức Chúa Trời cũng như những mối quan hệ hài hòa giữa vòng Cơ Đốc nhân. Về sự bình an trong đời sống của Đấng Cứu Chuộc, xem Luca 8:22-25. **Nhịn nhục** là kiên nhẫn trong những hoạn nạn, những sự bực mình và những cơn bất hòa. Tám gương tốt cùng của sự nhịn nhục có trong Luca 23:34. **Nhân từ** là sự dịu dàng, có lẽ được giải thích rõ nhất trong thái độ của Chúa đối với con trẻ (Mác 10:14). **Hiển lành** là sự tử tế đối với người khác. Để nhìn thấy hành động của sự hiển lành, chúng ta chỉ việc đọc Luca 10:30-35. Trung lín có thể nói đến lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời,

lòng tin quyết nơi những anh em Cơ Đốc nhân của mình, lòng chung thủy, hay tình đang tin cậy. Có lẽ đặc điểm thứ nhì là ý nghĩa được nêu ra ở đây. **Mềm mại** là nhận lấy địa vị hạ mình như Chúa Jêsus đã làm khi rửa chân cho các môn đồ (Giăng 13:1-17). **Tiết độ** nghĩa đen là kiểm chế chính mình, đặc biệt đối với tính dục. Đời sống chúng ta phải có kỷ luật. Phải kiểm soát sự tham muốn, những nỗi đam mê, những sự thèm khát và tính khí. Chúng ta nên thực hành sự điều độ đúng như Samuel Chadwick nói rõ:

*Trong Anh ngữ của giới báo chí, phân đoạn này viết giống như sau: trái của Thánh Linh là một tình tình đầy trù mẫn và dễ thương; một tinh thần rang rỡ và tinh khí vui vẻ; tâm trí bình tĩnh và cung cách ứng xử yên tĩnh; sự kiên nhẫn nhịn nhục trong những tình huống đầy khiêu khích và đối với những người khó chịu; sự hiểu biết đầy cảm thông và sự giúp đỡ lịch thiệp; sự đánh giá rộng lượng và lòng từ thiện bao la; trung thành và đang tin cậy trong mọi hoàn cảnh; đức khiêm nhường biết quên bản thân mình trong niềm vui của người khác; tự chủ và tự kiểm chế trong mọi sự, đó là dấu hiệu quyết định của sự trọn lành. Mọi liên hệ của phần này với 1.Côrinthô 13 thực hấp dẫn và nổi bật biết bao!*²⁰

Phaolô kết thúc danh sách này với nhận định thật khó hiểu: "**Không có luật pháp nào cấm các sự đó.**" Đương nhiên là không cấm rồi! Những đức hạnh này đẹp lòng Đức Chúa Trời, có ích lợi cho người khác, và tốt đẹp cho chính chúng ta. Nhưng trái này được sinh ra bằng cách nào? Có phải bởi nỗ

lực của con người? Không hề như vậy. Trái này được sinh ra khi Cơ Đốc nhân sống trong mối thông công với Chúa. Khi họ chăm xem Cứu Chúa trong sự tận hiến trù mẫn, và vâng lời Ngài trong nếp sống hằng ngày, Đức Thánh Linh thực hiện một phép lạ kỳ diệu. Ngài biến đổi họ trở nên hình ảnh của Đấng Christ. Họ trở nên giống như Ngài bởi ngấm xem Ngài (11.Côrinthô 3:18). Nhánh rút được toàn bộ sự sống và chất bổ dưỡng của nó từ gốc nho thế nào, thì tin hữu trong Đấng Christ cũng rút được sức mạnh của mình từ Cốc Nho Thật thể ấy, để bởi đó có thể sống cuộc đời kết quả cho Chúa.

5:24 Những kẻ thuộc về Đức Chúa Jêsus Christ đã đóng đinh xác thịt với tình dục và dâm dục mình trên thập tự giá rồi. Thi của động từ²⁷ ở đây chỉ ra một điều đã xảy ra dứt khoát trong quá khứ. Việc này thực sự xảy ra rồi vào lúc chúng ta hoán cải. Khi ăn năn, trên một phương diện chúng ta đã đóng đinh bản tánh cũ, xấu xa và bại hoại vào thập tự giá cùng với mọi cảm tình và tham muốn của nó. Chúng ta quyết định mình không còn sống để cung phụng bản tánh sa ngã của mình nữa, quyết định bản tánh ấy không còn thống trị nữa. Đương nhiên, phải tái lập quyết định này liên tục trong đời sống chúng ta. Chúng ta phải liên tục giữ cho xác thịt ở trong chỗ chết.

5:25 Chữ nếu ở đây mang ý "bởi vì." Bởi vì chúng ta có sự sống đời đời nhờ công tác của Thánh Linh trong chúng ta, nên hãy thể hiện ra sự sống mới bởi quyền năng của Thánh Linh ấy. Luật pháp không bao giờ ban được sự sống,

và chưa bao giờ được dự định để làm quy tắc sống của Cơ Đốc nhân.

C. Những Lời Khuyên Thực Tiễn (5:28 - 6:10)

5:26 Trong câu này có ba thái độ cần tránh:

1. Tự cao tự đại - **chớ tìm kiếm danh vọng giả dối**, nguyên văn nghĩa là giữ quan điểm sai lầm trống rỗng (về chính mình). Đức Chúa Trời không muốn Cơ Đốc nhân là những người khoe mẽ, đầy khoe khoang hay tự cao tự đại; cung cách đó không phù hợp cho một tội nhân được cứu bởi ân điển. Những người sống dưới luật pháp trở thành kiêu hãnh về những thành tựu khôn khổ thậm hại của họ, và nhạo báng những người không vươn tới được tiêu chuẩn của họ, và những Cơ Đốc nhân cậy luật pháp sẽ thương hay ghen ghét những Cơ Đốc nhân nào không có cùng danh sách những điều không phân định rõ ràng mà họ lên án.

2. Khiêu khích nhau - **trêu chọc nhau**. Khiêu khích, trêu chọc, hay thách thức người khác làm đúng theo những quan điểm của riêng bản thân mình tức là họ đang phủ nhận nếp sống đầy dẫy Thánh Linh. Một người không bao giờ biết được những nan đề và những cảm dỗ trong lòng người khác, không bao giờ ở trong cương vị người kia đang sống.

3. Đố kỵ - ghen ghét nhau. Nói cụ thể, ghen ghét là tội muốn điều thuộc về người khác mà mình không có quyền hạn hay quyền đòi hỏi nó. Lòng ghen ghét thậm muốn và ghen tị những thành công nổi trội hơn mình, những tài năng, của cải hay vẻ đẹp trời hơn ở

nơi người khác. Người ít tài năng hay có tinh cách yếu đuối thường đố kỵ những người nào có vẻ như là người giữ luật pháp thành công hơn. Toàn bộ những thuộc tánh như thế là xa lạ với ân điển. Tin hữu thật nên quý mến người khác còn hơn cả quý mến mình. Những người giữ luật pháp muốn vinh hiển giả tạo. Sự cao trọng thật là phục vụ không cần ai để ý đến, là làm công việc người khác không nhìn thấy.

6:1 Đây là lời tuyên bố rất hay về cách những Cơ Đốc nhân khác đối đãi với một tín hữu đang phạm tội. Đương nhiên cách đó trái ngược hẳn với luật pháp, là điều đòi hỏi phải đoán xét những người phạm tội. **Tình cờ phạm lỗi gì mô tả một người đã phạm một hành động tội lỗi chứ không phải người phạm tội thành thói quen.** Một người như thế cần được xử lý bởi những Cơ Đốc nhân có Đức Thánh Linh. Một Cơ Đốc nhân xác thật có thể bởi thái độ cứng rắn và lạnh lùng lại gây hại nhiều hơn là ích lợi. Lúc đó người phạm tội có lẽ sẽ không tiếp nhận lời khuyên của người không có mối tiếp xúc nào với Chúa.

Câu này làm nảy sanh một thắc mắc thú vị. Nếu một người thực sự là thiêng liêng, liệu người đó có thương nhận mình thiêng liêng không? Chẳng phải những người thiêng liêng là người ý thức nhiều nhất về thiếu sót của mình sao? Như vậy thì ai sẽ làm công tác sửa người khác lại, nếu khi sửa người khác như vậy tức là làm mình nổi bật lên như một người thiêng liêng? Như vậy chẳng phải tự tố cáo mình thiếu khiêm tốn ư? Câu trả lời là thế này: một người thực

sự thiêng liêng sẽ không bao giờ khoe khoang tình trạng của mình, nhưng sẽ có tấm lòng mềm mại của người chân thành, khiến người ấy muốn khỏi phục người phạm tội. Người ấy sẽ không hành động với tinh thần kiêu ngạo hay trịch thượng, nhưng lấy lòng mềm mại, nhớ rằng mình cũng có thể bị đổ dành nữa.

5:2 **Gánh nặng** nói đến những thất bại, những cảm dỗ, những thử nghiệm, và những thử thách. Thay vì đứng tận đàng xa để chỉ trích, chúng ta nên bay nhanh đến bên cạnh anh em đang gặp hoạn nạn hay sáu khổ để giúp người ấy bằng mọi cách tích cực.

Luật pháp của Đấng Christ bao gồm mọi điều răn của Đức Chúa Jêsus cho dân sự Ngài chép lại trong Tân Ước. Cũng có thể tóm tắt luật pháp ấy bởi điều răn: "Các người hãy yêu nhau" (Giăng 13:34; 15:12). Chúng ta làm trọn luật pháp này khi mang lấy **gánh nặng** cho nhau. **Luật pháp của Đấng Christ** khác xa với luật pháp Môise. Luật Pháp Môise hứa ban sự sống cho sự vâng lời, nhưng không ban quyền năng để vâng lời, và chỉ có thể kích lệ vâng lời bằng nỗi sợ hình phạt. Mặt khác, **luật pháp của Đấng Christ** là lời dạy dỗ đầy yêu thương cho những người đã có sự sống rồi. Tin hữu được ban năng lực để giữ những điều khoản của luật pháp này nhờ quyền năng của Thánh Linh, và động cơ của họ là lòng yêu thương Đấng Christ.

6:3 Hết thảy chúng ta đều được dựng nên từ cùng một thứ bụi đất. Khi thấy một anh em phạm tội, chúng ta nên nhớ rằng chính mình cũng có thể

phạm tội như thế. Cơ Đốc nhân có mặc cảm tự tôn thì đó là một hình thức tự lừa dối mình. Đương nhiên chúng ta đừng bao giờ nghĩ mang lấy gánh nặng của người khác tức là không xứng đáng với chân giá trị của chúng ta.

6:4 Đây dường như là lời cảnh cáo chống lại thói quen so sánh mình với người khác để tìm nguyên nhân khiến mình thỏa lòng. Sự đổ cho thấy chúng ta sẽ bị tra xét cách cá nhân chứ không đem ra ví sánh với người khác lúc ở tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. Do đó, chúng ta nên cẩn thận với chính mình, để mình có thể vui mừng trong **việc làm** của mình chứ không vui nơi những thất bại của người khác.

6:5 Trong câu 2, Phaolô dạy chúng ta nên chia sẻ những nỗi buồn, những hoạn nạn và nan đề của nhau trong đời này. Trong câu 5, đại ý là mỗi một người chúng ta sẽ phải **gánh lấy riêng phần** trách nhiệm mình tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ.

6:6 Tin hữu có trách nhiệm cấp dưỡng cho những thầy giáo Cơ Đốc của họ. **Lấy trong hểi thảy của cải** mình mà chia có nghĩa là chia sẻ với họ những của cải vật chất trong đời này, và cũng nâng đỡ họ bằng lời cầu nguyện và mối quan tâm kính sợ Chúa.

6:7 Dẫu người khác có thể không thấy chúng ta bỏ bê những đầy tớ Chúa, nhưng Ngài nhìn thấy, và sẽ ban mùa gặt tương ứng. Chúng ta gặt lấy những gì mình đã gieo, và chúng ta gặt nhiều gấp bội những gì mình gieo ra. Khi nông dân gieo lúa mì thì gặt lúa mì, đôi khi gặt gấp ba mươi, sáu mươi hoặc một

trăm lần. Scofield nhận xét "Ở đây, Đức Thánh Linh không đang phán với tội nhân về tội lỗi của họ, nhưng phán với các thánh đồ về lòng keo kiệt của họ."

Đĩ nhiên, theo một ý nghĩa rộng lớn hơn, đúng là "ai cày sự gian ác và gieo điều khuấy rối, thì lại gặt lấy nó" (Gióp 4:8) và những ai "gieo giô... sẽ gặt bão lốc" (Ôsê 8:7). J. A. Froude, một sử gia, nói: "Người ta có thể nói lịch sử lập đi lập lại một bài học, và chỉ một bài học mà thôi với đặc trưng rõ nét ấy là thế giới này bằng cách nào đó được xây trên những nền tảng đạo đức, và về lâu về dài, sẽ tốt cho người thiện lành và đối xử xấu với kẻ ác."²⁹

6:8 Dấu trên ý nghĩa tổng quát, đúng là chúng ta gieo gì gặt nấy, nhưng cũng nên lưu ý rằng lời nhắc nhở này đi tiếp theo sau lời khuyên về sự dưng hiến của Cơ Đốc nhân. Khi xem xét trong ánh sáng ấy, chúng ta thấy việc gieo cho xác thịt có nghĩa sử dụng tiền của mình cho chính bản thân mình, cho những thú vui, tiện nghi và thoải mái của riêng mình. Gieo cho Thánh Linh là sử dụng tiền của mình để đẩy mạnh ích lợi của Đức Chúa Trời.

Những ai gieo cho xác thịt thì sẽ gặt lấy vụ mùa của thất vọng và mất quyền lợi ngay trên đất này, vì biết khi mình trở về già, xác thịt mà họ đã sống để làm đẹp lòng kia sẽ suy tàn và chết dần. Rồi trong đời hầu đến, họ đánh mất những phần thưởng đời đời. Những ai gieo cho Thánh Linh sẽ bởi Thánh Linh gặt sự sống đời đời. Sự sống đời đời được sử dụng theo hai cách trong Kinh Thánh: (1) Đây là sở hữu hiện tại của mỗi tín hữu (Giăng 3:36). (2) Đó chính

là điều tín hữu nhận lãnh vào lúc chấm dứt đời sống mình ở trên đất này (Rôma 6:22). Những ai gieo cho Thánh Linh thì hưởng sự sống đời đời ngay hiện nay trên đất này theo cách mà những Cơ Đốc nhận khác không thưởng thức được. Sau đó, họ cũng sẽ gặt lấy những phần thưởng đi kèm với lòng trung tín khi về quê hương trên trời.

6:9 Để khỏi ai ngã lòng, Phaolô nhắc độc giả như những phần thưởng là chắc chắn, dầu không phải nhận được ngay tức khắc. Bạn không gặt cánh đồng lúa mì ngay sau hôm gieo hạt giống. Trong lãnh vực thuộc linh cũng vậy, các phần thưởng chắc chắn theo sau việc trung tín gieo dưng kỳ.

6:10 Anh em chúng ta trong đức tin bao gồm mọi người được cứu rồi, bất luận giáo phái hay các nhóm nào. Đừng nên giới hạn lòng nhân từ của chúng ta đối với tín hữu, nhưng phải tỏ ra cho họ cách đặc biệt. Đó không phải là sự nhân từ tiêu cực - để làm sao giảm thiểu tổn hại, nhưng là tích cực - mục tiêu của chúng ta là có thể làm điều thiện nhiều đến mức nào. John Wesley nói rất súc tích: "Làm hết mọi điều tốt mình có thể làm được, bằng mọi cách mình có thể, cho mọi người nào mình có thể làm, và chừng nào vẫn còn có thể làm được."

D. KẾT LUẬN (6:7-18)

6:11 Hãy xem chính tay tôi viết thư này cho anh em, chữ lớn là dưng nào! Thay vì đọc cho người phụ tá chép, như vẫn thường làm, đích thân Phaolô đã viết thư này. Chữ lớn do ông viết trong thư có lẽ chứng tỏ cảm xúc sâu xa của ông để tìm cách đấu tranh chống những

người duy luật, và ông xem sai lầm của người thiên về Do Thái giáo là trầm trọng biết dường nào, hoặc lẽ thì lực của Phaolô rất yếu, như nhiều người đã gợi ý từ câu này và nhiều phân đoạn khác. Chúng ta cảm thấy quan điểm thứ nhì là chính xác.

6:12 Những người thiên về Do Thái giáo muốn cho mình **đẹp lòng người theo phần xác** bằng cách xây dựng một nhóm người đi theo ủng hộ mình thật đông đảo. Họ có thể làm việc này bằng cách khăng khăng đòi phải làm phép cắt bì. Người ta thường rất sẵn lòng vâng giữ các nghi thức và các kỷ lệ miễn không bị đòi hỏi phải thay đổi thói quen của mình. Ngày hôm nay rất phổ biến chuyện gây dựng số thành viên hội thánh đông đảo bằng cách hạ thấp các tiêu chuẩn. Phaolô nhìn xuyên qua sự không thành thật của các giáo sư giả này và lên án họ đang tìm cách trốn tránh để khỏi **vi thập tự giá Đấng Christ mà bị bắt bớ**. Thập tự giá biểu thị sự đoán phạt xác thịt và những nỗ lực của xác thịt nhằm làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Thập tự giá báo hiệu sự chết cho bản tánh xác thịt cũng những nỗ lực cao nhất của nó. Thập tự giá có nghĩa phần rã khỏi điều ác. Do đó, con người ghét sự điệp vinh diệu của thập tự giá, và bắt bớ những ai rao giảng sự điệp ấy.

6:13 Những người cậy luật pháp không thực sự quan tâm việc giữ luật pháp. Điều họ muốn chính là có phương cách dễ dàng để kiếm được nhiều người cải đạo, để có thể khoe khoang danh sách môn đồ dài dằng dặc của họ. Bolce nói: "Đây là nỗ lực để chinh phục người

khác về với một điều mà bản thân nó vốn đã bị phá sản; vì ngay cả những người chịu cắt bì cũng không thể giữ được luật pháp."

6:14 Cơ sở để Phaolô khoe mình không phải nơi phần xác của con người, nhưng nơi thập tự giá của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Trên thập tự giá đó, thể gian đã chết đối với Phaolô và Phaolô chết đối với thể gian. Khi một người được cứu, thể gian tạm biệt người ấy, và người chào tạm biệt thể gian. Người đã bị hồng đối với thể gian vì không còn quan tâm những lạc thú thoáng qua của nó; thể gian đã mất sức hấp dẫn đối với người, vì người đã tìm thấy Đấng làm cho thỏa mãn hoàn toàn. Findlay nói: "Phaolô không bao giờ có thể tin nơi thể gian, không bao giờ kiêu hãnh về thể gian, cũng không hề tôn kính thể gian nữa. Thể gian đã bị tước mất vinh quang của nó, và bị tước mất sức mạnh để mê hoặc hay quản trị ông." Vì vậy, thập tự giá là trở ngại vi đại hay là lần ranh phân chia giữa thể gian và con cái Đức Chúa Trời.

6:15 Dấu thoát nhìn, có lẽ không phải như vậy, nhưng câu Kinh Thánh này là một trong những tuyên bố lẽ thật Cơ Đốc quan trọng nhất trong toàn bộ thư tín Galati.

Phép cắt bì là sự tuân giữ lễ bề ngoài, một nghi thức. Các giáo sư Do Thái biến mọi sự đều tùy thuộc vào việc vâng giữ lễ nghi này. **Phép cải bì** là nền tảng của Do Thái giáo. Phaolô quét sạch nó sang một bên với một đòn quyết liệt - "**phép cắt bì chẳng ra gì**." Cả nghi thức lẫn Do Thái giáo lẫn chủ nghĩa duy luật pháp đều không quan trọng. Rồi

Phaolô nói thêm sự **chẳng chịu cái gì** cũng chẳng phải là điều yếu cần. Có những người tự kiêu hãnh về chuyện họ không giữ nghi lễ. Toàn bộ buổi nhóm tại hội thánh của họ là sự nổi loạn chống lại lễ nghi. Điều này cũng chẳng có giá trị gì cả.

Điều thật sự có giá trị đối với Đức Chúa Trời chính là trở nên người mới. Ngài muốn nhìn thấy đời sống được biến đổi. Findlay viết: "Cơ Đốc giáo chân chính là biến đổi người xấu trở nên tốt, biến kẻ nô lệ trong tội lỗi trở nên con cái Đức Chúa Trời." Mọi người đều thuộc về một trong hai sự tạo dựng. Khi sanh ra trong thế gian, họ là tội lỗi, bất lực và bị định tội. Hết thảy những nỗ lực để tự cứu họ, hay để phụ giúp Đức Chúa Trời cứu rỗi họ bằng đức lành tốt hay bằng việc lành, thảy đều vô ích, và rốt cuộc vẫn không làm cho họ được biến đổi. Sự **dựng nên mới** được dẫn dắt bởi Đấng Christ phục sinh, và bao gồm toàn bộ những người được cứu chuộc khỏi tội lỗi và được ban sự sống mới trong Ngài. Vì sự **dựng nên mới** đều hoàn toàn thuộc về Đấng Christ từ đầu cho đến cuối, nên loại trừ mọi ý tưởng muốn tìm được ơn của Đức Chúa Trời qua nghị lực hay việc làm. Đời sống thánh khiết được tạo ra không phải bởi tuân giữ các lễ nghi, nhưng bởi đầu phục Đấng Christ và để cho Ngài sống hàng sự sống của Ngài trong tín hữu ấy. Sự **dựng nên mới** không phải là cải thiện hay bổ sung thêm vào con người cũ, nhưng là một điều hoàn toàn khác hẳn.

6:16 Ở đây Phaolô đang nói đến **mẫu mực** nào? Đây là **mẫu mực** của sự

dựng nên mới. Ông công bố phước hạnh kép của sự bình an và sự thương xót trên mọi người nào đánh giá sự dạy dỗ bởi câu hỏi - "Sự dạy dỗ này có thuộc về sự dựng nên mới không?" - và trên những người nào bác bỏ mọi điều không thuộc về sự dựng nên mới.

Lại giảng trên dân Ysraên của Đức Chúa Trời nữa. Nhiều người xem câu này nói đến hội thánh. Tuy nhiên, **dân Ysraên của Đức Chúa Trời** nói đến những người Do Thái sanh ra bởi nơi giống nhưng đã tiếp nhận Chúa Jêsus là Đấng Mesi. Không có cả sự bình an lẫn sự thương xót cho những người nào cứ ăn ở dưới luật pháp, nhưng cả sự bình an lẫn thương xót sẽ là phần của những người ở trong sự dựng nên mới.

6:17 Phaolô đã từng một thời làm nô lệ của luật pháp, rồi được Chúa Jêsus giải phóng khỏi ách nô lệ ấy. Giờ đây ông thuộc về Chúa như một nô lệ tình nguyện. Nô lệ bị đốt dấu vết của chủ mình thế nào, thì Phaolô cũng có **đốt dấu vết** bảo hiệu quyền sở hữu của Đức Chúa Jêsus trên thân thể ông thế ấy. Những dấu vết này là gì? Đó là những vết sẹo ông nhận từ tay những người bắt bớ mình. Giờ đây ông nói: "Đừng để ai cố giành giật lại tôi nữa. Đừng nói với tôi về dấu ấn của sự cắt bì, để bảo hiệu ách nô lệ cho luật pháp. Tôi đã mang dấu đốt của vị chủ mới của tôi, là Đức Chúa Jêsus Christ."

6:18 Giờ đây sử đồ sắp hạ viết xuống. Nhưng ông còn phải nói thêm một lời nữa trước khi kết thúc. Đó sẽ là lời nào? **ẤN ĐIỂN** - từ ngữ rất đặc trưng trong Tin Lành của ông. **Ấn điển**, chứ

không phải luật pháp. Đây là chủ đề ông đã khởi sự từ đó (1:3); đây cũng là chủ đề ông dùng để kết thúc. **Nguyên xin ân điển của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta ở với tâm thần anh em! Amen.**

CHỦ NGHĨA DUY LUẬT PHÁP

Khi nghiên cứu xong Galatê, có lẽ sẽ có người kết luận Phaolô đã đánh bại các giáo sư của chủ nghĩa cậy luật hiệu quả đến nỗi vấn đề này sẽ không bao giờ quấy rối hội thánh trở lại nữa. Lịch sử và kinh nghiệm chứng minh ngược lại! Chủ nghĩa cậy luật đã trở thành một phần hết sức quan trọng của Cơ Đốc giáo giới đến nỗi hầu hết mọi người đều tin chủ nghĩa duy luật thực sự thuộc về Cơ Đốc giáo.

Đúng vậy, những người theo chủ nghĩa duy luật vẫn còn ở với chúng ta. Chúng tôi sẽ dùng tên nào khác nữa để gọi những người tuyên bố mình là người phục vụ Đấng Christ nhưng lại dạy những điều chẳng hạn như phép thêm sức, phép báptem, hay tư cách thuộc viên của hội thánh là điều cần thiết cho sự cứu rỗi; dạy rằng luật pháp là mẫu mực sống của tín hữu; rằng chúng ta được cứu bởi đức tin nhưng được giữ gìn bởi việc làm? Điều đó có khác gì hơn đưa Do Thái giáo vào trong Cơ Đốc giáo khi chúng ta được yêu cầu chấp nhận chức tế lễ do con người tấn phong cùng với lễ phục đặc trưng của nó, những tòa nhà xây theo kiểu đền thờ với những bàn thờ chạm trổ và những lễ nghi tỉ mỉ công phu, một niên lịch của giáo hội cùng với Mùa Chay, những kỳ lễ hội và những kỳ kiêng ăn của giáo hội ấy?

Và có gì khác hơn tà giáo của người Galatê khi tín hữu được cảnh cáo rằng họ phải giữ ngày Sabát nếu muốn cuối cùng được cứu rỗi? Các giáo sư hiện đại của chủ nghĩa duy luật pháp đang đột nhập ngày càng nhiều vào giữa vòng những người tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ, và vì vậy, mỗi một tín hữu nên được bảo trước về sự dạy dỗ của họ và được học cách đối đáp với họ.

Các tiền tri của đạo Sabát thường bắt đầu bằng cách giảng Tin Lành về sự cứu rỗi bởi đức tin trong Đấng Christ. Họ dùng những bài Thánh ca yêu mến của Tin Lành để như những người thiếu cảnh giác, và có vẻ như hết sức nhấn mạnh Kinh Thánh. Nhưng chẳng mấy chốc, họ đặt mọn đồ của họ dưới luật pháp của Môise, đặc biệt là điều răn liên quan đến ngày Sabát. (Ngày Sabát là ngày thứ Bảy trong tuần lễ, hay ngày thứ Bảy dương lịch.)

Làm sao họ dám làm như vậy trong ánh sáng những lời Phaolô dạy dỗ rõ ràng rằng Cơ Đốc nhân đã chết đối với luật pháp? Họ né tránh những lời tuyên bố rõ ràng của thư Galatê bằng cách nào? Câu trả lời ấy là: Họ đưa ra sự phân biệt rõ nét giữa luật đạo đức và luật lễ nghi. Luật đạo đức là Mười Điều Răn. Luật lễ nghi bao gồm mọi quy định khác do Đức Chúa Trời ban cho, như là các luật liên quan đến thức ăn không sạch, bịnh phong, những của dâng cho Đức Chúa Trời, và v.v...

Họ nói luật đạo đức chưa hề bị thu hồi. Đây là sự diễn tả chân lý đời đời của Đức Chúa Trời. Phạm tội thờ lạy hình tượng, giết người hay ngoại tình sẽ luôn luôn trái ngược với luật pháp Đức

Chúa Trời. Tuy nhiên, các luật lễ nghi đã bị bỏ đi trong Đấng Christ. Do đó họ kết luận khi Phaolô dạy rằng Cơ Đốc nhân đã chết đối với luật pháp, ông đang nói về luật lễ nghi chứ không phải Mười Điều Răn.

Họ khẳng khái quả quyết rằng: Vì luật đạo đức vẫn còn hiệu lực, nên Cơ Đốc nhân buộc phải tuân giữ luật ấy. Điều này có nghĩa Cơ Đốc nhân phải giữ ngày Sabát, không được làm việc nào trong ngày đó. Họ khẳng định một trong những giáo hoàng của giáo hội Công Giáo Lamã đã ra sắc lệnh thay đổi từ giữ ngày Sabát sang giữ ngày Chúa nhật, và hoàn toàn vi phạm đến Kinh Thánh.

Lập luận này nghe có vẻ hợp lý và hấp dẫn, tuy nhiên, đặc điểm tèn ăn vi đại của nó ấy là: nó hoàn toàn trái ngược với Lời Đức Chúa Trời! Hãy lưu ý những điểm sau:

1. Trong II.Côrinthô 3:7-11, Mười Điều Răn đã được tuyên bố rõ là bị "gạt bỏ" ("done away") cho người tin nơi Đấng Christ. Trong câu 7, "luật pháp được mô tả là chức vụ về sự chết, chạm chữ trên bằng đá." Điều này chỉ có thể nói đến luật đạo đức, chứ không phải luật lễ nghi. Chỉ có Mười Điều Răn mới được khắc trên các bằng đá bởi chính ngón tay của Đức Chúa Trời (Xuất Êđiptô Ký 31:18). Trong câu 11, chúng ta đọc thấy chức vụ về sự chết dấu vinh hiển, nhưng bị gạt bỏ ("done away"). Không còn gì mang tính quyết định hơn thế nữa. Ngày Sabát không còn quyền đòi hỏi trên Cơ Đốc nhân.

2. Không một người ngoại bang nào từng được truyền phải giữ ngày Sabát.

Luật pháp đã được ban cho riêng dân Do Thái mà thôi (Xuất Êđiptô Ký 31:13). Dấu chính Đức Chúa Trời nghỉ ngày thứ Bảy, Ngài không truyền mọi người khác phải làm như vậy cho đến khi Ngài ban luật pháp cho con cái Ysaraên.

3. Cơ Đốc nhân đã không chuyển từ ngày Sabát sang ngày thứ nhất trong tuần lễ do giáo luật của bất kỳ đức giáo hoàng nào. Chúng ta biệt riêng ngày của Chúa theo một cách đặc biệt để thờ phượng và phục vụ Ngài vì cơ Chúa Jêsus đã sống lại từ kẻ chết trong ngày đó, một bằng chứng cho thấy công tác cứu chuộc đã hoàn tất (Giăng 20:1). Thay vào đó, cũng trong ngày thứ nhất của tuần lễ, các môn đồ đầu tiên đã hiệp lại để bẻ bánh, bày tỏ ra sự chết của Chúa (Công Vụ 20:70), và đây chính là ngày do Đức Chúa Trời chỉ định cho Cơ Đốc nhân biệt riêng những của dâng của họ tùy theo Chúa cho họ được thịnh vượng (I.Côrinthô 16:1,2). Hơn nữa, Đức Thánh Linh được sai xuống từ trời vào ngày thứ nhất của tuần lễ.

Cơ Đốc nhân không "giữ lễ" ngày của Chúa như một phương tiện để đạt được sự thánh khiết, hay do sợ hình phạt; họ biệt riêng ngày ấy ra vì lòng tận hiến yêu mến Đấng đã phó chính mình Ngài vì họ.

4. Phaolô không phân biệt giữa luật đạo đức và luật lễ nghi. Trái lại, ông quả quyết luật pháp là một đơn vị hoàn chỉnh, và lời rủa sả giáng trên những ai tìm cách đạt được sự công bình bởi luật pháp, nhưng lại không giữ được trọn luật pháp.

5. Chín trong Mười Điều Răn được lặp lại trong Tân Ước như là những lời dạy dỗ đạo đức cho con cái Đức Chúa Trời. Chúng xử lý những vấn đề đúng hoặc sai cố hữu rành rành ra rồi. Một điều răn bị bỏ qua chính là luật về ngày Sabát. Bản thân việc giữ một ngày vốn không đúng cũng không sai. Không có lời dạy dỗ nào truyền Cơ Đốc nhân giữ ngày Sabát. Trái lại, Kinh Thánh nói rõ rằng Cơ Đốc nhân không thể bị định tội vì không giữ được luật đó! (Côlôse 2:16).

6. Hình phạt cho tội vi phạm ngày Sabát trong Cựu Ước là án tử hình (Xuất Êđíphtô Ký 35:2). Nhưng những ai kháng kháng đòi tín hữu phải giữ ngày Sabát ngày nay đã không thực thi án phạt đó cho người vi phạm. Bởi đó, họ đã không tôn trọng luật pháp và phá hủy thẩm quyền của luật pháp bằng cách không kháng kháng đòi đáp ứng những yêu cầu của luật pháp. Trên thực tế, họ đang nói rằng: "Đây là luật pháp của Đức Chúa Trời và anh em phải vâng giữ, nhưng nếu anh em có vi phạm thì sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra đâu."

7. Đấng Christ, chứ không phải luật pháp, là mẫu mực sống của người tin Chúa. Chúng ta phải ăn ở đúng như Ngài đã từng sống. Đây là một tiêu chuẩn còn cao hơn cả tiêu chuẩn do luật pháp đề ra (Mathiơ 5:17-48). Chúng ta được Thánh Linh ban quyền năng để sống cuộc đời thánh khiết. Chúng ta muốn sống thánh khiết vì cơ yếu mến Đấng Christ. Sự công bình do luật pháp đòi hỏi đã được làm trọn bởi những người không bước đi theo xác thịt nhưng bước đi theo Thánh Linh (Rôma 8:4).

Vì vậy, sự dạy dỗ cho rằng tín hữu phải giữ ngày Sabát là mâu thuẫn trực tiếp với Kinh Thánh (Côlôse 2:16), và đơn giản thì đó là một "Tin Lành khác" đã bị Lời Đức Chúa Trời công bố sự rủa sả trên nó (Galat 1:7,9).

Nguyện mỗi người được ban sự khôn ngoan từ Chúa để biện biệt giáo lý xấu xa của chủ nghĩa duy luật dưới bất kỳ hình thức nào có thể xuất hiện! Nguyện chúng ta không bao giờ tìm sự xưng công bình hay sự nên thánh thông qua các lễ nghi hay những nỗ lực của con người, nhưng nương cậy hoàn toàn và chỉ nương cậy vào một mình Đức Chúa Jesus Christ cho mỗi một nhu cầu. Nguyện chúng ta luôn luôn nhớ rằng chủ nghĩa duy luật là sự lãng mạ Đức Chúa Trời, vì nó lấy bóng để thay thế Hình Thật – đem chủ nghĩa duy nghi lễ để thay thế cho Đấng Christ.

CHỦ THÍCH

¹(1:8, 9) John Stott, *Only One Way: The Message of Galatians*, trang 27, 28.

²(1:18-20) Bản Kinh Thánh phê bình ghi là *Cephas* (hình thức tiếng Ả-rập – của Phierô).

³(2:1) E. F. Kevan, *The Keswick Week 1955*, trang 29.

⁴(2:3) Cắt bì là một cuộc tiểu phẫu thực hiện cho người nam. Khi Đức Chúa Trời thiết lập phép cắt bì cho Ápraham và dòng dõi ông, Ngài dự định đây sẽ là dấu hiệu về giao ước của Ngài với họ, tức là Ngài sẽ là Đức Chúa Trời của họ và họ sẽ là dân Ngài (Sáng Thế Ký 17:1-11). Đây không phải là một dấu hiệu thuộc thể mà thôi, nhưng còn là biểu tượng thuộc linh nữa. Ápraham

chịu cắt bì để làm dấu hiệu trước đó ông đã tin cậy Đức Chúa Trời (Rôma 4:11). Chẳng bao lâu người Do Thái quên mất ý nghĩa thuộc linh của phép cắt bì, và thực hiện phép cắt bì chỉ như một nghi thức. Vì vậy nghi thức này trở nên vô giá trị đối với Đức Chúa Trời.

Trong Tân Ước không còn truyền làm phép cắt bì nữa, vì Đức Chúa Trời hiện đang lấy ân điển đối đãi với dân ngoại bang và dân Do Thái không phân biệt chi hết. Trong những ngày đầu tiên của hội thánh, một nhóm tín hữu Do Thái khẳng khái cho rằng cần phải chịu phép cắt bì mới được cứu rỗi. Vì vậy, phe nhóm này còn được gọi là "những kẻ chịu cắt bì" (Galati 2:12).

⁵(2:3) Câu chuyện khác đây đủ về cuộc gặp gỡ này tại Giêrusalem được chép trong Công Vụ 15. Nên nghiên cứu kỹ câu chuyện này.

⁶(2:11) Xem chú thích 2.

⁷(2:13) Các dấu chấm câu, bao gồm cả dấu chấm hỏi, là thuộc công việc biên tập. Một số nhà giải nghĩa chấm dứt câu trích ở đây và xem câu 15-21 là phần giải thích về sau của Phao-lô cho những điều ông đã nói với Phiê-rô.

⁸(2:21) W. M. Clow, *The Cross in the Christian Experience*, trang 114.

⁹(3:1) Tuy Hy văn có những hình thức số nhiều và số ít riêng biệt cho chữ "ai," nhưng ở đây không thể loại trừ hẳn hình thức số nhiều.

¹⁰(3:5) Hầu hết các thủ bản cổ đều viết tất cả bằng chữ "hoa." (Những mẫu tự thượng đã phát triển về sau này.) Vì vậy, tuy việc viết chữ hoa thuộc về công tác biên tập, mẫu tự Đ viết hoa cho chữ

Đấng là cách hiểu đúng trong văn mạch này.

¹¹(3:13) J. Cynddylan Jones, *Studies in the Gospel According to St. John*, trang 113.

¹²(3:20) Dấu dường như có mâu thuẫn giữa lập luận ở đây với sự kiện về sau Đấng Christ được tuyên bố như là Đấng Trung Bảo của giao ước mới (Hêbơrê 9:15), chữ trung bảo được dùng theo hai nghĩa khác nhau trong hai chỗ này. Mộtse đóng vai trò người trung bảo chỉ bằng cách tiếp nhận luật pháp từ Đức Chúa Trời rồi giao lại cho dân Ysơraên. Ông là người liên lạc trung gian, hay là người đại diện của dân sự. Đấng Christ là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Mới theo một ý nghĩa cao cả hơn nhiều. Trước khi Đức Chúa Trời có thể ban phát phước hạnh của giao ước này cách công bình, thì Đức Chúa Jesus Christ phải chịu chết trước đã. Chỉ một mình sự chết mới làm cho di chúc cuối cùng và giao ước của một người có hiệu lực thế nào, thì giao ước mới cũng đã phải chịu đóng ấn bởi huyết của Ngài thế ấy. Ngài đã phải dâng chính Ngài làm giá chuộc nhiều người (1Timothê 2:6). Đấng Christ không những bảo đảm phước hạnh của giao ước mới cho dân sự Ngài, mà còn bảo tồn dân sự giao ước của Ngài trong một thế giới vốn thù địch với họ. Ngài thực hiện công việc này trong tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và Đấng Cầu Thay (trạng sư), và đây cũng là một phần trong công tác làm Đấng Trung Bảo của Ngài.

¹³(3:24) Chữ Hy Lạp *paidagogus* (từ đó ra chữ *pedagogy*, "khoa sư phạm,"

trong Anh ngữ") nguyên văn có nghĩa là một "người dẫn đường cho con trẻ." Một người như thế, thường là nô lệ, phải lo đưa đứa trẻ đi đến trường và đón từ trường về. Thỉnh thoảng người này cũng dạy học nữa.

¹⁴(4:7) Bản Kinh Thánh phê bình chi ghi là kể kể tự bởi Đức Chúa Trời.

¹⁵(4:7) Norman B. Harrison, *His Side Versus Our Side*, trang 71.

¹⁶(4:13) Có rất nhiều thuyết nói về "sự yếu đuối" của Phaolô. Rất có thể một chứng bệnh mắt nào đó, trong số rất nhiều chứng bệnh vốn phổ thông trong vùng Trung Đông. Người ta cũng gợi ý căn bệnh sốt rét, đau nửa đầu, động kinh và nhiều chứng bệnh khác.

¹⁷(4:17) Stott, *Galatians*, trang 116.

¹⁸(5:1) C. H. Mackintosh.

¹⁹(5:2) Jack Hunter, *What the Bible Teaches, Galatians - Philemon*, trang 78.

²⁰(5:4) C. F. Hogg và W. E. Vine, *Epistle of Paul the Apostle to the Galatians*, trang 241.

²¹(5:13) Arthur T. Pierson.

²²(5:16) C. I. Scofield.

²³(5:19-21) Bản Kinh Thánh phê bình (NU) bỏ chữ "ngoại tình." Từ ngữ gian dâm (*porneia*) thường được dịch là vô luân trong lĩnh dục, và bao gồm luôn cả ngoại tình. Tuy nhiên, không chắc Phaolô lại không để cập cụ thể tội lỗi không chung thủy trong hôn nhân vốn lan tràn khắp nơi này trong danh sách những thói xấu của xác thịt.

²⁴(5:19-21) Bản Kinh Thánh phê bình bỏ qua chữ sát nhân (*phonoi*). Vì chữ này trông rất giống với từ ngữ đi trong (*phthonoi*, "ganh gổ"), nên rất dễ xóa chữ này trong khi sao chép.

²⁵(5:19-21) Xem phần chú thích ở ICôrinthô 6:9

²⁶(5:22, 23) Samuel Chadwick, được trích dẫn bởi James A. Stewart, trong *Pastures of Tender Grass*, trang 253.

²⁷(5:24) Cách dùng từ trong Anh ngữ đòi hỏi thì quá khứ bất định aorist *estaurōsan* phải dịch như một thì hiện tại hoàn thành, nhưng động từ ở thì aorist nhấn mạnh đến việc làm, chứ không nhấn mạnh đến những kết quả kéo dài.

²⁸(6:7) J. A. Froude.

SÁCH THAM KHẢO

Cole, Alan. *The Epistle of Paul to the Galatians*. Grand Rapids: Win. B. Eerdmans Publishing Company, 1965.

Eadie, John. *Commentary on the Epistle of Paul to the Galatians*. Edinburgh; T. and T. Clark, 1884.

Harrison, Norman B. *His Side Versus Our Side*. Minneapolis: The Harrison Service, 1940.

Hogg, C. F., and W. E. Vine. *Epistle to the Galatians*. Glasgow: Pickering and Inglis, 1922.

Ironside, Harry A. *Expository Messages on the Epistle to the Galatians*. New York: Loizeaux Brothers, 1941.

Kelly, William. *Lectures on the Epistle of Paul the Apostle to the Galatians*. London: G. Morrish, không rõ năm xuất bản.

Lightfoot, J. B. *The Epistle of St. Paul to the Galatians*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1962.

Stolt, John. R. *Only One Way: The Message of Galatians*. Downers Grove, IL: Inter-Varsity Press, 1968.

THƠ GỎI CHO NGƯỜI ÊPHÊSÔ

Giới Thiệu

"Mào triều thiên của các tác phẩm Phaolô." – J. Armitage Robinson

"Thơ tin Thiên đàng thứ ba của Phaolô." – A. T. Pierson

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Trên một số phương diện, thơ Êphêسô là thơ úc điển hình của Phaolô: lời chào, lời tạ ơn, phần triển khai giáo lý, tiếp theo đến phần áp dụng giáo lý ấy thành bốn phần của chúng ta, và những lời chào kết thúc. Thế nhưng thơ Êphêسô, tuy là một bức thư đích thực, hầu như giống một bài giảng hoặc thậm chí giống với một buổi nhóm Cơ Đốc có những lời cầu nguyện và lời chúc tụng. Đúng như Moorehead viết "Chúng ta đi vào yên tĩnh và tĩnh lặng của đền thánh.... Nơi đây tràn ngập bầu không khí thanh thần, suy gẫm, thờ phượng và bình an."¹

Đầu rất nhiều nhà giải kinh đồng ý với đánh giá của Robinson được trích dẫn ở trên, một số học giả lân cận đã vứt bỏ mười tám hoặc mười chín thế kỷ của giáo lý Cơ Đốc, để tuyên bố Phaolô hẳn đã không thể viết thơ Êphêسô. Nhưng khi xét đến các sự kiện, tuyên bố đấy có còn hiệu lực không?

II. Quyền Tác Giả

Có ngoại chứng vững chắc và mạnh mẽ cho thấy thơ Êphêسô là bức thư đích thực của Phaolô. Không một thư nào khác của Phaolô có được đóng nhận chứng sớm và liên tục như thế này, bắt đầu từ Clement ở Rome, Ignatius, Polycarp, và Hermas, rồi tiếp tục với

Clement ở Alexandria, Irenaeus, và Hippolytus. Marcion đưa thơ này vào "Bộ Kinh Điển" của ông, dấu vẩy gọi thơ này là "thơ gửi người Laodixê." Bộ Kinh Điển Muratorian cũng kể thơ Êphêسô do Phaolô viết.

Nội chứng bao gồm sự kiện tác giả hai lần nói mình là Phaolô (1:1 và 3:1), và nội dung của bức thư tương tự (trên một số phương diện) với thư Côlôse đến nỗi ít hẳn chúng phải được viết ra trong khoảng thời gian gần với nhau. Như có người nêu, cấu trúc của thơ Êphêسô là điển hình của Phaolô. Đúng là Phaolô có giới thiệu một số ý tưởng mới trong thơ, nhưng nếu cứ bẽ tác giả nêu ý mới là bị kết tội giả mạo, thì thật sự sẽ rất khó có cơ hội cho các tước giả Kinh Thánh giúp các thánh đồ trưởng thành được!

Nhà thần học tự do Đức Schleiermacher có lẽ là người đầu tiên bác bỏ tác quyền của Phaolô. Rất nhiều người theo thần học hiện đại cũng theo đó mà bác bỏ, chẳng hạn như Moffatt và Goodspeed. Ngữ vựng, bút pháp, giáo lý "nâng cao," và nhiều lập luận chủ quan khác được lập hợp lại để phủ nhận tác quyền thơ này của Phaolô. Tuy nhiên có thể giải đáp thỏa đáng mỗi một lý thuyết này. Khi xét đến ngoại chứng áp đảo và đại đa số các nhà giải kinh uyên

bác đã nhìn thấy trong thơ Êphêso không những tinh thần của Phaolô mà – như Coleridge, còn thấy đây chính là “tác phẩm trước tác thiên thượng nhất” của chính ông, nên chắc chắn phải chấp nhận thơ này thật sự của Phaolô.

III. Thời ĐiểmViết

Cùng với thơ Côlôse, Philip, Tit và Philêmon, thơ Êphêso là một trong những bức thơ được gọi là “Thơ Tin Trong Tù.” Người ta đã tranh luận đây là lần cầm tù nào (3:1; 4:1). Tuy có người tin đây là lần Phaolô bị tù hai năm tại Sêsarê, hoặc thậm chí lần cầm tù không đủ chứng cứ buộc tội tại Êphêso, nhưng trọng lượng bằng chứng dường như nghiêng về lần cầm tù thứ nhất tại Rôma (ít lâu sau năm 60 S.C.). giống như thơ Côlôse (4:7-9), thơ này do Tichicô mang đến tỉnh Asi (6:21,22). Điều này giải thích tình tương đồng về nội dung giáo lý, những ý tưởng như nhau được làm tươi mới lại trong tâm trí của vị sứ đồ khi ông viết những bức thơ này.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Đế tài chính của thơ Êphêso là điều Phaolô gọi là “sự mầu nhiệm.” Với từ ngữ này, ông không nói đến điều gì đó không giải thích được, nhưng đúng hơn là chân lý kỳ diệu chưa hề bày tỏ ra trước đây nhưng bây giờ mới được tỏ ra.

Chân lý tuyệt vời này hình thành chủ đề của sách Êphêso, và là lời tuyên bố những người Do Thái tin Đấng Christ cùng với người ngoại bang tin Đấng Christ giờ đây hiệp thành một trong Đức Chúa Jêsus Christ. Họ là những đồng thuộc viên trong Hội Thánh, là Thân Thể Đấng Christ. Trong thời hiện

tại này, họ được ngồi trong Đấng Christ trong các nơi trên trời. Trong tương lai, họ sẽ dự phần vinh hiển của Ngài với tư cách Đầu trên muôn vật.

Lẽ mầu nhiệm này được tìm thấy trong mỗi một đoạn trong sáu đoạn của thơ Êphêso.

Trong đoạn 1, lẽ mầu nhiệm này được gọi là sự mầu nhiệm của ý muốn Đức Chúa Trời, và nhìn hướng tới thời điểm mọi vật trên trời và dưới đất đều được hội hiệp lại trong Đấng Christ (câu 9,10). Những người Do Thái đã tin Đấng Christ (câu 11, “chúng ta”) và những người ngoại bang đã tin Ngài (câu 13, “anh em”) sẽ cùng được dự phần trong vinh hiển của ngày ấy. Họ sẽ cùng Ngài cai trị trên toàn cõi vũ trụ trong tư cách Thân Thể Ngài và Sự Đầy Đủ của Ngài (câu 22,23).

Đoạn 2 mô tả tiến trình người Do Thái và người ngoại bang được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời; thế nào họ được hòa giải với Đức Chúa Trời và với nhau; và khi được liên hiệp với Đấng Christ, họ đã trở nên một người mới như thế nào; cách họ lập thành một đến thờ thành để Đức Chúa Trời bởi Thánh Linh Ngài ngự trong đó.

Đoạn 3 cung cấp phần giải thích đầy đủ nhất về sự mầu nhiệm này. Trong đoạn 3, lẽ mầu nhiệm này được gọi là lẽ mầu nhiệm của “Đấng Christ” (câu 4, JND), muốn nói Đấng Christ, là Đầu, và mọi tín hữu, là Thân Thể Ngài. Trong Thân Thể này, những người ngoại bang đã tin Ngài là những người đồng kế tự, đồng chí thể, và đồng dự phần lời hứa với Đức Chúa Trời (câu 6).

Đoạn 4 nhấn mạnh sự hiệp một của Thân Thể và kế hoạch của Đức Chúa Trời để thân thể ấy lớn lên đến mức trưởng thành (câu 1-16).

Trong đoạn 5, sự mầu nhiệm này được gọi là Đấng Christ và Hội Thánh (câu 32). Mối tương quan giữa Đấng Christ và Hội Thánh là khuôn mẫu cho mối quan hệ giữa người chồng và vợ tin kính Chúa.

Cuối cùng, trong đoạn 6, Phaolô nói về sự mầu nhiệm của Tin Lành, vì lẽ mầu nhiệm ấy mà ông làm sứ giả của đạo ấy trong xiềng xích (câu 19,20).

Hãy cố gắng hình dung ảnh hưởng của tin tức này trên những tín hữu ngoại bang sẽ nhận bức thư. Không những họ đã được cứu bởi ân điển thông qua đức tin - y như người Do Thái - nhưng lần đầu tiên họ có được địa vị đặc ân bình đẳng với người Do Thái. Địa vị của họ trước mặt Đức Chúa

Trời không hề thấp kém hơn người Do Thái. Và họ đã được định để cùng Đấng Christ ngồi trên ngai với tư cách Thân Thể và Tân Nương của Ngài, cùng nhau dự phần trị vì cõi vũ trụ của Ngài.

Một chủ đề quan trọng khác nữa của thư Êphêso là tình yêu thương (Hy văn là, agapē, tình yêu được diễn tả qua ý chi). Phaolô mở đầu và kết thúc bức thư với cùng một khái niệm này (đoạn 1:4; 6:24, sử dụng động từ và danh từ này trong thư Êphêso nhiều hơn bất kỳ thư tín nào khác của ông. Có thể điều này cho thấy sự biết trước của Thánh Linh, bởi vì tuy ba mươi năm sau, hội chúng đông đảo và tích cực này cũng vẫn đang vâng theo mạng lệnh chiến đấu chống giáo lý giả, nhưng Chúa chúng ta trong Bức Thư Ngài gọi cho Êphêso đã bảo rằng Ngài trách họ đã bỏ mất tình yêu thương ban đầu của họ (Khải Huyền 2:4).

BỔ CỤC

I. ĐỊA VỊ CỦA TÍN HỮU TRONG Đấng CHRIST (Đoạn 1-3)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

B. Lời Phaolô Ca Ngợi Đức Chúa Trời Về Các Phước Hạnh Của Ân Điển (1:3-14)

C. Lời Phaolô Tạ Ôn Và Cầu Thay Cho Các Thánh Đố (1:15-23)

D. Quyền Năng Của Đức Chúa Trời Thể Hiện Trong Việc Cứu Người Ngoại Và Người Do Thái (2:1-10)

E. Sự Liên Hiệp Những Người Do Thái Và Người Ngoại Bang Tin Chúa Trong Đấng Christ (2:11-22)

F. Đoạn Ghi Chú Trong Ngạc Về Sự Mầu Nhiệm (3:1-13)

G. Lời Phaolô Cầu Thay Cho Các Thánh Đố (3:14-19)

H. Lời Ngợi Khen Chúc Tụng Của Phaolô (3:20,21)

II. NẾP SỐNG CỦA TÍN HỮU TRONG CHÚA (Đoạn 4-5)

A. Lời Kêu Gọi Hiệp Một Trong Mối Thông Công Cơ Đốc (4:1-6)

- B. Chương Trình Để Vận Hành Đứng Chức Năng Cho Các Chi Thể Trong Thân (4:7-10)
 C. Lời Kêu Gọi Cho Một Nền Đạo Đức Mới (4:17-5:21)
 D. Kêu Gọi Sự Kính Kiềm Cá Nhân Trong Gia Đình Cơ Đốc (5:22-6:9)
 E. Những Lời Khuyên Về Chiến Trận Cơ Đốc (6:10-20)
 F. Những Lời Chào Thăm Cá Nhân Của Phaolô (6:21-24)

CHÚ GIẢI

I. ĐỊA VỊ CỦA TÍN HỮU TRONG ĐÁNG CHRIST (Đoạn 1-3)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

1:1 Tên Phaolô có nghĩa "nhỏ." Dấu vết mặt thể chất, có lẽ ông phù hợp với lời mô tả này, nhưng về mặt thuộc linh, ảnh hưởng của ông vô cùng lớn lao. Ông tự giới thiệu mình là **sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ**. Điều này có nghĩa ông được Chúa thánh thiên sai phái thi hành một sứ mạng đặc biệt. Sứ mạng này là rao giảng *Tin Lành* cho người ngoại bang và dạy chân lý vĩ đại về *Hội Thánh* (3:8,9). Vì thư Êphêsô giải quyết vấn đề Hội Thánh, và vì chân lý này đã được bày tỏ trước hết cho các sứ đồ và các tiên tri (3:5), nên thật phù hợp khi Phaolô giới thiệu mình là **sứ đồ**. Giới thiệu như vậy không phải là dấu hiệu kiêu ngạo; trái lại, đây là lời giải thích làm sao ông có thể nói có thẩm quyền về đề tài này. Nguồn thẩm quyền của ông được diễn tả qua những chữ, **bởi ý muốn Đức Chúa Trời**. Phaolô không chọn công tác của mình như một nghề nghiệp. Và không người nào đã bỏ nhiệm ông làm việc đó. Đây là sự kêu gọi thên thượng từ đầu cho đến cuối (Galatê 1:1).

Thư được gửi cho các thánh đồ ở thành Êphêsô, cho những kẻ trung tín

trong Đức Chúa Jêsus Christ. Thánh đồ là người được biệt riêng ra khỏi thế gian cho Đức Chúa Trời. Đây là tên gọi được áp dụng trong Tân Ước cho toàn bộ những tín hữu được tái sanh. Về cơ bản, từ ngữ này nói đến địa vị của tín đồ trong Đấng Christ hơn là nói đến những gì có trong chính bản thân người. Trong Đấng Christ, tất cả tín hữu đều là những thánh đồ, mặc dù trong chính họ không phải ai cũng luôn sống thánh khiết. Lấy ví dụ, Phaolô gọi người Côrinthô là thánh đồ (1.Côrinthô 1:2); dẫu vậy, từ những phần Kinh Thánh tiếp theo, ta thấy rõ ràng họ không phải hết thảy đều sống thánh khiết. Thế nhưng ý muốn của Đức Chúa Trời là: nếp sống của chúng ta phải tương xứng với địa vị của chúng ta: thánh đồ phải sống thánh khiết.

Và cho những kẻ trung tín trong Đức Chúa Jêsus Christ. Từ ngữ "trung tín" có nghĩa "những người tin" và vì vậy đây là lời mô tả mọi Cơ Đốc nhân thật. Đương nhiên, tín hữu cũng phải **trung tín** theo ý nghĩa họ đáng tin cậy. Nhưng ý tưởng chính yếu ở đây là họ đã công nhận Đức Chúa Jêsus Christ làm Chúa và Cứu Chúa duy nhất của mình.

Hai trong số các thủ bản cổ nhất bỏ qua những từ ngữ "ở thành Êphêsô,"

dầu những từ ngữ này có mặt trong hầu hết các thủ bản. Phần lớn học giả nghĩ đây là bức thư luân lưu, được viết ra để đọc trong các buổi nhóm địa phương của Cơ Đốc nhân tại nhiều nơi người khác, mà Hội Thánh tại Êphêso là Hội Thánh nổi bật nhất trong số đó. May mắn thay, vấn đề này không ảnh hưởng đến tính xác thực của bức thư, cũng không ảnh hưởng đến giá trị của bức thư đối với chúng ta.

1:2 Tiếp theo là lời sứ đồ chào thăm các thánh đồ. Mỗi từ ngữ đều mang ý nghĩa thuộc linh quan trọng – khác với phần lớn những lời chào thăm sáo rỗng của chúng ta ngày nay.

Ăn điển có nghĩa sự trợ giúp thiên thượng cho cuộc sống hàng ngày. Độc giả của Phaolô đã được cứu bởi ăn điển của Chúa, tức ơn Ngài ban cho người hư mất mà họ không xứng đáng được nhận. Nhưng giờ đây họ cần sức mạnh từ Đức Chúa Trời để đối diện với nan đề, thử thách và buồn rầu trong cuộc sống. Đó chính là điều sứ đồ cầu chúc cho họ ở đây. **Bình an** có nghĩa tinh thần yên nghỉ trong mọi hoàn cảnh biến thay của cuộc sống. Các thánh đồ đã kinh nghiệm sự bình an với Đức Chúa Trời khi họ hoán cải. Nhưng mỗi ngày họ cần sự bình an của Đức Chúa Trời, tức là sự bình tĩnh, sự yên lịnh thư thái vốn không lệ thuộc vào hoàn cảnh và xuất phát từ việc đem mọi điều đến trình dâng lên Đức Chúa Trời trong khi cầu nguyện (Philip 4:6,7).

Cũng nên lưu ý **ăn điển** đến trước, sau đó là **bình an**. Luôn luôn đi theo thứ tự này. Chỉ sau khi **ăn điển** giải quyết xong vấn đề tội lỗi, thì mới có thể biết

được bình an. Và chỉ bởi sức mạnh do Chúa ban từng ngày mà người nhận không đáng được nhận, tín hữu mới kinh nghiệm được bình an, một sự bình an trọn vẹn, trong mọi trạng thái biến thay của đời sống.

Ăn điển (*charis*) là một từ ngữ Hy Lạp đặc trưng, người Do Thái sử dụng từ ngữ "bình an" (tiếng Hebrew: *shalom*) làm lời chào. Kết hợp hai từ ngữ này lại với nhau chúng ta có Tin Lành cho toàn thế gian ở dạng rút gọn. Kết hợp hai từ ngữ này, chúng ta cũng có chân lý về Hội Thánh Tân Ước được Phaolô giảng luận rất đầy đủ trong thư Êphêso – người Do Thái và người ngoại bang được lập thành một Thân Thể trong Đấng Christ.

Ăn điển và bình an đến từ nơi Đức Chúa Trời Cha chúng ta và từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Phaolô không ngần ngại đặt Chúa Jêsus ngang hàng với Đức Chúa Cha: ông tôn kính Đức Chúa Con cũng giống như tôn kính Đức Chúa Cha. Chúng ta cũng nên như vậy (Giăng 5:23).

Chúng ta đứng bỏ qua sự kết nối tuyệt vời của những từ ngữ Đức Chúa Trời Cha chúng ta. Bản thân từ ngữ "Đức Chúa Trời" có thể truyền đạt ấn tượng về Đấng cao cả vô hạn và không thể tiếp cận được. Mặt khác, tên gọi "Cha" nói về Đấng gần gũi mật thiết và có thể đến gần Ngài được. Kết hợp hai từ ngữ này bằng đại từ "(của) chúng ta," thì chúng ta có chân lý đáng kinh ngạc là: Đức Chúa Trời cao quý, Đấng ngự trong cõi đời đời, là Cha yêu thương của mọi người hào được sanh lại bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus.

Danh hiệu đầy đủ của Cứu Chúa chúng ta là **Đức Chúa Jêsus Christ**. Là **Chúa**, Ngài là Chủ tuyệt đối của chúng ta, có trọn quyền đối với mọi đặc tính và mọi của cải tài sản của chúng ta. Là **Jêsus**, Ngài là Cứu Chúa cứu chúng ta ra khỏi tội. Là **Đấng Christ**, Ngài là Tiên Tri, Thầy Tế Lễ, và Vua được xức dầu thiên thượng của chúng ta. Danh xưng của Ngài uết lộ nhiều biết bao cho mỗi một đời tai biết lắng nghe!

6. Lời Phaolô Ca Ngợi Đức Chúa Trời Về Các Phước Hạnh Của Ân Điển (1:3-14)

1:3 Sau phần chào thăm ngắn ngủi, sứ đồ dâng lên bài Thánh ca ngợi khen tôn nghiêm, vút lên đến những đỉnh cao phi thường nhất của sự thờ phượng Tân Ước. Tại đây, chúng ta có sự tuôn trào của tấm lòng tôn quý Đức Chúa Trời về những phước hạnh của ân điển. Trong những câu này (3-14) Phaolô lần theo hoạt động của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi từ trước vô cùng trải qua cõi thời gian và cho đến cõi tương lai đời đời. Và điều này tất nhiên bao gồm phần luận đến sự mầu nhiệm của ý muốn Đức Chúa Trời – cả người Do Thái và người ngoại bang tin Đấng Christ đều là người đồng dự phần cơ nghiệp vinh hiển.

Ông bắt đầu phần này bằng cách mời gọi mọi người nào biết **Đức Chúa Trời** hãy ngợi khen Ngài, tức là dâng lên lời ca ngợi và tình yêu trong sự thờ phượng Ngài để khiến lòng Ngài vui mừng. Đáng đáng ngợi khen chính là **Đức Chúa Trời** và là **Cha của Đức Chúa Jêsus Christ** chúng ta. Chúa Jêsus đã nhiều lần gọi Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời (Mathias 27:46). Những lần

khác Ngài nói Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha (Giăng 10:30). Đáng được ngợi khen cùng là Đấng Ban Phước. Chúng ta ngợi khen Ngài bằng cách ca tụng Ngài. Ngài ban phước cho chúng ta và làm cho chúng ta vui mừng bằng cách tuôn đổ đủ mọi thứ phước của ân điển Ngài trên chúng ta.

Ngài đã **xướng phước cho chúng ta trong Đấng Christ** đủ mọi thứ phước **thiên thiêng** ở các nơi trên trời. Đây là thập ân điển:

Phước

Phước thiên thiêng

Đủ mọi thứ phước thiên thiêng

Đủ mọi thứ phước thiên thiêng ở các nơi trên trời

Đủ mọi thứ phước thiên thiêng ở các nơi trên trời trong Đấng Christ

Trước hết, hãy lưu ý lòng và tay Ngài thật hào phóng biết bao – đủ mọi thứ **phước thiêng thiêng**. Cũng lưu ý đây là những phước hạnh thuộc linh. Cách giải thích đơn giản nhất chính là đối chiếu những phước hạnh này với những phước hạnh của Ysraên dưới luật pháp. Trong Cựu Ước, một người Do Thái trung tín và vâng lời được ban thưởng đời sống trường thọ, một gia đình đông đúc, mùa màng dư dật, được bảo vệ khỏi những kẻ thù (Phục truyền Luật lệ Ký 28:2-8). Trái lại, các phước hạnh của Cơ Đốc giáo là **phước hạnh thiêng thiêng**, tức là phước hạnh thuộc những kho báu phi vật chất, không thể nhìn thấy được và không hư mất được. Đứng là các thánh đồ Cựu Ước cũng hưởng được một số phước hạnh thiêng thiêng, nhưng như chúng ta sẽ thấy, Cơ Đốc nhân ngày nay được hưởng những phước

hạnh mà những thời trước chưa hề biết đến.

Các phước hạnh của chúng ta ở các nơi trên trời, nghĩa đen là *"trong các tầng trời."* Thay vì là những phước hạnh vật chất ở các nơi trên đất này, chúng là các phước hạnh **thuộc linh ở các nơi trên trời.** Cụm từ **"trong các nơi trên trời"** được dùng năm lần trong thư Êphêsô:

1:3 Phạm vi phước hạnh **thiêng liêng** của chúng ta

1:20 Quang cảnh Đấng Christ hiện ngự trên ngai.

2:6 Quang cảnh chúng ta hiện đang được ngồi trên ngai trong Đấng Christ

3:10 Là nơi để các thiên sứ từ đó chúng kiến sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong Hội Thánh

6:12 Là khu vực làm nguồn gốc cuộc xung đột hiện tại của chúng ta với các tà linh.

Khi kết hợp các phân đoạn này lại với nhau, chúng ta có định nghĩa thật sự của Kinh Thánh về **"các nơi trên trời."** Đúng như cách Unger nói, chúng là **"khu vực dành cho địa vị và kinh nghiệm của tín hữu do kết quả người này liên hiệp với Đấng Christ bởi phép báptem của Thánh Linh."** Mọi phước hạnh **thiêng liêng** đều ở trong Đấng Christ. Chính Đấng Christ kiếm được các phước hạnh ấy cho chúng ta thông qua công tác hoàn tất của Ngài tại đồi Gôgôtha. Giờ đây chúng được dành sẵn thông qua Ngài. Mọi điều Đức Chúa Trời ban cho tín hữu đều ở trong Đức Chúa Jesus. Để nhận được các phước hạnh này, chúng ta phải được liên hiệp với Đấng Christ bởi đức tin. Chính giây

phút ở trong Đấng Christ là lúc chúng ta trở thành người sở hữu hết thảy các phước hạnh ấy. Chafer viết: **"Ở trong Đấng Christ – là phần của mọi người nào được cứu – tức là dự phần tất cả mọi điều Đấng Christ đã làm xong, mọi điều Ngài hiện có, và mọi điều Ngài sẽ từng có."**²

Trong Đấng Christ là một trong những cụm từ chìa khóa của thư Êphêsô. Có hai tuyến chân lý liên quan chặt chẽ với nhau trong Tân Ước – chân lý về địa vị của tín hữu và chân lý về nếp sống đạo của người ấy.

Thứ nhất, địa vị của tín hữu. Mỗi một người trong thế gian này đều hoặc **"ở trong Adam"** hoặc **"trong Đấng Christ."** Những người nào ở **"trong Adam"** thì đang ở trong tội lỗi của họ và do đó bị định tội trước mặt Đức Chúa Trời. Tự bản thân họ không thể làm được điều gì để đẹp lòng Chúa hay kiếm được ơn của Ngài. Họ không có quyền đòi hỏi gì ở nơi Đức Chúa Trời, và nếu như nhận lấy điều họ xứng đáng nhận thì họ sẽ hư mất đời đời.

Khi một người hoán cải, Đức Chúa Trời không còn xem người ấy là con cái bị định tội của Adam nữa. Trái lại, Ngài xem người là ở **trong Đấng Christ**, và Ngài chấp nhận người dựa trên cơ sở đó. Phải thấy được điều quan trọng này. Tội nhân đã tin Đấng Christ được chấp nhận không vì cơ những điều bản thân người ấy vốn có, nhưng được chấp nhận vì cơ người ở **trong Đấng Christ**. Khi ở **trong Đấng Christ**, người đứng trước mặt Đức Chúa Trời, mặc lấy toàn bộ tình trạng được chấp nhận của chính Đấng Christ. Và người sẽ được hưởng

ơn cùng sự chấp nhận của Đức Chúa Trời cũng lâu dài y như Đấng Christ được hưởng, tức là đời đời.

Như vậy, địa vị của tín hữu chính là những gì người ấy có trong Đấng Christ. Nhưng còn một khía cạnh khác nữa cho hình ảnh này – nếp sống đạo của tín hữu. Đây chính là những gì người ấy có trong bản thân mình. Địa vị của người là hoàn hảo, nhưng nếp sống của người là bất toàn. Giờ đây, ý muốn của Đức Chúa Trời là nếp sống phải ngày càng tương xứng với địa vị. Nếp sống ấy sẽ không bao giờ tương xứng hoàn hảo cho đến khi người được ở trong Thiên đàng. Nhưng tiến trình nên thánh, sự tăng trưởng, và ngày càng giống như Đấng Christ sẽ phải tiến triển không ngừng đương khi còn ở trên đất này.

Hiểu được sự khác nhau giữa địa vị và tình trạng của tín hữu, thì sẽ giúp chúng ta dung hòa được những câu Kinh Thánh dường như trái ngược nhau như sau:

Tín hữu là trọn lành (Hêbrê 10:14)	Tín hữu phải nên trọn lành (Macthê 5:48)
Tín hữu đã chết đối với tội lỗi (Rôma 6:2)	Tín hữu nên kể mình như chết đối với tội lỗi (Rôma 6:11)
Tín hữu là một dân thánh (1.Phiêrê 2:9)	Tín hữu đáng phải nên thánh (1.Phiêrê 1:15)

Cột thứ nhất đề cập đến địa vị, cột thứ nhì đến nếp sống.

Thư của Phaolô gửi cho người Êphêsô chia làm hai phần song song với lẽ thật này: (Đoạn 1-3); Địa vị của chúng ta – những điều chúng ta có

trong Đấng Christ; (Đoạn 4-6): nếp sống đạo của chúng ta – những gì chúng ta đáng phải có trong chính mình. Nửa phần đầu tiên quan đến giáo lý, nửa phần sau đến bốn phận. Trong ba đoạn đầu, địa vị chúng ta thường được mô tả bởi những cụm từ như “trong Đấng Christ,” “trong Đức Chúa Jesus Christ,” “trong Ngài,” “trong Đấng.” Trong ba đoạn cuối, cụm từ “trong Chúa,” thường được dùng để diễn tả trách nhiệm của tín hữu đối với Đấng Christ là Chúa. Có người đã nói rất hay rằng phần đầu của thư mô tả tín hữu trong các nơi trên trời trong Đấng Christ, trong khi phần cuối xem người ấy ở nơi nhà ăn.

Giờ đây chúng ta đã sẵn sàng xem xét một số phước thiêng liêng trong các nơi trên trời vốn thuộc về chúng ta trong Đấng Christ.

1:4 Trước tiên là điều thường được gọi là sự lựa chọn. Trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ, dựng làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời bởi sự thương yêu.

Trước hết, để ý sự kiện tích cực về sự chọn lựa qua các từ ngữ “Ngài đã chọn chúng ta.” Sau đó đến phương diện thuộc địa vị của chân lý này, là “trong Đấng Christ”: Mọi mục đích của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài đã được thực hiện chính trong Thân Vị và công tác của Đức Chúa Jesus. Thời điểm Chúa chọn lựa được chỉ rõ bởi cụm từ: trước khi sáng thế. Và mục đích là để chúng ta nên thánh không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời bởi sự thương yêu (câu 4 trong Bản Anh ngữ

gồm cả từ ngữ “sự thương yêu”). Mục đích này sẽ chưa được thực hiện đầy đủ cho đến khi chúng ta ở với Ngài trong Thiên đàng (I.Giăng 3:2), nhưng tiến trình này đang phải diễn ra liên tục trong đời sống của chúng ta ngay dưới đất này.

Cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin khiến con nên thánh ngay hiện giờ, vì đây chính là ý định sau cùng của Ngài dành cho con. Amen.”

SỰ LỰA CHỌN THIÊN THƯỢNG

Giáo lý sự chọn lựa làm nảy sinh nhiều nan đề nghiêm trọng cho lý trí con người, vì vậy chúng ta phải xem xét đầy đủ hơn những gì Kinh Thánh thực sự có dạy (và thực sự không dạy) về đề tài này.

Thứ nhất, Kinh Thánh dạy Đức Chúa Trời thực sự có chọn lựa con người đến sự cứu rỗi (II.Têsalônica 2:13). Kinh Thánh gọi tin hữu “là những người được chọn theo sự biết trước của Đức Chúa Trời” (I.Phiêrô 1:2). Kinh Thánh dạy rằng con người có thể biết mình có phải là người được chọn hay không bởi đáp ứng của họ đối với Tin Lành: những ai nghe và tin vào Tin Lành là người được chọn lựa (I.Têsalônica 1:4-7).

Mặt khác, Kinh Thánh không bao giờ dạy rằng Đức Chúa Trời chọn con người để cho họ bị hư mất. Sự thực việc Ngài chọn một số người để được cứu không hàm ý Ngài độc đoán định tội toàn bộ số người còn lại. Ngài không bao giờ định tội cho những người xứng đáng được cứu rỗi [vì không có ai xứng đáng được cứu rỗi cả], nhưng Ngài thực

sự cứu một số người đáng ra đã bị định tội. Khi mô tả người được chọn, Phaolô nói họ là “những bình đáng thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển” (Rôma 9:23); nhưng khi quay sang người bị hư mất, ông chỉ nói: “Những bình đáng giận sẵn cho sự hư mất” (Rôma 9:22). Đức Chúa Trời đã chuẩn bị những bình đáng thương xót cho sự vinh hiển, nhưng Ngài không chuẩn bị con người để chịu lấy sự hư mất: họ tự chuẩn bị lấy điều đó bởi lòng vô tín của chính họ.

Giáo lý sự chọn lựa để cho Đức Chúa Trời thực sự là Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng tể trị tối thượng. Có nghĩa Ngài có thể làm đúng như Ngài đẹp ý, dầu vậy Ngài không hề đẹp ý làm bất cứ điều gì bất công. Nếu để mặc con người, mọi người đều sẽ hư mất hết. Đức Chúa Trời có quyền bày tỏ lòng thương xót cho một số người không?

Nhưng câu chuyện này vẫn còn một khía cạnh khác nữa. Kinh Thánh dạy về sự chọn lựa tối thượng cũng chính là Kinh Thánh dạy về trách nhiệm của con người. Không ai có thể sử dụng giáo lý sự chọn lựa làm cơ hiệnhộ cho việc không được cứu. Đức Chúa Trời đã đưa ra lời mời hợp pháp để ban sự cứu rỗi cho mọi người ở khắp mọi nơi (Giăng 3:16; 3:36; 5:24; Rôma 10:9,13). Ai cũng đều được cứu bằng cách ăn năn tội mình và tin nơi Đức Chúa Jêsu Christ. Do đó, nếu một người nào bị hư mất, thì chính bởi người ấy chọn bị hư mất, chứ không phải bởi vì Đức Chúa Trời muốn.

Sự thực ấy là: cũng chính Kinh Thánh đã dạy sự chọn lựa và sự cứu rỗi

lặng không cho mọi người nào chịu tiếp nhận. Cả hai giáo lý này được tìm thấy trong cùng một câu Kinh Thánh: "Phàm những kẻ Cha cho ta sẽ đến cùng ta, kẻ đến cùng ta thì ta không bỏ ra ngoài đâu." (Giăng 6:37). Nửa câu đầu nói đến sự chọn lựa tối thượng của Đức Chúa Trời; nửa câu sau mở rộng sự ban tặng lòng thương xót cho hết thảy mọi người.

Điều này gây khó hiểu cho lý trí con người. Làm sao Đức Chúa Trời có thể chọn một số người nhưng đồng thời lại ban sự cứu rỗi cách nhưng không cho hết thảy mọi người? Thành thật mà nói, đây là sự mâu nhiệm. Nhưng sự mâu nhiệm này là mâu nhiệm đối với chúng ta, chứ không phải đối với Đức Chúa Trời. Phương sách tốt nhất cho chúng ta chính là tin cả hai giáo lý vì Kinh Thánh dạy cả hai. Chân lý này không nằm ở đâu đó lưng chừng giữa sự chọn lựa và ý chí tự do của con người, nhưng ở cả hai thái cực. W. G. Braikie tóm tắt:

Quyền tể trị của Đức Chúa Trời, trách nhiệm con người và lời đề nghị ban sự thương xót cách phổ thông và miễn phí thảy đều được tìm thấy trong Kinh Thánh, và dấu chúng ta không thể dùng lý luận của mình dung hòa chúng, nhưng hết thảy chúng đến phải có trong tâm trí của chúng ta.³

1:5 Phước hạnh thứ nhì từ kho tàng ân điển của Đức Chúa Trời chính là sự tiến định, hay sự định từ trước. Dấu có phần nào đó liên quan đến sự chọn lựa, nhưng không phải là một với sự chọn lựa. Sự chọn lựa mô tả việc Đức Chúa Trời chọn một số người để được cứu rỗi. Nhưng sự tiến định là sự nâng cao

của giáo lý này: sự tiến định có nghĩa Đức Chúa Trời đã xác định từ trước cõi thời gian rằng tất cả mọi người nào sẽ được cứu thì cũng đều sẽ được nhận vào làm con trong gia đình Ngài. Ất hẳn Ngài có thể cứu chúng ta mà không cần khiến chúng ta trở nên con cái Ngài, nhưng Ngài đã chọn để làm cả hai.

Nhiều bản dịch liên kết hai từ ngữ ở cuối câu 4 với câu 5 như sau: **bởi sự thương yêu của Ngài đã định trước cho chúng ta.**

Điều này nhắc chúng ta nhớ tình cảm độc nhất vô nhị đã thôi thúc Chúa đối đãi với chúng ta rất hào phóng như thế.

Chúng ta có sự thực về sự chúng ta được nhận làm con đầy vinh diệu trong cạm từ: **đã định trước cho chúng ta được trở nên con nuôi của Ngài.** Trong Tân Ước, sự nhận con nuôi có nghĩa đặt một tín hữu vào gia đình của Đức Chúa Trời như một người con thành nhân, trưởng thành, có trọn mọi đặc ân và trách nhiệm của quyền làm con (Galatê 4:4-7). Thánh Linh của sự làm con nuôi đặt bên trong tín hữu bản năng để gọi Đức Chúa Trời là Cha (Rôma 8:15).

Việc nhận chúng ta trở nên con nuôi của Ngài được thực hiện bởi Đức Chúa Jêsus Christ. Chẳng nào chúng ta còn ở trong tội lỗi mình, Đức Chúa Trời không bao giờ có thể đem chúng ta vào địa vị làm con nuôi gắn gũi và yêu quý này của Ngài. Vì vậy, Đức Chúa Jêsus đã đến trần gian, và bởi sự chết, sự chôn và sống lại của Ngài, Ngài giải quyết vấn đề tội lỗi để Đức Chúa Trời được thỏa mãn. Chính giá trị vô hạn từ sự hy

sinh của Ngài trên Gògôtha đã đem lại cơ sở công bình để Đức Chúa Trời có thể nhận chúng ta làm con nuôi của Ngài.

Và toàn bộ điều này theo ý tốt của Ngài. Đây là động cơ tối thượng ẩn đằng sau việc Ngài định trước cho chúng ta. Nó trả lời cho thắc mắc: "Vì sao Ngài định trước như vậy?" Đơn giản là vì ý tốt của Ngài. Ngài chưa thể thỏa mãn cho đến khi Ngài có các con trai vây quanh Ngài, được biến hóa theo hình ảnh của Con độc sinh của Ngài, ở cùng với Ngài và giống như Ngài đời đời.

1:6 Để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không trong Con yêu dấu của Ngài. Khi Phaolô chiêm ngưỡng ân điển của Đức Chúa Trời trước hết trong việc chọn lựa chúng ta, kế đó trong việc định trước cho chúng ta được trở nên con cái Ngài, ông đã ngắt quãng phần suy gẫm của mình bằng điệp khúc này, và điệp khúc này lập tức trở thành câu thốt lên, câu giải thích và câu khuyên bảo. Đây là lời cảm thán – sự nắm bắt thánh khiết trước những vinh quang siêu việt của ân điển lớn lao đến như thế. Đây là lời giải thích rằng đối tượng và kết quả của toàn bộ những cách đối đãi đầy ơn của Đức Chúa Trời đối với chúng ta chính là sự vinh hiển của chính Ngài. Sự chúc tụng đời đời thuộc về Ngài vì cơ ân huệ vô song ấy. Hãy để ý những từ ngữ nói về **ân điển** Ngài – **Ngài đã ban cho chúng ta cách nhưng không**. Người nhận ân điển Ngài – là chúng ta. Phương tiện truyền dẫn **ân điển** Ngài – **trong Con yêu dấu** Ngài.

Cuối cùng, đây là lời khuyên bảo. Phaolô đang nói: "Chúng ta hãy **khen ngợi** Ngài vì **ân điển** vinh hiển Ngài. Trước khi nghiên cứu thêm, chúng ta hãy ca ngợi Ngài!

Đức Chúa Trời vĩ đại của mọi điều kỳ diệu! Hết thảy đường lối Ngài

Tò ru những thuộc tánh thiên thượng của Ngài;

Nhưng vinh hiển rạng ngời của ân điển Ngài

Chiếu sáng bên trên cả những điều kỳ phép lạ khác của Ngài;

Ai là Đức Chúa Trời hay tha thứ giống như Ngài?

Huy ai có ân điển dồi dào và tặng không giống như Ngài?

— Samuel Davies

1:7 Khi lần theo sự rà soát phi thường từ kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài, tiếp theo chúng ta đến với sự thực về sự cứu chuộc. Câu này mô tả một phương diện trong công tác của Đấng Christ bởi đó chúng ta được giải thoát khỏi ách nô lệ và sự phạm tội, và rồi được đưa vào đời sống tự do. Đức Chúa Jesus là Đấng Cứu Chuộc (**trong Đấng Christ chúng ta được cứu chuộc**). Chúng ta là người được cứu chuộc. Huyết Ngài là giá chuộc; không điều nào khác có thể chuộc tội được.

Một trong những kết quả của sự chuộc tội ấy là **được tha tội**. Sự tha tội không phải là một với sự cứu chuộc; đây là một trong những bông trái của sự cứu chuộc. Đấng Christ đã phải đền chuộc trọn vẹn cho tội lỗi chúng ta trước khi có thể tha thứ tội lỗi chúng ta. Việc này được thực hiện tại thập tự giá. Và giờ đây –

*Công lý nghiêm khắc không thể
đòi hỏi thêm gì nữa*

Và ân điển có thể ban phát ra.

Lượng sự tha thứ chúng ta được cho biết qua những từ ngữ "theo sự dư dật của ân điển Ngài." Nếu có thể đo lường sự dư dật của ân điển Đức Chúa Trời, thì chúng ta mới có thể đo lường Ngài tha thứ chúng ta đầy đủ đến mức nào. **Ân điển Ngài là vô hạn!** Vì vậy sự tha thứ của Ngài cũng vô hạn!

1:8 Chính bởi ân điển mà Ngài chọn chúng ta, định trước chúng ta, và cứu chuộc chúng ta. Nhưng không phải chỉ có chừng đó. Đức Chúa Trời đã ban chính ân điển ấy rất dư dật cho chúng ta cùng với mọi thứ khôn ngoan thông sáng. Điều này có nghĩa Ngài đã rộng lượng chia sẻ những kế hoạch và mục đích của Ngài với chúng ta. Ngài muốn chúng ta phải có sự thông minh và sáng suốt để hiểu những kế hoạch của Ngài dành cho Hội Thánh và cho cõi vũ trụ. Và vì vậy Ngài đưa chúng ta vào sự bí mật của Ngài đúng như thực trạng tại lúc đó, và đã bày tỏ cho chúng ta mục tiêu vĩ đại mà toàn bộ lịch sử đang tiến đến.

1:9 Giờ đây Phaolô giải thích phương cách đặc thù mà Đức Chúa Trời tuốn đổ dư dật cho chúng ta sự khôn ngoan và thông sáng Ngài, tức là bằng cách khiến chúng ta biết sự mầu nhiệm của ý muốn Ngài. Đây là chủ đề chi phối của thư tín - lẽ thật vinh diệu về Đấng Christ và Hội Thánh. Đây là sự mầu nhiệm, không phải theo nghĩa đây là sự bí ẩn, nhưng là một bí mật thiêng liêng trước đây chưa ai biết mà giờ đây được tỏ ra cho các thánh đó. Kế hoạch

vinh diệu này phát xuất từ ý muốn tối thượng của Đức Chúa Trời, hoàn toàn không chịu bất kỳ ảnh hưởng nào từ phía bên ngoài: hoàn toàn theo ý định Ngài đã tự lập thành trước trong lòng nhân từ Ngài. Và để tài trọng đại của chương trình này chính là Chúa Jesus Christ; điều này được chỉ rõ qua mệnh đề "mà Ngài đã tự lập thành trước."

1:10 Giờ đây Phaolô bắt đầu giải thích chi tiết hơn về điều bí mật trong chương trình của Đức Chúa Trời, và trong đoạn này, ông đang nghĩ cụ thể đến khía cạnh tương lai của sự mầu nhiệm ấy. Đoạn 2 và 3 sẽ soi sáng thêm phương diện hiện tại của sự mầu nhiệm này.

Thời điểm Phaolô đang xét đến ở đây được chỉ rõ qua cụm từ **sự định trước đó** (sự quản lý, Hy văn, *oikonomia*) trong **khi kỳ mãn**. Chúng ta hiểu câu này nói về thiên hy niên, khi Đấng Christ sẽ tái làm trần gian để cai trị trong tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa. Đức Chúa Trời có kế hoạch quản lý đặc biệt cho kỷ nguyên sau chót của lịch sử loài người trên đất.

Kế hoạch này là "hội hiệp muôn vật lại trong Đấng Christ" (JND). Trong Triều Đại Thiên Hy Niên, mọi vật ở trên trời và vật ở dưới đất đều sẽ được hội hiệp lại trong Đấng Christ. Cõi Chúa hiện đang bị hắt hủi và chối bỏ đến bây giờ sẽ là Đấng nổi bật, là Chúa của mọi người, đối tượng thờ phượng của cả vũ trụ. Đây là mục tiêu của Đức Chúa Trời - lập Đấng Christ làm đầu trên mọi vật, cả vật trên trời lẫn vật dưới đất, trong nước Ngài.

Phạm vi quyền thống trị của Đấng Christ được tìm thấy trong những từ ngữ: "Cả vật ở trên trời và vật ở dưới đất" (JND). Bellett viết:

*Đây là bí mật chưa từng tỏ ra trước đây. Trong tiên tri Êsai, chúng ta có bức tranh đẹp về trái đất thời thiên hạ niên; nhưng dù bao giờ chúng ta có những từng trời trong thiên hạ niên cả Đấng Christ làm đầu của chúng? Có bao giờ tiên tri Êsai nói mọi vật trên trời và dưới đất đều sẽ hội hiệp lại trong Con Người được vinh hiển này chưa?*⁴

Câu 10 đôi khi được dùng để hậu thuẫn giáo lý sai lầm về sự cứu rỗi phổ thông. Câu này bị xuyên tạc để cho rằng rốt cuộc mọi vật và mọi người đều sẽ được khôi phục và được giải hòa trong Đấng Christ. Nhưng ý tưởng ấy hoàn toàn xa lạ với phần đoạn này. Phaolô đang nói về *quyền thống trị* phổ thông, chứ không phải sự cứu rỗi phổ thông!

1:11 Một đặc trưng hết sức quan trọng của sự mầu nhiệm này ấy là người Do Thái đã tin Đấng Christ với người ngoại bang đã tin Đấng Christ đều được dự phần trong chương trình trọng đại này của Đức Chúa Trời. Sứ đồ nói về sự mầu nhiệm đối với tín hữu Do Thái trong câu 11 và 12; đối với tín hữu ngoại bang trong câu 13; và ông kết hợp cả hai trong câu 14.

Về phần những Cơ Đốc nhân thuộc dòng dõi Do Thái, Phaolô viết: **Ấy là cũng trong Ngài mà chúng ta đã nên kẻ dự phần kẻ nghiệp.** Quyền được dự phần của họ không căn cứ trên những đặc ân của dân tộc họ ngày trước,

nhưng chỉ căn cứ trên sự liên hiệp với Đấng Christ. Cơ nghiệp ở đây hướng tới thời điểm khi họ và mọi tín hữu thật đều sẽ được bày tỏ ra cho một thế giới sống sót trong tư cách Thân Thể của Đấng Christ, và Tân Nương của Chiên Con.

Từ trọn cõi đời đời, những Cơ Đốc nhân người Do Thái đã được chọn cho địa vị hưởng đặc ân này bởi ý muốn tối thượng của Đức Chúa Trời, như đã định trước cho chúng ta được điều đó, theo mạng của Đấng làm mọi sự hiệp với ý quyết đoán.

1:12 Mục đích sự định trước này là để họ sẽ làm cho sự vinh hiển của Ngài... được ngợi khen. Nói cách khác, họ là những chiến tích về ân điển của Đức Chúa Trời, bày tỏ ra việc Ngài có thể làm từ những vật liệu thô không xứng đáng đến như thế, để bởi đó đem lại vinh hiển cho Ngài.

Sứ đồ nói mình và những người Do Thái khác đã tin nơi Đấng Christ là "chúng ta là kẻ đã trồng cấy trong Đấng Christ trước nhất." Ông đang nghĩ đến nhóm dân sót những người Do Thái kính sợ Chúa đã đáp ứng với Tin Lành trong những ngày đầu của Cơ Đốc giáo. Tin Lành đã được rao giảng trước hết cho người Do Thái. Hầu hết dân Ysraên đã thắng thừng từ khước Tin Lành. Nhưng nhóm dân sót kính sợ Chúa này đã tin nơi Chúa Jesus. Phaolô là một trong số họ.

Khi Cứu Chúa trở lại trần gian lần thứ nhì thì sẽ khác hẳn. Lúc bấy giờ dân tộc này sẽ nhìn thấy Ngài là Đấng họ đã dâm và sẽ than khóc cho Ngài như khóc

cho một người Con độc sanh (Xachari 12:10). "Vậy thì cả dân Ysraên sẽ được cứu, như có chép rằng: Đấng Giải cứu sẽ đến từ Siôn, cất sự vô đạo ra khỏi Giacóp" (Rôma 11:26).

Phaolô và những Cơ Đốc nhân đương thời của ông mang bối cảnh Do Thái đã tin cậy Đấng Mêsai trước khi phần còn lại của dân tộc kla tin. Đó là lý do ông sử dụng lời mô tả: "Chúng ta là kẻ đã trông cậy trong Đấng Christ trước nhất" (FWG).

Những người "đã trông cậy từ trước" nơi Đấng Mêsai sẽ được cùng Ngài cai trị trên đất. Phần còn lại của dân tộc này sẽ là những thần dân trên đất của vương quốc Ngài.

1:13 Giờ đây Phaolô chuyển từ tín hữu người Do Thái sang tín hữu người ngoại bang; ông cho thấy điều này bằng cách thay đổi từ chữ "chúng ta" sang chữ "anh em." Những người đã được cứu khỏi ngoại giáo này đã được dự phần trong sự mầu nhiệm của ý muốn Đức Chúa Trời, cũng giống y như những người Do Thái đã hoán cải tin Đấng Christ vậy. Và vì vậy, ở đây sứ đồ truy lẩn những bước mà người Êphêsô và các người ngoại bang khác đã được đem vào trong sự liên hiệp với Đấng Christ.

Họ đã nghe Tin Lành.

Họ đã tin Đấng Christ.

Họ đã được ấn chứng bằng Đức Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa.

Trước hết, họ đã nghe đạo chân thật, và Tin Lành về sự cứu rỗi của họ. Về cơ bản, câu này nói đến tin tức tốt lành của sự cứu rỗi thông qua đức tin

nơi Chúa Jêsus. Nhưng theo ý nghĩa rộng lớn hơn, điều này bao gồm toàn bộ những sự dạy dỗ của Đấng Christ và của các sứ đồ.

Sau khi nghe sứ điệp này, họ đã hứa nguyện tận hiến cho Đấng Christ bởi một hành động dứt khoát của đức tin. Chúa Jêsus là đối tượng thật của đức tin. Sự cứu rỗi được tìm thấy chỉ duy trong một mình Ngài mà thôi.

Ngay khi họ tin, họ được ấn chứng bởi Đức Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa. Điều này có nghĩa mỗi một tín hữu thật đều nhận lãnh Thánh Linh của Đức Chúa Trời để làm dấu hiệu chứng tỏ người này thuộc về Đức Chúa Trời và người sẽ được Đức Chúa Trời giữ an toàn cho đến khi người nhận được thân thể vinh hiển của mình. Cũng giống như trong các vấn đề pháp lý, con ấn cho thấy quyền sở hữu và sự an toàn thể nào, thì trong các vấn đề thiêng thượng cũng vậy. Đức Thánh Linh ngự trong lòng đóng ấn cho chúng ta thành sản nghiệp của Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 6:19,20), và làm của tin về sự gìn giữ chúng ta mãi đến ngày cứu chuộc (Êphêsô 4:30).

Con ấn của chúng ta được gọi là Thánh Linh là Đấng Chúa đã hứa. Trước hết, Ngài là Thánh Linh; thánh khiết chính là điều có trong bản thân Ngài. Tiếp theo, Ngài là Thánh Linh của lời hứa. Ngài đã được hứa ban bởi Đức Chúa Cha (Giôên 2:28; Công Vụ 1:4), và bởi Đức Chúa Jêsus (Glăng 16:7). Hơn nữa, Ngài là của cầm để bảo chứng rằng mọi lời hứa của Đức Chúa Trời cho tín hữu đều sẽ được ứng nghiệm.

Câu 13 bổ sung cho lần để cập đầu tiên trong số rất nhiều lần nhắc đến Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong thư tín này:

Đức Chúa Cha (câu 3)

Đức Chúa Con (câu 7)

Đức Thánh Linh (câu 13)

1:14 Một lần nữa, Phaolô thay đổi những đại từ danh xưng của mình. Ông kết hợp chữ "chúng ta" của các câu 11 và 12 với chữ "anh em" của câu 13 để hình thành "của chúng ta" trong câu 14. Bằng biện pháp vận chương tài tình, ông gợi ý điều sẽ giải nghĩa đầy đủ hơn trong đoạn 2 và 3 – sự liên hiệp của những người Do Thái tin Chúa với những người ngoại bang tin Chúa để lập thành một cơ quan mới, là Hội Thánh.

Đức Thánh Linh là của **cắm về cơ nghiệp của chúng ta**. Đây là của đặt cọc, của thế chấp để hứa sẽ trả xong toàn bộ. Của đặt cọc này cùng loại với phần sẽ trả trọn, nhưng không cùng số lượng.

Ngay khi chúng ta được cứu, Đức Thánh Linh bắt đầu bày tỏ cho chúng ta một số những điều giàu có dư dật thuộc về chúng ta trong Đấng Christ. Ngài cho chúng ta nắm trước một số điều về vinh hiển hầu đến. Nhưng làm sao chúng ta có thể biết chắc một ngày nào đó mình sẽ nhận được trọn vẹn cơ nghiệp? Chính Đức Thánh Linh là của đặt cọc hay của cầm về cơ nghiệp ấy.

Với tư cách ấn chứng, Ngài bảo đảm chính chúng ta sẽ được giữ an toàn cho cơ nghiệp ấy. Với tư cách của đặt cọc, Ngài bảo chứng cơ nghiệp sẽ được giữ an toàn và chắc chắn cho chúng ta.

Đức Thánh Linh là của **cắm cho đến kỳ chuộc** lấy những kẻ mà Ngài đã

được. (Bản Anh ngữ: "cho đến kỳ cứu chuộc sản nghiệp đã mua"). **Của cầm** nhìn hướng tới sự cứu chuộc trọn vẹn, cũng giống như trái đầu mùa nhìn hướng tới một vụ thu hoạch trọn vẹn. Vai trò của cầm của Đức Thánh Linh sẽ chấm dứt khi tài sản đã mua được cứu chuộc. Nhưng Phaolô muốn nói gì với những chữ "tài sản đã mua"? (Bản Việt Ngữ ghi là "những kẻ mà Ngài đã được")

1. Có thể ông muốn nói đến **cơ nghiệp** của chúng ta. Toàn bộ những điều Đức Chúa Trời sở hữu đều là của chúng ta thông qua Chúa Jêsus. Chúng ta là người kế tự của Đức Chúa Trời và đồng kế tự với Chúa Jêsus Christ (Rôma 8:17; 1.Côrinthô 3:21-23). Chính cõi vũ trụ đã bị ô uế khi tội lỗi bước vào thế gian cần được giải hòa và tinh luyện (Côlôse 1:20; Hêbơrê 9:23). Khi Đấng Christ trở lại cai trị trần gian, cõi tạo vật đang than thở này sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ cho sự hư hoại để có được quyền tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời (Rôma 8:19-22).

2. Cụm từ "**tài sản đã mua**" có thể nói đến thân thể của tín hữu. Tâm thần và linh hồn chúng ta đã được chuộc ngay khi chúng ta vửa tin, nhưng sự cứu chuộc thân thể chúng ta vẫn còn trong tương lai. Sự kiện chúng ta đang chịu khổ, ngày càng già, và phải chết, chứng tỏ thân thể chúng ta vẫn chưa được chuộc. Khi Đấng Christ tái lâm đón rước chúng ta (1.Têsalônica 4:13-18), thân thể chúng ta sẽ được biến hóa trở nên mới để có thể trở nên thân thể của vinh hiển Ngài (Philip 3:21). Lúc đó, những

thần thể ấy sẽ được cứu chuộc đầy đủ và đời đời (Rôma 8:23).

3. Cuối cùng, "tài sản đã mua" có thể chỉ đến Hội Thánh (1.Phiêrô 2:9: "là dân thuộc đặc biệt về Đức Chúa Trời"). Trong trường hợp này, sự cứu chuộc tài sản đã mua ấy cũng nhìn hướng tới Sự Cát Lên, là khi Đấng Christ trình diện Hội Thánh trước mặt Ngài như một Hội Thánh vinh hiển, không vết, không nhân, không chỉ giống như vậy được (Êphêsô 5:27). Có người tin rằng theo quan điểm này, tài sản thuộc riêng Đức Chúa Trời có thể cũng bao gồm các thánh đồ Cựu Ước.

Dẫu theo quan điểm nào đi nữa, kết quả cuối cùng vẫn y như nhau – để khen ngợi sự vinh hiển Ngài. Kế hoạch tuyệt vời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài bấy giờ sẽ đạt đến sự chung kết vinh hiển, và Ngài sẽ là đối tượng được khen ngợi không ngừng. Trong đoạn này, Phaolô ba lần nhắc chúng ta mục tiêu đã dự định và kết quả không thể tránh khỏi cho mọi hành động của Đức Chúa Trời ấy là: Ngài sẽ được ca ngợi và được vinh hiển.

Để khen ngợi sự vinh hiển của ân điển Ngài (câu 6).

Để bởi chúng ta mà sự vinh hiển của Ngài được ngợi khen (câu 12).

Để ca ngợi sự vinh hiển Ngài (câu 14).

C. Lời Phaolô Tạ Ơn Và Cầu Thay Cho Các Thánh Đồ (1:15-23)

1:15 Trong phần đoạn trước, trải dài từ câu 3-14 (chỉ là một câu văn duy nhất trong tiếng Hy Lạp!) sử đồ đã truy theo phạm vi rất phấn khởi trong chương trình của Đức Chúa Trời từ

trước vô cùng đến cõi tương lai vô cùng. Ông nói qua một số những ý tưởng đem lại sự đáng kinh sợ nhất có thể đang ảnh hưởng tâm trí chúng ta, những tư tưởng đáng tôn cao đến nỗi giờ đây Phaolô chia sẻ cho độc giả gánh nặng cầu thay sâu xa của ông để xin Chúa soi sáng tâm linh họ trước những khái niệm như thế. Ước muốn lớn lao của ông là họ có thể hiểu được những đặc ân vinh hiển của mình trong Đấng Christ và quyền năng lớn lao buộc phải trao cho Đấng Christ trên Hội Thánh với tư cách Đấng trên toàn cõi tạo vật.

Chữ giới thiệu **vậy nên** nhìn lại toàn bộ việc Đức Chúa Trời đã làm và sẽ còn làm cho những người làm chi thể trong Thân của Đấng Christ, như đã được mô tả trong câu 3-14

Sau khi tôi có nghe đức tin anh em hưởng về Đức Chúa Jêsus và tình yêu thương đối với các thánh đồ. Chính lúc được tin này, Phaolô được bảo đảm độc giả của ông là người sở hữu các phước lành thuộc linh vừa mới mô tả, và ông được thúc giục cầu thay cho họ. **Đức tin họ trong Chúa Jêsus đã đem phép lạ cứu rỗi đến cho đời sống họ. Tình yêu của họ đối với các thánh đồ đã chứng tỏ thực tế được biến hóa trong sự hoán cải của họ.**

Những học giả Kinh Thánh nào không nghĩ bức thư này được viết riêng cho người Êphêsô mà thôi thì trưng dẫn câu Kinh Thánh này làm bằng chứng. Ở đây, Phaolô nói ông nghe về đức tin của độc giả – dường như thể chưa hề gặp họ. Nhưng ông đã ở ít nhất ba năm tại Êphêsô (Công Vụ 20:31). Do đó, họ kết luận thư này được gửi cho tất nhiều hội

chúng địa phương, mà Êphêso chỉ là một trong số đó.

May mắn thay, thắc mắc ấy không hề ảnh hưởng đến những bài học rút ra được từ câu Kinh Thánh này. Lấy ví dụ, chúng ta thấy Chúa được trình bày là đối tượng thật của đức tin. Đức tin anh em hướng về Đức Chúa Jêsus. Không truyền chúng ta phải tin một bài Tin Điều, nơi một giáo hội, hay nơi những Cơ Đốc nhân. Đức tin cứu rỗi ở trong Đấng Christ phục sinh và được tôn cao, đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời.

Một bài học khác cho chúng ta là cụm từ "tình yêu thương của anh em đối với hết thảy các thánh đồ." Tình yêu thương của chúng ta không nên giới hạn chỉ cho những ai trong phạm vi cùng hội thông công của mình, nhưng phải tuôn ra cho mọi ai đã được tẩy sạch bởi huyết của Đấng Christ, cho mọi người nhà của đức tin.

Bài học thứ ba được tìm thấy qua sự kết hợp đức tin và tình yêu thương. Có người nói họ có đức tin, nhưng thật khó tìm thấy chút tình thương nào trong đời sống họ. Người thì tuyên bố có tình yêu thương lớn lao nhưng lại thờ ơ với lẽ tất yếu của đức tin nơi Đấng Christ. Cơ Đốc giáo chân chính kết hợp giáo lý lành mạnh với nếp sống lành mạnh.

1:16 Đức tin và tình yêu thương của các tín hữu thúc Phaolô ca ngợi Chúa vì cơ họ và cầu thay cho họ không ngừng. Scroggies diễn tả rất hay:

Tạ ơn là vì nền tảng đã được thiết lập rồi. Nhưng cầu thay là dành cho những tảng cấu trúc sẽ được xây cất tiếp trên đó. Sự tạ ơn là dành cho những thành tựu quý báu, nhưng cầu

thay cho những tiến bộ trong tương lai. Sự tạ ơn dành cho những sự thật trong kinh nghiệm của họ, nhưng cầu thay dành cho những điều có thể có trong mục đích của Đức Chúa Trời dành cho họ.

1:17 Quả là đặc ân lớn lao khi được nhìn thoáng qua thế này vào đời sống cầu nguyện nơi một người thuộc về Đức Chúa Trời. Trên thực tế, thư này có hai lần cho nhìn thoáng qua như vậy - ở đây và trong 3:14-21. Ở đây, lời cầu nguyện xin được soi sáng thuộc linh; ở đoạn 3, lời cầu nguyện xin sức mạnh thuộc linh. Ở đây, lời cầu nguyện thưa với Đức Chúa Trời; ở đoạn 3 là thưa với Cha. Nhưng trong mọi trường hợp, những lời cầu nguyện của Phaolô đều là không ngừng, cụ thể, và thích ứng với nhu cầu hiện tại của tín đồ. Ở đây, lời cầu nguyện được trình dâng lên Đức Chúa Trời của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, là Cha vinh hiển. Cụm từ "Cha vinh hiển" muốn nói Đức Chúa Trời:

1. Hoặc là Nguồn hay Đấng Lưu Phát mọi sự vinh hiển,
2. hoặc Ngài là Đấng mà vinh hiển đều thuộc về Ngài, hoặc
3. Ngài là Cha của Đức Chúa Jêsus, Đấng làm biểu hiện về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Lời cầu nguyện tiếp tục để xin Ngài ban cho anh em thần trí của sự khôn sáng và sự tỏ ra để nhận biết Ngài. Thánh Linh là thần sự khôn ngoan (Êsai 11:2), và là Thánh Linh của sự tỏ ra (I.Côrinthô 2:10). Nhưng vì mỗi tín hữu đều có Thánh Linh ngự trong lòng, nên ở đây, không thể là Phaolô đang cầu

nguyện cho độc giả nhận lấy thân vị Đức Thánh Linh, nhưng trái lại, ông đang cầu nguyện để họ nhận được mức độ soi dẫn đặc biệt từ nơi Ngài.

Sự tỏ ra để cập đến việc truyền đạt kiến thức; sự **khôn sáng** liên quan đến cách sử dụng đúng hiểu biết đó trong đời sống chúng ta. Không phải sử đó đang nghĩ đến sự nhận biết nói chung, nhưng sự **nhận biết** cụ thể (*Hy văn: epignōsis*) về Ngài. Ông muốn tín hữu được **nhận biết** sâu nhiệm, thiêng liêng, bằng kinh nghiệm về Đức Chúa Trời – một hiểu **biết** không thể nhận được nhờ năng lực lý trí, nhưng chỉ bởi chức vụ **đầy ơn** của Thánh Linh.

Dale giải thích:

Những người Êphê-sô đã được sự soi sáng thiên thượng rồi. Nếu không, họ sẽ chẳng hề là Cơ Đốc nhân chỉ cả. Nhưng Phaolô cầu nguyện để Thánh Linh Thiên Thượng, Đấng ngự trong họ sẽ khiến tâm hồn của họ càng rõ ràng hơn, sắc nét hơn, mạnh mẽ hơn, để quyền năng, tình yêu và sự cao trọng thiên thượng được bày tỏ cho họ càng đầy đủ hơn nữa. Và có lẽ trong những ngày này, khi con người đang có những khám phá hết sức nhanh chóng trong những lãnh vực thấp thỏi của ý tưởng, những khám phá rất hấp dẫn và kích thích để cạnh tranh sự quan tâm, ngay cả đối với Cơ Đốc nhân cũng vậy nữa. tức là biểu hiện của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, thì càng có nhu cầu phi thường để Hội Thánh cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban cho Hội Thánh "thần trí của sự khôn sáng và sự tỏ ra"; nếu Ngài nhậm lời cầu nguyện ấy, chúng ta hẳn không còn loá mắt trước sự hiểu biết

về "những điều thấy được và tạm thời." nó sẽ bị lu mờ đi trước vinh quang của "những điều không thấy được và đời đời không cùng."⁵

1:18 Chúng ta đã thấy nguồn gốc sự soi sáng thiêng liêng là Đức Chúa Trời; phương pháp biểu hiện chính là Thánh Linh; và mục tiêu tối cao chính là sự hiểu biết đầy trọn về Đức Chúa Trời. Giờ đây, chúng ta tiến đến những cơ quan của sự soi sáng: là **soi sáng con mắt của lòng anh em** (chú thích lẻ của bản NKJV ⁶).

Cụm từ diễn đạt theo nghĩa bóng này dạy chúng ta: sự hiểu biết đúng đắn về các thực tại thiên thượng không lệ thuộc vào việc chúng ta phải có trí khôn sắc sảo, nhưng đúng hơn là có **tấm lòng mềm mại**. Đây là vấn đề của tình cảm và cũng của lý trí. Những sự tỏ ra của Đức Chúa Trời được ban cho những ai yêu mến Ngài. Điều này mở ra nhiều khả năng cho mỗi tín hữu, vì **đầu không có chỉ số thông minh I.Q. cao**, nhưng **hết thảy chúng ta đều có tấm lòng yêu thương**.

Kế tiếp, Phaolô nói rõ ba lãnh vực cụ thể của hiểu biết thiên thượng mà ông khao khát cho các thánh đồ:

1. **Điều trông cậy về sự kêu gọi của Ngài.**
2. **Sự giàu có của cơ nghiệp vinh hiển Ngài cho các thánh đồ.**
3. **Sự cao trọng tốt đẹp của quyền năng Ngài đối với chúng ta là người có lòng tin.**

Sự trông cậy về sự kêu gọi của Ngài hướng về tương lai; điều này có nghĩa số phận cuối cùng Ngài đã định sẵn cho chúng ta khi kêu gọi chúng ta. Điều này

bao gồm việc chúng ta sẽ được đồng ở với Đấng Christ và trở nên giống Ngài đời đời. Chúng ta sẽ được tỏ ra trong cõi vũ trụ này với tư cách con của Đức Chúa Trời và đồng cai trị với Ngài trong tư cách Tân Nương không tì vết của Ngài. Chúng ta trông cậy điều này, không theo nghĩa chúng ta có chút nghi ngờ nào về điều ấy, nhưng trái lại vì phương diện đó trong sự cứu rỗi của chúng ta vẫn còn trong tương lai và vì chúng ta đang nhìn hướng tới điều ấy.

Sự giàu có của cơ nghiệp vinh hiển Ngài trong các thánh đồ là điều thứ nhì trong sự bao la vô cùng cho các tín hữu khám phá. Hãy lưu ý phương cách Phaolô xếp đặt từ ngữ này trên từ ngữ kia để tạo ra hiệu ứng về tính mệnh mông và vĩ đại:

Cơ nghiệp Ngài

Cơ nghiệp Ngài cho các thánh đồ

Cơ nghiệp vinh hiển Ngài cho các thánh đồ

Sự giàu có của cơ nghiệp vinh hiển

Ngài cho các thánh đồ

Có hai phương cách khả dĩ để hiểu điều này, và cả hai đều có ý nghĩa đến nỗi chúng tôi muốn trình bày cả hai. Theo cách hiểu thứ nhất, các thánh đồ là cơ nghiệp Ngài, và Ngài xem họ như kho báu quý giá vô song. Trong Tit 2:14 và I.Phiêrô 2:9, tín hữu được mô tả là "Dân thuộc riêng về Ngài." Đương nhiên đây là sự thể hiện ân điển khôn tả cho những tội nhân xấu xa và không xứng đáng - đã được cứu qua Đấng Christ - luôn có thể tìm được một nơi trong tâm lòng của Đức Chúa Trời để Ngài có thể nói họ là cơ nghiệp Ngài.

Quan điểm thứ nhì xem cơ nghiệp này nói đến toàn bộ những điều chúng

ta sẽ thừa hưởng. Nói vắn tắt, điều này có nghĩa toàn bộ cõi vũ trụ đều đặt dưới quyền cai trị của Đấng Christ, và chúng ta, tức Tân Nương Ngài, đồng cai trị với Ngài trên toàn cõi vũ trụ ấy. Nếu thực sự thưởng thức được giá trị sự giàu có của vinh hiển mà Ngài cất chứa sẵn cho chúng ta, thì nhờ đó chúng ta sẽ không còn chăm chú vào những sự hấp dẫn và lạc thú của thế gian này.

1:19 Lời khẩn cầu thứ ba của Phaolô cho các thánh đồ là để họ được thưởng thức sâu nhiệm về quyền phép Đức Chúa Trời dùng để khiến mọi sự xảy ra: biết quyền vô hạn của Ngài, đối với chúng ta có lòng tin, là lớn dường nào, (y theo phép tối thượng của năng lực mình).

F.B. Meyer nói: "Đây là quyền năng. Đây là quyền năng của Ngài. Đây là quyền năng lớn lao của Ngài; không gì hơn có thể đáp ứng được. Đây là quyền năng lớn vô hạn, vượt trội hơn mọi sự suy nghĩ."⁷

Đây là quyền năng Đức Chúa Trời dùng để cứu chuộc chúng ta, Ngài dùng để bảo tồn chúng ta, và quyền năng Ngài sẽ dùng để làm vinh hiển chúng ta. Lewis Sperry Chafer viết:

Phaolô muốn tín hữu này ghi nhớ sự cao trong của quyền năng được dùng để làm thành cho người ấy mọi điều Chúa dự định đúng theo công tác chọn lựa, định trước và sự nhận làm con nuôi tối thượng của Ngài.⁸

1:20 Để nhấn mạnh thêm quy mô của quyền năng Ngài, tiếp theo sứ đó mô tả biểu hiện vĩ đại nhất của quyền năng thiên thượng mà thế gian này từng biết đến, tức là quyền năng để khiến

Đấng Christ sống lại và tôn Ngài lên ngôi trên ngài bên hữu Đức Chúa Trời. Có lẽ chúng ta nghĩ sự tạo dựng cõi vũ trụ là biểu hiện vĩ đại nhất về quyền năng Đức Chúa Trời. Hoặc sự giải cứu bằng phép lạ để Ngài đưa dân sự vượt Biển Đỏ. Nhưng không phải! Tân Ước dạy rằng sự phục sinh và thăng thiên của Đấng Christ đòi hỏi phải có sự tuân trào sức lực thiên thượng vĩ đại nhất.

Vì sao lại như vậy? Dương như toàn bộ mọi đạo binh địa ngục đều dồn lại để đánh bại mục đích của Đức Chúa Trời bằng cách giữ Đấng Christ trong mồ mà, hay ngăn trở Ngài thăng thiên sau khi đã được khiến từ kẻ chết sống lại rồi. Nhưng Đức Chúa Trời đã đắc thắng khải hoàn trên mọi binh thức chống đối. Sự phục sinh và làm vinh hiển Đấng Christ đã đánh bại hoàn toàn Satan và các đạo binh hắn, và là quang cảnh vinh hiển về quyền năng đắc thắng.

Không ai đủ khả năng mô tả một quyền năng như thế. Vì vậy, Phaolô mượn rất nhiều từ ngữ qua vốn văn phạm của ngành động lực học để mô tả quyền năng đã được sử dụng vì cơ chúng ta: "y theo sự vận hành sức mạnh của năng lực Ngài mà Ngài đã truyền sinh lực trong Đấng Christ khi khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại." Những từ ngữ này dường như cũng phải oằn mình dưới sức nặng của ý tưởng. Hầu như chúng ta không cần thiết phải phân biệt những từ ngữ khác nhau này; chừng đó cũng đủ khiến phải thần phục trước linh bao la của quyền năng và đủ để thờ phượng Đức Chúa Trời chúng ta vì sự toàn năng Ngài.

Meyer thốt lên:

Ở đây có sự tôn cao tuyệt vời biết bao! Từ mồ mà của loài người hay chết lên đến ngai Đức Chúa Trời đời đời. Đấng duy chỉ có sự bất tử mà thôi. Từ bóng tối của mồ mà đến ánh sáng không thể chịu nổi. Từ thế giới nhỏ bé này đến trung tâm và thủ phủ của cả cõi vũ trụ. Hãy mở la bàn của đức tin hạn để đo lường vực sâu không thể đo thấu này. Sau đó hãy thần phục trước quyền năng đã đem Chúa chúng ta vượt qua vực sâu ấy.⁹

Theo Kinh Thánh, sự phục sinh của Đấng Christ là trước tiên trong số những biến cố như thế của lịch sử con người (I.Côrinthô 15:23). Nhiều người khác đã được từ kẻ chết sống lại, nhưng họ lại chết lần nữa. Đức Chúa Jesus là người đầu tiên sống lại trong quyền phép của sự sống bất tận. Sau khi Đấng Christ phục sinh và thăng thiên, Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng Christ ngồi bên hữu Ngài lại các nơi trên trời. Bên hữu Đức Chúa Trời biểu thị địa điểm được hưởng đặc ân (Hêbơơ 1:13), quyền năng (Mathiơ 26:64), sự phân biệt độc đáo (Hêbơơ 1:3), sự vui thích (Thithiên 16:11), và quyền thống trị (I.Phiêrơ 3:22).

Địa điểm này được mô tả thêm là trong các nơi trên trời. Điều này cho thấy cụm từ bao gồm nơi ở của Đức Chúa Trời. Đây chính là nơi Đức Chúa Jesus đang ở ngày nay trong thân thể bằng xương bằng thịt đúng nghĩa đen, một thân thể đã được làm cho vinh hiển, không còn có thể chết được nữa. Hiện nay Ngài ở đâu, thì chúng ta cũng sẽ được ở chỗ ấy.

1:21 Sự làm vinh hiển Cứu Chúa chúng ta được mô tả thêm là **cao hơn hết mọi quyền, mọi phép, mọi thế lực, mọi quân chủ cùng mọi danh vang ra, không những trong đời nầy, mà cũng trong đời hầu đến nữa**. Đức Chúa Jêsus **trổi hơn mọi vua hoặc mọi thẩm quyền, dầu là thẩm quyền của loài người hay của thiên sứ, hiện nay cho đến đời đời vô cùng**.

Trong các nơi trên trời có nhiều cấp bậc khác nhau của thiên sứ, một số là thiên sứ ác và một số là thiên sứ thiện. Họ có mức độ quyền lực khác nhau. Chẳng hạn, có thể một số cấp bậc tương ứng với những chức vị của con người chúng ta là tổng thống, tổng đốc, thị trưởng, hay ủy viên hội đồng thị trấn. Cho dù quyền cai trị, thẩm quyền, **thế lực và quyền thống trị** của họ có vi đại đến đâu đi nữa, Đấng Christ vẫn **trổi cao hơn hết**.

Và điều này đúng **không những** trong thời **đại** chúng ta đang sống, mà **cũng đúng trong thời đại hầu đến**, tức trong Thời Trị Vì Thiên Hy Niên theo nghĩa đen của Đấng Christ trên đất. Bấy giờ Ngài sẽ làm Vua trên muôn vua và Chúa trên muôn chúa. Ngài sẽ được tôn cao trên mọi loài thọ tạo; không một ngoại lệ nào.

1:22 Ngoài ra, Đức Chúa Trời còn **bái muôn vật phục dưới chân Đấng Christ**. Điều này biểu thị quyền thống trị trên cõi vũ trụ, không những trên loài người và thiên sứ mà thôi, nhưng trên cả mọi tạo vật còn lại của Ngài, cả loài sống động lẫn loài vô tri vô giác. Tác giả thư Hêbơrơ nhắc hiện nay chúng ta không thấy muôn vật phục

dưới Ngài (Hêbơrơ 2:8). Đúng như vậy. Dầu quyền thống trị và trụ thuộc về Đấng Christ, hiện nay Ngài vẫn chưa dùng quyền ấy. Lấy ví dụ, con người vẫn nổi loạn chống nghịch Ngài và phủ nhận Ngài, hoặc chống cự Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời đã định Con Ngài sẽ **nắm lấy binh quyền thống trị** cả cõi vũ trụ, và điều ấy cũng chắc chắn y như là một thực tế hiện tại vậy.

Điều tiếp theo dường như không thể tin nổi. Chính Đấng có đôi tay mang dấu đinh sẽ là Đấng nắm quyền tế trị tối thượng trên toàn cõi vũ trụ - Đức Chúa Trời đã ban Đấng vinh hiển này **cho Hội Thánh!** Ở đây Phaolô nêu sự bày tỏ đến sùng sốt về sự mâu nhiệm của ý muốn Đức Chúa Trời; từng bước một ông đang dẫn đến lời công bố đỉnh điểm này. Với tài năng sinh động, ông đang mô tả sự phục sinh, sự làm vinh hiển và quyền thống trị của Đấng Christ. Nhưng khi lòng chúng ta vẫn còn đang kinh sợ chiêm ngưỡng Chúa vinh hiển mọi bề này, thì vị sứ đồ lên tiếng: **"Đấng Christ đã được ban cho Hội Thánh với tư cách là Đầu trên hết thầy muôn vật."**

Nếu đọc câu Kinh Thánh này cách bất cẩn, chúng ta có thể nghĩ câu này nói Đấng Christ là Đầu của Hội Thánh. Tuy cũng đúng như vậy, nhưng câu Kinh Thánh còn nói nhiều hơn thế. Câu Kinh Thánh này nói Hội Thánh được liên hệ gắn gũi với Ngài là Đấng đã được ban quyền thống trị toàn cõi vũ trụ.

Trong câu 21, chúng ta biết Đấng Christ trổi hơn mọi tạo vật trên trời dưới đất, trong đời này và đời hầu đến.

Trong phần đầu của câu 22, chúng ta biết **muôn vật** cũng như mọi loài thọ tạo **đều phải phục dưới chân Ngài**. Giờ đây chúng ta biết sự kêu gọi độc nhất vô nhị của **Hội Thánh** chính là kêu gọi Hội Thánh liên kết với Ngài trong quyền thống trị vô biên của Ngài. Hội Thánh sẽ dự phần quyền cai trị của Ngài. Hết thấy toàn bộ phần tạo vật còn lại sẽ phục dưới quyền tể trị của Ngài.

1:23 Trong câu cuối này của đoạn 1, chúng ta biết mối quan hệ của Đấng Christ và Hội Thánh khàng khít biết bao. Ở đây nêu tên hai hình ảnh: (1) Hội Thánh là **Thân Thể Ngài**; (2) Hội Thánh là **sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài**.

Không còn mối quan hệ nào gắn gũi hơn quan hệ giữa đầu và thân. Đầu và thân hiệp một trong sự liên hiệp sống còn và được một Thánh Linh cư ngụ bên trong. Hội Thánh là cộng đoàn của những người được kêu gọi ra khỏi thế gian giữa ngày Lễ Ngũ Tuần và ngày Cát Lên, được cứu bởi ân điển tuyệt diệu, được ban đặc ân độc đáo là làm **Thân Thể** của Đấng Christ. Không một nhóm tín hữu nào khác trong bất kỳ thời đại nào từng có được hay sẽ có được sự phân biệt này.

Lời mô tả thứ nhì là: **Sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài**. Điều này đơn giản có nghĩa Hội Thánh là sự bổ sung của Đấng Christ, Đấng lập tức hiện diện đồng thời ở khắp mọi nơi. Sự bổ sung là điều điền vào hoặc làm cho đầy đủ hoàn chỉnh. Câu này hàm ý hai điều, mà khi kết hợp lại sẽ tạo thành một tổng thể. Thân thể là phần

bổ sung cho đầu thể nào, thì Hội Thánh cũng là phần bổ sung cho Đấng Christ thể ấy.

Nhưng để khỏi ai nghi điều này hàm ý có sự bất toàn hay không hoàn chỉnh trong Đấng Christ, Phaolô nhanh chóng nói thêm: **Sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài**. Ngài không hề cần bất kỳ điều gì để điền vào bất kỳ chỗ thiếu hoàn chỉnh nào, nên Đức Chúa Jêsus Christ chính là **Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài**, Đấng thấm nhuần khắp cõi vũ trụ và cung cấp cho vũ trụ mọi điều vũ trụ cần.

Phải thừa nhận điều này quá lớn lao, chúng ta không hiểu nổi. Chúng ta chỉ còn có thể thần phục tâm trí và kế hoạch vô hạn của Đức Chúa Trời đang khi thừa nhận mình không đủ khả năng hiểu hết.

B. Quyền Năng Của Đức Chúa Trời Thể Hiện Trong Việc Cứu Người Ngoại Và Người Do Thái (2:1-10)

2:1 Đừng để phân ngắt đoạn Kinh Thánh làm lu mờ sự liên ý quan trọng giữa phần cuối đoạn 1 với những câu đi tiếp theo. Tại đó, chúng ta thấy quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời khi quyền năng ấy khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại và đội mào triều thiên vinh hiển tôn trọng cho Ngài. Giờ đây, chúng ta thấy thể nào chính quyền năng ấy đã hành động trong đời sống chúng ta, khiến chúng ta sống lại từ sự chết thuộc linh và cho chúng ta ngồi trong Đấng Christ trong các nơi trên trời.

Phần đoạn này tương tự với đoạn thứ nhất của sách Sáng Thế Ký. Trong mỗi nơi, chúng ta đều có: (1) Một quang cảnh điều tàn, hỗn loạn và đổ nát (Sáng

Thế Kỳ 1:2a; Êphêso 2:1-3); (2) Lời giới thiệu quyền năng thiên thượng (Sáng Thế Kỳ 1:2b; Êphêso 2:4); (3) Tạo dựng sự sống mới (Sáng Thế Kỳ 1:3-31; Êphêso 2:5-22).

Khi Êphêso đoạn hai bắt đầu, chúng ta là những xác chết thuộc linh nằm trong trứng bồng chết. Khi đoạn 2 kết thúc, chúng ta không những ngồi trong Đấng Christ trong các nơi trên trời mà còn làm thành nơi ở của Đức Chúa Trời qua Thánh Linh. Giữa hai phần đó, chúng ta có phép lạ quyền năng đem lại sự biến đổi đáng lưu ý này.

Mười câu đầu mô tả quyền năng của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi người ngoại bang và người Do Thái. Không Cô Bé Lọ Lem nào từng được biến từ những đồng giẻ rách ghé tòm như thế đến sự giàu có như vậy!

Trong câu 1 và 2, Phaolô nhắc đến giả ngoại bang của ông nhớ lại trước khi hoán cải, họ là những người **chết**, bại hoại, thuộc về ma quỷ và không vàng phục. Họ **đã chết** phần thuộc linh vì cơ **lầm lỗi và tội ác** của họ. Điều này có nghĩa họ không có sự sống đối với Đức Chúa Trời. Họ không hề có mối quan hệ sống còn nào với Ngài. Họ sống dương như thế Ngài không hiện hữu vậy. Nguyên nhân sự chết này chính là do **lầm lỗi và những tội ác**. **Tội ác** ở đây chính là bất kỳ hình thức làm điều sai quấy nào, dù cố ý hay vô ý phạm, và những tư tưởng, những lời nói hay những hành động nào thiếu hụt sự trọn lành của Đức Chúa Trời. **Những lầm lỗi** ở đây là những tội vi phạm công khai một luật đã biết. Theo ý nghĩa rộng hơn, có lẽ chúng cũng bao gồm cả những

bước đi, những biện pháp sai lầm, hay những sai lầm.

2:2 Người Êphêso đã bại hoại cũng như đã chết. Họ **bước đi theo thói quen đời này**. Họ làm theo tinh thần của đời này. Họ buông mình trong những tội lỗi của thời bấy giờ. Thế gian này có cái khuôn để nhào nặn những người tặn biến với nó trong khuôn ấy. Đó là chiếc khuôn lửa gạc, gian dâm, không tin kính, ích kỷ, hung bạo và chống nghịch. Nói tóm lại, đây là chiếc khuôn của sự bại hoại. Người Êphêso đã từng giống y như thế.

Không những vậy mà thôi. Hành vi của họ còn thuộc về ma quỷ nữa. Họ noi gương của ma quỷ, là **vua cấm quyền chốn không trung**. Họ đã bị vua cấm quyền các tà linh dẫn đi loanh quanh, và vinh quang của chúng chính là chốn không trung. Họ sẵn lòng vâng lời thần của đời này. Điều này giải thích vì sao người chưa tin thường có hình thức hạ mình xuống những hành vi xấu xa gian ác còn thấp hơn cả hành vi của loài thú.

Cuối cùng, họ đã không vâng lời, bước đi theo **hảo hiện** đương hành động trong các cơn bạo nghịch. Hết thấy những người chưa được cứu đều là cơn **bạo nghịch** theo ý nghĩa đặc trưng của họ chính là **không vâng lời** Đức Chúa Trời. Họ được Satan ban sinh lực nên do đó sẵn sàng thách thức, xem thường và không vâng lời Chúa.

2:3 Việc Phaolô chuyển đại từ nhân xưng từ "anh em" sang "chúng ta" cho thấy ông giờ đây đang nói chủ yếu đến những tín hữu người Do Thái (đầu những điều ông nói cũng đúng cho mọi người trước lúc được hoán cải). Ba từ

ngữ mô tả thân phận của họ: xác thịt, bại hoại và bị định tội.

Chúng ta hết thấy cũng đều ở trong số ấy, trước kia sống theo tư dục xác thịt mình. Phaolô và các bạn cùng niềm tin của ông cũng đã bước đi ở giữa con cái bạn nghịch trước khi được tái sanh. Sự sống của họ là theo tư dục xác thịt, chỉ lo làm thỏa mãn những tư dục và ham mê của xác thịt. Nói chung, chính Phaolô đã sống cuộc đời đạo đức ở bên ngoài, nhưng giờ đây ông nhận thấy đời sống ấy ích kỷ biết bao. Và phẩm tính có trong chính bản thân ông còn tồi tệ hơn bất kỳ mọi điều ông đã từng làm.

Người Do Thái chưa tin Đấng Christ cũng bại hoại nữa, làm trọn các sự ham mê của xác thịt và của ý tưởng. Điều này cho thấy họ buông mình vào mọi sự dục vọng tự nhiên. Sự ham mê của xác thịt và của ý tưởng có thể trải dài suốt phạm vi từ những đam mê hợp pháp cho đến các hình thức khác nhau của sự gian dâm và bại hoại; ở đây chắc nhấn mạnh vào những tội lỗi nghiêm trọng hơn. Và cũng lưu ý, Phaolô nói đến những tội lỗi trong tư tưởng cũng như những hành động tội lỗi.

F. B. Meyer cảnh cáo:

Buông mình vào những đam mê của ý tưởng thì cũng bại hoại y như buông mình vào những ham mê của xác thịt. Bởi món quà tuyệt diệu là trí tưởng tượng, chúng ta có thể buông mình vào những ý nghĩ ngông cuồng bất khiết, và buông thõng cương trên cổ những chú ngựa đam mê – luôn luôn đứng lại khi vẫn chưa tìm việc đó. Không cặp mắt nào của con người dõi theo tâm hồn này khi nó tiến tới để

khieu vũ với những thần nửa người nửa dê (satyrx) hay để thú sọi chỉ trong mê cung của những hòn đảo đam mê. Nó đi tới đi về mà người đứng gần nhất cũng không nghĩ ngờ chi cả. Tiếng thơm cho sự thanh sạch như tuyết của tâm hồn vẫn không bị mất đi. Nó vẫn còn được phép thức canh giữa những người nữ đồng trinh chờ đón Chúa Giê-đê đến. Nhưng nếu không chịu tra xét và không nung ra nếp sống này, nó sẽ dành dấu người vi phạm ấy là con cái hạn nghịch và là con của sự thanh nộ.¹⁰

Đây là lời mô tả cuối cùng của Phaolô về người Do Thái chưa được cứu: người ấy tự nhiên làm con của sự thanh nộ cũng như mọi người khác. Điều này có nghĩa họ có thiên hướng bẩm sinh để nổi giận, hiểm ác, cay đắng, nóng nảy. Họ chia sẻ bản tính này với cả phần nhân loại còn lại. đương nhiên, cũng đúng là họ ở dưới cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Họ đã bị chỉ định để chịu chết và bị đoán phạt. Lưu ý ba kẻ thù của con người được đề cập trong câu 2 và câu 3: thế gian (c. 2), ma quỷ (c. 2), và xác thịt (c.3).

2:4 Những chữ "nhưng Đức Chúa Trời" hình thành một trong những phần chuyển ý quan trọng nhất, hùng hồn nhất và cảm động nhất trong mọi văn phẩm. Chúng cho thấy có sự thay đổi kỳ diệu xảy ra. Đây là sự thay đổi từ số phận âm ảm và tuyệt vọng của trũng bóng chết sang vui thích khôn tả xiết nơi vương quốc linh yêu của Con Đức Chúa Trời.

Tác giả sự thay đổi này là chính Đức Chúa Trời. Không ai khác có thể thực

hiện được điều đó, và không ai khác làm được.

Một đặc tính của Đấng đầy phước hạnh này ấy là Ngài **giàu lòng thương xót**. Ngài **rõ lòng thương xót** chúng ta bằng cách không đối đãi với chúng ta theo như cách chúng ta đáng nhận được (Thi thiên 103:10). Đùng như Eadie nhận định: "Dầu sự thương xót đã được Ngài triển hạn suốt sáu thiên niên kỷ, và hằng hà sa số người đã được dự phần, sự thương xót ấy vẫn là mớ giầu có không thể cạn được."¹¹

Nguyên nhân khiến Ngài can thiệp được nêu trong những từ ngữ "vì cơ lòng yêu thương lớn Ngài đem mà yêu chúng ta." Tình yêu của Ngài bao la vì Ngài chính là nguồn tình yêu ấy. Sự cao trọng của người ban cho sẽ tỏa hào quang của sự cao trọng trên món quà của người thể nào, thì sự xuất sắc vượt trội của Đức Chúa Trời cũng tăng thêm vẻ long lẫy tốt bậc cho tình yêu của Ngài thể ấy. Lấy ví dụ, được Đấng Tế Trị Tối Thượng đầy quyền năng của cõi vũ trụ này yêu thương thì vĩ đại hơn là được yêu bởi một người đồng loại. Tình yêu của Đức Chúa Trời là vĩ đại vì giá Ngài đã trả. Tình yêu đã sai Chúa Jêsus, là Con Độc Sanh của Đức Chúa Trời, đến chết thay chúng ta trong thống khổ tại đồi Gôgôtha. Tình yêu của Đức Chúa Trời là vĩ đại vì cơ sự giàu có không thể đo lường của tình yêu ấy tuôn đổ trên những đối tượng được yêu.

2:5 Và tình yêu của Đức Chúa Trời là lớn bởi cơ tình trạng cực kỳ không xứng đáng và cực kỳ không đáng yêu của người được yêu. **Chúng ta đã chết vì tội mình đã phạm**. Chúng ta là kẻ thù

của Đức Chúa Trời. Chúng ta thiếu thốn cơ cực và biển thoát. Ngài đã yêu chúng ta bất chấp mọi điều ấy.

Nhờ tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta, và do kết quả công tác cứu chuộc của Đấng Christ, chúng ta đã (1) được làm cho sống với Đấng Christ; (2) được làm cho đồng sống lại với Đấng Christ; (3) được đồng ngồi trong Ngài.

Những cụm từ này mô tả địa vị thuộc linh của chúng ta như một kết quả từ sự liên hiệp với Ngài. Ngài đã hành động với tư cách Đấng Đại Diện chúng ta – không những cho chúng ta, mà còn giống như chúng ta. Do đó, khi Ngài chết, chúng ta cũng chết. Khi Ngài bị chôn, chúng ta cũng bị chôn.

Khi Ngài được làm cho sống, được sống lại, và được ngồi trong các nơi trên trời, chúng ta cũng được như vậy. Hết thảy những lợi ích từ công tác hy sinh của Ngài thì chúng ta đều được hưởng nhờ liên kết với Ngài. **Được làm cho sống với Đấng Christ** có nghĩa những người Do Thái và ngoại bang tin nơi Ngài giờ đây được liên kết với Ngài trong sự sống mới. Quyền năng đã đem sự sống phục sinh đến cho Ngài cũng chính là quyền năng đem sự sống phục sinh ấy đến cho chúng ta.

Thần phục trước điều này khiến Phaolô ngắt ngang dòng tư tưởng để thốt lên: "**Ấy là nhờ ân điển mà anh em được cứu**." Ông chìm ngập trong ơn không thể đo lường của Đức Chúa Trời bày tỏ cho những người chỉ đáng nhận điều trái ngược lại. Đó chính là **ân điển!**

Chúng ta đã nói rồi rằng lòng thương xót có nghĩa chúng ta không nhận lấy hình phạt mình đáng phải

nhận. **Ân điển** có nghĩa chúng ta thật sự được nhận sự cứu rỗi mà mình không xứng đáng được nhận. Chúng ta nhận lấy ân điển như món quà, chứ không phải như một điều chúng ta làm để kiếm được. Và ân điển đến từ Đấng vốn không hề bị bắt buộc phải ban ân điển ấy. A. T. Pierson nói:

Đây là sự tỏ lòng yêu cách tình nguyện mà Ngài không hề có bổn phận phải làm. Điều trở nên vinh hiển của ân điển chính là: đây là sự tỏ bày không hề bị ràng buộc, không hề bị giới hạn của tình yêu Đức Chúa Trời dành cho những tội nhân đáng thương.¹²

2:6 Không những chúng ta được làm cho sống lại với Đấng Christ, mà còn được **đồng sống** lại với Ngài nữa. Sự chết và đoán xét ở lại đằng sau Ngài thế nào, thì chúng cũng ở đằng sau chúng ta thế ấy. Chúng ta đứng phia bên sự phục sinh đối với mô mả. Đây là địa vị vinh hiển của chúng ta nhờ được liên hiệp với Ngài. Và vì điều này đúng cho chúng ta về mặt địa vị, chúng ta đáng phải sống như những người đã được sống lại từ kẻ chết.

Một phương diện khác nữa trong địa vị của chúng ta là chúng ta được ngồi trong Ngài **trong các nơi trên trời trong Đức Chúa Jêsus Christ**. Bởi được liên hiệp với Ngài, chúng ta được xem như được giải thoát khỏi đời ác hiện tại này rồi, và được ngồi **trong Đấng Christ** trong vinh hiển. Đây là cách Đức Chúa Trời nhìn xem chúng ta. Nếu chúng ta nắm lấy điều đó bởi đức tin, thì nó sẽ thay đổi đặc điểm của đời sống chúng ta. Chúng ta không còn bị ràng buộc

vào trần gian này, không còn âm ảnh với những điều vụn vặt thoáng qua. Chúng ta sẽ tìm kiếm những điều đến từ trên cao, là nơi Đấng Christ đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời (Colôse 3:1).

Chìa khóa của câu 5 và 6 chính là cụm từ **trong Đức Chúa Jêsus Christ**. Chính nhờ trong Ngài chúng ta mới được làm cho sống, được sống lại và được đồng ngồi. Ngài là Đấng Đại Diện chúng ta; do đó, những chiến thắng của Ngài và địa vị của Ngài là của chúng ta. George Williams thốt lên: "Một ý tưởng lạ lùng biết bao! Mari Madoten và một tên cướp bị đóng đinh sẽ là những người bạn đồng hành trong vinh hiển của Con Đức Chúa Trời."

2:7 Phép lạ của ân điển biến hóa này sẽ là đề tài của sự bày tỏ thiên thượng. Trái những thời đại bất tận, Đức Chúa Trời sẽ cứ bày tỏ cho những đoàn người đồng đảo trên thiên đàng biết Ngài đã phải trả giá nào để sai Con Ngài đến rừng sâu tội lỗi này, và Chúa Jêsus đã phải trả giá nào để gánh lấy tội lỗi chúng ta trên cây thập tự. Đây là một đề tài không bao giờ cạn. Một lần nữa, Phaolô xây dựng những tứ ngữ lên trên tứ ngữ để gợi lên tình bao la cho điều ấy:

Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta

Ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta

Sự giàu có của ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra cho chúng ta

Sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài, mà Ngài bởi lòng nhân từ đã dùng ra

cho chúng ta

Giờ đây có thể suy ra rằng nếu Chúa cứ tiết lộ điều này suốt cả cõi đời đời, thì chúng ta cũng sẽ cứ học tập đời đời. Thiên đàng sẽ là trường học của chúng ta. Đức Chúa Trời sẽ là Giáo Sư. **Ân điển Ngài** chính là đề tài. Chúng ta sẽ là học viên. Và học kỳ tại trường này sẽ là suốt cả cõi đời đời.

Điều này đáng phải giải thoát chúng ta khỏi suy nghĩ mình sẽ biết hết mọi sự khi đến thiên đàng. Chỉ Đức Chúa Trời mới biết hết mọi sự, và chúng ta sẽ không bao giờ ngang hàng được với Ngài.¹³

Điều này cũng làm nảy sinh thắc mắc thú vị: Khi đến thiên đàng, chúng ta sẽ biết được đến mức độ nào? Và gợi ra khả năng chúng ta có thể chuẩn bị cho viện đại học thiên đàng bằng cách học chuyên Kinh Thánh ngay giờ này.

2:8 Ba câu Kinh Thánh tiếp theo trình bày lời tuyên bố về kế hoạch đơn giản của sự cứu rỗi rõ ràng y như chúng ta có thấy trong Kinh Thánh.

Kế hoạch này hoàn toàn xuất phát từ **ân điển** của Đức Chúa Trời: Ngài đã khởi xướng bước đầu tiên để dự bị sự cứu rỗi. Sự cứu rỗi được ban cho những người hoàn toàn không xứng đáng được cứu rỗi, được ban dựa trên cơ sở Thân Vị và công tác của Chúa Jesus Christ.

Sự cứu rỗi được ban cho như một của sớ hữu ngay hiện tại. Những người được cứu có thể biết mình đã được cứu rồi. Khi viết cho người Êphêsô, Phaolô nói: **Anh em được cứu**. Ông đã biết sự cứu rỗi, và họ đã biết sự cứu rỗi.

Phương cách để nhận lấy món quà sự sống đời đời chính là qua **đức tin**. Đức tin có nghĩa con người nhận lấy địa

vị của mình với tư cách một tội nhân hư mất và có tội, và nhận lãnh Chúa Jesus như niềm hy vọng duy nhất để được cứu rỗi. Đức tin cứu rỗi thật sự chính là lòng cam kết của một người đối với Một Thân Vị.

Bất cứ ý tưởng nào cho rằng con người có thể làm để kiếm được sự cứu rỗi hay xứng đáng được sự cứu rỗi đều bị đập tan vụn vụn bởi những từ ngữ: **"Điều đó không phải đến từ anh em."** Người chết không thể làm được việc gì, và tội nhân không xứng đáng được điều gì khác hơn là hình phạt.

Đây là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Đương nhiên, sự ban cho là một món quà vô điều kiện và miễn phí. Đó là cơ sở duy nhất mà Đức Chúa Trời căn cứ vào để ban sự cứu rỗi. Sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi bởi **ân điển** và qua **đức tin**. Và được ban cho mọi người ở khắp mọi nơi.

2:9 Ấy chẳng phải bởi việc làm, có nghĩa đây không phải là việc con người có thể làm để kiếm được thông qua những việc làm được xem là công đức. Lấy ví dụ, không thể làm việc để kiếm được sự cứu rỗi nhờ vào:

1. Lễ thêm sức (Lễ Kiên Tin)
2. Lễ báp tem
3. Làm thuộc viên Hội Thánh
4. Đi nhà thờ
5. Tiệc Thánh
6. Cố giữ Mười Điều Răn
7. Sống đúng theo Bài Giảng Trên Núi
8. Bỏ thi của từ thiện
9. Làm láng giềng tốt
10. Sống cuộc đời đạo đức và đáng tôn trọng.

Người ta không được cứu nhờ việc làm. Người ta cũng không được cứu nhờ đức tin cộng với việc làm. Họ được cứu qua duy một mình đức tin mà thôi. Chính giây phút bạn cộng thêm việc làm bất kỳ loại nào hay bất kỳ lượng việc làm nào vào để làm phương tiện kiếm sự cứu rỗi đời đời, thì sự cứu rỗi không còn là bởi ân điển nữa (Rôma 11:6). Một nguyên nhân khiến việc làm bị loại trừ hoàn toàn chính là để ngăn chặn sự khoe khoang của con người. Nếu có người được cứu nhờ việc làm của mình, thì người đó có lý do để khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời. Không thể nào có điều này được (Rôma 3:27).

Nếu có ai được cứu nhờ những việc lành của chính mình, thì sự chết của Đấng Christ là không cần thiết nữa (Galatê 2:21). Nhưng chúng ta biết nguyên nhân Ngài chết chính là vì không còn phương cách nào khác để những tội nhân có tội có thể nhờ vào đó được cứu rỗi.

Nếu có người được cứu nhờ việc lành của chính người, thì người ấy sẽ trở thành cứu chúa của chính mình, và có thể thờ phượng chính mình. Nhưng như vậy sẽ là thờ lạy hình tượng, và Đức Chúa Trời cấm thờ hình tượng (Xuất Êđíphtô Ký 20:3).

Thậm chí nếu có người được cứu nhờ đức tin nơi Đấng Christ cộng với việc lành của chính bản thân thì cũng dẫn tới tình huống không thể nào có được là có hai Cứu Chúa cùng một lúc – Đức Chúa Jesus và chính tội nhân ấy. Bây giờ Đấng Christ sẽ phải chia sẻ vinh hiển của Cứu Chúa với một người khác,

và Ngài không bao giờ làm như vậy đâu (Êsai 42:8).

Cuối cùng, nếu có người góp phần vào sự cứu rỗi của mình nhờ việc làm, thì Đức Chúa Trời sẽ phải mang ơn người ấy. Điều này cũng không thể có được. Đức Chúa Trời không thể mắc nợ bất kỳ ai (Rôma 11:35).

Trái với việc làm, đức tin loại bỏ sự khoe mình (Rôma 3:27), vì đức tin không do công đức. Chẳng có lý do gì để kiêu hãnh vì cơ mình đã tin cậy Chúa. Đức tin nơi Ngài là điều tinh táo nhất, có lý nhất và khôn ngoan nhất mà một người có thể làm được. Tin Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của mình là hoàn toàn hợp lý và phải lẽ. Nếu không thể tin cậy Ngài, chúng ta còn tin cậy được ai?

2:10 Kết quả của sự cứu rỗi ấy là chúng ta là việc Ngài làm ra – là công việc từ tay Đức Chúa Trời, chứ không phải từ tay chúng ta. Một tin hữu được tái sanh là kiệt tác của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta nghĩ đến nguyên liệu thô mà Ngài đã phải chế biến, thì thành tựu của Ngài lại càng nổi bật hơn. Thật ra, kiệt tác này còn gì khác hơn tạo vật mới thông qua mối liên hiệp với Đấng Christ, vì "nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nấy mọi sự đều trở nên mới" (II.Côrinhtô 5:17).

Và mục tiêu của người được dựng nên mới này được tìm thấy trong cụm từ "để làm việc lành." Tuy đúng là chúng ta được cứu không bởi việc lành, nhưng cũng hoàn toàn đúng không kém ấy là chúng ta được cứu để làm việc

lành. Việc lành không phải là rể, nhưng là bông trái. Chúng ta không làm việc để được cứu, nhưng vì cố được cứu nên chúng ta làm việc.

Đây là phương diện chân lý được nhấn mạnh trong Giacô 2:14-26. Khi Giacô nói: "Đức tin không có việc làm thì chết," ông không có ý bảo chúng ta được cứu bởi đức tin cộng với việc làm, nhưng bởi loại đức tin sinh ra một đời sống có việc lành. Việc làm chứng tỏ thực tại đức tin của chúng ta. Phaolô hết lòng đồng ý: Vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành.

Như vậy, thứ tự của Đức Chúa Trời ấy là: Đức Tin → Sự Cứu Rỗi → Việc Lành → Phần Thưởng. Đức tin dẫn đến sự cứu rỗi. Sự cứu rỗi dẫn kết quả thành các việc lành. Các việc lành sẽ được Chúa ban thưởng.

Nhưng lại nảy sinh thắc mắc: Tôi phải làm loại việc lành nào? Phaolô trả lời: **Làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo.** Nói cách khác, Đức Chúa Trời có kế hoạch cho mỗi một đời sống. Trước khi chúng ta hoán cải, Ngài đã lập ra một sự nghiệp thuộc linh cho chúng ta. Trách nhiệm của chúng ta là tìm thấy ý muốn của Ngài dành cho chúng ta rồi vâng theo. Chúng ta không phải (tính toán) kế hoạch cho đời sống mình, nhưng chỉ việc chấp nhận kế hoạch Ngài đã vạch ra cho chúng ta. Điều này giải thoát chúng ta khỏi lo lắng bán khoán và kích động điên cuồng, và được bảo đảm rằng đời sống chúng ta sẽ đem lại vinh hiển tối đa cho Ngài, đem lại phần thưởng lớn

nhất cho người khác, và đem lại phần thưởng lớn nhất cho chúng ta.

Để tìm ra việc lành Ngài đã sắm sẵn trước cho đời sống cá nhân mình, chúng ta nên: (1) xưng ra và lìa bỏ tội ngay khi biết về tội ấy trong đời sống mình; (2) đầu phục Ngài liên tục và vô điều kiện; (3) nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời để biết ý muốn Ngài, và rời làm bất kỳ việc nào Ngài truyền chúng ta làm; (4) dành thì giờ cầu nguyện mỗi ngày; (5) nắm lấy những cơ hội phục vụ khi chúng xuất hiện; (6) nuôi dưỡng mối thông công và sự tư vấn của những Cơ Đốc nhân khác. Đức Chúa Trời chuẩn bị chúng ta để làm việc lành. Ngài chuẩn bị việc lành cho chúng ta thực hiện. Rồi Ngài ban thưởng khi chúng ta làm việc lành. Ân điển Ngài tuyệt vời biết bao!

E. Sự Liên Hiệp Những Người Do Thái Và Người Ngoại Bang Tin Chúa Trong Đấng Christ (2:11-22)

Trong phần đầu của đoạn 2, Phaolô lần theo sự cứu rỗi của cá nhân những người ngoại và người Do Thái. Giờ đây, ông tiến sang phá bỏ những khác biệt chủng tộc ngày trước của họ để tiến đến sự liên hiệp họ trong Đấng Christ, lập họ thành Hội Thánh, một đến thờ thánh trong Chúa.

2:11 Trong câu 11 và 12, sử đồ nhắc đọc giả nhớ trước khi hoán cải, họ là người ngoại bang từ lúc lọt lòng mẹ, nên do đó là người bị loại ra ngoài so với người Do Thái. Trước hết, họ bị khinh bỉ. Điều này được tỏ ra qua sự kiện người Do Thái gọi người ngoại là "người không chịu cắt bì." Điều này có nghĩa người ngoại đã không có dấu hiệu giải phẫu trên xác thịt vốn đánh dấu trên người Ysraên như một dân giao

ước của Đức Chúa Trời. Tên gọi "người không chịu cắt bì" là lời nói gièm pha chúng tộc, tương tự với những tên gọi mà dân chúng ngày nay hay dùng chỉ về những dân tộc bị khinh bỉ. Chúng ta có thể cảm nhận phần nào nỗi đau nhói của từ ngữ ấy khi nghe Đavít nói về Gôliát ngoại bang: "Vì người Philitîn nầy, kẻ chẳng chịu phép cắt bì nầy, là ai, mà lại dám sỉ nhục đạo binh của Đức Chúa Trời hằng sống" (1.Samuel 17:26).

Trái lại, người Do Thái gọi họ là "người chịu cắt bì." Đây là tên gọi khiến họ rất bành diện. Tên gọi này xác định họ là tuyến dân trên đất của Đức Chúa Trời, được biệt riêng khỏi mọi dân khác trên trần gian. Dường như Phaolô mạnh mẽ phản đối một số điều khoe khoang của họ bằng cách nói phép cắt bì của họ chỉ là **trong xác thịt bởi tay người ta**. Điều đó chỉ là thuộc thể mà thôi. Dầu họ có dấu hiệu bề ngoài thuộc dân sự giao ước của Đức Chúa Trời, nhưng họ không có thực tại bề trong về đức tin thật nơi Chúa. "Vì người nào chỉ bề ngoài là người Giuđa, thì không phải là người Giuđa, còn phép cắt bì làm về xác thịt ở ngoài, thì không phải là phép cắt bì; nhưng bề trong là người Giuđa mới là người Giuđa, phép cắt bì bởi trong lòng, làm theo cách thiêng liêng, không theo chữ nghĩa, mới là phép cắt bì thật. Một người Giuđa như vậy được khen ngợi, chẳng phải bởi loài người, bèn là bởi Đức Chúa Trời" (Rôma 2:28,29).

Nhưng dầu người Do Thái có chịu cắt bì trong lòng hay không đi nữa, đại ý câu 11 vẫn là: Trong mắt họ, họ là dân

tộc được chọn duy nhất, còn dân ngoại bang bị khinh bỉ. Sự thù địch giữa người Do Thái và người ngoại bang là sự phân biệt chủng tộc và tôn giáo vĩ đại nhất mà thế gian này từng biết đến. Người Do Thái được hưởng địa vị có đặc ân lớn lao trước mặt Đức Chúa Trời (Rôma 9:4,5). Người ngoại bang là người ngoại quốc. Nếu người ngoại muốn thờ phượng Đức Chúa Trời Chân Thần theo cách đã được chỉ định, thì phải thực sự trở thành người cải đạo Do Thái trước đã (cũng xem Raháp và Ruto). Đến thờ Do Thái giáo tại Giêrusalem là địa điểm duy nhất trên trần gian được Đức Chúa Trời đặt danh xưng của Ngài và là nơi con người có thể đến với Ngài. Dân ngoại bang bị cấm bước vào những hành lang phía trong đến thờ với lời đe dọa nếu bước vào sẽ lãnh án tử hình.

Trong lần Chúa Jêsus phỏng vấn một người nữ ngoại bang đến từ vùng Tyros và Sidôn, Ngài đã thử nghiệm đức tin của bà bằng cách tỏ tả người Do Thái là con cái trong nhà, còn người ngoại bang là những con chó nhỏ bên dưới bàn ăn. Bà công nhận mình chỉ là con chó nhỏ, nhưng cầu xin những mẩu bánh vụn mà con cái có thể làm rơi xuống. Không cần nói thêm nữa, đức tin của bà đã được ban thưởng (Mác 7:24-30). Ở đây trong Êphêso 2:11, Sứ đồ đang nhắc độc giả nhớ ngày trước họ là người ngoại bang nên do đó bị khinh thường.

2:12 Người ngoại bang cũng không có Đấng Christ: họ không hề có Đấng Mêsi nào cả. Đấng Mêsi được hứa ban cho dân tộc Ysraên. Dầu được dự ngôn

rằng phước hạnh sẽ được tuôn đổ cho các dân thông qua chức vụ của Đấng Mêsi (Êsai 11:10; 60:3), thế nhưng Ngài đã được sanh ra làm người Do Thái và thi hành chức vụ chủ yếu cho "các con chiên lạc mất của nhà Ysraên đó thôi" (Mathiơ 15:24). Ngoài việc không có Đấng Christ, người ngoại bang còn bị ngoại quyền cộng dân Ysraên. Họ là người "không thuộc về" dân Ysraên. Họ là khách lạ và người ngoại quốc, không có quyền lợi và đặc ân của quyền cộng dân. Đối với cộng đồng Ysraên, người ngoại bang ở bên ngoài, đứng bên ngoài nhìn vào. Họ là người **chẳng dự vào giao ước của lời hứa**. Đức Chúa Trời đã lập nhiều giao ước với dân Ysraên qua những nhân vật như Áp-ra-ham, Ysác, Giacóp, Môise, Đavit, và Salômôn. Những giao ước này hứa ban nhiều phước hạnh cho người Do Thái.

Thực ra, người ngoại bang bị xem là không được chấp nhận. Họ không có **hy vọng**, cả về mặt dân tộc lẫn mặt cá nhân. Về mặt dân tộc, họ không có lời bảo đảm nào rằng xứ sở của họ, chính quyền của họ, hay dân của họ sẽ sống sót. Và về mặt cá nhân, triền vọng của họ thật âm đạm: Họ không có **hy vọng** nào ở bên kia mồ mả. Có người nói tương lai của họ là một đêm dài không một ánh sao. Cuối cùng, họ không có **Đức Chúa Trời trong thế gian** này. Điều này không có nghĩa họ là người vô thần. Họ có những thần riêng bằng gỗ và bằng đá, họ thờ lạy các thần ấy. Nhưng họ không biết Đức Chúa Trời Đấng chân thần có một và duy nhất. Họ không có Đức Chúa Trời trong một thế giới thù địch vô thần.

2:13 Nhưng từ ngữ **nhưng ... hiện nay** báo hiệu phần chuyển ý đột ngột khác nữa (cũng xem 2:4). Người ngoại bang tại Êphêso đã được giải cứu khỏi địa vị khách lạ và xa cách, đã được nâng lên địa vị ở gần Đức Chúa Trời. Điều này được thực hiện vào lúc họ hoán cải. Khi họ tin cậy Cứu Chúa, Đức Chúa Trời đã đặt họ trong **Đức Chúa Jêsu Christ** và chấp nhận họ trong Đấng Yêu Dấu này. Từ đó trở đi, họ đã ở gần với Đức Chúa Trời như Đấng Christ ở gần Ngài vậy, vì họ ở trong **Chúa Jêsu Christ**. Giả phải trả để thực hiện sự thay đổi kỳ diệu này chính là **huyết của Đấng Christ**. Trước khi những tội nhân người ngoại bang này có thể hưởng được đặc ân ở gần Đức Chúa Trời, họ phải được tẩy sạch tội lỗi đã phạm. **Chỉ huyết Đấng Christ** tuôn đổ tại Gôgôtha mới tẩy sạch được. Khi họ tiếp nhận Chúa Jêsu bằng hành động dứt khoát của đức tin, toàn bộ giá trị tẩy sạch của huyết báu Đấng Christ đã được kể cho họ.

Đức Chúa Jêsu không những đem họ đến gần, Ngài còn tạo ra một xã hội mới trong đó sự thù địch ngày xưa giữa người Do Thái và người ngoại bang bị phá bỏ đời đời. Mãi đến thời Tân Ước, toàn bộ thế giới vẫn chia thành hai hạng người – người Do Thái và người ngoại bang. Cứu Chúa chúng ta đã giới thiệu hạng người thứ ba – Hội Thánh của Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 10:32). Trong những câu tiếp theo, chúng ta thấy thế nào người Do Thái tin Chúa và người ngoại bang tin Chúa giờ đây được hiệp thành một trong Đấng Christ, và được đưa vào trong xã hội mới này, là nơi

không còn người Do Thái lẫn người ngoại bang.

2:14 Vì ấy chính Ngài là sự hòa hiệp của chúng ta. Lưu ý câu này không nói: "Ngài đã lập ra sự hòa hiệp." Đương nhiên nói vậy cũng đúng, như sẽ thấy trong câu tiếp theo. Ở đây, sự thật chính là: Chính Ngài là sự hòa hiệp của chúng ta. Nhưng làm sao một con người lại là sự bình an (sự hòa hiệp) được?

Đây chính là phương cách: khi một người Do Thái tin nơi Chúa Jesus, người ấy mất lý lịch dân tộc của mình; từ đó trở đi, người ấy ở "trong Đấng Christ." Tương tự, khi người ngoại bang tiếp nhận Cứu Chúa, người ấy không còn là người ngoại bang nữa; từ ấy trở đi người ở "trong Đấng Christ." Nói cách khác, người Do Thái tin Đấng Christ và người ngoại bang tin Đấng Christ, ngày trước vốn bị chia cách bởi thù địch, giờ đây cả hai đều là một trong Đấng Christ. Sự liên hiệp của họ với Đấng Christ tất nhiên liên hiệp họ lại với nhau. Do đó, một Con Người là sự bình an, đúng như Michê báo trước (Michê 5:4).

Phạm vi công tác của Ngài với tư cách sự hòa hiệp của chúng ta được nêu chi tiết trong câu 14-18.

Trước hết là công tác liên hiệp chúng ta vừa mô tả. Ngài đã hiệp cả hai lại làm một – tức là cả người Do Thái và người ngoại bang đã tin Ngài. Họ không còn là người Do Thái hoặc người ngoại bang nữa, nhưng là những Cơ Đốc nhân. Nói nghiêm túc, thì thậm chí nói họ là những Cơ Đốc nhân người Do Thái hay Cơ Đốc nhân người ngoại bang thì cũng vẫn không chính xác nữa. Mọi

phân biệt về mặt xác thịt, chẳng hạn như quốc tịch, dân tộc, đều đã bị đóng đinh vào thập tự giá.

Cụm từ thứ hai nói về công tác của Đấng Christ có thể gọi là công tác triết hạ: **Đấng Christ đã phá đổ bức tường ngăn cách.** Đương nhiên đây không phải là một bức tường (theo nghĩa đen, nhưng là rào cản vô hình, dựng lên bởi luật pháp Môise của những điều răn có trong những điều lệ tách Ysraen ra khỏi các dân khác. Điều này thường được minh họa bởi bức tường để cấm những người không phải dân Do Thái chỉ được vào Hành Lang Dân Ngoại của khu vực đền thờ. Trên bức tường này có nhiều biển báo "Cấm vượt qua!" ghi rằng: "Không ai thuộc bất kỳ dân tộc nào khác được bước vào bên trong hàng rào quanh nơi thánh. Bất cứ ai bị bắt gặp vượt rào sẽ bị tử hình."

2:15 Phương diện thứ ba trong công tác của Đấng Christ là phá hủy sự thù nghịch đã nung nấu âm mưu giữa người Do Thái và người ngoại bang và cũng cháy âm mưu giữa con người với Đức Chúa Trời. Phaolô gọi luật pháp là nguyên nhân vô tội của sự thù địch này, tức là luật pháp của các điều răn chấp thành điều lệ. Luật pháp Môise là một hệ luật lập pháp đơn, thế nhưng được hợp thành từ nhiều điều răn chính thức và riêng biệt nhau. Đến lượt những điều răn này gồm nhiều tin điều hoặc nhiều điều lệ, quy định, bao trùm rất nhiều – nếu không nói là hầu hết – lãnh vực đời sống. Bản thân luật pháp là thánh khiết, công bình và tốt lành (Rôma 7:12), nhưng bản tánh tội lỗi của con người đã dùng luật

pháp làm cơ hội tạo lòng thù ghét. Vì luật pháp thật sự lập Ysraên làm tuyến dân trên trần gian này của Đức Chúa Trời, nhiều người Do Thái đã trở nên ngạo mạn và khinh thường người ngoại bang. Người ngoại bang trả đũa bằng sự thù địch sâu xa, mà chúng ta đã biết rất rõ như là chủ nghĩa bài Do Thái. Nhưng làm thế nào Đấng Christ phá bỏ luật pháp như nguyên nhân của sự thù địch này? Trước hết, Ngài đã chết để trả xong án phạt của luật pháp mà xưa nay đã bị vi phạm. Bởi đó Ngài làm thỏa mãn hoàn toàn những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời. Giờ đây luật pháp không còn lên tiếng gì nữa với những người "ở trong Đấng Christ"; án phạt đã được trả đầy đủ cho họ rồi. Tin hữu không ở dưới luật pháp nhưng ở dưới ân điển. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa họ có thể sống tùy theo ý thích của mình; điều này có nghĩa giờ đây họ đã ở dưới luật pháp của Đấng Christ, và phải sống đúng như ý Ngài muốn.

Nhờ kết quả triệt phá sự thù địch do luật pháp gây nên, Chúa đã có thể khai mạc một sự dựng nên mới. Ngài đã muốn lấy cả hai - tức là từ người Do Thái và người ngoại bang đã tin Ngài - lập nên một người mới - tức là Hội Thánh - trong Ngài. Thông qua sự liên hiệp với Ngài, những người trước kia vốn tranh chiến với nhau nay được liên hiệp với nhau trong mối thông công mới này. Hội Thánh là mới theo ý nghĩa đây là một loại cơ quan chưa từng hiện hữu trước đây. Phải thấy được điều quan trọng này. Hội Thánh Tân Ước không phải là sự nối tiếp Ysraên của Cựu Ước. Đây là một điều

hoàn toàn phân biệt với mọi điều đã từng đến trước đó hay sẽ đến sau đó. Sẽ phải thấy rõ qua những điều sau:

1. Đây là mới để người ngoại bang phải có quyền và đặc ân bình đẳng với người Do Thái.

2. Đây là mới để cả người Do Thái lẫn người ngoại bang phải bỏ mất những sự nhận diện chủng tộc của họ bằng cách trở nên Cơ Đốc nhân.

3. Đây là mới để người Do Thái và người ngoại bang phải trở nên đồng những chi thể trong Thân của Đấng Christ.

4. Đây là mới để người Do Thái phải có hy vọng được trị vì với Đấng Christ thay vì làm thần dân trong vương quốc Ngài.

5. Đây là mới để người Do Thái không còn ở dưới luật pháp nữa.

Hội Thánh rõ ràng là một sự dựng nên mới, với sự kêu gọi đặc trưng và số phận đặc trưng, chiếm giữ địa vị độc nhất vô nhị trong mục đích của Đức Chúa Trời. Nhưng phạm vi công tác của Đấng Christ không dừng lại tại đó. Ngài cũng lập sự hòa hợp giữa người Do Thái và người ngoại bang nữa. Ngài thực hiện điều này bằng cách cắt bỏ nguyên nhân thù địch, truyền đạt bản tánh mới, dựng nên một sự liên hiệp mới. Thập tự giá là cầu nối liền của Đức Chúa Trời cho sự kỳ thị chủng tộc, sự phân biệt đối xử, chủ nghĩa bài Do Thái, thái độ cố chấp và mọi hình thức xung đột giữa con người.

2:16 Ngoài việc giảng hóa người Do Thái và người ngoại bang với nhau, Đấng Christ còn giải hòa cả hai với Đức Chúa Trời. Dấu Ysraên và các dân tộc

thường chống đối nhau cay đắng, nhưng có một phương diện họ hiệp một với nhau – để thù địch với Đức Chúa Trời. Nguyên nhân sự thù địch này chính là tội lỗi. Bởi sự chết của Chúa Jêsus trên thập tự giá, Ngài xóa bỏ thù địch bằng cách cắt bỏ nguyên nhân. Ai tiếp nhận Ngài đều được kể là công bình, được tha thứ, được cứu chuộc, được tha tội và được giải thoát khỏi quyền lực tội lỗi. Sự thù địch không còn nữa; giờ đây họ được hòa thuận với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Jêsus liên hiệp người Do Thái và người ngoại bang tin Ngài thành một thân thể, là Hội Thánh, và trình diện Thân Thể này cho Đức Chúa Trời không còn chút dấu vết thù địch nào nữa.

Đức Chúa Trời không bao giờ cần được giải hòa với chúng ta; Ngài không bao giờ ghét chúng ta. Nhưng chúng ta cần được giải hòa với Ngài. Công tác của Chúa chúng ta trên thập tự giá cung cấp cơ sở công bình để nhờ đó chúng ta được đem vào trước hiện diện của Ngài với tư cách bạn hữu chứ không phải với tư cách những người thù địch.

2:17 Trong câu 14, Đấng Christ là sự hòa bình của chúng ta. Trong câu 15, Ngài thiết lập hòa bình. Giờ đây chúng ta thấy Ngài đến và giảng về hòa bình. Ngài đã đến khi nào và bằng cách nào? Trước hết, Ngài đã đích thân đến trong sự sống lại. Thứ nhì, Ngài đã đến với tư cách đại diện bởi Đức Thánh Linh. Ngài đã rao giảng sự bình an (trong sự sống lại; trên thực tế, sự bình an là một trong những từ ngữ đầu tiên Ngài đã phán ra sau khi sống lại từ kẻ chết [Luca 24:36; Giăng 20:19,21,26]). Sau đó Ngài sai các sứ đồ ra đi trong quyền năng của Thánh

Linh và rao giảng sự bình an thông qua họ (Công Vụ 10:36). Tin mừng của sự bình an được trình bày cho anh em là kẻ ở xa (người ngoại bang) và cho những kẻ ở gần (người Do Thái), sự ứng nghiệm giàu ơn của Lời Đức Chúa Trời đã hứa trong Êsai 57:19.

2:18 Bằng chứng thực tiễn cho tình trạng bình an hiện hữu giờ đây giữa các chi thể trong một thân với Đức Chúa Trời chính là họ được phép đến gần sự hiện diện của Đức Chúa Trời vào bất cứ lúc nào. Đây là sự tương phản rõ nét với thời kỳ Cựu Ước, trong đó chỉ những thầy tế lễ mới được phép vào Nơi Chí Thánh, là nơi hiện diện của Đức Chúa Trời. Và thầy tế lễ thượng phẩm chỉ được vào đó duy nhất một ngày trong năm. Eadie nêu rõ sự tương phản này:

Nhưng giờ đây hầu hết những người ngoại bang ở xa hiện đang ở trong Đấng Christ thì thực sự liên tục hưởng đặc ân thuộc linh uy nghiêm mà một người duy nhất của một chi phái duy nhất trong một dân tộc duy nhất vào một ngày duy nhất trong năm, chỉ được sở hữu về mặt hình bóng và có định kỳ.¹⁴

Qua sự cầu nguyện, bất kỳ tin hữu nào cũng được bước vào Ngai trên Thiên đàng, quỳ gối trước mặt Đấng chủ tể của toàn cõi vũ trụ, và gọi Ngài là Cha.

Thứ tự thông thường cần theo trong lời cầu nguyện được nêu ở đây. Trước hết, chính là nhờ Ngài (Đức Chúa Jêsus). Ngài là Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và con người. Sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài đã xóa bỏ mọi chương ngại pháp lý ngăn trở chúng ta vào trước hiện diện Đức Chúa

Trời. Giờ đây với tư cách Đấng Trung Bảo, Ngài sống trên trời để giữ cho chúng ta luôn được thông công với Cha. Chúng ta đến gần Đức Chúa Trời trong danh Ngài; tự chúng ta không có gì xứng đáng, vì vậy chúng ta nài xin sự xứng đáng của Ngài. Những người dự phần sự cầu nguyện chính là cả hai chúng ta – cả người Do Thái tin Chúa lẫn người ngoại bang tin Chúa. Đặc ân được hưởng chính là chúng ta **"được phép đến gần."** Đấng Giúp Đỡ chúng ta trong sự cầu nguyện là Thánh Linh – đồng trong một Thánh Linh. "Cùng một lẽ ấy, Đức Thánh Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin dâng cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đức Thánh Linh lấy sự thờ than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta" (Rôma 8:26).

Đáng mà chúng ta đến gần là Đức Chúa Cha. Không một thánh đồ Cựu Ước nào từng biết Đức Chúa Trời trong tư cách Cha. Trước khi Đấng Christ phục sinh, con người đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong tư cách tạo vật trước mặt Đấng Tạo Hóa. Chỉ sau khi từ kẻ chết sống lại Ngài mới phán: "Chờ rờ đến ta; vì ta chưa lên cùng Cha! Nhưng hãy đi đến cùng anh em ta, nói rằng ta lên cùng Cha ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các ngươi" (Giăng 20:17). Nhờ công tác chuộc tội của Ngài, bây giờ tín hữu có thể lần đầu tiên gọi Đức Chúa Trời là Cha. Trong câu 18, cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều trực tiếp tham dự trong lời cầu nguyện của một tín hữu

khiểm cung nhất: người cầu nguyện với Đức Chúa Cha, đến gần Ngài qua Đức Chúa Jêsus Christ, trong quyền năng của Đức Thánh Linh.

2:19 Trong bốn câu Kinh Thánh cuối đoạn, sứ đồ Phaolô liệt kê một số đặc ân mới của những người ngoại bang tin Chúa Jêsus. Họ không còn là người ngoại và kẻ ở trọ nữa. Họ sẽ không còn bị gọi là người xa lạ, là những con chó, là những người không chịu cắt bì hoặc người ngoại nữa. Giờ đây họ là người đồng quốc với các thánh đồ của thời kỳ Tân Ước. Tín đồ thuộc dòng dõi Do Thái không còn lợi thế nào hơn họ nữa. Mọi Cơ Đốc nhân đều là công dân hạng nhất trong Thiên đàng (Philíp 3:20,21). Họ cũng là người nhà của Đức Chúa Trời. Họ không những được "siêu nhập quốc tịch" vào vương quốc thiên thượng; họ còn được nhận làm con nuôi trong gia đình Đức Chúa Trời.

2:20 Cuối cùng, họ còn được khiến trở nên thành viên của Hội Thánh, hay như cách Phaolô mô tả ở đây, họ đã trở thành những hòn đá để xây cất một đền thờ thánh. Vị sứ đồ mô tả rất chi tiết đến thờ này – nền của đền thờ, đá góc nhà, tác nhân gắn kết, sự hiệp một và tình đối xứng của đền thờ, sự tăng trưởng cùng nhiều đặc trưng độc đáo khác nữa của đền thờ ấy.

Đền thờ này được xây trên nền các sứ đồ và các đấng tiên tri. Điều này nói đến các sứ đồ và các đấng tiên tri của kỳ nguyên Tân Ước; câu này không thể nói đến các tiên tri Cựu Ước, vì họ không biết gì về Hội Thánh. Câu này không nói các sứ đồ và các đấng tiên

lì là nền của Hội Thánh. Đấng Christ là nền (I.Côrinthô 3:11). Nhưng họ đã lập nền trong những điều họ đã dạy về Thân Vị và công tác của Chúa Jêsus. Hội Thánh được thành lập trên Đấng Christ khi Ngài được bày tỏ ra bởi lời tuyên xưng và dạy dỗ của các sứ đồ và các đấng liên tri. Khi Phierơ tuyên xưng Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời Hằng Sống, Đức Chúa Jêsus tuyên bố Hội Thánh của Ngài sẽ được xây trên đá đó, tức là trên chân lý vững chắc rằng Ngài là Đấng được xúc dầu của Đức Chúa Trời và là Con độc nhất của Đức Chúa Trời (Mathiô 16:18). Trong Khải Huyền 21:14, các sứ đồ được liên kết với mười hai nền của thành Giêrusalem thánh. Họ không phải là nền nhưng được liên kết với nền, vì họ trước hết đã dạy chân lý vĩ đại về Đấng Christ và Hội Thánh. Nền của một tòa nhà cần phải được thiết lập chỉ một lần duy nhất. Các sứ đồ cũng các đấng liên tri đã làm công tác này một lần đủ cả. Nền do họ thiết lập được bảo tồn cho chúng ta trong các tác phẩm của Tân Ước, dấu chính họ không còn ở với chúng ta nữa. Theo ý nghĩa thứ yếu, trong mọi thời đại đều có những người có chức vụ của sứ đồ hoặc của tiên tri. Các giáo sĩ và những người thiết lập Hội Thánh là các sứ đồ theo một ý nghĩa thấp hơn, và những người rao giảng Lời Chúa để gây dựng đức tin chính là các tiên tri. Nhưng họ không phải là các sứ đồ và các liên tri theo ý nghĩa chính yếu.

Đức Chúa Jêsus Christ không những là nền của đền thờ này; Ngài còn là đá

góc nhà nữa. Không một hình ảnh hay một hình bóng nào có thể mô tả thỏa đáng chân dung của Ngài trong những sự vinh hiển đa diện của Ngài hay trong những chức vụ đa dạng của Ngài. Có ít nhất ba lời giải thích khả dĩ về đá góc nhà, cả ba đều chỉ về Đức Chúa Jêsus Christ như là Đấng nổi bật và không thể thiếu của Hội Thánh.

1. Chúng ta thường nghĩ về đá góc nhà như hòn đá ở góc thấp phía trước của một tòa nhà. Vì phần còn lại của cả cấu trúc này dường như được nâng đỡ bởi đá góc nhà, nên đá góc nhà biểu thị điều gì đó có tầm quan trọng nền tảng. Theo ý nghĩa đó, đây là hình bóng thật về Chúa. Vì đá góc nhà cũng nối hai bức tường lại với nhau, nên có thể gợi ý sự liên hiệp của những người Do Thái và người ngoại bang đã tin Chúa trong Hội Thánh thông qua chính Ngài.

2. Một số học giả Kinh Thánh tin chữ được dịch là "đá góc nhà" chỉ về viên đá chình của một mái vòm. Viên đá này chiếm chỗ cao nhất trong mái vòm và tạo sức nâng những viên đá khác lên. Vì vậy Đấng Christ là Đấng nổi bật trong Hội Thánh. Ngài cũng là Đấng không thể thiếu được: bỏ Ngài ra khỏi thì cả phần còn lại sẽ đổ sụp.

3. Cách hiểu khả dĩ thứ ba về từ ngữ này ấy là: Đây là viên đá đỉnh của một ngọn tháp. Viên đá này chiếm địa vị cao nhất trong toàn cấu trúc. Đây là viên đá duy nhất mang kích cỡ và hình dáng ấy. Những góc độ và cạnh của viên đá xác định hình dạng của toàn khối tháp. Vì vậy Đấng Christ là Đấng của Hội Thánh. Ngài là độc nhất về

Thần Vị và chức vụ của Ngài. Và Ngài là Đấng ban cho Hội Thánh những đặc điểm độc đáo của Hội Thánh. Trước hết là nền của Hội Thánh:

2:21 Những từ ngữ "trong Chúa" chỉ về Đấng Christ: Ngài là nguồn sự sống và sự tăng trưởng của Hội Thánh. Blaikle nói:

*Trong Ngài chúng ta được thêm vào Hội Thánh; trong Ngài chúng ta được tăng trưởng trong Hội Thánh; trong Ngài, toàn bộ nền thờ tăng trưởng tiến đến sự hoàn thành chu kỳ cuộc, và hôn lễ định sẽ xuất hiện với những tiếng kêu lên 'Ăn đién, ăn đién cho đến thờ ấy.'*¹⁵

Sự hiệp một và linh đối xứng của đền thờ được chỉ ra bởi cụm từ cá cái nha... sắp đặt cách hẳn hoi. Đây là sự hiệp một hợp thành từ rất nhiều chi thể cá biệt. Mỗi một chi thể có một địa vị cụ thể trong tòa nhà nơi phù hợp chính xác cho người nam hoặc nữ ấy. Những hôn đã được khai quật từ trung bóng chết bởi ăn đién của Đức Chúa Trời được xem là ăn khớp với nhau hoàn hảo. Đặc trưng độc nhất vô nhị của tòa nhà này ấy là nó lớn lên (bản Việt Ngữ chỉ ghi là "để làm nên"). Tuy nhiên, đặc trưng này không giống như sự lớn lên của một tòa nhà thông qua việc bổ sung thêm gạch và xi măng. Hãy nghĩ đến sự lớn lên này là sự tăng trưởng của một cơ quan sống, như thân thể con người vậy. Suy cho cùng, Hội Thánh không phải là một tòa nhà vô tri vô giác. Cũng không phải là một tổ chức. Hội Thánh là một thực thể sống có Đấng Christ làm Đầu và mọi tín hữu hình thành Thân Thể của nó. Hội Thánh được khai sinh trong

ngày Lễ Ngũ Tuần, đã lớn lên kể từ đó, và sẽ tiếp tục lớn lên cho đến ngày Cất Lên.

Tòa nhà ngày càng lớn lên gồm những chất liệu sống này được mô tả là đền thờ thánh trong Chúa. Từ ngữ Phaolô dùng để chỉ về đền thờ không phải nói đến những hành lang bên ngoài nhưng đền đến thành bên trong (Hy văn là *naos*), không phải là những khu ngoại vi nhưng là chính đền thánh. Ông đang nghĩ đến tòa nhà chính trong quần thể đền thờ, chừa Nơi Chí Thánh. Đức Chúa Trời ở tại đó, và tại đó Ngài tự thể hiện trong một đám mây chói sáng vinh quang.

Có nhiều bài học cho chúng ta ở đây: (1) Đức Chúa Trời ở trong Hội Thánh. Những người Do Thái và người ngoại bang được cứu đã hình thành một đền thờ sống động mà Đức Chúa Trời ngự trong đó và Ngài bày tỏ vinh quang Ngài tại đó. (2) Đền thờ này là thánh. Đền thờ được biệt riêng khỏi thế gian và được cung hiến cho Chúa để dùng vào những mục đích thiêng liêng. (3) Là đền thờ thánh, Hội Thánh là trung tâm để từ đó dâng lên lời ngợi khen, thờ phượng và chúc tôn Đức Chúa Trời thông qua Đức Chúa Jêsus Christ.

Phaolô mô tả thêm đền thờ thánh này là ở trong Chúa. Nói cách khác, Đức Chúa Jêsus là nguồn thánh khiết của đền thờ. Những thành viên của đền thờ này là thánh về mặt địa vị nhờ mối liên hiệp với Ngài, và họ đang phải thánh khiết trong nếp sống đạo bởi lòng yêu mến Ngài.

2:22 Trong đền thờ kỳ diệu này, những người ngoại bang đã tin Chúa

được địa vị bình đẳng với những người Do Thái tin Ngài. Điều này đang phải khiến chúng ta rộn ràng đọc câu này, cũng như át hẳn đã khiến người Êphêsô và nhiều người khác rộn ràng khi nghe lần đầu tiên. Chấn giá trị lớn lao của địa vị tín hữu chính là họ lập thành nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh. Đây là mục đích của đến thờ này – để cung cấp nơi Đức Chúa Trời có thể ở để thông công với dân sự Ngài. Hội Thánh chính là nơi đó. Hãy so sánh điều này với địa vị của dân ngoại bang trong Cựu Ước. Lúc đó, họ không thể đến gần nơi ở của Đức Chúa Trời. Giờ đây chính họ làm thành một phần tốt lành của nơi ở ấy!

Và lưu ý chức vụ của mỗi một Ngồi trong Ba Ngồi Đức Chúa Trời đối với Hội Thánh: (1) nhờ Ngài, tức là nhờ Đấng Christ. Chính bởi mối liên hiệp với Ngài mà chúng ta được xây dựng vào trong đến thờ này. (2) nơi ở của Đức Chúa Trời. Đến thờ này là nhà của Đức Chúa Cha trên đất. (3) trong Thánh Linh. Đức Chúa Trời ở trong Hội Thánh chính trong ngôi vị Đức Thánh Linh (I.Côrinhtô 3:16).

Và như vậy, đoạn này mở đầu với lời mô tả người ngoại là những người đã chết, bại hoại, thuộc ma quỷ và bất tuân, đã kết thúc với cùng một nhóm người ngoại bang ấy được tẩy sạch khỏi mọi tội lỗi và ở uest, và làm thành nhà ở của Đức Chúa Trời trong Thánh Linh!

F. Đoạn Ghi Chú Trong Ngoại Về Sự Mầu Nhiệm (3:1-13)

3:1 Phaolô mở đầu lời tuyên bố trong câu 1, là câu bị ngắt ngang ở câu 2 và không bắt đầu trở lại mãi đến câu

14. Những câu xen vào hình thành một đoạn trong ngoặc, chủ đề của đoạn đó là sự mầu nhiệm – Đấng Christ và Hội Thánh.

Điều khiến phân đoạn này trở thành hết sức thú vị chính là: Thời Đại Hội Thánh hiện tại này chính là một phần cách quãng (trong ngoặc) trong những cách đối đãi của Đức Chúa Trời. Có thể giải thích điều này như sau: trong hầu hết các thời kỳ lịch sử được ghi lại trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời đang đối đãi chủ yếu với dân Do Thái thôi. Trên thực tế, từ Sáng Thế Ký 12 cho đến Malachi 4, câu chuyện tập trung hầu như đọc quyển vào Ápraham và dòng dõi của ông. Khi Đức Chúa Jêsus đến trần gian, Ngài đã bị Ysraên khước từ. Kết quả là Đức Chúa Trời tạm thời loại dân sự ấy không còn làm tuyến dân trên trần gian này của Ngài nữa. Giờ đây chúng ta sống trong Thời Đại Hội Thánh, khi người Do Thái và người ngoại bang đều ở bình diện ngang hàng trước mặt Đức Chúa Trời. Sau khi Hội Thánh đã được đầy đủ và được đưa về quê hương trên Thiên đàng, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu lại chương trình của Ngài đối với dân Ysraên. Nhưng cây kim trên chiếc đồng hồ tiền tri sẽ bắt đầu chuyển động một lần nữa. Vì vậy, thời hiện tại là một phân đoạn trong ngoặc ở giữa những cách đối đãi trong quá khứ và tương lai của Đức Chúa Trời với Ysraên. Đây là tiến trình quản lý mới trong chương trình thiên thượng – độc đảo và tách biệt khỏi mọi điều có trước hoặc có sau đó.

Trong câu 2-13, Phaolô nêu phần giải thích rất chi tiết về phân đoạn trong

ngoặc này. Đây có phải là sự trùng hợp không tính trước nên khi viết như vậy, ông phải dùng đoạn văn trong ngoặc để giải thích một phần khoảng cách định kỳ?

Sứ đồ mở đầu phần này: **Ấy bởi điều đó, mà tôi, Phaolô, vì anh em là người ngoại mà làm kẻ tù của Đức Chúa Jêsus Christ.** Cụm từ "ấy bởi điều đó" hỏi tường lại điều ông vừa mới nói về địa vị đặc ân mà những tín hữu người ngoại bang được đem vào nhờ mối liên hệ của họ với Đấng Christ.

Người ta thường cho rằng thư này được viết trong lúc Phaolô bị tù lần đầu tại Lamã. Nhưng ông không nói về mình như một người tù của Lamã. Nói như vậy có thể cho thấy một phương diện thất bại, một cảm xúc tự thương hại, hay nỗi khao khát được đồng cảm. Phaolô gọi mình là **kẻ tù của Đức Chúa Jêsus Christ**; điều này nói đến sự chấp nhận về chân giá trị và chiến thắng. Ruth Paxson nói điều này rất hay:

Không hề có chút hơi hướng tù ngục trong thư Êphê-sô. Vì tình thần Phaolô không hề bị xiềng xích. Ông ở tại tù với tư cách tù nhân của Lamã, nhưng ông không thừa nhận điều này, mà tuyên bố mình là người tù của Đức Chúa Jêsus Christ. Đó là bí quyết của sự siêu phàm khỏi hoàn như thế? Tâm linh của Phaolô ở với Đấng Christ trong các nơi trên trời, dấu thân thể của ông đang tiêu tụy trong tù.¹⁶

Ông ở tù rõ ràng là vì cơ **người ngoại bang**. Trong suốt chức vụ, ông đã bị chống đối cay đắng vì dạy rằng tín hữu người ngoại bang giờ đây được

hưởng những quyền lợi và đặc ân bình đẳng với các tín hữu Do Thái trong Hội Thánh Cơ Đốc. Điều cuối cùng khiến ông bị bắt giữ và xét xử trước mặt Sêsa chính là lời vu cáo ông đã đem Trôphim, một người Êphê-sô, vào trong khu vực đến thờ vượt qua khỏi ranh giới dành cho người ngoại bang (Công Vụ 21:29). Nhưng đằng sau lời buộc tội ấy là sự thù địch trung hãn của những lãnh tụ tôn giáo.

3:2 Giờ đây Phaolô ngưng dòng tư tưởng của mình để bắt đầu bài giảng về sự **mẫu nhiệm**, trong phần mà chúng ta đã đề cập như là một đoạn văn trong ngoặc để cập đến một phần định kỳ cách quảng.

Chữ "**vả**" trong câu 2 (**vả, anh em có nghe...**) có thể tạo ấn tượng là độc giả không biết sự mạng đặc biệt của ông cho người ngoại bang. Trên thực tế, đôi khi người ta dùng câu này chứng tỏ Phaolô không biết những người nhận thư của Phaolô nên bởi đó thư này hẳn không thể viết ra cho những người Êphê-sô yêu dấu. Nhưng chữ "**vả**" thường mang ý nghĩa của chữ "bởi vì." Như vậy, Phillips diễn ý câu này: "Vì anh em ắt hẳn phải nghe rằng..." Chắc hẳn họ đã biết chức vụ đặc biệt này đã được trao phó cho ông. Ông mô tả chức vụ đó là sự **ban ân điển của Đức Chúa Trời**. Ở đây "**ban**" chỉ về sự quản lý. Quản gia là người được chỉ định để quản lý công việc của người khác. Phaolô là quản gia của Đức Chúa Trời, được giao rao truyền chân lý vĩ đại về Hội Thánh Tân Ước. Đây là chức quản gia của ân điển Đức Chúa Trời ít nhất theo ba ý nghĩa:

1. Đối với người được chọn. Đây là ơn Phaolô không xứng đáng được nhận để lựa chọn ông cho đặc ân cao cả như thế.

2. Về nội dung của sứ điệp. Đây là lòng nhân ái của Đức Chúa Trời được ban cách nhưng không và không bởi công đức.

3. Đối với người nhận. Người ngoại bang là những người hoàn toàn không xứng đáng để được hưởng ơn như thế.

Thế nhưng chức quản lý ân điển này được ban cho Phaolô để đến lượt ông có thể truyền lại cho người ngoại bang.

3:3 Ông không học sự mầu nhiệm này từ bất kỳ ai khác, cũng không phải đã tự khám phá sự mầu nhiệm ấy bởi thông minh của chính mình. Sự mầu nhiệm này đã được tỏ ra cho ông bởi sự bày tỏ trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Chúng ta không biết điều này đã xảy ra ở đâu, hoặc bằng cách nào; toàn bộ những điều chúng ta biết ấy là bằng một phương pháp kỳ diệu nào đó, Đức Chúa Trời tỏ cho Phaolô biết kế hoạch của Ngài dành cho Hội Thánh bao gồm cả người Do Thái và người ngoại bang đã hoàn cải. Chúng ta đã nói sự mầu nhiệm là một bí mật thiêng liêng từ trước đến nay chưa ai biết, con người không thể biết được, và giờ đây được bày tỏ cách thiên thượng. Vị sứ đồ đã nói bóng gió vắn tắt đến sự mầu nhiệm trong 1:9-14, 22, 23; 2:11-22.

3:4 Những điều ông đã viết về đề tài này đủ chứng tỏ cho độc giả thấy ông nhận được sự sáng suốt từ Đức Chúa Trời để hiểu sự mầu nhiệm của Đấng Christ. Blaikie diễn ý phân đoạn này như sau:

Nói đến điều tôi đã viết trước đây, để giúp càng dễ hiểu hơn, giờ đây tôi viết đây đủ hơn về đề tài này, để anh em sẽ thấy người hướng dẫn anh em được thông báo kỳ lạ về vấn đề sự mầu nhiệm này...¹⁷

Bản dịch của Darby: "Sự mầu nhiệm của Đấng Christ này" gợi ý ở đây đang xét đến chính Đấng Christ mầu nhiệm, tức là Đầu và Thân Thể. (Về một trường hợp khác nữa tên Đấng Christ bao gồm cả Chúa Jêsus và dân sự Ngài, xin xem 1.Côrinthô 12:12.)

3:5 Câu 5 và 6 cho chúng ta định nghĩa đầy đủ nhất về sự mầu nhiệm. Phaolô giải thích sự mầu nhiệm là gì, sau đó giải thích sự mầu nhiệm của Đấng Christ là gì.

Trước hết, đây là một chân lý trong các đời khác chưa từng phát lộ cho con cái loài người. Điều này có nghĩa tìm trong Cựu Ước cũng vô ích. Có thể có những hình bóng và những hình ảnh của lẽ mầu nhiệm này tại đó, nhưng bản thân chân lý này thời bấy giờ vẫn chưa được tỏ ra.

Thứ nhì, đây là chân lý bây giờ đã được Đức Thánh Linh tỏ ra cho các sứ đồ thánh và tiên tri của Ngài. Đức Chúa Trời là Đấng Bày Tỏ; các sứ đồ và các đấng tiên tri là những người được biệt riêng ra để nhận sự bày tỏ; chính Đức Thánh Linh là phương tiện diễn đạt để sự khải thị thông qua Ngài đến với họ.

Nếu chúng ta không thấy các sứ đồ và các đấng tiên tri này là các sứ đồ và tiên tri của Tân Ước, chứ không phải của thời Cựu Ước, thì câu Kinh Thánh này mầu thuẫn. Phần thứ nhất nói chân lý này chưa được bày tỏ cho các đời

khác; do đó các tiên tri Cựu Ước vẫn chưa biết. Vậy làm sao có thể có việc tổ sự mầu nhiệm ấy ra trong thời Phaolô bởi những người đã chết bao thế kỷ rồi? Ý nghĩ hiển nhiên ấy là: chân lý vi đại về Đấng Christ và Hội Thánh đã được tổ ra cho con người thuộc Thời Đại Hội Thánh như Phaolô, là người đã được Chúa phục sinh sai phái đặc biệt để phục vụ trong tư cách phát ngôn nhân hay là cái loa của Chúa. (Phaolô không tuyên bố mình là người duy nhất được tiết lộ cho biết điều bí mật thiêng liêng này; ông là một trong số rất nhiều người, dầu vậy ông là người quan trọng nhất để truyền chân lý này cho người ngoại bang thời ông, và cho thế hệ kế tiếp thông qua các Thư Tin của ông.)

Cũng phải nói rằng rất nhiều Cơ Đốc nhân theo một quan điểm hoàn toàn khác với quan điểm nêu trên. Họ nói Hội Thánh đã thực sự hiện hữu trong Cựu Ước; rằng Ysơraên bấy giờ là Hội Thánh; nhưng chân lý về Hội Thánh bấy giờ mới được bày tỏ ra đầy đủ hơn. Họ bảo: "Sự mầu nhiệm này chưa được biết đến trong các đời khác như cách hiện nay được bày tỏ ra. Sự mầu nhiệm này đã được biết đến, nhưng chưa được biết với cùng một mức độ như hiện nay. Chúng ta có sự bày tỏ đầy đủ hơn, nhưng chúng ta vẫn là Ysơraên của Đức Chúa Trời, tức là sự tiếp nối của dân sự Ngài." Để hậu thuẫn lập luận, họ trưng dẫn Công Vụ 7:38 trong KJV 1611, trong đó dân Ysơraên được gọi là "Hội Thánh (NKJV, NASB: *hội chúng*) trong đồng vắng. Đứng là tuyển dân của Đức Chúa Trời được nói đến như hội chúng trong đồng

vắng, nhưng điều này không có nghĩa họ có bất kỳ mối liên kết nào với Hội Thánh của Đấng Christ. Suy cho cùng, từ ngữ Hylạp *ekklesia* là một thuật ngữ tổng quát có thể nói đến bất kỳ một hiệp hội, hội chúng, hay một nhóm người nào được gọi ra khỏi. Từ ngữ này không những được áp dụng cho Ysơraên trong Công Vụ 7:38; mà cùng một từ ngữ này, được dịch là "*hội*" được dùng trong Công Vụ 19:32,41 để chỉ về một đoàn người ngoại giáo. Chúng ta phải dựa vào văn mạch để xác định chữ này muốn nói đến "Hội Thánh" nào hay hội nào.

Nhưng còn lập luận cho rằng câu 5 muốn nói đến Hội Thánh đã hiện hữu trong thời Cựu Ước tuy lúc bấy giờ vẫn chưa được bày tỏ đầy đủ như hiện nay thì sao? Lập luận này được trả lời trong Côlôse 1:26, nói rõ rằng sự mầu nhiệm này "tức là sự mầu nhiệm đã giấu kín rải các đời các kiếp, mà nay tỏ ra cho các thánh đồ Ngài." Đây không phải vấn đề mức độ của sự khải thị, nhưng là về sự thật của sự khải thị ấy.

3:6 Giờ đây chúng ta tiến đến lẽ thật trọng tâm của sự mầu nhiệm này, tức là trong Hội Thánh của Đức Chúa Jêsus Christ, dân ngoại đã tin Chúa là kẻ đồng kế tự, là những đồng chi thể, những người đồng dự phần lời hứa đã dùng Tin Lành mà lập trong Đức Chúa Jêsus Christ. Nói cách khác, những tín hữu ngoại bang giờ đây được hưởng tước hiệu và đặc ân ngang hàng với những tín hữu người Do Thái.

Trước hết, họ là những người đồng kế tự. Xét về cơ nghiệp, họ chia sẻ cơ nghiệp bình đẳng với những người Do

Thái được cứu. Họ là những người kế tự của Đức Chúa Trời, đồng kế tự với Đức Chúa Jêsus Christ, và đồng kế tự với mọi người được chuộc.

Rồi họ là đồng chi thể của cùng một thân. Giờ đây họ không còn ở xa hay thất thế nữa, nhưng được chia sẻ phần bình đẳng với những người Do Thái được cứu trong Hội Thánh.

Cuối cùng, họ là người đồng dự phần lời hứa trong Đấng Christ qua Tin Lành. Lời hứa ở đây có thể nói đến Thánh Linh (Công Vụ 15:8; Galatê 3:14), hoặc có thể toàn bộ những điều được hứa trong Tin Lành cho những người ở trong Đức Chúa Jêsus Christ. Dân ngoại là người đồng dự phần với người Do Thái trong toàn bộ lời hứa này.

Không một điều nào trên đây đã đúng trong định kỳ Cựu Ước, cũng sẽ không điều nào đúng trong vương quốc hầu đến của Đấng Christ.

Trong Cựu Ước, Ysraên giữ địa vị đặc ân đặc biệt trước mặt Đức Chúa Trời. Người Do Thái sẽ cười nhạo bất kỳ lời gợi ý nào cho rằng người ngoại bang được dự phần bình đẳng với mình trong những lời hứa của Đức Chúa Trời. Điều này là hoàn toàn không đúng. Các tiên tri của Ysraên đã thực sự bảo trước sự kêu gọi dân ngoại (Êsai 49:6; 56:6,7), nhưng không chỗ nào gợi ý dân ngoại sẽ là những đồng chi thể trong một thân mà người Do Thái không hề có bất kỳ quyền ưu tiên nào trong đó.

Trong vương quốc hầu đến của Chúa chúng ta, Ysraên cũng sẽ là đầu của các dân (Êsai 60:12); dân ngoại sẽ

được ban phước, nhưng sẽ được ban phước thông qua Ysraên (Êsai 60:3, 61:6; Xachari 8:23).

Sự kêu gọi của Ysraên chủ yếu, đầu không phải là độc quyền, là gọi họ đến với những phước hạnh tạm thời trong các nơi trên trần gian (Phục truyền Luật lệ Ký 28; Amốt 9:13-15). Sự kêu gọi Hội Thánh chủ yếu là đến với các phước hạnh thuộc linh trong các nơi trên trời (Êphêsô 1:3). Ysraên được gọi làm tuyển dân của Đức Chúa Trời trên trần gian này. Hội Thánh được gọi làm Tân Nương trên trời của Đấng Christ (Khải Huyền 21:2,9). Ysraên sẽ được ban phước dưới thời cai trị của Đấng Christ trong thiên hy niên (Ôsê 3:5); Hội Thánh sẽ đồng trị vì với Ngài trên toàn vũ trụ, dự phần vinh hiển Ngài (Êphêsô 1:22,23).

Do đó, phải thấy rõ Hội Thánh không phải là một với Ysraên hay với vương quốc. Đây là một xã hội mới, một hiệp hội độc nhất vô nhị, một hiệp hội có đặc ân nhất của các tín hữu mà chúng ta đọc thấy trong Kinh Thánh. Hội Thánh hiện hữu sau khi Đấng Christ thăng thiên và Thánh Linh được ban xuống (Công Vụ 2). Hội Thánh được hình thành bởi phép báptem của Thánh Linh (1.Côrinthô 12:13). Và Hội Thánh sẽ được hoàn tất tại kỳ Được cất lên, khi mọi người thuộc về Đấng Christ sẽ được đưa về quê hương trên trời (1.Têsalônica 4:13-18; 1.Côrinthô 15:23,51-58).

3:7 Sau khi đã nhấn mạnh quyền dự phần bình đẳng của người ngoại bang và người Do Thái trong Hội Thánh, giờ đây

Phaolô tiến sang thảo luận chức vụ của chính ông đối với lễ mầu nhiệm ấy (câu 7-9).

Trước hết, ông đã trở thành **kẻ giúp việc của Tin Lành**. Wuest viết: "Từ ngữ 'kẻ giúp việc' gây hiểu lầm, vì đây là một từ chuyên môn ngày nay được dùng để chỉ về các mục sư của một Hội Thánh." Từ ngữ này không hề nói đến điều đó trong Tân Ước. Ý nghĩa cơ bản của từ ngữ là một tôi tớ; Phaolô chỉ nói rằng ông hầu việc Chúa vì cơ sự mầu nhiệm.

Chức vụ này mang bản chất của sự ban cho không xứng đáng được nhận. **Cứ theo sự ban cho của ân điển Đức Chúa Trời là ân điển đã ban cho tôi**. Và đây không chỉ là sự tỏ bày ân điển mà còn chứng minh quyền phép của Đức Chúa Trời đã đặng chạm thật hiệu quả đến một người Pharisi kiêu hãnh, tự cho mình là công bình, để cứu linh hồn người, giao cho người làm sứ đồ, ban quyền năng cho nhận lấy những sự khải thị, và ban sức cho nhận lãnh công tác. Vì vậy Phaolô nói ơn này được ban cho ông bởi công hiệu của quyền phép Ngài.

3:8 Vì sứ đồ nói mình là kẻ hèn hơn hết mọi thánh đồ. Có thể một số người thấy điều này có vẻ như chế nhạo sự khiêm nhường. Trên thực tế, đây là sự tự đánh giá chân thật của một người đầy đầy Đức Thánh Linh. Bất kỳ ai nhìn thấy Đấng Christ trong sự vinh hiển Ngài thì đều nhận thấy tình trạng tội lỗi và vô dụng của chính mình. Trong trường hợp Phaolô, còn có thêm kỷ ức là ông đã bắt bớ Chúa Jêsus (Công Vụ 9:4) bằng cách bắt bớ Hội Thánh Đức

Chúa Trời (Galati 1:13; Philip 3:6). Bất chấp điều này, Chúa vẫn giao nhiệm vụ cho ông cách đặc biệt để đem Tin Lành đến cho dân ngoại (Công Vụ 9:15; 13:47; 22:21; Galati 2:2,8). Phaolô là sứ đồ cho dân ngoại còn Phierơ là sứ đồ cho dân Do Thái. Chức vụ của ông gồm hai phần: liên quan đến Tin Lành, và liên quan đến Hội Thánh. Thứ nhất, ông nói cho con người biết cách để được cứu, sau đó ông dẫn họ vào chân lý về Hội Thánh Tân Ước. Đối với ông, công tác truyền giảng Tin Lành tự nó không phải là một kết cuộc, nhưng là một bước tiến để thiết lập và củng cố các Hội Thánh bản xứ Tân Ước.

Chức năng thứ nhất trong chức vụ của ông là rao truyền cho dân ngoại sự giàu có khôn dò thấu của Đấng Christ. Blaikie diễn tả điều này rất hay:

Hai từ ngữ hấp dẫn, là sự giàu có và khôn dò được, truyền đạt ý về những điều vốn quý báu nhất đang có dư dật vô hạn. Thường những điều quý báu thì rất hiếm; tình trạng rất hiếm của chúng càng làm tăng giá của chúng; nhưng ở đây, những điều quý nhất cũng có dư dật vô biên – sự giàu có về lòng thương xót và tình yêu thương, giảm có công đức, quyền năng thánh hóa, yên ủi và biến đổi, hết thảy đều vô giới hạn, có thể làm thỏa mãn mọi sự thiếu thốn, mọi khát khao và mọi tấm lòng ao ước, hiện nay và cho đến đời đời.¹⁸

Khi một người tin cậy Đức Chúa Jêsus, người ấy lập tức trở nên tự phụ thuộc linh; trong Đấng Christ, người sở hữu những kho báu không thể cạn kiệt được.

3:9 Phần thứ nhì của chức vụ Phaolô là soi sáng cho mọi người biết đâu là "sự phân phát lễ mẫu nhiệm" (JND), nói cách khác, để soi sáng cho họ thấy sự mẫu nhiệm này được thi hành thế nào trong thực tế. Kế hoạch của Đức Chúa Trời cho đời hiện tại này là gọi từ dân ngoại ra một dân cho danh Ngài (Công Vụ 15:14), là một Tân Nương cho Con Ngài. Toàn bộ những điều liên quan đến kế hoạch này chính là sự quản lý (chức quản lý, chủ thích ngoài tế của bản NKJV¹⁹) về sự mẫu nhiệm. Mọi người ở đây ắt hẳn phải nói đến mọi tín hữu. Những người chưa được cứu không thể mong hiểu được những chân lý sâu xa của lễ mẫu nhiệm này (I.Côrinthê 2:11). Do đó, Phaolô đang nói mọi người theo ý nghĩa mọi người được cứu thuộc mọi hạng - cả người Do Thái lẫn người ngoại bang, cả nô lệ lẫn người tự do.

Lễ mẫu nhiệm này từ đời lưu đày cổ đã giấu kín trong Đức Chúa Trời. Kế hoạch này đã có trong ý của Đức Chúa Trời từ đời đời, nhưng ý tưởng ở đây ấy là: Ngài đã giữ bí mật kế hoạch ấy trải suốt các thời đại của lịch sử con người. Một lần nữa, chúng ta thấy sự cẩn thận của Thánh Linh để cho chúng ta ghi nhớ sự thực là hiệp hội này, hay Hội Thánh phổ thông là một điều mới mẻ, độc nhất vô nhị, không tiền khoáng hậu. Trước đây chưa từng ai biết đến mẫu nhiệm ấy ngoài Đức Chúa Trời. Bí mật này đã được giấu kín trong Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên muôn vật. Ngài đã dựng nên cõi vũ trụ vật chất, Ngài đã dựng nên các thời đại, và Ngài

đã dựng nên Hội Thánh - nhưng trong sự khôn ngoan Ngài, Ngài quyết định giữ lại mọi hiểu biết về sự dựng nên mới mẻ này cho đến kỳ hiện ra lần thứ nhất của Đấng Christ.

3:10 Một trong những mục đích hiện tại của Đức Chúa Trời đối với sự mẫu nhiệm này ấy là bày tỏ sự khôn sáng mọi đường của Đức Chúa Trời cho các đạo thiên binh trên Thiên đàng. Một lần nữa Phaolô dùng phép tỉ dụ về một trường học. Đức Chúa Trời là Giáo Sư. Cõi vũ trụ là phòng học. Các bậc cầm quyền trong thiên sử là sinh viên. Bài học về đề tài "Sự khôn sáng mọi đường của Đức Chúa Trời." Hội Thánh là bài học trực quan. Từ Thiên đàng, các thiên sứ được thúc giục phải khám phục những đánh giá không thể dò thấu được của Ngài và kinh ngạc trước những đường lối của Ngài mà họ đã phát hiện trong quá khứ. Họ nhìn thấy Đức Chúa Trời đã đắc thắng trên tội lỗi thế nào cho chính sự vinh hiển Ngài. Họ nhìn thấy thế nào Đức Chúa Trời đã sai Đấng Tối Nhất của Thiên đàng đến để đối lấy kẻ tệt hại nhất trên trần gian. Họ đã nhìn thấy thế nào Ngài cứu chuộc những kẻ thù của Ngài với giá phải trả hết sức lớn lao, chính phục họ bởi tình yêu thương, và chuẩn bị họ làm Tân Nương cho Con Ngài. Họ nhìn thấy cách Ngài ban cho những người được chuộc này mọi phước hạnh thuộc linh trong các nơi trên trời. Và các đạo thiên binh nhìn thấy qua công tác của Chúa Jesus trên thập tự giá, Đức Chúa Trời càng được vinh hiển nhiều hơn và những tín hữu người Do Thái và người ngoại bang nhận được nhiều phước

hạnh hơn lúc tội lỗi chưa từng được phép bước vào thế gian. Đức Chúa Trời đã được bình vực; Đấng Christ được tôn cao; Satan bị đánh bại. Và Hội Thánh được tôn lên ngai trong Đấng Christ để chia sẻ vinh hiển của Ngài.

3:11 Bản thân sự mầu nhiệm này, sự giấu kín của nó, việc cuối cùng bày tỏ nó ra, và cùng cách sự mầu nhiệm ấy bày tỏ sự khôn sáng của Đức Chúa Trời thấy đều đúng theo ý định đời đời của Ngài đã làm xong trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta. Trước khi thế gian được dựng nên, Đức Chúa Trời đã biết Satan sẽ sa ngã và con người sẽ đi theo Satan trong tội lỗi. Và Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn một chiến lược đối phó, một kế hoạch chính yếu. Kế hoạch này đã được thực thi trong sự nhập thể, sự chết, sự phục sinh, sự thăng thiên và sự tôn vinh hiển của Đấng Christ. Toàn bộ chương trình tập trung trong Đấng Christ và đã được thực hiện qua Ngài. Giờ đây Đức Chúa Trời có thể cứu những người Do Thái và người ngoại bang không tin kính, khiến họ trở thành các chi trong thân thể Đấng Christ, biến hóa họ trở nên hình ảnh của Con Ngài, và tôn trọng họ một cách độc nhất vô nhị trong tư cách Tân Nương của Chiên Con trong suốt cõi đời đời.

3:12 Do kết quả công tác của Đấng Christ và mối liên hiệp của chúng ta với Ngài, giờ đây chúng ta có được đặc ân lớn khôn tả khi được bước vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời bất kỳ lúc nào, hoàn toàn tin quyết mình được Chúa nghe, và không hề sợ bị quở trách (Giacô 1:5). Sự dạn dĩ của chúng ta là thái độ tôn kính và không hề sợ hãi,

thái độ chúng ta có trong tư cách người con thưa chuyện với Cha mình. Quyền đến gần Ngài của chúng ta là quyền tự do nói với Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện. Sự tin nhiệm vững vàng của chúng ta chính là sự bảo đảm mình được nghênh đón, được lắng nghe, và được nhận câu trả lời khôn ngoan và triu mến. Và toàn bộ điều đó đến bởi đức tin của chúng ta nơi Đức Chúa Jêsus Christ.

3:13 Xét đến chân giá trị của chức vụ ông và những kết quả kỳ diệu phát lưu từ chức vụ ấy, Phaolô khích lệ các thánh đồ đừng ngã lòng khi nghĩ đến những sự chịu khổ của ông. Ông vui mừng chịu đựng những sự hoạn nạn để thực thi sứ mạng của mình cho các dân ngoại. Thay vì ngã lòng bởi những hoạn nạn của ông, trên thực tế ông nói họ nên hãnh diện vì ông được kể là xứng đáng chịu khổ cho Chúa Jêsus. Họ nên vui mừng nghĩ đến ích lợi ra từ những hoạn nạn của ông dành cho họ và cho các người ngoại bang khác. Họ nên xem việc ông hiện bị tù như là vinh hiển, chứ không phải nỗi hổ thẹn.

6. Lời Phaolô Cầu Thay Cho Các Thánh Đồ (3:14-19)

3:14 Giờ đây sứ đồ tiếp tục ý tưởng ông bắt đầu ở câu 1 nhưng đã ngắt ngang với một phần trong ngoặc nói về sự mầu nhiệm. Do đó, những từ ngữ "ấy là vì cơ đó" nói trở về đoạn hai với phần mở tả bản chất của người ngoại bang và mô tả họ đã trở nên thế nào thông qua sự liên hiệp với Đấng Christ. Sự cất nhắc họ lên cách đầy kinh ngạc từ sự nghèo khổ và chết chóc đến sự

giàu có và vinh hiển khiến Phaolô phải cầu nguyện để họ sẽ luôn luôn sống vui hưởng địa vị tôn cao của họ cách thực tiễn.

Tư thế cầu nguyện của ông được nêu rõ: **lời quý gỏi**. Điều này không có nghĩa tư thế của thân thể phải là luôn luôn quý gỏi, đầu vẹo, đây nên luôn là tư thế của linh hồn. Chúng ta có thể cầu nguyện đang khi đi bộ, khi ngồi, hoặc khi nằm, nhưng tâm linh của chúng ta phải quý sắp mình xuống trong sự khiêm nhường và tôn kính.

Lời cầu nguyện được trình dâng lên Đức Chúa Cha. Theo ý nghĩa tổng quát, Đức Chúa Trời là Cha của toàn nhân loại, có nghĩa Ngài là Đấng Tạo Hóa của họ (Công Vụ 17:28, 29). Theo ý nghĩa hạn chế hơn, Ngài là cha của mọi tín hữu, có nghĩa Ngài đã sanh họ ra trong gia đình thuộc linh của Ngài (Galati 4:6). Theo ý nghĩa đặc biệt, Ngài là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ Chúa chúng ta, có nghĩa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con bình đẳng với nhau (Giăng 5:18).

3:15 Vai trò đặc thù của Đức Chúa Cha mà Phaolô đang nhìn thấy ở đây chính là Đấng: bởi Cha mà cả nhà trên trời và dưới đất đều được đặt lên. Câu này có thể mang nghĩa:

1. Toàn bộ những người được cứu chuộc trên Thiên đàng và trên đất nhìn hướng đến Ngài như là Đầu của một gia đình.

2. Mọi loại thọ tạo, cả thiên sứ lẫn con người, đều nhờ Ngài mà được hiện hữu không những với tư cách cá nhân, mà còn với tư cách gia đình nữa. Các

gia đình trên Thiên đàng bao gồm nhiều hạng thiên sứ khác nhau. Các gia đình trên đất là các chủng tộc khác nhau xuất phát từ Nôê và giờ đây chia ra thành nhiều dân tộc khác nhau.

3. Toàn bộ tư cách làm Cha trong cõi vũ trụ đều từ Ngài mà được đặt tên. Tư cách làm Cha của Đức Chúa Trời là nguyên thủy và lý tưởng; đây là nguyên mẫu cho mọi mối quan hệ cha con khác. Phillips dịch câu này: "Mọi quyền làm cha - cả dưới đất hay ở trên trời - đều do nơi Ngài mà có tên gọi."

3:16 Chúng ta không thể không sửng sốt trước tính bao la của lời Phaolô cầu xin: "Tôi cầu xin Ngài tùy sự giàu có vinh hiển Ngài." Ông sắp cầu xin để các thành đó có thể được mạnh mẽ phần tâm linh. Nhưng đến mức độ nào? Jamieson, Fausset, và Brown trả lời: "Đối dân đư đặt, phù hợp với sự giàu có của vinh hiển Ngài; không phải 'tùy theo' sự hẹp hòi của lòng chúng ta."²⁰

Nhiều vị truyền đạo thương nói có sự khác biệt giữa những cụm từ "bởi sự giàu có" và cụm từ "tùy sự giàu có." Có thể một người giàu sẽ cho một lượng của cải vật; điều đó là bởi sự giàu có của người, nhưng không tùy theo sự giàu có! Phaolô cầu xin Đức Chúa Trời sẽ ban sức mạnh tùy sự giàu có của những sự trọn lành Ngài. Vì Chúa giàu có vô hạn trong sự vinh hiển, nên các thành đó hãy chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận một trận hồng thủy! Cớ sao chúng ta lại cầu xin quá ít từ một vị vua quá vĩ đại như thế? Khi có người cầu xin Napoteon một ân huệ lớn lao, ân huệ ấy lập tức được ban cho vì Napoleon nói:

“Người này đã tôn kính ta bởi lời cầu xin thật lớn lao của người!”

Bạn đang đến với một vị vua, mang theo những lời khẩn cầu lớn lao;

Vì di sản và quyền năng của Ngài lớn lao biết bao.

Nên chớ ai hề có ai cầu xin điều gì là quá lớn cả.

- John Newton

Giờ đây chúng ta đến với những lời cầu khẩn cụ thể của Phaolô. Thay vì một loạt những lời khẩn cầu rời rạc không liên kết gì với nhau, chúng ta nên nghĩ đây là những lời cầu xin tiệm tiến, trong đó lời cầu xin này đặt nền tảng cho lời cầu xin kế tiếp. Hãy phác họa chúng như một kim tự tháp. Lời cầu xin thứ nhất là lớp đá dưới đáy. Khi những lời cầu xin tiếp tục, Phaolô xây dần lên trên để tiến đến một đỉnh điểm vinh diệu.

Lời cầu xin thứ nhất ấy là để họ được quyền phép bởi Thánh Linh mà nên mạnh mẽ trong lòng. Phước hạnh được tìm kiếm ở đây là quyền năng thiêng liêng. Không phải là quyền phép để thi hành các phép lạ ngoạn mục, nhưng là sức sống thuộc linh mạnh mẽ cần có để trở thành những Cơ Đốc nhân trưởng thành, ổn định và minh mẫn. Đấng ban quyền phép này chính là Đức Thánh Linh. đương nhiên, Ngài có thể ban cho chúng ta sức mạnh chỉ khi chúng ta được nuôi dưỡng bằng Lời của Đức Chúa Trời, khi chúng ta hít thở không khí trong lành của sự cầu nguyện, và khi chúng ta tập thể dục phục vụ Chúa hằng ngày.

Quyền phép này được kinh nghiệm trong lòng, tức là phần thuộc linh trong

bản chất chúng ta. Chính người bề trong là người ưa thích luật pháp của Đức Chúa Trời (Rôma 7:22). Chính người bề trong là người được đổi mới hàng ngày, cho dù người bề ngoài hư mất (1.Côrinthô 4:16). Dầu người bề trong thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng người bề trong của chúng ta cần sức mạnh, sự tăng trưởng và phát triển.

3:17 Bước thứ nhì ấy là để Đấng Christ nhân đức tin mà ngự trong lòng anh em. Đây là kết quả sự ban sức sống mạnh mẽ của Thánh Linh: chúng ta được làm mạnh mẽ để Đấng Christ có thể ngự trong lòng chúng ta. Trên thực tế, Chúa Jesus đảm nhiệm việc di chuyển thân cư ngụ trong tín hữu tại thời điểm hoàn cải (Giăng 14:23; Khải Huyền 3:20). Nhưng đây không phải là để (tài của lời cầu nguyện này. Đây không phải là vấn đề Ngài ở trong tín hữu ấy, nhưng đúng hơn là vấn đề Ngài cảm thấy tự nhiên tại trong lòng tín hữu ấy! Ngài là Đấng Cư Ngụ vĩnh viễn trong mỗi một người được cứu, nhưng đây là lời cầu xin để Ngài có thể được toàn quyền đến mỗi căn phòng và mỗi chiếc tủ; để Ngài không bị làm buồn bởi những lời nói, những tư tưởng, những động cơ và những việc làm tội lỗi; để Ngài có thể hưởng mỗi thông công nguyện vẹn với tín hữu ấy. Tấm lòng của Cơ Đốc nhân vì vậy trở thành nhà ở của Đấng Christ, là nơi Ngài thích ở – giống như ngôi nhà của Mari, Mathê và Laxarô tại Bethani. đương nhiên, tấm lòng muốn nói đến trung tâm của đời sống thuộc linh. Tấm lòng kiểm soát mọi phương diện của hành vi. Trên thực tế, sứ đồ cầu nguyện để quyền tể

trị của Đấng Christ có thể mở rộng đến những quyển sách chúng ta đọc, những việc chúng ta làm, thức ăn, đến tiền chúng ta tiêu xài, những lời chúng ta nói ra – nói tóm lại mở rộng đến những chi tiết nhỏ nhặt nhất của đời sống chúng ta.

Chúng ta càng được mạnh mẽ bởi Thánh Linh, chúng ta sẽ càng trở nên giống như chính Chúa Jêsus. Chúng ta càng giống Ngài, Ngài sẽ “sống ổn định và cảm thấy tự nhiên thoải mái trong lòng chúng ta” (KSW).

Chúng ta **bởi đức tin** được vui hưởng Ngài cư ngụ trong lòng. Điều này bao gồm sự nương cậy không ngừng nơi Ngài, không ngừng cầu phước Ngài, không ngừng công nhận “tình trạng cảm thấy tự nhiên thoải mái như ở nhà” của Ngài. Chính **bởi đức tin** mà chúng ta “thực hành sự hiện diện Ngài,” như Anh Lawrence đã nói cách thật hấp dẫn.

Cho đến lúc này, lời cầu nguyện của Phaolô đã liên quan đến từng Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Đức Chúa Cha là Đấng ông nài xin (câu 14) Ngài làm mạnh mẽ tín hữu thông qua Thánh Linh (câu 16) để Đấng Christ có thể hoàn toàn cảm thấy tự nhiên như ở nhà Ngài trong lòng họ (câu 17). Một trong những đặc ân lớn lao của sự cầu nguyện chính là chúng ta có thể nhờ được Ba Ngôi đời đời hành động vì cơ người khác và vì cơ chúng ta.

Kết quả từ việc Đấng Christ tiếp cận không hạn chế chính là Cơ Đốc nhân này trở nên **đăm rẽ và vững nền** trong **sự yêu thương**. Ở đây, Phaolô lựa những

từ ngữ từ thế giới thực vật và xây dựng. Rễ của một cái cây cung cấp chất bổ dưỡng và sự nâng đỡ. Công tác làm nền cho một tòa nhà chính là nền tảng để tòa nhà dựa trên đó. Đúng như Scroggie nói: “Tình yêu thương là lớp đất mà đời sống của chúng ta phải đâm rễ trong đó, và tình yêu thương là lớp đá để đức tin của chúng ta phải luôn luôn yên nghỉ trên đó.”²¹ **Được đăm rẽ vững nền** trong **sự yêu thương** tức là được vững lập trong **linh yêu thương** như một phương cách sống. Đời sống có **linh yêu thương** là đời sống nhân từ, không ích kỷ, chịu tan vỡ và nhu mì. Đây là đời sống của Đấng Christ được thể hiện trong tín hữu (xem I.Côrinthô 13:4-7).

3:18 Lời cầu xin trước đây đã phác họa bố cục chương trình tăng trưởng và phát triển tâm linh để chuẩn bị cho con cái Đức Chúa Trời có đầy đủ khả năng **hiệp cùng các thánh đồ** mà **hiểu thấu bề rộng, bề dài, bề cao, bề sâu** của nó là **thế nào**.

Trước khi xem xét chính các chiều hướng này, chúng ta lưu ý từ ngữ: “**được hiệp cùng các thánh đồ**.” Để tài này ví đại đến nói không một tín hữu nào có thể hiểu thấu được nhiều hơn một phần rất nhỏ của đế tài. Vì vậy cần có nghiên cứu, thảo luận và chia sẻ với người khác. Đức Thánh Linh có thể sử dụng sự suy gẫm tổng hợp của một nhóm tín hữu rất quan tâm để Ngài soi sáng thêm về Kinh Thánh.

Các chiều hướng này thường được xem là nói đến tình yêu thương của Đấng Christ, đầu bản văn không nói điều này. Trên thực tế, tình yêu của

Đấng Christ được đề cập riêng biệt ra trong mệnh đề tiếp theo. Nếu có ý định nói tình yêu của Đấng Christ, thì sự nói kết có thể được thể hiện như sau:

Bề rộng – thế gian (Giăng 3:16)

Bề dài – đời đời (I.Côrinthô 13:8)

Bề sâu – thậm chí chịu chết trên thập tự giá (Philíp 2:8)

Bề cao – Thiên đàng (I.Giăng 3:1-2)

F. B. Meyer diễn đạt rất hay:

Đường chân trời phía trước: chúng ta sẽ luôn luôn trải dài y như dòng sông chúng ta. Và khi chúng ta đang chăm chú nhìn xem mặt Chúa Jesus suốt bao thiên niên kỷ, vẻ đẹp của khuôn mặt Ngài sẽ cứ tưng mới và hấp dẫn, không thể dò thấu y như khi chúng ta lần đầu tiên nhìn thấy khuôn mặt ấy từ cổng Thiên đàng.²²

Nhưng những chiều hướng này cũng có thể nói đến sự mầu nhiệm vốn giữ một địa vị quan trọng trong thơ Êphê-sô. Trên thực tế, rất dễ tìm thấy các chiều hướng này trong chính bản văn:

1. **Bề rộng** được mô tả trong 2:11-18. Điều này nói đến chiều rộng của ân điển Đức Chúa Trời khi cứu người Do Thái và người ngoại bang, rồi sau đó kết hợp họ vào trong Hội Thánh. Sự mầu nhiệm bao gồm cả hai thành phần như loại này.

2. **Bề dài** trải dài từ cõi đời đời đến cõi đời đời. Xét về quá khứ, tín hữu được chọn trong Đấng Christ từ trước khi sáng thế (1:4). Xét về tương lai, cõi đời đời sẽ tiết lộ bất tận về sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài trong lòng nhân từ Ngài đối với chúng ta qua Đức Chúa Jesus Christ (2:7).

3. **Bề sâu** được mô tả sinh động trong 2:1-3. Chúng ta bị chìm đắm trong

vực sâu của tội lỗi và biến thái không thể tả nói. Đấng Christ đã đến với chúng ta ở uế và bại hoại này để chết thay chúng ta.

4. **Bề cao** được nhìn thấy trong 2:6, nơi đó không những chúng ta được đồng sống lại với Đấng Christ, mà còn được đồng ngồi trên ngai với Ngài trong các nơi trên trời để chia sẻ vinh hiển Ngài.

Như vậy, đây là những chiều kích của tình bao la mênh mông và thực sự là tình vô hạn. Khi nghĩ về những chiều kích ấy, đúng như Scroggie nói: "Tất cả những gì chúng ta có thể làm là đánh dấu theo đúng thứ tự trong sự lộn xộn của những từ ngữ thánh thiện này."

3:19 Lời cầu xin tiếp theo của sứ đồ là để các thành đồ có thể hiểu thấu bằng kinh nghiệm về sự yêu thương của Đấng Christ là sự trời hơn mọi sự thông biết. Họ không bao giờ có thể khám phá đầy đủ tình yêu ấy, vì tình yêu ấy là một đại dương không bờ bến, nhưng họ có thể mỗi ngày học biết ngày càng nhiều hơn về tình yêu ấy. Và vì vậy, ông cầu xin Chúa ban sự hiểu biết và sự vui hưởng sâu nhiệm trong kinh nghiệm về tình yêu tuyệt diệu của Cứu Chúa tuyệt diệu của chúng ta.

Đỉnh điểm của lời cầu nguyện phi thường này chính là lúc Phaolô cầu nguyện để cho anh em được đầy đầy (nguyên văn là về hướng – unto), hướng về (tỷ văn là eis) mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời. Mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời vốn ở trong Đức Chúa Jesus (Côlôse 2:9). Ngài càng ở trong lòng chúng ta bởi đức tin, chúng ta càng đầy đầy hướng về mọi sự dư dật của Đức

Chúa Trời. Chúng ta không bao giờ có thể được đầy đầy mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời. Nhưng đây là một mục tiêu mà chúng ta đang hướng đến.

Và tuy chưa giải thích điều này, chúng ta phải nói rằng có những chiều sâu của ý nghĩa ở đây mà chúng ta vẫn chưa đạt đến. Khi chúng ta học và nghiên cứu Kinh Thánh, chúng ta biết mình đang tiếp xúc với những chân lý vĩ đại hơn khả năng hiểu hay khả năng giải thích của chúng ta. Chúng ta có thể dùng những minh họa để làm sáng tỏ thêm câu Kinh Thánh này, chẳng hạn như minh họa cái dê may kim những trang đại dương thì được đầy đầy nước, nhưng đại dương ở trong cái dê ấy ít ỏi biết dường nào! Thế nhưng khi chúng ta nói mọi điều này, sự mầu nhiệm vẫn cứ còn đó, và chúng ta chỉ có thể thấy kính sợ trước Lời Đức Chúa Trời và thần phục về vô hạn của Lời Ngài.

H. Lời Ngợi Khán Chúc Tụng Của Phaolô (3:20,21)

3:20 Lời cầu nguyện kết thúc với bài ca tôn vinh chúc tụng làm phấn khởi cả tâm hồn, những lời cầu xin trước đây là bao la, đạn dĩ và dường như không thể thực hiện được. Nhưng Đức Chúa Trời **có thể làm trời hơn vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng.** Phạm vi năng lực Ngài được nhìn thấy qua phương cách Phaolô xếp các từ ngữ theo hình tháp để mô tả những phước hạnh vô cùng dư dật:

Có thể

Có thể làm

Có thể làm việc chúng ta cầu xin

Có thể làm việc chúng ta suy tưởng

Có thể làm việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng

Có thể làm mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng

Có thể làm trời hơn mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng

Có thể làm trời hơn vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng

Có thể làm trời hơn dư dật vô cùng mọi việc chúng ta cầu xin hoặc suy tưởng.

Phương tiện Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện được nêu trong cụm từ **bởi quyền lực cảm động trong chúng ta.** Điều này nói đến Đức Thánh Linh, Đấng liên tục hành động trong đời sống chúng ta, tìm cách sinh ra bông trái của đức tính giống như Đấng Christ, quở trách chúng ta về tội lỗi, hướng dẫn chúng ta trong sự cầu nguyện, cảm động thúc giục chúng ta trong sự thờ phượng, dẫn dắt chỉ huy chúng ta trong sự phục vụ. Chúng ta càng đấu phục Ngài, hiệu quả Ngài biến đổi chúng ta nên giống như Đấng Christ sẽ càng lớn lao hơn.

3:21 **Nguyện Ngài được vinh hiển trong Hội Thánh, và trong Đức Chúa Jêsus Christ, trải các thời đại, đời đời vô cùng! Amen.** Đức Chúa Trời là đối tượng xứng đáng được ngợi khen đời đời. Sự khôn ngoan và quyền năng Ngài được bày tỏ trong các đạo thiên binh; trong mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao; trong các loài thú đồng, chim trời, cá biển; trong -lửa, mưa đá, tuyết và sương mù; trong gió; trên núi, đồi, cây cối; trong các vua và dân chúng, trong người già và người trẻ; trong Ysraên và các dân tộc. Toàn bộ những đối tượng này đều được dự định để ca ngợi danh Đức Giêhôva (Thititiên 148).

Nhưng còn một nhóm người khác nữa để họ dâng lên sự vinh hiển bất tận cho Đức Chúa Trời, và nhóm đó là **Hội Thánh** – Đấng Christ là Đầu và tín hữu là Thân Thể. Cộng đồng được cứu chuộc này sẽ là lời chứng đời đời cho ân điển tuyệt diệu vô song của Ngài. William viết:

Vinh hiển đời đời của Đức Chúa Trời trong tư cách Đức Chúa Cha sẽ được bày tỏ rõ ràng suốt các thời đại trong Hội Thánh và trong Đức Chúa Jesus Christ. Một lời tuyên bố là lòng biết dường nào! Đấng Christ và Hội Thánh trong tư cách một thân thể sẽ là phước tiện cho sự chứng minh đời đời ấy.²³

Ngay cả hiện nay, Hội Thánh đáng ra phải đang dâng vinh hiển lên danh Ngài “trong những buổi nhóm ca ngợi, trong những đời sống thanh sạch của thuộc viên Hội Thánh, trong sự công bố Tin Lành trên khắp hoàn cầu, và trong những chức vụ của Hội Thánh để chăm sóc cho sự sầu khổ và nhu cầu của con người” (Erdman).

Độ dài thời gian của sự ca ngợi này là trải các thời đại, đời đời vô cùng. Khi chúng ta nghe Phaolô kêu gọi dâng sự ngợi khen đời đời lên Đức Chúa Trời ở trong Hội Thánh và trong Đức Chúa Jesus Christ, đáp ứng của lòng chúng ta chính là Amen hết lòng!

II. NẾP SỐNG CỦA TÍN HỮU TRONG CHÚA (Đoạn 4-6)

A. Lời Kêu Gọi Biệt Một Trong Mới Thông Công Cơ Đốc (4:1-8)

4:1 Đến đây có phần ngắt chính yếu trong thư Êphêso. Các đoạn trước đề cập đến sự kêu gọi của Cơ Đốc nhân.

Trong ba đoạn cuối, Cơ Đốc nhân được thúc giục phải ở ở cách xứng đáng với sự kêu gọi của mình. Địa vị mà ân điển Chúa đã nhắc chúng ta lên đến vẫn là chủ đề chi phối mãi đến hiện giờ. Từ đây trở đi sẽ là kết quả thực tiễn của địa vị đó. Địa vị được tôn cao của chúng ta trong Đấng Christ đòi hỏi một nếp sống tin kính tương xứng. Vì vậy, đúng là thư Êphêso chuyển từ các nơi trên trời trong đoạn 1- 3 sang Hội Thánh địa phương, đến gia đình, rồi sang xã hội chung trong những đoạn 4- 6. Như Stott nói rõ, các đoạn kết thúc này dạy “chúng ta phải vun đắp sự hiệp một trong Hội Thánh, sự thanh sạch trong đời sống cá nhân của chúng ta, sự hòa thuận trong gia đình và sự ổn định trong trận chiến của chúng ta với các thế lực của ma quỷ.”

Lần thứ nhì Phaolô nói mình là kẻ tù – lần này là kẻ tù trong Chúa. Theodoret giải thích: “Điều mà thế gian kể là hổ nhục, ông kể là vinh dự cao cả nhất, và ông khoe mình về những xiềng xích ông chịu vì cơ Đấng Christ còn hơn cả một vị vua đang đợi vương miện.”

Với tư cách một người đang chịu tù do trung tín và vâng lời Chúa, Phaolô khuyên độc giả phải ở ở cách xứng đáng với sự kêu gọi của họ. Ông không truyền lệnh hay điều khiển. Với sự dịu dàng mềm mại, ông kêu gọi họ với ngôn ngữ của ân điển.

Từ ngữ “**ăn ở**” được tìm thấy bảy lần trong thư này (2:2,10; 4:1,17; 5:2, 8,15), mô tả toàn bộ nếp sống của một con người. Ăn ở cách xứng đáng là nếp sống nhất quán với địa vị cao trọng của Cơ Đốc nhân trong tư cách chi thể của Thân Đấng Christ.

4:2 Trong mọi phương diện của đời sống, điều quan trọng là phải bày tỏ tinh thần giống Đấng Christ. Tinh thần này gồm có:

Sự khiêm nhường – sự khiêm nhường thật xuất phát từ sự liên kết với Đức Chúa Jêsus. Sự khiêm nhường khiến chúng ta ý thức tình trạng không ra chi của mình và giúp chúng ta có thể kính yêu người khác hơn chính mình. Điều này trái ngược với tính tự cao tự đại và ngạo mạn.

Mềm mại – thái độ biết thuận phục những cách đối xử của Đức Chúa Trời mà không nổi loạn, và thuận phục sự thiếu tử tế của con người mà không báo thù. Điều này được nhìn thấy rõ nhất trong đời sống của Đấng đã phân: "Ta có lòng nhu mì và khiêm nhường." Wright nhận định:

Một câu nói tuyệt vời từ lạ lùng biết bao! Đấng tạo dựng thế gian. Đấng đặt các vì sao trong không gian và gọi đích danh chúng. Đấng bảo tồn vô số chòm sao trong quỹ đạo của chúng. Đấng dùng cân cán núi và dùng thăng bằng cân gỗ, Đấng nhắc các hòn đảo lên như một vật rất nhỏ. Đấng giữ nước đại dương trong lòng bàn tay, trước mặt Đấng ấy cư dân trái đất giống như cào cào, khi Ngài đến trong đời sống con người thì từ thấy Ngài có tâm lòng nhu mì và khiêm nhường. Không phải Ngài đã dựng lên một lý tưởng hoàn hảo của con người rồi điều chỉnh Ngài cho phù hợp với lý tưởng đó; Ngài đã là lý tưởng đó.²⁴

Nhìn nhục – tình tình điểm tình và tinh thần kiên nhẫn trong lúc bị khiêu khích kéo dài. Điều này được minh họa như sau: hãy hình dung một con chó

con và một con chó lớn ở chung với nhau. Khi con chó nhỏ sủa con chó lớn, gây rối và tấn công con chó lớn, thì con chó lớn – vốn có thể tát con chó nhỏ một miếng, nhưng lại cứ kiên nhẫn chịu đựng sự xúc phạm của con chó nhỏ.

Lấy lòng yêu thương mà chịu nhau – có nghĩa chịu có những lỗi lầm và thất bại của người khác, hay những cá tính, khả năng và tính khí khác biệt với mình. Đây không phải là vấn đề duy trì vẻ bề ngoài lịch sự đang khi trong lòng sôi sục căm hờn. Điều này có nghĩa yêu thương tích cực đối với những người chọc giận, gây rối hay quấy rầy mình.

4:3 Dùng dây hòa bình mà giữ gìn sự hiệp một của Thánh Linh. Khi thành lập Hội Thánh, Đức Chúa Trời đã loại bỏ sự chia rẽ lớn nhất từng hiện hữu giữa vòng loài người – sự rạn nứt giữa người Do Thái và dân ngoại. Trong Đức Chúa Jêsus Christ, những sự phân biệt này bị phá bỏ. Nhưng điều này thực hiện thế nào trong cuộc sống chung của họ? Có phải sẽ vẫn còn sự thù địch vương vất không? Có phải sẽ có khuyến khích thành lập "Hội Thánh Đấng Christ của người Do Thái" và một "Hội Thánh cho các dân tộc?" Để phòng ngừa mọi chia rẽ hay thù địch âm ỉ, giờ đây Phaolô này nài nỉ phải giữ gìn sự hiệp một giữa vòng Cơ Đốc nhân.

Họ nên chuyên tâm gìn giữ sự hiệp một của Thánh Linh. Thánh Linh đã khiến cho mọi tin hữu thật trở nên một trong Đấng Christ; Thân Thể này được một Thánh Linh ngự ở trong. Đây là sự hiệp một cơ bản mà không điều gì phá hủy được. Nhưng bởi cái cọ hoặc tranh cãi nhau, tin hữu có thể hành động

đường như thế không hề có sự hiệp một cơ bản ấy. Giữ gìn sự hiệp một của Thánh Linh có nghĩa sống hòa bình với nhau. Hòa bình là sợi dây gân ràng buộc các chi thể trong thân lại với nhau bất chấp những sự khác biệt tự nhiên và rộng lớn của họ. Phản ứng thông thường khi có sự khác biệt là chia rẽ ra và bắt đầu thành lập một bè phái mới. Phản ứng thuộc linh là thế này: "Trong những điều cơ bản thiết yếu, phải hiệp một. Trong những thắc mắc còn đáng ngờ, được quyền tự do. Trong mọi sự, phải nhân từ cảm thông." Trong mỗi chúng ta đều có tánh xác thịt đủ để phá hoại bất kỳ Hội Thánh địa phương nào hay bất kỳ công tác nào khác của Đức Chúa Trời. Do đó, chúng ta phải kiểm soát những ý thích và thái độ thất thường vốn vật của cá nhân mình, và cộng tác trong hòa bình vì cơ vinh hiển của Đức Chúa Trời và vì phúc hạnh chung.

4:4 Thay vì phóng đại những khác biệt, chúng ta nên nghĩ đến bày thực tại tích cực vốn hình thành cơ sở cho sự hiệp một thật của Cơ Đốc nhân.

Một thân thể. Dẫu có nhiều khác biệt về chủng tộc, màu da, quốc tịch, văn hóa, ngôn ngữ và khí hậu, nhưng chỉ có một thân thể, hợp thành bởi mọi tín hữu thật từ ngày Lễ Ngũ Tuần cho đến Sự Cất Lên. Các hệ phái, các giáo phái ly khai và các bè đảng ngăn trở không cho thực hiện chân lý này. Toàn bộ những chia rẽ do con người gây ra như thế sẽ bị quét sạch khi Cứu Chúa trở lại. Do đó, khẩu hiệu của chúng ta lúc này phải là: "Hãy để các danh xưng, các giáo phái và bè phái rơi xuống, và Chúa Jêsus là mọi sự trong mọi sự."

Một Thánh Linh. Đức Thánh Linh ngự trong mỗi tín hữu một cách cá nhân (I.Côrinhtô 6:19) cũng chính là Thánh Linh ngự trong Thân Thể Đấng Christ (I.Côrinhtô 3:16).

Một sự trông cậy. Mỗi thành viên của Hội Thánh được kêu gọi đến một số phận – được ở với Đấng Christ, trở nên giống như Ngài, và chia sẻ vinh hiển của Ngài cách bất tận. Một sự trông cậy bao gồm toàn bộ những điều chờ đợi thánh đồ tại lúc Đức Chúa Jêsus tái lâm và từ đó trở đi.

4:5 **Một Chúa.** "Thật người ta xưng có các thần khác, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới đất, (bởi đó họ thờ nhiều thần nhiều chúa), về phần chúng ta, chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi... lại chỉ có một Chúa mà thôi, là Đức Chúa Jêsus Christ, muôn vật đều nhờ Ngài mà có, và chúng ta cũng vậy" (I.Côrinhtô 8:5, 6; cũng xem I.Côrinhtô 1:2.)

Một đức tin. Đây là đức tin Cơ Đốc, lập hợp giáo lý "đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi" (Giude 3), và được bảo tồn cho chúng ta trong Tân Ước.

Một phép báptem. Điều này đúng trên hai phương diện. Trước hết, có một phép báptem bởi Thánh Linh, bởi đó những ai tin cậy Đấng Christ thì được đặt vào trong một thân (I.Côrinhtô 12:13). Rồi có một phép báptem để bởi đó tân tín hữu tuyên xưng sự liên hiệp của mình với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn và sự sống lại. Dẫu ngày nay có nhiều phương thức làm phép báptem khác nhau, nhưng Tân Ước công nhận một phép báptem của tín hữu, nhân danh Đức Cha Đức Con và Đức Thánh

Linh. Bằng cách chịu phép báptem, các môn đồ bày tỏ lòng trung thành với Đấng Christ, chôn bản ngã cũ của mình, và quyết tâm bước đi trong đời sống mới.

4:6 Một Đức Chúa Trời. Mỗi một con cái của Đức Chúa Trời công nhận chỉ có **một Đức Chúa Trời và một Cha của mọi người** được chuộc, là Đấng:

Trên cả mọi người – Ngài là Đấng tế trị tối thượng của cõi vũ trụ.

Ở giữa mọi người – Ngài hành động thông qua mọi người, sử dụng mọi điều để hoàn tất những mục đích của Ngài.

Ở trong mọi người – Ngài ngự trong mọi tín hữu, và hiện diện đồng thời tại mọi nơi cùng một lúc.

B. Chương Trình Đế Vạn Hành Búng Chức Hàng Cho Các Chi Thể Trong Thân (4:7-18)

4:7 Giáo lý về sự hiệp một của thân thể Đấng Christ có một lẽ thật sinh đôi, tức là sự đa dạng của các chi thể trong thân. Mỗi chi thể được giao một vai trò đặc thù. Không có hai chi thể nào giống y nhau và cũng không có hai chi thể nào có chính xác cùng một chức năng. Phần vai trò của mỗi một chi thể được giao theo **lượng sự ban cho của Đấng Christ**, tức là Ngài ban cho đúng theo cách Ngài thấy là phù hợp. Nếu sự **ban cho của Đấng Christ** ở đây có nghĩa Đức Thánh Linh (Giăng 14:16,17; Công Vụ 2:38,39), thì ý tưởng ở đây là: Đức Thánh Linh là Đấng đã giao một ân tứ nào đó cho mỗi một thánh đồ, và cũng là Đấng ban khả năng để vận dụng ân tứ đó. Khi mỗi chi thể đã làm trọn công tác được giao cho mình, thì Thân Thể Đấng Christ tăng trưởng cả về mặt tâm linh lẫn mặt số lượng.

4:8 Để giúp mỗi con cái Đức Chúa Trời tìm thấy và làm trọn chức năng của mình, Chúa đã ban một số **ơn đặc biệt** của chức vụ, hay của sự phục vụ, cho Hội Thánh. Đừng nên lẫn lộn các ơn này với những sự ban cho được đề cập trong câu Kinh Thánh đi trước. Mỗi tín hữu có một ân tứ nào đó (câu 7), nhưng không phải mọi người đều có một trong những ơn được liệt kê trong câu 11: đây là những **ân tứ đặc biệt** nhằm mục đích giúp cho thân lớn lên.

Trước hết, chúng ta thấy Đấng Ba Ngôi Phát các **ơn đặc biệt** này chính là Đức Chúa Jêsus Christ phục sinh, thăng thiên và được vinh hiển. Phaolô trích Thithiên 68:18 như là lời tiên tri báo trước Đấng Mêsê sẽ thăng thiên, sẽ chinh phục các kẻ thù, và dẫn họ như **phu tử**, và là phần thưởng cho chiến thắng của Ngài, Ngài sẽ nhận lấy các ơn để **ban cho con người**.

4:9 Nhưng điều này làm nảy sinh nan đề! Làm thế nào Đấng Mêsê có thể lên Thiên đàng? Chẳng phải Ngài đã sống trên Thiên đàng với Đức Chúa Cha từ suốt cả cõi đời đời sao? Hiển nhiên, nếu Ngài muốn lên Thiên đàng, trước hết Ngài phải xuống khỏi Thiên đàng. Lời tiên tri về sự thăng thiên của Ngài trong Thithiên 68:18 hàm ý có sự hạ giáng trước đó. Vì vậy chúng ta có thể diễn ý câu 9 như sau: "Vậy khi Thithiên 68 nói 'Ngài đã lên' – điều đó còn có ý nghĩa nào khác hơn Ngài cũng trước hết đã giáng xuống những miền thấp ở dưới đất sau." Chúng ta biết đây chính xác là điều đã xảy ra. Đức Chúa Jêsus đã giáng xuống chuồng chiên ở Bêlêhem, đến sự chết trên thập tự giá, và đã đi xuống

mồ mả. Các miền thấp ở dưới đất đôi khi được xem như chỉ đến âm phủ hay địa ngục. Nhưng ý nghĩ đó không phù hợp với lập luận ở đây: sự thăng thiên của Ngài bắt buộc trước đó phải có sự giáng xuống trần gian nhưng không phải xuống địa ngục. Ngoài ra, Kinh Thánh cho thấy khi Đấng Christ chịu chết, linh của Ngài đi Thiên đàng chứ không phải xuống địa ngục (Luca 23:43,46).

Bản Kinh Thánh New English Bible dịch câu này như sau: "Bây giờ từ ngữ 'đã lên' hàm ý rằng Ngài cũng đã xuống bình diện thấp nhất, đã xuống đến chính trần gian."

4:10 Lời tiên tri của Thi thiên 68:18 và sự đi xuống được hàm ý trong lời tiên tri này đã được ứng nghiệm chính xác bởi sự nhập thể, sự chết và chôn của Chúa Jesus. Đấng đã xuống khỏi Thiên đàng cũng là Đấng đã chiến thắng tội lỗi, Satan, ma quỷ và sự chết, và cũng là Đấng đã lên trên hết các tầng trời của bầu khí quyển và tinh tú, để Ngài làm cho đầy đầy mọi sự.

Ngài thực sự làm đầy đầy mọi sự theo ý nghĩa: Ngài là nguồn của mọi phước hạnh, làm tổng toàn bộ mọi mỹ đức và là Đấng tể trị tối thượng trên mọi loài. F. W. Grant viết: "Chưa hề có nơi nào ở giữa khoảng đáy sâu thập tự giá và đỉnh cao của vinh hiển mà Ngài chưa đến."²⁵

Ý tưởng trọng tâm trong câu 8-10 ấy là: Đấng ban phát các ân tứ chính là Đấng Christ thăng thiên. Trước khi Ngài trở về trời, thì chưa có sự ban cho nào như thế. Điều này được hậu thuẫn thêm bởi ý cho rằng Hội Thánh đã không tồn tại trong thời Cựu Ước; vì nếu Hội

Thánh tồn tại lúc bấy giờ, thì đó là một Hội Thánh không có ân tứ.

4:11 Tên của các sự ban cho giờ đây được nêu ra. Chúng ta hết sức kinh ngạc khi thấy đây là những con người, chứ không phải những sự ban cho thiên nhiên hay những tài năng thiên nhiên. Ấy chính Ngài đã cho người này làm sứ đồ, kẻ kia làm liên tri, người khác làm thầy giảng Tin lành, kẻ khác nữa làm mục sư và giáo sư.

Các sứ đồ là những con người được chính Chúa trực tiếp sai phái đi giảng Lời Chúa và thành lập Hội Thánh. Họ là những người đã chứng kiến Đấng Christ phục sinh (Công Vụ 1:22). Họ có quyền năng để thi hành các phép lạ (II.Corinthô 12:12) để làm phước tiện khẳng định sự điệp họ rao giảng (Hêbơrê 2:4) cùng với các tiên tri Tân Ước, chức vụ của họ chủ yếu liên quan đến nền của Hội Thánh (Êphêsô 2:20). Các sứ đồ được nói đến trong phần đoạn này thì chỉ có những người làm sứ đồ sau sự thăng thiên của Đấng Christ.

Tiên tri là phát ngôn nhân hay chiếc loa của Đức Chúa Trời. Họ nhận những khả năng trực tiếp đến từ Chúa rồi truyền lại cho Hội Thánh. Những điều họ nói ra bởi Thánh Linh chính là Lời của Đức Chúa Trời.

Theo ý nghĩa chính yếu, chúng ta không còn các sứ đồ và tiên tri nữa. Chức vụ của họ đã kết thúc khi nền của Hội Thánh thiết lập xong, và khi bộ kinh điển Tân Ước hoàn tất. Chúng ta đã nhấn mạnh rằng ở đây Phaolô đang nói về các liên tri Tân Ước; họ đã được Đấng Christ ban xuống sau khi Ngài thăng thiên. Nếu nghĩ họ là những tiên

tri Cựu Ước sẽ đưa ra nhiều khó khăn và nhiều điều phi lý vào thêm trong phần đoạn này.

Thầy giảng Tin Lành là những người rao giảng Tin Lành cứu rỗi. Họ được trang bị cách thiên thượng để chinh phục người hư mất về cho Đấng Christ. Họ có khả năng đặc biệt để chẩn đoán tình trạng của tội nhân, dò thấu lương tâm, trả lời những sự chống đối, khích lệ những quyết định tiếp nhận Đấng Christ, và giúp những tân tìn hữu tìm được sự bảo đảm thông qua Lời Chúa. Những thầy giảng Tin Lành nên đi ra từ một Hội Thánh địa phương, rao giảng cho thế gian, rồi hướng dẫn những tân tìn hữu của mình về với một Hội Thánh địa phương để tại đó họ sẽ được nuôi dưỡng và khích lệ.

Mục sư là những người phục vụ trong tư cách những phụ tá chân bầy chiên của Đấng Christ. Họ dẫn dắt và nuôi bầy chiên. Chức vụ của họ là chức vụ đưa ra những lời tư vấn khôn ngoan, sửa trị, khích lệ và an ủi.

Công tác của mục sư liên quan mật thiết đến công tác của trưởng lão trong Hội Thánh địa phương, khác biệt chính yếu ấy là: mục sư là một sự ban cho trong khi trưởng lão là một chức vụ. Tân Ước mô tả rất nhiều mục sư trong một Hội Thánh địa phương (Công Vụ 20:17,28; I.Phiêrô 5:1,2) thay vì một mục sư hay một trưởng lão chủ tọa.

Giáo sư là những người được ban quyền năng thiên thượng để giải nghĩa những điều Kinh Thánh nói, thông giải những điều Kinh Thánh muốn nói, và áp dụng vào tâm lòng và lương tâm của các thánh đồ. Trong khi thầy giảng Tin

Lành có thể rao giảng Tin Lành từ một phần đoạn ngoài văn mạch, giáo sư tìm cách cho thấy phần đoạn đó phù hợp thế nào trong văn mạch ấy.

Vì mục sư và giáo sư được liên kết với nhau trong câu Kinh Thánh này, có người kết luận câu này chỉ muốn nói đến một sự ban cho, nên lý giải là "mục sư kiêm giáo sư." Nhưng không nhất thiết phải như vậy. Một người có thể làm giáo sư mà không có tâm lòng của một người chân bầy. Và có thể mục sư có khả năng sử dụng Lời Chúa nhưng lại không có ân tứ đặc trưng của công tác dạy dỗ. Nếu mục sư và giáo sư là cùng một nhân vật ở đây trong câu 11, thì theo cùng một quy luật văn phạm đó,²⁶ các sứ đồ và các tiên tri trong 2:20 cũng phải là cùng nhân vật y như vậy.

Còn một lời cuối nữa. Chúng ta nên cẩn thận phân biệt giữa các sự ban cho thiên thượng và những tài năng thiên nhiên. Không một người chưa được cứu rỗi, cho dù tài năng đến đâu đi nữa, có thể làm một thầy giảng Tin Lành, mục sư hay giáo sư theo ý nghĩa của Tân Ước. Cũng không một Cơ Đốc nhân nào có thể làm được như vấn đề vừa nêu, trừ phi người nhận lãnh sự ban cho đặc thù ấy. Các ân tứ của Thánh Linh là siêu nhiên. Chúng giúp một người làm được những điều mà con người trong người ấy không thể làm được.

4:12 Giờ đây chúng ta đến với chức năng hay mục đích của các ân tứ này. Đó là để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch và sự gây dựng thân thể Đấng Christ. Tiến trình như thế này:

1. Các ân tứ trang bị các thánh đồ.

2. Bấy giờ các thánh đồ sẽ phục vụ.

3. Lúc đó **hân thể** sẽ gây dựng.

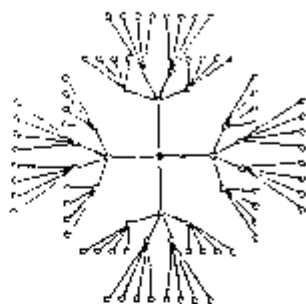
Chức dịch không phải là một nghề nghiệp chuyên môn giới hạn cho những con người đã được huấn luyện chuyên môn. Từ này đơn giản có nghĩa là sự phục vụ. Nó bao gồm mọi hình thức phục vụ thuộc linh. Và điều câu này dạy dỗ ấy là: mỗi tín hữu nên ở "trong chức dịch."

Các ân tứ được ban ra để kiện toàn hay trang bị mọi Cơ Đốc nhân phục vụ Chúa, để bởi đó gây dựng **hân thể của Đấng Christ**. Vance Havner đã giải thích thật tài tình:

Mỗi Cơ Đốc nhân đều được sai phái vì mỗi Cơ Đốc nhân là một giáo sư. Người ta nói Tin Lành không chỉ là một điều gì đó để đến tại nhà thờ mà nghe, nhưng là một điều gì đó ra từ nhà thờ để kể lại - và hết thảy chúng ta đều được chỉ định để kể Tin Lành ấy ra. Cùng có người nói: "Cơ Đốc giáo bắt đầu như một cộng đoàn những chứng nhân không chuyên, rồi đã trở thành chủ nghĩa bực giảng chuyên môn, được chu cấp tài chánh bởi những khốn giả không chuyên!" Ngày nay, chúng ta thuê một nhân viên của giáo hội đến để thực hiện 'công tác Cơ Đốc trọn thời gian,' rất đến ngày Chủ nhật chúng ta ngồi trong nhà thờ để theo dõi họ thực hiện công việc đó. Mỗi Cơ Đốc nhân đều phải ở trong sự phục vụ Cơ Đốc trọn thời gian... thực sự có một chức vụ đặc biệt của các mục sư, các giáo sư và thầy giảng Tin Lành - nhưng để nhằm mục đích gì?... Để kiện toàn các thánh đồ cho chức vụ của họ.²⁷

Những con người do Chúa ban này đứng nên phục vụ theo cách khiến người ta mãi mãi lệ thuộc vào họ. Thay

vào đó, họ nên làm việc hướng về ngày mà các thánh đồ sẽ có thể tự thực hiện công tác. Chúng ta có thể minh họa điều này như sau:



Chúng ta lấy ví dụ, vòng tròn ở trung tâm mô tả ân tứ của một giáo sư. Ông thi hành chức vụ cho những người ở trong các vòng tròn quanh mình để họ được trang bị, có nghĩa họ được gây dựng trong đức tin. Sau đó, họ ra đi chăm sóc những người khác theo các sự ban cho mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ. Theo cách này, Hội Thánh tăng trưởng và bành trướng. Đây là phương pháp thiên thượng để đem lại sự lớn lên trong **Thân Thể Đấng Christ**, cá vế số lượng lẫn đời sống tâm linh.

Giới hạn sự phục vụ Cơ Đốc trong một giai cấp tuyển chọn thì ngăn trở sự phát triển của dân sự Đức Chúa Trời, làm nghẹt ngòi sự truyền giảng Tin Lành thế giới, và làm chùn sự lớn lên của Hội Thánh. Sự phân biệt giữa hàng giáo phẩm và giáo dân là phi Kinh Thánh, và có lẽ là trở ngại đơn lớn nhất cho sự truyền bá và lan tràn Tin Lành.

4:13 Câu 13 giải đáp câu hỏi: "Tiến trình tăng trưởng này sẽ tiếp tục bao lâu?" Câu trả lời: Cho đến chừng chúng ta thấy **đều liến đến tình trạng hiệp**

một, trưởng thành và trở nên giống Đấng Christ.

Hiệp một. Khi Chúa rước Hội Thánh Ngài về Thiên đàng, chúng ta thấy đều tiến đến sự hiệp một trong Đức tin. "Bảy giờ chúng ta xem như trong một cái gương cách mặt mờ" đối với rất nhiều vấn đề. Chúng ta có nhiều ý kiến khác nhau về vô số đề tài. Lúc bảy giờ chúng ta hét thấy đều sẽ đồng ý hoàn toàn. Và chúng ta sẽ đạt đến sự hiệp một trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời. Ở đây chúng ta có nhiều quan điểm riêng về Chúa, về những đặc tính của Ngài, về những hàm ý trong lời dạy của Ngài. Đến lúc bảy giờ chúng ta sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy, và biết như Chúa đã biết chúng ta vậy.

Trưởng thành. Tại lúc Cát Lên, chúng ta cũng sẽ đạt đến sự tăng trưởng trọn vẹn hay trưởng thành. Cả với tư cách cá nhân lẫn với tư cách thân thể Đấng Christ, chúng ta sẽ đạt đến sự trọn lành trong sự phát triển làm linh.

Biến hóa nên giống như Chúa. Và chúng ta sẽ được biến hóa nên giống như Ngài. Mỗi người sẽ giống Đấng Christ về mặt đạo đức. Và Hội Thánh phổ thông sẽ là một Thân Thể phát triển trọn vẹn, phù hợp hoàn hảo với Đấng vinh hiển của thân. "Sự đầy đầy trọn vẹn của Đấng Christ là chính Hội Thánh, và sự trọn vẹn của Ngài đầy đầy mọi sự trong mọi sự" (FWG). **Tấm thước vóc giạc** của Hội Thánh muốn nói đến sự phát triển trọn vẹn của Hội Thánh, làm ứng nghiệm kế hoạch Đức Chúa Trời dành cho sự tăng trưởng của Hội Thánh.

4:14 Khi các ân tứ vận hành đúng phương cách Đức Chúa Trời đã định, và

các thành đồ đều hoạt động tích cực để phục vụ Chúa, thì cần tránh ba nguy hiểm – tình trạng thiếu trưởng thành, bất ổn định, và cá tính.

Tình trạng ấu trĩ. Những tín hữu nào không hề dự phần phục vụ Đấng Christ cách năng nổ thì không bao giờ tiến lên khỏi tình trạng làm trẻ con thuộc linh. Họ kém phát triển vì thiếu luyện tập. Tác giả thư Hêbrơ đã nói cho những người như thế: "Đáng lẽ anh em đã làm thầy từ lâu rồi, nay còn cần người ta... dạy anh em..." (Hêbrơ 5:12).

Tình trạng bất ổn. Một nguy cơ khác nữa là giao động tâm linh. Những Cơ Đốc nhân ấu trĩ thường dễ mắc phải những điều mới lạ lối bịch phi lý và những mốt nhất thời của những tay "lang băm" chuyên nghiệp. Họ trở nên những người gypsies mộ đạo (một dân tộc sống thang lang) tôn giáo, dao động lối lui từ một điều hoang tưởng hấp dẫn này đến một điều hoang tưởng khác.

Tính cá tính. Nghiêm trọng hơn hết chính là nguy cơ bị lừa dối. Những người là con trẻ thì chưa thành thạo về lời của sự công bình, những giác quan của họ vẫn chưa được rèn luyện để phân biệt thiện và ác (Hêbrơ 5:13, 14). Họ không thể tránh khỏi chuyện gặp một số những người theo tà giáo nào đó gây ấn tượng sâu sắc cho họ bởi lòng nhiệt thành và có vẻ như thành thật. Vì người theo tà giáo kia sử dụng những lời lẽ tôn giáo, nên những Cơ Đốc nhân con trẻ nghĩ đây chắc phải là một Cơ Đốc nhân thật. Nếu đã đích thân nghiên cứu Kinh Thánh, họ sẽ có thể nhìn thấy bản chất những trò trò

trở và lời lẽ đầy lừa dối của người kia. Nhưng giờ đây họ bị **đay động và đổi đổi** theo chiều gió của đạo lạc của người theo tà giáo, và bị dẫn đi bởi những mưu chước đồ dành vô nguyên tắc để sa vào một hình thức đạo lạc có hệ thống.

4:15 Hai câu cuối trong phần đoạn này mô tả tiến trình tăng trưởng đúng đắn trong thân thể Đấng Christ. Trước hết, có tính cần thiết của sự trung thành về giáo lý: **Nhưng... nói ra lẽ chân thật...** Không thể có sự thỏa hiệp những giáo lý nền tảng của đạo. Thứ nhì, phải có một tình thần đúng: **Nhưng... lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật.** Nếu lẽ chân thật được nói ra theo bất kỳ cách nào khác, kết quả vẫn chỉ là lời làm chứng phiến diện. Blaikie khuyến cáo:

Lẽ thật là một yếu tố mô chứng ta phải sống, vận động và để cho tình cách của mình sống trong đó... Nhưng lẽ thật phải kết hôn không thể tách rời khỏi tình yêu thương; những lời chúc tốt đẹp được nói ra cách chời tại thì không còn là những lời chúc tốt đẹp nữa. Sự duyên dáng của sự điệp bị phá hủy bởi tình thần bất hòa của sự giả.²⁰

Và rồi khi các ân từ trang bị các thánh đồ, và các thánh đồ dự phần phục vụ tích cực, thì trong mọi việc họ đều được **thêm lên trong Đấng Christ.** Đấng Christ là mục tiêu và đối tượng cho sự tăng trưởng của họ, và phạm vi môi trường tăng trưởng là trong mọi việc. Trong mọi lãnh vực của đời sống, họ trở nên càng giống Ngài hơn. Khi Đấng thực hiện được ý muốn của Ngài trong Hội Thánh, thân thể Ngài sẽ trình

bày về Ngài càng chính xác hơn bao giờ hết cho thế gian!

4:16 Chúa Jêsus không những là mục tiêu của sự tăng trưởng, Ngài còn là nguồn của sự tăng trưởng nữa. Như nơi Ngài mà cả **hân thể** đều dự phần tiến trình lớn lên. Sự đồng hợp kỳ diệu của các chi thể trong thân được mô tả bởi cụm từ rằng **buộc vững bền.** Điều này có nghĩa mỗi chi thể được đặt chính xác vị trí và chức năng của chính mình, và được **ràng buộc** hoàn hảo với mọi chi thể khác để tạo nên một cơ quan sống và hoàn chỉnh. Tâm quan trọng, tinh trạng không thể thiếu được, của mỗi một chi thể được nêu ra tiếp theo: **ràng buộc vững bền bởi những cái lắt léo.** Thân thể người chủ yếu gồm xương, các cơ quan, và thịt. Xương ràng buộc với nhau bởi khớp và dây gân, các cơ quan cũng được gắn với nhau bởi gân. Mỗi khớp và gân (bản Việt Ngữ ghi là lắt léo) làm trọn vai trò trong sự tăng trưởng và ích lợi cho thân thể. Trong **hân thể** của Đấng Christ cũng vậy. Không một thành viên nào là không quan trọng; ngay cả một tín hữu tầm thường nhất cũng là cần thiết không thể thiếu được.

Khi mỗi tín hữu làm trọn vai trò thích đáng của mình, cả **thân** lớn lên như một đơn vị được kết hợp khéo léo và hài hòa. Theo ý nghĩa rất thực tế, **hân thể làm cho hân thể lớn lên**, đều nghe có vẻ như nghịch lý. Điều này đơn giản có nghĩa sự lớn lên được chính **hân thể** kích thích khi các chi thể được nuôi dưỡng bằng Kinh Thánh, sự cầu nguyện, thờ phượng, làm chứng về Đấng Christ. Đúng như Chafer nói: "Hội

Thánh – giống như thân thể người – là tự phát triển." Ngoài sự tăng trưởng về kích cỡ, còn có sự tự gây dựng trong yêu thương. Điều này nói đến sự quan tâm lẫn nhau của các chi thể. Khi Cơ Đốc nhân ở trong Đấng Christ và làm trọn chức năng của mình trong Hội Thánh, họ ngày càng gắn gũi nhau trong tình yêu thương và sự hiệp một.

C. Lời Kêu Gọi Cá Mọi Mềm Bạo Đức Mới (4:17-5:21)

4:17 Câu này bắt đầu cho lời sứ đồ kêu gọi hùng hồn để có một nền đạo đức mới, lời kêu gọi này kéo dài đến tận 5:21. **Nhưn danh Chúa** mà rao ra có nghĩa làm chứng bởi thẩm quyền của Chúa và bởi sự soi dẫn thiên thượng, ông khuyến các Cơ Đốc nhân dẹp bỏ mọi dấu vết nếp sống quá khứ, dường như thể đó là một chiếc áo khoác vấy bùn, rồi mặc lấy những đức hạnh cùng những điều xuất sắc của Đức Chúa Jesus Christ. Anh em chớ nên ăn ở như người ngoại đạo nữa. Họ không còn là người ngoại bang; họ là Cơ Đốc nhân. Phải có sự thay đổi tương xứng trong đời sống họ. Phaolô xem thế giới không có Đấng Christ của các dân tộc là thế giới đắm chìm trong ngu dốt và thoái hóa. Có bảy điều kinh khiếp đặc trưng cho họ. Những điều ấy là:

Không có mục đích. Họ bước đi trong sự hư không của ý tưởng mình. Đời sống của họ là trống rỗng, vô mục đích và vô kết quả. Có hoạt động vĩ đại nhưng không có tiến bộ. Họ rượt đuổi theo những bong bóng và những chiếc bóng, họ xao lãng những thực tại vĩ đại của đời sống.

4:18 Đui mù. "Họ sống đui mù trong một thế giới đầy ảo tưởng" (JBP). **Trí khôn họ lỗi lầm.** Trước hết, bẩm sinh họ không thể hiểu chân lý thuộc linh, và sau đó, vì cố chối bỏ sự hiểu biết Đức Chúa Trời chân thật, nên họ bị đui mù như là sự đoán phạt đến từ Chúa.

Không tin kính. Họ xa cách sự sống của Đức Chúa Trời, hay ở rất xa Ngài. Điều này chính là do sự ngu dốt cố ý thâm căn cố đế và do sự cứng lòng của họ. Họ đã khước từ ánh sáng của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo và trong lương tâm, và đã quay sang thờ lạy hình tượng. Sau đó họ ngày càng xa khỏi Đức Chúa Trời.

4:19 Không biết hổ thẹn. Họ đã mất cả sự cảm biết. W. C. Wright giải thích:

Moule dịch câu này: "Sau khi đã hết đau đớn." Thật điển cảm biết bao! Khi lương tâm lần đầu tiên bị khước từ, thì bị cắn rứt đau đớn; có tiếng phản kháng mà ta có thể nghe được. Nhưng nếu tiếng nói này bị dập tắt, thì nó ngày càng kém rõ ràng và bị phân kháng đi; tiếng phản kháng bị bóp nghẹt; sự cắn rứt ngày càng bớt sắc bén, cho đến cuối cùng thì có thể "khắc phục được cơn đau."²⁹

Bẩn thỉu. Họ có tình bụng mình vào cuộc đời buông lung, có nghĩa là buông mình vào những dạng hành vi gian ác. Tội lỗi trầm trọng của người ngoại bang đã và hiện vẫn là gian dâm. Họ đã sa xuống những vực sâu vô cùng của sự bại hoại; các vách thành của Pompeii kể lại câu chuyện nhục nhã và không đứng đắn lắm lặc. Cũng chính những tội lỗi này là đặc trưng điển hình cho thế giới ngoại bang ngày nay.

Không đứng đắn. Trong tội tình dục của họ, họ phạm hết mọi điều ô uế. Ở đây có gợi ý rằng họ đã buông mình trong mọi loại ô uế dường như thể đang buôn bán hay kinh doanh sự buông tuồng.

Không thỏa lòng. Lòng mê đắm. Không bao giờ thỏa mãn. Họ không bao giờ có đủ. Tội lỗi của họ tạo ra sự mê đắm vô bờ để được có thêm của một điều nào đó.

4:20 Toàn bộ điều này khác biệt bao so với **Đấng Christ**, là Đấng người Êphêsô đã được biết và yêu mến! Ngài là hiện thân của sự thánh khiết và trinh bạch. Ngài không hề biết tội lỗi, Ngài không hề phạm tội, trong Ngài không có tội lỗi nào cả.

4:21 Chữ **nếu** trong câu **nếu** quả thật anh em đã nghe Ngài và được Ngài dạy dỗ không có ý nghi ngờ sự hoán cải của người Êphêsô. Điều này chỉ nhấn mạnh rằng toàn bộ những ai đã nghe Đấng Christ và được Ngài dạy dỗ thì đã biết Ngài là thực chất của sự thánh khiết và tin kính. Nghe Đấng Christ có nghĩa là đã nghe Ngài bằng sự lắng nghe của đức tin – đã chấp nhận Ngài làm Chúa và Cứu Chúa. Cụm từ “**được dạy dỗ trong Ngài**” nói đến sự dạy dỗ người Êphêsô nhận được khi họ bước đi trong mối thông công với Ngài sau khi hoán cải. Blaikie nhận định: “Toàn bộ chân lý mang lấy một sắc thái khác và đặc điểm khác khi có mối quan hệ cá nhân với Chúa Jesus. Chân lý tách rời khỏi Thân Vị của Đấng Christ thì có rất ít quyền năng.”³⁰ **Y theo lẽ thật trong Đức Chúa Jesus.** Ngài không những dạy

lẽ thật; Ngài là hiện thân của lẽ thật (Giăng 14:6). Danh xưng **Jesus** đưa chúng ta trở về lại với đời sống của Ngài trên đất, vì đó chính là danh xưng của Ngài trong Sự Nhập Thể. Trong đời sống không từ vit khi Ngài sống như một Con Người trên thế gian này, chúng ta nhìn thấy sự trái ngược với nếp ăn ở của người ngoại bang mà Phaolô vừa mới mô tả.

4:22 Trong trường học của Đấng Christ, chúng ta học biết tại lúc hoán cải, chúng ta đã lột bỏ con người cũ là người bị hư hỏng bởi tư dục dữ đánh của mình. Người cũ nói đến toàn bộ những gì của một con người trước khi hoán cải, toàn bộ những đặc tính của người trong tư cách con cái của Adam. Người cũ bị hư hỏng do đã buông mình trong những mê đắm xấu xa và giả dối mà khi ném trước thì thấy rất dễ chịu và đầy hứa hẹn nhưng lại xấu xa và đầy thất vọng khi hồi tưởng lại. Xét đến địa vị tin hữu trong Đấng Christ, người cũ của tin hữu này đã bị đóng đinh và bị chôn vùi với Đấng Christ. Trên thực tế, tín hữu nên kể nó đã chết. Ở đây, Phaolô đang nhấn mạnh khía cạnh địa vị của chân lý – chúng ta đã lột bỏ người cũ một lần đủ cả.

4:23 Bài học thứ nhì mà người Êphêsô học được nơi chân Chúa Jesus chính là họ đã được làm nên mới trong tâm trí mình. Điều này chỉ về sự thay đổi hoàn toàn trong nếp suy nghĩ. Sự thay đổi từ chỗ bất khiết của tình thần để tiến đến thánh khiết. Thành Linh Đức Chúa Trời tác động đến những tiến trình của tư tưởng để lập luận từ quan điểm của Đức Chúa Trời, chứ không

phải từ quan điểm của người chưa được cứu.

4:24 Bài học thứ ba ấy là họ đã **mặc lấy người mới một lần đủ cả**. Người mới chính là đặc điểm của tín hữu trong Đấng Christ. Đây là người được dựng nên mới, trong người mới mọi sự cũ đã qua đi và mọi sự đều trở nên mới (II.Côrinthô 5:17). Loại con người mới này là theo Đức Chúa Trời, có nghĩa được **dựng nên** giống như Ngài. Và người mới này tự thể hiện **trong sự công bình và thánh sạch của lễ thật**. Sự công bình nói đến nếp ăn ở đúng đối với người khác. Sự thánh sạch này là “kính kiêu đối với Đức Chúa Trời, để tôn Ngài về đúng địa vị của Ngài,” theo như cách F. W. Grant định nghĩa.³¹

4:25 Giờ đây Phaolô chuyển từ địa vị của tín hữu sang tình trạng của họ. Vì họ đã lột bỏ người cũ và đã mặc lấy người mới thông qua sự liên hiệp với Đấng Christ, nên họ phải chứng minh sự đảo ngược đáng kinh ngạc này trong nếp sống hằng ngày của họ.

Trước hết, họ có thể thực hiện được điều này bằng cách **chừa sự nói dối** và mặc lấy sự nói thật. **Nói dối ở đây** bao gồm mọi hình thức không ngay thẳng, cho dù có mang dáng dấp của sự thật, sự cường điệu, lừa gạt, không giữ lời hứa, phẫn bội lòng tín cẩn, tăng bực, hay là tránh né thuế thu nhập. Lời nói của Cơ Đốc nhân phải tuyệt đối đáng tin. Nói phải là phải, nói không là không. Đời sống của Cơ Đốc nhân sẽ trở thành lời phi báng thay vì lời Kinh Thánh khi người ấy hạ thấp mình xuống dưới bất kỳ hình thức nào để sửa đổi sự thật.

Lẽ thật là món nợ mà chúng ta nợ hết thầy mọi người. Tuy nhiên, khi Phaolô sử dụng từ ngữ “**kẻ lân cận**” ở đây, ông đang nghĩ cụ thể đến những anh em tín hữu của chúng ta. Điều này rõ ràng từ động cơ được nêu ra: vì **chúng ta làm chi thể cho nhau** (đối chiếu Rôma 12:5; I.Côrinthô 12:12-27). Không thể nghĩ ra được chuyện một Cơ Đốc nhân này nói dối Cơ Đốc nhân khác, cũng chẳng khác gì không thể nghĩ ra được một dây thần kinh trong thân thể có tình gửi một thông điệp giả đến nào, hay mất lửa đối phần cơ thể còn lại khi nguy hiểm đang đến gần.

4:26 Lành vực thứ nhì cho sự đổi mới thực tế trong đời sống chúng ta liên quan đến **cơn giận** đầy tội lỗi với cơn giận công bình. Nhiều lúc tín hữu có thể nổi **giận** một cách công bình, chẳng hạn như khi người ta đặt vấn đề nghi ngờ đặc điểm của Đức Chúa Trời. Trong những trường hợp như thế, thì có lệnh truyền phải nổi giận: **Hãy nổi giận**. Nói giận ngh|ch cùng điều ác có thể là công bình. Nhưng có nhiều lúc khác, cơn giận ấy là tội lỗi. Khi cơn giận ấy là một cảm xúc hiểm ác, đổ kỵ, phẫn uất, cố gây hại, hay thù ghét vì những tổn hại cá nhân, thì cơn giận ấy bị cấm. Aristode nói: “Ai cũng có thể nổi giận – đó là điều dễ làm; nhưng để nổi giận với đúng người, đúng mức độ và đúng lúc, đúng mục đích và đúng cách – chuyện đó không phải dễ.”

Nếu tín hữu chịu thua **cơn thịnh nộ** không công bình, người ấy nên nhanh chóng xưng ta và lìa bỏ nó. Nên xưng tội với cả Đức Chúa Trời lẫn với nạn nhân của cơn giận mình. Đừng nên

nuôi con phần uất, đừng chất chứa những cơn oán giận, đừng nên chọc giận. **Chớ căm giận cho đến khi mặt trời lặn.** Phải lập tức sửa lại bất kỳ điều gì làm hỏng mối thông công với Đức Chúa Trời và với anh em mình.

4:27 Phạm tội nóng nảy mà vẫn chưa xưng ta thì tạo cho **mà quỉ** có chỗ đặt chân hay căn cứ hành động. Nó có thể tìm ra rất nhiều chỗ đặt chân như thế không cần chúng ta cố tình giúp hấn đầu. Do đó, chúng ta không được phép biện hộ cho sự hiềm ác, tức giận, đố kỵ, thù ghét hay tham muốn trong đời sống mình. Những tội lỗi này làm mất uy tín lời chứng Cơ Đốc, làm người chưa được cứu vấp ngã, mich lòng những tín hữu, và gây hại cho chính mình cả về mặt thuộc linh lẫn thuộc thể.

4:28 Giờ đây Phaolô quay sang đối chiếu những khuôn mẫu hành vi của trộm cắp và chia sẻ. Con người cũ trộm cắp; con người mới chia sẻ. Hãy lột bỏ người cũ; mặc lấy người mới! Sự kiện Phaolô luôn đưa ra những lời chỉ dạy như là "**kẻ vốn hay trộm cắp chớ trộm cắp nữa**" để nói với những tín hữu đã bác bỏ bất kỳ ý niệm nào cho rằng Cơ Đốc nhân là hoàn hảo không còn phạm tội nữa. Họ vẫn còn bản tánh cũ xấu xa và ích kỷ mà họ phải kể là nó đã chết trong kinh nghiệm hàng ngày. Trộm cắp có thể mang nhiều hình thức - từ vụ ăn cắp lớn cho đến không trả nợ, cho đến chuyện làm chứng cho Đấng Christ trong thì giờ phải làm việc cho chủ, đến tội đạo văn, dùng những dụng cụ cần đo sai, đến những vụ khai trình chỉ tiêu không đúng. đương nhiên, lệnh cấm

trộm cắp không phải là mới. Luật pháp Môisê đã cấm trộm cắp (Xuất Êđiptô Ký 20:15). Điều gì tiếp theo sau câu này mới khiến phần đoạn mang tính Cơ Đốc đặc trưng. Không những chúng ta kiêng trộm cắp, mà còn phải thực sự chịu khó làm việc bằng một nghề đáng tôn trọng để có thể chia sẻ cho những người kém may mắn hơn. Ân điển, chứ không phải luật pháp, là quyền năng của sự thánh khiết. Chỉ có quyền năng tích cực của ân điển mới có thể biến tên trộm trở thành nhà hảo tâm.

Điều này thật triệt để và cách mạng. Lối tiếp cận tự nhiên là con người làm việc để chu cấp nhu cầu và ước muốn của chính mình. Khi thu nhập lên cao, tiêu chuẩn sống của họ cũng cao. Mọi sự trong đời sống họ tập trung quanh bản thân. Câu Kinh Thánh này đưa ra một quan điểm cao quý hơn, tôn cao hơn về công việc làm ngoài đời. Đây là phương tiện để chu cấp tiêu chuẩn sống khiêm tốn cho gia đình mình, nhưng cũng để làm dịu bớt **nhu cầu** thiếu thốn của con người, cả về mặt thuộc linh lẫn trong trần thế, cả tại quê hương lẫn ở hải ngoại. Và **nhu cầu** ấy lớn lao biết dường nào!

4:29 Giờ đây sứ đồ quay sang để tài về lời nói, và đối chiếu những lời nói vô giá trị với những lời nói gây dựng. Lời dữ nói chung là cuộc đối thoại tục tĩu và gợi dục; điều này sẽ bao gồm những câu đùa bỡn gợi dục và thô tục, lời nói báng bổ, phạm thượng, những câu chuyện tục tĩu. Nhưng ở đây chắc câu này còn có ý nghĩa rộng hơn về bất kỳ hình thức đối thoại nào viển vông, trống rỗng, vô ích và vô giá trị. Phaolô giải quyết lời

nói tục tĩu và xấu xa trong 5:4; ở đây, ông đang bảo chúng ta bỏ những lời nói không đem lại ích lợi và thay thế bằng cuộc đối thoại xây dựng. Lời nói của Cơ Đốc nhân phải là:

Gây dựng. Lời nói phải đem lại việc gây dựng người nghe.

Thích hợp. Lời nói phải thích hợp với hoàn cảnh và dịp tiện.

Đầy ơn. Lời nói phải truyền đạt ơn cho người nghe.

4:30 Anh em chớ làm buồn cho Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, vì như Ngài anh em được ấn chứng đến ngày cứu chuộc. Nếu hiểu câu này liên kết với câu trước, thì câu này tuyên bố cuộc nói chuyện vô giá trị sẽ làm buồn Thánh Linh. Cũng có thể liên kết câu này với câu 25-28 để cho thấy nói dối, cơn giận không công bình và trộm cắp cũng làm tổn thương Ngài. Hoặc trong một ý nghĩa còn rộng hơn, có thể câu này đang nói chúng ta nên kiêng hết thấy mọi điều nào làm buồn Ngài.

Người ta gợi ý ba nguyên nhân mạnh mẽ:

1. Ngài là Thánh Linh. Bất kỳ điều gì không thánh khiết thì Ngài đều ghét ghê.

2. Ngài là Thánh Linh của Đức Chúa Trời, là một trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đầy ơn.

3. Chúng ta được ấn chứng bởi Thánh Linh cho đến ngày cứu chuộc. Như đã nói trước đây, ấn chứng nói đến quyền sở hữu và sự an ninh. Ngài là ấn chứng bảo đảm sự gìn giữ chúng ta cho đến khi Đấng Christ tái lâm đón chúng ta và sự cứu rỗi chúng ta được hoàn tất. Cũng khá thú vị, ở đây Phaolô sử dụng

sự an ninh đời đời của tín hữu như một trong những nguyên nhân mạnh mẽ nhất khiến chúng ta đứng nên phạm tội.

Sự kiện có thể làm buồn Thánh Linh chứng tỏ Thánh Linh là một Thần Vị, chứ không phải chỉ là một ảnh hưởng. Điều này cũng có nghĩa Ngài yêu thương chúng ta, vì chỉ có người nào yêu thương thì mới bị làm buồn. Chức vụ ưa thích nhất của Thánh Linh Đức Chúa Trời chính là làm vinh hiển Đấng Christ và biến đổi tín hữu trở nên giống như Đấng Christ (II.Côrinthô 3:18). Khi một Cơ Đốc nhân phạm tội, Thánh Linh phải chuyển từ chức vụ này sang chức vụ phục hồi. Ngài bị làm buồn khi thấy tiến độ thuộc linh của tín hữu bị gián đoạn bởi tội lỗi. Lúc đó, Ngài phải dẫn Cơ Đốc nhân ấy đến chỗ ăn năn và xưng tội.

4:31 Toàn bộ những tội lỗi của tình khi và của lưỡi đều phải bị lột bỏ. Sự đố kị kẻ rất nhiều tội này. Dầu không thể phân biệt chính xác từng tội một, nhưng ý tưởng chung thì rất rõ:

Cay đắng – oán giận âm ỉ, không chịu tha thứ, cảm giác hà khắc, khó chịu.

Buồn giận – những lần đùng đùng nổi giận, cơn thịnh nộ hung bạo, những cơn cáu kỉnh bực tức.

Tức mình – phàn nàn câu kính, thù oán, thù địch.

Kêu rêu – nổi lên la lớn khi tức giận, la hét, cãi nhau giận dữ, la hét vào đối thủ.

Mắng nhiếc – lời nói lăng mạ, vu cáo, lời nói hung bạo.

Mọi điều hung ác – muốn điều ác cho người khác, thù hận ác ý, độc ác.

4:32 Phải chấm dứt những tội tiếp nữa của tình khí, nhưng phải lấp đầy khoảng trống bằng cách nuôi dưỡng những phẩm chất giống như Đấng Christ. Những tội lỗi của tình khí là những thói xấu tự nhiên; những phẩm chất giống như Đấng Christ là những mỹ đức siêu nhiên:

Nhân từ – mối quan tâm không ích kỷ đối với phúc lợi của người khác, và ước ao trở nên hữu ích ngay cả khi bản thân phải hy sinh rất nhiều.

Đầy đầy lòng thương xót – sự quan tâm đầy đồng cảm, đầy triu mến và đầy thương xót đến người khác, sẵn lòng mang lấy gánh nặng của họ.

Tha thứ – sự sẵn sàng tha thứ những người phạm tội, những người làm méch lòng mình, bỏ qua những lỗi lầm cá nhân của người khác đối xử với mình, và không chất chứa khát vọng trả thù.

Ví dụ tuyệt vời nhất về Đấng đã tha thứ chính là Đức Chúa Trời. Cơ sở để Ngài tha thứ chính là công tác của Đấng Christ tại đồi Gôgôtha. Và chúng ta là những đối tượng không xứng đáng. Đức Chúa Trời không thể tha thứ tội lỗi nếu chưa có sự đền tội thỏa đáng. Bởi tình yêu, Ngài ban sự đền tội mà sự công bình của Ngài đòi hỏi phải có. Trong Đấng Christ, tức là trong thân vị và công tác của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã thấy cơ sở công bình để Ngài có thể tha thứ chúng ta.

Vì Ngài đã tha thứ chúng ta khi chúng ta còn mắc nợ "hàng triệu dollars," nên chúng ta phải tha thứ người khác khi họ mắc nợ chúng ta "vài dollars" (Mathiơ 18:23-28. JBP). Lenski khuyên:

Chính khoảnh khắc một người phạm lỗi với tôi, tôi phải tha thứ người ấy ngay lúc đó. Bất cứ linh hồn tôi mời được tự do. Nếu tôi ghim gút lỗi của người ấy, thì đã phạm tội với Đức Chúa Trời và với người ấy, đồng thời làm hại đến sự tha thứ của Chúa dành cho mình. Cho dù người ấy có ăn năn hay không, có hối thường hay không, có xin tôi tha thứ hay không đi nữa, thì điều đó cũng chẳng quan hệ gì. Tôi đã lấp tức tha thứ người ấy. Người ấy phải đối diện với Đức Chúa Trời với lỗi lầm người ấy đã phạm; nhưng đó là chuyện của người ấy và của Chúa chứ không phải của tôi, ngoại trừ khi tôi phải giúp người ấy đứng theo Mathiơ 18:15, v.v... Nhưng dù điều này có thành công hay không đi nữa hay thậm chí trước khi nó bắt đầu nữa, tôi vẫn phải tha thứ cho người ấy trước đã.³²

5:1 Tám gương tha thứ của Đức Chúa Trời trong 4:32 tạo thành cơ sở cho lời khuyên bảo của Phaolô ở đây. Có sự liên kết thể này: Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã tha thứ bạn. Giờ đây hãy bắt chước Đức Chúa Trời để tha thứ cho nhau. Có nêu thêm động cơ đặc biệt qua những chữ như *con cái rất yêu dấu* của Ngài. Trong đời sống tự nhiên, con cái giống gia đình và nên tìm cách giữ gìn thanh danh của gia đình. Trong đời sống thuộc linh, chúng ta phải bày tỏ Cha của chúng ta ra cho thế gian thấy và tìm cách ăn ở xứng đáng với thân phận là *con cái yêu dấu* của Ngài.

5:2 Một cách khác để chúng ta giống như Chúa ấy là bước đi trong sự yêu thương. Phần còn lại của câu Kinh Thánh này giải thích bước đi trong sự yêu thương có nghĩa phó chính mình vì

cớ người khác. Đây chính là điều mà Đấng Christ – Tấm gương hoàn hảo của chúng ta – đã thực hiện. Một sự thực đáng kinh ngạc! Ngài yêu thương chúng ta. Bằng chứng tình yêu của Ngài ấy là Ngài đã phó mình vì cớ chúng ta để chịu chết tại đồi Gôgôtha.

Sự ban cho của Ngài được mô tả là của dâng và của tế lễ cho Đức Chúa Trời. **Của dâng** là bất kỳ điều gì được dâng lên cho Đức Chúa Trời; **của tế lễ** ở đây bao gồm thêm yếu tố sự chết. Đấng Christ đã là của lễ thiêu thật, là Đấng hoàn toàn hiến mình để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thậm chí cho đến chết trên cây thập tự. **Của tế lễ** nói lên lòng tận hiến khôn tả của Ngài được ca tụng là **thức hương có mùi thơm**. F. B. Meyer nhận định: “Trong tình yêu thương khôn lường, không kể đến giá phải trả như thế, dành cho những người mà then lễ tự nhiên là hoàn toàn không xứng đáng nhận lấy tình yêu ấy, đã có quang cảnh làm hương thơm tràn ngập Thiên đàng và làm niềm vui tràn đầy lòng Đức Chúa Trời.”²¹

Đức Chúa Jêsus đã làm đẹp lòng Cha Ngài bằng cách phó chính Ngài thay cho người khác. Bài học đạo đức cho chúng ta ấy là: chúng ta cũng có thể làm cho Đức Chúa Trời vui mừng bằng cách phó chính mình vì cớ người khác.

Lạy Chúa, người khác, vàng, người khác!

Nguyện khải hiệu của con sẽ là vì người khác;

Xin giúp con sống cho người khác

Để con có thể sống giống như Ngài.

- Charles D. Meigs

5:3 Trong câu 3 và 4, sứ đồ trở lại với đề tài những tội tình dục và dứt khoát kêu gọi thánh đồ phân rẽ khỏi những tội đó. Trước hết, ông đề cập nhiều hình thức khác nhau của sự gian dâm:

Gian dâm. Bất kỳ khi nào chữ này được nhắc đến trong cùng một câu Kinh Thánh như là tội ngoại tình, thì sự gian dâm có nghĩa lên lút giao hợp giữa những người chưa kết hôn. Tuy nhiên, khi chữ này không phân biệt với tội ngoại tình – như trường hợp ở đây – có lẽ chữ này chỉ đến bất kỳ hình thức gian dâm nào, và bản NKJV thường dịch chữ này như thế. (Từ ngữ của chúng ta “tranh ảnh khiêu dâm,” nguyên văn là “do điểm đi viết ra” có liên hệ với từ ngữ được dịch là gian dâm.)

Sự ô uế. Điều này cũng có thể nói đến những hành động vô đạo đức, nhưng có lẽ cũng bao gồm những tranh ảnh bất khiết, những quyển sách tục tĩu, và nhiều tài liệu gợi dục khác đi kèm theo đời sống không đứng đắn và nó un đốt những ngọn lửa dục vọng.

Tham lam. Tuy chúng ta thường nghĩ chữ này nói đến sự tham tiền, nhưng ở đây chữ này nói đến những dục vọng – sự tham lam không thể thỏa mãn được để làm cho thỏa đam mê dục vọng của một người ở bên ngoài những mối ràng buộc của hôn nhân. (xem Xuất Êdíphtô Ký 20:17: “Người chớ tham... vợ kẻ lân cận người...”).

Những điều này thậm chí còn không nên nói đến giữa vòng Cơ Đốc nhân. Cùng rất dễ đoán ra rằng đứng bao giờ nên kể tên chúng như là những tội mà tin hữu đã phạm. Thậm chí còn không

nên bàn luận đến chúng theo bất kỳ cách nào nhằm có thể làm giảm bớt đặc điểm tội lỗi và đáng hổ thẹn của chúng. Luôn luôn có nguy cơ lờn lao nhất khi xem thường chúng, đưa ra nhiều cơ biện hộ cho chúng, hoặc thậm chí thảo luận chúng một cách quen thuộc và lộn lục. Phaolô nhấn mạnh lời khuyên với cụm từ **như cách xứng đáng cho các thánh đồ**. Tin hữu phải được phân rã ra khỏi sự bại hoại vốn ở thế gian; giờ đây họ nên sống phân rã thực tế khỏi những đam mê tội tâm, cả trong việc làm lẫn lời nói.

5:4 Lời nói của họ cũng phải không có chút dấu vết nào của:

Lời lục lư. Điều này nói đến những câu chuyện tục tĩu, những câu đùa gợi dục nói bóng gió đăm dặt, và mọi hình thức của tục tĩu và thiếu đôn trang.

Giễu cợt (Bản Anh ngữ "nói chuyện cách đại dột"). Điều này nói đến cuộc đối thoại trống rỗng chỉ đáng cho một kẻ đại dột. Ở đây, chữ này có thể bao gồm cả lối nói thô bỉ.

Giả ngữ tầm phào. Điều này muốn nói đến câu đùa hay cuộc nói chuyện với những ý nghĩa vô vị, úp mở. Nói về một điều gì đó, đùa cợt về nó, biến nó trở thành đề tài thường xuyên của cuộc nói chuyện tức là giới thiệu nó vào đầu óc mình, đưa mình tiến gần hơn đến chỗ thực sự thực hiện việc đó.

Luôn luôn nguy hiểm khi đùa cợt về tội lỗi. Thay vì dùng lưỡi mình cho cuộc nói chuyện không xứng đáng và không phù hợp như thế, Cơ Đốc nhân nên quyết tâm nuôi dưỡng thói quen tạ ơn Đức Chúa Trời về mọi phước hạnh và mọi sự nhân từ Ngài trong đời sống.

Điều này làm đẹp lòng Chúa, làm gương tốt cho người khác, và ích lợi cho linh hồn của chính người đó.

5:5 Không còn nghi ngờ gì về thái độ của Đức Chúa Trời đối với người gian dâm: họ không hề được dự **phần kế nghiệp nước Đấng Christ và Đức Chúa Trời**. Phân quyết này tương phản rõ nét với thái độ đương thời của thế gian cho rằng những người phạm tội về tình dục là bệnh tật và cần được chữa trị về tâm thần. Con người nói gian dâm là một chứng bệnh; Đức Chúa Trời gọi đó là tội lỗi. Con người bỏ qua và dung túng tội đó; Đức Chúa Trời lên án tội ấy. Con người nói câu trả lời là phân tâm học; Đức Chúa Trời nói câu trả lời là sự tái sanh.

Ba hạng người phạm tội được nêu rõ, cũng chính là ba hạng người có trong câu 3 - kẻ phạm tội **gian dâm**, kẻ **ô uế**, kẻ **tham lam**. Ở đây còn thêm một ý tưởng là người **tham lam** là người **thờ lạy hình tượng**. Một nguyên nhân khiến người này là người **thờ lạy hình tượng** ấy là: người có ấn tượng sai lầm về đặc điểm của Đức Chúa Trời: người quan niệm Đức Chúa Trời là Đấng tán thành những sự tham muốn nhục dục, nếu không người ấy chẳng bao giờ dám tham lam như thế. Một nguyên nhân khác khiến sự tham lam trở thành tội thờ hình tượng ấy là: nó đặt ý chí của chính con người ấy lên trên ý muốn của Đức Chúa Trời. Nguyên nhân thứ ba là nó dẫn đến sự thờ lạy tạo vật thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hóa (Rôma 1:15).

Khi Phaolô nói những người như thế **không được hưởng nước Đức Chúa Trời**, ông muốn nói chính xác điều đó.

Những ai có đời sống đặc trưng bởi những tội này thì đều hư mất, thì đang sống trong tội lỗi của họ và đang trên đường đến địa ngục. Họ không ở trong vương quốc vô hình trong thời điểm hiện tại; họ sẽ không ở trong nước ấy khi Đấng Christ tái lâm để trị vì, và sẽ đời đời bị đuổi ra khỏi nước Thiên đàng. Vị sứ đồ không nói đây là những người đang ở trong nước Đấng Christ nhưng sẽ bị mất mát tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. Để tài ở đây là sự cứu rỗi, chứ không phải phần thưởng. Có thể họ tuyên bố mình là Cơ Đốc nhân, nhưng qua nếp sống lạ chứng tỏ họ chưa hề được cứu. Đương nhiên, họ có thể được cứu, bằng cách ăn năn và tin nơi Đức Chúa Jêsus. Nhưng nếu hoán cải thật sự, họ sẽ không còn phạm các tội này nữa.

Lưu ý thần tánh của Đấng Christ được ám chỉ trong cụm từ nước Đấng Christ và Đức Chúa Trời. Đấng Christ được đặt trên bình diện ngang hàng với Đức Chúa Cha trong tư cách Đấng Cai Trị trong vương quốc.

5:6 Rất nhiều người trong thế giới này có thái độ ngày càng nhân nhượng và dung túng sự gian dâm. Họ nói rằng làm thỏa mãn những ham muốn của thân thể là điều cần thiết và có ích lợi, để nên những ham mê đó sẽ sinh ra những nhân cách mèo mả và bị ức chế. Họ nói rằng nền đạo đức hoàn toàn là ví dụ của nền văn hóa mà chúng ta đang sống, và vì "tiến hôn nhân," "hôn nhân phụ," và quan hệ tình dục của "đồng tính luyến ái" (mà Lời Đức Chúa Trời lên án như là sự gian dâm, ngoại tình và bại hoại) được chấp nhận trong nền văn

hóa của chúng ta, nên đáng phải hợp pháp hóa chúng. Thật ngạc nhiên, một số những phát ngôn nhân hàng đầu đang ủng hộ biến những tội tính dục thành vấn đề chấp nhận được lại là những nhân vật giữ địa vị cao trong những hội tự xưng là Hội Thánh. Bởi đó, những giáo dân nào luôn luôn nghi gian dâm là gian dâm thì giờ đây đang nghe hàng giáo phẩm nổi bật bảo đảm với họ rằng thái độ như thế là đã lạc hậu.

Cơ Đốc nhân đứng bị mắc bẫy bởi một cuộc nói chuyện hai mặt như thế. Vì ấy là nhân những điều đó mà cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên các con bạn nghịch. Thái độ của Chúa đối với những tội lỗi như gian dâm và ngoại tình được nhìn thấy trong Dân số Ký 25:1-9: hai mươi bốn ngàn người Ysơraên bị giết vì họ đã phạm tội với phụ nữ Môáp. Thái độ của Chúa đối với đồng tính luyến ái được thể hiện khi Sôđôm và Gômôr bị tiêu diệt bởi diêm sinh và lửa từ trời (Sáng Thế Ký 19:24,28).

Nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không chỉ giáng xuống trong những hành động hình phạt siêu nhiên như thế. Những người phạm tội tính dục thì chuốc lấy sự đoán phạt của Ngài theo nhiều cách khác nữa. Có các hậu quả về thể xác như những bệnh hoa liễu và AIDS. Có những rối loạn về tinh thần, về thần kinh và rối loạn tình cảm xuất hiện từ mặc cảm phạm tội. Có những thay đổi cá tánh - thường thì người nam mang tính đàn bà sẽ ngày càng trở thành đàn bà hơn nữa (Rôma 1:27). Và đương nhiên sẽ còn sự đoán phạt sau

cùng và đời đời của Đức Chúa Trời trên những kẻ gian dâm và ngoại tình (Hêbơrê 13:4). Sẽ không có sự thương xót cho con cái bạn nghịch - tức cho những người ra từ Adam không vâng phục và những người cố ý đi theo ông để bất tuân lời Đức Chúa Trời (Khải Huyền 21:8).

5:7 Tín hữu được cảnh cáo nghiêm khắc để đừng dự phần vào một hành vi bất kính như thế. Làm như vậy tức là không tôn kính danh Đấng Christ, phá hoại đời sống người khác, làm hư hỏng lời chứng của chính mình, và mời gọi sự báo trả kinh khiếp.

5:8 Để củng cố mệnh lệnh khẩn cấp trong câu 7, sử đồ giờ đây giảng một bài súc tích về sự tối tăm và sự sáng (câu 8-14). Người Êphêso đã có thời là sự tối tăm, nhưng giờ đây họ là sự sáng láng trong Chúa. Phao-lô không nói họ ở trong sự tối tăm, nhưng nói chính họ là hiện thân của sự tối tăm. Giờ đây nhờ liên hiệp với Chúa, họ đã trở nên sự sáng. Ngài là sự sáng; họ ở trong Ngài; vì vậy bây giờ họ là sự sáng trong Chúa. Từ đó trở đi, tình trạng của họ phải tương xứng với địa vị của họ. Họ phải bước đi như các con sáng láng.

5:9 Phần đoạn trong ngoặc này giải thích thế loại bóng trái sanh ra bởi những người bước đi trong sự sáng.

Trái của Thánh Linh³⁴ (Bản Việt Ngữ: "trái của sự sáng láng") bao gồm mọi hình thức của sự nhàn lữ, công bình và thành thật. Nhân lữ ở đây là một thuật ngữ bao quát chỉ về toàn bộ sự xuất sắc đạo đức. Công bình nói đến sự ngay thẳng và thanh liêm trong mọi

cách đối xử với Đức Chúa Trời và con người. Thành thật là ngay thẳng, tinh vô tư, tinh thực tế. Kết hợp lại với nhau, bạn sẽ có sự sáng của một đời sống đầy dẫy Đấng Christ tỏa soi trong quang cảnh tối tăm âm đạm.

5:10 Những người bước đi trong sự sáng không những sinh ra thế loại bóng trái được liệt kê trong câu trên, mà còn tìm điều chi vừa lòng Chúa. Họ đặt mọi tư tưởng, lời nói và hành động vào phương pháp thử nghiệm này. Chúa suy nghĩ gì về điều này? Điều này sẽ xuất hiện thế nào trong hiện diện của Ngài? Mọi lãnh vực của đời sống đều được đưa ra dưới ánh sáng dò xét - cuộc đời thoạt, tiêu chuẩn sống, ăn mặc, sách vở, công việc kinh doanh, những lạc thú, những thú tiêu khiển, đồ đạc vật dụng trong nhà, tình bạn, những kỳ nghỉ hè, xe hơi, và thể thao.

5:11 Tín hữu nên chớ dự vào công việc vô ích của sự tối tăm, bằng cách tham dự hoặc bằng bất kỳ thái độ nào dường như chỉ ra sự nhân nhượng hay dung túng. Những công việc của sự tối tăm này là vô ích đối với Đức Chúa Trời và con người. Chính đặc trưng của sự hoàn toàn vô ích này đã có lần thúc Phao-lô phải hỏi những Cơ Đốc nhân tại Rôma: "Thế thì anh em đã được kết quả gì? Ấy là quả mà anh em hiện nay đương hổ thẹn" (Rôma 6:21). Rồi chúng cũng là công việc của sự tối tăm; chúng thuộc về thế giới của đèn mờ, những tấm rèm che kín, những cánh cửa khóa, những căn phòng bí mật. Chúng phản chiếu sở thích tự nhiên của con người đối với tối tăm và cảm ghét ánh sáng khi những việc làm của người là xấu xa

(Giăng 3:19). Tin hữu không những được kêu gọi phải kiêng những công việc vô ích của sự tối tăm, mà còn được kêu gọi tích cực **quở trách** chúng nữa. Tin hữu thực hiện việc này bằng hai cách: thứ nhất, bằng đời sống thánh khiết, và thứ nhì, bằng lời nói sửa trị dưới sự chỉ dẫn của Đức Thánh Linh.

5:12 Giờ đây sử đồ giải thích vì sao Cơ Đốc nhân không được phép đồng lõa nhưng phải **quở trách** sự bại hoại đạo đức. Những tội lỗi gian ác người ta đã phạm trong nơi kín giấu đã hạ thấp nhân phẩm đến nỗi chỉ để cập đến thời **cũng đã hổ hèn** rồi, chứ đừng nói đến phạm nữa. Những hình thức bất thường của tội lỗi mà con người đã phát minh ra là tệ hại đến nỗi ngay cả mô tả chúng thôi cũng đã làm ô uế tâm trí của người nghe rồi. Vì vậy Cơ Đốc nhân được truyền phải tránh thậm chí cả việc nghe về chúng nữa.

5:13 Bất kỳ điều gì ở trong tối tăm cũng đều được **lộ ra bởi sự sáng**. Vì vậy, đời sống Cơ Đốc thánh khiết bày tỏ nét tương phản của những đời sống tội lỗi và chưa được tái sanh. Và những lời quở trách thích hợp cũng bày tỏ đặc điểm thật của nó nữa. Blaikie minh họa:

Lấy ví dụ như khi Chúa chúng ta quở trách thói giả hình của những người Pharisi đối với các môn đồ, những nếp sống thực tiễn của người Pharisi trước đó có vẻ như không gian ác lắm, nhưng khi Đấng Christ chiếu soi ánh sáng thuần túy của chân lý trên họ, họ đã lộ ra đặc tính thật – họ đã bày tỏ và hiện văn bày tỏ sự đáng ghê tởm.³⁵

Phần cuối câu 13 có thể lý giải rõ hơn là: vì điều chi đã được **lộ ra** thì là

sự sáng.³⁶ Điều này đơn giản có nghĩa: khi Cơ Đốc nhân thi hành chức vụ làm sự sáng của họ thì những người khác được đưa ra trước ánh sáng. Những con người gian ác được biến đổi trở nên con cái của sự sáng thông qua chức vụ quở trách của sự sáng.

Đương nhiên, đây không phải là một quy tắc không có ngoại lệ. Không phải tất cả mọi người nào bị phơi ra trước ánh sáng đều trở thành Cơ Đốc nhân. Nhưng nguyên tắc chung trong lãnh vực thuộc linh ấy là ánh sáng có phương cách tự tái tạo chính nó. Chúng ta thấy minh họa của nguyên tắc này trong I.Phiêrô 3:1, trong câu đó người vợ đã tin Chúa được dạy cách chinh phục chồng chưa tin Chúa về cho Đấng Christ bằng tấm gương của đời sống họ: "Hỡi người làm vợ, hãy phục chồng mình, hầu cho nếu có người chồng nào không vâng theo Đạo, dầu chẳng lấy lời khuyên bảo, chỉ bởi cách ăn ở của vợ, cũng đủ hóa theo." Như vậy, sự sáng của những người vợ Cơ Đốc thánh hơn sự tối tăm của những người chồng ngoại giáo, và những người chồng trở nên sự sáng.

5:14 Sự sống của tin hữu phải luôn luôn đang giăng một bài giảng, luôn luôn phơi trần bóng tối tăm chung quanh, phải luôn luôn mở rộng lời mời này đến cho những kẻ chưa tin:

**"Người đương ngủ, hãy thức,
Hãy vùng dậy từ trong đám người chết,
Thì Đấng Christ sẽ chiếu sáng người."**

Đây là tiếng nói của sự sáng phán cho những người đang ngủ trong bóng tối tăm và đang nằm trong sự chết thuộc linh. Ánh sáng này kêu họ đến

với sự sống và sự soi sáng. Nếu họ đáp lại lời mời, **Đấng Christ** sẽ chiếu sáng họ và **ban cho họ sự sáng**.

5:15 Trong bảy câu kế tiếp, Phaolô đối chiếu những bước chân đại đội với nếp ăn ở cẩn thận bằng một loạt những lời khuyên tiêu cực và tích cực. Đầu tiên là lời nài nỉ chung cho độc giả **chớ xử mình như người đại đội, nhưng như người khôn ngoan**. Như đã nói trước đây, chữ "**bước đi**" (bản Việt Ngữ "ăn ở") là một trong những chữ chìa khóa của Thư Tin: chữ này được đề cập bảy lần để mô tả "toàn bộ những hoạt động của đời sống cá nhân." **Giữ cho khéo về sự ăn ở** tức là sống theo địa vị con cái Đức Chúa Trời của chúng ta. **Xử mình như người đại đội** có nghĩa ra khỏi bình diện cao cả này để xuống tới nếp ăn ở của con người thế gian.

5:16 Nếp ăn ở khôn ngoan kêu gọi chúng ta chuộc lại **thì giờ** (bản Việt Ngữ là "lợi dụng thì giờ") hoặc mua hết mọi cơ hội. Mỗi ngày đem đến những cánh cửa mở rộng của ngày ấy, tiềm năng lớn lao của ngày ấy. **Lợi dụng thì giờ** có nghĩa sống những cuộc đời nổi bật sự thành khiết, nổi bật những hành động đầy lòng thương xót và những lời nói cứu giúp. Vấn đề này càng đặc biệt cấp bách vì đặc tính **xấu** của những ngày chúng ta đang sống đây. Chúng nhắc ta nhớ Đức Chúa Trời sẽ không luôn luôn tranh đấu với con người, ngày ăn điển sẽ chóng hết, những cơ hội để thờ phượng, làm chứng và phục vụ trên đất sẽ nhanh chóng kết thúc đời đời.

5:17 Vì vậy chúng ta **chớ nên như kẻ đại đội, nhưng phải hiểu rõ ý muốn của**

Chúa là thế nào. Điều này hết sức quan trọng. Vì cơ **điều xấu** đang lan tràn dư dật và vì thì giờ ngắn ngủi, có thể chúng ta bị **cắm đố** sử dụng những ngày của chúng ta trong hoạt động điên cuồng và hỗn chộn theo cách chúng ta tự chọn. Nhưng làm như vậy có được gì hơn là phí sức. Điều quan trọng là phải tìm ra ý muốn của Chúa dành cho chúng ta mỗi ngày và thực hiện ý muốn ấy. Đây là cách duy nhất để được kết quả và đạt hiệu suất cao. Chúng ta cũng hoàn toàn có khả năng thực hiện công tác Cơ Đốc theo những ý riêng, sức riêng của mình và hoàn toàn ra ngoài ý muốn Chúa. Đường lối khôn ngoan chính là nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời cho mỗi đời sống cá nhân chúng ta, rồi hoàn toàn vâng theo ý muốn Ngài.

5:18 **Đừng say rượu, vì rượu xui cho lương tâm**. Trong nền văn hóa Bắc Mỹ của chúng ta, mạng lịnh như thế dường như hoàn toàn gây sốc và thừa, vì kiêng rượu hoàn toàn là quy luật giữa vòng rất nhiều Cơ Đốc nhân. Nhưng chúng ta phải nhớ Kinh Thánh được viết cho tín hữu thuộc mọi nền văn hóa, và tại nhiều quốc gia, rượu vẫn là thức uống khá phổ thông trên bàn ăn. Kinh Thánh không lên án cách dùng rượu, nhưng có lên án sự lạm dụng rượu. Có đề nghị dùng rượu làm thuốc (Châmngôn 31:6; 1.Timôthê 5:23). Chúa Jesus đã hóa nước thành rượu để dùng làm thức uống tại tiệc cưới Cana ở xứ Galilê (Giăng 2:1-11).

Nhưng việc sử dụng rượu đã trở thành nạn lạm dụng trong những hoàn cảnh sau và bởi đó bị cấm:

1. Khi uống quá nhiều (Châm ngôn 23:29-35).

2. Khi trở thành một thói quen (I.Côrinthô 6:12b).

3. Khi gây vấp phạm cho lương tâm yếu đuối của tín hữu khác (Rôma 14:13; I.Côrinthô 8:9).

4. Khi gây tổn thương cho lời làm chứng của Cơ Đốc nhân trong cộng đồng và bởi đó không làm vinh hiển Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 10:31).

5. Khi có bất kỳ nghi ngờ nào trong trí Cơ Đốc nhân về việc uống rượu (Rôma 14:23).

Phương án khác do Phaolô gợi ý để thay thế cho việc uống rượu là được **đầy đầy Thánh Linh**. Sự liên kết này có lẽ thoát tiên cũng làm chúng ta sửng sốt, nhưng khi đối chiếu và so sánh hai tình trạng, chúng ta thấy vì sao sự đó liên kết hai vấn đề theo cách này.

Thứ nhất, có nhiều điểm tương đồng nhất định:

1. Trong cả hai tình trạng, người ấy ở dưới một quyền lực ở bên ngoài mình. Trong trường hợp thứ nhất đó là sức mạnh của rượu có men (đôi khi còn được gọi "rượu mạnh"); trong trường hợp kia đó là quyền năng của **Thánh Linh**.

2. Trong cả hai tình trạng, người ấy đều nóng nhiệt sốt sắng. Trong ngày Lễ Ngũ Tuần, sự nóng nhiệt sốt sắng do **Thánh Linh** đem lại đã bị hiểu nhầm là do rượu mới gây ra (Công Vụ 2:13).

3. Trong cả hai tình trạng, nếp ăn ở của người này đều bị ảnh hưởng - nếp ăn ở thuộc thể của người trong trường hợp say rượu, và hành vi đạo đức trong trường hợp đầy đầy Thánh Linh.

Nhưng có hai phương diện mà hai tình trạng trên tương phản rõ rệt:

1. Trong trường hợp say rượu, có sự **buông tuồng** và **trụy lạc**. Đầy đầy Thánh Linh không bao giờ dẫn đến những tình trạng này.

2. Trong trường hợp say rượu, có tình trạng mất tiết độ. Nhưng trái của **Thánh Linh** là tiết độ (Galati 5:22). Tín hữu nào được **đầy đầy Thánh Linh** thì không bao giờ bị đẩy vượt ra ngoài tầm kiểm soát hoạt động của mình; tâm thần của đáng tiên tri luôn luôn thuận phục đáng tiên tri (I.Côrinthô 14:22).

Đôi khi trong Kinh Thánh, **đầy đầy Thánh Linh** có vẻ được trình bày như một ân tứ tối thượng của Đức Chúa Trời. Lấy ví dụ, Giảng Báp-tít được **đầy đầy Thánh Linh** từ lúc còn trong lòng mẹ (Luca 1:15). Trong trường hợp như thế, người được đầy đầy Thánh Linh không kèm theo bất kỳ điều kiện tiên quyết nào cả. Người không phải cầu nguyện hay làm việc để được đầy đầy Thánh Linh; Chúa ban Thánh Linh theo ý Ngài muốn. Trong Êphê-sô 5:18 ở đây, tín hữu được truyền lệnh phải **đầy đầy Thánh Linh**. Điều này bao gồm hành động của người ấy. Người phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Đây không phải là điều tự động xảy đến nhưng là kết quả của sự vâng lời.

Vì cơ ấy, phải phân biệt sự đầy đầy Thánh Linh với một số chức vụ nhất định khác của Thánh Linh. Đầy đầy Thánh Linh không phải là một với bất kỳ chức năng nào sau đây:

1. *Phép báp-têm* bởi Đức Thánh Linh. Đây là công tác của Thánh Linh để kết hiệp tín hữu vào trong thân của Đấng Christ (I.Côrinthô 12:13).

2. *Công tác cư ngụ trong tin đổ.* Bởi chức vụ này, Đấng Yên Ủi đến ở trong thân thể của Cơ Đốc nhân và ban quyền năng cho người để sống thánh khiết, thờ phượng và phục vụ (Giăng 14:16).

3. *Sự xúc dẫu.* Chính Thánh Linh là sự xúc dẫu, Đấng dạy con cái Đức Chúa Trời những điều thuộc về Chúa (I Giăng 2:27).

4. *Của cảm và ấn chứng.* Chúng ta đã thấy Đức Thánh Linh trong tư cách của cảm và bảo chứng cơ nghiệp cho các thánh đồ, và với tư cách ấn chứng, Ngài bảo đảm cho các thánh đồ được nhận cơ nghiệp (Êphêsô 1:13,14).

Đây là một số những chức vụ của Thánh Linh được thực hiện trong con người tại giây phút người được cứu. Mỗi một người nào ở trong Đấng Christ thì tự động được phép báp tem, được Thánh Linh cư ngụ trong lòng, được xúc dẫu, được của cảm và ấn chứng.

Nhưng sự đẩy dẩy tại khác hẳn. Đây không phải là một từng trải khủng hoảng một lần duy cả trong đời sống của một môn đồ; đúng hơn, đây là một tiến trình liên tục. Cách dịch nguyên văn của mạng lịnh này chính là: "Phải đang được đẩy dẩy Thánh Linh." Có thể bắt đầu như một từng trải khủng hoảng, nhưng điều này phải liên tục sau đó như một tiến trình từng khoảnh khắc một. Đẩy dẩy Thánh Linh hôm nay sẽ không đủ cho ngày mai. Và đương nhiên đây là một tình trạng rất đáng ao ước. Trên thực tế, đây là tình trạng lý tưởng của tin hữu trên đất. Điều này có nghĩa Thánh Linh tương đối không đang bị làm buồn khi Ngài thực hiện ý muốn Ngài trong đời sống của Cơ Đốc nhân,

và tin hữu ấy bởi đó đang làm trọn vai trò của mình trong chương trình của Đức Chúa Trời cho lúc bấy giờ.

Như vậy làm thế nào tin hữu **đẩy dẩy Thánh Linh**? Sự đổ Phaolô không nói cho chúng ta biết ở đây trong thư Êphêsô; ông chỉ truyền lệnh cho chúng ta **phải đẩy dẩy Thánh Linh**. Nhưng từ các phần khác của Lời Chúa, chúng ta biết để **được đẩy dẩy Thánh Linh**, chúng ta phải:

1. Xưng tội và bỏ mọi tội lỗi mình đã biết trong đời sống mình (I Giăng 1:5-9). Hiển nhiên, một Đấng thánh khiết như thế không thể hành động tự do trong một đời sống dung túng tội lỗi.

2. Hoàn toàn dẫu phục mình trước quyền kiểm soát của Ngài (Rôma 12:1,2). Điều này liên quan đến sự dẫu phục ý chí, lý trí, thân thể, thi giớ, tài năng, và những của báu của chúng ta. Mỗi một lãnh vực của đời sống người đều phải mở ra và thuận phục quyền kiểm soát của Ngài.

3. Để cho Lời của Đấng Christ ở đời dào trong chúng ta (Côlôse 3:16). Điều này gồm có việc đọc Lời Chúa, nghiên cứu Lời Chúa rồi vâng theo. Khi Lời Đấng Christ ở dư dật trong chúng ta, sẽ có những kết quả (Côlôse 3:16) giống như kết quả của sự đẩy dẩy Thánh Linh (Êphêsô 5:19).

4. Cuối cùng, chúng ta phải được loại bỏ bản ngã (Galati 2:20). Để đó đẩy một chất mới vào ly, thì trước hết phải đổ hết chất cũ ra. Muốn được **đẩy dẩy Thánh Linh**, trước tiên chúng ta phải trút hết chính mình đã.

Một tác giả vô danh viết:

Bạn đã bỏ toàn bộ gánh nặng của tội lỗi, rồi yên nghỉ trên công tác hoàn

tôi của Đấng Christ thế nào, thì cũng hãy bỏ toàn bộ gánh nặng của đời sống và sự phục vụ của bạn, rồi yên nghỉ trên công tác hiện tại của Thánh Linh thế ấy. Mỗi buổi sáng hãy từ bỏ chính bạn, để được Thánh Linh dẫn dắt rời đi ra ca ngợi Chúa và nghỉ ngơi, để Ngài điều khiển bạn và cả ngày của bạn. Suốt ngày hãy bắt đầu thói quen vui mừng mừng cây và vâng lời Ngài, chờ đợi Ngài dẫn dắt, soi sáng, quở trách, dạy dỗ, sử dụng, thực hiện những điều Ngài muốn trong bạn và cùng với bạn. Hãy kể hành động của Ngài như một sự kiện, hoàn toàn không dựa vào mắt thấy hay cảm giác. Chúng ta chỉ cứ tin và vâng lời Thánh Linh là Đấng Cai Quản đời sống chúng ta, và thôi đừng lo cố gắng tự cai quản mình nữa; bấy giờ trái của Thánh Linh sẽ xuất hiện trong chúng ta đúng như ý Ngài muốn để làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Một người có biết khi nào mình được **đầy đầy Thánh Linh** không? Thực ra, càng gần gũi Chúa bao nhiêu, chúng ta càng ý thức tình trạng hoàn toàn không xứng đáng và tội lỗi của mình bấy nhiêu (Êsai 6:1-5). Trước mặt Chúa, chúng ta thấy mình không có gì để đáng kể hành (Luca 5:8). Chúng ta không thấy tâm linh mình có gì ưu việt hơn người khác, không hề cảm thấy "đã đến đích." Tín hữu nào **đầy đầy Thánh Linh** thì bạn rộn với Đấng Christ chứ không bạn rộn với bản ngã của mình.

Đồng thời, có thể người ấy nhận biết Đức Chúa Trời đang hành động trong và qua đời sống mình. Người thấy những điều xảy ra theo cách siêu nhiên. Người hiểu rõ những hoàn cảnh cách

điều kỳ. Nhiều đời sống được dựng đến để đem về cho Chúa. Các biến cố diễn ra đúng theo thời khóa biểu của Đức Chúa Trời. Ngay cả những sức mạnh trong cõi thiên nhiên cũng đứng về phía người; chúng dường như được xích vào bánh xe chiến xa của Chúa. Người nhìn thấy toàn bộ việc này; người nhận thấy Đức Chúa Trời đang hành động vì người và qua người; thế nhưng người cảm thấy mình thờ ơ cách kỳ lạ để không kể công cho mình. Tận trong nơi sâu thẳm của đời sống, người nhận biết điều đó hoàn toàn thuộc về Chúa.

5:19 Giờ đây sử đồ nêu bốn kết quả của sự đầy đầy Thánh Linh. Thứ nhất, Cơ Đốc nhân đầy đầy Thánh Linh thì **lấy ca vịnh, thơ thánh, và bài hát thiêng liêng mà đối đáp cùng nhau**. Sự đầy đầy thiêng thượng sẽ mở miệng người để nói ra những điều thuộc về Chúa, và mở rộng tâm lòng để chia sẻ chúng cho người khác. Tuy có người thấy cả ba thể loại này là các phần của sách Thi thiên, chúng ta hiểu chỉ phần **ca vịnh** là nói đến những tác phẩm được soi dẫn của David, Asáp và nhiều người khác. **Thơ thánh** là những bài hát không được soi dẫn để trực tiếp quy sự thờ phượng và ngợi khen về cho Đức Chúa Trời. **Bài hát thiêng liêng** là mọi tác phẩm có lời để đề cập các chủ đề thuộc linh, dầu không nói trực tiếp với Đức Chúa Trời.

Bằng chứng thứ nhì của sự đầy đầy Thánh Linh là niềm vui trong lòng và ca ngợi Chúa: **hết lòng hát mừng ngợi khen Chúa**. Đời sống đầy đầy Thánh Linh là một nguồn suối, sôi trào sự vui mừng (Công Vụ 13:52). Xachari là một mình

họa: khi đầy đầy Thánh Linh, ông đã hết lòng hát cho Chúa (Luca 1:67-79).

5:20 Kết quả thứ ba là sự tạ ơn: **Hãy thương thương nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, vì mọi sự lạ ơn Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta.** Khi Thánh Linh cai trị, thì có lòng biết ơn Đức Chúa Trời, một ý thức biết ơn sâu xa, và biểu hiện tự phát của lòng biết ơn ấy. Không phải là thỉnh thoảng, nhưng là liên tục. Không những chỉ tạ ơn về những điều dễ chịu, nhưng tạ ơn mọi điều. Ai cũng có thể tạ ơn về ánh mặt trời; nhưng cần phải có quyền năng Thánh Linh mới có thể cảm tạ Chúa về những giống tổ của cuộc đời.

Con đường ngắn nhất, chắc chắn nhất dẫn đến hạnh phúc trọn vẹn chính là:

Tập thói quen cảm tạ và ca ngợi Đức Chúa Trời về mọi điều xảy đến cho bạn. Vì chắc chắn bất kỳ điều gì có vẻ như tai ương xảy đến cho bạn, nếu bạn cảm tạ và ca ngợi Chúa về tai họa đó, bạn biến nó thành phúc hạnh. Nếu có thể làm nhiều phép lạ thì vẫn chưa ích lợi cho bạn bằng tình thần tạ ơn này: vì không cần phải nói ra lời nào mà vẫn biến toàn bộ những điều gánh chịu tai ương ấy trở thành hạnh phúc. (Sưu Tầm)

5:21 Cách thử nghiệm thứ tư về sự đầy đầy Thánh Linh ấy là kính sợ Đấng Christ mà vâng phục nhau. Erdman khuyến cáo:

Đây là một cụm từ thường bị lãng quên... cụm từ này nêu ra phương pháp thử nghiệm đời sống thuộc linh mà Cơ Đốc nhân hiếm khi áp dụng... nhiều người cảm thấy những tiếng kêu

lên Halêlugia, những bài ca hôn hoan và những người nói ngợi khen bằng thứ ngôn ngữ gần như "tiếng lạ" là toàn bộ hồng chung được "đầy đầy Thánh Linh." Có thể những thứ này là giả mạo, lừa dối và vô nghĩa. Vâng phục những người bạn Cơ Đốc nhân của chúng ta, thái độ khiêm tốn, khiêm nhường, không tranh luận, nhân nại, mềm mại - đây là những hồng chung không nhấm lẫn vào đâu được của quyền năng Thánh Linh... Sự thuận phục những người bạn cùng tin Đấng Christ như thể phải được thể hiện trong "kính sợ Đấng Christ," có nghĩa tôn kính Ngài là Đấng được công nhận là Chúa và Chủ của hết thảy.³⁷

Như vậy, đây là bốn kết quả của sự đầy đầy Thánh Linh - nói, hát, tạ ơn, và vâng phục. Nhưng còn ít nhất bốn kết quả khác nữa:

1. Dạn dĩ quả trách tội lỗi (Công Vụ 13:9-12), và làm chứng cho Chúa (Công Vụ 4:8-12,31; 13:52-14:3).
2. Quyền năng để phục vụ (Công Vụ 1:8; 6:3,8; 11:24).
3. Lòng rộng rãi, không ích kỷ (Công Vụ 4:31,32).
4. Tôn cao Đấng Christ (Công Vụ 9:17,20) và tôn cao Đức Chúa Trời (Công Vụ 2:4,11; 10:44,46).

Chúng ta nên sốt sắng ao ước được đầy đầy Thánh Linh, nhưng chỉ để làm vinh hiển Đức Chúa Trời, chứ không phải vì vinh hiển riêng của chúng ta.

D. Kêu Gọi Sự Kính Kính Cả Nhà Trong Gia Đình Cơ Đốc (5:22-6:9)

5:22 Dấu ở đây bắt đầu phần mới, vẫn còn mối quan hệ chặt chẽ với câu Kinh Thánh đi trước. Trong câu trước,

Phaolô liệt kê sự vâng phục nhau là một trong những kết quả của sự đầy đầy thiên thượng. Trong phần từ 5:22 đến 6:9, ông trưng dẫn ba lãnh vực cụ thể trong gia đình Cơ Đốc mà Đức Chúa Trời muốn có sự thuận phục:

Vợ phải vâng phục chồng mình.

Con cái phải vâng phục cha mẹ

Tôi tớ phải vâng phục chủ.

Sự kiện mọi tín hữu đều trở nên một trong Đức Chúa Trời không có nghĩa phải bỏ đi những mối quan hệ trên trần gian. Chúng ta vẫn phải tôn trọng hình thức thẩm quyền và cai quản khác nhau mà Đức Chúa Trời đã thiết lập. Mỗi một xã hội có thứ tự hẳn hoi đều căn cứ trên hai cột trụ nâng đỡ – thẩm quyền và sự vâng phục. Phải có người thực thi thẩm quyền và có người vâng phục sự cai quản ấy. Nguyên tắc này cơ bản đến nỗi được tìm thấy ngay cả trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời: "Đầu vậy tôi muốn anh em biết... Đức Chúa Trời là Đầu của Đấng Christ" (I.Côrinthô 11:3). Đức Chúa Trời đã thiết lập chính quyền của con người. Bất kể chính quyền có gian ác đến đâu đi nữa, thế nhưng tư lập trường của Đức Chúa Trời thì chính quyền gian ác cũng còn tốt hơn là không có chính quyền, và chúng ta phải vâng phục chính quyền đó trong chừng mực có thể vâng phục. Chúng ta không phải bất tuân hoặc chối Chúa. Không có chính quyền thì trở thành vô chính phủ, và không một xã hội nào có thể sống sót dưới tình trạng vô chính phủ.

Điều này cũng đúng trong gia đình. Phải có một cái đầu, và phải có sự vâng phục cái đầu đó. Đức Chúa Trời đã chỉ

định địa vị làm đầu được giao cho người nam. Ngài cho thấy điều này bằng cách dựng nên người nam trước, sau đó dựng nên người nữ cho người nam. Vì vậy, cả về trật tự và mục đích của cuộc sáng thế, Ngài đặt người nam đứng ở địa vị có thẩm quyền và người nữ ở địa vị thuận phục.

Thuận phục không bao giờ hàm ý sự thấp kém hơn. Chúa Jêsus thuận phục Đức Chúa Cha, nhưng tuyệt đối Ngài không hề thấp kém hơn Đức Chúa Cha. Người nữ cũng không thấp kém hơn người nam. Trên nhiều phương diện, người nữ có thể còn trội hơn nữa – trong sự tận hiến, trong sự cảm thông, trong sự siêng năng và chịu đựng cách anh hùng. Nhưng người nữ được truyền lệnh phải vâng phục chồng mình, như vâng phục Chúa. Khi vâng phục thẩm quyền của chồng, người vợ đang vâng phục thẩm quyền của Chúa. Bản thân điều này đang phải loại bỏ mọi thái độ lưỡng lự hoặc nổi loạn.

Lịch sử đầy đầy những minh họa về sự hỗn loạn xuất phát từ chỗ không vâng phục kiểu mẫu của Đức Chúa Trời. Bằng cách đảo lộn địa vị lãnh đạo, và hành động thay cho chồng, Èva đã đưa tội lỗi vào nhân loại, cùng với toàn bộ mọi kết quả tàn khốc của nó. Trong những thời kỳ gần đây hơn, rất nhiều tà giáo đã khởi xướng bởi những người nữ đảo lộn địa vị thẩm quyền mà Đức Chúa Trời không hề dự định cho họ đảm trách. Những người nữ nào lìa bỏ phạm vi mà Đức Chúa Trời đã chỉ định cho họ thì có thể phá hoại Hội Thánh địa phương, làm tan vỡ hôn nhân, và phá hủy cả gia đình.

Mặt khác, không còn điều gì thu hút và hấp dẫn cho bằng một người nữ làm trọn vai trò Chúa đã giao cho nàng. Chân dung đầy đủ của một phụ nữ như thế được trình bày trong Châm ngôn 31 - một đài kỷ niệm lâu dài cho người vợ và người mẹ nào làm đẹp lòng Đức Giêhôva.

5:23 Nguyên nhân vợ phải phục chồng chính là vì **chồng là đầu** vợ. Chồng giữ mối quan hệ với vợ y như mối quan hệ của Đấng Christ đối với Hội Thánh. **Đấng Christ là Đầu Hội Thánh, Hội Thánh Là Thân Thể Ngài và Ngài là Cứu Chúa của Hội Thánh.** (Chữ "Cứu Chúa" ở đây có thể mang ý nghĩa của "Đấng Bảo Tồn," giống như ở trong I.Timôthê 4:10, JND). Vì vậy **chồng là đầu** vợ, và chồng cũng là người bảo tồn vợ nữa. Với tư cách **đầu**, chồng yêu thương, lãnh đạo, dẫn đường; với tư cách người bảo tồn, chồng chu cấp, bảo vệ và chăm sóc vợ.

Chúng ta thấy đều biết trong thời chúng ta có phản ứng rất mạnh chống lại sự dạy dỗ này. Người ta lên án Phaolô là người độc thân cố chấp, người trọng nam khinh nữ, một người thù ghét phụ nữ. Hoặc họ nói quan điểm của ông phản ánh những phong tục xã hội thời bấy giờ nhưng không còn áp dụng cho thời nay nữa. Đương nhiên, những lời tuyên bố như thế là tấn công trực diện vào sự soi dẫn của Kinh Thánh. Đây không chỉ đơn thuần là lời nói của Phaolô; đây còn là Lời của Đức Chúa Trời. Bác bỏ lời này tức là bác bỏ chính Ngài và chuốc lấy khổ khăn cũng thảm họa đến cho mình.

5:24 Không còn điều nào tôn cao vai trò của người vợ hơn là đem ví sánh với

vai trò của **Hội Thánh** trong tư cách Tân Nương **Đấng Christ**. Sự thuận phục của Hội Thánh là mẫu mực cho người vợ noi theo. Vợ phải phục **quyền chồng trong mọi sự** - tức là mọi sự nào phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Không người vợ nào buộc phải vâng phục chồng nếu chồng đòi hỏi vợ thỏa hiệp lòng trung thành của nàng với Chúa Jêsus. Nhưng trong mọi mối quan hệ bình thường của đời sống, nàng phải vâng phục chồng, thậm chí chồng có là người chưa tin Chúa đi nữa.

5:25 Nếu những chỉ thị dành cho người vợ trên đây chỉ đứng riêng một mình mà không có những huấn thị cao quý tương xứng cho **người chồng**, thì lời trình bày này sẽ là một chiếu, nếu không nói là thiếu công bằng. Nhưng hãy để ý sự cân xứng tuyệt đẹp của chân lý trong Kinh Thánh, và tiêu chuẩn tương xứng Kinh Thánh đòi hỏi cho **người chồng**. Kinh Thánh không dạy **người chồng** phải giữ cho vợ vâng phục; họ được truyền phải **yêu thương vợ như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh**. Người ta đã nói rất hay rằng không người vợ nào phẫn lòng khi vâng phục người chồng yêu thương mình y như **Đấng Christ** yêu thương **Hội Thánh**. Có người viết về một người nam sợ mình đang làm buồn lòng Đức Chúa Trời vì đã yêu thương vợ mình quá nhiều. Một nhân sự Cơ Đốc hỏi ông ta xem ông có yêu vợ hơn Đấng Christ yêu thương Hội Thánh không. Ông ta nói không. Nhân sự này nói "Chỉ khi nào vượt qua khỏi ranh giới đó thì anh mới đang yêu vợ mình quá nhiều." Tình yêu của Đấng Christ dành cho **Hội Thánh** được trình bày ở đây qua

ba hoạt động tôn nghiêm trải dài từ quá khứ cho đến hiện tại rồi đến tương lai. Trong quá khứ, Ngài đã bày tỏ tình yêu của Ngài cho Hội Thánh bằng cách phó chính mình Ngài vì Hội Thánh. Điều này nói đến sự chết hy sinh của Ngài trên thập tự giá. Tại đó, Ngài đã trả giá lớn lao nhất để mua Tân Ương cho Ngài. Éva ra từ xương sườn của Adam thế nào, thì trên một phương diện nào đó, Hội Thánh cũng được tạo dựng từ bên sườn bị thương của Chúa Kitô thế ấy.

5:26 Trong thời hiện tại, tình yêu của Ngài dành cho Hội Thánh được bày tỏ trong công tác thánh hóa của Ngài: để khiến Hội Thánh nên thánh sau khi lấy nước rửa và dùng Đạo làm cho Hội Thánh sạch. Khiến nên thánh có nghĩa là biệt riêng ra. Về mặt địa vị, Hội Thánh đã được nên thánh rồi; về mặt thực tiễn, Hội Thánh đang được biệt riêng ra từng ngày. Hội Thánh sẽ trải qua tiến trình chuẩn bị về đạo đức và tâm linh, tương tự như tiến trình làm đẹp một năm mà Êxotê phải trải qua trước khi ra mắt vua Asuêru (Êxotê 2:12-16). Tiến trình nên thánh được thực hiện bởi nước rửa và dùng Đạo làm cho linh sạch. Nói đơn giản, điều này có nghĩa đời sống của tín hữu được tẩy sạch khi họ nghe Lời của Đấng Christ và vâng theo những lời ấy. Vì vậy Đức Chúa Jêsus phán với các môn đồ: "Các ngươi đã được trong sạch, vì lời ta đã bảo cho" (Giăng 15:3). Và Ngài liên kết sự nên thánh với Lời Ngài trong lời cầu nguyện như thấy tế lễ thượng phẩm của Ngài: "Xin Cha lấy lễ thật khiến họ nên thánh; lời Cha tức là lễ thật" (Giăng 17:17). Huyết của Đấng Christ tẩy sạch sự phạm tội và hình

phạt tội lỗi một lần đủ cả thế nào, thì Lời Đức Chúa Trời cũng tẩy sạch liên tục khỏi sự ô uế và ô nhiễm của tội lỗi thế ấy. Phần đoạn này dạy Hội Thánh đang được tắm trong thời hiện tại, không phải bằng nước theo nghĩa đen, nhưng bằng tác nhân tẩy sạch của Lời Đức Chúa Trời.

5:27 Trong quá khứ, tình yêu của Đấng Christ được bày tỏ qua sự cứu chuộc chúng ta. Trong hiện tại, điều này được nhìn thấy qua sự nên thánh của chúng ta. Trong tương lai, sẽ được bày tỏ trong sự làm cho vinh hiển. Chính Ngài sẽ tỏ ra Hội Thánh đầy vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thành sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài. Bấy giờ Hội Thánh sẽ đạt đến tột đỉnh của vẻ đẹp và trọn lành thuộc linh.

A. T. Pierson hoàn toàn có quyền thốt lên:

*Hãy suy nghĩ đến điều đó – khi đôi mắt toàn tri nhìn xem chúng ta vào lúc cuối cùng, trước sự thánh khiết tinh tuyền của Ngài, Ngài sẽ không thấy được bất cứ điều gì có thể giống như một nốt mụn hay nốt ruồi trên khuôn mặt người. Thật không thể nào tưởng nổi!*³⁸

F. W. Grant đồng tình:

Hội Thánh không có dấu hiệu nào của tuổi già, không một khiếm khuyết: hãy giữ không điều nào sẽ phù hợp với Ngài ngoại trừ sự nở hoa và cõi đời đời của một tuổi xuân đời đời, sự tươi mới của những tình cảm không bao giờ mệt mỏi, không bao giờ suy tàn. Hội Thánh bấy giờ sẽ thánh khiết không chỗ trách được. Sau khi chúng ta biết

về lịch sử Hội Thánh, sẽ thật kỳ lạ khi đọc điều này, nếu chúng ta không biết thể nào Đức Chúa Trời vinh hiển đã duy trì chiến thắng của Ngài trên tội lỗi và điều ác.³⁰

5:28 Sau khi bay vút lên trong phần đề cập đầy hân hoan tuyệt diệu về tình yêu của Đấng Christ dành cho Hội Thánh, giờ đây Phaolô quay lại nhắc người chồng đây là khuôn mẫu họ phải bắt chước: **Cũng một thể ấy, chồng phải yêu vợ như chính thân mình.** Để bắt chước tình yêu của Đấng Christ, họ phải **yêu vợ** như yêu **chính thân mình** vậy.

Trong Hy văn, từ ngữ "chính" này xuất hiện sáu lần trong câu 22-33. Cách sử dụng nhấn mạnh từ ngữ "chính" nhắc chúng ta nhớ ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài là chế độ một vợ một chồng. Dấu Ngài đã cho phép chế độ đa thê trong Cựu Ước, nhưng Ngài không bao giờ tán thành và phê chuẩn nó.

Cũng thật thú vị khi thấy Phaolô dùng nhiều cách để mô tả mối quan hệ gắn gũi của chồng và vợ. Ông nói khi yêu vợ, người chồng đang yêu chính thân thể mình (câu 28a); **chính mình** (câu 28b,33); và "chính thân mình" (câu 29). Vì hôn nhân bao gồm sự liên hiệp thật của hai người, và cả hai trở nên một thịt, nên ai **yêu vợ** mình thì trên một ý nghĩa rất thực tế, người ấy đang yêu **chính mình**.

5:29 Con người sinh ra cùng với bản năng chăm sóc cho chính thân thể mình. Người cho thân thể ăn, cho mặc và tắm rửa; người giữ cho thân thể khỏi bị khó chịu, khỏi bị đau đớn và tổn hại.

Sự tổn tại liên tục của thân thể tùy thuộc nơi sự chăm sóc này. Điều quan tâm này là chiếc bóng mờ nhạt về sự quan tâm của Chúa đối với Hội Thánh.

5:30 Vì chúng ta là các chi thể của thân Ngài. Ấn điển Đức Chúa Trời thật lạ lùng biết bao! Ông ấy không những cứu chúng ta khỏi tội lỗi và địa ngục, mà còn kết hợp chúng ta vào trong Đấng Christ với tư cách các chi thể trong Thân mẫu nhiệm của Ngài. Điều này nói lên biết bao nhiêu điều về tình yêu Ngài dành cho chúng ta: Ngài triu mến chăm sóc chúng ta như chính thân thể Ngài. Sự chăm sóc tuyệt vời biết bao; Ngài nuôi dưỡng, làm nên thánh và huấn luyện chúng ta. An ninh biết bao: Ngài sẽ không ở trong Thiên đàng nếu không có các **chi thể** của Ngài cùng ở. Chúng ta hiệp một với Ngài trong một sự sống chung. Bất kỳ điều gì ảnh hưởng đến chi thể thì cũng ảnh hưởng đến Đầu nữa.

5:31 Giờ đây sử đồ trích Sáng Thế Ký 2:24 trình bày quan niệm nguyên thủy của Đức Chúa Trời khi thiết lập quan hệ hôn nhân. Trước hết, quan hệ của người nam với cha mẹ mình được thay thế bởi một sự trung thành cao hơn, tức là lòng trung thành với vợ mình. Để thực hiện lý tưởng cao cả của mối quan hệ hôn nhân, người nam lìa cha mẹ và **đính dới với vợ** mình. Đặc điểm thứ nhì ấy là vợ và chồng **lở nên một thịt**: có sự liên hiệp thực tế của hai người. Nếu ghi nhớ hai sự kiện cơ bản này, một mặt họ sẽ loại được những rắc rối đối với bố mẹ của vợ (chồng), và mặt khác loại được những xung đột trong hôn nhân.

5:32 Sự mầu nhiệm ấy là lớn, tôi nói về Đấng Christ và Hội Thánh vậy. Giờ đây Phaolô đưa phần thảo luận về mối quan hệ hôn nhân tiến đến đỉnh điểm bằng cách công bố sự thật kỳ diệu cho đến nay vẫn chưa ai biết, tức là: vợ đối với chồng thế nào, thì Hội Thánh đối với Đấng Christ cũng thế ấy.

Khi Phaolô nói sự mầu nhiệm này là lớn, ông không có ý bảo điều này rất huyền bí. Trái lại, ông muốn nói những hàm ý của chân lý này thật lôm lao. Sự mầu nhiệm là mục đích tuyệt diệu được giấu kín trong Đức Chúa Trời trải các thời đại trước, nhưng giờ đây hiện được bày tỏ ra. Mục đích là từ các dân kêu gọi ra một dân để trở thành Thân Thể và Tân Nương của Con vinh hiển Ngài. Mối quan hệ hôn nhân này bởi đó tìm được một hình bóng tương xứng hoàn hảo của nó trong mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh.

Đồng tâm tình với Chúa:

Chúa Jêsus, Đấng được vinh hiển,

Quý mến Hội Thánh mà Ngài đã đổ huyết thay cho,

Là thân thể và Tân Nương của Ngài.

- Mary Bowley Peters

5:33 Câu cuối này tóm tắt điều Phaolô đang nói về chồng và vợ. Đối với người chồng, lời khuyên kết thúc này như sau: mỗi người trong anh em – không một ngoại lệ nào – phải yêu vợ như chính mình. Không phải chỉ như cách mình có thể yêu mình, nhưng công nhận một sự thật vợ là một với mình. Đối với vợ, lời khuyên là: Còn vợ phải liên tục kính trọng và vâng lời chồng. Giờ đây hãy dừng lại suy nghĩ trong

chốc lát! Điều gì xảy ra nếu những huấn thị thiên thượng này được dân sự Đấng Christ tuân giữ rộng rãi ngày nay? Câu trả lời thật hiển nhiên. Sẽ không còn xung đột, không còn ly thân, không có ly dị. Gia đình chúng ta sẽ càng giống với tiên vị của Thiên đàng hơn bao giờ hết.

6:1 Trong đoạn 5, chúng ta biết một trong những kết quả của sự đầy dẫy Thánh Linh chính là thuận phục nhau. Chẳng hạn chúng ta thấy một người vợ đầy dẫy Thánh Linh thì vâng phục chồng mình. Giờ đây chúng ta học biết con cái đầy dẫy Thánh Linh sẵn lòng thuận phục thẩm quyền của cha mẹ. Bốn phận nền tảng của mọi con cái là vâng lời cha mẹ mình trong Chúa. Cho dù con cái có là Cơ Đốc nhân hay không, hoặc cha mẹ có là Cơ Đốc nhân hay không, thì cũng vẫn không có gì khác biệt. Mối quan hệ cha mẹ – con được thiết lập cho toàn nhân loại, chứ không chỉ riêng cho các tín hữu mà thôi. Mạng lệnh truyền vâng phục... trong Chúa có nghĩa: thứ nhất, con cái phải vâng phục với thái độ biết rằng khi vâng phục như vậy là đang vâng phục Chúa: sự vâng phục của con cái đối với cha mẹ phải dường như thể là vâng phục Chúa. Thứ nhì, điều này có nghĩa con cái phải vâng phục trong mọi vấn đề nào đi đúng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Nếu cha mẹ ra lệnh cho con cái phải phạm tội, thì con cái không bị bắt buộc phải tuân theo. Trong trường hợp như thế, con cái nên nhã nhặn từ chối và gánh chịu mọi hậu quả cách khiêm nhường và không trả đũa. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp khác, con cái phải vâng phục.

Ở đây nêu bốn nguyên nhân vì sao con cái phải vâng lời. Thứ nhất, điều đó là **phải lẽ**. Nguyên tắc cơ bản sẵn bên trong chính cấu trúc của nếp sống gia đình ấy là: những người nào còn ấu trĩ, xúc nổi, thiếu kinh nghiệm, thì phải vâng phục thẩm quyền của cha mẹ, là những người lớn tuổi hơn và khôn ngoan hơn.

6:2 Nguyên nhân thứ nhì là điều ấy đúng với Kinh Thánh. Ở đây Phaolô trích Xuất Êđíphtô Ký 20:12: **Hãy tôn kính cha mẹ người** (cũng xem Phụccuyền Luật lệ Ký 5:16). Mạng lệnh truyền hiếu kính cha mẹ là mạng lệnh **đầu tiên** trong Mười Điều Răn có một lời hứa ban phước cụ thể kèm theo. Điều răn truyền con cái tôn kính, yêu thương và vâng lời cha mẹ.

6:3 Nguyên nhân thứ ba là vì những ích lợi tốt nhất của con cái: **hầu cho người được phước**. Hãy suy nghĩ điều gì sẽ xảy đến cho một đứa con mà cha mẹ không dạy dỗ cũng không sửa trị nó! Bản thân nó sẽ rất khốn khổ và không thể dung hòa được trong xã hội.

Nguyên nhân thứ tư là vâng lời giúp được sống trường thọ: **hầu cho người được sống lâu trên đất**. Trong Cựu Ước, đứa con Do Thái nào chịu vâng lời cha mẹ thì thật sự được hưởng cuộc đời trường thọ. Trong thời đại Tin Lành này, đây không phải là một quy tắc không có ngoại lệ. Sự vâng lời của người con không phải luôn luôn liên kết với trường thọ. Một đứa con chu toàn bốn phận có thể chết rất sớm. Nhưng nói chung, đúng là nếp sống có kỷ luật và vâng phục đem lại sức khỏe và

trường thọ, còn đời sống nổi loạn và liêu lĩnh thường dẫn đến chết yểu.

6:4 Những huấn thị cho con cái giờ đây được cân bằng với lời khuyên cho **bậc cha mẹ**. Cha mẹ đừng nên **chọc giận con cái** vì những yêu cầu vô lý, vì hà khắc quá đáng, hay vì rầy mắng không ngừng. Trái lại, nên nuôi dưỡng con cái trong sự **sửa phạt khuyên bảo của Chúa**. Sửa phạt nói đến kỷ luật và sửa trị, có thể bằng lời hoặc bằng roi vọt. **Khuyên bảo** có nghĩa cảnh cáo, quở trách la rầy. Việc nuôi con phải **"trong Chúa,"** có nghĩa được thực thi đúng theo ý muốn của Ngài như đã bày tỏ trong Kinh Thánh, và được thực thi bởi những người hành động với tư cách người đại diện của Chúa.

Susannah Westley, mẹ của mười bảy người con, trong đó có John và Charles, đã có lần viết:

Cha mẹ nào nghiên cứu để khuấy phục ý chỉ riêng của con mình, thì đã cộng tác với Đức Chúa Trời để đối mới và cứu rỗi một linh hồn. Cha mẹ nào nuông chiều ý chỉ đó, thì đã làm công việc của ma quỷ, khiến cho tôn giáo trở nên phi thực tiễn, làm cho sự cứu rỗi không thể đạt được, và làm toàn bộ những điều người có thể làm để dạy dỗ con mình, cả linh hồn và thân thể đến đời đời.⁴⁰

6:5 Môi trường thứ ba và là môi trường cốt lõi của sự thuận phục trong gia đình Cơ Đốc chính là môi trường của **tôi tớ đối với chủ**. Từ ngữ Phaolô sử dụng ở đây là **đầy tớ** không tương hay nô lệ, nhưng các nguyên tắc áp dụng được cho cả **tôi tớ** hay người làm công thuộc mọi thể loại.

Bốn phạm thứ nhất của người làm công ấy là đối với kẻ làm chủ mình theo phần xác. Cụm từ "**chủ mình theo phần xác**" nhắc chúng ta nhớ người chủ có pháp quyền trên công tác thuộc thể hay tinh thần, nhưng không thể ra lệnh trong các vấn đề thuộc linh hay ra lệnh cho lương tâm.

Thứ nhì, tôi tớ phải có thái độ tôn trọng. **Hãy run sợ** không có nghĩa quy lụy một cách hèn nhát, hoặc kính hoàng cách đáng khinh; những chữ này muốn nói đến sự tôn trọng trong đúng bốn phạm và sự xúc phạm đến Chúa và người chủ.

Thứ ba, sự phục vụ phải là sự siêng năng, hay là làm với lòng thật lòng. Chúng ta nên nỗ lực để giao sáu mươi phút làm việc cho mỗi giờ được nhận lương.

Tiếp theo, công việc của chúng ta phải nên như đối với Đấng Christ. Những từ ngữ này cho thấy đáng ra không có sự phân biệt thật sự nào giữa việc thế tục và việc thiêng liêng. Toàn bộ những việc chúng ta làm đều phải là từ Chúa – xét việc chi làm đẹp lòng và tôn kính Ngài và thu hút người khác đến với Ngài. Những công tác nhỏ mọn nhất và tầm thường nhất trong đời sẽ trở nên cao quý và đáng trọng khi được thực hiện vì vinh hiển của Chúa. Thậm chí cả việc rửa chén bát cũng vậy! Đây là lý do một số bà nội trợ Cơ Đốc đặt câu khẩu hiệu này trong bốn rửa chén của họ: "Sự phục vụ Chúa tại đây mỗi ngày ba lần."

6:6 Chúng ta phải luôn luôn siêng năng, không những khi chủ đang đứng trông coi, mà còn biết rằng Chủ của

chúng ta luôn luôn theo dõi. Khuynh hướng tự nhiên là bề bề chếnh mảng khi chủ vắng mặt, nhưng đó là một hình thức gian lận. Tiêu chuẩn thực hiện của người Cơ Đốc không được phép thay đổi tùy theo vị trí địa lý của đốc công. Một khách hàng nợ có lần kéo nài một Cơ Đốc nhân làm nhân viên bán hàng đưa cho ông nhiều hơn khoản ông đã trả tiền, bảo đảm với Cơ Đốc nhân này rằng người chủ không nhìn thấy. Nhân viên bán hàng trả lời: "Chủ của tôi luôn luôn theo dõi!" Là tôi tớ của Đấng Christ, chúng ta đáng phải **lấy lòng tối làm theo ý muốn Đức Chúa Trời**, có nghĩa là thành thật khao khát làm đẹp lòng Ngài. Erdman nói:

Lao động trở nên cao quý khôn lường bởi những suy xét như thế này. Công tác của một nô lệ tầm thường nhất có thể được trở nên cao quý khi thực hiện sao cho đẹp lòng Đấng Christ, với thiện ý, với tấm lòng sẵn sàng và sốt sắng, như để nhận được sự chấp thuận của Chúa.⁴¹

6:7 Rồi chúng ta cũng phục vụ với lòng yêu mến. Không phải chỉ để tỏ ra tuân thủ ở bề ngoài đang khi bề trong đang sôi trào uất hận, nhưng làm việc cách vui vẻ và sẵn lòng. Dầu người chủ quá quắt không chịu nổi, lạm dụng, đối xử phi lý, công việc của chúng ta vẫn có thể làm như đang **hầu việc Chúa**, chứ chẳng phải như hầu việc người ta. Chính loại hành vi siêu nhiên này mới cất lên tiếng nói mạnh mẽ nhất trong thế giới chúng ta đang sống đây.

6:8 Động cơ lớn lao để thực hiện mọi việc như là làm cho Chúa chính là biết bảo đảm Ngài sẽ ban thưởng mỗi

một việc lành như thế. **Bất luận** là tôi mọi hay người tự chủ cũng không khác biệt gì. Chúa để ý mọi công việc nào – dù dễ chịu hay không thể chịu nổi – được thực hiện cho Ngài, và Ngài sẽ ban thưởng cho mỗi người thực hiện công việc đó.

Trước khi rời phần nói về tôi tớ, cần nêu một số nhận định:

1. Tân Ước không lên án chế độ nô lệ theo đúng nghĩa của từ. Trên thực tế, Tân Ước vi tín hữu thật như một nô lệ (tôi tớ không lương) của Đấng Christ (câu 6). Nhưng Tin Lành đi đến đâu thì nơi đó biến mất những lạm dụng chế độ nô lệ – chủ yếu bởi cải cách đạo đức.

2. Tân Ước nói nhiều về nô lệ hơn nói về vua. Có thể điều này phản ánh sự thật là không có nhiều người khôn ngoan, kẻ quyền thế, kẻ cao quý được gọi (1.Côrinthô 1:26). Chắc hầu hết Cơ Đốc nhân đều ở trong những tầng lớp thấp hơn về kinh tế và xã hội. Điểm nhấn mạnh vào nô lệ cũng cho thấy những đấng tử làm công việc vật vãnh nhất cũng không bị loại trừ khỏi những phúc hạnh tinh tuyền nhất của Cơ Đốc giáo.

3. Hiệu quả những huấn thị cho nô lệ này được nhìn thấy qua sự kiện: ngay từ thời đầu của Cơ Đốc giáo, tại những cuộc đấu giá, nô lệ Cơ Đốc thường được mua với giá cao hơn những đấng tử không lương ngoại giáo. Đàng ra điều này cũng phải đúng cho ngày nay, để những người làm công Cơ Đốc sẽ quý giá đối với chủ của họ hơn những người chưa hề được ân điển của Đức Chúa Trời dụng đến.

6:9 Chủ cũng phải được dẫn dắt bởi **đồng** những nguyên tắc chung như **đầy** tớ. Chủ phải công bằng, nhân từ và ngay thẳng. Chủ đặc biệt phải cẩn thận tránh lối nói hung bạo hay **đe dọa**. Nếu họ biết kỹ luật trong lãnh vực này, thì họ không bao giờ phải dùng đến nhục hình với tôi tớ. Và họ phải luôn luôn nhớ họ cũng có một Chủ, cùng một Chủ ở trên Thiên đàng, cũng giống như nô lệ kia vậy. Những phân biệt trên trần gian được xóa bỏ trước hiện diện của Chúa. Cả người chủ lẫn đấng tử một ngày kia sẽ phải khai trình với Người Chủ trên Thiên đàng.

E. Những lời khuyên về Chiến Trận Cơ Đốc (6:10-20)

6:10 Phaolô sắp kết thúc thư tín. Gửi thư cho toàn họ gia đình của Đức Chúa Trời, ông đang kêu gọi thúc giục họ như những lính chiến của Đấng Christ. Mỗi con cái thật của Đức Chúa Trời chẳng mấy chốc sẽ học biết đời sống Cơ Đốc là một trận chiến. Các đạo binh Satan sẽ đốc hết sức cản trở, ngăn chặn công tác của Đấng Christ và hạ gục để loại từng cá nhân chiến binh Đấng Christ ra ngoài vòng chiến. Tín hữu càng kết quả cho Chúa bao nhiêu, thì càng gặp những trận tấn công của kẻ thù khủng khiếp bấy nhiêu; ma quỷ không phí đạn được của nó cho những Cơ Đốc nhân trên danh nghĩa. Bằng sức riêng, chúng ta không hề địch nổi ma quỷ. Vì vậy mạng lịnh chuẩn bị đầu tiên ấy là phải liên tục được làm mạnh mẽ trong Chúa và trong những nguồn tài nguyên vô biên của sức toàn năng Ngài. Những chiến binh giỏi nhất của Đức Chúa Trời là

những người ý thức sự yếu đuối và không kết quả của chính họ, và là những người chỉ nương cậy nơi Ngài mà thôi. “Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu ở thế gian để làm hổ thẹn những sự mạnh” (I.Côrinthô 1:27b). **Sức toàn năng của Ngài chấp nhận sự yếu đuối của chúng ta.**

6:11 Mạng lịnh thứ nhì liên quan đến nhu cầu cần binh giáp thiên thượng. Tín hữu phải mặc lấy mọi khí giới của Đức Chúa Trời để có thể đứng vững mà địch cùng những mưu kế của ma quỷ. Cần phải được vũ trang đầy đủ; một hoặc hai mảnh binh giáp sẽ không đủ. Chỉ có binh giáp đầy đủ của Đức Chúa Trời chu cấp mới giữ chúng ta khỏi bị thương. Ma quỷ có nhiều mưu kế khác nhau – làm ngã lòng, làm thất vọng, làm lúng túng, thất bại về đạo đức, sai lầm về giáo lý. Nó biết điểm yếu nhất của chúng ta và nhắm công kích ngay điểm đó. Nếu không thể vô hiệu hóa chúng ta bằng phương pháp này được, nó sẽ có thứ phương pháp khác.

6:12 Chiến trận này không phải là vấn đề tranh chiến với những triết gia không kính sợ Đức Chúa Trời, những vị tư tế xảo quyệt, những người theo tà giáo phủ nhận Đấng Christ, hay những người cai trị vô tín. Chiến trận này nghịch cùng các thế lực của ma quỷ, nghịch cùng hàng binh đoàn các thiên sứ sa ngã, cũng các tà linh nắm trong tay thế lực lớn lao. Dầu chúng ta không nhìn thấy họ, nhưng chúng ta bị bao vây không ngừng bởi các hữu thể ác linh. Tuy đúng là ác linh không thể ở trong một tín hữu thật, nhưng có thể áp bức

và hà hiếp người. Cơ Đốc nhân đừng âm ảnh cách binh hoạn với đề tài của niềm tin vào ma quỷ; cũng đừng sống trong sợ hãi ma quỷ. Với binh giáp của Đức Chúa Trời, Cơ Đốc nhân có mọi điều mình cần để giữ chiến địa của mình trước những trận tấn công của ma quỷ. Sự đó nói các thiên sứ sa ngã này là **chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy.** Chúng ta không đủ kiến thức để phân biệt giữa những thế loại này; có lẽ chúng nói đến những bậc cai trị thần linh với nhiều cấp độ thẩm quyền khác nhau, chẳng hạn như tổng thống, thống đốc, thị trưởng, ủy viên xét theo thước đo của con người vậy.

6:13 Khi Phaolô viết thư, chắc ông đang bị binh linh Lamã canh gác với binh giáp đầy đủ. Luôn luôn nhanh chóng nhìn thấy những bài học thuộc linh trong lãnh vực tự nhiên, nên ông áp dụng ngay: chúng ta bị quân thù ghê gớm đánh bọc sườn; chúng ta phải **mang lấy mọi khí giới của Đức Chúa Trời để có thể đứng vững khi chiến trận lên đến hồi tàn khốc nhất, và vẫn thấy mình đứng vững khi khói lửa chiến trường tan đi.** Ngày khốn nạn chắc nói đến bất kỳ thời điểm nào kẻ thù áp đến chúng ta như nước lũ. Sự chống đối của Satan dường như diễn ra thành đợt sóng lớn, ập tới rồi cuốn rút đi. Ngay cả sau khi Chúa bị cầm đồ trong đồng vắng, ma quỷ cũng chỉ tạm hạ Ngài (Luca 4:13).

6:14 Món thứ nhất trong binh giáp được nhắc đến là dây nịt lưng của **lẽ thật.** Đương nhiên chúng ta phải trung

tin giữ vững lẽ **thật** của Lời Đức Chúa Trời, nhưng cũng cần để cho lẽ thật nắm giữ chúng ta nữa. Chúng ta phải áp dụng lẽ thật vào đời sống hằng ngày của mình. Khi trải nghiệm mọi thứ bởi lẽ **thật**, chúng ta tìm được sức mạnh và sự bảo vệ trong chiến trận.

Món thứ nhì là **giáp ngực bằng sự công bình**. Mỗi tín hữu đều được mặc lấy sự công bình của Đức Chúa Trời (II.Côrinthô 5:21), nhưng tín hữu ấy cũng phải thể hiện sự ngay thật và công bình trong đời sống cá nhân của mình. Có người nói: "Khi một người được mặc lấy sự công bình thực tiễn, thì không thể đánh gục người ấy được. Lời nói không bình vực mình được trước sự buộc tội, nhưng một đời sống tốt thì bình vực được." Nếu lương tâm chúng ta không có tội đối với Đức Chúa Trời và con người, ma quỷ không có cơ gì để nhám vào được. Đavít đã **mặc lấy giáp bằng sự công bình** trong Thithiên 7:3-5. Đức Chúa Jêsus đã mặc áo giáp ấy mọi lúc (Êsai 59:17).

6:15 Người lính này cũng phải lấy sự sẵn sàng của Tin Lành bình an mà làm giày dép. Điều này gợi ý sự sẵn sàng ra đi đem theo tin mừng của sự bình an, và do đó xâm lăng vào lãnh thổ quân thù. Khi nghỉ xả hơi trong lều của mình thì chúng ta đang gặp hiểm họa chết người. Sự an toàn của chúng ta được tìm thấy khi đi theo bước chân đẹp đẽ của Cứu Chúa trên các núi cao, đem ơn tốt lành và công bố sự bình an (Êsai 52:7; Rôma 10:15).

*Xin Chúa lấy hai chân tôi đây
Khuyến tạ lòng đẹp đẽ cho Ngài
- Frances Ridley Havergal*

6:16 Ngoài ra, người lính còn phải **cắm thuẫn của đức tin** để khi các tên lửa của kẻ dữ xông thẳng đến người, chúng sẽ trúng vào chiếc thuẫn và rút xuống đất cách vô hại. **Đức tin** ở đây là lòng tin vững chắc nơi Chúa và nơi Lời Ngài. Khi những cảm dỗ bùng lên, khi gặp nghịch cảnh, khi nghi ngờ tấn công, khi sự đe dọa hồng nhận chìm, đức tin ngược nhìn lên và nói: "Tôi tin Đức Chúa Trời."

6:17 **Mào trụ** do Đức Chúa Trời ban chính là **sự cứu rỗi** (Êsai 59:17). Bất luận trận chiến có khốc liệt đến đâu, Cơ Đốc nhân này vẫn không nản lòng sợ hãi, vì biết chiến thắng cuối cùng của mình đã được bảo đảm. Sự bảo đảm được giải thoát chung cuộc giữ cho người khỏi rút lui hay đầu hàng. "Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?" (Rôma 8:31).

Cuối cùng, người lính này **cắm gươm của Thánh Linh**, là **Lời Đức Chúa Trời**. Minh họa cổ điển cho điều này ấy là cách Chúa chúng ta sử dụng **lanh gươm Thánh Linh** đối đầu với Satan. Ba lần Ngài trích Lời Đức Chúa Trời – không phải chỉ là những câu hù dọa, nhưng là những câu phù hợp mà Thánh Linh đã ban cho Ngài trong trường hợp đó (Luca 4:1-13). **Lời²² Đức Chúa Trời** ở đây không nói đến toàn bộ Kinh Thánh, nhưng là một phần cụ thể của Kinh Thánh phù hợp nhất với tình huống.

David Watson nói:

*Đức Chúa Trời ban cho chúng ta
mọi sự bảo vệ cơ bản. Chúng ta phải
thấy rõ "lẽ thật" về bước đường chúng*

ta đồng đi với Chúa, và thấy đời sống của chúng ta là phải lễ ("cùng bình") với Đức Chúa Trời và với nhau, đi đến đâu chúng ta cũng tìm cách đem lại hòa bình, cũng nhau giương cao thuẫn đức tin để dập tắt những mũi tên lâu của ma quỷ. Phải thấy chúng ta bảo vệ tâm trí mình khỏi sự hãi và lo lắng vốn rất dễ tấn công chúng ta, và chúng ta sử dụng Lời Chúa thật hiệu quả trong quyền năng của Thánh Linh. Hãy nhớ rằng chính bởi những nhát đâm giơm liên tiếp bằng Lời Đức Chúa Trời mà Chúa Giêsu đã chiến thắng kẻ thù Ngài trong đồng vắng.⁴³

6:18 Sự cầu nguyện được nhắc đến không với tư cách một phần của binh giáp, nhưng chúng ta sẽ không đánh giá thấp tầm quan trọng của sự cầu nguyện nếu bảo rằng sự cầu nguyện là bầu không khí mà người linh này đang sống và thở trong đó. Người linh phải mặc lấy binh giáp và đối diện với kẻ thù trong tinh thần cầu nguyện này. **Cầu nguyện** phải liên tục, chứ không phải rải rác; phải là thói quen chứ không phải một hành động tách biệt. Sau đó người linh cũng phải sử dụng đủ mọi thứ **cầu nguyện**: cầu nguyện chung và riêng; cầu nguyện có chủ tâm và tự phát; nài xin và cầu thay; xưng tội và hạ mình; ca ngợi và tạ ơn.

Và phải **cầu nguyện trong Thánh Linh** tức là được Thánh Linh cảm thúc và dẫn dắt. Những lời cầu nguyện trang trọng được lập lại thuộc lòng chỉ bởi học vẹt (không suy nghĩ gì đến ý nghĩa của chúng) – có giá trị gì khi họ đang chiến đấu chống lại các đạo binh của địa ngục? Cũng phải cảnh giác khi **cầu nguyện**: tỉnh thức về điều đó. Chúng ta

phải cảnh giác trước sự buồn ngủ, tâm trí đi lan man, và bị ám ảnh với nhiều vấn đề khác. Cầu nguyện đòi hỏi sự ham thích, sắc bén, tỉnh táo và tập trung thuộc linh. Và phải bền bỉ khi cầu nguyện. Chúng ta phải cứ liên tục cầu xin, tìm kiếm, gõ cửa (Luca 11:9). Phải dâng lời khẩn nài cho hết thấy các thánh đồ. Họ cũng đang tham chiến nữa, và cần được hậu thuẫn bởi lời cầu nguyện của các chiến hữu của họ.

6:19 Về yêu cầu cá nhân của Phaolô, "cũng hãy vì tôi," Blaikle nhận định:

Hãy đánh dấu ý tưởng không liên quan đến thấy tế lễ này! Không phải Phaolô có cả kho ân điển cho mọi người Êphêsô, nhưng ông đang cần lời cầu nguyện của họ để ân điển cần có sẽ được ban đến cho ông từ một kho hàng sống duy nhất kia.⁴⁴

Phaolô đang viết từ trong tù. Thế nhưng ông không xin họ cầu thay cho ông được sớm thả ra. Trái lại, ông cầu xin được có lời nói để khi mở miệng ra Chúa cho ông tự do mọi bề để bày tỏ lễ mầu nhiệm của đạo Tin Lành. Đây là lần cuối cùng Phaolô nhắc đến sự mầu nhiệm trong thư Êphêsô. Ở đây, sự mầu nhiệm được trình bày như nguyên nhân cho sự xiêng xích của ông. Thế nhưng ông không hề tiếc nuối. Hoàn toàn trái lại! Ông muốn rao giảng lễ mầu nhiệm ấy ngày càng nhiều hơn nữa.

6:20 Sứ giả (đại sứ) thường được ban quyền đặc miễn ngoại giao để khỏi bị bắt và bị tù. Nhưng con người sẽ nhận nhượng hầu như mọi thứ còn hơn là nhân nhượng Tin Lành. Không một đề tài nào khơi dậy cảm xúc, sự thù địch nghi ngờ, và khơi dậy sự bất bớ như là

để tài Tin Lành. Vì vậy đại diện của Đấng Christ là một vị sứ giả trong vòng xiềng xích. Eadie nói rất hay:

Đại sứ đến từ Đấng Tế Trị Tối Thượng quyền năng nhất, phụ trách một tòa đại sứ cao quý và khẩn cấp vô song, mừng theo những giấy giới thiệu xác thực không thể nhầm lẫn vào đâu được. Lại là người đang bị nhốt trong chốn ngục tù.⁴⁵

Phần cụ thể trong sứ điệp Phaolô khiến những người theo chủ nghĩa duy tôn giáo thiên cận thù oán chính là lời ông tuyên bố những người Do Thái tin Chúa Jesus và người ngoại tin Chúa Jesus giờ đây được lập thành một xã hội mới, chia sẻ những đặc ân bình đẳng, và công nhận Đấng Christ là Đầu.

F. Những Lời Chào Thăm Cỗ Nhân Của Phaolô (6:21-24)

6:21,22 Phaolô đang sai Tichicô từ Rôma đến Êphêsô để cho các thánh đó biết ông hiện ra thế nào. Ông tiến cử Tichicô như là anh em rất yêu dấu của chúng ta, là lời lẽ trung thành của Chúa. Tân Ước chỉ nói đến người này năm lần. Ông là người ở trong đoàn truyền giáo đồng đi với Phaolô từ Hy Lạp đến Asia (Công Vụ 20:4). Ông là sứ giả của vị sứ đồ cho những Cơ Đốc nhân tại Côlôse (Côlôse 4:7); sứ giả đến Êphêsô (đối chiếu 6:21 với II.Timôthê 4:12) và chắc làm sứ giả đến với Tit tại Corét (Tit 3:12). Sứ mạng gồm hai phần của ông lần này là thông báo cho các thánh đó biết về phúc lợi của Phaolô trong tù, và cũng khích lệ lòng họ, làm dịu bớt mọi nỗi sợ hãi không cần thiết.

6:23 Trong những câu kết thúc này, chúng ta có lời chào thăm đặc trưng của

Phaolô – bình an và ân điển. Kết hiệp hai từ này lại, ông chúc độc giả toàn bộ mọi hạnh phúc. Cùng trong việc kết hợp những từ ngữ đặc trưng của người Do Thái và người ngoại, có lẽ ông đang nói câu cuối cùng còn ẩn khuất về sự máu nhiệm của Tin Lành – người Do Thái và người ngoại giờ đây được hiệp nên một trong Đấng Christ. Trong câu 23, ông ước ao độc giả được sự bình an, sự yêu thương cùng đức tin. Sự bình an sẽ bảo vệ tấm lòng họ trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. Tình yêu thương sẽ giúp họ có thể thờ phượng Đức Chúa Trời và cộng tác với nhau. Đức tin sẽ ban quyền năng cho họ lập nhiều kỳ công trong chiến trận Cơ Đốc. Toàn bộ các ơn phúc này ra từ Đức Chúa Trời là Cha và bởi Đức Chúa Jesus Christ, một sự thực không thể có được nếu Đức Chúa Cha và Đức Chúa Jesus Christ không bình đẳng với nhau.

6:24 Cuối cùng, vị sứ đồ yêu dấu cầu chúc ân điển ở với hết thảy những người kính mến Đức Chúa Jesus Christ chúng ta bằng một tình yêu thành thật và không thể hư hoại được. Tình yêu Cơ Đốc thật có phẩm chất vĩnh viễn: ngọn lửa của tình yêu ấy có thể nhiều lúc cháy leo lét và thấp dần, nhưng không bao giờ bị dập tắt.

Nhà tù Lamã đã đầu hàng người bạn tù nổi tiếng của nó từ lâu. Vị đại sứ đồ đã nhận lấy phần thưởng của mình và thấy mặt Đấng Yêu Dấu của ông. Nhưng lá thư này vẫn còn ở với chúng ta – vẫn tươi mới và sống động y như ngày được viết ra từ tấm lòng và ngòi bút của ông. Ở thế kỷ hai mươi, thư này vẫn phân với chúng ta những lời nói dạy dỗ, cảm thúc, cáo trách và khuyến bảo.

Để kết luận phần giải nghĩa thơ Êphêso, chúng ta thấy mình hết lòng đồng ý với lời của H. W. Webb-Peplow:

Có lẽ không một tác phẩm nào trong Quyển Sách Của Đức Chúa Trời oai nghiêm và tuyệt diệu đến như vậy: và do đó, không ai – dù là sử giả đến từ chính Đức Chúa Trời đi nữa – có thể thường thức thòá dàng thơ tín này trong khoảng không gian đã được chia cho chúng ta. Tôi hy vọng chúng ta được đến gần thơ tín này, đơn sơ tìm kiếm những lời dạy về sự nên thánh, là những lời dạy để nhờ đó chúng ta được sai ra đi sống cuộc đời cao quý hơn từ trước đến nay, và như đó nhận được quyền năng để làm vinh hiển Đức Chúa Trời.⁹⁶

CHÚ THÍCH

¹(Giới Thiệu) William G. Moorehead, *Outline Studies in Acts and the Epistles*, trang 214.

²(1:3) Lewis Sperry Chafer, *The Ephesian Letter*, trang 74.

³(Phần Phụ Lục) W. G. Blaikie, "Ephesians," *Pulpit Commentary*, XI.VI:3.

⁴(1:10) John G. Bellett, *Brief Notes on the Epistle to the Ephesians*, trang 6, 7.

⁵(1:17) R. W. Dale, *The Epistle to the Ephesians; Its Doctrines and Ethics*, trang 133.

⁶(1:18) Cả những thủ bản cổ nhất lẫn đại đa số những thủ bản hiện còn đều ghi là lòng (heart, nguyên văn là *kardias*, ở số ít), chứ không phải là tri hiểu (*understanding* – Hy văn là *dianoias*). Do đó cách lý giải bên lề này rõ ràng là chính xác.

⁷(1:19) F. B. Meyer, *Key Words of the Inner Life*, trang 92.

⁸(1:19) Chafer, *Ephesian Letter*, p. 57.

⁹(1:20) Meyer, *Key Words*, trang 93.

¹⁰(2:3) *Ibid.*, trang 140.

¹¹(2:4) John Eadie, *Commentary on the Epistle to the Ephesians*, trang 141.

12(2:5) A. T. Pierson, "The Work of Christ for the Believer," *The Ministry of Keswick*, First Series, trang 118, 119.

¹³(2:7) 1.Côrintô 13:12 và IGiăng 3:2 đôi khi được dùng để chứng minh chúng ta sẽ trở thành toàn tri trong thiên đàng. Tuy nhiên, 1.Côrintô 13:12 chỉ để cập sự nhận diện nhau trong thiên đàng, và IGiăng 3:2 để cập sự giống như Đấng Christ về mặt đạo đức và thể chất.

¹⁴(2:18) Eadie, *Ephesian*, trang 187.

¹⁵(2:21) Blaikie, "Ephesians," XLVI: 68.

¹⁶(3:1) Ruth Paxson, *The Wealth, Walk and Warfare of the Christian*, trang 57.

¹⁷(3:4) Blaikie, "Ephesians," XLVI:104.

¹⁸(3:8) *Ibid.*, XLVI: 105, 106.

¹⁹(3:9) Từ ngữ Hy văn cho chữ "chức quản gia" hay "sự phân phát" (*stewardship*), đặc biệt ở những mẫu tự lớn (chữ viết hoa) của các thủ bản cổ sớm nhất, có thể rất dễ nhầm lẫn với một từ ngữ trông có vẻ giống nó để chỉ về "sự thông công" (đối chiếu OIKONOMIA và KOINONIA). Chú thích bên lề này chính xác; cách lý giải truyền thống được hậu thuẫn rất yếu ớt.

²⁰(3:16) Jamieson, Fausset, và Brown, *Commentary Practical and Explanatory on the Whole Bible*, VI:408.

²¹(3:17) W. Graham Scroggie, "Paul's Prison Prayers," *the Ministry of Keswick*, Second Series, trang 49.

²²(3:18) Meyer, *Key Words*, trang 53, 54.

²³(3:21) George Williams, *The Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 925.

²⁴(4:2) Walter C. Wright, *Ephesians*, trang 85.

²⁵(4:10) F. W. Grant, "Ephesians," *The Numerical Bible, Acts to 1 Corinthians*, VI: 341.

²⁶(4:11) "Quy tắc Cranville-Sharp" nói rằng (trong Hy văn) hai danh từ chỉ về chức vụ, tước hiệu, hay phẩm chất được nối kết bằng chữ *kai* (và), chỉ có danh từ thứ nhất có mạo từ xác định, thì chúng chỉ về cùng một người. Ví dụ rõ ràng về cấu trúc này chính là "Đức Chúa Trời chúng ta và Cứu Chúa là Jesus Christ" trong 1Phiêrô 1:1, tại đó những dịch giả thoàng của bản RSV cảm thấy bị ràng buộc bởi văn phạm để bênh vực thần tánh của Đấng Christ còn mạnh hơn cả bản King James. (Quy tắc văn phạm này vẫn chưa được định nghĩa rõ ràng mãi cho đến cuối những năm 1700.) Ở số nhiều, như ở đây quy tắc trên không luôn luôn áp dụng, đầu vậy cấu trúc này ít nhất cũng liên kết chặt chẽ với hai danh từ (đối chiếu "thầy thông giáo và người Pharisi," v.v...).

²⁷(4:12) Vance Havner, *Why Not Just Be Christians*, trang 63.

²⁸(4:15) Blaikie, "Ephesians," XLVI: 150.

²⁹(4:19) Wright, *Ephesians*, trang 100.

³⁰(4:21) Blaikie, "Ephesians," XLVI: 151.

³¹(4:24) Grant, "Ephesians," trang 344.

³²(4:21) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of St. Paul's Epistles to the Galatians, to the Ephesians, and to the Philippians*, trang 588.

³³(5:2) Meyer, *The Heavens*, trang 25.

³⁴(5:9) Bản Kinh Thánh NU ghi chữ sự sáng (*phoios*) thay cho chữ Thành Linh (*Pneumatos*).

³⁵(5:13) Blaikie, "Ephesians," XLVI: 209.

³⁶(5:13) Giám mục Ellicott và Tu Viện Trưởng Alford thích cách dịch này hơn.

³⁷(5:21) Charles R. Erdman, *Ephesians*, trang 106.

³⁸(5:27) Pierson, "The Work of Christ," trang 138.

³⁹(5:27) Grant, "Ephesians," VI: 350.

⁴⁰(6:4) Được William W. Orr trích dẫn trong *Bible Hints on Rearing Children*, trang 19.

⁴¹(6:6) Erdman, *Ephesians*, trang 119.

⁴²(6:17) Tại đây, Phaolô không dùng từ ngữ *logos* vốn được biết đến rộng rãi hơn, nhưng dùng chữ *rhēma* (có liên quan đến chữ rhetoric của chúng ta (thuộc về phép tu từ), là lời nói được diễn đạt rõ ràng hay một câu nói, ở đây là "lời" cụ thể từ Đức Chúa Trời để dành cho một nhu cầu cụ thể. Đôi khi chữ *logos* và *rhēma* hầu như đồng nghĩa.

⁴³(6:17) David Watson, *Discipleship*, trang 183.

⁴⁴(6:19) Blaikie, "Ephesians," XLVI: 260.

⁴⁵(6:20) Eadie, *Ephesians*, trang 480.

⁴⁶(6:24) H. W. Webb-Peplow, "Grace and Peace in Four Pauline Epistles," *The Ministry of Keswick*, First Series, trang 69.

SÁCH THAM KHẢO

Bellef, John G. *Brief Notes on the Epistle to the Ephesians*. London: G. Morrish, không rõ năm xuất bản.

Blaikie, W. G. "Ephesians," *Pulpit Commentary*, Quyển XLVI. New York: Funk & Wagnalls, không rõ năm xuất bản.

Chaler, Lewis Sperry. *The Ephesian Letter*. Findlay, Ohio: Dunham Publishing Company, 1935.

Dale, R. W. *The Epistle to the Ephesians: Its Doctrine and Ethics*. London: Hodder and Stoughton, 1893.

Eadie, John. *Commentary on the Epistle to the Ephesians*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1957.

Erdman, Charles R. *The Epistle of Paul to the Ephesians*. Philadelphia: Westminster Press, 1931.

Flinn, V. Paul. *Epistle to the Ephesians: To the Praise of His Glory*. Oak Park, IL: Emmaus Bible School, không rõ năm xuất bản.

Meyer, Frederick Brotherton. *Key Words of the Inner Life: Studies in the Epistle to the Ephesians*. Fleming H. Revell Company, 1893.

_____. *The Heavens*. Westchester, IL: Good News Publishers, không rõ năm xuất bản.

Paxson, Ruth. *The Wealth, Walk and Warfare of the Christian*. New York: Fleming H. Revell Co., 1939.

Wright, Walter C. *Ephesians*. Chicago: Moody Press, 1954.

THƠ GỎI CHO NGƯỜI PHILÍP

Giới Thiệu

"Một bộ sách nhỏ trang nhã, gói ghém trong bìa ấn điển."

- J. H. Jowett

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

"Hội Thánh Đầu Tiên" của một giáo phái tại bất kỳ thị trấn hay thành phố nào đều giữ uy thế đặc biệt trong mắt môn đồ giáo phái đó. Vì vậy, hãy hình dung tầm quan trọng của Hội Thánh được biết đến đầu tiên - trước khi chưa hề có bất kỳ giáo phái nào - không những tại một thị trấn mà thôi, nhưng của cả toàn Châu Âu! Đó là hội chúng tại thành Philip, trong vùng Macedonia cổ (phía bắc Hy Lạp). Cơ Đốc nhân Phương Tây đáng phải vui mừng biết dường nào (và ngay cả những người chưa tin Đấng Christ nữa, nếu họ biết về sản phẩm phụ đầy phước hạnh của Cơ Đốc giáo mà họ được hưởng) vì Phaolô đã đáp lại "tiếng gọi của người Maxédoan" và đổi sang hướng tây, chứ không đi theo hướng đông, trong chuyến truyền giảng cho đế quốc Lamã! Có lẽ Đại Lục Châu Á ngày nay đã sai nhiều giáo sĩ Cơ Đốc đến Châu Âu và Bắc Mỹ thay vì ngược lại, nếu như ngày trước Tin Lành không đến vững tại Âu Châu.

Hội chúng tại thành Philip rất rộng, thường xuyên gọi khoản chu cấp cho Phaolô. Và theo cách nói của con người, đó là nguyên nhân cho "bức thư cảm tạ" này.

Nhưng thơ Philip còn trôi hơn thế rất nhiều. Đây thực sự là bức thư của sự vui mừng - những hình thức của danh từ "vui mừng" và động từ "vui mừng" xuất hiện hơn mười hai lần trong bốn đoạn của thư úc. Phaolô đã biết cách sống vui mừng trong những lúc thuận tiện cũng như nghịch cảnh (4:11). Cũng ít có những tranh luận hay khuyến cáo tiêu cực trong Thư Tín "lạc quan" này.

Nguyên nhân chính khiến Cơ Đốc nhân có thể vui mừng ấy là Con Đức Chúa Trời đã vui lòng đến trần gian này làm Con Người - và làm Tội Tớ tại đây! Ngài Chúa còn không chỉ dừng lại ở công tác chữa bệnh và dạy dỗ, đi suốt con đường đến sự chết - thậm chí chết trên cây thập tự. Philip 2:5-11 diễn đạt chân lý vĩ đại này trong phân đoạn tuyệt vời mà rất nhiều người tin là bài thánh ca của những Cơ Đốc nhân đầu tiên, được Phaolô trích dẫn hoặc do chính ông sáng tác. Thậm chí phân đoạn này còn được dùng để dạy về sự hiệp một thông qua sự hạ mình. Trong Tân Ước, giáo lý không hề tách rời khỏi bốn phần, như thường có giữa vòng những người đi nhà thờ thời hiện đại - đem lại những kết quả thật đáng buồn.

Như vậy, đây là thơ Philip, một trong những sách vui vẻ nhất và hấp

dẫn nhất trong toàn bộ Lời Đức Chúa Trời.

II. Quyền Tác Giả

Vì hầu hết học giả xem như không thể bác bỏ quyền tác tác thư Philip của Phaolô, nên chúng ta hầu như trưng dẫn bằng chứng này để ủng hộ tính hoàn chỉnh. Một số học giả nghi họ thấy dấu vết của hai bức thư kết hợp thành một trong thư Philip, hoặc ít nhất là phần đoạn nói về Đầy Tớ (2:5-11) đã được chèn thêm vào. Không có bằng chứng nào của thủ bản để chứng minh các thuyết này.

Ngoại chứng rất vững chắc. Những tác giả trích dẫn thư này sớm nhất – thường nói cụ thể thư này do Phaolô viết – gồm có Ignatius, Clement ở Rome, Polycarp, Irenaeus, Clement ở Alexandria, và Tertullian. Cả “bộ kinh điển” của Marcion và Bộ Kinh Điển Muratorian đều quy sách này cho Phaolô.

Bên cạnh những câu nói rõ ràng về Phaolô ở 1:1, toàn bộ bút pháp và cách dùng lời lẽ đều mang âm hưởng của Phaolô. Các lập luận chống tác quyền của Phaolô thường là không quan trọng, chẳng hạn như cho rằng câu nói đến “các giám mục và các chấp sự” trong 1:1 đòi hỏi niên hiệu trẻ hơn quãng đời của Phaolô. Điều này sẽ đúng nếu chúng ta lý giải các ý tưởng có muộn sau này về các giám mục ngược trở về thế kỷ thứ nhất. Nhưng Phaolô dùng chữ các giám mục (episkopoi, từ ngữ Hy Lạp chỉ về những giám thị hay những người giám sát) cả trong Các Thư Tin Mục Vụ và Công vụ 20:28 như từ ngữ

đồng nghĩa với trưởng lão. Cũng nên lưu ý, một hội chúng đơn lẻ này đã được nói đến như là có các vị giám mục ở số nhiều.

H. A. Kennedy tóm tắt nội chứng rất hay:

Có lẽ không một thư tín nào khác của Phaolô mang dấu ấn tính xác thực dật khoát hơn thế. Có tính đằm ser ngay thật, có nét tình tế của cảm xúc, sự dốc tuôn thành thật của tấm lòng không thể nào bắt chước được.¹

III. Thời Điểm Viết

Giống như thư Êphêsô, Côlôse và Philêmôn, thư Philip được viết trong tù, vì vậy được xếp vào loại “Những Thư Tin Trong Tù (hoặc Trong Cảnh Lưu Đày).” Nhưng tuy ba thư kia hầu như chắc chắn được viết và gửi gần cùng lúc với nhau (khoảng năm 60 S.C.), rõ ràng thư Philip được viết ra hơi muộn hơn. Marcion nói rõ Phaolô viết thư Philip từ Rôma, và điều này rất khớp với 1:13 và 4:22, là những câu gợi ý Rôma là nơi xuất phát. Phaolô bị giam hai năm ở Rôma; trong thư có những manh mối gợi ý thư Philip được viết ra gần cuối thời kỳ đó. Lấy ví dụ, 1:12-18 hàm ý có khoảng thời gian dài để rao giảng tại Thành Vĩnh Cửu (Eternal City) kể từ khi Phaolô đến. Vụ xử án Phaolô sắp đến hồi quyết định (và có lẽ theo cách tích cực – được phóng thích) dường như được tỏ ra trong 1:12, 13, 19, 23-26.

Những sự kiện này, kết hợp với thời gian cho phép để viết thư, những cuộc thăm viếng, và những món quà tài chánh được ám chỉ trong thư, cho chúng ta thời điểm viết thư là cuối năm 61 S.C..

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Thật là ngày quan trọng trong lịch sử truyền giáo Cơ Đốc khi sứ đồ Phaolô đến tận thành Tróách trong Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì. Tróách nằm ở bờ biển tây bắc của Tiểu Á, bên kia Biển Aegean từ Hy Lạp. Một đêm họ trong sự hiện thấy, một người Maxêdoan đến nói với sứ đồ: "Hãy qua xứ Maxêdoan mà cứu giúp chúng tôi" (Côngvụ 16:9). Phaolô lập tức thu xếp lên thuyền xuôi buồm đến Macedonia cùng với Timôthê, cũng có Luca và Sila đi cùng. Họ đặt chân trước hết lên đất Châu Âu tại thành Neapolis, sau đó tiến vào nội địa đến thành Philíp. Thành này bây giờ là thuộc địa của Lamã, dưới quyền của các quan Lamã, và dân cư của thành được ban các quyền lợi cùng đặc ân công dân Lamã.

Đến ngày Sabát, những nhà truyền giảng Tin Lành đi xuôi bờ sông đến nơi có một nhóm phụ nữ có thói quen nhóm lại cầu nguyện (Côngvụ 16:13). Trong số đó có Lyđi, người buôn hàng sắc tía từ thành Thiatíro. Lyđi tiếp nhận sứ điệp Tin Lành, và trở thành tân tín hữu đầu tiên của Cơ Đốc giáo trên lục địa Âu Châu.

Nhưng thời gian Phaolô ở tại Philíp không hoàn toàn bình an. Một cô gái bị quỷ bói khoa âm (để đoán trước các sự kiện tương lai), gặp các thầy tế Chúa, đi theo họ trong ít lâu, cứ kêu lên: "Những người đó là thầy tế của Đức Chúa Trời rất cao, rao truyền cho các người đạo cứu rỗi" (Côngvụ 16:17). Không chấp nhận lời chứng của một người bị quỷ ám, sứ đồ truyền quỷ ra khỏi cô gái. Khi

người chủ của cô ta – là người được lợi lớn từ những lời bói toán của cô – nhìn thấy điều xảy ra, họ nổi giận cùng Phaolô. Họ lôi Phaolô và Sila vào phố chợ đến trước các đại diện của Rôma. Đến lượt các thượng quan này ra lệnh đánh đòn Phaolô và Sila rồi ném vào ngục.

Đến đây ai ai cũng biết chuyện xảy ra trong nhà tù Philip. Phaolô và Sila cứ cầu nguyện và hát ngợi khen Đức Chúa Trời đến nửa đêm. Thình lình có cơn động đất lớn, các cửa ngục mở ra, xiềng của tù nhân rơi xuống. Cai ngục ngỡ tù nhân trốn thoát hết rồi nên toan tự sát, lúc đó Phaolô bảo đảm với cai ngục rằng các bạn tù vẫn không chạy trốn. Lúc đó cai ngục kêu lên: "Các chúa ơi, tôi phải làm chi cho được cứu rỗi?" Câu trả lời thật đáng nhớ: "Hãy tin Đức Chúa Jêsus Christ thì ngươi và cả nhà đều sẽ được cứu rỗi" (Côngvụ 16:31). Ân điển Đức Chúa Trời có thêm thành tích mới tại thành Philíp. Đến sáng, các quan chức địa phương thúc giục Phaolô và những bạn đồng hành rời thành phố càng nhanh càng tốt. Phaolô không chịu. Ông nhắc họ nhớ đã đánh ông, là một công dân Lamã, rồi bỏ tù khi chưa xét xử công bằng. Sau khi các thượng quan cứ tiếp tục nài xin họ rời thành phố, Phaolô và đồng bạn trước hết đến thăm nhà của Lyđi rồi sau đó rời khỏi thành (Côngvụ 16:40).

Khoảng mười năm sau, Phaolô viết thư cho người Philíp. Ông lại bị tù lần nữa. Người Philíp nghe Phaolô bị tù, nên gửi quà tài chánh đến cho ông. Êpaphrôđích lãnh trách nhiệm đem

món quà này đến cho Phaolô. Giao xong, Êpbaphôđích quyết định ở lại thêm ít lâu để giúp sứ đồ trong cảnh hoạn nạn. Chính Êpbaphôđích bị bệnh đang khi thực hiện những bổn phận này; trên thực tế, ông gần chết. Nhưng Chúa thương xót, chữa lành ông một lần nữa. Giờ đây ông sẵn sàng trở về thành Philíp, về với hội chúng quê

hương của mình, và vì thế sứ đồ gửi ông đem thư cảm ơn này đi.

Philíp là một trong những thư tín riêng tư nhất, dạt dào tình cảm nhất của Phaolô. Thư cho thấy rõ hội chúng này được yêu quý rất đặc biệt trong lòng ông. Khi đọc thư, chúng ta khám phá mối ràng buộc dẫu dang giữa vị đại sứ đồ và Hội Thánh được ông thành lập.

BỐ CỤC

- I. LỜI CHÀO THĂM, CA NGỢI VÀ CẦU NGUYỆN CỦA PHAOLÔ (1:1-11)
- II. SỰ BỊ TÙ, NHỮNG TRIỂN VỌNG VÀ LỜI KHUYÊN BỀN ĐÓ CỦA PHAOLÔ (1:12-30)
- III. LỜI KHUYÊN HIỆP MỘT DỰA TRÊN GƯƠNG HẠ MÌNH VÀ HY SINH CỦA Đấng CHRIST (2:1-16)
- IV. TẤM GƯƠNG GIỐNG NHƯ Đấng CHRIST CỦA PHAOLÔ, TIMÔTHÊ VÀ ÊPBAPHÔĐÍCH (2:17-30)
- V. CẢNH CÁO CÁC GIÁO SƯ GIẢ (3:1-3)
- VI. PHAOLÔ ĐÃ TỬ BÒ ĐI SẴN VÀ NHỮNG THÀNH TỰU CÁ NHÂN VÌ CỜ Đấng CHRIST (3:4-14)
- VII. LỜI KHUYÊN TIẾN ĐẾN NẾP AN Ổ CỦA THIÊN ĐÀNG, NHƯ CHÍNH SỨ ĐỒ ĐÃ NÊU CƯƠNG (3:15-21)
- VIII. LỜI KHUYÊN SỐNG HÒA THUẬN, GIÚP NHAU, VUI MỪNG, NHẬN NẠI, CẦU NGUYỆN VÀ ĐỜI SỐNG TƯ TƯỞNG CÓ KỶ LUẬT (4:1-9)
- IX. PHAOLÔ CẢM ƠN MÓN QUÀ TÀI CHÁNH TỪ CÁC THÁNH ĐỒ (4:10-20)
- X. NHỮNG LỜI CHÀO THĂM KẾT THÚC (4:21-23)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM, CA NGỢI VÀ CẦU NGUYỆN CỦA PHAOLÔ (1:1-11)

1:1 Phaolô và Timôthê được liên kết với nhau trong phần mở đầu thư tín. Điều này không có nghĩa Timôthê giúp viết thư này. Timôthê ở với Phaolô từ

khí vừa mới đến thăm thành Philíp, vì vậy các thánh đồ tại đó biết rõ ông. Giờ đây Timôthê ở với Phaolô khi sứ đồ mở đầu thư tín này.

Lúc này đây Phaolô đã là một cụ già (Philêmon 9), trong khi Timôthê còn rất

trẻ. Vì vậy một trẻ một già cùng mang chung ách phục vụ Người Chủ Tốt Nhất trong mọi chủ. Jowett diễn đạt điều này rất hay: "Đây là sự liên hiệp của mùa xuân và mùa thu; của lòng nhiệt tình với kinh nghiệm; của sức nổi với khôn ngoan; của trông cậy dịu dàng với sự bảo đảm yên tĩnh và phong phú."²

Cả hai đều được mô tả là **tôi tớ của Đức Chúa Jêsus Christ**. Cả hai đều yêu mến Chủ của họ. Nhưng mối dây của Gôgôtha ràng buộc họ đời đời vào công tác phục vụ Cứu Chúa.

Thơ gởi cho hết thầy các thánh đồ trong Đức Chúa Jêsus Christ, ở thành Philip, cũng cho các giám mục và các chấp sự. Chữ "hết thầy" xuất hiện khá thường xuyên trong thơ. Phaolô quan tâm trưu mến đến hết thầy dân sự Chúa.

Các thánh đồ trong Đức Chúa Jêsus Christ ở thành Philip mô tả địa vị kếp của các tín hữu này. Xét về địa vị thuộc linh, họ được Đức Chúa Trời biệt riêng trong Đức Chúa Jêsus Christ. Xét về vị trí địa lý, họ ở tại Philip. Đồng thời một lúc ở tại hai nơi!

Sau đó sử dồ nhắc đến các giám mục và các chấp sự. Các giám mục là trưởng lão hay giám thị trong một hội chúng – những người quan tâm chân bầy của Đức Chúa Trời và dẫn dắt bầy bằng tấm gương kính sợ Chúa của họ. Mặt khác, các chấp sự là những tôi tớ của Hội Thánh ấy, những người hẳn là chủ yếu lo các vấn đề vật chất, chẳng hạn như tài chánh, v.v..

Chỉ có ba nhóm này trong Hội Thánh – **thánh đồ, giám mục, và chấp sự**. Nếu lúc đó đã có hàng giáo phẩm

phụ trách,ắt hẳn Phaolô cũng đề cập đến chính mình ông nữa. Thay vào đó, ông chỉ nói đến các giám mục (ở số nhiều) và các chấp sự (cũng số nhiều).

Ở đây, chúng ta có bức tranh đáng lưu ý về tính đơn sơ của sinh hoạt Hội Thánh trong những ngày đầu. Các thánh đồ được đề cập trước hết, sau đó đến những người hướng dẫn thuộc linh của họ, và cuối cùng là những đầy tớ trên trần thế này của họ. Tất cả chỉ có thế mà thôi!

1:2 Trong lời chào thăm điển hình của Phaolô, ông cầu chúc các thánh đồ được **ân điển và bình an**. Ân điển ở đây không phải là ân điển đến cho tội nhân tại lúc hoán cải, mà là **ân điển** phải liên tục nhận tại nơi ân điển để cứu giúp trong thì giờ có cần dùng (Hêbrơ 4:16). Tương tự, bình an Phaolô muốn cho họ không phải là được hòa thuận với Đức Chúa Trời, vì điều đó đã thuộc về họ rồi, nhưng là **sự bình an** của Đức Chúa Trời đến thông qua sự cầu nguyện và tạ ơn (4:6,7).

Cả hai phước hạnh này đều ra từ Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và từ Đức Chúa Jêsus Christ. Vị sứ đồ tôn kính Đức Chúa Con ngay khi tôn kính Đức Chúa Cha (Giăng 5:23). Phaolô không hề nhầm lẫn, Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời.

1:3 Giờ đây Phaolô đọc tuần bài ca tạ ơn. Nhưng đó không phải là điều mới với vị sứ đồ. Các vách tường của nhà tù Philip đã vang dội các bài ca do Phaolô và Sila hát dâng lên Chúa trong chuyến thăm Philip lần đầu. Khi viết những lời này, chắc ông đang là tù nhân tại Rôma – nhưng ông vẫn đang hát "những bài

ca trong đêm." Một Phaolô bất khuất biết bao! **Mỗi lần nhớ đến người Philip**, lòng ông lại rộn lên lời tạ ơn. Họ không những là con cái của ông trong đức tin, nhưng trên nhiều phương diện, họ còn tỏ ra là Hội Thánh gương mẫu nữa.

1:4 **Mỗi khi cầu nguyện**, ông khẩn cầu cho người Philip cách hân hỷ. Đối với ông, được cầu thay cho họ thì vui thích biết bao – chứ không phải là công việc lao dịch buồn tẻ. Từ phần đoạn này cùng nhiều phần đoạn khác tương tự trong tác phẩm của Phaolô, chúng ta biết ông là con người cầu nguyện. Chẳng cần phải tìm thêm nguyên nhân khiến ông được Chúa đại dụng cách kỳ diệu đến thế. Khi nhớ đến mức độ đi lại của ông cùng biết bao nhiêu Cơ Đốc nhân ông quen biết, chúng ta thật kinh ngạc khi thấy ông vẫn duy trì mối quan tâm cá nhân và mật thiết đối với hết thấy họ như vậy.

1:5 Nguyên nhân cụ thể khiến ông tạ ơn chính là **sự không công** của họ để **đẩy mạnh Tin Lành từ buổi ban đầu cho đến bây giờ**. Thông công có thể gồm cả hỗ trợ tài chánh, nhưng cũng mở rộng đến sự hậu thuẫn bằng lời cầu nguyện và tận tâm tận hiến để loan truyền Tin Lành. Khi Phaolô đề cập đến "buổi ban đầu," ta không khỏi thắc mắc liệu người cai ngục còn sống khi nghe đọc thơ này trước hội chúng tại thành Philip hay không. Nếu còn sống, phần Phaolô giới thiệu tin hữu Philip chắc chắn khiến lòng người cai ngục rộn ràng sự đồng cảm và đáp ứng.

1:6 Khi sứ đồ nghĩ đến buổi khởi đầu tốt đẹp của những tín hữu trong đời sống Cơ Đốc, ông tin chắc Đức Chúa

Trời sẽ hoàn tất việc lành Ngài đã khởi sự.

Công tác mà sự nhân lành Ngài đã khởi sự.

Cánh tay sức mạnh của Ngài sẽ hoàn tất;

Lời hứa của Ngài là phải Amen.

Và không bao giờ đang dở.

- Augustus M. Toplady

Việc lành có thể chỉ về sự cứu rỗi của họ, hoặc cũng có thể chỉ về sự dự phần tài chánh cách tích cực để phát triển Tin Lành. Ngày của Đức Chúa **Jesus Christ** chỉ về thời điểm Ngài tái lâm đón dân sự Ngài trở về quê hương Thiên đàng và chắc cũng bao gồm cả ngai đoán xét của Đấng Christ, là lúc sẽ duyệt xét và ban thưởng cho sự phục vụ Ngài.

1:7 Phaolô cảm thấy mình có cơ cảm tạ Chúa về người Philip. Trong lòng ông chất chứa những kỷ ức lâu bền về việc họ đã trung thành với ông biết bao, bất luận ông đang bị xét xử, ở trong tù hay đang trên đường đi để bình vực và làm chứng đạo Tin Lành. Bình vực đạo Tin Lành nói đến chức vụ để trả lời cho những người phê bình, còn làm chứng đạo Tin Lành lại liên quan đến việc làm sứ điệp càng vững bền hơn trong lòng những người đã tin rồi. W. E. Vine nói: "Tin Lành vừa lật đổ kẻ thù của Tin Lành vừa làm vững mạnh những bạn hữu của Tin Lành."³ **Ân điển** ở đây nói đến sức mạnh không xứng đáng được nhận từ Chúa ban để thi hành công việc Chúa trước những chống đối kinh khiếp.

1:8 Kỷ ức về sự hợp tác trung tín của họ khiến sứ đồ khao khát được ở

cùng họ một lần nữa. Ông kêu gọi Đức Chúa Trời làm chứng ông lưu mến họ biết dường nào bằng lòng yêu dấu của Đức Chúa Jêsus Christ. Biểu hiện yêu thương của Phaolô lại càng đáng lưu ý hơn nữa khi chúng ta nhớ ông sinh ra là người Do Thái và đang viết thư cho những người thuộc dòng dõi ngoại bang. Ấn điển Đức Chúa Trời đã triệt hạ sự thù ghét thù xưa, và giờ đây họ hết thấy là một trong Đấng Christ.

1:9 Giờ đây lời tạ ơn nhường chỗ cho sự cầu nguyện. Phaolô sẽ cầu thay cho họ được sự giàu có, an ủi, hay được thoát khỏi hoạn nạn? Không, ông cầu xin để lòng yêu thương của họ có thể thêm lên không ngừng trong sự thông biết và suy hiểu. Mục đích chính của nếp sống Cơ Đốc là yêu mến Đức Chúa Trời và người đồng loại của mình. Nhưng tình yêu thương không phải chỉ là vấn đề cảm xúc. Để phục vụ Chúa hiệu quả, chúng ta phải sử dụng sự khôn ngoan cũng như sự thông hiểu (biện biệt). Nếu không, những nỗ lực của chúng ta có khuyếch hướng trở nên vô ích. Vì vậy ở đây Phaolô không những cầu nguyện để người Philip sẽ tiếp tục thể hiện tình yêu Cơ Đốc, mà còn để tình yêu của họ được thực thi trong sự thông biết và suy hiểu trọn vẹn.

1:10 Tình yêu thương được soi sáng như vậy sẽ giúp họ nghiệm thử những điều xuất sắc hơn nữa. Trong mọi lãnh vực của đời sống, có một số điều tốt, và còn có những điều tốt hơn. Điều tốt thường là kẻ thù của điều tốt nhất. Để phục vụ kết quả, cần phải phân biệt rõ những điều này.

Tình yêu thương được soi sáng cũng sẽ giúp họ tránh những điều nghi là sai trật hoặc những sai trật thực sự. Phaolô muốn họ thành thực (bản Việt Ngữ dịch là "được tinh sạch"),⁴ có nghĩa là hoàn toàn trong sáng, không chỗ trách được trong ngày của Đức Chúa Jêsus Christ. Không chỗ trách được không có nghĩa là vô tội. Hết thấy chúng ta đều phạm tội, nhưng người không chỗ trách được là người đã xưng ra và lia hồ tội đó, cầu xin sự tha thứ từ những người mà mình đã phạm tội cùng họ, và bởi thường bất cứ lúc nào có thể được.

Ngày của Đấng Christ cũng như trong câu 6, chỉ đến ngày Cát Lên và sự đoán xét các việc làm của tín hữu tiếp sau đó.

1:11 Lời khẩn cầu cuối của sử đồ là để Cơ Đốc nhân được đẩy trái công bình, tức là đẩy trái do sự công bình sinh ra, hoặc được đẩy dẩy mọi đức hạnh Cơ Đốc để hợp thành một đời sống công bình. Nguồn của những đức hạnh này là Đức Chúa Jêsus Christ, và mục đích của chúng là làm sáng danh và khen ngợi Đức Chúa Trời. Lời cầu xin này của Phaolô tương đồng chính xác với những lời trong Êsai 61:3: "Hầu cho những kẻ ấy được xưng là cây của sự công bình (được đẩy trái công bình), là cây Đức Giêhôva đã trồng (đến bởi Đức Chúa Jêsus Christ), để [Ngài] được vinh hiển (làm cho sáng danh và khen ngợi Đức Chúa Trời)."

Lehman Strauss viết: "Chữ 'trái' liên kết mật thiết với mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ và kỳ vọng của Ngài nơi chúng ta. Những nhánh trên gốc nho là nhằm để sinh trái."⁵

II. SỰ BỊ TÙ, NHỮNG TRIỂN VỌNG VÀ LỜI KHUYÊN BỀN DỮ CỦA PHAOLÔ (1:12-30)

1:12 Lời cầu nguyện đã chấm dứt. Tiếp theo Phaolô duyệt lại những ơn phước của mình, tức là những ích lợi xuất phát từ việc ông bị tù. Jowett gọi phần này là "Cái may trong cái rủi."

Sứ đồ muốn anh em biết điều xảy đến cho ông, tức là sự xét xử và nhốt tù, đã giúp thêm chứ không cản trở sự tấn lời cho đạo Tin Lành, như có người mong đợi. Đây là minh họa tuyệt vời khác nữa về cách Đức Chúa Trời phá hỏng gian ác của ma quỷ và của con người để đem lại chiến thắng từ những điều có vẻ như thảm kịch và đem lại vẻ đẹp từ đồng tro tàn. "Con người có sự gian ác của riêng mình, nhưng Đức Chúa Trời có đường lối của Ngài."

1:13 Trước hết, **xiếng xích** của Phaolô đã trở nên **hàng chứng** rõ ràng là ông ở trong Đấng Christ. Ông muốn nói rằng khắp nơi đều biết ông bị tù vì làm chứng cho Đấng Christ chứ không phải vì phạm tội hình sự hay làm ác.

Nguyên nhân thật khiến ông chịu xiếng xích đã được biết đến rõ khắp chốn công đường và mọi nơi khác. **Chỗ công đường** muốn nói đến: (1) toàn bộ lãnh gác hoàng cung, tức là những lãnh Lamã canh gác cung điện của hoàng đế, hoặc (2) toàn bộ dinh của quan án. Dinh của quan án là một cung điện và ở đây sẽ bao gồm toàn bộ những người ở trong cung điện ấy. Dầu trường hợp nào đi nữa, Phaolô vẫn đang nói cảnh lao tù của ông đã trở thành lời chứng cho những người đại diện thế lực đế quốc Lamã tại nơi ông đang ở.

T. W. Drury viết:

Chính xiếng xích do sự trừng phạt của Lamã xiết chặt trên cánh tay của người tù này khiến ông có được một nhóm thính giả, là những người sẽ kể lại câu chuyện kiên nhẫn chịu khổ vì Christ, và trong số đó có người hôm sau có thể trình diện trước chính Nero nữa.⁶

1:14 Kết quả thuận lợi thứ nhì từ việc ông bị tù chính là những Cơ Đốc nhân khác nhờ đó được khích lệ làm chứng cho Chúa Jêsus chẳng chút sợ hãi gì. Bất cứ thương có tác dụng biến đổi những tin hữu thẩm lặng rụi rề trở thành những nhân chứng can đảm.

1:15 Động cơ trong một số tâm lòng lại là ganh tị và cạnh tranh. Họ rao giảng Đấng Christ vì cơ ganh tị và cãi lầy.

Những người khác có những động cơ thành thật và trong sạch; họ rao giảng Đấng Christ vì ý tốt, với nỗ lực thành thật để giúp sứ đồ.

1:16 Những truyền đạo ganh tị này nghĩ rằng truyền đạo như vậy có thể khiến cảnh tù đầy của Phaolô càng trở nên cay đắng hơn. Sứ điệp của họ là tốt, nhưng tâm trạng của họ là xấu. Thật đáng buồn khi nghĩ sự phục vụ Đấng Christ có thể thực hiện bằng sức lực xác thịt, được thúc đẩy bởi động cơ tham lam, tranh giành, cãi lầy, kiêu ngạo và đố kỵ. Điều này dạy ta lẽ cần thiết phải canh giữ động cơ của mình khi phục vụ Chúa. Chúng ta không được phép phục vụ Chúa để tự phô bày bản thân, vì tiến bộ của một giáo phái ỳ khai, hay để đánh bại những Cơ Đốc nhân khác.

Đây là tấm gương tốt về lẽ thiết yếu phải thể hiện tình yêu của chúng ta cách thông biết và có suy nghĩ.

1:17 Người khác đang giảng Tin Lành bởi tình yêu thanh sạch và thành thật, biết rằng Phaolô cương quyết bình vực Tin Lành. Trong sự phục vụ của họ không hề có điều gì ích kỷ, gây bẻ phái hay tàn bạo. Họ đã biết rất rõ Phaolô bị tù vì dạn dĩ bình vực Tin Lành. Vì vậy họ cương quyết thực thi công tác đang khi ông còn bị nhốt tù như vậy.

1:18 Phaolô không chịu để mình bị ngã lòng bởi động cơ sai lầm của một số người. Đấng Christ đang được rao giảng bởi cả hai nhóm người, và đối với ông điều đó đã là cơ lớn để vui mừng.

Thật đáng lưu ý khi ở trong hoàn cảnh khó khăn như thế, Phaolô vẫn không cảm thấy thương tiếc cho mình hay tìm sự thương cảm của người khác. Trái lại, ông đẩy đẩy sự vui mừng của Chúa và khích lệ độc giả cũng vui mừng nữa.

1:19 Quan điểm này thật khích lệ. Sự đổ biết toàn bộ diễn tiến các biến cố sẽ dẫn đến sự giải cứu ông (bản Việt Ngữ dịch là "sự rỗi ròi"). Sự giải cứu (bản KJV, "sự cứu rỗi") ở đây không nói đến sự cứu rỗi linh hồn Phaolô, nhưng đúng hơn nói đến sự giải phóng ông khỏi tù. Phương pháp Chúa dùng phòng thích ông chính là lời cầu nguyện của người Philip và chức vụ hay sự cứu giúp của Thánh Linh Đức Chúa Jêsus Christ. Ở đây, thật ngạc nhiên trước mắt quan trọng Phaolô dành cho sự cầu nguyện của một nhóm tín hữu yếu ớt. Ông xem họ có quyền năng đủ để phá hỏng các mục đích và thể lực mạnh mẽ của

Rôma. Đùng như vậy, Cơ Đốc nhân có thể ảnh hưởng đến số phận của nhiều dân tộc và thay đổi tiến trình lịch sử thông qua sự cầu nguyện.

Sự giúp đỡ của Thánh Linh Đức Chúa Jêsus Christ có nghĩa quyền năng của Thánh Linh được mở rộng ra vì cơ ông – là sức mạnh Thánh Linh sẽ ban cho ông. Nói chung, điều này chỉ ra "những nguồn tài nguyên vô biên do Thánh Linh ban để giúp tín hữu đứng vững, bất luận hoàn cảnh có ra sao đi nữa."

1:20 Khi ông nghĩ đến lời cầu nguyện của những Cơ Đốc nhân này và sự giúp sức của Thánh Linh, ông bày tỏ lòng khao khát sốt sắng của mình và hy vọng không bao giờ phải hổ thẹn, nhưng trái lại có thể luôn luôn làm chứng cho Đấng Christ cách rõ ràng và không sợ hãi gì.

Bất luận những vụ xét xử có ra sao đi nữa – bất luận ông được trả tự do hay bị xử tử – tham vọng của ông chính là Đấng Christ sẽ được cả sáng trong mình ông. Được cả sáng không có nghĩa làm cho Đấng Christ vĩ đại hơn. Ngài đã luôn luôn vĩ đại rồi, và chúng ta không thể làm gì để khiến Ngài vĩ đại hơn. Nhưng làm cho Ngài cả sáng có nghĩa khiến Đấng Christ được người khác kính mến hoặc ca ngợi. Guy Kling cho thấy Đấng Christ có thể được cả sáng bởi thân thể của chúng ta khi còn sống:

... Được cả sáng bởi mỗi miệng rao ra những lời làm chứng vui vẻ về Ngài: được cả sáng bởi bàn tay dùng để phục vụ Ngài cách vui vẻ; được cả sáng bởi đôi chân hết sức sung sướng chạy việc vật cho Ngài; được cả sáng bởi đôi

dầu gối sung sướng quý báu nguyện cho vương quốc Ngài; được cả sáng bởi những đời vai sung sướng mang gánh nặng cho nhau.⁷

Đấng Christ cũng được cả sáng trong thân thể của chúng ta bởi sự chết – thân thể mòn mỏi bởi phục vụ Chúa; thân thể bị đâm bởi những mũi giáo tàn bạo, thân thể bị xé rách bởi đá hoặc đưa lên giàn thiêu.

1:21 Nói tóm lại, đây là triết lý sống của Phaolô. Ông không sống vì tiền, vì danh vọng hay vì lạc thú. Mục đích đời sống ông là yêu thương, thờ phượng và phục vụ Chúa Jêsus. Ông muốn đời sống mình giống đời sống Đấng Christ. Ông muốn Cứu Chúa thể hiện sự sống Ngài ra qua ông. Sự chết là điều ích lợi. Chết tức là được ở với Đấng Christ và được giống Ngài đời đời. Chết tức là phục vụ Ngài với tấm lòng không hề phạm tội và với đôi chân không hề đi lạc nữa. Thường chúng ta không nghĩ sự chết như là một trong những ích lợi cho mình. Thật đáng buồn vì buộc phải nói rằng quan điểm ngày nay dường như bảo "sống là được lợi trên trần gian này, nhưng chết là hết được lợi." Nhưng Jowett nói: "Đối với sứ đồ Phaolô, sự chết không phải là một lối đi tồi tệ nào đó, nơi toàn bộ kho báu của chúng ta mục rữa vì bị hư hoại nhanh chóng; chết là nơi chuyển tiếp thật hào hiệp, một lối đi có mái che dẫn vào sự sáng."⁸

1:22 Nếu ý muốn của Đức Chúa Trời cho Phaolô là sống thêm ít lâu trong xác thịt, thì điều đó sẽ có nghĩa là cũng khó có kết quả đối với ông. Ông sẽ

có thể giúp thêm cho dân sự Chúa. Nhưng đối với ông đó là một quyết định rất khó khăn - hoặc đi với Cứu Chúa là Đấng ông yêu mến, hoặc cứ ở lại trên đất để phục vụ Chúa, là điều ông cũng rất gắn bó. Ông không biết phải chọn điều nào.

1:23 Bị ép giữa hai bề có nghĩa bị đòi hỏi phải lập một quyết định rất khó giữa hai khả năng – khả năng về quê hương Thiên đàng hoặc cứ ở lại trên đất làm sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ. Ông nôn nóng khao khát được đi ở với Đấng Christ, là điều rất tốt hơn. Nếu chỉ xét đến những lợi ích riêng của mình, rõ ràng ông sẽ chọn điều này.

Lưu ý Phaolô không tin vào bất kỳ lý thuyết nào về giấc ngủ của linh hồn. Ông tin Cơ Đốc nhân đi ở với Đấng Christ ngay lúc qua đời và được hưởng sự hiện diện của Chúa cách cố ý thức. Ất hẳn sẽ rất kỳ cục nếu ông nói – như cách nói của một số người ngày nay: "Vi Đấng Christ là sự sống của tôi, và giấc ngủ là điều ích lợi cho tôi." Hoặc nói: "Đi và ngủ là điều rất tốt hơn." "Ngủ" được dùng trong Tân Ước chỉ về thân thể của tín hữu tại lúc qua đời (1.Têsalônica 4:14), không bao giờ dùng để chỉ về linh hồn của người ấy. Giấc ngủ của linh hồn là một huyền thoại.

Cũng lưu ý đừng nhầm lẫn sự chết với sự hiện đến của Cứu Chúa. Tại lúc qua đời, chúng ta đi ở với Ngài. Tại thời điểm Sự Cát Lên, Ngài đến với chúng ta.

1:24 Vì cơ người Philip, Phaolô cứ sống trên đất ít lâu nữa là điều cần hơn. Không thể không chịu ấn tượng về tình

thần không ích kỷ của con người có tầm lòng vĩ đại này. Ông không nghĩ đến sự thoải mái hay an nhàn của riêng mình, nhưng tha nghĩ đến những điều khiến sự nghiệp của Đấng Christ và phúc lợi của dân tộc Ngài được tiến bộ nhất.

1:25 Tin chắc điều đó – tức là ông vẫn còn được căn ở trên đất này để dạy dỗ, yên ủi và khích lệ các tín đồ – Phaolô biết ông không thể chết trong lúc này. Làm sao ông biết? Chúng ta tin ông sống gắn gũi với Chúa đến nỗi Thánh Linh có thể cho ông hiểu biết điều bí mật của Đức Giêhôva ở với những người kính sợ Ngài.” (Thithiên 25:14). Những người sâu nhiệm trong Chúa, sâu nhiệm trong sự suy gẫm yên tĩnh, thì nghe được những điều bí mật vốn chìm mất giữa cuộc sống ồn ào, vội vã và nhộn nhịp ngày nay. Bạn phải ở gần mới nghe được. Phaolô đã ở gần Chúa.

Bằng cách cứ ở trong xác thịt, Phaolô sẽ có thể giúp tâm linh họ tấn tới và gia tăng niềm vui vốn thuộc về họ khi tin cậy nơi Chúa.

1:26 Nhờ ông được chữa lại để sống và phục vụ lâu hơn, người Philip sẽ càng thêm có vui mừng trong Chúa khi ông đến thăm họ lần nữa. Bạn không hình dung nổi cảnh họ chơàng tay quanh ông, hôn ông hết sức vui mừng ca ngợi Chúa khi ông đến Philip sao? Có lẽ họ sẽ nói: “Ồ, ông Phaolô ơi, chúng tôi đã cầu thay cho ông, nhưng phải nói thật là chúng tôi không bao giờ mong được thấy ông tại đây lần nữa đâu. Nhưng chúng tôi thật ngợi khen Chúa vì Ngài đã đưa ông trở lại đây với chúng tôi một lần nữa!”

1:27 Giờ đây Phaolô bổ sung thêm lời nhắc nhở: “Duy anh em phải ăn ở một cách xứng đáng với đạo Tin Lành của Đấng Christ.” Cơ Đốc nhân phải trở nên giống Đấng Christ. Công dân Thiên đàng phải cư xử cách xứng đáng. Chúng ta phải thực hành những điều mình đã có về địa vị.

Ngoài lời khuyên phải nhất quán, sứ đồ còn khuyên phải kiên trì. Nồi cụ thể, ông muốn hoặc khi dịch thân đến thăm, hoặc khi vắng mặt và được nghe báo cáo về họ, ông vẫn biết được họ đang đồng một lòng đứng vững, hiệp một đức công khó sót sáng bình vực đức tin của đạo Tin Lành, có nghĩa bình vực đạo Đấng Christ. Cơ Đốc nhân có một kẻ thù chung; họ đừng nên chiến đấu chống nhau, nhưng nên hiệp một để chống lại kẻ thù này.

1:28 Họ cũng đứng để kẻ thù của Tin Lành ngấm đọa mình. Sự không sợ hãi khi bị bắt bớ mang một ý nghĩa kép. Thứ nhất, đây là điểm chẳng lành về sự hủy hoại cho những người nào chống cự Đức Chúa Trời. Thứ nhì, đây là dấu hiệu về sự cứu rỗi cho những người mạnh mẽ đương đầu với sự thịnh nộ của kẻ thù. Có lẽ sự cứu rỗi được dùng ở đây theo thì tương lai của nó, chỉ đến sự giải cứu các thành đồ lúc cuối cùng khỏi thử thách và sự cứu chuộc thân thể cũng như tâm thần và linh hồn người.

1:29 Người Philip phải nhớ rằng được chịu khổ vì Đấng Christ cũng như tin Ngài chính là một đặc ân.

Dr. Griffith John viết rằng một lần kia ông bị một đám đông người ngoại giáo thù địch vây quanh và bị họ đánh

đập, ông đặt tay lên mặt và khi rút tay về, nhìn thấy tay đầy máu.

"Ông chìm ngập trong cảm xúc được tôn cao lạ thường, và ông vui mừng vì được kể mình là xứng đáng chịu khổ vì Danh Ngài." Chẳng đáng lưu ý hay sao khi ngay cả sự chịu khổ cũng được Cơ Đốc giáo tôn cao lên đến một bình diện cao quý đến như thế? Thật sự mà nói, ngay cả "một điều dường như vật vãnh cùng bằng cháy thành ngọn lửa bất tử khi được thông công với Đấng Vô Hạn." Thập tự giá đem lại phẩm giá và làm cho trở nên cao quý.

1:30 Sẽ biểu rõ hơn sự nối kết của câu này với câu đi trước nếu thêm những từ ngữ "vì anh em đang chịu":

Ban đặc ân cho anh em... chịu khổ vì Ngài, vì anh em đang chịu cùng một cuộc chiến tranh như anh em đã thấy ở nơi tôi và hiện nay còn nghe nói tôi vẫn đang chiến đấu.

III. LỜI KHUYÊN HIỆP MỘT DỰA TRÊN GƯƠNG HẠ MÌNH VÀ HY SINH CỦA ĐẤNG CHRIST (2:1-16)

Dấu Hội Thánh tại Philip gương mẫu trên nhiều phương diện, và Phaolô có dịp tuyên dương các thành đồ cách nồng nhiệt, thế nhưng họ vẫn còn có xung đột ngầm ngầm. Có sự bất đồng ý kiến giữa hai người nữ, là Evodê và Sintycơ (4:2). Sẽ bỏ ích nếu nhớ điều này, vì trong đoạn 2, sứ đồ đang giải quyết trực tiếp nguyên nhân và phương chữa trị những tranh chấp giữa vòng dân sự Chúa.

2:1 Chữ nếu trong câu này không phải là chữ "nếu" của sự nghi ngờ, mà là chữ nếu của lập luận. Câu này liệt kê

bốn nhận định vĩ đại mà đáng ra phải kèn tin đổ lại hòa thuận và hợp tác với nhau. Trên thực tế, sứ đồ đang nói: "bởi vì trong Đấng Christ có quá nhiều sự yên ủi, bởi vì tình yêu của Ngài có sức thuyết phục lớn lao biết bao, bởi vì Đức Thánh Linh đem hết thấy chúng ta lại với nhau trong sự thông công tuyệt diệu biết bao, và vì có lòng yêu mến và lòng thương xót nhiều biết bao trong Cơ Đốc giáo, nên chúng ta hết thấy đều phải có thể sống hạnh phúc hòa thuận với nhau."

F. B. Meyer mô tả bốn động cơ này là:

1. Sự thuyết phục của Đấng Christ.
2. Sự chăm sóc dịu dàng do tình yêu đem lại.
3. Sự dự phần của Đức Thánh Linh.
4. Sự nhân ái và lòng thương xót.⁹

Rõ ràng sứ đồ đang kêu gọi sự hiệp một căn cứ trên lòng tận hiến chung cho Đấng Christ và sự có chung Đức Thánh Linh. Với toàn bộ những điều đã có trong Đấng Christ, các chi thể trong Thân Ngài phải hiệp một trong mục đích, lòng yêu mến, hòa thuận và cảm thông.

2:2 Nếu những lập luận vừa đề cập trên đây có sức thuyết phục với người Philip, thì Phaolô dựa trên những lập luận như thế để nài nỉ họ nên làm cho ông được vui mừng trọn vẹn. Cho đến lúc này, người Philip thực sự đã làm cho Phaolô vui mừng rất nhiều. Ông không lúc nào phủ nhận điều đó, nhưng giờ đây yêu cầu để họ càng làm tràn đầy chén vui mừng của ông. Họ có thể làm như vậy bằng cách hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm, đồng lý tưởng.

Có phải điều này muốn nói mọi Cơ Đốc nhân đều buộc phải suy nghĩ và hành động giống y hệt nhau không? Lời Đức Chúa Trời không chỗ nào gợi ý như thế. Tuy chúng ta rõ ràng buộc phải đồng ý về những giáo lý nền tảng trọng đại của đức tin Cơ Đốc, nhưng hiển nhiên vẫn có rất nhiều ý kiến khác biệt nhau trên nhiều vấn đề thứ yếu. Sự đồng dạng và sự hiệp một không giống nhau. Vẫn có thể có sự hiệp một mà không có sự đồng dạng. Dầu có thể chúng ta không đồng ý về những vấn đề thứ yếu, thế nhưng khi không liên quan gì đến nguyên tắc thực tế, chúng ta nên gạt ý riêng của mình sang một bên vì ích lợi của người khác.

Hiệp ý với nhau thực sự muốn nói có tâm trí của Đấng Christ, để nhìn sự vật đúng như Ngài nhìn chúng, và để đáp ứng đúng như cách Ngài đáp ứng. **Đồng tình yêu thương** có nghĩa bày tỏ cho người khác **đồng một tình yêu thương** mà Chúa đã tỏ cho chúng ta, tình yêu không tính toán đến giá phải trả. **Đồng tâm** có nghĩa cộng tác hài hòa với nhau để tiến đến một mục tiêu chung. Cuối cùng, **đồng tư tưởng** có nghĩa hành động cách hiệp một sao cho chứng tỏ tâm trí của Đấng Christ đang hướng dẫn những hoạt động của chúng ta.

2:3 Đừng làm bất cứ điều gì vì lòng tranh cạnh hoặc vì hư vinh (Bản Anh ngữ là "vì tham vọng ích kỷ hoặc vì tự cao tự đại"), do đây là hai trong số những kẻ thù lớn nhất của sự hiệp một giữa vòng dân sự Chúa. **Lòng tranh cạnh** là khát khao được trở thành người giỏi số một, bất chấp phải trả giá nào. **Hư vinh** nói đến sự kiêu ngạo hay tự phò

trương. Bất cứ nơi đâu bạn thấy những người thích tập trung một nhóm người quanh mình hay thích đề cao những lợi ích riêng của mình, nơi đó bạn sẽ thấy hạt giống của tranh chấp và xung đột. Giải pháp được tìm thấy trong phần cuối câu Kinh Thánh này. **Hãy khiêm nhường, coi người khác như lớn trọng hơn mình.** Điều này không có nghĩa phải xem những tên tội phạm là người có những đặc điểm đạo đức tốt hơn đặc điểm đạo đức của chúng ta, nhưng đúng hơn chúng ta phải sống cho người khác cách không ích kỷ, đặt ích lợi của họ lên trên ích lợi của mình. Học một lời khuyên như thế này trong Lời Đức Chúa Trời thì rất dễ, nhưng muốn am hiểu ý nghĩa thực sự của câu ấy, và rồi thực sự thực hành lại là chuyện hoàn toàn khác. **Coi người khác như lớn trọng hơn mình** là điều hoàn toàn xa lạ với tâm trí con người, và chúng ta không thể làm được việc đó bằng sức riêng của mình. Chỉ khi nào được Thánh Linh ngự trong lòng và ban quyền năng thì mới có thể thực hành được.

2:4 Phương cách chữa trị rắc rối giữa dân sự Chúa ấy là quan tâm **ích lợi của người khác** hơn là những điều trong đời sống riêng của mình. Bằng một cách rất thực tế, từ ngữ "người khác" hình thành chìa khóa của đoạn Kinh Thánh này. Chính khi phó sự sống mình để tận tâm phục vụ người khác, chúng ta mới vượt lên trên những xung đột ích kỷ của con người.

Lạy Chúa, người khác, vâng, người khác!

Nguyên nhân hiện của con sẽ là vì người khác;

Xin giúp con sống cho người khác

Để con có thể sống giống như Ngài.

- Charles D. Meigs

2:5 **Hãy có đồng một tâm linh như Đấng Christ đã có.** Giờ đây Phaolô sắp đưa ra trước mắt người Philip tấm gương của Chúa Jêsus Christ. Ngài tỏ loại thái độ nào? Điều gì đặc trưng cho hành vi của Ngài đối với người khác? Guy King mô tả rất hay về tâm linh của Đấng Christ: (1) tâm tình không ích kỷ; (2) tâm tình hy sinh; (3) tâm tình phục vụ. Chúa Jêsus luôn nghĩ đến người khác.¹⁰

Ngài không khóc vì những đau khổ của riêng mình,

Nhưng đã uốn những giọt mồ hôi huyết vì đau khổ của chính tôi.

- Charles H. Kubriel

2:5 Khi đọc thấy Đức Chúa Jêsus Christ vốn có hình Đức Chúa Trời, chúng ta biết Ngài đã hiện hữu từ trọn cõi đời đời với tư cách Đức Chúa Trời. Điều này không có nghĩa Ngài chỉ giống Đức Chúa Trời, nhưng Ngài thật sự là Đức Chúa Trời theo ý nghĩa đúng nhất của từ ngữ này.

Thế nhưng Ngài không coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ. Ở đây, điều hết sức quan trọng là phân biệt giữa sự bình đẳng thân vị và bình đẳng địa vị với Đức Chúa Trời. Về thân vị Ngài, Đấng Christ đã, hiện, và sẽ luôn luôn bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài không thể từ bỏ sự bình đẳng đó, nhưng sự bình đẳng về địa vị thì khác. Từ suốt cả cõi đời đời, Đấng Christ đã bình đẳng với Cha Ngài về địa vị, được hưởng các vinh quang của Thiên đàng. Nhưng Ngài đã không xem địa vị này là một điều phải nắm giữ

bằng mọi giá. Khi nhân thế hư mất cần được cứu chuộc, Ngài đã sẵn lòng từ bỏ sự bình đẳng địa vị Ngài với Đức Chúa Trời – là những thoải mái yên ả và vui mừng của Thiên đàng. Ngài không xem chúng là điều phải nắm giữ mãi mãi trong mọi tình huống.

Vì vậy, Ngài sẵn lòng đến thế gian này để chịu đựng tội nhân phù nhận chống nghịch Ngài. Đức Chúa Cha chẳng bao giờ bị nhỏ trên mặt, hoặc bị đánh hay bị đóng đinh. Theo ý nghĩa này, Đức Chúa Cha là lớn hơn Đức Chúa Con – không phải lớn về thân vị của Ngài, nhưng đúng hơn lớn về địa vị và phương cách mà Ngài đã sống. Đức Chúa Jêsus đã diễn tả ý này trong Giăng 14:28: "Các người từng nghe ta nói rằng: Ta đi, và ta trở lại cùng các người. Nếu các người yêu mến ta, thì sẽ vui mừng về điều ta đi đến cùng Cha, bởi vì Cha tôn trọng hơn ta." Nói cách khác, các môn đồ chắc phải nên vui mừng khi biết Ngài sẽ về nhà Ngài trên Thiên đàng. Khi còn trên đất, Ngài đã bị đối xử cách tàn bạo và bị khước từ. Ngài sống trong những hoàn cảnh thấp hèn hơn Cha Ngài. Theo ý nghĩa đó, Cha Ngài là lớn hơn. Nhưng khi Ngài trở về trời, Ngài sẽ bình đẳng với Đức Chúa Cha trong những hoàn cảnh của Ngài cũng như trong Thân Vị Ngài.

Gifford giải thích:

Vì vậy, không phải là bản chất hay bản thể... nhưng chính phương thức hiện hữu mới là điều được mô tả trong mệnh đề thứ nhì ["chẳng coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ"]; và phương thức hiện hữu này có thể bị thay đổi sang

phương thức hiện hữu khác, đầu vậy bản tánh thiết yếu là bất biến. Chúng ta hãy sử dụng mình họa của chính thánh Phaolô, II. Côrinthtô 8:9: "Vì anh em biết ơn của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, Ngài vốn giàu, vì anh em mà tự làm nên nghèo, hầu cho bởi sự nghèo của Ngài, anh em được nên giàu." Trong mỗi trường hợp ở đây, có sự thay đổi phương thức hiện hữu. Nhưng không hề thay đổi bản tánh. Khi một người nghèo trở nên giàu, phương thức hiện hữu của người thay đổi, nhưng bản chất của người ấy vẫn là con người. Đối với Con Đức Chúa Trời cũng vậy; từ phương thức hiện hữu hữu giàu có và vinh hiển vốn là biểu hiện phù hợp và xứng đáng cho bản tánh thiên thượng của Ngài, Ngài đã vì cớ chúng ta giáng hạ – xét về đời sống con người của Ngài – xuống một phương thức hiện hữu vô cùng thấp hèn hơn và nghèo khổ hơn mà Ngài đã nhân lấy cùng với bản tánh của con người.¹¹

2:7 Chính Ngài đã tự bỏ mình đi.

Cách dịch nguyên văn là: "Nhưng Ngài đã tự trút bỏ mình." Thắc mắc lập tức xuất hiện: "Đức Chúa Jêsus đã tự bỏ khỏi Ngài điều gì?"

Để trả lời câu này, phải cẩn thận tới cùng. Những nỗ lực của con người để định nghĩa sự tự bỏ mình này thường dẫn đến kết quả là tước mất khỏi Đấng Christ những thuộc tánh của Đức Chúa Trời. Chẳng hạn, có người bảo khi Chúa Jêsus ở trên trần gian, Ngài không còn sự toàn tri hay toàn năng nữa. Ngài không còn đồng thời cùng một lúc hiện diện ở mọi nơi nữa. Họ nói Ngài tịnh

nguyên gạt bỏ những thuộc tánh thần linh này khi Ngài xuống thế gian làm Người. Thậm chí có người còn nói Ngài phải chịu những giới hạn của mọi con người, rằng Ngài có thể mắc sai lầm, và họ đã chấp nhận những quan niệm và thần thoại phổ thông trong thời Ngài!

Chúng ta hoàn toàn bác bỏ điều này. Đức Chúa Jêsus Christ không gạt bỏ bất kỳ thuộc tánh nào của Đức Chúa Trời khi Ngài bước vào trần gian.

Ngài vẫn toàn tri (biết hết mọi sự).

Ngài vẫn toàn tại (hiện diện lập tức và đồng thời tại mọi nơi).

Ngài vẫn toàn năng (có mọi quyền năng).

Điều Ngài đã làm chính là tự trút bỏ sự bình đẳng về địa vị của Ngài với Đức Chúa Trời và đã che khuất vinh hiển của Đức Chúa Trời trong một thân thể của xác thịt con người. Vinh hiển vẫn có trọn ở đó, đầu vậy đã bị che khuất, nhưng thực sự đã tỏa sáng trong một số trường hợp, chẳng hạn như trên Núi Hố Hinh. Trong đời sống trên trần gian của Ngài, không giây phút nào Ngài không sở hữu trọn vẹn mọi thuộc tánh của Đức Chúa Trời.

Ngài đã rút bỏ sang một bên bộ áo sống thiên thượng nhất của Ngài.

Và che thần tánh Ngài trong tâm khảm che bằng đất sét,

Và tình yêu tuyệt vời đã thể hiện trong bộ áo sống ấy.

Khôi phục lại điều Ngài chưa hề từ bỏ đi.

Như đã nói trước đây, phải hết sức thận trọng để giải thích những từ ngữ "Ngài đã tự bỏ mình đi." Phương pháp an toàn nhất chính là để cho những

cụm từ đi tiếp theo sau đưa ra lời giải thích. Ngài đã tự bỏ mình bằng cách mang lấy hình lối sống và trở nên giống như loài người. Nói cách khác Ngài đã tự bỏ mình bằng cách mặc lấy cho chính Ngài một điều gì đó trước đây Ngài chưa từng có – là *nhân tánh*. Ngài đã không gạt bỏ thần tánh Ngài, chỉ gạt bỏ địa vị của Ngài trên Thiên đàng, và chỉ gạt bỏ tạm thời.

Nếu Ngài chỉ là một con người thuần túy, thì điều đó sẽ không phải là một hành động tự bỏ mình. Chúng ta không tự bỏ mình bằng cách sinh vào trần gian này. Nhưng để Đức Chúa Trời trở thành Con Người – đó mới chính là việc tự bỏ chính Ngài đi. Trên thực tế, chỉ Đức Chúa Trời mới làm được điều đó.

Mang lấy hình lối sống. Có thể tóm tắt Sự Nhập Thể và đời sống của Cứu Chúa bằng những lời lẽ trêu mỉa của Giăng 13:4: "Chúa Jêsus... cởi áo ra, lấy khăn vắt ngang lưng mình." Khăn hay tạp dề là huy hiệu của sự phục vụ. Chỉ có nô lệ mới vắt khăn và tạp dề. Và chính Chúa Jêsus đầy ơn đã sử dụng khăn vì Ngài đến "không phải để người ta hầu việc mình, xong để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người" (Mathiơ 20:28). Nhưng chúng ta hãy dừng lại để nhắc mình nhớ đồng tự tưởng trong phân đoạn này. Đã có sự cãi lầy giữa vòng thành đó tại Philip. Phaolô khuyên họ phải có tâm tình của Đấng Christ. Nói vắn tắt, lập luận ở đây là: nếu Cơ Đốc nhân sẵn lòng giữ địa vị khiêm nhường hạ mình, phục vụ người khác, phó đời sống mình trong sự hy sinh, thì sẽ không còn cuộc cãi lầy nào nữa. *Nói chung, không ai cãi*

lấy với những người mà mình sẵn lòng chết vì họ.

Đấng Christ đã luôn luôn hiện hữu, nhưng Ngài đã đến trần gian trở nên giống như loài người, có nghĩa "làm một Con Người thật." Nhân tánh của Chúa cũng thật như thần tánh của Ngài. Ngài là Đức Chúa Trời thật và là con người thật. Nhưng đây thật là điều mẫu nhiệm! Không một tâm trí của loài thọ tạo nào hiểu nổi.

2:8 Mỗi một phần của phân đoạn này mô tả chiều sâu ngày càng gia tăng về sự hạ mình của Con yêu dấu Đức Chúa Trời. Ngài không chỉ sẵn sàng hạ bỏ vinh hiển của Thiên đàng! Ngài đã tự bỏ mình! Ngài còn mang lấy hình của tôi tớ! Ngài đã trở nên Con Người! Nhưng giờ đây chúng ta đọc thấy Ngài tự hạ mình xuống! Không còn chiều sâu nào mà Ngài chưa hạ mình xuống tới đó để cứu những linh hồn tội lỗi của chúng ta. Đáng ngợi khen danh vinh hiển Ngài đời đời!

Ngài tự hạ mình xuống bằng cách văng phục cho đến chết. Điều này thật phi thường trước mắt chúng ta! Ngài đã văng lời, thậm chí phải trả giá cho sự văng lời đó bằng chính sinh mạng Ngài. **Văng lời cho đến chết** có nghĩa Ngài đã văng lời cho đến cuối cùng. Thực sự Ngài là Thượng Gia đã đến và bán tất cả những gì Ngài có để mua châu ngọc quý giá (Mathiơ 13:46).

Thậm chí chết trên cây thập tự. Chết bằng cách bị đóng đinh trên thập tự giá là hình thức xử tử nhục nhã nhất. Có thể ví với giá treo cổ, ghế điện, hay với phòng hơi ngạt – chỉ dành riêng cho những kẻ sát nhân. Và đó

chính là hình thức **chết** dành cho Đấng Tốt Nhất của Thiên đàng khi Ngài vào trần gian này. Người ta không để cho Ngài chết vì tuổi già trên giường. Cái chết của Ngài không phải cái chết do tai nạn. Ngài phải **chết nhọc nhằn trên thập tự giá**.

2:9 Đến đây có sự thay đổi đột ngột. Những câu trước mô tả những việc Chúa Jêsus đã làm. Ngài đã đi trên con đường tự hổ mình. Ngài không tìm kiếm danh tiếng cho Ngài. Ngài đã tự hạ mình.

Nhưng giờ đây chúng ta quay sang suy xét việc *Đức Chúa Trời* đã làm. Cứu Chúa tự hạ mình, còn **Đức Chúa Trời cũng đã đem Ngài lên rất cao**. Ngài không tìm kiếm danh tiếng cho riêng mình, còn **Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài danh trên hết mọi danh**. Nếu Ngài quý gồi phục vụ người khác, thì Đức Chúa Trời truyền lệnh **mọi đấng gồi đều phải quý xuống** trước Ngài.

Và phần đoạn này có bài học nào cho người Philip - và cho chúng ta? Bài học ấy là con đường đi lên chính là con đường đi xuống. Chúng ta đừng nên tự tôn cao, nhưng hãy làm đầy tớ của người khác, để đến đúng kỳ Đức Chúa Trời có thể tôn cao chúng ta.

Đức Chúa Trời tôn cao Đấng Christ bằng cách khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại và mở cửa Thiên đàng đón tiếp Ngài trở về bên hữu Đức Chúa Trời. Không phải chỉ có thế mà thôi - **Đức Chúa Trời còn ban cho Ngài danh trên hết mọi danh**.

Các học giả đã chia rẽ nhau về vấn đề đây là **danh** nào. Có người nói đây là danh *Jêsus*, trong đó chứa danh xưng

của *Đức Giêhôva*. Trong Êsai 45:22,23 có lệnh truyền mọi đấng gồi phải quý trước danh Đức Giêhôva (Đức Chúa Trời).

Người khác cảm thấy **danh trên hết mọi danh** này đơn giản là một cách nói nghĩa bóng để chỉ về địa vị cao cả nhất trong cõi vũ trụ, địa vị tối cao và địa vị tế trị. Cả hai lối giải thích trên đều có thể chấp nhận được.

2:10 Đức Chúa Trời đã hoàn toàn thỏa lòng với công tác cứu chuộc của Đấng Christ đến nỗi quyết định **mọi đấng gồi đều phải quý xuống** trước Chúa Jêsus - mọi đấng gồi **trên trời, dưới đất và bên dưới đất**. Điều này không có nghĩa tất cả mọi hữu thể này đều sẽ được cứu. Những ai giờ đây không *chịu* quý gồi trước Ngài thì một ngày kia *bất buộc* sẽ phải quý gồi trước Ngài. Những ai không được hòa giải trong ngày ăn điển của Ngài thì họ sẽ bị khuất phục trong ngày đoán xét của Ngài.

2:11 Trong ăn điển vô song, Chúa đã đi từ vinh hiển đến Bêlêhem, đến Ghếtsemanê, và đến Gôgôtha. Đổi lại, Đức Chúa Trời sẽ tôn vinh Đấng Christ bằng cách khiến toàn vũ trụ tôn kính công nhận quyền tế trị tối thượng của Ngài. Những ai phủ nhận những lời tuyên bố của Ngài thì một ngày kia sẽ phải thừa nhận họ đã là kẻ đại, họ đã sai lầm lớn, và Chúa Jêsus ở Naxarét thật sự là Chúa Vinh Hiển.

Trước khi rời phần đoạn tuyệt diệu nói về Thân Vị và công tác của Chúa Jêsus ở đây, chúng ta phải nhắc lại rằng phần đoạn này được giới thiệu trong mối liên hệ với những nan đề thứ yếu tại Hội Thánh Philip. Phaolô không khởi

sự viết một luận án về Chúa. Trái lại, ông chỉ tìm cách sửa sai tính ích kỷ và tình thần bè đảng giữa các thánh đồ. Phương pháp chữa trị tình trạng của họ chính là tâm tình của Đấng Christ. Phaolô đưa Chúa vào trong mọi hoàn cảnh. Erdman viết: "Ngay cả khi giải quyết những vấn đề tế nhị nhất, nản lòng và khó chịu nhất, ông vẫn có thể tuyên rao chân lý với vẻ đẹp đáng sợng sốt để khiến chân lý ấy xuất hiện như ngọc châu quý giá được học trong đất sét." 12

2:12 Sau khi mô tả tấm gương của Đấng Christ trong vẻ đẹp lộng lẫy đến như thế, sử đồ giờ đây sẵn sàng căn cứ trên tấm gương ấy để khuyên bảo.

Người Philip đã luôn luôn vâng lời Phaolô khi ông còn ở với họ. Giờ đây khi ông vắng mặt, họ hãy càng hơn thế nữa mà lấy lòng sợ sệt run rẩy làm nên sự cứu chuộc mình.

Một lần nữa, chúng ta đến với phần đoạn Kinh Thánh xưa nay gây rất nhiều lúng túng. Ngay từ đầu, chúng ta phải biết rõ Phaolô không dạy rằng có thể kiếm được sự cứu rỗi nhờ việc làm. Trong suốt các tác phẩm của ông, ông liên tiếp nhấn mạnh sự cứu rỗi không bởi việc làm nhưng bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Như vậy câu Kinh Thánh này muốn nói gì?

1. Có thể câu này nói chúng ta phải làm nên (phát triển ra) sự cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã đặt bên trong chúng ta. Ngài đã ban cho chúng ta sự sống đời đời như một món quà biểu không. Chúng ta phải thể hiện sự sống ấy ra bằng đời sống thành khiết thực tiễn.

2. Sự cứu chuộc ở đây có thể nói đến giải pháp cho nan đề của họ tại Philip. Họ đã khốn đốn với những cãi vã và xung đột. Sử đồ đem phương thuốc đến cho họ. Giờ đây họ phải dùng phương thuốc ấy bằng cách có tâm tình của Đấng Christ. Vì vậy, họ phải làm nên sự cứu chuộc của mình, hay phải thực hiện giải pháp cho hoàn cảnh khó khăn của họ.

Sự cứu chuộc được nói đến ở đây không phải là sự cứu rỗi linh hồn, nhưng là giải thoát khỏi những thử thách ngăn trở Cơ Đốc nhân làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Cũng với ý tương tự, Vine mô tả đây là toàn bộ kinh nghiệm hiện tại của sự giải cứu khỏi điều ác.

Sự cứu rỗi có nhiều nghĩa khác nhau trong Tân Ước. Trong 1:19, chúng ta đã thấy rằng sự cứu rỗi nói đến sự giải thoát khỏi tù ngục. Trong 1:28, chữ này chỉ về sự cứu rỗi sau cùng cho thân thể chúng ta thoát khỏi chính hiện diện của tội. Trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào, vẫn phải nhờ văn mạch để xác định ý nghĩa - ít ra cũng là một phần ý nghĩa. Chúng ta tin rằng trong phần đoạn này, sự cứu chuộc có nghĩa giải pháp cho nan đề đang quấy rối người Philip, tức là những vụ tranh cãi của họ.

2:13 Giờ đây, Phaolô nhắc họ nhớ rằng họ có thể làm nên sự cứu chuộc của mình vì chính Đức Chúa Trời đang hành động trong họ để họ vừa muốn vừa làm theo ý lối Ngài. Điều này có nghĩa chính Đức Chúa Trời là Đấng từ đầu đã đặt trong chúng ta ước muốn hay khao khát để làm theo ý muốn Ngài. Rồi Ngài cùng cảm động trong chúng ta để

ban quyền năng thực hiện ước muốn đó.

Một lần nữa ở đây, chúng ta có sự kết hiệp tuyệt vời giữa Đức Chúa Trời và con người. Trên một phương diện, chúng ta được kêu gọi để làm nên sự cứu rỗi mình. Trên một ý nghĩa khác, chỉ một mình Đức Chúa Trời mới là Đấng có thể giúp chúng ta làm việc đó. Chúng ta phải làm phần việc của mình, và Đức Chúa Trời sẽ làm phần của Ngài. (Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho sự tha thứ tội lỗi, hay cho sự tái sanh. Sự cứu chuộc hoàn toàn là công tác của Đức Chúa Trời. Chúng ta chỉ tin rồi bước vào đó.)

2:14 Khi chúng ta làm theo ý tốt Ngài, chúng ta nên làm mà đừng phàn nàn hay lưỡng lự: "Đừng làm bằng cách nào khác hơn là làm cách đấng thánh." **Phản nản và lưỡng lự** thường dẫn đến những tội nghiêm trọng hơn.

2:15 Nhờ tránh phàn nàn và tranh cãi, chúng ta có thể trở nên không vít không H (Bản Anh ngữ là "không chỗ trách được và vô hại") (thành thật và không lừa dối). Trừ nên không vít không li có nghĩa không ai có thể đưa ra tội lỗi buộc tội (xem Daniên 6:4). Người không chỗ trách được có thể phạm tội, nhưng người ấy biết xin lỗi, xưng tội, và sửa chữa bất cứ khi nào có thể được. **Vô hại** ở đây có nghĩa là thành thật hay không có sự lừa dối.

Con cái Đức Chúa Trời phải không chỗ trách được ở giữa dòng đời hung ác ngang nghịch. Bởi sống cuộc đời không chỗ trách được, con cái Đức Chúa Trời sẽ càng nổi bật rõ ràng hơn nữa giữa đời cảnh đen tối của thế gian này.

Điều này khiến Phaolô nghĩ về họ như ánh sáng trong đêm tối. Bóng đêm càng tối tăm, ánh sáng hiện ra càng sáng hơn. Cơ Đốc nhân là **đước** hay người mang ánh sáng. Họ không thể tạo nên ánh sáng, nhưng có thể phản chiếu vinh hiển của Chúa để người khác có thể thấy Chúa Jesus trong họ.

2:16 **Giữ lấy đạo sự sống.** Là đước, chúng ta chiếu sáng, nhưng điều đó không miễn cho chúng ta làm chứng bằng lời nói của mình. Phải có lời chứng gồm hai phần của đời sống và mới miệng.

Nếu người Philip làm trọn những chức năng này, sứ đồ biết ông sẽ có cơ sở để khoe mình trong ngày của **Đấng Christ**. Ông cảm thấy có trách nhiệm không những lo cho linh hồn họ được cứu, mà còn trình diện họ mỗi người cách hoàn hảo trong **Đấng Christ** (Côlôse 1:28).

Ngày của Đấng Christ nói đến lúc Ngài tái lâm và đoán xét sự phục vụ của tín hữu (1:6,10). Nếu người Philip trung tín trong công khó hầu việc Chúa, thì đến ngày ấy rõ ràng Phaolô đã không phục vụ khó nhọc luống công.

IV. TẤM GƯƠNG GIỐNG NHƯ ĐẤNG CHRIST CỦA PHAOLÔ, TIMÔTHÊ VÀ ÉPBAPHÔĐÍCH (2:17-30)

Trong phần trước, Phaolô nói Chúa Jesus là tấm gương tối cao của tâm thần khiêm nhường. Nhưng một số người có thể bị cám dỗ để bảo: "Ồ, nhưng Ngài là Đức Chúa Trời, còn chúng ta là loài người hay chết." Vì vậy giờ đây Phaolô nêu ba tấm gương của những con người bày tỏ tâm tình của Đấng Christ – chính bản thân ông, Timôthê và Épbaphôđích.

Nếu Đấng Christ là mặt trời, thì ba người này là những mặt trăng, phản chiếu vinh hiển mặt trời. Họ là được soi trong thế giới tối tăm.

2:17 Sử đồ sử dụng một minh họa hết sức đẹp để để mô tả sự phục vụ của người Philip và của mình. Ông mượn hình ảnh từ một tập tục chung giữa vòng cả người Do Thái lẫn người ngoại giáo là tưới một của dâng bằng rượu hay rót rượu lên trên của tế lễ đang khi dâng của tế lễ này lên.

Ông nói người Philip là những người dâng tế lễ. Đức tin của họ là của tế lễ. Chính Phaolô là của dâng bằng rượu. Ông rất sung sướng chịu tuận đạo để được tưới trên của tế lễ và của dâng cho đức tin họ.

William nhận định:

Sử đồ đối chiếu sự tự hy sinh bản thân và sức lực của người Philip với sự tự hy sinh và sức lực của chính mình, tâng tui đa tình thần tự hy sinh và sức lực của họ đồng thời giảm tối thiểu của mình. Cả hai đều hy sinh mạng sống mình vì cơ Tin Lành, nhưng ông xem hành động của họ là môn của tế lễ lớn, còn của ông chỉ là của dâng bằng rượu được rót lên trên của tế lễ lớn ấy. Với lời nói bông đẹp dễ này, ông nói về việc mình gắn qua đời với tư cách một người tuận đạo.¹³

Nếu đây phải là số phận của ông, thì ông vui lòng và sung sướng để được như vậy.

2:18 Cũng vậy, người Philip nên vui lòng và cùng vui với Phaolô. Họ đừng xem sự tuận đạo có thể đến cho ông như một thảm kịch, nhưng nên chúc mừng ông về một chuyến đi đến quê hương vinh hiển như thế.

2:19 Đến nay, Phaolô đã trưng dẫn hai tấm gương về tình yêu tự hy sinh bản thân – của Chúa Jêsus và của chính ông. Cả hai đều sẵn lòng đổ mạng sống họ ra cho đến chết. Vẫn còn hai tấm gương nữa về tình thần không ích kỷ – là Timôthê và Éphaphđích.

Sử đồ hy vọng sai Timôthê đến thành Philip trong một tương lai gần để ông được yên lòng khi nghe tin của họ.

2:20 Trong số những bạn đồng hành của Phaolô, Timôthê độc đáo ở sự chăm sóc tình trạng thuộc linh của người Philip cách vô kỷ. Phaolô không còn ai khác để tin tưởng được như vậy và sai đến với họ. Đây thực sự là lời tuyên dương cao độ cho một người còn trẻ như Timôthê!

2:21 Những người khác đã ngập trong đại dương tư lợi của họ. Họ đã trở nên mãi mê lo lắng về đời này đến nỗi không còn thì giờ lo cho ích lợi của Đức Chúa Jêsus Christ. Điều này có nhấn gỗi sử điệp nào cho chúng ta ngày nay trong thế giới bé nhỏ của nhà cửa, tủ lạnh, ti vi và nhiều đồ vật khác của chúng ta không? (Xem Luca 8:14).

2:22 Timôthê là con của vị sử đồ trong đức tin, và đã đóng vai trò này cách trung thành chân chính. Họ đã biết sự trung tín từng trải của Timôthê, giá trị thật của ông, như người con giúp đỡ cha mình, vì vậy Timôthê giúp Phaolô trong công tác rao giảng Tin Lành.

2:23,24 Vì Timôthê đã chứng tỏ mình như vậy, Phaolô hy vọng sai người đến với người Philip ngay khi nghe kết quả vụ kháng án của ông lên Sêsa. Rõ

ràng sứ đồ muốn nói điều này trong cụm từ **vừa khi tôi sẽ rõ sự linh tôi ra thế nào**. Ông hy vọng kháng án thành công, và ông sẽ được trả tự do để có thể đến thăm người Philip một lần nữa.

2:25 Tiếp theo chúng ta thấy tâm tình của Đấng Christ nơi **Épaphrôđích**. Chúng ta không thể biết chắc có phải đây cũng chính là người tên Épháp-ra ở Cô-lô-se 4:12 không. Dấu sao đi nữa, **Épaphrôđích** đã sống tại thành Philip và là sứ giả cho hội chúng tại đó.

Phaolô nói **Épaphrôđích** là: (1) **anh em tôi**; (2) **bạn cùng làm việc của tôi**; (3) **bạn cùng chiến trận với tôi**. Danh hiệu thứ nhất nói lên cảm tình, danh hiệu thứ hai nói đến sự làm việc siêng năng và danh hiệu thứ ba nói về chiến trận. Ông là người có thể cộng tác với người khác, và đương nhiên đây là điều thiết yếu lớn lao trong đời sống và sự phục vụ Cơ Đốc. Tín hữu làm việc cách độc lập, mọi việc đều làm theo ý riêng của người thì đó là một chuyện. Sẽ khó khăn hơn rất nhiều khi cộng tác với người khác, giữ "địa vị phụ thuộc," chấp nhận những khác biệt về cá tánh, nên những khát khao và ý kiến riêng của mình vì ích lợi của cả nhóm. Chúng ta hãy trở nên **bạn cùng làm việc** và **cùng chiến trận!**

Ngoài ra, Phaolô nói **Épaphrôđích**, **ủy viên của anh em**, ở kể **tôi động cung cấp mọi sự cần dùng cho tôi**. Điều này cung cấp thêm cho chúng ta một manh mối giá trị nữa về cá tánh của ông. Ông sẵn sàng làm công việc tầm thường hay chạy việc vặt. Ngày nay nhiều người chỉ quan tâm đến những công việc làm trước công chúng và công việc làm họ

dễ chịu. Chúng ta phải cố lòng biết ơn nhiều đối với những người âm thầm kín đáo làm những công việc thông lệ nhằm chân! Khi làm công việc nặng nhọc ấy, **Épaphrôđích** đã tự hạ mình. Nhưng Đức Chúa Trời đã tôn cao ông bằng cách ghi lại sự phục vụ trung tín của ông trong Philip đoạn 2 cho mọi thế hệ tương lai đều được đọc đến.

2:26 Các thánh đồ đã sai **Épaphrôđích** đến giúp Phaolô - một chuyến đi ít nhất bảy trăm dặm. Vị sứ giả trung tín này do vậy đã mắc **bệnh**; trên thực tế, ông **suýt chết**. Điều này khiến **Épaphrôđích** hết sức lo lắng - không phải lo vì bệnh nặng, nhưng sợ các thánh đồ có thể nghe tin ấy. Nếu nghe tin, họ sẽ tự trách vì đã sai ông ra đi chuyến này nên bởi đó làm nguy hại đến mạng sống ông. Chắc chắn chúng ta nhìn thấy "một tấm lòng có ý nguyện tốt" nơi **Épaphrôđích**.

Nhiều Cơ Đốc nhân có thói quen đáng tiếc là ở miệt mài rất lâu trong những căn bệnh hoặc những hoạt động của họ. Thường thì đây chẳng qua là biểu hiện của những tội lỗi có liên kết với nếp sống "tự" kỷ: tự thương hại, tự làm cho mình bận rộn, tự phở trương.

2:27 **Épaphrôđích** mắc bệnh gần chết, nhưng Đức Chúa Trời đã **thương xót người**. Phần này hết sức quý giá cho chúng ta vì nó soi sáng cho để tài sự chữa lành thiên thượng.

1. Trước hết, bệnh tật không phải luôn luôn là hậu quả của tội lỗi. Ở đây là một người bị bệnh vì trung tín làm các bổn phận của mình (xem câu 30), "... Vì công việc của Đấng Christ mà người đã gần chết."

2. Thứ nhì, chúng ta biết ý muốn của Đức Chúa Trời không phải là luôn luôn chữa lành bằng phép lạ và ngay tức thời. Dương như bệnh của Êpbaphôđích đã kéo dài và ông hồi phục dần (cũng xem II.Timôthê 4:20; III.Giăng :2).

3. Thứ ba, chúng ta biết sự chữa bệnh là sự thương xót đến từ Chúa chứ không phải là một điều mà chúng ta có thể đòi hỏi từ nơi Ngài như là quyền lợi của mình.

Phaolô nói thêm rằng Đức Chúa Trời đã thương xót không những chỉ mình Êpbaphôđích mà thôi, nhưng còn thương xót đến chính ông nữa để ông khỏi buồn rầu càng thêm buồn rầu. Sự đó đã buồn rầu đáng kể về việc ông bị tật. Nếu Êpbaphôđích qua đời, chắc ông càng buồn rầu hơn nữa.

2:28 Giờ đây Êpbaphôđích đã hồi phục nhiều, Phaolô sai người đi rất kịp về quê hương. Người Philip sẽ vui mừng thấy lại người anh em yêu dấu của họ, và điều này cũng làm cho Phaolô bớt buồn nữa.

2:29 Không những họ nên đôn tiếp Êpbaphôđích cách vui vẻ, mà còn phải tôn quý con người yêu dấu này của Đức Chúa Trời. Thật hết sức vinh dự và là đặc ân lớn lao khi được dự phần trong sự phục vụ Chúa. Các thánh đồ nên công nhận điều này, ngay cả đối với người hết sức quen thuộc với họ.

2:30 Như đã nói trước đây, bệnh của Êpbaphôđích liên quan trực tiếp tới sự phục vụ Đấng Christ không mệt mỏi của ông. Điều này có giá trị rất lớn trước mắt Chúa. Thà *kiệt sức* vì Đấng Christ

còn hơn là bị *n' sêz* Thà chết trong khi phục vụ Chúa Jêsus còn hơn là được đếm trong con số thống kê thuần túy về những người chết vì bệnh tật hay tai nạn.

Cô phải "*bù lại các việc mà chính anh em không thể giúp tôi*" gợi ý rằng người Philip bỏ bê Phaolô và Êpbaphôđích đã làm công việc đáng ra họ đã phải làm không? Dương như không thể như vậy, vì chính các thánh đồ tại thành Philip là người sai Êpbaphôđích đến với Phaolô ngay từ đầu.

Chúng ta gợi ý điều người Philip không thể giúp Phaolô nói đến *tình trạng* họ không thể đích thân đến thăm và giúp Phaolô cách trực tiếp vì ở xa Rôma. Thay vì quở trách họ, sứ đồ chỉ nói Êpbaphôđích trong tư cách đại diện của họ đã làm điều họ không đích thân làm được.

V. CẢNH CÁO CÁC GIÁO SƯ GIẢ (3:1-3)

3:1 "*Hỡi anh em, sau hết*" không có nghĩa Phaolô sắp kết thúc thư tín của mình. Nghĩa đen của câu này là "về những điều còn lại..." Từ ngữ này được sử dụng một lần nữa ở 4:8.

Ông khuyên họ vui mừng trong Chúa. Cơ Đốc nhân có thể luôn luôn tìm được niềm vui thật trong Chúa, cho dù hoàn cảnh của người ấy có ra sao đi nữa. "Nguồn mọi sự ca hát của người ở trên trời cao kia." Không điều gì có thể thực sự ảnh hưởng đến niềm vui của ông trừ phi tước mất Cứu Chúa khỏi ông trước đã, nhưng rõ ràng là không thể làm được việc ấy. Sự vui sướng tự nhiên sẽ bị ảnh hưởng bởi đau đớn,

buồn rầu, bịnh tật, nghèo khổ và thảm đọa. Nhưng sự vui mừng của Cơ Đốc nhân vượt lên trên những cơn sóng gió của đời. Bằng chứng điều này có trong sự kiện Phaolô đưa ra lời khuyên này từ trong tù. Chắc chắn chúng ta có thể nhận lời khuyên từ một người như Phaolô!

Ông không sợ phiền để đích thân lập lại cho người Philíp, bởi ông biết đây là vi sự an toàn của họ. Nhưng chính mình ông lập lại bằng cách nào? Có phải điều này nói đến cạm tử đi trước khi ông khuyên họ vui mừng trong Chúa không? Hay muốn nói đến những câu Kinh Thánh tiếp theo sau, trong đó ông cảnh cáo họ về những người thiên về Do Thái giáo? Chúng ta tin rằng đó là trong những câu tiếp theo sau. Trong câu 2, ông ba lần sử dụng từ ngữ hãy coi chừng. Ông không hề sợ phiền lập đi lập lại câu này, nhưng đối với họ, đây là biện pháp an toàn thật.

3:2 Họ phải coi chừng loài chó... kẻ làm công gian ác và phép cắt bì giả. Cả ba cạm tử này chắc nói đến cùng một nhóm người – là các giáo sư đang tìm cách đưa Cơ Đốc nhân trở về dưới ách luật pháp của Do Thái giáo và dạy rằng có thể tìm được sự công bình bằng cách giữ luật pháp và lễ nghi.

Trước hết, nhóm người đó là chó. Trong Kinh Thánh, chó là loài thú vật ô uế. Từ ngữ này được người Do Thái dùng để mô tả dân ngoại! Tại các quốc gia Đông Phương, chó là những sinh vật không có nhà ở, chạy hoang ngoài đường và tự tiện lấy thức ăn càng nhiều càng tốt. Ở đây, Phaolô đảo ngược tình thế và áp dụng từ ngữ này cho những

giáo sư giả người Do Thái, là người đang tìm cách phá hoại Hội Thánh. Họ thực sự là những người đang sống ở bên ngoài, cố tìm cách tồn tại trên những nghi thức và các kỳ lễ. Họ “đang nhặt những mảnh bánh vụn trong khi có thể ngồi xuống để dự một bữa tiệc.”

Thứ nhì, họ là kẻ làm công gian ác. Tự xưng là tín hữu thật, họ tìm cách gia nhập vào các hiệp hội Cơ Đốc để loan truyền sự dạy dỗ giả dối của họ. Những kết quả từ công việc của họ chỉ có thể là gian ác mà thôi.

Rồi Phaolô cũng gọi họ là phép cắt bì giả (Bản Anh ngữ là “sự cắt xẻo”). Đây là từ ngữ châm biếm để mô tả thái độ của họ đối với phép cắt bì. Rõ ràng họ khăng khăng đòi phải chịu cắt bì thì mới được cứu. Nhưng toàn bộ những điều họ muốn nói qua chữ này chính là một hành động cắt bì thuộc thể theo đúng nghĩa đen. Họ chẳng hề quan tâm ý nghĩa thuộc linh của nó. Phép cắt bì nói về sự chết đối với xác thịt. Phép cắt bì muốn nói không cho phép những đòi hỏi của bản tánh xác thịt nữa. Tuy khăng khăng vào một hành động cắt bì theo nghĩa đen, họ lại hoàn toàn buông tuồng cho xác thịt. Chẳng hề có sự công nhận hết lòng rằng xác thịt đã bị làm cho chết tại thập tự giá. Phaolô đang nói rằng họ chỉ là những kẻ cắt xẻo xác thịt, những người không phân biệt giữa lễ nghi và ý nghĩa cơ bản của lễ nghi đó.

3:3 Trái ngược với những người này, Phaolô nói chúng ta (là những tín hữu thật) là kẻ chịu phép cắt bì thật – không phải những người ngẫu nhiên được sinh ra trong gia đình của cha mẹ người Do Thái hay những người chịu cắt bì theo

ngheia đen, nhưng là những người nhận thấy xác thịt không lợi ích chi, và con người không thể làm gì để nhận được nụ cười hài lòng của Đức Chúa Trời. Sau đó Phaolô nêu ra ba đặc trưng của những người làm phép cắt bì thật:

1. Họ là người cậy Thánh Linh Đức Chúa Trời mà hầu việc Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa sự thờ phượng của họ là sự thờ phượng thuộc linh thật, chứ không phải sự thờ phượng chỉ gồm những lễ nghi suông. Trong sự thờ phượng thật, một người bước vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời bởi đức tin, và tuôn đổ tình yêu, sự ca ngợi, chúc tụng và tôn kính của mình. Bằng cách khác, sự thờ phượng theo kiểu thiên về tâm hồn thì bận rộn với những tòa nhà đẹp và những vật dụng của giáo hội, với những lễ nghi chi tiết tỉ mỉ, những họ lễ phục theo đẹp đẽ của hàng tư tế, và với bất kỳ điều gì hấp dẫn cảm xúc.

2. Thành viên của phép cắt bì thật vui mừng (hay khoe mình) trong Đức Chúa Jêsus Christ. Chỉ một mình Ngài mới là cơ sở cho sự khoe mình của họ. Họ không tự khoe khoang nơi những thành tựu của cá nhân, nơi bối cảnh văn hóa, hay nơi lòng trung tín với các thánh lễ.

3. Họ không để lòng tin cậy trong xác thịt bao giờ. Họ không nghĩ họ có thể được cứu nhờ những nỗ lực của xác thịt hay cậy sức riêng để được giữ gìn từ đó trở đi. Họ không mong một điều tốt lành nào ra từ bản tánh Adam của họ và do đó không hề thất vọng khi chẳng tìm thấy một điều tốt lành nào trong bản tánh đó!

VI. DI SẢN VÀ NHỮNG THÀNH TỰU CÁ NHÂN CỦA PHAOLÔ ĐÃ BỊ TỪ BỎ VÌ CỜ ĐĂNG CHRIST (3:4-14)

3:4 Khi Phaolô nghĩ về cách những người này khoe khoang nhiều lợi thế về những thành tựu trong xác thịt của họ, rõ ràng ông đã mỉm cười. Nếu họ có thể khoe khoang, ông lại càng có thể khoe khoang bội phần hơn! Trong hai câu kế tiếp, ông cho thấy ông có những di sản tự nhiên nhiều đến độ nổi bật, những điều mà người ta thường hay khoe khoang. “Ông ấy dường như đã thuộc vào hầu hết mọi tầng lớp quý tộc vốn làm rộn ràng những ước mơ và kích thích hao khát vọng của con người.”

Arnot đã nói về hai câu Kinh Thánh này: “Toàn bộ cổ phần giao dịch của người Pharisi tự cho mình công bình này được liệt kê ra ở đây. Ông thích phơi bày những thứ giẻ rách ở uế này ra và trình diện chúng cách công khai.”

Bạn sẽ thấy Phaolô nói về: niềm kiêu hãnh về tổ tiên (câu 5a); kiêu hãnh về giáo lý chánh thống (câu 5b); kiêu hãnh về hoạt động (câu 6a); kiêu hãnh về tình trạng đạo đức (câu 6b).

3:5 Như vậy, đây là danh sách những thuận lợi tự nhiên và thuộc về xác thịt của Phaolô:

Chịu phép cắt bì ngày thứ tám – ông là một người Do Thái chính tông, không phải một người đồng Íchmaên hay người cải đạo Do Thái giáo.

Về dòng Ysraên – một thành viên trong tuyến dân trên trần gian này của Đức Chúa Trời.

Chi phái Bêngiamin – một chi phái được xem như một lãnh tụ quý tộc (Các Quanxét 5:14), và là chi phái đã đem cho Ysraên vị vua đầu tiên.

Người Hêborơ, con của người Hêborơ – ông thuộc về thành phần dân tộc đã giữ vững ngôn ngữ, những tập quán và cách đối xử nguyên thủy của dân tộc này.

Về luật pháp, thì thuộc phe Pharisi – người Pharisi vẫn giữ nguyên giáo lý chánh thống, trong khi người Saduse đã bỏ giáo lý về sự sống lại.

3:6 Về lòng sốt sắng, thì là kẻ bất bữ Hội Thánh – Phaolô thành thật nghĩ mình đang làm công việc của Đức Chúa Trời khi cố gắng xóa sạch “bê phải tỵ khai” của những Cơ Đốc nhân. Ông nhìn thấy nơi “bê phải” đó mối đe dọa đến chính tôn giáo của ông nên do đó ông cảm thấy phải loại trừ.

Độn như về sự công bình của luật pháp, thì không chỗ trách được – điều này không thể có ý nói Phaolô giữ luật pháp hoàn hảo. Ông đã thú nhận trong Rôma 7:9,10 rằng không phải như vậy. Ông nói mình không chỗ trách được, chứ không phải vô tội. Chúng ta chỉ có thể kết luận rằng khi Phaolô vi phạm bất kỳ phần nào của luật pháp, thì ông đã cẩn thận đem dâng của tế lễ đúng như quy định. Nói cách khác, ông là một người nghiêm nhặt và chặt chẽ tìm cách tuân giữ các quy luật của Do Thái giáo theo đúng văn tự.

Vì vậy, xét về sự ra đời, dòng dõi, giáo lý chánh thống, lòng sốt sắng, và sự công bình của cá nhân, Saulơ thành Tarsơ là một con người nổi bật.

3:7 Nhưng giờ đây sứ đồ đưa ra một lời tuyên bố từ bỏ vĩ đại. Ở đây, ông cho chúng ta “Tuyên Ngôn Lời Lỗi” của chính ông. Trên một mặt ông liệt kê

những mục vừa đề cập đến trên đây, những điều được cho là sự lỗi của ông. Trên mặt kia, ông viết một chữ duy nhất: **Đấng Christ**. Toàn bộ mọi sự chẳng có giá trị gì khi đem so sánh với kho báu ông đã tìm được trong Đấng Christ. Ông kể chúng như là sự lỗ vì cơ **Đấng Christ**. Guy King nói: “Toàn bộ sự lời về tài chánh, toàn bộ lời vật chất, toàn bộ những lợi lộc thuộc về thể chất, toàn bộ những lợi lộc về lý trí, toàn bộ lợi lộc đạo đức, toàn bộ sự lợi về tôn giáo – tất cả những thứ này đều không còn là sự lời nữa khi đem so với Sự Lời Vĩ Đại này.”¹⁴

Chứng nào còn tin cậy vào các điều lợi lộc trên, ông không thể nào được cứu. Một khi đã được cứu, chúng không còn ý nghĩa gì nữa đối với ông vì ông đã nhìn thấy vinh hiển của Chúa, và mọi sự vinh hiển khác dường như không ra gì cả khi so sánh với vinh hiển Ngài.

3:8 Khi đến với Đấng Christ để được cứu rồi, Phaolô đã từ bỏ mọi điều và kể chúng là vô giá trị khi đem so với điều **quý hơn hết của sự nhận biết Đức Chúa Jêsu Christ, là Chúa ông**. Điều **quý hơn hết của sự nhận biết** là cách người Do Thái nói đến “sự hiểu biết xuất sắc” hay “sự trởl hơn đáng phải biết.”

Tổ tiên, dân tộc, văn hóa, uy tín, giáo dục, tôn giáo, và những thành tựu cá nhân – vì sứ đồ đã bỏ hết những điều này, không còn xem chúng là cơ sở để khoe mình nữa. Thực ra, ông kể chúng như là “phân” hay “rác” hầu cho được Đấng Christ.

Dấu thì hiện tại được sử dụng trong câu Kinh Thánh này và trong câu tiếp

theo, nhưng chủ yếu Phaolô đang nhìn lại thời điểm hoán cải của mình. Để được **Đấng Christ**, ông đã phải quay lưng lại với những điều trước đây ông luôn luôn nghe dạy rằng chúng là quý giá nhất. Nếu muốn có Đấng Christ như là sự lời cho ông, ông phải "chào tạm biệt" với tôn giáo của mẹ mình, di sản của cha mình, và những thành tựu của cá nhân ông.

Và ông đã tạm biệt hết thảy! Ông đã hoàn toàn cắt đứt những mối ràng buộc của mình với Do Thái giáo như là một hy vọng để tìm sự cứu rỗi. Khi đoạn tuyệt như vậy, ông đã bị bà con mình truất quyền thừa kế, bị những bạn bè ngày trước từ bỏ, và bị chính đồng bào mình bắt bớ. Khi trở thành Cơ Đốc nhân, ông đã chịu hết thảy mọi sự như là sự **lỗi** theo đúng nghĩa đen.

Vì thi hiện tại được sử dụng trong câu 8, nên có vẻ như Phaolô vẫn đang tìm cách để được **Đấng Christ**. Thực ra, ông đã được Đấng Christ ngay từ khi ông công nhận Ngài là Chúa và Cứu Chúa. Nhưng thi hiện tại cho thấy đây vẫn là **thái độ** của ông – ông vẫn kể tất cả mọi điều khác là **rơm rác** khi so sánh với giá trị của sự nhận biết Đức Chúa Jêsus. Khao khát lớn của lòng ông ấy là: "Để Đấng Christ là sự lời của tôi." Không phải vàng, cũng không phải bạc, cũng không phải danh tiếng tôn giáo, nhưng là Đấng Christ.

3:9 Và được ở trong Ngài. Một lần nữa, câu này nghe có vẻ như Phaolô vẫn đang tìm cách để được ở trong Đấng Christ. Sự thực là ông đang hỏi tường lại quyết định lớn lao mà ông đã đối diện trước khi được cứu. Ông có sẵn

lòng tự bỏ mọi nỗ lực riêng của mình để tìm sự cứu rỗi, để rỗi chỉ đơn sơ tin cậy nơi Đấng Christ hay không? Ông đã chọn lựa. Ông từ bỏ mọi điều khác để được ở trong Đấng Christ. Chính giây phút tin Chúa Jêsus, ông đã đứng trong một địa vị mới trước mặt Đức Chúa Trời. Ông không còn bị xem là con cái của Adam tội lỗi nữa, nhưng giờ đây ông được nhìn thấy *trong Đấng Christ*, hưởng mọi ơn mà Chúa Jêsus được hưởng trước mặt Đức Chúa Cha.

Tương tự, ông đã từ bỏ thứ giết rách ô uế của sự tự cho mình là công bình, là điều trước đây ông đã tìm cách có được bằng việc giữ luật pháp, để rỗi chọn sự **công bình** của Đức Chúa Trời được ban cho mọi ai tiếp nhận Cứu Chúa. Sự công bình ở đây được nói đến như áo xống hay đồ che phủ. Con người cần sự công bình để được chấp thuận khi đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng con người không thể tạo ra sự công bình ấy. Và như vậy, bởi ân điển, Đức Chúa Trời đã ban sự công bình của chính Ngài cho những ai tiếp nhận Con Ngài làm Chúa và Cứu Chúa. "Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng (Đấng Christ) vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời" (II.Côrinthô 5:21).

Một lần nữa, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng câu 8 và 9 không gợi ý Phaolô vẫn chưa nhận được sự công bình của Đức Chúa Trời. Trái lại, sự công bình này đã thuộc quyền sở hữu của ông khi ông được tái sinh trên con đường đến Đamách. Nhưng thi hiện tại chỉ nhằm cho thấy những kết quả của

biến cố quan trọng ấy vẫn tiếp tục mãi đến hiện tại và Phaolô vẫn đang xem Đấng Christ là quý hơn hết mọi điều ông đã từ bỏ.

3:10 Khi đọc câu này, chúng ta tiến đến cảm xúc cao tột bậc trong đời sống của vị sứ đồ. F. B. Meyer gọi đây là "Cuộc Tìm Kiếm Thân Vị Đấng Christ Cho Linh Hồn."

Cách giải nghĩa thường xuyên nhất cho phần đoạn này chính là "thuộc linh hóa" nó. Theo cách này, người ta cho rằng đừng nên hiểu sự thương khó, sự chết và sự sống lại theo nghĩa đen. Đúng hơn, chúng được dùng để mô tả những kinh nghiệm thuộc linh nhất định, chẳng hạn như sự chịu thương khó của tinh thần, chết đối với bản ngã, và sống bằng sự sống phục sinh... Tuy nhiên, chúng tôi muốn gợi ý rằng nên hiểu phần đoạn này theo nghĩa đen. Phaolô đang nói ông muốn sống đúng như Đấng Christ đã sống. Chúa Jêsus có chịu thương khó không? Phaolô cũng muốn chịu thương khó nữa. Chúa Jêsus đã chịu chết? Vậy thì Phaolô muốn chịu chết bằng sự tuận đạo đang khi hầu việc Đấng Christ. Chúa Jêsus có sống lại từ kẻ chết không? Vậy Phaolô cũng muốn được sống lại y như vậy. Ông nhận thấy đây là không hơn chủ. Vì cơ đó, ông khao khát được noi gương Đấng Christ trong những sự thương khó, sự chết và sự sống lại của Ngài. Ông không nói mọi người phải chấp nhận quan điểm này, nhưng đối với ông, không còn con đường nào khác.

Cho đến nỗi lời được biết Ngài. Biết Ngài có nghĩa có được sự quen biết thực tế từng ngày một với Ngài cách gần gũi

mật thiết đến nỗi chính sứ đồ ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn. Ông muốn sự sống của Đấng Christ được tái tạo trong chính mình.

Được biết quyền phép sự sống lại của Ngài. Quyền phép đã khiến Chúa từ kẻ chết sống lại được Kinh Thánh nói đến như là biểu hiện vĩ đại nhất của quyền năng mà vũ trụ này từng chứng kiến (Êphêso 1:19,20). Đường như thể mọi đạo bính của ma quỷ đều cương quyết cầm giữ thân thể Ngài lại trong mồ mả. Quyền năng mạnh mẽ của Đức Chúa Trời đã đánh bại đạo quân địa ngục này bằng cách khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại vào ngày thứ ba. Cũng chính quyền năng này được đặt trong tay của mọi tín hữu (Êphêso 1:19), để họ nắm lấy bằng đức tin. Phaolô nói tham vọng của mình là kinh nghiệm quyền năng ấy trong đời sống và lời chứng của mình.

Sự không công thương khó của Ngài. Cần phải có sức mạnh thiên thượng để chịu khổ vì Đấng Christ. Đây là nguyên nhân quyền năng sự sống lại của Ngài được nêu ra trước sự không công thương khó của Ngài.

Trong đời sống của Chúa chúng ta, sự chịu khổ đến trước sự vinh hiển. Vì vậy, trong đời sống của Phaolô cũng phải như thế. Ông phải chia sẻ những thương khó của Đấng Christ. Ông nhận thấy những sự thương khó của chính ông sẽ chẳng có giá trị chuộc tội nào như trong sự thương khó của Đấng Christ, nhưng cũng biết rằng sẽ không nhất quán nếu cứ sống trong xa xỉ và để chịu giữa một thế giới đã khước từ, nhạo báng và đóng đinh Chúa của ông.

Jowett nhận định: "Ông chưa thỏa mãn khi chia sẻ chương trình của Olive; ông muốn cảm nhận một điều gì đó từ cơn đau nhói, sự ớn lạnh và phiền muộn cũng cơ đơn của Gêtsémanê."¹⁵

Nên giống như Ngài trong sự chết Ngài, Như đã nói trước đây, câu này thường được giải thích là Phaolô muốn sống một sự sống đã bị đóng đinh, để chết thực sự với tội lỗi, bản ngã và thế gian. Nhưng chúng ta cảm thấy lối giải thích như thế tước mất khỏi phân đoạn này sức mạnh đến sự sống của nó. Câu này thực sự có nói điều đó, nhưng còn nói hơn thế nữa. Phaolô là một môn đồ tận tâm tha thối của Đấng đã chết trên thập tự giá ở đồi Gôgôtha. Không những thế thôi, ông còn có mặt khi người tuận đạo đầu tiên của Hội Thánh Cơ Đốc chịu chết; trên thực tế, ông còn là tông phạm trong vụ mưu sát người tuận đạo đầu tiên! Chúng ta tin Phaolô thực sự muốn trút mạng sống của mình theo cùng một cách như thế. Có lẽ ông sẽ cảm thấy lúng túng khi gặp Êtiên trên Thiên đàng nếu đến Thiên đàng bằng một lộ trình nào để chịu hơn con đường tuận đạo. Jowett đồng ý:

Rất nhiều Cơ Đốc nhân thỏa lòng với các sự tiêu dùng khỏi phải "đổ huyết." Họ cho đi những gì họ có thể dành dụm để dâng. Tặng phẩm của họ là những đồ vật không dính lỉu gần bó gì, bỏ chúng đi cũng chẳng cần phải đổ huyết. Họ dự phần hy sinh, miễn sự hy sinh đó không dính lỉu gì đến sự sống; khi đời đời đến đến thực sự sống còn, chẳng ai nhìn thấy họ ở đâu nữa. Họ nổi bật tại mọi khối hoàn môn, và sẵn lòng bỏ chút ít tiền ra mua những đồ trang trí đầy màu sắc - trên những

biểu ngữ và những mảnh chôn tì; nhưng khi những tiếng "hoan hô" và "Hôsana" biến thành những tiếng làm bầm bóa điếm chẳng lành cùng những tiếng đe dọa, và khi nhìn thấy đời Gôgôtha, họ chuẩn ngay đến nơi ẩn náu an toàn.

Nhưng đây là một vị sứ đồ xung quanh năm trước lột đời hài quan trọng và tội con này. Ông hầu như nôn nóng nuôi chính những dòng huyết và sức lực của mình để phục vụ Nước Trời! Ông sẵn sàng nếu cần phải tuôn đổ sức lực và dòng huyết ra!"¹⁶

Hudson Taylor cũng viết tương tự:

Chúng ta cần phải phủ chính mình cho sự sống của thế gian... Sinh kết quả bao gồm cả xác thập tự giá. "Nếu hơi giống lúa mì kia chẳng chết sau khi gieo xuống đất thì cứ ở một mình." Chúng ta biết Chúa Jesus đã trở nên kết quả bằng cách nào - không phải chỉ bằng cách xác thập tự giá không thôi, mà còn bằng cách chết trên thập tự giá ấy nữa. Chúng ta có biết nhiều về sự thông công với Ngài trong điều này chưa? Không có hai Đấng Christ - một Đấng Christ an nhân dành cho những Cơ Đốc nhân an nhân, và một Đấng Christ chịu thương khổ và làm việc quẫn quật để dành cho các Cơ Đốc nhân phi thương. Chỉ có một Đấng Christ duy nhất mà thôi. Chúng ta có sẵn sàng ở trong Ngài để sinh kết quả như vậy không?"¹⁷

Cuối cùng, C. A. Coates nói:

Sự nhận biết Đấng Christ trong vinh hiển là khát khao tối cao của lòng Phaolô, và khao khát này không bao giờ tồn tại mà không sinh ra lòng khao khát mãnh liệt để tìm đến với Ngài tại chính nơi Ngài đang ở. Vì vậy tóm

lòng nào khao khát tìm kiếm Ngài thì tự nhiên hướng đến con đường Ngài đã từng đi để đạt đến nơi vinh hiển, và sẽ sẵn sàng khao khát để tìm đến với Ngài tại nơi ấy bằng chính con đường Ngài đã đi qua. Tâm lòng này hỏi: "Ngài đã đạt đến vinh hiển đó bằng cách nào? Có phải thông qua sự phục sinh không? Và có phải những sự thương khó và sự chết không cần thiết phải đến trước sự phục sinh không?" Bây giờ tâm lòng mới nói: "Không điều nào làm tôi vấp lòng cho hướng đến với Ngài trong vinh hiển phục sinh bằng chính con đường đã đưa Ngài đến nơi đó." Đó là tình thần tuận đạo. Phaolô muốn lấy tư cách người tuận đạo đi trên con đường chịu thương khó và sự chết, để ông có thể đạt đến sự sống lại và vinh hiển bằng chính con đường Đấng Phục Sinh - Đấng đã chính phục trái tim ông - đã từng đi qua.¹⁸

3:11 Ở đây, một lần nữa chúng ta gặp nan đề về cách giải thích. Chúng ta phải hiểu câu này theo nghĩa đen, hay phải thuộc linh hóa? Đã có nhiều cách giải thích khác nhau, một số những cách giải thích chính như sau:

1. Phaolô không chắc sẽ được sống lại từ kẻ chết, vì vậy ông đang gồng hết mọi cơ bắp để bảo đảm mình được dự phần trong sự sống lại. Một quan điểm như thế là không thể chấp nhận được! Phaolô luôn luôn dạy sự sống lại là bởi ân điển chứ không bởi việc lành của con người. Ngoài ra, ông bày tỏ lòng tin quyết rõ ràng rằng mình sẽ dự phần sự sống lại (II.Côrinhtô 5:1-8).

2. Phaolô không nói đến sự sống lại thuộc thể, nhưng đang nói đến lòng khao khát được sống bằng sự sống phục

sinh ngay lúc còn đang sống trên đất này. Có lẽ đại đa số những nhà giải kinh theo quan điểm này.

3. Phaolô đang nói về sự sống thuộc thể, nhưng ông không hề nghi ngờ gì về việc mình được dự phần sự sống lại. Trái lại, ông đang nói rằng ông không quan tâm những sự thương khó đang ở trước mặt trên đường đến sự sống lại. Ông sẵn lòng chịu những thử thách và bất bở kinh khiếp, nếu điều đó vẫn còn nằm phía trước ở giữa thời hiện tại và sự phục sinh. Cụm từ "nếu, bằng bất kỳ phương tiện nào" (trong Bản Anh ngữ, bản Việt Ngữ chỉ ghi "mong") không nhất thiết diễn tả sự nghi ngờ (xem Côngvụ 27:12; Rôma 1:10; 11:14), nhưng diễn tả lòng khao khát mạnh mẽ hay kỳ vọng mạnh mẽ mà không sợ phải trả giá hy sinh.

Chúng tôi đồng ý với cách giải thích thứ ba. Sứ đồ muốn được trở nên giống Đấng Christ. Vì Đấng Christ đã chịu thương khó, chịu chết và được sống lại từ kẻ chết, Phaolô không còn muốn điều nào cho mình tốt hơn điều này nữa. Chúng ta sợ rằng những khao khát riêng tư như được thoải mái, sống xa xỉ và dễ chịu thường phải khiến chúng ta loại bỏ những lời gươm sắt bén đâm thấu của một số câu Kinh Thánh này. Chẳng phải sẽ an toàn hơn nếu hiểu chúng theo đúng giá trị bề mặt của chúng - tức hiểu theo nghĩa đen - trừ phi nghĩa đen đó là không thể có khi xét đến toàn bộ phần còn lại của Kinh Thánh sao?

Trước khi rời khỏi câu này, chúng ta nên lưu ý Phaolô đang nói đến sự sống lại từ giữa kẻ chết. Đây không phải là sự

sống lại của mọi kẻ chết. Đùng hơn, câu này mô tả **sự sống lại** mà trong đó một số người được sống lại, còn những người còn lại vẫn cứ ở trong mồ mã. Từ I.Têsalônica 4:13-18 và I.Côrintô 15:51-57, chúng ta biết tin hữu sẽ được sống lại khi Đấng Christ đến (một số tại Kỳ Được Cất Lên và một số vào cuối Cơn Đại Nạn), nhưng số người chết còn lại sẽ không được sống lại mãi đến sau Thời Trị Vĩ Ngàn Năm của Đấng Christ trên đất; đối chiếu Khải Huyền 20:5.

3:12 Sứ đồ không cho rằng ông đã trọn lành rồi. Trọn lành không nói đến sự sống lại ở trong câu Kinh Thánh trước, nhưng nói đến toàn bộ để tài được trở nên giống Đấng Christ. Ông không hề nghĩ rằng có thể đạt đến tình trạng vô tội hay đạt đến ngay trong đời sống này một tình trạng mà nó không còn tiến bộ nào hơn nữa để đạt đến. Ông nhận thấy rằng "sự thỏa lòng là mô mã của sự tiến bộ."

Vì vậy, ông cứ tiếp tục để mục đích Chúa Jêsus cứu ông có thể được làm trọn ở nơi ông. Vị sứ đồ đã bị Chúa Jêsus Christ làm hoảng sợ trên con đường đến Đamách. Mục đích cuộc gặp gỡ quan trọng này là gì? Chính là để Phaolô từ đó trở đi có thể trở thành một thánh đồ gương mẫu, để Đức Chúa Trời qua ông bày tỏ việc Đấng Christ có thể làm trong đời sống con người. Ông vẫn chưa được trở nên giống Đấng Christ cách hoàn hảo. Tiến trình này vẫn tiếp tục, và Phaolô đã được rèn luyện kỹ lưỡng để công tác này của ân điển Đức Chúa Trời có thể tiếp tục và càng sâu nhiệm hơn.

3:13 Con người này đã học biết thỏa lòng với mọi của cải vật chất nào mình có (4:11) lại không bao giờ có thể thỏa lòng với những thành tựu thuộc linh của mình. Ông không kể mình đã "đến nơi," như chúng ta thường nói ngày nay. Vậy ông đã làm gì?

Nhưng lời cứ làm một điều. Ông là con người có một mục đích duy nhất. Ông có một mục tiêu và một tham vọng mà thôi. Trong điều này, ông giống với Davít, là người đã nói: "Tôi đã xin Đức Giêhôva một điều."

Quyên lòng sự ở đằng sau muốn nói đến không những tội lỗi và thất bại, mà còn cả những quyền ưu tiên tự nhiên, những thành tựu, những thành công mà ông đã mô tả trước đây trong chương này, và thậm chí cả những chiến thắng thuộc linh của ông nữa.

Bước theo sự ở đằng trước: tức là những đặc ân trong trách nhiệm của đời sống Cơ Đốc, dù đó là sự thờ phượng, sự phục vụ, hay sự phát triển cá nhân của đặc tính Cơ Đốc.

3:14 Xem mình như một lực sĩ trong cuộc chạy đua, Phaolô mô tả mình đang dốc hết nỗ lực nhằm mục đích mà chạy, để giải giải về sự kêu gọi trên trời của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ.

Mục tiêu chính là lần đích ở cuối đường đua. **Phần thưởng** chính là phần thưởng dành cho người chiến thắng. **Mục đích** ở đây sẽ là hoàn tất cuộc đua của đời sống, và có lẽ nói cụ thể hơn là Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. **Phần thưởng** sẽ là mào miện của sự công bình mà ở nơi khác Phaolô mô tả là phần

thường cho những người đã chạy giồi (II.Timôthê 4:8).

Sự kêu gọi trên trời của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ bao gồm mọi mục đích mà Đức Chúa Trời đã dự định khi cứu rỗi chúng ta. Điều này bao gồm sự cứu rỗi, trở nên giống Đấng Christ, đóng kế nghiệp với Ngài, một quê hương trên Thiên đàng, và vô số phước hạnh thuộc linh khác nữa.

VII. LỜI KHUYÊN TIẾN ĐẾN NẾP ẪN Ồ CỦA THIÊN ĐÀNG, NHƯ CHÍNH SỨ ĐỒ ĐÃ NÊU GƯƠNG (3:15-21)

3:15 Hễ những người trọn vẹn thì đều nên chia sẻ sự sẵn lòng của Phaolô để chịu khổ và chịu chết vì Đấng Christ và dốc hết mọi nỗ lực trong cuộc tìm kiếm để được giống Đức Chúa Jêsus. Đây là quan điểm trưởng thành của đức tin Cơ Đốc. Có người sẽ gọi đây là cực đoan, cấp tiến, hay cuồng tín. Nhưng sứ đồ nói những ai trưởng thành trọn vẹn sẽ thấy đây là đáp ứng duy nhất tinh tảo, hợp lý và phải lẽ đối với Đấng đã đổ chính huyết sự sống của Ngài cho họ trên đồi Gôgôtha.

Nếu anh em tưởng đấng khác, Đức Chúa Trời cũng sẽ lấy sự đó soi sáng cho anh em. Phaolô nhận thấy không phải tất cả mọi người đều đồng ý với ông để chấp nhận một triết lý sống nguy hiểm như thế. Nhưng ông tỏ lòng tin quyết rằng nếu một người thực sự sẵn lòng muốn biết chân lý về vấn đề này, Đức Chúa Trời sẽ lấy sự đó soi sáng cho. Nguyên nhân chúng ta có một Cơ Đốc giáo dè dặt, tự mãn như ngày nay chính vì chúng ta không muốn biết chân lý này; chúng ta không sẵn

lòng vàng phục những đòi hỏi của Cơ Đốc giáo lý tưởng. Đức Chúa Trời sẵn sàng bày tỏ chân lý cho những ai sẵn lòng bước theo.

3:15 Sau đó sứ đồ nói thêm: trong lúc này, chúng ta phải sống xứng đáng với bất kỳ sự sáng nào Chúa đã ban cho chúng ta. Sẽ không ổn khi cứ giẫm chân tại chỗ chờ cho đến khi hiểu đầy đủ hơn những đòi hỏi nơi Cơ Đốc nhân chúng ta. Đang khi chờ Chúa bày tỏ những hàm ý đầy trọn của thập tự giá, chúng ta phải vàng theo bất kỳ mức độ chân lý nào chúng ta đã nhận được.

3:17 Giờ đây Phaolô quay sang khuyên bảo, trước hết bằng cách khích lệ người Philip làm những môn đồ, hay những người bắt chước chính ông. Chính bởi đời sống gương mẫu của ông mà ông có thể viết ra những lời lẽ như thế. Chúng ta thường nghe những câu nói đùa: "Làm theo lời tôi bảo, chứ đừng làm theo cách tôi làm." Vị sứ đồ không nói như thế! Ông có thể đưa đời sống của chính mình ra như một gương mẫu của sự tận hiến trọn lòng cho Đấng Christ và sự nghiệp của Ngài.

Lehman Strauss nhận định:

Phaolô kể mình là người nhận lòng thương xót của Đức Chúa Trời để có thể trở thành "một khuôn mẫu"; vì vậy toàn bộ đời sống của ông - kể từ sau khi hoàn cải - đã được dành riêng ra để trình bày cho người khác một bản họa đồ đại cương về điều Cơ Đốc nhân đàng phải trở thành. Chúa đã cứu Phaolô để ông có thể dùng tâm gương về sự hoàn cải của mình chứng tỏ Chúa Jêsus đã làm những điều nào cho ông thì Ngài cũng có thể và sẽ làm

*điều ấy cho người khác. Chẳng phải Chúa chúng ta đã xét đến mục tiêu đặc biệt này khi tỏ lòng thương xót Ngài cho bạn và tôi sau? Tôi tin Ngài cứu chúng ta để làm một khuôn mẫu cho mọi tín hữu trong tương lai. Chúng ta có đang làm gương cho những người đã được cứu bởi ân điển của Ngài không? Nguyên được như vậy!*¹⁹

Lại xem những kẻ ăn ở theo mẫu mực mà anh em thấy trong chúng tôi. Câu này nói đến những người đang sống cùng một loại đời sống như của Phaolô. Điều này không có nghĩa nêu họ ra theo cách không tán thành, như trong câu Kinh Thánh kế tiếp, nhưng để quan sát họ và noi theo bước chân của họ.

3:18 Câu 17 mô tả những người đáng cho tín hữu noi gương, còn câu này nói về những người chúng ta *đứng nên* noi gương họ. Sử đồ không xác định cụ thể những người này là ai. Ông không cho biết họ là các giáo sư già thiên về Do Thái giáo được nhắc đến trong câu 2, hay là những người tự xưng là giáo sư Cơ Đốc đã biến quyền tự do trở thành nếp sống huông tuông, và dùng ân điển như cái cớ để phạm tội.

Phaolô trước đây đã cảnh cáo thánh đồ về những người này, và bây giờ ông khóc mà cảnh cáo một lần nữa. Nhưng vì sao lại có nước mắt ở giữa một lời tố cáo nghiêm khắc thế này? Chính vì những tổn hại mà họ đã gây ra giữa các Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Vì biết bao cuộc đời bị họ hủy hoại. Vì những sỉ nhục họ đã đem lại cho danh Đấng Christ. Vì họ đang làm lu mờ ý nghĩa thật của thập tự giá. Đùng vậy, nhưng

cũng vì tình yêu thương thật sẽ khóc ngay cả khi đang tố cáo những kẻ thù nghịch thập tự giá của Đấng Christ, cũng giống như Chúa Jêsus đã khóc về thành Giêrusalem sát nhân.

3:19 Những người này đã bị đình cho sự hư mất đời đời. Câu này không nói đến sự tuyệt diệt, nhưng nói đến sự đoán xét của Đức Chúa Trời trong hồ lửa đời đời.

Họ lấy bụng họ làm chúa họ. Mọi hoạt động của họ, ngay cả điều mà họ tự xưng là phục vụ tôn giáo, đều nhắm đến việc mua thức ăn (và có lẽ rượu) để thỏa mãn thêm khát của thân thể họ. F. B. Meyer mô tả thật sâu sắc về những người này: “Trong đời sống họ không hề có nhà nguyện nào. Toàn là nhà bếp.”

Lấy sự xấu hổ của mình làm vinh hiển. Họ khoe khoang chính những điều mà đáng ra phải xấu hổ – sự trần truồng của họ và hành vi vô luân của họ.

Họ ám ảnh với các việc thế gian mà thôi. Đối với họ, những điều quan trọng trong đời chính là thức ăn, áo mặc, sự tôn trọng, tiện nghi, và lạc thú. Những vấn đề đời đời và những điều thuộc về trời không khuấy động nổi nếp ứng xử thấp hèn của họ trong đồng phần dơ bẩn của thế gian này. Họ cứ tiếp tục dường như thế sẽ sống đời đời trên trần gian này.

3:20 Giờ đây sử đồ đối chiếu thái độ huông về Thiên đàng của tín hữu thật.

Vào lúc viết thư Philíp, thành Philíp là thuộc địa của Rôma (Công vụ 16:12). Người Philíp là công dân của Lamã, được hưởng quyền bảo vệ những đặc ân của Lamã. Nhưng họ cũng là công dân của chính quyền địa phương. Dựa trên

bối cảnh này, sứ đồ nhắc rằng họ là công dân trên trời. Moffat dịch câu này: "Nhưng chúng ta là một thuộc địa của Thiên đàng."

Điều này không có nghĩa Cơ Đốc nhân không phải là công dân của các quốc gia trên trần gian này. Cách câu Kinh Thánh khác dạy rõ ràng chúng ta phải vâng phục chính quyền vì chính quyền do Đức Chúa Trời lập nên (Rôma 13:1-7). Thực ra, tín đồ phải vâng phục chính quyền trong mọi vấn đề nào Chúa không cấm cách rõ ràng. Người Philip trung thành với những thượng quan địa phương, và cũng trung thành với hoàng đế tại Lamã. Vì vậy, tín hữu có trách nhiệm đối với chính quyền trên trần gian, nhưng phải dâng lòng trung thành trên hết của họ cho Chúa Thiên đàng.

Không những là công dân trên trời, chúng ta còn phải **sống trông đợi Chúa** mình đến từ Thiên đàng nữa! **Sống trông đợi** là một lối nói rất mạnh (trong nguyên văn) để diễn tả sự trông đợi sốt sắng điều gì đó mà mình tin là sắp xảy đến. Nghĩa đen là đẩy đầu và cổ tới trước trong khi lo lắng chờ đợi để nghe hay xem một điều gì đó.

3:21 Khi Chúa Jêsus từ trời trở lại, Ngài sẽ biến đổi thân thể này của chúng ta. Chính trong thân thể người không có gì là xấu xa hay gian ác cả. Xấu xa ẩn trong cách sử dụng sai lầm thân thể này.

Nhưng đây là một **thân thể hèn mạt**, thân thể của sự si nhục. Nó sẽ bị nhăn nheo, bị se, già nua, chịu thương khó bệnh tật và phải chết. Nó giới hạn và gò bó, kìm hãm chúng ta!

Chúa sẽ **biến hóa** thân thể này thành thân thể vinh hiển. Chúng ta

không biết phạm vi đầy trọn của ý nghĩa câu này. Thân thể này sẽ không còn bị suy tàn hay chết nữa, không còn chịu những giới hạn của thời gian hay của những rào cản cõi tự nhiên. Đó sẽ là một thân thể thực tế, thể nhưng phù hợp hoàn hảo với những điều kiện trong Thiên đàng. Nó sẽ giống như thân thể phục sinh của Chúa Jêsus.

Điều này không có nghĩa chúng ta sẽ có cùng một diện mạo thể xác như nhau! Đã có thể nhận ra Chúa Jêsus một cách rõ ràng sau khi Ngài sống lại, và rõ ràng mỗi một cá nhân cũng sẽ có sự nhận diện thuộc thể đặc thù của chính mình trong cõi đời đời.

Phần đoạn này cũng không dạy rằng chúng ta sẽ giống Chúa Jêsus về những thuộc tánh của Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ không bao giờ toàn tri hay toàn năng; chúng ta cũng sẽ không bao giờ lập tức và đồng thời ở cùng mọi nơi.

Nhưng chúng ta sẽ giống Chúa Jêsus về đạo đức. Chúng ta sẽ đời đời thoát khỏi tội lỗi. Phần đoạn không cung cấp đủ thông tin để làm thỏa mãn tinh biểu kỳ của chúng ta, nhưng đủ để yên ủi và thôi thúc sự trông cậy.

Y theo quyền phép Ngài có để phục muôn vật. Sự biến hóa thân thể chúng ta sẽ đi kèm với quyền năng thiên thượng mà về sau Chúa sẽ dùng để **phục muôn vật**. Ngài "có thể cứu" (Hêborơ 7:25). Ngài "có thể giúp" (Hêborơ 2:18). Ngài "có thể gìn giữ" (Giude 24). Giờ đây trong câu này, chúng ta biết rằng Ngài **có thể bắt phục**. "Vì Đức Chúa Trời này là Đức Chúa Trời chúng tôi đến đời đời vô cùng; Ngài sẽ dẫn chúng tôi cho đến kỳ chết" (Thithiên 48:14).

VIII. LỜI KHUYÊN SỐNG HÒA THUẬN, GIÚP NHAU, VUI MỪNG, NHẪN NẠI, CẦU NGUYỆN VÀ ĐỜI SỐNG TƯ TƯỞNG CÓ KỶ LUẬT (4:1-9)

4:1 Dựa vào sự trông cậy kỳ diệu mà sứ đồ đặt trước tâm trí của tín hữu trong câu vừa rồi, giờ đây ông khuyên họ đứng vững trong Chúa. Câu này chứa đầy những tên gọi yêu dấu cho các tín hữu này. Trước hết, Phaolô gọi họ là anh em của ông. Nhưng không phải chỉ là anh em mà thôi - mà là anh em rất yêu dấu. Sau đó ông nói thêm ý mà ông khao khát cho họ, tức là ông muốn được ở với họ một lần nữa. Ông còn nói thêm họ là sự vui mừng và mào triều thiên của ông. Rõ ràng ông nói họ là sự vui mừng của ông trong thời hiện tại này và sẽ là mào triều thiên của ông tại Ngai Đồn Xét của Đấng Christ. Cuối cùng, ông kết thúc câu với cụm từ rất yêu dấu. Sứ đồ thật sự yêu mến tín hữu, và rõ ràng đây là một trong những bí quyết khiến ông có kết quả trong công việc Chúa.

4:2 Êvôđi và Sintycơ là những phụ nữ trong Hội Thánh tại Phillip đang khó sống hòa thuận với nhau. Chúng ta không biết nhiều chi tiết về nguyên nhân khiến họ bất đồng ý kiến (và có lẽ không biết lại là tốt hơn!).

Sứ đồ dùng chữ "nài xin" (bản Việt Ngữ dịch là "khuyên") hai lần để cho thấy lời khuyên này gửi cho người này cũng y như gửi cho người kia. Phaolô khuyên họ phải hiệp một ý trong Chúa. Chúng ta không thể nào hiệp một trong mọi điều trong đời sống hằng ngày, nhưng về công việc Chúa, chúng ta có

thể kiếm nên những sự khác biệt nhỏ nhặt và riêng tư của mình để Chúa được tôn vinh và công việc Ngài được tiến bộ.

4:3 Đã có nhiều phỏng đoán đáng kể để nhận diện "kẻ đồng liêu trung tín" (hay "bạn cùng mang ách"²⁰) mà Phaolô gọi trong câu này. Người ta gợi ý cả Timôthê lẫn Luca, nhưng chắc người được nói đến ở đây là Êpbaphôđích. Người này được khuyên phải giúp hai người đàn bà vốn đã cùng Phaolô vì đạo Tin Lành mà chiến đấu. Chúng ta xem hai người nữ này là Êvôđi và Sintycơ, và sứ đồ Phaolô đang đưa ra lời khuyên mà kinh nghiệm chứng minh cho thấy là lời khuyên lành mạnh. Thường khi hai bên đang cãi nhau, thì cách giải quyết tốt nhất cho cuộc cãi vã đó là cách đưa họ đến với một bên thứ ba độc lập - một người có sự đánh giá trưởng thành và thuộc linh. Không phải người này sẽ hành động cách độc đoán trong trường hợp ấy và đưa ra phán quyết, nhưng đúng hơn là bởi dùng Lời Đức Chúa Trời, người có thể chỉ cho những người đang tranh cãi kia thấy giải pháp của Kinh Thánh cho nạn đề của họ.

Phải hết sức cẩn thận khi giải thích cụm từ "[họ] đã cùng tôi vì đạo Tin Lành mà chiến đấu." Không thể nào nghi câu này muốn nói họ đã rao giảng Tin Lành cùng với sứ đồ Phaolô. Hai phụ nữ này có thể đã công khó trong Tin Lành bằng nhiều cách - bởi lòng hiếu khách đối với các tôi tớ của Đấng Christ, bằng cách đến nhà thăm viếng, bằng cách dạy những phụ nữ trẻ hơn và thiếu nhi - mà không cần phải đảm

nhận chức vụ giảng dạy trước Hội Thánh chung.

Một người bạn đồng công khác nữa tên Cofemân cũng được nhắc đến ở đây. Không ai biết rõ thêm gì khác hơn về ông. Sau đó Phaolô nhắc các bạn khác đồng làm việc với ông, có tên những người đó biên vào sách sự sống mới. Đây là một cách tuyệt vời để diễn tả tình trạng được phước đời đời và không thể tả nổi gắn liền với đức tin nơi Đấng Christ và sự phục vụ Ngài.

4:4 Giờ đây quay sang toàn Hội Thánh, Phaolô lập lại lời khuyên yêu thích của ông được tìm thấy qua những từ ngữ "trong Chúa." Cho dù hoàn cảnh cuộc đời có đen tối đến đâu, Cơ Đốc nhân luôn luôn có thể vui mừng trong Chúa.

Jowett chia sẻ kinh nghiệm về sự vui mừng của Cơ Đốc nhân:

Sự vui mừng Cơ Đốc là một tâm trạng không lệ thuộc vào những hoàn cảnh trước mắt của chúng ta. Nếu lệ thuộc vào hoàn cảnh xung quanh, nó sẽ là một cây nến không chắc chắn cũng như không được che chắn đang cháy trong đêm gió bão. Mỗi lúc này cây nến còn cháy sáng đều, thì chập nữa thời ngọn lửa đã teo lét cháy đến tận đầu tìm đèn, tỏa rất ít ánh sáng hay không sáng nữa. Nhưng niềm vui Cơ Đốc không liên quan gì đến khung cảnh thoáng qua của đời sống, nên do đó không phải là nạn nhân của ngày đang trôi qua. Có lúc hoàn cảnh của tôi tự diễn ra giống như một ngày nắng đẹp của tháng Sáu, chập sau chúng lại giống như ngày âm đạm của tháng Mười Một. Hôm nay tôi đang

dự đám cưới; ngày mai tôi đứng bên cửa huyết mở rộng. Có ngày trong chức vụ, tôi chinh phục mười người về cho Chúa; và rồi suốt bao nhiêu ngày dài đằng đẵng, tôi chẳng hề chinh phục được ai. Vàng, ngày tháng cũng dễ biến thay y như thời tiết, thế nhưng niềm vui Cơ Đốc có thể kiên trì bền bỉ. Bí mật về sự kiên trì vĩnh viễn của niềm vui ấy nằm ở đâu?

Bí mật là đây. "Này! Ta ở cùng các ngươi luôn." Trong mọi ngày biến thay đổi, "Ngài chẳng hề thay đổi, chẳng mồi mết." Ngài không phải là Bạn Đồng Hành chỉ trong những lúc trời đẹp, bỏ mặc tôi khi năm tháng trở nên đen tối và lạnh giá. Ngài không chọn những ngày hội thịnh vượng của tôi, rồi chẳng thấy Ngài đâu trong ngày tôi gặp nghèo khổ và thất bại. Không phải Ngài tự tỏ mình chỉ những lúc tôi đeo vòng hoa, rồi giấu mình khi tôi đội mào gai. Ngài ở với tôi "cho đến tận thế" - trong những ngày thịnh vượng cũng như trong những ngày nghịch cảnh; những ngày tiếng chuông đổ báo lễ tang, và những ngày tiếng chuông báo hôn lễ reo vang. "Cho đến tận thế." Những ngày của sự sống - những ngày của sự chết - những ngày đoán xét.²¹

4:5 Giờ đây Phaolô khuyên họ hãy để cho mọi người đều biết nếp nhu mì của họ. Cũng có thể dịch là sự nhượng bộ, sự biết điều cách ngọt ngào, và sự sẵn lòng từ bỏ đường lối riêng của mình. Khó khăn không nằm ở chỗ hiểu câu này muốn nói gì, nhưng ở chỗ vâng theo lời giáo huấn này đối với "mọi người."

Chúa đã gán rỗi có thể muốn nói rằng Chúa đang hiện diện, hoặc muốn nói sự tái lâm của Ngài đã gán. Cả hai điều đúng, dầu vậy chúng ta thích quan điểm thứ nhì hơn.

4:6 Cơ Đốc nhân có thể thực sự “chớ lo phiền chi hết” hay không? Có thể, miễn là chúng ta có nguồn tái nguyên của sự cầu nguyện đầy xác quyết. Phần còn lại của câu Kinh Thánh này tiếp tục giải thích làm thế nào đời sống chúng ta được thoát khỏi những lo lắng của tội lỗi. Phải đem mọi sự đến cho Chúa trong sự cầu nguyện. Mọi sự có nghĩa là tất cả mọi sự. Không có gì là quá lớn hay quá nhỏ đối với sự chăm sóc trù mền của Ngài!

Cầu nguyện vừa là một hành động vừa là bầu không khí. Chúng ta đến với Chúa vào những thời điểm cụ thể và trình dâng những sự nài xin cụ thể lên trước Ngài. Nhưng cũng có thể sống trong bầu không khí cầu nguyện. Có thể tâm trạng của đời sống chúng ta phải là một tâm trạng cầu nguyện. Có lẽ chữ cầu nguyện trong câu Kinh Thánh này biểu thị thái độ tổng quát của đời sống chúng ta, còn nài xin nói đến những lời cầu xin cụ thể mà chúng ta dâng lên Chúa.

Nhưng rồi chúng ta phải thấy những lời cầu xin của mình phải được trình lên Chúa cùng với sự tạ ơn. Có người tóm tắt câu này rằng chúng ta nên “chớ lo phiền chi hết, cầu nguyện trong mọi sự, cảm tạ về mọi sự.”

4:7 Nếu những thái độ này đặc trưng cho đời sống chúng ta, thì sự bình an của Đức Chúa Trời Vượt Qua mọi sự

hiểu biết, sẽ giữ gìn lòng và ý tưởng anh em trong Đức Chúa Jêsus Christ. Sự bình an của Đức Chúa Trời là cảm nhận sự yên tĩnh thánh khiết và sự thỏa mãn thánh khiết tràn ngập tâm hồn của tín hữu khi người nương dựa vững chắc nơi Đức Chúa Trời.

Tâm ta nương nơi Chúa Cha,
Hưởng biết bao ơn lành;
Chúa hứa ban cho lòng ta,
Sống thái nhiên an bình.

Frances Ridley Havergal

Sự bình an này vượt quá mọi sự hiểu biết. Con người thế gian không thể hiểu được sự bình an, và ngay cả những Cơ Đốc nhân được hưởng sự bình an ấy cũng thấy nó có yếu tố mẫu nhiệm kỳ diệu trong đó. Họ kinh ngạc khi thấy mình không lo lắng gì lúc đối diện với thảm họa hay nghịch cảnh.

Sự bình an này gìn giữ lòng và đời sống tư tưởng. Như vậy đây là liều thuốc bổ cần thiết biết bao trong thời đại đầy dẫy bệnh tâm thần, suy nhược thần kinh, cảm thuốc ngủ này xuống tình thần.

4:8 Giờ đây sử đồ kết thúc lời khuyên về nếp sống tư tưởng. khắp nơi trong Kinh Thánh đều dạy chúng ta có thể kiểm soát những điều mình suy nghĩ. Thật vô ích để giữ thái độ chủ bại, nói mình hoàn toàn không thể giúp được nếp suy nghĩ khi tâm trí đầy dẫy những tư tưởng mà mình không hoàn toàn kiểm soát được. Sự thật là chúng ta có thể giúp được. Bí quyết nằm ở lối suy nghĩ tích cực. Đây chính là điều mà hiện nay trở thành nguyên tắc nổi tiếng – sức mạnh trực xuất của một tình cảm mới. Một

người không thể đồng thời vừa nuôi dưỡng những tư tưởng xấu vừa nuôi dưỡng những tư tưởng về Chúa Jêsus. Vậy, nếu có một ý tưởng xấu xa đến, người nên lập tức loại bỏ nó bằng cách suy gẫm về Thân Vị và công tác của Đấng Christ. Những nhà tâm lý và bác sĩ tâm thần được khai sáng nhiều hơn của thời nay đã đồng ý với sứ đồ Phaolô về vấn đề này. Họ nhấn mạnh những nguy hiểm của lối sống suy nghĩ tiêu cực.

Bạn không cần phải xem rất kỹ mới tìm được Chúa Jêsus Christ trong câu 6. Mọi điều nào chân thật, điều chi có tiếng tốt, điều chi có nhân đức đáng khen đều được tìm thấy trong Ngài. Chúng ta hãy xem xét từng mỹ đức này: chân thật có nghĩa là không giả dối hoặc không đáng tin, nhưng là chân thành và thật sự. Đáng tôn có nghĩa là đáng tôn trọng hoặc hấp dẫn về mặt đạo đức. Công bình có nghĩa là ngay thẳng cả với Đức Chúa Trời lẫn con người. Thanh sạch muốn nói đến đặc điểm đạo đức cao cả của đời sống một con người. Đáng yêu chuộng mang ý nói đến điều chi đáng khâm phục hoặc sẵn sàng tôn thành để ngắm xem hoặc suy xét. Có tiếng tốt còn được dịch là "có uy tín tốt" hoặc "tạo tiếng vang tốt." Đương nhiên, nhân đức nói đến sự xuất sắc về mặt đạo đức; và đáng khen là một điều gì đó xứng đáng được ca tụng.

Trong câu 7, Phaolô bảo đảm với các thánh đồ rằng Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ lòng và ý tưởng của họ trong Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng ông không quên nhắc nhở họ cũng phải có trách nhiệm

trong vấn đề này nữa. Đức Chúa Trời không giữ gìn nếp sống tư tưởng của người nào không muốn giữ cho nếp sống mình thanh sạch.

4:9 Một lần nữa, sứ đồ Phaolô nêu chính mình như một thành đồ gương mẫu. Ông khuyên giục tín đồ thực hành những điều đã học từ nơi ông và đã thấy trong đời sống ông.

Câu này xuất hiện rất gần sau câu 8 là sự kiện đầy ý nghĩa. Nếp sống công bình xuất phát từ lối suy nghĩ công bình. Nếu đời sống tư tưởng là thanh sạch, thì đời sống người ấy cũng sẽ thanh sạch. Mặt khác, nếu tâm trí một người trở thành nguồn suối bại hoại, thì hạn có thể chắc chắn dòng suối tuôn ra từ đó cũng ô uế nữa. Và chúng ta phải luôn luôn nhớ nếu một người áp ú một tư tưởng gian ác xấu xa đủ lâu, thì người đó rốt cuộc sẽ thực hiện hành động đó.

Những ai trung tín noi theo gương của sứ đồ thì được hứa rằng Đức Chúa Trời của sự bình an sẽ ở cùng họ. Trong câu 7, sự bình an của Đức Chúa Trời là phần của những người nào cầu nguyện; ở đây Đức Chúa Trời của sự bình an là Đấng Đồng Hành của những người thánh khiết. Ý tưởng ở đây là: Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài trở nên rất gần gũi và rất yêu quý trong kinh nghiệm hiện tại của mọi người nào có đời sống trở thành hiện thân của chân lý.

IX. PHAOLÔ CẢM ƠN MÔN QUẢ TÀI CHÁNH TỬ CÁC THÁNH ĐỒ (4:10-20)

4:10 Trong câu 10-19, Phaolô nói về mối quan hệ giữa ông với Hội Thánh tại Philíp liên quan đến sự giúp đỡ tài

chánh. Chưa ai có thể nói hết nổi những câu này có ý nghĩa thế nào đối với các thánh đồ đang được kêu gọi của Đức Chúa Trời trải qua những thời điểm gặp áp lực và những thất bại về tài chánh!

Phaolô vui mừng vì đến nay, sau một khoảng thời gian trôi qua, người Philíp đã trợ giúp thực tế cho ông trong công việc Chúa. Ông không trách họ về khoảng thời gian không nhận được sự trợ giúp; ông khen họ muốn gởi quà đến cho ông nhưng không có dịp tiện. Moffat dịch câu này: "Vì anh em không hề thiếu lòng quan tâm, nhưng thiếu cơ hội để bày tỏ."

4:11 Khi đề cập đến toàn bộ vấn đề tài chánh, thật tuyệt vời khi thấy sự tế nhị và lịch thiệp của Phaolô. Ông không muốn họ nghĩ ông than phiền tình trạng thiếu tài chánh. Trái lại, ông muốn họ biết ông hoàn toàn không lệ thuộc những hoàn cảnh tâm thường như thế. Ông đã tập... thỏa lòng, bất luận tình hình tài chánh của ông có thể nào đi nữa. Thỏa lòng thực sự còn vì đại hơn cả giàu có, vì "nếu sự thỏa lòng không sinh ra sự giàu có, thì thỏa lòng cũng đạt đến giàu có bằng cách loại bỏ lòng thèm khát giàu có."

"Thật là bí quyết phước hạnh biết bao khi tin hữu học cách ngẩng cao đầu với bao tử trống rỗng, nhìn ngay thẳng, với chiếc túl lép lòng hạnh phúc khi không được trả lương, vui mừng trong Đức Chúa Trời khi con người không trung tín." (Sưu Tầm)

4:12 Phaolô biết chịu nghèo hèn, có nghĩa biết chịu cảnh không có những

nhu yếu phẩm của đời sống; và ông cũng biết được dư dật, tức là tại một thời điểm nào đó ông được ban cho nhiều hơn những nhu cầu trước mắt của mình. Trong mọi sự và mọi nơi, ông đều tập cả, dẫu no hay đói, dẫu dư hay thiếu cũng được. Vì sự đó tập được bài học như thế bằng cách nào? Đơn giản bằng cách: ông tin quyết mình đang ở trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông biết dẫu mình đang ở đâu, hay đối diện trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ông ở đó bởi sự chỉ định của Đức Chúa Trời. Nếu ông đói, đó là vì Đức Chúa Trời muốn ông đói. Nếu ông no, chính vì Chúa đã hoạch định như vậy. Trung tín và bận rộn phục vụ Vua của mình, nên ông có thể nói: "Lạy Cha, dẫu như vậy đi nữa thì dường như điều đó rất tốt lành trước mắt Cha."

4:13 Rồi sự đó thêm những lời đã trở thành câu đó cho rất nhiều người: "Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi." Có phải ông muốn nói điều này theo nghĩa đen? Có phải sự đó thật sự tin rằng không có điều gì là ông làm không được? Câu trả lời thế này: khi sự đó Phaolô nói ông có thể làm được mọi sự, ông muốn nói mọi điều mà Đức Chúa Trời muốn ông làm. Ông đã học biết rằng mạng lệnh của Chúa chính là sự ban quyền năng của Chúa. Ông biết Đức Chúa Trời không bao giờ kêu gọi ông hoàn tất công tác mà lại không ban ân điển cần thiết. Chắc "mọi sự" không áp dụng cho những kỳ công của sự mạo hiểm, nhưng áp dụng cho những cảnh hết sức thiếu thốn và những lần chịu đối nặng nề.

4:14 Dầu nói gì đi nữa, ông vẫn muốn người Philip biết họ đã làm điều thiện khi chia sẻ cơn hoạn nạn của ông. Có lẽ điều này nói đến khoản tiền họ gửi đến chu cấp nhu cầu của ông đương lúc ông bị tù.

4:15 Trong quá khứ, người Philip đã vượt trội hơn trong ơn dâng hiến. Trong những thời đầu của chức vụ Phaolô, khi ông ba xứ Maxêđoan, chẳng có Hội Thánh nào hiệp với ông về mặt tài chánh ngoại trừ người Philip.

Cũng lưu ý thể nào những chi tiết có vẻ như không quan trọng này lại được ghi vĩnh viễn trong lời quý báu của Đức Chúa Trời. Điều này dạy chúng ta rằng điều chi được dâng cho tôi tớ Chúa tức là được dâng lên cho Ngài. Ngài quan tâm mỗi một xu. Ngài ghi lại toàn bộ những điều nào được thực hiện như làm cho Ngài, và Ngài ban thưởng bội phần, lấy lương ép chặt xuống, lác cho đầy và tuôn tràn ra nữa.

4:16 Ngay cả khi Phaolô ở Têsalônica, người Philip đã một hai lần gửi đồ cung cấp cho những nhu cầu của ông. Dường như người Philip đã sống gần gũi với Chúa đến nỗi Ngài có thể hướng dẫn họ trong sự dâng hiến. Đức Thánh Linh đã đặt gánh nặng trong lòng họ để cứu mạng sứ đồ Phaolô. Họ đáp ứng bằng cách gửi tiền đến cho ông một hai lần, tức là hai lần. Khi chúng ta nhớ Phaolô ở Têsalônica chỉ trong một thời gian ngắn, thì sự quan tâm của họ đối với ông tại đó lại càng nổi bật hơn nữa.

4:17 Lòng hoàn toàn vô kỷ của Phaolô được nêu rõ trong câu này. Ông được phần chuẩn bởi kết quả của họ hơn

là bởi lễ vật của họ. Ông mong mỏi bông trái càng dư dật hơn cho những tín hữu này, và lòng mong mỏi này còn lớn hơn cả ước muốn được trợ giúp về tài chánh. Đây chính xác là điều xảy ra khi đem tiền dâng cho Chúa. Việc đó được ghi lại hết trong các sổ sách khai trình và sẽ được đền đáp gấp trăm lần trong một ngày hầu đến.

Mọi điều chúng ta có đều thuộc về Chúa, và khi dâng lên cho Ngài, chúng ta chỉ đang dâng lên cho Chúa điều vốn thuộc về Ngài. Cơ Đốc nhân nào tranh luận vấn đề có nên dâng phần mười tiền bạc của họ hay không thì họ chưa hiểu được ý chính. Của dâng phần mười được truyền lệnh cho Ysơraên dưới luật pháp như một lễ vật tối thiểu. Trong thời đại ân điển này, câu hỏi đáng ra không phải là "Tôi sẽ dâng cho Chúa bao nhiêu?" nhưng đúng hơn phải là: "Tôi dám giữ lại cho riêng mình bao nhiêu?" Khao khát của Cơ Đốc nhân phải là sống tiết kiệm hy sinh để dâng phần tử lệ ngày càng tăng lên trong thu nhập mình cho công việc Chúa để con người sẽ không bị hư mất vì cơ chưa được nghe Tin Lành của Đấng Christ.

4:18 Khi Phaolô nói tôi nhận được hết, ông muốn nói "tôi đã có đủ mọi thứ tôi cần, và đương dư dật. Trong thời đại chủ nghĩa thương mại thế kỷ 20 này, dường như chuyện lạ không phải là nghe về một đầy tớ Chúa không đang xin tiền, nhưng trái lại chuyện lạ chính là nghe một người thừa nhận mình đã có đủ. Những chiến dịch xin tiền tràn lan của thời nay là một sự gớm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời và là sự sỉ

nhục cho Danh của Đấng Christ. Hoàn toàn không cần thiết cho những chiến dịch ấy. Hudson Taylor có lần nói: "Công việc Chúa được thực hiện theo cách của Chúa thì sẽ không bao giờ thiếu những nguồn tài nguyên của Ngài." Rắc rối ngày nay ấy là chúng ta không phân biệt được giữa làm việc cho Chúa và công việc Chúa. Có thể dự phần vào điều gọi là sự phục vụ Cơ Đốc mà có thể lại chẳng hề là ý muốn của Chúa chi cả. Nơi nào có dư dật tiến, thì luôn luôn có nguy cơ lớn nhất là bắt tay vào những công việc làm ăn mà có thể không hề được sự phê chuẩn của Chúa. Một lần nữa lại trích lời Hudson Taylor: "Điều chúng ta cần run sợ thật sự không phải là vì ngân quỹ không đủ, nhưng là vì quá nhiều ngân quỹ không được biệt riêng ra thánh."

Lễ vật yêu thương mà Êpaphrôđích đã đem từ người Philip đến cho Phaolô được mô tả như một thức hương có mùi thơm, một của lễ Đức Chúa Trời đang nhận và đẹp lòng Ngài. Còn một lần duy nhất khác nữa sử dụng đến những từ ngữ này, và chúng chỉ về chính Đấng Christ (Êphêso 5:2). Phaolô tôn trọng sự dâng hiến đầy hy sinh của người Philip bằng cách mô tả ý nghĩa của việc ấy đối với Đức Chúa Trời. Nó cất lên như một của lễ có mùi thơm đối với Ngài. Của lễ ấy vừa đang nhận vừa đẹp lòng Ngài.

Jowett thốt lên:

Như vậy, điều có vẻ như sự nhàn tẻ tại địa phương lại mang tầm vóc bao la biết dường nào! Chúng ta ngỡ mình đang chăm sóc cho một hành khất, nhưng trong thực tế chúng ta đang chuyên trò với Vua. Chúng ta nghĩ hương thơm này

sẽ bị dòng chảy trong một khu làng giêng nhờ bé, nhưng này, mùi thơm ngọt ngào đã len qua và cõi vũ trụ. Chúng ta nghĩ mình chỉ đang tiếp đãi Phaolô, và rồi chúng ta thấy mình đang chăm sóc cho Cậu Chúa và Chúa của Phaolô.²²

4:19 Giờ đây Phaolô nói thêm những lời có lẽ là nổi tiếng nhất và đáng yêu nhất trong toàn đoạn này. Chúng ta nên lưu ý lời hứa này đi sau phần mô tả sự quản lý trung tín của họ. Nói cách khác, vì họ đã dâng những nguồn tài nguyên vật chất của họ cho Chúa, thậm chí đến mức phương kế kiếm sống của chính họ bị lâm nguy, nên Đức Chúa Trời sẽ làm cho đầy đủ mọi sự cần dùng của họ. Thật dễ để lấy câu Kinh Thánh này ra khỏi văn mạch rồi dùng làm chiếc gối êm ái cho những Cơ Đốc nhân nào đang lãng phí tiền bạc cho riêng bản thân và hiếm khi nghĩ đến công tác của Chúa! "Ồn thôi, Đức Chúa Trời sẽ chu cấp mọi nhu cầu của anh em."

Tuy đúng theo ý nghĩa chung, Đức Chúa Trời thực sự chu cấp nhu cầu của dân sự Ngài, nhưng đây là lời hứa cụ thể rằng những ai trung tín và tận tâm trong sự dâng hiến cho Đấng Christ thì sẽ không bao giờ bị thiếu thốn.

Người ta thường bình luận rằng Đức Chúa Trời chu cấp nhu cầu của dân sự Ngài – không phải ra từ sự giàu có Ngài, nhưng y theo sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển trong Đức Chúa Jesus Christ. Nếu nhà triệu phú cho đưa trẻ một xu, ông đang cho từ sự giàu có của mình. Nhưng nếu ông trao một trăm ngàn dollars cho một sự nghiệp xứng đáng nào đó, thì ông đang cho y theo sự giàu

có của mình. Sự chu cấp của Đức Chúa Trời y theo sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển trong Chúa Jêsus Christ, và còn điều nào giàu có hơn thế nữa?

William gọi câu 19 là tờ giấy bạc được rút ra từ ngân hàng đức tin:

Đức Chúa Trời tôi - tên của chủ ngân hàng.

Sẽ làm cho đầy đủ - lời hứa chi trả.

Mọi sự cần dùng của anh em - giá trị của tờ giấy bạc.

Y theo sự giàu có của Ngài - tiền vốn của ngân hàng.

Ở nơi vinh hiển - địa chỉ của ngân hàng.

Trong Đức Chúa Jêsus Christ - chữ ký dưới chân tờ giấy bạc, mà nếu không có chữ ký ấy thì tờ giấy bạc không có giá trị.²³

4:20 Ý nghĩ về sự chu cấp dư dật của Đức Chúa Trời khiến sứ đồ tuôn tràn lời ngợi khen. Đây là cách nói thích hợp cho mọi con cái Đức Chúa Trời đã bằng ngày kinh nghiệm sự chăm sóc đầy ơn của Ngài, Ngài không những chu cấp của cải vật chất, mà còn ban sự dẫn dắt, giúp chống cự cám dỗ, và làm sống động thêm đời sống tinh nguyện mỗi môn.

X. NHỮNG LỜI CHÀO THĂM KẾT THÚC (4:21- 23)

4:21 Khi nghĩ đến các thành đồ đang nhóm nhau lại để lắng nghe bức thư ông đang viết cho họ, Phaolô chào thăm hết thấy các thành đồ trong Đức Chúa Jêsus Christ và gửi lời thăm của các anh em đang ở cùng với ông.

4:22 Chúng ta cảm thấy phải yêu mến câu này vì nhắc đến người nhà

Sêsa. Tri tưởng tượng của chúng ta bị cám dỗ mạnh mẽ đến độ nổi loạn. Người nhà của Nêrô được nói đến ở đây là ai? Có phải họ là một số binh lính được giao canh giữ sứ đồ Phaolô, và đã được cứu qua chức vụ của ông? Họ là những nô lệ hay những người tự do đang làm việc trong cung điện? Hay có thể cụm từ này bao gồm cả một số quan chức chính quyền Lamã? Không thể biết chắc chắn, nhưng ở đây chúng ta có minh họa tuyệt vời về sự thật là: Cơ Đốc nhân cũng giống như những con nhện, đã tìm được đường vào trong các cung điện của vua (Châm ngôn 30:28 - bản Việt Ngữ dịch là "thần lèn")! Tin Lành không hề biết đến ranh giới. Tin Lành có thể thâm nhập vào những bức tường bị nghiêm cấm cẩn mật nhất. Tin Lành có thể tự mọc lên ngay giữa những người đang tìm cách trừ khử Tin Lành. Thật ra, các cửa âm phủ cũng không thắng được Hội Thánh của Chúa Jêsus Christ!

4:23 Giờ đây Phaolô kết thúc bằng lời chào thăm điển hình của ông. Ân điển tỏa sáng từ trang đầu của thư này, và giờ đây lại xuất hiện lần nữa ở phần kết thúc. Do đầy dẫy trong lòng mà miệng nói ra. Tấm lòng Phaolô đầy dẫy đến nỗi tuôn tràn chủ đề vĩ đại nhất của mọi thời đại - ân điển của Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Jêsus Christ - và không hề ngạc nhiên khi thấy chân lý quý báu này tràn ngập mọi ống dẫn trong đời sống ông.

Paul Rees kết luận giúp chúng ta:

Người vĩ đại nhất của nhân loại đã viết bức thư âm áp nhất trên đời. Công tác của tình yêu thương đã hoàn tất. Ngày

đã hết. Xiềng xích vẫn còn dò trên cổ tay vì sự đả. Bình linh vẫn đang đứng gác. Chẳng hề gì! Tâm linh của Phaolô được tự do! Tâm trí của ông minh mẫn! Tâm lòng của ông đang bùng bùng! Và sáng hôm sau, Epaphrôđít sẽ bước về Philip!²⁴

CHÚ THÍCH

¹{Giới Thiệu} H. A. A. Kennedy, "Philippians," *The Expositor's Greek Testament*, 111:407.

²{1:1} J. H. Jowett, *The High Calling*, trang 2.

³{1:7} W. E. Vine, *The Epistles to the Philippians and Colossians*, trang 23.

⁴{1:10} Theo từ ngữ phát sinh, chữ được dịch "được tinh sạch" (eilikrines) nghĩa là "không pha trộn," hoặc có thể là "không sợ mặt trời làm hỏng." Nếu đúng chữ thứ nhì, thì nó có cùng nghĩa với chữ "thành thật" (nghĩa đen là "không pha sập"). Thợ điêu khắc thành thật sẽ cứ đeo bỏ phần bị lỗi trong khối cẩm thạch trắng. Một thợ không thành thật sẽ lấy sập trám vào đó. Nhưng trước ánh mặt trời, bức tượng bị trám sập sẽ nhanh chóng phơi trần sự che đậy của người thợ kia.

⁵{1:11} Lehman Strauss, *Devotional Studies in Philippians*, trang 63.

⁶{1:13} T. W. Drury, *The Prison Ministry of St. Paul*, trang 22.

⁷{1:20} Guy King, *Joy Way*, trang 33.

⁸{1:21} Jowett, *Calling*, trang 34.

⁹{2:1} F. B. Meyer, *Devotional Commentary on Philippians*, trang 77-79.

¹⁰{2:5} King, *Joy Way*, trang 51.

¹¹{2:6} E. H. Gifford, *The Incarnation*, trang 44, 45.

¹²{2:11} Charles R. Erdman.

¹³{2:17} George Williams, *The Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 931.

¹⁴{3:7} King, *Joy Way*, trang 81.

¹⁵{3:10} Jowett, *Calling*, trang 217.

¹⁶{3:10} *Ibid.*, trang 81, 82.

¹⁷{3:10} Hudson Taylor, do bà Howard Taylor trích dẫn trong *Behind the Ranges*, trang 170.

¹⁸{3:10} C. A. Coates.

¹⁹{3:17} Strauss, *Philippians*, trang 202.

²⁰{4:3} "Bạn cùng mang ách" (Hy văn là *su(n)zugos*) có thể là một tên riêng (Synzygus). Dầu chưa thấy tên này ở nơi khác, nhưng đây có thể là loại tên gọi được đặt biệt đặt cho nô lệ.

²¹{4:4} Jowett, *Day by Day*, trang 169-171.

²²{4:18} *Ibid.*, trang 225.

²³{4:19} Williams, *Student's Commentary*, trang 934.

²⁴{4:23} Paul Rees, *The Adequate Man*, trang 127.

SÁCH THAM KHẢO

Erdman, C. R. *The Epistle of Paul to the Philippians*. Philadelphia: Westminster Press, 1928. Gifford, E. H. *The Incarnation: A Study of Philippians*. London: Hodder & Stoughton, 1897.

Jowett, J. H. *The High Calling*. London: Andrew Melrose, 1909.

Kelly, William. *Lectures on Philippians and Colossians*. London: G. Morrish, không rõ năm xuất bản.

Kennedy, H. A. A. "Philippians," *The Expositor's Greek Testament, Vol. III*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1961.

King, Guy H. *Joy Way*. London: Marshall, Morgan & Scott, Ltd., 1954.

Meyer, F. E. *Devotional Commentary on Philippians*. Grand Rapids: Kregel Publications, 1979.

Rees, Paul. *The Adequate Man*. Westwood, N.J.: Fleming H. Revell Co.,

1959.

Strauss, Lehman. *Devotional Studies in Philippians*. Neptune, N.J.: Loizeaux Bros. Publishers, 1959.

Vine, W. E. *The Epistles to the Philippians and Colossians*. London: Oliphants, 1955.

THƠ GỎI CHO NGƯỜI CÔLÔSE

GIỚI THIỆU

"Đi vào trong chính thư Côlôse, suy nghĩ thêm lần nữa về tư tưởng được soi dẫn của thơ gợi ghém trong ngôn ngữ được soi dẫn, để ánh sáng và quyền năng của tư tưởng này đẩy dẩy tâm hồn và nắm đưc đời sống, công việc ấy làm phong phú cho suốt cõi đời này và cõi đời đời."

- R. C. H. Lenski

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Hầu hết các Thư Tin của Phaolô đều được viết cho các hội chúng tại những thành phố lớn hoặc thành phố quan trọng: Rôma, Côrinthô, Êphêso, Philip. Thành phố nhỏ Côlôse đã được may mắn. Ngay cả hội chúng tại đó cũng không nổi tiếng trong lịch sử Hội Thánh đầu tiên. Nói ngắn gọn, nếu không vì cơ Thư Tin được soi dẫn này gửi cho Cơ Đốc nhân tại đó, ngày nay Côlôse chắc là một tên gọi chỉ có các sinh viên của khoa lịch sử cổ đại mới biết đến mà thôi.

Đầu địa điểm này thật tầm thường, Thư Tin do sứ đồ gửi đến đó lại hết sức quan trọng. Cùng với Giăng 1 và Hêbrơ 1, Côlôse 1 trình bày phần giải luận tuyệt vời nhất về thần tánh tuyệt đối của Chúa Jesus Christ chúng ta. Vì giáo lý này là nền tảng cho toàn bộ chân lý Cơ Đốc, nên nhấn mạnh giá trị của thơ như vậy cũng không phải là quá đáng.

Thơ Tin này cũng dạy rất phong phú về các mối quan hệ, tà giáo và nếp sống Cơ Đốc.

II. Quyển Tác Giả

Không bằng chứng nào cho thấy có người thắc mắc quyển tác giả thơ Côlôse của Phaolô mãi đến thế kỷ

mười chín, và bằng chứng tích cực này rất đầy đủ. *Ngoại chứng* đặc biệt vững mạnh. Nhưng ai trích Thơ này thường kể tên Phaolô là tác giả, và họ gồm Ignatius, Justin Martyr, Theophilus ở Antiôt, Irenaeus, Clement ở Alexandria, Tertullian, và Origen. Cả hai bộ Kinh Điển của Marcion và Muratori đều chấp nhận thơ Côlôse là đích thực.

Nội chứng gồm sự kiện đơn giản là tác giả ba lần tước mình là Phaolô (1:1,23; 4:18) và nội dung phù hợp với những lời tuyên bố ấy. Phần giải luận giáo lý tiếp đến phần bốn phần là cách giải luận điển hình của sứ đồ Phaolô. Có lẽ bằng chứng thuyết phục nhất về tính xác thực chính là sự liên kết vững chắc với thơ Philêmon, mà mọi người đều chấp nhận là của Phaolô. Năm người được nhắc tên trong bức thơ ngắn ngủi ấy cũng có mặt trong thơ Côlôse. Ngay cả nhà phê bình như Renan cũng thấy rất ấn tượng với những điểm tương đồng của Philêmon, *đến nỗi ông rất nghi ngờ về thơ Côlôse.*

Những lập luận phản đối tác quyển của Phaolô tập trung vào ngữ vựng, giáo lý về Đấng Christ, và những điều dương như nói đến Tri Huệ Thuyết. Về điểm thứ nhất, nhiều

từ vưng mới trong thư Côlôse đã thay thế một số những từ ngữ ưa thích của Phaolô. Salmon, một học giả bảo thủ người Anh của thế kỷ trước, đã ứng phó rất hóm hỉnh với lập luận này: "Tôi không thể tán thành lý thuyết cho rằng người viết ra tác phẩm mới không được phép sử dụng bất kỳ từ ngữ nào chưa được dùng trong tác phẩm trước đó, nếu sử dụng không xác nhận ông là tác giả được." Về Cơ Đốc luận của thư Côlôse, giáo lý này ăn khớp với giáo lý của thư Philip và Giăng, và chỉ những người nào muốn biến đổi thần tánh của Đấng Christ trở thành sản phẩm xuất xứ từ ngoại giáo ở thế kỷ thứ nhì mới gây rối với giáo lý này.

Về phần Trí Huệ Thuyết học giả phải tự do người Tô Cách Lan là Moffat nghĩ giai đoạn đầu của Trí Huệ Thuyết được trình bày trong thư Côlôse chắc có lẽ đã có từ thế kỷ thứ nhất.²

Vì vậy, quyển tác giả thư Côlôse của Phaolô vẫn ở yên trên nền tảng vững chắc.

III. Thời Điểm Viết

Là một trong "Những Thư Tin Trong Tù," có thể xem thư Côlôse được viết trong thời Phaolô bị giam hai năm tại Sêsarê (Công vụ 23:23; 24:27). Tuy nhiên, vì nhà truyền đạo Philip tiếp đón ông tại đó, nên không chắc sứ đồ sẽ quên nhắc đến tên Philip, vì Phaolô là một Cơ Đốc nhân rất lịch thiệp và hào hiệp. Người ta cũng gợi ý có thể có một lần bị tù tại Êphêsô, đầu vậy, gợi ý này lại càng kém chắc chắn hơn nhiều. Thời điểm thuận lợi để viết thư này và thư

Philêmon là vào giữa lần cầm tù thứ nhất tại Rôma của Phaolô, vào khoảng năm 60 S.C. (Công vụ 28:30,31).

May mắn thay, như thường lệ vẫn vậy, sự hiểu biết về sách này không lệ thuộc sự hiểu biết đầy đủ về những hoàn cảnh để viết thư này ra.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Côlôse là thành phố ở tỉnh Phrygi, trong vùng ngày nay gọi là Tiểu Á. Côlôse nằm phía đông Laodixê mười dặm và đông nam của Hiêrabôli mười ba dặm (xem 4:13). Thành này cũng nằm ở phía đông Êphêsô khoảng một trăm dặm, ngay cửa lối vào dãy núi Cadmian (một thung lũng hẹp dài mười hai dặm) trên lộ trình quân sự từ sông Ôphrát đến Phương Tây. Côlôse nằm trên Sông Lycus (Chó Sói), chảy xuôi về hướng tây đổ vào Sông Maeander ngay sau khi chảy qua Laodixê. Tại đó, nước từ những suối nước nóng của Hiêrabôli hòa với những dòng nước lạnh từ Côlôse, tạo ra tình trạng "hâm hám" tại Laodixê. Hiêrabôli vừa là trung tâm sức khỏe vừa là trung tâm tôn giáo, còn Laodixê là thủ phủ của vùng thung lũng này. Côlôse trước thời Tân Ước thì rộng lớn hơn. Người ta nghĩ có thể tên này liên hệ đến từ ngữ "colossus" (tượng khổng lồ), từ những binh thủ la thường theo những cách sắp xếp đá vôi của nó.

Chúng ta không biết chính xác Tin Lành lần đầu tiên đến Côlôse như thế nào. Vào lúc Phaolô viết Thư này, ông chưa hề gặp các tín hữu tại đó (2:1). Người ta thường cho rằng Êpháp-ra là người đầu tiên đem Tin Lành cứu rỗi đến thành phố này (1:7). Nhiều người

ngợi rằng ông trở lại tin Chúa qua Phaolô khi sứ đồ ở ba năm tại Êphêsô. Phirigi là một phần của tỉnh Asia và Phaolô ở tại Phirigi (Công vụ 16:6, 18:23), nhưng không ở tại Côlôse (2:1).

Từ thư này, chúng ta thực sự biết giáo lý giả, mà hình thức phát triển đầy đủ của nó được gọi là Trí Huệ Thuyết, đang bắt đầu đe dọa Hội Thánh tại Côlôse. Trí Huệ Phải tự hào về sự hiểu biết của họ (Hy văn *gnâsôs*). Họ tự tuyên bố có thông tin ưu việt hơn thông tin của các sứ đồ và cố tạo ấn tượng rằng người ta không thể thực sự hạnh phúc trừ khi được truyền thụ cho những bí quyết sâu nhiệm nhất trong tôn giáo của họ.

Một số người Trí Huệ Phải phủ nhận nhân tánh thật của Đấng Christ. Họ dạy rằng "Đấng Christ này" là một ảnh hưởng thiên thượng xuất phát từ Đức Chúa Trời và ở lại trên Con Người này, là Jêsus, tại lúc Ngài chịu báp-têm. Họ còn dạy thêm rằng Đấng Christ đã rời khỏi Jêsus ngay trước khi bị đóng đinh. Theo họ, kết quả là Jêsus đã chết, nhưng Đấng Christ không chết.

Những nhánh nhất định của trí huệ giáo dạy rằng giữa Đức Chúa Trời và vật chất có rất nhiều cấp độ hay thứ bậc khác nhau của các hữu thể thuộc linh. Họ giữ quan điểm này để cố gắng giải thích nguồn gốc của điều ác.

A. T. Robertson giải thích:

Phòng đoán của Trí Huệ Thuyết về chính nó chủ yếu liên quan đến nguồn gốc vũ trụ và sự hiện hữu của điều ác. Họ cho rằng Đức Chúa Trời là thiện, thế nhưng vẫn có điều ác

hiện hữu. Lý thuyết của họ cho rằng điều ác vốn có hữu ở trong vật chất. Thế nhưng một Đức Chúa Trời thiện lành không thể tạo ra vật chất gian ác được. Vì vậy họ mặc nhiên công nhận một loại những linh lưu xuất, những thần lưu xuất (aeons), các linh, các thiên sứ lưu xuất ra giữa Đức Chúa Trời và vật chất. Ý của họ ấy là: một thần lưu xuất này ra từ Đức Chúa Trời, rồi một thần lưu xuất ra từ thần lưu xuất này, và cứ tiếp tục như vậy cho đến khi đã xa khỏi Đức Chúa Trời vì Đức Chúa Trời không bị ô nhiễm bởi sự tạo dựng vật chất xấu xa thế nhưng gần đó để có quyền thực hiện công tác đó.²

Vì tin thần thể vốn đầy tội lỗi, nên một số người Trí Huệ Phải thực hành nếp sống khổ tu, là hệ thống tự chối bỏ mình hoặc thậm chí tự hành xác, để cố gắng đạt được tình trạng thuộc linh cao hơn. Người khác tiến sang thái cực ngược lại, sống buông thả trong xác thịt, vì nói rằng thần thể không quan trọng hoặc cũng không có ảnh hưởng gì trên đời sống thuộc linh của người ấy!

Dường như vết tích của cả hai sai lầm này đều có trong thư Côlôse. Đây chính là chủ nghĩa hai luật pháp và Do Thái giáo. Thuyết bài luật pháp là sự dạy dỗ cho rằng dưới ân điển, người ta không cần phải sống tiết độ, tự chủ, nhưng có thể sống buông thả hết cỡ vào những đam mê và thêm khát của thân thể mình. Chủ nghĩa Do Thái giáo của Cựu Ước đã suy thoái thành hệ thống tuân giữ lễ nghi để nhờ đó mong được công bình trước mặt Đức Chúa Trời.

Sai lầm có trong Cólôse ngày nay vẫn còn ở giữa chúng ta. Tri huệ thuyết đã xuất hiện trở lại trong Cơ Đốc Khoa Học, Thông Thiên Học, Mormon, Giêhôva Chứng Nhân, đạo Unity, và nhiều hệ phái khác. Thuyết bala luật pháp là đặc trưng của mọi người nào nói rằng vì chúng ta ở dưới ân điển nên có thể sống tùy ý thích của mình. Do Thái giáo lúc đầu là khái thị do Chúa ban, với những hình thức và những lễ nghi nhằm dạy các chân lý thuộc linh theo nghĩa hình bóng - như thấy trong thư gửi cho người Hêbơơ và các phần Tân Ước khác. Do Thái giáo đã sa ngã thành hệ thống trong đó xem bản thân các hình thức ấy là công đức, và vì vậy người ta hầu như thường phớt lờ ý nghĩa thuộc linh. Nó có phần đối ứng của mình ngày nay trong các hệ thống tôn giáo khác nhau để dạy rằng người ta có thể tìm công đức và ơn của Đức Chúa Trời bởi những việc làm của chính mình, phớt lờ hoặc phủ nhận linh lượng tội lỗi và không chấp nhận chỉ một mình Ngài chu cấp nhu cần sự cứu rỗi.

Trong thư Cólôse, sứ đồ Phao lô đối phó tài tình với mọi sai lầm này

bằng cách bày tỏ những vinh hiển của Thân Vị và công tác của Chúa chúng ta.

Thư này giống bức thư Phao lô gửi cho người Êphêso đến kinh ngạc. Tuy nhiên, đây là sự giống nhau mà không lặp lại. Thư Êphêso xem tín hữu được đồng ngối với Đấng Christ trong các nơi trên trời. Mặt khác, thư Cólôse nhìn thấy tín hữu ở trên trần gian, với Đấng Christ là Đầu vinh hiển của họ ở trên Thiên đàng. Điểm nhấn mạnh trong thư Êphêso là *tín hữu* hiện ở *trong Đấng Christ*. Thư Cólôse nói về *Đấng Christ ở trong tín hữu*, là sự trông cậy về sự vinh hiển. Trong thư Êphêso, đại ý nhằm vào Hội Thánh trong tư cách "Thân Thể" của Đấng Christ, là "sự đầy đủ của Đấng gồm tóm mọi sự trong mọi loài" (Êphêso 1:23). Như vậy sự hiệp một của Thân Thể Đấng Christ được nhấn mạnh. Trong thư Cólôse, quyền làm đầu của Đấng Christ được trình bày mạnh mẽ trong Đoạn 1, với lẽ tất yếu buộc chúng ta phải "liên lạc với Đầu" (2:18,19), vâng phục Ngài. Năm mươi bốn trong số một trăm năm mươi lăm câu của Êphêso tương tự với những câu có trong thư Cólôse.

BỐ CỤC

I. GIÁO LÝ VỀ SỰ NỔI BẬT CỦA Đấng CHRIST (Đoạn 1,2)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

B. Phao lô Cảm Tạ Và Cầu Thay Cho Tín Hữu (1:3-14)

C. Những Vinh Hiển Của Đấng Christ, Đầu Của Hội Thánh (1:15-23)

D. Chức Vụ Được Giao Cho Phao lô (1:24-29)

E. Sự Đầy Đủ Của Đấng Christ Để Chống Lại Những Hiểm Họa Của Triết Học, Chủ Nghĩa Duy Luật, Chủ Nghĩa Thần Bí Và Chủ Nghĩa Khổ Tu (2:1-23)

II. BỐN PHẦN CỦA TÍN HỮU ĐỐI VỚI Đấng CHRIST ƯU VIỆT (Đoạn 3,4)

A. Nếp Sống Mới Của Tín Hữu: Lột Bỏ Người Cũ Và Mặc Lấy Người Mới (3:1-17)

B. Hành Vi Xứng Đáng Cho Thành Viên Trong Người Nhà Cơ Đốc (3:18-4:1)

C. Nếp Sống Cầu Nguyện Và Làm Chứng Của Tín Đồ Bằng Đời Sống Và Lời Nói (4:2-6)

D. Nhìn Nhìn Thoảng Qua Về Một Số Bạn Cùng Làm Việc Với Phaolô (4:7-14)

E. Những Lời Chào Thăm Và Dạy Bảo (4:15-18)

CHÚ GIẢI

I. GIÁO LÝ VỀ SỰ NỔI BẬT CỦA Đấng CHRIST (Đoạn 1,2)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

1:1 Vào thời Tân Ước được viết ra, người ta có thói quen mở đầu bức thư với tên của người viết. Vì vậy, **Phaolô** tự giới thiệu ông theo ý muốn của Đức Chúa Trời làm sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ. Sứ đồ là người được chính Chúa Jêsus đặc biệt sai phái như là sứ giả. Để khẳng định sứ điệp do họ rao giảng, các sứ đồ được ban quyền phép để thi hành các phép lạ (II.Côrinthô 12:12). Ngoài ra, chúng ta còn đọc thấy khi sứ đồ đặt tay trên tín hữu trong một số trường hợp, thì có Đức Thánh Linh được ban xuống (8:15-20; 19:6). Trên thế giới ngày nay không còn sứ đồ nào theo ý nghĩa nghiêm ngặt của từ ngữ này, và cũng thật đại đột khi con người tuyên bố mình là người kế vị của mười hai sứ đồ nguyên thủy. Nhiều người xem Êphêso 12:20 bày tỏ công tác của những người được ân tứ đặc trưng của các sứ đồ và các tiên tri có liên quan chủ yếu tới sự thành lập Hội Thánh,

chứ không phải là công tác của các nhà truyền đạo, mục sư và giáo sư (Êphêso 4:11), là công tác vẫn tiếp tục trong suốt định kỳ này.

Phaolô truy quyền sử đồ của mình về ý muốn Đức Chúa Trời (cùng xem Công vụ 9:15; Galati 1:1). Đây không phải là nghề nghiệp ông chọn cho mình hay đã được con người huấn luyện cho nghề nghiệp ấy. Đây cũng không phải chức vụ ban cho ông qua sự phong chức của loài người. Chức sứ đồ này không "đến từ con người" (như là nguồn gốc), cũng không phải "qua con người" (như một phương tiện). Trái lại, toàn bộ chức vụ của ông được thi hành dưới nhận thức trang trọng rằng chính Đức Chúa Trời đã chọn ông làm sứ đồ.

Lúc thư này được viết ra, có **Timôthê** là anh em cùng ở với Phaolô. Cũng nên lưu ý tại đây, thái độ của Phaolô hoàn toàn không tỏ vẻ có chức quyền đối với Timôthê. Cả hai đều là thành viên của tình huynh đệ chung và không hề nghĩ đến phẩm trật các chức sắc trong giáo hội với những

tước hiệu hợm hĩnh và lễ phục phân biệt nhau.

1:2 Thư này được gởi cho các anh em chúng ta ở thành Cólôse là những người thánh và trung tín trong Đấng Christ. Tại đây có hai tên gọi trêu mến được dùng chỉ về mọi Cơ Đốc nhân trong Tân Ước. Thánh đồ có nghĩa họ được biệt riêng ra khỏi thế gian cho Đức Chúa Trời và vì vậy họ phải sống những cuộc đời thánh khiết. Anh em trung tín cho thấy họ là con cái của cùng một Cha bởi đức tin nơi Chúa Jêsus; họ là những anh chị em cùng niềm tin. Cơ Đốc nhân cũng được gọi là môn đồ và tín đồ trong các phần khác của Tân Ước.

Trong Đấng Christ nói đến địa vị được linh của họ. Khi họ được cứu, Đức Chúa Trời đặt họ trong Đấng Christ, "được chấp nhận trong Đấng yêu dấu." Từ đó trở đi, họ có sự sống và bản tánh của Ngài. Từ đó trở đi họ sẽ không còn bị Đức Chúa Trời xem là con cái của Adam hay những con người chưa được tái sanh, nhưng Ngài giờ đây sẽ nhìn họ trong toàn bộ tình trạng được chấp nhận của chính Con Ngài. Cụm từ trong Đấng Christ truyền đạt ý về sự kháng khít, sự chấp nhận và sự an ninh trời hơn trí hiểu của con người. Vị trí địa lý của các tín hữu này được nói rõ qua cụm từ người ở thành Cólôse. Chẳng biết nếu không phải vì Tin Lành đã được rao giảng tại đó và nhiều linh hồn được cứu, thì có bao giờ chúng ta nghe đến thành phố này không.

Giờ đây, Phaolô chào thăm các thánh đồ với lời chào thăm trêu mến:

Nguyễn xiêng anh em được ân điển và sự bình an ban cho bởi Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta! Không có hai từ ngữ nào gói trọn phúc hạnh của Cơ Đốc giáo hơn là chữ ân điển và bình an. Ân điển là một thành ngữ phổ thông trong tiếng Hy Lạp, còn bình an là lời chào phổ thông của người Do Thái. Và hai từ ngữ này được dùng lúc gặp nhau hoặc chia tay. Phaolô kết hiệp cả hai từ, và nâng cao ý nghĩa cùng cách sử dụng của chúng. Ân điển mô tả Đức Chúa Trời đang cúi xuống nhân loại tội lỗi hư mất với lòng thương xót trêu mến và dịu dàng. Bình an tóm tắt toàn bộ những kết quả trong đời sống của một người từ khi tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời như món quà tặng không. R. J. Little nói: "Ân điển có thể nói đến rất nhiều điều, và giống như một ngàn phiếu chưa điển. Bình an rõ ràng là một phần di sản của Cơ Đốc nhân, và chúng ta đừng để cho Satan cướp nói khỏi tay mình." Thứ tự của những từ ngữ này cũng rất ý nghĩa: ân điển trước hết, sau đó mới bình an. Nếu Đức Chúa Trời không hành động trong tình yêu và lòng thương xót đối với chúng ta trước đã, thì chúng ta vẫn còn ở trong tội mình. Nhưng vì Ngài đã khởi xướng trước và sai Con Ngài đến chết thay chúng ta, giờ đây chúng ta mới được bình an với Đức Chúa Trời, bình an với con người, và được sự bình an của Đức Chúa Trời trong tâm hồn mình. Ngay cả sau khi nói mọi điều này, người ta vẫn thất vọng vì chưa bao giờ định nghĩa thỏa đáng những từ ngữ vĩ đại như hai từ này.

B. Phaolô Cảm Tạ Và Cầu Thay Cho Tín Hữu (1:3-14)

1:3 Sau khi chào thăm các thánh đồ này bằng những từ ngữ đã trở thành khẩu hiệu của Cơ Đốc giáo, sử đồ thực hiện một việc nữa vốn rất đặc trưng của ông – ông quỳ gối xuống tạ ơn và cầu nguyện. Dường như sử đồ luôn luôn bắt đầu lời cầu nguyện bằng sự ngợi khen Chúa, và đây là tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Lời cầu nguyện của ông được trình dâng lên Đức Chúa Trời là Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Cầu nguyện là đặc ân không tả vi được Đấng Tế Trị Tối Thượng trên cõi vũ trụ này lắng nghe. Nhưng có thể người ta hỏi: "Làm sao một con người lại dám đứng trước sự hiện diện đáng kính sợ của Đức Chúa Trời chi cao vô hạn?" Câu trả lời được tìm thấy trong khúc Kinh Thánh của chúng ta. Đức Chúa Trời vinh hiển và oai nghiêm của cõi vũ trụ này là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Đấng cao cả vô hạn đã trở nên gần gũi kháng khí. Vì cố là tín đồ trong Đấng Christ, chúng ta chia sẻ sự sống Ngài, và Đức Chúa Trời cũng là Cha của chúng ta nữa (Giăng 20:17). Chúng ta có thể đến gần Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Cầu nguyện cho anh em không thôi. Nếu hiểu theo từ ngữ, cụm từ này không có gì để đáng chú ý, nhưng khi chúng ta nhớ câu này mô tả lòng Phaolô quan tâm đến những người ông chưa hề gặp, thì chúng mang lấy một ý nghĩa mới. Chúng ta thường thấy khó nhớ bà con và bạn hữu của mình trước ngại ân điển, nhưng hãy

nhớ đến danh sách cầu nguyện mà sử đồ Phaolô chắc hẳn đã lưu giữ! Ông cầu nguyện không những cho người mình biết, mà còn cho những Cơ Đốc nhân nơi xa xôi mà người khác đã nhắc đến tên của họ với ông. Thật sự, đời sống cầu nguyện không mỗi mọt của Phaolô giúp chúng ta hiểu ông rõ hơn.

1:4 Ông đã nghe về đức tin của người Côlôse nơi Đức Chúa Jêsus Christ và về sự yêu thương của họ đối với mọi thánh đồ. Trước hết, ông đề cập đến đức tin của họ nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Chúng ta phải luôn luôn bắt đầu từ đây. Thế giới ngày nay có rất nhiều người mộ đạo không ngừng nói về tình yêu của họ đối với người khác. Nhưng nếu bạn hỏi họ, bạn sẽ thấy họ không hề có đức tin nơi Chúa Jêsus. Tình yêu như thế là trống rỗng và vô nghĩa. Mặt khác, có những người xưng mình tin Đấng Christ, thế nhưng muốn tìm bằng chứng của tình yêu trong đời sống họ thì chỉ vô ích mà thôi. Tương tự, Phaolô sẽ thất vọng về tình thành thật của đức tin họ. Phải có đức tin thật nơi Cứu Chúa, và đức tin này phải thể hiện bằng chứng qua đời sống yêu Chúa và yêu người đồng loại của mình.

Phaolô nói đức tin là đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Phải thấy điều rất quan trọng này. Kinh Thánh luôn trình bày Đức Chúa Jêsus Christ là Đối Tượng của đức tin. Có thể một người có đức tin vô hạn nơi một ngân hàng, nhưng đức tin ấy chỉ hiệu lực khi nào nhà băng kia đáng tin. Bản thân đức tin không bảo đảm được sự an toàn cho món tiền người gửi nếu

nhà băng kia quản lý tồi. Trong đời sống thuộc linh cũng vậy. Bản thân đức tin thì chưa đủ. Đức tin đó phải được tập trung vào Chúa Jêsus Christ. Vì Ngài không bao giờ có thể thất bại, nên không người nào tin cậy Ngài sẽ bị thất vọng bao giờ.

Việc Phaolô đã nghe về đức tin và tình yêu của họ cho thấy chắc chắn họ không phải là những tín hữu bí mật. Trên thực tế, Tân Ước rất ít khích lệ những ai tìm cách tiếp tục làm môn đồ (bí mật). Lời Đức Chúa Trời dạy rằng nếu (thấm lặng) thật sự tiếp nhận Cứu Chúa, thì không thể tránh khỏi chuyện người ấy sẽ xưng Dấng Christ công khai.

Tình yêu thương của người Côlôse đã tỏ ra cho mọi thánh đồ. Tình yêu của họ không hề có điều gì mang tính cục bộ địa phương hay chỉ dành riêng cho bề phái. Họ không những yêu những người cùng hội, nhưng hề tìm thấy tín hữu thật nơi đâu, thì tình yêu thương của họ đều tuôn trào lại láng âm áp. Đây phải là bài học cho chúng ta, để tình yêu không thu hẹp lại hay chỉ giới hạn cho hiệp hội địa phương của riêng mình, hay cho những giáo sĩ từ đất nước của chúng ta ra đi. Chúng ta nên công nhận chiến của Đấng Christ tại bất kỳ nơi nào nhìn thấy họ, và tỏ cảm tình của chúng ta với họ tại bất kỳ nơi đâu có thể được.

1:5 Hoàn toàn không rõ câu này nói kết thế nào với phần đi trước. Có phải nói kết với câu 3: Chúng tôi... cảm tạ... vì sự trông cậy để dành cho anh em ở trên trời? Hay nói kết với phần cuối câu 4: sự yêu thương của anh em đối với mọi thánh đồ, vì

cớ sự trông cậy để dành cho anh em trên trời? Giải thích theo cách nào cũng được. Có thể sử dụng đang dang lời tạ ơn Chúa, không những vì đức tin và tình yêu của họ, mà còn về cơ nghiệp tương lai một ngày kia sẽ thuộc về họ nữa. Mặt khác, cũng đúng là đức tin nơi Đức Chúa Jêsus và tình yêu đối với mọi thánh đồ được bày tỏ ra khi xét đến điều đang nằm ở phía trước chúng ta. Dầu tương hợp nào đi nữa, chúng ta đều thấy ở đây Phaolô đang liệt kê ba đức hạnh trọng tâm của đời sống Cơ Đốc: đức tin, tình yêu và sự trông cậy. Những điều này cũng được nhắc đến trong I.Côrinthô 13:13 và I.Têsalônica 1:3;5:8. Lightfoot nói: "Đức tin an nghỉ trên quá khứ, tình yêu hành động trong hiện tại; sự trông cậy nhìn tới tương lai."⁴

Trong câu này, sự trông cậy không có nghĩa thái độ chờ đợi hay trông đợi hướng tới một điều gì đó, nhưng đúng hơn nói đến điều mà một người đang hy vọng về nó. Ở đây, chữ này muốn nói đến điều ứng nghiệm của sự cứu rỗi chúng ta khi chúng ta được đưa vào Thiên đàng và sẽ vào cơ nghiệp đời đời của mình. Người Côlôse đã nghe về sự trông cậy này trước đây, có lẽ khi Êphápra giảng Tin Lành cho họ. Điều họ đã nghe được mô tả là đạo Tin Lành chân thật. Tin Lành ở đây được mô tả là sự điệp của tin vui mừng thật. Có lẽ Phaolô đang nghĩ đến những sự dạy dỗ sai lầm của Trí Huệ Phái khi viết điều này. Có người đã định nghĩa "chân thật" ở đây là điều Đức Chúa Trời nói về một việc

nào đó (Giăng 17:17). Tin Lành là chân thật vì đó là Lời Đức Chúa Trời.

1:6 Chân lý của Tin Lành đã đến với người Cólôse cũng như ở trong cả thế gian. Lúc bấy giờ không được phép hiểu câu này theo nghĩa tuyệt đối. Câu này không thể có nghĩa *mọi người nam và nữ* trên thế gian này đều đã nghe Tin Lành. Một phần, có thể câu này có nghĩa một số người từ mọi dân tộc đã nghe Tin Lành cứu rỗi (Côngvụ 2). Có thể cũng có nghĩa Tin Lành là dành cho *mọi người*, và đang được rao giảng ra tại ngoại quốc mà không hề bị giới hạn. Phaolô đang mô tả kết quả không thể tránh khỏi do Tin Lành đã tạo ra. Tại Cólôse và tại trong cả mọi miền nào trên thế gian được nghe Tin Lành, thì Tin Lành đều có kết quả và đang tấn bộ (chủ thích lè của bản NKJV).⁵ Câu này được nói lên để cho thấy đặc tính siêu nhiên của Tin Lành. Trong cõi thên nhiên, một cái cây bình thường sẽ không đóng thời vừa sinh trál vừa lớn lên. Đôi khi, phải tỉa cành thì mới có trái, vì nếu để cho cây cứ lớn lên tự nhiên, thì toàn bộ sự sống của cây sẽ đi ra lá và nhánh hơn là vào trái. Nhưng Tin Lành đóng thời thực hiện cả hai điều ấy. Tin Lành sinh kết quả trong sự cứu rỗi linh hồn và trong việc gây dựng thánh đồ, và cũng lan tràn từ thành này sang thành khác, từ dân này sang dân khác.

Đây chính xác là hiệu quả Tin Lành để lại trong đời sống tín hữu Cólôse kể từ ngày họ đã nghe rao truyền ơn Đức Chúa Trời và đã họ cho thật biết ơn Đấng. Có sự tăng trưởng

số lượng trong Hội Thánh Cólôse, và hơn nữa có sự tăng trưởng tâm linh trong đời sống tín hữu tại đó.

Có lẽ Tin Lành đã có nhiều tiến bộ ở thế kỷ thứ nhất, và Tin Lành đã đến Châu Âu, Châu Á và Châu Phi, tiếp tục đi xa hơn mức nhiều người đã phỏng đoán. Thế nhưng, vẫn không có cơ sở nào để nghĩ Tin Lành đã đến trên toàn trái đất. **Ơn Đức Chúa Trời** được dùng ở đây như lời mô tả triu mến về sự điệp Tin Lành. Điều gì có thể tóm tắt những tin vui này tuyệt vời hơn là chân lý kỳ diệu về ân điển Đức Chúa Trời được ban cho những con người phạm tội vốn chỉ đáng chúc lấy cơn thịnh nộ của Ngài!

1:7 Sứ đồ nói rõ chính từ Êpháp-ra mà những tín hữu này đã được nghe Tin Lành và kinh nghiệm được sự điệp ấy trong đời sống họ. Phaolô giới thiệu Êpháp-ra là bạn đồng sự thiết nghĩa và một kẻ giúp việc trung thành của **Đấng Christ** vì cứu họ. Nơi sứ đồ Phaolô không có sự cay đắng hay ghen tị nào. Ông cũng chẳng bực mình khi thấy một truyền đạo khác nhận được sự khen ngợi. Trên thực tế, ông là người đầu tiên tỏ lòng biết ơn những đấng tớ khác của Chúa.

1:8 Chính từ Êpháp-ra mà Phaolô được nghe về lòng yêu thương mà người Cólôse cảm chịu bởi Đức Thánh Linh. Đây không chỉ là tình cảm con người, nhưng là tình yêu thương thật đối với Chúa và với dân sự Ngài, do Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã cư ngụ trong lòng đem đến. Đây là câu duy nhất nói đến Đức Thánh Linh trong Thư Tin này.

1:9 Sau khi kết thúc lời tạ ơn, giờ đây Phaolô bắt đầu cầu thay cụ thể cho các thánh đồ này. Chúng ta đã đề cập sự quan tâm cầu nguyện của sứ đồ thật rộng lớn biết bao. Chúng ta nên nói rõ thêm rằng những lời cầu xin của ông luôn luôn phù hợp đặc biệt với nhu cầu của dân sự Chúa tại một nơi nào đó. Ông không cầu nguyện những điều chung chung. Ở đây, dường như ông đưa ra bốn lời cầu xin riêng biệt cho người Cólôse: (1) sự hiểu biết thiêng liêng; (2) ăn ở cách xứng đáng; (3) quyền phép đấng đặt; (4) tinh thần tạ ơn.

Trong những lời cầu khẩn của ông không có gì là keo kiệt hay bủn xỉn cả. Đặc biệt thấy rõ điều này trong câu 9, 10, và 11 khi ông dùng những chữ *mọi, đầy đầy, và đủ mọi*. (1) *mọi thứ khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng* (câu 9). (2) "Đặng đẹp lòng Ngài *mọi đường*" (câu 10). (3) "Đủ *mọi việc lành*" (câu 10). (4) "Sức *mạnh mọi bề*" (câu 11). (5) "Mọi sự *nhịn nhục chịu đựng*" (câu 11).

Những chữ "cho nên" nối kết với những câu đi trước. Chữ này có nghĩa *nhờ bản tướng tinh của Êphápơ* (câu 4,5,8). Từ lần đầu tiên khi nghe về những thánh đồ yêu quý tại Côrinthô cũng đức tin, tình yêu và sự trông cậy của họ, sứ đồ đã có thói quen cầu thay cho họ. Trước hết, ông cầu nguyện để họ **được đầy đầy sự hiểu biết về ý muốn** của Đức Chúa Trời, với **mọi thứ khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng nữa**. Ông không cầu xin Chúa cho họ thỏa lòng với sự hiểu biết đầy khoe khoang của tri huệ phái.

Ông xin Chúa đưa họ vào chỗ đầy đầy sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời cho đời sống họ như đã được bày tỏ trong Lời Ngài. Sự hiểu biết này không mang bản tánh thế gian hay xác thịt; nó điển hình bởi sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng – sự khôn ngoan để áp dụng sự hiểu biết theo cách tốt nhất, và sự hiểu biết để nhìn thấy những điều nào phù hợp và những điều nào xung đột với ý muốn của Đức Chúa Trời.

1:10 Có sự nối kết rất quan trọng giữa câu 10 và câu 9. Vì sao sứ đồ Phaolô muốn người Cólôse được đầy đầy sự hiểu biết ý muốn Đức Chúa Trời? Có phải để họ trở nên những vị truyền đạo hùng hồn hay những giáo sư gây xúc động mạnh không? Có phải để họ thu hút được rất nhiều người đi theo, như Tri Huệ Phái đang tìm cách làm? Không, mục đích thật của sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng là để giúp Cơ Đốc nhân có thể **ăn ở cách xứng đáng với Chúa, đặng đẹp lòng Ngài mọi đường**. Ở đây chúng ta có bài học rất quan trọng về để tài sự dẫn dắt. Đức Chúa Trời không bày tỏ ý muốn Ngài cho chúng ta để làm thỏa mãn hiếu kỳ của chúng ta. Ý muốn của Ngài cũng không nhằm thỏa mãn tham vọng hay kiêu ngạo của chúng ta. Trái lại, Chúa bày tỏ cho chúng ta biết ý muốn Ngài dành cho đời sống chúng ta để chúng ta có thể làm đẹp lòng Ngài trong mọi việc mình thực hiện.

Này ra đủ các việc lành. Đây là lời nhắc nhở bổ ích để nhớ rằng dấu không được cứu bởi làm việc lành,

nhưng chắc chắn được cứu *để làm* các việc lành. Đôi khi vì nhấn mạnh tính hoàn toàn vô giá trị của việc lành trong việc cứu rỗi linh hồn, chúng ta có thể tạo ra ấn tượng rằng Cơ Đốc nhân không tin nơi việc lành. Hoàn toàn không phải như thế! Chúng ta biết từ Êphêso 2:10 rằng "Chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắp sẵn trước cho chúng ta làm theo." Phaolô cũng viết cho Tit: "Lời này là chắc chắn, ta muốn con nói quyết sự đó, hầu cho những kẻ đã tin Đức Chúa Trời lo chăm chỉ làm việc lành: đó là điều tốt lành và có ích cho mọi người" (Tit 3:8).

Không những Phaolô muốn họ kết quả **trong mọi việc lành**, mà còn càng thêm lên **trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời**. Thực hiện điều này bằng cách nào? Trước hết, nó được thực hiện qua việc chuyên tâm nghiên cứu Lời Chúa. Sau đó, cũng được thực hiện qua việc vâng giữ lời dạy của Ngài và hầu việc Ngài cách trung tín. (Hầu việc Ngài có lẽ là ý tưởng nổi bật tại đây) khi làm những việc này, chúng ta bước vào **sự hiểu biết** sâu nhiệm hơn về Chúa. "Nếu chúng ta gắng sức nhìn biết Đức Giêhôva, thì chúng ta sẽ biết Ngài" (Ôsê 6:3, KJV).

Để ý sự lặp lại những chữ nói đến sự hiểu biết trong đoạn 1 để thấy có sự tiến bộ rõ ràng trong tư tưởng qua mỗi lần sử dụng chữ này. Trong câu 6, họ "đã biết" ơn của Đức Chúa Trời." Trong câu 9, họ đã được "*sự hiểu biết* về ý muốn của Ngài." Trong câu 10,

họ đang "*thêm lên trong sự hiểu biết* Đức Chúa Trời." Có lẽ chúng ta có thể nói điều thứ nhất nói đến sự cứu rỗi, điều thứ nhì nói đến việc học Kinh Thánh, và thứ ba nói đến sự phục vụ và nếp sống Cơ Đốc. Giáo lý lành mạnh phải dẫn đến nếp ăn ở đúng, là nếp tự bày tỏ qua sự phục vụ cách vâng lời.

1:11 Lời cầu xin thứ ba của Phaolô là để các thành đờ được **nhờ quyền phép vinh hiển Ngài**, được có sức mạnh mọi bề. (Lưu ý sự tiến triển: *đầy đầy*, câu 9; *này ra đủ* [kết quả], câu 10; *được làm cho mạnh*, câu 11). Không thể cậy sức riêng của con người để sống cuộc đời Cơ Đốc. Buộc phải có sức mạnh siêu nhiên. Do đó, Phaolô ước ao các tín hữu có thể biết quyền năng của Con Đức Chúa Trời đã phục sinh, và ông còn khao khát thêm để họ sẽ biết điều này **theo quyền pháp vinh hiển Ngài**. Lời cầu xin ở đây không phải là để quyền phép này sẽ được *ra từ* quyền phép vinh hiển Ngài, nhưng là **để theo quyền pháp vinh hiển Ngài**. Quyền phép vinh hiển Ngài là vô giới hạn, và điều đó là phạm vi của sự cầu nguyện. Peake viết: "Việc trang bị quyền năng ấy không phải chỉ tỉ lệ tương xứng theo nhu cầu của người nhận, mà theo sự chu cấp của Đức Chúa Trời."⁶

Vì sao Phaolô muốn Cơ Đốc nhân có quyền phép này? Có phải để họ có thể đi ra thì hành nhiều phép lạ ngoạn mục không? Có phải để họ có thể kêu kẻ chết sống lại, chữa lành kẻ bệnh, đuổi ma quỷ? Một lần nữa, câu trả lời là "Không." Căn cứ quyền năng

này để cho con cái Đức Chúa Trời nhịn nhục vui vẻ mà chịu mọi sự. Câu này đang được chú ý cẩn thận! Trong nhiều bộ phận của Cơ Đốc giáo giới ngày nay, người ta nhấn rất mạnh đến điều được gọi là các phép lạ, như là nói tiếng lạ, chữa lành kẻ bệnh, và nhiều hành động gây cảm xúc tương tự như thế. Nhưng có một phép lạ lớn lao hơn mọi điều này trong đời chúng ta đang sống: con cái Đức Chúa Trời nhịn nhục chịu khổ và cảm tạ Đức Chúa Trời giữa những thử thách!

Trong I.Côrinthô 13:4, sự nhịn nhục, nhân nại được liên kết với sự nhân từ; ở đây được liên kết với vui vẻ. Chúng ta chịu khổ vì chúng ta không thể tránh khỏi chia sẻ sự than thở của muôn vật. Muốn được duy trì sự vui vẻ bên trong và nhân từ đối với người khác đòi hỏi phải có quyền phép của Đức Chúa Trời, và đó là sự đắc thắng của Cơ Đốc nhân. Khác biệt giữa nhịn nhục và chịu đựng đã được định nghĩa như sự khác biệt giữa chịu đựng không than phiền và chịu đựng không trả đũa. Ấn điển Đức Chúa Trời đã đạt được một trong những mục tiêu vĩ đại nhất của nó trong đời sống tín hữu nào có thể nhịn nhục chịu khổ và ca ngợi Chúa giữa những thử thách kinh khiếp.

1:12 Tạ ơn trong câu này nói đến người Cólôse, chứ không phải Phaolô (trong nguyên bản, ở số nhiều). Phaolô đang cầu nguyện để họ không những nhờ mọi quyền phép được sức mạnh, mà còn có tinh thần cảm tạ, để họ không bao giờ thôi tỏ lòng biết ơn Đức Chúa Cha, Đấng khiến họ dù tư cách dự phần cơ nghiệp của các thánh

trong sự sáng láng. Là con cái Adam, chúng ta không đáng được hưởng những vinh hiển của Thiên đàng. Trên thực tế, nếu người chưa tin Chúa bằng cách nào đó được đưa về Thiên đàng, họ sẽ không thưởng thức được Thiên đàng, nhưng trải lại sẽ sống trong khốn khổ cùng cực nhất. Thưởng thức Thiên đàng đòi hỏi phải xứng hợp với Thiên đàng. Ngay cả với tư cách người đã tin Chúa Jêsus, trong chính bản thân chúng ta vẫn không có chút nào xứng hợp với Thiên đàng. Quyền duy nhất chúng ta có để được vinh hiển chỉ tìm thấy trong Thân Vẹn của Đức Chúa Jêsus Christ:

Tôi đứng trên công đức của Ngài.

Tôi không còn biết chỗ đứng nào khác.

Ngay cả nơi vinh hiển ngự trị.

Trong sự của Emanuên.

- Anne Ross Conlin

Khi Chúa cứu một người, Ngài lập ước ban cho người ấy sự xứng hợp với Thiên đàng. Sự xứng hợp đó chính là Đấng Christ. Không điều nào có thể cải thiện sự xứng hợp ấy. Ngay cả suốt cuộc đời vâng phục và hầu việc Chúa trên đất này cũng không khiến người ấy xứng hợp cho Thiên đàng hơn ngày vừa được cứu. Quyền được vinh hiển của chúng ta được tìm thấy nơi huyết Ngài. Khi cơ nghiệp này là trong sự sáng láng và "được để dành trong các tầng trời," chúng ta là những tín hữu sống trên đất có Đức Thánh Linh làm "của cảm về cơ nghiệp chúng ta." Do đó, chúng ta có thể vui mừng bởi những gì dành cho chúng ta phía trước, còn ngay hiện giờ

thì được thưởng thức "trái đầu mùa của Thánh Linh."

1:13 Khi khiến chúng ta "có thể dự phần cơ nghiệp của các thánh trong sự sáng láng," Đức Chúa Trời đã giải thoát chúng ta khỏi quyền của sự tối tăm, làm cho chúng ta dời qua nước của Con rất yêu dấu Ngài (cũng xem I.Giăng 2:11). Có thể minh họa điều này bởi từng trải của con cái Ysraên, được chép trong sách Xuất Êdíphtô Kỵ. Trước đó, họ sống tại Êdíphtô, than thở dưới đòn vọt của những đốc công. Bằng hành động can thiệp kỳ diệu, Đức Chúa Trời đã giải thoát họ ra khỏi ách nô lệ kinh khiếp và dẫn họ băng qua đồng vắng đến đất hứa. Tương tự, là tội nhân, chúng ta ở trong ách nô lệ của Satan, nhưng nhờ Đấng Christ, chúng ta được giải thoát khỏi móng vuốt Satan và hiện nay làm thần dân của vương quốc Đấng Christ. Vương quốc Satan là vương quốc tối tăm -- không có ánh sáng, ảm áp và vui mừng; còn nước Đấng Christ là nước của tình yêu, hàm ý sự hiện diện của cả ánh sáng, ảm áp và vui mừng.

Nước Đấng Christ trong Kinh Thánh được nhìn thấy qua nhiều phương diện khác nhau. Khi Ngài đến trần gian lần thứ nhất, Ngài đã ban nước theo nghĩa đen cho dân Ysraên. Người Do Thái muốn được giải thoát khỏi người Lamã áp bức họ, nhưng không muốn ấn nắn tội mình. Đấng Christ chỉ có thể cai trị trên những người ở trong mối quan hệ thuộc linh đúng đắn với Ngài. Khi điều này được nói rõ cho họ, họ đã khước từ Vua của mình và đóng dinh Ngài trên cây thập

tự. Kể từ đó trở đi, Chúa Jêsus đã trở về Thiên đàng và chúng ta hiện nay có Nước Ngài trong hình thức máu nhiệm (Mathiơ 13). Điều này có nghĩa nước trời không xuất hiện dưới dạng hữu hình. Vua đang vắng mặt. Nhưng tất cả những ai tiếp nhận Đức Chúa Jêsus Christ trong đời này đều công nhận Ngài là Vua hợp pháp của họ, và bởi đó họ làm thần dân trong nước Ngài. Trong một ngày hầu đến, Chúa Jêsus sẽ trở lại trần gian, lập nước Ngài, lấy Giêrusalem làm kinh đô và cai trị trong một ngàn năm. Cuối thời gian đó, Đấng Christ sẽ đặt mọi kẻ thù dưới chân Ngài và giao nước lại cho Đức Chúa Cha. Việc đó sẽ khai mạc vương quốc đời đời, và vương quốc ấy sẽ tiếp tục suốt cả cõi đời đời.

1:14 Sau khi đề cập đến nước của Con yêu dấu Đức Chúa Trời, Phaolô bắt đầu một trong những phân đoạn vi đại nhất trong toàn bộ lời Đức Chúa Trời nói về thân vị và công tác của Đức Chúa Jêsus. Chúng ta thật khó biết ông đã kết thúc lời cầu nguyện, hay lời cầu nguyện tiếp tục xuyên suốt những câu Kinh Thánh sắp nghiên cứu. Nhưng điều đó không quan trọng lắm, vì hầu những câu Kinh Thánh tiếp theo không phải là lời cầu nguyện thuần túy đi nữa, thì chắc chắn chúng vẫn là sự thờ phượng thuần túy.

Sturz nói "trong phân đoạn lạ lùng tôn cao Đức Chúa Jêsus Christ hơn hết này, danh xưng Ngài không hề xuất hiện lấy một lần dưới bất kỳ hình thức nào." Tuy nhận định này trên một phương diện rất đáng lưu ý, thế nhưng chẳng có gì đáng ngạc nhiên

cả. Vì còn ai khác ngoài Cứu Chúa phước hạnh của chúng ta có thể làm thỏa mãn lời mô tả được để lại cho chúng ta ở đây? Phần đoạn này nhắc chúng ta nhớ lời Mari hỏi người gác vườn: "Hỡi chúa, vì thật người là kẻ đã đem Ngài đi, xin nói cho ta biết người để Ngài đâu, thì ta sẽ đến mà lấy" (Giăng 20:15). Bà không hề nhắc đến tên Ngài. Trong tâm trí bà chỉ có một Đấng duy nhất mà thôi.

Trước hết, Đấng Christ được trình bày như là Đấng trong Ngài chúng ta có sự cứu chuộc,⁷ là sự tha tội. Sự cứu chuộc mô tả hành động để nhờ đó chúng ta được mua ra khỏi chợ nô lệ của tội lỗi. Có thể nói Chúa Jêsus đã đặt bằng giá trên chúng ta. Ngài đánh giá chúng ta cao đến mức nào? Trên thực tế, Ngài phán: "Ta định giá họ cao đến nỗi ta sẵn sàng đổ huyết mình để mua họ ra." Vì chúng ta đã được mua bằng một giá cao biết bao, nên phải thấy rõ mình không còn thuộc về mình nữa, chúng ta đã được mua bằng một giá. Do đó, chúng ta không nên sống theo cách mình muốn nữa. Borden ở Yale nói rõ rằng nếu sử dụng đời sống mình để làm mọi điều mình muốn, chúng ta đang lấy một điều gì đó không thuộc về mình, nên bởi đó trở thành những kẻ trộm!

Không những Ngài đã cứu chuộc chúng ta; Ngài còn ban cho chúng ta sự tha tội. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời đã xóa sổ món nợ mà tội lỗi chúng ta gây ra. Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trả hình phạt này trên thập tự giá; không bao giờ cần phải trả thêm lần nữa. Tài khoản này đã được thanh toán và khóa sổ, Đức Chúa Trời

không những tha tội, mà Ngài còn cất bỏ tội lỗi chúng ta cách xa như phương đông xa cách phương tây vậy (Thi thiên 103:12).

G. Những Vinh Hiên Của Đấng Christ, Đấng Cứu Nại Thành (1:15-23)

1:15 Trong bốn câu tiếp theo, chúng ta thấy Chúa Jêsus được mô tả: (1) trong mối quan hệ của Ngài với Đức Chúa Trời (câu 15); (2) trong mối quan hệ của Ngài với tạo vật (câu 16,17); và (3) trong mối quan hệ của Ngài với Hội Thánh (câu 18).

Ở đây, Chúa được mô tả là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được. Hình ảnh này mang kèm ít nhất hai ý. Thứ nhất, chữ này truyền đạt ý cho rằng Chúa Jêsus Christ giúp chúng ta có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời ra sao. Đức Chúa Trời là Thần Linh nên bởi đó vô hình. Nhưng trong Thân Vị của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã bày tỏ Ngài cho mắt của loài người hay chết nhìn thấy. Theo ý nghĩa đó, Đức Chúa Jêsus là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được. Ai thấy Ngài là đã thấy Cha (xem Giăng 14:9). Nhưng chữ hình ảnh còn truyền đạt ý về "đại diện." Lúc ban đầu, Đức Chúa Trời đặt Adam trên đất để đại diện những mối quan tâm của Ngài, nhưng Adam thất bại. Do đó, Đức Chúa Trời sai Con độc sinh của Ngài vào thế gian làm Người Đại Diện của Ngài để chăm sóc những mối quan tâm của Ngài và bày tỏ lòng yêu thương của Ngài cho con người. Theo ý nghĩa đó, Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Cũng chữ hình ảnh này được dùng trong 3:10, trong đó

tin hữu được nói là hình ảnh của Đấng Christ.

Đấng Christ cũng là Đấng sinh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên hay "hết thấy mọi vật được tạo dựng". Điều này có nghĩa gì? Vai giáo sư giả cho rằng chính Chúa Jêsus cũng là một tạo vật, rằng Ngài là hữu thể đầu tiên được Đức Chúa Trời tạo dựng. Vai người còn sẵn lòng đi xa hơn nữa khi chấp nhận cho Chúa Jêsus.

Cụm từ "sinh ra đầu hết thấy" có ít nhất ba nghĩa khác nhau trong Kinh Thánh. Trong Luca 2:7, chữ này được dùng theo *nghĩa đen*, nói rằng Mari sinh Con đầu lòng của nàng. Ở đây, câu này muốn nói Chúa Jêsus là Con Trẻ đầu tiên mà Mari sinh ra. Mặt khác, trong Xuất Êdíphtô Ký 4:22, chữ này được dùng theo *nghĩa bóng*. "Ysraên là con ta, tức trưởng nam ta." Trong câu đó, không hề có ý nói đã có sự sinh ra thực tế, nhưng Chúa đang dùng từ ngữ này để mô tả địa vị độc đáo của dân Ysraên trong kế hoạch và mục đích của Ngài. Cuối cùng, trong Thithiên 89:27, những chữ "con trưởng nam" được dùng để biểu thị *địa vị tối nhất*, sự ưu việt nhất, hoặc độc nhất vô nhị. Trong câu đó, Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ lập Đavít làm con trưởng nam của Ngài, cao hơn hết thấy các vua trên đất. Đavít thật sự là con út của Giêse về phần xác. Nhưng Đức Chúa Trời đã quyết định ban cho ông địa vị ưu việt độc nhất vô nhị, được đứng đầu, và quyền tể trị tối cao.

Chẳng phải điều đó chính xác là ý nghĩa của Côlôse 1:15 – **Đấng sinh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên** – hay

sao? Đức Chúa Jêsus Christ là Con độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời. Trên một phương diện, mọi tin hữu đều là con Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời theo cách không áp dụng được cho bất kỳ ai khác. Ngài đã hiện hữu trước khi sáng thế và giữ địa vị tối cao trên cõi tạo vật. Ngài được xếp vào hàng nổi bật và thống trị. Cụm từ **sinh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên** không liên quan đến sự chào đời ở đây. Câu này chỉ có nghĩa Ngài là Con Đức Chúa Trời bởi mối quan hệ đời đời. Đây là danh hiệu chỉ về quyền ưu tiên của *địa vị*, chứ không phải danh hiệu quyền ưu tiên về thời gian.

1:16 Các giáo sư giả dùng câu 15 (đặc biệt trong bản KJV) để dạy Đức Chúa Jêsus là một hữu thể thọ tạo. Thường có thể bác bỏ sai lầm này từ chính phần đoạn Kinh Thánh mà những người theo tà giáo sử dụng. Trường hợp ở đây cũng thế. Câu 16 nói cách dứt khoát Đức Chúa Jêsus không phải là tạo vật, nhưng là chính Đấng Tạo Hóa. Trong câu Kinh Thánh này, chúng ta biết rằng **mọi vật** – cả cõi vũ trụ vật chất này – **đã được dựng nên** không những bởi Ngài, mà còn qua Ngài và vì Ngài (bản Việt Ngữ ghi là trong Ngài... bởi Ngài và vì Ngài). Mỗi một giới từ này truyền đạt ý tưởng khác nhau. Trước hết, chúng ta đọc thấy **muốn vật đã được dựng nên bởi Ngài**. Ý chính ở đây cho biết quyền phép để tạo dựng là ở trong chính Bản Thể Ngài. Ngài là Kiến Trúc Sư. Về sau trong câu này, chúng ta biết **muốn vật đã được dựng nên**

qua Ngài. Điều này nói Ngài là Tác Nhân trong sự sáng thế. Ngài là Ngôi Vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời mà hành động sáng thế được thực hiện qua Ngài. Thêm nữa, mọi vật được dựng nên vì Ngài. Ngài là Đấng mà muôn vật đã được dựng nên để cho Ngài, Ngài là mục tiêu của sự sáng thế.

Phaolô nói rất nhiều để nhấn mạnh **muôn vật đã được dựng nên qua Đấng Christ, bất luận vật trên trời, hay vật ở dưới đất.** Điều này không chưa lại kê hồ nào cho ai gợi ý rằng dấu Ngài đã dựng nên một số vật nào đó, nhưng chính bản thân Ngài lúc đầu cũng đã được dựng nên.

Sau đó, sứ đồ tiếp tục nói sự sáng tạo của Chúa bao gồm mọi vật **thấy được và vật không thấy được.** Không cần phải giải thích thêm từ ngữ "thấy được," nhưng rõ ràng sứ đồ Phaolô thấy khi nói "**vật không thấy được,**" ông sẽ khơi dậy lòng hiếu kỳ của chúng ta. Do đó, ông tiếp tục phân tích điều ông muốn nói qua chữ **vật không thấy được.** Chúng bao gồm **ngôi vua, quyền cai trị, chấp chánh, cấm quyền.** Chúng ta tin những từ ngữ này chỉ đến các hữu thể thiên sứ, dấu không thể phân biệt giữa các cấp bậc khác nhau của các hữu thể thông minh này.

Trí Huệ Phái dạy có nhiều cấp bậc và giai cấp khác nhau của các hữu thể thần linh giữa Đức Chúa Trời và vật chất, và Đấng Christ thuộc về một trong những giai cấp này. Ở thời chúng ta, những môn đồ Thông Linh Phái tuyên bố Chúa Jêsus Christ là

linh cao cấp của giới thứ sáu. Phái Giêhôva Chứng Nhân dạy rằng trước khi Chúa chúng ta vào trần gian, Ngài là một thiên sứ thọ tạo và thiên sứ đó không ai khác hơn thiên sứ trưởng Michen! Ở đây, Phaolô mạnh mẽ bác bỏ những ý niệm phi lý như thế khi phát biểu bằng những từ ngữ rõ ràng nhất có thể có được để cho biết Chúa Jêsus Christ là Đấng tạo dựng các thiên sứ – trên thực tế là Đấng Tạo Hóa của mọi loài, cả loài **thấy được hoặc không thấy được.**

1:17 **Ngài có trước muôn vật, và muôn vật đứng vững trong Ngài.** Phaolô nói: "**Ngài có trước muôn vật.**" Thì hiện tại thường được dùng trong Kinh Thánh để mô tả tính bất tận của Đức Chúa Trời. Chẳng hạn, khi Chúa Jêsus nói: "Trước khi có Ápraham, TA HẰNG HỮU" (Giăng 8:58).

Không những Chúa Jêsus có trước mọi loài tạo vật, mà **muôn vật còn đứng vững trong Ngài nữa.** Điều này có nghĩa Ngài là Đấng Duy Trì và nâng đỡ cõi vũ trụ và là Nguồn vận động mãi mãi của cõi vũ trụ. Ngài kiểm soát các ngôi sao và mặt trời cùng mặt trăng. Ngay cả khi Ngài còn sống trên trần gian này, Ngài vẫn là Đấng đang điều khiển các quy luật cho cõi vũ trụ chúng ta để chúng vận hành cách có thứ tự.

1:18 **Ouyên tế trị của Chúa Jêsus không những bao trùm cõi vũ trụ thiên nhiên, nhưng cũng trải rộng đến lãnh vực thuộc linh. Ngài là Đầu của thân thể, lúc là Đầu hội thánh.** Mọi người tin nơi Chúa Jêsus trong định kỳ này được lập thành điều gọi là **hân**

thể của Đấng Christ, hay Hội Thánh. Thân thể người là phương tiện để người ấy diễn tả chính mình thể nào, thì Thân Thể Đấng Christ cũng chính là phương tiện Đấng Christ có trên trần gian này để Ngài dùng bày tỏ chính Ngài cho thế gian thể ấy. Và Ngài là Đầu của thân thể đó. Đầu nói đến sự hướng dẫn, ra lệnh, kiểm soát. Ngài giữ địa vị đứng đầu hàng trong Hội Thánh.

Ngài là ban đầu. Chúng ta hiểu câu này nói đến ban đầu của sự dựng nên mới (xem Khải Huyền 3:14), tức nguồn của sự sống thuộc linh. Điều này được giải thích thêm bởi cách dùng cụm từ **sinh trước nhất từ trong những kẻ chết**. Một lần nữa ở đây, chúng ta phải cẩn thận nhấn mạnh rằng câu này không nói Chúa Jêsus là người đầu tiên sống lại từ kẻ chết. Có nhiều trường hợp sống lại trong Cựu Ước cũng như trong Tân Ước. Nhưng Chúa Jêsus là Đấng đầu tiên sống lại từ kẻ chết để không còn chết nữa, Ngài là người đầu tiên sống lại với thân thể được làm cho vinh hiển, và Ngài sống lại với tư cách Đầu của sự dựng nên mới. Sự phục sinh của Ngài là độc nhất vô nhị, và là của đặt cọc để hứa rằng mọi người nào tin nơi Ngài đều cũng sẽ sống lại. Sự phục sinh ấy công bố Ngài đứng đầu hàng trong sự tạo dựng thuộc linh.

Alfred Mace nói rất hay:

Đấng Christ không thể là thứ nhì ở bất kỳ nơi đâu. Ngài là "Đấng sinh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên," vì Ngài đã tạo dựng muôn vật (Cô-lô-sê 1:15,16). Ngài cũng là Đấng sinh trước nhất từ trong những kẻ

chết trong mối liên kết với gia đình được chuộc trên Thiên đàng. Vì vậy, sự sống thể và sự cứu chuộc dâng những vinh dự của quyền tối cao lên cho Ngài bởi vì chính bản chất của Ngài, và vì những việc Ngài đã làm: "hầu cho trong mọi vật, Ngài đứng đầu hàng." Ngài đứng đầu hàng ở khắp mọi nơi.⁸

Như vậy, Đức Chúa Jêsus giữ hai địa vị đứng đầu hàng – đứng đầu hàng trong sự sáng thể, và trong Hội Thánh. Đức Chúa Trời đã chỉ định rằng trong mọi vật NGÀI Đứng đầu hàng. Đây là lời giải đáp tuyệt vời biết bao cho những người trong thời Phaolô (và trong thời chúng ta) muốn tìm cách tước bỏ thần thánh khỏi Đấng Christ và khiến Ngài trở nên chỉ là loài tạo vật cho dù có được tôn cao đến đâu đi nữa!

Khí chúng ta đọc **hầu cho trong mọi vật, Ngài đứng đầu hàng**, hoàn toàn phải lẽ cho chúng ta tự hỏi: "Ngài có đứng đầu hàng trong đời sống của tôi không?"

1:19 Darby dịch câu 19 như sau: "Vì Đức Chúa Trời đã vui lòng khiến mọi sự đầy đầy của Ba Ngôi Đức Chúa Trời ở trong Ngài." Truyền thống King James khiến câu này có vẻ như tại một thời điểm nào đó, Đức Chúa Cha (để ý những chữ in nghiêng vốn không có trong bản Hy Lạp) đã vui lòng khiến mọi sự đầy đầy ở trong Đức Chúa Con. Ý nghĩa thật ấy là sự đầy đầy của Ba Ngôi Đức Chúa Trời luôn luôn ở trong Đấng Christ.

Những người theo tà giáo Trĩ Huệ Thuyết dạy rằng Đấng Christ là một loại "nhà giữa đường" cho Đức Chúa

Trời, một mắt xích cần thiết trong dây chuyền. Nhưng phía trước vẫn còn có nhiều mắt nối khác tốt hơn. Họ khuyên giục: "Cứ tiếp tục từ Ngài mà tiến lên, thì bạn sẽ đạt đến sự đầy đặn ấy." Phaolô trả lời: "Không, Đấng Christ chính là sự đầy đặn trọn vẹn!"

Mọi sự đầy đặn ở trong Đấng Christ. Chữ "chứa trong" ở đây muốn nói đến sự cư ngụ vĩnh viễn,⁹ chứ không phải viếng thăm tạm thời.

1:20 Câu 19 nối kết với câu 20 như sau: "Vì chúng Đức Chúa Cha đã vui lòng... bởi huyết Ngài trên thập tự giá, thì đã làm nên hòa bình, khiến muôn vật... đều nhờ Ngài [Đấng Christ] mà hòa thuận cùng chính mình Đức Chúa Trời." Nói cách khác, sự đẹp lòng của Đức Chúa Trời không những chỉ ở chỗ mọi sự đầy đặn đều ở trong Đấng Christ (câu 19), mà còn vì Đức Chúa Trời sẽ giải hòa muôn vật về với chính Đức Chúa Trời.

Trong đoạn này nhắc đến hai sự giải hòa: (1) sự giải hòa muôn vật (câu 20) và (2) sự giải hòa những con người (câu 21, 22). Sự giải hòa thứ nhất vẫn còn trong tương lai, còn sự giải hòa thứ nhì ở trong quá khứ dành cho mọi ai tin nơi Đấng Christ.

SỰ GIẢI HÒA

Giải hòa có nghĩa khôi phục lại một mối quan hệ đúng hay tiêu chuẩn đúng, hoặc lập lại hòa bình nơi trước kia có sự thù địch. Kinh Thánh không hề nói Đức Chúa Trời cần được giải hòa với con người, nhưng luôn luôn nói con người được giải hòa với Đức Chúa Trời. Tâm trí xác thật là thù địch với Chúa (Rôma 8:7), và vì vậy, con người cần được đem đến giải hòa.

Khi tội lỗi vào thế gian, con người trở nên xa lạ với Đức Chúa Trời. Con người giữ thái độ thù địch với Chúa. Do đó, con người cần được giải hòa.

Nhưng tội lỗi đã tác hại đến cả cõi tạo vật, chứ không chỉ trong gia đình con người.

1. Vài thiên sứ đã phạm tội vào một lúc nào đó trong quá khứ. (Tuy nhiên, không có dấu hiệu nào trong Lời Đức Chúa Trời cho thấy các thiên sứ sẽ được giải hòa. Họ bị "đùng dây xích họ trong nơi tối tăm đời đời, cấm giữ lại để chờ sự phán xét ngày lớn," Giuđe 6.) Trong Gióp 4:18, Êlípha nói Đức Chúa Trời đã trách thiên sứ Ngài là điên dại.

2. Loài thú cũng bị ảnh hưởng bởi tội lỗi bước vào thế gian: "Thật thế, muôn vật ước ao nóng nảy mà trông đợi con cái Đức Chúa Trời được tỏ ra. Vì muôn vật đã bị bất phục sự hư không... Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều than thở và chịu khó nhọc cho đến ngày nay" (Rôma 8:19-22). Sự kiện thú vật cũng phải bị bệnh, đau đớn và chết là bằng chứng cho thấy chúng không được miễn khỏi lời rủa sả của tội lỗi.

3. Đất bị Đức Chúa Trời rủa sả sau khi Adam phạm tội (Sáng Thế Ký 3:19). Điều này thể hiện qua bằng chứng của cỏ lùng, gai gộc và chướng chướm.

4. Trong sách Gióp, Bênhôát nói cho chúng ta biết ngay cả các ngôi sao cũng không tinh sạch trước mắt Đức Chúa Trời (Gióp 15:5), vì vậy, hiển nhiên tội lỗi đã ảnh hưởng đến cả thế giới tinh tú.

5. Hêborơ 9:23 nói các vật trên trời cũng cần được thanh tẩy. Chúng

ta không biết toàn bộ ý nghĩa của câu này, nhưng có lẽ câu này gợi ý các vật trên trời đã bị ô uế qua sự hiện diện của Satan, là kẻ được đến gần Đức Chúa Trời để kiện cáo anh em (Gióp 1:6,7; Khải Huyền 12:10). Có người nghĩa phần đoạn này nói đến nơi ở của Đức Chúa Trời; người khác nghĩ nói về bầu trời tinh tú. Những người nghĩ nói đến bầu trời tinh tú thì cho rằng Satan được đến gần Đức Chúa Trời ở trong bầu không gian của tinh tú. Dầu thế nào đi nữa, hết thảy đều đồng ý rằng ngai của Đức Chúa Trời đương nhiên không bị ô uế bởi tội lỗi.

Một trong những mục đích của Đấng Christ phải chịu chết chính là để có thể thực hiện sự giải hòa con người và sự vật về với Đức Chúa Trời. Để thực hiện việc này, Ngài phải cất bỏ nguyên nhân gây thù địch và xa cách. Ngài đã thực hiện hiệu quả điều này bằng cách giải quyết vấn đề tội lỗi trước sự thỏa mãn hoàn toàn của Đức Chúa Trời.

Phạm vi giải hòa được nêu ra trong Côlôse 1 như sau. (1) mọi người nào tin Đức Chúa Jêsus Christ thì được giải hòa với Đức Chúa Trời rồi (câu 22). Dầu công tác giải hòa của Đấng Christ đủ cho cả nhân loại, nhưng chỉ hiệu nghiệm cho những ai tự mình sẵn sàng nhận lấy công tác ấy. (2) Cuối cùng, muôn vật sẽ được giảng hòa, cả vật ở dưới đất lẫn ở trên trời (câu 20). Điều này nói đến loài thú, đến những vật vô tri vô giác đã bị ô uế với tội lỗi. Tuy nhiên, câu này không nói đến Satan, đến các thiên sứ sa ngã khác, hay người không tin. Số phận đời đời của họ đã được công bố rõ ràng trong Kinh Thánh.

Kinh Thánh không nói sự giảng hòa được mở rộng cho "những vật bên dưới đất." Có sự khác biệt giữa giải hòa và khuất phục. Sự khuất phục được mô tả trong Philip 2:10: "Hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều qui xuống" hay như cách Darby dịch câu này: "Những hữu thể ở trên trời dưới đất và địa ngục." Mọi vật thọ tạo, ngay cả thiên sứ sa ngã, cuối cùng đều sẽ huộc phải sấp mình trước Chúa Jêsus, nhưng điều này không có nghĩa họ sẽ được giải hòa. Chúng ta nhận mạnh điều này vì Côlôse 1:20 đã bị dùng để dạy tả giáo về sự cứu rỗi phổ thông - tức là chính Satan, các thiên sứ sa ngã và người không tin cuối cùng đều sẽ được giải hòa với Đức Chúa Trời. Phần đoạn của chúng ta giới hạn phạm vi sự giải hòa bằng cụm từ muôn vật dưới đất trên trời. "Vật bên dưới đất," hay những vật trong lò lửa lớn, không được bao gồm ở đây.

1:21 Phaolô nhắc người Côlôse nhớ sự giải hòa trong trường hợp của họ là một hành động đã hoàn tất rồi. Trước khi hoán cải, người Côlôse là những tội nhân người ngoại bang, xa cách Đức Chúa Trời và thù nghịch cùng Ngài trong ý tưởng của họ bởi những việc gian ác của họ (Êphêso 4:17,18). Họ hết sức cần được giải hòa, và Đức Chúa Jêsus Christ bởi ân điển vô song của Ngài đã khởi xướng để giải hòa trước.

1:22 Ngài giải hòa họ nhờ sự chết của Con Ngài chịu lấy trong thân thể của xác thịt. Không phải bởi sự sống của Ngài, nhưng bởi sự chết của Ngài. Cụm từ thân thể của xác thịt đơn giản

có nghĩa Chúa Jêsus đem lại sự giải hòa bằng cách chết trên thập tự giá trong một thân thể thật của con người (không phải như một hữu thể thần linh, vì Tri Huệ Phái tuyên bố Ngài là một thần linh). Đối chiếu Hêbrơ 2:14-16, trong đó sự nhập thể của Đấng Christ được tuyên bố là lẽ thiết yếu để đem lại sự cứu chuộc. Khái niệm của Tri Huệ Phái phủ nhận điều này.

Kết quả tuyệt diệu của sự giải hòa này được diễn tả qua từ ngữ **đặng làm cho anh em đứng trước mặt Ngài cách thánh sạch không vết, không chỗ trách được**. Ấn điển tuyệt diệu biết bao, để những tội nhân bất kính được giải thoát khỏi đời sống gian ác ngày trước của họ và được đưa vào vương quốc phước hạnh tuyệt vời!

C. R. Erdman nói rất hay: "Trong Đấng Christ, ta tìm thấy được một Đức Chúa Trời là Đấng ở gần, Đấng quan tâm, Đấng lắng nghe, Đấng thương xót và Đấng cứu rỗi."¹⁰

Tinh hiệu nghiệm trọn vẹn nơi sự giảng hòa của Đấng Christ đối với dân sự Ngài sẽ được nhìn thấy trong ngày hầu đến, khi chúng ta được trình diện trước mặt Đức Chúa Cha không tội, không gì vết, không có lời buộc tội nào chống chúng ta, và lúc với tư cách người thờ phượng, chúng ta sẽ sung sướng công nhận Đấng Christ là Đấng Xưng Đấng (Khải Huyền 5).

1:23 Giờ đây, sứ đồ Phaolô thêm vào một trong những phân đoạn "nếu,"¹¹ những phân đoạn này đã gây lúng túng nhiều cho phần lớn con cái Chúa. Nhìn bề ngoài, câu này dường như dạy sự cứu rỗi tiếp tục của chúng

ta tùy thuộc nơi việc chúng ta tiếp tục ở trong đức tin. Nếu đúng như vậy, làm sao chúng hòa câu này với các phần khác của Lời Đức Chúa Trời, chẳng hạn như Giăng 10:28, 29, tuyên bố không một con chiên nào của Đấng Christ bị hư mất được?

Để tìm câu trả lời, chúng tôi muốn nói ngay từ đầu rằng sự an ninh đời đời của tin hữu là chân lý phước hạnh được nói cách rõ ràng trong nhiều phân đoạn Tân Ước. Tuy nhiên, Kinh Thánh cũng dạy – như trong câu này – rằng đức tin thật luôn luôn có phẩm chất lâu bền, và người nào thực sự sanh bởi Đức Chúa Trời thì sẽ tiếp tục trung tín cho đến cuối cùng. Tiếp tục là bằng chứng của thực tại. Dĩ nhiên, luôn có nguy cơ thoái lui, nhưng Cơ Đốc nhân chỉ sa ngã để rồi chỗi dậy trở lại (Châm ngôn 24:16). Cơ Đốc nhân ấy không bỏ đức tin.

Thánh Linh Đức Chúa Trời thấy phù hợp để đưa nhiều phân đoạn gọi là phân đoạn "nếu" trong lời Đức Chúa Trời để thách thức tất cả những ai xưng danh Đấng Christ nhận biết thực tại của lời tuyên xưng ấy. Chúng tôi không muốn nói bất kỳ điều gì có thể làm mất đi độ sắc bén của những phân đoạn này. Có người nói: "Những chữ 'nếu' này trong Kinh Thánh nhằm vào những người tự xưng là Cơ Đốc nhân ở trên thế gian này, và chúng xuất hiện như những biện pháp kiểm tra sức khỏe cho linh hồn."

Fridham bình luận những câu đầy thách thức này như sau:

Khi nghiên cứu cẩn thận Lời Chúa, độc giả sẽ thấy Thánh Linh có

thời quen kèm theo những tuyên bố đầy đủ nhất và tuyệt đối nhất về án đĩn bằng những lời cảnh cáo hàm ý có sự thất bại tĩn hạt cho những ai chỉ mang danh là đĩn trong đĩc tĩn... Những lời cảnh cáo nghe rất chĩi tai của những người tuyên xưng không thành thật lại đĩc những tĩm hĩn kĩnh sợ Chúa sẵn lòng ĩng lĩy như ĩng thuốc.... Mục tiêu của toàn bộ lời dạy như chúng ta có ở đĩy là nhĩm khĩch lĩ đĩc tĩn, và để lĩn ĩn những người tuyên xưng cách bất cĩn và tự tĩn như lời bĩn trước.¹²

Rõ ràng sứ đồ đang nghĩ chủ yếu đến Tri Huệ Phái, nên đang khuyến giục người Cĩlĩse chĩng hĩ đời khĩi sự trĩng cậy đã truyền ra bởi đĩc Tĩn Lĩn, hay là đĩc Tĩn Lĩn đem lại. Họ nên tĩn Chúa cách vĩng vĩng không nĩng tiếp tục ở trong đĩc đã nghe từ Ēphĩpra.

Một lần nữa, Phaolĩ nói Tĩn Lĩn đã đĩc rao giĩng ra cho mọi vật đĩng nên (hoĩc "loĩn loĩi tạo tạo") ở đĩi trời. Tĩn Lĩn rao ra cho mọi loĩi tạo vật, nhưng theo nghĩa đen vẫn chưa đến đĩc với mọi loĩi tạo vật. Phaolĩ đang nói rằng sự rao giĩng Tĩn Lĩn trên toàn thế giới đã là lời chứng cho tĩn xác thực của nó. Ông nhĩn thấy nơi đĩc này bằng chứng cho thấy Tĩn Lĩn đĩp ĩng đĩc cho nhu cầu của nhĩn loĩi ở khĩp mọi nơi. Câu này không có nghĩa mọi người trong thế giới thời bấy giờ đều đã đĩc nghe Tĩn Lĩn. Đĩy không phải là một sự kiện đã đĩc hoĩn tĩt, nhưng là một tiến trĩn đang tiếp tục. Hơn nữa, Tĩn Lĩn đã đến với mọi người trong thế giới của thời Kĩnh

Thĩn, tức là thế giới vùng Địa Trung Hải.

Phaolĩ nói mình là kẻ giĩp viĩc, một từ ngữ Latin có nghĩa "một tĩi tĩi." Chữ này không hĩ nói đến những người giữ chức vụ. Nó không biĩu thĩ một chức vụ cao quý, nhưng nĩi đến sự phục vụ khĩem nhượng.

D. Chức Vụ Được Giao Cho Phaolĩ (1:24-29)

1:24 Sáu câu cuối của đĩn 1 mĩ tả chức vụ của Phaolĩ. Trước hết, chức vụ này đĩc thực thĩ trong bầu không khĩ chịu khổ. Đĩc viết từ trong tù, Phaolĩ có thể nói giờ đĩy ông lĩy làm vui vì đã chịu khổ sở vì các thĩn đĩi, tức vì cơ họ. Là tĩi tĩi của Đĩc Chúa Jesus Christ, ông đĩc kêu gọi chịu đĩng những gian khổ, bất bĩ và những sự thương khĩ. Đĩi với ông, những đĩc này là một đĩc ĩn – đĩc ĩn đĩc đĩn vào những đĩc còn chứa lại trong sự thương khĩ của Đĩng Christ. Sứ đồ muốn nói gĩ qua câu này? Trước hết, đĩc này không thể nĩi đến những thương khĩ *chĩu cĩi* của Đĩc Chúa Jesus Christ trên thập tự gĩ. Những thương khĩ ấy đã đĩc hoĩn tĩt một lần đủ cả, và chĩng thể có người nào dự phĩn trong đó đĩc. Nhưng trên một phương đĩn, Đĩng Christ vẫn còn chịu khĩ. Khi Saulĩ thành Tĩtsĩ bị đĩn thĩng xuống đất trên đĩng đến Đĩmĩch, ông nghe tiếng từ trời phĩn: "Hĩi Saulĩ, Saulĩ, sao người bắt bĩ Ta?" Trước đó, Saulĩ không cố ý bắt bĩ Chúa – ông chỉ đang bắt bĩ Cơ Đĩc nhĩn. Tuy nhĩn, ông biĩt rằng khi bắt bĩ tĩn hĩu tức là ông đang bắt bĩ Cứu Chúa của họ. Đĩu trên Thiên đĩng cảm nhĩn những

sự chịu khổ của thân thể Ngài dưới trần gian này.

Vì vậy, sứ đồ Phaolô xem mọi thương khó mà Cơ Đốc nhân buộc phải chịu vì cơ Chúa Jêsus là một phần trong những thương khó của Đấng Christ vẫn còn chưa lại. Chúng bao gồm sự chịu khổ vì cơ sự công bình, chịu khổ vì cơ Ngài (mang lấy sự sỉ nhục của Ngài), và vì cơ Tin Lành.

Nhưng sự thương khó của Đấng Christ không chỉ nói đến những sự chịu khổ vì Đấng Christ. Chúng còn mô tả cùng một loại thương khó mà Cứu Chúa đã chịu khi Ngài còn ở trên trần gian này, dầu vậy kém xa về mức độ.

Những sự thương khó mà sứ đồ chịu trong xác thịt của ông là vì cơ thân thể Đấng Christ, tức là Hội Thánh. Trên một phương diện, những sự chịu khổ của người chưa được cứu là vô mục đích. Những sự chịu khổ đó chẳng kèm theo chân giá trị cao cả nào. Chúng chỉ là tiền vị của những nỗi đau đớn trong địa ngục mà họ phải chịu đời đời. Nhưng những sự thương khó của Cơ Đốc Nhân thì không như vậy. Khi họ chịu khổ vì Đấng Christ, Đấng Christ cũng chịu khổ với họ theo ý nghĩa hết sức thực tế.

1:25 Tôi làm kẻ giúp việc của Hội Thánh đó. Phaolô đã dùng cụm từ này rồi ở cuối câu 23. Giờ đây ông lặp lại. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa hai cách dùng này. Sứ đồ có hai phần chức vụ: trước hết, ông được giao đi rao giảng Tin Lành (câu 23); và thứ nhì, ông được sai đi dạy sự mầu

nhiệm tuyệt diệu về Hội Thánh (câu 25). Trong điều này có bài học rất thực tế cho mỗi một đấng tớ thật của Đấng Christ. Chúng ta không chỉ mong đợi đưa người đến với Đấng Christ qua Tin Lành rồi bỏ mặc họ tự xoay sở tốt đến đâu hay đến đấy. Trái lại, chúng ta buộc phải nhấm nhúng nỗ lực truyền giảng của mình để thành lập những Hội Thánh Tân Ước tại địa phương, để tại đó, tâm tin hữu được gây dựng trong đức tin rất thánh của họ, gồm có cả chân lý về Hội Thánh. Chúa muốn những con trẻ của Ngài được dẫn đến những trại nuôi dưỡng, để tại đó họ có thể được nuôi dưỡng và lớn lên.

Vì vậy, trong Côlôse 1, chúng ta đã thấy (1) sự nổi bật gồm hai phần của Đấng Christ; (2) sự giải hòa hai phần của Đấng Christ; và (3) chức vụ hai phần của Phaolô. Ở đây trong câu 25, khi Phaolô nói: "Tôi làm kẻ giúp việc của Hội Thánh đó," ông đang nói đến chức vụ đối với Hội Thánh, chứ không phải đối với Tin Lành. Điều này rõ ràng từ cụm từ theo sau: lời sự ban phát (hay "theo định kỳ") của Đức Chúa Trời, là Đấng giao cho tôi phần việc truyền đạo Chúa cho anh em. Quản gia là người chăm sóc lợi tức hay tài sản của người khác. Phaolô là quản gia theo nghĩa: chân lý tuyệt vời về Hội Thánh được giao cho ông cách rất đặc biệt. Tuy sự mầu nhiệm về Thân Thể của Đấng Christ không phải chỉ bày tỏ cho riêng mình ông mà thôi, nhưng ông được chọn làm người sẽ đem chân lý quý báu này đến cho dân ngoại. Chân lý này bao gồm vị trí

độc đáo của Hội Thánh trong mối liên hệ với Đấng Christ và những sự ban phát, cùng với hiến chương của Hội Thánh, hy vọng và số phận đặc biệt của Hội Thánh, cùng nhiều chân lý khác về sự sống và trật tự của Hội Thánh mà Chúa đã ban cho Phaolô và các sứ đồ khác.

Khi ông nói, "giao cho tôi cái phần việc truyền đạo Chúa cho anh em," ông đang nghĩ đến người Côlôse như những tín hữu ngoại bang. Sứ đồ Philerô được sai giảng đạo cho dân Do Thái, còn Phaolô được giao sứ mạng tương tự cho người ngoại bang.

Một trong những cụm từ khó hiểu nhất của đoạn này là "cái phần việc truyền đạo Chúa... cách trọn vẹn." Phaolô dùng cụm từ này để nói đích xác điều gì? Trước hết, chúng ta biết ông không có ý nói ông đã hoàn tất Lời Đức Chúa Trời bằng cách thêm sách cuối cùng vào Lời Đức Chúa Trời. Như chúng ta biết, sách Khải Huyền do Gláng viết ra, là sách cuối cùng được thêm vào Tân Ước tinh theo thời gian. Như vậy, trên phương diện nào Phaolô làm trọn hay hoàn chỉnh lời Đức Chúa Trời?

Trước hết, làm trọn có thể nói đến việc công bố đầy đủ, bày tỏ ra. Như vậy, Phaolô đã công bố toàn bộ lời khuyên của Đức Chúa Trời. Thứ nhì, chúng ta muốn gợi ý rằng ông đã làm trọn Lời Đức Chúa Trời về mặt giáo lý. Lẽ thật vĩ đại về sự mầu nhiệm hình thành viên đá định của Khải thị Tân Ước. Theo một cách rất thực tế, nó hoàn tất phạm vi các đề tài được luận đến trong Tân Ước. Tuy có nhiều

sách khác được viết sau thời của Phaolô, thế nhưng các sách đó không chứa thêm bất kỳ lẽ mầu nhiệm vĩ đại nào về đức tin mà không có trong các tác phẩm của sứ đồ Phaolô. Theo ý nghĩa rất thực tế, những sự Khải thị liên quan đến sự mầu nhiệm về Hội Thánh đã diễn đầy đủ Lời Đức Chúa Trời. Không một điều nào thêm về sau này là lẽ thật mới theo cùng một ý nghĩa đó.

1:26 Việc Phaolô làm trọn Lời Đức Chúa Trời liên quan đến sự mầu nhiệm được nói đến trong câu này, tức là sự mầu nhiệm đã giấu kín trải các đời các kiếp, mà nay lộ ra cho các thánh đồ Ngài. Trong Tân Ước, sự mầu nhiệm là một chân lý chưa từng được bày tỏ ra trước đây, nhưng giờ đây được tỏ ra cho con loài người thông qua các sứ đồ và các tiên tri của Tân Ước. Đây là một chân lý mà con người không bao giờ đạt đến được bởi trí khôn của mình, nhưng chính là lẽ thật do Đức Chúa Trời đã giấu ơn hạ cố tỏ ra.

Đây là một trong rất nhiều câu Kinh Thánh Tân Ước dạy rằng chân lý về Hội Thánh vẫn chưa được biết đến trong thời Cựu Ước. Chân lý này đã giấu kín trải các đời các kiếp (Êphêso 3:2-13; Rôma 16:25-27). Vì vậy, thật sai lầm khi nói Hội Thánh đã bắt đầu từ Adam hay Ápraham. Hội Thánh đã bắt đầu vào ngày Lễ Ngũ Tuần, và chân lý về Hội Thánh được bày tỏ bởi các sứ đồ. Hội Thánh trong Tân Ước không phải cùng là một như Ysơraên trong Cựu Ước. Hội Thánh là một thực tại chưa hề hiện hữu trước đó.

Ysraên bắt đầu từ việc Đức Chúa Trời kêu gọi Ápraham ra khỏi Uơ thuộc xứ Canhê, phó các dân còn lại cho tội lỗi và sự thờ lạy hình tượng của họ. Ngài đã lập một dân từ dòng dõi của Ápraham, khác biệt với mọi dân khác và phân rẽ họ ra khỏi những dân đó. Hội Thánh là sự đảo ngược của điều này, đó là sự liên hiệp các tín hữu từ mọi chủng tộc và mọi quốc tịch hợp thành một Thân Thể, được phân rẽ về mặt đạo đức và thuộc linh khỏi mọi người khác. Có thể nhìn thấy sự kiện Hội Thánh không phải là sự tiếp nối Ysraên qua nhiều điều, một trong đó là hình ảnh về "cây ôlve" mà Phaolô dùng trong Rôma 11 để chứng minh dân Ysraên vẫn giữ nguyên sự nhận diện của họ, dầu vậy, cá nhân người Do Thái nào tin Đấng Christ thì trở thành một thành viên trong Hội Thánh (Côlôse 3:10,11).

1:27 Có thể tóm tắt lẽ thật về sự **mẫu nhiệm này** như sau: (1) Hội Thánh là Thân Thể của Đấng Christ. Mọi tín hữu thật đều là chi thể trong Thân này, và được định cho dự phần vinh hiển của Đấng Christ đời đời. (2) Đức Chúa Jêsus là Đầu của Thân, cung cấp sự sống, chất bổ dưỡng và sự chỉ dẫn cho Thân. (3) người Do Thái không được quyền ưu tiên nào xét về mặt gia nhập Hội Thánh, và người ngoại bang cũng không phải chịu một thất lợi nào. Cả người Do Thái lẫn ngoại bang đều trở thành chi thể trong Thân bởi đức tin mà lập nên một người mới (Êphêso 2:15; 3:6). Người ngoại bang có thể được cứu không phải là một chân lý bị giấu kín trong

thời Cựu Ước; nhưng những người ngoại bang đã hoán cải sẽ trở thành đồng chi thể trong thân của Đấng Christ, trở thành người đồng hành với Ngài trong sự vinh hiển, và đồng cai trị với Ngài, là một chân lý chưa từng được biết đến trước đây.

Phương diện đặc thù của sự mẫu nhiệm mà Phaolô đang nhấn mạnh trong câu 27 chính là: Đức Chúa Jêsus sẵn sàng ở trong lòng của người ngoại bang. **Đấng Christ ở trong anh em, là sự trông cậy về vinh hiển.** Câu này được nói cho người Côlôse, là những người thuộc dân ngoại bang. F. B. Meyer thốt lên: "Việc Ngài phải ở trong lòng của con cái Ápraham đã được xem như hành động hạ cố tuyệt vời rồi, nhưng việc Ngài phải tìm một căn nhà trong lòng của người ngoại bang là điều không thể tin nổi." Thế nhưng đây chính xác là điều có trong lẽ mẫu nhiệm này – "Dân ngoại là kẻ đóng kể tự, là các chi của đồng một thể, đều có phần chung với chúng ta về lời hứa đã nhờ Tin lành mà lập trong Đức Chúa Jêsus Christ" (Êphêso 3:6). Để nhấn mạnh tầm quan trọng của chân lý này, sử đồ không chỉ đơn thuần nói: "Sự mẫu nhiệm này" hoặc "vinh hiển của sự mẫu nhiệm này," nhưng nói "**sự giàu vinh hiển của sự mẫu nhiệm đó.**" Ông chất tứ ngữ lên trên những tứ ngữ để cho độc giả ghi nhớ sự kiện đây là một chân lý vinh hiển đáng được họ chú ý kỹ nhất.

Nghĩa là Đấng Christ ở trong anh em là sự trông cậy về vinh hiển. Đấng Christ ở trong lòng chính là sự trông cậy về vinh hiển của tin hữu. Chúng

ta không có quyền nào hơn Chúa để đòi hỏi Thiên đàng. Chính sự kiện Ngài ở trong chúng ta khiến Thiên đàng trở nên chắc chắn dường như thể chúng ta đã ở đó rồi.

1:28 Cụm từ ấy là Ngài mà chúng tôi rao giảng rất quan trọng. Đương nhiên "Ngài" ở đây liên hệ lại về Đức Chúa Jêsus Christ (câu 27). Phaolô đang nói rằng ông rao giảng về một Đấng. Ông không dành thì giờ của mình cho chính trị hay triết học, nhưng tập trung vào chính Đức Chúa Jêsus, vì ông nhận thấy Cơ Đốc giáo chính là Đấng Christ. Lấy mọi sự khôn ngoan răn bảo mọi người, dạy dỗ mọi người, hầu cho bày tỏ mọi người trở nên trọn vẹn trong Đấng Christ. Ở đây, chúng ta hiểu thêm về chức vụ của vị sứ đồ yêu dấu. Đây là chức vụ người—đến - với- người. Ông răn bảo người chưa được cứu về cơn thịnh nộ kinh khiếp hầu đến, và ông dạy các thánh đồ những chân lý vĩ đại của đức tin Cơ Đốc.

Rồi chúng ta thấy ông nhấn mạnh đến công tác chăm sóc. Ông thật sự cảm thấy có ý thức trách nhiệm đối với những người mà ông đã đưa họ đến với Cứu Chúa. Ông chưa thỏa lòng để chỉ nhìn thấy những linh hồn được cứu tối chuyển họ đi. Ông muốn trình diện mọi người trở nên trọn vẹn trong Đấng Christ ra trước mặt Đức Chúa Trời. Ông mô tả mình là một thầy tế lễ đang dâng những sinh tế lên cho Đức Chúa Trời. Các của tế lễ ở đây là những người nam và nữ. Ông dâng họ lên cho Chúa trong tình trạng nào? Họ là những người yếu đuối hay

là những con trẻ trong Đấng Christ? Không, ông muốn họ là những Cơ Đốc nhân trưởng thành, phát triển đầy đủ và thành nhân. Ông muốn họ đắm rễ vững nền trong lẽ thật. Chúng ta có chia sẻ gánh nặng tương tự với những người mình đã dẫn đến với Đấng Christ không?

1:29 Vị sứ đồ - cũng như mọi sứ đồ khác - đã hướng đến mục tiêu này để làm việc. Thế nhưng ông nhận biết mình không làm việc này bằng sức riêng, nhưng nhờ sức Ngài giúp đỡ, là sức hành động cách cô quyền trong ông. Nói cách khác, ông nhận thấy chỉ khi nào được Chúa ban quyền năng ông mới phục vụ Ngài được. Ông biết Chúa đang hành động cách cô quyền trong ông khi ông đi từ nơi này đến nơi khác thành lập nhiều Hội Thánh mới và nuôi dưỡng các thánh đồ của Đức Chúa Trời.

Câu 28 và 29 đặc biệt bổ ích trong bản dịch của Phillip:

Như vậy, theo lẽ tự nhiên chúng tôi rao giảng Đấng Christ. Chúng tôi răn bảo mọi người mình gặp, dạy mọi người nào mình dạy được, bằng tất cả những gì mình biết về Ngài, để nếu được, chúng tôi có thể nuôi dạy mọi người tiến đến sự trưởng thành trọn vẹn trong Đấng Christ. Tôi luôn luôn làm việc vì điều này, với mọi sức lực mà Chúa ban cho.

E. Sự Ấm Áp Của Đấng Christ Đủ Chúng Lại Những Niềm Noa Của Triết Học, Chủ Nghĩa Duy Luận, Chủ Nghĩa Thần Bí Và Chủ Nghĩa Khổ Tu (2:1-23)

2:1 Câu này liên kết gắn gũi với hai câu cuối của đoạn 1. Trong hai câu đó, sứ đồ đang mô tả những cuộc

chiến đấu của mình, bằng cách dạy dỗ và giảng đạo, để trình dâng mỗi một tín hữu được trưởng thành trong Đấng Christ. Ở đây, những cuộc chiến đấu của ông mang bản chất khác hẳn. Bây giờ chúng được nói đến như "hết sức **chiến tranh**" trong sự cầu nguyện. Và ở đây, cuộc chiến tranh lớn này là vì cơ những người ông chưa hề gặp. Từ ngày đầu tiên được nghe về người Côlôse, ông đã cầu thay cho họ cũng như cho **những người** ở thành Laodixê kế cận, và cho những Cơ Đốc nhân khác nữa mà ông chưa hề gặp (xem Khải Huyền 3:14-19 để biết tình trạng đáng buồn sau này của Hội Thánh tại đó).

Câu 1 là niềm an ủi cho những người chưa hề có đặc ân dự phần vào chức vụ trong Hội Thánh chung. Câu này dạy chúng ta không cần để mình bị giới hạn bởi những gì có thể làm được trước mặt của người khác. Chúng ta có thể phục vụ Chúa trên đầu gối của mình tại phòng riêng. Nếu thật sự phục vụ trước công chúng, tình hữu hiệu của chúng ta phần lớn tùy thuộc nơi những giờ cầu nguyện riêng tư của mình trước mặt **Chúa**.

2:2 Nội dung chính xác trong lời cầu nguyện của Phaolô được nêu trong câu Kinh Thánh này. Phần đầu của lời cầu nguyện là **để lòng họ được yên ủi**. Người Côlôse đang gặp nguy vì những giáo huấn của Trì Huệ Phái. Do đó, **được yên ủi** ở đây có nghĩa được thêm sức hay được làm cho vững mạnh.

Phần thứ nhì của lời cầu nguyện là để họ lấy sự **yêu thương** mà **lên hiệp**.

Nếu các thánh đồ đang sống hạnh phúc, **thông công** đầy tình yêu với nhau, họ sẽ dần quân vững chắc xung trận chống lại những công kích của kẻ thù. Hơn nữa, nếu lòng họ nhiệt tình yêu mến Đấng Christ, Ngài sẽ bày tỏ cho họ những chân lý sâu nhiệm hơn của đức tin Cơ Đốc. Một nguyên tắc nổi tiếng của Kinh Thánh ấy là Chúa bày tỏ những bí mật của Ngài cho những ai giấu giấu Ngài. Chẳng hạn, Giăng là vị sứ đồ tựa vào ngực Chúa Jêsus, và không hề trùng hợp khi ông cũng là người được nhận sự khải thị vĩ đại về Đức Chúa Jêsus Christ.

Kế tiếp, Phaolô cầu nguyện để họ có **hiều sự thông biết đầy dẫy chắc chắn**. Càng hiểu biết nhiều về đức tin Cơ Đốc, họ sẽ càng tin quyết trọn vẹn hơn về sự thật của đạo ấy. Những Cơ Đốc nhân này càng dăm rẽ vững nển trong đạo bao nhiêu, thì nguy cơ bị dẫn đi lạc bởi những sự dạy dỗ giả dối của thời bấy giờ sẽ càng thấp bấy nhiêu.

Cụm từ **sự thông biết đầy dẫy chắc chắn** (Bản Anh ngữ là sự bảo đảm đầy trọn) được dùng ba lần trong Tân Ước. (1) Sự bảo đảm đầy trọn về **đức tin** – chúng ta yên nghỉ trên Lời Đức Chúa Trời, lời làm chứng của Ngài cho chúng ta (Hêbrơ 10:22). (2) Sự bảo đảm đầy trọn về **sự hiểu biết** – chúng ta biết và được bảo đảm chắc chắn (Côlôse 2:2). (3) Sự bảo đảm đầy trọn về **sự trông cậy** – chúng ta tiến tới với lòng vững tin về kết quả (Hêbrơ 6:11).

Đỉnh điểm trong lời cầu nguyện của Phaolô được tìm thấy trong những

chữ đến nỗi có thể hiểu sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là Đấng Christ (Bản Anh ngữ ghi là sự mầu nhiệm của cả Đức Chúa Cha và của Đấng Christ).

Phaolô muốn nói gì khi bảo họ có thể hiểu sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời... và của Đấng Christ? Ông vẫn đang nói đến lẽ thật về Hội Thánh - Đấng Christ, Đầu của Thân, và mọi tin hữu là chi thể của Thân ấy. Nhưng phương diện đặc thù của sự mầu nhiệm mà ông đang nghĩ đến chính là tư cách làm Đầu của Đấng Christ. Ông đầy lòng khát vọng mong cho các thánh đồ hiểu biết lẽ thật này. Ông biết nếu họ nhận thấy sự vĩ đại của Đầu, họ sẽ không bị lôi kéo đi bởi Trí Huệ Phái hay bởi các tà giáo xấu xa khác đang đe dọa họ. Ông muốn các thánh đồ sở hữu Đấng Christ, sử dụng các nguồn tài nguyên của Ngài, đến với Ngài trong mọi giờ phút khẩn cấp. Ông muốn họ nhìn thấy Đấng Christ ấy, là Đấng - theo cách nói của Alfred Mace:

Đang ở trong dân sự Ngài, Đấng có mọi thuộc tánh của Đức Chúa Trời, có những nguồn cung ứng vô hạn vô lượng và không thể tả viết, để họ không cần phải ra ngoài Ngài tìm thêm bất kỳ điều nào khác. "Vì Đức Chúa Trời muốn khiến họ biết SỰ GIÀU vinh hiển của SỰ MẦU NHIỆM do ở giữa dân ngoại là thế nào, nghĩa là ĐẤNG CHRIST Ở TRONG ANH EM, là sự trông cậy về vinh hiển" (Colôse 1:27). Lẽ thật về điều này, được biết đến trong quyển nầy, là phương thuốc trị liệu bảo đảm và chắc chắn cho sự kiêu ngạo

của người Laodixê, thần học duy lý, tôn giáo truyền thống, những người đồng cốt của Thông Linh Học bị quỵ ám, cùng mọi hình thức chống đối hay giả mạo khác.¹³

2:3 Trong Đấng Christ đã giấu kín mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng. Đương nhiên, Trí Huệ Phái đã khoe về sự hiểu biết vượt trội hơn bất kỳ điều gì có trong những trang khái thị thiên thượng này. Sự khôn ngoan của họ là điều bổ sung thêm cho những điều tìm được trong Đấng Christ hay trong Cơ Đốc giáo. Nhưng ở đây, Phaolô đang nói đến mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng đều được giấu kín trong Đấng Christ, là Đầu. Do đó, tin hữu không cần đi ra ngoài những điều đã được chép trong Kinh Thánh. Mọi sự quý báu trong Đấng Christ được giấu kín khỏi lòng vô tín; và ngay cả tín hữu cũng cần phải biết Đấng Christ cách mật thiết thì mới tiếp nhận được.

"Đấng Christ ở trong tin hữu này với tư cách là Đầu, là trung tâm và nguồn cung ứng. Bởi sự giàu có mệnh mông không thể tả thần của Ngài, bởi sự phong phú nổi bật từ sự cao trọng vô hạn của Ngài, bởi hoàn toàn tự nhiên Ngài vốn là Đức Chúa Trời, bởi tất cả những gì Ngài đã hoàn thành trong sự sáng thế và trong sự cứu chuộc, bởi những vinh hiển của bản thân Ngài, của đạo đức và chức vụ Ngài, nên Ngài đã khiến toàn bộ đạo bình của các giáo sư, các tác giả, những đồng cốt, những nhà phê bình, và người khác tập trung lại chống nghịch Ngài".

(Sứ Tầm)

Câu Kinh Thánh này còn nhiều điều thâm thúy hơn về bề ngoài vừa thấy. Mọi **sự thông sáng** được tìm thấy trong Đấng Christ. Ngài là hiện thân của chân lý. Ngài phán: "Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống." Không sự thật nào sẽ xung đột với những lời nói hay công việc của Ngài. Khác biệt giữa **thông sáng** và **khôn ngoan** thường được giải thích như sau: **Thông sáng** là sự hiểu biết chân lý, còn **khôn ngoan** là khả năng để áp dụng chân lý vừa học được.

2:4 Vì mọi **khôn ngoan thông sáng** đều ở trong Đấng Christ, nên Cơ Đốc nhân đừng bị lừa dối bởi **những lời dồ** dành của những người theo tà giáo. Nếu một người không có lẽ thật, thì họ phải tìm cách thu hút người đi theo bằng cách trình bày khéo léo sự đẽp của mình. Đây chính xác là điều những người tà giáo luôn luôn làm. Họ tranh luận từ những khả năng có thể xảy ra và xây dựng một hệ thống giáo huấn trên những sự suy diễn. Mặt khác, nếu một người đang rao giảng chân lý của Đức Chúa Trời, thì không cần phải nhờ cậy những điều như là thuật hùng biện hay những lập luận khôn khéo. Chân lý chính là lập luận tốt nhất của chính nó, và giống như sự tử, chân lý sẽ tự bình vực mình.

2:5 Câu Kinh Thánh này cho thấy sự đó Phaolô có ý thức gắn gủi biết bao về những nan đề và hiểm họa mà người Côlôse đối mặt. Ông mô tả mình như một sĩ quan đang theo dõi những toán quân tập trung lại để đứng chờ kiểm tra. Hai từ ngữ **lừa tự** và

vững vàng là những từ ngữ quân sự. Chữ thứ nhất mô tả hàng ngũ có trật tự của một đạo quân, còn chữ thứ nhì mô tả đội ngũ dàn quân vững chắc của họ. Phaolô vui mừng khi nhìn thấy (trong tâm thần, đầu không nhìn thấy bằng chính thân thể) người Côlôse đang giữ đúng theo Lời Đức Chúa Trời.

2:6 Giờ đây ông khích lệ họ cứ tiếp tục tiến bước y như cách họ đã khởi sự từ lúc đầu, tức là bởi đức tin. Anh em đã nhận Đức Chúa Jêsus Christ thế nào, thì hãy bước đi trong Ngài thế ấy. Điểm nhấn mạnh ở đây dường như là chữ Chúa. Nói cách khác, họ đã công nhận trong Ngài có sự đầy đủ hoàn toàn. Có Ngài là đủ, không những đủ cho sự cứu rỗi, mà còn cho toàn bộ nếp sống Cơ Đốc của họ nữa. Giờ đây, Phaolô khuyên các thánh đồ tiếp tục công nhận quyền tể trị của Đấng Christ. Họ đừng đi lạc khỏi Ngài bằng cách tiếp nhận sự dạy dỗ của con người, cho dù những dạy dỗ đó có vẻ thuyết phục đến đâu đi nữa. Chữ "**bước đi**" là chữ thường được dùng chỉ về đời sống Cơ Đốc. Nó nói đến hành động và sự tiến triển. Bạn không thể bước đi mà cứ mãi ở nguyên một chỗ được. Trong nếp sống Cơ Đốc cũng vậy; hoặc chúng ta đang tiến lên, hoặc đang lùi lại.

2:7 Trước hết, Phaolô dùng một cụm từ trong nông nghiệp, sau đó trong ngành kiến trúc. Cụm từ **đám rề** chỉ về sự xảy ra vào lúc chúng ta hoạn cải. Như thế Đức Chúa Jêsus Christ là lớp đất và chúng ta thấy rề của mình

trong Ngài. Chữ này cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc rể chúng ta cần đâm sâu, để khi những ngọn gió chống đối thổi đến, chúng ta sẽ không bị lay chuyển (Mathiơ 13:5,20,21).

Rồi Phaolô chuyển sang hình ảnh một tòa nhà. **Vững nền trong Ngài.** Ở đây Đức Chúa Jesus được gợi ý như một cái nền, và chúng ta đang được xây trên Ngài, là Hòn Đá của các thời đại (Luca 6:47-49). Chúng ta **đâm rễ** một lần đủ cả, nhưng chúng ta vẫn đang được xây lên.

Lấy đức tin làm cho bền vững. Những chữ làm cho bền vững cũng có thể dịch là “có một thói quen vững chắc,” ý muốn nói ở đây là một tiến trình diễn ra liên tục suốt cuộc đời người Cơ Đốc. Người Côlôse đã được Êpháp-ra dạy về những giáo lý nền tảng của Cơ Đốc giáo. Khi họ tiếp tục tiến trên con đường Cơ Đốc, những chân lý quý báu này sẽ được khẳng định liên tục trong lòng họ và trong đời sống họ. Ngược lại, II.Phiêrơ 1:9 cho thấy không tiến bộ trong nếp sống thuộc linh thì dẫn đến nghi ngờ, mất vui mừng và mất đi phước hạnh của Tin Lành.

Phaolô kết thúc lời mô tả bằng từ ngữ **đur đặt trong sự cảm tạ.** Ông không muốn Cơ Đốc nhân trở nên lạnh cứng trong giáo lý, nhưng muốn lòng họ được những chân lý tuyệt vời của Tin Lành bắt lấy để đến lượt họ sẽ tuôn tràn lời ca ngợi và cảm tạ Chúa. **Cảm tạ** về những phước hạnh của Cơ Đốc giáo là liều thuốc giải tuyệt vời chống lại chất độc của giáo lý giả.

Arthur Way dịch câu 7 như sau: “Hãy giống như những cái cây đâm rễ vững chắc, như những tòa nhà đang mọc lên vững vàng, cảm nhận sự hiện diện của Ngài quanh bạn, và thậm chí (cho đến tám mức mà anh em hiện đã học tới) không rung động trong đức tin, và tuôn tràn lời cảm tạ.”

2:8 Giờ đây Phaolô sẵn sàng giải quyết trực tiếp những sai lầm cụ thể đang đe dọa tín hữu tại Thung Lũng Lycus, nơi thành phố Côlôse tọa lạc. **Hãy giữ chừng, kẻo có ai lấy triết học và lời hư không... mà bắt anh em phục chúng.** Những sự dạy dỗ giả dối tìm cách cướp mất của người ta những gì có giá trị, nhưng chính nó lại chẳng có thực chất gì cả. **Triết học** nghĩa đen là “yêu mến sự khôn ngoan.” Bản thân nó không phải là xấu, nhưng đã trở thành xấu khi con người tìm sự khôn ngoan ra ngoài Đức Chúa Jesus Christ. Ở đây, từ này được dùng để mô tả nỗ lực của con người dùng sự khôn ngoan riêng của mình tìm kiếm và tra xét những điều mà chỉ có thể nhờ sự bày tỏ thiên thượng mới biết được (I.Côrinthô 2:14). Nó là xấu vì tôn cao lý luận của con người lên trên Đức Chúa Trời và thờ phượng tạo vật thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hóa. Đây là đặc trưng của những người theo phái thần học tự do của thời chúng ta, với chủ nghĩa duy trí và duy lý đầy khoe khoang của họ. **Những lời hư không** nói đến những sự dạy dỗ giả dối và vô giá trị của những người tuyên bố sẽ đưa ra những chân lý bí mật cho một nhóm nội bộ cảm quyền. Thực sự thì nó chẳng có gì cả. Nhưng

nó kiếm được món đồ bằng cách đánh vào trí tò mò của con người. Nó cũng hấp dẫn tính kiêu căng tự phụ của họ bằng cách khiến họ trở nên thành viên của "vài người tuyển lựa."

Triết học và lời hư không bị Phaolô tấn công ở đây chính là theo lời truyền khẩu của loài người, sơ học của thế gian, không theo Đấng Christ. Lời truyền khẩu của loài người ở đây nói đến những dạy dỗ tôn giáo do con người phát minh nhưng không có cơ sở thật trong Kinh Thánh. (Một truyền thống là sự qui định của một tập quán bắt đầu như sự tiện lợi điều thích hợp với một hoàn cảnh đặc thù nào đó). Sơ học của thế gian nói đến những lễ nghi, những kỳ lễ và những sự tuân giữ lễ của người Do Thái mà con người nhờ đó mong được ơn của Đức Chúa Trời.

Luật pháp Môisê nhằm mục đích làm lành lòng cho điều hư đến. Nó dù là "trường tiểu học" để dọn lòng tiếp nhận Đấng Christ sắp đến. Giờ đây quay trở về với luật pháp Môisê tức là rơi vào tay của những giáo sư giữ đang âm mưu sử dụng hệ thống loại bỏ này để thay thế cho Con Đức Chúa Trời. (Chú Giải Kinh Thánh Hằng Ngày của Liên Đoàn Kinh Thánh)

Phaolô muốn người Côlôse thử nghiệm mọi sự dạy dỗ bằng cách xem chúng có phù hợp với các giáo lý của Đấng Christ hay không. Bản dịch câu này của Phillip rất bổ ích: "Cần thận để không ai làm hỏng đức tin của anh em thông qua chủ nghĩa duy trí hay những lời lẽ phi lý nghe thật kêu. Những thứ như thế giới làm cũng chỉ

là lập lên trên những ý kiến về bản chất thế giới của con người, và xem thường Đấng Christ!"

2:9 Thật tuyệt vời khi thấy Phaolô không ngừng đưa độc giả trở về với Thần Vị của Đấng Christ. Ở đây, ông đưa ra một trong những câu Kinh Thánh tuyệt vời nhất và không thể làm lẫn vào đâu được trong Kinh Thánh nói về thần tánh của Đức Chúa Jêsus Christ. Vì sự **đầy đầy của bốn lánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình**. Hãy để ý sự tích lũy bằng chứng có chủ định về sự thật Đấng Christ là Đức Chúa Trời. Trước hết, bạn thấy có thần tánh của Ngài: "Vì **bốn lánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình**." Thứ nhì, bạn có điều được người ta gọi là độ lớn của thần tánh: "Vì sự **đầy đầy của bốn lánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình**." Cuối cùng, bạn có điều được gọi là sự đầy đầy tuyệt đối của thần tánh: "Vì sự **đầy đầy của bốn lánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình**." [Đây là câu trả lời hữu hiệu cho nhiều hình thức khác nhau của Trí Huệ Phái vốn phủ nhận thần tánh của Chúa Jêsus - Cơ Đốc Khoa Học, Giêhôva Chứng Nhân, đạo Unity, Thông Thiên Học, Christadelphianism, v.v...]

Vincent nói: "Câu này chứa đựng hai lời khẳng định độc đáo: (1) sự đầy đầy của bốn lánh Đức Chúa Trời ở đời đời trong Đấng Christ...; (2) sự đầy đầy của bốn lánh Đức Chúa Trời... là một Đấng có một thân thể của con người."¹⁴ Đa số các tà giáo đề cập trên

đây sẽ thừa nhận có hình thức thần thánh nào đó ở trong Chúa Jêsus. Câu này đang xác định sự đầy đầy của bốn thánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Ngài, trong tư cách con người của Ngài. Lập luận này rất rõ ràng – nếu có sự đầy đủ đến như thế trong Thần Vị của Đức Chúa Jêsus Christ, vì sao lại chịu thỏa mãn với những dạy dỗ xem nhẹ hay phớt lờ Ngài?

2:10 Sự đổ vẫn đang cố giúp độc giả ghi nhớ sự hoàn toàn đầy đủ của Đức Chúa Jêsus Christ, địa vị trọn vẹn họ đã có trong Ngài. Biểu hiện tuyệt vời của ân điển Đức Chúa Trời ấy là chân lý của câu 10 sẽ tiếp theo chân lý của câu 9. Trong Đấng Christ có trọn sự đầy đầy của bốn thánh Đức Chúa Trời như có hình, và tín hữu được đầy đầy mọi sự trong Ngài. Đương nhiên, điều này không có nghĩa mọi sự đầy đầy của bốn thánh Đức Chúa Trời đều ở trong tín hữu. Đấng duy nhất mà điều này đã từng đúng, hoặc sẽ luôn luôn đúng, chính là Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng điều câu này dạy ấy là tín hữu trong Đấng Christ có mọi sự cần có cho sự sống và sự tin kính. Spurgeon định nghĩa rất hay về sự đầy đầy mọi sự của chúng ta. Ông nói chúng ta (1) được đầy đầy mọi sự mà không cần sự trợ giúp của lễ nghi Do Thái giáo. (2) được đầy đủ không cần sự giúp đỡ của triết học. (3) được đầy đủ mà không cần những phát minh của mê tín. (4) được đầy đủ không cần đến công đức của con người.

Đấng mà chúng ta được đầy đầy trong Ngài chính là Đấng của mọi

quyền cai trị và mọi thể lực. Tri Huệ Phải thích thú với đề tài các thiên sứ. Điều này sẽ được đề cập sau trong đoạn Kinh Thánh này. Nhưng Đấng Christ là đầu trên mọi thiên sứ, và thật buồn cười khi phải bận rộn và bị ám ảnh với các thiên sứ trong khi chúng ta có thể có Đấng Tạo Hóa các thiên sứ làm đối tượng cho tình cảm của mình và được hưởng sự thông công với chính Ngài.

2:11 Chịu cắt bì là nghi thức điển hình của Do Thái giáo. Đây là cuộc uể phầu dùng dao cắt vào thịt của một bé trai. Về mặt thuộc linh, điều này biểu thị sự chết đối với xác thịt, hay loại bỏ bản tánh xấu xa, bại hoại và chưa được tái sanh của con người. Bất hạnh thay, dân Do Thái đã trở nên ám ảnh với nghi lễ theo nghĩa đen mà bỏ bê ý nghĩa thuộc linh của nó. Khi cố tìm ơn của Đức Chúa Trời qua các lễ nghi và việc lành, trên thực tế họ đang nói rằng trong xác thịt con người vẫn có một điều gì đó có thể làm đẹp lòng Chúa. Họ đã lảm lạc xa rời lẽ thật.

Câu Kinh Thánh trước mặt chúng ta không xét đến sự cắt bì về mặt thuộc thể, nhưng trái lại xét đến sự cắt bì thuộc linh, là điều đúng cho mọi ai đặt đức tin nơi Đức Chúa Jêsus. Điều này được thấy rõ qua cụm từ không phải phép cắt bì bởi tay người ta làm ra. Câu Kinh Thánh này dạy: Mọi tín hữu đều chịu phép cắt bì của Đấng Christ. Phép cắt bì của Đấng Christ nói đến sự chết của Ngài trên thập tự ở Gôgôtha. Ý chính ở đây là khi Chúa Jêsus chịu chết, tín hữu

cùng chết. Người ấy chết đối với tội lỗi (Rôma 6:11), đối với luật pháp, với bản ngã (Galati 2:20), và với thế gian (Galati 6:14). (Phép cắt bì này được thực hiện "không phải bởi tay người ta làm ra" theo ý nghĩa bản tay con người không thể cạy công đức để dự phần vào trong đó. Con người không thể xứng đáng được nhận hay có thể kiếm được nó. Đó là công tác của Đức Chúa Trời.) Vì vậy, người này đã lột bỏ lãnh xác thịt (Bản Anh ngữ ghi là thân thể của những tội lỗi đã phạm trong xác thịt). Nói cách khác, khi một người được cứu, người ấy được liên kết với Đấng Christ trong sự chết, và từ bỏ mọi hy vọng mong kiếm được hay xứng đáng được ơn cứu rỗi bởi những nỗ lực của xác thịt. Samuel Ridout viết: "Sự chết của Chúa chúng ta không những loại bỏ kết quả, mà còn lên án và gạt bỏ chính rễ sinh ra trái kia."

2:12 Giờ đây Phaolô chuyển từ đề tài phép cắt bì sang đề tài phép báp têm. Phép cắt bì nói đến sự chết đối với xác thịt, phép báp têm nói chính xác (tỉ mỉ) hơn về sự chôn con người cũ. Vì vậy chúng ta thấy: Anh em đã bởi phép báp têm được chôn với Ngài, thì cũng được sống lại với Ngài bởi đức tin trong quyền phép Đức Chúa Trời, là Đấng đã khiến Ngài lìa kẻ chết sống lại. Câu này dạy chúng ta không những chết với Đấng Christ, mà còn được chôn với Ngài nữa. Điều này được làm hình bóng lúc chúng ta chịu báp têm, xảy ra vào lúc hoán cải, chúng ta diễn tả điều này qua lời tuyên xưng công khai khi bước xuống

đồng nước chịu phép báp têm. Phép báp têm là sự chôn, chôn tất cả những gì chúng ta vốn có trong tư cách con cái Adam. Trong phép báp têm, chúng ta thừa nhận chính mình không có điều gì làm đẹp lòng Đức Chúa Trời được, và vì vậy chúng ta đang loại bỏ xác thịt này khỏi mặt Đức Chúa Trời đời đời. Nhưng phép báp têm không kết thúc với sự chôn. Chúng ta không những bị đóng đinh với Đấng Christ và đồng chôn với Ngài, mà còn được đồng sống với Ngài để bước đi trong đời sống mới. Toàn bộ điều này xảy ra vào lúc hoán cải. Ấy là bởi đức tin trong quyền phép Đức Chúa Trời, là Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại.

2:13 Giờ đây sứ đồ Phaolô áp dụng toàn bộ điều này cho người Côlôse. Trước khi hoán cải, họ đã chết bởi tội lỗi họ. Điều này có nghĩa vì những tội đã phạm, họ chết về mặt tâm linh đối với Chúa. Điều này không có nghĩa tâm linh của họ đã chết, nhưng điều này đơn giản có nghĩa không còn vận động nào trong tâm linh họ để tiến về Đức Chúa Trời và họ không thể làm được gì để kiếm ơn của Ngài. Không những họ đã chết trong tội lỗi, mà Phaolô còn nói đến sự không chịu cắt bì về xác thịt của họ. Không chịu cắt bì thường được dùng trong Tân Ước để mô tả các dân ngoại bang. Người Côlôse là người ngoại bang. Họ không phải là thành viên trong tuyến dân trên trần gian của Đức Chúa Trời, tức người Do Thái. Do đó, họ đang ở trong địa vị xa cách Đức Chúa Trời, và được mặc sức đi theo xác thịt cùng

với những tham dục của nó. Nhưng khi nghe Tin Lành và tin Đức Chúa Jêsus Christ, họ được sống lại với Đấng Christ, và mọi tội của họ đã được tha. Nói cách khác, điều thực sự đã xảy ra cho người Côlôse chính là toàn bộ nếp sống của họ được thay đổi. Tiểu sử tội nhân của họ đã chấm dứt, và giờ đây họ là những người được dựng nên mới trong Đức Chúa Jêsus Christ. Họ đang sống ở về phía sự phục sinh. Do đó họ phải nói "tạm biệt" với tất cả những đặc tính của người ở trong xác thịt.

2:14 Bây giờ Phaolô tiếp tục mô tả một điều khác nữa đã được đưa vào trong công tác của Đấng Christ. Ngài đã xóa bỏ khế lập nghịch cùng chúng ta, các điều khoản trái với chúng ta nữa, cùng phá hủy tờ khế đó mà đóng đinh trên cây thập tự. Tờ khế lập nghịch cùng chúng ta mô tả luật pháp. Trên một phương diện, Mười Điều Răn nghịch cùng chúng ta, lên án chúng ta vì chúng ta không giữ trọn vẹn chúng. Nhưng sứ đồ không những nghĩ đến Mười Điều Răn, mà còn nghĩ đến các luật lệ nghi đã được ban cho Ysraên. Trong luật lệ nghi, có đủ mọi loại điều răn liên quan đến những ngày thánh, thức ăn và các lễ nghi tôn giáo khác. Đây là một phần trong lối giáo quy định của người Do Thái. Chúng hướng đến sự xuất hiện của Chúa Jêsus. Chúng làm hình bóng về Thân Vị và công tác Ngài. Bởi sự chết của Chúa trên cây thập tự, Ngài đã phá hủy toàn bộ những điều luật này, đóng đinh nó vào thập tự giá và phá hủy tờ khế đó giống như một hóa đơn

được xóa sổ khi đã trả xong nợ. Đừng như Meyer nói:

"Bởi sự chết của Đấng Christ trên thập tự, luật pháp vốn đã lên án con người nay mất đi thẩm quyền hình phạt của nó, Vì Đấng Christ, bởi sự chết Ngài đã gánh chịu thay cho con người nữa sả của luật pháp và trở nên sự cuối cùng của luật pháp."¹⁵ Kelly tóm tắt rất gọn: "Luật pháp không chết, nhưng chúng ta đã chết đối với luật pháp."

Lời nói của Phaolô ở đây rất có thể nói đến thói tục thời xưa để đóng đinh chứng cứ thành văn của một món nợ đã được xóa sổ tại nơi công cộng như một bản thông báo cho mọi người biết chủ nợ không còn quyền đòi hỏi gì nơi người mắc nợ nữa.

2:15 Bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá và tiếp đến là sự phục sinh và thăng thiên của Ngài, Chúa Jêsus cũng đã đắc thắng các quyền cai trị cùng các thế lực, và nộp ra lô lương giữa thiên hạ. Chúng ta tin đây cũng chính là chiến thắng được mô tả trong Êphêso 4. Trong đó nói về việc Chúa Jêsus đã dẫn các phu tù. Sự chết, sự chôn, sự sống lại và thăng thiên của Ngài là một chiến thắng vinh diệu trên mọi đạo binh của địa ngục và của Satan. Khi Ngài trên đường trở về Thiên đàng bằng qua không gian, Ngài đã băng ngang qua chính lãnh thổ của kẻ hiện là vua cầm quyền chống không trung.

Có lẽ câu Kinh Thánh này an ủi đặc biệt cho những ai đã từ bỏ thờ lạy ma quỷ trở về tin Chúa nhưng vẫn còn bị ám ảnh với nỗi sợ hãi các tà linh. Không có gì phải sợ nếu chúng ta

ở trong Đấng Christ, vì Ngài đã **trút bỏ các quyền cai trị cùng các thế lực.**

2:16 Một lần nữa, sứ đồ Phaolô sẵn sàng áp dụng điều ông vừa mới nói. Chúng ta có thể tóm tắt điều vừa nói như sau: người Côlôse đã chết đối với mọi nỗ lực cạy xác thịt để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Họ không những chết, họ còn được chôn với Đấng Christ và đã đồng sống lại với Ngài để sống trong đời mới. Do đó, họ nên đoạn tuyệt đời đời với những người thiên về Do Thái giáo và Tri Huệ Phái, là những người đang cố gắng lôi kéo họ trở về với chính những điều mà người Côlôse ngày trước đã chết đối với chúng rồi. **Vì vậy, chớ có ai đoán xét anh em về của ăn uống, hoặc ngày lễ, hoặc ngày mặt trăng mới, hoặc ngày Sa bát.** Mọi tôn giáo của con người đặt con người dưới ách nô lệ cho những sự tuân thủ luật lệ, các điều lệ, và lịch tôn giáo. Lịch này thường dùng những kỳ giữ lễ hằng năm (những ngày thánh), những kỳ lễ hằng tháng (những ngày trăng mới), hoặc những ngày lễ hằng tuần (ngày Sa bát). Cụm từ "**vì vậy chớ có ai đoán xét anh em**" muốn nói rằng người khác không có quyền đoán xét một Cơ Đốc nhân nếu như Cơ Đốc nhân này ăn thịt heo, hay không giữ được những ngày lễ tôn giáo hay các ngày thánh. Một số tà giáo, như Thông Linh Học, khẳng khái đòi thuộc viên phải kiêng ăn thịt. Suốt nhiều thế kỷ, Công Giáo La mã không được ăn thịt vào ngày thứ Sáu. Rất nhiều giáo hội đòi hỏi kiêng một số món ăn nhất định trong Mùa Chay.

Nhiều giáo phái, như Mormons chẳng hạn, nói rằng người ta không thể làm một thành viên tốt nếu uống trà hay cà phê, một số giáo phái khác nữa, đáng kể là Hội Cơ Đốc Phục Lâm, quả quyết người ta phải giữ ngày sa bát thì mới đẹp lòng Đức Chúa Trời được. Cơ Đốc nhân không phải buộc tuân giữ những lễ như thế. Để luận giải đầy đủ hơn về luật pháp, ngày Sabát và chủ nghĩa duy luật, xem những phần phụ lục ở Mathiơ 5:18; 12:8 và Galati 6:18).

2:17 Những sự tuân giữ lễ nghi tôn giáo của người Do Thái là bóng của các việc sẽ tới, còn hình (hay thân thể) thì ở trong Đấng Christ. Chúng được thiết lập trong Cựu Ước để làm một hình ảnh báo trước. Chẳng hạn, ngày Sabát được ban để làm hình bóng về sự yên nghỉ vốn thuộc về phần của tất cả mọi người nào tin Chúa Jesus Christ. Giờ đây khi Chúa Jesus đã đến, có sao còn tiếp tục bận rộn với những cái bóng ấy? Điều này cũng giống y như cứ mãi mê bận rộn với tấm ảnh trong khi chính con người thật trong ảnh hiện đang có mặt một bên.

2:18 Thật khó biết ý nghĩa đích xác của câu này, vì chúng ta hoàn toàn không quen thuộc với những dạy dỗ của Tri Huệ Phái. Có lẽ câu này muốn nói những con người ấy giả đờ khiêm nhường đến nỗi họ không dám đến gần Đức Chúa Trời trực tiếp. Có lẽ Tri Huệ Phái dạy người ta phải đến gần Đức Chúa Trời thông qua các thiên sứ, và như vậy trong điều được cho là **khiêm nhường** ấy, họ đã thờ

phượng các thiên sứ thay vì thờ phượng Chúa. Trong thế giới ngày nay, chúng ta cũng có điều tương tự như thế. Có những người Công Giáo Lamà nói rằng họ không nghĩ đến việc trực tiếp cầu nguyện với Đức Chúa Trời hay với Chúa Jêsus, vì vậy khẩu hiệu của họ là "đến với Chúa Jêsus qua Mari." Điều này có vẻ như họ đang giả đò khiêm nhường qua sự thờ lạy một hữu thể thọ tạo. Cơ Đốc nhân đừng để bất kỳ ai cướp mất phần thưởng của mình bởi những tập tục phi Kinh Thánh như thế. Lời Chúa nói rõ ràng chỉ có "một Đấng Trung Bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, là Đức Chúa Jêsus Christ, là người" (1.Timôthê 2:5).

Sứ đồ Phaolô đi tiếp với cụm từ khó hiểu này: họ theo những sự mình không¹⁶ xem thấy. Trĩ Huệ Phải tuyên bố họ có những lẽ mẫu nhiệm bí mật và sâu sắc, và muốn học biết những lẽ mẫu nhiệm này thì phải có người khác truyền thụ cho. Có lẽ những bí mật này bao gồm rất nhiều điều được gọi là khái tượng. Những điều được cho là khái tượng kia chính là yếu tố quan trọng trong những tà giáo thời nay như đạo Mormons, Thông Linh Học, Công Giáo Lamà, và Swedenborgianism. Những người là thành viên của nhóm thứ linh này lẽ tự nhiên rất kiêu hành về sự hiểu biết bí mật của họ. Do đó, Phaolô nói thêm: Tinh xác thật nổi lòng kiêu ngạo vô ích. Họ giữ thái độ trịch thượng đối với người khác và tạo ra ấn tượng người ta chỉ có thể hạnh phúc nhờ hiểu rõ những bí mật sâu sắc này. Có

lẽ chúng ta nên dừng chốc lát ở đây để nói phần lớn điều này là nét đặc trưng của những tổ chức huynh đệ bí mật trong thời chúng ta. Cơ Đốc nhân nào đang bước đi trong sự thông công với Chúa mình thì sẽ không có thì giờ dành cho, cũng như không đóng cảm với, những tổ chức như thế.

Điểm quan trọng phải lưu ý trong câu này ấy là: nhiều tập tục tôn giáo khác nhau của những người này đã được thực hiện theo ý riêng của họ. Họ không có thẩm quyền Kinh Thánh. Họ không hành động trong sự vâng phục Đấng Christ. Họ trở nên kiêu ngạo vô ích bởi tinh xác thịt, vì họ muốn gì làm nấy, không cần đến Chúa; thế nhưng hành vi của họ tỏ vẻ khiêm nhường và mộ đạo.

2:19 Và không liên lạc với đấng. Ở đây, Đức Chúa Jêsus được trình bày như là Đấng của Thân Thể. "Liên lạc với đấng" có nghĩa sống với nhận thức Đấng Christ là Đấng, nhận sự chu cấp mọi nhu cầu của mình từ những nguồn cung ứng bất tận của Ngài, và làm mọi việc vì vinh hiển Ngài. Nghĩa là nhìn đến Chúa trong vinh hiển để được nâng đỡ và tìm sự hướng dẫn, và cứ liên kết với Ngài. Điều này được giải thích thêm qua cụm từ theo sau: là nhờ đấng đó mà cả thân thể xếp đặt kể hiệp bởi các lải léo, và được sự sanh trưởng từ Đức Chúa Trời đến. Nhiều bộ phận khác nhau trong cơ thể người được nối kết bởi khớp và gân (bản Việt Ngữ dịch là "các lải léo"). Đến lượt thân thể được nối với đấng. Thân thể hướng đến đấng để tìm sự dẫn dắt và chỉ huy. Đây chính là ý sứ

đó Phaolô đang nhấn mạnh. Chi thể trong Thân của Đấng Christ trên trần gian phải ôm mọi sự thỏa mãn và đầy đủ của mình trong Ngài, đừng để bị dụ dỗ bởi những lập luận thuyết phục của các giáo sư giả này.

Liên lạc với Đấng nhấn mạnh lễ thiết yếu phải nương cậy từng giây phút một vào Chúa. Sự giúp đỡ của ngày hôm qua sẽ không đủ cho ngày hôm nay. Chúng ta không thể xây gao bằng nước đã chảy qua khỏi con đê rồi. Cũng cần phải nói thêm ở đây rằng nơi nào Cơ Đốc nhân liên lạc với Đấng, thì sẽ có những hành động tự phát phối hợp với các chi thể khác trong Thân.

2:20 Sơ học của thế gian, như được dùng trong câu Kinh Thánh này, nói đến những nghi lễ và sự tuân giữ lễ. Lấy ví dụ, nghi lễ của Cựu Ước là những nguyên lý sơ đẳng của thế gian theo ý nghĩa chúng dạy nhưng nguyên tắc sơ đẳng của tôn giáo, những mẫu tự vỡ lòng của tôn giáo (Galati 4:9-11). Có lẽ Phaolô cũng nghĩ đến những nghi lễ và những sự giữ lễ liên quan đến Tri Huệ Phải và các tôn giáo khác. Nói cụ thể, sự đó đang đề cập đến chủ nghĩa khổ tu, xuất phát từ Do Thái giáo vốn đã mất địa vị của nó trước mặt Đức Chúa Trời rồi, hoặc từ Tri Huệ Phải hoặc bất kỳ tôn giáo nào khác vốn chưa từng đứng được trước mặt Đức Chúa Trời. Vì người Côlôse đã chết với Đấng Christ, nên Phaolô hỏi vì sao họ vẫn còn muốn để cho những thể lệ này ép buộc họ; làm như vậy tức là họ quên mình đã chặt đứt những mối ràng buộc giữa họ với thế

gian rồi. Có lẽ một số người sẽ thắc mắc: "Nếu Cơ Đốc nhân đã chết với những lễ nghi, vậy sao vẫn còn giữ lại phép báp-têm và Tiệc Thánh?" Câu trả lời hiển nhiên nhất ấy là hai thánh lễ này của Hội Thánh Cơ Đốc được dạy trong Tân Ước. Tuy nhiên, chúng không phải là "phương tiện của ăn điển," khiến chúng ta phù hợp cho Thiên đàng hay để giúp chúng ta tạo được công đức trước mặt Đức Chúa Trời. Trái lại, chúng là những hành động đơn giản của lòng vâng phục Chúa, chỉ ra tương ứng sự đồng nhất mình với Đấng Christ và nhớ đến Ngài trong sự chết Ngài. Chúng không phải là những tuật pháp phải tuân giữ, nhưng là những đặc ân để vui hưởng.

2:21 Sẽ hiểu rõ câu này hơn nếu thêm những chữ "như là" vào đầu câu. Nói cách khác, Phaolô đang nói trong câu 20: "Làm sao lại để cho những thể lệ này ép buộc mình khi anh em còn sống trong thế gian, chẳng hạn như (câu 21) Chớ lấy, chớ ném, chớ rờ?" Kỳ lạ thay, có người dạy rằng ở đây Phaolô đang truyền người Côlôse chớ lấy, chớ ném, chớ rờ! Dĩ nhiên, điều này hoàn toàn trái ngược với ý nghĩa của phần đoạn.

Ở đây cần lưu ý có một số những nhà chuyên môn, như William Kelly, tin rằng thứ tự của các mệnh đề trong câu này nên là: "Chớ rờ, chớ ném, chớ lấy." Thứ tự này sẽ mô tả tình nghiêm khắc càng tăng trong nếp thực hành của chủ nghĩa khổ tu.

2:22 Ý nghĩa này được giải thích thêm trong câu 22. Đây là những lệnh cấm do con người bắt buộc, như được

nêu ra bởi cụm từ **theo quy tắc và đạo lý loài người**. Phải chăng đây là bản chất thật của tôn giáo, tức là bận rộn ám ảnh với thịt và thực uống hơn là với chính Đấng Christ hằng sống?

Weymouth dịch câu 20-22 như sau:

Nếu anh em đã chết với Đấng Christ và đã thoát khỏi những khiếm niệm sơ đẳng của thế gian, vậy sao anh em như thể còn sống trong thế gian khi vắng phục những huấn thị như là "đừng lấy thú này"; "đừng nắm thú kia"; "đừng rời thú nọ" – tức những thú để người ta dùng cho hết và để hư mất – anh em vắng phục những quy tắc và những đạo lý của con người?

2:23 Những nếp sống đạo này của tôn giáo loài người thấy đều tạo ra một thứ bề ngoài có vẻ khôn ngoan trong tôn giáo tự áp đặt, sự khiêm nhường giả dối và khắc khổ thân thể. Tôn giáo tự áp đặt nghĩa là có những người lập ra một bình thước thờ phượng theo ý riêng của họ về lẽ phải, hơn là theo Lời Đức Chúa Trời. Họ dường như mộ đạo, nhưng không phải là Cơ Đốc giáo thật. Chúng ta đã giải thích về sự giả khiêm nhường rồi – họ làm như rất khiêm nhường không thể tiếp cận Đức Chúa Trời cách trực tiếp, vì vậy họ phải dùng những thiên sứ làm trung bảo. **Khắc khổ thân thể** nói đến thói tục khổ tu. Người ta tin rằng bởi việc tự chối mình hay tự hành xác, con người có thể đạt đến tình trạng thánh khiết cao hơn. Điều này tìm thấy trong đạo Hinduism và nhiều tôn giáo thần bí khác của Phương Đông.

Giá trị của toàn bộ tập tục này là gì? Có lẽ được diễn tả rõ nhất trong phần kết thúc câu Kinh Thánh này: **không ích gì để chống cự lòng dục của xác thịt**. Những điều này mặc lấy vẻ bề ngoài rất tốt đẹp, nhưng không thành công trong việc kiểm soát lòng dục của xác thịt. (Ngay cả những lời hứa quyết tâm cao để rèn tính khí cũng không đạt được mục tiêu của chúng nữa.) Mọi hệ thống, sai lầm đều hoàn toàn không thể khiến con người trở nên tốt hơn. Tuy tạo ra ấn tượng xác thịt có thể làm vài điều công đức để xứng đáng được ơn của Đức Chúa Trời, nhưng chúng không thể kiếm chế được những đam mê và tham muốn của xác thịt. Thái độ của Cơ Đốc nhân là: chúng ta đã chết đối với xác thịt cùng mọi đam mê và tham muốn của nó, và từ nay trở đi chúng ta sống cho vinh hiển của Đức Chúa Trời. Chúng ta làm như vậy không phải vì sợ bị phạt, nhưng trải lại đo lòng yêu thương Đấng đã phó chính mình Ngài vì chúng ta. A. T. Robertson nói rất hay: "Chính tình yêu thương mới khiến chúng ta thật sự được tự do để làm lẽ phải. Tình yêu khiến sự chọn lựa trở nên dễ dàng. Tình yêu khiến khuôn mặt của bốn phận trở nên xinh đẹp. Tình yêu khiến việc duy trì sự tìm biết Đấng Christ trở nên ngọt ngào. Tình yêu khiến sự phục vụ nhân lãnh trở nên tự do."

II. BỐN PHẬN CỦA TÍN HỮU ĐỐI VỚI Đấng CHRIST LƯU VIỆT (Đoạn 3,4)

A. Nếp Sống Mới Của Tín Hữu: Lột Bỏ Người Cũ Và Mặc Lấy Người Mới (3:1-17)

3:1 Vậy nếu anh em được sống lại với Đấng Christ, hãy tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Chữ Nếu của câu này không diễn tả Phaolô có ý nghi ngờ. Chữ “nếu” này được gọi là “Nếu” của lập luận, và có thể dịch là *vì* “Vậy vì anh em được sống lại với Đấng Christ...”

Như đã nói trong đoạn 2, tín hữu được xem là đã chết với Đấng Christ, đồng chôn với Ngài và đồng sống lại với Ngài từ trong kẻ chết. Ý nghĩa thuộc linh của toàn bộ điều này ấy là: chúng ta đã tạm biệt nếp sống cũ ngày trước, bước vào một kiểu loại sự sống hoàn toàn mới, tức là sự sống của Đức Chúa Jesus Christ phục sinh. Vì chúng ta đã được đồng sống lại với Đấng Christ, chúng ta nên tìm kiếm những sự ở trên trời. Dù vẫn còn ở trên đất này, nhưng chúng ta nên trao đổi đường lối của Thiên đàng.

3:2 Cơ Đốc nhân đừng giữ quan điểm chăm chú về trần gian. Người nên nhìn sự việc không phải như cách chúng xuất hiện trước mắt trần, nhưng xét đến tầm quan trọng của chúng đối với Đức Chúa Trời và đối với cõi đời đời. Vincent gợi ý chữ “tìm” trong câu 1 đánh dấu sự nỗ lực thực tiễn mà chữ “ham mến” (Bản Anh ngữ: “chăm chú suy nghĩ đến”) trong câu 2 mô tả sự thúc giục thiên hướng bề trong. Cụm từ ham mến cũng chính là cụm từ ở trong Phi-líp 3:19: “Chỉ tư tưởng về các việc thế gian mà thôi.” A. T. Robertson viết: “Đời sống đã được làm báp-têm có nghĩa Cơ Đốc nhân này đang tìm kiếm

Thiên đàng và đang suy nghĩ về Thiên đàng. Chân người ấy đặt trên trần gian, nhưng đầu ở với các tinh tú. Người đang sống như công dân của Thiên đàng ngay trên đất này.”¹⁷

Trong Thế Chiến Thứ Hai, một Cơ Đốc nhân trẻ tuổi nhiệt tình báo cáo với một đầy tớ trưởng thành của Đấng Christ: “Tôi hiểu những oanh tạc cơ của chúng ta tối hôm qua lại bay trên các thành phố của kẻ thù.” Người tin hữu lớn tuổi hơn trả lời anh: “Tôi không biết rằng Hội Thánh của Đức Chúa Trời có oanh tạc cơ.” Hiển nhiên, ông đang nhìn xem sự việc từ quan điểm thiên thượng, thay vì vui lòng nơi sự tiêu diệt những phụ nữ và trẻ em.

F. B. Hole giải thích rõ địa vị của chúng ta:

*Bên sau của việc chúng ta liên hiệp với Đấng Christ trong sự chết Ngài chính là chúng ta liên hiệp với Chúa trong sự sống lại của Ngài. Công dụng của điều thứ nhất là để giúp chúng ta ra khỏi thế gian của con người, tôn giáo của con người, khôn ngoan của con người. Công dụng của điều thứ nhì là để đặt chúng ta vào tiếp xúc với thế giới của Đức Chúa Trời và với tất cả mọi điều có trong thế giới đó. Bên câu đầu của đoạn 3 tiết lộ tình trạng được phục hồi mà chúng ta được đem vào đó.*¹⁸

3:3 Khi Phaolô nói tín hữu đã chết, ông đang nói đến địa vị chứ không nói đến nếp sống đạo. Nhờ sự liên hiệp của chúng ta với Đấng Christ trong sự chết Ngài, Đức Chúa Trời muốn chúng ta xem mình như đã

đồng chết với Đấng Christ. Lòng của chúng ta luôn luôn sẵn sàng bác bỏ sự thực này, vì chúng ta cảm thấy mình rất sống động đối với tội lỗi và cảm đó. Nhưng điều tuyệt diệu ấy là khi chúng ta cậy đức tin kể mình đã chết với Đấng Christ, thì điều ấy trở nên một thực tại đạo đức trong đời sống chúng ta. Nếu sống như những người đã chết rồi, thì đời sống chúng ta sẽ ngày càng trở nên giống với đời sống của Đức Chúa Jêsus Christ. Dĩ nhiên, chúng ta sẽ không bao giờ đạt đến sự trọn lành trong đời này, nhưng đây là tiến trình đáng phải diễn tiến liên tục trong mỗi tín hữu.

Không những chúng ta đã chết, mà sự sống của chúng ta còn giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. Những điều quan tâm và vui thú cho con người thế gian thì ở trên hành tinh chúng ta đang sống. Tuy nhiên, những điều tín hữu quan tâm nhất thấy đều ràng buộc trong Thân Vị của Đức Chúa Jêsus Christ. Số phận của Ngài và của chúng ta không thể tách rời nhau. Ý tưởng của Phaolô ở đây là: vì sự sống của chúng ta đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời, chúng ta đừng nên mãi bận rộn với những điều nhỏ mọn của thế gian này, đặc biệt là thế giới tôn giáo quanh ta.

Nhưng còn một ý tưởng khác nữa liên quan với cụm từ sự sống anh em đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. Thế gian này không nhìn thấy sự sống thuộc linh của chúng ta. Con người không hiểu chúng ta. Họ nghĩ thật kỳ lạ khi chúng ta không

sống giống như họ. Họ không hiểu những tư tưởng của chúng ta, những động cơ, những đường lối của chúng ta. Cũng giống như Kinh Thánh nói về Đức Thánh Linh rằng thế gian "chẳng hề nhìn thấy Ngài, cũng không biết Ngài," thì đời sống thuộc linh của chúng ta cũng vậy; đời sống ấy được giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời. I.Giăng 3:1 nói cho chúng ta biết: "Ấy là vì đó mà thế gian chẳng biết chúng ta, vì họ chẳng từng biết Ngài." Sự phân rẽ thật ra khỏi thế gian nằm ở chỗ thế gian không hiểu, mà trái lại còn hiểu lầm tín hữu nữa.

3:4 Để đưa lời mô tả về phần của tín hữu trong Đấng Christ lên đến đỉnh điểm, sử đồ giờ đây nhìn hướng đến sự tái lâm của Đấng Christ. Khi nào Đấng Christ, là sự sống của anh em, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển. Trong thời hiện tại, chúng ta được sống lại với Ngài và được hưởng sự sống mà con người không nhìn thấy không hiểu được. Nhưng sẽ đến ngày Chúa Jêsus tái lâm đón rước các thánh đồ Ngài. Bấy giờ chúng ta sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển. Lúc bấy giờ con người sẽ hiểu chúng ta và nhận ra vì sao chúng ta đã cư xử như đã từng làm.

3:5 Trong câu 3, chúng ta được biết mình đã chết. Ở đây, chúng ta được truyền phải làm chết các chi thể của chúng ta nơi hạ giới. Trong hai câu Kinh Thánh này, chúng ta có minh họa rất rõ về sự khác biệt giữa địa vị và tình trạng của tín hữu. Về địa vị, người đã chết. Tình trạng của

người là phải kể mình đã chết đối với tội lỗi bằng cách làm cho **chết các chi thể** của mình ở nơi hạ giới. Địa vị của chúng ta là ở trong Đấng Christ. Tình trạng của chúng ta là những bản chất có trong chúng ta. Địa vị của chúng ta là món quà tặng không của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Tình trạng của chúng ta miêu tả sự đáp ứng của chúng ta đối với ân điển Ngài.

Ở đây, chúng ta cũng nên lưu ý sự khác biệt giữa luật pháp và ân điển. Đức Chúa Trời không phán: "Nếu người sống cuộc đời được buông tha khỏi tội lỗi, thì ta mới ban cho người địa vị đã chết với Đấng Christ." Như vậy sẽ là luật pháp. Địa vị của chúng ta sẽ tùy thuộc vào những nỗ lực riêng của chúng ta, và chẳng cần phải nói cũng thấy rõ không ai đạt được địa vị ấy bao giờ. Thay vì vậy, Đức Chúa Trời phán: "Ta ban miễn phí cho mọi ai tin nơi Chúa Jêsus một địa vị được ơn trước mặt ta. Giờ đây hãy đi ra và sống cuộc đời phù hợp với sự kêu gọi cao cả như thế." Đó là ân điển!

Khi sứ đồ nói chúng ta phải **làm cho chết các chi thể** của chúng ta ở nơi hạ giới, ông *không* có ý bảo chúng ta phải tiêu diệt đúng theo nghĩa đen mọi chi thể trong thân xác mình! Cụm từ này mang nghĩa bóng, và được giải thích qua những cụm từ theo sau. Chữ "**các chi thể**" được dùng để nói đến nhiều hình thức khác nhau của sự tham muốn và thù ghét được liệt kê ra.

Tả dâm thường được dùng để mô tả sự giao hợp bất hợp pháp hay gian

dâm, vô luân, đặc biệt giữa những người độc thân (Mathiơ 15:19; Mác 7:21). Đôi khi từ ngữ này mang nghĩa rộng lớn hơn, và được dịch là sự gian dâm. **Ở ư** nói đến sự bất khiết của tư tưởng, lời nói hoặc hành động. Nó nói đến sự ô ư về đạo đức hơn là sự dơ dáy của thể xác ở đây. Tình dục biểu thị sự tham muốn mạnh mẽ và không kiểm chế. **Ham muốn xấu xa** nói đến sự thèm khát mạnh mẽ và thương là hung bạo. **Tham lam** nói chung chỉ về lòng tham hay khao khát muốn có nhiều hơn, nhưng ở đây có thể chỉ đặc biệt đến lòng khao khát không thánh khiết muốn thỏa mãn sự thèm khát tính dục, và điều đó là **thứ hình lương**.

Danh sách này bắt đầu với những hành động rồi chuyển sang những động cơ. Những hình thức khác nhau của tội tính dục được mô tả ra đây, sau đó chúng bị truy đến tận hang ổ, tức là tấm lòng tham lam của con người. Lời Đức Chúa Trời dạy rõ rằng tính dục vốn không có điều gì xấu xa cả. Đức Chúa Trời đã dựng nên con người có khả năng sinh sản. Nhưng tội lỗi xuất hiện khi những điều mà Đức Chúa Trời đã hào hiệp ban cho tạo vật của Ngài bị sử dụng vào những mục đích xấu xa, bất chính. Tội tính dục là tội cơ bản của thế giới ngoại giáo trong thời Phaolô, và hiển nhiên hiện nay nó vẫn đứng đầu. Nơi nào tin hữu không đầu phục Đức Thánh Linh, tội lỗi tính dục thường xen vào trong đời sống họ và bày tỏ sự suy sụp của họ.

3:6 Con người nghĩ họ có thể phạm những tội lỗi kinh khiếp này và

vấn thoát được hình phạt. Thiên đàng dường như im hơi lặng tiếng, và con người ngày càng dần đi. Nhưng Đức Chúa Trời không chịu khinh để đâu. **Con giận của Đức Chúa Trời giáng trên các con không vâng phục** vì những điều ấy. Những tội này có hậu quả ngay trong đời này; người ta gặt lấy ngay trong thân thể mình những hậu quả của tội gian dâm. Ngoài ra, họ sẽ gặt vụ mùa đoán xét kinh khiếp trong ngày tương lai.

3:7 Phaolô nhắc người Côlôse nhớ họ đã từng bước mình trong những tội ấy trước khi hoàn cải. Nhưng ân điển Đức Chúa Trời đã đến và giải thoát họ khỏi sự bất khiết. Đó là một chương trong đời sống họ mà giờ đây được bao phủ bởi huyết của Đấng Christ. Giờ đây họ có sự sống mới để có sức mạnh sống vì Chúa. Xem Galatê 5:25: "Nếu chúng ta nhờ Thánh Linh mà sống, thì cũng hãy bước theo Thánh Linh vậy."

3:8 Vì họ đã được chuộc bởi một giá lớn lao như thế, giờ đây họ nên **lột bỏ** mọi điều ấy giống như một chiếc áo như nhớp. Sự đổ không những nói đến nhiều hình thức khác nhau của lòng tham muốn bất khiết ở câu 5, mà còn nói đến những loại thù ghét gian ác mà ông sắp liệt kê ra.

Thạnh nộ đương nhiên là tinh thần ghét hay thù địch một cách nặng nề, tinh thần trả thù, một tình cảm kháng kháng thù ghét. **Buồn giận** mô tả một hình thức giận dữ dội, có lẽ gồm có cả những cơn giận bùng nổ ra hung bạo. **Hung ác** là hành vi gian ác đối với người khác nhằm muốn hại người

hoặc danh tiếng của người. Đây là sự không thích cách vô lý để thấy vui thú khi nhìn người khác chịu khổ. **Nói hành ở đây** muốn nói đến sự sỉ vả, tức là lối nói nặng thiếu ôn hòa nghịch cùng người khác. Nó nói đến sự chế nhạo một cách hà khắc và láo xược. **Lời lục lư** muốn nói đến cách nói đáng hổ thẹn, mô tả điều gì dâm dục, không đứng đắn, hoặc bại hoại. Đây là lối nói bất khiết, đáng nhục nhã. Trong danh sách tội lỗi này, sự đổ đi từ động cơ đến hành động. Sự cay đắng bắt đầu từ trong lòng người rồi tự biểu hiện theo nhiều cách khác nhau như vừa được mô tả.

3:9 Trên thực tế, sự đổ đang nói trong câu 9: "Hãy để cho tình trạng của anh em phù hợp với địa vị của anh em." **Anh em đã lột bỏ người cũ**; giờ đây hãy lột bỏ người cũ một cách thực tiễn bằng cách đừng nói dối. Nói dối là một trong những điều thuộc về người cũ, và không có chỗ đứng trong đời sống của con cái Đức Chúa Trời. Mỗi ngày trong đời sống chúng ta, chúng ta bị cám dỗ để xuyên tạc sự thật. Có thể là bằng cách rút bớt thông tin trên khai thuế thu nhập, hoặc bằng cách gian lận trong kỳ thi, hoặc thậm chí bằng cách cường điệu các chi tiết của một câu chuyện. Nói dối trở thành nghiêm trọng gấp đôi khi chúng ta làm tổn thương người khác bởi một câu nói sai lầm, hay bởi tạo ấn tượng sai lầm.

3:10 Không những chúng ta lột bỏ người cũ, mà còn **mặc lấy người mới là người đang đổi ra mới** theo hình tượng Đấng dựng nên người ấy, **đặng**

đạt đến sự hiểu biết đầy trọn. Người cũ nói đến toàn bộ những gì chúng ta có trong tư cách của Adam kèm với bản tánh chưa được tái sanh thế nào, thì người mới cũng nói đến địa vị mới của chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời thế ấy. Đã có sự dựng nên mới, và chúng ta là những tạo vật mới. Mục đích của Đức Chúa Trời là để con người mới này sẽ luôn luôn ngày càng trở nên giống với Chúa Jêsus Christ hơn. Chúng ta đừng bao giờ thỏa lòng với những thành tựu hiện tại của mình, nhưng phải luôn luôn tiến tới mục tiêu là ngày càng giống Cứu Chúa hơn. Ngài là tấm gương của chúng ta và quy luật của đời sống chúng ta. Trong ngày bầu đến, khi chúng ta đứng trước Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, chúng ta sẽ bị đoán xét không phải bởi đời sống chúng ta tốt hơn người khác bao nhiêu, nhưng là bởi đời sống của chúng ta đạt tiêu chuẩn theo đời sống của chính Đức Chúa Jêsus Christ được bao nhiêu.

Người ta thấy hình ảnh của Đức Chúa Trời không phải trong diện mạo thể chất chúng ta, nhưng trong vẻ đẹp của tâm trí và tấm lòng được đời mới. Đức thánh khiết, yêu thương, như mì, khiêm nhường, nhơn ái và tha thứ – những điều này hợp thành bản tánh thiên thượng. (Chú Giải Hàng Ngày Của Liên Đoàn Kinh Thánh)

3:11 Trong sự dựng nên mới được sử đó nói đến đây, không còn phân biệt người Gô-réc hoặc người Giuđa, người chịu cắt bì hoặc người không chịu cắt bì, người đã man hoặc người tự

chủ; nhưng Đấng Christ là mọi sự và trong mọi sự. Những khác biệt về quốc tịch, tôn giáo, văn hóa và giai tầng xã hội không còn quan trọng nữa. Về địa vị trước mặt Đức Chúa Trời, mọi tín hữu đều ở trên cùng một bình diện, và trong sự thông công của Hội Thánh địa phương, cũng phải giữ cùng một thái độ này.

Điều này không có nghĩa trong Hội Thánh chẳng còn sự phân biệt nào cả. Có người có ân tứ của nhà truyền giảng, có người có ân tứ của mục sư, có người có ân tứ của giáo sư. Một số người làm trưởng lão trong Hội Thánh và số khác làm chấp sự. Như vậy, câu Kinh Thánh này không xem thường những sự phân biệt thỏa đáng.

Cũng đừng hiểu câu này dạy những điều phân biệt vừa kể trên đã bị bãi bỏ trong thế gian. Không phải như vậy. Vẫn còn có người Gô-réc và người Do Thái, người Gô-réc ở đây đại diện cho những dân ngoại bang nói chung. Có người chịu cắt bì và người không chịu cắt bì. Hai cụm từ này thường được dùng trong Tân Ước để mô tả người Do Thái và người ngoại bang. Tuy nhiên, ở đây, chúng có thể nói cụ thể hơn đến bản thân nghi lễ mà người Do Thái đang cử hành còn người ngoại bang xem thường.

Vẫn còn có người đã man (người không có văn hóa cao) và người Sythe. Ở đây, hai cụm từ này không tương phản nhau. Người Sythe là người đã man, nhưng thường được xem là ở hình thức cực đoan hơn; họ là những người đã man man rợ thất và hung bạo nhất. Điểm tương phản cuối cùng là giữa người tài mọi và người tự chủ.

Tự chủ nói đến những người chưa hề mang ách nô lệ, nhưng được sinh ra đã làm người tự do. Đối với Cơ Đốc nhân, những sự phân biệt trong thế gian này không còn quan trọng nữa. Chính Đấng Christ mới là Đấng thực sự quan trọng. Ngài là tất cả mọi sự với tín hữu và trong mọi sự. Ngài đại diện cho tâm và chu vi của đời sống Cơ Đốc nhân.

Giám mục Ryle phát biểu dạn dĩ chân lý này:

Năm chữ – Đấng Christ là mọi sự – là lẽ thiết yếu và thực chất của Cơ Đốc giáo. Nếu chúng ta có thể thật sự hòa lòng với điều ấy, thì linh hồn chúng ta được bình an lớn... Nhiều người dành cho Đấng Christ một địa vị nào đó trong tôn giáo của họ, nhưng đó không phải là chỗ mà Đức Chúa Trời muốn dành cho Đấng Christ. Một mình Đấng Christ vẫn chưa phải là "mọi sự trong mọi sự" đối với linh hồn họ. Không! Đó là Đấng Christ và Hội Thánh – hoặc Đấng Christ và các thánh lễ – Đấng Christ và những mục sư được phong chức của Ngài – hoặc Đấng Christ và sự ăn năn của chính họ – hay Đấng Christ và sự tốt lành của bản thân họ – hay Đấng Christ với những lời cầu nguyện của riêng họ Đấng Christ với lòng thành thực và từ thiện của riêng họ, để mong như đó họ có thể thực hành sự yên nghỉ linh hồn mình.¹⁹

3:12 Trong câu 10, Phaolô nói chúng ta đã mặc lấy người mới. Giờ đây ông nêu một số phương cách thực tiễn để thực hiện việc này trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Trước hết, ông gọi người Côlôse là kẻ chọn

lựa của Đức Chúa Trời. Điều này nói đến sự kiện họ đã được Đức Chúa Trời chọn lựa trong Đấng Christ trước khi sáng thế. Ông chọn lựa của Đức Chúa Trời là một trong những mẫu nhiệm của khái thị thiên thượng. Chúng ta tin Kinh Thánh dạy rõ rằng Đức Chúa Trời dùng quyền tể trị của Ngài chọn con người để họ thuộc về Đấng Christ. Chúng ta không tin rằng Đức Chúa Trời từng chọn bất cứ ai để đày đi địa ngục. Sự dạy dỗ như thế là trực tiếp mâu thuẫn với Kinh Thánh. Chúng ta tin nơi ông chọn lựa của Đức Chúa Trời thế nào, thì cũng tin nơi trách nhiệm của con người thế ấy. Đức Chúa Trời không cứu con người trái với ý muốn của họ. Quyền Kinh Thánh nói rằng "được chọn lựa theo sự biết trước của Đức Chúa Trời" cũng chính là quyền Kinh Thánh nói "ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu."

Tiếp theo, Phaolô gọi người Côlôse là người thánh và rất yêu dấu. Thánh có nghĩa được nên thánh, được biệt riêng ra (cùng một từ ngữ như "tín đồ") ra khỏi thế gian để thuộc riêng về Đức Chúa Trời. Về mặt địa vị chúng ta được nên thánh, và chúng ta cũng phải thánh khiết cách thực tiễn trong đời sống mình nữa. Vì chúng ta là những đối tượng của tình yêu Đức Chúa Trời, nên điều đó khiến chúng ta khao khát làm đẹp lòng Ngài mọi đàng.

Giờ đây Phaolô mô tả những ơn của Đấng Christ mà chúng ta phải mặc vào như một chiếc áo vậy. Lòng thương xót nói đến tấm lòng đầy thương xót. Nhân tử nói đến tình thần

không ích kỷ để làm ích lợi cho người khác. Đây là thái độ của cảm tình hoặc thiện ý. **Khiêm nhường** nói đến sự hạ mình, sẵn sàng làm người tằm thương và quý mến người khác hơn chính mình. **Mềm mại** không có nghĩa là yếu đuối, nhưng trái lại nói đến sức mạnh để tự bỏ chính mình và để bước đi trong ân điển đến với mọi người. Vine nói:

Người ta thường cho rằng khi một con người mềm mại, nhu mì, đó là vì không thể tự giúp mình; nhưng Chúa chứng ta "nhu mì" vì Ngài có nguồn cung ứng vô hạn của Đức Chúa Trời trong tay. Mô tả theo cách tiêu cực, mềm mại nhu mì là trái ngược với sự tự khẳng định và tự lợi; đây là sự bình tĩnh thư thái của tinh thần không hề phẫn chấn qui mức hay chán nản, đơn giản là vì nó không bán ân chỉ cả với bản ngã.²⁰

Nếu **khiêm nhường** là "không tự cao," thì **mềm mại** là "không đăm dè." Nhịn nhục nói đến sự kiên nhẫn trong lúc bị khiêu khích hay nói đến sự nhịn chịu xúc phạm trong thời gian dài. Nó kết hợp sự vui mừng và thái độ tử tế đối với người khác, cùng với sự nhẫn nại chịu khổ.

3:13 **Nhường nhịn nhau** mô tả sự kiên nhẫn chúng ta phải có với những thất bại và những cung cách kỳ quặc của anh em mình. Khi sống với người khác, dứt khoát không tránh khỏi chuyện chúng ta sẽ phát hiện những thất bại của họ. Thường phải cần ân điển Chúa thì chúng ta mới chịu đựng được những phong cách riêng của người khác, cũng như họ cũng phải cần ân điển của Chúa để chịu đựng

những phong cách riêng của chúng ta. Nhưng chúng ta phải nhường nhịn nhau. Nếu mỗi người trong anh em có sự gì phàn nàn với kẻ khác, thì hãy **nhường nhịn nhau**. Nếu tuân giữ những mệnh lệnh này, giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời sẽ ít có cuộc tranh cãi nào mà không thể giải quyết nhanh chóng được. Cần phải tha thứ người khác khi họ xúc phạm mình. Chúng ta thường nghe than phiền: "Nhưng ông ấy mới chính là người đã xúc phạm tôi..." Đây chính xác là loại tình huống mà chúng ta được kêu gọi để tha thứ. Nếu người khác không xúc phạm chúng ta thì đâu cần đến sự tha thứ. Nếu chúng ta là người đã xúc phạm người khác, thì đáng ra chúng ta phải đến xin họ tha thứ. Sự nhường nhịn gợi ý chúng ta đừng mic h lòng; sự tha thứ – đừng giữ sự bực mình. Hầu như không còn động cơ tha thứ nào lớn hơn là động cơ tìm thấy trong câu này: **Như Chúa đã tha thứ anh em thế nào, thì anh em cũng phải tha thứ thế ấy.** Đấng Christ đã tha thứ chúng ta bằng cách nào? Ngài đã tha thứ chúng ta không cần đến lý do. Chúng ta cũng phải nên như vậy. Ngài đã tha thứ chúng ta cách vô điều kiện. Chúng ta cũng phải như vậy. Ngài đã tha thứ và Ngài quên. Chúng ta cũng phải như vậy. Về cả phương cách lẫn mức độ, chúng ta phải noi gương Chúa đầy ơn của chúng ta trong thái độ kỳ diệu này.

3:14 **Lòng yêu thương** được nói đến ở đây như chiếc áo ngoài, hay đây thất lưmg, là thứ kết hợp mọi đức tánh khác lại với nhau để tạo nên sự trọn

lành. Nó gắn kết cân xứng mọi phần trong tinh cách Cơ Đốc. Có thể một người nào đó thể hiện một số các mỹ đức trên đây mà thực sự trong lòng không có tình yêu. Vì vậy, ở đây Phaolô đang nhấn mạnh rằng làm việc gì chúng ta cùng phải làm với tình thần yêu thương thật đối với anh em mình. Hành động của chúng ta đứng nên miễn cưỡng, nhưng phải xuất phát từ cảm tình yêu mến thật lòng. Trí Huệ Phải nghĩ sự hiểu biết là đầy liên lạc của sự trọn lành, nhưng Phaolô sửa chữa quan điểm này bằng cách quả quyết lòng yêu thương là đầy liên lạc của sự trọn lành.

3:15 Sự bình an của Đức Chúa Trời phải đóng vai trò trọng tài trong lòng chúng ta. Nếu chúng ta có nghi ngờ điều gì, chúng ta nên tự hỏi mình: "Điều này có đem lại bình an không?" hay "Nếu cứ tiếp tục thực hiện điều này, lòng tôi có được bình an không?"

Câu này đặc biệt hữu ích khi tìm kiếm sự dẫn dắt đến từ Chúa. Nếu Chúa thực sự muốn bạn dẫn thân vào một hoạt động nào đó, hầu như Ngài chắc chắn cho bạn bình an về việc đó. Nếu bạn không có sự bình an ấy, thì đừng nên tiến hành. Có người nói: "Bóng tối sắp đi tức là sự sáng sắp đến."

Đấng Christ kêu gọi chúng ta hưởng bình an của Ngài, cả về mặt cá thể cũng như trong Hội Thánh. Đừng bỏ qua tầm quan trọng của phần cuối câu Kinh Thánh này: **Là bình an mà anh em đã được gọi đến đồng hiệp nên một thể.** Một cách để chúng ta

được hưởng bình an đó là sống cách ly khỏi mọi Cơ Đốc nhân khác. Nhưng đây không phải là mục đích của Đức Chúa Trời. Ngài đã đặt sự đoàn kết trong các gia đình. Ý định của Đức Chúa Trời ấy là chúng ta phải nhóm hiệp lại với nhau trong các Hội Thánh địa phương. Dấu sống với các Cơ Đốc nhân khác có thể nhiều phen thử thách lòng kiên nhẫn của chúng ta, thế nhưng bằng cách này, Đức Chúa Trời có thể phát triển những đức tính trong đời sống của Cơ Đốc nhân là điều không có thể tạo ra theo bất kỳ cách nào khác. Vì vậy chúng ta đừng lảng tránh trách nhiệm của mình trong Hội Thánh địa phương, cũng đừng bỏ những trách nhiệm đó khi bực mình hay bị khiêu khích. Trái lại, chúng ta nên tìm cách sống hòa hợp với những anh em cùng niềm tin của mình và giúp họ trong mọi việc chúng ta làm và mọi lời chúng ta nói ra.

Lại phải biết ơn. Điệp khúc này được lặp đi lặp lại mãi trong các tác phẩm của Phaolô. Hẳn phải có một nguyên nhân vững chắc: Thánh Linh của Đức Chúa Trời hẳn phải xem tình thần tạ ơn này là hết sức quan trọng. Và chúng ta tin Ngài xem là rất quan trọng – quan trọng không những cho đời sống tâm linh, mà còn cho phúc lợi thuộc thể nữa. Các bác sĩ đã phát hiện điều vốn được câu này dạy từ xa xưa – thái độ vui vẻ, tạ ơn của tâm trí sẽ có ích lợi cho thân thể, còn tình thần lo lắng, buồn chán và than phiền dứt khoát gây hại cho sức khỏe. Thường chúng ta nghĩ sự tạ ơn là một điều gì đó được quyết định bởi những

hoàn cảnh trước mắt chúng ta, nhưng ở đây Phaolô cho thấy đây là một ơn cần được vun đắp. Chúng ta có trách nhiệm phải **biết ơn**. Trong số mọi dân tộc trên thế giới này, chúng ta có nhiều điều có thể đáng lên lời tạ ơn (so sánh Phục truyền Luật lệ Ký 33:29). Lỗi không phải do thiếu chủ đề, nhưng cốt tại **tấm lòng ich kỷ** của chúng ta.

3:16 Người ta bắt đồng ý kiến với nhau về cách ngắt câu 16. Trong ngôn ngữ nguyên thủy của Tân Ước không có dấu ngắt câu, và ý nghĩa của một câu như thế này hầu như được xác định bởi cách dùng những dấu câu. Chúng tôi gợi ý như sau: **Nguyện xin lời của Đấng Christ ở đây trong lòng anh em; và anh em đừng đặt mọi sự khôn ngoan, hãy... dạy và khuyên nhau; Hãy dùng những ca vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng, lấy lòng đầy ơn Ngài mà hết lòng hát khen Đức Chúa Trời.**

Như vậy có ba phần trong câu này. Thứ nhất, chúng ta phải để lời Đấng Christ ở đây trong lòng chúng ta. Lời Đấng Christ nói đến những sự dạy dỗ của Đấng Christ đúng như tìm được trong Kinh Thánh. Khi chúng ta đắm thắm lòng và trí mình bằng lời thánh của Ngài, và tìm cách bước đi trong sự vắng lời, thì lời của Đấng Christ thực sự ở trong lòng chúng ta.

Ý tưởng thứ hai ấy là chúng ta đáng phải **dạy dỗ và khuyên bảo lẫn nhau bằng mọi sự khôn ngoan**. Mỗi Cơ Đốc nhân đều có trách nhiệm đối với anh chị em trong Đấng Christ về vấn đề này. **Dạy dỗ** liên quan đến giáo lý, còn **khuyên bảo** liên quan đến bốn

phận. Chúng ta mắc nợ anh em mình để chia sẻ sự hiểu biết Kinh Thánh của mình với họ, và tìm cách giúp bằng những lời **khuyên thực tiễn** và kính sợ Chúa. Khi **dạy dỗ và khuyên bảo trong sự khôn ngoan**, thì người ta sẽ dễ thấy chấp nhận hơn khi chúng ta nói ra với sự ép buộc nhưng thiếu khôn ngoan hoặc thiếu tình yêu.

Điều thứ ba ấy là **dùng ca vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng liêng**, chúng ta lấy **lòng đầy ơn Ngài** để hát khen Đức Chúa Trời. Thi Thiên mô tả những lời nói được soi dẫn có trong sách mang tên Thi Thiên, là những lời được hát lên như một phần trong sự thờ phượng của Ysơraên. Một khác, **thơ thánh** nói chung được xem như những bài hát thờ phượng và ca ngợi dâng lên Đức Chúa Cha hay Đức Chúa Jesus Christ. Lấy ví dụ:

Jesus dầu nay chỉ niệm Ngài

Mà lòng còn thỏa vui thay!

Muốn đến lúc vô thiên cung gặp

Ngài.

Lại càng vui thỏa chi tày

Được kể là lời của Bernard ở

Clairvaux (Lời Thánh Ca 296)

Những **thơ thánh** này không được soi dẫn theo cùng một ý nghĩa như các **Thi Thiên**. **Bài hát thiêng liêng** chỉ về thi ca tôn giáo mô tả tưng trãi Cơ Đốc. Có thể thấy minh họa về thể loại này qua những từ ngữ sau:

Bao lần ta bối rối gặp sầu tư.

Lắm lúc tâm hồn bằng bối hối.

Nguyên do chúng ta chẳng đem tâm sự

Trình lên trước Jesus mà thôi.

- Joseph Scriven (Lời Thánh Ca 253)

Chúng ta dùng những thể loại bài hát này để hát lên với lòng đầy ơn hay tạ ơn, mà ngợi khen Chúa. Ở điểm này, cũng cần nói rằng Cơ Đốc nhân phải dùng sự biện biệt trong thể loại âm nhạc mình dùng, phần lớn những gì gọi là âm nhạc "Cơ Đốc" ngày nay qua loa sơ sài và hơi hợt. Phần lớn Loại âm nhạc này nhiều khi hoàn toàn trái ngược với Kinh Thánh, và hơn thế nữa lại rất giống với loại nhạc "pop" và "rock" của thế gian đến nỗi làm nhục danh Đấng Christ.

Câu 16 rất giống Êphêso 5:18, 19 ghi rằng: "Đừng say rượu, vì rượu xul cho lương tâm; nhưng phải đầy đầy Đức Thánh Linh. Hãy lấy ca vịnh, thơ thánh, và bài hát thiêng liêng mà đối đáp cùng nhau, và hết lòng hát mừng ngợi khen Chúa." Trong Côlôse 3:16, điểm khác biệt chính yếu ấy là thay vì nói "phải đầy đầy Thánh Linh," Phaolô nói: "**Nguyện xin lời của Đấng Christ ở đầy trong lòng anh em.**" Nói cách khác, được đầy đầy Thánh Linh và được đầy đầy Lời Đức Chúa Trời đều là những quy định trên quyết cho những cuộc đời sống động, vui mừng, ích lợi và kết quả. Chúng ta sẽ không được đầy đầy Thánh Linh nếu không được đắm thấm bằng Lời Đức Chúa Trời; và việc nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời sẽ không hiệu quả nếu chúng ta không đầu phục người bề trên của mình trước quyền kiểm soát của Thánh Linh. Do đó, liệu không thể kết luận rằng được đầy đầy Thánh Linh cũng có nghĩa là đầy đầy Lời Đức Chúa Trời sao? Đây không phải là khủng hoảng thần bí hay đầy cảm xúc nào đó xuất hiện trong đời sống,

nhưng trái lại là hằng ngày được nuôi dưỡng bằng Thánh Kinh, suy gẫm Thánh Kinh, vâng lời và sống theo đúng Thánh Kinh.

3:17 Câu 17 là quy luật bao quát toàn bộ để dựa vào đó đánh giá nếp ăn ở của chúng ta trong tư cách Cơ Đốc nhân. Đặc biệt thời nay, lúc người trẻ tuổi khó quyết định những điều nào đó là đúng hay sai. Câu Kinh Thánh này khi học thuộc lòng có thể là chìa khóa để mở cho rất nhiều nan đề này. Thử nghiệm lớn nhất phải là: **Tôi có thể nhân danh Chúa Jésus Christ làm việc này không? Điều này có đem lại vinh hiển cho Ngài không? Tôi có thể mong phước hạnh của Ngài đáp đền trên đó không? Tôi có muốn mình đang làm việc này khi Chúa trở lại không? Lưu ý phương pháp kiểm tra này nên áp dụng cho những lời chúng ta nói và những việc chúng ta làm.** Vâng theo mạng lịnh này sẽ khiến trọn đời sống trở nên cao quý. Đây là một bí quyết quý báu khi Cơ Đốc nhân học cách để làm mọi điều như là làm cho Chúa và vì vinh hiển Ngài. Một lần nữa sử đồ nói thêm: "**Nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha.**" Tạ ơn! Tạ ơn! Tạ ơn! Đây là bốn phạm mại mại của những người được cứu bởi ân điển và đã được định cho vào các cửa Thiên đàng.

B. Hành Vi Kêu Gọi Cho Thành Viên Trong Người Nhà Cơ Đốc (3:18-4:1)

Giờ đây Phaolô nêu ra một loạt những lời khuyên cho thuộc viên nhà Đấng Christ. Loạt lời khuyên này tiếp tục cho đến 4:1. Ông có lời khuyên

cho vợ và chồng, cho con cái và cha mẹ, cho tôi tớ và chủ. Trước hết, có vẻ như một sự thay đổi đột ngột khi chuyển từ các đề tài đã khiến Phao-lô phải bận rộn suy nghĩ đến những vấn đề tế nhị như nếp sống gia đình. Nhưng thực sự đây là điều có ý nghĩa nhất.

GIA ĐÌNH CƠ ĐỐC

Đức Chúa Trời xem nhà này là sức mạnh rất quan trọng trong nếp sống Cơ Đốc. Câu nói nổi tiếng: "Bạn tay đưa nôi cai trị cả thế giới," mang theo một chân lý vượt quá những gì xuất hiện ở bề mặt câu nói ấy. Đơn vị gia đình được Đức Chúa Trời thiết kế để bảo tồn phần lớn những điều có giá trị trong đời sống. Khi người ta ngày càng ít chú ý đến gia đình, thì ngay cả nền văn minh của chúng ta cũng thoái hóa nhanh chóng. Bức thư thứ nhất của Phao-lô gửi cho Timô-thê dạy một cách đặc biệt rằng Đức Chúa Trời đã lập nếp sống gia đình làm phương tiện để phát triển các phẩm chất thuộc linh, để sự xứng đáng cho tư cách lãnh đạo trong Hội Thánh của một người sẽ phát triển từ tình cách được chứng minh ngay tại nhà của người ấy.

Trong những câu theo sau, chúng ta có một số nguyên tắc hướng dẫn cơ bản trong việc vững lập một gia đình Cơ Đốc. Khi nghiên cứu phần này, chúng ta phải biết những "điều bắt buộc" sau đây.

1. Phải có một bản thờ của gia đình - thì giờ mỗi ngày để gia đình nhóm lại đọc Kinh Thánh và cầu nguyện (giờ gia đình lễ bái).

2. Người cha phải giữ địa vị thẩm quyền trong gia đình, và phải thi hành

thẩm quyền này cách khôn ngoan và yêu thương.

3. Người vợ và mẹ phải nhận thấy trách nhiệm trên hết của mình đối với Đức Chúa Trời và gia đình là ở tại nhà mình. Nói chung, không khôn ngoan lắm khi người vợ làm một công việc ở bên ngoài. Đương nhiên, có những trường hợp ngoại lệ.

4. Chồng và vợ nên nêu gương kính sợ Chúa cho con cái mình. Nên hiệp một trong mọi vấn đề, kể cả việc sửa phạt con cái khi cần.

5. Đơn vị gia đình phải được duy trì vững. Rất dễ để quá bận rộn và chìm ngập trong công việc làm, nếp sống xã hội, và thậm chí trong sự phục vụ Đấng Christ nữa, đến nỗi con cái bị thiếu quan tâm, thiếu bạn đồng hành, thiếu dạy dỗ và sửa phạt. Nhiều bậc cha mẹ phải khóc lóc thừa nhận về một đứa con trai hay con gái ngang ngạnh: "Trong khi kể tôi tớ vua mắc chuyện đây đó, thì tên phu tú trốn đi." (I.Các vua 20:40).

6. Về việc sửa dạy con cái, có gợi ý ba nguyên tắc trọng tâm. Đừng bao giờ phạt trong cơn giận dữ. Đừng bao giờ phạt bất công. Đừng bao giờ phạt mà không giải thích nguyên do.

7. Thật tốt khi con cái học mang ách từ lúc còn nhỏ (Ca Thương 3:27), học biết tính kỷ luật của công việc và chấp nhận trách nhiệm, học biết giá trị của đồng tiền.

8. Trên hết, các bậc cha mẹ Cơ Đốc nên tránh đặt tham vọng nơi con cái mình theo cách xác thật và bất chước thế gian này, nhưng nên không ngừng cho con thấy rõ trước mặt rằng phục vụ Chúa chúng ta là cách ích lợi

nhất cho cuộc đời chúng. Đối với một số người, có thể điều này nói đến sự phục vụ trọn thời gian trong cánh đồng truyền giáo; đối với người khác, có thể đây là phục vụ Chúa trong một nghề nghiệp ngoài đời. Nhưng đâu trường hợp nào đi nữa, phải suy xét chính yếu đến sự phục vụ Chúa. Đâu tại nhà, tại sở làm, hay bất cứ nơi đâu, chúng ta đều phải ý thức rằng mình đang đại diện cho Cứu Chúa của mình, và vì vậy mỗi lời nói hành động đều phải xứng đáng với Ngài, và trên thực tế phải được chính Ngài cai quản.

3:18 Mệnh lệnh đầu tiên của sứ đồ được truyền cho người làm vợ. Vợ được truyền phải vâng phục chồng mình, y như điều đó theo Chúa đáng phải nên vậy. Theo kế hoạch thiên thượng, chồng là đầu của gia đình. Người nữ được trao địa vị thuận phục chồng. Nàng không được phép thống trị hay lãnh đạo, nhưng phải tuân theo sự lãnh đạo của chồng, tại bất cứ nơi đâu có thể vâng phục mà không phải thỏa hiệp lòng trung thành của mình với Đấng Christ. Đương nhiên, có những trường hợp vợ không thể vâng lời chồng mình mà vẫn có thể trung tín với Đấng Christ. Trong những trường hợp như thế, lòng trung thành hàng đầu của nàng là trung thành với Chúa Jesus. Nơi nào phụ nữ Cơ Đốc có người chồng sa ngã, thoái lui, thì câu này cho thấy nàng nên giúp chồng làm trọn địa vị thích đáng của chồng chứ không phải vì cứ thấy mình có thể thông minh hơn rồi chiếm đoạt địa vị làm đầu ấy.

3:19 Sự quân bình được trình bày cho chúng ta trong Lời của Đức Chúa Trời thật đẹp để biết bao. Sứ đồ không đứng lại với lời khuyên cho người vợ mà thôi; giờ đây ông tiếp tục cho thấy người chồng cũng phải có trách nhiệm. Chồng phải yêu vợ, chứ hề ở cay nghiệt với vợ. Nếu tuân theo những lời dạy đơn sơ này, rất nhiều nan đề của nếp sống hôn nhân sẽ tan biến, và gia đình sẽ hạnh phúc hơn trong Chúa. Thực ra, không người vợ nào lại phản đối việc vâng phục người chồng thực sự yêu thương nàng. Cũng thấy rằng ở đây không truyền lệnh người chồng phải bắt vợ vâng phục mình. Nếu nàng không vâng phục, chồng phải giao việc đó cho Chúa. Sự thuận phục phải là hành động tự nguyện của nàng "y như điều đó theo Chúa đáng phải nên vậy."

3:20 Lời khuyên cho kẻ làm con: Mọi sự hãy vâng phục cha mẹ mình, vì điều đó đẹp lòng Chúa. Trong mọi thời đại, gia đình được gắn kết với nhau bởi hai nguyên tắc đơn giản – thẩm quyền và sự vâng lời. Ở đây chúng ta có sự vâng lời. Lưu ý đây là sự vâng lời trong mọi sự. Điều này muốn nói đến không những các vấn đề có thể đồng ý được, mà còn cả những vấn đề không dễ vui lòng vâng lời cách tự nhiên.

Những Cơ Đốc nhân làm con có cha mẹ chưa được cứu thì thường rơi vào trong hoàn cảnh rất khó khăn. Những người con muốn trung thành với Chúa, nhưng đồng thời lại phải đối diện với những đòi hỏi từ phía cha mẹ mình. Nói chung, chúng ta cảm

thấy nếu họ tôn kính cha mẹ, thì đến lượt Đức Chúa Trời sẽ tôn kính họ. Chứng nào họ còn sống trong gia đình của cha mẹ, họ có bổn phận rất rõ ràng cần phải thực hiện. Đương nhiên, những người con này đừng nên làm bất kỳ việc gì trái với sự dạy dỗ của Đấng Christ, nhưng thông thường, họ sẽ không bị đòi hỏi phải làm trái ý Đấng Christ đâu. Thường họ sẽ được kêu gọi để làm những điều mà dường như rất khó chịu đối với họ, nhưng chứng nào nó không tội lỗi hoặc sai quấy cách rõ rệt, họ có thể quyết định làm việc đó như là làm cho Chúa. Theo cách này, họ có thể trở nên lời chứng tốt cho cha mẹ và tìm cách đưa cha mẹ về với Chúa.

3:21 Người làm cha chớ hề chọc giận con cái mình, e chúng nó ngã lòng chăng. Thật thú vị vì lời khuyên này được nói cho cha, chứ không cho mẹ. Chẳng phải như vậy cho thấy người cha có nguy cơ phạm lỗi này nhiều hơn người mẹ sao? Kelly gợi ý rằng chắc người mẹ thường có khuynh hướng chiu chuộng con cái nhiều hơn.

3:22 Từ câu 22 cho đến cuối đoạn, Thánh Linh Đức Chúa Trời đang nói với kẻ làm tội lỗi hay nô lệ. Thật thú vị khi thấy số lượng chỗ trong Tân Ước dành cho nô lệ. Điều này không phải là không có ý nghĩa. Nó cho thấy bất luận địa vị xã hội của một người có thấp đến đâu đi nữa, người ấy vẫn có thể đạt đến địa vị cao cả nhất trong nếp sống Cơ Đốc bởi trung tín với Lời Đức Chúa Trời. Có lẽ điều này cũng phản ánh sự biết trước của Đức Chúa Trời rằng hầu hết dân sự Đấng Christ sẽ nắm giữ những địa vị phục vụ hơn

là những địa vị có thẩm quyền. Lấy ví dụ, trong Tân Ước có rất ít chỉ dẫn nói đến các vua của các nước, nhưng có lời khuyên nhiều đáng kể cho những người cống hiến đời sống họ phục vụ người khác. Nó lệ trong thời của Phaolô thường rất ít được đề ý đến, và rõ ràng điều này khiến Cơ Đốc nhân thời ban đầu trở nên khác thường khi chú ý đến họ nhiều như thế trong các Thư Tín này. Nhưng điều này cho thấy phương cách ân điển của Đức Chúa Trời là đi xuống để đến với con người, bất luận địa vị của họ có tầm thường đến đâu đi nữa. C. H. Mackintosh nói: "Nô lệ không bị loại khỏi sự phục vụ Chúa. Bằng cách đơn sơ thực hiện nhiệm vụ của mình trước mặt Chúa, nô lệ có thể làm tăng thêm vẻ đẹp của giáo lý này và đem vinh hiển về cho Đức Chúa Trời."

Kẻ làm tội lỗi được truyền trong mọi sự phải vâng phục kẻ làm chủ mình về phần xác. Ở đây có lời nhắc nhở nhẹ nhàng rằng những người chủ này chỉ là kẻ làm chủ mình về phần xác. Họ có một Vị Chủ khác, Đấng cao trên hết và Đáng thấy mọi điều đang được làm cho những con cái tâm thường nhất của Ngài. Nô lệ sẽ không chỉ lo hầu việc trước mắt chủ, như mình tìm cách cho đẹp lòng người ta, nhưng vì kính sợ Chúa, hãy lấy lòng hậu ý mà hầu việc. (Để biết tầm gương tốt của điều này trong Cựu Ước, xem Sáng Thế Ký 24:33). Đặc biệt khi bị hà hiếp, thường có cảm dỗ buông trôi công việc khi chủ không nhìn thấy. Nhưng những tội lỗi tin Đấng Christ sẽ nhận thấy Chủ mình luôn luôn theo dõi, nên vì vậy dẫu

những hoàn cảnh trên trần gian của mình có rất đáng cay đi nữa, người vẫn làm việc như là làm cho Chúa. **Lấy lòng thật thà** có nghĩa người sẽ có động cơ thanh sạch - chỉ để làm đẹp lòng Đức Chúa Jêsus.

Thật thú vị vì trong Tân Ước không có lệnh cấm rõ ràng nào chống lại chế độ nô lệ. Tin Lành không lật đổ các định chế xã hội bằng cách mạng. Tuy nhiên, Tin Lành đi đến đâu thì chế độ nô lệ đã bị nhổ bật rễ và loại trừ tại đó. Điều này không có nghĩa các lời giáo huấn này do đó không có ý nghĩa đối với chúng ta. Tất cả những điều được nói ra ở đây đều có thể áp dụng rất đúng cho những người chủ và nhân công.

3:23 **Hễ làm việc gì cũng hãy hễ lòng mà làm** (nguyên văn "từ tâm hồn") **như là làm cho Chúa chứ không phải làm cho người ta.** Trong mọi hình thức phục vụ Cơ Đốc cũng như trong mọi lãnh vực của đời sống, có rất nhiều nhiệm vụ mà người ta thấy chúng đáng ghét. Khởi cần phải nói, chúng ta cố gắng tránh những công việc như thế. Nhưng câu Kinh Thánh này dạy chúng ta bài học rất quan trọng là sự phục vụ khiêm nhường nhất có thể được tôn vinh và trở nên cao quý bởi làm việc đó cho Chúa. Theo ý nghĩa này, không có khác biệt giữa công tác thể tục và công tác thiêng liêng. Tất cả đều thiêng liêng. Những phần thưởng trên trời sẽ không phải dành cho công việc nổi bật hay những việc có vẻ thành công; phần thưởng sẽ không dành cho tài năng hay cơ hội; nhưng đúng hơn

dành cho lòng trung tín. Vì vậy, những con người có vẻ ít ai biết đến sẽ rất tốt trong ngày đó nếu họ đã thực hiện công tác của mình cách trung tín như là làm cho Chúa. Hai câu khẩu hiệu thường được treo trên bốn rửa chén là: "Không phải bằng cách này cách nọ, nhưng là đắc thắng khỏi hoàn;" và "Sự phục vụ Chúa được tổ chức tại đây mỗi ngày ba lần."

3:24 **Hiện nay Chúa đang lưu hồ sơ,** và mỗi việc làm như làm cho Ngài đều sẽ được Ngài chú ý. "Sự nhân từ của Đức Chúa Trời sẽ đến đáp cho sự nhân từ của con người." Những người có ít cơ nghiệp trần thế sẽ được cơ nghiệp làm phần thưởng trên Thiên đàng. Nguyên chúng ta nhớ điều này khi được kêu gọi làm một việc gì đó mà mình không muốn làm lần tới, dù đó là việc trong Hội Thánh, tại gia đình hay tại sở làm; làm việc đó không chút phàn nàn, và làm một việc với hết sức mình thì đó là một lời làm chứng tốt cho Chúa.

3:25 **Phaolô không nói rõ ông đang nghĩ đến ai trong câu 25.** Tự nhiên nhất có lẽ chúng ta sẽ nghĩ đến một người chủ bất công, người hà hiếp tôi tớ mình. Có thể một đấng Cơ Đốc đã trở nên chán vâng theo những đòi hỏi bất công của chủ. Phaolô đang bảo: "Đừng phiền lòng, Chúa biết hết tất cả, và Ngài cũng sẽ lo liệu cả những điều ngược đãi nữa."

Nhưng câu này có thể bao gồm những người chủ, nhưng được nói chủ yếu cho các tôi tớ. Phục vụ cầu thả, lừa gạt, lừa dối, hoặc nhiều hình thức không thành thật khác đều

sẽ không thoát khỏi sự chú ý. Đức Chúa Trời không tây vj ai hết. Ngài là Chủ của mọi người, và những sự phân biệt vốn đang thịnh hành giữa vòng loài người đều không có ý nghĩa gì cả đối với Ngài. Nếu nó lệ cướp của chủ (giống như Ônêsim có lẽ đã làm), họ đều sẽ phải khai trình với Chúa.

4:1 Về mặt luận lý, câu này đi với câu kết thúc của đoạn 3. Người làm chủ hãy lấy điều công bình chánh trực đđi tôi tớ mình, họ đừng nên rút bớt tiền lương chính đáng của tôi tớ, nhưng phải trả cho tôi tớ xứng đáng với công việc họ đã làm. Câu này được nói trực tiếp với những người chủ Cơ Đốc. Đức Chúa Trời ghét sự hà hiếp người nghèo, và những vật dâng hiến của một người làm giàu nhờ hành nghề hoặc lao động bất công đều không được Chúa chấp nhận. Trên thực tế Đức Chúa Trời bảo: "Người giữ tiền của người đi; ta không thích cách kiếm tiền của người" (xem Giacô 5:1-4). Những người chủ đừng nên làm cao, nhưng phải biết sợ. Họ cũng có một Chủ trên trời, là Đấng công bình và chính trực trong mọi đường lối Ngài.

Trước khi kết thúc phần này, thật thú vị khi thấy sử đồ Phaolô liên tiếp đưa những vấn đề này trong nếp sống hàng ngày ra trước đèn pha của quyền tể trị Đấng Christ như sau: (1) vợ - y như điều đó theo Chúa đáng phải nên vậy (câu 18). (2) Con cái - điều đó đẹp lòng Chúa (câu 20). (3) Tôi tớ - kính sợ Chúa (câu 22). (4) Tôi tớ - như làm cho Chúa (câu 23).

C. Nếp Sống Cầu Nguyện Và Làm Chứng Của Tín Đồ Hàng Ngày Sống Và Lối Nhai (4:2-6)

4:2 Phaolô không hề mệt mỏi với việc khuyên dân sự Chúa chuyên tâm trong nếp sống cầu nguyện. Rõ ràng, một trong những nỗi tiếc của hết thấy chúng ta khi đến Thiên đàng sẽ là chúng ta đã không dành thêm nhiều thì giờ cầu nguyện, đặc biệt khi nhận ra mức độ mà chúng ta đã được nhậm lời cầu nguyện. Có nhiều mẫu nhiệm liên quan đến toàn bộ để tài cầu nguyện, có nhiều thác mắc không thể trả lời được. Nhưng thái độ tốt nhất cho Cơ Đốc nhân chính là đừng tìm cách phân tích, mổ xẻ, hay tìm hiểu những lẽ mẫu nhậm sâu xa hơn của sự cầu nguyện. Phương pháp tiếp cận tốt nhất là cứ tiếp tục cầu nguyện với đức tin đơn sơ, gạt bỏ những nghi ngờ trong lý trí của mình sang một bên.

Chúng ta không những phải sốt sắng bền đỗ mà còn phải tinh lực trong sự cầu nguyện. Điều này lập tức nhắc chúng ta nhớ lời Chúa Jêsus yêu cầu các môn đồ trong Vườn Ghếtsemanê: "Hãy thức canh và cầu nguyện, kẻo các người sa vào chước cám dỗ." Họ đã không tỉnh thức, và đã ngủ ngon lành. Chúng ta không những phải thức canh để chống buồn ngủ, nhưng còn phải thức canh để tránh tư tưởng đi lan man, lơ phờ thiếu nhiệt tình và tình trạng thiếu thực tế. Rồi chúng ta sẽ phải thức canh để làm sao đừng bị cướp mất thì giờ cầu nguyện (Êphêso 6:18). Và một lần nữa, lời cầu nguyện của chúng ta phải thêm sự tạ ơn vào. Không những chúng ta biết ơn những lần Chúa nhậm lời cầu nguyện trong quá khứ, nhưng bởi đức tin chúng ta cũng có

thể cảm tạ Chúa về những lời cầu nguyện không được Ngài đáp lời. Guy King tóm tắt rất hay: "Tình yêu của Ngài muốn điều tốt nhất cho chúng ta; sự khôn ngoan của Ngài biết điều tốt nhất cho chúng ta; và quyền năng Ngài đem đến điều tốt nhất cho chúng ta."²¹

4:3 Phao-lô xin người Cô-lô-se nhớ cũng hãy cầu nguyện cho ông, và cho những lời tớ Chúa đang ở cùng với ông tại Rô-ma. Thật tuyệt vời khi thấy ông không cầu xin họ cầu nguyện cho mình được ra khỏi tù, nhưng trái lại cầu xin để Đức Chúa Trời mở cửa cho ông giảng đạo. Sứ đồ muốn Chúa mở cửa cho ông. Trong điều này có bài học quan trọng biết bao cho chúng ta! Cũng hoàn toàn có khả năng là chúng ta đi loanh quanh những cánh cửa đang rộng mở cho chính mình trong sự phục vụ Chúa. Nhưng đây là một hiểm họa phải tránh.

Nếu Chúa mở cửa cho chúng ta, thì chúng ta có thể tin quyết bước vào đó, vì biết Ngài đang dẫn đường. Mặt khác, nếu chúng ta tự mở cửa cho riêng mình, thì không thể biết chắc mình đang ở trong ý muốn Chúa, và có thể chúng ta sớm tự hạ thấp mình xuống, dùng phương tiện xác thịt để thi hành thứ gọi là "công việc Chúa." Lời cầu xin cụ thể của Phao-lô ấy là xin Chúa mở cửa cho ông giảng đạo, để ông được rao truyền lẽ mầu nhiệm của Đấng Christ, vì lẽ đó mà ông đang bị xiềng xích. Lẽ mầu nhiệm của Đấng Christ trong câu này là lẽ thật về Hội Thánh, và cụ thể là phương diện có thể định nghĩa bởi cụm từ "Đấng

Christ cho người ngoại bang." Đây là phương diện đặc biệt của sứ điệp Tin Lành đã được giao phó cho Phao-lô rao giảng. Chính vì ông dám nói người ngoại bang có thể được cứu theo đúng một cách như người Do Thái nên các lãnh đạo người Do Thái cuối cùng đã thành công trong việc giải ông đến Rô-ma như một người tù.

Có người dạy rằng lẽ mầu nhiệm vĩ đại về Hội Thánh đã được bày tỏ cho Phao-lô đang khi ông ở tù. Do đó, họ hết sức nhấn mạnh "Các Thư Tin Trong Tù" trong khi dường như đánh giá thấp tầm quan trọng của các Tin Lành và các sách khác của Tân Ước. Nhưng từ câu Kinh Thánh này, ta thấy rõ việc rao giảng lẽ mầu nhiệm này là nguyên nhân khiến ông bị tù, nên bởi đó chắc đã được bày tỏ cho ông lúc nào đó trước khi bị bắt.

4:4 Ông đang nỗ lực sao cho lẽ mầu nhiệm ấy được tỏ ra, tức là ông muốn rao giảng rõ ràng để dân chúng sẽ hiểu dễ dàng. Đây phải là khao khát của Cơ Đốc nhân nào đang tìm cách bày tỏ Đấng Christ ra. Chẳng có chút ưu điểm nào khi làm cho sự việc trở nên "khó hiểu." Chúng ta nên nhắm mục đích đem Đấng Christ đến cho quần chúng nhân loại, và để làm được như vậy, phải trình bày sứ điệp cách đơn sơ và rõ ràng.

4:5 Cơ Đốc nhân phải khôn ngoan ăn ở với những người ngoại. Trong hành vi hàng ngày của họ, họ nên nhận thấy người chưa tin đang theo dõi họ rất cẩn thận. Thế gian này quan tâm đến nếp ăn ở của chúng ta hơn những lời nói của chúng ta. Nói

như Edgar Guest: "Ngày nào cũng vậy, tôi thích nhìn thấy một bài giảng hơn là nghe một bài giảng." Điều này không có nghĩa Cơ Đốc nhân đứng nên tuyên xưng Đấng Christ bằng môi miệng mình, nhưng ý chính ấy là: nếp ăn ở phải tương xứng với lời nói của người ấy. Đứng để ai nói về người: "Nói nhiều, làm chẳng bao nhiêu."

Lời dung thì giờ ở đây có nghĩa "mua cho bằng hết các cơ hội." Mỗi ngày trong đời, chúng ta gặp rất nhiều cơ hội để làm chứng về quyền năng cứu rỗi của Chúa Jêsus Christ. Khi những cơ hội này đến, chúng ta nên sẵn sàng để nắm bắt bằng hết. Chữ "mua" ám chỉ thường phải trả một giá nào đó. Nhưng bất kể giá phải trả là gì đi nữa, chúng ta nên sẵn sàng để chia sẻ Cứu Chúa quý báu của mình cho những người chưa biết Ngài.

4:6 Lời nói của chúng ta phải có ân hậu theo luôn, và nêm thêm muối, hầu cho chúng ta biết nên đối đáp mỗi người là thế nào. Nếu cuộc đối thoại của chúng ta luôn luôn có ân hậu, thì chắc chắn sẽ phải có lịch sự, khiêm nhường và giống như Đấng Christ. Đứng nói hành, nói chuyện viễn vông, nói điều không tinh sạch hay cay đắng. Cụm từ nêm thêm muối có lẽ mang rất nhiều nghĩa. Một số nhà giải kinh nghĩ rằng dấu lời nói của chúng ta phải có ân hậu, nhưng cũng phải thành thực và không giả bành tương đương như thế. Có người nghĩ muối là thứ để làm tăng hương vị, và vì Phaolô đang nói rằng lời đối thoại của chúng ta đừng bao giờ trở nên nhàm chán, đơn điệu, vô vị,

nhưng phải luôn luôn có giá trị và có ích lợi. Lightfoot nói rằng những tác giả ngoại giáo sử dụng "muối" như một biện pháp tu từ để chỉ về "đi đóm, hóm hỉnh." Phaolô biến đi đóm, hóm hỉnh thành khôn ngoan. Có lẽ cách tốt nhất giải thích cụm từ này ấy là học theo lối nói của Chúa Jêsus. Đối với người đàn bà bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình, Chúa phán: "Ta cũng không định tội người"; "Hãy đi, đừng phạm tội nữa", ở đây chúng ta vừa có ân hậu vừa có muối. Đầu tiên là ân hậu "Ta cũng không định tội người" rồi đến muối: "Hãy đi, đừng phạm tội nữa." Và rồi một lần nữa Chúa phán với người đàn bà bên giếng Giacóp: "Hãy cho ta uống.... hãy đi gọi chồng người." Phần đầu nói đến ân hậu, còn phần thứ hai nhắc chúng ta về muối.

Hầu cho anh em biết nên đối đáp mỗi người là thế nào. Có lẽ ở đây, sử đó Phaolô đang nghĩ cụ thể đến những người theo Tri Huệ Phái đã đến với người Côlôse đem theo những giáo lý có vẻ rất thuyết phục của họ. Người Côlôse phải sẵn sàng đối đáp với các giáo sư giả này bằng những lời lẽ khôn ngoan và trung tín.

D. Những Mối Nhấn Trọng Qua Một Số Bản Công Làm Việc Của Phaolô (4:7-14)

4:7 Tichicô dường như là người được sứ đồ Phaolô chọn đem thư này từ Rôma đến Côlôse. Maclaren mô tả Tichicô ắt phải sưng sốt thế nào nếu được báo cho biết rằng "những mảnh giấy da này sẽ tồn tại lâu hơn mọi vẻ phú hoa phô trương của thành phố ấy, và tên ông vì được viết trong những

mảnh giấy da đỏ sẽ được biết đến trên toàn thế giới mãi đến kỳ tận thế.”

Ở đây, Phaolô báo đảm với các thánh đồ rằng khi Tichicô đến, ông sẽ báo tin cho họ biết mọi việc làm của sứ đồ. Một lần nữa, thật hay khi đọc đến phần kết hợp các tên gọi mà Phaolô nói về người anh em này. Ông gọi Tichicô là anh em rất yêu của chúng tôi, một người lỗi tử trung thành của Chúa và bạn cùng làm việc với lỗi. Những danh xưng như thế này thật đáng cho ta ham muốn nhiều hơn biết bao so với những danh xưng nghe thật vang của giáo hội được dành cho các chức viên của Hội Thánh trong thời chúng ta!

4:8 Chuyển đi của Tichicô đến Cólôse nhằm hai mục đích. Trước hết, ông sẽ tường trình trực tiếp về Phaolô và các bạn cùng làm việc của ông tại Rôma, và Tichicô cũng sẽ yên ủi lòng người Cólôse. Một lần nữa ở đây, yên ủi có lẽ thiên về ý “làm cho vững mạnh” hay “khích lệ” (xem 2:2) hơn là nói về ý yên ủi. Chức vụ của ông đối với họ sẽ đem lại một hiệu quả chung là giúp họ đứng vững chống lại sự dạy dỗ giả dối đang thịnh hành tại nơi đó lúc bấy giờ.

4:9 Câu nhắc đến Ônêsim khiến trước mắt chúng ta hiện lên câu chuyện được tiết lộ trong bức thư Phaolô gửi cho Philêmon. Ônêsim là một nô lệ chạy trốn, tìm cách đến Rôma để thoát hình phạt. Bằng cách nào đó, ông tiếp xúc với Phaolô, và đến lượt Phaolô chỉ cho Ônêsim đến với Đấng Christ. Giờ đây, Ônêsim sẽ đi về với người chủ cũ của mình, là

Philêmon, tại Cólôse. Ônêsim sẽ mang thư của Phaolô về cho Philêmon, trong khi Tichicô mang thư gửi cho Hội Thánh tại Cólôse. Hãy hình dung nỗi phấn khởi giữa vòng các tín hữu Cólôse khi hai người anh em này đến nơi đem theo những bức thư từ Rôma! Rõ ràng, họ sẽ ngồi lại đến tận khuya, hỏi thăm biết bao nhiêu chuyện tại Hội Thánh Rôma và nghe kể về lòng can đảm của Phaolô đang khi phục vụ Cứu Chúa.

4:10 Ta không biết gì nhiều về Arítac, ngoại trừ trước đây ông bị bắt vì phục vụ Chúa, như được ghi lại trong Công vụ 19:29. Giờ đây, ông là bạn đồng tù với Phaolô tại Rôma.

Mác tại đây được gọi là anh em chú bác với Banaba. Chàng trai trẻ này đã khởi hành với Phaolô và Banaba trong những công khó truyền giáo. Vì thất bại của chàng trai, Phaolô quyết định để chàng ở lại quê hương, nhưng Banaba không hề đem Mác theo với mình. Điều này gây rạn nứt giữa hai nhân sự lão thành. Tuy nhiên, thật vui khi biết thất bại của Mác không phải là vô phương cứu chữa, và giờ đây đã được vị sứ đồ Phaolô yêu dấu tin nhiệm trở lại.

Nếu Mác đến thăm Cólôse, các thánh đồ tại đó được khuyên phải tiếp rước tử tế. Cụm từ “anh em đã chịu lấy lời dạy bảo rồi” không nhất thiết có nghĩa người Cólôse trước đây đã nhận lời dạy bảo về Mác. Có lẽ câu này nói đến những lời dạy dỗ Phaolô giờ đây đang trao cho họ: Nếu người đến nơi anh em, hãy tiếp rước tử tế. Thi của động từ “đã chịu lấy” có lẽ

chỉ đơn giản có nghĩa vào lúc người Côlôse đọc thư này, thì tất họ đã nhận được những lời dạy bảo ấy rồi. Việc nhắc đến Mác, tác giả của sách Tin Lành thứ nhì, nhắc chúng ta nhớ chúng ta thấy đều đang viết một sách Tin Lành từng ngày một:

Mỗi người đều viết một sách Tin Lành, mỗi ngày một đoạn,

Bởi việc làm, về mặt và tinh thần, những điều tu nói ra.

Những hành động tu bày tỏ con người ta – đó mới là những lời nói trung tín và chân thật –

Để nói: "Theo bạn Tin Lành là gì?"

4:11 Một bạn đồng công khác của Phaolô được nhắc đến là **Giêsu gọi là Giuclu**. **Giêsu** là tên gọi phổ thông thời bấy giờ, cũng giống như hiện nay vẫn còn là tên gọi phổ thông tại một số quốc gia. Đây là tên gọi tiếng Hy Lạp tương đương với tên "Giêsuê" trong tiếng Hebrew. Rõ ràng, người này được gọi là **Giuclu** vì các bạn hữu Cơ Đốc cảm thấy không xứng hợp cho bất kỳ ai khác cũng tên với Con Đức Chúa Trời.

Ba người được nhắc tên trên đây đều là người Do Thái trở về tiếp nhận Chúa Jêsu. Thực ra, họ là ba người Do Thái duy nhất cùng với Phaolô vì nước Đức Chúa Trời mà làm việc, và những người này là sự yên ủi cho Phaolô.

4:12 Khi Phaolô sắp kết thúc thư, Êpháp-ra nhắc ông nhớ lời chào thăm riêng của Êpháp-ra đến những thành đồ yêu dấu tại Côlôse. Êpháp-ra, người bản xứ Côlôse, không ngừng nhớ đến những tín hữu này trong khi

cầu nguyện, cầu xin Chúa cho họ có thể **nhận trọn vẹn và trọn niềm vắng phục mọi ý muốn của Đức Chúa Trời**.

4:13 Phaolô làm chứng Êpháp-ra đã làm việc khó nhọc trong sự cầu nguyện không những cho những người tại Côlôse mà thôi, nhưng cũng cho Cơ Đốc nhân tại **Laodixê** và **Hiêrabôli** nữa. Ông ta là người đích thân quan tâm đến dân sự Đức Chúa Trời mà ông được quen biết. Rõ ràng, ông có danh sách cầu nguyện rất dài, và sẽ chẳng lấy gì làm lạ nếu ông nhớ đến mỗi người trong giờ cầu nguyện hằng ngày." Người cầu nguyện chăm chỉ cho anh em luôn luôn, để anh em có thể đứng vững, trưởng thành trong niềm tin quyết, và hoàn toàn tận tâm làm theo ý muốn Chúa" (NEB).

4:14 Giờ đây Phaolô gửi lời chào thăm của **Luca**, thấy **thuốc rất yêu dấu**, và **Đêma**. Ở đây, chúng ta có phần nghi ngờ tương phản. **Luca** đã đồng đi với Phaolô và chắc đã chăm sóc cho Phaolô cả về tâm linh lẫn thể chất trong những lúc gặp bệnh hoạn, bất hờ và bị tù.

Mặt khác **Đêma** đã đi với vị sứ đồ ít lâu nhưng đến cuối cùng sứ đồ cần phải nói về Đêma rằng: "VI Đêma đã lìa bỏ ta rồi, tại người ham hố đời này, và đã đi qua thành Têsalônica". (II.Timôthê 4:10).

E. Những Lời Chào Thăm Và Dạy Bảo (4:15-18)

4:15 Giờ đây ông gửi lời chào thăm các anh em ở **Laodixê** và **Nimpha**, cùng **Hội Thánh nhóm trong nhà người**. Chúng ta đọc được về Hội Thánh tại Laodixê một lần nữa trong

Khải Huyền 3:14-22. Hội Thánh tại đó đã trở nên hăm hăm đối với những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Hội Thánh này đã trở nên hoàn toàn duy vật và tự mãn. Khi nghĩ mọi sự đều ổn cả, tin hữu tại đây không nhận thấy sự trản trướng của bản thân họ. Nhiều thủ bản ghi khác nhau về việc nói đến Nympha này là nam (Nymphas) hay nữ (Nympha). Nhưng thấy rằng có một Hội Thánh nhóm trong ngôi nhà đó tại Côlôse thì cũng đủ rồi. Trong thời đó, Cơ Đốc nhân không có những dinh thự nguy nga như ngày nay. Tuy nhiên, đa số chúng ta sẽ sẵn sàng đồng ý rằng quyền năng của Đức Chúa Trời trong Hội Thánh địa phương là quan trọng hơn một tòa nhà nguy nga hay những vật dụng trang trí xinh đẹp. Quyền năng không lệ thuộc vào tòa nhà hay đồ vật trang trí; thường những ngôi nhà thờ sang trọng là trở ngại cho quyền năng.

4:15 Khi đọc thư này tại Côlôse rồi, thì cũng gửi đến cho Hội Thánh Laodixê đọc nữa. Rõ ràng thư này đã đọc tại Laodixê, nhưng từ những gì chúng ta biết qua Khải Huyền 3, dường như người Laodixê không nghe sự điệp của thư này, ít ra cũng về lâu về dài.

Phaolô cũng dặn phải đọc tại Côlôse bức thư từ Laodixê gửi đến không có cách nào để biết ở đây đang nói đến Thư nào. Có người tin ở đây đang nói đến bức thư được gọi là thư gửi cho người Êphêsô. Một số thủ bản cổ bỏ qua những từ ngữ "ở thành Êphêsô" trong Êphêsô 1:1. Điều này khiến những nhà giải kinh tin rằng có lẽ thư Êphêsô là thư luân lưu để được

đọc trong nhiều Hội Thánh khác nhau - chẳng hạn Hội Thánh Êphêsô, Laodixê, rồi đến Côlôse. Quan điểm này cũng được củng cố bởi sự kiện có rất ít câu nhắc đến cá nhân trong *thư Êphêsô* so với số tên người được nhắc đến trong *thư Côlôse*.²²

4:17 Achip được truyền phải cẩn thận về chức vụ mà người đã nhận danh Chúa nhận lãnh, để làm cho thật trọn vẹn. Một lần nữa ở đây, chúng ta không có thông tin rõ ràng để biết đang nói đến chức vụ nào. Nhiều người cho rằng Achip là con của Philêmôn, và Achip đang hoạt động tích cực trong Hội Thánh tại Côlôse. Câu này sẽ trở nên có ý nghĩa gấp bội đối với chúng ta nếu cho rằng tên mình là Achip, và nếu chúng ta nghe Thánh Linh Đức Chúa Trời đang phán với mình: "Cẩn thận về chức vụ mà người đã nhận danh Chúa nhận lãnh, để làm cho thật trọn vẹn." Mỗi người trong chúng ta được Chúa giao cho sự phục vụ nào đó, và một ngày kia chúng ta sẽ phải khai trình mình đã làm được những gì với công việc Chúa giao.

4:18 Đến đây, sứ đồ đưa tay cầm viết lên, ký lời chào thăm kết thúc với tên gọi ngoại bang của mình là Phaolô. Rõ ràng, khi ký như vậy, xiết xích trên tay ông tỏ ra thật bất tiện khi viết, nhưng nó nhắc ông nói với người Côlôse: **Hãy như về xiết xích của tôi.**

"Âm thanh của ngôi viết và xiết xích là dấu hiệu cuối cùng cho thấy xiết xích trên tay vị truyền đạo không thể trói buộc được Lời Đức

Chúa Trời.²³ Rồi ông kết thúc thư với những lời "Nguyên xin ân điển ở cùng anh em. Amen" (Bản Anh ngữ có thêm chữ Amen). A. T. Robertson viết: "Không còn từ ngữ nào giàu có phong phú hơn chữ 'ân điển,' vì mang theo toàn bộ tình yêu của Đức Chúa Trời được nhìn thấy trong sự ban Con Ngài cho chúng ta."²⁴ Amen.

CHÚ THÍCH

¹(Giới Thiệu) George Salmon, *A Historical Introduction to the Study of the Books of the New Testament*, trang 384.

²(Giới Thiệu) New Bible Commentary, trang 1043.

³(Giới Thiệu) A. T. Robertson, *Paul and the Intellectuals*, trang 16.

⁴(1:5) J. B. Lightfoot, *Saint Paul's Epistles to the Colossians and to Philemon*, trang 134.

⁵(1:6) Cả bản văn NU và M đều ghi thêm "và tất bộ."

⁶(1:11) A. S. Peake, *"Colossians," The Expositor's Greek Testament*, 111:499.

⁷(1:14) Những chữ "bởi huyết Ngài" rõ ràng xuất hiện trong đoạn Kinh Thánh song song ở Êphêso 1:7, nhưng ở đây, chúng không có trong bản cổ nhất (NU) lẫn trong đại đa số (M) các thủ bản Hy Lạp.

⁸(1:18) Alfred Mace.

⁹(1:19) Hình thức nhấn mạnh của chữ oikêō được dùng ở đây (katoikêō) gợi ý việc định cư và đang ở tại nhà.

¹⁰(1:22) Charles R. Erdman, *Epistle of Paul to the Colossians and Philemon*, trang 46.

¹¹(1:23) Ngôn ngữ Hy Lạp có hai từ ngữ dành cho chữ "nếu" (ei và ean) và nhiều cấu trúc văn phạm để chỉ ra thể loại điều kiện mà tác giả hay diễn giả đang hình dung. Ở đây, chữ ei với thể chỉ định epimenete là loại điều kiện thứ nhất (Phaolô xem đương nhiên họ sẽ tiếp tục).

¹²(1:23) Pridham.

¹³(2:2) Alfred Mace.

¹⁴(2:9) Marvin Vincent, *Word Studies in the New Testament*, 11:906.

¹⁵(2:14) F. B. Meyer.

¹⁶(2:18) Chữ "không" không có trong bản văn NU, nhưng ý nghĩa ra từ đó cùng y như nhau. Dấu họ có thấy điều gì hay không, nó cũng hoàn toàn là sự trống rỗng của xác thịt.

¹⁷(3:2) Robertson, *Intellectuals*, trang 149.

¹⁸(3:2) F. B. Hole, *Paul's Epistles*, Volume Two, trang 105.

¹⁹(3:11) J. C. Ryle, *Holiness*, trang 436, 455.

²⁰(3:12) W. E. Vine, *Expository Dictionary of New Testament Words*, trang 56.

²¹(4:2) Guy King, *Crossing the Border*, trang 111.

²²(4:16) Mặt khác, vì Phaolô ở ba năm tại Êphêso, chắc hẳn ông biết rất nhiều người tại đó, nên không sẽ an toàn nếu chỉ chọn một số người, để làm mich lòng số còn lại.

²³(4:18) New Bible Commentary, trang 1051.

²⁴(4:18) Robertson, *Intellectuals*, trang 211.

SÁCH THAM KHẢO

(Côlôse và Philemôn)

Carson, Herbert M. *The Epistles of Paul to the Colossians and to Philemon*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1960.

English, E. Schuyler. *Studies in the Epistle to the Colossians*. New York: Our Hope Press, 1944.

Erdman, Charles R. *Epistles of Paul to the Colossians and Philemon*. Philadelphia: Westminster Press, 1933.

King, Guy. *Crossing the Border*. London: Marshall, Morgan and Scott, Ltd., 1957.

Lightfoot, J. B. *Saint Paul's Epistle to the Colossians and to Philemon*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, tái bản năm 1879 của MacMillan.

Maclaren, Alexander. "Colossians and Philemon," *The Expositor's Bible*. London: Hodder and Stoughton, 1888.

Nicholson, W. R. *Popular Studies in Colossians: Oneness with Christ*. Grand Rapids: Kregel Publications, 1903.

Peake, Arthur S. "Colossians," *The Expositor's Greek Testament*, Vol. 3. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1961.

Robertson, A. T. *Paul and the Intellectuals*. Nashville: Sunday School Board of the Southern Baptist Convention, 1928.

Rutherford, John. *St. Paul's Epistles to Colossae and Laodicea*. Edinburgh: T. & T. Clark, 1908.

Sturz, Richard. *Studies in Colossians*. Chicago: Moody Press, 1955.

Thomas, W. H. Griffith. *Studies in Colossians and Philemon*. Grand Rapids: Baker Book House, 1973.

Vine, W. E. *The Epistle to the Philippians and Colossians*. London: Oliphants, 1955.

THƯ THỦ NHẤT GỬI CHO NGƯỜI TÊSALÔNICA

GỚI THIỆU

"Hơn bất kỳ thư nào khác của Phaolô, thư này đặc trưng bởi tính đơn giản, dịu dàng và trù mẫn... không có cuộc tranh luận nào trong thư này."

- W. Graham Scroggie

I. Vị Trí Đặc Đáo Trong Kinh Thánh

Quyển sách đầu tiên của bất kỳ tác giả nổi tiếng nào cũng thường rất được quý trọng vì nó chỉ ra điểm nhấn mạnh có sớm nhất và tài năng truyền thông. Thư I.Têsalônica rất có thể là Thư Tin được soi dẫn đầu tiên của Phaolô. Lượng giáo huấn Cơ Đốc phi thường được sử đồ tài tình dạy dỗ trong thời kỳ ở lại rất ngắn ngủi ở Têsalônica cho thấy rõ ràng qua rất nhiều giáo lý ông luận đến người Têsalônica đã biết rồi.

Ngày nay, Sự Cát Lên và Sự Tái làm của Chúa chúng ta được đồng đảo những Cơ Đốc nhân Tin Lành thuận tụy tín và chờ đợi. Nhưng không phải lúc nào cũng luôn luôn như thế. Sự hồi sinh mới quan tâm đến giáo lý này, đặc biệt qua những tác phẩm của Phái Anh Em thời kỳ đầu tại Anh Quốc (1825-1850) phần lớn được dựa trên I.Têsalônica. Thiếu bức thư ngắn ngủi này, chúng ta sẽ bị tước mất rất nhiều hiểu biết về những phương diện khác nhau trong sự tái làm của Đấng Christ.

II. Quyền Tác Giả

Hầu như không độc giả Kinh Thánh nào phủ nhận thư I.Têsalônica là thư tín đích thực của Phaolô. Có đủ bằng chứng hậu thuẫn điều này, đúng như J. E. Frame nói: "Trừ phi quyết khẳng

định Phaolô chưa hề sống trên đời này hoặc khẳng định không còn sót lại một bức thư nào của ông nữa."¹

Ngoại chứng cho tác quyền của Phaolô được tìm thấy nơi Polycarp, Ignatius, và Justin, cũng như bộ Kinh Điển của Marcion và Bộ Kinh Điển Muratorian (những danh sách có sớm nhất về Kinh Thánh - một của tà giáo và một của chính thống).

Nội chứng chính là cách sử dụng ngôn từ và bút pháp của Phaolô, quan điểm của một người cha có tấm lòng dịu dàng và thiêng liêng. Những câu nói bóng gió về lịch sử trùng hợp với Công vụ. Cả trong 1:1 và 2:18, tác giả đều tự gọi mình là Phaolô.

III. Thời Điểm Viết

Thư I.Têsalônica được viết từ Côrinthô trong thời gian Phaolô ở tại đó mười tám tháng, ít lâu ngay sau khi Timôthê đến với Phaolô (I.Têsalônica 3:6; 2:17). Vì Gallio (Công vụ 18) được xem như đã đến làm quan trấn thủ vào đầu mùa hè năm 51 S.C., nên chắc chắn Phaolô phải đến đó vào đầu năm 50 và viết I.Têsalônica ít lâu sau đó. Gần như mọi học giả đều xác định sách này được viết vào khoảng đầu những năm 50, và chắc có thể nói an toàn là thư này được viết chính xác vào năm 50

hoặc 51 S.C., chỉ hai mươi năm sau khi Chúa chúng ta thăng thiên.

IV. BỐI CẢNH VÀ CHỦ ĐỀ

Chính trong Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì của Phaolô, ánh sáng Tin Lành lần đầu tiên xé toang bóng tối tăm của Têsalônica (Công vụ 17:1-10).

Sau khi Phaolô và Sila được thả ra khỏi tù ở Philíp, họ đã đến Têsalônica qua đường Amphipolis và Apollonia. Lúc bấy giờ, Têsalônica là một thành phố chiến lược, cả về mặt thương mại lẫn chính trị. Như thường lệ, Phaolô đến nhà hội người Do Thái và dùng Cựu Ước chứng minh Đấng Mêsia đã phải chịu khổ và sống lại từ kẻ chết. Sau đó, ông tiếp tục tuyên bố Jêsus người Naxarét là Đấng Mêsia đã hứa. Công tác này kéo dài trong ba ngày sabát. Một số người Do Thái chịu thuyết phục, đã cùng làm tín đồ Đấng Christ với Phaolô và Sila. Cũng có rất nhiều người Gôréc cải đạo và mấy phụ nữ sang trọng trong thành phố trở lại tin Chúa. Thế là phản ứng nổ ra. Những người Do Thái không chịu tin Chúa đã rú những tên còn đó nơi phố chợ, xui giục nổi loạn, vây nhà Giasôn, là nơi Phaolô và Sila đang ở. Khi không tìm thấy những vị truyền đạo trong nhà này, họ lôi Glasôn và một số tín hữu khác đến trước mặt các quan án trong thành, vu cáo nhóm tín hữu này làm đảo lộn thế giới. Đây là một lời khen vô tình! Sau đó họ kết tội những Cơ Đốc nhân này đã âm mưu lật đổ Sêsa bằng cách quảng bá một Vua khác tên Jêsus. Các quan án bối rối. Họ đòi Glasôn và những đồng nghiệp của ông phải bảo lãnh, chắc có lẽ truyền thêm những mệnh lệnh khắc khe buộc khách

của ông phải ra khỏi thành phố. Sau đó, Glasôn và các người khác được thả ra.

Những anh em Cơ Đốc tại Têsalônica quyết định nên để cho các truyền đạo rời khỏi thành phố, vì thế đang đêm họ đưa các truyền đạo đến Bêrê.

Điều đáng chú ý ấy là khi Phaolô và Sila ra đi, họ để lại đằng sau một hội chúng gồm các tín hữu đã được dạy kỹ các giáo lý của đức tin và những người này không bị lay chuyển trước cơn bão bớ họ đang chịu. Từ Công vụ 7:2, sẽ rất dễ kết luận Phaolô và những bạn đồng hành của ông ở tại Têsalônica chỉ trong ba ngày Sabát. Tuy nhiên, khoảng thời gian đó có lẽ chỉ là khoảng thời gian họ dạy trong nhà hội. Phaolô và đoàn truyền đạo có lẽ đã ở lâu đến ba tháng tại thành phố này. Các thư tín của sứ đồ gửi cho họ cho thấy người Têsalônica quen biết rất nhiều với giáo lý Cơ Đốc, và không thể nào tiếp nhận giáo lý này trong ba hoặc bốn tuần được.

Từ Bêrê, Phaolô đến Athên (Công vụ 17:15). Tại đó, ông nghe các tín đồ tại Têsalônica đang bị bắt bớ. Ông cố gắng đến thăm, nhưng Satan ngạo trở (I. Têsalônica 2:17,18), vì vậy ông sai Timôthê đến với họ (3:1,2). Timôthê đem về bản tường trình nói chung là đầy khích lệ (3:6-8), và điều đó thôi thúc vị sứ đồ viết Thư Tin này. Trong thư, ông bình vực chức vụ của mình trước những cuộc tấn công vu cáo; ông kêu gọi phân rẽ khỏi gian dâm đang thịnh hành trong nền văn hóa thời đó; ông sửa lại những hiểu biết sai về những người đã chết trong Đấng Christ;

ông quở trách những người đã bỏ không làm việc nữa để chờ Đấng Christ tái lâm; và ông khuyên giục các thánh đồ tôn trọng những lãnh đạo thuộc linh của họ.

Một trong những chủ đề quan trọng nhất của thư I.Têsalônica là sự tái lâm của Chúa Jêsus. Chủ đề này được nhắc đến ít nhất mỗi đoạn một lần. G. R. Harding Wood kết hợp những câu này

lại với nhau và có được phần tổng hợp xuất sắc sau đây:

Những Cơ Đốc nhân nào đang chờ đợi Chúa Jêsus tái lâm thì không đành chờ chỗ cho: (1) các thần tượng trong lòng (1:9,10); (2) sự lười biếng khi phục vụ (2:9,19); (3) những sự chia rẽ trong mối thông công (3:12,13); (4) buồn thảm trong tâm trí (4:13-18); hoặc (5) tội lỗi trong đời sống (5:23).²

BỐ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1)

II. NHỮNG MỐI QUAN HỆ CÁ NHÂN CỦA PHAOLÔ VỚI NGƯỜI TÊSALÔNICA (1:2- 3:13).

A. Lời Phaolô Khen Người Têsalônica (1:2-10)

B. Ôn Lại, Chức Vụ Sứ Điệp Và Nếp Sống Của Phaolô tại Têsalônica (2:1-12)

C. Ôn Lại Đáp Ứng của Người Têsalônica Đối Với Tin Lành (2:13-16)

D. Giải Thích Vì Sao Phaolô Không Trở Lại Têsalônica (2:17-20)

E. Sứ Mạng Của Timôthê Đến Têsalônica (3:1-10)

F. Lời Cầu Nguyện Cụ Thể Của Phaolô (3:11-13)

III. NHỮNG LỜI KHUYÊN VỀ NẾP SỐNG ĐẠO (4:1- 5:22)

A. Nên Thành Để Làm Trọn Ý Muốn Của Đức Chúa Trời (4:1-8)

B. Tình Yêu Thương Biết Suy Nghi Đến Người Khác (4:9,10)

C. Đời Sống Tạo Được Ảnh Hưởng Với Người Ngoại (4:11,12)

D. Sự Trông Cậy Yên Ủi Được Các Tín Hữu (4:13-18)

E. Ngày Của Chúa (5:1-11)

F. Những Lời Khuyên Khác Cho Các Thánh Đồ (5:12-22)

IV. LỜI CHÀO THĂM CUỐI CHO TÍN HỮU TÊSALÔNICA (5:23-28)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1)

Thư tin mở đầu với tên của ba người đạo lữ: thế giới đã bị lên án là tâm cho thiên hạ trở nên loạn lạc. Lời buộc tội này nhằm vu cáo; thế nhưng thực sự trở thành lời bảo trước.

Phaolô là tác giả của thư này. **Sinvanh** và **Timôthê** lúc này đang cùng đi với ông, vì vậy ông đưa tên của họ vào. **Sinvanh** chắc cũng chính là Sila đã cùng song ca với Phaolô trong nhà tù Philip (Công vụ 16:25). **Timôthê** là người

em trẻ tuổi từ Littrô đã cùng đi với Phaolô ngay trước chuyến đi đến Têsalônica (Côngvụ 16:1).

Thư này được viết cho **Hội thánh ở thành Têsalônica, Hội trong Đức Chúa Trời, là Cha, và trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta**. Từ ngữ chúng ta dịch là "hội thánh" lúc bấy giờ được dùng để mô tả bất kỳ loại hội hiệp nào, vì vậy Phaolô muốn làm rõ rằng đây không phải là một hiệp hội của người ngoại giáo nhưng là hiệp hội những người có liên hệ với **Đức Chúa Trời là Cha và bởi Đức Chúa Jêsus là Chúa**.

Lời chào **ân điển và sự bình an** bao gồm những phước hạnh tốt nhất mà bất kỳ ai cũng được hưởng lúc còn trên đời này. **Ân điển** là ơn không xứng đáng được nhận do Chúa ban trong mỗi một phương diện của đời sống chúng ta. **Bình an** là sự yên lặng điềm tĩnh thách thức những hoàn cảnh đang hăm he muốn giày xéo chà đạp trong đời sống. **Ân điển** là nguyên nhân và **bình an** là kết quả. Phaolô lập lại hai danh xưng thiên thượng kép này như là nguồn bình đẳng của các phước lành, lần này đặt thêm đại từ nhân xưng sở hữu "của chúng ta" ngay trước chữ "**Cha**."¹

II. NHỮNG MỐI QUAN HỆ CÁ NHÂN CỦA PHAOLÔ VỚI NGƯỜI TÊSALÔNICA (1:2-3:13).

A. Lời Phaolô Nhắm Người Têsalônica (1:2-10)

1:2,3 Lần nào cầu nguyện, Phaolô cũng đều nhắc đến người Têsalônica. (Chúng ta có trung tín nhớ đến những anh chị em Cơ Đốc của mình không?) Và ông hằng vì anh em **lạ ơn, nhớ mãi về công việc của đức tin họ, công lao**

của lòng yêu thương, và sự bền đỗ về sự trông cậy của họ.

Công việc của đức tin chắc chủ yếu nói đến việc họ hoán cải, trở lại tin Chúa. Sự mô tả **đức tin** là một công việc nhắc chúng ta nhớ có lần vài người hỏi Chúa Jêsus: "Chúng tôi phải làm chi cho được làm công việc Đức Chúa Trời? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Các ngươi tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến, ấy đó là công việc Ngài" (Giăng 6:28,29). Theo ý nghĩa này, đức tin là một hành động hay một việc làm. Nhưng đây không phải là công việc cực nhọc để nhờ đó có thể kiếm được công đức hay có thể khoe mình vì nó. Trên thực tế, đây là công tác duy nhất người đó có thể làm được mà không cướp vinh hiển của Đấng Christ và Cứu Chúa mình và không phủ nhận địa vị của mình là một tội nhân bất lực. Đức tin là một công việc không nhờ cậy công đức, để bởi đó tạo vật công nhận Đấng Tạo Hóa của mình và tội nhân công nhận Cứu Chúa của mình. Cụm từ **công việc của đức tin** cũng bao gồm cả *nếp sống* đức tin sau khi hoán cải.

Ngoài **công việc của đức tin** họ, Phaolô còn nhớ đến **công lao của lòng yêu thương** của họ nữa. Câu này nói đến sự phục vụ Chúa của họ, được thúc giục bởi **lòng yêu thương** Đức Chúa Jêsus. Cơ Đốc giáo không phải là cuộc sống người ta phải chịu đựng vì bốn phận, nhưng là một Thần Vị để phục vụ vì cơ tình yêu. Được làm nô lệ của Ngài chính là quyền tự do trọn vẹn, và "lòng yêu mến Ngài khiến việc rao giảng trở nên công việc thiên thượng." So với tình yêu, động cơ mong được lợi chính là sự thuyết phục

hào nhoáng và rõ rệt. Lòng yêu thương Đấng Christ làm phát sinh sự phục vụ mà tiền bạc không thể nào cảm động họ làm được. Người Têsalônica là những lời chứng sống cho sự kiện này.

Cuối cùng, Phaolô tạ ơn Chúa về sự **bền đỗ về sự trông cậy** của họ. Điều này nói đến việc họ vững vàng chờ đón Chúa Jêsus. Trước đó họ bị bắt bớ vì can đảm theo Đấng Christ. Nhưng cũng không có gì sai sót khi Phillip gọi đây là "sự chịu đựng dai dẳng" của họ.

Nơi để ông ghi nhớ được nói rõ qua cụm từ **trước mặt Đức Chúa Trời, là Cha**. Khi Phaolô bước vào hiện diện của Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện, ông duyệt lại sự chào đời và tăng trưởng tâm linh của các thánh đồ và tuôn tràn những lời cảm tạ về đức tin, tình yêu thương và lòng trông cậy của họ.

1:4 **Sứ đồ biết chắc các thánh đồ** này đã được chọn bởi **Đức Chúa Trời** trước khi sáng thế. Nhưng làm sao ông biết được? Có phải ông có hiểu biết sáng suốt siêu nhiên nào đó không? Không, ông biết họ thuộc trong số kẻ được lựa chọn bởi phương cách họ đã tiếp nhận Tin Lành.

Giáo lý về sự lựa chọn⁴ dạy rằng Đức Chúa Trời chọn một số người nào đó trong Đấng Christ trước khi sáng thế (Êphêso 1:4). Giáo lý này *không* dạy rằng Đức Chúa Trời chọn một số người để bị đoán phạt. Nếu con người cuối cùng bị hư mất, thì chính do tội lỗi và lòng không tin của họ.

Quyển Kinh Thánh dạy về giáo lý chọn lựa cũng dạy về trách nhiệm của con người hay quyền chọn lựa tự do của con người. Đức Chúa Trời đưa ra *lời*

mời xác thực để ban ơn cứu rỗi cho mọi người ở khắp mọi nơi. Bất cứ ai đến với Đấng Christ cũng đều được đón nhận nồng ấm.

Hai giáo lý này, là giáo lý sự chọn lựa và quyền tự do lựa chọn, tạo ra xung đột không dung hòa được trong trí con người. Nhưng Kinh Thánh dạy cả hai, và vì vậy chúng ta nên tin cậy cả hai cho đến mình không thể dung hòa chúng.

Chúng ta không biết ai là người được lựa chọn, vì vậy phải rao truyền Tin Lành cho cả thế giới. Những tội nhân đờng nên dùng giáo lý về sự chọn lựa làm cơ biện hộ để không tin. Nếu chịu ăn năn và tin Chúa Jêsus Christ, Đức Chúa Trời sẽ cứu họ.

1:5 Với những chữ "**đạo Tin Lành chúng ta**" Phaolô không ám chỉ một sứ điệp khác với sứ điệp của các sứ đồ kia. Nội dung y như nhau; sự khác biệt là khác biệt nơi sứ giả. Người Têsalônica trước đây không hề đối đãi với sứ điệp này như một bài diễn thuyết tôn giáo thuần túy; đương nhiên, họ đã tiếp nhận sứ điệp ấy bằng lời nói, nhưng không phải chỉ bằng lời nói mà thôi.

Sứ điệp này đã đến với họ bằng quyền phép, Đức Thánh Linh và sức mạnh của sự tin quyết nữa: (1) **Bằng quyền phép**. Sứ điệp này hành động trong đời sống họ với sức lực siêu nhiên, đem lại sự cáo trách tội, ăn năn và hoán cải. (2) **Bằng Đức Thánh Linh**. Quyền năng do Thánh Linh tạo ra. (3) **Bằng sức mạnh của sự tin quyết**. Phaolô giảng với lòng hết sức tin quyết nơi sứ điệp. Người Têsalônica đã tiếp nhận sứ điệp với **sức mạnh của lòng xác quyết** đấy là Lời Đức Chúa Trời. Kết quả trong

đời sống của họ cũng đầy dẫy sự tin quyết.

Giờ đây Phaolô nhắc họ nhớ nếp ăn ở của ông đang khi ông ở giữa họ. Ông không chỉ rao giảng Tin Lành, nhưng còn sống một cuộc đời nhất quán nữa. Bài giảng tốt nhất chính là đời sống thành khiết.

1:6 Vì vậy Phaolô có thể nói: "Anh em cũng hãy bắt chước lời và bắt chước Chúa." Chúng ta hẳn sẽ chờ đợi ông bảo: "Bắt chước Chúa và bắt chước chúng tôi," nhắc đến Chúa trước. Nhưng ở đây ông đang nói đến thứ tự trong kinh nghiệm họ. Lần đầu tiên họ được giới thiệu đến với Chúa Jêsu chính là qua đời sống của sứ đồ.

Thật tình thực khi nghĩ người ta sẽ phải nhìn thấy được Đấng Christ trong chúng ta. Chúng ta phải có thể đồng thanh với Phaolô: "Hãy bắt chước tôi, cũng như chính mình tôi bắt chước Đấng Christ vậy" (I.Côrinhtô 11:1).

Lưu ý họ đã tiếp nhận Lời Chúa kèm với **khốn khổ** và **vui vẻ**. Đây chính là cách họ bắt chước Chúa và các sứ đồ. Ở bề ngoài gặp sự **khốn khổ**; ở bề trong có **sự vui vẻ**. Đây là sự kết hợp phi thường! Đối với người thế gian, không thể nào đồng thời kinh nghiệm vừa vui vẻ vừa khốn khổ được; đối với họ, đau buồn là phần nghĩa của vui vẻ. Cơ Đốc nhân có **sự vui vẻ của Đức Thánh Linh** vốn không lệ thuộc vào hoàn cảnh; đối với Cơ Đốc nhân, điều phần nghĩa với vui vẻ chính là **tội lỗi**.

Sự **khốn khổ** họ đang chịu là sự bắt bớ sau khi trở về tin Đấng Christ.

1:7 Người Têsalônica đã trở thành những Cơ Đốc nhân gương mẫu. Trước hết, tấm gương về sự vui vẻ giữa cơn

bất bớ của họ đã là tấm gương cho các tín đồ ở xứ **Maxêdoan** và xứ **Achai**, tức là cho toàn bộ Cơ Đốc nhân trong nước Hy Lạp.

1:8 Nhưng lời chứng của họ không dừng lại tại đó. Họ đang trở nên những Cơ Đốc nhân có kết quả. Giống như những gợn sóng trong hồ nước, đạo Chúa lan ra theo những vòng tròn cứ ngày càng rộng dần: trước hết tại xứ **Maxêdoan** và xứ **Achai**, rồi sau đó đồn khắp mọi nơi. Chẳng bao lâu, tin tức về đức tin của họ trong Đức Chúa Trời đã lan khắp nơi đến nỗi Phaolô không cần phải giảng về đạo ấy nữa. Người ta đã biết đạo ấy rồi.

Chúa không định cho chúng ta làm những ga cuối cùng đón nhận những ân phước, nhưng là những ống dẫn để từ đó ơn phước tuôn tràn đến cho người khác. Đức Chúa Trời chiếu sáng trong lòng chúng ta để sự sáng có thể tỏa soi cho người khác (II.Côrinhtô 4:6, bản dịch JND). Nếu chúng ta đã thực sự uống nước cứu rỗi, thì sông nước hằng sống sẽ tuôn ra cho những người quanh ta (Giăng 7:37, 38).

1:9 Theo lối nói bình dân, khi sứ đồ và các bạn ông đến Têsalônica, họ đã được đón tiếp như vua. Và ai cũng biết có sự thay đổi lạ lùng xảy ra trong đời sống rất nhiều người. Họ đã trở lại cùng Đức Chúa Trời, bỏ hình tượng ngoại giáo của họ và đã đem ý chí của họ đầu phục Đức Chúa Trời để làm tôi tớ Ngài.

Lưu ý họ đã trở lại cùng Đức Chúa Trời bỏ hình tượng, chứ không phải từ hình tượng trở về với Đức Chúa Trời. Không phải vì đã chặn ngán hình tượng

nên họ mới quyết định dành cho Đức Chúa Trời một cơ hội. Không, họ đã trở lại cùng Đức Chúa Trời và thấy Ngài làm cho thỏa mãn đến nỗi họ bỏ hình tượng của họ.

Chính ánh mắt ấy làm Phierơ tan chảy.

Cũng chính khuôn mặt mà Êtiên nhìn thấy.

Chính tâm lòng đã cùng khúc với Mari.

Chỉ duy Ngài mới có thể kéo chúng ta ra khỏi hình tượng.

- Ora Rowan

Chúng ta đừng bao giờ đánh mất ý thức về sự hồi hộp và kinh sợ ngấm ngấm trong bản tướng trình này. Hai người nam đến một thành phố ngoại giáo để rao giảng Lời Đức Chúa Trời. Họ rao giảng Tin Lành bằng quyền phép của Thánh Linh. Phép lạ của sự tái sanh xảy ra: những người nam và nữ đã vui sướng với Cứu Chúa đến nỗi họ bỏ hình tượng của họ. Tiếp theo, hội chúng địa phương các tín hữu đang ca ngợi Chúa, sống cuộc đời thánh khiết, can đảm chịu đựng bắt bớ, hoặc chinh phục người khác về với Đấng Christ.

Sự phục vụ Chúa quá thật là vua của những lời kêu gọi."

1:10 Không những người Têsalônica đang phục vụ Đức Chúa Trời hàng sống và chân thật (trái với những hình tượng vốn không có sự sống và giả tạo), mà họ còn đang chờ đón Đức Chúa Jêsus nữa. Để ý những chi tiết trong sự chờ đợi của họ:

1. Đấng - Con Ngài
2. Nơi chốn - từ trên trời.
3. Vật thể chấp - Đấng được Ngài khiển từ kẻ chết sống lại
4. Danh quý báu - là Đức Chúa Jêsus

5. Viễn Cảnh - **Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ ngay sau**

Như vậy, trong câu 9 và 10, chúng ta có ba phương diện trong kinh nghiệm của người Têsalônica:

Trở lại (tương ứng với công việc của đức tin, câu 3)

Phục vụ (tương ứng với công lao của lòng yêu thương, câu 3)

Chờ đón (tương ứng về sự nhện nhục trông cậy, câu 3)

G. R. Harding Wood⁵ phân tích những chi tiết này như sau:

Đi theo - nhìn hướng đến với Đức Chúa Trời

Phục vụ - nhìn hướng đến những cảnh đồng

Chờ đợi - trông đợi đến Chúa Jêsus

Người Têsalônica đang chờ đợi Con Đức Chúa Trời từ trên trời. Điều này hàm ý khả năng Ngài hiện đến ngay trong quãng đời của họ, trên thực tế là *bất kỳ giây phút nào* trong đời sống của họ. Sự tái lâm sắp đến của Chúa Jêsus Christ là sự trông cậy của Cơ Đốc nhân. Điều này được tìm thấy trong rất nhiều phần đoạn Tân Ước, một số phần đoạn ấy như sau:

Luca 12:36 - "Hãy làm như người chờ đợi chủ mình ở tiệc cưới về...."

Rôma 8:23 - "... Đang khi trông đợi sự làm con nuôi, tức là sự cứu chuộc thân thể chúng ta."

I.Côrinhtô 11:26 - "Ấy vậy, mỗi lần anh em ăn bánh nầy, uống chén nầy, thì rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến."

II.Côrinhtô 5:2 - "Vì chúng ta thật than thở trong nhà tạm nầy, mà hết sức mong được mặc lấy nhà chúng ta từ trên trời."

Galati 5:5 - "Về phần chúng ta, ấy là bởi đức tin và nhờ Thánh Linh mà

chúng ta được nhận lãnh sự trông cậy của sự công bình.”

Philíp 3:20 – “Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy là từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ.”

Philíp 4:5 – “Chúa đã gần rồi.”

Tít 2:13 – “Đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ.”

Hêbơrơ 9:28 – “Cùng vậy, Đấng Christ đã dâng mình chỉ một lần dâng cất tội lỗi của nhiều người; Ngài lại sẽ hiện ra lần thứ hai, không phải để cất tội đi nữa, nhưng để ban sự cứu rỗi cho kẻ chờ đợi Ngài.”

Giacơ 5:7-9 – “Hỡi anh em, vậy hãy nhịn nhục cho tới kỳ Chúa đến. ... vì kỳ Chúa đến gần rồi.... Kia, Đấng xét đoán đứng trước cửa.”

I.Phiêrơ 4:7 – “Sự cuối cùng của muôn vật đã gần.”

I.Giăng 3:3 – “Ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch.”

Giude 21 – “... Trông đợi sự thương xót của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta cho được sự sống đời đời.”

Khải Huyền 3:11 – “Ta đến mau kíp!” 22:7 – “Kia ta đến mau chóng!” 22:12 – “Này, ta đến mau chóng...” 22:20 – “‘Phải, ta đến mau chóng.’ Amen, lạy Đức Chúa Jêsus, xin hãy đến!”

Cơ Đốc nhân biết có thể mình buộc phải trải qua sự chết, nhưng cũng biết rằng Chúa có thể đến bất kỳ lúc nào và khi Chúa đến như vậy, người sẽ được

vào Thiên đàng không phải trải qua sự chết.

Không lời tiên tri nào của Kinh Thánh cần được ứng nghiệm trước khi Đấng Christ đến đón rước dân sự Ngài. Đây là biến cố trọng đại tiếp theo trong chương trình của Đức Chúa Trời.

Chúng ta không thể trông đợi sự tái làm của Chúa vào bất kỳ thời điểm nào nếu có một biến cố hay khoảng thời gian nào đó phải xen vào giữa. Vị trí của Sự Cất Lên tiền đại nạn là biến cố duy nhất cho phép tín hữu trông đợi Đấng Christ tái làm ngay hôm nay. Các quan điểm khác về những điều sắp xảy ra của sự tái làm phải bị từ bỏ.

Đấng chúng ta đang trông đợi là Chúa Jêsus, Đấng giải thoát chúng ta khỏi cơn lạng nộ ngày sau. Có thể hiểu lời mô tả này về Cứu Chúa sắp đến theo hai cách:

1. Ngài giải cứu chúng ta khỏi hình phạt đời đời dành cho tội lỗi chúng ta. Trên thập tự giá, Ngài đã gánh chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội lỗi chúng ta. Bởi đức tin nơi Ngài, giá trị công tác của Ngài được kể cho chúng ta. Như vậy, không còn sự đoán phạt nào cho chúng ta vì chúng ta hiện ở trong Đức Chúa Jêsus Christ (Rôma 8:1).

2. Nhưng Ngài cũng giải cứu chúng ta khỏi thời kỳ đoán xét hầu đến khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ giáng trên toàn thể gian vốn đã khước từ con Ngài. Thời kỳ này được gọi là Cơn Đại Nạn và thời kỳ Hoạn Nạn Của Giacóp (Đaniên 9:27; Mathê 24:4-28; I.Têsalônica 5:1-11; II.Têsalônica 2:1-12; Khải Huyền 6:1-19;10).

B. ÔN LẬP, CHỨC VỤ SỨ ĐIỆP VÀ NẾP SỐNG CỦA PHAOLÔ TẠI TÊSALÔNICA (2:1-12)

2:1 Trong phần cuối của 1:5, Phaolô ám chỉ vấn đề đến lĩnh vực cách và nếp sống của bản thân ông đang khi ở tại Têsalônica. Giờ đây ông tiếp tục ôn kỹ hơn về chức vụ, sứ điệp và nếp sống của ông.

Đại ý là: chức vụ chủ yếu của một Cơ Đốc nhân chính là chức vụ của *tính cách*. Tính cách chúng ta còn quan trọng hơn mọi điều chúng ta nói ra. Ảnh hưởng vô thức của chúng ta tác động mạnh mẽ hơn ảnh hưởng có ý thức của chúng ta. James Denney nói:

Tính cách của Cơ Đốc nhân là toàn bộ vốn đầu tư người ấy có để tiến hành công việc của mình. Trong hầu hết những nghề nghiệp khác, người ta vẫn có thể tiếp tục công việc bất kể tính cách của mình ra sao, miễn có đủ tiền trong nhà băng; nhưng Cơ Đốc nhân nào đánh mất tính cách của mình thì mất mọi sự.⁶

Nhà giáo sĩ tuận đạo Jim Elliot viết trong nhật ký của mình:

Trong công tác thuộc linh, nếu không nói đến nơi nào khác, thì tính cách của nhân sự quyết định phẩm chất công tác của người ấy. Shelley và Byron có thể sống buông thả về đạo đức mà vẫn sáng tác được những vần thơ hay. Wagner có thể sống dâm dăng mà vẫn sáng tác nhạc rất hay, nhưng không ai có thể như vậy được trong bất kỳ công tác nào của Đức Chúa Trời. Phaolô có thể nói đến chính tính cách của mình và cách sống của mình để làm bằng chứng những điều ông đang nói với người Têsalônica. Chín lần trong suốt bức thư đầu tiên này ông bảo: "Anh em biết rõ," nói đến sự quan sát

trực tiếp của người Têsalônica về nếp sống riêng tư cũng như trước công chúng của Phaolô. Phaolô đã đến Têsalônica và sống cuộc đời mình họa nãi bất những gì ông đang giảng ra; cuộc sống ấy còn vượt quá mọi minh họa để tiến đến chỗ làm bằng chứng đầy thuyết phục. Chẳng lấy gì làm lạ khi rất nhiều công tác trong nước Đức Chúa Trời có phẩm chất quái kém; hãy nhìn tính cách đạo đức của nhân sự xem.⁷

Có lẽ trong câu này, sứ đồ đang bình vực chính mình trước những lời vu cáo của kẻ chỉ trích. Trong bất kỳ trường hợp nào đi nữa, trước hết ông vẫn nhắc người Têsalônica nhớ chức vụ của ông đã thành công. Chính họ là bằng chứng sống cho thấy công tác ông có kết quả. Họ biết chuyện thâm lẫn thừ nhất của ông **chẳng phải là vô ích đâu**. Chính họ đã hoán cải và một hội chúng đã được thiết lập.

2:2 Và rồi chức vụ của ông cũng can đảm nữa. Sự chống đối kinh khiếp và sự ngược đãi tàn bạo tại Philip, kể cả lần bị cầm tù tại đó cùng với Sila, cũng không dọa nạt được, không làm ngã lòng hay đe dọa được ông. Ông tiếp tục đến Têsalônica. Tại đó, với sự can đảm mà chỉ Đức Chúa Trời mới ban được, ông rao giảng Tin Lành giữa cơn đại chiến. Một người kém dũng khí có lẽ sẽ kể ra vô số những nguyên nhân thần học vì sao Đức Chúa Trời kêu gọi mình đến với những hội chúng phù hợp hơn với mình. Nhưng Phaolô không như vậy! Ông rao giảng sứ điệp cách không sợ hãi chi, bất chấp bị chống đối kinh khiếp, và đây là kết quả trực tiếp từ sự đầy đầy Thánh Linh.

2:3 Lời khuyên tin vào Tin Lành của sứ đồ là chân thật xét về nguồn gốc của nó, thanh sạch về động cơ, và đáng tin cậy trong phương pháp. Xét về nguồn gốc, Tin Lành không ra từ những giáo lý sai lầm nhưng từ chân lý của Đức Chúa Trời. Xét về động cơ, sứ đồ nhìn người Têsalônica cách không ích kỷ, tìm ích lợi cho họ, chứ không vì bất kỳ ước ao ngấm ngấm hay không thanh sạch nào. Xét về phương pháp, không hề có âm mưu khôn khéo nào để lừa dối họ. Dường như kẻ đồ kỵ ông đang vu cáo ông theo tà giáo, có những tham muốn và âm mưu khôn khéo.

2:4 Đối với Phaolô, chức vụ này là quyền quản gia thiêng liêng. Ông là quản gia, được Đức Chúa Trời xúi là xứng đáng, và Tin Lành là kho tàng quý báu đã được Đức Chúa Trời giao phó cho ông. Trách nhiệm của ông là làm đẹp lòng Chúa bằng cách trung tín rao báo sứ điệp, bất luận phản ứng con người ra sao đi nữa. Ông thấy rõ mình không thể làm đẹp lòng cả Đức Chúa Trời lẫn con người, vì vậy ông chọn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, là Đấng dò xét lòng chúng tôi, và rồi Ngài là Đấng ban thưởng xứng đáng.

Quản gia có bốn phận làm đẹp lòng người đã trả tiền lương cho mình. Những người giảng đạo có thể đôi khi bị cám dỗ để rút bớt lại chân lý đầy đủ vì sợ hậu quả từ những người góp phần chu cấp lương. Nhưng Đức Chúa Trời là Chủ, và Ngài biết khi nào thì sứ điệp bị pha loãng thêm hoặc bị đè nén.

2:5 Trong câu 5-12, Phaolô tường trình hành vi của ông tại Têsalônica; khi tường trình như vậy, ông đã để lại

gương mẫu huy hoàng cho mọi đầy tớ của Đấng Christ.

Trước hết, ông không hề hạ thấp mình để tăng bốc hay thiếu thành thật hòng đạt được nhiều kết quả. Lời nói của ông ngay thật và trong sáng, động cơ của ông không chút giả hình.

Thứ nhì, ông không hề dùng công việc Chúa làm một vở bọc (Bản Anh ngữ) để che giấu khát vọng ích kỷ nhằm làm giàu. Sự phục vụ của ông không phải là bình phong để kiếm tư lợi.

Để bác bỏ mọi lời vu cáo rằng ông đã tăng bốc, ông kêu nài đến các thánh đồ. Nhưng để bác bỏ mọi ý kết tội là ông kiếm tư lợi, ông kêu nài đến Đức Chúa Trời, là Đấng duy nhất dò xét được trong lòng.

2:6 Ở đây, chúng ta có thêm sự hiểu biết đầy ấn tượng nữa về tính cách của bậc vĩ nhân này của Đức Chúa Trời. Là sứ đồ Đấng Christ, ông và đồng nghiệp có quyền nhận chu cấp tài chánh (ở đây được gọi là vinh hiển) từ người Têsalônica. Nhưng họ đã quyết tâm không làm gánh nặng cho người Têsalônica, nên đã làm việc ngày đêm để chu cấp nhu cầu riêng. Chuyết xuyết ra tại Côrintô lại khác. Tại đó, Phaolô làm việc để không tạo cơ cho người chỉ trích kết tội ông giảng Tin Lành vì tiền. Tại Têsalônica, ông làm việc vì các thánh đồ tại đó nghèo và bị bắt bớ, nên không muốn làm tăng thêm gánh nặng cho họ.

2:7 Thay vì ra oai trên di sản của Đức Chúa Trời, ông đã ăn ở nhu mì giữa họ như người vú săn sóc chính con mình cách dịu dàng. Phaolô nhận thấy tận tâm hữu cần được săn sóc, và ông thi

hành chức vụ này với tất cả sự quan tâm của **người mẹ** tận tụy.

2:8 Tình cảm của ông dành cho họ sâu đậm hết bao, nên ông lo chia sẻ với họ hơn là nhận từ họ. Công tác của ông không phải là lạnh lùng ban phát chiếu lệ Tin Lành của Đức Chúa Trời, nhưng là dốc đổ cả tâm hồn ông. Ông yêu mến họ, và tình yêu chấp nhận mọi giá hy sinh phải trả. Giống như Chủ của ông, ông không đến để người ta phục vụ mình, nhưng để phục vụ và phó mạng sống mình (Mác 10:45).

2:9 Một bằng chứng khác nữa về thái độ không ích kỷ của Phaolô: chúng ta thấy ông làm nghề may trại kiếm sống, để có thể chăm sóc cho tín hữu tại đây mà **không lụy đến** họ. Tuy đúng là người giảng Tin Lành có quyền nhận chu cấp tài chánh từ các Cơ Đốc nhân khác, nhưng cũng thật đáng khen khi thấy thình thoảng ông từ bỏ quyền này nếu cần. Người phục vụ thật của Đấng Christ sẽ tiếp tục rao giảng Tin Lành cho dù có nhận lương hay phải tự làm việc để kiếm sống. Lưu ý những chữ **công lao khó nhọc và cả ngày lẫn đêm**. Tin Lành không đòi hỏi người Têsalônica phải trả một xu nào, nhưng đòi Phaolô phải trả giá rất nhiều.

2:10 Tin hữu có thể làm chứng cho hành vi gương mẫu của Phaolô đối với họ; và Đức Chúa Trời cũng là Nhân Chứng để chứng minh ông là một người kính sợ Chúa (thánh sạch), công bình và không chỗ trách được. Thánh sạch tức là được phân rẽ ra khỏi tội lỗi để biệt riêng cho Đức Chúa Trời. Công bình trong tính cách và trong nếp ăn ở. Không chỗ trách được đối với Đức Chúa

Trời và con người. Nếu bài giảng tốt nhất là đời sống thánh khiết, thì Phaolô là người giảng vĩ đại. Không phải như một vị truyền đạo kia có tài hùng biện vĩ đại hơn nếp sống của ông ta: khi đứng trên bục giảng, người ta ước gì ông đừng bao giờ rời khỏi đó, nhưng khi không còn trên tòa giảng, người ta ước gì ông đừng bao giờ trở lại tòa giảng nữa!

2:11 Trong câu 7, ông ví mình với người vùi; giờ đây ông đổi sang hình ảnh **một người cha** tận tụy. Nếu hình ảnh người mẹ gợi lên về dịu dàng dịu mến, hình ảnh người cha gợi lên khôn ngoan và khuyến bảo. Là cha, ông **khuyến** họ sống cuộc đời thánh khiết, khích lệ họ tiếp tục tiến lên vì Chúa bất chấp những bất bở, và ông đã làm chứng về phước hạnh của sự vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời và Lời Ngài.

2:12 Mục tiêu chức vụ của Phaolô là giúp các thánh đó **ăn ở một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời, là Đấng gọi họ đến nước Ngài và sự vinh hiển Ngài**.

Tự nơi chúng ta chẳng có gì xứng đáng với Chúa hay xứng đáng được ở trong Thiên đàng; sự xứng đáng duy nhất chúng ta có được là trong Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng là con Đức Chúa Trời, chúng ta buộc phải **ăn ở cách xứng đáng** với sự kêu gọi cao cả này. Chúng ta ăn ở xứng đáng bằng cách đầu phục quyền kiểm soát của Thánh Linh và liên tục xưng tội và từ bỏ tội trong đời sống mình.

Tất cả những người được cứu đều là thần dân trong nước Đức Chúa Trời. Trong thời hiện tại, nước này vô hình, và vua đang vắng mặt. Nhưng những

giáo huấn về đạo đức và luân lý của vương quốc vẫn áp dụng cho chúng ta ngày nay. Khi Đức Chúa Jêsus trở lại cai trị, nước bấy giờ sẽ được thành lập hữu hình, và chúng ta sẽ chia sẻ vinh hiển của vị Vua trong ngày ấy.

C. Ôn Lại Đáp Hồi của Người Têsalônica Về Lời Tin lành (2:12-16)

2:13 Giờ đây, sứ đồ nói đến một chủ đề khác nữa đã đề cập trong 1:5a – đáp ứng của người Têsalônica với công tác truyền giảng Tin Lành. Khi họ nhận lãnh sứ điệp, tức *khi đã nghe* sứ điệp, họ đã không nhận – tức là không *chấp nhận* – đó là lời của người, nhưng là Lời của Đức Chúa Trời. Bản NKJV nói điều này rất rõ:

Bởi vậy, chúng tôi tạ ơn Đức Chúa Trời không thôi về sự anh em tiếp nhận lời của Đức Chúa Trời mà chúng tôi đã truyền cho, không coi như lời của loài người, bèn coi như lời của Đức Chúa Trời, vì thật là lời Đức Chúa Trời, cũng hành động trong anh em có lòng tin.

Phaolô hết sức biết ơn Chúa về sự tiếp nhận và chấp nhận sứ điệp này của họ. Đây là tấm gương khác nữa về tình thần không ích kỷ của ông. Hầu hết chúng ta muốn người khác tin những lời mình nói đơn giản là vì chính *chúng ta* nói ra. Nhưng lời của con người tạo thành một nền tảng lung lay cho đức tin. Chỉ Đức Chúa Trời mới đáng tin cậy hoàn toàn, và chỉ khi lời Ngài được tin cậy thì mới sinh ra kết quả trong tâm lòng và đời sống. Đây là điều đã xảy ra cho người Têsalônica – Lời Đức Chúa Trời đã hành động *cách hiệu quả* trong đời sống họ vì cơ họ tin. Walter Scott viết:

*Lời Ngài – là Kinh Thánh được soi dẫn, hay được Đức Chúa Trời hà hơi, trong mọi quyển sách và mọi phần được viết ra lúc ban đầu. Nó là thẩm quyền duy nhất của chúng ta trong mọi sự, cho mọi hoàn cảnh và mọi thời đại. Cần có một thể hệ run rẩy trước Lời Đức Chúa Trời. Kinh Thánh là bản đồ của đời sống; là kim chỉ nam của đời sống, ánh sáng của chúng ta. Biện pháp bảo vệ an toàn đạo đức của chúng ta. Cảm tạ Đức Chúa Trời về Bộ Sách Thiêng Liêng này.*⁹

2:14 Kinh Thánh tạo ra những kết quả nào trong đời sống của các tín hữu này? Không những họ được cứu; họ còn có thể đứng vững đối diện với bất cứ kinh khiếp. Đây là bằng chứng vững chắc về thực tại hoán cải của họ. Bởi sự chịu đựng vững vàng, họ *trở thành người bất chước các hội lành* của Đấng Christ tại xứ Giuđê. Khác biệt duy nhất ấy là người Têsalônica chịu khổ trong tay *những người đồng xứ* ngoại bang của mình, còn các tín hữu tại Giuđê bị bắt bớ bởi *chính người Giuđa*.

2:15 Khi nhắc đến người Giuđa, Phaolô bắt đầu bản cáo trạng tố cáo họ như những đối thủ chính của Tin Lành. Còn ai biết rõ hơn ông? Đã có thời ông cầm đầu những người Do Thái cố gắng thủ tiêu đức tin Cơ Đốc. Rồi sau khi hoán cải, chính ông đã cảm nhận lưỡi gươm sắc bén từ sự bất bớ của họ.

Tội lỗi hàng đầu của người Do Thái là đã giết Đức Chúa Jêsus. Tuy sự đóng đinh trên thực tế do tay người Lamã thực hiện, nhưng chính người Do Thái xui giục người Lamã làm. Sự kiện này xảy ra như đỉnh điểm cho hàng thế kỷ bất bớ các *đấng tiên tri* của Đức Chúa

Trời được sai đến cho dân Ysraên (Mathiô 21:33-39).

Trong kỷ nguyên Cơ Đốc, họ đã bắt bớ Phaolô và các sứ đồ khác rồi, vì làm tướng đang làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Hành động của họ đang làm trái ý Đức Chúa Trời và khiến họ trở thành thù nghịch với mọi người nữa.

2:16 Khước từ Tin Lành vẫn chưa thấy thỏa lòng, họ còn quyết tâm ngăn trở Phaolô và đồng nghiệp của ông không rao giảng sứ điệp này cho dân ngoại bang được. Họ không còn gì bực bội hơn là nghe người ngoại bang có thể được cứu đồng một cách với người Do Thái.

Khi chống đối ý muốn của Đức Chúa Trời, họ đang thực hiện ngay tại chỗ tổ phụ họ đã để lại hàng đầy đẫy các lượng tội lỗi mình. Dường như thế họ quyết tâm giữ cho chén phạm tội của họ luôn luôn đầy tràn.

Nhưng số phận của họ đã được công bố, vì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sau hết đã đến trên họ. Phaolô không nói cụ thể ông muốn nói ý gì qua "cơn thịnh nộ" này, có lẽ đây là lời tuyên bố tổng quát về sự đoán xét hầu đến do lượng tội lỗi đã đầy đẫy của họ. Chúng ta có biết trong vòng hai mươi năm nữa (năm 70 S.C.) Giêrusalem bị phá hủy và những người Giuda còn sống sót bị tản lạc trên khắp thế gian.

Từ những phân đoạn như thế này, có người cho rằng Phaolô là người bài Do Thái và Tân Ước là một sách bài Do Thái. Sự thực, Phaolô hết sức yêu mến đồng bào mình - là người Do Thái - và thậm chí còn sẵn lòng chịu đút bỏ khỏi

Đấng Christ nếu nhờ đó có thể đem lại sự cứu rỗi cho họ (Rôma 9:1-3). Dấu chức vụ của ông chủ yếu cho dân ngoại, ông không bao giờ với gánh nặng đang cưu mang là công tác truyền giảng cho người Do Thái; nhiều khi gánh nặng này còn có vẻ ưu tiên hơn sứ mạng chính yếu của ông nữa.

Điều sứ đồ đang nói ở đây về các lãnh tụ Do Thái là một sự kiện lịch sử chứ không phải lời thóa mạ cá nhân. Và chúng ta phải nhớ Đức Chúa Trời cảm động ông viết những điều này. Chủ nghĩa bài Do Thái là phi Cơ Đốc, và không thể biện minh được trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nhưng không phải là bài Do Thái khi bảo rằng dân Do Thái bị Đức Chúa Trời buộc tội về sự chết của Con Ngài (Công vụ 2:23), cũng giống như dân ngoại bang phải chịu trách nhiệm về phần của họ (1.Côrinthô 2:8).

B. Giải Thích Vì Sao Phaolô Không Trở Lại Têsalônica (2:17-20)

2:17 Trong bốn câu kế tiếp, sứ đồ giải thích vì sao ông không trở lại Têsalônica. Có lẽ những người chỉ trích luôn soi mói kia đã vu cáo ông hèn nhát không dám quay lại vì sự chống đối đã gặp tại đó.

Trước hết, Phaolô nói rõ sự xa cách này chỉ là xa cách thuộc thể. Cụm từ **đã xa cách anh em** có nghĩa họ đã trở nên mớ cõi bởi sự ra đi của vị cha thuộc linh của họ. Tuy nhiên, lòng quan tâm triu mến của ông đối với họ không bao giờ thuyên giảm. Để ý những từ ngữ diễn tả cường độ tình yêu của ông: **non nả biết bao, để thỏa lòng ao ước.**

2:18 Đã hai Ông lần cố gắng trở lại Têsalônica, nhưng cả hai lần Salan đều

ngăn trở. Không phải lúc nào cũng biết được bản chất chính xác sự chống đối của Satan.

Chúng ta cũng không biết làm sao Phaolô biết chắc chính ma quỷ là kẻ đang **ngăn trở** ông chứ không phải Chúa. Trong Công vụ 13:6, chúng ta đọc thấy Phaolô và đoàn truyền giáo của ông bị Thánh Linh cấm giảng đạo tại Asi. Trong câu tiếp theo, họ cố gắng đi đến Bitini nhưng Thánh Linh cũng không cho phép vào. Làm sao chúng ta biết khi nào Thánh Linh ngăn trở và khi nào thì ma quỷ ngăn trở? Có lẽ một trong những phương cách là: khi chúng ta biết mình đang ở trong ý muốn Đức Chúa Trời, bất kỳ sự ngăn trở nào nảy sinh lúc đó đều không phải là công tác của Thánh Linh nhưng là của ma quỷ. Thêm nữa, có thể chờ đợi Satan ngăn trở bất kỳ lúc nào Đức Chúa Trời ban phước. Nhưng Đức Chúa Trời luôn luôn bác bỏ sự chống đối của Satan. Trong trường hợp cụ thể này, việc Phaolô không thể đến Têsalônica dẫn đến việc ông đã viết bức thư này. Đến lượt bức thư này đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời và phước hạnh cho chúng ta.

2:19 Vì sao sứ đồ muốn trở lại với tín hữu Têsalônica đến như vậy? Có lẽ vì họ là con cái của ông trong Chúa. Ông đã chỉ cho họ đến với Đấng Christ và cảm thấy có trách nhiệm giúp làm linh họ tăng trưởng. Ông biết mình phải khai trình về họ trong ngày hầu đến. Họ là sự **trông cậy** của ông về phần thưởng tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. Ông muốn được vui mừng nơi họ. Họ sẽ là **mão triều thiên của sự vui mừng** ông (Bản Anh ngữ) trước mặt Đức Chúa Jêsus Christ trong khi Ngài đến.

Từ câu này, dường như Phaolô chờ đợi sẽ nhận ra tín hữu Têsalônica trong Thiên đàng. Như vậy suy ra chúng ta cũng sẽ biết những người thân của mình trên Thiên đàng.

Trong câu 19, Phaolô nói rằng con cái trong đức tin của ông là **mão triều thiên** của ông. Ở nơi khác trong Tân Ước, chúng ta đọc được những **mão triều thiên** khác; **mão triều thiên của sự công bình** (I. Têsalônica 4:8); **mão triều thiên của sự sống** (Giacơ 1:12; Khải Huyền 2:10); **mão triều thiên vinh hiển** (I. Phiêrơ 5:4) – hết thấy các **mão triều thiên** này đều không hay hư nát (I. Côrintô 9:25).

2:20 Các thánh đồ là sự **vinh hiển và vui mừng** của ông. Ông đã đầu tư vào cá tính con người và phần thưởng của ông chính là những con trai và con gái thuộc linh, là những người sẽ thờ lạy Chiên Con của Đức Chúa Trời suốt cả cõi đời đời.

SỰ HIỆN DIỆN CỦA CHÚA

Trong câu 19, chúng ta có chữ "**đến**" đầu tiên trong I. Têsalônica để nói về sự tái lâm của Chúa. Vì đây là đề tài chính của thư, nên chúng ta sẽ tạm dừng tại đây để giải thích điều chúng ta tin là sự dạy dỗ của Kinh Thánh về đề tài này.

Có ba từ ngữ Hy văn chính được sử dụng trong Tân Ước để nói đến sự tái lâm của Chúa:

parousia (pa-roo-SEE-ah): sự đến và sự hiện diện tiếp theo đó

apokalupsis (apo-KAL-yoop-sis): sự vén màn, sự bày tỏ

epiphaneia (epi-FAHN-ee-ah): sự biểu hiện ra

Từ ngữ được dùng phổ thông nhất là *parousia*. Từ này có nghĩa sự hiện diện hay sự đến bên cạnh. Vine nói chữ này biểu thị cả sự đến nơi lẫn sự hiện diện tiếp sau đó. Khi nghĩ đến sự tái lâm của Chúa, chúng ta nên nghĩ sự tái lâm này không những chỉ là một biến cố trong giây lát nhưng là cả một khoảng thời gian nữa.

Ngay cả trong Anh ngữ, chữ "đến" (coming) được dùng theo rất nhiều cách. Lấy ví dụ, "việc Đấng Christ đến xứ Galilê đã đem lại sự chữa bệnh cho rất nhiều đoàn dân đông." Ở đây, chúng ta không có ý nói đến ngày Ngài tới xứ Galilê, nhưng nói đến toàn bộ thời gian Ngài ở trong khu vực đó. Vì vậy, khi nghĩ về sự hiện đến của Đấng Christ, chúng ta nên nghĩ về một thời kỳ chứ không phải một biến cố tách biệt.

Giờ đây, nếu xem tất cả những lần có chữ *parousia* trong Tân Ước, chúng ta thấy chúng mô tả một khoảng thời gian kèm theo (1) một khởi điểm, (2) một tiến trình, (3) một sự biểu hiện, và (4) một đỉnh điểm.

1. *Khởi điểm* của *parousia* (sự hiện đến) là Sự Cất Lên. Điều này được mô tả trong các phân đoạn Kinh Thánh sau (từ ngữ được dịch từ chữ *parousia* được in nghiêng trong mỗi trường hợp):

Như trong Adam mọi người đều chết, thì cùng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại, nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi tới ngày Đấng Christ đến, những kẻ thuộc về Ngài sẽ sống lại (I.Côrinthô 15:22,23).

Hỡi anh em, chúng tôi chẳng muốn anh em không biết về phần người đa

ngũ, hầu cho anh em chớ buồn tầu như người khác không có sự trông cậy. Vì nếu chúng ta tin Đức Chúa Jêsus đã chết và sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những kẻ ngủ trong Đức Chúa Jêsus cùng đến với Ngài. Và, nầy là điều chúng tôi nhờ lời Chúa mà rao bảo cho anh em: chúng ta là kẻ sống, còn ở lại cho đến kỳ Chúa đến, thì không lên trước những người đã ngủ rồi. Vì sẽ có tiếng kèn lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống; bấy giờ những kẻ chết trong Đấng Christ, sẽ sống lại trước hết. Kế đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy giữa đám mây, tại nơi không trung mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn. Thế thì, anh em hãy dùng lời đó mà yên ủi nhau. (I.Têsalônica 4:13-18)

Luận về sự đến của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, và về sự chúng ta hội hiệp cùng Ngài... (II.Têsalônica 2:1).

Hỡi anh em, vậy hãy nhịn nhục cho tới kỳ Chúa đến. Hãy xem kẻ làm ruộng: họ bền lòng chờ đợi sản vật quý báu dưới đất cho đến chừng nào đã được mưa đầu mùa và cuối mùa. Anh em cũng vậy hãy nhịn nhục và bền lòng; vì kỳ Chúa đến gần rồi (Giacô 5:7,8).

Vậy bây giờ, hỡi các con cái bé mọn ta, hãy ở trong Ngài, hầu cho, nếu Ngài hiện đến, chúng ta cũng đầy sự vững lòng, không bị hổ thẹn và quăng xa khỏi Ngài trong kỳ Ngài ngự đến (Giăng 2:28).

2. Tiến trình của *parousia* bao gồm Ngài Đoán Xét của Đấng Christ khi

phần thưởng được ban phát cho các tín đồ vì đã phục vụ trung tín:

Vì sự trông cậy, vui mừng và mào triều thiên vinh hiển của chúng tôi là gì, há chẳng phải là anh em cũng được đứng trước mặt Đức Chúa Jêsus chúng ta trong khi Ngài *đến* sao? (I. Têsalônica 2:19).

Nguyên xin chính Đức Chúa Trời bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn, và nguyên xin tâm thần, linh hồn, và thân thể của anh em đều được giữ vẹn, không chỗ trách được, khi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta *đến*! (I. Têsalônica 5:23).

Còn một biến cố khác nữa nên đưa vào trong *tiến trình* của *parousia* là Tiệc Cưới Chiên Con. Từ vị trí biến cố này trong sách Khải Huyền, chúng ta biết biến cố sẽ xảy ra trước kỳ cai trị vinh hiển của Đấng Christ. Chúng ta đưa biến cố này vào đây đây không sử dụng từ ngữ "đến."

Đoạn, tôi lại nghe có tiếng như một đám đông vô số người, khác nào tiếng nước lớn hoặc như tiếng sấm dữ, mà rằng: Alêluya! Vì Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn năng, đã cầm quyền cai trị. Chúng ta hãy hân hờ vui mừng, tôn vinh Ngài; vì lễ cưới Chiên Con đã tới, và vợ Ngài đã sửa soạn, đã cho người được mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn (vải gai mịn tức là công việc công bình của các thánh đó). Thiên sứ phán cùng tôi rằng: Hãy chép: Phước thay cho những kẻ được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con! ... (Người lại tiếp rằng: Đó là những lời chân thật của Đức Chúa Trời) (Khải Huyền 19:6-9).

3. *Biểu hiện* về sự tái lâm của Đấng Christ chính là Ngài trở lại trần gian trong quyền năng và vinh hiển lớn để cai trị với tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa. Thế gian sẽ không nhìn thấy Sự Cát Lên; Sự Cát Lên xảy ra trong một khoảnh khắc. Nhưng mọi mắt sẽ nhìn thấy Đấng Christ khi Ngài *đến* để cai trị. Do đó, biến cố này được gọi là *biểu hiện parousia* của Ngài. Đây là giai đoạn thứ ba trong sự hiện đến của Ngài.

Ngài đương ngồi trên núi Ôlive, môn đồ tới riêng cùng Ngài, và nói rằng: Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra? Và có điểm gì chỉ về sự Chúa *đến* và tận thế (Mathiô 24:3).

Vì như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến phương tây, thì sự Con người *đến* sẽ cũng thế ấy (Mathiô 24:27).

Trong đời Nôê thế nào, khi Con người *đến* cùng thế ấy (Mathiô 24:37).

Và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đưa đem đi hết thảy, — khi Con người *đến* cũng như vậy (Mathiô 24:39).

Hầu cho lòng anh em được vững vàng, và thánh sạch không trách được trước mặt Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta, khi Đức Chúa Jêsus chúng ta sẽ *đến* với hết thảy thành đồ Ngài! (I. Têsalônica 3:13).

Bấy giờ kẻ nghịch cùng luật pháp kia sẽ hiện ra, Đức Chúa Jêsus sẽ dùng hơi miệng Ngài mà hủy diệt nó, và trừ bỏ nó bởi sự chói sáng của sự Ngài *đến* (II. Têsalônica 2:8).

Vả, khi chúng tôi đã làm cho anh em biết quyền phép và sự *đến* của Đức

Chúa Jêsus Christ chúng ta, thì chẳng phải là theo những chuyện khéo đặt để, bèn là chính mắt chúng tôi đã ngó thấy sự oai nghiêm Ngài (I.Phierơ 1:16). [Ở đây, Phierơ đang nói đến biểu hiện sự hiện đến của Đấng Christ như đã được minh họa trước trên Núi Hóa Hình.]

4. Cuối cùng, chúng ta có *đỉnh điểm* của parousia. Điều này được nói đến trong câu Kinh Thánh sau:

Chớ nào lời hứa về sự Chúa đến ở đâu? Vì từ khi tổ phụ chúng ta qua đời rồi, muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế (II.Phierơ 3:4).

Trong đoạn Kinh Thánh vừa rồi, chúng ta đọc thấy những người chế giễu sẽ có mặt trong những ngày cuối cùng, phủ nhận khả năng Đấng Christ tái lâm. Họ muốn nói đến phương diện nào của *parousia*?

Có phải họ đang nói đến Sự Cát Lên không? Không. Chắc họ không biết gì về Sự Cát Lên. Có phải họ đang nói về việc Đấng Christ đến để cai trị? Không phải. Rõ ràng không phải họ đang nói đến sự kiện đó. Toàn bộ văn mạch cho thấy họ đang chế giễu sự hình phạt chung cuộc do Chúa giáng trên mọi kẻ làm ác. Họ muốn nói đến đoán xét cuối cùng đạt đến đỉnh điểm của Đức Chúa Trời trên đất, hay điều họ gọi là "kỳ tận thế." Họ lập luận rằng họ không có gì đáng lo cả. Đức Chúa Trời xưa nay vẫn không can thiệp vào lịch sử và sẽ không can thiệp trong tương lai. Vì vậy họ cảm thấy tự do trong việc tiếp tục những lời nói và việc làm gian ác của mình.

Phaolô trả lời sự nhạo báng của họ bằng cách hướng trước đến thời điểm, sau thời kỳ cai trị một ngàn năm của

Đấng Christ, khi trời và đất mà chúng ta hiện nay đương biết sẽ bị phá hủy hoàn toàn. Đỉnh điểm này trong *parousia* của Đấng Christ sẽ sau thiên hý niên và vào lúc khai mạc tình trạng đời đời.

Ngoài *parousia*, còn hai chữ khác nữa được dùng trong nguyên ngữ của Tân Ước để mô tả sự hiện đến của Chúa, là *apokalupsis* và *epiphaneia*.

Apokalupsis có nghĩa *vén màn* hay *bày tỏ*. Người nghiên cứu Kinh Thánh đã chia ra về vấn đề chữ này có phải thường nói đến giai đoạn thứ ba trong sự hiện đến của Đấng Christ – tức Ngài đến thế gian trong quyền phép và vinh hiển – hay có thể nó nói đến Sự Cát Lên khi Ngài được bày tỏ cho hội thánh.

Trong những câu sau đây, chữ này có thể chỉ về Sự Cát Lên mà cũng có thể chỉ về sự kiện Chúa trở lại để cai trị trên trần gian:

Anh em đang trông đợi kỳ Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta *hiện đến*, cũng chẳng thiếu một ơn nào (I.Côrinthô 1:7).

Hầu cho sự thử thách đức tin anh em quý hơn vàng hay hư nát, dầu đã bị thử lửa, sanh ra ngợi khen, tôn trọng, vinh hiển cho anh em khi Đức Chúa Jêsus Christ *hiện ra* (I.Phierơ 1:7).

Vậy, anh em hãy bền chí như thể thất lung, hãy tiết độ, lấy sự trông cậy trọn vẹn đợi chờ ơn sẽ ban cho mình trong khi Đức Chúa Jêsus Christ *hiện ra* (I.Phierơ 1:13).

Nhưng anh em có phần trong sự thương khó của Đấng Christ bao nhiêu, thì hãy vui mừng bấy nhiêu, hầu cho đến ngày vinh hiển của Ngài *hiện ra*, thì anh em cũng được vui mừng nhảy nhót (I.Phierơ 4:13).

Trong một phân đoạn khác, từ ngữ này dường như nói rất rõ về sự hiện đến của Đấng Christ để cai trị.

Và cho anh em, là kẻ chịu khổ, được nghỉ ngơi với chúng tôi, trong khi Đức Chúa Jêsus từ trời *hiện đến* với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hừng (II.Têsalônica 1:7).

Epiphaneia có nghĩa là *một biểu hiện* hay *một sự hiện ra*. Một lần nữa, có người nghĩ chữ này chỉ về cả biến cố Ngài hiện ra đón các thánh đồ lẫn Ngài hiện ra cùng với các thánh đồ; có người nói chữ này chỉ nói đến biến cố Ngài hiện ra cùng với các thánh đồ. Từ ngữ này có những phân đoạn sau đây:

Bấy giờ kẻ nghịch cùng luật pháp kia sẽ hiện ra, Đức Chúa Jêsus sẽ dùng hơi miệng Ngài mà hủy diệt nó, và trừ bỏ nó bởi *sự chói sáng* (nguyên văn là: sự biểu hiện) của sự Ngài đến (II.Têsalônica 2:8).

Phải giữ điều răn, ở cho không vết tích và không chỗ trách được, cho đến kỳ *sự hiện ra* của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta (I.Timôthê 6:14).

Ta ở trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết, nhân *sự đến* của Ngài và nước Ngài mà răn bảo con rằng (II.Timôthê 4:1).

Hiện nay mào triều thiên của sự công bình đã để dành cho ta; Chúa là quan án công bình, sẽ ban mào ấy cho ta trong ngày đó, không những cho ta mà thôi, nhưng cũng cho mọi kẻ yếu mến *sự hiện đến* của Ngài (II.Timôthê 4:8).

Đương chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc của chúng ta, và *sự hiện ra* của

sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ (Tit 2:13).

Câu thứ nhất và câu thứ ba mô tả rõ ràng việc Đấng Christ hiện đến thế gian. Các câu còn lại cũng có thể cho là chúng nói đến cả sự cất lên nữa. Một điều rõ ràng từ đây ấy là cả sự cất lên và cả biến cố Đấng Christ hiện đến để cai trị đều được đặt trước mặt tín hữu như những biến cố cho người ấy trông đợi cách sốt sắng. Tại lúc Cất Lên, người sẽ thấy Cứu Chúa và sẽ nhận được thân thể vinh hiển của mình. Khi Đấng Christ trở lại trần gian, tín hữu sẽ cùng hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển (Côlôse 3:4). Tại lúc này, những phần thưởng của tín hữu sẽ được lộ ra. Những phần thưởng này được ban phát trước đó tại Ngài Đoàn Xét của Đấng Christ, nhưng tất cả mọi người đều sẽ nhìn thấy chúng khi Đấng Christ hiện đến cai trị. Đó là những phần thưởng nào? Trong Luca 19:17-19, có lời gợi ý cho thấy chúng liên quan đến sự cai trị địa phương trong Thiên Hy Niên. Một người được lập lên cai trị mười thành, người kia cai trị năm thành.

Nghiên cứu nhiều câu Kinh Thánh khác nhau nói về sự hiện đến của Chúa, chúng ta cảm thấy điều này nói đến một thời kỳ hơn là một biến cố đơn lẻ, và thời kỳ ấy có nhiều giai đoạn khác nhau. Có sự bắt đầu, một tiến trình, một sự biểu hiện và một đỉnh điểm. Nó bắt đầu với sự cất lên, bao gồm cả Ngài Đoàn Xét của Đấng Christ, sẽ thể hiện hữu hình khi Đấng Christ trở lại trần gian, và sẽ kết thúc khi trời và đất như chúng ta hiện biết bị tiêu diệt bởi lửa.

E. Sứ Mạng Của Timôthê Đến Têsalônica (3:1-10)

Những chữ *đức tin anh em* xuất hiện năm lần trong đoạn 3 (câu 2,5,6,7, 10) và là chìa khóa để hiểu đoạn này. Người Têsalônica đang bị bắt bớ kinh khiếp, và Phaolô đang lo lắng để biết đức tin họ đang đứng vững chịu đựng thử thách này như thế nào. Vì vậy đoạn này là bài học về tầm quan trọng của công tác chăm sóc. Đưa dẫn tội nhân về với Cứu Chúa thì chưa đủ. Còn phải giúp họ lớn lên trong ân điển và trong sự thông biết Chúa nữa.

3:1 Trong đoạn 3, chúng ta tiếp tục nghe nhịp đập trái tim của Phaolô khi ông bày tỏ mối quan tâm bất tận của mình đối với các thánh đồ tại Têsalônica. Đang khi ở **Athên**, ông khao khát không chịu nổi muốn biết các tân tín hữu của mình đang ra sao. Satan đã ngăn trở ông đích thân trở lại thăm. Cuối cùng, ông không thể chịu ngồi yên lâu hơn nữa; ông quyết định sai Timôthê đến với người Têsalônica, còn ông cứ ở lại **một mình lại Athên**. (Chữ "*chúng tôi*" mang tính công tác biên tập.) Có phần hơi buồn khi nghĩ ông ở tại đó **một mình**. Những tháng cảnh của thành phố lớn không hấp dẫn gì đối với ông cả; ông đang cưu mang gánh nặng chăm sóc cho các hội thánh.

3:2 Đề ý "những mức độ" theo sau lên gọi của Timôthê: **anh em chúng tôi, lời tớ của Đức Chúa Trời, kẻ giúp việc đạo Tin lành của Đấng Christ**. Từ ngữ **lời tớ** (Bản Anh ngữ là chữ minister – ngày nay thường được dùng chỉ về mục sư)^o ở đây và các nơi khác trong Tân Ước đơn giản có nghĩa là đầy tớ. Ý niệm

về một đẳng cấp riêng biệt gọi là giáo phẩm xuất phát ở những năm muộn hơn về sau này.

Thật là đặc ân lớn lao biết bao để Timôthê được học việc với anh Phaolô yêu quý! Giờ đây khi đã chứng minh được mình, ông được ra đi một mình đến Têsalônica thi hành sứ mạng.

Mục đích chuyến đi này là để khiến các thánh đồ **được vững vàng và giục lòng họ trong đức tin**. Họ đã bị bắt bớ vì tuyên xưng Đấng Christ. Đây là thời điểm hết sức quan trọng đối với các tân tín hữu non trẻ; chắc Satan đang buông những lời gợi ý tính vì rằng có lẽ họ đã sai lầm hoàn toàn khi trở thành Cơ Đốc nhân!

Sẽ thú vị biết bao nếu được nghe Timôthê lúc ông đang dạy họ về sự chống đối, sẽ xảy ra để họ chịu đựng cách can đảm, và vui mừng trong sự bắt bớ. Họ cần được khích lệ để khỏi bị đè bẹp dưới áp lực của sự chống đối.

3:3 Trong lúc chịu bắt bớ kinh khiếp, người Têsalônica rất dễ nghĩ rằng thật kỳ lạ khi phải chịu bắt bớ kinh khiếp đến như thế, và thắc mắc liệu có phải Đức Chúa Trời không đẹp lòng họ chăng. Timôthê nhắc họ rằng không hề kỳ lạ chi cả: đây là điều bình thường cho Cơ Đốc nhân, để cho lòng họ không bị **rúng động**.

3:4 Phaolô nhắc họ rằng ngay cả khi ông còn ở tại Têsalônica, ông thường bảo họ Cơ Đốc nhân đã được định cho chịu những khốn khó. Lời báo trước của ông đã thành sự thật trong đời sống của họ. Họ biết điều đó rõ biết bao!

Những thử thách tạo nên kỷ luật cần thiết trong đời sống chúng ta:

1. Chúng chứng tỏ thực tại của đức tin chúng ta, và loại trừ những ai chỉ là người tự xưng mà thôi (I. Phiêrô 1:7).

2. Chúng giúp chúng ta yên ủi và khích lệ những ai đang trải qua thử thách (II. Côrinthô 1:4).

3. Chúng phát huy những ơn nhất định, chẳng hạn như ơn chịu đựng, trong tính cách của chúng ta (Rôma 5:3).

4. Chúng khiến chúng ta càng sốt sắng truyền bá Tin Lành hơn nữa (Công vụ 4:29; 5:27-29; 8:3,4).

5. Chúng giúp loại bỏ căn bệnh khổ đời sống chúng ta (Gióp 23:10).

3:5 Sử đồ lập lại thực chất của câu 1 và 2: khi thấy không chịu nổi cảnh chậm trễ hơn nữa, ông sai Timôthê đi xem Cơ Đốc nhân tại đó đang vượt qua cơn bão tố như thế nào. Ông hết sức lo ngại ma quỷ có thể gài bẫy để họ bỏ đi sự làm chứng năng nổ cho Đấng Christ hầu được giảm bớt sự bất bở. Luôn luôn có sự căm dỗ khiến chúng ta đổi lòng trung thành với Đấng Christ lấy sự an nhàn cho bản thân, để chúng ta bỏ qua thập tự giá mà theo đuổi mào triều thiên. Ai trong chúng ta mà không phải dâng lên lời cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin tha thứ con, vì con đã rất thương xuyên tìm lối tránh né đau đớn và sự hy sinh trong công tác môn đồ hóa. Ngày hôm nay xin làm cho con vững mạnh để bước đi với Ngài bất luận phải trả giá nào."

Nếu Satan đã dụ dỗ các thánh đồ công khai từ bỏ đức tin, thì Phaolô cảm thấy công khó của ông đã trở nên vô ích.

3:6 Timôthê từ Têsalônica trở về Côrinthô, đem theo tin vui. Trước hết,

ông trấn an Phaolô về đức tin cùng lòng yêu thương của họ. Họ không những đứng vững với những lời dạy về đức tin Cơ Đốc, mà còn bày tỏ phẩm chất độc đáo của tình yêu thương nữa. Đây luôn luôn là phương pháp thử nghiệm hiện thực – không phải chỉ là sự chấp nhận chánh thống về tin điều Cơ Đốc, nhưng "đức tin hay làm ra bởi sự yêu thương" (Galatê 5:6). Không những là "đức tin anh em hướng về Đức Chúa Jêsus" mà còn "tình yêu thương đối với các thánh đồ" nữa (Êphêso 1:15).

Có ý nghĩa nào quan trọng khi Timôthê đề cập đến đức tin và lòng yêu thương của họ, nhưng bỏ qua không nói gì đến sự trông cậy của họ? Có phải ma quỷ đã làm rung động niềm tin nơi sự tái lâm của Đấng Christ không? Có thể. William Lincoln nói: "Ma quỷ ghét giáo lý này, vì nó biết quyền phép của giáo lý ấy trong đời sống chúng ta." Nếu sự trông cậy của họ khiến khuyết, chắc chắn Phaolô tìm cách sửa chữa qua bức thư này vốn tràn đầy trông cậy.

Timôthê cũng tường trình rằng người Têsalônica tưởng nhớ đến sử đồ và các bạn của ông, và họ rất mong được đoàn tụ cũng y như Phaolô, Sila và Timôthê mong muốn vậy.

3:7 Tin này giống như nước tươi mát cho tâm hồn đang khát của Phaolô (Châm ngôn 25:25). Trong mọi khổn khó hoạn nạn, ông đã được khích lệ rất nhiều bởi đức tin của họ.

3:8 Ông thốt lên: "Vi hiện nay chúng tôi sống, là tại anh em đứng vững trong Chúa." Tình trạng hồi hộp lâu nay vì không biết tin là sự chết dai dẳng đối với ông. Giờ đây sự sống

nhanh chóng bởi sinh khi ông nghe tin mọi việc đều ổn. Còn lời giải thích nào tuyệt vời hơn thế này nữa về lòng tận hiến vô kỷ nơi bậc vĩ nhân này của Đức Chúa Trời!

3:9 Lời nói không diễn tả thỏa đáng được lời lạ ơn Đức Chúa Trời đang tràn ngập trong lòng Phaolô. Chén vui mừng của ông tràn đầy mỗi khi ông nhớ đến họ **lước mặt Đức Chúa Trời**.

3:10 Nếp sống cầu nguyện của Phaolô là một thói quen, chứ không phải lúc có lúc không: **đêm ngày**. Nếp sống ấy sốt sắng mạnh mẽ: **cố sức nài xin** (Bản Anh ngữ là: **cầu nguyện tội bực**). Sự cầu nguyện ấy rất cụ thể: **để chúng tôi lại gặp anh em**. Và rất vị tha: **cho phép chúng tôi... gia thêm cho đức lín anh em điều chi còn kém**.

F. Lời Cầu Nguyện Cụ Thể Của Phaolô (3:11-13)

3:11 Đoạn này kết thúc với lời cầu nguyện của Phaolô xin Chúa cho ông được trở lại thăm họ, và cho tình yêu của họ ngày càng phát triển hơn. Lời cầu nguyện này được dâng lên cho Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Đức Chúa Jêsus, Chúa chúng ta. Và sau đó chủ từ ở số nhiều này được tiếp theo bằng một động từ ở số ít. Cách dùng này chỉ ra thần thánh của Đấng Christ và sự hiệp một của Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

3:12 Người Têsalônica thật sự đáng khen trong biểu hiện tình yêu Cơ Đốc thật, nhưng vẫn luôn luôn còn chỗ cần tăng trưởng. Vì vậy, ông cầu xin Chúa cho họ được càng sâu nhiệm hơn: **Lại nguyện xin Chúa làm cho anh em thêm và đầy lòng yêu thương**. Tình yêu của họ phải mở rộng cho những người bạn

cùng niềm tin và mọi người, kể cả kẻ thù của họ. Mô hình hay khuôn mẫu cho tình yêu ấy phải là tình yêu của các sứ đồ: **cũng như lòng yêu thương của chúng tôi đối với anh em vậy**.

3:13 Kết quả của tình yêu thương trong đời này là không chỗ trách được trong đời hầu đến. Nếu chúng ta yêu nhau và yêu cả nhân loại, chúng ta sẽ thanh sạch không chỗ trách được trước mặt Đức Chúa Trời khi Đấng Christ đến với hết thầy thánh đồ Ngài, vì tình yêu thương là làm trọn luật pháp (Rôma 13:8; Giacô 2:8).

Có người diễn ý lời cầu nguyện này như sau: "Đức Chúa Trời ban ơn cho anh em ngày càng sống vì lợi ích của người khác, để Ngài có thể khiến anh em vững vàng trong linh cách Cơ Đốc ngay hiện nay, để anh em được chứng minh là vô tội trước mọi lời buộc tội nào có thể nhằm vào anh em..."

Trong đoạn 2, chúng ta thấy sự hiện đến của Đấng Christ có nhiều giai đoạn: có mốc khởi đầu, một tiến trình, một sự biểu hiện và một đỉnh điểm. Giai đoạn thứ ba được nói đến trong câu 13: **Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta sẽ đến với hết thầy thánh đồ Ngài**. Ngài Đoán Xét của Đấng Christ lúc bấy giờ đã diễn ra trên Thiên đàng rồi. Phần thưởng đã được ban phát rồi. Nhưng những phần thưởng này sẽ được biểu lộ cho mọi người nhìn thấy khi Cứu Chúa tái lâm trần gian làm vua muôn Vua và Chúa muôn chúa.

Thánh đồ ở đây chắc nói đến những tín hữu đã được cất lên Thiên đàng tại thời điểm Sự Cất Lên (1 Têsalônica 4:14). Có người nghĩ chữ này nói đến

các thiên sứ, nhưng Vincent nói chữ này chỉ về *dân sự thánh và vinh hiển của Đức Chúa Trời*. Ông nói rõ thiên sứ không có liên quan gì đến Thư tin này, nhưng các tín hữu vinh hiển liên kết mật thiết với đề tài đang gây hoang mang cho tín hữu Têsalônica. Ông nói thêm: "Điều này không loại trừ khả năng có thiên sứ hiện diện khi Chúa đến, nhưng khi Phaolô nói về sự tham dự như thế, ông nói *với các thiên sứ của quyền phép Ngài,*" như trong II. Têsalônica 1:7.¹⁰

III. NHỮNG LỜI KHUYÊN VỀ NẾP SỐNG ĐẠO (4:1-5:22)

A. NẾP THÁNH ĐỂ LÀM TRỌN Ý MUỐN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (4:1-8)

4:1 Chữ "sau cùng" (bản Việt Ngữ ghi là *Vả lại*) không có nghĩa Phaolô sắp kết thúc Bức Thư. Chữ này thường chỉ báo hiệu thay đổi đề tài, chẳng hạn chuyển sang những lời khuyên về nếp sống đạo.

Ba từ ngữ nổi bật ở cuối đoạn 3 là *thánh sạch, yêu thương* và *đến*. Đây là ba đề tài chính của đoạn 4: (1) sự thánh khiết (câu 1-8), (2) tình yêu thương (câu 9,10), và (3) Chúa hiện đến (câu 13-18). Một chủ đề chính khác nữa là sự siêng năng (câu 11,12).

Đoạn 4 mở đầu với lời nài xin hãy bước đi trong sự thánh khiết và bởi đó làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, và kết thúc với việc Chúa cất các thánh đồ lên. Chắc Phaolô đang nghĩ đến Hênóc khi viết đoạn này. Hãy để ý điểm tương tự: (1) Hênóc đã đồng đi với Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 5:24a); (2) Hênóc làm vừa lòng Đức Chúa Trời (Hêberơ 11:5b); và (3) Hênóc được cất lên (Sáng Thế Ký

5:24b; Hêberơ 11:5a). Sự đồ khen tín hữu về sự thánh khiết thực tiễn của họ, nhưng khuyến giục họ tiến lên đạt thành tựu ở những bình diện mới. Sự thánh khiết là một tiến trình, chứ không phải một thành tựu.

4:2 Lúc còn ở với họ, Phaolô liên tục khuyến giục họ với thẩm quyền của Chúa Jêsus rằng họ phải làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng nếp sống nên thánh thực tiễn.

4:3 Ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài ấy là họ được nên thánh. Làm nên thánh có nghĩa được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời dùng. Trên một phương diện, mọi tín hữu đều đã được biệt riêng ra khỏi thế gian này để phục vụ Chúa; điều này còn được gọi là sự nên thánh về địa vị, và sự nên thánh này đã trọn vẹn và hoàn tất rồi (I. Côrinthô 1:2; Hêberơ 10:10). Tuy nhiên, trên một phương diện khác, tín hữu phải tự làm mình nên thánh, có nghĩa họ nên tự biệt riêng mình ra khỏi mọi hình thức tội lỗi; điều này còn gọi là sự nên thánh trong nếp sống đạo hay sự nên thánh tiệm tiến. Đây là một tiến trình sẽ cứ tiếp tục cho đến khi tín đồ qua đời hay Chúa trở lại. Trong câu 3 chữ này được dùng theo nghĩa thứ hai. (Xem phần luận về sự nên thánh ở 5:23 dưới đây.)

Tội lỗi cụ thể mà Phaolô đang cảnh cáo họ chính là sinh hoạt tính dục trái luật pháp, và trong phần này chắc cũng chính là tội ngoại tình. Đây là một trong những tội chính yếu của thế giới ngoại giáo. Lời khuyên cáo "lúc phải kiêng sự gian dâm" (bản Việt Ngữ ghi là "lúc phải lánh sự ô uế"), rất cần cho hội

thánh ngày nay cũng y như cho hội thánh của thế kỷ thứ nhất.

4:4 Chương trình của Đấng Christ là muốn mỗi người **phải biết giữ thân mình cho thánh sạch và tôn trọng**. Chữ "thân mình" ở đây có thể nói đến người vợ hay chính thân thể của người nam ấy. Chữ này được dùng chỉ về người vợ trong I.Phiêrô 3:7 và chỉ về thân thể trong II.Côrinhtô 4:7.

Bản RSV hiểu chữ này nói đến người vợ: "Để mỗi người biết cách cưới một người vợ cho mình trong sự thánh sạch và tôn trọng." Bản NEB xem chữ này nói đến thân thể: "Mỗi người trong anh em phải học cách kiểm soát thân thể mình, để tôn thân thể trở nên thánh và tôn trọng."

Nếu để cho văn mạch quyết định, thì chữ "thân" ở đây nói đến vợ của người nam. Lời dạy rằng mỗi người phải đối đãi vợ mình cách tôn trọng và xứng đáng, không bao giờ buông mình vào bất kỳ hình thức thiếu chung thủy nào trong hôn nhân. Điều này cũng có chế độ một vợ một chồng là ý muốn của Đức Chúa Trời cho nhân loại (cũng xem I.Côrinhtô 7:2).

4:5 Quan điểm Cơ Đốc về hôn nhân trái ngược hẳn với quan điểm của những người không tin Chúa. Như một nhà giải kinh đã nói, "khi Chúa Jêsus đặt tay trên phụ nữ trong Luca 13:13, nàng đã được đứng thẳng dậy. Khi một người nam ngoại giáo đụng đến một phụ nữ, nàng ta bị trở nên cong dần."

Người ngoại đạo nghĩ tình dục là phương tiện để thỏa mãn tình dục **luồng**. Đối với họ, trinh khiết là một nhược điểm, và hôn nhân là phương

tiện để biến tội lỗi trở nên hợp pháp. Bởi cuộc đời thoải tụy và các văn phẩm dâm ô của họ trên các vách tường công cộng, họ đang khoe khoang sự xấu hổ của họ.

4:5 Gian dâm là tội phạm cùng Thánh Linh của Đức Chúa Trời (I.Côrinhtô 6:19); đây là tội phạm với chính thân thể mình (I.Côrinhtô 6:18); nhưng còn là tội phạm cùng người khác nữa. Vì vậy Phaolô nói thêm: **Chớ có ai phỉnh phờ anh em mình, hay là làm hại anh em bất kỳ việc gì** (Bản Anh ngữ ghi là "trong chính việc này"). Nói cách khác, một người nam Cơ Đốc không được phép vượt quá những ranh giới của hôn nhân để lừa gạt anh em mình bằng cách đánh cắp tình cảm của vợ người ấy. Dẫu những tội này ngày nay nói chung không bị hình phạt trong tòa án hình sự, nhưng Chúa là Đấng báo oán những sự đó. Nếu không xưng ra và không được tha thứ, tội phạm về tính dục chuốc lấy mùa gặt kinh khiếp những rối loạn về thể chất và tinh thần trong đời này, nhưng chẳng thấm vào đâu so với những hậu quả đời đời của chúng. Phaolô đã nói trước điều này với người Têsalônica rồi.

Một trong những văn sĩ tài danh nhất của Anh Quốc trong thế kỷ 19 đã sa vào tội tình dục và kết thúc trong ngục tù và nhục nhã. Ông viết:

Các thân đã ban cho tôi hầu như mọi sự. Nhưng tôi đã để cho mình bị quyến rũ vào bùa mê của sự dễ dãi điên rồ và nhục dục.... Chấn ngăn ở trên những đỉnh cao, tôi cố tình đi xuống những nơi sâu để tìm khoái cảm mờ.... Tôi ngày càng không quan tâm đến đời sống của người khác.

Tôi tìm lạc thú tại bất kỳ nơi đâu nó làm hài lòng tôi và tôi cứ tiếp tục. Tôi quên rằng một hành động nhỏ thường nhật đều tạo nên hoặc phá hỏng tính cách, và do đó những gì làm trong phòng kín, thì một ngày kia sẽ phát khốc tán trên mái nhà vì chuyện đời. Tôi đã không còn tự kiểm soát mình nữa. Tôi không còn kiểm soát tâm hồn mình, và cũng không hề biết mình đã rơi vào hoàn cảnh như vậy nữa. Tôi để cho lạc thú thống trị tôi. Tôi kể thục trung hổ nhục kinh khiếp.¹¹

Ông ta ngày càng không quan tâm đến đời sống của người khác, hoặc như cách nói của Phaolô, ông ta đã phình phờ và làm hại anh em mình trong vấn đề này.

4:7 Đức Chúa Trời chẳng gọi chúng ta đến với sự ô uế về mặt đạo đức, nhưng đến với đời sống thánh khiết và thanh sạch. Ngài đã kêu gọi chúng ta ra khỏi hăm hố bại hoại ô uế, và đang bắt đầu trong chúng ta một tiến trình trọn cả đời nhằm khiến chúng ta ngày càng trở nên giống Ngài hơn.

4:8 Ai khinh bỏ sự dạy dỗ này thì không phải chỉ đơn thuần khinh bỉ lời dạy của một con người như con người Phaolô đâu; mà người này đang thách thức, xem thường, phỉ báng và chối bỏ chính Đức Chúa Trời – là Đấng cũng đã ban¹² Thánh Linh của Ngài cho chúng ta. Chữ “*thánh*” được nhấn mạnh tại đây. Làm sao người có Thánh Linh ngự trong lòng lại có thể buông mình vào trong tội tình dục được?

Lưu ý cả Ba Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời được nhắc đến trong phần đoạn này. Đức Chúa Cha (câu 3), Đức

Chúa Con (câu 2), và Đức Thánh Linh (câu 8). Một ý tưởng tuyệt vời biết bao! Cả ba Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều quan tâm và dự phần vào việc làm nên thánh tín hữu.

Giờ đây để tài đối từ tình dục lương tướng (câu 1-8) sang tình yêu thương (câu 9-12), và lời khuyên bảo chuyển từ kiêng giữ sang có dư dật.

8. Tình Yêu Thương Bất Suy Nghĩ Của Người Khác (4:9,10)

4:9 Tín hữu không những phải có một thân thể được kiểm soát; người cũng phải có tâm lòng yêu thương đối với anh em mình trong Chúa. Yêu thương là từ ngữ chìa khóa của Cơ Đốc giáo, còn tội lỗi là chìa khóa của ngoại giáo.

Không cần viết cho người Têsalônica về phẩm hạnh này nữa. Chính họ đã học nơi Đức Chúa Trời để yêu thương anh em, cả bởi bản năng thiên thượng (I. Giăng 2:20, 27) lẫn bởi sự dạy dỗ của các giáo sư Cơ Đốc. Tín hữu tại Têsalônica đã tự nổi bật bởi tình yêu đối với mọi Cơ Đốc nhân trong cả vùng Maxêdoan. Khi khen họ điều này, Phaolô đã làm cho người ta nhớ đến họ mãi mãi.

4:10 Như đã nói, sự nhân từ đối với anh em không phải là một thành tựu; đây là một việc phải thực hành không ngừng, và vì vậy Phaolô khuyên tín hữu tỏ lòng yêu thương đó thêm mãi.

Vì sao tình yêu thương anh em lại quan trọng đến như vậy? Bởi vì nơi đâu có tình yêu, nơi đó có sự hiệp một; và nơi đâu có sự hiệp một, nơi đó có ơn phước của Chúa (Thithiên 133:1,3).

C. Hai Sống Tạo Được Ảnh Hưởng Với Người Ngoại (4:11,12)

4:11 Phaolô khích lệ các thành đồ hãy khao khát (bản Việt Ngữ là **ràng** tập) ba việc. Theo lối nói thời nay, ba mang lịnh trong câu này sẽ là:

1. **Đừng tìm kiếm sự chú ý của người khác.** Hãy thỏa lòng sống "khiếm nhu và không ai biết đến, được một mình Đấng Christ yêu mến và quý trọng mà thôi"

2. **Chăm xem việc riêng mình** thay vì xen vào chuyện của người khác.

3. **Sống tự túc.** Đừng làm kẻ ăn bám hay "người xin xỏ" sống bám vào tiền của người khác.

4:12 Sự kiện chúng ta là Cơ Đốc nhân và đang trông đợi Đấng Christ hiện đến không khiến cho chúng ta ra khỏi trách nhiệm thực tiễn của đời sống. Chúng ta phải nhớ rằng thế gian này đang theo dõi chúng ta. Người ta đánh giá về Cứu Chúa chúng ta qua chúng ta. Chúng ta phải ăn ở với người ngoại cách ngay thẳng, và không lệ thuộc họ về mặt tài chánh.

D. Sự Trông Chờ Tồn Ở Được Các Tín Hữu (4:13-18)

4:13 Các tín hữu Cứu Ước hiểu biết một cách bất toàn và không đầy đủ về điều xảy ra cho con người vào lúc qua đời. Đối với họ, *âm phủ* là một từ ngữ đầy trọn mục đích để mô tả tình trạng không có thân thể, cả của tín hữu lẫn người không tin Chúa.

Họ tin rằng cuối cùng mọi người đều phải chết, và dường như sẽ có một sự phục sinh chung vào kỳ tận thế, sau đó sẽ đến sự đoán xét sau cùng. Mathê phán ảnh những quan điểm đại cương

này khi nói: "Mathê thưa rằng: Tôi vẫn biết rằng đến sự sống lại ngày cuối cùng, anh tôi (Lazarô) sẽ sống lại" (Giăng 11:24).

Đức Chúa Jêsus đã "dùng Tin Lành phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng" (II.Timôthê 1:10). Ngày nay, chúng ta biết khi qua đời, tín hữu ra đi để ở với Chúa (II.Côrinthô 5:8; Phillip 1:21,23). Kinh Thánh cho biết người không tin sẽ ở trong âm phủ (Luca 16:22,23). Chúng ta biết rằng không phải mọi tín hữu đều chết cả, nhưng mọi người đều sẽ biến hóa (I.Côrinthô 15:51). Chúng ta biết sẽ có nhiều hơn một sự sống lại. Tại lúc cất lên, chỉ những người tin Chúa mới được sống lại (I.Côrinthô 15:23; I.Têsalônica 4:16); những kẻ ác đã chết sẽ được sống lại vào cuối thời kỳ cai trị ngàn năm của Đấng Christ (Khải Huyền 20:5).

Khi Phaolô lần đầu đến Têsalônica, ông dạy cho các Cơ Đốc nhân biết về biến cố Chúa đến cai trị và những biến cố đi kèm theo. Nhưng trong thời gian đó, nhiều nan đề đã nảy sinh về vấn đề những thánh đồ đã qua đời rồi. Có phải thân thể của họ vẫn ở nguyên trong mộ mà cho đến ngày sau cùng? Có phải họ bị loại ra, không được dự phần trong sự hiện đến của Đấng Christ cũng như trong nước vinh hiển của Ngài? Để giải đáp những thắc mắc của họ và làm dịu nỗi sợ hãi của họ, giờ đây Phaolô mô tả trật tự các biến cố vào lúc Đấng Christ hiện đến đón tước dân sự Ngài.

Công thức "Hỡi anh em, chúng tôi chẳng muốn anh em không biết" được dùng để bảo trước cho độc giả biết có

tuyên bố quan trọng. Ở đây, lời tuyên bố lên quan đến những người đã ngủ, tức là những tín đồ đã chết rồi. Giác ngủ được dùng để mô tả những thân thể của các Cơ Đốc nhân đã qua đời, chứ không hề được dùng để chỉ về tâm linh hay linh hồn của họ. Giác ngủ là phép vi von phù hợp chỉ về sự chết, vì khi chết, một người dường như đang ngủ. Ngay cả từ ngữ *nghĩa trang* (cemetery) ra từ chữ Hy Lạp có nghĩa "nơi để ngủ" (*koimêtêrion*). Và giác ngủ cũng là một phép vi von tương tự, vì mỗi đêm chúng ta đều biểu diễn hiện tượng này của sự chết, và mỗi sáng giống như sự sống lại vậy.

Kinh Thánh không dạy rằng linh hồn ngủ vào lúc qua đời. Người giàu và Laxarơ cả hai đều ý thức được trong sự chết (Luca 16:19-31). Khi tín đồ chết, người ấy "ở với Chúa" (II.Côrinthô 5:8). Chết tức là "ở với Đấng Christ," một địa vị mà Phaolô nói như là "lợi" và "tốt hơn" (Philip 1:21, 23). Điều này hầu như không thể nào có thực được nếu linh hồn đang ngủ!

Kinh Thánh cũng không dạy về sự tuyệt diệt. Trong sự chết, không hề có sự thôi hện hữu. Người tin Chúa được hưởng sự sống đời đời (Mác 10:30). Người không tin Chúa chịu hình phạt đời đời (Mác 9:48, Khải Huyền 14:11).

Về những thánh đồ đã ngủ, sứ đồ nói rằng không cần phải buồn rầu cách tuyệt vọng. Ông không loại bỏ sự buồn rầu; Chúa Jêsus đã khóc bên mộ của Laxarơ, dấu Ngài biết Ngài sẽ khiến Laxarơ sống lại trong vài phút nữa (Giăng 11:35-44). Nhưng Phaolô loại bỏ sự buồn bã tuyệt vọng vì nó thuộc về

những kẻ không còn hy vọng về Thiên đàng, về sự đoàn tụ, hay về bất kỳ điều gì ngoại trừ sự đoán xét.

Cụm từ **như người khác không có sự trông cậy** luôn luôn nhắc tôi nhớ đến một lễ tang tôi được dự, tại đó những người bà con buồn khổ vây quanh quan tài của một người bà con chưa được cứu và than khóc không ai yên ủi được: "Ồ, Mari ơi, Chúa ơi, Chúa ơi, Mari!" Đây là quang cảnh không thể quên được về tình cảnh tuyệt vọng của người chưa tin Chúa.

4:14 Cơ sở trông cậy của tín hữu chính là sự sống lại của Đấng Christ. **Chúng ta tin Đấng Chúa Jêsus đã chết và sống lại** là chắc chắn thể nào, thì chúng ta cũng tin chắc chắn thể ấy rằng những người đã ngủ trong Chúa Jêsus cũng sẽ sống lại và sẽ dự phần trong sự hiện đến của Ngài. "Như trong Adam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại," (I.Côrinthô 15:22). Sự phục sinh của Ngài là của đặt cọc và bằng chứng cho sự phục sinh của chúng ta.

Đề ý cụm từ **ngủ trong Đức Chúa Jêsus** hay "những người nhờ Chúa Jêsus mà ngủ." Biết rằng chính Đấng yêu thương linh hồn chúng ta ban giác ngủ cho thân thể của những người yêu dấu Ngài thì sự hiểu biết đó sẽ tước mất nỗi kinh hoàng khỏi sự chết.

Lời bảo đảm tích cực của chúng ta về những người đã chết trong Đấng Christ ấy là **Đức Chúa Trời sẽ đem họ cùng đến với Ngài**. Có thể hiểu câu này theo hai cách:

1. Câu này có thể nói tại lúc Hội Thánh Được Cất Lên, Đức Chúa Trời sẽ

khiến thân thể tín hữu được sống lại và đem chúng về Thiên đàng với Đức Chúa Jêsus.

2. Hoặc có nghĩa khi Đấng Christ trở lại trần gian để cai trị, Đấng Christ sẽ đem theo với Ngài những người đã chết trong đức tin. Nói cách khác, sử đồ đang nói: "Đừng lo những người đã qua đời sẽ bị sót trong vinh quang của tước hầu đến. Đức Chúa Trời sẽ đem họ trở lại cùng với Chúa Jêsus khi Chúa Jêsus tái lâm trong quyền phép và vinh hiển lớn." (Đây là ý nghĩa thường được ưa chuộng hơn).

Nhưng làm sao như vậy được? Thân thể của họ hiện nay đang nằm trong mồ mả. Làm sao họ trở lại với Chúa Jêsus được? Câu trả lời được nêu trong câu 15-17. Trước khi Đấng Christ hiện đến để thiết lập vương quốc của Ngài, Ngài sẽ trở lại để đón những kẻ thuộc về Ngài trở về quê hương để cùng ở với Ngài trên Thiên đàng. Rồi về sau, Ngài sẽ cùng với họ trở lại.

4:15 Làm sao Phaolô biết điều này? Ông trả lời, **này là điều chúng tôi nhờ lời Chúa mà rao báo cho anh em.** Ông đã nhận lời này như *sự khải thị trực tiếp từ Chúa*. Chúng ta không biết ông đã nhận bằng cách nào – hoặc qua sự hiện thấy, hoặc bởi tiếng nói nghe được, hoặc bởi ấn tượng bề trong của Đức Thánh Linh. Nhưng đây dứt khoát là một chân lý mà mãi đến thời điểm đó con người vẫn chưa biết.

Sau đó, ông tiếp tục giải thích khi Chúa tái lâm, các thánh đồ còn đang sống sẽ không được ưu tiên hay không có lợi thế nào trước các thánh đồ đã ngủ rồi.

Trong câu này, Phaolô nói về mình như một người sẽ còn sống lúc Đấng Christ đến (cũng xem I.Côrinthô 15:51, 52). Tuy nhiên, trong II.Côrinthô 4:14 và 5:1, ông đang nói về khả năng mình ở giữa những người sẽ được sống lại. Kết luận hiển nhiên ấy là chúng ta nên trông đợi Chúa đến vào bất kỳ khoảnh khắc nào, nhưng nhận biết rằng có thể chúng ta được kêu gọi để đến Thiên đàng qua sự chết.

4:16 Trật tự chính xác của các biến cố khi Chúa đến đón các thánh đồ Ngài được nêu ra ở đây. **Chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống.** Ngài sẽ không sai một thiên sứ, nhưng sẽ đích thân giáng xuống.

Sẽ có **tiếng kêu lớn và tiếng của thiên sứ lớn, cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời.** Người ta đã đưa ra nhiều lối giải thích về ý nghĩa của những âm thanh oai hùng này, nhưng thành thật mà nói, hầu như không thể xác định dứt khoát được:

1. Có người cảm thấy **tiếng kêu lớn** là tiếng của chính Đức Chúa Jêsus để kêu kẻ chết sống lại (Giăng 5:25; 11:43, 44) và biến hóa những thánh đồ còn sống. Những người khác như Hogg và Vine, nói rằng **tiếng kêu lớn** này là tiếng của thiên sứ **trưởng**.

2. **Tiếng** của thiên sứ Michên, là **tiếng** của thiên sứ **trưởng**, thường được hiểu như là mạng lệnh hiệu triệu các thánh đồ Cựu Ước, vì thiên sứ này liên hệ gắn gũi với Ysraên (Daniên 12:1; Giuđe 9; Khải Huyền 12:4-7). Nhiều người nghi mục đích tiếng của thiên sứ là để phục hưng dân tộc Ysraên. Một số khác cho rằng **tiếng** của thiên sứ

trưởng hiệu triệu các thiên sứ như một đạo binh hộ tống để đi theo Chúa và các thánh đồ Ngài bằng qua lãnh thổ của kẻ thù trở về thiên đàng (cũng xem Luca 16:22).

3. Tiếng kèn của Đức Chúa Trời cũng là một với tiếng kèn chót ở I.Côrinthô 15:52, liên quan đến sự phục sinh của các tín hữu tại thời điểm sự cất lên. Tiếng kèn kêu gọi các thánh đồ đến nơi phước hạnh đời đời. Xin đừng nhầm lẫn tiếng kèn này với tiếng kèn thứ bảy của Khải Huyền 11:15-18, là tiếng kèn báo hiệu sự tuôn đổ cơn đoán phạt cuối cùng trên thế gian trong Con Đại Nạn. Tiếng kèn chót ở đây là tiếng kèn chót đối với hội thánh. Tiếng kèn thứ bảy của sách Khải Huyền là tiếng kèn chót cho thế giới không tin Chúa (đầu vậy tiếng kèn này chưa hề được gọi cụ thể là "tiếng kèn chót").

Thân thể những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước hết. Người ta vẫn tranh cãi liệu câu này có bao gồm cả thánh đồ Cựu Ước hay không. Những người nghi câu này có bao gồm cả thánh đồ Cựu Ước thì nói rằng tiếng của thiên sứ lớn được vang lên tại thời điểm này, và thiên sứ lớn liên kết gắn gũi với những định mệnh của Ysraên (Đaniên 12:1). Những người nghi các thánh đồ Cựu Ước không được sống lại tại sự cất lên thì nhắc chúng ta nhớ cụm từ trong Đấng Christ (kẻ chết trong Đấng Christ) chưa bao giờ được áp dụng cho những người tin Chúa đã sống trước Thời Đại Hội Thánh; những tín hữu này chắc sẽ được sống lại vào cuối Con Đại Nạn (Đaniên 12:2). Dầu trường hợp nào đi nữa ta vẫn

thấy rõ dứt khoát đây không phải là một cuộc tổng phục sinh. Không phải mọi người chết đều được sống lại trong lần này, nhưng chỉ những người chết trong Đấng Christ.

4:17 Sau đó những người còn sống sẽ cùng nhau được cất lên với những người ấy giữa đám mây tại nơi không trung mà gặp Chúa. Chữ Sự Cất Lên (Rapture), mà chúng ta dùng để mô tả giai đoạn thứ nhất này trong sự tái lâm của Chúa được rút ra từ động từ được sử dụng ở đây trong Kinh Thánh tiếng Latin, có nghĩa là "được cất lên."³ "Sự Cất Lên" là sự vô bắt ra khỏi hoặc nắm lấy và đưa lên. Chữ này được dùng để nói về Philip trong Công vụ 8:39, về Phaolô trong II.Côrinthô 12:2,4 và nói về Đứa Con Trai trong Khải Huyền 12:5.

Nơi không trung là phạm vi của Satan (Êphêsô 2:2), vì vậy đây là cuộc sum họp khải hoàn để công khai thách thức quyền của ma quỷ ngay trong chính đốn lũy của nó.

Hãy suy nghĩ tất cả mọi điều được chứa đựng trong những câu Kinh Thánh này! Đất và biển trả lại bụi đất của mọi người đã chết trong Đấng Christ. Sau đó một phép lạ để biến hóa bụi đất ấy trở thành những thân thể vinh hiển, đời đời không hề bệnh tật, đau đớn và chết chóc nữa. Sau đó là chuyến đi vượt không gian đến Thiên đàng. Và toàn bộ điều này xảy ra trong nháy mắt (I.Côrinthô 15:52).

Con người thế gian thấy khó tin câu chuyện sự tạo dựng loài người trong Sáng Thế Ký 1 và 2. Nếu đã khó tin sự sáng tạo, họ sẽ đối xử thế nào với Sự

Cất lên khi Đức Chúa Trời sẽ tái tạo dựng hàng triệu triệu con người từ bụi đất vốn đã được chôn, tàn lặc, vung vãi khắp nơi, hoặc bị đũa đi trên những bãi biển của trần gian này?

Con người thế gian rất nhiệt tình với du hành không gian. Nhưng những kỳ công vĩ đại nhất có sánh nổi với điều kỳ diệu được đi đến Thiên đàng chỉ trong chớp mắt mà không cần phải mang theo dưỡng khí bên mình, như những phi hành gia phải mang theo khi họ ra đi bằng những bước nhảy ngắn ngủi ra ngoài không gian?

Di kèm sự hiện đến của Đấng Christ còn có cả âm thanh để nghe được, quang cảnh để thấy được, phép lạ cảm nhận được, cuộc gặp gỡ để được thương thức, và sự yên ủi cho ta kinh nghiệm.

Cũng nên lưu ý sự xuất hiện nhiều lần của chữ "Chúa" trong những câu này: *lời Chúa* (câu 15), *Chúa đến* (câu 15), *chính mình Chúa* (câu 16), *gặp Chúa* (câu 17), *ở cùng Chúa luôn luôn* (câu 17).

Ồ đời đời với Chúa! Ai nói hết được niềm vui và phước hạnh Chúa dựng chỉ trong vài lời?

4:18 Thế thì, anh em hãy dùng lời đó mà yên ủi nhau. Những suy nghĩ về sự hiện đến của Chúa không khiến cho tín hữu kinh hoàng. Đây là niềm hy vọng khiến hối hận chờ đợi, vui vẻ và đem lại sự yên ủi.

NHỮNG DẤU HIỆU CỦA THỜI KỲ SAU CÙNG

Có rất nhiều dấu hiệu cho thấy Sự Cất Lên có thể đang đến gần. Chúng ta xem những điều sau đây như những dấu chỉ báo mong manh:

1. Sự thành lập Quốc Gia Ysraên vào năm 1948 (Luca 21:29). Cây vả (là Ysraên) đang nứt lóc, tức đang ra lá (Luca 21:29-31). Lần đầu tiên suốt nhiều thế kỷ, người Do Thái được tôn tại như một quốc gia tại chính vùng đất quê hương của mình. Điều này muốn nói nước Đức Chúa Trời đến gần.

2. Sự đậy lên của nhiều nước khác (Luca 21:29). Chúa Jesus báo trước không những cây vả sẽ đâm chồi, mà mọi cây khác cũng đâm chồi nữa. Gần đây chúng ta chứng kiến sự cáo chung của chính quyền thực dân và sự sinh sôi nảy nở của nhiều nước mới. Đây là kỷ nguyên của chủ nghĩa dân tộc mới.

3. Sự hồi hương của dân Ysraên trở về xứ trong lòng vô tín (Êxêchiên 36:24,25). Êxêchiên nói tiên tri rằng chỉ sau khi hồi hương, họ mới được tẩy sạch tội lỗi mình. Ysraên ngày nay hầu như là một quốc gia bất khả tri; chỉ một phần nhỏ (nhưng lên tiếng rất mạnh mẽ) của dân tộc này là người Do Thái chánh thống.

4. Phong trào công đồng giáo hội (Khải Huyền 17,18). Chúng ta hiểu Babylon lớn là một hệ thống tôn giáo chính trị và thương mại vĩ đại, hợp thành bởi những hiệp hội tôn giáo bội đạo tuyên bố mình là Cơ Đốc, có lẽ là sự pha trộn giữa Công Giáo bội đạo và Tin Lành Cải Chánh bội đạo. Cơ Đốc giáo ngày càng trở nên bội đạo (I.Timóthê 4:1; II.Têsalónica 2:3) và đang tiến đến một siêu giáo hội toàn cầu.

5. Sự gia tăng của Thông Linh Học trên toàn thế giới (I.Timóthê 4:1-3). Hiện lúc này, nó đang tràn quét trên nhiều khu vực rộng lớn của địa cầu.

6. Sự suy thoái đáng kinh ngạc của tiêu chuẩn đạo đức (II.Timôthê 3:1-5). Báo chí hàng ngày cung cấp bằng chứng dồi dào về điều này.

7. Bạo lực và sự bất tuân phục trong dân sự (II.Têsalônica 2:7,8). Tinh thần trái luật pháp đang có dư dật tại gia đình, trong sinh hoạt quốc gia, và thậm chí trong hội thánh nữa.

8. Những người bề ngoài giữ lòng tin kính nhưng chối bỏ quyền phép của sự tin kính ấy (II.Timôthê 3:5).

9. Sự dấy lên của tinh thần bài trừ Cơ Đốc (I.Giăng 2:18), thể hiện qua sự gia tăng gấp bội các tà giáo tuyên bố mình là Cơ Đốc nhưng phủ nhận mọi giáo lý cơ bản của đức tin. Họ lừa dối bằng cách bắt chước (II.Timôthê 3:8).

10. Khuynh hướng để các quốc gia kết liên minh theo những đường hướng gần đúng như cách sắp xếp của ngày sau cùng. Thị trường chung Châu Âu, căn cứ trên điều được gọi là Hiệp Ước Rome, có thể dẫn đến sự hồi sinh đế quốc Lamã - tức mười ngón chân bằng sắt và đất sét (Đaniên 2:32-35).

11. Phủ nhận sự can thiệp sắp đến của Đức Chúa Trời vào công chuyện của thế gian bằng sự đoán phạt (II.Phiêrô 3:3, 4. Còn có thể thêm vào những dấu hiệu là động đất tại nhiều nước, mối đe dọa của nạn đói toàn cầu, và sự thù địch ngày càng tăng giữa các nước (Mathiơ 24:6,7). Thất bại của các chính quyền trong việc duy trì luật pháp và trật tự cũng như để đàn áp chủ nghĩa khủng bố đã tạo nên bầu không khí cho một nhân vật độc tài toàn cầu. Việc xây dựng vũ khí hạt nhân càng tăng thêm ý nghĩa cho những thắc mắc như là "Ai

giáo chiến cũng nó được?" tức là con thú (Khải Huyền 13:4). Những phương tiện vô tuyến truyền hình toàn cầu có thể phương tiện làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh mô tả các biến cố sẽ được nhìn thấy đồng thời trên toàn hành tinh (Khải Huyền 1:7).

Hầu hết những biến cố này đều được báo trước là sẽ xảy ra trước khi Đấng Christ tái lâm để cai trị trên trần gian. Kinh Thánh không nói chúng sẽ xảy ra trước Sự Cát Lên, nhưng trước khi Ngài hiện đến trong vinh hiển. Nếu quả thật như vậy, và nếu chúng ta thấy những chiều hướng này đang phát triển, thì kết luận hiển nhiên ấy là sự cát lên chắc chắn đến rất gần rồi.

E. Ngày Của Chúa (5:1-11)

5:1 Các giáo sư Kinh Thánh thường biện minh cho các phần ngắt đoạn, giải thích rằng để tài đáng ra tiếp tục chứ không bị ngắt quãng. Nhưng ở đây, phần ngắt đoạn rất thích hợp. Phaolô bắt đầu một đề tài mới. Ông rời phần luận về sự cát lên để chuyển sang ngày của Chúa. Từ ngữ được dịch "**nhưng về thời và kỳ**" (Hy văn - *peri de* - bản Việt Ngữ không có chữ "nhưng") cho thấy một dòng tư tưởng mới, như cách thường xuất hiện trong I.Côrinthô.

Đối với tin hữu thật, sự cát lên là một sự trông cậy đầy an ủi, nhưng điều đó ý nghĩa gì đối với những người ở ngoài Đấng Christ? Điều đó có nghĩa sẽ bắt đầu một khoảng thời gian được nói đến ở đây là "**những thời và kỳ.**" Thời kỳ này chủ yếu mang tính Do Thái. Trong thời này, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu trở lại những cách Ngài đối đãi với

dân Ysraên, và những biến cố thời kỳ sau rốt mà các tiên tri Cựu Ước nói sẽ xảy ra. Nhưng khi các sứ đồ hỏi Chúa Jêsus khi nào Ngài thiết lập vương quốc, Ngài trả lời rằng họ không cần biết thời và kỳ (Côngvụ 1:7). Đường như thời và kỳ bao trùm khoảng thời gian trước khi thiết lập vương quốc cũng như chính bản thân thời kỳ vương quốc.

Phaolô cảm thấy không cần phải viết cho tín hữu Têsalônica về thời và kỳ. Trước nhất, các thánh đồ sẽ không bị ảnh hưởng bởi chúng; họ sẽ được cất lên Thiên đàng trước khi những kỳ nguyên này bắt đầu.

Thêm vào đó, thời và kỳ và Ngày của Chúa là những đề tài có trong Cựu Ước. Sự cất lên là sự mầu nhiệm (I.Côrinthô 15:51), chưa hề được tỏ ra cho đến thời các sứ đồ.

5:2 Các thánh đồ đã biết về ngày của Chúa rồi. Họ hiểu rằng thời điểm chính xác không được biết rõ, và ngày ấy sẽ đến khi ít ai ngờ nhất. Phaolô muốn nói gì qua chữ Ngày của Chúa? Đương nhiên đây không phải là ngày hai mươi bốn tiếng, nhưng là khoảng thời gian mang những đặc trưng nhất định.

Trong Cựu Ước, từ ngữ này được dùng để mô tả bất kỳ thời điểm đoán xét, hoang tàn và tăm tối nào (Êsai 2:12; 13:9-16; Giôên 2:1, 2). Đây là thời điểm Đức Chúa Trời chống lại kẻ thù của Ysraên và hình phạt chứng cách dứt khoát (Sôphôn 3:8-12; Giôên 3:14-16; Áptia 15-17; Xachari 12:8, 9). Nhưng đây cũng là bất kỳ dịp nào Đức Chúa Trời hình phạt chính dân Ngài về tội thờ lạy hình tượng và sa ngã của họ (Giôên 1:15-20; Amốt 5:18;

Sôphôn 1:7-18). Về cơ bản, từ ngữ này nói đến sự đoán phạt tội lỗi, về chiến thắng cho chính nghĩa của Đức Giêhôva (Giôên 2:31,32), và phước hạnh khôn tả cho dân sự trung tín của Ngài.

Trong tương lai, ngày của Chúa sẽ bao trùm gần như cùng một khoảng thời gian như các thời và kỳ. Nó sẽ bắt đầu sau sự cất lên và sẽ bao gồm:

1. Con Đại Nạn, tức là thời kỳ hoạn nạn của Giacóp (Đaniên 9:27; Giêrêmi 30:7; Mathiơ 24:4-28; II.Têsalônica 2:2; Khải Huyền 6:1-19:16).

2. Sự hiện đến của Đấng Christ cùng với các thánh đồ (Malachi 4:1-3; II.Têsalônica 1:7-9).

3. Thời trị vì một ngàn năm của Đấng Christ trên đất (Giôên 3:18 [đổi chiều câu 14]; Xachari 14:8,9 [đổi chiều câu 1]).

4. Sự hủy diệt trời và đất sau cùng bằng lửa (II.Phiêrơ 3:7,10).

Ngày của Chúa là lúc Đức Giêhôva sẽ công khai can thiệp vào việc của con người. Nó được đặc trưng bởi sự đoán phạt giáng trên những kẻ thù của Ysraên và trên phần bội đạo của dân Ysraên, bằng cách giải cứu dân sự Ngài, thiết lập nước bình an và thịnh vượng của Đấng Christ, và vinh hiển cho chính Ngài.

Sứ đồ nhắc nhở độc giả rằng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm. Ngày ấy sẽ hoàn toàn bất ngờ, con người không ai để phòng cả. Thế gian sẽ hoàn toàn không chuẩn bị.

5:3 Ngày ấy cũng sẽ đến theo cách làm cho người nhảm lẫn, thính linh, gây hủy hại, không thể tránh và cũng không thể trốn thoát được.

Sẽ có bầu không khí tự tin và an toàn trên khắp thế gian. Bất giờ, sự đoán phạt của Chúa sẽ thành linh bất đầu giáng xuống với sức mạnh tàn phá kinh khủng. **Tại họa** (Bản Anh ngữ "sự hủy diệt") không nói đến sự mất mạng sống, hay tuyệt diệt; chữ này muốn nói đến mất phúc lợi, hay hư hoại mục đích hiện hữu của mình. Sự hủy hoại này sẽ là không thể tránh và cũng chẳng trốn thoát được, như **xây đền cho người đàn bà có ghen**. Người không tin Chúa sẽ không trốn thoát được khỏi sự đoán phạt này.

5:4 Điều quan trọng đáng lưu ý là có sự thay đổi đại từ nhân xưng từ "họ" và "họ" ở lúc từ trong những câu đi trước sang anh em và chúng là trong những câu tiếp theo.

Ngày của Chúa sẽ là thời kỳ thanh nộ cho thế giới chưa được cứu. Nhưng điều đó có ý nghĩa gì với chúng ta? Câu trả lời ấy là chúng ta không gặp nguy hiểm vì chúng ta **không ở trong tối tăm**.

Ngày đó sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm (câu 2). Cách duy nhất nó ập đến với mọi người chính là như kẻ trộm, và những người duy nhất bị nó ập đến tức là những người chưa hoán cải để tin Đấng Christ. Nó sẽ không ập đến cho tín hữu, vì họ **không ở trong nơi tối tăm**.

Mới đọc lần đầu, câu này dường như nói Ngày của Chúa sẽ ập đến trên tín hữu, nhưng *không phải như kẻ trộm*. Nhưng câu này không nói như thế. Ngày ấy sẽ không ập đến cho tín hữu *chí cả*, vì khi kẻ trộm đến trong ban đêm của thế giới này, thì thánh đồ đang sống trong sự sáng đời đời.

5:5 Mọi Cơ Đốc nhân đều là **con của sự sáng và con của ban ngày**. Họ không thuộc về ban đêm, cũng không thuộc về sự mờ tối. Chính sự kiện này sẽ miễn trừ cho họ khỏi sự đoán phạt mà Chúa sẽ giáng trên thế gian vốn khước từ Con Ngài. Những sự đoán phạt trong ngày của Chúa chỉ nhằm duy nhất vào những người đang ở trong bóng tối đạo đức và ban đêm thuộc linh, những người xa cách Đức Chúa Trời.

Khi câu này nói Cơ Đốc nhân là **con của ban ngày**, thì không có nghĩa đó là Ngày của Chúa. **Con của ban ngày** có nghĩa là những người thuộc về vương quốc của sự công bình đạo đức. Ngày của Chúa là thời điểm đoán phạt trên những người thuộc về vương quốc của bóng tối đạo đức.

5:6 Ba câu tiếp theo kêu gọi tín hữu đến đời sống phù hợp với địa vị tôn cao của họ. Điều này có nghĩa phải tỉnh thức và dè dặt. Chúng ta phải **tỉnh thức** chống lại sự cảm dỗ, lừa dối, mê lịm, và xao lãng chú ý. Nói về mặt tích cực, chúng ta phải **tỉnh thức** chờ đón sự tái lâm của Cứu Chúa.

Dè dặt ở đây không những có nghĩa phải **tiết độ** trong lời đối thoại hay trong thái độ nói chung, nhưng phải **điều độ** về thức ăn và thức uống nữa.

5:7 Trong lãnh vực tự nhiên, **ngủ** được liên kết với **ban đêm**. Vì vậy trong lãnh vực thuộc linh, sự thờ ơ bất cần đặc trưng cho những người vốn là con của sự tối tăm, tức những người chưa tin Đấng Christ.

Con người thích **tổ chức** những cuộc chè chén say sưa của họ **vào ban đêm**; họ yêu mến tối tăm hơn sự sáng vì

những việc làm của họ là xấu (Giăng 3:19). Chính tên gọi "câu lạc bộ đêm" lên kết những ý tưởng về say rượu và chè chén say sưa với bóng tối của ban đêm.

5:8 Những người thuộc về ban ngày phải bước đi trong sự sáng cũng như chính mình Ngài ở trong sự sáng (L.Giăng 1:7). Điều này nói đến việc đoán xét và từ bỏ tội lỗi, tránh những sự quá độ thuộc mọi thể loại. Điều này cũng nói đến việc mặc lấy binh giáp Cơ Đốc và cứ tiếp tục đứng vững. Binh giáp gồm áo giáp bằng đức tin và tình yêu thương, sự trông cậy về sự cứu rỗi làm mũ trụ. Nói cách khác, binh giáp này là đức tin, tình yêu thương và sự trông cậy – ba yếu tố trọng tâm trong tính cách Cơ Đốc. Không cần nhấn mạnh những chi tiết của áo giáp và mũ trụ. Sự đơn giản đang nói rằng con cái của sự sáng phải mặc lấy những bộ giáp bảo vệ của một đời sống tín kính và nhất quán. Điều gì giữ cho chúng ta thoát khỏi sự bại hoại vốn ở trong thế gian thông qua sự tham muốn? Đức tin, hay sự nương cậy nơi Đức Chúa Trời. Lòng yêu mến Chúa và yêu mến nhau. Sự trông cậy về sự tái lâm của Đấng Christ.

*Những Điểm Tương Phản Quan Trọng
Trong Đoạn Năm*

Người Chưa Tin Chúa	Tin Nền
("họ")	("anh em")
Mù	Chờ đợi
Kẻ say	Không say
Ở nơi tối tăm	Không ở nơi tối tăm
Thuộc về ban đêm và sự mờ tối	Của các sự sáng và các của ban ngày

Ngày của Chúa họ đều hết ngủ như hề trốn trong ban đêm	Ngày của Chúa không họ đều hết ngủ như hề trộm trong ban đêm
Sợ hãi diệt linh và những thứ tránh khỏi, như sự đau đớn này đều cho người dân hà cô nhơn	Chúng bị đọa cứu chu cơ thanh ngộ, nhưng cho được sự giải cứu.

5:9 Sự cất lên có hai phương diện, là sự giải cứu và cơn thanh ngộ. Đối với tín hữu, đây là kỳ hoàn tất sự cứu rỗi của người ấy trên Thiên đàng. Đối với người chưa tin, đây là lúc khai mạc thời kỳ thanh ngộ trên đất.

Vì chúng ta thuộc về ban ngày, nên Đức Chúa Trời chẳng định sẵn cho chúng ta bị cơn thanh ngộ mà Ngài sẽ tuôn đổ trong Thời Kỳ Đại Nạn, nhưng trải lại định cho chúng ta được cứu theo ý nghĩa đầy trọn nhất của nó – được thoát ra khỏi hiệ diện của tội lỗi mãi mãi.

Có người hiểu chữ thanh ngộ ở đây nói đến sự hình phạt mà người chưa tin Chúa sẽ chịu trong địa ngục. Đương nhiên, đúng là Đức Chúa Trời không định cho chúng ta chịu điều đó, nhưng không cần thiết phải giới thiệu ý tưởng đó ở đây. Không phải Phaolô đang nói về địa ngục, nhưng nói về những biến bố tương lai trên đất. Văn mạch đề cập đến ngày của Chúa – thời kỳ vĩ đại nhất của cơn thanh ngộ trong lịch sử loài người trên đất (Mathêo 24:21). Chúng ta không có cuộc hẹn gặp với đao phủ, nhưng hẹn gặp với Cứu Chúa.

Có người nói rằng Cơn Đại Nạn là thời kỳ cơn thanh ngộ của Satan (Khải Huyền 12:12), chứ không phải cơn thanh ngộ của Đức Chúa Trời. Họ nói rằng hội thánh sẽ từng trải cơn thanh

nộ của Satan nhưng sẽ được giải thoát khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khi Đấng Christ Tái Lâm. Tuy nhiên, những câu sau đây nói về sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời và về Chiên Con, và khung cảnh của chúng là trong Thời Kỳ Đại Nạn: -Khải Huyền 6:16,17; 14:9, 10,19; 15:1,7; 16:1,19.

5:10 Câu này nhấn mạnh giá vi đại mà Cứu Chúa Jêsus Christ chúng ta đã trả để giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ và bảo đảm sự cứu rỗi chúng ta. Ngài đã chết vì chúng ta, hầu cho chúng ta hoặc thức hoặc ngủ, đều được đồng sống với Ngài.

Có hai cách hiểu cụm từ chúng ta hoặc thức hoặc ngủ. Một số học giả hiểu cụm từ này có nghĩa "sống hoặc chết" tại thời điểm Cát Lên. Họ nói sẽ có hai hạng tín hữu tại thời điểm đó - những người đã chết trong Đấng Christ, và những người hiện vẫn còn đang sống. Vì vậy, ý tưởng ở đây sẽ là: **dẫu chúng ta ở trong số người sống hoặc số người chết khi Đấng Christ trở lại, chúng ta đều sẽ đồng sống với Ngài.** Những Cơ Đốc nhân nào đã chết sẽ không hề mất mát chi cả. Chúa giải thích điều này cho Mathê: "Đức Chúa Jêsus phân rằng: Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin ta thì sẽ sống [người sẽ được sống lại từ trong vòng kẻ chết], mặc dầu đã chết rồi [ức là Cơ Đốc nhân đã chết trước Sự Cát Lên]. Còn ai sống và tin ta [tín hữu hiện còn sống tại thời điểm Cát Lên] thì không hề chết. Người tin điều đó chẳng..." (Giăng 11:25,26).

Các học giả còn có quan điểm khác cho rằng **hoặc thức hoặc ngủ** có nghĩa

"tỉnh thức hoặc bất chước thế gian." Nói cách khác, Phaolô đang nói rằng hoặc chúng ta đang tỉnh táo về mặt thuộc linh hoặc đang thờ ơ theo xác thịt đối với những điều thuộc linh, chúng ta đều sẽ được cất lên để gặp Chúa. Sự cứu rỗi đời đời của chúng ta không tùy thuộc nơi nhiệt tình thuộc linh của chúng ta trong những khoảnh khắc kết thúc thời gian của mình trên đất. Nếu đã thực sự hoán cải, chúng ta đều sẽ được đồng sống với Ngài khi Ngài trở lại, bất luận đang nhón chân chờ đợi hay đang trong tư thế nằm dài ngái ngủ. Tình trạng thuộc linh của chúng ta sẽ xác định phần thưởng, nhưng sự cứu rỗi của chúng ta tùy thuộc vào đức tin nơi một mình Đấng Christ mà thôi.

Những người theo quan điểm thứ nhì này nói rằng từ ngữ thức cũng chính là từ được dịch là "tỉnh thức" trong câu 6. Và chữ chỉ về ngủ được dùng trong câu 6 và 7 để nói đến "không nhạy bén với những điều thuộc về Đức Chúa Trời, bao gồm cả việc bất chước thế gian" (Vine). Nhưng đây không phải là chữ được dùng trong 4:13,14,15, để nói đến sự chết.¹⁴

5:11 Xét về sự cứu rỗi tuyệt diệu đến như vậy, về tình yêu đối với một Cứu Chúa vi đại như thế, và trong ánh sáng về sự tái lâm sắp tới của Ngài, chúng ta cần phải khuyên giục lẫn nhau bằng sự dạy dỗ, khích lệ, làm gương, và phải gây dựng nhau bằng lời của Đức Chúa Trời và bằng sự chăm sóc đầy trù mẫn. Vì lúc ấy chúng ta sẽ cùng sống với Ngài, nên bây giờ chúng ta phải sống với nhau trong tinh thần cộng tác.

F. Những Lời Khuyên Khác Cho Các Thánh Đố (5:12-22)

5:12 Có lẽ các trưởng lão tại hội thánh Têsalônica đã quở trách những người bỏ ngang công việc và đang "ăn bám" người khác. Và rõ ràng những người ăn bám này cũng không chịu nghe lời quở trách nữa! Có thể điều đó giải thích về lời khuyên cho những người lãnh đạo và cho những người chịu sự lãnh đạo.

Khi Phaolô khuyên các thánh đố kính trọng kẻ có công khó trong vòng anh em, ông muốn nói đến sự tôn trọng và vâng lời những người dẫn dắt họ về mặt thuộc linh. Điều này rõ ràng qua những từ ngữ "chỉ dẫn và dạy dỗ anh em." Các trưởng lão là những người chân chiên nhỏ để chân chiên của Đức Chúa Trời. Trách nhiệm của họ là dạy dỗ, quản trị và cảnh cáo.

Đây là một trong rất nhiều câu Kinh Thánh Tân Ước cho thấy không hề có sự quản trị từ một người duy nhất trong các hội thánh thời các sứ đồ. Có một tập thể các trưởng lão trong mỗi hội chúng, để chặn bẫy địa phương. Denney giải thích:

Tại Têsalônica, không có một chủ tọa độc nhất, một mục sư theo ý nghĩa của chúng ta ngày nay, nắm giữ trách nhiệm độc quyền trong một chương mục nào đó; quyền chủ tọa nằm trong tay một nhóm đồng người.¹⁵

Tuy nhiên, sự vâng mặt quyền quản trị từ một người duy nhất không biện minh cho phương thức mọi người đều quản trị. Hội chúng đứng nên theo chế độ dân chủ, nhưng là chế độ quý tộc, sự quản trị của những người tốt nhất có đầy đủ tự cách.

5:13 Trưởng lão là những người đại diện của Chúa. Công tác của họ chính là công tác của Đức Chúa Trời. Vì cơ đó, phải lấy lòng rất yêu thương đối với họ.¹⁶ Lời khuyên "hãy ở cho hòa thuận với nhau" không phải là phần chèn linh cớ. Nan đề số một giữa vòng Cơ Đốc nhân ở khắp mọi nơi chính là nan đề sống hòa thuận với nhau. Mỗi tin hữu đều có đủ xác thịt trong mình để chia rẽ và phá hoại bất kỳ hội thánh địa phương nào. Chỉ khi được Thánh Linh ban quyền năng, chúng ta mới có thể phát triển tình yêu thương, sự tan vỡ, sự nhận nại, nhân từ, tấm lòng mềm mại, và tha thứ, là những điều vốn không thể thiếu cho sự hòa thuận. Mối đe dọa cụ thể cho sự hòa thuận mà có thể Phaolô đang cảnh cáo ở đây chính là việc thành lập những băng nhóm chung quanh những người lãnh đạo.

5:14 Câu này dường như nói với các lãnh đạo thuộc linh của hội chúng; nói cho họ biết cách để giải quyết các anh em gây ra rắc rối:

1. **Răn bảo những kẻ ăn ở bậy bạ** - những người không chịu giữ đúng nhíp nhưng cứ kháng kháng gây rối sự hòa thuận của hội thánh bằng những hành vi vô trách nhiệm của họ. Ở đây, kẻ ăn ở bậy bạ là những không chịu làm việc. Họ cũng chính là những người mô tả trong II. Têsalônica 3:6-12, đang bước đi cách mất trật tự, không làm việc nhưng lại đi xen vào chuyện của người khác.

2. **Yên ủi những kẻ ngã lòng** - những người cần sự khuyên bảo liên tục để vượt lên trên những hoàn cảnh khó khăn của mình và đứng vững vàng vì cơ Chúa.

Theo cách dịch của bản KJV, *yến ứ những kẻ tinh thần yếu đuối*, Ockenga nhận định: "Nếu chữ này nói đến tinh thần yếu ớt, chúng ta sẽ vẫn an ủi họ. Đường như họ sẽ nhóm lại khi Tin Lành được rao giảng ra." Nhưng chẳng phải đây là sự góp phần của Tin Lành và của hội thánh Cơ Đốc sao? Ít ra cũng có một nơi chốn để họ tìm thấy sự đồng cảm, tình yêu và sự quan tâm.

3. **Nâng đỡ kẻ yếu đuối** – tức là giúp những người yếu đuối về mặt tâm linh, đạo đức hoặc thuộc thể. Sự nâng đỡ về mặt thuộc linh và đạo đức cho những người vốn **yếu đuối** trong đức tin chắc có lẽ là ý tưởng chính ở đây, dầu vậy, chúng ta đừng nên loại bỏ sự giúp đỡ tài chánh nữa.

4. **Phải nhậm nhục đối với mọi người** – bày tỏ ơn nhân nại khi người khác có khuynh hướng gây bực mình và khiêu khích.

5:15 Giờ đây nói đến những Cơ Đốc nhân nói chung, Phaolô cấm mọi tư tưởng trả đũa. Phản ứng tự nhiên là đánh trả lại, ăn miếng trả miếng. Nhưng Cơ Đốc nhân nên ở trong mối tương giao với Chúa Jêsus để sẽ phản ứng theo cách siêu nhiên. Nói cách khác, tự trong bản năng, Cơ Đốc nhân sẽ bày tỏ sự nhân từ và yêu thương với những tín hữu khác cũng như với cả người chưa tin Chúa nữa.

5:16 Sự vui mừng có thể là kinh nghiệm không ngừng của Cơ Đốc nhân, thậm chí trong những nghịch cảnh kinh khiếp nhất, vì Đấng Christ là nguồn và mục tiêu cho sự vui mừng của người ấy, và Đấng Christ đang nắm quyền tể trị trong những hoàn cảnh. Nhân tiện,

"**Hãy vui mừng mãi mãi**" là câu ngắn nhất trong Kinh Thánh tiếng Hy Lạp, dầu rằng "Đức Chúa Jêsus khóc" là câu ngắn nhất trong Bản Anh ngữ.

5:17 Cầu nguyện phải là thái độ luôn luôn có của Cơ Đốc nhân – không phải người bỏ những hỗn phận thường lệ của mình và hoàn toàn dành hết thì giờ cầu nguyện. Cầu nguyện tại những thì giờ đều đặn nhất định; cũng cầu nguyện cách tùy ứng khi có nhu cầu; và hưởng sự thông công liên tục với Chúa qua sự cầu nguyện.

5:18 Tạ ơn Chúa phải là cảm tính bẩm sinh của Cơ Đốc nhân. Nếu Rôma 8:28 là đúng, thì chúng ta phải có thể ca ngợi Chúa luôn luôn, trong mọi hoàn cảnh, và vì mọi việc, miễn là khi tạ ơn Chúa như vậy chúng ta không viện cớ bào chữa tội lỗi.

Ba thói quen tốt này được gọi là trật tự thường trực của hội thánh. Chúng đại diện cho ý muốn của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus đối với chúng ta. Nhưng chữ trong Đức Chúa Jêsus nhắc chúng ta nhớ Ngài dạy những điều này trong chức vụ tại thế của Ngài và Ngài đang là hiện thân sống động cho những điều Ngài dạy dỗ. Bằng sự dạy dỗ và nêu gương, Ngài bày tỏ cho chúng ta biết ý muốn của Đức Chúa Trời về sự vui mừng, cầu nguyện và tạ ơn.

5:19 Bốn câu tiếp theo dường như để cập đến hành vi trong hội chúng.

Đập tắt Thánh Linh nói đến việc làm ghệt ngòi công việc Ngài giữa vòng chúng ta, giới hạn và ngăn trở Ngài. Tội lỗi dập tắt Thánh Linh. Những truyền thống dập tắt Ngài. Những quy luật và điều lệ của con người lập ra trong sự

thờ phượng chung đập tắt Ngài. Mất hiệp một cũng đập tắt Ngài. Có người nói: "Những anh mất lòng, những lời nói khinh thường, sự im lặng, cố ý khinh thường, cũng đã đủ đập tắt Ngài rồi. Sự chỉ trích thiếu cảm thông cũng vậy." Rylie nói Thánh Linh bị đập tắt bất cứ khi nào chức vụ của Ngài bị bóp nghẹt trong mỗi cá nhân hay trong hội thánh.

5:20 Nếu liên kết câu này với câu đi trước, thì ý tưởng ở đây là: chúng ta đập tắt Thánh Linh khi chúng ta khinh để các lời tiên tri. Lấy ví dụ, một anh em trẻ tuổi có thể nói một câu thiếu tế nhị nào đó trước hội thánh. Bằng cách chỉ trích người ấy đến nỗi khiến người hổ thẹn về lời làm chứng của mình cho Đấng Christ, thì chúng ta đã đập tắt Thánh Linh.

Theo ý nghĩa chính yếu của từ ngữ này trong Tân Ước, nói tiên tri có nghĩa là nói ra lời của Đức Chúa Trời. Những lời nói được soi dẫn của các tiên tri được bảo tồn cho chúng ta trong Kinh Thánh. Theo ý nghĩa thứ yếu, nói tiên tri có nghĩa công bố ý muốn của Chúa đúng như đã được bày tỏ trong Kinh Thánh.

5:21 Chúng ta phải đánh giá những gì mình nghe, và giữ vững những điều gì lành, chơn thật và đúng. Tiêu chuẩn để chúng ta xem xét mọi sự giảng dạy chính là Lời Đức Chúa Trời. Hết lúc này đến lúc khác, sẽ có những sự lạm dụng mỗi khi Thánh Linh được tự do tuyên phán qua nhiều anh em khác nhau. Nhưng đập tắt Thánh Linh không phải là cách để giải quyết những nạn lạm dụng này.

Dr. Denney viết:

Một buổi nhóm cởi mở, tự do nói tiên tri, một buổi nhóm trong đó ai cũng có thể nói khi Thánh Linh ban cho người ấy lời nói là một trong những nhu cầu cấp thiết cho hội thánh hiện đại.¹⁷

5:22 Hãy xem xét mọi việc, điều chi lành thì giữ lấy. Có thể nói đến việc nói tiếng lạ giả, những lời tiên tri giả, hoặc những sự dạy dỗ giả, hoặc có thể nói đến điều ác nói chung.

A. T. Pierson nói có bảy khuôn khổ suy nghĩ đặc trưng cho Cơ Đốc nhân trong câu 16-22:

1. Khuôn ca ngợi (câu 16). Thấy mọi cách đối đãi của Đức Chúa Trời là cao trọng vô hạn.

2. Khuôn cầu nguyện (câu 17). Đừng bao giờ để sự cầu nguyện trở nên không phù hợp hoặc bất lịch sự.

3. Khuôn tạ ơn (câu 18). Ngay cả trong những hoàn cảnh không chút dễ chịu cho xác thịt này.

4. Khuôn Thánh Linh (câu 19). Ngài phải có trọn quyền tự do trong và qua chúng ta.

5. Khuôn giáo huấn (câu 20). Bất cứ phương tiện nào mà Đức Chúa Trời muốn sử dụng.

6. Khuôn suy xét (câu 21). Đối chiếu I. Cô-rinh 4:1. Hãy thử nghiệm tất cả mọi sự bằng Lời Đức Chúa Trời.

7. Khuôn nên thánh (câu 22). Nếu điều ác thành hình trong tâm trí bạn, hãy tránh điều ác ấy ngay.¹⁸

IV. LỜI CHÀO THĂM CUỐI CHO TÍN HỮU TÊSALÔNICA (5:23-28)

5:23 Giờ đây, Phaolô cầu thay cho sự nên thánh của Cơ Đốc nhân. Nguồn

của sự nên thánh là Đức Chúa Trời bình an. Phạm vi được tìm thấy trong những từ ngữ trọn vẹn, có nghĩa là mọi phần trong con người của anh em."

Câu này đã bị một số người nhào nặn để chứng minh giáo lý "thánh khiết" về sự nên thánh hoàn toàn – tức là một tín hữu có thể trở nên *hoàn toàn vô tội* trong đời này. Đương nhiên, đây không phải là điều Phaolô muốn nói khi ông cầu nguyện "nguyện xin chính Đức Chúa Trời bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn." Không phải ông đang cầu xin sự xóa sạch bản tánh tội lỗi, nhưng đúng hơn là cầu xin để sự nên thánh sẽ mở rộng đến mọi phần trong con người họ – tâm thần, linh hồn và thân thể.

SỰ NÊN THÁNH

Có bốn giai đoạn nên thánh trong Tân Ước – trước khi hoán cải, nên thánh về địa vị, nên thánh về nếp sống đạo hay nên thánh tiệm tiến, và nên thánh trọn vẹn.

1. Ngay cả khi chưa được cứu, người ấy vẫn được biệt riêng ở trong địa vị được đặc ân bề ngoài. Vì vậy, chúng ta đọc trong I.Côrinthô 17:14, thấy một người chống chưa tin được nên thánh bởi người vợ đã tin của mình. Đây là *sự nên thánh trước khi hoán cải* (*pre-conversion sanctification*).

2. Một người khi được tái sinh, thì ngay lúc ấy người được *nên thánh về mặt địa vị* (*positionally sanctified*) nhờ sự liên hiệp với Đấng Christ. Điều này có nghĩa người được biệt ra khỏi thế gian để biệt riêng cho Đức Chúa Trời. Điều này được nói đến trong những

phân đoạn như Côngvụ 26:18; I.Côrinthô 1:2; ô:11; II.Têsalônica 2:13; Hêbơơ 10:10, 14.

3. Nhưng rồi có *sự nên thánh tiệm tiến* (*progressive sanctification*). Đây là sự biệt riêng tin đổ trong hiện tại ra khỏi thế gian, tội lỗi và bản ngã để biệt riêng cho Đức Chúa Trời. Đây là tiến trình để bởi đó người càng trở nên giống như Đấng Christ hơn. Đây là sự nên thánh mà Phaolô cầu xin cho tín hữu Têsalônica. Điều này cũng được tìm thấy trong I.Têsalônica 4:3, 4; II.Timôthê 2:21. Sự nên thánh do Thánh Linh đem lại khi chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời (Giăng 17:17; II.Côrinthô 3:18). Sự nên thánh trong nếp sống đạo như thế là một tiến trình phải cứ tiếp tục chứng nào tín hữu còn sống trên đất. Tín hữu sẽ không bao giờ đạt đến sự trọn lành hay tình trạng không phạm tội trên đất này, nhưng nên luôn luôn tiến tới mục tiêu đó.

4. *Sự nên thánh trọn vẹn* (*perfect sanctification*) nói đến tình trạng cuối cùng của tín hữu trong Thiên đàng. Khi người đi ở với Chúa, về mặt đạo đức người sẽ trở nên giống với Chúa, được biệt riêng khỏi tội lỗi cách hoàn toàn và chung quyết (I.Giăng 3:1-3).

Sứ đồ cũng cầu xin Chúa gìn giữ tín hữu Têsalônica. Sự gìn giữ này sẽ bao gồm toàn bộ con người – tâm thần, linh hồn và thân thể. Hãy lưu ý thứ tự này. Con người luôn luôn nói thân hồn linh. Đức Chúa Trời luôn luôn nói tâm thần, linh hồn và thân thể. Trong sự tạo dựng lúc ban đầu, tâm linh là quan trọng nhất, thân thể là sau cùng. Tội lỗi đã đảo ngược trật tự này; con người sống vì

thân thể và bỏ bê phần tâm linh. Khi cầu thay cho nhau, chúng ta nên tuân theo trật tự của Kinh Thánh, đặt phúc lợi tâm linh lên trên nhu cầu thuộc thể.

Từ câu này và nhiều câu khác, rõ ràng chúng ta là những hữu thể có ba phần. Tâm linh của chúng ta là phần giúp chúng ta có sự thông công với Chúa. Linh hồn chúng ta liên quan đến cảm xúc, ước muốn tình cảm những thiên hướng (Giăng 12:27). Thân thể của chúng ta là căn nhà mà thân vị chúng ta ở trong đó (II.Côrinthô 5:1).

Tất cả mọi phần của chúng ta đều cần được giữ vẹn, tức là được giữ đầy đủ và lành mạnh. Một nhà giải kinh để nghị những nhu cầu cần được gìn giữ như sau:

1. Tâm thân được giữ khỏi (a) mọi điều nào làm ô ướ nó (II.Côrinthô 7:1); (b) mọi điều nào cản trở lời làm chứng của Thánh Linh cho mối quan hệ của Ớn đó với Đức Chúa Trời (Rôma 8:16); hoặc (c) mọi điều nào cản trở sự thờ phượng mà Ngài tìm kiếm [Giăng 4:23; Philip 3:3].

2. Linh hồn được giữ khỏi (a) những ý tưởng xấu (Mathơ 15:18,19; Êphêso 2:3); (b) những thèm khát của xác thịt đang tranh chiến chống lại linh hồn (I.Phiêrơ 2:11); và (c) những sự tranh chiến và sự xung đột (Hêbơrơ 12:15).

3. Thân thể khỏi (a) sự ô ướ (I.Têsalônica 4:3-8); và (b) những cách sử dụng xấu xa (Rôma 6:19).

Có người không công nhận người chưa được cứu có tâm linh. Có lẽ họ căn cứ điều này trên sự kiện những người chưa được cứu đã chết phần tâm

linh (Êphêso 2:1). Tuy nhiên, sự kiện người chưa được cứu chết về phần tâm linh không có nghĩa họ không có tâm linh. Điều này có nghĩa họ đã chết đối với sự tương giao với Chúa. Tâm linh của họ có thể vẫn rất sống động, chẳng hạn như khi tiếp xúc với thế giới *tả thuật*, nhưng họ chết đối với Đức Chúa Trời.

Lenki cảnh cáo:

Rất nhiều người thỏa lòng với một Cơ Đốc giáo bán phần, một số phần trong đời sống họ vẫn còn theo thế gian. Những lời khuyên của sứ đồ liên tục đâm sâu vào những góc ngách trong bản chất của chúng ta để không một phần nào có thể thoát khỏi sự thanh tẩy.¹⁹

Lời cầu nguyện tiếp tục ước ao sự nên thánh và gìn giữ của Đức Chúa Trời cũng sẽ mở rộng đến mọi phần trong cá tánh của họ để tín hữu sẽ không **chỗ trách** được khi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta đến. Điều này dường như nói đến Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, là điều xảy ra sau Sự Cát Lên. Lúc đó, đời sống, sự phục vụ và lời làm chứng của Cơ Đốc nhân sẽ được duyệt xét, và người sẽ được ban thưởng hay bị mất phần thưởng.

5:24 Như đã biết trong 4:3, ý muốn của Đức Chúa Trời là chúng ta nên thánh. Ngài đã kêu gọi chúng ta để cuối cùng chúng ta đứng không chỗ trách được trước mặt Ngài. Sau khi đã bắt đầu công tác này trong chúng ta, Ngài sẽ làm cho trọn (Philip 1:6). Đấng gọi chúng ta chính là Đấng thành tín với lời Ngài đã hứa.

5:25 Khi Phaolô kết thúc, ông xin các thánh đố cầu thay cho ông. Ông không bao giờ thôi cần sự cầu nguyện, và chúng ta cũng không bao giờ hết cần. **Không cầu thay cho anh em cùng Đốc tin là một tội.**

5:26 Tiếp theo, ông xin hết thảy các anh em hãy lấy cái hôn thánh mà chào nhau. Thời bấy giờ, đây là phương thức chào thăm được chấp nhận. Tại một số nước, vẫn còn phong tục người nam hôn người nam, và nữ hôn nữ. Có một số nền văn hóa khác người nam hôn người nữ và ngược lại. Nhưng thường thì điều này đã dẫn đến lạm dụng và đã phải bị bỏ đi.

Chúa không thiết lập nụ hôn này như một hình thức chào thăm quy định, và các sử đồ cũng không dạy nó như một bổn phận. Kinh Thánh khôn ngoan cho phép nhiều phương thức chào thăm khác nhau trong những nền văn hóa khi việc hôn nhau có thể dẫn đến sự buồng thả vào tính dục. Thánh Linh Đức Chúa Trời tìm cách ngăn ngừa những điều bất quy tắc như thế bằng cách quả quyết cái hôn ấy phải thánh.

5:27 Sử đồ trang trọng truyền lệnh đọc thơ này cho hết thảy anh em thánh (bản Việt Ngữ không có chữ thánh).²⁰ Cần lưu ý hai điểm tại đây:

1. Phaolô làm cho thơ tin có thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời. Cựu Ước được đọc công khai trong nhà hội. Giờ đây, **thơ tin này sẽ được đọc lớn tiếng** trong các hội thánh.

2. Kinh Thánh là dành cho mọi Cơ Đốc nhân, chứ không phải chỉ cho một nhóm nội bộ hay một đảng cấp có đặc quyền nào đó. Toàn bộ những chân lý

của Kinh Thánh là dành cho mọi thánh đồ.

Denney quả quyết rất khôn ngoan:

*Tin Lành không hề cần trở ngại để đạt được thành tựu trong sự khôn ngoan hay trong sự nhân lành; và không có dấu hiệu nào chắc chắn về lòng vô tín và phản bội trong hội thánh hơn là việc cứ giữ cho thuộc viên ở trong tình trạng làm học trò mãi mãi hoặc ở trong tình trạng thiếu số, ngăn trở thuộc viên tự do sử dụng Kinh Thánh, và chăm chú làm sao để không đọc toàn bộ nội dung Kinh Thánh cho tất cả anh em.*²¹

Lưu ý rằng trong câu 25-27, chúng ta có ba bí quyết cho đời sống Cơ Đốc thành công: (1) cầu nguyện (câu 25); (2) tình yêu thương đối với anh em tin hữu, là điều nói đến mối thông công (câu 26); và (3) đọc và nghiên cứu Lời Chúa (câu 27).

5:28 Cuối cùng, chúng ta có phần kết thúc đặc trưng của Phaolô. Ông mở đầu thư thứ nhất gửi cho người Têsalônica với ân điển, và giờ đây ông kết thúc thư với cùng một chủ đề. Đối với vị sứ đồ, Cơ Đốc giáo là ân điển từ đầu đến cuối. Amen.

CHÚ THÍCH

¹(Giới Thiệu) James Everett Frame, *A Critical and Exegetical Commentary on the Epistles of St. Paul to the Thessalonians*, (ICC), trang 37.

²(Giới Thiệu) George Robert Harding Wood, *St. Paul's First Letter*, trang 13, 14.

³[1:1] Bản văn phê bình không có chữ "từ Đức Chúa Trời, là Cha, và trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta."

nhưng câu này có trong đại đa số các thủ bản. Rất dễ để bỏ sót câu này khi sao chép vì nó gần như giống y hệt với cụm từ được dùng ngay trước đó.

⁴(1:4) Xem Êphêsô 1, phần "Phụ Lục Về Sự Lựa Chọn Của Đức Chúa Trời."

⁵(1:10) Wood, *First Letter*, trang 17.

⁶(2:1) James Denney.

⁷(2:1) Elliot, Elisabeth, Chủ biên. *The Journals of Jim Elliot*, trang 218.

⁸(2:13) Walter Scott.

⁹(3:2) *Minister* chỉ là một từ ngữ Latin chỉ về đầy tớ (*servant*)

¹⁰(3:13) Marvin Vincent, *Word Studies in the New Testament*, IV:34.

¹¹(4:6) Oscar Wilde, người đã bỏ người vợ đang yêu của mình để quan hệ đồng tính luyến ái.

¹²(4:8) Bản văn phê bình (N^U) ghi là "Đấng cũng ban."

¹³(4:17) Quá khứ phân từ trong tiếng Latin *raptus*, ra từ động từ *rapere*. Cách dùng chữ chính xác của Jerome trong bản Vulgate là "rapiemur cum illis" (chúng ta sẽ được cất lên cùng với họ).

¹⁴(5:10) Những từ ngữ trong nguyên văn như sau: thức trong 5:10 và tỉnh thức trong 5:6 là của chữ *grîgorell* (nguồn gốc của tên gọi giống đực "Gregory," hay "thức canh"). Ngủ trong 5:6,7 ra từ chữ *katheudl*, và chữ có thể nói đến giấc ngủ theo nghĩa đen hoặc "sự lười biếng và thờ ơ thuộc lnh" (Arndt và Gingrich). Trong 4:13-15, (ngủ) dịch từ chữ *koimall*

¹⁵(5:12) James Denney, *The Epistles to Thessalonians*, trang 205.

¹⁶(5:13) Để luận giải chi tiết về trường lão, xem phần giải nghĩa I.Timôthê 3:1-7 và Tit 1:5-9

¹⁷(5:21) Denney, *Thessalonians*, trang 244.

¹⁸(5:22) Arthur T. Pierson.

¹⁹(5:23) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of St. Paul's Epistles to the Colossians, to the Thessalonians, to Timothy, to Titus, and Philemon*, trang 364.

²⁰(5:27) Bản văn phê bình bỏ qua chữ "thánh."

²¹(5:27) Denney, *Thessalonians*, trang 263, 264.

SÁCH THAM KHẢO

(1 và 2 Têsalônica)

Buckland, A. R. Sr. *Paul's First Epistle to the Thessalonians*. Philadelphia: The Union Press, 1908.

_____. *Sr. Paul's Second Epistle to the Thessalonians*. Philadelphia: The Union Press, 1909.

Denney, James. *The Epistles to the Thessalonians*. New York: George H. Doran Company, không rõ năm xuất bản.

Eadie, John. *A Commentary on the Greek Text of the Epistles of Paul to the Thessalonians*. London: MacMillan, 1877.

Frame, James E. *A Critical and Exegetical Commentary on the Epistles of Paul to the Thessalonians*, ICC. New York: Chas. Scribner's Sons, 1912.

Hogg, C. F. và W. E. Vine, *The Epistles of Paul the Apostle to the Thessalonians*. London: C. A. Hammond, 1953.

Kelly, William. *The Epistles of Paul the Apostle to the Thesalonians.* London: C. A. Hammond, 1953.

Morris, Leon. *The Epistles of Paul to the Thesalonians.* TBC. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1957.

_____. *The First and Second Epistles to the Thesalonians, NIC.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1959.

Wood, George Robert Harding. *St. Paul's First Letter.* London: Henry E. Walter Ltd., 1952.

THƠ THỨ HAI

GỎI CHO NGƯỜI TÊSALÔNICA

Giới Thiệu

"Cũng như trong bức thư thứ nhất, vị sứ đồ không lập tức tìm cách xử lý sai phạm. Nhưng chuẩn bị tâm lòng của các thành đồ dần dần ở mọi mặt để họ hiểu rõ lẽ thật và loại bỏ sai phạm một khi nó được phơi bày. Đây là phương cách ân điển và khôn ngoan của Đức Chúa Trời; tâm lòng phải được sửa đúng, chứ không phải chỉ xử lý sai phạm hoặc xử lý điều ác."

William Kelly

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Những lẽ thật quan trọng được tìm thấy trong Bức Thư nhỏ này vừa mang tính giáo lý vừa có tính thực tế. Phaolô giải thích thêm và sửa cho đúng sự hiểu biết của người Têsalônica về Sự Trở Lại Lần Thứ Nhì của Chúa Jêsus và sự hiện ra của người tội ác. Ông cũng đưa ra những lời khuyên đúng đắn cho những kẻ dùng sự sấp Trở Lại của Chúa như là một cái cớ để không làm việc - thì cũng bảo họ đừng ăn nữa!

II. Quyển Tác Giả

Phải nói rằng *ngoại chứng* của thư II.Têsalônica thậm chí còn mạnh mẽ hơn cả I.Têsalônica. Không những thư này được chứng thực sớm bởi Polycarp, Ignatius và Justin (cũng như được phát hiện trong phần mở đầu của Marcion và kinh Muratorian), nhưng Irenaeus đã trưng dẫn đích danh II.Têsalônica.

Vì Thư này quá ngắn, nên không có nhiều *nội chứng* như I.Têsalônica, nhưng nó thật sự bổ sung và hết sức hài hòa với thư I.Têsalônica, đến nỗi chỉ một vài học giả ngần ngại chấp nhận xuất xứ Phaolô của nó.

III. Thời Điểm Viết

II.Têsalônica được viết để trả lời cho những vấn đề sâu xa hơn cũng như những hiểu lầm ở các phần trong I Têsalônica. Vài tháng, thậm chí vài tuần là tất cả thời gian cần thiết giữa hai Bức Thư này. Phaolô, Silvanus và Timothê vẫn ở cùng nhau (1:1), và Côrinthô là thành phố duy nhất nơi chúng ta đọc thấy họ cùng có mặt (Công vụ. 18:1,5). Vì vậy, niên đại là khoảng đầu thập kỷ 50, có lẽ năm 50 hoặc 51 A.D.

IV. Bộ Cảnh Và Chủ Đề

Có ba lý do chính để viết một Bức Thư nữa, đầu là quá sớm sau Bức Thư thứ nhất. Các thánh đồ đang bị bắt bớ và cần được khích lệ (đoạn 1). Họ đang bị sai lạc về Ngày Của Chúa và cần được soi sáng (đoạn 2). Một số người đang sống lơ đãng trước viễn cảnh Chúa Trở Lại cần phải được sửa đúng (đoạn 3).

Về Ngày Của Chúa, nhiều tín hữu lo sợ rằng họ đã được vào thời kỳ đó rồi. Nỗi lo sợ của họ được củng cố thêm bởi những tin đồn sai lạc rằng chính Phaolô đang dạy dỗ rằng Ngày Của Chúa đã

đến rồi. Vì vậy, vị sứ đồ phải trực tiếp gửi Bức thư này.

Rõ ràng là Ngày Của Chúa và Chúa đến, tức là Sự Cất Lên của hội thánh không phải là một. Các thành đồ không sợ Chúa đã đến; mà lo sợ họ đã ở trong Con Đại Nạn, giai đoạn đầu của Ngày Của Chúa.

Phaolô không hề dạy bất cứ sự kiện nào *phải xảy ra trước khi có Sự Cất Lên*. Nhưng ông dạy rằng *trước Ngày Của*

Chúa, sẽ có sự hội đạo lớn, sự ngăn trở sẽ bị cất đi, và người tội ác sẽ hiện ra.¹

Để hiểu đúng bức thư này, không gì quan trọng hơn là phải phân biệt giữa Sự Cất Lên, Ngày Của Chúa, và Sự Trở Lại Trại Vĩ Của Đấng Christ. Ngày Của Chúa được xác định qua những lời trong I. Têsalônica 5:2. Phân biệt giữa Sự Cất Lên và Sự Hiện Ra được nêu ở Phần Phụ cho II. Têsalônica 1:7.

BỔ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1-2)

II. PHAOLÔ VÀ NGƯỜI TÊSALÔNICA (1:3-12)

A. Phaolô Mắc Nợ Những Lời Cảm Ơn (1:3-5)

B. Sự Phán Xét Công Bình Của Chúa (1:6-10)

C. Phaolô Cầu nguyện Cho Các Thánh Đồ (1:11-12)

III. VỀ NGÀY CỦA CHÚA (2:1-12)

A. Lời Kêu Gọi Hãy Vững Vàng (2:1, 2)

B. Người Tội Ác (2:3-12)

IV. LỜI CẢM TẠ VÀ CẦU NGUYỆN (2:13-17)

A. Phaolô Cảm tạ Chúa Vì Các Thánh Đồ Được Thoát Khỏi Sự Đoán Xét (2:13, 14)

B. Phaolô Cầu nguyện Để Các Thánh Đồ Được Yên Ủi Và Vững Lòng (2:15-17)

V. LỜI KHUYÊN THỰC TIỄN (3:1-15)

A. Cầu Nguyện Cho Nhau (3:1-5)

B. Xử lý Kẻ Không Vâng Lời (3:6-15)

VI. LỜI CHÚC PHƯỚC VÀ LỜI CHÀO (3:16-18)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1, 2)

1:1 Sinvanh và Timôthê đã ở cùng Phaolô khi ông viết Bức Thư này từ thành Côrintô. Thư này được gửi cho hội thánh Têsalônica; ở đây bày tỏ sự kết hợp về người lẫn vị trí địa lý. Trong Đức Chúa Trời, Cha chúng ta phân biệt

hội này với hội của những người ngoại. Và trong Đức Chúa Jêsus Christ chỉ rõ đây là hội của người Cơ Đốc.¹

1:2 Vị sứ đồ không cầu danh tiếng, sự giàu có, hoặc sự dễ chịu cho các thánh đồ, nhưng ông cầu xin **ân điển và sự bình an**. **Ân điển** ban sức mạnh để

làm mọi sự theo ý muốn của Chúa, và bình an đem lại sự bình tĩnh trong mọi tình huống. Người ta còn có thể ao ước gì hơn nữa cho mình hoặc cho người khác?

Ấn điển và sự bình an đến bởi Đức Chúa Trời Cha chúng ta, và Đức Chúa Jêsus Christ. Ấn điển đi trước sự bình an; chúng ta phải biết ấn điển của Chúa trước khi kinh nghiệm được sự bình an của Ngài. Phaolô nhắc đến Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Đức Chúa Jêsus Christ như là các nguồn cung ứng ngang bằng của các phước hạnh này, hàm ý sự bình đẳng giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

II. PHAOLÔ VÀ NGƯỜI TÊSALÔNICA (1:3-12)

A. Phaolô Mắc Mực Những Lời Cảm Ơn (1:3-5)

1:3 Bức thư này bắt đầu với lời cảm ơn các thánh đồ. Đọc điều này chúng ta nghe được nhịp tim đập của người tôi tớ thật của Chúa vui mừng về các con cái thuộc linh yêu dấu của mình. Đối với ông, cảm tạ là một bổn phận không ngừng đối với Đức Chúa Trời, và đó cũng là một bổn phận xứng hiệp xét về đức tin và lòng yêu thương của các Cơ Đốc nhân. Đức tin của họ đã có những tiến bộ đáng ngạc nhiên, mọi người không trừ một ai đều bày tỏ lòng yêu thương ngày càng gia tăng đối với nhau. Đây là lời cầu nguyện được nhậm của vị sứ đồ (I Têsalônica 3:10,12).

Hãy lưu ý thứ tự: trước hết là đức tin, sau đó là tình yêu thương. C.H. Mackintosh viết rằng: "Đức tin đưa chúng ta tiếp xúc với dòng suối tình yêu bất tận trong chính mình Đức Chúa

Trời, và kết quả tất yếu đó là lòng yêu thương chúng ta trải ra cho hết thầy những người thuộc về Ngài."

1:4 Sự tiến bộ thuộc linh của họ đã khiến Phaolô và những người phụ tá ông khoe họ với các Hội Thánh khác của Đức Chúa Trời. Họ vẫn bền đỗ và đầy đức tin bất chấp những sự bất bớ họ đang chịu. Nhịn nhục ở đây là sự bền lòng hoặc kiên trì.

1:5 Sự kiên họ vẫn đứng vững cách can đảm trong những bất bớ và khốn khổ là dấu hiệu cho thấy cách đối xử công bình của Đức Chúa Trời. Ngài đang hậu thuẫn họ, làm mạnh mẽ họ, khuyến khích họ. Nếu không nhận được sức mạnh thiên thượng của Ngài, họ sẽ không bao giờ có thể chứng tỏ sự nhịn nhục và đức tin như vậy khi chịu khổ cho Đấng Christ.

Sự nhịn chịu dũng cảm của họ chứng tỏ họ xứng đáng cho nước Ngài. Điều này không gợi ý rằng bởi công lao riêng của mỗi người khiến họ được vào nước Trời; bất cứ ai có mặt trong nước Trời cũng chỉ nhờ công lao của Đấng Christ mà thôi. Nhưng những người đã chịu khổ vì nước Trời ở đây chỉ ra rằng họ sẽ được ở giữa vòng những người sẽ đồng trị với Ngài trong ngày hầu đến (Rôm. 8:17; II Tim. 2:12).

E.W. Rogers, khi chú giải về cụm từ anh em nên xứng đáng cho nước Ngài, nói rằng:

Điều này có liên quan đến trách nhiệm của con người. Về mặt quyền tối thượng của Đức Chúa Trời, chúng ta đã được chấp nhận là người dự phần cơ nghiệp các thánh đồ trong ánh sáng, và sự chấp nhận này duy do bởi

sự kết hiệp của chúng ta với Đấng Christ qua sự chết và sự sống lại của Ngài. Chúng ta được ban ơn trong Con yêu dấu của Ngài, hoàn toàn không phụ thuộc vào bất cứ điều gì trong chính bản thân mình, trước khi hoặc kể từ khi chúng ta được cứu. Nhưng Đức Chúa Trời đã cho phép dân sự Ngài trải qua những bất hủ và hoạn nạn để phát triển trong họ những phẩm hạnh tốt nhất khiến họ "xứng đáng là công dân" của nước ấy.

Một số các sử đồ vui mừng vì đã được kể là xứng đáng chịu khổ vì danh Chúa. Phaolô cầu nguyện cho người Têsalônica rằng Đức Chúa Trời kể họ xứng đáng với sự kêu gọi của họ chắc chắn không hề liên quan đến việc thêm bất cứ điều gì vào công lao của Đấng Christ. Thập tự giá đã khiến người tin Chúa xứng đáng với địa vị của mình trong nước Trời, nhưng sự nhện nhục và đức tin trong hoạn nạn cho thấy đó là người xứng đáng với nước Thiên Đàng về mặt phẩm hạnh. Giữa vòng các thành viên của bất cứ cộng đồng nào trên đất cũng có những người gây tai tiếng, làm những điều không xứng đáng. Phaolô đã cầu nguyện để điều đó không xảy ra giữa vòng các thành đồ.²

B. Sự Phán Xét Công Bình Của Đức Chúa Trời (1:6-10)

1:6 Hành động công bình của Đức Chúa Trời được nhìn thấy theo hai cách - trừng phạt kẻ bất bớ và ban sự nghỉ ngơi cho người bị bắt bớ.

William nói rằng:

SỰ CẮT LÊN VÀ SỰ HIỆN RA

Nhưng có người sẽ hỏi:

"Làm sao chúng ta biết Sự Cắt Lên và Sự Hiện Ra là hai sự kiện riêng biệt?"

Câu trả lời là hai sự kiện này được phân biệt theo Kinh Thánh như sau:

Hành động của Đức Chúa Trời khi cho phép con dân Ngài bị bắt bớ, và cho phép sự tồn tại của những kẻ bất bớ họ, có một mục tiêu kép - trước hết, để thử nghiệm sự xứng hiệp của con dân Ngài cho sự cai trị (c. 5); và thứ nhì, để tỏ rõ kẻ bắt bớ họ xứng đáng phải chịu sự đoán phạt.³

1:7 Chúa sẽ hình phạt kẻ thù của dân sự Ngài, cũng như ban thưởng sự nghỉ ngơi cho những người đã vì Ngài mà chịu khổ.

Chúng ta không nên kết luận từ câu 7 rằng những thánh đồ chịu khổ không được giảm bớt hoạn nạn cho đến chừng Đấng Christ từ trời trở lại giữa ngọn lửa hừng. Khi người tin Chúa qua đời, người ấy được nghỉ ngơi. Nhưng tin hữu đang sống sẽ được nghỉ ngơi khỏi mọi căng thẳng lúc Chúa cất hội thánh lên. Câu này muốn nói khi Chúa đổ sự đoán xét trên những kẻ thù nghịch Ngài, các thánh đồ sẽ được thế gian chứng kiến đang vui hưởng sự nghỉ ngơi.

Thời điểm báo thù công bình của Chúa là khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra từ trời với các thiên sứ quyền năng của Ngài. Sự báo thù kẻ gian ác và sự nghỉ ngơi dành cho người tin Chúa có trong sự đến của Ngài. Giai đoạn nào lúc Chúa đến được ám chỉ ở đây? Rõ ràng là giai đoạn thứ ba - sự tỏ mình lúc Ngài đến, khi Ngài cùng các thánh đồ trở lại thế gian

Sự Cất Lên**Sự Hiện Ra**

1. Đấng Christ đến nơi không trung (I Tês. 4:17)

1. Ngài đến trên đất (Xa. 14:4).

2. Ngài đến để tiếp rước các thánh đồ (I Tês. 4:16,17)

2. Ngài đến với các thánh đồ (I Tês. 3:13; Glu de 14).

3. Sự cất lên là một huyền nhiệm, nghĩa là một lẽ thật chưa được biết đến trong thời Cựu Ước (I Côr. 15:51)

3. Sự Hiện Ra không phải là một điều huyền nhiệm; đây là chủ đề của nhiều lời tiên tri trong Cựu Ước (Thl. 72; Ês. 11; Xa. 14).

4. Kinh thành không hề nói việc Đấng Christ đến tiếp rước các thánh đồ phải có sự bảo trước của các điềm trên trời.

4. Việc Ngài trở lại với các thánh đồ sẽ được bảo trước bởi các dấu hiệu trên trời (Mat.24:29,30).

5. Sự Cất Lên được kể là một với Ngày Của Đấng Christ (I Côr. 1:8; II Côr. 1:14; Phi. 1:6,10).

5. Sự Hiện Ra cũng được coi là Ngày Của Chúa (II Tês. 2:1-12).

6. Sự Cất Lên được trình bày như một thời điểm phước hạnh (I Tês. 4:18).

6. Nhấn mạnh chính yếu của sự Hiện Ra là sự đoán phạt (II Tês. 2:8-12).

7. Sự Cất Lên xảy ra trong giây lát, trong chớp mắt (I Côr. 15:52). Điều này hàm ý mạnh mẽ rằng thế gian sẽ không được chứng kiến sự kiện đó.

7. Sự Hiện Ra sẽ được cả thế giới xem thấy (Mat. 24:27; Khải. 1:7).

8. Sự Cất Lên dường như chủ yếu chỉ liên quan đến Hội Thánh (Giăng 14:1-4; I Côr. 15:51-58; I Tês. 4:13-18).

8. Sự Hiện Ra chủ yếu bao gồm Ysraên, sau đó cũng có các dân ngoại (Mat. 24:1 - 25:46).

9. Đấng Christ đến như Sao Mai Sáng Chối (Khải. 22:16).

9. Ngài đến như Mặt Trời Của Sự Công Bình với sự chữa lành trong cánh Ngài (Mal. 4:2).

10. Sự Cất Lên không được đề cập trong các sách Phúc Âm Công quan, nhưng được ám chỉ đến nhiều lần trong Phúc Âm Giăng.

10. Sự Hiện Ra là đặc trưng của các sách Công Quan, nhưng ít khi được nhắc đến trong sách Phúc Âm Giăng.

11. Những người được cất lên là để hưởng phước (I Tês. 4:13-18). Những kẻ bị bỏ lại là để chịu đoán phạt (I Tês. 5:1-3).

11. Những người bị (bản tiếng Việt dịch là "được") đem đi chịu đoán phạt. Những người được (bản tiếng Việt dịch là "bị") để lại để hưởng phước (Mat. 24:37-41).

12. Không có hệ thống xác định ngày giờ cho các sự kiện đi trước Sự Cất lên.

12. Có một hệ thống xác định ngày giờ chi tiết cho sự Hiện Ra như 1260 ngày, 42 tháng, 3 năm rưỡi (xem Đan. 7:25; 12:7; 11,12; Khải. 11:2; 12:14; 13:5).

13. Danh hiệu "Con Người" chưa bao giờ được sử dụng trong bất cứ đoạn Kinh Thánh nào nói về Sự Cất lên.

13. Sự Hiện Ra được nói đến như sự đến của Con Người (Mat.16:28; 24:27, 30, 39; 26:64; Mác 13:26; Luca 21:27).

Cho rằng đây là hai biến cố riêng biệt, vậy làm thế nào chúng ta biết rằng chúng không xảy ra hầu như cùng thời điểm? Làm sao chúng ta biết rằng chúng được tách riêng bởi một sự kiện xen giữa? Ba chứng cứ có thể được đề cập:

1. Thứ nhất là dựa trên lời tiên tri của Đaniên về bảy mươi tuần lễ (Dan. 9:25-27). Chúng ta hiện đang sống trong Thời kỳ Hội Thánh xen giữa, giữa tuần lễ thứ sáu mươi chín và thứ bảy mươi. Tuần lễ thứ bảy mươi là Kỳ Đại Nạn gồm bảy năm. Hội Thánh được cất lên thiên đàng trước Kỳ Đại Nạn (Rôm. 5:9; 1.Tês. 1:10; 5:9; Khải 3:10). Sự đến cai trị của Đấng Christ xảy ra sau tuần lễ thứ bảy mươi (Đaniên 9:24; Mathiơ 24).

2. Hướng chứng cứ thứ nhì của thời kỳ xen vào giữa sự Cất Lên và sự Hiện Ra đặt cơ sở trên cấu trúc của sách Khải huyền. Trong ba đoạn đầu, hội thánh được thấy ở trên đất. Từ đoạn 4 cho đến 19:10 mô tả Cơ Đại Nạn khi cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời sẽ đổ trên thế gian đã chối bỏ Con Ngài. Hội Thánh không hề được nhắc đến như là đang ở trên đất trong thời kỳ này. Hội Thánh dường như đã được đem về trời vào cuối đoạn 3. Trong Khải huyền 19:11, Đấng Christ trở lại trên đất để trị phục kẻ thù nghịch Ngài và lập vương quốc Ngài – vào cuối Kỳ Đại Nạn.

3. Có một cách xem xét thứ ba đòi hỏi phải có một thời kỳ xen vào giữa việc Đấng Christ đến tiếp rước các thánh đó và việc Ngài đến với các thánh đó. Khi được Cất Lên, hết thấy những người tin Chúa đều được đem đi khỏi thế gian và được ban cho thân

thể vinh hiển. Tuy nhiên, khi Đấng Christ trở lại trị vì, sẽ có những người tin Chúa trên đất chưa có thân thể vinh hiển và những người sẽ kết hôn và nuôi dưỡng con cái trong giai đoạn Một ngàn năm (Êsai 11:6,8). Những người tin Chúa này đến từ đâu? Hẳn phải có một giai đoạn giữa sự Cất Lên và sự Hiện Ra trong khoảng thời gian đó, họ đã quy đạo.

Bây giờ sang câu 7, chúng ta thấy sự đến của Đức Chúa Jêsus bằng quyền phép và vinh hiển lớn. Ngài được hộ tống bởi các thiên sứ và quyền phép của Ngài được thực hiện qua họ.

1:8 Ngọn lửa hừng có lẽ ám chỉ đến Shekinah, đám mây vinh hiển tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Xuất 16:10). Hoặc có thể đây là hình ảnh của sự đoán phạt bằng lửa sắp sửa đổ ra (Thithiên 50:3; Êsai 66:15). Đây có lẽ là hình ảnh sau.

Khi Đức Chúa Trời báo thù, đó không phải là sự trả thù mà là sự báo trả công bình. Không hề có ý tưởng của việc "trả đũa" mà đó là việc thi hành sự trừng phạt mà bản tánh công bình thánh khiết của Ngài đòi buộc. Ngài không vui trước sự chết của kẻ ác (Êxê. 18:32).

Phaolô mô tả hai thành phần được chỉ ra cho sự báo trả:

1. Những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời – là kẻ không chịu nhìn biết Đức Chúa Trời chân thật đã được bày tỏ ra qua sự sáng tạo và qua lương tâm (Rôma 1,2).

Họ có thể là những người chưa bao giờ được nghe Tin Lành.

2. Những kẻ không vâng phục Tin Lành của Đức Chúa Jêsus Christ

chúng ta - là những người đã nghe Tin Lành nhưng đã chối bỏ. Tin Lành không chỉ là lời tuyên bố về các sự kiện họ phải tin, mà còn là Đấng họ phải vâng phục. Niềm tin theo ý nghĩa của Tân Ước đòi hỏi sự vâng lời.

1:9 Họ sẽ bị hình phạt. Vị thần không trừng phạt tội lỗi thì không phải là thần. Ý tưởng Đức Chúa Trời yêu thương Ngài không hình phạt tội lỗi đã bỏ qua sự kiện Ngài cũng là Đấng thánh khiết và phải làm đúng lẽ công bình.

Bản chất sự hình phạt được định nghĩa ở đây là sự hư mất đời đời. Từ được dịch là "đời đời" hoặc "mãi mãi" (*aiônios*) được dùng bảy mươi lần trong Tân Ước. Ba lần từ này có nghĩa "muôn đời vô cùng" (Rôma 16:25; II.Timothê 1:9; Tít 1:2). Những lần khác có nghĩa là bất tận hoặc đời đời. Từ này được dùng trong Rôma 16:26 để mô tả sự tồn tại bất diệt của Đức Chúa Trời (hằng sống).

Sự hư mất không hề hàm ý sự hủy diệt. Mà có nghĩa là mất đi sự lành mạnh hoặc bị hư nát liên quan đến mục đích của sự tồn tại. Bấu rạn mà Chúa Jêsus mô tả trong Luca 5:37 là "hư đi" (cùng từ gốc được sử dụng ở đây). Chúng không chấm dứt tồn tại, nhưng bị hư nát khi liên hệ đến công dụng tốt hơn.

Câu Kinh Thánh này thường được những người ủng hộ thuyết hậu Đại Nạn dùng để củng cố cho quan điểm của họ. Họ hiểu câu này nói rằng người tin Chúa sẽ không được nghỉ ngơi và kẻ bất bớ họ sẽ không bị trừng phạt cho đến chừng Đấng Christ trở lại trị vì, và họ thừa nhận điều này

xảy ra vào cuối kỳ Đại Nạn. Như vậy, họ kết luận rằng hy vọng của người tin Chúa là được cất lên sau kỳ Đại Nạn.

Điều họ không thấy đó là những người Têsalônica nhận bức thư này đều đã qua đời và đã được hưởng sự nghỉ ngơi với Chúa trên Thiên Đàng. Cũng vậy, kẻ bất bớ họ cũng đều đã chết và đang chịu khổ trong Địa Ngục.

Vậy thì tại sao ở đây Phaolô dường như muốn nói rằng tình trạng đó sẽ không xảy ra cho đến chừng Đấng Christ trở lại thế gian trong quyền phép và sự vinh hiển lớn? Lý do là đây sẽ là thời điểm các tình huống này được công khai bày tỏ cho thế gian. Lúc ấy thế gian sẽ thấy người Têsalônica là đúng và những kẻ bất bớ họ là sai. Người ta sẽ thấy các thánh đó vui hưởng sự nghỉ ngơi khi họ cùng với Đấng Christ trở lại trong sự vinh hiển. Sự hư mất của các kẻ thù nghịch Đức Chúa Trời vào cuối Con Đại Nạn sẽ bày tỏ công khai sự diệt vong của tất cả những kẻ đã làm khổ dân Chúa ở mọi thời đại.

Điều này giúp chúng ta nhớ rằng sự trở lại trị vì của Đấng Christ là thời kỳ tỏ ra. Điều gì đúng từ ban đầu sẽ được bày ra cho cả thế gian xem thấy. Việc tỏ ra này không thực hiện với Sự Cất Lên.

Hình phạt dành cho kẻ ác cũng bao gồm việc bị đày xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài. Bị hư mất không có Ngài tức là vĩnh viễn không có Ngài.

1:10 Sự Ngài đến sẽ là thời điểm vinh hiển của Chúa và là điều kinh ngạc cho những kẻ chứng kiến.

Ngài sẽ được sáng danh trong các thánh đồ, nghĩa là Ngài sẽ được tôn trọng bởi những gì Ngài đã làm trong họ và qua họ. Sự cứu rỗi, sự nên thánh và sự vinh hiển của họ sẽ tôn cao ân điển và quyền phép vô song của Ngài.

Ngài sẽ được khen ngợi trong mọi kẻ tin.⁴ Những người xem kính ngạc sẽ há hốc miệng khi thấy điều Ngài có thể làm với những con người chẳng có gì hứa hẹn!

Điều này bao gồm các tín hữu Têsalônica nữa, bởi vì họ đã nhận và tin lời làm chứng của các sứ đồ. Họ sẽ dự phần vinh hiển và chiến thắng của Ngày ấy, tức là ngày Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra.

Bằng cách ôn lại, chúng ta có thể diễn ý câu 5-10 như sau: "Sự nhọc của anh em ở giữa sự hoạn nạn thật có ý nghĩa. Trong mọi sự đó, Đức Chúa Trời làm thành các mục tiêu công bình của Ngài. Sự chịu đựng bền bỉ của anh em giữa cơn bất bớ chứng tỏ anh em thuộc về tập thể của những người sẽ dự phần vinh hiển với sự trị vì hầu đến của Chúa. Một mặt, Đức Chúa Trời thi hành sự đoán phạt trên những kẻ hiện làm khổ anh em. Mặt khác, Ngài sẽ ban sự yên nghỉ cho anh em hiện đang chịu khổ, cũng với chúng tôi nữa - tức là Phaolô, Sín vanh, và Timôthê. Ngài sẽ đoán phạt những kẻ thù nghịch anh em khi Ngài đến từ trời cùng với các thiên sứ thi hành ý muốn Ngài bằng quyền phép của Ngài trong ngọn lửa hừng, hình phạt những kẻ cố tình không biết Đức Chúa Trời và những kẻ cố ý không

vâng theo Phúc Âm. Những kẻ này sẽ bị hư mất đời đời, thậm chí bị đày xa cách mặt Chúa và sự bày tỏ của quyền phép Ngài, khi Ngài trở lại để được sáng danh trong mọi kẻ tin - kể cả anh em, bởi vì anh em thật đã tin sứ điệp Tin Lành mà chúng tôi đã rao giảng cho anh em."

C. Phaolô cầu nguyện cho các Thánh đồ (2:11,12)

1:11 Trong các câu trước, vị sứ đồ mô tả sự kêu gọi vinh hiển của các thánh đồ. Họ đã được kêu gọi để chịu bất bớ, là điều khiến họ xứng hiệp để được trị vì trong nước Chúa. Nay ông cầu nguyện để đời sống họ trong lúc này sẽ được kể là xứng đáng với sự gọi của Ngài, và để quyền phép Ngài giúp họ vâng theo mọi sự thúc giục để làm điều lành, và để hoàn thành mọi công tác mà họ đã lấy Đức lìn mang lấy.

1:12 Kết quả gồm hai mặt. Thứ nhất, Đức Chúa Jêsus sẽ được sáng danh trong họ. Điều này có nghĩa họ sẽ đưa ra một sự trình bày chính xác về Ngài cho thế gian, và vì vậy sẽ làm vinh hiển Ngài. Sau đó họ cũng sẽ được vinh hiển trong Ngài. Sự liên hiệp của họ với Ngài, Chúa là Đầu, sẽ mang vinh dự đến cho họ với tư cách các chi thể trong thân Ngài.

Đoạn I kết thúc với sự nhắc nhở rằng lời cầu nguyện này có thể được nhậm duy theo ân điển của Đức Chúa Trời chúng ta và của Đức Chúa Jêsus Christ. Vậy, ông kết thúc lời giải thích tuyệt vời về ý nghĩa và kết quả của sự chịu khổ trong đời sống người lìn Chúa. Hãy hình dung những người

Têsalônica được khích lệ thế nào khi đọc sứ điệp bảo đảm này!

III. VỀ NGÀY CỦA CHÚA (2:1-12)

A. Lời Kêu Gọi Phải Sẵn Sàng (2:1,2)

2:1 Bấy giờ Phaolô bắt đầu sửa lại một sự hiểu lầm đã nổi lên trong tâm trí của các thánh đồ về sự đến của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta và về Ngày Của Chúa. Các thánh đồ đang chịu sự bắt bớ dữ dội đến nỗi dễ dàng nghĩ rằng họ đã bước vào phần đầu Ngày Của Chúa nghĩa là kỳ Đại Nạn. Và tin đồn đang lan truyền khắp nơi rằng *chính vị sứ đồ* cũng đã tin và dạy rằng Ngày Của Chúa đã đến rồi! Vì vậy ông phải gửi ngay bức thư này.

Một vấn đề quan trọng nổi lên trong câu 1 liên quan đến một từ nhỏ mà Phaolô dùng: *về* (Hy văn *huper*). Vấn đề ở đây là hoặc ông đang kêu gọi các thánh đồ "*về*" sự đến của Chúa chúng ta hoặc "*bởi*" sự đến của Chúa chúng ta. Nếu ý nghĩa đầu được hàm ý, thì câu Kinh Thánh này dường như dạy rằng Sự Cát Lên và Ngày Của Chúa là một và cùng một sự kiện, bởi vì những câu theo sau rõ ràng bản đến Ngày Của Chúa. Nếu nghĩa thứ hai được hàm ý, thì Phaolô đang muốn kêu gọi họ *trên cơ sở* của sự Cát Lên trước ngày của Chúa, rằng họ chờ nên tưởng rằng mình đã ở trong Ngày Của Chúa. Vấn đề đang còn bị tranh cãi. Chúng ta đồng ý với William Kelley khi ông chấp nhận quan điểm thứ hai:

Sự yên ủi về việc Chúa đến được dùng làm động cơ và phương tiện để chống lại những bởi rỗi tạo ra bởi sự trình bày sai lạc cho rằng ngày (của Chúa) đã đến rồi.⁵

Chúng ta hiểu Phaolô muốn nói rằng: "tôi kêu gọi anh em trên cơ sở của sự Cát Lên rằng anh em chờ sự minh đang ở trong Ngày Của Chúa. Sự Cát lên phải xảy đến trước. Anh em sẽ được cất về quê hương trên Thiên Đàng lúc ấy và bởi đó thoát khỏi những sự kinh khiếp trong Ngày Của Chúa."

Cụm từ sự đến của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta và về sự chúng ta hội hiệp cùng Ngài dường như ám chỉ đến sự Cát Lên không thể nhầm lẫn được. Đó là thời điểm chúng ta sẽ được nhóm hiệp để gặp Ngài trên không trung.

2:2 Rõ ràng là sự Cát Lên không giống với Ngày Của Chúa. Người Têsalônica không hẳn khoản rằng Chúa đã đến; họ biết Ngài chưa đến. Nhưng họ đã lo rằng Ngày Của Chúa bắt đầu rồi. Sự bắt bớ dữ dội mà họ đang chịu khiến họ nghĩ mình đang ở trong cơn Đại Nạn, giai đoạn đầu trong Ngày Của Chúa.

Những lời đồn đại được lan truyền rằng chính Phaolô nói rằng Ngày Của Chúa đã đến. Cùng như hầu hết các tin đồn, chúng gây lẫn lộn hết sức. Một lời thuật lại báo rằng Phaolô đã nhận được thông tin ấy *bởi thần cảm*, nghĩa là do một sự mặc khải đặc biệt. Theo một lời thuật khác, tin này đã đến *bởi lời nói*, tức là vị sứ đồ đã công khai dạy dỗ rằng cơn Đại Nạn đã bắt đầu. Bởi bức thư nào tựa như chúng tôi đã gửi được hiểu là một bức thư giả mạo, cho là đến từ Phaolô, nội dung rằng Ngày Của Chúa đã bắt đầu. Cụm từ tựa như chúng tôi đã gửi có lẽ

đi chung với **thần cảm**, lời nói hoặc **hức thư**. Không nguồn phương tiện nào trong số đó đáng tin cậy.

Theo bản KJ và NKJ (theo sau đa số các thủ bản), các thánh đồ lo sợ rằng **Ngày Chúa gần đến**. Ngày Của Chúa (Đấng Christ) và những cụm từ tương đương thường chỉ về Sự Cát Lên và Ngai Phán Xét của Đấng Christ (I.Côr. 1:8; 5:5; II.Côr. 1:14; Philip 1:6,10; 2:15,16).

Người Têsalônica không sợ Ngày Của Chúa đã gần. Điều đó có nghĩa là họ sẽ được giải thoát khỏi những khốn khổ của họ. Phần lớn những người ủng hộ thuyết tiền Đại Nạn thích cách diễn giải của bản Nhuận Chánh hơn: "Ngày Của Chúa nay đang đến."⁶ Nhưng độc giả của Phaolô sợ rằng Ngày của *con thành nộ* Chúa đã bắt đầu rồi.

II. Người Tội Ác (2:3-12)

2:3 Bảy giờ vị sứ đồ mới giải thích vì sao họ không thể ở trong Ngày ấy được. Các biến cố nhất định phải xảy ra trước. Sau khi hội thánh được cất lên, những biến cố này sẽ bắt đầu xảy đến.

Trước hết, sẽ có sự **bỏ đạo**, hay **bội đạo**.⁷ Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta chỉ có thể đoán rằng điều này ám chỉ đến một sự từ bỏ đạo Cơ Đốc trên quy mô lớn, một sự chối bỏ đức tin Cơ Đốc rõ ràng.

Và rồi một nhân vật quan trọng của thế giới sẽ xuất hiện. Về tâm tánh, người ấy là người **tội ác**, hay, nghịch cùng luật pháp,⁸ nghĩa là hiện thân của tội ác và sự nổi loạn. Về số phận người ấy, người ấy là **con của sự**

hư mất; bị định cho sự đoán phạt đời đời.

Kinh Thánh có nhiều lời mô tả về những nhân vật quan trọng sẽ nổi lên trong kỳ Đại Nạn, và thật khó biết khi nào các danh hiệu khác nhau này áp dụng cho nhân vật đó. Một số nhà giải kinh tin rằng người tội ác là một người Do thái đối địch Đấng Christ. Những người khác dạy rằng người ấy sẽ là một người ngoại, đứng đầu Đế quốc Lamã phục hưng. Dưới đây là tên gọi của một số những kẻ cai trị quan trọng vào thời sau rốt:

... người tội ác, con của sự hư mất (II.Têsalônica 2:3)

... kẻ địch lại Đấng Christ (I Giăng 2:18)

... cái sừng nhỏ (Đaniên 7:8, 24b-26)

... một vua, là người có bộ mặt hung dữ (Đaniên 8:23-25)

... vua hầu đến (Đaniên 9:26)

... vua làm theo ý muốn mình (Đaniên 11:36)

... kẻ chân vô ích (Xachari 11:17)

... con thú ở dưới biển lên (Khải Huyền 13:1-10)

... con thú từ dưới đất lên (Khải huyền 13:11-17)

... con thú mặc áo màu tía có bảy đầu và mười sừng (Khải huyền 17:4, 8-14)

... vua phương Bắc (Đaniên 11:6)

... vua phương Nam (Đaniên 11:40)

... tiên tri giả (Khải Huyền 19:20; 20:10)

... Gót ở đất Magót (Êxêchiên 38:2-39:11) (đừng lẫn lộn với Gót trong Khải. 20:8, kẻ nổi lên sau thời kỳ Thiên Hy Niên)

... kẻ lấy danh riêng mình mà đến (Giăng 5:43)

Người tội ác được cho rất nhiều đặc điểm khác nhau gây hiểu kỳ suốt nhiều năm tháng. Người ấy đã được đánh đồng với Giáo Hội Công Giáo La Mã, Giáo hoàng, Đế quốc La mã, hình thức cuối cùng của Cơ Đốc Giáo giới bội đạo, Giuda tái thế, Nêrô tái thế, nước Do Thái, Mohammed, Luther, Napoleon, Mussolini, và hiện thân của Satan.

2:4 Người ấy sẽ chống đối dữ dội mọi hình thức thờ phượng Đức Chúa Trời và sẽ nhắc chính mình lên ngay trong đền Đức Chúa Trời tại Giêrusalem. Lời mô tả này rõ ràng đồng nhất người ấy với Antichrist, là kẻ đối địch lại Đấng Christ đến nỗi tự đặt mình lên trong vị trí của Đấng Christ.⁹

Daniên 9:27 và Mathê 24:15 cho thấy hành động phạm thượng này của Antichrist xảy ra vào giữa kỷ Đại Nạn. Những kẻ không chịu thờ lạy hắn sẽ bị bắt bớ và nhiều người sẽ phải tuân đạo.

2:5 Phaolô vẫn thường nói với người Têsalônica về những sự đó khi ông còn ở với họ. Tuy nhiên, qua sự dạy dỗ trái ngược được truyền cho họ dường như mô tả chính xác những sự bắt bớ dữ tợn mà họ đang chịu lúc bấy giờ, họ đã quên đi điều vị sứ đồ đã nói. Hết thấy chúng ta cũng dễ dàng quên và cần phải được nhắc nhở không ngừng về những lẽ thật quan trọng của đức tin.

2:6 Họ biết rõ điều làm ngăn trở sự hiện ra trọn vẹn và công khai của

người tội ác, và những gì sẽ tiếp tục ngăn trở nó cho đến kỳ đã được định.

Điều này đưa chúng ta đến câu hỏi quan trọng thứ ba chưa được trả lời trong đoạn này. Câu hỏi thứ nhất là: "Sự bội đạo là gì?" Câu thứ hai: "Người tội ác là ai?" Câu hỏi thứ ba là: "Điều gì hoặc ai là sự ngăn trở?"

Trong phần đầu của câu 6 điều ngăn trở được mô tả phi nhân tính... điều làm ngăn trở. Nhưng sau đó trong câu 7, là một thân vị – Đấng còn ngăn trở.¹⁰ E.W. Rogers nói rõ:

Điều Gì Đó và Ai Đó có ý định, có mục đích và có chủ ý cầm giữ, kiểm soát nó với mục đích bảo đảm rằng Con Người Nghịch Cung Luật Pháp phải hiện ra vào đúng thời điểm của nó.¹¹

Có trên bảy quan điểm chung liên quan đến đặc điểm của điều ngăn trở là: (1) Đế quốc La Mã, (2) nước Do Thái, (3) Satan, (4) chủ quyền của luật pháp và trật tự được tìm thấy trong sự cai trị của loài người, (5) Đức Chúa Trời, (6) Đức Thánh Linh, và (7) Hội Thánh thật được Đức Thánh Linh cư trú.

Đức Thánh Linh ngự trị trong Hội Thánh và cá nhân người tin Chúa dường như thích hợp với lời mô tả về kẻ ngăn trở đầy đủ và chính xác hơn bất cứ điều nào khác. Cũng như điều ngăn trở được nói đến là Điều gì đó và Ai đó trong đoạn này, Đức Thánh Linh được nói đến trong Giăng 14:26, 15:26, 16:8, 13, 14 vừa trung tính (Thánh Linh) vừa là giống đực (Ngài).¹² Từ đầu, trong Sáng thế Ký 6:3, Thánh Linh được nhắc đến liên

kết với sự ngăn trở điều ác. Và rồi về sau Ngài được thấy trong cùng vai trò này ở Êsal 59:19b, Giăng 16:7-11, và I.Giăng 4:4.

Chính bởi Thánh Linh cư trú mà người tin Chúa là muối của đất (Mat. 5:13) và là sự sáng của thế gian (Mathiơ 5:14). Muối là chất bảo quản nhưng nó cũng ngăn không cho sự hư hoại lan rộng. Ánh sáng xua đuổi bóng tối, là phạm vi hoạt động của con người thích làm những việc ác (Giăng 3:19). Khi Đức Thánh Linh lìa bỏ thế gian với tư cách Đấng cư trú lâu dài trong Hội Thánh (I Côrinthô 3:16) và trong cá nhân người tin đó (I Côrinthô 6:19), thì điều ngăn trở tình trạng bội nghịch luật pháp sẽ biến mất.

2:7 Ngay khi Phaolô viết thư này, sự mâu nhiệm của điều bội nghịch dường như hành động rồi. Bởi điều đó chúng ta hiểu rằng hiện nay có một khuynh hướng không vâng lời Chúa rất lớn đang khuấy động ngầm ở bên dưới rồi. Nó đã hành động cách thần bí - không phải nó bị ẩn mà là vẫn chưa bộc lộ hết. Nó vẫn còn đang ở dạng phôi thai.

Điều gì đã ngăn trở sự bộc lộ đầy đủ của tính thần này? Chúng ta tin rằng sự hiện diện của Đức Thánh Linh cư trú trong hội thánh và sự cư trú của Ngài trong mỗi tín đồ đã ngăn trở quyền lực đó. Ngài sẽ còn tiếp tục thi hành chức năng này cho đến khi Đấng còn ngăn trở cần phải cất đi, đó là vào lúc Hội Thánh được Cất Lên.

Nhưng ở đây nổi lên một sự chống đối. Làm thế nào Thánh Linh có thể bị cất khỏi thế gian được? Là một Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời,

không phải Ngài toàn tại, nghĩa là ở khắp mọi nơi vào mọi thời điểm sao? Vậy làm thế nào Ngài có thể lìa bỏ thế gian?

Tất nhiên, Đức Thánh Linh là Đấng toàn tại. Ngài luôn có mặt ở mọi nơi cùng một lúc. Tuy nhiên có một ý nghĩa rõ rệt rằng Ngài đã đến thế gian vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Chúa Jêsus đã hứa nhiều lần rằng Ngài và Đức Chúa Cha sẽ sai Đức Thánh Linh đến (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7). Vậy thì Thánh Linh đã đến bằng cách nào? Với tư cách Đấng cư trú lâu dài trong Hội Thánh và trong mỗi một người tin Chúa. Trước ngày Lễ Ngũ Tuần Đức Thánh Linh đã ở với người tin Chúa, nhưng kể từ sau Lễ Ngũ Tuần Ngài đã cư trú trong họ (Giăng 14:17). Trước Lễ Ngũ Tuần Đức Thánh Linh được biết là đã từng lìa khỏi người tin Chúa - vì trong lời cầu nguyện của Đavít: "Xin chớ cất khỏi tôi Thánh Linh Chúa" (Thi. 51:11b). Sau lễ Ngũ tuần, là thời kỳ hội thánh, Thánh Linh cư trú mãi mãi trong người tin Chúa (Giăng 14:16).

Chúng ta tin rằng Đức Thánh Linh sẽ lìa thế gian cùng một ý nghĩa như Ngài đã đến vào ngày Lễ Ngũ Tuần - tức là, cũng như Đấng cư trú lâu dài trong Hội Thánh và mỗi người tin Chúa. Ngài sẽ vẫn ở trong thế gian, cáo trách tội lỗi con người và dẫn họ đến đức tin để được cứu trong Đấng Christ. Sự lìa bỏ của Ngài trong lúc Hội Thánh được Cất lên không có nghĩa là không ai được cứu trong cơn Đại Nạn. Tất nhiên họ sẽ được cứu. Nhưng những người này không phải là các thành viên của Hội Thánh, mà là

thần dân vương quốc vinh hiển của Đấng Christ.

2:8 Sau khi Hội Thánh đã được cất lên trời, kẻ nghịch cùng luật pháp kia sẽ hiện ra trong thế gian. Trong câu này, vị sứ đồ bỏ qua công việc của kẻ địch lại Đấng Christ và mô tả số phận cuối cùng của nó. Có vẻ như nó sẽ bị hủy diệt ngay khi hiện ra. Nhưng tất nhiên không phải như vậy. Nó được phép thi hành sự cai trị gây kinh khiếp như đã mô tả trong câu 9-12 trước khi bị thất bại vào lúc sự đến trị vì của Đấng Christ.

Nếu chúng ta đồng ý cho rằng con người tội ác hiện đến sau khi Hội Thánh được cất lên và rằng nó tiếp tục hành động cho đến khi Đấng Christ hiện ra, thì công việc gian hoàng của nó kéo dài khoảng bảy năm - khoảng thời gian của thời kỳ Đại Nạn.

Đức Chúa Jêsus sẽ dùng hơi miệng Ngài mà hủy diệt nó (xem Êsai 11:4; Khải huyền 19:15) Ngài sẽ hủy diệt nó bởi sự tỏ ra của sự Ngài đến. Một lời ra từ Đấng Christ và sự chói sáng (tiếng Hy Lạp, *epiphancia*) của sự hiện diện Ngài (*parousia*) là tất cả những gì cần thiết để kết thúc sự cai trị của kẻ lừa đảo cuồng loạn này.

Sự tỏ ra lúc Đấng Christ đến, như đã được giải thích, là khi Ngài trở lại thế gian để lên ngôi và trị vì một ngàn năm.

2:9 Kẻ đồ sẽ lấy quyền của quỷ Satan mà hiện đến. Công việc của kẻ ấy giống với công việc của Satan bởi vì hắn được tiếp sức bởi Satan. Người ấy sẽ làm mọi loại phép lạ, dấu dị và việc kỳ dị giả.

Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là không phải tất cả các phép lạ đều đến từ Đức Chúa Trời. Ma quỷ và những kẻ đại diện nó có thể làm các phép lạ. Kẻ nghịch lại luật pháp cũng sẽ làm các phép lạ (Khải, 13:13-15).

Phép lạ cho thấy quyền năng *siêu nhiên* nhưng không nhất thiết là quyền năng của Đức Chúa Trời. Các phép lạ của Chúa chúng ta chứng minh Ngài là Đấng Mesi đã hứa, những phép lạ này không chỉ bởi mang tính siêu nhiên mà còn làm ứng nghiệm các lời tiên tri và có những phẩm chất mà Satan không thể làm các phép lạ đó mà không gây tổn hại cho công việc nó.

2:10 Kẻ địch lại Đấng Christ sẽ không ngần ngại dùng mọi hình thức gian ác để lừa dối những người hư mất - là những người đã nghe Tin Lành trong thời kỳ ân điển nhưng không yêu mến lẽ thật. Nếu tin lẽ thật họ hẳn đã được cứu. Nhưng bây giờ họ bị lừa dối bởi các phép lạ của Antichrist.

2:11 Đức Chúa Trời sẽ thật sự cho chúng nó mắc phải sự lầm lạc, là sự khiến chúng nó tin điều dối giả. Điều dối giả, tất nhiên là lời tuyên bố của Antichrist xưng mình là Đức Chúa Trời. Những người này đã từ chối tin nhận Đức Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời được tỏ ra trong xác thịt. Khi còn ở trên đất, Ngài đã cảnh cáo con người: "Ta đã nhận danh Cha ta mà đến, các ngươi không nhận lấy ta. Nếu có kẻ khác lấy danh riêng mình mà đến thì các ngươi sẽ nhận lấy" (Giăng 5:43). Vì vậy bây giờ họ đã tiếp nhận người tội ác là kẻ lấy danh riêng mình

mà đến và đòi được thờ phượng như Đức Chúa Trời. "Sự sáng bị chối bỏ là sự sáng bị phủ nhận." Kẻ nào xây dựng hình tượng trong lòng mình, Đức Chúa Trời sẽ đáp lời người ấy theo hình tượng của mình (Êxê. 14:4).

Antichrist có thể là người Do Thái (Êxêchiên 28:9,10; Đanlên 11:37,38). Người Do Thái sẽ không bị lừa dối bởi kẻ giả mạo Đấng Mêsi trừ khi kẻ ấy tuyên bố mình ra từ chi phái Giuđa và thuộc dòng dõi Davít.

2:12 Theo câu này, dường như những kẻ nghe Tin Lành trong thời kỳ Ân điển nhưng không tin Đấng Christ sẽ không còn cơ hội khác để được cứu sau khi Hội Thánh được cất lên. Nếu con người không tin Chúa Jêsus bây giờ họ sẽ tin Antichrist trong lúc ấy. Ở đây nói rằng **hết thấy họ đều sẽ bị đoán phạt** vì đã không tin lẽ thật, song chuộng điều ác. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến Luca 14:24. "Vì, ta nói cùng các người, trong những kẻ đã mời trước, không có ai được ném bữa tiệc của ta đâu."

Chúng ta biết rằng nhiều người sẽ được cứu trong cơn Đại Nạn. 144 000 người Do Thái, chẳng hạn, sẽ được cứu và trở thành sứ giả của Đức Chúa Trời để rao giảng Tin Lành của Nước Chúa khắp thế giới. Qua chức vụ của họ nhiều người khác sẽ được cứu. Nhưng dường như những người sẽ được cứu là người chưa từng nghe Tin Lành được trình bày rõ ràng trong thời hiện nay và là người không hề cố ý từ chối Đấng Cứu Thế.

IV. LỜI CẢM TẠ VÀ LỜI CẦU NGUYỆN (2:13-17)

A. Phaolô Cảm Tạ Chúa Vì Các Thánh Hết Số Thời Khỏi Sự Đoán Phạt (2:13-14).

2:13 Trong 12 câu đầu, Phaolô mô tả sự đoán phạt của Antichrist và những kẻ theo hán. Bảy giờ ông hướng đến các Cơ Đốc nhân Têsalônica, nghĩ đến sự kêu gọi cùng vận mệnh tương phản của họ. Khi làm thế, ông dâng lời cảm tạ Chúa vì **cơ những anh em yêu dấu của Chúa**, và tiếp tục đưa ra một lời tóm tắt về sự cứu rỗi của họ - trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Ngài đã chọn anh em. Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng Chúa đã chọn cứu rỗi con người, nhưng không bao giờ dạy rằng Ngài chọn một số người phải bị đoán phạt đời đời. Loại người bị hư mất là bởi sự lựa chọn có cố ý của chính họ. Nếu Chúa không can thiệp, thì hết thấy sẽ bị hư mất. Há Chúa không có quyền chọn một số người để được cứu sao? Về cơ bản, Ngài muốn cứu hết thấy mọi người (I Tim. 2:4; II Phi. 3:9). Tuy nhiên, Kinh Thánh không dạy "giáo lý hoàn vũ" là học thuyết cho rằng cuối cùng tất cả mọi người đều sẽ được cứu.

Vừa lúc ban đầu. Cụm từ này có hai cách hiểu. Thứ nhất có lẽ hàm ý rằng sự lựa chọn của Đức Chúa Trời đã được thực hiện trước khi lập nền trái đất (Êph. 1:4). Thứ hai, cụm từ này cũng có thể được hiểu là "những kết quả đầu tiên," chỉ ra rằng người Têsalônica được cứu rất sớm trong giới Cơ Đốc, đã được Đức Chúa Trời chọn ở giữa vòng những người đầu tiên trong mùa gặt lớn của các linh hồn được cứu rỗi.

Đặng ban sự cứu rỗi. Lời này tương phản với các câu trước. Những người không tin Chúa bị đoán phạt

bởi lòng vô tin để bị hủy diệt đời đời, còn những người tin Chúa được chọn để được ban sự cứu rỗi.

Bởi sự nên Thánh của Thánh Linh. Ở đây chúng ta có công việc của Đức Thánh Linh trước khi họ quy đạo. Ngài biệt riêng ra khỏi thế gian những người cho Chúa, cáo trách tội lỗi họ, và đưa họ đến Đấng Christ. Có người đã nói thật đúng rằng: "Nếu không vì Đấng Christ, sẽ không có *yến tặc*; nếu không vì Đức Thánh Linh, hẳn sẽ không có các vị khách."

Bởi tin lẽ thật. Trước hết, có phần của Chúa trong sự cứu rỗi; bây giờ chúng ta có phần của con người. Cả hai đều cần thiết. Một số người chỉ nhìn thấy sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, và họ hàm ý rằng con người không thể làm gì đối với sự cứu rỗi. Người khác lại quá nhấn mạnh phần của con người và bỏ qua sự chọn lựa tối thượng của Chúa. Lẽ thật nằm ở cả hai cực. Sự lựa chọn của Chúa và trách nhiệm của con người đều là những sự dạy dỗ của Kinh Thánh, tốt nhất là phải tin và dạy cả hai giáo lý ấy, dấu cho chúng ta không thể hiểu cả hai đều đúng như thế nào.

2:14 Ấy cũng là vì đó mà Ngài đã dùng Tin Lành chúng tôi gọi anh em. Chúa đã chọn chúng ta để được cứu đời đời. Ngài đã kêu gọi chúng ta đến sự cứu rỗi đúng thời điểm. Sự kêu gọi ám chỉ giờ phút một người đặt lòng tin nơi lẽ thật. Tin Lành của chúng tôi không có nghĩa là có các Tin Lành chân thật khác nhau. Chỉ có một Tin Lành, nhưng có nhiều nhà truyền đạo khác nhau giảng Tin Lành, và nhiều thành giả khác nhau. Phaolô nói Tin

Lành của Chúa là muốn nói Tin Lành ông đã rao giảng.

Đặng anh em hưởng được sự vinh hiển của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Ở đây vị sứ đồ nhắm đến tương lai và nhìn thấy kết quả cuối cùng của sự cứu rỗi - được ở với Đấng Christ và được nên giống như Ngài đời đời. J. N. Darby hiểu ý nghĩa này trong bài thánh ca đẹp đẽ của ông:

Phải vậy không- tôi sẽ nên giống như Con Ngài?

Có phải ân điển mà Ngài dành cho tôi đã đạt được? Lay Cha vinh hiển hỡi, vượt trên mọi suy nghĩ!

Trong vinh hiển, trong sự giống nhau tối đẹp nhất mà Ngài đã đem đến!

Như vậy trong câu 13 và 14 chúng ta có "một hệ thống thần học thu nhỏ" một lời tóm tắt tuyệt vời về phạm vi các mục tiêu của Chúa với những người tin Ngài. Ngài đã tỏ cho chúng ta thấy rằng sự cứu rỗi "xuất phát từ sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, được thực hiện bởi quyền phép Đức Chúa Trời, được làm hiệu quả qua lời của Chúa và sẽ được làm trọn trong vinh hiển Đức Chúa Trời."

H. Lời Cầu Nguyện Của Phaolô Về Các Thánh Đồ Được Yêu Ủi Và Được Vững Lòng (2:15-17)

2:15 Xét về sự kêu gọi cao quý tội bực của họ, các thánh đồ được khuyến hãy đứng vững, vững giữ những điều dạy dỗ đã truyền cho họ, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng thư từ của các sứ đồ. Điều quan trọng cần phải lưu ý ở đây là chỉ những lời nào đáng tin cậy và có thẩm quyền mới là những lời

được thần cảm của các sứ đồ. Chúa Jêsus đã lên án các thầy thông giáo và người Pharisi vì đã làm vô hiệu hóa điều răn của Chúa bởi lời truyền khẩu của họ (Mathêo 15:6). Và Phaolô đã cảnh báo người Côlôse về những lời truyền khẩu của loài người (Côlôse 2:8). Lời truyền khẩu (bản Việt Nam "những điều dạy dỗ") chúng ta phải giữ là những lẽ thật quan trọng đã được truyền lại cho chúng ta trong Kinh Thánh.

Câu này đôi khi được dùng để chứng minh lời truyền khẩu của Hội Thánh hoặc của những bậc lãnh đạo tôn giáo là đúng. Nhưng bất cứ lời truyền khẩu nào đi ngược lại Lời Chúa đều vô giá trị và nguy hiểm. Nếu chỉ là những lời truyền khẩu của con người mà được chấp nhận ngang bằng với Kinh Thánh, thì ai là người quyết định lời truyền khẩu nào là đúng và lời truyền khẩu nào là sai?

2:16 Sau khi đã trình bày sứ điệp của mình cho các thành đồ, bảy giờ vị sứ đồ cầu nguyện cho những lời đó. Ông thường kèm theo lời dạy của mình bằng lời cầu nguyện (I.Tês. 5:23,24; II.Tês. 3:16). Lời cầu nguyện được dâng lên cho Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta và Đức Chúa Trời Cha chúng ta. Chúng ta đã quen với sự đề cập của Phaolô về hai Thân vị Đức Chúa Trời trong cùng một mạch văn, nhưng có điều bất thường khi ông đề cập Đức Chúa Con trước ở đây. Tất nhiên ông muốn nhấn mạnh đến sự hiệp nhất cơ bản và sự bình đẳng trọn vẹn. Trong Hy văn, chủ ngữ số nhiều (Đấng Christ và Đức Chúa Trời) được

theo sau bởi bốn hình thức động từ ở số ít (yêu thương, ban cho, yên ủi, vững lập). Điều này là gì ngoài việc cho thấy thêm bản chất hiệp nhất giữa Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha trong Ba ngôi Đức Chúa Trời?

Sự cung ứng của Chúa trong quá khứ được đưa vào như một điều khích lệ để tín cậy Ngài hầu nhận được sự can đảm và sức mạnh trong tương lai. Ngài đã yêu thương chúng ta, ban cho chúng ta sự yên ủi đời đời và sự trông cậy lời lành bởi ân điển. Chắc chắn điều này nhin lại sự bày tỏ lớn lao nhất của tình yêu Đức Chúa Trời – đã ban Con Ngài cho chúng ta. Vì chúng ta biết rằng Ngài đã giải quyết vấn đề tội lỗi tại thập tự giá, nên chúng ta có sự yên ủi đời đời và sự trông cậy nơi một tương lai vinh hiển – tất cả đều do bởi ân điển lạ lùng của Ngài.

2:17 Bản thân lời cầu nguyện là Đức Chúa Trời sẽ yên ủi lòng họ và khiến họ được bền vững trong mọi việc lành cùng mọi lời nói lành. Không chỉ có sự khích lệ ở giữa những khốn khó mà còn cả sức mạnh để tiến lên phía trước trong chiến trận. Từ "rút lui" không có trong từ vựng của vị sứ đồ, và cũng không nên có trong ngôn ngữ của chúng ta nữa.

Đừng bỏ quên cụm từ mọi việc lành cùng mọi lời nói lành. Lẽ thật trên môi miệng chúng ta chưa đủ; nó phải được thể hiện qua đời sống chúng ta. Vì vậy trong đời sống chúng ta phải có thứ tự của việc dạy dỗ và sự thực hành, giáo lý và việc làm, rao giảng và thực hành.

V. NHỮNG LỜI KHUYÊN THỰC TIỄN (3:1-15)

A. Về Sự Cầu Nguyện Cho (3:1-5)

3:1 Phaolô cảm biết cần phải cầu nguyện cho các thánh đồ. Đoạn này mở đầu bằng lời cầu xin của ông về ba lãnh vực: (1) về sự rao truyền sứ điệp; (2) cho sự chiến thắng của sứ điệp; (3) cho sự gìn giữ các sứ giả.

Ông mong ước rằng đạo Chúa được đồn ra – một hình ảnh sinh động về cuộc đua nước rút của Tin Lành nơi này sang nơi khác bắt chập những ngăn trở (xem Thi thiên 147:15).

Ông cũng ao ước rằng đạo Chúa sẽ sinh ra những sự thay đổi lạ lùng về mặt thuộc linh và đạo đức ở những nơi khác giống như đã xảy ra tại Têsalônica.

3:2 Lời cầu xin thứ ba là vì sứ đồ và những người đóng công sẽ được giải thoát khỏi kẻ vô lý và người ác. Dường như ông muốn ám chỉ đến những sự bất bớ cụ thể, có thể là từ những người Giuda ở Côrintô (Công vụ. 18:1-18). Sự chọn tựa từ vô lý thật thích hợp; không gì bất hợp lý hơn là sự con người chống đối phúc âm và các sứ giả của phúc âm. Đó là điều không thể giải thích. Họ có thể nói rất có lý về chính trị, về khoa học hoặc về nhiều đề tài khác nhưng khi đến với phúc âm họ lại mất hết khả năng phán đoán hợp lý.

3:3 Đừng bỏ mắt về đẹp của sự tương phản giữa câu 2: "vì chẳng phải hết thảy đều có đức tin" và câu 3 Chúa là thành tín. Điều này dạy chúng ta xây khối những người không trung tín để hướng đến Đức Chúa Trời

không bao giờ thất tín. Ngài là thành tín để làm vững bền chúng ta cho đến cuối cùng (I Côrintô 1:8,9) Ngài là thành tín để giải cứu chúng ta ra khỏi sự cảm dỗ (I Côrintô 10:13). Ngài là thành tín và công bình để tha tội cho chúng ta và làm sạch chúng ta khỏi mọi điều gian ác (I Giăng 1:9). Còn ở đây Ngài là thành tín để làm cho anh em bền vững và giữ cho khỏi ác giả, tức là Satan.

3:4 Chẳng phải hết thảy đều có đức tin... Chúa là thành tín... chúng tôi có lòng tin cậy (đức tin) trong Chúa rằng anh em. Như Denney đã nhận xét: "Trong Chúa bạn có thể tin vào những người yếu đuối, không vững vàng, bướng bỉnh, đại dốt." Bây giờ Phaolô nhắc nhở các thánh đồ về trách nhiệm của họ phải làm những việc ông dặn biểu. Ở đây một lần nữa chúng ta có sự trộn lẫn kỳ diệu và đáng tò mò về Đức Chúa Trời và con người: Đức Chúa Trời sẽ giữ bạn; bây giờ bạn giữ các điều răn. Điều này giống với ý tưởng trong I Phêrô 1:5: "Nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời giữ cho" (phần của Ngài), bởi đức tin (phần của bạn). Chúng ta cũng thấy trong Philip 2:12,13: "Làm nên sự cứu chuộc mình (phần của chúng ta),... vì chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em (phần của Ngài)."

3:5 Trong những lúc bị bất bớ rất dễ để hình thành những ý tưởng cay đắng đối với người khác và bỏ cuộc vì thời gian kéo dài và những căng thẳng của sự chịu khổ. Chính vì lý do đó mà vì sứ đồ cầu nguyện để người Têsalônica sẽ yêu như Đức Chúa Trời

yêu và sẽ bền đổ như Đấng Christ đã bền đổ.

Câu "người nhịn nhục chờ đợi Đấng Christ" trong bản KJV's được dịch là sự nhịn nhục của Đấng Christ trong bản NKJV. Trong bản 1611 từ này có nghĩa là sự bền đổ trong lúc chờ đợi sự trở lại của Đấng Christ. Trong bản NKJV điều này có nghĩa là tỏ ra cùng sự nhịn nhục hoặc chịu đựng mà Đấng Christ đã bày tỏ với tư cách một Con Người trên đất và là điều Ngài vẫn bày tỏ với tư cách Con Người trên thiên đàng. (1:3)

Chúa trong câu này có lẽ chỉ về Đức Thánh Linh và vì vậy cả ba thân vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều được đề cập, giống như trong 2: 13, 14.

I. KỶ LỰ NHỮNG KẺ BẤT PHẠC (3:6-15)

3:6 Dường như rõ ràng là có một số thánh đồ ở tại Têsalônica đã ngưng làm việc để kiếm sống bởi vì họ quá sốt sắng chờ đợi Chúa trở lại. Phaolô không khuyến khích điều này như một thái độ thuộc linh, nhưng tiến hành đưa ra những huấn thị dứt khoát liên quan đến việc xử lý những anh em này.

Lời dạy của ông trong hình thức lệnh truyền là **phải lánh người anh em nào không bước theo các điều dạy dỗ**, tức là những người không sống hòa thuận với người khác nhưng từ chối làm việc, là kẻ ăn bám người khác (xem câu 10, 11). Người tin Chúa phải bày tỏ sự không tán thành với một anh em như vậy bằng cách không giao thiệp thân mật với người ấy. Tuy nhiên tội này không nghiêm trọng

đến mức dứt phép thông công khỏi Hội Thánh.

Các điều dạy dỗ mà người Têsalônica đã nhận từ nơi Phaolô là lời dạy về sự cần cù không mỗi mọt, làm việc chăm chỉ và tự chu cấp.

3:7 Ông đã không bỏ việc may trại chỉ vì biết Chúa Jesus sắp trở lại. Thật ra ông chờ đợi Chúa đến bất cứ lúc nào, nhưng ông cứ hầu việc và làm lụng với sự nhận biết rằng Chúa có thể không đến trong đời mình.

3:8 Không ai có thể tố cáo ông vì ăn nhờ ở đậu trong nhà ai đó và hưởng những thức ăn mà người khác đã phải khó nhọc kiếm được. Ông đã tự kiếm sống trong khi giảng Tin lành. Điều này có nghĩa có những ngày dài và những đêm mỗi mọt, nhưng Phaolô đã quyết định không lụy đến một người nào trong số họ.

3:9 Là người giảng Tin lành, vị sứ đồ có quyền được chu cấp bởi những người đã tin Chúa qua chức vụ của ông (I.Côrinthô 9:6-14; I.Timôthê 5:18). Nhưng ông sẵn lòng từ bỏ những quyền lợi của mình để có thể **làm gương** về tinh tự lập đáng trọng và sự siêng năng không mỗi mọt.

3:10 Người Têsalônica đã được truyền không chu cấp cho những kẻ trốn việc. Nếu một Cơ Đốc nhân khỏe mạnh không chịu làm việc, thì người ấy cũng không nên ăn nữa. Điều đó có xung khắc với việc Cơ Đốc nhân phải luôn tử tế không? Không hề! Sự tử tế không khuyến khích sự lười biếng. Spurgeon nói rằng: "Tình yêu chân thật nhất đối với những kẻ lười lười là chớ kết thân với họ trong sai lầm của

họ mà phải trung tín với Chúa Jêsus trong mọi sự."

3:11 Bảy giờ vị sứ đồ dùng lối chơi chữ (14) thật thích thú để làm nổi bật sự không nhất quán về tình trạng thuộc linh giả tạo của những anh em không đi theo sự dạy dỗ này. Lời của ông có thể được diễn giải nhiều cách khác nhau như sau:

1. "Những kẻ không chú ý vào công việc mà chỉ thích lãng xăng."

2. "Những người không phải bận rộn nhưng cứ làm vẻ phải chạy đây chạy đó."

3. "Một số người không bận rộn với công việc của chính mình nhưng lại quá bận rộn với công việc của người khác."

4. "Chăm lo việc của mọi người còn việc của mình thì không lo."

3:12 Tất cả những kẻ đó đều được bảo và khuyên trong Danh Đức Chúa Jêsus Christ phải làm việc, đừng đánh trống khua chiêng mà phải lo kiếm sống cho mình. Đó là một lời làm chúng tốt và sáng danh Chúa.

3:13 Những người đã làm việc trung tín được khích lệ cứ tiếp tục kiên trì. Cuối cuộc đua mới là lúc quan trọng, không phải lúc bắt đầu, vì vậy họ chớ nên chán mệt sự làm lành.

3:14 Nhưng còn về người không chịu vâng theo các lời dạy dỗ của vị sứ đồ thì sao? Những Cơ Đốc nhân khác phải kỷ luật người ấy bằng cách không giao thiệp thân mật với người ấy. Mục đích của sự kỷ luật này là để người ấy xấu hổ về hành vi của mình và buộc phải sửa lại cách sống của mình.

3:15 Tuy nhiên kỷ luật này không mạnh như sự dứt phép thông công. Ở

đây kẻ phạm tội vẫn được coi như một anh em. Trong việc dứt phép thông công, người ấy bị kể là "người ngoại và kẻ thù thuế" (Mathiơ 18:17).

Việc kỷ luật người tín hữu luôn nhằm mục đích đưa người ấy trở lại với Chúa và với dân sự Chúa. Chớ không nên thi hành trong tinh thần cay đắng hoặc thù địch, mà là cách cư xử ân cần và dứt khoát của người Cơ Đốc. Người ấy không nên bị đối xử như là kẻ nghịch thù, nhưng như anh em vậy.

Có vẻ lạ lùng đối với chúng ta ngày nay vì các Cơ Đốc nhân ở tại Têsalônica quá sốt sắng trông mong ngày Chúa trở lại đến nỗi bỏ bê các phận sự thường nhật của họ. Điều này dường như không phải là một sự nguy hiểm cho Hội Thánh ngày nay! Chúng ta đi đến một cực đoan ngược lại. Chúng ta quá bận rộn với công việc làm ăn và kiếm tiền đến nỗi mất đi sự tươi mới và nồn nóng về hy vọng sự đến hầu gần của Ngài.

VI. LỜI CHỨC PHƯỚC VÀ CHÀO THĂM (3:15-18)

3:15 Câu này được gọi là "một lời kết thúc bình an đối với một Bức thư báo tố." Trong đó Phaolô cầu nguyện để các thành đó đang chịu khổ ở tại Têsalônica biết được sự bình an của Chúa bình an trong mọi khi, dù mọi cách.

Cơ Đốc nhân không nương dựa vào bất cứ điều gì trong thế giới này để có được sự bình an. Sự bình an hoàn toàn dựa trên Thần vị và công lao của Đức Chúa Jêsus. Thế gian không thể ban cho cũng không thể cất

đi sự bình an. Nhưng chúng ta phải tận dụng cho mình sự bình an trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời. "Sự bình an không ngưng lại do bất bớ, nhưng là sự an tĩnh của tâm lòng đến từ đức tin đặt nơi Đức Chúa Trời và không lệ thuộc vào hoàn cảnh."

3:17,18 Đến đây Phao-lô dường như lấy cây bút từ tay người thư ký của mình và viết lời chào thăm kết thúc. Ông nói đến lời chào của mình như là dấu ký của tôi trong mọi thư từ mà ông viết. Một số người hiểu câu này hàm ý chính tay Phao-lô viết phần cuối của mỗi bức thư để chứng minh bức thư đó thật sự là của ông. Những người khác cho rằng dấu ký này là lời chúc phước đặc trưng của Phao-lô: Ân điển của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta ở cùng anh em hết thủy (Rôma 16:24; I Côrinthô 16:23; II Côrinthô 13:14; Galat 6:18; Êphê-sô 6:24; Phillip 4:23; Cô-lô-se 4:18; I Tê-salônica 5:28; I Timô-thê 6:21; II Timô-thê 4:22; Tit 3:15; Philê-môn 25; và nếu Phao-lô viết thư Hê-bơ-rơ, thì Hê-bơ-rơ 13:25). Từ những câu trưng dẫn trên, chúng ta thấy tất cả các thư tin của ông đều kết thúc với một lời về ân điển.

SỰ CẮT LÊN CỦA HỘI THÁNH

Lẽ thật về sự trở lại của Chúa xuất hiện trong mỗi đoạn của II Tê-salônica và trong hai đoạn đầu của II Tê-salônica. Đây là một chủ đề thống nhất, một sợi chỉ vàng xuyên suốt khuôn mẫu.

Nhưng chúng ta phải luôn nhớ rằng lời liên tri không nhằm gây bối rối cho tâm trí chúng ta hoặc thách thức tính tò mò của chúng ta. Mục

đích của nó là để thực hiện một ảnh hưởng thay đổi trong đời sống chúng ta.

Đối với người tin Chúa, hy vọng về sự trở lại sắp xảy đến của Đấng Christ có những hàm ý thực tiễn mang ý nghĩa to lớn.

1. Điều đó phải có ảnh hưởng thanh tẩy trên đời sống chúng ta (I Tê-salônica 5:23; I Giăng 3:3).

2. Nó phải là gánh nặng khiến chúng ta cầu nguyện và làm việc vì sự cứu rỗi của những người bị hư mất (Sáng-thế Ký 19:14; Ê-xê-chi-ên 33:6; Giu-đe 21-23).

3. Điều đó phải khuyến khích chúng ta kiên trì bất chấp sự bất bớ và hoạn nạn (Rôma 8:18; II Côrinthô 4:17; II Tê-salônica 4:13-18).

4. Nó phải khiến chúng ta giảm bớt sự nắm giữ về các sở hữu vật chất của mình; giá trị của chúng suy tàn khi sự hiện ra của Ngài đến gần (xem Lê-vi Ký 25:8-10, 14-16).

5. Điều đó phải buộc chúng ta xin lỗi bất cứ người nào mình đã làm lỗi và hối thương nếu cần thiết (Mathiơ 5:24; Gia-cơ 5:16).

6. Nó phải cảm thúc chúng ta siêng năng hầu việc Chúa vì biết rằng đêm gần đến là khi không ai có thể làm việc (Giăng 9:4; II Tê-salônica 1:9, 10a).

7. Điều đó phải giữ chúng ta trong thái độ trông chờ (Luca 12:36) và cứ ở trong Ngài để không bị xấu hổ trước mặt Ngài khi Ngài hiện đến (I Giăng 2:28).

8. Điều đó khiến chúng ta dạn dĩ xưng nhận Đấng Christ (Mác 8:38; Luca 9:26).

9. Điều đó phải được chứng minh là một sự trồng cây yên ủi (Giăng 14:1-3,28; I.Têsalônica 4:18; II.Têsalônica 1:7; II.Timôthê 2:12).

10. Điều đó phải là sự khích lệ để sống tiết độ, miễn mại, nhu mì, hòa nhã (Phillip 4:5).

11. Điều đó phải là động cơ thúc giục sự hiệp nhất và yêu thương (I.Têsalônica 3:12,13).

12. Điều đó phải khuyến khích thái độ hướng đến một thế giới khác (Côlôse 3:1-4).

13. Điều đó phải là một nhắc nhở về sự xét duyệt và ban thưởng hầu đến (Rôma 14:10-12; I.Côrinthô 3:11-15; II.Côrinthô 5:10).

14. Điều đó phải được dùng như một lời kêu gọi mạnh mẽ để giảng Tin Lành (Công vụ các Sứ đồ 3:19-21; Khải huyền 3:3).

Đối với những người chưa tin Chúa, lẽ thật về việc Đấng Christ trở lại phải dẫn họ đến chỗ ăn năn tội và cam kết dâng trọn đời sống mình cho Ngài là Chúa và Đấng Cứu Thế. Chỉ những người ở trong Đấng Christ mới được đồng đi với Ngài khi Ngài cất Hội Thánh lên. Những người còn lại sẽ bị bỏ lại để chịu phán xét. Nếu ngày nay Chúa đến thì sao?

Vì cơ tâm quan trọng của việc Chúa đến trong những người Têsalônica và trong đời sống người Cơ Đốc, chúng tôi thêm phần tóm tắt sau đây:

Những Tranh Luận

Về Sự Cất Lên Trước Con Đại Nạn

1. Lập luận thứ nhất đặt cơ sở trên linh chất sắp xảy ra. Có nhiều câu

Kinh Thánh cho thấy Cơ Đốc nhân phải trông đợi Chúa trở lại bất cứ lúc nào. Chúng ta phải thức canh và chờ đợi vì không biết lúc nào Ngài đến. Nếu Hội Thánh phải trải qua cơn Đại Nạn, thì chúng ta không thể trông đợi Ngài đến bất cứ lúc nào. Thật vậy Ngài chưa thể đến ít nhất là trong bảy năm bởi vì chúng ta hiện nay chưa ở trong cơn Đại Nạn, và khi cơn Đại Nạn đến, nó sẽ kéo dài bảy năm. Quan điểm tiến Đại Nạn là quan điểm duy nhất bạn có thể giữ mà vẫn tin rằng Đấng Christ có thể đến bất cứ lúc nào.

Dưới đây là một số câu Kinh Thánh cho thấy chúng ta phải không ngừng trông đợi Chúa đến bởi vì chúng ta không biết lúc nào biến cố ấy xảy đến.

"Không những muốn vật thôi, lại chúng ta, là kẻ có trái đầu mùa của Đức Thánh Linh, cũng than thở trong lòng, *đang khi trông đợi* sự làm con nuôi, tức là sự cứu chuộc thân thể chúng ta vậy" (Rôma 8:23).

"Ấy vậy, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì *rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến*" (I.Côrinthô 11:26 - viết cho người Côrinthô, điều này hàm ý rằng Chúa có thể đến trong đời họ.)

"Vì chúng ta thật than thở trong nhà tạm này, *mà hết sức mong* được mặc lấy nhà chúng ta từ trên trời" (II.Côrinthô 5:2 - người tin Chúa sẽ được mặc lấy thân thể vinh hiển của họ lúc được cất lên.)

"Về phần chúng ta, ấy là bởi đức tin và nhờ Thánh Linh mà chúng ta được nhận lãnh sự trồng cây của sự

công bình" (Galati 5:5 - sự trồng cây về sự công bình là sự đến của Chúa và thân thể vinh hiển mà chúng ta sẽ được nhận vào lúc ấy.)

"Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy là từ nơi đó mà chúng ta *trông đợi* Cứu Chúa mình là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài, y theo quyền phép Ngài có để phục muôn vật" (Philip 3:20-21).

"Hãy cho mọi người đều biết nét nhu mì của anh em. *Chúa đã gần rồi*" (Philip 4:5).

"Vả, mọi người đều thuật lại thể nào anh em đã tiếp đãi chúng tôi, và thể nào đã trở lại cùng Đức Chúa Trời, bỏ hình tượng đàng thờ Đức Chúa Trời hằng sống và chơn thật, đặng *chờ đợi* Con Ngài từ trên trời, là Đức Chúa Jêsus mà Ngài đã khiến từ kẻ chết sống lại, tức là Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thạnh nộ ngay sau" (I.Têsalônica 1:9,10).

"*Đương chờ đợi* sự trồng cây hạnh phúc của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ" (Tit 2:13).

"Cũng vậy, Đấng Christ đã đàng mình chỉ một lần đặng cất tội lỗi của nhiều người; Ngài lại sẽ hiện ra lần thứ hai không phải để cất tội đi nữa, nhưng để ban sự cứu rỗi cho *kẻ chờ đợi* Ngài" (Hêbơrơ 9:28).

"Còn ít lâu, *thật ít lâu nữa*, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu" (Hêbơrơ 10:37).

"*Hỡi anh em, vậy hãy nhịn nhục cho tới kỳ Chúa đến*. Hãy xem kẻ làm

ruộng; họ bển lòng chờ đợi sản vật quý báu dưới đất cho đến chừng nào đã được mưa đầu mùa và cuối mùa. *Anh em cũng vậy, hãy nhịn nhục và bển lòng; vì kỳ Chúa đến gần rồi*. Hỡi anh em, chớ oán trách nhau, hầu cho khỏi bị xét đoán. *Kìa, Đấng xét đoán đứng trước cửa!*" (Giacơ 5:7-9).

"*Sự cuối cùng của muôn vật đã gần, vậy hãy khôn ngoan tỉnh thức mà cầu nguyện*" (I.Phiêrơ 4:7).

"*Ai có sự trồng cây đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch*" (I Giăng 3:3).

"Hãy giữ mình trong sự yêu mến Đức Chúa Trời và *trông đợi sự thương xót của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta cho được sự sống đời đời*" (Giude 21. Ở đây lòng thương xót của Đức Chúa Jêsus Christ là sự trở lại của Ngài để đem những người được mua chuộc bởi huyết Ngài trở về quê hương trên trời).

"*Ta đến mau kíp, hãy giữ lấy điều người có, hầu cho không ai cất lấy mào triều thiên của người*" (Khải Huyền 3:11).

"*Kìa, ta đến mau chóng, phước thay cho kẻ nào giữ những lời tiên tri trong sách này*" (Khải Huyền 22:7).

"*Này ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm*" (Khải Huyền 22:12).

"*Đấng làm chứng cho những điều ấy phân rằng, phải ta đến mau chóng. Amen, lạy Đức Chúa Jêsus xin hãy đến!*" (Khải Huyền 22:20).

Có những câu Kinh Thánh khác, mặc dầu không trực tiếp ám chỉ đến Sự Cất Lên, song bổ sung cho hàm ý

chung rằng sự trở lại của Đấng Christ là điều sắp xảy đến. Xuyên suốt lịch sử, Hội Thánh tin kính Chúa tin rằng thời điểm trở lại của Đấng Christ không ai biết, và vì vậy có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

"*Vậy hãy tỉnh thức, vì các người không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến.* Hãy biết rõ, nếu người chủ nhà đã hay canh nào kẻ trộm sẽ đến, thì tỉnh thức, không để cho đào ngạch nhà mình. Vậy thì các người cũng hãy chực chờ sẵn, vì Con Người sẽ đến vào giờ các người không ngờ." (Mathiơ 24:42-44).

"*Về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chỉ hết, các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa; song chỉ Cha mà thôi. Hãy giữ mình, tỉnh thức vì các người chẳng biết kỳ đó đến khi nào.* Ấy cũng như một người kia đi đường xa, bỏ nhà giao cho đầy tớ mỗi đứa cai quản một việc và cũng biểu đứa canh cửa thức canh. *Vậy các người hãy thức canh, vì không biết chủ nhà về lúc nào, hoặc chiều tối, nửa đêm, lúc gà gáy, hay là sớm mai,* e cho người về thành linh gặp các người ngủ chẳng. *Điều mà ta nói cùng các người, ta cũng nói cho mọi người: hãy tỉnh thức!*" (Mác 13:32-37).

"*Hãy làm như người chờ đợi chủ mình ở tiệc cưới về, để lúc chủ đến gõ cửa thì liền mở.*" (Luca 12:36).

"*Anh em đang trông đợi kỳ Đức Chúa Jesus Christ chúng ta hiện đến, cũng chẳng thiếu một ơn nào*" (I.Côrinthô 1:7).

"*Đức Chúa Jesus Christ là Đấng sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết*" (II.Timôthê 4:1).

"*Hỡi các con cái ta, giờ cuối cùng là đây rồi, các con đã nghe nói rằng kẻ địch lại Đấng Christ phải đến. Vừa tức bây giờ, có nhiều kẻ địch lại Đấng Christ, bởi đó chúng ta biết rằng ấy là giờ cuối cùng.*" (I.Giăng 2:18).

"*Nếu người chẳng tỉnh thức, ta sẽ đến như kẻ trộm, và người không biết giờ nào ta đến bắt người thành linh*" (Khải. 3:3b).

"*Kìa, ta đến như kẻ trộm, phước cho kẻ tỉnh thức và giữ gìn áo xống mình, đừng khỏi đi lỏa lố và người ta không thấy sự xấu hổ mình!*" (Khải Huyền 16:15).

2. Lập luận thứ hai đặt nền tảng trên lời hứa rằng hội thánh sẽ được giải cứu khỏi cơn thịnh nộ hầu đến. Trong Rôma 5:9, Phaolô nói rằng "chúng ta...sẽ nhờ Ngài được cứu khỏi cơn thịnh nộ". I.Têsalônica mô tả Chúa Jesus là Đấng giải cứu chúng ta khỏi cơn thịnh nộ hầu đến. Và trong I.Têsalônica 5:9 chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời không định cho chúng ta bị cơn thịnh nộ, nhưng cho được sự giải cứu đến bởi Đức Chúa Jesus Christ chúng ta. Từ "thịnh nộ" có lẽ ám chỉ đến cơn thịnh nộ trong kỳ Đại Nạn hoặc có lẽ ám chỉ đến sự đoán phạt đời đời của Chúa trên kẻ không tin. Trong các thư Têsalônica, bối cảnh hậu thuẫn cho cơn thịnh nộ của kỳ Đại Nạn (xem I.Tês. 5:2,3; II.Tês. 1:6-10; 2:10-21).

3. Trong Khải Huyền 3:10, Đấng Christ hứa giữ gìn dân sự Ngài khỏi (từ Hy Lạp ek có nghĩa là "ra khỏi") giờ hoạn nạn, là giờ sẽ đến trên cả thế gian, đặng thử những người ở trên đất.

4. Cấu trúc của sách Khải huyền xác minh sự dạy dỗ của sự **Cất Lên** Đại Nạn. Trong đoạn 2 và 3 hội thánh được thấy ở trên đất, nhưng sau đoạn 3, hội thánh không hề được nhắc đến ở trên đất nữa. Trong đoạn 4 và 5 các thánh đồ được thấy trên thiên đàng, đang đội mão miện của kẻ chiến thắng. Và rồi sau đó cơn Đại Nạn đến trên đất từ đoạn 6 đến 19. Các thánh đồ của hội thánh đã ở trên thiên đàng.

5. Cơn Đại Nạn sẽ không bắt đầu cho đến khi người tội ác hiện ra (II.Tês. 2:3). Nhưng người tội ác sẽ không hiện ra cho đến khi điều ngăn trở trước hết bị cất đi (II.Tês. 2:7,8). Đức Thánh Linh chắc chắn thích hợp với danh hiệu Đấng ngàn trở, Ngài ngàn trở hay che khuất sự phát triển trọn vẹn của tội ác trong bao lâu hội thánh còn ở trên thế gian. Ngài sẽ bị cất đi với tư cách Đấng ngự trong hội thánh lúc Hội Thánh được Cất Lên.

Về một mặt, Đức Thánh Linh đã ở trong thế gian và sẽ luôn ở đó, nhưng theo một ý nghĩa đặc biệt, Ngài đã đến vào ngày Lễ Ngũ Tuần, với tư cách Đấng cư trú lâu dài trong người tin Chúa và Hội Thánh. Chính với ý nghĩa đó, Ngài sẽ bị cất đi vào lúc Hội Thánh được Cất Lên. Điều này không có nghĩa là Đức Thánh Linh của Chúa sẽ không thi hành công tác trong kỳ Đại Nạn. Ngài sẽ vẫn cáo trách và thay đổi các tội nhân. Nhưng Ngài sẽ không cư trú lâu dài trong họ và sẽ không đưa họ vào trong hội thánh. Chức vụ của Ngài phần nào tương đương với những gì đã xảy ra trong thời Cựu Ước.

6. Trong I.Têsalônica 4:18 sự Cất Lên được nói đến như sự trồng cây yên ủi. Ngày Của Chúa không đến như một sự yên ủi nhưng như kẻ trộm trong ban đêm (I.Tês. 5:2). Đó là sự hủy diệt xảy đến thình lình (c.3) và cơn thanh nộ (c.9) mà sẽ không ai trốn thoát được (c.3). Trái lại, sự Cất Lên là một niềm hy vọng luôn tươi sáng, không phải là sự chờ đợi lúc nào cũng gây lo sợ.

7. Phải có một khoảng thời gian xen giữa việc Đấng Christ đến tiếp rước các thánh đồ và việc Ngài đến cùng với các thánh đồ Ngài. Khi Đấng Christ đến để tiếp rước các thánh đồ, *hết* thấy những kẻ tin Chúa sẽ được đem đi khỏi thế gian và nhận được *thân thể vinh hiển* (I.Côrinthô 15:51). Tuy nhiên khi Đấng Christ trở lại trị vì, sẽ có những người được cứu vẫn ở trong *thân thể tự nhiên* của họ được hiểu qua việc họ sẽ nuôi nấng con cái (Êsai 65:20-25; Xachari 8:5). Nếu sự Cất Lên và sự Hiện ra xảy đến cùng lúc (theo quan niệm của thuyết hậu Đại Nạn), thì những người sau này đến từ đâu?

Có một lý do thứ hai vì sao phải có khoảng thời gian xen giữa sự Cất lên và sự trị vì. Ngai Phán xét của Đấng Christ sẽ xảy ra trên thiên đàng theo sau việc Hội Thánh được Cất lên, khi Chúa sẽ xem xét sự trung tín của các thánh đồ và ban thưởng cho họ tùy theo mỗi người (II.Côr. 5:10). Phần thưởng được ban cho vào thời điểm này sẽ quyết định phạm vi cai trị của mỗi thánh đồ trong Một Ngàn năm (Luca 19:17,19). Nếu Sự Cất Lên và việc Ngài đến cai trị xảy ra đồng

thời, thì sẽ không có thời gian cho Ngai Phán xét của Đấng Christ diễn ra.

8. Cách duy nhất để Ngày Của Chúa xảy đến thịnh linh cho bất cứ ai là phải như kẻ trộm trong ban đêm vậy (I.Tês. 5:2). Tuy nhiên Phaolô nói rõ ràng rằng Ngày Của Chúa sẽ không xảy đến thịnh linh cho người tin Chúa như kẻ trộm trong ban đêm (I.Tês. 5:4). Vì vậy ngày ấy sẽ không bất ngờ chút nào đối với người tin Chúa. Tại sao vậy? Có hai lý do được đưa ra: (1) người tin Chúa không phải là con của ban đêm mà là con của ban ngày (I.Tês. 5:4,5). (2) Chúa không định cho người tin Chúa phải chịu cơn thanh nộ (I.Têsalônica 5:9).

9. Vào lúc Hội thánh được cất lên, những người tin Chúa trở về nhà Cha mình (Giăng 14:3), chứ không trở lại thế gian như những người theo thuyết hậu Đại Nạn khẳng định.

10. Kỳ Đại nạn rõ ràng mang đặc trưng Do Thái. Nó được gọi là kỳ tai hại của Gia cốp (Giêrêmi 30:7). Hãy lưu ý những lời ám chỉ về người Do Thái trong Mathiơ 24; Giuđe (c. 16); ngày Sabát (c. 20), nơi thành (c. 15). Những thuật ngữ này không liên quan đến Hội Thánh.

11. Một số hình bóng Cựu Ước chỉ về sự Cất lên tiền Đại Nạn. Chúng ta không xây dựng giáo lý trên các hình bóng nhưng những hình bóng này thật sự thích hợp với quan điểm tiền Đại Nạn.

Hênôc, một hình bóng về Hội Thánh, đã được cất lên trước khi sự đoán phạt bằng nước lụt của Chúa đổ xuống, trong khi Nôê và gia đình ông

làm hình bóng về những người Do Thái tin Chúa còn sót lại, được giữ gìn trong cơn nước lụt.

Lôét được giải cứu khỏi Sôđôm trước khi lửa đoán phạt giáng xuống.

Ápraham dâng Ysác làm hình bóng việc Đức Chúa Trời phó Con Ngai tại Gôgôtha. Lần đầu tiên Ysác được nhắc đến sau sự kiện này là khi ông đi ra để gặp cô dâu của mình và đưa nàng về nhà mình. Cũng vậy, sự hiện ra lần thứ nhất của Đấng Christ sau khi Ngai thăng thiên là khi Ngài trở lại để đem vợ hứa của Ngài về quê hương thiên đàng.

Êli đã được cất lên trời trước sự đoán phạt được thi hành cho bà Giêsabên gian ác.

12. Tuần lễ thứ sáu mươi chín trong lời tiên tri đầu tiên của Daniên (9:24-27) kéo dài từ khi vua Attexétxe ban chiếu chỉ năm 445 T.C cho đến khi Đấng Christ bị đóng đinh. Điều này không liên quan gì đến Hội Thánh. Vậy tại sao Hội Thánh lại phải được thấy trong tuần lễ thứ bảy mươi, là thời kỳ Đại Nạn? (Thật ra Thời kỳ Hội Thánh nằm trong giai đoạn xen giữa không được nhắc đến giữa tuần lễ thứ sáu chín và bảy mươi.)

Những Lập Luận Chống Lại Sự Cất Lên Trước Cơn Đại Nạn Và Hậu Thuận Cho Sự Cất Lên Sau Cơn Đại Nạn

1. Lời hứa trong Khải huyền 3:10 là các thánh đồ sẽ không được cứu khỏi cơn Đại Nạn mà sẽ được giữ gìn trong cơn Đại Nạn (đối chiếu với Giăng 17:15).

Trả lời: Những chữ được dịch là "giữ người khỏi" trong câu này theo

nghĩa đen có nghĩa là "giữ gìn khỏi bị". Giới từ trong Hy văn (ek) có nghĩa là "ra khỏi." Vì vậy, ở đây không phải hội thánh sẽ được giữ gìn *trong* hoặc *qua* cơn Đại Nạn mà là sẽ được hoàn toàn gìn giữ *khỏi* cơn Đại Nạn.

Cùng từ này được dùng trong Giăng 17:5 khi Chúa Jêsus cầu nguyện: "con chẳng cầu Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha giữ gìn họ cho khỏi điều ác." Plummer nhận định: "Cùng như trong Đấng Christ các môn đồ sống và hành động, Ngài cũng cầu nguyện để họ được giữ *khỏi* (ek) điều ác. Lời cầu nguyện đó đã được nhậm; người tin Chúa đã được gìn giữ *khỏi* sự cai trị của Satan và được dời vào nước của Con yêu dấu Ngài.

2. Rôma 5:3 theo Hy văn: "... sự hoạn nạn sinh sự nhện nhục."

Trả lời: Phaolô không có ý nói lần duy nhất hoạn nạn sinh ra nhện nhục là trong cơn Đại nạn. Ông lập luận rõ ràng là hoạn nạn mà người tin Chúa phải trải qua trong đời này sinh ra sự nhện nhục. Cũng vậy, trong tiếng Hy Lạp, tiếng Pháp hoặc Tây Ban Nha, những danh từ trừu tượng thường có mạo từ đứng trước, vì vậy cách dịch ấy "sự hoạn nạn" là đúng.

3. Cơ Đốc nhân luôn được cho thấy triển vọng của hoạn nạn (Giăng 16:33). Vậy không có lý do gì chúng ta lại không phải trải qua hoạn nạn.

Trả lời: Không ai phủ nhận rằng "phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời" (Công vụ. 14:22). Nhưng có sự khác biệt rất lớn giữa sự khó khăn là một phần của mọi Cơ Đốc nhân với cơn Đại Nạn

đang chờ đợi những kẻ chối bỏ Đấng Christ.

4. II. Têsalônica 1:7 cho thấy các thánh đồ sẽ không được sự yên nghỉ cho đến khi nào Chúa Jêsus trở lại trên đất vào cuối kỳ Hoạn Nạn.

Trả lời: Những người Têsalônica nhận bức thư này đã được nghỉ ngơi trên thiên đàng rồi. Nhưng sự đoán phạt dành cho những kẻ bất bớ họ và sự minh chứng cho các thánh đồ sẽ được *bày ra* cho thế gian khi Chúa Jêsus trở lại trong quyền phép và sự vinh hiển lớn.

5. Theo Công vụ. 3:21, các tầng trời sẽ giữ Chúa Jêsus cho đến kỳ muốn vật được đổi mới, tức là Thiên Hy Niên.

Trả lời: Những lời này được phán cho người Ysraên (c.14). Câu này đúng *khi liên hệ đến dân tộc Ysraên*. Câu này phù hợp với lời của Đấng Cứu Thế phán về Giêrusalem trong Mathiơ 23:39: "Các ngươi sẽ không thấy ta nữa, cho đến lúc các ngươi sẽ nói rằng: Phước cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến!" Điều đó sẽ xảy ra vào cuối cơn Đại Nạn. Nhưng Hội Thánh sẽ được cất lên trời trước đó bảy năm.

6. Thi thiên 110:1 chép rằng Đấng Christ sẽ ngồi bên hữu Đức Chúa Trời cho đến chừng hết thấy những kẻ thù nghịch Ngài bị hủy diệt. Đây sẽ là thời điểm cuối cơn Đại Nạn.

Trả lời: Trong Khải huyền 20:8,9, chúng ta thấy có một số người sẽ là kẻ thù của Đấng Christ vào cuối Thiên Hy Niên - tức là 1000 năm sau khi kết thúc cơn Đại Nạn. Bên hữu Đức Chúa Trời có thể mô tả một vị trí tôn trọng và quyền lực cũng như vị trí địa lý.

7. Trong Tít 2:13, sự trông cậy hạnh phúc cũng là sự hiện ra vinh hiển. Vậy sự Cát Lên xảy ra cùng lúc với sự Hiện ra. Do đó, chúng ta không trông đợi sự Cát Lên trước cơn Đại Nạn mà trông đợi Đấng Christ đến trị vì.

Trả lời: Lập luận này đặt cơ sở trên một nguyên tắc cú pháp của ngôn ngữ Hy Lạp được gọi là nguyên tắc Granville Sharp: Khi hai danh từ được nối kết bởi từ "và" (Hyvân, kai) trong cùng trường hợp và một mạo từ xác định đi trước danh từ thứ nhất, nhưng không đi trước danh từ thứ nhì, thì danh từ thứ nhì ám chỉ đến cùng nhân vật hoặc sự việc mà danh từ thứ nhất đề cập và là một lời giải thích thêm cho danh từ thứ nhất. Ví dụ, Tít 2:13 chép rằng: "sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa Jêsus Christ chúng ta." Hai từ "Đức Chúa Trời" và "Cứu Chúa" được liên kết với nhau bởi từ "và"; chúng đều ở trong cùng trường hợp (các bổ ngữ của giới từ "của"); mạo từ xác định (một phần của từ Hy Lạp dành cho "của chúng ta") đi trước "Đức Chúa Trời" nhưng không đi trước "Cứu Chúa" (our God and...) vậy theo nguyên tắc Granville Sharp, từ "Cứu Chúa" ám chỉ đến cùng thân vị "Đức Chúa Trời" và là một lời mô tả thêm về Ngài. Điều này, tất nhiên, chứng tỏ rằng Cứu Chúa chúng ta, tức Đức Chúa Jêsus Christ, là Đức Chúa Trời.

Bây giờ, cũng trong câu đó, Hyvân chép như vậy: "chờ đợi sự trông cậy hạnh phúc và sự hiện ra của sự vinh hiển." Như vậy, theo nguyên tắc của

Granville Sharp, sự trông cậy hạnh phúc cũng là sự hiện ra vinh hiển, và bởi vì sự hiện ra vinh hiển thường được hiểu là sự đến trị vì của Đấng Christ, sự trông cậy của người tin Chúa không phải là sự Cát Lên trước cơn Đại Nạn mà là Đấng Christ đến trên đất trong sự vinh hiển.

Có hai cách trả lời cho câu này. Trước hết, giống như tất cả các nguyên tắc hợp lý, nguyên tắc Granville Sharp cũng có những ngoại lệ. Một là trong Luca 14:23 bản Hyvân chép rằng: "bấy ra ngoài đường và dọc hàng rào." Nếu theo nguyên tắc này, thì chúng ta phải hiểu rằng ngoài đường và hàng rào là một! Một ngoại lệ thứ nhì trong Êphêso 2:20: "nền của các sứ đồ cùng các đấng tiên tri". Nhưng không một học viên thận trọng nào lại bảo rằng các sứ đồ và các tiên tri là một.

Nhưng đầu cho sự trông cậy hạnh phúc giống sự hiện ra vinh hiển, thì điều gì ngăn không cho chúng ta coi sự Cát Lên như là sự hiện ra vinh hiển của Đấng Christ cho hội thánh, còn sự Hiện Đến là sự hiện ra vinh hiển của Ngài cho thế gian? Từ *apokalupsis* (hiện ra) và *epiphaneia* (chiếu ra hoặc hiện ra) có thể ám chỉ đến sự Cát Lên cũng như Đấng Christ đến trị vì.

8. Những câu Kinh Thánh khác cho thấy sự trông cậy của người tin Chúa là Đấng Christ đến trị vì: I.Côrinthô 1:7; I.Timôthê 6:14; II.Timôthê 4:8; I.Phiêrô 1:7,13; 4:13.

Trả lời: Từ "hiện ra" và "hiện đến" được dùng trong các câu Kinh

Thành này áp dụng cả cho việc Đấng Christ đến tiếp rước các thánh đồ lần việc Ngài đến cùng với các thánh đồ. Trước hết, Ngài tỏ mình và hiện đến với hội thánh, sau đó mới cho thế gian.

Nhưng đầu cho tất cả những câu trích này thực sự ám chỉ việc Đấng Christ đến trị vì, thì rõ ràng là sự trông cậy của người tin Chúa bao gồm tất cả những phước hạnh của tương lai được bảo trước. Chúng ta trông đợi sự Cát Lên, Đấng Christ đến trị vì, Thiên Hy Niên, và sự sống đời đời.

9. Sự trông cậy theo truyền thống của hội thánh không phải là sự Cát Lên trước cơn Đại Nạn. Điều này chỉ mới bắt đầu khoảng 160 năm qua theo sự dạy dỗ của J. N. Darby.

Trả lời: Hội thánh Tân Ước vẫn chờ đợi Con Đức Chúa Trời từ trời đến. Các thánh đồ không biết khi nào Ngài sẽ đến vì vậy lúc nào họ cũng trông đợi Ngài.

Những lập luận nhằm vào điều bất cứ con người nào đã dạy hoặc không dạy được gọi là *ad hominem* (về con người) và được coi là không liên quan đến vấn đề chúng ta đang nói. Vấn đề ở đây là "Kinh Thánh dạy gì?", chứ không phải là "người này hoặc người kia đã dạy gì?"

10. Tiếng kèn chót trong I.Côrinthô 15:52 và tiếng kèn của Chúa (I.Têsalônica 4:16) đi liền với sự Cát Lên và cũng là tiếng kèn thứ bảy trong Khải Huyền 11:15. Bởi vì tiếng kèn thứ bảy thổi lên vào cuối cơn Đại Nạn khi "nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài", sự trở lại phải là sau cơn Đại Nạn.

Trả lời: Các tiếng kèn này không hoàn toàn giống nhau. "Tiếng kèn chót" cũng giống như "tiếng kèn của Đức Chúa Trời" công bố sự cất lên và bảo hiệu người tin Chúa được sống lại và được cất lên nhà Cha trên trời. Đó là "tiếng kèn chót" dành cho Hội Thánh. Tiếng kèn thứ bảy trong Khải Huyền 11:15 là tiếng kèn chót trong một loạt những sự đoán phạt trong cơn Đại Nạn. Đó là tiếng kèn chót dành cho người Ysraên không tin Chúa và dân ngoại không tin Chúa. "Tiếng kèn chót" trong I.Côrinthô 15:52 cũng được gọi là "tiếng kèn của Đức Chúa Trời" (I.Têsalônica 4:16) xảy ra trước cơn Đại Nạn. Tiếng kèn thứ bảy xảy ra vào cuối kỳ Đại Nạn.

11. Sự sống lại thứ nhất trong Khải Huyền 20:4,5 diễn ra vào cuối cơn Đại Nạn, chứ không phải trước đó bảy năm, như những người theo quan điểm rền Đại Nạn tuyên bố.

Trả lời: Sự sống lại thứ nhất không phải là một sự kiện riêng rẽ mà là một loạt sự kiện, bắt đầu bằng sự sống lại của Đấng Christ (I.Côrinthô 15:23). Giai đoạn tiếp theo là sự sống lại của người tin Chúa vào lúc Hội Thánh được cất lên. Giai đoạn thứ ba là sự sống lại của các thánh đồ cuối Cơn Đại Nạn vào lúc Chúa trở lại thế gian (Khải Huyền 20:4,5). Nói cách khác, sự sống lại lần thứ nhất bao gồm sự sống lại của Đấng Christ và tất cả những tín đồ thật, đầu là họ sống lại vào thời điểm nào. Hết thảy những người không tin Chúa sẽ sống lại vào cuối thời kỳ Một ngàn năm để ra trước Tòa Án Lớn Và Trắng (Khải Huyền 20:11-15).

12. Trong Mathiơ 13:24-30, lúa mì và cỏ lùng cùng lớn lên cho đến cuối thời kỳ, tức là cho đến cuối cơn Đại Nạn.

Trả lời: Đúng, nhưng ngụ ngôn này muốn nói đến nước thiên đàng chứ không phải Hội Thánh. Có những người thật và giả trong nước Chúa cho đến cuối kỳ Đại Nạn.

13. Sự Cát Lên không thể bị mất bởi vì sẽ có tiếng thiên sứ trường kêu lớn và tiếng kèn của Chúa (1.Tês. 4:16).

Trả lời: Dạy rằng sự cất lên là bí mật dựa trên sự kiện điều đó sẽ xảy ra trong chớp mắt (1 Côrinthô 15:52). Điều này sẽ kết thúc trước khi thế gian có cơ hội nhìn thấy bất cứ điều gì hoặc nhận biết điều gì đã xảy ra.

14. George Muller, Samuel Tregelles, Oswald Smith, và những người nổi tiếng khác đều giữ quan điểm hậu Đại Nạn.

Trả lời: Lập luận trên không chứng minh được gì cả. Từ trước đến nay, vẫn có những con người vĩ đại ở cả hai bên của vấn đề này.

15. Hầu hết những lời trích dẫn trong Tân Ước về việc Chúa trở lại đều nói đến việc Ngài đến trị vì.

Trả lời: Điều này không phủ nhận lẽ thật của sự Cát lên. Chỉ vì có nhiều lời trưng dẫn ám chỉ về thiên đàng nhiều hơn địa ngục trong Tân Ước không có nghĩa là không có địa ngục.

16. Hội Thánh sẽ không phải chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong cơn Đại Nạn, nhưng sẽ phải chịu cơn thịnh nộ của kẻ địch lại Đấng Christ hoặc cơn thịnh nộ của Satan.

Trả lời: Sáu lần trong sách Khải huyền, cơn thịnh nộ của kỳ Đại Nạn được coi là *cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời*.

"Lại, một vị thiên sứ khác, là vị thứ ba, theo sau, nói lớn tiếng mà rằng: nếu ai thờ phượng con thú cùng tượng nó, và chịu dấu nó ghi trên trán hay trên tay, thì người ấy cũng vậy, sẽ uống rượu *thạnh nộ* không pha của Đức Chúa Trời rớt trong chén thịnh nộ Ngài; và sẽ chịu đau đớn trong lửa và diêm ở trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con." (14:9,10).

"Thiên sứ quăng lưỡi liềm xuống đất, cắt vườn nho ở đất và ném nho vào thùng lớn *thạnh nộ của Đức Chúa Trời*" (14:19).

"Tôi thấy một điểm khác ở trên trời, vừa lớn vừa lạ: bảy thiên sứ cầm bảy tai nạn sau cùng, vì bởi các tai nạn này làm hết *cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời*" (15:1).

"Một con trong bốn con sanh vật ban cho bảy vị thiên sứ bảy cái bát bằng vàng đựng *đầy sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời*, là Đấng hằng sống đời đời" (15:7).

"Bấy giờ, tôi nghe một tiếng lớn từ trong đền thờ ra, phán với bảy thiên sứ rằng: hãy đi trút bảy bát *thạnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất*" (16:1).

"Thành phố lớn bị chia ra làm ba phần, còn các thành của các dân ngoại đều đổ xuống, và Đức Chúa Trời nhớ đến Babylon lớn đang cho nó uống chén rượu *thạnh nộ Ngài*" (16:19).

17. Khi Chúa Jesus phán: "Nầy ta đến mau chóng" (Khải Huyền

22:7,12,20) điều đó không có nghĩa là bất cứ thời điểm nào. Mà có nghĩa là Ngài sẽ đến bình bình.

Trả lời: Đây là một vấn đề còn tranh cãi đầu điều đó thật sự hàm ý "bình bình," vẫn có những câu như Hêbơơ 10:37: "Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu."

18. Đấng ngăn trở trong II.Têsalônica 2:6-8 không phải là Đức Thánh Linh mà là chính quyền Lamã hay quyền phép của Đức Chúa Trời.

Trả lời: Điều này đã được thảo luận trong ghi chú về đoạn này.

19. Sự đến của Đấng Christ không thể sắp xảy ra vào thời của các sứ đồ bởi vì cả Phierơ lẫn Phaolô đều biết rằng họ sẽ qua đời (Giăng 21:18,19; Phierơ 1:14,15; II.Timôthê 4:6).

Trả lời: Phaolô đôi khi nói về mình như là còn sống khi Chúa trở lại (I.Têsalônica 4:15) và đôi khi như thể ở giữa vòng những người tin Chúa sẽ qua đời và được sống lại (Phlíp 3:10,11). Đó là thái độ đúng đắn cho hết thấy chúng ta. Chúng ta trông mong Chúa đến trong đời mình, nhưng chúng ta nhận biết rằng mình có thể qua đời trước khi hội thánh được Cất Lên.

Phierơ tin rằng sự cuối cùng của muôn vật đã gần (I.Phierơ 4:7) và ông lên án những kẻ nhạo báng sự trở lại của Chúa bằng cách nói rằng "muôn vật vẫn còn y nguyên như lúc bắt đầu sáng thế" (II.Phierơ 3:4).

20. Việc Chúa đến không thể xảy ra vào bất cứ thời điểm nào bởi vì Tin Lành phải được rao truyền khắp thế gian trước khi Ngài đến (Mathiơ 24:14)

Trả lời: Điều này ám chỉ đến Tin Lành về nước Đức Chúa Trời (c.14) đã được truyền cho cả thế gian trong kỷ Đại Nạn. Các điều kiện của tin lành này là: "Hãy tin Chúa Jêsus thì người sẽ được cứu, và khi Đấng Christ đến, người sẽ bước vào Thiên Hạ Niên với Ngài." Cũng giống như sự cứu rỗi mà chúng ta rao giảng, nhưng cái nhìn của chúng ta hướng đến sự Cất lên. Nói cách khác, chúng ta nói: "Hãy tin Đức Chúa Jêsus Christ thì anh sẽ được cứu, và khi Chúa đến, anh sẽ được cùng Ngài trở về nhà Cha."

21. Những câu Kinh Thánh như Mathiơ 28:19,20 và Công vụ các Sứ đồ 1:8 nói đến tin lành được truyền ra cho "muôn dân" và cho đến "đầu cùng đất". Nếu như vậy thì Chúa không thể nào đến trong đời các sứ đồ.

Trả lời: Trong Côlôse 1:6,23, Phaolô nói rằng "cả thế gian" và "mọi vật dựng nên ở dưới trời", đã được nghe phúc âm. Trong Rôma 10:18, Tin Lành phải đi đến các đầu cùng đất. Tất nhiên chúng ta hiểu rằng những câu này ám chỉ thế giới được biết đến vào lúc đó, là các quốc gia kế cận Địa Trung Hải.

22. Các kế hoạch truyền giáo dài hạn của Phaolô, như được thấy trong Công vụ các Sứ đồ 18:21; 23:11; Rôma 15:22-25,30,31, cho thấy ông đã không mong đợi Chúa đến trong tương lai gần.

Trả lời: Các kế hoạch của Phaolô được đề ra, phục theo ý muốn của Chúa (Công vụ 18:21; Rôma 1:10; I.Côrinthô 4:19). Ông đã làm việc như thể Chúa không trở lại trong đời

minh, nhưng đã chờ đợi và thức canh như thể Ngài sẽ trở lại bất cứ lúc nào.

23. Phaolô nói đến thời kỳ đầy hiểm họa trong ngày sau rốt (I.Tim. 4:1-3; II.Tim. 3:1-5). Điều này giả định trước một thời điểm sa sút trong thời gian đó Chúa sẽ không đến.

Trả lời: Phaolô cũng đã nói về sự huyền nhiệm của điều gian ác hiện đang hành động (II.Têsalônica 2:7), và Giăng đã nói đó là "giờ cuối cùng" trong thời của ông (I.Giăng 2:18). Những người này đã không thấy có vấn đề gì ở đây khiến cho sự hy vọng về sự trở lại sắp xảy đến của Đấng Christ không thể xảy ra được.

24. Những ngụ ngôn như Mathiô 25:14-30 và Luca 19:11-27 giả định trước rằng một thời gian dài sẽ trôi qua trước khi Chúa trở lại. Vì vậy những tín hữu ban đầu không thể trông đợi Chúa đến bất cứ lúc nào.

Trả lời: Dường như những tín hữu ban đầu đã không đặt giáo lý của họ trên các ngụ ngôn bởi vì họ đã trông đợi Sự Cát lên! (I.Têsalônica 1:10). Nhưng ngoài điều đó, "lâu ngày" trong Mathiô 25:19 cũng quá mơ hồ để loại bỏ tính sắp xảy đến. Ngụ ngôn trong Luca dạy rằng nước trời không hiện ra ngay (Luca 19:11), nhưng điều này không loại trừ Sự Cát lên bất cứ lúc nào của Hội Thánh.

CHÚ THÍCH

¹(1:1) Còn (hoặc một lần nữa) một sự hội hiệp các Cơ Đốc nhân trong Tân Ước ở tại Têsalônica (ngày nay gọi là Saloniki).

²(1:5) E. W. Rogers, Concerning the Future, trang 80.

³(1:6) George William, the Student's Commentary on the Holy Scriptures, trang 948.

⁴(1:10) Cả bản cũ nhất (NU) và đa số các thủ bản đều có "trong những kẻ tin" ở đây, chắc chắn là cách hiểu đúng.

⁵(2:1) William Kelly, chưa có tài liệu tham khảo thêm.

⁶(2:2) "Chúa" (Kurios) là cách hiểu quan trọng (NU). Cách hiểu theo truyền thống Christos (TR) của bản KJ và NKJ (đôi khi) không được hậu thuẫn yếu. Ở đây là cách hiểu của đại đa số. Một số học giả hiểu "Ngày của Đấng Christ" ám chỉ đến giai đoạn bất bở cuối cùng, chỉ có thể bắt đầu khi người tội ác hiện ra. Một số những người Têsalônica đã nghĩ sai rằng giai đoạn này đã bắt đầu rồi. Bằng cách liên kết giai đoạn này với một sự kiện sau khi Hội Thánh được cất lên, Phaolô đã bác bỏ một cách hiểu quá quan điểm này.

⁷(2:3) Một số nhà thần học như J. Dwight Pentecost, dịch apostasia là "ra đi" và ám chỉ chính sự Cát lên. Nếu điều này hợp lý, đây là một câu chặt chẽ cho sự Cát lên tiền Đại Nạn.

⁸(2:3) "Tội ác" là cách hiểu theo bản TR và đại đa số; "nghịch lại luật pháp" là cách hiểu tối ưu.

⁹(2:4) Giới từ trong tiếng Hy Lạp (đây là một tiền tố) anti vừa có ý nghĩa "nghịch lại" và "trong chỗ của." Cả hai ý nghĩa này đều phù hợp với kể dịch lại Đấng Christ.

¹⁰(2:6) Tiếng Hy Lạp có một mạo từ trung tính và phân từ trong câu 6 và là một mạo từ giống đực và phân từ trong câu 7.

¹¹(2:5) Rogers, Future trang 65.

¹²(2:6) Đức Thánh Linh được nói đến ở dạng trung tính vì những lý do khác khe về mặt văn phạm (từ pneuma là trung tính). Giống đực được dùng để nhấn mạnh đến thân vị của Ngài.

¹³(3:5) Cả hai đều là những cách dịch hợp lý của danh từ sở hữu cách Christou ("của Đấng Christ" theo nghĩa đen). Bản KJ dịch như một sở hữu cách tức từ "của ngôi lời" nhận

được hành động được cho là của danh từ nó bổ nghĩa. Sở hữu cách chủ từ của bản NKJV để Đấng Christ là Đấng bày tỏ sự nhện nhục.

¹⁴(3:11) Các từ Hy Lạp là "không làm việc gì cả, ergazomenous (lãng xãng hoặc "hay xen vào". [Lưu ý gốc "erg" – công việc.]

SÁCH THAM KHẢO

Xem phần Thư mục ở cuối I.Têsalônica.

CÁC THƯ TÍN MỤC VỤ

Giới Thiệu

Các Thư Tín Mục Vụ đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Hội thánh Cơ Đốc, chứng minh đời sống việc chúng được kể vào bộ Kinh điển Tân Ước là đúng. Sự lôi cuốn của các thư tín này nằm nơi sự kết hợp những lời khuyên thực tiễn đúng đắn với những tuyên bố mang tính thần học, được chứng minh là vô giá đối với các cá nhân và tập thể Cơ Đốc.

Donald Guthrie

I. Ý Nghĩa Của Thuật Ngữ "Thư Tín Mục Vụ"

Kể từ thập niên 1700, các sách I & II.Timôthê, và Tit được gọi là "Các Thư Tín Mục Vụ." Lời mở tả này sai lạc hoặc bổ ích tùy thuộc vào cách ta hiểu.

Nếu tên gọi ấy gợi lên ý tưởng các Thư Tín này chứa đựng những đề nghị thực tiễn về cách chăm sóc bảy chiền của Chúa, nó phục vụ tốt cho mục đích ấy.

Tuy nhiên, nếu nó khiến ta nghĩ rằng Timôthê và Tit, theo thứ tự, được đưa vào hàng giáo phẩm (mục sư ngày nay) của hội thánh ở tại Êphêso và Corêt, thì bạn đã lầm.

Các bản Kinh Thánh King James cũ hơn có những lời không được thần cảm chưa bên dưới ở cuối Thư tín làm cho sai lầm lịch sử này trở nên đáng tin hơn. Ví dụ, cuối sách II.Timôthê có lời không được thần cảm thêm vào như sau:

Là thư thứ nhì gởi cho Timôthê, người được phong làm giám mục đầu tiên của hội thánh Êphêso, được viết từ Rôma, khi Phaolô ra trước Nêrô lần thứ nhì.

Và ở cuối sách Tit là lời giải thích:

Thư này được viết cho Tit, được phong làm vị giám mục đầu tiên của

Hội Thánh Corêt, từ Nicôbôli xứ Maxêdoan.

Albert Barnes, bản thân là một người thuộc hàng giáo phẩm, khó bị lên án là có thành kiến khi ông nhận xét:

Không có bằng chứng cho thấy Tit là vị giám mục đầu tiên của hội thánh tại đó. Hay là người đầu tiên danh từ giám mục được áp dụng cho đúng theo ý nghĩa của Kinh Thánh. Thật vậy, có bằng chứng rõ ràng cho thấy ông không phải là người đầu tiên, bởi vì Phaolô đã ở đó với ông, và Tit đã bị "bỏ lại" ở đó để hoàn tất điều ông đã bắt đầu.

Hoàn toàn không có bằng chứng cho thấy Tit là "giám mục" ở đó theo nghĩa tổng giám mục của thuật ngữ này, hoặc thậm chí là một mục sư được lập.

Những lời phê chuẩn này hoàn toàn thiếu thẩm quyền và đầy sai lầm. bị loại khỏi các bản Kinh Thánh là đúng nếu không nói là quá trễ. Chúng không có phần gì trong tác phẩm được thần cảm, mà chỉ có tính "ghi chú và phê bình," không ngừng gây ra, có lẽ rất nhiều, sự hiểu lầm lẫn lộn. Ý tưởng cho rằng Timôthê và Tit là những "tổng giám mục," Timôthê của thành Êphêso và Tit của thành Corêt, dựa

vào những lời vô giá trị này nhiều hơn bất cứ điều gì trong chính các thư tín. Thật vậy, không có bằng chứng gì về điều đó trong các thư tín, và nếu loại bỏ các lời phê chuẩn này, không ai đọc Tân Ước mà cho rằng họ đã từng giữ chức vụ ấy.¹

May mắn thay, những lời phê chuẩn ấy cuối cùng đã bị loại khỏi các bản Kinh Thánh Tân Ước hiện nay, nhưng sai lầm chúng đã truyền bá thật khó mất đi.

Timôthê và Tit đã được Sứ đồ Phaolô cử đến các hội thánh với các sứ mạng tạm thời, dạy dỗ những người tin Chúa, và dặn họ coi chừng các giáo sư giả.

Bởi vì hầu như tất cả các học giả Kinh Thánh đều đồng ý rằng đây là ba bức thư xuất phát từ cùng một giai đoạn và do cùng một bàn tay, chúng ta sẽ nói đến xuất xứ và tính xác thực như một đơn vị.

II. Nguồn Tác Giả

Mãi đến năm 1804, khi Schmidt phủ nhận Phaolô đã viết các Bức thư này, toàn thể hội thánh và ngay cả những người không tin Chúa đều thừa nhận chúng là các Bức Thư thật của vị đại sứ đồ.

Từ lúc ấy, ngày càng có nhiều người gọi các sách ấy là "ngụy kinh" mặc dầu có nội dung "tin kính" [như thể sự giả trá có thể đi chung với lòng mộ đạo chân thành!]. Hầu hết những người thuộc phái tự do và một số người thuộc khuyh hướng bảo thủ khác gặp khó khăn trong việc thừa nhận các sách này thật sự của Phaolô hay ít nhất hoàn toàn của ông. Vì có sự dạy dỗ rất quan trọng

về cách hướng dẫn một hội thánh và những giáo lý quan trọng khác - bao gồm lời cảnh báo về tà giáo và sự vô tín trong những ngày sau rốt - chúng tôi cảm thấy cần phải nêu chi tiết về tính xác thực của các thư tín này hơn bất cứ sách nào khác, trừ II.Phiêrô.

III. Bằng Chứng Ngoại Tại

Bằng chứng ngoại tại của các Thư Tín Mục Vụ này rất mạnh mẽ. Thật vậy, nếu đây là tiêu chuẩn duy nhất để chấp nhận hoặc bác bỏ thì chúng chiến thắng không cần tranh cãi.

Irenaeus là tác giả đầu tiên được biết đã trực tiếp trưng dẫn các Thư tín này. Tertullian và Clement người Alexandria đã quy các thư tín này cho Phaolô, như đã làm với bộ Kinh điển Muratorian. Các giáo phụ đầu tiên, những người dường như đã biết các Bức Thư này, có Polycarp và cả Clement thành Rôma.

Theo Tertullian, Marcion không đưa ba Sách này vào "bộ kinh" của ông. Đây có lẽ không phải là quyết định thực sự chống lại tính xác thực của sách nhiều bằng chứng lại các nội dung của chúng. Marcion là loại người lãnh đạo tà giáo bực tức những lời công kích gay gắt của Phaolô chống lại Tri Huệ giáo còn trong phôi thai (xem Phần Giới Thiệu sách Côtôse) được đưa vào các Thư Tín Mục Vụ. Các câu Kinh Thánh mà kẻ tà giáo bài Do thái này đặc biệt không thích là I.Timôthê 1:8; 4:3; 6:20 và II.Timôthê 3:16,17.

IV. Bằng Chứng Nội Tại

Hầu như tất cả những tấn công chống lại việc Phaolô viết các Thư Tín

Mục Vụ này đều dựa trên chứng cứ giả định về sự mâu thuẫn *bên trong* các Thư Tín này.

Ba bằng chứng chủ yếu được khẳng định: về mặt lịch sử, về mặt giáo hội, và về mặt ngôn ngữ. Chúng ta sẽ xem xét và giải thích vấn đề từng điều trong ba nạn đề này.

Nạn đề lịch sử. Một số các sự kiện và con người trong các sách này không khớp với sách Công vụ hoặc sự hiểu biết của chúng ta về chức vụ của Phaolô trong các Thư Tín khác. Việc Phaolô để Trôphim đau ốm ở tại Milê và áo choàng cùng với sách vở ông ở tại Trôách không khớp với các cuộc hành trình đã được biết đến của ông.

Đây là một lập luận để bị phản bác. Đúng là chúng không khớp với sách Công vụ; vì không *cần* phải khớp. Philip 1:25 cho thấy Phaolô đang đợi được phóng thích, và lời truyền khẩu Cơ Đốc nói rằng ông đã được thả và thi hành chức vụ vài năm trước khi bị bỏ tù trở lại và bị chém đầu. Vì vậy, những sự kiện, bạn hữu, và những kẻ thù được nhắc đến trong các Sách Mục Vụ này thuộc một giai đoạn truyền giáo *giữa* hai lần bị cầm tù.

Nạn đề về mặt giáo hội. Có lời cho rằng việc tổ chức hội thánh là quá muộn cho Phaolô - thế kỷ thứ hai, thật vậy. Mặc dù đúng là các giám mục, trưởng lão và các chấp sự được luận đến trong các Thư Tín Mục Vụ, không có bằng chứng cho thấy họ là kiểu giám mục thuộc chế độ "quần chủ" của thế kỷ thứ hai và các thế kỷ sau đó. Thật ra, Philip 1:1, một thư tín sớm hơn, nhắc đến các giám mục (người coi sóc)

ở số nhiều tại một hội thánh, chứ không phải một giám mục trên mỗi hội thánh, hoặc thậm chí hệ thống muộn hơn, một giám mục trên một số hội thánh. Cũng vậy từ *trưởng lão* và *giám mục* được sử dụng thay đổi nhau trong Timóthê và Tit, trong khi vào đầu vào thế kỷ thứ hai, với sự khích lệ bên đỡ từ Ignatius, một "giám mục" đã được chọn ra trên những người khác như là "trưởng lão."

Vì vậy, sự dạy dỗ hết sức cơ bản về những người lãnh đạo hội thánh, rõ ràng gợi lên thời kỳ *sử đồ*, chứ không phải thế kỷ thứ hai.

Sự tranh cãi về mặt ngôn ngữ. Tấn công mạnh mẽ nhất đặt cơ sở trên khác biệt về văn phong và từ vựng giữa ba Thư tín này với mười thư tín khác được công nhận là của Phaolô. Một số những từ và thành ngữ Phaolô ưa thích không thấy ở đây, và nhiều từ không được dùng trong các Thư Tín khác của ông lại có ở đây (36% từ mới). Phương pháp thống kê được tiến hành để "chứng minh" Phaolô "không thể" viết các thư tín này. (Cùng phương pháp không thừa nhận các bài thơ của Shakespeare với các kết quả tương tự: âm tình.)

Phải thừa nhận là ở đây có những *nạn đề thực sự*. Bởi vì những lập luận này dường như hoàn toàn không dựa trên thành kiến chống lại sự dạy dỗ đúng Kinh Thánh không được ưa chuộng. (Tuy nhiên, những kẻ bội đạo trong ngày sau rốt, là kẻ bị tấn công trong các Thư Tín này, đã làm điều ngược nhiên, giống hệt một số học giả, cứ nhất định Phaolô không phải là tác giả các sách ấy.)

Trước hết, điều quan trọng phải nhớ rằng các Bức thư này là của một người đã lớn tuổi đang đối diện với sự chết, một người đã đi đây đó rất nhiều và có nhiều bạn hữu mới từ khi ra khỏi tù (H.Timôthê được viết từ lần bị cầm tù thứ nhì của ông). Ai cũng tăng thêm vốn từ khi có tuổi, đọc nhiều, đi lại và giao tiếp với những người mới.

Thứ hai, chúng ta phải nhận ra chủ đề của các thư tín này - các chức vụ trong hội thánh, đạo đức học, và sự bội đạo - tự động đòi hỏi những từ mới.

Các thư tín này cũng quá ngắn để sử dụng phương pháp thống kê chính xác. Có lẽ điều đáng kể nhất, 80% từ vựng Tân Ước chỉ xuất hiện trong các Thư Tín Mục Vụ được tìm thấy trong Cựu Ước Hy văn (bản LXX), như Guthrie nói trong *phần mở đầu* của ông. Bởi vì Phaolô giảng dạy bằng tiếng Hylạp, tất nhiên ông biết Kinh Thánh Cựu Ước bằng ngôn ngữ đó thông thạo như ngôn ngữ Hybà gốc. Nói ngắn gọn, những từ mà Phaolô được khẳng định đã dùng ít ra cũng là một phần "vốn từ được công nhận" của ông. Các giáo phụ của hội thánh sử dụng Hyvăn như ngôn ngữ hàng ngày của họ thấy không có vấn đề trong xuất xứ Phaolô về Các Thư Tín Mục Vụ. (Việc một số người *đã làm* như vậy đối với người Hêbơrơ cho thấy họ nhạy cảm đối với văn phong của tác giả).

Đưa tất cả giải đáp của các tranh luận này lại với nhau, đặc biệt khi hiệp với sự công nhận cổ xưa và của mọi tín hữu chính thống tin các bức thư này là từ chính tay Phaolô, chúng ta cũng có thể thừa nhận đúng như vậy với lượng

tâm thanh sạch. Thật ra nội dung *mang tính đạo lý* cao quý của các Thư Tín này đã loại trừ kẻ giả mạo, "mộ đạo" hoặc những điều khác. Đây là những lời được thần cảm của Đức Chúa Trời (H.Tim. 3:16,17) được truyền đạt qua Sứ đồ Phaolô.

V. Bối Cảnh Và Chủ đề

Thật lòng mà nói, chúng ta không biết nhiều về bối cảnh cuộc đời Phaolô trong giai đoạn này qua các Thư này. Điều tốt nhất chúng ta có thể làm là nối ráp những câu mang tính tiểu sử được tìm thấy trong bản thân các bức thư, những câu ấy cũng hết sức khái quát.

Có một số từ ngữ và chủ đề thường xuyên xuất hiện trong các Thư Tín này khiến chúng ta hiểu các chủ đề ngày càng làm Phaolô bận tâm khi chức vụ ông đến hồi kết thúc.

Đức tin là một trong các từ đặc trưng đó. Khi hiểm họa của tình trạng bội đạo ngày càng gia tăng, Phaolô tìm cách nhấn mạnh rất nhiều giáo lý Cơ Đốc quan trọng đã được ban truyền cho các thánh đồ. Ông mô tả những thái độ khác nhau mà con người đã từng có hoặc sẽ có đối với đức tin.

1. Một số người đức tin bị chìm đắm (I.Tim 1:19).
2. Một số người sẽ bỏ đức tin (I.Tim 4:1)
3. Một số người chối bỏ đức tin (I.Tim 5:8).
4. Từ bỏ đức tin ban đầu của họ (I.Tim 5:12).
5. Một số người sai lạc khỏi đức tin (I.Tim 6:10).
6. Một số người thất bại... trong đức tin (I.Tim 6:21).

Cụm từ *đạo lành* được nhắc đến thật rõ ràng. "Lành" ở đây hàm ý tính đúng đắn hoặc chính thống nhiều hơn. Có nghĩa là sự khỏe mạnh hoặc đem lại sức khỏe. Đây là một từ mà bởi đó có chữ "vệ sinh" (hygiene). Ở đây tất nhiên là sự vệ sinh thuộc linh. Lưu ý những điều sau đây:

Đạo lành (I.Tim 1:10; II.Tim 4:3; Tit 1:9; 2:1).

Lời có ích (lành mạnh) (I.Tim 6:3).

Những sự dạy dỗ có ích (các lời lành) (II.Tim 1:13).

Đức tin vẹn lành (Tit 1:13; 2:2).

Nói năng phải lời (lời lành) (Tit 2:8).

Từ *lượng tâm* được đề cập sáu lần, như sau:

I.Tim 1:5,19; 3:9; 4:2

2 Tim. 1:3

Tit 1:15

Sự tin kính được nhấn mạnh như là một bằng chứng thực tiễn về tình lành mạnh trong sự dạy dỗ của một người. I.Tim 2:2,10; 3:16; 4:7,8; 5:4; 6:3, 5,6,11; II.Tim. 3:5 (chỉ là hình thức tin kính bề ngoài); 3:12; Tit 1:1; 2:12.

Tiết độ hay *điều độ* là những phẩm tánh vị sự đó cảm thấy người phụ tá trẻ tuổi của mình đáng phải traу đối. I.Tim 2:9,15; 5:6,8; II.Tim. 3:2,11; Tit 1:8; 2:2,4,6,12.

Chúng ta cũng nên lưu ý nhiều điều *tốt lành* mà vị sự đó đề cập:

Lượng tâm tốt (I.Tim 1:5,19).

Luật pháp là tốt lành (I.Tim 1:8).

Đánh trận tốt lành (I.Tim 1:18).

Cầu nguyện là tốt lành (I.Tim 2:3).

Việc lành (I.Tim 2:10; 3:1; 5:10,25; 6:18; II.Tim 2:21; 3:17; Tit 1:16; 2:7,14; 3:1,8,14)

Cách cư xử tốt (I.Timôthê 3:2 có tài tri trong bản Kinh Thánh Việt Nam.)

Lời chứng tốt (I.Timôthê 3:7)

Vị trí tốt (I.Timôthê 3:13 bực cao trọng trong bản Kinh Thánh Việt Nam).

Mọi vật Đức Chúa Trời đã dựng nên đều là tốt lành (I.Timôthê 4:4).

Kể giúp việc ngay lành (I.Tim 4:6).

Đạo lý lành (I.Tim 4:6).

Hiếu thảo là điều tốt lành (I.Tim 5:4).

Chiến trận tốt lành của đức tin (I.Tim 6:12; II.Tim 4:7).

Sự làm chứng tốt (I.Tim 6:13).

Nền tốt (I.Tim 6:19)

Điều phó thác tốt lành (II.Tim 1:14; Tit 2:3; 3:8).

Một người lính giỏi (II.Tim 2:3).

Người lành (II.Tim 3:3; Tit 1:8; 2:5).

Lòng trung thành trọn vẹn (Tit 2:10).

Nghiên cứu tứ thú vị sau cùng liên quan đến các thuật ngữ về y khoa được tìm thấy trong các bức thư này. Một số người cho rằng điều này phản ánh bác sĩ Luca là người bạn đồng hành thân thiết của Phaolô vào lúc này. Chúng ta đã đề cập rằng từ "lành" có nghĩa là đem lại sự khỏe mạnh và được sử dụng để mô tả sự dạy dỗ, lời nói, và đức tin.

Trong I.Tim 4:2, Phaolô nói đến một lượng tâm đã li. "Li" có nghĩa là bị đốt hoặc trui bằng một dụng cụ nóng.

Cụm từ "có bệnh hay gạn bởi" ám chỉ những người mắc bệnh, là bệnh tật về tâm trí (I.Tim 6:4).

"Ung thư" ("chùm bao" trong bản KT Việt) trong II.Tim 2:17 được dịch là bệnh "hoại tử" trong Bản Nhuận Chánh (từ Hy Lạp là gốc của từ hoại tử).

"Êm tai" (1.Tim 4:3) là một cụm từ chót được Phaolô sử dụng trong chẩn đoán của ông về các trường hợp làm sàng trong thời sau rốt này.

Với bối cảnh đó, bây giờ chúng ta hãy quay sang Thư Tin thứ nhất gửi cho Timôthê để nghiên cứu nội dung từng câu một.

THƠ THỨ NHẤT GỬI CHO TIMÔTHÊ

Giới Thiệu

"Thư tin này trao cho Timôthê vài bằng chứng về quyền ủy nhiệm để hành động với tư cách người đại diện vị sứ đồ. Vì vậy, nếp sống cá nhân và những sinh hoạt của chính Timôthê hoàn toàn chiếm phần lớn bức thư."

D. Edmond Hebert

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Kể nào cướp Các Thư Tin Mục Vụ khỏi Hội thánh, là các Bức thư đích thực của vị đại sứ đồ Phaolô, sẽ thật sự gây tổn hại nghiêm trọng đến đức tin. Chúng ta ngỡ rằng nạn đề chính của họ thực ra không nằm ở chỗ có quá nhiều cái gọi là "từ vựng không đúng của Phaolô" bởi vì những lời này vẫn thường được viết theo đúng cách của Phaolô! Lời ấy lên án trước chính điều mà một số họ đang làm và dạy.

Lẽ thật, vẻ đẹp, và sức mạnh thuộc linh của sách I.Timôthê đến với bất cứ ai suy gẫm sách đúng ý nghĩa của nó và không bị định kiến. Thật vậy, nhiều người bác bỏ xuất xứ Phaolô cảm nhận điều đó mạnh mẽ đến nỗi buộc phải cho rằng những mảnh thư thật của Phaolô đã được đan xen vào trong tác phẩm xuất sắc bị coi là giả mạo này! Ví dụ, nhà hoài nghi người Pháp trong thế kỷ trước, Ernest Renan, viết rằng: "Có những câu trong các thư tin này tuyệt vời đến mức chúng ta không thể không thắc mắc, lẽ nào kẻ giả mạo không có trong tay một số bức thư ngắn xác thực của Phaolô, là điều hán đã đưa vào trong tác phẩm giả ngụy của mình." ¹

Đơn giản hơn biết bao khi chấp nhận sự dạy dỗ hầu như của mọi người trong hội thánh từ ban đầu rằng các thư tin này - toàn bộ - là "những bức thư ngắn xác thực của Phaolô"!

Sự mặc khải hết sức quan trọng về thứ tự của hội thánh, về công tác của phụ nữ, và các chức vụ của hội thánh được tìm thấy trong I.Timôthê. Người của Đức Chúa Trời phải sống như thế nào được vạch ra chi tiết rõ ràng bởi một gương mẫu xuất sắc, là chính Phaolô.

II. Quyển Tác Giả

Xem phần giới thiệu Các Thư Tin Mục Vụ để có lời luận về xuất xứ của I.Timôthê.

III. Thời Điểm Viết

Hầu như tất cả những nhà bảo thủ đều đồng ý rằng I.Timôthê là Thư Mục Vụ thứ nhất được viết ra, Tít thì không lâu sau đó và 2.Timôthê ngay trước khi Phaolô qua đời. Nếu Phaolô được phóng thích khỏi nhà giam vào năm 61 Sau Chúa, xét đến các chuyến lưu hành của ông, một niên đại giữa năm 64 và 66 được chỉ ra. Thư tin này có lẽ đã được viết từ Hylap.

IV. BỒI CẢNH VÀ CHỦ ĐỀ

Chủ đề của 1.Timôthê được trình bày khá rõ qua 3:14,15:

Ta mong mau mau đến thăm con, nhưng viết thư này, phòng ta có chậm đến, thì con biết làm thế nào trong nhà Đức Chúa Trời, tức là Hội thánh của Đức Chúa Trời hằng sống, trụ và nền của lễ thật vậy.

Ở đây Phaolô nói rõ rằng có một tiêu chuẩn hành xử dành cho hội thánh Đức Chúa Trời và ông muốn viết cho Timôthê để giúp Timôthê biết rõ điều đó.

Bảo một đứa trẻ cư xử xấu rằng: "Hãy cư xử cho phải phép!" thì chưa

đủ, nếu như đứa trẻ chưa biết điều cần phải làm để có cách cư xử tốt. Trước hết, nó phải biết cư xử tốt là thế nào. 1Timôthê dạy điều đó cho con cái Chúa liên hệ tới hội thánh Đức Chúa Trời.

Tóm tắt lướt qua vài đoạn sẽ hậu thuẫn cho chủ đề được phác thảo ở trên. Đoạn 2 cho chúng ta biết cách cư xử đó là gì liên quan đến sự cầu nguyện chung và vai trò của phụ nữ trước mặt mọi người. Đoạn 3 trình bày những yêu cầu dành cho những người sẽ nắm giữ các vị trí trách nhiệm và vai trò lãnh đạo trong hội thánh. Đoạn 5 nhấn mạnh trách nhiệm của hội thánh đối với các bà góa.

BỔ CỤC**I. LỜI CHÀO THĂM (1:1,2)****II. HUẤN THỊ CỦA PHAOLÔ DÀNH CHO TIMÔTHÊ (1:3-20)**

A. Huấn Thị Để Bịt Miệng Các Giáo Sư Giả (1:3-11)

B. Cấm Tạ Ân Điện Chân Thật Của Đức Chúa Trời (1:12-17)

C. Trình Bày Lại Các Huấn Thị Cho Timôthê (1:18-20)

III. NHỮNG CHỈ THỊ LIÊN QUAN ĐẾN NẾP SỐNG CỦA HỘI THÁNH (2:1-3:16)

A. Về Sự Cầu Nguyện (2:1-6)

B. Về Những Người Nam và Người Nữ (2:8-15)

C. Về Các Trưởng Lão và Các Chấp Sự (3:1-13)

D. Về Cách Cư Xử Trong Hội Thánh (3:14-16)

IV. TÌNH TRẠNG BỘI ĐẠO TRONG HỘI THÁNH (4:1-16)

A. Cảnh Báo Về Tình Trạng Bội Đạo Sắp Xảy Đến (4:1-5)

B. Những Chỉ Thị Rõ Ràng Trước Viễn Cảnh Bội Đạo Sắp Xảy Đến (4:6-16)

V. NHỮNG HUẤN THỊ CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC TẦNG LỚP TÍN HỮU KHÁC NHAU (5:1-6:2)

A. Các Nhóm Tuổi Khác Nhau (5:1,2)

B. Các Bà Góa (5:3-16)

C. Các Trưởng Lão (5:17-25)

D. Tới Tớ và Chủ (6:1,2)

VI. CÁC GIÁO SƯ GIẢ VÀ KÈ HAM MÊ TIẾN BẠC (6:3-10)**VII. NHỮNG LỜI RĂN BẢO KẾT THÚC DÀNH CHO TIMÔTHÊ (6:11-21)**

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THÂM (1:1,2)

1:1 Phaolô trước hết tự giới thiệu mình là **sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ**. Sứ đồ là "người được sai phái," vì vậy Phaolô chỉ muốn nói rằng ông đã được Đức Chúa Trời chỉ định vào công tác truyền giáo. Thấm quyền của Phaolô là **bởi vâng mạng Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta, và vâng mạng Đức Chúa Jêsus Christ là sự trông cậy chúng ta**. Điều này nhấn mạnh rằng Phaolô không tự mình chọn chức vụ này như một phương tiện để sinh sống; ông cũng không được bổ nhiệm vào công tác này bởi loài người. Ông đã có sự kêu gọi dứt khoát từ nơi Đức Chúa Trời để rao giảng, dạy dỗ, và chịu khổ. Trong câu này, **Đức Chúa Trời**, là Cha được gọi là **Cứu Chúa chúng ta**. Thông thường trong Tân Ước, Chúa Jêsus được gọi là Chúa Cứu Thế. Nhưng không có sự mâu thuẫn. Đức Chúa Trời là **Cứu Chúa** của loài người với ý nghĩa Ngài muốn họ được cứu rỗi. Ngài đã ban Con Ngài để hoàn thành công tác cứu chuộc, và Ngài ban sự sống đời đời cho tất cả những ai lấy đức tin tiếp nhận Chúa Jêsus. Đấng Christ là Chúa Cứu Thế Jêsus với ý nghĩa Ngài đã bước lên thập tự giá và hoàn tất công tác cần thiết để Đức Chúa Trời có thể cứu những tội nhân gian ác theo đúng lẽ công bình.

Ở đây, Đức Chúa Jêsus Christ được gọi là **sự trông cậy của chúng ta**. Điều này khiến chúng ta nhớ đến Côlôse 1:27: "Đấng Christ ở trong anh em, là sự trông cậy về vinh hiển." Trông cậy duy nhất của chúng ta về thiên đàng

được tìm thấy qua Thân Vị và công lao của Chúa Jêsus. Thật vậy, tất cả những viên ảnh tươi sáng trong Kinh Thánh được bày ra cho chúng ta chỉ thuộc về chúng ta nhờ mối liên hiệp của chúng ta với Chúa Jêsus Christ.

Lưu ý thêm Êphêso 2:14, Đấng Christ là sự hòa hiệp của chúng ta và Côlôse 3:4, Ngài là sự sống của chúng ta. Đấng Christ là sự hòa hiệp của chúng ta liên quan đến vấn đề tội lỗi chúng ta trong quá khứ. Đấng Christ là sự sống của chúng ta liên quan đến vấn đề quyết phép cho hiện nay; và Đấng Christ là sự trông cậy của chúng ta, liên quan tới vấn đề giải cứu trong tương lai.

1:2 Bức Thư này được gửi cho **Timôthê**, được mô tả là **con thật trong đức tin (trong lãnh vực đức tin)**. Điều này có thể cho thấy Timôthê đã được cứu qua vị sứ đồ này, có lẽ trong chuyến thăm đầu tiên của Phaolô đến Littrê (Công. 14:6-20). Nhưng cảm nhận chung trong Công vụ thì Timôthê đa là một môn đồ rồi khi gặp Phaolô lần đầu (Công. 6:1,2). Trong trường hợp này cụm từ **con thật trong đức tin** hàm ý rằng Timôthê bày tỏ cùng những phẩm tính thuộc linh và đạo đức như Phaolô; ông là một con cái thật của vị sứ đồ bởi vì ông bộc lộ cùng một tâm tánh.

Stock nói rằng: "Phước cho nhân sự Cơ Đốc trẻ tuổi nào có được một vị lãnh đạo như vậy, và phước cho vị lãnh đạo Cơ Đốc nào 'có bao tên mình đầy' những con cái thật như vậy."

Lời chào thăm bình thường trong các Bức Thư Tân Ước là "ân điển và sự bình an." Trong I & II.Timôthê, Tit và

II. Giảng, lời chào thăm này được mở rộng thành **ân điển, lòng thương xót, và sự bình an**. Tất cả các Thư Tín này đều được viết cho những cá nhân thay vì các hội thánh, và điều đó giải thích cho việc có thêm sự **thương xót**.

Ân điển hàm ý toàn bộ nguồn cung ứng thiên thượng cần thiết cho đời sống và sự hầu việc của người Cơ Đốc. **Sự thương xót** nói đến sự chăm sóc yêu thương và bảo vệ của Đức Chúa Trời dành cho những kẻ khó khăn và hay thất bại. **Sự bình an** hàm ý sự bình tĩnh nội tâm có được nhờ nương dựa Chúa. Ba phúc hạnh này đến từ **Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta**. Thần thánh của Đấng Christ được hàm ý trong câu này, qua đó Phaolô muốn nói Ngài đồng đẳng với Đức Chúa Cha. Cụm từ **Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta** nhấn mạnh tư cách Chúa tể của Đấng Christ. Trong khi từ "Chúa Cứu Thế" xuất hiện hai mươi bốn lần trong Cựu Ước, từ "Chúa" xuất hiện 522 lần. Chúng ta phải ứng dụng cho được những thống kê quan trọng này cho mình.

II. CHỈ THỊ CỦA PHAOLÔ DÀNH CHO TIMÓTHÊ (1:3-20)

A. Chỉ Thị Về Đời Miệng Các Giản Sơ Già (1:3-11)

1:3 Dường như có khả năng sau lần bị giam giữ thứ nhất tại Rôma, Phaolô đã cùng Timôthê đến thăm Êphêsô. Khi Phaolô đi tiếp đến Maxêđoan, ông đã truyền cho Timôthê ở lại Êphêsô một thời gian để dạy lời Đức Chúa Trời và cảnh báo các Cơ Đốc Nhân coi chừng các giáo sư giả. Từ Maxêđoan, dường

như Phaolô đã đi về phía nam Côrintô, và có lẽ chính từ thành phố này ông đã viết bức thư đầu tiên này cho Timôthê. Trong câu 3, vị sứ đồ thật ra muốn nói rằng: "**Cũng như trước đây ta đã truyền dạy con cứ ở lại Êphêsô khi ta đi sang xứ Maxêđoan, nay ta đang nhắc lại những huấn thị đó.**" Đừng vì đó mà hiểu rằng Timôthê đã được chỉ định làm mục sư hội thánh Êphêsô. Câu này không có ý đó. Song, ông có mặt ở đó vì một sứ mạng tạm thời, truyền cho những người được chỉ định trong hội thánh chỗ **truyền dạy** những đạo giáo trái với đức tin Cơ Đốc hoặc thêm vào những giả định. Các giáo lý giả chủ yếu bị nghi ngờ là tinh thần duy luật pháp và Tri huệ giáo. Chính vì sợ Timôthê bị cám dỗ trốn tránh các nan đề này, Phaolô muốn bảo ông hãy ở yên trong chức vụ.

1:4 Timôthê cũng được khuyên phải **truyền bảo** những người ấy đừng lưu tâm đến **phù ngôn và gia phả vô cùng**. Thật không rõ những **phù ngôn và gia phả** này là gì. Một số người nghĩ chúng có liên quan đến những truyền thuyết đã từng nổi lên giữa vòng một số các giáo sư Do thái. Người khác cho rằng chúng ám chỉ đến các huyền thoại và sự phát sinh của Tri huệ phái. Thật thú vị để lưu ý các tà giáo ngày nay cũng có cùng đặc trưng. Nhiều câu chuyện tưởng tượng nổi lên về những người sáng lập các tôn giáo giả, các gia phả giữ một vị trí quan trọng trong giáo phái Mormon.

Những đề tài vô ích như vậy chỉ làm đầy lên trong tâm trí con người những tranh cãi và nghi ngờ, chứ chẳng đem

lại sự mở mang công việc của Đức Chúa Trời, là công việc được trọn bởi đức tin. Toàn bộ chương trình cứu chuộc được hoạch định bởi Đức Chúa Trời, không dấy lên nghi ngờ và sự cãi lầy, nhưng sanh ra đức tin trong lòng người. Những người ở tại hội thánh Êphêsô chờ lưu tâm đến các đề tài vô bổ như là phù ngôn và gia phả, mà phải tận hiến cho những lẽ thật quan trọng của đức tin Cơ Đốc, là điều sẽ chứng minh là phước hạnh cho loài người và sẽ cảm thúc cho đức tin thay vì nghi ngờ.

1:5 Có lẽ điều quan trọng nhất cần phải hiểu trong câu này là sự răn bảo (commandment) không ám chỉ luật pháp Môise hay Mười Điều Răn mà ám chỉ lời khuyên trong câu 3 và 4. Điều này được tỏ rõ: "Mục đích của sự răn bảo, ấy là sự yêu thương..." Ý Phaolô muốn nói mục tiêu hay mục đích của chỉ thị ông vừa ban cho Timôthê không những chỉ trình bày về chánh giáo mà phải có tình yêu thương, bởi lòng linh sạch, lương tâm tốt, và đức tin thật mà sanh ra. Hễ khi nào Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời được rao giảng, thì luôn kéo theo những điều này.

Tình yêu thương chắc chắn bao gồm tình yêu đối với Chúa, tình yêu đối với anh em cùng đức tin, và tình yêu đối với thế gian nói chung. Tình yêu này phải xuất phát từ lòng linh sạch. Nếu đời sống bên trong bị ô uế, thì tình yêu Cơ Đốc chân thật khó mà lưu xuất từ tấm lòng ấy. Tình yêu này cũng phải là sản phẩm phụ của một lương tâm tốt, tức là lương tâm không làm buồn Đức Chúa Trời và loài người. Sau cùng, tình yêu ấy phải là kết quả của đức tin thật

(theo nghĩa đen, "không giả hình"), là đức tin không mang mặt nạ.

Những sự dạy dỗ sai lạc không thể sinh ra những điều Phaolô liệt kê và chắc chắn không bao giờ là kết quả của các phù ngôn và gia phả vô cùng! Chỉ có sự dạy dỗ của ân điển Đức Chúa Trời mới dẫn đến lòng linh sạch, lương tâm tốt và đức tin thật, và do đó, dẫn đến tình yêu thương.

Câu 5 cho chúng ta cách thử nghiệm mọi sự dạy dỗ chân thật, đó là, sự dạy dỗ ấy có sinh ra các kết quả này không?

1:5 Có một số người đã xây bỏ những điều ấy, tức là bỏ đi tấm lòng tinh sạch, lương tâm tốt và đức tin thật. Cụm từ xây bỏ có lẽ hàm ý họ không nhắm đúng mục tiêu hoặc không đạt được mục tiêu. Không nhắm đúng mục tiêu chắc chắn là điều được hàm ý ở đây. Vấn đề không phải những người này cố gắng đạt đến mục tiêu ấy. Họ thậm chí không nhắm đến. Kết quả là, họ xây bỏ mục đích đó, đi tìm những lời vô ích. Sự dạy dỗ của họ không có mục đích, không dẫn đến đâu cả, không làm cho con người thánh sạch.

Phaolô thường xuyên dùng từ có vại trong Bức Thư này. Lúc ông viết I.Timôthê, các giáo sư giả này đại diện cho một thiểu số trong hội thánh. Khi học đến II.Timôthê, chúng ta sẽ thấy từ "một vại" không còn đáng lưu ý nữa. Căn cân lực lượng đã thay đổi. Khuynh hướng sai lạc đã trở nên thịnh hành hơn. Thiểu số dường như đã trở thành đa số.

1:7 Những giáo sư giả được nhắc đến trong các câu trước là những người

Giuda, tìm cách trộn lẫn Do thái giáo vào Cơ Đốc Giáo, luật pháp vào ăn điển. Họ lập luận rằng đức tin đặt nơi Đấng Christ chưa đủ để được cứu. Họ nhất định con người phải chịu cắt bì, hoặc bằng những phương cách khác, phải giữ Luật pháp Môise. Họ dạy rằng luật pháp là nguyên tắc sống của người tin Chúa.

Sự dạy dỗ sai lạc này vẫn luôn có mặt trong mọi thế kỷ của lịch sử hội thánh, đó là thứ bệnh dịch thành công nhất trong việc làm bại hoại Cơ Đốc Giáo giới ngày nay. Trong hình thức hiện đại nó tuyên bố rằng dấu cần phải có đức tin đặt nơi Đấng Christ để được cứu, song cũng phải chịu báp têm, hay gia nhập hội thánh, hay giữ luật pháp, sám hối, hoặc dâng phần mười, hay làm một số "những việc lành" khác. Những kẻ dạy tinh thần luật pháp thời nay không nhận biết rằng sự cứu rỗi là bởi đức tin đặt nơi Đấng Christ, không bởi các việc làm của luật pháp. Họ không nhận biết rằng việc lành là *kết quả* của sự cứu rỗi chứ không phải là nguyên nhân. Người ta không trở thành Cơ Đốc Nhân nhờ làm các việc lành, nhưng làm các việc lành vì người ấy là Cơ Đốc Nhân. Họ không thấy rằng Đấng Christ, chứ không phải luật pháp, là nguyên tắc sống của người tin Chúa. Họ không hiểu rằng không thể ở dưới luật pháp mà không bị rửa sả. Luật pháp kết tội chết hết thảy những ai không giữ được những nguyên tắc thánh của nó. Bởi không ai tuân giữ hoàn hảo luật pháp được, vì vậy tất cả đều bị ăn chết. Nhưng Đấng Christ đã cứu chuộc người tin Ngài khỏi sự rửa sả của luật pháp, bởi Ngài đã nên sự rửa sả vì cơ chúng ta.

Vị sứ đó nói những thầy dạy luật theo cách riêng này không hiểu điều họ đang dạy, cũng không hiểu điều họ đang biến trở thành những lời khẳng quyết. Họ không thể nói cách thông hiểu về luật pháp bởi vì họ không hiểu mục đích luật pháp được ban cho hoặc mối liên hệ giữa người tin Chúa với luật pháp.

1:8 Phaolô nói rõ rằng luật pháp không có gì sai trật cả. "Ấy vậy, luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành" (Rôma 7:12). Nhưng luật pháp phải được dùng cách **chánh đáng**. Chứ không bao giờ được ban cho như là phương tiện cứu rỗi (Công vụ 13:39; Rôma 3:20; Galati 3:16,21; 3:11). Vì vậy cách sử dụng **luật pháp** chánh đáng là dùng trong sự giảng và dạy để đem lại sự cáo trách tội lỗi. Không được trình bày nó như phương cách cứu chuộc hay nguyên tắc sống.

Guy King chỉ ra rằng ba bài học mà luật pháp dạy là: "Chúng ta phải. Chúng ta không được. Chúng ta không thể." Khi luật pháp làm xong công việc nó trong đời sống một tội nhân, người ấy phải sẵn sàng để khước lóc với Chúa: "Lạy Chúa, xin cứu con bởi ân điển Ngài!"² Những kẻ dạy rằng luật pháp cần thiết cho sự cứu rỗi hay sự nên thánh là không nhất quán. Họ nói rằng nếu một Cơ Đốc Nhân vi phạm luật pháp, người ấy không cần phải bị ăn chết, điều đó không cũng cố thẩm quyền của luật pháp. Luật pháp mà không có hình phạt thì chẳng là gì ngoài việc nó là lời khuyên tốt.

1:9 **Luật pháp không phải lập ra cho người công bình.** Nếu con người công bình, họ chẳng cần đến luật pháp. Điều

đó đúng với Cơ Đốc Nhân. Khi đã được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời, người ấy không cần bị đặt dưới Mười Điều Răn để sống thánh khiết. Cũng không phải vì sợ hình phạt mà Cơ Đốc Nhân sống tin kính, song bởi tình yêu dành cho Đấng Cứu Thế đã chịu chết tại Thập tự giá.

Vị sứ đồ tiếp tục mô tả loại người mà vị họ luật pháp được ban cho. Nhiều nhà giải kinh chỉ ra rằng có mối liên kết chặt chẽ giữa lời mô tả này với bản thân Mười Điều Răn. Mười Điều Răn được chia làm hai phần: bốn Điều Răn đầu liên quan đến bốn phạm của con người đối với Đức Chúa Trời (sự tin kính), trong khi sáu điều còn lại có liên quan đến bốn phạm của con người đối với người lân cận mình (sự công bình). Những lời sau đây dường như tương ứng với phần đầu của Mười Điều Răn: **Vi** những kẻ **trái luật pháp, ban nghịch, vi** những kẻ **không tin kính, phạm tội, những kẻ vô đạo, nói phạm thánh thần...** Cụm từ **giết người** được liên kết với điều răn thứ sáu: **Người chớ giết người. Giết người** ở đây ám chỉ đến kẻ giết người cố ý chứ không phải kẻ giết người vô ý.

1:10 Những kẻ tà dâm, kẻ đâm nam sắc ở đây mô tả kẻ thích tình dục khác giới cách vô luân và những người lữ tặc đồng giới. Hai điều này được liên kết với điều răn thứ bảy. "Người chớ phạm tội tà dâm." **Ăn cướp người** rõ ràng có liên quan đến điều răn thứ tám: "Người chớ trộm cắp." Nói đối, họ đối (hoặc những kẻ thế thối giả dối) được liên kết với điều răn thứ chín: "Người chớ làm chứng dối nghịch cùng kẻ lân cận mình."

Những từ cuối cùng và **vi hễ nhầy sự trái nghịch với đạo lành** không trực tiếp liên hệ đến điều răn thứ mười, mà thay vào đó dường như lướt lại tất cả các điều răn và tóm tắt chúng.

1:11 Thật khó xác định câu này liên kết thế nào với phần trước. Có lẽ hàm ý đạo lành được nhắc đến trong câu 10 Ấy đó là **điều đạo Tin Lành** dạy đó. Hoặc có thể hàm ý tất cả những gì Phaolô đã nói về luật pháp từ câu 8-10 là phù hợp hoàn toàn với **đạo Tin Lành** mà ông rao giảng. Hoặc một lần nữa, có thể hàm ý tất cả những gì Phaolô nói về các giáo sư giả ở trong câu 3-10 là phù hợp với sứ điệp của **đạo Tin Lành**. Mặc dầu tin lành đúng là **vinh hiển**, sự nhấn mạnh ở đây có lẽ nơi sự kiện tin lành thuật lại **sự vinh hiển** (cách dịch theo nghĩa đen của **vinh hiển**) của Đức Chúa Trời một cách tuyệt vời. Tin lành thuật lại thế nào Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết, công bình và ngay thẳng, đồng thời cũng chính là Đức Chúa Trời của ân điển, lòng thương xót, và tình yêu thương. Tình yêu của Ngài chu cấp điều mà sự thánh khiết của Ngài đòi hỏi; bấy giờ những người tiếp nhận Chúa Jêsus được ban cho sự sống đời đời.

Đây chính là **đạo Tin Lành**... đã được giao phó cho vị sứ đồ. Trọng tâm xoay quanh Chúa Jêsus Christ được tôn vinh và cho con người biết rằng Ngài không những là Đấng Cứu Thế mà cũng là Chúa.

8. Cấm Tụ Vi Ân Điển Chúa Trời Của Bức Chứa Trời (1:12-17).

1:12 Trong câu trước, Phaolô đã mô tả các giáo sư giả là kẻ tìm cách áp đặt luật pháp lên các tín hữu ở tại Êphêso.

Bây giờ ông đang nhắc lại sự qui đạo của chính mình. Không phải nhờ giữ luật pháp mà bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Vị sứ đồ này không phải là một người công bình mà là kẻ tội lỗi. Câu 12-17 dường như minh họa việc sử dụng luật pháp chính đáng từ kinh nghiệm của Phaolô. Đối với ông, luật pháp không phải là phương cách cứu rỗi, mà là phương tiện để cáo trách tội lỗi.

Trước hết, ông bật lên lời cảm tạ Đức Chúa Jêsus Christ vì ân điển ban sức của Ngài. Điều nhấn mạnh không ở những gì Saulơ người Tạtơ đã làm cho Chúa mà ở nơi điều Chúa đã làm cho ông. Vị sứ đồ không bao giờ có thể thôi ngạc nhiên bởi vì Chúa Jêsus không những đã cứu ông mà còn kể ông là trung thành, chỉ định ông hầu việc Ngài. Luật pháp không bao giờ có thể bày tỏ ân điển như thế. Thay vào đó những điều kiện cứng nhắc của nó sẽ lên án kẻ tội nhân Saulơ phải chết.

1:13 Từ câu này, có thừa bằng chứng cho thấy Phaolô đã vi phạm Mười Điều Răn trước khi tiếp nhận Chúa. Ông gọi chính mình là kẻ ngày trước vốn là người **phạm thượng, hay bất bử, hung bạo**. Là người phạm thượng, ông đã nói xấu các Cơ Đốc Nhân và vị lãnh đạo của họ là Chúa Jêsus. Là kẻ bất bử, ông đã tìm cách giết chết các Cơ Đốc Nhân vì cảm thấy đạo giáo mới này đe dọa Do thái giáo. Khi thực hiện ý đồ gian ác của mình, ông lấy làm vui sướng phạm những hành động hung bạo, bạo hành và vô nhân đạo chống lại những Cơ Đốc Nhân. Mặc dầu các từ Anh ngữ không tỏ rõ điều này, có một mức độ

gian ác tăng dần lên qua ba từ **phạm thượng, bất bử, và hung bạo**. Từ thứ nhất chỉ là vấn đề lời nói. Từ thứ nhì mô tả sự làm khổ người khác vì niềm tin tôn giáo của họ. Từ thứ ba gồm cả ý tưởng của sự hung ác và lạm dụng.

Nhưng Phaolô đã **đội ơn thương xót**. Ông không phải nhận hình phạt xứng đáng bởi vì ông đã làm những sự đó **đương lúc ngu muội chưa tin**. Khi bắt bớ các Cơ Đốc Nhân, ông nghĩ mình đang hầu việc Đức Chúa Trời. Bởi vì tôn giáo của tổ phụ ông dạy phải thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, và ông chỉ có thể kết luận rằng đức tin của Cơ Đốc Nhân là chống lại Giêhôva của Cựu Ước. Với tất cả lòng sốt sắng và năng lực mình có, ông ra sức bênh vực cho danh dự của Đức Chúa Trời bằng việc giết hại các Cơ Đốc Nhân.

Nhiều người nhất định cho rằng lòng sốt sắng và nhiệt thành cộng với sự chân thật là những điều quan trọng đối với Đức Chúa Trời. Nhưng gương của Phaolô cho thấy lòng sốt sắng chưa đủ. Thật vậy, nếu sai trật, lòng sốt sắng của người ấy chỉ làm cho mức độ sai trật càng đáng sợ hơn. Càng sốt sắng người ấy càng gây nhiều tổn hại hơn!

1:14 Phaolô không những đã thoát khỏi hình phạt xứng đáng (sự thương xót), mà ông còn nhận được lòng tốt **đủ dật**, là điều ông không đáng được (**ân điển**). Nơi ông phạm tội nhiều, ân điển của Đức Chúa Trời lại càng nhiều hơn (Rôma 5:20).

Ân điển Chúa ban cho Phaolô không vô ích, biểu thị qua câu "với đức tin cùng sự **thương yêu trong Đức Chúa Jêsus Christ**." Ân điển đã đến với

Phaolô kèm theo đức tin và sự thương yêu trong Đức Chúa Jêsus Christ. Điều này tất nhiên có thể hàm ý rằng cũng như ăn điển đã đến từ Chúa, đức tin và tình yêu thương cũng bắt nguồn nơi Ngài. Nhưng dường như ý nghĩa phải rõ ràng hơn nếu chúng ta hiểu rằng Phaolô không từ chối ăn điển của Chúa, nhưng đã đáp ứng bằng sự tin cậy Chúa Jêsus và yêu thương Đấng Phước Hạnh mà trước kia ông cảm ghét.

1:15 Đây là lời đầu tiên trong năm "lời chắc chắn" của các Thư Tín Mục Vụ. **Ấy là lời chắc chắn**, bởi vì đó là lời của Đức Chúa Trời. Đấng không thể nói dối cũng không thể bị hiểu lầm. Con người có thể tin cậy tuyệt đối lời tuyên bố này. Thật thế, không tin mới là bất hợp lý và không khôn ngoan. Đó là điều **đang đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy** bởi vì lời đó áp dụng cho mọi người, thuật lại điều Chúa đã làm cho mọi người, và ban tặng món quà cứu rỗi cho mọi người.

Đức Chúa Jêsus Christ nhấn mạnh đến thần tánh của Chúa chúng ta. Đấng đã từ trời đến thế gian, trước hết vốn là Đức Chúa Trời (**Đấng Christ**) và sau đó là *Người* (**Jêsus**). Sự hiện diện trước đó của Chúa Cứu Thế Jêsus được gợi ý qua cụm từ Ngài đã đến trong thế gian. Bêtlêhem không phải là chỗ Ngài bắt đầu hiện diện. Ngài đã ở với Đức Chúa Cha từ trước vô cùng, nhưng Ngài đã đến trong thế gian với tư cách một Con Người trong chuyến công tác đặc biệt. Quyển lịch chứng minh sự kiện Ngài đã đến; chúng ta gọi năm 2004 S.C., tức là năm 2004 theo niên lịch của Chúa chúng ta. Vì sao Ngài đã đến? **Để cứu**

vớt kẻ có tội. Không phải để cứu những người tốt (không có một người nào!) Cũng không phải để cứu những người giữ trọn luật pháp (cùng không ai làm được điều này).

Đây chính là trọng tâm sự khác biệt giữa Cơ Đốc Giáo thật với tất cả những đạo giáo khác. Các tôn giáo giả dạy con người rằng họ có thể làm điều gì đó để được sủng ái trước mặt Thượng Đế. Phúc Âm dạy rằng con người là một tội nhân, con người bị hư mất và không thể tự cứu mình được, và cách duy nhất để con người được lên thiên đàng là bởi công lao thay thế của Chúa Jêsus trên thập tự giá. Loại dạy dỗ của luật pháp mà Phaolô mô tả ở đầu đoạn này dành cho xác thịt một chỗ. Nó nói chính xác điều con người muốn nghe, nghĩa là con người có thể góp phần vào sự cứu chuộc của mình. Nhưng tin lành khẳng định mọi vinh hiển của công tác cứu rỗi chỉ thuộc về Đấng Christ mà thôi, con người không làm được gì ngoài sự phạm tội, và Đức Chúa Jêsus Christ đã làm toàn bộ công tác cứu rỗi.

Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã đưa Phaolô đến chỗ nhận biết mình là **kẻ đứng đầu** trong những người phạm tội, hoặc như một số các bản dịch: "kẻ nặng tội nhất." Nếu ông không phải là người đứng đầu trong những kẻ phạm tội, thì nhất định ông cũng thuộc vào hàng đầu, hãy lưu ý danh hiệu "tội khôi" không phải dành cho kẻ chìm sâu trong sự thờ hình tượng hoặc vô luân, mà dành cho một người mộ đạo sâu sắc, đã được dưỡng dục trong một gia đình Dothái chính thống! Tội lỗi của ông mang tính giáo lý; ông đã không tiếp

nhận lời Đức Chúa Trời liên quan đến Thân Vị và công lao của Đức Chúa Jêsus Christ. Chối bỏ Con Đức Chúa Trời là tội nặng nhất.

Cũng lưu ý rằng ông nói trong những kẻ có tội đó ta là **đầu** - không phải trước kia (was) mà **hiện nay** (am). Các vị thánh tín kinh nhất thường là những người ý thức rõ nhất tình trạng tội lỗi của họ.

Trong I.Côrinthô 15:9 (được viết vào khoảng 57 S.C.), Phaolô đã gọi chính mình là "rất hèn mọn trong các sứ đồ" sau đó trong Êphêsô 3:8 (được viết vào khoảng năm 60 S.C.), ông đã gọi mình là "kẻ hèn hơn hết mọi thánh đồ" bây giờ trong I.Tim. 1:15 được viết sau đó vài năm ông đã gọi mình là **đầu** trong những kẻ có tội. Ở đây chúng ta thấy nét tiêu biểu trong tiến bộ của Phaolô về sự hạ mình của Cơ Đốc nhân.

Darby dịch câu trong những kẻ có tội đó ta là **đầu** là "trong những kẻ có tội đó ta là kẻ trước hết." Câu này không có ý bảo ông là tội nhân tồi tệ nhất trên đời, mà ông là tội nhân **đầu** tiên liên quan đến dân tộc Ysraên. Nói cách khác, sự qui đạo của ông là một sự báo trước độc đáo về sự qui đạo trong tương lai của dân tộc Ysraên. Ông là "một thai sanh non" (I.Côr. 15:8) với ý nghĩa ông đã được sanh lại trước sự tái sanh của Ysraên, dân tộc ông. Cũng như ông đã được cứu bởi sự mặc khải trực tiếp từ trời và nằm ngoài các phương tiện loài người, như vậy, có thể cũng bằng cách ấy, dân Dothài còn sót lại sẽ được cứu trong Kỳ Đại Nạn hầu đến. Cách giải thích này dường như được khẳng định bởi từ "kẻ làm đầu" và "làm gương" trong câu 16.

1:16 Điều này giải thích lý do vì sao Saulơ đối ơn thương xót. Bởi đó ông có thể bày tỏ sự **nhịn nhục của Đức Chúa Jêsus Christ**. Cũng như đã từng là kẻ tội khôi, hiện nay ông sẽ là người trước hết bày tỏ **ân điển không mệt mỏi của Chúa**. Ông sẽ là "Vật chứng A," một gương mẫu sống, như William Kelly đã nói về "tình yêu của Đức Chúa Trời vượt lên trên sự thù địch mạnh mẽ nhất, bởi sự nhịn nhục của Đức Chúa Trời làm kiệt sức sự đối địch đa dạng nhất và dai dẳng nhất."³

Trường hợp của Phaolô là **một gương mẫu**. Trong ngành in, mẫu là bản in thứ đầu tiên. Biểu trưng cho mẫu vật hoặc vật làm mẫu. Sự qui đạo của Phaolô là một gương mẫu cho điều Đức Chúa Trời sẽ làm với dân Ysraên khi Đấng Giải Cứu hiện ra từ Siôn (Rôm. 1:26).

Theo ý nghĩa phổ biến hơn, câu này hàm ý không ai phải tuyệt vọng, dẫu gian ác đến mức nào. Họ có thể tự an ủi mình rằng bởi vì Chúa đã cứu kẻ đứng đầu trong các tội nhân rồi, họ cũng có thể tìm được ân điển và lòng thương xót khi đến với Ngài trong sự ăn năn. Nhờ đặt lòng tin nơi Ngài, họ cũng có thể tìm được sự sống đời đời.

1:17 Khi suy gẫm cách đối đãi lạ lùng của Chúa dành cho mình bởi ân điển, ông đã bật lên lời ca tụng đáng yêu này. Thật khó biết bài ca tụng này dành cho Đức Chúa Cha hay Đức Chúa Jêsus Christ. Những chữ **Vua muôn đời** dường như ám chỉ đến Đức Chúa Jêsus Christ bởi vì Ngài được xưng là "Vua của các vua và Chúa của các chúa" (Khải 19:16). Tuy nhiên từ **không thấy**

được dường như ám chỉ đến Đức Chúa Cha, bởi vì rõ ràng Chúa Jêsus là Đấng thấy được theo mắt trần. Việc chúng ta không phân biệt Thân vị nào trong Ba Ngôi cho thấy sự bình đẳng tuyệt đối của Ba Ngôi.

Vua muốn đời trước hết, là Đấng không hề hư nát. Có nghĩa là không hư hoại hoặc hư mất. Đức Chúa Trời trong bốn thế Ngài cũng là Đấng không thấy được. Con người đã từng thấy những sự hiện ra của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, và Đức Chúa Jêsus Christ cũng đã bày tỏ trọn vẹn Đức Chúa Trời cho chúng ta qua hình thức thấy được, nhưng sự kiện còn lại chính là Đức Chúa Trời vẫn không thấy được đối với cặp mắt loài người. Kế tiếp Ngài được gọi là Đức Chúa Trời, duy Ngài là Đấng khôn ngoan (câu này chỉ có trong bản Anh ngữ). Phân tích cho cùng, mọi sự khôn ngoan đều đến từ Đức Chúa Trời (Gia. 1:5).

C. Nhắc lại Lời Băn Bào Hành Cho Timôthê (1:18-20)

1:18 Sự răn bảo ở đây chắc chắn là mạng lệnh Phaolô đã truyền cho Timôthê trong câu 3 và 5 phải quở trách các giáo sư giả. Để khuyến khích Timôthê, con của ông, thì hành sự ủy thác quan trọng này, vị sử đồ nhắc nhở ông về những tình huống đã dẫn ông đến sự kêu gọi hầu việc Chúa.

Theo các lời tiên tri đã chỉ về con dường như hàm ý rằng trước khi Phaolô gặp Timôthê, một tiên tri đã đứng lên trong hội thánh và công bố rằng Timôthê được Chúa dùng để hầu việc Ngài. Tiên tri là phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời, nhận sự mặc khải theo

ý định của Ngài về đường lối hành động đặc biệt nào đó và truyền đạt những sự mặc khải ấy cho hội thánh. Chàng Timôthê trẻ tuổi đã được chọn ra bởi lời tiên tri. Và vì vậy vai trò của Timôthê trong tương lai, với tư cách tôi tớ Đức Chúa Jêsus Christ, đã được biết đến. Nếu Timôthê vẫn bị cảm dỗ để ngã lòng hoặc nản chí trong công việc Chúa, thì ông phải nhớ lại những lời tiên tri này để nhờ đó được cảm thúc và khích lệ mà đánh trận lối lành.

1:19 Trong chiến trận này, Timôthê phải cầm giữ đức tin và lương tâm lối lành. Chỉ chính xác về mặt giáo lý thôi thì vẫn chưa đủ đối với đức tin Cơ Đốc. Một người có thể luôn giữ chánh giáo, song vẫn không có lương tâm lối lành.

Hamilton Smith viết rằng:

Những người có tài năng, và quan trọng trước mắt công chúng, phải cảnh giác kẻo vì những buổi hẹn liên tục, sự giảng dạy liên tục, và vì công việc ở trước loài người, họ xao lãng đời sống tin kính ở trước mặt Chúa. Kinh Thánh há không cảnh báo rằng có thể giảng dạy hùng hồn trước loài người và thiên sứ song vẫn không ra gì sao? Kết quả cho Chúa mà vẫn giữ được phần thưởng chờ đợi trong ngày hầu đến, chính là đời sống tin kính, nói ra mọi sự thờ phượng thật.⁴

Một số người sống trong thời Phaolô đã gat lương tâm cốt sang một bên và vì vậy đức tin bị chìm đắm. Họ được ví với người thủy thủ đại đột ném la bàn của mình qua mạn tàu.

Những kẻ bị chìm đắm đức tin là những tín hữu thật, nhưng chỉ vì không giữ lương tâm mềm mại. Đời sống Cơ

Đốc của họ bắt đầu như một con tàu hùng vĩ ra khơi, nhưng thay vì trở về cảng với lá cờ phất phới và hành lý chất đầy, họ đã chìm đắm nơi ghềnh đá, làm xấu hổ chính mình và lời làm chứng của mình.

1:20 Chúng ta không biết có phải **Hymênê và Aléxanđơ** là những người được nhắc đến trong I.Tim 2:17 và 4:14 hay không. Chúng ta cũng không biết tình chất sự phạm thượng của họ. Tất cả những gì chúng ta biết là họ đã chối bỏ lương tâm tốt và đã phạm thượng. Trong Tân Ước, **phạm thượng**⁵ không phải luôn hàm ý nói xấu Đức Chúa Trời, mà có thể được sử dụng để mô tả lời nói xúc phạm hay gian ác nghịch cùng anh em mình, mô tả đời sống cũng như rời ra từ môi mlặng những kẻ ấy. Bằng cách làm chìm đắm đức tin, chắc chắn họ đã khiến người khác nói xấu lẽ thật, vì vậy, đời sống họ là những lời phạm thượng sống.

Đời sống họ là bi kịch của những Cơ Đốc Nhân đã từng khả quan, kết quả, nhưng bị dẫn dụ vào những sai trật bởi đã làm chao lĩ lương tâm.

Vị sứ đồ bảo rằng ông đã phó những người này **cho Satan**. Một số học giả hiểu lời này đơn giản ám chỉ hành động dứt phép thông công, nghĩa là Phaolô đã đặt hai người này ra ngoài hội thánh địa phương, để rời qua đó, đưa họ đến chỗ ăn năn và phục hồi lại mối thông công với Chúa và dân sự Ngài. Cái khó của quan điểm này là dứt phép thông công lúc ấy là chức năng của hội thánh địa phương chứ không phải của sứ đồ. Trong I.Côrinhtô 5 Phaolô đã không dứt phép thông công kẻ phạm tội loạn luân

mà khuyên những người ở Côrinhtô thi hành.

Một cách giải thích quan trọng khác về câu Kinh Thánh này là, **phó cho quỷ Satan** là một thẩm quyền được ban cho các sứ đồ mà không còn thấy ngày nay bởi vì không còn sứ đồ. Theo quan điểm này, các sứ đồ có quyền giao kẻ phạm tội **cho quỷ Satan** để chịu sự khốn khổ thuộc thể, hoặc trong những trường hợp cùng cực, thậm chí bắt phải chết, như với Anania và Saphira (Công vụ 5:1-11). Kỷ luật ở đây rõ ràng với mục đích sửa trị - hầu cho họ học biết **đừng phạm thượng nữa**. Đây không phải là vấn đề đoán phạt đời đời, mà là sự trừng phạt nghiêm khắc.

III. CÁC HUẤN THỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA HỘI THÁNH (2:1-3:16)

A. Về Sự Cầu Nguyện (2:17)

Phaolô đã kết thúc lời răn bảo thứ nhất dành cho Timóthê liên quan đến các giáo sư giả, giờ đây ông chuyển sang đề tài cầu nguyện. Mọi người đều đồng ý rằng khúc Kinh Thánh này có liên quan đến sự cầu nguyện chung, dấu không có gì trong đó không được áp dụng ngang bằng cho đời sống tĩn nguyện riêng.

2:1 Cầu nguyện **cho mọi người** vừa là một đặc ân vừa là một bổn phận. Hoàn toàn là một đặc ân đối với chúng ta khi được ra mắt Đức Chúa Trời thay mặt đồng loại. Và cũng là một bổn phận bởi vì chúng ta là những kẻ mắc nợ mọi người về tin lành cứu rỗi.

Vị sứ đồ liệt kê bốn phương diện của sự cầu nguyện - **khấn nguyện, cầu xin, kêu van, tạ ơn**. Phân biệt giữa ba

phương diện đầu là điều hơi khó. Theo cách dùng hiện nay, **khẩn nguyện** hàm ý lời nài xin mạnh mẽ và sốt sắng, nhưng ở đây điều này còn hơn cả lời thỉnh cầu cụ thể cho những nhu cầu cụ thể. Từ được dịch là **cầu xin** ở đây là một thuật ngữ rất phổ biến, bao hàm mọi kiểu tiếp cận Đức Chúa Trời cách tôn kính. **Kêu van** (cầu thay) mô tả những hình thức khẩn nài, trong đó chúng ta thay mặt người khác thưa chuyện với Chúa là Đấng tối cao. **Tạ ơn** là qua lời cầu nguyện, chúng ta nhắc đến ân điển và sự ơn từ của Chúa mình, dốc đổ lòng mình trong sự biết ơn Ngài.

Có thể tóm tắt câu này bằng cách nói rằng khi cầu nguyện cho mọi người, chúng ta phải khiêm nhường với tinh thần thờ phượng, đầy lòng tin cậy và cảm tạ.

2:2 Sự đề cập đặc biệt được nêu lên ở đây là về các vua, và hễ thày các bậc cầm quyền. Những người này phải chiếm vị trí đặc biệt trong lời cầu nguyện của chúng ta. Ở một chỗ khác, Phaolô nhắc nhở chúng ta rằng những bậc cầm quyền có mặt là bởi sự đặt để của Chúa (Rôm. 13:1) họ là những người giúp việc Chúa vì ích lợi của chúng ta (Rôm. 13:4).

Câu này mang một màu sắc đặc biệt khi chúng ta nhớ rằng nó được viết ra vào thời Nêrô. Những cuộc bách hại khủng khiếp mà Cơ Đốc Nhân phải chịu bởi kẻ cai trị gian ác này đã không ảnh hưởng đến việc Cơ Đốc Nhân phải cầu nguyện cho những người đứng đầu chính quyền của mình.

Tân Ước dạy rằng Cơ Đốc Nhân phải trung thành với nhà cầm quyền

mình sống, trừ phi nhà cầm quyền lệnh cho người ấy không vâng lời Chúa. Trong trường hợp đó, trách nhiệm đầu tiên của người ấy là vâng phục Chúa. Cơ Đốc Nhân không tham gia vào những cuộc nổi dậy hoặc bạo hành chống lại nhà cầm quyền. Người ấy chỉ từ chối vâng theo bất cứ mạng lệnh nào đi ngược lại lời Chúa và bởi đó âm thầm chịu lấy sự trừng phạt.

Lý do vị sự đổ bạo chúng ta phải cầu nguyện cho các bậc cầm quyền chính là để chúng ta được lấy điều nhân đức và lành thật mà ở đời cho bình tĩnh yên ổn. Chính vì ích lợi của chúng ta, nhà cầm quyền được vững lập và đất nước được bảo vệ khỏi những sự nổi dậy, nội chiến, náo loạn và tình trạng vô chính phủ.

2:3 Phải cầu nguyện cho mọi người, kể cả các vua và các bậc cầm quyền, là một sự lành và đẹp mắt Đức Chúa Trời. Bản thân điều này là sự lành và đẹp mắt Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta. Danh hiệu Phaolô dành cho Chúa ở đây thật có ý nghĩa. Đức Chúa Trời muốn cứu hết thảy mọi người. Vì vậy, cầu nguyện cho mọi người là thúc đẩy ý muốn của Đức Chúa Trời qua sự kính trọng này.

2:4 Câu này giải thích thêm những gì đã được lưu ý trong câu 3. Đức Chúa Trời muốn cho mọi người được cứu rỗi. (Êxê. 33:11; Giăng 3:16 và II.Phi. 3:9). Vì vậy chúng ta phải cầu nguyện cho mọi người ở mọi nơi.

Câu Kinh Thánh này trình bày rõ phương diện của Đức Chúa Trời và phương diện loài người trong sự cứu chuộc. Nửa đầu của câu Kinh Thánh

này tỏ rõ rằng con người phải được cứu rỗi. Động từ ở đây thuộc thể bị động; con người không thể tự cứu mình, mà phải được cứu rỗi bởi Đức Chúa Trời. Đó là phương diện của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi.

Để được cứu, con người phải hiểu biết lẽ thật. Đức Chúa Trời không cứu con người trái với ý muốn của họ. Ngài không đưa các dân nổi loạn đến thiên đàng cư trú. Con người phải đến với Đấng đã phán: "Ta là Đường đi, Lẽ thật và Sự sống." Đó là phương diện của con người.

Qua đó, chúng ta thấy rõ câu Kinh Thánh này không dạy sự cứu rỗi cho mọi người. Mặc dầu Đức Chúa Trời muốn mọi người đều phải được cứu rỗi, song không phải hết thảy mọi người đều được cứu. Từ ban đầu, ý muốn của Đức Chúa Trời không phải cho con cái Ysraên bị lang thang ba mươi tám năm trong đồng vắng. Song, họ đã chịu đùng điếu đó. Ngài đã cho phép, nhưng đó không phải là con đường phước hạnh mà Ngài hoạch định cho họ.

2:5 Sự liên kết của câu Kinh Thánh này với các câu khác không rõ ràng. Tuy nhiên, ý tưởng ở đây dường như là: **Chỉ có một Đức Chúa Trời**; vì vậy Ngài là Chúa của mọi người, và lời cầu nguyện thay cho mọi người phải được dâng lên cho Ngài. Vì là Đức Chúa Trời có một, Ngài muốn mọi người đều được cứu. Nếu Ngài là một trong nhiều thần, hẳn Ngài chỉ quan tâm đến những người thờ phượng Ngài mà thôi.

Thứ hai, chỉ có một **Đấng Trung Bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người**. Vì vậy, không ai có thể đến với Đức Chúa

Trời bằng cách nào khác. **Đấng Trung Bảo** là người trung gian, là người môi giới, có thể đứng giữa hai bên và liên lạc với cả hai. Qua Đấng Christ, chính Ngài là Con Người, Đức Chúa Trời tiếp cận được với con người bằng sự tha tội. Kết quả là, bất cứ tội nhân đáng thương nào cũng có thể đến cùng Ngài và không bao giờ bị từ chối.

Phaulô gọi Đấng Trung Bảo là **Đức Chúa Jêsus Christ, là Người**. điều này không phủ nhận thần tánh của Chúa Jêsus. Để trở thành **Đấng Trung Bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người**, Ngài phải vừa là Đức Chúa Trời, vừa là người. Đức Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời từ trước cõi đời đời, nhưng đã thành người tại máng cỏ Bétlêhem. Ngài đại diện cho cả dòng dõi loài người. Sự kiện Ngài vừa là Đức Chúa Trời vừa là người được biểu thị qua danh **Jêsus Christ**. **Christ** mô tả Ngài là Đấng được xức dầu của Đức Chúa Trời, **Hấng Mê-si**. **Jêsus** là tên được ban cho Ngài qua Sự Nhập Thể.

Câu Kinh Thánh này giải đáp hiệu quả lối dạy hết sức phổ biến ngày nay cho rằng nữ đồng trinh **Mari** được chúc phước, hoặc các thiên sứ, hoặc các thánh đó, là những người trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người. Chỉ có **một Đấng Trung Bảo**, và danh Ngài là **Đức Chúa Jêsus Christ**.

Câu 5 tóm tắt sứ điệp của Cựu Ước và Tân Ước. Chỉ có **một Đức Chúa Trời** là sứ điệp của Cựu Ước được giao phó cho Ysraên; chỉ có **một Đấng Trung Bảo** - là sứ điệp của Tân Ước được giao phó cho hội thánh. Cũng như Ysraên đã thất bại trong trách nhiệm của mình

bởi sự thờ hình tượng, hội thánh xưng mình cũng đã thất bại trong trách nhiệm ấy qua việc đưa vào những người trung bào khác: Mari, các thánh đồ, hàng giáo phẩm, v.v....

2:6 Điều nhấn mạnh ở đây là sự kiện Đức Chúa Trời muốn mọi người đều được cứu. Điều này được chứng minh thêm qua việc Chúa Jêsus Christ đã phó chính mình Ngài làm giá chuộc mọi người. Giá chuộc là giá phải trả để phóng thích hoặc thả tự do một người khác. Lưu ý rằng giá chuộc này dành cho mọi người. Điều này có nghĩa công lao của Chúa Jêsus trên thập tự giá tại Gôgôtha đủ để cứu mọi tội nhân. Như thế không có nghĩa là tất cả mọi người đều được cứu, bởi vì ý chỉ con người cũng là điều có liên quan.

Đây là một trong nhiều câu Kinh thánh dạy rằng sự chết của Đấng Christ là sự chết thay thế. Ngài đã chết vì mọi người. Mọi người có chấp nhận điều này hay không là một vấn đề khác, nhưng thực tế vẫn là, công tác cứu chuộc của Đấng Christ có giá trị đủ cho mọi người.

Ấy là lời chứng đã làm đúng kỳ hàm ý lời chứng liên quan đến công lao thay thế của Đấng Christ đã được sanh vào đúng thời điểm. Đức Chúa Trời muốn cứu rồi mọi người cũng chính là Đấng đã cung ứng phương cách cứu tội cho mọi người, Ngài truyền rằng sứ điệp tin lành phải được công bố trong thời đại chúng ta đang sống. Toàn bộ điều này được hoạch định để chứng tỏ mong muốn lớn lao của Đức Chúa Trời là ban phúc cho nhân loại.

2:7 Như sự bày tỏ cuối cùng của ý muốn Chúa để cứu hết thảy mọi người,

Phaolô nói rằng ông đã được cử làm thầy giảng, làm sứ đồ cho dân ngoại. Vì hiện nay, dân ngoại tạo thành ứ lệ dân cư thế giới đông hơn. Không phải vì sứ đồ được sai phái vì số ít của nhân loại, dân Giuda, mà chính là cho các dân tộc ngoại bang.

Ông gọi mình là thầy giảng, sứ đồ và giáo sư. Thấy giảng theo nghĩa đen là sứ giả, người công bố Phúc Âm. Phạm sự của người sứ đồ phần nào rộng lớn hơn - ông không những giảng dạy Phúc Âm mà còn thành lập các hội thánh, chỉ dẫn các hội thánh địa phương trong các vấn đề về thứ tự và kỷ luật, tuyên bố với thẩm quyền của người được Đức Chúa Jêsus Christ sai phái. Giáo sư phải giải thích lời Chúa cách nào để dân sự hiểu được.

Để nhấn mạnh thêm điều ông muốn nói, Phaolô khẳng định lời tuyên bố ông là giáo sư của dân ngoại bằng câu "ta nói thật, không nói dối." Cụm từ "về đức tin và về lẽ thật" có lẽ mô tả cách thi hành chức vụ dạy dỗ trung tín và chân thật của vị sứ đồ, nhưng có khả năng mô tả nội dung sự dạy dỗ của ông nhiều hơn. Nói cách khác, ông dạy dân ngoại những vấn đề liên quan đến đức tin và lẽ thật.

B. Về Những Người Nam Và Nữ (2:8-15)

2:8 Để tài cấu nguyện chung lại được liếp tục, lần này sự chú ý của chúng ta hướng đến những người phải dân dắt dẫn sự Chúa trong sự cấu nguyện. Những lời mở đầu ta muốn bày tỏ mong muốn tích cực và được cảm thúc của Phaolô về vấn đề này.

Theo ngôn ngữ gốc của Tân Ước, có hai từ có thể được dịch là những người

đàn ông. Một từ hân ý nhân loại nói chung và từ kia hàm ý những người đàn ông trái với những người nữ. Ở đây, từ thứ hai đã được dùng. Huấn thị của vị sứ đồ là sự cầu nguyện chung phải được những người nam hướng dẫn chứ không do các bà. Hàm ý tất cả những người nam, không phải chỉ những trưởng lão.

Cụm từ khắp mọi nơi có lẽ được hiểu rằng bất cứ cá nhân người Cơ Đốc nào cũng có thể cầu nguyện bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu. Nhưng để tài ở đây dường như là sự cầu nguyện chung, nên tốt hơn hãy hiểu câu Kinh Thánh này muốn nói rằng bất cứ nơi nào một nhóm tín hữu nhóm lại với nhau để cầu nguyện, thì những người đàn ông, chứ không phải người nữ sẽ hướng dẫn hoạt động này.

Ba tiêu chuẩn được bổ sung, áp dụng cho những người cầu nguyện ở trước đám đông. Thứ nhất họ phải **glorify thánh sạch** lên trời. Nhấn mạnh ở đây không tập trung vào điều bộ của người cầu nguyện cho bằng đời sống bề trong của người ấy. Người ấy phải có **đôi bàn tay thánh sạch**. Tay ở đây làm hình bóng về toàn bộ tính cách của người nam trong đời sống. Thứ hai, **chớ có giận dữ**. Điều này chỉ ra sự không nhất quán của những người thường để lộ tính nóng nảy, trong hội thánh địa phương đứng lên để thay mặt những người trong hội chúng cầu nguyện với Chúa. Cuối cùng, người ấy không được **cãi lầy** (nghĩ ngờ, trong bản Anh ngữ). Điều này có lẽ hàm ý phải tin rằng Chúa có quyền năng và Ngài sẵn sàng nghe và thậm lời cầu nguyện. Chúng ta có thể tóm tắt những phẩm tính này

bằng cách nói rằng người nam phải bày tỏ sự thánh khiết và thanh sạch *đối với chính mình*, tình yêu và sự hòa thuận *đối với người*, và đức tin không nghi ngờ *đối với Chúa*.

2:9 Sau khi luận về các yêu cầu của người nam hướng dẫn buổi cầu nguyện chung, giờ đây, vị sứ đồ quay sang những đặc trưng phải có của những người đàn bà có mặt trong hội thánh lúc bấy giờ. Họ phải **ăn mặc một cách gọn ghẽ, lấy nét na và đức hạnh giới mình**. John Chrysostom đưa ra một lời định nghĩa về cách ăn mặc gọn ghẽ khó vượt hơn được:

*Vậy, ăn mặc gọn ghẽ là thế nào? Là che phủ cả mình cách đúng hoàng, không phát hiện những thứ trang sức thừa thãi: bởi vì che phủ mình thì đúng hoàng, còn trang sức thừa thãi thì không. Thế nào? Bạn có ru mắt Đức Chúa Trời để cầu nguyện với giêc tác và những thứ trang sức: bông vàng không? Có phải bạn đi dự tiệc khiêu vũ không? Hay là đến tiệc cưới? Hay lễ hội? Đó là những vật đắt tiền phải dùng cho đúng chỗ, đây không phải là một trong các dịp cần đến chúng. Bạn đến đó để cầu nguyện, xin Chúa tha tội mình, nài xin vì những vi phạm của bạn, khẩn cầu với Chúa... Hãy đẹp những thứ giá trị hình ấy đi!*⁴

Nết na là tránh bất cứ điều gì gây xấu hổ. Hàm ý khiêm tốn, thủy mị và lịch sự. **Đức hạnh** là vừa phải trong cách ăn mặc của mình. Mặt khác, không tìm kiếm sự thu hút về mình bằng những loại áo quần đắt tiền, gây chú ý. Những thứ này thường làm đẩy lên sự ngưỡng mộ, thậm chí, ganh tị từ những người đang ra phải đang thờ phượng Đức

Chúa Trời. Mặt khác, cũng phải tránh thu hút bị chú ý do ăn mặc xộc xệch hoặc lỗi thời. Kinh Thánh dường như dạy một đường lối vừa phải, trung dung về cách ăn mặc.

Một số điều quá mức cần phải tránh là **gióc tóc, vàng, châu ngọc và áo quần quý giá**. Gióc tóc không cần thiết, ngoại trừ các gióc tóc đơn giản, có thể hết sức giản dị, chứ đừng là loại trang sức cầu kỳ với những kiểu tóc phờ trương. Dùng đồ trang sức, châu ngọc, hoặc áo quần đắt tiền, là phương tiện để phô mĩnh tuyệt đối không thích hợp trong thi giờ cầu nguyện.

2:10 Mặt tích cực trong cách trang sức của phụ nữ được nêu ra trong câu này. Cách trang sức thích hợp theo lẽ đương nhiên của người đàn bà tin kính có được nhờ làm **việc lành**. Loại "y phục" ấy không gây xao lãng cho người khác khi họ đang tương giao với Chúa mà còn thúc đẩy sự tương giao ấy. Cũng không gây thêm muốn hay ganh tị sai trật, mà chỉ khuyến khích người khác theo gương. **Việc lành** là một chủ đề nổi bật trong các Thư Tin Mục Vụ, tạo nên sự quân bình hết sức cần thiết cho đạo lành.

2:11 Liên quan đến vai trò của phụ nữ trong các buổi nhóm chung của hội thánh, **đàn bà phải yên lặng mà nghe dạy, lại phải vâng phục mọi đấng**. Điều này nhất quán với những câu Kinh Thánh còn lại về đề tài này (1.Côrinthô 11:13-15; 14:34,35).

2:12 Khi Phaolô nói: **Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ**, ông được cảm thúc bởi Đức Chúa Trời. Điều này không đại

diện cho thành kiến cá nhân của riêng Phaolô như một số người thường nói. Chính Chúa đã truyền rằng phụ nữ không nên giữ chức vụ dạy dỗ mọi người trong hội thánh. Miễn trừ duy nhất là, họ được phép dạy dỗ trẻ em (1.Tim. 3:15) và các phụ nữ trẻ (Tit 2:4). Phụ nữ cũng không được **cấm quyền trên đàn ông**. Nghĩa là phụ nữ không được cai trị người nam, nhưng phải ở **yên lặng**. Chúng ta có thể thêm rằng phần sau của câu này không hề bị giới hạn trong hội thánh địa phương. Nguyên tắc căn bản trong cách cư xử của Đức Chúa Trời đối với nhân loại là người nam được ban cho vai trò làm đầu, còn người nữ phải ở chỗ thuận phục. Không có nghĩa người nữ thấp kém hơn, hoàn toàn không đúng như vậy. Nhưng hàm ý người nữ cấm quyền hay cai trị trên người nam là trái với ý định của Đức Chúa Trời.

2:13 Để chứng minh quan điểm của mình, trước hết Phaolô trưng dẫn việc dựng nên Adam và Èva. **Adam đã được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Èva**. Thứ tự tạo dựng là điều quan trọng. Qua việc dựng nên người nam trước, Đức Chúa Trời định cho người nam phải làm đầu, là người thực thi sự chỉ dẫn, người có thẩm quyền. Việc người nữ được dựng nên sau hàm ý nàng phải thuận phục chống mình. Bằng cách đặt cơ sở sự lập luận của mình trên thứ tự tạo dựng, Phaolô bác bỏ bất cứ tư tưởng nào cho rằng đây chỉ là vấn đề mang tính văn hóa địa phương.

2:14 Bằng chứng thứ hai liên quan đến việc tội lỗi xâm nhập vào dòng dõi

loài người. Thay vì trực tiếp đến với **Adam**, con rắn đã đến với Êva bằng sự cám dỗ và lừa dối. Theo ý định của Đức Chúa Trời, đáng lẽ Êva không được hành động độc lập. Nàng phải đến gặp Adam và đưa vấn đề ra trước Adam. Thay vào đó, nàng đã để cho mình bị Satan **đổ đánh mà sa vào tội lỗi**.

Qua liên hệ này, hãy lưu ý các giáo sư giả ngày nay thường thâm viếng những gia đình người vợ có khả năng ở nhà một mình nhiều nhất, tức là, khi người chồng hầu như luôn đi làm xa.

Không phải Adam bị đổ đánh. Rõ ràng là ông đã phạm tội với cặp mắt mờ lún. Có người cho rằng khi thấy vợ mình đã sa vào tội lỗi, ông muốn giữ sự hiệp nhất với nàng, vì vậy ông đã tự lao mình vào tội lỗi. Nhưng Thánh Kinh không nói như vậy. Kinh Thánh chỉ nói rằng người **đàn bà bị đổ đánh**, chứ **không phải Adam**.

2:15 Đây là một trong những câu Kinh Thánh khó nhất trong các Thư Tín Mục Vụ, có nhiều cách giải thích đã được đưa ra. Một số người cho rằng đây chỉ là một lời hứa của Chúa rằng người mẹ Cơ Đốc sẽ được cứu khỏi chết khi đẻ con. Tuy nhiên, điều đó không phải lúc nào cũng đúng. Bởi vì có một số Cơ Đốc Nhân tận tụy, tin kính đã qua đời khi đưa sự sống vào trong thế gian. Những người khác nghĩ rằng **đẻ con** (theo nghĩa đen, việc "đẻ con") ám chỉ đến sự ra đời của Háng Mêsai, và rằng phụ nữ được cứu nhờ Háng đã được sinh ra bởi một người nữ. Tuy nhiên, cách giải thích ấy khó mà thỏa mãn được ý nghĩa của câu này, bởi vì người nam cũng được cứu cùng cách ấy.

Không ai có thể gợi ý cho hợp lý câu này hàm ý phụ nữ nhận được sự cứu rỗi đời đời nhờ việc làm mẹ; như thế, sự cứu rỗi là do việc làm và việc làm thuộc tính chất bất thường nhất!

Chúng tôi gợi ý điều sau đây như là cách giải thích hợp lý nhất cho câu Kinh Thánh này. Trước hết, sự cứu rỗi trong bối cảnh này không ám chỉ đến sự cứu rỗi *linh hồn*, mà là cứu về *địa vị* người nữ trong hội thánh. Từ những gì Phaolô vừa nói trong đoạn này, có thể gây ấn tượng trong tâm trí một số người là người phụ nữ không có vị trí nào trong các mục tiêu và sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời; người nữ bị đẩy vào tình trạng vô tích sự. Nhưng Phaolô sẽ tranh luận với tuyên bố này. Dù đúng là không được giao phó chức vụ gì trước mọi người trong hội thánh, người nữ vẫn có một chức vụ quan trọng. Đức Chúa Trời đã truyền rằng vị trí của phụ nữ là ở trong gia đình, và cụ thể hơn nữa là trong công tác dưỡng dục con cái cho sự vinh hiển và sự tôn trọng của Đức Chúa Jêsus Christ. Hãy suy nghĩ đến các bà mẹ của những bậc lãnh đạo trong hội thánh Cơ Đốc ngày nay! Những người nữ này không bao giờ leo lên diễn đàn công chúng để giảng dạy Phúc Âm, nhưng trong việc nuôi dưỡng con cái mình cho Chúa, họ thật sự đã được cứu về địa vị và sự kết quả cho Chúa.

Lilley viết rằng:

Người ấy sẽ được cứu khỏi những hậu quả của tội lỗi và được ban sức để giữ một địa vị ảnh hưởng trong Hội thánh nhờ chấp nhận danh phận tự nhiên của mình với tư cách người vợ và người mẹ, miễn là sự đầu phục ấy được

khủng định hơn nữa qua việc sinh ra hồng trái của tâm tình Cơ Đốc nhân được thánh hóa.⁷

Ở điểm này sẽ có người thắc mắc: "Vậy những phụ nữ không lập gia đình thì sao?" Câu trả lời là ở câu này Đức Chúa Trời nhắc đến phụ nữ nói chung. Đa số phụ nữ Cơ Đốc đều có lập gia đình và sinh con cái. Còn về ngoại lệ ấy, có nhiều chức vụ hữu ích khác được giao phó cho họ mà không liên quan đến sự dạy dỗ ở nơi công cộng hoặc cầm quyền trên người nam.

Lưu ý mệnh đề nói về phẩm chất ở cuối câu 15: **Dầu vậy nếu đàn bà lấy đức hạnh mà bền đỗ trong đức tin, trong sự yêu thương, và trong sự nên thánh, thì sẽ nhưn đẻ con mà được cứu rỗi.** Đây hoàn toàn không phải là một lời hứa vô điều kiện. Nếu chồng và vợ giữ lời chứng Cơ Đốc nhất quán, tôn kính Chúa tại gia đình, và đường dục con cái trong sự kính sợ và khuyến bảo của Chúa, thì địa vị của người nữ sẽ được cứu. Nhưng nếu cha mẹ bất cần, sống theo đời này, xao lãng việc rèn luyện con cái mình, thì những đứa trẻ đó có thể hư mất đối với Chúa và hội thánh. Trong trường hợp đó, người nữ không đạt được phẩm hạnh đích thực Chúa đã phong cho nàng.

Đừng ai nghĩ rằng vì chức vụ của người nữ mang tính riêng tư trong gia đình nên kém quan trọng hơn chức vụ ở trước công chúng. Người ta nói: "Bàn tay đưa nói là bàn tay cai trị thế giới" thật đúng. Trong ngày hầu đến, ở tại Ngai Phán Xét của Đấng Christ, chính sự trung tín mới là quan trọng, và đây là điều được phơi bày trong gia đình cũng như trên tòa giảng.

C. Về Các Trưởng Lão Và Các Chấp Sự (3:1-13)

3:1 **Lời chắc chắn** thứ nhì trong I. Timóthê có liên quan đến công việc của các giám mục trong hội thánh địa phương. **Giám mục** là người nam Cơ Đốc có kinh nghiệm chín chắn và hiểu biết, giúp việc chăm sóc đời sống tín kinh thuộc linh trong hội thánh địa phương. Người ấy không lấy sự cao ngạo mà cai trị trên cơ nghiệp của Đức Chúa Trời, thay vào đó, dẫn dắt họ bởi gương mẫu thuộc linh của mình.

Ngày nay, "giám mục" biểu thị cho một chức vụ của hội thánh thi hành thẩm quyền trên nhiều hội thánh địa phương. Nhưng trong Tân Ước luôn luôn có một số các giám mục tại một hội thánh (Công vụ 14:23; 20:17; Phillip 1:1; Giacô 5:14).

Giám mục cũng là người coi sóc. Cùng một từ được dịch là **giám mục** trong câu này được dịch là "kẻ coi sóc" trong Công vụ 20:28. Giám mục, hay người coi sóc, cũng là trưởng lão. Những người này, được gọi là các trưởng lão trong Công vụ 20:17 cũng được gọi là những kẻ coi sóc trong Công vụ 20:28 (xem Tit 1:5 và 1:7). Các trưởng lão cũng giống như các linh mục, vì mặc dầu từ linh mục không được tìm thấy trong Tân Ước, từ Anh ngữ "trưởng lão" dịch từ Hy văn *presbuteros*. Vì vậy, từ "giám mục", "kẻ coi sóc" "trưởng lão", và "linh mục" tất cả đều chỉ về một người.

Thật ra từ được dịch là "trưởng lão" (*presbuteros*) đôi khi cũng được dùng để mô tả một người lớn tuổi chứ không nhất thiết là người lãnh đạo trong hội

thánh (I.Tim. 5:1, Hy văn), nhưng hầu hết những láu khác "trưởng lão" mô tả một người được công nhận trong hội thánh địa phương lo việc chăm sóc mục vụ giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời.

Tân Ước hình dung các giám mục hay các trưởng lão tại mỗi hội thánh địa phương (Philíp 1:1). Tuy nhiên, không chính xác khi bảo rằng hội thánh không thể tồn tại nếu không có các giám mục. Theo Tit 1:5, dường như rõ ràng là đã có những hội thánh non trẻ ở tại Corét, nơi các trưởng lão vẫn chưa được công nhận.

Chỉ Thánh Linh Chúa mới có thể lập một người làm trưởng lão. Điều này được tỏ rõ trong Công vụ 20:28. Thánh Linh đặt gánh nặng trong lòng người ấy để đảm nhận công việc quan trọng này và cũng để trang bị người ấy cho công tác đó. Không thể nào khiến một người trở thành giám mục bằng cách bầu cử người ấy vào chức vụ hoặc bằng cách tấn phong. Trách nhiệm của hội thánh địa phương là công nhận những người này giữa hội thánh, là người đã được lập làm trưởng lão bởi Chúa Thánh Linh (I.Tês. 5:12). Đúng là chúng ta thấy có sự bỏ nhiệm các trưởng lão trong sách Tit. Nhưng đó chỉ là vấn đề Tit chọn ra những người có các tiêu chuẩn của trưởng lão. Vào lúc ấy, Cơ Đốc Nhân chưa có Tân Ước được in như chúng ta có ngày nay. Vì vậy, họ không biết chính xác những phẩm tính gì các trưởng lão phải có. Vì vậy Phaolô sai Tit đem thông tin này đến với họ và truyền cho Tit phải biệt riêng những người Chúa Thánh Linh đã cảm động cho công việc này.

Việc hội thánh địa phương công nhận các trưởng lão có lẽ khá thông thường. Các Cơ Đốc Nhân thường nhận biết theo trực giác ai là các trưởng lão của họ bởi vì họ đã biết các tiêu chuẩn của trưởng lão trong I.Tim. 3 và Tit 1. Mặt khác, sự công nhận các trưởng lão có lẽ là một thủ tục trang trọng hơn. Hội thánh địa phương cùng nhau nhóm lại với mục đích tỏ rõ sự công nhận chung dành cho các trưởng lão. Trong trường hợp đó, thủ tục thường là đọc các đoạn Kinh Thánh thích hợp, giải thích ra, sau đó để cho các Cơ Đốc Nhân tại địa phương chỉ định ai là người họ kể là trưởng lão trong hội chúng. Các tên sau đó được công bố cho cả hội chúng. Nếu hội thánh không có các trưởng lão đủ tiêu chuẩn, thì cách duy nhất là cầu nguyện để Chúa sẽ đầy lên những người như thế trong những ngày tới.

Kinh Thánh không chỉ ra cụ thể số lượng trưởng lão bao nhiêu cho một hội thánh địa phương, mặc dù *luôn luôn là số nhiều*. Vấn đề là có bao nhiêu người nam đáp ứng trước sự dẫn dắt của Thánh Linh trong việc này.

Vị bằng có kẻ mong được làm giám mục, ấy là ứa muốn một việc tối lành. Người ta thường cho rằng đây là một chức vụ của giáo hội, cao quý và ít đòi hỏi hoặc không đòi hỏi trách nhiệm, trong khi chức vụ coi sóc thật sự là một sự hầu việc khiêm nhường giữa vòng dân sự của Đức Chúa Trời; đó là công việc.

3:2 Những phẩm tính của giám mục từ câu 2-7 nhấn mạnh đến bốn điều kiện tiên quyết chủ yếu. Tâm tành cả

nhân, lời chứng của gia đình, năng lực dạy dỗ, và một tiêu chuẩn về kinh nghiệm. Đây là các tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời cho bất cứ ai làm công tác lãnh đạo thuộc linh trong hội thánh địa phương. Một số người ngày nay lập luận rằng không một ai đạt đến các tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, không đúng như vậy. Sự lập luận đó cướp đi lời Kinh Thánh về thẩm quyền của họ và cho phép con người nắm giữ vị trí giám mục mà chưa hề hội đủ điều kiện của Đức Thánh Linh.

Vậy, người giám mục cần phải không chỗ trách được. Điều này hàm ý không lời buộc tội về sai phạm nghiêm trọng nào nhằm chống lại người ấy. Nói như vậy không có nghĩa là người ấy vô tội, mà là, nếu phạm phải sai lầm, người ấy phải sửa ngay lại với Chúa và với người. Người ấy phải không bị chê trách, chẳng những danh tiếng không bị hoen ố mà còn phải xứng đáng với thành danh ấy.

Thứ hai, người ấy phải là **chồng chỉ một vợ mà thôi**. Yêu cầu này được hiểu theo nhiều cách. Một số người cho rằng như vậy giám mục phải là người lập gia đình. Lập luận này cho rằng người độc thân không có bề rộng kinh nghiệm thích đáng để xử lý những nan đề gia đình xảy ra. Nếu câu này hàm ý giám mục phải kết hôn thì cũng phải lập luận ở câu 4 rằng trưởng lão phải có con cái, theo cách lý luận tương tự.

Những người khác cho rằng **chồng chỉ một vợ** nghĩa là nếu vợ thứ nhất qua đời, thì giám mục không kết hôn lần nữa. Đây là một cách giải thích rất nghiêm nhặt, cho thấy sự cần nhắc về

tinh thánh khiết của mối quan hệ hôn nhân.⁸

Cách giải thích thứ ba hàm ý giám mục không được ly dị. Quan điểm này đáng phải suy xét, dấu đó cũng khó là cách giải thích đầy đủ.

Một quan niệm nữa, đó là giám mục không được bị cáo là phạm bất cứ điều gì về tội không chung thủy hoặc không đúng nguyên tắc trong việc kết hôn. Đời sống đạo đức của người ấy phải vượt lên trên mọi thắc mắc nghi ngờ. Điều này nhất định đúng, dấu cho câu Kinh Thánh này có thể hàm ý bất cứ điều gì khác.

Một cách giải thích cuối, đó là giám mục không được theo chế độ đa thê. Cách giải thích này có vẻ lạ lùng đối với chúng ta, nhưng dường như cũng đáng được cân nhắc. Trong lãnh vực truyền giáo ngày nay, thường xảy ra việc một người theo chủ nghĩa đa thê tin nhận Chúa. Có lẽ vào lúc tin Chúa, người ấy đã có bốn vợ. Sau đó người ấy được yêu cầu chịu báp têm và nhận vào hội thánh địa phương. Nhà truyền giáo phải làm gì? Có người trả lời rằng người ấy phải bỏ bớt ba vợ. Tuy nhiên hành động ấy gây ra tình trạng nan giải khủng khiếp. Vì một điều, người ấy không biết phải bỏ ai. Ông ta yêu tất cả họ và đang chu cấp mái ấm cho tất cả. Cũng vậy, nếu phải bỏ đi ba bà vợ, họ sẽ không có phương kế sinh nhai, một số trong vòng họ có thể phải hành nghề mại dâm để sinh tồn. Giải pháp của Chúa trước một nan đề như vậy không bao giờ là chữa trị một tội bằng nhiều tội tệ hơn. Các nhà truyền giáo Cơ Đốc ở nhiều nơi giải quyết nan đề này bằng cách cho phép

người ấy chịu báp têm và được nhận vào hội thánh địa phương, nhưng không bao giờ có thể trở thành trưởng lão của hội thánh bao lâu người ấy còn là kẻ đa thê.

Cổ tiết độ không những chỉ về các vấn đề ăn uống mà còn phải tránh những cực đoan trong các công việc thuộc linh.

Cổ lối trịnh nghĩa là không phủ phịch hay bỡn cợt. Người ấy phải nghiêm túc, sốt sắng, biết phân biệt và thận trọng. Người ấy nhận biết rằng “con ruồi chết làm cho thúi dấu thơm của thợ hòa hương; cũng vậy một chút điên dại làm nhẹ danh một người khôn ngoan sang trọng” (Truyền. 10:1).

Giám mục phải **xứng đáng**, tức là phải biết sắp xếp các thói quen của mình cho đúng đắn.

Hay tiếp khách thể hiện lòng mến khách. Gia đình của người ấy mở cửa đón tiếp người được cứu cũng như chưa được cứu và tìm cách đem phúc hạnh tới cho mọi người đến dưới mái nhà mình.

Trưởng lão cũng phải là người **khéo dạy dỗ**. Khi thăm viếng những người có nan đề thuộc linh, người ấy phải biết tra xem Kinh Thánh và giải thích ý muốn của Chúa trong vấn đề đó. Phải có khả năng nuôi dưỡng bầy chiên của Chúa (I Phi. 5:2) và sử dụng Kinh Thánh để phản bác những kẻ đưa ra những sự dạy dỗ sai lạc (Công. 20:29-31). Câu này không nhất thiết rằng giám mục phải có ân tứ dạy dỗ, song, trong chức vụ từ nhà này đến nhà khác, cũng như trong hội thánh, người ấy có thể trình bày các giáo lý về đức tin và phản phát Lời của

Lê Thật cách ngay thẳng, sẵn sàng, và nhạy bén.

3:3 Cụm từ **mê rượu ham ý** ghiền các thức uống có cồn. Giám mục không phải là người đắm mình trong rượu để gây ra những cái cọ ớn ào, tức là những cuộc cãi vã làm sỉ nhục.

Đừng hung bạo hàm ý không dùng vũ lực đối với người khác. Ví dụ, nếu là chủ, người ấy không bao giờ đánh tôi tớ.

Cụm từ **đừng ham liến bạc** không tìm thấy trong các thủ bản cổ nhưng có trong đa số.⁹ Tham tiền sinh ra những kết quả xấu trong hội thánh cũng như trong thế gian.

Trưởng lão phải là người mềm mại. Trong công việc hội thánh, người ấy cần nhẫn chịu, kiên nhẫn và có tinh thần thuận phục.

Người ấy phải hòa nhã, chớ hay tranh chấp và cãi lẫy (bản Anh ngữ) về mọi điều nhỏ nhặt. Đừng kháng kháng đối các quyền lợi của mình, nhưng phải điểm tình và hòa hợp.

Người giám mục cũng không được tham lam, tức là ưa thích tiền của. Ở đây sự nhấn mạnh nằm ở chữ “ham thích.” Người ấy phải quan tâm đến đời sống thuộc linh của dân sự Chúa và không để bị chi phối bởi tham muốn mạnh mẽ những thứ vật chất.

3:4 Để được công nhận là người coi sóc, phải khéo cai trị **nhà riêng mình**, giữ con cái mình cho **vững phục và ngay thật trọn vẹn**. Phẩm chất này phải được áp dụng bao lâu con cái còn sống chung. Sau khi đã rời gia đình và bắt đầu có gia đình riêng, chúng sẽ không còn cơ hội bày tỏ sự thuận phục này.

Nếu **khéo cai trị nhà riêng mình**, người ấy sẽ tránh được những cực đoan của sự khắt khe không cần xứng và sự khoan dung không công bằng.

3:5 Lập luận ở câu này thật rõ ràng. Nếu **một người** không đủ khả năng cai trị nhà riêng mình, thì làm sao người ấy mong cai trị được hội thánh của Đức Chúa Trời? Trong nhà riêng, số người tương đối ít. Tất cả mọi người đều có liên hệ với người ấy, và hầu hết các thành viên đều nhỏ tuổi hơn người ấy nhiều. Trái lại, trong hội thánh, số người thường đông hơn nhiều, và với số lượng gia tăng, các lãnh khi khác nhau cũng gia tăng tương ứng. Rõ ràng nếu không thích hợp cho việc cai trị một phạm vi nhỏ, thì sẽ không đủ tư cách đối với phạm vi lớn hơn.

Câu 5 quan trọng vì nó định nghĩa công việc của người trưởng lão. Đó là **phải cai trị (săn sóc, bản Anh ngữ) hội thánh của Đức Chúa Trời**. Hãy lưu ý câu này không bảo "cầm quyền trên" hội thánh của Đức Chúa Trời. Trưởng lão không phải bạo chúa, hay thậm chí là kẻ cầm quyền từ bị, mà là người chỉ dẫn dân sự Đức Chúa Trời như một người chân dẫn dắt bầy chiên.

Chỉ một lần khác, cụm từ "săn sóc" được sử dụng trong Tân Ước, trong câu chuyện Người Samaritanh Lành (Luca 10:34). Cùng sự chăm sóc dịu dàng, thương xót mà người Samaritanh Lành bày tỏ đối với nạn nhân của những kẻ cướp phải được trưởng lão, người săn sóc hội thánh của Đức Chúa Trời bày tỏ.

3:6 Người mới tin đạo. Người mới cải đạo theo Cơ Đốc Giáo, hay người

còn non trẻ trong đức tin, không đủ tiêu chuẩn để làm giám mục. Công việc này đòi hỏi những người có kinh nghiệm và hiểu biết trong đức tin. Nguy hiểm ở chỗ người mới tin đạo có thể tự kiêu mà sa vào án phạt của ma quỷ. Án phạt của ma quỷ không có nghĩa là sự đoán phạt Satan gây cho một người, mà là sự đoán phạt đã giáng trên chính Satan vì cố sự kiêu ngạo của nó. Nó đã tìm kiếm vị trí cao ngạo mà nó đã không đủ tư cách, và kết quả là nó đã bị hạ bệ.

3:7 Giám mục là người phải được **kiêng tối** trong cộng đồng. Người ngoại ám chỉ đến những người lân cận chưa được cứu. Không có lời làm chứng tội này, người ấy trở thành đế tài cho sự kiện cáo của loài người và **mắc bẫy ma quỷ**. Kiện cáo có thể đến từ người tin Chúa cũng như người chưa tin. **Mắc bẫy ma quỷ** là bẫy rập mà Satan đặt cho kẻ có đời sống không nhất quán với lời xưng nhận của họ. Một khi bắt quả tang con người trong chiếc bẫy này, nó sẽ hêu họ ra cho bị nhạo báng, khinh khi và sỉ nhục.

3:8 Bảy giờ, vị sứ đồ chuyển từ các giám mục sang các **chấp sự**. Trong Tân Ước, chấp sự chỉ là người phục vụ. Người ta thường hiểu rằng chấp sự là người lo các công việc thế tục trong hội thánh địa phương. Trong khi giám mục chăm sóc đời sống tâm linh của hội thánh. Hiểu biết về phận sự của các chấp sự phần lớn dựa trên Công vụ 6:1-5, là nơi những người nam được chỉ định để lo việc phân phối ngân quỹ hàng ngày cho các bà góa trong hội thánh. Thật ra danh từ "chấp sự" không được dùng trong đoạn Kinh Thánh này.

nhưng hình thức động từ được sử dụng ở câu 2: "Bỏ sự dạy dỗ Đức Chúa Trời mà giúp việc ("theo nghĩa đen là chấp sự") bèn tiệc thật chẳng xứng hợp."

Các tiêu chuẩn dành cho chấp sự rất giống với các tiêu chuẩn của các giám mục. Mặc dầu không tuyệt đối nghiêm nhặt. Một khác biệt đáng lưu ý là người ta không đòi hỏi các chấp sự phải có tài dạy dỗ.

Các chấp sự cũng phải cho nghiêm trang, đường hoàng, và đáng tôn trọng. Họ không được nói hai lời, nghĩa là, không được đưa ra những báo cáo mâu thuẫn với những người khác nhau, vào những thời điểm khác nhau. Họ phải nhất quán.

Các chấp sự không được ghiền rượu. Tân Ước không cấm việc sử dụng rượu với mục đích làm thuốc, hoặc như một thức uống trong các quốc gia có nguồn cung cấp nước bị ô nhiễm. Song, mặc dầu việc dùng rượu vừa phải được phép, Cơ Đốc Nhân cũng phải cần nhắc lời làm chứng của mình lên quan đến vấn đề này. Trong khi một số quốc gia có thể hoàn toàn cho phép Cơ Đốc Nhân uống rượu mà không gây tác hại gì cho lời làm chứng của mình, thì tại các quốc gia khác, có thể gây vấp ngã cho người chưa tin nếu nhìn thấy một Cơ Đốc Nhân uống rượu. Vì vậy mặc dầu việc sử dụng rượu có thể hợp pháp, song không có ích.

Chấp sự không được tham lợi phi nghĩa. Như đã đề cập, một trong các chức năng của chấp sự có thể là quản lý ngân quỹ của hội thánh địa phương. Công tác này đưa người ấy đến trước sự cám dỗ đặc biệt nếu có lòng tham tiền

hạc. Người ấy có thể bị cám dỗ để phục vụ chính mình. Giuda không phải là người thủ quỹ cuối cùng phản Chúa vì tiền!

3:9 Các chấp sự cũng phải lấy lương tâm thanh sạch giữ lễ mẫu nhiệm của đức tin. Có nghĩa là họ phải trong sạch, vững mạnh trong sự dạy dỗ và đời sống. Không những phải biết lễ thật; họ còn phải sống theo lễ thật. Lễ mẫu nhiệm của đức tin là lời mô tả đức tin của người Cơ Đốc. Nhiều sự dạy dỗ của Cơ Đốc Giáo đã được giữ kín suốt thời kỳ Cựu Ước nhưng đến lúc này đã được mặc khải bởi các sứ đồ và các tiên tri của Tân Ước. Đó là lý do từ mẫu nhiệm được sử dụng ở đây.

3:10 Các chấp sự phải chịu thử thách trước đã, cũng như trong trường hợp của các trưởng lão. Nghĩa là họ phải được quan sát một thời gian, cũng có thể được giao cho một số những trách nhiệm nhỏ của hội thánh địa phương. Sau khi đã tự chứng minh là đáng tin cậy và trung thành, họ mới được tiếp tục giao cho những trách nhiệm lớn hơn. Thì mới được làm chức chấp sự, hay đơn giản là "mời để họ hầu việc Chúa." Cũng như với các giám mục, sự nhấn mạnh không nhiều trên chức vụ của giáo hội cho bằng nơi sự hầu việc Chúa và dân sự Ngài.

Bất cứ khi nào được thấy là không chỗ trách được trong đời sống riêng và đời sống trước mặt mọi người, thì người ấy mới được phép hầu việc với tư cách chấp sự. Không chỗ trách được ở đây đặc biệt ám chỉ đến những phẩm chất vừa được đề cập.

Đến đây có lẽ cũng nên nhắc đến một số người có thể được coi là chấp sự trong hội thánh địa phương. Thủ quỹ nhất định là một trong số đó, cũng như thư ký, người lo Trường Chúa Nhật, và những người tiếp tân.

3:11 Câu Kinh Thánh này dường như ám chỉ đến **vợ** các chấp sự, hoặc **vợ** của các giám mục và các chấp sự. **Vợ** của những người được giao cho trách nhiệm trong hội thánh nhất định phải là những người có lời chứng Cơ Đốc và sự ngay thẳng, điều đó sẽ giúp chống họ trong công tác quan trọng.

Tuy nhiên, cùng một từ dùng cho "vợ" cũng có thể được dịch là "phụ nữ." Cách dịch này cho phép lời giải thích thêm về các nữ chấp sự. Đã có những người nữ như thế trong hội thánh đầu tiên, Rôma 16:1, nơi Phêbê được nhắc đến như người hầu việc (cùng một từ với "chấp sự") của hội thánh Xencrê.¹⁰ Mạnh mẽ về kiểu hầu việc mà những người nữ này thi hành trong hội thánh được nói đến trong Rôma 16:2, tại đây Phaolô nói về Phêbê là "người đã giúp đỡ nhiều kẻ, và cũng giúp tôi nữa."

Dẫu là theo cách giải thích được chấp nhận nào, những người nữ này **phải nghiêm trang**, dường hoàng và chín chắn. Họ **không được nổi xấu**, để thì giờ ngó lơ đối sách về người khác, rêu rao những báo cáo sai lạc và có ác ý nhằm làm tổn hại đến thanh danh của người khác. Họ cũng **phải có tiết độ**, tỏ ra tự chế và kỷ luật.

Cuối cùng, họ **phải trung tín trong mọi việc**. Điều này không những hàm ý ngay thẳng với đức tin Cơ Đốc, mà còn

tin cậy được, trung thành, và đáng tin trong điều riêng tư của người khác. Họ phải giữ kín những lời tâm sự riêng cũng như những bí mật gia đình.

3:12 Vị sử đồ bảy giờ trở lại với đề tài các **chấp sự**. Trước hết, ông định rõ họ phải là **chồng của một vợ mà thôi**. Nhiều cách giải thích khác nhau về cụm từ này đã được đưa ra ở câu 2 của đoạn này. Đủ để nói ở đây rằng như các giám mục, các chấp sự phải vượt trên sự chê trách trong đời sống hôn nhân của mình.

Họ cũng phải **khéo cai trị con cái và nhà riêng mình**. Tàn Ước coi thất bại này như là một nhược điểm của phẩm chất người Cơ Đốc. Điều đó không hàm ý họ phải độc tài và áp bức. Nhưng muốn nói rằng **con cái họ phải vâng phục và làm chứng** cho lẽ thật.

3:13 Vì ai khéo làm chức vụ mình thì được **bực cao trọng** được minh họa rõ ràng qua trường hợp của Philip và Êtiên. Trong Công vụ 6:5, hai người này được nêu tên giữa vòng những chấp sự đã được chỉ định. Công việc họ được giao là lo phân phối tiền bạc cho các bà góa. Vì họ đã trung tín trong các phận sự này, dường như Thánh Linh Chúa đã nâng họ lên những phạm vi phục vụ lớn hơn; bởi vì như sách Công vụ kỹ thuật tiếp, chúng ta thấy Philip phục vụ với tư cách nhà truyền giáo còn Êtiên với tư cách giáo sư. Sau khi **đã khéo làm chức vụ mình**, họ đã được thăng tiến và ban cho **bực cao trọng** trong mắt của hội thánh địa phương. Người trung tín hoàn thành nhiệm vụ được giao, dẫu đó là việc nhỏ, không bao lâu sẽ được tôn trọng vì sự dâng tin cậy và tận tụy.

Ngoài ra, Philip và Êtiên còn được ban cho lòng rất dạn dĩ trong đức tin đến Đức Chúa Jêsus Christ. Điều này chắc chắn hàm ý rằng họ đã được ban cho sự tự do lớn trong việc làm chứng cho Đấng Christ, trong sự dạy dỗ, và trong sự cầu nguyện. Điều này chắc chắn đúng với Êtiên qua bài nói chuyện đang lưu ý của ông trước khi tuận đạo.

D. Ví Cách Cư Xử Trong Hội Thánh (3:14-16)

3:14 Vị sứ đồ đã viết những lời đi trước với hy vọng sớm gặp Timôthê. Tuy nhiên, những điều này có lẽ không những chỉ hàm ý những điều nói ở trước mà cả những điều sau.

3:15 Phaolô nhận biết khả năng ông chạm đến, thậm chí hoàn toàn không đến được Êphêso. Thật ra, chúng ta không biết ông có gặp lại Timôthê ở Êphêso hay không. Và vì vậy, nếu ông phải nán ná lâu, ông muốn Timôthê biết các Cơ Đốc Nhân phải làm thế nào trong nhà Đức Chúa Trời.

Trong các câu trước, Phaolô đã mô tả các giám mục, chấp sự, và vợ họ phải cư xử như thế nào. Bây giờ ông giải thích các Cơ Đốc Nhân, nói chung, phải cư xử ra sao trong nhà Đức Chúa Trời.

Nhà Đức Chúa Trời ở đây được định nghĩa là hội thánh của Đức Chúa Trời Hằng Sống, trụ và nền của lễ thật. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời ngự trong đền tạm và đền thờ, nhưng trong Tân Ước, Ngài ngự trong hội thánh. Hội thánh được nhắc đến như là hội thánh của Đức Chúa Trời Hằng Sống, điều này tương phản với đền thờ trong đó có các hình tượng chết.

Hội thánh được gọi là trụ và nền của lễ thật. Trụ không những được sử dụng

để chống đỡ một kiến trúc, mà trụ thường được dựng nên ở khu chợ công cộng để dân các yết thị lên đó. Vì vậy, đó là một công bố. Hội thánh là đơn vị trên đất được Chúa chọn để công bố và bày tỏ lễ thật của Ngài. Hội thánh cũng là nền của lễ thật. Nền ở đây mang ý tưởng của nền móng hoặc chống đỡ kiến trúc. Điều này mô tả hội thánh được giao phó trách nhiệm bền vững và hậu thuẫn cho lễ thật của Đức Chúa Trời.

3:16 Đây là một câu khó. Khó ở chỗ phân định câu này khớp với các câu đi trước như thế nào. Một gợi ý cho rằng ở đây chúng ta có những hình ảnh do nhờ của lễ thật, hội thánh chính là trụ và nền của lễ thật đó (c.15). Một nhận định khác đó là câu này đưa ra gương mẫu và quyền phép của sự tin kính mà Phaolô nhấn mạnh, là một phần không thể thiếu được của cách cư xử đúng đắn trong nhà của Đức Chúa Trời. J.N. Darby nói rằng:

*Câu này thường được trích dẫn và giải thích như thế nói về sự huyền nhiệm của Đức Chúa Trời Ba Ngôi, hoặc sự huyền nhiệm của Thân vị Đấng Christ. Nhưng đây là sự huyền nhiệm của sự tin kính, hoặc sự bí mật mà bởi đó tất cả những sự tin kính thật được cung ứng – sự lưu xuất thiên thượng của tất cả những gì có thể được gọi là lòng mộ đạo trong con người... Sự tin kính xuất phát từ hiểu biết về sự nhập thể, sự chết, sự sống lại và sự thăng thiên của Đức Chúa Jêsus Christ. Đây là phương cách để biết Đức Chúa Trời, và như cũ ở trong chỗ đó, sẽ lưu ru sự tin kính.*¹¹

Khi Phaolô nói rằng sự mẫu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm, ông không

hàm ý đều hết sức huyền bí, nhưng muốn nói những lẽ thật trước kia chưa được biết liên quan đến Thân vị và công việc của Chúa Jêsus là hết sức kỳ diệu và tuyệt vời.

Đức Chúa Trời¹² được tỏ ra trong xác thịt ám chỉ đến Chúa Jêsus, và đặc biệt đến sự nhập thể của Ngài. **Sự tin kính** thật đã được bày tỏ ra trong xác thịt lần đầu tiên khi Chúa Cứu Thế Jêsus được sinh ra ở tại máng cỏ Bêlêhem.

Có phải được Đức Thánh Linh xưng là công bình có nghĩa là "được xưng công bình trong chính tâm linh Ngài không"? Hay có nghĩa là "được Đức Thánh Linh xưng là công bình"? Chúng ta hiểu hàm ý sau. Ngài đã được xác chứng bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời khi chịu báp têm (Math. 3:15-17), qua sự hóa hình (Math. 17:5), sự sống lại (Rôm. 1:3,4), và thăng thiên (Giăng 16:10).

Chúa Jêsus đã được thiên sứ trông thấy khi Ngài giáng sinh, bị cầm dỗ, chịu thống khổ trong vườn Ghếtsemanê. Phục sinh và thăng thiên.

Từ ngày Lễ Ngũ Tuần trở đi Ngài đã được **giảng ra cho dân ngoại**. Lời công bố này không những đã đến với dân Dothái mà còn đến tận các đầu cùng đất.

Được thiên hạ tin cậy mô tả sự kiện một số người hầu như từ mọi bộ tộc và mọi dân đã tin cậy Chúa Jêsus. Câu này không nói "được tin cậy bởi thế giới." Mặc dầu lời công bố mang tính toàn cầu, song sự tiếp nhận chỉ mới một phần.

Mọi người thường đồng ý được **cất lên trong sự vinh hiển** ám chỉ Ngài đã

thăng thiên và về trời sau khi công tác cứu chuộc hoàn tất, và chỉ ra địa vị hiện nay của Ngài nơi đó. Vincent lưu ý "**được cất lên trong sự vinh hiển**" nghĩa là với những tình huống kèm theo đầy uy nghi như nói về vị tướng chiến thắng."

Một số người đối danh sách các sự kiện này cho đúng trình tự thời gian. Ví dụ, họ nói rằng được **tỏ ra trong xác thịt** chỉ về sự nhập thể; **được Đức Thánh Linh xưng là công bình** ám chỉ đến sự chết, chôn và phục sinh của Đấng Christ; **được thiên sứ trông thấy** mô tả đến việc Ngài thăng thiên trở về trời; **được giảng ra cho dân ngoại** và **được thiên hạ tin cậy** là những sự kiện theo sau việc Ngài thăng thiên; cuối cùng, **được cất lên trong sự vinh hiển** ám chỉ ngày hầu đến khi tất cả những người được Ngài cứu chuộc nhóm nhau lại, sống lại từ kẻ chết, và được cất lên cùng với Ngài trong sự vinh hiển. Khi ấy và chỉ khi ấy, sự **mẫu nhiệm của sự tin kính** mới trọn vẹn theo quan điểm này.

Tuy nhiên, chúng ta thấy không cần thứ tự này *phải* theo đúng trình tự thời gian. Một số người tin trong câu này có một phần của một bản thánh ca Cơ Đốc đầu tiên. Nếu vậy, câu này hơi giống với bài hát tin lành "Một Ngày":

*Sống Ngài mền tôi rồi; chết để cứu tôi,
Chôn chôn tội tôi hao ở điểm không
còn thấy.*

*Sống lại để tôi nhờ Ngài được xưng
nghĩa công bình*

*Một ngày Ngài đến - ngày hiển vinh
hạnh phúc thay.*

Charles H. Marsh

IV. SỰ BỘI ĐẠO TRONG HỘI THÁNH (4:1-16)

A. Cảnh Báo Về Sự Bội Đạo Sắp xảy đến (4:1-5)

4:1 Có hai cách qua đó Thánh Linh được cho là đã phân tỏ lương. Trước hết, điều Phaolô sắp nói chắc chắn được ban cho ông bởi sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nhưng cũng có thể hàm ý rằng khắp Kinh Thánh, và đặc biệt trong Tân Ước, Kinh Thánh đã dạy tỏ tường rằng đời sau rồi sẽ được đặc trưng bằng sự sa sút đức tin.

Đời sau rồi có nghĩa là "trong thời kỳ sau rốt," những thời kỳ theo sau thời điểm Phaolô viết bức thư này.

Có mấy kẻ sẽ bội đạo. Từ mấy là đặc trưng của I. Timôthê. Thiếu số trong thư tin này dường như đã trở thành đa số trong II. Timôthê. Sự kiện những người này bội đạo hay sai lạc đạo không có nghĩa là họ đã từng được cứu, mà chỉ hàm ý rằng họ đã từng xưng mình là Cơ Đốc Nhân. Họ đã biết về Đức Chúa Jêsus Christ và đã được nghe rằng Ngài là Đấng Cứu Thế duy nhất. Họ đã một thời gian xưng mình theo Ngài, nhưng rồi họ đã bội đạo.

Ít có người nào đọc phần này mà không nghĩ đến sự nổi lên của các tà giáo ngay trong thời của chúng ta. Cách các hệ thống tà giáo này lan tràn được mô tả chính xác ở đây. Phần lớn tư cách thành viên của họ được hình thành bởi những người trước kia đã ở trong cái gọi là các hội thánh Cơ Đốc. Có thể các hội thánh này đã từng vững vàng trong đức tin, nhưng rồi họ bị trôi dạt về phía phức âm xạ hội. Các giáo sư tà giáo xuất hiện đưa ra một sử điệp rích cực

hơn, và những Cơ Đốc nhân tự xưng mình đã bị mắc bẫy.

Họ sẵn sàng theo hoặc tán thành các thần lừa dối và đạo lý của quỷ dữ. Các thần lừa dối được dùng ở đây với ý nghĩa hình bóng để mô tả các giáo sư giả, bị các tà linh cư trú, là kẻ lừa dối những người khinh xuất. Đạo lý của quỷ dữ không phải hàm ý những sự dạy dỗ về ma quỷ, mà là các đạo lý được cảm thúc bởi các quỷ hoặc có nguồn gốc từ thế giới ma quỷ.

4:2 Từ giả hình gợi lên "mang mặt nạ." Thật là một điển hình của những kẻ theo tà giáo! Họ tìm cách che giấu bộ mặt thật của mình. Họ không muốn người ta biết hệ thống làm một với họ. Họ nguy trang bằng cách dùng những thuật ngữ của Kinh Thánh và hát những bài thánh ca Cơ Đốc. Không những là kẻ giả hình, họ cũng là những kẻ lừa dối. Sự dạy dỗ của họ không theo Lời Chúa; họ biết điều đó và chủ tâm lừa dối con người.

Lương tâm của họ đã lì. Có lẽ lúc đầu trong đời sống, lương tâm họ vốn mềm mại, nhưng họ thường xuyên đè bẹp nó và phạm tội chống nghịch lại sự sáng đến nỗi bấy giờ lương tâm họ không còn nhạy bén và bị chai cứng. Họ không còn chút ngán ngại gì vì đi ngược lại Lời Chúa và dạy những điều họ biết là không đúng.

4:3 Hai đạo lý của quỷ dữ nay được công bố. Thứ nhất, họ dạy **cuối giả** là sai trái, điều này trực tiếp đi ngược lại Lời Chúa. Chính Chúa đã thiết lập hôn nhân, trước khi tội lỗi xâm nhập vào thế gian. Không có gì bất khiết về hôn nhân cả, khi các giáo sư giả cảm cuời

gã, họ đang tấn công vào điều Đức Chúa Trời truyền.

Một điển hình của sự dạy dỗ này là luật cấm các thầy tu và các nữ tu cưới gã. Tuy nhiên, trực tiếp hơn nữa, câu này chỉ ra sự dạy dỗ của thông linh thuyết gọi đó là sự kết hợp linh. Theo A. J. Pollock: "Vi đó mà hôn nhân bị nhạo báng, và qua sự thực hành của nó, những người nam và nữ bị lôi cuốn để rời bỏ người bạn đời hợp pháp, hình thành sự liên kết bất khiết và bất hợp pháp với cái gọi là sự kết hợp linh của họ." Chúng ta cũng có thể nhắc đến thái độ của giáo phái Khoa học Cơ Đốc đối với hôn nhân. Người sáng lập ra nó là Eddy, đã ba lần kết hôn, viết rằng:

Khi người ta chưa học được rằng Đức Chúa Trời là Cha của mọi người, thì hôn nhân vẫn cứ tiếp tục... Đời sống vợ chồng, đã từng là một sự kiện cố định giữa vòng chúng ta, phải mất đi sự gắn bó hiện nay của nó.¹³

Sự dạy dỗ thứ nhì của ma quỷ là **biểu kiến các thức ăn nhất định**. Sự dạy dỗ ấy có giữa vòng những người theo thông linh thuyết, là kẻ tuyên bố ăn thịt thú vật sẽ cản trở con người tiếp xúc với các linh. Giữa vòng những người theo Thông thiên học và đạo Hindu cũng có việc dâng tế kinh khiếp bất cứ loại sự sống nào, bởi vì họ tin rằng linh hồn con người có thể trở về và sống trong thú vật hoặc một sinh vật khác.

Hôn nhân và **các thức ăn**, cả hai đều do Đức Chúa Trời dựng nên để chúng ta dự với lòng tạ ơn. Không phải chỉ ban cho những người chưa được tái sanh mà thôi, nhưng cũng cho kẻ có lòng tin và biết lẽ thật.

4:4 Mọi vật (hoặc tạo vật) Đức Chúa Trời đã dựng nên đều là tốt lành cả. Cả thức ăn lẫn hôn nhân đều là những điều Đức Chúa Trời dựng nên, không một vật chi đáng bỏ, miễn là mình cảm ơn mà ăn lấy. Ngải đã thiết lập hôn nhân để con người sinh sôi sự sống (xem Sángthếký 1:28), và thức ăn để duy trì sự sống (Sángthếký 9:3).

4:5 Lời Đức Chúa Trời biệt riêng thức ăn lẫn hôn nhân cho con người dùng. Thức ăn vì vậy **được nên thánh** trong Sángthếký 9:3; Mác 7:19; Côngvụ 10:14,15; và 1.Côrinhtô 10:25,26. Hôn nhân được biệt riêng trong 1.Côrinhtô 7 và Hêbrơ 13:4.

Chúng cũng **được nên thánh** bởi lời cầu nguyện. Trước khi dự bữa, chúng ta hãy cúi đầu và dâng lời tạ ơn Chúa vì thức ăn (xem Mathơ 14:19; Côngvụ 27:35). Bằng hành động này, chúng ta xin Chúa thánh hóa thức ăn để làm khỏe mạnh thân thể hầu cho chúng ta có thể hầu việc Ngài cách đẹp lòng hơn nữa. Trước khi bước vào hôn nhân chúng ta hãy cầu nguyện để Chúa ban phước cho sự hiệp nhất vì vinh hiển Ngài, vì phước hạnh của những người khác, và vì sự tốt lành của cả dẫu và chú rể.

Thật là một lời chứng tốt cho các Cơ Đốc Nhân khi dâng lời cảm tạ Chúa về thức ăn trước mặt những người chưa được cứu. Lời ca ngợi chúc phước không nên phở trương và kéo dài, song, cũng đừng cố gắng che đậy việc chúng ta muốn cảm tạ Chúa vì thức ăn.

B. Những Huấn Thi Nô Bàng Trước Viễn Cảnh Sự Bội Đạo Sang Đa Đạo (4:6-16).

4:6 Bằng việc giải tỏ cho anh em các việc đó, là điều được đề cập từ câu 1-5,

Timothê sẽ nên kẻ giúp việc ngay lành của Đức Chúa Jêsus Christ. Như đã nói ở trước, từ kẻ giúp việc có nghĩa là "tôi tớ," ông sẽ là một tôi tớ, được nuôi bởi các lời của đức tin và đạo lý lành mà ông đã theo cách cần thận cho đến thời điểm này.

4:7 Ở phần này, Phaolô đang nghĩ đến sự phục vụ của người Cơ Đốc như một hình thức tranh tài của các vận động viên. Trong câu 6, ông nói đến chế độ ăn thích hợp cho người hầu việc Đấng Christ - phải nuôi mình bằng lời của đức tin và đạo lý lành. Trong câu 7, ông nói đến sự tập tành, lấy sự tin kính làm mục tiêu.

Vị sứ đồ khuyến Timothê hãy bỏ đi những lời hư ngụy phạm tục giống như chuyện bịa các bà già. Ông không cần phải tranh đấu với chúng hay dành nhiều thì giờ cho chúng. Thay vào đó, hãy bỏ qua, đừng thêm để ý đến chúng. **Chuyện bịa các bà già** khiến chúng ta nghĩ đến giáo phái Khoa học Cơ Đốc được thành lập bởi một người nữ, dường như hấp dẫn đặc biệt đối với những phụ nữ lớn tuổi, bà dạy các chuyện bịa thay vì lẽ thật.

Thay vì mất thì giờ vào những chuyện huyền, chuyện bịa, ông phải tự lập lành sự tin kính. Sự tập tành đó đòi hỏi phải đọc và học Kinh Thánh, cầu nguyện, suy gẫm, và làm chứng cho người khác. Stock nói rằng: "Không có chuyện bị cuốn vào sự tin kính; 'đồng xu hướng' luôn đi ngược lại với chúng ta." Phải có sự tập tành và đức sức.

4:8 Ở đây có hai loại tập tành trái nhau. Sự tập tành thân thể có những giá trị nhất định cho cơ thể, nhưng giá trị

này hạn chế và ngắn hạn. Trái lại, sự tin kính có ích cho linh hồn, tâm thần, và thân thể con người, không những cho đời này mà còn ích cho cả đời đời. Về đời này, sự tin kính đem lại sự vui mừng lớn nhất, còn về đời sau, sự tin kính cầm giữ lời hứa về phần thưởng chói lọi và khả năng vui hưởng sự vinh hiển trong quang cảnh ấy.

4:9 Người ta thường đồng ý rằng câu này liên hệ tới sự tin kính được nói trước đó. Sự kiên lòng tin kính có giá trị rộng lớn và đời đời là một lời nói chắc chắn, đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy. Đây là lời chắc chắn thứ ba trong Thư tín này.

4:10 Và, nếu chúng ta khó nhọc và đánh trận (bản Anh ngữ: vì mục đích đó mà chúng ta đánh trận...)¹⁴ Mục đích được nhắc đến ở đây là đời sống tin kính. Phaolô nói rằng đó là mục đích lớn mà vì hướng đến ông đã dốc hết sức mình. Điều này dường như không phải là mục tiêu xứng đáng trong đời sống của người không tin Chúa. Nhưng Cơ Đốc Nhân nhìn vượt lên trên những gì chóng qua của đời này và đặt sự trông cậy mình nơi Đức Chúa Trời Hằng Sống. Sự trông cậy ấy không bao giờ bị thất vọng bởi vì Ngài chính là Đức Chúa Trời Hằng Sống, Ngài là Cứu Chúa của mọi người, mà nhất là của linh đồ. Đức Chúa Trời là Cứu Chúa của mọi người hàm ý Ngài giữ gìn họ trong sự chu cấp hàng ngày của cuộc sống. Nhưng Ngài cũng là Cứu Chúa của mọi người với ý nghĩa đã được chỉ ra ở phần trước, Ngài đã cung ứng đầy đủ mọi sự về sự cứu chuộc cho mọi người. Ngài là Cứu Chúa

của **tin đồ** một cách đặc biệt bởi vì họ đã đáp lại sự cung ứng của Ngài. Chúng ta có thể nói rằng Ngài có khả năng là Đấng Cứu Thế của mọi người, và là Đấng Cứu Thế thật của người tin Ngài.

4:11 Điều có lẽ ám chỉ đến những gì Phaolô đã nói từ câu 6-10. Timôthê phải rao truyền và dạy dỗ những giới mạng đó, liên tục đưa những sự dạy dỗ đó ra trước dân sự Đức Chúa Trời.

4:12 Vào lúc nhận Thư này, Timôthê có lẽ chừng ba mươi đến ba lăm tuổi. Trái với một số trường lão hội thánh tại Êphêso, ông là người tương đối trẻ. Đó là lý do vì sao Phaolô nói ở đây: "Chớ để người ta khinh con vì trẻ tuổi." Như thế không có nghĩa là Timôthê phải đặt mình tên chiếc bệ sùng bái và kể mình được miễn khỏi sự chỉ trích mà có nghĩa đừng để cho ai có cơ hội lên án mình. Bằng việc làm gương cho các tin đồ, ông tránh được khả năng của sự chỉ trích đúng đắn.

Lời nói ám chỉ đến lời trao đổi của Timôthê. Lời nói của ông phải luôn mang đặc trưng của con cái Chúa. Không những phải tránh những lời bị cảm đoán rõ ràng, mà cả những lời không gây dựng cho người nghe nữa.

Nếu làm ám chỉ đến toàn bộ hành vi. Không được để cách cư xử gì của mình khiến danh Đấng Christ bị chê trách.

Tinh yêu thương gợi ý tình yêu phải là động cơ của nét làm cũng như tinh thần để thực hiện công việc và là mục tiêu gắng sức hướng đến.

Trong tâm thần là cụm từ không có trong hầu hết các bản hiện đại và hầu hết các sách chú giải theo sau bản văn

phê bình. Tuy nhiên, cụm từ này thật sự có trong các bản truyền thống và đại đa số các bản văn. Guy King mô tả lòng nhiệt thành, theo hiểu biết được soi dẫn của ông, về cụm từ này là một:

... phẩm chất bị thiếu một cách lạ kỳ trong bản chất của nhiều Cơ Đốc Nhân. Nhiệt thành dành cho các trận đá bóng, hoặc các chiến dịch vận động tranh cử, nhưng có quá ít nhiệt thành cho sự phục vụ CHÚA. Những người theo Khoa học Cơ Đốc nhiệt thành lạ lùng. Những người Chứng Nhân Giêhôva, những người cộng sản làm chúng ta phải xấu hổ. Ó, một lần nữa vì sự sôi sảng nóng cháy mà hội thánh đã từng biết. Tinh thần đẹp đẽ này sẽ giúp ích rất nhiều cho Timôthê khi ông tìm cách đứng vững và tiến đến đích.¹⁵

Đức tin có lẽ nghĩa là "trong sự trung tín" hàm ý đáng tin cậy và bền đỗ.

Sự thanh sạch phải là đặc trưng không những cho hành động của ông mà cũng cho động cơ của ông nữa.

4:13 Câu này có lẽ ám chỉ đến hội thánh địa phương nhiều hơn là đời sống cá nhân của Timôthê. Ông phải chăm chỉ lo việc đọc Kinh Thánh cho mọi người, khuyến bảo và dạy dỗ, hoặc giảng dạy. Có một trật tự rõ ràng ở đây. Trước hết, Phaolô nhấn mạnh việc đọc lời Đức Chúa Trời trước hội thánh. Điều này đặc biệt cần thiết vào lúc ấy, bởi sự phân phối Kinh Thánh hết sức hạn chế. Chỉ ít người có được Kinh thánh. Sau khi đọc Lời Chúa, Timôthê phải khuyến bảo các tin đồ trên cơ sở những gì đã được đọc, và rồi, ông phải

dạy dỗ họ những lẽ thật quan trọng của Lời Chúa. Câu này nhắc chúng ta nhớ đến Nehêmi 8 và đặc biệt là câu 8: "Họ đọc rõ ràng trong sách luật pháp của Đức Chúa Trời, rồi giải nghĩa nó ra làm cho người ta hiểu lời họ đọc."

Tuy nhiên, chúng ta chớ bỏ ý tưởng của giờ linh nguyện riêng qua câu Kinh Thánh này. Trước khi có thể khuyến bảo và dạy dỗ Lời Chúa cho người khác, Timôthê phải biến lời ấy thực hữu cho chính đời sống mình trước hết.

4:14 Chúng ta không biết chính xác ơn gì đã được ban cho Timôthê – hoặc nhà truyền giáo, mục sư, hay giáo sư. Âm hưởng của các Bức thư này khiến chúng ta nghĩ rằng ông là một giáo sư - kiêm mục sư. Tuy nhiên, chúng ta thật sự biết rằng **ơn ấy . . . là ơn bởi lời tiên tri, nhận hội trưởng lão đặt tay mà đã ban cho ông vậy.** Trước hết, ơn này được ban cùng với hoặc bởi lời tiên tri. Tức là một vị tiên tri trong hội thánh địa phương đứng lên vào một thời điểm và công bố rằng Thánh Linh Đức Chúa Trời đã ban một ơn nào đó cho Timôthê. Vị tiên tri không ban ơn, mà chỉ công bố ơn đó, kèm theo **việc hội trưởng lão đặt tay.** Một lần nữa, chúng ta nhấn mạnh các anh em hoặc trưởng lão không có quyền ban ơn cho Timôthê. Mà qua sự đặt tay, biểu thị họ công nhận điều Đức Thánh Linh đã làm.

Tiến trình này được thấy ở Công vụ 13. Trong câu 2, Đức Thánh Linh đã chọn ra Banabe và Saulơ cho một công tác đặc biệt. Có lẽ lời đã được truyền qua vị tiên tri. Sau đó, các anh em trong hội thánh địa phương đã kiêng ăn và cầu nguyện rồi đặt tay họ trên Banaba và Saulơ để cử họ đi (c.3).

Nhiều cộng đồng Cơ Đốc địa phương ngày nay giữ theo đường lối này. Khi các trưởng lão thấy rõ người được ban cho một ơn nào đó của Thánh Linh, họ tiến cử người ấy vào công việc Chúa, bày tỏ lòng tin cậy nơi người ấy và công nhận công việc Đức Thánh Linh trong đời sống người ấy. Sự tiến cử của họ không ban ơn mà chỉ công nhận đó là điều Thánh Linh Chúa đã làm.

Có sự khác biệt giữa điều đã xảy ra khi các trưởng lão đặt tay trên Timôthê như đề cập ở đây, và khi Phaolô đặt tay trên Timôthê, như đã mô tả trong 2 Tim. 1:6. Ở trường hợp trước, hành động này hoàn toàn không chính thức ban ơn, cũng không phải nhờ đó Timôthê mới được ơn. Hành động đó chỉ bày tỏ mối thông công với ông trong công việc. Trong trường hợp sau, Phaolô thật sự là ống dẫn sứ để qua ông ân từ này được ban cho.

4:15 Từ hãy săn sóc... những việc đó có thể dịch là "trau dồi" hay "chịu khó với những điều đó." Đây có lẽ đúng với hàm ý , bởi vì những chữ tiếp theo là **chuyên lo.** Phaolô khuyên Timôthê hoàn toàn chuyên lo, không xao lãng công việc của Chúa. Ông phải dốc toàn lực. Bằng cách ấy, **sự tấn lời** của ông sẽ được **thiên hạ thấy.** Phaolô không muốn Timôthê đạt đến độ cao trung bình trong sự hầu việc Chúa rồi rút vào chỗ bình ổn thoải mái. Ông muốn Timôthê phải luôn tấn tới trong những sự thuộc về Chúa.

4:16 Hãy lưu ý thứ tự ở đây. Timôthê trước hết phải giữ chính mình, sau đó là sự **dạy dỗ** của ông. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng trong đời

sống cả nhân của bất cứ người tội lỗi nào của Đấng Christ. Nếu đời sống bị trục trặc, thì dầu có hết sức chánh thống trong sự dạy dỗ của mình, cũng chẳng ích gì. A. W. Pink đã nói rất rõ ràng: "Sự hầu việc Chúa trở thành một cái bẫy và là một điều ác nếu nó được cho phép thay thế sự thờ phượng và trao đổi đời sống thuộc linh của chính mình."

Bằng cách tiếp tục những điều Phaolô đã nói đến tức là, việc đọc sách, sự khuyên bảo, và sự dạy dỗ, Timôthê sẽ cứu chính mình và kẻ nghe mình. Từ cứu ở đây không liên quan đến sự cứu rỗi linh hồn, đoạn này bắt đầu với lời mô tả các giáo sư giả, là những kẻ gây tàn hại giữa vòng dân sự Chúa. Phaolô muốn nói với Timôthê rằng nhờ trung tín giữ đời sống tín kính và giữ lời Chúa, ông sẽ cứu chính mình khỏi những sự dạy dỗ sai lầm này và cũng cứu được những người nghe mình khỏi những điều đó nữa.

V. NHỮNG HUẤN THỊ CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC TẦNG LỚP TÍN HỮU KHÁC NHAU (5:1- 6:2)

A. Các Nhóm Tuổi Khác Nhau (5:1,2)

5:1 Câu này giới thiệu một phần cách cư xử của Timôthê đối với các thành viên trong gia đình Cơ Đốc giữa vòng những người ông đang làm việc. Là người trẻ tuổi hơn và hẳn là năng nổ hơn, Timôthê có thể bị cám dỗ để mất kiên nhẫn và bực bội với một số những người cao tuổi. Vì vậy lời khuyên ở đây là ông chớ quờ nặng người già cả, nhưng hãy khuyên dỗ họ như cha. Thật không xứng hiệp cho ông, một người

trẻ tuổi hơn, nặng lời tấn công những người có tuổi.

Có lẽ cũng có mối nguy cho người hầu việc Chúa trẻ tuổi này nếu có thái độ đàn áp đối với những kẻ trẻ tuổi hơn. Vì vậy Phaolô khuyên ông phải đối xử với những người trẻ tuổi hơn như anh em; hãy như một người trong vòng họ, đừng độc đoán với họ.

5:2 Đền bà có tuổi phải được coi như mẹ, đối xử đúng đắn, yêu thương và tôn trọng đúng mực.

Sự thanh sạch phải là đặc trưng mọi mối liên hệ của ông với các thiếu nữ. Không những phải tránh những gì rõ ràng là tội lỗi mà còn phải tránh xa những hành vi thiếu cần trọng hoặc bất cứ cách cư xử nào dường như là điều ác.

B. Các Bà Góa (5:3-16)

5:3 Từ câu 3-16 Phaolô bắt đầu đề tài về các bà góa trong hội thánh địa phương và sự đối đãi phải dành cho họ.

Trước hết hội thánh phải kính trọng những người đàn bà góa thật là góa. Kính ở đây không những có nghĩa là tôn trọng mà còn hàm ý trợ cấp về mặt tài chánh. Một bà góa thật là người không có sự trợ cấp nào khác mà hoàn toàn dựa vào Chúa là Đấng chu cấp cho mình. Bà không còn những người bà con nào còn sống để lo cho mình.

5:4,5 Thành phần các bà góa thứ hai được mô tả trong câu này. Đây là những bà góa có con hoặc cháu. Trong trường hợp đó, con cháu phải học bày tỏ nếp sống tín kính thực tiễn tại gia đình bằng cách chu cấp cho mẹ (hoặc bà) vì tất cả những gì bà đã làm cho họ.

Câu này dạy rõ rằng **điều thần bất đầu ở tại nhà riêng mình**. Thật là một lời chứng nghèo nàn cho đức tin Cơ Đốc khi nói thật hùng hồn về tôn giáo của mình mà lại bỏ bê những người có liên hệ ruột thịt với mình!

Thật đẹp lòng¹⁰ Đức Chúa Trời khi Cơ Đốc Nhân chăm sóc những người thân không còn ai khác để chu cấp. Trong Êphêso 6:2, Sứ đồ Phaolô dạy rõ ràng rằng: "Hãy tôn kính cha mẹ người, ấy là điều răn thứ nhất có một lời hứa nối theo." Như đã đề cập ở trước, **mỗi bà góa thật là người không có nguồn tài chánh chu cấp và phải không ngừng ngửa trông Chúa** là Đấng hàng ngày chu cấp đồ ăn cho mình.

5:6,7 Trái với những bà góa tin kính trong câu 5 là những người buông mình vào **sự vui chơi**. Có sự bất đồng nào đó về người nữ này, họ là tín đồ thật hay chỉ xưng mình là Cơ Đốc Nhân. Chúng ta tin người ấy là Cơ Đốc Nhân thật - nhưng đã sa ngã, đã chết trong mối tương giao với Chúa hoặc hữu ích cho Ngài. Timôthê phải cảnh cáo những bà góa ấy đừng sống theo **sự vui chơi** và cũng phải dạy các Cơ Đốc Nhân chăm lo cho những người bà con cơ cực.

5:8 Tính nghiêm trọng của việc **không săn sóc** (chu cấp, bảo Anh ngữ) cho người bà con mình, nhất là những người ở ngay trong **chính nhà mình**, được nhấn mạnh ở đây. Làm như thế là chối bỏ đức tin. Đức tin Cơ Đốc lập luận một cách nhất quán rằng những Cơ Đốc Nhân thật phải chăm sóc cho nhau. Cơ Đốc Nhân nào không làm điều này, là chối bỏ những lẽ thật Cơ Đốc Giáo dạy dỗ bằng hành động của mình. Người

như thế **xấu hơn người không tin** nữa vì một lý do đơn giản: Nhiều người không tin Chúa quan tâm yêu thương bà con của họ. Vì vậy, Cơ Đốc Nhân cũng có thể làm cho danh Chúa bị chê trách bởi điều mà kẻ không tin Chúa không thể làm.

5:9 Câu này cho thấy có một danh sách rõ ràng được giữ ở hội thánh địa phương, chỉ ra những bà góa nào cần phải được hội thánh chăm sóc. Vì vậy, Phaolô nói cụ thể rằng không một **bà góa** nào được ghi vào sổ **dưới sáu mươi tuổi**.

Cụm từ **chỉ có một chồng** dấy lên cùng nan đề liên quan tương tự đến các giám mục và chấp sự. Những cách giải thích giống nhau về lời này đã được đưa ra. Chắc chắn nó hàm ý rằng đời sống hôn nhân của người ấy phải không chỗ chê trách, không bị nghi ngờ về những sai trái đạo đức.

5:10 Để được ghi vào danh sách này, bà góa cũng phải có tiếng tốt vì đã làm **những việc phước đức**, là đặc trưng của người tin đổ thuộc linh.

Những chữ **đã nuôi con cái** chắc chắn hàm ý rằng bà hẳn đã nuôi chúng theo cách mang lại tiếng khen cho mình và gia đình Cơ Đốc của bà. Nuôi con thói thì chưa phải là một đức hạnh, nhưng phải nuôi dạy chúng cho tốt.

Một dấu hiệu khác của bà góa tin kính là hay tiếp **đãi khách lạ**. Nhiều lần trong Tân Ước, ơn tiếp đãi được nhắc đến và được khen ngợi.

Rửa chân cho khách là phận sự của người nô lệ. Vì vậy ở đây, chắc chắn bà góa này đã làm những công việc phục dịch cho các anh em Cơ Đốc Nhân của

minh. Nhưng cũng có thể **đã rửa chén thành đồ về mặt thuộc linh**, lấy nước của Lời Chúa mà rửa. Điều này không hàm ý chức vụ ở trước mặt mọi người mà chỉ là việc thăm viếng các gia đình và dùng Lời Chúa để rửa sạch các tín hữu khỏi những ó uế vấy bẩn bước đi hằng ngày của họ.

Cứu giúp **kẻ khổ nạn** chỉ đến hành động thương xót dành cho những người bị đau ốm, buồn rầu, hoặc những nỗi khổ khác.

Nói ngắn gọn, cho được ghi tên vào danh sách của hội thánh ở tại địa phương, bà góa này phải **lâm đủ các việc phước đức**.

5:11 Đây là một câu khó nhưng ý nghĩa dường như là thế này: Nói chung, giao cho hội thánh địa phương đảm trách **đàn bà góa còn trẻ quá** là một điều sai lầm. Vì còn trẻ, có thể họ muốn **lấy chồng** lại. Bản thân điều này không có gì sai trật, nhưng mong muốn đó đôi lúc quá mạnh mẽ đến nỗi một trong số các bà góa trẻ tuổi này thậm chí kết hôn với người chưa tin Chúa. Vị sứ đồ nói ấy là vì thú vui xui họ **lìa khỏi Đấng Christ**. Khi phải quyết định giữa việc lấy người ngoại hoặc tiếp tục ở góa vì tình yêu đối với Đấng Christ và vâng phục lời Ngài, thì bà góa trẻ tuổi có khả năng chọn **lấy chồng** người ngoại. Tất nhiên, điều này khiến hội thánh địa phương đang chu cấp cho bà bị chèn trách.

5:12 Sự **quở trách** ["sự đoán phạt" trong bản Anh ngữ] ở đây không hàm ý sự hình phạt đời đời, mà chỉ muốn nói rằng người ấy bị xét đoán hoặc **quở trách** vì đã **bội lời thề ước ban đầu** của mình. Đã có lúc người ấy xưng nhận sự

trung thành tuyệt đối và tận hiến cho Đức Chúa Jesus Christ, nhưng bây giờ khi cơ hội xuất hiện để kết hôn với một người không yêu mến Đấng Christ, người ấy quên đi hứa nguyện ban đầu hoặc lời thề của mình với Đấng Christ, bỏ đi với người không tin Chúa, không trung tín với **Chàng Rể Trên Trời**.

Phaolô không chỉ trích những bà góa còn trẻ vì lập gia đình. Trên thực tế, ông khuyên họ nên kết hôn (c.14). Điều ông trách móc ở đây là sự sa sút tâm linh của họ, việc họ gạt bỏ những nguyên tắc thiên thượng để có được một người nam.

5:13 Việc hội thánh địa phương đảm nhận trọn vẹn trách nhiệm tài chánh cho các bà góa trẻ tuổi có thể khuyến khích họ ở **không** với những điều xấu đi kèm. Thay vì để tâm vào những trách nhiệm của mình, họ có thể trở nên **thầy lay, lách mạch**, bận rộn với những vấn đề không thuộc phạm vi quan tâm của mình. Hội thánh địa phương không nên có hành động gì khuyến khích những hành vi như thế, như đã đề cập ở phần trước, điều đó phản ánh không tốt cho lời chứng Cơ Đốc.

5:14 Vì vậy, Phaolô nói như một nguyên tắc chung, những **gái góa còn trẻ**, nên **lấy chồng**, **sinh con cái** và duy trì một gia đình Cơ Đốc không bị trách móc. Tất nhiên, Phaolô biết rằng không phải người góa trẻ nào cũng có khả năng tái hôn. Quyển chủ động thông thương phải do người nam. Nhưng ông chỉ đặt để một nguyên tắc chung để giữ theo khi có thể.

Kẻ thù nghịch, hay Satan, luôn trên đài quan sát để tìm những lời buộc tội

tấn công vào lời chứng Cơ Đốc, và Phaolô tìm cách để tranh chứng khả năng của bất cứ những duyên cơ hợp pháp nào như vậy để nói xấu.

5:15 Điều vị sứ đồ đang nói về những bà góa trẻ không chỉ là sự suy luận hay vô đoán. Điều đó đã có rồi. Mọi vài bà góa bội đi mà theo qui Satan, với hàm ý họ đã nghe theo tiếng của Satan và đã chọn người bạn đời không tin Chúa, bất tuân lời Đức Chúa Trời.

5:16 Để tài nay chuyển sang bốn phạm của những người bà con phải chăm sóc bà góa của họ. Nếu tín đồ (nam¹⁷ hoặc nữ, bản Anh ngữ) nào có đàn bà góa cần được chu cấp trong nhà mình, thì người tín đồ đó phải đảm đương trách nhiệm này để cho hội thánh được thông thả mà lo cho những người thật sự cơ cực không có những người bà con gần.

Toàn bộ đoạn này, từ câu 3-16, cho biết điều hội thánh phải làm trong những hoàn cảnh nhất định, chứ không phải điều hội thánh có thể làm khi cảm thấy có những tình huống giảm nhẹ hoặc có khả năng để làm. Chiều dài của đoạn này cho thấy đây là một đề tài quan trọng theo ý định của Đức Thánh Linh, tuy nhiên đây cũng là vấn đề rất thường bị bỏ bê trong hầu hết các hội thánh ngày nay.

C. Các Trưởng Lão (5:17-25)

5:17 Phần còn lại của đoạn này liên quan đến các trưởng lão. Trước hết, Phaolô đặt đề nguyên tắc các trưởng lão khéo cai trị hội thánh thì mình phải kính trọng bội phần. Cai trị có lẽ tốt hơn

nên dịch là "dẫn dắt" (Darby). Đây không phải vấn đề cai trị mà là làm gương. Các trưởng lão như vậy đáng phải kính trọng bội phần. Kính trọng có lẽ ám chỉ đến sự tôn trọng, nhưng cũng bao gồm ý nghĩa sự bù đắp về mặt tài chánh (Math.15:4,5). Kính trọng bội phần gồm cả hai ý. Trước hết, người ấy xứng đáng với sự kính trọng của dân sự Đức Chúa Trời vì cơ công việc người ấy làm, song, nếu thì giờ của người ấy dành trọn cho công việc này, thì người ấy xứng đáng với sự trợ cấp tài chánh. Những người chịu chức rao giảng và dạy dỗ có lẽ là những người dành nhiều thì giờ để rao giảng và dạy dỗ đến nỗi không thể làm công việc kiếm sống thường xuyên.

5:18 Hai câu Kinh Thánh được đưa vào đây để chứng minh cho lời tuyên bố rằng trưởng lão xứng đáng với sự bù đắp. Câu thứ nhất là Phục Truyền 25:4, và câu thứ nhì được lấy từ Luca 10:7. Lời này đặc biệt thú vị xét đến sự thần cảm của Kinh Thánh. Phaolô trích một câu từ Cựu Ước và câu kia từ Tân Ước, đặt chúng song song với nhau ở cùng mức độ, và gọi cả hai là Kinh Thánh. Từ điều đó, rõ ràng Phaolô coi các tác phẩm Tân Ước có thẩm quyền ngang bằng Cựu Ước.

Các câu Kinh Thánh này dạy rằng con bỏ sử dụng trong quá trình thu hoạch không bị tước mất phần lúa của nó. Cũng vậy, người làm công được hưởng cho một phần hoa lợi công lao khó nhọc của người ấy. Với các trưởng lão cũng vậy, bất chấp sự kiện công việc của họ không mang tính thuộc thế, họ xứng

đáng với sự chu cấp của dân sự Đức Chúa Trời.

5:19 Bởi vì các trưởng lão giữ một vị trí trách nhiệm trong hội thánh, họ trở thành mục tiêu tấn công đặc biệt của Satan. Vì lý do đó, Thánh Linh Đức Chúa Trời áp dụng các biện pháp để bảo vệ họ trước những lời buộc tội giả. Nguyên tắc này được quy định để không có hành động kỷ luật nào tiến hành **chống lại một trưởng lão** trừ phi lời buộc tội đó có thể được khẳng định bởi lời chứng của **hai hoặc ba người làm chứng**. Thật ra, nguyên tắc này cũng áp dụng cho việc kỷ luật bất cứ thành viên nào trong hội thánh. Nhưng nó được nhấn mạnh ở đây bởi có sự nguy hiểm đặc biệt đối với các vị trưởng lão bị cáo tội không đúng.

5:20 Trong trường hợp người trưởng lão bị bắt quả tang có lỗi, gây tổn hại cho lời chứng của hội thánh, thì người đó phải bị quở trách công khai trước mặt mọi người. Hành động quở trách này tác động mạnh mẽ đến tất cả những tin đồ để họ thấy tính nghiêm trọng của tội lỗi liên quan đến sự hầu việc Chúa và được dùng để răn đe đời sống người khác.

Một số các nhà giải kinh tin rằng câu 20 không đặc biệt áp dụng cho các trưởng lão mà cho hết thảy các Cơ Đốc Nhân. Chắc chắn nguyên tắc này cũng áp dụng được cho mọi Cơ Đốc Nhân. Nhưng bối cảnh của câu này dường như có liên quan trực tiếp đến các trưởng lão.

5:21 Khi bàn đến những vấn đề về kỷ luật trong hội thánh địa phương, có hai nguy hiểm cần phải tránh. Thứ nhất

là sự in trí trước, và thứ hai là sự tây vị. Thật dễ để có thành kiến thiên lệch chống lại ai đó dẫn đến định kiến trong một vụ việc. Cũng rất dễ để tỏ ra tây vị ai đó vì cơ sự giàu có, địa vị của người ấy trong cộng đồng hoặc vì nhân cách của họ. Vì vậy Phaolô trang trọng khuyên Timôthê ở trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus Christ cũng như ở trước mặt các thiên sứ được chọn, ông phải vâng theo các huấn thị này mà không phán xét vấn đề trước khi tất cả các yếu tố được rõ. Không được thiên vị bất cứ ai chỉ vì người ấy là hạn hoặc nổi tiếng. Mỗi trường hợp phải được xem xét ở trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, cũng như trước mặt các thiên sứ. Các thiên sứ là những người quan sát thế giới chúng ta đang sống, họ nhìn thấy một cách công bình hoàn toàn trong những vấn đề kỷ luật của hội thánh. Các thiên sứ được chọn là những vị không dính líu đến tội lỗi hoặc sự loạn nghịch chống lại Chúa, nhưng đã giữ cơ nghiệp ban đầu của họ.

5:22 Khi những người nổi tiếng gia nhập hội thánh địa phương, thường có khuynh hướng nhanh chóng tiến cử họ vào các vị trí trách nhiệm. Ở đây, Timôthê được cảnh báo chống lại sự vội vàng trong việc công nhận những người mới đến. Ông cũng không được hiệp với những người ông chưa biết tánh tình, kéo e khi làm vậy ông đã **nhúng vào tội lỗi** của họ. Không những phải giữ mình trong sạch về mặt đạo đức, ông cũng phải **thanh sạch**, nghĩa là không dính dự vào tội lỗi của kẻ khác.

5:23 Câu Kinh Thánh này liên quan với các câu trước như thế nào không rõ.

Có lẽ vị sứ đồ dự đoán trước một cách khôn ngoan rằng việc Timôthê dự vào những rắc rối và khó khăn của hội thánh sẽ tác động xấu cho bao tử của ông. Nếu vậy, Timôthê không phải là người đầu tiên hoặc sau cùng chịu sự đau đớn này! Có khả năng nữa là Timôthê là nạn nhân thương xuyên của tình trạng nước bị ô nhiễm phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới. Lời khuyên của vị sứ đồ: **"Đừng chỉ uống nước lươn"** nghĩa là Timôthê không nên dùng nước để loại bỏ một ít rượu, Phaolô khuyên Timôthê dùng một ít rượu vì cơ li vị ông, và vì ông hay khó ứ. Câu này chỉ liên hệ đến công dụng thuốc của rượu chứ không bao giờ nên cường điệu để dung thứ việc sử dụng nó quá mức.

Chắc chắn ở đây nhắc đến rượu thật chứ không chỉ là nước nho. Lúc ấy có nước nho cũng là điều đáng ngờ bởi vì nước nho được làm bởi quá trình diệt khuẩn, là quá trình chưa được biết đến vào lúc ấy. Thực tế rượu thật được hàm ý qua cụm từ **một ít rượu**. Nếu đây không phải rượu thật thì không có ý nghĩa gì khi qui định chỉ được dùng một ít.

Câu Kinh Thánh này cũng soi sáng trên đề tài sự chữa lành Thiên Thượng. Mặc dầu Phaolô, với tư cách sứ đồ, chắc chắn có quyền chữa lành mọi thứ tật bệnh, song ông đã không luôn sử dụng quyền năng đó. Ở đây ông đã chứng tỏ việc sử dụng thuốc cho chứng đau bao tử.

5:24 Trong câu này, vị sứ đồ dường như quay lại lời luận trong câu 22, nơi ông cảnh cáo Timôthê chớ quá vội vàng đặt tay trên người khác. Câu 24 và 25 giải thích thêm điều này.

Có người thì tội lỗi bị bày tỏ rõ rệt đến nỗi có thể vi họ với kẻ đánh trống, làm om sòm trước mặt, tuyên bố người ấy là tội nhân, suốt đoạn đường dẫn đến sự phán xét. Nhưng không phải tất cả mọi trường hợp đều như vậy. Có người phạm tội, nhưng không bị phơi bày cho đến thời điểm nào đó về sau.

Ở hạng người đầu, chúng ta có thể nghĩ đến người say rượu bị cả cộng đồng biết đến. Trái lại, có những ông chống bí mật lảng tránh với người phụ nữ khác. Cộng đồng có thể không biết gì vào lúc ấy, nhưng thường thì về sau toàn bộ vụ tai tiếng bị phát hiện.

5:25 Điều này cũng có phần giống trong trường hợp những người tốt. Một số người việc lành của họ được thấy ngay. Những người khác dè dặt và kín đáo hơn, và chỉ khi thời gian qua đi, sự thiện lành thật sự của họ mới được biết đến. Dầu chúng ta không thấy được điều tốt, có thể có một số điều tốt mà sau này mới được phơi bày ra ánh sáng. Bài học rút ra từ toàn bộ điều này là chớ xét đoán ai khi mới quen biết, mà hãy để thời gian bày tỏ tính cách thật của người ấy.

D. Tội Tê Và Chờ (8:1,2)

6:1 Bày giờ cách cư xử của nô lệ được đưa ra cho chúng ta. Họ được gọi là **đầy tớ**, là người dưới ách chủ mình, tức là ách nô lệ. Trước hết, vị sứ đồ nói với những nô lệ có chủ chưa được cứu. Trong trường hợp này, họ có nên hành động cách khinh xuất đối với chủ mình không; có nên nổi loạn và bỏ trốn không? Có nên làm càng ít việc càng tốt không? Hoàn toàn trái lại, họ phải coi

chủ mình là đáng trọng mọi đàng. Có nghĩa là phải đối với chủ bằng sự tôn trọng đúng mực, thuận phục và trung tín trong công việc, nói chung là tìm cách để trở thành người giúp đỡ chứ không phải kẻ gây cản trở. Động cơ chính để phục vụ chuyên cần là để làm chứng cho Đấng Christ. Nếu người nô lệ Cơ Đốc hành xử thô lỗ hoặc loạn nghịch, thì chủ sẽ nói phạm đến **danh hiệu của Đức Chúa Trời** và đức tin Cơ Đốc. Người ấy sẽ kết luận rằng các tín đồ chỉ là hạng người vô giá trị.

Lịch sử của hội thánh đầu tiên cho thấy những nô lệ Cơ Đốc Nhân thường được đòi một giá cao hơn so với những nô lệ không tin Chúa tại chợ nô lệ. Nếu người chủ biết một nô lệ nào đó trong lô đấu giá là Cơ Đốc Nhân, người ấy thường sẵn sàng trả nhiều hơn để mua vì biết người này sẽ phục vụ trung tín và giỏi. Đó là phẩm chất cao trọng của đức tin Cơ Đốc.

Câu Kinh Thánh này nhắc nhở chúng ta rằng đầu ở vị trí thấp đến đâu trong nấc thang xã hội, ta vẫn có mọi cơ hội để làm chứng cho Đấng Christ và làm sáng danh Ngài.

Người ta thường chỉ ra rằng thể chế nô lệ không bị Tân ước công khai lên án. Tuy nhiên, khi sự dạy dỗ của Cơ Đốc Giáo lan rộng, sự lạm dụng nô lệ đã bị xóa bỏ. Mỗi tín đồ chân thật đều phải nhận biết rằng mình là đầy tớ của Đức Chúa Jêsus Christ, đã được mua bằng giá cao, và không còn thuộc về chính mình. Đức Chúa Jêsus Christ là chủ của mình - linh, hồn, thân, và Ngài xứng đáng có được điều tốt nhất.

6:2 Câu Kinh Thánh này liên quan đến những đầy tớ có chủ là tín đồ.

Chắc chắn có sự căm đố rất lớn đối với những người đầy tớ này để khinh dể chủ mình. Hoàn toàn có khả năng khi hội thánh địa phương nhóm lại với nhau vào buổi chiều Ngày của Chúa (Công. 20:7) sẽ có những người chủ và đầy tớ Cơ Đốc ngồi quanh bàn - tất cả đều là anh em trong Đấng Christ. Nhưng những người tôi tớ này không vì thế mà cho rằng sự phân biệt về mặt xã hội trong cuộc sống bởi đó đã bị xóa bỏ. Chủ là Cơ Đốc Nhân thì chẳng phải là người tôi tớ không có nghĩa vụ tôn trọng và phục vụ người ấy. Sự kiện chủ mình vừa là một tín hữu vừa là một người anh em yêu dấu phải ảnh hưởng đến người nô lệ để càng phục vụ trung tín hơn.

Những người chủ Cơ Đốc được nói đến ở đây không những là tín đồ trung tín và yêu dấu mà còn là kẻ được công của mình. Điều này thường được hiểu rằng họ cũng dự phần trong ơn phước của sự cứu rỗi. Tuy nhiên, điều này cũng hàm ý rằng cả chủ lẫn tớ đều to làm việc lành, họ phải phục vụ nhau, mỗi người tìm cách làm ích cho người kia.

Những từ **Điều con phải dạy dỗ** khuyên bảo họ chắc chắn ám chỉ đến những huấn thị trước dành cho các tôi tớ Cơ Đốc. Ứng dụng ngày nay tất nhiên là cho mối quan hệ giữa người thuê việc và kẻ được thuê.

VI. CÁC GIÁO SƯ GIẢ VÀ LÒNG HAM TIỀN BẠC (6:3-10)

6:3 Bảy giờ Phaolô hướng sự chú ý sang những kẻ có ý định dạy các giáo lý mới lạ trong hội thánh. Những người

này không theo lời có ích. Lời có ích ở đây hàm ý sự dạy dỗ đem lại sự mạnh khỏe. Đó là lời được phân bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta khi Ngài còn ở trên đất này, là lời trong các sách Phúc Âm. Các lời ấy cũng là toàn bộ sự dạy dỗ của Tân Ước. Đó là đạo lý theo sự tin kính với ý nghĩa khuyến khích và đầy mạnh cách cư xử tin kính.

6:4 Những người như thế là lên mình kiêu ngạo. Họ tự xưng có sự hiểu biết hơn người nhưng thật sự không biết chi hết. Như Phaulô đã đề cập ở trước, họ không hiểu điều mình nói.

Họ say sưa với sự gan hởi, cãi lầy về lời nói. Từ có bệnh theo nghĩa đen nghĩa là bị bệnh, những người này không mạnh khỏe về mặt thuộc linh, thay vì dạy dỗ những lời lành mạnh, như trong câu trước, họ dạy những lời làm sinh ra các thành đố bệnh hoạn, họ đưa ra nhiều thắc mắc khác nhau không gây dựng tâm linh, mà chỉ gây tranh cãi về lời nói.

Bởi những điều họ nói đến không thuộc giáo lý Kinh Thánh, nên không có cách nào giải quyết dứt điểm. Hậu quả là, sự dạy dỗ của họ gây ra ghen ghét, tranh cạnh, gièm chê và nghi ngờ xấu xa. Lenski nói rằng:

Trong những chất vấn và những cuộc chiến bằng lời, người này tranh chấp với người kia theo sự thông hiểu mình có được; họ tranh cạnh khi ganh đua và chống báng lẫn nhau; dẫn đến những lời phạm thượng, tức là dùng những từ thiêng liêng mà tố cáo nhau.¹⁸

6:5 Những lời cãi lầy hư không này đến từ kẻ có lòng hư xấu, tức là làm tri

bệnh hoạn. Lenski nhận xét một cách đanh thép rằng:

Tình trạng bệnh tật tâm trí ở nơi sự sa sút và bại hoại - khả năng trí tuệ không còn vận hành một cách bình thường trong lãnh vực đạo đức và thuộc linh. Họ không phân ứng bình thường đối với lẽ thật. Toàn bộ lẽ thật và sự trình bày chân lý chân thật phải sinh ra phản ứng tiếp nhận, nhất là những lẽ thật về phúc âm cứu rỗi của Đức Chúa Trời phải dẫn đến kết quả như thế; tất cả những sự dôi trứ, giả mạo, dối bại đều phải dẫn đến sự từ chối, nhất là những điều thuộc lãnh vực đạo lý và thuộc linh... Khi đối diện với "lẽ thật," tâm trí bại hoại chỉ tìm cách chống đối mà thôi; khi gặp điều gì khác với lẽ thật này, nó tìm kiếm những lý luận để tiếp nhận sự khác biệt này.¹⁹

Những người này cũng thiếu mất lẽ thật. Đã từng có lúc họ quen biết lẽ thật, nhưng vì họ chối bỏ ánh sáng ấy, nên bị cắt đi lẽ thật họ đã từng có.

Những người này coi sự tin kính như là nguồn lợi vậy, họ chọn làm giáo sư tôn giáo như nghề nghiệp được trả lương hậu mà làm ít việc "họ đã biến công việc thánh khiết nhất trở thành một nghề khéo để kiếm tiền."

Điều này không chỉ khiến chúng ta nhớ đến những kẻ chèn thuê giả làm người hầu việc Chúa, không có tình yêu thương thật đối với chân lý, nhưng còn khiến chúng ta nghĩ đến tình thương mại đã trở nên phổ biến trong Cơ Đốc Giáo giới - việc bán bùa xá tội, những trò chơi xổ số, các quầy hàng gây quỹ từ thiện, v.v., con hãy tránh những sự đó²⁰ (bản KT Việt Nam không có câu này).

Chúng ta được truyền phải lánh xa những giáo sư gian ác như thế.

5:6 Câu trước nói đến cách xác định sai về mối lợi, câu này cho thấy ý nghĩa đích thực của nguồn lợi ấy. Kết hợp giữa sự **tin kính cùng sự thỏa lòng ấy là một lợi lớn**. Tin kính mà không thỏa lòng chỉ đưa ra lời làm chứng một mặt. Thỏa lòng mà không tin kính thì khô mà biết có phải Cơ Đốc Nhân hay không. Nhưng có được sự **lập kính thật đồng lời thỏa lòng** với hoàn cảnh của mình vượt trội hơn những gì tiền bạc mua được.

6:7 Đoạn này rất giống với những sự dạy dỗ của Chúa Jêsus trong Bài Giảng Trên Núi. Câu 7 nhắc nhở chúng ta lời dạy của Ngài rằng phải tin cậy Cha chúng ta trên trời, là Đấng chu cấp các nhu cầu.

Có ba thời điểm trong đời đời bàn tay chúng ta trống không: khi ra đời, khi đến với Chúa Jêsus, và khi qua đời. Câu này nhắc chúng ta thời điểm thứ nhất và thời điểm sau cùng. **Vì chúng ta ra đời chẳng hề đem gì theo, chúng ta qua đời cũng chẳng đem gì đi được.**

Trước khi Alexander Đại Đế qua đời, ông nói rằng: "Khi tôi chết, hãy mang tôi trên kiệu khiêng quan tài, với hai tay đừng quấn vải liệm, mà hãy để ra ngoài, cho mọi người đều thấy chúng **trống không**." Bates đã nhận xét câu ấy như sau:

Phải, đời bàn tay đã từng nắm giữ chiếc vương trượng kiêu hãnh nhất thế giới, đã từng cầm thanh gươm chiến thắng nhiều nhất, đã từng đầy dẫy vàng bạc: từng có được quyền lực để cứu hoặc hủy bỏ sự sống, giờ đây TRỐNG KHÔNG.²¹

5:8 Thỏa lòng là thỏa mãn với những điều thiết yếu cơ bản của cuộc sống. Cha trên trời biết chúng ta cần **thức ăn và áo mặc**, Ngài hứa chu cấp những điều đó. Phần lớn đời sống của người chưa tin Chúa xoay quanh việc **ăn và mặc**. Cơ Đốc Nhân trước hết phải tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, Đức Chúa Trời **đảm bảo** người ấy sẽ không thiếu những điều thiết yếu của cuộc sống.

Từ được dịch là **mặc** ở đây có nghĩa là thứ bao phủ và có thể gồm cả một chỗ để ở cũng như áo quần để mặc. Chúng ta phải **thỏa lòng** với **thức ăn, áo mặc** và chỗ ở.

5:9 Câu 9-16 liên quan trực tiếp đến những kẻ **muốn nên giàu** có cách vô độ. Tội lỗi của họ không ở chỗ giàu có, mà ở chỗ tham muốn trở nên giàu. Kẻ **muốn nên giàu** có là những người không thỏa lòng với thức ăn áo mặc và chỗ ở nhưng cứ muốn có thêm.

Muốn **nên giàu** có dẫn người ta vào sự **căm dỗ**. Để đạt được mục tiêu của mình, họ bị căm dỗ sử dụng các biện pháp không ngay thẳng và thường là bạo lực. Các phương cách đó gồm bài bạc, đầu cơ, gian trá, khai man, trộm cắp, và thậm chí giết người. Người như thế cũng rơi vào **hủy dờ**, hay bầy rập. Tham muốn trở nên **manh mẽ** đến nỗi người ấy không tự giải cứu mình khỏi tham muốn được. Có thể người ấy tự hứa với mình rằng khi đạt đến con số nhất định trong tài khoản ngân hàng thì sẽ đứng lại. Nhưng người ấy không làm được. Khi đã đạt đến mục tiêu, người ấy sẽ tham muốn nhiều hơn. Lòng tham tiến

bạc cùng kéo theo lo lắng và sợ hãi, là điều đưa linh hồn vào chỗ khốn đốn. Những người quyết định nên giàu có bị **ngã trong nhiều tham muốn vô lý thiệt hại**. Đó là tham muốn "theo kịp xóm giềng." Để giữ vị trí xã hội trong cộng đồng, họ thường bị đẩy đến chỗ phải từ bỏ một số giá trị quý báu thật sự trong đời sống.

Họ cũng rơi vào **những tham muốn thiệt hại**. Tham giàu khiến con người làm hại cho sức khỏe và gây nguy hiểm cho linh hồn mình. Thật vậy, đó là mục tiêu mà vì hướng đến đó họ bị xô dạt. Họ quá bận rộn với vật chất đến nỗi bị chìm đắm vào sự **hủy diệt và hư mất**. Vì mãi mê tìm kiếm vàng bạc, họ bỏ bê linh hồn bất diệt của mình. Barnes cảnh cáo:

*Sự hủy diệt thật toàn diện. Hạnh phúc sụp đổ hoàn toàn, đức tính tốt, thanh danh và cả linh hồn đều bị hủy hoại. Tham muốn giàu có thống trị, dẫn đến chuyển xe của những việc ngu xuẩn, tàn phá mọi sự đời này và đời sau. Có biết bao gia đình vì đó đã bị hủy hoại!*²²

6:10 Sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác. Không phải tất cả điều ác trong vũ trụ đều xuất phát từ sự tham tiền. Nhưng đây chắc chắn là một trong những nguyên nhân lớn của nhiều **lợi ác** khác nhau. Ví dụ, lòng tham này dẫn đến ganh ghét, tranh cạnh, trộm cắp, giả dối, vô độ, quên Chúa, ích kỷ, tham ô, v.v...

Ở đây không nói đến bản thân tiền bạc, mà là **lòng tham tiền bạc**. Tiền bạc có thể được sử dụng để hầu việc Chúa với nhiều cách khác nhau dẫn đến kết

quả tốt. Nhưng ở đây nói về lòng tham **tiền bạc** quá độ dẫn đến tội lỗi và sỉ nhục.

Một điều ác đặc biệt của lòng tham tiền bạc giờ đây được đề cập, đó là **sự bội đạo**, trong khi điên cuồng ra sức tìm kiếm tiền bạc, con người xao lãng đời thuộc linh, và thật khó biết họ thực sự được cứu hay chưa.

Không những buông bỏ những giá trị thuộc linh, họ còn **chước lấy nhiều điều đau đớn**. Hãy nghĩ đến những nỗi đau đớn đi liền với lòng tham tiền bạc! Bị kích của một đời sống phi phạm. Nổi đau đánh mất con cái cho thế gian. Đau đớn vì thấy của cải mình một đêm biến mất. Nỗi sợ hãi khi phải đối mặt với Chúa hoặc không được cứu hoặc may mắn là tay không.

Giám mục J.C. Ryle tóm tắt:

*Tiền bạc, thật ra, là một trong những thứ của cải không đem lại thỏa mãn nhiều nhất. Chắc chắn nó cất bớt một số lo lắng; nhưng nó cũng đem lại nhiều sự lo lắng bằng số nó đem đi. Người ta gặp rắc rối vì kiếm tiền bạc. Lo lắng khi phải cất giữ nó. Gặp những cám dỗ khi sử dụng nó. Phạm tội khi dùng sai nó. Đau đớn khi đánh mất nó. Bối rối khi xử lý nó. Hai phần ba tất cả những tranh chấp, cãi cọ và kiện tụng trên thế giới nổi lên từ một nguyên nhân đơn giản - tiền!*²³

Con người giàu có nhất trên thế giới, cũng là những chủ nhân của các giếng dầu, các nhà máy lọc dầu, các tàu chứa dầu và các ống dẫn dầu, cũng như các khách sạn, một công ty bảo hiểm nhân mạng, một công ty tài chính, và các hãng máy bay. Nhưng ông vẫn xung

quanh khu bất động sản rộng 700 mẫu Anh của mình bằng các vệ sĩ, chó dữ, song sắt, đèn pha, chuông, và còi báo động. Ngoài việc sợ đi máy bay, tàu thủy và sợ những người lập dị, ông còn sợ bệnh tật, tuổi già, tình trạng không người giúp đỡ và sự chết. Ông ta cố độc và u sầu, ông thú nhận rằng tiền bạc không thể mua được hạnh phúc.²⁴

VI. NHỮNG LỜI RĂN BẢO KẾT THÚC CHO TIMÔTHÊ (5:11-21)

5:11 Ở đây Timôthê được gọi là người của Đức Chúa Trời. Danh hiệu này thường được dành cho các tiên tri trong Cựu Ước, mô tả một người có phẩm hạnh giống Chúa. Điều này có thể cho thấy Timôthê có ân tứ tiên tri. Trái với người của Đức Chúa Trời là "con người tội ác," như được thấy trong 1.Têsalônica 2. Con người tội ác chính là hiện thân của tội lỗi. Mọi sự nơi người ấy khiến người ta nghi đến tội lỗi. Timôthê phải là người của Đức Chúa Trời, là người khiến người ta nghi về Đức Chúa Trời và tôn vinh danh Ngài.

Trong sự phục vụ Đấng Christ, Timôthê phải tránh lên mình kiêu ngạo (c.4), không thanh sạch (c.5), tinh thần không thoải lòng (c.6-8), những tham muốn vô lý thiệt hại (c.9) và lòng ham tiền bạc (c.10). Ông phải trau dồi tâm tánh của người Cơ Đốc - là điều duy nhất ông có thể đem theo vào thiên đàng. Ở đây các yếu tố của tâm tánh người Cơ Đốc được nêu lên là công bình, tin kính, đức tin, yêu thương, nhịn nhục, mềm mại.

Công bình nói đến sự công chính và ngay thẳng khi đối xử với đồng loại. Tin

kính là giống Đức Chúa Trời. Đức tin cũng có nghĩa là trung thành, hoặc đáng tin cậy. Yêu thương là tình yêu chúng ta dành cho Đức Chúa Trời và đồng loại. Nhịn nhục được định nghĩa là sự bền bỉ hoặc chịu đựng trong thử thách, trong khi mềm mại là tánh tình tử tế và khiêm nhường.

6:12 Không những Timôthê phải *tránh*, phải *theo*, ông còn phải *đánh trận*. Chữ *đánh trận* ở đây không có nghĩa là đánh nhau, mà là chiến đấu. Từ này không lấy nơi chiến trường mà lấy từ cuộc tranh tài của các vận động viên. *Đánh trận tốt lành* ở đây là đức tin Cơ Đốc và cuộc đua có liên quan đến đức tin. Timôthê phải chạy thật giỏi trong cuộc đua đó. Ông phải *bắt lấy sự sống đời đời*. Không có nghĩa phải nỗ lực để được cứu. Timôthê nhận được điều đó rồi. Nhưng ý tưởng ở đây là phải thực hành hằng ngày sự sống đời đời vốn đã thuộc về ông.

Timôthê đã được gọi đến sự sống đời đời này lúc ông qui đạo. Ông cũng đã *làm chứng tốt lành trước mặt nhiều người chứng kiến*. Có lẽ điều này ám chỉ việc ông chịu báp têm, dấu cũng có thể bao gồm toàn bộ lời làm chứng cho Đức Chúa Jesus Christ tiếp theo đó của ông.

6:13 Bảy giờ vị sứ đồ đưa ra lời khuyên nghiêm trang dành cho Timôthê, ông làm điều đó trong sự hiện diện của hai Đấng chứng kiến lớn nhất. Trước hết lời khuyên được đưa ra trước mặt Đức Chúa Trời là *Đấng ban sự sống cho mọi vật*. Có lẽ khi viết thư cho Timôthê, Phaolô ý thức rằng một ngày kia ông có thể phó mạng sống mình vì

sự xưng nhận Chúa Jêsus. Nếu trong trường hợp đó, thì thật tốt để người chiến sĩ trẻ tuổi này như rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống cho mọi vật. Dầu loài người thành công trong việc giết chết Timôthê, thì đức tin của ông vẫn ở trong Đấng khiến kẻ chết sống lại.

Thứ nhì, lời khuyên được đưa ra trước mặt Đức Chúa Jêsus Christ. Ngài là gương mẫu lớn về sự làm chứng lỗi. Ngài đã làm chứng lỗi nơi Bôn-xô-philát. Dầu điều này có lẽ ám chỉ đến mọi lời nói và việc làm của Chúa Cứu Thế trước mặt viên tổng đốc Lamà, song, có thể đặc biệt chỉ đến lời tuyên bố của Ngài trong Giăng 18:37: "Này, vì sao Ta đã sanh và vì sao Ta đã giảng thế: Ấy là để làm chứng cho lẽ thật. Hễ ai thuộc về lẽ thật thì nghe lấy tiếng Ta." Lời xưng nhận kiên định này được đặt trước mặt Timôthê như một tấm gương để ông noi theo khi làm chứng cho lẽ thật.

6:14 Timôthê được truyền bảo phải giữ điều răn. Một số người nghĩ điều này ám chỉ đến mạng lệnh phải đánh trận tốt lành được đề cập bên trên. Người khác gợi ý điều này có thể ám chỉ đến toàn bộ lời khuyên Phaolô gửi cho Timôthê trong Thư này. Người khác nữa nghĩ điều răn là sự điệp của tín lành, hoặc sự mặc khải của Đức Chúa Trời được ban cho qua lời Chúa. Chúng ta tin đây là lời răn bảo phải giữ lẽ thật của đức tin Cơ Đốc.

Cụm từ không vết tích và không chỗ trách được áp dụng cho Timôthê đúng hơn là cho điều răn. Để giữ điều răn, Timôthê phải giữ lời chứng không vết và không bị chê trách.

Trong Tân Ước, sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta liên tục được đặt trước mặt người tin Chúa. Trung tín với Đấng Christ trong đời này sẽ được ban thưởng trước Ngai Đấng Christ. Những phần thưởng này, rồi sẽ được bày tỏ khi Chúa Jêsus trở lại trên đất lập vương quốc Ngài. Chính khi ấy, những kết quả của sự trung tín hoặc bất trung mới được bày tỏ rõ ràng.

6:15 Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về các đại từ trong câu này và các câu kế tiếp chỉ về Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Cha, hay chỉ về Chúa Cứu Thế Jêsus Christ. Hiểu theo bản thân đại từ, câu 15 dường như chỉ về Chúa Jêsus, bởi vì rõ ràng Ngài được xưng là Vua của các vua, Chúa của các chúa trong Khải Huyền 17:14. Câu 16 lại dường như đặc biệt chỉ về Đức Chúa Cha.

Dầu là trường hợp nào, ý nghĩa của câu 15 dường như là: Khi Đức Chúa Jêsus Christ trở lại trị vì trên đất, loài người sẽ nhận biết Ngài là Đấng Chủ tể hạnh phúc và có một. Sự hiện ra này sẽ cho thấy ai là Vua thật. Vào lúc Phaolô viết thư cho Timôthê, Chúa Jêsus là Đấng bị chối bỏ, và hiện nay Ngài vẫn bị chối bỏ. Nhưng ngày hấu đến sẽ tỏ rõ rằng Ngài là Vua trên mọi kẻ cầm quyền và Ngài là Chúa trên hết thảy những kẻ cai trị với tư cách chúa.

Phước hạnh nghĩa là không những Ngài đang được ngợi khen, mà trong Chính Ngài còn có sự trọn vẹn của mọi phước hạnh.

6:16 Khi Chúa Jêsus hiện ra, loài người cũng sẽ nhận biết rằng mọi mình Đức Chúa Trời là Đấng có sự không hề

chết, hay bất tử. Nghĩa là Ngài là Đấng duy nhất vốn có *sự bất tử*. Sự không hề chết được ban cho các thiên sứ. Khi sống lại, người tin Chúa sẽ nhận được thân thể bất tử (I.Côr 15:53,54), nhưng Đức Chúa Trời có sự không hề chết trong chính Ngài.

Tiếp theo, Đức Chúa Trời được nhắc đến như là Đấng ở nơi sự sáng không thể đến gần được. Điều này nói lên sự vinh hiển rực rỡ chói lòa chung quanh Ngài Đức Chúa Trời. Con người trong điều kiện tự nhiên sẽ bị lan biến trước vinh quang ấy. Chỉ có những người được tiếp nhận trong Đấng yêu qui và hoàn toàn ở trong Đấng Christ mới đến gần Đức Chúa Trời mà không bị hủy diệt.

Trong bản thể Ngài, chẳng người nào từng thấy Ngài và cũng không thấy được. Trong Cựu Ước, con người đã thấy những sự hiện ra của Đức Chúa Trời, được biết như là các thần. Trong Tân Ước, Đức Chúa Trời đã mặc khải chính Ngài cách trọn vẹn qua Thân vị của Con yêu dấu Ngài, là Đức Chúa Jêsus Christ.

Tuy nhiên, sự thật Đức Chúa Trời vẫn là Đấng không nhìn thấy được đối với mắt hay chết này.

Đối với Đấng ấy, danh vọng, quyền năng đều thuộc về Ngài, và Phaolô kết thúc lời răn bảo dành cho Timôthê với lời chúc tụng này bày tỏ lòng suy tôn đối với Đức Chúa Trời.

6:17 Ở phần trước, Phaolô đã nói rất dài về những kẻ muốn nên giàu có. Ở đây, ông bàn đến kẻ giàu có rồi. Timôthê phải răn bảo họ đứng kiêu ngạo. Đây là một cám dỗ đối với người giàu. Họ có khuynh hướng xem thường

những người không có nhiều tiền bạc như là kẻ kém văn hóa, kém giáo dục và không được khôn ngoan lắm. Điều này, tất nhiên không nhất thiết đúng. Trong Tân ước, sự giàu có thịnh vượng không phải là một dấu hiệu cho sự ban phước của Đức Chúa Trời như trong Cựu Ước. Trong khi giàu có là một bằng chứng về ơn ban của Đức Chúa Trời dưới thời luật pháp, thì ơn phước lớn của Tân Ước là sự chịu khổ.

"Kẻ giàu đừng để lòng trông cậy nơi của cải không chắc chắn." Tiền bạc có cách để mọc cánh và bay đi mất. Những nguồn cung ứng quan trọng cho ta cái vẻ bề ngoài như thể đem lại an toàn, nhưng sự thật là, bảo đảm duy nhất trong thế giới này chính là lời Đức Chúa Trời.

Vì vậy, người giàu được khuyên hãy để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời là Đấng mỗi ngày ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng. Một trong những cảm bầy lớn của sự giàu có là rất khó mà không đặt lòng tin cậy nơi của cải. Tuy nhiên, đây thật sự là một hình thức thờ hình tượng. Chính là chối bỏ lẽ thật Đức Chúa Trời là Đấng ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng. Câu này không miễn thứ cho nếp sống xa hoa mà chỉ nói rằng Đức Chúa Trời chính là Nguồn Cung Ứng đích thực cho sự vui hưởng mà vật chất không thể đem lại.

6:18 Cơ Đốc Nhân được nhắc nhở rằng tiền bạc mình có không phải là của mình. Người ấy được ban cho như một người quản lý. Người ấy có trách nhiệm sử dụng tiền bạc cho sự vinh hiển của Chúa và cho sự tốt lành của đồng loại. Người ấy phải sử dụng nó để làm điều

lành và sẵn sàng san sẻ cho kẻ thiếu thốn.

Nguyên tắc sống của John Wesley là: "Hãy làm tất cả điều lành bạn có thể làm bằng tất cả phương tiện bạn có, bởi mọi phương cách bạn làm được, ở mọi nơi bạn có thể, vào mọi lúc, cho mọi người, trong bao lâu bạn còn khả năng."

Kíp ban phải bày tỏ ý tưởng sẵn sàng sử dụng tiền của bất cứ khi nào Chúa chỉ ra.

6:19 Câu này nhấn mạnh đến lẽ thật chúng ta có thể sử dụng những vật chất trong đời này cách nào để gặt hái lợi nhuận ngày sau. Bằng cách sử dụng của cải mình cho công việc Chúa ngay lúc này, chúng ta đang dần chữa... mọi cái nên tốt và bền vững về ngày sau cho mình. Bằng cách ấy, chúng ta cảm lấy sự sống vốn là sự sống thật.

6:20 Bây giờ chúng ta đi đến lời nhắn bảo cuối dành cho Timôthê. Timôthê được khuyên hãy giữ lấy sự giao phó đã nấy cho ông. Điều này có lẽ chỉ đến những sự dạy dỗ thật của đức tin Cơ Đốc. Đây không phải là vấn đề về linh hồn hoặc sự cứu rỗi của Timôthê, mà là lẽ thật của Phúc Âm, ân điển Đức Chúa Trời. Giống như tiền bạc được ký gửi vào nhà hàng, lẽ thật cũng được phó thác cho Timôthê để được giữ gìn "toàn bộ nguyên vẹn và không tổn hại."

Ông phải tránh những lời hư không phạm tục và những sự cãi lẽ bằng trí thức nguy xưng là trí thức. Những lời hư không phạm tục hay chuyện phiếm là những cuộc nói chuyện rỗng tuếch về các vấn đề chẳng bổ ích.

Phaolô biết Timôthê sẽ phải đối đầu với nhiều sự dạy dỗ xưng là trí thức

nhưng thật sự chống lại sự mặc khải Cơ Đốc. Giám mục Moule viết:

*Những kẻ Trí Huệ vào thời Phaolô xưng rằng đã dần dần các môn đệ của họ "vượt qua đám dân thường chỉ là các tín đồ để đạt đến hạng người tài giỏi hơn và có ân nãi, là kẻ biết được những bí mật của sự tôn tại, và bởi sự hiểu biết đó, được giải phóng khỏi tình trạng nô lệ cho vật chất, với tài sự tự do trong thế giới linh."*²⁵

Timôthê phải tránh xa khỏi mọi sự ấy.

Trong thời chúng ta, điều này trước hết ám chỉ đến tất cả những tà giáo, như "Khoa học Cơ Đốc". Hệ thống này xưng là có tâm linh của Cơ Đốc Nhân và cũng xưng là có sự hiểu biết thật, nhưng đó là trí thức nguy xưng là trí thức. Đó không phải là Cơ Đốc Nhân, cũng chẳng phải là khoa học!

Câu Kinh Thánh này cũng được áp dụng cho nhiều hình thức của khoa học tự nhiên,²⁶ như được dạy trong các trường học ngày nay. Thật vậy, không phát hiện thật sự nào của khoa học mâu thuẫn với Kinh Thánh, bởi vì những bí mật của khoa học được đặt vào vũ trụ bởi cùng một Đấng viết ra Kinh Thánh, là chính Đức Chúa Trời. Nhưng có nhiều cái được gọi là sự kiện khoa học thật sự chỉ là những lý luận không chứng minh được. Bất cứ những giả thuyết nào đi ngược lại với Kinh Thánh như thế, đều phải bị bác bỏ.

6:21 Phaolô biết có một số người tự xưng Cơ Đốc Nhân đã bắt đầu đi theo những sự dạy dỗ sai trật và đã bội đạo. Những câu kết thúc này bày ra cho chúng ta nguy hiểm lớn lao của cái gọi

là phái Tri Huệ, phái Duy Lý, phái Hiện Đại, phái Tự Do và mọi "phái" khác, coi thường hoặc làm giảm nhẹ vai trò Đáng Christ.

Nguyên xìn ân điển ở cùng các anh em. Lời chúc phước này là "đặc trưng riêng" của Phaolô, bởi vì duy ân điển Đấng Chúa Trời mới có thể giữ cho dân sự Ngài đi trên con đường "thẳng và hẹp" Amen.

CHÚ THÍCH

Phân Giới Thiệu Các Thư Tin Mục Vụ

¹Albert Barnes, *Notes on the New Testament: Thessalonians, Timothy, Titus, Philemon*, tr. 289.

I. Timôthê

¹(Giới thiệu I. Timôthê) Trích từ *L'Eglise Chrétienne*, trang 95, của George Salmon, trong *A Historical Introduction to the Study of the Books of the New Testament*, tr. 413.

²(1:8) Guy King, *A Leader Led*, tr. 25.

³(1:16) William Kelly, *An Exposition of the Two Epistles to Timothy*, tr. 22.

⁴(1:19) Hamilton Smith, chưa có thêm tài liệu nghiên cứu.

⁵(1:20) Từ Hy lập blasphemêō (phỉ báng, phạm thượng) dùng cả cho Chúa và người. Từ phát sinh trong bản Anh ngữ hầu như chỉ được dùng cho Chúa và những điều thánh.

⁶(2:9) John Chrysostom, *Alfred Plummer* trích trong *The Pastoral Epistles*, tr. 101.

⁷(2:15) Lilley

⁸(3:2) những Cơ Đốc Nhân giữ quan điểm này nhấn mạnh sự chung thủy của

người trưởng lão với một người nữ được hàm ý trong cấu trúc Hy văn: "Loại người nam có một người nữ."

⁹(3:3) Bởi vì các chấp sự không được tham tiền bạc (3:8), dường như không có khả năng Phaolô bỏ đi phẩm chất này cho những trưởng lão nhiều trách nhiệm hơn.

¹⁰(3:11) Có lẽ vào thời kỳ sớm của này, chưa có chức vụ hội thánh dành cho phụ nữ. Xem ghi chú trong *Ryrie Study Bible, NKJV*, tr. 1850.

¹¹(3:16) J.N. Darby "Ghi chú về bài thuyết trình ở Tit 2:11-14" *The Collected Writings of J.N. Darby*, VII:333.

¹²(3:16) Các danh hiệu thánh của Đức Chúa Trời, Đáng Christ, Thánh Linh, v.v... đều được viết tắt trong các thủ bản cổ. Từ viết tắt Hy văn dành cho chữ Đức Chúa Trời trông giống y như từ dành cho chữ "ai" (who) với một nét nằm ngang ngắn phân biệt một theta với một omicron và một gạch khác ở trên từ này cho thấy đây là một chữ viết tắt. Các thủ bản ghi "Đức Chúa Trời" một cách khác nhau (bản TR và majority,) "who" (NU) và "which." Chúng ta chấp nhận cách đọc truyền thống của đa số các thủ bản, theo sau bởi bản KJV và NKJV.

¹³(4:3) Mary Baker Eddy, *Science and Health with Key to the Scriptures*, tr. 64, 65.

¹⁴(4:10) Bản phê bình (NU) viết là: "chúng ta lao nhọc và chiến đấu"

¹⁵(4:12) King, *Leader*, tr. 79.

¹⁶(5:4) Cả bản cũ và đa số các thủ bản đều thiếu chữ "tốt và" ở trước chữ "đẹp lòng." Cách đọc ngắn hơn chắc chắn là bản gốc.

¹⁷{5:16} Việc loại bỏ từ người nam tín Chúa khỏi câu này trong bản NU có lẽ là do tình cờ. Đường như không có khả năng Phaolô chỉ viết về những bà góa được phụ nữ tín Chúa chăm sóc.

¹⁸{6:4} R. C. H. Lenski, *The Interpretation of St. Paul's Epistles to the Thessalonians, to Timothy, to Titus and to Philemon*, tr. 700.

¹⁹{6:5} Cùng tác phẩm, trang 701, 702.

²⁰{6:5} Bản NU bỏ câu này.

²¹{6:7} Bates.

²²{6:9} Albert Barnes, *Notes on the New Testament: Thessalonians, Timothy, Titus, Philemon*, tr. 199.

²³{6:10} J. C. Ryle, *Practical Religion*, tr. 215.

²⁴{6:10} Theo tướng thuật tin tức về cố Howard Hughes.

²⁵{6:20} H. C. G. Moule, *Studies in II. Timothy*, tr. 91.

²⁶{6:20} Từ Latinh scientia chỉ có nghĩa là "tri thức." Từ phát sinh Anh ngữ "science" (khoa học) [bản văn 1611] hiện nay có nghĩa hẹp hơn rất nhiều. Từ đây có sự thay đổi của bản NK].

SÁCH THAM KHẢO

(Các Thư Tin Mục Vụ)

Bernard, J. H. *The Pastoral Epistles*. Cambridge: University, 1899.

Erdman, Charles R. *The Pastoral Epistles of Paul*. Philadelphia: Westminster Press, 1923.

Fairbairn, Patrick. *Commentary on the Pastoral Epistles*. Edinburgh: T. & T. Clark, 1874.

Guthrie, Donal. *The Pastoral Epistles*, (TBC). Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1957.

Hiebert, D. Edmond. *First Timothy*. Chicago: Moody Press, 1957.

— . *Second Timothy*. Chicago: Moody Press, 1958.

— . *Titus and Philemon*. Chicago: Moody Press, 1957.

Ironside, H. A. *Addresses, Lectures, Expositions on Timothy, Titus, and Philemon*, New York: Loizeaux Bros., 1947.

Kelly, William, *An Exposition of the Two Epistles to Timothy*, 3d Ed. Oak Park, IL: Bible Truth Publishers, không rõ năm xuất bản

Karl, Homer A. *The Pastoral Epistles*. Chicago: Moody Press, 1958.

King, Guy H. *A Leader Led: A Devotional Study of I Timothy*. Fort Washington, Pa.: Christian Literature Crusade, 1944.

— . *To My son: An Expository Study of II Timothy*. Fort Washington, Pa.: Christian Literature Crusade, 1944.

Lock, Walter. *A critical and Exegetical Commentary on the Pastoral Epistles* (ICC). Edinburgh: T. & T. Clark, 1924.

Moule, H. C. G. *Studies in II Timothy*. Grand Rapids: Kregel Publications, 1977.

Plummer, Alfred. *The Pastoral Epistles*. New York: George H. Doran Company, không rõ năm xuất bản

Smith, Hamilton. *The Second Epistle to Timothy*. Wooler, Northumberland, England: Central Bible Hammond Trust Ltd., không rõ năm xuất bản

Stock, Eugene. *Pian Talks on the Pastoral Epistles*. London: R. Scott, 1914.

Van Oosterzee, J. J. *The Pastoral Letters,* "Plange's Commentary on the Holy Scriptures. Vol. 23. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, không rõ năm xuất bản

to Timothy. London: Pickering & Inglis, 1925.

Wuest, Kenneth S. *The Pastoral Epistles in the Greek New Testament.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1953.

Vine, W. E. *Exposition of the Epistles*

THƯ THỨ HAI GỬI CHO TIMÔTHÊ

Giới Thiệu

"Là Thư Thứ Hai gửi cho Timôthê... là tâm lòng bày tỏ của ông (Phaolô), người đang ở bên ngoài xứ Palestin, nhờ quyền phép Đức Chúa Trời, thành lập và xây dựng hội thánh Chúa trên đất. Bức thư này được viết ra trước sự xa sút của hội thánh và sự xa rời các nguyên tắc mà dựa vào đó ông đã thành lập hội thánh."

J.N. Darby

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Lời cuối của những người nổi tiếng thường được những người yêu mến họ trân trọng giữ gìn. Mặc dầu Thư II.Timôthê không phải là những lời cuối cùng của Phaolô theo nghĩa đen, song đó là tác phẩm cuối được biết đến của ông viết gửi cho những Cơ Đốc Nhân, trước tiên được gửi đến cho người đại diện trẻ tuổi rất yêu dấu của ông, là Timôthê.

Ngồi trong ngục tối ở Rôma, với chỉ độc một lỗ trên trần để có ánh sáng, chờ đợi sự hành quyết bằng cách chém đầu, vị sứ đồ thuộc linh, khôn ngoan, đầy lòng yêu thương, nay đã lớn tuổi và mỗi một vị cuộc đua đường dài gian khổ cho Chúa, viết lời sau cùng kêu gọi Timôthê giữ vững lẽ thật và sự sống đã được truyền dạy. Cũng giống như một số các Thư Tín "Thứ nhì", II.Timôthê nói đến các giáo sư giả và sự bội đạo trong ngày sau rốt. Người ta không thể không nghĩ rằng phần lớn sự tấn công trực diện nhắm vào tính xác thực của II.Timôthê (và thậm chí nhiều hơn thế đối với II.Phiêrơ) là do chính những người lãnh đạo tôn giáo hoài nghi viết những lý luận tiêu cực ấy, họ là kẻ bị kết tội đã sử dụng tôn giáo như một

chiếc áo choàng che đậy, đó là tội ác mà Phaolô đã cảnh báo chúng ta (3:1-9).

Cho dù nói thế nào đi nữa, II.Timôthê vẫn là thư tin hết sức cần thiết và cũng hết sức xác thực!

II. Quyển Tác Giả

Xem phần Giới Thiệu Các Thư Tin Mục Vụ để có lời luận về xuất xứ của II.Timôthê

III. Thời Điểm Viết

Timôthê Thứ nhì được viết từ nhà tù (theo lời truyền khẩu là Nhà Tù Mamertine ở tại Lamã vẫn được để cho các du khách tham quan). Là một công dân Lamã, Phaolô không thể bị ném cho xử tử hoặc bị đóng đinh, nhưng được xử tử "xứng đáng" bằng gươm qua hình thức chặt đầu. Vì ông bị xử tử dưới triều Nero, người băng hà ngày 8/6/68, niên đại của II.Timôthê rất có thể giới hạn trong khoảng thời gian giữa mùa thu năm 67 và mùa xuân năm 68.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Chủ đề của II.Timôthê được mô tả đầy đủ qua 2:15: "Hãy chuyên tâm cho được đẹp lòng Đức Chúa Trời, như người làm công không chỗ trách được, lấy lòng ngay thẳng giảng dạy lời của lẽ thật." Trái với I.Timôthê, nhấn mạnh

về hành vi của tập thể, của hội chúng, điều nổi bật ở đây là trách nhiệm và cách cư xử của cá nhân. Chủ đề này có thể được tuyên bố là "Trách Nhiệm Cá Nhân Trong Thời Điểm Sa Sút Chung."

Có nhiều sự sa sút chung trong hội thánh xưng nhận là Cơ Đốc giáo qua bức thư này. Đã có sự xa rời khỏi đức tin và lẽ thật cách nghiêm trọng. Điều này ảnh hưởng thế nào đến cá nhân những người tin Chúa? Có phải người ấy được miễn khỏi việc tìm cách nắm giữ lẽ thật và sống đời tin kính chăng? Câu trả lời của II. Timôthê là một từ *Không!* quả quyết! "Hãy chuyên tâm cho được đẹp lòng Đức Chúa Trời..."

Tình huống của chàng thanh niên Đaniên ở tại triều đình Babylon (Đan I) minh họa điều này. Vì sự gian ác lâu dài của dân Ysraên, chàng ta và một số người khác bị Nêbucátnețsa bắt sang Babylon làm phu tù. Họ bị tước đoạt tất

cả những hình thức tôn giáo bên ngoài - các của lễ, chức vụ tế lễ, sự thờ phượng tại đền thờ v.v.... Thật vậy, những nghi thức này không bao lâu đã bị đình trệ hoàn toàn khi Giêrusalem bị hủy phá và cả dân tộc bị lưu đày ít năm sau đó. Có phải Đaniên đã tự nhủ: "Ta cũng nên quên đi Luật Pháp, và các Tiên Tri để hòa mình vào các tập tục, tiêu chuẩn và đạo đức tại Babylon đây" chăng? Lịch sử kỹ thuật cách đáp ứng khôn ngoan, sáng suốt qua đời sống đức tin lạ lùng của ông trong những hoàn cảnh hoàn toàn đối nghịch. Cũng vậy, sứ điệp của II. Timôthê nói với từng con cái Chúa, là người tìm thấy trong hội thánh chung hiện nay những bằng chứng khác xa với sự đơn giản và thanh khiết của Tân Ước, là nơi hội thánh đã bắt đầu. Người ấy vẫn phải có trách nhiệm "sống nhơn đức trong Đức Chúa Jêsus Christ" (II. Tim. 3:12).

BỐ CỤC

I. NHỮNG LỜI CHÀO THĂM MỞ ĐẦU DÀNH CHO TIMÔTHÊ (1:1-5)

II. NHỮNG LỜI KHUYÊN DÀNH CHO TIMÔTHÊ (1:6-2:13)

A. Đối Với Sự Trung Thành (1:6-18)

B. Đối Với Sự Bền Đồi (2:1-13)

III. LÒNG TRUNG THÀNH TRÁI VỚI SỰ BỘI ĐẠO (2:14-4:8)

A. Trung Thành Với Cơ Đốc Giáo Thật (2:14-28)

B. Sự Bội Đạo Hầu Đến (3:1-13)

C. Nguồn Cung Ứng Của Người Đức Chúa Trời Trước Sự Bội Đạo (3:14-4:8)

IV. NHỮNG YÊU CẦU VÀ NHẬN XÉT CÁ NHÂN (4:9-22)

CHÚ GIẢI

I. NHỮNG LỜI CHÀO THĂM MỎ ĐẦU DÀNH CHO TIMÔTHÊ (1:1-5)

1.1 Phaolô tự giới thiệu mình ngay phần đầu của bức thư với tư cách **sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ**. Ông đã được Chúa vinh hiển giao phó sự hầu việc đặc biệt. Sự chỉ định này không phải bởi con người hay thông qua loài người, mà trực tiếp bởi **ý muốn của Đức Chúa Trời**. Phaolô cũng nói đến tư cách sứ đồ của ông là **vi lời hứa của sự sống trong Đức Chúa Jêsus Christ**. Đức Chúa Trời đã lập một lời hứa để tất cả những ai tin nơi Chúa Cứu Thế Jêsus đều nhận được sự sống đời đời. Lời kêu gọi Phaolô làm sứ đồ phù hợp với lời hứa này. Thật vậy, nếu như không có lời hứa ấy, thì cũng không cần một sứ đồ như Phaolô.

Vine dịch câu này như vậy: "Chính bởi ý muốn của Đức Chúa Trời mà sự sống, vốn ở trong Đức Chúa Jêsus Christ từ trước vô cùng, phải được ban cho chúng ta. Cũng vì ý định đó Phaolô phải trở nên sứ đồ."¹

V. Paul Flint trình bày chi tiết năm câu Kinh Thánh nói về sự sống trong Thư Tín này là 1:1, lời hứa của sự sống; 1:10 sự phò bày của sự sống 2:11 sự dự phần của sự sống 2:12, khuôn mẫu của sự sống; và 4:1 mục đích của sự sống.

1:2 Timôthê được gọi là **con rất yêu dấu**. Không thể chứng minh dứt khoát rằng Timôthê thực sự qui đạo qua chức vụ của Phaolô. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ được ký thuật trong Công Vụ 16:1, ở đây Timôthê được mô tả là là

một môn đồ rôi, trước khi Phaolô đến Líttra. Dấu trường hợp nào, vị sứ đồ này đã coi ông là **con rất yêu dấu** trong đức tin Cơ Đốc.

Cũng như trong I.Timôthê, lời chào thăm của Phaolô bao gồm **ân điển, sự thương xót, và sự bình an**. Như đã lưu ý trong phần chú thích I.Timôthê, khi viết thư cho các hội thánh điều rất đặc trưng của Phaolô, là cầu chúc cho họ ân điển và sự bình an. Khi viết thư cho Timôthê, ông thêm từ **thương xót**. Guy King cho rằng ân điển cần cho mọi sự phục vụ, lòng thương xót cần cho mỗi thất bại, và bình an cần cho mọi tình huống. Có người bảo rằng: "Ân điển cho kẻ không xứng đáng, lòng thương xót cho kẻ bất lực và sự bình an cho kẻ bất an." Hiebert định nghĩa **thương xót** là "Lòng yêu thương nhân từ tự nguyện, xuất phát từ chính Đức Chúa Trời khiến Ngài đối đãi bằng tình yêu thương và sự triu mến dịu dàng với những kẻ bất hạnh khốn khổ."²

Những ơn phước này lưu xuất từ **Đức Chúa Trời, là Cha và bởi Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta**. Ở đây một lần nữa Phaolô tôn kính Đức Chúa Con như tôn kính **Cha**.

1:3 Theo lối viết đặc trưng của ông, Phaolô đi ngay vào sự cảm tạ. Khi đọc điều này chúng ta nên nhớ rằng ông đang viết từ nhà tù Rôma. Ông bị bỏ tù vì rao giảng Tin Lành và bị đối xử như một tội phạm bình thường. Đức tin Cơ Đốc bị áp bức dữ dội bởi chính quyền Lamã, và nhiều tín hữu đã bị giết chết.

Bất chấp tất cả những nghịch cảnh ấy, Phaolô có thể bắt đầu Lá Thư gửi cho Timôthê bằng câu "Ta cảm tạ Đức Chúa Trời!"

Vị sứ đồ hiện đang hầu việc Đức Chúa Trời bằng lương tâm thanh sạch như tử liên Do Thái của ông đã làm. Dầu tổ tiên ông không phải là những Cơ Đốc Nhân, họ là những người đặt lòng tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống. Họ thờ phượng Ngài và tìm cách hầu việc Ngài. Họ đã nắm giữ "sự trông cậy và sự sống lại của kẻ chết," như Phaolô đã nêu trong Công Vụ 23:6. Đó là lý do vì sao ông có thể nói thêm trong Công Vụ 26:6,7a: "Hiện nay tôi bị đoán xét, vì trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ chúng tôi, lại mười hai chi phái chúng tôi, lấy lòng sốt sắng thờ phượng (hầu việc) Đức Chúa Trời, cả đêm và ngày, mà trông đợi lời hứa về sự sống lại ấy được trọn."

Vì vậy Phaolô có thể nói sự hầu việc Chúa của ông là theo gương các tổ phụ. Từ ông sử dụng cho chữ hầu việc¹ chỉ về lòng trung thành và trung nghĩa. Ông đã thừa nhận Đức Chúa Trời chân thật.

Tiếp theo Phaolô nói ông luôn nhớ đến Timôthê trong lời cầu nguyện ngày và đêm. Bất cứ khi nào vị đại sứ đồ này thưa chuyện với Chúa bằng sự cầu nguyện, ông đều nhớ đến người đồng công trẻ tuổi rất yếu đuối của mình và nêu tên người ấy ở trước Ngài Ấn Điển. Phaolô biết rằng thời gian phục vụ của chính ông đang nhanh chóng đến hồi kết thúc. Ông biết Timôthê sẽ bị bỏ lại đơn độc, nói theo cách loài người, để gánh vác việc làm chứng cho Đấng Christ. Ông biết những khó khăn

Timôthê phải đối mặt, vì vậy ông không ngừng cầu nguyện cho người chiến sĩ đức tin trẻ tuổi này.

1:4 Timôthê hẳn đã cảm động biết bao khi đọc đến những lời này! Vị Sứ Đồ Phaolô có điều mà Moule gọi là "nói khao khát nhớ nhà" muốn đến thăm Timôthê. Đây chắc chắn là dấu hiệu của tình yêu và lòng quý trọng đặc biệt, phản ánh hình hồn bản tánh đầy ấn điển, dịu dàng và khiêm nhường của Phaolô.

Có lẽ lần chia tay gần đây nhất của họ Timôthê đã bị suy sụp. Nước mắt ông đã tạo một ấn tượng sâu sắc nơi người đồng lao lớn tuổi. Hiebert cho rằng đó chính là lúc Phaolô đã "bị giằng khỏi ông" bởi cảnh sát hay những người lính Lamã.⁴ Phaolô không quên được, và bây giờ ông mong muốn được gặp lại Timôthê để được đầy lòng vui vẻ. Ông không quở trách Timôthê như thể những giọt nước mắt ấy không nam únh, hay là như thể không có chỗ cho những cảm xúc như vậy trong Cơ Đốc Giáo. J.H.Jowett thường nói rằng: "Những tấm lòng không có nước mắt không thể nào là sứ giả của tình yêu mãnh liệt. Khi lòng thương cảm của chúng ta mất đi nỗi đau xót, chúng ta không còn là người tôi tớ của sự thương xót được nữa."

1:5 Bằng cách nào đó, Phaolô đã nhớ đến đức tin chân thật của Timôthê. Đức tin của ông thành thật, ngay thẳng và không mang mặt nạ.⁵

Nhưng Timôthê không phải là người đầu tiên trong gia đình được cứu. Rô ràng bà ngoại Lốt của ông, một người Do Thái, đã nghe Tin Lành cứu rỗi và

tiếp nhận Chúa Jêsus là Đấng Mêsia. Con gái của bà, Ônil, cũng là người Do Thái (Công Vụ 16:1), đã trở thành một Cơ Đốc Nhân. Trong phạm vi ấy, Timôthê đã học biết những lẽ thật lớn lao về niềm tin Cơ Đốc, và ông đại diện cho thế hệ thứ ba trong gia đình đặt lòng tin nơi Chúa Cứu Thế Jêsus. Không có chỗ nào trong Kinh Thánh nhắc đến việc cha Timôthê có quy đạo hay không.

Mặc dầu sự cứu rỗi là điều không thể kể thừa từ các bậc cha mẹ tin Chúa, nhất định có một nguyên tắc cả gia đình trong Kinh Thánh. Dường như Đức Chúa Trời muốn cứu cả gia đình. Ngài không muốn một thành viên nào bị hư mất.

Hãy lưu ý đức tin được cho biết đã ở trong Lôi và Ônil. Đức tin không ở đó như một người khách tình cờ, mà là một sự hiện diện ở luôn với họ. Phaolô được thuyết phục rằng đó cũng là trường hợp của Timôthê. Chính đó là đức tin thành thật Timôthê sẽ giữ, bất chấp tất cả những hoạn nạn ông có thể sẽ đối mặt gắn liền với đức tin ấy.

II. NHỮNG LỜI KHUYẾN DÀNH CHO TIMÔTHÊ (1:6- 2:13)

A. Về Lòng Trung Thành (1:6-18)

1:6 Do nền tảng tin kính của gia đình và đức tin của chính mình, Timôthê được khuyến khích **hãy nhen lại ơn của Đức Chúa Trời đã ban cho ông**. Chúng ta không được biết **ơn của Đức Chúa Trời ở đây là gì**. Một số người hiểu điều này hàm ý Đức Thánh Linh. Người khác cho đây là khả năng đặc biệt Chúa ban bởi một hình thức hầu việc Cơ Đốc nào đó, như là ân tứ của nhà truyền

giáo, mục sư, hay giáo sư. Dường như Timôthê rõ ràng được kêu gọi vào sự hầu việc Cơ Đốc và đã được ban cho một khả năng đặc biệt nào đó. Ở đây ông được khuyến khích nhen lại **ơn** thành một ngọn lửa sống. Ông không được nản lòng bởi những sa sút chung ở quanh mình. Ông cũng không được như người hành nghề kiếm sống trong sự hầu việc Chúa và rơi vào lẽ thời dễ chịu. Thay vào đó ông phải quan tâm sử dụng ơn ban cho mình càng nhiều hơn khi ngày càng trở nên tối tăm hơn.

Ơn ban này đã ở trong Timôthê bởi sự đặt tay của vị sứ đồ. Chớ nhầm lẫn điều này với sự phong chức được tiến hành giữa vòng hàng giáo phẩm ngày nay. Điều này hàm ý chính xác những gì được nói - đó là **ơn** thực sự đã được ban cho Timôthê vào thời điểm Phaolô đặt tay ông trên Timôthê. Vị sứ đồ này chính là ông dẫn qua đó ơn ấy đã được ban cho.

Câu hỏi lập tức nổi lên là: "Điều đó ngày nay có còn không?" Câu trả lời là không. Quyển phép để ban ân tứ qua sự đặt tay được phủ cho Phaolô với tư cách sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ. Bởi vì ngày nay chúng ta không có các sứ đồ theo ý nghĩa đó, chúng ta không còn có quyển phép để thực hiện các phép lạ của sứ đồ.

Câu Kinh Thánh này nên được học kèm với 1.Timôthê 1:18 và 4:14. Sau khi đọc ba câu này với nhau, chúng ta thấy rằng sau đây là thứ tự của các sự kiện như Vine đã trình bày. Bởi lời tiên tri, Phaolô được chỉ dẫn đến gặp Timôthê, là người được đưa lên cho sự hầu việc đặc biệt. Bởi hành động trang

trọng về phía vị sứ đồ, Đức Chúa Trời ban cho Timôthê một ân tứ. Các trưởng lão đã công nhận điều Chúa làm qua sự đặt tay của họ. Việc đặt tay này không phải là sự phong chức, như ban một ân tứ hay một vị trí thuộc hàng giáo phẩm.⁶

Hoặc như Stock tóm tắt: "Ân tứ đến 'bởi' tay Phaolô, nhưng 'cùng với' tay của các trưởng lão."

1:7 Bản thân phải đối mặt với sự tuận đạo, Phaolô vẫn dành thì giờ nhắc nhở Timôthê Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát hay hèn nhát. Không có thời gian cho sự nhút nhát hoặc sợ hãi.

Nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta tâm thần mạnh mẽ. Sức mạnh không giới hạn là điều được ban cho chúng ta tùy ý sử dụng. Nhờ sự ban sức của Thánh Linh, người tin Chúa có thể phục vụ dư dật, chịu đựng kiên trì, chịu khổ cách đắc thắng và nếu cần, chịu chết cách vinh hiển.

Đức Chúa Trời cũng đã ban cho chúng ta một tinh thần thương yêu, chính tinh yêu dành cho Chúa dứt bỏ sự sợ hãi và khiến chúng ta sẵn sàng phó mình vì Đấng Christ dẫu phải trả giá nào. Tinh yêu dành cho anh em mình khiến chúng ta sẵn sàng chịu đựng mọi loại bất bớ và đáp lại bằng sự nhân ái.

Cuối cùng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta tinh thần dè giữ, hay kỷ luật. Từ dè giữ không hoàn toàn truyền đạt về ý tưởng, mà hàm ý Cơ Đốc Nhân lúc nào cũng phải tỉnh táo, không bị suy sụp căng thẳng hoặc những yếu đuối khác về tâm trí. Câu Kinh Thánh này thường bị dùng sai khi dạy rằng Cơ Đốc

Nhân là người sống gần với Chúa không bao giờ bị làm khổ bởi bất cứ loại bệnh tật nào thuộc về tâm trí. Đó không phải là sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Nhiều sự đau yếu về tâm trí có thể truy nguyên do những nhược điểm di truyền. Nhiều bệnh tật khác do kết quả nào đó của tình trạng thuộc thể không hề liên quan đến đời sống tâm linh người ấy.

Điều câu này muốn dạy dỗ là Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta một tinh thần biết tự kiểm chế hay tự chủ. Chúng ta phải có sự khôn ngoan thận trọng chứ không hành động hấp tấp vội vã hay đại dột. Dẫu hoàn cảnh có trái nghịch đến đâu đi nữa chúng ta cũng phải giữ phán đoán quân bình và hành động tỉnh táo.

1:8 Timôthê được truyền dạy chớ hổ thẹn. Trong câu 12 Phaolô nói rằng ông chẳng hề hổ thẹn. Cuối cùng trong câu 16 chúng ta đọc thấy người nhà Ônêsi-phô-rơ đã không xấu hổ.

Đó là thời mà việc giảng Tin Lành là phạm tội. Những ai tìm cách làm chứng công khai về Chúa và Đấng Cứu Thế của mình đều bị bắt bớ. Nhưng Timôthê không nên để điều đó đe dọa mình. Ông chớ hổ thẹn vì Tin Lành, dẫu điều đó kéo theo sự chịu khổ. Ông cũng không nên thẹn vì cơ sứ đồ Phaolô bị ở tù. Đã có một số Cơ Đốc nhân quay lưng lại với Phaolô. Chắc chắn họ sợ rằng liên hệ với ông sẽ dẫn đến sự bắt bớ và có khả năng là sự chết.

Timôthê được khuyên hãy chịu khổ với Tin Lành và cậy quyền phép Đức Chúa Trời mà chịu khổ. Ông đừng tìm cách tránh sự sỉ nhục gắn liền với Tin Lành mà hãy cùng với Phaolô chịu những sự sỉ nhục đó.

1:9 Vì sự đó khuyến khích Timôthê hãy sốt sắng (câu 6,7) và can đảm (c.8). Bây giờ Phaolô giải thích lý do vì sao đây là thái độ hợp lý duy nhất phải có; thái độ đó có được là do cách cư xử kỳ diệu bởi ân điển của Chúa đối với chúng ta. Trước hết, Ngài đã cứu chúng ta. Điều này có nghĩa Ngài đã giải cứu chúng ta khỏi án phạt của tội lỗi. Ngài liên tục giải cứu chúng ta khỏi quyền lực của tội lỗi và một ngày trong tương lai, Ngài sẽ giải cứu chúng ta khỏi sự hiện diện của tội lỗi. Cũng vậy, Ngài giải phóng chúng ta khỏi thế gian và Satan.

Đức Chúa Trời lại đã gọi chúng ta bởi sự kêu gọi thánh. Ngài không những giải cứu chúng ta khỏi điều ác mà còn ban cho chúng ta mọi thứ phước thiêng liêng trong các nơi trên trời qua Đức Chúa Jêsus Christ. Sự kêu gọi thánh của những người Cơ Đốc được mô tả chi tiết trong Êphêso 1-3, đặc biệt trong đoạn 1. Tại đó, chúng ta học biết mình đã được chọn, được định trước, được nhận làm con nuôi, được tiếp nhận trong Đấng yêu dấu, được cứu chuộc bởi huyết Ngài, được tha thứ, được đóng ấn bởi Thánh Linh, và được ban cho của cầm về cơ nghiệp của chúng ta. (Ngoài sự kêu gọi thánh này, chúng ta còn có sự kêu gọi từ trên cao, Philip 3:14 (bản Kinh thánh tiếng Việt là sự kêu gọi từ 'trên trời'), và sự kêu gọi trên trời, Hêbơ 3:1).

Sự cứu chuộc và kêu gọi này không phải theo việc làm chúng ta. Nói cách khác, những điều đó được ban cho chúng ta bởi ân điển Đức Chúa Trời. Có nghĩa là chúng ta không xứng đáng, mà chỉ đáng điều ngược lại. Chúng ta không

làm ra chúng; cũng không thể tìm kiếm các ơn đó, nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta các ơn đó cách nhưng không, vô điều kiện hoặc vô giá.

Điều này được giải thích thêm bởi câu theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta. Vì sao Đức Chúa Trời lại yêu thương những tội nhân xấu xa đến nỗi sẵn sàng ban Con duy nhất của Ngài chịu chết cho họ? Vì sao Ngài phải trả giá đắt như vậy để cứu họ khỏi địa ngục và mang họ đến thiên đàng để họ được hưởng cõi đời đời với Ngài? Câu trả lời khả thi duy nhất là: Theo ý riêng Ngài chỉ định, theo ân điển đã ban cho chúng ta. Lý do hành động của Ngài không nằm nơi chúng ta, mà ở nơi tấm lòng yêu thương lớn lao của chính Ngài. Ngài yêu chúng ta bởi vì Ngài yêu chúng ta!

Ơn của Ngài đã được ban cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ từ trước muôn đời vô cùng. Tức là trong cõi quá khứ đời đời, Đức Chúa Trời đã quyết định kế hoạch cứu rỗi tuyệt vời này. Ngài đã quyết định cứu những tội nhân phạm tội bằng công lao thay thế của Con yêu dấu Ngài. Ngài đã quyết định ban sự sống đời đời cho bất cứ ai tiếp nhận Chúa Jêsus Christ làm Cứu Chúa. Phương cách để qua đó chúng ta được cứu đã được hoạch định không những trước khi chúng ta ra đời mà thậm chí từ trước muôn đời vô cùng.

1:10 Cũng Tin Lành đó đã được định từ cõi đời đời và đúng thời điểm đã được bày ra. Tin Lành này được bày ra bởi sự hiện ra của Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta. Khi còn trong xác thịt, Ngài đã công bố cho mọi

người Tin Lành của sự cứu rỗi. Ngài đã dạy dỗ loài người rằng Ngài phải chịu chết, chịu chôn, và sống lại từ kẻ chết để Đức Chúa Trời có thể cứu những tội nhân không tin kính đứng với lẽ công bình.

Ngài đã hủy phá sự chết. Nhưng điều này làm sao có thể được, khi chúng ta biết rằng sự chết vẫn còn hết sức phổ biến trong thế giới này? Ý tưởng ở đây là Ngài đã công bố vô hiệu lực sự chết, hoặc làm cho nó không còn hoạt động được nữa. Trước khi Chúa Cứu Thế Jêsus phục sinh, sự chết đã cai trị trên loài người như một tay chuyên chế tàn bạo. Nó là kẻ thù đáng sợ. Nỗi sợ sự chết đã cầm giữ con người trong tình trạng nô lệ. Nhưng sự sống lại của Chúa Cứu Thế Jêsus là một lời bảo đảm rằng tất cả những ai tin cậy nơi Ngài sẽ sống lại từ cõi chết để không còn chết nữa. Chính với ý nghĩa đó, Ngài đã phá hủy sự chết. Ngài đã lấy đi nọc độc của nó. Sự chết hiện nay là sự giả của Chúa để đưa linh hồn người tin Chúa về thiên đàng. Sự chết trở thành tội lỗi chúng ta chứ không phải ông chủ của chúng ta.

Không những Chúa Jêsus đã vô hiệu hóa sự chết mà Ngài còn dùng Tin Lành **phô bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng**. Trong thời Cựu Ước, hầu hết mọi người đều hết sức mơ hồ và mù mịt khi nghĩ về đời sau. Họ nói đến việc phân rã những người thân yêu ở She-ô (âm phủ), hàm ý đơn sơ về trạng thái không còn thấy được hoặc tâm linh bị phân ly. Dầu có niềm hy vọng về thiên đàng đặt trước mặt mình, phần lớn họ không hiểu rõ điều đó.

Từ khi Chúa Cứu Thế Jêsus đến thế gian, chúng ta được soi sáng rất nhiều

về vấn đề này. Ví dụ chúng ta biết rằng khi người tin Chúa qua đời, tâm linh sẽ phân rã để ở với Đấng Christ, là điều tốt hơn nhiều. Người ấy đi khỏi thể xác và về nhà với Chúa. Người ấy bước vào sự sống đời đời trong sự trọn vẹn hoàn toàn.

Đấng Christ không những **phô bày sự sống** mà còn cả sự không hề chết ra cho rõ ràng. Sự không hề chết ám chỉ đến sự sống lại của thân thể. Khi chúng ta đọc trong I.Côrinthê 15:53 rằng "Thế hay hư nát này phải mặc lấy sự không hay hư nát", chúng ta biết thân thể được đặt trong phần mộ và ra tro bụi, song khi Chúa Cứu Thế Jêsus đến, cũng thân thể đó được sống lại khỏi phần mộ và hóa nên vinh hiển, giống với thân thể của chính mình Chúa Jêsus. Các thánh đồ trong Cựu Ước không có được sự hiểu biết này. Điều này được bày ra cho chúng ta bởi sự **hiện ra của Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta**.

1:11 Ấy chính vì để công bố Tin Lành vinh diệu này mà Phaolô đã được **iệp làm người giảng đạo, sứ đồ và giáo sư cho Dân Ngoại**. Người giảng đạo là sứ giả, chức năng của người ấy là tuyên bố cho công chúng một sứ điệp. **Sứ đồ** là người được Đức Chúa Trời sai phái, trang bị và ban quyền năng. **Giáo sư** là người truyền dạy đạo cho người khác; giải thích lẽ thật sao cho họ hiểu được và đáp ứng bằng đức tin và sự vâng lời. **Của Dân Ngoại**⁷ nhấn mạnh đến chức vụ đặc biệt của ông cho các dân không phải Do Thái.

1:12 Chính vì trung tín làm phận sự mà Phaolô đã bị bỏ tù và chịu cố độc. Ông không hề ngần ngại tuyên bố chân

lý của Đức Chúa Trời. Không vì lo cho sự an toàn cá nhân mà ông ngậm môi miệng mình. Bấy giờ ông đã bị bắt và bị tù, song ông không hối tiếc. Ông đã không hổ thẹn và Timôthê cũng không được hổ thẹn. Mặc dầu Phaolô không biết chắc về sự an toàn của cá nhân mình. Ông tuyệt đối tin cậy Đấng ông đã tin. Dầu Lamà có thể thành công trong việc giết chết vị sứ đồ, toàn người không thể đụng đến Chúa của ông được. Phaolô biết rằng Đấng ông đã phó thác là Đấng có quyền phép. Quyền phép làm điều gì? **Quyền phép để giữ sự ta đã phó thác cho đến ngày đó.** Các nhà giải kinh đã phân rẽ nhau về điều Phaolô muốn nói đến ở đây. Một số cho rằng đó là sự cứu chuộc linh hồn ông. Người khác hiểu điều này muốn ám chỉ đến Tin Lành. Nói cách khác, dầu sứ đồ Phaolô có thể bị xử tử, Tin Lành vẫn không thể bị ngăn trở. Con người càng tìm cách để chống lại Tin Lành, Tin Lành lại càng lan rộng.

Có lẽ cách tốt nhất là hãy hiểu câu này theo nghĩa rất rộng của nó. Phaolô tin chắc toàn bộ vụ việc của ông nằm trong bàn tay tốt nhất. Thậm chí khi đối mặt với sự chết, ông cũng không lo âu. Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời Toàn Năng, với Ngài không có thất bại hay thất vọng. Không có gì để lo lắng. Sự cứu rỗi của Phaolô là điều chắc chắn, và thành công chủ yếu của sự phục vụ ông dành cho Ngài trên đất này cũng vậy.

Ngày Ấy là thành ngữ Phaolô thích nói đến, ám chỉ sự trở lại của Chúa Jêsus. Và đặc biệt nói đến Ngài Đoàn

Xét của Đấng Christ khi sự phục vụ Ngài được đem ra xem xét và khi lòng nhân từ của Đức Chúa Trời ban thưởng cho kẻ trung tín.

1:13 Câu này có thể được hiểu theo hai cách. Trước hết, Timôthê được khích lệ **hãy giữ lấy mẫu mực của các sự dạy dỗ có ích.** Không những phải trung thành với lẽ thật của lời Đức Chúa Trời, ông còn phải bám sát những cách diễn tả qua đó lẽ thật được truyền đạt. Một mình họa sẽ giúp làm sáng tỏ. Trong thời chúng ta, tình huống có người cho rằng nên bỏ những thành ngữ kiểu cũ như "được sanh lại" hoặc "huyết của Đức Chúa Jêsus Christ". Con người muốn sử dụng lối diễn đạt tinh tế hơn. Nhưng có một sự nguy hiểm rất tinh vi ở đây. Khi bỏ đi cách diễn đạt của Kinh Thánh, người ta thường bỏ đi chính những lẽ thật phải được truyền đạt qua những lối diễn tả ấy. Vì vậy Timôthê phải **giữ lấy mẫu mực của các sự dạy dỗ tối lành.**

Nhưng câu Kinh Thánh này cũng có thể gợi ý rằng những lời của Phaolô được dùng như mẫu mực hay khuôn mẫu cho Timôthê. Mọi điều Timôthê tiếp tục dạy dỗ phải hài hòa với đề cương đã được giao cho ông. Khi thi hành chức vụ của mình, Timôthê phải làm bởi đức tin và tình yêu trong Đức Chúa Jêsus Christ. Đức tin không chỉ hàm ý sự tin cậy mà còn là sự lệ thuộc nữa. Tình yêu không chỉ gồm tình yêu đối với Chúa, mà cả tình yêu đối với anh em trong đức tin và với thế giới hư mất chung quanh chúng ta.

1:14 Điều phó thác tốt lành ám chỉ đến phúc âm. Sứ điệp yêu thương của

sự cứu rỗi đã được phó thác hay giao phó cho Timóthê. Ông không được truyền dạy phải thêm hoặc sửa các điều ấy theo bất cứ cách gì. Trách nhiệm của ông là phải canh giữ điều đó bởi Đức Thánh Linh ngự trong chúng ta. Khi Phaolô viết bức thư này, ông đã ý thức được sự sai lệch khỏi đức tin đang lan rộng và đe dọa hội thánh. Những tấn công được tiến hành nhằm vào đức tin người Cơ Đốc từ nhiều đốn lữ khác nhau. Timóthê được khuyến hãy giữ đúng lời của Chúa. Ông không phải làm điều này bằng sức riêng. Đức Thánh Linh ngự trong ông sẽ chu cấp tất cả những điều ông cần cho công tác ấy.

1:15 Khi vị sứ đồ nghị về những đám mây đen kéo đến trên hội thánh, Ông nhớ lại thế nào những Cơ Đốc Nhân ở lại xứ Asi đã lìa bỏ ông. Khi Bức thư này được viết, Timóthê có lẽ đang ở tại Êphêso, nên chắc rằng ông biết chính xác điều vị sứ đồ này muốn nói đến.

Rất có thể những Cơ Đốc Nhân ở xứ Asi đã cắt đứt liên hệ với Phaolô khi hay tin ông bị bắt và bỏ tù. Họ từ bỏ ông đúng vào lúc ông cần đến họ nhất. Có lẽ lý do là vì lo sợ cho sự an toàn của họ. Chính quyền Lamã đang trên đài quan sát để tìm xem những ai đang truyền bá đức tin Cơ Đốc. Sứ đồ Phaolô là một trong những người đại diện nổi tiếng nhất của Cơ Đốc Giáo. Bất cứ ai dám tiếp xúc với ông lập tức sẽ bị coi là có cảm tình với niềm tin ấy.

Dẫu không nói cũng không có hàm ý cho rằng những Cơ Đốc Nhân này đã bỏ Chúa hay hội thánh, nhưng đây là một hành động hèn nhát và phần bội

khi bỏ mặc Phaolô trong giờ khủng hoảng này.

Có lẽ Phigen và Hetmôgen là những người lãnh đạo trong phong trào tự cách ly họ khỏi Phaolô. Dẫu là trường hợp nào, họ cũng đã chuốc lấy cho mình sự xấu hổ vì thói vô đạo đức và bị khinh miệt vì đã từ chối mang sự sỉ nhục của Đấng Christ trong mối kết thân với tôi tớ Ngài. Cuy King nhận xét "họ đã không cứu được tal tiếng xấu, đáng ra họ phải biết canh giữ tánh nết xấu xa của mình."

1:16 Có hai trường phái tư tưởng về Ônesiphôrô. Một số người cho rằng ông ta cũng đã bỏ Phaolô, và đó là lý do vị sứ đồ này cầu nguyện xin Chúa thưởng xét lấy nhà ông. Những người khác nghĩ rằng ông được nhắc đến như một ngoại lệ vui mừng so với những người vừa được mô tả. Chúng ta tin ý tưởng sau là đúng.

Phaolô xin Chúa thương xét lấy nhà Ônesiphôrô. Thương xét là phần thưởng dành cho những người có lòng thương xót theo Mathiơ 5:7. Chúng ta không biết chính xác Ônesiphôrô đã yên ủi Phaolô như thế nào. Có lẽ ông đã mang thức ăn và áo quần đến nơi nhà tù Lamã ấm ướt tối tăm. Dù là trường hợp nào đi nữa, ông chẳng hề xấu hổ khi đến với Phaolô trong nhà tù. Không một căn nhắc nào về sự an toàn cá nhân có thể ngăn trở ông giúp đỡ một người bạn trong lúc khó khăn.

Jowett đã mô tả điều đó cách tuyệt đẹp:

Đây là một nét đẹp trong tâm tính của Ônesiphôrô được mô tả qua lời lẽ của vị Sứ đồ: "Chẳng hề lấy sự ta bị

xiêng xích làm xấu hổ...". Xiêng xích của một người thường làm giảm đi vòng hạn hữu của người ấy. Xiêng xích của sự nghèo thiếu khiến người ta muốn xa lánh, xiêng xích của sự không được ưa chuộng cũng như vậy. Khi một người được danh vọng, anh ta có nhiều bạn. Khi người ấy bắt đầu mang xiêng xích, bạn hữu thường có khuynh hướng từ bỏ người ấy. Nhưng những người hầu việc Chúa kinh nghiệm làn gió nhẹ sớm mai thịch đến những nơi đêm tối âm đạm. Họ vui sướng hầu việc Chúa ở khu vực tối tăm bất hạnh, là nơi có sự cội trời dầy nặng nhất trên các linh hồn. "Người chẳng hề lấy sự ta bị xiêng xích làm xấu hổ." Xiêng xích thật sự là điều thu hút. Nó gia tốc cho đời chân của Ônesiphôros và thúc bách công tác của ông. ⁶

Câu Kinh Thánh này nhiều khi bị sử dụng sai để hậu thuẫn việc cầu nguyện cho người chết. Có tranh luận cho rằng Ônesiphôros đã chết rồi khi Phaolô viết những lời này và Phaolô muốn xin Chúa tỏ lòng thương xót ông. Không có một manh mối mờ nhạt nhất nào cho thấy Ônesiphôros đã chết. Ủng hộ những ý tưởng này là những kẻ nhiều chuyện, nhân rồi, chộp lấy một cọng rơm để chống đỡ cho một sự thực hành sai Kinh Thánh.

1:17 Khi Ônesiphôros vừa đến thành Rôma, ông đã có ít nhất ba sự lựa chọn. Trước hết, ông có thể tránh bất cứ sự tiếp xúc nào với những Cơ Đốc Nhân. Thứ hai, ông có thể gặp gỡ những người tin Chúa một cách bí mật. Cuối cùng, ông có thể dạn dĩ phơi mình trước nguy hiểm bằng cách đến thăm Phaolô tại nhà tù. Điều đó sẽ khiến ông phải trực

tiếp đối mặt với giới cầm quyền Lamã. Theo niềm tin đời đời, ông đã chọn phương án chót. Ông đã vội vã kiếm Phaolô, và kiếm được.

1:18 Sự đổ Phaolô cầu nguyện để người hạn chung thủy này sẽ tìm thấy sự thương xót của Chúa trong ngày đó. Sự thương xót được sử dụng ở đây hàm ý phần thưởng. Ngày đó, như đã được đề cập ở trước, ám chỉ đến các phần thưởng sẽ được ban cho tại Ngai Phán xét của Đấng Christ.

Khi kết thúc phần này, sử đồ Phaolô nhắc nhớ Timôthê thể nào Ônesiphôros đã hầu việc Phaolô ở Êphêso nhiều cách khác nhau.

B. Bền Lòng Chịu Đựng (2:1-13)

2:1 Hãy cậy ân điển trong Đức Chúa Jêsus Christ mà làm cho mình mạnh mẽ có nghĩa là phải can đảm với sức mạnh do ân điển Ngài ban cho, cứ trung tín cho Chúa bằng năng lực không bởi mình, mà có được bởi sự hiệp một với Ngài.

2:2 Không những Timôthê phải làm mạnh mẽ chính mình mà ông còn phải chu cấp sức mạnh thuộc linh cho người khác. Ông có trách nhiệm phải truyền đạt cho kẻ khác những sự dạy dỗ thần cảm mà ông đã nhận từ vị sử đồ này. Không bao lâu nữa Phaolô sẽ phải qua đời. Ông đã trung tín dạy dỗ cho Timôthê trước mặt nhiều người chứng kiến. Thời điểm phục vụ của chính Timôthê trong điều kiện thuận lợi là ngắn ngủi, vì vậy, ông cũng phải sắp xếp chức vụ của mình để những người khác được chuẩn bị cho việc thi hành chức vụ với tư cách người dạy đạo.

Câu Kinh Thánh này không hậu thuẫn cho quan niệm kế tục chức sứ đồ. Cũng không ám chỉ đến nghi thức phong chức ngày nay cho người hầu việc Chúa. Nó chỉ đơn giản là lời truyền dạy của Chúa dành cho hội thánh để đảm bảo việc tiếp tục những người dạy đạo có năng lực.

Người ta thường chỉ ra rằng có bốn thể hệ tin Chúa trong câu Kinh Thánh này như sau:

1. Sứ Đồ Phaolô
2. Timôthê và nhiều người chứng
3. Những người trung tín
4. Kẻ khác

Câu Kinh Thánh này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc truyền giáo cho từng người. Nếu mỗi người tin Chúa thật sự làm phần việc của mình, thế giới sẽ được truyền Tin Lành trong vòng một thế hệ. Tuy nhiên đây chỉ là giả thuyết trong ánh sáng của sự ngang ngành của ý chí con người, sự "truyền giáo" cạnh tranh của các tôn giáo và tà giáo trên thế giới, cùng nhiều ngăn trở khác. Tuy nhiên, nói cách tích cực, một điều chắc chắn là: cho đến nay, các Cơ Đốc Nhân đã làm được nhiều hơn lời ký thuật!

Lưu ý rằng Timôthê phải giao phó lễ thật của đạo cho **mấy người trung thành**, tức là những người đã tin Chúa và tin cậy được. Những người này cũng phải có tài dạy dỗ kẻ khác. Điều này giá định trước những khả năng có liên quan đến công tác dạy dỗ.

2:3 Người ta thường lưu ý rằng Phaolô sử dụng rất nhiều so sánh trong đoạn này để mô tả Timôthê: (1) Con (c.2); (2) Người linh (c.3,4); (3) Người

đấu sức (c.5); (4) Người làm ruộng (c.6); (5) Người làm công (c.15); (6) Chiếm binh (c.21); (7) Tôi tớ (c.24).

Như một người linh giỏi của Đức Chúa Jêsus Christ, Timôthê phải chịu⁹ hoạn nạn và khổ (Để có bản liệt kê về nhiều nỗi gian khổ mà Phaolô phải chịu xin xem II.Côrinthô 11:23-29.)

2:4 Người linh được mô tả trong câu này là một người đang làm phận sự. Không những vậy, người ấy còn đang ở trong chỗ bần rốn nhất của cuộc chiến. Không người linh nào ở trong hoàn cảnh khắc nghiệt như thế mà lại còn lấy việc đời lụy mình.

Nói vậy có phải những người dự phần hầu việc Chúa không bao giờ được tham gia nghề nghiệp thế tục không? Chắc chắn là không! Chính Phaolô cũng phải làm việc như một người may trại trong khi rao giảng Tin Lành và thành lập các hội thánh. Ông đã làm chứng rằng chính hai tay ông đã giùm giúp cho những nhu cầu của ông.

Từ nhấn mạnh ở đây là lụy mình. Người linh không được phép để cho những công việc tầm thường trong cuộc sống trở thành mục tiêu tồn tại chính yếu. Ví dụ người ấy không được coi việc tìm kiếm thức ăn và áo quần là mục tiêu chính của đời sống. Thay vào đó, sự hầu việc Chúa phải luôn luôn giữ vị trí ưu tiên, trong khi những công việc của đời này nằm ở vị trí không quan trọng. Kelly nói rằng: "Làm lụy mình trong những công việc của đời này có nghĩa là thực sự từ bỏ thái độ phân rẽ với thế gian bằng cách dự phần vào các công việc bên ngoài như một cộng sự chân thành của thế gian."¹⁰

Người lính đang làm phận sự phải giữ mình luôn sẵn sàng để nhận lệnh từ sở chỉ huy. Mong muốn của người ấy là làm đẹp lòng Đấng đã chiêu mộ mình. Người tin Chúa, tất nhiên đã được Chúa tuyển mộ. Tình yêu chúng ta dành cho Ngài khiến chúng ta xem nhẹ những điều thuộc về đời này.

2:5 Hình ảnh nay chuyển sang một vận động viên đấu sức (tranh tài) trong các trò chơi. Để nhận được phần thưởng, người ấy phải tuân giữ các lệ luật của cuộc chơi. Sự hấu việc Chúa của Cơ Đốc Nhân cũng vậy. Có bao nhiêu người đã ngã gục trước khi đến đích, không đạt tiêu chuẩn vì đã không vâng giữ tuyệt đối lời Đức Chúa Trời!

Một số các luật lệ liên quan đến sự hấu việc Chúa của Cơ Đốc nhân là gì? (1) Cơ Đốc Nhân phải giữ kỷ luật bản thân (I.Côrinhtô 9:27). (2) Người ấy không được chiến đấu bằng các khí giới thuộc về xác thịt, mà bằng những khí giới thuộc linh (II.Côrinhtô 10:4). (3) Phải giữ mình thanh sạch. (4) Không được tranh đấu, mà phải nhịn nhục.

Có người đã nói: "Một Cơ Đốc Nhân rồi rảnh là điều mâu thuẫn. Toàn bộ đời sống của người ấy phải là sự nỗ lực hết sức để sống bày tỏ Cơ Đốc Giáo trong mọi thời điểm và mọi lãnh vực của đời sống mình."

2:6 Người cày ruộng đã khó nhọc thì trước nhất được hầu hoa lợi. Theo tất cả những nguyên tắc của sự công bình, người đã tạo động để sinh ra hoa lợi có quyền ưu tiên để hưởng các hoa lợi đó.

Điều này được dùng như một lời khích lệ cho Timôthê, ông có nên nản lòng trong những công tác khó nhọc cho

Chúa không. Sự khó nhọc đó sẽ không bị mất phần thưởng đâu. Mặc dầu nhiều người sẽ dự phần mùa gặt trong ngày hấu đến nhưng sự khó nhọc vì tình yêu thương của Timôthê sẽ không bị bỏ quên. Thật vậy ông sẽ là người trước nhất được hầu hoa lợi của kết quả công việc khó nhọc mình.

2:7 Nhưng 3 hình ảnh minh họa về sự phục vụ Chúa của Cơ Đốc Nhân nói lên nhiều ý nghĩa hơn về bề ngoài của chúng. Timôthê được khuyên hãy suy xét và ngẫm nghĩ về những điều đó. Khi làm như vậy, Phaolô cầu nguyện ¹¹ để Chúa sẽ ban sự khôn ngoan cho ông trong mọi việc. Timôthê sẽ nhận biết rằng chức vụ hầu việc Chúa của người Cơ Đốc giống với chiến trận, các môn điền kinh và công việc nhà nông. Mỗi nghiệp vụ này đều có những trách nhiệm riêng của nó và đều mang lại những phần thưởng riêng.

2:8 Đến đây, vị sứ đồ tiến đến điểm cao nhất trong loạt những lời khích lệ dành cho chàng Timôthê trẻ tuổi. Ông thắc đến gương Đức Chúa Jêsus Christ và không thể đi xa hơn nữa. Gương mẫu của Ngài là gương chịu khổ dẫn theo sự vinh hiển. Hãy nhớ rằng Đức Chúa Jêsus Christ, sanh ra bởi đấng vua David đã từ kẻ chết sống lại, theo như Tin Lành của ta. Mục đích không phải để Timôthê nhớ những sự việc nhất định về Chúa Jêsus, song ông phải nhớ Chính Thân vị Ngài, đã sống lại từ kẻ chết.

Về một phương diện, câu Kinh Thánh này là lời tóm tắt ngắn gọn Tin Lành mà Phaolô rao giảng. Đỉnh điểm của Tin Lành là sự sống lại của Chúa

Cứu Thế Jêsus. Hiebert đã viết rằng: "Không có hình ảnh về một Jêsus bị đóng đinh, mà là hình ảnh của một Cứu Chúa phục sinh được phở bày trước mặt Timôthê." ¹²

Câu bởi đòng vua Đavit là lời tuyên bố đơn giản rằng Chúa Jêsus là Đấng Christ, hậu tự vua Đavit. Qua Đavit, các lời hứa của Đức Chúa Trời về Đấng Mêsia được ứng nghiệm.

Luôn nhớ Thân vị của Đấng Cứu Thế và công việc Ngài là điều quan trọng đối với tất cả những ai muốn hầu việc Ngài. Đặc biệt cho những người đối diện với sự chịu khổ và có khả năng chịu chết, họ được khích lệ lớn lao khi nhớ rằng ngay cả chính mình Chúa Jêsus cũng đạt đến vinh hiển của thiên đàng bởi con đường thập tự giá và phần mộ.

2:9 Chính vì công bố Tin Lành được đề ra trong câu 8 mà Phaolô hiện nay bị xiềng xích trong nhà tù Lamã. Ông bị coi như một kẻ phạm tội, như một phạm nhân thông thường. Thật có nhiều điều ngả lòng. Không những nhà cầm quyền Lamã quyết định xử tử ông, một số bạn hữu Cơ Đốc của ông đã từ bỏ ông.

Tuy nhiên, bất chấp hoàn cảnh cay đắng ấy, tinh thần vui mừng của Phaolô bay vút lên trên các bức tường của nhà tù. Ông quên đi những khốn khổ của chính mình khi nhớ rằng **đạo của Đức Chúa Trời không hề bị trói**. Như Lenski đã nói hết sức rõ ràng: "Tiếng nói sống của vị sứ đồ có thể bị chìm ngập trong huyết của chính ông, nhưng điều Chúa phán qua ông vẫn còn vang dội trên thế giới rộng lớn này. Tất cả các đội quân trên thế giới không thể ngăn trở lời

Chúa được truyền đi. Họ làm vậy chẳng khác gì tìm cách ngăn chặn mưa và tuyết từ trời rơi xuống (Êsai 55:10,11). Harvey nói rằng:

Với sức mạnh không gì kháng cự được của Đức Chúa Trời, Lời Chúa đang tiến lên với tốc độ chiến thắng, ngay cả khi người bảo vệ nó phải chịu tù đầy và tuột đạo. Loại người chết, nhưng Đấng Christ và phúc âm của Ngài sống và đắc thắng qua các thời đại. ¹³

2:10 Vì cơ tình chất không kháng cự nổi của Phúc Âm, Phaolô sẵn sàng chịu hết mọi sự vì cơ những người được chọn. Những người được chọn ở đây ám chỉ đến tất cả những ai được Đức Chúa Trời chọn để được cứu đời đời. Trong khi Kinh Thánh dạy Chúa chọn con người để được cứu, không chỗ nào chép rằng Ngài chọn ai đó phải bị đoán phạt. Những người được cứu là được cứu bởi ân điển tối cao của Đức Chúa Trời. Những kẻ hư mất là hư mất bởi quyết định cố ý của họ.

Không ai được tranh cãi với Chúa về giáo lý của sự lựa chọn. Giáo lý này tuyệt đối cho phép Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, là Đấng Tối Cao của vũ trụ, Đấng đối xử bằng ân điển, sự công chính, ngay thẳng, và tình yêu thương. Ngài không bao giờ làm bất cứ điều gì bất công hoặc không nhân từ, nhưng Ngài thường bày tỏ ơn ban là điều hoàn toàn không do công lao.

Vị sứ đồ biết rằng bởi sự chịu khổ vì cơ Tin Lành của ông, các linh hồn được cứu, và chính những linh hồn này một ngày kia sẽ được dự phần sự vinh hiển đời đời với Chúa Jêsus. Khải tượng về

những tội nhân được cứu bởi ân điển của Chúa và được vinh hiển cùng với Chúa Jêsus Christ đủ cảm thùc Phaolô chịu lấy mọi sự. Qua điều này chúng ta được nhắc nhở về những lời được cho là do Rutherford tin kính đã viết: ¹⁴

*Ồ, nếu có một linh hồn từ Anwoth
Gặp tôi tại bên hữu Ngài Đức
Chúa Trời*

*Thiên đàng của tôi sẽ trở nên hai
thiên đàng*

Trong xứ Emmanuel.

2:11 Một số người cho rằng các câu 11-13 được trích từ một bản thánh ca của các Cơ Đốc Nhân đầu tiên. Dầu đúng hay không, những lời này nhất định trình bày một số những nguyên tắc bất di bất dịch liên quan đến mối quan hệ của con người với Chúa Jêsus Christ. Hiebert viết rằng: "Lẽ thật trọng tâm của những lời tuyên bố mạnh mẽ này là đức tin nơi Đấng Christ hiệp một người tin Chúa với Ngài trong mọi sự, còn sự vô tín chắc chắn phân rẽ người ấy khỏi Ngài." ¹⁵ Đây là lời **chắc chắn** thứ tư trong Lá thư Phaolô gửi cho Timôthê.

Nguyên tắc thứ nhất là ví bằng chúng ta **chết** với Đấng Christ, thì **cũng sẽ sống** với Ngài. Điều này đúng với mỗi một người tin Chúa. Về ý nghĩa thuộc linh, chúng ta **chết** với Ngài ngay giây phút tin nhận Ngài làm Cứu Chúa mình. Chúng ta đã được chôn với Ngài, và được sống lại với Ngài giữa vòng những kẻ chết. Đấng Christ đã chết với tư cách người đại diện và thay thế cho chúng ta. Chúng ta đáng lẽ đã chết vì có tội lỗi mình, nhưng Đấng Christ chịu chết thế chỗ chúng ta. Đức Chúa Trời kể chúng ta là **đã chết** với Ngài, và điều

này có nghĩa là **chúng ta cũng sẽ sống** với Ngài trên thiên đàng.

Có lẽ câu Kinh Thánh này cũng được áp dụng cho những người chết như những Cơ Đốc Nhân tuận đạo. Vì vậy, những người đã theo Ngài trong sự chết cũng sẽ theo Ngài trong sự sống lại.

2:12 Về một phương diện, điều này cũng đúng cho tất cả các Cơ Đốc Nhân, khi **chịu thử thách** (chịu khổ) họ sẽ **cùng Ngài đồng trị**. Đức tin thật luôn luôn có phẩm chất lâu bền, với ý nghĩa đó, mọi Cơ Đốc Nhân đều **chịu thử thách**.

Tuy nhiên, cũng phải nói rõ rằng không phải tất cả sẽ đồng trị với Đấng Christ cùng cấp độ. Khi Ngài trở lại để trị vì trên đất, các thánh đó sẽ trở lại với Ngài và dự phần sự trị vì đó. Nhưng mức độ cai trị của mỗi người sẽ được quyết định bởi sự trung tín của người ấy trong đời sống hiện tại này.

Những người **chối** Đấng Christ sẽ bị Ngài **chối bỏ**. Ở đây không phải là ý tưởng chối bỏ Chúa Cứu Thế Jêsus tạm thời do bị cưỡng ép, như trong trường hợp của Phierô, mà là một sự **chối bỏ** Ngài lâu dài thành thói quen. Lời này mô tả kẻ vô tín - người chưa bao giờ lấy đức tin nắm lấy Chúa Jêsus. Tất cả những người như vậy đều sẽ bị Chúa **chối bỏ** trong ngày hầu đến, dầu có tỏ ra mộ đạo thế nào.

2:13 Câu Kinh Thánh này cũng mô tả những người chưa tin Chúa. Dinsdale Young giải thích: "Đức Chúa Trời không thể không nhất quán với chính Ngài. Sẽ là không nhất quán với bản tánh của Ngài khi đối xử với người trung tín và kẻ bất trung như nhau. Ngài luôn luôn

giữ đúng lẽ công bình dầu chúng ta có thế nào." ¹⁶

Câu này không nên được diễn dịch để dạy rằng sự thành tín của Chúa sẽ được bày tỏ qua việc chấp nhận những người chưa tin. Không phải như thế. Nếu loài người không chịu tin, Ngài phải thành tín với chính bản tánh của Ngài và phải đối xử với họ theo đúng như vậy. Van Oosterzee đã nói: "Ngài thành tín với lời đe dọa cũng y như với các lời hứa của Ngài." ¹⁷

III. SỰ TRUNG THÀNH THÁI VỚI SỰ BỘI ĐẠO (2:14-4:8)

A. Sự Trung thành đối với Cơ Bức Giáo Chấn chỉnh (2:14-28)

2:14 Timôthê phải nhắc lại những điều này, là những điều trong các câu 11-13. Nhưng Phaolô muốn ám chỉ lời này cho ai bằng từ họ? Có lẽ ông ám chỉ chung đến tất cả những người nghe Timôthê, và với hàm ý đặc biệt cho những người đang giới thiệu các giáo lý lạ. Điều này được tỏ rõ ở phần còn lại của câu Kinh Thánh này, những kẻ rõ ràng đang giữ vị trí giáo sư hoặc người giảng dạy đạo, được cảnh cáo **hãy tránh sự cãi lầy về lời nói**. Dường như ở tại Êphêso đã có những người gây tranh cãi lớn về ý nghĩa chuyên môn của các từ nhất định. Thay vì gây dựng cho các thánh đồ bằng lẽ thật của Đức Chúa Trời, họ chỉ làm xói mòn đức tin của người nghe. Dinsdale Young cảnh báo:

Rất dễ để trở thành một người lập dị về thần học - chúng ta dễ sẵn sàng mài mề với những vấn đề không phải là quan trọng nhất. Đời sống quá ngắn ngủi và quá bận rộn để phi phạm dầu óc và tâm lòng vào điều không hình thành cá tánh.

Khi một thế giới chờ đợi Tin Lành hóa, chúng ta trở nên tối tệ để mà cứ mãi, hoặc thông thả hoặc vội vã, đi trên những con đường phụ về tín lý. Hãy giữ theo chính lẽ. Hãy nghiêm túc với những sự thật quan trọng hơn, hãy nhấn mạnh những điều quan trọng, chứ không phải những điều vụn vặt. Đừng bắt chước những nạn nhân của sự kinh hãi vào thời Samoa và Giê-ri, là những kẻ đã bỏ chính lẽ không người để đi qua những con đường phụ. ¹⁸

2:15 Timôthê phải chuyên tâm cho được đẹp lòng Đức Chúa Trời. Nỗ lực của ông phải tập trung vào việc trở thành một người làm công không chỗ trách được. Ông có thể làm điều này bằng cách lấy lòng ngay thẳng giảng dạy lời của lẽ thật. Câu sau hàm ý phải sử dụng lời Kinh Thánh đúng đắn. Phải "bám sát đường," hoặc như Alford đã nói: "Sử dụng đúng đắn Lời Chúa để trình bày lẽ thật đầy đủ không suy kém." ¹⁹

2:16 Những lời hư không phạm tục là sự dạy dỗ không tin kính, gian ác và vô ích, không ích lợi cho người của Đức Chúa Trời và phải tránh xa. Timôthê không được truyền bảo phải chiến đấu với những sự dạy dỗ đó, mà hãy coi khinh chúng, thậm chí không thêm lưu ý đến chúng.

Một điều nghiêm trọng về những kẻ đồn huỷ là họ không bao giờ nhất quán. Họ luôn gây càng sai lạc trong đường không tin kính. Đối với tất cả những hình thức sai lầm khác cũng như vậy. Những người dạy dỗ sai lạc luôn phải thêm điều gì đó để giải thích cho

những giáo điều và những tuyên bố mới luôn được đưa ra bởi những hệ thống tôn giáo giả. Không cần phải nói, những sai lầm về giáo lý này càng được bành trướng, thì những hậu quả của sự không tin kính càng nhiều.

2:17 Cách ăn lan của những sự dạy dỗ gian ác này được ví sánh với **chùm bao (ung thư)**. Chúng ta biết rõ căn bệnh chết người này ăn lan nhanh chóng như thế nào trong cơ thể con người, phá hủy các mô bất cứ nơi nào chúng đi đến.

Từ **chùm bao (ung thư)** cũng có thể được dịch là "bệnh hoại tử"²⁰. Chứng hoại thư là sự hủy hoại của một phần thân thể khi nó bị cắt đứt khỏi nguồn cung cấp máu và chất bổ bình thường của thân thể.

Những chỗ khác trong Tân Ước, giáo lý giả được nối kết với men, là thứ khi được cho lan rộng, cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến cả đồng hội.

Hai người bị nêu danh có sự dạy dỗ làm bại hoại hội thánh địa phương là **Hymênê và Philêlê**. Bởi đã không sử dụng lời của lễ thật một cách ngay thẳng, họ cùng với những người khác đưa mình vào bia sỉ nhục của Chúa.

2:18 Ở đây sự dạy dỗ sai lạc của họ bị phơi bày. Họ bảo với mọi người rằng **sự sống lại đã đến rồi**. Có lẽ họ hàm ý rằng khi một người đã được cứu và được sống lại với Đấng Christ, đó là sự sống lại duy nhất người ấy có thể mong đợi. Nói cách khác, họ thuộc linh hóa sự sống lại và mỉa mai ý tưởng của sự sống lại thuộc thể theo nghĩa đen từ phần mộ. Phaolô thừa nhận đây là một sự đe dọa nghiêm trọng đối với lễ thật của Cơ Đốc Giáo.

Hamilton Smith nói rằng:

Nếu sự sống lại đã xảy ra rồi, thì chắc chắn các thánh đồ đã đạt đến tình trạng cuối cùng đang khi còn ở trên đất, kết quả là hội thánh thôi không trông mong Chúa Iêsus trở lại, dành mãi lễ thật về danh phận thiên đàng của hội thánh. Tất hồ hẳn chất khách lạ và người đi đường trên trần gian. Khi đã dành mất hẳn chất thiên đàng của mình, hội thánh định cư trên đất này, chọn lấy một chỗ như một phần thuộc hệ thống canh tân và cai trị của thế giới này.²¹

Bằng cách phá đổ **đức tin của một vài người**, những người này đã chuốc lấy cho họ một chỗ bị chê trách trong sách đời đời của Đức Chúa Trời.

2:19 Khi Phaolô nghĩ đến Hymênê và Philêlê cùng sự dạy dỗ sai lạc của họ, ông một lần nữa nhận ra rằng ngày tối tăm đang đến trên hội thánh. Những người không tin Chúa được nhận vào hội thánh địa phương. Đời sống thuộc linh ở mức độ sa sút đến nỗi khó mà phân biệt Cơ Đốc Nhân thật với những kẻ xưng mình là Cơ Đốc Nhân. Cơ Đốc Giáo giới là một đám đông pha trộn, và sự nhầm lẫn đó đang gây tàn phá.

Giữa một tình trạng như vậy, Phaolô tìm được an ủi nơi sự bảo đảm rằng **nền vững bền của Đức Chúa Trời đã đặt vẫn còn nguyên**, nghĩa là bất cứ điều gì được thiết lập bởi chính Đức Chúa Trời sẽ còn mãi, bất chấp tất cả những sự sa sút của hội thánh tự xưng là Cơ Đốc giáo.

Nhiều cách giải thích khác nhau về ý nghĩa của câu **nền vững bền của Đức Chúa Trời** đã được đưa ra. Một số người cho rằng đó là hội thánh thật, một số

khác nói điều này ám chỉ đến lời hứa của Đức Chúa Trời, đến đức tin của người Cơ Đốc, hoặc đến giáo lý của sự lựa chọn. Nhưng, không phải rõ ràng là **nền của Đức Chúa Trời** ám chỉ đến bất cứ điều gì Đức Chúa Trời làm sao? Nếu Ngài đã sai phái lời Ngài thì không gì có thể cản trở lời ấy. Lenski nói rằng: "Không thất bại gì của loài người có thể dẹp bỏ nền tảng Đức Chúa Trời đã đặt hoặc ngăn cản Đức Chúa Trời hoàn thành điều Ngài đã khởi sự làm... Những người thuộc về Chúa, đều bị che khuất trong đám đông, cuối cùng không thể lạc mất được."²²

Nền của Đức Chúa Trời mang dấu ấn hai mặt. Một mặt thuộc về Đức Chúa Trời và một mặt của con người. Về phía Đức Chúa Trời, **Chúa biết kẻ thuộc về Ngài**. Ngài **biết** họ, không những trong ý nghĩa của sự công nhận, mà cả về sự bằng lòng và đánh giá cao. Lenski nói Ngài biết họ "bằng tình yêu riêng biệt và hiện thực"²³ Cũng **dấu ấn** đó về phía **con người** là phạm người kêu cầu danh Chúa²⁴ thì phải **tránh khỏi sự gian ác**. Nói cách khác, những người xưng mình là Cơ Đốc Nhân có thể chứng minh hiện thực lời xưng nhận của họ bằng đời sống thánh khiết và tín kinh. Cơ Đốc Nhân đích thực không thể dính dự vào điều ác.

Dấu ấn là dấu hiệu của chủ quyền và cũng tượng trưng cho sự bảo đảm và an toàn. Vì vậy **dấu ấn trên nền đã lập của Đức Chúa Trời** biểu trưng quyền sở hữu của Ngài trên những kẻ tin Chúa thật sự và bảo đảm rằng tất cả những người đã tiếp nhận Chúa sẽ chứng tỏ hiện thực đời sống mới của họ bằng cách phân rẽ khỏi sự gian ác.

2:20 Qua minh họa này, chúng ta hiểu rằng **ngôi nhà lớn** ám chỉ đến Cơ Đốc giáo giới nói chung. Theo nghĩa rộng, Cơ Đốc Giáo giới bao gồm người tin Chúa và người xưng mình là người Cơ Đốc - tức là những người đã thực sự được tái sanh và những kẻ chỉ là Cơ Đốc Nhân trên danh nghĩa.

Bình vàng bình bạc, vì vậy ám chỉ đến những người tin Chúa thật.

Những **bình bằng gỗ, bằng đất** không những chỉ về những người chưa tin Chúa nói chung, mà đặc biệt là những kẻ làm công gian ác và dạy dỗ những giáo lý sai lạc như Hymênê và Philit (c.17).

Có những lưu ý nhất định về những chiếc bình này. Trước hết, có sự phân biệt quan trọng giữa những vật liệu làm nên các bình. Thứ hai, có một sự khác biệt trong cách sử dụng mà chúng được đặt để. Cuối cùng có một sự phân biệt về số phận cuối cùng của chúng. Những chiếc bình bằng gỗ, bằng đất bị bỏ đi sau một thời gian, nhưng bình vàng bình bạc thì được giữ lại như những đồ dùng quý giá.

Câu thứ thì **dùng việc sang**, thứ thì **dùng việc hèn** được giải thích nhiều cách khác nhau. Một số người cho rằng việc hèn đơn giản hàm ý kém tôn trọng hơn. Trong trường hợp đó, tất cả các chiếc bình đều đại diện cho những người tin Chúa thật, nhưng một số được sử dụng vào các mục đích cao trọng nhất và một số cho những mục đích thấp hèn nhất. Những người khác cho rằng các bình **dùng việc sang** ám chỉ đến những người như Phaolô và Timôthê, còn những chiếc bình **dùng**

việc hèn chỉ đến những kẻ như Hymênê và Phi lét.

2:21 Cách giải thích câu này phần lớn tùy thuộc vào hiểu biết của mọi người về ý nghĩa của cụm từ "những điều ô uế đó" trong câu "Vậy ai giữ mình cho khỏi những điều ô uế đó."

Có phải những điều ô uế đó ám chỉ đến các chiếc bình bằng gỗ và đất sét không? Nó có ám chỉ đến những sự dạy dỗ sai lạc đã được nhắc đến ở phần trước trong đoạn này không? Hay nó chỉ nhắc đến những người gian ác một cách chung chung?

Ý nghĩa tự nhiên nhất dường như phải liên hệ những sự ô uế với các chiếc bình dùng cho việc hèn. Timôthê được dặn phải phân rẽ mình với những người gian ác, đặc biệt là với những giáo sư gian ác như những người Phaolô vừa đề cập - Hymênê và Phi lét.

Timôthê không được dặn bảo phải bỏ hội thánh. Ông cũng không được dạy phải lia bỏ Cơ Đốc Giáo giới vì điều đó. Hẳn ông không thể làm điều đó mà không bỏ sự xưng nhận Cơ Đốc của mình, bởi vì Cơ Đốc Giáo giới bao gồm tất cả những người tự xưng là người tin Chúa. Nhưng đây là vấn đề phân rẽ khỏi những kẻ làm ác và tránh sự ô uế bởi những giáo lý gian ác.

Nếu một người giữ mình khỏi dính dự vào những sự gian ác, người ấy sẽ như cái bình quý trọng. Đức Chúa Trời chỉ có thể sử dụng những chiếc bình sạch trong sự hầu việc thánh. "Các người là những kẻ mang khí dụng của Đức Giêhôva, hãy làm cho sạch mình" (Êsai 52:11). Người như thế cũng sẽ được nên thánh với hàm ý được biệt

riêng khỏi điều ác để hầu việc Đức Chúa Trời. Người ấy sẽ có ích cho chủ mình - một phẩm tánh mà những người yêu mến Chúa hết sức ao ước. Cuối cùng người ấy sẽ được sẵn sàng cho mọi việc lành. Người ấy lúc nào cũng sẵn sàng để được sử dụng bằng bất cứ cách gì chủ mình truyền bảo.

2:22 Không những Timôthê phải phân rẽ khỏi những con người gian ác, mà ông còn phải biệt mình khỏi tình dục xác thịt. Tình dục trai trẻ có lẽ không chỉ nói đến những thèm muốn thuộc thể, mà còn những thèm muốn về tiền bạc, danh vọng và sự vui thú. Chúng cũng có thể gồm cả ý riêng, sự không kiên nhẫn, kiêu ngạo và sự khinh lớn. Như đã đề cập, Timôthê có lẽ chừng ba mươi lăm tuổi vào thời điểm này. Tình dục trai trẻ không nhất thiết hàm ý những thèm muốn trên như là đặc trưng của tuổi thanh niên mà còn bao gồm tất cả những khao khát bất khiết tự phô bày ra trước người đời trẻ tuổi của Đức Chúa Trời và tìm kiếm cách lối cuốn người ấy khỏi con đường thánh sạch và công bình.

Không những Timôthê phải tránh, mà còn phải giữ theo. Có những điều xấu và có những điều tốt.

Ông phải **lìm những điều công bình**. Điều này chỉ ra mối liên hệ của ông với đồng bào mình, những người được cứu hoặc chưa được cứu, mối liên hệ này phải luôn luôn được đặc trưng bằng sự chân thật, ngay thẳng và công chính.

Đứt tin có lẽ hàm ý sự trung tín hoặc tuyệt đối ngay thẳng. Mặt khác, điều có thể gồm cả sự lệ thuộc liên tục vào Chúa. Hiebert định nghĩa điều

này là: "Lòng tin cậy chân thành và mãnh liệt nơi (Lời) Chúa."²⁵

Yêu thương ở đây không thể bị giới hạn trong tình yêu dành cho Chúa mà phải gồm cả tình yêu dành cho anh em và dành cho thế gian của những tội nhân hư mất. Tình yêu luôn luôn nghĩ đến người khác, đó là bản chất của tình yêu vô kỷ.

Hòa thuận hàm ý của sự hài hòa và tương hợp.

Những đức tính này phải theo sau kẻ lấy lòng tinh sạch mà kêu cầu Chúa. Cũng như câu 21, Timôthê được cảnh báo là phải biệt mình khỏi những kẻ gian ác, ở đây ông được dạy phải hiệp với những Cơ Đốc Nhân đang bước đi trong sự thánh sạch ở trước mặt Chúa. Ông không có độc giữ theo những đức hạnh của đời sống Cơ Đốc, mà phải đặt mình như một chi thể trong Thân thể Chúa và tìm cách làm việc với các chi thể anh em vì sự ích lợi của Thân thể Chúa.

2:23 Trong khi làm chức vụ của người Cơ Đốc, Timôthê thường đối mặt với những sự chất vấn vật vãnh và ngờ ngẩn. Những câu hỏi đó xuất phát từ sự thiếu hiểu biết, thiếu giáo dục và không có ích lợi thật trong chúng. **Những lời biện luận** như vậy cần được từ chối bởi vì chúng chỉ sanh ra **tranh cãi**. Không cần nói, đây không phải là những câu hỏi có liên quan đến nền tảng quan trọng của đức tin Cơ Đốc, mà chỉ là những rắc rối ngờ ngẩn chỉ tổ phí thời gian, gây lộn lạo và tranh cãi.

2:24 **Tôi tớ của Chúa** ở đây theo nghĩa đen là người nô lệ của Chúa.

Danh hiệu này thật thích hợp khi được dùng trong một câu khuyến khích sự mềm mại và nhịn nhục.

Đấu tố tở của Chúa phải chiến đấu cho lẽ thật, người ấy không được gây bất hòa hay tranh cãi, mà phải ở **lũ lế với mọi người**, tiếp cận con người với mục tiêu dạy dỗ họ chứ không phải để thắng trong sự tranh cãi. Phải **nhịn nhục** với những người chậm hiểu, ngay cả với những kẻ dường như không có ý định tiếp nhận lẽ thật của Lời Chúa.

2:25 Tôi tớ của Chúa phải tập nhu mì và **mềm mại** khi đối mặt với sự **chống trả**. Người ta làm hại cho linh hồn mình bằng việc không chịu cúi đầu trước Lời Chúa. Những người như thế cần được sửa sai khéo vì không hiểu biết họ sẽ tiếp tục với ý tưởng sai lầm rằng suy nghĩ của họ là phù hợp với Kinh Thánh.

Nếu Đức Chúa Trời ban cho họ sự ăn năn để nhìn biết lẽ thật. Thoạt đầu câu này dường như gợi ý rằng có vấn đề gì đó liên quan đến ý muốn của Chúa để ban sự ăn năn cho những người này. Nhưng câu này không phải như vậy. Vấn đề là Đức Chúa Trời chờ đợi để tha thứ cho họ chỉ khi họ bằng lòng đến với Ngài trong sự xưng tội và ăn năn. Đức Chúa Trời không rút sự ăn năn khỏi ai cả, nhưng con người rất thường không chịu thừa nhận họ sai.

2:26 Tôi tớ của Đức Chúa Trời phải xử lý với những người sai trật như vậy để họ tỉnh ngộ mà gỡ mình khỏi lưới ma quỷ vì đã bị ma quỷ bắt lấy dạng làm theo ý nó. Và như đã xảy ra, bị nó mê hoặc hay làm cho say đắm.

3. Sự Bội Bạc Hậu Đốn (2:1-13)

3:1 Bây giờ vị sứ đồ mô tả cho Timôthê thấy tình trạng sẽ diễn ra trên thế gian trước khi Chúa đến. Người ta thường lưu ý bản liệt kê tội lỗi dưới đây rất giống với lời mô tả những người vô đạo bất kính trong Rôma 1. Điều đáng lưu ý là chính tình trạng tồn tại giữa vòng những người ngoại trong sự hung ác và thiếu văn minh của họ lại là đặc trưng của những kẻ xưng mình là Cơ Đốc Nhân trong ngày sau rốt. Thật nguy hiểm!

Ngày sau rốt ở đây là thời kỳ giữa thời các sứ đồ và sự hiện ra của Đấng Christ để lập nước Ngài.

3:2 Nghiện cứu những câu này người ta không thể không ngạc nhiên bởi sự lặp lại của từ **yêu**. Ví dụ trong câu 2 chúng ta thấy những người tư kỷ (**yêu bản thân**) và tham tiền (**yêu tiền bạc**) trong câu 3 "thù người lành" theo nghĩa đen có nghĩa là không yêu những người lành" trong câu 4 "ưa thích sự vui chơi hơn yêu mến Đức Chúa Trời."

Từ câu 2-5, mười chín đặc điểm của nhân loại trong ngày sau rốt được nêu lên. Chúng ta sẽ chỉ liệt kê chúng và cho những từ đồng nghĩa giải thích ý nghĩa của chúng:

Tư kỷ (Yêu chính mình) - cho mình là trung tâm, tự ái, tự mãn.

Tham tiền (Yêu tiền bạc) - ham tiền, tham lợi.

Khoe khoang - khoe lác, đẩy những lời được thối phồng.

Xác xược - ngạo mạn, cao ngạo, hống hách.

Hay nói xấu - nói điều dữ, báng bổ, lăng mạ, nói năng tục tữ, khinh thường, xúc phạm.

Không vâng lời cha mẹ - nổi loạn, vô trách nhiệm, không kiểm soát.

Bội bạc - không biết ơn, thiếu lòng tri ân.

Không tin kính - bất kính, báng bổ, thiếu tôn kính, không coi điều gì là thánh.

3:3 Vô tình - lòng cứng cỏi, vô cảm, nhấn tâm một cách bất bình thường.

Khó hòa thuận - không chịu người ngoại, từ chối làm hòa, không chịu nỗ lực hướng đến việc giải hòa.

Hay phao vu - đồn đại những tin tức sai lạc và có ác ý.

Không tiết độ - những người có các tham dục không kiểm soát được, phóng túng, đối trụy.

Đữ tợn - Hung ác, thiếu đạo đức

Thù người lành - ghét bất cứ điều gì hoặc bất cứ ai thiện lành.

Hết sức chống cự với bất cứ điều thiện nào.

3:4 Lương thấy phản bạn - bội bạc, phản bội

Hay nóng giận - liều lĩnh, ương bướng, không cần thận.

Lên mình kiêu ngạo - ngạo mạn, tự phụ

Ưa thích sự vui chơi hơn là yêu mến Đức Chúa Trời - Những người ưa thích các thú vui nhục dục nhưng không yêu mến Chúa.

3:5 Bề ngoài những người này có vẻ mộ đạo. Họ xưng mình thuộc về Cơ Đốc giáo, nhưng hành động của họ nói lên hơn lời lẽ của họ. Bởi cách cư xử không tin kính, họ cho thấy đang sống giả dối. Không có bằng chứng về quyền phép Đức Chúa Trời trong đời sống họ. Mặc

dầu có thể có sự cải cách, nhưng không có sự sanh lại. Weymouth dịch rằng: "Họ tiếp tục giả vờ mộ đạo nhưng từ bỏ quyền phép của lòng mộ đạo ấy." Moffatt cũng nói giống như vậy: "Mặc dầu vẫn giữ một hình thức tôn giáo, họ không can dự gì đến sức mạnh của tôn giáo ấy." Phillip dịch rằng: "Họ thường giữ một cái má "tôn giáo bên ngoài nhưng hành vi của họ thì chối bỏ giá trị của tôn giáo ấy." Họ muốn mộ đạo đồng thời muốn giữ tội lỗi mình (xem Khải. 3:14-22). Hiebert cảnh cáo: "Đó là lời mô tả đáng sợ về một Cơ Đốc Giáo giới bội đạo. Một loại tà giáo mới được ngụy trang dưới danh nghĩa Cơ Đốc Giáo." ^{2b}

Những kẻ thế ấy, Timôthê được dặn, con hãy lánh xa đi. Đó là những chiếc bình được mô tả ở đoạn trước mà Timôthê phải tránh xa.

3:6 Giữa vòng những người bại hoại trong những ngày sau rốt, bảy giờ Phaolô nêu lên một nhóm người đặc biệt, là những người lãnh đạo và các giáo sư tà giáo. Sự mô tả chi tiết tánh nét và phương sách của họ trong câu này được ứng nghiệm trong các tà giáo thời chúng ta hiện nay.

Trước hết chúng ta đọc thấy họ lên vào hay bỏ vào các nhà. Không phải tình cờ mà lời mô tả này nhắc chúng ta về sự di chuyển của rắn. Nếu để lộ chân tánh, họ sẽ không thành công trong việc xâm nhập vào nhiều nhà như thế. Nhưng họ sử dụng những mảnh lời linh vi khác nhau, như nói về Chúa, Kinh Thánh, và Chúa Jêsus (họ thậm chí không tin những gì Kinh Thánh dạy về các điều đó.)

Tiếp theo câu này nói rằng họ quyến dụ những người đàn bà mang tội lỗi. Đó

là đặc trưng của họ. Họ hoạch định những chuyến khăm khi các ông chống đi làm hoặc ở nơi khác. Lịch sử tuần lập lại. Satan tiếp cận với Êva trong vườn Êden và lừa dối bà ta. Bà ta đã soạn quyền chống và quyết định điều đáng lý phải để cho chống quyết định. Phương pháp của Satan vẫn không thay đổi. Hắn vẫn tiếp cận với những người đàn bà bằng những sự dạy dỗ sai lạc và dẫn dụ họ. Những người phụ nữ này là người mang tội lỗi, nghĩa là yếu đuối và không vững vàng. Họ không thiếu trí tuệ bằng thiếu sức mạnh nhân cách.

Họ được mô tả là mang tội lỗi, bị bao nhiêu linh dục xui khiến. Điều này trước hết gợi ý rằng họ bị đè nặng dưới mặc cảm tội lỗi và cảm biết một nhu cầu trong đời sống mình. Chính vào thời điểm khủng hoảng này, những kẻ tà giáo đã đến. Thật đáng buồn là những người biết lời Chúa lại không sáng hơn để đến với những linh hồn đang bất an này. Thứ hai, họ bị bao nhiêu tinh dục xui khiến. Weymouth hiểu điều này có nghĩa là "bị dẫn dắt bởi những xu hướng thất thường luôn thay đổi. Moffatt gọi họ là "Những con người ương bướng hốc đồng." Ý tưởng này dường như là, vì ý thức được gánh nặng tội lỗi của họ và tìm kiếm sự vui nhe, họ sẵn sàng phô mình ra trước mọi ngọn gió giáo lý nào đi qua và trước mọi điều mới lạ về tôn giáo.

3:7 Câu học luôn không có nghĩa là họ không ngừng học hỏi thêm về Chúa Jêsus và lời Đức Chúa Trời. Mà hàm ý họ luôn lục lọi tìm kiếm từ tà giáo này sang tà giáo khác, nhưng không hề không biết lẽ thật được. Chúa Jêsus

chính là Lê Thập. Những người đàn bà này dường như nhiều lúc đã đến rất gần Ngài, nhưng họ đã bị kẻ thù của linh hồn họ cầm giữ mà không bao giờ có được sự yên nghỉ chỉ tìm được trong Chúa Cứu Thế Jêsus.

Cần ghi nhận ở điểm này là thành viên của các tà giáo khác nhau thường nói cách khác nhau rằng "Tôi đang học _____," nhắc đến tên của hệ thống đó. Họ không bao giờ có thể nói với sự kết thúc như sự cứu chuộc đã hoàn tất bởi đức tin trong Đấng Christ.

Câu Kinh Thánh này cũng khiến chúng ta suy nghĩ đến sự gia tăng lớn mạnh hiện nay trong những nỗ lực của con người để hiểu biết mọi lãnh vực, sự nhấn mạnh quá nhiều về giáo dục hết sức thịnh hành trong đời sống hiện tại, song thất bại nặng nề tới tột của hiểu biết ấy là chẳng thể đưa con người đến sự hiểu biết lẽ thật.

3:8 Ba cặp được nhắc đến trong Thư Tín này là:

Phyghen và Hêtmôghen (1:15) - *xấu hổ về lẽ thật.*

Hymênê và Philtét (2:17-18) - *làm sai lạc lẽ thật.*

Giannét và Giambe (3:8) - *đã chống trả lẽ thật.*

Trong câu thứ tám này, Phao lô trở lại với những người lãnh đạo và giáo sư của các tà giáo. Ông so sánh họ với **Giannét và Giambe**, những kẻ đã chống trả **Môise**. Những người này là ai? Thật ra tên của họ không được nhắc đến trong Cựu Ước, nhưng thường được hiểu là hai trong số những thuật sĩ hàng đầu của Ai Cập, là những kẻ được Pharaôn gọi ra để bắt chước các phép lạ mà Môise thi thố.

Vấn đề được đưa ra là làm thế nào mà Phao lô biết tên họ. Điều này không khó, bởi vì nếu không do truyền khẩu của người Do Thái, thì hoàn toàn không có lý do gì mà các tên này lại không được ban cho ông bởi sự mặc khải của Đức Chúa Trời.

Điều quan trọng đó là họ đã chống trả **Môise** bằng cách bắt chước công việc ông qua những phép lạ giả. Đây chính xác là trường hợp của những kẻ tà giáo. Họ chống lại công việc của Chúa bằng cách bắt chước công việc ấy. Họ có Kinh Thánh của mình, có phương cách cứu rỗi của mình - nói ngắn gọn, họ thay thế cho mọi sự trong Cơ Đốc giáo. Họ chống cự lẽ thật của Đức Chúa Trời bằng cách trình bày sự xuyên tạc, và đôi khi bằng cách dùng đến phù phép.

Những kẻ này lòng bại hoại. Arthur Way dịch như vậy: "tâm trí họ bị hư mục đến cốt lõi." Tâm trí họ đã bị lệch lạc, kém thiếu và đối trụ.

Khi đức tin Cơ Đốc bị thử nghiệm, họ bị phát hiện là không chịu thử thách nổi và giả mạo. Một thử nghiệm lớn nhất có thể được áp dụng cho họ là hãy hỏi một câu đơn giản: "Chúa Giêxu Christ có phải là Đức Chúa Trời không?" Nhiều người trong số họ tìm cách che giấu tà giáo của mình bằng cách thừa nhận rằng Chúa Giêxu là Con Đức Chúa Trời, nhưng họ hàm ý Ngài là con của Đức Chúa Trời với ý nghĩa cũng giống như những người khác là con cái Chúa. Nhưng khi đối mặt với câu hỏi: "Chúa Jêsus Christ có phải là Đức Chúa Trời không?" Họ bày tỏ sắc màu thực của mình. Không những họ chối bỏ

thần thánh của Chúa Jêsus Christ mà chúng trở nên giận dữ khi bị thách thức như vậy. Đó đúng là những người thuộc giáo phái Khoa Học Cơ Đốc (Christian Scientists), Thông Lịnh, Christadelphians, Chứng Nhân Giêhôva, và "Con Đường" (The Way).

3:9 Phaolô quả quyết với Timôthê rằng những giáo sư giả này sẽ không làm thêm được nữa. Khó khăn ở đây là ở mỗi thời đại họ dường như được phồn thịnh ở mọi chốn, và có vẻ như không gì ngăn được bước tiến của họ trên thế giới!

Ý nghĩa khả thi là mọi tổ chức sai trái cuối cùng đều phải lộ diện. Các tổ chức giả đến và đi, tổ chức này nối tiếp tổ chức kia. Thoạt đầu họ có vẻ như phồn thịnh mạnh mẽ, thậm chí trong một thời gian dài, đến khi sự giả mạo của họ rành rành đối với mọi người. Họ có thể đưa con người lên một điểm nhất định, thậm chí để ra một mức độ đối tạc nhất định. Nhưng họ thất bại vì không có sự tái sinh. Họ không thể cho người ta sự tự do để thoát khỏi án phạt và quyền lực của tội lỗi. Họ không thể ban sự sống. Giannêr và Giambe có thể bắt chước Môise ở một mức độ nhất định bởi những công việc phù phép của họ. Tuy nhiên, khi đến lúc phải đem lại sự sống từ chỗ chết, họ hoàn toàn bất lực. Đây chính là vấn đề khiến các tà giáo nhận lấy thất bại.

3:10 Tương phản sâu sắc với những giáo sư giả là đời sống và chức vụ của Phaolô. Timôthê đã biết rất rõ về tính đặc điểm nổi bật đặc trưng cho người tôi tớ ấy của Chúa. Ông đã theo sát Phaolô và có thể làm chứng cho sự thật

rằng đây là một người trung thành với Đấng Christ và Lời Ngài.

Giáo lý hay sự dạy dỗ của vị sứ đồ này đúng với Lời Chúa và trung thành với Thân vị của Chúa Jêsus Christ. Tánh hạnh, hay cách cư xử của ông nhất quán với sứ điệp ông dạy dỗ. Ý muốn của ông trong cuộc sống là phải phân rã với những đạo lý và giáo lý ác. Đức tin ở đây có lẽ hàm ý lòng tin cậy của Phaolô đặt nơi Chúa, hoặc sự trung thành của chính cả nhân ông. Timôthê đã biết ông là một người lệ thuộc hoàn toàn vào Chúa, đồng thời, là một người trung thành và đáng tin cậy. Sự nhịn nhục của vị sứ đồ được thấy qua thái độ của ông đối với những kẻ bắt bớ và chỉ trích ông, đối với những sự chịu khổ thuộc thế. Còn về tình yêu thương, ông là một người hết lòng dâng mình cho Chúa và cho anh em. Càng bị họ yêu ít đi, ông càng quyết định yêu họ nhiều hơn. Bền đỗ theo nghĩa đen có nghĩa là "có nghị lực chịu đựng," tức là dũng cảm chịu đựng hoặc bền bỉ.

3:11 Một số những sự bắt bớ và chịu khổ, hay hoạn nạn của Phaolô đã được mô tả trong 2 Côrintô 11:23-28. Tuy nhiên, ông đang đặc biệt nghĩ đến những điều mà cả nhân Timôthê đã biết. Bởi vì quê hương của Timôthê là Littrô, ông biết những sự bắt bớ đến với Phaolô tại đó và trong các thành lân cận thuộc Antiôl và Ycôni. Lời kỳ thuật được thần cảm về những sự chịu khổ này được chép trong sách Công Vụ - Antiôl, Công Vụ 13:45, 50; Ycôni, Công Vụ 14:3-6; Littrô, Công Vụ 14:19, 20.

Phaolô vui mừng vì Chúa đã cứu ông thoát khỏi những khủng hoảng đó luôn

luôn. Chúa không giải thoát ông khỏi hoạn nạn, mà Ngài giải cứu ông ra khỏi những hoạn nạn. Đây là một nhắc nhở cho chúng ta Chúa không hứa chúng ta sẽ không phải chịu đựng khó khăn, nhưng Chúa hứa rằng Ngài sẽ ở với chúng ta và sẽ chăm sóc chúng ta.

3:12 Những sự bất bớ là một phần không thể thiếu được của đời sống Cơ Đốc tận hiến. Rõ ràng là mỗi một Timôthê trẻ tuổi đều phải được nhắc nhở về điều đó. Nếu không, khi được kêu gọi để vượt qua những dòng nước sâu, người ấy sẽ bị cảm dỗ mà nghĩ rằng mình đã làm buồn lòng Chúa, rằng Chúa không hài lòng với mình vì lý do nào đó. **Bất bớ** là sự thật không thể tránh được cho hết thảy mọi người muốn sống cách như Đức.

Lý do của sự **bất bớ** này thật đơn giản. Một đời sống như Đức phơi bày sự gian ác của người khác. Người ta không thích bị phơi bày như vậy. Thay vì ăn năn sự xấu xa và quay lại với Đấng Christ, họ tìm cách tiêu diệt kẻ đã phơi bày con người thật của họ. Đó là một hành vi hoàn toàn bất hợp lý, tất nhiên, nhưng đó là đặc trưng của con người sa ngã.

3:13 Phaolô không ảo tưởng rằng thế giới sẽ ngày càng tốt hơn và tốt hơn, và đến cuối cùng mọi người đều qui đạo. Ông đã biết rõ bởi sự mặc khải của Chúa rằng sự thật hoàn toàn trái ngược. **Những người gian ác, kẻ giả mạo thì càng chìm đắm luôn trong điều dữ.** Họ sẽ trở nên tinh vi hơn trong các phương pháp và dầy dạn hơn trong những sự tấn công. Không những họ lừa dối người khác mà chính họ sẽ bị mắc bẫy

bởi chính sự dạy dỗ sai lệch mà họ tìm cách để bẫy những kẻ nghe họ. Sau khi đã bán rao những sự dối trá của mình quá lâu, họ sẽ đến chỗ tin chính họ.

C. Nguồn Cung ứng của Người Đức Chúa Trời Trước Sự Bội Đạo (3:14-8)

3:14 Nhiều lần, Timôthê được nhắc nhở phải tiếp tục đứng vững trong những sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời. Đây là nguồn cung ứng lớn lao trong một thời mà các giáo lý giả đầy khắp mọi nơi. Nếu biết rõ và vâng giữ lời Kinh Thánh, ông sẽ không bị dẫn dụ bởi những sai lầm tinh vi này.

Timôthê không những đã học những lẽ thật quan trọng của đức tin, mà chính cá nhân ông còn tin chắc những điều đó nữa. Chắc chắn ông thường được dạy rằng những sự dạy dỗ đó đã xưa cổ và không thỏa đáp đủ về mặt văn hóa hoặc trí tuệ. Nhưng ông không được bỏ lẽ thật để đổi lấy những lý thuyết hoặc những sự suy đoán của loài người.

Vị sứ đồ khuyên thêm, ông phải nhớ đã học những lẽ thật đó với ai. Có sự khác biệt nào đó về ý niệm của từ ai ở đây hoặc ám chỉ đến chính Phaolô, mẹ và bà ngoại của Timôthê, hoặc là các vị sứ đồ nói chung. Dẫu là ai, điều quan trọng là Lời Kinh Thánh đã được dạy cho ông bởi những người mà đời sống họ làm chứng cho sự thực hữu của đức tin họ. Họ là những con người tin kính đã sống với cặp mắt hướng về sự vinh hiển của Chúa.

3:15 Đây là một câu Kinh Thánh có tình gợi ý nhiều nhất, cho rằng từ khi còn thơ ấu Timôthê đã biết các tác

phẩm hoặc thư thánh. Thậm chí có ý tưởng cho rằng khi dạy ông mẫu tự ABC, mẹ ông đã dùng các câu **Kinh Thánh Cựu ước**. Từ thuở ấu thơ, ông đã ở dưới ảnh hưởng các tác phẩm được thần cảm, và dấu ở trong tính hướng nào, ông cũng không được quên rằng Quyển Sách được chúc phước đã hình thành khuôn mẫu đời sống ông để sống cho Chúa và cho điều tốt lành.

Kinh Thánh được nói đến như là điều không ngừng khiến con người khôn ngoan để được cứu. Điều này có nghĩa là, trước hết, con người học biết con đường cứu rỗi qua Kinh Thánh. Điều này cũng có nghĩa bảo đảm của sự cứu rỗi đến qua Lời Đức Chúa Trời.

Được cứu là bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ. Chúng ta phải lưu ý kỹ điều này. Không phải qua việc lành, phép báp tem, tư cách thành viên hội thánh, sự xác tín, tuân giữ mười điều răn, giữ Luật Vàng, hoặc bằng bất cứ phương cách nào khác liên quan đến nỗ lực hay công lao của con người. **Được cứu là bởi đức tin đặt nơi Con Đức Chúa Trời.**

3:16 Khi Phaolô nói cả Kinh Thánh, ông nhất định ám chỉ toàn bộ Cựu ước và cũng có cả các phần Tân ước bấy giờ đã có. Trong I.Timôthê 5:18 ông trưng dẫn sách phúc âm Luca 10:7 là Kinh Thánh. Phe-rơ nói về Các Thư Tin của Phaolô là Kinh Thánh (II.Phi 3:16). Ngày nay, chúng ta làm đúng khi áp dụng câu này cho cả Kinh Thánh.

Đây là một trong những câu quan trọng nhất trong Kinh Thánh về chủ đề thần cảm. Câu này dạy rằng Kinh Thánh được Đức Chúa Trời hà hơi.²⁷ Bằng

phương cách lạ lùng, Ngài truyền đạt Lời Ngài cho loài người và hướng dẫn họ viết lại để bảo tồn lâu dài. Điều họ viết chính là Lời của Đức Chúa Trời, được thần cảm và vô ngộ. Dù chính xác văn phong cá nhân của tác giả không bị làm hỏng, song cũng chính xác những lời người ấy sử dụng là lời được ban cho bởi Đức Thánh Linh. Vì vậy, I.Côrinthô 2:13 chép rằng: "Chúng ta nói về ơn đó, không cậy lời nói và sự khôn ngoan của loài người đã dạy dỗ, song cậy sự khôn ngoan mà Đức Thánh Linh đã dạy, dùng tiếng thiêng liêng để giải bày sự thiêng liêng." Điều câu Kinh Thánh này muốn nói là, các tác giả được thần cảm đã sử dụng LỜI Đức Thánh Linh dạy họ. Đó là hàm ý của sự thần cảm bằng lời.

Các trước giả Kinh Thánh không giải thích sự việc theo ý họ, nhưng ghi chép sự điệp Chúa ban cho họ. "Trước hết, phải biết rõ rằng chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh lấy ý riêng giải nghĩa được. Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra, nhưng ấy là bởi Đức Thánh Linh cảm động mà người ta đã nói bởi Đức Chúa Trời." (II.Phi. 1:20,21).

Không đúng khi bảo rằng Đức Chúa Trời ban ý tưởng cho tác giả rồi để họ diễn tả các ý tưởng ấy bằng lời lẽ của họ. Lẽ thật được khẳng định trong Kinh Thánh chính là những lời từ ban đầu đã được ban cho con người bởi Đức Chúa Trời, là lời được Đức Chúa Trời hà hơi.

Bởi vì Kinh Thánh là lời Đức Chúa Trời, Kinh Thánh có ích. Mỗi một từ trong Kinh Thánh đều có ích. Con người có thể thức mắc về các giả phả hay những đoạn khó hiểu, tuy nhiên, tâm trí

được Thánh Linh dạy dỗ sẽ nhận biết rằng có sự nuôi dạy tâm linh trong từng lời được lưu xuất từ mọi miệng Đức Chúa Trời.

Kinh Thánh có ích cho sự dạy dỗ, hay những lời giáo huấn. Kinh Thánh trình bày tâm trí của Đức Chúa Trời về các chủ đề như Ba Ngôi, các thiên sứ, loài người, tội lỗi, sự cứu chuộc, sự nên thánh, hội thánh, và các biến cố trong tương lai.

Thêm nữa, Kinh Thánh có ích cho sự bẻ trách. Khi chúng ta đọc Kinh Thánh, Kinh Thánh phân chỉ thẳng vào những điều không đẹp lòng Chúa trong đời sống chúng ta. Kinh Thánh cũng có ích cho việc bác bỏ điều sai lầm và đáp trả kẻ căm thù.

Lời Chúa lại có ích cho sự sửa trị. Kinh thánh không những tỏ rõ điều sai mà còn trình bày phương cách có thể sửa ngay lại. Ví dụ: Kinh Thánh không chỉ phán: "Kẻ vốn hay trộm cắp chớ trộm cắp nữa." mà còn thêm rằng: "nhưng tha chịu khó; chính tay mình làm nghề lương thiện, đừng có vật chi giúp cho kẻ thiếu thốn thi hơn." Phán đoán của câu này được xem như lời bẻ trách, còn phần thứ hai là sự sửa trị.

Sau cùng, Kinh Thánh có ích cho việc dạy người trong sự công bình. Ân điển của Chúa dạy chúng ta sống đời tin kính, nhưng Lời Chúa vạch ra chi tiết những điều dẫn đến việc hình thành đời sống tin kính.

3:17 Nhờ Lời Chúa, người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn hay trưởng thành. Người ấy được sắm sẵn (trang bị) tất cả những gì mình cần để thực hiện mọi việc lành là điều hoàn thành

mục tiêu cứu rỗi của mình (Êph. 2:8-10). Điều này trái ngược với các ý tưởng hiện nay về việc được trang bị qua phương tiện của những bằng cấp học vấn.

Lenski viết rằng:

Kinh Thánh vì vậy tuyệt đối vô song; không có quyển sách nào khác, một bộ sưu tập nào hay bất cứ điều gì khác trên thế giới này có thể làm cho một tội nhân hư mất trở nên khôn ngoan để được cứu; vì không được sự thần cảm của Chúa, các kinh sách khác, dù có những ích lợi gì đi nữa, song không thể nào có ích cho các mục tiêu này: dạy chúng ta những sự thật về sự cứu rỗi đích thực – bác bỏ những điều dối trá và bại hoại phủ nhận sự thật này – phục hồi tội nhân hay những Cơ Đốc nhân bị sa ngã trở lại địa vị cao trọng giáo huấn, rèn luyện, kỷ luật con người trong sự công bình thật.²⁸

4:1 Bảy giờ Phaolô bắt đầu sự ủy thác quan trọng sau cùng cho Timôthê. Ông làm điều này trong ánh sáng của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus Christ. Mọi sự hầu việc Chúa phải được làm với nhận thức rằng: đời mất (thấy Toàn tri hết mọi sự) của Đức Chúa Trời đang xem xét những việc đó.

Trong câu Kinh Thánh này, Chúa Jêsus được nhắc đến như là Đấng sẽ đoán xét kẻ sống và kẻ chết như sự đến của Ngài và nước Ngài. Từ tiếng Anh nhấn gợi ý rằng khi Đấng Cứu Thế trở lại trên đất để thành lập nước Ngài, sẽ có sự sống lại của mọi người và sự phân xét mọi người. Nhưng theo nghĩa Hy văn ban đầu, từ kata²⁹ nghĩa đen có nghĩa là "phủ hợp" hay "theo."

Chúa Jêsus chính là **Đấng xét đoán kẻ sống và kẻ chết**, nhưng thời điểm không được nói cụ thể. **Sự hiện đến của Ngài và nước Ngài** được Phaolô trình bày là động cơ cho sự phục vụ trung tín.

Từ những câu Kinh Thánh khác, chúng ta biết rằng việc Đến Lần Thứ Nhì Của Đấng Christ không phải là thời điểm Ngài sẽ xét đoán kẻ sống và kẻ chết. Người gian ác chết sẽ không bị xét đoán cho đến cuối cuộc Trị Vì Một Ngàn Năm của Đấng Christ, theo Khải huyền 20:5.

Sự phục vụ của người tin Chúa sẽ được ban thưởng vào lúc Đấng Christ Xét Đoán Trên Ngài, nhưng những phần thưởng này sẽ được bày tỏ lúc **cô sự hiện đến của Ngài và Nước Ngài**. Dường như các phần thưởng có liên quan đến sự trị vì hay cai quản trong giai đoạn Thiên Niên. Ví dụ, người trung tín sẽ cai trị mười thành (Luca 19:17).

4:2 Vì sự quan sát hiện nay của Chúa dành cho các tội tớ Ngài và phần thưởng của Ngài tương lai, Timôthê phải rao giảng Lời Ngài. Ông phải làm điều đó với ý thức về tính cấp bách, phải sẵn sàng trước mọi cơ hội. Sự điệp lúc nào cũng **gặp thời**, ngay cả khi một số người cho là không **gặp thời**. Là tội tớ Đấng Christ, Timôthê được kêu gọi phải **cố khuyên**, tức là phải chứng minh hoặc phản bác. Ông sẽ phải **bê trách** điều sai lạc. Ông cũng cần phải **nài khuyên** hay khuyến khích tội nhân đặt lòng tin nơi Chúa và các thánh đó phải tiếp tục đứng vững vì Chúa. Trong mọi điều đó, ông phải bền lòng và kiên trì, đem lòng **rất nhệm nhục** cứ trung tín dạy dỗ đạo lành.

4:3 Trong câu 3-6 vị sứ đồ đưa ra hai lý do mạnh mẽ cho trách nhiệm ông được ủy thác. Thứ nhất là đa số mọi người sẽ xây bỏ khỏi **đạo lành**. Thứ hai, thời điểm Phaolô ra đi đã gần rồi.

Vị sứ đồ nhìn thấy trước một thời kỳ mà người ta tỏ rõ ác cảm đối với sự dạy dỗ lành mạnh. Họ cố ý xây khởi những người dạy là thật của Lời Đức Chúa Trời. Tai họ ham thích những giáo lý vừa ý và dễ chịu. Để thỏa mãn ham muốn những sự dạy dỗ mới lạ và chịu theo ý thích, họ sẽ tập hợp một nhóm **các giáo sư** nói điều họ muốn nghe.

4:4 Vì ham những lời dạy không gây khó chịu, người ta sẽ **không nghe lẽ thật** mà nghe những truyền thuyết. Đây là một sự đánh đổi đáng thương - bỏ đi lẽ thật để lấy **những chuyện huyền** - nhưng đây là phần thưởng bất hạnh của những kẻ từ chối đạo lành.

4:5 Phải có **liệt độ** trong mọi sự thật ra hàm ý là phải tỉnh táo **trong mọi sự**. Timôthê phải nghiêm túc trong công việc của mình, dung hóa, và biết quân bằng. Ông không được tránh những sự **cực khổ** mà phải sẵn sàng chịu khổ khi có bất cứ những khó khăn gì đến với ông trong sự hầu việc Đấng Christ.

Có vài ý kiến khác nhau về quan điểm đối với câu **làm việc của người giảng Tin Lành**. Một số người nghĩ rằng Timôthê thật sự là **một người giảng Tin Lành** và rằng ở đây Phaolô đơn giản bảo ông phải thi hành chức vụ đó. Những người khác nghĩ rằng Timôthê không có ân tứ truyền giảng, có lẽ vì ông là một mục sư hay giáo sư, nhưng điều đó không ngăn cản ông rao giảng Tin Lành khi có cơ hội. Có khả năng Timôthê

thật sự là **một người giảng Tin Lành** và những lời của Phaolô đơn giản chỉ là một sự khích lệ dành cho ông để làm tất cả những gì người giảng Tin Lành phải làm.

Trong mọi khía cạnh, ông phải làm **mọi phận sự về chức vụ**, sử dụng những ta lạng tốt nhất của mình cho tất cả những yêu cầu trong sự hầu việc Chúa.

4:5 Lý do thứ hai của lời ủy thác trang trọng Phaolô dành cho Timôthê là vì sự qua đời gần kề của chính ông. Hiện nay ông đang bị **đổ ra làm lễ quán**. Ông liên kết việc **đổ huyết trong sự tuận đạo** với việc **tươi lễ quán** trên một cửa lễ (xem Xuất 29:40; Dân số ký 15:1-10). Trước đây Phaolô đã liên kết sự qua đời của ông với lễ quán trong Philip 2:17. Hiebert nói rằng: "Toàn bộ đời sống của ông đã được dâng cho Chúa làm một cửa lễ sống; bây giờ sự qua đời của ông, có thể so sánh với việc tươi thêm loại rượu như hành động cuối cùng của nghi thức dâng tế lễ, sẽ làm hoàn tất việc dâng hiến."³⁰

Kỳ qua đời của ta gần rồi. Từ Hy văn analysis (nghĩa đen "nơi lỏng ra," từ đó trong Anh ngữ "analysis"), Phaolô sử dụng ở đây để mô tả kỳ qua đời của ông, là một từ diễn cảm nhất, cho ít nhất bốn hình ảnh khác nhau: (1) Đây là một từ của người đi biển, được dùng trong việc "thả lỏng" con tàu khỏi nơi neo của nó. (2) Đây là một từ của người đi cây, ám chỉ việc "tháo ách" khỏi toàn sức vật mệt mỏi sau một ngày khó nhọc. (3) Đây là từ diễn tả một người du lịch, gợi lên việc "hạ" trại, chuẩn bị để bắt đầu một cuộc đi bộ. (4) Đây là thuật ngữ của một triết gia, biểu trưng

cho "giải pháp" (kết quả phân tích) của vấn đề. Ở đây một lần nữa, chúng ta thấy sự hình dung phong phú được vị sử đồ ví đại dùng.

4:7 Thoạt nhìn, có vẻ như Phaolô muốn khoe khoang trong câu này. Song, không phải vậy. Không phải muốn nói ông đã chiến đấu một trận chiến tốt lành, mà rằng ông **đã đánh trận** và vẫn đang chiến đấu trong **chiến trận tốt lành**, là, trận chiến của đức tin. Ông đã dùng năng lực của mình cho cuộc tranh tài tốt lành. **Đánh trận** ở đây không nhất thiết hàm ý một cuộc chiến đấu, mà có thể cũng hàm ý một cuộc tranh tài của vận động viên.

Ngay cả trong khi viết, ông cũng nhận ra rằng **cuộc chạy** căng thẳng đã gần kết thúc. Ông đã chạy suốt chặng đường và đã nhìn thấy đích đến.

Và rồi Phaolô cũng **đã giữ được đức tin**. Điều này không chỉ hàm ý chính Phaolô tiếp tục tin và vâng giữ các giáo lý quan trọng của **đức tin Cơ đốc**, mà cũng hàm ý rằng với tư cách một người quản lý, ông đã giữ theo những sự dạy dỗ được giao phó và đã truyền lại cho người khác đúng như sự thuần khiết ban đầu của nó.

4:8 Vị sử đồ bày tỏ lòng tin chắc rằng **sự công bình** mà ông đã chứng tỏ trong sự hầu việc Chúa của mình sẽ được **tưởng thưởng** bởi Đức Chúa Trời công bình ở tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ.

Chúa được nói đến ở đây là **Quan Án công bình**, nhưng đây không phải là vị quan xét xử tội phạm ở tòa án mà là vị quan có mặt tại cuộc thi giữa các vận động viên. Không giống như các quan

án thế gian, Ngài có sự hiểu biết đầy đủ và trọn vẹn, Ngài không vị nể con người, Ngài sẽ đánh giá động cơ cũng như hành động, sự xét đoán của Ngài là chính xác và không thiên vị.

Mãe triều thiên của sự công bình là vòng hoa, (ở đây không phải vương miện) sẽ được ban cho những Cơ Đốc nhân đã chứng tỏ **sự công bình** trong sự hầu việc Chúa. Thật vậy, vòng hoa sẽ được ban cho tất cả những kẻ **yêu mến sự hiện đến** của Đấng Christ. Nếu một người thật sự khao khát, yêu mến sự hiện đến của Đấng Christ và sống trong ánh sáng của sự kiện đó, đời sống người ấy sẽ nên công bình, do đó người ấy sẽ được ban thưởng. Đây là một sự nhắc nhở tươi mới, đó là khi sự Trở Lại Lần Thứ Hai của Đấng Christ, được tin yêu thật lòng, nó sẽ tạo một ảnh hưởng làm thành hóa đời sống người ấy.

IV. NHỮNG YÊU CẦU VÀ LƯU Ý CÁ NHÂN (4:9-22)

4:9 Phaolô, một người lớn tuổi, ao ước bầu bạn với người anh em nhỏ tuổi hơn trong Chúa. Vì vậy, ông khuyên Timôthê hãy làm hết sức mình đến Rôma trong tương lai gần. Vị sứ đồ đang cảm thấy sự cô độc sâu xa khi bị giam giữ ở tại Rôma.

4:10 Một trong những kinh nghiệm cay đắng nhất trong sự hầu việc Chúa là bị những người từng là anh em đồng công là bỏ. **Đêma** đã từng là bạn của Phaolô, một anh em trong Chúa, một người đồng công. Nhưng hiện nay Phaolô đang ở tù, các Cơ Đốc nhân đang bị bắt bớ, và hầu không khí chính trị hết sức không thuận lợi cho các Cơ Đốc

nhân. Thay vì yêu mến sự hiện ra của Chúa, **Đêma** đã yêu mến đời này, và đã bỏ Phaolô đi qua thành **Têsalônica**. Điều này không nhất thiết hàm ý Đêma đã bỏ đức tin Cơ Đốc của mình và trở thành một kẻ bội đạo. Điều này cũng không hàm ý rằng ông không phải là tín hữu thật. Có khả năng sự lo sợ về an toàn cá nhân đã khiến ông trở thành một kẻ thối lui.

Và rồi vị sứ đồ nói thêm rằng **Cơrêtxen** đã đi sang **Galati**, và Tít thì đến **Damall**. Không có gợi ý trách móc gì trong những lời này; có thể họ đi đến những nơi đó để hầu việc Chúa. Đây là sự đề cập duy nhất về **Cơrêtxen** (tên người ấy có nghĩa là "tăng trưởng") trong Kinh Thánh. Chúng ta không biết thêm gì về ông ta. Đây hẳn là một sự khích lệ cho tất cả những người tin Chúa. Dấu địa vị của họ trong đời có thể thấp hèn đến đâu đi nữa, thậm chí là một người chạy việc vặt cho Chúa cũng không bị quên lãng hoặc không được ban thưởng.

4:11 Thấy thuộc yêu dấu **Luca** là người duy nhất giữ liên lạc với Phaolô ở tại Rôma. Điều này hẳn có ý nghĩa rất nhiều đối với vị sứ đồ khi có được sự khích lệ thuộc linh và kỹ năng chuyên môn của người thuộc về Chúa quan trọng này!

Và chúng ta cảm ơn Chúa biết bao về phần sau của câu 11! Điều này nâng đỡ tất cả chúng ta, những người đã từng làm Chúa thất vọng trong sự phục vụ của mình, khi biết rằng Ngài sẽ ban cho chúng ta một cơ hội khác để bước ra hầu việc Ngài. **Mác** đã từng đi với Phaolô và **Banaba** trong Chuyến Hành

Trình Truyền Giáo Thứ Nhất, nhưng sau đó đã lìa bỏ họ ở tại Betsiê để quay về nhà. Khi bắt đầu Chuyến Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì, Phaolô không muốn đem Mác đi cùng bởi vì sự thói lui trước kia của chàng thanh niên này. Khi Banaba nhất định Mác sẽ cùng đi với họ, vấn đề đã được giải quyết bằng việc Phaolô lìa họ đi đến Siry và Silisi cùng với Sila, trong khi Banaba và Mác đi đến Chiprô. Về sau, Phaolô và Mác đã làm hòa, và ở đây vị sứ đồ đặc biệt yêu cầu Mác như một người có ích cho ta trong sự hầu việc.

4:12 Những người tin rằng Timôthê đang ở Êphêxô khi Phaolô viết bức thư này gợi ý rằng vị sứ đồ sai Tichicô đến thành Êphêxô để thay thế Timôthê khi ông sắp sửa vắng mặt. Họ gợi ý rằng hàm ý của Phaolô ở đây là: "Nhưng ta muốn sai Tichicô đến thành Êphêxô."

4:13 Áo choàng được nhắc đến ở đây có lẽ hoặc là áo khoác ngoài hoặc là một cái túi sử dụng để mang các sách vở. Điều này thường được hiểu là áo choàng.

Người ta không đồng ý về sự khác nhau giữa các sách vở và những sách bằng giấy da.³¹ Có phải đó là các phần Kinh Thánh không? Hay là một số Thư tín của Phaolô? Có phải đó là những giấy tờ ông sẽ dùng ở tại cuộc xét xử không? Hay đó là những tờ giấy bằng chỉ thảo hay cuộn giấy da để trống ông muốn dùng để viết lách? Không thể xác định dứt khoát được. Nhưng gợi ý mạnh mẽ là, ngay cả khi ở trong tù, vị sứ đồ vẫn muốn tiếp tục bận rộn với công việc viết lách và đọc sách.

Một câu chuyện thật thú vị được thuật lại khi liên hệ với câu Kinh Thánh dường như không quan trọng này. F. W. Newman, em trai của Cardinal Newman, đã từng hỏi J. N. Darby chúng ta có nghèo hơn gì đâu nếu như câu Kinh Thánh này không có trong Kinh Thánh. Há không phải câu Kinh Thánh này chỉ có giá trị tạm thời thôi sao? Nếu như Phaolô không viết câu này chúng ta có mất mát gì đâu? Darby trả lời mạnh mẽ: "Chắc chắn tôi đã đánh mất điều gì đó bởi vì đây là câu Kinh Thánh đã cứu tôi không bán đi thư viện của mình. Mỗi một lời, đều bởi Đức Thánh Linh, và đều để ích lợi đời đời."³²

4:14 Aléxandơ thợ đồng có lẽ chính là người được Phaolô nhắc đến trong I.Timôthê 1:20 là kẻ đã làm chìm đắm đức tin. Dấu trượng hợp nào, hấn cùng đã làm hại rất nhiều cho vị sứ đồ. Chúng ta chỉ có thể suy đoán tính chất của sự gian ác của hấn. Liên kết câu Kinh Thánh này với các câu Kinh Thánh sau dường như có khả năng Aléxandơ đã làm chứng chống lại vị sứ đồ và đã đưa ra những lời chứng đối nghịch cùng ông. Conybeare và Howson dịch rằng: "Aléxandơ thợ đồng đã cáo ta nhiều điều gian ác." Vị sứ đồ tin chắc rằng tùy theo công việc hấn, Chúa sẽ báo ứng.

4:15 Câu Kinh Thánh này dự báo việc Timôthê sẽ đến Rôma. Timôthê cũng phải coi chừng Aléxandơ, kéo ông cũng phải chịu khổ dưới tay con người gian ác này. Có khả năng là Aléxandơ hết sức chống trả lời của Phaolô bằng việc chống lại lời chứng của ông tại chốn công đường.

4:16 Phaolô có lẽ vẫn đang nghĩ đến biến cố của những ngày đã qua. Sự **bệnh vực** lần thứ nhất hàm ý cơ hội đầu tiên ông được cho để bệnh vực mình ở tại cuộc xét xử chốt của ông.³³ Thật đáng buồn vì dường như **chẳng có ai giúp đỡ** để nói một lời thay mặt cho vị sử đồ can đảm, người mà các bức thư của ông đã làm giàu cho hàng thế kỷ nói tiếp. Không ai đứng ra bệnh vực ông, nhưng không hề có sự cay đắng trong lòng ông vì mọi điều đó. Cũng giống như Chúa Cứu Thế đã đi trước ông, ông cầu nguyện để điều đó **đừng đổ tội về họ**.

4:17 Ông có thể bị loài người từ bỏ, nhưng **Chúa đã giúp đỡ** ông. Không những vậy, ông còn được Ngài ban sức để rao giảng Tin Lành trong việc xét xử. Sự diệp truyền ra không bị cản trở, và tòa án theo luật pháp của dân ngoại đã nghe sự diệp của sự cứu rỗi. Stock kinh ngạc:

*Hết thủy Dân ngoại - một đoàn đông đảo biết bao gồm những người La mã và tu có thể được kể vào trong cụm từ đơn giản ấy! - trong ngày ấy đã nghe sự diệp của Đức Chúa Trín cho nhân loại: tất cả đều đã nghe Chúa Jêsus, Đấng bị Đóng Đinh và Được Tôn Cao được trình bày với tư cách Đấng Cứu Thế. Thật là một ý tưởng lớn lao; trí tưởng tượng không nhận ra nổi một khung cảnh quá vĩ đại như vậy, hẳn đó phải là một trong những thời điểm quan trọng của lịch sử; và có lẽ nào cõi đời đời lại không mặc: khải cho chúng ta những kết quả của thời điểm ấy?*³⁴

Từ **thêm sức** trong câu này không phải là một từ phổ biến, mà chỉ được

lưu thấy có 8 lần trong Tân Ước. Từ này được dùng trong Công Vụ 9:22 vào lúc bắt đầu chức vụ công khai của Phaolô: người "lần lần được vững chí" (thêm sức). Ở đây từ này được sử dụng một lần nữa, nhưng bảy giờ vào cuối chức vụ công khai của ông - một sự nhắc nhở cảm động về sức mạnh nâng đỡ của Chúa suốt đời sống hầu việc Chúa của ông.

Cụm từ "**ta lại cũng được cứu khỏi hàm sư tử**" là một lối nói cho thấy Phaolô tạm thời được cho tri hoãn. Cuộc xét xử đã được tiếp tục. Sự nguy hiểm tạm thời được ngăn chặn. Nhiều nỗ lực đã được thực hiện để coi sư tử là Nero, ma quỷ, và các ác thú theo nghĩa đen. Nhưng có lẽ giản dị hơn, nên hiểu từ này hàm ý sự nguy hiểm nói chung.

4:18 Khi sử đồ Phaolô nói **Chúa sẽ giải thoát ông khỏi mọi điều ác**, ông không hàm ý rằng ông sẽ được giải cứu hoàn toàn khỏi cuộc hành hình, ông biết rằng thời điểm qua đời của ông đã gần rồi (c.6) vậy ông hàm ý gì? Chắc chắn ông muốn nói rằng Chúa cứu ông để không làm bất cứ điều gì để trở thành một vết nhơ trong những ngày cuối cùng của lời chứng mình. Chúa sẽ giải cứu ông khỏi việc thối lui, khỏi việc chối danh Ngài, khỏi sự hèn nhát, hoặc khỏi bất cứ hình thức nào của sự thất bại đạo đức.

Không những vậy, Phaolô còn chắc chắn rằng Chúa sẽ cứu vớt ông vào trong nước trên trời của Ngài. Nước trên trời không hàm ý Sự Trị Vì Một Ngàn Năm của Chúa trên đất, mà chính là thiên đàng, nơi sự cai trị của Chúa được công nhận hoàn toàn.

Tại đây, vị sứ đồ đã phát ra lời ca ngợi sự vinh hiển thuộc về Chúa muốn đời không cùng. Muốn đời không cùng theo nghĩa đen là "từ đời này sang đời kia" và những từ này tượng trưng cho lối diễn tả mạnh nhất cõi đời đời có thể diễn tả được theo Hy văn. Về mặt kỹ thuật không có "các đời" trong cõi đời đời. Nhưng bởi vì tâm trí con người không có khái niệm về sự bất tận, nên buộc phải sử dụng những thành ngữ về thời gian.

4:19 Bây giờ Phaolô gửi lời chào thăm đến cho một đôi vợ chồng đã từng cùng ông hầu việc Chúa thương xuyên trong việc rao giảng phúc âm. **Bêrítin** (hay Bêrítin) và **Aquila** đã gặp Phaolô lần đầu ở tại Côrinthô, sau đó cùng ông đi đến Êphêsô. Họ đã sống một thời gian ở tại Rôma (Rôma 16:3), cũng như Phaolô, họ là những người may trại.

Ônêsiphô được nhắc đến trước đó trong 1:16 là một người đã yên ủi sứ đồ Phaolô và không xấu hổ khi ông bị bỏ tù.

4:20 Có lẽ **Êrát** cũng là người giữ kho báu của thành Côrinthô (Rôma 16:23).

Trochim được nhắc đến trước đây trong Công Vụ 20:4 và 21:29. Sau khi qui đạo ở tại Êphêsô, ông đã theo Phaolô đến Giêrusalem. Người Do Thái tại đó nghi rằng Phaolô đã đem ông vào trong đền thờ. Tại đây chúng ta đọc thấy Phaolô đã để ông ta ở lại tại thành **Milê** vì bị đau ốm. Câu này là quan trọng khi cho thấy mặc dầu sứ đồ Phaolô có quyền năng lạ lùng trong sự chữa bệnh, ông đã không luôn sử dụng

quyền năng đó. Phép lạ của sự chữa lành không bao giờ được sử dụng như một vấn đề tùy ý cá nhân, nhưng là một lời chứng cho những người Giuda vô tín về lẽ thật của phúc âm.

4:21 Timôthê phải cố sức đến trước mùa đông, thời tiết làm cho sự đi lại khó khăn hoặc bất khả. Người bạn tù của ông ở tại Rôma cần sự hiện diện của ông và đang đợi ông. Những lời khuyên được nhắc đi nhắc lại cho Timôthê hãy đến thật hết sức cảm động (xem 1:3, 4; 4:9).

Kế tiếp chúng ta có những lời chào thăm gửi cho Timôthê từ **Đbulu**, **Buden**, **Linút**, **Colaudia** cùng hết thầy anh em. Những tên tuổi này dường như ít quan trọng, nhưng chúng là một sự nhắc nhở thật cảm động, như Rodgers đã nói rằng: "một trong những niềm vui và đặc quyền đặc biệt của sự hầu việc Cơ Đốc đó là cách để qua đó tình bạn được tạo nên và làm cho phong phú."

4:22 Bây giờ Phaolô kết thúc bức thư của mình. Đặc biệt ông nói với Timôthê "**Nguyện xin Đức Chúa Jêsus Christ³⁵ ở cùng tâm thần con.**" Sau đó nói cùng tất cả những người ở với Timôthê vào thời điểm ông nhận được bức thư này, vị sứ đồ thêm: "**Cầu xin ân điển ở cùng các anh em. Amen.**"

Đến đây, ông đặt bút xuống. Bức thư đã được viết xong. Chức vụ của ông đã kết thúc. Nhưng mùi hương đời sống và lời làm chứng của ông cứ ở cùng chúng ta luôn, chúng ta sẽ còn được gặp lại ông và được trò chuyện với ông về những đề tài quan trọng của phúc âm và hội thánh.

CHÚ THÍCH

¹{1:1} W. E. Vine, Exposition of the Epistles to Timothy, tr. 60, 61.

²{1:2} D. Edmond Hiebert, Second Timothy, tr. 26.

³Từ Hy văn là *latreuò*, có liên quan đến *latreia* "thờ phượng" (xem "mariolatry," trong Anh văn, lời chúc tụng của Mary).

⁴{1:4} Hiebert, Second Timothy, tr. 31.

⁵{1:5} Từ Hy văn của "thành thật" theo nghĩa đen là "không giả hình" lấy từ chữ kịch sĩ, người đóng kịch, thường trả lời từ dưới chiếc mặt nạ của mình.

⁶{1:6} Vine, Exposition, dưới các câu được liệt kê.

⁷{1:11} Bản văn phê bình (NU) bỏ cụm từ "của Dân ngoại"

⁸{1:16} J. H. Jowett, Things that Matter Most, tr. 161.

⁹{2:3} Bản NU dịch là "cùng"

¹⁰{2:4} William Kelly, An Exposition of the Two Epistles to Timothy, tr. 213.

¹¹{2:7} Bản phê bình (NU) dịch là "Chúa sẽ ban... cho con" (theo lối trình bày ở tương lai, không phải một lời cầu nguyện).

¹²{2:8} Hiebert, Second Timothy, tr. 59.

¹³{2:9} Harvey, chưa có các tài liệu để nghiên cứu thêm.

¹⁴{2:10} Bài thánh ca rất được yêu quý "Immanuel's Land" do Anne Ross Cousin sáng tác, nhưng được cho rằng đã sử dụng cách diễn đạt từ các tác phẩm của Samuel Rutherford.

¹⁵{2:11} Hiebert, Second Timothy, tr. 62.

¹⁶{2:13} Dinsdale T. Young, Unfamiliar Texts, tr. 253.

¹⁷{2:13} J. J. Van Oosterzee, "The Pastoral Letters," Lange's Commentary on the Holy Scriptures, XI:95.

¹⁸{2:14} Dinsdale T. Young, The Enthusiasm of God, tr. 154.

¹⁹{2:15} Henry Alford, The Greek Testament, III:384.

²⁰{2:17} Từ Hy văn ở đây là *gangraina*, nhưng điều đó không nhất thiết hàm ý cách dẫn xuất từ Anh ngữ của chúng ta là cách dịch rõ nhất

²¹{2:18} Hamilton Smith, chưa có tài liệu nghiên cứu thêm.

²²{2:19} Hamilton Smith, The Second Epistle to Timothy, tr. 27.

²³{2:19} R. C. H. Lenski, The Interpretation of Satan. Paul's Epistles to the Colossians, to the Thessalonians, to Timothy, to Titus and to Philemon, tr. 804.

²⁴{2:19} Bản NU lần bản M đều dùng từ "Chúa" thay cho từ "Đấng Christ" để làm cho gần với Dân. 16: 5

²⁵{2:22} Hiebert, Second Timothy, tr. 76.

²⁶{3:5} Hiebert, cùng tác phẩm., tr. 86.

²⁷{3:16} Từ Hy văn là *theopneustos*

²⁸{3:17} Lenski, Epistles, tr. 841.

²⁹{4:1} Bản văn phê bình dịch là kai ("và") dành cho từ *kata*.

³⁰{4:6} Hiebert, Second Timothy, tr. 109, 110.

³¹{4:13} Hy văn *membranas*. Những mss. (sách) đất tiền này có thể là các sách Kinh Thánh hoặc có thể là các sách chú giải.

³²{4:13} H. A. Ironside trích dẫn, Timothy, Titus and Philemon, tr 255.

³³(4:16) Có thể hiểu ý nói cuộc xét xử vào giai đoạn cuối lần ở tù đầu tiên của Phaolô.

³⁴(4:17) Eugene Sock, Plain Talks on the Pastoral Epistles, không đánh số trang.

³⁵(4:22) Bản phê bình (NU) bỏ từ Jesus Christ.

SÁCH THAM KHẢO

Xem sách tham khảo cuối I.Timôthê

THƯ GỬI CHO TIT

Giới Thiệu

"Đây là một bức thư ngắn, nhưng chứa đựng tình tủy của giáo lý Cơ Đốc và được viết ra một cách hết sức tinh thông, đến nỗi chứa đựng tất cả những gì cần thiết cho sự hiểu biết và cuộc sống của người Cơ Đốc."

— Martin Luther

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Ba đoạn ngắn được viết cách đây hơn mười chín thế kỷ bởi một nhà truyền giáo thám hiểm cao tuổi gửi cho một nhà truyền giáo ít được ai biết đến ở một hòn đảo hẻo lánh — những đoạn này có thể thích hợp thế nào cho các Cơ Đốc nhân sống trong thế kỷ thứ hai mươi "tiến bộ" này? Cứ cho là, nếu đây chỉ là những lời của Phaolô (hầu hết những người theo khuynh hướng tự do thậm chí không chấp nhận *điều này!*) chúng chỉ có thể có được sự quan tâm đối với những người say mê lịch sử Hội Thánh hoặc những người chuyên nghiên cứu về chiều hướng suy nghĩ của các Cơ Đốc nhân ban đầu.

Nhưng các đoạn này cũng là "lời mà Thánh Linh dạy dỗ," và vì vậy đã góp phần tạo thành điều *không quyển sách nào khác* có thể làm. Sự luận giải về đề tài các trưởng lão làm vững mạnh và hậu thuẫn cho sự dạy dỗ tương tự được tìm thấy trong I.Timôthê. Sự lặp lại này không nhằm chán nhưng giống như nhiều ngụ ngôn khác trong Kinh Thánh, đặc biệt trong Cựu Ước, chỉ nhấn mạnh thế nào Chúa hết sức ao ước dân sự Ngài hiểu rõ các nguyên tắc nhất định.

Có lẽ đoạn giá trị nhất trong Tit là 2:11-14, được viết với một văn phong

quần bình đáng yêu, làm tăng cường sự dạy dỗ về ăn điển.

II. Quyển Tác Giả

Xem phần Giới thiệu Các Thư Tin Mục Vụ để có lời bình về xuất xứ của thư Tit.

III. Thời Điểm Viết

Vì cơ sự giống nhau về các chủ đề và cách diễn đạt, các học giả bảo thủ tin rằng Thư Tit được viết cùng khoảng thời gian hoặc ngay sau I.Timôthê. Dẫu là trường hợp nào, nó cùng xuất hiện ngay giữa thời điểm I & II.Timôthê chứ không sau II.Timôthê. Mặc dầu không thể đưa ra niên đại chính xác, khả năng là khoảng thời gian giữa năm 64 và 66 S.C. Địa điểm ban đầu có lẽ là Maxêđoan.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Ngoài những chủ đề có chung với hai Thư Tin Mục Vụ kia (xem phần Giới Thiệu Các Thư Tin Mục Vụ), Tit cho thấy một lời tóm tắt sức tích, tinh túy về cách một người tin Chúa nên tỏ điểm cho giáo lý *ăn điển* bằng sự *tin kính* và *các việc lành*. Nhiều người ngày nay dường như hài lòng với giáo lý ăn điển song, rõ ràng lại rất ít quan tâm đến việc thể hiện sự dạy dỗ ấy qua các việc lành, hoặc thậm chí sự tin kính. Đó là thái độ sai trái cho thấy sự hiểu sai về ăn điển đích thực.

Phaolô tóm tắt chủ đề này một cách hoàn hảo:

"Lời này là chắc chắn, ta muốn con

nói quyết sự đó, hầu cho những kẻ đã tin Đức Chúa Trời lo chăm chỉ làm việc lành." (3:8a).

BỐ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1-4)

II. CÁC TRƯỞNG LÃO TRONG HỘI THÁNH (1:5-9)

III. LỖI PHẠM TRONG HỘI THÁNH (1:10-16)

IV. SỰ THỰC HÀNH TRONG HỘI THÁNH (2:1-15)

V. LỜI KHUYÊN BẢO TRONG HỘI THÁNH (3:1-11)

VI. KẾT LUẬN (3:12-15)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1-4).

1:1 Phaolô vừa là **lời tỏ** của Đức Chúa Trời và **sứ đồ** của Đức Chúa Jêsus Christ. Điều thứ nhất mô tả ông như một người nô lệ của Vị Chủ tối cao, điều thứ hai, ông là một sứ giả của Đức Chúa Trời Tối Thượng. Vai trò thứ nhất nói đến sự thuận phục, vai trò thứ hai mang tính thẩm quyền. Ông đã trở thành người **tôi tớ** bởi sự cam kết cá nhân, trở thành **sứ đồ** bởi sự chỉ định của Đức Chúa Trời.

Các mục tiêu chức vụ của ông là để đưa các người được chọn của Đức Chúa Trời đến đức tin và sự **thông hiểu lẽ thật**. Đưa họ đến **đức tin** có lẽ trước hết hàm ý đưa họ đến *đức tin* hoặc sự quy đạo, hoặc dẫn dắt họ tiếp tục *trong đức tin* sau khi đã được cứu. Vì vậy câu này, hiểu biết **lẽ thật**, dường như bao hàm ý nghĩa thứ hai. Chúng ta hiểu vị sứ đồ muốn nói rằng hai mục tiêu căn bản của ông là: (1) *truyền giáo* – đưa những người được chọn của Đức Chúa Trời đến đức tin; (2) *đạy dỗ* – đưa họ đến sự *thông hiểu lẽ thật*. Đây là sự lặp lại của

Mathiơ 28:20 – giảng Tin Lành cho muôn dân và dạy họ giữ hết mọi điều Đấng Christ đã truyền dạy. Khi nói rõ rằng chính vì gây dựng đức tin của những người được chọn của Đức Chúa Trời, ông đã được kêu gọi, mà không có lời biện hộ nào cả, vị sứ đồ đã đưa chúng ta đối mặt với giáo lý của sự lựa chọn. ít giáo lý nào trong Kinh Thánh bị hiểu lầm, dấy lên nhiều sự tranh luận và gây căng thẳng cho những người có khả năng lý luận hơn giáo lý này. Nói ngắn gọn, giáo lý này dạy rằng Đức Chúa Trời đã chọn những người nhất định trong Đấng Christ trước khi lập nền thế gian với ý định tối hậu để họ phải được nên thánh và không chỗ trách được trước mặt Ngài (Êph. 1:4).¹

Sau khi nói về tư cách sứ đồ của mình, là người có liên quan đến **đức tin của các người được chọn** của Đức Chúa Trời và sự **thông hiểu lẽ thật** của họ, bây giờ Phaolô nói thêm rằng **lẽ thật** này chính là **điều sanh lòng** như **đức**. Nghĩa là đức tin Cơ Đốc phải nhất quán với sự thánh khiết thật và được áp dụng

để đưa con người đến sự **nhận đức** thực tiễn. Sự vẹn lành trong đức tin đòi hỏi sự thành sạch trong đời sống. Không gì phi lý hơn người giảng tin lành bị người ta nói rằng: "Khi ông ta ở trên bục giảng, người ta ước ao ông ta đừng bao giờ xuống khỏi tòa giảng. Khi ông ta xuống khỏi tòa giảng, người ta ước ao ông ta đứng bao giờ bước lên tòa giảng!"

1:2 Sự mạng của Phaolô đi liền với phúc âm có sự nhấn mạnh quan trọng thứ ba. Sự mạng này không chỉ liên quan đến: (1) *truyền giáo* – đưa những người được chọn của Đức Chúa Trời đến đức tin, quả khải; và (2) *dạy dỗ* – đưa họ đến sự hiểu biết thêm về lẽ thật, hiện tại; và cả (3) *sự mạng đời* – **trông cậy sự sống đời đời**, tương lai.

Tân Ước nói đến sự sống đời đời như điều đã được trong hiện tại và cũng là sự trông cậy trong tương lai. Từ **trông cậy** không hàm ý sự không chắc chắn. Giây phút chúng ta tin cậy Chúa Cứu Thế làm Cứu Chúa mình, chúng ta có sự sống đời đời như một sở hữu hiện tại (Giăng 5:24) và trở nên kẻ kế tự tất cả những ích lợi của công lao cứu chuộc Ngài, nhưng chúng ta sẽ không kinh nghiệm sự vui mừng thực tiễn của tất cả những điều đó cho đến khi nào chúng ta về đến nhà đời đời của mình. Chúng ta **trông cậy** với ý nghĩa mong đợi **sự sống đời đời** trong hình thức cuối cùng của nó, khi chúng ta nhận lãnh thân thể vinh hiển và được bước tha đời đời khỏi tội lỗi, bệnh tật, sự buồn rầu, đau đớn, và sự chết (Philíp 3:20,21; Tít 3:7).

Sự trông cậy này là chắc chắn bởi vì nó được Đức Chúa Trời hứa. Không gì

bảo đảm như lời của Đức Chúa Trời, **Đấng không thể nói dối**, Ngài không thể bị lừa dối, và cũng không lừa dối ai. Không có sự liễu linh khi đặt lòng tin nơi điều Ngài phán. Thật vậy, không gì hợp lý hơn cho tạo vật đặt lòng tin nơi Đấng Tạo Hóa mình.

Đức Chúa Trời đã hứa ban sự sống đời đời từ muôn đời về trước. Điều này có thể được hiểu theo hai cách. Trước hết, Đức Chúa Trời đã định từ trước vô cùng để ban sự sống đời đời cho hết thảy những kẻ đặt lòng tin nơi Đức Chúa Jêsus, và điều Ngài định cũng giống như một lời hứa. Hoặc điều đó có thể hàm ý rằng mọi phước hạnh của sự cứu chuộc đều nằm trong hình thức phôi thai qua lời hứa về Đấng Mêsia trong Sáng thế Ký 3:15. Điều này ở trước các thời kỳ hoặc được định để bắt đầu bày tỏ ra.

1:3 Tới kỳ chỉ định, Đức Chúa Trời đã bày tỏ chương trình vinh hiển của sự sống đời đời mà Ngài đã định từ các đời trước. Ngài chưa bày tỏ trọn vẹn chương trình đó trong thời Cựu Ước. Những người tin Chúa lúc ấy có một khái niệm hết sức mù mờ về đời sống sau khi qua đời. Nhưng sự mơ hồ ấy đã biến mất bởi sự hiện đến của Chúa Cứu Thế. Ngài đã "dùng tin lành phổ bày sự sống và sự không hề chết ra cho rõ ràng" (II Timôthê 1:10). Và tin lành này đã được Phaolô cùng các sứ đồ khác rao truyền ra để làm trọn **mạng lệnh Đức Chúa Trời**, là Cứu Chúa chúng ta, qua sự vâng phục Đại Mạng Lệnh.

1:4 Bức thư này được gửi cho Tít, là **con thật của Phaolô trong đức tin chung**. Nhưng Tít này là ai?

Chúng ta phải chấp nối tiểu sử của ông từ những câu rời rạc trong ba bức thư của Phaolô. Sinh ra là người Hy Lạp (Galati 2:3), ông được sinh lại bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus, có lẽ qua chức vụ của Phaolô (Tit 1:4). Một cuộc tranh chiến lúc ấy đã nổi lên dữ dội về việc đầu là tin lành thật. Một bên là Phaolô và tất cả những người đã dạy dỗ sự cứu rỗi bởi ân điển nhờ đức tin, không thêm gì nữa. Còn bên kia là những người theo phong tục Giuđa cứ nhất định rằng phép cắt bì (và vì vậy việc giữ luật pháp) là điều cần thiết cho tư cách công dân loại một trong Nước Đức Chúa Trời. Tít đã trở thành trưởng hợp mẫu trong cuộc tranh chiến này. Phaolô và Banaba đã đưa ông đến Giêrusalem (Gal. 2:1) để dự hội nghị với các sứ đồ và các trưởng lão. Quyết định của giáo hội nghị là những người ngoại như Tít không phải giữ theo luật pháp và các nghi lễ Do Thái để được cứu (Công vụ 15:11). Người ngoại không phải trở thành người Do Thái. Người Do Thái cũng không phải trở thành dân ngoại. Mà, người Do Thái và dân ngoại đều trở thành một tạo vật mới khi họ đặt lòng tin nơi Chúa Jêsus.

Sau đó, Tít đã trở thành một trong những người phụ tá đắc lực nhất của Phaolô, phục vụ như một người "giải quyết rắc rối" ở tại Côrinthô và Corét. Trước hết, vị sứ đồ cử ông từ Êphêsô đến Côrinthô, có lẽ để sửa lại những sự mất trật tự về giáo lý và đạo đức trong Hội Thánh tại đó. Sau đó, khi Tít gặp lại Phaolô ở Maxêdoan, Phaolô hết sức vui mừng khi nghe rằng người Côrinthô đã đáp ứng tích cực trước những lời

khuyến với tư cách sứ đồ của ông (II Côrinthô 2:12,13; 7:5-7,13-16). Từ Maxêdoan, Phaolô đã sai Tít trở lại Côrinthô một lần nữa, lần này để xúc tiến việc quyên góp cho các thành đồ nghèo ở tại Giêrusalem (II Côrinthô 8:6,16,17; 12:18). Phaolô đã mô tả ông là "bạn bè tôi, và là người cùng làm việc với tôi ở nơi anh em" (II Côrinthô 8:23). Chúng ta không biết đích xác Phaolô đã ở với Tít tại Corét khi nào, nhưng mọi người thường tin đó là sau lần Phaolô bị bỏ tù thứ nhất ở tại Rôma.

Lời đề cập sau cùng về Tít là trong II Timôthê 4:10. Ông đã ở với Phaolô trong lần bị tù thứ hai này, nhưng sau đó Phaolô cho biết Tít đã lìa Phaolô để đến Đamati. Yugoslavia ngày nay. Có lẽ Phaolô đã cử ông đến đó mặc dầu giọng văn nói chung trong câu này là của một người cổ đơn và bị bỏ lại.

Vị sứ đồ đã nói về Tít là **con thật** của ta trong đức tin chung. Điều này có lẽ hàm ý Phaolô là một công cụ trong sự quy đạo của Tít, nhưng không nhất thiết như vậy. Phaolô cũng đã gọi Timôthê là con thật của ông trong đức tin (I.Timôthê 1:2), tuy nhiên có thể Timôthê đã là một môn đồ rồi khi Phaolô gặp ông lần đầu (Công vụ 16:1). Vì vậy câu này có thể hàm ý rằng những người trẻ tuổi bộc lộ những phẩm tánh thuộc linh giống với Phaolô, và rằng trong sự hầu việc Chúa có mối liên hệ như con.

Phaolô ước ao cho người phụ tá thân cận trẻ tuổi của mình được **ân điển, lòng thương xót** (bản KT tiếng Việt không có từ "lòng thương xót") và **sự bình an**. Trong bối cảnh này, **ân điển** có

nghĩa là sức mạnh của Đức Chúa Trời cần thiết cho đời sống và sự hầu việc Chúa. Lòng thương xót là tình thương đối với nhu cầu sâu xa của con người. Sự bình an có nghĩa là được thoát khỏi sự lo lắng, sợ hãi và bối rối, bất chấp những hoàn cảnh trái nghịch. Những điều này đều đến từ Đức Chúa Trời, là Cha, và bởi Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta. Vì vậy khi liên kết Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con như là nguồn phượng tiện của ân điển, lòng thương xót, và sự bình an, Thánh Linh của Chúa hàm ý sự bình đẳng trọn vẹn của cả hai.

II. CÁC TRƯỞNG LÃO TRONG HỘI THÁNH (1:5-9)

1:5 Khi Phaolô rời Corét, có những việc nhất định vẫn cần được sắp đặt, những giáo sư giả cần phải bị bịt miệng, và có một nhu cầu cấp bách để thừa nhận những chỉ dẫn thuộc linh trong hội chúng. Ông đã để Tit ở lại để giải quyết những vấn đề đó.

Chúng ta không biết đức tin Cơ Đốc trước hết đã đến tại Corét bằng cách nào. Có lẽ phỏng đoán đúng nhất là những người Corét có mặt tại Giêrusalem vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Côngvụ 2:11) đã trở về mang theo tin lành, và sau đó các hội thánh địa phương đã được thành lập.

Chúng ta cũng không biết chắc Phaolô đã ở cùng Tit tại Corét vào thời điểm nào. Nhưng chúng ta biết rằng ông đã ghé vào Corét một thời gian trong cuộc hành trình đến Rôma với tư cách một tù nhân (Côngvụ 27:12), nhưng tình huống ấy khó mà cho phép một

chức vụ tích cực trong các hội thánh. Bởi vì sách Công vụ các Sứ đồ không đưa ra lời trưng dẫn nào khác về việc Phaolô ở tại Corét, mọi người thường cho rằng chuyến thăm đã xảy ra sau khi ông bị bỏ tù lần đầu tiên ở tại Rôma. Sử dụng đến công việc của một thẩm tử với một ít thông tin của Kinh Thánh, chúng ta có thể diễn lại lộ trình sau đây từ các câu trưng dẫn khác nhau trong các sách của Phaolô.

Trước hết Phaolô đã đi thuyền từ Ý đến đảo Corét trên đường ông đến châu Á (phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay). Lìa Tit ở tại Corét (Tit 1:5), ông đi tiếp đến Êphêsô, thủ phủ của châu Á. Tại Êphêsô, ông giao cho Timôthê thay mặt ông sửa lại những sai trật về mặt giáo lý đã len lỏi vào đó (1.Timôthê 1:3,4). Sau đó ông đi thuyền băng qua biển Aegean đến Maxêdoan để hoàn thành ý định trước hết của ông trong khi ở tù, phải đến thăm Philip ngay khi được thả (Philip 1:26). Cuối cùng ông xuống tây nam băng qua Hy Lạp đến Nicôbôli, là nơi ông hoạch định ở lại trong mùa đông và tại đó ông đã đợi Tit đến gặp ông (Tit 3:12).

Theo Homer, có khoảng chín mươi đến một trăm thành ở tại Corét vào thời của ông, và các hội thánh dường như đã được thành lập ở một số các thành đó. Mỗi thành đều cần phải có các trưởng lão có trách nhiệm được bổ nhiệm.

Các Trưởng Lão

Các trưởng lão, theo ý nghĩa của Tân Ước là những người nam Cơ Đốc trưởng thành có phẩm chất tốt, là người cung ứng vai trò lãnh đạo thuộc linh trong hội thánh địa phương. Danh hiệu

trưởng lão, chỉ đến sự trưởng thành thuộc linh của người nam, được dịch từ tiếng Hy Lạp *presbuteros*, (sang tiếng Anh là "presbyter"). Hy văn *episkopos*, được dịch là "giám mục", "người coi sóc" hoặc "người giám hộ", cũng được dùng để chỉ đến các trưởng lão, mô tả chức năng của họ là người chăn giữ bầy chiên của Chúa.

Các tên gọi "trưởng lão" và "giám mục" thường được hiểu là chỉ đến cùng những người ấy vì các lý do dưới đây. Trong Công vụ các Sứ đồ 20:17, Phaolô kêu gọi các trưởng lão (*presbuterou*) từ Êphêso, trong câu 28, và ông gọi họ là người giám mục (*episkopoi*). Tương tự, trong 1.Phiêrô 5:1,2, Phiêrô dùng những thuật ngữ này thay đổi nhau. Những phẩm chất của người giám mục (*episkopoi*) trong 1.Timôthê 3 và những phẩm chất dành cho trưởng lão (*presbuterou*) trong Tít 1 về thực chất, đều như nhau.

Trong cách dùng hiện nay, "giám mục" có nghĩa là một tổng giám mục giám sát một giáo khu hoặc một nhóm các hội thánh trong một vùng. Nhưng từ này không bao giờ hàm ý đó trong Tân Ước. Khuôn mẫu Kinh Thánh là có một số các giám mục trong một hội thánh chứ không phải một giám mục trên nhiều hội thánh.

Cũng đừng nhầm trưởng lão với mục sư ngày nay, là người mà trách nhiệm chính là rao giảng, dạy dỗ và biến hành các thành lễ trong Hội Thánh địa phương. Người ta thường thừa nhận rằng không có người như thế trong Hội Thánh đầu tiên. Các Hội Thánh ban sơ bao gồm các thành đồ, các giám mục,

và các chấp sự (Philíp 1:1) – chỉ có vậy. Hệ thống hàng giáo phẩm chưa xuất hiện cho đến thế kỷ thứ nhì.

Mục sư theo ý nghĩa Tân Ước là một trong các ân tử phục vụ đặc biệt mà Đấng Christ phục sinh và thánh thiên đã ban cho để gây dựng các thánh đồ cho công việc của chức dịch (Êph. 4:11,12). Trong nhiều phương diện, công việc của các mục sư và các trưởng lão giống nhau; cả hai đều được kêu gọi để chăm sóc và nuôi dưỡng bầy chiên của Chúa. Nhưng hai vai trò này không bao giờ như nhau. Có thể hiểu mục sư là chức vụ lưu hành, (trong khi giám mục thường đi liền với một hội thánh địa phương.

Các chức năng của trưởng lão được nêu lên một cách chi tiết đáng kể:

1. Họ chăm sóc và nuôi dưỡng hội thánh Chúa (Công vụ 20:28; 1.Tim. 3:5; 1.Phi. 5:2).

2. Họ thức canh để bảo vệ hội thánh khỏi những tấn công, cả từ bên ngoài lẫn bên trong (Công vụ 20:29-31).

3. Họ dẫn dắt và quản trị, nhưng bởi sự chỉ dẫn chứ không phải sự thúc ép (1.Tes. 5:12; 1.Tim. 5:17; Hêb. 13:7,17; 1.Phi. 5:3).

4. Họ rao giảng lời Chúa, dạy dỗ đạo lành và phân bác những kẻ đi ngược lại Lời Chúa (1.Tim. 5:17; Tít 1:9-11).

5. Họ tránh các cực đoan và phân xử những việc về giáo lý và đạo đức (Công vụ 15:5,6; 16:4).

6. Họ làm gương cho cả bầy bằng đời sống của mình (Hêb.13:7; 1 Phi. 5:3).

7. Họ tìm cách sửa lại người tin đó tình cờ phạm bất cứ lỗi lầm gì (Gal. 6:1).

8. Họ luôn phải tỉnh thức về linh hồn của các Cơ Đốc nhân trong hội thánh địa phương với tư cách là những người sẽ phải khai trình (Hêb 13:17).

9. Họ thi hành chức vụ cầu nguyện, nhất là với những người đau (Glacô 5:14,15).

10. Họ phải tham gia vào việc lo cho các thánh đồ nghèo (Công vụ 11:30).

11. Họ dự phần trong việc tiến cử những người có ân tứ vào công việc mà Chúa đã kêu gọi họ (I.Tim. 4:14).

Rõ ràng là trong hội thánh đầu tiên, các trưởng lão được chỉ định bởi các sứ đồ và những người đại diện họ (Công vụ 14:23; Tít 1:5). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các sứ đồ và những người đại diện họ có quyền lập một người làm trưởng lão. Để trở thành một giám mục, phải có sự ban sức của Đức Chúa Trời và sự sẵn lòng của con người. Duy Thánh Linh mới có thể lập một người làm giám mục hoặc giám hộ (Công vụ 20:28), nhưng người ấy phải ước ao công việc này (I.Tim 3:1). Phải có sự hòa trộn ấy giữa Đức Chúa Trời và con người.

Ban đầu, khi các hội thánh địa phương được lập vào thời các sứ đồ, không có các trưởng lão; tất cả những người tin Chúa đều mới quy đạo. Nhưng khi thời gian trôi qua, Đức Chúa Trời chuẩn bị những người nhất định cho chức vụ quan trọng này. Bởi vì Tân Ước chưa có trong hình thức viết, Cơ Đốc nhân nói chung không biết các phẩm tính và phận sự của trưởng lão. Chỉ có các sứ đồ và những người phụ tá họ biết rõ. Trên cơ sở sự hiểu biết đó, họ đã chọn ra những người đáp ứng các

tiêu chuẩn của Chúa và công khai nêu tên họ như đã nói.

Ngày nay chúng ta có Tân Ước đầy đủ. Chúng ta biết trưởng lão phải là người thế nào và những bổn phận của trưởng lão là gì. Khi thấy những người đủ tư cách đang hầu việc Chúa tích cực với tư cách những người coi sóc, chúng ta công nhận họ (I.Tês. 5:12) và dâng phục họ (Hêb 13:17). Đây không phải là vấn đề sự lựa chọn của chúng ta mà là việc công nhận những người Chúa đã đẩy lên cho công việc này.

Các phẩm chất của trưởng lão được thấy trong I.Timôthê 3:1-7 và ở đây, trong sách Tít. Đôi khi chúng ta nghe các ý kiến cho rằng nếu đây là những yêu cầu, thì ngày nay không có giám mục. Ý tưởng này hạ thấp thẩm quyền của Kinh Thánh bằng cách hàm ý rằng những lời này không có ý định ấy khi được viết ra. Không có gì là không hợp lý hoặc không đạt được với các tiêu chuẩn đã được cho. Chúng ta để lộ tình trạng thuộc linh thấp kém của chính mình khi coi Kinh Thánh là quá lý tưởng.

1:6 Trưởng lão phải là những người không chỉ tránh được, tức là có sự ngay thẳng không bị thối mác. Không lời cáo tội nào về giáo lý giả hoặc cách cư xử không đúng quy định có thể làm chứng nghịch cùng họ. Điều đó không có nghĩa là họ vô tội, nhưng nếu họ phạm những sai trái nhỏ, họ được thúc giục để sửa ngay lại bằng cách xưng tội với Chúa, xin lỗi người bị hại, và đến bói, nếu có thể được.

Phẩm chất thứ hai, đó là họ phải là **chồng của một vợ**. Điều này được hiểu

theo ít nhất bảy cách khác nhau: (1) là người đã lập gia đình; (2) không được ly dị; (3) không tái hôn sau khi ly dị; (4) không được tái hôn sau khi người vợ thứ nhất qua đời; (5) người ấy không theo chủ nghĩa đa thê; (6) không có tình nhân hoặc vợ lẽ; (7) nói chung, người ấy phải là người chống chung thủy và là tấm gương về đạo đức nghiêm nhặt.

Nếu cụm từ **chống chỉ một vợ** có nghĩa là người ấy phải lập gia đình, thì cùng lý luận đó, người ấy phải có con cái, bởi vì lời tuyên bố trong cùng một câu rằng **con cái** người ấy phải tin Chúa. Chắc chắn trường lão nên có gia đình để có thể xử lý các nan đề gia đình một cách khôn ngoan hơn trong hội thánh. Nhưng câu này chắc chắn không cấm bất cứ người nam chưa lập gia đình nào trong chức vụ trường lão.

Có lẽ điều này không hàm ý người ấy không được ly dị trong bất cứ tình huống nào, bởi vì Chúa Cứu Thế đã dạy rằng ly dị được phép ít nhất là trong một trường hợp (Math 5:32; 19:9).² Câu này cũng không bị coi là tuyệt đối cấm tái hôn sau khi ly dị trong mọi trường hợp. Ví dụ, một người tin Chúa hoàn toàn vô tội có thể bị người vợ không tin Chúa ly dị, sau đó người ấy tái hôn. Trong trường hợp này, người tin Chúa không phải chịu trách nhiệm. Bởi vì cuộc hôn nhân đầu bị tan vỡ bởi sự ly dị và tái hôn của người bạn đời chưa tin Chúa; người ấy được tự do để tái hôn.

Cách giải thích rằng tình trạng đủ điều kiện cho chức vụ trường lão sẽ bị tước mất nếu người ấy tái hôn sau khi vợ thứ nhất qua đời đã bị loại vì một nguyên tắc được tuyên bố trong 1.Côr. 7:39: "Chống còn sống bao lâu, thì vợ

phải buộc chặt với chồng bấy lâu; nếu chồng chết, vợ được tự do, muốn lấy ai tùy ý, miễn là theo ý Chúa."

Nhất định cụm từ **chống chỉ một vợ** hàm ý rằng người trường lão không được theo chủ nghĩa đa thê cũng không được có vợ lẽ hoặc tình nhân. Tóm lại điều này hàm ý rằng đời sống hôn nhân của người ấy phải là tấm gương trong sạch cho bấy chển.

Ngoài ra người ấy cũng phải có các **con tin Chúa, không được bị cáo là hoang tưởng hoặc ngỗ nghịch**. Hơn cả những gì hầu hết chúng ta quan tâm thú nhận, Kinh Thánh buộc cha mẹ phải chịu trách nhiệm về kết quả thế nào của con cái (Châm ngôn 22:6). Khi một gia đình được quản trị tốt và huấn luyện đầy đủ bằng lời Chúa, **con cái** thường theo gương tin kính của cha mẹ. Dấu không quyết định sự cứu rỗi của con cái mình, người cha có thể chuẩn bị con đường của Chúa bằng sự dạy dỗ tích cực qua lời nói, kỷ luật yêu thương, tránh sự giả hình và không nhất quán trong đời sống chính mình.

Nếu con cái tiêu xài hoang phí và nghịch cũng thẩm quyền của cha mẹ, Kinh Thánh quy trách nhiệm cho người cha. Sự nuông chiều và dễ dãi của người cha sẽ bị khiển trách. Nếu không quản trị lối chính gia đình mình, không có khả năng người ấy là một trường lão phù hợp, bởi vì nguyên tắc này được áp dụng cho cả hai trường hợp (1.Tim. 3:5).

Một vấn đề là, yêu cầu **con cái tin Chúa** chỉ áp dụng bao lâu mà con cái còn sống dưới quyền cha mẹ trong gia đình, hay cả khi chúng đã sống xa khỏi gia đình? Chúng tôi ủng hộ quan niệm đầu, tuy nhiên phải nhớ rằng sự đào

luyện của gia đình là một trong những nguyên tắc quyết định tâm tánh cơ bản về sau.

1:7 Giám mục là người quản lý nhà Đức Chúa Trời. Không phải người ấy giúp coi sóc hội thánh của mình. Người ấy đại diện Chúa để trông coi các công việc Chúa trong hội thánh của Chúa. Lần thứ nhì lời này được nhắc cụ thể rằng người ấy phải không chủ trách được - chắc chắn đây là sự lặp lại để nhấn mạnh. Chúng ta không phải nghi ngờ - người ấy phải vượt trên mọi lời chê trách về mặt giáo lý lẫn đạo đức, không nên kêu ngạo. Nếu một người ương bướng, không có khả năng nhìn thấy điều đúng nơi những người khác mình, nếu người ấy không thuận phục, không kiên nhẫn với những ý kiến ngược với mình, thì người ấy không thích hợp để làm người lãnh đạo thuộc linh. Trưởng lão phải là người ôn hòa, không phải là kẻ độc tài hống hách.

Người ấy không nên giận dữ. Nếu tánh khí thất thường, hay thay đổi, người ấy phải học kiểm chế. Nếu có tánh nóng nảy, thì không bao giờ được bộc lộ.

Người ấy không được ghiền rượu. Trong nền văn hóa của chúng ta, điều này dường như quá sơ đẳng nên ít khi cần đề cập. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng Kinh Thánh được viết ra cho mọi nền văn hóa. Trong những xứ sở rượu được các Cơ Đốc nhân sử dụng như một thức uống bình thường, có nguy hiểm của hành vi buông thả hoặc mất tự chủ. Sự thiếu tiết độ đó chính là quan điểm ở đây.

Kinh Thánh phân biệt sử dụng rượu với lạm dụng rượu. Dùng rượu vừa phải

như một thức uống được phép khi Chúa Jêsus biến nước thành rượu ở tại đám cưới Cana (Giăng 2:1-11). Dùng rượu cho mục đích chữa bệnh như Phaolô đã khuyên Timôthê (1.Timôthê 5:23; cũng xem Châm 31:6). Việc lạm dụng rượu và các thức uống mạnh bị lên án trong Châm 20:1; 23:29-35. Mặc dầu lời Chúa không bảo kiêng rượu hoàn toàn, có một tình huống đòi hỏi phải kiêng tránh, đó là khi việc uống rượu gây tổn hại đến một anh em yếu đuối hơn hoặc khiến người ấy bị vấp ngã (Rôma 14:21). Đây là sự cần nhắc quan trọng hơn đã khiến đại đa số các Cơ Đốc nhân tại Bắc Mỹ kiêng rượu hoàn toàn.

Đối với người trưởng lão, vấn đề không phải cấm rượu hoàn toàn, mà là việc sử dụng rượu quá mức dẫn đến những cái vấp ngã.

Người ấy cũng không được hung hãn. Không được sử dụng sức mạnh để thương người khác. Chúng ta đã nghe có các vị trong hàng giáo phẩm có tánh độc đoán đôi khi đánh các thành viên ương ngạnh trong giáo phận của họ. Kiểu hăm dọa trấn áp này bị cấm đối với một giám mục.

Người ấy không được tham lợi, quyết tâm làm giàu quá độ, bất chấp phương tiện sử dụng. Điều đó là đúng, như Samuel Johnson đã nói, rằng "lòng tham bạc vàng, mất cảm xúc và tàn nhẫn là sự bại hoại cuối cùng của con người thoai hóa biến chất." Một trưởng lão thật có thể nói với Phaolô: "Tôi chẳng tham bạc, vàng, hay là ảo vọng của ai hết" (Công vụ 20:33).

1:8 Về mặt tích cực, giám mục phải là người hay tiếp khách. Nhà người ấy

phải luôn mở cửa cho các khách lạ, những người có các nan đề riêng, những kẻ ngã lòng và bị áp bức. Đó phải là nơi của tình thông công Cơ Đốc vui vẻ, và nơi mọi người khách đều được đón tiếp là chính Chúa.

Tiếp theo, trưởng lão phải là người hạn với người hiền - người hiền hoặc điều lành. Lời nói hoặc các sinh hoạt và các mối giao hảo của người ấy phải cho thấy người ấy biết mình khỏi tất cả những gì mờ ám, đáng ngờ hoặc sai trái.

Người ấy phải là người khôn ngoan. Nghĩa là phải thận trọng, có suy xét, biết làm chủ chính mình. Cùng từ này được sử dụng trong Tít 2:2,5,6,12 với hàm ý sáng suốt, tiết độ và tinh táo.

Khi giao thiệp với người khác, trưởng lão phải là người công bình. Với Chúa, người ấy phải thánh sạch. Với chính mình, người ấy phải tiết độ. Đó là điều Phaolô muốn nói đến trong Galatê 5:22,23: "Trái của Đức Thánh Linh là... tiết độ." Hàm ý mọi đam mê và ưa thích của người ấy đều được kiểm soát để vâng phục Đấng Christ. Mặc dù sức mạnh ấy chỉ có thể đến bởi Đức Thánh Linh, cũng phải có sự kỷ luật và sự hợp tác về phía người tín Chúa.

1:9 Người giám mục phải vững vàng trong đức tin, người ấy phải bền đỗ giữ những giáo lý thuộc linh lành mạnh mà Đức Chúa Jêsus và các sứ đồ đã dạy dỗ, ấy là những điều chép trong Tân Ước chúng ta phải giữ. Chỉ cách ấy mới đem lại cho các thánh đồ một chế độ cân đối về đạo lành, và bịt miệng những kẻ nói nghịch cùng lẽ thật.

Đó là những phẩm tánh của người diu dắt tâm linh trong hội thánh địa

phương. Cần phải lưu ý, không điều gì về tài khéo thuộc thế, thành tựu học vấn, địa vị xã hội hoặc sự nhạy bén về kinh doanh được nói đến ở đây. Một người quét đường gù lưng, chất phác và không biết chữ, có thể đủ tư cách làm trưởng lão bởi vì tâm vóc thuộc linh của người ấy. Không đúng khi cho rằng những phẩm chất khiến một người thành công trong kinh doanh cũng làm người ấy thích hợp với vai trò lãnh đạo trong hội thánh.

Một điểm nữa cần phải được đề cập. Hình ảnh nổi lên về một người trưởng lão tin kính không phải là người sắp xếp cho các diễn giả, chỉ tiền bạc, hợp đồng việc sửa chữa cao ốc, và thế là đủ! Người trưởng lão đích thực là người dự phần sâu sắc và sống động trong đời sống tâm linh của hội thánh, lời dạy dỗ và khuyến bảo, khích lệ, quở trách và tủa sửa của mình.

III. SAI PHẠM TRONG HỘI THÁNH (1:10-16).

1:10 Trong Hội Thánh đầu tiên có "sự tự do của Thánh Linh", tức là sự tự do cho những người dự phần trong các buổi nhóm được Thánh linh hướng dẫn. Phaolô mô tả đó là một buổi nhóm cởi mở trong 1.Côrinthô 14:26 "Hỡi anh em, nên nói thế nào? Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kính nhiệm, hoặc nói tiếng lạ, hoặc giải tiếng lạ chẳng? Hãy làm hết thảy cho được gây dựng." Thật là một tình huống kỳ tưởng, khi Thánh Linh của Chúa tự do hành động qua nhiều thành viên khác nhau trong Hội Thánh. Nhưng bản chất con người là, bất cứ nơi nào có sự tự do

như vậy, hầu như lúc nào bạn cũng thấy có những người lao vào đó để lam dụng với những giáo lý giả, bởi lòng tìm vết không đem lại gây dựng, hoặc những điều lan man dồng dài dường như bất tận, thiếu vắng Thánh Linh.

Điều này đã xảy ra trong các hội thánh ở tại Corêt. Phaolô nhận ra rằng cần có vai trò lãnh đạo thuộc linh mạnh mẽ để kiểm soát những sự lạm dụng và để giữ gìn sự tự do của Thánh Linh. Ông cũng nhận biết rằng sự thận trọng hết sức là cần thiết khi chỉ định các trưởng lão hoàn toàn đủ tư cách. Vì vậy ở đây ông nhắc lại những điều kiện cần nhắc nhở trong sự bổ nhiệm các trưởng lão trong các Hội Thánh.

Có nhiều người chẳng chịu vâng phục đã nổi lên khinh thường thẩm quyền của các sứ đồ và chối bỏ sự dạy dỗ của họ. Những kẻ đó hay nói hư không và phỉnh dối. Lời nói của họ không đem lại những ích lợi tâm linh mà cướp mất những lễ thật của con dân Chúa và đưa họ vào trong sai lầm.

Những kẻ gây rối chủ yếu là những người thuộc phái cát bì, tức là những giáo sư Do Thái xưng mình là Cơ Đốc nhân song cứ kháng kháng Cơ Đốc nhân phải chịu cát bì và giữ luật pháp theo nghi thức. Đây rõ ràng là sự chối bỏ công lao đầy đủ trọn vẹn của Đấng Christ.

1:11 Những người như thế phải bị bịt mắt. Họ phải học biết rằng hội thánh không phải là một cộng đồng theo chế độ dân chủ, và sự tự do ngôn luận có những hạn chế. Họ đã phá đổ cả nhà người ta. Điều này có gợi cho thấy họ đang bán lậu các giáo lý độc hại

tại các nhà riêng không? Đó là một phương cách được ưa thích của những kẻ tà giáo (II.Timothê 3:6). Động cơ của họ cũng rất đáng ngờ. Họ chỉ vì tiền, sử dụng chức vụ như bức bình phong để kinh doanh sinh lợi. Sử điệp của họ lôi kéo khuynh hướng giữ luật pháp trong con người, khuyến khích người ta tin rằng mình có thể được Đức Chúa Trời ưa chuộng thông qua những động cơ tôn giáo dẫu đời sống bại hoại và ô uế. Họ vì mỗi lợi đồng bì mà dạy điều không có phép dạy.

1:12 Ở đây Phaolô nhắc nhở Tit về loại người ông đang chăm lo. Lời mô tả thẳng thừng và chua chát lạ lùng thật đúng với các giáo sư giả nói riêng và người Corêt nói chung. Ông trích lời của Epimenides, một trong những phát ngôn nhân về thơ ca của chính họ, sống vào khoảng năm 600 T.C., gọi họ là những kẻ chuyên nói dối, lú đờ, ham ăn mà làm biếng. Dường như mỗi dân tộc đều có các đặc trưng của dân tộc mình, nhưng ít có dân tộc nào có thể thẳng hơn người Corêt trong tình trạng suy đồi này. Họ là những người nghiện nói dối và mê nói dối. Họ giống như các con thú dữ, sống để thỏa mãn những đam mê thô tục và điên cuồng. Rất ghét làm việc và ham mê ăn uống, sống hoàn toàn ở nhà bếp chứ không ở nhà nguyện!

1:13 Vị sứ đồ khẳng định lời mô tả bản chất ấy là chính xác. Tit phải làm việc với những nguyên liệu thô không hứa hẹn - đủ để làm nản chí bất cứ nhà truyền giáo nào! Nhưng Phaolô không loại bỏ những người ấy hoặc khuyên Tit bỏ họ đi. Tin lành có hy vọng cho

những con người tệ hại nhất. Vì vậy, Phaolô khuyên người phụ tá của ông **hãy quở nặng họ, hãy cho họ có đức tin Cơ Đốc vẹn lành hay lành mạnh.** Một ngày kia, những người này không những có thể là những tín hữu gương mẫu, mà còn là những trưởng lão tin kính trong các hội thánh địa phương. Câu này tràn đầy sự khích lệ cho những nhân sự Cơ Đốc trong các cánh đồng gian khó trên thế giới (có cánh đồng nào là không khó khăn?). Vượt trên tánh khí thô lỗ, sự ngu dốt và thái độ không đáp ứng của người dân, luôn có khả năng họ sẽ trở nên các thánh đồ đầy ân điển, thanh sạch và kết quả.

1:14 Để quở nặng các giáo sư giả, Tít phải cảnh cáo họ chớ nghe **những chuyện huyền của người Giuda, và điều răn của người ta trái với lẽ thật.** Những người theo phong tục Do Thái sống trong một thế giới ảo tưởng mang màu sắc tôn giáo và các nguyên tắc tập trung quanh các thức ăn sạch và không sạch, giữ các ngày, và kiêng kỵ sự ô uế theo nghi thức. Chính vì điều đó mà Phaolô đã viết trong Cô-lô-se 2:23: "Dẫu bề ngoài có vẻ khôn ngoan, là bởi thờ lạy theo ý riêng, cách khiêm nhượng và khắc khổ thân thể mình; nhưng không ích gì để chống cự lòng dục của xác thịt."

1:15 Điều vị sứ đồ nói tiếp đã khiến dấy lên một sự giải thích sai lạc đến nỗi cần phải có một sự giải thích chi tiết. Ông viết: "**Mọi sự là tinh sạch cho những người tinh sạch, nhưng cho những kẻ đờ đáy và chẳng tin, thì không sự gì là tinh sạch cả; trái lại, tâm lẫn và lương tâm họ là đờ đáy nữa.**"

Nếu chúng ta lấy câu **mọi sự là tinh sạch cho những người tinh sạch** ra khỏi văn mạch như một tuyên bố của lẽ thật *tuyệt đối* trong mọi lãnh vực của đời sống, chúng ta gặp rắc rối! Mọi sự đều không tinh sạch, ngay cả đối với những người có tâm trí trong sạch. Song, người ta thực tế đã dùng câu này để chứng minh những tạp chí suy đồi, những phim ảnh khiêu gợi, và thậm chí bản thân sự vô luân là đúng. Đây là điều Phiêrô gọi là sự xuyên tạc Kinh Thánh "chước lấy sự hư mất riêng về mình" (II.Phiêrô 3:16).

Phải hiểu rõ rằng câu này hoàn toàn không liên quan gì đến những điều tội lỗi bị Kinh Thánh lên án. Câu tục ngữ này phải được hiểu trong ánh sáng bối cảnh của nó. Phaolô không nói về những vấn đề mang tính đạo lý dứt khoát, hoặc những việc vốn là đúng hoặc là sai. Mà ông đang luận đến những vấn đề không quan trọng về mặt đạo đức, những điều chỉ là sự ô uế về mặt nghi thức dành cho một người Giuda sống dưới luật pháp nhưng lại hoàn toàn hợp pháp đối với một Cơ Đốc nhân sống dưới ân điển. Ví dụ rõ ràng là việc ăn thịt heo. Dân sự Chúa bị cấm ăn thịt heo trong Cựu Ước, nhưng Chúa Jesus đã thay đổi tất cả điều đó khi Ngài phán rằng không điều gì vào trong một người có thể làm ô uế người ấy (Mác 7:15). Khi nói điều này, Ngài công bố mọi thức ăn đều sạch (Mác 7:19). Phaolô đã tập lại lẽ thật này khi ông nói: "Vả, ấy chẳng phải là đồ ăn làm cho chúng ta được đẹp lòng Đức Chúa Trời; nếu chúng ta ăn, chẳng được ích gì, bằng không ăn, cũng chẳng tổn gì."

(1.Côr. 8:8). Khi ông nói: "Mọi sự là tinh sạch cho những người tinh sạch," ông hàm ý rằng đối với những người tin Chúa đã được tái sanh, mọi thức ăn đều là sạch, **nhưng cho những kẻ dơ dáy và chẳng tin, thì không sự gì là tinh sạch cả.** Không phải thức ăn người ta ăn làm ô uế người ấy nhưng chính là điều ra từ tâm lòng người ấy (Mác 17:20-23). Nếu đời sống bên trong của một người bị ô uế, nếu người ấy không có đức tin đặt nơi Chúa Jêsus, thì không có gì là tinh sạch đối với người ấy. Việc tuân giữ các nguyên tắc về chế độ ăn không ảnh hưởng gì đến người ấy. Hơn bất cứ điều gì khác, người ấy cần phải được biến đổi, cần tiếp nhận sự cứu rỗi như một sự ban cho nhưng không, thay vì cố gắng kiếm được điều đó qua các nghi lễ và tinh thần giữ luật pháp. Chính tâm tri và lương tâm của những người ô uế đã bị bại hoại. Cách suy nghĩ và sức mạnh đạo đức của họ đều đã bị ô uế. Đây không phải là vấn đề ô uế về nghi thức bề ngoài, mà là sự bại hoại và suy đồi bên trong.

1:16 Rõ ràng khi nói về các giáo sư giả, tức là những người theo phong tục Giuđa, Phaolô bảo họ **xưng mình biết Đức Chúa Trời, nhưng theo những việc làm của họ thì đều từ chối Ngài.** Họ giả vờ là những tín hữu Cơ Đốc, nhưng sự thực hành của họ không đi đôi với lời xưng nhận của họ. Để lời quở trách thêm nhức nhối, vị sứ đồ cáo họ là **đáng ghê, trái nghịch, và không thể làm một việc lành nào hết.** Cách cư xử của cá nhân họ thật đáng ghê tởm. Trước mặt Chúa, cách cư xử của họ là một bản cáo trạng về sự trái nghịch ngu

nguội. Còn về việc lành đối với Chúa hoặc con người, họ không xứng đáng. Có phải vì liên hệ ràng buộc của tinh yêu Cơ Đốc, mà Phaolô phải nói về những người khác cách mạnh mẽ như vậy không? Câu trả lời là một từ có được nhấn mạnh! Tinh yêu thương không bao giờ che đậy tội lỗi. Những người này đang làm hỏng phúc âm, không tôn trọng Thần vị và công lao của Chúa Jêsus, lừa dối tinh hồn người ta. Chiều chuộng những kẻ lừa dối đó là phạm tội.

IV. SỰ THỰC HÀNH TRỌNG HỘI THÁNH (2:1-15)

2:1 Đời sống của các giáo sư giả là một *sự phi báng* (libel) chứ không phải *Kinh Thánh* (Bible). Qua cách cư xử, họ chối bỏ những lẽ thật quan trọng của đức tin. Ai có thể lường được những tổn hại của lời chứng Cơ Đốc bởi những kẻ mạo xưng là thánh khiết nhưng sống giả dối? Công việc được giao cho Tit (và hết thảy những tôi tớ thật của Chúa) là phải dạy điều **hiệp với đạo lành.** Ông phải thu hẹp khe hở khó chịu giữa môi miệng của dân sự Chúa với đời sống họ. Câu này thật sự là ý chủ đạo của bức thư này – là nếp sống thực hành đạo lý lành là qua các việc lành. Các câu sau đây cho các ví dụ thực tiễn cho thấy các việc lành này phải như thế nào.

2:2 Trước hết chúng ta đến với **những người già cả** – không phải là các trưởng lão với hàm ý chức vụ, mà là những người nam có tuổi và trưởng thành. Họ phải **tiết độ.** Tức là có chừng mực trong việc sử dụng rượu, nhưng mở rộng ra có nghĩa cần thận trọng mọi

lãnh vực cư xử. Họ phải **nghiêm trang** và **đàng hoàng**, *đúng vậy*, nhưng xin đừng có u sầu! Những điều khác đã đủ ưu phiền cho họ rồi. Những người lớn tuổi phải **khôn ngoan**, tức là **quần bằng** và **thận trọng**. Họ phải có **đức tin**. Tuổi tác khiến một số người chai cứng, cay đắng và bi quan. Những người có đức tin lành mạnh thì có lòng cảm tạ, tinh thần lạc quan và bầu bạn tốt. Họ phải **vẹn lành** trong tình yêu thương. Tình yêu thương không ích kỷ, biết nghĩ đến người khác và tự bày tỏ qua sự ban cho. Họ cũng phải **mạnh mẽ** trong sự **nhịn nhục**. Tuổi tác có những yếu đuối và những bất năng, thường khó chấp nhận. Những người vẹn lành trong sự **nhịn nhục** bởi ân điển chịu các hoạn nạn với thái độ can đảm.

2:3 Các bà già cũng phải có **thái độ khôn ngoan**. Hãy giải cứu mình khỏi những người phụ nữ nhẹ dạ, suy nghĩ của họ chỉ tập trung vào những vấn đề phù phiếm! Họ không được nói xấu. Từ Phaolô dùng ở đây là từ Hy Lạp dành cho ma quỷ (*diabolos*). Từ này thích hợp bởi vì ngôi lễ mách lẻo với ác ý là điều ác trong nguồn gốc và bản chất. Họ chớ nô lệ cho sự say sưa. Thật ra, họ không được làm nô lệ cho bất cứ thức ăn, thức uống hoặc loại thuốc nào. Mặc dầu không được giao cho chức vụ dạy dỗ *trước mọi người* trong Hội Thánh, những người nữ lớn tuổi được ủy thác việc dạy dỗ trong gia đình. Ai có thể lường hết được tiềm năng của một chức vụ như thế!

2:4 Nói cụ thể, người nữ lớn tuổi phải **dạy dỗ** bà trẻ tuổi. Những năm

tháng học tập Kinh Thánh và Kinh nghiệm thực tế giúp người ấy có thể truyền lại những lời dạy dỗ giá trị cho những người mới vào đời. Nếu không, mỗi thế hệ mới sẽ phải học tập một cách đau thương, lặp lại những lỗi lầm trong quá khứ. Dấu ở đây trách nhiệm dạy dỗ được nẩy trên những người **phụ nữ lớn tuổi**, bất cứ người trẻ tuổi khôn ngoan nào cũng sẽ nuôi dưỡng tình bạn với những Cơ Đốc nhân tin kính lớn tuổi hơn và tìm kiếm lời khuyên và sự sửa dạy của họ.

Thiếu nữ trẻ phải được dạy để **biết yêu** chồng mình. Điều này còn nhiều hàm ý nữa chứ không phải chỉ hôn chồng khi chồng rời nhà đi làm. Có vô số cách để vợ có thể bày tỏ sự tôn trọng thực sự đối với chồng – bằng cách thừa nhận vai trò làm đầu của chồng trong gia đình, không thực hiện những quyết định quan trọng nếu không có ý kiến của chồng, bằng cách giữ cho nhà cửa ngăn nắp, lưu ý đến diện mạo cá nhân, bằng cách sống trong khả năng kinh tế của họ, bằng cách xưng nhận tội kịp thời, bằng cách tha thứ bởi ân điển, bằng cách giữ cho đường dây truyền thông luôn cởi mở, bằng cách tránh những lời chỉ trích hoặc mâu thuẫn với chồng ở trước mặt người khác, và hậu thuẫn khi sự việc trục trặc.

Họ phải được dạy để **yêu con** mình – bằng cách đọc Kinh Thánh và cầu nguyện với chúng, bằng cách ở nhà khi chúng từ trường hoặc nơi chơi đùa trở về, bằng cách kỷ luật dứt khoát và công bằng, bằng cách làm gương cho chúng sự hầu việc Chúa thay vì hầu việc thế gian – và địa ngục.

2:5 Phụ nữ trẻ tuổi cũng phải được dạy để có nề nã. Nghĩa là có ý thức tình tế về những gì thích hợp đối với họ với tư cách người Cơ Đốc và tránh những thái cực. Họ cũng phải trình chánh, chung thủy với chồng mình và tránh sự ô uế trong tư tưởng, lời nói, hoặc hành động. Phải biết trông nom việc nhà. Phải nhận biết rằng đây là sự hầu việc Chúa, có thể được làm vì sự vinh hiển của Chúa. Những người nữ lớn tuổi phải tìm cách khắc sâu giá trị cao quý của việc phục vụ Chúa trong gia đình với tư cách người vợ, người mẹ hơn là làm việc trong ngành kinh doanh hoặc buôn bán mà bỏ bê gia đình và nhà cửa. Những thiếu nữ trẻ phải được dạy để biết ở lành - cách sống vì người khác, biết tiếp đãi khách, có ân hậu và rộng lượng, không ích kỷ và khư khư giữ lấy cho mình. Họ phải vâng phục chồng mình, công nhận chồng là đầu gia đình. Nếu người vợ có tài và năng lực hơn chồng mình, thay vì cai trị chồng, phải khích lệ và giúp đỡ chồng tích cực hơn trong vai trò lãnh đạo gia đình và trong sự hầu việc Chúa tại hội thánh địa phương. Nếu bị cám dỗ để rầy rà, phải chống lại cám dỗ ấy và khen ngợi chồng thay vào đó. Mọi điều đó nhằm giữ cho đạo Đức Chúa Trời không bị chê bai hoặc mang tiếng xấu. Xuyên suốt bức thư này, Phaolô biết rõ những cách làm cho đạo của Đức Chúa Trời bị chê trách bởi đời sống không nhất quán của con dân Ngài.

2:6 Phaolô không khuyên Tit dạy dỗ đờn bà trẻ tuổi. Vì thật trọng, chức vụ này được dành cho những người nữ lớn

tuổi. Nhưng Tit được dặn hãy khuyên những người tuổi trẻ, và lời khuyên đặc biệt là họ phải ở cho có liết độ và kiểm soát chính mình. Một lời thích hợp - bởi vì tuổi trẻ là thời kỳ nhiệt tình tràn trề, năng lực không dứt, và những thói thúc cháy bỏng. Trong mọi lãnh vực của đời sống, họ cần phải học uết chế và quân bình.

2:7 Phaolô cũng có một lời khuyên đặc biệt dành cho Tit. Là người được giao cho chức vụ công khai trong các Hội Thánh, Tit phải cẩn thận để nêu gương nhất quán về việc lành. Phải có sự song hành gần bó giữa lời dạy dỗ với cách cư xử của mình. Sự dạy dỗ của Tit phải được đặc trưng bởi sự thanh sạch, nghiêm trang và không bại hoại. Nghiêm trang có nghĩa là sự dạy dỗ đó phải phù hợp với đức tin đã được ban phát cho các thánh đồ một lần đủ cả. Qua sự nghiêm trang, Phaolô nhấn mạnh rằng sự dạy dỗ ấy phải có giá trị và khôn ngoan. Không bại hoại, một phẩm tánh thật đáng buồn đã bị loại bỏ trong hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại,³ có liên quan đến người giáo sư chân thật không thể sai trật so với con đường của lẽ thật.

2:8 Nói năng phải lời, không chỗ trách được là thoát khỏi bất cứ điều gì khiến phải bị bắt bẻ chống đối. Nói năng không rơi vào những vấn đề phụ, những giáo lý mới lạ, những quan điểm kỳ quặc, sai trật, và những điều tương tự. Loại chức vụ này không thể bẻ bác được. Những kẻ chống trả đạo lành phải xấu hổ vì không tìm được một khe hở nào trong bình giáp của người tin Chúa.

Không luận chứng nào hiệu quả cho bằng một đời sống thành khiết!

2:9 Bây giờ là các huấn thị đặc biệt dành cho các nô lệ. Chúng ta nên nhớ rằng Kinh Thánh thừa nhận sự tồn tại của các thể chế, song không nhất thiết ủng hộ. Ví dụ Cựu Ước kỹ thuật đời sống đa thê của nhiều vị tộc trưởng, song đa thê không bao giờ là ý định của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài. Đức Chúa Trời không bao giờ ủng hộ những bất công và độc ác của sự chiếm hữu nô lệ; Ngài sẽ bắt những người chủ này phải khai trình trong ngày hầu đến. Đồng thời Tân Ước không ủng hộ việc lật đổ chế độ chiếm hữu bằng cách mạng vũ trang. Mà lên án và loại bỏ những sự lạm dụng nô lệ bằng quyền phép của phúc âm. Lịch sử cho thấy những điều ác của chế độ nô lệ đã biến mất bất cứ nơi nào lời của Chúa được rao giảng và dạy dỗ rộng rãi.

Nhưng trong lúc này, khi mà tình trạng nô lệ vẫn còn tồn tại, người nô lệ không bị loại khỏi điều tốt nhất trong Cơ Đốc giáo. Người ấy có thể là một lời chứng về quyền phép biến đổi của Đấng Christ, và có thể tố điểm cho sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta. Nhiều chỗ trong Tân Ước được dành ra cho các nô lệ nhiều hơn là những người cầm quyền trên các dân tộc! Đây có lẽ là một manh mối về tầm quan trọng tương đương của họ trong nước Đức Chúa Trời. Các lời từ Cơ Đốc nhân phải vâng lời chủ, trừ khi điều đó có nghĩa là không vâng lời Chúa. Trong trường hợp đó, họ sẽ phải từ chối và nhận nhục chịu những hậu quả với tư cách người tin Chúa. Họ phải đem lại sự

thỏa mãn trong mọi phương diện, tức là phải hiệu quả cả về số lượng lẫn chất lượng. Toàn bộ sự phục vụ như vậy có thể được làm như làm cho Chúa và sẽ được chính Ngài ban thưởng đầy đủ. Họ không được cãi trả hoặc trâng tráo. Nhiều nô lệ đã có được đặc quyền đưa chủ mình đến với Chúa Jesus vào những ngày đầu của Cơ Đốc giáo, phần lớn do sự khác biệt quá hiển nhiên giữa các nô lệ ngoại giáo và chính họ.

2:10 Một trong những khác biệt rõ rệt nhất đó là người Cơ Đốc không đầu hàng trước tội lỗi thường gặp nơi các nô lệ khác như, ăn cắp. Tiêu chuẩn đạo đức Cơ Đốc ràng buộc họ với sự chân thật nghiêm ngặt. Có lạ gì khi những nô lệ Cơ Đốc được đòi một giá cao hơn ở nơi đầu già? Nói chung họ được dạy phải bày tỏ sự trung thành tuyệt đối và ngay thẳng. Họ phải hoàn toàn đáng tin cậy và vì vậy làm cho tôn quý đạo Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta trong mọi phương diện của đời sống và sự phục vụ. Điều đúng đối với các tội từ Cơ Đốc vào lúc ấy cũng phải đúng với hết thảy những người làm công Cơ Đốc ngày nay.

2:11 Bốn câu tiếp theo hình thành một bức tranh minh họa đẹp đẽ về sự cứu rỗi của chúng ta. Nhưng khi chiêm ngưỡng tác phẩm văn chương quý báu này, chúng ta đừng tách nó ra khỏi bối cảnh. Phaolô khuyến khích cư xử nhất quán của tất cả các thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời. Bấy giờ ông cho thấy một trong những mục đích lớn nhất của sự cứu rỗi chúng ta là để sinh ra đời sống thành khiết trọn vẹn.

Và, **án điển của Đức Chúa Trời... đã được bày tỏ ra rồi.** Ở đây **án điển của Đức Chúa Trời** gần như tương đương với Con Đức Chúa Trời. **Án điển của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra** khi Chúa Jêsus tham viếng hành tinh của chúng ta và đặc biệt là khi Ngài phó chính mình vì tội lỗi chúng ta. Ngài đã hiện ra để cứu rỗi mọi người. Công lao thay thế của Ngài đầy đủ cho sự cứu chuộc của mọi người. Một cái giá chân thật của sự miễn thứ và tha tội đã được thực hiện cho mọi người. Nhưng chỉ có những ai thật sự tiếp nhận Ngài làm Chúa và Cứu Chúa mình mới được cứu. Không có gợi ý gì ở đây hoặc nơi nào khác trong Kinh Thánh cho rằng mọi người cuối cùng đều sẽ được cứu. Sự cứu rỗi của toàn thể nhân loại là một điều dối trá của ma quỷ.

2:12 Chính **án điển** đã cứu chúng ta cũng **đào luyện** chúng ta trong trường của sự thánh khiết. Có những từ "Không, Không được" trong trường ấy chúng ta phải học để từ chối. Thứ nhất là sự không tin kính, có nghĩa là vô đạo, thứ hai là tình dục thể gian – không chỉ là những tội về tình dục, mà còn là những tham muốn về của cải, quyền lực, vui thú, danh vọng hoặc bất cứ điều gì khác vốn mang bản chất của đời này.

Về mặt tích cực, **án điển** dạy chúng ta **sống liết độ, công bình** đối với người khác, và **tin kính** trong ánh sáng thánh sạch của sự hiện diện Ngài. Đó là những phẩm hạnh phải đặc trưng cho chúng ta trong đời này, khi mọi sự về chúng ta đều sắp sửa bị phân hủy. Đó là nơi của cuộc thiên lộ lịch trình chúng ta chứ chưa phải là quê hương cuối cùng của chúng ta.

2:13 Trong khi sống như những người khách lạ trên thế gian này, chúng ta được cảm thúc bởi một sự trông cậy huy hoàng – đó là sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ. Qua điều này, chúng ta có hiểu rằng sự **Cất lên**, tức là khi Đấng Christ hiện ra trong vinh hiển cho Hội Thánh và các Hội Thánh lên thiên đàng (1.Têsalônica 4:13-18) không? Hay điều đó ám chỉ Đấng Christ đến trị vì, khi Ngài hiện ra trong sự vinh hiển cho thế gian, hủy phá những kẻ thù nghịch mình và lập nước Ngài (Khải huyền 19:11-16)? Về cơ bản, chúng ta tin Phaolô muốn nói đến điều thứ nhất – tức là việc Đấng Christ đến tiếp đón cô dâu của Ngài, là Hội Thánh. Nhưng đầu Ngài đến với tư cách chàng rể hay nhà vua, người tin Chúa cũng phải sẵn sàng và trông đợi sự hiện đến vinh hiển của Ngài.

2:14 Khi chờ đợi Ngài Trở lại, chúng ta đừng hao giờ quên mục đích sự Đến Lần Thứ Nhất của Ngài và hy sinh chính mình Ngài. Ngài đã phó chính mình không chỉ để cứu chúng ta khỏi tội lỗi và án phạt của tội lỗi mà còn để **chuộc chúng ta khỏi mọi tội**. Chỉ là một nửa sự cứu rỗi nếu án phạt của tội lỗi đã bị phá bỏ mà sự thống trị của nó trong đời sống chúng ta còn chưa bị trị phục.

Ngài cũng đã phó chính mình để làm cho **sạch, đáng lấy** chúng ta làm một dân **thuộc riêng về Ngài**. Bản Kị 16:11 đã ghi một cách kỳ quặc: "một dân khác thường." Chúng ta rất thường xuyên là một dân khác thường, nhưng không theo cách Ngài muốn! Ngài đã

không chết để khiến chúng ta nên một dân khác thường hay lạ lùng, mà là một dân thuộc về Ngài **cách đặc biệt** – không phải cho thế gian hay cho chính mình. Và Ngài đã **phò chính mình vì chúng ta để chúng ta có lòng sốt sắng về các việc lành**. Chúng ta phải có lòng nhiệt thành để làm những việc lành trong danh Ngài và vì sự vinh hiển của Ngài. Khi chúng ta nghĩ đến lòng sốt sắng của con người dành cho thể thao, chính trị, công việc kinh doanh, chúng ta phải được dứt dấy để ganh tị và được cảm thúc để làm lành.

2:15 Các điều đó là những điều mà Tit được ủy thác để dạy dỗ – mọi điều đã được luận đến trong các câu trước, và đặc biệt là mục đích sự chịu khổ của Đấng Cứu Thế. Ông được **khuyến phái** khuyến khích các thánh đồ sống tin kính thực tiễn và **quả trách** bất cứ ai đi ngược lại lời dạy của các sứ đồ hoặc bằng lời nói hoặc qua đời sống. Ông không phải xin lỗi khi thi hành chức vụ mạnh mẽ lên quyết; hãy để ông làm điều đó **với quyền đầy đủ** và sự dạn dĩ của Đức Thánh Linh. **Chớ để ai khinh để con**. Tít không cần phải phân vân vì tuổi trẻ của mình, nguồn gốc ngoại bang của mình, hoặc bất cứ sự bất năng tự nhiên nào. Ông đang nói về lời của Chúa, và điều đó tạo nên toàn bộ sự khác biệt.

V. LỜI KHUYÊN BẢO TRỌNG HỘI THÁNH (3:1-11)

3:1 Tít cũng phải nhắc lại cho những người tin Chúa trong các hội thánh Cốt về trách nhiệm của họ đối với bậc cầm quyền. Đối với người Cơ Đốc là, mọi chính thể đều do Đức Chúa

Trời chỉ định (Rôma 13:1). Một chế độ có thể hết sức mâu thuẫn với các tiêu chuẩn hành xử Cơ Đốc hoặc thậm chí đối địch tại với Cơ Đốc nhân, nhưng bất cứ chính thể nào cũng vẫn tốt hơn là không có chính phủ gì cả. Không có chính phủ là tình trạng vô chính phủ, và người dân không thể tồn tại lâu dài trong tình trạng vô chính phủ. Dấu cho cá nhân người cai trị không biết Chúa, người ấy vẫn "được chỉ định bởi Chúa" trong vị trí chức vụ của mình, và vì vậy phải được tôn trọng. Cơ Đốc nhân phải là người vâng phục những bậc cầm quyền chấp chánh nhưng nếu chính quyền lìa bỏ phạm vi được chỉ định bởi Chúa mà đòi buộc người tin Chúa không vâng lời Ngài, thì người tin hữu phải từ chối theo nguyên tắc của Công vụ các Sứ đồ 5:29; "Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta." Nếu bị trừng phạt người ấy phải mang lấy hình phạt cách nhu mì vì Chúa. Người ấy không bao giờ được tham gia nổi loạn chống lại chính phủ hoặc tìm cách lật đổ chính phủ bằng bạo lực.

CƠ ĐỐC NHÂN VÀ THẾ GIỚI NÀY

Người tin Chúa phải tuân giữ luật pháp, kể cả các luật về giao thông, và đóng thuế thu nhập cùng những thứ thuế khác. Nói chung, họ phải là những công dân tôn trọng luật pháp, đường hoàng, vâng phục. Tuy nhiên có ba lãnh vực trong đó Cơ Đốc nhân phải suy xét khác hơn về trách nhiệm thích đáng của họ. Đó là những vấn đề về bầu cử, tìm kiếm những viên chức được bầu chọn, và việc đi lính với các lực lượng có trang

bị vũ khí. Về hai điều đầu, những chỉ dẫn lịch sử dưới đây được đặt để trong Kinh Thánh:

1. Cơ Đốc nhân ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian (Giăng 17:14,16).

2. Toàn bộ hệ thống của thế gian đều nằm trong tay của kẻ ác, và đã bị Chúa lên án (I.Giăng 5:19b; 2:17; Giăng 12:31).

3. Sự mạng của người Cơ Đốc không phải là cải thiện thế gian, mà để đưa con người được cứu khỏi thế gian.

4. Mặc dầu người tin Chúa hầu như không thể tránh tư cách công dân của một đất nước nào đó trên đất, tư cách công dân chính của người ấy là ở thiên đàng - lớn đến nỗi người ấy phải kể mình là người bộ hành và khách lạ trên đất này (Philíp 3:20; I.Phiêrô 2:11).

5. Không một người lính nào đang tại ngũ mà còn lấy việc đời làm lụy mình, kéo làm buồn lòng người đã chiêu mộ mình (II.Timôthê 2:4).

6. Chúa Giêsu đã phán rằng: "Nước của ta chẳng phải thuộc về thế gian này." (Giăng 18:36). Là sứ giả của Ngài, chúng ta phải bày tỏ lễ thật này cho thế gian.

7. Hoạt động chính trị thường trở nên bại hoại bởi chính bản chất của nó. Cơ Đốc nhân phải phân rẽ mình khỏi những điều độc ác và bất công (II.Côrinthô 6:17,18).

8. Trong việc bầu cử, Cơ Đốc nhân thường bỏ phiếu cho người được tin là ngay thẳng và thành thật. Nhưng đôi khi ý định của Chúa là tôn cao những người có địa vị thấp (Đanlên 4:17). Làm thế nào chúng ta có thể biết và tuân theo ý muốn của Chúa trong trường hợp đó?

Một vấn đề nữa là người tin Chúa phải đi linh khi tổ quốc kêu gọi. Có những lập luận mạnh mẽ về cả hai phía, nhưng đối với tôi dường như cần cần chứng cứ chống lại việc tham gia. Các nguyên tắc được liệt kê bên trên có liên quan đến vấn đề này nhưng còn có những điều bổ sung thêm. (1) Chúa chúng ta phán rằng: "Vi bằng nước ta thuộc về thế gian này, thì tôi tớ của ta sẽ đánh trận" (Giăng 18:36). (2) Ngài cũng phán: "Vi hề ai cầm gươm thì sẽ bị chết vì gươm (Mathiô 26:52). (3) toàn bộ ý tưởng của việc cắt đi sự sống con người đi ngược lại sự dạy dỗ của Ngài là Đấng đã phán: "Hãy yêu kẻ thù nghịch mình" (Mathiô 5:44).

Những người không chịu cầm vũ khí có thể thấy dễ chịu nếu sống trong một đất nước cho phép đăng ký từ chối nhập ngũ vì cho đó là sai hoặc không trực tiếp chiến đấu.

Mặt khác, nhiều Cơ Đốc nhân từng phục vụ trong chiến đấu với vinh dự. Họ nhận xét rằng Tân Ước trình bày những người đội trưởng (như Cotonây và Julius) trong ánh sáng hết sức thiện cảm. Những hình ảnh về đời sống quân đội cũng được sử dụng để minh họa cho chiến trận trong đời sống của *người Cơ Đốc* (như Êphêso 6:10-17). Nếu việc đi lính vốn là *sai* thì Phaolô thế nào lại kêu gọi chúng ta trở thành "những người lính giỏi của Đức Chúa Giêsu Christ." Dẫu theo quan điểm nào, cũng không nên đoán xét hoặc lên án những người không đồng ý. Vẫn có chỗ cho những ý kiến khác nhau.

Một bốn phần nữa của người môn đồ Cơ Đốc là phải sẵn sàng làm mọi

việc lành. Không phải mọi công việc đều đáng tôn trọng – rất nhiều việc quảng cáo ngày nay xây dựng trên những điều dối trá, và một số ngành kinh doanh bán các sản phẩm có hại cho sức khỏe thuộc thể, tâm trí và tâm linh của con người. Theo lương tâm tốt lành hoàn toàn, nên tránh những nghề nghiệp này.

3:2 Cơ Đốc nhân chớ nên nói xấu ai. Những chỗ khác trong Kinh Thánh cấm rõ ràng việc nói xấu bực cảm quyền (Xuất. Ký 22:28; Công vụ Các Sứ đồ 23:5) – một mạng lịnh mà tất cả các Cơ Đốc nhân phải nhớ trong khoảng thời gian sôi động nhất của một chiến dịch chính trị hoặc trong những lúc có đàn áp và bắt bớ. Nhưng ở đây lời huấn thị được mở rộng để bảo vệ mọi người khỏi sự chế nhạo, vu khống, lăng nhục hoặc sỉ nhục bằng lời nói. Biết bao nhiêu nỗi đau buồn và rắc rối đã có thể tránh được nếu Cơ Đốc nhân tuân theo giới mạng đơn giản này, **chớ nói xấu ai!**

Chúng ta **chớ tranh cạnh** và hãy tránh sự cãi lầy. Phải có hai người mới phát sinh cuộc cãi lầy. Khi ai đó tìm cách mở cuộc cãi cọ với biến sĩ Ironside về một vấn đề không quan trọng mấy mà ông đã giảng dạy, ông sẽ trả lời: "Vâng, người anh em yêu mến, khi vào thiên đàng, một trong hai chúng ta sẽ là người sai, và có lẽ người đó là tôi." Tinh thần đó đã làm kết thúc mọi cuộc cãi lầy.

Chúng ta phải **dung thứ**. Thật khó nghĩ đến phẩm tánh này mà không nhớ đến Chúa Jêsus. Ngài là người dịu dàng và rộng lượng, thích hòa bình và hay thân thiện. Chúng ta cũng phải tỏ ra

một cách mềm mại **trọn vẹn**, hay lịch sự **đối với mọi người**. Dường như cách cư xử tao nhã phải được dạy như một phẩm tánh của người Cơ Đốc, là điều hết sức thích đáng. Điều này chủ yếu hàm ý suy nghĩ đến người khác với tinh thần khiêm nhường, đặt người khác lên trước, nói và làm những điều có ân hậu. Cư xử tao nhã. Phục vụ người khác trước khi phục vụ mình, nắm lấy những cơ hội để giúp đỡ, và bày tỏ lòng biết ơn kịp thời khi nhận được sự tử tế. Chớ không bao giờ thô lỗ, tàn tệ, hoặc khiếm nhã.

3:3 Một lần nữa, giữa một phần nói về đạo lý mạnh mẽ, vị sứ đồ đưa vào giáo lý quan trọng về sự cứu rỗi của chúng ta, nhấn mạnh đến mục tiêu của sự cứu rỗi là một đời sống làm việc lành. Dòng tư tưởng này là: (1) Tình trạng chúng ta trước khi được cứu, câu 3; (2) bản chất sự cứu rỗi chúng ta, câu 4-7, (3) kết quả thực tiễn của sự cứu rỗi, câu 8. Hình ảnh của Đức Chúa Trời về chúng ta trước khi được biến đổi không được đề cao. Xung là mình biết mọi câu trả lời, **chúng ta ngày trước** thật sự **ngu muội**, không hiểu những lẽ thật thuộc linh, và không khôn ngoan trong các quyết định và cách cư xử của mình. Chúng ta **bội nghịch** đối với Chúa và có lẽ đối với cha mẹ cũng như những người có quyền khác. Chúng ta **đã bị lừa dối** bởi ma quỷ và đoán định lầm lạc của chính mình, luôn chệch khỏi con đường đúng và kết thúc trong những ngõ cuối-cùng-là-sự-chết. Chúng ta bị **sai khiến bởi đũ** thói quen ô uế, bị nô lệ bởi đời sống đầy những ý tưởng xấu xa và những tội lỗi âm ảnh đủ loại.

Đời sống là hàng loạt những điều cay đắng, hung ác và tham lam không ngừng đối với người khác. Khó thương và ích kỷ, chúng ta bị khốn khổ và làm người khác khốn khổ. **Đáng bị người ta ghét và tự chúng ta cũng ghét lẫn nhau.** Thật là một lời bình đáng buồn về cuộc sống giữa vòng những người lân cận hay cãi lầy, những anh em làm công hay gây chiến, những kẻ cạnh tranh tàn khốc trong kinh doanh và những gia đình có mối cừu hận truyền kiếp!

3:4 Bức tranh âm đạm về tình trạng suy đồi của con người bị gián đoạn bởi một trong những chữ nhưng quan trọng của Kinh Thánh. Chúng ta có thể cảm tạ Chúa biết bao vì những giáo huấn đúng lúc này báo hiệu sự can thiệp lạ lùng của Chúa để cứu con người khỏi hủy hoại chính mình! Có người đã gọi chúng là các rào cản của Chúa trên đường con người đi đến hóa ngục.

Nhưng từ khi lòng nhơn tử của Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa chúng ta, và tình thương yêu của Ngài đối với mọi người ta đã được bày ra... Điều này đã xảy ra khi Chúa Jêsus đến với thế gian cách đây hơn một ngàn chín trăm năm. Về một phương diện khác, lòng nhơn tử và sự yêu thương của Đức Chúa Trời đã bày ra cho chúng ta khi chúng ta đã được cứu. Chính vì muốn bày tỏ những phẩm tánh ấy, Ngài sai Con yêu dấu Ngài chịu chết vì một thế gian đầy những tội nhân chống nghịch. Từ được dùng ở đây dành cho cụm từ tình thương yêu.. **đối với mọi người ta** là từ Hy Lạp mà từ đó có từ *philanthropy*, kết hợp ý tưởng của tình yêu, ân điển và

lòng thương xót. Danh hiệu Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta chỉ về Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha – tức Cứu Chúa chúng ta với ý nghĩa Ngài đã sai Con Ngài vào trong thế gian để làm của lễ chuộc tội lỗi chúng ta. Chúa Jêsus cũng được gọi là Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta (2:13) bởi vì Ngài đã trả án phạt đời buộc để chúng ta được miễn thứ và tha tội.

3:5 Ngài đã cứu chúng ta khỏi cảm tội lỗi và hình phạt của mọi tội chúng ta – trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Hết thầy đều ở thì lương lai khi Cứu Chúa chịu chết, và sự chết của Ngài đã giải quyết hết thầy. Nhưng một trong những lẽ thật đơn giản nhất rõ ràng nhất của phúc âm lại là lẽ thật khó nhất cho con người nhận lãnh. Đó là sự cứu rỗi không đặt cơ sở trên các việc lành; người ta không trở thành Cơ Đốc nhân nhờ sống đời sống Cơ Đốc. Không phải những người tốt được lên thiên đàng. Lời chứng nhất quán của Kinh Thánh là con người không thể kiếm được hoặc xứng đáng được sự cứu rỗi (Êphêso 2:9, Rôma 3:20; 4:4,5; 9:16; 11:6; Galati 2:16; 3:11). Con người không thể tự cứu mình bằng các việc lành; mọi việc công bình của con người chỉ như áo nhớp trước mặt Chúa (Êsai 64:6). Con người không thể trở nên một Cơ Đốc nhân nhờ sống đời sống Cơ Đốc vì một lý do đơn giản đó là con người không có sức mạnh trong chính mình để sống đời sống Cơ Đốc. Không phải những người tốt được lên thiên đàng; mà chính là những tội nhân đã được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời!

Việc lành không đem lại sự cứu rỗi; mà chỉ là *kết quả* của sự cứu rỗi. Bất cứ nơi nào có sự cứu rỗi thật thì ở đó cũng sẽ có việc lành. Vì vậy chúng ta đọc thấy Chúa đã không cứu chúng ta vì việc công bình chúng ta đã làm, nhưng cứu theo lòng thương xót Ngài. Sự cứu rỗi là công việc của lòng thương xót – không phải sự công chính. Sự công chính đòi buộc hình phạt xứng đáng phải được thi hành; lòng thương xót đem lại tư cách công bình qua đó sự trừng phạt được ngăn chặn.

Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta bởi sự rửa về sự lại sanh. Tin Chúa khiến chúng ta thật sự là một tạo vật mới (II.Côrinthô 5:17), và ở đây tạo vật mới được trình bày qua hình ảnh tắm rửa. Chúa Jêsus cũng dùng hình ảnh này khi dạy các môn đồ rằng chỉ có một lần tắm về sự tái sanh nhưng phải có nhiều sự tẩy rửa khỏi sự ô uế (Giăng 13:10). Sự rửa của sự tái sanh không liên quan đến phép báp têm. Đó không phải là sự tẩy rửa thân thể bằng nước, mà là sự thanh tẩy về phẩm hạnh bởi lời Đức Chúa Trời (Giăng 15:3). Phép báp têm thậm chí không phải là biểu tượng của sự rửa này; mà nó mô tả sự đồng chôn với Đấng Christ trong sự chết (Rôma 6:4).

Sự sanh mới của chúng ta cũng được nói đến như là sự đổi mới của Đức Thánh Linh. Thánh Linh của Chúa đem lại một sự biến đổi lạ lùng – không phải mặc áo quần mới cho con người cũ, mà là đặt con người mới ở trong bộ áo quần! Đức Thánh Linh là *Tác Nhân (Agent)* trong sự tái sinh và lời Chúa là *công cụ (instrument)*.

3:5 Đức Chúa Trời đã rải Đức Thánh Linh ra trên chúng ta cách đứ

đặt. Mỗi một người tin Chúa đều được Đức Thánh Linh cư trú từ giờ phút người ấy được tái sanh. Đức Thánh Linh đủ sức mang lại sự đổi mới vinh diệu đã được nói đến. Đức Thánh Linh được ban cho bởi Đức Chúa Jêsus Christ, Cứu Chúa chúng ta. Cũng như sự đổi đào của triều đình Pharaôn được chia cho các con trai Giacóp qua Giôxép, các phước hạnh của Chúa, kể cả phước hạnh không tả xiết của Đức Thánh Linh, cũng được chuyển trao cho chúng ta qua Đức Chúa Jêsus. Chúa Jêsus là "Giôxép" của chúng ta.

Cả ba Thân vị trong Ba ngôi Đức Chúa Trời phước hạnh đều được đề cập đến khi liên kết với sự cứu rỗi của chúng ta: Đức Chúa Cha, (c.4); Đức Thánh Linh, (c.5); và Đức Chúa Con (c.6).

3:7 Kết quả lập tức của sự tái sanh là được xưng công bình, trở nên con kế tự của Ngài trong sự trông cậy của sự sống đời đời. Bởi sự cứu rỗi trong Đức Chúa Jêsus Christ, Đức Chúa Trời kể chúng ta là công bình bởi công việc lạ lùng của ân điển. Và chúng ta trở nên con kế tự tất cả những gì Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho những kẻ yêu mến Ngài. Mọi sự được kể vào bởi sự hiệp nhất với Đấng Christ và nên giống như Ngài trong cõi đời đời là hy vọng của chúng ta.

3:8 Khi Phaolô nói rằng "lời này là chắc chắn," chúng ta phải hiểu phần đi trước, hay là phần còn lại của câu này? Trọng tâm lập luận của ông dường như là, đã được cứu bởi sự cứu rỗi lớn dường ấy, chúng ta phải sống cách nào xứng đáng với sự kêu gọi trên trời của mình.

Tít phải nhấn mạnh những điều này (được luận đến trong câu 1-7) trong chức vụ của ông tại Corét để những người tin Chúa **lo chăm chỉ làm việc lành**. Mặc dầu cụm từ **việc lành** có lẽ hàm ý những nghề nghiệp đáng trọng, ý nghĩa rộng hơn của nó là - **các việc lành** nói chung - có lẽ là những việc **phải** lẽ. Đây những gì đòi hỏi cách cư xử nhất quán với lời xưng nhận của người Cơ Đốc là điều tốt nhất và **có ích**. Mọi sự dạy dỗ đều phải có sự áp dụng cá nhân và thực tiễn.

3:9 Tất nhiên, luôn có những chiếc bẫy cần phải tránh trong chức vụ của người Cơ Đốc. Vào thời của Phaolô có những điều **cái lẽ** đại đột về những thức ăn sạch và không sạch, những quy định của ngày Sabát, và việc giữ các ngày thánh. Những sự cái lẽ nổi lên về **gia phả**, của thiên sứ lẫn con người. Đã có sự cãi cọ ồn ào về những quy định rắc rối chống lên trên luật pháp. Phaolô phản nộ với những điều đó như là **mấy sự vô ích và hư không**.

Tôi tớ của Chúa trong thời chúng ta có thể ghi nhớ lời khuyên của Phaolô bằng cách tránh những khuynh hướng sau đây:

Bận tâm với các phương pháp thay vì những thực tế thuộc linh.

Vì dụ, người xưa tranh cãi về việc sử dụng rượu lên men hoặc nước nho, bánh mì có men hay không men, một cái chén chung hay các chén riêng - như thế đó là những vấn đề quan trọng trong Kinh Thánh!

Tranh cãi vụn vặt về các từ.

Chú vào một lẽ thật, hoặc thậm chí một phương diện của một lẽ thật, mà loại bỏ những điều khác.

Ngữ ngôn hóa Kinh Thánh cho đến khi chúng trở nên khó hiểu.

Bởi lòng tìm vết về mặt thần học, không gây dựng cho ai cả.

Đi vắn vơ từ lời Chúa vào những đường phụ mang tính chính trị và những cuộc chiến tranh Cơ Đốc chống lại điều này điều nọ.

Thật là một bi kịch khi dành thì giờ quý báu vào những điều đó trong khi thế giới đang hư mất!

3:10 Kẻ chú vào những điều nhỏ nhặt ấy là một kẻ **ltheo là** giáo gây chia rẽ.⁵ Kẻ ấy thường có một nốt nhạc trên chiếc đàn vi cầm của mình và chơi mãi cho đến chết. Không bao lâu sau kẻ ấy tự tập quanh mình một nhóm những người có cái nhìn tiêu cực, và đuổi đi những người còn lại. Kẻ ấy sẽ phân rẽ hội thánh thay vì từ bỏ quan điểm thần học ưa chuộng của mình. Không hội thánh nào phải chịu đựng sự vô lý đó. Và nếu sau một hoặc hai lần cảnh cáo, vẫn không chịu chấm dứt, kẻ ấy sẽ phải bị khai trừ khỏi mối thông công của hội thánh địa phương, các Cơ Đốc nhân nên tránh tiếp xúc thân gần với người ấy. Hy vọng rằng sự khai trừ này sẽ đưa người ấy đến chỗ ăn năn và hành xử quân bình hơn đối với lời Chúa.

3:11 E rằng có người nào nghĩ rằng người như thế không phải là một mối đe dọa nghiêm trọng cho hội thánh, vì sự đổ đã quở nặng kẻ ấy là **hội nghịch mà cứ phạm tội và tự đoán phạt lấy mình**. Cách cư xử của người ấy là đối bại chứ không phải lời thuật lại về Cơ Đốc giáo. Người ấy **phạm tội** bởi đã hình thành một tà giáo hoặc đảng phái. Người ấy **lự đoán phạt lấy mình** bởi vì đã ngang

ngành bảm lấy tội lỗi của mình sau khi đã bị những Cơ Đốc nhân có trách nhiệm cảnh cáo.

VI. LỜI KẾT (3:12-15)

3:12 Bức thư này kết thúc với một vài lời chỉ dẫn ngắn dành cho Tit. Phaolô dự định sai **Atêma** hoặc **Tichlơ** đến để thay phiên cho Tit tại Corét. Chúng ta đã gặp **Tichlơ** trước đây (Công vụ Các Sứ đồ 20:4; Êphêsô 6:21; Cô-lô-se 4:7), nhưng **Atêma** thì chúng ta chưa gặp. Theo H.Timôthê 4:12 dường như **Tichlơ** đã được cử đến Êphêsô thay vì Corét, vì vậy **Atêma** có khả năng là người thay thế ở tại Corét. Ngay vừa khi đến nơi, Tit đã phải đi sang **Nicôbôli**, là nơi Phaolô đã định ở qua mùa đông. Có ít nhất bảy thành tên **Nicôbôli** vào thời đó nhưng hầu hết các nhà giải kinh tin Tit đã chọn thành ở tại Epirus, phía tây Hy Lạp.

3:13 Tit sắp có các vị khách – **Xêna**, là thầy dạy luật và **Apôlô**. Có lẽ họ là những người đã mang bức thư này từ Phaolô đến cho Tit. Vào thời đó có hai thành phần luật sư – là thầy thông giáo, người giải thích luật tôn giáo, và luật sư bào chữa, là người giải quyết các vấn đề về luật dân sự, chúng ta được phép tùy ý quyết định **Xêna** thuộc nhóm người nào. Tôi chọn thành phần đầu, vì cho rằng ông ta có lẽ đã được gọi đến để giúp Tit chấm dứt những cuộc cãi cọ bất tận về luật pháp Môisê (c.9). Nếu là một luật sư dân sự, ông ta là con người chân thật! Người tên **Abôlô** duy nhất mà chúng ta đọc thấy trong Tân Ước là người đã được đề cập đến trong Công

vụ các Sứ đồ 18:24-28 và trong I.Côrinthô. Có lẽ đây cũng chính là người đó. Khi Phaolô bảo Tit **hãy sai** hai người này **vội vã ra đi**, ông đưa sự tiếp đãi khách vào lời khuyên của mình trong lúc họ ở lại Corét cũng như mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình của họ.

3:14 Tit phải dạy những Cơ Đốc nhân khác (**những người buồn đạo ta**) bày tỏ tình thân tiếp đãi khách, chăm sóc kẻ đau và người chịu khổ, phải rời rộng đối với những người đang túng ngặt. Thay vì làm việc chỉ để đáp ứng các nhu cầu và sự cần dùng riêng của họ, họ phải có khả năng đặc biệt của người Cơ Đốc chính vì để san sẻ với những kẻ kém may mắn hơn (xem Êphêsô 4:28b). Điều đó sẽ cứu họ khỏi nỗi khổ của tánh ích kỷ và bi kịch của một đời sống hoang phí không kết quả.

3:15 Chớ nên coi lời chào thăm kết thúc như một lời sáo rỗng và không quan trọng. Trong các quốc gia có ít các Cơ Đốc nhân, bị khinh chê và bị bắt bớ, những lời tốt lành này mang lại những khối lượng lớn lao về tình yêu, tình bạn và sự khích lệ. **Hết thầy những người ở cùng** vị sứ đồ đều gửi lời chào thăm đến Tit, và Tit được yêu cầu hãy chuyển những lời chào thăm tốt đẹp này đến tất cả những người yêu mến Phaolô và cùng nhóm người của ông **bởi lòng tin đạo**. Cuối cùng, Phaolô kết thúc bức thư nói về đề tài chi phối đời sống của ông – đó là **ân điển** của Chúa.

Nguyễn xin ân điển ở với anh em hết thầy. Amen

CHÚ THÍCH

¹{1:1} xem Êphêso 1 và Rôma 9 để có cách cư xử đầy đủ hơn với sự lựa chọn.

²{1:6} nhiều người tin rằng mặc dù ly dị, đôi khi là xác đáng, một chức viên trong Hội Thánh không nên là người đã ly dị.

³{2:7} Cách loại bỏ này rất thường (xem chú thích chân của bản NKJ), được chấp thuận bởi bản văn phê bình, là bản văn phần lớn dựa trên các thủ bản cổ nhất hiện còn, chủ yếu từ Alcxp. Bản KJ và NKJ hậu thuẫn cho bản văn truyền thống (TR) là bản dịch thường xuyên nhưng không có nghĩa là luôn luôn cũng được hậu thuẫn bởi đa số các

thủ bản (bản majority).

⁴{2:14} Ngày nay nghe có vẻ kỳ quặc bởi vì ý nghĩa của từ "khác thường" đã thay đổi. Bản KJ là một bản dịch rất chính xác, phần lớn cái gọi là "lỗi lầm" (như ở đây) là do bốn thế kỷ của những thay đổi trong tiếng Anh.

⁵{3:10} từ heretic (KJV) dị giáo hoặc tà giáo là do một từ Hy Lạp có nghĩa là bè phái hoặc phân rẽ (NKJV) một kẻ phân rẽ Hội Thánh thường dạy các giáo lý giả hoặc "tà" nhưng đây là một sự triển khai sau này của từ heretickos.

SÁCH THAM KHẢO

Xem phần Sách Tham Khảo ở cuối sách I.Timôthê.

THƠ GỎI CHO PHILÊMÔN

Giới Thiệu

"Một bức thư nhỏ nhưng là một kiệt tác đích thực trong nghệ thuật viết thư."

— Ernest Renan

"Hết thảy chúng ta đều là Ônêsim (của Chúa)."

— Martin Luther

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Có thể một số người cho rằng nếu chúng ta không có Bức Thư nhỏ này của Phaolô thì cũng chẳng sao cả. Họ hoàn toàn sai lầm. Trước hết, Bức Thư này được mọi người công nhận là một Bức Thư xác thực, riêng tư, trực tiếp từ tấm lòng của vị sứ đồ. Vì thế, là một viên ngọc quý giá nhất để bắt đầu. Bức thư này thường được so sánh với một bức thư thế tục có cùng chủ đề – người nô lệ bỏ trốn – của tác giả người Lamã, Pliny the Younger, gửi cho một người bạn. Trừ lãnh vực khoa trương quý phái, Bức thư của Phaolô đứng đầu.

Bức thư nhỏ này cho thấy lời lẽ tao nhã, cách ứng xử khéo léo – pha chút khôi hài – và tấm lòng yêu thương của Phaolô. Mặc dầu không hoàn toàn dạy về giáo lý, song Bức thư này là một sự minh họa hoàn hảo về giáo lý của sự "kể tội" bởi tới yêu cầu của Phaolô là "hãy cứ kể cho tôi". Những thất bại của Ônêsim bị kể cho Phaolô và khả năng đến trả của Phaolô được áp dụng cho tình trạng bất lực của Ônêsim, giống như Cơ Đốc nhân được "quy tội" hoặc kể tội lỗi mình cho Chúa chúng ta, còn các công lao cứu chuộc của Chúa lại được ghi vào quyển sổ cái của chính mình. Không lạ gì khi nhà cải chánh vĩ đại, Martin Luther đã viết như vậy:

Ở đây, chúng ta thấy thánh Phaolô thế nào đã trải mình ra cho anh chàng Ônêsim khốn khổ, và với tất cả khả năng của mình, nài xin người chủ của Ônêsim trong vụ việc này, kể mình như thể chính là Ônêsim, đã làm tổn hại Philêmon. Cũng như Đấng Christ đã làm cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Cha, thánh Phaolô, đã làm thế cho Ônêsim trước mặt Philêmon.

... Tôi thiết nghĩ, chúng ta hết thảy đều là Ônêsim của Ngài.¹

II. Quyền Tác Giả

Mọi người, trừ những nhà phê bình tiêu cực nhất, đều chấp nhận xuất xứ Phaolô của sách Philêmon. Thật vậy, Renan cũng hết sức quả quyết về tính xác thực ấy đến nỗi phải nghi ngờ bác bỏ của chính mình về tính xác thực của Bức thư Côlôse có liên hệ chặt chẽ.

Bởi vì Thư Philêmon quá ngắn và quá riêng tư nên không ngạc nhiên khi không có nhiều lời trích dẫn ban đầu từ Bức Thư này.

Bằng Chứng Ngoại Tại

Philêmon được trích dẫn hoặc ám chỉ đến trong các tác phẩm của Ignatius, Tertullian, và Origen. Eusebius nói rằng đây là một trong những sách được hết thảy các Cơ Đốc nhân chấp nhận (*homologoumena*). Marcion kể nó vào trong "bộ kinh điển" của mình và thư

này cũng được kính Muratorian công nhận.

Bằng Chứng Nội Tại

Ngay cả trong Bức Thư ngắn này Phaolô cũng đã nhắc đến tên mình ba lần (câu 1, 9, 19). Câu 2, 23, 24 có sự ràng buộc chặt chẽ với Côlôse 4:10-17, do đó, hai Thư Tin này hỗ trợ cho tính xác thực của nhau. Vì vậy bằng chứng nội tại phù hợp với bằng chứng ngoại tại.

III. Thời Điểm Viết

Bức thư này được gửi cùng lúc với Bức thư cho người Côlôse (khoảng năm 60 S.C.), hoặc khoảng 30 năm sau khi Chúa thăng thiên.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Chúng ta phải chấp nối câu chuyện năm sau Bức Thư này từ những nội dung của Thư và từ Bức Thư của Phaolô gửi cho người Côlôse. Dường như Philêmôn là người cư trú tại Côlôse (đối chiếu Côlôse 4:17 với Phil c.2) đã quy đạo qua sứ đồ Phaolô (c.19). Một trong những nô lệ của ông, là Ônêsim đã bỏ trốn (c.15, 16) và có lời ám chỉ rằng Ônêsim đã lấy đi một số tài sản của chủ mình mà không được phép (c.18).

Kẻ bỏ trốn đã đến Rôma trong thời điểm Phaolô bị cầm tù tại đó (c.9). Chúng ta không thể biết chắc vị sứ đồ

này có đang thật sự bị giam giữ sau những song sắt vào lúc này hay đang trong thời kỳ được phép tự do ở nhà trọ của mình (Công vụ 28:30). Bởi những mắc xích tình huống khác thường, Ônêsim đã gặp Phaolô trong một thủ phủ nhện nhện và đã được dắt đưa về Đấng Christ qua chức vụ của ông (c.10). Trong những ngày sau đó, một sợi dây yêu thương lẫn nhau đã phát sinh (c.12) và Ônêsim đã chứng tỏ là một người giúp đỡ thật quý báu đối với vị sứ đồ (c.13). Nhưng cả hai đều đồng ý Ônêsim phải trở về với Philêmôn là điều phải lẽ và sửa ngay những sai trật trong quá khứ. Vì vậy, Phaolô đã viết Bức Thư này cho Philêmôn, cầu xin giúp đỡ cho Ônêsim và trình bày những lý lẽ mạnh mẽ vì sao Ônêsim phải trở về trong sự đón nhận độ lượng của chủ mình (c.17). Chính vào lúc này, Phaolô cũng đã viết một Bức Thư cho người Côlôse. Ông giao cho Tichicô công việc đưa thư và cùng đưa Ônêsim theo ông ta trở về Côlôse (Côlôse 4:7-9) đây là Bức Thư riêng tư nhất trong tất cả các thư của Phaolô. Bức thư gửi cho Timôthê và Tit cũng được viết cho những cá nhân nhưng bàn đến những vấn đề thực hành trong hội thánh nhiều hơn là những việc riêng tư.

BỔ CỤC

I. LỜI CHÀO THÂM (1-3)

II. PHAOLÔ CẢM ƠN VÀ CẦU NGUYỆN CHO PHILÊMÔN (4-7)

III. PHAOLÔ CẦU XIN CHO ÔNÊSIM (8-20)

IV. NHỮNG LỜI KẾT THÚC (21-25)

I. LỜI CHÀO THĂM (1-3)

Câu 1: Phaolô giới thiệu mình là kẻ tù thay vì là một sứ đồ. Ông đã có thể dùng thẩm quyền của mình, nhưng ông thích kêu gọi từ chỗ dường như bất lợi, thấp kém hơn. Tuy nhiên, vị sứ đồ đã mạ vàng vị trí thấp kém ấy bằng sự vinh hiển của thiên đàng. Ông là kẻ tù của Đức Chúa Jêsus Christ. Ông chưa hề hạ mình với tư cách một người tù của Lamã! Ông nhìn xa hơn vị hoàng đế để thấy vị Vua của muôn vua. Timôthê đã ở cùng ông khi ông viết Bức Thư này. Vì vậy ông đã liên kết người môn đồ trung tín này với mình, mặc dầu Bức Thư rõ ràng là của Phaolô.

Người nhận thư chứng là Philêmon. Tên ông có nghĩa là "yêu mến", và rõ ràng đúng với tên gọi của mình vì Phaolô mô tả ông là người rất yếu đuối và cùng làm việc với chúng ta.

Câu 2: Bởi vì Ápbi là tên một người nữ, hầu hết các học giả đều cho rằng bà là vợ của Philêmon. Sự kiện Bức Thư này được gửi một phần cho bà nhắc nhở chúng ta rằng Cơ Đốc giáo đề cao vai trò người nữ.² Về sau chúng ta sẽ thấy Bức Thư cũng đã đề cao những người nô lệ. Trí tưởng tượng tôn kinh hầu như luôn nhận Achíp là con của Philêmon. Chúng ta không biết chắc, nhưng quả quyết anh ta đã tham gia tích cực trong chiến trận Cơ Đốc. Phaolô đã tôn tặng anh là bạn cùng đánh trận. Chúng ta có thể hình dung anh ta như một môn đồ tận tụy của Chúa Jêsus, bùng cháy niềm đam mê thánh. Trong Côlôse, Phaolô cũng chọn anh ta để đưa ra sự lưu ý đặc

biệt: "Rốt lại, hãy nói với Achíp rằng: hãy cẩn thận về chức vụ mà người đã nhơn danh Chúa nhận lãnh, để làm cho thật trọn vẹn" (Côl. 4:17).

Nếu Philêmon, Ápbi, và Achíp cho chúng ta hình ảnh về một gia đình Cơ Đốc trong Tân Ước, thì câu hội thánh nhóm họp trong nhà anh gợi lên hình ảnh của một hội thánh thời Tân Ước. Dường như nhà Philêmon rõ ràng là nơi nhóm họp dành cho hội của những người tin Chúa. Chính tại đó họ đã nhóm lại để thờ phượng, cầu nguyện và học Kinh Thánh. Từ nơi đó, họ ra đi làm chứng cho Đấng Christ trong một thế giới không bao giờ hoang vắng sứ điệp của họ, song cũng không bao giờ quên sứ điệp đó. Khi cùng nhóm lại tại nhà của Philêmon, các Cơ Đốc nhân đều hiệp một trong Chúa Jêsus Christ. Giàu và nghèo, nam và nữ, chủ và tớ - tất cả đều có mặt ở đó như những chi thể đã trưởng thành đầy đủ trong gia đình của Chúa. Ngay khi trở lại với thế giới thường nhật, những phân biệt về mặt xã hội của họ lại xuất hiện. Nhưng ở tại Bữa Ăn Tối của Chúa, chẳng hạn, tất cả họ đều đồng bực là các thầy tế lễ thánh. Philêmon không có gì ưu tiên hơn Ônêsim.

Câu 3: Lời chào thăm đặc trưng của Phaolô dường như thể hiện điều tốt nhất ông có thể cầu cho những người ông yêu qui. Ấn điển bao gồm mọi ơn dành cho kẻ không xứng đáng mà Chúa bày tỏ ra trên dân sự Ngài. Sự bình an ở đây là sự yên tĩnh và bình tịnh thuộc linh đã làm cho vững vàng đời sống của

những người được dạy dỗ bởi ân điển Chúa. Cả hai phước hạnh này đều đến bởi Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, và Đức Chúa Jêsus Christ. Đây là ý nghĩa trọn vẹn. Nghĩa là Chúa Jêsus bình đẳng với Đức Chúa Trời là Cha trong việc ban ân điển và sự bình an. Sẽ là phạm thượng khi dành cho Đấng Christ sự tôn lãng ấy nếu Ngài không phải là Đức Chúa Trời đích thực và trọn vẹn.

II. PHAOLÔ CẢM TẠ CHÚA VÀ CẦU NGUYỆN CHO PHILÊMÔN (4-7)

Câu 4: Bất cứ khi nào Phaolô cầu nguyện cho Philêmôn, ông đều cảm tạ Chúa vì người anh em cao quý này. Chúng ta có mọi lý do để tin rằng ông là một chiến tích được chọn của ân điển Đức Chúa Trời – loại người bạn muốn có với tư cách là một người bạn và một người anh em. Một số các nhà giải kinh gợi ý rằng Phaolô đang dùng tài ngoại giao trong những câu mở đầu này, rằng mục đích của ông là để "lâm mê" lòng của Philêmôn mà nhận lại Ônésim. Điều này quy cho vị sứ đồ một động cơ không xứng đáng và phủ bóng mờ lên câu Kinh Thánh được thần cảm. Phaolô sẽ không nói điều đó nếu như ông không chân thành hàm ý điều đó.

Câu 5: Có hai phẩm chất trong tâm lành của Philêmôn đem lại sự vui mừng lớn cho Phaolô – lòng yêu thương và đức tin của ông trong Đức Chúa Jêsus và cùng các thánh đồ. Đức tin của ông trong Đấng Christ chứng tỏ ông có gốc rễ của đời sống thành và tình yêu thương của ông đối cùng các thánh đồ chứng tỏ ông cũng đã có bông trái. Đức tin của ông đã sinh bông trái.

Trong Êphêsô 1:15,16 và Côlôse 1:3,4 Phaolô bày tỏ lời cảm ơn tương tự đối với các thánh đồ nhận Bức thư ông gởi tới. Tuy nhiên, trong những nơi đó ông đặt đức tin trước tình yêu thương. Ở đây ông đặt tình yêu thương lên trước đức tin. Vì sao có sự khác biệt đó? Maclaren trả lời: "Thứ tự ở đây là thứ tự của sự phân tích, đào sâu từ những gì được hiểu lộ ra cho đến nguyên nhân. Trật tự ở trong các câu tương đương là trật tự của sự sinh sản đi từ gốc rễ lên đến hoa."

Có một điểm thú vị khác về cách sắp xếp của Phaolô ở đây. Ông phân chia cụm từ "lòng yêu thương cùng các thánh đồ" bằng cách lồng vào đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ theo sau tình yêu thương. Chúng ta có thể sắp xếp câu này như sau: "lòng yêu thương (và đức tin... đối với Đức Chúa Jêsus) đối với các thánh đồ." Túc từ của đức tin là Đức Chúa Jêsus. Túc từ của lòng yêu thương là các thánh đồ. Nhưng Phaolô gởi mệnh đề đức tin với mệnh đề tình yêu thương, như thế để báo cho Philêmôn biết trước rằng ông sắp sửa có một dịp đặc biệt để bày tỏ thực tế của đức tin mình bằng cách bày tỏ tình yêu đối với người nô lệ Ônésim. Vì vậy có sự nhấn mạnh đặc biệt ở từ *hết thấy* – *hết thấy các thánh đồ*.

Câu 6: Hai câu trước bày tỏ lời cảm ơn của Phaolô dành cho Philêmôn. Câu này phơi bày tính chất lời cầu nguyện của vị sứ đồ dành cho ông. Đức tin chung cho chúng ta có nghĩa là sự rộng rãi thực tiễn mà Philêmôn đã bày tỏ cho những người khác. Chúng ta có thể chia sẻ đức tin của mình không những bằng

việc rao giảng Đấng Christ mà còn bằng cách nuôi người đói, mặc cho người không có áo quần, yên ủi kẻ mất mát, xoa dịu người đau khổ – phải, thậm chí bằng cách tha thứ cho một tên nô lệ bỏ trốn. Vì vậy Phaolô đã cầu nguyện để đời sống rời rộg của Philêmôn sẽ dẫn nhiều người đến chỗ công nhận rằng mọi việc lành của ông đều đến từ Đức Chúa Jêsus Christ. Có quyền năng và sự ảnh hưởng lớn lao trong một đời sống nơi tình yêu của Chúa được bày tỏ. Đọc về tình yêu trong sách là một chuyện, nhưng thật là một thúc đẩy mạnh mẽ khi thấy Ngôi lời trở nên xác thịt trong đời sống của một con người!

Câu 7: Tin tức về sự vô cùng rộng lượng của Philêmôn và tình yêu hy sinh của ông đã đi từ Côlôse đến Rôma, mang lại sự vui mừng lắm³ (hay cảm lạ, bản NKJ) và sự yên ủi cho người tù trong Đấng Christ. Dẫn Philêmôn đến với Chúa là một đặc quyền lớn đối với Phaolô, nhưng bây giờ thật là một phần thưởng khi được nghe rằng người con của ông trong đức tin vẫn tiếp tục lớn mạnh cho Chúa. Thật an vui làm sao khi biết rằng tấm lòng của các thành đồ được yên ủi bởi người anh em yêu dấu này, và đặc biệt là bởi tình yêu thương của ông ta. Không ai sống cho chính mình, cũng không ai chết cho chính mình. Những hành vi của chúng ta ảnh hưởng đến người khác. Chúng ta không thể lường hết phạm vi của ảnh hưởng mình. Chúng ta có tiềm năng vô hạn cho điều lành hoặc điều dữ.

III. PHAOLÔ NÀI XIN CHO ÔNÊSIM (8-20)

Câu 8: Bây giờ Phaolô đi đến mục đích chính của bức thư. Ông sắp xin

giúp cho Ônêsim. Nhưng ông sẽ tiếp cận đề tài này như thế nào. Là một sử đồ, ông có thể chứng minh mình đúng khi bảo Philêmôn: "Bây giờ, người anh em, phận sự của anh với tư cách người tin Chúa là phải tha thứ và đem kẻ bỏ trốn này trở về, đó chính xác là điều tôi muốn bảo anh phải làm." Phaolô đã có thể ra lệnh cho ông làm điều đó, và Philêmôn chắc chắn sẽ vâng lời. Nhưng đó sẽ là một chiến thắng trống rỗng trong trường hợp này.

Câu 9: Nếu vị sử đồ không chính phục được tấm lòng của Philêmôn, thì Ônêsim có thể trở về trong sự đón tiếp lạnh lùng. Duy sự vâng lời được thúc đẩy bởi tình yêu thương mới làm cho tình trạng nó lệ trong gia đình dung chịu được. Có lẽ khi biết điều này, Phaolô đã nghĩ đến những lời của Chúa Cứu Thế: "Nếu các người yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta" (Giăng 14:15). Và vì lòng yêu thương, ông thích nài xin hơn là ra lệnh. Lòng yêu thương của Philêmôn có vượt qua biển mà đến chỗ vị khâm sai đã già của Đấng Christ, là một người tù vì Đức Chúa Jêsus không? Ông có cảm động bởi hai điều đáng lưu ý đó không? – Phaolô, đã già, lại chịu tù nữa? Chúng ta không biết chính xác lúc này vị sử đồ bao nhiêu tuổi. Ước tính trong khoảng từ năm mười ba đến sáu mươi ba. Tuổi ấy có thể ngày nay dường như chưa già, nhưng ông có lẽ đã già trước tuổi vì kiệt sức trong sự hầu việc Đấng Christ. Và bây giờ ông là một người tù vì Đức Chúa Jêsus Christ. Khi nhắc đến điều này, ông không tìm sự thương cảm nhưng

ông thực sự mong rằng Philêmon sẽ cân nhắc các yếu tố này trong quyết định của mình.

Câu 10: Trong bản gốc của câu này tên *Ônêsim* nằm cuối cùng. "Tôi nài xin anh, về người con của tôi, là con tôi đã sanh trong vòng xiềng xích – tức là *Ônêsim*." Cho đến lúc Philêmon đọc đến tên của kẻ nô lệ vô chủ của mình, ông đã ngơ ngác. Hãy hình dung sự ngạc nhiên của ông khi biết rằng "kẻ cắp" đã được quy đạo và còn ngạc nhiên hơn nữa, đã được dẫn về Đấng Christ qua Phaolô, một người tù!

Một trong những sự vui mừng ẩn dấu của đời sống người Cơ Đốc là chứng kiến Đức Chúa Trời làm việc qua nhiều cách kỳ diệu, lạ lùng, bày tỏ chính mình Ngài trong những tình huống hội tụ không thể giải thích bởi sự trùng hợp hoặc ngẫu nhiên. Trước hết Phaolô đã dẫn Philêmon về với Chúa. Sau đó, vị sử đồ đã bị bắt và bị đưa đến Rôma để chịu xét xử. Tên nô lệ của Philêmon đã bỏ trốn đến Rôma. Bằng cách này hoặc cách khác, đã gặp Phaolô và tin Chúa. Chủ và tớ đều được sanh lại bởi cùng một nhà truyền đạo nhưng ở những nơi rất xa nhau và trong những hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau. Đó có phải là một sự trùng hợp không?

Câu 11: Tên *Ônêsim* có nghĩa là có ích. Nhưng khi bỏ trốn, Philêmon có lẽ đã bị cảm dỗ để gọi anh ta là một kẻ bất lương vô ích. Phaolô *thật ra* muốn nói: "Phải, trước đây anh ta vô dụng, nhưng bây giờ anh ta có ích cho anh và cũng ích cho tôi nữa." Kẻ nô lệ đã trở về với Philêmon là một người nô lệ tốt hơn kẻ trước đây đã bỏ trốn. Trong thời Tân

Ước người ta nói rằng những nô lệ Cơ Đốc được đòi một giá cao hơn là những người nô lệ khác ở tại chợ nô lệ. Điều này cũng phải đúng với ngày nay, những người làm công Cơ Đốc có giá trị hơn những công nhân chưa tin Chúa.

Câu 12: Thái độ của Tân Ước đối với sự chiếm hữu nô lệ bước vào trọng tâm trong bức thư này. Chúng ta để ý Phaolô không lên án sự chiếm hữu nô lệ hoặc cấm đoán. Mà ông đưa *Ônêsim* trở lại với chủ mình. Nhưng những sự lạm dụng đi liền với sự chiếm hữu nô lệ bị lên án và ngăn cấm xuyên suốt Tân Ước. Maclaren viết rằng:

*Tân Ước... không trực tiếp xen vào những sắp đặt về chính trị hoặc xã hội, nhưng đặt để các quy tắc ảnh hưởng sâu đậm đến các lãnh vực này, và để chúng ngấm sâu vào tình thần chúng.*⁵

Cách mạng bằng vũ lực không phải là phương cách của Kinh Thánh để sửa lại những điều ác trong xã hội. Nguyên nhân sự đã man của con người nằm nơi bản chất sa ngã của loài người. Tin lành tấn công vào nguyên nhân gốc rễ, và đưa ra một sự tái tạo trong Đức Chúa Jêsus Christ.

Có thể hiểu rằng một người nô lệ có người chủ tốt thì tốt hơn là sống độc lập nhiều. Điều này đúng, chẳng hạn, với những người tin Chúa, là những tôi tớ của Đức Chúa Jêsus Christ. Những người làm nô lệ cho Ngài hưởng được hình thức tự do đúng nhất. Khi sai *Ônêsim về cùng Philêmon*, Phaolô đã không làm một sự bất công cho người nô lệ này. Cả chủ lẫn tớ đều là người tin Chúa. Philêmon có bốn phạm đối xử với anh bằng sự tử tế của một Cơ Đốc

nhân. Ônêsim được yêu cầu phải hầu việc bằng sự trung tín của người Cơ Đốc. Sự yêu thương sâu sắc mà vị sứ đồ dành cho Ônêsim được bày tỏ qua những chữ người như lòng dạ lõi vậy. Phaolô cảm thấy như thể ông đã mất đi một phần của chính mình.

Chúng ta nên lưu ý rằng nguyên tắc quan trọng của sự đến bởi được trình bày. Bây giờ Ônêsim đã được cứu, ông có cần thiết phải trở về với người chủ cũ không? Câu trả lời dứt khoát là "Có." Sự cứu rỗi cất bỏ hình phạt và sức mạnh của tội lỗi, chứ không xóa bỏ các món nợ. Người loan tin hữu được yêu cầu phải giải quyết mọi khoản nợ chưa trả và sẽ sửa lại mọi sai lầm mà khả năng con người có thể làm được. Ônêsim có bổn phận phải trở về phục vụ chủ, và phải đến trả bất cứ khoản tiền nào có thể đã lấy cắp.

Câu 13: Bản thân vị sứ đồ hẳn muốn cấm Ônêsim ở lại với ông tại Rôma hơn. Có nhiều việc mà người nô lệ mới quy đạo này có thể làm cho Phaolô trong khi ông vì Tin Lành mà bị cầm tù. Và đây có thể là một cơ hội để Philêmon giúp việc cho vị sứ đồ – bằng cách cung cấp một người giúp đỡ. Nhưng điều này sẽ trở thành một sự trở ngại khi được tiến hành mà không có sự cho phép hoặc biết trước của Philêmon.

Câu 14: Phaolô không ép buộc sự rộng rãi từ chủ nhân người nô lệ bằng cách cấm Ônêsim ở lại với ông tại Rôma. Ông sẽ không làm điều gì có liên quan đến Ônêsim mà không có sự đồng ý của Philêmon. Ý tốt sẽ bị tức mất về đẹp của nó nếu bị ép buộc và không bởi sự sẵn sàng của tình yêu và sự tự nguyện.

Câu 15: Dấu hiệu trưởng thành thuộc linh chính là khả năng nhìn vượt qua nghịch cảnh trong hiện tại và thấy Đức Chúa Trời đang làm mọi sự hiệp lại làm ích cho những kẻ yêu mến Ngài (Rôma 8:28). Khi Ônêsim bỏ trốn, có thể Philêmon đầy cay đắng và cảm thấy mất mát về của cải. Liệu ông có bao giờ gặp lại tên nô lệ này không? Nay Phaolô đã tìm được cầu vồng trong những đám mây đen. Ônêsim đã mất đối với gia đình tại Côlôse trong một thời gian cốt để họ được lại anh mãi mãi. Điều này phải là sự yên ủi cho những Cơ Đốc nhân mất những người bà con và bạn hữu đã tin Chúa bởi sự qua đời. Sự phân cách chỉ trong một lúc, sự tái hợp sẽ là đời đời.

Câu 16: Philêmon không chỉ được Ônêsim trở lại – ông còn nhận lại anh trong điều kiện tốt hơn trước đây ông từng biết về anh. Sẽ không còn là mối quan hệ chủ tớ theo thông lệ nữa. Ônêsim bây giờ hơn cả một người tôi mọi; anh là một anh em yêu dấu trong Chúa. Từ nay trở đi động cơ sợ hãi sẽ được thay thế bởi động cơ yêu thương. Phaolô đã hưởng được mối thông công ấy với tư cách một anh em yêu dấu rồi. Nhưng bây giờ ông không còn có Ônêsim ở tại Rôma nữa. Sự mất của vị sứ đồ sẽ là sự được của Philêmon. Bây giờ ông sẽ biết Ônêsim như một anh em cả về phần xác, cả về phần trong Chúa nữa. Người nô lệ trước kia sẽ chứng minh lòng tin của Phaolô là đúng cả trong xác thể, tức là bởi sự phục vụ tận tụy thuộc thể, và cả về phần trong Chúa, tức là bởi mối thông công trong Chúa với tư cách một người tin Chúa.

Câu 17: Lời yêu cầu của vị sứ đồ gây sống sốt cả trong tình mạnh dạn của nó lẫn trong sự mềm mại của nó. Ông xin Philêmon hãy tiếp nhận Ônêsim như nhận lấy chính mình ông vậy. Ông nói: "Nếu anh coi tôi là bạn hữu anh, thì hãy nhận lấy người như chính mình tôi vậy." Những lời này là sự nhắc nhở lời tuyên bố của Chúa Cứu Thế: "Ai rước các người, tức là rước ta; ai rước ta, tức là rước Đấng đã sai ta" (Mathiơ 10:40), và "Hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy" (Mathiơ 25:40). Chúa cũng nhắc nhở chúng ta rằng Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta qua thân vị của Con Ngài, để chúng ta được gần gũi và yêu quý đối với Đức Chúa Trời như chính Đấng Christ vậy.

Nếu Philêmon coi Phaolô như là bạn hữu, như một người mà Philêmon có mối thông công bạn hữu, thì vị sứ đồ xin ông hãy tiếp nhận Ônêsim trên cùng nền tảng ấy. Điều đó không đòi hỏi Ônêsim phải được đối xử như một vị khách thương xuyên trong gia đình không có bổn phận phải làm việc. Anh vẫn là một người tội lỗi trong gia đình, nhưng là một người đã thuộc về Đấng Christ, và vì vậy là một người anh em trong đức tin.

Câu 18: Vị sứ đồ không nói rằng Ônêsim đã ăn cắp bất cứ vật gì của Philêmon, nhưng câu này cho thấy khả năng đó. Chắc chắn trộm cắp là một trong những tội chủ yếu của các nô lệ. Phaolô sẵn sàng chấp nhận trách nhiệm đối với bất cứ những mất mát gì mà Philêmon có thể đã phải chịu. Ông thừa

nhận rằng sự đền trả phải được tiến hành. Sự quy đạo của Ônêsim không xóa bỏ những món nợ của anh đối với con người. Vì vậy Phaolô báo Philêmon hãy kể những điều đó cho ông.

Chúng ta không thể đọc câu này mà không được nhắc nhở về món nợ khổng lồ chúng ta đã mắc phải với tư cách những tội nhân, và thế nào toàn bộ điều đó đã được kể cho Chúa Jêsus tại Gôgôtha. Ngài đã trả hết món nợ khi chịu chết với tư cách Đấng thay thế chúng ta. Chúng ta cũng được nhắc nhở ở đây về chức vụ của Đấng Christ là Đấng biện hộ cho chúng ta. Khi Satan, kẻ kiện cáo anh em, đưa ra những lời buộc tội tố cáo chúng ta về những sai trái chúng ta đã làm, Cứu Chúa phước hạnh của chúng ta thật sự đã nói: "Hãy kể những điều đó cho ta." Giáo lý về sự giải hòa được minh họa trong sách này. Ônêsim đã bị Philêmon xa lánh vì việc làm sai trái. Như chức vụ của Phaolô (chúng ta có mọi lý do để tin) sự xa cách và "thù địch" đã bị cất bỏ. Người nô lệ đã được hòa giải với chủ mình. Vì vậy chúng ta vốn bị Chúa xa lánh vì tội lỗi mình. Nhưng bởi sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, nguyên nhân thù địch bị cất bỏ và người tin Chúa được hòa thuận lại với Đức Chúa Trời.

Câu 19: Thông thường Phaolô đọc Bức Thư của mình cho người khác viết, chỉ những đồng kết thư ông mới viết bằng chính tay mình. Chúng ta không biết chắc có phải chính tay ông đã viết toàn bộ Bức Thư này hay không. Nhưng ở điểm này ít nhất ông cũng đã cầm lấy bút và bằng nét chữ nguệch ngoạc quen thuộc của ông, cam kết chính mình sẽ

trả bất cứ những món nợ nào mà Ônêsim đã mắc. Ông tìm điều này không màng việc Philêmon đã mắc ông một khoản nợ đáng kể. Phaolô đã dẫn ông đến với Chúa. Ông mắc nợ Phaolô sự sống thuộc linh liên quan đến công cụ con người. Nhưng Phaolô không đòi ông phải trả món nợ ấy.

Câu 20: Gọi Philêmon là anh, vị sứ đồ Phaolô cao tuổi chỉ cầu xin điều ích lợi trong Chúa, sự phục hồi trong Đấng Christ. Ông muốn nài xin rằng Ônêsim sẽ được đón nhận một cách rộng lượng, rằng anh sẽ được tha thứ và được phục hồi lại vị trí phục vụ trong gia đình – bây giờ không phải là một người nô lệ nữa mà là một anh em trong gia đình của Đức Chúa Trời.

IV. NHỮNG LỜI KẾT THÚC (21-25)

Câu 21: Vị sứ đồ tin chắc rằng Philêmon sẽ làm quá những gì được yêu cầu. Chính mình ông đã được tha thứ cách nhưng không bởi Đấng Christ. Ông sẽ không làm kém hơn, chắc chắn như vậy, đối với Ônêsim. Chúng ta bây giờ có được một sự minh họa sống động về Êphêso 4:32 "Hãy ở với nhau cách nhân từ, đầy dẫy lòng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy."

Câu 22: Nhưng làm sao Phaolô biết Philêmon đã đối xử thế nào với Ônêsim? Ông mong đến thăm Côlôse và là một người khách ở tại nhà Philêmon. Ông mong sẽ được giới cảm quyền dân sự thả ông theo sự đáp lời cầu nguyện của các Cơ Đốc nhân. Và vì vậy ông xin Philêmon hãy liệu sảm nhà trọ cho ông. Có thể đó là một trong những công tác đầu tiên được giao cho Ônêsim: "Hãy

chuẩn bị nhà trọ sẵn sàng cho người anh em chúng ta là Phaolô." Chúng ta không biết Phaolô có đến được Côlôse hay không. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là cho rằng nhà trọ đã sẵn sàng cho ông, và rằng mọi thành viên trong gia đình này đang nóng lòng gặp lại ông. Tấm lòng họ đã được kết chặt với nhau bởi tình yêu thương.

Câu 23: Êpháp^{ra} có thể là người đã thành lập hội thánh tại Côlôse (Côlôse 1:7,8; 4:12,13). Hiện nay là bạn đồng tù với Phaolô ở Rôma. Ông cũng gửi những lời chào thăm đến Philêmon.

Câu 24: Ở cùng với Phaolô lúc này là Mác, Aritac, Đêma và Luca. Những tên này cũng được nhắc đến trong Côlôse 4:10,14. Giêsu gọi là Giúc-tu, được đề cập trong Côlôse 4 và ~~vì lý do nào đó đã bị loại bỏ ở đây~~. Mác là người viết sách Phúc Âm Thứ Nhì. Ông được chứng minh là một tội tử trung tín của Chúa sau thất bại đầu tiên của ông (II.Timôthê 4:11, xem Công vụ các Sứ đồ 13:13; 15:36-39). Aritac, một người tin Chúa ở tại Têsalônica đồng hành với Phaolô trong một số các cuộc hành trình kể cả chuyến đi đến Rôma. Trong Côlôse 4:10, Phaolô đã gọi ông là "bạn đồng tù với tôi." Đêma về sau đã từ bỏ Phaolô vì người ham hố đời này (II.Timôthê 4:10). Luca, vị thầy thuốc yêu dấu, được chứng tỏ là người bạn trung tín và người giúp đỡ đến cuối cùng (II.Timôthê 4:11).

Câu 25: Bức thư kết thúc với lời chúc phước đặc trưng của Phaolô. Ông cầu cho ân điển của Đức Chúa Jêsu Christ ở với tâm thần của Philêmon. Đời sống không thể nắm giữ phước hạnh

nào lớn hơn là ơn của cứu Chúa dành cho người không xứng đáng với kinh nghiệm từng giây phút một. Bước đi trong sự nhận biết liên tục và vui hưởng Thân vị cùng công lao Ngài là tất cả những gì tâm lòng có thể ao ước.

Phaolô đặt bút xuống và trao lá thư cho Tichicơ để mang đến cho Philêmon. Ông đã không nhận biết ảnh hưởng lớn lao trên cách cư xử Cơ Đốc mà sử điệp của Bức thư này để lại cho các thế kỷ nối theo. Bức thư này là một tác phẩm được lưu danh về tinh yêu và cách cư xử tao nhã, áp dụng cho ngày nay cũng như đã được áp dụng khi được viết ra. Amen.

CHÚ THÍCH

¹(Phần giới thiệu) Martin Luther, được trích bởi J.B. Lightfoot, Saint Paul's Epistle to the Colosians and to Philemon, trang 317,318 (bản dịch cập nhật của nhà biên soạn thời nay).

²(Câu 2) Nếu so sánh địa vị của người phụ nữ Cơ Đốc với các phụ nữ ngoại giáo và Hồi Giáo, người ấy sẽ phải đồng ý rằng "Đấng giải phóng phụ nữ" đích thực chính là Chúa Jêsus Christ.

³(Câu 7) Đa số các thủ bản chép rằng cảm tạ thansgiving (charin) thay cho vui mừng (charan).

⁴(Câu 9) Từ Hy Lạp dành cho chữ "già" (presbutes) và khâm sai (presbeutes) giống nhau đến nỗi Bentley đoán rằng Phaolô đã viết chữ "khâm sai." Các thủ bản truyền thống, đều chống lại hoàn toàn sự phỏng đoán này, tuy nhiên điều đó có lẽ thích hợp với bối cảnh một cách thú vị.

⁵(Câu 12) Alexander Maclaren, "Colosians and Philemon," the Expositor's Bible, trang 461.

SÁCH THAM KHẢO

Xem phần Thư Mục ở cuối thư Côlôse.

THƠ GỬI NGƯỜI HÊBORÔ

Giới Thiệu

"Không có phần Kinh Thánh nào bị tranh cãi về quyền tác giả nhiều hơn sách này, cũng không có phần Kinh Thánh nào không thể tranh cãi về sự sai lầm hơn sách này."

- Conybeare và Howson

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Thơ gửi người Hêborô là tác phẩm độc đáo trong Tân Ước trên nhiều phương diện. Tuy sách này không mở đầu như một bức thư, nhưng kết thúc như một bức thư, và được gửi rõ ràng hoặc từ Italy đến hoặc gửi đến Italy (13:24), cho một nhóm người cụ thể, có lẽ là những Cơ Đốc nhân người Do Thái. Người ta cho rằng thơ này lúc đầu được gửi cho một hội thánh nhỏ nhóm tại gia, và vì thế không có liên kết gì với một hội chúng đông người và nổi tiếng để gìn giữ lâu dài truyền thống nguồn gốc và nơi đến của thơ. Bút pháp của thơ này giàu tính văn chương nhất trong Tân Ước. Nó thuộc thể thơ ca, và đầy những câu trích từ Bản Bảy Mươi. Sách có vốn từ vựng rất rộng và sử dụng ngôn ngữ Hy Lạp rất chính xác trong thì động từ và nhiều chi tiết khác.

Dẫu trên một phương diện thơ này rất đậm nét Do Thái (thơ đã được ví với sách Lêvi Ký), nhưng những lời cảnh cáo chống lại việc xa rời thực tại về sự chết của Đấng Christ để đến với nghi lễ tôn giáo suông vẫn luôn là điều cần thiết trong *Cơ Đốc giáo giới*. Vì vậy, sách này hết sức quan trọng.

II. Quyền Tác Giả

Thơ Hêborô không ghi tên tác giả, dẫu một số các ấn bản sớm nhất của

bản KJV in tên của Phaolô như một phần trong tiêu đề của sách. Giáo hội Đông Phương thời kỳ đầu (Dionysius và Clement, cả hai đều ở Alexandria) gợi ý Phaolô là tác giả. Sau biết bao nghi ngờ, quan điểm này đã thịnh hành kể từ thời Athanasius trở đi, để rồi cuối cùng Tây Giáo Hội cũng chấp nhận. Tuy nhiên, ngày nay rất ít người muốn duy trì quyền tác giả của Phaolô. Origen đồng ý rằng *nội dung* thì của Phaolô, và có đôi nét văn phong của Phaolô trong đó, nhưng bút pháp trong nguyên bản rất khác với bút pháp của Phaolô. (Điều này không *loại trừ* quyền tác giả của Phaolô, vì một thiên tài văn chương có thể thay đổi bút pháp của mình.)

Trải nhiều năm qua, người ta đã gợi ý rất nhiều tác giả khả dĩ. Luca, là người có bút pháp tương tự, và quen thuộc với sự giảng dạy của Phaolô, Banaba, Sila, Philip, thậm chí cả Aquila và Bênrítin.

Luther gợi ý Abôlô, người phù hợp với bút pháp và nội dung của sách này: rất giỏi về Kinh Thánh Cựu Ước, có tài hùng biện (Alexandria thành phố quê hương của ông nổi tiếng về thuật hùng biện). Lập luận phản đối Abôlô cho rằng không một lời truyền khẩu nào tại Alexandria lưu truyền một học thuyết như thế, như nếu một

người bản xứ Alexandria đã viết thư này thì không lý nào họ lại im hơi lặng tiếng.

Vì nguyên nhân nào đó, Chúa thấy phù hợp để cứ giữ kín ai là tác giả. Có người cho rằng Phaolô đã thực sự viết thư này nhưng cố ý giấu tác quyền của mình vì thành kiến của người Do Thái đối với ông. Tuy có thể như thế, nhưng xưa nay vẫn chưa có ai nói hay hơn lời của Origen thuở xưa: "Nhưng chỉ một mình Đức Chúa Trời biết chắc chắn ai đã viết thư này."

III. Thời Điểm Viết

Đầu không biết *tác giả* là ai, nhưng có thể xác định *thời điểm viết thư* khá chính xác.

Ngoại chứng đòi hỏi thư phải được viết ~~trước~~ vào thế kỷ thứ nhất, vì Clement ở Rome đã sử dụng sách này (vào khoảng 95 S.C.). Tuy Polycarp và Justin Martyr trích thư này, họ không nêu danh tác giả là ai. Dionysius ở Alexandria trích thư Hêborô như của Phaolô, và Clement ở Alexandria nói Phaolô viết thư này trong tiếng Hêborô và Luca dịch sang tiếng Hylap. (Tuy nhiên, sách này không có vẻ là bản dịch.) Irenaeus và Hippolytus không cho rằng Phaolô đã viết thư Hêborô, và Tertullian nghi Banaba đã viết.

Về nội chứng, dường như tác giả thuộc thế hệ Cơ Đốc nhân thứ nhì (2:3; 13:7), nên sẽ không thể có sớm như thư Giacô hay I.Têsalônica (cũng xem 10:32). Vì không nhắc gì đến Những Cuộc Chiến Do Thái (bắt đầu vào năm 66 S.C.), và dường như những sinh tế trong đền thờ vẫn còn

tiếp tục (8:4; 9:6; 12:27; 13:10), nên thời điểm viết có lẽ trước năm 66 và chắc chắn trước khi Giêrusalem bị phá hủy (70). Có nhắc đến những cuộc bắt bớ (12:4), nhưng tin hữu vẫn "chưa đến nổi đổ huyết." Nếu Itali là nơi nhận bức thư, cuộc bắt bớ đẫm máu của Nêrô tại đó (64 S.C.) sẽ khiến thư được viết sớm nhất cũng phải vào giữa năm 64. Rất có thể thời điểm viết vào khoảng 63-65.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Nói chung, thư Hêborô đề cập đến sự tranh chiến lớn lao trong việc rời bỏ một hệ thống tôn giáo này để sang hệ thống tôn giáo khác. Có sự sai trật các mối ràng buộc cũ, có những căng thẳng của sự xa lánh, và có những áp lực ghê gớm cho những người bỏ đạo quay trở lại.

Nhưng trong thư Hêborô, nan đề không chỉ là việc bỏ hệ thống cũ sang hệ thống mới có giá trị tương đương. Trái lại, đây là vấn đề lia bỏ Do Thái giáo để đến với Đấng Christ, và như tác giả cho thấy, điều này liên quan đến việc rời bỏ những cái bóng để lấy hình thật, bỏ cái trước để lấy cái sau cùng, bỏ cái tạm thời để lấy cái vĩnh viễn – nói tóm lại, bỏ cái tốt để lấy cái tốt nhất.

Nan đề cũng liên quan đến việc rời bỏ điều được mến mộ để lấy điều không được mến mộ, bỏ đa số để lấy thiểu số, lia bỏ những người áp bức để sang những người bị áp bức. Và điều này càng đầy nhanh đến nhiều nan đề nghiêm trọng.

Thư được viết cho những người mang nguồn gốc Do Thái. Những

người Hêbơơ này đã nghe Tin Lành do các sứ đồ và nhiều người khác rao giảng trong những ngày đầu của hội thánh, và họ đã chứng kiến các phép lạ quyền năng của Thánh Linh để khẳng định sứ điệp. Họ đã đáp ứng với Tin Lành theo một trong ba cách:

Có người tin Chúa Jêsus và thật lòng hoán cải.

Một số người tuyên bố mình đã trở thành Cơ Đốc nhân, chịu báp têm, và đã đứng trong các hội chứng địa phương. Tuy nhiên, họ chưa hề được tái sinh bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Những người khác thẳng thừng bác bỏ sứ điệp cứu rỗi.

Thơ của chúng ta luận đến hai hạng người đầu - những người Hêbơơ thực sự được cứu và những người không có gì khác hơn lớp vỏ Cơ Đốc giáo ở bề ngoài.

Giờ đây, người Do Thái nào rời bỏ đức tin của tổ phụ thì bị xem như kẻ phản bội và bội đạo (*meshummed*), và thường bị trừng phạt bằng một hoặc nhiều biện pháp sau:

- Bị gia đình tước quyền thừa kế.

- Trục xuất khỏi hội chúng Ysơraên.

- Mất công ăn việc làm.

- Bị tước của cải;

- Bị quấy rối tinh thần và tra tấn thân xác.

- Bị nhạo báng trước công chúng.

- Bị tố tù.

- Chịu tuận đạo.

Dương nhiên, luôn luôn có lối thoát. Nếu người ấy chối bỏ Đấng Christ và quay trở về với Do Thái giáo

thì sẽ khỏi bị bắt bớ thêm. Khi tìm hiểu những ẩn ý của thơ này, chúng ta có thể khám phá một số những lập luận vững chắc được dùng để thuyết phục người này quay trở về với Do Thái giáo:

- Đi sản phong phú của các tiên tri.

- Chức vụ nổi bật của các thiên sứ trong lịch sử dân tộc thời xưa của Đức Chúa Trời.

- Mối liên hệ với người ban phát luật pháp lừng danh là Môise.

- Những mối ràng buộc dân tộc với vị tướng dân sự lỗi lạc là Giôsuê.

- Vinh hiển của chức tế lễ dòng Arôn.

- Đến thánh nơi Đức Chúa Trời chọn để ở giữa dân sự Ngài.

- Giao ước của luật pháp do Đức Chúa Trời ban qua Môise.

- Những vật dụng do Đức Chúa Trời chỉ định trong đền thánh, và bức màn uy nghiêm.

- Những sự phục vụ trong đền thánh, và đặc biệt lễ nghi trong Ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Yom Kippur, ngày quan trọng nhất trong lịch Do Thái).

Hầu như chúng ta có thể nghe những người Do Thái ở thế kỷ thứ nhất trình bày toàn bộ những sự vinh hiển này của tôn giáo thiên về nghi thức thời xưa của họ, rồi hỏi với một nụ cười khinh bỉ: "Cơ Đốc nhân các anh có thứ gì đây? Chúng ta có mọi thứ này. Các anh có thứ gì? Chẳng có gì hơn là một phòng cao đơn sơ, một cái bàn, một số bánh và rượu trên bàn! Có phải anh muốn nói rằng anh đã liả bỏ toàn bộ những điều này để lấy *thứ đó* không?"

Thơ gởi cho người Hêborơ thực sự là câu trả lời cho thắc mắc: "*Anh em có gì?*" Nói tóm lại, câu trả lời là Đấng Christ. Trong Ngài, *chúng ta có*:

- Đấng cao trọng hơn các tiên tri.
- Đấng cao trọng hơn các thiên sứ.
- Đấng cao trọng hơn Môisê.
- Đấng cao trọng hơn Giôsuê.
- Đấng có chức tế lễ trội hơn chức tế lễ của Arôn.
- Đấng phục vụ trong một đền thánh tốt hơn.

- Đấng đã giới thiệu một giao ước tốt hơn.

- Đấng làm hình thật cho những vật dụng và bức màn làm hình bóng.

- Đấng dâng chính Ngài làm của lễ để chuộc tội một lần đủ cả thi Ngài trội hơn các của tế lễ bằng bò đực và dê đực cứ phải lập đi lập lại.

Cũng giống như các ngôi sao lu mờ khỏi tầm nhìn trước vinh hiển lớn hơn của mặt trời thế nào, thì những hình bóng và những cái bóng của Do Thái giáo cũng mờ nhạt để trở nên tầm thường trước vinh hiển lớn hơn của Thân Vị Và Công Tác Của Chúa Jêsus.

Thế nhưng vẫn còn nan đề sự bất bớ. Những người xưng mình là môn đồ của Chúa Jêsus thì bị bất bớ cách đáng cay và cuồng tín. Đối với tín hữu thật, điều này có thể dẫn đến hiềm họa ngã lòng và tuyệt vọng. Do đó, họ cần được khích lệ để tin nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời. Họ cần nhận nại chịu đựng khi nghĩ về phần thưởng hầu đến.

Đối với những người chỉ là Cơ Đốc nhân hữu danh vô thực thì có

nguy cơ bội đạo. Sau khi xưng mình tiếp nhận Đấng Christ, họ có thể chối bỏ Ngài hoàn toàn và quay trở về với tôn giáo duy lễ nghi. Điều này tương đương với việc giày đạp Con Đức Chúa Trời, báng bổ huyết Ngài, và lãng mạ Thánh Linh.

Đối với tội lỗi cố ý này không còn sự ân nần hay sự tha thứ nào nữa. Có những lời cảnh cáo liên tiếp trong thơ gởi cho người Hêborơ để cảnh cáo về tội này. Trong 2:1, tội này được mô tả như *trời đạt khỏi sự đẹp của Đấng Christ*. Trong 3:7-19, đây là *tội nổi loạn* hay cứng lòng. Trong 6:6, đây là *sự vấp ngã* hay phạm tội bội đạo. Trong 10:25, đây là *bỏ sự nhóm lại*. Trong 10:26, đó là *cố ý phạm tội*. Trong 12:16, tội này được nói đến như *bán quyền con trưởng nam đổi lấy một bữa ăn*. Cuối cùng trong 12:25, tội này được gọi là *từ chối* Đấng phán cùng mình từ Thiên đàng. Nhưng toàn bộ những lời cảnh cáo này đều nhằm vào nhiều phương diện khác nhau của cùng một tội - *tội bội đạo*.

Sứ điệp của thơ Hêborơ thật bất hủ cho ngày nay cũng y như trong thế kỷ thứ nhất của hội thánh. Chúng ta cần được nhắc nhở liên tục về những đặc ân và phước hạnh đời đời vốn thuộc về chúng ta hiện nay trong Đấng Christ. Chúng ta cần được khích lệ để nhận nhục chịu đựng bất chấp mọi chống đối và những hoàn cảnh khó khăn, và những ai tự xưng là tín hữu cần được cảnh cáo về việc quay trở lại với tôn giáo của lễ nghi sau khi đã nếm và đã thấy Chúa là tốt lành.

BỐ CỤC

I. Đấng CHRIST TRỞ HƠN TRONG THÂN VỊ NGÀI (1:1-4:13)

- A. Đấng Christ Trở Hơn Các Tiên Tri (1:1-3)
- B. Đấng Christ Trở Hơn Các Thiên Sứ (1:4-2:18)
- C. Đấng Christ Trở Hơn Môise và Giôsuê (3:1- 4:13)

II. Đấng CHRIST TRỞ HƠN TRONG CHỨC TẾ LỄ CỦA NGÀI (4:14-10:18)

- A. Chức Tế Lễ Thượng Phẩm Của Đấng Christ Trở Hơn Chức Của Arôn (4:14-7:28)
- B. Chức Vụ Của Đấng Christ Trở Hơn Chức Vụ Của Arôn (Đoạn 8)
- C. Của Đấng Của Đấng Christ Tốt Hơn Các Sinh Tế Của Cựu Ước (9:1- 10:18)

III. LỜI CẢNH CÁO VÀ NHỮNG LỜI KHUYÊN BẢO (10:19-13:7)

- A. Cảnh Cáo Đừng Khinh Thường Đấng Christ (10:19-39)
- B. Lời Khuyên Giữ Đức Tin Bởi Các Tấm Gương Của Cựu Ước (Đoạn 11)
- C. Lời Khuyên Trồng Cây Nơi Đấng Christ (Đoạn 12)
- D. Lời Khuyên Về Những Ôn Khác Nhau Của Đấng Christ (13:1-17)

IV. LỜI CHÚC PHƯỚC KẾT THÚC (13:18-25)

CHÚ GIẢI

I. Đấng CHRIST TRỞ HƠN TRONG THÂN VỊ NGÀI (1:1-4:13)

A. Đấng Christ Trở Hơn Các Tiên Tri (1:1-3)

1:1 Không một thơ tín Tân Ước nào khác đi thẳng vào ý chính nhanh như thơ này. Không cần chào thăm hay giới thiệu, tác giả đi ngay vào đề tài. Dường như thể ông bị thúc ép bởi sự nóng bỏng thành khiết để nêu những vinh hiển tột bậc của Đức Chúa Jêsus Christ.

Trước hết, ông đối chiếu sự khải thị của Đức Chúa Trời bởi các tiên tri với sự bày tỏ của Ngài trong Con Ngài. Các tiên tri là những phát ngôn nhân được Chúa soi dẫn để nói thay cho Đức Chúa Trời. Họ là những đấng đáng kính của Đức Giêhôva. Tài sản thuộc linh phong phú từ chức vụ của họ được bảo tồn trong Cựu Ước.

Thế nhưng chức vụ của họ chỉ mới một phần và từng mảng rời rạc. Mỗi phần được giao một lượng khải thị nhất định, nhưng dấu sao đi nữa thì vẫn chưa đầy đủ.

Không những chân lý được nhỏ giọt cho các tiên tri như những câu chuyện đang nhiều kỳ; họ còn dùng nhiều phương pháp khác nhau để truyền đạt chân lý đó cho dân sự nữa. Chân lý đó được trình bày như thuật pháp, lịch sử, thơ ca và lời tiên tri. Đôi khi chân lý ấy được nói lên thành tiếng, có khi được viết ra. Có khi chân lý đến bởi những sự hiện thấy, những giấc chiêm bao, những biểu tượng hay kịch câm. Nhưng cho dù dùng phương pháp nào đi nữa, ý chính vẫn là: những sự khải thị trước kia của Đức Chúa Trời cho dân Do Thái

chỉ mới là sơ bộ, tiệm tiến và trình bày nhiều lần nhiều cách khác nhau.

1:2 Những lời tiên tri định kỳ, từng phần và khác nhau của Cựu Ước giờ đây đã bị lu mờ bởi khai thị nổi bật và sau cùng của Đức Chúa Trời trong Thân Vị của Con Ngài. Các tiên tri chỉ là những ống dẫn để lời thiên thượng được truyền đạt qua họ. Chính Đức Chúa Jêsus Christ mới là sự khai thị tối hậu của Đức Chúa Trời cho con người. Giảng nói: "Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết" (Giăng 1:18). Chúa Jêsus đã nói về Ngài: "Ai thấy ta tức là đã thấy Cha" (Giăng 14:9). Đấng Christ không những nói cho Đức Chúa Trời, mà còn nói với tư cách là Đức Chúa Trời.

Để nhấn mạnh tinh trời hơn vô hạn của Con Đức Chúa Trời so với các tiên tri, tác giả trước hết trình bày Ngài là Đấng kế lự muôn vật. Điều này có nghĩa cõi vũ trụ thuộc về Ngài bởi sự chỉ định của Đức Chúa Trời và Ngài sẽ mau chóng cai trị trên vũ trụ ấy.

Chính qua Ngài mà Đức Chúa Trời đã lập nên thế gian. Đức Chúa Jêsus Christ là tác nhân chủ động trong sự sáng thế. Ngài đã làm nên các bầu trời của tinh tú, các bầu trời của bầu khí quyển, đất, nhân loại và kế hoạch thiên thượng cho các thời đại. Mọi vật thọ tạo, cả vật thuộc linh lẫn thuộc thể, đều được dựng nên bởi Ngài.

1:3 Ngài là sự tỏa soi chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời, tức là toàn bộ những sự trọn lành có trong Đức Chúa Cha thì cũng có trong Ngài. Ngài là sự chói sáng của vinh hiển Đức Chúa Trời.

Mọi sự vinh hiển về đạo đức và thuộc linh của Đức Chúa Trời đều được nhìn thấy trong Ngài.

Hơn nữa, Chúa Jêsus là hình ảnh chính xác của bản thể Đức Chúa Trời. đương nhiên, điều này không chỉ đến sự giống về thể xác, vì về cơ bản, Đức Chúa Trời là thần linh. Điều này có nghĩa trong mọi phương diện có thể ý thức được, thì Đức Chúa Jêsus đại diện chính xác cho Đức Chúa Cha. Không còn sự giống nhau nào gần hơn thế nữa. Vì là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con dùng những lời nói và những phương cách của Ngài để bày tỏ cho con người biết chính xác Đức Chúa Trời như thế nào.

Và Ngài nâng đỡ cõi vũ trụ bởi lời có quyền phép của Ngài. Từ lúc ban đầu, Ngài đã phân để làm nên thế giới này (Hêborô 1:3). Ngài hiện vẫn còn phân và lời nói có quyền phép của Ngài vẫn nâng đỡ sự sống, giữ cho vật chất liên kết với nhau, và giữ cho cõi vũ trụ đi đúng trật tự. Chính bởi Ngài mà muôn vật đứng vững với nhau (Côlôse 1:17). Đây là lời giải thích đơn giản về một nan đề khoa học thâm sâu. Các khoa học gia đã vật lộn để khám phá xem điều gì giữ cho các phân tử kết hợp lại với nhau. Ở đây, chúng ta biết Chúa Jêsus là Đấng Nâng Đỡ vĩ đại, và Ngài nâng đỡ như vậy bởi lời nói có quyền phép của Ngài.

Nhưng sự vinh hiển kế tiếp của Cứu Chúa chúng ta là vinh hiển đáng sợng sốt hơn hết - sau khi Con làm xong sự sạch tội. Đấng Tạo Hóa và Đấng Duy Trì đã trở thành Đấng gánh lấy tội lỗi. Để tạo dựng cõi vũ trụ, Ngài chỉ cần phân.

Để duy trì và hướng dẫn cõi vũ trụ, Ngài chỉ cần phán, vì không liên quan đến một nạn để đạo đức nào. Nhưng để cất bỏ tội lỗi của chúng ta một lần đủ cả, Ngài phải chết trên thập tự giá tại Gôgôtha. Thật sự, sống biết bao khi nghĩ Chúa cảm quyền tế trị tối cao lại hạ mình xuống trở thành Chiên Con tế lễ. Bài thánh ca của Isaac Watt đã nói: "Kỳ diệu thay ái tình Chúa thẩm tước, xui tôi vui dâng hồn thân cả rày."

Cuối cùng, chúng ta có sự tôn cao Ngài là Chúa đang ngồi trên ngôi: Ngài ngồi bên hữu Đấng Tôn Nghiêm ở trong nơi rất cao. Ngài ngồi – là tư thế nghỉ ngơi. Đây không phải sự nghỉ ngơi sau khi lao dịch mệt mỏi, nhưng sự nghỉ ngơi đầy thỏa mãn nơi một công tác đã hoàn tất. Tư thế này cho thấy công tác cứu chuộc đã hoàn tất.

Bên hữu Đấng Tôn Nghiêm ở trong nơi rất cao là địa vị tôn trọng và có đặc ân (Hêbơơ 1:13). Vì chiến thắng vinh diệu của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã tôn cao Ngài. Bên tay hữu cũng là địa vị của quyền lực (Mathiơ 26:64) và vui thích (Thithiên 16:11). Bàn tay mang vết đinh của Cứu Chúa nắm lấy cây phủ việt thống trị vũ trụ (1.Phiêrơ 3:22).

Khi đi theo con đường của Chúa chúng ta từ lúc sáng thế đến đời Gôgôtha và rồi đến sự vinh hiển, dường như chúng ta không còn nhìn thấy các tiến trí nữa. Dầu họ rất lấy lòng, nhưng đã lui vào trong bóng tối. Họ làm chứng về Đấng Mêsia hầu đến (Côngvụ 10:43). Giờ đây khi Ngài đã đến, họ sung sướng rút lui khỏi quang cảnh ấy.

B. Đấng Christ Trỗi Hơn Các Thiên Sứ (1:4-2:10)

1:4 Bước kế tiếp trong lập luận của thơ chứng tỏ Đấng Christ trỗi hơn các thiên sứ. Điều này là cần thiết vì dân Do Thái rất xem trọng chức vụ của thiên sứ. Suy cho cùng, luật pháp đã được ban ra qua các thiên sứ (Côngvụ 7:53; Galati 3:19), và các thiên sứ thường xuyên xuất hiện trong suốt lịch sử của dân sự Chúa thời xưa. Có lẽ người ta cho rằng khi lìa bỏ Do Thái giáo để theo Đấng Christ, thì người đó sẽ tự dứt mình khỏi hình ảnh đặc trưng quan trọng này trong di sản dân tộc và tôn giáo của mình. Sự thật ấy là: khi được Đấng Christ, người ấy có được Đấng trỗi hơn các thiên sứ trên hai phương diện – thứ nhất với tư cách Con Đức Chúa Trời (1:4-14) và sau đó với tư cách Con Người (2:5-18).

Đấng Christ đã được hưởng danh cao hơn danh thiên sứ bao nhiêu, thì trở nên cao trọng hơn thiên sứ bấy nhiêu. Điều này trước hết nói về sự trỗi hơn do đạt được, và sau đó mới đến sự trỗi hơn vốn có sẵn của Ngài.

Sự trỗi hơn do đạt được xuất phát từ sự sống lại, thăng thiên và tôn cao của Ngài lên làm Chúa và Đấng Christ. Trong sự nhập thể, Ngài đã trở nên ở dưới thiên sứ một chút để chịu sự chết (2:9). Nhưng Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên cao và cho Ngài ngồi trên ngai vinh hiển cao trọng nhất.

Sự trỗi hơn vốn có của Ngài liên quan đến mối quan hệ đời đời của Ngài trong tư cách Con Đức Chúa Trời. Danh cao trọng hơn chính là danh của Con.

1:5 Giờ đây có hai câu được trích từ Cựu Ước xác định Đấng Mêsia là Con Đức Chúa Trời. Thứ nhất, trong

Thithiên 2:7, Đức Chúa Trời gọi Đấng Mêsia là Con: "Người là Con ta, ngày nay là đã sanh người?" Trên một phương diện, Đấng Christ là Con được sanh ra từ đời đời. Theo một ý nghĩa khác, Ngài được sinh ra trong sự nhập thể. Theo ý nghĩa thứ ba, Ngài được sinh ra trong sự phục sinh – sanh ra trước nhất tử trong kẻ chết (Côlôse 1:18). Phaolô dùng câu này trong nhà hội tại Antiốt xứ Bisiđi và áp dụng cho Sự Hiện Ra Lần Thứ Nhất của Đấng Christ (Công vụ 13:33).

Nhưng ý chính ở đây là: Đức Chúa Trời không hề gọi thiên sứ nào là Con Ngài. Tập thể thiên sứ được nói đến như là các con trai của Đức Chúa Trời (Gióp 1:6, Thithiên 89:6 [chú thích ngoài lề của bản ASV]), nhưng trong trường hợp đó, không có nghĩa gì khác hơn những tạo vật. Khi Chúa Jêsus được mô tả là Con Đức Chúa Trời thì biểu thị sự bình đẳng với Đức Chúa Trời.

Câu thứ nhì được trích từ II Samuên 7:14: "Ta sẽ làm Cha người, người sẽ làm Con ta." Dẫu những lời này dường như nói đến Salômôn, nhưng ở đây Thành Linh xác định lời này đang nói đến Con cao trọng hơn của Đavít. Một lần nữa lập luận ở đây chính là Đức Chúa Trời không hề nói với thiên sứ nào như vậy.

1:5 Cách thứ ba cho thấy Đấng Christ trội hơn các thiên sứ ấy là: Ngài là đối tượng cho thiên sứ thờ phượng, trong khi thiên sứ là những sứ giả và tôi tớ Ngài. Để chứng minh ý này, tác giả trích Phục truyền Luật lệ Ký 32:43 (Bản LXX và DSS) và Thithiên 97:7 (xem chú thích ngoài lề của bản NKJV).

Câu Kinh Thánh trong Phục truyền Luật lệ Ký nhìn hướng tới thời điểm Đức Chúa Trời đưa Con đầu lòng mình vào thế gian lần nữa (Bản Anh Ngữ). Nói cách khác, điều này nói về Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhì của Đấng Christ. Lúc đó, Ngài sẽ được các thiên sứ thờ phượng công khai. Điều này chỉ có thể nói lên Ngài là Đức Chúa Trời. Thờ phượng bất kỳ điều gì ngoài Đức Chúa Trời chân thần thì đều là thờ lạy hình tượng. Thế nhưng ở đây Đức Chúa Trời truyền các thiên sứ phải thờ phượng Đức Chúa Jêsus Christ.

Con đầu lòng có thể nói đến sự trước tiên về thời gian (Luca 2:7) hay thứ nhất trong cấp bậc hoặc sự tôn trọng (Thithiên 89:27). Chữ này mang nghĩa "thứ nhất trong cấp bậc hoặc sự tôn trọng" ở tại đây và trong Rôma 8:29 và Côlôse 1:15, 18.

1:7 Bằng cách đối chiếu với Con nổi bật của Ngài, Đức Chúa Trời làm cho thiên sứ Ngài như các linh (hoặc như gió) và lời lẽ Ngài như ngọn lửa. Ngài là Đấng Tạo Hóa và Đấng Chỉ Huy các thiên sứ. Họ vâng theo ý muốn Ngài với tốc độ của gió và với sự nóng cháy của lửa.

1:8 Giờ đây chúng ta hãy theo dõi dài thiên hà của những vinh quang mà Đức Chúa Con được xem là vô song trong đó. Trước hết, Ngài được Đức Chúa Trời gọi là Đức Chúa Trời. Trong Thithiên 45:6, Đức Chúa Cha hoan nghênh Đấng Mêsia bằng những lời lẽ: "Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia." Một lần nữa ở đây, thần thánh của Đấng Christ nổi bật rõ

ràng không lăm lăm vào đâu được, và lập luận này xuất phát từ bản văn truyền thống trong tiếng Hibálai. (Có ít nhất một câu trích từ Cựu Ước trong mỗi đoạn của thơ Hêborơ.)

Ngài cũng là Đấng Tế Trị đời đời; ngôi Ngài còn mãi đời nọ qua đời kia. Nước Ngài sẽ thực sự "trải dài từ bờ biển này đến bờ biển kia, cho đến khi mặt trăng sẽ không còn lên xuống nữa."

Ngài là Vua công bình. Tác giả Thithiên nói Ngài đang **cắm binh quyền** (phủ việt) **của sự ngay thẳng**, dùng cách nói của thơ ca chỉ về vị vua này cai trị trong sự ngay thẳng và trung thực tuyệt đối.

1:9 Sự công bình của cá nhân Ngài thể hiện rõ từ sự kiện Ngài nhất quán ưa **điều công bình**, ghét **điều gian ác**. Rõ ràng điều này chủ yếu nói đến ba mươi ba năm sống trên đất của Ngài, trong thời gian đó mắt của Đức Chúa Trời không tìm được lỗi lầm nào trong tính cách của Ngài và không tìm được thất bại nào trong nếp cư xử của Ngài. Ngài đã chứng tỏ tư cách xứng đáng được cai trị của Ngài.

Vì sự xuất sắc cá nhân này, **Đức Chúa Trời đã lấy đầu vui mừng xúc cho cách trởi hơn kẻ đồng loại của Chúa**. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời đã ban cho Đấng Christ địa vị tối cao trên hết thấy các hữu thể khác. "**Đầu**" ở đây có thể làm hình bóng về Thánh Linh; Đấng Christ được ban Thánh Linh hơn hết thấy mọi người khác (Giăng 3:34). **Kẻ đồng loại** của Ngài bao gồm mọi người nào Ngài đã hoạt động chung với họ, nhưng cụm từ này không nói họ là những người bình đẳng với Ngài. Có lẽ

số này bao gồm các thiên sứ nữa, nhưng có lẽ nói nhiều hơn đến các anh em Do Thái của Ngài.

1:10 Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng Tạo Hóa trời và đất. Điều này được chứng tỏ từ Thithiên 102:25-27. Trong Thithiên này, Đấng Mêsia cầu nguyện: "Đức Chúa Trời tôi ơi... xin chờ cất lấy tôi..." (câu 24). Lời cầu nguyện này tại vườn Ghếtsemanê và Gôgôtha được Đức Chúa Cha nhậm lời: "Thuở xưa Chúa lập nền trái đất, các tầng trời là công việc của tay Chúa."

Cũng nên lưu ý trong câu 10 ở đây, Đức Chúa Trời gọi Con Ngài là Chúa, tức là Đức Giêhôva. Kết luận không thể tránh khỏi ấy là: Chúa Jêsus của Tân Ước chính là Giêhôva của Cựu Ước.

1:11,12 Trong câu 11 và 12, tình thoảng qua của cõi tạo vật được đối chiếu với tính vĩnh viễn của Đấng Tạo Hóa. Những công trình của Ngài sẽ hư đi, nhưng chính mình Ngài vẫn y nguyên. **Đầu mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, núi, đại dương, và sông có vẻ bền vững lâu dài, sự thật chúng đã trở nên lỗi thời rồi**. Tác giả Thithiên vì chúng với cái áo: trước hết, nó sờn và mòn; sau đó bị xếp lại như đồ không thể dùng được nữa, và rồi người ta **đổi** nó để lấy điều gì đó tốt hơn.

Hãy nhìn lên rặng núi phủ đầy tuyết, nhìn lên buổi hoàng hôn vinh quang, nhìn lên bầu trời đầy sao. Sau đó hãy lắng nghe âm điệu tôn nghiêm của những lời này: **Ngài sẽ cuốn nó lại như cái áo choàng, rồi trời đất sẽ biến đổi, nhưng Chúa vẫn y nguyên, các năm của Chúa không hề cùng**.

1:13 Thêm một câu trích nữa (Thithiên 110:1) chứng tỏ quyền trời hơn của Con. Trong Thithiên đó, Đức Chúa Trời mới Đấng Mêsia: "Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng nào ta để kẻ thù nghịch làm bệ dưới chân ngươi." Có người hỏi: "Đức Chúa Trời có bao giờ phản những điều như thế này với thiên sứ nào?" Di nhiên, câu trả lời là không thiên sứ nào cả.

Được ngồi bên hữu Đức Chúa Trời biểu thị địa vị được tôn trọng cao cả nhất và quyền phép vô biên. Có hết thấy kẻ thù địch làm bệ chân biểu thị sự khuất phục và thống trị trên cõi vũ trụ.

1:14 Sự mạng của các thiên sứ không phải để cai trị nhưng để phục vụ. Họ là những thần linh mà Đức Chúa Trời dựng nên để được sai xuống giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi. Có thể hiểu câu này theo hai cách: thứ nhất, các thiên sứ hầu việc những người nào vẫn chưa hoàn cải; hoặc thứ nhì, thiên sứ phục vụ những người đã được cứu khỏi án phạt và quyền lực của tội lỗi, nhưng vẫn chưa được cứu khỏi hiện diện của tội lỗi tức là những tín hữu nào hiện vẫn còn sống trên đất.

Điều này nói lên có những "thiên sứ hộ vệ." Có sao chúng ta lại ngạc nhiên trước một chân lý như thế? đương nhiên có những tà linh đang gây chiến không ngừng chống lại kẻ được chọn lựa của Đức Chúa Trời (Êphêsô 6:12). Chẳng phải thật kỳ diệu khi có những thiên sứ thánh đang canh giữ những người được gọi đến sự cứu rỗi sao?

Nhưng chúng ta phải quay trở về với ý chính của phần đoạn này - không phải là sự tồn tại của những thiên thần hộ vệ, nhưng là nói về các thiên sứ kém hơn Đức Chúa Con cũng giống như tôi tớ thấp kém hơn Đấng Chủ Tế Vũ Trụ này.

2:1 Tác giả vừa hoàn tất lập luận chứng minh Đấng Christ tốt hơn tột cùng so với các thiên sứ vì Ngài là Con Đức Chúa Trời. Trước khi cho thấy Ngài cũng trời hơn trong tư cách Con Người, ông dừng lại rao thêm những lời cảnh cáo nghiêm trọng có trong thư tín này. Đây là lời cảnh cáo về việc trôi lạc khỏi sự điệp Tin Lành.

Vì tính cao trọng của Đấng Ban Phát và vì tính cao trọng của ân từ Ngài, những người nghe Tin Lành phải càng chú tâm nghiêm túc hơn nữa đối với Tin Lành. Luôn luôn có nguy cơ trôi lạc khỏi Thần Vị để sa trở lại vào tôn giáo của những hình ảnh. Điều này nói đến việc trôi dạt vào sự bội đạo - là tội lỗi không còn có sự ăn năn nào dành cho nó nữa.

2:2 Chúng ta nói rồi rằng người Do Thái đã đưa thêm tầm quan trọng đặc biệt cho chức vụ của thiên sứ vào trong lịch sử của họ. Có lẽ trường hợp hàng đầu của điều này là việc ban luật pháp khi vô số thiên sứ đã có mặt (Phụctuyên Luậtê Ký 33:2; Thithiên 68:17). Đứng là luật pháp được rao ra thông qua các thiên sứ. Và cũng đúng là điều này có hiệu lực. Đứng là mọi sự vi phạm đều phải bị hình phạt xứng đáng. Những điều này được thừa nhận (cách tự do hoàn toàn).

2:3 Nhưng giờ đây lập luận chuyển từ chỗ ít hơn sang nhiều hơn. Nếu

những người phạm luật pháp đã bị phạt, thì số phận của những người **trẻ nãi** Tin Lành sẽ ra sao? Luật pháp cho người ta biết họ phải làm gì; Tin Lành nói cho họ biết Đức Chúa Trời đã làm gì rồi. Bởi luật pháp mà có hiểu biết về tội lỗi; bởi Tin Lành có sự hiểu biết về sự cứu rỗi.

Trẻ nãi sự cứu rỗi lớn dường ấy còn nghiêm trọng hơn cả việc phạm luật pháp. Luật pháp được Đức Chúa Trời ban ra qua các thiên sứ, cho Môise rồi cho dân sự. Nhưng Tin Lành được phán trực tiếp bởi chính Đức Chúa Jêsus. Không những vậy mà thôi, Tin Lành còn được chứng nghiệm cho những Cơ Đốc nhân đầu tiên bởi các sứ đồ và bởi những người đã nghe Cứu Chúa.

2:4 Chính Đức Chúa Trời đã xác chứng sự điệp bằng những dấu kỳ sự lạ và đủ thứ phép mầu, tại dùng sự ban cho của Đức Thánh Linh. Dấu kỳ là những phép lạ của Chúa và các sứ đồ để cho biết những chân lý thuộc linh. Lấy ví dụ, việc nuôi năm ngàn người ăn (Giăng 6:1- 14) tạo thành cơ sở cho bài giảng về Bánh Sự Sống tiếp sau đó (Giăng 6:25- 59). Những sự lạ là các phép lạ nhằm khơi dậy sự sống sót trong khán giả; sự kêu Laxar sống lại minh họa điều này (Giăng 11:1- 44). Các thứ phép mầu là bất kỳ biểu hiện nào về quyền năng siêu nhiên đi ngược lại các quy luật tự nhiên. Sự ban cho Đức Thánh Linh là sự ban phát đặc biệt cho con người nói và hành động theo phương cách hoàn toàn vượt quá năng lực tự nhiên của họ.

Mục đích của toàn bộ những phép lạ này là để chứng thật cho chân lý của Tin Lành, đặc biệt cho dân Do Thái, là

những người vốn có truyền thống xin một dấu lạ nào đó trước khi họ chịu tin. Có bằng chứng cho thấy việc cần các phép lạ để chứng nghiệm đã chấm dứt khi Tân Ước có sẵn ở hình thức văn viết. Nhưng không thể chứng minh dứt khoát rằng Đức Thánh Linh không bao giờ tái tạo các phép lạ này trong các thời đại khác.

Những chữ Ngài đã theo ý muốn mình phát ra cho thấy những quyền năng làm phép lạ này được ban ra bởi Đức Thánh Linh theo ý Ngài muốn. Chúng là những sự ban cho tối thượng của Đức Chúa Trời. Con người không thể đòi hỏi những sự ban cho đó, cũng không có quyền đòi được nhằm lời cầu nguyện, vì Đức Chúa Trời không hề hứa ban chúng cho hết thảy mọi người.

2:5 Trong đoạn đầu, chúng ta thấy Đấng Christ trội hơn các thiên sứ trong tư cách con Đức Chúa Trời. Giờ đây sẽ tiếp tục chứng tỏ Ngài cũng là Đấng Trội Hơn trong tư cách Con Người. Chúng ta dễ theo dõi dòng tư tưởng khi nhớ rằng đối với nếp suy nghĩ của người Do Thái, ý nghĩ về sự nhập thể của Đấng Christ là điều không thể tin được và sự kiện về những sỉ nhục Ngài chịu là một điều nhục nhã. Đối với người Do Thái, Jêsus chỉ là một con người, nên do đó Ngài thuộc về một phẩm trật thấp hơn các thiên sứ. Những câu sau cho thấy ngay cả trong tư cách Người, Chúa Jêsus vẫn trội hơn các thiên sứ.

Trước hết, Đức Chúa Trời không hề ra lệnh cho thế giới con người của tương lai sẽ ở dưới quyền kiểm soát của các thiên sứ. Thế gian hầu đến ở đây muốn nói đến thời đại hoàng kim của

hòa bình và thịnh vượng mà các tiên tri thường xuyên đề cập đến. Chúng ta gọi đó là thiên hy niên.

2:6 Thithiên 8:4. **6** được trích dẫn để chứng tỏ quyền thống trị cuối cùng trên trần gian được giao cho con người, chứ không phải cho thiên sứ. Trên một phương diện, con người rất tâm thường, thế nhưng Đức Chúa Trời đã **nhử đến họ**. Mặt khác, con người là không quan trọng, thế nhưng Đức Chúa Trời săn sóc đến con người.

2:7 Trên chiếc cân của sự sáng thế, con người được ban cho một địa vị **thấp hơn các thiên sứ**. Con người bị giới hạn nhiều hơn xét về tri thức, tinh linh động và sức mạnh. Và con người phải chết. Thế nhưng trong những ý định của Đức Chúa Trời, con người được định cho **đội mào triều vinh hiển tôn trọng**. Những giới hạn của thân thể và tâm trí con người hầu như sẽ được dẹp bỏ, và con người sẽ được tôn cao trên đất.

2:8 Mọi sự sẽ được đặt **dưới** thẩm quyền của con người trong ngày hầu đến đến ấy – các đạo thiên binh, thế giới của loài súc vật, chim, cá, hệ thống hành tinh – trên thực tế, mọi một phần của cõi vũ trụ tạo ra này đều sẽ được đặt **dưới** quyền kiểm soát của con người.

Đây là ý định ban đầu của Đức Chúa Trời dành cho loài người. Lấy ví dụ, Ngài bảo con người "Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy đầy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất" (Sáng Thế Ký 1:28).

Vì sao chúng ta không nhìn thấy mọi vật **phục dưới chân Người**? Câu trả lời

là: con người đã đánh mất quyền thống trị của mình vì cơ tội lỗi. Chính tội lỗi của Adam đã đem sự rủa sả giáng trên cõi tạo vật. Những sinh vật để bảo đã trở thành hung dữ. Đất bắt đầu sinh ra gai gổc và chà chuôm. Quyền quản trị cõi thiên nhiên của con người nay bị thách thức và bị giới hạn.

2:9 Tuy nhiên, khi Con Người trở lại để cai trị trên đất, quyền tể trị của loài người sẽ được khôi phục. Với tư cách Con Người, Chúa Jêsus sẽ khôi phục những điều Adam đã đánh mất và còn thêm nhiều điều khác nữa. Vì vậy, tuy không thấy mọi sự phục dưới quyền con người hiện lúc này, nhưng **chúng ta** thực sự **nhìn thấy Chúa Jêsus**, và trong Ngài, chúng ta tìm được chìa khóa cho quyền cai trị cuối cùng của con người trên đất.

Trong ít lâu, Ngài đã bị làm cho **thấp hơn ở dưới thiên sứ**, nói cụ thể là trong ba mươi ba năm chức vụ tại thế của Ngài. Việc Ngài lữ Thiên đàng giáng xuống Bétlêhem, đến Ghếtsemanê, đến Gabatha, đến đồi Gôgôtha, rồi đến mộ mã, đánh dấu những giai đoạn trong sự sỉ nhục Ngài chịu. Nhưng giờ đây Ngài được **đội mào triều vinh hiển tôn trọng**. Sự tôn cao Ngài là kết quả từ sự chịu khổ và sự chết của Ngài; thập tự giá đã dẫn đến mào triều thiên.

Mục đích đầy ơn của Đức Chúa Trời trong toàn bộ điều ấy là để Đấng Christ **vì mọi người nếm sự chết**. Cứu Chúa đã chết trong tư cách Đấng Đại Diện chúng ta và là Đấng Thay Thế chúng ta; điều đó có nghĩa Ngài đã chết trong tư cách con người và Ngài chết vì con người. Ngài đã mang trong thân thể Ngài trên

cây thập tự toàn bộ sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên tội lỗi để những ai tin Ngài sẽ không bao giờ phải gánh lấy sự đoán phạt ấy nữa.

2:10 Quyền tể trị của con người sẽ được khôi phục thông qua sự chịu sỉ nhục của Cứu Chúa là điều hoàn toàn phù hợp với đặc tánh công bình của Đức Chúa Trời. Tội lỗi đã làm đảo lộn trật tự của Đức Chúa Trời. Trước khi có thể đưa trật tự ấy ra khỏi cảnh hỗn loạn, phải giải quyết tội lỗi cách công bình. Chính vì phù hợp với bản tánh thánh khiết của Đức Chúa Trời mà Đấng Christ phải chịu tuân huyệt và chịu chết để cất bỏ tội lỗi đi.

Đấng Vạch Kế Hoạch khôn ngoan này được mô tả là Đấng mà **muốn vật hưởng về Ngài và bởi Ngài**. Trước hết, Ngài là mục tiêu của toàn cõi tạo vật; mọi vật được dựng nên vì vinh hiển và sự hài lòng của Ngài. Nhưng Ngài cũng là Nguồn hoặc Đấng Phát Sinh toàn cõi tạo vật; không vật gì đã được dựng nên mà không ra từ Ngài.

Mục đích vĩ đại của Ngài là **đem nhiều con đến sự vinh hiển**. Khi chúng ta xem xét sự vô giá trị của chính mình, thì nghĩ đến chuyện Ngài chịu bận tâm đến chúng ta cũng đã đủ khiến chúng ta choáng váng rồi, nhưng chính vì Ngài là Đức Chúa Trời đầy ơn nên đã gọi chúng ta đến sự vinh hiển đời đời của Ngài.

Giá phải trả cho sự làm vinh hiển chúng ta là gì? **Đấng làm cội rễ sự cứu rỗi của chúng ta đã phải nhờ sự đau đớn mà nên trọn lành**. Xét về tình cách đạo đức của Ngài, Chúa Jesus luôn luôn trọn lành và vô tội. Trên phương diện này, không bao giờ có thể làm cho Ngài trở

nhên trọn lành hơn được. Nhưng Ngài phải được làm nên **trọn lành trong tư cách Cứu Chúa của chúng ta**. Để trả giá sự cứu chuộc đời đời cho chúng ta, Ngài đã phải chịu mọi hình phạt xứng đáng cho tội lỗi chúng ta đã phạm. Chúng ta không nhờ đời sống không gì vīt của Ngài mà được cứu; sự chết thay thế của Ngài là lẽ thiết yếu tuyệt đối.

Đức Chúa Trời đã tìm được phương cách cứu rỗi chúng ta sao cho xứng đáng với chính mình Ngài. Ngài sai Con Độc Sinh của Ngài đến chết thay chúng ta.

2:11 Ba câu tiếp theo nhấn mạnh sự trọn lành của nhân tánh Chúa Jesus. Nếu Ngài muốn đoạt lại quyền thống trị do Adam đã đánh mất, thì phải chứng tỏ được Ngài là một con người thật sự.

Trước hết, sự kiện được nêu ra: **Vì Đấng làm nên thánh và kẻ được nên thánh thấy đều cùng thuộc về một tập hợp** (Bản Anh ngữ là "are all of one"), tức họ hết thấy đều sở hữu nhân tánh. Hoặc "...có cùng một nguồn gốc" (RSV), nghĩa là trong nhân tánh của họ, họ thấy đều có một Đức Chúa Trời, là Cha.

Đấng Christ chính là Đấng **làm nên thánh**, tức là Ngài biệt riêng hay phân rẽ những con người ra khỏi thế gian để thuộc về Đức Chúa Trời. Phước cho những ai được Ngài biệt riêng như vậy!

Người được nên thánh hay vật được nên thánh tức là được biệt riêng ra khỏi cách sử dụng bình thường để làm tài sản riêng của Đức Chúa Trời, để Ngài dùng và thưởng thức. Phản nghĩa của nên thánh chính là sự báng bổ.

Có bốn loại nên thánh trong Kinh Thánh: *Sự nên thánh trước khi hoàn*

cải, sự nên thánh về địa vị, sự nên thánh trong nếp sống đạo, và sự nên thánh trọn vẹn. Bốn thể loại nên thánh nào này được bàn chi tiết trong Phần Phụ Lục ở I.Têsalônica 5:23, và nên đọc kỹ phần này.

Đọc giả cũng nên lưu ý xem những phân đoạn khác nhau trong thư Hêbơơ có nói đến sự nên thánh, và nên tìm cách xác định xem đang nói đến thể loại nên thánh.

Chính vì đã trở nên Con Người thật nên Ngài không hổ thẹn mà gọi những người theo Ngài là anh em. Có thể nào Đấng Tế Trị đời đời của cả cõi vũ trụ lại trở nên con người và gắn bó mật thiết với tạo vật của Ngài đến nỗi Ngài sẽ gọi họ là anh em được sao?

2:12 Câu trả lời được tìm thấy trong Thi thiên 22:22, trong đó chúng ta nghe Ngài phán: "Tôi sẽ truyền danh Chúa cho anh em tôi." Câu này cũng mô tả Ngài đang hòa mình với dân sự trong sự thờ phượng chung: "và ngồi khen Chúa ở giữa hội." Trong cơn thống khổ hấp hối của Ngài, Ngài nhìn hướng tới ngày Ngài sẽ hướng dẫn đoàn người đồng đức đã được chuộc để ca ngợi Đức Chúa Cha.

2:13 Có thêm hai câu Kinh Thánh nữa trích từ Kinh Thánh của người Do Thái để chứng minh nhân tánh của Đấng Christ. Trong Êsai 8:17 (Bản LXX), Ngài nói về việc Ngài phó thác cho Đức Chúa Trời. Lòng tin quyết hoàn toàn nơi Đức Giêhôva là một trong những dấu hiệu vĩ đại nhất của nhân tánh đích thực. Rồi trong Êsai 8:18, tác giả trích lời Chúa đang nói: "Ta đây, ta với các con cái mà Đức Chúa Trời đã ban cho

ta!" Ý chính ở đây là: họ là thành viên của một gia đình chung, công nhận một Cha chung.

2:14 Những ai xem sự si nhục của Con Người là đáng hổ thẹn thì giờ đây được mời gọi xem xét bốn phước hạnh quan trọng lưu phát từ sự thương khó của Ngài.

Phước hạnh thứ nhất là sự phá diệt Satan. Điều này xảy ra bằng cách nào? Có một phương diện đặc biệt để qua đó Đức Chúa Trời ban con cái của Ngài cho Đấng Christ để làm nên thánh, cứu rỗi và giải phóng. Vì những con cái này có nhân tánh, nên Chúa Jêsus đã mang lấy một thân thể bằng thịt và huyết. Ngài đã gạt bỏ biểu hiện bề ngoài của thân lánh Ngài và che giấu tánh của Ngài trong "chiếc áo bằng đất sét."

Nhưng Ngài đã không dừng lại tại Bêlêhem. "Ngài đã đi trọn đường đến Gôgôtha vì tôi, bởi vì Ngài rất yêu tôi."

Bởi sự chết của Ngài, Ngài đã phá diệt kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ. Sự phá diệt ở đây có nghĩa "mất sức khỏe" hơn là "mất sự hiện hữu." Chữ này có nghĩa vô hiệu hóa hay làm cho không còn giá trị gì nữa. Satan vẫn đang chủ động chống đối những mục đích của Đức Chúa Trời trong thế gian, nhưng nó đã nhận một vết thương chí tử tại thập tự giá. Thời gian của nó còn rất ngắn ngủi và số phận của nó đã bị định đoạt chắc chắn. Nó là một kẻ thù đã bại rồi.

Trên phương diện nào ma quỷ nắm quyền của sự chết? Chắc ý nghĩa chính yếu của việc nó nắm quyền này ấy là trong việc đòi hỏi phải có sự chết. Chính bởi Satan mà tội lỗi lần đầu tiên

vào thế gian. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời tuyền án chết cho mọi người nào phạm tội. Vì vậy trong vai trò kẻ thù địch, ma quỷ có thể đòi hỏi phải trả án phạt ấy.

Trong những lãnh thổ ngoại giáo, cũng có thể nhìn thấy quyền lực của ma quỷ qua khả năng nơi những tác nhân của hần, tức những pháp sư, để rửa sả một con người và làm người ấy chết bất đắc kỳ tử.

Trong Kinh Thánh không có lời nào gợi ý rằng ma quỷ có thể gây ra sự chết cho tín hữu nếu không được phép của Đức Chúa Trời (Gióp 2:6), nên do đó nó không thể ấn định thời điểm chết của một tín hữu. Thông qua những kẻ ác, đôi khi ma quỷ được phép giết chết tín hữu ấy. Nhưng Chúa Jêsus bảo trước cho môn đồ Ngài đừng sợ những người có thể phá hủy thân thể, nhưng trái lại phải sợ Đức Chúa Trời là Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn và thân thể trong địa ngục (Mathiơ 19:28).

Trong Cựu Ước, Hênóc và Êli đã lên Thiên đàng mà không phải chết. Rõ ràng, số di như vậy là vì với tư cách người tin Chúa, họ được kể là đã chết trong sự chết hãy còn trong tương lai của Đấng Christ.

Khi Đấng Christ đến vào lúc Cát Lên, mọi tín hữu còn đang sống đều sẽ đi Thiên đàng mà không phải trải qua sự chết. Nhưng họ cũng thoát khỏi sự chết vì cơ đức thánh khiết của Đức Chúa Trời đã được thỏa mãn cho họ trong sự chết của Đấng Christ. Đấng Christ phục sinh giờ đây "cầm chìa khóa của Âm Phủ Và Sự Chết" (Khải Huyền 1:18), tức là Ngài có thẩm quyền tuyệt đối trên chúng.

2:15 Phước hạnh thứ nhì ra từ nơi sự si nhục của Đấng Christ chính là sự giải phóng khỏi nỗi sợ hãi. Trước thời thập tự giá, nỗi sợ sự chết đã bắt con người làm nô lệ suốt đời. Dầu đôi khi có những tia sáng lóe lên trong Cựu Ước nói về sự sống sau cái chết, nhưng ấn tượng chung vẫn là không biết chắc chắn, vẫn có nỗi kinh khiếp và âm đạm. Biểu vốn là sương mù nay đã rõ ràng vì cơ Đấng Christ đã dùng Tin Lành phơi bày sự sống và sự không hề chết ra rõ ràng (II.Timothê 1:10).

2:16 Phước hạnh lớn lao thứ ba ấy là sự đến chuộc tội lỗi. Khi vào thế gian, Chúa không vừa giúp các thiên sứ, bèn là vừa giúp dòng dõi của Ápraham. "Vừa giúp" dịch từ chữ *epilambanō*, nghĩa là "nắm chặt lấy" (vì vậy Bản KJV dịch "Ngài đã không mặc lấy [cho Ngài bản chất của] các thiên sứ; nhưng Ngài đã mặc lấy [cho Ngài] dòng dõi của Ápraham"). Tuy động từ này có thể không mang ý về sự nắm lấy một cách thô bạo như ý thường có ở chỗ khác, nhưng theo cách dùng ở đây thì nói đến những ý về sự giúp đỡ và giải thoát.

Dòng dõi của Ápraham có thể nói đến dòng dõi *thuộc thể* của Ápraham, là người Do Thái, hoặc cũng có thể nói đến dòng dõi *thuộc linh* của ông - là tín hữu thuộc mọi thời đại. Ý quan trọng ở đây là: họ là con người, chứ không phải là thiên sứ.

2:17 Vì vậy, Ngài cần phải chịu làm giống như anh em mình trong mọi phương diện. Ngài đã mang lấy nhân tánh thật và trọn lành. Ngài đã trở nên lệ thuộc vào những ước vọng, tư tưởng, cảm xúc, tình cảm và những tình tình

của con người – với một ngoại lệ quan trọng này: Ngài không hề phạm tội; nhân tánh của Ngài là nhân tánh lý tưởng; nhưng nhân tánh của chúng ta đã bị xâm lấn bởi yếu tố ngoại lai là tội lỗi.

Nhân tánh trọn vẹn của Ngài khiến Ngài xứng đáng trở nên thấy tế lễ thượng phẩm, hay thượng xót và trung tin đối với Đức Chúa Trời. Ngài có thể thượng xót đối với con người và trung tín với Đức Chúa Trời. Chức năng chính của Ngài trong tư cách thấy tế lễ thượng phẩm chính là đến lợi cho chúng dân. Để hoàn thành việc này, Ngài đã làm một việc không một thấy tế lễ thượng phẩm nào khác từng làm hay có thể làm được – Ngài đã dâng *chính mình* Ngài làm của tế lễ vô tội. Ngài sẵn lòng chết thay chúng ta.

2:16 Phước hạnh thứ tư là giúp kẻ bị cám dỗ. Vì chính mình Ngài đã chịu khổ và đã chịu bị **cám dỗ**, nên có thể cứu những kẻ bị cám dỗ. Ngài có thể cứu giúp những người đang trải qua sự cám dỗ bởi vì chính mình Ngài cũng đã đích thân trải qua.

Một lần nữa ở đây, chúng ta phải bổ sung thêm một từ ngữ hạn định. Đức Chúa Jêsus bị **cám dỗ** từ bên ngoài, nhưng không bao giờ bị **cám dỗ** từ bên trong. Sự cám dỗ trong đồng vắng cho thấy Ngài bị **cám dỗ** từ bên ngoài. Satan đã hiện ra với Ngài và tìm cách lôi cuốn bằng những tác nhân kích thích từ bên ngoài. Nhưng Cứu Chúa không bao giờ bị **cám dỗ** để phạm tội bởi những tham muốn và đam mê từ bên trong, vì trong Ngài không hề có tội lỗi nào và không

có điều gì để đáp ứng với tội lỗi. Ngài đã **chịu khổ, chịu cám dỗ**. Trong khi chúng ta thật đau đớn để chống cự sự cám dỗ, thì Ngài lấy làm đau đớn khi bị **cám dỗ**.

C. Đấng Christ Trội Hơn Môisê và Giôxud (3:1-4:13)

3:1 Môisê là một trong những anh hùng dân tộc vĩ đại nhất của Ysraên. Do đó, bước thứ ba trong chiến lược của tác giả ấy là chứng minh sự trội hơn vô hạn của Đấng Christ so với Môisê.

Sứ điệp này gửi cho anh em thánh, là kẻ dự phần ơn trên trời gọi. Mọi tín hữu thật đều là thánh xét về địa vị của họ và họ đáng phải thánh trong nếp sống đạo. Trong Đấng Christ, họ là thánh; trong chính bản thân họ, họ đáng phải nên thánh.

Sự kêu gọi từ trên trời của họ tương phản với sự kêu gọi dưới đất của Ysraên. Các thánh đồ Cựu Ước được kêu gọi đến với các phước hạnh vật chất trong Đất Hứa (dẫu vậy họ cũng thật sự có niềm trông cậy trên trời nữa). Trong Thời Đại Hội Thánh, tín hữu được gọi đến các phước hạnh thuộc linh trong các nơi trên trời hiện nay và đến với cơ nghiệp trên trời trong tương lai.

Hãy suy lường đến Chúa Jêsus. Ngài xứng đáng vô cùng cho chúng ta suy nghĩ đến Ngài như vị sứ giả và thấy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta tin theo. Khi xưng Ngài là Sứ Giả (Bản Anh ngữ là "sứ đồ"), chúng ta muốn nói rằng đối với chúng ta Ngài đại diện Đức Chúa Trời. Khi xưng Ngài là Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm, chúng ta muốn nói Ngài đại diện cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời.

3:2 Phải thừa nhận rằng trên một phương diện, Ngài tương tự với Môise. Ngài đã trung tín với Đức Chúa Trời, cũng như Môise đã trung tín trong nhà của Đức Chúa Trời. Nhà ở đây không chỉ có nghĩa là đền tạm, nhưng còn là toàn bộ phạm vi mà Môise đại diện cho những mối quan tâm của Đức Chúa Trời. Đó chính là nhà Ysraên, là dân sự thời xưa trên trần gian này của Đức Chúa Trời.

3:3 Nhưng sự tương tự chấm dứt tại đó. Trong mọi phương diện khác, có sự ưu việt trội hơn không thể chối cãi vào đâu được. Trước hết, Chúa Jêsus đáng vinh hiển cao trọng hơn Môise vì người thợ xây được tôn trọng hơn chính cái nhà. Chúa Jêsus là Thợ Xây nhà Đức Chúa Trời; Môise chỉ là một phần trong ngôi nhà đó.

3:4 Thứ nhì, Chúa Jêsus cao trọng hơn vì Ngài là Đức Chúa Trời. Mỗi cái nhà đều phải có một người dựng nên. Đấng dựng nên muốn vậy ấy là Đức Chúa Trời. Từ Giăng 1:3, Cô-lô-se 1:16, và Hê-bơ-rơ 1:2,10, chúng ta biết Chúa Jêsus là Tác Nhân hành động trong sự sáng thế. Kết luận không thể tránh khỏi ấy là: Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời.

3:5 Ý thứ ba là: Đấng Christ cao trọng hơn trong tư cách Con. Môise, người đã trung tín trong cả nhà Chúa, như một kẻ lười lờ (Dàn-sô Ký 12:7), để chỉ cho con người tiến đến với Đấng Mê-si-a hầu đến. Ông làm chứng về điều ngày sau sẽ được rao giảng, tức là Tin Lành cứu rỗi trong Đấng Christ. Đây là nguyên nhân có lần Đấng Christ phán:

"Vì nếu các người tin Môise, cũng sẽ tin ta; bởi ấy là về ta mà người đã chép" (Giăng 5:46). Trong bài Ngài giảng cho các môn đồ trên đường về Emaút, Chúa Jêsus bắt đầu từ Môise và mọi đáng tiền tri, và "cắt nghĩa cho họ những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh" (Luca 24:27).

3:6 Nhưng Đấng Christ trung tín trong cả nhà Chúa với tư cách Con Trai, chứ không làm tội lỗi, và trong trường hợp của Ngài, tư cách làm con có nghĩa là bình đẳng với Đức Chúa Trời. Nhà của Đức Chúa Trời chính là nhà của chính Đấng Christ.

Ở đây, tác giả giải thích ý nghĩa của "nhà Chúa" ngày nay. Nhà Chúa hợp thành bởi mọi tín hữu thật trong Chúa Jêsus: nhà Chúa tức là chúng ta, miễn là chúng ta giữ vững vàng cho đến cuối cùng.¹ Thoạt nghe có vẻ điều này hàm ý sự cứu rỗi của chúng ta tùy thuộc vào việc giữ cho vững vàng. Trong trường hợp đó, sự cứu rỗi sẽ là bởi sự bền đỗ chúng ta hơn là bởi công tác đã hoàn tất của Đấng Christ trên thập tự giá. Ý nghĩa thật ấy là: nếu chúng ta đứng vững thì chúng ta chứng minh mình là nhà của Đức Chúa Trời. Đứng vững vàng là bằng chứng của thực tại. Những ai mất lòng tin quyết nơi Đấng Christ và nơi lời hứa của Ngài để quay trở về với những nghi lễ và kỷ lễ thì chúng tỏ họ chưa hề được tái sanh. Điều này nhằm chống lại tình trạng bội đạo mà lời cảnh cáo tiếp theo nhắm vào.

3:7 Đến đây, tác giả đưa ra lời cảnh cáo thứ nhì của thư này - cảnh cáo sự cứng lòng, điều này xảy ra cho Ysraên trong đồng vắng và có thể xảy ra lần

nữa. Vì vậy Đức Thánh Linh vẫn đang phán qua Thithiên 95:7-11, như Ngài đã phán khi Ngài soi dẫn cưu ấy lúc ban đầu: **"Ngày nay nếu các ngươi nghe tiếng Ngài."**

3:8 Mỗi khi Chúa phán, chúng ta phải mau chóng nghe. Nghi ngờ Lời Ngài tức là gọi Ngài là kẻ nói dối và chúc lấy cơn thịnh nộ của Ngài.

Thế nhưng đó là lịch sử của Ysraên trong đồng vắng. Đó là bản tường trình âm thầm về những lời than phiền, tham muốn, thờ hình tượng, vô tin và nổi loạn. Chẳng hạn, tại Rêphidim, họ lầm bầm vì thiếu nước và nghi ngờ Chúa không hiện diện giữa họ (Xuất Êđiptô Ký 17:1-17). Tại đồng vắng Pharan, khi các thám tử vô tín trở về đem theo lời tường trình gian ác gây nản lòng và nghi ngờ (Dân số Ký 13:25-29), dân sự quyết định sẽ trở về Êđiptô, là xứ nô lệ (Dân số Ký 14:4).

3:9 Đức Chúa Trời rất giận đến nỗi quyết định phạt dân sự phải lang thang trong đồng vắng suốt bốn mươi năm (Dân số Ký 14:33-34). Trong số toàn bộ những chiến binh ra khỏi xứ Êđiptô từ hai mươi tuổi trở lên, chỉ hai người được vào xứ Canaan - là Calép và Giôsuê (Dân số Ký 14:28-30).

Thật có ý nghĩa vì như Ysraên trải bốn mươi năm trong đồng vắng thế nào, thì Thánh Linh của Đức Chúa Trời cũng đối đãi với dân Ysraên trong khoảng chừng bốn mươi năm sau khi Đấng Christ chịu chết thế ấy. Dân sự này đã cứng lòng trước sứ điệp của Đấng Christ. Vào năm 70 S.C., Giêrusalem bị phá hủy và dân sự tản lạc trên khắp các nước ngoại bang.

3:10 Vì Chúa không vui về Ysraên trong đồng vắng dẫn đến lời lên án nghiêm khắc này. Ngài lên án họ là luôn luôn thích đi lang thang xa Ngài, và cố tình không biết đường lối Ngài.

3:11 Trong cơn thịnh nộ Ngài, Ngài thể rằng họ sẽ không hề được vào sự yên nghỉ Ngài, tức là xứ Canaan.

3:12 Câu 12-15 nêu phần Thánh Linh áp dụng cho chúng ta từ kinh nghiệm của Ysraên. Cũng như ở chỗ khác trong thơ Hêbơơ, độc giả được gọi là anh em. Điều này không có nghĩa họ hết thấy đều là Cơ Đốc nhân thật. Vì vậy, mọi người tự xưng là tín hữu phải luôn luôn để phòng lòng dữ và chẳng tin, kéo khiến họ lái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống. Đây là hiểm họa không ngừng.

3:13 Một trong các giải pháp là khuyên bảo nhau. Đặc biệt trong những ngày khó khăn hoạn nạn, dân sự Chúa phải hằng ngày khuyên người khác đừng từ bỏ Đấng Christ để đi theo những tôn giáo không giải quyết được nạn để tội lỗi.

Đề ý lời khuyên này không giới hạn cho tầng lớp phục vụ Chúa nhưng là bổn phận của hết thầy mọi anh em. Phải tiếp tục khuyên bảo nhau chừng nào còn gọi là "ngày nay," tức là chừng nào Đức Chúa Trời còn tiếp tục bèn ơn cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin. "Ngày nay" là thì giờ được chấp nhận; đây là ngày cứu rỗi.

"Trái bỏ" tức là "bị tội lỗi dể dành mà cứng lòng." Mới nhìn thì thấy tội lỗi thường xinh đẹp. Ở đây, nó chào mời lối thoát khỏi sự quả trách của Đấng

Christ, nó đưa ra những tiêu chuẩn thành khiết thấp kém hơn, những nghi lễ hấp dẫn đối với những sở thích thẩm mỹ, và lời hứa hẹn được lợi lộc trên trần gian. Nhưng nhìn lại thấy nó thật ghê tởm. Nó không đem đến cho con người sự tha tội, không có hy vọng bên kia mồ mã, và không còn có cơ hội ăn năn.

3:14 Một lần nữa, chúng ta được nhắc **chúng ta đã trở thành** những bạn đồng hành của Đấng Christ nếu giữ lòng tin ban đầu của chúng ta cho vững bền đến cuối cùng. Những câu Kinh Thánh như thế này thường bị lạm dụng để dạy rằng người ta có thể được cứu và rồi bị hư mất trở lại. Tuy nhiên, không thể giải thích như thế vì Kinh Thánh dạy đây lời làm chứng rằng sự cứu rỗi được ban cách nhưng không bởi ơn của Đức Chúa Trời, được mua bởi huyết của Đấng Christ, nhận lấy bằng đức tin của con người, và được thể hiện rõ qua việc lành của người ấy. Đức tin thật luôn luôn có phẩm chất lâu bền. Chúng ta đứng vững không phải để giữ lại sự cứu rỗi của mình, nhưng để làm bằng chứng mình đã được cứu thật. Đức tin là cội rễ của sự cứu rỗi; sự bền đỗ là bông trái. Ai là những bạn đồng hành của Đấng Christ? Câu trả lời ấy là: "Những người nào bởi sự đứng vững trong đức tin chứng tỏ họ thực sự thuộc về Ngài."

3:15 Giờ đây tác giả kết thúc phần áp dụng cá nhân về kinh nghiệm đáng buồn của Ysraên bằng cách lập lại lời Thithiên 95:7,8: "Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng, như lúc nổi loạn." Lời kêu gọi xót

xa này đã có thời rao cho Ysraên, giờ đây được nói cho bất kỳ ai có thể bị cám dỗ từ bỏ Tin Lành để quay lại với luật pháp.

3:16 Đoạn này kết thúc với phần giải thích lịch sử về sự bội đạo của Ysraên. Với loạt ba câu hỏi và trả lời, tác giả lần theo sự nổi loạn, sự chọc giận của Ysraên và sự trừng phạt. Sau đó ông kết luận.

Sự nổi loạn. Những người nổi loạn được xác định là những người nhờ Môise dẫn ra khỏi xứ Êđípht. Calép và Giôsuê là những ngoại lệ duy nhất.

3:17 *Sự chọc giận.* Cũng chính những người nổi loạn này đã chọc giận Giêhôva trong bốn mươi năm. Họ có khoảng 600.000 người, và khi kết thúc bốn mươi năm ấy, đồng vắng đã có 600.000 nắm mồ.

3:18 *Sự trừng phạt.* Cũng chính những người này bị loại khỏi xứ Canaan bởi sự bất tuân của họ.

Chỉ cần nhắc lại những câu hỏi và trả lời này cũng đủ tạo ảnh hưởng sâu sắc trên bất kỳ ai đang bị cám dỗ để lìa bỏ nhóm thiểu số Cơ Đốc nhận thật vốn bị khinh bỉ này để đi theo đại đa số mang về bề ngoài mộ đạo nhưng phủ nhận quyền phép của sự tin kính. Có phải đa số là luôn luôn đúng? Trong đoạn nói về Ysraên này, chỉ có hai người đúng và hơn nửa triệu người đã sai!

A. T. Pierson nhấn mạnh tính nghiêm trọng của tội lỗi Ysraên như sau:

Lòng vô tin của họ là sự chọc giận gồm bốn mặt:

1. Đây là công kích lẽ thật của Đức Chúa Trời, khiến Ngài trở thành người nói dối.

2. Đây là công kích quyền năng Ngài, vì đã kể Ngài là yếu đuối và không thể đưa họ vào đất hứa.

3. Đây là công kích tình bất biến của Ngài; vì dấu họ không nói như thế, nhưng cách hành động ám chỉ Ngài là một Đức Chúa Trời thay đổi thất thường, và không thể nào làm những dấu kỳ mà trước đó Ngài đã có lần làm.

4. Đây cũng là công kích sự thành tín của Ngài trong tư cách một người cha, dường như thế Ngài cứ khước lệ sự chờ đợi nhưng không hề có ý định làm cho trọn.²

Trái lại, Calép và Giôsuê đã kính trọng Đức Chúa Trời bằng cách kể lời Ngài là tuyệt đối chân thật, quyền năng Ngài là tuyệt đối vô hạn, bản tánh của Ngài là đầy ơn và bất biến, và Ngài thành tín đến nỗi không bao giờ khơi lên niềm hy vọng nào mà Ngài không làm cho thành.

3:19 Kết luận: Chinh lòng vô tín ngàn những con cái nổi loạn này không được vào đất hứa, và chinh lòng vô tín ngàn trở con người hưởng cơ nghiệp của Đức Chúa Trời trong mọi định kỳ. Bài học đạo đức rất rõ ràng: Hãy coi chừng tấm lòng dữ và **chăng tin**.

Những câu tiếp theo là một trong những phần đoạn khó hiểu nhất của toàn thư tin. Dấu sự dạy dỗ toàn diện của phần này là khá rõ, nhưng các nhà giải kinh ít đồng ý với nhau về đồng lập luận chính xác của phần đoạn.

Chủ đề của 4:1-13 là sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời và nhu cần phải

chuyên tâm vào cho được sự yên nghỉ ấy. Có lẽ sẽ hữu ích cho chúng ta ngay từ đầu nếu thấy Kinh Thánh đề cập đến nhiều loại yên nghỉ khác nhau:

1. Đức Chúa Trời đã yên nghỉ sau ngày thứ sáu của công cuộc sáng tạo (Sáng Thế Ký 2:2). Sự yên nghỉ này không chỉ ra sự mệt mỏi sau khi làm việc khó nhọc, nhưng trái lại là sự thỏa lòng về công tác Ngài đã làm xong. Đây là sự yên nghỉ đầy thỏa mãn (Sáng Thế Ký 1:31). Sự yên nghỉ của Ngài bị gián đoạn bởi tội lỗi vào trong thế gian. Kể từ đó, Ngài vẫn đang làm việc không ngừng. Đúng như Chúa Jêsus nói: "Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy" (Giăng 5:17).

2. Canaan được định làm xứ yên nghỉ cho con cái Ysraên. Hầu hết họ không hề được vào xứ này và những người không được vào thì không thấy được sự yên nghỉ Chúa định dành cho họ. Canaan được dùng ở đây làm hình bóng hay điển hình về sự yên nghỉ cuối cùng và đời đời của Đức Chúa Trời. Phần lớn những người không được vào Canaan (như Côrê, Bathan, và Abiram chẳng hạn) mô tả những người bội đạo thời nay, là người không vào được sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời vì cơ lòng không tin.

3. Tin hữu ngày nay được hưởng sự yên nghỉ của lương tâm, biết rằng án phạt tội lỗi của họ đã được trả xong qua công tác đã làm trọn của Chúa Jêsus. Đây là sự yên nghỉ được Cứu Chúa hứa ban: "Hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được yên nghỉ" (Mathiơ 11:28).

4. Tin hữu cũng được hưởng sự yên nghỉ khi phục vụ Chúa. Trong khi sự

yên nghỉ nói ở phần ba là sự yên nghỉ của sự cứu rỗi, thì đây là sự yên nghỉ của sự phục vụ. "Hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta; thì linh hồn các ngươi sẽ được yên nghỉ" (Mathiơ 11:29).

5. Cuối cùng, có sự yên nghỉ đời đời đang chờ đợi tín hữu tại nhà Cha trên Thiên đàng. Sự yên nghỉ trong tương lai này còn được gọi là sự yên nghỉ Sabát (Hêbơơ 4:9), và là sự yên nghỉ chung cuộc mà các sự yên nghỉ khác hoặc làm hình bóng hoặc ném trước về nó. Sự yên nghỉ này là để tài chính yếu (Hêbơơ 4:1-13).

4:1 Đừng ai nghĩ lời hứa về sự yên nghỉ không còn hiệu lực nữa. Lời hứa ấy chưa hề ứng nghiệm đầy đủ và chung cuộc trong quá khứ; do đó, lời mời vẫn còn hiệu lực.

Nhưng mọi người nào xưng mình là tín hữu phải bảo đảm chắc chắn để mình không bị trật mục tiêu ấy. Nếu lời tuyên xưng của họ chỉ là sáo rỗng, thì luôn có hiểm họa xây bỏ Đấng Christ và tiếp nhận hệ thống tôn giáo nào đó vốn không có quyền cứu được ai.

4:2 Tin Lành đã được rao truyền cho chúng ta - Tin Lành về sự sống đời đời qua đức tin nơi Đấng Christ. Người Ysraên cũng đã được nghe giảng Tin Lành - Tin Lành về sự yên nghỉ trong Xứ Canaan. Nhưng họ không được ích lợi chi từ Tin Lành yên nghỉ ấy.

Có hai lối giải thích khá đi cho thất bại của họ, tùy theo cách chúng ta chấp nhận lối giải thích thủ bản nào về câu 2. Theo bản NKJV, nguyên nhân họ thất bại chính là sử điệp đã "không đi kèm với đức tin của những người nghe." Nói cách khác, họ không tin sử điệp ấy hoặc không hành động theo sử điệp ấy.

Cách lý giải khác (chú thích lẻ của NKJV) ấy là: "Họ đã không lấy đức tin hiệp một với những người đã nghe theo lời ấy." Cách này lý giải rằng đại đa số Ysraên đã không lấy đức tin hiệp một với Calép và Glôsuê, hai thám tử biết tin lời hứa của Đức Chúa Trời.

Dấu trường hợp nào đi nữa, ý nổi bật vẫn là: lòng vô tín đã loại họ ra khỏi sự yên nghỉ mà Chúa đã chuẩn bị cho họ trong đất hứa.

4:3 Mạch ý tưởng trở nên khó hiểu trong câu này. Dường như có ba mệnh đề rời rạc và không liên hệ với nhau, thế nhưng chúng ta thấy có một mạch chung trong mỗi mệnh đề - chủ đề sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời.

Trước hết, chúng ta biết chúng ta là kẻ đã tin thì vào sự yên nghỉ của Chúa. Đức tin là chìa khóa để mở cánh cửa ấy. Như đã nói, tín hữu ngày nay được hưởng sự yên nghỉ của lương tâm vì họ biết họ không còn bị đoán phạt về tội mình nữa (Giăng 5:24). Nhưng cũng đúng là những người tin Chúa sẽ là những người duy nhất được vào sự yên nghỉ cuối cùng của Đức Chúa Trời trong vinh hiển. Có lẽ sự yên nghỉ trong tương lai này được nói đến chủ yếu tại đây.

Mệnh đề tiếp theo củng cố ý này bằng câu tuyên bố tiêu cực: như Đức Chúa Trời đã phán rằng: "Này là lời thề ta đã lập trong cơn thịnh nộ. Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ ta!" (được trích từ Thư thiên 95:11). Đức tin cho vào, còn lòng vô tín loại ra. Chúng ta là những người tin Đấng Christ thì biết chắc chắn về sự yên nghỉ của Chúa; những người Ysraên không tin thì

không thể biết chắc sự yên nghỉ ấy vì họ không tin lời Chúa.

Mệnh đề thứ ba là khó hiểu nhất: mệnh đề này nói, **dấu vậy công việc của Ngài đã xong rồi từ buổi sáng thế.** Có lẽ cách giải thích đơn giản nhất là liên kết mệnh đề này với mệnh đề đi trước. Trong mệnh đề đi trước, Chúa dùng thì tương lai khi nói về sự yên nghỉ của Ngài: **Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ là.** Thì tương lai hàm ý sự yên nghỉ của Chúa vẫn còn là sự lựa chọn thực sự hiện nay, dấu có người đã từ bỏ sự yên nghỉ ấy vì cơ không tin, và sự yên nghỉ này vẫn đang sẵn dấu sự thực là **công việc** của Đức Chúa Trời đã **xong rồi từ buổi sáng thế.**

4:4 Câu này nhằm dùng Kinh Thánh chứng minh Đức Chúa Trời đã yên nghỉ sau khi công cuộc sáng thế hoàn tất. Việc tác giả không xác định rõ đã trích phân đoạn Kinh Thánh này ở đâu không có nghĩa là ông không biết phân đoạn ấy. Đây chỉ là một biện pháp văn chương để trích một câu từ một sách mà thời bấy giờ chưa chia thành các đoạn và câu. Câu này từ Sáng Thế Ký 2:2: "Ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời làm xong các công việc Ngài đã làm, và ngày thứ bảy, Ngài nghỉ các công việc Ngài đã làm."

Ở đây sử dụng thì *quá khứ*, và đối với một số người, điều này có vẻ như chứng tỏ sự yên nghỉ của Chúa chỉ thuộc về lịch sử chứ không thuộc về lời tiên tri, nên không thích ứng gì cho chúng ta ngày nay. Nhưng không phải như vậy.

4:5 Để củng cố ý nói rằng Đức Chúa Trời yên nghỉ sau khi sáng thế không có

nghĩa đó là một vấn đề đã kết thúc, tác giả với một chút chuyển đổi một lần nữa đã trích dẫn Kinh Thánh Thi thiên 95:11, trong đó sử dụng thì *tương lai*: "Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ là." Thực ra ông đang nói: "Theo cách nghĩ của anh em, đừng giới hạn sự yên nghỉ của Chúa vào những việc đã xảy ra ở trong Sáng Thế Ký 2 mà thôi; hãy nhớ rằng về sau Chúa đã phán về sự yên nghỉ của Ngài là vẫn đang có sẵn."

4:6 Mãi đến đây trong lập luận, chúng ta đã thấy kể từ lúc sáng thế, Chúa vẫn đang ban sự yên nghỉ cho con người. Cửa vào vẫn luôn mở rộng.

Người Ysraên trong đồng vắng **không vào được vì cơ họ không tin.** Nhưng điều này không có nghĩa lời hứa không còn hiệu lực!

4:7 Bước tiếp theo là chứng minh ngay cả trong trường hợp của Đavít, khoảng 500 năm sau khi người Ysraên bị loại khỏi xứ Canaan, Đức Chúa Trời vẫn đang dùng chữ "ngày nay" như là ngày còn cơ hội. Tác giả đã trích Thi thiên 95:7,8 rồi trong Hêbơrô 3:7,8,15. Giờ đây ông trích lần nữa để chứng minh Lời Chúa hứa ban sự yên nghỉ không dừng lại với người Ysraên trong đồng vắng. Trong thời Đavít, Ngài vẫn đang mời gọi con người tin cậy Ngài và **đừng cứng lòng.**

4:8 Đương nhiên, có một số người Ysraên đã vào Canaan cũng với Giôsuê. Nhưng ngay cả họ cũng không hưởng được sự yên nghỉ chung cuộc mà Chúa đã dành sẵn cho những người yêu mến Ngài. Trong Canaan vẫn có chiến trận, tội lỗi, bệnh tật, đau buồn, hoạn nạn, và sự chết nữa. Nếu họ đã nhận trọn hết

lời Chúa hứa ban sự yên nghỉ, thì chắc Ngài không hứa một lần nữa trong thời Đavít.

4:9 Những câu đi trước dẫn đến kết luận này: **Vậy thì còn lại một ngày yên nghỉ cho dân Đức Chúa Trời.** Ở đây, tác giả sử dụng một từ ngữ Hy văn khác chỉ về sự yên nghỉ (*sabbatismos*), có liên hệ với chữ "*Sabbath*" (ngày Sabát). Chữ này nói về sự yên nghỉ đời đời mà mọi người được chuộc bởi huyết báu của Đấng Christ sẽ được hưởng. Đây sẽ là việc giữ "Ngày Sabát" không bao giờ dứt.

4:10 Ai bước vào sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời thì nghỉ công việc mình, cũng như Đức Chúa Trời đã nghỉ vào ngày thứ bảy vậy.

Khi chưa được cứu, có thể chúng ta có làm việc để kiếm sự cứu rỗi. Khi nhận thấy Đấng Christ đã hoàn tất công tác cứu rỗi tại Gôgôtha, chúng ta bỏ hết mọi nỗ lực vô giá trị của mình và tin cậy nơi Đấng Cứu Chuộc phục sinh.

Sau khi được cứu, chúng ta dốc sức làm công việc trong tình yêu thương để phục vụ Đấng đã yêu chúng ta và phó chính mình Ngài vì chúng ta. Việc lành của chúng ta là bông trái của Thánh Linh đang ngự trong lòng. Chúng ta thường mỗi một khi phục vụ Chúa, dấu vậy không hề mỗi một chân ngón phục vụ Ngài.

Trong sự yên nghỉ đời đời của Chúa, chúng ta sẽ nghỉ công việc khó nhọc của mình dưới đất này. Điều này không có nghĩa chúng ta không làm việc trên Thiên đàng. Chúng ta sẽ vẫn thờ phượng và phục vụ Ngài, nhưng sẽ không còn mỗi một, buồn thảm, bất bở hoặc hoạn nạn.

4:11 Những câu trước chứng minh sự yên nghỉ của Chúa vẫn còn dành sẵn. Câu này nói cần phải chuyên tâm để được vào sự yên nghỉ đó. Chúng ta phải gắng sức để bảo đảm chắc chắn rằng hy vọng duy nhất của chúng ta chính là Chúa và là Đấng Christ. Chúng ta phải gắng sức chống lại mọi sự cám dỗ chỉ tuyên xưng đức tin nơi Ngài nhưng rồi từ bỏ Ngài khi gặp bất bở và chịu khổ nguy kịch.

Người Ysoraên đã bất cần. Họ xem thường những lời hứa của Chúa. Họ khao khát xứ Êđiptô, là xứ nô lệ. Họ không gắng sức lấy đức tin nắm giữ lời hứa của Đức Chúa Trời. Kết quả họ không hề đến được Ganaan. Tấm gương của họ phải là lời cảnh báo cho chúng ta.

4:12 Hai câu tiếp theo chứa lời cảnh cáo nghiêm trọng, ấy là, không bao giờ có thể che giấu lòng vô tín được. Trước hết, lòng vô tín bị phát hiện bởi Lời của Chúa. (Thuật ngữ được dùng ở đây chỉ về "lời" là *rhēma* chứ không phải *logos*, một từ ngữ quen thuộc được Giảng sử dụng mở đầu sách Tin Lành của mình. Câu này không nói đến Lời Hằng Sống, tức Chúa Jêsus, nhưng nói đến lời thành văn, là Kinh Thánh.) Lời Đức Chúa Trời này là:

Lời sống - sống luôn luôn và chủ động.

Linh nghiệm - đem lại sức lực.

Cắt đứt - sắc hơn gươm hai lưỡi.

Phân tách - thấu vào đến đời chia hồn linh, là hai phần vô hình và phi vật chất của con người. Thấu vào cốt tủy, cốt cho phép có cử động bên ngoài và tủy là sự sống kín giấu nhưng hết sức quan trọng của xương.

Biện biệt - phân biệt và phán xét các tư tưởng và ý định trong lòng. Chính Lời Chúa đoán xét chúng ta, chứ không phải chúng ta là người đoán xét Lời Chúa.

4:13 Thứ nhì, lòng vô tín bị phát hiện bởi Chúa Hằng Sống. Ở đây, đại từ nhân xưng chuyển từ đại từ phiếm chỉ sang đại từ chỉ ngôi: **Chẳng có vật nào được giấu kín trước mặt Chúa.** Không điều nào thoát khỏi sự chú ý của Ngài. Ngài toàn tri tuyệt đối. Ngài luôn biết mọi điều đang diễn ra trong cõi vũ trụ. đương nhiên, ý quan trọng trong văn mạch này ấy là: Ngài biết nơi đâu có đức tin thật và nơi đâu chỉ có sự đồng ý của lý trí đối với sự thật.

II. ĐÁNG CHRIST TRỞI HƠN TRONG CHÚC TẾ LỄ CỦA NGÀI (4:14-10:18)

A. CHÚC TẾ LỄ THƯỢNG PHẨM CỦA ĐÁNG CHRIST TRỞI HƠN CHÚC CỦA ARON (4:14-7:28)

4:14 Những câu này một lần nữa khơi dậy lòng tư tưởng mạnh mẽ được tác giả giới thiệu ở 3:1 - Đấng Christ là **thầy tế lễ thượng phẩm** lớn của dân sự Ngài. Những câu này giới thiệu Ngài là nguồn cung ứng tuyệt vời cho dân sự cùng tưng của Ngài, có thể giữ họ khỏi vấp ngã. Một lần nữa, chúng chuyển điểm nhấn mạnh "từ Lời Chúa trong tư cách người xem xét tử tử sang Chúa trong tư cách Đấng Cảm Thông." Khi Lời Chúa đã phơi bày chúng ta hoàn toàn (câu 12,13), chúng ta có thể đến với Ngài để tìm sự thương xót và ân điển.

Để ý những điều xuất sắc trởi hơn của Chúa chúng ta:

1. Ngài là **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** Lớn. Có rất nhiều thầy tế lễ thượng

phẩm dưới định kỳ Môise, nhưng chưa người nào được gọi là lớn.

2. Ngài **đã trải qua** từng trời của bầu không khí và từng trời linh tú đến từng trời thứ ba, là nơi ngự của Đức Chúa Trời. đương nhiên, điều này nói đến sự thăng thiên và tôn vinh hiển Ngài bên tay hữu Đức Chúa Cha.

3. Ngài là con người. **Jêsus** là tên gọi được đặt cho Ngài khi chào đời và đây là tên liên kết đặc biệt với nhân tánh của Ngài.

4. Ngài là Đức Chúa Trời. "**Con Đức Chúa Trời**", khi được dùng chỉ về Đấng Christ, nói đến sự bình đẳng tuyệt đối của Ngài với Đức Chúa Cha. Nhân tánh Ngài khiến Ngài đủ tư cách từ quan điểm của chúng ta; thần tánh của Ngài khiến Ngài đủ tư cách trước mặt Đức Chúa Trời. Chẳng lấy gì làm lạ khi Ngài được gọi là **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Lớn**.

4:15 Rồi chúng ta cũng phải xét đến kinh nghiệm của Ngài. Không ai có thể thực sự **cảm thông** với người khác trừ khi đã **địch thân** kinh nghiệm tương tự. Với tư cách Con Người, Chúa chúng ta đã dự phần trong những kinh nghiệm của chúng ta nên bởi đó có thể hiểu những thử thách chúng ta đang chịu. (Ngài không thể đồng cảm với việc chúng ta làm quấy vì Ngài không hề kinh nghiệm điều đó.)

Trong mỗi cơn đau xé nát cõi lòng,

Thống khổ Nhân cũng đến cơ phần.

Ngài đã bị thử thách trong mọi phương diện như chúng ta, **song chẳng phạm tội**. Kinh Thánh ra sức bảo vệ sự hoàn hảo vô tội của Chúa Jêsus, và chúng ta cũng phải làm như vậy. Ngài

chẳng hề biết tội lỗi (II.Côrinthô 5:21), Ngài không hề phạm tội (I.Phiêrô 2:22), và trong Ngài không có tội (II.Gi 3:5).

Ngài không thể phạm tội, hoặc trong tư cách Đức Chúa Trời hoặc trong tư cách con người cũng vậy. Là Con Người trọn vẹn, Ngài không tự mình làm điều gì cả; Ngài tuyệt đối vâng phục Đức Chúa Cha (Giăng 5:19), và đương nhiên Đức Chúa Cha không bao giờ bắt Ngài phạm tội.

Nói rằng "Nếu Ngài không thể phạm tội thì sự căm dỗ của Ngài không có ý nghĩa gì cả" là một lập luận sai lầm. Một mục đích của căm dỗ chính là để chứng minh dứt khoát rằng Ngài không thể phạm tội được. Nếu bạn đem thứ vàng, thì phép thử ấy không kém hiệu lực vì cơ vàng tinh ròng. Nếu có tạp chất, phương pháp thử nghiệm sẽ cho thấy ngay. Tương tự, quả là lập luận sai lầm khi bảo nếu Ngài không phạm tội thì Ngài không trọn vẹn là người. *Tội lỗi không phải là một thành phần thiết yếu trong nhân tánh*, đúng hơn, nó là kẻ xâm nhập từ bên ngoài. Nhân tánh chúng ta đã bị tội lỗi phá hoại; nhân tánh của Ngài là nhân tánh trọn lành.

Nếu với tư cách Con Người, Chúa Jêsus đã có thể phạm tội trên trần gian, điều gì sẽ ngăn cản Ngài phạm tội với tư cách Con Người trên Thiên đàng? Ngài không bỏ lại nhân tánh của Ngài khi thăng thiên về bên hữu Đức Chúa Cha. Ngài không thể phạm tội trên trần gian và Ngài không thể phạm tội trên Thiên đàng.

4:16 Giờ đây đến lời mời đầy ơn: đạđi đến gần ngôi **ơn phước**. Chúng ta

đạđi là nhờ hiểu biết rằng Ngài chết để cứu rỗi chúng ta và Ngài sống để giữ gìn chúng ta. Chúng ta được bảo đảm sẽ được đón nhận hết lòng vì cơ Ngài bảo chúng ta hãy đến.

Dân sự thời Cựu Ước không thể đến gần Ngài. Chỉ thấy tế lễ thượng phẩm mới đến gần Ngài được, và chỉ đến một ngày trong năm. Chúng ta có thể ra mắt Ngài bất kể ngày đêm để được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng. Lòng thương xót của Ngài khóa lấp mọi điều đáng lẽ chúng ta không nên làm, và ơn của Ngài ban cho chúng ta sức mạnh để làm những điều đáng phải làm nhưng không có năng lực để làm.

Morgan viết rất bổ ích:

Tôi không hề biết chân để nói về cụm từ Hylap được dịch "trong thì giờ có cần dùng" là câu nói hoàn toàn thông dụng tương đương với "vừa kịp lúc." "Hãy cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta vừa kịp lúc" - ơn ngay tại lúc và tại nơi tôi cần. Bạn bị cảm dỗ ập đến tấn công. Ngay lúc bị tấn công, bạn ngửa trông Ngài, và ân điển có sẵn tại đó để giúp vào kịp lúc. Không có điều gì để hoãn lời khấn xin của bạn mãi cho đến giờ cầu nguyện tối. Nhưng khi đang ở trên đường phố đối diện với cảm dỗ phòng ngừa trước mặt, hãy hướng đến Đấng Christ kèn cứu, và ân điển sẽ có sẵn vừa kịp lúc tại đó.⁴

Cho đến lúc này, tác giả cho thấy Chúa Jêsus trội hơn các tiên tri, các thiên sứ và Môise. Giờ đây chúng ta quay sang chủ đề quan trọng về chức tế lễ để thấy chức tế lễ thượng phẩm của

Đấng Christ là theo bạn trởi hơn bạn của Arôn.

Khi Chúa ban luật pháp cho Môise trên núi Sinai, Ngài đã thiết lập chức tế lễ loài người để nhờ đó dân sự có thể đến gần Ngài. Ngài truyền các thầy tế lễ phải ra từ chi phái Lêvi và từ họ Arôn. Dòng tế lễ này còn được gọi là chức tế lễ Lêvi hay chức tế lễ Arôn.

Cựu Ước nhắc đến một chức tế lễ khác nữa do Đức Chúa Trời tấn phong, là chức tế lễ của tổ phụ Mênchixêđéc. Nhân vật này sống vào thời Ápraham, rất lâu trước khi ban bố luật pháp, và vừa là vua vừa là thầy tế lễ. Trong phần đoạn này của chúng ta, tác giả sẽ cho thấy Chúa Jêsus Christ là thầy tế lễ theo bạn Mênchixêđéc, và bạn tế lễ này trởi hơn chức tế lễ của Arôn.

Trong bốn câu đầu, chúng ta có phần mô tả thầy tế lễ dòng Arôn. Rồi câu 5-10 mô tả chi tiết Đấng Christ xứng đáng làm thầy tế lễ, phần lớn bằng cách đối chiếu tương phản.

5:1 Phẩm cách đầu tiên của thầy tế lễ thuộc dòng Arôn ấy là phải được chọn ra từ giữa con người. Nói cách khác, thầy tế lễ đó phải là một con người.

Thầy tế lễ này được lập lên để hành động thay loài người trước mặt Đức Chúa Trời. Ông thuộc một đẳng cấp đặc biệt của những người phục vụ trong tư cách trung gian giữa con người với Đức Chúa Trời. Một trong những chức năng chính của ông là dâng lễ vật và hy sinh vì tội lỗi. Lễ vật nói đến bất kỳ của dâng nào được đem đến dâng cho Chúa. Của hy sinh nói đến những của tế lễ đặc biệt có đổ huyết ra để làm của lễ chuộc tội.

5:2 Ông phải thương xót sự yếu đuối của con người và đối đãi dịu dàng với kẻ ngu dốt sai lầm. Xác thịt yếu đuối của chính ông giúp ông hiểu được nan đề dân sự đang đối diện.

Câu này nhắc đến kẻ ngu dốt và sai lầm, và đây là dấu nhắc nhở rằng những của tế lễ này trong Cựu Ước là để chuộc những tội không cố ý phạm. Trong luật pháp không có điều khoản nào dành cho tội cố ý phạm.

5:3 Nhưng tuy việc làm người là một lợi thế ở chỗ giúp thầy tế lễ hóa mình với dân sự, nhân tánh tội lỗi của ông lại là một bất lợi. Ông buộc phải vì tội lỗi mình dâng của tế lễ, cũng như vì tội lỗi của dân chúng.

5:4 Chức vụ thầy tế lễ không phải là điều con người chọn như một nghề nghiệp. Họ phải được Đức Chúa Trời kêu gọi như Arôn ngày xưa. Sự kêu gọi của Chúa đã giới hạn cho Arôn và dòng dõi ông. Ngoài họ hàng đó, không ai có thể phục vụ trong đền tạm hay trong đền thờ.

5:5 Giờ đây tác giả quay sang Đấng Christ và chứng minh Ngài xứng đáng làm thầy tế lễ vì được Đức Chúa Trời lập lên, vì nhân tánh rõ ràng của Ngài, và vì những tư cách Ngài đã có.

Xét về sự phong chức, nguồn phong chức chính là Đức Chúa Trời. Đây là sự kêu gọi tối thượng, không liên quan đến phả hệ con người. Nó bao gồm mối quan hệ tốt hơn bất kỳ chức tế lễ nào trên trần gian này có được. Thấy Tế Lễ của chúng ta là Con độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời, được sanh ra đời đời, được sanh ra trong sự nhập thể, và được sanh ra trong sự phục sinh.

5:6 Rồi chức tế lễ của Đấng Christ theo bạn tốt hơn vì trong Thithiên 110: 4, Đức Chúa Trời tuyên bố Đấng Christ là **thầy tế lễ đời đời theo bạn Mênchixêđéc**. Sự ưu việt này được giải thích đầy đủ hơn trong đoạn 7. Ý tưởng nổi bật ở đây là: khác với chức tế lễ theo dòng Arôn, chức tế lễ theo dòng Mênchixêđéc còn đến đời đời.

5:7 Đấng Christ không những là Con vô tội của Đức Chúa Trời; Ngài còn là Con Người thật. Tác giả nói đến rất nhiều từng trải đa dạng của con người mà Chúa đã trải qua **khí còn trong xác thịt** để chứng minh ý này. Hãy để ý những từ ngữ được dùng mô tả đời sống của Ngài và đặc biệt kinh nghiệm của Ngài trong vườn Ghếtsemanê: **đã kêu lớn tiếng khóc lóc mà dâng những lời cầu nguyện nài xin**. Chúng đều nói đến công việc của Ngài trong tư cách Con Người biết nương cậy, sống vâng lời Đức Chúa Trời, và dự phần mọi cảm xúc không liên kết với tội lỗi của con người.

Lời cầu nguyện của Đấng Christ không phải xin được cứu khỏi chết; suy cho cùng, chết thay tội nhân chính là mục đích khiến Ngài đến thế gian này (Giăng 12:27). Lời cầu nguyện của Ngài là xin để Ngài có thể được giải thoát *ra khỏi sự chết (JND)*, để linh hồn Ngài không bị bỏ lại trong âm phủ. Lời cầu nguyện này được nhằm khi Đức Chúa Trời khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Ngài được **nhậm lời** vì **có lòng nhân đức Ngài**.

5:8 Một lần nữa, chúng ta đối mặt trực tiếp với lẽ mầu nhiệm thâm thúy của sự nhập thể - làm sao Đức Chúa

Trời có thể trở nên Con Người để chịu chết thay con người.

Dấu Ngài là Con, hay nói rõ hơn, dấu Ngài đã là Con Độc Sanh - Ngài không phải là *một* người Con, tức là một trong số rất nhiều người con, nhưng Ngài đã là con độc sanh của Đức Chúa Trời. Dấu có sự kiện trọng đại này, **Ngài cũng vẫn học tập vâng lời bởi những sự khốn khổ Ngài đã chịu**. Ngài vào thế gian này để làm Con Người để phải chịu những từng trải mà ít hẳn Ngài không bao giờ biết nếu cứ ở trên Thiên đàng. Mỗi sáng tại Ngài được mở ra để nghe lời chỉ dạy từ Cha Ngài cho ngày hôm ấy (Êsai 50:4). **Ngài đã học tập vâng lời bằng thực nghiệm** trong tư cách Con luôn luôn vâng phục ý của Cha Ngài.

5:9 Và sau khi đã được làm nên trọn vẹn rồi. Câu này *không thể* nói đến phẩm cách cá nhân của Ngài, vì Chúa Jesus là trọn vẹn tuyệt đối. Lời nói, việc làm và đường lối Ngài là tuyệt đối không chỗ trách được. Vậy Ngài được nên **trọn vẹn** theo ý nghĩa nào? Câu trả lời ấy là trọn vẹn trong chức vụ của Ngài với tư cách Cứu Chúa của chúng ta. Hẳn Ngài không bao giờ có thể trở thành Cứu Chúa trọn vẹn của chúng ta nếu cứ ở trên Thiên đàng. Nhưng qua sự nhập thể, sự chết, chôn, sống lại và thăng thiên, Ngài đã hoàn tất công tác cần phải có để cứu chúng ta khỏi tội lỗi, và giờ đây Ngài đã đạt đến vinh hiển trong tư cách Cứu Chúa trọn vẹn của thế gian.

Sau khi trở về trời, Ngài trở nên cội rễ của sự cứu rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài. Ngài là nguồn cứu rỗi cho mọi

người, nhưng chỉ **những ai vâng lời Ngài** mới được cứu.

Ồ đây, sự cứu rỗi kèm theo điều kiện vâng lời Ngài. Trong nhiều phần đoạn khác, sự cứu rỗi kèm theo điều kiện đức tin. Làm sao chúng ta dung hòa điều có vẻ như mâu thuẫn này? Trước hết, đây là sự vâng lời của đức tin (Rôma 1:5; 16:25-27): "Sự vâng lời mà Chúa đòi hỏi chính là đức tin nơi lời Ngài." Nhưng cũng đúng là chính loại đức tin cứu rỗi dẫn đến sự vâng lời. Không thể nào tin - theo đúng ý nghĩa thật của Tân Ước - mà không vâng lời.

5:10 Sau khi đã hoàn tất công tác nền tảng của chức tế lễ một cách vinh quang, Chúa Jêsus được **Đức Chúa Trời xưng Ngài là thấy tế lễ thượng phẩm** theo ban Mênchixêđéc.

Ồ đây, cần thấy rằng dấu chức tế lễ của Chúa Jêsus theo ban Mênchixêđéc, nhưng những chức năng tế lễ của Ngài tương tự với chức năng của các thầy tế lễ dòng Arôn. Thực ra, chức vụ của các thầy tế lễ Do Thái làm hình bóng trước, hay là hình ảnh, về công tác Đấng Christ sẽ hoàn tất.

5:11 Đến đây, tác giả phải tế khởi chủ đề chính. Ông muốn tiếp tục đề tài chức tế lễ theo ban Mênchixêđéc, nhưng chưa được. Ông được Chúa buộc phải quở trách độc giả về tình trạng ấu trĩ và đồng thời cảnh cáo họ cách nghiêm khắc về nguy cơ sa ngã.

Một sự thật đáng buồn ấy là khả năng hiểu chân lý thiên thượng bị giới hạn bởi chính tình trạng thuộc linh của chúng ta. Những lỗ tai **chậm hiểu** không thể tiếp nhận những chân lý sâu nhiệm được! Điều này thường đúng cho chúng

ta biết bao - như cho các môn đồ: Chúa có rất nhiều điều để nói với chúng ta nhưng chúng ta không hiểu nổi (Giăng 16:12).

5:12 Tác giả nhắc người Hêborơ nhớ họ đã nhận sự dạy dỗ đủ lâu để có thể dạy được người khác rồi. Nhưng thật bi thảm vì họ vẫn đang cần **người khác dạy cho họ những điều sơ học của Lời Đức Chúa Trời**.

Đáng lẽ anh em đã làm thấy từ lâu rồi. Mạng lệnh của Đức Chúa Trời truyền mỗi tín hữu phải trưởng thành đến mức có thể dạy người khác. Mỗi người dạy một người! Đúng là có những người có ân tứ dạy dỗ đặc biệt, nhưng cũng đúng không kém là mỗi tín hữu phải dự phần vào một mục vụ dạy dỗ nào đó. Đức Chúa Trời không hề có ý định giới hạn công tác này cho một số ít người.

Anh em cần ăn sữa thay vì đồ ăn đặc. Trong lãnh vực thuộc thể, đứa trẻ nào không hề bỏ sữa để ăn thức ăn đặc thì ốm yếu suy nhược. Trong lãnh vực thuộc linh cũng có kiểu tăng trưởng còi cọc như thế (1.Côrinthô 3:2).

5:13 Những người tự xưng là tin đồ Đấng Christ mà vẫn **ăn sữa thì không hiểu đạo công bình**. Họ là người nghe lời nhưng không làm theo. Họ đánh mất những gì mình không sử dụng, và vẫn cứ ở hoài trong tình trạng còi cọc.

Họ không có ý thức phân biệt sâu sắc các vấn đề thuộc linh và bị người ta lừa đảo, bị mưu chước dỗ dành làm cho lăm lặc, mà dạy dỗ động và đời đời theo chiều gió của đạo lạc" (Êphêsô 4:14).

5:14 Thức ăn thuộc linh **đặc** dành cho người đã trưởng thành, là người hay

dụng tâm tư luyện tập mà phân biệt điều lành và dữ. Nhờ vàng theo sự sáng nhận được từ Lời Chúa, họ có thể đưa ra những đánh giá thuộc linh và giữ mình thoát khỏi những sai lầm nguy hiểm về đạo đức và giáo lý.

Trong vấn mạch này, độc giả được khuyến cụ thể phải phân biệt giữa lành và dữ trong mối liên quan với Cơ Đốc giáo và Do Thái giáo. Tự Do Thái Giáo không phải là xấu; hệ thống của người Levi do chính Đức Chúa Trời đưa ra. Nhưng nó nhằm để chỉ đến Đấng Christ. Đấng Christ là sự ứng nghiệm những hình và bóng trong lễ nghi. Giờ đây khi Đấng Christ đã đến, quay trở lại với những hình ảnh nói về Ngài tức là đã phạm tội. Bất kỳ điều gì tranh giành tình cảm và lòng trung thành của con người với Đấng Christ thì đều là dữ. Những tín hữu trưởng thành về mặt thuộc linh có thể phân biệt giữa sự thấp kém của chức tế lễ Aron với sự ưu việt trong chức tế lễ của Đấng Christ.

6:1 Lời cảnh cáo bắt đầu từ 5:1 vẫn tiếp tục qua suốt đoạn này. Đây là một trong những phần đoạn gây tranh cãi nhiều nhất của toàn Tân Ước. Vì rất nhiều Cơ Đốc nhân tin kính Chúa bất đồng ý kiến với nhau về cách giải thích, nên chúng ta không được phép nói cách độc đoán. Chúng tôi trình bày lời giải thích dường như phù hợp nhất với văn mạch và với phần còn lại của Tân Ước.

Trước hết, có lời khuyên độc giả bỏ qua các điều sơ học về Tin Lành của Đấng Christ, nghĩa đen là "lời về khởi đầu của Đấng Christ" (FWG), hoặc "những lời nói thưở đầu của Đấng Christ" (KSW). Chúng tôi hiểu điều này

nói đến những giáo lý cơ bản của tôn giáo được dạy dỗ trong Cựu Ước và nhằm chuẩn bị cho Ysraen đón Đấng Mêsia hiện đến. Những giáo lý này được liệt kê trong phần cuối của câu 1 và câu 2. Nhưng chúng ta sẽ tìm cách chứng minh, đây không phải là những giáo lý nền tảng về Cơ Đốc giáo, đúng hơn là những sự dạy dỗ về bản chất sơ đẳng làm thành cái nền để về sau xây tiếp lên đó. Chúng thiếu Đấng Christ phục sinh và được vinh hiển. Lời khuyên ở đây là phải bỏ qua những điều cơ bản này, không phải theo ý nghĩa bỏ đi vì chúng vô giá trị, nhưng đúng hơn là phải từ nơi chúng để tiến đến trường thành. Hàm ý ở đây là: thời kỳ của Do Thái giáo là thời kỳ ấu trị thuộc linh. Cơ Đốc giáo đại diện cho sự trưởng thành trọn vẹn.

Khi đã lập xong nền, thì bước kế tiếp là phải xây lên trên nền đó. Nền giáo lý được thiết lập trong Cựu Ước, bao gồm sáu sự dạy dỗ nền tảng sắp được liệt kê ra đây. Những giáo lý này đại diện cho điểm khởi đầu. Những chân lý trọng đại của Tân Ước về Đấng Christ, Thân Vị Ngài, và công tác Ngài, đại diện cho chức vụ của sự trưởng thành.

Giáo lý Cựu Ước đầu tiên là từ bỏ (Bản Anh ngữ "án nan") các việc chết. Các tiên tri cũng như người mở đường cho Đấng Mêsia đã liên tục dạy dỗ điều này. Họ thầy đều kêu gọi dân chúng từ bỏ các việc chết theo ý nghĩa chúng hoàn toàn không có đức tin.

Các việc chết ở đây có thể còn nói đến những việc ngày trước vốn là đúng, nhưng giờ đây là chết vì Đấng Christ đã

đến. Lấy ví dụ, mọi sự phục vụ liên quan đến sự thờ phượng trong đền thờ đã trở nên lạc hậu bởi công tác đã trọn của Đấng Christ.

Thứ nhì, tác giả đề cập **Đức tin nơi Đức Chúa Trời**. Một lần nữa, đây là điểm nhấn mạnh của Cựu Ước. Trong Tân Ước, hầu như luôn luôn trình bày Đấng Christ là đối tượng của đức tin. Không phải đức tin ấy thay thế đức tin nơi Đức Chúa Trời; nhưng đức tin nơi Đức Chúa Trời mà bỏ Đấng Christ ra ngoài thì giờ đây là đức tin chưa đầy đủ.

5:2 Lời dạy về **phép báp têm** không nói đến phép báp têm Cơ Đốc,⁵ nhưng nói đến sự tẩy rửa theo lễ nghi thể hiện rất nổi bật trong sinh hoạt tôn giáo của các thầy tế lễ và dân Ysraên (cũng xem 9:10).

Nghi lễ **đặt tay** được mô tả trong Lêvi Ký 1:4; 3:2; 16:21. Người dâng tế lễ hay thầy tế lễ phải đặt tay mình trên đầu con sinh như một hành động đồng nhất hóa. Xét về nghĩa bóng, con thú gánh lấy tội lỗi của người đã liên kết với nó. Nghi lễ này làm hình bóng về sự chuộc tội thay thế. Chúng ta không nghĩ câu này nói đến việc đặt tay do các sứ đồ và nhiều người khác thực hiện trong hội thánh đầu tiên (Công vụ 8:17; 13:3; 19:6).

Sự sống lại của kẻ chết được dạy trong Gióp 19:25-27, Thithiên 17:15, và được hàm ý trong Êsai 53:10-12. Điều hiển thấy mơ hồ trong Cựu Ước giờ đây được bày tỏ rành ròi trong Tân Ước (1.Timôthê 1:10).

Giáo lý nền tảng cuối cùng của Cựu Ước chính là **sự phán xét đời đời** (Thithiên 9:17; Êsai 66:24).

Những nguyên tắc đầu tiên này đại diện cho Do Thái giáo, và để chuẩn bị cho sự hiện đến của Đấng Christ. Cơ Đốc nhân đứng nên tiếp tục thỏa lòng với những giáo huấn này, nhưng phải cố gắng tiến lên đến sự bày tỏ đầy đủ hơn mà giờ đây họ có trong Đấng Christ. Độc giả được khuyến khích chuyển "từ bóng sang vật thật, từ hình sang nguyên mẫu, từ vỏ sang nhân, từ những hình thức chết trong tôn giáo của tổ phụ họ tiến đến những thực tại sống động của Đấng Christ."

5:3 Tác giả bày tỏ lòng khao khát giúp họ **làm điều đó**,⁶ nếu **Đức Chúa Trời cho phép**. Tuy nhiên, yếu tố giới hạn lại ở về phía họ chứ không từ phía Đức Chúa Trời. Chúa sẽ giúp họ tiến đến bậc thành nhân thuộc linh trọn vẹn, nhưng họ phải đáp ứng tích cực với Lời Chúa bằng cách vận dụng đức tin thật và sự bền đỗ.

5:4 Giờ đây chúng ta tiến đến trọng tâm lời cảnh cáo về sự bội đạo. Lời này áp dụng cho hạng người **không thể** khiến họ lại ân nân nữa. Dường như những người này đã từng ân nân (đầu không hề nói đến đức tin của họ nơi Đấng Christ). Giờ đây, Kinh Thánh nói rõ không thể có sự ân nân lần nữa.

Họ là ai? Câu trả lời được nêu trong câu 4 và 5. Khi xét đến những đặc ân lớn lao họ đã hưởng, phải thấy rằng toàn bộ những điều này có thể đúng cho người chưa được cứu. Kinh Thánh không hề nói rõ rằng họ đã được tái sanh. Cũng không nói về những điều cơ bản thiết yếu như đức tin cứu rỗi, sự cứu chuộc bởi huyết Ngài, hay sự sống đời đời.

Họ đã cố lẩn được soi sáng. Họ đã được nghe Tin Lành về ân điển của Đức Chúa Trời. Họ không còn ở trong tối tăm đối với con đường cứu rỗi nữa. Giuđa Íchcariôt đã được soi sáng nhưng ông khước từ sự sáng ấy.

Họ đã nếm sự ban cho từ trên trời. Chúa Jêsus là Sự Ban Cho từ trên trời. Họ đã nếm về Ngài, nhưng chưa hề tiếp nhận Ngài bằng hành động tin dứt khoát. Có thể nếm mà không ăn hay uống vào. Khi người ta đưa rượu và mồi được cho Chúa Jêsus trên thập tự giá, Ngài nếm nhưng không uống (Mathiơ 27:34). Nếm Đấng Christ thì chưa đủ; nếu chúng ta không ăn thịt Con Người và uống huyết Ngài, tức là nếu chúng ta không thực sự tiếp nhận Ngài làm Chúa và Cứu Chúa, thì chúng ta không có sự sống trong mình (Giăng 6:53).

Họ đã trở thành người dự phần về Đức Thánh Linh. Trước khi chúng ta đi đến kết luận rằng điều này bắt buộc phải bao hàm sự hoán cải, chúng ta nên nhớ Đức Thánh Linh thực hiện chức vụ trước khi hoán cải trong đời sống con người. Ngài thánh hóa người chưa tin Chúa (I.Côrinthô 7:14), đặt họ vào địa vị có đặc ân bên ngoài. Ngài cáo trách người chưa tin về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét (Giăng 16:8). Ngài dẫn con người đến sự ân nân và chỉ cho họ đến với Đấng Christ là nguồn hy vọng duy nhất của họ. Do đó, con người có thể dự phần những lợi ích của Đức Thánh Linh mà không hề được Ngài ngự trong lòng.

6:5 Họ đã nếm đạo lành của Đức Chúa Trời. Khi nghe giảng Tin Lành, họ chịu cảm động lạ lùng và được kéo đến

Tin Lành ấy. Họ như hạt giống rơi trên lớp đất đá; họ nghe đạo và lập tức mừng rỡ tiếp nhận, nhưng không có rễ. Họ chịu đựng được một lúc, nhưng khi hoạn nạn hoặc bất bớ xảy đến vì cơ đạo Chúa, họ lập tức sa ngã (Mathiơ 13:20,21).

Họ đã nếm quyền phép của đời sau. Quyền phép ở đây nói đến "các phép lạ." Đời sau là Thời Đại Thiên Hạ Niên, kỷ nguyên hầu đến của bình an và thịnh vượng khi Đấng Christ cai trị trên đất trong một ngàn năm. Các phép lạ đi kèm với công tác rao giảng Tin Lành trong thời kỳ đầu của hội thánh (Hêbơrô 2:4) là sự nếm trước về các dấu kỳ phép lạ sẽ được thực hiện trong vương quốc của Đấng Christ. Những người này đã chứng kiến các phép lạ ấy ở thế kỷ thứ nhất, trên thực tế, có lẽ họ còn dự phần trong đó nữa. Chẳng hạn như các phép lạ về các ổ bánh và cá. Sau khi Chúa Jêsus nuôi năm ngàn người, đoàn dân theo Ngài đến bờ biển bên kia, Cứu Chúa thấy dấu họ đã nếm phép lạ, họ vẫn không thực sự tin Ngài. Ngài phán cùng họ: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, các ngươi tìm ta chẳng phải vì đã thấy mấy phép lạ, nhưng vì các ngươi đã ăn bánh và được no" (Giăng 6:26).

6:6 Nếu lại vấp ngã,⁷ sau khi đã hưởng những đặc ân vừa kể ra, thì không thể khiến họ lại ăn năn nữa. Họ đã phạm tội bội đạo. Họ đang tiến vào nơi ánh sáng lịm tắt, trên con đường đi đến địa ngục.

Trọng tội bội đạo được chỉ ra trong những chữ vì họ đứng đình Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình

một lần nữa, làm cho Ngài si nhục to tướng. (câu 6b). Điều này biểu thị sự cự tuyệt Đấng Christ cách cố tình và ác ý, chứ không phải chỉ là bất cẩn xem thường Ngài. Điều này cho thấy sự chủ động phản bội Ngài, gia nhập các thế lực chống cự Ngài, và nhạo báng giễu cợt thân vị và công tác của Ngài.

SỰ BỘI ĐẠO

Những người bội đạo là người nghe Tin Lành, xưng mình là Cơ Đốc nhân, đã trở nên gần bó liền hiệp với hội thánh Đấng Christ, nhưng rồi từ bỏ lời tuyên xưng đức tin, quyết tâm chối bỏ Đấng Christ, xa lánh mối thông công Cơ Đốc, và đứng về phía kẻ thù của Chúa Jêsus Christ. Chỉ những người chưa tin Chúa mới có thể phạm tội bội đạo. Không phải những người bị lừa dối, nhưng chính là những người đã biết nhưng cố tình và ác ý chống lại Chúa.

Đừng nên nhầm lẫn bội đạo với tội của những người chưa tin Chúa bình thường đã nghe Tin Lành nhưng không đáp ứng gì cả. Lấy ví dụ, có thể một người đáp ứng với Đấng Christ sau khi được Thánh Linh mời gọi liên tục. Nhưng đây không phải là người bội đạo. Người ấy vẫn có thể được cứu nếu đầu phục Cứu Chúa. Dĩ nhiên, nếu chết mà lòng vẫn vô tín thì bị hư mất đời đời, nhưng người ấy chưa tuyệt vọng chừng nào còn có thể vận dụng đức tin nơi Chúa.

Đừng nên nhầm lẫn bội đạo với sa ngã. Tín hữu thật có thể đi lang thang và xa Đấng Christ. Vì phạm tội, mối thông công của người với Chúa bị tan vỡ. Thậm chí còn có thể tiến đến chỗ người khác không còn nhận ra người

này là Cơ Đốc nhân nữa. Nhưng người có thể được phục hồi trọn vẹn mối tương giao ngay khi xưng tội và từ bỏ tội (I.Giăng 1:9).

Bội đạo không phải là tội không thể được tha mà các sách Tin Lành có nói đến. Đây là tội gán các phép lạ của Chúa Jêsus cho quỷ vương. Các phép lạ của Chúa Jêsus thực sự được làm bởi quyền năng của Thánh Linh. Gán chúng cho ma quỷ tức là tráng trợn phạm thượng Đức Thánh Linh. Làm như vậy tức là ám chỉ Thánh Linh là ma quỷ. Chúa Jêsus tuyên bố tội như thế sẽ không bao giờ được tha, hoặc trong đời này hoặc trong đời hầu đến (Mác 3:22-30). Tội bội đạo tương tự với tội nói phạm đến Đức Thánh Linh ở chỗ đây là một tội đời đời, nhưng chỉ giống nhau trong phạm vi đó mà thôi.

Tội tin tội bội đạo cũng chính là tội dẫn đến sự chết, được nói đến trong I.Ci 5:16b. Giảng đang viết về những người xưng mình là tín hữu và đã dự phần vào các sinh hoạt của hội thánh địa phương. Rồi họ tiếp thu giáo lý giả dối của Trí Huệ Phải và hèn học lừa bịp hội thông công Cơ Đốc. Tình trạng cố ý ra đi cho thấy họ chưa hề được tái sanh thật (I.Giăng 2:19). Bằng cách công khai chối bỏ Chúa Jêsus là Đấng Christ (I.Giăng 2:22), họ đã phạm tội dẫn đến sự chết, và không ích gì để cầu thay cho họ được phục hồi (I.Giăng 5:16b).

Một số Cơ Đốc nhân sốt sắng rất hoang mang khi đọc Hêborô 6 và nhiều phần đoạn tương tự. Satan dùng những câu như thế này đặc biệt đối với các tín hữu đang hoang mang vì những khó khăn về thể chất, tinh thần hoặc tình

cảm. Họ sợ đã lìa bỏ khỏi Đấng Christ mà không còn hy vọng được phục hồi nữa. Họ lo sợ đã trôi dạt ra khỏi mốc được cứu chuộc rồi. Chính sự kiện họ đang lo lắng về điều đó là bằng chứng dứt khoát rằng họ không phải là người bội đạo! Người bội đạo sẽ chẳng còn những nỗi sợ hãi như thế nữa; người bội đạo sẽ trơ tráo bác bỏ Đấng Christ.

Nếu tội bội đạo không áp dụng cho tín hữu, vậy thì áp dụng cho ai trong thời của chúng ta? Chẳng hạn, tội này áp dụng cho một thanh niên tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ và dường như bước đi ban hành thông trong ít lâu, nhưng rồi có chuyện xảy ra trong đời anh. Có lẽ anh bị bắt bớ cách đáng cay. Có lẽ anh rơi vào tội gian dâm trầm trọng. Hoặc có lẽ anh vào đại học và bị rúng động bởi những lập luận chống Đấng Christ của các giáo sư vô thần. Đã hiểu biết đầy trọn về chân lý rồi, nhưng anh vẫn cố tình từ bỏ chân lý. Anh hoàn toàn chối bỏ Đấng Christ và tàn nhẫn giày đạp mọi giáo lý nền tảng thiêng liêng của đức tin Cơ Đốc. Kinh Thánh nói không thể đem một người như thế trở về ăn năn nữa, và kinh nghiệm xác chứng cho Kinh Thánh. Chúng ta biết rất nhiều người đã bội đạo Đấng Christ, nhưng chưa hề biết có ai trong số đó quay trở về với Ngài.

Khi đến gần kỳ tận thế, chúng ta có thể chờ đợi làn sóng bội đạo ngày càng đáng cao (II.Têsalônica 2:3; I.Timôthê 4:1). Do đó, mỗi ngày trôi qua, lời cảnh cáo về tội sa ngã lại càng trở nên thích ứng hơn.

6:7 Giờ đây, tác giả quay sang coi thiên nhiên để tìm phần tương ứng với

tín hữu thật (câu 7) và với người bội đạo (câu 8). Cả hai trường hợp đều được ví với đất. Nhưng đặc ân được nêu trong câu 4 và 5 được ví với mưa được nhuần. Vụ mùa rau quả nói đến đáp ứng tối hậu của người này với đặc ân đã nhận. Đến lượt điều này xác định đất nào được phước hay bị rủa sả.

Tín hữu thật giống như đất nhờ mưa được nhuần (Bản Anh ngữ “uống lấy nước mưa”), sinh ra rau quả hữu ích, và được Đức Chúa Trời chúc phước.

6:8 Người bội đạo giống như đất cũng được tưới được nhuần nhưng không sinh ra thứ gì khác hơn cỏ rạ gai gổc, là bông trái của tội lỗi. Nó nhận lành, nhưng không hề sinh ra cây cối có ích. Đất như thế thì vô giá trị. Nó đã bị đoán phạt rồi. Số phận của nó là bị đốt.

6:9 Có hai dấu chỉ đậm nét trong câu 9 và 10 cho thấy những người bội đạo được mô tả trong các câu trước chính là người chưa tin Chúa. Thứ nhất, có sự thay đổi đột ngột về đại từ nhân xưng. Khi nói về người bội đạo, tác giả gọi nhóm người ấy là “họ.” Giờ đây khi nói về tín hữu thật, ông dùng những đại từ anh em và của anh em.

Dấu thứ nhì còn rõ ràng hơn nữa. Khi nói với tín hữu, ông bảo: “Hỡi những kẻ rất yêu dấu, dấu chúng ta nói vậy, vẫn còn đương trông đợi những việc tốt hơn lử nơi anh em. là những việc đưa đến sự cứu rỗi.” Chúng ta suy ra những điều ông mô tả trong câu 4-6 và 8 không đưa đến sự cứu rỗi.

6:10 Hai trong số những điều đi kèm với sự cứu rỗi đã thể hiện trong đời sống các thánh đồ - là công việc của họ và lòng yêu thương của họ. Đức tin của

họ thể hiện qua đời sống có các việc lành, và họ có dấu hiệu của Cơ Đốc giáo thật - tình yêu tích cực đối với người nhà của đức tin. Họ tiếp tục vì cơ Ngài phục vụ dân sự Chúa.

5:11 Hai câu tiếp theo dường như được viết cho một hạng người khác; tức là viết cho những người mà tác giả chưa biết chắc về họ. Đây là những người dường như đang gặp nguy cơ trở lại trở về Do Thái giáo.

Trước hết, ông ước ao họ sẽ **tỏ lòng sốt sắng như vậy**, y như các tin đó thật đã tỏ ra để giữ lòng **đầy đầy sự trông cậy cho đến cuối cùng**. Ông muốn họ cứ tiếp tục đứng vững vì Đấng Christ cho đến khi sự trông cậy cuối cùng của Cơ Đốc nhân được thực hiện trên Thiên đàng. Đây là bằng chứng của thực tại.

6:12 Họ **đừng trở nên trễ nãi**, để chân mình lè lết và tinh thần tụt hậu. Họ nên tiến tới, noi gương mọi tín hữu thật, là **những người bởi đức tin và lòng nhịn nhục mà được hưởng lời hứa**.

6:13 Phần kết thúc đoạn 6 được nối với lời khuyên trong câu 12 thúc giục họ tiến tới với lòng tin quyết và nhịn nhục. Gương của Ápraham được nêu ra làm tác nhân kích thích, và sự trông cậy chắc chắn của tin hữu đã được khẳng định.

Trên một phương diện, dường như Cơ Đốc nhân có vẻ đang thất thế. Người đã lờ bỏ mọi sự vì cơ Đấng Christ, và chẳng có thứ của cải vật chất nào để chứng tỏ điều đó. Mọi sự đều còn trong tương lai. Vậy làm sao có thể biết chắc sự trông cậy của mình không vô ích?

Câu trả lời nằm trong **Lời Đức Chúa Trời hứa cùng Ápraham**, một lời hứa

chứa đựng hình thức phôi thai của toàn bộ mọi điều về sau Ngài sẽ ban cho trong Đấng Christ. Khi Đức Chúa Trời hứa lời ấy, **Ngài chỉ chính mình Ngài mà thể vì không thể chỉ Đấng nào lớn hơn**.

6:14 Lời hứa này được chép trong Sáng Thế Ký 22:16,17: "Đức Giêhôva phán rằng... ta lấy chính mình ta mà thể rằng sẽ ban phước cho ngươi, thêm đông dôi người nhiều..." Đức Chúa Trời đã đích thân thể thực hiện lời hứa này, vì vậy sự ứng nghiệm lời hứa đã được bảo đảm.

6:15 Ápraham tin Đức Chúa Trời; ông đã **nhịn nhục đợi chờ**; và ông đã nhận được lời hứa đầy trọn. Thực ra, Ápraham không tin Đức Chúa Trời theo cách may rủi. Không hề có sự phiêu lưu nào ở đây. Lời Đức Chúa Trời là điều chắc chắn nhất trong cõi vũ trụ. Bất kỳ lời hứa nào của Chúa cũng đều chắc chắn ứng nghiệm dường như thể đã xảy ra rồi vậy.

6:16 Trong công việc loài người, người ta thường mượn danh **Đấng lớn hơn mình mà thể**. Chẳng hạn, tại tòa án, họ hứa sẽ nói sự thật và rồi nói thêm: "Vì vậy xin Chúa giúp tôi." Họ viện đến Đức Chúa Trời để **kháng định** những điều mình sắp nói là sự thật.

Khi người ta lấy **lời thể để kháng định lời hứa**, điều đó thường chấm dứt mọi chuyện **cãi lầy**. Người ta hiểu rằng lời hứa ấy sẽ được giữ.

6:17 Chúa muốn những người tin Ngài được **bảo đảm tuyệt đối** rằng lời Ngài hứa sẽ xảy đến. Thực ra, chỉ lời hứa của Ngài thôi cũng đã đủ rồi.

nhưng Ngài muốn tỏ ra điều đó còn lớn lao hơn là một lời hứa nữa. Vì vậy Ngài thêm lời thề vào lời hứa đó.

Những kẻ hưởng lời hứa là tất cả những người bởi đức tin làm con cái của Ápraham trung tín. Lời hứa được nhắc đến ở đây chính là lời hứa ban sự cứu rỗi đời đời cho mọi ai tin Ngài. Khi Chúa lập lời hứa ban một hậu tự cho Ápraham, lời hứa được ứng nghiệm đầy đủ và tối hậu trong Đấng Christ, và mọi phước hạnh phát xuất từ mối liên hiệp với Đấng Christ do đó được bao gồm trong lời hứa này.

6:18 Giờ đây tin đó có hai điều chẳng thay đổi để nương dựa vào: lời của Ngài và lời thề của Ngài. Không thể nghĩ ra điều gì chắc chắn hoặc an toàn hơn thế được.⁸ Chúa hứa cứu mọi người nào tin Đấng Christ; sau đó Ngài khẳng định lời hứa bằng một lời thề. Không thể không kết luận: tin hữu được an ninh đời đời.

Trong phần còn lại của đoạn 6, tác giả dùng bốn hình ảnh để làm sáng tỏ sự trông cậy của Cơ Đốc nhân là đáng tin tốt cùng: (1) thành ấn náu, (2) chiếc neo, (3) Đấng đi trước, và (4) Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm.

Thứ nhất, những ai là tin hữu thật thì được mô tả như đang chạy trốn khỏi thế gian đã bị đoán phạt này để đến thành ấn náu trên trời. Để khích lệ họ trong cuộc chạy trốn, Chúa ban cho họ sự trông cậy không nao núng căn cứ trên lời hứa và lời thề của Ngài.

6:19 Trong những cơn giông tố và thử thách của cuộc đời, sự trông cậy này trở nên như cái neo của linh hồn. Biết được rằng sự làm vinh hiển chúng

ta là chắc chắn dường như thể đã xảy ra rồi sẽ giúp chúng ta khỏi bị trôi dạt trên những cơn sóng hung hăng của nghi ngờ và tuyệt vọng.

Chiếc neo này không thả vào lớp cát trôi dạt của thế gian này, nhưng thâu chặt vào đến thánh trên trời. Vì sự trông cậy của chúng ta là chiếc neo, nên có nghĩa sự trông cậy của chúng ta được bảo đảm chắc chắn trong chính sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở phía trong bức màn. Chiếc neo ở đó chắc chắn thế nào, thì chúng ta cũng sẽ ở đó chắc chắn thế ấy.

6:20 Chúa Jêsus cũng đã vào trong nơi thành với tư cách Đấng đi trước chúng ta. Sự hiện diện của Ngài tại đó bảo đảm cho mọi người thuộc về Ngài dứt khoát được vào. Không phải cường điệu khi bảo rằng một tin hữu đơn sơ nhất trên trần gian này cũng được chắc chắn ở Thiên đàng y như các thánh đồ đã ở tại đó rồi vậy.

D. Anderson-Berry viết:

Chữ được dịch là "Đấng đi trước" không xuất hiện bất kỳ chỗ nào khác trong Tân Ước. Chữ này diễn tả một ý chưa ai nghĩ đến trong hệ thống của người Lêvi, vì thấy tế lễ thượng phẩm đi vào Nơi Chí Thánh chỉ với tư cách người đại diện. Ông bước vào một nơi mà không ai được phép đi theo. Nhưng Đấng Đi Trước của chúng ta chính là một của làm tin để bảo rằng Ngài ở đầu, chúng ta cũng sẽ ở đó. Với tư cách Đấng Đi Trước, Ngài (1) công bố chúng ta cũng được đến đó trong tương lai; (2) sơ lưu những vinh hiển của Thiên đàng vì cơ chúng ta; và (3) đã đến nơi để có thể nghênh đón dân

sự Ngài khi họ đến, và để trình diện họ trước mặt Đấng Tôn Nghiêm của Thiên đàng.⁹

Hình ảnh thứ tư ấy là **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm**. Chúa chúng ta đã trở thành **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** đời đời theo ban **Mênchixêđéc**. Chức tế lễ đời đời của Ngài bảo đảm giữ gìn chúng ta đời đời. Chúng ta đã được hòa giải cách chắc chắn với Đức Chúa Trời nhờ sự chết của Ngài thế nào, thì cũng được cứu chắc chắn thế ấy bởi sự sống của Ngài trong tư cách **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** của chúng ta bên hữu Đức Chúa Trời (Rôma 5:10).

Khi nói **Chúa Jêsus là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** theo ban **Mênchixêđéc**, câu này nhắc chúng ta nhớ đề tài bị gián đoạn ở 5:10 khi tác giả chuyển đề tài sang lời cảnh cáo mở rộng về tội hội đạo. Giờ đây, ông sẵn sàng trở lại chủ đề chức tế lễ thượng phẩm của Đấng Christ là trở hơn chức của Arôn. Ông đã tài tình trở lại dòng lập luận chính.

7:1 Mênchixêđéc là một nhân vật bí ẩn và khó hiểu, xuất hiện ngắn ngủi trong lịch sử loài người (Sáng Thế Ký 14:18-20), rồi biến mất. Nhiều thế kỷ sau, tên ông được Davit nhắc đến (Thi thiên 110:4). Sau đó, vài thế kỷ nữa, tên này xuất hiện trở lại trong sách Hêbơơ. Có một điều thật rõ ràng: Đức Chúa Trời sắp xếp các chi tiết trong đời sống của Mênchixêđéc để ông trở thành một hình bóng xuất sắc về Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta.

Trong ba câu đầu này của đoạn 7, chúng ta có một số sự kiện lịch sử về Mênchixêđéc. Những câu này nhắc

chúng ta nhớ Mênchixêđéc đã kết hợp cả chức vụ **vua** và **thầy tế lễ**. Ông là **vua của Salem** (về sau gọi là Giêrusalem), và **Thầy Tế Lễ Của Đức Chúa Trời Rất Cao**. Ông là lãnh tụ chính trị và thuộc linh của dân sự. đương nhiên, đây là điều lý tưởng của Đức Chúa Trời - không nên tách biệt giữa thế tục và thiêng liêng. Khi con người đầy tội lỗi đang cai trị, cần phải tách riêng hội thánh và chính quyền. Chỉ khi nào Đấng Christ cai trị trong sự công bình thì mới có thể hiệp nhất hai điều này (Êsai 32:1,17).

Mênchixêđéc gặp **Ápraham** khi Ápraham thắng trận trở về và đã **chức phước cho Ápraham**. Ý nghĩa của hành động này được giữ lại mãi đến câu 7 mới nói. Nếu chỉ có Kinh Thánh Cựu Ước, chúng ta không bao giờ nhận thấy ý nghĩa sâu sắc của những chi tiết có vẻ như không thích hợp này.

7:2 Ápraham đã dâng một phần mười chiến lợi phẩm cho vị vua kiêm thầy tế lễ mầu nhiệm này. Một lần nữa, chúng ta phải chờ đến tận câu 4, 6, 8-10 thì mới biết nghĩa ẩn giấu của phần mười Ápraham đã dâng.

Trong Kinh Thánh, tên của nhân vật thường đại diện cho con người của nhân vật. Chúng ta học về tên gọi và danh xưng của Mênchixêđéc: tên của ông có nghĩa là "**vua sự công bình**" và danh hiệu của ông (**vua của Salem**) có nghĩa là "**vua bình an**."

Không phải ngẫu nhiên mà nhắc đến **sự công bình** trước, sau đó mới tới **bình an**. Không thể có bình an nếu chưa có sự công bình trước đã.

Chúng ta thấy rõ điều này trong công tác của Đấng Christ. Tại thập tự giá, “sự thương xót và sự chân thật đã gặp nhau; sự công bình và sự bình an đã hôn nhau” (Thi thiên 85:10). Vì Cứu Chúa đáp ứng mọi đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời về tội lỗi chúng ta, nên chúng ta được bình an với Đức Chúa Trời.

7:3 Sự khó hiểu về Mênchixêđéc càng tăng lên khi chúng ta đọc thấy ông không cha không mẹ, không gia phổ, không ngày sanh cũng không ngày qua đời. Nếu tách những câu này ra khỏi văn mạch của chúng, chúng ta sẽ phải kết luận rằng ông là một du khách đến từ Thiên đàng hay từ một hành tinh nào khác, hoặc ông là một tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời.

Nhưng bí quyết để hiểu điều này nằm ở chỗ phải hiểu những câu này trong văn mạch của chúng. Để tài là chức tế lễ. Tác giả đang phân biệt giữa chức tế lễ của Mênchixêđéc với chức của Arôn. Để đủ tư cách nhận chức tế lễ dòng Arôn thì phải sanh trong chi phái Lêvi và thuộc họ hàng của Arôn. Bằng gia phổ hết sức quan trọng. Phẩm cách của người ấy bắt đầu từ lúc sinh ra và kết thúc lúc qua đời.

Chức tế lễ của Mênchixêđéc hoàn toàn khác. Ông không kế thừa chức tế lễ do được sinh ra trong gia đình tế lễ. Đức Chúa Trời chỉ việc chọn ông ra và lập làm thầy tế lễ. Xét về chức tế lễ của ông, không có bản ký thuật nào về cha hoặc mẹ của ông hay bằng gia phổ nào. Trong trường hợp của ông, việc này không quan trọng gì cả, và xét về hồ sơ, không hề có câu nào nhắc đến sự sinh

ra hay qua đời của ông; do đó, chức tế lễ của ông vẫn còn tiếp diễn.

Chúng ta đừng kết luận rằng Mênchixêđéc không hề có cha mẹ, rằng ông không hề được sinh ra, và không hề qua đời. Đó không phải là ý chính ở đây. Ý chính ấy là xét về chức tế lễ của ông, không có bản ký thuật nào về những thống kê quan trọng này vì chức vụ thầy tế lễ của ông không lệ thuộc vào chúng.

Ông không phải là con Đức Chúa Trời như có người đã nghĩ lầm, nhưng đã được làm cho giống như Con Đức Chúa Trời trong phương diện này, và chức tế lễ của ông tiếp tục không hề bị gián đoạn. Giờ đây tác giả sẽ chứng minh chức tế lễ của Mênchixêđéc là trội hơn chức của Arôn. Trong bản chứng này có ba lập luận: lập luận về của dâng phần mười và sự chúc phước; lập luận cho thấy đã có sự thay đổi diễn ra để thay thế chức tế lễ của Arôn; và lập luận về tính vĩnh viễn của chức tế lễ theo ban Mênchixêđéc.

7:4 Trong câu 4-10, chúng ta có lập luận thứ nhất. Lập luận mở đầu với một cụm từ cảm thán, mời độc giả nghĩ đến sự cao trọng của Mênchixêđéc. Chính tiên tổ là Ápraham đã dâng cho Mênchixêđéc một phần mười chiến lợi phẩm. Vì Ápraham là một trong những ngôi sao vĩ đại nhất trên bầu trời Hêbơơ, nên suy ra Mênchixêđéc chắc chắn phải là một vì sao còn cao trọng hơn nữa.

7:5 Đối với các thầy tế lễ dòng Lêvi, họ được luật pháp cho phép thâu của dâng một phần mười từ đồng bào Do Thái của mình. Cả thầy tế lễ lẫn dân sự

đều xuất thân từ **Ápraham**, tổ phụ của những người có đức tin.

7:6 Nhưng khi Mênchixêđéc nhận của dâng một phần mười từ **Ápraham**, đây là sự trao đổi khác thường và không theo quy ước. **Ápraham**, được gọi là tổ phụ của dân tộc mà Đấng Mêsia sẽ xuất thân từ đó, đã tôn kính một người không liên quan gì với tuyến dân. Chức tế lễ của Mênchixêđéc đã vượt qua những rào cản chủng tộc.

Thêm một sự kiện có ý nghĩa nữa ấy là: Mênchixêđéc đã chúc phước cho **Ápraham**. Mênchixêđéc đã nói: "Nguyện Đức Chúa Trời Chí Cao, là Đấng dựng nên trời và đất, ban phước cho **Ápram!**" (Sáng Thế Ký 14:19,20).

7:7 Khi người này chúc phước người kia, thì phải hiểu là người cao trọng hơn chúc phước cho người thấp hơn. Đương nhiên, điều này không biểu thị sự thấp kém về mặt thần vị hay đạo đức, nhưng chỉ là sự thấp hơn về địa vị.

Khi đọc những lập luận này căn cứ trên Cựu Ước, chúng ta nên cố hình dung những phản ứng của độc giả Hêborơ. Họ luôn luôn tôn kính **Ápraham** như một trong những anh hùng dân tộc vĩ đại nhất của mình, và quả thật là như vậy. Nhưng giờ đây họ biết **Ápraham** đã công nhận một thầy tế lễ "không thuộc dân Do Thái" là người cao trọng hơn mình. Cũ nghĩ thử xem! Điều này luôn luôn nằm trong Kinh Thánh của họ thế mà họ chưa hề thấy.

7:8 Trong chức tế lễ dòng **Arôn**, những người thâu của dâng một phần mười đều là những người hay chết. Đã có sự kế truyền các thầy tế lễ liên tục, mỗi người phục vụ trong thế hệ của

mình, rồi qua đi. Trong trường hợp Mênchixêđéc, không hề nhắc gì đến việc ông qua đời. Do đó, ông có thể đại diện cho chức tế lễ độc nhất vô nhị ở chỗ chức tế lễ ấy là vĩnh viễn.

7:9 Khi nhận của dâng một phần mười từ **Ápraham**, Mênchixêđéc hầu như đã nhận từ **Lêvi**. Vì **Lêvi** là đầu của chi phái thầy tế lễ, nên như vậy cũng chính là nói chức tế lễ **Arôn** đã dâng phần mười cho Mênchixêđéc, bởi đó công công nhận sự trởi hơn của Mênchixêđéc.

7:10 Bởi chuỗi nhận biết nào mà nói được rằng **Lêvi** dâng phần mười cho Mênchixêđéc? Trước hết, **Ápraham** thực sự là người đã dâng phần mười. Ông là ông cố của **Lêvi**. Đầu **Lêvi** chưa ra đời, nhưng **Lêvi** đã ở trong lòng của **Ápraham**, tức là đã được định để xuất thân từ tổ phụ này. **Ápraham** thực sự đóng vai trò người đại diện toàn bộ dòng dõi khi dâng phần mười cho Mênchixêđéc. Do đó **Lêvi**, và chức tế lễ ra từ ông, đứng hàng thứ nhì sau Mênchixêđéc và sau chức tế lễ của Mênchixêđéc.

7:11 Trong câu 11-20, chúng ta thấy lập luận thứ nhì để chứng minh chức tế lễ của Mênchixêđéc là trởi hơn chức tế lễ của **Arôn**. Lập luận này là: đã có sự thay đổi trong chức tế lễ. Chức tế lễ của Đấng Christ đã gạt chức tế lễ của **Lêvi** sang một bên. Việc này ắt không cần thiết nếu chức tế lễ của **Arôn** đạt được mục đích của nó một cách đầy đủ và chung quyết.

Sự thực là không thể đạt được sự trọn lành nhờ chức tế lễ của người **Lêvi**. Tội lỗi chưa hề bị cất bỏ, và người thờ phượng chưa hề tìm được sự yên nghỉ

cho lương tâm. Chức tế lễ được lập lên dưới luật pháp Môise không phải là chức tế lễ tối hậu.

Giờ đây, một chức tế lễ khác đang có hiệu lực. Thấy tế lễ trọn vẹn giờ đây đã đến, và chức tế lễ của Ngài không theo ban Arôn, nhưng trái lại theo ban Mênchixêđéc.

7:12 Sự kiện chức tế lễ đã thay đổi buộc phải kết luận cấu trúc luật pháp làm cơ sở cho chức tế lễ ấy cũng phải thay đổi nữa. Đây là một công bố rất triệt để! Giống như chiếc chuông đang giông tiếng, nó thông báo sự kết thúc những chuyện cũ và đón mừng những chuyện mới. Chúng ta không còn ở dưới luật pháp nữa.

7:13 Có sự thay đổi trong luật pháp, và điều này thấy rõ từ sự kiện Chúa Jêsus thuộc về một chi phái không được phép thi hành chức tế lễ theo luật pháp Lêvi.

7:14 Chúa chúng ta ra từ chính chi phái Giuđa. Bộ luật Môise không bao giờ cho phép người thuộc chi phái Giuđa được làm thầy tế lễ. Thế nhưng Chúa Jêsus là Thầy Tế Lễ. Làm sao như vậy được? Vì luật pháp đã được thay đổi.

7:15 Tác giả có thêm bằng chứng cho thấy đã có sự thay đổi lớn lao trong luật về chức tế lễ. Một chức thầy tế lễ khác đã dấy lên giống như Mênchixêđéc và phẩm chất để đủ tư cách nhận chức vụ ấy của Ngài hoàn toàn khác với điều kiện dành cho các con trai Arôn.

7:16 Các thầy tế lễ dòng Lêvi trở nên hợp pháp nhờ đáp ứng các quy định pháp lý về dòng dõi xuất thân. Họ phải sinh từ chi phái Lêvi chứ không từ gia đình của Giuđa.

Nhưng điều khiến Chúa đủ tư cách làm thầy tế lễ giống như Mênchixêđéc chính là sự sống chẳng hay hư hay hết của Ngài. Đây không phải là vấn đề nội giống, nhưng là vấn đề quyền năng vốn có của bản thân. Ngài sống đời đời.

7:17 Điều này được khẳng định trong Thitbiên 110:4, qua đó, Đavit nói trước đến chức tế lễ của Đấng Mêsia: "Người là thầy tế lễ đời đời, tùy theo ban Mênchixêđéc." Ở đây, điểm nhấn mạnh nhằm vào chữ đời đời. Chức vụ của Ngài không hề dứt vì sự sống của Ngài không hề chấm dứt.

7:18 Luật pháp lập chức tế lễ Arôn là luật pháp đã bị bãi bỏ vì không quyền không ích. Nó bị bãi bỏ bởi sự hiện đến của Đấng Christ.

Luật pháp là yếu đuối và không ích lợi theo ý nghĩa nào? Chẳng phải luật pháp do chính Đức Chúa Trời ban bố sao? Ngài có thể ban một điều không quyền không ích sao? Câu trả lời ấy là: Đức Chúa Trời không hề định luật pháp này trở thành luật pháp tối hậu của chức tế lễ. Luật này chuẩn bị cho sự xuất hiện chức tế lễ *lý tưởng* của Đức Chúa Trời. Đây là hình ảnh một phần và tạm thời của điều sẽ là trọn lành và chung quyết.

7:19 Luật pháp này cũng yếu đuối và vô ích theo ý nghĩa nó không làm cho điều chi trọn lành cả. Dân sự chưa bao giờ được bước vào hiện diện của Đức Chúa Trời trong Nơi Chí Thánh. Khoảng cách bắt buộc này giữa Đức Chúa Trời và con người là dấu nhắc nhở không ngừng rằng vấn đề tội lỗi vẫn chưa giải quyết dứt khoát được.

Nhưng giờ đây đã có sự trông cậy hay hơn, để bởi sự trông cậy đó chúng

ta đến gần Đức Chúa Trời. Sự trông cậy hay hơn đó chính là Đức Chúa Jêsus; ai có Ngài làm sự trông cậy duy nhất của mình thì được trọn quyền đến gần Đức Chúa Trời vào bất cứ lúc nào.

7:20 Không những có thay đổi về ban tế lễ và luật về chức tế lễ, mà giờ đây chúng ta thấy còn có thay đổi trong phương pháp bổ nhiệm nữa. Lập luận ở đây xoay quanh công dụng lời thề của Đức Chúa Trời đối với chức tế lễ của Đấng Christ. Lời thề biểu thị sự giới thiệu một điều không thể thay đổi và còn đến đời đời. Rainsbury nói: "Không một điều nào bảo đảm được tính hiệu quả và đời đời cho chức tế lễ của Chúa Jêsus đây ơn của chúng ta cho bằng lời thề của Đức Chúa Trời Toàn Năng."¹⁰

7:21 Các thầy tế lễ dòng Arôn được lập lên mà không có lời thề kèm theo. Do đó, hàm ý ở đây là: chức tế lễ của họ đã được định là dự bị tạm thời và không lâu dài.

Nhưng Đức Chúa Trời lập Đấng Christ lên làm thầy tế lễ kèm theo lời thề. Hình thức lời thề này được chép trong Thithiên 110:4: "Chúa đã thề rồi, và không hối lời thề ấy đâu; Con làm thầy tế lễ đến đời đời."

Henderson nói:

*Đức Chúa Trời đặt đấng sau sự mang của Đấng Christ những chân lý đời đời về Ngài, và những thuộc tánh bất biến của bản tánh Ngài. Nếu chúng có thể thay đổi, thì chức tế lễ mới này cũng có thể thay đổi. Nếu chúng không thể thay đổi thì cũng không thể thay đổi chức tế lễ mới này.*¹¹

7:22 Từ đây dẫn đến việc Chúa Jêsus là Đấng bảo lãnh cho giao ước tối

hơn. Chức tế lễ Arôn là một phần của Giao Ước Cũ. Chức tế lễ của Đấng Christ gắn liền với Giao Ước Mới. Giao ước và chức tế lễ cùng đứng vững hoặc cùng sụp đổ với nhau.

Giao Ước Mới là thỏa thuận vô điều kiện của ân điển mà Đức Chúa Trời sẽ lập với nhà Ysraên và Giuda khi Chúa Jêsus thiết lập vương quốc Ngài trên đất (Giêrêmi 31:33, 34). Tin hữu ngày nay được hưởng một số phước hạnh của Giao Ước Mới, nhưng sự ứng nghiệm đầy đủ của giao ước ấy vẫn chưa xảy đến cho tới khi toàn dân Ysraên được phục hưng và được cứu chuộc.

Chúa Jêsus là sự bảo đảm của Giao Ước Mới theo ý nghĩa chính Ngài là Đấng Bảo Lãnh. Bởi sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài, Ngài cung ứng cơ sở công bình để Đức Chúa Trời có thể làm trọn các điều khoản của giao ước. Chức tế lễ đời đời của Ngài cũng liên kết sống còn với sự ứng nghiệm bất tuyệt các điều khoản của giao ước.

7:23 Giờ đây chúng ta tiến tới lập luận thứ ba và là lập luận cuối cùng tỏ sự trỗi hơn của chức tế lễ Mênchixêđec.

Số các thầy tế lễ của Ysraên là rất đông. Người ta nói có tám mươi tư thầy tế lễ thượng phẩm trong lịch sử của dân tộc này, và đương nhiên có vô số các thầy tế lễ bậc thấp hơn. Chức vụ này chuyển giao theo định kỳ vì sự chết của những người giữ chức vụ. Công việc này không tránh khỏi những gián đoạn như vậy.

7:24 Trong chức tế lễ của Đấng Christ không có những thất bại như thế vì Ngài sống đời đời. Chức tế lễ của

Ngài không hề bị giao cho người khác, và tính hiệu quả của chức vụ ấy không hề bị gián đoạn. Chức tế lễ ấy **không hề đổi thay** và không thể chuyển giao.

7:25 Vì Ngài sống đời đời, nên Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời. Chúng ta thường hiểu câu này nói đến công tác của Ngài để cứu tội nhân khỏi hình phạt tội lỗi, nhưng thực ra tác giả đang nói về công tác của Đấng Christ để cứu các thánh đồ khỏi quyền lực của tội lỗi. Câu này không nói đến vai trò làm Cứu Chúa của Ngài, mà nói về vai trò Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm. Không hề có nguy cơ tín hữu sẽ bị hư mất. Sự an ninh đời đời của họ căn cứ nơi sự cầu thay mãi mãi của Ngài dành cho họ. Ngài có thể cứu họ luôn luôn vì sự chết không bao giờ có thể làm gián đoạn chức vụ hiện tại của Ngài cho họ bên hữu Đức Chúa Trời.

7:26 Chức tế lễ của Đấng Christ là trội hơn chức của Arôn nhờ sự trội hơn của chính bản thân Ngài. Ngài thánh khiết khi Ngài đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Ngài không lị trong cách đối đãi với con người. Ngài không ở ướ trong chính bản tánh của Ngài. Ngài biệt khỏi kẻ có tội trong đời sống của Ngài tại bên hữu Đức Chúa Trời. Ngài được cất lên cao hơn các lũng lờ trong sự vinh hiển hiện tại và đời đời của Ngài. Chúng ta nhất cần có Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm như thế.

7:27 Khác với các thầy tế lễ dòng Lêvi, Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta không cần phải hằng ngày dâng tế lễ; Ngài làm việc đó một lần thì

đủ cả. Ngài không cần dâng tế lễ chuộc tội của Ngài vì Ngài tuyệt đối vô tội. Ngài khác với các thầy tế lễ ngày trước trên một phương diện lạ lùng thứ ba nữa ấy là Ngài dâng chính mình Ngài làm tế lễ chuộc tội cho dân sự. Thấy Tế Lễ này dâng chính mình Ngài làm của tế lễ. Ân điển của Chúa Jêsus thực kỳ diệu và vô song thay!

7:28 Luật pháp thiết lập những thầy tế lễ mà bản thân họ vốn bất toàn, đặc tính của họ là yếu đuối và thất bại; họ chỉ thánh khiết về mặt lễ nghi.

Lời thề của Đức Chúa Trời, được lập sau luật pháp, lập Con làm thầy tế lễ, là Đấng đã nên trọn lành đời đời. Lời thề này được nói đến trong câu 21 của đoạn này, và được trích từ Thithiên 110:4.

Có những hàm ý quan trọng trong phần tư liệu chúng ta vừa luận qua. Chức tế lễ của con người đã bị thay thế bởi chức tế lễ thiên thượng và đời đời. Như vậy, thật đại đột biết bao khi con người lập những hệ thống tế lễ theo kiểu mẫu của Cựu Ước và xâm phạm vào những chức năng của Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm lớn của chúng ta!

B. Chức Vụ Của Đấng Christ Trội Hơn Chức Vụ Của Arôn (Đoạn 8)

8:1 Trong những câu tiếp theo, chức vụ của Đấng Christ được chứng minh là trội hơn chức vụ của Arôn vì Ngài thi hành chức vụ trong một đền thánh tốt hơn (câu 1-5) và gắn liền với một giao ước tốt hơn (câu 7-13).

Giờ đây tác giả tiến tới đại ý của lập luận. Không phải ông đang tóm tắt những điều vừa nói, nhưng đang phát biểu luận điểm chính mà ông đang tiến đến từ đầu thư đến nay.

Chúng ta có một Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm. Những chữ "chúng ta có" dội vang âm hưởng chiến thắng. Đó là câu trả lời cho những người Do Thái nào đang chế giễu Cơ Đốc nhân đầu tiên bằng những lời lẽ: "Chúng ta có đền tạ; chúng ta có chức tế lễ; chúng ta có các cửa dâng; chúng ta có những lễ nghi; chúng ta có đền thờ, chúng ta có những lễ phục thật đẹp của thấy tế lễ." Câu trả lời tin quyết rõ ràng của tín hữu là: "Đúng, anh em có những cái bóng, nhưng chúng tôi có sự ứng nghiệm. Anh em có những lễ nghi, nhưng chúng tôi có Đấng Christ. Anh em có hình ảnh nhưng chúng tôi có chính Đấng ấy. Và Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng tôi ngồi bên hữu ngài Đấng Tôn Nghiêm trong các tầng trời. Chưa hề có thấy tế lễ nào khác xứng ngôi để công nhận một công tác đã hoàn tất, và chưa hề có ai nhận được địa vị tôn trọng và quyền năng như thế."

8:2 Ngài phục vụ dân sự trong nơi thánh trên trời. Đây là đền tạ thật, mà đền tạ dưới trần gian này chỉ là một bàn sao hay một vật tượng trưng. **Đến tạ thật bởi Chúa dựng,** không phải bởi một người nào, không giống như đền tạ dưới đất.

8:3 Vì một trong những chức năng chính của thấy tế lễ thượng phẩm là dâng lễ vật và hy sinh, nên Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta cũng phải làm công việc này nữa.

Các lễ vật là từ ngữ chung bao gồm mọi loại lễ vật dâng lên cho Chúa. **Tế lễ hy sinh** là những của dâng phải giết con thú để dâng lên. Đấng Christ dâng điều gì? Vẫn chưa có câu trả lời trực tiếp mãi đến đoạn 9.

8:4 Câu này bỏ qua câu hỏi Đấng Christ dâng lễ vật gì, và chỉ nhắc chúng ta rằng nếu Ngài còn ở trên thế gian thì Ngài không thể dâng lễ vật trong đền tạ hay đền thờ. Chúa chúng ta ra từ chi phái Giuđa chứ không từ chi phái Lêvi hoặc họ Aarôn. Vì vậy, Ngài không đạt tư cách phục vụ trong đền thánh dưới đất. Khi chúng ta đọc trong các sách Tin Lành thấy Chúa Jesus vào đền thờ (xem Luca 19:45), chúng ta phải hiểu Ngài chỉ vào khu vực xung quanh đền thờ, chứ không phải vào trong Nơi Thánh hay Nơi Chí Thánh.

Đương nhiên điều này dẫn đến thắc mắc: Khi Đấng Christ còn trên thế gian, Ngài có thi hành chức năng tế lễ nào không, hay chỉ sau khi thăng thiên Ngài mới bắt đầu công tác tế lễ? Ý chính của câu 4 ấy là *trên thế gian, Ngài không đạt tiêu chuẩn làm thấy tế lễ theo dòng Lêvi, và không thể phục vụ trong đền thờ tại Giêrusalem.* Nhưng như vậy không có nghĩa Ngài không thể thi hành những chức năng của thấy tế lễ theo ban Mênchixêđéc. Suy cho cùng, lời cầu nguyện của Ngài trong Giăng 17 chính là lời cầu nguyện của thấy tế lễ thượng phẩm, và việc Ngài dâng chính Ngài là một của lễ trọn vẹn duy nhất tại Gôgôtha đương nhiên là một hành động của thấy tế lễ (xem 2:17).

8:5 Đến tạ dưới đất là mô hình của đền tạ trên trời. Cách bài trí của đền tạ dưới đất mô tả phương cách để dân sự giao ước của Đức Chúa Trời có thể đến thờ phượng Ngài. Trước hết, có cửa ở hành lang ngoài, rồi đến bàn thờ của lễ thiêu, rồi đến bàn dâng. Sau đó, thấy tế lễ vào Nơi Thánh và

thấy tế lễ thượng phẩm vào Nơi Chí Thánh, là nơi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài.

Đền tạm chưa bao giờ được định để trở thành đền thánh tối hậu. Nó chỉ là hình và bóng. Khi Chúa gọi Môise lên núi Sinai và truyền ông cất đền tạm, Ngài cho Môise một kiểu mẫu rõ ràng để làm theo. Kiểu mẫu này là hình bóng về một thực tại thuộc linh cao cả hơn, ở trên trời.

Vì sao tác giả tập trung nhấn mạnh điều này đến như vậy? Đơn giản là để ghi khắc vào tâm khảm những ai bị cám dỗ quay trở về với Do Thái rằng họ đang bỏ thực chất để lấy cái bóng trong khi đáng ra họ phải đang tiến từ cái bóng đến thực chất.

Câu 5 dạy rõ các định chế Cựu Ước là hình bóng về những thực tại trên trời; do đó, câu này xác nhận sự dạy dỗ của hình bóng học là đúng khi được dạy phù hợp với Kinh Thánh và không bị biến thành khác thường.

8:6 Câu này làm thành phần chuyển ý giữa đề tài đền thánh trở tốt hơn với phần luận về giao ước tốt hơn.

Trước hết, có sự so sánh. Chức vụ của Đấng Christ là tốt hơn chức vụ của các thầy tế lễ dòng Aron cũng như giao ước mà Ngài Đấng Trung Bảo tốt hơn giao ước cũ.

Thứ nhì, câu này nêu nguyên nhân: giao ước này tốt hơn vì được lập lên trên những lời hứa tốt hơn.

Chức vụ của Đấng Christ là tốt hơn vô hạn. Ngài dâng chính Ngài, chứ không phải dâng một con sinh. Ngài dâng giá trị của chính huyết Ngài, chứ không phải huyết của bò đực và dê đực.

Ngài cất bỏ tội lỗi, chứ không phải chỉ che lấp. Ngài ban cho tín hữu một lương tâm trọn vẹn, chứ không phải là dấu nhắc nhở hằng năm về tội lỗi. Ngài mở đường cho chúng ta vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời, chứ không phải đứng cách xa ở bên ngoài.

Ngài cũng là Đấng Trung Bảo của giao ước tốt hơn. Là Đấng Trung Bảo, Ngài đứng giữa Đức Chúa Trời và con người để nối lại khoảng trống của sự xa cách. Griffith Thomas đối chiếu các giao ước này thật súc tích:

Giao ước này "tốt hơn" vì tuyệt đối vô điều kiện, là thuộc linh chứ không phải xác thịt, là phổ thông chứ không phải địa phương, là đời đời chứ không phải tạm thời, lập với cá nhân chứ không phải với dân tộc, ở bề trong chứ không phải ở bề ngoài.¹²

Đây là giao ước tốt hơn vì được lập lên trên những lời hứa tốt hơn. Giao ước của luật pháp hứa ban phước hạnh cho sự vâng lời nhưng dọa đem đến sự chết cho sự không vâng lời. Nó đòi hỏi sự công bình, nhưng không ban năng lực để đem lại sự công bình ấy.

Giao Ước Mới là giao ước vô điều kiện của ân điển. Giao ước này quy về sự công bình tại nơi không hề có sự công bình. Giao ước này dạy con người sống công bình, ban quyền năng cho họ sống công bình, và ban thưởng khi họ sống công bình.

8:7 Giao ước thứ nhất không trọn vẹn, tức là không thành công trong việc đem đến mối quan hệ lý tưởng giữa con người và Đức Chúa Trời. Chúa không hề có ý định cho giao ước thứ nhất làm giao ước chung quyết, nhưng chỉ tạm

thời cho tới lúc Đấng Christ đến. Chính sự kiện **giao ước thứ nhì** được nhắc đến về sau này chứng minh **giao ước thứ nhất** không phải là **giao ước lý tưởng**.

8:8 Thực ra, chính **giao ước thứ nhất** không có gì trực trặc cả: "Luật pháp là thành, điều răn cũng là thành, công bình và tốt lành" (Rôma 7:12). Trực trặc là ở chỗ những người được nhận luật pháp ấy; luật pháp có những nguyên liệu thô và tấm thương cho họ bắt tay làm việc. Điều này được nói tại đây: **Vả, trong những lời này thật có ý trách, là lời Đức Chúa Trời phán cùng dân Giuđa rằng...**" (Bản Anh ngữ "vì thấy họ có lỗi, nên Ngài phán..."). Ngài không thấy **giao ước** có lỗi, nhưng thấy **dân sự** **giao ước** của Ngài có lỗi. **Giao ước thứ nhất** căn cứ vào lời con người hứa tuân theo (Xuất Êđiptô Ký 19:8; 24:7), do đó Ngài không định cho **giao ước** ấy tồn tại dài lâu. **Giao Ước Mới** là sự tương thuật lại, từ đầu cho đến cuối, việc Đức Chúa Trời đồng ý thực hiện, đây là ưu điểm của **Giao Ước Mới**.

Ở đây tác giả trích Giêrêmi 31:31-34 để cho thấy Đức Chúa Trời đã hứa ban **Giao Ước Mới** trong chính Kinh Thánh của người Do Thái. Toàn bộ lập luận xoay quanh chữ "mới." Nếu **giao ước cũ** đã đủ và thỏa mãn rồi, thì tại sao còn giới thiệu **Giao Ước Mới** làm gì?

Thế nhưng Đức Chúa Trời đã hứa cụ thể để lập một **giao ước mới cùng nhà Ysraên và nhà Giuđa**. Như đã nói trước đây, **Giao Ước Mới** chủ yếu liên quan đến **dân Ysraên** chứ không phải với **hội thánh**. **Giao Ước Mới** sẽ được ứng nghiệm trọn vẹn khi Đấng Christ trở lại cai trị trên dân tộc biết ăn năn và

được cứu chuộc này. Trong lúc này, mọi tin hữu được hưởng một số phúc hạnh của **Giao Ước Mới**. Do vậy, khi Cứu Chúa trao chén nước nho cho các môn đồ, Ngài phán: "Chén này là sự **giao ước mới** trong huyết ta; hễ khi nào các ngươi uống, hãy làm điều này để nhớ ta" (I.Côrinthô 11:25).

Henderson nói như sau:

Như vậy, chúng ta phân biệt giữa lời hứa thích chủ yếu cho Ysraên, và áp dụng thuộc linh thế yếu cho Hội Thánh ngày nay. Hiện nay chúng ta được hưởng các phúc hạnh của Giao Ước Mới trong quyền năng Thánh Linh, thế nhưng vẫn còn những biểu hiện khác nữa trong tương lai cho Ysraên đúng theo lời Đức Chúa Trời đã hứa.¹³

8:9 Chúa hứa cụ thể **Giao Ước Mới** sẽ không giống như **giao ước** Ngài đã lập với họ khi Ngài cầm tay họ dẫn ra khỏi xứ Êđiptô. Sẽ khác nhau như thế nào? Ngài không nói, nhưng có lẽ câu trả lời được hàm ý trong phần còn lại của câu Kinh Thánh này, vì họ không bền giữ lời ước ta, nên ta không đoái xem họ, ấy là lời Chúa phán. **Giao ước** của luật pháp đã thất bại vì **giao ước** ấy có điều kiện; nó đòi hỏi sự vâng lời từ một dân tộc đã không vâng lời được. Bằng cách lập **Giao Ước Mới** trở thành **giao ước vô điều kiện** của ân điển, Đức Chúa Trời loại mọi khả năng thất bại, vì sự làm trọn **giao ước** tùy thuộc nơi một mình Ngài và Ngài không thể thất bại được.

Câu trích từ Giêrêmi có thay đổi triết để. Lời lẽ trong Kinh Thánh Hêbailai của Giêrêmi 31:32 là: "Đầu rằng ta làm

chống chúng nó." Một số những bản dịch sớm của Giêrêmi ghi là: "Vì vậy ta không đoái xem (hoặc "xây dựng" họ). Thánh Linh, Đấng soi dẫn những lời trong Giêrêmi và giám sát sự bào tợn Kinh Thánh, cũng chính là Đấng hướng dẫn tác giả thơ Hêborơ chọn cách lý giải thay thế này.

8:10 Để ý sự lặp lại những lời "ta sẽ." Giao Ước Cựu truyền dạy những điều con người phải làm; Giao Ước Mới cho biết việc Đức Chúa Trời sẽ làm. Sau những ngày bất tuân của Ysraên thời trước, Ngài sẽ đặt luật pháp Ngài trong trí họ để họ sẽ biết luật pháp ấy, và ghi lại vào lòng họ để họ yêu mến chúng. Họ sẽ muốn vâng lời, không phải vì sợ hình phạt, nhưng bởi yêu mến Ngài. Luật pháp không còn viết trên đá nữa, nhưng trên những bảng bằng thịt của tấm lòng.

Ta sẽ làm Đức Chúa Trời họ, và họ sẽ làm dân ta. Điều này nói đến sự gần gũi. Cựu Ước truyền con người đứng cách xa; ân điển truyền người đến gần. Điều này cũng nói mối quan hệ không thể phá vỡ và sự an ninh vô điều kiện. Không một điều nào làm gián đoạn được mối ràng buộc được mua bằng huyết này.

8:11 Giao Ước Mới cũng bao gồm sự hiểu biết phổ thông về Chúa. Trong Thời Cai Trị Vinh Hiển của Đấng Christ, không ai cần dạy cho đồng dân mình hay anh em mình phải nhìn biết Chúa. Mọi người đều có ý thức bề trong về Ngài, từ kẻ rất nhỏ cho đến kẻ rất lớn: "Thế gian sẽ đẩy đẩy sự hiểu biết Đức Giêhôva, như các đồng nước che lấp biển" (Êsa 11:9).

8:12 Điều tốt hơn hết ấy là: Giao Ước Mới hứa ban sự thương xót cho dân sự không công bình và đời đời quên tội lỗi của họ. Luật pháp thật cứng rắn và không thể linh động được: "Sự trái phép nghịch mạng đã được báo ứng xứng đáng rồi" (Hêborơ 2:2).

Hơn nữa, luật pháp không giải quyết tội lỗi cách hữu hiệu được. Luật pháp cung cấp sự chuộc tội lỗi, nhưng không cất bỏ tội lỗi. (Từ ngữ Hিবאל chỉ về sự chuộc tội ra từ động từ có nghĩa là "che phủ.") Các sinh tế được quy định trong luật pháp khiến con người được tinh sạch về mặt lễ nghi, có nghĩa chúng giúp người ấy đủ tư cách dự phần sinh hoạt tôn giáo của dân tộc này. Nhưng sự tẩy sạch về lễ nghi chỉ ở bề ngoài; nó không đụng đến được đời sống bề trong của người; nó cũng không cung cấp sự tẩy sạch về đạo đức, cũng không ban cho một lương tâm trong sạch.

8:13 Chính sự kiện Đức Chúa Trời giới thiệu Giao Ước Mới có nghĩa giao ước trước là cũ. Vì vậy, không nên nghĩ đến việc quay trở lại với luật pháp. Thế nhưng đây chính xác là việc một số người xưng mình là tín hữu đang bị cám dỗ thực hiện. Tác giả cảnh cáo họ rằng giao ước của luật pháp đã lỗi thời; giao ước tốt hơn đã được giới thiệu. Họ nên đi đồng nhịp với Đức Chúa Trời.

C. CỬA ĐANG CỬA ĐẤNG CHRIST TỐT HƠN CÁC SINH TẾ CỦA CỰU ƯỚC (9:1-10:18)

9:1 Trong đoạn 8:3, tác giả nhắc thoảng qua về sự kiện mỗi thấy tế lễ thượng phẩm phải dâng lên của lễ nào đó. Giờ đây ông sẵn sàng luận đến của tế lễ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Lớn của chúng ta, sau đó đối chiếu với các

của dân thời Cựu Ước. Để giới thiệu đề tài, tác giả ôn nhanh qua cách bài trí đền tạm và những quy định về sự thờ phượng.

9:2 Đền tạm là một cấu trúc giống như chiếc lều, nơi đó Đức Chúa Trời ngự giữa Ysraên từ thời họ đóng trại tại núi Sinai cho đến khi xây cất đền thờ. Khu vực chung quanh đền tạm được gọi là hành lang (hay sân) ngoài. Chung quanh có một hàng rào gồm một loại các trụ bằng đồng căng vải gai giữa các trụ. Sau khi người Ysraên bước vào hành lang của đền tạm qua cổng ở phía đông thì đến tại bàn thờ dâng của lễ thiêu, là nơi giết và thiêu con sinh; sau đó đến biển bằng đồng, một bể bằng đồng rất lớn chứa nước, để các thầy tế lễ rửa tay và chân tại đó.

Đền tạm dài khoảng 13,5 mét, rộng 4,5 mét và cao 4,5 mét. Nó được chia làm hai phần. Phần thứ nhất, là Nơi Thánh, dài 9 mét và phần thứ nhì, là Nơi Chí Thánh, dài 4,5 mét.

Lều làm bằng khung gỗ phủ các bức màn bằng lông dê và những bức màn bằng da thú để bảo vệ tránh mưa nắng. Các bức màn này che thành mái, dằng sau và hai bên hông lều. Phía trước của đền tạm là một bức màn thêu.

Nơi Thánh có ba vật dụng:

1. **Bàn để bày bánh**, trên đó bày mười hai ổ bánh, đại diện cho mười hai chi phái Ysraên. Những ổ bánh này được gọi là "bánh Trăn Thiết" vì chúng được bày ra trước mặt hay trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

2. **Chân đèn bằng vàng**, có bảy nhánh hướng lên và giữ những ngọn đèn chàm bằng dầu.

3. **Bàn thờ xông hương bằng vàng**, trên đó xông hương mỗi buổi sáng và tối.

9:3 Rồi đến phía trong màn thứ hai, tức phần gọi là nơi rất thánh. Nơi đây, Đức Chúa Trời biểu lộ chính Ngài qua một đám mây sáng chói. Đây là nơi duy nhất trên đất để con người có thể đến gần Ngài với huyết của của lễ chuộc tội.

9:4 Phần thứ nhì của đền tạm nguyên thủy có hòm giao ước, là một cái rương lớn bằng gỗ toàn bọc bằng vàng. Bên trong rương có một cái bình bằng vàng đựng đầy ma na, cây gậy trở hoa của Arôn, và hai bảng luật pháp. (Về sau khi dựng đền thờ, trong hòm giao ước không còn gì khác hai bảng luật pháp - xem I.Các vua 8:9).

Câu 4 nói rằng **lư hương bằng vàng** cũng ở Nơi Chí Thánh. Từ ngữ Hylap dịch ra "**lư hương**"¹⁴ có nghĩa là bàn thờ xông hương (được nói đến trong Xuất Êdípô Ký 30:6 là ở trong Nơi Thánh) hoặc có nghĩa lư hương mà thầy tế lễ dùng để đem hương đi. Cách giải thích tốt nhất chính là nghĩa thứ nhì. Tác giả xem **lư hương** thuộc về Nơi Chí Thánh vì thầy tế lễ thượng phẩm mang lư hương từ bàn thờ xông hương vào trong Nơi Chí Thánh vào Ngày Lễ Chuộc Tội.

9:5 Nắp bằng vàng của rương giao ước được gọi là nơi chuộc tội (ngai thi ân). Trên nắp có hai tượng bằng vàng còn gọi là cherubin. Hai cherubin này đối mặt nhau, cánh giăng ra, đầu cúi xuống trên nắp rương giao ước.

Tác giả dừng lại với phần mô tả ngắn ngủi này. Mục đích của ông không phải là mô tả thật chi tiết, nhưng chỉ phác họa nội dung của đền tạm và

phương cách để đến gần Đức Chúa Trời do đến tạm mô tả.

9:6 Vì tác giả sắp đối chiếu của tế lễ của Đấng Christ với các cửa dâng của Do Thái giáo, nên trước hết ông phải mô tả hết những điều luật pháp quy định. Có nhiều thứ để ông chọn, nhưng ông tuyển điều quan trọng nhất trong toàn bộ hệ thống luật pháp, là cửa tế lễ hy sinh được dâng lên trong Ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Lêvi Ký 16). Nếu có thể chứng minh công tác của Đấng Christ là trội hơn công tác của thầy tế lễ thượng phẩm trong ngày lễ tối bất ấy của lịch tôn giáo Do Thái, thì ông đã chứng minh thành công ý này.

Những thầy tế lễ được quyền đến phần đến tạm phía ngoài, tức là Nơi Thánh. Họ liên tục đến đó để thi hành các bổn phận lễ nghi của mình. Thường dân không được phép vào phòng này; họ phải ở bên ngoài.

9:7 Chỉ một người duy nhất trên thế gian này được phép vào Nơi Chí Thánh - là thầy tế lễ thượng phẩm của Ysraên. Và con người duy nhất ấy, ra từ một chủng tộc duy nhất, ra từ một chi phái duy nhất, ra từ một họ hàng duy nhất, có thể bước vào đó vào một ngày duy nhất trong năm - là Ngày Lễ Chuộc Tội. Khi vào bên trong, ông buộc phải mang theo một chậu huyết dâng vì chính mình và vì sự lầm lỗi của dân chúng.

9:8 Có những chân lý thuộc linh sâu nhiệm liên kết với vấn đề này. Đức Thánh Linh đang dạy rằng tội lỗi đã tạo ra sự xa cách giữa con người và Đức Chúa Trời, con người phải đến gần Đức Chúa Trời qua một người trung bảo, và người trung bảo đó chỉ có thể đến gần

Đức Chúa Trời thông qua huyết của một nạn nhân hy sinh. Đây là bài học trực quan để dạy rằng đường vào nơi hiện diện của Đức Chúa Trời vẫn chưa mở ra cho người thờ phượng.

Đường vào chưa trọn vẹn này vẫn tiếp tục chững nào đến tạm thứ nhất đương còn. Có lẽ ở đây cách dịch của Darby thích hợp hơn: "Chứng nào đến tạm thứ nhất vẫn còn địa vị của nó." Đến tạm được thay thế bởi đến thờ trong thời trị vì của Salômôn, nhưng vẫn còn địa vị của nó mãi cho đến thời Đấng Christ chịu chết, chịu chôn và sống lại. Các nguyên tắc mà đến thờ công bố về con đường đến gần Đức Chúa Trời vẫn còn hiệu lực cho đến khi bức màn của đến thờ bị xé ra làm đôi từ trên chi dưới.

9:9 Hệ thống đến tạm làm hình bóng cho đời bây giờ. Vì là một hình ảnh về điều tốt hơn sẽ đến, nên nó chỉ là đại diện không hoàn hảo về công tác hoàn hảo của Đấng Christ.

Các lễ vật và hy sinh không bao giờ có thể khiến người thờ phượng được vẹn lành về lương tâm. Nếu trước đó đã có sự xóa tội hoàn toàn, thì lương tâm của người dâng của lễ hẳn đã được thoát khỏi mặc cảm phạm tội. Nhưng điều này chưa bao giờ xảy ra.

9:10 Sự thật là các cửa dâng của người Lêvi chỉ giải quyết những sự ô uế về mặt lễ nghi. Chúng liên quan đến những điều bề ngoài như là các lễ ăn, uống, và sự rửa sạch về lễ nghi để loại bỏ ô uế về mặt lễ nghi cho dân chúng, nhưng không giải quyết ô uế về mặt đạo đức.

Các lễ vật liên quan với người ở trong mối quan hệ giao ước với Đức Chúa Trời. Chúng nhằm duy trì dân sự ở địa vị thanh sạch về lễ nghi để họ có thể thờ phượng. Chúng không liên quan đến sự cứu rỗi hay sự tẩy sạch tội. Dân sự đã được cứu bởi đức tin nơi Chúa, dựa trên công tác của Đấng Christ mà lúc đó vẫn hãy còn trong tương lai.

Cuối cùng, các lễ vật hy sinh mang tính tạm thời. Chúng được lập cho đến kỳ hoán cải. Chúng hướng tới sự hiện diện của Đấng Christ và của dâng trọn lành của Ngài. Kỳ nguyên Cơ Đốc là "kỳ hoán cải" được nói đến tại đây.

9:11 Đấng Christ đã hiện ra làm Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm của những sự lỗi lành sau này,¹⁵ tức là của những phước hạnh lớn lao Ngài ban cho những ai tiếp nhận Ngài.

Đền thánh của Ngài là đền tạm lớn hơn và trọn vẹn hơn. Đền ấy không do tay người lập ra theo ý nghĩa không xây cất bằng những vật liệu xây cất của thế gian này. Đây là đền thánh của Thiên Đàng, nơi ngự của Đức Chúa Trời.

Không một đền thờ nào do tay người làm ra,

Lại là nơi Ngài phục vụ;

Ngài phục vụ trong chính trên trời,

Chức vụ của Ngài là chức tế lễ trên trời;

Các bóng của luật pháp được ứng nghiệm trong Ngài,

Và nay bóng ấy biến mất.

- Thomas Kelly

9:12 Chúa chúng ta vào nơi rất thánh một lần thì đủ hết. Lúc Thăng Thiên, Ngài vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời, sau khi đã làm xong

công tác **chuộc tội** tại Gôgôtha. Chúng ta đứng bao giờ thôi vui mừng về những lời này, "một lần thì đủ hết." Công tác đã hoàn tất. Ngợi khen Chúa!

Ngài dâng chính huyết mình, chứ không phải huyết của bò đực và dê đực. Huyết súc vật không có quyền để cất bỏ tội lỗi; nó chỉ hiệu quả trong trường hợp những tội phạm nghịch lại cùng lễ nghi của tôn giáo. Nhưng huyết của Đấng Christ có giá trị vô hạn; quyền năng của huyết ấy đủ để tẩy sạch mọi tội lỗi của mọi người đã từng sống, mọi người hiện đang sống, và mọi người sẽ từng sống. Đương nhiên, quyền năng của huyết ấy chỉ áp dụng cho những ai lấy đức tin đến với Ngài mà thôi. Nhưng tiềm năng tẩy sạch của huyết ấy là vô hạn.

Bởi của tế lễ hy sinh Ngài, Ngài được sự **chuộc tội đời đời**. Các thầy tế lễ ngày trước tìm được sự chuộc tội bằng năm. Có sự khác biệt lớn lao giữa hai bên.

9:13 Để minh họa khác biệt giữa sinh tế của Đấng Christ với những lễ nghi của luật pháp, giờ đây tác giả quay sang lễ nghi của bộ cái tơ sắc hoe. Dưới luật pháp, nếu người Ysraên đụng đến xác chết, người đó trở nên ô uế về mặt lễ nghi trong bảy ngày. Cách giải quyết là pha tro của bộ cái lơ với nước suối tinh khiết và rảy trên người đã bị ô uế vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy. Sau đó người sẽ được sạch.

Mantte nói:

Tro được xem là tập trung những chất thiết yếu của lễ chuộc tội, và bất kỳ lúc nào cũng có thể dùng đến nó với nam giới là rắc rôi và không mất thì

già. Một con bò cái tơ được dùng suốt nhiều thế kỷ. Trong toàn lịch sử Do Thái chỉ đời bò có sáu bò cái tơ; vì một lượng nhỏ nhứt số tơ này cũng có giá trị để ban sự tẩy sạch nhờ nước suối tinh khiết (Dân số Ký 19:17).¹⁶

9:14 Nếu tơ của bò cái tơ có quyền năng tẩy sạch lớn lao đến như thế khỏi một trong những hình thức ô uế bé ngoài nghiêm trọng nhất, thì huyết của Đấng Christ lại có quyền năng biền dưỡng nào để tẩy sạch khỏi những tội lỗi bề trong xấu xa nhất!

Cửa dâng của Ngài được thực hiện qua Thánh Linh đời đời. Người ta có nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa cụm từ này. Có người cho rằng cụm từ này có nghĩa: "Thông qua một tinh thần đời đời," có nghĩa tinh thần sẵn sàng mà Ngài dâng của tế lễ hy sinh mình trái ngược với bản chất không tự nguyện trong các của tế lễ bằng con sinh. Người khác hiểu câu này có nghĩa: "Thông qua linh đời đời của Ngài." Đúng hơn, chúng ta tin rằng ở đây đang nói đến Đức Thánh Linh, Đấng Christ đã dâng của tế lễ hy sinh của Ngài trong quyền năng của Thánh Linh.

Đây là một của dâng cho Đức Chúa Trời. Ngài là Chiến Con không tí vết, vô tội của Đức Chúa Trời, sự trọn lành về đạo đức của Ngài khiến Ngài đủ tư cách trở thành Đấng Mang Lấy Tội Lỗi Chúng Ta. Các của dâng bằng con sinh phải không tí vết trong thân xác của chúng; Ngài không tí vết về mặt đạo đức.

Huyết Ngài tẩy sạch lương tâm khỏi công việc chết đặng hầu việc Đức Chúa Trời Hằng Sống. Đây không chỉ là tẩy uế

thuộc thể hay tẩy sạch về lễ nghi, nhưng là sự đổi mới đạo đức tẩy sạch được lương tâm. Nó tẩy sạch khỏi những công việc chết mà người chưa tin Chúa đã làm ra khi nỗ lực kiếm sự tẩy sạch cho riêng mình. Nó giải thoát con người khỏi những công việc không có sức sống để họ hầu việc Đức Chúa Trời Hằng Sống.

9:15 Những câu ước nhấn mạnh tinh ưu việt của huyết trong Giao Ước Mới đối với huyết của Giao Ước Cựu. Điều này dẫn đến kết luận của câu 15 - Đấng Christ là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Mới. Wuest giải nghĩa:

Chữ "Đấng Trung Bảo" dịch từ chữ "mesites" nói đến người can thiệp giữa hai bên, để lập ra hay khôi phục hòa bình và tình bạn, để lập thành một hiệp ước, hay để phê chuẩn một giao ước. Ở đây, Đấng Mê-sia hành động như người đi giữa hai bên hay người trung bảo giữa Đức Chúa Trời thánh khiết với con người tội lỗi. Bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá, Ngài cắt bỏ chuồng ngại vật (tội lỗi) đã gây ra sự xa cách giữa con người và Đức Chúa Trời. Khi tội nhân tiếp nhận công đức từ của tế lễ hy sinh của Đấng Mê-sia, sự phạm tội và hình phạt cho tội lỗi người ấy không còn là của người nữa. quyền lực của tội lỗi trong đời sống người bị phá vỡ, người trở thành người nhận bản tính thiên thượng, và sự xa cách giữa chính người với Đức Chúa Trời - cả về mặt pháp lý lẫn mặt cá nhân - đã biến mất.¹⁷

Giờ đây những người được kêu gọi có thể nhận lấy cơ nghiệp đời đời đã hứa cho mình. Qua công tác của Đấng Christ, các thánh đồ của Cựu Ước cũng

như của Tân Ước được hưởng sự cứu rỗi đời đời và sự cứu chuộc đời đời.

Sự kiện khiến tín hữu của thời trước Đấng Christ đủ tư cách hưởng lấy cơ nghiệp chính là có một sự chết đã xảy ra, tức là sự chết của Đấng Christ. Sự chết của Ngài đã cứu chuộc họ khỏi những tội đã phạm dưới luật pháp.

Trên một phương diện, Đức Chúa Trời cứu dân sự Cựu Ước theo cách "cứu trước, trả giá chuộc sau." Họ được xưng công bình bởi đức tin, cũng y như cách chúng ta được xưng công bình vậy. Nhưng bấy giờ Đấng Christ vẫn chưa chịu chết. Vậy làm sao Đức Chúa Trời cứu họ được? Câu trả lời ấy là: Ngài cứu họ căn cứ trên những điều Ngài biết Đấng Christ sẽ hoàn tất. Họ biết rất ít hoặc không biết gì về việc Đấng Christ sẽ thực hiện tại Gôgôtha. Nhưng Đức Chúa Trời biết, và Ngài kể giá trị của công tác ấy cho họ khi họ tin vào bất kỳ sự khải thị nào về chính Ngài mà Ngài ban cho họ.

Trên một phương diện, món nợ lớn lao của sự phạm tội đã được tích lũy dưới Giao Ước Cũ. Bởi sự chết của Đấng Christ, Ngài cứu chuộc tín hữu từ định kỳ trước ra khỏi những tội đã phạm này.

Phương cách Đức Chúa Trời cứu họ không qua công tác hãy còn trong tương lai của Đấng Christ được gọi là sự bỏ qua (pretermission) tội lỗi. Điều này được thảo luận trong Rôma 3:25-26.

9:16 Lời tác giả nhắc đến cơ nghiệp trong câu 15 nhắc ông nhớ trước khi có thể chứng thực đi chức và giao ước, phải nộp bằng chứng cho thấy người lập đi chức đã chết. Thông thường, giấy báo tử là bằng chứng thỏa đáng.

9:17 Người trời có thể lập đi chức của mình từ nhiều năm trước và cất an toàn trong két sắt, nhưng nó vẫn chưa có hiệu lực cho đến khi người ấy qua đời. Chứng nào người lập đi chức còn sống, thì vẫn chưa thể phân phát tài sản cho những người được kể tên trong đi chức.

9:18 Giờ đây để tài chuyển từ đi chức cuối cùng của một người sang Giao Ước Cũ do Đức Chúa Trời ban qua Môise. (Trong Anh ngữ, chữ "chức thơ" và "giao ước" đều được dịch từ cùng một chữ Hy Lạp là *deathêke*.) Ở đây, sự chết cũng phải xảy ra trước đã. Giao ước được chứng thực bằng việc đổ huyết.

Thời xưa, mỗi giao ước được lập có hiệu lực bằng sự chết làm tế lễ của một con sinh. Huyết làm của tín chứng tỏ những điều khoản của giao ước sẽ được làm trọn.

9:19 Sau khi Môise thuật lại luật pháp cho Ysraên, ông lấy máu của bò con và dê đực, với nước, đầy nhung đỏ lia và nhánh ngưu lái rảy trên sách cũng trên cả dân chúng. Như vậy, Môise sắp xếp lễ nghi này để long trọng ấn chứng giao ước.

Trong Xuất Êđiptô Ký 24:1-11, chúng ta đọc thấy Môise rưới huyết trên bàn thờ và trên dân sự; không nói đến việc rưới huyết trên sách hay rưới nước, đầy nhung đỏ lia và nhánh ngưu lái. Tốt nhất nên xem cả hai câu chuyện này bổ sung cho nhau.

Đức Chúa Trời, được đại diện bởi bàn thờ, và dân sự là hai bên ký kết hợp đồng. Sách là giao ước. Huyết được rưới ra ràng buộc cả hai bên phải tuân giữ

những điều khoản của giao ước. Dân sự hứa vâng lời, và Đức Giêhôva hứa chúc phước nếu họ vâng lời.

9:20 Khi Môise rướn huyết, ông nói: **"Này là huyết của sự giao ước mà Đức Chúa Trời đã dạy lập với các người."** Hành động này đem sinh mạng của dân sự ra làm vật tin nếu họ không chịu giữ luật pháp.

9:21 Tương tự như vậy, Môise cũng lấy huyết ấy rảy đến tận cùng mọi đồ thờ. Chúng ta không thấy lễ nghi này trong Cựu Ước. Trong Xuất Êđiptô Ký 40 không nhắc đến huyết khi dựng hiến đến thờ. Tuy nhiên, hình ảnh biểu tượng rất rõ ràng. Mọi vật nào có liên quan đến con người tội lỗi đều trở nên ô uế và cần phải được tẩy uế.

9:22 Hầu như mọi vật dưới luật pháp đều nhờ huyết mà được sạch. Nhưng có những ngoại lệ. Lấy ví dụ, khi một người nam được kê số trong cuộc tu bổ dân sự giữa vòng con cái Ysraên, người có thể mang đến nửa siếc lơ bạc làm "tiền đền mạng" thay vì dâng của lễ bằng huyết (Xuất Êđiptô Ký 30:11-16). Đồng tiền này là dấu hiệu làm biểu tượng sự chuộc tội linh hồn người đó để người được kê là một người thuộc dân sự Đức Chúa Trời. Một ngoại lệ khác nữa có trong Lêvi Ký 5:11, tại đó, có thể giải quyết một số hình thức nào đó của sự ô uế theo lễ nghi bằng cách dâng một của lễ bằng bột lọc.

Những ngoại lệ này giải quyết sự chuộc tội, hay khỏa lấp tội, dấu nói chung buộc phải có một của dâng bằng huyết cho sự chuộc tội. Nhưng xét về sự xóa bỏ tội lỗi, thì không có ngoại lệ: huyết phải đổ ra.

9:23 Phần còn lại của đoạn 9 so sánh và đối chiếu hai giao ước.

Trước hết, đến tận dưới đất được tẩy uế bằng huyết của bò đực và dê đực. Như đã nói rõ, đây là sự tẩy uế về mặt lễ nghi. Đây là sự nên thánh tượng trưng của một đền thánh tượng trưng.

Đền thánh trên trời là thực tại mà đền tạm dưới đất chỉ là bản sao thôi. Đền thánh trên trời phải được tẩy sạch bởi của lễ dâng quý trọng hơn nữa, tức là bằng những của tế lễ của Đấng Christ. Cách dùng số nhiều để mô tả một của dâng duy nhất của Đấng Christ là một hình thái tu từ được gọi là "số nhiều của sự oai nghiêm."

Có vẻ như thật đáng kinh ngạc khi nói những nơi trên trời cần phải được làm sạch. Có lẽ mạnh mẽ được tìm thấy trong Gióp 15:15: "Đến đổi các tầng trời cũng chẳng trong sạch trước mặt Ngài thay." Rõ ràng, số dĩ như vậy là do Satan đã phạm tội đầu tiên của nó trên trời (Êsai 14:12-14), và vì nó vẫn được quỳ đến trước mặt Đức Chúa Trời để làm kẻ kiện cáo anh em (Khải Huyền 12:10).

9:24 Đấng Christ đã không vào đền thánh do con người làm ra, và đến vốn chỉ là một khuôn mẫu hay một hình ảnh về đền thánh thật, nhưng vào chính trong lễ. Ngài hiện ra tại đó trước mặt Đức Chúa Trời vì cơ chúng ta.

Thật khó hiểu vì sao có người muốn bỏ thực tại để quay lại với bản sao, vì sao người ta muốn bỏ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm lớn đang phục vụ trong đền thánh trên trời để quay lại với những thầy tế lễ của Ysraên đang phục vụ trong một đền tạm biểu tượng.

9:25 Chúa Jêsus không dâng các của lễ lập đi lập lại liên tục, như thấy lễ lễ thượng phẩm thuộc dòng Arôn phải làm. Thấy tế lễ thượng phẩm thuộc dòng Arôn đi vào trong Nơi Chí Thánh vào một ngày duy nhất trong năm - tức ngày Lễ Chuộc Tội, và không dâng bằng chính huyết mình, nhưng **dâng huyết** của các con thú làm sinh tế.

9:26 Nếu Đấng Christ phải dâng các tế lễ lập đi lập lại, điều đó có nghĩa Ngài phải chịu thương khổ liên tục, vì tế lễ của Ngài là chính mạng sống Ngài. Không thể nào nghĩ được rằng Ngài **dâng** phải chịu theo định kỳ những nỗi thống khổ của Gôgôtha từ buổi sáng **lễ** đến nay! Và cũng không cần thiết nữa!

Dưới Giao Ước Mới, sẽ có:

1. Tình chung quyết tuyệt đối - Ngài đã **hiện ra chỉ một lần** đủ cả. Công tác này không cần lập lại.

2. Một thời điểm thuận tiện - Ngài đã **hiện ra cuối cùng** các thời đại, có nghĩa sau khi giao ước cũ đã chứng tỏ một cách dứt khoát về sự thất bại và vô quyền của con người.

3. Một công tác trọn lành - Ngài **hiện ra để cất tội lỗi đi**. Điểm nhấn mạnh là vào những chữ "**cất đi**." Không còn là sự chuộc tội hằng năm nữa. Giờ đây là sự tha thứ đời đời.

4. Một của lễ đích thân - Ngài **cất tội lỗi bằng cách đóng chính mình** Ngài làm lễ lễ. Ngài đã gánh lấy sự hình phạt mà tội lỗi của chúng ta đáng phải gánh chịu ngay chính trong thân thể Ngài.

Thay tôi mạng nhục nhã khổ thân,

Jêsus chịu án mạng tội trần;

Ơn tuồng tha dùng huyết dòng ốn;

Lạ thay Cứu Chúa! Hô-lê-lu-gia!

- Phillip P. Bliss (Thánh ca 91)

9:27 Câu 27 và 28 dường như trình bày điểm tương phản khác nữa giữa Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới. Luật pháp lên án tội nhân **phải chết một lần**, rồi **chịu phán xét**. Luật pháp được ban cho những người đã là tội nhân rồi, và họ không thể giữ luật pháp cách trọn vẹn được. Do đó, luật pháp trở thành phương tiện đoán phạt mọi người ở dưới luật pháp.

9:28 Giao Ước Mới giới thiệu của tế lễ vô hạn của Đấng Christ; Ngài **đã dâng mình một lần** **đặng cất tội lỗi của nhiều người**. Giao Ước Mới giới thiệu hy vọng phước hạnh về Sự Tái Lâm sắp đến của Ngài; **cho những kẻ sốt sắng chờ đợi** Ngài **hiện ra lần thứ hai**. Nhưng khi Ngài trở lại, lúc đó không phải lúc để giải quyết nan đề tội lỗi nữa; Ngài đã giải quyết hoàn tất công tác ấy tại thập tự giá. Ngài sẽ đến để đưa dân sự Ngài về quê hương trên Thiên đàng. Đây sẽ là lúc chung kết sự cứu rỗi của họ; họ sẽ nhận lấy thân thể vinh hiển và đời đời ở ngoài tầm với của tội lỗi.

Cụm từ **những kẻ sốt sắng chờ đợi** Ngài là lời mô tả mọi tín hữu thật. Toàn bộ dân sự Chúa trông đợi Ngài trở lại, dầu có thể họ không đồng ý về thứ tự chính xác của các biến cố liên quan tới Sự Hiện Đến của Ngài.

Kinh Thánh không dạy chỉ có một nhóm Cơ Đốc nhân thiêng liêng đặc biệt nào đó mới được cất lên Thiên đàng tại thời điểm Cất Lên. Kinh Thánh mô tả những người được dự phần là "kẻ chết trong Đấng Christ" và "chúng ta là kẻ sống mà còn ở lại" [1.Têsalônica

4:16,17); điều này có nghĩa mọi tín hữu thật, hoặc đã chết hoặc còn đang sống. Trong I.Côrinthô 15:23, những người được dự phần được gọi là "những kẻ thuộc về Đấng Christ."

Người ta thường nói có ba sự hiện ra của Đấng Christ trong câu 24-28. Có thể tóm tắt những sự kiện ra này như sau:

Câu 26: Ngài *đã* hiện ra. Điều này chỉ đến Sự Hiện Ra Lần Thứ Nhất của Ngài, lúc Ngài đến thế gian để cứu chúng ta khỏi án phạt của tội lỗi (thì *quá khứ* của sự cứu rỗi)

Câu 24: Ngài hiện ra *bây giờ*. Đây là câu nói đến chức vụ hiện tại của Ngài trước mặt Đức Chúa Trời để cứu chúng ta khỏi quyền lực của tội lỗi (thì *hiện tại* của sự cứu rỗi).

Câu 28: Ngài *sẽ* hiện ra. Điều này nói về Sự Tái Lâm sắp đến của Ngài, là lúc Ngài sẽ cứu chúng ta khỏi hiện diện của tội lỗi (thì *tương lai* của sự cứu rỗi).

10:1 Luật pháp chỉ là bóng của sự tối tăm ngày sau. Nó chỉ hướng tới Thân Vẹn và công tác của Đấng Christ, nhưng nó đã là một sự thay thế kém cỏi hơn hình thật. Thịch luật pháp hơn Đấng Christ cũng giống như thịch hình ảnh của người trong tranh hơn người thật. Đây chính là *lãng mạ* đến sự oai nghiêm của Ngài!

Nhược điểm của hệ thống luật pháp được nhìn thấy qua sự kiện các tế lễ phải được lập lại không ngừng. Sự lập lại này chứng tỏ tình trạng hoàn toàn không thể đáp ứng được những đòi hỏi của Đức Chúa Trời thánh khiết. Để ý những cụm từ được dùng để diễn đạt tính lặp đi lặp lại này: **các tế lễ; hằng dâng; mỗi năm.**

Các tế lễ hoàn toàn không thể khiến kẻ thờ phượng được trọn lành, có nghĩa chúng không bao giờ đem lại cho họ lương tâm trọn lành đối với tội lỗi. Người Ysraên không bao giờ hưởng được ý thức mình được tẩy sạch đời đời khỏi mặc cảm tội lỗi. Họ chưa bao giờ có được lương tâm an nghỉ hoàn toàn.

10:2 Nếu các tế vật đã xóa tội cho họ cách đầy đủ và chung quyết, **vậy sao họ chẳng thôi** những chuyến đi hằng năm đến đền tạm hay đền thờ? Sự tái diễn đều đặn của các tế lễ tố cáo chúng là không hiệu năng. Ai phải uống thuốc mỗi giờ đồng hồ để được còn sống thì hầu như khó có thể nói họ đã được chữa lành rồi.

10:3 Thay vì làm lương tâm bình tịnh, hệ thống của người Lêvi lại làm lương tâm cắn rứt mỗi năm. Đàng sau nghi lễ tuyệt đẹp của ngày Lễ Chuộc Tội ẩn náu đâu đó dấu nhắc nhở hằng năm rằng tội lỗi chỉ mới được che phủ, chứ chưa được cất bỏ.

10:4 Huyết của bò đực và dê đực không có quyền để **cất bỏ tội lỗi**. Như đã nói trước đây, những của tế lễ này giải quyết những lỗi lầm về mặt nghi thức. Chúng đem đến sự tẩy sạch nhất định nào đó về lễ nghi, nhưng hoàn toàn thất bại trong việc ban sự đến tội cho những bản chất bại hoại hay những việc làm xấu xa của người ấy.

10:5 Trái với sự yếu đuối của các tế vật trong hệ thống Lêvi, giờ đây chúng ta đến với sức mạnh từ của tế lễ nổi bật nhất của Đấng Christ. Để giới thiệu, chúng ta được phép nghe lời tự thoại của Cứu Chúa tại lúc Ngài nhập thể. Trích lời Thi thiên 40, Đấng Christ cho

thấy sự không thỏa lòng của Đức Chúa Trời với những của tế lễ và lễ vật của giao ước cũ. Ngài đã thiết lập các tế lễ này, thế nhưng chúng chưa bao giờ là ý định tối hậu của Ngài cả. Chúng chưa bao giờ nhằm mục đích cắt bỏ tội lỗi, nhưng đúng hơn chỉ hướng tới Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cắt tội lỗi của thế gian đi. Đức Chúa Trời có hài lòng với những sông huyết thú vật hoặc hàng đồng xác thú vật không?

Một nguyên nhân khác nữa khiến Chúa không hài lòng ấy là những người này ngỡ họ đang làm đẹp lòng Ngài bằng cách làm trọn nhiều lễ nghi trong khi đời sống bề trong của họ đầy tội lỗi và bại hoại. Nhiều người trong số họ thực hiện trọn tiến trình dâng các của tế lễ mà chẳng hề ăn năn hay hối hận gì cả. Họ nghĩ có thể làm Đức Chúa Trời người giận bằng những sinh tế của họ trong khi Ngài đang tìm tế lễ của một tấm lòng tan vỡ. Họ không nhận thấy Đức Chúa Trời không phải là một người chuộng lễ nghi!

Không thỏa mãn với những của tế lễ trước đây, Đức Chúa Trời đã sắm sẵn một thân thể con người cho Con Ngài, và đó là phần không thể thiếu trong đời sống và bản chất con người của Con Ngài. Đương nhiên, điều này chỉ về sự kỳ diệu không dò thấu của Sự Nhập Thể khi Ngôi Lời đời đời trở nên xác thịt để với tư cách Con Người, Ngài có thể chịu chết thay con người.

Thật thú vị khi mệnh đề **Chúa đã sắm sẵn một thân thể cho tôi**, được phỏng trích từ Thithiên 40:6, có thể mang hai nghĩa khác nữa. Trong

Thithiên, câu này ghi: "Chúa đã mở tai tôi," và trong chú thích ngoài lề có ghi: "Lỗ tai Chúa đã xỏ cho tôi." Đương nhiên, lỗ tai mở ra biểu thị Đấng Mêsia luôn sẵn sàng nhận những lời dạy dỗ từ Đức Chúa Trời và vâng theo tức khắc. Lỗ tai bị xỏ có thể ám chỉ đến một nỗ lực người Hêborơ (Xuất Êdípô Ký 21:1-6), là người bị dùi tai vào cửa để làm dấu hiệu sẵn lòng ký giao kèo với chủ mãi mãi. Trong thực tế, tại lúc Nhập Thể, Cứu Chúa đã nói: "Tôi thương Chủ tôi,... không muốn ra được tự do."

10:6 Vẫn tiếp tục trích Thithiên 40, Đấng Mêsia lập lại rằng Đức Chúa Trời không vui lòng nơi của lễ thiếu và của lễ chuộc tội. Các con thú này là những nạn nhân miễn cưỡng, huyết của chúng không có quyền để tẩy sạch. Chúng cũng không bao giờ đại diện được lòng khao khát tối hậu của Đức Chúa Trời. Chúng là những hình và bóng để chỉ hướng tới sự hy sinh của Đấng Christ. Tự bản thân chúng, chúng vô giá trị.

10:7 Điều khiến Đức Chúa Trời đẹp lòng chính là sự sẵn lòng của Đấng Mêsia để làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, bất luận phải trả giá nào. Ngài chứng tỏ sẵn lòng vâng lời bằng cách dâng chính mình trên bàn thờ của lễ thiếu. Khi Chúa chúng ta thốt lên những lời này, Ngài đã được nhắc nhở rằng từ đầu cho đến cuối Cựu Ước, có lời làm chứng về Ngài rằng Ngài hết lòng vui sướng làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời.

10:8 Trong câu 9-10, tác giả nêu ra ý nghĩa thuộc linh quan trọng của lời tự thuật này. Tác giả xem đây là dấu báo

hiệu sự chấm dứt hệ thống sinh tế cũ và sự khai mạc một cửa dâng duy nhất trọn vẹn, đầy đủ và chung quyết của Chúa Jêsus Christ.

Ông lập lại câu trích từ Thithiên 40 ở dạng có động để nhấn mạnh sự kiện Đức Chúa Trời không vui nơi các cửa lễ được dâng lên theo luật pháp dạy.

10:9 Sau đó tác giả thấy ý nghĩa trong sự kiện: ngay sau khi tuyên bố Đức Chúa Trời không đẹp lòng với giao ước cũ, Đấng Mêsia đã tiến lên phía trước - đúng y như thực trạng bấy giờ - để làm điều đẹp lòng Cha Ngài.

Kết luận: Vậy thì, Chúa đã bỏ điều trước, **động lập điều sau**, tức là Ngài bãi bỏ hệ thống các cửa tế lễ ngày trước do luật pháp quy định, và giới thiệu của tế lễ hy sinh vĩ đại của chính Ngài để chuộc tội. Giao ước của luật pháp đã lùi vào hậu trường khi Giao Ước Mới tiến ra giữa sân khấu.

10:10 Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, mà Đức Chúa Jêsus Christ đã hoàn toàn vâng phục ý muốn ấy, **chúng ta được nên thánh nhờ sự dâng thân thể của Đức Chúa Jêsus Christ một lần đủ cả**. George Landis nhận định:

Đây là sự nên thánh về địa vị, cũng như trong suốt thư Hêbêrô ngoại trừ 12:14, và dùng cho mọi tín hữu (1 Côrinthô 6:11) và không chỉ của một số ít "Cơ Đốc nhân cao cấp." Điều này được hoàn tất bởi ý muốn và sự hy sinh của Đấng Christ. Chúng ta được biệt riêng ra bởi Đức Chúa Trời, cho Đức Chúa Trời, và vì Đức Chúa Trời. Đừng nhầm lẫn công tác này với công tác tiệm tiến của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong tín hữu qua Lời Chúa (Giăng 17:17-19; 1 Thêsalônica 5:23).¹⁸

10:11 Chức vụ của mỗi thầy tế lễ dâng Arôn giữ đầy được đối chiếu tương phản rõ nét với chức vụ của Đấng Christ. Chức vụ của thầy tế lễ dâng Arôn là phải đứng hằng ngày để thi hành bốn phận. Trong đền tạm hay đền thờ không có chiếc ghế nào. Không thể có sự nghỉ ngơi vì công tác của họ không bao giờ hoàn tất. Họ **tiên tục dâng các cửa tế lễ đồng một thức**. Đây là một thông lệ bất tận, thế mà nó vẫn để tội lỗi y nguyên đó và không làm cho lương tâm được nhẹ nhõm.

Những cửa lễ này không bao giờ cải bỏ tội lỗi được. A. B. Bruce viết: "Dầu Arôn là một nhân vật quan trọng trong hệ thống Lêvi, nhưng suy cho cùng ông chỉ là một người lao dịch trong hàng tăng lữ, luôn thực hiện những lễ nghi mà chúng chẳng có giá trị thực tế nào."¹⁹

10:12 Chúa đầy ơn của chúng ta đã dâng **chỉ một cửa lễ chuộc tội duy nhất**. Không bao giờ còn cần đến một cửa lễ nào khác nữa!

Giờ đây không còn huyết không còn bàn thờ nữa,

Cửa lễ đã qua rồi!

Không còn lửa khói bốc lên cao,

Không còn giết chiên con nữa.

Nhưng dòng huyết giàu có hơn đã tuôn tràn

Từ những mạch máu cao quý hơn

Để tẩy sạch tâm hồn khỏi tội lỗi

Và tẩy sạch mọi vết như đồ nhàu.

- Horatius Bonar

Sau khi làm trọn công tác cứu chuộc, Ngài "ngồi đời đời bên hữu Đức Chúa Trời" (JND). Có thể ngắt câu để nói rằng Ngài "đã vì tội lỗi dâng chỉ một

của lễ đời đời,” hoặc nói rằng “*ngồi đời đời*” thì cùng đều chính xác. Cả hai đều đúng, nhưng chúng tôi có khuynh hướng cho rằng cách ngắt câu thứ nhì mới là cách giải nghĩa đúng. Ngài được ngồi liên tục vì đời đời lớn lao của tội lỗi đã được giải quyết đời đời. Ngài ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, là nơi có sự tôn trọng, quyền năng và triu mến.

Có thể có người phản đối rằng Ngài không thể ngồi đời đời vì một ngày kia Ngài sẽ đứng lên để đoán xét. Tuy nhiên, ở đây không có gì mâu thuẫn cả. Xét về việc dâng của lễ chuộc tội, Ngài đã ngồi đời đời. Xét về sự đoán xét, Ngài không ngồi đời đời.

10:13 Ngài chờ đợi cho đến khi những kẻ thù nghịch Ngài bị đổ làm bệ dưới chân Ngài, cho đến ngày mọi đầu gối đều sẽ sụp xuống trước Ngài, và mọi lưỡi đều xưng Ngài là Chúa để tôn vinh hiển cho Đức Chúa Cha (Philip 2:10,11). Lúc đó sẽ là ngày bình vực Ngài công khai trên đất.

10:14 Giá trị trời hơn trong việc Ngài dâng của lễ được nhìn thấy ở chỗ: bởi dâng của lễ ấy, Ngài làm cho những kẻ nãn thánh được trọn vẹn đời đời. Những kẻ nãn thánh ở đây nói đến mọi người nào được biệt riêng khỏi thế gian cho Đức Chúa Trời, tức là mọi tín hữu thật. Họ đã được làm nên trọn lành theo hai khía cạnh. Thứ nhất, họ có địa vị trọn vẹn trước mặt Đức Chúa Trời; họ đứng trước mặt Đức Chúa Cha với toàn bộ tình trạng được chấp thuận của Con yêu dấu Ngài. Thứ nhì, họ có lương tâm trọn vẹn đối với sự phạm tội và án phạt tội lỗi; họ biết giá đã được trả đầy đủ và Đức Chúa Trời sẽ không đòi hỏi phải đền trả lần thứ nhì nữa.

10:15 Đức Thánh Linh cũng làm chứng cho sự kiện là dưới Giao Ước Mới, tội lỗi sẽ được giải quyết hữu hiệu một lần đủ cả. Ngài làm chứng điều đó thông qua Kinh Thánh Cựu Ước.

10:16 Trong Giêrêmi 31:31, Chúa hứa lập giao ước Mới với những người được chọn của Ngài trên trần gian này.

10:17 Rồi Ngài lại phân trong cùng phân đoạn này: “*Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi gian ác của chúng nó nữa.*” Thật hấp dẫn vì Giêrêmi 31:34 chứa đựng lời hứa tha thứ tội lỗi cách trọn vẹn và chung quyết này; thế nhưng một số người sống trong thời lời hứa này bắt đầu ứng nghiệm lại có khuynh hướng quay lui trở về với những của tế lễ bất tận của Do Thái giáo!

10:18 Lời hứa tha tội dưới Giao Ước Mới nói lên rằng không còn cần dâng của lễ vì tội lỗi nữa. Với những lời này, không cần dâng của lễ vì tội lỗi nữa, tác giả kết thúc phần mà chúng ta có thể gọi là giáo lý của thơ tín. Ông muốn những lời này vang dội trong lòng và trí chúng ta khi ông bắt đầu nhấn mạnh đến những bổn phận sống đạo của chúng ta.

III. LỜI CẢNH CÁO VÀ NHỮNG LỜI KHUYẾN BẢO (10:19-13:7)

A. Cảnh Cáo Bừng Khinh Thưởng Đấng Christ (10:19-39)

10:19 Thời Cựu Ước, dân chúng bị ngàn phải đứng dằng xà; giờ đây trong Đấng Christ, chúng ta được đem đến gần thông qua huyết của thập tự giá Ngài. Do đó, chúng ta được khích lệ hãy đến gần.

Lời khuyên này coi như thừa nhận rằng mọi tín hữu giờ đây đều là thấy tế

lẽ vì chúng ta được truyền phải nhờ huyết Đức Chúa Jêsus được dọn đi vào nơi rất thánh. Thường dân trong định kỳ Do Thái giáo bị ngăn không được vào Nơi Thánh và Nơi Chí Thánh; chỉ những thầy tế lễ mới được vào phòng thứ nhất, và duy một mình thầy tế lễ thượng phẩm mới được vào phòng thứ nhì. Giờ đây mọi điều ấy đã thay đổi. Đức Chúa Trời không dành riêng một nơi chốn đặc biệt nào để tại đó chỉ duy nhất một đẳng cấp con người đặc biệt được phép đến gần Ngài. Thay vào đó, mọi tín hữu được phép ra mắt Ngài bởi đức tin vào bất kỳ lúc nào và từ bất cứ nơi nào trên đất.

Đức Chúa Trời truyền tôi bước vào trong xuyên qua bức màn

Bằng con đường mới và sống:

Tôi bước vào không phải trong sự trông cậy cách rún rẩy -

Tôi dọn đi vàng theo lời gọi của Ngài;

Tại đó, tôi gặp Đấng Christ là Đức Chúa Trời tôi

Đức Chúa Trời ngồi trên ngai thi ân!

Toàn bộ sự xứng đáng tôi có trước mặt Ngài

Ấy là giá đã trả bằng dòng huyết:

Tôi có mặt, lúc đó tôi tôn ngợi Ngài

Là Đấng Christ, trái đầu mùa, đời với Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sung sướng ngắm xem Ngài;

Bởi đó truyền phán rằng Ngài chấp nhận tôi!

- Tác Giả Vô Danh

10:20 Con đường cho chúng ta đến gần Ngài là **con đường mới và sống**. Mới ở đây có thể mang nghĩa "mới bị

giết" hoặc "mới vừa lập." "Sống" dường như nói đến Đức Chúa Jêsus trong sự phục sinh, do đó nói đến Cửa Chúa hằng sống. Con đường này được mở ngang qua bức màn, tức là ngang qua xác Ngài. Điều này dạy rõ rằng bức màn giữa hai căn phòng trong đền tạm làm hình bóng về thân thể của Chúa chúng ta. Để chúng ta được đến gần sự hiện diện của Đức Chúa Trời, bức màn ấy phải bị xé ra, tức thân thể Ngài phải vỡ ra trong sự chết. Điều này nhắc chúng ta nhớ mình không thể đến gần Chúa bởi sự sống vô tội của Đấng Christ, nhưng chỉ bởi sự chết thay của Ngài. Chỉ ngang qua những vết thương chi tử của Chiên Con, chúng ta mới được phép vào. Mỗi khi vào trong hiện diện của Đức Chúa Trời qua sự thờ phượng hay cầu nguyện, chúng ta hãy nhớ đặc ân này được mua cho chúng ta bởi một giá hết sức lớn lao.

10:21 Chúng ta không những rất được dọn đi khi bước vào trước mặt Đức Chúa Trời; chúng ta còn có **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** lớn đã lập lên cai trị nhà Đức Chúa Trời. Dẫu chúng ta là những thầy tế lễ (1.Phiêrô 2:9; Khải Huyền 1:6), thế nhưng chính chúng ta vẫn cần một thầy tế lễ. Đấng Christ là **Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm** lớn của chúng ta, và chức vụ hiện nay của Ngài cho chúng ta bảo đảm chúng ta luôn được hoan nghênh không ngừng trước mặt Đức Chúa Trời.

10:22 Chúng ta hãy đến gần. Đây là đặc ân được mua bằng huyết cho tín hữu. Chúng ta không thể nào thuật nổi điều kỳ diệu khi được mời đến với một

thính giả, không phải là nhóm những người nổi tiếng của thế gian này, nhưng chính là Đấng Chủ Tể cả cõi vũ trụ! Mức độ chúng ta đánh giá lời mời này được thể hiện bởi phương cách chúng ta đáp ứng nó.

Có bốn phần mô tả về cách chúng ta đáng phải chuẩn bị tâm linh để bước vào nơi Chúa đang ngự trên ngai.

1. Có lòng thật thà. Dân Ysraên tẩy miệng mình để đến gần Đức Chúa Trời, và tôn kính Ngài bằng mọi lời họ, nhưng tâm lòng cách xa Ngài (Mathiơ 15:8). Chúng ta phải đến gần Ngài với lòng hoàn toàn thành thật.

2. Với đức tin đầy dẫy trọn vẹn. Chúng ta đến gần Chúa với lòng hoàn toàn tin quyết nơi những lời hứa của Chúa và với sự xác tín rằng mình được vui lòng tiếp nhận vào trước hiện diện Ngài.

3. Lòng được tẩy sạch khỏi lương tâm xấu. Điều này chỉ có được bởi sự tái sanh. Khi tin cậy Đấng Christ, chúng ta nhận lấy giá trị của huyết Ngài. Nói theo nghĩa bóng, chúng ta rửa sạch lòng mình bằng giá trị của huyết Ngài, cũng giống như Ysraên rửa lên cửa nhà họ bằng huyết của con chiên Lễ Vượt Qua vậy. Điều này giải thoát chúng ta khỏi lương tâm xấu. Lời chứng của chúng ta là:

Lương tâm giữ đây không còn lên án chúng ta.

Nhờ chính dòng huyết báu tội cùng của chính Ngài

Đã rửa sạch và tẩy sạch chúng ta một lần đủ cả.

Tẩy sạch chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời.

- Frances Bevan

4. Thân thể rửa bằng nước trong. Một lần nữa, đây là ngôn ngữ *biểu tượng*. **Thân thể chúng ta tượng trưng sự sống của chúng ta.** Nước trong có thể chỉ về Lời Chúa (Êphêso 5:25, 26), về Thánh Linh (Giăng 7:37-39), hoặc chỉ về cách Thánh Linh sử dụng Lời Chúa để tẩy sạch đời sống chúng ta khỏi ô uế hằng ngày. Chúng ta được tẩy sạch khỏi sự phạm tội một lần đủ cả nhờ sự chết của Đấng Christ, nhưng chúng ta được tẩy sạch liên tục khỏi sự ô uế của tội lỗi nhờ Thánh Linh thông qua Lời Chúa (xem Giăng 13:10).

Vi vậy, chúng ta có thể tóm tắt bốn điều kiện trên quyết để được vào trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời là lòng thành thật, sự bảo đảm, sự cứu rỗi và sự nên thánh.

10:23 Lời khuyên thứ nhì là **cầm giữ sự làm chứng về điều trông cậy chúng ta chẳng chuyển lay.** Không điều gì được phép làm chúng ta xây khỏi lời làm chứng chân thành rằng hy vọng duy nhất của chúng ta là ở trong Đấng Christ.

Đối với những ai bị cám dỗ từ bỏ những phước hạnh chưa thấy được trong tương lai của Cơ Đốc giáo để đổi lấy những điều hiện tại và hữu hình của Do Thái giáo, thì có lời nhắc nhở họ rằng **Đấng đã hứa cùng chúng ta là thành tín.** Những lời hứa của Ngài không bao giờ sai; không ai từng tin nơi Ngài mà bị thất vọng. Cứu Chúa sẽ đến, như Ngài đã hứa, và dân sự Ngài sẽ giống như Ngài và sẽ ở với Ngài đời đời.

10:24 Chúng ta cũng nên tìm cách khích lệ anh em cùng niềm tin hãy tỏ bày tình yêu và dự phần làm việc lành.

Theo ý nghĩa của Tân Ước, lòng yêu thương không phải là một cảm xúc nhưng là hành động của ý chí. Chúng ta được truyền lệnh phải yêu thương, do đó, đây là việc chúng ta có thể làm được và đáng phải làm. Yêu thương là rễ; việc lành là trái. Chúng ta nên khuyên giục các tín hữu khác tiến đến nếp sống này bằng chính tấm gương và lời dạy dỗ của mình.

Tấm lòng yêu thương là ngôi vườn.

Tư tưởng yêu thương là rễ.

Lời nói yêu thương là bông hoa.

Và việc lành là trái của chúng.

- Phòng Lược

10:25 Sau đó, chúng ta nên tiếp tục nhóm lại với nhau và đừng bỏ sự thông công tại hội thánh địa phương, như có người đã làm. Có lẽ câu này được xem như lời khuyên chung cho tín hữu phải trung tín đi nhóm tại nhà thờ của họ. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta tìm được sức mạnh, sự an ủi, sự nuôi dưỡng và niềm vui trong sự thờ phượng chung và phục vụ nhau.

Cùng có thể xem đây là lời khích lệ đặc biệt cho những Cơ Đốc nhân đang trải qua thời kỳ bất ổn. Luôn luôn có cám dỗ để tách mình đứng riêng ra để tránh bị bắt giam, tránh bị sỉ nhục và chịu khổ, để bởi đó âm thầm làm môn đồ bí mật.

Nhưng về cơ bản, câu Kinh Thánh này là lời cảnh cáo tội bội đạo. Bỏ sự nhóm lại tại địa phương ở đây có nghĩa là quay lưng lại với Cơ Đốc giáo và quay về với Do Thái giáo. Khi thơ Hêbơơ được viết ra, có người đang bỏ nhóm như thế này. Cần phải khuyên bảo nhau, đặc biệt khi xét đến ngày Chúa

Tái Lâm đã gần. Khi Ngài đến, những tín hữu bị bắt bớ, bị tẩy chay, bị khinh thường sẽ được xem là người thuộc về phe chiến thắng. Từ đây cho đến lúc đó, cần phải đứng vững.

10:26 Giờ đây tác giả đưa ra lời cảnh cáo nghiêm trọng thứ tư. Cũng như trong các trường hợp trước, đây là lời cảnh cáo tội bội đạo, và ở đây được mô tả là cố ý phạm tội.

Như đã chỉ rõ, có sự bất đồng đáng kể giữa vòng Cơ Đốc nhân về bản chất thật của tội này. Nói ngắn gọn, nan đề ấy là: câu này nói đến điều nào sau đây:

1. Cơ Đốc nhân thật nhưng sau đó đã xây bỏ Đấng Christ và bị hư mất.

2. Cơ Đốc nhân thật bị sa ngã nhưng vẫn được cứu.

3. Những người tuyên xưng là Cơ Đốc nhân trong một thời gian, gần bỏ liên hiệp với hội thánh địa phương, nhưng rồi cố tình từ bỏ Đấng Christ. Họ chưa hề được tái sanh thật, và giờ đây họ không bao giờ có thể được tái sanh.

Dẫu theo quan điểm nào đi nữa, chúng ta vẫn phải thừa nhận có nhiều điều khó hiểu. Chúng ta tin quan điểm thứ ba là đúng, vì phù hợp nhất với sự dạy dỗ toàn diện của thơ Hêbơơ và của cả Kinh Thánh.

Ở đây trong câu 26, sự bội đạo được định nghĩa như là cố ý phạm tội sau khi đã nhận biết lẽ thật. Giống như Giuđa, người này đã nghe Tin Lành. Người biết con đường cứu rỗi; thậm chí còn giả vờ là đã nhận lãnh nó; nhưng rồi cố tình cự tuyệt.

Đối với người như thế, không còn có lẽ lẽ chuộc tội nào nữa. Người đã cương quyết và dứt khoát chối bỏ của lẽ chuộc

tội một lần đủ cả của Đấng Christ. Do đó, Đức Chúa Trời không còn con đường cứu rỗi nào khác để ban cho người.

Trên một phương diện trong đó, mọi tội đều là cố ý, nhưng ở đây tác giả nói đến tội bội đạo như là tội cố ý phạm ngang tình nghiêm trọng phi thường.

Sự kiện tác giả dùng chữ chúng ta trong phần đoạn này không nhất thiết ông kể chính mình vào trong số này. Trong câu 39, ông dứt khoát *loại trừ* chính mình cùng những bạn đồng niềm tin ra khỏi nhóm người rơi vào hình phạt này.

10:27 Chẳng còn lại gì ngoài sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét; không còn chút hy vọng thoát khỏi. Không thể hối phục người bội đạo đến chỗ ăn năn (6:4). Người này đã dứt chính mình ra khỏi ăn điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ cách cố ý thức và cố tình. Số phận của người chính là lửa hừng sẽ **đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi**. Không có ích lợi gì khi tranh luận xem câu này có nói đến lửa theo nghĩa đen không. Ngôn ngữ ở đây hiển nhiên được nhằm để nói đến sự hình phạt nghiêm khắc và kinh khiếp.

Lưu ý rằng Đức Chúa Trời xếp người ngoại đạo vào loại **kẻ bội nghịch**. Điều này cho thấy sự chống đối triệt để với Đấng Christ, chứ không phải chỉ là tình trạng trung lập ôn hòa.

10:28 Số phận của người phạm luật pháp trong Cựu Ước giờ đây được nêu ra làm bối cảnh, dựa vào đó đối chiếu số phận càng kinh khiếp hơn của người bội đạo. Ai phạm luật pháp **Môisê** bằng cách thờ lạy hình tượng thì chết đi

không thương xót nếu có hai hoặc ba người làm chứng (Phục truyền Luật lệ Ký 17:2-6).

10:29 Người bội đạo sẽ bị kể là đáng bị hình rất nghiêm hơn nhiều vì được hưởng đặc ân lớn hơn. Quy mô lớn của tội lỗi người được nhìn thấy qua ba lời buộc tội được tuyên ân cho người:

1. Người đã **giày đạp Con Đức Chúa Trời**. Sau khi tuyên xưng là người theo Chúa Jêsus, giờ đây người thẳng thừng khẳng định mình chẳng liên quan với Ngài. Người phủ nhận mọi nhu cầu cần Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình và chủ động từ chối Ngài là Chúa.

Tại Nhật có một loại cây thập tự được chính quyền sử dụng trong thời bất bớ. Nó được đặt trên đất, và mọi người phải dẫm lên khuôn mặt của Đấng chịu đóng đinh. Những người không tin Đấng Christ chẳng chút ngán ngại giày đạp trên mặt Ngài, còn những Cơ Đốc nhân thật đã từ chối và bị xử tử. Câu chuyện kể rằng khuôn mặt của Chúa Jêsus đã bị mòn vẹt đi và hư hỏng vì người ta giày đạp trên đó.

2. Người ấy coi **huyết của giao ước**, tức là **huyết mình nhờ nên thánh**, là **ô uế**. Người ấy kể huyết của Đấng Christ - là huyết đã phê chuẩn Giao Ước Mới - là vô dụng và không thánh khiết. Người đã được chính huyết này biệt ra để được ở vào chỗ hưởng đặc ân bề ngoài. Thông qua sự liên hiệp với dân sự của Đấng Christ, người được nên thánh, cũng giống như một người chống chưa tin Chúa được nên thánh nhờ người vợ tin Chúa của mình (I.Côrinthô 7:14). Nhưng điều đó không có nghĩa là người này được cứu.

3. Người đã khinh lớn Đức Thánh Linh ban ơn. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã soi sáng cho người này biết Tin Lành, cáo trách người về tội lỗi, và chỉ cho người đến với Đấng Christ là Nơi Trú Ẩn duy nhất cho linh hồn. Nhưng người đã lãng mạ Đức Thánh Linh ban ơn bằng cách hoàn toàn khinh thường Ngài và sự cứu rỗi Ngài ban cho.

10:30 Có ý khước từ Con yêu dấu của Đức Chúa Trời là một tội hết sức quan trọng. Đức Chúa Trời sẽ ngó đoán xét tất cả những ai phạm tội này. Ngài đã phán: **"Sự báo thù thuộc về ta, phần đồi trả sẽ quy về ta"** (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:35). Sự báo thù theo ý nghĩa này nói đến sự công chính trọn vẹn. Khi được dùng chỉ về Đức Chúa Trời, chữ này không có ý nói đến sự minh oan hay "trả đũa." Đây đơn giản là việc đem ra thi hành điều mà một người thực sự đáng nhận. Nhờ biết được đặc tánh của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể biết chắc Ngài sẽ làm đúng như đã phán bằng cách báo trả công bằng cho người bội đạo.

Lại rằng: "Chúa sẽ đoán xét dân mình." Đức Chúa Trời sẽ báo thù và bình vực cho những người thật sự thuộc về Ngài, nhưng ở đây trong câu 30, hàm ý hiển nhiên là nói đến sự đoán phạt những người ác.

Nếu thấy khó mà nghĩ người bội đạo được gọi là **dân sự Ngài**, chúng ta nên nhớ rằng họ là dân sự Ngài bởi sự sáng tạo và cùng bởi đã tuyên xưng như vậy trong ít lâu. Ngài là Đấng Tạo Hóa của họ **đều** không phải là Đấng Cứu Chuộc họ, nhưng họ đã có lần tuyên xưng là dân sự Ngài, **đều** vậy họ chưa hề đích thân biết Ngài.

10:31 Bài học lâu dài cho mọi người ấy là: **đừng ở trong số những người sa vào tay Đức Chúa Trời để gánh sự đoán xét vì thật kinh khiếp thay!**

Trong phần đoạn Kinh Thánh này, không hề có điều nào nhằm gây xáo trộn hoặc rối trí cho những người thực sự thuộc về Đấng Christ. Phần đoạn này cốt được viết ra theo một lối văn sắc bén, dò xét và thách thức để những ai tuyên xưng danh Đấng Christ có thể được cảnh cáo về những hậu quả kinh khiếp của việc từ bỏ Ngài.

10:32 Trong những câu còn lại của đoạn 10, tác giả nêu ba lý do vững chắc vì sao những Cơ Đốc nhân đầu tiên người Do Thái phải tiếp tục vững vàng để trung thành với Đấng Christ.

1. Những kinh nghiệm **lúc ban đầu** của họ phải kích thích họ.

2. Việc sắp được ban thưởng sẽ làm họ vững vàng.

3. Nỗi lo sợ làm Chúa buồn lòng sẽ ngăn họ khỏi thoái lui.

Như vậy trước hết, từng trải quá khứ của họ sẽ kích thích họ. Sau khi tuyên xưng đức tin nơi Đấng Christ, họ đã trở thành mục tiêu bị hắt hờ kinh khiếp: gia đình tức giận thừa kế của họ, bạn hữu từ bỏ, và kẻ thù săn đuổi. Nhưng thay vì gây ra sự bèn nhét và sợ hãi, những sự **chịu khổ** này đã củng cố đức tin họ. Rõ ràng, họ cảm thấy vô cùng sung sướng vì được kể là xứng đáng chịu sỉ nhục vì danh Ngài (Công v 5:41).

10:33 Đôi khi sự chịu khổ của họ mang tính cá nhân; họ bị đuổi ra một mình và bị phơ trần trước công chúng để bị sỉ nhục và chịu đau buồn. Có lúc

họ chịu khổ cũng với Cơ Đốc nhân khác.

10:34 Họ không sợ đến thăm những người bị tù vì Cơ Đấng Christ, cho dầu luôn có hiểm họa bị kẻ là đồng lõa.

Khi sửa cái bị nhà cầm quyền tịch thu, họ đã vui lòng chịu đựng. Họ chọn trung thành với Chúa Jêsus hơn là giữ của cải vật chất của mình. Họ biết mình đã có "cơ nghiệp không hư đi, không ô uế, không suy tàn" (1.Phiêrô 1:4). Thật sự chính phép lạ của ân điển thiên thượng đã giúp họ xem nhẹ của cải trần gian này đến như vậy.

10:35 Sự suy xét trọng đại thứ nhì ấy là: tình trạng sắp được ban thưởng sẽ củng cố họ. Sau khi đã chịu đựng nhiều trong quá khứ, giờ đây họ không nên dẫu bàng. Trên thực tế tác giả nói: "Đừng bỏ lỡ mùa gặt nước mắt của anh em" (F. B. Meyer). Bây giờ họ đã gần với sự ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời hơn bao giờ hết. Không còn thì giờ để quay lại.

"Giờ đây chớ vứt bỏ lòng tin cậy của anh em - nó mang kèm theo phần thưởng phong phú trong đời hầu đến" (JBP).

10:36 Điều họ cần chính là nhện nhục, đó là lòng quyết tâm cứ ở nguyên chịu đựng bất cứ hơn là trốn tránh bất cứ bằng cách chối Đấng Christ. Rồi sau khi đã làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, họ sẽ nhận lấy phần thưởng Chúa đã hứa.

10:37 Phần thưởng sắp đến sẽ dâng ra đồng bộ với sự tái làm của Chúa Jêsus; vì vậy có câu trích từ Habacúc 2:3 "Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu."

Habacúc ghi thế này: "Vi sự hiện thấy còn phải ứng nghiệm trong kỳ nhứt định, sau cùng nó sẽ kịp đến, không phình dối đâu; nếu nó chậm trễ, người hãy đợi; bởi nó chắc sẽ đến, không chậm trễ."

Vincent nói về sự thay đổi này như sau:

Trong thư Hêbơơ, chủ ngữ câu này là sự hiện thấy về việc loại bỏ người Canh Đà... Theo như cách dịch trong Bản Bảy Mươi, hoặc Đức Giêhôva hoặc Đấng Mêxia phải là chủ ngữ. Phần đoạn này được các nhà thần học Do Thái về sau dùng để nói đến Đấng Mêxia và đã được tác giả của chúng ta hiểu như vậy.²⁰

A. J. Pollock nhận định:

Phần đoạn Cựu Ước và phần trích dẫn được thay đổi của nó trong Tân Ước đã được soi dẫn từng lời y như nhau và là Kinh Thánh ngang hàng như nhau. Chữ NÔ trong Habacúc nói đến sự hiện thấy - và để cập đến sự hiện đến của Đấng Christ để cai trị. Chữ NÔ trở thành Đấng trong thư Hêbơơ và nói đến Sự Cứu Lén.

Sau đó ông tiếp tục nói cách tổng quát hơn:

Khi một tác giả được soi dẫn trích lời Cựu Ước, ông sẽ dụng phần đoạn đã trích phù hợp với mục đích của Ý Muốn Thiên Thượng đầu vậy không hề mâu thuẫn; thường thì thay đổi để truyền đạt, không phải truyền đạt ý nghĩa chính xác của phần đoạn Cựu Ước, nhưng truyền đạt ý nghĩa đầy đủ hơn mà Thánh Linh muốn truyền đạt trong Tân Ước.... Giờ đây, không ai ngoài Đức Chúa Trời có thể luận giải Kinh Thánh. Chính sự kiện công việc

này được thực hiện - và được thực hiện phần lớn - là một lời tuyên bố khác nữa về sự soi dẫn. Đức Chúa Trời là Tác Giả của Kinh Thánh, và Ngài có thể trích lời CỦA CHÍNH NGÀI, thay đổi và bổ sung thêm sao cho phù hợp với ý định của Ngài. Nhưng nếu bất kỳ ai trong chúng ta trích Kinh Thánh, chúng ta phải trích Kinh Thánh thật chính xác và cẩn thận. Chúng ta không có quyền thay đổi một chữ hay một nét. Nhưng Tác Giả của Sách Kinh Thánh có thể làm như vậy. Ngài sẽ dùng ngôi viết nào, - dù đó là Môisê hay Êsai, Phêrô hay Phaolô, Mathiơ hay Giăng - đều không mấy quan trọng, tất cả đều là tác phẩm của Ngài.²¹

10:38 Động cơ cuối cùng để nhin nhục vưng vàng chính là sợ làm Đức Chúa Trời buồn lòng. Tiếp tục trích từ Habacúc, tác giả cho thấy đời sống làm đẹp lòng Đức Chúa Trời đó là đời sống có đức tin: **Người công bình²² sẽ sống bởi đức tin.** Đây là đời sống biết quý trọng những lời hứa của Chúa, nhìn thấy những điều mắt không thấy được, và bền đỗ cho đến cuối cùng.

Mặt khác, đời sống nào làm buồn lòng Chúa thì đó là đời sống của người khước từ Đấng Mêsia và quay lại với những cửa tế lễ lỗi thời của đền thờ: **Nhưng nếu lui đi thì hiah hốt ta chẳng lấy làm đẹp chút nào.**

10:39 Tác giả nhanh chóng tách mình và những bạn tín hữu của mình ra khỏi những kẻ lui đi cho hư mất. Điều này tách người bội đạo ra khỏi Cơ Đốc nhân thật. Người bội đạo rút lui và bị hư mất. Tín hữu thật thì tin và bởi đó giữ

gìn linh hồn họ khỏi số phận của người phản bội.

Với lời nhắc đến đức tin (động từ "tin" và danh từ "đức tin" có cùng một từ ngữ gốc trong tiếng Hy Lạp), nền tảng đã được thiết lập xong cho sự thảo luận đầy đủ hơn về đời sống làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đoạn 11 đầy minh họa đi tiếp theo sau cách khá tự nhiên.

B. Lời Nhuyền Giảng Bức Tin Bởi Các Tểm Giám Của Cơ Đốc (Đoạn 11)

11:1 Đoạn này đề cập đến tầm nhìn và sự nhin nhục của đức tin. Nó giới thiệu chúng ta với những nam nữ của Cơ Đốc có thị lực thuộc linh 20/ 20 và những người đã chịu đựng nhiều nhục nhã và thương khó nhưng không hề không từ bỏ đức tin.

Câu 1 thực ra không phải là định nghĩa chính thức về đức tin; đúng hơn, đây là lời mô tả về việc đức tin làm cho chúng ta. Nó khiến những điều dường như mong trở thành thực tế dường như thể chúng ta đã có chúng rồi, và nó cung cấp bằng chứng không thể rúng động rằng các phước hạnh thuộc linh vô hình của Cơ Đốc giáo là tuyệt đối chắc chắn và thực tế. Nói cách khác, nó đem tương lai đến bên trong hiện tại và khiến điều vô hình thấy được.

Đức tin là lòng tin quyết vào tình đáng tin của Đức Chúa Trời. Đây chính là lòng xác tín điều Đức Chúa Trời phán là đúng và những lời Ngài hứa sẽ xảy ra.

Đức tin phải có sự khám thị từ Đức Chúa Trời, một lời hứa nào đó của Chúa làm nền tảng cho nó. Đức tin không phải là bước nhảy bừa vào bóng đêm. Nó đòi hỏi bằng chứng chắc chắn

nhất trong cõi vũ trụ, và tìm thấy bằng chứng ấy trong lời Đức Chúa Trời. Đức tin không bị giới hạn vào những điều có thể, nhưng đã xâm lấn vào vương quốc của điều không thể làm được. Có người nói: "Đức tin bắt đầu tại nơi chấm dứt những khả năng xảy ra. Nếu có thể làm được thì trong đó không còn vinh quang nào để dành cho Chúa nữa."

Đức tin, đức tin mạnh mẽ, nhìn thấy lời hứa.

Và nhìn đến một mình Đức Chúa Trời mà thôi:

Nó cười nhạo những điều không thể làm được

Và kêu lên: "Việc ấy sẽ được thành"

- Tác Giả Vô Danh

Có nhiều khó khăn và nan đề trong đời sống đức tin. Đức Chúa Trời thử thách đức tin chúng ta trong lò thử thách khác nghiệt để xem đó có phải là đức tin thật không (I.Phiêrô 1:7). Nhưng đúng như George Muller nói: "Những hoàn cảnh khó khăn là lương thực cho đức tin."

11:2 Vì họ bước đi bởi đức tin chứ không bởi mắt thấy, nên những nhân vật nổi bật của Cựu Ước đã được Đức Chúa Trời chấp thuận. Phần còn lại của đoạn này là minh họa về cách Đức Chúa Trời làm chứng cho họ.

11:3 Đức tin cung cấp cho ta bản kỹ thuật duy nhất về sự sáng thế. Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất đã có mặt tại đó; Ngài nói cho chúng ta biết việc ấy xảy ra thế nào. Chúng ta tin lời Ngài và nhờ đó chúng ta biết. McCue nói: "Khái niệm về Đức Chúa Trời có trước vật chất và việc Ngài phán gọi thì liên

có vật chất hiện hữu là điều vượt quá phạm vi lý luận hay chứng minh. Điều này được chấp nhận cách đơn sơ bởi hành động của đức tin."

Bởi đức tin chúng ta biết. Thế gian nói: "Thấy mới tin." Đức Chúa Trời phán: "Tin là thấy." Chúa Jêsus nói với Mathê: "Ta há chẳng từng nói với người rằng nếu người tin thì sẽ thấy..." (Giăng 11:40). Sứ đồ Giăng viết: "Ta đã viết những điều này cho các con hầu cho các con biết" (I.Giăng 5:13). Trong các lãnh vực thuộc linh, đức tin đi trước sự hiểu biết.

Thế gian đã làm nên bởi Lời của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời phán và vật chất liền có. Điều này phù hợp trọn vẹn với phát hiện của con người rằng vật chất về cơ bản là năng lượng. Khi Đức Chúa Trời phán, thì có dòng năng lượng dưới dạng các sóng âm. Những thứ này được biến đổi thành vật chất, và thế giới bắt đầu xuất hiện.

Đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến. Năng lực là điều không nhìn thấy được; nguyên tử, và các thứ khí đốt đối với mắt trần cũng vậy, thế nhưng kết hợp lại với nhau thì chúng trở nên hữu hình.

Sự kiện sự sáng thế được nêu ra tại đây trong Hêborô 11:3 là không thể nghi ngờ nữa. Không thể cải tiến và cũng không bao giờ cải tiến được.

11:4 Adam và Êva đã không được nêu lên trong danh sách danh dự về đức tin này. Khi Êva xác định xem liệu Đức Chúa Trời hay Satan đang nói lên sự thật, bà đã quyết định rằng Satan nói sự thật. Tuy nhiên, điều này không phủ

nhận rằng về sau đó họ đã được cứu bởi đức tin, như đã được minh họa bởi áo bằng da.

Abên ấy hẳn đã nhận được một khối thị nào đó để biết duy chỉ nhờ đổ huyết con người tội lỗi mới có thể đến gần Đức Chúa Trời. Có lẽ ông biết từ cha mẹ, là người đã được khôi phục mối thông công với Đức Chúa Trời chỉ sau khi Ngài đã mặc cho họ bằng áo da thú (Sáng Thế Ký 3:21). Đầu giá nào đi nữa, ông phải thể hiện đức tin bằng cách đến gần Đức Chúa Trời bằng huyết của một sinh tế. Của tế lễ của Cain là một trong của lễ dâng rau quả đầu mùa nên do đó không có huyết. Abên minh họa chân lý về sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin. Cain mô tả hình ảnh nỗ lực vô ích của con người để tự cứu mình bằng việc lành.

George Cutting nói rõ: "Không phải bởi sự xuất sắc của cá nhân Abên mà Đức Chúa Trời đoái xem khi kể ông là công bình, nhưng sự xuất sắc của sinh tế mà ông mang theo và đức tin của ông có nơi đó." Đối với chúng ta cũng vậy: chúng ta được xưng công bình không phải do tính cách hay việc lành của chúng ta, nhưng chỉ vì có sinh tế xuất sắc của Đấng Christ và bởi việc chúng ta tiếp nhận Ngài.

Abên bị Cain giết vì luật pháp ghét ân điển. Con người tự xưng công bình sẽ ghét sự thật nói rằng người không thể tự cứu mình mà phải nương cậy nơi tình yêu và sự nhân từ của Đức Chúa Trời.

Nhưng lời chứng của Abên còn mãi: Vậy nhờ đức tin đầu người chết rồi, hỡi con nôi. Có một phương diện mà đức

tin có thể giúp đẩy thanh âm của con người tiếp tục vận hành chức năng mãi rất lâu sau khi thi thể người đã nằm trong mộ.

11:5 Lúc nào đó trong cuộc đời, Hênóc chắc đã nhận được lời hứa từ Đức Chúa Trời rằng ông sẽ đi Thiên đàng mà không phải trải qua sự chết. Mãi đến thời điểm đó, mọi người đều chết - sớm muộn gì cũng chết. Chưa hề có bản kỹ thuật nào ghi lại có ai đã từng được cất lên mà không phải chết. Nhưng Đức Chúa Trời đã hứa và Hênóc đã tin. Đây chính là điều linh táo nhất, hợp lý nhất mà Hênóc làm được; còn điều nào hợp lý hơn là tạo vật phải tin nơi Đấng Tạo Hóa của mình?

Và đã diễn ra đúng như vậy! Hênóc đã sống đi với Đức Chúa Trời vô hình trong ba trăm năm (Sáng Thế Ký 5:21-24) và rồi ông bước vào cõi vĩnh cửu. Bởi chưng trước khi được cất lên, người đã được chứng rằng mình ở vừa lòng Đức Chúa Trời. Đời sống đức tin luôn làm đẹp lòng Chúa; Ngài rất thích được người ta tin cậy Ngài.

11:6 Và, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài. Không một lượng việc lành nào có thể đền bù cho việc thiếu đức tin. Suy cho cùng, khi một người không chịu tin Đức Chúa Trời, người đang gọi Ngài là người nói dối. "Ai không tin Đức Chúa Trời thì cho Ngài là nói dối" (1Giăng 5:10), và lạy sao những người đã gọi Ngài là kẻ nói dối lại có thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời được?

Đức tin là điều duy nhất tôn Đức Chúa Trời lên địa vị xứng đáng của Ngài, và cũng đặt con người vào đúng

địa vị của họ. C. H. Mackintosh viết: "Điều ấy tôn vinh Đức Chúa Trời tột cùng, vì chứng tỏ chúng ta tin quyết nơi khả năng nhìn của Ngài hơn nơi khả năng riêng của chúng ta."

Đức tin không những tin Đức Chúa Trời hiện hữu, nhưng còn tin cậy Ngài sẽ ban thưởng cho những người siêng năng làm kiếm Ngài. Nơi Đức Chúa Trời không có điều gì khiến cho con người không thể tin được. Cái khó chính là ý chí con người.

11:7 Đức tin của Nôê dựa trên Lời Đức Chúa Trời cảnh cáo rằng Ngài sắp tiêu diệt thế gian bằng cơn nước lụt (Sáng Thế Ký 6:17). Theo kinh nghiệm con người, chưa hề có cơn nước lụt nào, trên thực tế, còn có cơ để tin rằng mãi cho đến thời điểm đó chưa hề có một cơn mưa nào (Sáng Thế Ký 2:5, 6). Nôê tin Đức Chúa Trời và đã đóng một chiếc tàu, cho dầu chắc ông ở rất xa nơi có nước để thuyền chạy được. Rõ ràng, ông là cái đích cho rất nhiều người đùa cợt. Nhưng đức tin của Nôê đã được ban thưởng: nhà ông được cứu, thế gian bị định tội, qua đời sống và lời làm chứng của ông, và ông trở thành kẻ kế tự của sự công bình, là điều ông đã nhận được nhờ đức tin.

Có lẽ rất nhiều Cơ Đốc nhân Do Thái đầu tiên nhận bức thư này đã thường thắc mắc nếu họ đúng thì sao họ chỉ là một thiếu số nhỏ bé đến như vậy. Nôê nổi bật ứ các trang Kinh Thánh để nhắc nhở họ rằng trong thời của Nôê, chỉ có tám người công bình và hết thảy thế gian còn lại đã hư mất!

11:8 Ápraham có lẽ đã là người thờ lạy hình tượng, vì sống tại Uơ xứ Canh

Đê, khi Đức Chúa Trời hiện ra với ông và kêu ông ra đi. Với sự vắng lời của đức tin, ông rời quê hương tổ quốc, không biết đích đến cuối cùng của mình. Rõ ràng, bạn bè chế giễu ông vì đã đại đột như thế, nhưng thái độ của ông là:

*Tôi cứ tiếp tục đi dầu không biết -
Giả như có thể biết thì tôi cũng sẽ
lìa.*

*Tôi thù hằn đi trong bóng đêm với
Đức Chúa Trời*

*Hơn là bước một mình giữa sự
sáng;*

*Tôi thù hằn đi bởi đức tin với
Ngài,*

*Hơn là bước một mình bởi mắt
thấy.*

- Helen Annis Casterline

Bước đi bằng đức tin thường tạo cho người khác có ấn tượng rằng mình sống thiếu khôn ngoan và khinh suất, nhưng người nào biết Đức Chúa Trời thì bằng lòng để được dẫn đi với đôi mắt bị bịt kín, không biết đến lộ trình trước mặt.

11:9 Đức Chúa Trời đã hứa ban xứ Canaan cho Ápraham. Theo ý nghĩa rất thực tế, xứ đã thuộc về ông. Thế nhưng phần đất duy nhất mà ông đã từng mua được trong xứ đó chính là ngôi mộ để chôn ngày chôn khi ông qua đời. Ông thỏa lòng để sống trong các trại, là biểu tượng về cuộc hành hương, thay vì ở trong một ngôi nhà cố định. Lúc đang sống, ông xem Canaan dường như đó là đất ngoại quốc.

Những người bạn đồng hành trong cuộc hành hương của ông là con trai và cháu nội ông. Tám gương tin kính của ông cũng để lại dấu ấn sâu đậm trên họ;

dầu vậy họ đã là kẻ đồng kế lự một lời hứa với người rằng xứ sẽ thuộc về họ.

11:10 Vì sao Ápraham lại xem nhẹ bất động sản như thế? Vì ông chờ đợi một thành cố nền vững chắc mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập. Ông không để tâm vào cửa của vật chất hiện có, nhưng vào cửa của đời đời. Trong nguyên văn, có một mao từ xác định đứng trước cả hai chữ *thành* và *nền* - thành *duy nhất* này và *các nền duy nhất* này. Theo nhận định của đức tin, chỉ có duy nhất một thành xứng đáng mang tên ấy, và chỉ có duy nhất một thành có những nền vững chắc ấy.

Đức Chúa Trời là kiến trúc sư của thành thiên thượng này và Ngài cùng là người thợ xây cất thành ấy nữa. Đây là một thành kiểu mẫu, không có những khu ổ chuột, không có không khí ô nhiễm, nước ô nhiễm, hay bất kỳ nạn đề nào khác đang gây họa cho những trung tâm thủ phủ quốc tế của chúng ta.

11:11 Bởi đức tin Sara đã được ban quyền năng lạ lùng để còn có sức sanh con cái khi bà đã chín mươi tuổi. Bản ký thuật nói rõ bà đã qua khỏi tuổi có thể sanh con. Nhưng bà biết Đức Chúa Trời đã hứa ban một đứa con cho bà, và bà biết Ngài không thể rút lại lời hứa. Bà đã có đức tin không nao núng rằng Ngài sẽ thực hiện những lời Ngài đã hứa.

11:12 Ápraham khoảng chín mươi chín tuổi khi Ysác ra đời. Nói theo cách của con người, ông hoàn toàn không thể trở thành người cha, thế nhưng Đức Chúa Trời đã hứa ban cho ông dòng dõi đông vô số và chắc chắn điều đó phải đúng như vậy.

Qua Ysác, Ápraham đã trở thành tổ phụ của một gia đình muôn vàn con cháu trên trần gian này, là dân tộc Hêbơơ. Qua Đấng Christ, ông trở thành tổ phụ của một gia đình thuộc linh muôn vàn con cháu, tức là những tín hữu thật của mọi thời đại tiếp sau đó. Các bài diễn chác mô tả hình ảnh của dòng dõi *trên trần gian*, còn *sau trên trời* minh họa dân sự *trên trời*.

11:13 Các tổ phụ thấy **đều đã chết trong đức tin**. Họ không còn sống để nhìn thấy sự ứng nghiệm những lời hứa thiên thượng ấy. Chẳng hạn, Ápraham chưa bao giờ nhìn thấy dòng dõi đông vô số của mình. Dân Hêbơơ chưa hề chiếm lấy toàn bộ xứ đã được hứa ban cho họ. Các thánh đồ Cựu Ước chưa hề nhìn thấy sự ứng nghiệm lời hứa ban Đấng Mêsia. Nhưng tầm nhìn xa của họ đã đem những lời hứa ấy đến gần, gần đến nỗi những lời hứa ấy được mô tả như đang vẫy chào họ trong sự tiên liệu vui mừng.

Họ nhận thấy thế gian này không phải là quê hương cuối cùng của họ. Họ thỏa lòng để làm kẻ khách và bộ hành, khước từ sự thôi thúc xây dựng cho mình một chốn thoải mái tiện nghi. Khát khao của họ là vượt qua thế gian này mà không mặc lấy bất kỳ đặc tính nào của nó. Lòng họ chăm chú vào cuộc hành hương (Thithiên 84:5, Knox).

11:14 Đời sống của họ cho thấy rõ rằng họ đang đi tìm nơi quê hương. Đức tin đã gieo trồng một bản năng tìm quê hương trong họ, nó không bao giờ thừa mãn bởi những vui thú của Canaan. Họ luôn có ao ước một xứ tốt hơn để họ có thể gọi đó là quê hương.

11:15 Khi nói họ đang tìm kiếm một quê hương, tác giả muốn nói rõ rằng ông không đang ám chỉ đến xứ sở họ đã sanh ra. Nếu Ápraham muốn trở về Mêsôbôtami, ắt ông có thể trở về dễ dàng, nhưng nơi đó không còn là quê hương đối với ông nữa.

11:16 Cách giải thích đúng ấy là: họ đang tìm một quê hương trên Trời. Điều này đang chú ý khi chúng ta nhớ rằng hầu hết những lời hứa cho dân Ysraêl đều liên quan đến những phước hạnh vật chất trên thế gian này. Nhưng họ có sự trông cậy trên trời nữa, và sự trông cậy ấy giúp họ có thể xem thế gian này như đất ngoại quốc.

Tinh thần hành hương này đặc biệt đẹp lòng Đức Chúa Trời. Darby nói: "Đức Chúa Trời không hổ thẹn xưng mình là Đức Chúa Trời của những ai có tấm lòng và sẵn nghiệp của mình được đặt trên Thiên đàng." Ngài đã sẵn sẵn cho họ một thành, và tại đó họ tìm được sự nghỉ ngơi thỏa lòng và bình an trọn vẹn.

11:17 Giờ đây, chúng ta đến với thử nghiệm lớn nhất cho đức tin của Ápraham. Đức Chúa Trời truyền ông dâng con trai độc nhất của mình, là Ysác, trên bàn thờ. Vâng lời không chút lưỡng lự, Ápraham ra đi để dâng cho Đức Chúa Trời kho báu yêu quý nhất của lòng mình. Có phải ông không chú ý tới tình trạng bết sức nan giải này? Đức Chúa Trời đã hứa ban cho ông dòng dõi đông đảo. Ysác là con trai một của ông. Ápraham giờ đây một trăm mười bảy tuổi và Sara một trăm lẻ tám tuổi rồi!

11:18 Lời hứa ban dòng dõi đông đảo sẽ phải được ứng nghiệm trong Ysác. Tình trạng nan giải là: nếu Ápraham giết chết Ysác, làm sao lời hứa kia sẽ ứng nghiệm được? Ysác giờ đây khoảng mười bảy tuổi và chưa lập gia đình.

11:19 Ápraham biết Đức Chúa Trời đã hứa điều gì; và điều đó mới là quan trọng. Ông kết luận rằng nếu Đức Chúa Trời đòi hỏi ông giết chết con mình, thì Đức Chúa Trời sẽ khiến nó sống lại **hậm chí từ kẻ chết sống lại**, để làm ứng nghiệm lời hứa ấy.

Mãi đến thời điểm này, vẫn chưa hề có trường hợp nào được ghi lại về sự phục sinh từ cõi chết. Kinh nghiệm con người không cung cấp một con số thống kê nào cả. Trên thực tế, Ápraham đã sáng chế ra ý tưởng về sự sống lại. Đức tin của ông nơi lời hứa của Đức Chúa Trời đã khiến ông kết luận rằng Đức Chúa Trời sẽ phải khiến Ysác sống lại từ kẻ chết.

Theo nghĩa bóng, ông đã nhận lại Ysác từ **trong kẻ chết**. Ông đã cam kết rằng Ysác phải bị giết. Đức Chúa Trời đã khen thưởng ông qua hành động này. Nhưng như Grant diễn tả rất thương tâm, Chúa "đã miễn cho Ápraham cơn đau xé lòng mà Ngài sẽ không miễn cho chính Ngài". Ngài dự bị một con chiên đực thay thế cho Ysác, và đưa con độc nhất này đã được giao trả về cho tấm lòng và nhà của cha nó.

Trước khi rời khỏi tấm gương đức tin nổi bật này, cần nhắc đến hai ý. Thứ nhất, Đức Chúa Trời không hề thực sự có ý định cho Ápraham giết chết con trai mình. Của tế lễ bằng con người

không bao giờ là ý muốn của Ngài dành cho dân sự. Đức Chúa Trời đã thử đức tin của Ápraham và thấy đức tin đó là thật; sau đó Ngài bắt bố lệnh truyền.

Thứ nhì, đức tin của Ápraham nơi lời hứa ban dòng dõi đông vô số đã bị thử nghiệm trong khoảng thời gian một trăm năm. Vợ lẽ phụ đã bảy mươi lăm tuổi vào lúc lần đầu tiên nhận lời hứa được ban một đứa con trai. Ông chờ đợi hai mươi lăm năm trước khi Ysác ra đời. Ysác mười bảy tuổi khi Ápraham đưa Ysác lên núi Môria để dâng cho Đức Chúa Trời. Ysác bốn mươi tuổi khi lập gia đình và lập gia đình hai mươi năm mới có hai đứa con sanh đôi. Ápraham qua đời năm một trăm bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó, dòng dõi của ông gồm có một con trai (đã bảy mươi lăm tuổi) và hai cháu nội (mười lăm tuổi). Thế nhưng trong trọn cả đời ông, "Người chẳng có lưỡng lự hoặc hồ nghi về lời hứa Đức Chúa Trời, nhưng càng mạnh mẽ trong đức tin, và ngợi khen Đức Chúa Trời, vì tin chắc rằng điều chi Đức Chúa Trời đã hứa, Ngài cũng có quyền làm trọn được" (Rôma 4:20,21).

11:20 Lối suy nghĩ Tây phương của chúng ta khó hiểu nổi vì sao đức tin của Ysác, Giacóp và Giôsép lại phi thường đến như thế - trong ba câu kỹ thuật kế tiếp. Lấy ví dụ, Ysác đã có tên trong Sách Đường Vinh Quang Của Đức Tin vì ông đã cầu chúc các phước hạnh tương lai cho Giacóp và Êsau. Chuyện đó có gì đáng kể?

Đức Giêhôva báo cho Rêbeca biết rằng trước khi hai con bà ra đời, những đứa trẻ sẽ trở thành nguồn của hai dân tộc và đứa lớn (Êsau) sẽ phải hầu việc

đứa nhỏ (Giacóp). Êsau là con trai cứng của Ysác, và với tư cách con trai cả, thì Êsau thường sẽ nhận được phần tốt nhất từ cha mẹ. Nhưng Rêbeca và Giacóp đã lừa Ysác, lúc đó mắt Ysác đã yếu, để Ysác ban những phước tốt lành cho Giacóp. Khi âm mưu bị vạch trần, Ysác run rẩy giận dữ. Nhưng ông nhớ lại lời của Đức Chúa Trời phán rằng đứa lớn sẽ phục vụ đứa nhỏ, và đứa thương Êsau hơn, ông vẫn nhận thấy ảnh hưởng của Đức Chúa Trời phải được đứng vững trên bản năng yếu đuối của ông.

11:21 Có rất nhiều chương nhục nhã trong cuộc đời của Giacóp, nhưng đầu vậy ông vẫn được tôn kính là anh hùng đức tin. Tính cách của ông đã cải thiện theo năm tháng và ông đã chết trong vinh quang. Khi chúc phước cho Épraim và Manase, con trai của Giôsép, ông đã treo tay để phước hạnh của đứa con cả giáng trên Épraim, là đứa em. Bất chấp lời phản kháng của Giôsép, Giacóp quả quyết rằng các phước lành này phải đứng vững như vậy vì đây là mạng lệnh Đức Giêhôva đã truyền cụ thể. Đứa con mất thuộc thể của ông đã yếu, nhưng con mất thuộc linh vẫn tinh tường. Quang cảnh cuối đời Giacóp cho thấy ông đang thờ phượng khi nường trên gậy mình. C. H. Mackintosh tóm tắt điều này với bút pháp đáng yêu thường lệ của ông:

Đoạn kết sự nghiệp của Giacóp tương phản rất dễ chịu với toàn bộ những quang cảnh trước đó trong lịch sử đầy sự kiện đáng ghi nhớ của ông. Nó nhắc ta nhớ đến quang cảnh buổi chiều tà thanh bình sau một ngày đầy

giông tổ: mặt trời - ban ngày đã khuất sau những đám mây, mây mù và sương mù - giờ đây xuất hiện lại trong sự nghi ngờ rõ, chiếu sáng bầu trời phía tây, hứa hẹn một triển vọng vui vẻ của ngày mai tươi sáng. Đối với vị tổ phụ cao tuổi của chúng ta cũng giống như vậy. Vụ hối cảng anh, mặc cả mua bán, âm mưu quỷ quyệt, những vụ sắp xếp, thay đổi, tráo trở, những nỗi sợ hãi ích kỷ và không tin kính - tất cả những đám mây đen ấy của cõi tự nhiên và của trái đất dường như đã qua đi, và giết dây ông xuất hiện, trong trọn vẹn đỉnh cao bình tĩnh của đức tin, để chúc phước, ban truyền những phẩm hạnh cao quý, trong sự khéo léo tài tình thành khiết mà chỉ có riêng sự nam giao với Đức Chúa Trời mới có thể ban truyền được.²³

11:22 Đức tin của Giôxép cũng mạnh mẽ lúc ông gần qua đời. Ông tin lời Đức Chúa Trời hứa sẽ giải thoát dân Ysraên ra khỏi xứ Êđiptô. Đức tin giúp ông có thể hình dung được cảnh Xuất Êđiptô rồi. Điều đó chắc chắn với ông đến nỗi ông dặn con cháu đem hài cốt của mình cùng đi với họ để chôn trong xứ Canaan. William Lincoln viết: "Vi vậy, đang khi sống giữa cảnh phú hoa và tráng lệ của Êđiptô, lòng ông không hề ở tại đó, nhưng ở cùng với dân sự mình trong vinh quang và phước hạnh tương lai."²⁴

11:23 Thực sự câu này đang xét đến đức tin của cha mẹ chứ không phải đức tin của chính Môise. Khi ngắm nhìn hài nhi của mình, họ thấy đó là một đứa con xinh tươi - nhưng còn trời hơn cả vẻ đẹp thể chất nữa. Họ thấy đây là đứa

con của định mệnh, đứa con được Đức Chúa Trời chọn cho một công tác đặc biệt. Đức tin để tin mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện đã giúp họ can đảm thách thức **chiêu mạng của vua** đem giấu con đi trong ba tháng.

11:24 Bởi đức tin, chính Môise đã có những từ bỏ thật cao quý. Dấu được trưng dương trong cánh xa hoa của cung điện Êđiptô và được bảo đảm về mọi điều mà con người nỗ lực tìm kiếm, ông vẫn biết "không phải là sở hữu của cái vật chất, nhưng là từ bỏ chúng mới đem lại sự yên nghỉ" (J. Gregory Mantle).

Trước hết, ông khước từ danh vọng của Êđiptô. Ông là con nuôi của công chúa Pharaôn nên do đó được bảo đảm địa vị trong nhóm ưu tú của xã hội, có lẽ thậm chí còn là người kế vị Pharaôn nữa. Nhưng ông được sinh ra bởi một huyết thống tốt hơn - là thành viên trong tuyến dân trên đất của Đức Chúa Trời. Từ địa vị cao quý này, ông không thể hạ thấp mình xuống để vào hoàng gia Êđiptô. Trong những năm thành nhân, ông đã chọn lựa; ông sẽ không che giấu quốc tịch thật của mình để kiếm được một vài năm ngắn ngủi của danh vọng trần thế. Kết quả ra sao? Thay vì có được một hoặc hai hàng chữ tượng hình trên một bia mộ ít người biết đến nào đó, ông đã được ghi nhớ trong Sách đời đời của Đức Chúa Trời. Thay vì có mặt trong một viện bảo tàng như một xác ướp Êđiptô, ông được nổi danh là người của Đức Chúa Trời.

11:25 Thứ nhì, ông khước từ những vui sướng của Êđiptô. Sự gán bó cách khiêm nhượng hạ mình với dân sự đang

chịu khổ của Đức Chúa Trời có ý nghĩa cho ông còn hơn cả việc làm thỏa mãn những thèm khát của ông cách thoảng qua. Đặc ân được chia sẻ sự ngược đãi với dân sự mình đối với ông còn vui sướng hơn cả sự hoang phí trong triều đình Pharaôn.

11:26 Thứ ba, ông đã xây lưng lại với châu hầu xứ Êđiptô. Đức tin giúp ông có thể thấy những kho báu phi thường của Êđiptô là vô giá trị so với cõi đời đời. Vì vậy ông chọn chịu cùng một sự sỉ nhục như Đấng Mêsia về sau này sẽ chịu. Ông đã xem lòng trung thành với Đức Chúa Trời và lòng yêu mến dân sự Ngài là quý giá hơn cả toàn bộ của cải của Pharaôn. Ông biết những thứ đầy chỉ là vật chất đáng giá một phút thôi sau khi ông qua đời.

11:27 Rồi ông cũng không sợ vua của Êđiptô nữa. Được dạy dỗ bởi Đức tin, ông đã ra khỏi xứ nô lệ, không hề lo sợ cơn giận của vua. Đây là sự đoạn tuyệt rõ ràng khỏi những chính sách của thế gian này. Ông sợ Pharaôn rất ít vì ông sợ Chúa rất nhiều. Ông chăm chú vào "Đấng Chủ tế hạnh phúc và có một đến kỳ sẽ tỏ ra, là Vua của mọi vua, Chúa của mọi chúa, một mình Ngài có sự không hề chết, ở nơi sự sáng không thể đến gần được, chẳng người nào từng thấy Ngài và cũng không thấy được, danh vọng quyền năng thuộc về Ngài đời đời! Amen" (1Timôthê 6:15, 16).

11:28 Cuối cùng, ông khước từ tôn giáo của Êđiptô. Bằng cách thiết lập Lễ Vượt Qua và rưới huyết, ông đã cương quyết tách mình khỏi sự thờ lạy hình tượng của Êđiptô đời đời. Ông đã ngang

nhiên thách đấu với tôn giáo kia. Đối với ông, sự cứu rỗi chính là nhờ huyết của chiên con, chứ không phải nhờ nước của Sông Nile. Kết quả là con trai đầu lòng của Ysraên được dung tha còn con trai đầu lòng của Êđiptô bị giết bởi kẻ hủy diệt.

11:29 Lúc đầu, Biển Đỏ dường như rao báo tai họa cho những người tị nạn Hêbơơ. Quân thù đuổi sát sau lưng, họ dường như đã bị mắc bẫy. Nhưng vâng theo Lời Chúa, họ tiến lên và nước rẽ ra: "Đức Giêhôva dẫn trận gió đông thổi mạnh đến đùa biển lại trọn cả đêm; Ngài làm cho biển bầy ra khô, nước phân rẽ" (Xuất Êđiptô Ký 14:21). Khi người Êđiptô cố vượt theo sau, bánh xe ngựa của họ bị kẹt, nước trở về chỗ cũ của nó, và các đạo binh của Pharaôn bị nuốt mất tại đó. Như vậy, Biển Đỏ đã trở thành con đường đắp cao để giải thoát Ysraên nhưng là ngõ chết định mệnh cho người Êđiptô.

11:30 Thành Giêricô có vách lũy kia là mục tiêu quân sự đầu tiên trong công cuộc chinh phục Canaan. Lý trí sẽ tuyên bố một thành trì không thể phá vỡ như thế thì chỉ có thể chiếm được bởi có nhiều đạo binh ưu việt hơn. Nhưng các phương pháp của Đức tin lại khác hẳn. Đức Chúa Trời dùng những chiến lược dường như rõ đại đối với con người để hoàn thành những ý định của Ngài. Ngài truyền dân sự đi vòng quanh thành trong bảy ngày. Đến ngày thứ bảy, họ phải đi vòng quanh thành bảy lần. Các thầy tế lễ phải thổi kèn lớn tiếng, dân sự phải la lên, thì các tường thành sẽ sụp xuống. Các chuyên gia quân sự sẽ xem phương pháp này là lối bịch. Nhưng

thật hiệu quả! Vũ khí của chiến trận thuộc linh không thuộc về thế gian này, nhưng có quyền năng thiên thượng để phá diệt các đồn lũy (II.Côrinthô 10:4).

11:31 Chúng ta không biết kỹ nữ **Raháp** trở thành người thờ lạy Giêhôva từ khi nào, nhưng rõ ràng nàng đã trở thành người thờ phượng Chúa. Nàng đã bỏ tôn giáo sai lầm của Canaan để trở thành người cải đạo Do Thái. Đức tin của nàng đã bị thử thách gay go khi các thám tử đến nhà. Nàng sẽ trung thành với tổ quốc và đồng bào, hay sẽ trung thành với Chúa? Nàng quyết định đứng về phía Chúa, thậm chí điều đó đồng nghĩa với phản bội tổ quốc. Bằng cách thân thiện tiếp đón các thám tử, nàng và gia đình đã được dung tha, trong khi những người lân cận nàng không chịu vâng lời đã bị chết mất.

11:32 Đến đây, tác giả đặt một câu hỏi tu từ: **Ta còn nói chi nữa?** Ông đã đưa ra một danh sách hết sức ấn tượng về những nam nữ đã thể hiện đức tin và nhịn nhục chịu đựng trong thời Tân Ước. Ông còn phải nêu bao nhiêu gương nữa để chứng minh ý của mình?

Không phải ông hết những tấm gương, nhưng chỉ là hết thì giờ. Sẽ mất rất lâu để đi sâu vào các chi tiết, nên ông sẽ thỏa lòng nêu tên một vài người và liệt kê một số những chiến thắng và những thử thách đức tin.

Đã có **Ghêđôn** với đạo binh từ ba mươi hai ngàn người giảm xuống còn ba trăm người. Trước hết, những người nhứt nhát được cho trở về nhà, kể đến những người mãi nghĩ đến những tiện nghi thoải mái của riêng họ. Với những nhân tố nóng cốt gồm các môn đồ thật, Ghêđôn đã vượt đui quân Mađian.

Sau đó có **Barác**. Khi được kêu gọi lãnh đạo dân Ysraên ra trận đánh người Canaan, ông chỉ đồng ý với điều kiện Đêbôra phải đi cùng mình. Dẫu Barác có tính cách hèn nhát như vậy, Đức Chúa Trời vẫn nhìn thấy sự tin cậy thật và liệt kê ông trong danh sách của những người có đức tin.

Samsôn là một người khác nữa yếu đuối cách rõ ràng. Thế nhưng bất chấp điều đó, Đức Chúa Trời phát hiện đức tin để giúp ông giết sư tử tư bằng tay không, để tiêu diệt ba mươi người Philitin tại Áchcalôn, giết một ngàn người Philitin bằng chiếc hàm lửa, để vác cánh cổng của Gaza đi. Và cuối cùng Chúa giúp ông phá sập đền thờ Đagon và giết người Philitin, lúc ông chết đã giết nhiều hơn lúc còn sống.

Dẫu là một người con ngoại hôn, **Giêphê** đã dấy lên giải thoát dân sự khỏi tay dân Ammôn. Ông minh họa chân lý: đức tin giúp một người vươn lên bên trên nguồn gốc gia đình và bối cảnh của mình để làm nên lịch sử cho Chúa.

Đức tin của **Đavít** sáng ngời trong trận đánh với Gôliát, trong cách cư xử cao quý đối với Saul, trong việc chiếm thành Siôn, và trong vô số mẩu chuyện khác. Trong các Thithiên của ông, chúng ta thấy đức tin ông kết tinh rõ ràng trong sự thống hối, ca ngợi và tiên tri.

Samuên là quan xét cuối của Ysraên và là vị tiên tri đầu tiên của dân sự này. Ông là người của Đức Chúa Trời cho dân sự vào lúc chức tế lễ đã bị đánh dấu bởi tình trạng bại hoại thuộc linh. Ông là một trong những lãnh tụ vĩ đại nhất của lịch sử Ysraên.

Danh sách này còn thêm **các Đấng liên tri**, một đoàn người cao quý của các phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời, và những người làm hiện thân cho lương tâm, thà chịu chết hơn là nói dối, được đi Thiên đàng với lương tâm tốt còn hơn là cứ ở trên đất với lương tâm xấu.

11:33 Giờ đây tác giả rời khỏi việc kể tên của người có đức tin để trích dẫn các kỳ công của họ.

Họ đã **thắng được các nước**. Ở đây, chúng ta lập tức nghĩ ngay đến Giôsuê, đến Các Quanxét (những người thực sự là các quan tướng), đến Đavit, và nhiều người khác nữa.

Họ đã **làm sự công bình**. Các vua như Salômôn, Asa, Giôsapát, Giôách, Êxêchia, và Giôsia đã được nhớ đến vì những thời trị vì đầu không trọn vẹn nhưng đặc trưng bởi sự công bình.

Họ đã **được những lời hứa**. Có thể câu này muốn nói Đức Chúa Trời lập các giao ước với họ, như trong trường hợp của Ápraham, Môise, Đavit, và Salômôn; hoặc có thể muốn nói họ đã nhận được sự ứng nghiệm các lời hứa, bởi đó chứng tỏ chân lý Lời Đức Chúa Trời.

Họ đã **hij mồm sự tử**. Đaniên là ví dụ nổi bật ở đây (Đaniên 6:22), nhưng chúng ta cũng nhớ đến Samsôn (Các Quanxét 14:5,6) và Đavit (I.Samuên 17:34,35).

11:34 Họ đã **đập tắt ngọn lửa hừng**. Lò lửa hừng chỉ thành công trong việc đốt cháy những dây trời ba chàng trai Hêbơơ và khiến họ được tự do (Đaniên 3:25). Như vậy, lò lửa hừng chẳng qua là phước hạnh cái trang.

Họ đã **lánh được lưỡi gươm**. Đavit đã thoát khỏi những cuộc tấn công

hiểm ác của Saulơ (I.Samuên 19:9,10), Êli thoát khỏi sự thù ghét đầy sát khí của Giêsabêl (I.Các vua 19:1-3), và Êlise đã thoát khỏi vua Syri (II.Các vua 6:15-19).

Họ đã có được sức mạnh từ sự **yếu đuối** (bản Việt Ngữ là **thắng bệnh tật**). Có rất nhiều biểu tượng về sự yếu đuối trong các biên niên sử của đức tin. Chẳng hạn, Êhút là người thuận tay tả; thế nhưng ông đã giết vua Môáp (Các Quanxét 3:12-22). Glaên, thành viên của "phái yếu," đã giết Sisêra bằng chiếc cọc lều (Các Quanxét 4:21). Ghêđêôn đã dùng những chiếc bình bằng đất để vỡ để đánh bại quân Madiam (Các Quanxét 7:20). Samsôn đã dùng hàm lừa để giết một ngàn người Philitin (Các Quanxét 15:15). Họ thấy đều minh họa một chân lý ấy là Đức Chúa Trời đã chọn những sự yếu đuối trong thế gian này để làm hổ thẹn những sự mạnh (I.Côrinthô 1:27).

Họ đã **tỏ sự bạo dạn nơi chiến tranh**. Đức tin ban cho họ sức mạnh vượt quá lẽ tự nhiên và giúp họ đắc thắng khi đối diện với muôn vạn cạnh thất thế.

Họ đã khiến **đạo binh nước thù chạy trốn**. Dầu thường trang bị thiếu thốn và đối diện với quân thù đông gấp bội, các đạo binh Ysơraên đã chiến thắng trước sự lúng túng kinh hoàng của kẻ thù và sự sùng sốt của mọi người khác.

11:35 Có người **đàn bà đã được người nhà mình chết sống lại**. Góa phụ ở Sarépta (I.Các vua 17:22) và người nữ Sunem (II.Các vua 4:34) là các trường hợp được nêu ở đây.

Nhưng đức tin còn có một khuôn mặt khác nữa. Ngoài những người lập các kỳ công chói sáng, còn có những người chịu khổ kinh khiếp. Đức Chúa Trời quý trọng những người chịu khổ cũng y như những người đắc thắng. Vì cơ đức tin của họ nơi Chúa, một số người bị tra tấn kinh khiếp. Nếu họ chịu chối bỏ Giêhôva, ắt đã được thả ra; nhưng đối với họ, thì chết rồi được sống lại đến vinh hiển của Thiên đàng còn hơn là tiếp tục cuộc sống này để làm kẻ phản bội Chúa. Trong thời Maccabees, một người mẹ và bảy con trai đã bị Antiochus Epiphanes giết chết lần lượt từng người một trước mắt mọi người còn lại. Họ vẫn không chịu chấp nhận được thả ra để được sống lại tốt hơn, tức là tốt hơn cảnh cứ tiếp tục sống trên trần gian này. Morrison nhận định:

Vì vậy đây cũng là kết quả của đức tin, không phải ở chỗ đem sự giải thoát đến cho một người, nhưng đôi khi, có sự giải thoát ở đó, nhưng đức tin giúp người ấy can đảm từ chối sự giải thoát đó. Có những lúc đức tin thể hiện mình bằng cách nhận lấy. Có những lúc người ta bày tỏ đức tin bằng cách khước từ. Có sự giải cứu mà đức tin chịu nhận. Cũng có sự giải cứu mà đức tin khước từ. Họ bị tra tấn, mà vẫn không chịu nhận sự giải thoát - đó là dấu hiệu và ấn chứng họ là người trung tín. Có những giờ phút mà hàng triệu mạnh mẽ nhất của đức tin chính là khước từ nhanh chóng để không nhận lấy một căn phòng lớn hơn.²⁵

11:36 Nhiều người khác đã bị nhạo cười, đánh đòn, bị bỏ tù. Để trung tín với Chúa, Giêrêmi đã chịu mọi hình

thức trừng phạt này (Giêrêmi 20:1- 6; 37:15). Giôsêp cũng bị nhốt tù vì thờ chịu khổ hơn là phạm tội (Sáng Thế Ký 39:20).

11:37 Họ đã bị ném đá. Chúa Jêsus đã nhắc các thầy thông giáo và người Pharisi rằng tổ tiên họ đã giết Xachari bằng cách này giữa đền thánh và bàn thờ (Mathê 23:35).

Họ bị cưa xẻ. Truyền khẩu kể lại rằng Manase đã dùng cách này để hành hình Êsai.

Họ đã bị cấm dỗ (bản Việt Ngữ không có câu này).²⁶ Có lẽ mệnh đề này mô tả những áp lực lớn lao mà người ta áp đặt trên tín hữu để ép tín hữu thỏa hiệp, rút lại đức tin, hay để phạm tội, hay bằng bất cứ cách nào để chối Chúa của họ.

Họ đã bị giết bằng lưỡi gươm. Tiên tri Uri phải trả giá này vì trung tín rao báo sứ điệp của Chúa cho vua Giêhôgiakim (Giêrêmi 26:23), nhưng cụm từ ở đây nói đến vụ giết người hàng loạt như đã xảy ra trong thời của Maccabees.

Họ lưu lạc rày đây mai đó, mặc những da chiên da dê, bị thiếu thốn mọi đường, bị hà hiếp, ngược đãi. Moorehead nhận định:

Có lẽ họ đã ăn mặc sợi sọt trong những lều, sống sơ hạo trong các cung điện của các vua nên chịu chối Đức Chúa Trời và tin nơi những lời dối trá của thế gian. Thay vào đó, họ đã đi lưu lạc, mặc áo da chiên và da dê, hàn thân họ bị xem chằm chằm gì chiền hoặc dè, và quả thật còn hơn thế nữa, họ giống như con thú bị kẻ là chỉ sừng đóng cho là cỏ như thế.²⁷

Họ đã chịu nghèo khổ, bị tước đoạt tài sản và bị bắt bớ.

11:38 Thế gian xem họ như không đáng sống. Nhưng Thành Linh của Đức Chúa Trời đã bùng lên ở đây với lời nói rằng thực sự là ngược lại - thế gian không đáng *cha họ ở*.

Họ phải lưu lạc trong đồng vắng, trên núi, trong hang, trong những hầm dưới đất. Bị tước mất nhà cửa, bị tách khỏi gia đình, bị rượt đuổi như thú vật, bị đuổi khỏi xã hội, họ chịu nóng lạnh, chèn ép và khó nhọc, nhưng vẫn không chối Chúa của mình.

11:39 Đức Chúa Trời đã làm chứng cho đức tin của những anh hùng Cựu Ước này, thế nhưng họ đã chết trước khi nhận được sự ứng nghiệm lời hứa ấy. Họ không còn sống để thấy Sự Hiện Đến của Đấng Mê-si-a mà họ chờ đợi từ lâu, hay để hưởng những phước hạnh tuôn tràn từ chức vụ của Ngài.

11:40 Đức Chúa Trời để dành điều tốt hơn cho chúng ta. Ngài đã sắp xếp để cho ngoại chúng ta ra họ không đạt đến sự trọn vẹn được. Họ chưa bao giờ được hưởng lương tâm trọn vẹn đối với tội lỗi; và họ sẽ không hưởng được sự trọn vẹn của một thân thể vinh hiển trên Thiên đàng cho đến khi hết thấy chúng ta đều được cất lên để gặp Chúa tại chốn không trung (ITê-sa-lô-ni-ca 4:13-18). Tâm linh của các thánh đồ Cựu Ước đã được trọn lành rồi trước mặt Chúa (Hê-bơ-rơ 12:23), nhưng thân thể của họ sẽ chưa sống lại từ kẻ chết cho đến khi Chúa trở lại đón dân sự Ngài. Lúc bấy giờ họ sẽ được hưởng sự trọn lành của vinh hiển phục sinh.

Nơi cách khác, các tín hữu Cựu Ước không được hưởng đặc ân như chúng ta.

Thế nhưng hãy nghĩ đến những đặc thắng đầy xúc động của họ và những thử thách lớn lao của họ! Hãy nghĩ đến kỳ công và sự chịu đựng của họ! Họ đã sống ở phía bên kia thập tự giá; chúng ta sống trong sự vinh hiển trọn vẹn của thập tự giá. Thế nhưng đời sống của chúng ta so sánh thế nào với đời sống của họ? Đây là lời thách thức đầy thuyết phục của Hê-bơ-rơ 11.

C. Lời Khuyên Trông Chờ Nơi Đấng Christ (Đoạn 12)

12:1 Chúng ta phải nhớ rằng thư Hê-bơ-rơ được viết cho những người đang bị bắt bớ. Vì họ đã từ bỏ Do Thái giáo để đi theo Đấng Christ, nên đang bị chống đối kinh khiếp. Có nguy cơ họ sẽ giải thích sự chịu khổ của họ như là dấu hiệu Đức Chúa Trời không đẹp lòng. Có lẽ họ trở nên ngã lòng và bỏ cuộc. Tệ hơn hết, có thể họ bị cám dỗ để quay trở về với đền thờ và những lễ nghi của nó.

Họ đừng nên nghĩ những hạn nạn thương khó của họ là độc nhất vô nhị. Rất nhiều các chứng nhân được mô tả trong Đoạn 11 đã chịu khổ kinh khiếp vì cơ lòng trung thành với Chúa, thế nhưng họ đã nhịn nhục chịu đựng. Nếu với những đặc ân ít ỏi mà họ còn giữ vững sự bền đỗ không chùn bước đến như thế, thì chúng ta là những người nhận được những điều tốt hơn của Cơ Đốc giáo lại càng phải bền đỗ hơn nhiều biết dường nào.

Họ vây quanh chúng ta như những người chứng kiến vây lấy như đám mây rất lớn. Điều này *không* có nghĩa họ làm khán giả để nhìn xem chuyện đang diễn ra trên trần gian. Đúng hơn, họ làm

chứng cho chúng ta bằng đời sống đức tin và chịu đựng của họ để để ra một tiêu chuẩn cao cho chúng ta noi theo.

Câu Kinh Thánh này luôn làm nảy sinh thắc mắc: "Phải chăng các thánh đồ trên Thiên đàng có thể nhìn thấy đời sống của chúng ta trên đất hoặc biết điều gì đang diễn ra?" Điều duy nhất chúng ta có thể biết chắc rằng họ có biết ấy là khi một tội nhân được cứu: "Ta nói cùng các ngươi, trên trời cũng như vậy, sẽ vui mừng cho một kẻ có tội ăn năn hơn là chín mươi chín kẻ công bình không cần phải ăn năn" (Luca 15:7).

Đời sống Cơ Đốc như một cuộc chạy đua đòi hỏi kỷ luật và chịu đựng bền bỉ. Chúng ta phải lột bỏ khỏi mọi điều cản trở chúng ta. Gánh nặng là những điều tự bản thân chúng có thể vô hại thế nhưng làm cản trở tiến bộ; chúng có thể bao gồm của cải vật chất, những mối ràng buộc gia đình, sự ưa thích được thoải mái, thiếu sự linh động, v.v... Trong các cuộc chạy đua Olympic, không hề có luật nào cấm mang theo thức ăn hoặc thức uống, nhưng những lực sĩ chạy đua sẽ không bao giờ thắng được cuộc đua nếu mang chúng theo.

Chúng ta cũng phải quảng hết... tội lỗi đã vẫn vương ta. Điều này có thể nói đến tội lỗi ở bất kỳ hình thức nào, nhưng đặc biệt là tội vô tín. Chúng ta phải có lòng tin cậy trọn vẹn nơi những lời hứa của Chúa và lòng xác quyết trọn vẹn rằng đời sống đức tin là chắc chắn chiến thắng.

Chúng ta phải cảnh giác trước ý niệm cho rằng cuộc chạy đua là một cuộc chạy đua nước rút để dài, mọi điều

trong đời sống Cơ Đốc đều lạc quan và tươi đẹp. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng để tiến lên và bền bỉ vượt qua thử thách cam khổ.

12:2 Trong suốt đường chạy đua, chúng ta không nên nhìn vào đối tượng nào khác hơn là cứ chăm chú nhìn vào Chúa Jêsus, là Lực Sĩ Chạy Đua hàng đầu. A. B. Bruce nhận định:

Một người nổi bật cách rõ ràng trên tất cả những người khác... Con Người đầu tiên thực hiện hoàn hảo ý tưởng về sống hàng đức tin..., người đã nhận thực chịu đựng không chút nao núng sự thống khổ cay đắng của thập tự giá, đã xem thường sự sỉ nhục của nó, vì được nâng đỡ bởi đức tin vốn nhận thức sinh động về niềm vui và vinh quang hầu đến để xóa bỏ nhân tính về nỗi đau đớn và sỉ nhục hiện tại.²⁸

Ngài chính là cội rễ, hay tác giả, là người tiên phong của đức tin chúng ta theo ý nghĩa Ngài đã cung cấp cho chúng ta tấm gương hoàn hảo duy nhất về đời sống đức tin.

Ngài cũng là cuối cùng của đức tin (Bản Anh ngữ: "Đấng hoàn thành đức tin của chúng ta"). Ngài không những đã bắt đầu cuộc chạy đua, nhưng cũng đã chạy xong cách khải hoàn. Đối với Ngài, đường đua trải dài từ Thiên đàng đến Bêlêhêlem, rồi tiếp đến Ghêtsêmanê và Côgôtha, sau đó ra khỏi mồ và trở về Thiên đàng. Ngài không lúc nào nao núng hay thối lui. Ngài cứ chăm mắt vào vinh hiển hầu đến, là lúc mọi người được chuộc sẽ được nhóm lại với Ngài đời đời. Điều này giúp Ngài có thể không suy nghĩ gì đến sự sỉ nhục để

chịu đựng sự thương khổ và sự chết. Ngày nay, Ngài đang ngồi bên hữu Ngài Đức Chúa Trời.

12:3 Giờ đây hình ảnh thay đổi từ cuộc chạy đua sang cuộc chiến chống tội lỗi. Nguyên Soái không chút nao núng của chúng ta là Chúa Jêsus; chưa từng có ai chịu đựng sự đối nghịch của kẻ tội lỗi đến dường ấy. Bất cứ khi nào có khuyêt hướng mỗi một sớm lòng, chúng ta nên nghĩ đến chặng đường Ngài đã trải qua. Những thử thách của chúng ta dường như thật nhỏ bé so với những điều Ngài đã chịu đựng.

12:4 Chúng ta đang tham dự vào một cuộc chống trả với tội ác không chút ngưng nghỉ. Thế nhưng chúng ta chưa chống trả đến nổi đổ huyết, có nghĩa chưa đến nổi phải chết. *Ngài đã đổ huyết!*

12:5 Quan điểm Cơ Đốc về sự chịu khổ giờ đây được tác giả trình bày ra. Vì sao sự bất bớ, thử thách, hoạn nạn, bệnh tật, đau ốm, buồn rầu và rắc rối xảy đến cho đời sống của người tin Chúa? Có phải chúng là dấu hiệu về cơn thịnh nộ hay sự không hài lòng của Chúa không? Có phải chúng xảy ra ngẫu nhiên không? Chúng ta nên phản ứng thế nào với chúng?

Những câu Kinh Thánh này dạy rằng các việc ấy là một phần trong tiến trình giáo huấn của Đức Chúa Trời dành cho con cái Ngài. Dấu chúng không ra từ Chúa, nhưng Ngài cho phép chúng đến, và tể trị trên chúng vì có vinh hiển Ngài, vì ích lợi cho chúng ta, và vì phúc hạnh cho người khác.

Không có điều nào ngẫu nhiên xảy đến cho Cơ Đốc nhân cả. Các thẩm kịch

là những phúc hạnh cải trang, và những thất vọng chính là những cuộc hẹn và sắp xếp của Ngài. Đức Chúa Trời điều khiển những nghịch cảnh trong đời sống để khiến chúng ta trở nên giống với hình ảnh của Đấng Christ.

Vì vậy, những tín hữu Hêboro đầu tiên được khuyên phải nhớ lại Châmngôn 3:11,12, trong đó Đức Chúa Trời gọi họ là con. Tại đó, Chúa cảnh cáo họ đừng xem thường sự sửa phạt của Ngài hay ngã lòng khi bị Ngài quở trách. Nếu nổi loạn hay bỏ cuộc, họ đánh mất ích lợi từ cách Ngài đối đãi với họ và không học được những bài học Ngài dạy.

12:6 Khi chúng ta đọc được từ ngữ *sửa phạt*, chúng ta có khuyêt hướng nghĩ đến roi vọt. Nhưng ở đây, từ này có nghĩa là việc dạy con hay huấn luyện con. Nó bao gồm sự dạy dỗ, kỷ luật, sửa trị, và cảnh cáo. Tất cả những việc đó đều nhằm vun đắp phẩm hạnh Cơ Đốc và loại trừ điều xấu. Trong phần đoạn này, việc sửa phạt không phải là hình phạt vì tội lỗi hoặc việc làm sai trật, nhưng là huấn luyện thông qua sự bất bớ.

Phần đoạn trong Châmngôn nói rõ **sự sửa phạt của Đức Chúa Trời** là bằng cơ tình yêu của Ngài, và không một cơn cái nào của Ngài thoát khỏi sửa phạt.

12:7 Bằng cách cứ thuận phục sự sửa phạt của Đức Chúa Trời, chúng ta đã để cho kỷ luật của Ngài hun đúc chúng ta thành hình ảnh Ngài. Nếu cố cãi bợ những cách Ngài đối đãi với chúng ta, có thể Ngài phải dạy chúng ta trong khoảng thời gian dài hơn, sử dụng

nhiều phương pháp dạy dỗ hơn, do đó có những cách gay go hơn. Có nhiều cấp lớp trong trường học của Đức Chúa Trời, và chỉ lên lớp khi nào học xong bài Chúa muốn dạy.

Vậy, khi thử thách đến với chúng ta, chúng ta nên nhận biết Đức Chúa Trời đang đối đãi chúng ta như con. Trong bất kỳ mối quan hệ cha con bình thường nào, cha luôn dạy dỗ huấn luyện con mình vì yêu con và muốn điều tốt nhất cho con. Chúa yêu chúng ta nhiều đến nỗi sẽ không bỏ mặc chúng ta phát triển theo bản năng xác thịt.

12:8 Trong lãnh vực thuộc linh, những ai không kinh nghiệm sự sửa phạt của Đức Chúa Trời thì đó là con ngoại tình, chứ không phải con thật. Suy cho cùng, người làm vườn không tỉa sửa bụi gai, nhưng tỉa sửa cây nho. Trong cõi thiên nhiên thế nào thì trong cõi thuộc linh cũng thế ấy.

12:9 Hầu hết chúng ta đều kinh nghiệm sự sửa phạt của cha về phần xác mình. Chúng ta không cho đây là dấu hiệu cha mẹ ghét chúng ta. Chúng ta nhận thấy cha quan tâm đến phúc lợi của chúng ta, và chúng ta kính sợ cha mẹ.

Vậy chúng ta há chẳng còn nên kính sợ vâng phục sự huấn luyện của cha về phần hồn để được sự sống sao? Đức Chúa Trời là Cha (hay nguồn gốc) của mọi hữu thể có thần linh hoặc có tâm linh. Con người là tâm linh ngự trong thân thể. Và bằng cách vâng phục Đức Chúa Trời, chúng ta được hưởng sự sống theo ý nghĩa chân thật nhất của nó.

12:10 Sự sửa phạt của người cha trên trần gian này không là trọn vẹn. Nó chỉ kéo dài trong một lúc, tức là trong thời thơ ấu và tuổi thanh xuân. Nếu tới lúc đó mà vẫn không thành công, thì chẳng còn làm thêm được gì nữa. Và sự sửa phạt đó dường như là lối nhất theo ý của bậc cha mẹ, tùy theo điều họ nghĩ là đúng. Có thể đôi khi suy nghĩ của họ không đúng.

Nhưng sự sửa phạt của Đức Chúa Trời là luôn luôn trọn lành. Tình yêu của Ngài vô hạn và sự khôn ngoan của Ngài không thể sai lầm. Sự sửa phạt của Ngài không bao giờ do ý thích bốc đồng, nhưng luôn luôn vì ích lợi của chúng ta. Mục tiêu của Ngài là khiến chúng ta được dự phần trong sự thành khiết Ngài. Và không bao giờ có thể tạo ra sự tin kính ở bên ngoài trường học của Đức Chúa Trời. Jowett giải thích:

Mục đích sự sửa phạt của Đức Chúa Trời không phải là để trừng phạt nhưng để tu dưỡng. Ngài sửa phạt "để chúng ta được dự phần trong sự thành khiết Ngài." Cụm từ "để chúng ta được dự phần" có mang kèm theo phước hưởng trong đó, và phước hưởng này nhắm đến đời sống đã được tẩy sạch và tươi đẹp. Ngọn lửa được nhen lên không phải là đồng lửa làm nguội mát. bằng chảy ngọc nghề không ai trông chừng, tiêu diệt những điều quý báu: đây là ngọn lửa của người thợ luyện; và Đấng Tinh Luyện ngồi bên cạnh nó. Ngài vùi vùi viên kiên nhẫn, dự định đem sự thành khiết ra khỏi sự bất cần và đem sự ổn định ra khỏi sự yếu đuối. Ngài luôn luôn tạo dựng ngay cả khi phải sử dụng những biện pháp ôn điển kín đáo hơn. Ngài đang

sản sinh ra bông trái và hoa của Thánh Linh. Tình yêu của Ngài luôn luôn tìm kiếm những điều đúng yếu.²⁰

12:11 Lúc này, toàn bộ sự sửa phạt dường như rất đau đớn. Nhưng về sau sanh ra bông trái công bình và bình an cho những kẻ đã chịu luyện tập như vậy. Đây là nguyên nhân chúng ta thường gặp những lời làm chứng giống như lời của Leslie Weatherhead:

Giống như mọi người, tôi thích và chuộng những vùng đất cao đầy nắng của kinh nghiệm, là nơi sức khỏe, hạnh phúc và thành công dự định, nhưng tôi đã học biết được nhiều về Đức Chúa Trời, về đời sống và về chính tôi ở trong bóng tối của sự hối và thất bại hơn đã từng được học giữa cảnh mặt trời chiếu sáng. Trên đời này còn có kho báu của bóng tối nữa. Cảm tạ Đức Chúa Trời, bóng tối đã qua. Nhưng điều học được từ trong bóng tối thì ta sở hữu chúng mãi mãi. Giám mục Fenelon nói: "Những điều khó chịu mà bạn nghĩ chúng đến chen ngang giữa Đức Chúa Trời và bạn, sẽ tỏ ra là những phương tiện để liên hiệp với Ngài, nếu bạn chịu đựng chúng cách khiêm nhường. Những điều trên ngập trên chúng ta và gây khó chịu cho lòng tự hào của chúng ta, sẽ ích lợi hơn toàn bộ những điều nào kích thích và gây cảm hứng cho chúng ta."²⁰

Hoặc hãy xem lời làm chứng sau của C. H. Spurgeon:

Tôi e rằng toàn bộ ân điển mà tôi nhận được từ những thời thoắt mái và để chịu cùng những giờ hạnh phúc của mình thì hầu như chúng chẳng đáng một xu. Nhưng ích lợi mà tôi nhận được từ những buồn rầu, đau đớn và

sầu khổ là hoàn toàn không thể tính ra được. Vì sao tôi không mong ơn cái búa và cái đe, ngọn lửa và cái dũa? Hoàn nạn nghịch cảnh là món vật 'đụng tới nhất trong nhà tôi.'³¹

12:12 Tin đó đừng để mình bị suy sụp trong nghịch cảnh của đời sống; sự sụp đổ đức tin của họ có thể gây ảnh hưởng không tốt trên người khác. Bàn tay yếu đuối cần được làm cho mạnh mẽ trở lại để phục vụ Đấng Christ hằng sống. Đầu gối lỏng lẻo cần được làm vững mạnh trở lại để cầu nguyện bên bĩ.

12:13 Bàn chân chao đảo cần được dẫn đi trong đường thẳng của kỷ luật Cơ Đốc. William viết:

Những ai bước theo Chúa cách đầy đủ trọn vẹn thì làm bằng phẳng con đường đức tin cho anh em đang rạn rẫy của mình; nhưng những ai không theo Chúa cách trọn vẹn, thì làm gồ ghề con đường cho chân người khác và tạo ra những người què quặt thuộc linh.³²

G. H. Lang nêu một minh họa rất hay:

Một du khách mòn mỏi, đã chán con đường và cảnh vật vùi dập của con giống tổ, đang đứng chán nản và đi khắp khiêng. Vai khòm xuống, tay buông thõng, đầu gối khuyt xuống và run rẩy, sẵn sàng bỏ cuộc và rút phích xuống đất. Một khách hành hương của Đức Chúa Trời có thể trở thành một người như thế, như tác giả của chúng ta ở đây đã mô tả.

Nhưng có một người đến với vị lý khách, về mặt đầy tin quyết, nụ cười nhân ái và cái giọng nói chắc nịch bảo rằng: "Hãy vui lên, đừng thối lên,

đứng tựa trên đôi chân, và nhờ lấy ân điển. Bạn đã đi từ rất xa đến đây rồi; đừng vứt bỏ những công khó trước đây của mình. Ngôi nhà cao quý ở cuối chuyến đi. Hãy xem, đường kia là con đường thẳng đến nơi ấy; cứ đi thẳng đi; hãy tìm vị Thầy Thuộc đại tài để được châu lành hết khắp khiêng...

Đấng Đì Trước của bạn cũng đã bước đi trên chính con đường gian khó này để đến cung điện của Đức Chúa Trời; nhiều người khác trước bạn đã vượt qua; nhiều người vẫn còn đang trên đường đi; bạn không đi một mình; chỉ việc tiến lên thôi! Và chính bạn cũng sẽ đạt đến đích và đoạt giải."

Hạnh phúc thay cho người nào biết cách để dùng lời nói nâng đỡ người nười mệt ngã lòng (Êsai 50:4). Phước thay cho người nào nhận lời khuyên (Hêbơơ 13:22). Và phước gấp ba cho ai có đức tin đơn sơ và mạnh mẽ để không có lý do vấp ngã trong Chúa khi sự sửa phạt của Ngài thật khắc khe.³³

12:14 Cơ Đốc nhân nên nỗ lực tìm kiếm những mối quan hệ hòa hợp với mọi người trong mọi lúc. Nhưng lời khuyên này đặc biệt cần thiết khi sự bất ổn đang lan tràn, khi một số người đang rẽ tách khỏi đức tin, và khi thần kinh đang căng thẳng. Nhiều lúc rất dễ để trút hết những nỗi sợ hãi thất vọng của mình trên những người gần gũi nhất và yêu dấu nhất.

Chúng ta cũng nên cố gắng tìm theo sự nên thánh vì nếu không nên thánh thì chẳng ai được thấy Đức Chúa Trời. Ở đây nói đến sự nên thánh nào? Để trả lời, chúng ta nên tự nhắc nhở mình rằng *nên thánh* được dùng cho các tín hữu theo ít nhất ba cách khác nhau trong Tân Ước.

Trước hết, tín hữu được trở nên thánh về mặt địa vị lúc hoán cải; người được biệt riêng ra khỏi thế gian cho Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 1:2; ô:11). Nhờ liên hiệp với Đấng Christ, người được nên thánh đời đời. Đây chính là ý của Martin Luther khi ông nói: "Sự thánh khiết của tôi ở trên Thiên đàng." Đấng Christ là sự nên thánh của chúng ta, đó là xét về mặt địa vị của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời.

Rồi có sự nên thánh thực tiễn (I.Têsalônica 4:3; 5:23). Đây chính là điều chúng ta đáng phải có mỗi ngày. Chúng ta nên phân rẽ mình khỏi mọi hình thức của điều ác. Sự nên thánh này phải mang tính tiệm tiến, tức là chúng ta phải luôn luôn tăng trưởng ngày càng giống Đức Chúa Jêsus hơn.

Cuối cùng, có sự nên thánh trọn vẹn hay sự nên thánh hoàn hảo. Điều này xảy ra khi tín hữu về Thiên đàng. Lúc bấy giờ, người đời đời thoát khỏi tội lỗi. Bản tánh cũ của người bị loại bỏ, và tình trạng của người phù hợp hoàn hảo với địa vị của người.

Giờ đây, chúng ta phải theo đuổi sự nên thánh nào? Hiển nhiên ở đây đang nói đến sự nên thánh thực tiễn. Chúng ta không cố gắng theo đuổi sự nên thánh về địa vị; sự nên thánh ấy đã tự động thuộc về chúng ta khi được tái sanh. Và chúng ta không theo đuổi sự nên thánh trọn vẹn là điều sẽ thuộc về chúng ta khi chúng ta nhìn thấy mặt Ngài. Nhưng sự nên thánh thực tiễn hay sự nên thánh tiệm tiến là điều bao gồm sự vâng lời và sự hợp tác của chúng ta; chúng ta phải liên tục vun đắp sự thánh khiết này. Chính sự kiện chúng ta phải

tìm theo sự nên thánh ấy là bằng chứng cho thấy chúng ta chưa đạt được sự nên thánh ấy cách đầy đủ trong đời này. (Xem chú thích ở 2:11 để biết phần mô tả chi tiết hơn về phương diện khác nhau của sự nên thánh.)

Wuest viết:

Lời khuyên này dành cho những người Do Thái đã được tái sinh, là những người đã rời khỏi đền thờ để sống cuộc đời thánh đồ cách riêng rẽ, họ bám rất chặt vào đức tin mới tìm được của họ, đến nỗi những người Do Thái chưa được cứu mới rời đền thờ và còn bề ngoài tin theo chân lý của Tân Ước, cũng sẽ được khích lệ để tiếp tục tiến tới đức tin nơi Đấng Mêsia là thầy tế lễ thượng phẩm, thay vì quay trở lại với những sinh tế đã bị bãi bỏ của hệ thống tế lễ Lêvi. Những người Do Thái đã được tái sinh thật này được cảnh cáo rằng đời sống Cơ Đốc què quặt sẽ khiến cho những người Do Thái chưa được cứu kia sẽ xây bờ khỏi đạo.³⁴

Nhưng vẫn còn chỗ khó hiểu! Có thật là chúng ta không thể thấy Chúa nếu không có sự nên thánh thực tiễn? Đúng, trên một phương diện thì điều này đúng; nhưng chúng ta phải hiểu rằng điều này không có nghĩa chúng ta kiếm được quyền để nhìn thấy Đức Chúa Trời bằng cách sống cuộc đời thánh khiết. Chúa Jêsus Christ là Danh duy nhất cho chúng ta để được đi Thiên đàng. Ý của câu này là phải có sự nên thánh thực tiễn để làm bằng chứng cho sự sống mới ở bề trong. Nếu không thành khiết ngày càng hơn, thì người ấy chưa được cứu. Khi Thánh Linh ngự trong một người, Ngài bày tỏ sự hiện

diện của Ngài bởi đời sống được phân rẽ. Đây là vấn đề nguyên nhân và kết quả! Nếu đã tiếp nhận Đấng Christ, thì sống nước hằng sống sẽ tuôn trào.

12:15 Hai câu kế tiếp dường như trình bày bốn tội lỗi đặc biệt cần phải tránh. Nhưng trong văn mạch có lời gợi ý mạnh mẽ rằng đây là một lời cảnh cáo khác nữa về mọi tội bội đạo duy nhất, và bốn tội này thấy đều liên hệ với tội bội đạo ấy.

Trước hết, bội đạo là không có được **ân điển của Đức Chúa Trời**. Người này trông giống như một Cơ Đốc nhân, nói năng như Cơ Đốc nhân, xưng mình là Cơ Đốc nhân, nhưng chưa hề được tái sinh. Người đã đến rất gần với Cứu Chúa nhưng chưa bao giờ tiếp nhận Ngài; rất gần thế nhưng lại rất xa.

Bội đạo là **cãi rẽ đấng**. Người này trở nên cay đắng với Chúa và khước từ đức tin Cơ Đốc. Sự bỏ đạo của người sẽ lây lan. Những người khác bị ô uế bởi những lời than phiền, nghi ngờ và chối Chúa của người.

12:16 Bội đạo liên kết gắn gũi với tội gian dâm. Một người xưng mình là Cơ Đốc nhân có thể sa vào tội lỗi đạo đức nghiêm trọng. Thay vì công nhận sự phạm tội của mình, người đó thừa cho Chúa và sa ngã. Tội bội đạo và tội gian dâm được liên kết với nhau trong II.Phiơơ 2:10,14,18 và Glôđê 8,16,18.

Cuối cùng, bội đạo là một hình thức không kính trọng đạo, được minh họa bởi Êsau. Ông không hề trân trọng quyền trường nam chút nào; ông sẵn sàng thay đổi quyền ấy để được ngon miệng trong chốc lát.

12:17 Về sau Êsau đã hối tiếc khi mất phần gấp đôi của con trưởng; nhưng đã quá trễ. Cha ông không thể nào đảo ngược lời chúc phước được. Với một người bội đạo cũng như vậy. Người bội đạo thực sự không xem trọng những giá trị thuộc linh. Người sẵn lòng từ bỏ Đấng Christ để được thoát khỏi sự si nhục, chịu khổ hoặc tuận đạo. Không thể đổi mới người này đến sự ân nần được. Có thể có sự hối hận nhưng không có sự ân nần thật sự của Đức Chúa Trời.

12:18 Những ai bị cám dỗ quay về với luật pháp nên nhớ những hoàn cảnh kinh khiếp đi kèm với việc ban phát luật pháp để rút ra những bài học thuộc linh từ chúng. Quang cảnh này tại núi Sinai, một hòn núi theo nghĩa đen và hiển nhiên ở trong lửa hừng. Nó được vây trong một tấm màn để khiến mọi vật dường như mơ hồ, mờ ảo và tối mịt. Một trận bão kinh khiếp hoành hành quanh núi.

12:19 Ngoài những sự rối loạn trong cõi thiên nhiên, còn có hiện tượng siêu nhiên kinh khiếp. Có tiếng loa thổi vang, và tiếng nói kinh khiếp đến nỗi dân sự nài xin hiện tượng ấy chấm dứt đi.

12:20 Họ hoàn toàn bị nản lòng bởi mạng lịnh của Đức Chúa Trời: "Dẫu loài thú vật tới gần núi này cũng sẽ bị ném đá."³⁵ Họ biết nếu điều đó có nghĩa ngay cả một con thú căm và chẳng hiểu biết chi cũng lãnh án tử hình, thì đối với những người hiểu lời cảnh cáo ấy án chết còn chắc chắn biết dường nào.

12:21 Toàn bộ quang cảnh là sự cảm đoán kinh khiếp đến nỗi chính Môise cũng run rẩy. Tất cả nói lên cách hùng hồn bản chất và chức vụ của luật pháp. Luật pháp bày tỏ những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời và bày tỏ cơn thịnh nộ của Ngài nghịch cùng tội lỗi. Mục đích của luật pháp không phải là để cung cấp hiểu biết về sự cứu rỗi, nhưng để tạo ra sự hiểu biết về tội lỗi. Nó nói đến khoảng xa cách giữa Đức Chúa Trời và con người vì cơ tội lỗi. Nó là chức vụ của sự định tội, tố tâm và âm thầm.

12:22 Tin hữu không phải đến với những nỗi kinh hoàng cảm đoán của Sinai, nhưng đến với sự nghênh đón của ân điển:

Ngọn núi cháy hừng và bức màn bị ẩn,

Với những nỗi kinh hoàng và mực cảm phạm tội của chúng ta đã qua rồi;

Lương tâm chúng ta nhận được sự bình an bất tuyệt,

Là Chiên Con đang ở trên ngôi cao sang.

- James G. Deck

Giờ đây, mỗi con cái của Đức Chúa Trời được mua bởi huyết đều có thể nói:

Những nỗi kinh hoàng của luật pháp và kinh hoàng trước Chúa,

Chúng còn liên quan gì với tôi nữa;

Sự vắng lời và huyết của Cừu Chúa tôi

Che khuất mọi gian ác tôi rày.

- A. M. Toplady

"Về nguyên tắc, chúng ta đã đến nơi mà trong thực tế chúng ta sẽ ở đó đời đời. Tương lai này đã trở thành hiện tại

rồi. Ngày nay, chúng ta có được ngày mai. Chúng ta có được Thiên đàng ngay trên đất này." (Sứ Tầm).

Chúng ta không đến với một ngọn núi hữu hình trên đất. Đặc ân của chúng ta là được bước vào đến thánh trên Thiên đàng. Bởi đức tin, chúng ta đến gần Đức Chúa Trời trong sự xưng tội, ca ngợi và cầu nguyện. Chúng ta không bị giới hạn vào một ngày trong năm, nhưng được phép bước vào Nơi Chí Thánh bất cứ lúc nào và hiểu được rằng chúng ta luôn luôn được nghênh đón. Đức Chúa Trời không còn phán: "Phải đứng cách xa"; Ngài phán: "Hãy đến gần." "

Luật pháp có núi Sinai của nó nhưng đức tin có núi Siôn của đức tin. Ngọn núi trên trời này làm biểu tượng về những phước hạnh tổng hợp của ân điển - mọi điều thuộc về chúng ta thông qua công tác cứu chuộc của Đức Chúa Jêsus Christ.

Luật pháp có Giêrusalem trên đất, nhưng đức tin có kinh đô trên trời. Thành của Đức Chúa Trời Hằng Sống, là thành có nhiều nền, và Đức Chúa Trời Là Kiến Trúc Sư và thợ Xây của thành.

Khi bước vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời, chúng ta ở ngay giữa một buổi nhóm họp uy nghiêm. Trước hết, có muôn vàn thiên sứ là những đấng mặc dầu không vương hạn tội lỗi nhưng họ không thể cùng chúng ta ca hát, vì họ không biết "niềm vui mừng sự cứu rỗi chúng ta đem đến."

12:23 Rồi chúng ta cùng ở đó với hội thánh của những con trưởng được ghi lên trong các tầng trời. Đây là những thuộc viên của hội thánh, là Thân Thể

và Tân Nương của Đấng Christ, những người đã qua đời kể từ ngày Lễ Ngũ Tuần và hiện nay đang vui hưởng hiện diện của Chúa cách có ý thức. Họ chờ Ngày thân thể họ sẽ được sống lại từ trong mồ mà trong hình trạng vinh hiển và được lại hợp với tâm linh của họ.

Bởi đức tin, chúng ta thấy Đức Chúa Trời là Quan Âm của mọi người. Bóng tối và cảnh âm đạm không còn che khuất Ngài nữa; vinh hiển của Ngài thể hiện rõ ràng trước tầm nhìn của đức tin.

Các thành đố của Cựu Ước ở tại đó, là linh hồn người nghĩa được vẹn lành. Được xưng công bình bởi đức tin, họ đứng đó trong sự tinh sạch không tí vết vì giá trị công tác của Đấng Christ đã được kể cho họ. Họ cũng chờ lúc mồ mả sẽ trở lại những người nó đã giữ từ xưa, và họ sẽ nhận lấy thân thể vinh hiển.

12:24 Tại đó có Chúa Jêsus, là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Mới. Có sự khác biệt giữa Môisê là người trung bảo của Giao Ước Cũ với Chúa Jêsus là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Mới. Môisê làm người trung bảo đơn giản bằng cách nhận luật pháp của Đức Chúa Trời rồi giao lại cho dân Ysraên. Ông là một người đi giữa hai bên, hay là đại diện của dân sự, dâng những của tế lễ để bởi đó giao ước ấy được phê chuẩn.

Đấng Christ là Đấng Trung Bảo của Giao Ước Mới mang một ý nghĩa cao cả hơn nhiều. Trước khi Đức Chúa Trời có thể lập giao ước này cách công bình, Chúa Jêsus phải chịu chết. Ngài phải ấn chứng giao ước này bằng chính huyết Ngài và phó chính Ngài làm giá chuộc nhiều người (I.Timôthê 2:6).

Ngài đã bảo đảm đem lại những phước hạnh của Giao Ước Mới cho dân sự Ngài bằng chính sự chết của Ngài. Ngài bảo đảm những phước hạnh này cho họ bằng sự sống bất tận của Ngài. Và Ngài gìn giữ dân sự Ngài để được hưởng các phước hạnh ấy giữa một thế giới thù địch bằng chức vụ hiện nay của Ngài bên hữu Đức Chúa Trời. Toàn bộ điều này được bao gồm trong công tác trung bảo của Ngài.

Vấn mạng những vết sẹo của Gôgôtha, Chúa Jêsus được tôn cao bên hữu Đức Chúa Trời, được tôn làm Chúa và Cứu Chúa.

Chúng con nhìn lên chiêm ngưỡng Ngài tại đó.

Chiên Con đã bị giết thay cho những người được chọn của Ngài;

Và các thành đố Ngài sẽ nhanh chóng dự phần mọi vinh hiển Ngài.

Được đồng trị với Đấng và Chúa của họ.

- James G. Deck

Cuối cùng, có huyết rưới ra, huyết đỏ lốt hơn huyết của Abên. Khi Đấng Christ thăng thiên, Ngài đã trình diện cho Đức Chúa Trời mọi giá trị của huyết Ngài đã đổ tại thập tự giá. Không hề có gợi ý nào cho rằng Ngài đã thực sự đem huyết của Ngài theo nghĩa đen vào Thiên đàng, nhưng những công đức của huyết Ngài đã được tỏ ra trong đền thánh này. Một lần nữa, J. G. Deck thể hiện chân lý này qua bài thơ:

Huyết bần của Ngài rưới ra tại đó,

Trước ngai và trên ngai;

Và những vết thương của Ngài trên

Thiên đàng

Công bố công tác cứu rỗi đã làm trọn.

Huyết bần của Ngài được đối chiếu với huyết của Abên. Dù chúng ta hiểu câu này nói đến huyết của sinh tế Abên dâng lên hay huyết của chính Abên đã đổ ra bởi tay của Cain đi nữa, thì vẫn đúng rằng huyết của Đấng Christ nói cách đầy ơn hơn. Huyết từ sinh tế của Abên nói: "Đã che phủ tạm thời"; huyết của Đấng Christ nói: "Tha thứ đời đời." Huyết của chính Abên kêu lên: "Bảo thủ"; huyết của Đấng Christ kêu lên: "Thương xót, tha thứ và bình an."

12:25 Những câu kết thúc đoạn 12 đối chiếu sự khải thị của Đức Chúa Trời tại núi Sinai với khải thị của Ngài trong và qua Đấng Christ. Không được xem nhẹ những đặc ân và vinh hiển vô song của đức tin Cơ Đốc. Đức Chúa Trời đang phán, mới gọi, và đang đeo đuổi. Từ chối Ngài tức là bị hư mất.

Những ai không vâng theo tiếng của Đức Chúa Trời như cách đã được nghe trong luật pháp thì bị hình phạt tương xứng. Đặc ân càng lớn, trách nhiệm càng cao. Trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã ban sự khải thị tốt nhất và tối hậu của Ngài. Những ai từ chối tiếng Ngài khi tiếng ấy giở dây phán từ trời trong Tin Lành thì càng phải gánh lấy trách nhiệm lớn hơn những người đã vi phạm luật pháp. Không thể tránh được.

12:26 Tại núi Sinai, tiếng của Đức Chúa Trời gây ra động đất. Nhưng khi Ngài phán trong tương lai, tiếng của Ngài cũng sẽ tạo ra trận "rừng động trời." Thật ra, điều này được tiên tri Aghê báo trước (2:6): "Còn một lần, khỏi ít lâu nữa, ta sẽ làm rừng động các rừng trời và đất, biển và đất khô."

Sự rung động trời này sẽ xảy ra trong thời kỳ từ lúc **Cất Hộ** Thánh Lên cho đến lúc chấm dứt vương quốc của Đấng Christ. Trước khi Đấng Christ đến để cai trị, sẽ có những trận rừng chuyển trong cõi thiên nhiên cả trên đất lẫn trên trời. Các hành tinh sẽ bị dời khỏi quỹ đạo gây nên những trận lụt kinh khiếp và biển gầm réo. Rồi đến lúc kết thúc Thời Trị Vì Thiên Hy Niên, đất, bầu trời của các tinh tú, và bầu trời khí quyển sẽ bị tiêu hủy bởi sức nóng kinh khiếp (II.Phiêrơ 3:10-12).

12:27 Khi Đức Chúa Trời phán: "**Còn một lần nữa,**" Ngài đã tính trước sự **đẹp bỏ** hoàn toàn và chung cuộc cả trời lẫn đất. Biến cố này sẽ đập tan huyền thoại cho rằng những gì chúng ta có thể thấy, sờ và xử lý được mới là thật, còn những điều nào không thấy là không thật. Khi Đức Chúa Trời chấm dứt tiến trình sàng lọc và làm rung động, chỉ những điều nào có thật mới còn lại.

12:28 Những ai còn đang âm ảnh với chủ nghĩa duy lý nghi hữu hình và hiển nhiên của Do Thái giáo là đang bám vào những điều có thể bị làm cho rung động. Tin hữu thật có **một nước không hay rung động**. Điều này đáng phải thôi thúc sự thờ phượng và chúc tụng Chúa sốt sắng nhất. Chúng ta đừng nên ngừng **lấy lòng kính sợ** để ca ngợi Ngài.

12:29 Đức Chúa Trời chúng ta là **đám lửa hay thiêu đốt** cho mọi người nào không chịu lắng nghe Ngài. Nhưng thậm chí đối với những người thuộc về Ngài, đức thánh khiết và công bình của

Ngài lớn lao đến nỗi chúng tạo ra trong chúng ta lòng tôn kính sâu xa nhất.

8. Lời Khuyên Về Những Ưu Khắc Nhau Của Đấng Christ (13:1-17)

13:1 Phần sống đạo của thơ Hêboro tiếp tục với sáu lời khuyên về các ơn đáng phải được phát triển. Trước hết là **tin yêu thương** anh em. Mọi tín hữu thật nên có ý thức về mối quan hệ gia đình và nhận biết được tình anh em ruột thịt bằng những lời nói và hành động yêu thương (I.Giăng 3:18).

13:2 Đọc giả được khuyên phải tiếp đãi **khách lạ**. Có thể điều này chủ yếu nói đến những tín hữu chạy trốn khỏi cuộc bắt bớ và rất khó tìm được thức ăn chỗ ở; tiếp đãi họ tức là khiến nam nữ chủ nhà gặp nguy. Cũng có thể hiểu câu này là lời khích lệ tỏ lòng hiếu khách với bất kỳ tín hữu nào cần đến.

Luôn luôn có khả năng đẩy hỏi hớp ấy là khi tiếp đãi khách lạ như vậy, có lẽ chúng ta đã tiếp đãi thiên sứ mà không biết! Đương nhiên điều này khiến chúng ta nhớ lại kinh nghiệm của Ápraham với ba người mà thực sự họ là thiên sứ (Sáng Thế Ký 18:1-15).³⁶ Cho dầu chúng ta chưa bao giờ tiếp đãi thiên sứ thật sự trong nhà mình, nhưng chúng ta có những người nam nữ mà chính hiện diện của họ là lời chúc phước và ảnh hưởng tín kinh của họ trên gia đình của chúng ta có thể là những kết quả còn đến cõi đời đời.

13:3 Lời khuyên bảo thứ ba dạy chăm sóc cho những tín hữu bị tù. Điều này hầu như chắc chắn nói đến những người bị tù vì lời làm chứng cho Đấng Christ. Họ sẽ cần thức ăn, áo ấm, sách

để đọc, và cần được khích lệ. Những tín hữu khác chưa bị tù sẽ gặp cảm dỗ xui họ ẩn mình để tránh mọi liên hệ với người bị tù như thế nhằm khỏi bị phạm tội đồng lõa. Họ nên nhớ rằng khi viếng thăm những người mắc vòng xiềng xích, họ đang đến thăm Đấng Christ.

Cũng nên tỏ lòng thương xót với những người bị ngược đãi; một lần nữa, rõ ràng điều này muốn nói đến những Cơ Đốc nhân bị bắt bớ. Độc giả nên chống lại bất kỳ khuynh hướng nào muốn rút mình khỏi nguy hiểm khi đòi hỏi đến lòng thương xót như thế. Đối với chính chúng ta, có thể mở rộng ứng dụng câu này để bao gồm sự cảm thông cho mọi thánh đồ đang chịu khổ. Chúng ta nên nhớ mình "cũng ở trong thân thể này" (Bản Anh ngữ) nên do đó cũng chịu cùng những hoạn nạn tương tự.

13:4 Mọi người cũng phải kính trọng **hôn nhân**. Chúng ta nên nhớ hôn nhân do Đức Chúa Trời thiết lập trước khi tội lỗi vào trong thế gian và đây là ý muốn thánh khiết của Ngài dành cho nhân loại. Xem hôn nhân là bất khiết - giống như cách nghĩ của những người khổ tu - hoặc thậm chí đưa cọt treu chọc nó, như cách đòi hỏi Cơ Đốc nhân thương làm, đều là những cách bị Kinh Thánh cấm.

Những người đã lập gia đình nên chung thủy với lời hứa nguyện của mình và bởi đó giữ **chấn khuê phòng** chữ có ở uest. Dấu hiện nay nếp sống buông thả đầy tự mãn của con người hiện đại trong lãnh vực này đang có, sự thật vẫn là: bất kỳ mối quan hệ tính dục nào ở bên ngoài ranh giới hôn nhân đều là tội lỗi. Ngoại tình không phải là

bệnh; đó là tội lỗi. Và đó là tội lỗi mà Đức Chúa Trời dứt khoát sẽ **đoán phạt**. Không hình thức gian dâm nào thoát khỏi hình phạt được. Ngài đoán phạt nó trong đời này - thông qua những bệnh tật trong thân thể, gia đình tan vỡ, những đau khổ trong tinh thần và thần kinh, những biến dạng nhân cách. Nếu không được tha thứ bởi huyết của Đấng Christ, Ngài sẽ đoán phạt tội đó trong lửa đời đời.

Glám Mục thời Cải Chánh là Latimer đã nhắc nhở vị vua vô luân Henry VIII về điều này cách đầy cáo trách cũng như đầy can đảm. Ông dâng lên vua một quyển Kinh Thánh được đóng gói rất đẹp. Trên hộp có khảm dòng chữ: "Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt kẻ dâm dục cùng kẻ phạm tội ngoại tình."

13:5 Phẩm hạnh thứ sáu cần vun đắp là **thỏa lòng**. Nên nhớ những môn đồ Do Thái giáo liên tục nói rằng: "Chúng ta có đến tàm, chúng ta có chức tể lễ. Chúng ta có những của tể lễ. Chúng ta có những nghi thức đẹp đẽ. Các anh có gì?" Ở đây, tác giả lặng lẽ nói với Cơ Đốc nhân: **Chớ tham tiền; hãy lấy điều mình có làm đủ rồi**. Tôi phải nói như thế! Điều Cơ Đốc nhân có là lớn hơn vô cùng so với điều tốt nhất của Do Thái giáo - cơ sao lại không **thỏa lòng**? Cơ Đốc nhân có Đấng Christ; và như vậy là đủ rồi.

Lòng tham tiền có thể là trở ngại lớn lao cho tín hữu. Một đồng xu bằng bạc nhỏ xíu đặt trước con mắt sẽ chặn ngang giữa mắt và mặt trời thể nào, thì **lòng tham tiền** cũng phá vỡ mối thông công với Đức Chúa Trời và cản trở tâm linh tiến bộ thể ấy.

Những sự giàu có tuyệt vời nhất mà một người có thể nắm bắt là có được chính Đấng đã hứa: "Ta sẽ chẳng lia người đâu, chẳng bỏ người đâu." Trong tiếng Hy Lạp, sự phủ định mạnh mẽ được diễn tả bằng cách sử dụng hai hoặc nhiều từ ngữ phủ định. (Điều này trái ngược với cấu trúc văn phạm Anh ngữ trong đó thể phủ định kép tạo thành lời khẳng định tích cực.) Trong câu này, cấu trúc câu nhấn rất mạnh; nó kết hợp *năm* từ phủ định để chỉ ra tình trạng Đấng Christ không thể nào bỏ rơi những người thuộc về Ngài!

13:6 Thi thiên 118:6 là lời tuyên xưng dạn dĩ của người có Đấng Christ: "Chúa giúp đỡ tôi, tôi không sợ chi hết. Người đời làm chi tôi được?" Sự thực là trong Đấng Christ, chúng ta có sự an ninh trọn vẹn, sự bảo vệ trọn vẹn, bình an trọn vẹn.

13:7 Độc giả được dặn phải nhớ đến những người hướng dẫn họ, là những giáo sư Cơ Đốc đã truyền đạo Đức Chúa Trời cho họ. Sự cuối cùng đời họ là gì? Họ đã không quay trở lại với hệ thống của người Lêvi nhưng đã giữ lời tuyên xưng đức tin mình vững vàng cho đến cuối cùng. Có lẽ một số người đã tuận đạo vì có Đấng Christ. Đức tin của họ là đức tin để ta bắt chước, đức tin bám vào Đấng Christ và giáo lý Cơ Đốc, đức tin đưa Đức Chúa Trời vào trong mỗi bước đường đời sống. Không phải hết thấy chúng ta đều được kêu gọi vào những hình thức phục vụ giống nhau, nhưng hết thấy chúng ta đều được kêu gọi để sống cuộc đời có đức tin.

13:8 Mỗi liên kết của câu này với câu đi trước không rõ lắm. Có lẽ đơn

giản nhất là nên hiểu câu này tóm tắt sự dạy dỗ, mục tiêu và đức tin của những lãnh đạo ấy. Đây là ý chính trong sự dạy dỗ của họ: Đức Chúa Jêsus Christ hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi. Mục tiêu đời sống họ là Đức Chúa Jêsus Christ - hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi. Nền tảng đức tin của họ chính là Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ (Đấng Mêsia), hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời không hề thay đổi.

13:9 Tiếp theo đến lời cảnh cáo những sự dạy dỗ giả dối của chủ nghĩa duy luật. Những người bắt chước Do Thái giáo khăng khăng bảo sự thánh khiết gắn liền với những biểu hiện bề ngoài, chẳng hạn như thờ phượng theo lễ nghi những thức ăn tinh sạch. Thực tế thì sự thánh khiết được tạo ra bởi ân điển, chứ không bởi luật pháp. Luật pháp về thức ăn tinh sạch và không tinh sạch là nhằm tạo ra sự tinh sạch *về lễ nghi*. Nhưng đây không phải là một với sự thánh khiết *bề trong*. Một người có thể tinh sạch về mặt lễ nghi thế nhưng vẫn đầy dẫy thù ghét và giả hình. Chỉ có ân điển Đức Chúa Trời mới có thể thôi thúc và ban quyền năng cho tín hữu sống thánh khiết. Lòng yêu mến Cứu Chúa là Đấng đã chết thay tội lỗi chúng ta sẽ thôi thúc chúng ta "sống ở đời này theo tiết độ, công bình, nhân đức" (Tit 2:12). Suy cho cùng, những quy tắc bất tận về thức ăn thức uống không đem lại ích lợi cho những người tuân giữ chúng.

13:10 Chúng ta đừng bỏ sót sự đặc thánh của những lời này: "Chúng ta có một cái bàn thờ." Đây là câu trả lời tin

quyết của Cơ Đốc nhân cho những lời chế nhạo liên tục của người bất chức Do Thái giáo. **Bản thờ** của chúng ta là Đấng Christ, và do đó nó bao gồm mọi phước hạnh được tìm thấy trong Ngài. Những ai có liên hệ với hệ thống tế lễ của người Lêvi thì không có phép dự phần những điều tốt hơn của Cơ Đốc giáo. Trước hết họ phải ăn năn tội và tin Chúa Jêsus làm Cứu Chúa và Chúa duy nhất của mình.

13:11 Dưới hệ thống dâng tế lễ, những con sinh nhất định phải bị giết, và huyết nó được chính lay thấy tế lễ thượng phẩm đem vào Nơi Chí Thánh để làm tế lễ chuộc tội. Thân thể nó phải đem ra một nơi xa khuôn viên Lều Tạm rồi thiêu đi. Bên ngoài trại quân có nghĩa là bên ngoài bờ rào bao quanh hành lang đền thờ.

13:12 Những con sinh bị thiêu bên ngoài trại quân làm một hình bóng; Chúa Jêsus là hình thật. Chúa Jêsus bị đóng đinh ở bên ngoài vách thành Giêrusalem. Nơi đây, ở bên ngoài trại quân của Do Thái giáo có tổ chức kia, Ngài đã lấy huyết mình làm cho dân nên thánh.

13:13 Áp dụng dành cho độc giả đầu tiên của thư tín Hêbơơ là thế này: họ phải đoạn tuyệt rõ ràng dứt khoát với Do Thái giáo. Họ nên quay lưng lại một lần đủ cả với các cửa tế lễ trong đền thờ và nhận lấy công tác đã hoàn tất của Đấng Christ làm của tế lễ đầy đủ cho họ.

Áp dụng cho chúng ta cũng tương tự: trại quân ngày nay là toàn bộ hệ thống tôn giáo nào dạy về sự cứu rỗi

bởi việc làm, bởi tính cách, bởi nghi lễ hay bởi các thành lễ. Đây là hệ thống giáo hội thời hiện đại cùng với chức tế lễ do con người phong chức, những trợ huấn cụ để thờ phượng, và những cái bẫy lễ nghi. Đây là Cơ Đốc giáo giới đã bại hoại, một giáo hội không có Đấng Christ. Chúa Jêsus ở bên ngoài và chúng ta nên đi tới cùng Ngài, đồng chịu điều sỉ nhục.

13:14 Giêrusalem là thành rất yêu dấu trong tâm lòng của những người phục vụ tại đền thờ. Đây là trung tâm địa lý của "trại quân" họ. Cơ Đốc nhân không có một hành nào như thế trên đất; lòng Cơ Đốc nhân chăm chú vào thành trên trời, là Giêrusalem mới, là nơi Chiên Con đang ngự trong muôn vạn vinh hiển.

13:15 Trong Tân Ước, mọi tín hữu đều là thấy tế lễ. Họ là những thấy tế lễ thánh, đi vào đền thánh của Đức Chúa Trời để thờ phượng (I.Phiêrô 2:5), và họ là những thấy tế lễ nhà vua đi vào trong thế gian để làm chứng (I.Phiêrô 2:9). Có ít nhất ba cửa của tế lễ mà mỗi một tín hữu kiêm thấy tế lễ phải dâng lên. Thứ nhất, có cửa của tế lễ bằng chính con người của tín hữu ấy (Rôma 12:1). Sau đó, ở đây trong câu 15 nói đến cửa tế lễ thứ nhì: cửa tế lễ bằng lời ngợi khen. Tế lễ này được dâng lên cho Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus. Mọi lời ngợi khen và cầu nguyện của chúng ta đều qua Ngài trước khi đến với Đức Chúa Cha; Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm Lớn của chúng ta loại bỏ mọi điều bất khiết và bất toàn rồi thêm chính phẩm hạnh của Ngài vào đó.

Mọi lời cầu nguyện và ca ngợi của chúng ta

Được Đấng Christ đổ thêm dầu thơm ngọt ngào của Ngài vào;

Và tư lương dâng lên tình yêu

Thiếu hóa hết những mùi hương này.

- Mary B. Peters

Tế lễ bằng lời ngợi khen chính là hồng trái của mỗi miệng nào xưng danh Ngài ra. Sự thờ phượng duy nhất mà Đức Chúa Trời đón nhận chính là sự thờ phượng tuôn tràn từ mỗi miệng đã được cứu chuộc.

13:16 Cửa tế lễ thứ ba là dâng hiến của cải của chúng ta. Chúng ta phải sử dụng của cải vật chất của mình để làm việc lành, và chia sẻ với những người túng thiếu. Đức Chúa Trời rất đẹp lòng của tế lễ dường ấy. Đây là điều trái ngược với tích lũy cho riêng mình.

Đòng dôi thầy tế lễ được nức dầu của Đức Chúa Trời

Sẽ không bao giờ qua đi;

Họ đứng trước mặt vinh hiển Ngài

Phục vụ Ngài ngày đêm.

Dầu lý luận lên tiếng mê sáng,

Và lòng vô tín tuôn trào như nước lũ.

Hiện, sẽ và luôn có cho đến cuối cùng.

Những thầy tế lễ ẩn khuất của Đức Chúa Trời.

Cận hà trần gian nơi những linh hồn được chọn của Ngài

Bị thiếu đói trong lửa thánh,

Và tâm lòng họ dâng lên đến chính nơi lòng Chúa

Trong ngọn lửa của mỗi khao khát sâu xa;

Mùi hương từ sự thờ phượng của họ

Đầy đầy Nơi Chí Thánh trong đền thờ Ngài;

Những bài ca kỳ diệu của họ tràn ngập Thiên đàng.

Bồi hút mùi vui mừng về ăn điển.

- Gerhard Terstegen

13:17 Trong câu 7 và 8, độc giả được dặn phải nhớ đến những lãnh đạo ngày trước của họ. Giờ đây họ được dạy phải **vâng lời** những lãnh đạo hiện nay của họ. Chắc câu này nói chủ yếu đến những trưởng lão trong hội thánh địa phương. Những người này đóng vai trò người đại diện của Đức Chúa Trời trong hội chúng. Thẩm quyền đã được trao cho họ, và tín hữu phải **chịu phục** dưới thẩm quyền này. Là những người chân bầu nhỏ, các trưởng lão **phải** tinh thức về linh hồn của bầy. Họ sẽ phải **khai trình** với Đức Chúa Trời trong ngày hầu đến. Họ sẽ khai trình cách vui mừng hoặc buồn rầu, tùy thuộc vào tiến bộ thuộc linh của những người được họ chăm sóc. Nếu họ phải khai trình cách buồn rầu, điều đó có nghĩa đã mất phần thưởng dành cho những thánh đồ có liên quan với họ. Vì vậy, điều ích lợi cho mọi người ấy là nên tôn trọng những đường hướng thẩm quyền do Đức Chúa Trời đã thiết lập.

IV. LỜI CHÚC PHƯỚC KẾT THÚC (13:18-25)

13:18 Khi sắp kết thúc bức thư, tác giả ghi thêm lời kêu gọi riêng để độc giả cầu nguyện cho mình. Phần còn lại của bức thư này gợi ý có lẽ ông đang bị những người chỉ trích công kích. Chúng

ta có thể đoán những người chỉ trích này là ai - là những người đang ép buộc người ta quay trở lại sự thờ phượng của Giao Ước Cũ. Bất chấp mọi lời vu cáo, ông vẫn phản kháng rằng lương tâm ông trong sạch và lòng khao khát của ông là thanh khiết.

13:19 Thêm một nguyên nhân nữa để cầu nguyện cho ông ấy là để ông có thể được đến cùng họ sớm hơn. Có lẽ điều này nói đến việc thả khỏi tù. Chúng ta không làm gì được hơn là phỏng đoán ý này.

13:20 Tiếp theo ông ghi thêm một trong những lời chúc phước đẹp đẽ nhất của Kinh Thánh - lời chúc phước được đứng ngang hàng với Dân số Ký 6:24-26; II.Côrinhtô 13:14; và Glôđê 24,25. Lời chúc phước này được dâng lên Đức Chúa Trời bình an. Như đã nói, các thánh đồ Cựu Ước chưa bao giờ có sự bình an trọn vẹn của lương tâm. Nhưng dưới Giao Ước Mới, chúng ta được bình an với Đức Chúa Trời (Rôma 5:1) và được sự bình an của Đức Chúa Trời (Philip 4:7). Câu này tiếp tục giải thích bình an này chính là bông trái từ công việc của Đấng Christ. Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus của chúng ta từ kẻ chết sống lại để làm dấu hiệu chứng minh công tác của Ngài trên thập tự giá giải quyết xong vấn đề tội lỗi một lần đủ cả.

Đấng Christ, là Đấng Chân Chiên hiến lành, đã phó mạng sống Ngài vì chiên (Giăng 10:11). Là Đấng Chân Chiên lớn, Ngài đã sống lại từ kẻ chết sau khi đã làm trọn sự cứu chuộc (Hêbơrơ 13:20), là Đấng Làm Đầu Các Kẻ Chân Chiên, Ngài sắp tài làm để ban

thường cho tôi tớ Ngài (Iphêrơ 5:4). Chúng ta thấy Ngài là Đấng Chân Chiên hiến lành trong Thithiên 22, là Đấng Chân Chiên lớn trong Thithiên 23, và là Đấng làm đầu những kẻ chân chiên trong Thithiên 24.

Ngài đã được đem ra khỏi tử trong kẻ chết theo giao ước đời đời. Wuest nhận định về cụm từ này:

Tân Ước được gọi là giao ước đời đời, trái ngược với Giao Ước Thứ Nhất là giao ước mang bản chất nhất thời. Chính trong phạm vi giao ước đời đời mà Đấng Mêxia sau khi đã chết thay con người tội lỗi đã được khiến sống lại từ giữa vòng những kẻ chết. Ngài không thể làm thầy tế lễ thượng phẩm theo ban Mênehuxêđéc nếu không sống lại từ kẻ chết. Con người tội lỗi cần một Thầy Tế Lễ hằng sống để ban sự sống cho những tội nhân chịu tin Ngài, chứ không cần một thầy tế lễ chết chỉ biết cầu thay cho tội lỗi của mình. Vì vậy, trong Tân Ước đã quy định thầy tế lễ dùng chính mình Ngài làm của lễ sẽ được khiến sống lại từ kẻ chết.³⁷

13:21 Lời cầu nguyện bắt đầu trong câu 20 chính là để các thánh đồ được trang bị mọi sự lành động làm thành ý muốn của Đức Chúa Trời. Có một sự kết hợp lạ lùng ở đây giữa Đức Chúa Trời và con người. Đức Chúa Trời trang bị chúng ta bằng mọi việc lành. Đức Chúa Trời hành động trong chúng ta để làm thành những điều đẹp ý Ngài. Ngài làm việc ấy bởi Đức Chúa Jêsus Christ. Sau đó chúng ta làm theo ý muốn Ngài. Nói cách khác, Ngài đặt lòng khao khát trong chúng ta; Ngài ban quyền năng cho chúng ta để thực hiện được niềm

khao khát ấy; sau đó chúng ta thực hiện và Ngài ban thưởng cho chúng ta.

Lời cầu nguyện kết thúc với câu công nhận Đức Chúa Jêsus là xứng đáng được vinh hiển đời đời vô cùng.

Xứng đáng được tôn quý và ca ngợi.

Xứng đáng được mọi người chúc tụng;

Chúa để bất tận của các tầng trời;

Lạy Chúa Jêsus: Ngài xứng đáng được ca ngợi.

- Frances Ridley Havergal

13:22 Giờ đây tác giả khuyên độc giả tiếp nhận lời khuyên trong thư của ông, tức là bỏ tôn giáo duy lễ nghi và hết lòng chân thật bám chắc vào Đấng Christ.

Ông nói bức thư của mình là ngắn ngủi và quả thật vậy, khi nghĩ hẳn ông còn nói được biết bao nhiêu điều nữa về hệ thống của người Lêvi và được ứng nghiệm việc nó trong Đấng Christ.

13:23 Câu nhắc anh em chúng ta là Timôthê đã được thả ra ở đây giúp khẳng định quan điểm của những người cho rằng Phaolô viết thư này. Còn thêm một chi tiết nữa là tác giả đính cùng đi với Timôthê, một dấu hiệu khá dễ để chỉ đến Phaolô. Nhưng chúng ta không thể biết chắc, vì vậy tốt nhất nên bỏ ngõ vấn đề này.

13:24 Những lời chào thăm được gửi đến mọi lãnh đạo Cơ Đốc và hết thảy các thánh đồ. Chúng ta đừng bỏ sót nhiều chi tiết nhỏ về phép ứng xử lịch sự Cơ Đốc trong các Sách Thư Tín, và nên bắt chước những hành vi ấy trong thời chúng ta.

Một số tín hữu từ Italy đang ở với tác giả, và họ cũng muốn gửi lời chào

thăm. Điều này gợi ý thơ được viết gửi đến Italy hoặc viết từ nơi đó.

13:25 Thật hết sức thích hợp để bức thư nói về Giao Ước Mới này kết thúc với âm điệu của âm điệu: **Nguyên xin ăn điển ở với anh em hết thảy**. Giao Ước Mới là giao ước vô điều kiện của ân điển tặng không, nói ra ơn vô biên của Đức Chúa Trời dành cho những tội nhân không xứng đáng thông qua công tác hy sinh của Chúa Jêsus Christ. Amen.

SỨ ĐIỆP CỦA THƠ HÉBORO CHO NGÀY NAY

Thơ gợi cho người Héborô có sứ điệp nào cho chúng ta trong thế kỷ hai mươi này?

Dấu Do Thái giáo không phải là tôn giáo chi phối ngày nay như trong thời kỳ đầu của hội thánh, thế nhưng tinh thần duy luật đã lan tràn khắp Cơ Đốc giáo giới. Trong quyển sách nhỏ nổi tiếng, nhan đề *Lấy Lòng Ngay Thẳng Giảng Dạy Lời Của Lê Thật* (Rightly Dividing the Word of Truth), Dr. C. I. Scofield viết:

Có thể nói chắc chắn rằng tình trạng tâm cho Hội Thánh Bất Chức Do Thái Giáo đã ngăn trở tiến triển làm hồng sự mừng, phá hủy đời sống thuộc linh của hội thánh còn mạnh hơn mọi nguyên nhân khác cộng lại. Thay vì theo đuổi con đường đã chỉ định cho hội thánh để phân rẽ khỏi thế gian và bước theo Chúa trong ững gọi thiên thượng của mình, hội thánh lại sử dụng Kinh Thánh của người Do Thái để tự biện minh việc họ thắp mục đích của mình xuống chỗ chỉ còn là khai sáng văn minh cho thế giới, góp phần

của cải, sử dụng những nghi thức: uy nghi, xây cất nhiều giáo đường nguy nga... và chia rẽ tình anh em bình đẳng trở thành "hàng giáo phẩm" và "hàng giáo dân".³⁸

Thơ Hêborơ kêu gọi chúng ta phân rẽ khỏi mọi hệ thống tôn giáo không tôn Kinh Thánh Christ làm Chúa và Cứu Chúa duy nhất cũng như không công nhận công tác làm của lễ chuộc tội một lần đủ cả của Ngài.

Thơ Hêborơ dạy chúng ta những hình và bóng của hệ thống Cựu Ước đã được ứng nghiệm trong Chúa chúng ta. Ngài là Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm Lớn của chúng ta. Ngài là Cửa Tế Lễ Hy Sinh của chúng ta. Ngài là Bàn Thờ của chúng ta. Ngài hầu việc trong đền thánh trên trời và chức tế lễ của Ngài không bao giờ kết thúc.

Thơ dạy mọi tín hữu đều là thấy tế lễ, và họ bởi đức tin có quyền lập tức đến trước hiện diện của Đức Chúa Trời vào bất cứ lúc nào. Họ dâng những của lễ tế lễ bằng chính con người họ, bằng lời ngợi khen của họ và của cải của họ.

David Baron viết:

Chấp nhận khuôn mẫu chức tế lễ Lơvi trong Hội Thánh Đấng Christ, điều mà chủ nghĩa duy lễ nghi đã nỗ lực thực hiện, chẳng khác gì dùng những bàn tay bất khiết để nỗ lực kết tội bực mản mà Đức Chúa Trời đầy ơn và bằng lòng giương hòa đã đích thân xá tội; và chẳng khác gì đang nói: "Đừng tránh ra, đừng đến gần Đức Chúa Trời" với những người "đủ như huyết Đấng Christ mà được gần rỗi".³⁹

Thơ Hêborơ dạy rằng chúng ta có một giao ước tốt hơn, một Đấng Trung

Bảo tốt hơn, một sự trông cậy tốt hơn, những lời hứa tốt hơn, một quê hương tốt hơn, một chức tế lễ tốt hơn, và của cải tốt hơn - tốt hơn cả điều tốt nhất mà Do Thái Giáo có thể ban cho. Thơ bảo đảm với chúng ta rằng chúng ta có sự cứu chuộc đời đời, sự cứu rỗi đời đời, có giao ước đời đời, và có cơ nghiệp đời đời.

Thơ nghiêm trang cảnh cáo tội bội đạo. Nếu ai tuyên bố mình là Cơ Đốc nhân, gắn bó với hội thánh Cơ Đốc, rồi từ bỏ Đấng Christ và gia nhập hàng ngũ kẻ thù của Chúa, thì một người như thế không thể nào ăn năn được nữa.

Thơ gửi người Hêborơ khích lệ Cơ Đốc nhân thật bước đi bởi đức tin chứ không bởi mắt thấy vì đây chính là đời sống làm đẹp lòng Đấng Christ. Thơ cũng khích lệ chúng ta nhịn nhục đứng vững vàng giữa những sự chịu khổ, thử thách và bất bớ để có thể nhận lấy phần thưởng đã hứa ban.

Thơ Hêborơ dạy vì cơ Cơ Đốc nhân nhận rất nhiều đặc ân, nên cũng có trọng trách hết sức đặc biệt. Những sự ưu việt của Đấng Christ khiến họ trở thành một dân được hưởng ơn lớn nhất trong thế gian. Nếu lãng quên những đặc ân như thế, họ sẽ bị mất mát tương xứng tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. Họ sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn những người sống dưới luật pháp; và sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn trong ngày hầu đến.

"Vậy nên chúng ta hãy ra ngoài trại quân, dâng đi tới cùng Ngài, đồng chịu điều sỉ nhục" (13:13).

CHÚ THÍCH

¹(3:6) Bản Kinh Thánh NU bỏ qua chữ "cho đến cuối cùng."

²(3:18) Arthur T. Pierson.

³(4:15) Các nhà thần học tóm tắt giáo lý nói về vấn đề Đấng Christ có thể phạm tội được hay không trong hai cụm từ tiếng Latin: "non posse peccare" — không thể phạm tội được và "posse non peccare" — có thể không phạm tội. Sự dạy dỗ đúng ấy là non posse peccare: Ngài không thể phạm tội được.

⁴(4:16) G. Campbell Morgan, "Choice Gleanings Calendar."

⁵(6:2) Những chữ này không giống y nguyên trong nguyên bản: chữ bình thường chỉ về "các phép báp têm" là chữ *baptisma*; chữ được dùng ở đây là "baptismoí," những sự tẩy rửa theo lễ nghi."

⁶(6:3) Bản văn đại đa số ghi: "Chúng ta hãy làm điều đó..."

⁷(6:6) Chú thích ngoài lề của bản NKJV là cách dịch hay hơn (vì hình thức và văn mạch là giống y như các mệnh đề trước đó): "và lại vấp ngã."

⁸(6:18) Đại đa số các thủ bản ghi là "Chúng ta có sự yên ủi lớn mạnh" (lời trình bày), chứ không phải là "có thể được sự yên ủi lớn mạnh" (thể giả định). Thậm chí cách ghi thứ nhất còn chắc chắn hơn.

⁹(6:20) D. Anderson-Berry, Pictures in the Acts, trang 36 trở đi.

¹⁰(7:20) A. W. Rainsbury, "Able to Save to the Uttermost," The Keswick Week, 1958, trang 78.

¹¹(7:21) George Henderson, Studies in the Epistle to the Hebrews, trang 86.

¹²(8:6) W. H. Griffith Thomas, Hebrews: A Devotional Commentary, trang 103.

¹³(8:8) Henderson, Hebrews, trang 92.

¹⁴(9:4) Chữ *thumiatieron* là một vật: hay một nơi để đốt hương.

¹⁵(9:11) Bản Kinh Thánh NU ghi là "đã đến."

¹⁶(9:13) J. Gregory Mantle, Better Things, trang 109.

¹⁷(9:15) Kenneth S. Wuest, Hebrews in the Greek New Testament, trang 162, 163.

¹⁸(10:10) George M. Landis, Epistle to the Hebrews: On to Maturity, trang 116.

¹⁹(10:11) Alexander Balmain Bruce, The Epistle to the Hebrews: The First Apology for Christianity, trang 34.

²⁰(10:37) Marvin Vincent, Word Studies in the New Testament, II:1150.

²¹(10:37) A. J. Pollock, Modernism Versus the Bible, trang 19.

²²(10:38) Bản Kinh Thánh NU ghi là: "người công bình của ta."

²³(11:21) C. H. Mackintosh, Genesis to Deuteronomy: Notes on the Pentateuch, trang 133.

²⁴(11:22) William Lincoln, Lectures on the Epistle to the Hebrews, trang 106.

²⁵(11:35) G. H. Morrison, "Morrison on Luke," The Glasgow Pulpit Series, 1:42.

²⁶(11:37) Bản Kinh Thánh phê bình (NU) không có chữ "bị cám dỗ."

²⁷(11:37) William G. Moorehead, Outline Studies in the New Testament. Philipians to Hebrews, trang 248.

²⁸(12:2) A. B. Bruce, Hebrews, trang 415, 416.

²⁹(12:10) J. H. Jowett, *Life in the Heights*, trang 247, 248.

³⁰(12:11) Leslie Weatherhead, *Prescription for Anxiety*, trang 32.

³¹(12:11) C. H. Spurgeon, "Choice Gleanings Calendar."

³²(12:13) George Williams, *The Student's Commentary on the Holy Scriptures*, trang 989.

³³(12:13) G. H. Lang, *The Epistle to the Hebrews*, trang 240, 241.

³⁴(12:14) Wuest, Hebrews, trang 222.

³⁵(12:20) Những chữ "hoặc bị bán tên" không có trong hầu hết các thư bản, kể cả bản cổ nhất. Rất có thể chúng được thêm vào sau này.

³⁶(13:2) Người ta cho rằng một trong ba vị thiên sứ này là Thiên Sứ Của Đức Giêhôva, tức là Đấng Christ tiến nhập thế.

³⁷(13:20) Wuest, Hebrews, trang 242.

³⁸ Phụ Lục, C. I. Scofield, *Rightly Dividing the Word of Truth*, trang 17.

³⁹ Phụ Lục, David Baron, *The New Order of Priesthood*, trang 39, 40.

SÁCH THAM KHẢO

Bruce, Alexander Balmain. *The Epistle to the Hebrews: The First Apology for Christianity*. Edinburgh: T. & T. Clark, 1908.

Govett, Robert. *Christ Superior to Angels, Moses and Aaron*. London: J. Nisbet, 1884.

Henderson, G. D. *Studies in the Epistle to the Hebrews*. Barkingside,

England: G. F. Vallance, không rõ năm xuất bản.

Hewitt, Thomas. *The Epistle to the Hebrews*. TBC. Grand Rapids: Eerdmans, 1960.

Insonside, H. A. *Hebrews and Titus*. Neptune, N.J.: Loizeaux Brothers, 1932.

Kelly, William. *Introductory Lectures to the Epistle to the Hebrews and the Epistle to Philemon*. Oak Park IL: Bible Truth Publishers, không rõ năm xuất bản.

Landis, G. M. *Epistle to the Hebrews: On to Maturity*. Oak Park: Emmaus Bible School, 1964.

Lang, G. H. *The Epistle to the Hebrews*. London: Paternoster Press, 1951.

Lincoln, William. *Lectures on the Epistle to the Hebrews*. Boston: Believers' Book-Room, không rõ năm xuất bản.

Manile, J. Gregory. "Better Things": *A Series of Bible Readings on the Epistle to the Hebrews*. New York: Christian Alliance Publishing Co., 1921.

Meyer, F. B. *The Way into the Holiest*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1950.

Molfatt, James. *A Critical and Exegetical Commentary on the Epistle to the Hebrews*, ICC. Edinburgh: T. & T. Clark, 1924.

Moule, H. C. G. *Studies in Hebrews*. Grand Rapids: Kregel Publications, 1977.

Newell, W. R. *Hebrews Verse by Verse*. Chicago: Moody Press, 1947.

Pfeiffer, Charles F. *The Epistle to the Hebrews*. Chicago: Moody Press, 1962.

Rainsbury, A. W. *"Able to Save to the Uttermost,"*

The Keswick Week. London: Marshall, Morgan and Scott Ltd., 1958.

Thomas, W. H. Griffith. *Hebrews: A Devotional Commentary.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1961.

Vine, W. E. *The Epistle to the Hebrews.* London: Oliphants Ltd., 1952.

Westcott, B. F. *The Epistle to the Hebrews.* London: MacMillan, 1889.

Wuest, K. S. *Hebrews in the Greek New Testament.* Grand Rapids: Eerdmans Publishing Co., 1947.

THƠ CỦA GIACÔ

Giới Thiệu

"*Giacô là một truyền đạo rao giảng như một tiên tri... bằng ngôn ngữ hùng hồn mà ngoại trừ các bài giảng của Chúa Giêsu thì không còn phẩm Cơ Đốc đầu tiên nào sánh bằng.*"
- Theodor Zahn

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Lời Martin Luther đánh giá thấp thơ Giacô như là "một Thơ Tin hoàn toàn rơm rác" thật sai lầm đến chết người! Hiểu lầm của Luther đối với lời dạy của Giacô về các việc lành, giữa trận chiến khủng khiếp của những Nhà Cải Chánh với những người dạy sự cứu rỗi bởi đức tin kèm với việc làm, đã khiến ông mắc sai lầm tại đây. Ông không phải là người duy nhất đánh giá sai bức thư có sớm nhất trong Các Thơ Tin Cơ Đốc. Có người gọi sách này là "một xâu ngọc trai," gợi ý rằng thơ này không hề mạch lạc, nhưng chỉ là những phân đoạn được triển khai kỹ đem xâu lại với nhau!

Thực ra, sách ngắn ngủi này là kiệt tác trong văn phẩm giáo huấn. Nó mang âm hưởng Do Thái mạnh mẽ, thậm chí còn gọi hội chúng Cơ Đốc nhân (2:2, Hy văn) là "nhà hội" - thuật ngữ là một từ ngữ Hy văn chỉ về hội chúng nhưng đã nhanh chóng được sử dụng độc quyền chỉ về hội chúng *Do Thái giáo*, như ngày nay đang có.

Giacô đã ba mươi lần dùng cõi thiên nhiên để minh họa chân lý thuộc linh trong năm đoạn ngắn ngủi này. Ở đây, chúng ta được nhắc nhở về sự dạy dỗ của Chúa chúng ta.

Đây là một thơ tin hết sức thực tiễn. Thơ giải quyết một số đề tài ít được

miến mộ, chẳng hạn như kiếm giữ lương mình, nguy hiểm của việc quy lụy người giàu, và nhu cầu phải chứng minh đức tin thật của chúng ta bằng đời sống mình.

II. Quyển Tác Giả

Rất nhiều tên gọi trong Kinh Thánh đã bị thay đổi trong hành trình từ tiếng Hibálai sang tiếng Hy Lạp, tiếng Latin và tiếng Pháp sang tiếng Anh. Không một tên gọi nào khác với gốc của nó hơn tên "Giaco," là tên được dịch sang tiếng Hy Lạp là "Jakobos," ra từ chữ Hibálai Yaakov ("Giacóp"). Tên Giacóp ("Giaco") rất phổ biến giữa vòng người Do Thái, và có bốn người mang tên đó trong Tân Ước. Mỗi người đều được đề nghị là tác giả của thơ này, nhưng với nhiều mức độ khác nhau về tính chắc chắn và sự hậu thuẫn của giới học giả.

1. *Sứ đồ Giacô*, con của Xêbêđê và anh của Giảng (Mathiô 4:21). Nếu sứ đồ Giacô là tác giả, thì ít nhất không phải ngắn ngủi chấp nhận thơ này lâu đến như vậy (xem phần dưới đây). Hơn nữa, Giacô tuận đạo vào năm 44 S.C., và như vậy chắc trước khi viết ra sách này.

2. Giacô *con của Aphê* (Mathiô 10:3). Hầu như không ai biết đến ông ngoại trừ ông có tên trong các danh sách của các sứ đồ. Sự kiện tác giả có thể gọi chính mình là "Giaco" mà

không kèm theo danh xưng nào để phân biệt chứng tỏ ông là người được biết đến rất rõ tại thời điểm ấy.

3. *Giacơ cha của Giuđê* (không phải Ichariôt, Luca 6:16). Nhân vật này còn ít được biết đến hơn, nên có thể loại ra cách an toàn.

4. *Giacơ em trai cùng mẹ khác cha của Chúa chúng ta* (Mathiô 13:35; Galati 1:19). Nhân vật này hầu như chắc chắn là tác giả của thư tín chúng ta ở đây. Ông nổi tiếng, nhưng rất khiêm tốn, vì không nhắc đến mối quan hệ thuộc thế của mình với Đấng Christ (cũng xem Phần Giới Thiệu thư Giuđê). Ông là chủ tọa Giáo Hội Nghị Giêrusalem và ở lại tại thành phố đó cho đến khi qua đời. Ông nổi tiếng là Cơ Đốc nhân rất đậm nét *Do Thái giáo*, có nếp sống cực kỳ nghiêm khắc. Nói ngắn gọn, ông được lịch sử (Josephus) và truyền thống giáo hội nhớ đến như là một Cơ Đốc nhân chắc chắn đã viết một thư tín như thế này.

Bằng Chứng Ngoại Tại

Thư Giacơ nhận một trong những ngoại chứng yếu nhất, chủ được các giáo phụ đầu tiên *âm chỉ* đến chữ không trích dẫn. Thư này cũng không có mặt trong Bộ Kinh Điển Muratorian. Chắc có lẽ vì thư này từ Giêrusalem, gửi cho những người Do Thái ở Đông Phương và trong mắt nhiều người, dường như thư này nói ngược lại với Phaolô về sự xưng nghĩa bởi đức tin.

Tuy nhiên, thư Giacơ được trích dẫn bởi Cyril ở Giêrusalem, Gregory ở Nazianzus, Athanasius và Jerome. Eusebius cho chúng ta biết Giacơ thuộc

trong số những sách bị một số Cơ Đốc nhân phản đối (*antilegomena*), nhưng chính ông đã trích dẫn sách Kinh Thánh này.

Bằng Chứng Nội Tại

Nội chứng cho thư Giacơ rất mạnh mẽ. Nó phù hợp với những điều chúng ta biết về phong cách của Giacơ từ sách Công vụ Các Sứ Đồ và Galati, và cũng hòa hợp với lịch sử của Cuộc Tàn Lạc được biết đến từ các nguồn khác. Không có lý do nào để giả mạo một sách như thế; sách không chứa đựng những phần bổ sung giáo lý chính yếu nào (như cách của người giả mạo tá giáo ở thế kỷ thứ hai luôn thực hiện). Josephus cho chúng ta biết Giacơ có danh tiếng rất tốt vì lòng sốt sắng với luật pháp giữa những người Do Thái, nhưng chịu tuận đạo vì làm chứng cho Đấng Mêsia của mình trong khi bị cầm tù chứng như vậy. Sử gia Do Thái này nói Giacơ bị ném đá theo lệnh của thầy tế lễ thượng phẩm Anania. Eusebius cho chúng ta biết Giacơ bị ném từ nóc đến thờ xuống và cuối cùng bị đánh bằng gậy cho đến chết. Hegesippus kết hợp cả hai lời truyền khẩu này lại.

Lập luận cho rằng bút pháp Hylar của thư Giacơ là "quá hay" đối với một người Do Thái tại xứ Palestine sẽ tỏ ra thiếu hiểu biết không đáng có về tài năng trí tuệ lạ thường của những người được chọn.

III. Thời Điểm Viết

Josephus nói Giacơ bị giết vào năm 62 S.C., vì vậy thư Giacơ đã viết trước đó. Vì thư này không nói gì đến những quyết định về luật pháp được ban bố tại

Giáo Hội Nghị Giêrusalem (năm 48 hoặc 49 S.C.), là cuộc họp do Giacơ chủ tọa (Công vụ 15), nên thường được chấp nhận thời điểm viết giữa năm 45 và 48 S.C.

IV. BỐI CẢNH VÀ CHỦ ĐỀ

Tuy có thể đây là sách đầu tiên được viết ra của Tân Ước, và bởi đó mang âm hưởng mạnh mẽ của Do Thái giáo, nhưng không được phép hạ thấp những lời giáo huấn của sách xuống một thời đại khác. Có thể áp dụng những giáo huấn ấy cho thời chúng ta ngày nay, và hết sức cần thiết.

Để đạt được mục tiêu, Giacơ dựa nhiều vào những lời dạy dỗ của Chúa Jêsus trong Bài Giảng Trên Núi. Có thể dễ dàng nhìn thấy điều này qua những sự đối chiếu sau:

Đề Tài	Giacơ	Số với Mathơ
Nghịch Cảnh	1:2, 12; 5:10	5:10-12
Cầu Nguyện	1:5; 4:3; 5:13-18	6:6-13; 7:7-12
Một Lòng Duy Nhất	1:8; 4:8	6:22-23
Sự Giàu Có	1:10, 11; 2:6, 7	6:19-21; 24-34
Giận	1:19, 20; 4:1	5:22
Luật Pháp	1:25; 2:1, 12, 13	5:17-44
Chỉ Tuyên Xưng Suông	1:26, 27	6:1-18
Luật Vàng	2:8	7:12
Sự Thờ Ơng Xót	2:13	5:7
Bức Tin Và Việc Làm	2:14-26	7:15-27
Re Và Trái	3:11, 12	7:16-20

Sự Khôn Ngoan Thật	3:13	7:24
Người Làm Cho Hòa Thuận	3:17, 18	5:9
Đoán Xét Người Khác	4:11, 12	7:1-5
Kho Báu Bị Ten Rệt	5:2	6:19
Các Lời Thề	5:12	5:33-37

Trong thư thường xuyên nhắc đến Luật Pháp. Luật Pháp được gọi là "luật pháp trọn vẹn" (1:25), "luật pháp tôn trọng" (Bản Anh ngữ ghi là "luật pháp nhà vua" - 2:8), và "luật pháp tự do" (2:12). Giacơ không dạy rằng độc giả của ông phải ở dưới luật pháp để được cứu, cũng không dạy luật pháp là quy tắc sống. Đúng hơn, nhiều phần luật pháp được trích dẫn như là lời giáo huấn công bình cho những người ở dưới ân điển.

Trong Giacơ có rất nhiều điểm tương đồng với sách Châm ngôn. Giống như Châm ngôn, bút pháp của ông cộc lốc, sống động, giàu hình ảnh và khó lặp bố cục. Từ ngữ khôn ngoan xuất hiện rất thường xuyên.

Một chữ chia khóa khác nữa trong Giacơ là chữ "anh em." Chữ này xuất hiện mười lăm lần, và nhắc chúng ta nhớ Giacơ đang viết cho các tín hữu, đầu nhiều lúc ông cũng viết cho những người chưa tin Chúa nữa.

Xét trên một số phương diện, thư Giacơ là thư độc đáo nhất trong Tân Ước. Nói vậy là gì Giacơ đưa ra các chỉ thị nhiều hơn bất kỳ tác giả nào khác. Chỉ trong 108 câu ngắn ngủi, có đến năm mươi bốn mệnh lệnh (ở thể mệnh lệnh cách).

BỐ CỤC

- I. LỜI CHÀO THĂM (1:1)
 II. NHỮNG THỬ THÁCH VÀ NHỮNG CẢM DỖ (1:2-17)
 III. LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI
 IV. LÊN AN SỰ THIÊN VỊ (2:1-13)
 V. ĐỨC TIN VÀ VIỆC LÀM (2:14-26)
 VI. LƯỚI: CÁCH SỬ DỤNG VÀ LẠM DỤNG LƯỚI (3:1-12)
 VII. SỰ KHÔN NGOAN: THẬT VÀ GIẢ (3:13-18)
 VIII. THAM LAM: NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP (Đoạn 4)
 IX. NGƯỜI GIÀU VÀ SỰ HỐI TIẾC HẦU ĐẾN CỦA HỌ (5:1-6)
 X. LỜI KHUYẾN NHỊN NHỤC (5:7-12)
 XI. SỰ GẤU NGUYỆN VÀ SỰ CHỮA LÀNH KẸ BỆNH (5:13-20)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM

1:1 Tác giả giới thiệu mình là Giacơ, tôi tớ Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus Christ. Nếu tác giả là anh em cùng mẹ khác cha của Chúa, như cách chúng ta vẫn tin, thì đã có sự thay đổi kỳ diệu trong đời sống ông. Đã có lần ông không tin nơi Chúa Jêsus (Giăng 7:5). Có lẽ ông cũng đóng quan điểm xem Chúa Jêsus đã mất trí (Mác 3:21). Nhưng Chúa chứng tỏ kiên nhẫn gieo hạt giống đạo. Dầu không được hoan nghênh, Ngài vẫn dạy các nguyên tắc vĩ đại của Nước Đức Chúa Trời. Sau đó, hạt giống đạo đâm rễ trong đời sống của Giacơ. Sự biến đổi mạnh mẽ đã xảy ra. Con người hoài nghi đã trở thành một tôi tớ. Và ông không hổ thẹn để nói như thế!

Bằng cách gọi mình là tôi tớ của Đức Chúa Trời và của Đức Chúa Jêsus Christ, Giacơ đã đặt chính xác Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus trên cùng một bình diện như những Đấng bình đẳng nhau. Ông tôn kính Đức Chúa Con giống y

như tôn kính Đức Chúa Cha (Giăng 5:23). Giacơ biết rằng "không ai được làm tôi hai chủ" (Mathê 6:24). Thế nhưng ông nói mình là tôi tớ của Đức Chúa Trời và tôi tớ của Chúa Jêsus. Ở đây không có gì mâu thuẫn vì Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con là những Đấng đồng bình đẳng.

Thư được gửi cho mười hai chi phái ở tán lạc, theo nghĩa đen là ở trong Cộng Đồng Tán Lạc (Hy văn là *Diaspora*). Đây là những người gốc Do Thái, thuộc mười hai chi phái Ysraên. Vì tội lỗi của Ysraên, dân tộc này đã bị đuổi khỏi quê hương của họ và hiện đang tản lạc tại nhiều quốc gia chung quanh vùng Địa Trung Hải. Cuộc tán lạc ban đầu diễn ra khi mười chi phái bị bắt làm phu tù cho người Assyri vào năm 721 T.C.. Một số trong nhóm này trở về xứ vào thời Exura và Nêhêmi, nhưng chỉ là một nhóm dân sót. Vào ngày Lễ Ngũ Tuần, những người Do Thái mộ đạo đến thăm Giêrusalem từ mọi quốc gia của thế giới được biết đến vào thời

bấy giờ (Côngvụ 2:5). Có thể gọi cách thỏa đáng những người này là người Do Thái của Cuộc Tán Lạc. Nhưng về sau cũng có một Cuộc Tán Lạc của những Cơ Đốc nhân người Do Thái. Trong Côngvụ 8:1, chúng ta thấy những Cơ Đốc nhân đầu tiên (hầu hết có tổ tiên là người Do Thái) đã bị tán lạc khắp xứ Giuđê và Samari do những cơn bất bở của Saulơ. Cuộc Tán Lạc này được nói đến lần nữa lúc chúng ta đọc thấy các tin hữu bị đuổi đến tận Phênicxi, Chiprơ và Antiốt. Do đó, những người nhận thư của Giacơ có thể là những người Do Thái đã bị tán lạc trước đó trong bất kỳ thời điểm khủng hoảng nào vừa kể trên.

Vì mọi tin hữu thật đều là khách lạ và khách hành hương trong thế gian này (Philip 3:20; I.Phiêrơ 2:11), nên chúng ta có thể áp dụng thư này cho chính mình, cho dù thư không viết trực tiếp cho chúng ta.

Còn một thắc mắc khó hiểu nữa ấy là Giacơ đang viết cho những người Do Thái chưa tin Đấng Christ, cho những người Do Thái đã trở về tin Đấng Christ, hay là cho cả những người Do Thái đã tin Chúa lẫn chưa tin. Dương như tác giả chủ yếu đang viết cho những tin hữu thật đã được tái sanh (1:18). Nhưng có nhiều lúc dương như ông đang nói với những người tự xưng là Cơ Đốc nhân hoặc thậm chí những người chưa tin Chúa. Đây là một trong những bằng chứng về thời điểm viết rất sớm của thư này: rạn nứt giữa những Cơ Đốc nhân người Hêbơrơ và những người Do Thái chưa tin Đấng Christ vẫn chưa là sự kiện đã xong.

II. NHỮNG THỬ THÁCH VÀ NHỮNG CẢM ĐỔ (1:2-17)

1:2 Trong phần này, Giacơ luận đến đề tài sự cảm dỗ. Ông sử dụng chữ này theo hai nghĩa khác nhau. Trong câu 2-12, những sự cảm dỗ này là điều chúng ta có thể gọi là những thử thách thánh hay những nan đề đến từ Đức Chúa Trời, để thử nghiệm thực tại đức tin của chúng ta và để khiến chúng ta trở nên giống như hình ảnh của Đấng Christ. Mặt khác, trong câu 13-17, đề tài này là *những cảm dỗ bất khiết*, xuất phát từ bên trong, và dẫn đến tội lỗi. Đời sống Cơ Đốc đầy dẫy nan đề. Những nan đề không mời mà đến và đến bất ngờ. Đôi khi chúng đến riêng lẻ, và có lúc đến dồn dập. Không thể tránh khỏi những nan đề ấy. Giacơ không nói "*nếu anh em rơi vào nhiều thử thách khác nhau*" nhưng nói "*khí*." Chúng ta đừng bao giờ tránh né chúng. Vấn đề là: "Chúng ta sẽ làm gì đối với chúng?"

Có nhiều thái độ khả dĩ cho chúng ta xử sự đối với những thử thách và **những thử nghiệm** của cuộc đời này. Chúng ta có thể nổi loạn chống lại chúng (Hêbơrơ 12:5) bằng cách giữ lấy tinh thần thách thức, khoe rằng mình sẽ chiến đấu cho đến khi chiến thắng bằng chính sức lực của riêng mình. Mặt khác, chúng ta có thể ngã lòng hoặc bỏ cuộc trước áp lực (Hêbơrơ 12:5). Đây chẳng khác gì thuyết định mệnh. Nó dẫn đến chỗ chất vấn nghi ngờ ngay cả sự quan tâm của Chúa dành cho chúng ta. Một lần nữa, chúng ta có thể làm bầm và than phiền về những hoạn nạn của mình. Đây chính là điều Phaolô cảnh

cáo chúng ta trong I.Côrinhtô 10:10. Một phương án khác - chúng ta có thể đâm mình vào sự tự thương hại, không nghĩ về ai khác ngoài chính mình, và cố gắng tìm sự cảm thông từ người khác. Hoặc tốt hơn chúng ta có thể được rèn tập bởi những khó khăn và rắc rối của đời sống (Hêbơr 12:11). Trên thực tế, chúng ta có thể nói: "Đức Chúa Trời đã cho phép thử thách này xảy đến trên tôi. Ngài có mục đích tốt lành dành cho tôi trong đó. Tôi không biết mục đích đó là gì, nhưng sẽ cố gắng tìm ra. Tôi muốn những mục đích của Ngài được thành trong đời sống tôi." Đây chính là điều Giacơ tán thành: "**Hỡi anh em, hãy coi sự thử thách trăm bề thoát đến cho anh em như là điều vui mừng trọn vẹn.**" Đừng nổi loạn! Đừng ngất đi! Hãy vui mừng! Những nan đề này không phải là kẻ thù, nhằm quyết chí tiêu diệt bạn. Chúng là những bạn hữu đã đến để giúp bạn khai triển tính cách Cơ Đốc.

Đức Chúa Trời đang cố gắng làm cho mỗi con cái Ngài trở nên giống Đấng Christ. Tiến trình này tất nhiên bao gồm sự chịu khổ, thất bại, nản lòng và linh trạng khó xử. Không thể sinh ra trái của Thánh Linh khi mọi cảnh đời đều tươi sáng dưới ánh mặt trời; phải có mưa và những đám mây đen. Những thử thách dường như chẳng bao giờ là để chịu cả; chúng có vẻ rất gay go, và khó chịu. Nhưng sau đó, chúng sinh ra bông trái bình an của sự công bình cho những ai đã chịu luyện tập như vậy (Hêbơr 12:11). Chúng ta thường nghe một Cơ Đốc nhân nói sau khi trải qua

khủng hoảng lớn nào đó "Không dễ gì chấp nhận, nhưng tôi sẽ không từ bỏ từng trải này để đổi lấy bất kỳ điều gì khác."

1:3 Giacơ nói đến sự thử thách đức tin anh em. Ông mô tả đức tin như một kim loại quý đang bị Thợ Luyện Kim (Đức Chúa Trời) thử nghiệm để xem có phải là kim loại quý thật không. Kim loại này phải chịu những ngọn lửa bất bớ, bệnh tật, hoạn nạn, hoặc buồn rầu. Nếu không có nan đề, chúng ta sẽ không bao giờ phát huy được đức tính nhịn nhục chịu đựng. Ngay cả những ví nhân trên thế giới cũng thấy các nan đề làm vững mạnh tính cách và nghị lực. Charles Kettering, chủ một hãng công nghiệp nổi tiếng, từng nói: "Nan đề là giá phải trả cho tiến bộ. Đừng đem đến cho tôi điều gì khác hơn nan đề. Những tin tốt lành sẽ làm cho tôi nên yếu đuối."

1:4 Giacơ nói: "**Những sự nhịn nhục phải làm cho trọn việc nó.**" Nhiều lúc khi nan đề đến, chúng ta trở nên tuyệt vọng và sử dụng nhiều biện pháp cưỡng cưỡng để rút ngắn thử thách. Chưa hỏi ý Chúa để biết mục đích của Ngài trong vấu đề này ra sao, chúng ta đã vội lao tới bác sĩ chẳng hạn, và nốc hàng đồng thuốc để giảm bớt thời gian thử thách. Khi làm như vậy, chúng ta thực sự đang cản trở chương trình của Đức Chúa Trời trong đời sống mình. Và rất có thể mai sau chúng ta sẽ phải chịu đựng thử thách lâu dài hơn trước khi ý định cụ thể của Ngài được thành bình trong đời sống chúng ta. Chúng ta đừng tránh né việc phát triển sự nhịn nhục chịu đựng

trong đời sống mình. Bằng cách hợp tác với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ trở nên những Cơ Đốc nhân trưởng thành, điếm đạm, không thiếu thốn một ơn nào của Thánh Linh cả.

Chúng ta đừng bao giờ trở nên hết hy vọng hoặc ngã lòng đang khi trải qua thử thách. Không nan đề nào là quá lớn cho Cha chúng ta. Có một số nan đề trong đời này không bao giờ được cất đi cả. Chúng ta phải học tập chấp nhận chúng và chứng tỏ ân điển của Chúa là đầy đủ. Phaolô đã ba lần cầu xin Chúa cất bỏ sự yếu đuối thuộc thể. Chúa không cất bỏ, nhưng ban cho Phaolô ơn để chịu đựng (II.Côrinthô 12:8-10).

Khi đối diện với nan đề trong cuộc sống mà thấy rõ ràng Chúa sẽ không cất đi, chúng ta nên thuận phục ý muốn Ngài. Một tác giả sáng tác Thánh ca đầy tài năng nhưng bị mù đã viết những dòng thơ này khi mới là cô bé lên tám tuổi:

Ô! Tôi hạnh phúc biết bao

Đầu tôi không nhìn thấy;

Tôi quyết tâm rằng trong thế giới này,

Tôi sẽ thỏa lòng.

Tôi được hưởng biết bao ơn phúc:

Mà người khác không được.

Tôi không thể và sẽ không

Khóc và thở dài vì cơ bị mù.

- Fanny Crosby

Bình an đến bởi thuận phục ý muốn Đức Chúa Trời.

Một số nan đề trong đời được cất đi khi chúng ta học xong bài học từ chúng. Ngay khi Đăng Tinh Luyện nhìn thấy hình phản chiếu của Ngài trên kim loại đang nóng chảy, Ngài sẽ tắt lửa. Hầu

hết chúng ta thiếu khôn ngoan để nhìn xem những áp lực của cuộc sống từ lập trường của Đức Chúa Trời. Chúng ta có tầm nhìn ngắn, mãi mà với những nỗi khó chịu ngay trước mắt. Chúng ta quên mục đích từ tốn của Đức Chúa Trời chính là dùng sức ép để khiến chúng ta lớn mạnh (Thithiên 4:1, Bản JND).

1:5 Chúng ta không bị ép phải đối diện những nan đề cuộc sống bằng sự khôn ngoan riêng của mình. Nếu, trong lúc thử thách, vì bằng chúng ta thiếu sự thông sáng thuộc linh, chúng ta nên đến với Chúa và thưa trình hết với Ngài những hoàn cảnh khó xử và sự ngu dốt của chúng ta. Tất cả những ai được rèn luyện như vậy để tìm biết ý định của Chúa trong những thử thách thì đều sẽ được ban thưởng cách rộng rãi. Và họ cũng không phải lo sợ bị Chúa quở trách; Ngài đẹp lòng khi chúng ta chịu học tập và chịu để Ngài hướng dẫn. Hết thấy chúng ta đều thiếu khôn ngoan. Kinh Thánh không trả lời *cụ thể* cho vô số nan đề xuất hiện trong đời sống. Kinh Thánh không nói nhiều cách giải quyết các nan đề, nhưng Lời Chúa thực sự cho chúng ta những nguyên tắc tổng quát. Chúng ta phải áp dụng những nguyên tắc này cho các nan đề khi chúng xuất hiện mỗi ngày. Đó là nguyên nhân khiến chúng ta cần khôn ngoan. Sự khôn ngoan thuộc linh chính là biết áp dụng thực tiễn những lời của Chúa chúng ta vào tình huống hằng ngày.

1:5-8 Chúng ta phải đến gần Đức Chúa Trời bằng đức tin chứ đứng nghi ngờ. Chúng ta phải tin rằng Ngài yêu thương và chăm sóc, không điều gì

Ngài không làm được. Nếu nghi ngờ sự nhân lành và quyền năng Ngài, chúng ta sẽ không hề được yên ổn trong lúc hoạn nạn. Mới phút trước có thể chúng ta đang yên nghỉ bình tĩnh nơi những lời hứa của Chúa, nhưng phút tiếp theo chúng ta đã cảm thấy Chúa quên mất đức nhân từ của Ngài rồi. Chúng ta giống như sóng biển sôi trào, dâng lên rất cao, rồi lại rơi xuống sâu dưới trũng - bị quấy rầy và bị đưa đi đây đi đó. Đức Chúa Trời sẽ không được tôn kính bởi loại đức tin cứ giao động bởi lạc quan và bi quan. Ngài không ban sự sáng suốt thiên thượng cho những người giao động và không ổn định đến như vậy (câu 7,8). Trong câu 5-8, nguồn sự khôn ngoan là Đức Chúa Trời; nhận được khôn ngoan bởi cầu nguyện; khôn ngoan được dành sẵn cho mọi người, được ban cho cách rộng rãi và không trách móc chi; điều kiện quan trọng là chúng ta phải lấy đức tin mà cầu xin, chứ nghi ngờ.

1:9 Thoạt nhìn, câu 9-11 dường như giới thiệu một đề tài hoàn toàn mới, hoặc ít ra cũng là một đoạn chừa trong ngoặc. Tuy nhiên, Giacô đang tiếp tục đề tài những thử thách thánh khiết bằng cách nêu những minh họa cụ thể. Dù giàu hay nghèo, ai cũng nhận được ích lợi thuộc linh lâu dài từ những tai ương và khủng hoảng trong đời. Chẳng hạn, khi một anh em ở địa vị thấp hèn thấy mình bất mãn và ngã lòng, thì luôn luôn có thể vui mừng vì mình là người kế tự Đức Chúa Trời, và là người đồng kế tự với Đức Chúa Jêsus Christ. Người này được an ủi trong sự thật ấy là mọi sự đều thuộc về người, người thuộc về

Đấng Christ, và Đấng Christ thuộc về Đức Chúa Trời. Anh em ở địa vị thấp hèn này chắc không có quyền kiểm soát trên những hoàn cảnh tầm thường của mình. Không có cơ gì để cho rằng người này lười biếng hay bất cần. Nhưng Đức Chúa Trời thấy là phù hợp để đặt người trong nhóm người có thu nhập thấp và đó chính là nơi người đã ở xưa nay. Có lẽ nếu người này giàu có thì sẽ không bao giờ tiếp nhận Đấng Christ. Giờ đây người ở trong Đấng Christ, người được ban mọi ơn phước thuộc linh trong các nơi trên trời. Người này nên làm gì? Có nên nổi loạn chống lại địa vị của mình nơi xã hội không? Người có nên đảng cay và ghen tị không? Không, người nên tiếp nhận từ Đức Chúa Trời những hoàn cảnh mà người không có quyền kiểm soát, và vui mừng trong các phước hạnh thuộc linh của mình. Có quá nhiều Cơ Đốc nhân sống cuộc đời nổi loạn chống lại phải tính, tuổi tác, chiều cao, và thậm chí là chính cuộc sống của họ nữa. Những cô gái có khiếu chơi bóng chày ước gì họ là những chàng trai. Người trẻ tuổi ước gì họ đứng tuổi hơn, và người cao tuổi muốn mình trẻ hơn. Những người thấp đố kỵ với những người cao, và những người cao ước gì họ đừng quá dễ nhận thấy đến như vậy. Thậm chí có người còn nói: "Ước gì tôi chết quách cho rồi!" Thật là phi lý! Thái độ Cơ Đốc là chấp nhận từ Đức Chúa Trời những điều nào chúng ta không thay đổi được. Chúng chính là định mệnh Chúa dành cho chúng ta, chúng ta nên tận dụng chúng cho vinh hiển của Ngài và đem phước hạnh đến cho

người khác. Chúng ta nên đồng thanh với Phaolô: "Nhưng tôi nay là người thế nào, là nhờ ơn Đức Chúa Trời" (I.Côrinhtô 15:10). Khi quên đi kém thiếu của mình và dần thân phục vụ người khác, chúng ta sẽ nhận ra được rằng những con người thiêng liêng yêu mến chúng ta vì chính con người chúng ta, chứ không phải vì diện mạo hay dáng vẻ chúng ta.

1:10,11 Tiếp theo Giacơ quay sang người giàu. Nhưng thật lạ kỳ, ông không bảo họ: "Kẻ giàu cũng hãy vui mừng về sự giàu có của mình." Trái lại, ông nói người giàu có thể vui mừng vì mình được khiến trở nên thấp hèn. Ông đồng ý với Giêrêmi 9:23,24:

Người khôn chớ khoe sự khôn mình; người mạnh chớ khoe sự mạnh mình; người giàu chớ khoe sự giàu mình; Nhưng kẻ nào khoe, hãy khoe về trí khôn mình biết ta là Đức Giêhôva, là Đấng làm ra sự thương xót, chính trực, và công bình trên đất; vì ta ưa thích những sự ấy. Đức Giêhôva phán vậy.

Người giàu có thể thực sự tìm thấy nguyên nhân thật khiến mình vui mừng nếu như bị tước hết của cải vật chất. Có lẽ những đảo lộn trong công việc làm ăn sẽ đưa người đến với Chúa. Hoặc nếu đã là Cơ Đốc nhân rồi, thì người có thể vui mừng chịu mất của cải mình vì biết trên Thiên đàng mình có của cải tốt hơn và lâu bền hơn (Hêbơrơ 10:34). Những sự giàu có trên trần gian đều phải qua đi, giống như hoa cỏ ngoài đồng (Êsai 40:6,7). Nếu một người không còn gì khác hơn là giàu của cải, thì mọi kế

hoạch của người đều chấm dứt tại đó mà. Giacơ sử dụng đặc tính thoáng qua của cỏ để minh họa đời sống thoáng qua của người giàu và giá trị rất giới hạn từ tài sản giàu có của người. Người sẽ khô héo trong những điều mình theo đuổi. Đương nhiên, ý chính ở đây là cả mặt trời lẫn gió xướng cũng không thể tác động đến các giá trị thuộc linh được. Bất kỳ thử thách nào khiến chúng ta thôi yêu những vật thoáng qua để yêu mến những sự ở trên trời thì đây đều hóa ra là phước hạnh cái trang. Như vậy, ẩn điển tôn cao người ở địa vị thấp hèn cũng chính là ơn hạ thấp người giàu xuống. Cả hai đều là nguyên nhân để vui mừng.

1:12 Để kết luận phần nói về các thử thách thánh khiết, Giacơ chúc phước cho người nào đang vững vàng chịu đựng nghịch cảnh. Khi một người như thế bị thử nghiệm hay đã chịu nổi sự thử thách rồi, thì sẽ lãnh mào triều thiên của sự sống. Mào triều thiên ở đây không phải là vương miện của vua, nhưng là vòng nguyệt quế của người chiến thắng, được ban thưởng tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ. Đương nhiên, không hề có điều nào gợi ý sự sống đời đời chính là phần thưởng cho việc chịu đựng những thử thách, nhưng những người dũng cảm chịu đựng thì sẽ được tôn trọng vì đã sống như thế, và sẽ được thưởng thức sự sống đời đời trên Thiên đàng cách sâu nhiệm hơn. Chên của mỗi người đều được đẩy trên trên Thiên đàng, nhưng người ta sẽ có những cái chên khác cỡ nhau - sức chứa khác nhau để được thưởng thức Thiên

đang. Chắc có lẽ cụm từ **mão triệu thiên** của sự sống đang xét đến ý này; nó nói đến sự thương thức đầy đủ hơn về các vinh hiển trên Thiên đàng.

Chúng ta hãy khiến phần nói về những thử thách thánh khiết này trở nên thực tiễn cho mình. Chúng ta phần ứng thế nào khi nhiều hình thức thử thách khác nhau xảy đến trên đời sống mình? Chúng ta có than phiền cách cay đắng về những nỗi bất hạnh, hay chúng ta vui mừng và tạ ơn Chúa vì cố chúng? Chúng ta rao ra những thử thách của mình hay chịu đựng chúng cách yên lặng? Chúng ta sống trong tương lai, chờ đợi cho hoàn cảnh của mình cải thiện khác đi, hay chúng ta sống trong hiện tại, tìm cách nhìn thấy bàn tay của Đức Chúa Trời trong mọi điều xảy đến cho chúng ta? Chúng ta buông mình vào chỗ tự thương hại và chạy đón đào tìm sự cảm thông, hay chúng ta dẫn thân vào đời sống phục vụ người khác?

1:13 Giờ đây để tài đối sang những sự cảm dỗ *không thánh khiết* (câu 13-17). Những thử thách thánh khiết nhằm đem đến điều tốt nhất trong chúng ta, còn những cảm dỗ bất khiết nhằm đem lại điều tệ hại nhất trong chúng ta. Phải hiểu rõ điều này. Khi chúng ta bị cảm dỗ để phạm tội, cảm dỗ đó *không* đến từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thực sự có thử thách hay thử con người xét về đức tin của họ, nhưng Ngài không bao giờ cảm dỗ ai phạm bất kỳ hình thức gian ác nào. **Chính Ngài** không quan hệ gì đến điều ác, và Ngài thực sự không dự dõ ai phạm tội.

1:14 Con người luôn luôn sẵn sàng trút trách nhiệm cho người khác về tội

lỗi của mình. Nếu không thể đổ thừa Đức Chúa Trời, người ấy sẽ theo lối tiếp cận tâm lý hiện đại bằng cách nói rằng tội lỗi là bệnh. Bằng cách này, người mong thoát khỏi sự đoán phạt. Nhưng tội không phải là bệnh; đó là một thất bại đạo đức mà con người phải chịu trách nhiệm và phải khai trình. Thậm chí có người còn cố đổ tội cho những vật chất vô tri vô giác nữa. Nhưng bản thân "vật chất" không có tội. Tội lỗi không xuất phát từ đó. Giacô truy đến tận hang ổ khi bảo: "**Nhưng mỗi người bị cảm dỗ khi mắc tư dục xui giục mình.**" Tội lỗi ra từ bên trong chúng ta, ra từ bản chất cũ, xấu xa, sa ngã và chưa được tái sanh của chúng ta. Chúa Jêsus phân: "Vi từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, tà dâm, dâm dục, trộm cướp, làm chứng dối, và lộng ngôn" (Mathiơ 15:19).

Chữ "**tư dục**"¹ do Giacô dùng trong câu 14 có thể chỉ về bất kỳ sự khao khát nào, hoặc tốt hoặc xấu. Bản thân chữ này trung tính về đạo đức. Nhưng với vài ngoại lệ, chữ này được dùng trong Tân Ước để mô tả những khát vọng xấu, và chắc chắn là trường hợp tại đây. Lòng tham muốn được vi với một người đàn bà xấu nét ở đây đang phô bày những vẻ quyến rũ của mình và dụ dỗ nạn nhân. Mỗi người trong chúng ta đều bị cảm dỗ. Chúng ta có những tham muốn xấu xa và những khao khát bất khiết liên tục thúc giục chúng ta cứ tiếp tục dẫn thân trong tội lỗi. Như vậy có phải khi bị tư dục xui giục thì chúng ta là những nạn nhân bất lực? Không, chúng ta có thể trực xuất

mọi tư tưởng tội lỗi khỏi tâm trí mình và lập trung vào những đức tài nào thanh sạch và thánh khiết (Philíp 4:8). Thêm nữa, trong lúc bị cám dỗ dữ dội, chúng ta có thể kêu cầu Chúa, nhớ rằng: "Danh Đức Giêhôva vượt một ngọn tháp kiên cố; kẻ công binh chạy đến đó, gặp được nơi ẩn trú cao" (Châmngôn 18:10).

1:15 Nếu vậy, vì sao lúc đó chúng ta lại phạm tội? Câu trả lời thế này: **Đuối, lòng tư dục cứu mạng sanh ra tội ác.** Thay vì đuổi những tư tưởng xấu xa đi, chúng ta có thể khuyến khích, nuôi dưỡng và thưởng thức nó. Hành động chấp thuận này được ví với sự giao hợp. Sự tham muốn thai nghén, và một hải nhi gồm ghiếc tên là **TỘI LỖI** ra đời. Một cách nói khác nữa là: Nếu chúng ta nghĩ về một hành động bị cấm đủ lâu, rồi cuộc chúng ta sẽ thực hiện. Toàn bộ tiến trình lòng tư dục cứu mạng thì sanh ra tội lỗi được minh họa sinh động trong trường hợp của Đavít và Bátseba (II.Samuên 11:1-27).

Giaco nói: **Tội ác đã trọn, sanh ra sự chết.** Tội lỗi không phải là một thứ cần còi vô sinh. Nó sản sinh ra dòng dõi của chính nó. Có thể hiểu câu nói tội lỗi sinh ra sự chết theo nhiều cách khác nhau. Trước hết, tội lỗi của Adam đem lại sự chết thuộc thể cho chính ông và cho toàn bộ dòng dõi ông (Sáng Thế Ký 2:17). Nhưng tội lỗi cũng dẫn đến sự chết thuộc linh đời đời – là sự phân rã chung cuộc của người đó khỏi Đức Chúa Trời và khỏi phước hạnh (Rôma 6:23a). Cũng có một phương diện mà tội lỗi đem lại sự chết cho một tín hữu. Chẳng hạn, trong I.Timôthê 5:6, chúng

ta thấy một góa phụ đã tin Chúa mà còn ham sống trong lạc thú thì tuy sống cũng như chết. Điều này có nghĩa nàng đang hoang phí đời sống và hoàn toàn không làm trọn mục đích mà vì cơ đó Chúa đã cứu nàng. Đối với Cơ Đốc nhân, ở ngoài mối thông công với Đức Chúa Trời thì đó là hình thức sống cũng như chết.

1:16-17 Không phải là chuyện bất thường khi người sa vào tội lỗi đổ thừa Đức Chúa Trời thay vì quy trách nhiệm cho mình. Trên thực tế, họ nói với Đấng Tạo Hóa họ: "Cơ sao Ngài dựng nên tôi theo cách này?" Đây là một hình thức tự lừa dối. Từ Ngài chỉ ra những sự ban cho tốt lành mà thôi. Trên thực tế, Ngài là nguồn của mọi ân điển tốt lành cũng mọi sự ban cho trọn vẹn.

Giaco mô tả Đức Chúa Trời là **Chưa sáng láng**. Trong Kinh Thánh, chữ *Chưa* đôi khi mang nghĩa nói về Đấng Sáng Tạo hay Nguồn (Gióp 38:28). Do đó, Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa hay Nguồn của sự sáng. Nhưng sự "sáng láng" ở đây có nghĩa gì? Dương nhiên nó bao gồm cả các thiên thể - mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao (Sáng Thế Ký 1:14-18; Thi thiên 136:7). Nhưng Đức Chúa Trời cũng là Nguồn của toàn bộ sự sáng thuộc linh nữa. Vì vậy, chúng ta nên nghĩ Ngài là Nguồn của mọi hình thức sự sáng trong cõi vũ trụ. Trong Ngài chẳng có một thay đổi cũng chẳng có bóng của sự biến cải nào. Đức Chúa Trời khác với các thiên thể được Ngài dựng nên. Chúng thay đổi không ngừng, Ngài không hề thay đổi. Có lẽ

Giacơ đang nghĩ đến không những sự sáng đang giảm dần của mặt trời và các ngôi sao, mà còn nghĩ đến mối quan hệ thay đổi của chúng với trái đất khi địa cầu của chúng ta quay. Tình hay biến đổi đặc trưng cho mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Cụm từ **bóng của sự biến cải** có thể nói đến cái bóng gây ra bởi sự biến cải. Có thể chữ này nói đến những cái bóng đổ xuống mặt đất do sự quay quanh mặt trời của quả đất. Hoặc có thể nó nói đến nhật thực và nguyệt thực. Chẳng hạn, nhật thực xảy ra khi bóng của mặt trăng đổ xuống trái đất. Với Đức Chúa Trời, mọi chuyện hoàn toàn khác hẳn; trong Ngài không hề có sự thay đổi hay bóng gây ra bởi sự biến cải. Và sự ban cho của Đức Chúa Trời cũng trọn vẹn như chính mình Ngài vậy. Do đó, không thể nào nghĩ rằng Ngài dụ dỗ con người phạm tội. Sự cảm dỗ đến từ chính bản tánh xấu xa của con người.

Chúng ta hãy thử nghiệm đức tin của mình về đề tài những sự cảm dỗ không thánh khiết. Chúng ta khích lệ những tư tưởng xấu nắn nã lẫn lữa trong tâm trí của chúng ta, hay cấp tốc trục xuất chúng ra? Khi phạm tội, chúng ta có nói chống chế rằng chúng ta vô phương tránh né nó? Chúng ta có đổ thừa Đức Chúa Trời khi bị cám dỗ phạm tội không?

III. LỜI ĐỨC CHÚA THỜI (1:18-27)

Giacơ đang nói Đức Chúa Trời là Cha sáng láng (Cha của các sự sáng). Giờ đây ông nhắc chúng ta nhớ Ngài cũng là Cha của chúng ta nữa, và Ngài ban cho chúng ta vai trò độc đáo trong công tạo vật bao la của Ngài. Chúng ta có

thể làm trọn vai trò đó bằng cách vâng theo lời của lễ thật (câu 19-27).

1:18 Phần đoạn này phác họa vai trò sự tái sinh bởi Lời Đức Chúa Trời, được Thánh Linh đem áp dụng cho chúng ta. Chúng ta được biết: "**Ấy chính Ngài theo ý muốn mình, đã dùng lời chân thật sanh chúng ta, hầu cho chúng ta được nên như trái đầu mùa của những vật Ngài dựng nên.**" Theo ý muốn Ngài - điều này cho chúng ta biết điều gì đã thôi thúc Ngài cứu chúng ta. Ngài không bị ép buộc phải cứu chúng ta bởi trong chúng ta có chút công đức nào đáng để Ngài cứu. Ngài cứu chúng ta **theo ý muốn tự do của Ngài**. Tình yêu của Ngài dành cho chúng ta là không vì công đức, không thể mua được và không thể kiếm được. Tình yêu ấy do Ngài hoàn toàn tự nguyện. Điều này đáng phải khiến chúng ta thờ phượng Ngài! **Ngài sanh chúng ta** - điều này mô tả hành động tái sinh. Bởi sự sinh ra thuộc linh này, chúng ta trở nên con cái Ngài - một mối quan hệ không bao giờ bị thay đổi vì cơ đã chào đời rồi thì không bao giờ có thể bãi bỏ được nữa. **Dùng lời chân thật** - Kinh Thánh là công cụ của sự tái sinh. Mỗi trường hợp hoán cải thật đều có liên quan đến Kinh Thánh, hoặc dưới dạng lời nói hoặc ở dạng chữ in. Không có Kinh Thánh, chúng ta sẽ không biết con đường cứu rỗi. Thực ra, thậm chí chúng ta còn không biết có sự cứu rỗi dành sẵn cho mình nữa kia!

Hầu cho chúng ta được nên như trái đầu mùa của những vật Ngài dựng nên - có ba ý tưởng nổi bật liên kết với chữ đầu mùa. Thứ nhất, **trái đầu mùa** của

một mùa gặt là gié lúa chín đầu tiên. Những Cơ Đốc nhân nhận thơ của Giacơ ở đây là một trong những tín hữu đầu tiên của Cộng Đồng Cơ Đốc Tân Lạc. Đương nhiên, mọi tín hữu đều là **trái đầu mùa** của những vật Ngài dựng nên, nhưng âm chỉ chính yếu ở đây là nói đến những Cơ Đốc nhân người Do Thái nhận thơ của Giacơ. Thứ nhì, **trái đầu mùa** được dâng lên cho Đức Chúa Trời để tỏ lòng biết ơn sự ban cho của Chúa và công nhận rằng mọi sự đều đến từ Ngài và thuộc về Ngài. Vì vậy, mọi tín hữu nên dâng mình cho Đức Chúa Trời như một của lễ sống (Rôma 12:1,2). Thứ ba, **trái đầu mùa** là vật làm tin cho mùa gặt đầy đủ sắp đến, Giacơ ví độc giả của mình với những gié lúa đầu tiên trong mùa gặt của Đấng Christ. Tiếp sau họ, **trái** qua bao thế kỷ sẽ là những người khác, nhưng ở đây nói họ là những thánh đồ kiểu mẫu để tỏ ra **trái** của sự dựng nên mới. Cuối cùng, Chúa sẽ đem những người khác nữa giống như họ đến ở trên toàn trái đất (Rôma 8:19-23). Mùa gặt đầy đủ sẽ đến khi Chúa Jesus trở lại cai trị trên đất. Trong lúc này, họ phải sanh ra đồng một loại của sự vắng lời Đấng Christ mà cả thế gian sẽ phải có trong thiên hỷ diên. Và dấu phân đoạn này nói chủ yếu đến những Cơ Đốc nhân ở thế kỷ thứ nhất, thế nhưng vẫn có ứng dụng cho mỗi một chúng ta là những người tôn kính danh Đấng Christ.

1:19a Phần còn lại của đoạn này dạy những điều thực tiễn về cách chúng ta có thể làm **trái đầu mùa** của những vật Ngài dựng nên. Phần đoạn này nêu ra sự công bình thực tiễn vốn phải là đặc

trưng của những người đã được sanh lại bởi lời Lê Thật. Chúng ta biết mình sanh bởi lời để bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời. **Vậy nên**,² giờ đây chúng ta hãy làm trọn trách nhiệm của mình.

Chúng ta phải **mau** nghe. Đây là một mệnh lệnh khác thường, và hầu như có vẻ hài hước. Nói vậy cũng giống như nói: "Vội vã lên mà nghe kia!" Câu này muốn nói chúng ta nên sẵn sàng **nghe** lời của Chúa, cũng như mọi lời khuyên và góp ý tin kính. Chúng ta phải chịu học theo sự dạy dỗ của Thánh Linh. Chúng ta phải **chậm** nói. Thật đáng kinh ngạc khi Giacơ nói rất nhiều điều về lời nói của chúng ta! Ông khuyến cáo chúng ta phải cảnh giác trong đối thoại. Ngay cả cõi tự nhiên cũng dạy chúng ta điều này. Epictetus đã để ý tứ xưa lắm rồi: "Thiên nhiên ban cho con người một cái lưỡi, hai cái tai, để có thể nghe người khác gấp đôi lượng mình nói." Salômôn chắc hẳn hết lòng đồng ý với Giacơ. Salômôn có lần nói: "Kẻ canh giữ miệng mình, giữ được mạng sống mình; nhưng kẻ nào hở môi quá, bèn bị hại hoại" (Châmngôn 13:3). Ông cũng nói: "Hề lắm lời, vì phạm nào có thiếu; nhưng ai cẩn giữ miệng mình là khôn ngoan" (Châmngôn 10:19). Những người nói chuyện hấp tấp bốc đồng rốt cuộc đều phạm tội.

1:19b,20 Chúng ta phải **chậm** giận. Ai nóng nảy thì **không** làm nên (sanh ra) kiểu mẫu của sự công bình mà Chúa chờ đợi từ con cái Ngài. Những người mất bình tĩnh, mau nổi nóng thì tạo cho người khác có ấn tượng sai lầm về Cơ Đốc giáo. Sự thật vẫn là "Người chậm nóng giận thắng hơn người đông sĩ; và

ai cai trị lòng mình thẳng hơn kẻ chiếm lấy thành" (Châm ngôn 16:32).

1:21 Một cách khác nữa để bày tỏ chính mình là trái đầu mùa của những vật Ngài dựng nên ấy là bỏ đi mọi điều ô uế và mọi điều gian ác còn lại. Những tề nạn này được ví như áo bị dính đất dơ, cần phải giặt bỏ một lần đủ cả. Ô uế bao gồm mọi hình thức không tinh sạch, bất luận là về mặt thuộc linh, tinh thần hay thuộc thể. Cụm từ "mọi điều gian ác còn lại" có thể nói đến những hình thức của sự gian ác từ thời chúng ta chưa hoán cải vẫn còn lại tới nay. Có thể nó chỉ đến những tội lỗi "tuôn tràn ra" (Bản Anh ngữ) từ đời sống chúng ta và đến đời sống của những người khác. Hoặc có thể nó nói đến điều ác quá đư đặt, trong trường hợp đó, không phải Giacơ đang mô tả tình trạng quá nhiều điều ác, nhưng là tính cách cực kỳ gian ác của điều ác ấy. Ý nghĩa chung rất rõ ràng. Để nhận được chân lý từ lời của Đức Chúa Trời, chúng ta phải tinh sạch về mặt đạo đức.

Một đòi hỏi nữa để được nhận lãnh chân lý thiên thượng ấy là lòng nhu mì. Rất dễ để đọc Kinh Thánh mà chẳng để cho Kinh Thánh phán với chúng ta. Chúng ta có thể nghiên cứu Kinh Thánh về mặt học thuật mà chẳng hề để Kinh Thánh tác động đến. Sự kiêu ngạo và cứng lòng cùng tội lỗi của chúng ta khiến chúng ta không chịu tiếp nhận và không chịu đáp ứng. Chỉ những người nào có tinh thần thuận phục, hạ mình mới mong nhận được ích lợi tối đa từ Kinh Thánh. "Ngài sẽ dẫn kẻ hiền từ cách chánh trực, chỉ dạy con đường Ngài cho người nhu mì" (Thithiên

25:9). "Đức Giêhôva phán: Mọi sự này đều bởi tay ta làm ra, và có như vậy. Đây là kẻ mà ta đoái đến: tức là kẻ nghèo khó có lòng ăn năn đau đớn, nghe lời nói ta mà run" (Êsai 66:2).

Giacơ nói Kinh Thánh là lời đã **trống**, là lời cứu được linh hồn của anh em. Ý chính ở đây là Lời Chúa trở thành của đặt cọc thiêng liêng trong đời sống Cơ Đốc khi người ấy thật được tái sanh. Chú thích bên lề của bản RV ghi là: "Lời bẩm sinh." Lời này có thể cứu được linh hồn của anh em. Kinh Thánh là công cụ Chúa dùng trong sự tái sanh. Ngài dùng Kinh Thánh để cứu rỗi linh hồn không những khỏi án phạt của tội lỗi, mà còn khỏi quyền lực tội lỗi nữa. Ngài dùng Kinh Thánh để cứu chúng ta không những khỏi sự đoán phạt trong cõi đời đời, mà còn khỏi bị thiệt hại trong đời này nữa.³ Rõ ràng Giacơ đang nói đến phương diện hiện tại và liên tục của sự cứu rỗi trong câu 21.

1:22 Tiếp nhận lời được trống trong mình vẫn chưa đủ; chúng ta còn phải vắng giữ lời ấy. Có Kinh Thánh, hay thậm chí đọc Kinh Thánh như đọc tác phẩm văn chương thì chẳng ích lợi gì cả. Phải hết lòng khao khát nghe Chúa phán với chúng ta và sẵn lòng làm mọi điều nào Ngài dạy bảo. Chúng ta phải biến Kinh Thánh thành hành động. Lời ấy phải trở thành máu thịt trong đời sống chúng ta. Đừng bao giờ dừng lại đến với Kinh Thánh mà không để cho Kinh Thánh thay đổi đời sống chúng ta cho được tốt hơn. Tuyên bố mình rất yêu mến Lời Chúa hoặc thậm chí tỏ ra mình là người nghiên cứu Kinh Thánh thì sẽ trở thành một hình thức tự lừa

đối mình nhưng nếu sự hiểu biết Lời Chúa ngày càng nhiều của chúng ta không khiến chúng ta ngày càng giống Chúa Jêsus hơn. Tiếp tục đầu lượm kiến thức Kinh Thánh trong lý trí mà không vâng theo thì có thể trở thành cái bẫy thay vì phước hạnh. Nếu không ngừng học hỏi những điều mình đáng phải thực hiện, nhưng rồi không thực hiện, thì chúng ta trở nên buồn chán, ngã lòng và chai lỳ. "Có ấn tượng mà không biểu hiện dẫn đến trầm uất." Chúng ta lại càng chịu trách nhiệm lớn hơn trước mặt Chúa. Sự kết hợp lý tưởng là đọc Lời Chúa và hoàn toàn vâng theo lời ấy.

1:23,24 Người nào nghe theo lời mà không thay đổi hành vi của mình thì giống như người kia nhìn phớt qua gương mỗi sáng, sau đó hoàn toàn quên khuôn mặt mình đã ra sao. Người này chẳng được ích lợi gì từ chiếc gương soi hay việc soi gương. Đương nhiên, diện mạo bề ngoài của chúng ta có đôi điều không thể thay đổi được. Nhưng ít ra chúng ta cũng đáng trở nên khiêm nhường trước những điều thấy được! Và khi tắm gương bảo "rửa mặt" hoặc "cao râu đi" hoặc "chảy máu" "đánh răng," ít nhất chúng ta cũng thực hiện đúng như mình đã được dạy. Nếu không, tắm gương chẳng ích lợi gì cho chúng ta cả.

Rất dễ để đọc Kinh Thánh cách hời hợt hoặc đọc vì cơ cảm thấy có bổn phận đọc mà không hề cảm động trước những điều chúng ta đọc. Chúng ta thấy việc mình đáng phải làm nhưng nhanh chóng quên đi và sống dường như thể mình đã trọn lành rồi vậy. Kiểu tự mãn như thế ngăn trở tiến bộ thuộc linh.

1:25 Trái ngược lại cảnh đó chính là người xét kỹ lời của Đức Chúa Trời và đã thành thói quen biến ngay sang hành động. Việc chằm chú chiêm ngưỡng và suy gẫm của người ấy đem lại những kết quả thực tiễn trong đời sống. Đối với người ấy, Kinh Thánh là **luật pháp trọn vẹn**, là **luật pháp về sự tự do**. Những lời giáo huấn của Kinh Thánh không phải là nặng nề. Chúng dạy người làm chính xác việc mà bản tánh mới của người ấy rất muốn làm. Khi vâng lời, người tìm được sự buông thả thật khỏi những truyền thống của con người và những lý luận của xác thịt. Lẽ thật buông thả người. Đây là người nhận được ích lợi từ Kinh Thánh. Người này không quên những điều mình đã đọc. Trái lại, người tìm cách thể hiện nó ra trong nếp sống hằng ngày. Sự vâng lời đơn sơ như con trẻ của người đem lại phước hạnh vô kể cho linh hồn. Đây là người tìm được phước trong sự mình vâng lời.

1:26,27 Sự tin đạo vô ích được đối chiếu với sự tin đạo thanh sạch và không vết. Đạo ở đây nói đến những khuôn mẫu hành vi bề ngoài có liên kết với niềm tin đạo. Nó nói đến những hình thức bề ngoài chứ không phải tình thần bề trong. Điều này nói đến biểu hiện bề ngoài của niềm tin trong sự thờ phượng và bầu việc Chúa hơn là những giáo lý người ấy đã tin.

Ái tưởng mình là tin đạo, mà không cảm giữ lương mình, ... thì sự tin đạo của hạng người ấy là vô ích. Người ấy có thể tuân giữ mọi loại lễ nghi tôn giáo là những thứ khiến người có vẻ mộ đạo. Nhưng người ấy đang tự lừa dối mình.

Đức Chúa Trời không thỏa mãn với những nghi lễ. Ngài quan tâm đến đời sống có sự tin kính thực tiễn.

Lười không cầm giữ chỉ mới là một ví dụ về sự tin đạo vô ích. Bất kỳ hành vi nào không phù hợp với đạo Đấng Christ đều vô giá trị. Có câu chuyện kể về một chủ tiệm tạp hóa kia, là người rõ ràng là tên lừa đảo đay về mộ đạo. Ông ta sống trong căn hộ phía bên trên của hiệu của mình. Mỗi sáng, ông sẽ gọi xuống nhân viên của mình: "Này John!" "Vâng thưa ông."

"Anh đã pha thêm nước vào sữa chưa?"

"Rồi, thưa ông."

"Anh đã nhuộm màu bơ kia chưa?"

"Rồi, thưa ông."

"Đã trộn thêm bột vào cà phê chưa?"

"Rồi, thưa ông."

"Giỏi lắm. Mau lên đây cầu nguyện tinh nguyện buổi sáng!"

Giacơ nói sự tin đạo như thế là vô ích.

Điều Chúa đang tìm kiếm chính là loại tin kính thực tiễn biết quan tâm đầy thương xót đến người khác và giữ cho đời sống chính mình được tinh sạch. Để nêu ví dụ về sự tin đạo thanh sạch và không vết, Giacơ khen người nào đến thăm kẻ mồ côi người góa bụa đang túng thiếu, và giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian.

Nói cách khác, công việc thực tiễn của sự tái sanh được nhìn thấy qua "các hành động của ăn diện và nếp sống phân rẽ." Guy Kéng mô tả các phẩm hạnh này là tình yêu thực tiễn và đức thành khiết thực tiễn.

Chúng ta phải rèn thử *đức tin của chính mình* bằng những câu hỏi sau: Tôi có đọc Kinh Thánh với lòng khao khát khiêm nhường muốn Chúa quở trách, dạy dỗ và thay đổi tôi không? Tôi có lo sao cho lười mình được cầm giữ hay không? Tôi muốn biến mình cho tinh nóng nảy của mình hay muốn đắc thắng nó? Tôi phản ứng thế nào khi có người bắt đầu nói những câu đùa thô tục hoặc tục tĩu trá hình? Đức tin của tôi có tự bày tỏ qua những việc làm nhân ái đối với những người không thể đến đáp cho tôi không?

IV. LÊN AN SỰ THIÊN VỊ (2:1-13)

Phần đầu của đoạn 2 lên án thói tục tố ra về kính trọng con người. Đối xử thiên vị là điều hoàn toàn xa lạ với gương của Chúa hay với sự dạy dỗ của Tân Ước. Trong Cơ Đốc giáo không có chỗ nào dành cho thói hợm hình hay phân biệt đối xử.

2:1 Trước hết, lối cư xử này bị cấm cách rõ ràng. Điều đầu tiên cần lưu ý là lời khuyến cáo này được nói cho tín hữu; chúng ta bảo đảm điều đó qua lời chào thăm "Hỡi anh em." **Tin đến Đức Chúa Jesus Christ**, là nói đến đức tin Cơ Đốc. Đây không phải là vấn đề về lòng tin cậy hay nhờ cậy Ngài, nhưng đúng hơn là vấn đề thể hiện lẽ thật mà Ngài đã giao cho chúng ta. Kết hợp lại với nhau, chúng ta thấy Giacơ đang nói: "Hỡi anh em, khi anh em thực hành đức tin Cơ Đốc, đừng tỏ ra thiên vị." Thói hợm hình và những sự phân biệt đẳng cấp là hoàn toàn không phù hợp với Cơ Đốc giáo chân chính. Quy lụy trước sự cao trọng của con người không có chỗ

đứng trước mặt Chúa Vinh Hiển. Coi thương người khác vì cơ dòng dõi, chủng tộc, phái tính hay vì họ nghèo khổ chính là sự chối bỏ đức tin một cách thực tiễn. Mạng lịnh này không mâu thuẫn với các phần khác trong Tân Ước truyền dạy tin đổ phải tôn trọng thừa dặng các bậc cai trị, những người chủ, những trưởng lão và cha mẹ. Có những mối quan hệ nhất định do Chúa thiết lập mà mọi người phải công nhận (Rôma 13:7). Phần đoạn Kinh Thánh này nói đến vấn đề tỏ lòng tôn trọng cách xun xoe quy lụy người khác vì cơ áo quần đắt tiền của họ hay vì những sự phân biệt giả tạo khác ở bề ngoài.

2:2-4 Điều này được khẳng định bởi hình họa sinh động của Giacô trong câu 2-4. Guy King đã tài tình đặt nhan đề phần đoạn này là "Người Tiếp Tân Cận Thi." Quang cảnh ở đây là một hội ⁴ địa phương của các Cơ Đốc nhân. Một quý ông trông có vẻ đạo mạo, mặc áo quần rất hợp thời trang, đeo nhẫn vàng đắt tiền vừa đến. Người tiếp tân cúi chào có vẻ lúng túng, rồi đưa vị khách có tầm cỡ này đến một chỗ ngồi nổi bật ở phía trước mà ai cũng thấy. Ngay khi người tiếp tân này trở về bên cánh cửa, ông thấy một người khác vừa đến. Lần này là một người nghèo quần áo xoàng xĩnh. (Cụm từ "quần áo dơ dáy" trong bản Anh ngữ là "quần áo dơ dáy" không nhất thiết áo quần của người này cần phải đem giặt. Người này ăn bận tồi tàn, tương xứng với hoàn cảnh tâm thương của người trong đời.) Lần này, người tiếp tân khéo léo tìm cách cứu nguy cho hội chúng khỏi lúng túng bằng

cách dành cho người khác này một chỗ đứng ở cuối phòng, hoặc chỗ ngồi trên sàn nhà, ngay trước chỗ của chính mình. Dường như không thể tin được sẽ có ai từng hành động kiểu này. Chúng ta muốn nghĩ rằng hình họa này được thổi phồng thêm, nhưng khi nhìn vào chính lòng mình, chúng ta thấy mình thương có những phân biệt tầng lớp theo kiểu bề ngoài như thế này giữa vòng chúng ta, và như vậy đã trở nên lấy ý xấu mà xét đoán.

Có lẽ ví dụ nổi bật nhất về tình trạng này trong hội thánh ngày nay ấy là sự phân biệt đối với người thuộc những chủng tộc và màu da khác. Những tin hữu da đen thường bị tẩy chay trong rất nhiều trường hợp hoặc ít nhất cũng bị người khác tạo cho họ thấy cảm giác không được ai hoan nghênh. Những người Do Thái trở lại tin Chúa không phải lúc nào cũng được tiếp đón cách chân tình. Những Cơ Đốc nhân Phương Đông đã ném mùi phân biệt đối xử ở biết bao mức độ khác nhau. Người ta phải thừa nhận rằng có nhiều nan đề lớn lao trong xã hội thuộc lãnh vực mối quan hệ chủng tộc. Nhưng Cơ Đốc nhân phải làm đúng theo những nguyên tắc thiên thượng. Bốn phần của Cơ Đốc nhân là thể hiện thực tiễn chân lý "mọi tín hữu đều là một trong Chúa Jesus Christ."

2:5,6a Thiên vị là hoàn toàn không phù hợp với đức tin Cơ Đốc. Giacô chứng tỏ điều này trong câu 5-13. Ông nêu bốn nguyên nhân vững chắc vì sao thật là bực nếu tín hữu thiên vị người giàu mà xem thương người nghèo.

Trước hết, làm như vậy có nghĩa chúng ta không tôn trọng một con người mà chính Đức Chúa Trời tôn trọng. Đức Chúa Trời đã chọn người nghèo theo đời này để làm cho trở nên giàu trong đức tin, và kế lự nước Ngài đã hứa cho kẻ kính mến Ngài. Người nghèo là người được chọn của Đức Chúa Trời, nhóm người ưu tú của Đức Chúa Trời, người kế tự của Đức Chúa Trời, và là những người được Đức Chúa Trời yêu. Chúng ta liên tiếp thấy Kinh Thánh nói những người nghèo - chứ không phải người giàu - đã tập trung dưới ngọn cờ của Đấng Christ. Chính Chúa đã phán: "Kẻ khó khăn được nghe giảng Tin Lành" (Mathêo 11:5). Chính những người tầm thường - chứ không phải người giàu và giai cấp quý tộc - là những người sung sướng lắng nghe Chúa (Mác 12:37). Không nhiều người quý tộc được kêu gọi, nhưng là những người đại, người yếu, người thấp hèn, người bị khinh bỉ, những người không ra gì (I.Côrinthô 1:26-29). Người giàu thường là người nghèo trong đức tin, vì họ tin cậy nơi sự giàu có của cải thay vì tin nơi Chúa. Ngược lại, người nghèo đã được Đức Chúa Trời lựa để trở nên giàu trong đức tin. Nhìn tổng quát về những công dân nước Ngài sẽ thấy phần lớn họ là người nghèo. Trong nước Ngài, họ sẽ giữ những địa vị giàu có và vinh hiển. Như vậy, thật đại đột biết bao và nguy hiểm biết bao khi xử sự khinh thường những người mà một ngày kia sẽ được tôn cao trong vương quốc của Chúa và Cứu Chúa chúng ta.

2:6b Nguyên nhân thứ nhì khiến người ta thật ngu dại khi tỏ vẻ tôn trọng

o **bé người giàu** ấy là người giàu là một giai cấp hà hiếp dân sự Đức Chúa Trời cách điển hình. Lập luận này phức tạp, và thậm chí có phần khó hiểu tại điểm này. Người giàu được nói đến trước đây trong đoạn Kinh Thánh này rõ ràng là một tín hữu. Điều đó không có nghĩa người giàu được nói đến trong câu 6 cũng là tín hữu. Điều Giaco đang nói ở đây đơn giản là: "Vì sao lại thiên vị người ta chỉ vì cơ họ giàu? Nếu làm như vậy, anh em đang tôn kính những người mà họ vốn là người đầu tiên hiếp đáp anh em và **lời** anh em đến trước **lời** anh." Calvin tóm ngắn gọn lập luận này: "Vì sao tôn trọng những tên đao phủ hành hình anh em?"

2:7 Nguyên nhân thứ ba khiến người ta trở nên ngu dại khi thiên vị người giàu ấy là người giàu có thói quen nói xấu, phạm thượng hoặc phỉ báng danh Đấng Christ. Đây là danh **lời** đã **đặt** cho tín hữu - Cơ Đốc nhân, hay những người đi theo Đấng Christ. Tuy máng nhếch sỉ vả danh Chúa không phải là một tội chỉ riêng người giàu phạm mà thôi, thế nhưng đúng là những người bất bớ các tín hữu nghèo thường kèm theo **lời** nói xấu xa nhất để chống lại Cứu Chúa. Vậy cơ sao tin hữu lại đặc biệt thiên vị họ chỉ vì cơ họ giàu? Những đặc điểm đi kèm với giàu có thường không phải là tôn kính Chúa Jêsus. Cụm từ **danh** **lời** đã **lấy** **đặt** cho **anh** **em** cũng có thể dịch là "danh cao quý mà anh em đã được gọi đến." Có người xem câu này nói đến phép báp têm của Cơ Đốc nhân. Tín hữu chịu báp têm trong danh Chúa Jêsus. Đây

chính là **đanh bị** người giàu quen nói **phạm thượng**.

2:8 Lập luận thứ tư của Giacô là: Tò lòng tôn kính người giàu là vi phạm luật pháp, "Hãy yêu người lân cận như mình." Luật này được gọi là **luật vua** vì thuộc về Vua và vì đây là vua của tất cả mọi luật. Có lẽ người tiếp tân này biện minh hành động của mình đối với người giàu bằng cách nói mình chỉ đang tỏ lòng yêu người lân cận như mình. Nhưng điều đó không biện hộ được cho hành động của người đối với người nghèo. Nếu thực sự yêu người lân cận như mình, chúng ta nên đối đãi với họ đúng như cách chúng ta muốn người khác đối đãi với mình. Đương nhiên, chúng ta không muốn bị coi thường chỉ vì cơ chúng ta nghèo. Như vậy, chúng ta đứng nên tỏ vẻ khinh thường người khác vì lý do họ nghèo.

Trong toàn bộ lời dạy của Kinh Thánh, đương nhiên đây là một ương những sự dạy dỗ cách mạng nhất - **hãy yêu người lân cận như mình**. Hãy suy nghĩ đến ý nghĩa của luật ấy xem! Điều này có nghĩa chúng ta phải chăm sóc người khác y như chăm sóc chính mình. Chúng ta phải sẵn lòng chia sẻ của cải vật chất cho những người không được hưởng đặc ân như chúng ta. Và trên hết, chúng ta nên làm mọi điều trong khả năng của mình để lo sao cho họ có cơ hội biết Cứu Chúa phước hạnh của chúng ta. Thường thì chúng ta sẽ xem hành động của mình ảnh hưởng thế nào đến chính mình rồi mới đưa ra quyết định. Chúng ta lo chăm chú cho chính mình. Chúng ta phục vụ cho người giàu vì mong được thưởng, hoặc được

thưởng về mặt xã hội hay về mặt vật chất. Chúng ta làm ơn và bố bē người nghèo vì rất ít có cơ hội kiếm lợi khi phục vụ người nghèo. **Luật pháp tôn trọng** (Bản Anh ngữ là "**luật của vua**") cấm bóc lột người khác cách ích kỷ như thế. Luật vua này dạy chúng ta **yêu người lân cận như mình**. Và nếu chúng ta hỏi: "Ai là người lân cận của tôi?" từ câu chuyện người Samari Nhân Lành (Luca 10:29-37) chúng ta sẽ biết người lân cận chúng ta là bất cứ ai có nhu cầu mà chúng ta có thể giúp để đáp ứng.

2:9 **Tây vị** là vi phạm luật pháp Vua. Đây vừa là tội lỗi vừa là sự phạm phép. **Tội lỗi** là bất kỳ điều gì không đi đúng với ý muốn của Đức Chúa Trời, không đáp ứng được những tiêu chuẩn của Ngài. Sự phạm phép ở đây là vi phạm một luật đã biết. Có những hành động nào đó là tội lỗi vì cơ chúng đã sai về cơ bản và vốn là cố hữu rồi, nhưng chúng trở thành sự phạm phép khi có một luật cụ thể đã cấm chúng. **Tây vị** là tội lỗi vì cơ bản nó là sai quấy. Nhưng nó cũng là sự phạm phép vì có một luật chống lại tội đó.

2:10 Phạm một phần luật pháp thì cũng là **phạm trọn luật pháp**. Luật pháp giống như dây xích có mười mắt xích. Đứt một mắt thì cả dây xích bị đứt. Đức Chúa Trời không cho phép chúng ta giữ những luật nào mình thích và phạm những luật nào mình không thích tuân giữ.

2:11 Đức Chúa Trời **cấm ngoại tình** cũng chính là Đức Chúa Trời **cấm giết người**. Có thể một người không phạm **lợi ngoại tình**, nhưng phạm **tội giết**

người. Người đó có phạm luật pháp không? Đương nhiên là người phạm luật pháp! Tinh thần của luật pháp ấy là chúng ta phải yêu người lân cận như mình. Tội tà dâm đương nhiên là vi phạm luật này, nhưng giết người cũng là phạm luật pháp y như vậy. Hợn mình và phân biệt đối xử thì cũng giống như vậy. Nếu phạm một trong các tội này, chúng ta đã không làm theo điều luật pháp đòi hỏi.

MƯỜI ĐIỀU RĂN

Giờ đây, chúng ta phải tạm dừng phần thảo luận để xem xét nan đề cơ bản này sinh tại đây trong lập luật của Giacơ. Nan đề này là: "Cơ Đốc nhân có ở dưới luật pháp hay không?" Đương nhiên, có vẻ như Giacơ đang áp đặt Mười Điều Răn trên tin đồ Đấng Christ. Ông nói cụ thể đến điều răn thứ sáu và thứ bảy, là những điều răn cấm tội sát nhân và ngoại tình. Ông cũng tóm tắt năm điều răn cuối qua những chữ: "Hãy yêu người lân cận như mình." Thế nhưng đặt tin hữu phục dưới luật pháp như một quy luật sống tức là mâu thuẫn với các phần khác của Kinh Thánh, chẳng hạn như Rôma 6:14 - "Anh em chẳng thuộc dưới luật pháp, mà thuộc dưới ân điển"; Rôma 7:4 - "Anh em đã chết về luật pháp" (cũng xem Galatê 2:19; 3:13,24,25; I.Timôthê 1:8,9; Hêbơơ 7:19.) Sự kiện Cơ Đốc nhân không còn ở dưới Mười Điều Răn được nói rõ trong II.Côrinhtô 3:7-11.

Vậy tại sao Giacơ áp đặt vấn đề luật pháp trên tin hữu trong Thời Kỳ Ân Điển này? Trước hết, Cơ Đốc nhân không ở dưới luật pháp như một quy

luật sống. Khuôn mẫu của tin đồ là Đấng Christ, chứ không phải là luật pháp. Nơi nào có luật pháp thì nơi đó cũng phải có hình phạt. Hình phạt cho việc phạm luật pháp là sự chết. Đấng Christ đã chết để trả án phạt cho luật đã phạm. Do đó, những người ở trong Đấng Christ được giải thoát khỏi tội lỗi và án phạt của nó. Nhưng có một số nguyên tắc nào đó của luật pháp vẫn có giá trị lâu dài. Những giáo huấn này áp dụng cho mọi người của mọi thời đại. Thờ lạy hình tượng, ngoại tình, giết người và trộm cắp về cơ bản vốn là sai cố hữu rồi. Chúng là sai quấy cho tin hữu cũng như cho người chưa tin Chúa. Hơn nữa, chín trong Mười Điều Răn được lập lại trong các thư tín. Điều răn duy nhất không lập lại chính là điều rất liên quan đến ngày Sabát. Không có chỗ nào truyền Cơ Đốc nhân phải giữ ngày Sabát hay ngày thứ bảy của tuần lễ, vì điều răn này thuộc về lễ nghi hơn là đạo đức. Về cơ bản, một người Do Thái làm việc vào ngày thứ bảy thì không có gì sai trong ngày đó. Điều này sai chỉ vì Đức Chúa Trời đã biệt riêng ngày ấy ra.

Cuối cùng, cũng nên nhắc rằng chín điều răn được lập lại trong các thư tín không phải nhằm để làm luật pháp, nhưng làm lời chỉ dẫn sự công bình dành cho dân sự Chúa. Nói cách khác, Đức Chúa Trời không bảo Cơ Đốc nhân: "Nếu người trộm cắp, thì người bị kết án tử hình." Hay "Nếu người phạm một việc vô đạo đức, người sẽ mất sự cứu rỗi." Đúng hơn, Ngài bảo: "Ta đã cứu người bởi ân điển ta. Giờ đây, ta muốn người sống cuộc đời thành khiết vì cơ yêu mến ta. Nếu muốn biết ta chờ đợi

gì nơi người, người sẽ tìm thấy điều đó trong suốt Tân Ước. Qua Tân Ước, người sẽ thấy chín trong Mười Điều Răn được lập lại. Người cũng thấy những lời dạy của Chúa Jesus, là những lời thực sự đòi hỏi *tiêu chuẩn cư xử cao hơn những đòi hỏi của luật pháp.* Vì vậy, thực ra không phải Giacô đang đặt tin hữu dươì luật pháp và sự lên án của luật pháp đâu. Ông không nói: "Nếu anh em tôn kính con người, anh em đang phạm pháp, và vì vậy bị đoán phạt bằng sự chết."

2:12 Giacô đang nói thế này: "Là tin hữu, anh em không còn ở dưới luật pháp của ách nô lệ nữa, nhưng ở dưới **luật pháp tự do - tự do để làm theo lẽ phải.** Luật Pháp của Môise đòi hỏi anh em phải yêu thương người lân cận nhưng không ban cho anh em năng lực để làm, và kết án nếu anh em thất bại. Dưới ân điển, anh em được ban quyền năng để yêu người lân cận và yêu người lân cận thì được ban thưởng. Anh em không yêu người lân cận để được cứu rỗi, nhưng vì đã được cứu nên yêu. Anh em yêu người lân cận không phải vì sợ hình phạt, nhưng bởi yêu mến Đấng đã chết thay anh em và đã sống lại. Khi anh em đứng trước Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, thì anh em sẽ được ban thưởng hoặc bị mất phần thưởng tùy theo tiêu chuẩn này. Đây sẽ không phải là vấn đề được cứu rỗi, nhưng là được ban thưởng." Cụm từ "Hãy nói và làm..." nói đến những lời nói và việc làm. Cả lời tuyên xưng lẫn đời sống phải phù hợp với nhau. tin hữu nên tránh thiên vị cả trong lời nói lẫn việc làm. Những sự vi phạm đến luật pháp

tự do như thế sẽ bị đoán xét tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ.

2:13 Phải hiểu câu 13 theo văn mạch. Giacô đang nói đến tin hữu. Ở đây không hề có vấn đề hình phạt đời đời; hình phạt ấy đã được trả xong một lần đủ cả tại thập tự giá trên Gôgôtha. Đây là vấn đề Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta như con cái Ngài trong thế giới này. Nếu không làm sự thương xót cho người khác, thì chúng ta đang không bước đi trong sự thông công với Chúa và có thể gánh chịu những hậu quả sẽ đến của tình trạng sa ngã.

Sự thương xót **thắng sự đoán xét** có lẽ có ý nói Đức Chúa Trời muốn tỏ lòng thương xót đối với chúng ta hơn là kỷ luật chúng ta (Michê 7:18); sự đoán xét là "công việc lạ lùng" của Ngài. Có thể điều này muốn nói chúng ta được vui mừng khi đối diện với sự đoán xét nếu đã tỏ lòng thương xót người khác, nhưng nếu không thương xót những người chúng ta có quyền lên án, thì chúng ta sẽ không được thương xót. Hoặc câu này muốn nói **sự thương xót thắng sự đoán xét** theo nghĩa sự thương xót luôn luôn lớn lao hơn sự đoán xét. Ý chung dường như là nếu chúng ta thương xót người khác, thì sự đoán phạt lẽ ra giáng trên chúng ta sẽ được thay thế bởi sự thương xót.

Như vậy, chúng ta hãy tra xét mình về để tài quan trọng của sự thiên vị này. Chúng ta có đối đãi với những người cùng chủng tộc với mình cách nhân từ hơn đối với những người khác chủng tộc không? Chúng ta có tỏ ra nhân từ với người trẻ hơn người già không? Chúng ta có tỏ vẻ coi mở thân thiện với

những người xinh đẹp, dễ nhìn hơn là với những người dơ bẩn về tâm thường hoặc diện mạo không đẹp? Chúng ta có lo tìm cách kết bạn với những người nổi bật hơn là với những người tương đối không ai biết đến? Chúng ta có tránh những người khuyết tật để tìm cách kết bạn với những người khỏe mạnh sung sức không? Chúng ta có thiên vị người giàu hơn người nghèo không? Chúng ta có "đối xử lạnh nhạt" với "những người ngoại quốc" là những người nói ngôn ngữ chúng ta theo giọng ngoại quốc không?

Khi trả lời những câu này, chúng ta hãy nhớ cách mình đối đãi với người tin hữu khó khăn nhất này cũng chính là cách chúng ta đối đãi với Cứu Chúa (Math 25:40).

V. ĐỨC TIN VÀ VIỆC LÀM (2:14-26)

Có lẽ đây là những câu gây tranh cãi nhiều nhất trong thư tin của Giacô. Ngay cả bậc vĩ nhân của hội thánh như Luther cũng đã nghĩ mình tìm thấy mâu thuẫn không thể hòa giải được giữa lời dạy của Giacô về sự xưng công bình bởi việc làm với lời dạy dõ kiên quyết của Phaolô về sự xưng công bình bởi đức tin. Những câu này thường bị lạm dụng để hậu thuẫn cho tà giáo dạy rằng chúng ta được cứu bởi đức tin cộng với việc làm, được gọi là "hỗn thành thuyết." Nói cách khác, tà giáo ấy dạy chúng ta phải tin cậy Đức Chúa Jêsus làm Cứu Chúa mình, nhưng chứng đó chưa đủ. Chúng ta phải cộng thêm vào công tác cứu chuộc của Ngài những việc làm tử thiện và cống hiến của chính mình nữa.

Thực ra có thể đặt nhan đề cho phần này là "Sự Xưng Công Bình Bởi Việc Làm," vì trên một phương diện chúng ta được xưng công bình bởi việc làm. Thực ra, muốn nắm được trọn vẹn chân lý về sự xưng công bình, chúng ta nên hiểu rõ có sáu phương diện của sự xưng công bình. Chúng ta được xưng công bình bởi *ân điển* (Rôma 3:24). Đơn giản điều này có nghĩa chúng ta không xứng đáng để được xưng công bình; trên thực tế, chúng ta xứng đáng nhận điều trái ngược lại. Chúng ta được xưng công bình bởi *đức tin* (Rôma 5:1). Đức tin là đáp ứng của con người với ân điển của Đức Chúa Trời. Bởi đức tin, chúng ta tiếp nhận món quà tặng không này. Đức tin là nắm lấy việc Chúa đã làm cho chúng ta. Chúng ta được xưng công bình bởi *huyết* (Rôma 5:9). Ở đây huyết là giá phải trả để đem lại sự xưng công bình cho chúng ta. Món nợ tội lỗi đã được giải quyết bởi huyết báu của Đấng Christ, và giờ đây Đức Chúa Trời có thể xưng công bình cho những tội nhân không kính sợ Ngài vì đã có sự đền tội công bình rồi. Chúng ta được xưng công bình bởi *Đức Chúa Trời* (Rôma 8:33). Chân lý ở đây là Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình. Chúng ta được xưng công bình bởi *quyền năng* (Rôma 4:25). Sự xưng công bình của chúng ta được liên kết với quyền năng đã khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại. Sự phục sinh của Ngài chứng minh Đức Chúa Trời đã được thỏa mãn. Chúng ta được xưng công bình bởi *việc làm* (Giacô 2:24). Việc làm là bằng chứng bề ngoài cho thực tại đức tin chúng ta. Chúng cũng cấp biểu hiện bề ngoài cho điều mà nếu

không nhờ biểu hiện bề ngoài thì không nhìn thấy chúng được. Từ đây, chúng ta thấy một người được xưng công bình bởi ân điển, bởi đức tin, bởi huyết, bởi Đức Chúa Trời, bởi quyền năng, và bởi việc làm. Thế nhưng không hề có chút mâu thuẫn nào cả. Những câu tuyên bố này chỉ đơn giản trình bày các khía cạnh khác nhau của cùng một chân lý. Ân điển là nguyên tắc mà Đức Chúa Trời căn cứ vào để xưng công bình; đức tin là phương tiện để con người nhận được sự xưng công bình; huyết là giá mà Cứu Chúa đã phải trả; Đức Chúa Trời chính là Tác Nhân tích cực trong sự xưng công bình; quyền năng là bằng chứng; và việc làm là kết quả.

2:14 Giacom quá quyết đức tin không sinh ra việc lành thì đức tin ấy không cứu nổi được. Có hai chìa khóa rất bổ ích để hiểu câu Kinh Thánh này. Trước hết, Giacom không nói: "Dẫu ai có đức tin đi nữa... thì có ích chi chăng." Trái lại ông nói: "Nếu ai nói mình có đức tin... thì ích chi chăng." Nói cách khác, vấn đề ở đây không phải là một người thật sự có đức tin thế nhưng chưa được cứu. Giacom đang mô tả một người không có điều gì khác hơn ngoài lời tuyên xưng đức tin mà thôi. Họ *báo* có đức tin, nhưng không có điều gì trong đời sống mình để chứng tỏ điều ấy. Chìa khóa hữu ích thứ nhì có trong bản NASB. Trong đó, câu Kinh Thánh kết thúc với câu hỏi: "Đức tin đó ^s cứu người ấy được chăng?" Nói cách khác, *loại đức tin* đó có cứu nổi được không? Nếu hỏi Giacom đang nói đến loại đức tin nào, câu trả lời được tìm thấy trong phần đầu câu Kinh Thánh. Ông đang nói đến *loại đức*

tin vô căn cứ không được hậu thuẫn bởi việc lành. Đức tin như thế là vô giá trị. Nó chỉ có toàn là lời nói, chẳng còn gì khác hơn nữa.

2:15,16 Giờ đây đến minh họa cho tính vô ích của những lời nói mà không có việc làm. Chúng ta được giới thiệu hai người. Một người không có **thức ăn uống hằng ngày** cũng không có áo quần đầy đủ. Người kia có cả hai, nhưng không sẵn lòng chia sẻ. Xưng mình rất rộng rãi, người thứ nhì nói với người anh em nghèo của mình: "Đi mặc quần áo vô di, và ăn một bữa ngon." Nhưng người này không động đậy đến cả ngón út để thực hiện việc này. Những lời nói như thế có ích gì? Chúng hoàn toàn vô giá trị! Chúng không làm thỏa được con đói cũng không làm ấm được cho **phần xác**.

2:17 Về đức tin, cũng mọi lẽ ấy; nếu đức tin không sinh ra việc lành, thì tự mình nó chết. Đức tin không có việc lành không hề là đức tin thật. Đó chỉ hoàn toàn là lời nói. Không phải Giacom đang tuyên bố chúng ta được cứu bởi đức tin cộng với việc lành. Đi theo quan điểm như thế tức là không tôn trọng công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ. Nếu được cứu bởi đức tin cộng với việc lành, thì sẽ có hai Cứu Chúa - Chúa Jêsus và chính chúng ta. Nhưng Tân Ước dạy rất rõ rằng Đấng Christ là Cứu Chúa có một và duy nhất. Giacom đang nhấn mạnh chúng ta được cứu không bởi chỉ một mình đức tin của lời nói mà thôi, nhưng bởi thể loại đức tin sinh ra một đời sống có việc lành. Nói cách khác, việc lành không phải là rễ của sự cứu nổi nhưng là trái; chúng

không phải là nguyên nhân nhưng là kết quả. Calvin nói rất ngắn gọn: "Chúng ta được cứu bởi một mình đức tin mà thôi, nhưng không bởi thứ đức tin chỉ có sống một mình nó mà thôi."

2:18 Đức tin thật và việc lành không thể tách rời nhau. Giacô chứng tỏ điều này bằng cách trích cho chúng ta cuộc tranh luận giữa hai người. Người thứ nhất, là người đã được cứu thật, và là người nói. Người thứ nhì xưng mình có đức tin, nhưng không chứng tỏ đức tin ấy bằng việc lành. Người ta nghe người thứ nhất đang nói lên lời thách thức không thể bác được cho người thứ hai. Chúng ta có thể diễn ý cuộc đối thoại này: có lẽ người thứ nhất nói một cách chính xác và có thể chứng minh được rằng: "Đúng rồi, người nói người có đức tin, nhưng người không có những công việc để chứng tỏ đức tin ấy. Ta tuyên bố rằng đức tin phải được hậu thuẫn bởi một đời sống có việc làm. Hãy chứng minh cho tôi thấy anh có đức tin mà không có đời sống có việc lành. Anh không chứng minh được đâu. Đức tin là vô hình. Cách duy nhất cho người khác biết anh có đức tin chính là qua đời sống chứng tỏ được đức tin ấy. Tôi sẽ chỉ cho anh thấy đức tin của tôi bởi các việc làm của tôi." Chia khóa cho câu này nằm ở từ ngữ "chỉ cho." Không thể nào có được tình trạng "chỉ cho" thấy đức tin mà không kèm theo việc làm.

2:19,20 Cuộc tranh luận tiếp tục. Người thứ nhất vẫn đang nói. Đức tin mà người kia tuyên xưng có thể chẳng hơn gì sự đồng ý của lý trí với một sự kiện đã biết rõ. Sự đồng ý trong lý trí như thế chẳng hề bao gồm sự cam kết

của người ấy, và không đem lại đời sống biến cải. Tin Đức Chúa Trời thực hữu thì chưa đủ. Đùng, điều này là thiết yếu, nhưng chưa đủ. Ngay cả ma quỷ cũng tin Đức Chúa Trời thực hữu và chúng run sợ khi nghĩ đến hình phạt cuối cùng Ngài dành cho chúng. Ma quỷ tin sự thật này, nhưng không đầu phục Đấng ấy. Đấy không phải là đức tin cứu rỗi. Khi một người thực sự tin Chúa thì niềm tin đó bao gồm cả phó thác tâm thần linh hồn và thân thể. Đến lượt sự phó thác này dẫn đến đời sống được biến đổi. Đức tin không có việc làm là một niềm tin của cái đầu, và do đó là niềm tin chết.⁶

2:21 Giờ đây ông nêu hai tấm gương về đức tin có việc làm từ Cựu Ước. Họ là Ápraham - một người Do Thái, và Raháp - một người ngoại bang. Ápraham cậy việc làm được xưng công bình khi dâng con mình là Ysác trên bàn thờ. Để có cái nhìn thỏa đáng về sự thật này, xin xem Sáng Thế Ký 15:6. Chúng ta đọc thấy Ápraham tin Đức Giêhôva, và Ngài kể ông là công bình. Ở đây Ápraham được xưng công bình bởi có tin; nói cách khác, ông được xưng công bình bởi đức tin. Nhưng mãi đến Sáng Thế Ký 22 chúng ta mới thấy Ápraham dâng con trai mình. Chính lúc đó ông cậy việc làm được xưng công bình. Ngay khi Ápraham tin nơi Đức Giêhôva, ông được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng rồi, đến bảy đoạn sau đó, Đức Chúa Trời mới thử nghiệm đức tin của Ápraham. Ápraham chứng tỏ đây là đức tin thật bởi sẵn lòng dâng Ysác. Sự vâng lời của ông chứng tỏ đức tin

ông không chỉ là niềm tin trong trí óc, nhưng là sự phó thác của tấm lòng.

Đôi khi người ta phản đối rằng không còn ai khác hiện diện trong khi Ápraham dâng Ysác, nên do đó Ápraham không chứng minh được thực tại đức tin của mình cho ai cả. Nhưng có hai chàng trai cùng đi với Ápraham ở cách đó không xa, đang chờ Ápraham và Ysác từ trên núi trở về. Hơn nữa, có Ysác tại đó. Sự sẵn lòng giết con trai mình của Ápraham để vâng theo mạng lệnh của Chúa cũng được lưu giữ lại trong Kinh Thánh, vì vậy chứng tỏ cho mọi thế hệ biết thực tại của đức tin ông.

2:22,23 Như vậy, rõ ràng đức tin của Ápraham đã thúc giục việc làm của ông, và nhờ việc làm mà đức tin của ông được trọn vẹn. Đức tin thật và việc làm không thể tách rời nhau. Đức tin thật sanh ra việc làm, và việc làm là bằng chứng cho đức tin thật. Qua việc dâng Ysác làm của tế lễ, chúng ta nhìn thấy sự chứng tỏ thực tế đức tin của Ápraham. Đây chính là sự ứng nghiệm thực tế của lời Kinh Thánh đã nói Ápraham được xưng công bình vì ông tin. Những việc lành của ông xác định ông là **bạn Đức Chúa Trời**.

2:24 Từ đây chúng ta kết luận, như sau, người ta cậy việc làm được xưng công bình, chứ chẳng những là cậy đức tin mà thôi. Một lần nữa, câu này không có nghĩa người này được xưng công bình bởi đức tin *cộng* với việc làm. Người được xưng công bình bởi đức tin hướng về Đức Chúa Trời, và bởi việc làm đối với con người, Đức Chúa Trời

xưng công bình người ấy ngay giây phút người tin. Con người nói: "Hãy cho tôi thấy thực tế của đức tin bạn." Cách duy nhất để làm việc này chính là qua việc lành.

2:25 Minh họa thứ nhì của Cựu Ước là kỳ nữ Raháp. Đương nhiên, nàng được cứu không phải nhờ có tình cách tốt (Raháp là kỳ nữ mà!). Nhưng nàng cậy việc làm mà được xưng công bình vì đã tiếp rước các sứ giả (hoặc các thám tử) và khiến họ noi đường khác mà đi. Raháp là người Canaan, sống trong thành Giêricô. Nàng nghe tin đạo binh chiến thắng đang tiến đến thành phố và không thể nào chống cự được đạo binh này. Nàng kết luận rằng Đức Chúa Trời của người Hêbơơ là Đức Chúa Trời chân thật, và quyết định đứng về phía Đức Chúa Trời này, bất chấp phải trả giá nào đi nữa. Khi các thám tử vào thành, nàng kết bạn với họ. Khi kết bạn như vậy, nàng chứng tỏ tính chân thật của đức tin mình nơi Đức Chúa Trời chân thật và hàng sống. Nàng được cứu không phải bởi chưa chấp các thám tử, nhưng hành động hiếu khách này chứng tỏ nàng là một người tin đích thực.

Một số người lạm dụng phần đoạn này để dạy rằng sự cứu rỗi một phần là bởi các việc lành. Nhưng với chữ việc lành, họ muốn nói đến việc bố thí từ thiện, trả các món nợ của bạn, nói sự thật, và đi nhà thờ. Đây có phải là những việc lành của Ápraham và Raháp không? Đương nhiên là không! Trong trường hợp Ápraham, việc lành chính là sẵn lòng giết chết con mình! Trong trường hợp Raháp, đó chính là tội phạm quốc! Nếu bạn loại đức tin ra khỏi

những việc này, chúng sẽ trở thành việc ác chứ không phải việc lành. "Tước mắt đức tin của họ thì họ không những là gian dâm và vô tình, mà còn phạm tội nữa." Mackintosh nói rất hay: "Phần Kinh Thánh này nói đến những việc làm của sự sống, chứ không phải những việc làm của luật pháp. Nếu bạn lấy đức tin ra khỏi những việc làm của Ápraham và của Raháp, thì việc làm của họ là những công việc xấu. Hãy xem chúng như trái của đức tin thì chúng là những công việc của sự sống."

Vì vậy, đây không phải là phần đoạn có thể đem ra để dạy sự cứu rỗi bởi việc lành. Phần đoạn này sẽ đặt người dạy như thế vào địa vị không thể biện minh được là họ đã dạy sự cứu rỗi bằng cách sát nhân và phản quốc!

2:26 Giacơ kết thúc phần đoạn với câu: **"Vả, xác chẳng có hồn thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết như vậy."** Ở đây, vấn đề được tóm tắt thật tuyệt vời. Giacơ đối chiếu đức tin với thân thể người. Ông ví việc làm với linh hồn. **Xác chẳng có hồn thì không có sự sống, vô dụng và vô giá trị. Đức tin không có việc làm thì cũng chết như vậy, cũng vô hiệu quả, vô giá trị như vậy.** Hiển nhiên đây là đức tin giả, chứ không phải đức tin thật cứu rỗi được.

Như vậy, tóm lại Giacơ thử nghiệm đức tin chúng ta bởi câu trả lời cho những câu hỏi sau. Tôi có sẵn lòng giống như Ápraham để dâng điều quý nhất trong đời sống tôi cho Đức Chúa Trời không? Tôi có sẵn lòng như Raháp hiến mình thành người phản bội thể gian để trung thành với Đấng Christ không?

VI. LƯỚI: CÁCH SỬ DỤNG VÀ LẠM DỤNG LƯỚI (3:1-12)

Mười hai câu đầu của đoạn 3 đề cập đến lưới (cũng được đề cập trong 1:19,26; 2:12; 4:11; 5:12). Thấy thuốc ngày xưa khám lưới bệnh nhân để giúp chẩn bệnh thể nào, thì Giacơ cũng kiểm tra sức khỏe thuộc linh qua cuộc đối thoại của người thể ấy. Việc tự chẩn bệnh bắt đầu từ những tội lỗi về lời nói. Giacơ sẽ đồng ý với một người đi dóm thời hiện đại, là người đã nói: "Hãy canh chừng lưới bạn. Nó ở trong nơi ẩm ướt rất dễ bị trượt!"

3:1 Để tài được giới thiệu bởi lời cảnh cáo về ước muốn vói vàng được làm người dạy Lời Đức Chúa Trời. Dấu không nhắc cụ thể đến lưới, ý tưởng cơ bản ấy là: người nào dùng lưới mình để dạy Kinh Thánh thì đã đảm nhận thêm trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời và con người. Những chữ "trong vòng anh em chớ có nhiều người tự lập làm thầy" có thể diễn ý như sau: "Đừng trở nên tham vọng quá đáng để trở thành thầy dạy." Đừng nên giải thích đây là lệnh cấm sử dụng tài năng của người thực sự được Đức Chúa Trời kêu gọi để dạy dỗ. Đây là lời cảnh cáo đơn giản rằng đừng nên xem nhẹ chức vụ này. Những người dạy Lời Lễ Thật sẽ chịu xé đoán nặng hơn nếu không thực hành những điều mình dạy.

Dạy Kinh Thánh là một trọng trách. Người dạy phải chuẩn bị để vàng theo những điều mình thấy trong Lời Chúa. Đừng bao giờ mong dẫn đưa người khác vượt quá những điều mà chính mình thực hành. Mức độ ảnh hưởng của mình trên người khác sẽ được xác định

bởi mức độ tiến bộ của chính mình. Người thấy sinh ra người khác theo chính hình ảnh của mình; người thấy làm cho người khác nên giống như mình. Nếu người thấy làm giảm nhẹ hay giải thích để xem nhẹ ý nghĩa rõ ràng của bất kỳ câu Kinh Thánh nào, người ấy đang cản trở sự tăng trưởng của học viên mình. Nếu dung túng tội lỗi dưới bất kỳ hình thức nào, người ấy đang nuôi dưỡng những đời sống bất khiết. Không một quyển sách nào đưa ra đòi hỏi cho độc giả của nó giống như Tân Ước. Tân Ước đòi hỏi sự trọn lòng phó thác cho Đức Chúa Jêsus Christ. Tân Ước quả quyết Ngài phải là Chúa trong mọi giai đoạn của đời sống người tin Chúa. Dạy từ một quyển sách như thế là một vấn đề nghiêm túc biết dường nào!

3:2 Giờ đây Giacom chuyển từ chức vụ cụ thể là dạy dỗ sang lãnh vực tổng quát của đời thoại. Chúng ta thấy điều để vấp phạm trong nhiều lãnh vực, nhưng nếu ai biết kiểm soát lưỡi mình, để không phạm phải nhiều tội lỗi khác nhau trong lời nói, thì người ấy thật sự từng trải, trưởng thành và có kỷ luật tốt. Nếu có thể kiểm soát lời nói, thì chắc không khó để tự kiểm chế trong các lãnh vực khác của đời sống. Đương nhiên, Chúa Jêsus Christ là Đấng duy nhất thực hiện điều này hoàn hảo, nhưng có một phương diện để mỗi chúng ta có thể trở nên trọn vẹn, tức là trong sự trưởng thành hoàn toàn có kỷ luật trọn vẹn.

3:3 Ở đây nêu năm hình thái tu từ, hay năm hình ảnh của lưỡi. Trước hết,

Lưỡi được ví với hàm thiếc. Hàm thiếc là cương choàng vào đầu ngựa và giữ cho hàm thiếc ở trong miệng. Hàm thiếc được nối với dây cương. Đầu hàm thiếc là một miếng sắt rất nhỏ, thế nhưng nếu người kiểm soát được hàm thiếc ấy, thì có thể kiểm soát được hành vi của con ngựa. Lưỡi cũng có thể điều khiển đời sống như thế - hoặc để làm điều tốt hoặc để làm điều xấu.

3:4 Hình ảnh thứ nhì là bánh lái tàu. So với chính chiếc tàu, bánh lái rất nhỏ. Trọng lượng của nó vô cùng nhỏ so với khối lượng của con tàu. Chẳng hạn, con tàu Queen Elizabeth nặng 83.673 tấn. Bánh lái con tàu này chỉ nặng 140 tấn chưa đến hai phần mười của một phần trăm tổng khối lượng. Thế nhưng khi bánh lái quay, nó điều khiển hướng đi của cả con tàu. Dường không thể tin rằng một người có thể điều khiển con tàu to lớn như thế với một thiết bị tương đối nhỏ đến như vậy; thế nhưng đó lại là sự thực. Bởi đó, chúng ta nên đứng nên đánh giá sai sức mạnh của lưỡi bởi cơ kích cỡ của nó. Đầu lưỡi là một chi thể rất nhỏ trong thân, và tương đối khuất, thế nhưng nó có thể khoe vẻ những thành tựu lớn, cả tốt lẫn xấu.

3:5,6 Ví von thứ ba về lưỡi là lửa. Một cây diêm thấp lên, khi ném ra bất cẩn, có thể đốt cháy cả một bụi rậm. Đến lượt bụi rậm này phát hỏa đốt cả một cái rừng lớn và để lại cả một đống tro than. Như vậy, một que diêm có khả năng hủy hoại và tàn phá lớn biết dường nào! Một trong những thảm họa lớn nhất của lịch sử là trận hỏa hoạn Chicago năm 1871. Lời truyền khẩu cho

biết trận hỏa hoạn bùng lên khi con bò của Bà O'Leary đã ngã chiếc đèn lồng của bà. Dấu có đúng như thế hay không đi nữa, trận hỏa hoạn đã cháy suốt ba ngày trên ba dặm vuông rưỡi của thành phố. Nó giết chết 250 người, khiến 100.000 người sống màn trời chiếu đất, và phá hủy tài sản giá trị lên đến 175 triệu Mỹ kim. Lưỡi giống như một que diêm nhỏ đốt lên hay một chiếc đèn lồng bị ngã. Tiềm năng ác độc của nó hầu như vô hạn. Giaco nói lưỡi là nơi **đỏ hội của tội ác ở giữa các quan thế chúng ta.** Chữ "**đỏ hội**" ở đây được dùng để diễn tả sự lộn xộn. Đôi khi chúng ta dùng từ ngữ theo nghĩa này; lấy ví dụ, nơi **đỏ hội** của rắc rối. Chúng ta muốn nói có nhiều vô số rắc rối. Cái lưỡi **đỏ** rất nhỏ, nhưng lại mang trong nó những khả năng tội ác lớn lao vô cùng.

Phương cách lan bùng của ngọn lửa nói điều ác được minh họa bởi cuộc đối thoại giữa hai phụ nữ tại Brooklyn. Một người nói: "Tillie kể cho tôi nghe rằng chị kể cho cô ta bí mật mà tôi đã bảo chị đừng kể cho cô ta biết." Người kia trả lời: "Cô ta thật tí tiện. Tôi đã bảo Tillie đừng có kể với chị là tôi đã cho chị ta biết kia mà." Người thứ nhất trả lời: "Ồ, tôi đã bảo với Tillie rằng tôi sẽ không nói cho chị biết là cô ta đã kể cho tôi nghe đâu - vì vậy đừng có nói cho chị ta biết là tôi đã kể cho chị nghe nhé."

Cái lưỡi có thể làm ô uế cả mình. Một người có thể làm bại hoại cả nhân cách của mình khi dùng lưỡi để nói vu, nói tục, nói dối, nói lộng ngôn, và chửi thề.

Chappel viết:

Người hay bôi mìn tối ư gây thương tật cho chính mình.... Người ném bìn không thể nào chơi trò tiêu khiển ưa thích của mình mà không làm cho tay và lòng mình vấy bẩn thứ bìn mình đã quăng đi. Chúng ta rời khỏi kinh nghiệm như thế với cảm giác bị ô uế thường xuyên biết bao! Thế nhưng chúng ta đâu có ý định dờ. Chúng ta hy vọng cách vô ích rằng khi ném bìn vào người khác thì có thể làm cho người ta đánh giá cao về sự sạch sẽ của chính mình. Chúng ta đại dột đến nỗi tin rằng mình có thể gây dựng chính mình bằng cách triệt hạ người khác xuống. Chúng ta đại mù đến nỗi tưởng rằng nhốt nhốt khỏi thuốc nổ xuống dưới nhà người lân cận thì mình có thể làm vững chắc nền của nhà mình. Nhưng không bao giờ như thế cả! Khi nổ ư: làm tổn thương người khác, có thể chúng ta thành công, nhưng sẽ luôn luôn gây cho chính mình bị thương còn nặng hơn.⁷

Lưỡi đốt cháy cả đời người. Đây là cuộc đời bắt đầu từ lúc sinh ra. Nó mô tả toàn bộ chu trình hoạt động của con người. Một cái lưỡi gian ác làm ô nhiễm không những đời sống cá nhân của người ấy, mà còn làm ô nhiễm toàn bộ những hoạt động của người nữa. Nó tác hại đến "toàn bộ sự gian ác trong toàn bộ con người trọn cả đời." Lưỡi gian ác đã bị **lửa địa ngục đốt cháy.** Mọi lời nói xấu xa đều bắt nguồn từ đó. Chính đặc tánh của nó là thuộc địa ngục. Chữ được dùng cho "**địa ngục**" ở đây chính là *Gehenna*; ngoại trừ lần được dùng ở đây, chữ này được dùng trong Tân Ước bởi duy nhất Chúa Giêsu mà thôi.

3:7 Hình ảnh thứ tư được vi với lưới là một vật dữ không hàm đẹp được. Mọi loại thú, chim rắn và loài dưới biển đều có thể thuận hóa. Chẳng phải là chuyện bất thường khi thấy người ta thuận hóa được voi, sư tử, cạp, chim săn mồi, rắn, cá heo, và cả cá khác nữa. Pliny liệt kê những sinh vật được con người thuận hóa trong thời ông gồm có: loài thú thì có voi, sư tử và cạp; loài chim có chim ưng; rắn mào và các loài rắn khác, trong vòng loài sống dưới nước, có cá sấu và nhiều loài cá khác. Tranh luận rằng không phải mọi loài sinh vật đều đã thực sự được thuận hóa thì đã lạc mất ý chính trong lập luận của Giacô; không có cơ gì để tin người ta không thuận hóa được một loại thú nào đó nếu họ có đủ thì giờ và kiên nhẫn.

Robert G. Lee diễn tả điều này rất hùng hồn:

Con người làm gì với những chú voi khổng lồ? Con người đã xâm lược quê hương rừng rậm của chúng, đánh bại chúng, huấn luyện - nhạo cười chúng - để bắt kéo hàng, đẩy những tua xe chấu đẩy hàng nặng, làm đủ mọi việc nặng nhọc. Con người làm gì với loài hổ Bengal mắt xanh lá? Bắt nuốt chúng, dạy chúng, biến chúng thành người bạn cùng đi săn trò. Con người làm gì với những chú sư tử Châu phi hung dữ mạnh mẽ? Con người đã bắt vô số sư tử như thế, huấn luyện cho chúng nhảy qua những chiếc vòng lửa, cưỡi trên lưng ngựa, ngồi trên những bệ cao, bắt chúng để yên không được động đến miếng thịt bò đặt giữa móng vuốt của chúng - khi chúng đang đói, nằm xuống, đứng lên, phả chạy, phải rống theo hiệu lệnh của người điều

khiển, vâng theo tiếng vọt roi của con người. Tại sao vậy, có lần tôi thấy (nhiều năm trước tại rạp xiếc) một con sư tử há rộng cái miệng đối mỗi to như cái hang và rồi giữ nguyên như vậy trong khi người luyện thú chui đầu vào sâu trong hòm sư tử và ở yên trong đó đúng một phút.

Con người đã làm gì với những con trâu Nam Mỹ khổng lồ? Làm gì với con trâu lớn? Hãy vào rạp xiếc mà xem những cô gái nhỏ bé, mảnh mai yếu ớt như bông hoa, đang cuộn những con quái vật kinh khủng này vòng quanh thân của họ mà chẳng hề hấn gì cả. Hãy vào những buổi biểu diễn xiếc thú, xem cách con người làm cho những chú báo đốm và báo đốm Mỹ khát máu trở nên vô hại và cảm lặng trước mặt mình. Hãy đến các buổi biểu diễn sẽ thấy những con hổ chết đã được huấn luyện, thấy những con linh cẩu đòi mỗi năm dài hơn cạnh con chiến hiên lành, thấy chim bồ câu và chim ưng ở chung tổ với nhau, thấy chó sói và thỏ nó đùa bèn nhau.⁸

3:8 Nhưng thành công thuận hóa đã thú của con người lại không mở rộng sang lãnh vực trị phục lưới của chính họ. Nếu thành thật, chúng ta sẽ phải thú nhận điều này đúng trong đời sống chúng ta. Bởi cố sự sa ngã, chúng ta đã mất quyền thống trị trên một mảnh thịt nhỏ bé này. Bản chất con người không có năng lực hay sức mạnh để thống trị chi thể nhỏ bé này. Chỉ có Đức Chúa Trời mới trị phục được nó.

Tiếp theo, Giacô mô tả đặc trưng của lưới là vật dữ người ta không hàm đẹp được. Nổi cộm từ này với những chữ **đầy đầy** những chất độc giết chết,

chúng ta nghi Giaco đang nghĩ đến một con rắn không yên, với nọc cực kỳ độc. Một hai giọt nọc độc cũng đủ chết người rồi. Lưỡi cũng đầu độc tâm trí và giết chết tính cách giống y như thế. Hết thấy chúng ta đều biết rất dễ nói hành người khác biết bao. Chúng ta thường bôi nhọ người khác để trả đũa những điều mình cho là bị đối đãi tệ. Và chúng ta cũng rất thường xuyên vô cớ xem thường người khác, chỉ trích họ, hạ thấp họ, ai có thể đo lường được tổn hại mình đã gây ra, những giọt nước mắt đã đổ ra, những tấm lòng vỡ tan, những uy tín bị phá hoại? Và ai đo lường được khôn khổ mà nó đem đến cho chính đời sống và gia đình chúng ta? Ai đo được cay đắng dấy lên trong lòng, sự nhục nhã khi phải xin lỗi, những hậu quả xấu trên sức khỏe chúng ta. Những bậc cha mẹ nào công khai buông mình chỉ trích những tin hữu khác thì họ đã phải chứng kiến con cái mình cũng học cùng một tinh thần chỉ trích như thế và rời đi xa khỏi mối thông công Cơ Đốc. Giá phải trả khi sử dụng lưỡi mình cách vô kỷ luật thật lớn lao biết dường nào.

Có giải pháp nào chăng? Hãy cầu nguyện mỗi ngày xin Chúa giữ chúng ta khỏi nói hành, khỏi tạt bụi mìn chỉ trích lỗi lầm, và những lời nói thiếu tử tế. Đừng nói thiếu thiện cảm về bất cứ ai; tình yêu thương che đậy vô số tội lỗi (1.Phiêrô 4:8). Nếu có điều gì nghịch với người khác, chúng ta hãy đến trực tiếp với người ấy, bàn luận vấn đề đó trong tình yêu thương rồi cầu nguyện cùng nhau (Mathiơ 18:15; Luca 17:3). Chúng ta hãy cố gắng nhìn thấy Đấng Christ trong anh em mình thay vì phóng đại

những thất bại nhỏ nhặt. Nếu chúng ta lỡ bắt đầu mở miệng nói một điều gì đó thiếu tử tế hay không ích lợi, hãy dừng ngang giữa chừng câu nói và giải thích rằng cứ tiếp tục nói câu đó thì sẽ không gây dựng được. Có một số điều mà đừng nên nói ra thì tốt hơn cả.

3:9,10 Thật không nhất quán khi dùng lưỡi vào cả mục đích tốt lẫn xấu. Điều này hoàn toàn trái lẽ tự nhiên; trong cõi thiên nhiên không có điều gì giống như thế cả. Mới phút trước một người dùng lưỡi mình khen ngợi Chúa, phút sau đã rủa sả người được **lao** nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Thật phi lý biết bao khi cùng chung một nguồn lại tạo ra những kết quả trái ngược nhau đến như vậy! Đàng lẽ không được có tình trạng như thế. Lưỡi nào đã ca ngợi Chúa thì nên giúp ích người khác thay vì làm tổn thương họ. Toàn bộ những lời chúng ta nói ra đều phải chịu thử nghiệm bởi ba điều sau: Có thật không? Có nhân hậu không? Có cần thiết không? Chúng ta nên luôn luôn xin Chúa canh giữ môi miệng mình: (Thithiên 141:3), và cầu nguyện để lời nói của miệng chúng ta và sự suy gẫm của lòng chúng ta được đẹp ý Ngài, là Đấng làm sức mạnh và Đấng cứu chuộc chúng ta (Thithiên 19:14). Chúng ta nên nhớ các chi thể của chúng ta trong Rôma 12:1 bao gồm cả lưỡi chúng ta nữa.

3:11 Không một con suối nào đồng thời ra cả nước ngọt và nước đắng được. Lưỡi cũng phải không có tình trạng như vậy. Những điều tuôn ra từ lưỡi đều phải tốt toàn bộ như nhau cả.

3:12 Nước ra từ con suối nòi đến sự làm tươi mát thể nào, thì trái từ cây vả cũng nói đến sự bổ dưỡng thể ấy. Cây vả không thể sinh ra trái olive, cây nho cũng không sinh ra được trái vả. Trong cõi thiên nhiên, một cây chỉ sanh ra được một loại trái. Như vậy, làm sao lưỡi có thể sinh ra hai loại trái - cả trái tốt lẫn trái xấu được?

Đừng nên lẫn lộn phần đoạn này với phần đoạn tương tự trong Mathiơ 7: 16-20. Ở đó, chúng ta được cảnh cáo đừng mong cây xấu sanh được trái tốt. Người xấu chỉ có thể sanh ra những việc xấu. Ở đây, chúng ta được cảnh cáo đừng dùng lưỡi để sanh ra hai loại quả trái ngược nhau.

Một mạch nước không thể đồng thời vừa chảy ra nước mặn lẫn nước ngọt. Bất huộc chỉ là nước mặn hoặc chỉ là nước ngọt mà thôi. Những bài học này cứ cõi thiên nhiên nhằm nhắc nhở lời nói của chúng ta trước sau đều phải tốt lành cả.

Như vậy, Giacơ đang thử nghiệm chúng ta trên phương diện lời nói. Trước khi tới phần này, chúng ta hãy tự hỏi mình những câu sau. Tôi có dạy người khác những điều mà bản thân tôi không tuân giữ không? Tôi có chỉ trích sau lưng người khác không? Lời nói của tôi có trước sau như một đều luôn thanh sạch, gây dựng, nhân hậu không? Tôi có dùng "những lời thể huych toạ" như là trời ơi, trời, đồ quý, đồ yêu, trời đất, chết tiệt, v.v...? Sau một buổi nhóm trang trọng, tôi có buông mình vào chỗ thiếu nghiêm túc, khinh suất hoặc ngổnáo nói chuyện về những bàn thắng trong bóng đá không? Tôi có giễu cợt chừ

Kinh Thánh không? Khi thuật lại một câu chuyện, tôi có cường điệu để khiến người ta có ấn tượng nhiều hơn không? Tôi có thói quen nói lên sự thật cho đâu đâu đó đồng nghĩa với mất mặt, mất bạn bè hoặc thiệt thòi về tài chánh?

VII. SỰ KHÔN NGOAN: THẬT VÀ GIẢ (3:13-18)

Giờ đây Giacơ luận đến sự khác nhau giữa khôn ngoan thật và giả. Khi nói về sự khôn ngoan, ông không nghĩ đến mức độ *hiếu biết* của một con người, nhưng là cách người ấy sống mỗi ngày. Điều quan trọng không phải là sở hữu kiến thức, nhưng là áp dụng đúng kiến thức ấy. Ở đây, chúng ta có chân dung của con người khôn ngoan thật. Về cơ bản, con người này chính là Chúa Jêsus Christ; Ngài là sự khôn ngoan nhập thể (Mathiơ 11:19; I.Côrinthô 1:30). Nhưng người khôn ngoan cũng là người bày tỏ ra sự sống của Đấng Christ, là người thể hiện rõ trái Thánh Linh (Galatê 5:22,23).

Chúng ta cũng có chân dung của người khôn ngoan theo thể gian. Người này hành động theo các nguyên tắc của đời này. Người này có mọi đặc điểm mà con người tôn vinh. Hành vi của người không tỏ ra bằng chứng nào là có sự sống thiên thượng trong mình.

3:13 Nếu một người thật có sự khôn ngoan thông sáng, thì sẽ bày tỏ ra qua cách ăn ở lối của mình kèm với tình thân khliêm nhường xuất phát từ sự khôn ngoan. Chúa Jêsus - hiện thân của sự khôn ngoan thật - không kiêu hãnh và ngạo mạn. Ngài nhu mì và khliêm nhường (Mathiơ 11:29). Do đó, mọi

người nào khôn ngoan thật đều sẽ có dấu hiệu của sự khiêm nhường thật.

3:14 Người khôn ngoan theo thể gian đặc trưng bởi **tâm lòng ghen tương cay đắng và tham vọng ích kỷ**. Một tham vọng của người trong đời này là làm sao **đẩy mạnh được những lợi ích riêng của mình**. Người này ganh tị với tất cả những người cạnh tranh với mình và đối đãi nhằn tâm với họ. Người ấy tự hào về sự khôn ngoan đã đem lại thành công cho mình. Nhưng Giacơ nói đây không phải là sự khôn ngoan chỉ cả. Sự khoe khoang như thế là trống rỗng. Đây chính là sự phủ nhận thực tế đối với **lẽ thật** và người khôn ngoan thật chính là người thật sự khiêm nhường.

3:15 Ngay cả trong sự phục vụ Đấng Christ, cũng có thể có điều ghen tương cay đắng với những nhân sự khác, và tìm địa vị nổi bật cho chính bản thân mình. Luôn luôn có nguy cơ là người khôn ngoan theo thể gian sẽ được người ta dành cho địa vị lãnh đạo trong hội thánh. Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác quyết không để cho các nguyên tắc thể gian chỉ đạo chúng ta trong những vấn đề thuộc linh. Giacơ gọi sự khôn ngoan giả này là **thuộc về đất, về xác thịt và về ma quỷ**. Ba tính từ này diễn tả sự đi xuống có chủ định. **Thuộc về đất** muốn nói sự khôn ngoan này không ra từ trời, nhưng ra từ đất này. **Thuộc về xác thịt** có nghĩa đây không phải là trái của Thánh Linh, nhưng là bản chất thấp hèn của con người. **Thuộc về ma quỷ** muốn nói rằng nó đã hạ thấp mình xuống đến những hành động tương tự với hành vi của ma quỷ chứ không còn là hành vi con người nữa.

3:16 Ở đâu bạn thấy có những điều ghen tương tranh cạnh ấy, thì sẽ thấy sự **lộn lạo, bất hòa, và đủ mọi điều ác**. Chẳng trật vào đâu được! Cứ suy nghĩ đến sự bất ổn và khiêu khích trong thế giới ngày nay xem - hết thấy đều bởi cơ con người khước từ Sự Khôn Ngoan thật và hành động theo điều mà họ tự cho là khôn khéo!

3:17 Sự khôn ngoan đến từ Đức Chúa Trời **trước hết là thanh sạch**. Nó không hề ô uế. Trong tư tưởng, lời nói và việc làm, sự khôn ngoan ấy đều thanh sạch cả. Trong tâm linh và thân thể, trong giáo lý và nếp sống đạo, trong đức tin và trong nguyên lý đạo đức nó đều không bị vẩn đục. Sự khôn ngoan ấy cũng **hòa thuận** nữa. Điều này đơn giản có nghĩa người khôn ngoan yêu mến sự hòa thuận, hòa bình, và sẽ làm hết khả năng để duy trì sự hòa thuận mà quyết không hy sinh sự thanh sạch. Điều này được minh họa qua câu chuyện của Luther về hai con dê gặp nhau trên chiếc cầu chật hẹp ngang qua dòng nước sâu. Chúng không thể đi lui và cũng không dám đánh nhau. "Sau cuộc hòa đàm ngắn ngủi, một con nằm xuống cho con kia đi qua trên mình, và như vậy không gây tổn hại nào cả." Luther bảo: "Bài học thật dễ: Hãy thỏa lòng nếu con người bạn bị giam lên vì cơ hòa bình; tôi nói là con người bạn, chứ không nói lương tâm bạn." Sự khôn ngoan thật thì **tiết độ**. Sự khôn ngoan ấy nhận nhục, chứ không độc đoán; lịch sự, chứ không thô lỗ. Người khôn ngoan là người dịu dàng, tôn trọng những cảm xúc của người khác. A. B. Simpson nói: "Cung cách thô lỗ, mỉa mai, sự trả đũa

gay gắt, một nhận xét không tử tế - hết thấy những điều này không hề có chút gì chung với sự dạy dỗ dịu dàng của Đấng Yên Ủi."

Đặc trưng kế tiếp là nhu mì (Bản Anh ngữ: "Sẵn lòng đầu phục"). Điều này muốn nói đến tình để hòa giải, có thể tiếp cận, biết lẽ phải, sẵn sàng nhượng bộ khi chân lý đòi hỏi đến. Điều này trái ngược với ngoan cố và ương bướng. Sự khôn ngoan đến từ trên thì **đẩy đẩy lòng thương xót và bồng trái lành**. Sự khôn ngoan ấy **đẩy đẩy lòng thương xót** đối với những người mắc sai lầm, và lo lắng để giúp họ tìm được đường ngay lẽ phải. Sự khôn ngoan ấy giàu lòng thương xót và tử tế. Sự khôn ngoan ấy **không hề có hận thù**; thực ra nó lấy đức nhân từ để đến đáp sự bất lịch sự. Sự khôn ngoan ấy không hai lòng (Bản Anh ngữ: "Không thiên vị"), tức là không tạo ra tình thân thiên vị. Sự khôn ngoan ấy không thiên vị trong cách đối đãi với người khác. Cuối cùng, sự khôn ngoan thật **không giả hình**. Nó thật lòng và thành thật. Nó không giả bộ cho khác với thực trạng của nó.

Giờ đây, chúng ta hãy kết hợp tất cả những ý tưởng này lại để hình thành chân dung của hai con người - người khôn ngoan thật và người có sự khôn ngoan giả tạo. Người thật sự khôn ngoan thì thật sự khiêm nhường. Người này đánh giá người khác tốt hơn mình. Người không làm ra vẻ ta đây, nhưng làm cho người khác thấy dễ chịu. Hành vi của người không giống như hành vi của thế gian xung quanh; hành vi ấy siêu phàm. Người không sống cho thế

xác nhưng cho tâm linh. Người dùng lời nói và hành động khiến bạn suy nghĩ đến Chúa Jesus. Đời sống người ấy thanh sạch. Người thanh sạch về đạo đức và tâm linh. Rồi người cũng hòa thuận nữa. Người sẽ chịu đựng sự lăng mạ và những lời vu cáo nhưng không chống cự lại hoặc thậm chí cũng không tìm cách tự biện minh. Người ấy dịu dàng, cư xử mềm mại, và có lòng nhu mì. Người khác dễ dàng tranh luận với người, và người sẵn lòng cố gắng xem xét quan điểm của người khác. Người không hận thù nhưng luôn luôn sẵn sàng tha thứ những người ngược đãi mình. Không những vậy, người còn có thói quen đối đãi nhân từ với người khác, đặc biệt những người không xứng đáng nhận sự nhân từ ấy. Đối với ai người cũng cư xử cùng một cách; người không thiên vị. Người giàu cũng như người nghèo được đối đãi như nhau; người cũng không thiên vị chịu đựng người sang trọng hơn những người bình dân. Cuối cùng, người không giả hình. Người không nói một đằng mà nghĩ một nẻo. Bạn sẽ không bao giờ nghe người ấy tăng bốc ai. Người nói ra sự thật mà không bao giờ sử dụng mặt nạ cả.

Người khôn ngoan theo thế gian thì không như vậy đâu. Lòng người này đẩy đẩy sự ganh tị và tranh cãi. Khi cương quyết làm giàu cho mình, người trở nên cứng rắn không nhân nhượng mọi đối thủ hay kinh địch. Hành vi người không hề có điều gì cao quý cả; nó chẳng vươn lên cao được hơn đất này. Người sống để thỏa mãn lòng thèm khát tự nhiên của mình - cũng như thói thường của

thứ vật vấy thôi. Những phương pháp của người thật tàn bạo, phản trắc và theo cách của ma quỷ. Ấn đằng sau bộ quần áo chải chuốt kia là đời sống bất khiết. Nếp sống tư tưởng của người ở nhiệm, hành vi đạo đức bại hoại, lời nói ô uế. Người cãi lầy với bất kỳ người nào không đồng ý với mình hoặc với người nào vượt qua mặt mình theo bất kỳ cách nào. Tại gia đình, sở làm, trong nếp sống xã hội, người luôn luôn tranh giành cãi cọ. Người hà khắc và tỏ vẻ ta đây, thô lỗ và cộc cằn. Người ta không để đàng đến gần người; người khiến người khác xa lánh mình. Trò chuyện êm xuôi với người là điều không thể có. Tâm trí của người đã có sẵn định kiến rồi, và người chẳng bao giờ đổi ý. Người này không tha thứ và đẩy hận thù. Khi bắt gặp người khác mắc sai lầm hoặc phạm lỗi, người không chút thương xót. Trái lại, người sẵn sàng tuôn ra hàng tràng lời nói hung bạo, bất lịch sự và đê tiện. Người này đánh giá người khác xét theo ích lợi mà họ có thể đem đến cho người. Khi không còn "sử dụng" họ được nữa, tức là khi không còn mong được lợi lộc gì nhờ quen biết họ, người chẳng còn quan tâm tới họ nữa. Cuối cùng, người này có hai lòng và không thành thật. Bạn không bao giờ có thể biết chắc chắn về người đó - hoặc trong lời nói hoặc trong hành động của người.

3:18 Giacô kết thúc đoạn này với những chữ: "Vả, bông trái của điều công bình thì gieo trong sự hòa bình, cho những kẻ nào làm sự hòa bình vậy." Đây là mấu nối giữa những điều chúng ta đang thảo luận với điều sắp

đến. Chúng ta vừa biết rằng sự khôn ngoan thật thì yêu mến sự hòa thuận. Trong đoạn sau, chúng ta thấy xung đột giữa dân sự Đức Chúa Trời. Ở đây, chúng ta được nhắc nhở đời sống giống như tiến trình làm nông. Chúng ta có nông gia (người khôn ngoan biết gieo trong sự công bình); có khi hậu (sự hòa bình); và mùa gặt (sự công bình). Nông gia muốn gia tăng mùa gặt sự công bình. Có thể nào thực hiện điều này trong bầu không khí cãi lầy và tranh tụng không? Không, việc gieo giống phải xảy ra trong những điều kiện hòa bình. Phải do những người có thiện hướng hòa bình thực hiện. Mùa gặt của sự công bình sẽ sinh ra trong chính đời sống họ và trong đời sống của những người được họ chăm sóc.

Một lần nữa, Giacô thử nghiệm đức tin chúng ta, lần này về thể loại khôn ngoan chúng ta bày tỏ trong nếp sống hằng ngày. Chúng ta phải tự hỏi: "Tôi có tôn trọng con người kiểu ngạo của thế gian này hơn là tôn trọng những đức hữu khiêm nhường trong Chúa Jesus không?" "Tôi có phục vụ Chúa mà không cần tính xem ai sẽ được kể công, ai sẽ được khen không?" hay "Tôi có thỉnh thoảng sử dụng những phương tiện đáng ngờ để đạt được những kết quả tốt không?" "Tôi có phạm tội tâng bốc mình để gây được ảnh hưởng đến người khác không?" "Tôi có chất chứa lòng ghen tị và tức giận không?" "Tôi có dừng đến những nhận định phê bình đầy châm biếm và ác ý không?" "Tôi có thanh sạch trong tư tưởng, trong lời nói, trong những hành vi đạo đức không?"

VIII. THAM LAM: NGUYỄN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP (Đoạn 4)

Giacơ nói rõ rằng người khôn ngoan là người yêu mến sự hòa bình. Giờ đây ông nhắc đến cuộc xung đột bí hiểm thường diễn ra giữa vòng dân sự Chúa. Nguyên nhân của nó là gì? Vì sao có quá nhiều gia đình thiếu hạnh phúc và rất nhiều hội thánh bị tan nát vì có chia rẽ? Vì sao có những kẻ thù cay đắng đến như vậy giữa vòng nhân sự Cơ Đốc tại quốc nội, cũng như những xung đột như thế giữa vòng các giáo sĩ hải ngoại? Nguyên nhân là chúng ta không ngừng tranh đấu để thỏa mãn tham muốn lạc thú và ham muốn của cải giàu có, và cố làm cho vượt hơn người khác nữa.

4:1,2a Sự thực đáng buồn ấy là có chiến đấu tranh cạnh giữa vòng Cơ Đốc nhà. Nói rằng phân đoạn này không áp dụng cho tín hữu thì không thực tế, và lược mất toàn bộ giá trị của phần đoạn ấy đối với chúng ta. Điều gì gây nên loạn bộ cuộc chiến đấu này? Nó xuất phát từ những tình dục bên trong chúng ta vốn đang không ngừng tranh đấu để được thỏa mãn. Có lòng tham muốn để tích lũy của cải vật chất. Có sự tranh đấu giành uy tín. Có sự khao khát lạc thú, tham muốn để được thỏa mãn thêm khát của thể xác. Những thể lực mạnh mẽ này đang hành động trong chúng ta. Chúng ta không bao giờ thỏa mãn cả. Chúng ta luôn luôn muốn có thêm nhiều hơn nữa. Thế nhưng dường như chúng ta lại không ngừng cảm thấy vẫn chưa thỏa mãn được với nỗi khao khát ấy của mình. Lòng khao khát chưa được thỏa mãn trở nên mạnh mẽ đến nỗi

chúng ta giày đạp những ai có vẻ như đang cản trở bước tiến của mình. Giacơ nói: "Anh em giết người." Ông dùng từ ngữ này hầu như theo nghĩa bóng. Chúng ta không giết người theo nghĩa đen, nhưng cơn giận, ganh tị và tàn ác của chúng ta chính là sự giết người đang ở dạng phôi thai.

4:2b,3 Chúng ta tham muốn mà chẳng được chi. Chúng ta muốn có nhiều đồ vật hơn và có những đồ tốt hơn người khác. Và khi cố gắng làm như vậy, chúng ta thấy mình cãi lầy và cắn nuốt lẫn nhau.

John và Jane vừa mới cưới nhau. John có việc làm khá tốt với mức lương vừa phải. Jane có căn nhà tốt như nhà của bao cặp vợ chồng trẻ khác trong hội thánh. John muốn chiếc xe đời mới. Jane muốn có những đồ đạc vật dụng trong nhà loại thật tốt. Một số những món này phải mua trả góp. Lương của John không chịu nổi sức ép này. Rồi gia đình có một đứa con; điều này đồng nghĩa phải thêm khoản chi tiêu và một ngân sách mất cân đối kinh khủng. Khi những đòi hỏi của Jane gia tăng, John trở nên cau kính và bực tức. Jane trả đũa bằng lời nói xấu và nước mắt. Chẳng bao lâu tương nhà run lên với cuộc xung đột này. Chủ nghĩa duy vật đang phá hủy gia đình này.

Mặt khác, có lẽ là Jane ganh tị. Cô cảm thấy Bob và Sue Smith có địa vị nổi bật trong hội thánh hơn là cô và John. Cô bắt đầu nói kháy, nói cạnh khốe Sue. Khi cuộc chiến giữa họ dữ dội hơn, Bob và John cũng lâm chiến. Rồi các Cơ Đốc nhân khác cũng về phe với mỗi

bên, và hội chúng bị chia rẽ vì cơ lòng tham muốn địa vị nổi bật của chỉ một con người.

Như vậy, đây là nguồn của sự nổi xấu và xung đột giữa vòng tín hữu. Nó xuất phát từ lòng khao khát muốn có thêm nhiều hơn, và từ lòng ganh tị người khác. “Đua đòi” là tên lịch sự cho thái độ đó; nói chính xác hơn, chúng ta nên gọi đó là tham lam, tham muốn và ganh tị. Khao khát này trở nên mạnh mẽ đến nỗi người ta sẽ làm hầu như bất cứ chuyện gì để làm thỏa mãn lòng tham muốn của mình. Họ học biết rất chậm rằng không thể tìm thấy sự vui thỏa thật theo kiểu đó, nhưng tìm được vui thỏa thật khi thỏa lòng với thức ăn áo mặc (1.Timôthê 6:8).

Cầu nguyện là lối tiếp cận thích hợp để giải quyết nan đề. “Đừng tranh cãi. Đừng chiến đấu. Hãy cầu nguyện.” Giacô nói: “**Anh em chẳng được chi, vì không cầu xin.**” Thay vì trình dâng những điều này lên Chúa trong sự cầu nguyện, chúng ta lại cố gắng kiếm và lấy những điều mình muốn bằng nỗ lực riêng của mình. Nếu muốn điều mình không có, chúng ta nên xin Chúa ban cho. Nếu thật sự cầu xin, và lời cầu nguyện không được nhậm, vậy thì sao? Điều này đơn giản có nghĩa động cơ của chúng ta không trong sạch. Chúng ta muốn có những thứ này không vì cơ vinh quang của Chúa hay vì ích lợi của người đồng loại chúng ta. Chúng ta muốn chúng để hưởng thụ ích kỷ cho riêng mình. Chúng ta muốn chúng để làm thỏa mãn những thêm khát tự nhiên của mình. Đức Chúa Trời không

hứa nhậm những lời cầu nguyện như thế.

Trong ba câu đầu tiên này, chúng ta có được một bài học sâu sắc biết bao về tâm lý học. Nếu con người thỏa lòng với điều Chúa đã ban cho họ, thì sẽ tránh được xung đột và bận khoăn lo âu nhiều đến mức nào! Nếu chúng ta yêu người lân cận như mình, và quan tâm đến việc chia sẻ hơn là tích góp, thì sẽ được hòa bình biết dường nào! Nếu chúng ta vâng theo mạng lệnh của Cứu Chúa để từ bỏ hơn là tích lũy, để chất chứa kho báu trên Thiên đàng hơn trên đất này, thì những cuộc tranh chấp sẽ chấm dứt tuyệt vời biết bao!

4:4 Giacô lên án sự ham muốn của cải vật chất quá độ chính là tà dâm thuộc linh.⁹ Chúa muốn chúng ta yêu mến Ngài trước hết và trên hết. Khi chúng ta yêu mến những vật thoàng qua của thế gian này, thì chúng ta đang không trung thành với Ngài.

Tham lam là một hình thức thờ lạy hình tượng. Điều này có nghĩa chúng ta khao khát mạnh mẽ điều Chúa không muốn chúng ta có. Làm như vậy tức chúng ta đã dựng nên những thần tượng trong lòng mình. Chúng ta quý của cải vật chất hơn cả ý muốn Chúa. Do đó, tham lam là thờ hình tượng, và thờ hình tượng là không chung thủy về mặt tâm linh với Chúa.

Tình thần bất chước thế gian cũng là kẻ thù nghịch Đức Chúa Trời. Thế gian không có nghĩa hành tinh chúng ta đang sống, hay là thế giới thiên nhiên xung quanh ta. Đây là hệ thống mà con người dựng lên cho chính mình để nó

lực làm thỏa mãn tham muốn của mắt, tham muốn của xác thịt, và kiêu ngạo của đời. Trong hệ thống này, không có chỗ cho Đức Chúa Trời hay Con Ngài. Nó có thể là thế giới nghệ thuật, văn hóa, giáo dục, khoa học, hoặc thậm chí cả tôn giáo nữa. Nhưng đây chính là nơi danh Đấng Christ không được hoan nghênh hoặc thậm chí còn bị cấm đoán, và đương nhiên ngoại trừ tình trạng hình thức trống rỗng. Nói ngắn gọn, đó là chính thế giới của con người ở bên ngoài phạm vi của hội thánh thật. **Làm bạn** với hệ thống này tức là trở thành kẻ thù nghịch của Đức Chúa Trời. Chính thế giới này đã đóng đinh Chúa của sự sống và vinh hiển. Trên thực tế, chính thế giới tôn giáo đã giữ vai trò chủ chốt để giết chết Ngài. Thật không thể nào tưởng tượng nổi tin hữu lại muốn bước đi tay đan tay với thế giới đã giết chính Cứu Chúa của họ!

4:5 Câu 5 là một trong những câu khó hiểu nhất của thư tín này: **Hay là anh em tưởng Kinh thánh nói vô ích sao? "Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời khiến ở trong lòng chúng ta, ham mến chúng ta đến nỗi ghen tương?"**

Điều khó hiểu thứ nhất là Giacơ dường như đang trích dẫn Cựu Ước; thế nhưng lại không tìm thấy những chữ này trong Cựu Ước, hoặc thậm chí trong các sách Thờ Kinh. Có hai lời giải thích khả dĩ. Trước hết, tuy không tìm thấy lời lẽ chính xác trong Cựu Ước, nhưng có lẽ Giacơ đang trích chúng như là lời dạy dỗ tổng quát của Kinh Thánh. Giải pháp thứ nhì cho nạn đề do bản Kinh Thánh RV nêu ra. Trong bản Kinh Thánh này, câu Kinh Thánh được ngắt

ra làm hai câu hỏi: "Hay là anh em tưởng Kinh Thánh nói vô ích sao? Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời khiến ở trong lòng chúng ta ham muốn chúng ta đến nỗi ghen tương phải không?" Ý tưởng ở đây là: Kinh Thánh không tiếc lời để lên án tình thân làm bạn với thế gian đầy cạnh tranh này.

Khó hiểu lớn thứ nhì trong câu 5 là nghĩa ở phần thứ nhì của câu. Vấn đề linh ở đây là *Thánh Linh* (như trong bản NKJV¹⁰) hay tinh thần *tham lam* đầy đam mê. Nếu nói đến Thánh Linh, thì ý chính ở đây là: Thánh Linh, Đấng Đức Chúa Trời khiến ngự trong chúng ta, là Đấng không gây ra sự tham muốn và tranh cạnh vốn gây nên chiến đấu tranh cạnh; trái lại Ngài **ham mến** chúng ta đến nỗi ghen tương để muốn có lòng tận hiến của chúng ta cho Đấng Christ. Nếu câu này muốn nói đến tinh thần tham lam đầy đam mê, thì ý nghĩa chính là: tinh thần đang ở trong chúng ta, tức là tinh thần tham muốn và ghen tương, chính là nguyên nhân của toàn bộ sự không chung thủy của chúng ta với Chúa.

4:6 Nhưng Ngài lại ban cho ta ơn lớn hơn nữa. Trong tám câu đầu, chúng ta thấy bản tánh cũ của tin hữu có thể gian ác đến mức độ nào. Giờ đây chúng ta biết mình không bị bỏ mặc phải giải quyết những tham muốn của xác thịt bằng sức riêng của mình. Cảm tạ Chúa, Ngài lại **ban ơn**, hay sức mạnh, **lớn hơn nữa** bất cứ khi nào có cần (Hêbrơ 4:16). Ngài đã hứa: "... Đời người lâu bao nhiêu, sức mạnh người lâu bấy nhiêu" (Phục truyền Luật lệ Ký 33:25).

Ngài ban cho thêm ơn khi giao phó ta thêm trọng trách.

Hoặc khi gian lao tưng, Christ thêm sức lực phi thường.

Gặp thêm bao nhiêu khổ nạn Ngài vẫn nhất quyết xót thương.

Gặp thử thách như lửa hồng, Chúa ở bên trọn đời.

- Annie Johnson Flint

Để chứng tỏ Đức Chúa Trời ban ơn khi cần, Giacô trích Châmngôn 3:34, nhưng ở đây có thêm ý cho biết **ơn** này được hứa ban cho người **khiểm nhường**, chứ không phải kẻ **kiêu ngạo**. **Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo**, nhưng Ngài không thể chống cự tâm linh tan vỡ.

4:7 Trong câu 7-10, chúng ta thấy sâu bước phải theo tại chỗ có sự ăn năn thật. Giacô đang lên tiếng kêu la với tội lỗi của các thánh đồ. Những lời lẽ của ông xé lòng chúng ta như những mũi tên cáo trách. Chúng giáng xuống giống như sấm sét từ Ngài Đức Chúa Trời. Chúng ta nhận thấy Đức Chúa Trời đang phán với mình. Lòng chúng ta phải cúi xuống trước ảnh hưởng của Lời Ngài. Nhưng câu hỏi giờ đây là: "Chúng ta sẽ làm gì?"

Việc thứ nhất phải làm là **phục Đức Chúa Trời**. Điều này có nghĩa chúng ta phải thuận phục Ngài, sẵn sàng lắng nghe Ngài và vâng lời Ngài. Chúng ta phải mềm mại và thống hối, chứ đừng kiêu ngạo và cứng cổ. Sau đó chúng ta phải **chống cự ma quỷ**. Chúng ta chống cự ma quỷ bằng cách đứng tại và lòng mình trước những lời gợi ý và cám dỗ của nó. Chúng ta cũng chống cự ma quỷ bằng cách dùng Kinh Thánh là Gươm Của Thánh Linh để xua đuổi nó. Nếu

chống cự ma quỷ, thì nó sẽ lánh xa chúng ta.

4:8 Tiếp theo, chúng ta phải đến gần **Đức Chúa Trời**. Chúng ta đến gần Ngài bằng sự cầu nguyện. Chúng ta phải đến trước mặt Ngài qua lời cầu nguyện đầy lòng tin và tha thiết, thưa với Ngài mọi điều trong lòng chúng ta. Khi đến gần Ngài như vậy, chúng ta thấy Ngài sẽ đến gần chúng ta. Chúng ta nghĩ Ngài sẽ ở cách xa chúng ta vì cơ tánh xác thịt và tinh thần bất chước thể gian của chúng ta, nhưng khi chúng ta đến gần Ngài, Ngài tha thứ và phục hồi chúng ta. Bước thứ tư là: **Hỡi kẻ có tội, hãy lau tay mình, cố ai hai lòng, hãy làm sạch lòng đi. Tay nói đến hành động và lòng tượng trưng cho những động cơ và lòng khao khát của chúng ta. Chúng ta rửa sạch tay và làm sạch lòng qua sự xưng tội và từ bỏ tội, cả bề ngoài lẫn bề trong. Là kẻ có tội, chúng ta cần xưng ra những việc làm gian ác; là kẻ hai lòng, chúng ta cần xưng ra những động cơ pha tạp của mình.**

4:9 Xưng tội đi kèm với đau buồn sâu xa về tội lỗi. **Hãy cảm biết sự khốn nạn mình, hãy đau thương khóc lóc; hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn.** Khi Chúa thăm viếng chúng ta bằng cách cáo trách tội lỗi, thì đó không phải là lúc xem nhẹ và thiếu nghiêm túc. Trái lại, đây là lúc chúng ta phải phủ phục trước mặt Ngài và **than khóc về tội lỗi mình, về sự vô quyền, sự lạnh lùng và son sẻ của mình.** Chúng ta phải hạ mình xuống khóc lóc về tinh thần duy vật, chủ nghĩa thế tục, và chủ nghĩa duy hình thức của mình. Chúng ta phải bày

tổ trái của sự ăn năn thật với Chúa cả bề trong lẫn bề ngoài.

4:10 Cuối cùng, chúng ta phải hạ mình xuống trước mặt Chúa. Nếu thật lòng giữ địa vị của mình trong bụi đất dưới chân Ngài, thì đến đúng kỳ Ngài sẽ nhắc chúng ta lên.

Như vậy, đây là cách chúng ta nên đáp ứng khi Chúa phơi bày cho chúng ta thấy chính mình. Tuy nhiên, thương thì không như vậy. Chẳng hạn, nhiều lúc chúng ta đang nhóm thì Chúa phán lớn tiếng với lòng chúng ta. Chúng ta bị khuấy động trong chốc lát, và đây đây những quyết tâm thật tốt đẹp. Nhưng khi buổi nhóm kết thúc, tin hữu bắt đầu trò chuyện thật sôi động và vô tư. Toàn bộ bầu không khí trong buổi nhóm đã tan biến, quyền năng bị phi phạm, và Thành Linh của Đức Chúa Trời bị đập tắt.

4:11,12 Tội lỗi Giacô giải quyết tiếp theo là bới móc lỗi lầm của người khác, hay là nói xấu, nói hành anh em mình. Có người cho rằng chúng ta nên tự bới ba câu trước khi buông mình chỉ trích người khác. Điều này có ích lợi gì cho anh em của bạn? Điều này có ích lợi gì cho chính mình? Điều này có gì tôn vinh hiển cho Đức Chúa Trời?

Luật vàng của tình yêu nói rằng chúng ta phải yêu người lân cận như mình. Do vậy, nói hành anh em mình, hay đoán xét động cơ của người, thì cũng chính là nói hành đến luật pháp này và lên án luật pháp ấy là vô giá trị. Có tình vi phạm luật ấy tức là không tôn trọng và khinh thường luật ấy. Làm như vậy chẳng khác gì nói luật này không ích lợi gì, và không đáng để vâng

theo. "Ai không chịu vâng theo thì hầu như đã nói rằng nó không đáng là luật." Như vậy, người nói xấu anh em mình được đặt vào một thế kỳ quặc là làm người đoán xét hơn là người bị đoán xét. Người ấy đã tự lập mình lên cao hơn luật pháp thay vì vâng phục luật pháp. Nhưng chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới trởi hơn luật pháp; Ngài là Đấng đã ban luật pháp và là Đấng dùng luật pháp ấy để đoán xét. Như vậy, ai dám liều lĩnh tợn chiếm đoạt địa vị của Đức Chúa Trời và xét đoán kẻ lân cận mình?¹¹

4:13 Tội kế tiếp bị Giacô lên án là tự tin, lập kế hoạch cách khoe khoang mà không cần đến Đức Chúa Trời (câu 13-16). Ông mô tả một thương gia lập kế hoạch đầy đủ cho tương lai. Hãy để ý các chi tiết. Người này nghĩ về thời điểm (hôm nay hoặc ngày mai); đến nhân sự (chúng ta); địa điểm (thành kia); khoảng thời gian (ở đó một năm); hoạt động (buôn bán); và kết quả tương trước (phát lãi). Điều nào bị thiếu trong bức tranh này? Người ấy không một lần nào đưa Đức Chúa Trời vào công việc làm ăn của mình. Trong cuộc sống, tất nhiên cần lập một số kế hoạch cho tương lai, nhưng lập kế hoạch cho tương lai theo ý riêng của mình là phạm tội. Nói rằng "Chúng ta sẽ" hay "Ta sẽ" chính là điều cốt yếu của tội lỗi. Ví dụ, để ý những chữ "ta sẽ" của Lucifer trong Êsai 14:13,14: "Người vẫn bụng bảo dạ rằng: Ta sẽ lên trời, sẽ nhắc ngai ta lên trên các ngôi sao Đức Chúa Trời. Ta sẽ ngồi trên núi hội về cuối cùng phương bắc. Ta sẽ lên trên cao những

đám mây, làm ra mình bằng Đấng Rất Cao.”

4:14 Thật sai lầm khi lập kế hoạch đường như thể ngày mai là chắc chắn rồi. “Chớ nói... ngày mai” (Châmngôn 3:28). Chúng ta không biết ngày mai có gì. Đời sống chúng ta thật mong manh và không thể lường trước được giống như một “tuổi khởi” (JBP).

4:15 Nên hỏi ý Đức Chúa Trời trong mọi kế hoạch của chúng ta, và nên lập những kế hoạch đó theo ý muốn Ngài. Chúng ta nên sống và nói chuyện với ý thức rằng định mệnh chúng ta nằm trong quyền kiểm soát của Ngài. Chúng ta nên nói: “**Vì bằng Chúa muốn, và ta còn sống, thì ta sẽ làm việc nọ việc kia.**” Vì vậy, trong sách Côngvụ, chúng ta thấy sứ đồ Phaolô nói: “**Vì Đức Chúa Trời khứng, thì chuyến khác ta sẽ đến nơi các ngươi**” (18:21), và ông viết trong 1.Côrinthô 4:19: “**Nếu Chúa khứng cho, thì chẳng bao lâu tôi sẽ tới cùng anh em.**” Nhiều khi Cơ Đốc nhân dùng những mẫu tự “D. V.” để diễn tả ý thức nương cậy Chúa như thế này. Những mẫu tự này là chữ đầu của hai từ ngữ Latin, Deo volente, có nghĩa là *Đức Chúa Trời muốn*.

4:16 Giacô viết: **Kìa anh em lấy những lời kiêu ngạo mà khoe mình.** Những Cơ Đốc nhân này đang khoe khoang những kế hoạch đầy kiêu hãnh của họ cho tương lai. Họ đang ngạo mạn vì tự tin không điều nào có thể xen vào thời khóa biểu của họ. Họ hành động như thể là chủ của số phận họ vậy. **Phàm khoe khoang như vậy là xấu** vì đã loại Đức Chúa Trời ra ngoài.

4:17 Cho nên, **kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội.** Trong văn mạch này, **làm điều lành** tức là đưa Đức Chúa Trời vào trong mọi khía cạnh của đời sống chúng ta, sống nương cậy Ngài từng giây. Nếu biết mình nên làm điều lành này, nhưng lại không làm, thì rõ ràng chúng ta đang phạm tội. đương nhiên, nguyên tắc này có ứng dụng rộng lớn hơn. Trong bất kỳ lãnh vực nào của đời sống, cơ hội để **làm điều lành** cho chúng ta trách nhiệm để làm việc lành đó. Nếu biết là phải, chúng ta có bổn phận phải sống đúng theo sự sáng đó. Không **làm được** như vậy tức là **phạm tội** cùng Chúa, cùng người lân cận và cùng chính mình.

Trong đoạn 4, Giacô đã thử thách chúng ta về lòng tham lam và xung đột, về việc nói xấu, và về việc lập kế hoạch mà không hỏi ý Chúa. Do đó, chúng ta hãy tự hỏi mình những câu sau - tôi có đang liên tục lo lắng làm sao có nhiều hơn, hay tôi thỏa lòng với điều mình có? Tôi có ganh tị với những người có nhiều hơn tôi không? Tôi có cầu nguyện trước khi mua sắm không? Khi Chúa phán với tôi, tôi vâng phục hay chống cự? Tôi có nói xấu anh em khác không? Tôi có lập kế hoạch mà không hỏi ý Chúa không?

IX. NGƯỜI GIÀU VÀ SỰ HỐI HẬN HẬU ĐẾN CỦA HỌ (5:1- 6)

Qua một trong những phần đó thấu tâm can nhất của thư, Giacô bắt đầu lên án tội lỗi của người giàu. Những từ ngữ tuôn ra như búa bổ, thẳng thừng và không chút thương xót. Trên thực tế, lời lên án mạnh mẽ đến nỗi hiếm khi người ta giảng đến những câu này.

Ở đây, ta thấy Giacơ trong vai trò vị tiên tri của công lý xã hội. Ông lên tiếng nghịch cùng tình trạng người giàu không sử dụng tiền của họ để làm dịu bớt nhu cầu từng thiếu của con người. Ông lên án những ai làm giàu bằng cách bóc lột nhân công. Ông lên án những người dùng của cải giàu có để sống vui sướng xa xỉ lương tuồng. Cuối cùng, ông mô tả người giàu là những kẻ đẩy ngạo mạn hà hiếp người công bình.

5:1 Trước hết, ông kêu gọi người giàu hãy khóc lóc kêu la vì cơ hoạn nạn họ sắp phải gánh chịu. Chẳng bao lâu nữa họ sẽ gặp Chúa. Bấy giờ họ sẽ đẩy sự hổ thẹn và hối tiếc. Họ sẽ thấy mình là những quản gia bất trung. Họ sẽ kêu khóc vì những cơ hội đã bỏ lỡ. Họ sẽ than khóc vì cơ lòng tham lam ích kỷ của mình. Họ sẽ bị cáo trách về những cách làm việc và tuyển dụng bất công. Họ sẽ nhìn thấy tội lỗi của sự tìm an ninh của cải vật chất hơn là tìm an ninh nơi Chúa. Và họ sẽ tuôn đổ dòng nước mắt nóng hổi bởi cách họ đã sống buông tuồng đến tận cùng. Giacơ đề cập bốn trọng tội của người giàu. Thứ nhất là tội tích trữ của cải.

5:2 Giacơ nói: "Những của cải giàu có nhất của anh em bị hư hỏng, những áo quần anh em tích trữ bị mối mọt ăn rối; vàng và bạc bị hoen ố. Đúng rồi, chính vết hoen ố của chúng là bằng cứ cho thấy sự tích trữ xấu xa gian ác của anh em, và anh em sẽ rùng mình rụt lại dường như thể chúng đang nóng đỏ vậy" (JBP).

Thánh Kinh không bao giờ nói giàu có là tội lỗi. Lấy ví dụ, một người có thể

thừa hưởng cả một gia tài chỉ qua một đêm và đương nhiên người này không phạm tội khi trở nên giàu có như vậy. Nhưng Kinh Thánh có dạy rằng tích trữ của cải giàu có là sai quấy. Chúa Jesus đã cấm rõ ràng việc tích trữ của cải. Ngài nói: "Các ngươi chớ chứa của cải ở dưới đất, là nơi có sâu mối, ten rết làm hư, và kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy; nhưng phải chứa của cải ở trên trời, là nơi chẳng có sâu mối, ten rết làm hư, cũng chẳng có kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy. Vì chưng của cải người ở đâu, thì lòng người cũng ở đó" (Mathiơ 6:19-21).

Giacơ nói về sự giàu có dưới bốn hình thức: của cải, áo xống, vàng và bạc. Trong thời Kinh Thánh, sự giàu có thường ở dưới dạng có ngũ cốc, dầu và các sản phẩm khác: áo xống, vàng và bạc. Có lẽ khi Giacơ nói: "Của cải anh em bị mục nát," ông muốn nói đến ngũ cốc đã bị mối mọt và dầu đã bị ôi. Đại ý là những thứ này đã được chất chứa đến độ bị hư hỏng luôn. Đáng ra đã có lúc dùng được chúng để nuôi người đói; giờ đây chúng vô giá trị. Giacơ nói: "Áo xống anh em bị mối mọt ăn rối." Chuyện này không xảy ra đối với áo xống sử dụng thường xuyên. Nhưng khi từ áo dầy chặt những áo xống rất ít khi dùng tới, chúng dễ bị mối mọt làm hư. Đối với Giacơ, chất chứa áo xống như thế trong khi rất nhiều người trên thế giới đang hết sức cần thì đó là tội về đạo đức.

5:3 Ông nói tiếp: Vàng bạc anh em bị ten rết, ten rết đó sẽ làm chúng nghịch cùng anh em, nó cũng như lửa

vây, sẽ ăn thịt anh em. Vàng và bạc không bị rỉ sét, nhưng chúng có thể bị hoen ố và bị xỉn màu, và khi cất trong tình trạng không thuận lợi, chúng có thể bị ăn mòn nhìn thấy được. Thay vì dùng tiền bạc của họ có kết quả như nuôi người đói, cung cấp áo quần cho kẻ cơ cực, thuốc men cho người bệnh, và truyền bá Tin Lành, thì người giàu lại đang dành dụm tiền bạc để "tích cốc phòng cơ." Làm việc đó không ích lợi cho ai cả, và cuối cùng lại bị hư hoại hết đi.

Ten rết, khi nói đến việc không sử dụng và hư hoại, sẽ là lời chứng kết án người giàu. Nếu điều này đúng cho người giàu của thời Giacơ, thì nó còn đúng cho tin hữu trong thời của chúng ta biết đến dường nào? Chúng ta sẽ bị lên án thế nào nếu có những phương tiện để truyền bá Tin Lành mà lại không sử dụng? Bị lên án thế nào nếu chúng ta dồn chừa của cải vật chất trong khi đáng ra phải đem dùng chúng để cứu rỗi linh hồn? Cụm từ ten rết đó... cũng như lửa vậy, sẽ ăn thịt anh em muốn nói lên rằng: không dùng của cải giàu có của mình vì ích lợi cho người khác thì sẽ đem lại cho họ sự khốn khổ và hối tiếc sâu xa nhất. Khi cuối cùng mắt họ được mở ra để nhìn thấy tình tàn nhẫn nơi sự ích kỷ và tham lam của họ (những nữ trang đắt tiền, áo quần sang trọng, nhà cửa xa hoa, xe hơi đắt giá), kinh nghiệm đó sẽ thật chày bồng nhức nhối.

5:4 Tội thứ nhì bị Giacơ công kích là làm giàu bằng cách không trả lương xứng đáng. Con gặt gặt ruộng đã bị tước mất tiền công phải tẽ của họ. Dầu có lẽ

nhân công phản kháng nhưng họ hoàn toàn bất lực không thể nhận lại phần đến bù. Họ không có ai trên đất để kêu nại thành công chính nghĩa của mình. Tuy nhiên, tiếng kêu của họ được Chúa các cơ binh (Lord of Sabaoth) nghe thấy. Ngài là Đấng truyền lệnh cho các đạo binh trên Thiên đàng, và cũng là Đấng mạnh mẽ thay mặt cho những đoàn dân đông bị chà đạp trên đất này. Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng sẽ giúp và báo thù cho họ. Vì vậy, Kinh Thánh không những lên án việc chắt chừa của cải, mà còn lên án việc làm giàu bằng những phương tiện bất chính. Ngoài tội không trả lương thỏa đáng, có lẽ Giacơ cũng còn có thể đề cập đến việc khai gian thuế thu nhập, lừa gạt số cân đo, hối lộ thanh tra địa phương hoặc các quan chức khác, quảng cáo dối, và khai sai các tường trình chi tiêu.

5:5 Tiếp theo, Giacơ lên án nếp sống xa xỉ của người giàu. Nữ trang đắt tiền, áo quần sang trọng, những thức ăn phung phí xa hoa, những căn nhà như cung điện - làm sao họ vung vãi của cải cho bản thân mình trong khi vô số người đang hết sức túng thiếu? Hay nói qua khung cảnh của thời chúng ta, làm sao chúng ta biện minh được sự dư dật và hoang phí của hội thánh và của những người Cơ Đốc? Chúng ta sống trong một thế giới mỗi ngày có hàng ngàn người chết đói. Hơn một nửa dân số thế giới chưa hề nghe đến danh Chúa Jêsus Christ. Trong một thế giới như thế, làm sao chúng ta biện minh được cho những chiếc xe hơi thể thao, xe limousines, những con thuyền cao tốc

của mình được đầy? Làm sao chúng ta chi tiêu tiền của Chúa trong những khách sạn đắt tiền, trong những nhà hàng cao cấp, trong mọi hình thức tự buông thả khác? Lời dạy rõ ràng của Kinh Thánh, nhu cầu quá lớn đến kinh người của thế giới, tấm gương của Chúa, và bản năng đơn sơ của lòng thương xót, hết thảy đều bảo chúng ta rằng sống trong tiện nghi cách xa xỉ và thoải mái như thế là sai quấy chừng nào vẫn còn có một linh hồn chưa được nghe đến Tin Lành.

Những người sống trong vui sướng và xa xỉ vô độ được ví với những người làm cho lòng mình no nê trong ngày chém giết - giống như thú vật, làm cho mình mập béo ngay trước khi bị hành hình, hoặc giống như những lính chiến bỏ thì giờ cướp phá trong khi người khác đang chết mất quanh mình.

5:6 Lời kết tội cuối cùng cho người giàu ấy là họ đã luận tội và giết người công bình, mà người công bình chẳng cự lại. Có người nghĩ rằng người công bình ở đây là Chúa Jêsus. Tuy nhiên, sự chết của Ngài là do tay của giới tôn giáo chứ không bởi tay kẻ giàu. Có lẽ đúng nhất người công bình ở đây đại diện cho những người vô tội nói chung. Giacô nghĩ đến phương cách thô bạo và cậy quyền của người giàu thường cư xử đối với thuộc cấp. Họ lên án thuộc cấp bằng những lời vu cáo, lời nói gay gắt, và lời đe dọa. Họ đã giết thuộc cấp, có lẽ không trực tiếp, nhưng bằng cách bắt làm việc quá sức và trả lương thấp. Người vô tội không chống cự lại. Có lẽ phải kháng cự chỉ càng tạo thêm sự

làn bạo, hay bị sa thải, mất công ăn việc làm.

X. LỜI KHUYÊN NHỊN NHỤC (5:7-12)

5:7 Giờ đây Giacô quay sang những tín hữu bị áp bức, và khuyên họ nhịn nhục. Động cơ để nhịn nhục chính là kỳ Chúa đến. Điều này có thể nói đến sự cất lên, hoặc sự kiện Đấng Christ đến để cai trị. Cả hai đều được Tân Ước nói đến như động cơ cho sự chịu đựng cách nhịn nhục.

Người làm ruộng mình họa như cầu phải nhịn nhục. Người này không gặt ngay ngày mình gieo. Trái lại, có thời gian chờ đợi rất dài. Trước hết, phải có mưa đầu mùa, làm cho hạt giống nảy mầm. Sau đó đến cuối mùa sẽ cần mưa cuối mùa để làm cho vụ mùa được kết trái. Có người xem việc nhắc đến mưa đầu mùa và cuối mùa này nói đến lời hứa ban các phước hạnh của ngày Lễ Ngũ Tuần vào Đầu Thời Kỳ Hội Thánh sẽ được lập lại trước kỳ Chúa tái lâm, nhưng âm điệu chung của Kinh Thánh Tân Ước dường như không khuyến khích một kỳ vọng như thế. Tuy nhiên, không có điều gì ngăn cản chúng ta trông đợi những tín hữu còn sót và trung tín sót sáng chờ đợi Chúa và chuyên tâm truyền giảng Tin Lành thế giới. Còn cách nào nghênh đón Chúa tái lâm tốt hơn thế nữa?

5:8 Những sai quấy trên trần gian sẽ được sửa lại khi Chúa tái lâm. Do đó, dân sự Chúa nên nhịn nhục, giống như người làm ruộng kia. Lòng họ nên vững vàng vì biết chắc chắn Chúa sẽ đến.

5:9 Trong lúc bất bớ và hoạn nạn, không phải là chuyện bất thường khi

các nạn nhân quay ra chống nhau. Bản tánh con người có một khuynh hướng thật kỳ lạ ấy là: trong lúc gặp áp lực, chúng ta lại nổi thành nổi với những người mình yêu thương nhất. Ở đây có lời cảnh cáo: **Hỡi anh em, chớ oán trách nhau, hầu cho khỏi bị xét đoán.**¹² Câu này có lời khuyên cho những tội tử Chúa đang cộng tác với nhau trong những hoàn cảnh thử thách. Chúng ta đừng để cho lòng tức giận lớn lên. Suy cho cùng, **Đấng xét đoán đã đứng trước cửa rồi!** Ngài biết chúng ta nghĩ gì. Chúng ta sẽ nhanh chóng đứng trước Ngài Đấng Xét của Đấng Christ để khai trình. Chúng ta đừng nên đoán xét để mình khỏi bị đoán xét.

5:10 Các Đấng tiên tri Cựu Ước được nêu ra để làm mẫu mực về sự chịu khổ và nhịn nhục. Lưu ý rằng sự chịu khổ đi trước sự nhịn nhục. "Hoạn nạn sanh sự nhịn nhục" (Rôma 5:3). Như đã giải thích trước đây, sự nhịn nhục trong Tân Ước muốn nói đến sự dưng cảm hay sự đứng vững vàng. Bởi lòng trung tín tuyên rao lời của Chúa, các Đấng tiên tri đã bị bắt bớ không chút thương xót. Thế nhưng họ "đứng vững như thấy Đấng không thấy được" (Hêbrơ 11:27,32-40).

5:11 Chúng ta nhìn lại các Đấng tiên tri như Êsai, Giêrêmi và Đaniên với lòng hết sức kính trọng. Chúng ta tôn trọng họ vì cơ đời sống sốt sắng và tận hiến của họ. Theo ý nghĩa này, chúng ta gọi họ là **có phước**. Chúng ta đồng ý rằng họ đúng và thế gian sai. Vâng, chúng ta nên nhớ họ đã gặp những thử thách và hoạn nạn thống khổ lớn lao, và

họ đã nhịn nhục chịu đựng. Nếu chúng ta muốn được phước, thì hoàn toàn hợp lý khi kết luận rằng chúng ta sẽ được kêu gọi để làm giống y như họ vậy.

Gióp là một gương tốt về sự nhịn nhục hay dưng cảm. Có rất ít người trong lịch sử thế giới (nếu như có) đã từng bị mất mát nhiều đến như vậy trong một thời gian rất ngắn ngủi như Gióp. Thế nhưng ông không hề rửa sả Chúa, hay xây bỏ Ngài. Đến cuối cùng, sự nhịn nhục chịu đựng của ông đã được ban thưởng. Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài là Đấng đầy lòng thương xót và nhân từ, đúng như cách Ngài vẫn luôn luôn làm.

Nếu không biết điều Giacô gọi "kết cuộc mà Chúa ban cho" (vấn đề hay kết quả cuối cùng mà Chúa thực hiện), chúng ta có thể bị cảm dỗ để ganh tị với kẻ ác. Asáp đã ganh tị khi thấy sự thịnh vượng của kẻ ác (Thi thiên 73:3- 17). Càng nghĩ tới điều đó, ông càng lo âu sợ sệt. Sau đó ông vào trong đền thánh của Chúa và hiểu ra kết cuộc của họ. Điều này xua tan mọi sự ganh tị của ông. Davit cũng có cùng từng trải như vậy. Trong Thi thiên 17:15, ông mô tả phần của người tin Chúa trong đời hầu đến. Như vậy, điều này giúp ích cho tín hữu đứng vững vàng. Trong trường hợp Gióp, **kết cuộc mà Chúa ban cho** chính là Chúa ban cho ông gấp đôi điều ngày trước đã có (Gióp 42:10-15).

5:12 Mất kiên nhẫn trong lúc bị thử thách cũng được thể hiện qua việc thế. Ở đây, chủ yếu không phải là vấn đề báng bớ, phạm thượng hay rửa sả. Cũng không phải là vấn đề thế trước tòa án

pháp luật. Tập tục bị cấm ở đây chính là cách sử dụng thiếu suy nghĩ về danh Chúa hoặc tên nào khác để khẳng định sự thật của lời mình nói. Cơ Đốc nhân **chớ nên thề** bởi tên của bất kỳ ai hay bất kỳ điều gì, hoặc ở trên trời hoặc ở dưới đất. Những ai biết đến Cơ Đốc nhân ấy thì họ phải có thể dựa vào sự thực câu nói "Phải" của Cơ Đốc nhân ấy đúng nghĩa là "Phải" và câu nói "Không" đúng nghĩa là "Không."

Phần đoạn này cũng được áp dụng để cấm những thành ngữ vô ích như "Trời ơi," "Vì Chúa là Đấng Đoán Xét tôi," hoặc dùng những lời thề gọn bằng cách dùng những từ rút gọn để chỉ về Chúa Jêsus hay Đức Chúa Trời (trong Anh ngữ, chẳng hạn như "By Jove," "gee" chữ tắt chỉ về Chúa Jêsus, hay "Trời" - tiếng lóng chỉ về Đức Chúa Trời).

Giacô nói: **Hậu cho khỏi bị xét đoán** (hoặc như chú thích ngoài lề của bản NKJV: **khỏi sa vào sự giã hình**¹³), có lẽ ông đang chỉ đến điều răn thứ ba: "Người chớ lấy danh Giêhôva Đức Chúa Trời người mà làm chơi, vì Đức Giêhôva chẳng cấm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi." (Xuất Êđíphtô Ký 20:7).

XI. SỰ CẦU NGUYỆN VÀ SỰ CHỮA LÀNH KẺ BỆNH (5:13-20)

Chủ đề của những câu kết thúc thư tín là sự cầu nguyện. Chữ này xuất hiện bảy lần, hoặc dưới dạng danh từ hoặc động từ.

5:13 Trong mọi cảnh ngộ của cuộc sống, chúng ta nên đến với Chúa bằng sự cầu nguyện. Khi gặp hoạn nạn,

chúng ta nên đến gần dâng lên Ngài những lời khẩn nài sốt sắng. Lúc vui mừng, chúng ta nên dâng lòng mình lên ca ngợi Ngài. Ngài muốn được tham dự vào mọi tâm trạng biến đổi trong đời sống chúng ta.

Chúng ta nên xem Đức Chúa Trời là Nguyên Nhân vĩ đại nhất của tất cả mọi điều đến với chúng ta trong đời. Chúng ta đừng nên nhìn vào điều mà Rutherford gọi là "Vòng quay rôi rắm của những bánh xe nguyên nhân thứ cấp." Thật thất bại khi để cho chúng ta trở thành nạn nhân của hoàn cảnh, hay chờ cho hoàn cảnh thay đổi đi. Chúng ta đừng nên thấy bàn tay nào ngoài ta bàn tay của Ngài.

Đây là một trong những phần bị tranh cãi nhiều nhất của thư Giacô, và có lẽ của toàn Tân Ước nữa. Phần này đưa chúng ta đối mặt trực diện với vị trí của sự chữa bệnh trong đời sống tín hữu ngày nay.

Trước khi xem chi tiết những câu này, thật ích lợi khi chúng ta cùng ôn lại lời Kinh Thánh dạy về bệnh tật và sự chữa lành.

SỰ CHỮA LÀNH THIÊN THƯỢNG

1. Cơ Đốc nhân đồng ý rằng nơi chung, mọi bệnh tật đều là kết quả của tội lỗi trong thế gian. Nếu tội lỗi không hề vào trong thế gian, thì sẽ không có bệnh tật.

2. Đôi khi bệnh tật là kết quả trực tiếp của tội lỗi trong đời sống. Trong I.Côrinhtô 11:30, chúng ta thấy một số người Côrinhtô bị bệnh vì dự Tiệc Thánh của Chúa mà không tra xét tội lỗi trong đời sống của họ, tức là không xưng ra và lia bỏ tội đó.

Không phải Phierơ đang chỉ trích các tác phẩm của Phaolô khi nói rằng "có **mấy khúc khó hiểu**." Điều khó hiểu không phải là bút pháp của Phaolô, nhưng là để tại Phaolô đang giải luận. Barnes viết: "Phierơ không phải đang nói đến những điểm khó hiểu những điều Phaolô *muốn*, nhưng nói đến việc khó hiểu hết các chân lý trọng đại mà Phaolô đã dạy."²¹

Thay vì tiếp nhận chúng cách đơn sơ bởi đức tin, **những kẻ dốt nát và tin không quyết** đã đem giải sai các chân lý khó hiểu này mà **chước lấy sự hư mất cho riêng họ**. Một số những người theo tà giáo chẳng hạn, đã chuyển luật pháp trở thành con đường cứu rỗi thay vì để nó bày tỏ cho thấy tội lỗi. Có người khiến phép báp têm trở thành của Thiên đàng. Họ không những làm như vậy với các tác phẩm của Phaolô, mà với các phần Kinh Thánh khác nữa.

Lưu ý ở đây Phierơ đặt các tác phẩm của Phaolô ngang hàng **với các phần Kinh Thánh khác**, tức là Cựu Ước và bất kỳ phần nào của Tân Ước đã có mặt lúc bấy giờ. Ông công nhận các thư tín của Phaolô là một phần trong Kinh Thánh thiêng liêng và được soi dẫn.

3:17 Tin hữu phải luôn luôn giữ gìn cẩn thận để khỏi sa vào hiểm họa của "sự sai lầm" (Bản Anh ngữ - bản Việt Ngữ dùng chữ "dẫn dụ"). Hiểu được rằng sẽ luôn có những giáo sư giả làm bại hoại chân lý cùng như bất chước chân lý thì sẽ giúp cho chúng ta cảnh giác. Những người thiếu để phòng rất dễ yêu thích sai lầm và **sự dẫn dụ của kẻ ác** để mất thế quân bình thuộc linh của họ.

3:18 Một lần nữa, Phierơ dạy rằng tấn tới không ngừng trong các điều thuộc về Chúa là biện pháp bảo vệ tuyệt vời chống lại hiểm họa các giáo sư giả. Phải lớn lên trong hai phương diện - **trong ân điển và trong sự thông biết**. Ân điển là biểu hiện thực tiễn của trái Thánh Linh. Tấn tới trong **ân điển** không phải là ngày càng hiểu biết thêm nhiều trong trí hay càng tăng thêm những hoạt động không chút mệt mỏi; đây là trở nên giống Chúa Jêsus ngày càng hơn. **Thông biết** nói đến sự quen biết với Chúa qua lời Ngài. Tấn tới trong **sự thông biết** Chúa muốn nói đến việc nghiên cứu và thuận phục ngày càng nhiều hơn trước lời của Chúa, công việc Chúa và đường lối Ngài.

Nhưng Phierơ không thể kết thúc thư tín của mình với lời khuyên bảo thánh đồ. Đỉnh điểm phải là **vinh hiển thuộc về Cứu Chúa**. Và vì vậy chúng ta thấy bài ca chúc tụng thật tuyệt vời: **Nguyễn xin vinh hiển về nơi Ngài, từ nay đến đời đời! Amen**. Suy cho cùng, đây là nguyên nhân tối cao cho sự hiện hữu của chúng ta - để tôn vinh hiển Ngài - do đó không còn âm điệu kết thúc nào phù hợp hơn thế nữa cho thư tín này.

CHỦ THÍCH

¹(Giới thiệu) E. G. Homrighausen, "The Second Epistle of Peter," Exposition, IB, XII, 1957, trang 166.

²(1:5) Từ chúc tụng điển giả của Tom Olson, người bạn thân của tác giả.

³(1:4) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of the Epistles of St. Peter, St. John and St. Jude*, trang 266.

⁴(1:5) Câu chuyện nổi tiếng này đã được thuật lại rộng rãi. Chẳng hạn, xem S. M. Houghton, *Sketches from Church History*, trang 114-116.

⁵(1:6) Robert G. Lee, *Seven Swords and Other Messages*, trang 46.

⁶(1:16) Khi chúng ta dùng hai từ ngữ để nói lên một ý nghĩa, chẳng hạn như "good and mad" ("tốt và say mê") để nói lên "rất say mê," thì được gọi là phép *hendiadys* (ra từ một chữ Hy Lạp để chỉ về "một thông qua hai"). Kinh Thánh thường xuyên dùng biện pháp tu từ này, như ở đây chẳng hạn, vì vậy, nhận ra được biện pháp này thì rất tốt.

⁷(1:16) John A. T. Robinson, *Honest to God*, trang 32, 33.

⁸(1:18) Truyền thống của Công Giáo Lamã xem núi Thabô là địa điểm của Sự Hóa Hình và thực sự giáo hội này có rất nhiều đền trên núi đó. Xét về lịch sử, lời truyền khẩu này là không thể xảy ra được, vì Thabô không phải là hòn núi cao, mà các sách Tin Lành nói ngọn núi này là "rất cao." Hơn nữa, chắc có một đống quân Lamã trên núi Thabô vào thời của Chúa chúng ta, nên đó là một khung cảnh không phù hợp lắm cho sự bày tỏ riêng tư! Núi Hếtmôn, một rặng núi cao phủ tuyết ở phía bắc Galilê, là một địa điểm rất khả dĩ.

⁹(1:20) Từ ngữ Hy Lạp *epiluxis* có thể dịch là "nguồn gốc" (chủ thích lệ của bản NKJV) cũng như "giải nghĩa."

¹⁰(1:20) Dinsdale T. Young, *The Unveiled Evangel*, trang 13, 14.

¹¹(1:21) Bản Kinh Thánh Phê Bình (NU) ghi là "nhưng người ta đã nói từ Đức Chúa Trời."

¹²(2:1) Wallie Amos Criswell

¹³(2:1) Nels Ferre, *The Sun and the Umbrella*, trang 35, 112.

¹⁴(2:2) Gerald Kennedy, *God's Good News*, trang 125.

¹⁵(2:2) Robinson, *Honest*, trang 118.

¹⁶(2:2) NCC, *Called to Responsible Freedom*, trang 11.

¹⁷(2:6) A. J. Pollock, *Why I Believe the Bible is the Word of God*, trang 23.

¹⁸(2:10) Pageant Magazine, October, 1965.

¹⁹(2:16) Lenski, *Interpretation*, trang 326, 327.

²⁰(2:17) Bản NU bỏ qua chữ "đời đời" ở đây nhưng không bỏ qua chữ này trong phần đoạn song song rất gần gũi ở Giuđê 13.

²¹(2:18) Bản văn NU ở đây ghi là "vừa mới tránh khỏi," còn bản NKJV ghi là "đã thực sự tránh khỏi."

²²(3:10) Thay vì dùng chữ "bị đốt cháy cả" (*kata-kaiōsetai*), bản Kinh Thánh NU ghi là "bị thấy" (*theurethēsetai*), có lẽ mang nghĩa là "trấn trụ ra"

²³(3:16) Albert Barnes, *Notes on the New Testament*, X-265.

SÁCH THAM KHẢO

Xem phần sách tham khảo ở cuối thư I. Phiero.

được xưng ra và lìa bỏ theo phương cách đã mô tả, thì Chúa sẽ chữa lành.

Có người sẽ bảo: "Làm sao biết người này đã phạm tội và người được đưa đến chỗ ăn năn và xưng tội?" Câu trả lời là phần cuối câu 15 nói rằng **tội lỗi người sẽ được tha**. Và chúng ta biết tội lỗi được tha chỉ khi đã xưng tội (I.Giăng 1:9).

Người khác sẽ phản đối: "Phần Kinh Thánh này không nói người này đã phạm tội. Nhưng nói nếu có phạm tội." Đúng vậy, nhưng toàn bộ văn mạch liên quan đến sự xưng tội và sự khôi phục người sa ngã. Lưu ý câu sau: "Hãy xưng tội cùng nhau và cầu nguyện cho nhau hầu cho anh em được lành bệnh." Cơ hạn hán được nhắc đến trong câu 17, 18 là sự đoán phạt của Chúa giáng trên Ysraen vì có tội lỗi. Cơ hạn hán được cất đi sau khi họ trở lại với Chúa, công nhận Ngài là Đức Chúa Trời chân thật (I.Các vua 18:39). Câu 19, 20 đề cập rõ ràng việc khôi phục người sa ngã, như chúng ta sắp thấy sau đây.

Toàn bộ văn mạch của Giacơ 5:13-20 hàm ý rằng sự chữa lành do Chúa hứa ban là dành cho người mắc bệnh như một hậu quả của tội lỗi, và người xưng tội ấy ra với các trưởng lão. Trách nhiệm của các trưởng lão là **xức dầu cho người bệnh đoạn cầu nguyện cho người**. Có người giải nghĩa dầu ở đây làm biểu tượng cho cách sử dụng các phương tiện y khoa, vì dầu là một hình thức của thuốc trong thời Giacơ viết thư này (Luca 10:34). Có quan điểm khác cho rằng đây là *cách sử dụng dầu trong nghi lễ*. Quan điểm này được củng cố

bởi những chữ nhân danh Chúa. Nói cách khác, xức dầu phải được thực hiện bởi thẩm quyền của Chúa và vâng theo lời Ngài. Đôi khi dầu được các sứ đồ sử dụng khi chữa lành bằng phép lạ (Mác 6:13). Quyền năng chữa lành không ở nơi dầu, nhưng dầu làm biểu tượng cho Đức Thánh Linh trong chức vụ chữa lành của Ngài (I.Côrinthô 12:9).

Có người phản đối rằng việc xức dầu theo nghi thức là không nhất quán với Thời Đại Ân Điển, vì thời này không nhấn mạnh đến lễ nghi và nghi thức. Tuy nhiên, chúng ta thực sự có dùng bánh và chén làm biểu tượng về thân và huyết Chúa, và chúng ta sử dụng nước trong phép báp têm. Phụ nữ cũng dùng khăn trùm đầu trong hội chúng để làm biểu tượng thuận phục người nam. Vậy tại sao chúng ta lại phản đối cách sử dụng dầu theo nghi thức?

Để đáp lại lời cầu nguyện của đức tin, Chúa sẽ chữa lành người ấy. Đây là lời cầu nguyện bởi đức tin vì được dựa trên lời hứa trong Lời Đức Chúa Trời. Đây không phải là vấn đề các trưởng lão có đức tin đến mức độ nào, hay người bệnh có đức tin đến mức nào. Các trưởng lão có thể cầu nguyện với sự bảo đảm hoàn toàn vì Chúa đã hứa đờ người bệnh dậy khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện được mô tả ở đây.

Như vậy, tóm lại, chúng ta tin rằng câu 14, 15 áp dụng cho trường hợp một người bị bệnh do hậu quả trực tiếp của một tội lỗi nào đó. Khi người nhận ra điều này và ăn năn, người nên **mời các trưởng lão của hội thánh đến và xưng tội hết với họ**. Sau đó, họ nên nhận

đánh Chúa xúc dầu cho người bệnh đau, thì các trưởng lão hãy cầu nguyện cho người. Họ có thể cầu xin Chúa chữa lành người trong đức tin, vì ở đây Chúa hứa sẽ chữa lành người ấy.

5:16a **Vậy hãy xưng tội¹⁴ cùng nhau và cầu nguyện cho nhau, hầu cho anh em được lành bệnh.** Đọc không kỹ câu này thì có thể cảm thấy chúng ta phải nói cho mọi người khác biết những tội lỗi thầm kín của mình. Nhưng ý tưởng ở đây không phải vậy! Chủ yếu Giacô muốn bảo khi chúng ta phạm tội với người khác, chúng ta nên lập tức xưng tội ấy với người mình đã phạm.

Chúng ta cũng phải **cầu nguyện cho nhau**. Thay vì phẫn uất rồi áp ú nung nấu căm hận, chúng ta nên giữ mình thông công với nhau qua sự xưng tội và cầu nguyện.

Sự chữa lành bệnh được liên kết với sự khôi phục tâm linh. Để ý cách Giacô kết hợp sự xưng tội, cầu nguyện và chữa bệnh. Có mối liên kết hết sức quan trọng và gắn gũi rõ ràng giữa thuộc thể và thuộc linh. Con người là một hữu thể gồm ba phần - tâm linh, hồn và thân thể (I.Têsalônica 5:23). Điều gì ảnh hưởng đến một phần trong con người thì ảnh hưởng đến tất cả. Trong Cựu Ước, các thầy tế lễ cũng là thầy thuốc. Chẳng hạn, chính thầy tế lễ là người chẩn bệnh phong, và cũng chính ông tuyên bố bệnh được chữa lành. Như vậy, bằng cách kết hợp thánh chức tế lễ và chức bác sĩ trong một con người, Chúa cho thấy mối ràng buộc gắn gũi giữa tâm linh và thân thể.

Lĩnh vực y khoa làm bệnh công nhận mối liên kết này và tìm kiếm

những nan đề cá nhân nào có thể gây ra những bệnh trong cơ thể. Nhưng y khoa hiện đại không có phương thuốc chữa tội lỗi. Sự giải thoát khỏi mặc cảm phạm tội, ô uế, quyền lực và hình phạt của tội lỗi chỉ có thể nhờ vào huyết của Đấng Christ, và sự xưng tội với Chúa và với con người. Hơn cả mức chúng ta sẵn sàng thừa nhận, nhiều bệnh là do tội lỗi gây ra - những tội như tham ăn, lo lắng, tức giận, tính thần không tha thứ, không điều độ, ghen tương, ích kỷ và kiêu ngạo. Tội lỗi trong đời sống đem lại bệnh tật và đôi khi dẫn đến sự chết (I.Côrinthô 11:30). Chúng ta nên xưng ra và lia bỏ tội ngay khi biết tội đó bước vào đời sống mình. Nên xưng tất cả mọi tội với Chúa. Ngoài ra, cũng nên xưng với người khác những tội mình đã phạm với họ. Điều này hết sức quan trọng cho sức khỏe thuộc linh của chúng ta và ích lợi cho sức khỏe thuộc thể của chúng ta nữa.

5:16b-18 *Quyển năng lớn lao sẽ có sẵn để sử dụng nhờ lời cầu nguyện sốt sắng của một người tốt. Anh em còn nhớ Êli không? Ông cũng là người như chúng ta, nhưng ông đã cầu nguyện sốt sắng để trời đừng mưa. Thực sự là, không một giọt nước nào rơi xuống đất trong ba năm rưỡi. Sau đó ông cầu nguyện lại; trời đổ mưa xuống, và đất sanh sản hoa màu như thường lệ (JBP).*

Biến cố này được ghi lại trong I.Các vua 17:1-19:10. Lúc đó Aháp làm vua Ysraên. Qua vợ là Giêsabên, Aháp trở thành người thờ lạy Baanh, và dẫn dân sự sa vào hình thức thờ lạy hình tượng đối bại này. "Aháp cũng dựng lên một hình tượng Attatê. Vậy, Aháp làm

hiều điều ác, chọc giận Giêhôva Đức Chúa Trời của Ysraên hơn các vua Ysraên trước mình" (16:33). Kết quả trực tiếp của tội lỗi chính là cơn hạn hán giáng trên Ysraên suốt ba năm rưỡi.

Sau đó Êli có cuộc thi đấu nổi tiếng với các thầy tế lễ của Baanh trên núi Caxmên. Khi lửa của Đức Giêhôva giáng xuống thiêu đốt của lễ thiêu, bàn thờ và nước, dân sự chịu thuyết phục và trở về với Chúa. Êli cầu nguyện lại và cơn hạn hán chấm dứt. Tám gương của Êli được nêu ra để khích lệ chúng ta cầu thay cho những người đã phạm tội và lạc xa mối thông công với Chúa. Người công bình lấy lòng sốt sắng cầu nguyện thật có linh nghiệm nhiều, hay như có người diễn ý câu này: "Lời cầu nguyện của người có tấm lòng ngay thẳng với Chúa thực hiện được nhiều điều kỳ diệu." Để chúng ta khỏi bị cảm dỗ nghĩ Êli thuộc về một hạng tạo vật cao hơn chúng ta, Giacô nhắc chúng ta nhớ rằng Êli vốn là người có cùng một loại xác thịt yếu đuối như chúng ta. Ông chỉ là con người, cũng chịu lấy những yếu đuối và bệnh tật giống y như những người khác.

5:19,20 Trong những câu trước, chúng ta đã thấy các trưởng lão của hội chúng được Chúa dùng để khôi phục các thánh đồ phạm tội. Và chúng ta thấy Êli được dùng để khôi phục (một phần và tạm thời) một dân tộc sa ngã. Giờ đây chúng ta được khuyên giục dâng mình vào chức vụ sâu rộng này.

Câu 19 mô tả một anh em Cơ Đốc đã lạc xa chân lý, hoặc trong giáo lý hoặc trong nếp sống đạo. Một anh em khác đặt hoàn cảnh này trong vấn đề

câu nguyện sốt sắng đầy niềm tin, và bởi đó lấy lòng yêu thương làm cho người ấy trở lại mối thông công với Chúa và anh chị em mình trong Đấng Christ. Chức vụ này mang ý nghĩa lớn lao biết bao! Trước hết, người này cứu được anh em sai lầm của mình khỏi phải chết trước kỳ dưới bàn tay sửa trị của Chúa. Thứ nhì, người sẽ che đậy vô số tội lỗi. Những tội đó đã được Đức Chúa Trời tha thứ và quên đi. Chúng cũng được các bạn cùng niềm tin tha thứ và che khuất khỏi cặp mắt chăm chú của thế gian bên ngoài. Ngày nay chúng ta cần chức vụ này. Khi sốt sắng truyền giáo cho người hư mất, có lẽ chúng ta không chú ý đủ đến những con chiên của Đấng Christ vốn đã lang thang đi lạc xa chuồng.

Một lần nữa, Giacô đang thúc giục lương tâm chúng ta trong nhiều lãnh vực khác nhau của nếp sống Cơ Đốc. Chẳng hạn, ông đang hỏi chúng ta: anh em có chất chứa của cải trên đất này không? Những phương pháp làm ăn của anh em có thật sự ngay thẳng không? Chẳng hạn như việc khai thuế thu nhập của anh em? Anh em sống xa xỉ, hay sống với tinh thần hy sinh để người khác có thể biết đến Chúa? Khi anh em phạm tội với người khác, anh em có sẵn lòng đến để xin lỗi họ không? Khi bệnh, anh em đến với ai trước - bác sĩ hay Chúa? Khi thấy một anh em phạm tội, anh em chỉ trích hay cố gắng khôi phục họ?

Và như vậy chúng ta tiến đến phần kết thúc của bức thư ngắn ngủi mà thực tiễn này. Qua thư, chúng ta đã thấy đức tin được thử nghiệm. Chúng ta thấy đức

tin bị thử nghiệm bởi nan đề trong đời sống, bởi những sự cảm dỗ bất khiết, bởi sự vắng lời Đức Chúa Trời. Người nào xưng mình có đức tin thì bị thách thức thể hiện đức tin ấy bằng cách tránh thiên vị hay thói hợm hĩnh và phải thể hiện đức tin ấy bằng một nếp sống có các việc lành. Thực tại của đức tin được thấy qua lời nói của người ấy; tin hữu học tập cách bắt lười mình vắng phục quyền tể trị của Đấng Christ. Đức tin thật đi kèm với khôn ngoan thật; phải thay đời sống ganh ghét và tranh chiến bằng đời sống tin kính thực tiễn.

Đức tin tránh những kẻ thù, những cuộc tranh chiến, những sự ganh ghét ra tử lòng tham và tham vọng thế gian. Đức tin tránh tinh thần hạ thấp và chỉ trích. Đức tin tránh thói tự tin loại bỏ Đức Chúa Trời ra khỏi những kế hoạch của đời sống. Đức tin chịu thử nghiệm bởi cách kiếm sống và tiêu xài tiền kiếm được. Bất chấp sự hà hiếp, đức tin vẫn thể hiện sự dũng cảm và chịu đựng vì cơ nghi đến sự tái làm của Chúa. Lời nói của đức tin trước sau đều ngay thật, không cần phải thể để chứng thực lời nói. Đức tin đến với Chúa trong mọi cảnh trạng biến thay của đời sống. Khi bệnh, đức tin trước hết tìm kiếm những nguyên nhân thuộc linh. Bằng cách xưng tội với Chúa và với những người mình đã phạm cùng họ, nó loại bỏ những nguyên nhân khả dĩ này. Cuối cùng, đức tin ra đi trong tình yêu thương và lòng thương xót đối với những người sa ngã.

Đức tin của bạn và tôi đang chịu sự thử nghiệm mỗi ngày. Phán quyết của Đấng Đoán Xét là gì?

CHỦ THÍCH

¹(1:14) Từ ngữ Hy Lạp *epithumia* chỉ là một hình thức củng cố cho mạnh của chữ "tư dục." Chữ tham muốn trong Anh ngữ (cũng xem bản KJV 1611) nguyên văn cũng chỉ có nghĩa "sự khao khát mạnh mẽ," nhưng mang những hàm ý rõ ràng về tình dục.

²(1:19) Những chữ "vậy thì" (Hy văn *hōste*) được thay thế bởi chữ "biết" (*iste*) trong một số thủ bản, và hầu hết các bản dịch hiện đại nào thích cách viết của bản Alexandrian (NI). Tuy nhiên, cách viết truyền thống phù hợp nhất với văn mạch - một phần ngắt đoạn chính yếu, tóm tắt điều chúng ta nên làm dựa vào câu 1-18.

³(1:21) Chính từ ngữ Hy văn này (*psuchē*) vừa có nghĩa "sự sống" vừa có nghĩa "linh hồn" và không phải luôn luôn biết rõ dịch cách nào là đúng hơn. Chữ "cứu" (trong Hy văn và Anh ngữ) cũng không bắt thiết chỉ đến sự cứu rỗi đời đời. Nó có thể chỉ đến sự chữa lành bệnh, sự giải thoát, giải cứu và nhiều vấn đề khác nữa. Vì vậy, cụm từ "cứu được linh hồn của anh em" trong một số văn mạch có thể mang nghĩa "thành công trong đời sống anh em" (cho Đấng Christ).

⁴(2:2-4) Từ ngữ Hy văn ở đây là *sunagōgē* (hội chúng). Vì về sau chữ này chỉ được dùng nói đến các hội chúng Do Thái giáo ("các nhà hội"), nên đây là dấu hiệu cho thấy thời điểm viết rất sớm của Giacơ. "Hội chúng" (Bản của Tyndale), "hội thánh" (KJV), và "hội" (JND), thường là những cách dịch của từ ngữ *ekklesia*, một hiệp hội (được gọi ra khỏi). Lúc đầu đây là một thuật ngữ

chính trị (đối chiếu Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc).

⁵(2:14) Tuy nhiên, nói cho thật công bằng thì nên nói rõ bản Hy văn không có chữ "đó" ở đây, nhưng chỉ là một mạo từ xác định ("the" trong Anh ngữ). Tuy có thể đôi khi mạo từ này mang sức mạnh chỉ định, nó vẫn có thể chỉ là một mạo từ thông thường được dùng chung với một danh từ trừu tượng. Vì phải thừa nhận chữ này mang tính giải nghĩa, nên bản NKJV, là bản ghi rằng "Đức tin đó" trong ấn bản đầu tiên, đã trở lại cách lý giải của bản KJV trong những ấn bản về sau.

⁶(2:20) Bản Kinh Thánh NU ghi là "vô ích" thay cho chữ "chết"

⁷(3:5, 6) Clovis G. Chappel, *Sermons from the Psalms*, p. 132.

⁸(3:7) Robert G. Lee, *Lord I Believe*, pp. 166-168.

⁹(4:4) Hầu hết các thủ bản ghi là "Hỡi những người nam và nữ phạm tội ngoại tình kia," có lẽ gợi ý sự gian dâm theo đúng nghĩa đen trong các hội chúng nhận thư này. Thủ bản Alexandrian (NU) chỉ có một hình thức giống cái "những người nữ tà dâm," mà nó hầu như đã đòi hỏi nghĩa bóng. Bản KJV và NKJV cho phép nghĩa nào cũng được, hoặc sự tà dâm thuộc thể hoặc thuộc linh.

¹⁰(4:5) Các thủ bản cổ nhất vẫn chưa triển khai những hình thức tách biệt cho chữ hoa và chữ thường. Lý tưởng mà nói, sẽ có chữ "L" ở đầu đó giữa chữ hoa và chữ thường cho rất nhiều chỗ trong Tân Ước khi phân đoạn không nói rõ là Thành Linh ("L" viết hoa) hay là linh. Vì không có hình thức

nào như thế, nên các dịch giả và soạn giả phải xác định tùy theo văn mạch. Ở đây và những chỗ khác, các học giả Kinh Thánh lỗi lạc đã bất đồng ý kiến với nhau.

¹¹(4:11, 12) Bản Kinh Thánh NU ghi là "người lân cận."

¹²(5:9) Cả bản Kinh Thánh NU và M đều ghi là "bị đoán xét," nhưng văn mạch thực sự có gợi ý bất phân quyết tiêu cực, nên chữ "bị đoán phạt" cũng vẫn hợp lý.

¹³(5:12) Bản văn đại đa số có cách ghi thủ vị nhất ở đây. Cách ghi của bản KJV (và NU) "vào trong (nguyên văn là "ở dưới") sự đoán xét" ra từ chữ hupokrisin. Tuy nhiên đại đa số các thủ bản ghi là eis ("vào trong") hupokrisin ("sự giả hình"). Nếu giới từ nhỏ bé "eis" này bị bỏ mất do lỗi sao chép, thì lẽ tự nhiên sẽ hiểu tiền tố từ trong chữ hupokrisin như một giới từ tách biệt và như vậy ta sẽ có "ở dưới sự đoán xét." Tuy cả hai cụm từ này đều phù hợp với văn mạch gán, nhưng có thể nói toàn bộ thơ Giaco - đến đây sắp kết thúc - là lời cảnh cáo tình trạng sa vào sự giả hình tôn giáo.

¹⁴(5:16a) Bản Kinh Thánh NU ghi là "Vậy bây xing những tội đã phạm của anh em."

SÁCH THAM KHẢO

Adamson, James. *The Epistle of James* (NIC). Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1976.

Brown, Charles. *The General Epistle of James: A Devotional Commentary*. Philadelphia: The Union Press, 1907.

Gaebelein, Frank. *The Practical Epistle of James*. Great Neck, N. Y.: Doniger & Raughley, Inc., 1955.

Johnstone, Robert. *Lectures Exegetical and Practical on the Epistle of James*. Minneapolis: Klock & Klock Christian Publishers (Ấn bản tái bản năm 1871).

Kelly, William. *The Epistle of James*. London: F. E. Race, 1913.

King, Guy H. *A Belief that Behaves*. London: Marshall, Morgan & Scott, Ltd., 1954.

Zodhiates, Spiros. *The Behavior of Belief*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1959.

THƠ THỨ NHẤT CỦA PHIERƠ

Giới Thiệu

"Nếu không biết người đã viết thư này, chắc chúng ta hẳn sẽ thất lên: 'Đây phải là một con người giống như đã mới viết được như thế, một người có linh hồn yên nghỉ trên một nền đá, và với lời chứng mạnh mẽ, người đã đứng ra làm vững mạnh linh hồn của nhiều người khác trước áp lực của những cơn bão áp đến trên họ và người đã vâng lập họ trên nền đá thật ấy.'"

- Wiesinger

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Cơ Đốc nhân tại các quốc gia Hồi Giáo và Marxist đã quen bị trấn áp, bị thù địch, và thậm chí chịu bắt bớ thẳng tay đến nỗi hầu như họ đã đi đến chỗ chờ đợi bị đối đãi như vậy. Đối với họ, thơ I.Phierơ là nguồn trợ giúp thực tiễn hết sức lớn lao trong việc chấp nhận sự chịu khổ, biết đó là do Chúa cho phép và có ích lợi để tạo ra những phẩm chất đáng mong muốn, chẳng hạn như sự bền đỗ.

Cơ Đốc nhân ở Phương Tây, đặc biệt giới tín hữu sử dụng Anh ngữ cùng với di sản Kinh Thánh vĩ đại của họ, vẫn chưa điều chỉnh thích nghi với sự chóng đổi đức tin cách công khai. Mới đây thôi, chính quyền ít ra cũng còn mỉm cười với các đơn vị gia đình như là đơn vị cơ bản cho xã hội và thậm chí còn khích lệ "đi nhóm tại nhà thờ nào quý vị chọn." Nhưng nay không còn như thế nữa. Chính quyền, đặc biệt là chính quyền địa phương, dường như đã sử dụng các vị quan án của mình, các cơ quan giáo dục, và đặc biệt là phương tiện truyền thông, để bôi nhọ, giễu cợt, và thậm chí còn làm mất uy tín của những Cơ Đốc nhân tin cậy Kinh Thánh. Radio, truyền hình, phim ảnh, báo chí, tạp

chí, và các phương tiện truyền thông chính thức đang quảng bá rầm rộ sự gian dâm, tếu mạnh, sự lừa đảo, và thậm chí báng bổ lộng ngôn nữa. Cơ Đốc giáo hiện nay là "phản văn hóa," và khi tín hữu càng sớm học được những bài sử đồ Phierơ dạy trong Thơ Thứ Nhất của ông chừng nào, thì họ sẽ càng được chuẩn bị sẵn sàng chừng nấy cho những năm cuối của thế kỷ hai mươi và những năm đầu thế kỷ hai mốt - nếu Chúa chúng ta vẫn chưa đến.

II. Quyển Tác Giả

Bằng Chứng Ngoại Tại

Ngoại chứng cho thấy Phierơ viết thư tín này đã có sớm và rất phổ biến. Eusebius kể thơ I.Phierơ thuộc trong số các sách được mọi tín hữu chấp nhận (homologoumena). Polycarp và Clement ở Alexandria đã chấp nhận thư tín này. Đừng thất lạc hay kinh ngạc khi thơ này không có trong "bộ kinh điển" của Marcion, vì Marcion chỉ chấp nhận các thư tin của Phaolô thôi. Bộ Kinh Điển Muratorian không liệt kê thơ I.Phierơ, nhưng có lẽ là do bản chất phân mảnh rời rạc của văn kiện đó.

Rất có thể thơ II.Phierơ 3:1 là lời khẳng định có sớm nhất cho thơ

I. Phierơ. Ngay cả những người tin Phierơ không viết thư II. Phierơ (xem Phần Giới Thiệu cho II. Phierơ) thì họ vẫn tin thư tin này được viết ra đủ sớm để trở thành một nhân chứng hiệu lực cho thư I. Phierơ, nếu như thật sự II. Phierơ 3:1 muốn chỉ đến thư tin có sớm hơn này.

Bằng Chứng Nội Tại

Phần nội chứng khiến một số người nghi ngờ quyền tác giả của Phierơ chính là loại Hy văn rất hoàn hảo được sử dụng trong thư. Một ngư phủ người Gallê có viết hay được đến như thế không? Nhiều người trả lời "Không." Tuy nhiên, nền văn hóa của chính chúng ta sẽ minh họa đầy đủ. Những người có khiếu về lời nói và lời phát biểu trước công chúng thường trở thành những người sử dụng nổi bật thứ ngôn ngữ tiêu chuẩn mà không cần phải qua huấn luyện chính thức tại trường đại học hoặc chủng viện. Phierơ đã có ba mươi năm kinh nghiệm giảng dạy, đây là chưa nói tới sự soi dẫn của Thánh Linh và sự giúp đỡ chắc chắn có từ Sinvanh để viết ra thư tin này. Khi Công vụ 4:13 nói Phierơ và Giăng là những người ít học, câu Kinh Thánh này chỉ có nghĩa đơn giản muốn nói rằng họ thiếu sự huấn luyện chính thức của các rabi.

Trong thư I. Phierơ có rất nhiều câu Kinh Thánh nói đến đời sống và chức vụ của Phierơ, như phần tuyển chọn các chi tiết sau cho thấy:

Tác giả ám chỉ trong 1:8 rằng ông đã thấy Chúa Jêsus theo cách độc giả của ông không có được. Ông nói: "Ngài là Đấng anh em không thấy mà yêu mến," chứ không nói "... Chúng

ta chưa thấy Ngài." Qua các phân đoạn khác chúng ta sẽ thấy rằng tác giả đã đồng đi với Chúa.

Mười câu đầu của đoạn 2 trình bày Đấng Christ là đá góc nhà, và như vậy đưa chúng ta trở về với sự kiện tại Sêsarê Philip (Mathơ 16:13-20). Khi Phierơ xưng Chúa Jêsus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống, thì Đức Chúa Jêsus tuyên bố rằng hội thánh Ngài sẽ được xây trên nền tảng ấy, tức là trên chân lý cho biết Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời hằng sống, Ngài là Đá Góc Nhà và Nền Cửa hội thánh.

Câu nói đến những hòn đá sống trong 2:5 nhắc ta nhớ đến sự kiện trong Giăng 1:42, nơi đó tên của Simôn được đổi thành "Sêpha" (tiếng Aram) hoặc Phierơ (tiếng Hylạp). Mà cả hai đều nói đến đá. Bởi đức tin nơi Đấng Christ, Phierơ đã trở thành đá sống. Không lấy gì làm ngạc nhiên khi ông nói nhiều đến như thế về đá trong đoạn 2. Trong 2:7, tác giả trích lời Thithiên 118:22: "*Hòn đá mà thợ xây nhà loại ra, bên trở nên đá góc nhà.*" Đây cũng chính là phần đoạn Phierơ đã trích khi bị giải đến trước các vua, các trưởng lão và thấy thông giáo tại Giêrusalem (Công vụ 4:11).

Khi nghe sứ đồ khuyên độc giả hãy thuận phục các nhà cầm quyền (2:13-17), chúng ta hội tưởng khi chính Phierơ không vâng phục, nhưng đã chém đứt tai một nô lệ của thầy tế lễ thượng phẩm (Giăng 18:10). Như vậy bên cạnh vấn đề được soi dẫn, lời khuyên của Phierơ còn mang theo kinh nghiệm thực tiễn đằng sau!

Đoạn 2:21-24 dường như cho thấy có sự hiểu biết trực tiếp về việc xét xử và sự chết của Chúa Jê-sus. Có thể Phierơ không bao giờ quên sự nhện nhục như mì và sự chịu khổ im lặng của Cứu Chúa. Trong 2:24, chúng ta có câu nói đến phương thức Chúa chịu chết - bị đóng đinh trên thập tự giá. Lời mô tả này dường như vang vọng lời Phierơ trong Công vụ 5:30 và 10:39.

Khi Phierơ bảo độc giả quay về với Đấng Chân Chiên và Đấng Giám Mục của linh hồn họ (2:24), có lẽ ông đang nghĩ đến sự phục hồi chính mình (Giăng 21:15-19) sau khi ông chối Chúa.

Lời nhắc nhở "sự yêu thương che đậy vô số tội lỗi" (4:8) có thể nói đến những câu hỏi của Phierơ: "Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chăng? Ngài đáp rằng: Ta không nói cùng người rằng đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy" (Mathiơ 18:21,22). Nói cách khác, phải tha thứ vô hạn.

Trong 4:16, chúng ta được biết nếu có ai chịu khổ vì là Cơ Đốc nhân, thì đừng hổ thẹn, nhưng hãy vì cơ đan ấy mà tôn vinh Đức Chúa Trời. Đối chiếu câu này với Công vụ 5:40-42, cho biết Phierơ và các sứ đồ khác sau khi bị đánh đòn từ Tòa Công Luận trở về, "hơn hờ vì mình đã được kể là xứng đáng chịu nhục vì danh Đức Chúa Jê-sus."

Tác giả thơ này gọi mình là nhân chứng về sự đau đớn của Đấng Christ (5:1). Cụm từ: "Cùng có phần về sự vinh hiển sẽ hiện ra" có thể là câu ám

chỉ sự hóa hình. Đương nhiên, Phierơ có mặt trong cả hai sự kiện trọng đại này.

Lời khuyên dụ dăng cho công việc mục vụ "hãy chân bầy của Đức Chúa Trời đã giao phó cho anh em" (5:2) nhắc chúng ta nhớ lời Cứu Chúa phán với Phierơ: "Hãy chân chiên ta... hãy chân chiên ta... hãy chân chiên ta" (Giăng 21:15-17).

Cách nói của 5:5: "Trang sức bằng khiêm nhường" gợi nhớ mạnh mẽ đến trường hợp trong Giăng 13, là lần Chúa Jê-sus mặc lấy tạp dề của một nô lệ và rửa chân cho các môn đồ. Trong thực tế, toàn bộ phần nói về sự kêu ngạo và khiêm nhường (5:5,6) lại càng ý nghĩa hơn nữa khi chúng ta nhớ lời khẳng định đầy kêu hãnh của Phierơ rằng ông sẽ không bao giờ chối Chúa (Mác 14:29-31) và ba lần chối Chúa tiếp sau đó của ông (Mác 14:67-72).

Câu tham chiếu cuối có lên hệ đến kinh nghiệm của Phierơ ở trong 5:8: "Hãy tiết độ và tỉnh thức: kẻ thù nghịch anh em là ma quỷ, như sư tử rống, đi rình mò chung quanh anh em, tìm kiếm người nào nó có thể nuốt được." Khi Phierơ viết điều này, phải chăng ông đang nghĩ đến lúc Chúa Jê-sus phán với ông: "Hỡi Simôn, Simôn, này, quỷ Satan đã đòi sàng sảy người như lúa mì" (Luca 22:31)?

III. Thời Điểm Viết

Lời dạy của Phierơ về việc chinh quyền nói chung giúp ích cho những người muốn làm lãnh (1.Phierơ 2:13-17) được nhiều người xem là mang tính hòa giải đến độ không thể viết ra sau khi đã khởi sự cơn bất hòa Cơ Đốc

nhân tàn khóc của Nêrô (64 S.C.). Dầu thế nào đi nữa, thơ này không thể quá cách xa thời điểm đó, có lẽ được viết vào năm 64 hoặc 65.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Như đã thấy, Phierơ đặc biệt đề cập đến sự chịu khổ trong đời sống Cơ Đốc. Mãi đến lúc này, độc giả của ông dường như đã phải chịu vu khống và bị chế giễu vì cơ Đấng Christ (4:14, 15). Từ đây, bị tịch thu tài sản, cái chết tàn khóc cho nhiều người dường như vẫn chờ ở trước mặt. Tuy nhiên, sự chịu khổ không phải là chủ đề độc

nhất của thơ tín tuyệt diệu này. Phước hạnh được hưởng nhờ tiếp nhận Tin Lành, những mối liên hệ đúng đắn của tín hữu đối với thế gian, chính quyền, gia đình và hội thánh, sự chỉ giáo về các trường lao và vấn đề kỷ luật đều có trong thơ.

Từ nơi "Babylôn" nói đến hoặc thành phố theo nghĩa đen bên bờ sông Óphơrát với cộng đồng người Do Thái tại đó, hoặc chỉ về Babylôn thuộc linh bên bờ sông Tiber (Rome) - sự đó gợi thơ này đến các tỉnh phía đông của vùng đất hiện nay gọi là Thổ Nhĩ Kỳ.

BỔ CỤC

I. NHỮNG ĐẶC ẮN VÀ BỔN PHẬN CỦA TÍN HỮU (1:1-2:10)

A. Lời Chào Thăm (1:1,)

B. Trong Địa Vị Một Tín Hữu (1:3-12)

C. Hành Vi Của Tín Đồ Xét Theo Địa Vị Của Người (1:13-2:3)

D. Những Đặc Ắn Của Tín Hữu Trong Nhà Mới Và Chức Tế Lễ Mới (2:4-10)

II. CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA TÍN HỮU (2:11-4:6)

A. Người Hành Hương Đối Với Thế Gian (2:11,12)

B. Công Dân Đối Với Chính Quyền (2:13-17)

C. Tội Tờ Đối Với Chủ (2:18-25)

D. Trong Tư Cách Người Vợ Đối Với Chồng (3:1-6)

E. Người Chồng Đối Với Vợ (3:7)

F. Với Tư Cách Anh Em Trong Mối Thông Công (3:8)

G. Trong Tư Cách Người Chịu Khổ Đối Với Người Bất Bớ (3:9-4:6)

III. SỰ PHỤC VỤ VÀ CHỊU KHỔ CỦA TÍN HỮU (4:7-5:14)

A. Những Mạng Lệnh Khẩn Cấp Dành Cho Ngày Sau Rốt (4:7-11)

B. Những Lời Khuyên Và Giải Thích Về Sự Chịu Khổ (4:12-19)

C. Những Lời Khuyên Và Chào Thăm (5:1-14)

CHÚ GIẢI

1. NHỮNG ĐẶC ẶN VÀ BỐN PHẬN CỦA TÍN HỮU (1:1- 2:10)

A. Lời Chào Thăm (1:1,2)

1:1 Vị ngư phủ yêu dấu này giới thiệu mình là Phierơ, sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ. Ông được Chúa Jêsus sai đi như một trong mười hai sứ đồ nguyên thủy, được gọi làm sứ giả rao báo sứ điệp biến cải vinh quang. Khi đáp ứng tiếng gọi thiên thượng, ông đã trở thành tay đánh lưới người.

Mọi tín hữu đều được kêu gọi để đại diện cho Đấng Christ trên đất này. Chúng ta thấy đều có bốn phận làm những giáo sĩ, hoặc tại quê hương hoặc tại hải ngoại. Đây là mục đích trọng tâm của đời sống chúng ta với tư cách môn đồ của Chúa Jêsus; mọi điều khác đều là vấn đề phụ thuộc.

Thơ này được gửi cho những khách hành hương (Bản Anh ngữ) hoặc những người ngoại quốc bị tản lạc trong khắp các xứ Bông, Galati, Cápbadôc, Asi và Bithini. Những phu tù bị lưu đày này là ai?

Cách Phierơ dùng chữ "những người kiểu ngy rằr rằr" khiến chúng ta nghĩ họ là những tín hữu Do Thái vì Giacơ dùng cùng một chữ này để chỉ về các tín hữu từ mười hai chi phái của Ysraên (Giacơ 1:1). Từ ngữ trong Giăng 7:35 cũng mô tả những người Do Thái bị tản lạc giữa vòng các dân ngoại.

Nhưng hoàn toàn có khả năng là Phierơ đang viết cho các tín hữu người ngoại bang đã bị tản lạc trong các nước lân cận vì gặp bất bở. Khi viết như vậy,

ông đã dùng rất nhiều tên gọi mà trước kia đã dành cho dân sự của Đức Chúa Trời trên đất và ông áp dụng chúng để chỉ về một xã hội mới của Chúa, là hội thánh. Ông gọi họ là những người được chọn (1:2), một dòng dõi được chọn, thấy tế lễ nhà vua, một dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời (2:9). Ông cũng cho thấy ba dấu hiệu khác nữa chứng tỏ đang viết cho các tín hữu dân ngoại. Ông viết về cách sống trống rỗng hư không do tổ tiên truyền lại cho họ (1:14,18). Ông mô tả họ là những người trong quá khứ không phải là một dân (2:10). Cuối cùng trong 4:3, ông nói rằng trong thời trước họ đã sống giống như dân ngoại. Như vậy, có bằng chứng mạnh mẽ cho thấy cộng đồng Tân Lạc nhận thư của Phierơ chính là hội thánh Đấng Christ, hợp thành phần lớn từ những người vốn là dân ngoại bang trước khi hoán cải. Nếu có ai phản đối rằng Phierơ là vị sứ đồ nổi bật cho người Do Thái, thì điều đó không loại trừ việc ông chăm sóc cho người ngoại bang. đương nhiên Phaolô, vị sứ đồ cho dân ngoại, cũng đã dành thì giờ chăm sóc cho người Do Thái.

1:2 Người nhận thư được mô tả thêm về bốn bậc tăng trưởng trong sự cứu rỗi của họ có liên quan đến cả Ba Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Trước hết, họ được chọn theo sự biểr lưỡc của Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha. Điều này có nghĩa từ trước vô cùng, Đức Chúa Trời đã chọn họ thuộc về Ngài. Giáo lý về sự chọn lựa

thiên thượng không phải lúc nào cũng thịnh hành, nhưng nó thực sự có được phẩm hạnh này - nó để cho Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời. Những nỗ lực nào nhằm khiến giáo lý ấy trở nên dễ chấp nhận cho con người chỉ khiến con người đi lạc khỏi quyền tể trị tối thượng của Đức Chúa Trời. Mọi khó khăn khi dung hòa sự chọn lựa của Đức Chúa Trời với trách nhiệm của con người đều nằm ở lý trí của con người, ông phải trong ý Chúa. Thánh Kinh dạy cả hai giáo lý, và chúng ta nên tin cả hai. Chân lý nằm ở cả hai thái cực, chứ không phải ở đâu đó giữa hai thái cực này.

Sự chọn lựa của Chúa được cho biết là theo sự biết trước của Ngài. Có người hiểu câu này nói Đức Chúa Trời chọn những ai Ngài biết là họ sẽ tin vào Cứu Chúa. Có người bảo Chúa biết rất rõ rằng nếu để mặc cho con người, không một tội nhân nào sẽ tin cậy Cứu Chúa, và vì theo sự biết trước, Ngài đã chọn ra những người nào đó để làm chiến tích của ân điển Ngài. Tuy có sự mâu nhiệm không nói hết được trong sự chọn lựa của Chúa, nhưng chúng ta có thể biết chắc rằng sự chọn lựa ấy không có gì bất công cả.

Bước thứ nhì trong sự cứu rỗi là được nên thánh bởi Đức Thánh Linh. Phương diện này trong sự nên thánh xảy ra trước khi hoán cải.¹ (Cũng xem 1.Têsalônica 2:13). Về mặt luận lý, nó xảy ra sau sự chọn lựa của Đức Chúa Cha. Từ *cõi đời đời*, Đức Chúa Trời đã biết trước và chọn con người. Trong *cõi đời gian*, Đức Thánh Linh vận hành để khiến sự chọn lựa ấy trở nên thực tế

trong đời sống những cá nhân có liên quan.

Bước thứ ba trong sự cứu rỗi linh hồn ấy là đáp ứng của tội nhân đối với công tác của Thánh Linh. Điều này được mô tả là sự vâng phục Đức Chúa Jêsus Christ. Điều này nói đến sự vâng phục Tin Lành bằng cách ăn năn tội mình và tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa. Khái niệm về Tin Lành như một điều gì đó buộc phải vâng theo là một khái niệm phổ thông trong Tân Ước (xem Rôma 2:8; 1.Têsalônica 1:8).

Cuối cùng, có sự rỗi huyết Ngài. Chúng ta không được phép hiểu điều này theo nghĩa đen tuyệt đối để quả quyết rằng khi một người được cứu, người này thật sự được rửa bằng huyết Chúa Jêsus. Đây là ngôn ngữ nghĩa bóng. Điều câu này thực sự nói ấy là: ngay khi một người vâng theo Tin Lành, người nhận được mọi ích lợi phát xuất từ sự đổ huyết của Đấng Christ trên Gôgôtha. Huyết của Cứu Chúa đã tuôn đổ một lần đủ cả trong suốt hơn 1900 năm qua; huyết ấy sẽ không bao giờ phải đổ một lần nữa. Nhưng chúng ta nhận lãnh sự tha thứ, sự cứu chuộc, và vô số phước hạnh khác phát tuôn từ dòng huyết đỏ ấy ngay khi tin nơi Ngài.

Sau khi lần theo bốn bước trong sự sinh ra thuộc linh của độc giả, giờ đây Phierô cầu chúc ân điển và bình an thêm lên dư dật cho họ. Họ đã kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi và sự bình an với Chúa phát xuất từ đó rồi. Nhưng mỗi ngày, họ vẫn cần ân điển hay sức mạnh cho đời sống Cơ Đốc, và bình an giữa một

xả hội đầy rối ren. Đây là điều sứ đồ chúc cho họ để họ được dư dật đầy đủ nhất. James Denney nói "án điển là chủ đầu tiên và cuối cùng của Tin Lành; và bình an - sự lành mạnh trọn vẹn của tâm linh - là công tác đã hoàn tất của án điển."

B. Trong Địa Vị Một Tin Rõ (1:3-12)

1:3 Trong câu 3-12, Phierơ trình bày những vinh hiển lạ lùng trong sự cứu rỗi chúng ta. Ông mở đầu bằng cách kêu gọi dâng lời ca ngợi lên Tác Giả của sự cứu rỗi - Đức Chúa Trời, là Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Danh xưng này trình bày Đức Chúa Trời trong mối quan hệ hai mặt đối với Chúa Jêsus. Danh xưng Đức Chúa Trời... của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta nhấn mạnh nhân tánh của Cứu Chúa. Danh xưng Cha nhấn mạnh thần tánh của Con Đức Chúa Trời. Danh xưng đầy đủ của Đức Chúa Con được nêu ra ở đây:

Chúa - Đấng có quyền độc nhất vô nhị để cai trị trong lòng và đời sống.

Jêsus - Đấng cứu dân sự Ngài ra khỏi tội.

Christ - Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời, là Đấng đã được tôn lên địa vị cao cả nhất của Thiên đàng.

Chính bởi lòng thương xót cả thể của Đức Chúa Trời mà chúng ta được tái sanh để đến với sự trỗi dậy sống nhờ sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ từ trong kẻ chết. Đức Chúa Trời là nguồn của sự cứu rỗi này. Lòng thương xót lớn của Ngài là nguyên nhân cho sự cứu rỗi ấy. Sự tái sanh là bản chất của sự cứu rỗi. Sự trỗi dậy sống chính là phần thưởng hiện tại cho sự

cứu rỗi. Sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ là cơ sở công bình cho sự cứu rỗi chúng ta, cũng như làm nền tảng cho sự trỗi dậy sống của chúng ta.

Là tội nhân, chúng ta không có sự trỗi dậy nào ở bên kia mồ mả cả. Trước mặt chúng ta không có gì khác hơn là chắc chắn bị đoán phạt và chịu sự phẫn nộ kinh khiếp. Là thành viên của sự dựng nên thứ nhất, chúng ta ở dưới án tử hình. Nhưng trong công tác cứu chuộc của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã tìm thấy cơ sở công bình để có thể cứu những tội nhân bất khlết mà Ngài vẫn là Đấng công bình. Đấng Christ đã trả án phạt tội lỗi của chúng ta. Đã có sự đền tội đầy đủ rồi. Những đòi hỏi của công lý đã được thỏa đáp, và giờ đây lòng thương xót có thể tuôn ra cho những ai vâng theo Tin Lành. Trong sự phục sinh của Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã cho thấy sự thỏa lòng trọn vẹn của Ngài với công tác hy sinh của Con Ngài. Sự phục sinh chính là lời "Amen" của Đức Chúa Cha đối với tiếng kêu của Chúa chúng ta: "Mọi sự đã được trọn!" Sự phục sinh ấy cũng là của cám để hứa rằng mọi người nào chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại từ trong kẻ chết. Đây là sự trỗi dậy sống của chúng ta - chờ đợi được đưa về quê hương trên Thiên đàng để ở với Chúa và được giống như Ngài đời đời. F. B. Meyer gọi sự trỗi dậy sống này là "mắt xích liên kết giữa hiện tại và tương lai của chúng ta."

1:4 Câu 4, 5 mô tả khía cạnh tương lai này của sự cứu rỗi. Khi được sanh

lại, chúng ta đã có sự trông cậy chắc chắn về **cơ nghiệp**... **trong các tầng trời**. **Cơ nghiệp** này bao gồm mọi điều mà tín hữu sẽ được hưởng trên Thiên đàng suốt cả cõi đời đời, và mọi điều sẽ thuộc về mình qua Đấng Christ (Thi-chiên 16:5). **Cơ nghiệp** này là **không hư đi, không ô uế**, không suy tàn: (1) **Không hư đi** có nghĩa không bao giờ bị ten rết, bị nứt hay úa tàn. Nó không bị ảnh hưởng bởi sự chết. (2) **Không ô uế** có nghĩa chính **cơ nghiệp** này ở trong tình trạng hoàn hảo. Không một vết hoen ố hay xin màu nào có thể làm lu mờ sự thanh sạch của nó. Nó không có tội lỗi. (3) **Không suy tàn** có nghĩa không bao giờ bị biến đổi về giá trị, vinh hiển hay vẻ đẹp. Nó không bị ảnh hưởng của thời gian.

Những **cơ nghiệp** trong trần thế có tốt nhất đi nữa thì cũng vẫn không chắc chắn. Đôi khi giá trị của một sản nghiệp bị sụt giá hẳn đi vì sự suy thoái của thị trường. Có lúc các di chúc bị giành giật bởi những bên không được nhắc đến trong di chúc. Có khi người ta bị tước mất cơ nghiệp bởi những thuật ngữ chuyên môn pháp lý. Nhưng **cơ nghiệp** thiên thượng này không hề bị bất kỳ một thay đổi nào của thời gian, và tín đồ được toàn quyền hưởng lấy nó. **Cơ nghiệp** này được giữ trong hầm kết an toàn của Thiên đàng để dành cho con cái Đức Chúa Trời.

1:5 **Cơ nghiệp** này không những được giữ cho Cơ Đốc nhân, mà Cơ Đốc Nhân còn được giữ hay được bảo vệ cho chính cơ nghiệp nữa. Trong đời này, người thừa kế có thể chết trước khi cơ nghiệp được phân chia. Nhưng ân điển

gìn giữ cơ nghiệp trên trời cũng chính là ân điển gìn giữ chúng ta là kẻ kế thừa để được hưởng cơ nghiệp ấy. Việc Đức Chúa Trời chọn lựa dân sự Ngài không bao giờ bị thất bại được. Những người được chọn từ trước vô cùng thì được cứu trong cõi thời gian hiện nay và được giữ gìn cho cõi đời đời hầu đến. Tín hữu trong Đấng Christ được an toàn chắc chắn đời đời.

Nhưng có khía cạnh con người cũng như khía cạnh thiên thượng đối với sự an ninh đời đời. Chúng ta được giữ bởi **quyền phép của Đức Chúa Trời** - đây là khía cạnh thiên thượng, nhưng đó là bởi **đức tin** - đây là khía cạnh con người. Điều này không có nghĩa một người được cứu chỉ khi nào người ấy còn vận dụng đức tin. Nơi nào có đức tin thật, nơi đó sẽ có sự tiếp nối liên tục. Đức tin cứu rồi *luôn luôn* có phẩm chất bền vững.

Con cái Đức Chúa Trời được gìn giữ bởi **quyền năng của Đức Chúa Trời để được sự cứu rỗi** gần hiện ra **trong kỳ sau rốt**. Câu này nói đến sự cứu rỗi trong thi tương lai. Người ta thường nói rằng có ba thi của sự cứu rỗi: (1) **Cơ Đốc nhân đã được cứu** khỏi ân phạt tội lỗi tại giây phút vừa mới tin Cứu Chúa (Êphêso 2:8). (2) **Cơ Đốc nhân được cứu** hàng ngày khỏi quyền của tội khi để cho Cứu Chúa sống sự sống của Ngài qua mình (Rôma 5:10). (3) **Cơ Đốc nhân sẽ được cứu** khỏi hiện diện của tội tại thời điểm Cát Lên (Hêbơra 9:28). Thân thể người sẽ được biến hóa nên vinh hiển, và được đời đời thoát khỏi tội lỗi, hình phạt và sự chết. Thi tương lai này

của sự cứu rỗi cũng bao gồm thời điểm các thánh đồ sẽ cùng với Đấng Christ trở lại trần gian và họ sẽ được tỏ ra rõ ràng là con cái Đức Chúa Trời (I. Giăng 3:2).

1:6 Nhớ hy vọng về sự cứu chuộc thân thể và cơ nghiệp vinh hiển này, tín hữu có thể rất vui mừng giữa những thử thách. Những Cơ Đốc nhân nhận thư của Phierơ đây đang bị bắt bớ vì cố làm chứng cho Đấng Christ. Phierơ nhắc họ nhớ đến một trong những nghịch lý thú vị của Cơ Đốc giáo - vui mừng giữa lúc buồn rầu. Một mặt, họ có thể vui mừng trong viễn cảnh có một cơ nghiệp đã được gìn giữ. Mặt khác, họ có thể tìm được vui mừng khi biết sự thử thách trăm bề chỉ kéo đến trong ít lâu, còn sự vinh hiển sẽ đến đời đời (xem II. Phierơ 4:17). J. H. Jowett bình luận thế này về hiện diện của sự vui mừng giữa cảnh đau khổ do vô số thử thách ập đến: "Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ tìm được một suối nước giữa một đồng cỏ hoang vắng chút hứa hẹn nào như thế."

1:7 Còn có thêm sự an ủi nữa cho các thánh đồ đang chịu khổ khi biết rằng những sự chịu khổ của họ không phải là không có mục đích, cũng không phải là không có kết quả. Những hoạn nạn của những người chưa tin Chúa chỉ là tiền vị của những nỗi đau đớn khôn khổ nơi địa ngục mà họ sẽ phải chịu đời đời. Nhưng đối với Cơ Đốc nhân thì không phải như vậy. Một trong rất nhiều mục đích ích lợi của hoạn nạn trong đời này đối với con cái Chúa chính là để thử nghiệm **tinh chân thật**

của đức tin người ấy. Phierơ ví đức tin của chúng ta với **vàng**. Trong số toàn bộ những chất con người biết đến, vàng là một trong những thứ không bị hư hoại hàng đầu. Vàng có thể chịu được sức nóng kinh khiếp và dường như không thể bị phá hủy được. Nhưng sự thực thì vàng bị hư hại vì cố sử dụng, bị ép hay bị lừa.

Đức tin thật thì không thể phá hủy được. Tín hữu có thể phải trải qua rất nhiều thử nghiệm và thử thách khác khe, nhưng thay vì phá hủy đức tin, chúng lại trở nên lương thực cho đức tin. Gióp chỉ trong một ngày đã bị mất mát nặng nề hơn bất kỳ ai trong lịch sử thế giới, thế nhưng ông vẫn có thể nói: "Đấng Chúa giết ta, ta cũng còn nhờ cậy nơi Ngài" (Gióp 13:15). Ba chàng trai trong lò lửa hực của Babylon đã bị **thử lửa** đúng nghĩa đen. Lửa đã chứng minh đức tin của họ là thật. Lửa cũng đốt cháy hết những dây cột họ, khiến họ được tự do (Dan-i-ên 3:12-30). Và trong lúc bị thử thách bởi ngọn lửa hừng, họ đã được một Đấng "giống như một Con Trai của thần" đồng đi với họ. **Tinh chân thật của đức tin** chỉ có thể chứng minh bởi lửa. Khi hoàn cảnh thuận lợi, làm Cơ Đốc nhân rất dễ. Nhưng khi lời tuyên xưng đức tin công khai đem lại bắt bớ và hoạn nạn, thì những môn đồ hời hợt sẽ trôi dạt đi rồi biến mất giữa đám đông. Tôn giáo nào không đòi hỏi trả giá gì cả thì cũng không đáng giá gì cả. Đức tin nào không chịu trả giá thì là đức tin giả. Đó là thử đức tin bị Giacô lên án.

Đức tin thật sẽ đem lại **sự ngợi khen, lớn trọng, vinh hiển** khi Đức Chúa Jê-sus

Christ hiện ra. Điều này đơn giản có nghĩa Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng mỗi một trường hợp có đức tin chịu đựng được thử thách. Ngài sẽ **ngợi khen** những người nào vui mừng dầu bị vấp giữa hoàn cảnh khó khăn hoạn nạn. Ngài sẽ ban thưởng sự **lớn trọng** và **vinh hiển** cho những tín hữu đã chịu thử nghiệm và đang chịu khổ, có thể chấp nhận những hoạn nạn của mình như là sự **biểu quyết** tin cậy đến từ Ngài.

Điều này sẽ hiện ra rõ ràng khi Đấng Christ trở lại trần gian cai trị trong tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa, và hết thảy những người nào bị thế gian khước từ đều sẽ được tỏ ra rõ ràng là con cái Đức Chúa Trời. Nhờ đối chiếu Kinh Thánh sẽ thấy phần thưởng được công bố tại Ngài Đoàn Xét của Đấng Christ, trên Thiên đàng, sau Sự Cát Lên. Nhưng sự hiện ra công khai cho các phần thưởng này dường như xảy ra khi Đấng Christ tái lâm.

1:8 Giờ đây Phierơ luận đến sự vui hưởng ơn cứu rỗi hiện tại của chúng ta - nhận lấy Đấng Christ bởi đức tin. Dầu chúng ta chưa **thấy** Ngài bằng mắt mình, nhưng chúng ta **yêu mến** Ngài.² **Dầu bây giờ** chúng ta **không thấy** Ngài, thế nhưng chúng ta tin Ngài. Đây chính là cách chúng ta bước vào phước hạnh mà Ngài nói với Thôma: "Phước cho những người chẳng từng thấy mà đã tin vậy" (Giăng 20:29)

William Lincoln viết:

Người ta nói rất nhiều về tình yêu. Nhưng thử nghiệm thật về tình yêu đối với Chúa và Đấng Christ chính là tình yêu cất tiếng lên nói được giữa cơn thử thách: "Tôi sẽ không đánh mất em và

nu cười của Chúa, vì vậy tôi chịu khổ hơn làm buồn lòng Ngài." Lòng yêu mến sẽ thỏa lòng với mẫu vỏ bánh mì và nu cười của Đức Chúa Trời, hơn là có địa vị tốt hơn và sự miễn mộ của thế gian mà không có được nu cười của Ngài. Những thử nghiệm như thế phải đến cho mọi con cái thật của Chúa; chúng thổi trấu ra khỏi hạt lúa mì. Vàng ra khỏi lửa, đã được thử nghiệm, và được tinh luyện hết mọi cặn cặn.³

Nhờ tin Ngài, chúng ta vui mừng **lắm cách không xiết kể** và **vinh hiển**. Được hiệp một với Ngài bởi đức tin tức là được tiếp xúc đời đời và không gián đoạn với suối nguồn của mọi **vui mừng** tinh tuyền. Niềm vui của Cơ Đốc nhân không lệ thuộc nơi hoàn cảnh trần thế nhưng nơi Đấng Christ phục sinh và được tôn cao ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Không thể tước mất niềm vui của thành đồ chẳng khác gì không thể bắt Đấng Christ rơi khỏi địa vị vinh hiển của Ngài. Hai điều này đi chung với nhau.

1:9 Tiếp theo, Phierơ đề cập kết quả hiện tại của đức tin - là sự **cứu rỗi** linh hồn. Sự cứu rỗi thân thể vẫn còn trong tương lai, sẽ diễn ra khi Đấng Christ đến rước các thánh đồ Ngài. Nhưng ngay khi lấy đức tin tin cậy Đấng Christ, chúng ta nhận lãnh sự **cứu rỗi** linh hồn mình. Từ ngữ được dùng ở đây nói đến phần phi vật chất của con người, phần không thuộc thân thể. Chính linh hồn tách ra khỏi thể xác lúc chết. Trong phần đoạn này, linh hồn bao gồm cả tâm linh, là phần chúng ta nhờ đó để ý thức về Đức Chúa Trời. Linh hồn được cứu lúc được tái sanh.

1:10 Sự cứu rỗi đó là chủ đề của rất nhiều tiên tri Cựu Ước. Các phật ngôn nhân thời xưa của Đức Chúa Trời đã nói tiên tri về ơn không đáng được hưởng mà chúng ta sẽ nhận lãnh. Nhưng họ không hiểu đầy đủ những điều mình đang viết ra (xem Daniên 12:8).

1:11 Dương như họ đã không hiểu: (1) Đấng sẽ hiện ra làm Đấng Mêsia đó là ai. (2) Thời điểm Ngài hiện ra. Họ được Thánh Linh Đức Chúa Trời soi dẫn để báo trước về sự đau đớn của Đấng Mêsia phải chịu và về sự vinh hiển sẽ theo sau. Nhưng họ không hiểu hai biến cố này sẽ cách biệt nhau ít nhất 1900 năm. Như người ta thường mô tả, họ đã nhìn thấy hai đỉnh núi - (a) Gôgôtha, nơi Đức Chúa Jêsus chịu thương khó, và (b) núi Ôlive, nơi Ngài sẽ trở lại trong vinh quang. Nhưng họ không nhìn thấy thung lũng nằm giữa hai ngọn núi đó, tức là Thời Đại Ân Điển hiện tại, còn chúng ta ở trong thung lũng đó thấy mình có thể nhìn cả hai biến cố, một biến cố trong quá khứ, một vẫn còn trong tương lai, với góc nhìn rõ ràng hơn họ.

1:12 Đối với các Đấng ấy, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho họ biết cách mẫu nhiệm rằng họ đang phục vụ những thế hệ vẫn chưa ra đời. Tuy lời của các tiên tri có ý nghĩa cho chính thế hệ của họ, nhưng họ biết rằng ý nghĩa trọn vẹn của chúng không chỉ tập trung hết cho những biến cố trong thời của họ.

Đương nhiên, điều này phát sinh thắc mắc. Có phải những tiên tri Cựu Ước đã quen thuộc với lẽ thật về sự xưng công bình bởi đức tin không? Vay

họ chưa hiểu điều gì về sự cứu rỗi của chúng ta? Trên phương diện nào, họ phục vụ chúng ta thay vì phục vụ chính họ?

William Lincoln nói:

*Sự đầy đầy ân điển của Chúa đã không thể hiện ra cho đến khi Đấng Christ tới. Đức Chúa Trời đã có thể và thực sự đã cứu tội nhân và đau họ về Thiên đàng, như Ngài đã làm cho Hênôc trước kia, nhưng sự liên hiệp với Đấng Christ và toàn bộ những điều được bao hàm trong mối liên hiệp như thế, thì vẫn chưa ai kinh nghiệm được cho đến khi Đấng Christ chết và sống lại. Ô, Đức Chúa Trời vui sướng biết bao để chúng cháu vinh hiển tôn trọng trên Con Ngài!*⁴

Những điều đã được tỏ ra cho các tiên tri bây giờ được làm sáng tỏ. Đức Thánh Linh từ trời giảng xuống tại Lễ Ngũ Tuần. Ngài ban quyền năng cho các sứ đồ rao giảng Tin Lành rằng Đức Chúa Jêsus ở Naxarét chính là Đấng Mêsia đã được dự đoán, Ngài đã chết thay tội lỗi loài người, đã chịu chôn và đến ngày thứ ba đã sống lại. Họ công bố sự cứu rỗi ấy được ban cho như món quà vô điều kiện nhờ đức tin nơi Đấng Christ. Họ tuyên bố mục đích của Đức Chúa Trời trong thời đại này là nhóm hiệp một đàn ra từ các nước về cho Danh Ngài, và Chúa Jêsus một ngày kia sẽ tái lâm trần gian để nhận lấy binh quyền quản trị vũ trụ.

Đặc ân lớn lao của tín hữu trong thời đại này không những được nhìn thấy qua việc họ hiểu rõ ràng những điều được bày tỏ từ các tiên tri, mà còn ở sự kịen các thiên sứ cũng ước ao xem thấu những chân lý ấy của sự cứu rỗi.

Các thiên sứ giữ địa vị nổi bật trong Tân Ước cũng như trong Cựu Ước. Họ được nhắc đến trong sự giáng sinh của Đấng Christ, trong sự Ngài bị cám dỗ, trong sự thống khổ của Ngài tại Ghếtsemanê, và trong sự phục sinh của Ngài. Nhưng theo như chúng ta biết, không hề có sự cứu chuộc cho các thiên sứ đã sa ngã. Đấng Christ đã không đến để can thiệp cho các thiên sứ, nhưng can thiệp cho dòng dõi của Ápraham (Hêbơr 2:16). Hội thánh là bài học trực quan cho các thiên sứ, để rao ra sự khôn ngoan mọi đường của Đức Chúa Trời (1 Pêrô 3:10). Nhưng họ không được biết niềm vui do sự cứu rỗi mang lại cho chúng ta.

C. Hành Vi Của Tin Đệ Xếp Theo Địa Vị Của Người (1:13-2:3)

1:13 Bắt đầu từ đây, điểm nhấn mạnh đã thay đổi. Phierơ này giờ đang nói đến những vinh hiển của sự cứu rỗi chúng ta. Đến đây, ông bắt đầu loạt lời khuyên dựa trên điều vừa mới nói. fowett nói: "Lời khuyên hiện tại được căn cứ trên Tin Lành mở đầu.... Sự thối thục tâm linh được tạo ra bởi những sự thật cao trọng. Động lực của phẫn sự được sinh ra trong trái tim của Tin Lành này."⁵

Thứ nhất, Phierơ khuyên các thánh đồ để **hèn chí** "như thể thất lưng." Nại nịt **lâm trí** là một hình thái tu từ thú vị. Ở các xứ phương đông, người ta mặc những áo choàng dài và rộng thùng thình. Khi muốn đi nhanh hoặc muốn ít bị vướng víu nhất, họ sẽ dùng dây thắt lưng cột áo choàng của mình quanh hông (xem Xuất Êđíphtô Ký 12:11). Bằng cách này, họ đã thất lưng của họ lại.

Nhưng Phierơ muốn nói gì với câu "**hèn chí như thể thất lưng**"? Khi bước vào trong thế giới thù địch, tin hữu sẽ phải tránh kinh hoảng và lạc mất hướng chú ý. Trong lúc bị bắt bớ, luôn luôn có khuynh hướng trở nên hoảng hốt, lung túng và rối loạn. Tâm trí đã được nai nịt thì mạnh mẽ, bình tĩnh, thanh thản và sẵn sàng hành động. Nó không bị xao lãng hoặc lạc hướng chú ý bởi nỗi sợ hãi hay sự bất bớ của con người.

Tình trạng tinh thần thanh thản này được khích lệ thêm bởi những chữ **hãy liê độ**. Điều này nói đến sự tự kiểm soát mình thay vì hoảng loạn. Có tình thần **liê độ** thì sẽ được điểm đăm và ổn định.

Tiếp theo, thánh đồ được khuyên phải có tâm trí lạc quan và trông cậy: **lấy sự trông cậy trọn vẹn đợi chờ ơn sẽ ban cho mình trong khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra**. Sự bảo đảm Đấng Christ tại lâm được nêu ra làm động cơ thôi thúc sự nhịn nhục chịu đựng vượt qua giống tổ hoạn nạn của cuộc đời. Người ta thường hiểu sự **hiện ra** của Đức Chúa Jêsus Christ ở đây nói đến sự kiện Ngài trở lại trần gian lúc hiện ra trong vinh hiển. Tuy nhiên, cũng có thể câu này nói đến Sự Cát Lén, khi Đấng Christ đến rước các thánh đồ Ngài.

1:14 Trong câu 14-16, đề tài là tâm trí **vững lời**. Con cái hay **vững lời** đứng bướng mình vào những tội lỗi vốn đặc trưng cho nếp sống ngày trước của họ. Giờ đây là Cơ Đốc nhân, họ nên sống bất chước theo gương của Đấng họ được mang danh. Nếu bất chước theo thể gian không kính sợ Chúa này, họ đang

phủ nhận đặc điểm thiên thượng của họ. Những việc đã làm từ lúc còn **mê muội**, thì nay khi đã được Thánh Linh soi sáng, họ phải bỏ đi. **Sự dâm dục**, là sự cai trị trong anh em ngày trước, nói đến những tội họ đã buông mình vào khi chưa biết Đức Chúa Trời.

1:15 Thay vì bắt chước thể gian tội lỗi cùng với những mốc nhất thời của nó, đời sống chúng ta phải sinh ra đặc điểm **thánh khiết** của Đấng đã kêu gọi chúng ta. Sống thánh khiết có nghĩa là trở nên giống Chúa. Chúa thánh khiết mọi đường. Nếu muốn giống Ngài, chúng ta phải **thánh khiết** trong mọi điều chúng ta nói và làm. Trong đời này, chúng ta sẽ không bao giờ thánh khiết được như Ngài, nhưng chúng ta đáng phải thánh khiết vì Ngài là thánh khiết.

1:16 Phierơ quay lại Cựu Ước để tìm bằng chứng Đức Chúa Trời đòi hỏi dân sự phải giống như chính Ngài. Trong Lêvi Ký 11:44, Chúa phán: "**Hãy nên thánh, vì ta là thánh.**" Cơ Đốc nhân được Thánh Linh ngự trong lòng ban cho quyền phép để sống thánh khiết. Các thánh đồ Cựu Ước không có sự trợ giúp và phước hạnh này. Nhưng vì chúng ta có nhiều đặc ân hơn, nên cũng phải có trách nhiệm cao hơn. Câu Kinh Thánh Phierơ trích từ Lêvi Ký mang ý nghĩa chiểu sâu mới trong Tân Ước. Đây là sự khác biệt giữa hình thức với điều quan trọng. Thánh khiết là lý tưởng của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. Với sự hiện diện của Thần Lê Thật, lý tưởng này đã bắt đầu có phẩm chất cụ thể mỗi ngày.

1:17 Chúng ta không những được khuyển sống thành khiết mà còn phải có tinh thần **kính sợ** nữa. Điều này nói đến sự sợ hãi tôn kính, sự am hiểu sâu xa về chính Đức Chúa Trời. Đặc biệt điều này nói đến sự nhận biết được Đấng chúng ta gọi là **Cha** cũng chính là Đấng sẽ **đoán xét** con cái Ngài cách không tây vị ai tùy theo việc làm của mỗi người. Khi nhận thức sự hiểu biết sâu rộng của Ngài và tính chính xác khi Ngài đoán xét, chúng ta đáng phải sống với tấm lòng hết sức to sợ mình sẽ làm buồn Ngài. **Cha đoán xét** kẻ thuộc về Ngài trong đời này; Ngài đã giao việc đoán xét tội nhân cho Chúa Jêsus (Giăng 5:22).

Lincoln viết: "Ngài đang nhìn xem, và để ý hết thảy, để xem liệu có sự trung thực, trong mục đích không, có sự thông minh của tâm trí, và có tấm lòng khao khát để làm đẹp lòng Ngài không."⁶

Chúng ta phải ăn ở trong thời kỳ ở trọ trên đất này trong sự **kính sợ**. Cơ Đốc nhân không có quê hương ở trong thế gian này. Chúng ta đang sống trên đất ngoại quốc, bị đầy ách khỏi Thiên đàng. Chúng ta đứng nên định cư dường như đây là nơi ở vĩnh viễn của mình. Chúng ta cũng đừng nên bắt chước hành vi của người sống trong thế gian. Chúng ta phải luôn luôn nhớ định mệnh đời đời của mình và sống như công dân Thiên đàng.

1:18 Trước khi hoàn cải, tín hữu không khác gì với người thiên hạ. Cách nói năng ăn ở của họ cũng trống rỗng và tầm thường như của người xung

quanh. Những ngày chưa hoán cải của họ được mở tả như sự **án ở không ra chi** của **tổ tiên truyền lại cho mình**. Nhưng họ đã được chuộc ra khỏi nếp sống hư không đó bởi một sự trao đổi hết sức lớn lao. Họ được giải thoát khỏi ách nô lệ của việc bắt chước thế gian nhờ việc trả xong một giá chuộc vô hạn. Phải chăng nhờ **bạc hoặc vàng** mà những nạn nhân bị bắt cóc này được phóng thích (xem Xuất Êđiptô Kỳ 30:15)?

1:19 Không, chính là nhờ **huyết báu Đấng Christ** - giống như huyết của **chiên con không lối không vit**. Đấng Christ là **chiên con không lối không vit**, có nghĩa Ngài tuyệt đối trọn vẹn, cá biệt trong lần hệ ngoài. Nếu có bao giờ tin hữu bị cám dỗ quay lại với những thú vui và trò tiêu khiển của thế gian, tiếp nhận những phương thức và mẫu mực của thế gian, trở nên giống như thế gian trong những cách đối trá của nó, thì phải nhớ rằng Đấng Christ đã đổ **huyết** Ngài để giải cứu mình khỏi kiểu sống đó. Quay trở lại với thế gian tức là đi trở lại vực sâu vĩ đại đã được nối cầu cho chúng ta bằng một giá lớn lao. Nhưng còn hơn thế nữa - làm như vậy tức là hoàn toàn bất trung với Cứu Chúa.

"Hãy lý luận ngược lại từ sự vĩ đại của sự hy sinh cho đến tính lớn lao của tội lỗi. Sau đó hãy quyết định vinh viễn dứt bỏ điều đã khiến Con Đức Chúa Trời phải trả giá bằng chính sinh mạng Ngài."

1:20 Công tác Đấng Christ thực hiện cho chúng ta không hề là đo Chúa chợt suy nghĩ ra về sau. Đấng Cứu Chuộc đã được định phải chết thay chúng ta từ trước buổi sáng thế. Nhưng đến cuối các

thời kỳ, tức là cuối định kỳ luật pháp, Ngài đã từ trời hiện ra để giải thoát chúng ta khỏi lối sống ngày trước. Lincoln nhận định: "Trong các thời kỳ sau rốt này - lịch sử đạo đức của thế giới đã kết thúc tại thập tự giá của Đấng Christ. Nó đã tự bày tỏ trọn vẹn và kết thúc trước mặt Đức Chúa Trời."⁷

Phierơ thêm những nhận định này để khiến chúng ta ghi nhớ càng sâu xa hơn tầm quan trọng của việc đoạn tuyệt hoàn toàn khỏi hệ thống thế gian mà Đấng Christ đã chịu chết để giải thoát chúng ta ra khỏi đó. Chúng ta ở trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. Chúng ta không được phép cách ly mình khỏi những con người chưa được tái sinh, nhưng trái lại phải đem Tin Lành đến cho họ. Thế nhưng trong những cách đối xử và mối quan hệ với họ, chúng ta không bao giờ được phép dự phần vào hay dung túng tội lỗi của họ. Chúng ta phải dùng đời sống chứng tỏ mình là con cái Chúa. Chính giây phút chúng ta trở nên giống như thế gian, lời chứng của chúng ta bị suy yếu. Không có động cơ nào cho con cái thế gian hoán cải nếu họ không nhận thấy sự khác biệt - tức sự thay đổi để trở nên tốt hơn từ trong đời sống chúng ta.

1:21 Lòng trung thành với Chúa Jêsus được đòi hỏi thêm bởi sự kiện chính nhờ **Chúa Jêsus Christ** mà chúng ta **tin đến Đức Chúa Trời**. Ngài là Đấng đã bày tỏ tấm lòng của Đức Chúa Cha cho chúng ta. Đúng như W. T. P. Wolston nói: "Không phải bởi sự sáng thế, cũng không bởi ân thần bí, cũng không bởi luật pháp, mà con người biết Đức Chúa Trời, nhưng bởi Đấng

Christ.⁸ Đức Chúa Cha bày tỏ sự thỏa mãn hoàn toàn với công tác cứu chuộc của Đấng Christ bằng cách khiến Đấng Christ **lừ đừ chết sống lại** và tôn vinh Ngài lên địa vị **vinh hiển cao nhất** trên Thiên đàng. Kết quả của toàn bộ việc này ấy là để **đức tin và sự trông cậy** của chúng ta **được đặt nơi Đức Chúa Trời**. Chúng ta sống, động và có ở trong Ngài, chứ không phải trong hệ thống gian ác đời này.

1:22 Giờ đây Phierô khuyến độc giả phải có lòng yêu thương (1:22- 2:3). Trước hết, ông mô tả sự tái sanh và cho biết một trong những thay đổi do sự tái sanh đem lại chính là lòng yêu thương **anh em** (1:22a). Tiếp theo, ông nói rõ bốn phạm phải yêu thương (1:22b). Rồi ông quay lại với sự tái sanh, và đặc biệt với hạt giống để từ đó mọc lên sự sống mới này - là Lời Đức Chúa Trời (1:23-25). Một lần nữa, ông nhấn mạnh những bốn phạm của những người đã nhận lấy đạo (2:1-3).

Trong 1:22a, trước hết Phierô mô tả sự tái sanh: **anh em đã làm sạch lòng mình...** Đương nhiên, chúng ta hiểu rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng làm sạch lòng chúng ta khi chúng ta được cứu; nói cho đúng nghĩa, chúng ta không có quyền năng để làm sạch bản thân mình. Nhưng qua bình thái tu từ này, chúng ta là những người đã kinh nghiệm sự tẩy sạch được xem như đã nhận được quyền năng làm sạch lòng khi chúng ta tin.

Phương tiện dùng trong sự tẩy sạch này là **vâng theo lẽ thật**. Đây là lần thứ nhì Phierô mô tả đức tin cứu rỗi chính là hành động vâng lời (xem 1:2). Trong

thư Rôma, Phaolô hai lần dùng cụm từ "sự vâng phục của đức tin." Trong nếp suy nghĩ của chúng ta, chúng ta dường như có thứ tách rời niềm tin và sự vâng lời. Đức tin thật chính là đức tin biết vâng lời. Chỉ có thể vâng lời được nhờ Thánh Linh.⁹

Một trong những mục tiêu của sự tái sanh là **lòng yêu thương anh em cách thành thật**. Theo ý nghĩa rất thực tế, chúng ta được cứu để yêu thương hết thảy những bạn đồng đức tin nơi Đấng Christ của mình. Bởi **linh yêu** này, chúng ta biết mình đã vượt khỏi sự chết mà đến sự sống (1.Giăng 3:14), và bởi tình yêu ấy, thế gian biết chúng ta là môn đồ của Chúa Jesus (Giăng 13:35).

Vì vậy, lời khuyên này đi tiếp rất tự nhiên - **nên hãy yêu nhau sốt sắng hết lòng**. Đây là một trong rất nhiều trường hợp của Tân Ước có câu thông báo trở thành cơ sở cho mệnh lệnh. Câu thông báo như thế này: **Anh em đã vâng theo lẽ thật làm sạch lòng mình, đang có lòng yêu thương anh em cách thật thà...** tiếp theo là mệnh lệnh: **hãy yêu nhau sốt sắng hết lòng**. Điều thuộc về địa vị hình thành cơ sở cho điều thuộc về nếp sống đạo. Tình yêu của chúng ta phải nhiệt tình, chân thành, với hết trọn sức lực, sự sốt sắng, không ngừng và **phải thành sạch**.

Lời khuyên "Hãy yêu nhau" đặc biệt đúng lúc cho những người đang chịu bất bớ, vì cơ mọi người đều biết rõ "trong những hoàn cảnh gian khó, những bất đồng ý kiến kiến vụn vặt lại chiếm phần tỉ lệ hết sức lớn."

1:23 Rồi Phierô đưa độc giả trở lại với sự tái sanh của họ, và lần này đến

với hạt giống của sự tái sinh ấy là **Lời Đức Chúa Trời**. Lời khuyên trong 2:1-3 sẽ được căn cứ trên điều này.

Sự tái sinh không phải bởi giống hay hư nát, tức là không tạo ra cùng một cách như sự sinh ra thuộc thể. Đời sống con người hiện hữu như dòng giống vốn phải vâng theo các quy luật tự nhiên của sự suy tàn và chết. Sự sống thuộc thể được sinh ra thì mang đồng phẩm chất với hạt giống đã sinh ra nó; nó cũng mang phẩm chất tạm thời.

Sự tái sinh được đến bởi **Lời Đức Chúa Trời**. Khi một người nghe hoặc đọc Kinh Thánh, họ được cáo trách về tội lỗi mình, được thuyết phục rằng Đấng Christ là Cứu Chúa trọn vẹn duy nhất, và quay trở lại với Đức Chúa Trời. Chưa từng có ai được cứu mà không bằng cách nào đó nhờ đến lời không hay hư nát của Đức Chúa Trời.

Samuel Ridout giải thích trong quyển *Kinh Thánh The Numerical Bible*:

... Trong đoạn đầu tiên này, chúng ta có ba điều "chẳng hư nát" - cơ nghiệp không hư đi (câu 4), sự cứu chuộc không hay hư nát (câu 18,19), và lời không hay hư nát mà chúng ta nhờ đó được sinh ra (câu 23). Nhờ đó, chúng ta có bản tánh không ô nhiễm, phù hợp để hưởng cơ nghiệp không ten rết và trên cơ sở của sự cứu chuộc không bao giờ mất đi được giá trị cứu nó. Con dấu của sự trọn lành đời đời ẩn chúng trên toàn bộ diễn ấy tuyệt vời biết bao, và bạn đồng hành thích hợp tuyệt vời biết bao cho những điều này chính là vật trung sự "không hay hư nát" của tâm thần dự dưng yên lặng (3:4).¹⁰

Lời Đức Chúa Trời là lời **hằng sống và bền vững đời đời**.¹¹ Dấu trời đất qua đi, Lời Chúa cũng không bao giờ qua đi. Lời Chúa được vững lập đời đời trên trời. Và sự sống do Lời Chúa sinh ra cũng còn đời đời. Những người được tái sinh bởi Lời Chúa thì mặc lấy tính cách đời đời của Lời Chúa.

Trong sự sinh sản của con người, mầm sống sinh ra đứa trẻ sẽ mang mọi đặc điểm của đứa trẻ đó ở dạng phôi thai. Những phẩm chất mà cuối cùng đứa trẻ có sẽ được xác định bởi mầm sống ấy. Đối với mục đích của chúng ta hiện nay, chỉ cần nhìn thấy hạt giống hay hư nát thế nào, thì sự sống của con người ra từ đó cũng hay hư nát thế ấy.

1:24 Đặc điểm thoáng qua của bản tánh con người được nhấn mạnh bởi câu trích từ Êsai 40:6,7. Đời sống con người ngắn ngủi như cỏ. Vẻ đẹp thuộc thể ngắn ngủi như hoa ngoài đồng. Cỏ khô, và hoa rũ xuống rồi chết.

1:25 Trái lại, **Lời Chúa còn lại đời đời** (Êsai 40:8). Do đó, sự sống mới của tín hữu cũng không hay hư nát tương đương như vậy. Lời không hay hư nát là sứ điệp Tin Lành đã được rao giảng cho độc giả của Phierơ và đã khiến họ được tái sinh. Đó chính là nguồn sự sống đời đời của họ.

2:1 Vì là người dự phần sự sống thiên thượng, Cơ Đốc nhân nên lột bỏ một lần đủ cả mọi hành động thiếu yêu thương sau đây:

Độc ác - là áp úc tư tưởng gian ác nghịch cùng người khác. **Độc ác** nuôi dưỡng tinh thần thù địch, càng làm tăng lòng thù hận, và âm thầm hy vọng sự

báo trả, tổn hại và thậm kịch sẽ ập đến cho người khác. George Washington Carver không được vào trường đại học vì là người da đen. Nhiều năm sau, có người hỏi ông tên của trường đại học đó, ông trả lời: "Không sao. Bây giờ chuyện đó không quan trọng." Ông không chất chứa sự độc ác nào.

Gian giáo - mọi hình thức không ngay thật hoặc lừa đảo (và điều này có hình thức đa dạng biết dường nào!). **Sự gian giáo** sẽ làm sai lệch những bản khai thuế thu nhập, lừa gạt trong thi cử, nói dối về tuổi tác, hối lộ các quan chức, và làm ăn mờ ám.

Giả trá (giả hình) - là thiếu thành thật, giả vờ, giả bộ làm ta vẻ. Người giả hình là diễn viên đóng kịch, vờ làm một người khác với con người thật của mình. Người ấy giả vờ như có cuộc hôn nhân hạnh phúc trong khi gia đình thật sự là bãi chiến trường. Người ra vẻ làm người thuộc linh vào những ngày Chúa nhật nhưng lại là người xác thịt suốt mọi ngày còn lại trong tuần. Người giả vờ quan tâm người khác, nhưng động cơ lại rất ích kỷ.

Lòng ghen ghét - sự ganh tị thẳng thừng. Vine định nghĩa đây là cảm giác không hài lòng khi quan sát hay nghe được lợi thế hay thịnh vượng của người khác. Chính **lòng ghen ghét** đã khiến các thầy tế lễ cả nộ Chúa Jesus cho Philát giết đi (Math 27:18). **Lòng ghen ghét** lại còn là kẻ giết người nữa. Phụ nữ nhìn hăm hăm vào người khác vì cơ người kia có những ngôi nhà và vườn tốt hơn, áo quần hợp thời trang hơn, hoặc nấu ăn ngon hơn. Người nam có thể khen chiếc xe mới hay thuyền cao

tốc của người bạn khác nhưng lại đang suy nghĩ trong lòng: "Để rồi coi. Ta sẽ có thứ còn tốt hơn nữa kia."

Sự nói hành - nói xấu sau lưng, nói hành ác ý, tố cáo để trả đũa. Vu khống là nỗ lực để làm cho mình trông có vẻ trong sạch hơn bằng cách ném bùn (nói xấu) người khác. Nó có thể mang những bình thức rất tinh vi như là: "Vâng, cô ta là người rất dễ thương nhưng có một thất bại duy nhất này..." và rồi khéo léo đâm lên một dao vào sau lưng cô ta. Hoặc thậm chí nó còn mang phong cách hết sức mờ ám: "Tôi nói điều này chỉ để anh cầu nguyện thôi, nhưng anh có biết không, anh..." và rồi sau đó tình cách nhân vật này bị ám sát ngay.

Hết thảy những tội lỗi này đều vi phạm điều răn nền tảng truyền phải yêu người lân cận như mình. Chẳng lạ gì khi Phiero bảo chúng ta phải dứt khoát từ bỏ mọi điều đó.

2:2 Bốn phạm thứ nhì phát xuất từ sự tái sanh của chúng ta ấy là có sự khao khát không dứt để có được **sữa thiêng liêng của đạo**. Những tội lỗi được nhắc đến trong câu trước làm tâm linh còi cọc không lớn lên được; lời tốt lành của Đức Chúa Trời luôn nuôi dưỡng sự phát triển tâm linh.

Cụm từ như **trẻ con mới đẻ** không nhất thiết có nghĩa độc giả của Phiero là tân tín hữu; có lẽ họ đã được cứu suốt nhiều năm rồi. Nhưng dù trẻ hoặc dù lớn tuổi trong đức tin, họ đều nên khao khát Lời Chúa như hải nhi thèm sữa vậy. Chúng ta cảm nhận được cơn khát của một trẻ sơ sinh khỏe mạnh bởi cách nó nằng nằng hung háng và cương quyết đòi bú và nuốt sữa của nó.

Nhờ sữa thanh sạch của đạo, tâm linh tín hữu lớn lên.¹² Mục tiêu tối hậu cho toàn bộ sự tăng trưởng tâm linh hướng đến trong đời này chính là tiến đến chỗ trở nên giống hình ảnh của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta.

2:3 Nếu anh em đã nếm biết Chúa là ngai ngà. Động cơ để khao khát sữa thiêng liêng của đạo thật lớn lao biết bao! Chữ “nếu” không hề diễn tả sự nghi ngờ; chúng ta đã nếm và đã thấy Chúa là tốt lành (Thithiên 34:8). Sự hy sinh của Ngài thay cho chúng ta là một hành động tốt lành và nhân từ không thể tả nổi (Tit 3:4). Những điều chúng ta đã nếm rồi về sự nhân từ của Ngài đáng phải kích thích lòng chúng ta ham muốn được nuôi bằng chính Ngài ngày càng nhiều hơn nữa. Được nếm biết Ngài là ngọt ngào và gần gũi Ngài thì đáng phải khiến chúng ta sợ ngay cả ý nghĩ đi lang thang xa cách Ngài.

B. Những Đặc Ân Của Tín Hữu Trong Nhà Mới Và Chức Tế Lễ Mới (2:4-10)

2:4 Giờ đây Phierơ chuyển từ khuyến bảo sang xem xét những đặc ân của tín hữu trong tòa nhà mới (là hội thánh) và trong chức tế lễ mới.

Trong trật tự mới này, Đấng Christ là trung tâm, và vì vậy chúng ta đến gần Ngài. Vì Phierơ đang nghĩ đến một tòa nhà và những vật liệu xây dựng, nên chúng ta chẳng lấy gì làm kinh ngạc khi thấy Chúa được trình bày theo nghĩa bóng như một hòn đá. Trước hết, Ngài là hòn đá sống - không phải là hòn đá vô tri vô giác hay hòn đá chết, nhưng là Đấng sống trong quyền năng của sự sống bất tận (Hêbrơ 7:16).

Điều này có vẻ như tuyệt vời, nhưng Ngài đã bị người ta loại ra. Trong những kế hoạch đại đột, ích kỷ và đầy ham muốn của đời sống, những con người tầm thường thiên cận không tìm được chỗ nào để dành cho Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của họ. Trong quản không có chỗ cho Ngài thế nào, thì trong kế hoạch của đời sống họ cũng không có chỗ cho Ngài thế ấy!

Nhưng điều quan trọng không phải là ý kiến của con người. Trước mặt Đức Chúa Trời, Chúa Jêsus là Đấng được chọn và quý. Ngài được chọn không những như hòn đá thích hợp nhưng còn như hòn đá không thể thiếu được. Và giá trị của Ngài đối với Đức Chúa Trời là khôn lường; Ngài quý vô kể.

Nếu chúng ta muốn được dùng vào trong chương trình xây dựng của Chúa, chúng ta phải đến với Đấng Christ. Tình trạng thích hợp duy nhất của chúng ta để được làm vật liệu xây dựng phát xuất từ chỗ chúng ta liên hiệp với Ngài. Chúng ta chỉ quan trọng khi góp phần vào vinh hiển Ngài.

2:5 Nhà thiêng liêng được xây lên từ vật liệu là mọi tín hữu trong Đấng Christ, do đó cũng chính là hội thánh. Hội thánh có một điều chung với đền thờ của Cựu Ước ấy là: đó là nơi ngự của Đức Chúa Trời trên đất (1.Các vua 6:11-13; Êphê-sô 2:22). Nhưng hội thánh tương phản với đền thờ, vì đền thờ là thuộc thể và hữu hình làm từ những vật liệu xinh đẹp nhưng không có sức sống và hay hư nát. Hội thánh là một cấu trúc được xây nên từ những hòn đá sống.

Giờ đây hình ảnh đổi nhanh chóng từ nhà thiêng liêng sang chức tế lễ thành vốn hoạt động có liên kết với nhà ấy. Tín hữu không chỉ là những hòn đá sống để xây cất trong căn nhà đó; họ còn là thầy tế lễ hành nữa. Dưới luật pháp Môise, chức tế lễ giới hạn cho chi phái Lêvi và nhà Arôn. Và ngay cả những người làm thầy tế lễ cũng bị cấm đến gần Hiên Điện Của Đức Chúa Trời. Chỉ có thầy tế lễ thượng phẩm vào một ngày duy nhất trong năm (Yom Kippur, Ngày Đại Lễ Chuộc Tội) mới được đến gần nơi đó, theo đúng thủ tục đã được Chúa chỉ định chính xác cho dịp tiện đó.

Trong định kỳ mới, mọi tín hữu đều là thầy tế lễ và được quyền lập tức đến trước Điện có Ngai của cả cõi vũ trụ, cả ngày lẫn đêm. Chức năng của họ là dâng của lễ thiêng liêng (trái ngược với những tế lễ bằng súc vật, loài chim và của lễ chay trong luật pháp Môise). Các tế lễ thiêng liêng của những thầy tế lễ Tân Ước là:

1. Dâng thân thể mình làm của lễ sống và thành, đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đây là hành động thờ phượng thuộc linh (Rôma 12:1).

2. Cửa tế lễ bằng lời ngợi khen. "Vậy, hãy cậy Đức Chúa Jêsus mà hằng dâng tế lễ bằng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miến xứng danh Ngài ta" (Hêbơr 13:15).

3. Cửa tế lễ bằng các việc lành. "Chớ quên việc lành..." tế lễ này đẹp lòng Đức Chúa Trời (Hêbơr 13:16).

4. Cửa tế lễ bằng của cải, hay tiền bạc. "Chớ quên... bố thí." Cửa lễ này cũng đẹp lòng Chúa (Hêbơr 13:16).

5. Cửa tế lễ bằng sự phục vụ. Phaolô nói chức vụ của mình cho dân ngoại bang là một cửa dâng của thầy tế lễ (Rôma 15:16).

Những cửa tế lễ này nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà đẹp ý Đức Chúa Trời. Trước hết, duy chỉ nhờ Đức Chúa Jêsus Christ, Đấng Trung Bảo của chúng ta, chúng ta mới có thể đến gần Đức Chúa Trời, và duy một mình Ngài mới là Đấng có thể khiến cửa tế lễ của chúng ta được đẹp lòng Đức Chúa Trời. Toàn bộ những việc chúng ta làm - sự thờ phượng và sự phục vụ của chúng ta - đều bất toàn và đầy khiếm khuyết bởi tội lỗi. Nhưng trước khi chúng đến với Đức Chúa Cha, chúng đã đi qua Đức Chúa Jêsus. Ngài cất bỏ mọi tội lỗi, và khi đến với Đức Chúa Cha thì cửa lễ ấy được chấp nhận trọn vẹn.

Thầy tế lễ thượng phẩm trong Cựu Ước đeo một băng vàng trên mũ có khắc chữ THÁNH CHO ĐỨC GIÊHÔVA (Xuất Êđiptô Ký 28:36). Điều này là vì cứ bất kỳ tội lỗi nào có liên quan đến các cửa tế lễ của dân sự (Xuất Êđiptô Ký 28:38). Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta cũng đã đeo một chiếc mũ tế lễ cho chúng ta, vì bất kỳ thất bại nào của con người có liên quan đến những cửa tế lễ của chúng ta.

Chức tế lễ của mọi tín hữu là sự thật mà mỗi một Cơ Đốc nhân đều phải hiểu, tin và vui mừng thực hành. Đồng thời, không được phép lạm dụng nó. Dầu mọi tín hữu đều là thầy tế lễ, nhưng không phải mọi thầy tế lễ đều có quyền giảng hoặc dạy trong hội chúng. Có những quy tắc kiểm soát nhất định buộc phải vâng theo.

1. Phụ nữ bị cấm dạy hoặc có quyền trên người nam; họ phải giữ yên lặng (I.Timôthê 2:12).

2. Người nam nào giảng dạy trong hội chúng thì phải giảng dạy như rao lời sấm truyền của Đức Chúa Trời (I.Phiêrô 4:11). Điều này có nghĩa họ nên có sự bảo đảm rõ ràng rằng mình đang rao ra những lời mà Đức Chúa Trời muốn họ nói trong trường hợp đặc biệt đó.

3. Mọi tín hữu đều có ân tứ nào đó, cũng giống như mỗi chi thể trong cơ thể người đều có một chức năng nào đó (Rôma 12:6; I.Côrinthô 12:7). Nhưng không phải mọi ân tứ đều liên quan đến việc giảng dạy trước hội thánh. Không phải tất cả đều có những ân tứ phục vụ đặc biệt của người truyền giảng, mục sư hay giáo sư (Êphêso 4:11).

4. Người trẻ tuổi phải nhen lại ơn Đức Chúa Trời vốn ở trong người (II.Timôthê 1:6). Nếu ân tứ đó liên quan đến việc giảng hoặc dạy, hoặc một hình thức nào khác của việc nói trước công chúng, thì nên dành cơ hội cho người sử dụng ân tứ ấy trong hội chúng.

5. Ta thấy chức tế lễ của tín hữu vận hành trong I.Côrinthô 14:26 "Hỡi anh em, nên nói thể nào? Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói tiếng lạ, hoặc giải tiếng lạ chẳng? Hãy làm hết thầy cho được gây dựng."

Cũng trong chính đoạn Kinh Thánh đó có rất nhiều quy tắc kiểm soát để giới hạn việc sử dụng công khai các ân tứ trong hội chúng nhằm bảo đảm trật tự và gây dựng đức tin. Không được phép sử dụng chức tế lễ phổ thông của

Cơ Đốc nhân để biện minh những nạn lạm dụng trong hội thánh địa phương.

2:6 Vẫn nghĩ đến tòa nhà, Phiêrô quay trở về với Đấng Christ là hòn đá và cụ thể là quay về với Đấng Christ là **đá góc nhà**. Bằng cách trích dẫn lời Êsai 28:16, ông cho thấy vai trò của Đấng Christ là **đá góc** nhà đã được nói trước trong Kinh Thánh. Ông nói rằng Đức Chúa Trời đã quyết định để Đấng Christ giữ địa vị độc nhất vô nhị này, rằng Ngài là hòn đá được chọn và quý báu, và Ngài là Đấng đáng tin cậy trọn vẹn. Không một người nào tin cậy Ngài lại bị thất vọng bao giờ.

Chữ được dịch là "hòn đá góc nhà"¹³ trong phần đoạn này có thể hiểu ít nhất theo ba cách, và mỗi cách đều áp dụng hợp lý và mạnh mẽ như nhau cho Chúa Jêsus.

1. **Hòn đá góc nhà** trong kiến trúc hiện đại được đặt tại nền của một góc, nơi nối hai bức tường với nhau và làm biểu tượng cho nền mà cả tòa nhà dựa trên đó. Đấng Christ là **đá góc nhà**, là nền chân thật duy nhất (I.Côrinthô 3:10, 11), là Đấng đã liên hiệp những người Do Thái và người ngoại bang tin Ngài (giống như hai bức tường trong một tòa nhà) trở thành một người mới (Êphêso 2:13,14).

2. Một số học giả nghĩ hòn đá này là *tảng đá đỉnh vòm* trong một cổng vòm. Đây là hòn đá làm hoàn chỉnh cổng vòm và giữ cho toàn bộ phần còn lại của tòa nhà kết chặt với nhau. đương nhiên Chúa chúng ta đáp ứng đặc điểm này. Ngài là hòn đá đỉnh cao nhất trong cổng vòm, và không có Ngài thì sẽ không có sức mạnh hay sức kết cấu cho tòa nhà.

3. Quan điểm thứ ba xem hòn đá này là *viên đá đỉnh* trong một tháp hình chóp, chiếm chỗ cao nhất trong cấu trúc này. Đây là hòn đá duy nhất mang hình dáng ấy trong cấu trúc. Hình dáng của viên đá đỉnh xác định hình dáng của toàn bộ tòa tháp. Đây là hòn đá được đặt vào cuối cùng. Vì vậy, Đấng Christ là Hòn Đá Đỉnh của hội thánh, là Hòn Đá thật độc nhất vô nhị. Hội thánh nhận lấy đặc điểm của mình từ nơi Ngài. Khi Ngài trở lại, tòa nhà này sẽ hoàn tất.

Ngài là hòn đá được chọn và quý báu. Ngài được chọn theo nghĩa Đức Chúa Trời đã chọn Ngài để giữ địa vị tôn trọng tối cao; Ngài là quý báu vì không có ai khác giống như Ngài cả.

Ái tin đến đá ấy sẽ không bị xấu hổ. Phần đoạn trong Êsai để trích ra câu này nguyên văn là: "Ái tin sẽ chẳng gập rút." Kết hợp hai câu này lại, bạn sẽ có lời hứa tuyệt vời rằng những ai có Đấng Christ làm hòn đá gốc nhà của mình thì được cứu khỏi sự xấu hổ đến nản lòng và khỏi sự gập rút hoảng loạn.

2:7 Trong những câu trước, Chúa Jêsus được trình bày như hòn đá sống, hòn đá bị loại ra, hòn đá quý, và hòn đá gốc nhà. Giờ đây, không dùng đến từ ngữ đó, Phiero dường như mô tả Ngài là hòn đá thử. Những quặng kim loại nào đó khi đem chà vào hòn đá thử, đá thử sẽ cho biết quặng đó là thật hay giả. Chẳng hạn, nó cho biết cục quặng kia là vàng thật hay vàng giả.

Khi người ta tiếp xúc với Cứu Chúa, họ được bày tỏ cho biết con người thật của mình ra sao. Qua thái độ với Chúa, họ tự bộc lộ chính mình. Đối với tín

hữu thật, Ngài là quý; người không tin loại bỏ Ngài ra. Tín hữu có thể nhận được một số dấu hiệu cho biết Ngài quý như thế nào bằng cách thử hính dung xem đời sống sẽ ra sao nếu không có Ngài. Mọi thú vui trần gian đều không "so bằng đôi giây phút yên vui đời đầy Christ." Ngài là "độc nhất trong muôn người" và "toàn thể các người đang yêu đương" (Nhã Ca 5:10,16).

Nhưng còn những người không tin hay không vâng lời thì sao?¹⁴ Tác giả Thithiên 118 báo trước hòn đá quý này sẽ bị các thợ xây loại ra, nhưng về sau sẽ trở thành đá góc nhà.

Có một huyền thoại trùng hợp liên quan đến việc xây cất đền thờ Salômôn và minh họa hoàn hảo lời tiên tri này. Những hòn đá để xây đền thờ được chuẩn bị trước ở một mỏ đá gần đó. Đến khi cần thì mới đưa chúng lên đến địa điểm xây cất. Một ngày kia, những người thợ tại mỏ đá gửi đến một tảng đá có hình dạng và tỉ lệ độc đáo. Những người thợ xây thấy không có chỗ nào trong tòa nhà phù hợp với nó nên đã không cần quan tâm, đẩy nó xuống đồi, và dần theo thời gian, rêu bám và cỏ dại mọc đầy chung quanh. Khi đến thờ xây gần xong, những người thợ xây yêu cầu gửi đến một tảng đá có kích cỡ rõ ràng. Thợ tại mỏ đá trả lời: "Chúng tôi đã gửi tảng đá đó lên cho các anh lâu rồi." Sau khi tìm kỹ, người ta tìm được tảng đá bị loại bỏ kia và đưa về nằm vào đúng chỗ của nó trong đền thờ.

Áp dụng thật hiển nhiên. Chúa Jêsus đã trình diện chính Ngài cho dân Ysraên khi Ngài hiện đến lần thứ nhất. Dân sự này, và đặc biệt là những người

cai trị, không dành chỗ nào cho Ngài trong kế hoạch của họ. Họ khước từ Ngài và nộp Ngài để bị đóng đinh.

Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jêsus từ kẻ chết sống lại, để Chúa Jêsus ngồi bên hữu Ngài trên Thiên đàng. Khi Đấng Bị Loại Ra trở lại trần gian này lần thứ hai, Ngài sẽ đến trong tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa. Bấy giờ Ngài sẽ được tỏ ra công khai là đá góc nhà.

2:8 Giờ đây hình ảnh đối ử Đấng Christ là hòn đá thử và đá góc nhà chuyển sang Đấng Christ là đá gây vấp ngã. Êsai báo trước rằng đối với những người chẳng tin, Ngài sẽ là hòn đá khiến họ vấp và là hòn đá khiến cho họ ngã (Êsai 8:14,15).

Điều này đã được ứng nghiệm theo nghĩa đen trong lịch sử của dân Ysraên. Khi Đấng Mêsia của họ đến, người Do Thái thấy bị xúc phạm bởi nguồn gốc của Ngài và cách sống bình dị của Ngài. Họ muốn có một nhà chinh trị mị dân và một nhà quân sự hùng mạnh. Bất chấp những bằng chứng thuyết phục nhất, họ vẫn không chịu chấp nhận Ngài là Đấng Mêsia đã được hứa ban.

Nhưng điều này không chỉ áp dụng cho Ysraên mà thôi. Đối với bất kỳ ai không chịu tin Chúa Jêsus, Ngài trở thành **đá gây cho vấp vấp** và là **hòn đá** lớn làm cho họ vấp ngã. Một là người ta sắp mình trước mặt Ngài trong sự ăn năn và đức tin để được cứu rỗi, hai là vấp vào Ngài để rơi vào địa ngục. "Điều lẽ ra trở thành sự cứu rỗi cho họ nay lại trở thành nguyên nhân khiến họ bị định tội nặng hơn." Không thể có tình trạng

trung lập, Ngài phải là Cứu Chúa hoặc Quan Án.

Họ bị vấp đá đó vì không vâng phục đạo. Vì sao họ vấp? Không phải vì có những điều khó hiểu mà họ chân thành có trong tri. Không phải vì có điều gì nơi Chúa Jêsus khiến họ không tin được. Họ vấp ngã vì họ cố tình không vâng phục đạo. Vấn đề ở trong ý chí của con người. Con người có lý trí này không được cứu vì cố họ không muốn được cứu (Giăng 5:40).

Phần cuối của câu 8, **điều ấy đã định sẵn cho họ rồi**, dường như nói rằng họ đã bị định cho không vâng phục đạo. Có phải câu này nói như vậy không? Không. Câu này dạy rằng mọi người nào cố tình không vâng phục đạo thì bị định cho vấp ngã. Những chữ "**điều ấy đã định sẵn cho họ rồi**" quy chiếu ngược trở về toàn bộ mệnh đề trước đó, "**họ bị vấp đá đó vì không vâng phục đạo.**" Đức Chúa Trời đã quyết định mọi người nào không chịu sắp mình trước Chúa Jêsus thì sẽ **vấp ngã**. Nếu một người không không tiếp tục sống vô tín, thì người đó bị định cho vấp ngã. "Không chịu vâng lời khiến vấp ngã trở thành kết luận đã báo trước" (JBP).

2:9 Giờ đây, một lần nữa Phierô quay trở lại với những đặc ân của tin hữu. Họ là **đòng giống được lựa chọn**, là **chức thầy tế lễ nhà vua**, là **dân thánh**, là **dân thuộc về Đức Chúa Trời**. Đức Chúa Trời đã hứa ban chính những đặc ân này cho dân Ysraên nếu họ chịu vâng lời Ngài:

Vậy, bây giờ, nếu các người vâng lời ta và giữ sự giao ước ta, thì trong

muôn dân, các người sẽ thuộc riêng về ta, vì có thể gian đều thuộc về ta. Các người sẽ thành một nước thầy tế lễ, cùng một dân tộc thánh cho ta.

(Xuất Êđíphtô Ký 19:5, 6a).

Bởi vô tín, Ysraên không nhận được lời hứa của Chúa, và dân sự này đánh mất địa vị tuyển dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời của mình. Trong thời đại ngày nay, hội thánh giữ địa vị đặc ân mà dân Ysraên đã đánh mất bởi cơ không vâng lời.

Tin hữu ngày nay là **đòng giống được lựa chọn**, được Đức Chúa Trời chọn trước buổi sáng thế để thuộc về Đấng Christ (Êphêsô 1:4). Nhưng thay vì làm một chủng tộc trên trần gian có chung tổ tiên và những đặc điểm thuộc thế riêng biệt, Cơ Đốc nhân là một dân thuộc về trời có tổ tiên thiên thượng và những đặc điểm tương tự thuộc linh.

Tin hữu cũng là **thầy tế lễ nhà vua**. Đây là chức **tế lễ** thứ nhì được nói đến trong đoạn này. Trong câu 5, tín hữu được mô tả là những **thầy tế lễ thánh**, dâng các của tế lễ thiêng liêng. Giờ đây, Kinh Thánh nói họ là **thầy tế lễ nhà vua**, để rao giảng những nhân đức tuyệt vời của Đức Chúa Trời. Là **thầy tế lễ thánh**, họ vào nơi thánh trên trời bởi đức tin để thờ phượng. Là **thầy tế lễ nhà vua**, họ bước ra đi vào thế gian để làm chứng. Sự khác biệt này trong chức **tế lễ** được minh họa bởi việc cầm tù Phaolô và Sila tại Philip. Là những **thầy tế lễ thánh**, họ hát ca ngợi Đức Chúa Trời giữa đêm khuya; là **thầy tế lễ nhà vua**, họ giảng Tin Lành cho người cai ngục (Công vụ 16:25,31).

Tin hữu là **một dân thánh**. Ý định của Đức Chúa Trời là Ysraên phải là một dân nổi bật và phân biệt bởi đức thánh khiết. Nhưng dân Ysraên đã hạ thấp mình xuống đến nếp sống tội lỗi của những dân ngoại xung quanh. Vì vậy, Ysraên đã bị gạt tạm thời sang bên và hội thánh hiện là **dân thánh** của Đức Chúa Trời.

Cuối cùng, Cơ Đốc nhân là **dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời**. Họ thuộc về Ngài theo cách độc nhất vô nhị và có giá trị **đặc biệt** đối với Ngài.

Phần cuối câu 9 mô tả trách nhiệm của những người thuộc về chủng tộc mới, **chức tế lễ mới, dân sự thuộc về Chúa**. Chúng ta phải **rao giảng** nhân đức của **Đấng đã** gọi chúng ta ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài. Ngày trước chúng ta đã dờ dẫm trong bóng tối của tội lỗi và xấu hổ. Bởi được sự giải cứu kỳ diệu, chúng ta được dời vào nước của Con yêu dấu Ngài. Ánh sáng soi thật rõ ràng và chói lọi, còn bóng tối đẩy áp bức. Chúng ta đáng phải **ca ngợi Đấng đã** làm mọi việc cho chúng ta biết đến đường nào!

2:10 Phierô kết thúc phần này bằng cách tham khảo sách Ôsê. Dùng chính đời sống gia đình bị thâm của tiên tri làm bài học trực quan, Chúa đã công bố sự đoán phạt trên dân Ysraên. Bởi có họ bất trung với Ngài, Ngài phán Ngài sẽ không còn thương xót họ và họ sẽ không còn làm dân của Ngài nữa (Ôsê 1:6, 9). Nhưng việc gạt bỏ Ysraên không phải là chung quyết, vì Chúa cũng hứa rằng một ngày trong tương lai, Ysraên sẽ được khôi phục:

"... Đoạn ta sẽ gien nó cho ta trong đất, và sẽ làm sự thương xót cho kẻ chưa được thương xót. Ta sẽ nói cùng những kẻ chưa làm dân ta rằng: Người là dân ta, và nó sẽ trả lời rằng: Ngươi là Đức Chúa Trời tôi"

(Ôsê 2:23).

Một số trong nhóm người nhận thờ của Phierô ngày trước đã từng thuộc trong dân Ysraên. Giờ đây họ là thành viên của hội thánh. Bởi đức tin nơi Đấng Christ, họ đã trở thành dân của Đức Chúa Trời, còn người Do Thái không tin vẫn bị gạt ra ngoài.

Vì vậy, Phierô thấy trong tình trạng của người Do Thái đã tin Chúa của thời ông có ứng nghiệm một phần Ôsê 2:23. Trong Đấng Christ, họ đã trở thành một dân sự mới của Đức Chúa Trời; trong Đấng Christ, họ đã được thương xót. Một nhóm rất ít người Do Thái được cứu này đã hưởng các phước hạnh hứa ban cho Ysraên qua Ôsê từ lâu, trước khi dân Ysraên sẽ được hưởng chúng.

Từ phần đoạn này trong Phierô, đứng ai kết luận rằng vì hội thánh hiện nay là dân sự của Chúa, nên Ngài đã đoạt tuyệt với toàn bộ dân Ysraên. Cũng đứng ai cho rằng hội thánh hiện nay là Ysraên của Đức Chúa Trời, hay những lời hứa được lập cho Ysraên giờ đây áp dụng cho hội thánh. Ysraên và hội thánh là những thực thể khác biệt, và hiểu được sự khác biệt này là một trong những chìa khóa quan trọng nhất để giải nghĩa lời tiên tri.

Ysraên là tuyển dân trên trần gian này của Đức Chúa Trời kể từ thời kêu gọi Ápraham cho đến khi Đấng Mêsia hiện đến. Sự nổi loạn và không chung

thủy của dân tộc này đã lên đến đỉnh điểm đáng sợ của nó khi Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá. Bởi tội lỗi tội cùng này, Đức Chúa Trời tạm thời gạt bỏ Ysraên khỏi tư cách tuyển dân của Ngài. Ngày nay, họ là dân sự thời xưa trên trần gian này của Ngài, nhưng không phải là tuyển dân của Ngài.

Trong thời đại hiện tại, Đức Chúa Trời có một dân sự mới - là hội thánh. Thời Đại Hội Thánh này là lập thành một đoạn chưa trong ngoặc của cách Đức Chúa Trời đối đãi với Ysraên. Khi đoạn chưa trong ngoặc này kết thúc, tức là khi hội thánh được cất lên Thiên đàng, Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu lại những cách Ngài đối đãi với Ysraên. Bảy giờ phần dân sự tin cậy Chúa sẽ trở thành dân sự của Đức Chúa Trời một lần nữa.

Sự ứng nghiệm chung cuộc lời tiên tri của Ôsê vẫn còn trong tương lai. Nó sẽ xảy ra lúc Chúa tái lâm. Dân sự ngày trước đã khước từ Đấng Mêsia của họ bảy giờ sẽ "nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì cơ con đầu lòng" (Xachari 12:10). Bảy giờ, dân Ysraên biết ăn năn và tin sẽ nhận lấy sự thương xót và trở thành dân Đức Chúa Trời một lần nữa.

Ý Phierô muốn nói trong câu 10 ấy là người Do Thái tin Đấng Christ ngày nay được hưởng sự ứng nghiệm trong Cựu Ước của lời tiên tri Ôsê, còn người Do Thái không tin vẫn còn xa cách Đức Chúa Trời. Sự ứng nghiệm đầy đủ và chung cuộc sẽ xảy ra khi "Đấng Giải

Cứu sẽ đến từ Sion," và "cất sự vô đạo ra khỏi Giacóp" (Rôma 11:26).

II. CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA TÍN HỮU (2:11-4:6)

A. Người Xhê Đương Bối Với Thế Gian (2:11,12)

2:11 Hầu hết phần còn lại của I.Phiero liên quan đến nếp ăn ở đáng phải là đặc điểm cho Cơ Đốc nhân trong nhiều mối quan hệ khác nhau của cuộc sống. Phiero nhắc tín hữu rằng họ là người ở trọ, kẻ đi đường trong thế gian này, và sự kiện đó phải đóng dấu ấn trên mọi cách ăn ở của họ. Họ là người ở trọ theo nghĩa họ đang sống tại một quốc gia xa lạ và họ không có quyền công dân nơi đó. Họ là kẻ đi đường theo nghĩa họ có bốn phần phải sống ít lâu tại một nơi không phải là quê hương vĩnh viễn của họ.

Những bài Thánh ca của ngày xưa nhắc chúng ta nhớ đến chuyến hành hương của mình. Chẳng hạn như:

Được kêu gọi từ trên, được sinh ra làm người thuộc Thiên đàng

(Là người trước kia chẳng qua chỉ là công dân của trần gian),

Là kẻ đi đường trên đất này, chúng ta tìm một quê hương trên trời,

Là phần của chúng ta trong những đời hầu đến.

Chúng ta chỉ là khách lạ ở đây, chúng ta không ham muốn

Một quê hương trên đất, là nơi chỉ đem đến cho Ngài một ngôi mộ thôi;

Thập tự giá của Ngài dài chặt đất những mối dây buộc chúng con ở đây,

Kho báu của chúng con trong nơi xin lạy hơn chính là Ngài.

- James C. Deck

Nhưng những tình cảm này hầu như đã mất khỏi nhạc Thánh ca của chúng ta. Khi hội thánh đã định cư trong thế gian, có vẻ như hơi giả hình khi hát vượt cao quá những kinh nghiệm của mình.

Khi chúng ta đọc lời khuyên phải **kiêng những điều xác thịt ưa thích**, là **điều chống trả với linh hồn**, chúng ta nghĩ ngay đến những tội dâm dục. Nhưng áp dụng này còn rộng hơn thế, muốn nói đến bất kỳ lòng ham muốn mạnh mẽ nào không phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều này sẽ bao gồm việc quá buông thả trong ăn hoặc uống, chịu cho thân thể ngủ quá nhiều, quyết tâm tích lũy của cải vật chất, hay thêm muốn những lạc thú của thế gian. Mọi điều này không ngừng chống trả với phúc lợi thuộc linh của chúng ta. Chúng ngăn trở mối tương giao với Chúa. Chúng ngăn trở tâm linh tăng trưởng.

2:12 Chúng ta không những phải giữ kỷ luật trong lãnh vực hướng chiếu xác thịt, mà còn phải duy trì **nếp ăn ở ngay lành**¹⁵ **giữa dân ngoại**, tức là giữa thế giới ngoại giáo. Ở thời chúng ta, chúng ta không được phép sống theo khuôn mẫu thế gian. Chúng ta đáng phải điều binh theo nhịp của một người đánh trống khác.

Hầu như chúng ta sẽ không tránh khỏi bị chỉ trích. Erdman viết rằng vào thời Phiero viết thư này:

... Cơ Đốc nhân đang bị vu cáo là vô đạo vì có không thờ phượng các thần ngoại giáo, bị vu là những kẻ khờ khạo dấn dện và khổ tu vì có họ kiêng những thói xấu đang thịnh hành, bị vu

cáo là bất trung với chính quyền vì cô tuyên bố trung thành với Vua Thiên đàng.¹⁶

Không thể tránh được lời chỉ trích như thế. Nhưng tin hữu tuyệt đối đừng nên tạo cho thế gian một lý do chính đáng nào để bị thế gian quở trách như vậy. Nên bác bỏ mọi lời nói vu bằng chính thành tích vững chắc của những việc lành. Bấy giờ, người vu cáo sẽ buộc phải ngồi khen Đức Chúa Trời trong ngày Chúa thăm viếng.

Ngày Chúa thăm viếng là bất kỳ thời điểm nào Chúa đến gần, hoặc trong ân điển hoặc trong sự đoán phạt. Cụm từ này được dùng trong Luca 19:41-44. Chúa Jêsus khóc cho Giêrusalem vì thành này không biết lúc mình được thăm viếng, có nghĩa Giêrusalem đã không nhận ra Đấng Mêsia đã đến trong tình yêu và lòng thương xót. Ở đây, từ ngữ này có thể mang nghĩa (1) Là ngày mà ân điển Đức Chúa Trời sẽ thăm viếng những người chỉ trích và rồi họ được cứu, hoặc (2) Ngày đoán xét khi kẻ chưa được cứu sẽ phải đứng trước mặt Đức Chúa Trời.

Saulơ thành Tarsơ minh họa cho cách giải nghĩa thứ nhất. Ông đã dự phần vu cáo Êtiên, nhưng những hành động tốt đẹp của Êtiên đã đắc thắng mọi sự chống đối. Khi Đức Chúa Trời lấy sự thương xót thăm viếng Saulơ trên đường đến Đamách, người Pharisi ăn năn này đã tôn vinh Đức Chúa Trời, và đã đi ra - giống như Êtiên - tác động đến những người khác bởi sự sáng chói của một nếp sống đầy đầy Đấng Christ. lowett nói:

Đời sống đẹp đẽ là để thời thúc tưng hàng con người biết tôn kính Đức

Chúa Trời vinh hiển. Khi ngắm nhìn Đấng thiên thượng được nhận biết nơi con người, họ cũng sẽ được thuyết phục để bước vào mỗi tương giao thiên thượng. Họ sẽ chịu thuyết phục, không bởi tài hùng biện của chúng ta, nhưng bởi nét rạng ngời của hành vi chúng ta. Bởi ân điển đầy thôi thúc của nếp sống cao quý, chúng ta sẽ "làm cho sự ngu dốt của con người đại đột phá nín lặng," và sự yên lặng đó đối với họ sẽ là giai đoạn đầu tiên trong đời sống biết khao khát sự nên thánh.¹⁷

Theo lối giải nghĩa thứ nhì, ý chính ở đây là người chưa được cứu sẽ bị buộc phải ngồi khen Đức Chúa Trời trong ngày đoán xét. Họ sẽ không còn có biện hộ, vì không những được nghe Tin Lành, mà còn thấy Tin Lành trong đời sống của những họ hàng, bạn hữu và người lân cận đã tin nơi Đấng Christ. Bấy giờ, Đức Chúa Trời sẽ được tôn vinh qua nếp ăn ở không chỗ trách được của con cái Ngài.

II. CÔNG ĐẪN ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN (2:13-17)

2:13 Năm câu tiếp theo để cập mối quan hệ của Cơ Đốc nhân đối với chính quyền. Chữ chia khóa ở đây là **phục**. Trên thực tế, mạng lịnh truyền phải vâng phục xuất hiện bốn lần trong thư tin này.

Công dân phải **phục** chính quyền (2:13).

Nô lệ phải **phục** chủ mình (2:18).

Vợ phải **phục** chồng mình (3:1).

Những tin hữu trẻ tuổi phải **phục** các trưởng lão (5:5).

Lyal nói:

Câu trả lời tốt hậu của Cơ Đốc nhân cho sự bất bực, cho những người

*giềm chế và người chỉ trích ấy là câu trả lời bằng nếp sống không chỗ trách được, nếp ăn ở không chê vào đâu được và tư cách công dân tốt. Nói cụ thể... sự thuận phục là đức hạnh giống Đức Christ như!*¹⁸

Chính quyền của loài người được Đức Chúa Trời lập lên (Rôma 13:1). Những bậc cai trị là đầy tớ của Đức Chúa Trời (Rôma 13:4). Dầu những người cai trị không phải là người tin Chúa, họ vẫn chính thức là người của Đức Chúa Trời. Dầu họ là những nhà độc tài và bạo chúa đi nữa, có sự cai trị của họ vẫn tốt hơn là không hề có sự cai trị nào cả. Hoàn toàn không có sự cai trị chính là vô chính phủ, và không xã hội nào có thể tồn tại tiếp tục trong tình trạng vô chính phủ. Vì vậy, bất kỳ chính quyền nào cũng còn tốt hơn là không hề có chính quyền. Có trật tự vẫn tốt hơn là hỗn loạn. Tin hữu phải phục dưới mọi định chế của con người vì cơ Chúa. Khi thuận phục như vậy, họ đang làm trọn ý muốn của Ngài và làm việc đẹp lòng Ngài. Những lời dạy dỗ này áp dụng cho hoàng đế hoặc cho bất kỳ ai làm người cai trị cao nhất. Dầu Nero hiện là người đang ở trong cung điện hoàng đế, lời khuyên chung vẫn là phải phục Nero.

2:14 Mạng lệnh vắng phục áp dụng cho những sĩ quan cấp thấp hơn như là các quan. Họ được Đức Chúa Trời ủy thác để hình phạt người làm dữ và để khen những người tuân giữ luật pháp. Thực ra, các quan chức chính quyền có rất thì giờ hoặc ít có khuynh hướng để khen những người giữ luật pháp, nhưng tình trạng đó không thay thế trách nhiệm phải vâng lời của Cơ Đốc nhân.

Sứ gia Arnold Toynbee quan sát thấy rằng: "Chúng nào nguyên tội vẫn còn là một yếu tố trong nhân tánh, thì Sêsa vẫn còn rất nhiều việc phải làm."

Đương nhiên, có những ngoại lệ. Có lúc không đòi hỏi phải vâng lời. Nếu chính quyền loài người ra lệnh tin hữu hành động trái với ý muốn đã được bày tỏ của Chúa, thì tin hữu phải bất tuân lời chính quyền. Trong trường hợp đó, Cơ Đốc nhân có trách nhiệm cao cả hơn; người phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn là vâng lời con người (Công vụ 5:29). Nếu người ta thi hành hình phạt cho sự không vâng lời ấy, Cơ Đốc nhân đó nên chịu đựng một cách can đảm. Tuyệt đối không nên nổi loạn hay tìm cách lật đổ chính quyền.

Theo đúng nghĩa của từ ngữ, những người chuyển lậu Kinh Thánh vào các quốc gia đóng cửa đang vi phạm luật pháp. Nhưng họ đang vâng theo một luật pháp cao trên hết mọi luật pháp khác của con người - là mạng lệnh đi khắp thế gian giảng Tin Lành. Vì vậy, không thể đem cơ sở Kinh Thánh ra để lên án họ.

Giả sử chính quyền truyền lệnh Cơ Đốc nhân phải gia nhập lực lượng vũ trang. Cơ Đốc nhân này có buộc phải giữ bốn phận vâng lời và mang vũ khí không? Nếu cảm thấy đây là trực tiếp vi phạm Lời Chúa, thì trước hết người đó nên sử dụng hết mọi phương án sẵn có cho mình trong địa vị của một người phản đối không gây hấn hoặc người phản đối can đảm và có tương tâm. Nếu những biện pháp này thất bại, thì người ấy sẽ phải từ chối gia nhập quân đội và gánh chịu những hậu quả.

Nhiều Cơ Đốc nhân không có những dẫn đò dạy dứt về việc phục vụ trong quân đội. Đây là vấn đề mỗi người nên hoàn toàn tin quyết nơi ý mình, và nên để cho người khác có quyền tự do bất đồng ý kiến với mình.

Vấn đề liệu Cơ Đốc nhân có nên đi bầu cử hay tham dự vào chính trị hay không lại thuộc một trật tự khác hẳn. Chính quyền không đòi hỏi những vấn đề này, nên đây không phải là vấn đề vãng phục hay không vãng phục. Mỗi người phải hành động tùy theo ánh sáng của những nguyên tắc cư xử và quyền công dân mình tìm được trong Kinh Thánh. Ở đây, chúng ta cũng phải để cho người khác tự do có những quan điểm khác với mình và đừng kháng kháng bất người khác phải giữ đồng một quan điểm với mình.

2:15 Ý muốn của Đức Chúa Trời là dân Ngài phải sống cách đáng kính và không chỗ trách được để người chưa tin Chúa không có cơ sở chính đáng nào để kết tội. Bằng cách sống gương mẫu, Cơ Đốc nhân có thể và nên ngăn miệng của những kẻ ngu muội đại dốt đang vu cáo Cơ Đốc giáo.

Cơ Đốc nhân và đạo Đấng Christ bị công kích không ngừng bởi miệng của những kẻ ngu muội đại dốt. Việc này có thể xảy ra trên giảng đường đại học, có thể trong phòng thí nghiệm khoa học; có thể ngay trên tòa giảng. Phierơ nói rằng một trong những câu trả lời tốt nhất cho những sự phê phán như thế chính là nếp sống thành khiết.

2:16 Hãy ăn ở như người tự do. Chúng ta không ở trong ách nô lệ cho nhà cầm quyền dân sự. Chúng ta không

cần sống cách khúm núm quy lụy hay sống trong kinh hoàng. Suy cho cùng, chúng ta là những người tự do của Chúa. Nhưng điều này không có nghĩa chúng ta được tự do phạm tội. Tự do không có nghĩa là buông tuồng. Tự do không bao gồm việc sống trái luật pháp. Vì vậy, chúng ta đừng bao giờ viện cố quyền tự do của mình để bào chữa cho điều ác. Đừng bao giờ biện minh sự bất tuân đầy tội lỗi bằng những cơ biện hộ nguy hiểm lằng nào đó. Đừng bao giờ thi hành chính nghĩa của Đấng Christ bằng trở lừa bịp xấu xa nguy trang dưới lốt tôn giáo.

Nếu chúng ta sống như những lời mọi của Đức Chúa Trời, mối quan hệ của chúng ta với nhà cầm quyền sẽ ở vào đúng chỗ thích hợp của nó. Chúng ta sẽ phải hành động theo ánh sáng của sự hiện diện Ngài, vâng lời Ngài trong mọi sự, làm mọi điều vì vinh hiển Ngài. Người công dân tốt nhất chính là tin hữu sống với tư cách tôi mọi của Chúa. Buồn thay, hầu hết các chính quyền đều không nhận thấy họ chịu ơn nhiều biết bao đối với những Cơ Đốc nhân tin và vâng theo Kinh Thánh.

Hãy suy gẫm cụm từ lời mọi Đức Chúa Trời. F. B. Meyer viết: "Thiên đàng nhận lấy những ngôn từ đáng kính khiếp nhất của chúng ta rồi khiến chúng chói sáng lấp lánh trong chính ánh sáng của Thiên đàng, cho đến khi những điều dường như là đồng nghĩa với kinh hoàng trở thành cái đích cho những mục tiêu cao quý nhất của chúng ta."¹⁹

2:17 Không thể bỏ mối quan hệ nào của đời sống ra khỏi phạm vi trách

nhệm của Cơ Đốc nhân. Vì vậy, ở đây Phierơ nói đầy đủ một loạt bốn mạng lịnh quả quyết.

Hãy kính mọi người. Chúng ta không thể luôn luôn kính trọng những lời nói hay hành vi của họ, nhưng có thể nhớ rằng mỗi một đời sống còn quý giá hơn cả thế gian. Chúng ta có thể nhận thấy mỗi người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Chúng ta không bao giờ được phép quên rằng Chúa Jêsus đã tuôn huyết và chịu chết cho ngay cả một người không xứng đáng nhất.

Yêu anh em. Chúng ta phải yêu mọi người, nhưng chúng ta đặc biệt có bốn phận yêu thương thành viên trong gia đình thuộc linh của mình. Đây là tình yêu giống như tình yêu Chúa dành cho chúng ta. Tình yêu ấy là hoàn toàn không đáng được hưởng, tình yêu ấy đến cho những kẻ không đáng được yêu, không hề tìm sự đền đáp, và mạnh hơn cả sự chết.

Kính sợ Đức Chúa Trời. Chúng ta kính sợ Ngài khi tôn kính Ngài là Chúa tối cao. Bây giờ, việc tôn vinh Ngài trở thành điều ưu tiên số một của chúng ta. Chúng ta sợ làm bất kỳ điều gì khiến Ngài không hài lòng và chúng ta sợ đại diện không đúng cho Ngài trước mặt loài người.

Tôn trọng vua. Phierơ quay về để tái những bậc cai trị của loài người để làm lời nhắc nhở cuối cùng. Chúng ta phải tôn trọng những người cai trị mình như là các quan chức do Đức Chúa Trời lập lên để duy trì một xã hội có trật tự. Điều này có nghĩa chúng ta phải "nộp thuế cho kẻ mình phải nộp thuế; đóng

góp cho kẻ mình phải đóng góp; sợ kẻ mình đáng sợ" (Rôma 13:7). Nói chung, Cơ Đốc nhân có thể sống dưới bất kỳ hình thức chính quyền nào. Lúc duy nhất phải bất tuân chính là khi bị bắt phải thỏa hiệp sự vâng lời hoặc lòng trung thành của mình đối với Chúa Jêsus Christ.

C. TÔI TỬ ĐỐI VỚI CHÁ (2:18-25)

2:18 Thật rất có ý nghĩa khi Tân Ước nêu nhiều chỉ thị cho **tôi tử** hơn là cho vua. Phần lớn các tin hữu đầu tiên là **lời tử**, và Kinh Thánh cho thấy hầu hết Cơ Đốc nhân xuất thân từ tầng lớp trung lưu hoặc hạ lưu của xã hội (Mathiơ 11:5; Mác 12:37; I.Côrinthô 11:26-29).

Phần đoạn này nói với **những tôi tử** trong nhà, nhưng nguyên tắc áp dụng cho người làm công thuộc mọi thể loại. Lời kêu gọi cơ bản chính là vâng phục chủ trong mọi phương diện. Một sự thật cơ bản của đời sống ấy là trong bất kỳ xã hội hay tổ chức nào, thì một mặt phải có thẩm quyền và mặt kia phải có sự vâng lời thẩm quyền đó. Vâng phục chủ sẽ có ích lợi cho bất kỳ **tôi tử** nào, vì nếu không thì người đó không có việc làm. Nhưng đối với *Cơ Đốc nhân* thì sự vâng phục lại càng quan trọng hơn nữa. Không phải chỉ liên quan đến tiền lương; lời làm chứng của Cơ Đốc nhân sẽ tùy thuộc vào thái độ vâng phục đó.

Đừng để sự vâng lời thay đổi tùy theo tính khí của người chủ. Ai cũng có thể vâng phục một người chủ **hiền lành nhân đức**. Tin hữu được kêu gọi vượt qua khỏi ranh giới đó để tôn trọng và vâng phục người chủ khó tánh và bực mình. Điều này nổi bật lên thành hành vi đặc trưng của Cơ Đốc nhân.

2:19 Khi chịu khổ cách oan ức, chúng ta được Đức Chúa Trời đẹp lòng. Ngài đẹp lòng khi thấy chúng ta ý thức được mối quan hệ của mình với Ngài đến nỗi chúng ta chịu đựng sự đau đớn đáng ra mình không phải nhận lấy mà không hề tự bịnh vực mình hay chống trả lại. Khi chúng ta mềm mại chịu ngược đãi, chúng ta đã thể hiện ra Đấng Christ; sự sống siêu nhiên này sẽ nhận lấy tiếng khen "Được lắm!" của Chúa.

2:20 Chẳng có gì cao đẹp khi nhịn nhục chịu khổ vì cơ những việc làm sai trái của chính mình. Đương nhiên chuyện đó chẳng làm vinh hiển Chúa chút nào. Sự nhịn chịu như thế sẽ không bao giờ khiến chúng ta nổi bật trong tư cách Cơ Đốc nhân, hay khiến người khác trở thành Cơ Đốc nhân. Nhưng nhịn chịu vì cơ làm lành thì mới là điều quan trọng. Đó là điều khác lạ thường tình, siêu phạm đến nỗi khiến người khác sửng sốt để chịu cáo trách về tội lỗi, và hy vọng khiến họ được cứu rỗi.

2:21 Ý tưởng về việc Cơ Đốc nhân chịu khổ vì cơ sự công bình đứt khoát dẫn đến phân đoạn tuyệt với này về tấm gương vĩ đại của chúng ta, là Chúa Jêsus. Chưa từng có ai bị ngược đãi như Ngài, cũng chưa có ai chịu đựng sự ngược đãi cách kiên nhẫn như Ngài.

Chúng ta được kêu gọi để hành động giống như Ngài, chịu khổ vì cơ bị người khác ngược đãi. Từ ngữ được dùng ở đây chỉ về "gương" bao hàm ý một quyển sách được sao chép lại không một chút lỗi nào trong cách viết. Học viên này tìm cách sao lại nguyên bản càng giống càng tốt. Khi sao chép mẫu

này thật cẩn thận, chữ viết của người rất đẹp. Nhưng càng đi lệch xa mẫu, thì bản sao càng tệ hại. Sự an toàn của chúng ta cốt ở chỗ ở gần với Đấng Nguyên Mẫu.

2:22 Chúa chúng ta không chịu khổ vì cơ tội của Ngài, vì Ngài không hề phạm tội. "Ngài vốn chẳng biết tội lỗi" (II.Côrinthô 5:21); Ngài chưa hề phạm tội (câu Kinh Thánh này); "Trong Ngài không có tội lỗi" (I.Giăng 3:5).

Lời nói của Ngài không nhuốm chút chi đối trả. Ngài không hề nói dối, thậm chí cũng không che đậy sự thật. Hãy suy gẫm điều đó! Có một Đấng đã từng sống trên hành tinh này lại là Đấng tuyệt đối ngay thật, tuyệt đối không hề có chút mưu kế hay dối trá.

2:23 Ngài đã kiên nhẫn trong khi bị khêu khích. Ngài bị rửa mà không rửa lại. Khi bị đổ tội, Ngài không trả lời. Khi bị vu cáo, Ngài không tự bịnh vực. Ngài không hề bị vương mắc vào lòng ham muốn tự bịnh vực mình.

Một tác giả vô danh viết như sau:

Thấy mình bị lên án vô cơ và giữ yên lặng trong hoàn cảnh đó, thì đây là dấu hiệu của sự khiêm nhường hạ mình sâu sắc nhất và chân thật nhất. Im lặng khi bị phỉ báng và ngược đãi chính là bất chước Chúa chúng ta cách rất cao quý. Khi chúng ta nhờ đến Đấng vốn không hề đáng phải chịu khổ lại chịu biết bao hoạn nạn thống khổ, thì ý thức của chúng ta ở chỗ nào khi thấy cần tự bịnh vực và biện hộ cho chính mình?

Ngài chịu nạn mà không hề ngấm đóa. "Chẳng có một lời thiếu dịu dàng hay đe dọa nào ra từ môi lưỡi yên lặng

của Ngài." Có lẽ những người tấn công Ngài hiểu lầm sự im lặng của Ngài là nhu nhược. Nếu họ thử, họ sẽ thấy đây không phải là yếu đuối nhưng chính là sức mạnh siêu nhiên!

Đâu là nguồn an ủi ẩn tàng của Ngài để chịu đựng sự hành hung vô cớ đến như vậy? Ngài tin cậy Đức Chúa Trời là Đấng xử đoán công bình. Và chúng ta được kêu gọi để làm giống y như Ngài:

Hỡi kẻ rất yêu dấu của tôi ơi, chính mình chờ trả thù ai, nhưng hãy nhường cho cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời; vì có chép lời Chúa phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta, ta sẽ báo ứng. Vậy nếu kẻ thù mình có oán, hãy cho ân; có khát, hãy cho uống; vì làm như vậy, khác nào mình lấy những than lửa đỏ mà chấu trên đầu người. Đừng để điều ác thắng mình, nhưng hãy lấy điều thiện thắng điều ác.

(Rôma 12:19-21).

2:24 Những thống khổ của Cứu Chúa không những để làm gương, mà còn để chuộc tội nữa. Chúng ta không thể bắt chước những sự chịu khổ của Ngài trong lãnh vực này, và Phierô không để nghị chúng ta nên làm như vậy. Đúng hơn, lập luận là thế này: sự thống khổ của Cứu Chúa không do tội lỗi của chính Ngài, vì Ngài không hề phạm tội nào cả. Chính vì tội lỗi của chúng ta mà Ngài bị đóng đinh vào thập tự giá. Vì Ngài đã chịu khổ cho những tội lỗi chúng ta một lần đủ cả, nên chúng ta đừng bao giờ để mình rơi vào chỗ phải chịu khổ vì tội của mình nữa. Sự thực Ngài đã chịu chết vì tội lỗi chúng ta đáng phải khiến chúng ta chết đối với tội lỗi. Đây không chỉ là vấn đề

nhân đức đều cực; chúng ta không những phải chết đối với tội lỗi, mà còn phải sống cho sự công bình nữa.

Nhơn những lần đòn của Ngài mà anh em đã được lành bệnh. Từ ngữ "những lần đòn" thực ra ở số ít trong nguyên bản, có lẽ gợi ý rằng cả thân thể trở thành một lần đòn độ số. Chúng ta nên có thái độ nào đối với tội lỗi khi sự chữa lành chúng ta khiến Cứu Chúa phải trả giá lớn lao đến như thế? Theodoret nhận định: "Một phương pháp chữa lành mới mẻ và lạ lùng. Vị bác sĩ chịu đựng giá phải trả, và người bệnh nhận được sự chữa lành."

2:25 Trước khi hoán cải, chúng ta giống như chiên đi lạc - lạc mất, thương tích tơi tả, bầm dập, chảy máu. Câu Phierô nhắc đến chiên đi lạc là câu cuối cùng của sáu câu Kinh Thánh trích dẫn Êsai 53 trong phần đoạn này:

Câu 21 Đấng Christ... chịu khổ cho chúng ta (xem Êsai 53:4,5).

Câu 22 Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chổi, như cái rế ra từ đất khô. Người chẳng có hình dung, chẳng có sự đẹp đẽ; khi chúng ta thấy người, không có sự tốt đẹp cho chúng ta ưa thích được. (Xem Êsai 53:9)

Câu 23 Ngài chịu nạn mà không hề ngậm mồm (đối chiếu Êsai 53:7).

Câu 23 Ngài gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ (đối chiếu Êsai 53:4,11).

Câu 23 Nhơn những lần đòn của Ngài mà anh em được lành bệnh (đối chiếu Êsai 53:5).

Câu 24 Vì anh em vốn giống như con chiên lạc (đối chiếu Êsai 53:6).

Khi được cứu, chúng ta trở về với Đấng Chân Chiên - Đấng Chân Chiên hiền lành đã phó sự sống Ngài vì chiên (Giăng 10:11); Đấng chân chiên lớn "săn sóc cách dịu dàng và không mệt mỏi cho bầy mà chính Ngài đã đổ huyết ra chuộc lại," và là Đấng Chân Chiên Lớn sắp trở lại để đưa chiên Ngài vào đồng cỏ xanh tươi trên trời - là nơi họ sẽ không bao giờ đi lạc ra khỏi đó nữa.

"Tin Chúa" "Trở về" là quay về với Đấng Canh Giữ²⁰ linh hồn mình. Chúng ta thuộc về Ngài bởi sự sống thế, nhưng đã bị lạc mất vì cơ tội lỗi. Giờ đây chúng ta quay về với sự chăm sóc gìn giữ của Ngài, và được an ninh chắc chắn đời đời.

D. Trong Tư Cách Người Vợ Bối Với Chồng (3:1-6)

3:1 Pheerơ đã nhấn mạnh bốn phạm Cơ Đốc nhân phải vâng phục các bậc cầm quyền và những người chủ trên trần thế này. Giờ đây ông nói đến sự vâng phục của vợ đối với chồng.

Mọi người vợ đều phải phục chồng mình, cho dù chồng có tin Chúa hay không. Chúa đã ban cho người nam địa vị làm đầu, và ý muốn của Ngài là người nữ phải công nhận thẩm quyền của người nam. Mối quan hệ giữa chồng và vợ là hình ảnh về mối quan hệ giữa Đấng Christ và hội thánh. Người nữ phải vâng lời chồng mình thế nào, hội thánh cũng phải vâng lời Đấng Christ thế ấy.

Điều này đã bị xem là "hết thời" trong xã hội của chúng ta. Phụ nữ đang vươn lên những địa vị nắm thẩm quyền trên người nam, và xã hội chúng ta ngày

càng mang tính mẫu hệ. Trong nhiều hội thánh, phụ nữ dường như hoạt động tích cực và có ân tứ hơn nam giới. Nhưng Lời Đức Chúa Trời vẫn y nguyên. Quyển làm đầu của người nam là một trật tự thiên thượng. Cho dù những lý lẽ có vẻ hợp lý đến đâu đi nữa, khi người nữ nắm quyền trên người nam thì rốt cuộc chẳng đem lại gì khác hơn là rắc rối và hỗn loạn.

Ngay cả khi người chồng chưa tin Chúa đi nữa, người vợ vẫn phải tôn trọng chồng là đầu mình. Đây sẽ là lời chứng cho chồng biết về đức tin của vợ nơi Đấng Christ. Cách ăn ở của một người vợ vâng phục, yêu thương và tận tâm có thể chính phục được chồng về cho Cứu Chúa.

Và nàng có thể chính phục được chồng đầu chẳng lấy lời khuyên bảo. Điều này có nghĩa người vợ không cần phải giảng liên tục cho chồng mình. Những người vợ cứ cầu nhau chống mình về Tin Lành, nhói nhét Tin Lành đến tận cổ chồng thì có lẽ gây ra tổn hại hết sức lớn lao. Điểm nhấn mạnh ở đây là người vợ chính phục chồng bằng cách sống thể hiện ra Đấng Christ mỗi ngày trước mắt chồng.

Nhưng giả sử chồng can thiệp vào nếp sống Cơ Đốc của người vợ. Vậy vợ nên làm gì? Nếu chồng bắt vợ không được vâng theo một mạng lệnh rõ ràng của Kinh Thánh, thì vợ phải không vâng lời chồng để trung thành với Chúa. Tuy nhiên, nếu vấn đề liên quan đến đặc ân của Cơ Đốc nhân chứ không phải là một bốn phạm rõ ràng, nàng nên vâng phục chồng và từ bỏ quyền lợi kia.

Khi Pheerơ nói về việc người vợ Cơ Đốc có người chồng ngoại giáo, không

phải vì có đó mà ông dung túng tình trạng tín hữu cưới người chưa tin. Ý muốn của Chúa không bao giờ là như vậy cả. Vị sứ đồ đang để cập chủ yếu đến những trường hợp người vợ được cứu sau khi lập gia đình. Bốn phần của nàng là phải **vâng phục** ngay cả một người chồng chưa tin Chúa.

3:2 Người chồng chưa được cứu có thể sẽ chịu án tượng mạnh mẽ bởi nếp ăn ở tinh sạch và **cung kính** của vợ. Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể dùng điều này để cáo trách tội lỗi của người chồng, và chồng có thể tin nơi Đấng Christ.

George Miller kể chuyện một người Đức giàu có kia có người vợ là tín hữu Đấng Christ rất sốt sắng. Người chồng là tay nghiện rượu rất nặng, là cả rất khuya trong quán rượu. Nàng cho đầy tờ đi ngủ, thức chờ cho đến khi chồng trở về, đón tiếp chồng tử tế, và không bao giờ quở trách hay phàn nàn chồng. Thậm chí nhiều khi nàng còn phải thay đồ cho chồng và dìu chồng lên giường. Một tối kia trong quán rượu, người chồng nói với những bạn nhậu của mình: "Tôi cực rằng nếu chúng ta về nhà tôi, vợ tôi vẫn đang đứng đó, chờ tôi về. Nàng sẽ ra tận cửa, tiếp đón chúng ta như những ông hoàng, và thậm chí nếu tôi nhớ, nàng còn dọn bữa tối cho chúng ta nữa kia."

Thoạt đầu họ hoài nghi, nhưng quyết định sẽ cùng đi xem thử. Quả thật, nàng đứng bên cửa, tiếp đón họ lịch sự, và sẵn sàng đồng ý dọn bữa tối cho họ mà không tỏ chút giận dữ nào. Sau khi phục vụ xong, nàng trở về phòng. Ngay khi nàng đi khỏi, một trong

số các bạn nhậu bắt đầu lên án người chồng, "Anh là hạng đàn ông thế nào mà đối đãi tệ bạc đến như vậy đối với một người nữ tốt lương kia?" Người mở miệng lên án câu đó không chờ ăn xong bữa đã đứng dậy bỏ về. Một người nữa làm giống như thế, thêm một người khác nữa, cho đến khi hết thấy đều bỏ ra về mà không đụng đến bữa tối.

Trong vòng nửa giờ đồng hồ, người chồng bị cáo trách sâu xa về sự gian ác của mình, và đặc biệt về cách cư xử vô tâm đối với vợ. Ông vào phòng vợ, xin vợ cầu nguyện cho mình, ăn năn tội và đầu phục Đấng Christ. Từ đó trở đi, ông trở thành môn đồ của Chúa Jêsus. Được chinh phục về cho Chúa mà không cần đến một lời nói nào! George Miller khuyên:

Đừng ngu lòng nếu bạn phải chịu khổ từ tay những người họ hàng chưa tin Chúa. Có lẽ trong khoảng thời gian rất ngắn thôi, Chúa sẽ ban cho bạn điều lòng bạn ước ao, và nhậm lời bạn cầu thay cho họ. Nhưng trong lúc này, hãy tìm cách giới thiệu chân lý, không phải bằng cách quở trách những hành vi của họ đối với bạn, nhưng bằng cách tỏ cho họ thấy nét nhu mì, mềm mại và nhân từ của Chúa Jêsus Christ.²¹

3:3 Để tài ở đây dường như đối sang trang phục của người nữ, nhưng thực ra sứ đồ chủ yếu vẫn đang để cập những cách tốt nhất cho người vợ làm đẹp lòng và phục vụ chồng mình. Diện mạo bề ngoài của nàng ảnh hưởng đến người chồng không nhiều bằng nếp sống bề trong đầy thành khiết và vâng phục.

Nhiều thể loại trang sức bề ngoài cần phải tránh là:

1. **Gióc tóc.** Có người nghĩ câu này loại trừ ngay cả những bím tóc giản dị. Rất có thể Phierô đang phản đối tình trạng thái quá của những kiểu tóc cao như núi với biết bao là lớp bím tóc, là điều vốn phổ thông trong Lamã thời cổ.

2. **Đeo đồ vàng.** Có người giải nghĩa đây là lệnh cấm tuyệt đối nữ trang bằng vàng. Có người xem đây là lời cấm phò tương lõe loẹt và phung phí.

3. **Mặc áo quần lõe loẹt.** Hiển nhiên, đây không phải là cấm mặc trang phục nhưng là cấm ăn mặc phò tương. Đọc Êsai 3:16-25 để thấy Chúa suy nghĩ gì về mọi hình thức trang sức phung phí ngông cuồng.

CÁCH ĂN MẶC CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

Trong vấn đề ăn mặc và nữ trang, có nhiều nguyên tắc hướng dẫn áp dụng cho tín hữu, cả nam cũng như nữ. Nguyên tắc thứ nhất là chi phí. Chúng ta chi bao nhiêu vào áo quần? Có phải hoàn toàn tất cả đều cần thiết không? Có thể sử dụng khoản tiền đó theo những cách tốt hơn không?

1. Tim 2:9 cấm những áo quần đắt tiền: "Không dùng...áo quần quý giá." Vấn đề không phải là chúng ta có thể trả nổi tiền mua chúng hay không. Cơ Đốc nhân tiêu tiền vào áo quần đắt tiền thì đó là một tội, vì Lời Chúa cấm điều đó. Lòng thương xót cũng cấm điều đó nữa. Cảnh ngộ hết sức khốn khổ của những người lân cận chúng ta tại các quốc gia khác, như cầu to lớn của họ về thuộc linh và thân thể, càng làm lộ rõ lòng chai lỳ khi tiêu tiền cách không cần thiết vào áo quần.

Điều này áp dụng không những cho chất lượng của áo quần chúng ta mua

sắm, mà còn vào số lượng nữa. Tú áo của một số Cơ Đốc nhân trông giống như những cửa hiệu trưng bày áo quần. Thông thường, khi họ đi chơi trong kỳ nghỉ, trên ghế sau của xe treo một giàn cây mắc đầy váy, áo sơ mi, áo vest đến độ hàng mẫu của người bán áo quần lưu động cũng phải chào thua.

Vi sao chúng ta làm như vậy? Chẳng phải đó là kiêu ngạo sao? Chúng ta thích được khen về thị hiếu tao nhã của mình, về bề ngoài tốt đẹp của chúng ta. Chi phí để mua áo quần chỉ mới là một trong những nguyên tắc hướng dẫn chúng ta chọn lựa thôi.

Một nguyên tắc khác nữa là ăn mặc nết na. Phaolô nói phải có "nết na và đức hạnh." Một ý nghĩa của chữ "nết na" là "đứng đắn." Một trong những chức năng của y phục là che sự lỏa lồ của con người. Ít nhất, đó cũng là cách từ lúc ban đầu. Nhưng giờ đây áo quần dường như được thiết kế để phơi bày ngày càng nhiều phần của thân thể. Bởi đó con người ngày càng khoe khoang sự xấu hổ mình. Chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy những con người không kính sợ Chúa làm như vậy, nhưng thật hết sức sững sốt khi Cơ Đốc nhân bất chước họ.

Nhưng nết na cũng có nghĩa duyên dáng và thu hút. Điều này gợi ý Cơ Đốc nhân nên ăn mặc gọn ghẽ. Ăn mặc tối tèn xốc xếch thì chẳng tốt chút nào cả. Oswald Chambers nói rằng ăn mặc luộm thuộm, nhếch nhác là phi báng Thánh Linh. Áo quần của tín hữu phải sạch sẽ, ủi đàng hoàng, may sửa đẹp, và vừa vặn.

Nói chung, Cơ Đốc nhân phải tránh những kiểu thời trang nào thu hút sự

chú ý đến chính mình. Đó không phải là chức năng của Cơ Đốc nhân trong đời sống. Mình có mặt trên đất này không phải để làm một món trang sức, nhưng làm một nhánh nho sanh trái. Chúng ta có thể thu hút chú ý đến bản thân mình theo nhiều cách. Mặc áo quần kiểu lố thời sẽ khiến người ta chú ý đến mình. Cơ Đốc nhân nên tránh mặc quần áo nào quá bình dị đến độ khác thường, hoặc quá lòe loẹt, hoặc kỳ dị.

Cuối cùng, Cơ Đốc nhân - và đây có lẽ là nạn đề đặc biệt cho những tín hữu trẻ - nên tránh áo quần nào có vẻ gợi tình hay khoe gợi. Chúng ta đã nói đến những thời trang mang tính "hở hang" rồi. Nhưng áo quần có thể che kín cả thân thể nhưng vẫn khơi dậy những tham muốn bất khiết nơi người khác. Những thời trang hiện đại không thiết kế ra để khích lệ nếp sống thiêng liêng. Trái lại, chúng phản ánh nổi ám ảnh với tính dục trong thời đại chúng ta. Tín hữu đừng bao giờ ăn mặc thứ áo quần nào khơi dậy lòng tham muốn hay khiến người khác khó sống được cuộc đời Cơ Đốc nhân.

Di nhiên, nạn đề lớn lao ấy là áp lực xã hội hết sức nặng nề để buộc mọi người phải bắt chước cho giống người khác. Điều này đã luôn luôn và sẽ luôn luôn như thế. Cơ Đốc nhân cần can đảm chống cự tại những thái quá trong thời trang để bơi ngược dòng dư luận xã hội, để ăn mặc cách có ích lợi cho Tín Lành.

Nếu chúng ta tôn Đấng Christ làm Chúa tể quần áo của mình, thì mọi chuyện sẽ ổn thỏa.

3:4 Thứ trang phục khiến tín hữu thật sự duyên dáng thu hút chính là vẻ

đẹp của **bề trong giấu ở trong lòng**. Những kiểu tóc thời trang, nữ trang đắt tiền, và áo quần tốt đẹp đều có thể hư nát. Khi đưa ra sự tương phản sinh động này, Phierơ thách thức chúng ta phải chọn lựa. F. B. Meyer nói: "Có rất nhiều người trang điểm con người bề ngoài thật giàu có, còn con người bề trong lại mặc vải rách; lại có những người tuy áo xống bề ngoài sờn rách và xác xơ, nhưng bề trong lại vinh hiển biết dường nào."²²

Con người nghi đồ trang sức là quý báu, Đức Chúa Trời xem đồ trang sức bằng tính thần dịu dàng và im lặng là quý giá.

3:5 Những phụ nữ tín kính của Cựu Ước **trau dồi mình bằng cách vun đắp vẻ đẹp tâm linh của đời sống nội tâm**. Một phương diện của vẻ đẹp này chính là **vâng phục hết lòng đối với chồng**. Các bà thánh này **trông cậy Đức Chúa Trời**. Họ sống cuộc đời chăm chú vào Chúa. Vì muốn làm đẹp lòng Ngài trong mọi sự nên họ công nhận trật tự của Ngài trong gia đình và **vâng phục chồng mình**.

3:6 Sara được trưng dẫn như tấm gương tốt. Bà đã **vâng phục Ábraham, gọi người là chúa mình**. Câu này đưa chúng ta trở lại với Sáng Thế Ký 18:12, nơi đó chép Sara đã nói "thảm" điều này. Bà không đi đây đó để tuyên bố lên tiếng mình vâng phục Ábraham bằng cách công khai gọi chồng là *chúa*. Trái lại, ở bề trong, bà công nhận ông là **đầu mình**, và sự công nhận này được thể hiện qua hành động của bà.

Những người nữ nào noi gương Sara thì là con gái của bà. Phụ nữ Do Thái là

đồng đôi của Sara bởi huyết thống. Nhưng muốn được làm con gái của bà theo ý nghĩa đúng nhất, họ phải bắt chước tính cách cá nhân của bà. Con cái nên mang hình ảnh của gia đình.

Họ nên làm điều lành và đừng để điều gì khiến họ sợ hãi. Điều này có nghĩa người vợ Cơ Đốc nên làm trọn vai trò Chúa đã giao cho nàng là một người giúp đỡ vàng phục, và đừng sợ hãi ngay cả khi phải chịu khổ vì hành vi vô cơ của người chồng chưa tin Chúa, đương nhiên ngoại trừ khi điều đó trở nên hung bạo hay đe dọa đến mạng sống.

E. Người Chồng Bớt Với Vợ (3:7)

Giờ đây sứ đồ quay sang người chồng và cho thấy những bốn phần tương ứng mà người chồng phải làm tròn. Chồng phải sống quan tâm đến vợ, bày tỏ tình yêu, lịch sự và cảm thông. Chồng phải dịu dàng với vợ, sự dịu dàng xứng đáng cho thành viên của phái yếu đuối hơn.

Trong thời có phong trào giải phóng phụ nữ ngày nay, Kinh Thánh dường như không theo kịp nhịp của thời đại khi nói phụ nữ là giống yếu đuối hơn. Nhưng sự thực đơn giản của cuộc sống ấy là người nữ trung bình thì yếu hơn người nam về mặt thể chất. Nói chung, người nữ cũng không có cùng một sức mạnh của người nam để kiểm soát những cảm xúc của mình, và thường bị chi phối bởi những phản ứng của cảm xúc hơn là những suy nghĩ của lý trí hợp lẽ. Xử lý những nan đề sâu xa về thần học không phải là nét mạnh đặc trưng của người nữ. Và nói chung, người nữ tỏ ra lệ thuộc hơn là người nam.

Nhưng sự kiện người nữ là phái yếu hơn, trên một phương diện nào đó, không có nghĩa nàng thấp kém hơn người nam; Kinh Thánh không bao giờ gợi ý điều này, Kinh Thánh cũng không nói nàng không thể thực sự mạnh mẽ hơn, hay có tài hơn trong một số lãnh vực nào đó. Sự thực là phụ nữ nói chung tận hiến cho Đấng Christ hơn nam giới. Và họ thường giỏi hơn khi chịu đựng đau đớn và nghịch cảnh lâu dài.

Thái độ của người nam đối với vợ mình là nên công nhận sự thật nàng là người đồng hưởng phước sự sống. Điều này nói đến đời sống hôn nhân trong đó cả hai đều là tin hữu. Dấu yếu hơn người nam trên một số phương diện, nhưng người nữ hưởng địa vị bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời và được hưởng bình đẳng ơn ban sự sống đời đời. Nàng còn trở hơn quyền bình đẳng của người nam ở chỗ đưa sự sống thuộc thể mới vào trong thế gian.

Khi có sự xáo trộn, thì lời cầu nguyện bị ngăn trở. Bigg nói: "Tiếng thở dài của người vợ bị tổn thương sẽ chấn ngang những lời cầu nguyện của người chồng và sự nhậm lời của Chúa."²³ Thêm nữa, cặp vợ chồng rất khó cầu nguyện chung khi có điều gì đó làm gián đoạn mối tương giao của họ. Để được bình an và lợi ích cho gia đình, điều quan trọng là chồng và vợ phải tuân giữ một số quy tắc cơ bản sau đây:

1. Giữ sự ngay thật tuyệt đối để có cơ sở tin tưởng nhau.
2. Giữ cho sự truyền thông được cởi mở. Phải luôn luôn sẵn sàng thổ lộ ra. Khi để cho hơi nước cứ gia tăng trong

nổi áp suất, thì không thể tránh khỏi bị nổ tung. Thổ lộ những điều trong lòng bao gồm cả sự sẵn sàng để cho mỗi người được nói ra: "Tôi xin lỗi" và để tha thứ nhau - có lẽ là ở mức độ vô hạn.

3. Bỏ qua những lỗi nhỏ và lịch cách cá biệt. Tình yêu thương che đậy vô số tội lỗi. Đừng đòi hỏi sự hoàn hảo nơi người khác trong khi chính bạn không thể đích thân có được sự hoàn hảo đó.

4. Nỗ lực để hiệp một trong vấn đề tài chính. Tránh chi tiêu quá mức, mua trả góp, và ham muốn đũa đòi.

5. Nhớ rằng tình yêu thương là một mạng lưới, chứ không phải một cảm xúc không thể kiểm chế được. Tình yêu thương nói đến tất cả mọi điều nào có trong 1.Côrinthô 13. Chẳng hạn như yêu thương là lịch sự; yêu thương sẽ ngăn bạn chỉ trích cãi nhau trước mặt người khác. Yêu thương sẽ giữ bạn không cãi nhau trước mặt con cái, vì như vậy có thể phá hoại an ninh của chúng. Bằng những phương cách này cùng hàng trăm phương cách khác, tình yêu thương tạo ra bầu không khí hạnh phúc trong gia đình và loại bỏ xung đột và phân rẽ nhau.

F. Vết Tư Cách Anh Em Trong Mối Thông Công (3:8)

Đường như thấy rõ câu này chủ yếu đề cập đến Cơ Đốc nhân và mối quan hệ của người ấy đối với mối thông công qua bằng chứng những lời khuyên hiệp một và tình yêu thương anh em. Ba lời khuyên kia có phần áp dụng rộng rãi hơn.

Chữ rút lại không có nghĩa Phiero sắp kết thúc thư tín. Ông đang nói với

nhiều tầng lớp cá nhân khác nhau như là đầy tớ, vợ và chồng. Giờ đây, để làm chương cuối ông có lời nhắn nhủ cho hết thảy anh em.

Hết thảy anh em phải đồng lòng. Không ai đòi hỏi những Cơ Đốc nhân đều phải đồng một quan điểm về mọi việc. Như thế sẽ là đồng dạng, chứ không phải hiệp một. Công thức tốt nhất có mặt trong thành ngữ nổi tiếng này: trong những điều nên tảng, thì hiệp một; trong những điều không thiết yếu, thì tự do; trong mọi sự, tình yêu thương. Chúng ta phải có lòng đầy thương xót đối với nhau. Nguyên văn, câu này có nghĩa "cùng chịu khổ với" và lời khuyên này đặc biệt thích hợp khi được nói cho những người đang chịu bất bở. Lời khuyên này dành cho mọi thời đại, vì không thời đại nào được miễn chịu khổ.

Hãy yêu như anh em. Một tác giả vô danh viết:

On thân lưu không hề xem chúng ta muốn ai sẽ trở thành anh em của mình - điều đó đã được ấn định cho chúng ta; nhưng chúng ta được truyền lệnh phải yêu thương họ, bất kể những điều ưa thích tự nhiên và những sở thích của chúng ta. Bạn bảo: "Không thể có được chuyện đó!" Nhưng nên nhớ tình yêu thương thật không nhất thiết phải bắt nguồn từ cảm xúc, nhưng từ trong ý chí, không cốt ở cảm giác nhưng ở việc làm; không ở tình cảm, nhưng trong hành động; không ở lời nói nhỏ nhẹ, nhưng bằng những việc làm cao quý và vị tha.

Lòng nhân từ nói đến tấm lòng nhạy bén với nhu cầu và những cảm nhận

của người khác. Lòng nhân từ sẽ không chịu để mình trở thành lạnh lùng, chai lì hoặc yếu thế cho dù bị lạm dụng, bị đối xử thô bạo, bị hành hung đến đâu đi nữa.

Nhà nhận (Bản Anh ngữ - bản Việt ngữ ghi là "đức khiêm nhượng")²⁴ - dường như rất thích hợp để đức nhà nhận được dạy như một trong những phẩm hạnh Cơ Đốc. Về cơ bản, đức tánh này muốn nói đến cách suy nghĩ khiêm nhường về người khác, đặt người khác lên trước hết, nói và làm những điều tử tế, độ lượng. Đức khiêm nhượng sẽ phục vụ người khác trước khi phục vụ mình, nhanh chóng cảm ơn về những điều nhân lành mình nhận được. Đức khiêm nhượng sẽ không bao giờ thô thiển, thô tục, hay thô lỗ.

6. Trong Tư Cách Người Chịu Khó Đối Với Người Bất Bờ (3:9-4:5)

3:9 Toàn bộ bức thư này được viết trong bối cảnh bất bõ và chịu khổ. Từ câu này cho đến 4:6, đề tài chính là Cơ Đốc nhân và mối quan hệ của Cơ Đốc nhân đối với người bất bõ mình. Tin hữu được khuyên liên tiếp hãy chịu khổ vì cơ sự công bình và đừng trả đũa. Chúng ta không được phép lấy ác trả ác. Trái lại, chúng ta phải chúc phước cho những người ngược đãi mình, và lấy sự nhân lành để báo lại cho sự lành mại. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta được kêu gọi không phải để làm hại người khác, nhưng để làm điều lành cho họ, không phải để nĩa sã nhưng để chúc phước. Và rồi Đức Chúa Trời ban phước lành để thưởng cho kiểu hành vi này.

3:10 Trong câu 10-12, Phierơ trích Thi thiên 34:12-16a để khẳng định phước hạnh của Đức Chúa Trời sẽ ở trên những người kiêng làm việc ác và nói dữ, nhưng làm sự công bình.

Sức mạnh của câu Kinh Thánh thứ nhất là: Người nào muốn hưởng trọn vẹn đời sống và kinh nghiệm những ngày tốt lành thì nên kiêng nói điều ác hoặc lời gian dối. Đừng lấy lời xúc phạm và nói dối để trả đũa lại lời xúc phạm và nói dối.

Yếu sự sống bị lên án trong Giảng 12:25, nhưng ở đó có nghĩa là sống cho bản thân mình và bất chấp mục đích thật của cuộc sống. Ở đây, câu này nói đến sống theo cách Đức Chúa Trời đã định.

3:11 Không những lời nói dữ, mà việc làm dữ cũng bị cấm. Trả đũa chỉ càng làm cho xung đột thêm càng tăng. Sử dụng những vũ khí của thế gian tức là đã hạ mình xuống mức thấp hèn. Tin đổ nên lấy điều lành báo điều ác, và đẩy mạnh hòa bình bằng cách nhu mì chịu đựng sự lạm dụng, sỉ nhục. Không thể lấy lửa dập tắt lửa.

Cách duy nhất để thắng điều ác là để cho nó cứ tiến triển và kết thúc tự nhiên, để nó không gặp phải sự kháng cự mà nó muốn tìm. Kháng cự chỉ càng tạo thêm điều ác và đổ thêm dầu vào lửa. Nhưng khi điều ác không gặp sự chống cự cũng như không gặp chướng ngại nào ngoại trừ sự nhìn chiuu thì nó của nó bị rút khỏi, và cuối cùng nó gặp một đời thù cao tay hơn nó nhiều. Dĩ nhiên, điều này chỉ có thể xảy ra khi từ bỏ đến tận cùng sự kháng cự, và hoàn toàn từ bỏ sự báo thù. Lúc đó

điều ác không thể tìm ra những đích của nó, nó không thể sanh thêm điều ác được, và thế là phải son sẻ.

(Sua Tâm)

3:12 Mất Chúa đòi trông người hành động công bình. Ngài chăm chú lắng nghe lời **cầu nguyện** của họ. Đương nhiên, Chúa nghe lời cầu nguyện của hết thầy dân sự Ngài. Nhưng Ngài lắng nghe, theo ý đặc biệt, duyên cớ của người chịu khổ vì Đấng Christ mà không lấy ác báo ác.

Nhưng mất Chúa sắp lại nghịch với kẻ làm ác. Câu này chủ yếu nói đến những người bất bớ dân sự Ngài. Nhưng có thể cũng bao gồm cả những tín hữu nào chống cự kẻ thù mình bằng bạo lực và tối nói thiếu tự chủ, quá đáng. **Điều ác** là điều ác, và Đức Chúa Trời chống cự điều ác ở bất cứ nơi nào Ngài nhìn thấy nó - bất luận là ở nơi người đã được cứu hay nơi người đã hư mất.

Khi trích Thi thiên 34:16, Phierơ chữa lại câu "...Đặng diệt kỷ niệm chúng nó khỏi đất." Sự bỏ qua này không phải là do bị sót. Chúng ta đang sống trong thời kỳ ân điển của Đức Chúa Trời; đây chính là năm chấp nhận của Chúa. Ngày báo thù của Chúa chúng ta vẫn chưa đến. Khi Chúa Jesus tái lâm với tư cách Vua muôn vua và Chúa muôn chúa, Ngài sẽ hành phạt những kẻ làm ác và diệt kỷ niệm chúng nó khỏi đất.

3:13 Phierơ bắt đầu lập luận của ông bằng câu hỏi: "**Vi bằng anh em sỏi sáng làm lành, thì có ai làm dữ lại cho anh em?**" Câu trả lời được hàm ý là "Không ai cả." Thế nhưng lịch sử những người tuận đạo dường như chứng tỏ kẻ thù

của Tin Lành thường làm hại những môn đồ trung tín.

Có ít nhất hai lời giải thích khả dĩ cho nghịch lý này:

1. Nói chung, những người nào đi theo đường lối công bình thì không bị hại. Chính sách không kháng cự sẽ tước mất vũ khí của những người chống đối. Có thể có những ngoại lệ, nhưng quy tắc chung là người nào sót sống vì lẽ phải thì họ được bảo vệ khỏi tổn hại bởi sự nhân lành của họ.

2. Điều tệ hại nhất mà kẻ thù có thể gây cho Cơ Đốc nhân vẫn không gây được tổn hại đời đời. Kẻ thù chỉ có thể làm hại thân thể nhưng không thể làm hại linh hồn.

Trong Thế Chiến II, một cậu bé Cơ Đốc nhân mười hai tuổi từ chối không chịu gia nhập một phong trào nọ tại Âu Châu. Người ta nói: "Người không biết bọn ta có quyền giết người sao?" Cậu bé nhỏ nhẹ trả lời: "Các ông không biết rằng tôi có quyền chịu chết vì Đấng Christ sao?" Cậu có lòng tin quyết rằng không ai có thể làm tổn hại cậu được.

3:14 Nhưng giả sử Cơ Đốc nhân **phải chịu bất bớ** vì lòng trung thành của mình đối với Cứu Chúa. Lúc đó thì sao? Sẽ có ba kết quả:

1. Chúa cất bỏ họa nạn và sự chịu khổ đó vì chính vinh hiển Ngài.

2. Ngài dùng sự chịu khổ để đem phước hạnh đến cho người khác.

3. Ngài chúc phước cho người chịu khổ vì danh Ngài.

Đừng sợ con người, hay đừng kinh hoàng trước lời đe dọa của họ (bản Việt Ngữ là "chớ sợ điều họ sợ"). Những người tuận đạo đã giữ đúng chính sách

này biết đường nào! Khi người ta bừa bãi Polycarp nếu ông phi báng Đấng Christ, ông bảo: "Tám mươi sáu năm tôi phục vụ Đấng Christ và Ngài chưa hề đối đãi tệ với tôi. Làm sao tôi phi báng Vua và Cứu Chúa của tôi được?" Khi quan tổng trấn dọa quăng ông cho dã thú, ông đáp: "Như vậy lại càng tốt hơn nữa vì giúp tôi nhanh chóng được giải thoát khỏi cuộc đời khốn khổ này." Cuối cùng, quan dọa thiêu sống ông. Polycarp nói: "Tôi không sợ ngọn lửa chỉ đốt được trong thoáng chốc... quan không biết thứ lửa nào thiêu đốt được đời đời đâu."

3:15 Trong phần cuối câu 14 và câu này, Phierơ trích lời Êsai 8:12b,13: "Chớ sợ điều nó sợ, và đừng kính hãi. Hãy tôn Đức Giêhôva vạn quân là thánh; các ngươi chỉ nên sợ Ngài và kính hãi Ngài." Có người nói: "Chúng ta sợ Đức Chúa Trời quá ít vì có chúng ta sợ con người quá nhiều."

Phần đoạn trong Êsai nói Đức Giêhôva vạn quân là Đấng đáng được tôn kính. Khi trích câu này, Phierơ nhớ sự soi dẫn của Thánh Linh và nói: "Hãy tôn Đức Chúa Trời là Chúa,²⁵ làm thánh trong lòng mình."

Tôn kính Chúa có nghĩa tôn Ngài làm Đấng Tế Trị Tối Cao trong đời sống chúng ta. Mọi việc chúng ta làm và nói đều phải theo ý muốn Ngài, để làm Ngài đẹp lòng, và vì vinh hiển Ngài. Quyền tế trị của Đấng Christ thống trị mọi lãnh vực của đời sống chúng ta - của cải, nghề nghiệp, thương hiệu, hôn nhân, thời gian rảnh rỗi của chúng ta - không thể loại trừ bất kỳ một điều nào.

Hãy thường thường sẵn sàng để trả lời mọi kẻ hỏi về sự trông cậy trong anh em, song phải hiền hòa và kính sợ. Điều này chủ yếu áp dụng cho những lúc Cơ Đốc nhân đang bị bắt bớ vì cơ đức tin. Ý thức về sự hiện diện của Đức Chúa Jêsus Christ đáng phải truyền cho họ sự dạn dĩ thành khiết và thúc giục tín hữu làm chứng với lời tuyên xưng tốt lành.

Câu này cũng áp dụng cho đời sống hàng ngày. Người ta thường hỏi chúng ta những câu mà chúng rất tự nhiên tạo những cơ hội để nói về Chúa. Chúng ta phải sẵn sàng nói cho họ biết Chúa đã làm những điều lớn lao biết đường nào cho chúng ta. Trong cả hai trường hợp, đều phải làm chứng như vậy cách dịu dàng và kính sợ. Khi chúng ta nói về Chúa và Cứu Chúa của mình, đừng nên gay gắt, cay cú hay xác xược.

3:16 Tin đó phải có lương tâm tốt. Nếu biết mình không hề phạm phải bất kỳ một cáo buộc nào thì có thể chịu được bắt bớ với sự dạn dĩ như sư tử. Nếu có lương tâm xấu, người ấy sẽ bị day dứt bởi những mặc cảm phạm tội và không thể đứng lên chống kẻ thù. Dấu đời sống của tín hữu là không chỗ trách được đi nữa, những kẻ thù của Tin Lành vẫn cứ bươi móc tìm lỗi và vu cáo người. Nhưng khi đưa vụ kiện ra xét xử trước tòa, và thấy những lời buộc tội kia là vô căn cứ, thì những kẻ vu cáo sẽ bị xấu hổ.

3:17 Nếu Cơ Đốc nhân phải chịu khổ, và có lẽ đôi lúc là ý muốn của Chúa dành cho người, thì phải là chịu khổ vì cơ làm điều thiện. Nhưng vì

những việc làm sai trật của mình mà chịu khổ là điều không nên có; làm như vậy chẳng tốt lành chút nào cả.

3:18 Phần còn lại của đoạn 3 trình bày Đấng Christ là gương mẫu kinh điển về Đấng đã chịu khổ vì sự công bình, và nhắc chúng ta rằng đối với Ngài, sự chịu khổ chính là con đường dẫn đến vinh hiển.

Để ý sáu đặc điểm trong sự chịu khổ của Chúa: (1) Đây là những sự chịu khổ để chuộc tội, tức chúng giải thoát những tội nhân biết tin Ngài ra khỏi sự hình phạt cho tội lỗi của họ. (2) Chúng có hiệu lực đời đời. Ngài đã chết một lần đủ cả và giải quyết xong vấn đề tội lỗi. Công tác cứu chuộc đã hoàn tất. (3) Đây là những sự chịu khổ thay thế. Đấng công bình đã chết thay cho kẻ không công bình. “Đức Giêhôva đã làm cho tội lỗi của hết thảy chúng ta đều chất trên người” (Êsai 53:6b). (4) Những sự chịu khổ này đem đến sự hòa giải. Bởi sự chết Ngài, chúng ta được đem đến cùng Đức Chúa Trời. Tội lỗi đã gây ra sự xa cách ngày trước nay bị cất bỏ rớt. (5) Đây là những sự chịu khổ tàn khốc. Ngài chết vì bị xử tử. (6) Cuối cùng, chúng ta đạt đến đỉnh điểm bởi sự phục sinh. Ngài đã sống lại từ kẻ chết vào ngày thứ ba. Cụm từ “được sống lại bởi Đức Thánh Linh” (bản Việt Ngữ ghi là “nhưng về phần linh hồn thì được sống”) có nghĩa Ngài phục sinh bởi quyền năng của Đức Thánh Linh.

3:19 Câu 19, 20 là một trong những câu Kinh Thánh gây khó hiểu và kỳ lạ nhất trong Tân Ước. Người ta đã dùng câu này để làm cơ biện hộ cho những

giáo lý phi Kinh Thánh như là ngục luyện tội và sự cứu rỗi phổ quát. Tuy nhiên, giữa vòng những Cơ Đốc nhân thuần túy Tin Lành, có hai lối giải thích được chấp nhận phổ thông.

Theo giải thích thứ nhất, tâm linh của Đấng Christ đi xuống âm phủ vào giữa khoảng thời gian Ngài chết và sống lại, và rao báo sự đắc thắng của công tác quyền năng Ngài trên thập tự giá. Có ý kiến bất đồng với nhau giữa vòng những người đề xuất quan điểm này về vấn đề các linh hồn bị tù này là tin hữu, người chưa tin, hay cả hai. Nhưng có sự nhất trí khá phổ biến rằng Đức Chúa Jêsus đã không rao giảng Tin Lành cho họ. Nếu Chúa Jêsus rao giảng Tin Lành cho họ thì sẽ bao hàm giáo lý có cơ hội thứ nhì, mà trong Kinh Thánh không có chỗ nào dạy như vậy. Những người ủng hộ quan điểm này thường liên kết phần đoạn ở đây với Êphêso 4:9, là câu mô tả Chúa đã xuống “trong các miền thấp ở dưới đất.” Họ trích câu này làm bằng chứng bổ sung thêm rằng Ngài đã vào âm phủ trong tình trạng không có thân thể và rao báo chiến thắng của Ngài tại Gôgôtha. Họ cũng trích dẫn lời của Bài Tin Điều Các Sứ Đồ - “xuống âm phủ” (hell).

Cách giải nghĩa thứ nhì cho rằng Phierô mô tả điều xảy ra trong thời Nôê. Chính tâm linh của Đấng Christ đã giảng thông qua Nôê cho thế hệ không tin trước cơn nước lụt. Tại thời điểm đó, họ không phải là những linh hồn không có thân thể, nhưng là những người nam và nữ đang sống đã khước từ những lời cảnh cáo của Nôê và đã bị tiêu diệt bởi cơn nước lụt. Vì vậy, *giữ*

đây họ là những linh hồn bị tù trong Âm Phủ.

Quan điểm thứ nhì này phù hợp nhất với văn mạch và có ít những điều khó hiểu nhất. Chúng ta hãy khảo sát phần đoạn này từng cụm từ một.

Ấy bởi đồng một linh hồn đó, Ngài đi giảng cho các linh hồn bị tù. Đại từ liên hệ "whom" (trong Bản Anh ngữ, còn bản Việt Ngữ ghi là "đồng một linh hồn đó") hiển nhiên chỉ lui lại về Thánh Linh ở cuối câu 18. Chúng ta hiểu đại từ này muốn nói đến Đức Thánh Linh. Trong 1:11 của thư này "Thánh Linh của Đấng Christ," tức là Đức Thánh Linh, được mô tả là Đấng đang phán qua các tiên tri Cựu Ước. Và trong Sáng Thế Ký 6:3, Đức Chúa Trời phán rằng Thánh Linh Ngài - tức là Đức Thánh Linh - sắp hết chịu đựng con người trước thời nước lụt.

Ngài đi giảng. Như đã nói rồi, Đấng Christ chính là Đấng giảng, nhưng Ngài đã giảng qua Nôê. Trong I.Phiơ 2:5, Nôê được mô tả là "thầy giảng đạo công bình." Chữ đó cũng cùng một gốc với chữ được dùng ở đây để nói đến việc giảng đạo của Đấng Christ.

Cho các linh hồn hiện nay bị tù. Đây là những người được Nôê giảng cho - những người nam nữ còn đang sống đã nghe lời cảnh cáo về cơn nước lụt sắp đến và lời hứa ban sự cứu rỗi trong con tàu. Họ đã khước từ sứ điệp và bị chết chìm trong cơn đại hồng thủy. Họ hiện là những linh hồn không có thân thể, chờ đợi sự đoán phạt sau cùng.

Như vậy, có thể nhấn mạnh câu này như sau: "Ấy là bởi đấng đó (Đức Thánh Linh) Ngài (Đấng Christ) đi giảng

(qua Nôê) cho các linh hồn hiện đang bị tù (Âm phủ)."

Nhưng chúng ta có cơ sở nào để cho rằng các linh hồn bị tù đã là những con người đang sống vào thời Nôê? Câu trả lời có trong câu Kinh Thánh tiếp theo.

3:20 Ở đây, các linh hồn bị tù được xác định rõ không làm lẫn vào đâu được. Họ là ai? Họ là kẻ bội nghịch trước. Họ đã bội nghịch vào lúc nào? Đó là lúc "về thời kỳ Nôê, khi Đức Chúa Trời nhin nhục chờ đợi, chiếc tàu đóng nền." Kết quả cuối cùng là gì? Chỉ có ít người được cứu bởi nước, là chỉ có tám người.

Đến đây nên dừng lại để tự nhắc chúng ta nhớ đồng ý tưởng chung trong thư này, nó được viết ra trên bối cảnh chung là đang bất bớ. Những Cơ Đốc nhân được Phiơ viết thư cho chính là những người đang chịu khổ vì đời sống và lời làm chứng của họ. Có lẽ họ thắc mắc: nếu đạo Đấng Christ là đúng, vì sao họ lại phải đang chịu khổ thay vì đang cai trị? Nếu Cơ Đốc giáo là đạo thật, tại sao có quá ít Cơ Đốc nhân?

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, Phiơ trưng dẫn đến Chúa Jesus. Đấng Christ đã chịu khổ vì sự công bình, thậm chí đến độ bị giết chết. Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại và tôn Ngài vinh hiển trên Thiên đàng (xem câu 22). Con đường dẫn đến vinh hiển phải đi bằng qua thung lũng của sự chịu khổ.

Tiếp theo Phiơ trưng dẫn đến Nôê. Trong 120 năm, thầy giảng đạo trưng tin này cảnh cáo rằng Đức Chúa Trời sắp tiêu diệt thế gian bằng nước lụt. Ông chỉ nhận được sự nhạo báng và khước

từ. Nhưng Đức Chúa Trời đã bình vực và chứng minh ông đúng bằng cách cứu ông cùng với gia đình qua cơn nước lụt.

Tiếp theo có nạn đói: "Nếu chúng ta đúng, vậy sao chúng ta có quá ít người?" Phierô trả lời: "Đã có lúc *chỉ có tám người trên thế gian này* là đúng và hết thảy số còn lại là sai!" Đặc trưng điển hình trong lịch sử thế giới ấy là: thành phần đại đa số xưa nay không phải là thành phần đúng. Tin hữu thật thương là nhóm dân số rất nhỏ, vì vậy đức tin của người ấy đứng nên chao đảo bởi con số rất ít ỏi của người được cứu. Chỉ có *tám* tin hữu trong thời Nôê; ngày nay có đến hàng triệu người.

Ở cuối câu 20, chúng ta thấy trong đó có *11 người được cứu bởi nước, là chỉ có tám người*. Không phải là được cứu bởi nước; họ được cứu qua nước. Nước không phải là vị cứu tinh, nhưng là sự đoán phạt, và Đức Chúa Trời đã đưa họ an toàn vượt qua khỏi sự đoán phạt đó.

Để hiểu đúng câu này và câu Kinh Thánh tiếp theo, chúng ta phải thấy ý nghĩa hình bóng của con tàu và của nước lụt. Con tàu là một hình ảnh về Đức Chúa Jêsus Christ. Nước lụt mô tả sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Con tàu là phương cách cứu rỗi duy nhất. Khi nước lụt đến, chỉ những người ở bên trong con tàu ấy mới được cứu rỗi; tất cả những ai ở bên ngoài đều chết mất. Như vậy, Đấng Christ cũng là phương cách cứu rỗi duy nhất; những ai ở trong Đấng Christ thì được cứu đúng y như cách Đức Chúa Trời có thể khiến họ được cứu. Những người ở bên ngoài thì không thể nào không bị hư mất.

Nước không phải là phương tiện cứu rỗi, vì những người ở trong nước đều

chết chìm. Con tàu là nơi trú ẩn. Con tàu đã vượt qua cơn nước đoán phạt; nó đã chịu đựng toàn bộ cơn bão tố. Không giọt nước nào đọng đến những người ở trong con tàu. Đấng Christ đã mang lấy toàn bộ sức mạnh cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên tội lỗi chúng ta. Không có sự đoán phạt nào cho những người ở trong Ngài (Giăng 5:24).

Con tàu có nước ở bên dưới nó, và nước ập đến bên trên, nước ở khắp chung quanh. Nhưng con tàu đã mang những người tin cậy Chúa vượt qua nước để đến nơi an toàn trong sự dựng nên mới. Cùng vậy, những người tin cậy Cứu Chúa thì được đưa an toàn qua cảnh sự chết và hoang tàn để đến vùng đất sự sống lại và sự sống mới.

3:21 Phép báp-têm bây giờ bên là ảnh tượng của sự ấy để cứu anh em. Một lần nữa, chúng ta lại ở trong địa hạt khó hiểu và gây tranh luận! Câu Kinh Thánh này xưa nay đã là bài chiến trường giữa những người dạy về sự tái sanh bởi phép báp-têm và những người không chấp nhận phép báp-têm có quyền để cứu rỗi.

PHÉP BÁP-TÊM

Trước hết, chúng ta xem nghĩa *có thể có* của chữ này, và sau đó xem nghĩa *không có thể có* của chữ này.

Thực ra, có *một phép báp-têm có thể cứu rỗi được chúng ta* - không phải là phép báp-têm bằng nước của chúng ta, nhưng là phép báp-têm đã xảy ra tại Gôgôtha gần hai ngàn năm trước. Sự chết của Đấng Christ là một phép báp-têm. Ngài đã chịu phép báp-têm trong những dòng nước của sự đoán

xét. Đây chính là điều Ngài muốn nói khi phán: "Có một phép báp-têm mà ta phải chịu, ta đâu đến biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn thành!" (Luca 12:50). Tác giả Thithiên mô tả phép báp-têm này như sau: "Vực gọi vực theo tiếng ào ào của thác nước Chúa; Các lượn sóng và nước lớn của Chúa đã ngập tôi" (Thithiên 42:7). Trong sự chết Ngài, Đấng Christ đã chịu báp-têm trong các lượn sóng và nước lớn của cơn thịnh nộ từ Đức Chúa Trời, và chính phép báp-têm này là cơ sở cho sự cứu rỗi chúng ta.

Nhưng chúng ta phải tiếp nhận sự chết Ngài cho chính mình. Nôê và gia đình ông đã bước vào tàu để được cứu thế nào, thì chúng ta cũng phải phó thác chính mình cho Chúa là Cứu Chúa duy nhất của chúng ta thế ấy. Khi làm như vậy, chúng ta trở nên được liên hiệp với Ngài trong sự chết, sự chôn và sự sống lại. Theo ý nghĩa rất thực tế, bấy giờ chúng ta đã cùng bị đóng đinh với Ngài (Galati 2:20), chúng ta đã được chôn với Ngài (Rôma 6:4), và chúng ta đã được đem ra khỏi sự chết để đến với sự sống cùng với Ngài (Rôma 6:4).

Toàn bộ điều này được mô tả trong phép báp-têm của tín hữu. Nghi lễ này là dấu hiệu bề ngoài cho điều đã xảy ra trong tâm linh; chúng ta được làm phép báp-têm vào trong sự chết của Đấng Christ. Khi xuống nước, chúng ta công nhận mình đã được đóng chôn với Ngài. Khi lên khỏi nước, chúng ta chứng tỏ mình đã sống lại cùng với Ngài và muốn bước đi trong đời sống mới.

Một thực thể cho hình ảnh ấy (bản Việt Ngữ là "ánh tượng") giờ đây cứu

được chúng ta - phép báp-têm chỉ về phép báp-têm của Đấng Christ trong sự chết trên thập tự giá và sự liên hiệp của chúng ta với Ngài trong sự chết ấy, mà phép báp-têm bằng nước đại diện cho.

Câu này không thể có nghĩa chúng ta được cứu bởi phép báp-têm bằng nước theo nghi thức vì những nguyên nhân sau:

1. Điều này sẽ khiến nước trở thành Cứu Chúa, thay vì Chúa Jê-sus. Nhưng Chúa Jê-sus phán: "Ta là đường đi" (Giăng 14:6).

2. Điều này sẽ hàm ý Đấng Christ đã chịu chết cách vô ích. Nếu người ta có thể được cứu bởi nước, vậy Chúa Jê-sus đã phải chịu chết để làm gì?

3. Đơn giản là phép báp-têm bằng nước không có hiệu lực. Có rất nhiều người đã chịu phép báp-têm nhưng qua đời sống tiếp sau đó đã chứng tỏ họ chưa hề thực sự được tái sinh.

Câu Kinh Thánh này cũng không thể có nghĩa chúng ta được cứu bởi đức tin cộng với phép báp-têm.

1. Điều này sẽ có nghĩa công tác của Cứu Chúa trên thập tự giá là chưa đủ. Theo quan điểm này, tuy Ngài kêu lên: "Mọi sự đã được trọn," nhưng thực ra vẫn không đúng như Ngài nói, vì phải thêm phép báp-têm vào công tác của Chúa thì mới được cứu rỗi.

2. Nếu phép báp-têm là cần cho sự cứu rỗi, thì thật kỳ lạ khi Chúa không đích thân làm phép báp-têm cho ai cả. Giăng 4:1,2 nói rằng Chúa Jê-sus đã không làm phép báp-têm cho các môn đồ Ngài; phép báp-têm do các môn đồ Ngài làm.

3. Sứ đồ Phaolô cảm tạ Đức Chúa Trời vì ông đã làm phép báp-têm cho rất

ít người tại Côrinthô (I.Côrinthô 1:14-16). Nếu phép báp-têm là thiết yếu cho sự cứu rỗi, thì đây sẽ là lời cảm tạ kỳ lạ đối với một nhà truyền giảng! Sự kiện Phaolô không làm phép báp-têm cho một số người cho thấy ông đã dạy về phép báp-têm của tín hữu, nhưng sự kiện ông chỉ làm báp-têm cho một số ít người cho thấy ông không xem phép báp-têm là điều kiện đòi hỏi phải có mới được cứu rỗi.

4. Tên cướp biết ăn năn trên thập tự giá chưa chịu phép báp-têm, thế nhưng đã được bảo đảm sẽ cùng ở với Đấng Christ trong Baradî (Luca 23:43).

5. Những người ngoại bang được cứu tại Sêsarê đã nhận lãnh Đức Thánh Linh khi họ tin (Công vụ 10:44), cho thấy bấy giờ họ đã thuộc về Đấng Christ rồi (Rôma 8:9b). Sau khi nhận lãnh Thánh Linh, tức là sau khi được cứu, họ mới chịu báp-têm (câu 47, 48). Do đó, phép báp-têm là không cần thiết cho sự cứu rỗi của họ. Họ đã được cứu trước, sau đó mới chịu phép báp-têm bằng nước.

6. Trong Tân Ước, phép báp-têm luôn luôn được liên kết với sự chết chứ không phải với sự sanh ra thuộc linh.

7. Có khoảng 150 phân đoạn trong Tân Ước dạy sự cứu rỗi là bởi duy một mình đức tin mà thôi. Không thể làm cho những câu này thành ra mâu thuẫn bởi hai hoặc ba câu Kinh Thánh có vẻ như dạy phép báp-têm là cần thiết cho sự cứu rỗi.

Do đó, khi chúng ta đọc câu 21 thấy "phép báp-têm bây giờ... cứu anh em," thì điều đó không nói đến phép báp-têm bằng tước theo nghĩa đen chúng ta,

nhưng là phép báp-têm của Đấng Christ trong sự chết và việc chúng ta lên hiệp với Ngài trong đó.

Phép ấy **chẳng phải sự làm sạch ở uế của thân thể**. Sự thờ phượng theo lễ nghi Cựu Ước, mà những độc giả Cơ Đốc người Do Thái của Phierô vốn rất quen thuộc, chỉ cung cấp sự tẩy sạch bề ngoài. Nhưng nó không thể ban cho các thấy tế lễ hay dân sự có lương tâm trong sạch đối với tội lỗi. Phép báp-têm mà chính Phierô đang nói đến ở đây không phải là vấn đề tẩy sạch thuộc thể hoặc thậm chí sự tẩy sạch theo nghi thức khỏi sự ô uế. Nước thật sự có công dụng loại bỏ bụi đất khỏi thân thể, nhưng không thể cung cấp lương tâm tốt đối với Chúa. Chỉ có mối liên hệ cá nhân với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài mới làm được việc đó.

Nhưng một sự liên lạc lương tâm tốt (Bản Anh ngữ: "Câu trả lời của lương tâm tốt") với Đức Chúa Trời. Dứt khoát không thể không thắc mắc: "Làm sao tôi có được địa vị công bình trước mặt Đức Chúa Trời? Làm sao tôi có được lương tâm trong sạch trước mặt Ngài?" Câu trả lời được tìm thấy trong phép báp-têm mà Phierô đang nói đến - phép báp-têm của Đấng Christ bởi sự chết tại Gôgôtha và việc mình đích thân chấp nhận công tác ấy. Bởi sự chết của Đấng Christ, vấn đề tội lỗi đã được giải quyết một lần đủ cả.

Bởi sự sống lại của Đức Chúa Jesus Christ. Tôi làm sao biết Đức Chúa Trời đã thỏa mãn? Tôi biết vì Ngài đã khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại. Lương tâm trong sạch được liên kết với sự

sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ; chúng cùng đứng vững hoặc cùng sụp đổ. Sự sống lại cho tôi biết Đức Chúa Trời hoàn toàn thỏa mãn với công tác cứu chuộc của Con Ngài. Nếu Đấng Christ không sống lại, chúng ta không bao giờ có thể biết chắc chắn tội lỗi mình đã được cất bỏ. Ngài ắt đã chết giống như mọi người khác. Nhưng Đấng Christ phục sinh là sự bảo đảm tuyệt đối của chúng ta rằng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội lỗi chúng ta đã được đáp ứng đầy đủ.

Đúng như một tác giả Thánh ca, là James G. Deck, đã diễn tả: "Lương tâm chúng ta có sự bình an bất tuyệt chính là Chiên Con trên cao, trên ngôi."

Vì vậy, phép báp-têm bây giờ bên là **ảnh tượng của sự ấy để cứu anh em, ... nhưng một sự liên lạc lương tâm tốt với Đức Chúa Trời, bởi sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ.** Quyền đòi hỏi duy nhất của tôi để có lương tâm tốt được căn cứ trên sự chết, sự chôn và sự sống lại của Chúa Jêsus. Thứ tự như sau:

1. Đấng Christ chịu báp-têm bằng sự chết thay tôi tại Gô-gô-tha.

2. Khi tin Ngài là Chúa và Cứu Chúa, về mặt thuộc linh tôi được liên hiệp với Ngài trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài.

3. Nhờ hiểu biết được rằng Ngài đã sống lại, nên việc tôi cầu xin một lương tâm tốt được nhậm lời.

4. Trong phép báp-têm bằng nước, tôi đã có biểu hiện hữu hình cho sự giải thoát tâm linh mà tôi đã kinh nghiệm.

3:22 Là Đấng đã được lên trời, nay ngự bên hữu Đức Chúa Trời, các thiên sứ, các vương hầu, các quyền thế thảy

đều phục Ngài. Chúa Jêsus Christ không những đã sống lại từ trong kẻ chết, mà Ngài còn lên trời, là nơi Ngài đã từ đó ra đi. Ngày nay Ngài ở đó, không phải như một hữu thể thần linh vô hình, mơ hồ, nhưng là một Con Người hằng sống trong thân thể bằng xương bằng thịt đã được vinh hiển. Trong thân thể đó, Ngài đời đời mang những vết thương đã nhận lấy tại Gô-gô-tha - là những dấu hiệu hùng hồn đời đời về tình yêu của Ngài dành cho chúng ta.

Chúa chúng ta đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, là nơi của:

Quyền năng: vì tay hữu nối chung mạnh hơn tay tả, nên tay hữu đã được liên kết với quyền lực và sức mạnh (Mathiô 26:64).

Tôn trọng: Đấng Christ "được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời" (Công vụ 2:33; 5:31).

Yên nghỉ nhờ công tác đã hoàn tất của Ngài, Đấng Christ "ngồi bên hữu Đấng Tôn Nghiêm ở trong nơi rất cao" (Hêbrê 1:3; cũng xem 8:1; 10:12). *Sự yên nghỉ* này là *sự yên nghỉ* của sự thỏa lòng và mãn nguyện, chứ không phải sự nghỉ ngơi để hết mệt mỏi.

Cầu thay: Phaolô nói Đấng Christ ở bên hữu Đức Chúa Trời, và tại đó Ngài *cầu thay* cho chúng ta (Rôma 8:34).

Địa vị nổi bật: "Mà Ngài đã tỏ ra trong Đấng Christ, khi khiến Đấng Christ từ kẻ chết sống lại và làm cho ngồi bên hữu mình tại các nơi trên trời, [Ngài] *cao hơn hết* mọi quyền, mọi phép, mọi thế lực, mọi quân chủ cùng mọi danh vang ra, không những trong đời này, mà cũng trong đời hầu đến nữa" (Êphê-sô 1:20,21).

Thống trị: Trong Hêbơr 1:13, Đức Chúa Cha phán cùng Đức Chúa Con: "Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng nào ta để kẻ thù nghịch làm bề dưới chân ngươi." Quyền thống trị được nhấn mạnh trong I.Phierơ 3:22: "... **ngồi bên hữu Đức Chúa Trời, các thiên sứ, các vương hầu, các quyền thế thầy đều phục Ngài.**"

Các thiên sứ, các vương hầu, các quyền thế, rõ ràng nhằm bao trùm mọi cấp bậc của các hữu thể trên trời. Hết thấy họ đều là tôi tớ của Đấng Christ Phục Sinh và vinh hiển.

Như vậy, đây là kinh nghiệm của Chúa chúng ta khi chịu khổ vì làm điều lành. Con người khước từ Ngài, cả trong lời làm chứng tiền nhập thể của Ngài qua Nôê và trong Sự Hiện Đến Lần Thứ Nhất của Ngài với tư cách Con Người. Ngài chịu báp têm trong những luồng nước tắm tội nhất của sự chết tại Gôgôtha. Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại và tôn Ngài lên vinh hiển ở bên hữu Đức Chúa Trời trên Thiên đàng. Theo ý định đời đời của Đức Chúa Trời, sự chịu khổ phải đến trước sự vinh hiển.

Đây là bài học cả cho độc giả nguyên thủy của Phierơ lẫn cho chúng ta.

Chúng ta đừng bối rối bực tức nếu gặp chống đối hoặc thậm chí bị bắt bớ vì làm điều lành, vì chúng ta không xứng đáng được đối đãi tốt hơn Cứu Chúa chúng ta đã được đối đãi khi còn trên đất. Chúng ta phải tự an ủi mình với lời Chúa hứa nếu chúng ta chịu khổ với Ngài, thì chúng ta cũng sẽ được vinh hiển với Ngài (Rôma 8:17). Hơn nữa,

những sự chịu khổ hiện nay không đáng sánh với sự vinh hiển đang chờ đợi chúng ta (Rôma 8:18). Những hoạn nạn là nhẹ và tạm; vinh hiển là đời đời và đáng quý khôn so (II.Côrinthô 4:17).

4:† Có sự nối kết gắn gũi giữa phần này với phần đi trước (đối chiếu 3:18). Nay giờ chúng ta xem xét **Đấng Christ** là tấm gương về Đấng đã **chịu khổ** cách oan ức. Ngài **chịu khổ** trong tay của những con người gian ác vì cố chính nghĩa của sự công bình. Vì vậy, môn đồ Ngài phải tự **mặc lấy giáp trụ theo cùng một ý đồ**. Họ nên chờ đợi phải chịu khổ vì danh Ngài. Họ nên chuẩn bị sẵn sàng để chịu đựng bất bớ vì họ là Cơ Đốc nhân.

Người nào đã **chịu khổ trong xác thịt**, tức là trong thân thể, thì đã **đứt khỏi tội lỗi**. Tín hữu đối diện với hai khả năng - phạm tội hoặc chịu khổ. Một mặt, có thể chọn sống như những người chưa được cứu quanh mình, cùng dự phần lạc thú tội lỗi của họ, và nhờ đó tránh được bắt bớ. Hoặc người này có thể sống trong thanh sạch và tin kính, mang lấy sự sỉ nhục của Đấng Christ, và chịu khổ trong tay của kẻ ác.

James Guthrie, một nhà tuận đạo, đã nói ngay trước khi lên giá treo cổ: "Hỡi các bạn hữu yêu quý, hãy hứa uống chén khổ nạn này đúng như tôi đã làm, trước khi anh em phạm tội, vì tội lỗi và sự chịu khổ đã được bày ra trước mặt tôi, và tôi đã chọn phần chịu khổ."

Khi tín hữu quyết ý chọn chịu bắt bớ trong tư cách Cơ Đốc nhân hơn là tiếp tục sống cuộc đời tội lỗi, thì người ấy **đã đứt khỏi tội lỗi**. Điều này không có nghĩa người không còn phạm những

việc làm của tội lỗi nữa, nhưng có nghĩa quyền lực của tội lỗi trong đời sống người đã bị phá vỡ. Khi một người chịu khổ vì cố từ chối không phạm tội, người ấy không còn bị điều khiển bởi ý muốn của xác thịt nữa.

4:2 Trong suốt cuộc đời còn lại trên trần thế này của tín hữu, người không bị điều khiển bởi những tham muốn của con người, nhưng bởi **ý muốn của Đức Chúa Trời**. Người thù chịu khổ với tư cách Cơ Đốc nhân hơn là phạm tội giống như những người chưa tin Chúa. Người thù chết hơn là chối Chúa mình. "**Cần sống trong xác thịt bao lâu**" có nghĩa phần cuộc đời còn lại của người ấy trên đất. Tín hữu này chọn sống những năm tháng ấy vì vinh hiển của Đức Chúa Trời hơn là để thỏa mãn những dục vọng.

4:3 Phierô đã viết cho những người mà trước khi hoán cải, họ đã sống trong mọi loại hoại đạo đức của thế giới ngoại bang. Kiểu sống đó là **đủ đủ rồi!** Là Cơ Đốc nhân, họ đã là những người được dựng nên mới, và phải bỏ những tội lỗi cũ. Những năm còn lại của cuộc đời đã thuộc về Chúa và nên đem dâng cho Ngài.

Các tội lỗi được liệt kê ở đây vẫn đặc trưng cho thế giới ngoại bang không tin Đấng Christ ngày nay - những tội về tình dục, nghiện rượu, và tôn giáo giả dối.

Ăn ở là lịch (dành dục) - sống buông thả không chút kiểm chế, chủ yếu trong sự gian dâm.

Tư dục - làm thỏa mãn những tham muốn trái luật pháp gồm mọi thể loại, nhưng chắc nói đặc biệt đến những tội tình dục.

Say rượu - buông mình vào quyền kiểm soát của những thức uống làm cho say dẫn đến kết quả làm suy yếu năng lực của ý chí để kháng cự cám dỗ. Có sự liên kết gắn gũi giữa say rượu và vô luân.

Ăn uống quá độ - những bữa liên hoan om sòm bữa bãi và những buổi tiệc tùng rất khuya.

Chơi bời (những bữa liên hoan uống rượu) - những cháu rượu say bời (l dẫn đến trác táng và cãi lộn, đánh nhau ầm ĩ.

Thờ hình tượng đáng gớm ghê - sự thờ lạy hình tượng, cùng với mọi sự gian dâm vô luân có liên kết với sự thờ lạy như thế.

Người ta trở nên giống với những thú họ thờ phượng. Khi họ bỏ Đức Chúa Trời chấp thuận, tiêu chuẩn đạo đức của họ tự động bị hạ thấp xuống. Những tiêu chuẩn đã hạ thấp này cho phép họ dự phần vào mọi loại lạc thú tội lỗi mà họ thêm muốn. Đây là nguyên nhân các tôn giáo thờ lạy hình tượng đã sinh ra tội lỗi và sự thoái hóa.

4:4 Câu này mô tả kinh nghiệm chung của những người được cứu khỏi đời sống bại hoại bề ngoài. Những người bạn thân thiết ngày trước của họ nghĩ họ đã điên và lên án họ đã trở thành những kẻ cuồng tín. Họ nghĩ đây là một hình thức mất trí đến nỗi những Cơ Đốc nhân ấy sẽ không còn dự phần vào những cuộc khiêu vũ, những buổi liên hoan của thế gian, những cuộc truy hoan dâm dật. Đời sống đạo đức thanh sạch của tín hữu đã lên án tội nhân kia; chẳng lấy gì làm lạ khi tội nhân kia ghét sự thay đổi ấy!

4:5 Dấu người không kính sợ Chúa phải bằng Cơ Đốc nhân trong đời này, nhưng họ sẽ phải khai trình mọi lời nói và việc làm tại Sự Xét Đoán ở Ngai Lớn Và Trắng. Chúa sẵn sàng đoán xét kẻ sống và kẻ chết. Rõ ràng, ở đây Phiero đang nghĩ đến những người chưa tin Chúa. Sự đoán xét những người chưa tin Chúa vẫn còn đang sống lúc ấy sẽ xảy ra trước khi Thiên Hy Niên bắt đầu; những người gian ác đã chết sẽ bị đoán xét vào cuối thời Đấng Christ trị vì trên đất. Sự định tội sẽ là bằng chứng về sự công bình của con cái Đức Chúa Trời.

4:6 Ấy vì bởi điều đó - là sự minh oan con cái Đức Chúa Trời - mà Tin Lành cũng đã giăng ra cho kẻ chết. Một lần nữa ở đây, chúng ta gặp phải một phần đoạn khó hiểu. Phần đoạn này muốn nói Tin Lành đã được rao giảng cho con người sau khi họ đã qua đời hay trong khi họ vẫn còn đang sống? Và những người này là ai?

Chúng ta hiểu câu này chỉ về những người đã được nghe giảng Tin Lành đang khi vẫn còn sống trên đất và những người tin nơi Chúa. Vì lập trường can đảm để đứng lên bình vực lẽ thật, họ phải chịu khổ trong tay những con người gian ác, và trong một số trường hợp họ đã chịu tuận đạo. Những tín hữu này đều bị xét đoán, hay bị lên án, theo loại người về phần xác, nhưng họ đã được Đức Chúa Trời minh oan. Giờ đây, họ đang hưởng sự sống đời đời với Ngài.

Họ chưa chết khi Tin Lành được rao giảng cho họ. Nhưng họ giờ đây đã chết khi xét đến thân thể họ. Dấu con người nghĩ họ diện đại, nhưng Đức Chúa Trời

tôn trọng họ, và tâm linh họ giờ đây ở trên Thiên đàng.

Giảng Tin Lành đem đến hai kết quả cho những người tin - bị con người đổ tội và được Chúa chấp thuận. Barnes giải thích:

Mẫu mực trình bày Tin Lành cho họ ấy là: dấu họ có lẽ bị con người đoán xét theo cung cách thông thường, và bị giết chết, nhưng đối với bản tánh cao cả hơn và cao quý hơn, tức phần hồn, họ có thể sống cho Đức Chúa Trời.²⁶

III. SỰ PHỤC VỤ VÀ CHỊU KHỔ CỦA TÍN HỮU (4:7- 5:14)

A. Những Mạng Lệnh Khẩn Cấp Ban Cho Ngày Sau Rồi (4:7-11)

4:7 Một loạt những lời khuyên cáo giờ đây được giới thiệu qua câu "SỰ CUỐI CÙNG CỦA MUỐN VẬT ĐÃ GẮN." Người ta hiểu câu này hoặc nói đến (1) sự hủy phá Giêrusalem, (2) Sự Cất Lên, (3) sự tái lâm của Đấng Christ để đến cai trị, hoặc (4) sự phá hủy trời đất và cuối thiên hy niên. Chúng tôi nghĩ có lẽ câu này nói đến nghĩa (4).

Lời khuyên cáo thứ nhất là hãy khôn ngoan tình lùc mà cầu nguyện. Thơ này được viết ra trong thời kỳ bất bớ và muốn nói rằng đời sống cầu nguyện của tín hữu phải thoát khỏi những sự rối trí của tình trạng bất ổn hoảng loạn và giận dữ vì căng thẳng; phải giữ cho mối tương giao của người ấy với Chúa không bị quấy rối bởi những hoàn cảnh rối động.

4:8 Tín hữu phải chú ý đến mối thông công của mình với những tín hữu khác (câu 8, 9), và phải có lòng yêu

thương xót sáng đối với mọi thành viên của người nhà đức tin. Tình yêu như thế sẽ không phơi bày những lỗi lầm và thất bại của tín hữu khác ra trước công chúng, nhưng sẽ bảo vệ các tín hữu khác khỏi con mắt nhòm ngó của công chúng. Có người từng nói: "Lòng thù ghét khiến mọi vật đều trở nên tệ hại nhất. Tình yêu thương có quyền chôn chặt nhiều điều khuất tầm mắt."

Đừng nên hiểu câu "sự yêu thương che đậy vô số tội lỗi" (Châm ngôn 10:12) là lời giải thích giáo lý về cách cất bỏ tội lỗi. Sự phạm tội và hình phạt cho tội lỗi chỉ nhờ huyết của Đấng Christ mới được cất bỏ đi mà thôi. Cũng đừng nên dùng câu này để dung túng tội lỗi hay giải thoát hội chúng khỏi trách nhiệm phải kỷ luật người phạm tội. Câu này có nghĩa: tình yêu thương thật thì có thể bỏ qua những lỗi lầm và thất bại nhỏ ở nơi tín hữu khác.

4:9 Một phương cách thể hiện tình yêu đối với anh em chính là phải tiếp khách chờ có cần rần. Lời khuyên này đặc biệt cần thiết trong thời kỳ bất bở khi những nguồn cung cấp lương thực có thể đang cạn dần và là lúc những người chưa chấp Cơ Đốc nhân có thể bị bắt và nhốt tù, nếu không nói là bị giết nữa.

Tiếp đãi khách là một đặc ân lớn lao. Khi tiếp đãi khách, có người đã tiếp đãi thiên sứ mà không biết (Hêbơơ 13:2). Bất kỳ hành động tử tế nào đối với con cái Đức Chúa Trời đều được kể là đã đối đãi như vậy cho chính Chúa (Mathơ 25:40). Sự tử tế đầu nhỏ đến đâu đi nữa cũng vẫn được ban thưởng hậu hĩnh, ngay cả khi nhân danh Chúa

mà cho một chén nước lạnh cũng sẽ được ban thưởng (Mathơ 10:42). Ai đón tiếp vị tiên tri vì cơ người ấy là tiên tri thì sẽ nhận lãnh phần thưởng của tiên tri (Mathơ 10:41), mà theo cách ứng của người Do Thái, đó là phần thưởng cao nhất. Nhiều Cơ Đốc nhân làm chứng về phước hạnh đến cho gia đình và con cái họ thông qua lòng hiếu khách đối với những tôi tớ Chúa.

Chúa Jêsus dạy chúng ta nên tiếp đãi những người không thể đến đáp cho chúng ta (Luca 14:12). Điều này không có nghĩa chúng ta đừng bao giờ đón tiếp bà con họ hàng, bạn hữu hay người lân cận nào có thể tiếp đãi lại chúng ta. Nhưng mục đích của chúng ta phải là hãy tỏ lòng nhân ái trong danh Chúa Jêsus mà đừng nghĩ đến việc được đền đáp. Đương nhiên, thật đáng đặt vấn đề xem liệu Cơ Đốc nhân có nên cứ tiếp tục đưa đôi có mặt liên tục quanh bàn tiệc và những buổi tiệc hoan với nhóm đồng hội đồng thuyền của họ trong khi nhiều vùng lớn trên thế giới vẫn còn chưa nghe Tin Lành hay không.

4:10 Mỗi tín hữu đều đã nhận được một ân tứ từ Chúa, là một chức năng đặc biệt nào đó cần phải thi hành với tư cách chi thể trong Thân Đấng Christ (1.Côrinthô 12:4-11, 29-31; Rôma 12:6-8). Những ân tứ này chính là quyền quản gia đến từ Chúa. Họ không được phép sử dụng để mưu lợi ích kỷ, nhưng phải dùng cho ân điển Ngài và vì lợi ích của người khác. Chúa không có ý để cho chúng ta trở thành *ga cuối cùng* đơn nhận ơn Chúa dành cho mình; ơn của Ngài tìm đến với chúng ta, nhưng đừng để chúng kết thúc tại chỗ chúng ta.

Chúa có ý định cho chúng ta trở thành *những ống dẫn* để qua chúng ta phước hạnh có thể tuôn tràn đến cho người khác.

Chúng ta phải là người quản lý trung tín giữ các thứ ơn của Đức Chúa Trời. On của Đức Chúa Trời ở đây nói đến ơn không xứng đáng được hưởng mà Ngài đã ban cho con người. Các thứ ơn nguyên văn có nghĩa "có nhiều màu sắc" hoặc "lốm đốm nhiều màu." Phillips dịch câu này là "đa dạng cách rực rỡ."

4:11 Dầu được ban ân từ giảng hoặc dạy, người ấy phải biết chắc chắn rằng những lời mình nói ra là chính Lời của Đức Chúa Trời muốn người ấy nói trong trường hợp cụ thể đó. Đây chính là ý nghĩa của "lời sấm truyền của Đức Chúa Trời." Một người chỉ đơn giản giảng từ Kinh Thánh thôi thì chưa đủ. Người ấy cũng phải có sự bảo đảm rằng mình đang trình bày sứ điệp đặc biệt mà Chúa định dành cho nhóm thánh giả ngay lúc đó.

Nếu thi hành bất kỳ sự phục vụ nào, thì nên làm công việc đó với sự công nhận đầy khiêm nhường rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng ban sức cho mình. Lúc đó vinh quang sẽ quy về Đức Chúa Trời - là Đấng đáng được sự vinh hiển đó.

Đừng nên tự hào, bất luận mình có được ban ân từ cao cả đến đâu đi nữa trong sự phục vụ Đấng Christ. Ân từ không xuất phát bởi nỗ lực riêng của mình, nhưng được ban cho từ trên. Trên thực tế, có điều gì người ấy không nhận mà có được đâu. Phải phục vụ trong mọi việc sao cho Đức Chúa Trời nhận được sự vinh hiển.

Như Phero nói rõ, sự vinh hiển này được trình dâng lên Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng Trung Bảo, và cũng vì những việc Chúa đã làm cho chúng ta qua Đấng Christ. Cứu Chúa phước hạnh này đáng được ngợi khen và quyền phép đời đời vô cùng. Amen.

B. Những Lời Khuyên Và Giải Thích Về Sự Chịu Khổ (4:12-19)

4:12 Phần còn lại của đoạn 4 là những lời khuyên và giải thích về sự chịu khổ vì cố danh Đấng Christ. Chữ "chịu khổ" và những từ phát sinh từ gốc đó được dùng hai mươi một lần trong thư tín này.

Thái độ tự nhiên của Cơ Đốc nhân là xem bất bớ như một điều lạ kỳ và bất thường. Chúng ta ngạc nhiên khi mình phải chịu khổ. Nhưng Phero cho biết chúng ta nên xem sự chịu khổ như một từng trải thông thường của Cơ Đốc nhân. Chúng ta không có quyền gì để đòi hỏi thế gian đối đãi với mình tốt hơn cách họ đã đối đãi với Cứu Chúa. Tất cả những ai muốn sống nhân đức trong Đức Chúa Jêsus Christ đều sẽ bị bất bớ (II.Timothê 3:12). Điều này đặc biệt đúng cho những người nào thẳng thắn đứng lên bình vực Đấng Christ mà phải trở nên đối tượng bị tấn công tàn bạo. Satan không phí hỏa lực vào những Cơ Đốc nhân hữu danh vô thực. Satan chia những khẩu súng lớn của nó vào những người đang gây bão tố cho cửa Âm phủ.

4:13 Đặc ân được dự phần trong sự thương khó của Đấng Christ đang phải khiến chúng ta hết sức vui mừng. đương nhiên, chúng ta không thể dự

phần vào những sự chịu khổ của Ngài để chuộc tội; Ngài là Đấng Gánh Tội Lỗi độc nhất vô nhị. Nhưng chúng ta có thể chia sẻ cùng thể loại **sự chịu khổ** mà Ngài đã chịu trong tư cách Con Người. Chúng ta có thể chia sẻ sự hắt hủi và sự sỉ nhục giáng trên Ngài. Chúng ta có thể nhận những vết thương và những vết sẹo trong thân thể mình mà những người chưa tin Chúa vẫn thích gây ra cho Ngài.

Nếu con cái Đức Chúa Trời hôm nay có thể vui mừng giữa cảnh chịu khổ, thì người ấy sẽ **vui mừng nháy nhót** nhiều hơn biết dường nào khi **ngày vinh hiển** của Ngài **hiện ra**. Khi Cứu Chúa trở lại trần gian với tư cách Sư Tử của chi phái Giuđa, Ngài sẽ **hiện ra** với tư cách Con Toàn Năng của Đức Chúa Trời. Những ai chịu khổ hiện nay vì cơ Ngài thì bấy giờ sẽ được tôn trọng cùng với Ngài.

4:14 Cơ Đốc nhân đầu tiên đã vui mừng vì họ được kể là xứng đáng để chịu sỉ nhục vì danh Đấng Christ (Công vụ 5:41). Mọi Cơ Đốc nhân nào được đặc ân chịu sỉ nhục vì cơ Đấng Christ thì cũng nên vui mừng như vậy. Chịu khổ như thế là dấu hiệu thật chứng tỏ **Thánh Linh của sự vinh hiển và Thánh Linh của Đức Chúa Trời đáp đũa trên chúng ta**. Đây chính là **Thánh Linh đã đáp đũa trên những Cơ Đốc nhân bị bắt bớ** giống như đám mây vinh hiển đã ngự trên **liều tạm trong Cựu Ước**, để cho thấy hiện diện của Đức Chúa Trời.

Chúng ta biết **Thánh Linh** ngự trong mỗi con cái thật của Đức Chúa Trời, nhưng Ngài **đáp đũa** cách đặc biệt trên những người hoàn toàn phó thác mình vì sự nghiệp của Đấng Christ. Họ biết

sự hiện diện và quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời theo cách người khác không biết được. Chúa Jêsus, là Đấng bị sỉ nhục trong **lay** của những người bắt bớ Ngài, cũng chính là Đấng được **tôn vinh hiển** bởi các thành đồ đang chịu khổ của Ngài.²⁷

4:15 Cơ Đốc nhân đừng bao giờ chuốc lấy sự chịu khổ vì cơ mình đã làm điều ác. Cơ Đốc nhân đừng bao giờ phạm tội giết người, trộm cắp, hung ác nói chung, cũng đừng dính líu vào **chuyện thầy lay việc người khác**. Làm vậy không vinh hiển Chúa chút nào - chỉ càng khiến cho lời làm chứng về Đấng Christ bị sỉ nhục mà thôi.

4:16 Nhưng nếu vì **lâm tín đồ Đấng Christ** mà chịu khổ thì không có gì là sỉ nhục cả. F. B. Meyer nói điều này rất đúng cho dù nó có nghĩa là "mất công ăn việc làm, mất danh tiếng và nhà cửa; bị cha mẹ, con cái và bạn bè xa lánh; bị xuyên tạc, hoặc thù ghét và thậm chí phải chết."²⁸ **Tin đồ Đấng Christ** có thể **ngợi khen** (Bản Anh ngữ là "tôn vinh hiển") Đức Chúa Trời trong mọi thử thách này. G. Campbell Morgan khuyên như sau:

Điều này còn trôi hơn cả việc tôn vinh Chúa trên danh nghĩa. Đây là sống xứng đáng với trọn vẹn ý nghĩa của tôn vinh Đức Chúa Trời. Nếu được người ta biết mình là Cơ Đốc nhân mà không sống đúng như Cơ Đốc nhân, thì mình đã sỉ nhục Chúa. Mang danh tức là chịu lấy trách nhiệm, một trách nhiệm vĩ đại và vinh hiển, nhưng còn là một trách nhiệm hết sức trọng đại.²⁹

4:17 Phierô đối chiếu sự chịu khổ của dân sự Chúa trong đời này với sự

chịu khổ của kẻ ác trong cõi đời đời. Vì thời kỳ đã đến, là khi sự phán xét sẽ khởi từ nhà Đức Chúa Trời. Thời kỳ được nói đến ở đây chính là định kỳ của hội thánh, và thời kỳ bắt đầu tại Lễ Ngũ Tuần và sẽ tiếp tục cho đến Sự Cát Lên. Nhà của Đức Chúa Trời nói đến hội thánh. Trong thời đại này, hội thánh đang chịu sự phán xét từ tay của thế giới vô tin này. Tin hữu biện đang phải chịu khổ, cũng giống như Chúa Jesus đã chịu khi Ngài còn trên trần gian.

Nếu đã như vậy, số phận của những kẻ chẳng vâng theo Tin Lành Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào? Nếu Cơ Đốc nhân chịu khổ hiện nay vì cố làm lành, những kẻ chưa được cứu sẽ chịu điều gì trong suốt cả cõi đời đời vì hết thảy những việc làm vô đạo của họ?

4:18 Câu này cũng có lập luận y như vậy, được trích từ Châm ngôn 11:31: "Kìa, người công bình được báo đáp nơi thế thượng; phương chi kẻ hung ác và kẻ có tội!"

Người công bình còn khó được rồi. Từ quan điểm thiên thượng, sự cứu rỗi của người ấy được mua bằng giá hết sức lớn lao. Từ nhân quan con người, con người được truyền: "Hãy gắng sức vào cửa hẹp" (Luca 13:24). Tin đó được dạy phải "giục các môn đồ vững lòng, khuyến phải bền đỗ trong đức tin, và bảo trước rằng phải trải qua nhiều nỗi khổ khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời" (Công vụ 14:22). Với mọi nguy hiểm và cám dỗ vây từ phía của người Cơ Đốc, chỉ nhờ phép lạ của ân điển thiên thượng mới giữ được người cho nước Thiên Đàng.

Vì cơ như vậy, số phận của những người đã chết trong tội lỗi họ, không

chịu ăn năn và không được cứu, thì sẽ ra thế nào? Minh họa sinh động của lẽ thật này có trong giải pháp theo từ tác phẩm của F. B. Meyer:

Ước muốn sống của con người thật thánh khiết kia muốn sự chết của mình có thể đắc thắng đến nỗi những con cái chưa hoán cải của mình có thể được thuyết phục và thu hút bởi quyền năng rõ ràng của Tin Lành để được nâng đỡ và cố vũ trong lối đi qua thung lũng đầy tối tăm. Thay vì như vậy, trước sự hối tiếc sâu xa của người, tâm linh người đang thất thế; người bị đè nặng dưới sự sợ hãi và ngli ngờ; kẻ thù được phép tra tấn người đến tận cùng. Nhưng đây chính là những sự kiện gây ấn tượng thâm sâu nhất cho con cái người. Người con cả nói: "Vì hết thảy chúng ta đều biết cha chúng ta dù là người tối tăm đến mức nào, thế mà chúng ta thấy những thống khổ thuộc linh của cha lại sâu nặng biết bao. Vậy thì chúng ta - là những người chưa hề lo lắng cho linh hồn mình - không lẽ còn chờ đợi điều gì?"³⁰

4:19 Phierơ quả quyết rằng những sự chịu khổ phải đúng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Những người sốt sắng trong tôn giáo có thể *chước lấy* sự chịu khổ bởi hành động cách xốc nổi thiếu mất sự dẫn dắt của Chúa. Những người suy nghĩ âm ảnh với sự tuân đạo thì cố lôi kéo Đức Chúa Trời đến độ dẫn tới chỗ mất tôn kính. Nhưng con đường chịu khổ chân chính dành cho Cơ Đốc nhân thì dẫn tới sự vinh hiển đời đời. Như vậy, họ nên tiếp tục làm điều lành, bất luận giá phải trả sẽ là gì đi nữa, và phó thác linh hồn mình cho **Đấng Tạo Hóa** thành lập.

Đường như hơi kỳ lạ khi Phiêrô ở đây lại giới thiệu Chúa là Đấng Tạo Hóa thay vì là Đấng Cứu Thế, Thấy Tế Lễ Thượng Phẩm, hoặc Đấng Chân Chiên. Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa của chúng ta theo hai phương diện - chúng ta thuộc về Ngài như một phần của sự sáng tạo ban đầu và một phần của sự dựng nên mới (Êphêso 4:24; Côlôse 3:10). Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều là đối tượng của tình yêu và sự chăm sóc từ nơi Ngài. Điều phải lẽ duy nhất ấy là chúng ta nên phó thác chính mình cho Đấng đã dựng nên linh hồn và Đấng cứu được linh hồn chúng ta.

C. Những Lời Khuyên Và Cháo Thăm (5:1-14)

5:1 Đoạn cuối này của I.Phiêrô chứa đựng nhiều lời khuyên và cháo thăm. Trước hết, có lời khuyên dành cho các trưởng lão. Để tỏ thăm quyền truyền một lời khuyên như thế, Phiêrô giới thiệu mình cũng là trưởng lão như họ, là người chứng kiến sự đau đớn của Đấng Christ, và cũng có phần về sự vinh hiển sẽ hiện ra. Cũng là trưởng lão - một tiếng kêu khác xa những lời tuyên bố đôi làm "giáo hoàng" của hội thánh! **Người chứng kiến** - Phiêrô đã nhìn thấy Đấng Chân Chiên chết thay cho chiên, và kỳ ức về tình yêu như thế thôi thúc ông chăm sóc cho họ với tư cách của một người chăn chiên cấp dưới thật thành tín. **Người có phần** - chẳng mấy chốc nữa vinh hiển sẽ lộ dạng, Đấng Christ hiện ra, chúng ta sẽ hiện ra với Ngài trong vinh hiển (Côlôse 3:4). Từ giờ cho đến lúc đó, mạng linh của Chúa vẫn còn nguyên: "Hãy chăn chiên ta!... Hãy chăn chiên ta!" (Giăng 21:15-17)

5:2 Các trưởng lão là những người mang tinh cách Cơ Đốc trưởng thành, những người được Thánh Linh xét là đủ tư cách để Ngài trao quyền lãnh đạo thuộc linh trong hội chúng. Tân Ước xem như chấp nhận có rất đông trưởng lão - không phải một trưởng lão cho một hội thánh hay cho một nhóm các hội thánh, nhưng hai hoặc nhiều trưởng lão tại một hội chúng (Philíp 1:1). Về tư cách của các trưởng lão, xem I.Timôthê 3:1-7 và Tit 1:6-9. Trong hội thánh đầu tiên trước khi có Kinh Thánh Tân Ước dưới dạng chữ viết, các trưởng lão được các sứ đồ và các người đại diện của họ đề cử lên, nhưng chỉ sau một thời gian vừa đủ thì hội thánh mới sẽ thấy rõ ai có những phẩm cách này. Ngày nay, Cơ Đốc nhân công nhận và vâng lời những người có những phẩm chất này cùng những người thực hiện công tác của trưởng lão.

Chấn bầy của Đức Chúa Trời đã giao phó cho anh em. Bầy thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng các trưởng lão được giao trách nhiệm phục vụ như những người chăn dưới quyền. **Chẳng phải bởi ép tình, bèn là bởi vui lòng.**³¹ Coi sóc bầy không phải là công việc mà người ta bị ép buộc vào bởi bầu cử hay bởi chỉ định. Đức Thánh Linh cung cấp gánh nặng và năng lực, và các trưởng lão phải đáp ứng bằng tấm lòng sẵn sàng. Vì vậy chúng ta đọc thấy trong I.Timôthê 3:1: "Vi bằng có kẻ mong được làm giám mục, ấy là ưa muốn một việc tốt lành." Đi kèm với sự ban năng lực thien thượng còn phải có cả sự sẵn lòng của con người.

Chẳng phải vì lợi dơ bẩn, bèn là hết lòng mà làm. Không được phép để sự

đến đáp tài chánh trở thành động cơ để làm trưởng lão. Nói như vậy không có nghĩa trưởng lão không được phép để cho hội thánh địa phương cấp lương; sự tồn tại "học trưởng lão trọn thời gian" như thế được nói rõ trong I.Timôthê 5:17,18. Nhưng câu Kinh Thánh ở đây muốn nói rằng tinh thần làm thuê là không phù hợp với chức vụ Cơ Đốc chân chính.

5:3 Cụm từ thứ ba trong lời khuyên của Phierô là: **chẳng phải quản trị phần trách nhiệm chia cho anh em, song để làm gương lối cho cả bầy.** Các trưởng lão phải là **những gương tốt**, chứ không phải những nhà độc tài. Họ đáng phải đi đứng trước bầy, chứ không phải ở đằng sau thúc bầy đi. Họ không được phép đối xử với bầy dường như thể bầy thuộc về họ. Điều này giáng một đòn nặng nề vào trúng tim đen của tinh thần chuyên quyền!

Rất nhiều nạn lạm dụng trong Cơ Đốc giáo giới sẽ được loại bỏ nhờ đơn sơ tuân giữ ba chỉ thị này trong câu 2, 3. Chỉ thị thứ nhất sẽ loại bỏ mọi sự *miễn cưỡng*. Lời dạy thứ nhì chấm dứt *tinh thần thương mại*. Huấn thị thứ ba sẽ bảo tử cho *chế độ quan liêu* trong hội thánh.

5:4 Công việc của trưởng lão tiêu hao nặng nề sức lực thuộc thể và tinh cảm. Trưởng lão phải thông cảm, khuyên lơn, quở trách, dạy dỗ, kỷ luật và cảnh cáo. Nhiều lúc dường như đây là công việc chẳng được ai cảm ơn cả. Nhưng có lời hứa ban phần thưởng đặc biệt cho trưởng lão trung tín. **Khi Đấng làm đầu các kẻ chân chính hiện ra, người sẽ được mào triều thiên vinh**

hiển, chẳng hề tàn héo. Thật lòng mà nói, chúng ta không biết nhiều lắm về những mào triều thiên Chúa hứa ban trong Kinh Thánh - mào triều thiên vui mừng (I.Têsalônica 2:19), mào triều thiên của sự công bình (II.Timôthê 4:8), mào triều thiên của sự sống (Giacô 1:12; Khải Huyền 2:10), mào triều thiên vinh hiển. Chúng ta không biết có phải chúng sẽ là những mào triều thiên theo nghĩa đen để chúng ta có thể quang chúng dưới chân Chúa; hay có phải chúng chỉ cho thấy mức độ trách nhiệm sẽ giao cho chúng ta trong thời trị vì của Đấng Christ (Luca 19:17-19); hay chúng là những phương diện của tính cách Cơ Đốc mà chúng ta sẽ có trong suốt cõi đời đời. Nhưng chúng ta thực sự biết rằng chúng sẽ bù đắp dư dật cho mọi giọt nước mắt, mọi thử thách mọi sự chịu khổ chúng ta đang chịu dưới trần gian này.

5:5 **Những người trẻ tuổi hơn, hoặc trẻ về tuổi đời hoặc trong tuổi đức tin, đều phải phục các trưởng lão.** Vì sao vậy? Vì những người coi sóc này có sự khôn ngoan từ những năm kinh nghiệm các điều thuộc về Chúa. Họ hiểu biết sâu nhiệm trong kinh nghiệm về Lời Chúa. Và họ là người Chúa đã trao trách nhiệm để chăm sóc chiên Ngài.

Mọi tín hữu **phải trang sức bằng khiêm nhường**; đây là một đức hạnh tuyệt vời. Moffatt nói: "Mặc lấy tạp dề của sự khiêm nhường." Rất thích hợp - vì tạp dề là biểu hiện của đầy tớ. Một giáo sĩ đến Ấn Độ đã từng nói: "Nếu phải chọn ra hai cụm từ cần cho sự tăng trưởng tâm linh, tôi sẽ chọn hai cụm từ sau: "Tôi không biết" và "Tôi xin lỗi."

Hai cụm từ này đều là bằng chứng của sự khiêm nhường tốt cùng." Hãy hình dung một hội chúng có mọi thành viên đều mang tinh thần khiêm nhường này; nơi đó họ quý trọng người khác hơn chính mình; họ đua nhau để làm trở hơn những công việc phục dịch; không cần phải tương tượng ra một hội thánh như thế; một hội thánh như thế có thể và phải là một thực tại.

Nếu không có lý do nào khác để phải khiêm nhường, thì một lý do này cũng đủ rồi: Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, mà ban ơn cho kẻ khiêm nhường. (Phero đang trích Châm ngôn 3:34 từ bản Kinh Thánh Hylap.) Hãy suy gẫm điều đó - Đức Chúa Trời quyền năng chống cự sự kiêu ngạo của chúng ta và cương quyết bẻ gãy nó, nhưng chính Đức Chúa Trời quyền năng này lại không chống cự tấm lòng đau thương thống hối.

5:6 Lòng khiêm nhường này sẽ được bày tỏ không những đối với người khác, mà còn đối với Chúa nữa. Trong thời Phero, các thánh đồ đang trải qua những đám lửa hoạn nạn. Những thử thách này, dầu không do Chúa giáng xuống, nhưng được Ngài cho phép đến. Phero nói, phương sách tốt nhất là khiêm nhường tiếp nhận chúng từ tay Chúa. Ngài sẽ nâng đỡ dẫn sự Ngài và đến kỳ thuận hiệp Ngài nhắc họ lên.

5:7 Tin hữu được đặc ân trao mọi lo lắng mình cho Chúa với lòng vững tin chắc chắn rằng Ngài săn sóc họ. Một lần nữa, Phero đang trích Cựu Ước từ bản Kinh Thánh Hylap (Thi thiên 55:22).

J. Sidlow Baxter nói rõ rằng có hai loại lo lắng ở đây:

*Có loại lo lắng, qua những chữ: "Trao mọi điều lo lắng ("care") mình cho Ngài": và có sự lo lắng chăm sóc đầy trù mẫn, qua những chữ: "Ngài hay săn sóc (care") anh em." Mọi sự lo lắng đầy sợ hãi ("anxious care") của chính chúng ta luôn luôn là sự lo lắng chăm sóc đầy trù mẫn ("affectionate care") bất tuyệt của Chúa Cứu chúng ta.*³²

Không cần phải lo lắng; chúng ta không cần phải mang lấy những gánh nặng ấy khi Chúa sẵn lòng và có thể gánh chúng thay ta. Lo lắng thật vô ích; nó không giải quyết được nan đề đâu. Lo lắng là tội lỗi. Một vị truyền đạo từng nói: "Lo lắng là tội lỗi vì nó phủ nhận sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời; nó tuyên bố rằng Đức Chúa Trời không biết việc Ngài đang làm. Nó phủ nhận tình yêu của Chúa; nó nói Ngài không quan tâm. Và lo lắng cũng phủ nhận quyền năng của Đức Chúa Trời; nó nói rằng Ngài không thể giải cứu tôi khỏi bất kỳ điều nào đang khiến tôi lo lắng." Điều quan trọng đáng phải suy nghĩ đây chứ!

5:8 Dầu chúng ta không nên lo lắng, nhưng phải tiết độ và linh thức, vì chúng ta có kẻ thù hết sức mạnh mẽ là ma quỷ. Tiết độ có nghĩa biết suy nghĩ nghiêm túc, có phương pháp tiếp cận thực tế với đời sống, thông minh đối với những mưu kế của Satan. Pentecost nói rất hay:

Cả nhân nào không công nhận bản tính hay đức tính của thế gian, người nào không để ý đến những mục đích và những trận tấn công của kẻ thù chúng ta, là Ma Quỷ, thì họ mới có thể sống

nổi trong cách sống vô tâm hoặc thiếu nghiêm túc. Nhưng đối với người nhìn xem sự sống đúng như cách Chúa Giêsu thấy, thì phải có một thái độ hoàn toàn mới, một quan điểm hoàn toàn mới đặc trưng bởi sự tiết độ.¹³

Cũng phải tỉnh thức không ngừng, chuẩn bị sẵn để đáp ứng mọi tấn công của kẻ ác. Ở đây, **kẻ thù** được mô tả là **sư lữ rừng**, tìm kiếm người nào nó nuốt được. Ma quỷ có nhiều tư thế khác nhau. Đôi khi nó đến giống như rắn, lìm cạch như người ta vào sự bại hoại đạo đức. Có lúc giả dạng làm thiên sứ sáng láng, cố gắng lừa gạt người ta trong lãnh vực thuộc linh. Ở đây, là **sư lữ rừng**, quyết chi khủng bố dân sự Chúa qua sự bắt bớ.

5:9 Chúng ta không đầu hàng sự giận dữ của nó. Trái lại, chúng ta **chống cự** nó qua sự cầu nguyện và Lời Chúa. Tự bản thân chúng ta không có sức mạnh để chống đối nó, nhưng khi đứng vững trong đức tin mình, biết vững tâm nương cậy Chúa, chúng ta có thể **chống cự** nó.

Một trong những mưu kế của Satan là khiến chúng ta ngã lòng qua ý nghĩ cho rằng những sự chịu khổ của chúng ta là độc nhất vô nhị. Khi chúng ta trải qua lửa hoạn nạn, để để ngất đi trước ý kiến sai lầm cho rằng không ai khác gặp nhiều hoạn nạn như mình. Phierơ nhắc chúng ta nhớ anh em Cơ Đốc của chúng ta trên khắp thế gian cũng **đồng chịu** hoạn nạn như mình.

5:10 Chiến thắng thật trong khi bị bắt bớ chính là nhìn thấy Đức Chúa Trời ở đằng sau hậu trường, Ngài đang tiến hành những ý định tuyệt vời của

Ngài. Bất luận thử thách của chúng ta là gì đi nữa, trước hết chúng ta vẫn phải nhớ Ngài là **Đức Chúa Trời ban mọi ơn**. Danh hiệu triu mến này của Chúa chúng ta nhắc nhở cách Ngài đối đãi không căn cứ trên sự xứng đáng của chúng ta, nhưng trên ý nghĩ đầy tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. Bất luận thử thách của chúng ta có khủng khiếp đến đâu đi nữa, chúng ta vẫn luôn luôn có thể tạ ơn Chúa vì mình không ở trong địa ngục, là nơi chúng ta đáng phải vào.

Sự yên ủi mạnh mẽ thứ nhì ấy là: Ngài đã kêu gọi chúng ta đến **sự vinh hiển đời đời** của Ngài. Điều này giúp chúng ta có thể nhìn vượt qua những hoạn nạn trong đời này để thấy tác mình sẽ được ở với Chúa và sẽ giống Ngài đời đời. Cứ nghĩ xem! chúng ta được nhặt ra khỏi đống phế liệu và được **kêu gọi đến sự vinh hiển đời đời của Ngài!**

Sự an ủi thứ ba ấy là hoạn nạn chỉ **tạm** mà thôi. Khi so sánh với **sự vinh hiển đời đời**, những hoạn nạn trong đời này chỉ là thoáng qua.

Sự khích lệ cuối cùng ấy là: Đức Chúa Trời dùng sự chịu khổ để dạy dỗ và trui rèn tinh cách Cơ Đốc của chúng ta. Ngài đang huấn luyện cho chúng ta cai trị. Bốn phương diện của tiến trình rèn luyện được nêu ra trong câu này.

Trọn vẹn - thử thách khiến tín hữu trở nên mạnh mẽ và xứng đáng; chúng cung cấp những yếu tố cần thiết trong tinh cách của tín hữu để khiến tâm linh người trưởng thành.

Vững vàng - sự chịu khổ khiến Cơ Đốc nhân càng ổn định hơn, có khả

nàng giữ gìn lời tuyên xưng tốt lành, và cũng chịu đựng áp lực giới hơn. Đây cũng chính là lời Chúa Jêsus phán với Phierơ: "... Hãy làm cho vững chí anh em mình" (Luca 22:32).

Thêm sức - Satan cố ý dùng bất bớ để làm tín hữu suy yếu và mòn mỏi, nhưng lại bị phản tác dụng. Bất bớ thêm sức cho tín hữu chịu đựng.

Làm cho ổn định ("settle" - bản Việt Ngữ không ghi chữ này) - động từ liên hệ với chữ "nền tảng" trong nguyên văn. Đức Chúa Trời muốn mọi tín hữu được trồng vững vàng vào nơi chắc chắn trong Con Ngài và trong Lời Ngài.

Lacey nói:

Sự chịu khổ không thể tránh khỏi của đời sống Cơ Đốc luôn luôn sinh ra đồng một kết quả phước hạnh trong tình cách của tín hữu; nó sẽ tình nguyện đức tin, điều chỉnh tình cách, vững lập, thêm sức và làm cho vững vàng dân sự Chúa.³⁴

5:11 Khi xét đến phương cách kỷ diệu mà Chúa dùng để loại bỏ sự bất bớ và sự chịu khổ vì vinh hiển Ngài và vì ích lợi cho chúng ta, chẳng lấy gì làm lạ khi Phierơ tuôn ra bài ca chúc tụng này: "Nguyên xin quyền phép về nơi Ngài, đời đời vô cùng! Amen." Chỉ có một Đấng như thế mới xứng đáng nhận sự vinh hiển; chỉ có trong đôi tay của một Đấng như thế thì quyền phép mới được an toàn!

5:12 Sínvanh (chắc cũng chính là người tên Sila, hình thức rút gọn của tên gọi này), là người anh em trung tín, người được Phierơ đọc cho viết bức thư này, và chắc là sử giả đã đem thư đi. Mục tiêu của Phierơ trong thư này là để

bảo đảm cho những tín hữu kiểu ngụ rải rác rằng đức tin Cơ Đốc mà họ đang tin theo chính là đức tin thật - hay như cách ông nói, là **ơn thật của Đức Chúa Trời**. Có lẽ trong lò lửa thử thách, họ bị cám dỗ để thắc mắc liệu trước đây họ đi theo Cơ Đốc giáo như vậy thì có đúng không. Phierơ tuyên bố rằng họ đã đúng. Họ đã **lưu được lẽ thật của Đức Chúa Trời** và nên đứng vững trong đó.

5:13 **Hội thánh của các người được chọn, tại thành Babylon, chào anh em, con tôi là Mác cũng vậy.**

Không thể nói chắc chắn câu "**hội thánh của các người được chọn tại thành Babylon**" muốn nói đến ai hay điều gì. Một số cách giải nghĩa chính như sau: (1) "Tình anh em" (2:17; 5:9). Trong Hy văn, danh từ trừu tượng này lại thuộc giống cái. (2) Vợ của Phierơ. (3) Phụ nữ nổi bật nào đó tại địa phương. Cũng không thể biết "**Babylon**" muốn nói đến điều gì. Có thể là: (1) Thành phố nổi tiếng bên sông Óphrát, nơi đó có nhiều người Do Thái; (2) Một đồn quân mang cùng tên này trên bờ sông Nile (không chắc có như vậy); (3) Rôma. Trong sách Khải Huyền, thành Babylon thường được hiểu là nói đến Rôma (17:1-9; 18:10,21).

Thắc mắc thứ ba nảy sinh khi nói đến **Mác**. Đây có phải là con của chính Phierơ theo phần xác, hay ông đang nói đến Giảng Mác, tác giả của sách Tin Lành? Có nhiều khả năng là Giảng Mác hơn. Nếu đúng như vậy, thì chúng ta còn phải xác định xem liệu Mác là con trai của Phierơ vì cơ Phierơ đưa Mác đến với Đấng Christ, hay chữ "con" chỉ nói đến mối quan hệ tâm linh gần gũi

giữa một trưởng lão với một Cơ Đốc nhân trẻ tuổi hơn. Từ ngữ Phierơ dùng chỉ về một người "con"³⁵ không phải là chữ Phaolô dùng để mô tả mối quan hệ thuộc linh của mình với Timôthê và Tit, và phù hợp với lời truyền khẩu xưa rằng sách Tin Lành rất sinh động của Mác được căn cứ trên những câu chuyện kể lại do chính Phierơ đích thân chứng kiến.

5:14 Vị trưởng lão kết thúc với mạng lệnh và lời chúc phước. Mạng lệnh là: "Hãy lấy cái hôn yêu thương mà chào nhau." Bốn phận của tình yêu anh em chính là trật tự thương trực cho hội thánh, dấu phương cách biểu hiện tình yêu ấy ta có thể khác nhau trong các nền văn hóa và các thời đại.

Lời chúc phước là: "Nguyên xin sự bình an ở cùng hết thầy anh em trong Đấng Christ!" Đây là một từ ngữ yên tĩnh để dùng cho các thánh đồ đang bị bảo tố đập vùi, những người đang chịu hoạn nạn vì cơ danh Đấng Christ. Đấng Christ đang thắm thía sự bình an cho bảy chiến được mua bởi huyết Ngài khi họ chịu khổ vì Ngài giữa một xã hội đầy biến loạn.

*Sự chết còn che bóng trên chúng ta
và trên sự bình an, bình an trọn vẹn,
của chúng ta chăng?*

*Chúa Jesus đã phá diệt sự chết và
quyền lực của nó.*

- Edward H. Bickersteth

CHÚ THÍCH

¹{1:2} Có những hình thức nên thánh khác nữa diễn ra về sau. Khi một người được tái sanh, người này được nên thánh về mặt địa vị vì người ở

"trong Đấng Christ" (Hêbơr 10:10, 14). Trong suốt cuộc đời Cơ Đốc, người đáng phải kinh nghiệm sự nên thánh thực tiễn, tức là tiến trình ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn (I.Phierơ 1:15). Trên Thiên đàng, người sẽ đạt đến sự nên thánh trọn vẹn, vì sẽ không bao giờ phạm tội nữa (Côlôse 1:22). Xem phần Phụ Lục về Sự Nên Thánh sau Hêbơr 2:11.

²{1:8} Đại đa số các thủ bản Hy vàn ghi là "biết" (*eidores*) hơn là ghi "thấy" (*idontes*). Ý nghĩa ra từ đó thì cùng gần như nhau; tức là trước đó họ vẫn chưa đích thân làm quen với Chúa Jesus trên trần gian.

³{1:8} William Lincoln, *Lectures on the First and Second Epistles of Peter*, trang 21.

⁴{1:12} *Ibid.*, trang 23.

⁵{1:13} J. H. Jowett, *The Redeemed Family of God*, trang 34.

⁶{1:17} Lincoln, *Lectures*, trang 30.

⁷{1:20} *Ibid.*, trang 33.

⁸{1:21} W. T. P. Wolston, *Simon Peter: His Life and Letters*, trang 270.

⁹{1:22} Bản Kinh Thánh Phê Bình (NU) không ghi "nhớ Thánh Linh."

¹⁰{1:23} Chú thích cuối trang trong F. W. Grant, "I Peter," *The Numerical Bible, Hebrews to Revelation*, trang 149.

¹¹{1:23} Bản Kinh Thánh NU không có chữ "đời đời."

¹²{2:2} Bản Kinh Thánh Alexandria (NU trong chú thích cuối trang của bản NKJV) ghi là "lớn lên đến sự cứu rỗi." Tuy nhiên, cách ghi như vậy không gây chút nghi ngờ nào về sự bảo đảm của sự cứu rỗi.

¹³(2:6) Tiếng Hylạp của Kinh Thánh: *lithon* (đá *akro-* ở trên đỉnh) *goniaton* (của góc), nên ở đây có nghĩa là đá góc nhà, hay là hòn đá trên đỉnh.

¹⁴(2:7) Bản Kinh Thánh NU ghi là "không tin" (động từ) thay cho "không vâng lời," nhưng vì tin vào Tin Lành cũng được gọi là vâng lời Tin Lành, nên ý nghĩa cũng như nhau.

¹⁵(2:12) Cách dịch theo nghĩa đen là cao thượng hoặc đáng yêu (noble hoặc lovely, Hy văn là *kalos*, xem chữ trong Anh ngữ calligraphy, chữ viết đẹp).

¹⁶(2:12) Charles R. Erdman, *The General Epistles*, trang 66.

¹⁷(2:12) Jowett, *Redeemed Family*, trang 88, 89.

¹⁸(2:13) Leslie T. Lyall, *Red Sky at Night*, trang 81.

¹⁹(2:16) F. B. Meyer, *Tried by Fire*, trang 91.

²⁰(2:25) Từ ngữ Hy văn là *episkopos*, "người coi sóc" hoặc "giám mục."

²¹(3:2) George Muller, trong một tạp san định kỳ nhan đề *The Word*, do Richard Burson biên soạn, không rõ ngày xuất bản, trang 33-35.

²²(3:4) Meyer, *Tried*, trang 117.

²³(3:7) Charles Bigg, *A Critical and Exegetical Commentary on the Epistles of St. Peter and St. Jude* (ICC), trang 155.

²⁴(3:8) Thay vì "nhà nhận" (*philophrones*), bản văn NU ghi là "khêm nhường" (*tapeinophrones*). Cả hai đều là những đức tính rất tốt và phù hợp với văn mạch; phải chọn chữ nào là nguyên văn sẽ tùy thuộc vào quan điểm của người ấy về phép phê bình bản văn

của Tân Ước. Ở đây, chúng ta đi theo truyền thống của bản KJ.

²⁵(3:15) Bản văn NU ghi là: "Đấng Christ là Chúa" thay vì chữ "Chúa là Đức Chúa Trời." Điều này sẽ gợi ý Đấng Christ của Tân Ước chính là *Jehovah Sabaoth* của Cựu Ước.

²⁶(4:6) Albert Barnes, *Notes on the New Testament: James, Peter, John and Jude*, trang 191.

²⁷(4:14) Bản văn NU thiếu câu cuối cùng của câu 14. Vì "đậu trên anh em" và "được tôn vinh hiển" cả hai đều tận cùng bằng những mẫu tự giống y như nhau trong Hy văn (*-taii*) nên rất dễ để vô tình bỏ sót. Về mặt chuyên môn, đây được gọi là sự bỏ qua bởi "*homoteletuton*" (kết thúc tương tự).

²⁸(4:16) F. B. Meyer, *Tried by fire*, trang 27.

²⁹(4:16) G. Campbell Morgan, *Searchlights from the Word*, trang 366.

³⁰(4:18) Meyer, *Tried*, trang 180-181.

³¹(5:2) Bản Kinh Thánh NU ghi là: "theo ý Đức Chúa Trời" thay vì chữ "bởi vui lòng." Cách lý giải truyền thống của bản KJ và NKJV là "chẳng bởi cưỡng bách" (được tìm thấy trong bản văn TR và bản văn đại đa số) phù hợp với văn mạch tốt hơn nhiều.

³²(5:7) J. Sidlow Baxter, *Awake, My Heart*, trang 294. Cách chơi chữ rất hay của truyền thống KJ không có trong nguyên văn Hylạp, trong đó hai chữ "cares" là những chữ không liên quan với nhau. Cách chơi chữ này xuất hiện từ bản Tân Ước Anh ngữ được in ra đầu tiên (1526), là công khó của dịch giả

nổi bậc và nhà tuận đạo của Tôn Giáo Pháp Đĩnh, là William Tyndale (1484-1536). Bản Kinh Thánh của ông ghi là: "Quàng hết mọi sự lo lắng của anh em cho Ngài: vì Ngài lo lắng cho anh em."

³³[5:8] J. Dwight Pentecost, *Your Adversary the Devil*, trang 94.

³⁴[5:10] Harry Lacey, *God and the Nations*, trang 92.

³⁵[5:13] Từ ngữ Hy văn thông thường là *huioi*; Phaolô dùng chữ *teknon*, nguyên văn là "con được sinh ra" (là "trẻ em" trong tiếng Tô Cách Lan (hoặc một đứa con được sinh ra).

SÁCH THAM KHẢO

(1 và 2 Phierô)

Barbieri, Louis A. *First and Second Peter*. Chicago: Moody Press, 1975.

Bigg, Charles. *A Critical and Exegetical Commentary on the Epistles of St. Peter and St. Jude* (ICC). Edinburgh: T. & T. Clark, 1901.

Grant, F. W. "1 and 2 Peter," *The Numerical Bible*, quyển 7. New York: Loizeaux Bros., 1903.

Ironside, H. A. *Notes on James and*

Peter. New York: Loizeaux Brothers, 1947.

Jowett, J. H. *The Redeemed Family of God*. London: Hodder & Stoughton, không rõ năm xuất bản.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of the Epistles of St. Peter, St. John & St. Jude*. Columbus: Warburg Press, 1945.

Lincoln, William. *Lectures on the First and Second Epistles of Peter*. Kilmarnock: John Ritchie Publ., không rõ năm xuất bản.

Meyer, F. B. *Tried by Fire*. Fort Washington PA: Christian Literature Crusade 1983

Stibbs, Alan M. *The First Epistle General of Peter*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co 1959

Thomas, W. H. Griffith. *The 'Apostle Peter: His Life and Writings*. Grand Rapids: Kregel Publications, 1984.

Westwood, Tom. *The Epistles of Peter*. Glendale, California: The Bible Treasury Hour, Inc., 1953

Wolston, W. T. P. *Simon Peter His Life and Letters*. London: James Nisbet & Co., 1913.

THƠ THỨ HAI CỦA PHIERO

Giới Thiệu

"Thơ Phiero Thứ Hai toát ra Đấng Christ và chờ đợi sự hoàn thành chung cuộc của Ngài."

- E. G. Homrighausen

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Câu trích giới thiệu trên đây đặc biệt có ý nghĩa vì tác giả câu trích cũng giống như rất nhiều người ngày nay - không chấp nhận Phiero đã viết thơ này. Ông cũng thừa nhận rằng "điều chúng ta có ở đây mang tính cách và tinh thần của Phiero."¹ Mĩa mai thay, hai câu tuyên bố này tóm lược rất súc tích đóng góp độc đáo của thơ II.Phiero.

Giữa cảnh tối tăm lẩn khuất của sự bội đạo, bức thơ ngán ngùi này nhìn hướng tới Sự Hiện Đến của Chúa chúng ta. Đây là hồi tưởng cá nhân về cuộc đời và cá tánh của Phiero, thế nhưng nó thực sự toát ra Đấng Christ cho những ai chịu để bức thơ ngán ngùi này tự lên tiếng.

II. Quyền Tác Giả

Học giả Tân Ước bảo thủ hàng đầu người Mỹ gần đây có nói: "Thơ Phiero Thứ Nhì, giống như Daniên và Êsai trong Cựu Ước, chính là nơi chúng ta tách riêng những người đàn ông ra khỏi những câu bé xet về tình chánh thống nghiêm nhặt trong sự phê bình Kinh Thánh." Thường thường, các nhà giải nghĩa hiện đại thậm chí còn không tìm cách bác bỏ quyền tác giả thơ II.Phiero của Phiero; họ thừa nhận Phiero không viết thư này chính là một sự thực đã chứng minh rồi. Còn nhiều nan đề nghiêm trọng nữa trong việc chấp nhận

sách này là xác thực chẳng khác gì bất kỳ sách nào khác của Tân Ước, nhưng dứt khoát những nan đề đó không vững mạnh như cách người ta giới thiệu chúng đâu.

Bằng Chứng Ngoại Tại

Vẫn chưa thể tập trung lại những câu trích thường lệ của Polycarp, Ignatius và Irenaeus, để bình vực cho thơ II.Phiero. Tuy nhiên, như các hội thánh đầu tiên đã dạy, nếu thơ Giude viết dựa theo II.Phiero, thì chúng ta có lời khẳng định từ thế kỷ thứ nhất về thơ II.Phiero trong thư tín Giude (xem phần Giới Thiệu thơ Giude). Học giả Zahn người Đức nghĩ chúng ta không cần thêm ngoại chứng nào nữa. Tiếp sau Giude, Origen là người đầu tiên trích thơ II.Phiero, và sau ông là Methodius ở Olympus (người tuận đạo dưới thời Hoàng Đế Diocletian) và Eumilina ở Caesarea. Eusebius thừa nhận *đại đa số* Cơ Đốc nhân chấp nhận thơ II.Phiero, trong khi chính ông vẫn còn nhiều điểm nghi ngờ.

Bộ Kinh Điển Muratorian thiếu thơ II.Phiero - nhưng cũng thiếu cả thơ I.Phiero, và hơn nữa đây là một văn kiện rời rạc từng mảnh. Tuy Jerome biết có nhiều nghi ngờ về tính xác thực của thơ II.Phiero, nhưng ông cùng những giáo phụ hàng đầu khác, là Athanasius, và Augustine, đã chấp nhận thơ này là

xác thực. Toàn bộ hội thánh cũng có đồng ý kiến như vậy mãi đến thời Cải Chánh.

Vì sao thơ II.Phiêrô có *ngoại chứng* yếu hơn các sách khác đến như vậy? Trước hết, thơ này rất ngắn, dường như chưa được sao chép rộng rãi, và không chứa nhiều tài liệu độc đáo. Không có nhiều tư liệu độc đáo lại chính là lập luận để hậu thuẫn cho thơ: các sách của những người theo tà giáo luôn luôn bổ sung *thêm* giáo lý mâu thuẫn với giáo lý của các sứ đồ hoặc ít nhất cũng bổ sung một cách kỳ quái. Có lẽ điều này gợi ý nguyên nhân chính khiến người ta lo ngại về thơ II.Phiêrô trong những thế kỷ đầu tiên: có rất nhiều "ngụy kinh" (các tác phẩm giả mạo) giả danh Phiêrô để quảng bá các tà giáo của Trì Huệ phái, chẳng hạn như "Sách Khải Thị Của Phiêrô."

Cuối cùng, điều quan trọng cần biết là tuy II.Phiêrô là một trong rất nhiều sách bị một số người thất mắc (antilegomena - sách của Tân Ước chưa được kinh điển và còn bị tranh cãi), *nhưng chưa hề bị hội thánh nào bác bỏ như một sách giả mạo.*

Bằng Chứng Nội Tại

Những người bác bỏ quyền tác giả của Phiêrô nhấn mạnh sự khác biệt trong bút pháp thơ I.Phiêrô và II.Phiêrô. Jerome giải thích sự khác biệt này là do Phiêrô sử dụng một viên thư ký khác. Tuy nhiên, khác biệt giữa thơ I.Phiêrô và thơ II.Phiêrô thực ra không lớn như khác biệt giữa hai thơ tín sơ với phần còn lại của Tân Ước. Cả hai thơ tín sơ đều sử dụng vốn từ ngữ phong phú đặc sắc và có rất nhiều điểm trùng hợp với

các bài giảng của Phiêrô trong Công vụ và những biến cố trong đời sống ông.

Những câu nhắc đến các biến cố trong quá khứ Phiêrô có trong sách này đã được sử dụng để cả *ủng hộ lẫn phản đối* quyền tác giả truyền thống. Những người bác bỏ quyền tác giả của Phiêrô nói rằng đáng ra phải có nhiều *ám chỉ bóng gió hơn nữa*; người khác lại bào chữa *quá nhiều* điều đến nỗi không thể không do một kẻ giả mạo hoạch định ra! Nhưng vì cớ gì lại đi giả mạo một sách như thế này? Tuy những người bác bỏ tình xác thực có rất nhiều sáng kiến để nỗ lực đưa ra *các lý thuyết*, nhưng chưa có lý thuyết nào là thỏa đáng cả.

Nhưng khi nghiên cứu thơ II.Phiêrô, chúng ta có rất nhiều nội chứng cho thấy Phiêrô thật sự là tác giả:

Trong 1:3, tác giả nói các tín hữu đã được kêu gọi bởi chính sự vinh hiển và nhân đức của Chúa. Điều này đưa chúng ta trở về với Luca 5:8, là nơi vinh hiển Chúa áp đảo Phiêrô đến nỗi ông kêu lên: "Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội."

Khi tác giả đưa ra phương thuốc để nhờ đó có thể không bao giờ vấp ngã (1:5-10), chúng ta lập tức nghĩ đến sự vấp ngã của Phiêrô, và nỗi đau buồn do lần vấp ngã đó đem lại.

Đoạn 1:14 mang ý nghĩa đặc biệt. Tác giả đã được chính Chúa Jêsus nói cho biết về sự chết của mình. Điều này phù hợp hoàn toàn với Giăng 21:18,19, trong đó Chúa cho Phiêrô biết ông sẽ bị giết trong lúc tuổi già.

Trong câu 13-15 của đoạn 1, những chữ "nhà tạm" (lều tạm) và "đi" (ra khỏi - exodus) là cả hai chữ được Luca

dùng trong câu chuyện Sự Hóa Hình (Luca 9:31-33).

Một trong những bằng chứng thuyết phục nhất rằng Phierơ viết thư này là việc nhắc đến Sự Hóa Hình trong 1:16-18. Tác giả đã có mặt trên núi thánh này. Điều này có nghĩa tác giả hoặc là Phierơ, Giacơ, hoặc Giảng (Mathiơ 17:1). Bức thư thứ nhì này tuyên bố do Phierơ viết (1:1), chứ không do Giacơ hoặc Giảng viết.

Trong 2:14,18, chúng ta thấy những chữ "dỗ dành." Chúng ra từ chữ *deleagō* - "bắt bừa lừa." Đó là vốn ngữ vựng của một ngư phủ, và như vậy đặc biệt phù hợp với Phierơ.

Trong 3:1, tác giả nói đến thư trước, có thể là I.Phierơ. Ông cũng nói trong 3:15 về Phaolô bằng những từ ngữ rất riêng tư, là việc mà chắc chắn một vị sứ đồ có thể làm được.

Chữ cuối cùng có thể nói về kinh nghiệm của Phierơ được tìm thấy trong 3:17: những chữ "sự vững vàng" ra từ cùng một gốc với chữ "làm cho vững chí" mà Chúa Jêsus đã dùng trong Luca 22: 32. "Đến khi người đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình." Chữ này cũng xuất hiện như là chữ "vững vàng" trong I.Phierơ 5:10 và "chắc chắn" trong II.Phierơ 1:12.

Cuối cùng, cũng giống như trong các thư tin mục vụ, chúng ta nghĩ lời lên án những kẻ bội đạo cách sắc bén của Phierơ đã gây ra phần lớn sự thù địch của thời hiện đại đối với thư II.Phierơ với tư cách sản phẩm đích thực về đời sống và ngôi viết của sứ đồ.

Khi nghiên cứu thư này, chúng ta có thể tìm thấy nhiều nội chứng khác nữa

liên kết thư với Sứ Đồ Phierơ. Nhưng điều quan trọng là chúng ta hướng đến thư này để xem Chúa đang phán gì với mình.

III. Thời Điểm Viết

Thời điểm viết thư II.Phierơ hiển nhiên phụ thuộc vào tính xác thực của thư. Những người tin đây là thư giả mạo thì chọn một số thời điểm nào đó ở thế kỷ thứ nhì. Vì chúng ta kết luận hội thánh đã đúng khi công nhận thư II.Phierơ là kinh điển - cả từ quan điểm lịch sử lẫn quan điểm thuộc linh - nên chúng ta sẽ xác định một thời điểm ít lâu trước khi Phierơ qua đời (67 hoặc 68 S.C.), tức là vào năm 66 hoặc 67.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Hai tuyến tư tưởng chính đối kháng nhau đã thể hiện rõ từ sớm trong cấu trúc bức thư của sứ đồ: lời tiên tri (1:19- 21) và thời phóng đăng (đoạn 2). Phierơ đã nhìn thấy xa nơi chân trời bóng dáng những giáo sư giả sẽ truyền "những đạo dối làm hại" chịu chấp nhận những nếp sống buông tuồng và phóng đăng. Đây là những người nhạo báng ý về sự đoán xét sắp tới (3:1- 7). Điều được cho thấy là tương lai trong thời Phierơ thì thư Giuđê xem là đã lên vào rồi (câu 4). Khi Cơ Đốc giáo giới đánh mất lòng yêu mến sự hiện đến của Đấng Christ và ở yên trong thế gian (dưới thời Constantinê và tiếp sau đó), những nguyên tắc đạo đức của hội thánh đã tuột dốc rất nhanh. Điều đó cũng đúng cho ngày hôm nay. Sự thức tỉnh mới quan tâm đến chân lý trong lời tiên tri ở thế kỷ mười chín nay đang tàn lụi dần trong rất nhiều giới - và nếp

sống bằng lương trong một số hội thánh chứng tỏ Phierơ đã được soi dẫn để viết ra chân lý hết sức cần thiết này cho toàn bộ kỹ nguyên Cơ Đốc.

BỔ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1, 2)

II. LỜI KÊU GỌI PHÁT TRIỂN TÍNH GÁCH CƠ ĐỐC VỮNG MẠNH (1:3- 21)

III. BÁO TRƯỚC SỰ DẪY LÊN CỦA CÁC GIÁO SƯ GIẢ (Đoạn 2)

IV. BÁO TRƯỚC VỀ SỰ XUẤT HIỆN NHỮNG KẺ GIỀM CHÊ (Đoạn 3)

CHÚ GIẢI

I. LỜI CHÀO THĂM (1:1,2)

1:1 Simôn Phierơ tự giới thiệu mình là tôi tớ và sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ. Chúng ta sửng sốt ngay lập tức trước tính đơn sơ và khiêm nhường của ông. Ông làm tôi tớ bởi tự ý mình chọn; làm sứ đồ bởi sự chỉ định thiên thượng. Ông không sử dụng những danh xưng hơm hĩnh hay những biểu tượng của địa vị cao. Ông chỉ công nhận bốn phận của mình để phục vụ Cứu Chúa phục sinh với tấm lòng biết ơn.

Toàn bộ những điều chúng ta biết về những người nhận thư tin này ấy là họ đã lãnh phần đức tin đồng quý báu như của Phierơ và các đồng nghiệp ông. Có thể điều này cho thấy ông đang viết cho những tín hữu ngoại bang, và đại ý là họ đã nhận đồng một đức tin như của những người Do Thái tin Chúa, một đức tin tuyệt đối không hề khiếm khuyết. Toàn bộ những ai được cứu bởi ân điển của Chúa thì đều được chấp nhận như nhau trước mặt Ngài, bất luận họ là người Do Thái hay ngoại bang, nam hay nữ, nô lệ hoặc tự chủ.

Đức tin muốn nói đến mọi điều họ đã nhận lãnh khi tin theo đạo Đấng Christ. Ông tiếp tục giải thích đức tin

này chính là bởi sự công bình của Đức Chúa Trời chúng ta và của Cứu Chúa là Đức Chúa Jêsus Christ. Ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn công bình khi ban phần đức tin của địa vị bình đẳng cho những ai tin vào Chúa Jêsus. Sự chết, chôn và sống lại của Đấng Christ cung cấp cơ sở công bình để Đức Chúa Trời dựa vào đó ban ơn cho những tội nhân đến với Ngài qua đức tin. Món nợ tội lỗi đã được trả đầy đủ và giờ đây Đức Chúa Trời có thể xưng công bình tội nhân gian ác nào tin vào Con Ngài.

Danh xưng Đức Chúa Trời chúng ta và Cứu Chúa là Jêsus Christ là một trọng rất nhiều danh xưng của Tân Ước để chỉ ra thần thánh tuyệt đối của Đức Chúa Jêsus. Nếu Ngài không phải là Đức Chúa Trời, thì những từ ngữ này chẳng có ý nghĩa gì cả.

1:2 Lời cầu thay cao quý của vị sứ đồ cho độc giả ấy là nguyện xin ân điển và sự bình an được gia thêm cho họ trong sự nhận biết Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, là Chúa chúng ta. Ông muốn họ có sự nhận biết này bởi ơn nâng đỡ và ban quyền năng của Chúa trong nếp sống hàng ngày. Ông muốn

tâm lòng họ được canh giữ bởi sự bình an của Đức Chúa Trời, là bình an vượt quá mọi sự hiểu biết. Nhưng không phải điều này được ban ra với liều lượng rất nhỏ! Ông khao khát những ơn phước này được gia thêm gấp bội về số lượng, chứ không phải gia thêm những phần rất ít.

Làm sao những phước hạnh này được gia thêm gấp bội? Chính là ở trong sự nhận biết Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, là Chúa chúng ta. Chúng ta càng biết rõ về Chúa, thì càng kinh nghiệm ân điển và sự bình an. Chúng ta muốn ở trong nơi kín đáo của Đấng Chí Cao hơn là những chuyến thăm viếng ngẫu hứng đến đó. Ai sống trong đền thánh hơn là những nơi ngoại thành thì tìm thấy bí quyết về ân điển và bình an của Chúa.

II. LỜI KÊU GỌI PHÁT TRIỂN TÍNH CÁCH CỐ ĐỐC VÙNG MẠNH (1:3-21)

1:3 Phần đoạn này đáng phải vô cùng thú vị đối với mọi Cơ Đốc nhân vì nó cho chúng ta biết cách để khỏi vấp ngã trong đời này và cách để chúng ta bảo đảm được cho vào nơi khai hoàn trong đời sau.

Trước hết, chúng ta được bảo đảm rằng Đức Chúa Trời dự bị đầy đủ trọn vẹn cho chúng ta có đời sống thánh khiết. Kinh Thánh cho biết sự dự bị này là bằng chứng của quyền phép Ngài: **Quyền phép Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta mọi điều thuộc về sự sống và sự tin kính.** Quyền năng Ngài cứu chúng ta lúc đầu thế nào, thì quyền năng Ngài cũng ban sức mạnh cho chúng ta sống cuộc đời thánh khiết kể từ đó trở đi thế

ấy. Thứ tự là: trước hết là **sự sống**, sau đó đến sự **tin kính**. Tin lành là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu ra khỏi án phạt của tội lỗi và cứu khỏi quyền lực của tội lỗi, khỏi sự đoán phạt và ó uế.

Mọi điều thuộc về sự sống và sự tin kính bao gồm công tác thấy tế lễ thượng phẩm của Đấng Christ, chức vụ của Thánh Linh, hoạt động của các thiên sứ vi cơ chúng ta, sự sống mới chúng ta nhận được khi hoàn cải, và sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời.

Quyền phép để sống cuộc đời thánh khiết xuất phát từ chỗ biết Đấng... gọi chúng ta. Như **quyền phép thiên thượng của Ngài** là nguồn của sự thánh khiết, thì **sự hiểu biết về Ngài** là kênh dẫn. Nhìn biết Ngài tức là có sự sống đời đời (Giăng 17:3), và tấn tới trong sự thông biết Ngài là tấn tới trong sự thánh khiết. Càng biết rõ Ngài, chúng ta càng trở nên giống Ngài hơn.

Sự kêu gọi chúng ta là một trong những chủ đề ưa thích nhất của Phierơ. Ông nhắc chúng ta nhớ: (1) Chúng ta đã được gọi ra khỏi tối tăm để vào nơi sáng láng lạ lùng của Ngài (I.Phierơ 2:9). (2) Chúng ta đã được kêu gọi để bước theo dấu chân Đấng Christ trên con đường chịu khổ (I.Phierơ 2:21). (3) Chúng ta đã được gọi lấy chức phước để báo đáp lại sự rửa sả (I.Phierơ 3:9). (4) Chúng ta được gọi đến vinh hiển đời đời của Ngài (I.Phierơ 5:10). (5) Chúng ta được gọi bởi **sự vinh hiển và nhân đức** (II.Phierơ 1:3). Câu Kinh Thánh cuối này muốn nói rằng Ngài **gọi chúng ta** bằng cách bày tỏ cho chúng ta thấy những điều kỳ diệu về Thần Vị của Ngài. Saulơ xứ

Tạ ơn được kêu gọi trên đường đến Đamách khi ông nhìn thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời. Vì môn đồ này đã làm chứng rằng: "Tôi nhìn vào mặt Ngài, và mọi điều nào không giống như Ngài được hủy đi mãi mãi." Người đã được kêu gọi bởi sự vinh hiển và nhân đức của Ngài.

1:4 Bao gồm trong số "mọi điều" được quyền phép của Đức Chúa Trời ban cho để phát triển đời sống thánh khiết còn có lời hứa rất quý rất lớn trong Kinh Thánh. Người ta tính có ít nhất 30.000 lời hứa trong Kinh Thánh. John Bunyan đã nói: "Con đường sự sống dày đặc những lời hứa của Đức Chúa Trời đến nỗi không thể nào tiến một bước mà không giẫm lên một lời hứa."

Lời hứa của Đức Chúa Trời là điều chót trong bảy điều quý được Phierơ đề cập trong các thư tín của mình. Đức tin chúng ta quý hơn vàng (I. Phierơ 1:7). Huyết Đấng Christ là quý báu (I. Phierơ 1:19). Đấng Christ, là Hòn Đá Sống, là quý trước mặt Đức Chúa Trời (I. Phierơ 2:4). Ngài cũng quý với tư cách đá góc nhà (I. Phierơ 2:6). Ngài là quý đối với mọi người tin (I. Phierơ 2:7). Vật trang sức không hề hư nát của tâm thần địu dàng im lặng là rất quý trước mặt Đức Chúa Trời (I. Phierơ 3:4). Và cuối cùng, lời hứa của Đức Chúa Trời là rất quý (II. Phierơ 1:4).

Hãy nghĩ đến một số lời hứa có liên hệ đến đời sống thánh khiết. (1) Được buông tha khỏi quyền thống trị của tội lỗi (Rôma 6:14). (2) Ân điển có đầy đủ (II. Côrinthô 12:9). (3) Quyền năng để vàng theo các mạng lệnh Ngài (Philip

4:15). (4) Chiến thắng ma quỷ (Giaco 4:7). (5) Lối thoát khi bị cám dỗ (I. Côrinthô 10:13). (6) Sự tha tội khi chúng ta xưng tội (I. Giăng 1:9) - và cũng được Chúa quên tội nữa (Giêrêmi 31:34). (7) Được Chúa trả lời khi chúng ta kêu cầu (Thi thiên 50:15).

Chẳng lấy gì làm lạ khi Phierơ nói những lời hứa của Đức Chúa Trời là rất quý và rất lớn! Những lời hứa này giúp tín hữu có thể thoát khỏi hư nát của thế gian bởi tư dục đến. Chúa hứa ban mọi điều chúng ta cần để chống cự cám dỗ. Khi những thèm khát đam mê đến, chúng ta có thể nắm lấy những lời hứa. Chúng giúp chúng ta có thể thoát khỏi hư nát của thế gian - tội tình dục của thế gian, sự say sưa, ô uế, sự khốn khổ, bội phản và những xung đột của thế gian.

Khía cạnh tích cực ấy là bởi chính những lời hứa này, chúng ta có thể trở thành người dự phần bốn tánh Đức Chúa Trời. Điều này chủ yếu xảy ra vào thời điểm hoán cải. Rồi khi chúng ta sống vui hưởng thực tiễn điều Chúa đã hứa, chúng ta ngày càng được trở nên giống hình ảnh của Ngài hơn. Chẳng hạn, Ngài hứa rằng khi chúng ta càng suy nghĩ về Ngài, chúng ta sẽ càng trở nên giống Ngài (II. Côrinthô 3:18). Chúng ta khiến lời hứa này trở thành hiện thực bằng cách đọc Lời Chúa, nghiên cứu Đấng Christ đúng như Ngài được bày tỏ trong Kinh Thánh, và bước theo Ngài. Khi làm như vậy, Thánh Linh biến đổi chúng ta trở nên hình ảnh của Ngài từ mức vinh hiển này lên mức vinh hiển cao hơn.

1:5 Câu 3 và 4 cho thấy Chúa đã ban cho chúng ta mọi điều cần có cho

nếp sống thên thượng. Vì Ngài đã ban rồi, nên chúng ta phải siêng năng trau dồi. Chúa không bắt chúng ta phải thành khiết trái với ý muốn của chúng ta hoặc không cần sự dự phần của chúng ta. Về phần chúng ta, phải có lòng khao khát, quyết tâm và kỷ luật.

Trong quá trình phát triển tinh cách Cơ Đốc, Phierơ xem như đã có **đức tin** rồi. Suy cho cùng, ông đang viết cho Cơ Đốc nhân - cho những người đã vận dụng **đức tin** cứu rỗi nơi Chúa Jêsus. Vì vậy ông không bảo họ phải trang bị đức tin; ông xem như họ đã có đức tin ấy rồi.

Điều cần thiết là **đức tin** được bổ sung đầy đủ bởi bảy yếu tố của sự thánh khiết, không phải là thêm lần lượt hết yếu tố này đến yếu tố khác, nhưng là luôn luôn thể hiện mọi ơn ấy.

Thân phụ của Tom Olson thường đọc phần đoạn này cho các con trai mình như sau:

Hãy gắng sức thêm cho đức tin các con sự nhân đức hay can đảm của Davit; thêm cho can đảm của Davit sự học thức của Salômôn; thêm cho học thức của Salômôn sự nhện nhục của Gióp; thêm cho nhện nhục của Gióp sự tin kính của Daniên, và thêm cho sự tin kính của Daniên tình yêu thương anh em của Giônathan; và thêm cho tình yêu anh em của Giônathan lòng yêu mến của Giăng.²

Lenski đề nghị:

Danh sách bảy đức hạnh này được sắp xếp có quy chiếu đến các tiên tri Giê (2:1) và đến phương cách họ sống theo đức tin Giê hô của họ. Thay cho sự dâng khen, các tiên tri Giê cũng cấp

sự hổ nhục; thay cho kiến thức, sự mù quáng; thay cho tiết độ, là đời sống buông tuồng trụy lạc; thay cho sự hiền hòa là tàn nhẫn. Họ bền đỗ trong điều ác; thay cho sự tin kính, là không tin kính; thay cho tình thân thiện anh em, họ không ưa thích con cái Đức Chúa Trời; còn tình yêu thương cháu thật thì họ hoàn toàn không có chút nào cả.³

Đặc điểm thứ nhất là **nhân đức**. Có thể đức hạnh này muốn nói đến sự kính kiến, đời sống nhân đức, hoặc đạo đức xuất sắc dấu những đặc điểm này dường như được nói đến về sau qua chữ "sự tin kính." Cũng có thể **sự nhân đức** ở đây nói đến sự can đảm thuộc linh trước mặt thế gian đầy thù địch, sức mạnh để đứng lên bình vực lẽ phải.

Chúng ta nghĩ đến sự can đảm của những người tuận đạo. Tổng Giám Mục Cranmer nhận lệnh phải ký vào bản từ bỏ đức tin nếu không sẽ bị lên giàn thiêu. Lúc đầu ông từ chối, nhưng rồi dưới áp lực hết sức lớn lao, bàn tay phải của ông đã ký vào bản từ bỏ đức tin. Về sau, ông nhận ra sai lầm của mình và thông báo cho những tay đao phủ đốt lửa lên. Theo lời yêu cầu của ông, đôi tay ông được cởi trói. Lúc đó ông liền đưa bàn tay phải vào lửa và nói: "Chính bàn tay này đã ký, nên nó phải bị hình phạt trước tiên. Bàn tay này đã phạm tội! Bàn tay phải không xứng đáng này đáng phải bị hư mất!"⁴

Phải thêm cho sự can đảm **sự học** thức, đặc biệt là sự hiểu biết chân lý thuộc linh. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của tu thân cứu Lối Chúa và vâng theo những giáo huấn thiêng liêng của Lời Ngài.

Càng thuộc nhiều lời Jêsus ban trao,

Luôn luôn thâm giao với vua trên cao;

Tại nghe Jêxus khuyên dạy ngọt ngào,

Thuộc tôi mấy câu thành ngôn diệu sao.

- *Eliza F. Hewitt*

Qua hiểu biết trong kinh nghiệm về Kinh Thánh, chúng ta phát triển được điều Erdman gọi là "những kỹ năng thực tiễn trong các chi tiết của Cơ Đốc giáo."

1:6 Đức Chúa Trời kêu gọi mỗi một Cơ Đốc nhân bước vào đời sống có kỷ luật. Có người đã định nghĩa đây là sức mạnh kiểm soát của ý chí dưới sự vận hành của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Phải có kỷ luật trong sự cầu nguyện, kỷ luật trong nghiên cứu Kinh Thánh, kỷ luật trong việc sử dụng thi giờ, kỷ luật trong việc kiểm chế những thêm muốn của thân thể, kỷ luật trong nếp sống hy sinh.

Phaolô đã vận dụng sự tiết độ như thế. "Vậy thì, tôi chạy, chẳng phải là chạy bả vợ; tôi đánh, chẳng phải là đánh gió; song tôi đai thân thể tôi cách nghiêm khắc, bắt nó phải phục, e rằng sau khi tôi đã giảng dạy kẻ khác, mà chính mình phải bị bỏ chãng" (I.Côrinthô 9:26,27).

Audubon, một nhà tự nhiên học vĩ đại, đã sẵn lòng chịu sống thiếu tiện nghi triển miên để học biết nhiều hơn về thế giới và chim. Chúng ta hãy nghe Robert G. Lee thuật lại:

Ông kể những tiện nghi thoải mái thuộc thế của mình chẳng đáng so vào

dầu với thành công trong công tác cầu ông. Ông thu mình nắp búi động hàng giờ trong bóng tối và sương mù, cảm thấy mình được thưởng thường rất hậu nếu sau hàng tuần chờ đợi như thế, ông nắm được thêm một sự kiện nữa về một con chim duy nhất nào đó. Ông hầu như không ngủ trong nước tù đọng đến cổ, hầu như nhịn thở, đang khi vô số rắn độc hơi ngang mắt, và những con cá sấu to lớn bơi qua bơi lại trước sự theo dõi yên lặng của ông.

"Chuyện đó chẳng dễ chịu chút nào," ông vừa nói, khuôn mặt vừa sáng ngời nhiệt tình, "nhưng có sao đâu? tôi đã có tấm hình của con chim đó." Ông chịu làm như vậy để có được một bức hình của con chim kia.⁵

Vì có tấm gương của những người khác, vì nhu cầu cấp bách của thế giới đang hư mất, vì hiểm họa chính bản thân đang làm chìm đắm lời chứng của mình, nên chúng ta phải tự giữ kỷ luật để Đấng Christ có được điều tốt nhất của đời sống chúng ta.

Phải thêm cho tiết độ sự nhịn nhục, tức là kiên nhẫn chịu đựng bất bớ và nghịch cảnh. Chúng ta cần được nhắc luôn rằng đời sống Cơ Đốc chính là lời thách thức phải chịu khổ. Khổ sự trong ánh vinh quang vẫn chưa đủ; chúng ta phải bền đỗ bất chấp mọi nghịch cảnh nữa. Quả là ý kiến phi thực tế khi cho rằng Cơ Đốc giáo là loại bất tận những tầng trải cao ngất trên đỉnh núi. Có cả những thông lệ nhàm chán hàng ngày, những công việc tạp dịch, hoàn cảnh đầy thất vọng, nỗi đau khổ đáng cay, kế hoạch vỡ tan. Nhịn nhục là nghệ thuật chịu đựng và cứ tiếp tục tiến lên để đối diện với mọi điều có vẻ như đang chống lại chúng ta.

Đức hạnh kế tiếp là **sự tin kính**. Đời sống của chúng ta phải trở nên giống như Chúa, có nghĩa là phải ở trong con đường thánh khiết thực tiễn. Phải có phẩm chất siêu nhiên trong nếp ăn ở của chúng ta để người khác sẽ biết chúng ta là con cái của Cha trên trời; và hình ảnh gia đình này phải rõ ràng đến độ không thể nhầm lẫn vào đâu được. Phaolô nhắc chúng ta: "... Sự tin kính là ích lợi mọi việc, vì có lời hứa về đời này và đời sau nữa" (I.Timôthê 4:8).

1:7 **Tình yêu thương anh em** khiến thế gian nhận biết chúng ta là môn đồ của Đấng Christ: "Nếu các người yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các người là môn đồ ta" (Giăng 13:35).

Tình yêu thương anh em dẫn đến lòng **yêu mến** cả nhân loại. Chủ yếu đây không phải vấn đề của cảm xúc, nhưng của ý chí. Đây không phải là sự ngây ngất đa cảm để ném trái, nhưng là một mạng lưới phải văng theo. Theo ý nghĩa của Tân Ước, lòng yêu mến mang tính siêu nhiên. Người chưa tin Chúa không thể yêu mến đúng như cách Kinh Thánh truyền dạy, vì người ấy không có sự sống thiên thượng. Phải có sự sống thiên thượng mới yêu được kẻ thù mình và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ mình. Lòng yêu mến tự thể hiện trong sự ban cho. Chẳng hạn: "Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban..." (Giăng 3:16). "Đấng Christ đã yêu hội thánh, phó..." (Êphêsô 5:25). Chúng ta có thể bày tỏ lòng yêu mến của mình bằng cách ban cho thì giờ, tài năng, của cải và cả đời sống mình cho người khác nữa.

T. E. McCully là thân phụ của Ed McCully, một trong năm giáo sĩ trẻ tuổi bị người da đỏ Auca giết tại Ecuador. Một đêm nọ khi chúng tôi đang cùng quý gối với nhau, ông cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin cho con sống lâu đủ để nhìn thấy những con người này được cứu, là những người đã giết các chàng trai của chúng con, để con có thể choàng tay ôm lấy họ và nói cho họ biết con yêu họ vì họ đã yêu Đấng Christ của con." Đó là tình yêu Cơ Đốc - khi bạn có thể cầu nguyện như thế cho những kẻ đã giết chết chính con trai mình.

Bảy đức hạnh này tạo thành một lối cách Cơ Đốc tuyệt vời như quả cầu ngọc trên vương miện vậy.

1:8 Trên con đường môn đồ hóa, một là tiến tới, hai là đang thối lui - không hề có chuyện đứng yên tại chỗ. Tiến lên thì có sức mạnh và an ninh; rút lui thì gặp nguy hiểm và thất bại.

Không bền đỗ phát triển tinh cách Cơ Đốc thì dẫn đến cần cỏi, không kết quả, mù quáng, thiếu cận và hay quên.

Ở đứng. Chỉ đời sống nào ở trong mối tương giao với Chúa thì mới thật sự có kết quả. Sự dẫn dắt của Thánh Linh loại bỏ hoạt động ở đứng và bảo đảm có hiệu quả tối đa. Nếu không, chúng ta đang đánh gió, hoặc đang may mà không có chỉ.

Không kết quả. Có thể có sự nhận biết đáng kể về Chúa Jesus Christ thế nhưng vẫn không kết quả trong sự hiểu biết đó. Không thực hành điều chúng ta biết thì dù dù thoát dẫn đến cảnh ở đứng. Tình trạng cứ nhận hoài nước chảy vào mà không cho nước chảy ra đã giết chết Biển Chết, và tình trạng đó cũng giết

chết việc sinh kết quả trong lãnh vực thuộc linh nữa.

1:9 *Cận thị.* Có nhiều mức độ khiếm thị khác nhau mà người ta nói đến như là bị mù. Cận thị ở đây xác định rõ hình thức đui mù, trong đó con người sống cho hiện tại hơn là cho tương lai. Người này bị ám ảnh với của cải vật chất đến nỗi bỏ bê những vấn đề thuộc linh.

Mù. Người nào thiếu bảy đặc điểm liệt kê trong câu 5-7 thì là người mù. Người ấy không biết đâu là trọng tâm trong đời sống. Người ấy thiếu sự phân biệt các giá trị thuộc linh thật. Người sống trong thế giới tối tăm của những cái bóng.

Quên. Cuối cùng, người nào thiếu bảy đức hạnh trên thì **quên hẳn sự làm sạch tội mình ngày trước.** Chân lý về sự cứu chuộc người không còn kiểm soát được người nữa. Người quay trở lại với hướng đi mà người đã từng được giải cứu khỏi đó. Người đang đùa với tội lỗi vốn gây ra sự chết của Con Đức Chúa Trời.

1:10 Và như vậy Phierơ khuyên đọc giả khẳng định **sự kêu gọi và chọn lựa mình.** Đây là hai phương diện trong kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời. **Sự lựa chọn** nói đến sự chọn lựa *đời đời* và tối thượng của Ngài để chọn những cá nhân thuộc về Ngài. **Sự kêu gọi** nói đến hành động của Ngài trong cõi thời gian để thể hiện rõ sự chọn lựa. **Sự chọn lựa** chúng ta xảy ra trước khi sáng thế; **sự kêu gọi** chúng ta xảy ra khi chúng ta hoán cải. Về trình tự thời gian, **sự chọn lựa** đến trước, sau đó đến **sự kêu gọi.**

Nhưng trong từng trải con người, chúng ta nhận thức được về **sự kêu gọi** của Ngài trước, sau đó mới nhận thấy mình được chọn trong Đấng Christ từ cõi đời đời.

Chúng ta không thể làm cho **sự kêu gọi và chọn lựa** mình được **chắc chắn** hơn mức đã vốn có rồi; không bao giờ ngăn cản được ý định đời đời của Chúa đâu. Nhưng chúng ta có thể khẳng định chúng bằng cách ngày càng trở nên giống Chúa hơn. Bằng cách thể hiện ra trái Thánh Linh, chúng ta có thể cung cấp bằng chứng không nhầm lẫn vào đâu được rằng mình thật sự thuộc về Ngài. Đời sống thành khiết chứng tỏ thực tại sự cứu rỗi chúng ta.

Sống thành khiết sẽ giữ chúng ta khỏi vấp ngã. Đây không phải là vấn đề vấp ngã vào sự hư mất đời đời; công tác Đấng Christ đã giải thoát chúng ta khỏi nơi đó rồi. Đúng hơn, câu này nói đến sự vấp ngã vào tội lỗi, hổ nhục hoặc bị bỏ đi. Nếu không tấn tới trong các sự thuộc về Chúa, chúng ta đang có nguy cơ làm đắm chìm đời sống mình. Nhưng nếu bước đi trong Thánh Linh, chúng ta sẽ được thoát khỏi tình trạng bị loại khỏi công tác phục vụ Ngài. Đức Chúa Trời canh giữ những Cơ Đốc nhân nào tiến lên phía trước cho Ngài. Hiểm họa nằm trong cảnh ở đứng và đui mù thuộc linh.

1:11 Trong sự tấn tới thuộc linh liên tục không những có sự an toàn, mà còn có lời hứa **cho vào cách rộng rãi trong nước đời đời của Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa và Cứu Chúa của chúng ta.** Ở đây, Phierơ không nói đến *sự kiện* chúng ta được vào, nhưng nói đến

phương cách được vào. Cơ sở duy nhất để được vào nước Thiên đàng chính là đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Nhưng một số người sẽ được cho vào cách rộng rãi hơn người khác. Sẽ có nhiều mức độ phần thưởng. Và phần thưởng nói đến ở đây tùy thuộc vào mức độ người ấy trở nên giống với Cứu Chúa.

1:12 Khi suy xét những hàm ý hiện tại và đời đời của đề tài này, Phierơ quyết định cứ tiếp tục nhắc nhở tín hữu tầm quan trọng của việc phát triển tinh cách Cơ Đốc. Dẫu đã biết rồi, họ vẫn cần được nhắc liên tục. Chúng ta cũng vậy. Dẫu chúng ta biết rõ ràng và chắc chắn trong lẽ thật, vẫn luôn có nguy cơ một phút lơ đãng hoặc một giờ bị quên đi. Vì vậy lẽ thật này phải được lập đi lập lại liên tục.

1:13 Không chỉ là ý định, mà Phierơ còn có bốn phạm phải thức tỉnh các thành đồ qua những lời nhắc nhở thường xuyên **chứng nào** ông còn sống trên đời. Càng gần cuối đời, ông cảm thấy càng phải mạnh mẽ giữ cho tâm linh họ khỏi ngủ gục.

1:14 Chúa đã cho Phierơ biết ông sẽ chết và *cách* ông sẽ chết (Giăng 21:18,19). Nhiều năm đã trôi qua. Vị sứ đồ cao tuổi biết ngày qua đời của mình đã rất gần rồi. Sự hiểu biết này càng tăng thêm động cơ khiến ông quyết tâm chăm lo phúc lợi thuộc linh của dân sự Chúa chứng nào ông còn trên đời.

Ông nói sự chết của mình là bỏ nơi ở trên trần gian này của mình hay rời khỏi thân thể hay "nhà tạm" (Bản Anh ngữ là "lều") của mình. Lều là nơi ở tạm cho du khách thể nào, thì thân thể

cũng là cấu trúc chúng ta ở tạm trong lúc đang hành hương trên đất thể ấy. Khi qua đời, chiếc lều này bị hạ xuống. Tại lúc Sự Cát Lành, thân thể sẽ được sống lại và biến hóa. Trong hình thức đời đời và vĩnh viễn, thân thể được nói đến như một tòa nhà hay một căn nhà (II.Côrinthô 5:1).

Sự kiện Phierơ biết mình sẽ chết không vô hiệu hóa sự thật Đấng Christ sắp tái lâm đón rước các thánh đồ này, như thình thoảng có người vẫn nghĩ. Hội thánh thật luôn luôn chờ đợi Đấng Christ đến bất cứ giây phút nào. Chỉ bởi sự khải thị đặc biệt mà Phierơ mới biết mình không còn sống lúc Chúa trở lại.

1:15 Không những sứ đồ cương quyết đích thân nhắc nhở các thành đồ về tầm quan trọng của sự tấn tới thuộc linh, ông còn sắp xếp để muốn lưu lại lời nhắc nhở dưới hình thức chữ viết lâu dài. Qua chữ viết của ông, tín hữu có thể tự nhắc nhở họ bất cứ lúc nào. Kết quả là các thư tín của Phierơ đã soi sáng lối đi của những nam nữ tín hữu trong hơn mười chín thế kỷ qua đến nay, và sẽ tiếp tục soi sáng như thế cho đến khi Cứu Chúa chúng ta trở lại. Cũng có lời truyền khẩu đáng tin cậy rằng sách Tin Lành Mác về cơ bản là sự hồi tưởng của nhân chứng trực tiếp từ vị lãnh tụ thuộc linh của Mác, tức Sứ đồ Phierơ.

Tầm quan trọng của mục vụ viết lách được nói rõ tại đây. Chữ viết sẽ còn mãi. Qua những lời viết ra, chức vụ của một người vẫn cứ tiếp tục tuy thì thể người đã nằm dưới mộ.

Chữ "đi" Phierơ dùng ở đây chính là chữ từ đó chúng ta có "xuất hành."

Cũng chính chữ này được dùng mô tả sự chết của Đấng Christ trong Luca 9:31. Chết không phải là ngừng hiện hữu, nhưng là sự khởi hành từ nơi này sang nơi khác.

Những câu Kinh Thánh này có giá trị đặc biệt cho chúng ta vì chúng cho thấy đây là điều quan trọng đối với một người của Đức Chúa Trời đang sống trong bóng của sự chết. "Điều tôi đã nói" (Bản Anh ngữ là "những điều này") xuất hiện bốn lần - câu 8, 9, 12 và 15. Chân lý trọng đại và cơ bản của đức tin Cơ Đốc có giá trị lớn lao khi nhìn từ biên giới của thế giới đời đời.

1:16 Những câu kết thúc của đoạn 1 nói đến tính chắc chắn của việc Đấng Christ sẽ trở lại trong vinh hiển. Phierơ trước hết nói đến tính chắc chắn từ lời chứng của các sứ đồ, sau đó nói đến tính chắc chắn của lời tiên tri. Đường như thế Phierơ đứng chung với Tân Ước và Cựu Ước mà bảo độc giả phải bám chắc lời làm chứng thống nhất này vậy.

Ông nhấn mạnh rằng lời làm chứng của các sứ đồ cần cứ trên sự kiện có thực, chứ không phải trên huyền thoại. Họ không theo những chuyện khéo đặt để hay những huyền thoại khi cho độc giả biết quyền phép và sự đến của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta.

Sự kiện cụ thể được ông trưng dẫn ra đây chính là Sự Hóa Hình của Đấng Christ trên núi. Có ba sứ đồ chứng kiến - Phierơ, Giacơ và Giăng. Quyền phép và sự đến là một cách nói văn chương để hão: "Sự hiện đến trong quyền phép," hoặc "sự hiện đến đầy quyền năng." Sự Hóa Hình là sự duyệt trước việc Đấng Christ đến trong quyền phép để cai trị

trên toàn trái đất. Điều này được nói rõ trong câu chuyện Mathiơ thuật lại biến cố này. Trong Mathiơ 16:28, Chúa Jêsus phán: "Quả thật, ta nói cùng các ngươi, trong các ngươi đứng đây, có một vài kẻ sẽ không chết trước khi thấy Con người ngự đến trong nước Ngài." Chính những câu Kinh Thánh kế tiếp (17:1-8) mô tả Sự Hóa Hình. Trên ngọn núi này, Phierơ, Giacơ và Giăng đã nhìn thấy Chúa Jêsus trong dáng một vinh hiển mà Ngài sẽ có khi cai trị suốt một ngàn năm. Trước khi qua đời, ba sứ đồ này đã nhìn thấy Con Người trong vinh hiển của vương quốc hầu đến của Ngài. Vì vậy, những Lời Chúa phán trong Mathiơ 16:28 được ứng nghiệm trong 17:1-8.

Giờ đây, Phierơ nhấn mạnh rằng câu chuyện các sứ đồ kể về Sự Hóa Hình không dựa trên những chuyện khéo đặt để (Hy văn là "những huyền thoại"). Đây chính là từ ngữ một số nhà thần học hiện đại đang dùng để công kích Kinh Thánh. Họ đề nghị chúng ta nên "giải trừ thần thoại" cho Kinh Thánh. Bultmann nói về "yếu tố thần thoại" trong Tân Ước. John A. T. Robinson kêu gọi Cơ Đốc nhân phải nhận ra rằng phần lớn Kinh Thánh chứa đựng những thần thoại:

Trong thế kỷ vừa qua, đã có một bước tiến lên phía trước tuy đau đớn nhưng dứt khoát để công nhận rằng Kinh Thánh thật sự chứa đựng "thần thoại," và công nhận rằng đây là một hình thức quan trọng của chân lý tôn giáo. Người ta dần dần công nhận - bởi hầu hết mọi người ngoài trừ những người theo phái chính thống cực đoan, rằng các câu chuyện của Sáng Thế Kỳ

kể về Sự Sáng Thế và Sự Sa Ngã là những sự trình bày tượng trưng các chân lý sâu xa nhất về con người và vũ trụ trong hình thức thần thoại chứ không phải lịch sử, dầu vậy những câu chuyện ấy là hợp lý cho vấn đề đó. Thực ra, điều thiết yếu để bình luận chân lý Cơ Đốc chính là nhận ra và khẳng định những câu chuyện này không phải là lịch sử, và do đó không cạnh tranh với những câu chuyện khác về nhân loại học hoặc vũ trụ học. Giờ đây chúng ta có thể thấy, những ai không phân biệt được điều này thì đã trở thành con rối trong tay của Thomas Huxley và những bạn hữu của ông ta.⁷

Để bác bỏ lời lên án về những huyền thoại, Phero nêu ba bằng chứng về Sự Hóa Hình: lời chứng của *mắt thấy*; lời chứng của *tai nghe*, và lời chứng của *sự hiện diện đích thân*.

Về phần *mắt thấy*, các sứ đồ đã chính mắt thấy sự cai nghiêm Ngài. Giảng làm chứng: "Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lẽ thật; chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, thật như vinh hiển của Con một đến từ nơi Cha" (Giăng 1:14).

1:17 Rồi có lời làm chứng của *tai nghe*. Các sứ đồ đã nghe tiếng Đức Chúa Trời phán: "Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường." Lời nói thành tiếng để tôn trọng Chúa Jêsus đã đến với Ngài từ nơi Tôn Trọng Vinh Hiển, tức là từ đám mây vinh quang chói sáng, gọi là Shekinah, là vinh quang làm biểu tượng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

1:18 Khi nói đến Giacô, Giảng và chính mình, Phero nhấn mạnh họ đã

nghe rõ ràng tiếng phán của Đức Chúa Trời khi họ cùng ở với Chúa trên hòn núi thánh. Đây là lời làm chứng của ba nhân chứng, mà theo Mathê 18:16 là có thẩm quyền và có năng lực.

Cuối cùng, Phero thêm lời chứng của *sự hiện diện đích thân*: Chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh. Đây là một tình huống có thật trong đời sống; không thể nghi ngờ gì về điều đó.

Chúng ta không biết về ngọn núi đã diễn ra Sự Hóa Hình. Nếu có thể xác định được ngọn núi đó, thì bây giờ chắc đã ngổn ngang các đền thờ trên đó.⁸ Núi này được gọi là ngọn núi thánh không phải vì nó vốn là thiêng liêng có hữu rồi, nhưng vì được biệt riêng ra làm địa điểm dành cho một biến cố thiêng liêng.

1:19 Nhân đó chúng tôi càng tin lời các Đấng tiên tri chắc chắn hơn. Các tiên tri Cựu Ước đã báo trước Đấng Christ hiện đến trong quyền phép và vinh hiển lớn. Các biến cố trên ngọn Núi Hóa Hình đã làm chắc chắn những lời tiên tri đó. Điều các sứ đồ nhìn thấy đã không gạt bỏ các lời tiên tri Cựu Ước sang một bên cũng không khiến chúng càng chắc chắn hơn, nhưng chỉ đơn thuần thêm lời khẳng định những lời dự ngôn kia. Các sứ đồ được nhìn thoáng trước về vinh hiển vương quốc tương lai của Đấng Christ.

Bản dịch của F. W. Grant cho phần còn lại của câu 19 rất bổ ích. "... Anh em nên chú ý lời đó (như cái đèn soi sáng trong nơi tối tăm, cho đến chừng nào ban ngày lộ ra, và sao mai mọc) trong lòng anh em." Để ý cách Grant sử dụng dấu ngoặc đơn. Theo bản dịch của

ông, chúng ta nên liên kết “**chú ý**” với “**trong lòng anh em.**” Nói cách khác, trong lòng chúng ta phải chú ý. Trong bản NKJV và nhiều bản dịch khác ghi là: **ban ngày lộ ra và sao mai mọc trong lòng anh em**, và câu này gây ra nhiều khó khăn thực sự trong lối giải nghĩa.

Lời tiên tri là sự sáng đang chiếu soi. Bóng âm đạm hay nơi tối tăm là thế gian. **Buổi bình minh** báo hiệu chấm dứt Thời Đại Hội Thánh hiện tại này (Rôma 13:12). **Sao mai mọc** mô tả Đấng Christ đến rước các thánh độ Ngài. Như vậy, nghĩa của phần đoạn này ấy là chúng ta nên luôn luôn giữ lời tiên tri trước mắt mình, chắt chũa nó trong lòng mình, vì đó sẽ là sự sáng trong thế gian tối tăm này cho đến chừng thời đại này chấm dứt và Đấng Christ hiện ra trong các đám mây để rước dân sự đang chờ đợi Ngài về quê hương trên Thiên đàng.

1:20 Trong hai câu cuối của đoạn này, Phero nhấn mạnh những câu Kinh Thánh tiên tri phát xuất từ Đức Chúa Trời chứ không từ con người; chúng được soi dẫn cách thiên thượng.

Chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh thánh lấy ý riêng giải nghĩa được (hay “**nguồn gốc.**” chú thích bên lề). Câu này đã làm xuất hiện những lối giải thích rất khác nhau. Một số lối giải thích thật phi lý, như quan điểm cho rằng việc giải nghĩa Kinh Thánh là quyền của mình giào hội mà thôi còn cá nhân đứng nên nghiên cứu Kinh Thánh!

Các lối giải thích khác có thể là những tuyên bố đúng, dầu vậy không phải là ý nghĩa của phần đoạn này. Chẳng hạn, đúng là đứng nên giải nghĩa bất kỳ một câu nào tự riêng nó, nhưng

phải dựa vào văn mạch và văn mạch của toàn bộ phần Kinh Thánh còn lại.

Nhưng ở đây, Phero đang đề cập đến *nguồn gốc* của lời tiên tri, chứ không phải phương cách giải nghĩa sau khi lời tiên tri đó được ban ra. Ý chính ở đây là: khi tiên tri ngồi xuống viết ra, họ đã không cung cấp lời giải nghĩa theo ý riêng về các biến cố hay những kết luận của tiếng họ. Nói cách khác, lời giải nghĩa⁹ không nói đến việc giải nghĩa Lời Chúa của những người trong vòng chúng ta, là người đã có Kinh Thánh dưới dạng văn viết; đúng hơn, câu này nói đến *phương cách* mà Lời Đức Chúa Trời đã xuất hiện lúc ban đầu. D. T. Young viết:

Vì vậy khi hiểu đúng, khúc Kinh Thánh này khẳng định Kinh Thánh không phải của con người trong nguồn gốc tổ tiên của nó. Đây là cách giải nghĩa của Đức Chúa Trời, chứ không phải của con người. Chúng ta thường nghe về những câu nào đó của Kinh Thánh như là đại diện cho quan niệm của Đavit, hay quan niệm của Phaolô, hay quan niệm của Phero. Thế nhưng nếu nói cho nghiêm túc, chúng ta không hề có quan niệm của con người trong những Tác Phẩm Thánh ấy. Đây hoàn toàn là lời giải nghĩa của Đức Chúa Trời về các sự việc. Không có lời tiên tri nào đại diện lời giải nghĩa của một cá nhân nào: con người đã nói ra khi họ được Đức Thánh Linh cảm động.¹⁰

Cách dịch thành “**nguồn gốc**” trong chú thích ngoài lề của bản NKJV do đó là hoàn toàn chính xác, và chúng ta tin chữ đó là tốt nhất trong văn mạch.

1:21 Câu này khẳng định lời giải thích vừa nêu trong câu 20. **Vì chẳng hề có lời tiên tri nào là bởi ý một người nào mà ra.** Có người nói: "Những điều họ viết ra không phải là sự pha chế những ý kiến riêng của họ, và đó cũng không phải là kết quả từ trí tưởng tượng, sự thông sáng hay phỏng đoán của con người."

Sự thực ấy là "bởi Đức Thánh Linh cảm động mà những người thánh của Đức Chúa Trời đã nói ra."¹¹ Bằng cách nào đó mà chúng ta không hiểu đầy đủ được, Chúa đã hướng dẫn những con người này về chính những chữ cần phải viết ra, thế nhưng Ngài không làm hỏng cá tính hay bút pháp của trước giả. Đây là một trong những câu chìa khóa của Kinh Thánh nói về sự soi dẫn thiên thượng. Giữa thời kỳ rất nhiều người đang phủ nhận thẩm quyền của Kinh Thánh, điều quan trọng là chúng ta phải đứng vững bình vực sự soi dẫn *từng lời* và *toàn phần* của Lời *không sai lạc* trong Kinh Thánh.

Với chữ sự soi dẫn *từng lời*, chúng ta muốn nói rằng *những chữ* được viết ra trong nguyên bản bởi hơn bốn mươi trước giả là những chữ đã được Đức Chúa Trời hà hơi (xem [Côrinthô 2:13]). Đức Chúa Trời không ban một bộ cục tổng quát hay một số ý cơ bản sau đó để cho tác giả viết thêm những cụm từ theo cách họ muốn. Chính những từ ngữ họ viết ra đã được Đức Thánh Linh ban cho.

Với sự soi dẫn *toàn phần* chúng ta muốn nói toàn bộ Kinh Thánh đều được Đức Chúa Trời ban phát như nhau từ Sáng Thế Ký cho đến Khải Huyền. Đây

là Lời của Đức Chúa Trời (xem II.Timothê 3:16). Với chữ "*không sai lạc*" chúng ta muốn nói Lời của Đức Chúa Trời ra từ đó là hoàn toàn *không mắc lỗi* làm nào trong nguyên bản, không những trong giáo lý, mà còn trong lịch sử, khoa học, nền đại và mọi lãnh vực khác.

III. BẢO TRƯỚC SỰ DẤY LÊN CỦA CÁC GIÁO SƯ GIẢ (Đoạn 2)

2:1 Ở cuối đoạn 1, Phero nói các tiên tri Cựu Ước là những người đã nói ra Kinh Thánh, không phải viết bởi ý riêng của họ, nhưng theo như Đức Thánh Linh cảm động. Giờ đây ông nói ngoài các tiên tri thật của thời kỳ Cựu Ước, **còn có tiên tri giả nữa.** Trong kỷ nguyên Cơ Đốc đã có những giáo sư thật thì cũng sẽ có **những giáo sư giả** nữa.

Các giáo sư giả này ở bên trong hội thánh. Họ làm ta vẻ như những người phục vụ Tin Lành. Điều này khiến hiểm họa lại càng lớn hơn nữa. Nếu họ đến rõ ràng từ bên ngoài và tuyên bố là những người vô thần hay người bất khả tri, người ta sẽ dễ phòng. Nhưng họ là bậc thầy trong nghệ thuật lừa gạt. Họ cầm Kinh Thánh và sử dụng những cụm từ chánh thống - dấu vậy sử dụng những cụm từ đó để nói đến một điều hoàn toàn khác. Viện trường một chủng viện thần học tự do công nhận chiến lược này như sau:

Các hội thánh thường thay đổi niềm tin quyết mà không chính thức từ bỏ những quan điểm mà trước kia họ tận tụy đi theo, và những nhà thần học của họ thường tìm nhiều cách giữ gìn sự tiếp nối với quá khứ thông qua những lời giải thích trở lại.

W. A. Criswell mô tả các giáo sư giả như sau:

Một người ăn nói ngọt ngào, ăn cần niềm nở, duyên dáng, có vẻ học giả và tuyên bố là bạn của Đấng Christ. Người đứng giảng trên tòa giảng của hội thánh, viết nhiều sách uyên bác, xuất bản nhiều bài xã luận trong các tạp chí tôn giáo. Người này tán công Cơ Đốc giáo từ bên trong. Người này biến hội thánh và trường học trở thành nơi ở cho mọi loài chim ở uế và đáng ghê. Người làm cho bữa ăn lên men với giáo lý của phái Sadusé.¹²

Người ta tìm thấy các giáo sư giả ở đâu? Có thể để cập những nơi thấy họ hiển nhiên nhất là ở trong:

Tin Lành Tự Do và Tân Chánh Thống

Công Giáo Lamã Tự Do

Duy Nhất Thần Giáo và Phổ Thông Thuyết

Chủ Thuyết Russellism (Giêhova Chứng Nhân)

Đạo Mormon

Cơ Đốc Khoa Học

Trường Phái Hiệp Một Của Cơ Đốc Giáo (Unity School of Christianity)

Christadelphianism

Chủ Thuyết Armstrongism ("Radio Church of God")

Tuy tuyên bố là người phục vụ sự công bình, họ bí mật truyền bá những tà giáo làm hại đến linh hồn kèm bên cạnh giáo lý chân chính của Kinh Thánh. Đây là sự pha lẫn cố ý lừa dối giữa cái giả và cái thật. Chủ yếu, họ rêu rao một hệ thống những câu nói phủ nhận. Đây là một số những lời phủ

nhận có thể tìm thấy giữa vòng những nhóm được liệt kê trên đây:

Họ phủ nhận sự soi dẫn từng lời và toàn phần của Kinh Thánh, giáo lý Ba Ngôi, thần tánh của Đấng Christ, sự giáng sinh bởi nữ đồng trinh, và sự chết của Ngài trong tư cách Đấng Thay Thế cho tội nhân. Họ đặc biệt hàng hải phủ nhận giá trị dòng huyết đã đổ ra của Chúa. Họ phủ nhận sự phục sinh trong thân thể của Chúa, phủ nhận hình phạt đời đời, sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ, sự có thật của các phép lạ trong Kinh Thánh.

Các lời dạy dỗ giả dối phổ thông ngày nay là:

Thuyết Kenosis - tà giáo cho rằng Đấng Christ đã tự bỏ khỏi Ngài các thuộc tánh của thần tánh. Điều này có nghĩa Ngài có thể phạm tội, có thể phạm sai lầm, và v.v...

Sản phẩm hoang tưởng "Đức Chúa Trời đã chết," thuyết tiến hóa, sự cứu rỗi phổ thông, ngục luyện tội, những lời cầu thay cho kẻ chết, v.v..

Tội lỗi tội cùng của các giáo sư giả ấy là họ chối bỏ ngay cả Chúa là Đấng đã chuộc họ. Tuy có thể họ nói những điều tốt đẹp về Chúa Jêsus, nói đến "thần tánh" của Ngài, nên đạo đức cao quý của Ngài, tấm gương siêu phàm của Ngài, nhưng họ không công nhận Ngài là Đức Chúa Trời và là Cứu Chúa độc nhất vô nhị.

Nels Ferré viết: "Chúa Jêsus chưa bao giờ là Đức Chúa Trời hoặc trở thành Đức Chúa Trời.... Gọi Jêsus là Đức Chúa Trời tức là đem thần tượng thay thế cho Sự Nhập Thể"¹³

Giám Mục Hội Giám Lý Gerald Kennedy đã đồng ý:

Tôi thành thật thừa nhận rằng lời tuyên bố ấy (rằng Đấng Christ là Đức Chúa Trời) không làm tôi thấy hài lòng và dường như khiến tôi không được thỏa mãn chút nào. Tôi muốn cầu đó bởi Đức Chúa Trời đã ở trong Đấng Christ thì đúng hơn, vì tôi tin toàn bộ lời chứng của Tân Ước đều chống lại giáo lý Chúa Giêsu là Đức Chúa Trời, đầu tôi nghĩ Tân Ước có nhiều lời chứng về thần tính của Chúa Giêsu.¹⁴

Bằng cách này và nhiều cách khác nữa, các giáo sư giả đã chối Chúa là Đấng đã chuộc họ. Ở đây, chúng ta nên dừng lại để tự nhắc nhở mình rằng tuy các giáo sư giả mà Phierơ nói đến ở đây đã được Chúa chuộc (Bản Anh ngữ là "mua"), nhưng họ chưa hề được cứu chuộc. Tân Ước phân biệt giữa việc trả tiền mua và sự cứu chuộc. Tất cả đều đã được mua nhưng không phải tất cả đều được cứu chuộc. Sự cứu chuộc chỉ áp dụng cho những ai tiếp nhận Chúa Giêsu làm Chúa và Cứu Chúa, chịu sử dụng giá trị dòng huyết đã đổ ra của Ngài (L.Phierơ 1:18,19).

Trong Mathiơ 13:44, Chúa Giêsu được mô tả là người đã bán hết mọi điều mình có để mua một thửa ruộng. Trong câu 38 của chính đoạn này, thửa ruộng được nói rõ là thế gian. Vì vậy bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá, Chúa đã mua thế gian và mọi người ở trong thế gian ấy. Nhưng Ngài đã không cứu chuộc toàn thế gian. Tuy công tác của Ngài là để cứu chuộc toàn nhân loại, nhưng chỉ hiệu năng cho những ai chịu ăn năn, tin và tiếp nhận Ngài.

Sự kiện những giáo sư giả này chưa được tái sinh thật được nói rõ qua số phận của họ. Họ tự mình chuộc lấy sự hủy phá thình lình. Số phận của họ là bị hình phạt đời đời trong hồ lửa.

2:2 Phierơ báo trước họ sẽ thu hút được rất đông người đi theo. Họ thu hút như vậy bằng cách cố tình phá hoại các tiêu chuẩn đạo đức của Kinh Thánh và khuyến khích sự buông tuồng của xác thịt. Sau đây là hai ví dụ:

Giám Mục Anh Quốc Giáo John A. T. Robinson viết:

... Không hề có điều gì mà người ta có thể luôn luôn gọi nó là "sai quấy." Chẳng hạn, người ta không thể bắt đầu từ quan điểm xem "quan hệ tình dục trước hôn nhân" hoặc "ly dị" tự bản thân chúng là sai quấy hoặc là tội lỗi. Có thể những mối quan hệ đó chiếm tỉ lệ 99 hoặc thậm chí 100 trên 100 trường hợp, nhưng chúng không phải vốn cố hữu như thế, vì điều ác cố hữu duy nhất chính là thiếu tình yêu thương.¹⁵

Trong tác phẩm Called to Responsible Freedom (Được Gọi Đến Sự Tự Do Trong Tinh Thần Có Trách Nhiệm) do hội National Council of Churches (Hội Đồng Các Giáo Hội Toàn Quốc) ấn hành, lớp thanh niên được tư vấn thế này:

Như vậy, theo ý nghĩa riêng tư và cá nhân, điều xứng công bình và làm nên thành tình dục không phải là tình trạng hôn nhân bề ngoài của người ta trước pháp luật nhưng đúng hơn là những gì họ cảm nhận đối với nhau trong tâm lòng họ. Khi được đánh giá như thế, việc nắm tay có thể thực sự rất sai quấy còn hành động tình dục

ăn nằm gần gũi lại có thể là đúng và tốt lành.¹⁰

Do kết quả của loại hành vi này - do sự giảng dạy và thực hành của các giáo sư giả - đạo thật đã bị gièm pha. Người không tin Chúa đã thấy hết sức khinh thường Cơ Đốc giáo.

2:3 Các giáo sư giả này tham lam, cả trong lãnh vực tinh dục lẫn tài chính. Họ chọn chức vụ như một nghề nghiệp sinh lợi. Mục tiêu lớn của họ là kiếm được số đồng người đi theo để bởi đó có thể gia tăng thu nhập.

Họ lấy lời dối trá đực khoét người ta. Darby nói: "Ma quỷ chưa bao giờ thật là Satan cho bằng lúc hắn cầm Kinh Thánh." Những người này cũng vậy, với Kinh Thánh trong tay, phở mình như những người phục vụ sự công bình, thốt ra những bài Thánh ca Tin Lành nổi tiếng, dùng những thành ngữ của Kinh Thánh. Nhưng toàn bộ điều đó chỉ là lớp vỏ nguy trang cho những đạo lý tà giáo và những tiêu chuẩn đạo đức bại hoại.

Sự kết án kinh khiếp đang chờ đợi những tên giốn điệp tôn giáo này. Sự đoán phạt họ sẽ chẳng ngủ; nó đang tự vũ trang chờ sẵn ngày chém giết. Sự hư mất của họ chẳng hề ngủ gục. Nó đã thức, sẵn sàng tấn công như một con báo.

2:4 Trong câu 4-10, chúng ta có ba tấm gương Cựu Ước về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên sự bội đạo - các thiên sứ, những người trước thời nước lụt, thành Sôđôm và Gômôra.

Chúng ta xem như chấp nhận rằng các thiên sứ đã phạm tội này là những nhân vật cũng được nói đến trong

Giude câu 6. Trong Giude, chúng ta biết: (1) Các thiên sứ đó không giữ thứ bậc của họ. (2) Họ bỏ chỗ riêng của mình. Dầu chúng ta không biết chắc chắn, nhưng có lý do vững chắc để tin rằng đây cũng chính là những "con trai của Đức Chúa Trời" được nói đến trong Sáng Thế Ký 6:2: "Các con trai của Đức Chúa Trời thấy con gái loài người tốt đẹp, bèn cưới người nào vừa lòng mình mà làm vợ." Các thiên sứ được gọi là con trai của Đức Chúa Trời trong Gióp 1:6; 2:1. Suy luận từ Sáng Thế Ký 6 ấy là những con trai của Đức Chúa Trời này đã bỏ địa vị thiên sứ đã giao cho họ, đổi nơi ở của mình trên Thiên đàng để lấy nơi ở trên đất, và đã lấy vợ giữa vòng con gái loài người. Con cái sanh ra cho họ là nephilim, nghĩa là "những người sa ngã" (Sáng Thế Ký 6:4). Từ Sáng Thế Ký 6:3, dường như rõ ràng Đức Chúa Trời vô cùng buồn bực những mối liên hiệp tinh dục không bình thường này.

Để phản đối quan điểm này, người ta thường cho rằng các thiên sứ là không có giới tính và do đó không thể cưới gả. Nhưng Kinh Thánh không nói điều này. Toàn bộ những điều Kinh Thánh nói ấy là trên Thiên đàng họ không cưới gả (Mác 12:25). Thiên sứ thường hiện ra trong hình trạng con người vào thời Cựu Ước. Lấy ví dụ, hai thiên sứ mà Lót đã tiếp đãi tại Sôđôm (Sáng Thế Ký 19:1) được mô tả như là người nam râu 5, 10, 12. Họ có chân (câu 2) và tay (câu 10); họ có thể ăn (câu 3); họ có sức mạnh thuộc thể (câu 10, 16). Từ những đực vọng bại hoại của những người nam ở Sôđôm, ta thấy các

thiên sứ này có cơ thể có thể bị lạm dụng tình dục được (câu 5).

Đức Chúa Trời đã bị chọc giận bởi sự bội đạo trắng trợn này của các thiên sứ bỏ khỏi trật tự Ngài đã lập. Số phận của họ là bị ném vào địa ngục, bị quăng vào những vực sâu hoàn toàn tối tăm chờ đợi sự phán xét cuối cùng.

2:5 Minh họa thứ nhì về việc Chúa trực tiếp can thiệp để hình phạt tội lỗi liên quan đến những người bị chết mất trong cơn nước lụt. Sự gian ác của họ rất khủng khiếp. Các ý tưởng của lòng họ là xấu luôn (Sáng Thế Ký 6:5). Trước mắt Đức Chúa Trời, trái đất bại hoại và đầy dẫy sự hung bạo (Sáng Thế Ký 6:11-13). Chúa tiếc vì đã dựng nên con người trên đất (Sáng Thế Ký 6:6). Ngài buồn đến nỗi quyết định hủy diệt họ (Sáng Thế Ký 6:7). Ngài chẳng liếc mắt gian xưa, nhưng đem nước lụt đến để tiêu diệt cư dân gian ác trên đất.

Chỉ một mình Nôê và gia đình ông được ơn trước mặt Chúa. Họ đã tìm và gặp được nơi ẩn náu trong chiếc tàu, và đã an toàn vượt trên cơn bão thành nọ của Đức Chúa Trời.

Nôê được mô tả là thấy giăng đạo công bình. Rõ ràng, khi đóng chiếc tàu, những nhát búa của ông đã đan xen với những lời cảnh cáo khuyến người đến xem đang nhạo báng kia hãy từ bỏ tội lỗi nếu không sẽ phải gặp sự hình phạt công bình của Chúa dành cho gian ác của họ.

2:6 Ví dụ thứ ba về sự đoán xét không thương xót của Chúa liên quan đến sự tiêu diệt Sôđôm và Gômôr. Hai thành phố này, nằm gần vùng ngày nay là khu vực phía nam Biển Chết, là

những ổ dâm dục bại hoại. Dân chúng chấp nhận đồng tính luyến ái như một lối sống bình thường. Tội này được mô tả trong Rôma 1:26,27:

Ấy vì cơ đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đàn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. Những người đàn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đàn bà mà ưa đổi tình dục người nầy với kẻ kia, đàn ông cùng đàn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều làm lỗi của mình.

Đức Chúa Trời đã không xem sự bại hoại vô độ này là bệnh tật, nhưng xem là tội lỗi. Để chứng tỏ cho mọi thế hệ tiếp theo sau thấy Ngài cực kỳ ghét đồng tính luyến ái, Ngài đã giáng mưa lửa và diêm sinh trên Sôđôm và Gômôr (Sáng Thế Ký 19:24), biến hai thành này thành tro tàn. Sự hủy diệt này hoàn toàn đến độ ngày nay người ta thối mác đáng kể về vị trí chính xác của các thành này. Hai thành này là tấm gương cho bất kỳ ai muốn hợp pháp hóa tội lỗi này hay dung túng nó như một bệnh tật.

Thật có ý nghĩa khi hàng giáo phẩm của phái tự do ngày nay ngày càng tuyên bố hậu thuẫn thẳng thừng cho sự bại hoại tình dục. Quan chức của giáo hội United Church of Christ, viết trong *Đạo Luật Xã Hội* (Social Action), đề nghị hội thánh chấm dứt phân biệt đối xử với những người đồng tính luyến ái khi vào học tại các chủng viện, trong việc phong chức, và tuyển dụng nhân sự hội thánh. Chín mươi lăm mục của Giám

Mục Hội mới đây quyết định rằng các hoạt động đồng tình luyến ái giữa những người lớn đã thuận ý với nhau thì mang tính trung lập về đạo đức. Những giáo sư giả trong tôn giáo đang đi đầu chiến tuyến của những phong trào hợp pháp hóa tội lỗi này.

Chẳng hề tình cờ khi thơ tin này - đang đề cập đến *tội bội đạo* - lại nói rất nhiều như thế về *sự gian dâm*; hai tội đó thường đi chung với nhau. Bội đạo thường bắt rễ trong thất bại về đạo đức. Chẳng hạn một người kia có thể sa vào phạm tội tình dục nghiêm trọng. Thay vì công nhận tội của mình và tìm sự tẩy sạch tội qua huyết Đấng Christ, người này quyết định dứt bỏ sự hiểu biết về Chúa, là điều lên án những hành động của mình, rồi đi sống theo chủ nghĩa vô thần thực sự. A. J. Pollock kể lại lần gặp một chàng trai đã từng xưng mình là Cơ Đốc nhân nhưng giờ đây đầy nghi ngờ và những phủ nhận. Ông Pollock hỏi anh ta: "Bạn ơi, lâu nay bạn đang buông mình vào trong tội nào?" Chàng trai gục mặt xuống, lập tức chấm dứt cuộc đối thoại, và ra đi đầy xấu hổ.¹⁷

2:7 Đức Chúa Trời Đấng tiêu diệt những kẻ vô đạo kia cũng chính là Đức Chúa Trời đã giải cứu người công bình. Phierơ minh họa điều này qua từng trải của Lót. Nếu chúng ta chỉ có câu chuyện Cựu Ước về Lót, có lẽ chúng ta sẽ không hề nghĩ ông là tin hữu thật đâu. Trong câu chuyện của Sáng Thế Ký, ông xuất hiện gần như là người lợi dụng cơ hội để tìm địa vị, sẵn sàng đua đòi nhện chịu tội lỗi và bại hoại để tạo cho mình địa vị và danh tiếng trong thế gian. Nhưng Phierơ - viết ra bởi sự soi

đẫn - cho chúng ta biết Lót là người công bình, là người quá lo vì cách ăn ở và buông tuồng của bọn gian tà kia. Đức Chúa Trời đã thấy Lót có đức tin thật, thấy ông yêu mến sự công bình và ghét tội lỗi.

2:8 Để nhấn mạnh Lót thật sự là người công bình bất chấp về bề ngoài như trái ngược lại, Phierơ lập lại rằng mỗi ngày lòng ông đau xót bởi những điều mình nghe và thấy tại Sôđôm. Sự gian dâm vô độ của dân chúng khiến ông đau xót khôn cùng.

2:9 Kết luận ấy là Chúa biết cứu chữa những người tin kính và hình phạt kẻ không kính sợ Ngài. Ngài có thể giải cứu dân Ngài khỏi thử thách, hoạn nạn, đồng thời hành phạt kẻ không công bình, cấm chúng nó lại để chờ ngày phán xét.

Kẻ ác được đề dành cho địa ngục (câu 9) và địa ngục để dành cho kẻ ác (câu 17). Trái lại, cơ nghiệp được dành sẵn cho tin hữu, và họ được gìn giữ để hưởng cơ nghiệp ấy (I. Phierơ 1:4,5).

2:10 Năng lực của Chúa để kiểm chế những người gian ác cho đến ngày xét xử chung cuộc này đặc biệt đúng cho hạng người được mô tả trong đoạn Kinh Thánh này - các giáo sư giả là người cố đời sống nhằm lòng tự dục ồ ồ, những người tân thành sự nổi loạn chống quyền phép của bậc cầm quyền, và dám nói hỗn đến các quan chức cao cấp mà không sợ.

Cũng thấy rất rõ rằng các lãnh tụ của tôn giáo giả - làm ra vẻ như các tông đồ của Đấng Christ - lại thường đặc trưng bởi những tiêu chuẩn đạo đức

thấp thỏi. Họ không những buông mình vào những hoạt động tình dục bất chính, mà còn công khai ủng hộ nếp sống trụy lạc. Một Tuyên Ủy, thuộc Giám Mục Hội của một trường nữ sinh ở Baltimore, Maryland, viết như vậy:

Hết thảy chúng ta nên thư giãn và chấm dứt mọi cảm phạm tội về những hoạt động, tư tưởng và lòng ham muốn tính dục của mình. Và tôi muốn nói điều này, bất kể những tư tưởng đó là tính dục khác phái đồng tính luyến ái hay tự mình với chính mình.... Tính dục rất vui thú... và điều này có nghĩa không có luật nào truyền bạn phải làm hay đừng làm. Nói vậy tức là không có quy tắc nào cho cuộc chơi cả.¹⁸

Cũng thật có ý nghĩa khi những lãnh tụ tôn giáo của phái tự do thường đi đầu các phong trào ủng hộ sự lật đổ chính quyền và bạo lực. Các mục sư tôn phái thường gắn bó với những sự nghiệp chính trị mang tính cách lật đổ. Giám đốc thường vụ trong hội thánh và cộng đồng của Địa Hạt Trưởng Lão tại Philadelphia nói: "Tôi không nghĩ chúng ta sẽ ngăn ngừa điều này (hội thánh sử dụng bom và lựu đạn) trong tương lai, nếu toàn bộ những phương tiện bất bạo động tỏ ra không hiệu quả."

Những người này thật cả gan và tự đắc. Dường như không còn giới hạn nào cho sự khước từ trắng tráo của họ đối với mọi thẩm quyền được thiết lập cách xứng đáng. Đối với họ, không còn ngôn ngữ cực đoan nào mà họ không dám dùng để rủa sả những người cai trị mình. Sự kiện chính quyền loài người do Đức Chúa Trời thiết lập (Rôma 13:1) và cấm nói xấu về họ (Công vụ 23:5)

chẳng chút tác động gì đến những người như thế. Họ dường như thích làm cho người ta sửng sốt bởi những lời lẽ cáo hung hăng của họ đối với các bậc tôn trọng (Hy văn: "những kẻ vinh hiển" hay "những người vinh hiển"). Đây là một từ ngữ chung chung có thể bao gồm mọi người nào - bất kể là thiên sứ hoặc con người - đã được Đức Chúa Trời giao cho thẩm quyền cai trị. Ở đây, chữ này có lẽ nói đến con người cai trị.

2:11 Sự trắng tráo của những người tự xưng là người phục vụ tôn giáo này thật chẳng giống cách của các thiên sứ chút nào. Dầu các thiên sứ... hơn con người về sức mạnh quyền phép, nhưng họ còn không dám lấy lời nguyện rủa mà xử đoán các bậc tôn trọng ấy trước mặt Chúa. Ở đây câu nói đến bậc tôn trọng dường như áp dụng cho các thiên sứ đang ở trong các địa vị có thẩm quyền.

Người ta thường nghĩ rằng câu nói bóng gió không rõ ràng này đến các thiên sứ cũng giống y như câu trong Giuđê 9: "Vả, khi chính mình thiên sứ trưởng Michen chống với ma quỷ giành xác Môise, còn chẳng dám lấy lời nhấc móc mà đoán phạt; người chỉ nói rằng: Cầu Chúa phạt người!" Chúng ta không biết chắc vì sao có cuộc tranh cãi về thi thể của Môise. Điểm quan trọng cho chúng ta ấy là: Michen công nhận Satan có địa vị thẩm quyền trong thế giới ma quỷ, và dầu Satan không có quyền trên Michen, thế nhưng Michen vẫn không nhấc móc Satan. Như vậy, hãy nghĩ đến sự cả gan của những người dám làm điều mà ngay cả các thiên sứ thành cũng không làm! Và cũng hãy nghĩ đến

sự đoán phạt tương xứng dành cho sự thối nát như thế.

2:12 Những lãnh tụ tôn giáo bội đạo này giống như những con thú vô tri. Thay vì dùng năng lực lý luận vốn phân biệt họ khỏi loài thú, họ lại sống dường như thể làm thỏa mãn những thèm muốn của thân thể họ là chính bản chất sống còn của họ vậy. Cũng giống như rất nhiều con thú dường chẳng có định mệnh nào cao cả hơn là để bị giết và bị làm thịt thì cũng vậy, các giáo sư giả cũng lao mình tới sự hủy diệt, không lưu ý đến điều vốn là sự kêu gọi thật của họ - là để tôn vinh hiển Đức Chúa Trời và vui hưởng Ngài đời đời.

Họ nhẹ hai điều mình không biết. Chưa bao giờ sự ngu dốt của họ chói rạng hơn khi chỉ trích Kinh Thánh. Vì họ không có sự sống thiên thượng, nên họ hoàn toàn không thể hiểu những lời nói, phương cách và việc làm của Đức Chúa Trời (I.Côrinthô 2:14). Thế nhưng những người này phở bày mình như những chuyên gia trong lãnh vực thuộc linh. Một tín hữu khiêm nhường quý giá có thể nhìn thấy nhiều hơn những điều bọn họ có thể nhìn khi đứng nhìn chận cao lên.

Họ sẽ bị diệt giống y như cách của loài thú. Vì họ đã chọn sống như loài thú, nên sẽ chết giống loài thú. Sự chết của họ không có nghĩa là tuyệt diệt, nhưng họ sẽ chết trong nhục nhã và không có hy vọng.

2:13 Khi chết, họ sẽ chịu khổ vì tội ác họ. Philipp diễn ý câu này: "Sự gian ác của họ đã đem kết cuộc dữ đến cho họ, và họ sẽ được trả công đầy đủ."

Những người này cũng không biết xấu hổ và buông tuồng đến độ cứ tiếp

tục những việc làm tội lỗi của mình giữa thanh thiên bạch nhật. Hầu hết mọi người đều chờ bóng tối bao phủ mới **chơi bời** (Giăng 3:19); vì vậy mà có ánh đèn mờ của các quán rượu và kỹ viện (I.Têsalônica 5:7). Các giáo sư giả này đã quăng bỏ cả những sự kiểm chế vốn thường che đậy tội lỗi trong các bóng tối.

Vì vậy khi họ ăn tiệc với những người tin Đấng Christ, thì họ là những vết nhơ và người xấu xa ô uế, tức là những kẻ xâm nhập khó coi và bất khiết, những kẻ đắm mình vào cuộc ăn uống quá độ của họ. Khi mô tả cũng chính những người này, Giuđe nói: "Những kẻ đó là dấu vết trong đám tiệc anh em, như người chần chừ chỉ tưởng nuôi mình cho no nê, không lo sợ gì; như đám mây không nước, theo gió đưa đi đây đi đó, như cây tàn mùa thu, không có trái, hai lần chết, tróc lên bụi rậm" (Giuđe 12). Khi các giáo sư giả đến dự các bữa tiệc yêu thương được tổ chức có liên quan đến Tiệc Thánh trong thời đầu của hội thánh, họ hoàn toàn vô độ và hoàn toàn không thêm nghĩ đến tầm quan trọng thuộc linh của bữa tiệc ấy. Thay vì nghĩ đến người khác, là việc mà tình yêu thương luôn làm, họ lại thật ích kỷ đi chăm sóc cho chính mình.

2:14 Sự kiện còn tai tiếng hơn thế nữa chính là **cặp mắt họ đầy sự gian dâm, chúng nó phạm tội không bao giờ chán.** Câu này mô tả những con người giằng những bài được cho là bài giảng sùng đạo, thì hành các thánh lễ, tư vấn cho thuộc viên trong hội chúng; thế nhưng **mắt** họ không ngừng tìm kiếm những phụ nữ nào họ có thể ngoại tình

được. Lòng khao khát dâm dăng, có lẽ được ngụ ý trong dưới "lốt" phục vụ Chúa, dường như vô giới hạn.

Họ dễ dàng những người không vững lòng. Có lẽ họ lạm dụng những phân đoạn Kinh Thánh để đung tủng tội lỗi. Hoặc họ giải thích rằng các vấn đề phải quá phần lớn sẽ được xác định bởi nền văn hóa. Hoặc có lẽ họ ngọt ngào trấn an những kẻ bị họ lừa rằng không có gì sai nếu làm trong tình yêu thương. Những người không vững lòng rất dễ để lý luận rằng nếu một điều nào đó là ổn thỏa đối với cấp lãnh đạo tôn giáo, thì đương nhiên phải ổn cho lãnh viên trong giáo dân.

Họ có tấm lòng quen thói tham dục. Họ không phải thuộc hạng tài tử nghiệp dư, nhưng đã được huấn luyện trong nghệ thuật dụ dỗ. Tuy chữ "tham dục" có thể bao gồm mọi loại ham muốn quá độ, nhưng văn mạch ở đây dường như chủ yếu nói đến sự tham lam trong tình dục.

Khi Phierơ nghĩ đến trò hề nhại Cơ Đốc giáo cách khủng khiếp này, nghĩ đến tội mà những người bội đạo này gây ra để họ được liên kết với danh của Đấng Christ, ông thốt lên "Con cái đảng rủa sả!" Không phải ông rủa sả họ; ông chỉ đơn thuần thấy trước họ sẽ phải chịu lấy sự rủa sả của Đức Chúa Trời với trọn mức độ khủng khiếp của nó.

2:15 Những giáo sư giả này giống như tiên tri Balaam, con trai của Be-ô, trên rất nhiều phương diện. Họ phơi mình cách đối trá như những phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời (Dân số Ký 22:38). Họ dụ dỗ người khác phạm tội (Khải Huyền 2:14). Nhưng sự giống

nau chính yếu ấy là họ dùng chức vụ như phương diện làm giàu về tài chính. Balaam là tiên tri người Madian, được vua Moáp thuê đến rủa sả Ysraên. Động cơ khiến Balaam làm việc này chính là vì tiền.

2:16 Trong một lần nỗ lực để rủa sả Ysraên, Balaam và con lừa của ông đã gặp thiên sứ của Đức Giêhôva (tức là Chúa Jesus, một trong số rất nhiều lần hiện ra tiến nhập thể của Ngài). Con lừa liên tục không chịu đi tiếp. Khi Balaam đánh nó, con lừa đã nói tiếng người mà quở trách Balaam (Dân số Ký 22:15-34). Đây là một hiện tượng đáng kinh ngạc - một con vật câm nói tiếng người (và tỏ ra còn hiểu biết hơn cả chủ nó nữa!). Nhưng phép lạ này không khiến Balaam choảng tỉnh để thoát khỏi cơn điên cuồng của ông.

Lenski nói:

Balaam là tấm gương đáng sợ về một người vốn là "tiên tri," một người được Đức Chúa Trời truyền cho biết việc ông đang nên làm, người được Đức Chúa Trời cảnh để khỏi làm điều sai trái, thậm chí bằng cách để cho một con lừa câm dùng tiếng người nói với ông, nhưng tại là người bất chấp mọi thứ vẫn cứ âm thầm bám vào lòng yêu muốn những điều mà ông nghĩ mình có thể nhận được từ vị không công bình, và vì vậy đã bị hư mất.¹⁹

Ngày nay Đức Chúa Trời không quở trách những giáo sư giả bằng những con thú câm. Nhưng có mọi lý do để tin rằng Ngài thường dùng nhiều cách khác để quở trách sự điên cuồng đại dốt của họ và khích lệ họ quay về với con đường đúng, tức là chính Đấng Christ.

Đức Chúa Trời thưởng dùng những lời làm chứng đơm sớ của tín hữu khiêm nhường để đánh bại và ngăn trở những con người này, là những con người tự kiêu ngạo về hiểu biết ưu việt và địa vị cao trọng trong giáo hội. Có thể nhớ trích một câu Kinh Thánh hay đặt một câu hỏi xác đáng, "một giáo dân" đầy đầy Thánh Linh đã khiến cho Balaam ngày nay phải quần quại trong sỉ nhục và tức giận.

2:17 Phierơ vì các giáo sư giả với những suối không có nước. Những người có nhu cầu đến với họ để được tươi tỉnh và hết cơn khát nhưng đã thất vọng. Các giáo sư giả là những suối không có nước. Họ cũng là những đám mây bị luồng gió thổi mạnh đưa đi. Những đám mây hứa hẹn một cơn mưa cho đất đã khốn khổ vì hạn hán lâu ngày. Nhưng luồng gió mạnh thổi đến xua tan những đám mây kia. Những niềm hy vọng vỡ tan; lưỡi khát khô cháy vẫn chưa đã khát.

Cảnh ảm đạm của sự tối tăm mờ mịt đã để dành sẵn cho những kẻ rêu rao bán đạo đối trá trong tôn giáo này. Giả làm những người phục vụ Tin Lành, nhưng họ thực sự chẳng hề có tin tốt lành nào để cung cấp cả. Người ta đến với họ để tìm bánh, lại nhận được đá. Hình phạt cho sự đối trá như thế chính là cảnh đời đời³⁰ ở trong tối tăm mù mịt.

2:18 Chúng nó dùng những lời văn hoa hư dân, và như Knox dịch câu này: họ dùng "những cụm từ hoa mỹ mà chẳng có ý nghĩa chi cả" đây là lời mô tả chính xác lời lẽ của rất nhiều nhà truyền đạo thuộc phái tự do và những

người theo tà giáo. Họ là những nhà hùng biện điêu luyện, khiến thánh giả mê mẩn bởi thuật hùng biện tuyệt vời của họ. Vốn từ ngữ thông thái của họ hấp dẫn những người không biết phân biệt. Để bù lại những điều còn thiếu sót trong nội dung và lời giảng của họ, họ dùng lối trình bày hùng hồn và giáo điệu. Nhưng xong xuôi rồi thì họ chẳng nói được điều gì cả. Sau đây là một câu trích từ một nhà thần học nổi tiếng của thời chúng ta để làm ví dụ về loại bài giảng vô ích này:

Đó không phải là mối quan hệ cũng không phải là sự hình dạng hay bất hình dáng, nhưng là sự tương tự. Đây chính là điều chúng ta nghĩ và diễn tả như sự hiểu biết chân chính về Đức Chúa Trời, dấu bởi đức tin chúng ta vẫn biết và như rằng mọi điều mình biết chỉ là "tương tự" chứ không phải là y hệt với tính tương tự được nói đến tại đây. Thế nhưng chúng ta cũng biết và nhớ, và một lần nữa cũng bởi đức tin, rằng tính tương tự được nói đến ở đây rất sẵn lòng tự phân chiếu trong diễn mà chúng ta biết như là sự tương tự và gọi bằng chính tên này, để trong nếp suy nghĩ và cách nói của chúng ta, tính tương tự trở nên giống na ná với tính tương tự được thừa nhận trong khai thị chân chính của Đức Chúa Trời (mà bản thân nó không tương tự với sự khai thị chân chính ấy) và chúng ta không suy nghĩ và nói sai lầm nhưng đã đúng khi mô tả đây là mối quan hệ của sự tương tự.

Chiến lược của những giáo sư giả này là để đánh tin hữu bằng cách hứa hẹn cho buống mình vô độ vào đời loại hình thức đam mê ham muốn. Họ dạy

rằng vì những sở thích và thèm muốn của thân thể chúng ta là do Chúa ban cho, vậy đừng nên kiểm chế chúng. Họ nói rằng làm như vậy sẽ gây rối loạn nghiêm trọng trong lĩnh cách. Và vì vậy họ để xương và ủng hộ sự quan hệ tình dục thử nghiệm trước hôn nhân và những tiêu chuẩn đạo đức rất lỏng lẻo sau hôn nhân.

Nạn nhân của họ là những người mới vừa tránh²¹ khỏi các người theo đường lầm lạc. Những người chưa được cứu này ngày trước đã từng buông mình thoát mái trong các lạc thú tội lỗi, nhưng giờ đây tấm lòng họ đã được thay đổi. Họ quyết định cải cách, quyết định sang trang mới, và bắt đầu đi nhà thờ. Thay vì đến với một hội thánh tin vào Kinh Thánh, họ lại đi lang thang vào một buổi nhóm được hướng dẫn bởi một trong những người chân giả dối này. Thay vì nghe Tin Lành cứu rỗi bởi đức tin nơi Đấng Christ, họ nghe thấy tội lỗi được dung túng và được khuyến khích nếp sống buông thả. Hoàn toàn hết sức kinh ngạc; trước giờ họ vẫn luôn nghĩ tội lỗi là sai quấy và hội thánh đang chống lại tội lỗi. Giờ đây họ biết ra tội lỗi đã được sự chấp thuận của tôn giáo!

2:19 Những người phục vụ bội đạo này nói rất nhiều về tự do, nhưng ý họ lại muốn nói đến sự tự do thoát khỏi quyền lực thiên thượng và tự do để phạm tội. Thực ra, đây chẳng hề là tự do chi cả, nhưng chính là hình thức tệ hại nhất của ách lỗi mại. Chính họ làm lỗi mại sự hư nát. Bị trời buộc bởi xiềng xích của những tham muốn và thói

quen gian ác, họ không có sức mạnh để thoát ra.

2:20 Câu 20-22 không nói đến các giáo sư giả, nhưng nói đến những nạn nhân của họ. Họ là những người đã cải cách nhưng chưa được tái sanh. Bởi sự nhận biết nửa vời... về Đấng Christ và các nguyên tắc Cơ Đốc, họ đã xây dựng đời sống tội lỗi và bắt đầu công tác dọn dẹp căn nhà đạo đức.

Sau đó họ rơi vào ảnh hưởng của các giáo sư giả vốn đang chế giễu những mỹ đức thanh sạch và vận động đòi giải phóng khỏi những răn cấm đạo đức. Họ lại dính líu vào chính tội lỗi mà họ đã được giải thoát ra tạm thời khỏi đó. Sự thật là họ đắm chìm càng sâu hơn trước, vì giờ đây không còn những kiểm chế của tôn giáo nữa, nên không có gì để giữ họ lại. Vì vậy đúng là tình trạng sau cùng của họ còn xấu hơn lúc đầu.

2:21 Đặc ân càng lớn, thì trách nhiệm càng nặng. Càng biết những tiêu chuẩn Cơ Đốc, thì càng nặng bốn phần phải sống đúng theo đó. Thà rằng chưa bao giờ biết những đòi hỏi thánh khiết của Đức Chúa Trời hơn là biết rồi lại quay trở về với sự ô uế của thế gian.

2:22 Những người này minh họa câu chêm ngôn "chó liếm lại đồ nó đã mửa" (xem Châmngôn 26:11) và con heo nái đã lấm sạch rồi lại lấm lốc trong vũng bùn. Thật có ý nghĩa khi Phierô dùng "chó" và "heo nái" để làm minh họa. Dưới luật pháp Môisê, cả hai đều là những loài thú ô uế từ trong bản chất của chúng. Chúng vẫn ô uế trước khi được giải thoát ra khỏi đó đã mửa và bùn, và rồi chúng vẫn ô uế khi quay trở lại với đồ đã mửa và bùn.

Đối với những người mà Phierơ viết về họ cũng vậy. Họ đã trải qua cuộc cải cách đạo đức nhưng chưa bao giờ nhận được bản tánh mới. Theo cách nói của Mathiơ 12:43-45, căn nhà của họ trống rỗng, đã quét dọn sạch sẽ, xếp đặt có trật tự, nhưng chưa hề mời Cứu Chúa vào ngự trong đó. Tà linh khi bị đuổi ra thì tìm thêm bảy tà linh khác còn dữ hơn mình nữa đến chiếm căn nhà trống đó. Và số phận của căn nhà đó lúc sau còn tệ hại hơn tình trạng lúc đầu.

Đừng nên dùng phần đoạn này để dạy rằng tín hữu thật có thể sa ngã khỏi ân điển và bị hư mất. Những người ấy chưa hề là tín hữu thật. Họ chưa hề nhận được bản tánh mới. Họ đã chứng tỏ qua tình trạng sau cuối của họ rằng bản chất của họ vẫn ô uế và xấu xa. Dĩ nhiên, bà học ở đây là nếu chỉ có sự cải cách mà thôi thì không những là chưa đủ, mà còn hết sức nguy hiểm nữa, vì nó có thể ru ngủ và đẩy con người vào chỗ cảm thấy an toàn cách giả tạo. Con người chỉ nhận được bản tánh mới khi được tái sanh. Người ấy được sanh lại bởi sự ân nân tội với Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ.

IV. BÁO TRƯỚC VỀ SỰ XUẤT HIỆN NHỮNG KẺ GIỀM CHÊ (Đoạn 3)

3:1 Từ đó tái các giáo sư giả trong đoạn 2, Phierơ quay sang sự xuất hiện chắc chắn của những kẻ nhạo báng trong ngày sau rốt. Trong thư này cũng như trong thư trước, trước hết ông khích lệ độc giả bám chắc vào Kinh Thánh.

3:2 Họ phải nhớ đến những lời báo trước của các thánh tiên tri - được tìm

thấy trong Cựu Ước; và họ nên nhớ lời dạy của Chúa đã truyền lại qua các sứ đồ - lời dạy này được giữ gìn trong Tân Ước. Kinh Thánh là biện pháp bảo vệ an toàn chân chính duy nhất trong thời kỳ cuối cùng.

3:3 Lời chứng thống nhất của các tiên tri và sứ đồ ấy là trong những ngày sau rốt, sẽ có mấy kẻ hay gièm chê, dùng lời giễu cợt, ở theo linh dục riêng của mình. Cơ Đốc nhân nên ghi nhớ điều này. Họ đừng nên sững sốt trước những lời phủ nhận ngạo mạn và phạm thượng của những con người ấy. Trái lại, Cơ Đốc nhân nên nhìn thấy nơi những con người ấy dấu hiệu rõ ràng cho thấy thời kỳ cuối cùng đang đến gần.

Những kẻ gièm chê này đi theo linh dục riêng. Sau khi đã chối bỏ sự nhận biết Đức Chúa Trời, họ buông thả vào những thèm muốn riêng của họ chẳng chút sợ hãi. Họ quáng bá ủng hộ nếp sống buông thả và hoàn toàn xem thường sự đoán phạt sắp đến.

3:4 Lời nhạo báng chủ yếu của họ liên quan tới sự hiện đến của Đấng Christ. Họ có thái độ: "Chớ nào lời hứa về sự Chúa đến ở đâu?" Có nghĩa là: "Sự ứng nghiệm lời hứa này ở đâu?" Nhưng họ muốn nói gì qua chữ "sự Chúa đến"?

Có phải họ muốn nói đến việc Đấng Christ hiện đến rước các thánh đồ Ngài, mà chúng ta gọi là Sự cất Lên (1.Têsalônica 4:13-18)? Thật nghi ngờ nếu những người nhạo báng này biết điều gì đó về giai đoạn thứ nhất trong sự tái lâm của Chúa.

Có phải họ muốn nói về sự hiện diện của Đấng Christ cùng với các thánh đồ Ngài để thiết lập vương quốc phổ thông (I. Têsalônica 3:13) hay không? Có khả năng là họ nghĩ đến điều này.

Nhưng rõ ràng phần còn lại của phân đoạn, cho thấy họ đã nghĩ đến sự *đoán xét cuối cùng* của Đức Chúa Trời trên đất, hay điều thường được gọi là ngày tận thế. Họ đang nghĩ đến sự tiêu diệt trái đất bằng lửa vào cuối Thiên Hy Niên.

Họ thật sự muốn nói thế này: "Bọn Cơ Đốc nhân các ngươi lâu nay cứ đem những lời cảnh cáo về sự đoán phạt kinh khiếp trên thế gian ra dọa chúng ta. Các anh bảo chúng ta rằng Đức Chúa Trời sắp can thiệp vào lịch sử, hình phạt kẻ ác và tiêu diệt trái đất. Toàn là chuyện vô vẩn. Chúng ta chẳng sợ gì đâu. Chúng ta có thể sống theo ý mình thích. Chẳng có bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Trời từng can thiệp vào lịch sử; vậy sao chúng ta phải tin Ngài sẽ can thiệp vào?"

Kết luận của họ căn cứ trên những giả thuyết bất cần là: "Vì từ khi khởi phụ chúng ta qua đời rồi, muôn vật vẫn còn nguyên như lúc bắt đầu sáng thế." Họ nói cõi thiên nhiên vẫn cứ luôn luôn tuân thủ các quy luật đồng dạng như nhau, không hề có những sự can thiệp siêu nhiên, và luôn có lời giải thích tự nhiên cho hết thảy mọi sự.

Họ tin vào luật của chủ nghĩa đồng dạng. Luật này nói rằng các tiến trình hiện có trong cõi thiên nhiên xưa nay vẫn luôn luôn hành động theo cùng một cách, và về cơ bản thì với cùng cường độ như hiện tại, và các tiến trình này

đủ để giải thích cho mọi thay đổi đã từng xảy ra xưa nay.

Có mối liên kết sống còn giữa luật của chủ nghĩa đồng dạng với các lý thuyết thường lệ của sự tiến hóa. Thuyết phát triển tiệm tiến của các sinh vật sống động ra từ các thể loại có trước chúng, là một thuyết căn cứ trên giả định cho rằng các điều kiện xưa nay khá đồng dạng. Nếu trái đất này xưa nay đã chịu những cơn biến động lớn cùng bao tai ương, thì một số những tiến giả định trong thuyết tiến hóa của Darwin sẽ bị ảnh hưởng mạnh.

3:5 Những người nhạo báng kia có tình phớt lờ một sự thực - Cơ Nước Lụt. Đức Chúa Trời đã thực sự có lần can thiệp vào những công việc của con người, và mục đích cụ thể của lần can thiệp đó là để hình phạt sự gian ác, nếu đã xảy ra một lần, thì có thể xảy ra nữa.

Bản cáo trạng đầy khinh miệt cho những người này ấy là họ cố ý quên lửng. Họ tự cao cho mình là rất khôn ngoan. Họ tuyên bố đã lý luận khách quan. Họ khoe khoang đã tuân thủ những nguyên tắc nghiên cứu khoa học. Nhưng thật ra họ cố tình phớt lờ một sự thực đã được chứng minh rõ ràng của lịch sử - là cơn Đại Hồng Thủy. Họ nên ghi tên theo học môn địa chất học!

Chúng nó cố ý quên lửng đi rằng buổi xưa bởi lời Đức Chúa Trời có các tầng trời và trái đất, đất ra từ nước và làm nên ở giữa nước, ... đã bị hư mất. Các tầng trời và trái đất được hình thành bởi Lời Đức Chúa Trời; Ngài phán thì chúng liền có [Hêbơra 11:3]. Phero nói: "Đất ra từ nước và làm nên ở giữa nước." Chúng ta thừa nhận trong câu

tuyên bố này có những điều thâm sâu mà chúng ta không thể hiểu đầy đủ được. Từ Sáng Thế Ký 1:2 chúng ta thực sự biết bề mặt trái đất đã có lần bao phủ bởi nước. Rồi trong câu 6, chúng ta đọc thấy Đức Chúa Trời đã dựng nên bầu trời hay một vùng trời để phân rẽ nước trên mặt đất khỏi đám sương mù hay đám mây phủ che trên đất. Chúng ta cho rằng trước đó trái đất đã được che phủ bởi một lớp mù sương nước dày đặc mà sự sống không thể duy trì được trong đó. Bầu trời cung cấp bầu khí quyển trong sạch cho chúng ta thở được. Trong Sáng Thế Ký 1:9, các lục địa được tách ra khỏi đại dương, có thể đây là điều được suy luận ra bởi cụm từ "đất ra từ nước" (cũng xem Thi-thiên 24:2).

Cho dù những hàm ý khoa học trong lời tuyên bố của Phiêrô là gì đi nữa, chúng ta vẫn thực sự biết trái đất này là một thế giới đầm nước, có mây che phủ; ba phần tư bề mặt là đại dương, và phần lớn được che khuất bởi sương mù. Như chúng ta biết, trái đất là hành tinh duy nhất có nước, và do đó là hành tinh duy nhất có thể duy trì sự sống con người.

3:6 Ngay từ khởi đầu, trái đất đã được dẫn chứa những phương tiện hủy hoại của chính nó rồi. Nó có nước ở các tầng sâu, nước trong biển, và nước trong các đám mây bên trên. Cuối cùng Chúa tuôn nước từ bên dưới và bên trên (Sáng Thế Ký 7:11), đất bị ngập lụt, và mọi sinh vật bên ngoài con tàu đều bị hủy diệt.

Những nhà phê bình kia cố tình bỏ qua sự kiện lịch sử này. Thật thú vị

trong những năm gần đây, cơn nước lụt đã nổi lên như một đề tài công kích cay đắng. Nhưng bản kỹ thuật về cơn nước lụt được chép trên đá, trong các lời truyền khẩu của người xưa và người thời hiện đại, và trên hết, trong lời Thánh của Đức Chúa Trời.

3:7 Khi Đức Chúa Trời dựng nên đất, Ngài đã để sẵn trong đất đủ nước để tiêu diệt đất. Cũng đồng một cách ấy, Ngài để trong trời đất đủ lửa để tiêu diệt chúng.

Trong thời đại hạt nhân, chúng ta hiểu vấn đề đó là năng lượng đã dự trữ. Tách hạt nhân nguyên tử sẽ phóng thích những khối năng lượng khổng lồ. Vì vậy toàn bộ vật chất trong thế giới đại diện tiềm năng gây nổ hết sức lớn lao. Hiện nay, chúng được gắn kết với nhau bởi Chúa (Cô-lô-se 1:17, "muôn vật đứng vững trong Ngài"). Nếu bàn tay kiểm chế của Ngài buông ra, các nguyên tử sẽ tan chảy. Trong lúc bây giờ, trời đất để dành cho lửa; lửa sẽ đốt nó đi trong ngày phân xẻ và hủy phá kẻ ác.

3:8 Vậy tại sao sự đoán xét của Đức Chúa Trời lại trì hoãn lâu như vậy? Thứ nhất, Đức Chúa Trời không bị ảnh hưởng bởi thời gian. Ngài không sống trong còi thời gian như chúng ta. Suy cho cùng, thời gian được xác định bởi mối quan hệ của mặt trời đối với đất, và Đức Chúa Trời không bị giới hạn trong mối quan hệ ấy.

Trước một Chúa một ngày như ngàn năm, ngàn năm như một ngày. Ngài có thể kéo dài một ngày thành ngàn năm, hoặc đến một ngàn năm thành một ngày. Ngài có thể trải dài hoặc tập trung thu gọn những hoạt động của Ngài.

3:9 Đức Chúa Trời đã hứa kết thúc lịch sử của kẻ ác bằng sự phán xét. Nếu dương như có tri hoãn, thì không phải vì Chúa không thành tín với lời hứa. Trì hoãn là vì Ngài kiên nhẫn. Ngài không muốn một ai chết mãi. Ngài muốn cho mọi người đều ăn năn. Ngài cố ý nới rộng thời kỳ ân điển để con người có mọi cơ hội được cứu.

Trong Êsai 61: 2, chúng ta đọc thấy *năm* ban ơn của Chúa và *ngày* báo thù của Ngài. Câu này gợi ý rằng Ngài thích tỏ lòng thương xót, và sự phán xét là công tác lạ lùng của Ngài (Êsai 28:21). Cũng có thể câu ấy cho thấy Ngài có thể gia hạn một ngàn năm nhẫn nại và có đong những đoán xét của Ngài thành trong một ngày.

Ngài đã chờ 120 năm trước khi giáng cơn nước lụt xuống. Giờ đây Ngài đã chờ đợi nhiều ngàn năm trước khi tiêu diệt thế gian này một lần nữa.

3:10 Ngày của Chúa sẽ đến. Ngày của Chúa nói đến mọi thời kỳ Đức Chúa Trời hành động bằng sự đoán phạt. Ngày của Chúa được dùng trong Cựu Ước để mô tả mọi thời điểm Đức Chúa Trời hình phạt kẻ làm ác và đắc thắng kẻ thù Ngài (Êsai 2:12; 13:6,9; Êxêchiên 13:5; 30:3; Giôên 1:15; 2:1, 11,31; 3:14; Amós 5:18,20; Ápđia 15; Sôphôni 1:7,14; Xachari 14:1; Malachi 4:5). Trong Tân Ước, đây là thời kỳ gồm nhiều giai đoạn khác nhau.

1. Ngày của Chúa nói đến Cơn Đại Nạn, là thời kỳ bảy năm, lúc Đức Chúa Trời sẽ đoán xét dân Ysraên vô tín (I.Têsalônica 5:2; II.Têsalônica 2:2, bản Kinh Thánh NU).

2. Thời kỳ này bao gồm sự tái lâm trần gian của Ngài, là khi Ngài sẽ báo

thù những kẻ không nhận biết Đức Chúa Trời và không vâng theo Tin Lành của Chúa Jesus (I.Têsalônica 1:7-10).

3. Ngày của Chúa được dùng để chỉ về thiên hạ niên khi Đấng Christ cai trị trên trần gian bằng cây gậy sắt (Côngvụ 2:20).

4. Cụm từ này nói đến sự hủy diệt trời đất sau cùng bằng lửa. Đây là ý nghĩa được nói trong đoạn 3 này.

Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ lợm - rức là bất ngờ và mang tính tiêu diệt. Các tầng trời sẽ qua đi. Đương nhiên, điều này muốn nói đến các tầng trời của bầu khí quyển, và có thể nói đến cả các bầu trời tinh tú, nhưng nó không có nghĩa là tầng trời thứ ba - tức nơi ngự của Đức Chúa Trời. Khi chúng nổ vang rầm mà qua đi, các thể chất sẽ bị tan chảy bởi "sức nóng kinh khiếp" (Bản Anh ngữ). Các thể chất ở đây nói đến các thành phần cấu tạo của vật chất. Hết thảy vật chất đều sẽ bị tiêu hủy trong cảnh tương tự như vụ thảm sát hạt nhân toàn cõi vũ trụ.

Đất cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đốt cháy cả.²² Không những các công trình của tạo vật thiên nhiên, mà mọi nền văn minh cũng sẽ bị thiêu đốt. Các kinh đô lớn của thế gian; những tòa nhà nguy nga tráng lệ, các sản phẩm phi thường của khoa học đều sẽ bị phá hủy hoàn toàn.

3:11 Giờ đây Phero rời khỏi những kẻ gièm chê chuyển sang các thánh đồ và nhấn mạnh những bốn phận đã giao cho họ. Vì mọi vật đó phải tiêu tán thì anh em đáng nên thánh và tin kính trong mọi sự ăn ở của mình biết là dường nào. Mọi thứ vật chất đều mang

đầu ẩn bị quên lãng trên. Những thứ mà con người khoe khoang, những thứ mà họ đang lấy đó làm mục tiêu của đời sống mình, có tốt nhất chăng nữa thì cũng chỉ là thoáng qua. Sống cho của cải vật chất tức là sống cho sự tạm bợ. Lương tri bảo chúng ta phải lia khỏi những dây kim tuyến và đồ chơi của thế gian này để sống trong thánh khiết và lin kính. Vấn đề đơn giản là sống cho cõi đời đời chứ không cho cõi thời gian, nhấn mạnh đến thuộc linh hơn là vật chất, chọn điều vĩnh viễn hơn là điều thoáng qua.

3:12 Tín đồ cũng nên chờ đợi trông mong. Họ nên chờ đợi và sốt sắng khao khát mong ngày Đức Chúa Trời mau đến. Một số người dùng những chữ: "chờ đợi trông mong cho ngày Đức Chúa Trời mau đến" để dạy rằng chúng ta có thể hối thúc ngày của Chúa nhanh đến bằng cách sống cuộc đời phục vụ tận hiến và không chút nao núng. Nhưng dạy như thế sẽ gặp hai nan đề. Trước hết, Ngày của Chúa không phải là sự hiện đến của Chúa. Thứ nhì, cho dầu Ngày của Chúa là sự hiện đến của Chúa, thì vẫn có lý do thực tiễn để thắc mắc xem liệu có thể thay thế thời điểm Đấng Christ ngự đến bởi lòng sốt sắng của dân sự Ngài hay không.

Ngày của Chúa nói đến tình trạng đời đời. Nó đi tiếp theo sau giai đoạn cuối cùng của ngày của Chúa khi trời và đất sẽ bị tiêu diệt. **Ngày của Chúa** là Ngày Đấng Thánh trọn vẹn và chung cuộc của Ngài. Vì cơ đó, đây là ngày chúng ta nên chờ đợi và sốt sắng khao khát.

Khi nói về **ngày của Chúa**, Phierơ không bảo: "Trong ngày đó," nhưng nói:

"Vì các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm rầm mà qua đi, các thể chất bị đổi mà tiêu tán, đổi cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đổi chấy cả." Ngày của Chúa không phải là lúc xảy ra sự tiêu diệt chung cuộc. Thay vào đó, sự đoán xét cuối cùng này phải xảy ra trước khi có thể khai mạc Ngày của Chúa.

3:13 Trong câu 12, các tín đồ được khuyến phải chờ đợi Ngày của Chúa. Ở đây, họ được mô tả là đang chờ đợi trời mới đất mới là nơi sự công bình ăn ở. Câu này hậu thuẫn cho quan điểm xem Ngày của Chúa nói đến tình trạng đời đời khi đã có trời mới và đất mới.

Trong Êsai 65:17; 66:22, **trời mới đất mới** được dùng mô tả thiên hy niên cùng như tình trạng đời đời. Chúng ta biết các phân đoạn này bao gồm thiên hy niên vì tội lỗi sẽ có mặt (65:20) và con cái sẽ sinh ra (65:23). Phierơ áp dụng những từ ngữ này độc quyền cho tình trạng đời đời; trời và đất hiện tại bấy giờ đã qua đi rồi.

Phierơ nói về sự công bình *ăn ở* trong **trời mới đất mới**. Hiện nay, *ân điển cai trị* qua sự công bình (Rôma 5:21). Trong thiên hy niên, sự công bình sẽ *cai trị* (Êsai 32:1); trong cõi đời đời, sự công bình sẽ ở trong đó. Trong vương quốc trên trần gian, Đấng Christ sẽ cai trị với gậy sắt và sự công bình sẽ được Ngài củng cố. Sự công bình sẽ cai trị theo ý nghĩa đó. Nhưng trong cõi đời đời, sẽ không còn cần đến gậy sắt nữa. **Sự công bình** sẽ ở trong nhà. Không một tội lỗi nào được vào để làm lu mờ sự bình an hay vẻ đẹp của quang cảnh ấy.

3:14 Sự thật về trời mới và đất mới càng phải làm chúng ta hết sức khao khát sống thánh khiết "đối với Chúa." Đây không chỉ là lẽ thật chúng ta phải cần giữ vững, mà còn là lẽ thật sẽ nắm giữ vững chúng ta. Biết chúng ta sắp đứng trước mặt Chúa sẽ tạo trong chúng ta lòng khao khát sống không dấu vết, chẳng chỗ trách được, tức là tinh sạch về mặt đạo đức. Nó đáng phải khiến chúng ta sốt sắng để được Chúa thấy mình ở trong tình trạng bình an, chứ không phải trong xung đột.

3:15 Lại phải nhìn biết rằng sự nhện nhục lâu dài của Chúa chúng ta cố vì cứu chuộc anh em. Vì Ngài chậm đoán xét chính là để cho con người có trọn cơ hội để được cứu. Khi chúng ta suy xét sự gian ác ngày càng gia tăng mạnh mẽ của con người, chúng ta thường thắc mắc không biết Chúa làm sao chịu nổi cảnh đó thêm nữa. Sự nhẫn nại của Ngài đáng kinh ngạc lạ thường. Nhưng có nguyên nhân. Ngài không muốn sự chết của kẻ ác. Ngài muốn thấy con người từ bỏ con đường gian ác để được cứu.

Cũng như Phaolô, anh rất yêu dấu của chúng ta, đã đem sự khôn ngoan được ban cho mình mà viết thư cho anh em vậy. Có nhiều điểm thú vị trong câu nhắc đến Phaolô ở đây:

1. Trước hết Phierô nói Phaolô là anh rất yêu dấu của chúng ta, ông nói ta điều này dấu đã bị Phaolô công khai quở trách tại thành Antiốt vì hành động không thành thật (Galati 2:11-21). Hiển nhiên Phierô đã khiêm nhượng chấp nhận lời quở trách. Chúng ta phải hoàn toàn có khả năng tiếp nhận sự sửa trị mà không áp ú lòng thù hận.

2. Phierô công nhận Phaolô đã được ban sự khôn ngoan thiên thượng để viết các thư tín. Chắc chắn đây là lời báo cho biết Phierô xem các tác phẩm của Phaolô đã được soi dẫn cách thiên thượng.

3. Độc giả của Phierô dường như đã đọc một hoặc nhiều thư tín của Phaolô. Có thể điều này nói lên các thư tín của Phaolô được gửi trực tiếp cho họ hoặc được gửi luân lưu trong khu vực đó.

Bức thư nào của Phaolô nói sự nhện nhục lâu dài của Chúa chúng ta cố vì cứu chuộc anh em? Rôma 2:4 cho biết: "Hay là người khinh để sự dơ dặt của lòng nhân từ, nhện nhục, khoan dung Ngài, mà không nhận biết lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đem người đến sự ăn năn sao?"

3:16 Trong mọi bức thư, Phaolô đều nói đến các chân lý trọng đại mà Phierô đang đề cập trong hai thư tín I.Phierô và II.Phierô; các chân lý như là sự tái sanh, thần thánh của Đấng Christ, đời sống chịu khổ nạn và không phạm tội của Ngài, sự chết thay thế của Ngài, sự phục sinh, sự thăng thiên, sự tái lâm, Ngày Của Chúa và nước đời đời.

Một số chân lý của Kinh Thánh là khó hiểu, chẳng hạn như giáo lý Ba Ngôi, sự chọn lựa của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, lẽ mẫu nhiệm về sự chịu khổ, v.v.. Chúng ta đứng rồi lên nếu thấy các vấn đề trong Kinh Thánh vượt quá hiểu biết của mình. Lời Đức Chúa Trời là vô hạn và không thể dò hết được. Khi nghiên cứu Lời Chúa, chúng ta phải luôn luôn sẵn lòng ngợi khen Chúa vì Ngài đã biết những điều mà chúng ta không thể dò thấu.

Không phải Phierơ đang chỉ trích các tác phẩm của Phaolô khi nói rằng "cổ mấy khúc khó hiểu." Điều khó hiểu không phải là bút pháp của Phaolô, nhưng là để tài Phaolô đang giải luận. Barnes viết: "Phierơ không phải đang nói đến những điểm khó hiểu những điều Phaolô *muốn*, nhưng nói đến việc khó hiểu hết các chân lý trọng đại mà Phaolô đã dạy."²³

Thay vì tiếp nhận chúng cách đơn sơ bởi đức tin, những kẻ dối nài và tin không quyết đã đem giải sai các chân lý khó hiểu này mà chuốc lấy sự hư mất cho riêng họ. Một số những người theo tà giáo chẳng hạn, đã chuyển thuật pháp trở thành con đường cứu rỗi thay vì để nó bày tỏ cho thấy tội lỗi. Có người khiến phép báp têm trở thành cửa Thiên đàng. Họ không những làm như vậy với các tác phẩm của Phaolô, mà với các phần Kinh Thánh khác nữa.

Lưu ý ở đây Phierơ đặt các tác phẩm của Phaolô ngang hàng với các phần Kinh Thánh khác, tức là Cựu Ước và bất kỳ phần nào của Tân Ước đã có mặt lúc bấy giờ. Ông công nhận các thư tín của Phaolô là một phần trong Kinh Thánh thiêng liêng và được soi dẫn.

3:17 Tin hữu phải luôn luôn giữ gìn cẩn thận để khỏi sa vào hiểm họa của "sự sai lầm" (Bản Anh ngữ - bản Việt Ngữ dùng chữ "dẫn dụ"). Hiểu được rằng sẽ luôn có những giáo sư giả làm bại hoại chân lý cũng như bất chước chân lý thì sẽ giúp cho chúng ta cảnh giác. Những người thiếu để phòng rất dễ yêu thích sai lầm và sự dẫn dụ của kẻ ác để mất thế quân binh thuộc linh của họ.

3:18 Một lần nữa, Phierơ dạy rằng tấn tới không ngừng trong các điều thuộc về Chúa là biện pháp bảo vệ tuyệt vời chống lại hiểm họa các giáo sư giả. Phải lớn lên trong hai phương diện: trong ân điển và trong sự thông biết. Ân điển là biểu hiện thực tiễn của trái Thánh Linh. Tấn tới trong ân điển không phải là ngày càng hiểu biết thêm nhiều trong tri hay càng tăng thêm những hoạt động không chút mệt mỏi; đây là trở nên giống Chúa Jesus ngày càng hơn. Thông biết nói đến sự quen biết với Chúa qua lời Ngài. Tấn tới trong sự thông biết Chúa muốn nói đến việc nghiên cứu và tuân phục ngày càng nhiều hơn trước lời của Chúa, công việc Chúa và đường lối Ngài.

Nhưng Phierơ không thể kết thúc thư tín của mình với lời khuyên bảo thánh đó. Đỉnh điểm phải là vinh hiển thuộc về Cứu Chúa. Và vì vậy chúng ta thấy bài ca chúc tụng thật tuyệt vời: **Nguyện xin vinh hiển về nơi Ngài, từ nay đến đời đời! Amen.** Suy cho cùng, đây là nguyên nhân tối cao cho sự hiện hữu của chúng ta - để tôn vinh hiển Ngài - do đó không còn âm điệu kết thúc nào phù hợp hơn thế nữa cho thư tín này.

CHÚ THÍCH

¹(Giới thiệu) E. G. Homrighausen, "The Second Epistle of Peter," *Exposition*, IB, XII, 1957, trang 166.

²(1:5) Từ chức vụ diễn giả của Tom Olson, người bạn thân của tác giả.

³(1:4) R. C. H. Lenski, *The Interpretation of the Epistles of St. Peter, St. John and St. Jude*, trang 266.

⁴(1:5) Câu chuyện nổi tiếng này đã được thuật lại rộng rãi. Chẳng hạn, xem S. M. Houghton, *Sketches from Church History*, trang 114-116.

⁵(1:6) Robert C. Lee, *Seven Swords and Other Messages*, trang 46.

⁶(1:16) Khi chúng ta dùng hai từ ngữ để nói lên một ý nghĩa, chẳng hạn như "good and mad" ("tốt và say mê") để nói lên "rất say mê," thì được gọi là phép *hemüady's* (ra từ một chữ Hy Lạp để chỉ về "một thông qua hai"). Kinh Thánh thường xuyên dùng biện pháp tu từ này, như ở đây chẳng hạn, vì vậy, nhận ra được biện pháp này thì rất tốt.

⁷(1:16) John A. T. Robinson, *Honest to God*, trang 32, 33.

⁸(1:18) Truyền thống của Công Giáo Lamã xem núi Thabô là địa điểm của Sự Hóa Hình và thực sự giáo hội này có rất nhiều đền trên núi đó. Xét về lịch sử, lời truyền khẩu này là không thể xảy ra được, vì Thabô không phải là hòn núi cao, mà các sách Tin Lành nói ngọn núi này là "rất cao." Hơn nữa, chắc có một đống quân Lamã trên núi Thabô vào thời của Chúa chúng ta, nên đó là một khung cảnh không phù hợp lắm cho sự bày tỏ riêng tư Núi Hếtmôn, một rặng núi cao phủ tuyết ở phía bắc Galilê, là một địa điểm rất khả dĩ.

⁹(1:20) Từ ngữ Hy Lạp *epilysis* có thể dịch là "nguồn gốc" (chủ tịch lễ của bản NKJV) cũng như "giải nghĩa."

¹⁰(1:20) Dinsdale T. Young, *The Un-voiced Evangel*, trang 13, 14.

¹¹(1:21) Bản Kinh Thánh Phê Bình (NU) ghi là "nhưng người ta đã nói từ Đức Chúa Trời."

¹²(2:1) Wallie Amos Criswell

¹³(2:1) Nels Ferre, *The Sun and the Umbrella*, trang 35, 112.

¹⁴(2:2) Gerald Kennedy, *God's Good News*, trang 125.

¹⁵(2:2) Robinson, *Honest*, trang 118.

¹⁶(2:2) NCC, *Called to Responsible Freedom*, trang 11.

¹⁷(2:6) A. J. Pollock, *Why I Believe the Bible is the Word of God*, trang 23.

¹⁸(2:10) *Pageant Magazine*, October, 1965.

¹⁹(2:16) Lenski, *Interpretation*, trang 326, 327.

²⁰(2:17) Bản NU bỏ qua chữ "đời đời" ở đây nhưng không bỏ qua chữ này trong phân đoạn song song rất gần gũi ở Giuđê 13.

²¹(2:18) Bản văn NU ở đây ghi là "vừa mới tránh khỏi," còn bản NKJV ghi là "đã thực sự tránh khỏi."

²²(3:10) Thay vì dùng chữ "bị đốt cháy cả" (*kuta-kuēsetai*, bản Kinh Thánh NU ghi là "bị thấy" (*heurethēsetai*), có lẽ mang nghĩa là "trấn trụi ra"

²³(3:16) Albert Barnes, *Notes on the New Testament*, X-26S.

SÁCH THAM KHẢO

Xem phần sách tham khảo ở cuối thư I. Phierơ.

THƠ THỨ NHẤT CỦA GIĂNG

Giới Thiệu

"Ở đây chúng ta được kêu gọi hãy bắt bước đi của Đấng Christ, chẳng phải bước đi của Ngài trên biển, nhưng chính là bước đi bình thường của Ngài."

- Martin Luther

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Thơ Thứ Nhất của Giăng giống như một album hình gia đình. Nó mô tả những người đã là thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời. Con cái giống cha mẹ thế nào, thì con cái Đức Chúa Trời cũng giống Ngài thế ấy. Bước thơ này mô tả những điểm tương đồng. Khi một người trở nên con cái Đức Chúa Trời thì nhận sự sống của Đức Chúa Trời - là sự sống đời đời. Tất cả những người có sự sống này đều thể hiện sự sống ấy bằng những cách rất rõ ràng. Chẳng hạn, họ công nhận Đức Chúa Jesus Christ là Chúa và Cứu Chúa của mình, họ yêu mến Đức Chúa Trời, yêu mến con cái Đức Chúa Trời, vâng giữ các điều răn Ngài, và họ không cứ tiếp tục phạm tội. Như vậy, đây là một số những dấu hiệu của sự sống đời đời. Giăng viết thơ này để tất cả những ai có đặc điểm gia đình ấy có thể biết họ có sự sống đời đời (I.Giăng 5:13).

Thơ Giăng Thứ Nhất khác thường trên rất nhiều phương diện. Đầu đây là một thơ tín thật sự vốn đã được gởi đi thực sự, nhưng không nêu tên cả tác giả lẫn người nhận thư. Rõ ràng họ đã biết nhau rất rõ. Điều đáng lưu ý về sách tuyệt vời này ấy là những chân lý thuộc linh cực kỳ sâu nhiệm được diễn đạt qua những câu văn đơn

giản và ngắn ngủi biết dường nào. Vốn từ vựng tuyệt vời không kém. Ai bảo chân lý thuộc linh sâu nhiệm phải được diễn tả bằng những câu văn phức tạp? Chúng ta e rằng điều mà một số người ca tụng cách đại đột như là sự giăng dạy hoặc tác phẩm "sâu nhiệm" chẳng qua chỉ là u ám, mờ昧 và không rõ ràng mà thôi.

Thơ Giăng Thứ Nhất xứng đáng được suy gẫm lâu dài và nghiên cứu hết lòng. Bút pháp cô vẻ như lập đi lập lại thực ra đã lập lại có kèm theo những điều hơi khác biệt - và chính những sắc thái ý nghĩa này mới là điều đáng phải để ý.

II. Quyển Tác Giả

Ngoại chứng cho quyển tác giả thơ I.Giăng có rất sớm và vững chắc. Những người sau đây đã trích dẫn cụ thể thơ tín này do Giăng, tác giả của sách Tin Lành thứ tư viết, gồm có: Irenaeus, Clement ở Alexandria, Tertullian, Origen, và môn đệ của ông là Dionysius.

Giống như tác giả của thơ Hêbơơ, tác giả của I.Giăng không nhắc đến tên mình. Tuy nhiên khác với Hêbơơ, thơ I.Giăng có nhiều *nội chứng* thuyết phục về quyển tác giả.

Bốn câu đầu cho thấy tác giả biết rõ Đấng Christ và ở lâu với Ngài. Điều

này thu hẹp đáng kể những khả năng về quyền tác giả và trùng hợp với lời truyền khẩu cho rằng chính sứ đồ Giăng đã viết thư này.

Cũng có nội chứng này còn có âm điệu sử đồ của Thư Tin: tác giả viết có thẩm quyền, với vẻ đĩnh đạc của vị lãnh đạo thuộc linh lão thành hơn ("Hỡi con cái bé mọn ta"), và thậm chí mang cả âm điệu giáo điều nữa.

Tư tưởng, văn phạm ("ở trong," "sự sáng," "mới," "điều răn," "lời," v.v...), và các thành ngữ ("sự sống đời đời," "phó sự sống mình," "vượt khỏi sự chết và đến sự sống," "Cứu Chúa thế gian," "cắt tội lỗi đi," "công việc của ma quỷ," "và nhiều thành ngữ khác nữa), trùng hợp với sách Tin Lành Thứ Tư và hai thư tín khác của Giăng.

Tương tự, văn phong Hibálai của thể đối song hành và cấu trúc câu đơn giản là điển hình đặc trưng cho cả sách Tin Lành Giăng và thư tín này. Nói tóm lại, nếu chấp nhận Sách Tin Lành Thứ Tư là do sứ đồ Giăng viết ra, thì chúng ta cũng không gặp rắc rối gì để kể thư tín này là do sứ đồ Giăng viết.

III. Thời Điểm Viết

Có người tin Giăng viết ba thư tín trong bộ kinh điển của mình vào thập niên 80 ở Giêrusalem trước khi quân Lamá phá hủy thành này. Niên hiệu muộn vào thế kỷ thứ nhất được chấp nhận phổ thông hơn (80-95 S.C.). Âm điệu người cha của các thư tín này phù hợp với lời truyền khẩu xưa về vị sứ đồ Giăng lão thành được khiển vào trong hội chúng và cất tiếng: "Hỡi các

con cái bé mọn, hãy yêu mến lẫn nhau."

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Vào thời Giăng viết thư, có một nhóm tà giáo dấy lên và đã trở thành giáo phái mang tên Trí Huệ Phái (Hy văn *gnosis* - tri thức). Nhóm Trí Huệ Phái này tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng tuyên bố mình còn có *thêm trí thức bổ sung* nữa, trội hơn những điều các sứ đồ đã dạy. Họ tuyên bố một người không thể được thỏa mãn trọn vẹn cho đến khi được truyền thụ cho "những chân lý" sâu nhiệm hơn của Trí Huệ Phái. Có người dạy rằng vật chất là xấu, nên do đó Con Người Jêsus không thể là Đức Chúa Trời được. Họ phân biệt giữa Jêsus và Đấng Christ. "Đấng Christ" là sự lưu xuất thiên thượng đã giáng trên Jêsus khi Jêsus chịu báp-tiêm và rời Jêsus trước khi Ngài chịu chết, có lẽ lúc trong vườn Ghếtsemanê. Theo quan điểm của họ, Jêsus đã thực sự chết, nhưng Đấng Christ không thực sự chết. Họ quả quyết rằng - như Michael Green nói - "Đấng Christ thiên thượng quá thánh khiết và thuộc linh đến nỗi không thể bị vấy bẩn bởi tiếp xúc vĩnh viễn với xác thịt loài người." Nói ngắn gọn, họ phủ nhận Sự Nhập Thể, không chấp nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ, không chấp nhận Jêsus Christ vừa là Đức Chúa Trời vừa là Con Người. Giăng nhận thấy những người này không phải là Cơ Đốc nhân thật, vì vậy ông nhắc đọc giả phải cảnh giác nhóm người ấy bằng cách chứng minh Trí Huệ Phái không có những dấu hiệu làm con cái thật của Đức Chúa Trời.

Theo sứ đồ Giăng, một người hoặc là con cái Đức Chúa Trời hoặc là không phải con cái Ngài chỉ cần; không hề có địa vị đứng lưng chừng. Đó là nguyên nhân thơ tin này đầy đầy những thái cực đối lập cực độ như là sự sáng và tối tăm, yêu và ghét, lẽ thật và dối trá, chết và sống, Đức Chúa Trời và ma quỷ. Đồng thời, cũng nên thấy sứ đồ muốn mô tả người ta bởi thói quen hành vi của họ. Khi phân biệt giữa Cơ Đốc nhân và người không thuộc Đấng Christ chẳng hạn, ông không căn cứ kết luận của mình trên một hành động phạm tội, nhưng trái lại, căn cứ trên điều đặc trưng cho nhân vật đó. Ngay cả chiếc đồng hồ chết cũng hai lần báo giờ chính xác trong mỗi hai mươi bốn giờ! Nhưng chiếc đồng hồ tốt báo giờ chính xác đều đặn. Vì vậy, nói chung hành vi mỗi ngày của một Cơ Đốc nhân là thánh khiết và công bình, và bởi điều đó người ta biết người ấy là con cái

Đức Chúa Trời. Giăng dùng chữ "biết" rất nhiều lần. Nhóm Trí Huệ Phải xưng mình *biết* lẽ thật, nhưng ở đây Giăng đưa ra những sự kiện thật về Đức Tin Cơ Đốc, là điều người khác có thể nhìn biết cách chắc chắn. Ông mô tả Đức Chúa Trời là sự sáng (1:5); tình yêu (4:8, 16); lẽ thật (5:7); và sự sống (5:20). Điều này không có nghĩa Đức Chúa Trời không phải là Một Thân Vị, nhưng đúng hơn Đức Chúa Trời là nguồn của bốn phước hạnh này. Giăng cũng nói Đức Chúa Trời là Đấng Công Bình (2:29; 3:7); Đấng thanh sạch (3:3) và Đấng không có tội lỗi (3:5).

Tuy Giăng sử dụng *những từ ngữ đơn sơ*, nhưng *tư tưởng* ông diễn tả thường sâu nhiệm, và đôi khi khó hiểu. Do đó, khi nghiên cứu sách này, chúng ta nên cầu xin Chúa giúp chúng ta nắm được ý nghĩa của Lời Ngài và vâng theo chân lý đúng như Ngài đã bày tỏ cho chúng ta.

BỔ CỤC

I. LỜI MỞ ĐẦU: MỐI THÔNG CÔNG CƠ ĐỐC (1:1-4)

II. PHƯƠNG TIỆN ĐỂ GIỮ GÌN SỰ GIAO THÔNG (1:5-2:2)

III. NHỮNG DẤU HIỆU CỦA NGƯỜI Ở TRONG MỐI GIAO THÔNG CƠ ĐỐC: VẮNG LỜI VÀ YÊU THƯƠNG (2:3-11)

IV. CÁC GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG TRONG MỐI THÔNG CÔNG (2:12-14)

V. HAI HIỂM HỌA ĐỐI VỚI MỐI THÔNG CÔNG: THẾ GIAN VÀ CÁC GIÁO SƯ GIẢ (2:15-28)

VI. DẤU HIỆU CỦA NHỮNG NGƯỜI Ở TRONG MỐI THÔNG CÔNG CƠ ĐỐC (TIẾP THEO): CÔNG BÌNH, YÊU THƯƠNG VÀ SỰ VỮNG LÒNG DO MỐI THÔNG CÔNG ẤY ĐEM LẠI (2:29-3:24)

VII. NHƯ CẦU CÁN PHÂN BIỆT GIỮA CHÂN LÝ VÀ SAI LẦM (4:1-6)

VIII. DẤU HIỆU CỦA NHỮNG NGƯỜI Ở TRONG MỐI THÔNG CÔNG CƠ ĐỐC (TIẾP THEO) (4:7-5:20)

- A. Tình Yêu Thương (4:7-21)
- B. Giáo Lý Lành (5:1a)
- C. Yêu Thương Và Vâng Lời Do Giáo Lý Lành Sinh Ra (5:1b-3)
- D. Đức Tin Đắc Thắng Được Thế Gian (5:4,5)
- E. Giáo Lý Lành (5:6-12)
- F. Sự Bảo Đảm Qua Lời Chúa (5:13)
- G. Được Dạn Dĩ Trong Sự Cầu Nguyện (5:14-17)
- H. Hiểu Biết Về Những Thực Tại Thuộc Linh (5:18-20)

IX. LỜI KÊU GỌI KẾT THÚC (5:21)

CHÚ GIẢI

I. LỜI MỞ ĐẦU: MỐI THÔNG CÔNG CƠ ĐỐC (1:1-4)

1:1 Nền tảng giáo lý của toàn bộ sự thông công thật chính là Thân Vị của Đức Chúa Jêsus Christ. Không thể nào có sự thông công thật với những người đi theo các quan điểm sai lầm về Ngài. Hai câu đầu tiên dạy về phẩm tính đời đời của Ngài và thực tại về Sự Nhập Thể của Ngài. Đáng đã hiện hữu từ suốt cả cõi đời đời với Đức Chúa Cha cũng chính là Đáng đã vào trần gian này để làm một con người thật. Thực tế Sự Nhập Thể của Ngài được nêu rõ bởi sự kiện các sứ đồ đã nghe Ngài, đã tận mắt nhìn thấy Ngài, đã ngắm xem Ngài với sự chiêm ngưỡng sâu xa, và đã thực sự rờ đến Ngài. Lời sự sống không phải chỉ là ảo tưởng thoáng qua suông mà thôi, nhưng là một Thân Vị thật sự trong thân thể xác thịt.

1:2 Câu 2 khẳng định Đáng vốn ở cùng Đức Chúa Cha, và Đáng Giảng gọi sự sống đời đời chính là Đáng đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta, và đã được các sứ đồ nhìn thấy.

Các đồng sau của một tác giả vô danh cho thấy những hàm ý thực tiễn của hai câu đầu tiên này đối với đời sống chúng ta:

Tôi sung sướng vì hiểu biết của mình về sự sống đời đời không dựa trên những phỏng đoán của các triết gia hoặc thâm chí của các nhà thần học. Nhưng căn cứ trên lời làm chứng không thể bắt bẻ vào đâu được của những người đã nghe, đã thấy, đã ngắm xem và đã rờ Đáng mà sự sống đời đời được hiện thân trong Ngài. Đây không chỉ là giấc mơ đáng yêu, nhưng là một sự thực vững chắc, được quan sát cẩn thận và là một sự kiện được ghi lại chính xác.

1:3 Các sứ đồ không giữ bí mật tin tức kỳ diệu này, và chúng ta cũng không nên giữ kín. Họ nhận thấy cơ sở cho toàn bộ sự thông công được tìm thấy tại đây, và vì vậy họ công bố ra thật trọn vẹn và vô điều kiện. Mọi người nào tiếp nhận lời chứng của các sứ đồ thì được giao thông với Đức Chúa Cha và với Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ, và cũng giao thông

với các sứ đồ cùng mọi tín hữu khác. Thật tuyệt vời biết bao khi những tội nhân có tội lại được giao thông với Đức Chúa Cha, và với Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ! Và hơn thế nữa, đó là chính sự thật chúng ta có tại đây.

Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ. Chúa Jêsus và Đấng Christ là một và là đồng một thân vị, và thân vị ấy là **Con Đức Chúa Trời.** **Jêsus** là tên được đặt cho Ngài khi sinh ra, và bởi đó nói đến nhân tánh trọn vẹn của Ngài. **Christ** là danh xưng nói Ngài là Đấng Chịu Xức Dầu của Đức Chúa Trời, là Đấng Mêsia. Do đó, trong danh Đức Chúa Jêsus Christ, chúng ta có lời chứng cho nhân tánh và thần tánh của Ngài. **Jêsus Christ** là chính Đức Chúa Trời rất Đức Chúa Trời và là chính Con Người rất người.

1:4 Nhưng vì sao Giăng viết như vậy về để tài sự giao thông? Nguyên nhân là để **sự vui mừng** của chúng ta được đầy đầy. Giăng nhận thấy thế gian không thể đem **sự vui mừng** thật và lâu dài đến cho lòng người. **Vui mừng** này chỉ có thể đến qua mối quan hệ đúng đắn với Chúa. Khi một người được giao thông với Đức Chúa Trời và với Chúa Jêsus, người ấy có **niềm vui** vững chắc và sâu kín đến nỗi không thể bị xáo động bởi những hoàn cảnh của trần gian. Đúng như một thi sĩ có nói: "Nguồn ca hát của người ở tận Thiên đàng trên cao."

II. PHƯƠNG TIỆN ĐỂ GIỮ GÌN SỰ GIAO THÔNG (1:5- 2:2)

1:5 Sự giao thông (thông công) mở tả tình huống hai hoặc nhiều người

chia sẻ những điều họ có chung với nhau. Đây là sự chia sẻ ý nghĩ tình cảm hoặc cộng tác, chung phần. Giờ đây Giăng bắt đầu dạy độc giả những đòi hỏi để có sự giao thông với Đức Chúa Trời. Ông dùng những lời dạy của Chúa Jêsus khi Ngài còn trên đất. Dấu ông không trích dẫn là Chúa đã dùng chính xác những từ ngữ này, nhưng thực chất lời dạy của Ngài ấy là **Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu.** Với những lời này, Chúa Jêsus dạy rằng **Đức Chúa Trời** là tuyệt đối thánh khiết. Tuyệt đối công bình và tuyệt đối thanh sạch. Ngài không ưng thuận bất kỳ hình thức tội lỗi nào. Không điều gì có thể che khuất khỏi Ngài, nhưng "thầy đều trần trụi và lộ ra trước mắt Đấng mà chúng ta phải thưa lại" (Hêbơơ 4:13).

1:6 Giờ đây, suy luận tiếp theo ấy là để được giao thông với Đức Chúa Trời, thì không thể che giấu tội. Sự sáng và sự tối tăm không thể cùng tồn tại trong đời sống của một người, chẳng khác nào chúng không thể cùng hiện hữu trong một căn phòng của ngôi nhà. Nếu một người đang đi trong sự tối tăm, người ấy không giao thông với Đức Chúa Trời. Ai nói mình giao thông với Ngài mà quên đi trong sự tối tăm thì người ấy chưa hề được cứu rỗi chi cả.

1:7 Mặt khác, nếu bước đi trong sự sáng, thì người ấy có thể thông công với Chúa Jêsus Christ và với những bạn đồng tin nơi Đấng Christ của mình. Theo như Giăng nói trong phần đoạn này, một người hoặc ở trong sự sáng, hoặc ở trong bóng tối. Nếu ở

trong sự sáng, thì là thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời. Nếu ở trong tối tăm, thì không có điều chi chung với Đức Chúa Trời cả vì trong Đức Chúa Trời không hề có sự tối tăm. Những ai bước đi trong sự sáng, tức những ai là Cơ Đốc nhân, thì **giào thông cùng nhau và huyết của Đức Chúa Jêsus Christ liên tục tẩy sạch mọi tội** của họ. Toàn bộ sự tha thứ của Đức Chúa Trời được căn cứ trên huyết của Con Ngài đã đổ tại Gôgôtha. **Huyết** ấy cung cấp cơ sở công bình để Đức Chúa Trời đạ trên đó tha thứ tội lỗi, và đúng như chúng ta hát: "Huyết Chúa không hề mất quyền năng." Huyết ấy hiệu nghiệm đời đời để tẩy sạch chúng ta. Đương nhiên, tin hữu phải xưng tội trước khi có thể nhận sự tha tội, nhưng Giảng luận đến vấn đề đó trong câu 9.

1:8 Và một lần nữa, sự thông công với Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta công nhận sự thật về chính mình. Chẳng hạn, phủ nhận mình có bản tánh tội lỗi có nghĩa là tự lừa dối và không thành thật. Lưu ý Giảng phân biệt giữa tội lỗi ("sin" câu 8) và *những tội đã phạm* ("sins" câu 9 - bản Việt Ngữ đều dịch là "tội" trong cả hai câu này). Tội lỗi trong câu 8 nói đến bản tánh gian ác bại hoại của chúng ta. Những tội đã phạm (câu 9) nói đến những điều ác chúng ta đã làm. Thực ra, bản tánh thật của chúng ta còn tệ hơn nhiều so với những việc chúng ta từng làm. Nhưng tạ ơn Chúa, Đấng Christ đã chết chuộc bản tánh tội chúng ta và những tội chúng ta đã phạm.

Hoàn cải không có nghĩa xóa bỏ bản tánh tội lỗi. Trái lại, có nghĩa tháp vào một bản tánh mới thuộc về Đức Chúa Trời, có năng quyền để sống đắc thắng tội lỗi đang cư trú trong chúng ta.

1:9 Muốn bước đi hàng ngày trong sự giao thông với Đức Chúa Trời và với các anh em tín hữu, chúng ta phải **xưng những tội mình đã phạm**: những tội cố ý phạm, những tội vô ý phạm, tội trong tư tưởng, tội trong hành động, những tội kín giấu, và những tội trước công chúng. Chúng ta phải đưa chúng ra công khai trước Chúa, gọi đích danh, đứng về phía Đức Chúa Trời để nghịch lại chúng và từ bỏ chúng. Đúng vậy, sự hoàn cải thật bao gồm từ bỏ các tội đã phạm: "Người nào giấu tội lỗi mình sẽ không được may mắn; nhưng ai xưng nó ra và lìa bỏ nó sẽ được thương xót" (Châm Ngôn 28:13).

Khi làm điều đó, chúng ta có thể nhận lấy lời hứa rằng Đức Chúa Trời **hành tin để tha tội cho chúng ta**. Ngài **hành tin** theo ý nghĩa Ngài đã hứa tha tội và sẽ hành động đúng theo lời đã hứa. Ngài là **công bình để tha tội** vì Ngài đã tìm thấy cơ sở công bình để tha tội qua công tác thay thế của Đức Chúa Jêsus trên thập tự giá. Không những Ngài bảo đảm tha tội, mà còn **tẩy sạch chúng ta khỏi mọi điều gian ác**.

Sự tha tội Giảng nói đến ở đây là sự tha thứ của người cha, chứ không phải pháp lý. Sự tha thứ về mặt pháp lý nói đến sự tha khỏi hình phạt dành cho những tội đã phạm, là sự tha thứ

tội nhân nhận được khi tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ. Sự tha tội ấy được gọi là tha tội về mặt pháp lý vì được Đức Chúa Trời ban cho trong tư cách Quan Án. Nhưng còn những tội mà một người phạm sau khi hoán cải thì sao? Xét về hình phạt, thì giá phải trả đã được Đức Chúa Jêsus trả xong rồi trên thập tự giá tại đồi Gôgôtha. Nhưng về mặt tương giao trong gia đình của Đức Chúa Trời, thánh đồ đang phạm tội kia cần được sự tha thứ của người cha, tức là sự tha thứ của Cha Đức Chúa Jêsus. Thánh đồ ấy nhận được sự tha tội này bằng cách xưng tội lỗi mình đã phạm. Chúng ta cần sự tha thứ về mặt pháp lý chỉ một lần duy nhất; sự tha thứ ấy giải quyết hình phạt dành cho mọi tội lỗi của chúng ta đã phạm - trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhưng chúng ta cần sự tha thứ của người cha trong suốt cuộc đời Cơ Đốc của mình.

Khi xưng tội mình, chúng ta phải dựa vào thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời để tin chắc Ngài tha tội mình. Và nếu Ngài tha thứ chúng ta, chúng ta cũng phải sẵn lòng tha thứ cho mình nữa.

1:10 Cuối cùng, để được giao thông với Đức Chúa Trời, chúng ta không được phép phủ nhận mình đã phạm tội. Đức Chúa Trời nói đi nói lại trong Lời Ngài rằng mọi người đều đã phạm tội. Phủ nhận điều này tức cho Ngài là kẻ nói dối. Như vậy là mâu thuẫn hoàn toàn với Lời Ngài, và hoàn toàn phủ nhận nguyên nhân Chúa Jêsus Christ đã đến chịu khổ, đổ huyết và chịu chết.

Như vậy, chúng ta thấy giao thông với Đức Chúa Trời không đòi hỏi những đời sống vô tội, nhưng đúng hơn đòi hỏi hết thảy mọi tội của chúng ta phải được đem ra trước mặt Ngài, xưng ra và tía bỏ. Điều đó có nghĩa chúng ta phải hoàn toàn thành thật về tình trạng của mình, và đừng nên giả hình hay che đậy con người thật của mình.

2:1 Giảng nêu cho chúng ta tiêu chuẩn hoàn hảo của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài, và sự dự bị đầy khoan dung của Ngài dành cho trường hợp thất bại. **Con cái bé mọn** nói đến mọi thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời. Như vậy, tiêu chuẩn hoàn hảo của Đức Chúa Trời được trình bày qua những chữ "ta viết cho các con những điều này, hầu cho các con khỏi phạm tội." Vì Đức Chúa Trời là trọn lành, tiêu chuẩn Ngài dành cho dân sự là trọn lành tuyệt đối. Ngài sẽ không còn là Đức Chúa Trời nếu Ngài bảo: "Ta viết cho các con những điều này hầu cho các con phạm tội càng ít càng tốt." Đức Chúa Trời không thể dung túng tội lỗi cho đâu ở mức độ nhỏ nhất đi nữa, và như vậy Ngài đặt sự trọn lành làm mục tiêu trước mặt chúng ta. Đức Chúa Jêsus Christ đã xử lý như vậy với người đờn bà bị bắt quả tang phạm tội tà dâm; Ngài phán: "Ta cũng không định tội người; hãy đi, đừng phạm tội nữa."

Đồng thời, Chúa biết khuôn khổ của chúng ta, Ngài nhớ lại chúng ta bằng bụi đất, và vì vậy Ngài đã đầy ơn dự bị cho chúng ta trong trường hợp chúng ta thất bại. Điều này được diễn

tả qua câu: "Nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha, là Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng công bình." "Đấng cầu thay" là người đến bên cạnh một người khác trong thì giờ có cần để giúp đỡ. Đây chính xác là việc Chúa làm cho chúng ta khi chúng ta phạm tội. Ngài lập tức đến với chúng ta để khỏi phục chúng ta trở về giao thông với chính Ngài. Lưu ý câu này không nói: "Nếu có ai xưng tội mình..." Là Đấng cầu thay (Trạng Sư) của chúng ta, Chúa tìm cách đưa chúng ta trở lại chỗ mà chúng ta xưng tội và là bỏ tội mình.

Trong câu này có một điều thật tuyệt vời mà chúng ta đừng nên bỏ sót. Câu này nói: "Nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha." Câu này không nói "cầu thay ở nơi Đức Chúa Trời," nhưng trái lại "nơi Đức Chúa Cha." Ngài vẫn là Cha thiên thượng của chúng ta ngay cả khi chúng ta phạm tội. Điều này nhắc chúng ta nhớ một lẽ thật phước hạnh rằng hầu tội lỗi trong đời sống của tín hữu phá vỡ mối thông công, nhưng không cắt đứt mối quan hệ. Khi một người được tái sanh, người trở thành con cái Đức Chúa Trời. Từ đó trở đi Đức Chúa Trời là Cha người, và không bao giờ có điều nào ảnh hưởng đến mối quan hệ đó được. Sự ra đời là sự kiện không thể rút lại được. Một người có thể sỉ nhục cha mình, nhưng vẫn là con trai bởi chính sự kiện người đã ra đời.

Đề ý Đấng cầu thay cho chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ, tức là Đấng

công bình. Có Đấng Bình Vực công bình thì thật tốt biết bao. Khi Satan kiện cáo tín hữu, Đức Chúa Jêsus có thể chỉ vào công tác đã hoàn tất của Ngài trên Gôgôtha và nói: "Hãy tình điều đó vào sổ của ta."

2:2 Chúa Jêsus không những là Đấng cầu thay cho chúng ta, Ngài còn là của lễ chuộc tội rồi chúng ta nữa. Điều này có nghĩa khi chết thay chúng ta, Ngài giải thoát chúng ta khỏi sự phạm tội và mặc cảm phạm tội của chúng ta, rồi khỏi phục chúng ta trở về với Đức Chúa Trời bằng cách cung cấp sự đền tội cần thiết và loại bỏ mọi rào cản ngăn ta bước vào mối giao thông đó. Đức Chúa Trời có thể tỏ lòng thương xót chúng ta vì Đấng Christ đã làm thỏa mãn những đòi hỏi công lý. Thường thì không một trạng sư (hay luật sư) nào đến trả những tội lỗi của thân chủ; nhưng Chúa chúng ta đã làm chính công việc ấy, và đang lưu ý hơn cả, Ngài đã đền trả bằng của lễ hy sinh chính mình Ngài.

Giăng nói thêm Ngài là của lễ hy sinh thỏa đáng không những cho tội lỗi của chúng ta thôi, mà còn cho tội lỗi của cả thế gian nữa. Điều này không có nghĩa cả thế gian đều được cứu. Trái lại, điều này có nghĩa công tác của Chúa Jêsus có giá trị đầy đủ để cứu toàn thế gian, nhưng chỉ *hiệu nghiệm* để cứu những người nào thật sự đặt lòng tin cậy nơi Ngài. Chính vì công tác của Ngài là đủ cho mọi người mà ta có thể rao Tin Lành cho cả thế giới. Nhưng nếu mọi người tự nhiên được cứu, thì không còn cần giảng Tin Lành cho họ nữa. Điều thú vị ấy là

tấm bia trên thập tự giá được ghi bằng tiếng Hibálai - ngôn ngữ của tuyến dân Đức Chúa Trời - và bằng tiếng Hy Lạp và Latin, những ngôn ngữ chính của thế giới thời bấy giờ. Như vậy, tấm bia đó đã rao cho toàn thế giới biết Đức Chúa Jê-sus Christ là Cứu Chúa đầy đủ cho mọi người ở khắp mọi nơi.

III. NHỮNG DẤU HIỆU CỦA NGƯỜI Ở TRONG MỐI GIAO THÔNG CƠ ĐỐC: VÀNG LỜI VÀ YÊU THƯƠNG (2:3-11)

2:3 Giảng sấp tều những dấu hiệu thật của người ở trong mối thông công Cơ Đốc. Dấu hiệu đầu tiên là vàng lời. Chúng ta có thể bảo đảm mối quan hệ của mình với Đức Chúa Trời nếu đời sống chúng ta đặc trưng bởi lòng khát khao triu mến được làm theo ý muốn Ngài. Những câu này rõ ràng nhằm vào Trí Huệ Phải, là người tự xưng có hiểu biết siêu việt về Đức Chúa Trời, nhưng lại tỏ ra không mấy quan tâm vàng giữ các điều răn của Chúa. Giảng cho thấy sự hiểu biết như thế là trống rỗng và vô giá trị.

Giảng mô tả sự vàng lời của tín hữu trong ba phương diện - vàng giữ các điều răn Ngài (câu 3); vàng giữ lời phán Ngài (câu 5); làm theo như chính Ngài đã làm (câu 6). Ý tưởng ở đây có bước tiến triển rõ rệt. Vàng giữ các điều răn Ngài tức là vàng giữ những lời dạy của Chúa Jê-sus có chép trong Tân Ước. Giữ lời phán Ngài có nghĩa không những vàng theo những điều được viết ra, mà còn khao khát làm theo điều chúng ta biết là làm đẹp lòng Ngài. Làm theo như chính Ngài đã làm là biểu hiện đầy đủ về tiêu

chuẩn của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài; điều này có nghĩa sống y như Chúa Jê-sus đã sống.

2:4 Giảng không ám chỉ đời sống Cơ Đốc cốt ở chỗ vàng giữ không chút sai lệch ý muốn Chúa, nhưng đúng hơn, Cơ Đốc nhân có thói quen khao khát vàng giữ điều răn Ngài và làm những điều nào đẹp lòng Ngài. Giảng đang xem xét toàn bộ mọi khía cạnh của đời sống. Nếu ai nói mình biết Đức Chúa Trời nhưng không vàng giữ các điều răn Ngài, thì rõ ràng người ấy đang không nổi thật.

2:5 Mặt khác, khi chúng ta vàng giữ lời phán Ngài, thì lòng yêu mến Đức Chúa Trời thật trọn vẹn trong chúng ta. Lòng kính mến Đức Chúa Trời ở đây không nói đến lòng chúng ta yêu mến Chúa, nhưng đúng hơn nói đến tình yêu Ngài dành cho chúng ta. Ý tưởng ở đây là tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta đã đạt được mục đích của nó khi chúng ta vàng giữ Lời Ngài. Tình yêu ấy hoặc thành mục tiêu và đạt đến đích khi tạo ra sự vàng phục Ngài.

2:6 Do đó, ai nói mình ở trong Ngài thì cũng phải làm theo như chính Chúa Jê-sus đã làm. Đời sống của Chúa Jê-sus - như đã được trình bày trong các sách Tin Lành - là khuôn mẫu và kim chỉ nam cho chúng ta. Đây không phải là cuộc đời chúng ta có thể sống nhờ sức riêng hay năng lực riêng của mình, nhưng chỉ có thể sống được nhờ quyền năng của Thánh Linh. Trách nhiệm của chúng ta là phải trao phó hết đời sống mình cho Ngài, và để Ngài sống cuộc đời của Ngài trong và qua chúng ta.

2:7 Một dấu hiệu quan trọng khác nữa của những tín hữu thật ấy là lòng yêu mến anh em. Giảng nói đây không phải là **điều răn mới** ông viết cho họ, nhưng là **điều răn cũ** họ đã nhận từ lúc ban đầu. Nói cách khác, Chúa Jêsus đã dạy các môn đồ yêu mến nhau ngay từ lúc ban đầu.

Tri Huệ Phái luôn luôn phê trương những lời giáo huấn của họ là mới. Nhưng vị sứ đồ khuyên giục độc giả phải thử nghiệm mọi điều bởi lời dạy của Chúa Jêsus khi Ngài còn trên đất này. Luôn luôn có nguy cơ trôi dạt khỏi điều có từ **lúc ban đầu**.¹ Giảng nói: "Hãy trở lại chỗ ban đầu, và anh em sẽ biết đâu là điều đúng."

2:8 Thế nhưng điều răn này không chỉ là một điều răn cũ hoàn toàn, nhưng trên một phương diện nó còn là điều răn mới nữa. Khi Chúa Jêsus còn trên đất này, Ngài không những dạy các môn đồ phải yêu mến nhau, Ngài còn nêu cho họ tấm gương sống động về điều Ngài muốn nói. Đời sống Ngài đặc trưng bởi tình yêu đối với người khác. Như vậy, điều răn này là **điều chân thật trong Chúa** khi Ngài còn ở trên đất này. Nhưng giờ đây còn một phương diện nữa để Điều Răn Cũ ấy là điều răn mới. Trong định kỳ này, điều răn ấy không những là **chân thật trong Chúa Jêsus**, nhưng cũng **chân thật trong các tín đồ nữa**. Những Cơ Đốc nhân này ngày trước là những người ngoại đạo, sống trong thù ghét và tham dục. Giờ đây họ minh họa và là hiện thân cho luật pháp yêu thương vĩ đại trong chính đời sống mình.

Như vậy, **tối tăm tan đi** khi nào con người nhận lấy ánh sáng của Tin

Lành. Tối tăm vẫn chưa biến mất hoàn toàn vì nhiều người vẫn chưa đến với Đấng Christ, nhưng Đấng Christ, là **sự sáng thật**, đã soi sáng rồi, và kể khi tội nhân đến với Ngài thì liền được cứu, và từ đó trở đi họ yêu mến các bạn đồng đức tin nơi Đấng Christ của mình.

2:9-11 Trong câu 9-11, chúng ta có sự tương phản giữa tình yêu giả với tình yêu thật. Những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng **ghét** những người vốn là Cơ Đốc nhân thật, thì đó là dấu hiệu chắc chắn cho thấy người như thế vẫn còn ở trong sự **tối tăm**. Biểu hiện này cho thấy đây không phải là trường hợp sa ngã. Người này tiếp tục ở trong tình trạng xưa nay vẫn luôn như vậy, tức là chưa được cứu. Mặt khác, những ai đặc trưng bởi **lòng yêu mến anh em mình**, **lì ở trong sự sáng**, nơi người đó **chẳng có điều chi gây cho vấp phạm**. Có thể câu này muốn nói chính người ấy không gặp nguy cơ vấp ngã, hoặc sẽ không gây cho người khác vấp phạm. Cách giải nghĩa nào cũng đúng. Nếu Cơ Đốc nhân thật sự đang sống trong mối giao thông với Chúa, thì sự sáng chiếu soi đường lối của người, và không ai bị vấp phạm bởi sự không nhất quán giữa lời tuyên xưng và nếp sống của người ấy. Những người theo Tri Huệ Phái cảm ghét sâu xa những người vốn làm đúng theo Lời Chúa. Điều này chứng tỏ họ ở trong sự **tối tăm**, họ **không biết** mình đang đi đâu, vì **bóng tối tăm đã làm mù mắt họ**.

Đường như để minh họa tình yêu mến anh em mà này giờ ông đang nói

đến, sứ đồ giờ đây dừng lại để gửi lời chào thăm yêu thương đến những người vốn là thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời.

IV. CÁC GIAI ĐOẠN TÀNG TRƯỜNG TRONG MỐI THÔNG CÔNG (2:12- 14)

2:12 Trước hết, ông bao gồm cả gia đình với câu nói hời các **con cái bé mọn**.² Ở đây ông không hề nghĩ đến sự phát triển về tuổi tác hoặc tâm linh. Giảng đang nói với mọi người nào thuộc về Chúa, và điều này được chứng minh bởi phần còn lại trong câu: **Vì tội lỗi các con đã nhờ danh Chúa được tha cho**. Điều này đúng cho mọi Cơ Đốc nhân. Thật tuyệt vời khi biết mình được tha thứ tội hoàn toàn, biết như một sự sở hữu hiện tại của mình. **Cũng để ý rằng tội lỗi chúng ta nhờ danh Chúa được tha**. Chính nhờ Đấng Christ mà Đức Chúa Trời tha thứ mọi tội chúng ta.

2:13 Các **phụ lão** được mô tả là những người đã biết Đấng có từ lúc ban đầu, là những tín hữu trưởng thành đã biết bước đồng hành ngọt ngào của Con Đức Chúa Trời và thỏa mãn với Ngài. **Kẻ trẻ tuổi** trong gia đình thuộc linh được đặc trưng bởi sức sống và bởi chiến trận. Đây là thời điểm của xung đột và chiến đấu chống kẻ thù. **Kẻ trẻ tuổi đã thắng được ma quỷ** vì họ đã học biết bí quyết chiến thắng, tức là: "Không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi." **Con cái bé mọn** là những hài nhi trong đức tin. Có lẽ họ chưa biết nhiều, nhưng họ thực sự biết Đức Chúa Cha.

2:14 Khi Giảng nói lại lần nữa với các **phụ lão**, thì cũng giống y như lần

đầu. Sở dĩ như vậy vì họ đã trưởng thành trong kinh nghiệm thuộc linh. Một lần nữa, **kẻ trẻ tuổi** được gọi là những người mạnh mẽ trong Chúa và trong sức mạnh của quyền năng Ngài. Họ đã **thắng được ma quỷ** vì Lời của Đức Chúa Trời ở trong họ. Chúa Jêsus đã có thể đánh bại ma quỷ trong đồng vắng bằng cách trưng dẫn Kinh Thánh. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên tục nuôi dưỡng bằng lời Kinh Thánh và có Kinh Thánh sẵn sàng để xua đuổi những trận tấn công của Satan.

V. HAI HIỂM HỌA ĐỐI VỚI MỐI THÔNG CÔNG: THẾ GIẠN VÀ CÁC GIÁO SƯ GIÁ (2:15- 28)

Trong câu 15-17, chúng ta được cảnh cáo mạnh mẽ phải đề phòng thế gian cùng mọi đường lối giả trá của nó. Có lẽ điều này được nói chủ yếu cho người trẻ tuổi, là người đang bị thế gian hấp dẫn đặc biệt, nhưng đây còn là lời cảnh cáo áp dụng cho toàn bộ dân sự của Chúa. Thế gian ở đây không phải là hành tinh chúng ta đang sống, hay cõi tạo vật thiên nhiên chung quanh chúng ta. Trái lại, đây là hệ thống con người đang xây đắp để nỗ lực làm cho mình hạnh phúc không cần đến Đấng Christ. Nó có thể bao gồm thế giới văn hóa, thế giới của nhạc opera, nghệ thuật, giáo dục - nói tóm lại là bất kỳ phạm vi nào mà Đức Chúa Jêsus không được yêu mến và hoan nghênh trong đó. Có người định nghĩa thế gian này là "xã hội loài người trong chừng mực nó được tổ chức trên những nguyên tắc sai lầm, đặc trưng bởi những nỗ lực khao khát

hèn hạ, những giá trị giả dối và tình ích kỷ.”

2:15,16 Chúng ta được cảnh cáo rõ ràng để **đừng yêu mến thế gian và các vật ở trong thế gian**, vì nguyên nhân đơn giản: yêu mến thế gian là không thích hợp với lòng kính mến Đức Chúa Cha. Có thể mô tả mọi điều thế gian có để chào mời như là sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời. Mê tham của xác thịt chỉ đến những điều thèm khát nhục dục của thân thể ra từ bên trong bản tánh xấu xa của chúng ta. Sự mê tham của mắt áp dụng cho những ham muốn xấu xa có thể ra từ những điều chúng ta nhìn thấy. **Kiêu ngạo của đời** là tham vọng bất khiết để tự khoe khoang và phô bày. Ba yếu tố này của tính thần ham mến thế gian được minh họa trong sự phạm tội của Èva. Cây này ăn ngon; đó là sự tham muốn của xác thịt. Cây đẹp mắt; đó là sự mê tham của mắt. Cây được khai khát để khiến trở nên khôn ngoan; mô tả sự kiêu ngạo của đời.

Như *ma quỷ* chống đối với *Đấng Christ*, *xác thịt* thù địch với *Thánh Linh* thế nào, thì *thế gian* cũng thù địch với *Đức Chúa Cha* thế ấy. Nhưng sự thèm muốn, ham ăn, tham lam, tham vọng đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế gian mà ra. Cầu này có nghĩa chúng không ra từ Đức Chúa Cha, nhưng nguồn của chúng là trong thế gian. Tính thần bất chúc thế gian chính là lòng yêu mến những điều thoảng qua. Lòng người không bao giờ thỏa mãn với những điều đó.

2:17 Và thế gian với sự tham dục nó đều qua đi. Khi nhà băng sắp phá

sản, những người khôn ngoan không gửi tiền vào. Khi nền nhà lung lay, những thợ xây khôn ngoan không xây tiếp. Tập trung vào thế gian này cũng giống như sắp xếp lại những chiếc ghế trên tàu Titanic. Như vậy người khôn ngoan không sống cho thế gian vốn đang qua đi. Song ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời. Chính ý muốn của Đức Chúa Trời giải thoát chúng ta khỏi cảm dỗ của những điều qua đi. Nhân tiện, đây cũng chính là câu Kinh Thánh để đời của D. L. Moody, nhà truyền giảng vĩ đại, và được khắc trên bia mộ ông: “Ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời.”

2:18 Một phương pháp thử nghiệm khác để biết người đang ở trong mối thông công Cơ Đốc chính là phép thử nghiệm giáo lý. Để tài này được giới thiệu bởi lời cảnh cáo gửi cho những con trẻ trong Đấng Christ để họ để phòng các giáo sư giả. Những người còn non trẻ trong đức tin đặc biệt dễ rơi vào những lời dối trá của Kẻ Địch Lại Đấng Christ. Đọc giả của Giảng đã được dạy rằng Kẻ Địch Lại Đấng Christ sẽ dấy lên trước khi Đấng Christ hiện đến và giả làm Đấng Christ. Những biến cố hầu đến đã ngã bóng trước khi chúng đến thế nào, thì trước khi Kẻ Địch Lại Đấng Christ phải đến, có nhiều kẻ địch lại Đấng Christ cũng xuất hiện trước thế ấy, đây là những giáo sư giả, rao ra một Christ giả và Tin Lành giả. Thật đáng lưu ý vì thời chúng ta đang sống đây đặc trưng bởi sự tồn tại của rất nhiều tà giáo phủ nhận Đấng Christ,

và hết thấy điều này làm chứng cho sự kiện ngày Cứu Chứa tài làm đã rất gần.

2:19 Các giáo sư già đang tự xưng là những Cơ Đốc nhân đã từng có thời gần bó với các sư đồ. Tuy nhiên trong lòng họ, họ không thật sự làm một với tin hữu, và họ bày tỏ điều này bằng cách bước ra khỏi mọi thông công này. Vì nếu chúng nó thuộc về chúng ta, thì đã ở cùng chúng ta. Ở đây, chúng ta học biết đức tin thật luôn luôn mang phẩm chất bền vững. Nếu một người đã thực sự được tái sinh, người ấy sẽ tiếp tục tiến lên với Chúa. Điều này không có nghĩa chúng ta được cứu bởi cứ nhìn nhục cho đến cuối cùng, nhưng đúng hơn những ai chịu đựng cho tới cuối cùng thì đó là những người thực sự được cứu. Các giáo sư già đi ra khỏi giữa chúng ta, để tỏ ra rằng mọi kẻ ấy chẳng thuộc về chúng ta vậy.

2:20 Nhưng điều này làm nảy sinh những thắc mắc: "Làm sao một tín hữu non trẻ biết đâu là thật và đâu là giả?" Câu trả lời ấy là chúng ta đã chịu xúc dầu từ nơi Đấng Thánh, thì đã biết mọi sự rồi, và sự xúc dầu này nói đến Đức Thánh Linh và ra từ Đấng Thánh, tức là Đức Chúa Jêsus Christ. Khi một người được cứu thì nhận lãnh Thánh Linh cư ngụ trong đời sống, và Ngài ban quyền năng cho tín hữu ấy phân biệt giữa chân lý và sai lầm. Khi Giảng bảo những độc giả trẻ tuổi của ông "Các con... đã biết mọi sự rồi,"³ ông không có ý nói điều này với nghĩa tuyệt đối. Không phải họ đã có sự hiểu biết trọn lành,

nhưng đúng hơn, ông muốn nói họ có khả năng nhận ra đâu là đúng đâu là không đúng. Vì vậy, tin hữu non trẻ nhất, đơn sơ nhất này có năng lực để phân biệt những điều Thiên thượng mà một triết gia chưa được cứu sẽ không có. Cơ Đốc nhân khi quỳ gối có thể nhìn thấy nhiều hơn tầm nhìn lúc đang đứng nhón chân của con cái thế gian. Trong thế giới thuộc thế, khi một hài nhi chào đời, hài nhi ấy lập tức được ban cho mọi năng lực tự nhiên của con người. Hài nhi có mắt, tay, chân và não. Không bao giờ có chuyện hài nhi nhận những cơ quan này sau khi chào đời. Dầu chúng lớn lên và phát triển, nhưng toàn bộ thân vị đã có ngay từ đầu. Khi một người được tái sinh thì cũng giống y như vậy. Ngay tại lúc được tái sinh, tin hữu ấy nhận được mọi phương thức thuộc linh mà từ đó trở đi người sẽ luôn luôn có, dầu vậy sẽ còn những khả năng vô tận để phát triển các phương tiện ấy.

2:21 Không phải Giảng viết điều này vì cơ độc giả của ông không biết lẽ thật, nhưng trái lại, ông viết để khẳng định họ trong lẽ thật họ đã biết, và nhắc họ nhớ chẳng có sự dối trá nào bởi lẽ thật mà ra. Trí Hué Phải đang dạy những giáo lý mâu thuẫn với Lời Đức Chúa Trời, và đó những giáo lý ấy là những lời dối trá. Lời dối trá chính yếu của họ, tức chính cơ sở của toàn bộ giáo huấn của họ, chính là phủ nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ. Như đã nói trong phần giới thiệu, họ dạy rằng Chúa Jêsus chỉ là một con người thuần túy và Đáng

Christ đã giảng trên Jêsus tại lúc Jêsus chịu báp-têm. Đây là sự đối trá lớn lao của một số các tà giáo ngày nay. Kinh Thánh khẳng khẳng quả quyết khắp mọi nơi rằng Chúa Jêsus của Tân Ước là Chúa (Giêhôva) của Cựu Ước. Nói Đấng Christ giảng trên Jêsus tức là nói không đúng, nhưng phải nói rằng Chúa Jêsus là Đấng Christ.

2:22 Giảng cần thận nói rõ rằng chối bỏ thần thánh của Chúa Jêsus tức là cũng chối bỏ cả Đức Chúa Cha. Một số người tin rằng họ đang thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng không muốn liên quan gì với Đức Chúa Jêsus Christ. Vị sứ đồ nói: "Ấy đó là kẻ dịch lại Đấng Christ, tức là kẻ chối Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con!"

2:23 Trong Giảng 8:19,42, Chúa Jêsus phán rằng ai không nhận ra thần thánh của Ngài và không yêu mến Ngài thì cũng không biết Đức Chúa Cha và cũng không có Ngài là Cha của họ nữa. Tương tự, Giảng nói: "Ai chối Con, thì cũng không có Cha; ai xưng Con, thì cũng có Cha nữa." Ở đây, chúng ta có lẽ thật tuyệt vời về sự hiệp một giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Bạn không thể có Đức Chúa Cha nếu không có Đức Chúa Con. Đây là sứ điệp đáng phải lưu ý và nghe theo dành cho hết thảy những người theo Duy Nhất Thần Giáo, Cơ Đốc Khoa Học, Hồi Giáo, những người theo Tân Phái, Giêhôva Chứng Nhân, và người Do Thái.

2:24 Biện pháp bảo vệ an toàn cho những tín hữu trẻ tuổi trước các giáo sư giả chính là: để cho điều đã nghe từ lúc ban đầu phải ở trong các con.

Điều này chỉ về sự dạy dỗ của Chúa Jêsus và của hết thảy các sứ đồ Ngài. An toàn lớn lao của chúng ta chính là ở gần với Lời Chúa. Chúng ta nên thử nghiệm mọi điều bởi phép thử "Kinh Thánh nói gì?" Nếu một sự dạy dỗ nào đó không phù hợp với Kinh Thánh, thì chúng ta cũng nên bác bỏ. Đứng như Dr. Ironside thường nói: "Nếu sự dạy dỗ đó mới, thì nó không đúng, và nếu nó đúng, thì nó không mới."

2:25 Khi ở trong giáo lý Cơ Đốc, chúng ta cung cấp bằng chứng về thực tại đức tin của mình. Và lời hứa của đức tin ấy chính là sự sống đời đời. Khi tiếp nhận Chúa Jêsus, chúng ta tiếp nhận sự sống của chính Ngài, tức sự sống đời đời, và sự sống này giúp chúng ta có thể thử nghiệm mọi giáo lý mới và đáng nghi vấn.

2:26,27 Như vậy, Giảng viết cho các tín hữu trẻ tuổi về các giáo sư giả bằng cách cảnh cáo họ. Ông không lo sợ về kết quả sau cùng khi nhớ lại độc giả của ông đã nhận lấy sự xúc động từ nơi Chúa Jêsus. Như đã nói trước đây, sự xúc động này chính là Đức Thánh Linh, và ở đây chúng ta biết rằng Đức Thánh Linh ở trong mình. Đây là lời tuyên bố tích cực, cho biết một khi đã nhận lãnh Thánh Linh, Ngài sẽ không bao giờ bị cất ra khỏi. Vì đã nhận lãnh Thánh Linh, chúng ta không cần ai dạy cho hết. Điều này không có nghĩa chúng ta không cần những giáo sư Cơ Đốc trong hội thánh. Đức Chúa Trời đã dự bị đặc biệt các giáo sư như thế trong Êphêso 4:11. Lời Giảng nói ở đây có nghĩa: ngoài những sự dạy dỗ

trong Lời Chúa, Cơ Đốc nhân không cần sự dạy dỗ nào khác nữa để xem như là chân lý của Đức Chúa Trời. Tri Huệ Phải tuyên bố mình có chân lý bổ sung thêm, nhưng Giăng đang nói ở đây là không cần chân lý bổ sung nữa. Với Lời Chúa trong tay và Thánh Linh Chúa trong lòng, chúng ta có toàn bộ những sự dạy dỗ mình cần trong chân lý của Chúa.

2:28 Giăng gọi cho hết thảy những con cái yêu dấu trong gia đình Đức Chúa Trời, và khuyên họ ở trong Ngài để khi Ngài hiện đến, chúng ta cũng đầy sự vững lòng, không bị hổ thẹn (Bản Anh ngữ không có chữ “và quang xa khỏi Ngài”) trong kỳ Ngài ngự đến. Chữ “chúng ta” ở đây chỉ về các sứ đồ, và sự dạy dỗ ở đây ấy là: nếu những Cơ Đốc nhân nhận thơ của Giăng không tiếp tục trung tín tiến lên với Chúa, các sứ đồ đã dẫn họ đến với Đấng Christ sẽ bị hổ thẹn khi Đấng Christ ngự đến. Câu này nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác chăm sóc trong mọi nỗ lực truyền giảng. Câu này cũng gợi ý khả năng bị hổ thẹn khi Đấng Christ đến.

VI. DẤU HIỆU CỦA NHỮNG NGƯỜI Ở TRONG MỐI THÔNG CÔNG CƠ ĐỐC (TIẾP THEO): CÔNG BÌNH, YÊU THƯƠNG VÀ SỰ VỮNG LÒNG DO MỐI THÔNG CÔNG ẤY ĐEM LẠI (2:29-3:24)

2:29 Đặc điểm thứ tư của gia đình ấy là sự công bình. Trong lãnh vực thuộc thể, chúng ta biết cha nào con nấy. Trong lãnh vực thuộc linh cũng vậy. Người nào làm theo sự công bình ấy là kẻ sanh ra bởi Đức Chúa Trời.

Vì Đức Chúa Trời là công bình, nên mọi điều Ngài làm đều là công bình, và bởi đó mọi người sanh ra bởi Ngài đều là công bình. Đây chính là phép lý luận không thể tránh khỏi của Giăng.

3:1 Ý nghĩ được sanh bởi Đức Chúa Trời khiến Giăng cảm thấy hết sức kỳ diệu, và ông kêu gọi độc giả chiêm ngưỡng tình yêu kỳ diệu đã đưa chúng ta vào trong gia đình của Chúa. Tình yêu thương hẳn đã có thể cứu chúng ta mà không cần khiến chúng ta trở nên con cái Đức Chúa Trời. Nhưng phương cách yêu thương của Đức Chúa Trời được bày tỏ cho chúng ta qua việc Ngài đưa chúng ta vào trong gia đình làm con cái Ngài. “Hãy xem Đức Chúa Cha đã tỏ cho chúng ta sự yêu thương dường nào, mà cho chúng ta được xưng là con cái Đức Chúa Trời; và chúng ta thật là con cái Ngài.”¹⁴

Giờ đây khi chúng ta sống hàng ngày, thế gian chẳng biết chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. Người thế gian không hiểu chúng ta, cũng không hiểu cách cư xử của chúng ta. Thực ra, thế gian đã không hiểu Chúa Jêsus khi Ngài sống trên đất này. “Ngôi Lời ở thế gian, và thế gian đã làm nên bởi Ngài; nhưng thế gian chẳng từng nhìn biết Ngài. Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy.” Vì chúng ta mang cùng những đặc điểm như của Chúa Jêsus, nên chúng ta cũng đứng mong thế gian hiểu mình.

3:2 Tuy nhiên, dù thế gian có hiểu hay không đi nữa, chính lúc bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời, và

đây là lời báo đóm về sự vinh hiển trong tương lai. Còn về sự chúng ta sẽ ra thế nào, thì điều đó chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy. Câu này không có nghĩa chúng ta sẽ giống Chúa Jêsus về mặt thể chất trên Thiên đàng. Chúa Jêsus sẽ có hình trạng rõ ràng riêng của Ngài, và sẽ mang những dấu sẹo trên đôi Gôgôtha suốt đời đời. Chúng tôi tin mỗi chúng ta sẽ có những đặc trưng riêng của mình và người khác có thể nhìn biết những đặc trưng như thế. Kinh Thánh không dạy rằng mỗi người sẽ trông giống y hệt nhau trên Thiên đàng. Tuy nhiên, chúng ta sẽ giống Chúa Jêsus Christ về mặt đạo đức. Chúng ta sẽ được thoát khỏi mọi khả năng bị ô uế, phạm tội, bệnh tật, buồn rầu và chết chóc.

Và sự biến hóa tuyệt vời này sẽ được thực hiện như thế nào? Câu trả lời ấy là nhìn xem Đấng Christ thì sẽ được như vậy. **Vi chúng ta sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy.** Trong đời này, tiến trình trở nên giống Đấng Christ vẫn đang diễn ra, vì chúng ta đang ngắm nhìn Ngài bởi đức tin trong Lời Đức Chúa Trời. Nhưng tới tiến trình này sẽ hoàn tất tuyệt đối khi chúng ta thấy Ngài như vốn có thật vậy; vì nhìn Ngài tức là sẽ giống như Ngài.

3:3 Ai có sự trông cậy được nhìn thấy Đấng Christ và được giống như Ngài thế này, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như chính Ngài là thanh sạch. Cơ Đốc nhân từ xưa đến

nay đã nhận ra rằng trông cậy Chúa sắp tái lâm có ảnh hưởng thánh hóa trong đời sống tin hữu. Cơ Đốc nhân ấy không muốn làm mọi điều người không muốn đang làm ngay lúc Đấng Christ đến. Lưu ý câu này nói: **"Tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài (Đấng Christ) là thanh sạch."** Câu này không nói: "Cũng như Ngài (Đấng Christ) tự làm Ngài nên thanh sạch." Đức Chúa Jêsus không bao giờ phải tự làm nên thanh sạch; Ngài là thanh sạch. Đối với chúng ta, đây là một tiến trình dần dần; đối với Ngài đây là một sự thực.

3:4 Điều trái ngược với việc tự làm mình nên thanh sạch có trong câu 4: **"Còn ai phạm tội tức là trái luật pháp; và sự tội lỗi tức là sự trái luật pháp."** Từ ngữ "phạm tội" ở đây nguyên văn là làm (Hy văn - *poieō*). Đây chính là vấn đề hành vi liên tục, được diễn tả bởi thì hiện tại tiếp diễn. Có thể vẫn có tội lỗi ngay cả khi không có luật. Tội lỗi đã ở thế gian từ giữa thời Adam và Môise, nhưng đây là trước lúc luật pháp của Đức Chúa Trời được ban ra. Vì vậy, hoàn toàn không chính xác khi bảo: **"Tội lỗi tức là vi phạm luật pháp"** (1611 KJV), nhưng đúng hơn phải nói "tội lỗi là sự trái bỏ luật pháp." Đó là bất phục Đức Chúa Trời, muốn đi theo lối riêng mình, và không chịu công nhận Chúa là Đấng có quyền tể trị tối thượng. Về cơ bản, đây chính là để ý riêng của mình lên trên ý muốn của Chúa. Là chống đối với Đấng Hằng Sống, tức Đấng có quyền được mọi người phải vâng lời.

3:5 Cơ Đốc nhân không thể tiếp tục phạm tội, vì như vậy sẽ là hoàn toàn phủ nhận mục đích đã khiến Chúa Jêsus đến trong thế gian. Đức Chúa Jêsus Christ đã hiện ra để cất tội lỗi đi. Do đó, tiếp tục phạm tội tức là sống trong thái độ hoàn toàn xem thường nguyên nhân Ngài nhập thể.

Một lần nữa, Cơ Đốc nhân không thể tiếp tục phạm tội vì đó sẽ là phủ nhận Đấng mà mình mang danh Ngài. Trong Ngài không có tội lỗi. Đây là một trong ba phần đoạn chìa khóa của Tân Ước để cập đến nhân tánh vô tội của Chúa Jêsus Christ. Phierơ nói cho chúng ta biết "Ngài chưa hề phạm tội." Phaolô cho chúng ta biết Ngài "vốn chẳng biết tội lỗi." Giờ đây Giảng, vị sứ đồ biết Chúa cách đặc biệt gần gũi, nói thêm lời chứng của mình: "Trong Ngài không có tội lỗi."

3:6 Ai ở trong Ngài thì không phạm tội; còn ai phạm tội, thì chẳng từng thấy Ngài và chẳng lòng biết Ngài. Câu này đối chiếu tín hữu thật với người chưa từng được tái sanh. Có thể nói dứt khoát về tín hữu thật rằng: tín hữu thật không cứ tiếp tục phạm tội. Ở đây, không phải Giảng đang nói về những hành động phạm tội riêng rẽ, nhưng đúng hơn là một hành vi liên tục, thành thói quen và điển hình. Câu này không hàm ý khi Cơ Đốc nhân phạm một tội, người ấy mất sự cứu rỗi. Đúng hơn, câu này nói khi một người phạm tội thành thói quen, thì dứt khoát người đó chưa hề được tái sanh.

Thắc mắc tự nhiên xuất hiện: "Khi nào tội lỗi trở thành thói quen?

Một người phạm tội đó thường xuyên đến mức nào thì trở thành một hành vi điển hình?" Giảng không trả lời câu này. Trái lại, ông muốn mỗi tín hữu cảnh giác, và giao bằng chứng tại cho chính Cơ Đốc nhân ấy.

3:7 Giờ đây tuy những người theo Tri Huệ Phái hết sức tự phụ về tri thức của họ, họ lại không thêm quan tâm đến đời sống cá nhân. Do đó, Giảng nói thêm: "Hỡi các con cái bé mọn, chớ để cho ai lừa dối mình: kẻ làm sự công bình là người công bình, như chính mình Chúa là công bình." Đừng nên lẩn trốn ở điểm này - một người không thể đã có sự sống thuộc linh mà vẫn cứ tiếp tục sống trong tội lỗi. Mặt khác, chỉ có thể sống công nghĩa nhờ có được bản tánh của Đấng vốn là công bình.

3:8 Một số đưa con giống cha mẹ chúng đến nỗi bạn không thể lẫn lộn chúng ở giữa đám đông. Điều này cũng đúng cho con cái Đức Chúa Trời và con cái ma quỷ. **Kẻ nào phạm tội là thuộc về ma quỷ; vì ma quỷ phạm tội từ lúc ban đầu.** Ở đây lại nhấn mạnh đến ý tưởng: "Kẻ nào phạm tội là thuộc về ma quỷ." Ma quỷ xưa nay vẫn luôn đang phạm tội (một hành vi liên tục và điển hình) từ lúc ban đầu, tức là từ lần đầu tiên hấn phạm tội. Hết thấy con cái hấn đều đi theo hấn trong con đường khoảng khoát này. Cần nói thêm ở đây rằng người ta trở nên con cái Đức Chúa Trời bởi sự tái sanh nhưng không hề có sự sinh ra nào liên quan đến con cái ma quỷ. Một người trở nên con cái ma quỷ chỉ đơn giản bởi bất chước hành vi của ma quỷ.

nhưng không một ai được sanh làm con cái của ma quỷ cả.

Trái lại, sự hiện diện của Chúa chính là để **hủy phá** [hoặc thủ tiêu] **công việc của ma quỷ**. Ất hẳn Chúa có thể hủy phá ma quỷ chỉ bởi một lời nói, nhưng thay vì vậy, Ngài đã đến thế gian này để chịu khổ tuôn huyết và chịu chết để có thể hủy phá **công việc của ma quỷ**. Nếu Chúa phải trả tội giá lớn đến như vậy để dẹp bỏ tội lỗi, những người tin cậy Ngài làm Cứu Chúa nên có thái độ nào?

3:9 Câu 9 lặp lại tình trạng người đã được sanh bởi Đức Chúa Trời thì không thể cứ tiếp tục phạm tội. Một số người nghiên cứu Kinh Thánh nghi câu này nói đến bản tánh mới của tín hữu, và cho rằng trong khi bản tánh cũ có thể và thực sự phạm tội, thì bản tánh mới không thể phạm tội. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng một lần nữa ở đây, sứ đồ đang đối chiếu con người được tái sanh với người chưa được tái sanh, và đang nói về hành vi liên tục hoặc đã thành thói quen. Tín hữu không có thói quen phạm tội. Tín hữu không ương ngạnh tiếp tục sống trong tội lỗi.

Nguyên nhân chính là **hạt giống của Đức Chúa Trời ở trong người**. Những người nghiên cứu Kinh Thánh bất đồng ý kiến đáng kể về nghĩa của cụm từ này nữa. Có người nghĩ **hạt giống** ở đây nói đến bản tánh mới, có người lại nghĩ nói đến Đức Thánh Linh, người khác nghĩ đến Lời Đức Chúa Trời. Hết thầy những suy nghĩ này đều đúng, nên do đó có nhiều lối giải thích khả dĩ. Chúng ta xem hạt

giống ở đây nói đến sự sống mới đã được ban cho tín hữu tại thời điểm hoán cải. Như vậy, đây là câu tuyên bố sự sống **thiên thượng ở trong** tín hữu. Tín hữu được an toàn đời đời. Sự an toàn đời đời của tín hữu không phải là cố biện hộ cho Cơ Đốc nhân ấy đi ra và cứ tiếp tục phạm tội, nhưng an ninh đời đời là sự bảo đảm người sẽ không cứ tiếp tục phạm tội. **Người chẳng phạm tội** thành thói quen, **vì đã sanh bởi Đức Chúa Trời**. Mối quan hệ thiên thượng này loại trừ khả năng cứ tiếp tục nếp sống tội lỗi.

3:10a Như vậy, đây là dấu hiệu phân biệt thứ tư cho **con cái Đức Chúa Trời và con cái ma quỷ**. Ai chẳng làm điều công bình là không thuộc về Đức Chúa Trời. Không có chỗ đứng nửa vời. Không có người nào là thuộc nửa này nửa kia. Con cái Đức Chúa Trời được nhìn biết bởi nếp sống công bình của họ.

3:10b,11 Trong phần này, chúng ta có tiếp phương pháp thử nghiệm thứ nhì để biết những người ở trong gia đình Đức Chúa Trời - phương pháp thử nghiệm bằng **tình yêu**. Phương pháp này được tiếp tục từ đoạn 2:7-17. Từ đầu định kỳ Cơ Đốc, yêu thương anh em đã được truyền dạy như một bốn phần thiên thượng. "**Yêu**" ở đây không dùng theo nghĩa tình bạn hay chỉ là tình cảm suông của con người, nhưng là **linh yêu thiên thượng**. Là yêu người khác như Đấng Christ đã yêu chúng ta. Thực ra, không thể yêu như vậy nhờ sức riêng của cá nhân mình, nhưng chỉ nhờ quyền năng do Thánh Linh ban cho.

3:12 Giăng quay về với trường hợp kỹ thuật đầu tiên về người không yêu em mình. Cain chứng tỏ đã thuộc về ma quỷ vì giết em mình, là Abel. Nguyên nhân cơ bản được nêu trong những chữ "Bởi việc làm của người là dữ, còn việc làm của em người là công bình."

3:13 Nguyên tắc cơ bản trong đời sống con người ấy là gian ác sẽ thù ghét công bình, và điều này giải thích nguyên nhân kẻ gian ghét tín hữu. Đời sống công bình của Cơ Đốc nhân tương phản rõ nét với sự gian ác của người chưa tin Chúa. Người không tin Chúa ghét bị vạch trần, và thay vì đổi hành vi gian ác của mình, họ lại tìm cách tiêu diệt điều đã bày tỏ sự tương phản quá rõ như thế. Việc làm đó cũng vô ích y như một người kia phá cây thuốc hay dây dọi vì cứ chúng cho thấy đường thẳng mình đã vẽ cong queo ra sao.

3:14 Chúng ta biết mình đã vượt khỏi sự chết qua sự sống, vì chúng ta yêu anh em mình. Một sự kiện nổi bật ấy là khi một người được cứu, người ấy có thái độ hoàn toàn khác hẳn đối với Cơ Đốc nhân. Đây là một trong những cách người ấy nhận sự bảo đảm về sự cứu rỗi. Người không yêu con cái thật của Đức Chúa Trời có thể vẫn xưng mình là Cơ Đốc nhân, nhưng Kinh Thánh nói người ấy ở trong sự chết. Người ấy luôn luôn chết về mặt tâm linh, và đó chính là thực trạng xưa nay vẫn vậy của họ.

3:15 Trong mắt thế gian, thù ghét không phải là một điều rất xấu, nhưng Đức Chúa Trời gọi đó là giết người.

Chỉ cần suy gẫm chốc lát cũng thấy đây chính là mầm mống của tội giết người. Động cơ đã có, dấu chưa hành động thôi. Như vậy, ai ghét anh em mình là kẻ giết người. Khi Giăng nói chẳng một kẻ nào giết người có sự sống đời đời ở trong mình, ông không có ý bảo rằng kẻ giết người không thể được cứu. Ông chỉ muốn nói người nào điển hình bởi lòng thù ghét anh em mình thì đó là một kẻ mang tiêm nạng sát nhân và chưa được cứu.

3:16 Chúa Jêsus chúng ta nêu tấm gương tối cao của tình yêu khi Chúa đã vì chúng ta bỏ sự sống. Ở đây, Đấng Christ tương phản với Cain. Chúa ban cho chúng ta tình yêu với biểu hiện cao cả nhất. Xét trên một phương diện, tình yêu là vô hình, nhưng chúng ta có thể nhìn thấy biểu hiện của tình yêu. Trên thập tự giá tại đồi Gôgôtha, chúng ta thấy tình yêu ấy mới thực sự là tình yêu. Từ đây, Giăng rút ra bài học: chúng ta cũng nên bỏ sự sống vì anh em mình vậy. Điều này có nghĩa đời sống chúng ta phải là sự ban phát không ngừng vì có các tín hữu khác, và chúng ta cũng phải sẵn sàng chết vì họ nếu cần. Hầu hết chúng ta sẽ không bao giờ bị buộc phải chết thay người khác, nhưng hết thảy mỗi chúng ta đều có thể bày tỏ tình thương yêu anh em bằng cách chia sẻ của cải vật chất của mình với những người túng thiếu. Đây là điều được nhấn mạnh trong câu 17.

3:17 Nếu câu 16 gợi ý điều lớn nhất chúng ta có thể làm cho anh em mình, câu 17 gợi ý điều nhỏ nhất. Giăng nói rõ ràng ai thấy anh em mình

túng thiếu nhưng lại không cho người ấy điều cần có để đáp ứng nhu cầu thì đó không phải là Cơ Đốc nhân. Điều này không biện minh việc ban phát bữa bái cho mọi người, vì có thể gây hại cho người ta khi cho tiền để họ mua những điều không ích lợi. Tuy nhiên, câu này thực sự nêu lên những thắc mắc hết sức ray rứt về việc những Cơ Đốc nhân đầu cơ tích trữ của cải.

3:18 Chúng ta chớ yêu mến bằng lời nói và lưỡi, nhưng trái lại, bằng việc làm và lễ thật. Nói cách khác, đừng để đây chỉ là những từ ngữ tình cảm mà thôi, cũng đừng để trở thành chỉ là biểu hiện của những điều vốn không thật. Nhưng tình yêu phải thể hiện bằng những hành động nhân từ thực tế, và phải là tình yêu thật chứ không phải tình yêu giả.

3:19 Bằng cách thể hiện tình yêu thật và tích cực này với anh em, chúng ta sẽ biết mình thuộc về lễ thật, và điều này sẽ bảo đảm cho lòng chúng ta khi chúng ta ra mắt Ngài trong sự cầu nguyện.

3:20 Vì nếu lòng mình cáo trách mình, thì Đức Chúa Trời lại lớn hơn lòng mình nữa, và biết cả mọi sự. Để tài ở đây là thái độ của chúng ta ra mắt Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện. Có thể hiểu câu này theo hai cách.

Trước hết, nếu lòng mình cáo trách mình, thì Đức Chúa Trời lại lớn hơn lòng mình nữa theo ý nghĩa Ngài là Đấng lớn hơn trong sự thương xót. Tuy chúng ta có thể mặc cảm nặng nề rằng mình không xứng đáng, nhưng

Chúa biết về cơ bản chúng ta yêu mến Ngài và yêu mến dân sự Ngài. Ngài biết chúng ta thuộc về Ngài bất kể mọi thất bại và tội lỗi của chúng ta.

Quan điểm thứ nhì là: nếu lòng mình cáo trách mình, thì Đức Chúa Trời lại lớn hơn lòng mình nữa trong vấn đề đoán xét. Trong khi chúng ta chỉ biết những tội lỗi mình theo cách rất giới hạn, Chúa biết đầy đủ và tuyệt đối. Chúa biết tất cả mọi điều đáng quy tội trong chúng ta, trong khi chúng ta chỉ biết một phần. Chúng tôi thiên về quan điểm thứ nhì, dầu cả hai đều đúng và do đó cả hai đều có thể chấp nhận được.

3:21 Đây là thái độ của người có lương tâm trong sạch trước mặt Chúa. Không phải người này đang sống cuộc đời không có tội lỗi nhưng đúng hơn đã nhanh chóng xưng tội và tía bỏ tội. Khi làm như vậy, người có lòng rất dạn dĩ trước mặt Đức Chúa Trời và mạnh dạn cầu nguyện. Vì vậy, ví bằng lòng mình không cáo trách, thì chúng ta có lòng rất dạn dĩ, đặt đến gần Đức Chúa Trời.

3:22 Và chúng ta xin điều gì mặt dầu, thì nhận được điều ấy, bởi chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài và làm những điều đẹp ý Ngài. Giữ điều răn Ngài tức là ở trong Ngài. Đây là sống trong sự gần gũi mật thiết và đầy sức sống với Cứu Chúa. Khi sống như vậy trong mối thông công với Ngài, chúng ta tôn ý muốn của Ngài làm ý muốn của mình. Nhờ Thánh Linh, Ngài đổ đầy đầy trên chúng ta sự hiểu biết ý muốn Ngài. Trong điều kiện

như thế, chúng ta sẽ không còn cầu xin bất cứ điều gì nằm ngoài ý muốn Chúa. Khi cầu xin theo đúng ý muốn Ngài, chúng ta nhận được những điều mình đã cầu xin.

3:23 Vả, nầy là điều răn của Đức Chúa Trời là chúng ta phải tin đến danh Con Ngài, tức là Đức Chúa Jêsus Christ, và chúng ta phải yêu mến lẫn nhau như Ngài đã truyền dạy ta. Câu này dường như tóm tắt mọi điều răn của Tân Ước. Câu này nói đến hôn phận của chúng ta đối với Chúa và với anh em Cơ Đốc của mình. Bốn phận trước hết của chúng ta là tin cậy Đức Chúa Jêsus Christ. Kế đến vì đức tin thật được biểu hiện qua nếp ăn ở ngay lành, chúng ta nên yêu mến lẫn nhau. Đây là bằng chứng của đức tin cứu rỗi. Để ý trong câu này và nhiều câu khác, Giảng sử dụng các đại từ nhân xưng Ngài (He và Him) để chỉ đến cả Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Jêsus Christ mà không dừng lại để giải thích ông đang muốn nói đến Đấng nào. Ông dám làm như vậy vì Đức Chúa Con cũng là Đức Chúa Trời thật như Đức Chúa Cha, và không hề tào tợn khi nói về cả hai Đấng ấy liền một mạch.

3:24a Phần đầu của câu 24 chấm dứt phần nói về tình yêu với tư cách phương pháp thử nghiệm con cái Đức Chúa Trời: Ai vẫn giữ các điều răn Ngài thì ở trong Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy. Vâng lời Ngài tức là ở trong Ngài, và những ai ở trong Ngài thì cũng được bảo đảm về sự biện diện lâu dài của Ngài nữa.

3:24b Chúng ta biết Ngài ở trong lòng chúng ta, là nhờ Đức Thánh Linh

mà Ngài đã ban cho chúng ta. Để tài về lòng tin quyết được giới thiệu bởi câu tuyên bố sự bảo đảm được Đức Chúa Trời ở trong chúng ta bởi Đức Thánh Linh. Mọi tin hữu đều có Thánh Linh. Ngài là Đấng hướng dẫn họ vào mọi lẽ thật và ban năng lực cho họ nhận biết sự sai lầm.

VII. NHU CẦU CẦN PHÂN BIỆT GIỮA CHẴN LÝ VÀ SAI LẦM (4:1- 6)

4:1 Sau khi nhắc đến Đức Thánh Linh, Giảng nhớ lại còn có nhiều linh khác trong thế giới này, và cần cảnh cáo con cái Đức Chúa Trời về những linh đó. Vì vậy, ông cảnh cáo tin hữu đứng tin cậy mọi thần. Chử thần ở đây chắc chủ yếu nói đến các giáo sư nhưng không chỉ riêng các giáo sư mà thôi. Không phải chỉ vì có một người nói về Kinh Thánh, Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus thì có nghĩa người ấy là con cái thật của Đức Chúa Trời đâu. Chúng ta phải thử cho biết các thần có phải đến bởi Đức Chúa Trời chăng; vì có nhiều tiên tri giả đã hiện ra trong thiên hạ. Đây là những người xưng mình chấp nhận Cơ Đốc giáo, nhưng dạy một Tin Lành hoàn toàn khác.

4:2 Giảng nêu những phương pháp thử nghiệm thực tiễn để thử những người này. Phương pháp thử nghiệm tuyệt vời dành cho một giáo sư ấy là: "Anh nghĩ gì về Đấng Christ?" Phạm thần nào xưng Đức Chúa Jêsus Christ lấy xác thịt mà ra đời, thần đó là bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là lời xưng nhận một sự kiện lịch sử, tức là Chúa Jêsus đã vào trần gian trong thân thể con người, nhưng là tuyên xưng

một thân vị hằng sống, là Đức Chúa Jêsus Christ lấy xác thịt mà ra đời. Đây là lời tuyên xưng công nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ Nhập Thể. Và tuyên xưng Ngài có nghĩa sắp mình xuống tôn Ngài là Chúa cuộc đời mình. Nếu nghe người nào trình bày Chúa Jêsus là Đấng Christ thật của Đức Chúa Trời, bạn sẽ biết người ấy đang nói bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời. Thánh Linh Đức Chúa Trời kêu gọi con người công nhận Chúa Jêsus là Chúa và phó thác đời sống họ cho Ngài. Thánh Linh luôn luôn làm vinh hiển Chúa Jêsus.

4:3 Còn thần nào không xưng Đức Chúa Jêsus, chẳng phải bởi Đức Chúa Trời.⁵ Đây là cách bạn có thể phát hiện ra các giáo sư giả. Họ không xưng Đức Chúa Jêsus là Đấng như đã được mô tả trong câu Kinh Thánh trước. Đó là thần của kẻ địch lại Đấng Christ, mà Kinh Thánh đã nói tiên tri và giờ đây đã ở trong thế gian rồi. Ngày nay có rất nhiều người sẵn lòng nói những điều có thể chấp nhận được về Chúa Jêsus, nhưng họ sẽ không xưng Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể. Họ sẽ nói Đấng Christ là "thần," nhưng không nói Ngài là Đức Chúa Trời.

4:4 Những tín hữu khiêm nhường có thể thắng các giáo sư giả ấy vì họ có Thánh Linh ở trong họ, và nhờ đó giúp họ phát hiện những sai lầm và không chịu nghe theo sai lầm.

4:5 Các giáo sư giả thuộc về thế gian cho nên nguồn những lời họ nói ra chính là thế gian. Thế gian là suối nguồn mọi điều họ dạy dỗ, và bởi đó

người thế gian nghe họ. Điều này nhắc chúng ta nhớ sự tàn thành chấp thuận của thế gian không phải là phương pháp kiểm nghiệm tình chân thật của lời dạy dỗ. Nếu một người chỉ muốn mình được nổi tiếng, được mến mộ, tất cả mọi chuyện người ấy cần làm ấy là nói theo như cách của thế gian, nhưng nếu muốn trung tín với Chúa thì phải đối diện với sự không chấp thuận của thế gian.

4:6 Trong câu 6, Giảng nói với tư cách đại diện các sứ đồ. Ông nói: "Chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời thì nghe chúng ta; còn ai chẳng hề thuộc về Đức Chúa Trời, thì chẳng nghe chúng ta." Điều này có nghĩa tất cả những ai thật sự sanh bởi Đức Chúa Trời thì đều chấp nhận sự dạy dỗ của các sứ đồ có trong Tân Ước. Mặt khác, những người không thuộc về Đức Chúa Trời thì khước từ lời chứng của Tân Ước, hoặc tìm cách bổ sung thêm hoặc pha loãng lời chứng ấy.

VIII. DẤU HIỆU CỦA NHỮNG NGƯỜI Ở TRONG MỐI THÔNG CÔNG CỐ ĐỘC (TIẾP THEO) (4:7- 5:20)

A. Tình Yêu Thương (4:7-21)

4:7,8 Ở đây, Giảng bắt đầu lại để tái tình yêu anh em. Ông nhấn mạnh tình yêu là bốn phận, phù hợp với bản tánh của Đức Chúa Trời. Như đã nói trước đây, không phải Giảng đang nghĩ đến tình yêu vốn phổ thông cho hết thấy mọi người, nhưng là tình yêu đối với con cái Đức Chúa Trời đã tháp vào trong những người được tái sanh. Xét về nguồn gốc, sự yêu thương đến từ Đức Chúa Trời, kẻ nào yêu, thì

sinh từ Đức Chúa Trời và nhìn biết Đức Chúa Trời. Câu này không nói Đức Chúa Trời yêu thương. Điều đó là đúng, nhưng Giang nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời là sự yêu thương. Yêu thương là bản chất của Ngài. Không hề có tình yêu nào theo đúng ý nghĩa thật sự mà lại không phát xuất từ nguồn trong Ngài. Những chữ "Đức Chúa Trời là sự yêu thương" xứng đáng với mọi ngôn ngữ trên đất và Thiên đàng. G. S. Barrett gọi chúng là:

... Những từ ngữ vi đại nhất từng được cất lên trong ngôn ngữ con người, những từ ngữ vi đại nhất trong cả Kinh Thánh.... Không thể dùng ngay cả một bố cục tóm tắt nhất để gợi ý toàn bộ những điều chứa đựng trong từ ngữ này, vì không trí tuệ nào của con người đã lường, hoặc sẽ, dò hết ý nghĩa không thể dò thấu của chúng; nhưng chúng ta có thể cung kính nói rằng trong nội một câu nói về Đức Chúa Trời ở đây đã chứa đựng chìa khóa của toàn bộ những công việc và đường lối Chúa... Lễ máu nhiệm của sự sống thế, sự cứu chuộc... và về Bản Tánh của chính Đức Chúa Trời.⁶

4:9,10 Trong những câu tiếp theo sau, chúng ta có phần mô tả biểu hiện tình yêu của Chúa trong ba thì. Ở thì quá khứ, tình yêu ấy được bày tỏ cho chúng ta là tội nhân qua món quà ban Con Một Ngài (4:9-11). Ở thì hiện tại, tình yêu ấy được bày tỏ cho chúng ta là các thánh đồ qua việc Ngài ở trong chúng ta (4:12-16). Ở thì tương lai, tình yêu ấy được bày tỏ cho chúng ta qua việc ban cho chúng ta lòng dạn dĩ trong ngày đoán xét.

Như vậy, trước hết, chúng ta có tình yêu của Chúa đối với chúng ta là tội nhân. Đức Chúa Trời yêu chúng ta đã bày tỏ ra trong điều này: Đức Chúa Trời đã sai Con một Ngài đến thế gian, để chúng ta nhờ Con được sống. Này, sự yêu thương ở tại đây: ấy chẳng phải chúng ta đã yêu Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu chúng ta, và sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội⁷ chúng ta. Chúng ta đã chết để cần sự sống, và chúng ta có tội để cần của lễ chuộc tội. Cụm từ: "Con Một Ngài" nói đến mối quan hệ độc nhất vô nhị mà không một người con nào khác có thể chia sẻ. Điều này khiến tình yêu của Chúa lại càng nổi bật hơn, đến nỗi Ngài sai Con độc nhất vô nhị của Ngài vào thế gian để chúng ta nhờ con ấy được sống.

Tình yêu của Đức Chúa Trời bày tỏ cho chúng ta không phải vì chúng ta đã yêu Ngài trước. Chúng ta không yêu Ngài; trong thực tế, chúng ta là kẻ thù của Ngài và ghét Ngài. Nói cách khác, Ngài không yêu chúng ta vì cơ chúng ta yêu Ngài, nhưng Ngài yêu chúng ta bất chấp sự thù địch cay đắng của chúng ta, và Ngài bày tỏ tình yêu của Ngài bằng cách nào? Bằng cách sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội chúng ta. Của lễ chuộc tội nói đến sự đền tội, hay việc giải quyết nạn để tội lỗi.

Một số người theo thần học tự do thích nghi đến tình yêu của Đức Chúa Trời mà không cần công tác cứu chuộc của Đấng Christ. Ở đây, Giang liên kết hai điều ấy như hai điều không hề có chút mâu thuẫn nào. Denney nhận định:

Hãy để ý nghịch lý vang dội trong câu này, rằng Đức Chúa Trời yêu yêu thương yêu chúng ta, và tình yêu của Ngài đã cung cấp của lễ chuộc tội để đời con thanh nhô Ngài khỏi chúng ta. Không hề tin mâu thuẫn giữa tình yêu và của lễ chuộc tội, vì sự đó không thể diễn đạt bất kỳ ý nào về tình yêu cho bất kỳ ai ngoại trừ bằng cách trưng dẫn đến của lễ chuộc tội.⁸

4:11 Giờ đây Giăng áp dụng bài học về tình yêu thương ấy trên chúng ta: "Nếu Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta dường ấy, thì chúng ta cũng phải yêu nhau." Chữ "nếu" ở đây không diễn tả nỗi nghi ngờ, nhưng trái lại được dùng theo ý nghĩa của "bởi vì." Bởi vì Đức Chúa Trời đã tuân xối tình yêu Ngài trên những người hiện là dân sự Ngài như vậy, nên chúng ta cũng phải yêu những người cùng với chúng ta làm thành viên trong gia đình phước hạnh của Ngài.

4:12,13 Tình yêu của Đức Chúa Trời bày tỏ cho chúng ta trong thi hiện tại qua việc Ngài ở trong chúng ta. Sự đó nói: "Chưa hề có ai thấy Đức Chúa Trời; nếu chúng ta yêu nhau, thì Đức Chúa Trời ở trong chúng ta, và sự yêu mến Ngài được trọn vẹn trong chúng ta." Trong Giăng 1:18, chúng ta thấy: "Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết." Trong sách Tin Lành Giăng, chúng ta thấy Đức Chúa Trời vô hình được bày tỏ cho thế gian qua Đức Chúa Jesus Christ. Ở đây, chúng ta có cụm từ "chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời được lập lại trong thư tín của

Giăng. Nhưng giờ đây Đức Chúa Trời được bày tỏ cho thế gian, không phải qua Đấng Christ, vì Đấng Christ đã trở về Thiên đàng hiện nay đang ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Thay vào đó, Đức Chúa Trời hiện bày tỏ cho thế gian qua tin hữu. Thật kỳ diệu biết bao vì giờ đây chúng ta phải là câu trả lời của Đức Chúa Trời cho nhu cầu muốn nhìn thấy Ngài của con người! Và khi chúng ta yêu mến nhau, sự yêu mến Ngài được trọn vẹn trong chúng ta. Điều này có nghĩa tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta đã đạt được mục tiêu của nó. Chúa không hề định cho chúng ta trở thành những ngõ cụt để đón nhận phước hạnh của Ngài, nhưng muốn chúng ta trở thành những kênh dẫn. Tình yêu Chúa được ban cho chúng ta không phải để đón chứa cho riêng mình, nhưng để có thể qua chúng ta tuôn đổ đến cho những người khác. Khi chúng ta thực sự yêu thương nhau thể này, đó là bằng chứng chúng ta ở trong Ngài, và Ngài ở trong chúng ta, và chúng ta là người dự phần Thánh Linh Ngài. Chúng ta nên đứng lại để thần phục việc Ngài ở trong chúng ta và chúng ta được ở trong Ngài.

4:14 Giờ đây Giăng bổ sung thêm lời chứng của các sứ đồ: "Chúng ta lại đã thấy và làm chứng rằng Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con động làm Cứu Chúa thế gian." Đây là lời tuyên bố trọng đại về tình yêu thiên thượng đang hành động. "Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con" mô tả phạm vi vô giới hạn của công tác Đấng Christ. W. E. Vine viết rằng "Phạm vi sứ mạng

của Ngài thì không giới hạn như nhân loại, và chỉ có thái độ không chịu ăn năn và vô tín của con người mới đặt giới hạn cho công hiệu thực tế của sự mạng ấy.⁹

4:15 Phước hạnh được chính Đức Chúa Trời ở trong chúng ta là đặc ân của mọi ai xưng **Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời**. Một lần nữa, đây không phải là lời tuyên xưng sự chấp thuận suông của lý trí, nhưng là lời tuyên xưng bao gồm cả cam kết phó thác chính mình cho Đức Chúa Jêsus Christ. Không còn mối quan hệ nào gần gũi hơn là được ở trong Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời ở trong người. Chúng ta khó lòng dung nổi một mối quan hệ như thế, nhưng trong cõi thiên nhiên, chúng ta có thể ví sánh mối quan hệ ấy với một que cời lửa đang ở trong lò, miếng bọt biển trong nước, hoặc quả bong bóng trong không khí. Trong mỗi trường hợp, vật thể ở trong môi trường và môi trường ấy ở trong vật thể.

4:16 Chúng ta đã biết và tin sự yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Đức Chúa Trời tức là sự yêu thương, ai ở trong sự yêu thương, là ở trong Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy. Đức Chúa Trời là sự yêu thương, và tình yêu ấy phải tìm một đối tượng. Đối tượng đặc biệt cho tình yêu của Chúa chính là cộng đoàn những người được sanh vào gia đình này. Nếu tôi ở trong mối giao thông với Đức Chúa Trời, thì tôi phải yêu thương những người Ngài yêu.

4:17 Này vì sao mà sự yêu thương được nên trọn vẹn trong chúng ta.

Không phải tình yêu của chúng ta được làm nên trọn vẹn, nhưng tình yêu của Đức Chúa Trời được nên trọn vẹn trong chúng ta. Giờ đây, Giảng đưa chúng ta đến thời tương lai khi chúng ta đứng trước mặt Chúa. Sẽ có sự dạn dĩ và tin quyết, hay kinh hoàng khùm nùm? Câu trả lời sẽ là chúng ta được mạnh bạo, hay được tin quyết, vì tình yêu trọn vẹn đã giải quyết vấn đề tội lỗi một lần đủ cả. Nguyên nhân chúng ta được dạn dĩ trong ngày hầu đến được nêu qua câu: **"Ấy là Chúa thể nào thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này."** Chúa Jêsus hiện ở trên Thiên đàng, và sự đoán xét hoàn toàn ở đàng sau Ngài. Ngài đến thế gian này một lần và gánh chịu hình phạt đáng dành cho tội lỗi của chúng ta. Chính Ngài đã hoàn tất công tác cứu chuộc và sau đó không bao giờ phải giải quyết vấn đề tội lỗi thêm một lần nào nữa cả. **Ấy là Chúa thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này.** Câu này có nghĩa tội lỗi chúng ta đã bị đoán xét tại thập tự giá của đồi Gôgôtha, và chúng ta có thể dạn dĩ hát lên:

Sự chết và đoán phạt ở đàng sau tôi.

Ấn điển và vinh hiển ở phía trước;

Mọi lòng sống xô trên Jêsus,

*Chúng trút hết sức mạnh tốt cùng
của chúng tại dè tôi.*

- Mrs. J. A. Treach

Vì sự đoán xét đã tuyên cho Ngài rồi thế nào, thì giờ đây chúng ta được thoát khỏi tâm với của sự đoán phạt thế ấy.

4:18 Vì chúng ta đã biết được tình yêu của Đức Chúa Trời, chúng ta

không còn sợ bị chết mất. **Quyết chẳng có điều sợ hãi trong sự yêu thương, nhưng sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi.** Chính sự yêu thương trọn vẹn của Ngài đã cất bỏ sự sợ hãi của chúng ta. Trước hết tôi được bảo đảm về tình yêu của Chúa, vì Ngài đã sai Con Ngài đến chết thay tôi. Thứ nhì, tôi biết Ngài yêu tôi vì Ngài ngự trong tôi ngay hiện giờ. Thứ ba, tôi có thể nhìn đến tương lai với lòng tin quyết và không chút sợ hãi. **Thật ra, sự sợ hãi có hình phạt, và kẻ đã sợ hãi thì không được trọn vẹn trong sự yêu thương.** Tình yêu của Đức Chúa Trời không hoạt động trong đời sống của những người sợ Ngài. Những người ấy chưa hề đến với Ngài trong sự ăn năn và chưa nhận được sự tha tội.

4:19 Chúng ta yêu (Bản Anh ngữ có ghi thêm "Chúa"), vì Chúa đã yêu chúng ta trước. Nguyên nhân duy nhất chúng ta yêu chính vì Ngài đã yêu chúng ta trước. Mười Điều Kăn đòi hỏi một người phải yêu Đức Chúa Trời và người lân cận như mình, nhưng luật pháp không sinh ra được tình yêu này. Vậy làm sao Đức Chúa Trời có được thứ tình yêu mà sự công bình của Ngài đòi hỏi như thế này? Ngài giải quyết nan đề bằng cách sai Con Ngài đến chết thay chúng ta. Đến lượt tình yêu tuyệt vời ấy kéo tấm lòng chúng ta đến với Ngài. Chúng ta nói: "Ngài đã đổ huyết và chết thay con; từ nay trở đi con sẽ sống cho Ngài."

4:20 Giăng nhấn mạnh tình vô ích của lời tuyên xưng yêu mến Đức Chúa Trời nhưng đồng thời ghét anh em mình. Khi các nạn bánh xe càng về

gần tâm, chúng càng gần nhau. Cũng vậy, càng gần Chúa bao nhiêu, chúng ta càng gần anh em tín hữu của mình bấy nhiêu. Thực ra, chúng ta không yêu mến Chúa nhiều hơn mức yêu mến người tâm thương nhất trong số môn đồ Ngài đâu. Giăng nói rằng không thể yêu Đức Chúa Trời là Đấng mình không nhìn thấy nếu không yêu mến anh em mà mình nhìn thấy được.

4:21 Giăng kết thúc phần này bằng cách lặp lại điều răn chúng ta đã nhận từ nơi Ngài: ai yêu Đức Chúa Trời, thì cũng phải yêu anh em mình.

B. Giáo Lý Lành (5:1a)

Giờ đây Giăng kết thúc những phương pháp thử nghiệm sự sống. Ở đây, ông bắt đầu lại phương pháp thử nghiệm về giáo lý, hay chúng ta cũng có thể gọi là phương pháp thử nghiệm đức tin. Trong ba câu đầu có nêu cho chúng ta những kết quả của đức tin. Chúng là: Thứ nhất, sanh ra bởi Đức Chúa Trời, rồi đến yêu mến Đức Chúa Trời, tiếp theo là yêu mến các anh em tín hữu, và cuối cùng vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời. Như vậy, trước hết, chúng ta có sự sanh ra từ Đức Chúa Trời: Ai tin Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, thì sanh bởi Đức Chúa Trời. Niềm tin ở đây không chỉ là sự tán thành sống của lý trí đối với sự kiện, nhưng trái lại là phó thác đời sống mình cho Chúa Jêsus là Đấng Christ.

C. Yêu Thương Và Vâng Lệnh Bơ Giáo Lý Lành Sinh Ra (5:1b-3)

5:1b Nếu chúng ta thực sự sanh bởi Đức Chúa Trời, thì sẽ yêu mến Ngài. Không những vậy thôi, chúng ta

còn yêu mến con cái Ngài nữa. Cũng nên lưu ý ở đây là chúng ta phải yêu hết thấy mọi tín hữu, chứ không phải chỉ những người ở trong hiệp hội tín hữu nào đó trên đất này mà thôi.

5:2,3 Kết quả thứ tư của đức tin là giữ vẹn các điều răn của Đức Chúa Trời. Chúng ta biết mình yêu con cái Đức Chúa Trời khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời và giữ vẹn các điều răn Ngài. Người thực sự được cứu sẽ có đặc trưng bởi lòng khao khát làm theo ý muốn Chúa. Lòng yêu mến Chúa của chúng ta được bày tỏ qua việc sẵn lòng vâng theo các điều răn Ngài. Chúa Jêsus phán: "Nếu các người yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn Ta."

Khi Giảng nói **điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề**, ông không có ý bảo những điều răn đó quá khó, nhưng đúng hơn ông muốn bảo đó là những điều mà người được tái sanh thích làm. Khi bạn bảo một người mẹ hãy chăm sóc tốt cho con của bà, bạn chỉ đang nói với bà việc bà rất thích làm. Các điều răn của Chúa là những điều tốt nhất cho chúng ta, và là những điều mà bản tánh mới của chúng ta hết lòng ưa thích.

D. Bức Tin Bất Thông Được Thế Gian (5:4,5)

5:4 Kế tiếp, chúng ta học biết bí quyết đắc thắng thế gian. Hệ thống thế gian là một mưu đồ cảm dỗ thật gồm ghiếc, luôn tìm cách lôi chúng ta ra xa Đức Chúa Trời, ra xa những điều đời đời, và tìm cách khiến chúng ta ám ảnh với những điều tạm thời và dâm dục. Người thế gian bị cuốn hút hoàn toàn vào những điều thuộc về

cõi thời gian và giác quan. Họ trở thành nạn nhân của những điều thoảng qua.

Chỉ những người sanh bởi Đức Chúa Trời mới thực sự thắng hơn thế gian, vì bởi đức tin, người ấy có thể vươn lên trên những điều hư mất của thế gian này để nhìn thấy sự việc trong đúng góc độ thật và đời đời của chúng. Vì vậy, những người thật sự đắc thắng thế gian không phải là khoa học gia, triết gia hoặc tâm lý gia vĩ đại, nhưng là tín hữu đơn sơ đã nhận ra được những điều mất thấy được chỉ là tạm thời còn những điều không thấy được là đời đời. Nhìn thấy được quang cảnh vinh hiển của Đức Chúa Trời trên gương mặt Chúa Jêsus sẽ làm lu mờ hết ánh vinh quang của thế gian này.

5:5 Như đã thấy, để tài phán này là đức tin trong tư cách phương pháp thử nghiệm sự sống đời đời. Giảng vừa đề cập người thắng chính là người tin Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời. Giờ đây ông tiếp tục giải luận chân lý liên quan đến công tác của Đức Chúa Jêsus Christ.

E. Giản Lý Lành (5:6-12)

5:6 Ông bảo: "Ấy chính Đức Chúa Jêsus Christ đã lấy nước và huyết mà đến." Người ta đã thảo luận rất nhiều về nghĩa của những chữ này. Có người cảm thấy "nước và huyết" chỉ về những thứ tuôn ra từ hông Cứu Chúa (Giăng 19:34). Người khác cảm thấy nước nói đến Thánh Linh của Đức Chúa Trời và "huyết" nói đến huyết đã tuôn đổ trên Gôgôtha. Người khác tin rằng câu này nói đến sự sinh

ra theo lẽ tự nhiên, trong đó có nước và huyết. Chúng tôi muốn gợi ý lối giải thích thứ tư có liên quan đặc biệt đến tà giáo của Tri Huệ Phái mà sứ đồ đang tìm cách chống lại trong thư tin này.

Như đã nói trước đây, Tri Huệ Phái tin rằng Đấng Christ đã giảng trên Chúa Jêsus tại lúc Ngài chịu báp têm và rời Jêsus trước khi Chúa chịu thương khó, tức lúc trong vườn Ghếtsemanê. Nói cách khác, họ bảo: "Đấng Christ không chết trên thập tự giá, nhưng chính con người Jêsus đã chết." Đương nhiên, điều này tước mất khỏi công tác của Chúa mọi giá trị chuộc tội cho người khác. Chúng tôi cho rằng Giảng đang dùng chữ "nước" như một biểu tượng chỉ về phép báp têm của Chúa Jêsus và "huyết" như biểu tượng chỉ về sự chết chuộc tội của Ngài. Đây là hai cực điểm trong chức vụ công khai của Ngài. Giảng đang nói rằng Chúa Jêsus là Đấng Christ vào thời điểm Ngài chịu chết trên thập tự giá cũng y như Ngài là Đấng Christ vào thời điểm Ngài chịu báp têm tại sông Giordan. Ấy chính Đức Chúa Jêsus Christ đã lấy nước và huyết mà đến, chẳng những lấy nước mà thôi (là điều mà Tri Huệ Phái sẽ thừa nhận), bên là lấy nước và huyết. Dường như lòng người mãi mãi cố loại bỏ giáo lý sự chuộc tội. Con người muốn có Chúa Jêsus là một Con Người hoàn hảo, một Tấm gương lý tưởng, Đấng đã ban cho chúng ta một bộ luật đạo đức tuyệt vời. Nhưng ở đây, Giảng quả quyết Đức Chúa Jêsus không những là Con

Người hoàn hảo, mà còn là Đức Chúa Trời Hoàn Hảo nữa, và quả quyết chính Đấng chịu báp têm tại sông Giordan cũng chính là Đấng đã phò mang sống Ngài làm sinh tế thay tội nhân. Con người bảo Đấng Christ: "Hãy xuống khỏi cây thập tự, để cho chúng ta thấy và tin!" Nếu họ loại được thập tự giá ra khỏi nếp suy nghĩ, họ sẽ rất sung sướng. Nhưng Giảng bảo: "Không đâu. Anh em không thể có Đức Chúa Jêsus Christ nếu không có công tác chuộc tội trọn lành của Ngài tại Gôgôtha."

5:7 Ấy là Đức Thánh Linh đã làm chứng, vì Đức Thánh Linh tức là lẽ thật. Câu này có nghĩa Thánh Linh Đức Chúa Trời luôn luôn làm chứng cho lẽ thật về Chúa Jêsus mà Giảng vẫn đang bày tỏ. Thánh Linh làm chứng rằng Đấng Christ đã đến không những lấy nước mà thôi, nhưng lấy nước và huyết, vì đây là lẽ thật của Đức Chúa Trời.

5:8 Một số Cơ Đốc nhân sùng kính luôn luôn bối rối khi biết những phần của câu 7, 8 - như có trong bản KJV và NKJV - thực ra chỉ có trong một vài thủ bản Hylap của Tân Ước mà thôi.¹¹ (Câu 7 trong bản Việt Ngữ là câu 6 trong bản NKJV. Câu 7 trong Bản Anh ngữ (là câu 8 trong bản Việt Ngữ) ghi rằng "Vì có ba làm chứng trên Thiên đàng; Đức Chúa Cha, Ngôi Lời, và Đức Thánh Linh; ba ấy hiệp một. (câu 8) và có ba làm chứng trên đất: Đức Thánh Linh, nước và huyết; ba ấy hiệp một.) Nhưng điều này không hề ảnh hưởng đến chân lý về sự soi dẫn của Kinh Thánh. Có người

ngôi giữ lại những chữ này là quan trọng vì chúng đề cập Ba Ngôi trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, lẽ thật về Ba Ngôi Đức Chúa Trời không tùy thuộc vào một mình phần đoạn này, nhưng được tìm thấy trong nhiều phần khác của Kinh Thánh.

Sau khi đã nói trong các câu trước về Thần Vị và công tác của Đấng Christ, giờ đây Giảng chuyển sang tình trạng đáng tin cậy của niềm tin chúng ta nơi Chúa. Ông nói có ba làm chứng (đừng nên gộp vào đây những chữ "trên đất" - của Bản Anh ngữ): **Đức Thánh Linh, nước và huyết**; ba ấy hiệp một. Dấu Lời Đức Chúa Trời đáng ra đã đủ làm cơ sở đức tin cho chúng ta rồi, Ngài vẫn chiếu cố ban cho chúng ta lời chứng gồm ba mặt về lẽ thật ấy. Trước hết, **Thánh Linh Đức Chúa Trời làm chứng cho lẽ thật** Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời và Chúa Jêsus là Cứu Chúa duy nhất của thế gian. Lời chứng của Thánh Linh được tìm thấy trong lời thành văn của Đức Chúa Trời.

Tiếp theo có lời chứng của **nước**. Chúng tôi tin điều này nói đến sự kiện đã diễn ra tại phép báp-têm của Chúa Jêsus. Trong biến cố đó, Đức Chúa Trời mở các tầng trời và tuyên bố công khai: "Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng." Như vậy, Đức Chúa Cha đã thêm lời chứng của Ngài vào lời chứng của Thánh Linh về Thần Vị của Đấng Christ.

Cuối cùng, có lời chứng của **huyết**. Trên thập tự giá, Chúa Jêsus đã làm chứng về chính Ngài rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Không ai lấy được

mạng sống Ngài khỏi tay Ngài. Ngài đã tự bỏ sự sống ấy. Nếu Ngài chỉ là một con người mà thôi, chắc hẳn Ngài không thể làm được việc này. **Huyết** của Đức Chúa Jêsus Christ làm chứng rằng vấn đề tội lỗi đã được giải quyết thỏa mãn với Đức Chúa Trời một lần đủ cả. **Cả ba lời chứng này phù hợp thuận ý với nhau như một**. Câu này có nghĩa cả ba hiệp một trong lời chứng về sự trọn lành của Thần Vị và công tác của Đấng Christ.

5:9 Giờ đây Giảng đưa vào một lập luận danh thép: "**Vì bằng chứng la nhận chứng của loài người, thì chứng của Đức Chúa Trời trọng hơn.**" Trong đời sống hàng ngày, chúng ta không ngừng chấp nhận lời của con người đồng loại mình. Nếu không, công việc làm ăn sẽ đứng ì ra và cuộc sống xã hội không thể tồn tại được. Chúng ta chấp nhận lời chứng của con người, là những người có thể mắc sai lầm và có thể là những kẻ lường gạt. Giờ đây, nếu chúng ta làm việc này trong cuộc sống hàng ngày, thì chúng ta đáng phải tin cậy vào Đức Chúa Trời nhiều hơn biết đường nào, vì Ngài là Đấng không thể thất bại và không thể nói dối. Không tin Đức Chúa Trời mới là điều vô lý nhất. Lời chứng của Ngài là tuyệt đối đáng tin cậy.

5:10 Khi một người thật sự chấp nhận lời chứng của Đức Chúa Trời về **Con Ngài**, Đức Chúa Trời ấn chứng lẽ thật ấy bằng cách ban lời chứng của Đức Thánh Linh trong người ấy. Mất khác, nếu một người không tin Đức Chúa Trời thì người ấy biến Đức Chúa Trời trở thành người nói dối; vì **chẳng**

tin đến chứng Đức Chúa Trời đã nói về Con Ngài. Con người nghi họ có thể chấp nhận hoặc khước từ lời chứng của Đức Chúa Trời về Đấng Christ, nhưng Giảng muốn họ biết rằng khước từ lời chứng ấy tức là kết tội Đức Chúa Trời đã đối trá.

5:11 Giờ đây Giảng tóm tắt sự điệp Cơ Đốc: "**Chứng ấy tức là Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống ấy ở trong Con Ngài.**" Đây là những chân lý trọng đại biết dường nào, tức là chân lý Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho con người, và nguồn của sự sống ấy ở trong Con Ngài.

5:12 Từ đây dứt khoát dẫn đến kết luận: **Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống.** Lời dạy này rõ ràng không lầm lẩn vào đâu được. Không thể tìm thấy sự sống đời đời trong giáo dục, tri học, khoa học hay việc lành, hay tôn giáo, hay hội thành. Muốn có sự sống, thì phải có Con Đức Chúa Trời. Mặt khác, ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống, tức không có sự sống thật. Sự sống đời đời không thể tách khỏi Đức Chúa Jêsus Christ.

I. Sự Bảo Đảm Qua Lời Chúa (5:13)

Giờ đây chúng ta tiến đến phần kết luận của thư tin. Trước hết, Giảng dùng những lời lẽ rõ ràng, tuyên bố vì sao ông viết những phân đoạn vừa rồi. Mục đích là để ai tin đến danh Con Đức Chúa Trời thì biết họ có sự sống đời đời. Nếu bạn có những dấu hiệu của con cái Đức Chúa Trời thì bởi đó có thể biết mình đã được sanh ra

trong gia đình của Chúa. Câu này cũng dạy lẽ thật quý báu khác nữa, tức là sự bảo đảm về sự cứu rỗi đến bởi Lời Đức Chúa Trời. Giảng viết những lời này để con người có thể biết họ có sự sống đời đời. Nói cách khác, Thánh Kinh được viết để những ai tin nơi Chúa Jêsus thì có được sự bảo đảm rằng họ đã được cứu. Không cần phải hy vọng hoặc đoán già đoán non, hoặc cảm thấy, hoặc phải dọ dẫm trong bóng tối. Một người không hề táo tợn khi bảo rằng mình được cứu. Giảng nói cách hết sức rõ ràng rằng những ai thật sự tin nơi Chúa Jêsus thì biết họ có sự sống đời đời.

6. Được Dạy Dĩ Trong Sự Cầu Nguyện (5:14-17)

5:14-15 Khởi cần phải nói, khi biết mình có sự sống đời đời, chúng ta có thể tạ ơn Chúa với sự dạn dĩ. Giảng mô tả sự dạn dĩ này trong câu 14, 15. Chúng ta biết nếu chúng ta theo ý muốn Ngài mà cầu xin việc gì, Đức Chúa Trời sẽ nghe những lời cầu nguyện ấy và sẽ nhậm lời. Thực ra, chúng ta nên sợ cầu xin bất kỳ điều gì không theo đúng ý muốn Ngài. Có lẽ có người bảo: "Nhưng làm sao tôi biết ý muốn Chúa?" Nói chung, câu trả lời ấy là: Ý muốn Đức Chúa Trời được bày tỏ cho chúng ta trong Kinh Thánh Thiêng Liêng, và vì vậy chúng ta nên nghiên cứu Lời Chúa để biết rõ hơn ý muốn Chúa và biết làm thế nào để chúng ta có thể cầu nguyện cách khôn ngoan hơn.

5:16 Giảng nêu một trường hợp trong đó tín hữu có thể dạn dĩ trong sự cầu nguyện, nhưng cũng trích dẫn

một vi dụ mà không thể có sự dạn dĩ trong đó. Vì có kẻ thấy anh em mình phạm tội, mà tội không đến nỗi chết, thì hãy cầu xin, và Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho, tức là ban cho những kẻ phạm tội mà chưa đến nỗi chết. Dường như đây là trường hợp Cơ Đốc nhân thấy một bạn tín hữu đang phạm một hành động tội lỗi nào đó. Đây không phải là tội lỗi mang tính chất đem sự chết đến cho người vi phạm. Trong một trường hợp như thế, tín hữu này nên cầu xin sự khôi phục cho người đã phạm lỗi, và Chúa sẽ nhậm lời người cầu xin ban sự sống cho những người không phạm tội đến nỗi chết. Mặt khác, có tội đến nỗi chết, và sứ đồ nói "Ấy chẳng phải vì tội đó mà ta nói nên cầu xin."

TỘI ĐÁNG CHẾT

Không thể nói một cách dứt khoát tội nào là tội đáng chết, và vì vậy có lẽ cách an toàn nhất là liệt kê nhiều lối giải nghĩa khác nhau đã được chấp nhận rộng rãi, rồi cho biết chúng ta cảm thấy đâu là lối giải thích chính xác nhất.

1. Có người cảm thấy tội đáng chết nói đến tội mà người ấy cứ khăng khăng miệt mài phạm và không xưng ra. Trong I.Côrinthô 11:30, chúng ta đọc thấy một số người chết vì đự Tiệc Thánh của Chúa mà không tự tra xét chính họ.

2. Có người cảm thấy ở đây nói đến tội giết người. Nếu một Cơ Đốc nhân trong khoảnh khắc giận dữ giết chết người khác, thì chúng ta đứng cảm thấy tự do cầu nguyện cho người ấy được thoát án tử hình, vì Đức Chúa

Trời đã tuyên bố xong ý muốn của Ngài rồi: "Hễ kẻ nào làm đổ máu người thì sẽ bị người khác làm đổ máu lại."

3. Lại có người khác cảm thấy tội được nói đến ở đây là tội nói phạm đến Đức Thánh Linh. Chúa Jêsus phán rằng những người quy các phép lạ của Ngài - là phép lạ được thực hiện trong quyền năng của Thánh Linh - cho Bêênxêbun, là chúa các quỷ, thì họ phạm tội không thể tha được, và không có sự tha thứ tội ấy ngay cả trong đời này lẫn trong đời hầu đến.

4. Có người tin đây là một hình thức tội lỗi đặc biệt nào đó như tội đã phạm của Môise hoặc Arôn, Anania và Saphira, và Đức Chúa Trời đã đoán phạt tội đó ngay tức khắc.

5. Cách giải thích cuối cùng là các này đang nói đến tội bội đạo, và chúng ta tin đây là lời lẽ phù hợp nhất với văn mạch. Người bội đạo là người đã nghe các chân lý trọng đại của đức tin Cơ Đốc, lý trí đã được thuyết phục rằng Chúa Jêsus là Đấng Christ, thậm chí đã tuyên xưng Cơ Đốc giáo, dẫu vậy lại chưa hề thực sự được cứu. Sau khi đã nếm những điều tốt lành của Cơ Đốc giáo, người hoàn toàn lên án những điều ấy và khước từ Chúa Jêsus Christ. Trong Hêbrơ 6, chúng ta biết đây là tội dẫn đến sự chết. Những ai phạm tội này thì không còn đường thoát, vì "họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường." Trong toàn thư tín này, Giảng đang nói đến những người theo Tri Huệ Phái. Những giáo sư giả này đã

từng ở trong hiệp hội Cơ Đốc. Họ đã xưng mình là tín hữu. Họ đã biết những sự kiện của đạo, nhưng rồi lại xây lưng với Chúa Jê-sus và chấp nhận một giáo lý hoàn toàn phủ nhận thần thánh của Ngài và phủ nhận tính đầy đủ trong công lác chuộc tội của Ngài. Cơ Đốc nhân không thể có quyền tự do cầu xin sự khôi phục cho một người như thế vì Đức Chúa Trời đã nói rõ trong Lời của Ngài rằng họ đã phạm tội đến nỗi chết.

5:17 Mọi sự không công bình đều là tội; mà cũng có tội không đến nỗi chết. Có những sự phân biệt rõ ràng trong các mức độ của tội, và có những tội mang bản chất không nghiêm trọng đến nỗi dẫn đến sự chết.

8. Mấu Bết Về Những Thực Tại Thuộc Linh (5:18-20)

5:18 Bắt đầu với câu 18, Giảng đưa thơ 1tn của mình đến phần kết thúc thật uy nghi bằng cách lặp lại những điều chắc chắn tuyệt vời của Đạo Đấng Christ. "**Chúng ta biết rằng những ai sanh bởi Đức Chúa Trời thì hẳn chẳng phạm tội**" (Bản Anh ngữ ghi là "thì chẳng phạm tội.") Chúng ta có thể biết chắc chắn rằng ai có bản tánh thiện thượng thì không cứ tiếp tục phạm tội. Nguyên nhân là: **những ai sanh bởi Đức Chúa Trời, thì tự giữ lấy mình,**¹² **ma quỷ chẳng làm hại người được.** Như trong 3:9, điều này nói đến những tín hữu thật là người giữ gìn hoặc tự giữ mình nhờ bản tánh thiện thượng của mình. Chỉ những người như thế mới khỏi bị ma quỷ gây tổn hại.

5:19 Câu trả lời Cơ Đốc cho những người tự xưng mình có trí thức

ưu việt hơn ấy là: **Chúng ta biết mình thuộc về Đức Chúa Trời, còn cả thế gian đều phục dưới quyền ma quỷ.** Đối với Giảng, ông hề nói lấp lửng. Ông chỉ thấy hai phạm vi – hoặc ở trong Ngài, hoặc là đều phục dưới quyền ma quỷ. Tất cả mọi người một là được cứu, hai là hư mất, và chỗ của họ tùy thuộc vào mối quan hệ giữa họ với Đức Chúa Jê-sus Christ. Hỡi những người theo Trí Huệ Phái, hãy nghe điều này!

5:20 Lê thật trọng đại thứ ba nói về Sự Nhập thể. Chúng ta biết Con Đức Chúa Trời đã đến. Đây là chủ đề Giảng dùng mở đầu thơ 1tn, và giờ đây ông lập lại để chuẩn bị kết thúc bức thư. Sự hiện đến của Chúa Jê-sus Christ đã cho chúng ta thấy Ngài là Đấng chân thật, tức là Đức Chúa Trời chân thật. Chỉ có thể biết được Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Jê-sus Christ. "Chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải bày Cha cho chúng ta biết." Rồi Giảng nói thêm: **vả chúng ta ở trong Đấng chân thật, là ở trong Đức Chúa Jê-sus Christ, Con của Ngài.** Một lần nữa ông nhấn mạnh chỉ khi nào ở trong Đấng Christ thì chúng ta mới có thể ở trong Đức Chúa Trời. "Chẳng bởi Ta thì không ai được đến cùng Cha." Ấy chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là sự sống đời đời. Nói cách khác, Giảng đang dạy điều mà Trí Huệ Phái phủ nhận, tức là Đức Chúa Jê-sus Christ là Đức Chúa Trời và sự sống đời đời chỉ tìm thấy được trong Ngài mà thôi.

IX. Lời Kết Gợi Kết Thúc (5:21)

Cuối cùng, chúng ta có lời khuyên cuối của Giảng: "**Hỡi các con**

cái bê mọn, hãy giữ mình về hình tượng!" Trên thực tế vị sứ đồ đang nói: "Hãy coi chừng mọi lời dạy dỗ nào trái ngược với những thực tại này." Ông muốn tin hữu phải tự giữ mình khỏi mọi ý niệm nào về Đức Chúa Trời mà chúng khác với những điều đã được các sứ đồ truyền lại cho chúng ta. Chúa Jêsus Christ là Đức Chúa Trời. Bất kỳ ý tưởng nào khác đều là thờ hình tượng. Ở đây, Giảng không nói chủ yếu đến các hình tượng được chạm tạc từ gỗ. Hình tượng là một vị thần thay thế hay một vị thần giả thay chỗ cho vị thần thật. Ở đây, một hình tượng không phải là một vấn đề vật chất nhưng là sự dạy dỗ giả dối.

Tổng Giám Mục Alexander nói lời khuyên này là: "Một cái rùng mình hùng biện." Chúng tôi nghĩ không còn câu nói nào hoàn thiện lời mô tả này hơn thế nữa, vì vậy chúng ta kết thúc phần giải nghĩa này với cái rùng mình hùng biện của Giảng:

"Hỡi các con cái bé mọn, hãy giữ mình về hình tượng! Amen."

CHÚ THÍCH

¹(2:7) Bản Kinh Thánh Phê Bình (NU) bỏ qua chữ "từ lúc ban đầu" thứ nhì.

²(2:12) Chữ *teknia* ra từ chữ có nghĩa là "sinh" (con cái). Chữ chỉ về loại nhỏ này khiến chữ ấy có nghĩa "những đứa con mới sinh bé mọn," một chữ đối ứng chính xác với chữ "các con trẻ" đầy trêu mến của người Tô Cách Lan.

³(2:20) Các bản văn truyền thống (và đại đa số) ghi là "các con biết mọi

sự" (*panta*). Bản văn phê bình (NU) ghi là "hết thảy các con (*pantes*) đều biết." Thật dễ thấy vì sao cách lý giải khó hiểu sẽ được thay đổi sang cách dễ hiểu hơn là "hết thảy các con đều biết."

⁴(3:1) Bản văn NU ghi thêm: "và chúng ta thật là con cái Ngài."

⁵(4:3) Bản NU chỉ ghi là "thần nào không xưng Đức Chúa Jêsus," tức là đã bỏ chữ "ràng" và "Đấng Christ đã đến trong xác thịt" (so với bản NKJV).

⁶(4:7, 8) G. S. Barrett, *The First Epistle General of St. John*, pp. 170-173.

⁷(4:9, 10) Cửa lễ chuộc tội có nghĩa sự đến chuộc tội được thực hiện qua một cửa lễ. Trong nguyên văn, chữ này liên hệ với từ ngữ Hy Lạp chỉ về "ngai thi ân." Trong thời của C. H. Dodd của nước Anh, đã có một chiến dịch thành công chống lại từ ngữ này (và giáo lý này) đến nỗi theo gót bản RSV của phái tự do này, hầu hết các bản Kinh Thánh hiện đại đã thay đổi từ ngữ này. Vì đây là một "từ ngữ lành mạnh" tiêu chuẩn cho một chân lý thần học, chúng ta nên giữ nguyên chữ đó (như trong bản KJV và NKJV).

⁸(4:9, 10) James R. Denney, *The Death of Christ*, xuất bản lần thứ 2, trang 276. Phần đầu của câu trích này dường như từ một ấn bản có trước đó.

⁹(4:14) W. E. Vine, *The Epistles of John*, trang 85.

¹⁰(4:19) Bản văn NU chỉ ghi "chúng ta yêu," bỏ qua chữ "Ngài" (so với bản NKJV).

¹¹(5:7,8) Erasmus thêm những chữ này vào các ấn bản về sau trong Kinh Thánh tiếng Hy Lạp của ông dưới áp

lục của giáo hoàng (những chữ này có trong bản Kinh Thánh Latin chính thức của giáo hội Công Giáo Lamã, là bản Vulgate). Chỉ có bốn thủ bản Hy Lạp có niên hiệu rất muộn mới có những chữ này, vì vậy không an toàn khi sử dụng chúng. Những người theo tà giáo đi gõ cửa từng nhà một để phủ nhận Ba Ngôi Đức Chúa Trời Phước Lành sẽ nhanh chóng trưng dẫn những sự kiện trên, vì vậy nên khôn ngoan biết trước nạn đề này.

¹²(5:18) Nếu trong bản văn NU, chữ "người" được dùng thay cho chữ "tự... mình," thì câu "ai sanh bởi Đức Chúa Trời" sẽ chỉ về Đấng Christ.

SÁCH THAM KHẢO

Barrett, G. S. *The First Epistle General of St. John*. London: The Religious Tract Society, 1910.

Candlish, Robert S. *The First Epistle of John*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, không rõ năm xuất bản.

Findlay, George. *Fellowship in the*

Life Eternal. London: Hodder & Stoughton, không rõ năm xuất bản.

Ironside, H. A. *Addresses on the Epistles of John*. New York: Loizeaux Bros., không rõ năm xuất bản.

Kelly, William. *An Exposition of the Epistles of John the Apostle*. London: T. Weston, 1905.

Law, Robert. *The Tests of Life*. Edinburgh: T & T Clark, 1909.

Marshall, I. Howard. *The Epistles of John* (NIC). Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1978.

Mitchell, John G. *Fellowship: Three Letters from John*. Portland, Ore.: Multnomah Press, 1974.

Stott, John R. W. *The Epistles of John* (TBC). Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1964.

Vine, W. E. *The Epistles of John: Light, Love, Life*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1970.

Westcott, Brooke Foss. *The Epistles of St. John*. Cambridge: The MacMillan Company, 1892.

THƠ THỨ HAI CỦA GIĂNG

Giới Thiệu

"[Thơ Giăng thứ nhì] cho chúng ta khía cạnh mới của vị sứ đồ: Thơ cho thấy ông là người chân những linh hồn riêng biệt.... Cho dầu thơ được gởi cho một hội thánh địa phương, hay... cho một quý bà đã tin Đấng Christ, ... thì thơ vẫn vì những con người độc thù mà ông hết sức quan tâm đến nỗi đã gởi bức thơ này."

- A. Plummer

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Bức thơ ngắn này cùng với thơ II.Giăng là toàn bộ những gì chúng ta có về *bức thơ riêng* vô giá của một trong các thánh đồ yêu dấu nhất của thời kỳ đầu tiên, là sứ đồ Giăng.

Đôi khi Cơ Đốc nhân quan tâm đến vấn đề họ nên "cởi mở" hoặc "khép kín" đến mức độ nào đối với người khác, đặc biệt đối với những người xưng mình là tín hữu. Thơ Giăng Thứ Nhì và Giăng Thứ Ba, giải đáp câu hỏi hết sức thực tế này. Thơ Giăng Thứ Nhì cho thấy tầm quan trọng của việc giữ cho nhà của chúng ta (hay hội thánh tại nhà của chúng ta) đóng kín cửa với những người theo tà giáo; thơ Giăng Thứ Ba khích lệ "chính sách mở cửa" đối với những nhà truyền đạo lưu động và các giáo sĩ.

II. Quyển Tác Giả

Ngoại chứng cho thơ II.Giăng yếu hơn so với I.Giăng, rõ ràng vì độ dài và bản chất riêng tư của thơ. Irenaeus đã trích thơ này, nhưng giống như nhiều người khác, ông nghĩ đây là một phần của thơ I.Giăng (những cách chia đoạn và câu mai nhiều thế kỷ sau mới có). Origen nghĩ ngờ thơ này, nhưng Clement và Dionysius, cả hai đều ở Alexandria, đã trích dẫn thơ này

là của Giăng. Cyprian trích cụ thể câu 10 là do sứ đồ Giăng viết.

Nội chứng gồm có sự kiện văn phong và từ vựng khớp với văn phong và từ vựng của sách Tin Lành Giăng và thơ I.Giăng và II.Giăng. Dầu thơ II.Giăng và III.Giăng có những phát mở đầu khác với I.Giăng, chúng tương tự nhau đến nỗi rất ít người phủ nhận vấn đề chúng thấy đều ra từ cùng một ngòi viết và dường như cũng ra từ cùng một thời điểm.

Không có lý do thuyết phục nào để nghi ngờ lời truyền khẩu quy thơ II.Giăng cho vị sứ đồ Giăng (xem phần Giới Thiệu thơ I.Giăng để biết chi tiết hơn).

III. Thời Điểm Viết

Cũng như trường hợp thơ I.Giăng, có thể có hai khoảng thời gian chung chung. Hoặc một niên hiệu sớm (thập niên 60) trước khi phá hủy Giêrusalem, hoặc niên hiệu muộn (85-90). Nếu niên hiệu sớm, có lẽ sách được viết từ Giêrusalem; nếu niên hiệu muộn, có lẽ được viết từ Êphêso, là nơi vị sứ đồ cao tuổi sống những ngày cuối đời của mình.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Bối cảnh của thơ này là chức vụ lan truyền rộng rãi của những nhà truyền đạo lưu động trong hội thánh

đầu tiên, và ngày nay có phần vẫn còn trong một số giới tín hữu. Những nhà truyền đạo và những người rao truyền Lời Chúa như thế này sẽ được đón tiếp, nhận được thức ăn và đôi khi tiền tại nhà của Cơ Đốc nhân và những hội chúng họ ghé thăm. Bất hạnh thay, các giáo sư giả và những tay huênh hoang phình gọt trong tôn giáo đang nhanh chóng chen chân vào, lợi dụng tập quán này thành phương tiện kiếm lợi riêng và quảng bá các tà giáo của họ, chẳng hạn như Tri Huệ Phát.

(xem Phần Giới Thiệu thư I.Giăng).

Nếu điều quan trọng trong thế kỷ thứ nhất là cảnh báo về những người theo tà giáo và "những kẻ đầu cơ trục lợi tôn giáo," sứ đồ Giăng sẽ nói gì nếu ông nhìn thấy tám mền bóng và chàng vá đụp của các tà giáo, các nhóm ly khai và các tôn giáo giả trá của thời nay?

Chủ đề trọng tâm của thư II.Giăng ấy là: chúng ta đừng nên hợp tác chút nào với người đang cố gắng truyền bá điều sai lầm về Thân Vị của Chúa chúng ta (câu 10, 11).

BỔ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM CỦA SỨ ĐỒ: AN ĐIỂN, SỰ THƯƠNG XÓT, VÀ SỰ BÌNH AN (Câu 1-3)

II. SỰ VUI MỪNG CỦA SỨ ĐỒ: CON CÁI BIẾT VÀNG LỜI (Câu 4)

III. MẠNG LỊNH CỦA SỨ ĐỒ: BƯỚC ĐI TRONG YÊU THƯƠNG (Câu 5,6)

V. NỖI LO LẮNG CỦA SỨ ĐỒ: NHỮNG KẸ DỒ ĐÀNH CHỐNG NGHỊCH ĐÁNG CHRIST (Câu 7-11)

V. HY VỌNG CỦA SỨ ĐỒ: CHUYỂN THĂM RIÊNG (Câu 12,13)

GIẢI NGHĨA

I. LỜI CHÀO THĂM CỦA SỨ ĐỒ: AN ĐIỂN, SỰ THƯƠNG XÓT, VÀ SỰ BÌNH AN (Câu 1-3)

Câu 1 Trong II.Giăng, sứ đồ giới thiệu mình là trường lão, có thể câu này nói đến tuổi tác hay địa vị chính thức trong hội thánh. Xét về tuổi tác, Giăng là người cuối cùng trong các sứ đồ đã từng ở với Chúa Jêsus. Xét về chức vị, chắc chắn ông là một giám mục. Vì vậy, chúng ta không cần phải chọn cách giải nghĩa; cả hai đều đúng cả.

Cụm từ "đại cho bà được chọn" lại không giải thích dễ như trên. Có

ba quan điểm phổ biến. (1) có người tin rằng "bà được chọn" là hội thánh, được gọi đến ở chỗ khác là Tân Nương của Đấng Christ, hay là một hội thánh cụ thể tại địa phương. (2) Có người nghĩ thơ này được gởi cho "Kyria được chọn." - tên của bà là Kyria. Tên gọi này có thể là một từ ngữ Hylạp tương đương với tên Mathê trong tiếng Aram (cả hai đều có nghĩa là "quý bà").¹ (3) Người khác lại cảm thấy Giăng đang viết cho một quý bà Cơ Đốc không nêu tên ra, một người cùng với hết thầy các tín hữu khác đang thuộc trong số người được chọn

của Đức Chúa Trời - được chọn trong Đấng Christ trước khi sáng thế.

Chúng tôi thiên về quan điểm cuối cùng, và cảm thấy điều hết sức có ý nghĩa ở đây là lời cảnh cáo về các giáo sư nghịch với Đấng Christ đáng được tìm thấy trong bức thư gửi cho một phụ nữ. Tội lỗi đã vào thế gian trước hết qua việc Êva bị Satan lừa dối. "Lại không phải Adam bị đổ dành, bèn là người đàn bà bị đổ dành mà sa vào tội lỗi" (1.Timôthê 2:14). Phaolô nói các giáo sư giả là những người đặc biệt lời cuốn đối với phụ nữ; họ lên vào nhà và quyến dụ những người đàn bà cả tin mang tội lỗi, bị bao nhiêu tình dục xui khiến," là những người sẽ lắng nghe bất kỳ ai "thế nhưng vẫn học luôn mà không hề thông biết lẽ thật được" (1Timôthê 3:6, 7). Ngay cả ngày nay, những người theo tà giáo vẫn đến thăm nhà riêng trong lúc ban ngày, khi người nam trong nhà thường phải đi làm. Các em thiếu nhi cũng cần được cảnh báo về các giáo sư giả nữa.

Giăng nói ông yêu mến bà được chọn kia cùng các con cái bà... trong lẽ thật (bản Việt Ngữ không ghi chữ "trong lẽ thật"). Những người được cứu thấy họ ở trong mối thông công tuyệt diệu, yêu mến những người mà ắt hẳn không yêu được nếu không vì cơ lòng yêu mến chung của họ đối với chân lý của Chúa. Chính lẽ thật của Chúa đã gắn bó các tấm lòng lại với nhau - lòng của hết thấy mọi người biết lẽ thật.

Câu 2 Câu "vì cơ chính lẽ thật" có hai lối giải thích khá đi. Có thể câu này nói đến động cơ để yêu mến hết

mọi tín đồ, hoặc có thể nêu nguyên nhân khiến Giăng viết thư này. Cả hai nghĩa đều thích hợp. **Lẽ thật ở trong chúng ta, lại sẽ ở với chúng ta đời đời.** "Lẽ thật" ở đây có thể nói đến (1) Đức Chúa Jesus Christ. Ngài phán: "Ta là... lẽ thật" (Giăng 14:6); (2) Đức Thánh Linh. "Đức Thánh Linh là lẽ thật" (1.Giăng 5:6; xem Giăng 14:16,17); hoặc (3) Kinh Thánh. "Lời Cha là lẽ thật" (Giăng 17:17). Chúng ta há chẳng nên đứng lại để thần phục công tác năng đỡ duy trì chúng ta của Ba Ngôi, cũng như việc cả Ba Ngôi ở với chúng ta đời đời sao!

Câu 3 Lời chào của Giăng là "ân điển, sự lương xót, sự bình an... ở cùng chúng ta" (Bản NKJV ghi là "cùng anh em").² Ân điển là ơn dành cho những người không xứng đáng được nhận những người đáng phải chịu những điều trái ngược với ơn ấy. Lòng thương xót là tình thương đoái đến những người đã phạm tội và khốn khổ. Bình an là mối quan hệ hòa thuận xuất phát từ ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời. Cả ba phúc hạnh này đều đến bởi Đức Chúa Trời là Cha, và bởi Đức Chúa Jesus Christ. Đức Chúa Cha là Nguồn và Đức Chúa Con là Kênh dẫn truyền. Ngoài ra, các phúc hạnh này ở trong lẽ thật và sự yêu thương, và không hề hy sinh bất kỳ mỹ đức nào trong số này.

II. SỰ VUI MỪNG CỦA SỬ ĐỒ: CON CÁI BIẾT VẮNG LỜI (CÂU 4)

Ở đây Giăng tỏ sự vui mừng của ông khi nghe một số con cái của bà

được chọn **đang làm** theo lẽ thật. Lẽ thật không phải chỉ là điều người ta tin trong lý trí, nhưng là điều họ sống thể hiện ra trong hành vi mỗi ngày. Chúa Jêsus là hiện thân sống động của lẽ thật thể nào, thì Ngài cũng đòi hỏi đời sống chúng ta trở thành những lời chứng cho lẽ thật thể ấy.

III. MẠNG LỊNH CỦA SỨ ĐÓ: BƯỚC ĐI TRONG YÊU THƯƠNG (CÂU 5, 6)

Câu 5 Trong câu 5 đến câu 9 sử dụng những như tóm tắt ngắn cho Thư Thứ Nhất của mình. Trong đó, ông liệt kê những phương pháp thử nghiệm sự sống. Giờ đây trong những câu này, ông lặp lại ít nhất ba trong số các phương pháp thử nghiệm kia - phương pháp thử nghiệm của tình yêu (câu 5), phương pháp thử nghiệm của lòng vâng lời (câu 6), và phương pháp thử nghiệm về giáo lý (câu 7-9).

Câu 6 Trước hết, ông nhắc đọc giả nhớ các điều răn truyền yêu thương những bạn cùng niềm tin của họ. Yêu thương ở đây về cơ bản là sự ban phát chính mình cách không ích kỷ vì ích lợi của người khác. Yêu thương không phải là "tôi có thể nhận lấy điều gì từ con người đó?" "Nhưng là tôi có thể làm gì cho người đó?" Như vậy, sự yêu thương được chứng minh là một nếp sống làm theo các điều răn của Đức Chúa Trời. Không thể yêu thương thật theo ý nghĩa thiên thượng - nếu không đang sống vâng lời Chúa và vâng lời lẽ thật của Đức Chúa Trời.

V. NỖI LO LẮNG CỦA SỨ ĐÓ: NHỮNG KẾ ĐỒ DÀNH NGHỊCH LẠI (CÂU 7-11)

Câu 7 Điều này đưa chúng ta đến phương pháp thử nghiệm giáo lý. Câu

hỏi quan trọng là: "Đức Chúa Trời có thực sự trở thành Con Người trong Thân Vị của Đức Chúa Jêsus Christ không?" Câu trả lời là "Có!" thật vang dội. Trí Huệ Phái³ tin rằng Christ thiên thượng đã giáng trên Jêsus ở Naxarét trong một khoảng thời gian nào đó. Nhưng Giảng quả quyết rằng Đức Chúa Jêsus Christ đã, hiện và luôn luôn sẽ là Đức Chúa Trời.

Câu 8 Do đó, ông cảnh cáo độc giả: "Chính các ngươi hãy giữ, hầu cho khỏi mất kết quả của công việc mình, nhưng cho được phần thưởng đầy đủ." Nói cách khác, hãy đứng vững trong lẽ thật về Đức Chúa Jêsus Christ để công khó của chúng ta giữa vòng anh em đến lúc bấy giờ đã không trở nên vô ích, và để [chúng ta] (các sứ đồ và các môn đồ của họ - bản Việt Ngữ không có chữ "chúng ta" này) được phần thưởng đầy đủ.

Câu 9 Khi Giảng nói: "Hễ ai đi đông dài⁴ chẳng bền lòng theo đạo Đấng Christ," ông đang nói đến các giáo sư giả. Đi đông dài là đi vượt ra ngoài những ranh giới cho phép. Đây chính là điều những người theo tà giáo đang làm; họ tuyên bố có sự sáng mới và dạy những giáo lý mà Đức Chúa Trời không khai thị trong Lời Ngài. Họ không ở trong ranh giới của khai thị Cơ đốc, hoặc bền lòng theo đạo Đấng Christ - chắc muốn nói đến những sự dạy dỗ mà chính Đấng Christ đã đem đến. Câu này cũng nói đến mọi điều Kinh Thánh dạy về Đấng Christ. Vị sứ đồ nhấn mạnh trong câu 9 rằng một người theo tà giáo có thể tuyên bố mình biết Đức

Chúa Trời, nhưng nếu không tin nơi thần thánh và nhân thánh tuyệt đối của Đức Chúa Jêsus, thì người ấy không có Đức Chúa Trời chi cả. Chỉ có thể biết được Đức Chúa Trời qua Con Ngài. "Chẳng bởi Ta thì không ai được đến cùng Cha" (Giăng 14:6).

Câu 10,11 Câu này là trái tim của cả bức thư. Câu này cho chúng ta lời khuyên quý giá về cách đối đãi với các giáo sư giả đến gõ cửa nhà mình. Giăng không nói đến những vị khách tinh cờ, nhưng nói đến những người tuyên truyền chống đối Đấng Christ. Chúng ta có nên mời họ vào nhà không? Có nên mời họ uống tách cà phê không? Có nên giúp tài chánh cho họ không? Có nên mua văn phẩm của họ không? Câu trả lời ấy là: chúng ta **chớ rước** họ vào nhà, cũng đừng **chào hỏi** họ. Những người này là kẻ thù của Đấng Christ. Tổ lòng hiếu khách với họ tức là đứng về phía những người chống lại Cứu Chúa chúng ta. Có thể một lúc nào đó, chúng ta để một người như thế vào nhà mà không biết rằng người ấy chối Chúa. Những câu này sẽ không áp dụng cho trường hợp như thế. Nhưng khi thực sự biết một người họ là giáo sư giả mà vẫn kết bạn với họ tức là không trung tín với Đấng Christ. Những câu này không áp dụng cho các vị khách nói chung. Chúng ta thường tiếp khách và những người chưa tin Chúa để nỗ lực chinh phục họ về với Đấng Christ. Nhưng đây là vấn đề các giáo sư dạy đạo vốn phủ nhận thần thánh và nhân thánh của Đức Chúa Jêsus Christ. C. F. Hogg giải thích:

Đừng nên làm bất cứ điều gì để tạo ấn tượng rằng tôi chống nghịch Đấng Christ là một vấn đề tầm thường, cũng đừng nên làm gì để đưa người làm điều sai trái này vào sự hạnh phúc trên con đường gây ảnh hưởng đến người khác.⁵

V. HY VỌNG CỦA SỬ ĐỒ: CHUYỂN THẨM RIÊNG (CÂU 12, 13)

Câu 12 Chắc hẳn Giăng còn muốn nói nhiều điều nữa với quý bà được chọn này. Nhưng ông dừng tại đây với hy vọng sớm được đích thân đến thăm để có thể **mặt đối mặt** nói chuyện cùng nhau. Được đích thân gặp gỡ nói chuyện thì thỏa mãn hơn viết bằng **giấy mực biếc dương nào!** Và được nhìn Cứu Chúa mặt đối mặt thì sẽ tuyệt vời biết dương nào so với chỉ nhìn Ngài bằng đôi mắt của đức tin như hiện nay! Thật sự bây giờ, sự **vui mừng của chúng ta sẽ thật đầy đầy!**

Câu 13 Rời Giăng kết thúc: "Con cái của chị em bà, là bà được chọn kia, **chào thăm bà.**" Chúng ta không biết họ là ai, nhưng một ngày kia sẽ gặp họ và thông công với họ và với Sử Đồ Giăng yêu dấu, là người đã viết bức thư này, và tuyệt vời hơn hết ấy là gặp mặt chính Cứu Chúa. Amen. [Bản Việt Ngữ không có chữ "Amen" này].

CHÚ THÍCH

¹(Câu 1) Không chắc chắn bằng, nhưng có thể hiểu chữ *Ἠλεκτα* chỉ về người được chọn (*Ἠλεκτα*, "Electa") như một tên riêng và chữ "bà" như một tước hiệu xưng hô: "Quý bà Electa."

²(Câu 3) Các bản văn phê bình (NU) và bản văn đại đa số (M) ghi là "cùng chúng ta" (thay vì "cùng anh

em" như trong bản NKJV). Những từ ngữ Hylạp được chỉ về anh em/ chúng ta, anh em/ chúng ta (đồng làm vị ngữ), và của anh em/ của chúng ta chỉ khác nhau một mẫu từ, vì vậy có nhiều nan đề về sao chép trong các thủ bản (chẳng hạn, xem câu 8, trong đó bản NU ghi là "hầu cho anh em," chứ không phải "hầu cho chúng ta.")

³(Câu 7) Xem Phần Giới Thiệu thơ Côlôse để biết phần luận về Trí Huệ Thuyết.

⁴(Câu 9) Bản văn NU ghi là "đi phía trước" hoặc "đi vượt lên trước" (*proagōn*) thay vì chữ "đi đồng dài" (*parabainōn*) của bản văn Truyền Thống và bản Đại đa số.

⁵(Câu 10, 11) C. F. Hogg, *What Saith the Scripture?*, trang 143.

SÁCH THAM KHẢO

Xem Sách Tham Khảo ở cuối phần giải nghĩa thơ I.Giăng.

THƠ THỨ BA CỦA GIĂNG

Giới Thiệu

"Tóm lại, cái nhìn thoáng qua cuối cùng này về nếp sống Cơ đốc trong thời đại sơ đồ chính là điều người nghiên cứu cứ muốn nân nã mãi không rời. Tình trạng những vấn đề được tiếp lộ không tiến sát đến một lý tưởng, nhưng làm chứng cho sự tự do và sức sống của một đức tin đang lên mạnh."

- B.F. Westcott

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Ngay cả thơ III.Giăng, sách ngắn nhất trong Tân Ước (chỉ ngắn hơn II.Giăng một hàng trong nguyên bản), cũng minh họa lẽ thật thiên thượng "cả Kinh Thánh... có ích." Cũng giống như thơ II.Giăng, những chữ chìa khóa của thơ là *yêu thương và lẽ thật*. Nhưng khác với thơ II.Giăng, là thơ bày tỏ *tính vững vàng* của sự yêu thương qua việc không tiếp đãi những ai không dạy lẽ thật, thơ III.Giăng cho thấy *vẻ đẹp dịu dàng* của tình yêu thương qua việc giúp những người đang đem lẽ thật tiến lên phía trước.

II. Quyền Tác Giả

Ngoại chứng cho thơ III.Giăng tương tự với ngoại chứng của thơ II.Giăng. Hai thơ tín này rất ngắn và rất riêng tư đến nỗi dễ thấy vì sao chúng không có bằng chứng rộng rãi hơn như thơ I.Giăng đã có.

Origen và Eusebius xếp thơ III.Giăng vào những tác phẩm *còn bị tranh cãi* (antilegomena). Clement và Dionysius, cả hai đều ở Alexandria, đã chấp nhận thơ Giăng thứ ba, cũng như Cyrill ở Giêrusalem. Bằng chứng của bộ kinh điển Muratorian không rõ ràng trong lãnh vực này.

Nội chứng đi kèm trong thơ này rất gần gũi với thơ II.Giăng, và rõ ràng cũng gần với cả thơ I.Giăng. Ba thơ

này cũng hậu thuẫn tính xác thực của nhau.

Không có nguyên nhân thuyết phục nào để nghi ngờ quan điểm truyền thống xem sứ đồ Giăng viết thơ III.Giăng cùng với hai thơ tín khác đã được quy cho ông.

III. Thời Điểm Viết

Cũng như trong trường hợp của thơ I.Giăng và II.Giăng, người ta để xuất hai niên hiệu tổng quát. Nếu Giăng đang viết từ Giêrusalem trước lúc thành này bị phá hủy, có thể sách được viết vào thập niên 60. Phổ thông hơn, các học giả xem thơ này được viết vào thời kỳ muộn hơn khi Giăng sống và phục vụ tại Ephêsô. Vì vậy người ta chấp nhận rộng rãi thời điểm viết vào khoảng 85-90.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Bối cảnh lịch sử của bức thư ngắn ngủi này cho chúng ta cái nhìn thoáng qua thật sinh động vào sinh hoạt hội thánh trong nửa cuối thế kỷ thứ nhất. Chỉ với vài nét súc tích, sứ đồ phác họa ba nhân vật: Caiút, con người hiếu khách và thuộc linh, Đemêtriu người đáng khen, và Diôtrêp người kiếm tư lợi và không chút linh thương. Có lẽ Diôtrêp minh họa cá tính hết sức ương bướng mà có thể đã xuất hiện trong bất kỳ cấu trúc hội thánh nào. Mặt khác, có lẽ nhân vật

này phô bày khuynh hướng tiến đến chỗ một trưởng lão hăm quyền nổi bật và cai trị trên cấp trưởng lão ngày trước vốn bình đẳng. Xu hướng thứ

này đã tiến hóa trở thành "hệ thống giám mục quân chủ" (quyền cai trị của một giám mục thống lãnh) ở thế kỷ thứ nhì và tiếp sau đó.

BỔ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (Câu 1-4)

II. GAIÚT NGƯỜI TIN KINH (Câu 5-8)

III. ĐIÒTRÉP ĐỘC TÀI (Câu 9-11)

IV. ĐỀMÊTRIU MỘ ĐẠO (Câu 12)

V. KẾ HOẠCH VÀ LỜI CHÚC PHƯỚC CỦA VỊ SỨ ĐÓ (Câu 13,14)

GIẢI NGHĨA

I. LỜI CHÀO THĂM (Câu 1-4)

Câu 1 Cũng như trong Thư Thứ Nhì, Giảng gọi mình là Trưởng lão. Ông gởi thư này cho Gaiút là người yêu dấu, là người ông thật thương yêu. Dấu chúng ta không biết đây là Gaiút được nhắc đến trong Rôma 16: 23 hay là người được nhắc đến trong Cồngvụ 20:4, nhưng thật đáng kinh ngạc vì chúng ta học được về ông nhiều biết bao trong một vài câu ngắn ngủi này. Trước hết, chúng ta suy ra ông là một Ứn hữu yêu dấu, một người có cuộc đời đã giới thiệu được chính ông cho các bạn hữu Cơ đốc.

Câu 2 Nhưng dường như thể xác ông không khỏe lắm, vì Giảng chúc sức khỏe phần xác của ông có thể tương xứng với sức sống thuộc linh. Khi Giảng nói lời cầu nguyện cho anh được thịnh vượng trong mọi sự, không chắc ông đang nghĩ đến sự giàu có hay thành vượng về của cải vật chất. Trái lại, ông đang nói sự khỏe mạnh của thân thể, như được gợi ý trong cụm từ kế tiếp - và được khỏe mạnh.

Chúng ta có muốn sức khỏe phần xác của chúng ta được tương xứng với sức khỏe phần thuộc linh của mình không? Chẳng phải một sự thật đáng buồn là chúng ta chăm sóc thân thể mình tốt hơn chăm sóc linh hồn sao? Đây là nguyên nhân khiến F. B. Meyer nhận định đầy châm biếm:

Chắc không nên mong ước cầu chúc câu thứ hai này cho mọi bạn hữu của chúng ta, vì nếu thân thể họ được tương xứng với tình trạng của linh hồn, họ sẽ đột ngột lâm bệnh hết.¹

Câu 2 mâu thuẫn thẳng thừng với lời dạy của rất nhiều người được gọi là "những người chữa bệnh bằng đức tin." Họ cho rằng mọi bệnh tật đều là kết quả của tội lỗi trong đời sống ấy, và nếu một người không được chữa lành, thì chính là do thiếu đức tin. Dường nhiên điều này không đúng trong trường hợp của Gaiút. Tình trạng tâm linh của ông rất tốt, nhưng tình trạng thể chất của ông không tốt được như vậy. Điều này cho thấy không thể lập luận về tình trạng thuộc linh xét từ tình trạng của thể chất.

Câu 3 Sứ đồ vui khi thấy mấy anh em đến làm chứng về lẽ thật có trong Gaiút (bản Việt Ngữ “anh yêu mến lẽ thật”) và về cách Gaiút làm theo lẽ thật. Thật tốt khi có lẽ thật trong chúng ta, nhưng lại càng tốt hơn nữa khi thể hiện lẽ thật đó trong đời sống chúng ta. Không những chúng ta phải nắm giữ lẽ thật, mà còn phải để cho lẽ thật nắm giữ chúng ta nữa. Người ta thích nhìn thấy bài giảng hơn là nghe một bài giảng. Đối với Đức Chúa Trời, trong thời đại sự kiện, không điều nào đáng kể cho bằng đời sống thánh khiết.

Câu 4 Điều này quan trọng đối với Giảng đến nỗi ông có thể bảo: “Tôi nghe con cái tôi làm theo lẽ thật, thì không còn có sự gì vui mừng hơn nữa.” Có lẽ hầu hết chúng ta nghĩ chinh phục linh hồn là niềm vui mừng lớn nhất của đời sống Cơ đốc, và thật tuyệt vời khi thấy những người nam nữ được đời từ nước tối tăm sang nước của Con yêu dấu Ngài. Nhưng ai đo lường được nỗi đau lòng khi nhìn thấy những người xưng mình đã được cứu lại quay về với đời sống trước kia; điều đó giống như heo trở lại với vùng bùn và chó trở về lại với đó nó đã mửa. Một khác, thật phấn khởi hào hứng biết bao khi thấy con cái thuộc linh của mình cứ tiếp tục tiến lên với Chúa, ơn càng thêm ơn. Một lần nữa, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác chăm sóc trong mọi nỗ lực truyền giảng Tin Lành của chúng ta.

II. GAIÚT NGƯỜI TIN KINH (CÂU 5-8)

Câu 5 Gaiút đặc biệt ưa thích mở cửa nhà mình đón tiếp những người

đi ra rao giảng Tin Lành. Ông rộng rãi đón tiếp không những người mình biết, mà cả khách lạ nữa.² Giảng nói Gaiút trung tín trong chức vụ này. Từ Tân Ước, dường như lòng hiếu khách rất quan trọng trước mặt Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta tiếp đãi dân sự Chúa, thì cũng giống y như chúng ta tiếp đãi chính Chúa vậy (Mathiơ 25:40). Mặt khác, không tiếp đãi những tội tớ Ngài thì bị xem như không tiếp đãi chính Ngài (Mathiơ 25:45). Qua việc tiếp đãi khách lạ, “có người đã tiếp đãi thiên sứ mà không biết” (Hêbơơ 13:2). Nhiều người có thể làm chứng rằng khi tiếp đãi khách, các bữa ăn đã biến thành các thánh lễ (Luca 24:29-35), con cái trở lại tiếp nhận Chúa, và gia đình được kéo đến gần Chúa hơn.

Câu 6 Còn có cả phần thưởng nữa. Lòng nhân từ của Gaiút được biết đến trước mặt cả hội thánh. Nhưng còn hơn thế nữa, tên ông được ghi khắc đời đời trong Lời Thánh của Đức Chúa Trời như một người có căn nhà rộng mở và tấm lòng rộng mở. Hơn thế nữa, Gaiút còn được ban thưởng tại Ngai Đoán Xét của Đấng Christ, vì “ai rước một đấng tiên tri vì là tiên tri, thì sẽ lãnh phần thưởng của đấng tiên tri” (Mathiơ 10:41). Người ấy sẽ chia phần thưởng với mọi người truyền đạo mình đã tiếp đãi. Đây là một ý hay đáng ghi nhớ cho mọi người nào không thể giảng: Anh em có thể nhận phần thưởng của người giảng đạo bằng cách tiếp đãi vị truyền đạo trong danh Chúa. Chúa sẽ đền đáp mọi việc lành! Đức nhân từ của Ngài sẽ đội mào triều thiên trên lòng nhân từ của con người.

Giờ đây Giăng nhắc Gaiút nhờ giúp đỡ sự đi đường cho các anh em một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời thì tốt lắm. Giúp đỡ sự đi đường không chỉ có nghĩa chào tạm biệt cách thân thiện, mà còn là chu cấp đầy đủ nữa. Chắc chắn câu này thiết lập tiêu chuẩn cao cho chúng ta khi chúng ta chia sẻ của cải vật chất với những người giảng dạy.

Câu 7 Nguyên nhân đặc biệt để Gaiút nên giúp những nhà truyền giảng lưu động này: **Những người này ngửa lưng một mình Chúa ban phát cho nhu cầu của họ mà thôi.** Họ không nhận sự chu cấp từ người chưa tin Chúa. Nhận như thế sẽ hàm ý rằng Chủ họ nghèo đến nỗi không chu cấp nổi cho họ. Nhận như vậy cũng có thể khiến người chưa được cứu dựa vào một cơ sở sai lầm là tự cho họ công bình. Đây quả là lời quở trách nặng nề biết bao cho những phương pháp quyền tiến trong Cơ đốc giáo giới ngày nay! Và điều này cũng đáng nhắc nhở chúng ta về bốn phạm đặc biệt của mình đối với tội tở Chúa là những người ra đi trong đức tin nơi Đức Chúa Trời hằng sống và những người không hề tỏ nhu cầu cho ai ngoại một mình Chúa.

Câu 8 Chúng ta cũng nên tiếp đãi những người thế ấy, hầu cho chúng ta với họ đồng làm việc cho lẽ thật. Tiếp đãi họ có nghĩa làm mọi việc có thể làm để giúp họ, vì khi tiếp đãi như vậy, chúng ta đã giúp phát triển lẽ thật.

III. ĐIÔTRÉP ĐỘC TÀI (CÂU 9-11)

Câu 9 Dường như Giăng đã viết điều này cho hội thánh, nhưng bức

thơ của ông đã bị chặn lại bởi người tên **Điôtrép**, người có cái nhìn cường điệu về tầm quan trọng của chính bản thân mình. Ông là người độc tài rõ ràng trong hội chúng. Tội của ông là kiêu ngạo về địa vị, một bản ngã khoa trương, và lòng ganh tỵ kinh khiếp về điều ông xem như những quyền lợi riêng của mình - mà rõ ràng ông đã bình vực nó như là quyền tự trị của hội thánh địa phương. Điôtrép quên rằng Đấng Christ là Đầu của hội thánh - nếu như ông có biết! Ông đã quên Đức Thánh Linh là Mục Sư hoặc Đại Diện của Đấng Christ trong hội thánh. Không một con người nào có quyền lãnh trách nhiệm, ra những quyết định, đón nhận hay khước từ. Lời điều khiển như thế là chế độ giáo hoàng, và Đức Chúa Trời ghét nó. Rõ ràng Điôtrép biện minh cho hành vi của mình dựa trên cơ sở ông đang bình vực lẽ thật. Nhưng đương nhiên, đó là lời dối trá! Ông đang ngấm ngấm làm hại lẽ thật bằng cách khước từ vị sứ đồ với cơ mình đang trung tín với Đức Chúa Trời. Và không những ông chỉ đối xử như thế với Giăng mà thôi, nhưng với cả những anh em khác nữa.

Câu 10 Không những ông không tiếp rước những tin hữu thật này, mà còn dứt phép thông công những người nào đã tiếp đón họ. Ông là một sinh vật mà cưỡng quyền lực, lấy lời luận điệu ác mà huyền thuyên nghịch cùng những tội tở thật của Chúa. Giăng sẽ nhớ đến Điôtrép trong chuyến thăm hội chúng ấy vào lần tới! Những vị giáo hoàng tự xưng như thế không thể nào chịu nổi cảnh bị lên án công khai từ Lời Chúa. Sự tiếp tục nắm quyền

lực của họ sẽ tùy thuộc nơi những cuộc họp bí mật và dưới triều đại cai trị của sự hãi và đe dọa.

Câu 11 Gaiút được khuyên tránh xa hành vi dữ như thế và phải bắt chước **điều lành**. Việc lành là bằng chứng về mối quan hệ với **Đức Chúa Trời**. Khi nói như vậy, vị sứ đồ dường như hết sức nghi ngờ tình trạng thuộc linh của Diôtrêp.

IV. ĐÊMÊTRIU MỘ ĐẠO (CÂU 12)

Có lẽ Đêmêtriu là người đem thư này. Dầu sao đi nữa, ông được mọi người **đều làm chứng tốt cho**, và **chính lẽ thật cũng chứng cho**. F. B. Hole nói:

Hãy lưu ý không phải ông làm chứng cho lẽ thật, nhưng lẽ thật làm chứng cho ông. Đêmêtriu không phải là tiêu chuẩn để người ta đem thư nghiệm chân lý. Chân lý là tiêu chuẩn để người ta đem thư ông; và sau khi đã thử như vậy, ông được phê chuẩn.⁴

V. KẾ HOẠCH VÀ LỜI CHÚC PHƯỚC CỦA VỊ SỨ ĐỒ (CÂU 13,14)

Giăng kết thúc y như cách ông kết thúc thư thứ nhì - hoãn cuộc thảo luận

cho đến khi gặp nhau **mặt đối mặt**. Chúng ta biết ơn ông về những bức thư này, vì đã cho chúng ta biết sinh hoạt trong những ngày đầu của Cơ Đốc giáo, và đưa ra lời giáo huấn bất hủ cho dân sự Chúa. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ trò chuyện **mặt đối mặt** trên Thiên Đàng, và bấy giờ chúng ta sẽ hiểu đầy đủ hơn những điều còn khó hiểu trong khả thị thiên thượng.

CHÚ THÍCH

¹(Câu 2) F. B. Meyer, *Through the Bible Day by Day*, VII:164, 165.

²(Câu 5) Bản văn phê bình (NU) ghi là "đặc biệt là các khách lạ." (chữ "đặc biệt" trong Hy văn là chữ *touto*, nguyên văn là "đây này" (this), nên câu này trở thành "các khách lạ này.")

³(Câu 8) Bản văn NU ghi là "chư cấp" (*hupolambanein*) chứ không phải "tiếp đãi" (*apolambanein*) của bản văn Truyền Thống và bản văn đại đa số.

⁴(Câu 12) F. B. Hole.

SÁCH THAM KHẢO

Xem Sách Tham Khảo ở cuối phần giải nghĩa thư I.Giăng.

THƠ CỦA GIUDE

Giới Thiệu

"*Một Thư Tín chỉ vài dòng nhưng đầy đầy những lời quyền năng của ân điển Thiên đàng.*"
- Origen

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Giống như Luca mở đầu lịch sử Cơ Đốc giáo bằng sách Công vụ Các Sứ đồ, thì Giude cũng được chọn để viết sách gần nhất với sách cuối của Tân Ước và có thể gọi tên sách này thật thích hợp là "Công vụ các phân đồ" (hay "Công vụ của những người bội đạo") thế ấy. Chắc Giude thích viết về Đạo Đấng Christ mà ông có chung với các độc giả hơn, nhưng những sự dạy dỗ giả dối đã thịnh hành đến nỗi ông buộc lòng phải viết lời khấn khoản yêu cầu "sốt sáng vì đạo mà tranh chiến, là đạo đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi."

Giude không nói lấp lửng Ông đốc hết nỗ lực - thật sự như vậy - để lột mặt nạ những tay tà giáo khét tiếng này, đưa ra những minh họa từ cõi thềm nhiên, từ Cựu Ước, từ lời truyền khẩu của Do Thái (Hê-nôc) để chuyên giục người trung tín.

Dấu lời nói của thơ nghe thật chói lọi, nhưng thơ này là kiệt tác về sự gây dựng, đầy đầy những bộ ba (chẳng hạn như ba điều ác trong câu 11). Những lời mô tả kẻ bội đạo thật sinh động và khó quên.

Hội thánh đời đời biết ơn Giude về lời chúc phước tuyệt vời được ông dùng kết thúc thơ này. Bức thơ của ông có thể ngắn ngủi, nhưng hết sức cần thiết giữa thời kỳ bội đạo ngày càng leo thang nhanh chóng này.

II. Quyển Tác Giả

Ngoại Chứng

Dù thơ rất ngắn, cách sử dụng các tư liệu ngoài kinh điển, và sự kiện thơ này không do một sứ đồ viết ra (Câu 17), nhưng xét về mặt ngoại chứng, thơ Giude được xác nhận rõ hơn thơ 11Phiêrô.

Hermas, Polycarp và có lẽ Athenagoras dùng tư liệu vay mượn từ thơ tín này. Tertullian trưng dẫn cụ thể đến phần Giude nói về Hê-nôc. Eusebius xếp thơ Giude vào các sách bị tranh cãi (antilegomena). Kinh Điển Muratorian xếp Giude vào hàng kinh điển đích thực.

Nội Chứng

Giude (cùng một tên như Giuda và xứ Giuda, chữ Hê-bra-ai là Yehudah) là một tên Do Thái rất phổ thông. Trong số bảy người tên Giude hay Giuda trong Tân Ước, có ba người được gọi ý như là "Giude... em Giacô" người đã viết thơ tín này.

1. Sứ đồ Giude (không phải Ích-ca-ri-ốt, là người đã tự tử). Vì câu 17 dường như phân biệt tác giả khỏi số các sứ đồ, và vì nếu ông có thể tuyên bố tư cách sứ đồ của mình thì sẽ cũng có địa vị của ông, nên không chắc vị sứ đồ này là tác giả.

2. Giude, một lãnh đạo được sai đến Antiốt cùng với Phaolô, Banaba và Sila (Công vụ 15:22). Đây có thể là một khả năng, nhưng không có bằng

chứng nào liên kết nhân vật này với thơ Giude.

3. Giude, em cùng mẹ khác cha của Chúa chúng ta và là em của Giacô (xem Phần Giới Thiệu sách Giacô). Đây là ứng cử viên mạnh mẽ nhất, cùng chia sẻ với Chúa Giêsu và Giacô trong cách sử dụng các minh họa từ cõi thiên nhiên và bút pháp đánh thép đầy màu sắc. Chúng ta chấp nhận quan điểm này.

Giống như Giacô anh mình, Giude rất khiêm tốn đến độ không sử dụng mối quan hệ ruột thịt của mình với Chúa. Suy cho cùng, chính mối quan hệ thuộc linh với Chúa Giêsu mới đáng kể. Chẳng phải Chúa Giêsu đã từng nói: "Vi hề ai làm theo ý muốn Cha ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em ta, cùng là mẹ ta vậy" (Mathiơ 13:50) hay sao? Một lần khác, Ngài dạy rằng nghe và làm theo Lời Đức Chúa Trời thì còn có phúc hơn làm những bà con ruột thịt của Ngài (Luca 11:27,28). Giống như Giacô, Giude nhận lấy địa vị của "tôi tớ." Vì cả hai anh em đều không tin nơi người anh cùng cha khác mẹ thiên thượng của mình mãi đến sau khi Chúa phục sinh, nên đây là một tình thân thật thích hợp để bày tỏ ra. Giude lập gia đình và đưa vợ cùng đi với mình trong những chuyến truyền giảng lưu động (I.Côrinthô 9:5). Những cháu nội của Giude bị điệu đến trước mặt hoàng đế Domitian trong thập niên 90 vì bị kết tội là làm Cơ Đốc nhân. Nhìn thấy đôi bàn tay chai sạn vì những năm làm nông, hoàng đế đã phúng thích họ như những người Do Thái vô hại.

III. Thời Điểm Viết

Người ta tranh luận xem liệu Phierơ sử dụng Giude, hay Giude phỏng tác IPhierơ [hoặc cả hai sử dụng một nguồn chung nào đó]. Điểm tương tự giữa hai thơ tín này quá nhiều đến độ không thể xem là trùng hợp ngẫu nhiên. Vì Phierơ viết trong Thơ Thứ Nhì của ông (2:1 và 3:3) rằng "sẽ có" các giáo sư giả và những kẻ hay gièm chê, còn Giude nói những người như thế "đã lên vào" (câu 4), nên chắc Giude là người viết sau. Có thể thời điểm viết giữa khoảng năm 67 và 80. Vì Giude không nhắc đến sự hủy phá Giêrusalem (năm 70 S.C.), nên có thể điều này gợi ý biến cố kia chưa xảy ra, như vậy có thể thời điểm viết vào khoảng 67-70. Cũng có thể biến cố ấy đã xảy ra trước đó rồi (nếu Giude được viết vào năm 80 S.C., hoặc thậm chí năm 85 - giả sử Giude còn sống lâu đến như vậy). Một khả năng khác nữa là biến cố này quá đau thương đối với một Cơ Đốc nhân Do Thái nhạy cảm đến độ không thể dùng làm minh họa được.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Giude lo lắng về tình trạng bội đạo. Ngay cả trong thời ông, hội thánh cũng đã bị thâm nhập bởi những kẻ nối giáo cho giặc trong tôn giáo, là những người phò mình như tôi tớ Chúa nhưng thực sự là kẻ thù của thập tự giá Đấng Christ. Mục đích của Giude là vạch trần những kẻ phản trắc này và mô tả số phận cuối cùng của họ.

Người bội đạo là người xưng mình là tin hữu thật nhưng thực sự chưa hề

được tái sanh. Có thể họ đã chịu báp-têm và dự phần đầy đủ những đặc ân của hội thông công Cơ Đốc tại địa phương. Nhưng ít lâu sau, họ cố ý khước từ đạo Đấng Christ và dùng lời độc ác lên án Cứu Chúa. Họ phủ nhận thần thánh của Đấng Christ, công tác cứu chuộc của Ngài tại Gô-gô-tha, sự sống lại trong thân thể của Ngài, và nhiều giáo lý nền tảng khác nữa. Đây không hề là vấn đề sa ngã; người bội đạo chưa hề hoán cải chi cả. Họ chẳng hề băn khoăn ray rứt về việc cố tình cự tuyệt con đường cứu rỗi duy nhất của Đức Chúa Trời. Họ cứng lòng trong vô tín và ngoan cố chống đối Đấng Christ của Đức Chúa Trời.

Bội đạo không chỉ là vấn đề chối Cứu Chúa. Phierơ đã chối Cứu Chúa. Phierơ là tín hữu thật và đã gục ngã trước những áp lực của khủng hoảng. Nhưng ông thực sự yêu mến Chúa và thể hiện thực tại đức tin của mình qua sự ăn năn và khôi phục tiếp sau đó.

Giuda Ích-car-lốt là người bội đạo. Ông tự xưng là môn đồ; ông cùng đi với Chúa trong khoảng ba năm. Thậm chí ông còn là thủ quỹ của toàn người này, nhưng cuối cùng ông lộ ra con người thật của mình bởi việc phản bội Chúa để lấy ba mươi miếng bạc.

Bội đạo là tội đến nỗi chết, là tội nằm ngoài trách nhiệm cấu nguyện của tín hữu (I.Giăng 5:16b). Không thể khiến một người bội đạo trở lại ăn năn được nữa, vì người ấy đã đóng đinh Con Đức Chúa Trời cho chính mình, và làm Ngài sỉ nhục tởm tượng (Hê-bơ-rơ 6:6). Đối với những người đã phạm tội cố ý như vậy sau khi đã

nhận được hiểu biết về chân lý, "Thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa bừng sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi" (Hê-bơ-rơ 10:26, 27).

Hạt giống bội đạo đã được gieo trong hội thánh đầu tiên rồi. Pha-ô-tô cảnh cáo các trưởng lão Ê-phê-sô rằng sau khi ông ra đi, móng sỏi dữ tợn sẽ xẹt vào, chẳng tiếc bầy, và những người đó sẽ đẩy lên từ giữa họ, nói những điều tàn hại, lời kéo nhiều món đồ đi theo họ (Công-vụ 20:29, 30). Trong thư thứ nhất, Giăng nói về những kẻ nghịch cùng Đấng Christ vốn ở trong hiệp hội Cơ Đốc nhân nhưng đã thể hiện tình trạng không thật của họ bằng cách rời khỏi hiệp hội ấy, tức là bằng cách bỏ đức tin (I.Giăng 2:18, 19).

Trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:2-4, chúng ta biết sẽ có cơn bội đạo lớn trước Ngày Của Chúa. Theo cách chúng ta hiểu, thứ tự này sẽ như sau:

Trước hết, Chúa sẽ đến tại chốn không trung để đón rước hội thánh về nhà Cha (Giăng 14:1-3; I.Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).

Sau đó sẽ đến sự bỏ đạo toàn diện của Cơ Đốc nhân hữu danh vô thực, là những người bị để lại.

Rồi con người tội lỗi sẽ xuất hiện công khai trên diễn trường thế giới.

Kế đến Ngày Của Chúa sẽ bắt đầu - là Thời Kỳ Bảy Năm Đại Nạn.

Con người tội lỗi sẽ là kẻ đại bội đạo - không những chống đối Đấng Christ, mà còn bắt buộc người ta phải thờ phượng hắn như Đức Chúa Trời.

Phierơ nêu chân dung chi tiết của những giáo sư giả bội đạo sẽ xuất hiện trong ngày sau rốt (II.Phierơ 2). Trên một số phương diện, lời mô tả của ông tương đồng sát sao với lời mô tả của Giude. Có thể thấy sự giống nhau này khi đối chiếu những câu sau:

Giude	II.Phierơ
<i>Câu 4</i>	<i>2:1-3</i>
<i>Câu 7</i>	<i>2:6</i>
<i>Câu 8</i>	<i>2:10</i>
<i>Câu 9</i>	<i>2:11</i>
<i>Câu 10</i>	<i>2:12</i>
<i>Câu 16</i>	<i>2:18</i>

Nhưng thực ra, những khác biệt giữa hai sách này còn quan trọng và ý nghĩa hơn cả những điểm tương đồng. Giude không hề đề cập đến Nôê, cơn nước lụt hoặc Lót. Phierơ không hề nhắc đến những người Ysraên được cứu ra khỏi xứ Êđiptô, về Michen, Cain, Côrê hay lời tiên tri của Hênóc. Ông không nêu thông tin về các thiên

sứ đã phạm tội như Giude đã làm. Ông nói các giáo sư giả chối bỏ Chúa, là Đấng đã mua họ, còn Giude mô tả ú ớ mỉa mai bằng cách nói họ "đổi ơn Đức Chúa Trời chúng ta ra việc tà ác, chối Đấng Chủ tế và Chúa có một của chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ" (Giude 4).

Vì vậy, thay vì nghi về hai đoạn sách của một bản sao y hệt, chúng ta nên nhận thấy Thánh Linh đã chọn những tư liệu phù hợp với mục đích của Ngài trong mỗi trường hợp, và nhận thấy hai đoạn này không trùng lặp nhau nhiều như thoạt có vẻ nhìn thấy. Những người nghiên cứu bốn sách Tin Lành và đã đối chiếu thư Êphêso với thư Côlôse thì nhận thấy Thánh Linh Đức Chúa Trời không hề tự lập lại cách không cần thiết. Có nhiều ý nghĩa thuộc linh ẩn tàng sau những điểm tương đồng và khác biệt, giá như chúng ta có mắt để thấy chúng.

BỐ CỤC

I. LỜI CHÀO THĂM (Câu 1,2)

II. LỘT MẶT NẠ NHỮNG NGƯỜI BỘI ĐẠO (Câu 3-16)

III. VAI TRÒ CỦA TÍN HỮU GIỮA THỜI BỘI ĐẠO (Câu 17-23)

IV. LỜI CHỨC PHƯỚC TUYỆT VỜI TỐT LÀNH (Câu 24,25)

GIẢI NGHĨA

1. LỜI CHÀO THĂM (Câu 1, 2)

Câu 1 Đức Chúa Trời dùng một **Giude** công bình để lột mặt nạ những kẻ bội đạo, và một **Giude** khác nữa, tức là **Giude** Icheariốt, là tấm gương tối cao cho bọn họ. Tất cả những gì chúng ta biết chắc chắn về **Giude** thiện lành này ấy là ông là **lời lẽ của Đức Chúa Jêsus Christ và em Giacô**.

Khi gửi thư này, **Giude** nêu ba danh hiệu dùng cho mọi tín hữu. Họ đã được kêu gọi, được Đức Chúa Trời, là **Cha**, yêu thương (Bản Anh ngữ ghi là "thánh hóa"¹) và được Đức Chúa Jêsus Christ giữ gìn. Đức Chúa Trời đã gọi những người này ra khỏi thế gian bởi Tin Lành để thuộc về chính Ngài. Họ được Đức Chúa Trời biệt

niêng ra làm dân đặc biệt và thanh sạch của Ngài. Và họ được giữ gìn cách thật tuyệt vời khỏi nguy hiểm, tổn hại, ô uế và sự đoán phạt cho đến cuối cùng khi họ được đưa vào ngậm Vua trong vẻ đẹp diệu kỳ của Ngài.

Câu 2 Giude chúc độc giả được sự **thương xót, bình an và yêu mến**. Lời chúc này đặc biệt phù hợp cho những người đang bị tấn công bởi những người cố phá hoại đức tin của họ. Sự **thương xót** nói đến sự an ủi và chăm sóc đầy lòng **thương xót** của Đức Chúa Trời dành cho các thánh đồ của Ngài đang bị vây khốn trong lúc xung đột và căng thẳng. **Bình an** là sự thanh nhàn và tin quyết xuất phát từ lòng nương cậy nơi Lời Chúa và biết nhìn vượt trên hoàn cảnh để thấy Đấng cai trị trên mọi hoàn cảnh nhằm hoàn thành các mục đích của Ngài. **Yêu mến** là tình cảm vô giá từ nơi Chúa dành cho dân sự yêu dấu của Ngài - một tình yêu siêu nhiên đáng phải đem chia sẻ với người khác.

Ông **chúc** cho ba ơn phước này càng **lãng thêm lên**. Không phải chỉ đo lường bằng cách **cộng thêm**, nhưng bằng cách **nhân lên**!

II. LỘT MẶT NẠ NHỮNG NGƯỜI BỘI ĐẠO (CÂU 3-16)

Câu 3 Lúc đầu Giude định viết về sự **cứu rỗi** vinh quang vốn là tài sản chung của mọi tín hữu. Nhưng Thành Linh của Đức Chúa Trời tác động đến viên thư ký biết đầu phục này đến nỗi ông cảm nhận phải thay đổi phương hướng. Một bài giảng luận đơn giản về giáo lý không còn phù hợp nữa; phải là lời kêu gọi nóng cháy để làm

vững mạnh được **độc giả**. Phải thúc giục họ **sống tranh chiến** vì đạo. Đang có nhiều trận tấn công thẳng vào sự phò thác thiêng liêng của lễ thật Cơ Đốc, và đã có nhiều nỗ lực nhằm bảo môn các giáo lý nền tảng trọng đại. Dân sự Chúa phải đứng lên bình vực không chút thỏa hiệp sự soi dẫn, tình không sai lạc, thẩm quyền và tính đầy đủ của Lời Thánh của Đức Chúa Trời.

Thế nhưng khi chiến đấu bình vực đạo, tín hữu phải nói và hành động trong tư cách Cơ Đốc nhân. Đúng như Phaolô viết: "Tôi tớ của Chúa không nên ưa sự tranh cạnh; nhưng phải ở tử tế với mọi người, có tài dạy dỗ, nhịn nhục" (11.Timôthê 2:24). Tín hữu phải **tranh chiến** nhưng không tranh cạnh, phải làm chứng đồng thời không phá hỏng lời chứng của mình.

Điều mà chúng ta phải **tranh chiến sống sảng để bình vực** chính là **đạo đồ** truyền cho các thánh mọi lần đủ rồi. Lưu ý điều đó! Không phải "hồi xưa" nhưng "**một lần đủ rồi**." Bộ giáo lý đã đầy đủ và hoàn chỉnh. Kinh điển đã hoàn tất. Không cần thêm điều gì vào nữa. "Nếu là điều mới thì nó không thật, còn nếu thật thì nó không mới." Khi một giáo sư nào đó tuyên bố mình có sự khai thị vượt lên trên và bên ngoài những điều có trong Kinh Thánh, chúng ta phải bác bỏ điều đó ngay lập tức. Đạo đã được rao truyền, và chúng ta không cần cũng không lắng nghe thêm bất kỳ điều gì nữa. Đây là câu trả lời của chúng ta cho những lãnh đạo của các nhóm tà giáo cùng các sách vở của họ đang tuyên

bố đời thẩm quyền tương đương với Kinh Thánh.

Câu 4 Bản chất mới đe dọa được tiết lộ trong câu 4. Hiệp hội Cơ Đốc này đang bị các thành phần phá hoại xâm lăng. Có mấy kẻ kia đã lên vào. Đây là một bước vận động âm thầm để đánh cắp và lừa gạt.

Những gián điệp này đã bị đoán phạt từ lâu rồi. Câu này dường như nói rằng Đức Chúa Trời chọn những cá nhân đặc thù này để chịu đoán phạt. Nhưng ý nghĩa câu này không phải như vậy. Kinh Thánh không hề dạy rằng có người được chọn để bị đoán phạt. Khi con người được cứu, đó chính là nhờ ơn tối thượng của Đức Chúa Trời. Nhưng khi cuối cùng họ bị hư mất, đó chính là những tội lỗi và sự không vâng lời của riêng họ.

Cụm từ này dạy rằng sự đoán phạt những kẻ bội đạo đã được xác định trước từ lâu rồi. Nếu con người chọn lìa bỏ đạo Đấng Christ, thì sự đoán phạt họ cũng sẽ chính là sự đoán phạt những người Ysraên không tin trong đồng vắng, các thiên sứ phản nghịch, và dân Sôđôm. Họ không bị định trước cho phải sa ngã, nhưng một khi thực sự bội đạo bởi ý chọn lựa riêng của họ, thì họ đối diện với sự hình phạt đã định trước cho mọi kẻ bội đạo.

Hai đặc điểm nổi bật của những kẻ chẳng tin kinh này ấy là nếp ăn ở bại hoại của họ và giáo lý hư bại của họ. Trong hành vi, họ đối ơn Đức Chúa Trời ra việc tà ác. Họ xuyên tạc quyền tự do Cơ Đốc trở thành nếp sống buông tuồng, làm phá hoại

quyền tự do phục vụ trở thành tự do phạm tội. Trong giáo lý của họ, họ chối Đấng Chủ tế² và Chúa có mệnh của chúng ta, là Đức Chúa Jêsus Christ. Họ chối bỏ quyền cai trị tuyệt đối của Ngài, thần thánh của Ngài, sự chết thay của Ngài, sự sống lại của Ngài - trong thực tế, họ chối bỏ mọi giáo lý cơ bản về Thân Vị và công tác của Ngài. Tuy xưng mình là tự do khoáng đạt trong lãnh vực thuộc linh, họ lại chống đối một cách độc đoán và hung dữ với Tin Lành, với giá trị của huyết báu Đấng Christ, và chống đối sự kiện Ngài là con đường cứu rỗi duy nhất.

Những người này là ai? Người ta xem họ là những người phục vụ Tin Lành. Họ giữ địa vị lãnh đạo Cơ Đốc giáo giới. Một số là giám mục hoặc ủy viên hội đồng giáo hội hoặc các giáo sư chủng viện. Nhưng hết thảy họ có chung một điều như thế này - họ chống Đấng Christ của Kinh Thánh và tự phát mình ra một "Christ" của Phái Tự Do³ hoặc phái Tân Chánh Thống⁴, một Đấng Christ đã bị tước bỏ vinh hiển, oai nghiêm, quyền thống trị và thẩm quyền.

Câu 5 Chẳng còn phải thắc mắc gì về thái độ của Chúa đối với những người bội đạo này. Ngài đã bày tỏ thái độ ấy trong Cựu Ước không phải chỉ một lần. Giờ đây Giude muốn nhắc độc giả nhớ ba tấm gương như thế - những người Ysraên không tin, các thiên sứ đã phạm tội, và dân thành Sôđôm và Gômôrơ.

Vì dụ thứ nhất là người Ysraên trong đồng vắng: xưa kia Chúa giải

đưa dân mình ra khỏi xứ Êđiptô, sau lại tiêu diệt những kẻ không tin (xem Dân số Ký 13,14; I.Côrinhtô 10:5-10). Đức Chúa Trời đã hứa ban xứ Canaan cho dân sự. Trong lời hứa đó có toàn bộ sự ban năng lực mà họ cần. Nhưng họ lại chấp nhận lời tường trình gian ác của các thám tử tại Canaan rồi nổi loạn chống Chúa. Kết quả là mọi người nào từ hai mươi tuổi trở lên khi ra khỏi Êđiptô đều bị chết trong đồng vắng, ngoài trừ Calép và Giôsuê (xem Hêbrơ 3:16-19).

Câu 6 Ví dụ thứ nhì về sự phản loạn và bội đạo chính là các thiên sứ đã phạm tội. Toàn bộ những điều chúng ta biết chắc chắn về họ ấy là họ đã không giữ thứ bậc đã giao cho họ, họ đã bỏ chỗ riêng mình, và giờ đây họ bị giam bằng dây xích trong nơi tối tăm đời đời, cầm giữ lại để chờ sự phán xét ngày lớn.

Từ Kinh Thánh, dường như có ít nhất hai cuộc bội đạo của thiên sứ. Một là lúc Lucifer rơi xuống và chắc bao gồm cả đạo bành các thiên sứ khác trong cuộc phản loạn của hắn. Những thiên sứ sa ngã này hiện nay vẫn không bị xiềng. Ma quỷ và các quỷ sứ hắn đang tích cực gây chiến với Chúa và dân sự Chúa.

Cuộc bội đạo khác của các thiên sứ là cuộc bội đạo được nói đến trong Giude và cũng trong Phiêrô (II.Phiêrô 2:4). Giữa vòng những người nghịch cứu Kinh Thánh có sự bất đồng ý kiến đáng kể về sự kiện được nói đến ở đây. Điều chúng ta gợi ý là quan điểm riêng, chứ không phải lời khẳng định sự thực một cách vô đoán.

Chúng ta tin rằng Giude đang nói đến câu chuyện được ghi lại trong Sáng Thế Ký 6:1-7. Con trai Đức Chúa Trời đã bỏ đẳng cấp của họ là thiên sứ, xuống trần gian trong hình thể loài người và cưới con gái của loài người. Cuộc liên hiệp trong hôn nhân này trái với mạng lệnh của Đức Chúa Trời và là gớm ghê đối với Ngài. Có thể trong câu 4 gợi ý những hôn nhân trái lẽ tự nhiên này sinh ra dòng dõi hết sức mạnh mẽ và gian ác. Đầu điều này có đúng hay không đi nữa, ta vẫn thấy rõ rằng Đức Chúa Trời cực kỳ buồn lòng trước sự gian ác của con người tại lúc đó và quyết định diệt đất bằng cơn nước lụt.

Có ba ý kiến phản đối quan điểm này: (1) Phân đoạn trong Sáng Thế Ký không đề cập các thiên sứ, nhưng chỉ về "con trai Đức Chúa Trời." (2) Các thiên sứ không có giới tính. (3) Các thiên sứ không cưới gả.

Đúng là không nói cụ thể đến thiên sứ, nhưng đúng là từ ngữ "các con trai Đức Chúa Trời" cũng nói đến các thiên sứ trong ngôn ngữ Semitic (xem Gióp 1:6; 2:1).

Không có câu tuyên bố nào của Kinh Thánh cho rằng các thiên sứ là phi giới tính. Đôi khi các thiên sứ hiện ra trên đất trong hình trạng loài người, có những bộ phận của con người và sự ngon miệng của con người (Sáng Thế Ký 18:2,22; đối chiếu 19:1,3-5).

Kinh Thánh không nói các thiên sứ không cưới gả nhưng chỉ nói rằng trên Thiên đàng người sẽ không cưới vợ, cũng không lấy chồng (Mathiô 22:30).

Cho dù là biến cố lịch sử nào ẩn đằng sau câu ó di nữa, đại ý quan trọng vẫn là: các thiên sử này đã bỏ địa phận do Đức Chúa Trời đã chọn cho họ, và giờ đây họ đang ở trong đây xịch và trong nơi tối tăm cho đến khi nhận lấy bản án cuối cùng là bị hình phạt vĩnh viễn.

Câu 7 Sự bội đạo thứ ba trong Cựu Ước được Giude đề cập đến chính là sự bội đạo của Sôđôm và Gômôr cùng các thành lân cận (Sáng Thế Ký 18:16-19:29). Từ ngữ giới thiệu "lại như" cho thấy tội của dân thành Sôđôm có chung những đặc trưng với tội của các thiên sử kia. Đây là sự gian dâm ghê gớm, hoàn toàn trái lẽ tự nhiên và gớm ghiếc trước mặt Chúa.

Tội trụy lạc cụ thể này được Phaolô thảo luận trong Rôma: những người đàn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. Những người đàn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đàn bà mà un đốt únh dục người nầy với kẻ kia, đàn ông cùng đàn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều làm lỗi của mình" (Rôma 1:26b, 7). Dân của Sôđôm, Gômôr, Átma và Sêhôm đã nghiệm nạng đồng tính luyến ái. Ở đây, tội này được mô tả là "buông lêu... sắc lạ (Bản Anh ngữ là "xác thịt lạ")." có nghĩa điều này hoàn toàn trái ngược với trật tự tự nhiên mà Đức Chúa Trời đã thiết lập.

Có phải là hoàn toàn trùng hợp khi nhào người bội đạo thời hiện đại ở trong đoạn tiên phong của những người công khai bình vực đồng tính

luyến ái và mở chiến dịch cho đồng tính luyến ái được hợp pháp hóa miễn là thực hiện giữa những người lớn thuận ý với nhau?

Đối với mọi kẻ phồng đảng trụy lạc như thế, thành Sôđôm và Gômôr được nêu ra làm tấm gương về sự chịu hình phạt bằng lửa đời đời. Cụm từ sau cùng "lửa đời đời" không thể có nghĩa lửa thiêu đốt các thành gian ác này là lửa đời đời, nhưng đúng hơn qua sức mạnh thiêu đốt toàn diện và bao la của nó, nó mô tả sự hình phạt đời đời đã giáng trên mọi kẻ chống nghịch.

Câu 8 Giude quay lại để tái những kẻ bội đạo thời nay, và bắt đầu mô tả về những tội của họ, bản án cho họ, phần đối ứng của họ trong thiên nhiên, số phận của họ, những lời nói và việc làm không tin kính của họ (Câu 8-16).

Trước hết là vấn đề tội lỗi của họ. Trong khi mơ, họ làm ô uế xác thịt mình. Đời sống tư tưởng của họ bị ô uế. Sống trong một thế giới của những điều hoang tưởng ô uế, cuối cùng họ được ứng nghiệm giấc mơ của mình trong sự gian dâm, cũng giống như dân thành Sôđôm.

Họ khinh để quyền phép (thẩm quyền). Họ là người chống nghịch Đức Chúa Trời và các định chế quản trị. Những người để xướng tình trạng vô luật pháp và vô chính phủ nường cây nơi họ. Tên của họ có trong sổ thành viên của các tổ chức hét lòng tận tụy lật đổ chính quyền.

Họ nói hũn các đấng thiên sử tôn trọng. Câu "chẳng có quyền nào mà

không đến bởi Đức Chúa Trời, các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chi định" (Rôma 13:1b) không có ý nghĩa gì với họ cả. Họ nhạo báng mạng lệnh của Đức Chúa Trời: "Người... đứng rìa sả vua chúa của dân sự người" (Xuất Êđiptô Ký 22:28). Họ nói cách khinh để và miệt thị cấp thẩm quyền, bất kể đó là cấp thẩm quyền của Chúa, của thiên sứ hay của loài người.

Câu 9 Trong vấn đề này, họ giành lấy những quyền tự do mà ngay cả thiên sứ trưởng Michen cũng sẽ khước từ. Khi Michen tranh luận với ma quỷ để giành xác Môise, Michen cũng không dám nhיע móc mà đoán phạt ma quỷ, nhưng chỉ nói rằng: "Chúa phạt người!" Ở đây, Giude chia sẻ cho chúng ta trường hợp không tìm thấy nơi đâu trong Kinh Thánh cả. Lê tự nhiên sẽ phải thắc mắc: "Ông lấy thông tin này từ đâu?"

Có người nói thông tin này được truyền khẩu. Có lẽ đúng mà cũng có lẽ không.

Cách giải thích thỏa đáng nhất ấy là: thông tin này được khai thị cách siêu nhiên cho Giude bởi chính Đức Thánh Linh là Đấng đã cảm động ông viết thư tín này.

Chúng ta không biết rõ rằng đích xác vì sao có cuộc tranh luận giữa Michen và Satan về việc giành xác Môise. Chúng ta thực sự có biết Môise được Đức Chúa Trời chọn trong rừng Môáp. Không phải là không có khả năng Satan muốn biết địa điểm đó để có thể khiến người ta lập một cái đền tại đó. Bấy giờ Ysraen sẽ chuyển sang thờ lạy hình

tượng là hài cốt của Môise. Là vị thiên sứ đại diện cho dân Ysraen (Đaniên 10:21), Michen sẽ cố bảo vệ dân sự khỏi hình thức thờ lạy hình tượng ấy bằng cách giữ bí mật địa điểm đã chôn Môise.

Nhưng ý quan trọng là thế này. Dẫu Michen là thiên sứ trưởng, là Đấng Đức Chúa Trời sẽ dùng để quang Satan xuống khỏi Thiên đàng (Khải Huyền 12:7- 9), Michen vẫn không dám lấy lời nhיע móc nhân vật đang cai trị thế giới ma quỷ. Michen đã nhường mọi việc quở trách như thế cho Chúa.

Câu 10 Cứng đầu và trâng tráo, những người hội đạo đã ăn nói cách khinh để trong những lãnh vực họ không biết. Họ không nhận thấy bất kỳ xã hội có trật tự nào cũng phải có thẩm quyền và phải có sự vâng phục thẩm quyền đó. Và thế là họ ào lên vênh vào và ngạo mạn chống nghịch.

Lãnh vực họ hiểu biết nhất chính là lãnh vực của những bản năng tự nhiên, sự làm thỏa những thèm khát nhục dục. Với sự vô tâm của loài thú vô tri, họ huông mình thỏa mãn nhục dục, và trong quá trình đó, họ làm hư mình, và tự hủy diệt mình.

Câu 11 Bản phán quyết nhưc nổi đã công bố trên họ. Khốn nạn thay cho chúng nó! Bởi lòng ngoan cố và không chịu ăn năn, họ tự chất chứa cho mình sự giận về ngày thanh nộ khi sẽ hiện ra sự đoán xét công bình của Đức Chúa Trời (Rôma 2:5).

Những việc làm của họ được mô tả như cú ngã thẳng đường rơi ngày càng nhanh. Trước hết, họ đã đi theo

đường của Cain. Họ đã "lấy lòng tham lợi mà gieo mình vào sai lạc". Cuối cùng, họ hư mất trong sự phản nghịch của Cô-rê. Sự sai lầm và bội đạo không hề đứng yên bất động. Nó dẫn người ta chạy tán loạn đến vách núi thẳng đứng, rồi cho rơi thẳng xuống đó để bị hủy diệt.

Đường của Cain về cơ bản chính là khước từ ơn cứu rỗi bởi huyết của một nam nhân chịu hy sinh thay (Sáng Thế Ký 4). Đây chính là toan tính dùng những nỗ lực của con người để xoa dịu Đức Chúa Trời. C. H. Mackintosh nói: "Giải pháp thanh tẩy của Đức Chúa Trời đã bị khước từ, rồi đem nỗ lực nhằm cải thiện của con người thay thế vào đó. Đây chính là 'đường của Cain.'" Nhưng đường nhiên, cậy nỗ lực con người thì dẫn đến thù ghét ân điển và thù ghét những đối tượng của ân điển. Và lòng thù ghét đó cuối cùng dẫn đến bất bớ và thậm chí giết người (1.Giăng 3:15).

Sự sai lạc của Balaam chính là lòng khao khát cho bản thân giàu có bằng cách kinh doanh từ công việc phục vụ Chúa. Balaam xưng mình là tiên tri của Đức Chúa Trời, và sẵn sàng bán rẻ ân tứ tiên tri của mình để kiếm tiền (Dân số Ký 22-24). Balaac năm lần trả tiền cho Balaam nữa sả Ysraên, và ông hết sức sẵn lòng thực hiện, nhưng đã bị Đức Chúa Trời dùng áp lực kiểm chế. Rất nhiều điều ông nói ra là đúng và đẹp đẽ, nhưng trong suốt chuyện đó, ông là một tiên tri đánh thuê. Ông không thể lừa sả dân Ysraên, nhưng cuối cùng đã thành công trong việc dụ họ phạm tội với con gái Môáp (Dân số Ký 25:1-5).

Giống như Balaam, các giáo sư giả thời nay hết sức ngọt ngào và đầy thuyết phục. Họ có thể ứng khẩu nói thao thao ngay lập tức. Họ bắt hiếp lẽ thật để tăng thu nhập của mình. Ý chính ấy là họ tham lam, tìm cách biến nhà Đức Chúa Trời thành nhà buôn bán.

Cơ Đốc giáo giới ngày nay đã đầy men bởi tội buôn thần bán thánh. Nếu bằng cách nào đó có thể loại bỏ động cơ lợi dụng, thì phần lớn những điều đang được thông qua như công tác Cơ Đốc sẽ đứng bất thình lình lại. C. A. Coates cảnh cáo:

Con người dờ tiện đến nỗi kiếm lợi cho mình từ công việc của Chúa. Định cao nhất trong sự dờ tiện của người ấy là con người sẽ kiếm lợi cho chính mình từ công việc Chúa. Chúa có sự đoán phạt rõ ràng cho điều đó cả rồi. Chúng ta có thể thấy Cơ Đốc giáo giới đầy đầy điều đó biết dường nào, và chúng ta phải canh chừng điều đó trong chính mình để đừng cho nó bước vào.⁵

Nguyên nhân thứ ba khiến Giude công bố câu "khốn nạn thay cho chúng nó" chính là những giáo sư giả này đã hư mất trong sự phản nghịch của Cô-rê. Cùng với Dathan và Abiram, Cô-rê đã nổi loạn chống quyền lãnh đạo của Môise và Arôn, khao khát xâm nhập thánh chức tế lễ (Dân số Ký 16). Khi làm việc đó, họ thực sự đang cự tuyệt Chúa. Vì cứ bất phục tùng, họ bị nuốt sống trong cơn động đất. Như vậy, Đức Chúa Trời tỏ ra buồn cực độ trước sự phản nghịch với những người Ngài đã lập tên làm đại diện cho Ngài.

Câu 12 Tiếp theo, Giude chọn năm điều ví von từ thế giới tự nhiên để mô tả tính cách và số phận của người bội đạo. Moffatt nói rằng: "Bầu trời, đất và biển đã được rả soát kỹ để tìm những minh họa cho tính cách của những con người này."

"Những kẻ đó là **dấu vết trong đám tiệc anh em**⁶ (Bản Anh ngữ là "những bữa tiệc yêu thương") được những Cơ Đốc nhân đầu tiên tổ chức kèm theo với Tiệc Thánh. Họ không sợ Đức Chúa Trời, cũng không sợ con người, chăm nuôi mình hơn là chăm nuôi bầy. Họ dụ dỗ người khác để phá hoại đạo và đức tin.

Họ như **đám mây không nước**, có vẻ như hứa hẹn sự tươi mát tinh tảo cho vùng đồng quê khát khô cháy, nhưng rồi bị gió đưa đi đây đi đó [chú thích ngoài lề của NKJV]⁷, chỉ để lại thất vọng và vô vọng.

Họ như **cây lùn mùa thu**, trụi hết lá và trái. Hai lần chết có thể là hình thức nhấn mạnh muốn nói đến chết hoàn toàn - hoặc có thể là đã chết cả rễ lẫn nhánh. Họ cũng bị **lắc lên bực rầy**, dường như bị nhổ khỏi đất bởi cơn gió mạnh, chẳng còn để lại chút mầm nào như một nguồn sống và phát triển khả dĩ mai sau.

Câu 13 Họ như **sống cuồng dưới biển**, bất trị, hung hăng, dữ dội. Hết thấy tiếng ồn ào và xô động của họ chẳng tỏ được gì hơn là đám học ô uế của họ. Họ khoe khoang nơi những điều đáng ra phải xấu hổ và chẳng để lại được điều gì cơ bản và có giá trị cả.

Cuối cùng, họ giống như **sao đi lạc**, sự tối tăm mù mịt đã dành cho

chúng nó đời đời. Sao đi lạc là các thiên thể không đi theo quỹ đạo thông thường. Chúng chẳng còn giá trị làm những công cụ định hướng nữa. Lời mô tả này phù hợp cho các giáo sư giả biết đường nào! Không thể nhận phước hưởng thuộc linh từ những sao băng, những vì sao rơi và những ngôi sao chổi trong tôn giáo này, là những người lóe sáng trong một chốc, rồi mờ vào bóng tối giống như những đám pháo bông.

Câu 14 Số phận của những kẻ bội đạo đã được **Hênóc báo trước** trong thế hệ thứ bảy kể từ Adam. Đây là lời tiên tri chỉ tìm thấy trong thư tin Giude. Có người nghi câu này được trích từ sách nguy kinh Hênóc, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy sách đang ngờ kia đã có trong thời Giude. Kelly nói:

Sách đó [Sách Hênóc] có đủ mọi dấu hiệu là được biết đến sau khi thành Giêrusalem bị phá hủy [và do đó có sau khi thư Giude được viết ra], bởi một người Do Thái vẫn đang cố tự cố vũ mình bằng niềm hy vọng Đức Chúa Trời sẽ dùng bên cạnh người Do Thái.⁸

Tuy chúng ta không biết Giude làm sao biết lời tiên tri thời xưa này, nhưng lời giải thích đơn giản và khả thi ấy là Đức Thánh Linh tỏ những lời này cho ông y như cách Ngài đã dẫn dắt trong toàn bộ phần còn lại của thư Un vậy.

Câu 15 Lời tiên tri bắt đầu: "Này, **Chúa ngự đến**⁹ với muôn vạn thánh." Lời dự ngôn này sẽ được ứng nghiệm sơ bộ và một phần khi Chúa Jesus tái

lâm trần gian sau Con Đai Nạn để tiêu diệt kẻ thù và cai trị trong tư cách vua. Lời dự ngôn này sẽ ứng nghiệm hoàn toàn và chung cuộc vào cuối Thiên Hy Niên khi những kẻ chết trong sự gian ác bị đoán xét tại Ngai Trắng Và Lớn.

Đấng Christ đã đến **đặng phán xét mọi người**. Phần còn lại của câu này cho thấy "mọi người" ở đây nói đến **mọi người không tin kính**. Tin hữu thật sẽ không thuộc trong số này. Bởi đức tin nơi Đấng Christ, họ đã được miễn sự phán xét, như đã hứa trong Giăng 5:24: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai Ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống." Với tư cách Con Người là Đấng đã được giao phó mọi sự đoán xét, Chúa Jêsus sẽ **trách hết thảy những người không tin kính về mọi việc không tin kính họ đã phạm, cùng mọi lời sỉ nhục mà những kẻ có tội không tin kính đó đã nói nghịch cùng Ngài**. Trong câu này, chúng ta thấy từ ngữ "không tin kính" xuất hiện bốn lần. Những người này là **kẻ không tin kính**, việc làm của họ là **không tin kính**, phương cách họ làm những việc này là **không tin kính**, và họ còn tố thêm lòng **không tin kính** của mình bằng những lời nói nghịch cùng Chúa. Chúa sẽ trách họ về toàn bộ sự không tin kính, không phải chỉ theo nghĩa khiến họ cảm thấy có tội cách sâu xa, mà còn cáo trách bằng cách công bố bản án như kết quả từ sự phạm tội đã xác minh xong của họ.

Câu 16 Những lời nói và việc làm không tin kính của họ giờ đây được mô tả chi tiết hơn. Họ là **những người hay làm bảm**, phản nản những ơn thần tụy của Đức Chúa Trời thay vì biết ơn lòng thương xót của Ngài. Sự kiện Đức Chúa Trời ghêr thói cần nhân như thế được chứng minh đây đây qua việc Ngài hình phạt dân Ysraên trong đồng vắng.

Họ luôn luôn soi mói Chúa. Vì sao Ngài cho phép chiến tranh và sự chịu khổ? Tại sao Ngài không chấm dứt mọi bất công trong xã hội. Nếu Ngài toàn năng, sao Ngài không giải quyết điều gì đó cho cảnh hỗn loạn của thế giới này? Họ còn soi mói dân sự Chúa vì cơ đầu óc hẹp hòi trong tin điều và giữ thanh sạch nếp sống hành vi.

Họ sống trong tham dục, buông mình vào những sự ham muốn của xác thịt và lên tiếng lớn nhất để bình vực, tán thành nếp sống buông thả trong lãnh vực tinh dục.

Lời nói kiêu căng ngạo mạn của họ chứng tỏ thực sự muốn thu hút chú ý đến bản thân mình. Bởi sự tán thành đầy chủ nghĩa cực đoan trong chính trị, kinh tế và xã hội đến sống sót của họ, họ đã tạo ra những hàng tơ bao giạt gân. Và việc họ dạn dĩ khước từ không chút hổ thẹn những giáo lý Cơ Đốc cơ bản, chẳng hạn như tuyên bố Đức Chúa Trời đã chết rồi, đã khiến họ mang tai tiếng giữa vòng những nhà thần học tự do.

Cuối cùng, họ là bậc thầy trong nghệ thuật tịnh hời, nhờ đó tìm được môn đồ đi theo mình, và được trả lợi nhuận thoải mái nữa.

Bức chân dung này là thật và chính xác. Nó được khẳng định hầu như mỗi ngày bởi phương tiện truyền thông của thế gian.

III. VAI TRÒ CỦA TÍN HỮU GIỮA THỜI BỘI ĐẠO (CÂU 17- 23)

Câu 17 Giờ đây Giude bỏ những người bội đạo để quay sang vai trò của tín hữu giữa những kẻ chân thuê ấy. Trước hết, ông nhắc họ nhớ họ đã được cảnh cáo trước về hiểm họa sắp đến này. Sau đó ông khích lệ họ tự giữ cho tâm linh luôn vững mạnh. Cuối cùng, ông khuyên họ biết khôn ngoan khi chăm sóc cho những người đã trở thành nạn nhân của người bội đạo.

Các sứ đồ đã nói trước về sự dấy lên các giáo sư giả. Có thể thấy điều này qua chức vụ của Phaolô (Công vụ 20:29,30; I.Timôthê 4:1-5; II.Timôthê 3:1-9); qua Phileơ (II.Phileơ 2:1-22; 3:1-4); và Giăng (I.Giăng 2:18,19).

Câu 18,19 Ý chính trong sử điệp của họ ấy là: **Trong các thời kỳ sau rồi, sẽ xuất hiện những người hay nhạo báng và làm theo lòng ham muốn không tin kính của họ.**

Giờ đây, Giude giải thích thêm lời chứng này rằng những người hay nhạo báng kia cũng có ba đặc điểm nổi bật. Họ thuộc về tánh xác thịt, có nghĩa họ suy nghĩ và hành động như những con người thiên nhiên. Họ gây nên phe đảng, lôi kéo môn đồ đi theo họ và có lẽ chia người ta thành nhiều tầng lớp khác nhau tùy theo mức tiến bộ trong sự bội đạo. Họ không có Đức Thánh Linh. Họ chưa hề được tái sinh và bởi đó hoàn toàn không có khả năng hiểu những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

Câu 20 đương nhiên, nguồn cung ứng của tín hữu ấy là cứ ở gần Chúa và sống tương giao liên tục với Ngài. Nhưng thực hiện việc ấy bằng cách nào? Giude nêu bốn bước.

Thứ nhất là **tự lập lấy trên nền đức tin rất thánh của mình**, tức là đức tin nơi Đấng Christ. Chúng ta tự lập trên đức tin ấy bằng cách nghiên cứu và vâng theo Kinh Thánh. Làm quen không ngừng với Lời Chúa sẽ hướng dẫn chúng ta tích cực trong đường lối công bình, và cảnh cáo chúng ta trước những hiểm họa trên lối đi. H. Pickering nói: "Có thể con người che bìa giáo lý, nhưng chính tín điều tạo ra linh cách, chứ không phải linh cách tạo ra tín điều."

Bước thứ nhì là **nhân Đức Thánh Linh mà cầu nguyện**. Điều này có nghĩa cầu nguyện theo sự dẫn dắt của Thánh Linh, và đúng theo ý muốn của Đức Chúa Trời như đã bày tỏ trong Kinh Thánh và được Thánh Linh bày tỏ riêng theo cách chủ quan cho tín hữu ấy. Điều này trái ngược với những lời cầu nguyện được lặp lại cách máy móc hay được tuôn ra mà tâm linh chẳng dự phần gì cả.

Câu 21 Sau đó, một lần nữa, tín hữu phải giữ mình trong sự yêu mến Đức Chúa Trời. Ở đây, "sự yêu mến Đức Chúa Trời" có thể vi với ánh nắng mặt trời. Mặt trời luôn luôn chiếu sáng. Nhưng khi có điều gì chen giữa chúng ta và mặt trời, chúng ta không còn ở trong ánh nắng mặt trời nữa. Đối với sự yêu mến Đức Chúa Trời (Bản Anh ngữ là "tình yêu thương của Đức Chúa Trời") cũng giống như vậy.

Tình yêu của Chúa luôn luôn chiếu ánh sáng trên chúng ta. Nhưng nếu tội lỗi chen giữa chúng ta và Chúa, thì trên thực tế chúng ta không còn hưởng linh yêu của Ngài nữa. Chúng ta có thể giữ mình trong linh yêu của Ngài trước hết bởi sống cuộc đời thánh khiết và tin kính. Và nếu tội lỗi có xen vào, chúng ta nên xưng ra và lia bỏ tội ấy lập tức. Bí quyết là đừng để điều gì xen giữa chúng ta với Đức Chúa Trời.

Không gì xen giữa linh hồn tôi và Chúa.

Không một cơn mộng ảo nào của trần gian này;

Không điều gì ngăn cản ơn nhỏ nhất của Chúa nữa.

Hãy giữ cho sạch đường, đừng để điều gì xen giữa.

- Charles A. Tindley

Cuối cùng, chúng ta nên sống sáng rỡng đời sự thương xót của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta cho được sự sống đời đời. Sự thương xót của Chúa chúng ta ở đây nói đến sự tái lâm sắp đến của Ngài để rước dân sự Chúa về quê hương trên Thiên đàng. Trong ngày tối tăm và bội đạo, chúng ta phải giữ cho ánh sáng sự trông cậy đầy hứa hẹn này bùng cháy trong lòng mình. Điều ấy sẽ tỏ ra là sự trông cậy đầy an ủi và làm thanh sạch (I.Têsalônica 4:18; I.Giăng 3:3).

Câu 22 Cần phải có sự khôn ngoan biện biệt thuộc linh khi đối đãi với những nạn nhân của sự bội đạo. Kinh Thánh phân biệt giữa cách chúng ta nên đối đãi với những người chủ động tuyên truyền tà giáo với những người đã bị họ lừa bịp. Trong trường hợp

những lãnh tụ và những người tuyên truyền của các tà giáo, phương sách này được nêu trong II.Giăng 10,11: "Nếu ai đến cùng các ngươi mà không đem đạo ấy theo, thì chớ rước họ vào nhà, và đừng chào hỏi họ. Vì người nào chào hỏi họ, tức là dự vào công việc ác của họ." Nhưng khi nói đến những người bị các giáo sư giả lừa dối, Giuđe khuyên phải có sự khôn ngoan biện biệt¹⁰ (bản Việt Ngữ không có chữ này) và nêu hai phương cách hành động riêng biệt nhau.

Có một số người chúng ta nên tỏ lòng thương xót đối với họ (bản Việt Ngữ ghi là "trách phạt"). Câu này có nghĩa chúng ta phải đầy lòng quan tâm thương xót họ và cố gắng hướng dẫn họ thoát khỏi những nghi ngờ và những sự tranh cãi để bước vào niềm tin quyết vững chắc nơi chân lý thiên thượng.

Câu 23 Rồi có những người đang ở bên mép vách thẳng đứng, sắp rơi vào những ngọn lửa bội đạo. Đối với những người này, chúng ta phải cứu vớt họ bởi lời cảnh cáo và dạy dỗ cách mạnh mẽ, kiên quyết, ghét cả đến cái áo bị xác nhĩi làm ô ố. Trong Cựu Ước, áo của người phung thì bị ô ố và phải đốt (Lêvi Ký 13:47-52). Ngày nay, khi tiếp xúc với những người bị sa vào các tội tình dục, chúng ta phải nhớ rằng những đồ vật bằng vải, chẳng hạn như áo quần, thường kêu gọi lòng tham muốn đam mê. Nếu nhìn thấy những vật này hoặc cảm nhận chúng, thì có sự liên tưởng trong đầu óc với những tội nhất định nào đó. Vì vậy khi tiếp xúc với những

người đã trở nên ô uế, chúng ta phải cẩn thận tránh bất kỳ điều gì có thể tố ra sự căm dỗ trong đời sống chúng ta. Một tác giả vô danh nói thế này:

Y phục của một người mang theo sự liên tưởng và sự lây nhiễm của tội lỗi, sự lây lan của điều ác. Bất kỳ điều gì dính liú với đời sống tội lỗi thì đều phải quăng xa và từ bỏ chúng nếu chúng ta muốn an toàn trước sự lây nhiễm và lây lan của chứng bệnh tiêu diệt linh hồn kia.

J. B. Meyer cảnh cáo: "Tuy bốn phần của Cơ Đốc nhân là phải thương xót và cầu thay cho tội nhân, nhưng người ấy phải có cái nhìn đầy ghê tởm đối với mọi điều nào mang dấu ấn của tội lỗi."¹⁴

IV. LỜI CHÚC PHƯỚC TỐT LÀNH (CÂU 24, 25)

Câu 24 Giude kết thúc với lời chúc phước tuyệt vời. Lời chúc phước này quy sự ca ngợi và thờ phượng về Đấng cố thể. Ngài có thể cứu (Hêbơrê 7:25), có thể làm cho vững chí (Rôma 16:25), có thể cứu giúp (Hêbơrê 2:18), có thể bắt phục (Philip 3:21) - và ở đây Ngài cố thể gìn giữ. Ngài có thể gìn giữ chúng ta trong sự bình an trọn vẹn (Êsai 26:3), Ngài có thể giữ những điều chúng ta đã phó thác cho Ngài đến tận Ngày Ấy (II Timôthê 1:12), Ngài có thể làm vượt quá mọi điều chúng ta cầu xin và suy tưởng (Êphêso 3:20), và Ngài cố thể gìn giữ anh em¹² khỏi vấp ngã. Lời hứa này đặc biệt đúng lúc trong thời kỳ bội đạo mà Giude đang nói đến.

Nhưng lời hứa không dừng tại đó. Ngài cố thể khiến chúng ta đứng trước

mặt vinh hiển Ngài cách rất vui mừng, không chỗ trách được. Thật kỳ diệu biết bao! Khi chúng ta nghĩ đến tình trạng ngày trước của mình - đã chết bởi sự quá phạm và tội lỗi của mình; khi nghĩ đến con người hiện tại của mình - những đầy tớ nghèo, yếu đuối hay thất bại; rồi nghĩ đến một ngày kia chúng ta sẽ đứng trong tình trạng tuyệt đối không chỗ trách được trong **Chinh Điện Cơ Ngôi Vua** của cả cõi vũ trụ, được rất vui mừng - đây là ân điển tuyệt vời biết dường nào!

Câu 25 Ngài không những là Đấng Cứu Cứn Và Đấng Làm Cho Trọn Lành - Ngài còn là Đức Chúa Trời và Cứu Chúa của chúng ta.¹³ Thật tuyệt vời vì Đức Chúa Trời quan tâm chúng ta đến nỗi Ngài cũng sẽ trở thành Cứu Chúa của chúng ta, theo ý nghĩa Ngài hoạch định kế hoạch để bởi đó chúng ta được cứu và Ngài đã ban Con vô tội của Ngài trong tư cách Chiên Con làm của lễ hy sinh. Duy một mình Đức Chúa Trời là Đấng khôn ngoan (bản Việt Ngữ không có câu này) - mọi sự khôn ngoan đều đến từ Đức Chúa Trời (đối chiếu Giacô 1:5). Sự khôn ngoan của chúng ta chỉ ra từ nguồn của sự khôn ngoan, là Đức Chúa Trời khôn ngoan duy nhất.

Nếu thờ phượng (worship - chữ trong Anh Ngữ Cổ là "worth-ship" - "tình trạng, tư cách, địa vị xứng đáng và quý giá") có nghĩa quy cho Đức Chúa Trời điều xứng đáng thuộc về Ngài, thì điều đó chính là vinh hiển, tôn trọng, thế lực, quyền năng. Vinh hiển - sự tôn trọng tốt cùng Ngài xứng đáng có vì mọi thuộc tánh của Ngài và

vì mọi điều Ngài đã làm cho chúng ta. **Tôn trọng** - đức oai nghiêm và huy hoàng Ngài xứng đáng nhận trong tư cách Vua Tối Cao của cả cõi vũ trụ. **Thế lực** - quyền lực, quyền thống trị không hề bị thách thức vốn thuộc về Ngài bởi quyền tối thượng. Và **quyền năng**, hay quyền phép - sức mạnh, oai quyền và đặc quyền để cai trị trên mọi điều tay Ngài đã làm nên.

Ngài xứng đáng được ca ngợi như thế trong quá khứ, Ngài xứng đáng trong hiện tại, và Ngài sẽ xứng đáng nhân sự ca ngợi ấy trong suốt cõi đời đời. Những người bội đạo và giáo sư già có thể tìm cách tước khỏi Ngài sự vinh hiển, giảm chế sự tôn trọng của Ngài, phàn nàn về thế lực của Ngài, và thách thức quyền năng Ngài. Nhưng mọi tin hữu thật tìm được niềm thỏa mãn lớn nhất khi làm vinh hiển Danh Chúa và vui hưởng Ngài hiện nay cho đến đời đời.

Amen.

CHÚ THÍCH

¹(Cầu 1) Thay vì dùng chữ "được nên thánh" (hagiasmēnois) bản Kinh Thánh phê bình (NU) ghi là "được yêu thương" (agapēmēnois). Có lẽ sẽ giới thiệu tốt hơn về sự lên án mạnh mẽ tội gian dân trong bức thư này bằng từ ngữ phản nghĩa của nó, là "được nên thánh."

²(Cầu 4) Chữ "Đức Chúa Trời" không có trong bản NU. Hai chữ "Chúa" này là những từ ngữ khác nhau trong nguyên văn. Chữ "Chúa Jêsus" là chữ Kurios thương tộ. Chữ "Đức Chúa Trời... Đấng Chủ Tế" lại dùng một từ ngữ đồng nghĩa, là

Despotēs. (Chữ "despot" phát sinh từ đó trong Anh ngữ [có nghĩa là "người chuyên quyền"] không phải là lối dịch hay vì hàm ý xấu của nó trong Anh ngữ.) Cả hai từ ngữ trên đều có nghĩa là "Chúa," "chủ tế," hoặc "chủ nhân."

³(Cầu 4) "Tự do" có nghĩa là được tự do, nhưng trong tôn giáo, chữ này dùng để chỉ những người phủ nhận các giáo lý chính yếu của đức tin, như sự soi dẫn, sự giảng sinh bởi nữ đồng trinh, thần thánh của Đấng Christ, và sự chuộc tội bởi huyết. Những người gọi là người theo phái tự do kia thường cởi mở với bất kỳ giáo lý hoặc tôn giáo nào - miễn đó không phải là sự dạy dỗ chánh thống của Kinh Thánh.

⁴(Cầu 4) Tân Chánh Thống thực sự không phải là chánh thống. Họ chấp nhận một số sự dạy dỗ của Kinh Thánh, nhưng dùng thuật ngữ chánh thống để che đậy lòng vô tín phi Kinh Thánh. Ví dụ như, Kinh Thánh "trở thành" Lời Đức Chúa Trời đối với người Tân Chánh Thống nếu Kinh Thánh "phản với người ấy." Đối với tín hữu chánh thống, Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời.

⁵(Cầu 11) C. A. Coates, *An Outline of Mark's Gospel and other Ministry*, trang 125.

⁶(Cầu 12) Họ gọi bữa tiệc này là bữa agapē, nguyên văn là "tình yêu thương."

⁷(Cầu 12) Cách viết tốt nhất là "mang đi máu" hoặc "mang theo," như trong các thủ bản cổ nhất (NU) cũng như trong đại đa số các thủ bản (bản văn đại đa số). Cách viết của bản TR,

KJV, và NKJV ("đưa đi đây đi đó") được hậu thuẫn rất yếu.

⁸(Câu 14) William Kelly, "Lectures on the Epistle of Jude," *The Serious Christian*, 1:123.

⁹(Câu 15) Chữ "ngự đến" ở thì hiện tại (trong bản NKJV) dịch từ thì bản gốc này (ēlthe). Chữ này có thể dịch một thì tiền tri hoàn thành trong ngôn ngữ (Semitic prophetic perfect), một biến cố trong tương lai được xem như chắc chắn đến nỗi nó được diễn tả bằng thì quá khứ.

¹⁰(Câu 22) Các biến thể của bản văn ở đây càng phức tạp thêm bởi sự kiện động từ Hylạp diakrinomai cũng có nghĩa "nghĩ ngờ" hoặc "biết phân biệt." Xem những chú thích cuối trang trong bản NKJV cho câu 22, câu 23.

¹¹(Câu 23) J. B. Mayor, *The Epistle of St. Jude and the Second Epistle of St. Peter*, p. 51.

¹²(Câu 24) Bản văn Đại đa số ghi là "họ" thay cho chữ "anh em," để nói đến những người phạm tội trong các câu trước chính là người mà những Cơ Đốc nhân thiêng liêng phải hết sức nỗ lực để cứu vớt.

¹³(Câu 25) Như cách ghi không thay đổi của các chú thích bản văn trong Kinh Thánh Tân Ước NKJV sẽ cho thấy, bản văn NU (hầu như thuộc về Alexandrian) có khuynh hướng ngắn hơn ("bỏ qua") các bản văn Truyền Thống và bản văn Đại đa số. Như vậy, khi bản văn này thêm điều gì đó, thì điều đó đặc biệt thú vị. Trong câu 25, có ba phần bổ sung, vì vậy câu này như sau:

"Quy về Đức Chúa Trời có một, là Cứu Chúa chúng ta,

Bởi Đức Chúa Jêsus Christ là Chúa chúng ta,

Được sự vinh hiển, tôn trọng,

Thế lực, quyền năng,

Thuộc về Ngài từ trước vô cùng,"

v.v..

Tuy nhiên, bản văn này thực sự bỏ qua chữ "khôn ngoan." Có lẽ lời chúc phước được miễn mộ mãi mãi của Giuđe đã được đọc thuộc lòng lớn tiếng ở hình thức dài dằng hơn trong các hội thánh xứ Ai Cập.

SÁCH THAM KHẢO

Bigg, Charles. *The Epistles of St. Peter and St. Jude*. Edinburgh: T. & T. Clark Ltd., 1901.

Coder, S. Maxwell. *Jude: The Acts of the Apostates*. Chicago: Moody Press, 1958.

Green, Michael. *The Second Epistle General of Peter and the General Epistle of Jude*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1968;

Ironside, H. A. *Epistles of John and Jude*. New York: Loizeaux Bros., Inc., 1931.

Kelly, William. "Lectures on the Epistle of Jude," *The Serious Christian*. Quyển I. Charlotte, N.C.: Books for Christians, 1970.

Mayor, J. B. *The Epistle of St. Jude and the Second Epistle of St. Peter*. Grand Rapids: Baker Book House, 1965.

SÁCH KHẢI HUYỀN CỦA ĐỨC CHÚA JÊSUS CHRIST

Giới Thiệu

"Lòng chúng ta phải tôn trọng lời ca ngợi khi đọc Sách Tiên Tri này và nhớ đến ơn đã cứu chúng ta khỏi mọi điều sắp giáng xuống thời đại này. Thêm một phước hạnh khác nữa chính là được bảo đảm về chiến thắng và vinh hiển tới hậu."
- Arno C. Gaehelein

I. Vị Trí Độc Đáo Trong Kinh Thánh

Tính độc nhất vô nhị của sách cuối cùng trong Kinh Thánh này thể hiện rõ ràng từ ngay chữ đầu tiên - "sự khải thị," hay trong nguyên văn là *Apokalupsis*. Từ ngữ này là nguồn gốc chữ *apocalyptic* của chúng ta, một thể loại văn phẩm tìm thấy trong sách Đaniên, Êxêchêlên và Xachari trong Cựu Ước, nhưng chỉ có tại đây trong Tân Ước. Chữ này nói đến những sự hiện thấy mang tính tiên tri về tương lai có sử dụng các biểu tượng, các hình ảnh và nhiều biện pháp văn chương khác.

Sách Khải Huyền không những nhìn *hướng tới* sự chung kết tương lai của muôn vật và đắc thắng cuối cùng của Đức Chúa Trời và Chiên Con, nhưng còn thắt chặt lại những kết cục lỏng lẻo của sáu mươi lăm sách đầu của Kinh Thánh. Trong thực tế, đây chính là cách có thể hiểu đúng nhất sách này, bởi việc hiểu toàn Kinh Thánh! Các nhân vật, các biểu tượng, các biến cố, các con số, màu sắc, v.v..., *hầu như đều* gặp được trước đó trong Lời Đức Chúa Trời. Có người đã gọi sách này thật phù hợp là "Sân Ca Đại Trung Tâm" của Kinh Thánh vì đây chính là nơi "các con tàu" đi vào.

Những con tàu nào? Con tàu của ý tưởng đã bắt đầu trong Sáng Thế Ký và các sách tiếp theo, chẳng hạn như những khải niệm về soteri chỉ giáo của sự cứu chuộc, dân Ysraên, dân ngoại bang, Hội Thánh, Satan là kẻ thù của dân sự Đức Chúa Trời, Antichrist và còn nhiều nữa.

Sách Khải Huyền (kể từ thế kỷ thứ tư thường được gọi sai lầm là "sách Khải Huyền của thánh Giăng," nhưng thực ra chính là "sách Khải Huyền của Đức Chúa Jêsus Christ" (1:1), là kết thúc tất yếu của Kinh Thánh. Sách này cho chúng ta biết phương cách mọi sự sẽ diễn ra. Ngay cả đọc sơ qua cũng thấy đây là lời cảnh cáo nghiêm khắc cho những người chưa tin Chúa phải ăn năn và là lời khích lệ dân sự Chúa phải kiên trì!

II. Quyển Tác Giả

Sách này cho chúng ta biết tác giả là Giăng (1:1,4,9; 22:8), viết theo mạng lệnh từ Chúa của ông, là Đức Chúa Jêsus Christ. *Ngoại chứng* có từ xưa, mạnh mẽ và phổ biến hậu thuẫn quan điểm cho rằng Giăng được nói đến ở đây chính là sứ đồ Giăng, con trai của Xêbêđê, người đã làm việc nhiều năm tại Êphêsô (trong vùng Tiểu Á, nơi có cả bảy Hội Thánh nhận

thơ này trong đoạn 2 và 3). Ông bị Domitian lưu đày ra Bátmô, nơi đó ông viết các sự kiện thấy được Chúa chúng ta ban cho. Về sau, ông trở về Êphêso, và qua đời tại đó tuổi cao tác lớn. Justin Martyr, Irenaeus, Tertullian, Hippolytus, Clement ở Alexandria và Origen, thấy đều quy sách này cho Giảng. Gần đây hơn, một sách được gọi là *sách Khải Thị của Giảng* (khoảng năm 150 S.C.) đã được tìm thấy tại Aicập, quy cụ thể sách Khải Huyền cho Giảng em của Giacô.

Lời phản đối đầu tiên bác quyền tác giả của sứ đồ chính là lời phản đối của Dionysius ở Alexandria, nhưng lý do không muốn chấp nhận sách này do Giảng viết chính là vì ông phản đối giáo lý về Thiên Hy Niên (Khải Huyền 20). Những câu trưng dẫn mơ hồ và đau đớn của Dionysius trước hết đến Giảng Mác sau đó đến "Giảng Vị Trưởng Lão" như là những tác giả khả dĩ nhưng vẫn không thể cân xứng được với lời chứng rất mạnh mẽ như thế, dẫu vậy nhiều học giả hiện đại không chấp nhận sứ đồ Giảng là tác giả. Trong lịch sử Hội Thánh không có bằng chứng nào về một cá nhân như là "Giảng Trưởng Lão" (vị trưởng lão) như thế ngoài ra tác giả của thơ II.Giăng và III.Giăng. Hai thơ tín này mang cùng bút pháp như I.Giăng và cùng rất khớp với sách Tin Lành Giảng về tính đơn giản và ngữ vựng.

Tuy ngoại chứng được trích dẫn trên đây rất mạnh, *nội chứng* lại không rõ ràng bằng. Ngữ vựng, bút pháp Hylạp pha lẫn với "tiếng Ả rập - Do Thái" khá đơn sơ (thậm chí còn có

một vài thành ngữ mà các nhà văn phạm học sẽ gọi là "những lỗi sai trong lối nói và viết"), lại còn có cả thứ tự từ ngữ nữa, đã thuyết phục nhiều người rằng nhân vật viết sách Khải Huyền không thể là người đã viết sách Tin Lành Giảng.

Tuy nhiên, có thể giải thích được những khác biệt này, và những khác biệt này không phải là không cân xứng với những điểm tương đồng giữa hai sách ấy.

Chẳng hạn như, một số người chấp nhận *sách Khải Huyền* được viết ra sớm vào khoảng thập niên 50 hoặc 60 (dưới thời trị vì của Claudius hay Nero), vì nghĩ Giảng viết sách Tin Lành của ông rất muộn vào thập niên 90 khi đã hoàn thiện và tinh thông tiếng Hylạp. Tuy nhiên, đây không phải là một giải pháp tất nhiên. Hoàn toàn có khả năng Giảng nhờ viên thư ký viết sách Tin Lành của mình, và ông hoàn toàn ở một mình khi bị lưu đày trên đảo Bátmô. (Trong cả hai trường hợp, giáo lý về sự soi dẫn đều không ảnh hưởng, vì Đức Chúa Trời sử dụng bút pháp đặc thù của tác giả, chứ không phải Chúa sử dụng một bút pháp khái quát hóa cho mọi sách của Kinh Thánh.)

Những chủ đề tổng quát về sự sáng và tối tăm được tìm thấy trong cả sách Tin Lành của Giảng lẫn sách Khải Huyền. Những từ ngữ như "Chiên Con," "tháng," "lời," "đúng," "thật," "nước hằng sống," và nhiều từ ngữ khác nữa có khuynh hướng gắn kết hai tác phẩm này lại với nhau. Hơn nữa, cả Giảng 19:37, và Khải Huyền 1:7 đều trích Xachari 12:10,

thể nhưng không sử dụng từ ngữ chỉ về chữ "đá đăm" được tìm thấy trong Bản Bảy Mươi, nhưng dùng một chữ khác nữa cũng dịch là "đá đăm."¹

Một nguyên nhân khác nữa giải thích những điểm khác biệt về ngữ vựng và bút pháp trong sách Tin Lành với sách Khải Huyền chính là thể loại văn chương rất khác nhau của mỗi sách ấy. Hơn nữa, đại đa số cách viết văn mang tính Hêbrơ trong sách Khải Huyền chính là do căn cứ rất rộng vào toàn bộ Cựu Ước.

Tóm lại, quan điểm truyền thống xem sử đồ Giăng, con trai của Xêbêđê và em trai của Giacơ, đã viết sách Khải Huyền có nền tảng lịch sử vững chắc, và có thể giải thích được các nền tảng phát sinh mà không cần phải bác bỏ quyền tác giả.

III. Thời Điểm Viết

Một số người thích xác định sách Khải Huyền được viết từ sớm, hoặc trong thập niên 50 hoặc cuối thập niên 60. Như đã nói, điều này một phần giải thích bút pháp triển khai kèm trong sách Khải Huyền. Cũng có người tin rằng "666" (13:18) là lời dự ngôti về Nêrô,² là nhân vật được xem như sẽ trở về từ trong cõi chết. Điều này sẽ đề xuất một niên điểm sớm. Vì trên thực tế điều này không xảy ra, nên nó không ảnh hưởng đến việc chấp nhận sách Khải Huyền. (Có lẽ điều này gợi ý sách được viết muộn hơn thời Nêrô.)

Sách giáo phụ Hội Thánh xác định cụ thể khoảng thời gian cuối thời trị vì của Domitian (khoảng 96) là lúc Giăng ở trên đảo Bátmô và nhận lãnh Khải

Thị này. Vì đây là một quan điểm có từ sớm, đầy đủ thông tin và phổ biến rộng rãi giữa vòng các Cơ Đốc nhân chính thống, nên ta có mọi lý do để chấp nhận quan điểm này.

IV. Bối Cảnh Và Chủ Đề

Chìa khóa đơn giản để hiểu sách Khải Huyền chính là nhận biết sách được chia làm ba phần chính. Đoạn 1 mô tả sự hiện thấy, trong đó Giăng thấy Đấng Christ mặc áo như Quan Án đứng ở giữa bảy Hội Thánh. Đoạn 2 và 3 liên quan đến Thời Đại Hội Thánh mà chúng ta hiện đang sống trong đó. Mười chín đoạn còn lại liên quan đến những biến cố trong tương lai tiếp sau khi chấm dứt Thời Đại Hội Thánh. Chúng ta có thể chia sách như sau:

1. *Những điều Giăng đã thấy*, tức là sự hiện thấy về Đấng Christ trong tư cách Quan Án của các Hội Thánh.

2. *Những điều hiện cơ*: Nét đại cương về Thời Kỳ Hội Thánh từ khi các sứ đồ qua đời cho đến khi Đấng Christ rước các thánh đồ Ngài về Thiên đàng (đoạn 2 và 3).

3. *Những điều còn đến*: Nét đại cương các biến cố tương lai từ Sự Cát Lên của các thánh đồ cho đến Nước Đời Đời (đoạn 4-22). Cách để dễ nhớ nội dung của phần thứ ba này trong sách sẽ như sau:

a. Đoạn 4-19 mô tả Con Đại Nạn, là thời kỳ dài ít nhất bảy năm, trong thời kỳ đó Đức Chúa Trời sẽ đoán xét dân Ysơraên không tin Chúa và cả dân ngoại bang không tin Chúa nữa. Những sự đoán xét này được mô tả qua các hình ảnh:

(1) Bảy cái ấn.

(2) Bảy ống loa.

(3) Bảy bát.

b. Đoạn 20-22 để cập đến Sự Hiện Đến Lần Thứ Hai Của Đấng Christ, vương quốc của Ngài trên đất, Sự Đoán Xét (tại Ngai Trắng Và Lớn, và nước đời đời).

Trong thời kỳ Con Đại Nạn, cái ấn thứ bảy có bảy ống loa. Ống loa thứ bảy cùng bao gồm bảy sự đoán xét của các bát. Vì vậy, có thể diễn tả Thời Đại Con Đại Nạn qua biểu đồ như sau:

CÁC ẤN

1234567

CÁC ỐNG LOA

1234567

CÁC BÁT

1234567

Các Đoạn Ghi Chú Trong Ngoặc

Biểu đồ trên nêu đồng ý tưởng chính xuyên suốt sách Khải Huyền. Tuy nhiên, khi câu chuyện tiếp diễn, có những sự gián đoạn thường xuyên để giới thiệu cho độc giả những nhân vật và những biến cố trọng đại khác nhau của Thời Kỳ Đại Nạn. Một số tác giả gọi đây là những đoạn chừa trong ngoặc hoặc những đoạn bổ sung thêm. Một số những đoạn chừa trong ngoặc chính yếu là:

1. 144.000 thánh đồ Do Thái được đóng ấn (7:1-8).

2. Các tín hữu ngoại bang của thời kỳ này (7:9-17).

3. Thiên sứ quyển nang với cuốn sách nhỏ (Đoạn 10).

4. Hai nhân chứng (11:3-12).

5. Ysraên và con rống (Đoạn 12).

6. Hai con thú (Đoạn 13).

7. 144.000 cùng với Đấng Christ trên núi Sion (14:1-5).

8. Thiên sứ với Tin lành đời đời (14:6,7).

9. Công bố sơ bộ về sự sụp đổ của Babylon (14:8).

10. Cảnh cáo những người thờ lạy con thú (14:9-12).

11. Mùa gặt và mùa hái nho (14:14-20).

12. Sự tiêu diệt Babylon (17:1-19:3).

Các Biểu Tượng Trong Sách Khải Huyền

Phần lớn ngôn ngữ của sách Khải Huyền mang tính biểu tượng. Những con số, những màu sắc, những khoáng sản, các loại ngọc, các con thú, các ngôi sao, và các chân đèn, thầy đều được dùng để tượng trưng cho những con người, những sự việc hoặc những lẽ thật.

May mắn thay, một số những biểu tượng này được giải thích rõ ràng trong chính sách Khải Huyền. Chẳng hạn, bảy ngôi sao là các thiên sứ của bảy Hội Thánh (1:20); con rống lớn là Ma Quỷ hoặc Satan (12:9). Các manh mối giải nghĩa của các biểu tượng khác được tìm thấy ở các phần Kinh Thánh khác. Bốn sinh vật (4:6) hầu như đồng nhất với bốn sinh vật của Êxêchiên 1:5-14. Trong Êxêchiên 10:20, chúng được xác định là cherubim. Con beo, gấu và sư tử (13:2) nhắc chúng ta nhớ Đaniên 7, nơi đó những dã thú này nói đến các đế quốc của thế giới tương ứng là Hy Lạp, Babilon và Babylon. Các biểu tượng còn lại dường như không được

giải thích rõ ràng trong Kinh Thánh, và chúng ta phải cực kỳ cẩn thận khi tìm cách giải thích chúng.

Phạm Vi Của Sách

Khi nghiên cứu Khải Huyền, cũng như trong toàn bộ công việc nghiên cứu Kinh Thánh, chúng ta phải luôn luôn nhớ đến sự phân biệt giữa Hội Thánh và Ysơraên. Hội Thánh là dân Thiên đàng, được ban các phúc hạnh thuộc linh, và được kêu gọi để chia sẻ vinh hiển của Đấng Christ trong tư cách Tân Nương của Ngài. Ysơraên là dân sự trên trần gian thời xưa của Đức Chúa Trời, là những người được hứa ban xứ Ysơraên và vương quốc trần gian hữu hình cho họ dưới quyền cai trị của Đấng Mêsia. Hội Thánh thật được nhắc đến trong ba đoạn đầu, nhưng ta không nhìn thấy lại Hội Thánh mãi đến Tiệc Cưới Chiên Con trong đoạn 19:6-10. Thời Kỳ Đại Nạn [4:1- 19:5] chủ yếu mang

tính cách Do Thái.

Trước khi kết thúc phần Giới Thiệu này, công bằng mà nói thì không phải mọi Cơ Đốc nhân đều giải nghĩa sách Khải Huyền như phương cách vừa nêu trên. Có người nghĩ sách này đã được ứng nghiệm hoàn toàn trong lịch sử đầu tiên của Hội Thánh. Người khác dạy rằng sách Khải Huyền đại diện cho bức tranh liên tục của Thời Đại Hội Thánh từ ngày của Giăng cho đến cuối cùng.

Đối với mọi con cái Chúa, sách này dạy về sự thiếu khôn ngoan khi sống cho những điều sẽ chóng qua. Sách thúc giục chúng ta làm chứng cho người bị hư mất, khích lệ chúng ta kiên nhẫn chờ đợi Ngày Tái Lâm của Chúa. Đối với người không tin Chúa, sách Khải Huyền là lời cảnh cáo trang nghiêm về số phận kinh khiếp đang chờ đợi mọi người nào khước từ Cứu Chúa.

BỐ CỤC

I. NHỮNG ĐIỀU GIẺNG ĐÃ THẤY (Đoạn 1)

A. Tựa Đề Và Lời Chào Thăm (1:1-8)

B. Sự Hiện Thấy Về Đấng Christ Trong Lễ Phục Quan Ân (1:9-20)

II. NHỮNG VIỆC NAY HIỆN CÓ: CÁC BỨC THƠ TỬ CHÙA CHÚNG TA (Đoạn 2,3)

A. Gửi cho Êphêso (2:1-7)

B. Gửi Cho Simiêncơ (2:8-11)

C. Gửi cho Bệtgãm (2:12-17)

D. Gửi Cho Thiatiơ (2:18-29)

E. Gửi Cho Sạtđê (3:1-6)

F. Gửi cho Philađenphia (3:7-13)

G. Gửi Cho Laôđixê (3:14-22)

III. NHỮNG VIỆC SAU SẼ ĐẾN (Đoạn 4-22)

A. Khải Tượng Về Ngai Đức Chúa Trời (Đoạn 4)

B. Chiên Con Và Bảy Cuốn Sách Đông Ấn (Đoạn 5)

C. Tháo Sáu Cái Ấm (Đoạn 6)

D. Người Được Cứu Trong Cơn Đại Nạn (Đoạn 7)

E. Án Thứ Bảy Và Bát Đầu Bảy Ống Loa (Đoạn 8, 9)

F. Vị Thiên Sứ Sức Mạnh Và Cuốn Sách Nhỏ (Đoạn 10, 11)

G. Hai Nhân Chứng (11:1-14)

H. Ống loa Thứ Bảy (11:15-19)

I. Những Nhân Vật Then Chốt Trong Cơn Đại Nạn (Đoạn 12-15)

J. Những Cơn Đuàn Phạt Của Bảy Bát (Đoạn 16)

K. Sự Sụp Đổ Của Babylon Lớn (Đoạn 17, 18)

L. Sự Hiện Đến Của Đấng Christ Và Vương Quốc Thiên Hỷ Niên
Của Ngài (19:1 - 20:9)

M. Đoàn Xét Satan Và Mọi Người Không Tin Chúa (20:10-15)

N. Trời Mới Và Đất Mới (21:1- 22:5)

O. Những Lời Cảnh Báo, Yên Ủi, Lời Mời Và Lời Chúc Phước Kết
Thúc (22:6-21)

CHỮ GIẢI

I. NHỮNG ĐIỀU GIẢNG ĐÃ THẤY (Đoạn 1)

A. Tựa Bìa Và Lời Chúc Thêm (1:1-8)

1:1,2 Câu đầu tiên công bố đề tài của sách, tức là **những điều kíp phải xảy đến**. Sách Khải Huyền chủ yếu là phần tiết lộ tương lai. Sự **khải thị** này về các biến cố tương lai được Đức Chúa Trời ban cho Đức Chúa Jêsus Christ. Đến lượt Chúa Jêsus trao **khải thị** ấy cho **thiên sứ của Ngài**, và thiên sứ tỏ cho **Giăng** tôi tớ Ngài. Mục đích Giăng viết sách này là chia sẻ thông tin với các tội tớ của Chúa, tức là chia sẻ cho mọi tín hữu thật. Để thực hiện, Giăng **rao truyền lời tiên tri Đức Chúa Trời** đã phán cùng ông, và rao truyền **thùng cơ** mà Đức Chúa Jêsus Christ đã làm chứng cho. Nói tóm lại, Giăng làm chứng về mọi điều mình đã thấy qua những **khải thị** thiên thượng.

1:3 Hiển nhiên, ý định của Chúa là sách này được đọc trong Hội Thánh vì Ngài hứa ban **phước đặc biệt** cho ai

đọc lớn tiếng sách này cũng như cho **những ai** trong hội chúng nghe và giữ theo. Thì giờ ứng nghiệm các lời tiên tri này đã gần rồi.

1:4 Giảng gởi sách này cho **bảy Hội Thánh** nằm trong bình Asê của Lamã. Tỉnh này nằm tại vùng Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay). Thứ nhất, Giăng chúc cho các Hội Thánh được **an điển và bình an**. **An điển** nói đến ơn đến từ Chúa ban cho người không xứng đáng được nhận và sức mạnh cần có trong nếp sống hàng ngày của Cơ Đốc nhân. **Bình an** là sự bình tĩnh có được để giúp tín hữu đối diện với bất bớ, buồn rầu và thậm chí cả sự chết nữa. **An điển và bình an** được tuyên bố là đến từ Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Chúng đến từ nơi **Đấng hiện có, đã có và còn đến**. Câu này nói đến Đức Chúa Cha và nêu ý nghĩa thật của danh Giêhova. Ngài là Đấng hằng có và là Đấng hằng còn. **An điển và bình an** ra từ nơi **bảy vị thần** ở trước

ngôi Ngài. Câu này nói đến Đức Thánh Linh trong sự đầy đủ của Ngài. Số bảy là con số của sự trọn lành và hoàn chỉnh. Không lấy gì làm ngạc nhiên khi số bảy xuất hiện năm mươi tư lần trong sách cuối cùng này của Kinh Thánh.

1:5 Ân điển và bình an ra từ nơi Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng làm chúng thành lín, sinh đầu nhưi từ trong kẻ chết và làm Chúa của các vua trong thế gian! Rõ ràng câu này mô tả Đức Chúa Con. Ngài là Đấng làm chúng dâng tin. Với tư cách Đấng sanh đầu nhất từ trong kẻ chết, Ngài là Đấng đầu tiên sống lại từ kẻ chết để không còn phải chết nữa, và là Đấng giữ địa vị tôn trọng và đứng đầu hàng giữa mọi người được khiến từ kẻ chết sống lại để hưởng sự sống đời đời. Ngài cũng là Chúa của các vua trong thế gian. Tiếp sau lời chào thăm mở đầu, Giăng viết lời tôn ngợi Chúa Jêsus. Trước hết, ông nói Cứu Chúa là Đấng yêu thương chúng ta (Bản Anh ngữ dịch là "đã yêu chúng ta," còn chú thích ngoài lề ghi là "*yêu thương chúng ta*")³ và đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta. Lưu ý các thì của động từ: *yêu thương*, là một hành động hiện tại và liên tục; đã... rửa sạch, một công tác đã hoàn tất trong quá khứ. Cũng lưu ý thứ tự: Ngài *yêu chúng ta*, và thực sự đã yêu chúng ta từ lâu trước khi Ngài rửa sạch chúng ta. Và lưu ý giá Ngài phải trả: Chính huyết Ngài. Sự tự đánh giá thành thật nhất buộc chúng ta phải thừa nhận giá này quá cao. Chúng ta không xứng đáng để được rửa sạch với một giá quá lớn lao đến như thế.

1:6 Tình yêu của Ngài không dừng tại chỗ rửa sạch chúng ta mà thôi, đầu dừng tại đó ắt hẳn cũng đã được rồi. Ngài khiến chúng ta nên nước Ngài (chú thích ngoài lề của NKJV) và nên **thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là Cha Ngài**. Là những thầy tế lễ thánh, chúng ta dâng những của tế lễ thuộc linh cho Đức Chúa Trời: con người chúng ta, của cải chúng ta, lời ca ngợi của chúng ta, và sự phục vụ của chúng ta. Là những thầy tế lễ nhà vua, chúng ta tạo ra những mỹ đức nhân lành tuyệt vời của Ngài là Đấng kêu gọi chúng ta ra khỏi nơi tối tăm vào nơi sáng láng vinh hiển của Ngài. Khi suy gẫm đến tình yêu lớn lao như thế, chúng ta chỉ có thể kết luận rằng Ngài xứng đáng nhận hết thầy mọi vinh hiển, tôn trọng, thờ phượng và ca ngợi mà chúng ta có thể trọn vẹn dâng lên Ngài. Ngài xứng đáng nhận **quyền thống trị** trên đời sống chúng ta, trên Hội Thánh, thế gian và toàn cõi vũ trụ. Amen.

1:7 Đáng đầy ơn phước này đang trở lại trần gian giữa những cỗ xe mây. Sự hiện ra của Ngài không mang tính địa phương, cũng không mang tính vô hình, vì mọi mắt sẽ trông thấy Ngài (cũng xem Mathê 24:29,30). Những người đã đón đĩnh Ngài sẽ thất kinh. Trên thực tế **hết thảy các chi họ trong thế gian** sẽ than khóc vì cử Ngài đến để đoán xét những kẻ thù Ngài và lập nước Ngài. Tin hữu không than khóc khi Ngài hiện đến; họ nói, "**Quả thật vậy. Amen.**"

1:8 Đến đây có sự thay đổi người nói. Chúa Jêsus tự giới thiệu Ngài là

Đấng Anpha và Ômêga (những mẫu tự đầu và cuối trong bảng mẫu tự Hy Lạp), **Đấng Đầu Tiên và là Đấng Cuối Cùng**.⁴ Ngài có suốt cả cõi thời gian lẫn cõi đời đời, và hết mọi ngôn từ xuất sắc cũng không đủ nói về Ngài. Ngài là nguồn và mục tiêu của sự sáng thế, và chính Ngài là Đấng đã bắt đầu và sẽ kết thúc chương trình thiên thượng trong thế gian này. Ngài hiện có, đã có và còn đến, là Đấng hiện hữu đời đời và là **Đấng Toàn Năng**.

B. Sự Hiện Thấy Về Đấng Christ Trong Lễ Phục Quan Áo (1:9-20)

1:9 Trở lại với Giảng, người giới thiệu mình là anh em và bạn của mọi tín hữu về hoạn nạn, về nước, về sự nhịn nhục trong Đức Chúa Jê-sus. Ở đây, ông liên kết sự hoạn nạn, sự bền đỗ (sự nhịn nhục), và nước. Phaolô cũng liên kết những điều này tương tự trong Công Vụ 14:22 khi khuyến các thánh đồ "phải bền đỗ trong đức tin, và bảo trước phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời."

Giăng ở tù trên đảo Bât-mô trong vùng biển Aegean vì lòng trung thành với Lời Đức Chúa Trời và chứng của Đức Chúa Jê-sus. Nhưng ngục tù của ông trở thành phòng chờ của Thiên Đàng khi ông nhận lãnh những sự hiện thấy về vinh hiển và đoán xét.

1:10 Giăng được Đức Thánh Linh cảm hóa, tức là bước đi trong mối thông công thông suốt với Thánh Linh và sẵn sàng nhận lãnh những lời Chúa truyền đạt. Điều này nhắc chúng ta nhớ một người phải ở gần thì mới nghe được. "Đức Giêhôva kết bặt

thiết cùng người kính sợ Ngài" (Thi Thiên 25:14). Hôm ấy nhằm ngày của Chúa, tức là ngày thứ nhất của tuần lễ. Đây là ngày Chúa Jê-sus sống lại, ngày của hai lần hiện ra tiếp theo cho các môn đồ, ngày Thánh Linh giáng lâm trong Lễ Ngũ Tuần. Các môn đồ nhóm nhau lại bẻ bánh vào ngày của Chúa, và Phaolô dạy dỗ người Cô-rinh-tô dành dụn tiến quyền góp vào ngày thứ nhất. Có người nghĩ Giăng nói đến thời điểm đoán xét được viết đến trong sách này, nhưng trong nguyên bản, thành ngữ này hoàn toàn khác.⁵

Giăng tinh linh nghe đang sau mình có tiếng nói rõ ràng, lớn và âm vang như tiếng loa.

1:11,12 Đó chính là Chúa Jê-sus, Ngài đang truyền ông viết một quyển sách về những điều sắp thấy và gởi cho bảy Hội Thánh. Khi quay lại nhìn xem Đấng đang phán, Giăng nhìn thấy bảy chân đèn bằng vàng, mỗi chân đèn có đế, một nhánh thẳng đứng, và phía trên có đèn thấp bằng dầu.

1:13 Đấng ở giữa bảy chân đèn là Đấng giống như Con Người. Không một điều gì xen giữa Ngài và các chân đèn riêng rẽ kia, không một tác nhân, không một phẩm trật, không một tổ chức nào cả. Mỗi Hội Thánh đều tự trị. Khi mô tả Chúa, McConkey nói:

Thánh Linh và sự soi sáng tự nhiên để tìm những biểu tượng nào truyền đạt được cho lý trí hữu hạn và chạm hiểu của chúng ta một số khái niệm khó hiểu nổi về vinh hiển, uy nghiêm và huy hoàng của Đấng sắp đến này. Đấng vốn là Đấng Christ của Sự Khải Thị.⁶

Áo ngoài của Ngài là áo choàng dài của vị quan án. Đại ngang ngực Ngài biểu tượng cho sự công bình và thành tín mà Ngài sẽ dùng để đoán xét (xem Êsai 11:5).

1:14 Đầu và tóc người trắng như lông chiên, trắng như tuyết, mô tả tính đời đời của Ngài, trong tư cách Đấng Thượng Cổ (Daniên 7:9), và cũng mô tả sự khôn ngoan và thanh sạch trong những xét đoán của Ngài. **Mắt như ngọn lửa** nói đến sự hiểu biết trọn vẹn, sự thông sáng vô ngộ và sự dò xét không thể tránh thoát được.

1:15 Chân của Chúa như đồng bóng sáng, nhưng đã luyện trong lò lửa. Vì đồng là hình bóng nhất quán chỉ về sự đoán xét, nên câu này hậu thuẫn quan điểm cho rằng ở đây chủ yếu đang nói đến *chức vụ quan án*. **Tiếng của Ngài** nghe như tiếng nước lớn của biển, hoặc như thác nước lớn trên núi, oai nghiêm và đáng sợ.

1:16 Tay hữu Ngài cầm bảy ngôi sao, biểu thị quyền sở hữu, quyền năng, quyền kiểm soát và lớn trọng. Miệng thò ra thanh gươm nhọn hai lưỡi, là Lời Đức Chúa Trời (Hêbơơ 4:12). Ở đây, hình ảnh này nói đến những bản phán quyết sắc sảo và chính xác về dân sự Ngài, như được nhìn thấy trong các bức thơ gửi cho bảy Hội Thánh. **Mặt Ngài chói rạng như mặt trời giữa trưa, đầy vẻ huy hoàng chói sáng và vinh hiển siêu việt của thần thánh Ngài.**

Kết hợp mọi ý tưởng này, chúng ta nhìn thấy Đấng Christ trong toàn bộ những sự trọn lành của Ngài và là Đấng đủ tư cách tối thượng để đoán

xét bảy Hội Thánh. Về sau trong sách Khải Huyền, Ngài sẽ đoán xét các kẻ thù, nhưng "sự phán xét sẽ (phải) khởi từ nhà Đức Chúa Trời" (1.Phiêrô 4:17). Tuy nhiên, lưu ý rằng mỗi trường hợp là một loại đoán xét khác hẳn. Hội Thánh bị đoán xét nhằm mục đích thanh tẩy và ban thưởng, thế gian chịu đoán xét để bị hình phạt.

1:17 Khi nhìn thấy Quan Án. Giăng phủ phục dưới chân Ngài như chết, nhưng Chúa khiến ông hồi tỉnh bằng cách bày tỏ chính Ngài là **Đấng Trước Hết Và Đấng Sau Cùng,** là danh hiệu của Đức Giêhôva (Êsai 44:6; 48:12).

1:18 Vị Quan Án ở đây chính là Đấng Hằng Sống, là Đấng đã chết nhưng hiện nay sống đời đời. Ngài cầm **chìa khóa của Âm Phủ Và Sự Chết,** cầm quyền tế trị trên cả hai và có quyền độc nhất vô nhị để khiến kẻ chết sống lại. **Âm Phủ** ở đây tượng trưng cho linh hồn và **Sự Chết** tượng trưng cho thân thể. Khi một người chết đi, linh hồn ở trong Âm Phủ - tên gọi thường dùng để mô tả tình trạng không có thân thể. Thân thể xuống mộ mã. Đối với tín hữu, tình trạng không có thân thể cũng chính là ở với Chúa. Tại lúc được sống lại, linh hồn được tái hợp với thân thể vinh hiển và được cất lên vào nhà Cha.

1:19 Giăng phải viết những điều ông đã thấy (Đoạn 1); những việc nay hiện có (Đoạn 2,3); và những việc sau sẽ đến (Đoạn 4-22). Câu này hình thành bố cục tổng quát của sách Khải Huyền.

1:20 Chúa giải thích cho Giăng biết ý nghĩa ẩn khuất của bảy ngôi sao và bảy chân đèn vàng. Bảy ngôi sao tượng trưng các thiên sứ hay các sứ giả của bảy Hội Thánh, còn các chân đèn đại diện cho chính bảy Hội Thánh.

Người ta giải thích nhiều cách khác nhau về các thiên sứ ở đây. Có người nói đây là những thiên sứ đại diện cho các Hội Thánh, cũng giống như các thiên sứ đại diện cho các nước (Đaniel 10:13, 20, 21). Người khác nói đây là các giám mục (hoặc các mục sư) của các Hội Thánh ấy, và lối giải thích này thiếu hậu thuẫn của Kinh Thánh. Lại có người nói đây là những người làm sứ giả đem thư từ Giăng tại đảo Barmô đến trao cho từng Hội Thánh riêng biệt. Cũng chính từ ngữ *Hylap* này (*angelos*) vừa có nghĩa là thiên sứ, vừa có nghĩa sứ giả, nhưng trong sách Khải Huyền, ý nghĩa "thiên sứ" rất nổi bật.

Đầu các bức thư này được gởi cho các thiên sứ, nội dung của thư rõ ràng nhất gởi cho mọi người trong các Hội Thánh.

Các chân đèn là những vật mang sự sáng và là biểu tượng phù hợp về các Hội Thánh địa phương, là những Hội Thánh có bốn phần chiếu sáng cho Đức Chúa Trời giữa chốn tối tăm của thế gian này.

II. NHỮNG VIỆC NAY HIỆN CÓ: CÁC BỨC THƯ TỪ CHÙA CHÚNG TA (Đoạn 2,3)

Trong Đoạn 2 và 3, chúng ta có nhiều bức thư riêng biệt gởi cho bảy Hội Thánh ở vùng Á Châu. Có thể áp

dụng các bức thư này ít nhất theo ba cách. Trước hết, chúng mô tả những tình trạng đã thật sự hiện hữu trong bảy Hội Thánh địa phương tại thời điểm Giăng viết thư. Thứ nhì, nêu quang cảnh Cơ Đốc giáo giới trên đất tại một thời điểm nào đó trong lịch sử Cơ Đốc. Những đặc điểm có trong các bức thư này ít nhất cũng đã xuất hiện một phần trong mỗi thế kỷ kể từ ngày Lễ Ngũ Tuần. Trên phương diện này, các bức thư đánh dấu những điểm tương tự với bảy ẩn dụ trong Mathew 13. Cuối cùng, các thư này nêu phần duyệt trước liên tiếp nhau về lịch sử Cơ Đốc giáo giới, mỗi Hội Thánh đại diện cho một thời kỳ riêng biệt. Xu hướng tình hình chung là đi xuống. Nhiều người tin ba bức thư đầu diễn ra liên tiếp nhau, còn bốn thư cuối diễn ra đồng thời, kéo dài cho đến thời điểm Cát Lên.

Theo quan điểm thứ ba, các kỳ nguyên trong lịch sử Hội Thánh nói chung được liệt kê như sau:

Êphêso: Hội Thánh của thế kỷ thứ nhất nói chung là đáng khen nhưng đã đánh mất tình yêu ban đầu của mình rồi.

Simiêno: Từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ tư, Hội Thánh chịu bắt bớ dưới tay các hoàng đế Lamã.

Bêlgam: Trong thế kỷ thứ tư và thứ năm, Cơ Đốc giáo được công nhận là tôn giáo chính thức dưới sự bảo trợ của Constantine.

Thiatira: Từ thế kỷ thứ sáu đến mười tám, giáo hội Công Giáo Lamã thống trị phần lớn trong Cơ Đốc giáo giới Phương Tây cho đến khi bị chao đảo trước Cuộc Cải Chánh. Ở Phương

Đông Giáo Hội Chánh Thống thống trị.

Sardē: Thế kỷ mười sáu và mười bảy là thời kỳ Hậu Cải Chánh. Ánh sáng Cuộc Cải Chánh nhanh chóng bị lu mờ.

Philadēphia: Trong thế kỷ mười tám và mười chín, có những cuộc phục hưng mạnh mẽ và các phong trào truyền giáo vĩ đại.

Laodixē: Hội Thánh của ngày sau rốt được mô tả là hâm hẩm và bội đạo. Đây là Hội Thánh của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa công đồng giáo hội.

Có điểm tương tự nhau trong cấu trúc của các bức thư. Chẳng hạn, mỗi bức thư đều mở đầu với lời chào thăm một Hội Thánh riêng biệt; mỗi bức thư đều trình bày Chúa Jêsus trong vai trò thích hợp đặc biệt cho Hội Thánh cụ thể đó; mỗi bức thư mô tả hiểu biết của Ngài về các công việc của Hội Thánh ấy, được giới thiệu bằng những từ ngữ "ta biết." Có những lời khen cho mọi Hội Thánh ngoại trừ *Laodixē*; lời quở trách gởi cho mọi Hội Thánh ngoại trừ *Simiēcơ* và *Philadēphia*. Mỗi Hội Thánh đều nhận lời khuyên đặc biệt phải nghe điều Đức Thánh Linh đang phán, và trong mỗi bức thư đều kèm theo lời hứa đặc biệt cho người chiến thắng.

Mỗi Hội Thánh đều có đặc trưng riêng biệt. *Phillips* đã đặt ra những danh hiệu sau, diễn tả những đặc trưng nổi bật ấy: *Éphêsô*, Hội Thánh không có tình thương; *Simiēcơ*, Hội Thánh bị bắt bớ; *Betgām*, Hội Thánh quá dung túng; *Thiatư*, Hội Thánh thỏa hiệp; *Sardē*, Hội Thánh đang ngủ;

Philadēphi, Hội Thánh có cơ hội; và *Laodixē*, Hội Thánh tự mãn. Walvoord mô tả các nan đề của các Hội Thánh này là: (1) Mất tình yêu ban đầu của mình; (2) Sợ chịu khổ; (3) Ly khai về giáo lý; (4) Rời bỏ tiêu chuẩn đạo đức; (5) Chết về mặt tâm linh; (6) Không đứng vững vàng; và (7) Hâm hẩm.⁷

A. Gởi cho Éphêsô (2:1-7)

2:1 Với Hội Thánh Éphêsô, Chúa tự giới thiệu Ngài là Đấng cầm bảy ngôi sao trong tay hữu và đi chính giữa bảy chân đèn vàng. Phần lớn lời mô tả về Chúa trong các bức thư này đều tương tự với lời mô tả đã có trong đoạn 1.

2:2 Hội Thánh này nổi bật vì tâm rất nhiều việc, chịu khổ, chuyên cần, và nhịn nhục chịu đựng. Hội Thánh này không dung túng những kẻ ác giữa vòng mình. Hội Thánh này có năng lực để phân biệt các sứ đồ giả và xử lý thích đáng.

2:3,4 Vì danh Đấng Christ, Hội Thánh Éphêsô đã nhịn nhục và chịu khổ chịu đựng thử thách và nghịch cảnh không chút mệt mỏi. Nhưng thâm kịch của Éphêsô là Hội Thánh này đã bỏ lòng kính mến ban đầu. Ngọn lửa tình cảm nhiệt thành của Hội Thánh ấy đã tắt lịm. Lòng nhiệt thành ngời sáng từ những ngày đầu của Hội Thánh đã biến mất. Cơ Đốc nhân hẳn đã nhìn lại thời huy hoàng của mình khi tình yêu Tân Nương của họ dành cho Đấng Christ tuôn trào nóng chảy, đầy trọn và tự do. Họ vẫn mạnh mẽ trong giáo lý và tích cực phục vụ, nhưng đã đánh mất động cơ thật của toàn bộ sự thờ phượng và phục vụ.

2:5 Họ đang phải nhớ lại những ngày tốt đẹp của niềm tin ban đầu, **ăn năn** vì đã sa sút tình yêu **ban đầu**, và lập lại sự phục vụ hết lòng vốn đặc trưng cho buổi đầu nếp sống Cơ Đốc của họ. Nếu không, Ngài sẽ **cắt chân dân** của Êphêso, tức là **hội** chúng không tồn tại nữa. Lời chứng của **Hội Thánh** này sẽ chết lịm.

2:6 Có thêm lời khen mới về việc họ ghét cả **việc làm của đảng Nicôla**. Chúng ta không thể biết chắc chắn nhóm người này là ai. Có người nghĩ họ là môn đồ của một lãnh tụ tôn giáo tên Nicôla. Người khác cho rằng tên gọi này có nghĩa "cai trị trên giới giáo dân" và thấy câu này nói đến sự xuất hiện của hệ thống giáo phẩm.

2:7 Những ai có tai để nghe Lời Đức Chúa Trời thì được khích lệ lắng nghe Lời Đức Thánh Linh phán cùng các **Hội Thánh**.

Tiếp theo là lời hứa cho người chiến thắng. Nói chung, người chiến thắng trong Tân Ước là người tin Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời (L.Giăng 5:5), nói cách khác đây là một tin hữu thật. Đức tin của người giúp người đắc thắng thế gian cùng mọi cám dỗ và quyến rũ của nó. Có lẽ trong mỗi thư, từ ngữ này mang thêm một ý tưởng mới nữa, có liên hệ với tình hình của Hội Thánh đó. Vì vậy, người đắc thắng tại Êphêso có thể là người bày tỏ lòng chân thật của đức tin mình bởi đã ăn năn khi sa ngã khỏi tình yêu ban đầu của mình. Mọi người nào đắc thắng như thế đều sẽ **ăn trái cây sự sống trong Baradi của Đức Chúa Trời**. Câu này không hàm ý họ được cứu bởi đắc

thắng, nhưng sự đắc thắng chứng tỏ thực tại từng trải hoán cải của họ. Cách duy nhất để được cứu chính là nhờ ân điển qua đức tin nơi Đấng Christ. Mọi người được cứu đều sẽ **ăn trái cây sự sống**, tức là họ sẽ vào trong sự sống đời đời trong sự đầy trọn của sự sống ấy trên Thiên đàng.

Người ta thường hiểu Êphêso mô tả tình trạng của Hội Thánh ngay sau khi các sứ đồ qua đời.

II. GỞI CHO SIMIÊCƠ (2:8-11)

2:8 Simiêcơ có nghĩa *một được* hay *sự cay đắng*. Ở đây, Đấng Christ giới thiệu Ngài là **Đấng Trước Hối và Đấng Sau Cùng, Đấng chết rồi và đã sống lại**. Lời mô tả này đặc biệt an ủi ai hàng ngày đối diện với mối đe dọa của sự chết.

2:9 Với sự dịu dàng đặc biệt, Chúa bảo các thánh đó đang chịu khổ của Ngài rằng Ngài biết rõ hết **sự hoạn nạn** của họ. Ở bề ngoài, họ có vẻ khốn khổ **nghèo khổ**, nhưng về phần thuộc linh, họ giàu có. Đúng như Charles Stanley nói: "Thật được vinh dự đặc biệt khi ở gần và giống như chính Ngài, là Đấng không có chỗ để gối đầu. Tôi đã học được điều này: Chúa Jêsus đặc biệt là người cộng tác với các tội tở nghèo nàn của Ngài."

Các thánh đó tại Simiêcơ bị công kích kinh khiếp dưới tay người Do Thái. Các sứ gia cho biết lòng sốt sắng của những người Do Thái này, chẳng hạn như họ sốt sắng tìm cách góp phần vào sự tuận đạo của Polycarp. Là người Giuđa, họ tuyên bố mình là tuyển dân của Đức Chúa Trời, nhưng bởi hành vi phạm thượng của họ, họ chứng tỏ mình là **hội của quỷ Satan**.

2:10 Cơ Đốc nhân đứng nên sự **những hoạn nạn** họ sắp phải chịu. Một số người trong nhóm họ sẽ bị bỏ tù và bị thử thách bởi **hoạn nạn** trong **mười** ngày. Khoảng thời gian này có thể nói đến **mười ngày theo nghĩa đen**; đến **mười** cơn bão khác nhau dưới thời các hoàng đế Lamã trước thời Constantine; hoặc đến **mười** năm bị bắt bớ dưới thời Diocletian.

Tin đồn được khích lệ **trung tín đến chết**, hơn là chối bỏ đức tin của mình nơi Đấng Christ. Họ sẽ nhận lấy **mão triểu thiên của sự sống**, là phần thưởng đặc biệt dành cho người tuận đạo.

2:11 Một lần nữa, những người sẵn lòng chịu nghe được khích lệ hãy lắng nghe tiếng của Thánh Linh. Người chiến thắng được hứa cho **miễn sự chết thứ hai**. Ở đây, người chiến thắng là người chứng tỏ thực tại đức tin mình bằng cách chọn đi Thiên đàng với lương tâm tốt hơn là cứ ở trên đất này với lương tâm xấu. Người ấy sẽ chẳng bị hại gì bởi **sự chết thứ hai**, là số phận của mọi người không tin Chúa (20:6, 14).

C. Gửi cho Bếtgâm (2:12-17)

2:12 Pergamos (hoặc Pergamum) có nghĩa là **tháp cao hoặc đã kết hôn hoàn toàn**. Thư này trình bày Chúa là Đấng có **thanh gươm nhọn hai lưỡi**. Đây là Lời Đức Chúa Trời (Hêberơ 4:12) được Ngài dùng để đoán xét những kẻ làm điều ác trong hội chúng này (xem câu 16).

2:13 Bếtgâm là những trụ sở ở Á Châu cho đạo thờ lạy hoàng đế. Vì vậy nó được gọi là **ngôi của quỷ Satan**.

Bất chấp ngoại giáo khắp xung quanh, Hội Thánh vẫn cứ trung thành với Đấng Christ mặc dù một trong số thành viên của Hội Thánh này, là **Antiba**, đã chịu tuận đạo vì tuyên xưng Chúa Jêsus của mình. Ông là người Châu Á đầu tiên được biết đến là đã chịu chết vì không chịu thờ lạy hoàng đế.

2:14,15 Nhưng Chúa phải quở trách Hội Thánh này vì đã cho phép người mang giáo lý gian ác tiếp tục ở trong hiệp hội Cơ Đốc. Có những người theo đạo Balaam và người theo đạo Nicôla. Đạo Balaam phê chuẩn việc ăn những của cúng thần lương và làm điều **đâm loạn**. Câu này cũng nói đến tập tục **giảng thuê** (Dân số Kỳ 22: 25; 31).

Ở đây không định nghĩa rõ đạo **Nicôla**. Nhiều học giả Kinh Thánh cảm thấy đây là những người buông tuồng trụy lạc, dạy rằng những ai ở dưới ân điển thì được tự do để thờ lạy hình tượng và phạm các tội gian dâm.

Tuy nhiên, Dr. C. I. Scofield liên kết giáo lý này với sự **đấy lên** của hệ thống giáo phẩm:

*Đây là giáo lý cho rằng Đức Chúa Trời đã thiết lập một phẩm trật "giáo phẩm" hay các linh mục, để phân biệt với "giáo dân." Chữ này được hình thành từ hai từ ngữ Hy Lạp, là **nêco**, là người chính phục hay người chiến thắng, và **laos**, là dân sự. Tân Ước không biết gì về "tầng tã" tại càng không biết đến một **chức thầy tế lễ như vua**" của mọi con cái của Đức Chúa Trời trong định kỳ này. Trong Hội Thánh thời*

các sứ đồ có các thánh chức: trưởng lão (hoặc giám mục) và các chấp sự; có các ân tước: các sứ đồ, các tiên tri, thầy giảng Tin Lành, mục sư và giáo sư (Êphêso 4:11). Những người này có thể là trưởng lão hoặc chấp sự, mà cũng có thể là không phải. Nhưng về sau trong thời kỳ các sứ đồ, có xuất hiện khuyh tương đòi nhận bừa thẩm quyền thì hành các thánh lễ cho riêng các trưởng lão mà thôi, và nói chung để họ tự lập mình thành một đẳng cấp ở giữa Đức Chúa Trời và tín hữu; họ là đẳng Nicôla. Bọn sẽ thấy điều dữ là "những việc làm" tại Êphêso hay vào cuối thời kỳ các sứ đồ, đã trở thành "giáo lý" vào hai trăm năm sau trong thời kỳ Betgâm hay thời kỳ Constantine.⁶

2:16 Tín hữu thật được kêu gọi bày ăn năn. Nếu ăn năn, họ sẽ phải trực xuất các giáo sư giả khỏi giữa mình. Nếu không, chính Chúa sẽ giao chiến cùng những con người gian ác này.

2:17 Các thánh đồ biết vàng lời sẽ nghe lời Đức Thánh Linh phân công các Hội Thánh. Người nào thắng sẽ được ăn mana đang giấu kín và một hòn sỏi trắng. Người chiến thắng tại Betgâm có thể là con cái của Đức Chúa Trời đã không chịu dung túng đạo lý gian ác trong Hội Thánh địa phương. Nhưng còn mana giấu kín và hòn sỏi trắng là gì?

Mana là hình bóng về chính Đấng Christ. Mana có thể nói đến thức ăn trên Thiên đàng để phân biệt trái ngược với thức ăn dăng cho các thần tượng (câu 14). Ma na giấu kín có thể là "sự giao thông ngọt ngào và bí mật

nào đó với chính Ngài, Đấng được biết đến trong vinh hiển y như Đấng đã chịu khổ tại đây." Hòn sỏi trắng được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Đây là biểu tượng về sự tha bổng trong khi xét án trước tòa. Đây là biểu tượng chiến thắng trong cuộc thi đấu của các lực sĩ. Đây là thành ngữ chào mừng do chủ nhà nói với khách mới. Đường như rõ ràng đây là phần thưởng do Chúa ban cho người chiến thắng và diễn tả việc chính Ngài chấp nhận và đẹp lòng cá nhân ấy. Alford nói rằng một lên một cho thấy sự chấp thuận của Đức Chúa Trời và quyền được nhận sự vinh hiển.

Trong lịch sử, Hội Thánh này chắc đã đại diện cho thời kỳ ngay sau Constantine, là khi Hội Thánh "hoàn toàn kết hôn" với chính quyền. Hàng ngàn người trở thành Cơ Đốc nhân trên danh nghĩa, và Hội Thánh đã dung túng các tập tục ngoại giáo giữa vòng Hội Thánh.

D. Sài Cho Thiatiro (2:18-20)

2:18 Tên "Thiatiro" có nghĩa "của tế lễ vĩnh viễn" hoặc "dâng của tế lễ liên tục." Trong thư này, Con Đức Chúa Trời được nhìn thấy như Đấng có mặt như ngọn lửa và chân như đấng sáng. Mái nói đến tầm nhìn xuyên thấu, và chân bằng đồng nói đến sự đoàn phạt đầy đe dọa.

2:19 Hội Thánh này nổi bật theo nhiều cách khác nhau. Hội Thánh này không thiếu việc lành, tình yêu thương, sự hầu việc, đức tin và sự nhịn nhục chịu đựng. Trên thực tế, số lượng công việc của Hội Thánh này đang tăng chứ không suy giảm.

2:20 Nhưng giáo lý không thuần khiết đã được dung túng trong hội chúng, dẫn đến kết quả họ đang phạm tội là **dâm** và thờ lạy hình tượng. Hội Thánh đã cho phép người tự xưng là nữ tiên tri tên Giêsabên⁹ dẫn dắt các tôi tớ Đức Chúa Trời vào tội lỗi. Giêsabên trong Cựu Ước đã làm bại hoại dân sự Chúa bởi tội dâm dục và thờ lạy hình tượng thể nào, thì người nữ này cũng dạy rằng Cơ Đốc nhân có thể hướng mình vào các nếp sống này mà không hề phạm tội. Có lẽ nữ tiên tri này khích lệ tín hữu gia nhập các phường buôn bán của Thiatitơ, đầu việc này gồm cả việc phải tôn kính các nam thần hay nữ thần của phường hội và tham dự các kỷ lễ hội trong đó thức ăn được đem cúng thần tượng. Rõ ràng nữ tiên tri biện minh cho thói thỏa hiệp với thế gian dựa trên cơ sở cho rằng làm như vậy sẽ giúp cho sự nghiệp của Hội Thánh được tiến bộ.

2:21-23 Vì nữ tiên tri này không chịu ăn năn, Chúa sẽ phò nàng trên giường đau đớn của hoạn nạn thay vì giường của sự ham muốn. Những ai phạm tội là **dâm** với nữ tiên tri này sẽ bị ném vào giường của tai nạn lớn và sự chết trừ phi họ từ bỏ nàng và tránh khỏi những việc làm của nàng. Lúc đó, mọi Hội Thánh sẽ biết rằng Chúa đang theo dõi và Ngài ban thưởng tùy theo việc làm của con người. Chắc đã có một nữ tiên tri theo nghĩa đen tại Thiatitơ tên Giêsabên. Nhưng những người nghiên cứu Kinh Thánh cùng thấy câu này ám chỉ sự đẩy lên hệ thống giáo hội giả dối cùng với sự tôn xưng các ảnh tượng, bản bùa xá tội,

và sự xá miễn của các linh mục khỏi những tội như tà dâm.

2:24,25 Có nhóm tín hữu sót trung tín tại Thiatitơ (với các người là kẻ khác... chưa từng nhận lấy đạo đó) vẫn chưa gia nhập vào các giáo lý và những nghi lễ bí mật đó của Giêsabên, là điều được gọi là "điều sâu hiểm của quỹ Salan." Họ sẽ không bị gán cho gánh nặng trách nhiệm nào khác, ngoài trách nhiệm bền giữ lẽ thật cho đến ngày Chúa tái lâm.

2:26-28 Người đắc thắng tại Thiatitơ là tín hữu thật, tức những người giữ vững "các việc" của Cơ Đốc giáo chân chính. Phần thưởng của người sẽ là được cai trị với Đấng Christ trong thiên hạ ngàn năm. Người sẽ có quyền trị các nước và sẽ cai trị bằng mọi cây gậy sắt. Mọi tội lỗi và chống nghịch sẽ bị nghiêm trị ngay tức khắc. Chúa hứa ban ngôi sao mai cho người đắc thắng. Chúa Jesus là Sao Mai Sáng Chói (22:16). Sao mai xuất hiện trên bầu trời trước khi mặt trời mọc lên thể nào, thì Đấng Christ cũng sẽ hiện ra như Ngôi Sao Mai để cất Hội Thánh Ngài lên Thiên đàng trước khi Ngài hiện ra như Mặt Trời Công Nghĩa để cai trị trên đất thể ấy (I.Têsalônica 4:13-18; Malachi 4:2). Như vậy, người đắc thắng được hứa có mặt trong Sự Cát Lên. Người không kiếm được quyền này nhờ các việc làm của mình, nhưng các việc làm của người chứng tỏ thực tại đức tin của người. Vì tín hữu thật đã thực sự hoán cải, nên sẽ được ban cho ngôi sao mai.

2:29 Trong bức thư này và ba bức thư tiếp theo, câu nói "Ai có tai hãy nghe..." đi tiếp sau lời hứa cho người đắc thắng thay vì đi trước lời hứa. Có thể điều này cho thấy từ lúc này trở đi, chỉ người nào đắc thắng mới mong có tai để nghe Lời Đức Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh.

E. Hội Cho Sẻ (3:1-6)

3:1 Sẻ có nghĩa là "những người trốn thoát" hoặc "sự cách tân." Chúa bày tỏ chính Ngài là Đấng có bày vị thần Đức Chúa Trời và bày ngôi sao. Chính bởi quyền năng Thánh Linh mà Ngài tế trị các Hội Thánh và các sứ giả của các Hội Thánh ấy. Sẻ là Hội Thánh không có sự sống. Hội Thánh này mang danh là một hiệp hội Cơ Đốc, nhưng đa số chẳng qua chỉ là thông lệ nặng nề hình thức và buồn tẻ. Hội Thánh không tuân trọn sự sống thuộc linh, không tràn đầy điều siêu nhiên.

3:2,3 Chúa kêu gọi Hội Thánh này sống trở lại và nỗ lực cách mới mẻ để làm vững đôi chút điều họ còn dành lại cho Ngài, vì ngay cả những điều đó cũng đang tỏ ra dấu hiệu hấp hối. Những người này thường khởi sự nhiều dự án cho Chúa nhưng chưa hề hoàn tất chúng. Đấng Christ cảnh cáo họ giữ vững sự phó thác về lẽ thật thiêng liêng và ăn năn về tình trạng không có sự sống của họ. Nếu họ không tỉnh thức, Ngài sẽ đến trừng phạt và xử lý họ bằng sự đoán xét.

3:4 Vẫn có nhóm dân số ngay cả ở Sẻ, là nhóm người vẫn chưa đánh mất lời chứng Cơ Đốc của mình. Những tín hữu này, là người chưa làm đổ uest áo xống mình bởi tình thần bất

chức thế gian, họ sẽ mặc áo trắng mà cùng đi với Chúa.

3:5 Họ là những người chiến thắng, những hành động công bình của họ đánh dấu họ là tín hữu thật. Áo trắng của họ nói đến sự công nghĩa trong đời sống họ. Vì họ đã thể hiện rõ là Cơ Đốc nhân thật, nên tên của họ sẽ không bị xóa khỏi Sách Sự Sống.

Có người nghĩ Sách Sự Sống chứa tên của mọi người đã được ban sự sống thuộc thể. Theo quan điểm này, những ai bày tỏ qua đời sống mình rằng đã thật sự được tái sinh thì sẽ không bị xóa tên khỏi sách đó còn theo hàm ý, những người khác sẽ bị xóa.

Một số khác xem sách sự sống là sách ghi tên những ai có sự sống thuộc linh. Họ được hứa sẽ không bị xóa tên, có nghĩa, họ sẽ không bao giờ mất sự cứu rỗi. Theo quan điểm này, sự kiện một số tên sẽ không bị xóa không đòi hỏi những người khác sẽ bị xóa tên.

Vì sự dạy dỗ nhất quán của Kinh Thánh rằng sự cứu rỗi chính là bởi ân điển chứ không bởi việc làm, và vì những câu tuyên bố rõ ràng tín hữu thật được an toàn đời đời (Giăng 3:16; 5:24; 10:27-29), nên câu 5 không thể hàm ý khả năng con cái Đức Chúa Trời có lúc bị hư mất.

Chúa chúng ta hứa thêm sẽ nhận danh những người chiến thắng trước mặt Cha Ngài và các thiên sứ trên Thiên đàng.

3:6 Một lần nữa, tín hữu được kêu gọi nghe lời cảnh cáo nghiêm trọng

này về tình trạng có lời tuyên xưng đạo mà không hề được tái sanh.

Hội chúng tại Sạtđê thường được xem như hình ảnh thời kỳ Hậu Cải Chánh khi Hội Thánh trở nên nặng về hình thức, lễ nghi, bắt chước thế gian và thiên về chính trị. Các Hội Thánh Cải Chánh quốc giáo của Châu Âu và các thuộc địa Châu Mỹ đã dẫn đầu trong cuộc trôi dạt này.

F. Gợi cho Philadenphia (3:7-13)

3:7 Philadenphia nghĩa là *"tình yêu mến anh em."* Đối với Hội Thánh này, Chúa hiện ra với tư cách **Đấng thánh, chân thật, là Đấng có chìa khóa của Đavít, mở thì không ai đóng được, đóng thì không ai mở được.**

Nói cách khác, Ngài có quyền quản trị và quyền kiểm soát không thể tranh cãi được:

Cánh cửa rộng mở mà nhà hội Do Thái và các đạo ngoại giáo không có quyền đóng lại chính là cơ hội Chúa ban để giảng Đấng Christ cho mọi người nào chịu nghe. Chìa khóa của Đavít là một hàm ý trong Cựu Ước nói đến quyền tể trị tuyệt đối của Đức Chúa Trời để mở những cánh cửa và bắt các miệng phải ngậm lại. Xem Êsai 22:22.¹⁰

3:8 Hội chúng tại Philadenphia chỉ nhận lấy những lời khen từ nơi Chúa mà thôi. Các thánh đồ đã trung tín. Họ đã sốt sắng làm việc lành. Trong sự yếu đuối của con người họ, họ vẫn tin cậy nơi Chúa. Kết quả là, họ đã có thể giữ vững chân lý bằng cách sống thể hiện chân lý ấy ra trong cuộc đời mình. Họ chẳng chối danh Chúa. Do đó, Ngài mở trước mặt họ mọi cánh cửa cơ hội mà không ai đóng được.

3:9 Những người tự xưng là người **Giuda** đang chống đối họ cách cay đắng kia sẽ bị hạ xuống trước mặt những tin hữu đơn sơ này. Những ai xưng mình là tuyền dân của Đức Chúa Trời, nhưng lại thực sự là **hội của quỷ Satan**, thì sẽ buộc phải thừa nhận rằng những Cơ Đốc nhân bị khinh bỉ ấy thật sự là bầy chiên được chọn của Chúa.

3:10 Vì người Philadenphia vẫn giữ vững lẽ thật của Đức Chúa Trời bằng cách sống theo lẽ thật của Ngài trước mặt loài người, nên Chúa sẽ **giữ họ khỏi giờ thử thách**, là giờ sẽ đến trên mọi người ở trên đất. Đây là lời hứa miễn cho họ khỏi Thời Kỳ Đại Nạn được mô tả trong đoạn 6-19. Để ý rằng, họ sẽ được giữ khỏi *giờ* hoặc *nạn*, có nghĩa khỏi toàn bộ thời kỳ này. Họ cũng sẽ được giữ *"ra khỏi"* thời kỳ đó (Hy vận là *ek*), chứ không phải được giữ xuyên qua thời kỳ đó.

"Những người ở trên đất" là một thuật ngữ chuyên môn, nói đến những người biến trần gian này thành quê hương của họ, "người thế gian mà có phần phước mình trong đời bây giờ" (Thi Thiên 17:14b).

3:11 Sự tái lâm của Đấng Christ được đặt trước mặt các thánh đồ này để làm động cơ cho họ vững vàng chịu đựng. Họ đứng để ai cướp mất **mào triều thiên** chiến thắng của mình khi mào ấy gắn trong tầm tay đến như vậy.

3:12 Người thắng sẽ được làm **lạ trong đền Đức Chúa Trời**. Dấu câu này muốn nói gì đi nữa thì vẫn chắc chắn mang ý nói đến sức mạnh, sự tôn

trọng và an ninh đời đời. Người thắng sẽ không bao giờ rời khỏi nơi an toàn và vui mừng này. Người thắng sẽ được viết trên mình ba danh: **Danh Đức Chúa Trời, danh Giêrusalem mới lữ trên trời, bởi Đức Chúa Trời mà xuống, và danh mới của Chúa Jêsus.** Như vậy, người thắng được xác định là thuộc về cả ba danh ấy.

3:13 Ai có tai thì phải lắng nghe sự điệp từ **Thánh Linh** phân cùng các **Hội Thánh.**

Hội Thánh Philadelphia thường được xem là biểu tượng về cuộc thực hành truyền giảng Tin Lành vi đại ở thế kỷ mười tám và đầu thế kỷ mười chín, liên quan đến sự khôi phục lễ nhạt của Hội Thánh và sự hiện đến của Đấng Christ, cũng công tác ra đi truyền giáo thế giới. Tuy những Cơ Đốc nhân Tin Lành thuần túy thực sự được khôi phục trong thời kỳ này, nhưng Satan vẫn cương quyết nỗ lực làm dậy men lên trong Hội Thánh bằng chủ nghĩa duy luật pháp, chủ nghĩa duy lễ nghi và chủ nghĩa duy lý.

6. Gôi Chu Laodixê (3:14-22)

3:14 Tên **Laodixê** có nghĩa "*những người cai trị*" hoặc "*sự đoán xét những người này.*" Chúa Jêsus nói Ngài là **Đấng Amen, Đấng làm chứng thành tin chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời.** Là **Đấng Amen,** Ngài là hiện thân của sự thành tin và lễ thật, là Đấng bảo đảm và làm ứng nghiệm những lời hứa của Đức Chúa Trời. Ngài cũng là Đấng làm cội rễ **cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời,** cả cuộc sáng thế vật chất lẫn sáng thế tâm linh. Cụm từ "**cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa**

Trời" không có nghĩa Ngài là Đấng được dựng nên đầu tiên; Ngài không hề được dựng nên. Trái lại, câu này có nghĩa Ngài đã bắt đầu toàn bộ **cuộc sáng thế.** Câu này không nói Ngài có một khởi đầu, nhưng nói Ngài là **khởi đầu.** Ngài là *nguồn gốc của cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời.* Ngài là Đấng dựng đầu trên toàn cõi tạo vật.

3:15-17 Hội Thánh tại Laodixê không lạnh cũng không nóng. Hội Thánh này **hăm hăm** cách bệnh hoạn. Chúa muốn tha Hội Thánh này ở thái cực thờ ơ tội độ hoặc sốt sáng tội độ. Nhưng không - Hội Thánh này **hăm hăm** đủ để lừa dối người ta phải nghĩ rằng đó chính là Hội Thánh của Đức Chúa Trời, và **hăm hăm** cách đáng ghê tởm về những điều thuộc về Đức Chúa Trời đến nỗi làm Đấng Chi Cao muốn nôn ra. Hơn nữa, Hội Thánh này được đặc trưng bởi sự kiêu ngạo, ngu dốt, tự mãn tự thị.

3:16 Tin hữu ở đây được khuyên phải mua **vàng thử lửa** của Chúa. Có thể điều này nói đến sự công bình của Đức Chúa Trời, là điều được mua không bởi tiền hoặc không phải trả bằng một giá nào cả (Êsai 55:1), nhưng được tiếp nhận như một món quà bởi đức tin nơi Chúa Jêsus. Hoặc có thể câu này nói đến đức tin chân chính, là đức tin khi bị thử **bởi lửa,** thì sanh ra ngợi khen, tôn trọng, vinh hiển khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra (I.Phiêrô 1:7).

Những người này cũng được khuyên phải mua **những áo trắng,** có nghĩa sự công bình thực tiễn trong nếp sống hàng ngày. Và cũng phải

thoa mắt bằng thuốc xúc mắt, tức là có được nghị lực thuộc linh chân chính qua sự soi sáng của Thánh Linh. Lời khuyên này đặc biệt thích hợp, vì Laodixê nổi tiếng là trung tâm của nghề ngân hàng, vải vóc và thuốc - đặc biệt là thuốc thoa mắt.

3:19 Tinh yếu của Chúa dành cho Hội Thánh này được nhìn thấy qua sự quở trách và sửa phạt Hội Thánh ấy. Nếu Ngài không quan tâm, Ngài chẳng cần phải lo lắng. Với lòng dịu dàng nấn ná, Ngài kêu gọi Hội Thánh trên danh nghĩa này hãy cố lòng sốt sắng và ăn năn đi.

3:20 Trong những câu kết thúc, chúng ta có điều mà Scofield gọi là "Nơi chốn và thái độ của Đấng Christ vào cuối thời đại Hội Thánh." Ngài ở bên ngoài Hội Thánh tự xưng này, lịch sự gõ cửa và mời gọi những nhiều cá nhân (không còn là một đoàn dân đông nữa) rời khỏi Hội Thánh bội đạo này để có sự tương giao với Ngài.

Trench nhận định:

Mỗi người đều là chủ nhà của tâm hồn mình; đó chính là đồn lũy của người; người ấy phải mở cửa đồn lũy mình. Người ấy có đặc ân thân khác và đặc quyền từ chối mở cửa. Nhưng nếu người không mở cửa, người đang mù quáng giao chiến với chính phước hạnh của mình, và là một kẻ thắng thế đáng thương.¹¹

3:21 Người chiến thắng được hứa cho dự phần vinh hiển của ngài Đấng Christ và đồng trị vì với Ngài trên đất trong thiên hỷ niên. Những người đi theo Ngài trong sự khiêm nhường, bị khước từ và chịu khổ thì cũng sẽ theo Ngài trong vinh hiển.

3:22 Và rồi một lần cuối nữa, người nghe được khuyên cách nghiêm trang bày lắng nghe tiếng của Thánh Linh.

Dấu giải thích sách Khải Huyền theo lối nào đi nữa, chúng ta cũng không thể phủ nhận Hội Thánh Laodixê trình bày bức tranh sinh động về thời đại chúng ta đang sống. Nếp sống xa xỉ lan tràn từ phía đang khi nhiều linh hồn chết mất vì thiếu Tin Lành. Cơ Đốc nhân đang đội nhiều mào miện thay vì vác thập tự giá. Cảm xúc chúng ta ngày càng bị thôi thúc hướng về thể thao, chính trị, hoặc vô tuyến truyền hình hơn là hướng về Đấng Christ. Người ta ít cảm thấy nhu cầu tâm linh, ít còn khao khát được phục hưng thật. Chúng ta dành những điều tốt nhất trong đời sống mình cho thế giới kinh doanh, sau đó trút cho Chúa những phần còn sót lại của một sự nghiệp đã bị phung phí hết. Chúng ta chậm chạp thân thể mình, là thứ sẽ trở về với bụi đất chỉ trong vài năm ngắn ngủi. Chúng ta tích lũy thay vì từ bỏ, dồn chứa của cải kho báu trên đất thay vì chất chứa trên trời. Thái độ chung ấy là: "Chẳng có gì là quá tốt cho con dân Chúa đâu. Nếu tôi không nuông chiều mình thì còn ai lo cho tôi nữa? Chúng ta cứ dần thân trong thế gian rồi dành chút buổi tối dư thừa của mình cho Chúa." Đây là tình trạng của chúng ta trong đêm trước khi Chúa tái lâm.

III. NHỮNG VIỆC SAU SẼ ĐẾN (Đoạn 4-22)

Giờ đây, chúng ta đến với phần chính thứ ba của sách Khải Huyền. Ba đoạn đầu mô tả thời đại Hội Thánh từ

thời kỳ các sứ đồ cho đến Sự Cát Lên. Bắt đầu từ đoạn này, đề tài là "những điều sau này phải xảy đến."

Có sự ngắt đoạn rõ ràng giữa đoạn 3 và 4. Từ lúc này trở đi, Hội Thánh không hề được nhắc đến như đang còn ở trên đất. Như vậy điều gì đã xảy ra cho Hội Thánh? Chúng ta tin Hội Thánh đã được Chúa cất về Thiên đàng ở cuối đoạn 3.

Sau khi các thánh đồ đã được đưa về Thiên đàng, Chúa sẽ bắt đầu lại những cách xử lý dân Ysraên. Bấy giờ sẽ bắt đầu Con Đại Nạn. Đây là thời kỳ dài bảy năm, trong đó Chúa xử lý dân Do Thái về việc họ chối bỏ Đấng Mêsia. Những ai quay về với Đấng Christ trong Con Đại Nạn sẽ được cứu để vào nước vinh hiển trên đất, còn những ai khước từ Ngài sẽ bị tiêu diệt.

Rất đông người Do Thái sẽ quay về đất Ysraên với lòng vô tín ngay từ đầu Con Đại Nạn (Êxêchiên 36:24,25). Siêu cường Lamà của thế giới sẽ lập hòa ước với người Ysraên, bảo đảm cho họ được tự do thờ phượng (Đaniên 9:27). Thực ra, ba năm rưỡi đầu của Con Đại Nạn sẽ tương đối ôn hòa. Chúa Jêsus mô tả các năm này trong Mathiơ 24:4-14.

Vào giữa Con Đại Nạn, một hình tượng sẽ được lập lên trong đền thờ Giêrusalem, và sẽ có mạng lệnh bắt người ta thờ lạy hình tượng đó bằng không sẽ bị giết (Mathiơ 24:15). Điều này sẽ báo hiệu khởi đầu của Con Đại Hoạn Nạn, là thời kỳ hoạn nạn của nhà Giacóp, tức thời kỳ chịu khổ mà thế giới chưa từng biết đến và cũng sẽ không hề có sau này (Mathiơ 24:21).

Đoạn 4 giới thiệu cho chúng ta khởi đầu Con Đại Nạn. Quang cảnh đầu tiên là ở trên trời, là nơi Giăng được ban sự hiện thấy về vinh hiển của Chúa. Chúa thưởng ban Khải tượng về vinh hiển Ngài cho các tiên tri Ngài trước khi cho phép họ nói trước về tương lai (Êsai 6: Êxêchiên 1). Trong đoạn 1, Giăng nhìn thấy vinh hiển của Đấng Christ trước khi được phép ghi lại lịch sử tương lai của Hội Thánh. Giờ đây, ông được ban Khải tượng về Đức Chúa Trời trước khi ông biết những cơn đoán xét sẽ được đổ ra trên Ysraên và trên người ngoại bang không tin Đấng Christ.

A. Khải Tượng Về Ngai Đức Chúa Trời (Hoạn 4)

4:1 Tiếng mời Giăng lên trời chính là tiếng của Đấng Christ (cũng xem thêm đoạn 10-20). Nhiều người nghiên cứu Kinh Thánh tin rằng việc Giăng vào Thiên đàng chính là hình ảnh Hội Thánh được đưa về quê hương để ở với Chúa tại thời điểm này. (II.Têsalônica 4:13-18; I.Côrinthô 15:51-53). Chúa Jêsus hứa cho Giăng nhìn thấy điều sau này phải xảy đến. Những lời này tương tự với phần cuối của 1:19 và hậu thuẫn cách sử dụng câu này làm bố cục sách Khải Huyền.

4:2,3 Đức Thánh Linh cảm hóa Giăng cách đặc biệt, và ông lập tức nhìn thấy Đức Chúa Trời đời đời ngồi trên ngai Ngài trong oai nghiêm và huy hoàng.

Một số người dựa theo đại đa số các thủ bản đã bỏ qua những chữ "Đấng ngồi đó," khiến những chữ "bích ngọc và mã não" mô tả về ngai thay vì mô tả Chúa. Tuy nhiên, những

ngọc quý này có thể cũng mô tả chính Chúa nữa. Trên bảng đeo ngực của thầy tế lễ thượng phẩm, bích ngọc đại diện cho Rubên, con trưởng nam của Giacóp, và mã não đại diện cho Bêngiamin, con út của Giacóp. Tên Rubên có nghĩa "Này hãy xem, một đứa con trai," và Bêngiamin nghĩa là "con trai tay hữu tôi." Walvoord xem hai loại ngọc quý này bao hàm mọi ngọc quý khác, mô tả toàn bộ dân sự Đức Chúa Trời, và Đấng ngồi trên ngôi là Đức Chúa Trời trong mối tương quan với dân Ysraên.¹²

Cái móng, dường như là một vầng ánh sáng màu xanh lá đáng như **lục bảo thạch**, là lời hứa Đức Chúa Trời sẽ giữ giao ước Ngài, bất luận những cơn đoán xét hầu đến.

4:4 Chúng ta không thể nói chắc chắn được hai mươi bốn trưởng lão này là ai. Người ta hiểu họ theo nhiều cách khác nhau, xem họ như các thiên sứ, như dân sự được chuộc của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, và xem họ như chỉ là các thánh đồ Tân Ước mà thôi. Sự kiện họ đội mũ triều thiên và được ngồi trên ngai gợi ý họ là các thánh đồ đã chịu đoán xét và được ban thưởng.

4:5 Rõ ràng ngai ở đây là ngai đoán xét, cùng với những chớp hoàng, tiếng cồng sấm kinh khiếp của nó. Bày ngọn đèn sáng rực tượng trưng cho Thánh Linh trong sự trọn vẹn và oai nghiêm của Ngài. Chỉ có một Thánh Linh của Đức Chúa Trời, nhưng số bảy đại diện cho sự trọn vẹn và đầy đủ toàn diện.

4:6 Biển trong ngăn giống thủy tinh như pha lê nói cho chúng ta biết

ngôi được đặt tại chỗ không bị khuấy rối bởi những luồng sóng đối lập hoang dại không ngừng của thế gian này, cũng không bị khuấy rối bởi sự chống đối của kẻ ác, là những người giống như biển không yên được.

Tại ngôi có bốn con sanh vật, **đứng trước** **đứng sau** chỗ nào cũng có **mắt**. Điều này nói đến tính rõ ràng, sâu rộng của tầm nhìn.

4:7,8 Thật khó xác định bốn sanh vật này. Tất cả những gì chúng ta có thể nói chắc chắn ấy là bốn sanh vật này là loài thọ tạo vì chúng thờ phượng Đức Chúa Trời. Dường như chúng là sự kết hợp cherubin trong Êxêchiên 10 với sêraphin trong Êsal 6. Câu 7 mô tả cherubin và câu 8 mô tả sêraphin. Các thiên sứ này là những đấng canh gác ngai Đức Chúa Trời. Cherubin dường như liên hệ đến sự đoán xét thiêu cháy, và các sêraphin có liên hệ với sự thanh tẩy thiêu đốt.

Lời mô tả trong câu 7 tương tự với phương cách trình bày Đấng Christ trong các sách Tin Lành:

Sư tử - Mathê - Vua;

Bò con hay **bò đực** - Mác - tôi tớ;

Người - Luca - Con Người;

Chim phụng hoàng - Giăng - Con Đức Chúa Trời.

Các sinh vật sống hát không dứt về đức thánh khiết và đời đời của Đức Chúa Trời. Hầu hết các thủ bản thực sự ghi chín lần chữ thánh ở đây, mang phong thái Ba Ngôi rất mạnh mẽ.

4:9,10 Mỗi khi các sanh vật thờ phượng Đấng đời đời từ trên ngôi, ... thì hai mươi bốn trưởng lão sấp mình

xuống, **lời phượng Đức Chúa Trời đời đời, rồi quang mào triếu thiên minh trước ngôi.**

4:11 Sự thờ phượng của họ công nhận Chúa là Đấng đáng được vinh hiển, tôn quý và quyền lực vì Ngài đã dựng nên muôn vật, và vì ý muốn Chúa mà muôn vật mới hiện hữu.

Khải tượng này chuẩn bị chúng ta cho điều sắp đến tiếp theo. Đức Chúa Trời được nhìn thấy là Đấng Toàn Năng Cai Trị toàn cõi vũ trụ, Đấng đang ngồi trên ngôi vinh hiển Ngài, chung quanh có các sanh vật đang thờ phượng Ngài, và Ngài sắp giáng cơn đoán xét xuống đất.

B. Chiên Con và Bảy Cuốn Sách Đầy Ấm (Boga 5)

5:1 Ở đây, Giảng thấy Đức Chúa Trời đang cầm cuốn sách có đóng bảy cái ấn. Cuốn sách chứa đựng hồ sơ những sự đoán xét phải giáng trên đất trước khi Chúa Jêsus có thể thiết lập vương quốc Ngài.

5:2,3 Một thiên sứ mạnh mẽ kêu gọi người xứng đáng mở cuốn sách và tháo các ấn, từng ấn một. Không một ai, cả ở trên trời, trên đất hoặc bên dưới đất, được xem là đủ tư cách mở cuốn sách hay đọc nó. Không một thiên sứ, không một con người nào, cũng không một ma quỷ nào có khôn ngoan và tri thức để thi hành sự đoán xét cả.

5:4 Giảng khóc ròng khi dường như không có ai xứng đáng mở cuốn sách ấy. Có phải điều này muốn nói những bất công sai quấy trên trần gian sẽ vô phương chỉnh đốn, người công bình sẽ không bao giờ được minh oan

hay được bình vực, kẻ ác sẽ khỏi bị hình phạt? Có phải điều này muốn nói nước Chúa sẽ không đến vì cơ sự thanh tẩy đất vốn cần thiết kia sẽ bị ngăn trở chăng?

5:5 Một trong các trưởng lão an ủi Giảng với tin mừng là sự tử của chi phái Giuđa, tức là Chôi (Đấng Tạo Hóa và Tổ Phụ) của Davit, đủ tư cách mở cuốn sách ấy và tháo các ấn, bởi đó giáng những cơn đoán xét xuống. Chúa Jêsus đủ tư cách làm Quan Án bởi sự khôn ngoan vô hạn của Ngài, bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời (5:22,27), bởi sự xuất sắc của chính Ngài, và bởi công tác của Ngài tại Côgôtha.

Trong sách Khải Huyền, Chúa chúng ta được trình bày vừa là Chiên Con, vừa là Sư Tử. Là Chiên Con Đức Chúa Trời, Ngài là Đấng làm của tế lễ hy sinh, cất bỏ tội lỗi của thế gian. Là Sư Tử, Ngài là Quan Án, để hình phạt kẻ thù Ngài. Khi hiện đến lần thứ nhất, Ngài là Chiên Con. Khi Tái Lâm, Ngài sẽ là Sư Tử.

5:6 Khi Giảng nhìn xem, ông thấy ngôi, xung quanh là bốn sanh vật và các trưởng lão. Ở giữa, một Chiên Con đứng đó trông như thể vừa mới bị giết. Chiên Con có bảy sừng (toàn năng) và bảy mắt (toàn tri). Việc Ngài có bảy vị thần của Đức Chúa Trời nhắc chúng ta nhớ Chúa Jêsus được ban đầy trọn Thánh Linh (Giăng 3:34b). Bảy vị thần của Đức Chúa Trời sai xuống khắp thế gian gợi ý sự toàn tại.

5:7,8 Ngay khi Chiên Con lấy cuốn sách đoán xét ở tay hữu Đức

Chúa Cha, các sanh vật và các trưởng lão sấp mình xuống trước mặt Chiên Con. Mỗi người đều cầm một cây đờn và những bình vàng đầy hương, tượng trưng lời cầu nguyện của các thành đố, có lẽ là lời cầu nguyện của những người tuận đạo đang kêu cầu Đức Chúa Trời báo thù huyết cho họ (ô:10). Dầu họ cầm những lời cầu nguyện, không hề có cầu nào gợi ý họ trình những lời cầu nguyện ấy cho Đức Chúa Trời hay dự phần gì trong việc nhậm những lời cầu nguyện ấy.

5:9,10 Trong bài ca mới của họ, họ xưng Chiên Con là Đấng xứng đáng thi hành sự đoán phạt vì công tác cứu chuộc của Ngài trên thập tự giá. Người ta thắc mắc liệu những phân vật này có kể mình vào trong số người được chuộc ("đã chuộc chúng ta cho Đức Chúa Trời" - Bản NKJV), hay nên hiểu như trong một số bản dịch: "Và đã chuộc cho Đức Chúa Trời những người thuộc về mọi chi phái, mọi tiếng mọi dân tộc, mọi nước".¹³

Không những cứu chuộc họ, Chúa còn khải các tín hữu trở thành các vua¹⁴ (Bản NKJV) và thấy tế lễ để thờ phượng Ngài, để làm chứng về Ngài, và để đồng cai trị với Ngài trên đất trong thiên hy niên.

5:11 Điệp khúc này mở rộng khi vô số thiên sứ cùng với các sanh vật và các trưởng lão đồng hát lên, ban hát lên đến hàng triệu, có lẽ hàng tỉ người, bết thấy đến hòa ca hoàn hảo với nhau.

5:12 Bài ca chúc tụng của họ chính là bài tín hữu sẽ hát trong suốt

cõi đời đời. "Chiên Con đã chịu giết đáng được:

Quyền phép - trên đời sống tôi, trên Hội Thánh, thế gian, cõi vũ trụ;

Giàu có - Mọi bạc vàng của tôi;

Khôn ngoan - Mọi tinh túy của trí lực tôi;

Năng lực - Sức mạnh thuộc thể của tôi để phục vụ Ngài;

Tôn quý - khao khát thuần khiết và duy nhất để tôn vinh Ngài trong mọi nếp sống tôi;

Vinh hiển - toàn bộ đời sống tôi được dành riêng để làm vinh hiển Ngài;

Ngợi khen" - mọi năng lực của tôi để ca ngợi Ngài.

5:13 Bảy giờ bản nhạc trở thành âm giai vang dội đầy đủ và sâu lắng của một bài ca hòa điệu. Mọi vật dựng nên trên trời, dưới đất, bên dưới đất, cùng nhau dâng lên lời ngợi khen, tôn quý vinh hiển và quyền phép cho Đức Chúa Cha và cho Chiên Con.

Câu Kinh Thánh này tương tự với Philip 2:10 và 11, là câu quả quyết mọi đầu gối sẽ quỳ xuống khi nghe đến danh Chúa Jesus và mọi lưỡi thấy đều tôn xưng Ngài là Chúa. Ở đây không đề cập một thời điểm cụ thể nào, nhưng hiển nhiên sau khi những người được cứu sống lại để được hưởng sự sống đời đời và sau đó những người chưa được cứu sẽ sống lại để bị đoán xét đời đời. Tín hữu bảy giờ đã công nhận Chúa Jesus làm Chúa rồi; nhưng người chưa tin Chúa bảy giờ sẽ buộc phải tôn vinh Ngài. Sự tôn vinh khắp cõi vũ trụ dành cho Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con là một sự thực đã được bảo đảm.

5:14 Đã đến phần cuối của bản hoà tấu! Khi bốn sinh vật nói "Amen," các **trường lão** sắp mình xuống thờ lạy Chúa trên ngôi là **Đấng sống đời đời** (trong Bản NKJV).

C. Théo Sáu Cái Áo (Đoạn 6)

6:1,2 Khi Chiến Con mở ấn thứ nhất, một trong bốn sinh vật kêu lên "Hãy đến xem"¹⁵ Đáp lại, một kỳ mã, có lẽ Antichrist, cầm một cái cung, đến trên con ngựa bạch để chinh phục và đến đầu cũng thắng. Có thể điều này đại diện cho điều ngày nay gọi là chiến tranh lạnh. Cái cung gợi lên mối đe dọa của chiến tranh, nhưng không hề nhắc đến mũi tên. Có lẽ thậm chí còn gợi ý đến chiến tranh tên lửa, vì cung là vũ khí chiến đấu từ xa. Trên thực tế kỳ mã này không *gây nên* cuộc chiến tranh; không cần phải đợi đến ấn thứ nhì thì hòa bình cũng đã bị cất khỏi đất rồi.

6:3,4 Sinh vật thứ nhì kêu kỳ mã thứ nhì đến. Kỳ mã này mang một thanh gươm lớn, cưỡi trên con ngựa sắc hồng (bản NKJV là "sắc đỏ như lửa"). Thanh gươm được sử dụng trong chiến trận xáp lá cà. Vì vậy, ấn thứ nhì suy tinh đến khả năng các đạo binh xâm lăng trong trận chiến xáp lá cà đẫm máu. Kỳ mã thứ nhì cất lấy hòa bình khỏi thế gian.

6:5,6 Vâng theo lời của sinh vật thứ ba, một kỳ mã cầm cái cân đến trên lưng ngựa ô. Điều này tượng trưng cho cơn đói kém, tình trạng thường đến tiếp sau chiến tranh. Có tiếng từ giữa bốn sinh vật công bố hòa mĩ và lúa mạch sẽ bán với giá quá đắt. Cái cân được dùng để đo lường ngũ

cốc chla theo khẩu phần, bởi đó làm biểu tượng về cơn đói kém. Cụm từ "chờ làm hại đến dầu và rượu" (bản Việt Ngữ là "dầu và rượu chờ động đến") thật khó hiểu. Có người nói đây là thức ăn của người nghèo. Nếu là những lương thực chính thì người ta phải bảo vệ chúng để bảo tồn mạng sống. Tuy nhiên, rất có thể ở đây đang tiên liệu những thứ xa xỉ của người giàu: trong lịch sử, ngay cả giữa cơn đói kém, người giàu vẫn có thể có những thứ xa xỉ nào đó.

6:7,8 Sinh vật thứ tư gọi con ngựa vàng vội đến với những kỳ mã là **Sự Chết** và **Âm Phủ**. Sự Chết liên hệ đến thân thể và Âm Phủ liên hệ đến linh và hồn. Bởi chiến tranh, đói kém, dịch lệ và các loài thú dữ, một phần tư cư dân trên đất bị tiêu diệt. Có thể chúng ta nghĩ dịch lệ không còn là mối đe dọa nhờ các loại thuốc kháng sinh và các loại thuốc tuyệt vời của thời hiện đại. Tuy nhiên, những cơn đại bệnh gây chết người vẫn chưa bị chinh phục, nhưng chỉ mới nằm yên bất động đó mà thôi. Chúng có thể lan tràn khắp thế giới nhanh như được chuyên chở bằng máy bay phản lực vậy.

6:9 Đến đây, chúng ta được giới thiệu với những người tuận đạo đầu tiên của Thời Kỳ Đại Nạn (Mathiơ 24:9), là những tin hữu Do Thái ra đi rao giảng Tin Lành Nước Trời và bị giết vì lời chứng của họ. Linh hồn của họ ở dưới bàn thờ trên Thiên đàng.

6:10 Họ kêu lớn tiếng với Chúa tột cao¹⁶ xin được báo thù huyết cho mình. Như đã nói trước đây, "những

kẻ ở trên đất" nói đến những người chưa tin Chúa đang hướng về trần gian này như que hương của họ.

6:11 Áo dài trắng được ban cho những người tuân đạo, là biểu tượng về sự công bình của họ. Họ được truyền chờ đợi cho đến khi đủ số những người tuân đạo trong Cơ Đại Nạn.

6:12,13 Khi thảo ấn thứ sáu, những chấn động lớn lao trong cõi thiên nhiên xảy đến. Mọi cơn động đất lớn làm rung động đất và biển, và bầu trời lình tú bị rối loạn. Mặt trời trở nên tối tăm và mặt trăng biến thành đỏ như máu. Các vì sao sa xuống đất giống như trái và chín khi cây và bị rung dờ dật.

6:14 Bầu trời bị dời đi dường như thể một tấm da bị cuốn lại. Mọi núi và đảo bị dời chỗ bởi những biến động lớn lao.

6:15 Chẳng lấy gì làm lạ, mọi tầng lớp trong xã hội đều hoảng kinh. Khi biết Đức Chúa Trời đang trút cơn thịnh nộ Ngài xuống, họ ấn mình trong hang hốc cùng giữa các hòn đá lớn trên núi.

6:16,17 Họ muốn bị núi và đá đang rơi xuống nghiền nát họ hơn là chịu sự đoán phạt của Đức Chúa Trời và cơn thịnh nộ của Chiên Con. Họ đã nhận ra quá muộn màng rằng không một kẻ nổi loạn nào có thể đứng nổi trước cơn thịnh nộ của Chiên Con.

D. Người Bức Cờ Trong Cơ Đại Nạn Hạn (Bản 7)

Đoạn 7 xuất hiện giữa ấn thứ sáu và ấn thứ bảy, giới thiệu cho chúng ta hai cộng đoàn quan trọng của tín hữu.

Đoạn này trả lời câu hỏi ở cuối chương 6: "Ai đứng nổi?" Những người được mô tả trong đoạn này sẽ đứng nổi theo ý nghĩa họ sẽ được chứa lại để bước vào thiên hỷ niên với Đấng Christ.

7:1-4 Sự hiện thấy về bốn thiên sứ đứng ở bốn góc đất cầm bốn hướng gió lại, muốn nói rằng trận bão lớn sắp bùng lên trên thế gian. Tuy nhiên, các thiên sứ này được truyền phải hoãn sự hủy diệt kinh khiếp này cho đến khi những lời lẽ của Đức Chúa Trời được đóng ấn trên trán. Mười hai ngàn người từ mỗi chi phái trong mười hai chi phái Ysraên bảy giờ được đóng ấn.

7:5-8 144.000 người này rõ ràng là những tín hữu Do Thái, chứ không phải thành viên của một số tà giáo ngoại bang nào đó ở thế kỷ hai mươi. Những thánh đồ Do Thái này được cứu trong phần đầu Cơ Đại Nạn. Dấu ấn trên trán xác định họ thuộc về Đức Chúa Trời, và bảo đảm họ sẽ được giữ còn sống trong bảy năm tiếp theo.

Danh sách này vắng mặt hai chi phái: Épraim và Đan. Có lẽ họ bị bỏ qua vì là những người dẫn đầu trong tội thờ hình tượng. Có người nghĩ Antichrist sẽ ta từ chi phái Đan (Sáng Thế Ký 49:17). Các chi phái Giôxép và Lêvi được đưa vào trong danh sách, rõ ràng Giôxép đại diện cho con trai của ông là Épraim.

7:9 Những người được mô tả trong phần này là người ngoại bang từ mọi nước, mọi chi phái mọi dân tộc, mọi tiếng. Họ đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo dài trắng (những hành động công bình của các thánh

đó, 19:8) tay cầm hành chày là, là biểu tượng về chiến thắng.

7:10 Đây là những người ngoại bang sẽ được cứu trong Cơ Đại Hoạn Nạn vì tin cậy Đức Chúa Jêsus. Trong bài ca của họ, họ ca tụng và vui mừng về sự cứu rỗi mình, bởi sự cứu rỗi ấy thuộc về Đức Chúa Trời và Chiên Con của họ.

7:11,12 Hết thầy thiên sử và các trưởng lão cùng bốn con sanh vật cùng nhau thờ phượng Đức Chúa Trời, dấu vậy trong lời ca ngợi của họ không nói đến để tài sự cứu chuộc. Đúng như một tác giả bài Thánh ca có nói: "Các thiên sử không hề cảm thấy niềm vui nơi sự cứu rỗi của chúng ta đem lại." Nhưng họ thực sự hát ca ngợi Chúa và tuyên xưng Ngài xứng đáng với bảy hình thức lần trong khác nhau.

7:13,14 Khi một trong các trưởng lão hỏi Giăng xem những người mặc áo dài trắng kia là ai và họ đến từ đâu, Giăng nói mình không biết nhưng ước ao muốn biết. Lúc bấy giờ, vị trưởng lão này giải thích rằng đó là những kẻ ra khỏi cơn đại nạn, đã giặt và phẩy trắng áo mình trong huyết Chiên Con. F. B. Meyer nói rằng: "Khi chúng ta đối mặt trực tiếp với lẽ mầu nhiệm không thể giải thích được, thật an ủi biết bao khi có thể lấy đức tin trọn vẹn nói rằng: 'Lạy Chúa, Chúa biết điều đó.'"

7:15 Vị trưởng lão này tiếp tục giải thích địa điểm và sự phục vụ hiện tại của những người kia. Người nghiên cứu Kinh Thánh không đồng ý với nhau về việc đoàn người ngoại bang này đang được nhìn thấy ở trên trời

hay ở trên đất trong thiên hy niên. Các phước hạnh mô tả ở đây đều đúng cho cả hai địa điểm ấy. Nếu đang nói đến thiên hy niên, thì ngôi Đức Chúa Trời và đền thờ Ngài nói đến đền thờ sẽ được cất tại Giêrusalem trong Thời Đại Nước Chúa (Êxêchiên 40-44).

Để ý những phước hạnh được mô tả ở đây:

Sự gần gũi trọn vẹn: Ấy vì đó mà chúng được ở trước ngai Đức Chúa Trời.

Sự phục vụ trọn vẹn: và ngày đêm hầu việc Ngài trong đền Ngài.

Sự thông công trọn vẹn: còn Đấng ngai trên ngai sẽ che chở chúng dưới trại Ngài.

7:16 Sự thỏa mãn trọn vẹn: Chúng sẽ không đói, không khát nữa.

Sự an ninh trọn vẹn: cũng không có mặt trời, hoặc cơn nắng gắt nào hại đến mình.

7:17 Sự dẫn dắt trọn vẹn: Vì Chiên Con ở giữa ngai sẽ chân giữ và đưa chúng đến những suối nước sống (chú thích ngoài lề của bản NKJV).

Sự vui mừng trọn vẹn: Đức Chúa Trời sẽ lau hết nước mắt nơi mắt chúng.

E. Ấn Thứ Bảy Và Hết Sáu Bảy Ngai Lo (Đoạn II, B)

B:1 Sau phần mở ngoặc của đoạn 7, qua đó chúng ta thấy hai cộng đoàn của các thánh đó trong Cơ Đại Nạn, giờ đây chúng ta đến với ấn thứ bảy và là ấn cuối cùng. Phần này được giới thiệu bởi ba mươi phút yên lặng trên trời, sự im lặng đáng kinh sợ đến trước những cơn đoán phạt càng kinh khiếp hơn trước.

8:2 Ở đây không nhắc đến sự đoán phạt cụ thể nào khi thảo án thứ bảy. Câu chuyện đi trực tiếp vào bảy sự đoán xét của các ống loa. Từ đây, chúng ta suy ra án thứ bảy *bao gồm bảy ống loa*.

8:3,4 Thiên sứ trong câu này thường được xem là Chúa Jêsus. Ngài được gọi là Thiên Sứ Cửa Đức Giêhôva trong Cựu Ước (Sáng Thế Ký 16:13; 31:11,13; Các Quanxét 6:22, Ôsê 12:3,4). Lời cầu nguyện của mọi thánh đồ dâng lên đến Đức Chúa Cha qua Chúa Jêsus (Êphêso 2:18). Ngài lấy nhiều hương để dâng hương ấy lên với các lời cầu nguyện. Hương nói đến hương thơm của Thân Vị và công tác Ngài. Đến lúc những lời cầu nguyện này đến tai Đức Chúa Cha, chúng hoàn toàn không bị vơi và có hiệu lực hoàn hảo.

Trong văn mạch, những lời cầu nguyện này là lời cầu nguyện của các thánh đồ trong Cơ Đại Nạn, cầu xin Đức Chúa Trời bênh phạt kẻ thù của họ, dấu vấy thứ tự này đúng cho mọi lời cầu nguyện.

8:5 Để đáp lại những lời cầu nguyện của họ, thiên sứ quăng than cháy đỏ xuống đất, gây nên những tiếng nổ lớn, sấm sét, các tiếng chớp nhoáng và đất động. Đúng như H. B. Swete nói: "Lời cầu nguyện của các thánh đồ quay trở lại đất này trong cơn thanh ô." ¹⁷ Như vậy, những đoán phạt của bảy ống loa được giới thiệu bởi sự rung động dữ dội trong cõi thiên nhiên.

8:6 Giờ đây chúng ta đến giữa Cơ Đại Nạn. Những sự đoán xét của các

ống loa đưa chúng ta đến thời điểm Đấng Christ trở lại trần gian, tiêu diệt kẻ thù Ngài, và khai mạc vương quốc Ngài. Bốn sự đoán phạt đầu tác hại đến môi trường thiên nhiên của loài người; ba sự đoán phạt cuối đụng đến chính con người. Nhiều nhà giải kinh lưu ý sự giống nhau giữa các tai vạ này với những tai vạ đã giáng trên Êđiptô (Xuất Êđiptô Ký 7-12).

8:7 Khi vị thiên sứ thứ nhất thổi loa, một phần ba đất (chú thích ngoài lề của NKJV), cây cối, cỏ xanh bị thiêu cháy bởi mưa đá và lửa pha với huyết. Tốt nhất nên hiểu điều này theo nghĩa đen như là một tai họa khủng khiếp giáng trên các khu vực mà con người đang kiếm được hầu hết lương thực của mình.

8:8,9 Có một khối tựa như hòn núi lớn đang bốc cháy bị ném xuống biển, biến một phần ba biển thành huyết, tiêu diệt một phần ba sinh vật trong biển, hủy phá một phần ba lâu bẹ. Điều này không những càng làm giảm mạnh nguồn cung cấp lương thực tại địa phương của loài người, mà còn làm giảm phương tiện kiếm lương thực từ các phương xa.

8:10,11 Ống loa thứ ba báo hiệu sự rơi xuống của một ngôi sao chói sáng được gọi là Ngài Cứu, khiến một phần ba nước cung cấp cho loài người trở nên đắng từ tận trong nguồn. Dường như nước đắng này cũng độc nữa, vì rất nhiều người chết. Khó xác định được ngôi sao Ngài Cứu. Khi thổi ống loa này lên, những câu Kinh Thánh này sẽ hoàn toàn rõ ràng cho mọi cư dân trên đất. Khi nghiên cứu

lời tiên tri, nên nhớ rằng có rất nhiều điều vẫn chưa rõ ràng cho đến khi chúng thực sự xảy ra.

8:12 Đường như mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao sẽ bị hủy hoại đến nỗi chúng chỉ còn một phần ba độ sáng bình thường. Ống loa thứ tư này tương tự với tai vạ tối tăm ở xứ Éđiôpô.

8:13 Chim phụng hoàng (chủ thích lễ của bản NKJV)¹⁸ bay giữa trời công bố lời rửa sà khốn thay ba lần cho những dân sự trên đất, có nghĩa những người mà quan điểm sống của họ hoàn toàn chú vào thế gian này, những người lập quê hương trên đất này, và những người không phải là tín hữu thật. Ba sự đoán xét còn lại cũng còn được gọi là ba lời rửa sà khốn thay vì ánh hưởng khủng khiếp của chúng trên con người.

9:1,2 Ngôi sao từ trời rơi xuống đất này có thể là một thiên sứ sa ngã, hoặc thậm chí là chính Satan. Hần cấm chìa khóa của vực sâu không đáy (là vực sâu "abyss" trong Hy văn). Đây là nơi ở của ma quỷ. Khi hần mở cửa vào chốn vực sâu, luồng khói lớn bốc lên, dường như ra từ lò lửa lớn, làm tối tăm quang cảnh khắp nơi.

9:3,4 Hạng đàn châu chấu tuôn ra từ luồng khói này, có khả năng gây đau đớn kinh khiếp như nọc của bọ cạp. Nhưng quyền của chúng bị hạn chế. Chúng bị cấm làm hại cây cỏ. Nạn nhân của chúng là những người không có ấn của Đức Chúa Trời ở trên trán, có nghĩa hết thấy họ đều chưa tin Chúa.

9:5,6 Dấu nọc của chúng không gây chết người, nhưng chúng gây đau

đơn suốt năm tháng. Đau đớn kinh khiếp đến nỗi họ muốn chết, nhưng không chết được. Có lẽ những châu chấu này tượng trưng cho ma quỷ, mà khi chúng được thả ra khỏi vực sâu sẽ ám lấy những người nam và nữ chưa được cứu. Tình trạng quỷ ám này gây ra sự đau đớn kinh khiếp nhất trong thể xác và tra tấn khủng khiếp trong tinh thần, cũng giống như đã xảy ra cho Quân Đoàn trong Mác 5:1-20.

9:7 Lời mô tả về những châu chấu này nhằm mục đích tạo ấn tượng về cuộc chinh phục và chiến thắng. Giống như những ngựa sấm sấn để đem ra chiến trận, chúng là đạo binh đi chinh phục. **Đội mào triều thiên** tựa hồ bằng vàng, chúng được phép cai trị đời sống con người. Với những khuôn mặt như khuôn mặt người, chúng là những tạo vật có trí thông minh.

9:8-10 Có tốc giống như tốc đàn bà, chúng hấp dẫn và quyến rũ. Với răng tựa như răng sư tử, chúng dữ tợn và tàn bạo, với giáp ngực như giáp bằng sắt, thật khó tấn công và tiêu diệt chúng. Với cánh tạo ra những tiếng động lớn, chúng gây kinh hoàng và làm nhụt nhuệ khí. **Đuôi như bọ cạp** trang bị chúng để tra tấn cả về mặt thể xác lẫn tinh thần. **Quyền hạn người ta trong năm tháng** của chúng nói đến sự khốn khổ không chút thuyên giảm.

9:11 Chúng có vua... tiếng Hêbrơ gọi là **Abaddon** (sự hủy diệt), còn tiếng Gêréc là **Abôlyôn** (Apollyon - kẻ hủy diệt). Người ta thường hiểu câu này nói đến Satan.

9:12 Lời thứ nhất trong ba lời rửa sà khốn thay đã qua. Điều tệ hại nhất

vẫn chưa đến. Những con đoán xét này càng mãnh liệt hơn nữa.

9:13-15 Câu nhắc đến bàn thờ bằng vàng đặt trước mặt Đức Chúa Trời liên kết sự đoán xét tiếp theo với những lời cầu nguyện từ dân sự bị hà hiếp của Đức Chúa Trời. Vị thiên sứ thổi loa thứ sáu phóng thích bốn thiên sứ bị trói trên bờ sông cái Ôphurat. Bốn thiên sứ này - có lẽ là ma quỷ - đã bị giữ sẵn sàng cho giờ phút chính xác này để đi ra giết một phần ba loài người.

9:16,17 Theo sau bốn vị này còn có hai¹⁹ trăm triệu kỵ mã đang cưỡi trên lưng ngựa với giáp ngực màu lửa, màu lía, màu lưu hoàng. Đầu những con ngựa này như đầu của sư tử, và miệng phun lửa, khói và diêm sanh (lưu huỳnh).

9:18,19 Ba thứ lửa, khói và diêm sanh này đại diện ba tai vạ sẽ giết chết một phần ba loài người. Những con ngựa này không những dùng miệng để giết chết người, chúng còn dùng những đuôi giống con rắn để làm con người bị thương nữa.

Trong phần đoạn này có rất nhiều thắc mắc không giải đáp được. Bốn thiên sứ trong câu 14 có phải cũng là bốn thiên sứ trong 7:1? Những kỵ mã này thực sự là người, hay chúng tượng trưng cho ma quỷ, bệnh tật hoặc các thế lực hủy diệt khác? Ba tai vạ được mô tả là lửa, khói và diêm sinh này là gì?

Điều đáng lưu ý ấy là sự chết xảy ra bởi những con ngựa, chứ không bởi kỵ mã. Một tác giả gợi ý rằng đạo binh hùng hậu của những kỵ mã này có thể

làm biểu tượng cho "sự đánh lừa đầy ảo tưởng và không thể cưỡng được của ma quỷ, đến từ Phương Đông." Hamilton Smith nói:

"Quyền phép của những ngựa ấy ở nơi miệng" có thể cho thấy chúng hoang tưởng này sẽ được trình bày với toàn bộ lối nói hùng biện đầy thuyết phục. Nhưng đằng sau ảo tưởng ấy chính là quyền lực của Satan, được làm biểu tượng qua những đuôi giống như rắn của chúng.²⁰

9:20-21 Dấu hai phần ba loài người còn sống sót qua những tai vạ này, họ vẫn không chịu ăn năn, nhưng lại cứ tiếp tục sắp mình xuống trước ma quỷ và những hình tượng do tay loài người làm nên, là những hình tượng không có sức sống và vô năng. Họ không từ bỏ những tội giết người, tà thuật (có liên quan đến thuốc men thuốc phlặng²¹), gian dâm, và trộm cướp. Sự hình phạt và sự chịu khổ không thể thay đổi tính cách của tội nhân, chỉ có sự tái sinh mới thay đổi được tính cách tội nhân.

F. VỊ THIÊN SỨ SỨC MẠNH VÀ CUỐN SÁCH NHỎ (ĐOẠN 10,11)

10:1 Bảy giờ Glăng nhìn thấy một vị thiên sứ khác sức mạnh lắm ở lên trời xuống. Lời mô tả này khiến nhiều người tin vị thiên sứ này là Chúa Jesus. Thiên sứ này có cái móng trên đầu, là dấu hiệu về giao ước của Đức Chúa Trời. Mặt người giống như mặt trời, một thành ngữ chỉ về sự vinh hiển không hề bị che khuất. Chân người giống như trụ lửa, các trụ nói về sức mạnh và lửa nói về sự đoán xét.

10:2 Thiên sử này cầm **mọi quyển sách nhỏ** hay cuộn sách (scroll), rõ ràng là sách ghi lại những sự đoán xét sắp xảy đến. Với **chân hữu** mình đặt trên biển, **chân tả** đặt trên đất, đấng này công bố **quyển thống trị** khắp thế gian của mình.

10:3-6 Khi đấng này kêu lên một tiếng lớn, ... thì bảy tiếng sấm rền lên. Dường như Giăng có thể hiểu sự điệp của những tiếng sấm này, nhưng khi sắp viết ra, vị thiên sử lại ngăn cấm ông. Đến lúc đó, vị thiên sử này chỉ Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo Hóa, mà **thế rằng sẽ không còn lời tri hoãn** nào nữa.

10:7 Sự **mẫu nhiệm** của Đức Chúa Trời sẽ **nên trọn** trong thời điểm của ông loa thứ bảy. Sự **mẫu nhiệm** của Đức Chúa Trời liên quan đến kế hoạch Ngài hình phạt mọi kẻ làm ác và khai mạc vương quốc của Con Ngài.

10:8,9 Giăng được truyền phải **ấn cuốn sách nhỏ** kia, có nghĩa ông phải đọc và suy gẫm về những sự đoán xét được ghi lại trong sách đó.

10:10 Như lời thiên sử báo trước, cuốn sách **ngọt như mật trong miệng**, nhưng **đắng trong bụng** ông. Đối với tín hữu, thật ngọt ngào biết bao khi đọc về lòng quyết tâm của Đức Chúa Trời để tôn vinh Con Ngài tại chính nơi Con Ngài đã từng bị đóng đinh. Thật ngọt ngào khi đọc Đức Chúa Trời chiến thắng Satan và mọi đạo binh của Satan. Thật ngọt ngào khi đọc về lúc mọi điều gian ác sai quấy trên đất sẽ được sửa lại. Nhưng cũng có sự cay đắng gắn liền với việc nghiên cứu lời tiên tri. Có cay đắng của sự tự đoán

xét mà những câu Kinh Thánh tiên tri đem lại. Thật cay đắng khi nhìn thấy những sự đoán xét sắp phải giáng trên Do Thái giáo bội đạo và Cơ Đốc giáo giới bội đạo. Và thật cay đắng khi suy nghĩ đến số phận đời đời của mọi người nào khước từ Cứu Chúa.

10:11 Giăng được truyền phải **nói lên** lời về **những dân**, **những nước**, **những tiếng** và **những vua**. Các đoạn còn lại trong sách Khải Huyền làm trọn mạng lệnh này.

C. Hai Nhân Chứng (11:1-14)

11:1,2 Giờ đây Giăng được truyền phải **đo** đến **thờ** và **bàn thờ**, và **đếm số** những người thờ phượng. Việc đo đạc ở đây dường như mang ý bảo tồn. Ông sẽ **không phải** đo hành lang **dân ngoại** vì nó sẽ bị các dân giày đạp **trong bốn mươi tháng** - là giai đoạn cuối Thời Kỳ Đại Nạn (xem Luca 21:24). **Đến thờ** được nói đến ở đây là đến thờ sẽ tọa lạc tại Giêrusalem trong Con Đại Nạn. Việc đếm số những người thờ phượng có thể cho thấy Đức Chúa Trời sẽ giữ gìn những người thờ phượng còn sót lại cho chính Ngài. **Bàn thờ** mô tả phượng liện để họ sẽ đến gần Ngài, tức là công tác của Đấng Christ tại Gôgôtha.

11:3 Đức Chúa Trời sẽ **đẩy lên hai chứng nhân** trong nửa cuối Con Đại Nạn. **Mặt áo bao gai**, là biểu tượng về sự than khóc, họ sẽ kêu la nghịch cùng tội lỗi của dân sự và công bố sự phán nọ sắp đến của Đức Chúa Trời.

11:4 Hai chứng nhân được vì với hai cây **ôlive** và hai **chân đèn**. Là **cây ôlive**, họ được **đầy dẫy** Thánh Linh (dầu). Là **chân đèn**, họ làm chứng cho

lẽ thật của Đức Chúa Trời trong ngày tới tằm. (Để biết phần đoạn tương ứng trong Cựu Ước, xem Xachari 4:2-14.)

11:5 Trong ba năm rưỡi, các chứng nhân này được giữ gìn bởi phép lạ để khỏi bị hại. Lửa ra từ miệng họ thiêu đốt kẻ thù của họ, và ngay cả nỗ lực để làm hại họ cũng bị trừng phạt bằng sự chết.

11:6 Họ có quyền giáng hạn hán trên đất, biến nước thành huyết, và khiến các lở tai nạn làm hại trên đất. Chẳng lấy gì làm lạ khi người ta thường liên tưởng họ đến Môise và Êti. Quyền biến nước thành huyết và khiến các tai nạn làm hại trên đất nhắc chúng ta nhớ công việc Môise đã làm tại Êđiptô (Xuất Êđiptô Ký 7:14-20; 8:1-12:29). Quyền năng của họ trên lửa và thời tiết nhắc chúng ta nhớ đến chức vụ của Êti (I.Các vua 17:1; 18:41-45; II.Các vua 1:9-12).

McConkey nói:

Họ sẽ cảnh cáo những người tụ tập đông đảo quanh đền thờ của Người Tội Lỗi, là nhân vật chúng đến để thờ phượng. Hai chứng nhân sẽ khuyến cáo đoàn người về thời khắc chiến thắng ngàn người của người tội lỗi; về sự luận đến của Chúa Jesus để tiêu diệt hẳn; về những hiểm họa do Cơn Đại Nạn này sắp giáng xuống; về nhu cầu đứng kể sự sống mình làm quý khi đối diện với thử thách sống chết sẽ đến; về việc họ không cần phải sợ người có thể giết thân thể nhưng chỉ phải sợ Đấng có thể quăng cả thân thể lẫn linh hồn vào địa ngục; về sự huy hoàng và gần gũi của Vua và Nước Ngài sau khi họ đã chịu khổ

trong ít lâu; về việc biết chắc chắn rằng nếu họ đồng chịu khổ với Ngài thì sẽ cùng đồng trị với Ngài; về sự bình an, công bình và vinh hiển đời đời sẽ thuộc về họ là những kẻ chịu đựng cho đến cuối cùng, cho dầu điều đó có nghĩa là chịu tuân đạo trong giờ thử thách lớn mà họ sắp trải qua. Lời làm chứng từ Kinh Thánh này của họ thật mạnh mẽ biết bao.²²

11:7 Khi hai người làm chứng xong, con thú dưới vực sâu lên sẽ giết họ. Con thú này dường như cũng chính là con thú trong 13:8 - là thú lãnh của đế quốc Lamã hồi sinh.

11:8 Thấy của hai chứng nhân nằm trên đường cái của Giêrusalem trong ba ngày rưỡi. Giêrusalem ở đây được gọi là Sêđôm vì cơ lòng kiêu ngạo, buông tuồng, sự thoải mái để chịu trong cảnh thịnh vượng, và thờ ơ đối với nhu cầu của người khác của thành này (xem Êxêchiên 16:49). Và được gọi là Êđiptô vì cơ thờ lạy hình tượng, bất bớ, nó lệ cho tội lỗi và không công bình của thành.

11:9 Người từ mọi dân tộc đều nhìn thấy huyết của họ nhưng không cho đem chôn, tức muốn nói đến điều sỉ nhục lớn lao trong hầu hết mọi nền văn hóa.

11:10 Sự vui mừng hơn hở lớn sẽ bùng lên vì những lời tiên tri khó ưa của họ giờ đây đã lặng tiếng, và người ta tặng lễ vật cho nhau, giống y như ngày nay thường làm vào thời điểm giáng sinh. Những vị tiên tri duy nhất được người ta yêu mến chính là những tiên tri đã chết đi.

11:11,12 Sau ba ngày rưỡi, Đức Chúa Trời khiến hai chứng nhân này

từ kẻ chết sống lại, trước sự khiếp đảm của quần chúng, và đưa họ về trời trước sự chứng kiến của kẻ thù họ.

11:13,14 Đồng thời, Giêrusalem rúng động bởi cơn **động đất** lớn, một phần mười của thành đổ xuống, và bảy ngàn người bị giết. Những người sống sót dâng **vinh hiển** cho Đức Chúa Trời, không phải là sự thờ phượng thật, mà chỉ là sự thừa nhận đầy hận thù trước quyền năng Ngài. "**Nạn**" thứ nhì qua rồi.

Điều này không có nghĩa mọi điều từ 9:13 đến 11:13 hợp thành "nạn" thứ nhì. Trái lại, đoạn 10 và 11:1-13 là phần chú thích giữa "nạn" thứ nhì (ống loa thứ sáu) với "nạn" thứ ba (ống loa thứ bảy).

B. Ống Loa Thứ Bảy (11:15-19)

11:15 Việc thổi ống loa thứ bảy cho thấy Cơn Đại Nạn đã qua và thời trị vì của Đấng Christ đã bắt đầu. Những nước²³ (bản NKJV) của hệ gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời!

11:16,17 Cúi mình sấp mặt xuống, hai mươi bốn trưởng lão dâng lời tạ ơn Ngài vì Ngài đã thi hành quyền tối cao của Ngài và bắt đầu thời trị vì của Ngài.

11:18 Các dân tộc và rìn nổi giận với Ngài, ngàn cần lê đang quang của Ngài. Nhưng đã đến lúc Ngài nổi giận cùng họ, đoán xét họ là những người không có sự sống thuộc linh, và tiêu diệt những kẻ hủy diệt này. Và đã đến lúc Chúa ban thưởng cho những người thuộc về Ngài, là các tiến tri và dân

sự Ngài, thưởng cho những kẻ nhỏ cùng kẻ lớn.

11:19 Chúa không quên giao ước của Ngài đối với dân sự Ngài là dân Ysraên. Khi đến thờ của Đức Chúa Trời mở ra ở trên trời, hòm giao ước của Ngài bày ra, một biểu tượng cho thấy mọi lời Ngài hứa với Ysraên sẽ được thực hiện. Có chớp nhoáng, tiếng lớn, sấm sét, động đất và mưa đá lớn.

I. Những Nhân Vật Then Chốt Trong Cơn Đại Nạn (Boạn 12-15)

12:1 Đoạn, trên trời hiện ra một dấu lớn: Một người đàn bà có mặt trời bao bọc, dưới chân có mặt trăng, và trên đầu có mào triều thiên bằng mười hai ngôi sao. Người đàn bà này là Ysraên. Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao mô tả vinh hiển và quyền thống trị đã được hứa ban cho Ysraên trong vương quốc hầu đến, cũng giống như chúng mô tả quyền tối cao của Giôxép trên nhà cha, mẹ và các anh của ông (Sáng Thế Ký 37:9-11).

12:2 Người đàn bà này đang đau khổ, chờ đợi sự ra đời của một hài nhi. Phần lớn lịch sử của Ysraên được thu gọn trong những câu Kinh Thánh này, không có dấu hiệu nào cho thấy có những khoảng thời gian xen giữa các biến cố, hay bắt buộc các biến cố phải diễn ra theo thứ tự thời gian.

12:3 Dấu hiệu thứ nhì trên trời là một con rồng lớn sắc đỏ có bảy đầu, mười sừng và trên mỗi đầu có một mào triều thiên nhỏ. Con rồng này là Satan, nhưng vì lời mô tả này tương đồng với lời mô tả về đế quốc Lamã

hối sinh trong 13:1), nên có thể Satan ban sức lực cho cường quốc thế giới đó.

12:4,5 Khi quét đuôi, con rồng kéo một phần ba các ngôi sao trên trời đem quăng xuống đất, có thể đây nói đến trận chiến trên trời xảy ra vào giữa Con Đại Nạn khiến các thiên sứ sa ngã bị quăng từ trên trời xuống đất (xem câu 8,9).

Con rồng này chực sẵn để nuôi Con Trai ngay khi Con Trai ấy sinh ra - được ứng nghiệm qua nỗ lực của Hêrốt đại đế, là vua chư hầu Lamã, để tiêu diệt Vua dân Gluda mới chào đời. Con Trai này rõ ràng là Chúa Jêsus, đã được định để dùng gậy sắt cai trị mọi dân tộc. Bản ký thuật ở đây nhay từ sự giáng sinh sang sự thăng thiên của Ngài.

12:6 Thời đại Hội Thánh hiện nay đã qua hết giữa câu 5 và 6. Vào giữa Con Đại Nạn, một phần dân Ysraên chạy trốn vào nơi ẩn náu bí mật trong đồng vắng (một số người nghĩ đây là Petra). Nhưng người này cứ ẩn náu tại đó trong ba năm rưỡi.

12:7 Chiến tranh nổ ra trên trời giữa một bên là Michên và các thiên sứ người với bên kia là con rồng cùng các sứ hần. Lúc này là giữa Con Đại Nạn. Michên, là vị thiên sứ trưởng, được gắn liền với những công vụ của dân Ysraên (Đaniên 12:1)

12:8,9 Con rồng bị đại bại hoàn toàn đến nỗi không còn quyền đến trên trời nữa. Hần và thuộc hạ bị quăng xuống đất. Tuy nhiên, đây không phải là số phận cuối cùng của hần (xem 20:1-3,10). Để ý lời Giảng

mô tả hần: Con rồng lớn đó bị quăng xuống, tức là con rắn xưa, gọi là ma quỷ và Satan là kẻ đồ dành cả thiên hạ.

12:10 Tiếp sau việc đuổi con rồng xuống, trên trời có tiếng kêu lớn báo tin chiến thắng của Đức Chúa Trời và ngày chinh phục khải hoàn của dân sự Ngài đã đến. Điều này báo trước Nước Thiên Hy Niên. Trong thời gian này có một biến cố vinh diệu ấy là kẻ kiên can anh em chúng ta... nay đã bị quăng xuống rồi.

12:11 Thông cáo này vẫn tiếp tục. Các tín hữu Do Thái bị bắt bớ đã chiến thắng ma quỷ bởi huyết Chiến Con và bởi lời làm chứng của họ. Chiến thắng của họ được căn cứ trên sự chết của Đấng Christ và lời làm chứng của họ về giá trị của sự chết ấy. Khi trung tín với Ngài, họ đã đóng ấn lời làm chứng bằng chính huyết họ.

12:12,13 Các tầng trời có thể vui mừng về sự qua đi của con rồng, nhưng đó lại là tin buồn cho đất và biển! Ma quỷ biết thì giờ mình chẳng còn bao nhiêu nên cương quyết trút cơn thanh nộ của mình càng rộng càng tốt. Sự giận hoàng của con rồng được trút đặc biệt trên Ysraên, là dân tộc mà từ đó Đấng Mêsia đã đến.

12:14 Dân sót Do Thái trung tín được ban cho cặp cánh chim phụng hoàng, để giúp họ trốn thoát nhanh chóng vào nơi ẩn náu trong đồng vắng. (Có người suy ra rằng cặp cánh này nói về Lực Lượng Không Quân lớn mạnh.) Tại nơi đó, nhóm dân sót này được chăm sóc và bảo vệ khỏi những trận tấn công của con rắn trong

ba năm rưỡi (một thì, các thì và nửa thì).

12:15,16 Với nỗ lực cản trở cuộc trốn thoát của Ysraêl, **con rắn** gây nên **trận lộn** lớn dưới theo những người kia, nhưng một cơn động đất nuốt nước đi và ma quỷ bị đánh bại.

12:17 Tức giận trước sự sỉ nhục này, **con rắn** tìm cách báo thù những người Gluda vẫn còn ở trên đất - là những người Do Thái bày tỏ thực tại đức tin họ bằng cách vâng giữ **điều răn của Đức Chúa Trời** và làm chứng về **Chúa Jêsus**.

13:1 Đoạn 13 giới thiệu cho chúng ta hai con thú lớn: con thú **lên từ biển**, và một con thú **lên từ đất** hay từ xứ, tức là xứ Ysraêl. Rõ ràng những con thú này làm biểu tượng về những người giữ vai trò nổi bật trong Thời Kỳ Đại Nạn. Chúng tổng hợp những đặc trưng của bốn con thú trong **Đaniên 7:3-7**. Con thú thứ nhất là đầu của đế quốc Lamã hồi sinh và đế quốc sẽ tồn tại dưới hình thức mười quốc gia. Nó **lên từ biển**, là hình bóng về các dân ngoại bang. Nó có **mười sừng**. **Đaniên** dự ngôn đế quốc Lamã sẽ được hồi sinh dưới hình thức mười quốc gia (**Đaniên 7:24**). Nó có **bảy đầu**. Trong **17:9,10** những đầu này được nói là bảy vua, và đây có thể là câu nói đến bảy toại vua cai trị khác nhau hay bảy giai đoạn khác nhau của đế quốc này. Nó có **mười mào triều thiên nhỏ trên sừng** nó. Những mào triều thiên này nói đến quyền để cai trị, do **con rắn** - là Satan - ban cho hần. Nó có **đanh hiệu sự phạm thượng trên đầu**, và nó tuyên bố những câu

xem mình là chính Đức Chúa Trời chứ không phải chỉ hoàn toàn là con người.

13:2 Con thú này giống như con **beo**, **chân như chân gấu**, và **miệng như miệng sư tử**. Trong **Đaniên 7**, **con beo** làm biểu tượng về nước Hylạp; **con gấu** là hình bóng **Mêđô Batur**; và **con sư tử** tượng trưng **Babylôn**. Như vậy đế quốc Lamã hồi sinh tương tự với những bậc tiền nhiệm của nó ở chỗ nhanh chóng chinh phục giống như một con beo, mạnh mẽ như một con gấu, và tham lam như một con sư tử. Nói ngắn gọn, nó tổng hợp toàn bộ những đặc điểm xấu xa của các đế quốc trần gian trước đó. Đế quốc này và người cai trị nó nhận sức mạnh siêu nhiên từ Satan.

13:3 Con thú này bị **vết thương** gần chết trên một trong các cái đầu của nó. Scofield giải thích: "Các mảnh của đế quốc Lamã vẫn chưa hề thối hiện hữu với tư cách những quốc gia riêng biệt. Nó là hình thức quản trị đế quốc vốn đã chấm dứt; cái đầu bị thương cho đến chết."²⁴ **Vết thương chí tử** ấy được **chữa lành**. Nói cách khác, đế quốc này được hồi sinh và có một hoàng đế làm thủ lãnh của nó, tức là **con thú này**.

13:4 Con thú này được loài người **thờ phượng**. Loài người không những sùng sốt kinh ngạc trước con thú; họ còn thực sự thờ lạy hần như Đức Chúa Trời. Họ cũng thờ lạy **con rồng** nữa.

13:5,6 Con thú nói những lời khoe khoang ngạo mạn và những lời **phạm thượng** khôn tả. Nó được phép gây

chiến tranh (chủ thích lễ của bản NKJV) trong bốn mươi hai tháng. Nó nói những lời bất kính tàn bạo chống nghịch danh Đức Chúa Trời, **đến tận của Ngài cùng những kẻ ở trên trời.**

13:7 Hần giao chiến với dân sự Đức Chúa Trời và thắng nhiều người. Họ thà chết hơn là chịu khuất phục con thú. Quyền cai trị của nó mở rộng trên toàn thế gian - là để quốc cuối cùng trên trần gian trước khi Đấng Christ trị vì.

13:8 Những ai không phải là tín hữu thật đều sẵn sàng thờ lạy con thú. Vì họ chưa hề tin cậy Đấng Christ, nên tên của họ chưa hề được viết trong Sách Sự Sống của Chiến Con. Và vì tên họ không có giữa vòng những người được cứu chuộc, nên bị phó vào sa lầy. Họ sẽ không tin chân lý; giờ đây họ tin vào lời dối trá.

13:9 Câu này đáng là lời cảnh cáo cho mọi người mau tiếp nhận sự sáng của Lời Chúa đương khi còn có dịp. Hậu quả của việc khước từ sự sáng chính là phủ nhận sự sáng.

13:10 Tín hữu thật được bảo đảm rằng những kẻ bất bớ họ sẽ bị bắt làm phu tù và bị giết bằng gươm. Điều này giúp thánh đồ có thể chờ đợi trong nhịn nhục và đức tin.

13:11 Con thú thứ nhì là một nhân vật nổi bật khác nữa của Thời Kỳ Đại Nạn. Con thú này cộng tác mật thiết với con thú thứ nhất, thậm chí tổ chức một chiến dịch toàn quốc để thờ phượng con thú thứ nhất và thờ phượng một hình tượng khổng lồ tượng trưng cho hoàng đế Lamã. Con thú thứ nhì lên từ đất hay từ xứ. Nếu

đang xét đến xứ Ysraên, thì lãnh tụ này hầu như chắc chắn là một người Do Thái. Hần là một Tiên Tri Giả (xem 16:13; 19:20; 20:10). Nó có hai sừng như sừng chiến con, tạo ra bộ dạng mềm mại và vô hại, nhưng cũng gợi ý rằng hần mạo nhận là Chiến Con của Đức Chúa Trời. Nó nói như con rồng, cho thấy nó được thúc giục và ban quyền năng trực tiếp từ Satan.

13:12-14 Nó cũng dùng mọi quyền phép của con thú trước, nghĩa là hoàng đế Lamã ban cho hần quyền vô hạn để thay mặt mình hành động. Nó có quyền năng siêu nhiên, thậm chí khiến lửa từ trời giáng xuống. Đương nhiên, mục đích các phép lạ của hần là để lừa dối dân chúng đi thờ phượng một con người như thờ phượng Đức Chúa Trời.

13:15 Hần ban sức sống cho bức tượng lớn, là sự gồm giếc hoang tàn, để bức tượng đó có thể thực sự nổi được. Hình phạt cho việc không chịu thờ phượng bức tượng chính là sự chết.

13:16 Con thú thứ nhì kháng kháng bất dân chúng tỏ lòng trung thành đối với hoàng đế Lamã bằng cách chịu ghi dấu của con thú trên tay hữu hoặc trên trán.

13:17 Ngoài dấu hiệu này, con thú còn có một danh và một con số thần bí. Nếu một người không chịu mang dấu, danh hoặc số của con thú, thì người ấy không thể mua hoặc bán gì cả. Đây là nỗ lực dùng phương tiện kinh tế để ép buộc con người từ bỏ Đấng Christ mà thờ lạy hình tượng. Đây sẽ là một thử nghiệm kinh khiếp,

nhưng tín hữu thật thà chết hơn là chối Cứu Chúa của họ.

13:18 Số của con thú là 666. Sáu là con số của con người. Sự kiện số này kém hơn số bảy một đơn vị có thể gợi ý rằng con người đã thiếu hụt sự vinh hiển hoặc sự trọn lành của Đức Chúa Trời. Ba con số sáu là một bộ ba của điều ác.

Một trong những thác mắc lớn nhất nảy sinh từ đoạn 13 ấy là Antichrist là con thú thứ nhất hay con thú thứ nhì. Về cơ bản, lập luận ủng hộ con thú thứ nhất là Antichrist ấy là: hán khăng khăng đòi người ta thờ phượng mình như Đức Chúa Trời. Những người xem con thú thứ nhì là Antichrist nói rằng không người Do Thái nào sẽ chịu chấp nhận một người ngoại bang làm Đấng Mêsia, và vì con thú thứ nhì là một người Do Thái, nên bởi đó hán hán phải là Đấng Mêsia giả.

14:1 Đến đây thì thấy Chiên Con đứng trên núi Siôn với mười bốn vạn bốn ngàn người đi theo, hết thầy đều được đóng ấn trên trán. Câu này nhìn hướng tới thời điểm Chúa Jêsus sẽ trở lại trần gian và đứng trên Giêrusalem cùng với nhóm tín hữu từ tất cả mười hai chi phái của Ysraên. Mười bốn vạn bốn ngàn người này cũng chính là những người được nhắc đến trong đoạn 7. Giờ đây họ sắp bước vào vương quốc của Đấng Christ.

14:2,3 Giăng nghe tiếng nhạc đến từ trời như tiếng của nhiều luồng nước lớn, và giống như tiếng sấm lớn, giống như tiếng đàn cầm mà người đánh đàn đang gảy. Chỉ có mười bốn

vạn bốn ngàn người kia học được bài ca đó mà thôi.

14:4,5 Những người này được mô tả là những người đứng trịnh, tức những người chưa làm ô uế mình với đàn bà. Họ đã giữ mình khỏi sự thờ lạy hình tượng và gian dâm kinh khiếp của thời kỳ đó và đã theo Chiên Con với lòng vâng lời và tận hiến không nghi ngờ vào đâu được. Pentecost nói rằng: "Họ được gọi là: 'trái đầu mùa cho Đức Chúa Trời và cho Chiên Con,' có nghĩa họ là những người đầu tiên trong mùa gặt của Thời Kỳ Đại Nạn và sẽ bước vào thiên hỷ niên để ở trên đất trong thiên hỷ niên."²⁵ Họ không chấp nhận lời dối trá của Antichrist - tức là lời tuyên bố một con người lại đáng được người ta thờ phượng. Về lời tuyên xưng Đấng Christ cách vâng vâng, họ không bị một dấu vết hoen ố nào.

14:5,7 Một vị thiên sứ bay giữa trời mang theo Tin Lành đời đời dường như tương xứng với Mathiơ 24:14: "Tin lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến." Để tài của Tin Lành được nêu trong câu 7. Con người được truyền lệnh phải kính sợ Đức Chúa Trời thay vì kính sợ con thú; tôn vinh Ngài thay vì tôn vinh các thần tượng; và thờ phượng Ngài thay vì thờ phượng một con người. đương nhiên, chỉ có một Tin Lành duy nhất - là Tin Lành về sự cứu rỗi qua đức tin nơi Đấng Christ. Nhưng có nhiều điểm nhấn mạnh khác nhau trong các định kỳ khác nhau. Trong Con Đại Hoạn

Nạn, Tin Lành sẽ tìm cách khiến con người xây bỏ việc thờ lạy con thú và chuẩn bị họ cho vương quốc của Đấng Christ trên đất.

14:8 Vị thiên sứ thứ nhì công bố sự sụp đổ của Babylon. Điều này báo trước đoạn 17 và 18. Babylon tượng trưng cho Do Thái giáo bội đạo và Cơ Đốc giáo giới bội đạo, mà bây giờ sẽ là một tập đoàn tôn giáo và thương mại khổng lồ đặt các trụ sở tại Rome. Mọi dân tộc sẽ say rượu là dấm thanh nộ của nó.

14:9,10 Chúng ta có thể ấn định thời điểm lời công bố của thiên sứ thứ ba là ở vào giữa Cơ Đại Nạn, và cũng chính là lúc bắt đầu Cơ Hoạn Nạn VI Đại. Vị thiên sứ này cảnh cáo ai đồng ý thờ lạy con thú dưới bất kỳ hình thức nào của nó thì đều sẽ chịu cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời hiện nay và đời đời. Chén rượu thanh nộ của Ngài sẽ rót xuống đất trong nửa cuối Cơ Đại Nạn. Nhưng đó chỉ là tiền vị những nanh vuốt của địa ngục đời đời, là nơi người vô tín sẽ chịu đau đớn trong lửa và diêm sinh.

14:11 Câu này nhắc chúng ta nhớ địa ngục có sự hình phạt đời đời và có ý thức. Kinh Thánh không hề dạy rằng những kẻ ác chết đi thì sẽ bị tận diệt. Khi của sự đau đớn chúng nó bay lên đời đời, và cả ngày lẫn đêm không lúc nào được yên nghỉ.

14:12 Đây sẽ là lúc thánh đồ được kêu gọi kiên nhẫn chịu đựng sự hung bạo của con thú, để vâng lời Đức Chúa Trời bằng cách không chịu thờ lạy con người hoặc một hình tượng, và để giữ vững lời tuyên xưng đức tin của mình

nơi Chúa Jesus. Số phận cuối cùng của kẻ ác (câu 9-11) được dùng để khích lệ người trung tín bền đỗ chịu đựng.

14:13 Những tín hữu nào chết trong thời kỳ này thì sẽ không bị mất những phước hạnh của vương quốc thiên hy nhiên. Con người nói: "Phước thay cho những người sống." Đức Chúa Trời phán: "Phước thay cho những người chết là người chết trong Chúa." Và "Việc làm của họ theo sau họ." Mọi việc đã làm cho Đấng Christ và nhân danh Ngài làm cho người khác đều sẽ được ban thưởng dồi dào - mọi sự nhân từ, những lễ vật hy sinh, sự cầu nguyện, nước mắt và lời làm chứng.

14:14 Nếu chúng ta so sánh đoạn này với Mathiơ 13:39-43 và 25:31-46, chúng ta học được rằng mùa gặt của đất xảy ra vào sự hiện ra Lần Thứ Nhì của Chúa chúng ta. Tại đây, Kinh Thánh nói Ngài là Đấng thực hiện công việc gặt; trong Mathiơ 13:39, các thiên sứ là những con gặt. Cả hai đều đúng; Đấng Christ thực sự gặt qua tác nhân là các thiên sứ.

Ở đây, ta thấy Đấng Christ giăng xuống trên đám mây trắng,... đầu đội mào triều thiên vàng, tay cầm lưỡi liềm bén.

14:15 Một thiên sứ đến từ đền thờ kêu Ngài quảng lưỡi liềm xuống vì giờ gặt hái và mùa màng dưới đất đã chín rồi. Đừng nên xem đây là một mệnh lệnh; thiên sứ không có quyền ra lệnh cho Đức Chúa Trời. Đùng hơn, đây là lời yêu cầu khẩn thiết hay là một thông điệp được chuyển tiếp đến từ Đức Chúa Cha.

14:16 Có hai cách hiểu về mùa gặt thứ nhất này. Trước hết, có thể mùa gặt này mô tả việc gom góp *các lúa hữu* trong Con Đại Nạn để bước vào thiên hý niên. Theo quan điểm này, mùa gặt này sẽ tương ứng với hạt giống tốt của Macthơ 13, tức là những con cái của nước trời. Hoặc có thể đây là mùa gặt của *sự đoán xét*. Nếu vậy, những đối tượng chịu đoán xét sẽ là dân ngoại bang, vì Ysraên dường như được xét đến trong mùa gặt kế tiếp (câu 17-20).

14:17 Giờ đây bản kỹ thuật quay sang những cơn đoán phạt kinh khiếp sau cùng sẽ giáng trên phần dân Ysraên vô tín, là nho ở dưới đất (xem Thi Thôn 80:8; Êsai 5:1-7; Giêrêmi 2:21; 6:9). Một thiên sứ ở trên trời đi ra, cầm một lưỡi liềm bén.

14:18 Một vị thiên sứ khác nữa báo hiệu bắt đầu gặt. Thiên sứ này có quyền cai trị lửa, và điều này có thể làm biểu tượng cho sự đoán phạt sắp xảy đến.

14:19 Nho chín được gom lại và ném vào thùng lớn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Công việc đập nho trong tiến trình làm rượu nho được sử dụng ở đây như một hình ảnh tượng trưng về sự đoán phạt nghiệt nạt.

14:20 Mùa hái nho này xảy ra bên ngoài thành Giêrusalem, có lẽ trong vùng Glôsbaphát. Sự tàn sát sẽ lớn đến nỗi huyết chảy thành suối dài 180 dặm và ngập đến khớp ngựa. Suối huyết này sẽ chảy từ Giêrusalem cho đến phía nam Êđôm.

15:1 Mọi điểm khác nữa ở trên trời liên quan đến bảy thiên sứ cầm

bảy tai nạn sau cùng, là những tai nạn khi giáng xuống sẽ đánh dấu sự hoàn tất cơn thanh nộ Đức Chúa Trời. Từ đây, chúng ta biết mình hiện đang hướng đến kỳ cuối cùng của Con Đại Nạn.

15:2 Giăng nhìn thấy một đoàn người rất đông trên trời, đứng bên biển bằng pha lê lộn với lửa. Ông nhận ra họ là những người không chịu thờ lạy con thú hay hình tượng của nó. Rõ ràng, vì cơ đó, họ đã chịu tuận đạo.

15:3,4 Nhưng giờ đây họ ở trên trời, hát bài ca Môise... và bài ca Chiên Con, được sáng tác hầu như hoàn toàn bằng những câu trích từ Cựu Ước. Họ làm chứng về sự công bình trong những đoán phạt của Đức Chúa Trời khi báo trước điều Ngài sắp thực hiện đối với những kẻ đã giết họ trên đất. Họ ca ngợi Đức Chúa Trời toàn năng về những công việc và đường lối của Ngài. Trong văn mạch, điều này nói đến những hành động đoán xét của Ngài, đầu vậy, đương nhiên có thể áp dụng cho toàn bộ công việc và đường lối của Ngài. Vua của các thánh đồ (bản Việt Ngữ ghi là "Hỡi vua của muôn đời") nên hiểu là vua của các dân (chú thích lẻ của bản NKJV).^{2b}

Bài ca Môise ca tụng việc Đức Chúa Trời cứu dân Ngài thoát khỏi ách nô lệ trong xứ Êđiptô. Bài ca Chiên Con tán dương sự giải thoát cuối cùng khỏi Satan và mọi kẻ thù của nếp sống thuộc linh. Như vậy, đúng như A. T. Pierson đã nói lên rất phù hợp: "Chúng đánh dấu hai ranh

giới của lịch sử Cửu Chuộc, và ở giữa đó là toàn bộ lịch sử dân sự được chuộc của Đức Chúa Trời.²⁷

Những sự đoán phạt của Đức Chúa Trời giáng trên đất đã chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng sẽ khiến mọi dân tộc kinh sợ, ngợi khen danh Ngài và đến thờ lạy Ngài.

15:5 Sau những sự này, Giăng nhìn thấy nơi thánh của đền tạm chúng cũ trên trời mở ra. Dường như đây là thực thể trên trời mà đền thờ trên đất này là một mẫu hay bản sao của nó (Hêbơơ 9:23). Cầu này nói đặc biệt đến Nơi Chí Thánh.

15:6 Bảy vị thiên sứ xuất hiện, mặc áo gai trong sạch rực rỡ, và ngang ngực thắt đai vàng. Điều này nói lên họ được trang bị sẵn để thi hành sự đoán phạt công bình để bởi đó Đức Chúa Trời sẽ được tôn vinh. Những thiên sứ này sắp giáng bảy tai vạ chót xuống đất.

15:7 Một trong bốn sanh vật trao cho mỗi thiên sứ một cái bát. Những bát này chứa những cơn đoán phạt cuối cùng của nửa cuối Cơ Đại Hoạn Nạn làm hại đến mọi kẻ thù của Chúa, chứ không phải chỉ một phần trong họ mà thôi.

15:8 Sự kiện không ai được vào đền thờ cho đến chừng bảy tai vạ của bảy thiên sứ được làm trọn có thể nói lên rằng giờ đây, không một sự cầu thay của thầy tế lễ nào có thể trì hoãn cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

J. Những Cơn Hoạn Phạt Của Bảy Bát (Hoạn 16)

16:1,2 Một tiếng lớn từ trong đền thờ ra, phán với bảy vị thiên sứ rằng

hãy đi, trút bảy bát thịnh nộ của Đức Chúa Trời xuống đất. Những sự đoán phạt này tương tự với bản chất và diễn tiến các sự đoán xét của các ống loa, nhưng cường độ kinh khiếp hơn. Bát thứ nhất khiến ghê chóc dữ và đau phát ra trên những người thờ lạy con thú và hình tượng nó.

16:3 Tai vạ thứ nhì biến nước của biển thành huyết, giống như huyết của người chết, và mọi sinh vật trong biển đều chết hết.

16:4 Bát thứ ba khiến mọi nguồn nước đều biến ra huyết.

16:5,6 Đến lúc này, thiên sứ của các dòng nước bình vực công lý trong những sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Con người hoàn toàn xứng đáng nhận lấy sự đoán phạt công bình cho những việc làm tội lỗi của chính họ. Họ đã làm đổ huyết quá chừng; giờ đây họ được ban thưởng huyết để uống thay vì nước. Điều đó thật là đáng lắm.

16:7 Bàn thờ chắc làm biểu tượng về linh hồn của các thánh đồ tuận đạo (16:9). Họ đã từ lâu kiên nhẫn chờ đợi những kẻ bắt bớ họ bị hình phạt.

16:8,9 Tai nạn thứ tư khiến con người bị cháy nắng khủng khiếp hay chịu những bức xạ tử mặt trời. Tuy nhiên, điều này không khiến họ ăn năn. Thay vào đó, họ nữa sả Đức Chúa Trời vì cơ đã giáng lửa cháy nóng trên họ.

16:10,11 Thiên sứ thứ năm trút tai nạn tối tăm của mình trên nước của con thú. Điều này làm tăng khốn khổ của con người vì họ không thể đi lại để được với cứu những hoạn nạn trước

đó. Nhưng điều này vẫn không làm mềm lòng họ. Họ đã hoàn toàn kiên quyết thù địch Đức Chúa Trời.

16:12 Khi bắt thứ sáu trút xuống, nước sông **Upharát** cạn khô, cho phép các đạo binh từ **Phượng Đông** tiến quân đến xứ **Ysraên**.

16:13, 14 Giống thấy có ba tà thần giống như éch nhái ra từ miệng con rồng, ... miệng thú, miệng tiên tri giả, là bộ ba giả mạo của Satan. Đây là những tà linh của ma quỷ, làm nhiều phép lạ để lừa dối các vua trên khắp thế gian, và như họ vào trận chiến đỉnh điểm trong ngày lớn của Đức Chúa Trời Toàn Năng.

16:15 Khi nhắc đến trận chiến ấy, Chúa thêm vào sự chúc phước đặc biệt trên các thánh đồ của Con Đai Nạn, là những người đang trông đợi ngày tái lâm, và đã giữ mình thanh sạch khỏi sự thờ lạy hình tượng của thời đó. Ngài sẽ đến với người chưa được cứu như kẻ trộm, bất ngờ và gây mất mát.

16:16 Các đạo binh của thế gian sẽ nhóm lại tại một chỗ, theo tiếng **Hêbơơ** gọi là **Hamaghêđôn**. (Chú thích ngoài lề của bản NKJV là "Mêghidô").²⁸ Địa danh này thường được liên kết với **Đồng Bằng Esdraelon**, có **Mêghidô** ở rìa phía nam. Người ta ghi lại rằng **Napoleon** gọi đây là bãi chiến trường của thế giới, có nghĩa là một bãi chiến trường lý tưởng.

16:17 Ta thấy đây là bất đoán xét sau cùng được tỏ ra bởi lời loan báo của thiên sứ thứ bảy: "Xong rồi!" Con thành nộ của Đức Chúa Trời đã hoàn tất đối với Thời Kỳ Đai Nạn.

16:18 Khi bắt cuối cùng trút xuống, có những chấn động dữ dội trong cõi thiên nhiên: những tiếng nổ lớn, chớp nhoáng, tiếng rầm, rầm vang và động đất dữ dội đến nỗi chưa từng có như vậy.

16:19 Thành lớn **Babylôn** bị chia ra làm ba phần, uống cạn bát thành nộ của Đức Chúa Trời. Ngài vẫn không quên tội thờ lạy thần tượng, sự tàn bạo, và rối loạn tôn giáo của thành này. Đồng thời, các thành của các dân ngoại bị san bằng.

16:20 Mọi đảo và mọi núi biển mất như những cuộn đất vầy.

16:21 Những cục mưa đá nặng một trăm pound (khoảng hơn 45 kg) giáng xuống đất, nhưng loài người nài phạm đến Đức Chúa Trời thay vì ăn năn.

K. Sự Suy Đổ Của Babylôn Lớn (Đoạn 17, 18)

17:1, 2 Mọi trong bảy vị thiên sứ mời Giăng chứng kiến sự phán xét con Đai dâm phụ. Đây là hệ thống tôn giáo và thương mại vĩ đại đặt các trụ sở tại Rome. Nhiều người tin đoạn 17 mô tả Babylôn tôn giáo và đoạn 18 mô tả phương tiện thương mại. Babylôn tôn giáo đương nhiên bao gồm Cơ Đốc giáo giới bội đạo, cả Tin Lành lẫn Công Giáo. Rất có thể nó tượng trưng cho một giáo hội công đồng. Để ý lời mô tả ở đây. **Đai dâm phụ ngồi trên các dòng nước lớn**, kiểm soát nhiều khu vực lớn của thế giới ngoại bang. Các vua trong thiên hạ đã phạm tội tà dâm với nó; nó đã dụ dỗ những lãnh tụ chính trị bằng mưu kế và sự thỏa hiệp của nó. Dân sự trong thế gian trở nên say sưa rượu tà dâm của nó; và

số người đã chịu ảnh hưởng gian ác của nó và rơi vào tình trạng khốn khổ đến kinh khiếp.

17:3 Ta thấy giáo hội hội đạo người trên lưng con thú sắc đỏ sậm. Trong đoạn 13, chúng ta đã thấy con thú này là đế quốc Lamã hồi sinh (và đôi khi là thú lãnh của đế quốc đó). Con thú này mang đầy những tên của sự phạm thượng, có bảy đầu và mười sừng.

17:4 Trong ít lâu, Hội Thánh giả này dường như thống trị đế quốc. Giáo hội này ngồi trong tình trạng thần thánh trọn vẹn, mang những biểu tượng về sự giàu có lớn lao của mình và phô bày chén vàng đầy những đồ gốm ghiếc và dâm uế.

17:5 Trên trán nó có ghi một danh bí ẩn: Babylon lớn, là mẹ kẻ tà dâm và sự đáng ghê trong thế gian. Đây là giáo hội đã làm đổ huyết những Cơ Đốc nhân tuận đạo trải suốt nhiều thế kỷ, và hiện vẫn đang làm việc đó. Giáo hội ấy say huyết những người tuận đạo.

17:6 Cũng giống như nhiều người khác, Giăng lấy làm lạ khi nhìn thấy người đàn bà này, lúc ấy đang say huyết các thánh đồ. Điều này nói đến thánh đồ thuộc mọi kỷ nguyên trong lịch sử Hội Thánh, nhưng đặc biệt nói đến những người luận đạo vi Đức Chúa Jêsus trong Cơ Đại Nạn.

17:7,8 Thiên sứ này để nghị giải thích cho Giăng sự mầu nhiệm của người đàn bà cùng con thú chửi nó. Con thú Giăng thấy ở đây đã tồn tại (đế quốc Lamã đã hiện hữu trong quá khứ); bây giờ nó không còn nữa (nó đã tan rã và không còn hiện hữu với tư

cách một đế quốc trên thế giới ngày nay); nó sẽ lú dưới vực sâu lên (nó sẽ xuất hiện trở lại trong hình thức ma quỷ đặc thù của nó); và đi đến chốn hư mất (cuối cùng nó sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn và chung cuộc). Sự hồi sinh của đế quốc này cùng sự xuất hiện lãnh tụ có uy tín và đầy sức lôi cuốn của nó sẽ khiến thế giới vô tín lấy làm lạ.

17:9 Thiên sứ nói điều này đòi hỏi sự nghi ngờ có khôn ngoan. Bảy cái đầu tức là bảy hòn núi mà người đàn bà ngồi lên. Lối giải thích truyền thống cho rằng dâm phụ này có các trụ sở đặt tại Rome, là thành phố được xây cất trên bảy ngọn đồi.

17:10 Một số nhà giải kinh giải thích bảy vua này là bảy hình thức của chính quyền Lamã; những người khác giải thích họ là bảy hoàng đế theo nghĩa đen. Người khác nữa giải thích rằng các vua này tượng trưng các cường quốc trên thế giới: Êđiôp, Asyri, Babylon, Batur, Hylap, Rôma, và đế quốc Lamã hồi sinh trong tương lai.

17:11 Vị vua thứ tám này được nhận diện khác nhau như là thú lãnh của đế quốc Lamã hồi sinh và Antichrist. Có lẽ ý nghĩa chính xác của lời tiên tri này sẽ không bao giờ rõ ràng hoàn toàn cho đến khi được ứng nghiệm.

17:12 Mười sừng có thể làm biểu tượng các vị vua trong tương lai, là những vua sẽ phục vụ dưới quyền con thú Lamã. Họ sẽ cai trị trong một giờ, tức là một khoảng thời gian ngắn ngủi (xem câu 10b).

17:13 Mười vua này đồng một lòng một ý trao **thế lực quyền phép** mình cho con thú Lamã. Nói cách khác, mười quốc gia (hay mười chính quyền) dâng nộp chủ quyền quốc gia của mình cho hắn.

17:14 Đế quốc gồm mười nước này giao chiến với Chúa Jêsus khi Ngài tái lâm trần gian vào cuối Cơn Đại Nạn. Nhưng họ đã gặp trận Waterloo (trận chiến đẫm máu) của mình trong cuộc chiến này. Dấu Ngài là **Chiên Con**, Ngài cũng là **Chúa của các chúa và Vua của các vua**. Môn đồ Ngài là những kẻ được kêu gọi, **những kẻ được chọn** và là những kẻ trung tín.

17:15 Thiên sứ tiếp tục giải thích các dòng nước trong câu 1 là các dân, các đoàn dân chúng, các nước và các thứ tiếng. **Dâm phụ** ngồi trên các dòng nước theo ý nghĩa dâm phụ thống trị trên đại đa số dân chúng.

17:16 Dường như đế quốc Lamã hồi sinh chịu để cho mình bị thống trị, hoặc ít nhất chịu ảnh hưởng bởi giáo hội dâm phụ này trong ít lâu. Tuy nhiên, sau đó, nó sẽ lật đổ ách không thể chịu nổi này và tiêu diệt giáo hội dâm phụ kia. **Dâm phụ bị ghét** này sẽ bị lột trần, bị ăn nuốt và bị thiêu đốt bởi chính con thú mà dâm phụ đó đã ngồi lên trên.

17:17 Đức Chúa Trời ở đằng sau toàn bộ sự việc này. Chính Ngài là Đấng khiến các nước thống nhất dưới quyền con thú Lamã và sau đó quay ra chống dâm phụ. Hết thấy đều nhằm làm **ứng nghiệm ý muốn** tối thượng của Ngài.

17:18 Thành lớn đó chính là Babylon Máu Nhiệm, cai trị trên các vua ở thế gian. Nhưng như chúng ta thấy, người đàn bà này có các trụ sở tại Rome.

18:1 Đoạn 18 chủ yếu là bài điệu ca, kỷ niệm sự sụp đổ của Babylon. Như đã nói, điều này nói đến giáo hội dâm phụ, một giáo hội không những là hệ thống tôn giáo vĩ đại mà còn là giới thương mại vĩ đại nhất trên thế gian. Dường như nó kiểm soát thị trường thế giới.

Khi một thiên sứ khác ở trên trời xuống báo tin này, dường như thế sự sáng soi rạng. **Vinh hiển Người** chiếu rọi **cả trên đất**.

18:2 Babylon lớn đã đổ xuống và đóng đổ nát của nó trở thành chỗ ở của **ma quỷ**, **mọi là thần**, và **mọi giống chim** đờ đây đáng gớm ghiếc.

18:3 Nguyên nhân khiến Babylon sụp đổ chính là sự bại hoại hoàn toàn của thành này đối với các dân và các nhà **buôn** của các nước ấy. Thành đã khiến mọi dân uống rượu **dâm loạn** buống tuồng của thành.

18:4 Một tiếng khác từ trên trời cảnh báo dân sự Đức Chúa Trời **hãy ra khỏi** hệ thống đã bị định đoạt số phận ngay trong đêm trước khi nó bị hủy hoại. Dự phần với nó cũng đồng nghĩa chịu chung **những tai họa** với nó.

18:5,6 **Tội lỗi** nó chất cao tày trời, và Đức Chúa Trời đã **nhớ đến** các sự gian ác nó, và Ngài đang báo lại những tội ác đó. Thành sẽ bị báo **gấp** đời những việc làm gian ác của mình, không phải từ tay dân sự Chúa, nhưng

từ vị thiên sứ được Chúa dùng làm công cụ báo thù.

18:7 Sự đau đớn khổ khổ của nó sẽ tương xứng với cách ăn mặc lờ lợt đầy tự cao và nếp sống xa xỉ của nó. Thành này nghĩ mình là một nữ vương, ngồi trên đỉnh của mọi sự và sẽ không phải chịu đau buồn.

18:8 Sự đoán phạt nó sẽ đến trong một ngày, và sẽ bao gồm sự chết, sự than khóc và đói kém. Chính Chúa là Đức Chúa Trời có quyền lực sẽ hành phạt nó bằng lửa.

18:9,10 Các vua thế gian sẽ than khóc vì sự thiếu cháy tình nhân ngày trước của họ. Tuy nhiên, sự than khóc của họ không phải là không ích kỷ. Họ đau buồn vì đã mất mát lạc thú và xa hoa. Đứng lữ đàng xa, họ lấy làm lạ trước hình khổ của nó và cảnh đột ngột chấm dứt của thành.

18:11-13 Các nhà buôn than khóc chủ yếu vì hy vọng kiếm lợi của họ không còn nữa. Không ai mua hàng hóa của họ nữa.

Danh sách những sản phẩm Babylon mua bán dường như bao gồm cả nền thương mại thế giới; các kim loại quý, nữ trang, vải vóc, gỗ, ngà voi, đồng, sắt, đá hoa cương, các chất gia vị, các loại dầu thơm, rượu, dầu, ngũ cốc, gia súc, xe, nhân lệ (bản NKJV) và linh hồn người ta. Cả giao hội hội đạo lẫn thế giới thương mại đều phạm tội buôn bán linh hồn con người, giao hội phạm tội bởi bán các bùa xả tội, v.v..., và thế giới thương mại phạm tội này bằng sự bóc lột.

18:14 Các nhà buôn này khi nói về hệ thống sa ngã kia thì than khóc

rằng mọi món lợi mà thành đó mơ ước đã tan biến, sự rực rỡ sang trọng giàu có của thành đã đột ngột biến mất mãi mãi.

18:15,16 Giống như các vua, các nhà buôn đứng hoang kinh, than khóc buồn rầu vì món lợi đó đã mất chỉ trong một giờ. Họ kể lại cảnh xa hoa ngày trước của thành, kể lại việc dân chúng đã mặc và trang sức sang trọng như thế nào.

18:17,18 Giờ đây toàn bộ sự sang trọng đó thình lình biến mất hết, và mối đe dọa của sự đau buồn lớn đang treo sát trên đầu. Những người đi buôn bán trên mặt biển đều đứng cách xa và kêu lên: "Có thành nào đã được như thành lớn này ư?"

18:19 Họ lấy bụi rắc lên đầu, thương khóc than vãn về thành phố đã làm giàu cho công nghệ hàng hải của thế giới nay hóa thành đống hoang vu chỉ trong một giờ.

18:20 Nhưng đang khi mọi giọt nước mắt vô đạo kia tuôn rơi trên đất, thì trên trời có sự vui mừng lớn. Cuối cùng, Đức Chúa Trời đã xử công bình (bản NKJV là "báo thù") cho các thánh đồ Ngài (chú thích iê của NKJV), các sứ đồ, và các liên tri. Ngài đã đoán xét Babylon vì cách thành này đối đãi với dân sự Ngài.

18:21 Một thiên sứ rất mạnh ném một hòn đá như cối xay lớn xuống biển, một hình ảnh sinh động về số phận cuối cùng của Babylon.

18:22 Âm thanh những hoạt động ngày trước của thành, dấu đó là âm nhạc, công xưởng, hay xay cối, thày đều im lặng mãi mãi.

18:23 Mọi ánh sáng đều bị dập tắt và sự vui mừng hoan hỉ của lễ cưới chẳng bao giờ có lần nữa. Vì sao vậy? Vì những lãnh đạo của Babylon đã lừa gạt mọi nước bằng là thuật của họ.

18:24 Babylon đã phạm tội với huyết của các thánh để Đức Chúa Trời, huyết của mọi tín hữu đã bị giết vì cơ đức tin họ. Giờ đây Ngài đang báo trả đầy đủ cho thành này.

I. Sự Hiện Diện Của Đấng Christ Và Vương Quốc Thiên Kỳ Miên Của Ngài (19:1 - 20:8)

19:1 Sau những sự đó, Giăng nghe tiếng của một đoàn người đông lắm trên trời, họ đang ca ngợi Chúa về sự trừng phạt công nghĩa của Ngài trên đại đâm phụ. Bài ca tôn vinh xưng Ngài là **Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta**, và sự cứu chuộc, vinh hiển, và quyền phép đều thuộc về Ngài.

19:2 Điều này minh chứng Ngài có quyền hủy diệt đại đâm phụ. Chính các thuộc tánh chân thật và công bình của Ngài khiến Ngài phải hình phạt đại đâm phụ vì cơ sự đâm loạn của nó và tội tàn sát đẫm huyết tội lỗi Ngài.

19:3 Luống khói đời đời bốc lên từ giàn thiêu xác này làm bật lên tiếng kêu "**Alêlulia!**" hay câu "Ngôi Khen Chúa" lần thứ nhì.

19:4 Hai mươi bốn trưởng lão cùng bốn con sinh vật đồng loạt kêu lớn, "**Amen!**" và "**Alêlulia!**" từ tận đáy lòng.

19:5 Mọi tiếng kêu từ ngôi đến mời gọi mọi tội lỗi Đức Chúa Trời cùng tham gia tôn vinh Chúa vì Ngài đã tiêu diệt Babylon gồm giết kia.

19:6 Một bài ca khác vang lên trên trời, tiếng nghe lớn như "tiếng nước lớn hoặc như tiếng sấm dữ." Tiếng

"**Alêlulia**" rền vang để chúc mừng quyền tể trị của Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng toàn năng!

19:7,8 Con Đại Nạn đã qua, Babylon đã bị đoán phạt. Giờ đây lễ cưới Chiên Con đã lột. Hội Thánh, là vợ của Đấng Christ, đã sửa soạn sẵn cho dịp tiện vui sướng rộn ràng tâm linh này. Vợ của Ngài được mặc áo sáng láng tinh sạch bằng vải gai mịn, và điều này được giải thích là biểu tượng về công việc công bình của các thánh đó.²⁹

19:9 Một thiên sứ truyền Giăng viết lời chúc phước cho mọi người nào được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con. Hội Thánh là Tân Nương trên trời; những người được mời dự tiệc là số những người được chuộc còn lại. Thiên sứ này nhấn mạnh tầm quan trọng của lời chúc phước bằng cách quả quyết nó đại diện những lời chân thật của Đức Chúa Trời.

19:10 Giăng sắp mình xuống chận thiên sứ để thờ phượng, nhưng bị cấm làm như vậy. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới là Đấng xứng đáng được thờ phượng. Thiên sứ là bạn tôi tớ của Giăng và của mọi người nào cùng giữ lời chứng của Đức Chúa Jêsus. Sau đó thiên sứ nói thêm: "**Vì sự làm chứng cho Đức Chúa Jêsus là đại ý của lời tiên tri.**" Câu này có nghĩa mục đích thật của lời tiên tri là để làm chứng cho Thân Vị và công tác của Chúa Jêsus. C. C. Ryrie nói rằng: "**Lời tiên tri nhằm tiết lộ nét đáng yêu của Chúa Jêsus.**"³⁰

Thiên sứ này muốn loài người thờ phượng Đức Chúa Con, là Đấng mà thiên sứ ấy đang làm chứng cho.

19:11 Cuối cùng, chúng ta đến với biến cố mà phần còn lại của sách này đang hướng tới, là sự hiện đến trần gian đầy vinh hiển của Đấng Christ để diệt mọi kẻ thù Ngài và thiết lập vương quốc Ngài. Đây không phải là Sự Cát Hộ Thánh Lên; trong Sự Cát Hộ Lên, Đấng Christ đến chôn không trung để tiếp rước các thánh đồ Ngài. Ở đây, Ngài đến đất này cùng với các thánh đồ Ngài.

Để ý lời mô tả Chúa chúng ta. Ngài đang cưỡi trên con ngựa bạch; hiển nhiên, đây là con ngựa chiến vì Ngài đến để chinh phục những kẻ thù Ngài. Danh xưng của Ngài là Đấng Trung Tín và Chân Thật. Ngài trung tín với những lời hứa của Ngài và chân thật trong bản tánh Ngài. Ngài lấy lễ công binh mà xét đoán và chiến đấu. Ngài chỉ có thể cai trị trên vương quốc mà nơi đó thần dân sẵn sàng sống dưới quyền cai trị của sự công bình. Do đó, trước hết Ngài phải dẹp bỏ mọi điều nào đã phạm đến sự công bình.

19:12 Mỗi Ngài như ngọn lửa, gọi lên quyền năng xuyên thấu trong sự đoán xét của Ngài. Ngài có thể phát hiện mọi sự phân loạn và vô tín. Trên đầu Ngài có nhiều mào triều thiên. Những người khác có thể đội mào triều thiên chiến thắng, nhưng Kinh Thánh nói chỉ một mình Chúa Jesus là Đấng đội mào triều thiên nhà vua. Ngài có một danh ghi khắc trên đó mà ngoài Ngài không ai biết được. Có nhiều lễ mầu nhiệm liên quan đến thân vị của Đấng Christ mà sẽ không một tạo vật nào hiểu nổi.

19:13 Ngài mặc áo nhúng trong huyết, không phải là huyết Ngài đã tuôn đổ trên thập tự giá tại đồi Gôgôtha, nhưng là huyết những kẻ thù mà Ngài giày đạp trong thùng ép nho của cơn thanh nộ Đức Chúa Trời. Ngài được xưng bởi danh là "Lời Đức Chúa Trời." Một "Lời" là phương tiện để diễn tả ý tưởng. Trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã diễn tả chính Ngài cách đầy trọn cho loài người.

19:14 Đi theo Ngài là các đạo binh trên trời, hết thảy đều mặc vải gai mịn, trắng và sạch, và cưỡi ngựa bạch. Rõ ràng, các đạo binh này hợp bởi các thánh đó, nhưng điều đáng lưu ý là họ không bị bắt buộc phải chiến đấu. Chính Đức Chúa Jesus đánh bại kẻ thù Ngài mà không cần sự trợ giúp nào.

19:15 Từ miệng Ngài ra một thanh gươm bén, và Ngài sẽ dùng nó đánh các dân. Ngài đến cai trị họ bằng một cây gậy sắt và giày đạp thùng rượu cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời toàn năng.

19:16 Trên áo tơi và trên đầu Ngài, có để một danh là:

**VUA CỦA CÁC VUA
VÀ CHÚA CỦA CÁC CHÚA.**

Chúa Jesus của chúng ta là Vua Tối Cao; mọi vua khác đều phải phục quyền tể trị của Ngài.

19:17,18 Tiệc lớn của Đức Chúa Trời (chú thích lễ của NKJV) là sự tiêu diệt những kẻ thù còn sót lại của Đức Chúa Trời trước khi vương quốc được thiết lập. Chìm kèn kèn được nhóm hiệp lại để dự tiệc đó! Chúng sẽ ăn

xác những người bị Chúa giết là người thuộc mọi tầng lớp xã hội, những người nhỏ và lớn.

19:19,20 Với nỗ lực tuyệt vọng để ngăn Đấng Christ nắm quyền tể trị (Thi Thiên 2), con thú kết liên minh với những quân đội của thế gian đang tranh chiến với Chúa và chống lại đạo binh của Ngài. Nhưng đó chỉ là nỗ lực vô ích. Cả con thú lẫn liên tri giả đều bị bắt, cả hai đều còn đương sống bị quăng xuống hố có lửa và diêm cháy bùng bùng.

19:21 Số người nổi loạn còn lại bị giết bởi gươm của Chúa, xác họ cung cấp những thi thể thối rữa dối đảo cho lũ kền kền. "Gươm" ám chỉ Lời Đức Chúa Trời (xem Êphêso 6:17; 1.Têsalônica 2:8; Hêbơơ 4:12; Khải Huyền 1:16; 2:12,16).

Điều này đưa chúng ta đến với kết thúc Con Đai Hoan Nạn.

20:1 Trước khi Thiên Hy Niên khai mạc, Satan phải bị khống chế. Để thực hiện việc này, một thiên sứ trên trời xuống, tay cầm chìa khóa của vực sâu và một cái xiềng lớn.

Trên một phương diện, Chúa chúng ta đã trói Satan khi Ngài đến trần gian (Mathiơ 12:29). Vì vậy đây là một phương diện khác nữa trong việc Ngài trói buộc Satan.

20:2 Vị thiên sứ này bắt Satan và xiềng nó lại trong một ngàn năm. Giảng kể ra bốn tên của kẻ cầm đồ này: con rồng, con rắn, Ma Quỷ (kẻ kiên cáo), và Satan (kẻ thù nghịch).

20:3 Trong Thiên Hy Niên kẻ thù chính sẽ bị nhốt vào vực sâu không đáy. Vực sâu này bị niêm phong để

Satan không đi ra lừa dối các dân được nữa. Đến cuối Thời Trị Vĩ Của Đấng Christ, Satan sẽ được thả ra chuẩn bị cho cuộc phản nghịch ngàn năm cuối cùng của nó (câu 7-10).

20:4 Giờ đây Giảng thấy những người ngồi trên ngai và có quyền cai trị. Đây là những thánh đồ của Thời Đại Hội Thánh, là những người đồng cai trị với Đấng Christ trong tư cách Tân Nương của Ngài. Giảng cũng nhìn thấy đoàn người tuận đạo, là những người không chịu nhận dấu của con thú. Đây rõ ràng là các thánh đồ của Con Đai Nạn, là những người đã chết vì cố đức tin mình. Cả hai nhóm người này sẽ đồng trị vì với Đấng Christ trong thời đại hoàng kim của bình an và thịnh vượng.

20:5 Phải hiểu phần thứ nhất của câu 5 như một phần chú thích. Những kẻ chết khác nói đến những người vô tín của mọi thời đại, là những người sẽ được sống lại vào cuối Thiên Hy Niên để ứng hầu trước Sự Xét Đoán của Ngai Trắng Và Lớn.

Câu "Ấy là sự sống lại thứ nhất" chỉ ngược trở về câu 4. Sự sống lại thứ nhất không phải là một biến cố duy nhất. Nó mô tả sự sống lại của người công bình tại nhiều thời điểm khác nhau. Nó bao gồm sự sống lại của Đấng Christ (1.Côrinthô 15:23), sự sống lại của những người thuộc về Đấng Christ khi Ngài cất Hội Thánh lên (1.Têsalônica 4:13-18), sự sống lại của hai nhân chứng phơi thầy trên các đường phố (Khải Huyền 11:11), và sự sống lại của các thánh đồ trong Con Đai Nạn tức những người được mô tả

tại đây (cũng xem Đaniên 12:2a). Nói cách khác, sự sống lại thứ nhất bao gồm sự sống lại của Đấng Christ và của mọi tín hữu thật, dấu họ được sống lại tại nhiều thời điểm khác nhau. Sự sống lại này diễn ra thành nhiều giai đoạn.

20:6 Những người được dự phần trong sự sống lại thứ nhất được phước thay, vì sẽ không có mặt trong sự chết thứ nhì, là khi mọi người vô tín đều sẽ bị quăng xuống hố lửa (câu 14). Tín hữu thật sẽ làm thấy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ, cùng được trị vì với Ngài trong một ngàn năm.

20:7,8 Khi hạn ngàn năm mãn rồi, qui Satan sẽ được thả khỏi chốn giam cầm, và nã ra khỏi ngục mình đang đồ dành dân ở bốn phương trên đất để lừa dối các dân đang thù địch với Đấng Christ, ở đây được gọi là dân Gót và Magót. Đừng nên lẫn lộn câu nói đến Gót và Magót ở đây với câu tương tự trong Êxêchiên đoạn 38 và 39. Trong Êxêchiên, Magót là vùng đất lớn ở phía bắc Ysraên, và Gót là vua của xứ đó. Tại đây, những chủ này chỉ đến các dân trên thế gian nói chung. Trong Êxêchiên, khung cảnh là trước Thiên Hy Niên; ở đây khung cảnh là sau Thiên Hy Niên.

20:9 Sau khi tuyến đạo binh gồm những người phản nghịch và vô đạo, ma quỷ tiến quân về Giêrusalem, là thành yêu dấu. Nhưng lửa từ Đức Chúa Trời (bản NKJV) giáng xuống thiêu đốt những toán quân này.

M. Đoán Kết Satan Và Mọi Người Không Tin Chúa (20:10-15)

20:10 Chính ma quỷ bị ném vào hố lửa để ở chung với con thú và tiên tri giả.

Dường như thật ngạc nhiên vì Satan lại có thể tụ tập đạo binh những người vô tín vào cuối Thiên Hy Niên. Tuy nhiên, nên nhớ rằng mọi trẻ em sinh ra trong Thời Trị Vì Của Đấng Christ đều sẽ được sinh ra trong tội lỗi và sẽ cần được cứu rỗi. Không phải tất cả mọi người đều tiếp nhận Ngài là vị vua hợp pháp, và những người này sẽ tản lạc trên khắp đất, cố gắng đi càng xa thành Giêrusalem càng tốt.

Lưu ý con thú và tiên tri giả vẫn ở trong địa ngục sau một ngàn năm này. Điều này phản bác giáo lý về sự tuyệt diệt, cũng giống như câu tuyên bố "chúng nó sẽ phải chịu khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời."

20:11 Tiếp theo, chúng ta được giới thiệu về sự đoán xét tại Ngai Lớn Và Trắng. Lớn vì cỡ nhiều vấn đề liên quan, và trắng vì sự trọn lành và thanh sạch của những phán quyết được ban ra. Chúa Jêsus đang ngồi với tư cách Quan Án (Giăng 5:22, 27). Cụm từ trước mặt Ngài trời đất đều trở nên hết cho thấy sự đoán xét này xảy ra trong cõi đời đời, sau khi hủy diệt cõi thọ tạo hiện nay (1.Phiêrô 3:10).

20:12 Những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đều đứng trước mặt Đức Chúa Trời. Đây là những người vô tín thuộc mọi thời đại. Có hai bộ sách được mở ra. Sách Sự Sống ghi tên tất cả mọi người đã được chuộc bởi huyết báu của Đấng Christ. Các quyển sách khác chứa đựng hồ sơ chi tiết về những việc làm của người chưa được cứu.

Không ai trong số người ứng hầu trước tòa đoán xét này được ghi tên trong **Sách Sự Sống**. Chính sự kiện tên người không có trong Sách Sự Sống đã *xử đoán* người rồi, nhưng hồ sơ **những công việc** gian ác của người quyết định mức độ hình phạt dành cho người.

20:13 **Biển** sẽ trả lại thầy của những người đã từng bị chôn trong biển. **Mồ mã**, ở đây được tượng trưng bởi **Sự Chết**, sẽ giao lại những thi thể của mọi người chưa được cứu đã được chôn từ xưa nay. **Âm Phủ** sẽ giao lại linh hồn của mọi người đã chết trong sự vô tin. Những thi thể và linh hồn này sẽ tái hiệp với nhau để ứng hầu trước mặt Quan Án.

Sẽ có nhiều mức độ ban thưởng khác nhau trên Thiên đàng thể nào, thì cũng sẽ có nhiều mức độ hình phạt khác nhau trong địa ngục thể ấy. Điều này sẽ căn cứ trên **những việc làm** của họ.

20:14 Khi chúng ta đọc thấy **Sự Chết và Âm Phủ** bị quăng xuống hồ lửa, điều đó muốn nói đến toàn vẹn thân vj: linh, hồn và thân thể. Câu Kinh Thánh này giải thích **rằng đây là sự chết thứ hai**, và chú thích ngoài lề của bản NKJV ghi thêm "*hồ lửa*."

Có sự khác nhau giữa Âm Phủ và địa ngục. Đối với những người chưa hoán cải đã qua đời, Âm phủ là tình trạng không có thân thể của sự hình phạt có ý thức. Đây là kiểu hồ chứa, một tình trạng trung gian, tại nơi đó họ chờ Sự Đoán Xét của Ngài Lớn Và Trắng.

Đối với những tín hữu đã chết, Âm phủ là trạng thái **đầy phúc hạnh**

không có thân thể trên Thiên đàng, chờ đợi sự sống lại và sự làm cho vinh hiển của thân thể. Khi Chúa Jesus chết, Ngài đến Baradi (Luca 23:43), là nơi Phaolô xem tương đương với tầng trời thứ ba (11.Côrinhtô 12:2,4), là nơi ở của Đức Chúa Trời. Trong Công Vụ 2:27, tình trạng không có thân thể của Chúa được gọi là Âm Phủ. Đức Chúa Trời không bỏ linh hồn Ngài trong Âm Phủ, nhưng mặc lấy cho một thân thể vinh hiển.

Địa ngục là ngục tù cuối cùng của những người gian ác đã chết. Đây cũng chính là hồ lửa, là Gehenna, và là sự chết thứ nhì.

20:15 Yếu tố quyết định lại cuộc đoán xét này chính là tên người ấy có được viết vào **Sách Sự Sống** hay không. Thực ra, nếu tên được ghi vào Sách Sự Sống, người ấy đã là thành viên trong sự sống lại thứ nhất rồi. Vì vậy, câu Kinh Thánh này chỉ áp dụng cho những người đang ứng hầu trước Ngài Lớn và Trắng.

II. Trời Mới và Đất Mới (21:1-22:5)

21:1 Người ta thắc mắc không biết đoạn 21 và 22 chỉ đề cập đến Nước Đời Đời mà thôi hay hai đoạn này luận chuyển giữa Thiên Hỷ Niên và Nước Đời Đời. Vì Thiên Hỷ Niên và Cõi Đời Đời tương tự nhau trên rất nhiều phương diện, nên không lấy gì làm ngạc nhiên nếu dường như chúng xuất hiện nhiều lần trong các tác phẩm của sứ đồ Giăng.

Ở đây, Nước Đời Đời được gọi là **trời mới và đất mới**. Đừng lẫn lộn với trời mới và đất mới được mô tả trong Êsai 65:17-25. Trong Êsai nói đến

Thiên Hy Niên, vì tội lỗi và sự chết vẫn còn hiện diện. Tội lỗi và sự chết sẽ bị loại hoàn toàn khỏi Nước Đời Đời.

21:2 Giảng nhìn thấy thành thánh, là Giêrusalem mới, từ trên trời, ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống, sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình. Vì Kinh Thánh chưa hề nói thành này đã đáp xuống đất, nên sự kiện đó khiến một số người xem thành này đang bay lượn trên đất mới. Sự kiện tên các chi phái của Ysraên ghi trên các cổng thành cho thấy Ysraên được chuộc sẽ được quyền vào thành, dầu họ không phải là một phần của chính Hội Thánh. Sự phân biệt giữa Hội Thánh (người vợ mới, vợ Chiên Con, câu 9), Ysraên (câu 12), và các dân ngoại bang (câu 24) vẫn duy trì từ đầu đến cuối.

21:3 Giảng nghe một thông báo từ trời đến rằng đến làm của Đức Chúa Trời ở giữa loài người và Ngài sẽ ở với chúng. Là dân sự của Đức Chúa Trời, họ sẽ vui hưởng mối thông công với Ngài gần gũi hơn cả mơ ước xưa nay. Chính Đức Chúa Trời sẽ ở với chúng và làm Đức Chúa Trời của chúng (trong bản NKJV) trong mối quan hệ gần gũi hơn và yêu dấu hơn.

21:4,5 Cụm từ "Đức Chúa Trời sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mắt chúng" không có nghĩa sẽ có nước mắt trong Thiên đàng. Đây là lời nói của thơ ca cho biết sẽ không có nước mắt! Cũng sẽ không có sự chết, cũng không có than khóc, kêu ca. Đối với dân sự Chúa, những điều này sẽ chấm dứt đời đời.

Đấng ngồi trên ngai sẽ làm mới lại hết thảy muôn vật. Lời Ngài là trung tín và chân thật, và chắc chắn sẽ xảy ra.

21:6 Sự khai mạc Nước Đời Đời đánh dấu kết thúc các mục đích của Đức Chúa Trời dành cho đất mà chúng ta đang sống. Như Alpha và Omega là mẫu tự đầu tiên và cuối cùng trong bảng mẫu tự Hy Lạp, thì Ngài cũng là Đấng Đầu Tiên Và Cuối Cùng, là Đấng Tạo Hóa và Đối Tượng của cội tạo vật, là Đấng khởi đầu và là Đấng hoàn thành, là Đấng Đời Đời. Chính Ngài là Đấng ban nước sự sống (sự cứu rỗi) cách nhưng không cho mọi kẻ khát.

21:7 Chính Ngài là Đấng ban cho kẻ chiến thắng toàn bộ cơ nghiệp và một sự gần gũi tươi mới như giữa Cha và con. Như đã nói trước đây, người đắc thắng là người tin Chúa Jesus là Con Đức Chúa Trời (I.Giăng 5:5). Bởi đức tin, người ấy thắng hơn thế gian (I.Giăng 5:4).

21:8 Nhưng không phải tất cả mọi người đều là kẻ chiến thắng. Một số người là kẻ hèn nhát, sợ phải tuyên xưng Đấng Christ ra; một số là kẻ chẳng tin, không sẵn sàng tin cậy nơi Cứu Chúa của tội nhân; một số là tội nhân (cách viết ngoài lề của bản NKJV có trong hầu hết các thủ bản bản Việt Ngữ không có những chữ này), tức là những người nào vẫn còn ở trong tội lỗi mình, cho dù có phạm vào những tội kinh khiếp được liệt kê ra ở đây hay không; những kẻ đáng gớm ghê, bị phú vào sự gian dâm đáng gớm ghê; kẻ giết người; là

những tay sát nhân hung ác và tàn bạo; kẻ **dâm loạn**, là kẻ phạm tội dâm dục và mọi hình thức khác của các tội tình dục; kẻ **phù phép**, những người giao thiệp với các tà linh; kẻ **thờ thần tượng**, lãng mạ Đức Chúa Trời bởi hành động thờ lạy các hình tượng; và **mọi kẻ nói dối**, là những kẻ luôn luôn lừa dối. Số phận cuối cùng của họ sẽ được định cho ở trong hồ lửa.

21:9 Một trong bảy vị thiên sứ dự phần trong những phần đoán xét bằng bát mới Giăng xem chi tiết hơn nữa về thành Giêrusalem Mới, nơi thiên sứ này gọi là **vợ mới cưới** là **vợ Chiên Con**. Có thể câu Kinh Thánh ở đây nói thành Giêrusalem Mới là nơi ở của vợ mới này.

21:10,11 Được Thánh Linh cảm động và đưa lên trên một hòn núi lớn và cao, mọi lên nữa Giăng nhìn thấy Giêrusalem từ trên trời xuống, rực rỡ vinh hiển của Đức Chúa Trời và chói sáng như viên bửu thạch đắt giá.

21:12,13 Thành ở giữa một **bức** **lường** cao lớn, có **mười hai cửa**, được vinh dự với **mười hai thiên sứ** và mang lên của **mười hai chi phái Ysraên**. Mỗi **Ba cửa** hướng mặt về mỗi phương trên la bàn.

Con số **mười hai** được dùng hai mươi một lần trong sách Khải Huyền và bảy lần trong đoạn này. Người ta thường hiểu con số mười hai đại diện cho **chính quyền** hay sự quản trị.

21:14 Mười hai nền của các vách thành mang danh **mười hai sứ đồ của Chiên Con**. Có thể câu này nói đến sự kiện mười hai sứ đồ đã lập nền của Hội Thánh qua những lời họ đã dạy dỗ về Đấng Christ (Êphêso 2:20).

21:15,16 Với một cây thước bằng vàng, vị thiên sứ này xác định thành khoảng chừng **một vạn hai ngàn êchlatơ** (một ngàn tư đến một ngàn rưỡi dặm), **bề dài**, **bề ngang** và **bề cao cũng bằng nhau**. Cho dù thành giống như khối lập phương hay một kim tự tháp đi nữa, thành vẫn trải rộng vượt ra ngoài biên giới của Ysraên hồi sinh.

21:17 Vách thành dày **một trăm bốn mươi cướ**. Cụm từ "**thước đo của loài người**, và cũng là thước đo của thiên sứ" có nghĩa vị thiên sứ của câu 9 và 15 sử dụng các đơn vị đo lường của con người.

21:18 Lời mô tả về vách thành (**bích ngọc**) - hay (ngọc thạch anh) và thành (**vàng ròng**), tuy chúng ta khó hình dung, nhưng được dùng để tạo hình ảnh về sự oai nghiêm và chói sáng. Lời mô tả này đã thành công trong mục đích đó.

21:19,20 Mười hai nền được trang trí bằng mười hai loại ngọc quý, tương tự với những loại ngọc trên bản đeo ngọc của thầy tế lễ thượng phẩm để đại diện cho mười hai chi phái Ysraên. Không thể xác định chính xác toàn bộ các loại ngọc quý này, cũng không thể xác định ý nghĩa thuộc linh của chúng.

21:21 Mười hai cửa là **mười hai hạt ngọc châu**, dấu nhắc nhớ Hội Thánh là hạt ngọc rất đắt giá đến nỗi Cứu Chúa đã bán hết thầy mọi điều Ngài có để được hạt ngọc ấy (Mathiô 13:45,46).

Đường trong thành bằng vàng ròng, giống như thủy tinh trong suốt,

và điều này nói đến sự vinh hiển không chút tí vết.

21:22,23 Một số điều không có trong thành này. Không cần đến một đến thờ nào cả vì chính Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng và Chiên Con đã ở đó. Không có mặt trời hoặc mặt trăng vì vinh hiển của Đức Chúa Trời soi sáng thành, và Chiên Con là ngọn đèn của thành.

21:24 Các dân ngoại sẽ thường thức vẻ đẹp của thành, và các vua trên đất sẽ đến quy vinh hiển cho Chúa.

21:25 Không có một cánh cổng nào đóng lại vì được an toàn trọn vẹn và được tự do vào thành. Nơi đó không có ban đêm nữa; đây là xứ của ban ngày không nhạt phai.

21:26 Như đã nói, phú quý của các dân sẽ tuôn chảy về thành, tức là mọi vinh hiển và tôn trọng của họ.

21:27 Không một điều ô uế nào được phép vào đó, nhưng chỉ có những người đã được ghi tên trong Sách Sự Sống của Chiên Con mà thôi.

22:1,2 Sông nước sự sống trong như lưu ly chảy từ ngai Đức Chúa Trời và từ ngai Chiên Con băng qua giữa đường phố. Trên hai bờ sông có cây sự sống cùng với mười hai loại trái của nó, không còn bị cấm nữa. Điều này gợi ý sự dự bị không dứt của Đức Chúa Trời cho mọi mùa. Những lá cây đó dùng để chữa lành cho các dân là lối nói theo nghĩa bóng, cho biết họ sẽ được chữa lành mãi mãi.

22:3-5 A. T. Pierson tóm tắt như sau:

"Chẳng còn có sự nguyên rủa nữa," tình trạng hoàn toàn không phạm tội;

"Ngôi của Đức Chúa Trời và Chiên Con sẽ ở trong thành," quyền cai trị trọn lành;

"Các tôi tớ Ngài sẽ hầu hạ Ngài," sự phục vụ trọn lành;

"Chúng sẽ được thấy mặt Chúa," sự thông công trọn lành;

"Và danh Chúa sẽ ở trên trán mình," sự giống nhau trọn lành;

"Đêm không còn có nữa," được hưởng phúc trọn lành;

"Và chúng sẽ không cần đến ánh sáng đèn hay ánh sáng mặt trời,"

"và chúng sẽ trị vì đời đời," vinh hiển trọn lành;³¹

D. Những Lời Cảnh Báo, Yên Ủi, Lời Mời Và Lời Chúc Phước Kết Thúc (22:6-21)

22:6 Vị thiên sứ đang giải thích nhắc Giảng một lần nữa về tính đáng tin của mọi điều mà Đấng ấy đang bày tỏ. Chúa là Đức Chúa Trời đã sai thiên sứ Ngài đứng tỏ cho tôi tớ Ngài toàn cảnh những biến cố kíp phải xảy ra.

22:7 Đỉnh điểm, điểm cao nhất trong toàn bộ điều này, sẽ là Sự Hiện Ra vinh hiển của Cứu Chúa. Ngài bảo đảm cho chúng ta rằng Ngài đến mau chóng. Có thể điều này có nghĩa là *mau chóng* hoặc *đột ngột*, nhưng chắc là "mau chóng." Phước hạnh đặc biệt được ban cho mỗi người nào giữ những lời tiên tri này. Chúng ta có thể giữ lời tiên tri bằng cách sống trông đợi Ngài hiện đến.

22:8,9 Khi Giảng thấy và nghe những điều đó, ông sấp mình xuống dưới chân thiên sứ, nhưng thiên sứ cấm ông làm như vậy. Vị thiên sứ này chỉ là một tạo vật; chỉ một mình Đức Chúa Trời mới đáng được thờ lạy.

22:10 Giảng không được phép niêm phong những lời tiên tri trong sách này vì lời ghi ứng nghiệm đã gần đến. Niêm phong ở đây có nghĩa tri hoãn sự tiết lộ.

22:11 Khi thời điểm ứng nghiệm đến, người nào không công bình sẽ ở nguyên trong thái độ không chịu ăn năn của họ. Kẻ ô uế sẽ không còn cơ hội thay đổi khi Chúa tái lâm trần gian. Nhưng người công bình sẽ tiếp tục sống công bình, và người thánh khiết tiếp tục sống thánh khiết.

22:12,13 Một lần nữa, Chúa công bố sự hiện đến mau chóng của Ngài, lần này kèm theo lời hứa ban thưởng cho mỗi người tùy theo công việc họ làm. Một lần nữa, Ngài xác định Ngài là Đấng Apha và Ômêga. Đấng đã tạo dựng muôn vật cũng chính là Đấng sẽ hạ màn trên sân khấu trần gian.

22:14 Có thể lý giải câu này là: "Phước cho người nào làm theo các điều răn Ngài" hoặc "Phước thay cho những kẻ giải áo mình" (chú thích 1c). Cả hai cách lý giải trên đều không dạy sự cứu rỗi bởi việc làm, nhưng đúng hơn dạy rằng các việc làm là bông trái và bằng chứng của sự cứu rỗi. Chỉ những tín hữu thật mới được quyền đến cây sự sống và vào thành đời đời.

22:15 Những loài chó, những thuật sĩ, những kẻ tà dâm, những kẻ giết người, những kẻ thờ hình tượng, và những kẻ ưa thích cũng làm sự giả dối đều ở ngoài hết thảy. "Những loài chó" ở đây có thể chỉ đến những nam mãi dâm (Phục truyền Luật lệ Ký 23:18), dân ngoại ô uế (Mathiơ 15:26), những người bất chước Do Thái giáo (Philíp 3:2).

22:16 Chúa sai thiên sứ Ngài đem sứ điệp này đến cho các Hội Thánh. Ngài gọi chính Ngài là Chối và Hậu Tự của Đavít. Xét về thần tánh, Ngài là Đấng Tạo Hóa của Đavít; về nhân tánh, Ngài là Đấng Đồi của Đavít. Sao Mai Sáng Chối xuất hiện trên bầu trời trước khi mặt trời mọc. Đấng Christ sẽ đến lần thứ nhất cùng với Hội Thánh trong tư cách Sao Mai Sáng Chối, tức là vào lúc Sự Cất Lên. Về sau, Ngài sẽ đến trần gian trong tư cách mặt trời công nghĩa mang theo sự chữa lành trong đôi cánh của Ngài (Malachi 4:2).

22:17 Có hai cách hiểu câu này. Thứ nhất, có thể đây là lời kêu gọi của Tin Lành vang lên khắp nơi, với Thánh Linh, vợ mới, và người nghe đang khuyên kẻ khác đến với Đấng Christ để được cứu rỗi. Hoặc ba lần dùng chữ "Hãy đến" đầu tiên có thể là những lời cầu xin Đấng Christ tái lâm, tiếp sau đó là hai lời mời những người chưa được cứu hãy đến với Ngài để nhận nước sự sống (là sự cứu rỗi) và bởi đó sẵn sàng chờ đón ngày tái lâm của Ngài.

22:18,19 Nếu con người thêm vào những điều được chép trong sách Khải Huyền này, họ sẽ chịu những tai nạn đã được mô tả trong sách. Vì các đề tài trong sách này được quyền lẫn vào nhau trong khắp Kinh Thánh, nên trên thực tế, câu này lên án mọi cách sửa đổi Lời Chúa. Sự đoán phạt tương tự được công bố cho ai bởi điều gì trong những lời trong sách tiên tri này. Điều này không áp dụng cho những khác biệt nhỏ nhất trong lời

giải nghĩa, nhưng áp dụng cho những tấn công thẳng thừng vào sự soi dẫn và tình hoàn chỉnh của Kinh Thánh. Hình phạt là số phận bị định đoạt đời đời. Đức Chúa Trời sẽ cất lấy phần họ về cây sự sống (chú thích lẻ của bản NKJV).³² Điều này có nghĩa người ấy sẽ không bao giờ được dự phần các phước hạnh của người hưởng sự sống đời đời.

22:20 Sách Khải Huyền kết thúc với một lời hứa và một phước hạnh. Lời hứa ở đây là Đức Chúa Jêsus đến mau chóng. Như đã nói trước đây, câu này có nghĩa là "mau chóng" hoặc "thình lình." Hy vọng về sự tái làm thình lình sẽ không đem lại sự tiên liệu và thức canh như là hy vọng về sự tái làm mau chóng. Mỗi một người được chuộc đáp lại với niềm hy vọng phước hạnh này: "Amen, lạy Chúa Jêsus, xin hãy đến!"

Sách Sáng Thế Ký là sách về những khởi nguyên thế nào, thì sách Khải Huyền cũng là sách về sự hoàn thành thế ấy. Các đề tài được giới thiệu trong sách thứ nhất được hoàn thành thành mỹ mãn trong sách cuối cùng. Hãy lưu ý những điều sau đây:

SÁNG THẾ KÝ	KHẢI HUYỀN
Sự tạo dựng trời đất (Sáng Thế Ký 1:1).	Tiền diệt trái và đất (Khải Huyền 20:11b). Tạo dựng trời mới đất mới (Khải Huyền 21:1).
Bài đầu quyển cai lạp của Salao lên núi (Sáng Thế Ký 3:1-7).	Salao bị quăng vào Hồ Lửa (Khải Huyền 20:10).
Tội lỗi vào thế gian (Sáng Thế Ký 3:1-7).	Tội lỗi bị tẩy sạch (Khải Huyền 21:27).

Công bố lời rủa sả trên tạo vật (Sáng 3:17-19).

Mối hận nguyên được đền với cây sự sống (Sáng Thế Ký 3:24b).

Đổi các người ra khỏi vườn Êden (Sáng Thế Ký 3:24a).

Sự chết vào trong thế gian (Sáng 2:17; 5:5).

Nhìn nhau của Adam thứ nhất (Sáng 4:1).

Đem họ đến cho nhà loại (Sáng 3:18).

Cối bẻ sự rủa sả (Khải Huyền 22:3).

Phúc hồi nguyên được đền với cây sự sống (Khải Huyền 22:2,19).

Của người được chào đón trở về với (Maradi) (Khải Huyền 22:1-7).

Sự chết bị cất bỏ đời đời (Khải Huyền 21:4).

Đem nhau của Adam sau chết (Khải Huyền 18:7).

Hoa bước bị loại bỏ (Khải Huyền 21:4).

22:21 Giờ đây chúng ta đến với lời chúc phước cuối cùng của sách Khải Huyền tuyệt vời này, và của Lời Đức Chúa Trời nữa. Đây là kết thúc bình an cho một sách đầy đầy những sám sê của sự đoán phạt.

Giăng chúc "Nguyên xin ân điển của Đức Chúa Jêsus ở với dân sự của Đức Chúa Trời." Ở đây, có ba biến thể khác nhau trong các thứ bản.

1. Trong bản văn phê bình (NU), Giăng chúc ân điển của Đấng Christ đến cho *mọi người* - điều này hầu như không phù hợp với chủ đề của sách Khải Huyền về cơn thanh nợ sắp đến trên đại đa số.

2. Cách ghi của bản truyền thống (TR, KJV, NKJV) rõ hơn. Ân điển của Đức Chúa Trời được chúc cho "hết thấy anh em" - rất nhiều những người nghe và đọc sách Khải Huyền sẽ là những tín hữu thật.

3. Cách ghi tốt nhất theo tinh thần những điểm tương phản rõ nét giữa các thánh đồ và tội nhân của

sách này được tìm thấy trong bản văn Đại đa số và chú thích ngoài lề của bản NKJV: "Nguyên xin ân điển của Đức Chúa Jêsus ở với hết thảy các thánh đồ. Amen."

CHÚ THÍCH

¹[Phần Giới Thiệu] Động từ được dùng trong sách Tin Lành và sách Khải Huyền là *ekkentēsan*; trong Bản Bảy Mươi của Xachari, hình thức này là *kato-rchēsanto*.

²[Phần Giới Thiệu] Trong tiếng Hébrơ và Hy Lạp, bảng mẫu tự mang giá trị số. Lấy ví dụ, aleph và alpha là số 1, beth và beta là số 2, v.v.. Vì vậy, mọi tên gọi đều có thể cộng lại. Cũng thật thú vị thay, tên trong tiếng Hy Lạp của Chúa Jêsus (*Jesous*) cộng lại thành 888. (Số tám là số của khởi đầu mới và sự sống lại.) Người ta tin những mẫu tự trong tên của Con Thú thực ra cộng lại là 666. Bằng cách hơi điều chỉnh cách ráp vần, tên gọi "Nêrô Sêsa" có thể cộng lại thành 666, nếu tính theo hệ thống này. Tuy nhiên, nhiều tên gọi khác cũng cộng lại thành 666, và chúng ta nên tránh lối phỏng đoán vô căn cứ.

³[1:5] Cách ghi ngoài lề ở đây là ghi chú đầu tiên trong số rất nhiều ghi chú của NKJV về sách Khải Huyền mà trong đó cả hai cách ghi của bản cổ nhất (NU) và Bản Đại đa số (M) đều thống nhất với nhau để trái ngược với cách ghi của các bản TR, KJV, và NKJV. Sở dĩ như vậy là vì Erasmus, người đã in bản Kinh Thánh Tân Ước Hy Lạp đầu tiên (1516) chỉ có một bản sao của sách Khải Huyền, và bản này có lỗi. Vì vậy, có rất nhiều những biến

thể nhỏ trong những chú thích cuối trang hay chú thích bên lề. May mắn thay, các sách khác của Tân Ước đã được đại diện bởi những thủ bản hầu như nhất trí với Đại đa số những thủ bản vẫn còn đang được phát hiện ra. Trong sách giải nghĩa này chỉ chú ý đến những thay đổi hết sức quan trọng mà thôi. Chúng tôi tin rằng kết hợp bản NU và M sẽ trở thành cách ghi nguyên bản. Ở những chỗ khác với nhau, thì thường sẽ theo bản văn Đại đa số.

⁴[1:4] Các bản Kinh Thánh NU và M bỏ qua những chữ "Đấng Đầu Tiên và Đấng Cuối Cùng."

⁵[1:10] "Ngày Của Chúa" (Ngày Đoán Xét của Chúa - "The Day of the Lord") là *hē hēmera tou Kurion* trong bản tiếng Hy Lạp: "Ngày Của Chúa" ("the Lord's Day" - nghĩa đen là ngày thuộc về Chúa) là "*hē Kuriakē hēmera*" (từ đó mà ra chữ "kirk, church" (nhà thờ, Hội Thánh)).

⁶[1:13] James H. McConkey, *The Book of Revelation: A Series of Outline Studies in the Apocalypse*, trang 9.

⁷[2:1] John F. Walvoord, *The Revelation of Jesus Christ*, trang 50-100.

⁸[2:14,15] Ella E. Pohle, *Dr. C. I. Scofield's Question Box*, trang 89.

⁹[2:20] Bản văn đa số ghi là "Giêsabên, là vợ (hay người đàn bà) của người."

¹⁰[3:7] *Daily Notes of the Scripture Union*.

¹¹[3:20] Richard Chevenix Trench, *Commentary on the Epistles to the Seven Churches in Asia*, trang 225.

¹²{4:3} Walvoord, *Revelation*, trang 104.

¹³{5:9, 10} Cả bản Kinh Thánh NU và M đều có chữ "họ" ở dạng chữ ngữ và vị ngữ, và điều này nói lên rằng không phải các trưởng lão đang hát về chính họ, nhưng hát về người khác. Có thể điều này gợi ý rằng đây là những thiên sứ.

¹⁴{5:9,10} Bản văn NU ghi là "nước."

¹⁵{6:1,2} Bản Kinh Thánh NU và M bỏ qua chữ "và xem."

¹⁶{6:10} Từ ngữ Hy văn ở đây rất mạnh: *Despotēs* (nhưng không mang hàm ý phủ định của từ ngữ phát sinh trong Anh ngữ).

¹⁷{8:5} Henry Barclay Swete, *The Apocalypse of St. John*, trang 109.

¹⁸{8:13} Trong Hy văn, chữ "thiên sứ," và "chim phụng hoàng" trông cũng hơi giống nhau (*angelos* và *aetos*), vì vậy đây là lỗi trong sao chép. Chữ "chim phụng hoàng" mới đúng.

¹⁹{9:16,17} Đại đa số các thủ bản ghi là "một trăm triệu."

²⁰{9:18,19} Hamilton Smith, *The Revelation: An Expository Outline*, trang 57.

²¹{9:20,21} Từ ngữ Hy văn ở đây là *pharmakon*. "Thuốc uống, thuốc trong ma thuật, thuốc phiện" (cũng xem chữ "pharmacy" trong Anh ngữ).

²²{11:6} McConkey, *The Book of Revelation*, trang 68, 69.

²³{11:15} Những bản văn NU và M ghi là "nước (ở số ít)... thuộc về."

²⁴{13:3} *The Scofield Reference Bible*, trang 1342.

²⁵{14:4,5} J. D. Pentecost, *Things to Come*, trang 300.

²⁶{15:3,4} "Các thánh đồ" là cách ghi có cơ sở hậu thuẫn rất yếu. Cả bản văn NU và M đều hậu thuẫn cho chữ "các dân." (Bản Việt Ngữ ghi là "muôn đời.")

²⁷{15:3,4} Arthur T. Pierson, *Knowing the Scriptures*, trang 248.

²⁸{16:16} "Hamaghêđôn" ra từ chữ "Hôr" (Núi). Bản văn đại đa số chỉ ghi là "Mêghêđô."

²⁹{19:8} Bản Kinh Thánh 1611 ghi là "sự công bình," và thường được các nhà truyền đạo giải nghĩa đây là sự công bình của Đấng Christ được quy kể cho các thánh đồ. Tuy đây là một giáo lý vững mạnh, nhưng từ ngữ Hy văn *dikaiōmata* loại bỏ cách hiểu như thế. Chữ này ở số nhiều (không phải là một từ ngữ trừu tượng ở số ít là chữ *dikaiōsunai*). Hơn nữa, chữ này có úp ví ngữ ở thể "thụ động," ở đây hiển thị một điều gì đó được làm xong (trong trường hợp này, "các công việc công bình"). Phân đoạn này không xét đến sự cứu rỗi.

³⁰{19:10} Charles C. Ryrie, *The Ryrie Study Bible, New King James Version*, trang 1953.

³¹{22:3-5} Pierson, *The Ministry of Keswick, First Series*, trang 144.

³²{22:18,19} Cách ghi "sách sự sống" ở đây không có sự hậu thuẫn của các thủ bản Hylap! Sáu câu Kinh Thánh cuối này không có trong bản Kinh Thánh Khải Huyền tiếng Hylap của Erasmus, vì vậy ông dịch những câu này từ bản Latin Vulgate. Đây là cách ghi đáng buồn nhất. Nó làm lu mờ "trọn chu kỳ" của văn chương, tức là chương trình của Đức Chúa Trời từ lúc cấm con người đến với cây sự

sống trong Sáng Thế Ký 3 cho đến khi phục hồi quyền đó cho các thánh đó Ngài ở giai đoạn cuối cùng trong Kinh Thánh.

SÁCH THAM KHẢO

Criswell, Waltie Amos. *Exposition of Sermons on Revelation.* Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1962.

Dennell, Edward. *The Seven Churches, The Serious Christian*, Vol. XI. Charlotte, N.C.: Books for Christians, Không rõ năm xuất bản.

Gaebelein, Arno C. *The Revelation.* New York: Publication Office "Our Hope," 1915.

Grant, F. W. *The Revelation of Christ.* New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

Ironsides, H. A. *Lectures on the Revelation.* New York: Loizeaux Brothers, 1919.

Kelly, William. *Lectures on the Book of Revelation*, New Edition. London: G. Morrish, Không rõ năm xuất bản.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of St. John's Revelation.* Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1943.

McConkey, James H. *The Book of Revelation: A Series of Outline Studies in the Apocalypse.* Pittsburgh: Silver Publishing Co., 1921.

Morgan, G. Campbell. *The Letters of Our Lord.* Westwood, N.J.: Fleming H. Revell Co., Không rõ năm xuất bản.

Morris, Leon. *The Revelation of Jesus Christ (TBC).* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1969.

Mounce, Robert H. *The Book of Revelation (NIC).* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1977.

Ryrie, Charles Caldwell. *Revelation.* Chicago: Moody Press, 1968.

Scott, Walter. *Exposition of the Revelation of Jesus Christ.* London: Pickering & Inglis Ltd., Không rõ năm xuất bản.

Smith, Hamilton. *The Revelation: An Expository Outline.* Addison, IL: Bible Truth Publishers, Không rõ năm xuất bản.

Stanley, Charles. *The Revelation of Jesus Christ.* New York: Loizeaux Brothers Publishers, Không rõ năm xuất bản.

Swete, Henry Barclay. *The Apocalypse of St. John.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, Không rõ năm xuất bản.

Tenney, Merrih C. *Interpreting Revelation.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1957.

Trench, Richard Chevenix. *Commentary on the Epistles to the Seven Churches in Asia.* Minneapolis: Klock and Klock Christian Publishers, 1978.

Walvoord, John F. *The Revelation of Jesus Christ.* Chicago: Moody Press, 1966.

SÁCH THAM KHẢO TỔNG QUÁT

SÁCH

Alford, Henry. *The Greek Testament.* Trọn bộ 4 quyển. Hiệu đính bởi Everett F. Harrison. Chicago: Moody Press, 1958.

Anderson, Sir Robert. *Misunderstood Texts of the New Testament.* London: Nisbet & Co., Ltd., 1916.

Anderson-Berry, D. *Pictures in the Acts.* Glasgow: Pickering & Inglis, Không rõ năm xuất bản.

Arndt, William F. và F. Wilbur Gingrich. *A Greek-English Lexicon of the New Testament and Other Early Christian Literature.* Chicago: The University of Chicago Press, 1979.

Barker, H. P. *Coming Twice.* New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

Barnes, Albert. *Notes on the New Testament.* Trọn bộ 10 quyển. Grand Rapids: Kregel Publications, 1975.

Baron, David. *The New Order of Priesthood.* Findlay, Ohio: Dunham Publishing Company, 1955.

Barnhouse, D. G. *The Measure of Your Faith.* Book 69.

Words Fitly Spoken. Wheaton: Tyndale House Publishers, 1969.

Baxler, J. Sidlow. *Awake My Heart.* Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1960.

— . *Explore the Book.* Trọn bộ 3 quyển. London: Marshall, Morgan & Scott, 1955.

Bellitt, James Gifford. *The Evangelists.* New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

Bonar, Andrew R. *Last Days of the Martyrs.* Kilmarnock: John Ritchie, Ltd., Không rõ năm xuất bản.

Brookes, J. H. *I Am Coming.* Glasgow: Pickering & Inglis, 1895.

Chafer, L. S. *Systematic Theology.* Trọn bộ 8 quyển. Dallas: Dallas Seminary Press, 1947.

Chappel, Clovis G. *Sermons from the Psalms.* Nashville: Cokesbury Press, 1931.

Christenson, Larry. *The Christian Family.* Minneapolis: Bethany Fellowship, 1970.

Clow, W. M. *The Cross in Christian Experience.* New York: Hodder & Stoughton, 1908.

Cragg, H. W. *The Keswick Week, 1955.* London: Marshall, Morgan & Scott, 1955.

Darby, J. N. *The Collected Writings of John Nelson Darby.* Chủ biên: William Kelly. Trọn bộ 34 quyển và Phụ Lục. Oak Park, IL: Bible Truth Publishers, 1971.

— . *Synopsis of the Books of the Bible.* Trọn bộ 5 quyển. New York: Loizeaux Brothers, 1942.

Davidson, F., Chủ biên. *The New Bible Commentary.* Chicago: The InterVarsity Christian Fellowship, 1953.

Denney, James R. *The Death of Christ.* Xuất bản lần thứ 2. Philadelphia: The Westminster Press, 1903.

- Dillow, Joseph.** *Speaking in Tongues*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1976.
- Drury, T. W.** *The Prison Ministry of St. Paul*. London: The Religious Tract Society, 1911.
- *Eddy, Mary Baker.** *Science and Health with Key to the Scriptures*. Boston: Allison V. Stewart, 1909.
- Elliot, Elisabeth, Chủ biên.** *The Journals of Jim Elliot*. Old Tappan, NJ: Fleming H. Revell Company, 1978.
- Erdman, Charles R.** *The General Epistles*. Philadelphia: The Westminster Press, 1919.
- The Expositor's Greek Testament*. Trọn bộ 5 quyển. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1951.
- Falwell, Jerry, Chủ biên.** *Liberty Bible Commentary*. Trọn bộ 2 quyển. Lynchburg, Virginia: The Old-Time Gospel Hour, 1982.
- *Ferre, Neis.** *The Sun and the Umbrella*. New York: Harper & Brothers, 1953.
- Fernald, James G., Chủ biên.** *Funk & Wagnalls Standard Handbook of Synonyms, Antonyms, and Prepositions*. New York: Harper & Row, 1947.
- Ford, Leighton.** *The Christian Persuader*. New York: Harper & Row, 1966.
- Gaebelein, Arno C.** *The Annotated Bible*. Trọn bộ 9 quyển. Neptune, New Jersey: Loizeaux Brothers, Bản nhuận chánh, 1970.
- Gaebelein, Frank E., Chủ biên.** *The New Scofield Reference Bible*. New York: Oxford University Press, 1967.
- Gibbon, Edward.** *The Decline and Fall of the Roman Empire*. Quyển II. Chicago: Belford, Charles and Co., Không rõ năm xuất bản.
- Gibbs, A. P.** *Preach and Teach the Word*. Oak Park, IL: Emmaus Bible School, 1971.
- Book, Arthur.** *Can A Young Man Find the Path?* London: Pickering & Inglis, 1949.
- Grant, F. W.** *Genesis in the Light of the New Testament*. New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.
- _____. *The Numerical Bible*. Trọn bộ 7 quyển. New York: Loizeaux Brothers, 1932.
- Gray, James M.** *Christian Workers' Commentary on the Whole Bible*. Westwood, NJ: Fleming H. Revell, 1953.
- Grubb, Norman P. C.** *T. Studd, Cricketer and Pioneer*. London: Lutterworth Press, 1957.
- Gulhris, Donald.** *New Testament Introduction*. Trọn bộ 3 quyển. London: The Tyndale Press, 1962.
- Harrison, Everett F.** *Introduction to the New Testament*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1964.
- Havner, Vance.** *Why Not Just Be Christians?* NY: Fleming H. Revell, 1964.
- Hesslon, Roy.** *The Calvary Road*. Philadelphia: Christian Literature Crusade.

Hodges, Zane C. và Arthur L. Farstad, đồng tác giả. *The Greek New Testament According to the Majority Text*. Nashville: Thomas Nelson Publishers, Xuất bản lần thứ 2, 1985.

Hogg, C. F. *What Saith the Scripture?* London: Pickering & Inglis, 1947.

Hole, F. B. *Paul's Epistles, Volume Two*. Wooller, Northumberland, England: Central Bible Hammond Trust Ltd., Không rõ năm xuất bản.

Houghton, S. M. *Sketches from Church History*. Edinburgh: The Banner of Truth Trust, 1980.

Hunter, Jack. *What the Bible Teaches, Galatians - Philemon*. Kilmarnock, Scotland: John Ritchie, Scotland: 1983, trang 78.

Ironside, Harry A. *Notes on James & Peter*. New York: Loizeaux Brothers, 1947.

Jamieson, Fausset và Brown. *A Commentary, Critical, Experimental, and Practical on the Old and New Testaments*. Trọn bộ 6 quyển. London: Wm. Collins and Co., Không rõ năm xuất bản.

Jones, E. Stanley. *Christ's Alternative to Communism*. Nashville: Abingdon Press, 1935.

_____. *Conversion*. Nashville: Abingdon Press, 1959.

_____. *Growing Spiritually*. Nashville: Abingdon Press, 1978.

Jowett, J. H. *Life in the Heights*. London: Hodder & Stoughton, 1924.

_____. *Things that Matter Most*. London: Jas. Clarke & Co., 1913.

Jukes, Andrew. *The Law of the Offerings*. London: Lamp Press, 1954.

***Kennedy, Gerald.** *God's Good News*. New York: Harper & Brothers, 1955.

_____. *The Keswick Convention 1934*. London: Pickering & Inglis, 1934.

_____. *The Keswick Week 1955*. London: Marshall, Morgan & Scott, Ltd., 1955.

Lacey, Harry. *God and the Nations*. Kilmarnock, Scotland: John Ritchie, 1944.

Lang, G. H. *The Churches of God*. London: Paternoster Press, Không rõ năm xuất bản.

_____. *The Parabolic Teaching of the Scripture*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1956.

Lange, J. P. *A Commentary on the Holy Scriptures*. Trọn bộ 25 quyển. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, Không rõ năm xuất bản.

Lee, Robert G. *Lord, I Believe*. Nashville: Broadman Press, 1927.

Lee, Robert G. *Seven Swords and Other Messages*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1958.

Lenski, R. C. H. *The Interpretation of the Epistle to the Hebrews and of the Epistle of James*. Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1938.

_____. *The Interpretation of St. Paul's Epistles to the Colossians, to the Thessalonians, to Timothy, to Titus and to Philemon*. Columbus, Ohio: The Wartburg Press, 1937.

_____. *The Interpretation of St. Paul's Epistles to the Galatians, to the Ephesians, and to the Philippians*. Columbus, Ohio: The Wartburg Press, 1946.

Lyall, L. T. *Red Sky at Night*. London: Hodder & Stoughton, 1969.

Macartney, Clarence Edward. *Macartney's Illustrations.* New York: Abingdon Press, 1946.

Mackay, W. M. *The Men Whom Jesus Made.* London: Hodder & Stoughton, 1924.

Mackintosh, C. H. *Genesis to Deuteronomy: Notes on the Pentateuch.* Trọn bộ 6 quyển. New York: Loizeaux Brothers, 1879.

— — —. *The Mackintosh Treasury.* Neptune, NJ: Loizeaux Brothers, 1976.

Marsh, F. E. *Fully Furnished.* London: Pickering & Inglis, Không rõ năm xuất bản.

Matheson, George. *Rest By the River.* London: Hodder & Stoughton, 1906.

McClain, Alva J. *The Greatness of the Kingdom.* Chicago: Moody Press, 1968.

Metzger, Bruce M. *The New Testament: Its Background, Growth, and Content.* Nashville: Abingdon Press, 1965.

Meyer, Frederick Brotherton. *Paul.* London: Morgan & Scott, Không rõ năm xuất bản.

— — —. *Through the Bible Day by Day.* Trọn bộ 7 quyển. Philadelphia: American S. S. Union, 1918.

Miller, J. R. *Come Ye Apart.* New York: Thomas Crowell & Co., 1887.

The Ministry of Keswick, First Series, 1892-1919. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1963.

The Ministry of Keswick, Second Series, 1921-1956. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1964.

Moorehead, William G. *Outline Studies in Acts and the Epistles.* Chicago: Fleming H. Revell, 1902.

— — —. *Outline Studies in the New Testament: Acts to Ephesians.* Pittsburgh: United Presbyterian Board of Publications, 1902.

— — —. *Outline Studies in the New Testament: Philippians to Hebrews.* Pittsburgh: United Presbyterian Board of Publications, 1905.

Morris, Leon. *Understanding the New Testament: 1 Timothy, 2 Timothy, Titus, Philemon, Hebrews, James.* Philadelphia: A. J. Holman Company, 1978.

Morrison, G. H. "Morrison on Luke," *The Glasgow Pulpit Series*, Quyển I. Chattanooga, TN: AMG Publishers, 1978.

Morgan, G. Campbell. *Searchlights from the Word.* London: Oliphants, 1970.

Murray, Andrew. *The Holiest of All.* Westwood, NJ: Fleming H. Revell, 1960.

Myers, F. W. H. *St. Paul.* London: Samuel Bagster & Sons Ltd., Không rõ năm xuất bản.

Nee, Watchman. *Do All to the Glory of God.* NY: Christian Fellowship Publishers, Inc., 1974.

New and Concise Bible Dictionary. London: G. Morrish, 1897-1900.

Orr, J., Chủ biên. *International Standard Bible Encyclopedia.* Trọn bộ 5 quyển. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1939.

Orr, William W. *Bible Hints on Rearing Children.* Wheaton, IL: InterVarsity Press, 1955.

Pentecost, J. D. *Your Adversary the Devil*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1969.

Pfaffner, Charles F. và **Everett F. Harrison**, đồng tác giả. *The Wycliffe Bible Commentary*. Chicago: Moody Press, 1962.

Phillips, J. B. *The Young Church in Action*. New York: The Macmillan Company, 1956.

Pierson, A. T. "Knowing the Scriptures." New York: Gospel Publishing House, 1910.

———. "The Work of Christ for the Believer," *The Ministry of Keswick, First Series*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1963.

Pink, Arthur W. *The Attributes of God*. Swengel, Pennsylvania: Bible Truth Depot, Không rõ năm xuất bản.

Pollock, A. J. *The Apostle Paul and His Missionary Labors*. New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

———. *Modernism Versus the Bible*. London: Central Bible Truth Depot, Không rõ năm xuất bản.

———. *Why I Believe the Bible is the Word of God*. London: Central Bible Truth Depot, Không rõ năm xuất bản.

Pohle, Ella E. C. J. *Scotfield's Question Box*. Chicago: The Bible Institute Colportage Association, 1917.

Reld, R. J. *How Job Learned His Lesson*. New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

Robertson, A. T. *Word Pictures in the New Testament*. Trọn bộ 6 quyển. New York: Harper & Bros., 1930.

Robinson, John A. T. *Honest to God*. Philadelphia: The Westminster Press, 1963.

Rogers, E. W. *Concerning the Future*. Chicago: Moody Press, 1962.

———. *Jesus the Christ*. London: Pickering & Inglis, 1962.

Ryle, John Charles. *Expository Thoughts on the Gospels*. Trọn bộ 3 quyển. New York: Fleming H. Revell, 1858.

———. *Holiness*. Grand Rapids: Baker Book House, 1979.

———. *Practical Religion*. London: Jas. Clarke & Co., Ltd., 1959.

Ryrie, Charles C. *The Grace of God*. Chicago: Moody Press, 1975.

———, biên soạn. *The Ryrie Study Bible, New King James Version*. Chicago: Moody Press, 1985.

Salmon, George. *A Historical Introduction to the Study of the Books of the New Testament*. London: John Murray, 1894.

Sanders, J. Oswald. *A Spiritual Clinic*. Chicago: Moody Press, 1958.

———. *Spiritual Problems*. Chicago: Moody Press, 1971.

Sauer, Erich. *The Dawn of World Redemption*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1953.

Scorer, C. G. *The Bible and Sex Ethics Today*. London: The Tyndale Press, 1967.

Scott, Walter. *Bible Handbook to the New Testament*. Charlotte, North Carolina: Books for Christians, 1977.

Scroggie, W. Graham. *Know Your Bible: A Guide to the Gospels*. London: Pickering & Inglis, 1948.

_____. "Paul's Prison Prayers," *The Ministry of Keswick, Second Series*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1964.

Spurgeon, Charles H. *The Treasury of the New Testament*. London: Marshall, Morgan & Scott, Không rõ năm xuất bản.

Stalker, James. *Life of St. Paul*. Fleming H. Revell, 1912.

Stevens, G. B. *The Theology of the New Testament*. New York: Chas. Scribner's Sons, Không rõ năm xuất bản.

Stewart, James A. *Evangelism*. Swengel, PA: Reiner Publications, Không rõ năm xuất bản.

_____. *Pastures of Tender Grass*.

Stewart, James S. *The Life and Teaching of Jesus Christ*. Nashville: Abingdon Press, 1958.

_____. *A Man in Christ*. New York: Harper & Row, 1935.

_____. *Pastures of Tender Grass*. Philadelphia: Revival Literature, 1962.

Stonehouse, Ned B. *Origins of the Synoptic Gospels - Some Basic Questions*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1963.

Strombeck, J. F. *First the Rapture*. Moline, IL: Strombeck Agency, Inc., 1950.

Strong, A. H. *Systematic Theology*. Philadelphia: The Judson Press, 1943.

Swindoll, Charles. *Growing Strong in the Seasons of Life*. Portland: Multnomah Press, 1983.

Taylor, Mrs. Howard. *Behind the Ranges*. London: Lutterworth Press, 1944.

Thiessen, Henry Clarence. *Introduction to the New Testament*. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1943.

Tozer, A. W. *That Incredible Christian*. India: Alliance Publications, 1964.

_____. *The Root of the Righteous*. Chicago: Moody Press, 1955.

Trench, Richard Chevenix. *Synonyms of the New Testament*. London: Kegan Paul, Trench, Trubner & Co., Ltd., 1901.

Unger, Merrill F. *Unger's Bible Dictionary*. Chicago: Moody Press, 1966.

_____. *Unger's Bible Handbook*. Chicago: Moody Press, 1966.

_____. *Zechariah*. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1963.

Van Oosterzee, J. J. "The Pastoral Letters." *Lange's Commentary on the Holy Scriptures*. Quyển 23. Grand Rapids: Zondervan Publishing House, Không rõ năm xuất bản.

Velikovsky, I. *Earth in Upheaval*. New York: Doubleday and Co., 1955.

Vincent, Marvin R. *Word Studies in the New Testament*. Trọn bộ 4 quyển. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Company, 1957.

Vine, W. E. *The Divine Plan of Missions*. London: Pickering & Inglis, Không rõ năm xuất bản.

_____. *Expository Dictionary of New Testament Words*. Old Tappan, NJ: Fleming H. Revell, 1966.

Walvoord, John F. và Roy B. Zuck, đồng tác giả. *The Bible Knowledge*

Commentary: New Testament Edition.
Wheaton, Illinois: Victor Books, 1983.

Warfield, B. B. *Christology and Criticism.* New York: Oxford University Press, 1929.

Watson, David. *Discipleship.* London: Hodder and Stoughton, 1981.

Weatherhead, Leslie D. *Prescription for Anxiety.* London: Hodder & Stoughton, 1956.

Webb-Peplow, H. W. "Grace and Peace in Four Pauline Epistles," *The Ministry of Keswick, First Series.* Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1963.

Williams, George. *The Student's Commentary on the Holy Scriptures.* Grand Rapids: Kregel Publications, 1953.

Wuest, Kenneth S. *Ephesians and Colossians in the Greek New Testament.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1957.

_____. *In These Last Days.* Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1954.

_____. *Wuest's Expanded Translation of the Greek New Testament.* Trọn bộ 3 quyển. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1956-1959.

Young, Dinsdale T. *The Enthusiasm of God.* London: Hodder & Stoughton, 1906.

_____. *Neglected People of the Bible.* London: Hodder & Stoughton, 1901.

_____. *Unfamiliar Texts.* London: Hodder & Stoughton, 1899.

_____. *The Unveiled Evangel.* London: Robert Scott, 1912.

Zahn, Theodor. *Introduction to the New Testament.* Trọn bộ 3 quyển. Minneapolis: Klock & Klock Christian Publishers, 1977.

CÁC BÀI VIẾT

VÀ TẬP SAN ĐỊNH KỲ

Christian Truth Magazine, nhiều kỳ khác nhau.

Daily Notes of the Scripture Union. London: C.S.S.M., nhiều kỳ khác nhau.

*Homrighausen, E. C. "The Second Epistle of Peter," *Exposition,* IB, XII, 1957.

Our Daily Bread. Grand Rapids: Radio Bible Class, nhiều kỳ khác nhau.

The Sunday School Times. Homer L. Payne. "What Is a Missionary Church?" Feb. 22, 1964.

Toward the Mark. Weston-super-Mare, Quyển 5, No. 6 (1976).

SÁCH MỎNG

Culling, George. "The Old Nature and the New Birth." New York: Loizeaux Brothers, Không rõ năm xuất bản.

Green, Samuel. "Scripture Testimony to the Deity of Christ." Oak Park, Illinois: Bible Truth Publishers, 1959.

Hole, F. B. "The Administration of the Mystery." London: Central Bible Truth Depot, Không rõ năm xuất bản.

*National Council of Churches. "Called to Responsible Freedom."

Scotfield, C. L. "Rightly Dividing the Word of Truth."

Chú Thích: Những tác phẩm có đánh dấu (*) thì được trích dẫn để minh họa sự dạy dỗ sai lầm.

CÁC TRƯỚC GIẢ CỦA TÂN ƯỚC

Tên	Dân Tộc	Quê Hương	Nghề Nghiệp	Quan Hệ	Số Đoạn	Số Câu	Các Sách
Matthi	Do Thái	Capernaum	Người thu thuế	Sứ đồ của Chúa Giêsu	28	1.071	Tin Lành Matthi
Marc	Do Thái-Hamít	Syrtes/Naïm	Chưa si	Môn đệ của Phao-lô	16	678	Tin Lành Marc
Luca	Hy Lạp	Antioch	Thầy thuốc	Môn đệ của Phao-lô	52	2.158	Tin Lành Luca và Công Vụ Các Sứ Đệ
Giăng	Do Thái	Ephésala hay Coesaron	Như phụ	Sứ đồ của Chúa Giêsu	50	1.414	Tin Lành Giăng 1. Giăng - II. Giăng - III. Giăng Xtaph. Hôyan
Phao-lô	Do Thái	Tarsus	Thợ may tạp	Sứ đồ của Chúa Giêsu	87 (100)*	2.033 (2.330)*	Rôma - I. Corin-thô - II. Corin-thô - Galat. Ephésô - Philip - Cô-lô-sê - Philimon - I. Thimo-thê - 2. Thimo-thê - Tit. - (Hê-bơ-rê)
Giacô	Do Thái	Naxô-rê	Thợ mộc*	Em trai của Chúa Giêsu	5	108	Giacô
Phierô	Do Thái	Bethsaida	Như phụ	Sứ đồ của Chúa Giêsu	8	166	I. Phierô - II. Phierô
Glêô	Do Thái	Naxô-rê	Thợ mộc*	Em trai của Chúa Giêsu	1	25	Glêô

* Cho biết tổng số nếu như trình thơ Hê-bơ-rê là do Phao-lô viết.

Trích từ Talk Thru the Bible. Được Hội Walk Thru the Bible Ministries cho phép in lại.

CHỦ ĐỀ CỦA CÁC THƠ TÍN TÂN ƯỚC

THƠ PHAOLÔ GỬI CHO CÁC HỘI THÀNH

SÁCH	TỪ NGHĨ CHIA KẼM	CHỦ ĐỀ
Rôma	Hệ Công Bình Của Đức Chúa Trời	Phúc họa tin lành từ sự định tội đến sự sống công bình, đến vào thành, đến sự làm của vinh hiển (1-8). Giải thích chương trình của Đức Chúa Trời dành cho dân Do Thái và dân ngoại (9-11) và những lời khuyên về nếp sống đạo cho tín hữu (12-16).
I.Cô	Sứ Tế Hội Thánh Theo Các Tiết	Sứ vụ những người như các tế phẩm, giao ước, các vụ tế lượng trước tôn, và làm ứng Tể Thánh (1-6). Trờ lại những thách thức về hôn nhân, lối đi sống công chính ngay, sự thờ phượng chung, và Sự Phục Sinh (7-16).
II.Cô	Phaolô Minh Vực Các Vụ Minh	Minh vực lịch cách sử đồ, sự kêu gọi làm sử đồ, và những bằng chứng xác nhận chức sử đồ của Phaolô. Bức nhiều người đã ăn năn sự chống nghịch Phaolô, nhưng vẫn còn một thiểu số không chịu ăn năn.
Galat	Được Được Từ Nhờ Luật Pháp	Bác bỏ sai lầm của chủ nghĩa duy luật đang giống hệt các hội thánh tại Galat. Chứng minh do điển từ nội bộ luật pháp, và nhấn mạnh đời sống được tự do hơn là đời sống theo chủ nghĩa duy luật và luật pháp.
Êphêzô	Cây Dựng Thành Thế Đấng Christ	Tôn cao địa vị của tín hữu trong Đấng Christ (1-3), và khuyên độc giả giữ vững sự tin ở thuộc linh được cứu sẽ trên sự giữ có thuộc linh của họ (4-6).
Philip	Sống Tức Là Christ	Phaolô cho biết những điều kiện mới nhất trong cảnh giam cầm duy, và khuyên độc giả có nếp sống hiệp một, hiệp thương và tin lành.
Colôzô	Đội Vị Đấng Cứu Cứu Đấng Christ	Chứng minh địa vị đấng cứu của Đấng Christ trong cõi tạo vật, trong sự cứu chuộc, và trong những mối quan hệ của đời sống. Mọi đức nhân được đầy đủ trong Đấng Christ và không còn cần gì nữa.
I.Ti-mô	Đền Thánh Vô Hình Christ Tập Tại Lớn	Phaolô khuyên người Tarsianica về đức tin họ, và nhắc họ nhớ những động cơ và mối quan tâm của ông vì cơ họ. Ông khuyên họ giữ đời sống thanh sạch và dạy họ về sự tái làm của Chúa.
II.Ti-mô	Hiến Hiến Ngày Của Chúa	Phaolô sẵn chân những lời luận tại tòa về ngày của Chúa, giải thích điều phải xảy đến trước biến cố đáng kinh sợ này, và khuyên độc giả cử chuyên tâm theo Chúa.

THƠ PHAOLÔ GỬI CHO CÁ NHÂN

SÁCH	TỪ NGHĨ CHIA KẼM	CHỦ ĐỀ
I.Ti-mô	Cảm Hứng Lãnh Đạo Cho Các Hội Thánh	Phaolô gợi ý cho Timôthê về các mục vụ giáo xứ, sự cầu nguyện chung, vai trò của phụ nữ, và những điều kiện quy định cho các trưởng lão và chấp sự.
II.Ti-mô	Đền Đủ Trong Chức Vụ	Minh pháp để gây dựng khích lệ Timôthê cố gắng đi và đứng vững trước những gian khổ trong chức vụ thuộc linh.
Tít	Cảm Hứng Nhân Xã Cho Các Hội Thánh	Liệt kê những tiêu chuẩn phẩm cách đối đãi với các trưởng lão, và dạy Tít các mối quan hệ liên quan đến nhiều nhóm người khác nhau trong các hội thánh.

SÁCH	TỪ NƠI CHIA KHÓA	CHỦ ĐỀ
Philemôn	Thư Thư Mã Lê	Phanô không rời Philemôn thư thư Anđrê đã không còn xem Anđrê là tội mọi kẻ nhưng như anh em trong Christ.
THƠ TÍN CỦA CÁC TÁC GIẢ KHÁC		
Hiêrô	Sự Cứu Vượt Của Đấng Christ	Chứng tỏ sự cứu vượt của thần vị, chức tế lễ, quyền phép của Đấng Christ so với tất cả những người đến trước Ngài, để khích lệ đặc giả trưởng thành và vững vàng trong đức tin.
Glacô	Bức Tin Mới Lâm Việc	Khảo sách thực tiễn về những đặc trưng của đức tin thật, được viết ra để khích lệ những đặc giả Cơ đốc nhóm người Do Thái của Glacô hãy tin xét thực tại đức tin của chính họ.
I.Phêrô	Chịu Khổ Vì Christ	An ủi và khuyến luyến những người đang bị ngược đãi nặng nề vì đức tin của họ nơi Đấng Christ. Họ được khích lệ cứ phát triển thái độ trong phúc trong cảnh chịu khổ của họ.
II.Phêrô	Coi Chứng Tiên Tri Giả	Bất phủ sự chống đối từ bên trong dưới hình thức các giáo sư giả, là những người đang dự dỗ tin hiểu sai lầm những sự kiện về niềm tin và nếp ăn ở của họ. Kêu gọi hãy tin theo trong sự thông biết thật về Chúa Jesus Christ.
I.Công	Thông Công Với Đức Chúa Trời	Khôn phá những chiến lược của mọi thông công giữa dân sự được cứu chuộc với Đức Chúa Trời. Tin hiểu phải hướng đi trong sự sống của Ngài, phải thể linh yên của Ngài, và phải ở trong sự sống của Ngài.
II.Công	Tránh Gian Thù và Mọi Giáo Sư Giả	Giảng dạy về những đặc giả đã có đang vững trong lẽ thật của các sứ đồ, và nhắc họ hướng đi trong linh yên và tránh các giáo sư giả.
III.Công	Vai Nương Mới Thông Công Với Anh Em	Giảng dạy ơn Giải tội giúp đỡ cho cấp cho những giáo sư hư động đi dạy nhân từ, trái với Sôtrô, là người không chịu tiếp đón họ tại các nhà người khác, đứng đàng bên.
Glôc	Tranh Chiến Vì Đức Tin	Như thế vượt trên các giáo sư này đã cho thấy hành vi và tinh cách của giáo sư giả, cũng như trước sự đoán phạt họ. Glôc khích lệ các đặc giả tự gây dựng mình trên chân lý và lối sống tranh chiến bảo vệ đạo.
Khải Huyền	Sự Khải Thập Của Đấng Christ, Bấy Sắp Tái Lâm	Đấng Christ vinh hiển gọi hãy sẵn sàng cho hội thánh (1-3). Những hậu quả thấy về sự đoán phạt chưa từng có trên nhân loại phần nhiều sẽ đến trước sự kiện Chúa Tái Lâm (4-19). Sách Khải Huyền kết thúc với lời mô tả trời mới đất mới và những sự ngự trị của Giêrusalem mới (20-22).

Trích từ *Visual Survey of the Bible*. Đã được tác giả cho phép in lại.

SỰ HÒA HỢP CỦA CÁC SÁCH TIN LÀNH

Niên Đệ	Sự Kiện	Địa Điểm	Matthêu	Mác	Luca	Giáo ng	Còn KT Liên hợp
	Phản giồi nhiệm của Luca				1:1-4		Công 1:1
	Tình trạng trước khi nhẩy thế của Đấng Christ					1:1-16	Đnh. 1:1-16
	Địa phö của Chúa Ađam		1:1-17		2:23-32		Hg 4:13-22 Lã 1:1-4

SỰ GIẢNG SINH, THỜI THỜI ẤU, THIẾU NIÊN CỦA CHÚA JESUS VÀ GIẢNG BAPTIST QUA 17 SỰ KIỆN

7 T.C.	(1) Công Đệ Sự Ra Đời Của Chúa	Jerusalem Đền Đền			1:5-25		Đnh 26 6:3
7 Hàng S.T.C.	(2) Công Đệ Sự Giảng Sinh Của Chúa Ađam-Công Đệ Đấng Trách Nhiệm	Nazareth			1:26-30		Êsai 7:10
Hàng S.T.C.	(3) Sự Ra Đời Elizabeth Của Maria	Vương Miếu Đền Đền Đền			1:35-45		
	(4) Sự Ra Đời Tượng Của Maria				1:46-56		Thi 109:17
S.T.C.	(5) Sự Giảng Sinh, Thời Thời Ấu, và Những Mục Đích Chưa Thành Lợi Của Giảng Sinh	Galil			1:57-80		Matthêu 2:1
	(6) Công Đệ Sự Giảng Sinh Của Chúa Jesus Của Galil	Nazareth	2:10-25				Êsai 60: 7
	(7) Sự Giảng Sinh Của Chúa Jesus Christ	Bethlem	1:24, 25		2:1-7		Êsai 7:14
S-4 T.C.	(8) Các Thiên Sử Luca Vào Những Ngày Đầu Tiên	Galil Bethlem			2:8-19		L.Tim 2:15
	(9) Các Sự Cố Đầu Tiên	Bethlem			2:19-28		
	(10) Chúa Jesus Của Galil	Bethlem			2:21		Lời Hy 12:3
	(11) Chuyển Di Thể Nhất Lũy Đến Thế và Lời Khúc Tặng Của Thánh Yh Ađam	Bethlem			2:22-30		Đnh 2:2; Lời Hy 12
S.T.C.	(12) Chuyển Thể Của Các Mục Đích Thần	Jerusalem & Bethlem	2:1-12				Đnh 24:17
	(13) Trước Sự Ađam Về Cuộc Tân Đại Thế Em Về Thế	Bethlem, Jerusalem & Edip	2:13-18				Đnh 24:16

4 T.C.	(14) Tờ Bối Cảnh Nazareth Công Vinh Jehon		2:19-23		2:29	
5m 00	(15) Thời Thơ Ấu Của Chúa Jesus	Nazareth			2:40, 51	
7-8 S.C.	(16) Chúa Jesus Mười Năm Hai Tuổi Lên Đền Thờ	Capernaum			2:41-50	Phục 10:1-6
3m 00	(17) Câu Chuyện Mười Năm Hai Tuổi Mười Thiên Và Thánh Nhân Các Chúa Jesus	Nazareth			2:51, 52	L. Sơn 2:25

NHỮNG LỄ THẬT VỀ GIẢNG BẬP TIT

Tháng 25-27 S.C.	Chức Vụ Của Giảng Bập Đầu	Ngày giảng ở Giáo Hội	2:1	1:1-9	2:1, 2	1:19-20	Matthi 2:1
	Các Người Và Sự Điệp		2:2-12	1:2-4	2:3-14	1:20, 27	Êsai 40:3
	Giảng Bập Tại Đền Jesus		2:11, 12	1:7, 8	2:15-16		Công Vụ 2:20
	Lòng Các Bà Mẹ Các Giảng		14:4-12		2:18, 20		

KHỞI DẤU CHỨC VỤ CỦA CHÚA JESUS QUA 12 SỰ KIỆN

Tháng 27 S.C.	(1) Chúa Jesus Chức Bập Đầu	Sông Giordan	2:12-17	1:9-11	2:21-23	1:29-34	Thi Thiên 2:7
	(2) Chúa Jesus Chức Bập Đầu	Ngày vắng	4:1-11	1:12, 13	4:1-13		Thi Thiên 91:11
27 S.C.	(3) Mười Hai Các Mười Năm Hai Tuổi Thờ	Bên bên sông Giordan				1:35-51	
	(4) Pháp Lý Thế Mới	Caesarea Iphaz và Galilee				2:1-11	
	(5) Mười Hai Capernaum Lên Thờ Mới	Capernaum và thành "củn Ngọt"				2:12	
	(6) Mười Hai Các Thờ Lên Thờ Mới	Galilee				2:13-22	Thi Thiên 69:3
27 S.C.	(7) Mười Hai Các Tại Capernaum	Galilee				2:23-25	
	(8) Mười Hai Các Về Sự Tại Công	Galilee				2:1-21	Đan 5: 21:9, 3
	(9) Mười Hai Các Về Sự Tại Công	Galilee				2:22-28	
27 S.C.	(10) Mười Hai Các Tại Capernaum	Galilee	4:12	1:10	4:14	4:1-4	
	(11) Mười Hai Các Tại Capernaum Lên Thờ Mới	Samaritan				4:5-42	Ch. Sơn 24:32
	(12) Mười Hai Các Tại Capernaum			1:15	4:15	4:43-45	

27- 29 S.C. CHÚC VỤ CHÚA JESUS TẠI GALILÊ QUA 55 SỰ KIỆN

27 S.C.	(1) Chúa Giêsu Cho Trái Quýt TM Về	Cana			4:46-54	
	(2) Đ. Phước TĐ Tại Nazareth	Nazareth			4:18-20	Êsai 61:1, 2
	(3) Đ. Công Caidanum	Caidanum	4:18-17			Êsai 61:1, 2
	(4) Đưa Hồn Đđ Trở Thành Tọa Đành Lễ Lễ Ngđđ	Điền Galilê	4:18-22	1:18-20	5:1-11	Thi Thiên 33:3
	(5) Đưa Đđ Về Ăn Uống Chúa Giêsu Trong Ngày Sabbat	Caidanum		1:21-20	4:31-37	
	(6) Đđ Giu Pâhera, Công Nhân Ngđđ Khác, Được Chúa Giêsu	Caidanum	8:14-17	1:28-34	4:38-41	Êsai 58:4
Tháng 27 S.C.	(7) Clayton Giảng Lời Kinh Bản Tin ở Kê Galilê	Galilê	6:23-25	1:35-38	4:42-44	
	(8) Người Phong Được Chúa Giêsu, Về Sự Đầy Ý Được Đđ Lự	Galilê	6:1-4	1:40-45	5:12-18	Đã T. Ky 12:48
	(9) Người Ngđđ Được Chúa Giêsu	Caidanum	9:1-6	2:1-12	5:13-28	Roma 3:23
	(10) Sự Hồn Kỵ Về Thập Nhân Malhiê	Caidanum	9:9-13	2:13-17	5:27-32	Đã T. 8:28
	(11) Bình Vực Các Môn Đđ Qua Ngđđ Ấu Ấy	Caidanum	8:14-17	2:18-22	5:33-38*	
	(12) Các Ghêzababê Bị Lũ Vật Qua Thủ Phô	Ghêzababê			5:34-47	Khôđ Êgipht Ky 28:18
	(13) Bất Động Sản Mở Đầu Các Tranh Luận Về Ngày Sabbat	Trên Đồi Điền Galilê	12:1-8	2:23-28	6:1-8	Phúc Truyền Luật Lệ Ky 5:14
	(14) Người Trẻ Tuổi Được Chúa Giêsu Đưa Đến Các Tranh Luận Khúc Hồn Về Ngày Sabbat	Galilê	12:9-18	3:1-6	6:9-11	
28 S.C.	(15) Đưa Đđ Đang Được Chúa Giêsu	Điền Galilê	12:19-21	3:7-12	6:17-19	
	(16) Clayton Mở Đầu Về Sự Ngđđ Bên Cầu Nguyên	Cầu Caidanum		3:13-18	6:12-18	
	(17) Bất Động Trên Núi	Cầu Caidanum	5:17-23		6:20-43	

	(18) Bấy Tá Tiên Đội Trưởng Được Chức Lãnh	Cabnanon	0:5-13		7:1-10	Êsai 40:12, 18
	(19) Cầu Cao Trám Bà Cao Sống Lại Từ Cõi Chết	Melo			7:11-17	Êsai 19:25
	(20) Chúa Giê-su Giải Tỏa Những Ngại Ngại Của Giống	Kalib	31:2-30		7:18-25	Matachi 3:1
	(21) Những Lời Nói Nhờ Tin cậy Chúa Những Người Được Những Đức Ân		11:20-30			Sáng 19:24
	(22) Người Mau Sứ Tại Lối Xác Hữu Chức Chức Giám	Mu của Siôn và Cabnanon			7:30-50	
	(23) Một Chàng Đi Khỏi Đến Gato	Gato			8:1-3	
	(24) Chúa Giê-su Đi Các Nơi Nơi Thượng	Cabnanon	12:22-37	1:20-30	11:14-23	
20 S.C.	(25) Chúa Báp Lê Lời Yên Cứu Mọi Máu Lũ	Cabnanon	12:38-45		11:24-26; 29-31	
	(26) Mẹ, Các Em Trẻ Tim Thích Giá	Cabnanon	12:46-54	3:31-35	8:19-21	
	(27) Những Ân Đức Mới Được YẾ Người Giống Giống, Bạt Giống, Các Trẻ, Bạt Các, Mẹ, Các Đàn, Các Cháu, Lời Các, Các.	Một họ hiện Kalib	13:1-52	4:1-34	8:4-10	Êsai 2:13
	(28) Mọi Yên Cứu Trên Các	Điền Gato	0:23-27	4:35-41	0:21-25	
	(29) Mọi Người Ám Ở Gato Được Chức Lãnh	Điền Gato hiện Gato	3:28-34	5:1-20	0:26-33	
	(30) Các Các Các Được Sống Lại, Người Đan Bà Đ Định Mọi Người Được Chức Lãnh		0:10-20	6:21-43	0:40-50	
	(31) Hai Người Họ Được Sống Lại		0:27-31			
	(32) Chức Lãnh Người Điền Gato Các		0:32-34			
20 S.C.	(33) Lữ Thủ Nhi Nazaret Khỏi Từ Điền Gato	Nazaret	13:53-58	6:1-6		

20 S.C.	(24) Sai Mưu Hai Số 55 B1		9:35-10:1	0:6-12	0:16		Lea 9:10
	(25) Hành Động Sợ Châm Sát Giàng	Galile	10:1-12	0:10-20	0:7-8		
Mục Xưa 20 S.C.	(26) Mười Hai Sứ Đệ Trại Vê, Chúa Jêsuus Hài Lạ, Mười 5000 Người	Các Bôscala	14:10-21	0:30-40	0:10-17	0:1-10	
	(27) Mười Trăm Mười Mươi	Bên Galile	14:22-30	0:45-52		0:15-21	
	(28) Mười Hai Ở Chinh Sứ	Chinh Sứ	14:34-38	0:53-58			
	(29) Mười Hai Mười Hai Tán Địch Đu Qua Ở Tại Galile	Cablon				0:22-21- 7:1	Esai 54:10
20 S.C.	(30) Mười Hai Lữ Trưởng Địch		15:1-20	7:1-20			Ami 21:17
	(31) Mười Hai Lữ Trưởng Thành Tại Pharisai: Chúa Lãnh Người Syria Pharisai	Pharisai		7:24-30			
	(32) Mười Hai Lữ Trưởng Chúa Lãnh	Bôscala	7:21-20	7:31-37			
	(33) Mười Hai Các 4000 Người	Bôscala	7:25-31	0:10			
	(34) Mười Pharisai Cộng Sản Cộng Mười Hai Người	Magnan	7:32-38	0:10-10			
	(35) Mười Hai Các Tiên Các Các Mười Hai; Mười Hai Người Chúa Lãnh		10:1-4	0:10-20			Giêrmi 5:21
	(36) Mười Hai Chúa Jêsuus Là Đấng Christ	Các Sứ Sứ Pharisai	10:5-12	0:27-30	0:10-21		
	(37) Mười Hai Lữ Trưởng Sự Chết Người	Sứ Sứ Pharisai	10:13-20	0:31-37	0:22-25		
	(38) Mười Hai Người Địch		10:21-20	0:1	0:20-27		Châm 24:12
	(39) Sự Hòa Bình	Một người vui không ra tên	10:27-20	0:2-10	0:20-25		Esai 52:1
	(40) Chúa Lãnh Người Ở Bên Phải Địch	Mười hai người	17:1-12	0:14-20	0:37-42		
	(41) Mười Hai Các Sứ Sứ, Sự Phục Sinh	Galile	17:14-21	0:20-22	0:43-45		
(42) Mười Hai	Cablon	17:22-22				Jude 20:15	

29 S.C.	(53) Các Môn Đồ Cứu Nhau Về Sự Cứu Trạng, Chết. John Wiley. Nghĩa: Công Đân Là Một Môn-Đo Trung Thành, Tha Thật	Calneam	17:24-27	8:33-50	8:48-82	
	(54) Chúa Giêsu Tự Chịu Lại Nhuyên Đàn Các Anh Em	Calne	18:1-25			7:2-6
Tháng 10 Năm 29 S.C.	(55) Các Môn Đồ, Đ. Đôn Samuel. Nghĩa: Th		19:1		8:51-58	7:10

29-30 S.C. CÔNG VỤ SẴN CÙNG CỦA CHÚA JESUS TẠI QUÊ VÀ KÈM QUA 42 SỰ KIỆN

Tháng 10 Năm 29 S.C.	(1) Lễ Lễ Tạ	Jerusalem				7:2, 11-52	
	(2) Tha Thôi Người Đàn Bà Tô Đôn	Jerusalem				7:53-8:17	Lễ 1:20:10
	(3) Giảng Christ - Sự Sáng Các Thờ Giáo	Jerusalem				8:12-20	
	(4) Người Pharisi Không Chịu Tin Hay Là Tiên Tri, Vì Vấn Cứu Hòa Phục Điền Tr	Jerusalem - Sân Tr				8:12-58	Éral 8:8
	(5) Người Ma Tí Lực Sáng Họ Nhận Chức Là là; Những Mắt Quả Tựa Sơn Đ	Jerusalem				9:1-41	
	(6) Cứu Về Người Cạn Nghi Lành	Jerusalem				10:1-21	
	(7) Sở Phục Từ Các Bầy Nhóm Khác - Đ	Cá 16-18 Giáo				10:1-24	
	(8) Thấy Họ Luật Nghệ Các Chuyện Người Samaritan Lành	Giáo (1)				10:25-47	
	(9) Lòng Mềm Khách Các Markô Và Mạc	Giáo				10:33-42	
	(10) Một Bài Học Hòa Về Sự Cứu Huyện	Giáo (7)				11:1-13	
	(11) Bị Nổi Tội Thống Đốc Với Bá Lành					11:14-20	
	(12) Một Xét Thấy Họ Là! Từ Người Pharisi					11:27-54	Mich 8:8

23 S.C.	(13) Chúa Ấu Yê Sứ Đồ Mát-thê, Thoma Lơ-ma, và Ông Gi- Tinh Thúc			12:150		Micha 7:8
	(14) Âu Môn Đệch Đức Giê-su			12:15		
	(15) Các Vị Tông Đồ			12:30		
	(16) Mười Hai Bà Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su			12:10-17		Phục Truyền Luật Cựu Ước 5:12-15
24 S.C.	(17) Các Ấu Yê Đức Giê-su và Ông Gi-đôn	Các Vị Tông Đồ		12:10-21		
	(18) Lê-lai và Ông Đôn-đôn	Kirreaniam			12:22-31	Thiên Kinh 92:8
	(19) Mười Hai Bà Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su				12:40-42	
	(20) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su	Đức		12:22-35		Thiên Kinh 9:8
	(21) Âu Môn Đệch Đức Giê-su và Ông Gi-đôn					
	(22) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su	Đức		12:25-25		
	(23) Các Ấu Yê Đức Giê-su và Ông Gi-đôn					
	(24) Các Ấu Yê Đức Giê-su và Ông Gi-đôn			15:102		1 Phi 2:25
	(25) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su			16:1-31		
	(26) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su	Từ Ông Ông Nathan			17:1-10	
(27) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su				11:1-40		
(28) Các Vị Tông Đồ Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su Đầu Tiên Được Chọn Linh Trung Nghĩa Đức Giê-su				11:45-54		

Năm 30 S.C.	(28) Bắc Bôn Ninh Trình Cử Công Đức Giosaphim Qua Samar và Galilê	Samar, Galilê			17:31		
	(26) Chúa Lâm Mười Người Phụng				17:12-18		Levi 9: 12-15, 46
	(30) Các Bài Học Về Nước Trời Sấp Đầu				17:20-27		Sáng 8-7
	(31) Các Ân Hỷ: Người Do và Bà Già Kien Sri, Người Pharisai và Người Juda Thứ				18:1-14		Phục 24:1-4
	(32) Bài Lý Về Sự Lý H		18:1-12	18:1-12			Sáng 2:23-25
Năm 30 S.C.	(33) Chúa Jesus Chức Phục Cho Các Cơn Trắc Nhặng Lãi Phấn Đồi	Galilê	19:13-15	19:13-16	19:15-17		Thi Thiên 101:2
	(34) Viên Quan Trại Trẻ Cậu Ch	Galilê	19:16-30	19:17-31	19:18-30		Kuđi Êngiê Hy 29:1-17
	(35) Những Người Lâm Công Vào Công Thờ Mới Mới		20:1-16				
	(36) Bàn Trước Về Sự Chết Và Sự Phục Sinh	Kán Giô Đanh	20:17-19	19:22-24	19:23-24		Thi Thiên 22
	(37) Thăm Vấn Các Giặc Và Bệnh		20:20-28	19:25-45			
	(38) Người Bà Batalim Được Lành	Giêricô		19:46-52	19:35-43		
	(39) Cuộc Phụng Yên Khách	Giêricô			19:1-10		
	(40) Ân Hỷ: Các Bài Học	Giêricô			18:11-27		
	(41) Quay Về Nhà Đương Và Metê	Bêthani				11:55-12:1	
	(42) Âm Mưu Giết Isaxarô	Bêthani				12:9-11	

MÙA QUẢN NĂM 30 S.C. TUẦN LỄ CUỐI CÙNG CỦA CHÚA JESUS TẠI GIÊRUSALEM QUẢ 41 SỰ HIỆN

Chân Nghi	(1) Vào Thành Giêrusalem Các Nhật Đoàn	Bethani, Giêrusalem, Bethani	21:1-9	11:1-11	19:28-44	12:12-18	Zachari 9:9
Thứ Hai	(2) Cây Và Đồi Dầu Sả, Và Tẩy Sạch Nền Thờ	Bethani đến Giêrusalem	21:10-19	11:12-18	19:45-48		Giêrôm 2:18
Thứ Ba	(3) Về Bên Thờ Mới Các Sự Ấy Thánh	Giêrusalem				12:26-50	Êsai 6:10
Thứ Đ	(4) Cây Và Đồi Dầu Lên Thành	Bethani đến Giêrusalem	21:20-22	11:19-20			

	(5) Tòa Công Luận Thích Tế: Chúa János, Chúa Trử Lại Đặng Hai Án Sĩ: Mát Nguyễn Cao Trại, Những Người Làm Công Việc Ấy Trong Vườn Nhà, Và Tiệc Cưới	Giêrusalem	21:22- 22:14	11:27- 12:12	20:1-10		Exai 6:1, 2
	(6) Hội Thánh Của Satan	Giêrusalem	22:15-22	12:13-17	20:20-20		
	(7) Người Sẻn Thức Mỡ Và Sự Sống Lại	Giêrusalem	22:23-33	12:18-27	20:27-40		Người Êđipht Hy 2:6
	(8) Người Pharisi Thức Mỡ Và Các Biệu Hiệu	Giêrusalem	22:34-41	12:30-34			
	(9) Chúa Jêsu và Đavít	Giêrusalem	22:42-45	12:35-37	20:41-44		Thi Thiên 110:1
Thứ Ba	(10) Bảt Giảng Cối Cung Các Chúa Jêsu	Giêrusalem	22:45-50	12:38-40	20:45-47		
	(11) Đấng Tiên Đấng Các Người Bỏ Bỏ Cổn	Giêrusalem		12:41-44	21:1-4		Levi Ký 27:30
	(12) Chúa Jêsu Đến Trước Những Người Lại	Núi Ôliu	24:1-51	13:1-37	21:5-36		Ômêra 12:1
	(13) Các Ân Đệ: Mười Người Nữ Đứng Trình, Các Tạ Lãng, Ngày Đầy Núi	Núi Ôliu	25:1-40				Nachari 10:5
	(14) Chúa Jêsu Mãi Mãi Ngày Đầy Đầy Trên Thập Tự Cruz		26:1-5	14:1, 2	22:1, 2		
	(15) Mười Xéc Bôn Chưa Chưa Trong Bùn Đặc Tại Khô Sấm	Bethani	26:6-13	14:3-9		12:2-8	
	(16) Mười Kỳ Hội Đầy Phán Chúa		26:14-16	14:10, 11	22:3-6		Nachari 11:12
Thứ Năm	(17) Bảt Sẻn Các Lẽ Vạn Quyền	Giêrusalem	26:17-30	14:12-19	22:7-13		Người Êđipht Ký 12:14-22
	(18) Ân Lễ Vạn Quy, Quý Trạch Sự Gánh Nhặt	Giêrusalem	26:20	14:17	22:14-18, 24-26		
Ngày Thứ Sáu	(19) Bảt Chúa Các Môn Đệ	Phùng Cơ				12:1-26	
	(20) Tiên Lễ Và Giêsu: Chúa Giê Xi	Phùng Cơ	26:21-25	14:18-21	22:27-29	12:27-30	Thi Thiên 41:9

Khai Giáo Thờ Nhà	(21) Chúa Jesus Đến Trước Các Môn Đồ Ở Các Hồ Nhai Nho; Kháng Tiếng Bên Các Lòng Trung Thiện	Phong Can	20:34-36	14:27:31	22:33-38	13:31-38	Rechart 12:7
	(22) Thiên Lộ Tịch Thiện	Phong Can	20:26:28	14:22:25	22:17:20		L. Co 11:23-24
	(23) Hai Cổng Cửa Của Các Xứ Hồ Yá Lại Các Nguyên Căn Thay	Siberusalem				10:1-12:20	Thi 104:1 35:10
Thờ Nhà Thờ Sầu	(24) Hai Sân Khố Trong Yá Chết sống	Hai Ôi-ra	20:30, 36-40	14:20, 32- 42	22:33-40	10:1	EDITION 42:1
	(25) H) Phần Bồi, H) Bồi, H) Môn Hồ Xa Lành	Chết sống	21:47:51	14:43:52	22:47:53	10:2:12	
	(26) H) Hai Xứ Lớn Tạo Trước Mặt Ánh Em	Siberusalem				10:12:14, 18-23	
	(27) H) Hai Xứ Trước Các Môn Và Tạo Các Liệt; Trước Các Môn Chết Khác	Siberusalem	21:52, 53-58	14:53, 55- 65	22:54, 55- 65	10:24	Lời H) 24:26
	(28) Phần Ba Lớn Chết Sống	Chết sống	21:58, 60-75	14:58, 60- 72	22:54-62	10:15:18, 25-27	
	(29) H) Tòa Công Lợi (Bồ Hộ)	Siberusalem	22:1	15:1	22:64-71		Thi 101 140:1
Thờ Sầu	(30) Giọng Tự Bồi	Siberusalem	22:3-10				Chánh 113:13
	(31) Hai Bên Lớn Thờ Nhà Trước Mặt PHI-LAT	Siberusalem	22:12, 15-18	15:15	22:1-7	10:28-30	
	(32) Chúa Jesus Trước Các Môn	Siberusalem			22:12-17		
	(33) Hai Bên Lớn Thờ Nhà Trước Tòa PHI-LAT	Siberusalem	22:19-20	15:14-15	22:18-25	10:33- 10:10	Phat 21:6-8
	(34) H) Linh Lành Khôn Khỏi	Siberusalem	22:17-20	15:16-18			
	(35) H) Hai Bên Bên Giáo Nhân	Siberusalem	22:21-22	15:20-23	22:26-32	10:10, 17	Hai 60:21
	(36) Hai Bên Bên Trong H) Hai Bên Thờ Nhà Trước Mặt	Siberusalem	22:25-26	15:24-27	22:33-40	10:10-27	Hai 22:10
	(37) Hai Bên Bên Thờ Nhà Trước Mặt	Siberusalem	22:45-50	15:33-37	22:44-48	10:28-30	Hai 22:1

SỰ HÒA HỢP CỦA CÁC SÁCH TIN LÀNH

1869

Tin Sầu	(38) Các Điều Cơ Mục Chúa Jesus Đức		27:51-56	15:30-41	23:45-47- 48		
	(39) Sự Chúa Cứu Jésus	Gilbratam	27:57- 60	15:42-46	23:50-54	19:31-37	Ngày 12:40
Tin Sầu- Tin Mới	(40) Môn Phụng Người Mới	Gilbratam	27:61- 66		23:55-58		Ngày 20:4-11
Tin Mới	(41) Các Bài Thưa Đại	Gilbratam		15:47			

NĂM 30 S.C. TỰ SỰ PHỤC SINH ĐẾN TRĂNG TRỜI QUA 12 SỰ KIỆN

Ngày Mười Ngày Thứ Hai	(1) Các Bài Đến Tạ ơn Mẹ	Cũ Gibraltar	20:1-10	16:1-8	24:1-11		
	(2) Phụng Vụ Hương Nến Thứ Hai Trước				24:12	20:1-10	
Chợ Rau, Ngày Thứ Ba	(3) Chúa Giêsu Bị Đa Cho Máu Máu	Gibraltar		6:9-11		20:11-18	
	(4) Chúa Jesus Đưa Đa Cho Các Phụ Đàn Khác	Gibraltar	20:1-10				
Trên Chân Ngày	(5) Lời Bàn Cáo Các Linh Mục Về Sự Chúa Đấng Tối		20:11-15				
	(6) Chúa Jesus Đưa Đa Cho Hai Môn Đệ Trước Hương Vó Cơm			10:12-14	24:12-15		L.C. 15:5
Chợ Ngày Thứ Ba	(7) Chúa Giêsu Bị Đa Cho Máu Môn Đệ Tạ. Không Đa Thưa	Gibraltar		10:14	24:16-18	20:19-25	
	(8) Môn Đa Cho Các Môn Đệ Các Cơ Thưa	Gibraltar				20:26-31	
Trên Chân Ngày Thứ Ba	(9) Chúa Jesus Đưa Đa Về Tây Môn Đệ Đầu Điều Chúa	Gilbr				21:1-25	
	(10) Môn Đa Cho Môn Trước Người	Một ngày mỗi ngày về Gilbr					L.C. 15:8
Trên Chân Ngày Thứ Ba	(11) Sự Mừng Lễ		23:16-20	16:15-18	24:19-23		
	(12) Chúa Thưa Thưa	Mỗi ngày		10:19-20	24:24-32		Gilbr 1:6-11

Lịch Do Thái

Người Do Thái sử dụng hai loại lịch:

Lịch Dân Sự: Lịch chính thức của ông, ngày khai sinh, và kỳ kết hợp đồng.

Lịch Thánh: Dùng để tính các ngày lễ.

Tên Các Tháng	THÁNG H.L	Số Ngày	Tháng Trong NĂM HEBREW	Tháng Trong NĂM THƯƠNG	<i>Ngày của người Do Thái được tính từ một thời lên năm nay đến một thời lên năm sau, gồm 8 phần:</i> GIỜ THỨ NHẤT: _____ Giờ-Sáng tối GIỜ THỨ HAI: _____ Giờ tối - Giờ đêm GIỜ THỨ BA: _____ Giờ đêm - Giờ sáng GIỜ THỨ TƯ: _____ Giờ sáng - Giờ sáng GIỜ THỨ NHẤT: _____ Giờ sáng - Giờ sáng GIỜ THỨ HAI: _____ Giờ sáng - Giờ trưa GIỜ THỨ BA: _____ Giờ trưa - Giờ chiều GIỜ THỨ TƯ: _____ Giờ chiều - Giờ tối
TÉECI	8 - 10	29 ngày	Tháng nhất	Tháng bảy	
MESIVAN	10 - 11	29 hoặc 30	Tháng nhì	Tháng tám	
KITLÉD	11 - 12	29 hoặc 30	Tháng ba	Tháng chín	
PÉBÉCA	12 - 1	30	Tháng tư	Tháng mười	
SÉBÉAT	1 - 2	30	Tháng năm	Tháng mười một	
ABA	2 - 3	29 hoặc 30	Tháng sáu	Tháng hai	
NGAN	3 - 4	30	Tháng bảy	Tháng ba	
ITAN	4 - 5	29	Tháng tám	Tháng tư	
SIVAN	5 - 6	30	Tháng chín	Tháng năm	
TAMMÚZ	6 - 7	29	Tháng mười	Tháng sáu	
AB	7 - 8	29	Mười một	Tháng bảy	
* ÉLOL	8 - 9	29	Mười hai	Tháng tám	

* Tháng trong Lịch Do Thái lên lượt gồm có 29 và 30 ngày. Năm trong Lịch của họ có 354 ngày, ngắn hơn Dương Lịch của chúng ta. Vì vậy, cứ khoảng mỗi 3 năm (7 lần trong 19 năm), có một tháng như năm 29 ngày, gọi là tháng VÉADAR thêm vào giữa tháng ADAR và tháng NISAN.

NHỮNG LỜI TIÊN TRI VỀ Đấng MÊSIA ĐƯỢC ỨNG NGHIỆM TRONG ĐỨC CHÚA JÊSUS CHRIST

Được Trình Bày Theo Thứ Tự Ứng Nghiệm

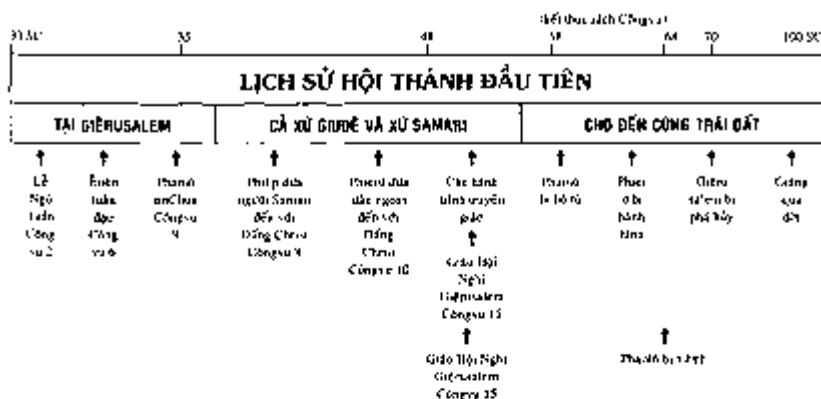
CÂU KINH THÁNH TIÊN TRI	ĐỀ TÀI	ỨNG NGHIỆM
Sáng 22:16, "Ta sẽ làm cho mấy cùng người nữ, đồng đầu mấy cùng đồng đầu người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ gầy đạp đầu mấy, còn mấy sẽ cắt gọt chân người."	Đồng đội người nữ	Matth 14: "Nhưng khi bị hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài bởi một người nữ sanh ra, sanh ra dưới tuế pháp"
Sáng 12:1, "Ta sẽ ban phúc cho người nào chúc phúc cho người, nà sẽ kẻ nào nà sẽ người; và các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ người mà được phúc."	Đồng đội Abraham	Matth 11, "Giáo phở Đức Chúa Jêsus Christ, con cháu David và con cháu Abraham."
Sáng 22:18, "Đức Chúa Trời bèn phán rằng: Thái vậy, Sara, vợ người, sẽ sanh một con trai, rồi người đặt tên là Ysac. Ta sẽ lập giao ước cùng nó, để làm giao ước đời đời: con nòng dốt của nó."	Đồng đội Ysac	Lưu 22:9, "Giuda con Giacóp, Giacóp con Ysac, Ysac con Abraham, Abraham con Thare, Thare con Nacô."
Gen 24:7-17, "Tôi thấy Người, nhưng chẳng phải bày giãi; Tôi xem Người, nhưng chẳng phải ở gần; Mọi ngôi san hiện ra từ Giacóp, Mọi cây phủ mặt trời lên từ Ysmaên; Người sẽ đem ứng Moadp từ đầu này tới đầu kia, búy điệt đến hay đầy gốc này."	Đồng đội Giacóp	Matth 12, "Abraham sanh Ysac; Ysac sanh Giacóp; Giacóp sanh Giuda và anh em người."
Sáng 49:10, "Cây phủ việt chẳng hề rời khỏi Giuda, kể lập pháp không dứt khỏi giữa chân nó, cho đến chừng Đấng Sile hiện tới, và các dân vàng phục Đấng đó."	Pha Lê chi phái Giuda	Lưu 22:2, "Aminadáp con Aimin, Aimin con Aram, Aram con Echerim, Echerim con Phare, Phare con Giuda."
Ysa 54:17, "Chuyển cai trị và sự bình an của Ngài cũ thera mai không thôi, ở trên ngôi David và lên nước Ngài, đồng làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự chính trực công bình, từ nay rên đến đời đời. Thật, lòng sắt sáng của Đức Giêhôva vạn quân sẽ làm nên sự ấy."	Người nối ngôi vua David	Lưu 132:10 "Con trai ấy sẽ nên rên trọng, được xưng là Con của Đấng Tối Cao, và Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi David là kẻ phụ Ngài. Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Giacóp, nước Ngài vô cùng."
Daniel 4:17, "Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa cũn mãi đời nọ qua đời kia; Bình quyền nước Chúa là một bình quyền ngay thẳng. Chúa ưa sự công bình, và ghét điều gian ác; Chu nên Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Trời của Chúa, đã xúc đầu cho Chúa bằng đầu vai về trời hơn đồng loại Chúa."	Đấng Chìa Xúc Đầu và Đấng Đại Đồi	Matth 23:35, "Nhưng nói về Con Lít lại phán rằng: Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa cũn mãi đời nọ qua đời kia, Quyền bình của nước Chúa là quyền bình ngay thẳng. Chúa ưa điều công bình, ghét điều gian ác; Chu nên, hỡi Chúa, Đức Chúa Trời của Chúa lấy đầu vai mình xúc cho, khiến Chúa trở lại cùng đồng loại mình. Lại có phán: Hỡi Chúa, ban đầu trước hỡi Chúa đã đứng nên đời, Vì các tầng trời cũng là công việc của tay Chúa. Trời đất sẽ hư đi, nhưng Chúa hằng rọi; Trời đất sẽ ru đi như cái áo, Ngài sẽ cuốn nó lại như cái áo chướng. Hỡi trời đời sẽ biến đổi, Nhưng Chúa vẫn y nguyên, các năm của Chúa không hề cùng."
Matth 1:1, "Hỡi Bêlêhem Eprata, nguồn ở trong hàng ngàn Giuda là nơi lập, nơi từ nơi nguồn sẽ ra cho ta một Đấng cai trị trong Ysmaên; gốc tích của Ngài bởi từ đời xưa, cũ trước vô cùng."	Sanh ra tại Bêlêthem	Lưu 2:4, 5, 7 "Vi Giacóp là đồng đội nhà David, chu nên cũng từ chính Naxarê, xứ Gêlê, lên thành David, gọi là Bêlêthem, xứ Giuda, để khai vào số tên mình và lên Nam, là người đã hứa gả cho mình, đương có thai. .. Người sanh con trai đầu lòng, lấy khăn bọc con mình, đặt nằm trong máng cỏ, vì nhà quán không có đủ chỗ ở."
Matth 1:25, "Người khởi biết và hiểu rằng từ khi ra lệnh tu bổ và xây lại Giêrusalem, cho đến Đấng chấp nước đầu, tức là vua, thì được bảy tuần lễ, và sáu mươi hai tuần lễ; thành đó sẽ được xây lại, có đường phố và hào, trong kỳ khó khăn."	Thời điểm Chúa giáng sinh	Lưu 21:2 "Đức ấy, Sêsa Augustô ra chiếu chỉ phải lập sổ dân trong cả Diên. Vì Việc lập sổ dân này là thuộc lễ, và nhân khi Quirinu làm quan thừa đốc xứ Sy."

<p>Êsai 7:14. "Vậy nên, chính Chúa sẽ ban một điềm cho các ngươi: nầy, một gái đồng trinh sẽ thụ thai, sanh ra một trai, và đặt tên là Immanuel."</p>	<p>Được sinh bởi một nữ đồng trinh</p>	<p>Ma-thi 23:35. "Đến tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên sứ Gióprien đến thành Nazaret, xứ Gallê, tìm kiếm một người nữ đồng trinh tên là Mact, đã hứa sẽ cho một người nam tên là Gansép, về đóng vua Davit... Thiên sứ bèn nói rằng: Hỡi Mari, đứng dậy, vì ngươi đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. Nầy, ngươi sẽ thụ thai và sanh một con trai mà đặt tên là Jesus."</p>
<p>Ma-thi 23:35. "Đức Giêhôva ghen như vậy: Tai Rama nghe có tiếng than thở, khóc lúc đóng tay. Racheh khóc con cái mình, mà không chịu yên ủi về con cái mình, vì chúng nó không còn nữa!"</p>	<p>Được tàn sát các con trẻ</p>	<p>Ma-thi 2:18-20. "Vua Hêrôđê thấy mình đã bị mấy thầy bác sĩ đánh lừa, thì tức giận quá, bèn sai giết hết thầy con trai từ hai tuổi sắp xuống ở thành Bêthleem và cả hạ, theo đúng ngày tháng mà mấy thầy bác sĩ đã cho vua biết. Vậy là ông nghiệm lời đấng tiên tri Giêrêm đã nói rằng: Người ta sẽ giết điếng kẻo là, phân nửa, thân khóc trong thành Rama: Ấy là Racheh khóc các con mình, mà không chịu yên ủi, vì chúng nó không còn nữa."</p>
<p>Đai 1:1. "Khi Ysrahel còn thơ ấu, ta yêu dấu nó; ta gọi con trai ta ra khỏi Êgiptô."</p>	<p>Chạy trốn đến Êgiptô</p>	<p>Ma-thi 2:14, 15. "Giê-sép bèn chôn giấu, đem con trẻ và mẹ Ngài đang ban đêm lánh qua nước Êgiptô. Người ở đó cho lời tiên của Hêrôđê bằng, hầu cho ứng nghiệm lời Chúa đã ứng đáp tiên tri mà phán rằng: Ta đã gọi Con ta ra khỏi nước Êgiptô."</p>
<p>Êsai 40:34. "Có tiếng kêu rằng: Hãy mở đường ngang đồng vắng cho Đức Giêhôva; hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Đức Chúa Trời. Chúng ta! Mọi nơi sỏi đá sẽ được cao lên; mọi nơi nơi mọp sẽ bị hạ xuống; các nơi gập ghềnh sẽ làm cho bằng. Các nơi dốc hiểm sẽ làm thành đường lối. Bấy giờ sự vinh hiển của Đức Giêhôva sẽ hiện ra, và mọi loài thịt đều sẽ xem thấy; vì miệng Đức Giêhôva đã phán vậy."</p>	<p>Can đường được dọn sẵn</p>	<p>Ma-thi 3:3-6. "Giăng bèn dạy học hết thầy mình làm cày sơn ruộng, giảng dạy phép báp-têm và sự ăn năn để được tha tội, như lời đã chép trong sách đấng tiên tri Êsai rằng: Có tiếng kêu là trong đồng vắng. Hãy dọn đường Chúa, ban bằng các lối Ngài. Mọi nơi sỏi đá sẽ hạ cho đầy, các nơi các gò thì hạ xuống; đường quanh quèo thì làm cho ngay, đường gập ghềnh thì làm cho bằng; và mọi loài xác thịt sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời."</p>
<p>Ma-thi 23:34. "Nầy, ta sai sứ giả ra, người sẽ dọn đường trước mặt ta; và Chúa mà các ngươi tìm kiếm sẽ chính mình vào trong đền Lũc Ngài, tức là thiên sứ của sự giao ước mà các ngươi long mong. Nầy, Ngài đến, Đức Giêhôva vạn quân phán vậy."</p>	<p>Có một người tiên hô đến trước</p>	<p>Ma-thi 23:27. "Hai người của Giăng sai đến đã đi rồi, Đức Chúa Jesus mới phán cùng đoàn đồ đệ về việc Giăng rằng: Các ngươi đã đi kêu thì nơi đồng vắng? Xem cây sậy hay gỗ rụng chẳng?... Ấy về đấng đó mà có lời chép rằng: Nầy, ta sẽ sai sứ ta đến trước mặt ngươi, Người sẽ dọn đường trước ngươi."</p>
<p>Ma-thi 23:35. "Nầy, ta sẽ sai đấng tiên tri đi đến cùng các ngươi trước ngày lớn và đấng sự của Đức Giêhôva chưa đến. Người sẽ làm cho lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha, kéo ta đến lấy sự hòa hảo mà đánh đập vậy."</p>	<p>Có Êli đến trước</p>	<p>Ma-thi 17:12. "Vì hết thầy các đấng tiên tri và sách luật đã nói trước cho đến đến Giăng. Nếu các ngươi muốn hiểu biết, thì ấy là Êli, là đấng phải đến."</p>
<p>Thi-sai 63:1. "Ta sẽ giảng ra miệng mình: Đức Giêhôva phán rằng ta rằng: Người là Con ta; Ngày nay ta đã sanh Người."</p>	<p>Được xưng là Con Đức Chúa Trời</p>	<p>Ma-thi 3:17. "Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Nầy là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng."</p>
<p>Êsai 53:1-12. "Nhưng, cho người đã chịu buồn rầu thì sẽ không có sự trả mồi. Trong đất xưa Đức Chúa Trời đã hạ đức Sabulon và đất Nêpôlai xuống, nhưng trong tay của Ngài đã làm cho đất gần mẹ hiền, tức là nơi bên kia sông Giôđan, trong xứ Gallê của dân ngoại, được vinh hiển. Dân đi trong nơi tối tăm đã thấy sự sáng lớn; và sự sáng đã chiếu trên những kẻ ở sự thuộc về bóng của sự chết."</p>	<p>Chức vụ tại Galilê</p>	<p>Ma-thi 4:13-16. "Ngài bỏ thành Nazaret mà đến ở thành Cananêum, gần mẹ hiền, giúp dạy phân xứ Samuon cùng xứ Nêpôlai, để cho ứng nghiệm lời đấng tiên tri Êsai đã nói rằng: Đất Sabulon và Nêpôlai, ở về trên con đường đi đến biển, bên kia sông Giôđan, tức là nơi Galilê thuộc về dân ngoại. Dân ấy ngồi trong tối tăm, đã thấy ánh sáng lớn, và trên những kẻ ngồi trong bóng và dưới bóng sự chết, thì ánh sáng đã mọc lên."</p>

<p>Matth 23:2-4, "Ta sẽ mở miệng ra nói thi dụ, bày ra những dấu dè của đời xưa, mà chúng ta đã nghe biết, và tổ phụ chúng ta đã thuật lại cho chúng ta. Chúng ta sẽ chẳng giấu các điều ấy cho con cháu họ, bên sẽ thuật lại cho đồng đòu hầu lại những sự này. Khen Đức Giêhôva, quyền năng Ngài, và công việc lạ lùng mà Ngài đã làm."</p>	<p>Giảng bằng các ấn dụ</p>	<p>Matth 23:25 "Đức Chúa Jêsus lấy thi dụ mà phán nhưng nếu mà cùng đoán đoán, Ngài chẳng phán đoán gì cùng họ mà không dùng thi dụ, để được ứng nghiệm: Im đứng yên im lặng. Ta sẽ mở miệng ra mà nói lời thi dụ, Ta sẽ rao báo những điều lạ nhiệm kỳ khi dựng nên trời đất."</p>
<p>Phyc 17:15, "Tổ giữa anh em người, Giêhôva Đức Chúa Trời người sẽ tập lên mỗi đấng tiên tri như ta; các người khác nghe theo đấng ấy?"</p>	<p>Đấng Đấng Đấng</p>	<p>Chengy 2:20,22 "Hầu cho kỳ thọ thái đến từ Chúa, và Chúa sai Đấng Christ đã định cho các người, tức là Jêsus. Môse có nói rằng: Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ tập lên trong anh em các người một Đấng tiên tri như ta; các người phải nghe theo mọi điều Ngài sẽ phán đoán. Hễ ai không nghe Đấng tiên tri ấy sẽ bị truất khỏi dân sự."</p>
<p>Êsai 66:2 "Thần của Chúa Giêhôva ngự trên ta, vì Đức Giêhôva đã xúc dầu cho ta, đứng giăng tay lành cho kẻ kh liệt nhưng Ngài đã sai ta đến đứng tại những kẻ vô lòng, đứng rao cho kẻ phưu là được sự do, kẻ bị cầm tù được ra khỏi ngục; đứng rao niềm ban ơn của Đức Giêhôva, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta; đứng yên ủi mọi kẻ buồn rầu."</p>	<p>Rit lành lành vũ</p>	<p>Luc 4:18,19 "Thần của Chúa ngự trên ta: Vì Ngài đã xức dầu cho ta để truyền tin lành cho kẻ nghèo; Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm được tha, kẻ mù được sáng, kẻ bị hạ hiệp được tự do: và để đón ta làm lành của Chúa."</p>
<p>Êsai 66:4 "Người đã bị người ta bình dè và chán bỏ, từng trải sự buồn bực, biết sự đau ốm, bị khinh như kẻ mà người ta chê mặt chẳng thêm xem; chúng ta cũng chẳng coi người ta gì."</p>	<p>Bị chính đam lên Đấng Đấng khuyết tử</p>	<p>Đấng 18, "Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy." Luc 23:11, "Chúng bèn đồng thanh kêu lên rằng: Hãy giải người này đi, mà tha Baraba cho chúng tôi!"</p>
<p>Thimo 3:16, "Đức Giêhôva đã thể, không hề đũa ý, rằng: Người ta thấy tế lễ đời đời, Tuy theo ban Menchaxêéc."</p>	<p>Làm thấy tế lễ theo ban Menchaxêéc</p>	<p>Môse 5:5,6 "Cùng một thể ấy, Đấng Christ không tự tôn mình làm thấy tế lễ thượng phẩm; nhưng tại Đấng đã phán cùng Ngài rằng: Người là Con ta, Ta đã sanh người ngày nay. Lại nơi khác có phán cùng Ngài rằng: Người làm thấy tế lễ đời đời Theo ban Menchaxêéc."</p>
<p>Micha 4:9, "Hỡi con gái Siôn, hãy mừng rỡ cả thết Hơ: con gái Giêrusalem, hãy trở tiếng reo vui này, Vua người đến cùng ngươi, Ngài là công binh và ban sự cứu rỗi, như ai và cứu rỗi, tức là con của vua cái."</p>	<p>Vào thành Giêrusalem khải họa</p>	<p>Marc 11:7,8 "Hai người đi lừa con về cho Đức Chúa Jêsus, lấy đó mình trải trên đó: rồi Ngài cỡi lên... Người đi trước kẻ theo sau đều la lên rằng: Hosianna! Đấng khen ngợi con Đấng phán danh Chúa mà đến... Đức Chúa Jêsus vào thành Giêrusalem, đến nơi đến thờ; đoạn, liếc mắt xem mọi sự chung quanh, thì lời đã tới, Ngài bèn ra, đứng đi tới làng Bêthan với mười hai sứ đồ."</p>
<p>Thimo 3:12, "Nhân vì các cứu dich Chúa, Chúa do miệng Lê tha và những con đương bù, mà tập nên công lực Ngài, đáng làm cho người thù nghịch và kẻ báo thù phải nín lặng."</p>	<p>Được các bà thờ chức lực</p>	<p>Matth 21:15,16 "Nhưng các thầy tế lễ và các thầy thông giáo thấy sự lạ Ngài đã làm, và nghe con Lê reo lên trong đền thờ rằng: Hosianna con vua David! thì họ tức giận, và nói với Ngài rằng: Thấy con nghe tiếng những đứa trẻ này mới không? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Có, vậy như các người chưa hề đọc lời này: Chúa đã được ngợi khen bởi miệng con Lê và con đương bù, hay sao?"</p>
<p>Êsai 52:1, "Ai tin điều đã rao truyền cho chúng ta, và cảnh tay Đức Giêhôva đã được tỏ ra cho ai?"</p>	<p>Người ta không tin Ngài</p>	<p>Đấng 12:37,38 "Vả, dầu Ngài đã làm bấy nhiêu phép lạ trước mặt chúng, họ cũng không tin Ngài, để được ứng nghiệm lời này của đấng Lều trí Êsai: Lay Chúa, ai đã tin lời giảng chúng tôi, và cảnh tay Chúa đã tỏ ra cho ai?"</p>

<p>Matth 23:12. "Đến đời người bán thối, mà lòng đời tin cậy, và đã ăn bánh trời, cũng giữ gói tiền nghịch cùng tôi."</p>	<p>Bị một người bán thối phản bội</p>	<p>Luc 22:47,48 "Kìa Ngươi còn đương phản, một tá đồng kéo đến. Tên Gauda, một trong nhóm hai kẻ đó, đi trước Jesús, lại gần Đức Chúa Jesús đương hôn Ngươi. Đức Chúa Jesús hỏi rằng: Hỡi Gauda, người lấy chi bán để phản Cơn người sao?"</p>
<p>Matth 11:12. "Ta nói cùng chúng nó rằng: Nếu các người lấy làm tội thì hãy cho tiền công ta; bằng không thì đừng cho. Chúng nó bèn cầm tiền công cho ta, là ba chục miếng bạc."</p>	<p>Bị phản bội với giá ba mươi nén bạc</p>	<p>Matth 26:14,15 "Bấy giờ có một người trong nhóm hai kẻ đó, tên là Giuđa Iscariot, đến tìm các thầy tế lễ, và nói rằng: Các thầy bằng lòng trả cho tôi bao nhiêu đồng thì sẽ nộp người cho? Họ bèn trả cho nó ba chục bạc."</p>
<p>Matth 23:34. "Này đây chúng gian dối hèn, ta nói những việc tôi không biết đến."</p>	<p>Bị các nhân chứng giả vu cáo</p>	<p>Mat 23:34 "Bấy giờ có mấy người đứng lên làm chứng đối nghịch cùng Ngài rằng: Chúng tôi có nghe người nói: Ta sẽ phá đền thờ đây bởi tay người ta cái lên, thì ba ngày ta sẽ cất một đền thờ khác không phải bởi tay người ta cái."</p>
<p>Êsai 54:7. "Người bị kiếp đắng, nhưng khi chịu sự khốn khổ chẳng hề mở miệng. Như chiến con bị dẫn đến hàng làm chết, như chiến cầm ở trong nhà kẻ hèn lòng, người chẳng từng mở miệng."</p>	<p>lạm dụng trước những lời vu cáo</p>	<p>Mat 15:12,13 "Phải tại ta sao Ngài, mà rằng: Ngươi chẳng đời đáp chi bởi sao? Hay coi họ cáo tội. Ngươi biết ban ơn cho? Nhưng Đức Chúa Jesús chẳng trả lời chi nữa, nên nói phải đầy âm lại."</p>
<p>Êsai 50:7. "Ta đã đưa lưng cho kẻ đánh ta, và đưa má cho kẻ nhổ râu ta; ai mắng hoặc nhổ trên ta, ta chẳng hề che mặt."</p>	<p>Bị vu và bị đánh</p>	<p>Matth 23:27. "Họ hèn nhỏ trên mặt Ngài, đấm Ngài, lại có kẻ vu Ngài."</p>
<p>Matth 23:19. "Cầu xin cho chu nhưng kẻ tâm thù nghịch tôi và có mắng ra về tôi; cũng đừng để các kẻ ghét tôi và có chèo con mắt."</p>	<p>Bị ghét và căm</p>	<p>Matth 23:23 "Vì thế ta không làm giữa họ những việc mà chúng nó người khác làm. Thì họ có tội, nhưng bây giờ họ đã thấy các việc ấy, và lại ghét ta cũng như ta. Đương ấy, để cho ông nghiệm lời đã chép trong luật pháp họ rằng: Họ ghét ta và căm."</p>
<p>Êsai 53:3. "Nhưng người đã vu tội (tức chúng ta mà bị) với, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương. Bởi sự sửa phạt người chịu chúng ta được bình an, bởi trên vai người chúng ta được gánh bình."</p>	<p>Sự hy sinh thay thế</p>	<p>Matth 20:28 "Thật vậy, khi chúng ta còn yếu đuối, Đấng Christ đã theo kỳ hẹn (chịu chết) vì kẻ có tội.... Nhưng Đức Chúa Trời là lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết."</p>
<p>Êsai 53:12. "Vậy nên ta sẽ chia phần cho người đồng với người lớn. Ngươi sẽ chia của bất với những kẻ nghịch, vì ngươi đã đổ mạng sống mình cho đến chết, đã bị kể vào hàng kẻ dữ, đã mang lấy tội nhiều người, và cứu thay cho những kẻ phạm tội."</p>	<p>Bị đồng hình với những kẻ bất lương</p>	<p>Mat 15:27,28 "Cũng có hai đứa ăn cướp bị đồng hình với Ngài, một đứa thì cậy thập tự bên hữu Ngài, một đứa thì cậy thập tự bên tả. (Cả hai đứa bần thêm cầu rằng: Như vậy được ông nghiệm lời Kinh thánh rằng: Ngài đã đi về vào hàng kẻ dữ.)"</p>
<p>Matth 23:30. "Ta sẽ đổ thân của em phương và của sự máu xin ra trên nhà David, và trên đền thờ Giêrusalem; chúng nó sẽ nhìn xem ta bị đồng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có con cháu lòng."</p>	<p>Bị đâm xuyên tay và chân</p>	<p>Êsai 53:17. "Đoạn, Ngài phân cùng Thoma rằng: Hãy đặt ngón tay người vào đây, và xem bàn tay ta: cũng hãy giữ bàn tay người ra về đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, sung hãy tin!"</p>
<p>Thoma 22:7,8 "Hễ kẻ nào thấy tôi đến ngục cứu tôi, kẻ đói, kẻ đau, mà rằng: Người phải chết mình cho Đức Giêhôva, Ngài khá giải cứu người. Ngài khá giải cứu người, vì Ngài cứu một người!"</p>	<p>Bị khinh chê nhục nhã</p>	<p>Luc 23:31. "Đến chúng chúng đó mà khóc. Các người coi việc nhạo cười Ngài, rằng: Nó đã chịu khổ khác; nên nó là Đấng Christ, Đấng Họa Chúa Trời đã tra. thì hãy cứu mình đi."</p>
<p>Thoma 10:3. "Vì sự tội; cũng về đến Chúa cứu nước tôi, sự sẽ nhọc của kẻ si nhục Chúa đã đổ trên tôi."</p>	<p>Bị sỉ nhục</p>	<p>Roma 10:3. "Vì Đấng Christ cũng không làm cho đẹp lòng mình. Như có chép rằng: Tôi của những kẻ nghịch của Chúa đã đổ trên mình tôi."</p>

<p>THIMÔ 18:4. "Vi linh thương của tôi, chúng nó lại trở cứu dich tôi; Nhưng tôi chỉ chuyên lòng cầu nguyện."</p>	<p>Cầu thay cho những kẻ thù Ngài</p>	<p>LUCA 22:34. "Song Đức Chúa Jesus cầu rằng: Ấy Chúa, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì. Đọa, họ bắt thãm chĩa nhau áo xống của Ngài."</p>
<p>THIMÔ 22:17,18. "Tôi đến được các xương tôi; Chúng nó xem và ngó chán tôi, Chúng nó chia nhau áo xống tôi, Bất thãm về áo dàu tôi."</p>	<p>Bạn linh bất thãm để lấy áo xống Ngài</p>	<p>MATTH 27:35,36. "Họ đã đồng minh Ngài trên cây thập tự rồi, thì bất thãm mà chia nhau áo xống của Ngài. Mỗi họ ngồi đó mà canh giữ Ngài."</p>
<p>THIMÔ 22:1. "Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lại bỏ tôi? Nhảm sau Ngài đừng xa, Không giúp đỡ tôi, và chẳng nghe lời rên siết tôi?"</p>	<p>Ờ Đức Chúa Trời liu bỏ</p>	<p>MATTH 27:36. "Ước chừng giờ chớ chìn. Đức Chúa Jesus kêu tiếng lớn lên rằng: Ời, Ời, lammasabachtanit? nghĩa là: Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lại bỏ tôi?"</p>
<p>THIMÔ 24:28. "Ngài giữ hết thấy xương cốt người, chẳng một cái nào bị gãy."</p>	<p>Không một cái xương nào bị gãy</p>	<p>ĐIÊN 21:22,23,29. "Vậy, quân lính lại, đánh gãy chân người thứ chứt, rồi đến người kia, tức là kẻ cũng bị đánh dính với Ngài. Khi quân lính đến nơi Đức Chúa Jesus, thấy Ngài đã chết rồi, thì không đành gãy ống chân Ngài... Vì dầu đó xảy ra, cho được ứng nghiệm lời Kinh thánh này: Chẳng một cái xương nào của Ngài sẽ bị gãy."</p>
<p>ÊSAI 12:10. "Ta sẽ đổ phần của ơn phước và của sự sai lầm ra trên nhà Đavít, và trên dân cư Giêrusalem; chúng nó sẽ nhìn xem ta là Đấng chúng nó đã đâm; và chúng nó sẽ thương khóc, như bị thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như khi người ta ở trong sự cay đắng vì có cơn đau lòng."</p>	<p>Hàng Ngài bị đâm</p>	<p>ĐIÊN 19:34. "Nhưng có một tên lính lấy giáo đâm ngang sườn Ngài, tức thì máu và nước chảy ra."</p>
<p>ÊSAI 53:9. "Người ta đã dời mồ người với kẻ giàu, nhưng khi chết, người được chôn với kẻ giàu; dầu người chẳng hề làm điều hung dữ và chẳng có sự dối trá trong miệng."</p>	<p>Của được chôn với kẻ giàu</p>	<p>MATTH 27:57-60. "Đến chiều rồi, có một người giàu, ở thán Artimathe, tên là Giosép, chính là một môn đồ của Đức Chúa Jesus, đến nơi Phi-líp mà xin xác Đức Chúa Jesus. Phi-líp bèn truyền cho Giosép lấy xác Ngài bọc trong tấm vải tằm trắng, và đượ để trong một cái huyệt mới mà người ta khiến đục cho mình đục cho mình trong hòn đá; đọa, lăn một hòn đá lớn đến trước cửa mộ, rồi đi."</p>
<p>THIMÔ 15:16. "Vi Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi xuống Âm phủ. Cũng không để cho người thành Chua thấy sự hư nát." THIMÔ 16:8. "Nhưng Đức Chúa Trời sẽ chuộc linh hồn tôi khỏi quyền Âm phủ, vì Ngài sẽ hiệp nước tôi. (Sê-lơ)"</p>	<p>Sẽ sống lại</p>	<p>MAT 16:7. "Song người nói cùng họ rằng: Đấng sống chết, các người tìm Đức Chúa Jesus Nazaret, là Đấng ca chịu đọa đinh; Ngài sống lại rồi, chẳng còn ở đây; hãy xem nơi đã táng xác Ngài. Nhưng hãy đi nơi cho các môn đồ Ngài và cho Phi-er-rô rằng Ngài đi đến xứ Galila trước các người; các người sẽ thấy Ngài lại đó, như Ngài đã phán cùng các ngươi vậy."</p>
<p>THIMÔ 22:22. "Chúa đã ngự lên trên cao, dẫn theo những phu ơn; Chúa đã nhận lễ vật giữa loài người, và giữa kẻ phàm nghịch cũng vậy, hậu cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời được ở với chúng nó."</p>	<p>Ngài thăng thiên ngồi bên hữu Đức Chúa Trời</p>	<p>MIC 1:10. "Đức Chúa Jesus phán như vậy rồi, thì được đem lên trời, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời." 1.ĐIÊN 16:4. "Ngài đã bỏ chúng, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại, theo lời Kinh Thánh." ÊPHÊ 2:4,5. "Vậy nên có chép rằng: Ngài đã lên trời cao, đến trước bàn ghế phu tía, và ban các ơn cho loài người."</p>



TỔNG QUAN SÁCH CÔNG VỤ

"Nhưng khi Đức Thánh Linh giảng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giêrusalem, cả xứ Giudê, xứ Samari, cho đến cùng trái đất." (Công Vụ 1:8).

Đoạn	Công Vụ 1-7	Công Vụ 8-12	Công Vụ 13-28
Sự Bành Trướng Của Hội Thánh	Hội Thánh Tại Giêrusalem	Hội Thánh Trong Cả Xứ Giudê Xứ Samari	Hội Thánh Đi Đến Cùng Trái Đất
Tin Lành	Làm chứng trong thành phố	Làm chứng trong các tỉnh	Làm chứng trên thế giới
Chủ Đề	Quyền năng và sự tiến bộ của Hội Thánh	Sự bành trướng của Hội Thánh	Ba hành trình truyền giáo và những vụ xử án Phao-lô
Nhóm Thính Giả	Người Do Thái	Người Samari	Người ngoại bang
Nhân Vật Chính	Phiê-rơ	Philip	Phao-lô
Thời Gian	Hai năm (33-35 SC)	13 năm (35-48 SC)	14 năm (48-62 SC)
Sự Phát Triển	Chiến Thắng Khái hoàn	Sự Chuyển Tiếp	Các chuyến lữ hành, thử thách và xử án

Trích từ *Visual Survey of the Bible*. Được tái giá cho phép in lại.

**"Đanh tiếng Đức Chúa Jêsus
tức thi đón ra khắp cả xứ
Galilê." (Mác 1:28)**

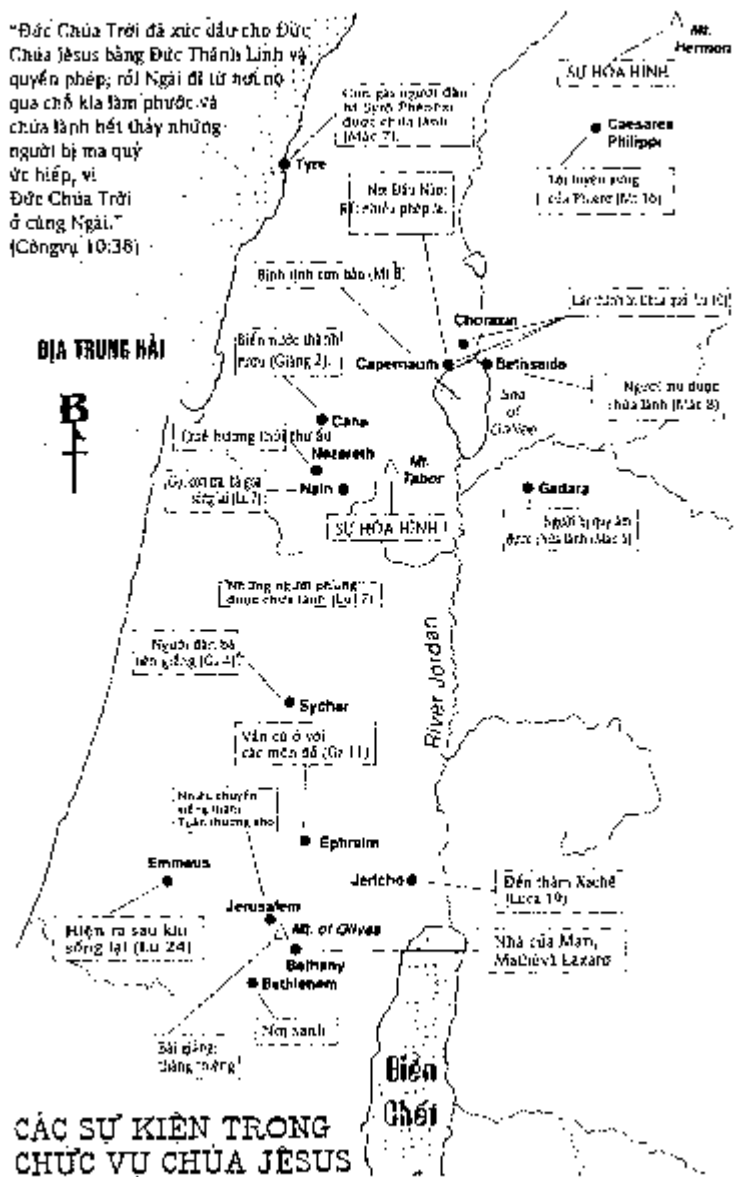
ĐỊA TRUNG HẢI

B

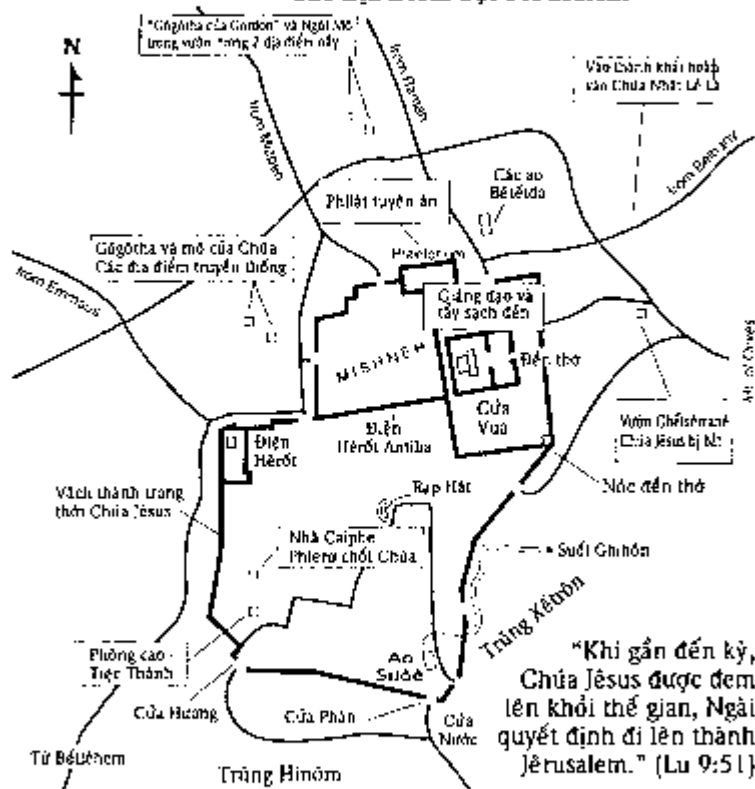


Chức Vụ Tại Xứ Galilê

“Đức Chúa Trời đã xức dầu cho Đức Chúa Jêsu bằng Đức Thánh Linh và quyền phép; rồi Ngài đi từ nơi nọ qua chỗ kia làm phước và chữa lành hết thảy những người bị ma quỷ ức hiếp, vì Đức Chúa Trời ở cùng Ngài.” (Công vụ 10:38)

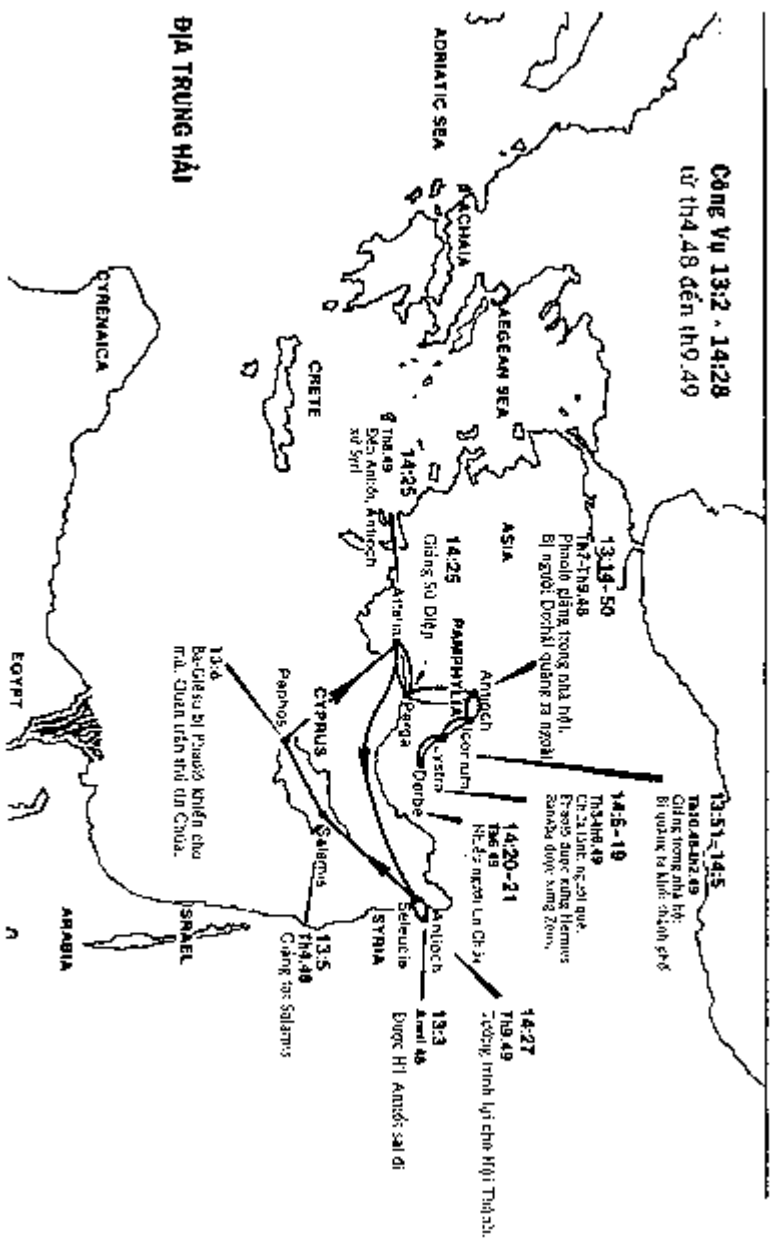


Sự Xét Xử Và Dòng Định Chúa Jêsus Các Địa Điểm Tại Jérusalem



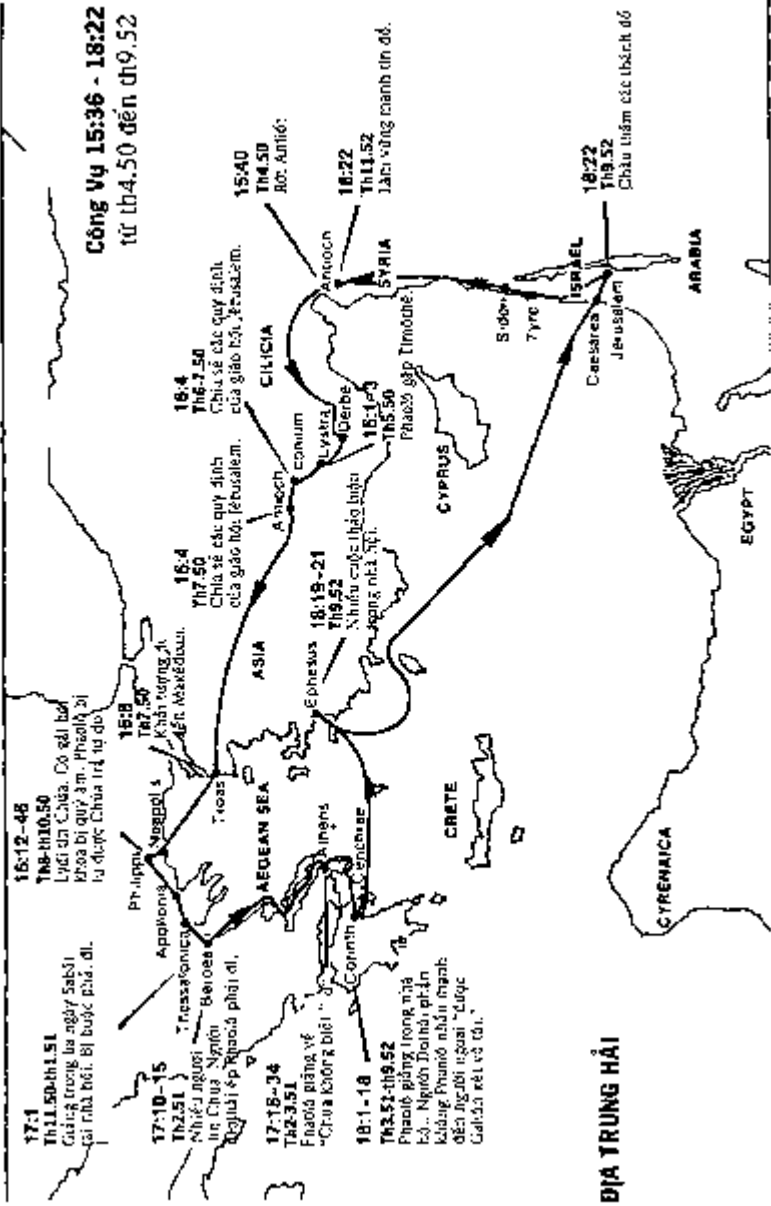
Hành Trình Truyền Giáo Của Phaolô

Công Vụ 13:2 - 14:28
 từ th. 48 đến th. 49



ĐIÀ TRUNG HẢI

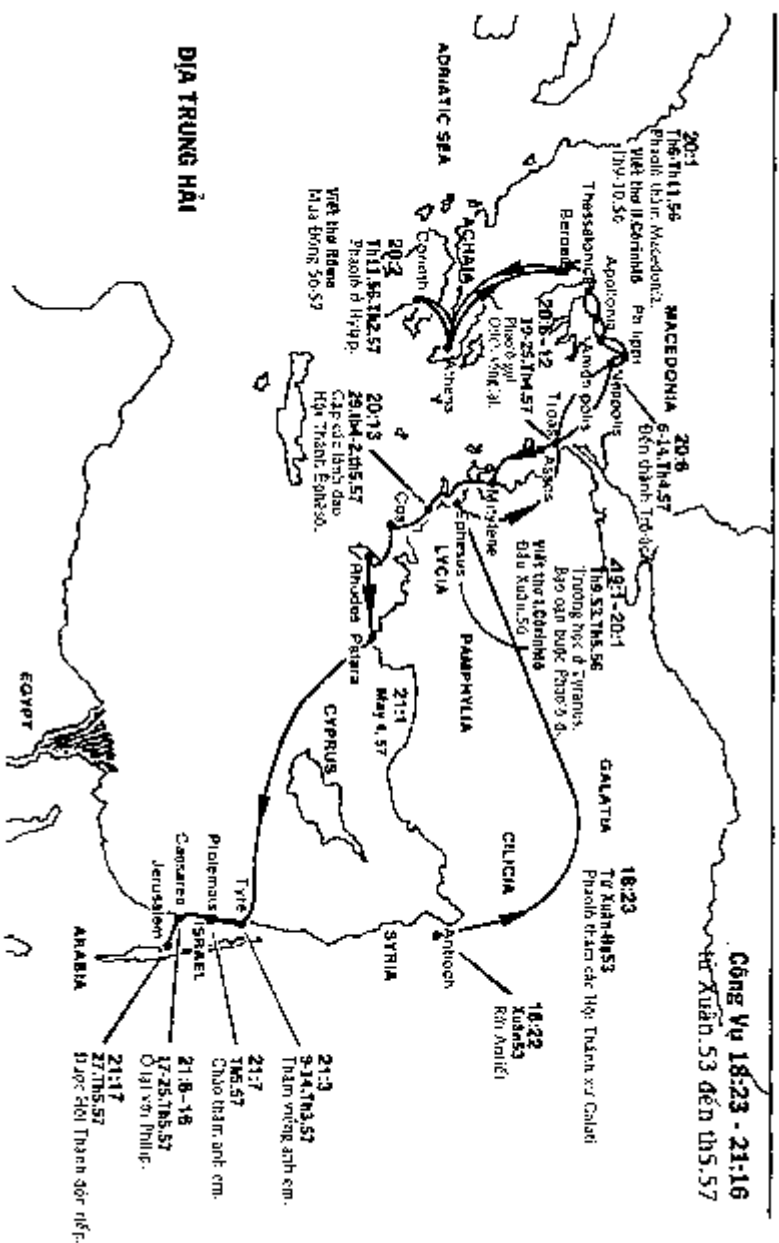
Hành Trình Truyền Giáo Thứ Nhì của Phaolô



Công Vụ 15:36 - 18:22
từ th.4.50 đến th.9.52

ĐỊA TRUNG HẢI

Hành Trình Truyền Giáo Thứ Ba của Phaolô



ĐỊA TRUNG HẢI

Giáo sư William MacDonald là vị thầy dạy Kinh Thánh được kính trọng, ông là tác giả của hơn 60 tác phẩm được ấn hành ở Hoa Kỳ và Canada. Quyển Kinh Thánh Chú Giải là kết quả của hơn 40 năm nghiên cứu, cầu nguyện và viết ra.

Arthur Farstad là biên tập và nhà văn với chức vụ truyền đạo tích cực. Ông tốt nghiệp Thạc Sĩ Thần Học Cựu Ước (Th.M in Old Testament) và Tiến Sĩ Thần Học Tân Ước (Th.D in New Testament) tại trường Thần Học Dallas và cũng là biên tập viên điều hành bản dịch Kinh Thánh New King James của nhà xuất bản Nelson.

“Quyển Kinh Thánh Chú Giải phần Tân Ước của William MacDonald là một trong những ấn phẩm phong phú nhất được cung ứng cho thế giới Cơ Đốc. Nó chứa đựng sự dồi dào về nghiên cứu cơ bản và sự khai sáng trong việc trình bày kiến thức có thể và sẽ hữu ích cho sinh viên Trường Kinh Thánh. Sự điệp được trình bày từ bài viết được cảm động để thích ứng với cuộc sống trong thời đại mới. Tôi xin giới thiệu quyển sách này đến tín hữu với tất cả tấm lòng.”

Tiến Sĩ W.A Criswell

Hội Thánh First Baptist, Dallas

“Quyển Kinh Thánh Chú Giải cung ứng cho mỗi thế hệ trong gia đình tín hữu một nguồn cung ứng dồi dào về Tân Ước. Nó là một tác phẩm thú vị đầy ấp lời giải thích rõ ràng cho những ai khao khát học biết Lời Chúa. Cả tác giả và người biên tập đều phô bày sự việc cách tinh thông hoàn toàn, nổi bật bởi một tâm linh sâu sắc trong việc nhận biết lẽ thật. Tôi tin cậy giới thiệu quyển sách này với Cơ Đốc nhân khắp nơi.”

Tiến Sĩ R. Van Gorder

Giáo Sư Danh Dự Radio Bible Class

“Tôi đã ở trong chức vụ trên 60 năm và khi đọc quyển sách này, Lời Chúa đến cách sống động... Theo tôi, quyển sách phải được dành cho mỗi người trong chức vụ, giáo viên Trường Chúa Nhật, nhà truyền giáo, mục sư và mọi tín hữu...”

Porter Barrington

Giám Đốc, Christian Life Ministries, Inc.

Tôi tin chắc rằng quyển Kinh Thánh Chú Giải này sẽ tìm thấy đường của nó để vào trong cơ sở của những sinh viên Trường Kinh Thánh khắp mọi nơi.
Nó thiết thực... hợp chân lý...dễ hiểu.”

Tiến Sĩ Jerry Falwell

Giám Đốc, Liberty University

ISBN 0-8407-7576-8



9 780840 775764 >